TUYỂN TẬP
ALEXANDRE DUMAS

SÁCH MỚI.NET - EBOOK

Tuyển tập các tác phẩm của
ALEXANDRE DUMAS

THƯ VIỆN EBOOK
SÁCHMỚI.NET

MỤC LỤC:

BA NGƯỜI LÍNH NGỰ LÂM
HAI MƯƠI NĂM SAU
CÁI CHẾT CỦA BA NGƯỜI LÍNH NGỰ LÂM
BÁ TƯỚC MÔNGTƠ CRIXTÔ
CUỘC QUYẾT ĐẤU CỦA ZODOMIRSKI
HIỆP SĨ SAINTE HERMINE
HOA TULIP ĐEN
HOÀNG HẬU MARGOT
NGƯỜI THẦY DẠY ĐÁNH KIẾM
NHỮNG QUẬN CHÚA NỔI LOẠN
NHỮNG TỘI ÁC TRỨ DANH
TÌNH YÊU ĐỊNH MỆNH
TRÀ HOA NỮ

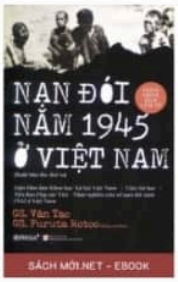

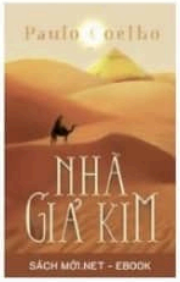

THƯ VIỆN EBOOK
SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY
HOÀN TOÀN MIỄN PHÍ

BA NGƯỜI LÍNH NGỰ LÂM

Người dịch: Nguyễn Bản
NXB Văn học, 2005

Tiểu sử tác giả

Đôi nét về Alexandre Dumas và Ba người lính ngự lâm.

TUYỂN TẬP
ALEXANDRE DUMAS

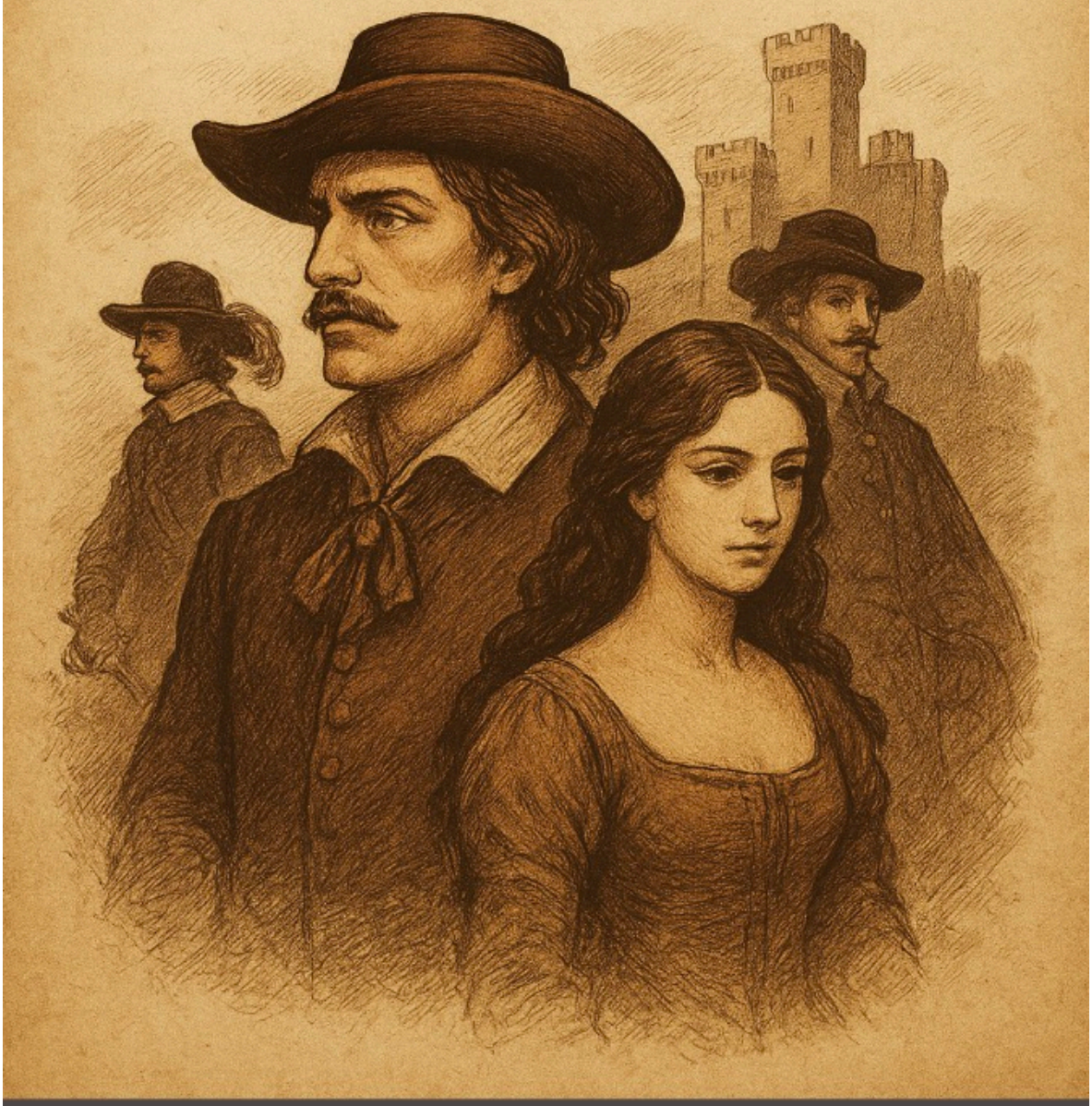

SÁCH MỚI.NET - EBOOK

Một ngày năm 1842, một con người to lớn tràn trề sức lực hể hả bước vào phòng đọc thư viện Mác-xây và tự giới thiệu: Alexandre Dumas.

Người thủ thư bối rối vì trọng vọng. Danh tiếng của Dumas lúc này đã vang dội. Ông mượn "Những hồi ký của ông D'Artagnan" xuất bản năm 1704 và mượn luôn cả một bộ sách có tên: "Richelieu, Conbe và Majaranh[1]. A. Dumas đã quên phắt không đem trả bộ sách đó. Một chi tiết rất nhỏ nhặt không đáng để ý nếu không có chuyện từ mấy cuốn sách ấy sinh ra cuốn truyện tuyệt vời "Ba người lính ngự lâm."

Năm 1842 A. Dumas tròn bốn mươi tuổi, tức ông sinh năm 1802, cùng năm sinh với Victo Hugo, mà Hugo đã viết: "Thế kỷ ấy đã được hai năm" (Ce siècle a deux ans).

Ngày 24 tháng bảy năm 1802, viên tướng của phái cộng hòa thời quốc ước, Thomas Alexandre Dumas gửi cho tướng Bruyle bức thư ngắn nội dung như sau: "Bruyle thân mến, tôi vui mừng báo tin cho anh, vợ tôi sáng hôm qua đã sinh một bé trai to lớn, nặng khoảng 4 kg rưỡi và dài 48 cm. Rồi anh sẽ thấy nó tiếp tục lớn lên ở ngoài như nó đã lớn lên như thế ở bên trong." Tướng Dumas yêu cầu bạn đồng nghiệp làm cha đỡ đầu cho nó. Ông viết thêm ở phần tái bút: "Tôi lại bóc thư ra để nói với anh là thằng nhóc vừa đái phọt qua đầu nó. Một sự khởi đầu tốt, phải không anh!"

Sáu trăm tác phẩm của "thằng nhóc" được xuất bản quả đã chứng tỏ sự khởi đầu tốt đẹp.

Là con trai nhà quý tộc, Hầu tước de la Payơrơri, nhưng người mẹ lại là một nô tỳ da đen, tướng Thomas là một người tư tưởng cộng hòa rõ rệt. Ông đã có lần cãi nhau với Napoléon:

"Tôi nghĩ phải đặt lợi ích nước Pháp lên trên lợi ích một con người, dù người ấy có vĩ đại đến đâu chăng nữa… Tôi sẵn sàng rời bỏ ngài, nếu ngài tách rời khỏi nước Pháp."

Vì vậy sau khi lên ngôi, Napoléon đã bạc đãi ông, ông xin về nghỉ hưu rồi qua đời trong cảnh túng quẫn khi "thằng nhóc mới được bốn tuổi." A. Dumas được mẹ vốn là con gái một chủ quán nuôi dưỡng trong cảnh túng bấn ở Vilê Cốttơrê, không được học hành, ngoại trừ mấy bài học vỡ lòng của một con người tốt bụng là ông mục sư. Nhưng lại học ở đời rất nhiều, đấy là vô tận những chuyến đi rừng, những buổi đi săn kể cả săn trộm vô cùng hào hứng và đọc rất nhiều. Kho sách nhà Dumas chứa đủ mọi loại sách mà A. Dumas ngốn ngấu một cách say mê. Mười lăm tuổi cậu theo học thầy Mênétxông, công chứng viên ở Vilê để làm thư ký hạng ba.

Thư ký công chứng viên hàng ngày viết kín trang này đến trang khác có dán tem bằng nét chữ rất đẹp và luôn thở dài nhớ rừng thân yêu. Đồng thời chàng cảm thấy nảy sinh trong mình sở thích mạnh mẽ đối với thi ca và sân khấu, rồi

liền đó cố viết những vần thơ ngắn gửi vài cô gái ở Vilê Côttơrê hoặc Crêpyăng Valoa. Một hôm ở lâu đài Vilê Hêlông, chàng làm quen với chàng trai trẻ mười bảy tuổi hơn mình mấy tháng tên là Ađonphô de Lêvăng tự xưng là thi sĩ.

Một thi sĩ ư? Alexandre cũng reo thầm trong bụng: "Ta cũng vậy, ta cũng là thi sĩ." Khi chàng biết Ađonphô thường lui tới các nhà hát ở Paris và quen biết Talma, diễn viên bi kịch nổi tiếng, nhiệt tình của chàng với thi ca và sân khấu trở thành vô bờ bến. Tất cả đều cùng tồn tại: Paris, sân khấu, Talma và chàng, một thi sĩ và hiện thời quyết định đi theo Ađonphô đến Paris và sẽ tự giới thiệu với Talma. Nhưng còn tiền? Mặc kệ, chàng vừa đi vừa săn. Một con muông bị giết ở dọc đường đủ để trả tiền ăn đường.

Talma tiếp chàng và hỏi chuyện: -Anh làm gì ở tỉnh nhỏ?

-Tôi không dám nói đâu – Alexandre thở dài – Tôi là thư ký công chứng quèn.

-Vớ vẩn – Talma nói – Không vì thế mà thất vọng. Coócnây[2] cũng vốn là thư ký biện lý.

Và quay lại các bạn, Talma nói thêm: -Thưa các vị, tôi xin giới thiệu với các vị một Coócnây tương lai.

Sau đó, nhờ tướng Foay, một đại biểu Quốc hội thuộc phái tự do chàng được vào làm thư ký phụ động ngạch rất thấp cho một văn phòng của Đại Quận công Oóclêlăng (sau này là vua Louis Philippe). Không sao, miễn điều đó có nghĩa là được ở Paris. Từ đó hàng ngày, từ 10 giờ sáng đến 5 giờ chiều chàng biên chép. Những báo cáo. Rồi lại vẫn nhùng báo cáo, sau đó chàng trở về căn nhà nhỏ của mình ở khu phố người Italia, đối diện với nhà hát Hài kịch. Không lấy gì làm vui lắm. May sao cùng tầng gác lại có một cô gái xinh đẹp tóc vàng hung, không giữ gìn lắm. Người ta lân la làm quen hàng xóm láng giềng. Dumas vốn có óc hài hước làm cho cô Catơrin Lơbay cười thích thú. Thế rồi ngày 27 tháng 7 năm 1824, một kẻ quyến rũ đàn bà thứ ba ra đời làm ầm ĩ khu phố người Italia. Người ta gọi nó là Alexandre. Người ta có nhẽ đã bắt quả tang khát vọng làm cha của chàng nếu cho chàng biết cái thằng bé Alexandre đó một ngày kia cũng nổi tiếng như chàng với tác phẩm Trà hoa nữ.

Dumas có người bạn làm việc cùng phòng tên là Látxanhơ luôn miệng nhắc: -Nước Pháp đang mong chờ một cuốn tiểu thuyết lịch sử.

Và nhờ có Látxanhơ, Dumas bắt đầu đọc, đúng hơn là ngốn ngấu rất nhiều tác giả. Đọc thì đọc rồi. Nhưng còn viết? Cộng tác với Ađonphơ và Rútxô, một ông già say. Alexandre viết một vở hài kịch dân phố thông. Cuộc đi săn và tình yêu. Vở kịch được diễn, chỉ còn hai câu là đáng nhớ:

Bởi muốn hạ bệ một chú thỏ rừng,
Ta phải là thỏ nhà ưu tú.

Tuy vậy, nó cũng đem lại cho Dumas 300 Frăng. Và chàng mang ngay đến một nhà in để bằng tiền túi của mình xuất bản một tập truyện. Tập truyện chỉ bán được đúng bốn bản in. Lúc đó là vào buổi bình minh của chủ nghĩa lãng mạn. Dumas thề: "Chiến thắng hoặc rã họng ra." Rõ ràng chàng vừa đọc một mẩu chuyện khá bi thảm về hoàng hậu Crítxtin của Thụy Điển trong tạp chí Tiểu sử phổ thông. Một chuyện khá rắc rối éo le giữa một hoàng hậu và một cận thần, sự phản bội, sự trả thù và sự hèn hạ. Thế là trong đầu Dumas sôi lên một vở kịch. Một kịch thơ? Ồ không, không có chuyện kịch thơ cổ điển được Dumas muốn những vần thơ "run rẩy, đánh mạnh vào lòng người, khủng khiếp" cơ. Một cái gì đó thoát ra khỏi sự tù túng của luật tam duy nhất vẫn còn được tôn thờ. Ô mặc xác mấy cái luật khô cứng đó.

Vở bi kịch Hoàng hậu Crítxtin đã được ra đời như thế trong một căn phòng nhỏ thuê một trăm Francs một năm, với ngòi bút của viên thư ký quèn của công tước Oóclêăng. Dumas không quen ai ngoài Sácnôđiê. Nhờ Sác giới thiệu, một buổi sáng chàng được Nam tước Taylo, cố vấn của nhà Vua phụ trách hí trường nước Pháp tiếp Taylo nằm nghe Dumas đọc Hoàng hậu Crítxtin. Tác giả vừa đọc xong Taylo đã nhảy choàng xuống đất bảo chàng: -Anh đến ngay nhà hát Pháp đi.

-Lạy Chúa, để làm gì ạ?

-Để đọc qua một lượt, càng nhanh càng tốt.

-Có đúng là tôi sẽ đọc cho hội đồng nghe không?

-Không được chậm hơn thứ bảy tới.

Thứ bảy tới, vở kịch được hoan hô nhiệt liệt. Dumas ra khỏi nhà hát sung sướng phát điên. Chàng mới hai sáu tuổi. "Tôi trở về ngoại ô Thánh Denis, không trông thấy xe, đâm cả vào ngựa, nhảy qua khe suối, vì ước lượng sai hụt chân rơi xuống giữa dòng, về đến nơi mới biết đánh rơi mất bản thảo, nhưng không hề gì. Tôi đã thuộc lòng.

Vở Hoàng hậu Crítxtin, bị chậm công diễn do kiểm duyệt không phải là tác phẩm đầu tiên của Dumas được trình điễn. Trong khi chờ đợi, chàng đã viết Henri III và triều đình, vở kịch được diễn đi diễn lại. Đã đến lúc phải lựa chọn giữa nghề thư ký và nhà hát, chàng quyết định giã từ văn phòng của Đại Quận công. Nhưng lần công diễn đầu tiên chàng đã mời "chủ mình", tức vua Louis Philippe tương lai đến dự.

Lần công diễn ấy đã đạt tới trên mức thành công một cuộc khải hoàn. Nó không những chỉ tạo nên những tiếng hoan hô mà còn là một sự mê cuồng. Vở kịch kết thúc, khi nghệ sĩ Fiếcmanh lại ra sân khấu giới thiệu tên tác giả, sự phấn khích đã trở thành của toàn thể khán giả, đến nỗi Công tước Oóclêăng "đứng ngây ra" nghe tên người làm thư ký cho mình trong vòng ba tiếng đồng hồ đã trở thành một trong những con người danh tiếng nhất thời đại.

Nói đó là một cuộc khải hoàn là nói đến cuộc khải hoàn của văn học lãng mạn nói chung. "Henri III và triều đình" còn ra đời trước "Hécnani" của Hugo, đánh dấu sự cáo chung của chủ nghĩa cổ điển, Dumas đã mở đường cho Hugo và Vinhy.

Cuộc cách mạng 1830 nổ ra đúng lúc và trở thành cuộc cách mạng của chính bản thân Alexandre Dumas. Mang sẵn dòng máu cộng hòa của người cha, A. Dumas gắn bó cả tâm hồn và thể xác với cách mạng. Ông tự mình cầm súng ra chia lửa với quân khởi nghĩa, tổ chức vệ quốc quân chống Bảo hoàng. Ông viết trong hồi ký: "Đó là những người của nhân dân mà người ta đã gạt bỏ sau khi sự nghiệp đã thành công. Sau khi canh gác ở cửa kho bạc, sắp chết đói đến nơi, họ đứng ở ngoài đường kiễng chân đất ngó vào đám thực khách ăn bám của chính quyền trèo trên lưng họ để leo lên, đang chia nhau chức vụ địa vị và danh vọng."

Thái độ chính trị ấy của A. Dumas luôn được bộc lộc trong các tác phẩm của ông, tất nhiên cả ở Ba người lính ngự lâm. Ba người lính ngự lâm là tập đầu trong tiểu thuyết bộ ba hơn bốn nghìn trang viết, tiếp theo là hai tập Hai mươi năm sau và Tử tước Bragiơlon (còn gọi là Mười năm sau nữa) miêu tả xã hội Pháp trong vòng năm mươi năm qua hai triều đại Louis XIII và Louis XIV, với hai Giáo chủ kiêm Thủ tướng Richelieu và Mazaranh và Conbe, Tổng thanh tra tài chính và hoàng hậu Annơ Ôtrítsơ sau làm nhiếp chính dưới thời Louis XIV.

Mặc dầu giá trị lớn lao của tác phẩm nhưng vì là tiểu thuyết đăng tải, cho nên không tránh khỏi những chỗ lầm lẫn trước sau, tính cách có phần đơn giản sơ lược và lối văn đã gần hai thế kỷ có phần dài dòng bao biện.

Sáu trăm tác phẩm, một tác giả khổng lồ, một sức viết khổng lồ, một con người khổng lồ của thời đại. Sở thích lớn nhất của ông là làm việc. Ông viết liền ba tháng không nghỉ. Viết xong, ông dừng lại, đi du lịch. Nhưng từ Italia hoặc từ Tây Ban Nha trở về, ông luôn mang theo mấy cuốn mới viết xong. Khi viết, ông đem hết tâm hồn, tình cảm vào trong trang viết. Trong Tử tước Bragiơlon, ông để cho Porthos chết rồi ôm mặt khóc nức nở. Đêm nghe cha khóc, Dumas con tưởng có chuyện gì sang hỏi bố. Ông trả lời: "Porthos chết rồi và chết thê thảm quá!"

Nhưng con người khổng lồ ấy chẳng những có trái tim nhạy cảm mà còn là một người hết sức khiêm tốn. Ông thích phi ngựa đến quỵ ngựa và yêu đàn bà.

Dumas đã từng cưới một nữ diễn viên hài kịch trẻ hơn mình rất nhiều, nàng Ida Feriê, Satôbriăng là người làm chứng cho cuộc hôn nhân này. Ông từ Praha về, nơi ông đã từng cầu chúc cho chế độ quân chủ bị trục xuất. Dumas yêu cầu ông cầu chúc cho vợ mình. Satôbriăng nhận lời, tuy không tránh khỏi liếc nhìn cái nịt ngực của người đàn bà này, và lẩm bẩm: -Nhất định tôi cầu chúc cho mọi cái đang rơi.

Bị công khai lừa dối, nhất là bởi bạn mình, Roger de Beauvoa, Dumas "bỏ vợ", trái hẳn với những nhân vật của mình, ông làm việc này không ầm ĩ, thân

mật và tốt bụng vô bờ.

Khi về già, ông có được một hạnh phúc không ngờ: Đứa con trai mà nàng Trà Hoa nữ đã đem đến cho ông. Alexandre đệ nhất đã đầu hàng trước bước đi ban đầu của Alexandre đệ nhị. Ông đến dự lễ tặng hoa và ngồi ở hàng đầu, chính giữa, tràn trề hạnh phúc trước cả khi người ta gõ lên ba tiếng. Ông bao giờ cũng mang một bó hoa khổng lồ. Đi dọc theo chiều dài của căn phòng, ông hoan hô, ông cười vang vui vẻ nhìn xung quanh mình. Khi người ta vừa nêu tên tác giả, ông liền đứng lên, lòng đầy kiêu hãnh chào mọi người như muốn nói: "Các vị thấy không, chính con trai tôi đã làm nên chuyện đó!."

Còn Dumas con thì nói: – Cha tôi đó là đứa trẻ vĩ đại mà tôi đã có khi tôi còn rất bé.

Thật xứng đáng khi Dumas bố nói: Tác phẩm lớn nhất của tôi là Dumas con!

Tuy nhiên Dumas cha làm việc yếu dần. Cuộc chiến năm 1870 đã giáng một đòn dữ dội lên ông. Cuối tháng tám năm ấy, Dumas con thấy ông trở về Diep, kiệt sức. Ông nói: -Ta về để chết ở chỗ con đây.

Alexandre đệ nhị kêu khóc. Nhưng mọi sinh lực hình như đã rời bỏ Alexandre đệ nhất. Người ta đặt ông lên một chiếc ghế bành trông ra biển. Một người đã từng ham thích làm việc như ông, rốt cuộc đã khám phá ra niềm vui là chẳng làm gì cả. Sáu trăm tác phẩm xuất bản, ông đã kiếm được cơ man nào là tiền, nhưng lúc này ông chỉ còn hai đồng Louis vàng. Ông nói với con trai: -Người ra cứ bảo cha rất hoang phí. Nhưng đâu phải thế. Cha đến Paris với hai đồng Louis trong túi. Con hãy xem trong áo gilê của ta, con sẽ thấy vẫn còn nguyên hai đồng Louis đấy chứ!

Sáng ngày 4 tháng 12 năm 1870 con trai ông thấy ông đăm chiêu hơn thường lệ liền hỏi ông. Ông hỏi lại một câu xé lòng.

-Con có tin có cái gì còn lại của cha không?

-Có chứ, là cha đấy, con xin thề như vậy.

Hôm sau sáu giờ tối, A. Dumas qua đời. Victo Hugo viết:

"Ở thế kỷ này không ai được dân chúng mến yêu hơn A. Dumas. Cái ông gieo mầm, đó là tư tưởng Pháp. A. Dumas quyến rũ, mê hoặc, làm lợi, làm vui và dạy dỗ mọi người. Từ tất cả những tác phẩm của ông, rất phong phú, rất đa dạng, rất sinh động, rất duyên dáng, rất mạnh mẽ, toát ra một thứ ánh sáng riêng của nước Pháp!."

Trở thành bạn của độc giả, đó là mong ước của nhà văn vĩ đại.

Và ông đã làm được điều đó.

§1. Ba tặng vật của ông D'Artagnan bố

Ngày thứ hai đầu tiên của tháng tư năm 1625, thị xã Măng[3] nơi sinh tác giả của cuốn Tiểu thuyết Hoa hồng dường như trong một cơn cách mạng như thể người theo giáo phái Canvanh[4] lần thứ hai lại tới vây hãm Pháo thành La Rochelle[5]. Nhiều thị dân thấy đàn bà ở phố lớn chạy trốn, trẻ con kêu khóc nơi ngưỡng cửa, liền vội vã khoác chiến bào, và bằng một khẩu hỏa mai hoặc ngọn giáo để củng cố lòng dũng cảm, hướng về phía lữ quán Chủ cối xay. Trước lữ quán, một nhóm người chen chúc, mỗi lúc một đông thêm, nhốn nháo, ồn ào và đầy vẻ tò mò.

Thời buổi ấy, những cơn hoảng loạn luôn xảy ra, không mấy khi lại không có thành phố này, thị trấn nọ ghi ký vào sổ lưu trữ của mình một sự kiện nào đó thuộc loại ấy. Các lãnh chúa chinh phạt lẫn nhau. Quốc vương khai chiến với Giáo chủ. Tây Ban Nha khai chiến với Quốc vương. Rồi thì, ngoài những cuộc chiến thầm lặng hoặc công khai, bí mật hoặc đường hoàng, lại còn bọn trộm cắp, lũ ăn mày, bọn giáo phái Canvanh, lũ sói, bọn lính hầu khai chiến với tất cả mọi người. Thị dân luôn vũ trang chống bọn trộm cướp, chống lại lũ sói, chống lũ lính hầu, cũng thường chống lại các lãnh chúa và bọn giáo phái Canvanh, đôi khi chống cả nhà Vua, nhưng không bao giờ chống lại Giáo chủ và nước Tây Ban Nha. Do đã quen như vậy nên ngày thứ hai tháng tư năm 1625 nói trên, nghe thấy tiếng náo động nhưng không thấy màu cờ vàng và đỏ[6] eũng chẳng thấy bóng dáng đồng phục gia binh của Quận công Richelieu, đám thị dân liền đâm bổ về phía lữ quán Chu cối xay. Đến đó rồi, ai cũng thấy và nhận ra nguyên nhân sự náo động.

Một chàng trai trẻ, hãy phác chân dung chàng bằng một nét bút thôi: Các bạn hãy hình dung một Đông Kihôtê[7] mười tám tuổi, Đông Kihôtê bị lột vỏ, không áo giáp, không xà cạp, chỉ mặc áo chẽn ngắn bằng len màu xanh lơ đã biến thành một màu nâu, tả giữa cặn rượu vang và da trời. Mặt dài sạm nâu, gò má cao, dấu hiệu của sự giảo hoạt, quai hàm bành rộng, nhân dạng không lẫn được của người Gátxcong ngay cả khi không có mũ nồi, mà chàng trai trẻ của ta lại đội mũ nồi gắn lông chim, mắt mở to và thông minh, mũi khoằm, nhưng thanh tú, có vóc người quá to đối với chàng trai sắp thành niên, mà một con mắt ít từng trải hẳn đã cho đó là con trai một chủ trại đi du hành, nếu không có thanh gươm dài treo lơ lửng trên dải đeo bằng da, đập vào bắp chân người chủ khi đi bộ và đập vào lớp lông dựng đứng của con vật cưỡi.

Do chàng trai trẻ có một con ngựa và con vật đó rất chi đặc biệt khiến người ta phải chú ý: đó là một con nghèo nhỏ vàng Bearn khoảng mười hai hoặc mười bốn tuổi, màu vàng áo, không bờm đuôi, nhưng không phải không có chai ở các

vó và khi đi, đầu thõng xuống quá dưới gối, khiến cho việc thắng cương đai trở nên vô ích mà vẫn đi nổi tám dặm một ngày. Không may thay, những phẩm chất của con nghẽo lại bị che giấu hết dưới bộ lông kỳ dị và dáng đi khiếm nhã của nó, khiến cho trong cái thời mà mọi người đều sành ngựa, thì việc một con nghẽo nhỏ con của xứ Măng nói trên, mười lăm phút trước đây, qua cửa ô Bôgiăngxi, lọt vào xuất hiện ở đây đã tạo nên một cảm giác thiếu thiện cảm lan sang cả tới chủ nhân của nó.

Và cái cảm giác ấy lại còn nặng nề hơn đối với chàng D'Artagnan trẻ tuổi (được mệnh danh là chàng Đông Kihôtê của con ngựa Rốtxirăngtê khác là vì như thế đến nỗi chàng chẳng hề giấu mình cái khía cạnh lố lăng đem đến cho chúng, dù chàng có là một kỵ sĩ cừ khôi đến mấy với con nghẽo như thế, cũng như chàng đã thườn thượt thở dài khi nhận món quà mà ông D'Artagnan bố đã ban tặng. Chàng không phải không biết một con vật như thế ít ra cũng đáng giá hai mươi đồng vàng, còn những lời lẽ kèm theo món quà thì là vô giá.

-Này con!

Vị quý tộc xứ Gascogne nói bằng thứ tiếng thuần Bearn mà Vua Henri IV chẳng bao giờ có thể nói khác nổi:

"Con ngựa này sinh ra trong ngôi của cha con, đã sống ở đây từ bấy đến nay, sắp tròn mười ba tuổi, sẽ khiến con phải yêu quý nó. Đừng bao giờ bán nó, hãy để nó được chết già trong danh dự và lặng lẽ. Nếu con đi đường cùng nó, hãy đối xử với nó như với một lão bộc. Tới triều đình – Ông D'Artagnan bố nói tiếp – nếu có vinh dự đến đó, thật ra vinh dự thì dòng dõi quý tộc lâu đời của con đã cho con quyền đó rồi, hãy bảo vệ xứng đáng danh hiệu quý tộc của con, danh hiệu mà tổ tiên đã giữ nó một cách xứng đáng hơn năm trăm năm nay, hãy bảo vệ nó vì con và vì những người thân của con, ý cha muốn nói đấy là cha và bạn bè con. Đừng bao giờ ủng hộ ai mà chỉ với Giáo chủ và nhà Vua. Hãy nghe cho rõ, thời buổi bây giờ, một người quý tộc chỉ lập nghiệp bằng lòng dũng cảm, chỉ riêng lòng dũng cảm của mình thôi. Kẻ nào run sợ trong giây phút có thể để tuột mất cơ may mà chỉ đúng trong giây phút đó vận may mới chìa tay với họ. Con còn trẻ, con phải can trường bởi hai lẽ: thứ nhất, chính vì con là dân Gátxcông và thứ hai, con là con bố. Đừng sợ những cơ hội và hãy tìm kiếm những cuộc phiêu lưu. Bố đã cho con học múa gươm. Con có khoeo chân sắt, cổ tay thép, hãy chiến đấu vào mọi lúc, các cuộc quyết đấu càng bị cấm đoán, do đó càng phải chiến đấu bằng gấp đôi lòng dũng cảm. Con trai ạ, ta chỉ có mười lăm đồng vàng, con ngựa của ta và những lời khuyên như con vừa nghe để cho con. Mẹ con sẽ thêm vào đó cách chế một món thuốc cao học được của một bà Bôhêmiêng, có một công năng kỳ lạ chữa khỏi mọi vết thương không chạm vào tim. Hãy tận dụng mọi cái, và hãy sống hạnh phúc và trường thọ, ta chỉ còn một điều nữa để nói thêm, đó chính là tấm gương ta nêu với con, không phải của ta, bởi ta chưa bao

giờ có mặt ở triều đình, mà ta chỉ tình nguyện tham gia chiến tranh tôn giáo, mà ta muốn nói đến ông Treville xưa từng là láng giềng của ta, người đã có vinh dự khi còn tấm bé đã chơi với Vua Louis XIII của chúng ta. Đôi khi trò chơi của họ chuyển thành các trận choảng nhau, và trong những trận chiến ấy nhà Vua không phải lúc nào cũng là kẻ mạnh hơn.

Những miếng đòn nhà Vua nhận được khiến Ngài càng thêm khâm phục, và thân thiết nhiều hơn với ông Treville. Sau này lần đầu tiên trong chuyến đến Paris, ông Treville đã chiến đấu chống lại những kẻ khác năm lần. Từ eái chết của nhà Vua quá cố đến khi nhà Vua trẻ trưởng thành, không kể các cuộc chiến tranh và các cuộc vây thành, ông chiến đấu bảy lần, và từ khi nhà Vua trưởng thành đến nay, có lẽ tới trăm lần. Vì vậy, mặc dầu những pháp lệnh, những chỉ dụ, những sắc lệnh[8] thế mà thấy không, ông vẫn cứ là đại úy ngự lâm quân, có nghĩa là chỉ huy binh đội Céda mà nhà Vua chủ yếu dựa vào đó, còn Giáo chủ thì kiêng nể, vị Giáo chủ như mọi người đều biết, có kiêng nể điều gì đâu.

Hơn nữa, ông Treville kiếm mười nghìn đồng tiền vàng mỗi năm, vậy là cỡ một đại lãnh chúa mạnh rồi. Ông ta cũng khởi đầu như con. Hãy đến gặp ông cùng với bức thư này, và hãy noi gương ông để làm sao được như ông."

Tới đây, ông D'Artagnan bố đeo thanh kiếm của mình, cho con trai, trìu mến ôm hôn chàng lên hai bên má và cầu phúc cho chàng.

Rời khỏi phòng cha, chàng trai thấy mẹ mình đang đợi mình với phương thuốc trứ danh, theo lời dặn dò của ông bố sẽ luôn luôn cần đến cho chàng. Cuộc giã biệt ở đây lâu la hơn và trìu mến hơn "cuộc giã biệt" vừa rồi, chẳng phải vì ông D'Artagnan bố không yêu con trai, kẻ nối dõi độc nhất của mình, nhưng ông ta là một người đàn ông và sẽ bị xem là không xứng đáng khi phó mặc mình cho cảm xúc, còn như bà D'Artagnan, bà là đàn bà, hơn nữa là mẹ. Bà khóc sướt mướt, và phải khen chàng D'Artagnan con, đã cố gắng để tỏ ra cứng rắn như một ngự lâm quân tương lai cần phải thế, nhưng bản năng cuốn chàng theo khiến nước mắt chàng lã chã tuôn rơi, khó khăn lắm mới giấu đi được một nửa.

Cùng ngày hôm ấy, chàng trai trẻ lên đường mang theo ba tặng vật của cha như đã nói, gồm mười lăm đồng vàng, con ngựa và bức thư cho ông Treville, hơn nữa có cả những lời khuyên nữa.

Với một hành trang như vậy, D'Artagnan thấy mình về tinh thần cũng như thể xác, như một bản sao chính xác nhân vật của Xécvăngtéc mà ta đã đem ra so sánh một cách rất chi thích đáng, khi mà nhiệm vụ của một sử gia buộc chúng tôi cần thiết phải phác họa chân dung chàng. Đông Kihôtê coi những cối xay gió như những gã khổng lồ và lũ cừu là nhứng đoàn quân, còn D'Artagnan lại coi mỗi nụ cười là một sự lăng mạ và mỗi cái nhìn là một sự khiêu khích. Vì vậy, dọc đường từ Tarbes[9] đến Măng, chàng luôn giữ chặt nắm đấm, và tay kia vì lý do này khác đặt lên đốc gươm đến mươi lần trong ngày, tuy nhiên nắm đấm chưa hề quai

xuống hàm ai và gươm cũng không hề tuốt ra khỏi vỏ. Không phải con nghẽo con màu vàng hãm tài kia không gây cười trên khuôn mặt khách qua đường, mà chính vì bên sườn con ngựa còi ấy còn lạch phạch một thanh gươm dài đáng nể, và bên trên long lanh con mắt nom có vẻ dữ tợn hơn là kiêu hãnh, khách qua đường vì vầy thường cố nén để không rũ ra cười, hoặc dù cẩn tắc cũng không nén nổi, cũng phải cố chỉ cười nửa miệng giống như nhửng vai hề cổ. Cho nên D'Artagnan vẫn đường đường oai phong, không sao trước cái tính nóng nảy cố hữu cho tới khi đến cái thị trấn Măng khốn khổ này.

Nhưng nơi đây khi chàng vừa xuống ngựa trước cửa lữ quán Chủ cối xay, chẳng người nào, từ chủ quán, hầu bàn, người coi ngựa, tới giữ bàn đạp ngựa cho chàng ở bậc lên xuống ngựa.

D'Artagnan trông thấy ở khuôn cửa sổ hé mở của tầng trệt một nhà quý tộc, vóc dáng đẹp, vẻ kiêu kỳ, tuy nét mặt hơi cau có đang nói gì đó với hai người đang nghe một cách kính nể. Theo thói quen, D'Artagnan hoàn toàn tự nhiên tin rằng mình là đối tượng của câu chuyện và lắng nghe. Lần này chàng chỉ nhầm có một nửa: vấn đề không phải là chàng mà là con nghẽo của chàng. Gã quý tộc như đang liệt kê cho đám người nghe tất cả các thuộc tính của con nghẽo và như vì đã nói, người nghe xem ra rất kính nể người kể chuyện, mỗi lúc họ lại phá lên cười. Mà chỉ một nửa nụ cười cũng đủ khơi dậy cái tính dễ nổi cáu của chàng trai trẻ, sẽ hiểu ngay những chuỗi cười ầm ĩ như thế sẽ tạo nên hiệu quả thế nào đối với chàng.

Thế nhưng D'Artagnan trước hết muốn thấy rõ được bộ mặt của kẻ hỗn xược đang nhạo mình. Chàng găm cái nhìn kiêu hãnh vào kẻ lạ mặt và nhận ra một người đàn ông khoảng bốn mươi, bốn nhăm tuổi, đôi mắt đen và sắc nhọn nước da xanh tái, mũi rất cao, ria mép đen, tỉa xén hoàn hảo. Hắn ta mặc áo chẽn ngắn và quần ống túm màu tím có tua cùng màu, không có bất kỳ trang sức nào ngoài những rãnh xẻ quen thuộc để luồn áo lót qua đó. Quần ống túm và áo chẽn màu dù còn mới, lại có vẻ dầu dãi như những trang phục du hành xếp kín lâu trong valy lớn.

D'Artagnan tiếp nhận tất cả những đặc điểm đó với sự mau lẹ của một quan sát viên tỉ mỉ nhất và chắc chắn bởi một linh tính mách bảo chàng rằng con người xa lạ kia ắt có một ảnh hưởng lớn đến đời chàng sau này.

Đúng lúc D'Artagnan chăm chăm nhìn vào nhà quý tộc mặc áo chẽn tím, hắn ta đưa ra một nhận xét hóm hỉnh nhất và sâu sắc nhất về xứ sở của con nghẽo còi vùng Bearn, hai thính giả của hắn phá lên cười, còn bản thân hắn, trái với thói quen thường lệ, cũng để lộ cho mọi người thấy, lướt qua một nụ cười nhợt nhạt trên bộ mặt hắn. Lần này thì không còn nghi ngờ gì nữa, D'Artagnan đã thực sự bị lăng nhục. Vì thế, tin chắc như vậy, kéo mũ xuống tận mắt, và cố bắt chước một số điệu bộ trong chốn triều đình mà chàng bất ngờ bắt gặp ở những bậc

vương công du hành qua vùng Gátxcông, chàng tiến lên, một tay đặt vào chuôi gươm và tay kia chống háng. Khốn nỗi, càng tiến lên, cơn giận mỗi lúc càng làm chàng thêm mù quáng, đáng lẽ phải có một khẩu khí trang trọng và kiêu hãnh mà chàng đã chuẩn bị để phô diễn sự thách thức của mình, chàng chỉ còn thấy nơi đầu lưỡi ngôn từ của một nhân cách thô lỗ kèm theo cách hành xử cuồng dại.

-Này, ông kia! – Chàng hét lên – Cái ông nấp sau cánh cửa sổ kia! Phải, chính ông, hãy nói ta nghe xem ông cười cái gì nào, rồi chúng ta sẽ cùng cười.

Nhà quý tộc chậm rãi đưa mắt nhìn từ con ngựa lên chàng kỵ sỹ, như thể cần phải có thời gian ấy để hiểu rằng những lời trách móc lạ lùng đến thế chính là dành cho mình, rồi không thể nghi ngờ gì nữa, đôi lông mày hơi cau lại, và sau khoảng lâu dừng lại, hắn ta trả lời D'Artagnan bằng một giọng mỉa mai và xấc xược không thể tả được: -Tôi không nói với ông, thưa ông.

-Nhưng ta, ta nói với ông!

Chàng trai trẻ giận sôi lên và hét to, trước thái độ vừa xấc xược vừa nhã nhặn, vừa lịch thiệp vừa khinh thị pha lẫn với nhau.

Kẻ xa lạ còn nhìn chàng một lát rồi với nụ cười thoáng qua rồi ra khỏi cửa sổ, từ từ ra khỏi lữ quán đi về phía D'Artagnan cách hai bước chân rồi đứng thẳng đối mặt với con nghẽo. Thái độ bình tĩnh và vẻ mặt châm biếm của hắn càng khiến cho bọn người vừa chuyện trò với hắn, vẫn ở nơi cửa sổ cười to gấp đôi.

D'Artagnan thấy hắn tiến đến, liền rút gươm nhích ra khỏi vỏ hơn một gang tay.

-Con ngựa này chắc chắn, hay đúng hơn lúc trẻ từng có màu vàng cúc áo.

Kẻ xa lạ tiếp tục lặp lại những soi mói đã từng bắt đầu với bọn người nghe của y ở cửa sổ, tựa như không thèm để ý đến cơn điên giận sôi lên của D'Artagnan lúc đó đã đứng ở giữa y và họ.

Đó là một màu rất quen thuộc của thực vật học, nhưng đến nay rất hiếm thấy ở loài ngựa.

Đệ tử của ông Treville giận giữ thét lên: -Kẻ cười giễu con ngựa là kẻ không dám cười chủ nó!

-Tôi thường không hay cười, thưa ông. – Kẻ lạ mặt tiếp – Tự ông, ông cũng có thể thấy như thế trên vẻ mặt của tôi, song tôi vẫn bảo lưu đặc quyền được cười khi tôi thích.

-Còn ta – D'Artagnan – ta không muốn người ta cười khi nó làm ta khó chịu.

-Thật thế ư, thưa ngài? – Kẻ lạ mặt tiếp tục với vẻ càng bình tĩnh hơn bao giờ hết – Thế thì, chí lí quá đi rồi?

Rồi quay gót, hắn đang định trở vào lữ quán theo lối cửa lớn mà dưới cửa, khi D'Artagnan đến đây đã thấy một con ngựa đóng sẵn yên cương.

Nhưng D'Artagnan không phải loại dễ bỏ qua như thế với một kẻ đã hỗn xược chế nhạo mình.

-Quay lại! Quay lại nào, ông hay châm biếm, ta không muốn đánh ông phía sau lưng đâu.

-Đánh tôi, tôi ấy à? – Người kia vừa nói vưa quay gót lại nhìn chàng trai trẻ hết sức ngạc nhiên cũng như khinh bỉ – Chà, thế kia đấy. Ông bạn quý, anh điên rồi.

Rồi hạ giọng như thể nói với chính mình: -Phiền thật. – Y tiếp tục – thế mà Hoàng Thượng cứ phải đi tìm những kẻ can trường ở những đâu đâu để trưng tuyển vào ngự lâm quân của ngài!

Người lạ vừa nói dứt, D'Artagnan đã vươn tay xỉa tới một mũi gươm thịnh nộ đến nỗi nếu không nhanh chân nhảy lùi lại, có lẽ đây sẽ ìà lần cuối cùng hắn được bông đùa. Người lạ mặt lúc đó thấy sự thể đã vượt qua trò nhạo báng, liền rút gươm ra chào địch thủ và nghiêm trang thư thế. Nhưng cũng đúng lúc ấy, hai thính giả của y, kèm theo chủ quán nhảy bổ vào D'Artagnan phang chàng bằng những đòn gậy, xẻng, và que gắp than. Điều đó làm chệch hướng thật nhanh chóng, thật hoàn hảo cuộc tấn công, khiến cho trong khi D'Artagnan quay lại đối mặt với trận mưa đòn, đối thủ của chàng cũng tra gươm vào vỏ với cùng độ chính xác, và đang suýt là một diễn viên nay lại trở thành khán giả của trận chiến, một vai mà hắn rất thạo với vẻ bình thản thường tình của mình, tuy vẫn không ngớt làu bàu: -Cái giống Gascogne ôn dịch! Bê hắn lên con ngựa vàng cam của hắn và để hắn xéo đi.

-Không trước khi ta giết mi đâu, đồ hèn! – D'Artagnan vừa hét vừa đem hết sức đối địch, không lùi một bước trước ba kẻ thù, đang phang chàng túi bụi.

-Lại một thói Gascogne! – Nhà quý tộc lẩm bẩm – Ta thề đấy, lũ Gascogne này đều là lũ bất trị! Nó đã muốn vậy, cứ để nó tiếp tục múa may. Khi nào nó mệt nó sẽ nói nó múa thế đủ rồi.

Nhưng người lạ mặt còn chưa hiểu mình đang phải đương đầu với một kẻ ương bướng đến mức nào, D'Artagnan không bao giờ là người chịu xin thua. Cuộc đấu tiếp tục thêm mấy giây nữa, cuối cùng D'Artagnan kiệt sức để tuột gươm, một nhát gậy đánh gãy gươm làm đôi. Một đòn khác nện chàng vào trán gần như cùng một lúc làm chàng lộn nhào. Máu chảy đầm đìa, gần như bất tỉnh.

Chính vào lúc đó, từ mọi phía người ta chạy đến nơi đang xảy ra chuyện. Chủ quán sợ tai tiếng, với sự giúp đỡ của mấy gã hầu bàn, khiêng kẻ bị thương vào bếp, chăm sóc qua loa.

Còn nhà quý tộc thì đã trở lại chỗ cũ bên cửa sổ nhìn đám đông ấy một cách bồn chồn, có vẻ như việc họ cứ đứng ỳ ra đấy làm cho hắn rất bực bội.

-Thế nào, thằng điên ấy ra sao rồi? Hắn quay lại khi nghe tiếng cửa mở, hỏi chủ quán vừa bước vào thăm sức khỏe của hắn.

-Thưa đại nhân, ngài không sao chứ ạ? – Chủ quán hỏi.

-Phải, hoàn toàn vô sự, ông chủ quán thân mến ạ và chính tôi đang muốn hỏi ông chàng trai trẻ của chúng ta ra sao rồi?

-Hắn đang khá hơn. Vừa rồi bất tỉnh hoàn toàn.

-Thật thế ư?

-Nhưng trước khi ngất, hắn còn thu hết tàn lực réo tên ngài và vừa réo vừa thách thức ngài.

-Thế thì cái gã táo tợn ấy đúng là quỷ hiện hình rồi.

-Ồ không! Thưa đại nhân, không phải là quỷ – Chủ quán vừa nói vừa nhăn mặt tỏ ý khinh bỉ – Vì trong khi hắn mê man, chúng tôi đã lục soát hắn, và hắn chỉ có trong bọc hành lý một áo lót và trong túi tiền mười hai đồng vàng. Điều đó không ngăn hắn ta trong khi sắp ngất nói ra rằng nếu sự việc như thế diễn ra ở Paris, ngài sẽ phải hối tiếc ngay tức khắc, còn ở đây ngài sẽ thấy hối tiếc sau này.

-Thế thì – Người lạ mặt lạnh lùng – hắn dòng dõi bậc hoàng thân nào đó cải trang.

-Thưa tôn ông, tôi nói với ngài điều đó – Chủ quán nói tiếp – là để ngài đề phòng.

-Và trong cơn điên giận hắn không nói rõ tên ai?

-Có chứ, hắn vỗ túi nói: "Rồi sẽ thấy ngài Treville sẽ nghĩ thế nào về việc lăng mạ này đối với người được ngài bảo vệ."

-Ông Treville ư? – Người lạ vừa nói vừa đăm chiêu – Hắn vỗ túi và thốt ra tên ông Treville ư? Xem nào, ông chủ quán thân mến, trong khi gã trai trẻ bất tỉnh, tôi tin chắc, ông lại chẳng không nhìn vào chiếc túi đó ư. Túi có gì?

-Một phong thư gửi ngài De Treville, đại úy ngự lâm quân.

-Thật vậy ư?

-Thưa đại nhân, đúng như tôi có vinh dự được nói điều đó với ngài.

Chủ quán, vốn không được phú cho đầu óc mẫn tiệp, không hề nhận thấy những lời nói của mình khiến cho vẻ mặt người lạ thay đổi thế nào. Người đó rời bậc cửa, nơi vẫn chống khuỷu tay, chau mày ra chiều lo lắng.

-Quỷ thật! – hắn thầm thì qua kẽ răng – Treville chả nhẽ lại gửi đến ta tên Gátxcông này? Hắn non trẻ quá! Nhưng một đường gươm vẫn là một đường gươm, bất kể tuổi tác của người vung gươm, và người ta ít coi chừng một đứa trẻ hơn bất kỳ kẻ nào khác. Đôi khi chỉ cần một trở ngại nhỏ để cản phá một mưu đồ lớn.

Người lạ trở nên trầm tư trong ít phút.

-Này chủ quán – hắn nói – có phải ông sẽ không loại bỏ giúp ta cái tên cuồng loạn này? Trong thâm tâm, ta không thể giết hắn, thế nhưng – hắn thêm bằng vẻ đe dọa lạnh lùng – thế nhưng hắn chướng mắt ta lắm. Hắn đang ở đâu?

-Trong phòng vợ tôi – Người ta đang băng bó cho hắn ở tầng gác một.

-Quần áo và bọc hành lý vẫn ở chỗ hắn chứ! Hắn không rời chiếc áo chẽn chứ?

-Trái lại, tất cả đều ở dưới bếp. Nhưng một khi tên nhãi rồ ấy làm phiền ngài…

-Hẳn rồi. Hắn gây ra trong lữ quán của ông một vụ bê bối mà người tử tế không thể chịu nổi. Lên phòng ông đi, thanh toán mọi khoản cho ta, rồi bảo cho người hầu của ta.

-Sao! Ngài rời khỏi chúng tôi à?

-Ông thừa biết đấy, ta chẳng đã ra lệnh thắng yên ngựa của ta ư? Không tuân lệnh ta ư?

-Quá chứ ạ! Như đại nhân có thể thấy đấy, ngựa của ngài ở dưới cửa chính, tất cả đã sẵn sàng để lên đường.

-Tốt lắm, hãy làm cái việc ta đã bảo ông đi.

"Lạ thật! – Chủ quán tự nhủ – Chả lẽ ông ta lại sợ thằng nhãi?"

Nhưng một cái nhìn quyền thế của người lạ kia đã chặn đứng ngay chủ quán. Chủ quán khúm núm chào và đi ra.

Người lạ tự bảo: -Không nên để Milady bị tên kỳ quặc kia bắt gặp. Thế nào nàng cũng sắp qua đây, vì lúc này coi như đã đến muộn. Tốt hơn là ta cứ lên ngựa đến đón gặp nàng trước. Giá như ta có thể biết bức thư gửi Treville nội dung thế nào? Con người này vừa làu bàu vừa đi về phía bếp.

Trong khi đó, chủ quán tin rằng chính sự hiện diện của gã trai trẻ khiến người lạ mặt kia phải bỏ đi, ông ta liền đi tới phòng vờ mình và thấy D'Artagnan đã tỉnh lại. Thế rồi, ông ta giảng giải cho chàng hiểu rằng cảnh sát có thể gây phiền phức cho chàng vì chàng đã gây chuyện với một bậc đại thần, vì theo ý ông ta, người lạ mặt chỉ có thể là một vị đại thần, rồi ông ta thúc ép chàng dẫu còn yếu, cũng nên cố vùng dậy tiếp tục cuộc hành trình.

D'Artagnan vẫn còn choáng váng, mình không áo chẽn, đầu quấn đầy băng, đứng lên, bị chủ quán vừa kéo vừa đẩy, đành bước xuống thang gác. Nhưng vừa xuống tới bếp, vật đầu tiên chàng trông thấy chính là kẻ đã khiêu khích chàng, hắn đang bình thản nói chuyện ở bậc lên xuống của một cỗ xe nặng thắng hai con ngựa lớn nòi Normande.

Người đàn bà trò chuyện với hắn, đầu tựa như được viền trong khung cửa xe, là một phụ nữ từ hai mươi đến hăm hai tuổi. Chúng ta đã từng nói tới khả năng nắm bắt diện mạo nhanh nhạy của D'Artagnan, nên vừa thoạt nhìn, chàng đã thấy ngay người đàn bà trẻ đẹp. Mà cái sắc đẹp ấy lại hoàn toàn xa lạ ở cái xứ sở phương Nam nơi chàng vẫn sống, càng khiến chàng bị choáng. Đó là một phụ nữ, nước da trắng xanh, tóc hung vàng, xõa thành những chuỗi dài xuống hai vai, đôi mắt xanh to u hoài, đôi môi hồng và hai bàn tay như bạch ngọc.

Nàng trò chuyện sôi nổi với người lạ kia.

-Vậy, Đức ông lệnh cho tôi… – Người đàn bà nói.

-Phải quay lại nước Anh ngay tức khắc và trực tiếp báo trước cho ngài[10] nếu Quận công[11] rời London.

-Thế còn những chỉ thị khác cho tôi? – Khách lữ hành xinh đẹp hỏi.

-Tất cả được bọc kín trong chiếc hộp này, và chỉ được mở khi đã ở bờ bên biển Măngsơ.

-Rất tốt. Còn ông, ông làm gì?

-Tôi, tôi trở lại Paris.

-Không trị tội thằng nhãi con hỗn xược sao? – Người đàn bà hỏi.

Người lạ định trả lời, nhưng vừa mở miệng, D'Artagnan đã nghe thấy hết, lao mình tới ngưỡng cửa và hét lên: -Chính thằng nhãi hỗn xược mới trừng trị kẻ khác. Và ta hy vọng lần này kẻ mà thằng nhóc trừng trị sẽ không thoát khỏi như lần đầu.

-Sẽ không thoát khỏi ư? – Người lạ cau mặt cau mày hỏi.

-Không, trước một phụ nữ, ta cho là ông sẽ không dám trốn.

Milady kêu to khi thấy nhà quý tộc để tay lên gươm: -Hãy nghĩ kỹ đã, hãy nghĩ, chậm một tý thôi có thể mất hết.

-Nàng có lý – nhà quý tộc nói – Vậy nàng hãy đi theo con đường nàng. Ta đi đường ta.

Và khẽ gật đầu chào người đàn bà, người đó nhảy phắt lên yên ngựa, người đánh xe của cỗ xe cũng quất mạnh đôi ngựa thắng. Hai bên đều phi nhanh về phía ngược nhau trên đường phố.

-Này, còn tiền chi phí. – Chủ quán với gọi, lòng mến khách đối với người lạ đã chuyển thành sự khinh bỉ sâu sắc khi thấy hắn xa dần mà không thanh toán tiền trọ.

-Trả đi, đồ đê tiện! – Người lạ mặt vừa phi ngựa vừa quát tên hầu.

Tên này quăng xuống chân chủ quán vài ba đồng bạc rồi cùng phi theo chủ.

D'Artagnan đến lượt mình cùng lao theo tên hầu và la: -A, đồ hèn! Đồ, khốn nạn! Quý tộc rởm.

Nhưng người bị thương còn quá yếu không thể chịu nổi một cú lao mạnh như vậy. Mới được mươi bước, tai chàng đã ù, đầu hoa lên, máu như dồn lên mắt khiến chàng ngã lăn ra đường phố, nhưng miệng vẫn còn la: -Hèn! Hèn! Hèn!

-Quả là hắn rất hèn! – Chủ quán vừa lẩm bẩm vừa tới gần D'Artagnan, cố nịnh bợ để làm lành với chàng trai tội nghiệp giống như con sếu với con ốc sên buổi tối trong chuyện ngụ ngôn[12].

-Phải, quá hèn – D'Artagnan lẩm bẩm – nhưng nàng, quá đẹp!

-Ai, nàng nào? – Chủ quán hỏi.

D'Artagnan ấp úng: -Milady ấy.

Rồi chàng lại ngất lần thứ hai.

-Thế là hòa – Chủ quán nói – Ta mất hai, nhưng lại còn được tên này, mà ta tin chắc sẽ giữ lại được ít nhất mấy ngày. Vẫn cứ kiếm được mười một đồng vàng đi.

Mười một đồng vàng vừa đúng là số tiền còn lại trong túi tiền của D'Artagnan.

Chủ quán đã tính theo mười một ngày bệnh, với giá một đồng vàng một ngày, nhưng tính vắng mặt khách trọ. Sáng hôm sau lúc năm giờ, D'Artagnan thức dậy, tự mình xuống bếp, yêu cầu cho chàng rượu vang, dầu, cây hương thảo, ngoài các vị thuốc khác ta không nắm được tên, và tay cầm đơn thuốc mẹ chàng cho, chế thành một loại cao, rồi xoa lên các vết thương đầy người, tự thay mới băng gạc và không muốn chấp nhận bất cứ thày thuốc nào giúp chữa. Chắc hẳn nhờ công dụng của loại cao Bôhêm và có lẽ cũng nhờ sự vắng mặt của mọi loại bác sĩ, ngay tối hôm ấy chàng đã tự đi lại được và hôm sau gần như khỏi hẳn.

Nhưng lúc trả tiền cây hương thảo, dầu và rượu vang, khoản chi duy nhất của chủ, gần như tuyệt đối không ăn, thì ngược lại con nghẽo vàng, theo như chủ quán nói, ít ra cũng đã ăn gấp ba lần mức mà người ta coi như hợp lý so với tầm vóc của nó, D'Artagnan chỉ thấy trong túi áo mình cái túi đựng tiền bằng nhung đã sờn mười một đồng tiền vàng, còn phong thư ngài De Treville đã biến mất.

Chàng trai trẻ kiên nhẫn tìm bức thư, lộn đi lộn lại đến hai mươi lần những túi áo lớn nhỏ, lục đi lục lại bọc hành lý, mở rồi lại đóng túi đựng tiền, nhưng khi tin chắc không thấy được nữa, lần thứ ba chàng lại rơi vào cơn điên giận suýt nữa lại một phen làm đi tong món dầu thơm và rượu vang. Bởi vì thấy cái đầu kẻ tồi tệ kia bốc nóng và đe dọa đập phá hết đồ nội thất nếu không tìm ra cho chàng bức thư, chủ quán đã vơ lấy một ngọn giáo, vợ y, cán chổi và lũ hầu bàn vẫn những đòn gậy đã sử dụng hôm trước.

Bức thư tiến cử của ta! – D'Artagnan gào lên – Bức thư tiến cử của ta! Mẹ kiếp! Nếu không, ta sẽ xiên chả tất cả như nướng chim ngói cho mà xem!

Khốn nỗi, một tình thế đã chống lại chàng trai trẻ, không cho chàng làm được điều đe dọa. Như đã nói, gươm của chàng từ trận đầu đã bị gãy làm đôi mà chàng đã hoàn toàn quên mất. Vì vậy, khi chàng muốn tuốt gươm, chàng chỉ thấy đơn giản trơ một mẩu gươm dài khoảng một gang tay mà chủ quán đã cẩn thận tra vào vỏ. Phần còn lại của lưỡi gươm, tay chủ quán đã khéo léo sửa thành một cái xiên nướng thịt.

Song nỗi thất vọng đó chưa chắc đã ngăn nổi chàng trai hung hăng của chúng ta nếu như chủ quán không nghĩ việc người khách lạ đòi hỏi y là hoàn toàn chính đáng. Hắn hạ mũi giáo xuống hỏi: -Nhưng thật ra bức thư ấy ở đâu?

-Phải, bức thư ấy ở đâu? – D'Artagnan hét – Trước hết ta báo cho ông biết, bức thư ấy là gửi cho ngài De Treville, và nó phải được tìm thấy. Hoặc nếu không tìm thấy, chính ngài sẽ biết cách tìm ra!

Lời đe dọa khiến chủ quán hoảng sợ. Sau Nhà Vua và Giáo Chủ, ngài Treville là người tên tuổi luôn được nhắc đến nhiều nhất trong giới nhà binh và cả trong dân phố nữa. Hẳn là có Đức cha Jôdép nữa, nhưng tên ông không bao giờ được nhắc đến trừ phi thấy giọng thôi để cho thấy nỗi kinh hoàng mà Đức ông xám, kẻ thân cận của Giáo chủ được mệnh danh như vậy, gây ra thế nào.

Thế là chủ quán vứt giáo, ra lệnh cho vợ mình và bọn gia nhân cũng làm theo, vứt hết gậy gộc, tự mình nêu gương cần mẫn đi tìm bức thư. Sau một hồi tìm kiếm không kết quả, chủ quán nói: -Bức thư đó có cái gì quý giá ư?

Chàng Gátxcông vẫn trông mong bức thư sẽ mở đường cho chàng vào triều đình trả lời: -Ta tin chắc như vậy. Nó chứa đựng vận mệnh của ta.

-Những ngân phiếu thanh toán ở Tây Ban Nha ư? – chủ quán lo lắng hỏi.

-Những ngân phiếu trong ngân khố đặc biệt của Hoàng thượng – D'Artagnan đáp như vậy vì cho rằng nhờ bức thư tiến cử ấy chàng có thể vào phục vụ nhà Vua, câu trả lời có đôi chút mạo muội, nhưng không phải là dối trá.

-Chết cha! – Chủ quán nói, hoàn toàn thất vọng.

-Nhưng không sao! – D'Artagnan tiếp tục với vẻ bộc trực vốn có của dân xứ chàng – Không sao, tiền không là gì. Thư mới là tất cả, ta thà mất nghìn bạc còn hơn mất bức thư.

Chàng chẳng ngại nói tới hai mươi nghìn, nhưng một sự e dè non trẻ nào đó đã ngăn chàng lại.

Đầu óc chủ quán đang mụ mị đi vì không tìm thấy gì bỗng lóe lên một tia sáng và reo lên: -Bức thư không hề mất!

-Hả! – D'Artagnan hỏi. – Không mất? Ai lấy?

-Lão quý tộc hôm ấy. Lão đã xuống bếp nơi để chiếc áo chẽn của ông. Lão ở đấy có một mình. Tôi cuộc chính lão lấy cắp bức thư.

-Ông tin vậy à? D'Artagnan chưa tin lắm hỏi lại. Chàng biết rõ hơn bất cứ ai tầm quan trọng hoàn toàn có tính chất cá nhân của bức thư, và không hề thấy ở bức thư cái gì có thể khêu gợi máu tham cả.

Sự thể là bất kỳ lũ người hầu, hoặc khách trọ có mặt nào cũng sẽ chẳng kiếm được chút lợi lộc gì khi chiếm hữu tờ giấy đó. D'Artagnan tiếp: -Vậy ông nói ông ngờ lão quý tộc xấc xược ấy ư?

-Tôi nói rằng tôi cam đoan như vậy. Khi tôi báo cho lão ta biết quý ông là người được ngài Treville bảo trợ và quý ông có bức thư gửi cho ngài quý tộc lẫy lừng đó, thì lão tỏ ra rất lo lắng, liền hỏi tôi bức thư đó ở đâu rồi lập tức đi xuống bếp, nơi lão biết có chiếc áo chẽn của quý ông.

-Vậy, đó chính là tên kẻ cắp của ta rồi! – D'Artagnan đáp – Ta sẽ khiếu nại với ngài De Treville, và ngài sẽ khiếu nại chuyện này với Đức Vua.

Nói rồi chàng oai vệ rút ra hai đồng tiền vàng đưa cho chủ quán. Chủ quán tay cầm mũ, tiễn chàng đến tận cửa. Chàng lại cưỡi lên con nghẽo màu vàng đi

tới tận cổng ô Saint-Antoine ở Paris không gặp một tai họa khác nào. Đến đây chủ nó bán nó lấy ba đồng vàng, như vậy là với giá quá cao rồi, bởi D'Artagnan đã làm nó quá mệt trong đoạn đường cuối. Người lái ngựa mà D'Artagnan đã nhượng lại con nghẽo, trả giá ba đồng vàng không hề giấu giếm chàng trai trẻ là mình đã đưa ra cái giá quá đắt ấy chẳng qua chỉ vì màu lông độc đáo của nó.

Vậy là D'Artagnan đi bộ vào Paris, tay xách một bọc nhỏ, cuốc bộ mãi tới khi tìm thuê được một phòng phù hợp với khoản tiền ít ỏi của mình. Gian phòng là loại phòng sát mái ở phố Phu đào huyệt, cạnh vườn Luychxămbua.

Trả xong khoản tiền chùa[13], D'Artagnan nhận phòng ở, suốt thời gian còn lại trong ngày, chàng ngồi khâu vào áo chẽn và quần nịt những mảnh ren viền mà mẹ chàng đã tháo từ chiếc áo chẽn hầu như còn mới của ông D'Artagnan bố, rồi giấu giếm đưa cho chàng. Tiếp đó chàng đến phố Thợ rèn đặt làm một lưỡi gươm, rồi trở lại điện Louvre hỏi thăm người lính ngự lâm đầu tiên chàng gặp, vị trí dinh quán của ngài De Treville, hóa ra ở ngay phố Chuồng chim câu cũ, nghĩa là đúng ngay cạnh phòng D'Artagnan tìm thuê: một cảnh ngộ có vẻ một sự mở đầu may mắn cho sự thành công của cuộc hành trình.

Sau đó, hài lòng về cách ứng xử của mình ở thị trấn Măng, không chút hối hận về việc đã qua, tin vào hiện tại và tràn trề hy vọng trong tương lai, chàng đi nằm và ngủ giấc ngủ của một dũng sĩ.

Giấc ngủ đầy chất tỉnh lẻ, kéo chàng đến tận chín giờ sáng, giờ chàng phải dậy để đến nhà ngài De Treville danh tiếng, nhân vật thứ ba của vương quốc theo sự đánh giá của bố chàng.

§2. Tiền sảnh nhà ông De Treville

Ông De Troavin, gia đình ông vẫn còn gọi ông như thế, còn ông, cuối cùng ông lại tự gọi mình là De Treville. Thực tế ông cũng khởi nghiệp như D'Artagnan, nghĩa là không một xu dính túi, mà với cái vốn táo gan, trí tuệ và tài ứng biến, nó làm cho gã quý tộc quèn Gátxcông nghèo khó nhất thường hy vọng nhận được sự thừa kế dòng dõi còn hơn cả một quý tộc giàu có nhất ở Pêrigoóc[14] hay Beri[15] nhận được trong thực tế. Lòng quả cảm phi thường và niềm hạnh phúc còn phi thường hơn trong một thời mà đòn giáng như mưa đá, đã kéo ông lên tận đỉnh cao của nấc thang khó khăn mà người ta gọi là sự sủng ái của triều đình, mà ông đã từng leo lên bốn bậc một.

Ông là bạn của nhà Vua, như mọi người đều biết nhà Vua rất coi trọng ký ức về vua cha Henri IV của mình. Cha của ông De Treville đã phục vụ trung thành vị tiên vương trong những cuộc chiến chống lại Liên minh[16] đến nỗi do rắc rối về tiền mặt, thứ mà dân Bearn suốt đời túng thiếu ông mãi mãi trả nợ bằng vật duy nhất không cần phải đi vay, nghĩa là bằng tinh thần. Vua Henri IV đã trao cho ông quyền được mang gia huy con sư tử vàng trên men sứ đỏ chói với dòng châm ngôn: Trung thành và dũng mãnh, sau khi Paris đầu hàng. Thế là quá nhiều vinh dự, nhưng lại quá tầm thường để sống dễ chịu, ông để lại cho con trai tài sản duy nhất: thanh gươm và châm ngôn ấy của mình. Nhờ hai tặng vật đó và cái tên không một vết nhơ đi kèm, ông De Treville được nhận vào dinh ông hoàng tử trẻ, ở đó ông đã phụng sự quá tốt bằng thanh gươm của mình và quá ư trung thành với châm ngôn ấy, đến mức vua Louis XIII, một trong những lưỡi gươm cừ khôi của vương quốc thường quen nói rằng, nếu Ngài có một người bạn muốn đấu, Ngài sẽ khuyên bạn mình chọn người trợ thủ trước hết là nhà Vua, rồi sau đó là De Treville, mà có thể Treville trước cả nhà Vua nữa.

Vì thế, Louis XIII gắn bó thật sự với Treville, một sự gắn bó vua tôi một sự gắn bó ích kỷ, đúng vậy, nhưng không hề giảm đi chút nào gắn bó. Chính là trong thời buổi nhiễu nhương ấy, người ta hay tìm những người được tôi luyện như Treville để tập hợp quanh mình. Nhiều người có thể dùng tính ngữ dũng mãnh làm châm ngôn, tuy chỉ là phần thứ hai của chữ khảm nhưng một số ít nhà quý tộc lại đòi phần thứ nhất là trung thành. De Treville là một trong số ít ấy. Đó là một trong tổ chức hiếm hoi, có sự thông minh ngoan ngoãn như của loài chó ngao, một lòng can đảm mù quáng, có con mắt nhanh nhạy, bàn tay mẫn cán, với họ con mắt là chỉ để xem liệu nhà Vua có bất bình về ai không, và bàn tay là để nện kẻ chướng tai gai mắt nào đó, một Bétxmơ, Môrơve hay Pontrốt de Mêrê hoặc một Vittry[17]. Cuối cùng ở Treville, tới khi đó, ông chỉ còn thiếu có cơ hội, nhưng ông rình rập nó, và ông tự hứa sẽ tóm ngay óc nó nếu lúc nào nó đến tầm

tay ông. Vì vậy, Louis XIII phong ông De Treville là đại úy đội ngự lâm của Ngài, đội ngự lâm hết lòng tận tâm hoặc đúng hơn cuồng tín đối với Louis XIII, cũng giống như các đội thường binh đối với Henri III và đội cận vệ Xcốt đối với Louis XI.

Về phía mình, và về phương diện này, Giáo chủ không chịu kém nhà Vua. Khi đã thấy đám hảo hán đáng gờm mà vua Louis XIII tập hợp quanh mình, vị phó vương hoặc đúng hơn, vua nhất của nước Pháp cũng muốn mình có đội cận vệ. Vậy là Giáo chủ cũng có ngự lâm, giống như ngự lâm quân của Vua Louis XIII và người ta thấy hai lực lượng thù địch ấy chọn nhặt khắp các tỉnh nước Pháp và cả các nước ngoài nữa, những con người nổi tiếng về kiếm pháp để phục vụ mình. Vì vậy, Richelieu và Louis XIII luôn cãi nhau khi chơi cờ buổi tối, về tài cán lũ thủ hạ của mình. Bên nào cũng khoe khoang cách ứng xử và lòng can đảm của thủ hạ mình. Và mặc dầu vẫn lớn tiếng chống lại các cuộc quyết đấu và những vụ ẩu đả, cả hai lại ngấm ngầm xúi giục nện nhau rồi thực sự phiền muộn hoặc không nén mừng vui về sự thất bại hoặc chiến thắng của thủ hạ mình. Ít nhất thì hồi ký của một người đã từng trong một vài trận thất bại và trong nhiều lần chiến thắng như thế đã nói vậy.

Treville đã nắm lấy mặt yếu của chủ mình, và chính nhờ sự khéo léo, ông đã chiếm được ân sủng lâu dài và bền vững của một ông vua không hề để lại tiếng tăm đã từng rất chung thủy với bạn bè. Ông cho quân ngự lâm của mình diễu hành trước Giáo chủ Armand Đuyplétxít[18] với bộ điệu ranh quái khiến ria mép xám của Đức ông dựng lên như lông nhím vì giận dữ.

Treville am hiểu một cách đáng nể chiến tranh thời kỳ này, thời kỳ mà khi không sống bám vào chi phí của quân thù, thì người ta sống bám vào đồng bào của mình: lũ quân lính của ông hợp thành một đội kiêu binh vô kỷ luật với tất ca trừ ông.

Lôi thôi, say mềm, xây xước, lũ ngự lâm của nhà Vua hay đúng hơn là của ông Treville tràn vào các quán rượu, trong các cuộc dạo chơi, các trò chơi công cộng, gào thét, vểnh ria lên, khua gươm, khoái trá đụng độ với bọn cận vệ của Giáo chủ, khi họ chạm trán nhau. Rồi tuốt gươm ngay giữa phố, làm đủ trò, đôi khi bị giết, nhưng chắc chắn trong trường hợp đó sẽ được khóc thương và báo thù. Luôn giết nhau, nhưng chắc chắn không bị chết rũ trong tù, ông Treville sẽ tới đó để đòi họ. Vì vậy, ông De Treville được những con người đó tôn thờ, ca ngợi hết lời.

Bọn họ, toàn lũ vô sừng vô sẹo, bán trời không văn tự nhưng vẫn run sợ trước mặt ông, như học trò trước thầy mình, nhất nhất vâng lời, và sẵn sàng dám chết để rửa sạch điều quở trách dù nhỏ nhẹ.

Ông De Treville đã sử dụng cái đòn bẩy hùng mạnh đó trước hết vì nhà Vua và bạn bè của nhà Vua, rồi cho chính bản thân và bè bạn của mình. Vả chăng,

thời buổi đó đã để lại khá nhiều tập hồi ký, nhưng chẳng trong một hồi ký nào, ta thấy vị quý tộc đáng kính đó bị lên án ngay cả bởi các kẻ thù mà ông không thiếu kể cả trong giới cầm bút cũng như giới cầm gươm cũng chẳng hề thấy ông bị lên án đã nhận tiền hối lộ trong việc hợp tác vởi bọn thủ hạ của mình. Một thiên bẩm hiếm có về mưu cơ, đã khiến ông ngang hàng với những mưu sĩ tài danh nhất, mà ông vẫn cứ là người lương thiện. Thêm nữa, mặc dầu những mũi gươm tập đâm đến sái hông, và những buổi tập luyện nặng nhọc, ông vẫn trở thành một trong những kẻ săn gái trong ngõ hẻm cỡ bự, một trong những người ăn nói cầu kỳ, bóng gió nhất của thời đại. Người ta nói đến những vận may của ông Treville cũng như từng hai mươi năm trước đã nói về vận may của ông Bassompirre[19] và nói không phải ít. Vị đại úy ngự lâm quân vậy là vừa được ngưỡng mộ, vừa đáng sợ và yêu mến, điều tạo nên sự tột đỉnh của vận mệnh con người.

Vua Louis[20] thu tất cả những tinh tú nhỏ của triều đình mình vào trong ánh hào quang bao la của mình. Nhưng cha ông, vầng mặt trời Pluribus impar (bất khả so sánh) lại dành ra vẻ huy hoàng riêng tư cho mỗi sủng thần, giá trị cá nhân cho mỗi triều thần của mình. Bên cạnh những nghi lễ thức dậy của nhà vua và của Giáo chủ, ở Paris lúc đó người ta đếm được tới hơn hai trăm nghi lễ nhỏ hơi có có vẻ cầu kỳ. Trong số hai trăm đó, nghi lễ thức dậy của ông Treville là một trong số được hâm mộ nhất.

Cái sân của dinh quán ở phố Chuồng chim câu cũ của ông giống như một doanh trại từ sáu giờ sáng mùa hè, mười giờ sáng mùa đông. Năm đến sáu chục lính ngự lâm như thể thay phiên nhau ở đó để phô trương một quân số luôn oai phong lẫm liệt, không ngừng đi đi lại lại, vũ trang như thời chiến, và sẵn sàng với mọi sự. Dọc theo một trong những cầu thang lớn, trên chỗ ấy, nền văn minh của chúng ta nhẽ ra có thể xây dựng cả một tòa nhà, những kẻ cầu cạnh ở Paris leo lên leo xuống cầu xin một ưu đãi nào đó, những gã quý tộc tỉnh lẻ thèm khát được trưng tuyển, những tên hầu quần áo lòe loẹt đủ màu mang thừ của chủ đến ông De Treville. Trong tiền sảnh, thêm những chiếc ghế dài nhỏ quây tròn, những kẻ đắc tuyển, nghĩa là được triệu mời, ngồi nghỉ. Tiếng rì rầm ở đó kéo dài suốt từ sáng đến tối, trong khi đó phòng làm việc liền kề tiền sảnh, ông De Treville tiếp khách, lắng nghe những khiếu nại, ra mệnh lệnh và giống như nhà Vua trên lan can điện Louvre, chỉ việc ra nơi cửa sổ để duyệt người và vũ khí của mình.

Hôm D'Artagnan tới trình diện, cử tọa trông thật uy nghi, nhất là đối vởi một dân tỉnh lẻ vừa mới đến. Đúng là dân tỉnh lẻ, ấy là một gã Gátxcông, và nhất là vào thời kỳ mà dân đồng hương của D'Artagnan đã từng nổi tiếng là không dễ để cho người khác nạt nộ. Quả nhiên, vừa bước qua cánh cửa đồ sộ tua tủa những đinh dài đầu bốn cạnh, người ta như bị rơi vào giữa một đám người mang gươm kiếm gặp gỡ nhau ở trong sân. Ơi ới gọi nhau, cãi cọ nhau và chơi đùa với nhau.

Để vạch được một lối đi giữa tất cả những lớp sóng cồn ấy, phải là một sĩ quan, một đại lãnh chúa hoặc một mỹ nhân.

Vậy là chàng trai trẻ của chúng ta tim đập mạnh đã tiến vào giữa cái đám ồn ào và hỗn độn đó, kéo sát thanh gươm dài vào bên chân mảnh khảnh, một tay cầm vành mũ dạ, với nụ cười nửa miệng của một gã tỉnh lẻ lúng túng, lại muốn làm ra vẻ đàng hoàng. Đi qua một toán, chàng mới thở được dễ dàng hơn, nhưng lại biết họ đang quay lưng lại nhìn mình, D'Artagnan cho đến hôm đó vẫn là người khá tự tin thì đây là lần đầu tiên trong đời thấy mình lố lăng.

Lúc tới cầu thang, còn tồi tệ hơn, ở những bậc thang đầu tiên bốn lính ngự lâm đang tiêu khiển bằng một trò luyện tập, trong khi mươi mười hai đồng đội trên bậc nghỉ chờ đến lượt mình tham gia.

Một trong số họ, đứng ở bậc cao hơn, gươm tuốt trần trong tay ngăn hoặc ít nhất cố gắng không cho ba người kia lên.

Ba người kia xỉa gươm chống lại bằng những đường gươm khá điêu luyện. D'Artagnan thoạt đầu nghĩ rằng những gươm sắt đó đều là những gươm tập, đầu gắn bi tròn. Nhưng rồi chàng nhận ra ngay một vài vết đâm do mỗi thanh gươm, trái lại đều rất sắc nhọn, và cứ mỗi vết đâm xây xát, không chỉ người xem mà cả diễn viên đều cười phá lên như lũ điên.

Người đang chiếm vị trí cao lúc đó đã cầm giữ ngoạn mục các đối thủ của mình khiến tất cả phải kính nể. Mọi người vây quanh bọn họ. Điều kiện nâng tới mức, người bị một phát gươm đâm phải, phải bỏ cuộc, mất luôn cả lượt bái kiến cho người đâm trúng. Trong năm phút, cả ba đều bị đâm trúng, người vào cổ tay, người vào cằm, người khác vào tai, còn bản thân người ở bậc trên chống giữ không bị dính mũi nào, theo đúng luật chơi, sự điêu luyện của người này được ba lần ưu tiên.

Cái trò giết thì giờ này không đến nỗi quá khó khăn, mà chỉ muốn được người ta kinh ngạc, thì nó đã làm cho du khách trẻ của chúng ta kinh ngạc. Chàng đã thấy ở tỉnh mình cái vùng đất hâm nóng rất nhanh những cái đầu thường hay khơi mào cho những cuộc quyết đấu và cái trò Gátxcông của bốn tay chơi này đối với chàng tỏ ra còn mạnh mẽ hơn tất cả những trò chàng đã được nghe nói, ngay cả ở Gátxcông. Chàng tưởng như mình được đưa đến trong xứ sở trứ danh của những gã khổng lồ nơi Gulivơ đến xưa kia và quá ư sợ hãi. Và tuy vậy, chàng vẫn còn chưa đi tới đích, vẫn còn cái bậc nghỉ và tiền sảnh.

Trên bậc nghỉ người ta không đánh nhau nữa, mà kể những chuyện đàn bà, và trong tiền sảnh, chuyện triều đình.

Trên bậc nghỉ, D'Artagnan đỏ mặt, trong tiền sảnh, chàng run rẩy. óc tưởng tượng linh hoạt và lông bông của chàng, khi ở Gátxcônhơ khiến chàng đáng sợ đối với những thiếu nữ hầu phòng và đôi khi cả với những nữ chủ nhân trẻ, nhưng chưa từng mơ tới, ngay những lúc say sưa nhất, phân nửa những mối tình

tuyệt vời này và một phần tư thôi những kỳ tích trai lơ, lại được tôn thêm bằng những tên tuổi quá đỗi quen thuộc và những tình tiết ít được che đậy nhất. Nhưng nếu như tình yêu của chàng đối với thuần phong mỹ tục bị chướng tai nơi bậc nghỉ, thì lòng kính trọng với Giáo chủ lại bị bôi nhọ trong tiền sảnh. Ở đó chàng rất đỗi ngạc nhiên khi nghe thấy người ta cao giọng chỉ trích thứ chính trị làm châu Âu run rẩy và đời tư của Giáo chủ mà bao nhiêu bậc vương công quyền thế đã bị trửng phạt vì đã dám thọc sâu vào. Bậc vĩ nhân được ông D'Artagnan bố sùng bái đó được đem dùng làm trò cười cho quân ngự lâm của ông De Treville, họ cợt nhạo đôi chân vòng kiềng và chiếc lưng gù của Giáo chủ! Một vài người hát Thánh ca Giáng sinh về phu nhân De Eghiông, tình nhân của ông, và phu nhân Combalê, cháu gái ông, trong khi những người khác chắp nối những câu đùa lại để chống lũ thị đồng và bọn cận vệ của Quận công Giáo chủ, đủ thứ xem ra đối với D'Artagnan là những điều không thể có, thật là khủng khiếp.

Thế nhưng, khi tên của nhà Vua đôi khi bất chợt xen vào giữa tất cả những chuyện báng bổ Giáo chủ kia, lập tức như có ngay một miếng giẻ nút ngay cả những cái miệng nhạo báng kia lại. Người ta e dè nhìn quanh mình như thể lo sợ vách phòng ông De Treville không kín. Nhưng rồi ngay lúc đó một câu bóng gió đưa câu chuyện trở lại với Đức ông và lúc đó những tràng cười lại nổ ra vui vẻ hơn, và soi mói không nương nhẹ đối với bất kỳ hành vi nào của Giáo chủ.

"Chắc chắn, những kẻ đó sẽ sớm bị tống vào ngục Bastille và đem treo cổ thôi – D'Artagnan hoảng hồn nghĩ vậy – Và ta, không nghi ngờ gì nữa sẽ cùng với họ, bởi lúc ta nghe nói, ta sẽ bị coi như kẻ đồng mưu của họ. Cha ta sẽ nói sao? Người đã dặn dò ta rất kỹ phải kính trọng Giáo chủ, nếu như Người biết ta cùng hội cùng thuyền với bọn tà giáo như thế?"

Vì vậy, D'Artagnan không dám tham gia vào cuộc trò chuyện mà chỉ dồn hai mắt nhìn, vểnh tai iên nghe, căng hết ngũ quan ra hau háu để khỏi mất một tí nào. Mặc dầu vẫn tin vào những lời khuyên răn của cha, nhưng chàng vẫn cảm thấy mình bị cuốn theo sở thích và bị bản năng lôi kéo, đến chỗ ca ngợi hơn là trách cứ những điều chưa hề được nghe nói đang diễn ra ở đây.

Tự nhiên, vì chàng là kẻ tuyệt đối xa lạ với đám thủ hạ của ông Treville, và đây là lần đầu tiên họ bắt gặp chàng ở đây, họ đến hỏi xem chàng muốn gì. D'Artagnan nhã nhặn xưng tên, rồi dựa vào danh nghĩa đồng hương, chàng xin người hầu phòng vừa đến hỏi chàng, thỉnh cầu giúp chàng ông De Treville cho chàng được bái yết một lúc. Người hầu bằng một giọng che chở hứa sẽ chuyển lời đến đúng nơi, đúng lúc.

D'Artagnan không còn ngạc nhiên mấy như lúc đầu, có được chút rảnh rang để nghiên cứu đôi chút những trang phục và diện mạo.

Trung tâm của nhóm sôi động nhất là một ngự lâm quân tầm vóc cao lớn, vẻ mặt cao ngạo, và mặc một bộ quần áo kỳ quái khiến mọi người phải chú ý. Lúc

này, anh ta không mặc cái áo khoác đồng phục, vả lại, cũng không tuyệt đối bắt buộc trong các thời kỳ tự do thì ít nhưng độc lập nhiều hơn, mà mặc một áo sát thân xanh da trời, hơi bạc màu và sờn cũ và trên áo có một dải đeo gươm rất đẹp, thêu bằng sợi vàng, lấp lánh như vây cá trong nước dưới ánh nắng mặt trời. Một áo khoác dài bằng nhung đỏ sẫm buông một cách duyên dáng trên hai vai để lộ ra phía trước dải đeo lộng lẫy của một thanh gươm dài khổng lồ.

Tay lính ngự lâm ấy vừa mới xong phiên gác, phàn nàn là bị cúm và thỉnh thoảng lại làm bộ húng hắng ho. Vì vậy anh ta phải mặc áo choàng, anh ta nói với người xung quanh như vậy.

Và trong khi anh ta ngẩng cao đầu vừa nói vừa khinh khỉnh vân vê ria mép, mọi người trầm trồ ngưỡng mộ dải đeo gươm thêu vàng và D'Artagnan thì còn hơn cả mọi người.

-Các cậu muốn gì – người lính nói – mốt bây giờ là thế. Một sự điên rồ, mình biết chứ. Nhưng đó là mốt. Vả lại, cũng nên dùng vào việc gì đó khoản tiền được thừa kế của cha mẹ chứ?

-À, Porthos – một người trong bọn nói to – đừng hòng làm cho bọn mình tin rằng cái dải đeo gươm kia là do sự hào phóng của bố cậu đâu nhé. Chính cái bà mặt đeo mạng tớ đã gặp chủ nhật trước ở cửa ô Thánh Ônôrê, đã cho cậu.

Người được gọi bằng tên Porthos trả lời: -Không, thề danh dự đấy, lấy danh dự nhà quý tộc, tớ thề đã tự mua lấy, và bằng tiền của chính tớ mà.

-Phải, giống như tớ mua ấy mà – một lính ngự lâm khác nói tớ mua cái ví tiền mới này, bằng thứ mà người tình của tớ nhét vào chiếc ví cũ.

-Thật đấy – Porthos nói – và bằng chứng là mình đã phải trả mười hai đồng.

Sự ngưỡng mộ tăng gấp đôi, nhưng ngờ vực tiếp tục còn đó.

-Phải không Aramis? – Porthos quay lại hỏi một ngự lâm quân khác.

Chàng ngự lâm này vẻ hoàn toàn ngược lại với người vừa hỏi, và được gọi bằng cái tên Aramis. Đó là một chàng trai tuổi mới hăm hai hăm ba, với bộ mặt dịu dàng thơ ngây, mắt đen và hiền, hai má hồng và mịn mượt như trái đào mùa thu, ria mép thanh tú trên môi trên vẽ thành một đường nét chính trực hoàn chỉnh. Hai bàn tay như thể sợ buông xuống ngại mạch máu sẽ nổi lên, thỉnh thoảng lại bấm dái tai để giữ cho nó có màu phớt dịu và trong. Theo thói quen, chàng nói ít và từ tốn, hay chào, cười không thành tiếng và chỉ để hở hàm răng rất đẹp hình nhù chàng chăm chút nhất như một chút của riêng chàng. Chàng trả lời bằng cái gật đầu khẳng định câu hỏi của bạn mình.

Sự khẳng định này hình như đã chặn đứng mọi nghi ngờ về cái dải đeo gươm. Người ta tiếp tục ngưỡng mộ chàng, nhưng không nói về nó nữa. Và câu chuyện nhanh chóng quay ngoắt sang một đề tài khác.

-Các cậu nghĩ sao về điều mà viên kỵ sỹ tháp tùng của ông Sale[21] kể – Một lính ngự lâm khác hỏi không trực tiếp với người nào, mà trái lại như cho tất cả

mọi người.

-Mà ông ta kể gì chứ? – Porthos hỏi, giọng tự mãn.

-Kể là ông ta thấy ở Bruxelles tay Rochefort, linh hồn tội lỗi của Richelieu, cải trang thành thày dòng Capúxanh, cái tên Rochefort chó chết ấy nhờ sự cải trang ấy đã lừa được ông Đơ Legơ như một gã ngốc.

-Như một gã ngốc thực sự – Porthos hỏi – Nhưng chắc không?

-Mình nghe ở Aramis mà – Người lính ngự lâm này trả lời.

-Thật chứ?

Aramis nói: -Ê cậu thừa biết, Porthos, mình cũng đã kể với chính cậu hôm qua rồi còn gì, thôi không nói chuyện này nữa.

-Không nói nữa ư, đây là ý kiến của cậu thôi – Porthos nói tiếp – không nói chuyện này nữa! Cậu kết luận mau thế, ôn dịch! Sao nào? Giáo chủ sai một tên phản bội, một tên cướp, một thằng du côn do thám một nhà quý tộc, đánh cắp thư từ của người ta, rồi nhờ tên gián điệp ấy và những thư từ của ông ta, chặt đầu ngài Salê, dưới cái cớ ngớ ngẩn là ngài muốn giết Vua và cưới Hoàng hậu cho ngài[22]. Không một ai biết tý gì về nghịch lý đó, hôm qua cậu cho bọn mình biết, tất cả đều rụng rời, và khi bọn mình còn hoàn toàn sửng sốt về cái tin đó, hôm nay cậu lại đến bảo: Đừng nói đến chuyện này nữa!

-Vậy thì cứ nói đi, nếu cậu muốn thế – Aramis đành nói vậy.

-Tên Rochefort ấy – Porthos nói to – Nếu mình là viên kỵ sĩ tháp tùng của ông Salê đáng thương ấy, sẽ khốn đốn với mình.

-Và cậu, cậu sẽ không thoát khỏi mười lăm phút thảm sầu với Công tước Đỏ (tức Richelieu – ND) – Aramis đáp.

-A! Công tước Đỏ! Hoan hô, hoan hô Công tước Đỏ! – Porthos vừa trả lời vừa vỗ tay, vừa gật đầu tán thưởng – Công tước Đỏ thì tuyệt rồi. Mình sẽ truyền đi cái biệt danh ấy, yên tâm, bạn thân mến ạ. Thằng cha Aramis này tài thật! Thật bất hạnh cho cậu đã không thể theo đuổi thiên hướng ấy, anh bạn thân mến ạ. Nhẽ ra cậu đã là một tu viện trưởng ngon lành đấy.

-Ồ, đó chỉ là một sự muộn màng nhất thời thôi – Aramis đáp – Cậu thừa biết, một ngày nào đó, tớ sẽ là tu viện trưởng mà, Porthos này, vì lẽ đó rồi mình sẽ tiếp tục học thần học đấy.

-Hắn sẽ làm như hắn nói – Porthos nói – Sớm muộn gì hơn cũng sẽ làm.

-Sớm thôi! – Aramis nói.

-Hắn chỉ còn đợi một điều để quyết định dứt khoát và mặc lại chiếc áo thày tu được treo sau bộ quần áo lính của hắn – một ngự lâm quân nói tiếp.

Một người hỏi: -Vậy hắn chờ chuyện gì?

-Hắn chờ hoàng hậu cho ra đời người kế vị ngai vàng nước Pháp.

-Này quý vị, xin đừng đùa quá mức – Porthos nói – Nhờ trời, Hoàng hậu còn đang tuổi sinh đẻ mà.

-Người ta đồn ông Đỏ Buckingham[23] đang ở Pháp – Aramis nói tiếp với một tiếng cười tinh quái khiến câu nói bề ngoài quá đỗi bình thường, lại có một ý nghĩa hơi bê bối.

-Aramis, bạn tôi ơi, lần này thì cậu lầm rồi – Porthos ngắt lời – và cái trò tinh quái của cậu luôn dẫn cậu đi quá chừng mực. Nếu ngài De Treville nghe thấy cậu sẽ khốn vì nói như thế đó.

-Cậu định dạy mình đấy hả, Porthos? – Aramis nói to, trong đôi mắt hiền dịu, người ta thấy thoáng qua như một tia chớp.

Porthos nói: -Bạn thân mến, hãy là lính ngự lâm hay là tu viện trưởng. Hãy là người này, hoặc người kia, nhưng đừng là cả người này lẫn người kia. Hãy nhớ, Athos một hôm còn bảo cậu bắt cá hai tay. Kìa ta đừng giận nhau, mình xin cậu đấy, cậu thừa biết giữa cậu, miln và Athos đã thỏa thuận với nhau thế nào. Cậu cứ việc đến nhà bà De Eghiông và tán tỉnh bà ta, cậu đến nhà bà De Tracy, em họ bà De Chevreuse, và cậu ở thế mạnh trước những cơn mưa móc của bà ta. Ôi, trời ơi, đừng thú nhận diễm phúc của cậu, người ta không khảo bí mật của cậu đâu, họ biết tính kín đáo của cậu mà. Nhưng một khi cậu mang đức tính ấy, thì quỷ ơi, hãy dùng nó đối với Hoàng thượng. Quan tâm đến ai cũng được kể cả với nhà Vua và Giáo chủ, nhưng Hoàng hậu là thiêng liêng, nếu như có nói đến, nói sao cho tốt đẹp.

-Porthos, cậu hợm mình như Nacxits[24], mình báo cho cậu biết vậy – Aramis trả lời – cậu biết mình ghét nói đạo lý, trừ phi khi nó được Athos nói tới. Còn về cậu, bạn thân mến ơi, cậu có một dải đeo kiếm quá lộng lẫy để trở nên quá mạnh ở điều đó. Mình sẽ là tu viện trưởng khi nào thích hợp. Trong khi chờ đợi, mình là lính ngự lâm. Với tư cách đó, mình nói những gì mình thích và lúc này đây mình thích nói rằng cậu làm mình bực đấy.

-Aramis!

-Porthos!

-Này, các vị. Các vị! – Mọi người xung quanh nhao nhao – Ngài De Treville đang đợi ông D'Artagnan – Người hầu vừa mở cửa văn phòng vừa ngắt lời.

Lời thông báo được phát ra trong khi cửa mở rộng, mọi người im bặt, và giữa sự im lặng bao trùm, chàng trai trẻ Gátxcông đi xuyên qua tiền sảnh một đoạn dài rồi bước vào phòng của đại úy ngự lâm quân, trong lòng hớn hở vì đã thóát khỏi đúng lúc đoạn kết của cuộc đấu khẩu kỳ quặc kia.

§3. Sự ra mắt

Ông De Treville lúc đó trông rất dừ tợn, tuy nhiên ông vẫn lịch sự chào chàng trai đang rạp mình xuống đất. Ông mỉm cười nhận lời chúc tụng mang giọng miền Bearn, khiến ông vừa nhớ lại tuổi trẻ vừa nhớ đến quê hương, một kỷ niệm khiến con người dù ở lứa tuổt nào cũng phải mỉm cười. Nhưng vừa giơ tay ra hiệu cho D'Artagnan như muốn yêu cầu chàng cho phép làm việc với người khác trước khi với chàng, ông tức khắc bước lại gần tiền sảnh, gọi lên ba lần, mỗi câu lại to giọng hơn như thể vượt qua nấc thang trung gian giùa giọng mệnh lệnh và giọng tức giận: -Athos! Porthos! Aramis!

Hai lính ngự lâm mà chúng ta đã được làm quen, đáp lại hai tiếng gọi sau cùng của ba cái tên ấy rồi lập tức rời ngay nhóm người họ vừa tham gia và bước tới văn phòng. Vừa bước chân khỏi ngưỡng cửa, cửa đã đóng sập sau lưng họ. Thái độ của họ mặc dầu không bình tĩnh lắm, song vẻ tỉnh bơ tràn đầy tự trọng vừa tuân phục khiến lòng ngưỡng mộ của D'Artagnan cũng bị kích thích khi nhìn thấy trong những con người ấy, những vị bán thần và trong thủ lĩnh của họ, một thần Juypite của núi Ôlempơ vũ trang toàn bằng sấm sét.

Hai người ngự lâm đã đi vào, cửa đã đóng kín sau lưng họ, tiếng gọi vừa đừợc ban ra chắc chắn đem lại cho tiếng thì thầm lao xao trong tiền sảnh một dế mục mởi. Ông De Treville di đi lại lại ba bốn lán dọc chiều dài căn phòng qua trước mặt Porthos và Aramis. Cả hai thẳng đơ và câm miệng như trong buổi diễu binh. Cuối cùng ông bất thình lình dừng lại trước mặt họ, đưa mắt nhìn họ suốt từ đầu đến chân tức giận và hét lên: -Các vị có biết nhà Vua nói gì với tôi không, và vừa mới tối qua thôi, có biết không các vị?

-Không, – cả hai đều đáp sau một phút im lặng – không, thưa ngài, chúng tôi không biết.

Rồi Aramis bằng một giọng lễ phép nhất và tôn kính nhất nói thêm: -Nhưng tôi hy vọng ngài làm ơn nói cho chúng tôi biết.

-Nhà Vua bảo tôi từ nay Người sẽ tuyển mộ ngự lâm quân trong số lính cận vệ của Đức Giáo chủ!

-Trong số cận vệ của Đức Giáo chủ ư? Tại sao lại thế? – Porthos hỏi lại ngay.

-Bởi nhà Vua thấy rõ món vang chua của mình cần phải làm cho sắc nước hơn bằng việc pha thêm vang quý.

Hai chàng trai ngự lâm đỏ mặt lên đến tận lòng trắng đôi mắt. D'Artagnan không biết mình đang ở đâu nữa và chỉ muốn chui xuống đất.

-Phải, phải – Ông De Treville tiếp tục một cách sôi nổi – và Hoàng thượng có lý, bởi, ta thề danh dự đúng là ngự lâm quân đã tạo nên bộ mặt đáng buồn trong triều. Hôm qua Đức Giáo chủ chơi bài với nhà Vua đã kể lại với vẻ chia buồn

làm ta rất khó chịu, rằng tối hôm kia những tên ngự lâm khốn kiếp, lũ quỷ hiện thành người ấy, Giáo chủ nhấn mạnh những từ đó bằng một giọng mỉa mai khiến ta càng bực mình hơn, những tên cắt xẻo thịt người ấy, ông ta vừa thêm vừa nhìn ta bằng con mắt mèo rừng, la cà ở phố Fréjus trong một quán rượu, và rồi một toán cận vệ của ông ta, ta tưởng như ông ta sắp cười vào mũi ta, buộc lòng phải bắt giữ những tên càn quấy. Trời ơi? Các anh phải biết gì đó về việc ấy chứ? Bắt giữ ngự lâm quân? Các anh trong bọn họ, các anh ấy, đừng có mà chống chế, người ta đã nhận ra các anh và Giáo chủ đã chỉ đích danh các anh. Rõ ràng là lỗi của ta, phải lỗi của ta, một khi chính ta chọn người. Xem nào, Aramis, vì chuyện quái quỷ gì mà anh ta lại xin ta mặc áo lính, khi ta sắp sửa quá ư thích hợp dưới cái áo thày tu? Còn anh, Porthos anh đã chẳng có một chiếc dải đeo gươm thêu vàng chỉ để đeo một thanh gươm bằng dạ ư? Còn Athos nữa? Ta không thấy Athos. Anh ta ở đâu?

-Thưa ngài – Aramis trả lời buồn bã – Ông ấy ốm, ốm nặng.

-Ốm, ốm nặng! Anh bảo thế sao? Bệnh gì?

-Thưa ngài, e là bệnh đậu mùa nhẹ, – Porthos trả lời, đến lượt mình cũng muốn xen vào câu chuyện – sẽ rất đáng buồn, bởi chắc chắn sẽ làm xấu bộ mặt ông ta.

-Bệnh đậu mùa ư? Lại thêm một chuyện tuyệt luân anh kể ta nghe đấy, Porthos ạ? Ốm vì bệnh đậu mùa ở tuổi ông ta ư?

-Không đâu?… Nhưng bị thương là cái chắc. Có thể bị giết nữa. Chà! Nếu ta biết chắc! Trời ơi! Thưa các vị ngự lâm quân, ta không bằng lòng việc các vị lui tới những nơi tồi tệ ấy, không bằng lòng các vị cãi cọ nhau trên đường phố và đọ gươm ở các ngã tư. Ta không muốn, cuối cùng bị đem làm trò cười cho bọn cận vệ của Đức Giáo chủ. Là những con người dũng cảm, điềm đạm, khôn khéo, không bao giờ để bị rơi vào trường hợp bị bắt giữ, hơn nữa chính họ cũng chẳng chịu để bị bắt giữ, ta tin chắc như vậy. Họ thích thà chết ngay tại chỗ còn hơn lùi một bước. Chạy trốn, lủi, tránh, thật đẹp mặt cho ngự lâm quân của nhà Vua, thế đấy! Porthos và Aramis giận run lên, có nhẽ họ sẵn sàng bóp cổ ông De Treville, nếu như trong sâu thẳm của chuyện này, họ không cảm thấy tình yêu lớn lao ông dành cho họ nên mới nói họ như vậy. Họ dậm chân lên thảm trải, cắn môi đến bật máu và dùng hết sức siết chặt chuôi gươm.

Như đã nói, phía bên ngoài người ta đã nghe thấy gọi Athos, Porthos và Aramis, và đã đoán ra qua giọng nói của ông De Treville là ông đang tức giận tột cùng. Mươi cái đầu tò mò áp vào tấm thảm bọc cửa, tái đi vì giận giữ, vì tai họ dính vào cánh cửa không để sót một lời nào, trong khi miệng họ nhắc lại lần lượt những lời sỉ vả của ông đại úy cho tất cả mọi người ngoài tiền sảnh nghe.

Trong phút chốc từ ngoài cửa văn phòng đến cửa mở ra phố, tất cả tòa nhà sôi lên sùng sục.

-A, lính ngự lâm của nhà Vua lại để cho bọn cận vệ của Giáo chủ bắt giữ! – Ông De Treville cũng giận dữ như quân lính ngự lâm của mình tiếp tục nhưng giật giọng từng lời, và có thể nói như đâm từng nhát ngần ấy mũi dao vào ngực thính giả của mình. – Mẹ kiếp sáu cận vệ của Đức ông bắt giữ sáu ngự lâm quân của Hoàng thượng! Trời đất! Ta đã quyết định rồi. Ta sẽ đến thẳng điện Louvre, ta sẽ xin từ chức đại úy ngự lâm quân của nhà Vua để xin được làm phó úy trong cận vệ của Giáo chủ, và nếu ngài từ chối, mẹ kiếp, ta sẽ làm tu viện trưởng.

Trước những lời lẽ đó, tiếng thì thào phía ngoài trở thành một tiếng nổ. Đâu đâu người ta cũng chỉ nghe thấy tiếng chửi rủa và phỉ báng. Những tiếng mẹ kiếp! Khốn kiếp! Chết mẹ chúng bay đi! Vấp nhau trong không khí. D'Artagnan kiếm một tấm thảm treo; núp sau đó và tự cảm thấy một sự ham muốn vô hạn là rúc dưới gầm bàn.

Porthos không kiềm chế nổi nữa nói: -Thế nào, ngài đại úy của tôi, sự thật là sáu chọi sáu đấy, nhưng chúng tôi bị phản và trước khi chúng tôi kịp rút gươm thì hai người chúng tôi đã bị giết chết, và Athos thì bị thương nặng, cũng chẳng hơn gì mấy. Bởi vì ngài cũng biết đấy, thưa đại úy, Athos đã hai lần cố vùng dậy rồi lại ngã xuống hai lần. Tuy vậy, chúng tôi không đầu hàng, không. Chúng dùng sức mạnh lôi chúng tôi đi. Dọc đường chúng tôi chạy thoát. Còn Athos chúng tưởng chết nên để mặc trên bãi chiến trường, không nghĩ bõ công mang đi, chuyện là thế. Quỷ chưa thưa đại uý! Người ta không thể trận nào cũng thắng đâu. Pompê[25] vĩ đại đã thua ở Phác Xan, và vua Frăngxoa đệ nhất, tôi nghe nói ngang tài thiên hạ tuy vậy cũng bị thất bại ở Pavi[26].

-Và tôi có vinh dự cam đoan với ngài tôi đã giết chết một tên bằng chính gươm của nó – Aramis nói – bởi gươm của tôi bị gãy ngay từ miếng đánh đầu tiên. Giết hay đâm bằng dao găm, thưa ngài, ngài thích thế nào xin tùy.

Ông De Treville đáp giọng hơi dịu bớt: -Ta không biết việc đó. Theo như ta thấy, Đức Giáo chủ đã cường điệu thêm.

Aramis thấy đại úy của mình đã nguôi ngoai đánh bạo đưa ra một thỉnh cầu: -Nhưng xin ngài, ngài làm ơn đừng nói chính Athos chứ không ai khác bị thương. Việc đó đến tai nhà Vua sẽ làm ngài thất vọng, và vì vết thương vào loại nặng nhất, sau khi đã xuyên qua vai, nó đâm sang ngực, sẽ đáng ngại đấy.

Đúng lúc ấy màn cửa được nâng lên, và một khuôn mặt đẹp và cao quý, nhưng xanh xao khủng khiếp hiện ra dưới mép rèm.

-Athos! – Hai chàng ngự lâm kêu lên.

-Athos!- Bản thân ông De Treville cũng nhắc lại.

-Thưa ngài, ngài cho đòi tôi – Athos nói với ông De Treville bằng một giọng yếu ớt, nhưng hoàn toàn bình thản. Theo các bạn tôi nói, ngài đã cho đòi tôi, và tôi vội đến nhận lệnh của ngài. Vậy thưa ngài muốn gì ở tôi?

Vừa nói, người lính ngự lâm quần áo chỉnh tề và nai nịt như thường lệ này cả quyết bước vào trong văn phòng. Ông De Treville xúc động đến tận đáy lòng trước bằng chứng của tính can trường, nhảy bổ đến người này, và nói: -Tôi đang nói với các vị này rằng tôi cấm binh lính ngự lâm của tôi không được phơi mạng mình ra một cách không cần thiết, bởi những con người dũng cảm rất quý đối với nhà Vua, và nhà Vua biết những ngự lâm quân của mình là những người dũng cảm nhất trên trái đất. Nào Athos xin bắt tay ông.

Và không đợi người mới đến tự mình đáp lại bằng chứng của sự thân thương, ông De Treville nắm bắt bàn tay phải và siết rất mạnh, không nhận thấy Athos dù đang hết sức kiềm chế bản thân vẫn không thoát khỏi một biểu hiện đau đớn và lại tái người đi, điều mà người ta có thể tin không thể có được.

Cửa vẫn còn hé mở, mặc dầu bí mật được giữ kín, nhưng vết thương mọi người vẫn biết, và Athos vừa đến đã gây ra xúc động cho mọi người. Một tiếng xôn xao thỏa mãn hoan nghênh những lời nói cuối cùng của đại úy, và vài ba cái đầu bị lông nhiệt tình cuốn theo đã hiện ra ở mấy chỗ cửa rèm, chắc chắn ông De Treville đang định quở trách sự vi phạm luật lệ về lễ nghi này bằng những lời lẽ gay gắt thì bất thình lình ông cảm thấy bàn tay của Athos co quắp trong bàn tay ông và khi ngước nhìn lên, ông thấy Athos, đang sắp ngất. Cũng ngay lúc ấy, Athos thu hết sức lực để đấu tranh chống lại sự đau đớn, cuối cùng đã bị thua, ngã vật xuống sàn nhà như đã chết.

-Một nhà phẫu thuật – Ông De Treville kêu to – Của ta, tốt hơn là của nhà Vua! Một phẫu thuật gia? Chó chết? Athos dũng cảm của ta sắp gay rồi.

Nghe tiếng kêu của ông De Treville, mọi người đổ xô vào văn phòng của ông, ông cũng chẳng còn bụng dạ nào đóng cửa ngăn ai, ai nấy đều chạy đến xung quanh người bị thương. Nhưng mọi người xăng xái đều vô ích nếu như bác sĩ được yêu cầu không được tìm thấy ngay trong dinh quán. Ông ta rẽ đám người ra, lại gần Athos vẫn đang mê man và vì tất cả ồn ào và nháo nhào kia gây trở ngại lớn cho ông ta, ông ta yêu cầu việc đầu tiên và cũng là khẩn thiết nhất là người lính ngự lâm phải được khênh sang phòng bên cạnh. Ông De Treville ngay tức khắc mở một cái cửa và chỉ đường cho Porthos và Aramis khênh bạn mình đi, theo sau là nhà phẫu thuật và cuối cùng cánh cửa khép lại sau nhà phẫu thuật. Lúc đó văn phòng của ông De Treville, cái địa điểm thường ngày được tôn kính thế, tạm thời trở thành một phòng phụ của tiền sảnh. Người thuyết giải, ba hoa, to tiếng, chửi bới văng tục, coi Giáo chủ và lũ cận vệ của ông là một lũ quỷ tha ma bắt.

Một lát sau, Porthos và Aramis trở ra. Chỉ còn nhà phẫu thuật và ông De Treville còn lại bên người bị thương.

Cuối cùng ông De Treville đến lượt mình cũng ra. Người bị thương đã tỉnh, nhà phẫu thuật tuyên bố tình trạng của người lính ngự lâm không có gì có thể

khiến bạn bè mình phải lo lắng, sự ốm yếu của ông ta chỉ là tạm thời do mất máu.

Rồi ông De Treville giơ tay ra hiệu, mọi người rút lui trừ D'Artagnan, không hề quên mình phải yết kiến và với tính kiên trì của dân Gátxcông, chàng ở nguyên tại chỗ.

Khi mọi người đã ra hết và cửa đã được đóng lại, ông Treville quay lại và thấy chỉ còn riêng mình với chàng trai trẻ. Sự kiện vừa qua khiến ông lãng quên đôi chút dòng suy nghĩ của mình.

Ông hỏi người thỉnh cầu gan bướng này muốn gì ở ông, D'Artagnan lúc đó mới xưng tên, và ông De Treville lập tức nhớ lại mọi kỷ niệm của hiện tại và quá khứ của mình và hiểu ra ngay vị thế trong mình.

-Xin lỗi – Ông vừa nói vừa cười – xin lỗi anh bạn đồng hương thân mến của ta, ôi ta quên khuấy mất anh. Anh muốn gì nào?

Một đại úy chẳng khác gì một người cha trong gia đình, có một trách nhiệm lớn lao hơn một người cha trong gia đình thông thường nhiều. Binh lính là những đứa con lớn, nhưng vì ta phải giữ sao cho những mệnh lệnh của nhà Vua, nhất là của Đức ông Giáo chủ phải được thi hành…

D'Artagnan không giấu nổi một nụ cười. Thấy nụ cười đó ông De Treville cho rằng chả tội gì lôi thôi với một thằng ngốc, nên đi thẳng vào việc và xoay hẳn câu chuyện sang hướng khác.

-Ta rất quý cụ thân sinh ra anh. Ta có thể làm gì cho người con của cụ đây? Vào nhanh lên, thời gian không cho phép ta đâu?

-Thưa ngài – D'Artagnan nói – tôi rời Tácbơ đến đây là cốt để xin ngài, vì tình bằng hữu mà ngài sẽ không quên, ban cho tôi chiếc áo ngự lâm quân, nhưng sau mọi chuyện mà tôi vừa chứng kiến hai tiếng đồng hồ trước đây, tôi hiểu ra rằng một sự ưu ái như thế sẽ là rất lớn lao, và tôi run lên vì sợ mình không chút xứng đáng.

-Đó quả là một sự ưu ái, anh bạn trẻ ạ – Ông De Treville đáp – nhưng nó có thể không vượt quá tầm anh như anh tưởng hoặc có vẻ như anh tưởng đâu. Tuy nhiên một đạo dụ của Hoàng Thượng đã tiên liệu trường hợp này. Và ta lấy làm tiếc mà báo cho anh biết, người ta không nhận bất kỳ ai làm ngự lâm quân trước khi có sự thử thách tiên quyết trong một vài trận đánh, một số chiến công sáng chói hoặc tại ngũ hai năm trong một binh đoàn nào khác kém ưu ái hơn binh đoàn của chúng ta.

D'Artagnan nghiêng mình không đáp. Chàng cảm thấy còn khao khát được khoác lên mình bộ đồng phục ngự lâm hơn cả khi chàng thấy có bao nhiêu khó khăn lớn lao để đạt được.

-Nhưng – Ông Treville nói tiếp vừa nhìn thẳng vào người đồng hương bằng con mắt sắc nhọn, như thể muốn đọc sâu trong tim gan chàng – Nhưng, thể tình cha anh, người bạn đồng ngũ cũ của ta, như ta đã nói với anh, ta muốn làm một

cái gì đó cho anh, anh bạn ạ. Những người lính trẻ miền Bearn chúng ta thường không giàu có gì và ta ngờ rằng từ khi ta đi khỏi tỉnh nhà, mọi sự không được cải thiện mấy. Vậy với số tiền anh mang theo, hẳn là anh không có thừa thãi để đủ sống.

D'Artagnan vươn thẳng người với một vẻ kiêu hãnh như muốn nói rằng chàng không hỏi xin bố thí của ai.

-Được lắm, anh bạn trẻ, được lắm – Ông Treville tiếp tục – Ta thừa hiểu cái thói ấy: Ta đến Paris với bốn đồng tiền vàng trong túi và ta sẽ đánh nhau với bất kỳ ai bảo ta rằng, lấy gì mà mua nổi điện Louvre.

D'Artagnan mỗi lúc càng thẳng người lên. Nhờ bán con ngựa chàng vào nghề với bốn đồng vàng nhiều hơn ông De Treville khi bắt đầu sự nghiệp của mình.

-Vậy ta nói cho anh hay, anh cần dành dụm cái mà anh có, dù món tiền đó lớn đến mấy, nhưng anh cũng cần luyện tập để tự hoàn thiện sao cho xứng với một người quý tộc. Ngay hôm nay, ta sẽ viết cho ông giám đốc Hàn lâm viện hoàng gia, và ngay ngày mai ta sẽ nhận anh không mất chút thù lao nào. Đừng có từ chối sự ưu ái nhỏ bé này. Những nhà quý tộc dòng dõi cao quý nhất và giàu có nhất đôi khi mong được thế mà không được đấy. Anh sẽ học điều khiển ngựa, đấu gươm và khiêu vũ? Ở đây, anh sẽ được làm quen với những người tốt, thỉnh thoảng anh trở lại gặp ta cho ta biết anh đã tiến bộ đến đâu, và ta có thể làm điều gì đó giúp anh.

D'Artagnan còn hoàn toàn xa lạ với cung cách nơi triều đình, cảm thấy sự lạnh nhạt trong tiếp đón.

-Than ôi, thưa ngài – chàng nói – lúc này tôi mới thấy bức thư giới thiệu viết cho ngài mà cha tôi đã trao cho tôi gây hại cho tôi đến mức nào!

Ông Treville đáp: -Quả thật, ta ngạc nhiên là anh đã làm một cuộc hành trình dài đến thế mà lại không có thứ bánh thánh bắt buộc ấy, phương sách duy nhất của người Bearn chúng ta.

-Tôi có chứ, thưa ngài, có Chúa chứng giám, đúng thể thức – D'Artagnan kêu lên – nhưng họ đã tráo trở lột mất của tôi.

Và chàng kể lại mọi chuyện ở Măng, tả lại gã quý tộc không quen biết với những chi tiết nhỏ nhất một cách sôi nổi và thật thà khiến ông De Treville rất mê.

-Thế thì lạ nhỉ – Ông trầm ngâm nói – Tức là anh đã gióng tên tôi lên?

-Vâng, thưa ngài, chắc hẳn tôi đã mắc phải một điều bất cẩn. Nhưng ngài bảo sao, một cái tên như tên ngài phải được dùng như một cái khiên cho tôi trên đường đi. Ngài thử xét xem liệu tôi có luôn được che chở không?

Sự tâng bốc thật quả đúng lúc, và ông De Treville cũng thích sự tán tụng như một ông vua và như một Giáo chủ. Ông không kìm giữ nổi một nụ cười lộ vẻ thỏa mãn, nhưng nụ cười lại sớm tắt ngay, và chính ông lại quay lại câu chuyện phiêu lưu ở Măng.

-Nào, anh nói xem, cái gã quý tộc ấy không có một vết sẹo ở má chứ?

-Có chứ ạ, như một vết đạn xước.

-Không phải là một người phong độ nho nhã chứ?

-Phải ạ.

-Người cao lớn?

-Vâng.

-Da tái râu tóc nâu?

-Vâng, vâng, chính thế đó. Thưa ngài. Làm thế nào ngài lại biết được con người đó? Chà, nếu bao giờ tôi gặp hắn, mà tôi sẽ gặp lại, tôi xin thề với ngài đấy, dù ngay ở địa ngục…

-Hắn đợi một phụ nữ! – Ông Treville tiếp tục.

-Ít nhất hắn cũng chuyện trò một lúc với người đàn bà hắn đợi rồi mới ra đi.

-Anh không biết câu chuyện của họ xoay quanh chủ đề gì ư?

-Hắn đưa cho người đàn bà một cái hộp, và bảo trong hộp có những chỉ thị của hắn và dặn đến London mới được mở.

-Người đàn bà đó là người Anh?

-Hắn gọi là Milady.

-Chính hắn! – Ông Treville lẩm bẩm – Đúng hắn? Ta cứ ngỡ hắn còn ở Bruxelles?

-Ồ thưa ngài, nếu ngài biết kẻ đó là ai – D'Artagnan kêu lên. – Xin hãy chỉ rõ tên hắn là gì, hắn ở đâu, tôi sẽ bỏ hết những điều tôi xin ngài, kể cả lời hứa của ngài cho tôi xung vào ngự lâm quân, bởi trên hết mọi điều, tôi muốn trả thù.

-Hãy cẩn thận đấy, chàng trai trẻ – Ông Treville nói – Trái lại, nếu như thấy hắn ta đến từ đầu phố này, hãy qua ngay sang đầu phố kia! Chớ có húc đầu vào tảng đá ấy. Nó sẽ đập vỡ anh như một hòn thủy tinh.

-Điều đó không ngăn nổi có ngày tôi gặp lại hắn.

-Trong khi chờ đợi – Ông Treville nói – đừng có đi tìm hắn, ta có lời khuyên anh đấy.

Bất ngờ, ông Treville dừng lại, bàng hoàng vì một mối nghi ngờ đột ngột. Hận thù lớn lao mà chàng du khách trẻ đã lớn tiếng bày tỏ với cái kẻ, có lẽ phần nào đúng, đã tước đoạt bức thư của cha chàng, lòng hận thù ấy liệu có không che giấu một sự tráo trở nào chăng? Con người trẻ tuổi này liệu có phải do Đức ông phái đến không? Anh ta không đến để giăng bẫy ông chứ? Cái kẻ giả vờ là D'Artagnan này phải chăng là một mật sứ của Giáo chủ tìm cách lọt vào nhà ông, để ở gần ông, chiếm lấy lòng tin của ông rồi về sau hại ông, như đã được áp dụng hàng nghìn lần rồi? Ông chăm chú nhìn D'Artagnan lần này kỹ hơn lần đầu. Ông không được yên tâm lắm trước bộ mặt ánh lên vẻ giảo hoạt và sự khiêm nhường dễ thương.

Ông nghĩ. Ta biết thừa hắn người Gátxcông nhưng hắn có thể tốt cho ta cũng như cho Giáo chủ. Để xem, hãy thử thách hắn đã.

-Anh bạn này – Ông từ tốn nói – vì anh là con trai ông bạn cũ của ta, ta coi chuyện mất thư là chuyện thực, để sửa chữa vẻ lạnh nhạt lúc đầu anh nhận thấy trong sự tiếp đón của ta. Ta muốn phơi bày cho anh biết những bí mật về chính sách của chúng ta. Nhà Vua và Giáo chủ là những người bạn tốt nhất. Những vẻ ngoài tưởng như kỵ nhau của họ chỉ là để lừa những tên ngốc. Ta không muốn một người đồng hương, một kỵ sĩ đẹp trai dũng cảm đầy sức thăng tiến lại bị lừa bởi những trò vờ vĩnh đó rồi chui vào lưới như một kẻ ngớ ngẩn, theo sau biết bao kẻ khác đã đâm đầu vào. Hãy nghĩ rằng ta trung thành với cả hai vị chúa tể quyền lực vô biên đó, và rằng những bước đi nghiêm túc của ta bao giờ cũng không ngoài mục đích phụng sự nhà Vua, và Đức Giáo chủ, một trong những thiên tài lỗi lạc nhất mà nước Pháp đã sinh ra. Giờ đây, anh bạn trẻ hãy xử sự đúng như thế, và nếu như vì gia đình, họ hàng hoặc do ngay cả bản năng, anh có mang một trong những mối hận thù nào đó chống lại Giáo chủ, giống như chúng ta thấy bùng nổ ở những chàng quý tộc vừa rồi, thì hãy vĩnh biệt ta rồi chia tay nhau: Ta sẽ giúp anh trong mọi tình thế nhưng không ràng buộc anh với bản thân ta. Ta hy vọng lòng thành thật của ta dẫu sao cũng sẽ khiến anh thành bạn ta, bởi cho đến nay anh là chàng trai trẻ duy nhất mà ta cho biết những điều như vừa rồi.

Treville lại tự nhủ:

"Nếu như Giáo chủ phái đến ta con cáo non này, chắc hẳn lão đã không quên dặn tên gián điệp của lão cách tốt nhất để tán tỉnh ta là bôi nhọ lão, vì lão thừa biết ta ghét lão độc địa đến mức nào. Cho nên mặc dầu những phản kháng của ta, thằng cha nham hiểm này hẳn sẽ trả lời ta hắn kinh hãi Đức ông."

Nhưng hoàn toàn khác hẳn điều ông Treville mong đợi, D'Artagnan trả lời quá giản dị: -Thưa ngài, tôi đến Paris với những ý định hoàn toàn như vậy. Cha tôi đã khuyên răn tôi chỉ chịu đựng nhà Vua, Đức Giáo chủ và ngài mà ông coi như ba người đứng đầu nước Pháp.

D'Artagnan đã đưa thêm ông Treville vào hai người kia, nhưng chàng nghĩ việc thêm thắt này chẳng hại gì và nói tiếp: -Vậy nên tôi rất tôn sùng Đức Giáo chủ và kính trọng sâu sắc những hành vi của người. Thưa ngài, nếu như ngài nói với tôi với lòng thành thực như ngài nói thì càng hay cho tôi, bởi ngài làm cho tôi được vinh dự tự hào về sự giống nhau về sở nguyện này, nhưng nếu ngài còn có chút nghi ngại nào, cũng là tự nhiên thôi, thì tôi cảm thấy mình dại dột khi nói lên sự thật. Nhưng không sao, rồi ngài sẽ không tránh khỏi quý mến tôi đâu. Đấy chính là điều tôi phải giữ hơn tất cả mọi thứ ở trên đời.

Ông De Treville bị ngạc nhiên tới cực điểm. Bấy nhiêu thăm dò, bấy nhiêu thành thực, cuối cùng chàng trai đã gây được lòng ngưỡng mộ, nhưng chưa hoàn toàn gạt đi hết những mối nghi ngờ của ông. Chàng trẻ tuổi này càng ở mức trên

những chàng trai trẻ khác bao nhiêu ông càng sợ mình bị nhầm lẫn bấy nhiêu. Tuy nhiên ông siết chặt tay D'Artagnan và bảo: -Anh là một chàng trai trung thực, nhưng trong lúc này, ta chỉ có thể làm được điều mà ta đã hứa với anh lúc nãy. Nhà ta luôn mở rộng cửa với anh. Sau này, có thể yêu cầu gặp ta bất cứ giờ nào và do đó hãy nắm lấy thời cơ, có thể anh sẽ đạt được điều anh muốn đạt.

-Thưa ngài, có nghĩa là ngài đợi tôi trở nên xứng đáng với điều đó? – D'Artagnan nói thêm với lối thân mật của dân Gátxcông – Vậy, ngài yên tâm, ngài không đợi lâu đâu.

Rồi chàng chào và rút lui, như thể từ nay phần còn lại là trông mong ở chính mình.

-Nhưng đợi đã – Ông De Treville vừa nói vừa ngăn chàng lại – Ta đã hứa gửi một bức thư cho ông giám đốc Viện Hàn lâm. Anh có quá kiêu hãnh mà không nhận nó không, nhà quý tộc trẻ của ta?

-Không, thưa ngài – D'Artagnan nói – Tôi xin trả lời ngài rằng sẽ không có chuyện bức thư này như bức thư trước đâu. Tôi sẽ giữ nó thật cẩn thận, nó sẽ đến đúng địa chỉ, tôi xin thề với ngài đó, và sẽ bất hạnh cho kẻ nào định tước đoạt nó của tôi.

Ông Treville mỉm cười trước sự huênh hoang đó và để người đồng hương trẻ chờ ở khung cửa sổ nơi họ gặp nhau và nói chuyện với nhau, ông bắt đầu viết thư giới thiệu như đã hứa.

Trong lúc đó, D'Artagnan không có việc gì để làm, bèn nện gót trên gạch lát nền, nhìn những ngự lâm quân, người nọ nối người kia đi khỏi đấy. chàng đưa mắt nhìn theo tới khi họ biến mất ở chỗ ngoặt của đường phố.

Viết xong và niêm phong bức thư, ông đứng lên, đến gần và đưa nó cho chàng. Nhưng đúng lúc D'Artagnan chìa tay ra nhận, ông De Treville hết sức lạ lùng thấy con người được ông che chở nhảy vọt lên, bừng bừng giận dữ và vừa lao ra khỏi văn phòng vừa la hét: -A! Đồ chết dẫm! Lần này nó không thoát khỏi tay ta đâu.

-Mà ai mới được chứ? – Ông De Treville hỏi.

-Nó, tên ăn cắp của tôi! – D'Artagnan trả lời – A, đồ phản!

Rồi chàng biến mất.

-Tên điên này! – Ông De Treville lẩm bẩm – Tuy nhiên trừ phi – ông thêm – đó chỉ là một thủ đoạn khôn khéo để chuồn, khi thấy mình đã bị lộ.

§4. Vai của Athos, dải đeo gươm của Porthos và chiếc khăn tay của Aramis

D'Artagnan giận dữ bằng ba bước nhảy đã vượt qua tiền sảnh và lao xuống cầu thang, chàng đang định xuống bốn bậc một thì mải chạy, đầu húc phải một lính ngự lâm vừa ra khỏi nhà ông De Treville bằng một cửa thoát, trán chàng va phải vai người đó khiến người đó kêu rú lên, đúng hơn là thét lên.

-Tôi xin lỗi – D'Artagnan vừa nói vừa chạy tiếp – tôi xin lỗi, nhưng tôi vội quá.

Chàng vừa xuống bậc thang đầu tiên, thì một bàn tay sắt đã nắm lấy đai áo chàng và giữ chàng lại. Người lính ngự lâm nhợt nhạt như tấm vải liệm nói to: -Ông vội, vội nên ông húc tôi. Ông nói: "Xin lỗi" và ông tưởng thế là đủ ư? Không đâu, ông bạn trẻ của tôi ạ. Ông tưởng rằng hôm nay ông De Treville nói với chúng tôi hơi lính tẩy một chút, mà ông có thể xử sự với chúng tôi như ông Treville ư? Tỉnh lại đi, ông bạn. Ông không phải là ông Treville, ông hiểu chưa.

D'Artagnan nhận ra Athos sau khi được thầy thuốc băng bó đang trở về nhà, liền đáp: -Tôi xin thề, tôi thề tôi không cố ý, tôi đã nói: "Tôi xin lỗi."

-Tôi tưởng thế là đủ. Tuy nhiên, tôi xin nhắc lại, và lần này có lẽ là quá đủ, thề danh dự, tôi đang vội, rất vội. Vậy hãy buông tôi ra, để tôi đi đến nơi tôi có việc.

Athos buông chàng ra nói: -Thưa ông, ông không lịch sự. Người ta thấy ông từ nơi xa đến.

D'Artagnan đã bước được ba bốn bậc, thấy Athos nhận xét như vậy chàng dừng lại ngay trả lời: -Quái nhỉ, thưa ông! Tôi có ở xa mấy đến đây, cũng không cần ông dạy tôi bài học về phép lịch sự, xin nói để ông biết.

-Có thể chứ? – Athos nói.

-Chà! Nếu như tôi không rất vội! – D'Artagnan nói to – Và nếu như tôi không đuổi theo một kẻ…

-Thưa người đang vội, tôi, ông sẽ thấy tôi không chạy đâu. Ông hiểu chứ?

-Và ở đâu xin vui lòng?

-Gần Cácmơ Đềsô.

-Mấy giờ?

-Lúc trưa.

-Lúc trưa. Được lắm. Tôi sẽ đến.

-Cố gắng đừng làm tôi phải đợi, bởi mười hai giờ mười lăm phút là tôi sẽ đuổi theo cắt tai ông đấy.

-Được! D'Artagnan hét to – Sẽ ở đó lúc mười hai giờ kém mười lăm phút.

Và chàng bắt đầu chạy như ma đuổi, hy vọng tìm lại được người lạ mặt mà bước chân thong thả chắc chưa đưa hắn đi quá xa.

Nhưng tới chỗ cửa mở ra phố, Porthos đang chuyện trò với một lính gác. Giữa hai người đang trò chuyện, có một khoảng trống vừa đúng một người. D'Artagnan tưởng khoảng trống ấy đủ cho chàng và chàng lao qua như một mũi tên bay giữa hai người. Nhưng D'Artagnan đã không tính đến sức gió lúc chàng sấp qua, gió lùa sâu vào áo khoác dài của Porthos làm nó bung lên và D'Artagnan nhào thẳng vào tấm áo. Chắc hẳn Porthos có những lý do để không thả cái phần thiết yếu của chiếc áo, bởi đáng lẽ để mặc cái tà áo chàng đang giữ, chàng lại kéo sát vào người mình làm cho D'Artagnan bị quấn trong tấm áo nhung bởi một động tác xoay tròn, áo Porthos bướng bỉnh cưỡng lại.

D'Artagnan nghe thấy tiếng người ngự lâm chửi rủa, muốn chui ra khỏi chiếc áo choàng đang che hết mắt chàng mà tìm lối ra trong nếp áo. Chàng sợ nhất là làm tổn hại đến vẻ tươi tắn của dải đeo gươm lộng lẫy. Nhưng khi e dè mở mắt thì chàng thấy mũi mình dính vào khoảng giữa hai vai của Porthos, nghĩa là đúng vào dải đeo gươm.

Than ôi! Giống như mọi vật trên đời này chỉ có được cái mã bề ngoài, dải đeo gươm chỉ có vàng phía trước, mặt sau đơn giản là da trâu. Porthos, thật là thích hào nhoáng nhưng không thể có nổi dải đeo gươm toàn bằng vàng, ít nhất cũng có được một nửa. Từ đó người ta hiểu sự cần thiết của bệnh cúm và sự khẩn thiết của chiếc áo choàng.

-Con tiều! – Porthos vừa kêu lên, vừa dùng hết sức mình để gỡ khỏi D'Artagnan đang lục đục trong lưng áo – Cậu hóa dại hay sao mà đâm nháo đâm nhào như thế vào người ta?

D'Artagnan chui ra từ dưới vai người khổng lồ nói: -Tôi xin lỗi, nhưng tôi vội quá, tôi chạy theo một kẻ…

-Do tình cờ mà anh để quên mắt trong khi chạy chăng? – Porthos hỏi.

-Không – D'Artagnan bị chọc tức trả lời – Mà nhờ có mắt tôi mới thấy được cả cái mà người khác không thấy.

Porthos hiểu hay không hiểu, nhưng vẫn luôn như thế, đùng đùng nổi giận ngay: -Thưa ông, tôi báo để ông biết, nếu ông cứ cọ người vào một lính ngự lâm như thế, ông sẽ tự cọ lông[27] mình đấy.

-Cọ lông ư, thưa ông! – D'Artagnan nói – Tiếng đó thô quá?

-Chính nó mới hợp với người quen nhìn thẳng vào mặt kẻ thù?

-A, mẹ kiếp? Tôi biết thừa ông không quay lưng lại kẻ thù của ông đâu.

Và chàng trai trẻ thích chí về câu nói xỏ xiên của mình, vừa bước đi vừa cười rũ rượi.

Porthos giận sùi bọt mép chuẩn bị nhảy bổ vào D'Artagnan.

-Để sau, để sau đã – D'Artagnan hét to – khi nào ông không mặc áo choàng nữa đã.

Vậy lúc một giờ, đằng sau vườn Luxembourg.

-Tốt lắm, lúc một giờ – D'Artagnan vừa đáp vừa ngoặt theo góc phố.

Nhưng trên đường phố chàng vừa chạy qua lẫn nơi chàng đưa mắt nhìn khắp, đều chẳng thấy bóng ai. Cho dù kẻ lạ mặt có đi thong thả, hắn cũng đã đi đường hắn mất rồi, có lẽ hắn đã rẽ vào một ngôi nhà nào đó. D'Artagnan hỏi thăm về hắn, tất cả những người chàng gặp, xuống tận bến phà, lên phố Sông Sen và phố Hồng thập tự. Nhưng không thấy gì, tuyệt đối không. Tuy nhiên cuộc chạy đuổi cũng có lợi cho chàng với ý nghĩa mồ hôi càng đầm đìa trên trán, con tim chàng càng nguội bớt đi.

Chàng bắt đầu suy nghĩ về những sự kiện vừa xảy ra, vừa rất nhiều vừa xúi quẩy. Đã sắp mười một giờ trưa, và cả buổi sáng thế là đã đem lại cho chàng sự thất sủng của ông De Treville, không tránh khỏi thấy cung cách D'Artagnan đã từ giã ông có đôi chút lính tráng Ngoài ra, chàng đã thu lượm được hai cuộc quyết đấu ra trò với hai con người có thể giết tới ba D'Artagnan mỗi người, rất cuộc với hai lính ngự lâm, nghĩa là với hai trong số những người mà chàng đánh giá quá mạnh đến mức trong tư tưởng và trong trái tim chàng, chàng đã đặt lên trên tất cả mọi người khác.

Tình thế thật đáng buồn. Chắc chắn sẽ bị Athos giết. Chàng trai trẻ không lo lắng nhiều lắm về Porthos. Tuy nhiên, vì hi vọng là điều cuối cùng lụi tắt trong trái tim con người, nên chàng ván cứ hi vọng có thể sống sót qua hai trận đấu với những vết thương khủng khiếp đã đành rồi, và trong trường hợp sống sót trong tương lai chàng sẽ tự trách mắng mình như sau:

"Sao ta điên khùng và thô lỗ đến thế? Cái con người Athos dũng cảm và khốn khổ kia bị thương đúng vào vai mà ta, chính ta khi đi ra lại húc đầu đúng vào chỗ đó như một con cừu đực. Có điều là sao ông ta không giết quách ta đi, ông ta có quyền mà và sự đau đớn ta gây ra cho ông ta chắc là dữ dội lắm. Còn về Porthos, quả thật còn vớ vẩn hơn."

Và mặc dầu không muốn, chàng vẫn cứ bật cười, tuy nhiên vẫn vừa cười vừa nhìn xem có ai thấy cái cười một mình vô cớ ấy không, và liệu có xúc phạm đến một khách qua đường nào đó không.

"Còn như Porthos, còn kỳ quái hơn, nhưng ta cũng chẳng kém một tên đểnh đoảng, khốn khổ. Đâm đầu vào người ta như thế mà không báo trước! Không! Và lại đi nhòm người ta dưới chiếc áo khoác để thấy cái gì không có! Chắc chắn anh ta đã tha thứ cho ta nếu như ta đã không cạnh khóe về cái dải đeo gươm chó chết ấy. Đúng vậy? Phải, cạnh khóe đến gay go? Ôi ta đúng là một tên Gátxcông khốn kiếp. Lại đi làm chuyện cố dí dóm trong chảo rán. Nào, D'Artagnan, anh bạn của ta ơi – chàng tiếp tục nói với mình bằng cả sự ôn hòa mình tin phải thế – nếu cậu

lại thoát khỏi tình cảnh này, chắc là không được đâu, thì về sau, phải hết sức lịch thiệp. Từ nay, phải để cho người ta ngưỡng mộ, người ta kể ra như một hình mẫu. ân cần và lịch thiệp không phải là hèn nhát. Tốt hơn hãy xem Aramis, đấy là sự dịu dàng, hiện thân của sự phong nhã. Thế mà có kẻ nào dám bảo Aramis là một thằng hèn không? Không, chắc chắn thế, và từ nay ta muốn noi gương chàng về mọi mặt. Mà, đúng là chàng ta đây rồi.

D'Artagnan chân bước, mồm độc thoại, chỉ còn mấy bước nữa là đến dinh phủ Eghiông, và thấy Aramis, đang vui vẻ chuyện trò với ba nhà quý tộc vệ sĩ của nhà Vua. Về phía mình, Aramis cũng thấy D'Artagnan. Nhưng vì không hề quên. chính trước chàng trai trẻ này, ông De Treville đã đùng đùng nổi giận buổi sáng nay và chàng nọ là kẻ chứng kiến những lời trách móc những người lính ngự lâm phải chịu, điều này thật không hay ho gì đối với Aramis, nên chàng làm như không nhìn thấy.

D'Artagnan đang hết mình với kế hoạch hòa giải và lễ độ, tiến lại gần bốn chàng trai trẻ, cúi rạp chào họ, kèm theo một nụ cười duyên dáng. Aramis khẽ nghiêng đầu, nhưng không hề cười. Thêm nữa, cả bốn người ngừng ngay tức khắc cuộc trò chuyện của họ.

D'Artagnan không đến nỗi quá ngớ ngẩn để không nhận thấy mình là thừa. Nhưng chàng còn chưa đến mức vứt bỏ cung cách ứng xử của giới thượng lưu để thoát ra một cách lịch sự khỏi một tình thế giả tạo như đã xảy ra, về đại thể, nó như tình thế của một người muốn hòa vào những người mình không quen biết mấy và vào cuộc trò chuyện chẳng liên quan gì đến mình.

Vậy là chàng đang tìm cho mình một cách rút lui ít vụng về nhất, nhận thấy Aramis đánh rơi chiếc khăn tay và chắc hẳn do vô ý đã giẫm chân lên, cho rằng cơ hội để sửa chữa khiếm nhã của mình hình như đã tới, chàng liền cúi xuống, và với nụ cười nhã nhặn nhất có thể, rút chiếc khăn tay dưới chân chàng ngự lâm, dù người này đang cố giữ lại, rồi vừa trả vừa bảo: -Thưa ông, đây là chiếc khăn tay mà mất nó ông sẽ không vui!

Chiếc khăn tay quả được thêu sang trọng mang tước hiệu và gia huy ở một góc – Aramis đỏ bừng mặt lên, cầm lấy, đúng hơn giật lấy từ tay chàng Gátxcông.

-Chà – một lính cận vệ kêu lên – này Aramis thâm trầm, cậu có còn nói cậu đang khủng khỉnh với bà Boa-Tracy nữa không, khi vị phu nhân duyên dáng đó lại sốt sắng cho cậu mượn khăn tay của nàng?

Aramis nhìn D'Artagnan như thể cho chàng hiểu chàng vừa chuốc lấy một kẻ thù đấy, rồi lấy lại vẻ hiền từ nói: -Các vị nhầm rồi! Chiếc khăn này không phải của tôi. Và tôi không biết tại sao ông đây lại nghĩ ra chuyện lạ, thay vì đưa cho một trong các vị lại đưa cho tôi, và bằng chứng điều tôi nói đây, đây mới là chiếc khăn của tôi trong túi của tôi.

-Vừa nói chàng vừa rút chiếc khăn của chính mình ra, một chiếc khăn cũng rất sang, và bằng vải lanh mịn, mặc dầu vào thời đó vải lanh rất đắt, nhưng là khăn không thêu, không gia huy và chỉ được trang trí bằng ký tự duy nhất, ký tự của chủ nó.

Lần này, D'Artagnan không nói nửa lời, chàng đã nhận ra sự hớ hênh của mình. Nhưng những người bạn của Aramis không chịu tin những lời phủ nhận của chàng, và một trong số họ nói với chàng với một điệu bộ ra vẻ nghiêm trang: -Nếu là như thế, như cậu nói ấy, tôi buộc lòng phải xin lại cậu chiếc khăn, Aramis thân mến của tôi ạ, bởi như cậu biết đấy, ông Boa-Tracy là một trong số bạn thân của tôi, và tôi không muốn người ta lấy đồ vật của vợ ông làm chiến tích.

-Cậu đòi hỏi như thế bậy rồi – Aramis trả lời – Và hoàn toàn công nhận việc đòi hỏi của cậu là chí lý về căn bản, nhưng mình sẽ từ chối vì về mặt thể thức.

D'Artagnan rụt rè xen vào: -Sự thật là tôi không trông thấy chiếc khăn rơi từ túi ông.

Aramis. Ông giẫm phải, có thế thôi, và tôi nghĩ một khi ông đã giẫm lên, thì chiếc khăn là của ông.

-Và ông đã nhầm, quý ông thân mến – Aramis trả lời một cách lạnh lùng, thờ ơ với việc sửa chữa thái độ của D'Artagnan.

Rồi quay lại phía người cận vệ tuyên bố là bạn của Boa – Tracy: -Vả lại, ông bạn thân mến của Boa – Tracy quý hóa này, tôi nghĩ rằng tôi cũng là bạn của ông ta không kém mến thương như cậu đâu, cho nên nói cho cùng thì chiếc khăn cũng có thể rơi từ túi của cậu ra như túi của tôi.

-Không, mình thề danh dự đấy! – Người lính cận vệ của Hoàng thượng kêu lên.

-Cậu thề danh dự, còn mình thề trên lương tâm. Vậy thì rõ ràng một trong hai chúng ta nói dối. Này, Môngtarăng, tốt nhất là làm thế này, mỗi người một nửa.

-Chiếc khăn á?

-Ừ!

Hai người cận vệ khác reo lên: -Hay lắm. Cách xét xử của vua Xalômông đấy. Aramis, cậu lõi đời thật.

Những chàng trai trẻ phá lên cười, và như người ta quen nghĩ sự việc đến đây là hết. Một lát sau, cuộc trò chuyện chấm dứt, ba người cận vệ và người lính ngự lâm sau khi thân thiết siết chặt tay nhau rút lui, ba người cận vệ đi về một ngả, Aramis đi về một ngả.

"Đây là lúc ta hòa giải với con người lịch thiệp này."

D'Artagnan tự nhủ, chàng vẫn còn đứng tách ra suốt trong phần cuối của câu chuyện.

Và với thiện ý ấy, chàng lại gần Aramis đang rời xa không hề để ý đến chàng.

-Thưa ông – chàng nói – tôi hi vọng ông sẽ thứ lỗi cho tôi.

Al ông – Aramis ngắt lời – cho phép tôi nhận xét ông rằng ông không hề xử sự trong tình huống đó như một người lịch thiệp cần làm.

-Sao, ông? – D'Artagnan kêu lên – Ông cho…

-Thưa ông, tôi cho ông là một tên ngốc và ông thừa biết, dù từ Gátxcông đến, người ta cũng không vô cớ bước lên những khăn bỏ túi. Quỷ thật, Paris không hề được lát đường bằng vải lanh.

D'Artagnan lúc này bản tính hiếu chiến bắt đầu nói to những quyết định hòa bình, liền bảo: -Thưa ông, ông đã nhầm khi tìm cách hạ nhục tôi. Tôi là dân Gátxcông, đúng vậy, và một khi ông đã biết thế, có nhẽ tôi không cần nói cho ông rằng người Gátxcông ít kiên nhẫn, thành thử khi họ đã một lần nhận lỗi, dù là một sự dại dột, họ cũng tin rằng đã làm quá nửa việc họ phải làm.

-Thưa ông, điều tôi nói với ông – Aramis trả lời – không hề để kiếm cớ gây sự với ông. Nhờ trời tôi không phải là người đi kiếm chuyện quyết đấu, và chỉ làm lính ngự lâm tạm thời thôi, tôi chỉ đánh nhau khi bị buộc lòng, và luôn luôn với một sự ghê tởm khôn cùng. Nhưng lần này, việc thật nghiêm trọng, bởi đây là một phu nhân bị tổn thương danh dự bởi ông.

-Bởi chúng ta! Thế đấy? – D'Artagnan nói to.

-Tại sao ông lại vụng về đưa trả tôi chiếc khăn tay?

-Tại sao ông lại vụng về để rơi nó?

-Tôi đã nói và tôi nhắc lại chiếc khăn không hề rơi ra từ túi tôi.

-Thưa ông, vậy thì ông đã hai lần nói dối, bởi chính tôi đã trông thấy nó rơi ra?

-A, ông lại nói cái giọng đó, thưa ông Gátxcông, vậy thì tôi sẽ dạy ông cách sống.

-Và tôi, tôi sẽ tống ông về các cuộc lễ, thưa ông tu viện trưởng! Tuốt gươm ra, nếu ông thích, ngay bây giờ.

-Không đâu, xin vui lòng, ông bạn vàng của tôi, ít ra không ở đây đâu ông không thấy chúng ta đang ở trước dinh phủ Eghiông à, đầy người của Giáo chủ trong này. Ai bảo tôi rằng không phải Đức ông sai ông lấy đầu tôi? Mà tôi lại coi đó là chuyện lố lăng vì vẫn đinh ninh rằng đầu tôi hình như lại quá thuận với hai vai tôi. Vậy là tôi muốn giết ông, bình tĩnh nào, nhưng giết ông một cách dịu dàng trong một nơi nào kín, um tùm, ở đó ông sẽ không thể khoe cái chết của mình với bất cứ ai.

-Tôi muốn được thế lắm, nhưng chớ có tự tin thế, và hãy mang theo chiếc khăn tay của ông, dù của ông hay không, nhưng có lẽ ông sẽ có dịp dùng đến nó đấy.

-Ông là dân Gátxcông? – Aramis hỏi.

-Phải. Quý ông không vì quá thận trọng mà lui lại cuộc hẹn chứ?

-Sự thận trọng, thưa ông, là một đức tính khá vô ích với người lính ngự lâm, tôi biết vậy, nhưng lại rất cần thiết đối với người của nhà thờ. Và vì tôi là ngự lâm tạm thời, tôi vẫn phải thận trọng. Vào lúc hai giờ, tôi sẽ có vinh dự đợi ông ở dinh quán ông De Treville. Đến đó, tôi sẽ chỉ cho ông những chỗ tốt.

Hai chàng trai trẻ chào nhau, rồi Aramis rời xa, đi ngược lên dãy phố đầu vườn Luxembourg, còn D'Artagnan thấy thì giờ đang trôi nhanh, vừa đi theo đường Cácmơ Đềsô, vừa nhủ thầm:

"Chắc chắn, ta sẽ không thể thoát nổi, nhưng ít nhất nếu ta bị giết, ta sẽ chết bởi một lính ngự lâm."

§5. Ngự lâm quân của nhà vua và cận vệ quân của đức Giáo chủ

D'Artagnan không quen ai ở Paris. Vì vậy chàng đến nơi hẹn với Athos không mang theo người làm chứng, quyết định sẽ bằng lòng với những người mà đối thủ của mình đã chọn. Vả lại, ý định của chàng đã rành rành là sẽ hết lời xin lỗi đúng mức người ngự lâm dũng cảm, nhưng không hèn yếu, sợ rằng xảy ra trong cuộc quyết đấu này điều luôn xảy ra đáng tiếc trong những vụ thuộc loại này, khi một người trẻ khỏe đánh lại một đối thủ bị thương và ốm yếu; nếu bại sẽ tăng gấp đôi chiến thắng của đối phương, thắng, sẽ bị cáo buộc phạm tội và can trường rởm.

Thêm nữa, hoặc chúng ta đã phơi bày không đúng tính cách của khách phiêu lưu, hoặc độc giả đã phải nhận ra D'Artagnan không hề là một con người tầm thường, cho nên vẫn cứ vừa tự nhắc đi nhắc lại cái chết của mình là không tránh khỏi, chàng vẫn không hề cam chịu chết một cách êm thắm như người khác kém dũng cảm và kém biết điều khi ở địa vị chàng. Chàng nghĩ ngợi về những tính cách khác nhau của những người sắp đấu với mình và bắt đầu nhìn rõ hơn cảnh ngộ của mình, chàng hi vọng nhờ những lời xin lỗi chân thành dành cho Athos, sẽ trở thành bạn của chàng, người có phong độ như một vị đại vương hầu và dáng vẻ khắc khổ khiến chàng ưa thích vô cùng. Chàng tự đắc sẽ làm cho Porthos sợ với sự phiêu lưu của dải đeo gươm, nếu như không bị giết chết tươi, chàng sẽ kể cho mọi người câu chuyện khéo đưa đẩy cho hiệu quả, chắc sẽ làm cho Porthos trở thành trò cười. Cuối cùng về cái tay tẩm ngẩm, tầm ngầm Aramis thì không có gì đáng sợ lắm, giả dụ còn đến được với hắn, chàng sẽ tự đảm nhiệm tiễn gọn hắn chầu trời hoặc ít nhất cũng đánh vào mặt hắn, như Xêda ra lệnh làm với quân lính của Pompê, cho nát tan cái vẻ khôi ngô mà hắn từng quá kiêu hãnh.

Sau nữa ở D'Artagnan có một đức tính cả quyết không thể lay chuyển mà những lời khuyên nhủ của người cha đã thiết lập trong trái tim chàng, thực chất là: "Không chịu ai, ngoài nhà Vua, Giáo chủ và ngài De Treville." Vậy nên chàng tốt nhất là bay hơn là chạy về phía tu viện Các mơ tháo giày[28] hoặc đúng hơn là đề sô (des chauxvôi) như người ta nói thời bấy giờ, một tòa nhà không cửa sổ, xung quanh là những đồng cỏ cằn cỗi, nhánh của Prê-ô Cléc (Pré-aux – Clers – đồng cỏ cho giáo đồ – ND) và thường dùng cho những cuộc gặp gỡ của những người không có thì giờ để mất.

Khi D'Artagnan đến gần và nhìn mảnh đất trống nhỏ trải ra đến tận chân tu viện, Athos mới đợi được năm phút, và đồng hồ điểm trưa. Vậy là ông ta đúng giờ như đồng hồ nhà thờ Xamnariten, và nhà thần học ngụy lý[29] nhất coi trọng các cuộc quyết đấu không còn gì để nói.

Athos, vết thương vẫn còn đau dữ dội dù đã được nhà giải phẫu của ông De Treville băng bó, lại ngồi đợi địch thủ của mình trên một phiến đá với thái độ yên bình và vẫn cái phong độ đường bệ không bao giờ rời chàng. Thấy D'Artagnan, Athos đứng lên và lịch sự tiến mấy bước đến trước mặt chàng. Về phần mình, D'Artagnan tiếp cận địch thủ bằng cánh tay ngả mũ ra, và lông mũ quệt tận đất.

-Thưa ông – Athos nói – Tôi đã bảo cho hai người bạn của tôi để làm người làm chứng cho tôi, nhưng hai người bạn ấy còn chưa thấy tới. Tôi lấy làm lạ vì họ đến muộn, đó không phải thói quen của họ.

-Tôi không có người làm chứng, tôi, thưa ngài – D'Artagnan nói – bởi chỉ hôm qua mới tới Paris, tôi còn chưa quen biết ai ngoài ngài De Treville mà cha tôi đã giới thiệu, vì ông có vinh dự là chỗ bạn bè.

Athos nghĩ ngợi một lúc rồi hỏi: -Ông chỉ quen mỗi ngài De Treville?

-Vâng, thưa ông, tôi chỉ quen mỗi ngài.

-À ra thế! Nhưng – Athos tiếp tục nửa nói với chính mình nửa nói với D'Artagnan – Ra thế, nhưng nếu tôi giết ông, tôi sẽ giống như một kẻ ăn hiếp trẻ con!

-Thưa ông, không đến nỗi thế – D'Artagnan vừa nói vừa trịnh trọng cúi chào – không quá thế đâu, một khi ông bạn cho tôi vinh dự tuốt gươm chống lại tôi, với một vết thương khiến ông chắc rất chi là khó chịu.

-Rất khó chịu, tôi xin thú thật như vậy, và ông đã làm tôi bị một cú điếng người, tôi phải nói như vậy. Nhưng tôi sẽ dùng tay trái, đó là thói quen của tôi trong trường hợp tương tự. Vậy ông đừng tưởng là tôi nhường ông, tôi chơi tốt cả hai tay. Có thể còn bất lợi cho ông nữa đấy. Một người thuận tay trái sẽ rất phiền toái cho người nào không được báo trước. Tôi tiếc không để ông biết sớm hơn về trường hợp này.

D'Artagnan lại nghiêng mình nói: -Ông đúng là rất lịch thiệp, tôi hết sức biết ơn ông.

-Ông làm tôi bối rối – Athos trả lời với phong độ quý tộc – Vậy ta hãy nói về chuyện khác trừ phi điều đó làm ông không hài lòng. Ái! Chết tiệt! Ông làm tôi đau quá! Vai tôi nhức buốt lên.

-Nếu ông vui lòng cho phép… D'Artagnan rụt rè nói.

-Chuyện gì thưa ông?

-Tôi có một loại cao kỳ diệu chữa vết thương, một loại cao truyền từ mẹ tôi mà bản thân tôi đã dùng thử.

-Rồi sao?

-À thế này! Tôi tin chắc không tới ba ngày cao đó sẽ chữa lành cho ông. Và sau ba ngày, khi ông đã khỏi, sẽ vẫn luôn là một vinh dự lớn lao cho tôi được là người hầu ông.

D'Artagnan nói những lời đó với một vẻ bình dị khiến phong độ lịch thiệp của chàng càng đáng trân trọng mà không hề chạm đến lòng dũng cảm của mình.

-Trời ơi, thưa ông – Athos nói – đó là một đề nghị làm tôi rất vui, không những tôi chấp nhận, mà cách xa một dặm đã cảm thấy phong vị quý tộc rồi. Chính các chiến binh thời vua Sáclơma đã nói và làm như thế, và bất cứ kỵ sĩ nào cũng phải tìm cách noi gương, không may thay, chúng ta không ở thời của Đại đế, chúng ta ở trong thời đại của Giáo chủ, và ở nơi đây, ba ngày nữa người ta sẽ biết dù bí mật có được giữ rất kín, người ta sẽ biết, tôi nói vậy là chúng ta phải đấu nhau, và người ta sẽ chống lại cuộc chiến đấu của chúng ta. A, thế đấy! Mấy tay la cà ấy vậy là sẽ không đến chăng?

-Thưa ông, nếu ông vội – D'Artagnan nói với Athos vẫn với thái độ bình dị như một phút trước đây, chàng đã đề nghị hoãn lại cuộc quyết đấu ba ngày – Nếu ông vội và nếu ông thích kết liễu đời tôi ngay lập tức, xin ông đừng băn khoăn.

-Lại thêm một lời làm tôi mát lòng – Athos vừa nói vừa gật đầu thân thiện với D'Artagnan – không phải lời nói của một người mất trí chút nào, và chắc chắn là của một người có lòng tốt. Thưa ông, tôi yêu những con người có khí phách như ông, và tôi thấy nếu như chúng ta không giết nhau, sau này tôi sẽ rất vui được làm bạn với ông. Ta hãy đợi các vị kia, tôi cũng không vội đâu và như vậy sẽ hợp lệ hơn. À, mà một người kia rồi.

Quả vậy, ở đầu phố Vôgira, thấy xuất hiện gã khổng lồ Porthos.

-Sao! – D'Artagnan kêu lên – người làm chứng thứ nhất của ông là Porthos ư?

-Phải, điều đó trái ý ông ư?

-Không, không chút nào.

-Và đây là người thứ hai.

D'Artagnan quay lại phía Athos chỉ tay, nhận ra Aramis: -Sao? – Chàng kêu lên, giọng còn kinh ngạc hơn lần trước: -Người làm chứng thứ hai của ông là ông Aramis à?

-Chắc hẳn rồi! Ông không biết rằng người ta không bao giờ nhìn thấy chúng tôi người này không có người khác và người ta gọi chúng tôi trong ngự lâm quân và cận vệ quân, trong triều và trong thành phố là Athos, Porthos, và Aramis, hoặc bộ ba không thể tách rời hay sao. Như thế chắc, vì ông từ Đắc hay Pô đến.

-Từ Tácbơ – D'Artagnan nói.

-Ông có thể không cần biết tới chi tiết này – Athos nói.

-Thật lòng – D'Artagnan – các vị rất xứng danh như vậy. Và sự liều lĩnh của tôi, nếu như có gây nên chuyện ầm ĩ nào đó, ít nhất cũng chứng tỏ sự thống nhất của các vị không hề thiết lập trên những tương phản.

Trong khi đó, Porthos đã tới gần, giơ tay chào Athos, rồi quay về phía D'Artagnan, đứng ngây ra kinh ngạc. Và khi lại đây chàng ta đã thay đai đeo

gươm và bỏ áo choàng đi.

-A, a? Thế này là thế nào?

-Chính ông đây là người tôi đấu đấy – Athos vừa nói vừa giơ tay chỉ D'Artagnan, và cũng giơ tay chào Porthos.

Porthos nói: -Tôi cũng đấu với ông ta.

D'Artagnan đáp: -Và cả tôi nữa, tôi cũng đấu với chính ông đây – Aramis nói, khi vừa đến nơi.

-Nhưng chỉ đến hai giờ chiều – D'Artagnan vẫn bình tĩnh nói.

-Nhưng anh đấu vì chuyện gì, hở Athos? – Aramis hỏi.

-Thật lòng tôi cũng không hiểu lắm, ông ta làm đau ở vai tôi, thế còn cậu, Porthos?

-Thú thật, tôi đấu bởi vì tôi đấu – Porthos đỏ mặt trả lời.

Athos, không bỏ qua điều gì, thấy thoáng một nụ cười trên môi chàng Gátxcông. Chàng nói: -Chúng tôi cãi nhau về chuyện ăn mặc.

-Còn cậu, Aramis? – Athos hỏi.

-Tôi à, tôi đấu vì lý do thần học – Aramis vừa trả lời vừa ra hiệu cho D'Artagnan, yêu cầu giữ kín nguyên nhân cuộc đấu.

Athos lại nhìn thấy một nụ cười nữa trên môi D'Artagnan, ông nói: -Đúng vậy chứ?

-Vâng – chàng Gátxcông nói – về một điểm của thánh Augustin, chúng tôi bất đồng với nhau.

-Hẳn vậy rồi, đó là một người thông tuệ – Athos lẩm bẩm.

-Và giờ đây, thưa các vị, các vị đã tập hợp cả ở đây, cho phép tôi được xin lỗi các vị – D'Artagnan nói.

Nghe những tiếng xin lỗi, một đám mây lướt qua vầng trán của Athos, một nụ cười cao ngạo lướt trên môi của Porthos và một dấu hiệu không tán thành là câu trả lời của Aramis.

-Thưa các vị, các vị không hiểu rồi – D'Artagnan vừa nói vừa ngẩng mặt lên, để một tia nắng mặt trời nhuộm vàng chói những nét thanh tú và rắn rỏi trên đó – Tôi xin lỗi các vị trong trường hợp tôi không thể trả món nợ của tôi cho cả ba, bởi ông Athos là người đầu tiên có quyền giết ông, điều này tước mất nhiều giá trị món nợ của ông, ông Porthos, và cũng làm món nợ của ông gần như mất sạch, ông Aramis ạ. Và bây giờ các vị, tôi xin nhắc lại với các vị, thứ lỗi cho tôi, nhưng chỉ có thế thôi và hãy thử thế!

Nói dứt lời, bằng một động tác rõ ràng là hiệp sĩ nhất chàng rút gươm ra.

Máu đã dồn lên đầu D'Artagnan, và lúc này chàng như đã rút gươm chống lại toàn bộ ngự lâm quân của vương quốc, khi chàng vừa làm để chống lại Athos, Porthos và Aramis.

Đã mười hai giờ mười lăm. Mặt trời đã ở đỉnh đầu, và địa điểm chọn để thành sàn đấu phơi ra dưới nắng gắt.

-Trời nóng quá! – Athos vừa nói vừa rút gươm – và trong khi ấy tôi lại không thể cởi bỏ áo chẽn, bởi, mới đây thôi, tôi còn cảm thấy vết thương của mình chảy máu, và tôi sợ làm phiền ông đây khi để ông thấy máu không phải do chính ông đâm tôi.

-Đúng vậy thưa ông – D'Artagnan nói – và do tôi hay do người khác đâm, tôi cũng cam đoan với ông rằng, tôi cũng sẽ luôn nhìn với vô cùng tiếc nuối dòng máu của một nhà quý tộc dũng cảm đến thế. Vậy tôi cũng mặc áo chẽn mà đấu như ông.

-Thôi nào, thôi nào – Porthos nói – xin đủ những lời khách sáo ấy đi, và hãy nghĩ chúng tôi đang đợi đến lượt mình đây.

-Hãy nói cho riêng phần cậu thôi, Porthos – Aramis ngắt lời khi cậu phải nói ra những điều khiếm nhã như vậy. Về phần tôi, tôi lại thấy những điều mà các vị ấy nói với nhau lại rất chững chạc và hoàn toàn xứng đáng với hai nhà quý tộc.

-Khi nào ông muốn, thưa ông – Athos vừa nói vừa thủ thế.

-Tôi xin đợi hầu ông – D'Artagnan vừa nói vừa vung gươm.

Nhưng khi hai thanh gươm vừa vang lên khi chạm nhau, một toán cận vệ của Đức ông do ông De Jussac chỉ huy hiện ra ở góc tu viện.

-Bọn cận vệ của Giáo chủ! – cả Porthos lẫn Aramis đều cùng la lên – tra gươm vào vỏ, các vị! Tra ngay vào vỏ!

Nhưng quá muộn rồi. Hai đấu thủ đã bị nhìn thấy trong một tư thế không cho phép hoài nghi về ý đồ của họ.

-Ê này? – Jussac la lên, vừa lao về phía bọn họ vừa ra hiệu cho người của mình lao theo – Ê này! Bọn ngự lâm quân, đánh nhau ở đây ư? Còn các lệnh cấm, chúng ta tính sao đây?

-Thưa các vị cận vệ, các vị rất đại lượng – Athos nói, lòng đầy hận thù, bởi Jussac là một trong những kẻ gây chiến ngày hôm kia – Nếu chúng tôi thấy các ông đánh nhau. Tôi xin hứa với ông, tôi sẽ không ngăn cản đâu. Vậy hãy mặc chúng tôi làm gì thì làm, và các ông sẽ được mua vui mà chẳng nhọc nhằn gì.

-Thưa các vị – Jussac nói – Rất tiếc phải tuyên bố với các vị là việc ấy không thể được. Nhiệm vụ của chúng tôi trên hết. Vậy hãy tra gươm vào, và xin vui lòng đi theo chúng tôi.

Aramis nói, nhại giọng Jussac: -Thưa ông, nếu điều đó phụ thuộc vào chúng tôi. Nhưng khốn nỗi điều đó lại không thể: ông De Treville đã cấm chúng tôi đi theo các ông. Vậy ông hãy đi theo đường ông, đấy chính là điều tốt nhất ông nên làm.

Sự cợt nhạo đó làm Jussac nổi tam bành. Hắn nói: -Vậy chúng ta sẽ cưỡng chế các người nếu các người không tuân theo.

-Bọn chúng năm – Athos nói nhỏ – và chúng ta chỉ có ba, chúng ta sẽ lại thua. Ta nên chết ở đây thôi, bởi tôi xin thề sẽ không gặp lại đại úy nếu thua trận.

Athos, Porthos và Aramis ngay lúc đó đứng sát vào nhau, trong khi Jussac dàn quân của mình.

Chỉ trong khoảnh khắc đó, đủ để D'Artagnan quyết định mình phải làm gì. Đây là một trong những biến cố quyết định cuộc sống của con người, đây là một sự lựa chọn phải làm giữa nhà Vua và Giáo chủ. Khi đã lựa chọn rồi, phải kiên trì với nó.

Đánh nhau nghĩa là bất tuân luật pháp, là liều đời, là đùng một cái trở thành kẻ thù của một vị Thủ tướng quyền lực lớn hơn cả chính nhà Vua. Đó là điều chàng trai hé nhìn thấy, ta nói ra điều đó là để ca ngợi chàng. Chàng không do dự một giây. Quay lại phía Athos và các bạn ông, chàng nói: -Thưa các vị, xin vui lòng cho tôi sửa lại một điều trong câu nói của các vị. Các vị nói có ba, nhưng với tôi, tôi cho hình như chúng ta có bốn.

-Nhưng ông không phải là người của chúng tôi – Porthos nói.

-Đúng vậy – D'Artagnan đáp – tôi không có trang phục, nhưng tôi có tấm lòng, tôi là ngự lâm quân, tôi cảm thấy hoàn toàn như vậy, ông ạ, và điều đó làm tôi mê say.

-Tránh ra, gã thiếu niên – Jussac hét lên, chắc hẳn qua cử chỉ và nét mặt đã đoán ra ý định của D'Artagnan. Chúng ta bằng lòng để cậu có thể rút lui. Hãy giữ lấy mạng mình, nào nhanh lên?

D'Artagnan không hề nhúc nhích.

-Ông quả là một chàng trai tuyệt vời – Athos vừa nói vừa siết chặt tay chàng trai trẻ.

-Nào, nào? – Jussac nhắc lại – quyết định đi.

-Sao, – Porthos và Aramis nói – Ta phải làm cái gì chứ.

-Ông đây quả đầy lòng độ lượng – Athos nói.

Nhưng cả ba đều nghĩ đến sự non nớt của D'Artagnan và sợ cho sự thiếu kinh nghiệm của chàng.

-Chúng ta sẽ chỉ có ba, mà một bị thương, cộng thêm một đứa trẻ – Athos nhắc lại – và người ta vẫn sẽ nói rằng chúng ta có bốn người.

-Phải, nhưng rút lui! – Porthos nói.

-Sẽ khó khăn – Athos nói tiếp.

D'Artagnan hiểu sự phân vân của họ, chàng nói: -Các vị hãy thử tôi xem nào, và tôi xin thề danh dự là không muốn đi khỏi đây nếu chúng ta thua.

-Anh tên là gì, con người dũng cảm của tôi? Athos hỏi.

-Thưa ông, D'Artagnan.

-Nào! Athos, Porthos, Aramis và D'Artagnan? – Athos hét – Tiến lên.

-Thế nào các vị quyết định xong rồi chứ? – Lần thứ ba Jussac hét lên.

-Xong rồi, các ông ạ! – Athos nói.

Aramis một tay ngả mũ, một tay tuốt gươm trả lời: -Chúng tôi sắp hân hạnh tấn công các ông.

A, kháng cự phỏng? – Jussac la lên.

-Mẹ kiếp, ông ngạc nhiên ư?

Rồi chín chiến binh chồm vào nhau cuồng nộ không trừ một thế gươm nào.

Athos chọn một tên Cahuxắc nào đó, một sủng tướng của Giáo chủ. Porthos với Bieara, và Aramis thấy mình đối mặt hai địch thủ.

Còn D'Artagnan lao vào chống lại chính Jussac.

Trái tim chàng trai trẻ đập đến vỡ lồng ngực không phải vì sợ, ơn Chúa, một thoáng cũng không, mà chỉ là đua tranh.

Chàng đánh như một con hổ đang cuồng nộ, xoay người lần quanh địch thủ, đổi hai mươi lần miếng giữ và thế trận. Jussac như thiên hạ đồn thủa đó, một tay gươm sắc sảo và vô cùng lão luyện. Tuy nhiên hắn lại muôn vàn vất vả để chống lại một địch thủ khéo léo, nhảy nhót, bất cứ lúc nào cũng bỏ qua những đường gươm sách vở, cùng một lúc tấn công từ mọi phía, vừa tránh đỡ như một người quyết không để bị xước da của mình.

Rốt cuộc cuộc chiến đấu ấy khiến Jussac mất kiên nhẫn.

Giận dữ vì không làm gì nổi một kẻ mà hắn coi như một đứa trẻ con, hắn sôi lên và bắt đầu mắc lỗi. D'Artagnan mắc nhược điểm ít thực hành, nhưng lại có được lý thuyết sâu sắc, tăng gấp đôi sự linh hoạt của mình. Jussac muốn dứt điểm, nhoài hẳn người ra, đâm một nhát chí tử về phía địch thủ, nhưng chàng đã tránh trước, và trong khi Jussac thu người lại đứng lên, chàng trườn như con rắn dưới lưỡi gươm của hắn, xỉa một nhát xuyên qua người hắn. Jussac đổ xuống như một khối thịt.

Sau đó D'Artagnan đưa mắt lo lắng nhìn nhanh chiến trường.

Aramis đã giết một trong hai địch thủ của mình, nhưng tên kia áp đảo chàng rất ghê. Tuy nhiên, Aramis vẫn trong tình thế tốt và còn có thể kháng cự.

Bicara và Porthos vửa trả miếng nhau, Porthos bị một nhát gươm đâm xuyên qua cánh tay và Bicara bị một nhát xuyên qua đùi. Nhưng vì không vết thương nào nặng, họ chỉ càng đâm chém ác liệt hơn.

Athos lại bị thương nữa bởi Cahuyxắc, trông tái nhợt, nhưng chàng không lùi một gót giầy. Chàng chỉ đổi tay cầm gươm và đánh bằng tay trái.

D'Artagnan theo luật quyết đấu thời đó, có thể đến cứu giúp ai đó. Trong khi đưa mắt tìm đồng đội cần giúp sức chàng bất chợt gặp cái nhìn của Athos. Cái nhìn ấy nói lên hùng hồn sự can trường. Athos thà chết còn hơn là cầu cứu. Nhưng chàng có thể nhìn, và từ cái nhìn toát ra sự yêu cầu giúp đỡ. D'Artagnan đoán ra nhảy phọt tới cạnh sườn Cahuxắc và hét lên: -Với tôi nào ông cận vệ, tôi giết ông!

Cahuxắc quay lại. Thật đúng lúc. Athos trụ được chỉ vì lòng dũng cảm tột độ, lúc này khụy một gối xuống.

-Chó chết! – Athos hét lên với D'Artagnan – Đừng giết hắn, tôi xin anh đấy, anh bạn trẻ, tôi có việc cũ phải giải quyết xong với hắn, khi tôi khỏi và khỏe mạnh rồi. Tước vũ khí của hắn thôi. Khóa gươm hắn lại. Như thế. Tốt! Tốt lắm!

Mấy tiếng "tốt lắm" Athos kêu lên đúng lúc gươm của Cahuxắc bị văng đi đến hai mươi bước. D'Artagnan và Cahuxắc cùng lao theo, kẻ để nhặt lại gươm, người muốn đoạt ấy, nhưng D'Artagnan lanh lợi hơn đến trước và giẫm châm lên.

Cahuxắc chạy đến chỗ tên cận vệ bị Aramis giết, chiếm lấy gươm của tên này và muốn trở lại với D'Artagnan. Nhưng trên đường đi, hắn gặp Athos được nghỉ ngơi chốc lát, đã lấy lại sức, sợ D'Artagnan giết mất kẻ thù của mình, chàng muốn lại chiến đấu tiếp D'Artagnan hiểu sẽ là không tuân chiều Athos nếu không để ông làm việc đó. Quả nhiên, vài giây sau, Cahuxắc ngã xuống, họng bị gươm đâm xuyên qua. Cùng lúc đó Aramis tỳ lưỡi gươm lên ngực tên địch thủ đã bị đánh ngã, và bắt hắn phải xin tha.

Còn lại Porthos và Bicara. Porthos vừa đánh vừa huênh hoang hàng đống chuyện, hỏi Bicara bây giờ là vào khoảng mấy giờ. Chúc mừng hắn vì anh hắn vừa được phong chỉ huy một đại đội trong binh đoàn Nava. Nhưng cợt nhạo như thế cũng chẳng được lợi lộc gì. Bicara là một con người sắt, chỉ có chết mà thôi.

Song lại cần phải kết thúc. Đội tuần tra có thể tới và bắt giữ tất cả các chiến binh dù bị thương hay không, thuộc phái Nhà Vua hay phái Giáo chủ. Athos, Aramis và D'Artagnan quây quanh Bicara thúc hắn đầu hàng. Dù chỉ một mình chống lại tất cả và với một vết thương đâm qua đùi, Bicara vẫn muốn chiến đấu Nhưng Jussac đã chống tay lên được, kêu hắn đầu hàng.

Bicara cũng là dân Gátxcông như D'Artagnan. Hắn làm như điếc và cười trừ, và giữa hai miếng đỡ, có một thời gian dùng đầu mũi gươm vạch một chỗ trên đất và nhại lại một câu trong Kinh thánh: -Nơi đây Bicara sẽ chết, một mình thôi trong những người cùng với hắn.

-Nhưng họ bốn người chống lại anh, thôi đi thôi, ta ra lệnh cho anh đấy.

-À, nếu anh ra lệnh, lại là chuyện khác – Bicara nói – vì anh là đội trưởng của tôi, tôi phải tuân lệnh.

Và nhảy lùi một bước về phía sau, hắn tỳ gối bẻ gẫy gươm ném mảnh gãy qua tường tu viện để không giao nộp rồi khoanh hai tay, huýt một điệu sáo của phái theo Giáo chủ.

Lòng dũng cảm luôn đáng trân trọng, ngay cả trong kẻ thù.

Những người lính ngự lâm vung gươm chào Bicara rồi lại tra vào vỏ D'Artagnan cũng làm như vậy. Rồi chàng nhờ Bicara, đối thủ duy nhất còn đứng vững, khênh Jussac, Cahuxắc và tên địch thủ của Aramis mới bị thương, vào

cổng mái che của tu viện. Người thứ tư thì đã chết. Rồi họ gióng chuông, mang theo bốn trong số năm thanh gươm, họ đi về phía dinh quán ngài De Treville, lòng lâng lâng tràn trề vui sướng.

Người ta thấy họ giăng tay nhau chiếm hết lòng đường, ghé sát mỗi người lính ngự lâm họ gặp, đến nỗi lúc cuối làm thành một cuộc khải hoàn. Trái tim D'Artagnan như bơi trong men say, chàng đi giữa Athos và Porthos, trìu mến ôm chặt lấy họ, rồi nói với các bạn mới của mình khi bước qua cổng dinh ông De Treville: -Nếu như tôi còn chưa phải là lính ngự lâm, ít ra thế là tôi cũng được nhận như người tập việc.

§6. Nhà vua Louis thứ mười ba

Câu chuyện lan ra ầm ĩ. Ông De Treville to tiếng quát mắng rất lớn tiếng những lính ngự lâm của mình nhưng lại thấp giọng khen ngợi họ. Nhưng vì không thể để chậm mới tâu lên nhà Vua, ông vội đi đến điện Louvre. Lúc ấy đã quá muộn. Nhà Vua đóng kín cửa với Giáo chủ. Người ta bảo ông Treville là nhà Vua đang làm việc và không tiếp ai trong lúc này. Buổi tối ông De Treville tới đám bạc của nhà Vua. Nhà Vua thắng và vì Đấng chí tôn rất keo kiệt, ngài rất hồ hởi. Vì vậy từ rất xa, nhà Vua đã nhận ra ông Treville.

-Lại đây, ông đại úy. Lại đây để ta quở trách ông. Ông có biết Đức Giáo chủ đã đến khiếu nại với ta về các ngự lâm quân của ông, và xúc động đến mức tối nay Đức Giáo chủ đổ bệnh không? À thế đấy? Nhưng cái lũ ngự lâm của ông, đúng là lũ trời đánh, thánh vật, đáng đem treo cổ!

-Không, tâu Bệ hạ – Ông Treville đáp, khi thoạt nhìn ông đã biết sự việc sắp xoay chuyển – không, hoàn toàn ngược lại. Đó là những sinh linh lương thiện, hiền như cừu non và chỉ có mỗi một ước vọng, thần xin bảo đảm, đó là gươm của họ chỉ tuốt ra khỏi vỏ để phục vụ Hoàng thượng. Nhưng Bệ hạ muốn sao, lũ cận vệ của Giáo chủ không ngừng tìm cớ gây sự với họ, và cũng vì danh dự của toàn đội, những con người trẻ tuổi đáng thương đó buộc phải tự vệ.

-Nghe đã, ông De Treville! – Nhà Vua nói – Nghe đã! Khanh không đang nói về một giáo đoàn đấy chứ? Đại úy thân mến của ta này, thực tế, ta muốn tước bỏ chức vụ của khanh và trao cho cô De Kêmơrôn, người mà ta hứa chức tu viện trưởng. Nhưng đừng nghĩ ta tin như vậy ở lời khanh đâu. Người ta gọi là Louis chí công, ông De Treville ạ, và lát nữa, lát nữa chúng ta sẽ thấy.

-À chính vì thần tin ở công lý đó, tâu Hoàng thượng, mà thần sẽ kiên nhẫn và bình tĩnh chờ đợi thánh ý.

-Vậy cứ đợi, ông ạ, cứ đợi – Nhà Vua nói – ta sẽ không để ông phải đợi lâu đâu.

Quả nhiên, vận may đã xoay chiều, và vì nhà Vua bắt đầu bị thua hết những gì ngài đã được, ngài chẳng nề hà tìm một cái cớ để làm Đại đế Sáclơmanhơ (một thuật ngữ của những tay cờ bạc mà chúng tôi thú thật không rõ xuất xứ). Một lát sau, nhà Vua đứng lên và đút túi số bạc ở trước mặt ngài phần lớn do được bạc, rồi bảo: -La Viơvin, ngồi vào chỗ ta, ta cần nói chuyện với ông De Treville về vấn đề quan trọng. À, ta có tám mươi đồng louis trước nặt ta. Ông hãy đặt cũng số tiền đó, để sao cho những người bị thua khỏi phàn nàn, công bằng trên hết.

Rồi quay về phía ông De Treville và đi cùng với ông tới một khung cửa sổ: -Thế nào ông! – Nhà Vua tiếp tục – Ông nói rằng chính là bọn cận vệ Đức ông đã

tìm cách gây sự với ngự Iâm quân của ông?

-Vâng, tâu Bệ hạ, luôn luôn như vậy.

-Thế à, vậy đầu đuôi câu chuyện thế nào? Bởi vì, ông biết đấy, ông đại úy thân mến của tôi ạ, cần phải có một phán quan nghe cả hai bên.

-Ôi, trời ơi, thì nó xảy ra một cách đơn giản nhất và tự nhiên nhất chứ sao. Ba người trong số lính ưu tú nhất của thần, mà Hoàng thượng biết tên và đã nhiều lần đề cao lòng tận tâm của họ và thần có thể khẳng định với Đức Vua họ đã phục vụ hết lòng. Ba người lính ưu tú của thần, các ông Athos, Porthos và Aramis đang chơi vui với một chàng thiếu niên người Gátxcông mà thần vừa giới thiệu với họ lúc sáng. Cuộc vui sẽ diễn ra ở Saint-Germain thì phải, và họ hẹn hò nhau ở Cácmơ Đềsô, thì bị ông De Jussac và các ông Cahuxắc, Bicara và hai lính cận vệ khác đến phá rối, chắc hẳn có ý đồ xấu chống lại các sắc lệnh, nếu không đã không kéo đến đông đến thế.

-Ờ, ờ, khanh làm ta nghĩ đến điều đó – Nhà Vua nói – chắc hẳn họ đến để đánh lộn lẫn nhau.

-Tâu Bệ hạ, thần không buộc tội họ, nhưng thần xin để Bệ hạ xét đoán xem, năm người trang bị vũ khí trong một nơi hoang vắng như là vùng phụ cận tu viện Cácmơ, có thể sẽ làm.

-Phải, Treville, ông có lý, ông có lý.

-Thế là, khi họ nhìn thấy lính ngự lâm của thần, họ liền thay đổi ý và họ đã quên mối thù riêng bằng mối thù binh đội. Bởi Bệ hạ chẳng lạ gì ngự lâm quân, họ thuộc về Đức Vua, và chỉ của Đức Vua, là kẻ thù tự nhiên của lính cận vệ thuộc Đức Giáo chủ.

-Phải, Treville, phải – nhà Vua nói một cách rầu rĩ – và thật đáng buồn. tin ta đi, khi thấy hai đảng phái như thế ở nước Pháp, hai nguyên thủ ở vương quyền; nhưng tất cả cái đó sẽ chấm dứt, Treville, tất cả cái đó sẽ chấm dứt. Vậy khanh nói rằng bọn cận vệ đã tìm cách gây sự với ngự lâm quân?

-Thần nói có thể mọi việc đã diễn ra như thế, nhưng tâu Bệ hạ, thần không thể như thế. Bệ hạ biết rõ, nhận ra sự thật khó đến chừng nào, và trừ phi được thiên phú cho cái linh khiếu kỳ diệu khiến được mệnh danh là Louis XIII chí công…

-Và ông có lý, Treville ạ. Nhưng họ không đơn độc, bọn ngự lâm của ông, họ còn có thêm một đứa trẻ cùng với họ?

-Vâng, thưa Bệ hạ. và một người bl thương, đến nỗi ba lính ngự lâm của nhà Vua. mà một người lại bị thương và một đứa trẻ, không những đã đương đầu với năm trong số cận vệ khủng khiếp nhất của Giáo chủ, mà còn hạ gục bốn người.

-Nhưng, đó là một chiến thắng! – Nhà Vua reo lên rạng rỡ – một chiến thắng hoàn toàn.

-Vâng, tâu Bệ hạ, thắng hoàn toàn như chiến thắng ở cầu Xê.

-Ông nói, bốn người, một bị thương, một trẻ con?

-Một gã gần là người lớn, nhưng cậu ta lại xử sự thật là tuyệt vời trong trường hợp đó, khiến thần dám mạo muội tiến cử cậu ta lên Bệ hạ.

-Hắn tên là gì?

-Là D'Artagnan. Tâu Bệ hạ, đó là con trai một trong những bạn cũ của thần, con trai một người đã đi theo Đức Tiên vương tiến hành chiến tranh du kích, lưu danh rạng rỡ.

-Và ông nói cậu ta xử sự rất chững chạc à? Kể cho ta nghe nào, Treville, ông biết ta thích những chuyện chiến tranh và chiến đấu mà.

Và Louis XIII tay chống nẹ, kiêu hãnh vểnh tai lên.

-Tâu, – Treville nói tiếp – như thần đã nói, D'Artagnan hầu như còn là một đứa trẻ, và vì chưa được vinh dự là ngự lâm quân, ăn mặc theo lối thị dân. Đám cận vệ của Giáo chủ nhận thấy cậu ta non trẻ, thêm nữa còn chưa quen với việc quân, đã mời cậu ta rút lui trước khi họ tấn công.

-Đấy ông thấy nhé, Treville – Nhà Vua ngắt lời – chính họ đã tấn công.

-Tâu, chính thế, không nghi ngờ gì nữa, họ cảnh cáo cho cậu ta rút lui, nhưng cậu ta trả lời mình là ngự lâm ở trong tim và hết lòng vì Hoàng thượng, vì vậy, cậu ta đã ở lại với các ngự lâm quân.

-Một chàng trai can trường. – Nhà Vua lẩm bẩm.

-Quả vậy, cậu ta ở lại với họ. Và Hoàng thượng đã có được một nhà vô địch kiên cường, và chính cậu ta đã đâm cho Jussac một nhát gươm khủng khiếp khiến Giáo chủ giận sôi lên.

-Chính cậu ta đâm bị thương Jussac? – Nhà Vua reo lên -

-Một đứa trẻ! Treville, không thể thế được!

-Đúng như thần được vinh dự nói điều ấy với Hoàng thượng.

-Jussac, một trong những tay gươm hàng đầu của vương quốc!

-Nhưng tâu, hắn lại gặp một bậc thầy.

-Ta muốn gặp chàng trai trẻ đó, Treville, ta muốn gặp hắn. Và nếu có thể làm được một điều gì đấy! Được, chúng ta sẽ tính sau.

-Khi nào Bệ hạ cố cho cậu ta tiếp kiến?

-Trưa mai, Treville ạ.

-Thần dẫn một mình cậu ta đến?

-Không, dẫn cả bốn đến cho ta. Ta muốn cảm ơn tất cả một thể. Những con người trung nghĩa hiếm lắm Treville, và phải thưởng cho lòng trung nghĩa của họ.

-Tâu Bệ hạ, trưa mai, chúng thần sẽ đến điện Louvre.

-Này, đi lối cầu thang nhỏ, Treville, lối cầu thang nhỏ, không cần thiết để Giáo chủ biết…

-Thưa vâng.

-Treville này, ông hiểu chứ, một sắc lệnh vẫn chỉ luôn là một sắc lệnh. Rốt cuộc, là cấm đánh nhau.

Nhưng cuộc chạm trán nay đã hoàn toàn ra khỏi mọi điều kiện thông thường của một quyết đấu, đó là một cuộc xô xát, bằng chứng là bọn họ là năm lính cận vệ của giáo chủ chống lại ba lính ngự lâm của thần với cậu D'Artagnan.

-Đúng thế – Nhà Vua nói – Nhưng mặc kệ, Treville, vẫn cứ phải đến bằng cầu thang nhỏ.

Treville mỉm cười. Nhưng như thế cũng đã là quá nhiều với ông vì đã đạt được việc làm cho đứa trẻ này (tức Louis XIII – ND) nổi dậy chống lại ông thầy của mình (tức Giáo chủ – ND) ông kính cẩn chào nhà Vua, và hớn hở cáo lui.

Ngay lúc tối, ba người lính ngự lâm được báo trước vinh dự ban cho họ. Vì họ từ lâu đã quen biết nhà Vua, nên cũng không háo hức lắm. Nhưng D'Artagnan với trí tưởng tượng của dân Gátxcông, thấy vận may đã đến, và suốt đêm mơ những giấc mơ vàng. Vì vậy mới tám giờ sáng chàng đã đến nhà Athos.

D'Artagnan thấy những người lính ngự lâm này đã ăn mặc chỉnh tề và chuẩn bị ra đi. Vì cuộc hẹn ở cung vua là giữa trưa, nên Athos đã cùng Porthos và Aramis dự định tổ chức một cuộc chơi bóng ném ở một sòng chơi gần khu chuồng ngựa vườn Luxembourg. Athos mời D'Artagnan đi cùng họ, và mặc dầu không biết chơi, vì chưa hề chơi bao giờ, chàng vẫn nhận lời, vì không biết làm gì từ khoảng gần chín giờ sáng đến trưa.

Hai người lính ngự lâm kia đã đến trước và đang chơi bóng cùng nhau. Athos là người rất mạnh về tất cả các môn rèn luyện thân thể, cùng với D'Artagnan đi sang phía đối diện và thách thức họ. Nhưng mới thử một động tác đầu tiên, dù chơi bằng tay trái, ông hiểu rằng vết thương của mình vẫn như vừa mới bị xong, không cho phép mình chơi trò đó. Còn lại một mình D'Artagnan, và vì chàng tuyên bố chàng quá vụng về không thể chơi đúng luật, người ta chỉ tiếp tục ném bóng không tính thắng thua. Nhưng một trong những trái bóng ném từ bàn tay đại lực sĩ của Porthos đi sượt qua mặt D'Artagnan khiến chàng nghĩ, nếu nó không trượt, mà lại giáng thẳng vào mặt, thì sẽ lỡ mất việc bái yết vì hoàn toàn không còn khả năng bái kiến nhà Vua.

Mà vì trong trí tưởng tượng Gátxcông tương lai của chàng phụ thuộc hoàn toàn cuộc bái yết đó, chàng liền lễ phép chào Porthos và Aramis, tuyên bố chỉ chơi lại môn này khi nào đủ sức đối chọi với họ, và chàng ra ngồi gần chỗ thừng chăng trong hành lang.

Không may cho D'Artagnan, trong số những người xem có một tên lính cận vệ của Đức ông, tên này còn đang sôi máu vì sự đại bại của đồng ngũ mới chỉ xảy ra hôm trước, vẫn tự hứa với mình sẽ nắm lấy cơ hội để báo thù. Hắn tin là cơ hội đã đến và nói với người ngồi bên: -Cũng chẳng lấy làm lạ khi cái gã thiếu niên kia lại sợ một quả bóng, chắc hẳn là một tên ngự lâm tập sự.

D'Artagnan quay phắt lại như bị rắn cắn và nhìn thẳng vào mặt tên cận vệ vừa nói một cách hỗn hào.

-Khiếp chưa? – Tên này nói, vừa vuốt cong ria mép một cách xấc xược – Này ông nhỏ, muốn thì cứ việc nhìn ta, còn ta, ta cứ nói điều ta nói.

D'Artagnan trả lời khẽ: -Và vì điều ông nói quá rõ không cần giải thích, tôi yêu cầu ông đi theo tôi.

-Khi nào? – Tên cận vệ hỏi vẫn với vẻ nhạo báng.

-Ngay bây giờ, mong ông vui lòng.

-Chắc hẳn biết ta là ai đấy chứ?

-Tôi ư, hoàn toàn không biết, và không quan tâm mấy.

-Và cậu nhầm rồi, bởi nếu cậu biết tên ta, có lẽ cậu sẽ bớt vội hơn.

-Vậy tên ông là gì?

-Bécnaju, sẵn sàng phục vụ cậu.

-Vậy thì Bécnaju – D'Artagnan bình thản nói – Tôi sẽ đợi ông ở cổng.

-Nào đi luôn, ta đi theo ông.

-Đừng có vội vã thế, thưa ông, để người ta khỏi thấy chúng ta cùng ra một lúc. Ông cũng hiểu về điều chúng ta sắp làm, nhiều người sẽ ngăn cản chúng ta.

-Tốt lắm – Tên cận vệ trả lời và lấy làm lạ vì tên mình không gây được hiệu quả gì cho chàng trai trẻ.

Thật ra, cái tên Bécnaju được tất cả mọi người biết đến có lẽ chỉ trừ mỗi D'Artagnan, bởi đó là một trong những cái tên mà tất cả những sắc lệnh của nhà Vua và của Giáo chủ đều không thể trấn áp.

Porthos và Aramis đang quá mải chơi và Athos cũng xem họ quá chăm chú, nên cũng không nhìn thấy người đồng đội trẻ của họ đi ra. D'Artagnan nói vậy với tên cận vệ của Đức ông rồi dừng lại ở cổng; một lát sau tên này đến lượt mình cùng đi xuống. Vì D'Artagnan không có nhiều thì giờ do sắp phải tiếp kiến nhà Vua ấn định vào lúc trưa, chàng đưa mắt nhìn xung quanh và thấy phố phường vắng vẻ, nên nói với địch thủ: -Thật lòng, may cho ông đấy, dù ông tên là Bécnaju, là chỉ mắc chuyện với một kẻ tập sự ngự lâm quân, song, hãy bình tĩnh, tôi sẽ chơi hết mình đấy. Coi chừng!

-Nhưng – kẻ bị D'Artagnan khiêu khích nói – Ta thấy hình như đã chọn nhầm địa điểm và có lẽ phía sau tu viện Saint-Germain hay Prê-ô-Cléc sẽ tốt hơn.

-Điều ông nói thật đầy ý nghĩa – D'Artagnan trả lời – Khốn nỗi tôi vì có cuộc hẹn lúc đúng trưa, nên rất ít thì giờ. Vậy hãy phòng thủ, ông ạ, phòng thủ đi!

Bécnaju không phải là người phải để cho người ta lắp lại đến hai lần lời mời mọc như thế. Cùng lúc ấy, thanh gươm của y lóe lên trong tay và nhảy bổ lên địch thủ, mà y hy vọng có thể làm cho hoảng sợ vì còn quá non nớt.

Nhưng D'Artagnan đã tập việc hôm trước, và chiến thắng thu được còn tươi rói, tràn trề ân sủng tương lai, nên quyết định không lùi một bước. Vì thế, hai

lưỡi gươm giao đấu tới tận đốc gươm và vì D'Artagnan đứng vững tại chỗ, nên chính địch thủ của chàng phải lui một bước về phía sau. Nhưng D'Artagnan nắm ngay cơ hội, lưỡi gươm của Bécnaju bị chệch hướng, chàng gỡ ra, chồm lên và đâm địch thủ trúng vai. Ngay tức khắc, D'Artagnan đến lượt mình, lùi lại một bước và giơ gươm lên.

Còn Bécnaju hét lên không hề gì, và điên rồ lao vào chàng và tự mình đâm vào gươm của D'Artagnan. Tuy nhiên, vì y chưa ngã, chưa chịu chấp nhận thua, mà chỉ dứt ra lùi về phía dinh quán ông De La Trênui, nơi y có một người họ hàng làm việc. Chính D'Artagnan cũng không rõ vết thương y vừa nhận trầm trọng thế nào, càng áp đảo mạnh và chắc chắn sắp kết liễu đời y bằng một nhát thứ ba thì tiếng ầm ĩ nổi lên ở ngoài phố lan đến chỗ chơi bóng ném, hai trong số bạn của Bécnaju đã nghe được y điều qua tiếng lại với D'Artagnan và thấy y đi ra sau đó, liền rút gươm nhảy bổ ra khỏi sòng chơi và bổ xuống người chiến thắng. Nhưng ngay tức khắc, Athos, Porthos và Aramis đến lượt họ cũng xuất hiện, và vào lúc hai tên cận vệ tấn công người đồng đội trẻ của họ, vì bọn cận vệ chỉ có hai chống lại bốn, chúng liền kêu lên: "Người nhà ông De la Trênui ơi, cứu chúng tôi!"

Nghe tiếng kêu, tất cả trong dinh quán đổ ra đâm bổ lên bốn người, về phía mình cũng hô hoán: "Ngự lâm quân! Cứu chúng tôi"

Tiếng kêu đó thường được ủng hộ, bởi người ta biết những lính ngự lâm là kẻ thù của Đức ông và người ta yêu mến họ vì mối căm ghét đối với Giáo chủ. Vì thế, những lính cận vệ của những đại đội khác với các đơn vị thuộc Giáo chủ Đỏ, như Aramis từng gọi, trong những loại xung đột như thế này, thường đứng về phía ngự lâm quân. Hai trong số ba cận vệ thuộc đại đội ông des Essarts đi qua thấy thế đã đến giúp bốn người, người còn lại chạy thẳng đến dinh ông De Treville hô hoán: "Ngự lâm quân đâu, cứu chúng tôi." Như thường lệ, dinh quán của De Treville lúc nào cũng đầy lính ngự lâm, nghe kêu cứu, họ chạy đến chi viện cho đồng đội của mình. Cuộc hỗn chiến diễn ra nhưng sức mạnh thuộc về quân ngự lâm. Lính cận vệ và gia nhân nhà De la Trênui rút lui vào dinh quán, kịp thời đóng chặt cửa ngăn kẻ thù tràn vào cùng với họ. Còn kẻ bị thương thì đã được khênh đi ngay từ lúc đầu, tình trạng rất xấu.

Sự khích động trong đám ngự lâm quân và những đồng minh của họ lên tới cục điểm và người ta đã thảo luận xem có nên phóng hỏa đốt dinh quán De la Trênui để trừng phạt bọn gia nhân nhà này đã đổ ra hỗn láo với ngự lâm quân của Nhà Vua không. Đề xuất đó đã được tán thành và hoan nghênh nồng nhiệt, may sao mười một giờ đã điểm. D'Artagnan và đồng đội của mình sực nhớ ra cuộc bái yết và vì thấy tiếc rằng người ta sắp làm một quả đẹp đến thế mà không có họ, họ bèn làm dịu bớt những cái đầu kia. Vậy là người ta bằng lòng với việc choang vài phiến đá lát vào cánh cổng, nhưng cánh cổng vẫn trơ trơ, nên cũng

thấy nan. Hơn nữa, những người được coi như là thủ lĩnh cũng đã rời nhóm được một lúc và đang đi về dinh quán nơi ông De Treville đã biết về vụ om sòm này, đang chờ đợi họ. Ông nói: -Nào nhanh lên, đến điện Louvre ngay, đến ngay Louvre đừng để mất một phút. Và cố gắng gặp nhà Vua trước khi Ngài được Giáo chủ báo cho biết. Chúng ta sẽ kể cho Ngài nghe việc này như là một chuỗi của vụ việc hôm qua, và cả hai sẽ được giải quyết cùng nhau.

Ông De Treville với bốn chàng trai trẻ đi cùng, tiến về phía điện Louvre. Nhưng người ta báo cho ông biết nhà Vua đi săn nai trong rừng Saint-Giécanh khiến ông đại úy ngự lâm quân hết sức ngạc nhiên; ông De Treville làm cho người ta phải nhắc lại hai lần cái tin đó và mỗi lần những người cùng đi lại thấy mặt ông tối sầm lại. Ông hỏi: -Vậy chứ Hoàng thượng ngay từ hôm qua đã có dự định tiến hành cuộc đi săn này chăng?

-Không, thưa đại nhân – viên hầu cận nhà Vua trả lời – Chủ chó săn đến báo với Ngài sáng nay rằng ông đã làm lạc hướng được một con nai theo ý đồ của mình. Lúc đầu nhà Vua trả lời sẽ không đi, rồi Ngài lại không thể cưỡng nổi cái thú đi săn đó và cơm trưa xong là Ngài đi.

-Và nhà Vua đã gặp Giáo chủ chưa? – ông Treville hỏi.

-Có thể lắm – viên hầu cận đáp – bởi sáng nay tôi trông thấy những con ngựa của cỗ xe của Đức ông, tôi đã hỏi xe đi đâu và người ta trả lời tôi: Đi Saint-Germain.

-Chúng ta bị uống nước đục rồi – Ông De Treville nói – các vị, tối nay ta sẽ đến gặp nhà Vua. Nhưng còn các vị, ta khuyên các vị đừng thử vận may nữa.

Ý kiến quá hợp lý, nhất là lại xuất phát từ một người hiểu nhà Vua quá rõ, nên bốn người không dám chống lại. Ông De Treville yêu cầu họ người nào về nhà nấy và đợi tin của ông.

Bước vào nhà, ông De Treville thấy ngay phải tranh thủ thời gian khiếu nại trước. Ông phái một trong những gia nhân của mình tới nhà ông De la Trênui mang theo một bức thư, trong đó ông yêu cầu hãy tống cổ ra khỏi nhà tên cận vệ của Giáo chủ, và trách phạt những kẻ đã táo tợn đổ ra khỏi nhà chống lại ngự lâm quân. Nhưng ông De la Trênui đã được người coi chuồng ngựa là bà con của Bécnaju báo trước nên đã trả lời: không phải ông De Treville cũng chẳng phải bọn ngự lâm quân có quyền khiếu nại, mà hoàn toàn trái lại, ông ta mới có quyền đối với những người lính ngự lâm, những kẻ chẳng những đã đánh gia nhân của ông ta mà còn định đốt nhà ông ta. Vì cuộc tranh cãi giữa hai vị quan nhân có thể kéo dài, mỗi bên tất nhiên khăng khăng giữ ý kiến của mình, ông De Treville nghĩ ra một kế với mục đích chấm dứt mọi chuyện, đó là tự ông đến tìm ông De la Trênui.

Ông liền đi ngay đến nhà ông này và yêu cầu báo tin.

Hai vị đại quan lịch sự chào nhau, bởi nếu như không thân thiết với nhau, ít ra họ cũng nể trọng nhau. Cả hai đều là người tử tế và trọng danh dự. Và vì ông De la Trênui theo đạo Tin lành, hiếm khi gặp nhà Vua, không thuộc đảng phái nào, nói chung trong những mối quan hệ xã hội ông không mang theo thiên kiến nào. Tuy nhiên, lần này, sự tiếp đón của ông, cho dù lịch thiệp, vẫn cứ lạnh lùng hơn thường lệ.

-Thưa ông – Ông De Treville nói – chúng ta nghĩ rằng chúng ta có chuyện trách cứ lẫn nhau, và tự tôi đến đây để chúng ta cùng nhau làm sáng tỏ vụ việc này.

-Xin sẵn sàng – Ông De la Trênui trả lời – nhưng tôi báo trước cho ông rằng tôi đã được thông tin đầy đủ, và mọi lỗi là thuộc lính ngự lâm của ông.

-Ông là một người rất công minh, chính trực, thưa ông, – ông De Treville nói – chắc sẽ chấp nhận đề xuất sắp nói ra.

-Ông cứ nói, tôi nghe đây.

-Ông Bécnaju, người bà con của người coi ngựa của ông ấy hiện thế nào?

-Ồ, thưa ông, tệ hại lắm. Ngoài nhát gươm bị đâm vào cánh tay không phải là không nguy hiểm, ông ta còn bị bồi một nhát khác xuyên qua phổi khiến thầy thuốc nói đến những điều không hay.

-Nhưng người bị thương còn tỉnh chứ?

-Hoàn toàn tỉnh táo.

-Vẫn nói được?

-Nói khó khăn, nhưng vẫn nói được.

-Vậy thì, thưa ông, chúng ta hãy đến bên ông ta, khẩn cầu ông ta, hãy nhân danh Chúa có lẽ ông ta sắp về chầu nói ra sự thật. Tôi sẽ coi ông ta như một phán quan tự xét xử mình và thưa ông, tôi sẽ tin tất cả những gì ông ta sẽ nói ra.

Ông De la Trênui nghĩ một lát, rồi vì khó có thể tìm ra một đề xuất hợp lý hơn, ông chấp nhận.

Cả hai cùng đi xuống căn phòng người bị thương. Người này, nhìn thấy hai vị đại quan tôn quý thăm mình, cố từ trên giường ngồi dậy, nhưng quá yếu và lịm đi vì cố sức, lại ngã xuống hầu như bất tỉnh.

Ông De la Trênui lại gần và cho người này hít một thứ muối khiến cho tỉnh lại. Lúc đó, ông De Treville không muốn người ta cáo buộc ông đã làm ảnh hưởng đến người ốm, nên mời ông Trênui tự mình thẩm vấn người này.

Điều mà ông De Treville tiên đoán đã xảy ra. Trong tình trạng giữa cái sống và cái chết như Bécnaju, ông ta không còn ý định giấu giếm sự thật thêm chút nào nữa Và ông ta đã kể lại cho hai vị đại quan nghe mọi điều đúng như nó đã xảy la.

Đó là tất cả những gì ông De Treville mong muốn. Ông chúc Bécnaju chóng bình phục, xin phép ông De la Trênui được cáo lui, trở về dinh xá của mình và

lập tức báo cho bốn người bạn rằng ông đang chờ họ đến ăn cơm trưa.

Ông De Treville tiếp đãi nhóm người ưu tú nhất, nhưng tất nhiên hoàn toàn chống Giáo chủ. Vậy nên câu chuyện suốt trong bữa ăn đều xoay quanh hai cuộc đại bại mà bọn cận vệ của Đức ông vừa nếm trải. Vì D'Artagnan đã thành người hùng của hai ngày ấy, cho nên những lời chúc tụng của Athos, Porthos và Aramis thi nhau trút xuống cho chàng không những với tư cách những người bạn tốt mà còn là những người luôn được hưởng niềm vui đó, nay đến lượt họ dành cho chàng.

Khoảng sáu giờ, ông De Treville cho biết ông đã định đến điện Louvre, nhưng vì giờ tiếp kiến nhà Vua chuẩn y đã qua, đáng lẽ yêu cầu đi vào bằng cầu thang nhỏ, ông và bốn chàng trai trẻ ngồi trong phòng đợi. Nhà Vua còn chưa đi săn về. Mấy người ngồi đợi, lẫn trong đám quần thần, khoảng gần nửa giờ, thì mọi cửa đều mở ra, và người ta thông báo Hoàng thượng đã nghe thông báo vậy, D'Artagnan cảm thấy rùng mình đến tận xương tủy. Giây phút sắp tiếp theo, chắc sẽ quyết định quăng đời còn lại của chàng. Vì vậy, mắt chàng chăm chăm lo lắng nhìn vào chiếc cửa mà nhà Vua sẽ đi vào.

Louis XIII hiện ra trước tiên. Ông mặc bộ đồ săn còn đầy bụi, đi đôi ủng lớn, tay cầm roi. Thoạt nhìn, D'Artagnan đoán ngay nhà Vua đang hầm hầm nổi giận. Tính khí ấy thường rõ ở Hoàng thượng vẫn không ngăn được quần thần xếp hàng trên lối Ngài đi. Trong những tiền sảnh của cung điện, thà bị nhìn bằng con mắt giận dữ còn hơn không được nhìn thấy chút nào, vậy nên ba chàng ngự lâm không ngần ngại tiến lên một bước trong khi D'Artagnan trái lại vẫn nấp đằng sau họ. Nhưng cho dù nhà Vua biết rõ từng người Athos, Porthos, Aramis, ngài vẫn đi qua trước mặt mà không nhìn họ, không nói gì với họ như thể chưa từng bao giờ gặp họ. Còn như ông De Treville, khi đôi mắt nhà Vua dừng lại giây lát nơi ông, ông chống đỡ cái nhìn ấy hết sức kiên cường, và chính nhà Vua phải nhìn đi nơi khác.

Sau đó, Hoàng thượng mồm không ngớt lầu nhầu trở về cung thất.

-Mọi chuyện không ổn rồi – Athos vừa nói vừa mỉm cười – và lần này bọn ta sẽ chưa được ban tặng huân chương hiệp sĩ đâu.

-Hãy đợi đây mười phút – Ông De Treville nói – Và nếu trong vòng mười phút, các người không thấy ta quay ra, hãy trở về dinh xá của ta, bởi chờ thêm cũng vô ích.

-Bốn chàng trai trẻ đợi mười phút, mười lăm, hai mươi phút.

-Và thấy ông De Treville không hề trở lại, họ ra về lòng đầy lo lắng về điều sắp xảy ra.

Ông De Treville rắn rỏi đi vào tư phòng của nhà Vua, và thấy Hoàng thượng ngồi trên ghế tựa, vẻ mặt rất dữ tợn, đang đập cán roi vào đôi ủng, điều đó cũng không ngăn nổi ông vấn an sức khỏe nhà Vua, một cách hết sức bình thản.

-Tồi lắm, ông ạ, tồi lắm – Nhà Vua trả lời – ta đang phiền muộn.

Đó quả thật là căn bệnh tệ hại nhất của Louis XIII, Ngài thường túm lấy một triều thần, kéo đến bên khung cửa sổ và bảo người này: "Này, ông gì ơi! hãy buồn phiền cùng nhau nào."

-Sao! Hoàng thượng phiền muộn ư? – Ông De Treville nói – Vậy hôm nay Ngài đi săn không vui à?

-Vui quá đi chứ! Ta tin rằng, tất cả xuống cấp rồi. Và ta không biết liệu chứ con mồi đã biến mất tăm hay lũ chó không còn mũi nữa. Chúng ta khởi động bằng một con nai mươi nhánh gạc, đuổi theo nó sáu tiếng đồng hồ, và khi sắp tóm được nó, khi Saint Ximông đã đưa tù và lên miệng để báo hiệu "chết này", thì đùng một cái, cả lũ chó ngửi thấy mùi khác, đổi hướng, đuổi theo một con hươu con. Rồi ông sẽ thấy ta sẽ buộc phải từ bỏ săn đuổi bằng chó như đã tửng từ bỏ lối săn bằng chim ưng thôi! Ôi, ta là một ông vua rất là bất hạnh, ông Treville ạ! Ta chỉ còn mỗi con chim ưng thì nó đã chết hôm kia rồi.

-Tâu Bệ hạ, quả vậy, và thần hiểu nỗi thất vọng của Bệ hạ, nỗi bất hạnh thì lớn, nhưng Ngài vẫn còn hình như vô số chim cắt, chim ó và chim hâu.

-Và không có người huấn luyện chúng. Những người dạy chim săn mồi đã bỏ đi, chỉ còn lại mỗi ta biết nghệ thuật săn bằng chó. Cùng với ta, mọi thứ sẽ mất và sau đó nghề săn chỉ còn với những bẫy, những cạm, những sập. Nếu ta có thì giờ để đào tạo một lũ học trò nhỉ? Mà phải, Giáo chủ ở đó, chẳng để ta thảnh thơi một lát, nói với ta về Tây Ban Nha, về nước Áo, nước Anh! À, nhân nói về Giáo chủ, ông Treville này, ta không hài lòng về ông đâu.

Ông De Treville chỉ đợi nhà Vua chuyển sang chuyện này. Ông biết nhà Vua từ lâu. Ông hiểu tất cả những điều nhà Vua phàn nàn chỉ là đoạn giáo đầu, một loại kích thích để tự trấn an mình, và đâu là chỗ nhà Vua đã đi đến, cuối cùng nhà Vua muốn đi đến đâu.

Ông De Treville giả vờ hết sức kinh ngạc và hỏi: -Thần đã chẳng may làm Bệ hạ bất hạnh ở điêm nào?

-Này ông, thế ông điều hành công việc như thế sao? – Nhà Vua tiếp tục mà không trực tiếp trả lời câu hỏi của Treville – Phải chăng ta phong ông chức đại úy ngự lâm quân của ta để bọn này sát hại một người, làm náo loạn cả một khu phố và muốn đốt cả Paris mà ông không nói được một lời ư? Nhưng – Nhà Vua tiếp – chắc là ta đã vội vã buộc tội ông, chắc là những kẻ gây rối loạn đã ở trong tù và ông đến báo với ta công pháp đã được thi hành.

-Tâu Bệ hạ – Ông De Treville bình tĩnh trả lời – thần đến để xin Ngài điều ngược lại.

-Và chống lại ai? – Nhà Vua quát.

-Chống lại bọn vu khống – Ông De Treville nói.

-A, thế thì lại mới rồi – Nhà Vua tiếp – Ông không định nói với ta rằng ba tên ngự lâm trời đánh của ông, Athos, Porthos và Aramis, và cái tên nhãi con ở Bearn của ông đã không nhẩy xổ như một lũ điên vào ông Bécnaju khốn khổ và đã hành hạ ông ta tới mức có thể vào giờ này đang hấp hối rồi? Ông không định nói, tiếp đó, bọn chúng không vây chặt tư dinh Công tước De la Trênui và chúng không hề muốn thiêu cháy nó hay sao? Vào thời chiến có thể điều đó không phải là nỗi bất hạnh quá lớn, coi như đó là một cái tổ của bọn tân giáo Canvanh, nhưng trong thời bình, đó là một tấm gương tệ hại. Nói xem, ông định chối tất cả những cái đó hay sao?

-Và ai đã kể cho Hoàng thượng câu chuyện hay ho đó? – Ông De Treville bình tĩnh hỏi.

-Ai đã kể ta nghe câu chuyện hay ho đó ư? Và ông muốn người đó phải là ai, nếu không phải là người đã thức trong khi ta ngủ, đã làm việc khi ta vui chơi, đã đối nội, đối ngoại cho vương quốc, ở nước Pháp cũng như ở châu Âu?

-Chắc hẳn Hoàng thượng muốn nói đến Chúa Trời rồi! – Ông De Treville nói – Bởi thần chỉ biết là Chúa Trời mới ở trên Hoàng thượng xa đến thế.

-Không, ông ơi, ta muốn nói về trụ cột quốc gia, về người tôi hiền duy nhất, người bạn duy nhất của ta, Đức Giáo chủ.

-Tâu, Đức ông đâu phải Đức chí thánh (ý nói Giáo hoàng – ND).

-Ý ông nói thế nào?

-Dạ, là chỉ có Đức Giáo Hoàng mới không thể sai lầm, và sự bất khả lầm lẫn ấy không lan đến các Giáo chủ.

-Ông muốn nói Giáo chủ lừa ta, ông muốn nói ông ta phản ta. Vậy là ông buộc tội Giáo chủ rồi. Xem nào, nói đi, thành thật thú nhận ông buộc tội ông ta đi?

-Không, tâu Bệ hạ, nhưng thần nói là chính Giáo chủ đã nhầm. Thần nói là ông ta đã bị đưa thông tin sai lạc. Thần nói là ông ta đã vội vã cáo buộc những lính ngự lâm của Hoàng thượng. Ông ta đã bất công với họ, và ông ta đã không nắm được những tin tức đáng tin cậy.

-Sự cáo buộc này là do từ ông De la Trênui, do từ chính công tước. Ông trả lời sao điều này?

-Tâu, thần có thể trả lời, ông ta quá dính líu đến vấn đề này nên không thể là một nhân chứng vô tư. Nhưng thần đã không nghĩ như thế, tâu Bệ hạ, thần biết Công tước là một nhà quý tộc trung thực, nên sẵn sàng trông mong vào Công tước, với một điều kiện.

-Điều kiện gì?

-Là Hoàng thượng sẽ triệu ông ấy đến, thẩm vấn ông ấy, đích thân Hoàng thượng, mặt đối mặt, không nhân chứng và sau khi Hoàng thượng đã tiếp kiến Công tước, thần sẽ tái yết Hoàng thượng ngay.

-Chà chà! – Nhà Vua nói – Và ông sẽ tin vào những gì ông De la Trênui sẽ nói chứ?

-Vâng, thưa Hoàng thượng.

-Ông chấp nhận sự phán xử của ông ta?

-Chắc chắn thế.

-Và ông sẽ chịu những bồi khoản mà ông ta đòi hỏi?

-Hoàn toàn.

-La Sétxnay đây, La Sétxnay!

Người hầu cận tin cẩn của Louis XIII luôn đứng ở cửa đi vào.

Nhà Vua nói: -La Sétxnay? Đến triệu ngay ông De la Trênui, ta muốn nói chuyện với ông ấy tối nay.

-Hoàng thượng hứa với thần là sẽ không tiếp ai giữa ông Trênui và thần chứ?

-Không ai, lời hứa của nhà quý tộc.

-Vậy, tâu Bệ hạ, xin đến mai.

-Ừ, ngày mai.

-Lúc mấy giờ, xin Hoàng thượng vui lòng?

-Giờ nào ông muốn cũng được.

-Nhưng đến quá sớm, thần e làm thức giấc Hoàng thượng.

-Thức giấc ta ư? Ta ngủ ư? Ta không ngủ được nữa ông ạ.

-Đôi khi ta mơ màng, thế thôi. Vậy ông cô thể đến sáng sớm nếu ông muốn, lúc bẩy giờ, nhưng ông coi chừng, nếu bọn ngự lâm quân của ông là lũ tội phạm.

-Nếu những lính ngự lâm của thần phạm tội, những kẻ phạm tội sẽ được trao vào tay Hoàng thượng, xử họ ra sao là theo ý của Hoàng thượng. Hoàng thượng còn đòi hỏi điều gì thêm nữa.

-Không, không, và người ta gọi là ta Louis chí công không phải không có lý. Vậy ngày mai nhé.

-Cầu Chúa phù hộ cho Hoàng thượng?

-Nhà Vua có ngủ ít mấy, ông De Treville còn khó ngủ hơn.

Ngay lúc tối ông đã sai báo cho ba người lính ngự lâm và đồng đội của họ phải có mặt ở nhà ông từ sáu rưỡi sáng. Ông dẫn họ theo, không khẳng định với họ điều gì cũng không hứa hẹn điều gì và không giấu giếm họ ân sủng của họ và ngay cả của ông đang trông vào một nước bài.

Đến chân cầu thang nhỏ, ông để họ đợi. Nếu Nhà Vua vẫn giận họ, họ sẽ biến ngay không để bị nhìn thấy. Nếu nhà Vua bằng lòng tiếp họ, chỉ việc cho gọi họ.

Đến phòng đợi đặc biệt của nhà Vua, ông De Treville thấy La Sétxnay cho biết người ta không gặp Công tước De la Trênui tối hôm qua ở tư dinh ông ta, ông ta về nhà quá muộn nên không có mặt ở điện Louvre được, và ông ta chỉ vừa mới đến và lúc này đang ở chỗ nhà Vua.

Tình thế xảy ra làm ông De Treville rất thích, vì như vậy chắc chắn sẽ không có bất cứ một sự gợi ý bên ngoài nào xen vào lời khai của ông De la Trênui và ông.

Quả nhiên, chưa đầy mười phút sau, cánh cửa cung thất mở và ông De Treville thấy ông De la Trênui đi ra, ông này đến gặp ông và bảo: -Thưa ông De Treville, Hoàng thượng vừa triệu tôi để biết mọi chuyện đã diễn ra hôm qua ở nhà tôi thế nào. Tôi đã nói với Ngài sự thật, nghĩa là lỗi thuộc người của tôi và tôi sẵn sàng xin lỗi ông. Một khi đã được gặp ông thế này, xin ông nhận cho và xin coi tôi luôn như là một trong những người bạn của ông.

-Thưa Công tước – Ông De Treville nói – Tôi đầy lòng tin tưởng vào sự trung thực của ngài đến mức tôi chẳng muốn ai khác làm người bào chữa cho tôi hơn là chính ngài trước Hoàng thượng. Tôi thấy rõ tôi đã không bị lầm, và tôi xin cám ơn ngài về việc hãy còn một người ở nước Pháp, mà người ta có thể nói về người đó mà không bị nhầm như điều tôi đã nói về ngài.

-Hay lắm, tốt lắm! – Nhà Vua nói, vì đã nghe được tất cả những lời khen ngợi nhau của họ – Có điều hãy nói với ông ta, Treville ạ, vì ông ta tự coi là một trong những người bạn của ông, thì cả ta nữa, ta cũng muốn là bạn của ông ta, nhưng ông ta lại nhạt nhẽo với ta, có đến ba năm ta không gặp ông ấy và ta chỉ gặp được khi nào ta cho tìm. Hãy nói cho ông ta biết tất cả cái đó hộ ta, bởi đó là những việc mà một ông vua không thể tự nói ra được.

-Xin cảm tạ Bệ hạ, xin cảm tạ – Công tước nói – nhưng Bệ hạ hay tin rằng không phải những người mà lúc nào Bệ hạ cũng gặp là những người tận tụy với Bệ hạ nhất, cố nhiên thần không hề nói điều ấy, đối với ông De Treville.

-À! Ông cũng đã nghe điều ta nói rồi. Càng tốt, ông Công tước, càng tốt – Nhà Vua vừa nói vừa tiến ra đến tận cửa – A, ông đấy ư? Thế các ngự lâm quân của ông đâu? Hôm kia ta đã bảo ông đem theo họ đến kia mà, tại sao ông không làm thế?

-Tâu, họ ở phía dưới, Bệ hạ cho phép, ông La Sét-xnay sẽ xuống bảo họ lên.

-Phải, phải, bảo họ lên ngay. Sắp tám giờ còn gì. Chín giờ ta lại có khách. Ông Công tước, ông đi đi và nhớ trở lại. Vào đi ông Treville.

Công tước chào và đi ra. Đúng lúc ông mở cửa, ba người ngự lâm và D'Artagnan do La Sét-xnay dẫn đường, hiện ra ở phía trên cầu thang.

-Lại đây, những con người dũng cảm của ta – Nhà Vua nói – lại đây ta có chuyện quở mắng các ngươi đây.

Những người ngự lâm nghiêng mình lại gần, D'Artagnan đi sau họ.

-Quỷ nhà trời ạ! – Nhà Vua tiếp tục – chỉ với bốn người các khanh mà bẩy cận vệ của Đức ông bị loại khỏi vòng chiến đấu! Quá đấy, các vị ạ, quá đấy. Cứ đà này, Đức ông sẽ buộc phải tân trang đại đội của mình trong ba tuần, và ta phải

áp dụng các sắc lệnh hết sức nghiêm ngặt. Một, do không may ta không nói làm gì, nhưng bẩy người trong hai ngày, ta nhắc lại, thế là quá, là quá nhiều.

-Cho nên, tâu Bệ hạ! Người thấy họ hết sức ăn năn hối hận đến tạ tội với Bệ hạ đấy ạ.

-Hết sức ăn năn hối hận ư! Hừm! – Nhà Vua nói – Ta chẳng tin chút nào vào những bộ mặt đạo đức giả của họ. Nhất là cái bộ mặt Gátxcông kia kìa. Nào lại đây, ông trẻ.

D'Artagnan hiểu lời khen chính là ban cho chàng, tiến lại làm ra vẻ thất vọng nhất.

-Này ông! Thế này mà ông bảo ta là một chàng trai ư? Là một đứa trẻ, ông Treville ạ, một đứa trẻ thật sự! Và chính tay trẻ con này đã tặng cho Jussac một nhát gươm chí mạng?

-Và hai nhát gươm tuyệt chiêu cho Bécnaju.

-Thật thế ư? Không kể – Athos nói – nếu chàng ta không cứu thần khỏi bàn tay cả Bicara, chắc chắn là thần đã không có được vinh dự lúc này được tỏ lòng vô cùng tôn kính Hoàng thượng.

-Ồ, thế thì cái gã Bearn này đúng là một con quỷ thực sự rồi, như phụ vương ta thường nói, phải không ông Treville? Ở cái nghề này, là phải nhiều áo chẽn bị đâm thương và đánh gãy nhiều lưỡi gươm. Thế mà, dân Gátxcông thường nghèo, có phải không?

-Tâu Bệ hạ, thần phải nói rằng người ta còn chưa tìm thấy mỏ vàng trong những dãy núi của họ, dù Đấng toàn năng đáng lẽ phải ban cho họ phép mầu ấy, để thưởng công cho họ đã ủng hộ những cao vọng của Đức tiên vương.

-Nói như thế có nghĩa chính những người Gátxcông đã làm cho ta thành vua, phải không ông Treville, vì ta là con trai của cha ta? Ồ, ta có bảo là không phải đâu. La Sétxnay, hãy xem xem, lục tất cả các túi áo của ta xem, ngươi sẽ thấy bốn mươi đồng pítxtôn, thấy thì đem ra đây. Và bây giờ, chàng trai trẻ, hãy nói thật đi, chuyện đó xảy ra thế nào?

D'Artagnan kể lại cuộc phiêu lưu mạo hiểm hôm trước với đủ mọi tình tiết: không ngủ được vì vui mừng sắp được thấy Hoàng thượng, nên đã đến nhà các bạn mình sớm hơn ba tiếng đồng hồ trước giờ bái yết, rồi họ đã cùng nhau đến sân chơi thế nào, rồi về sự sợ hãi chàng để lộ ra khi nhận một trái bóng ném sượt mặt, bị Bécnaju nhạo báng, và ông ta suýt đã phải trả giá sự nhạo báng bằng tính mạng của mình, và ông De la Trênui hoàn toàn vô tư, suýt bị mất cả cư dinh của mình.

-Đúng là như vậy – Nhà Vua lẩm bẩm – Ông Công tước cũng kể với ta y như vậy. Ngài Giáo chủ tội nghiệp! Bẩy người trong hai ngày và là những người thân quý nhất ông ta. Nhưng thế là đủ rồi. Thế là các ông đã rửa hận ở phố Fréjus rồi, và còn vượt mức nữa. Các ông chắc đã thỏa lòng.

-Nếu như Hoàng thượng thỏa lòng – Ông Treville nói – Chúng thần cũng như vậy.

-Phải, ta cũng vậy – nhà Vua vừa nói thêm vừa vốc một vốc tiền vàng trên tay La Sétxnay và đặt vào tay D'Artagnan.

-Và đây, một bằng chứng về sự thỏa mãn của ta.

Thời buổi đó những ý tưởng về tự trọng còn chưa phải là mất sống như ngày nay. Một nhà quý tộc nhận tiền từ tay nhà Vua không có gì là nhục nhã. Vì vậy D'Artagnan đút luôn bốn mươi đồng vàng vào túi mà không nề hà gì, trái lại còn hết lòng cảm tạ Hoàng thượng.

-Kìa – Nhà Vua vừa nói nhìn đồng hồ treo – Đã tám rưỡi rồi, các ông về đi, bởi như ta nói, ta đợi một người lúc chín giờ. Cảm ơn lòng tận tâm của các vị. Ta có thể trông cậy được đấy chứ, phải không?

-Ồ tâu Bệ hạ – cả bốn người cùng hô lên. Chúng thần sẵn sàng xả thân thành từng mảnh vì Bệ hạ.

-Tốt, tốt lắm, nhưng hãy giữ được vẹn toàn. Như thế tốt hơn, và sẽ hữu ích hơn. Ông Treville này, – trong khi những người kia rút lui nhà Vua nói khẽ thêm – vì ngự lâm quân không còn chỗ, hơn nữa để xung vào binh đội ấy, chúng ta đã quyết định phải qua một thời kỳ tập sự, vậy ông hãy cho cậu ta vào đại đội cận vệ của ông des Essarts, em rể ông. Chà, trời ơi! Treville ạ, ta khoái vì sự nhăn nhó sắp tới đây của ông Giáo chủ. Ông ấy sẽ nổi cơn thịnh nộ, nhưng ta cóc cần, ta có quyền của ta.

Rồi nhà Vua vẫy tay chào Treville đang đi rạ để đuổi kịp mấy lính ngự lâm của mình, và ông thấy họ đang chia nhau với D'Artagnan món bốn mươi đồng tiền vàng.

Còn Giáo chủ, đúng như nhà Vua đã nói, quả nhiên vô cùng tức giận, đến mức suốt tám ngày bỏ cả chơi bài với nhà Vua, điều đó không hề ngăn nhà Vua thể hiện thái độ vồn vã nhất trên đời với Giáo chủ và mỗi khi gặp ông ta, nhà Vua lại hỏi han ông bằng một giọng ân cần nhất: -Thế nào, ngài Giáo chủ, mấy cái tay Bécnaju và Jussac tội nghiệp ấy của khanh ra sao rồi?

§7. Nội tình mấy chàng ngự lâm quân

Khi D'Artagnan ra khỏi điện Louvre và hỏi ý kiến các bạn nên dùng vào việc gì – phần chia của mình số bốn mươi đồng vàng đó Athos khuyên chàng nên đặt một bữa ăn ngon ở Pom de Panh, Porthos khuyên nên thuê một người hầu, còn Aramis khuyên nên có một cô nhân tình ưng ý.

Bữa chén được thực hiện ngay hôm ấy, và người hầu đã phục vụ ngay. Bữa chén được Athos đặt, còn người hầu, Porthos kiếm giúp. Đó là một gã Pica mà chàng ngự lâm huênh hoang này thuê được ngay ngày hôm ấy và đúng dịp ấy, trên cầu De la Tuốcnen trong khi gã ta đang vừa đi quanh quẩn vừa nhổ xuống nước.

Porthos đã cho rằng việc gã ta làm là bằng chứng của một tư chất chín chắn và thâm trầm và chàng đã mang gã theo mà không cần ai giới thiệu. Bộ dạng bệ vệ của chàng quý tộc mà Planchet, tên gã Pica[30] tưởng mình sẽ hầu hạ chàng ta, khiến gã mê ngay, nhưng gã hơi thất vọng khi thấy vị trí đó đã có một chiến hữu tên là Mousqueton, và khi Porthos cắt nghĩa cho gã là nhà mình tuy lớn, nhưng không kham nổi hai người đầy tớ và gã phải vào phục vụ D'Artagnan. Tuy nhiên khi gã tham dự bữa trưa mà chủ gã thết đãi và gã thấy ông chủ rút từ túi một nắm tiền vàng ra trả, gã tin đã gặp vận và cảm ơn Trời cho gã rơi vào tay một ông vua Crésus[31]. Gã kiên trì giữ ý kiến ấy cho tới sau bữa tiệc mà những đồ ăn thừa đã khiến gã bù lại những bữa nhịn đói nhịn khát dài ngày. Nhưng đến tối, khi sửa soạn giường ngủ cho chủ, những ảo mộng của Planchet tàn lụi. Đồ nội thất chỉ duy nhất có cái giường và căn nhà chỉ có phòng đợi và phòng ngủ. Planchet ngủ trong phòng đợi trên một cái chăn lôi từ giường của D'Artagnan mà chàng đã bỏ không dùng.

Athos về phần mình cũng có một chàng hầu tên là Crimô, được chàng huấn luyện cho công việc phục vụ một cách rất đặc biệt. Athos, một tôn ông danh giá, là một người lặng lẽ ít nói. Đã năm hoặc sáu năm chàng sống trong tình bạn bè thân thiết và sâu sắc nhất với các đồng đội của mình là Porthos và Aramis, những người này nhớ rõ luôn thấy chàng mỉm cười nhưng không bao giờ nghe thấy tiếng chàng cười. Lời lẽ chàng nói thường vẫn tắt và biểu cảm, luôn chỉ nói những gì muốn nói, không thêm gì, không mua vui, không màu mè hoa mỹ, không kiểu cách. Cuộc chuyện trò của chàng là một sự việc, không thêm mắm thêm muối.

Cho dù Athos mới xấp xỉ ba mươi, có một thân hình và trí tuệ tuyệt vời, không ai thấy chàng có tình nhân. Chàng không bao giờ nói tới đàn bà. Có điều chàng không ngăn người khác nói về đàn bà trước mặt chàng, dù thật dễ nhận thấy về loại chuyện đó, nếu chàng có xen vào thì cũng chỉ là những lời lẽ chua

cay, những quan niệm chán đời, và chàng hoàn toàn khó chịu. Sự kín đáo tính lẩn tránh xã hội, và sự lầm lì biến chàng thành gần như một ông già. Để khỏi làm đảo lộn thói quen của chàng, Grimaud vậy là cũng phải quen với việc vâng lời chàng chỉ bằng một cử chỉ hoặc đơn giản chỉ là một cái máy môi. Chàng chỉ nói thành lời với hắn trong những trường hợp cực kỳ quan trọng.

Đôi khi Grimaud, kẻ vừa sợ chủ như sợ lửa, lại vừa hoàn toàn gắn bó và vô cùng kính trọng tài năng của chủ, tưởng rằng mình hoàn toàn hiểu chủ muốn gì, lao ngay đi thi hành mệnh lệnh, lại hóa ra làm ngược lại. Lúc đó Athos chỉ nhún vai, chẳng hề nổi giận, tẩn cho Grimaud mấy cái. Những hôm đó chàng mới nói một ít.

Porthos, như người ta có thể thấy, tính cách đối lập hẳn với Athos, không những nói nhiều, mà còn nói to, tuy với chàng chẳng quan trọng gì. Công bằng mà nói, dù người ta nghe hay không, chàng nói vì khoái được nói và khoái được nghe. Chàng nói về tất cả mọi thứ trừ khoa học, vin cớ từ hồi nhỏ ở lĩnh vực này, nhưng đã có mối căm ghét thâm căn cố đế các nhà bác học.

Chàng không được uy nghi bằng Athos, và cái cảm nghĩ về sự thấp kém của mình về chuyện đó, đã làm chàng thường bất công với con người quý tộc này ngay từ buổi ban đầu mới quen biết nhau, khiến chàng vì vậy thường cố chơi trội bằng những trang phục lộng lẫy. Nhưng, chỉ với chiếc áo choàng ngự lâm giản dị và chỉ riêng bằng cách ngẩng đầu ra sau và tiến bước, Athos ngay tức khắc đã giữ được vị trí xứng đáng với mình và đẩy anh chàng Porthos xuống hạng dưới rồi. Porthos tự an ủi bằng cách phao tin ầm ĩ ở phòng đợi của ông De Treville và trong các đơn vị cận vệ của điện Louvre về những vận may của mình mà Athos không bao giờ nói tới. Và lúc này, sau khi đã chuyển từ giới quý tộc nghi lễ sang giới quý tộc kiếm cung, từ triều phục sang tước Nam, chẳng còn vấn đề gì hơn với Porthos là một công chúa nước ngoài mong muốn đem đến cho chàng một tài sản khổng lồ.

Một ngạn ngữ cổ nói "Thầy nào, tớ ấy." Ta hãy chuyển từ người hầu của Athos sang người hầu của Porthos, từ Grimaud sang Mousqueton.

Mousqueton là người Noócmăng mà chủ của hắn đã đổi từ cái tên hòa bình là Bonlface[32] thành một cái tên cực kỳ kêu hơn là Mousqueton[33]. Hắn vào phục vụ Porthos với điều kiện chỉ được mặc và ở, nhưng thật sang. Hắn chỉ đòi được dành cho hai giờ mỗi người để cống hiến cho một công nghệ có thể cung cấp cho hắn những nhu cầu khác. Porthos thỏa thuận như thế, càng tốt cho chàng. Chàng may cho Mousqueton những áo chẽn bằng những áo cũ và áo choàng thay đổi của mình, và nhờ một gã thợ may rất thông minh chữa lại cho hắn những đồ cũ của chàng thành mới bằng cách lộn trong ra ngoài, gã này còn có một mụ vợ thường bị nghi ngờ là muốn hạ thấp những thói quen quý tộc của Porthos. Mousqueton với những quần áo chữa lại ấy, mặt mũi tươi cười đi theo hầu chàng:

Còn về Aramis, thì tính cách đã được phơi bày đầy đủ, cái tính cách này, thật ra cũng giống như các đồng đội của mình, chúng ta có thể theo dõi sự phát triển của nó qua tên hầu của chàng là Bazin. Bởi niềm hy vọng rằng chủ hắn một ngày nào đó lại thụ giáo, nên hắn luôn mặc đồ đen như kẻ hầu của một tu sĩ. Đó là một tay người miền Bêrích, khoảng ba nhăm tới bốn mươi tuổi, hiền lành, ôn hòa, mập mạp, giữ việc đọc các sách kinh mà chủ dành cho những giờ nhàn rỗi, bần cùng lắm mới phải làm cho họ một bữa trưa, ít món nhưng thật ngon. Ngoài ra, câm, mù, điếc, và nhất mực trung thành.

Giờ thì chúng ta đã biết ít ra cũng là bề ngoài, chủ và tớ, ta chuyển sang nơi ở của họ.

Athos sống ở phố Fréjus, cách vườn Luxembourg mấy bước chân. Cơ ngơi của chàng gồm hai phòng nhỏ, bài trí rất tinh tươm, trong một ngôi nhà cho thuê sẵn đồ đạc mà nữ chủ nhân còn trẻ và còn thật đẹp, đôi mắt hiền đưa tình với chàng một cách vô ích. Vài mảnh còn lại của một thời huy hoàng đã qua, chói lọi đây đó trên các dãy tường của một nơi ở khiêm nhường; đó là một thanh gươm chẳng hạn, giàu hoa văn Đamát[34] gợi cho người ta nhớ đến thời Frăngxoa đệ nhất, và chỉ chuôi gươm thôi, nạm nhiều đá quý có thể đã đáng giá hai trăm đồng tiền vàng mà vào những lúc túng quẫn nhất, Athos cũng không bao giờ chịu cầm cố hay đem bán. Thanh gươm đó từ lâu đã là tham vọng của Porthos, Porthos có thể cho đi mười năm tuổi thọ để có được thanh gươm đó.

Một hôm Porthos có một cuộc hẹn hò với một nữ Quận chúa, chàng cố thử mượn thanh gươm ấy của Athos. Athos, không nói gì dốc hết túi, nhặt tất cả những đồ trang sức, túi tiền, tua ngự và chuỗi vòng vàng, biếu cả cho Porthos. Còn về thanh gươm, Athos bảo chàng, nó đã được gắn liền vào chỗ của nó, và chỉ rời khỏi đấy khi chủ nó cũng rời khỏi nơi của mình. Ngoài thanh gươm ra, còn có một bức chân dung vẽ một quý ông thời Vua Henri III, sắc phục sang trọng nhất, và chân dung đó có một số nét giống Athos, một số nét tương đồng về gia hệ, chứng tỏ vị đại thần đó, hiệp sĩ phục vụ nhà Vua, là tổ tiên của chàng.

Cuối cùng, một cái hộp bằng kim hoàn lộng lẫy, có cùng gia huy như thanh gươm và bức chân dung đặt trên giữa lò sưởi, vênh váo khủng khiếp với những đồ bầy biện còn lại. Athos luôn mang theo chìa khóa chiếc hộp đó trong người. Nhưng một hôm chàng mở cái hộp trước mặt Porthos và Porthos đã có thể tin rằng cái hộp chỉ đựng các bức thư và các giấy tờ, những bức thư tình và giấy tờ của gia đình, chắc thế.

Porthos ở một căn nhà rất rộng và bề ngoài rất hào nhoáng ở phố Chuồng chim câu cũ. Mỗi lần chàng cùng một người bạn nào đó đi qua những cửa sổ nhà mình, Mousqueton bao giờ cũng quần áo hầu tươm tất ở bên một cửa sổ, và Porthos lại vênh mặt giơ tay nói: Nơi mình ở đó! Nhưng không bao giờ người ta

thấy chàng ở nhà, không bao giờ chàng mời ai lên đấy, và chẳng ai có thể nghĩ cái vẻ bề ngoài hào nhoáng ấy bên trong thực sự có những của cải gì.

Còn về Aramis, chàng sống ở một căn nhà nhỏ gồm khuê phòng, một phòng ăn và một phòng ngủ, phòng này ở tầng trệt trông ra một vườn nhỏ xanh tươi bóng mát, hàng xóm không thể nhìn qua được.

Về D'Artagnan, chúng ta biết chàng ở thế nào rồi, và ta đã làm quen với người hầu của chàng, gã Planchet.

D'Artagnan bản tính tò mò như những người được phú cho cái tài đa mưu túc kế, đem hết sức để tìm hiểu xem Athos, Porthos và Aramis đúng ra là người thế nào. Bởi dưới những cái tên chinh chiến đó, mỗi người đều giấu một cái tên quý tộc của mình, nhất là Athos cách xa hàng dặm đã thấy được mùi của một bậc đại công hầu. Vì vậy chàng hỏi Porthos để có được những thông tin về Athos và Aramis, và hỏi Aramis để biết Porthos.

Khốn thay bản thân Porthos cũng chỉ biết về cuộc đời của người bạn thầm lặng của mình qua những gì toát ra mà thôi.

Người ta đồn Athos đã gặp phải những bất hạnh lớn trong những chuyện yêu đương, và một sự phản bội ghê tởm đã đầu độc mãi mãi cuộc đời của con người hào hoa này. Sự phản bội ấy như thế nào? Mọi người đều không biết.

Còn như Porthos, ngoại trừ cái tên thật của chàng mà chỉ ông De Treville mới biết, cũng như tên thật của hai người bạn mình, cuộc đời của chàng thật dễ hiểu. Tự phụ và tuềnh toàng, người ta nhìn suốt được qua chàng như qua một tấm pha lê.

Điều duy nhất khiến có thể làm người điều tra sai lạc là việc người ta đi tin vào tất cả mọi điều hay cái tốt chàng nói về mình.

Aramis có vẻ chẳng có một bí mật nào, lại là một chàng trai ngấm ngầm những bí mật, ít trả lời những câu hỏi về người khác và lẩn tránh những câu người ta hỏi về mình. Một hôm, D'Artagnan sau khi đã hỏi Aramis rất lâu về Porthos, từ đó biết được cái tin đồn về vận đỏ của chàng ngự lâm với một nàng công chúa, lại cũng muốn biết những chuyện phiêu lưu tình ái của người đang đối thoại với mình như thế nào, liền hỏi: -Thế còn anh, người đồng đội thân mến của tôi, anh nói về các nữ Nam tước, nữ Bá tước và công chúa nương nương của những người khác, còn anh thì sao?

-Xin lỗi – Aramis ngắt lời – tôi nói bởi vì Porthos tự nói ra, bởi vì anh ấy toang toang nói ra những điều hay ho đó trước mặt tôi. Nhưng quý cậu D'Artagnan thân mến ạ, hãy tin rằng, nếu tôi nắm được những chuyện đó từ một nguồn tin khác, hoặc anh ấy thổ lộ ra với tôi sẽ chẳng có một vị nghe thú tội nào kín tiếng hơn tôi đâu.

-Tôi tin như thế mà – D'Artagnan nói tiếp – nhưng rốt cuộc, tôi thấy hình như, bản thân anh, anh cũng khá quen thuộc với các gia huy, bằng chứng là chiếc

khăn tay thêu ấy và nhờ nó tôi có vinh dự làm quen với anh.

Aramis lần này chẳng hề tức giận, mà chàng giữ thái độ nhã nhặn nhất, thân ái trả lời: -Bạn thân mến, đừng quên tôi vẫn muốn thuộc nhà thờ, và tôi trốn tránh tất cả những cơ hội đàng điếm. Cái khăn tay cậu thấy không hề được trao cho tôi mà là bị một trong những người bạn tôi bỏ quên ở nhà tôi. Tôi phải nhặt lấy để khỏi làm tổn hại đến thanh danh của bạn tôi và người đàn bà mà anh ấy yêu.

-Còn như tôi, tôi không hề có, và không hề muốn có nhân tình, noi theo tấm gương rất chí lý về mặt đó của Athos, người cũng chẳng có gì hơn tôi.

-Nhưng quỷ ạ? Anh đâu phải là tu viện trưởng, mà là ngự lâm quân kia mà.

-Tạm thời là ngự lâm quân như Giáo chủ nói thôi, ngự lâm quân bất đắc dĩ, mà người của nhà thờ lại ở trong tim, tin tôi đi.

-Athos và Porthos đã nhét tôi vào đấy, chiếm lĩnh tôi. Lúc sắp được thụ phong, tôi đã có một va vấp nhỏ với… Nhưng việc đó không liên can gì mav tới cậu, và tôi đã chiếm mất thì giờ quý báu của cậu rồi.

-Không hề gì, việc đó làm tôi thích lắm – D'Artagnan nói to và lúc này, tôi tuyệt nhiên không có việc gì để làm.

-Phải, nhưng tôi, tôi còn một quyển kinh phải đọc – Aramis trả lời – rồi lại còn mấy vần thơ phải làm mà bà De Eghiông yêu cầu tôi rồi tiếp đến, tôi phải qua phố Saint Ônôrê, để mua son cho bà De Chevreuse. Cậu thấy đấy, bạn thân mến, nếu như cậu chẳng vội gì, tôi lại rất vội.

Và Aramis thân mật chìa tay cho người đồng đội trẻ của mình xin được cáo lui.

Dù dày công đến mấy, D'Artagnan vẫn không thể biết gì hơn về ba người bạn mới của mình. Chàng đành hiện thời hãy cứ tin vào tất của những gì họ nói về quá khứ của họ, hy vọng vào những phát hiện chắc chắn hơn và sâu rộng hơn trong tương lai. Trong khi chờ đợi, chàng coi Athos như Akin Porthos như Ajắc[35] và Aramis như Jôdép[36], vả chăng, cuộc sống của bốn chàng trai trẻ rất vui tươi.

Athos cờ bạc, và luôn đen đủi. Song, chàng không vay các bạn một xu, cho dù túi tiền của chàng không ngừng phục vụ họ và khi chơi chịu, chàng luôn đánh thức chủ nợ lúc sáu giờ sáng để trả món nợ đêm trước.

Porthos hay chơi hăng máu. Những hôm đó, nếu được, người ta thấy chàng ăn mặc lộng lẫy, thái độ ngạo mạn, nếu thua, chàng biến mất mấy ngày liền không thấy tăm hơi, sau đó chàng xuất hiện, mặt nhợt nhạt, bộ dạng thuỗn ra, nhưng có tiền trong túi.

Còn Aramis, chàng không bao giờ bài bạc. Chàng đích thị là một lính ngự lâm tồi nhất và một thực khách vô duyên nhất.

Chàng luôn có nhu cầu làm việc. Đôi khi, giữa một bữa ăn trưa, trong hơi men của rượu vang, trong chuyện trò đang sôi nổi, khi ai nấy đều tin còn phải

ngồi tại bàn vài ba tiếng nữa, thì Aramis xem đồng hồ, đứng lên với nụ cười niềm nở xin phép mọi người phải đi để thỉnh giáo một nhà thần học ngụy lý[37] mà chàng đã có hẹn. Những lần khác chàng trở về cái tổ của mình để viết một luận văn, và yêu cầu các bạn đừng làm mình bị phân tâm.

Trong khi đó Athos mỉm một nụ cười dễ thương man mác, rất thích hợp với bộ mặt cao quý của mình, và Porthos thì vừa uống vừa rủa rằng Aramis sẽ mãi mãi chỉ là một mục sư cỡ thôn xóm.

Planchet, người hầu của D'Artagnan đeo đuổi vận may của mình một cách lịch sự. Hắn nhận ba mươi xu mỗi ngày. Và trong một tháng hai ngày hắn về nhà vui như chim sáo và niềm nở với chủ. Nhưng khi cơn gió hẩm hiu bắt đầu thổi lên khoản gia chánh ở phố Phu đào huyệt, nghĩa là khi số bốn mươi đồng vàng của Vua Louis XIII đã bị ngốn hết hoặc gần như thế, hắn bắt đầu ca cẩm khiến Athos thấy lợm giọng, Porthos thấy hỗn láo và Aramis thấy lố bịch. Athos khuyên D'Artagnan thải tên vô lại ấy Porthos muốn phải đánh đã và Aramis cho rằng một ông chủ phải được nghe những lời ca ngợi mình.

-Nói như các anh thì dễ – D'Artagnan nói – Athos, anh sống câm lặng với Grimaud, cấm hắn nói, do đó, không bao giờ nặng lời với hắn. Còn anh, Porthos, anh sống vương giả, anh như một vị thánh đổi tên Mousqueton của anh. Cuối cùng anh, Aramis luôn luôn phân tâm bởi những nghiên cứu thần học, anh tạo cảm hứng sùng kính sâu sắc cho bác hầu Bazin của anh, một con người hiền lành ngoan đạo. Nhưng tôi là kẻ không địa vị chắc chắn, không tài sản, không phải ngự lâm quân mà cũng chẳng quân cận vệ, làm sao tôi gây được lòng yêu mến, sự nể sợ hoặc lòng kính trọng của Planchet?

-Sự việc nghiêm trọng rồi! – Ba người bạn trả lời – Đó là công việc nội tình. Với người hầu cũng phải như với đàn bà thôi, phải tỏ ngay mình là chủ, nếu muốn giữ họ ở lại với mình. Cậu hãy nghĩ kỹ đi!

D'Artagnan suy nghĩ và cho rằng trước hết hãy tạm đánh cho Planchet một trận rồi hắn sẽ làm việc một cách có ý thức thôi. Thế rồi, sau khi đã nện hắn, chàng cấm hắn không được rời khỏi công việc nếu không được phép, chàng nói thêm: "Bởi vì ta không thể cứ xúi quẩy mãi, ta đang mong đợi không gì lay chuyển nổi những vận hội tốt đẹp hơn. Vận may của người cũng sẽ đến nếu còn ở bên ta. Và ta là một ông chủ quá tất nên không để người lỡ vận may bằng cách chấp nhận cho nghỉ việc như người yêu cầu đâu.

Cách xử sự đó khiến mấy người bạn đều rất phục. Planchet cũng phục và không nói đến chuyện ra đi nữa.

Bốn người bạn trẻ như sống trong một cộng đồng.

D'Artagnan chưa mắc thói quen nào khi từ tính nhỏ đến và rơi vào một thế giới hoàn toàn mới mẻ với mình, noi theo ngay những thói quen của các bạn.

Mùa đông, dậy lúc tám giờ, mùa hè, sáu giờ đến nhà ông Treville nhận khẩu lệnh và nghe ngóng công việc. D'Artagnan, dù chưa phải ngự lâm quân, vẫn thực hiện công việc với giờ giấc chính xác đáng khen. Chàng luôn đi gác, vì luôn đi theo một trong ba người đến phiên gác của họ. Cả doanh trại ngự lâm quân, mọi người đều biết chàng là ai cũng coi chàng là một đồng đội tốt. Ông De Treville ngay buổi tiếp xúc ban đầu đã đánh giá cao chàng và thật lòng yêu mến, không ngừng tiến cử chàng với nhà Vua.

Về phần mình, ba chàng ngự lâm rất yêu quý người bạn trẻ. Tình bạn đã liên kết bốn con người lại với nhau và nhu cầu ngày gặp nhau ba bốn lần hoặc cho việc quyết đấu, hoặc vì công việc, hoặc để vui chơi, khiến họ không ngừng chạy theo nhau như hình với bóng và người ta luôn gặp những con người không thể tách rời nhau ấy tìm nhau từ vườn hoa Luychxămbua đến quảng trường Saint-Sulpice hoặc từ phố Chuồng chim câu cũ đến vườn Luxembourg.

Trong khi chờ đợi, những lời hứa hẹn của ông De Treville cũng được xúc tiến. Rồi một hôm, nhà Vua hạ lệnh cho ông Hiệp sĩ des Essarts lấy D'Artagnan vào làm thiếu sinh quân trong đại đội cận vệ của ông. D'Artagnan thở dài khoác bộ quần áo cận vệ mà chàng những muốn các thêm mười năm tuổi thọ để đổi lấy chiếc áo ngự lâm quân. Nhưng ông De Treville hứa sự ưu ái đó sau hai năm tập sự, vả chăng, việc tập sự có thể rút ngắn nếu D'Artagnan có cơ hội lại làm một việc gì hữu ích cho nhà Vua hoặc lập được một chiến công chói lọi. Sau khi được hứa hẹn như vậy D'Artagnan rút lui và từ ngày hôm sau, bắt đầu việc quân ngũ.

-Thế là đến lượt Athos, Porthos và Aramis đi gác với D'Artagnan khi đến phiên chàng. Đại đội của Hiệp sĩ des Essarts nhận cả bốn người như thế, thay vì một người, hôm nhận D'Artagnan.

§8. Một âm mưu trong triều

Tuy nhiên, bốn mươi đồng vàng của Vua Louis XIII, cũng như tất cả mọi thứ trên đời này sau khi đã có khởi đầu, phải có kết thúc, và từ lúc nó kết thúc, bốn người đồng ngũ của chúng ta rơi vào cảnh khó khăn. Lúc đầu, ảnh hưởng dùng tiền riêng của mình cưu mang cả hội được ít lâu, Porthos kế tiếp và nhờ một trong những cuộc đi biệt tăm mọi người đã quen, chàng chu cấp cho nhu cầu của mọi người thêm được nửa tháng. Cuối cùng đến lượt Aramis, chàng vui vẻ thực hiện, và theo chàng nói, nhờ bán những cuốn sách thần học đã kiếm được mấy đồng vàng.

Vậy là như thường lệ, họ phải cầu cứu ông De Treville xin ông tạm ứng trước một phần tiền lương, nhưng số tiền tạm ứng đó không thể giúp gì mấy cho ba chàng ngự lâm đang mắc những món nợ nóng quá hạn, và một chàng cận vệ chưa mắc nợ.

Cuối cùng, khi thấy sắp hoàn toàn rỗng rúi, bằng một nỗ lực cuối cùng, họ gom góp được tám hay mười đồng vàng để Porthos chơi bạc. Khốn nạn thay, chàng đang canh đen, thua sạch, thêm hai nhăm đồng vàng đánh chịu.

Thế là khó khăn trở thành túng quẫn, người ta thấy những kẻ đói ăn có kẻ hầu đi theo chạy đốn các bến sông và các đơn vị cận vệ kiếm chác tại nhà bạn hữu ở bên ngoài tất cả những bữa trưa có thể kiếm được, bởi theo ý kiến Aramis, trong lúc sung túc phải rắc các bữa ăn ra bốn phía để thu lại một vài bữa lúc cơ nhỡ.

Athos được mời ăn bốn lần, lần nào cũng kéo theo các bạn và lũ người hầu. Porthos có sáu cơ hội và cũng để các bạn cùng hưởng. Aramis được tám. Đó là một người mà người ta đã có thể nhận ra, nói ít làm nhiều.

Còn về D'Artagnan, chưa quen biết một ai trong kinh thành chỉ tìm được một bữa điểm tâm bằng sôcôla tại nhà một ông linh mục người cùng quê, và một bữa trưa tại nhà một tay lính kèn của đội cận vệ. Chàng dẫn theo đoàn quân của mình đến nhà ông linh mục, ngốn sạch lượng thức ăn dự trữ của ông trong hai tháng, và tại nhà người lính kèn được anh ta đãi rất thịnh soạn.

Nhưng, như Planchet nói, ngay cả khi ăn căng bụng ra, vẫn chỉ là một lần ăn.

D'Artagnan cảm thấy khá hổ thẹn vì chỉ có được một bữa rưỡi, bởi bữa điểm tâm tại nhà ông linh mục chỉ có thể tính là nửa bữa để khoản đãi các đồng đội của mình, đáp lại những bữa tiệc linh đình mà Athos, Porthos và Aramis kiếm được. Chàng tin mình là gánh nặng cho cả hội, trong thiện tâm hoàn toàn thơ trẻ của mình, quên rằng mình đã nuôi cả hội trong vòng một tháng, và băn khoăn day dứt rất nhiều. Chàng nghĩ mối liên kết này của bốn con người trẻ tuổi, dũng cảm, táo bạo và năng động, phải có một mục đích khác những cuộc dạo chơi, bại háng, những bài học đấu gươm và những lời nhạo báng ít nhiều dí dỏm.

Quả vậy, bốn người như họ, bốn con người hết lòng với nhau từ tiền nong đến tính mạng, bốn con người luôn nâng đỡ nhau không bao giờ lùi bước thực thi riêng rẽ hoặc cùng nhau những quyết định chung, bốn cánh tay uy hiếp bốn phương trời hoặc quy tụ về một hướng, tất yếu phải mở ra một con đường tới cái đích muốn đạt được, hoặc ngấm ngầm hoặc công khai, hoặc bằng mìn nổ hoặc bằng hào rãnh, hoặc bằng cơ mưu, hoặc bằng sức mạnh… dù cái đích còn xa hay được bảo vệ vững chắc. Điều duy nhất khiến D'Artagnan lấy làm lạ là các bạn đồng ngũ không hề nghĩ đến điều đó. Chàng đang nghĩ tới điều đó, riêng chàng còn nghiêm túc nữa, đào sâu trong óc mình để tìm một hướng đi cho cái sức mạnh duy nhất được nhân lên bốn lần, và với nó, chàng tin chắc như chiếc đòn bẩy mà ácsimét đi tìm, có thể nâng bổng cả thế giới. Đang nghĩ vậy thì có tiếng gõ cửa khẽ. D'Artagnan đánh thức Planchet và ra lệnh mở cửa.

Nói đến câu "D'Artagnan đánh thức Planchet" bạn đọc đừng nghĩ đang đêm hoặc trời chưa sáng. Không! Bốn giờ chiều vừa điểm. Hai giờ trước đó, Planchet đến xin ông chủ ăn trưa, ông chủ trả lời bằng ngạn ngữ: "Đi ngủ là người ấy ăn trưa" và Planchet ăn trưa bằng cách ngủ.

Một người được dẫn vào nhà, dáng vẻ giản dị và có vẻ là một thị dân.

Planchet thay cho món tráng miệng, rất muốn được nghe lỏm chuyện, nhưng người thị dân tuyên bố với D'Artagnan rằng, điều mà người này định nói với chàng là quan trọng và phải giữ kín, nên muốn chỉ còn hai người với nhau.

D'Artagnan đuổi Planchet ra và mời khách ngồi.

Phải mất đến một lúc yên lặng, hai người chỉ nhìn nhau như để làm quen trước đã, sau đó D'Artagnan mới nghiêng mình tỏ ý chàng đang chờ nghe. Người thị dân nói: -Tôi nghe nói ông D'Artagnan như một chàng trai trẻ vô cùng dũng cảm và cái danh tiếng mà ông xứng đáng được hưởng đã khiến tôi quyết định thổ lộ với ông một điều bí mật.

-Xin ông cứ nói – D'Artagnan bảo, trong lòng linh cảm thấy một điều gì có lợi – Ông nói đi.

Người thị dân lại ngừng một lúc rồi tiếp tục: -Thưa ông, tôi có một người vợ là người chăm lo khăn áo cho Hoàng hậu, một người không thiếu ngôn ngoan và sắc đẹp. Người ta xui tôi cưới nàng thế là đã được ba năm, dù nàng chỉ có một chút vốn nhỏ, bởi vì ông De la Porte, người mặc áo bào cho Hoàng hậu là cha đỡ đầu của nàng và che chở cho nàng…

-Rồi sao nữa, thưa ông? – D'Artagnan hỏi.

-Rồi thì! – Người thị dân tiếp – Rồi thì! Thưa ông, vợ tôi bị bắt cóc sáng hôm qua, khi vừa ra khỏi phòng làm việc.

-Và ai đã bắt cóc vợ ông?

-Tôi không biết chắc lắm, thưa ông, nhưng tôi ngờ một người.

-Cậy chứ cái kẻ ông ngờ ấy là người nào?

-Một người, đã theo đuổi nàng từ lâu.

-Chết tiệt?

-Nhưng ông có muốn tôi nói ra với ông – người thị dân tiếp tục rằng tôi tin trong chuyện này, ít vấn đề tình ái hơn là chính trị.

-Ít tình ái hơn là chính trị ư? – D'Artagnan lặp lại với vẻ đang suy nghĩ rất nhiều – Vậy ông nghi ngờ gì?

-Tôi không biết liệu tôi có nên nói với ông điều tôi nghi ngờ không?

-Thưa ông, ông sẽ thấy tôi tuyệt đối chẳng đòi hỏi gì ông cả. Chính ông là người đã đến đây. Chính ông đã nói với tôi rằng ông có một bí mật muốn thổ lộ với tôi. Vậy ông cứ làm theo ý ông, còn thì giờ để ông rút lui mà.

-Không, thưa ông, đối với tôi, ông có vẻ một chàng trai lương thiện, và tôi tin tưởng ở ông. Vậy là tôi tin rằng không phải tại tình yêu của vợ tôi mà nàng bị bắt giữ, mà là do tình yêu của một vị phu nhân quyền thế hơn vợ tôi nhiều.

-À, à, hẳn là tại những mối tình của phu nhân De Bois-Tracy chăng? – D'Artagnan nói, muốn tỏ vẻ hiểu những việc triều đình, trước mặt người thị dân.

-Cao hơn, thưa ông, cao hơn.

-Của phu nhân De Eghiông?

-Còn cào hơn nữa.

-Của phu nhân De Chevreuse?

-Cao hơn, cao hơn nhiều!

-Của nương… – D'Artagnan dừng lại.

-Vâng, thưa ông – người thị dân trả lời rất khẽ, đủ để nghe thấy, tỏ vẻ hoảng sợ.

-Và với ai?

-Còn với ai được nếu không phải với Công tước de…

-Công tước de…

-Vâng, thưa ông! – người thị dân trả lời, cố làm cho giọng mình câm hơn.

-Nhưng làm sao ông biết mọi chuyện đó?

-Chà, làm sao tôi biết ư?

-Phải, làm sao ông biết được? Không có chuyện tâm sự nửa vời ấy, hoặc, ông hiểu đấy.

-Tôi biết được là do vợ tôi, thưa ông, do chính vợ tôi.

-Vợ ông biết chuyện… nhưng do ai?

-Do ông De la Porte. Tôi đã chẳng nói với ông nàng là con gái đỡ đầu của ông De la Porte, người tin cẩn của Hoàng hậu sao?

-Thế đấy? Ông De la Porte đã sắp đặt nàng bên cạnh Nương nương để cho Hoàng hậu tội nghiệp của chúng ta bị nhà Vua bỏ rơi, bị Giáo chủ do thám, bị tất cả phản bội như thế, có người để tâm sự.

-À, à! Thế là rõ ra rồi! – D'Artagnan nói.

-Mà, thưa ông, vợ tôi về nhà cách đây đã bốn ngày. Một trong những điều kiện của nàng trong hôn lễ của chúng tôi là một tuần nàng phải về gặp tôi hai lần, bởi vì như tôi vinh dự cho ông biết vợ tôi yêu tôi lắm. Và hôm ấy vợ tôi về thổ lộ với tôi là Hoàng hậu trong lúc này đang có những nỗi lo sợ lớn.

-Thật vậy ư?

-Vâng, Giáo chủ hình như đang theo dõi và ngược đãi bà hơn bao giờ hết. Ngài không thể tha thứ cho và về chuyện sarabande[38]. Ông biết chuyện sarabande chứ?

-Ôi dào, tôi biết chứ! – D'Artagnan trả lời, thật ra là chả biết gì cả, nhưng muốn làm ra vẻ thông thạo.

-Đến nỗi, bây giờ, không còn là căm ghét nữa mà là trả thù.

-Thật thế à?

-Và Hoàng hậu tin…

-Sao, Hoàng hậu tin gì?

-Bà tin rằng người ta đã mạo tên bà viết thư cho Công tước De Buckingham.

-Mạo tên Hoàng hậu?

-Vâng, để làm cho Công tước phải đến Paris, và một khi đã đến Paris, sẽ lôi ông ta vào một cái bẫy nào đó.

-Quỷ sứ? Nhưng vợ ông, thưa ông thân mến, bà ấy có liên can gì đến mọi chuyện này?

-Người ta biết cô ấy hết lòng tận tụy với Hoàng hậu và người ta muốn tách cô ấy ra khỏi Nương nương hoặc hăm dọa cô ấy để nắm được những bí mật của Nương nương, hoặc dụ dỗ cô ấy để sử dụng như một tên gián điệp.

-Có thể lắm – D'Artagnan nói – nhưng cái người bắt cóc bà ấy, ông biết chứ?

-Tôi đã nói với ông tôi tin là biết hắn.

-Tên hắn?

-Tôi không biết tên, điều tôi biết chỉ là hắn chính là thuộc hạ của Giáo chủ, kẻ bán linh hồn cho ông ta.

-Nhưng ông đã nhìn thấy hắn chứ?

-Vâng, một hôm vợ tôi đã chỉ cho tôi.

-Hắn ta có dấu hiệu gì đặc biệt để người ta có thể nhận ra không?

-Ồ, có chứ, đó là một quý ông, bộ dạng kiêu kỳ, râu tóc đen, da sạm, mắt sắc, răng trắng và một cái sẹo ở thái dương.

-Một sẹo ở thái dương! – D'Artagnan kêu lên và cùng với cái đó là răng trắng, mắt sắc, da sạm, râu tóc đen, dáng vẻ kiêu kỳ, chính là cái người ở Măng của ta rồi!

-Ông nói, người của ông?

-Phải, phải, nhưng cái đó chẳng liên can gì đến chuyện này.

-Không tôi nhầm, cái đó trái lại đơn giản hóa vấn đề rất nhiều.

-Nếu người của ông cũng là người của tôi, thì bằng một đòn, tôi sẽ hai lần trả thù, có thể thôi. Nhưng biết tìm hắn ở đâu?

-Tôi chẳng biết ở đâu cả.

-Ông không có nguồn tin nào về nơi ở của hắn ư?

-Không tí nào. Một hôm tôi đưa vợ tôi đến điện Louvre, cô ấy vừa vào thì hắn đi ra, và cô ấy đã chỉ hắn cho tôi.

-Quỷ thật? Quỷ thật! – D'Artagnan lẩm bẩm – Tất cả cái ấy đều mơ hồ. Do ai mà ông biết vợ ông bị bắt cóc.

-Do ông De la Porte.

-Ông ta cho ông biết một chi tiết nào đó chứ?

-Chẳng một chi tiết nào.

-Và ông không biết gì từ một nguồn tin nào khác à?

-Có chứ, tôi nhận được…

-Được cái gì?

-Nhưng tôi không biết liệu mình không phải đã phạm vào một sự đại bất cẩn chứ?

-Ông lại quay lại với chuyện đó rồi. Tuy nhiên tôi sẽ lưu ý ông rằng, lần này, cố lùi thì cũng hơi chậm rồi.

-Vì vậy tôi không lùi đâu, mẹ kiếp! – Người thị dân kêu lên và chửi thề để thêm khí thế – Vả lại, thề có Bonacieux.

-Ông tên là Bonacieux? – D'Artagnan hỏi.

-Phải, đó là tên tôi.

-Vậy là ông nói, thề có Bonacieux! Xin lỗi nếu tôi đã ngắt lời ông. Nhưng hình như tôi thấy cái tên quen quen.

-Có thể đấy, thưa ông. Tôi là chủ nhà của ông.

-Chà, ra thế! – D'Artagnan vừa nói vừa nhổm nửa người lên chào – Ra ông là chủ nhà của tôi?

-Vâng, thưa ông. Và vì từ ba tháng nay ông đã ở nhà tôi, và chắc hẳn bị phân tâm vì những công việc lớn, ông đã quên trả tiền thuê nhà và như tôi nói đấy, tôi có quấy quả ông lúc nào đâu tôi nghĩ rằng ông cũng sẽ quan tâm tới sự tế nhị của tôi.

-Vậy thì sao nào, ông Bonacieux thân mến của tôi – chàng nói tiếp – xin ông tin rằng tôi rất biết ơn ông đã đối đãi như thế và như tôi đã nói ông, nếu tôi có thể có ích cho ông về điều gì…

-Tôi tin chứ thưa ông, tôi tin ông chứ, và Bonacieux xin thề là tin ông về điều tôi sắp nói ra đây.

-Vâng ông nói ra đi.

Người thị dân rút ở túi ra một tờ giấy và đưa cho D'Artagnan.

-Một bức thư?

-Mà tôi nhận sáng nay.

D'Artagnan mở ra, và vì trời đã bắt đầu tà, chàng lại gần cửa sổ. Người thị dân đi theo chàng. D'Artagnan đọc:

"Đừng tìm vợ ông. Cô ấy sẽ được trả cho ông, khi nào người ta không còn cần cô ấy nữa. Nếu ông tiến hành chỉ một bước nào thôi để tìm kiếm vợ ông là ông toi đời."

-Thế là rõ rồi – D'Artagnan tiếp tục – nhưng rút cục chỉ là một lời hăm dọa.

-Vâng, nhưng lời hăm dọa ấy làm tôi kinh sợ tôi, thưa ông, rút cục tôi đâu phải là một tay gươm, tôi sợ ngục Bastille…

-Hừm! – D'Artagnan nói – nhưng tôi, chính tôi cũng có không lo ngục Bastille hơn gì ông đâu. Nhưng nếu vấn đề chỉ là một nhát gươm thì được thôi.

-Tuy nhiên, thưa ông, tôi lại quá trông cậy vào ông trong cơ hội này.

-Thế ư?

-Thấy ông không ngừng quây quần với những ngự lâm quân uy nghi đường bệ, và biết rằng những vị ngự lâm quân đó đều là người của ông De Treville, do đó là kẻ thù của Giáo chủ, tôi nghĩ rằng ông và các bạn ông trong khi đem lại công bằng cho Hoàng hậu tội nghiệp của chúng ta, sẽ khoái trá chơi lại cho Đức ông một vố điếng người.

-Chắc chắn rồi.

-Và rồi tôi nghĩ việc ba tháng tiền thuê nhà phải trả tôi mà tôi không bao giờ nói đến với ông…

-Vâng, vâng, ông đã đưa ra cho tôi cái lý do đó và tôi thấy nó thật tuyệt vời.

-Thêm nữa, chừng nào ông còn đem lại vinh dự cho tôi là ở lại nhà tôi, ông đừng bao giờ nói đến tiền thu nhà nữa.

-Tốt lắm.

-Và thêm vào đó, nếu cần, tôi định biếu ông năm mươi đồng vàng, biết đâu, trong lúc này ông đang thấy khó khăn.

-Càng tuyệt? Nhưng chắc chắn ông phải giầu lắm, ông Bonacieux thân mến của tôi!

-Tôi cũng dễ chịu, thưa ông, đúng là như vậy. Tôi thu nhập khoảng chừng hai hoặc ba nghìn đồng vàng lợi tức trong việc buôn bán tạp hóa và nhất là bỏ vốn vào cuộc hành trình mới đây của nhà hàng hải nổi tiếng Jăng Mốckê, thành thử, ông hiểu đấy thưa ông… À, nhưng mà – nhà tư sản kêu lên.

-Gì thế? – D'Artagnan hỏi.

-Tôi nhìn thấy cái gì kia nhỉ?

-Đâu?

-Ở ngoài phố, đối diện với cửa sổ nhà ông, trong cái khung cửa kia kìa, một người khoác áo choàng.

-Chính hắn! – Cả D'Artagnan và nhà tư sản cùng kêu lên, mỗi người đồng thời nhận ra kẻ thù của mình.

-A, lần này thì – D'Artagnan vừa kêu vừa nhảy bổ tới thanh gươm của mình – lần này thì nó sẽ không thoát khỏi tay tôi.

-Và rút gươm ra khỏi vỏ, chàng chồm ra khỏi căn nhà của mình.

Trên cầu thang, chàng gặp Athos và Porthos đến thăm chàng. Họ giãn ra, D'Artagnan vụt qua họ như một tia chớp.

-Ơ kìa! Cậu chạy đi đâu thế? – Cả hai người lính ngự lâm đều kêu lên.

-Thằng cha ở Măng! – D'Artagnan trả lời và biến mất.

D'Artagnan đã nhiều lần kể cho các bạn về câu chuyện ly kỳ của mình với kẻ xa lạ đó, cũng như sự xuất hiện của nữ du khách xinh đẹp mà con người kia đã trao cho nàng một bức thư rất ư quan trọng.

Ý kiến của Athos và D'Artagnan đã đánh mất bức thư của mình trong khi ẩu đả. Một nhà quý tộc, theo chàng và theo như D'Artagnan tả lại chân dung kẻ lạ mặt thì chỉ có thể là một nhà quý tộc không thể đê tiện đến mức ăn cắp một bức thư.

Porthos lại chỉ nhìn thấy trong mọi chuyện đó một cuộc hẹn hò tình ái của một phu nhân với một kỵ sĩ hoặc của một kỵ sĩ với một phu nhân, và đã bị sự có mặt của D'Artagnan và con ngựa vàng của chàng phá đám.

Aramis thì nói những loại chuyện như thế là bí hiểm, tất nhất đừng có dính mũi vào.

Vì vậy, qua vài tiếng D'Artagnan thốt ra, họ hiểu ngay là chuyện gì, và vì họ nghĩ sau khi đuổi kịp con ngựa kia hoặc mất hút, D'Artagnan cuối cùng sẽ về nhà mình, họ tiếp tục đi lên.

Khi họ vào trong phòng của D'Artagnan thì căn phòng trống không. Chủ nhà e sợ hậu quả của cuộc chạm trán giữa chàng trai và kẻ lạ mặt chắc chắn sẽ xảy ra, sau khi đã tự mình trình bày đặc điểm của người lạ ấy, ông ta thận trọng tính bài chuồn.

§9. D'Artagnan thể hiện bản lĩnh

Như Athos và Porthos đã tiên đoán, trong vòng nửa tiếng, D'Artagnan trở về. Lần này nữa, chàng lại để hụt kẻ thù của mình, hắn đã biến mất như phù phép. D'Artagnan tay cầm gươm chạy khắp các phố lân cận, nhưng chàng chẳng thấy ai giống như kẻ mình đang tìm, cuối cùng chàng đành phải trở lại với điều đáng lẽ phải bắt đầu từ đó, tức là gõ cửa, cái cửa mà kẻ kia đứng tựa nhưng cái búa đập cửa đập ầm ầm đến nlươi mười hai lần vẫn chỉ vô ích, chẳng có ai thưa, và hàng xóm thấy tiếng ầm ầm đều chạy ra ngưỡng cửa hoặc chõ mũi ra cửa sổ, đều cam đoan với chàng rằng ngôi nhà mà cửa giả đều đóng im ỉm đó đã từ sáu tháng nay không có người ở.

Trong khi D'Artagnan chạy khắp các phố và gõ cửa các nhà, Athos đã đuổi kịp hai đồng đội thành thử về đến nhà D'Artagnan đã thấy cuộc họp mặt đầy đủ.

-Thế nào? – Cả ba thấy D'Artagnan bước vào, mồ hôi đầy trán và sắc mặt còn bừng bừng giận dữ đều cất tiếng hỏi.

D'Artagnan ném gươm xuống giường, nói to: -Còn thế nào nữa? Thằng cha ấy phải là quỷ hiện thành người. Nó biến mất như một con ma, như một cái bóng, như một quái tượng.

-Cậu có tin những chuyện hiện hình không? – Athos hỏi Porthos.

-Tôi hả, tôi chỉ tin cái gì tôi trông thấy, và vì tôi chưa bao giờ thấy việc hiện hình, nên tôi không tin.

-Thánh kinh – Aramis nói – đã đề ra cho chúng ta một luật để tin: Bóng của Samuel hiện ra với Saul[39], và đó là một tín điều mà tôi sẽ giận nếu thấy ai nghi ngờ đấy Porthos ạ. Trong tất cả các trường hợp, người hay quỷ, xác hay hồn, ảo ảnh hay thực tế, con người đó sinh ra là để ám tôi, vì sự trốn thoát của hắn làm lỡ của chúng ta một vụ việc tuyệt đẹp đấy, các vị ạ, một vụ việc có thể kiếm trăm đồng tiền vàng, có lẽ còn hơn nữa đấy.

-Việc thế nào? – Cả Porthos và Aramis cùng hỏi.

Còn Athos, trung thành với chế độ câm lặng của mình, chỉ đưa mắt hỏi Aramis.

-Planchet! – D'Artagnan gọi tên đầy tớ đang thập thò nơi cánh cửa hé mở để cố nghe lỏm những mẩu rời rạc của câu chuyện – Đi xuống chỗ ông chủ nhà, ông Bonacieux ấy và bảo ông ấy gửi cho chúng ta nửa tá vang Beaugency, thứ ta thích ấy.

-Ái chà! Nhưng cậu đã mở tài khoản chỗ chủ nhà của cậu đấy à? – Porthos hỏi.

-Ừ! – D'Artagnan trả lời – kể từ nay, các anh cứ yên tâm đi, nếu vang của ông ấy tồi, chúng ta sẽ gửi trả lấy rượu khác.

-Nên sử dụng chứ không lạm dụng – Aramis nghiêm nghị nói.

-Tôi vẫn luôn bảo rằng D'Artagnan là cái đầu khôn nhất trong bốn chúng ta mà – Athos nhận xét, rồi sau khi D'Artagnan cúi chào đáp lại, Athos lại rơi ngay vào cơn trầm lặng quen thuộc.

-Nhưng mà cuối cùng, là chuyện gì mới được chứ? – Porthos hỏi.

-Phải đấy – Aramis nói – hãy tiết lộ ra đi, anh bạn thân mến, trừ phi danh dự của một phu nhân nào đó không có lợi trong việc tâm sự này, trong trường hợp ấy tốt nhất cậu hãy giữ kín cho riêng cậu.

-Bình tĩnh nào – D'Artagnan trả lời – chẳng danh dự của ai phải phàn nàn về điều tôi sẽ kể cho các anh.

-Và thế là, chàng kể lại đúng từng lời cho các bạn về điều vừa diễn ra giữa chàng và ông chủ nhà, và kẻ đã bắt cóc vợ ông chủ đáng kính lại chính là kẻ đã xô xát với chàng từ khi ở lữ quán Chủ cối xay gió.

Athos, sau khi nếm thử rượu vang với tư cách người sành rượu, gật gù tỏ ý rượu ngon, liền nói: -Vụ việc của cậu không tồi, và ta có thể rút ra ở con người nghĩa khí kia năm sáu chục đồng vàng. Giờ đây, tính xem liệu năm mươi đến sáu mươi đồng vàng có bõ liều bốn cái đầu không.

-Nhưng hãy chú ý – D'Artagnan kêu lên – có một người đàn bà trong vụ việc này đấy, một người đàn bà bị bắt cóc, một người đàn bà chắc chắn bị hăm dọa, có lẽ còn bị tra khảo nữa, và tất cả chỉ vì nàng trung thành với nữ chủ nhân của mình!

-Coi chừng, D'Artagnan, coi chừng đấy – Aramis nói – Theo ý tôi, cậu hơi bốc quá về số phận của bà Bonacieux đấy. Đàn bà được sinh ra là để chúng ta mất mát và chính vì họ mà mọi nỗi khốn khổ đến với chúng ta.

Athos chau mày và cắn môi trước câu châm ngôn của Aramis.

-Không phải tôi lo lắng cho bà Bonacieux đâu – D'Artagnan nói to – mà là Hoàng hậu, người bị Nhà Vua bỏ rơi, bị Giáo chủ ngược đãi, và đang nhìn thấy những cái đầu của tất cả bạn bè mình đang rơi, cái nọ tiếp cái kia.

-Nhưng tại sao bà lại đi yêu cái mà chúng ta ghét nhất trên đời bọn Tây Ban Nha và bọn Anh?

-Tây Ban Nha là tổ quốc bà – D'Artagnan trả lời – và việc bà yêu những người Tây Ban Nha là những đứa con của cùng xứ sở với bà là hoàn toàn dễ hiểu. Còn về điều thứ hai anh trách bà, tôi nghe nói bà không yêu bọn Anh mà là một người Anh.

-Thật tình – Athos nói – phải thú nhận cái người Anh đó quả rất đáng yêu. Tôi chưa thấy người nào dáng bộ cao quý như thế.

-Chưa kể cách ăn mặc hoàn hảo không ai có được – Porthos nói – Tôi đã có mặt ở điện Louvre, hôm ông ta vung vãi ngọc, mẹ kiếp, tôi đã nhặt được hai viên và bán phéng đi lấy mười đồng tiền vàng. Còn Aramis, cậu biết ông ta chứ?

-Cũng kha khá như các vị, bởi tôi là những người đã chặn ông ta lại ở khu vườn Amiêng, nơi ông De Puytăng, giám mã của Hoàng hậu đã dẫn tôi vào. Thời kỳ đó tôi đang ở tu viện và chuyện phiêu lưu này đối với tôi là tàn nhẫn đối với Nhà Vua.

-Nếu như tôi biết Công tước De Buckingham ở đâu – D'Artagnan nói – điều đó sẽ không ngăn tôi dắt tay ông dẫn đến bên Hoàng hậu, cho dù việc đó có làm cho Giáo chủ hóa điên.

Bởi vì kẻ thù thực sự duy nhất và vĩnh viễn của chúng ta chính là Giáo chủ và nếu như chúng ta có thể tìm cách chơi lại ông ta một quả thật tàn bạo, tôi thú thật tôi xin tình nguyện hiến cái đầu mình.

Athos nói tiếp: -Và, ông hàng xén nói với cậu là Hoàng hậu nghĩ rằng người ta đã dụ ông Buckingham đến dựa trên những tin tức giả mạo, phải không D'Artagnan?

-Bà sợ là như vậy.

-Khoan đã – Aramis nói.

-Chuyện gì? – Porthos hỏi.

-Thôi được, cứ nói tiếp đi, tôi đang tìm cách nhớ lại những tình huống đã xảy ra – Aramis nói.

-Và giờ thì tôi tin chắc – D'Artagnan nói – việc bắt cóc người đàn bà của Hoàng hậu gắn chặt với những biến cố mà chúng ta nói và có thể là với sự có mặt của ông De Buckingham ở Paris.

Cái tay Gascogne này, ý kiến phong phú gớm! – Porthos nói bằng vẻ ngưỡng mộ.

-Tôi thích nghe cậu ta nói – Athos nói – cái giọng địa phương của cậu ta khiến tôi thích nghe.

-Thưa các vị – Aramis nói tiếp – xin nghe chuyện này.

-Nghe Aramis nói nào – Cả ba cùng nói.

-Hôm qua, tôi có mặt ở nhà một nhà bác bọc, tiến sĩ thần học mà đôi khi tôi vẫn đến nhờ tham vấn cho những nghiên cứu của tôi.

Athos mỉm cười. Aramis tiếp tục: -Ông cư trú ở một khu phố vắng vẻ. Những sở thích và nghề nghiệp của ông đòi hỏi như vậy. Lúc tôi ra khỏi nhà ông…

Đến đây, Aramis dừng lại.

-Rồi thế nào? – Những người nghe hỏi – Vào lúc anh ra khỏi nhà ông ta?

Aramis hình như phải cố gắng vượt lên bản thân, như một người đang thao thao nói dối thấy mình bị chặn lại bằng một chướng ngại bất ngờ, nhưng mắt các đồng đội đang chăm chăm nhìn mình, tai họ dỏng lên chờ đợi, khiến chàng không có cách nào lùi nữa.

-Ông tiến sĩ ấy có một cháu gái – Aramis tiếp tục.

-A, ông ta có một cháu gái! – Porthos ngắt lời.

-Một phu nhân rất đáng trọng – Aramis nói.

Cả ba người bạn phá lên cười.

-A, nếu các cậu cười hoặc nếu các cậu nghi ngờ – Aramis lại tiếp các cậu sẽ không biết gì hết.

Athos nói: -Bọn mình tin như những tín đồ Mohamét và câm như những nơi quàn linh cữu ấy chứ…

-Vậy tôi tiếp tục nhé. Người cháu gái thỉnh thoảng đến thăm chú mình. Hôm qua, tình cờ cô ta có mặt ở đó cùng lúc với tôi. Tôi buộc phải ngỏ ý xin dẫn cô ra xe của cô.

-Chà! Cô ta có một cỗ xe, cô cháu gái ông tiến sĩ – Porthos ngắt lời, mà một trong những tật của chàng là líu lưỡi nặng – Quen biết tuyệt đấy, anh bạn ạ.

-Porthos – Aramis nói – mình đã lưu ý nhiều lần rằng cậu quá trống miệng, cái đó hại cậu khi gần đàn bà đấy.

-Các vị các vị, – D'Artagnan hé thấy cái lõi của câu chuyện ly kỳ đó – chuyện nghiêm túc đấy, hãy cố đừng đùa tếu nữa. Tiếp tục đi Aramis, tiếp tục đi.

-Chợt một người đàn ông cao lớn, da sạm nâu, cung cách quý tộc. xem nào, như loại của cậu ấy, D'Artagnan ạ.

-Có khi vẫn là hắn – chàng Gátxcông nói.

-Có thể – Aramis tiếp tục… – lại gần tôi, theo sau có năm sáu người đi cùng cách độ chục bước, và với giọng lễ phép nhất: "Thưa Công tước, – hắn nói với tôi – và thưa phu nhân nữa, – hắn tiếp tục và nói với người đàn bà đang khoác tay tôi."

-Với cháu gái của tiến sĩ?

-Im nào, Porthos! – Athos nói – cậu thật không thể chịu nổi.

"Xin lên chiếc xe này và đừng cố cưỡng lại một chút nào, và đừng kêu một tiếng nhỏ."

-Hắn tưởng anh là Buckingham – D'Artagnan kêu lên.

-Tôi tin là như thế – Aramis trả lời.

Còn người đàn bà? – Porthos hỏi.

-Hắn tưởng là Hoàng hậu! – D'Artagnan nói.

-Đúng thế – Aramis trả lời.

-Tay Gátxcông này quỷ thật! – Athos kêu lên – Không gì thoát được khỏi hắn.

-Sự thể là – Porthos nói – Aramis dáng người tầm vóc có nét gì đó hao hao giống ông công tước đẹp trai, nhưng trong khi ấy tôi thấy hình như bộ quần áo ngự lâm quân…

-Tôi mặc chiếc áo choàng khổng lồ – Aramis nói.

-Vào tháng bảy ư, ma quỷ? – Porthos nói – Ông tiến sĩ e cậu bị lộ diện ư?

-Tôi còn hiểu rằng – Athos nói – Tên do thám không để bị tóm vì thay hình đổi dạng nhưng còn cái mặt…

-Tôi che bằng cái mũ lớn – Aramis nói.

-Ối trời ơi? – Porthos kêu lên – phải phòng bị bao nhiêu thứ đến thế để nghiên cứu thần học!

-Các vị, các vị… – D'Artagnan nói – thôi chúng ta đừng mất thì giờ để đùa giỡn nữa. Chúng ta hãy phân tán ra và đi tìm vợ ông hàng xén, đó là chìa khóa của âm mưu này.

-Một người đàn bà vị trí thấp kém đến thế sao! Cậu tin vậy hở D'Artagnan? – Porthos vừa nói vừa trều môi ra khinh bỉ.

-Con gái đỡ đầu ông De la Porte, viên hầu cận thân tín của Hoàng hậu, tôi đã chẳng nói rồi sao, các vị? Vả lại, cũng có thể là một phép tính của Nương nương, lần này tìm những chỗ dựa thấp kém. Mũ cao thường bị nhìn thấy từ xa mà Giáo chủ lại tinh mắt lắm.

-Thôi được! – Porthos nói – Bây giờ ta hãy làm giá với tay hàng xén đã, và giá thật cao.

-Không cần thiết – D'Artagnan nói – bởi tôi tin nếu ông ta không trả cho chúng ta, chúng ta cũng sẽ được trả từ một nguồn khác.

-Đúng lúc đó, tiếng bước chân vội vã vang lên trên cầu thang, cánh cửa sầm mở và ông hàng xén khốn khổ lao vào trong căn phòng đang hội họp.

-Ôi các vị ông ta kêu lên – hãy cứu tôi, trời đất ơi, hãy cứu tôi? Có bốn người đang đến để bắt tôi. Cứu tôi với, cứu tôi với!

Porthos và Aramis đứng lên.

-Khoan đã! – D'Artagnan vừa nói to vừa ra hiệu hãy tra gươm vừa rút nửa chừng vào vỏ – Khoan đã, không cần lòng dũng cảm ở đây, mà là cần sự thận trọng.

-Tuy nhiên – Porthos nói – chúng ta sẽ không để…

-Anh hãy để D'Artagnan làm – Athos nói – tôi nhắc lại – cậu ấy là người khôn khéo nhất trong chúng ta và về phần tôi, tôi tuyên bố sẽ phục tùng cậu ấy – D'Artagnan, cậu hãy làm gì cậu thích.

Đúng lúc ấy, bốn lính cận vệ hiện ra ở cửa phòng đợi, và nhìn thấy bốn ngự lâm quân đang đứng, gươm đeo cạnh người, cũng ngại ngùng không dám bước thêm.

-Vào đi, các vị, các vị vào đi! – D'Artagnan gọi to – các vị ở nhà tôi đây mà, lũ chúng tôi đều là đầy tớ trung thành của nhà Vua và Giáo chủ cả.

-Vậy thưa các vị, các vị sẽ không chống lại việc chúng tôi thi hành mệnh lệnh được trao chứ? – Người có vẻ là đội trưởng hỏi.

-Trái lại, thưa các vị và nếu cần, chúng tôi sẵn sàng giúp các vị một tay đắc lực.

-Nhưng hắn nói cái gì vậy? – Porthos lẩm bẩm.

-Im nào, cậu là một thằng ngốc! – Aramis nói.

-Nhưng các ông đã hứa với tôi… – Ông hàng xén nói rất khẽ.

D'Artagnan cũng trả lời ngay rất khẽ: -Chúng tôi chỉ có thể cứu được ông, nếu chúng tôi vẫn được tự do, và nếu tôi tỏ ý bảo vệ ông, họ sẽ bắt chúng tôi cùng với ông.

-Tuy nhiên, hình như tôi thấy…

-Lại đây, các vị, lại đây. Tôi không có lý do gì để bảo vệ ông đây Đây là lần đầu tiên tôi gặp ông ta, và chính ông ta sẽ nói với các ông, ông ta đến đòi tôi tiền thuê nhà trong trường hợp nào. Đúng thế không, thưa ông Bonacieux? Kìa ông trả lời đi!

-Hoàn toàn đúng như vậy – Ông hàng xén nói to – nhưng ông đây không nói với các ông…

-Im, đừng nói gì về tôi, về các bạn tôi, nhất là về Hoàng hậu, nếu không ông sẽ mất tất cả mọi người mà không cứu nổi mình đâu. Nào, các ông dẫn người này đi.

Nói rồi, D'Artagnan đẩy ông hàng xén đang hết sức hoang mang vào tay bọn cận vệ, vừa bảo ông: -Ông là đồ đểu giả, ông bạn ạ, ông đến đòi tiền tôi. Đòi một ngự lâm quân như tôi ư? Vào tù? Các vị, một lần nữa xin các vị dẫn hắn vào tù. Và giam chặt, càng lâu càng tốt, như thế sẽ cho tôi thời gian để trả.

Bọn cảnh vệ rối rít cảm ơn và dẫn con mồi đi.

Lúc chúng đi xuống, D'Artagnan vỗ vai tên dội trưởng: -Không uống để tôi chúc sức khỏe ông và ông chúc sức khỏe tôi ư? – Vừa nói chàng vừa rót đầy hai cốc vang Beaugency lấy ở ông Bonacieux hào phóng.

-Thật là quá vinh dự cho tôi – viên đội trưởng cảnh vệ nói -

-Tôi xin nhận với lòng biết ơn.

-Vậy, xin chúc ông, thưa ông – tên ông là gì nhỉ?

-Boarơna[40].

-Thưa ông Boarơna!

-Chúc ông, nhà quý tộc của tôi. Cũng xin ông vui lòng cho biết quý danh chứ?

-D'Artagnan.

-Xin chúc ông!

-Và trên hết mọi lời chúc đó – D'Artagnan ngẫu hứng hô lên – Chúc nhà Vua và Giáo chủ.

Đội trưởng cảnh vệ có lẽ đã hoài nghi sự thành thật của D'Artagnan nếu rượu vang tồi, nhưng vang lại ngon, nên hắn tin.

Khi tên đội trưởng đã theo kịp đồng đội và chỉ còn bốn người bạn với nhau, Porthos nói: -Cậu vừa làm cái chuyện tồi tệ quỷ gì thế? Thối chưa! Bốn lính ngự

lâm lại để cho chúng bắt giữ giữa chính bọn họ, một kẻ khốn khổ đang kêu cứu. Một nhà quý tộc chạm cốc với một tên sai nha!

-Porthos này! – Aramis nói – Athos đã bảo trước rằng cậu là một thằng ngố, tôi tán thành ý kiến đó. D'Artagnan, cậu là một vĩ nhân, và khi nào cậu ở địa vị ông De Treville, tôi sẽ xin cậu bảo trợ giúp tôi có được một tu viện.

-À ra thế! – Porthos nói – các cậu tán thành những gì D'Artagnan vừa làm ư? Tôi đến chết mất.

-Tán thành quá đi chứ! – Athos nói – Không những tôi tán thành, mà tôi còn khen ngợi nữa.

-Và bây giờ, các vị – D'Artagnan nói, không buồn giải thích việc xử sự của mình cho Porthos nghe – tất cả vì một người, một người vì tất cả, đó là phương châm của chúng ta, phải không?

-Tuy nhiên… – Porthos nói.

-Giơ tay ra và thề đi? – Cả Athos lẫn Aramis đồng thời hô lên.

Bị chinh phục bởi tấm gương, vẫn khẽ làu bàu, Porthos chìa bàn tay ra và cả bốn người bạn đồng thanh nhắc lại cái định thức do D'Artagnan đề xướng: "Tất cả vì một người, một người vì tất cả."

-Tốt lắm, giờ ai về nhà nấy – D'Artagnan nói như thể mình sinh ra để không làm gì khác ngoài việc suốt đời ra lệnh – và hãy coi chừng, bởi từ lúc này trở đi, chúng ta thế là đã đối đầu với Giáo chủ rồi đó.

§10. Cái bẫy chuột thế kỷ 17

Không phải đến thời đại chúng ta, người ta mới sáng chế ra chiếc bẫy chuột. Ngay khi xã hội được hình thành, và phát minh ra một bộ máy cảnh sát nào đó, bộ máy cảnh sát đó đã chế ra những bẫy chuột.

Có thể các bạn đọc chưa quen với tiếng lóng của phố Jerujalem[41] và từ khi chúng tôi làm nghề viết, kể ra đã đến mười lăm năm rồi, đây là lần đầu tiên chúng tôi dùng từ ấy với cái nghĩa đó, vậy chúng ta hãy giải thích cho độc giả thế nào là một cái bẫy chuột.

Khi trong một ngôi nhà, dù nó thế nào, người ta đã bắt giữ một người bị tình nghi mác một tội nào đó, người ta giữ kín việc bắt giữ. Người ta bố trí bốn năm người phục kích trong căn phòng đầu, người ta mở cho tất cả những ai gõ cửa, rồi đóng sập lại sau lưng họ rồi bắt giữ theo cung cách đó. Khoảng vài ba ngày, người ta giữ hầu như tất cả những người thân của ngôi nhà.

Cái bẫy chuột nó là như thế. Vậy là, người ta đặt một cái bẫy chuột ở ngôi nhà ông Bonacieux. Và ai xuất hiện ở đây liền bị giữ và bị người của Giáo chủ thẩm vấn. Nhưng có một lối đi riêng dẫn lên tầng một nơi D'Artagnan cư trú, những ai đi lên nhà chàng đều được miễn trừ. Hơn nữa, chỉ có ba chàng ngự lâm đến đó. Họ đã chia nhau đi điều tra, mỗi người một ngả, mà chẳng thấy gì, chẳng phát hiện ra điều gì. Athos tới mức còn hỏi cả ông De Treville, điều đó làm ông đại úy rất đỗi ngạc nhiên vì ông quen thấy bản tính câm lặng thường ngày của chàng ngự lâm chững chạc này.

Nhưng ông chẳng biết gì hết, trừ lần gần đây nhất ông gặp cả Giáo chủ, nhà Vua và Hoàng hậu, Giáo chủ có vẻ rất lo lắng, nhà Vua thì bồn chồn, và Hoàng hậu hai mắt đỏ lên, tỏ ra bà đã thức đêm hoặc đã khóc. Nhưng tình tiết này không làm ông quan tâm vì từ sau khi cưới, Hoàng hậu vẫn thức và khóc nhiều.

Dẫu sao, ông De Treville cũng dặn dò Athos phải phụng sự nhà Vua nhất là Hoàng hậu và yêu cầu chàng nhắc nhở các bạn mình như vậy.

Còn D'Artagnan, chàng ở im tại nhà mình, biến căn phòng của mình thành một trạm quan sát. Từ cửa sổ, chàng nhìn thấy những người đi đến để bị bắt. Rồi cậy gạch lát sàn nhà, khoét bớt ván để chỉ còn lại một lớp trần mỏng ngăn cách phòng phía dưới nơi tiến hành các cuộc thẩm vấn, chàng nghe thấy hết những gì đang diễn ra giữa người hỏi cung và bị cáo.

Những cuộc thẩm vấn tiếp nối sự khám xét tỉ mỉ người bị bắt giữ luôn là mấy câu sau: -Bà Bonacieux có nhờ ông chuyển cho chồng bà hoặc một người nào khác cái gì không?

-Ông Bonacieux có nhờ ông chuyển cho bà ấy hoặc cho một người nào khác cái gì không?

-Một người này hay người khác có buột miệng nói với ông chuyện gì không?

D'Artagnan tự nhủ: "Nếu bọn chúng biết được điều gì đó rồi thì chúng sẽ không hỏi như thế. Giờ đây chúng muốn tìm hiểu điều gì nào? Muốn biết liệu có phải Công tước De Buckingham không hề có mặt ở Paris và đã không diễn ra hoặc chưa hề có dự định diễn ra một cuộc hội kiến giữa ông với Hoàng hậu không?"

D'Artagnan dừng lại trước ý nghĩ đó, vì sau tất cả những gì chàng nghe được, không phải không có khả năng xảy ra những điều đó. Trong khi chờ đợi, cái bẫy chuột không ngừng hoạt động và tinh thần cảnh giác của chàng cũng vậy.

Buổi tối sau hôm ông Bonacieux tội nghiệp bị bắt giữ, lúc Athos vừa chia tay D'Artagnan để tới nhà ông De Treville, thì cũng là lúc đồng hồ điểm chín giờ, và vì Planchet còn chưa dọn giường ngủ nên bắt đầu công việc của mình, người ta nghe tiếng gõ của ở ngoài phố. Cửa mở ra ngay rồi lại đóng lại: một kẻ nào đó vừa bị rơi vào bẫy chuột.

D'Artagnan lao ngay về phía gạch cậy, nằm áp bụng xuống lắng nghe.

-Lát sau, tiếng kêu thét vang lên rồi đến tiếng rên rỉ mà người ta tìm cách bịt lại. Không phải chúyện thẩm vấn.

-Mẹ kiếp! – D'Artagnan tự nhủ – ta thấy hình như là một phụ nữ, chúng lục soát và người này cưỡng lại – chúng cưỡng bức, quân khốn nạn!

Và D'Artagnan mặc dầu thận trọng, vẫn phải cố kiềm chế để không xen vào cảnh đang diễn ra ngay phía dưới chàng.

Người đàn bà bất hạnh kêu lên: -Nhưng tôi đã nói với các ông tôi là chủ nhân của ngôi nhà này. Tôi đã bảo các ông tôi là bà Bonacieux. Tôi đã bảo tôi là người của Hoàng hậu?

-Bà Bonacieux? – D'Artagnan thầm thì – chả nhẽ ta lại may mắn đến mức đã tìm thấy người mà mọi người đang tìm?

-Thì chính là chúng ta đang đợi bà – Bọn thẩm vấn nhắc lại.

Tiếng nói mỗi lúc một trở nên ngột nghẹt: một tiếng động ầm ầm làm rung chuyển những ván gỗ lát tường. Người đàn bà chống cự ngang sức một người đàn bà có thể chống nổi bốn người đàn ông.

-Xin lỗi các ông, xin… – giọng nói thầm thì chỉ còn nghe được những âm thanh rời rạc.

-Chúng nhét giẻ vào mồm. Chúng sắp lôi đi – D'Artagnan vừa kêu lên vừa bật dậy như một chiếc lò xo. – Gươm ta đâu.

-Tốt, nó ngay cạnh ta. Planchet đâu?

-Ông gọi ạ?

-Chạy ngay đi tìm Athos, Porthos và Aramis. Một trong ba người chắc đang ở nhà, có thể cả ba sẽ về. Bảo họ mang theo vũ khí, họ đến ngay, bảo họ chạy tới. À, ta nhớ ra rồi, Athos đang ở nhà ông De Treville.

-Nhưng ông đi đâu, ông chủ, ông đi dâu?

-Ta xuống theo lối cửa sổ, để đến được sớm. Còn mày xếp lại những viên gạch, quét sàn nhà đi, rồi ra theo lối cửa và chạy đến nơi ta đã bảo.

Planchet kêu lên: -Ôi, ông ơi là ông ơi? Ông tự giết mình mất.

-Câm đi, đồ ngu.

Rồi bám tay vào bờ cửa sổ, chàng thả người từ tầng gác một xuống, cũng may không cao lắm, không bị sây sát gì.

Rồi chàng tới gõ cửa, miệng lẩm bẩm: -Đến lượt ta sắp sa vào bẫy chuột đây, và khốn nạn cho những con mèo cọ sát với loại chuột này.

Cái búa gõ cửa trong tay chàng trai trẻ vừa đập cộc cộc vào cánh cửa thì tiếng ầm ầm bên trong cũng dừng lại, những bước chân lại gần, cửa mở và D'Artagnan, gươm tuốt trần lao thẳng vào ngôi nhà ông Bonacieux, mà cánh cửa, chắc hẳn chuyển động bằng lò xo tự đóng lại sau chàng.

Thế là, những người còn cư trú trong ngôi nhà bất hạnh của ông Bonacieux, và những người láng giềng gần đấy nhất liền nghe thấy tiếng kêu lớn, tiếng chân rậm rịch, tiếng gươm va chạm và tiếng đồ gỗ đổ gãy kéo dài. Rồi một lúc sau, một số người kinh ngạc vì tiếng ầm ầm đó, đến bên cửa sổ để biết nguyên nhân, liền thấy cửa lại tự mở ra và bốn người mặc đồ đen, không phải đi ra mà là bay ra như lũ quạ hoảng loạn, để rơi trên đất và các góc bàn, những lông cánh của chúng, nghĩa là tơi tả những mảnh áo và những mảnh áo choàng.

-Phải nói rằng, D'Artagnan chiến thắng không mấy khó khăn bởi chỉ có mỗi tên đội trưởng cảnh vệ mang vũ khí, còn chống cự lấy lệ. Đúng là ba tên kia đã định phang chết chàng trai trẻ bằng những chiếc ghế, ghế đẩu, và chai lọ gốm sứ, nhưng hai hay ba nhát đâm bằng thanh gươm dài của chàng Gátxcông khiến chúng hoảng sợ. Mười phút đã đủ làm chúng thất bại, và D'Artagnan giữ thế chủ chiến trường.

Những người láng giềng đã mở cửa sổ với sự bình tĩnh đặc biệt của dân Paris trong thời buổi những cuộc nổi dậy và loạn đả không ngừng, lại đóng cửa lại ngay khi trông thấy bốn người mặc đồ đen chạy trốn. Linh tính bảo họ rằng lúc này mọi cái đã kết thúc.

D'Artagnan, còn lại mỗi mình với bà Bonacieux, quay lại phía người đàn bà. Người đàn bà tội nghiệp bị lộn nhào trên một cái ghế bành và nửa tỉnh nửa mê. D'Artagnan đưa mắt nhanh quan sát người đàn bà.

Đó là một người đàn bà duyên dáng chừng hai nhăm hai sáu tuổi tóc nâu, mắt xanh, mũi hơi hếch, răng tuyệt đẹp, nước da như hồng thạch và mã não. Tuy nhiên, những nét vẻ có thể làm người đàn bà này lẫn với một phu nhân quyền quý, đã dừng ở đó, đôi bàn tay trắng nhưng không thanh tú. Đôi chân cũng không phải của một phụ nữ danh giá. May thay, D'Artagnan còn chưa quan tâm những chi tiết này.

Trong lúc D'Artagnan đang ngắm nghía bà Bonacieux, và tới đôi chân như đã nói, chàng thấy dưới đất một chiếc khăn tay bằng vải lanh, theo thói quen, nhặt lên, ở góc khăn, chàng nhận ra vẫn cái ký tự chàng nhìn thấy ở chiếc khăn suýt làm chàng đứt họng với Aramis.

Từ khi ấy, dè chừng những chiếc khăn tay thêu gia huy, chẳng nói chẳng rằng, chàng lại nhét chiếc khăn đã nhặt vào túi bà Bonacieux.

Nhưng vào lúc đó, bà Bonacieux cũng đã tỉnh lại. Người đàn bà mở mắt, nhìn xung quanh với vẻ kinh hoàng, thấy ngôi nhà trơng không và chỉ có mỗi mình mình với người giải phóng mình. Người đàn bà mỉm cười nắm lấy tay chàng, mà lại là nụ cười duyên dáng nhất trên đời.

-Ôi, thưa ông! – Nàng nói – chính ông là người đã cứu tôi, cho phép tôi cảm ơn ông.

-Thưa bà, – D'Artagnan nói – tôi chỉ làm điều mọi nhà quý tộc ở địa vị tôi đều phải làm, bà không cần phải cảm ơn tôi đâu.

-Có chứ, thưa ông, và tôi hy vọng chứng tỏ với ông rằng, ông đã không làm phúc cho một kẻ vô ơn đâu. Nhưng vậy chứ cái lũ người mà thoạt tiên tôi cho là lũ trộm cắp đó muốn gì ở tôi, và tại sao ông Bonacieux lại không hề ở đây.

-Thưa bà, lũ người đó nguy hiểm hơn lũ trộm cắp nhiều, bở đó là những nhân viên của Giáo chủ, còn như chồng bà, ông ấy không có ở đây vì hôm qua, bọn chúng đã tới đây bắt ông ấy đưa vào ngục Bastille.

-Chồng tôi ở ngục Bastille ư? – Bà Bonacieux kêu lên? – Ôi, lạy Chúa! Ông ấy đã làm gì nên nông nỗi ấy? Người chồng yêu quý khốn khổ của tôi ơi! Ông ấy, nào có dính dáng gì?

Và một cái gì đó giống như một nụ cười ló ra trên mặt vẫn còn đầy nỗi kinh hoàng của người thiếu phụ.

-Ông ấy làm gì ư, thưa bà? – D'Artagnan nói – Tôi tin rằng cái tội duy nhất của ông ấy là vừa có được niềm hạnh phúc vừa mang nỗi bất hạnh được làm chồng bà.

-Nhưng thưa ông, vậy ông biết…

-Tôi biết bà đã bị bắt cóc, thưa bà.

-Và bởi ai? Ông biết kẻ đó không? Ôi, nếu như ông biết hắn, ông hãy nói cho tôi hay!

-Bởi một người đàn ông khoảng bốn mươi, bốn nhăm tuổi, nước da sạm, một vết sẹo ở thái dương bên trái.

-Đúng thế, đúng thế, nhưng còn tên hắn?

-Ồ tên hắn ư? Lại là điều tôi không biết.

-Và chồng tôi có biết tôi bị bắt cóc không?

-Ông ấy được gửi thư báo trước do chính kẻ bắt cóc viết.

-Và ông ấy có nghi ngờ – bà Bonacieux bối rối hỏi. – Nguyên nhân của sự cố này không?

-Tôi tin là ông ấy quy cho một nguyên nhân chính trị.

-Lúc đầu tôi cũng đã nghĩ và bây giờ tôi cũng nghĩ như ông ấy. Nhưng vậy là cái ông Bonacieux quý mến không nghi ngờ tôi giây phút nào…

-Ồ, thưa bà, còn lâu mới có chuyện đó, ông ấy quá tự hào về sự nết na của bà và nhất là về tình yêu của bà.

Một nụ cười thứ hai hầu như khó nhận ra lướt trên đôi môi hồng của người thiếu phụ xinh đẹp.

-Nhưng – D'Artagnan tiếp tục – bà làm thế nào trốn thoát?

-Tôi lợi dụng lúc họ để mặc một mình tôi, và vì tôi biết ngay từ sáng hôm ấy tôi bị bắt đi như thế nào, nhờ mấy tấm thảm che, tôi tụt xuống theo lối cửa sổ, vì tưởng chồng tôi vẫn ở đây thế là tôi chạy đến.

-Để ông ấy bảo vệ bà?

-Ồ, không, ông chồng yêu quý tội nghiệp của tôi, tôi biết thừa, ông ấy không có khả năng bảo vệ tôi. Nhưng vì ông ấy có thể giúp chúng tôi việc khác, tôi muốn báo cho ông ấy đề phòng.

-Về việc gì?

-Ồ! Đây không phải là bí mật của tôi. Vì vậy tôi không thể nói cho ông hay được.

-Vả chăng, – D'Artagnan nói – xin bà thứ lỗi, nếu dù tôi chỉ là một lính cận vệ, tôi vẫn cứ phải nhắc bà thận trọng, vả chăng, tôi tin ở đây không phải nơi thuận lợi để chúng ta thổ lộ những điều bí mật. Những kẻ bị tôi đánh cho phải chạy trốn sẽ trở lại với lực lượng tăng cường. Nếu chúng tìm thấy chúng ta ở đây thì chúng ta đi đời. Tôi đã cẩn thận cho báo để ba người bạn tôi biết, nhưng ai biết được liệu có tìm thấy họ ở nhà không!

-Vâng, vâng, ông có lý – Bà Bonacieux kêu lên sợ hãi – Ta trốn đi thôi.

Nói rồi, bà ta khoác tay D'Artagnan lôi chàng sồng sộc đi.

-Nhưng trốn ở đâu? – D'Artagnan hỏi.

-Trước hết hãy rời khỏi ngôi nhà này, rồi ta tính sau.

Rồi thiếu phụ cùng chàng trai trẻ chẳng buồn đóng cửa nữa.

Nhanh chóng xuống phố Phu đào huyệt rồi sang phố Hố Ông Hoàng, và chỉ dừng lại ở quảng trường Saint-Sulpice.

-Và bây giờ, chúng ta làm gì đây – D'Artagnan hỏi – và bà muốn tôi đưa bà đến chỗ nào?

-Tôi xin thú thật tôi đang rất bối tối không biết trả lời ra sao. Ý định của tôi là nhờ chồng tôi báo cho ông De la Porte biết, cốt để ông De la Porte có thể nói rõ cho chúng tôi điều gì đã xảy ra ở điện Louvre ba ngày hôm nay, và liệu có gì nguy hiểm cho tôi, nếu tôi lại có mặt ở đó không.

-Nhưng tôi – D'Artagnan nói – tôi có thể đi báo cho ông De la Porte.

-Hẳn rồi, chỉ có điều không may là ở Louvre người ta biết ông Bonacieux và sẽ để ông ta đi vào, còn ông, họ không biết và họ sẽ đóng cửa lại với ông.

-Ờ, khỉ thật? – D'Artagnan nói – Bà hẳn có một gác cổng thân tín ở một trạm nào đó ở điện Louvre và nhờ một khẩu lệnh…

Bà Bonacieux nhìn chăm chú chàng trai trẻ rồi nói: -Và nếu tôi cho ông khẩu lệnh đó, ông sẽ quên ngay nó đi tức khắc khi sử dụng xong chứ?

-Xin thề danh dự, lời thề của nhà quý tộc? – D'Artagnan nói bằng một giọng chân thực không thể nhầm lẫn được.

-Được tôi tin ông, ông có vẻ một chàng trai trọng danh dự, vả chăng số phận ông có lẽ ở ngay trên sự tận tụy của ông.

-Tôi sẽ làm, không cần hứa hẹn gì, và hoàn toàn vì lương tâm, bất cứ điều gì tôi có thể làm để phục vụ nhà Vua và làm cho Hoàng hậu vui lòng – D'Artagnan nói – vì thế hãy sử dụng tôi như một người bạn.

-Nhưng còn tôi, ông định để tôi ở đâu trong thời gian này?

-Bà không có ai để ông De la Porte đến đó đón bà được sao?

-Không, tôi không muốn tin ai cả.

-Xem nào, – D'Artagnan nói – chúng ta sẽ đến nhà anh Athos. Phải, đúng thế.

-Athos là ai vậy?

-Một trong những người bạn của tôi.

-Nhưng nhỡ ông ta có nhà và nhìn thấy tôi?

-Anh ấy không có nhà, và tôi sẽ mang chìa khóa đi sau khi đưa bà vào nhà anh ấy.

-Nhưng nhỡ ông ấy về?

-Anh ấy không về đâu, vả lại, người ta sẽ bảo anh ấy là tôi đem theo một người đàn bà và người đàn bà ấy đang ở nhà anh.

-Nhưng như thế sẽ làm tôi mang tiếng lắm, ông hiểu chứ.

-Không sao đâu! Người ta không biết bà. Vả lại, chúng ta đang trong một tình thế cần phải bỏ qua những sự bất tiện.

-Vậy thì đến nhà bạn ông. Ông ấy ở đâu?

-Phố Fréjus, cách đây ít bước chân thôi.

-Đi thôi.

Vậy cả hai lại tiếp tục đi. Đúng như D'Artagnan đã đoán, Athos không có nhà. Chàng cầm lấy chìa khóa mà người ta đã quen đưa cho chàng như một người bạn của gia đình, rồi trèo lên cầu thang, dẫn bà Bonacieux vào trong căn phòng nhỏ mà chúng ta đã miêu tả.

D'Artagnan nói: -Bà coi như mình đang ở nhà mình. Xem nào, bà khóa hai lần cửa lại và đừng mở cho ai, trừ phi nghe thấy ba tiếng như thế này, bà xem đây.

-Và chàng gõ ba cái, hai cái đầu gõ mạnh và liền nhau, cái thứ ba, gõ nhẹ và cách hẳn ra.

-Tốt lắm – bà Bonacieux nói – giờ đến lượt tôi dặn dò ông.

-Tôi nghe đây.

-Ông hãy đến trạm gác cung điện phía đường phố Cái thang và hỏi ai là Germain.

-Được, sau đó?

-Người ta sẽ hỏi ông muốn gì và lúc đó ông sẽ trả lời bằng hai tiếng: "Tours[42] và Bruxelles"[43]. Lập tức người ấy sẽ nghe lệnh ông.

-Tôi sẽ ra lệnh gì cho người này?

-Đi tìm ông De la Porte, người hầu phòng của Hoàng hậu.

-Và khi người ấy đã tìm được và ông De la Porte đến?

-Ông đưa ông ấy đến gặp tôi.

-Tốt lắm, nhưng tôi gặp lại bà như thế nào, ở đâu?

-Ông có mong gặp lại tôi lắm không?

-Chắc chắn rồi.

-Vậy, cứ để tôi lo chuyện đó và xin ông yên tâm.

-Tôi tin lời hứa của bà đấy.

-Ông hãy tin đi.

D'Artagnan chào bà Bonacieux, và đưa cặp mắt tình tứ nhất mà chàng có thể chăm chăm nhìn vào người đàn bà nhỏ bé quyến rũ kia, và trong khi bước xuống cầu thang, chàng nghe thấy tiếng khóa trái cửa hai lần. Và vèo một cái, chàng đã ở điện Louvre, và khi vào cửa lối phố Cái thang, đồng hồ điểm mười giờ.

Tất cả những sự biến mà chúng ta vừa kể nối tiếp nhau trong nửa giờ.

Mọi việc đều được thực hiện như bà Bonacieux đã dặn trước.

Nhận được khẩu lệnh, Germain cúi chào. Mười phút sau, ông De la Porte đã ở trạm gác. D'Artagnan kể vắn tắt cho ông mọi chuyện và chỉ cho ông nơi bà Bonacieux đang ở. La Porte hỏi đi hỏi lại địa chỉ cho thật chính xác rồi vội đi ngay. Song được mươi bước ông quay lại nói với D'Artagnan: -Anh bạn trẻ, có một lời khuyên đây.

-Thế nào ạ?

-Anh có thể bị rầy rà với việc vừa xảy ra đấy.

-Ông tin thế à?

-Phải. Anh có một người bạn nào có đồng hồ chạy chậm không?

-Thì sao.

-Hãy đến gặp người ấy để anh ta có thể làm chứng anh ở nhà anh ta lúc chín giờ rưỡi – Trong công lý người ta gọi đó là ngoại phạm.

D'Artagnan thấy lời khuyên thật khôn ngoan. Chàng ba chân bốn cẳng chạy đến dinh quán ông De Treville, nhưng đáng lẽ vào phòng khách cùng tất cả mọi

người, chàng yêu cầu vào trong tư phòng của ông, vì D'Artagnan là một trong những người năng lui tới dinh quán, người ta không gây khó dễ gì, đi báo ngay cho ông Treville là người đồng hương trẻ của ông có chuyện gì quan trọng muốn nói với ông, xin được yết kiến bất thường. Năm phút sau, ông Treville hỏi chàng ông có thể giúp việc gì cho chàng và làm sao đến nỗi phải đến thăm ông vào giờ giấc quá muộn như thế này.

D'Artagnan lợi dụng lúc chỉ còn lại một mình đã vặn chậm đồng hồ lại bốn nhăm phút. Chàng nói: -Thưa ông, xin ông thứ lỗi? Tôi nghĩ là mới có chín giờ hai nhăm phút, thì vẫn còn giờ để xin được gặp ông.

-Chín giờ hai nhăm phút! – Ông Treville kêu lên và nhìn đồng hồ – Ồ, không thể như thế được.

-Thưa ông, ông cứ nhìn xem. Đồng hồ chỉ rõ đấy thôi.

-Đúng vậy – Ông De Treville nói – ta cứ ngỡ muộn hơn cơ. Mà thôi, anh muốn gì ở ta nào?

Thế là, D'Artagnan liền kể cho ông De Treville một câu chuyện dài về Hoàng hậu. Chàng bày tỏ những lo ngại của mình cho Hoàng hậu. Chàng kể cho ông nghe những điều chàng nghe nói về dự định của Giáo chủ đối với ông Buckingham, tất cả được kể một cách bình tĩnh và thẳng thắn, khiến ông De Treville càng nhận thấy một điều gì mới lạ giữa Giáo chủ, nhà Vua và Hoàng hậu bao nhiêu, càng bị mắc lừa thêm bấy nhiêu.

Lúc đồng hồ điểm mười giờ, D'Artagnan cáo biệt ông De Treville. Ông cám ơn chàng về những tin tức của chàng, dặn dò chàng phải luôn lưu tâm phục vụ nhà Vua và Hoàng hậu, rồi ông trở về phòng khách. Nhưng tới chân cầu thang, D'Artagnan sực nhớ mình quên cái gậy ngoại phạm. Vì vậy chàng vội đi lên, vào tư phòng, bằng một vòng ngón tay chỉnh lại đồng hồ cho đúng giờ để hôm sau người ta không nhận thấy đồng hồ đã bị vặn sai, và chắc chắn, từ lúc này, chàng đã có một chứng cớ ngoại phạm, chàng đi xuống cầu thang, lúc sau đã ở ngoài phố.

§11. Âm mưu bị kẹt

Thăm ông Treville xong, D'Artagnan hết sức nghĩ ngợi, đi theo lối dài nhất để trở về nhà.

D'Artagnan nghĩ đến điều gì, mà lại tránh xa đường chính, nhìn sao trên trời lúc thở dài, lúc cười tủm?

Chàng nghĩ đến bà Bonacieux. Đối với một ngự lâm quân tập sự thì người đàn bà trẻ này hầu như là một người tình lý tưởng.

Xinh đẹp, bí ẩn được khai tâm trước hầu hết các bí mật của triều đình, những bí mật ấy lại phản chiếu lên những nét duyên dáng của nàng không ít vẻ uy nghiêm mê hoặc, nàng bị ngờ là không đến nỗi vô tình, đó lại là nét hấp dẫn không thể cưỡng nổi đối với những kẻ si tình mới vào nghề. Hơn nữa D'Artagnan đã giải thoát nàng từ những bàn tay quỷ dữ muốn lục soát và ngược đãi nàng, và công lao quan trọng ấy đã thiết lập giữa nàng và chàng một thứ tình cảm biết ơn mang một tính cách trìu mến nhiều hơn là ái tình.

Biết bao những ước mơ đẹp lướt nhanh trên đôi cánh của trí tưởng tượng và D'Artagnan như đã thấy một sứ giả của người đàn bà trẻ đến sát bên chàng, trao cho chàng một thư ngắn hẹn hò nào đó, một chuỗi hạt vàng hoặc một viên kim cương. Chúng ta đã nói những kỵ sỹ trẻ nhận tặng vật của nhà Vua, họ không hề xấu hổ. Ta hãy thêm rằng ở thời buổi đạo lý dễ dãi này, bọn mình cũng chẳng liêm sỉ gì hơn đối với những tình nhân của họ, và những người đàn bà này lại hầu như luôn để lại cho họ những kỷ vật quý và lâu bền, như thể các nàng cố chinh phục sự mong manh trong tình cảm của họ bằng sự bền vững của các món quà.

Họ mở đường cho mình bằng đàn bà như thế không hề xấu hổ. Những người đàn bà chỉ đẹp thôi thì cho sắc đẹp và từ đó chắc hẳn đã hình thành câu ngạn ngữ, cô gái đẹp nhất trên đời chỉ có thể cho cái cô ta có. Những cô gái giàu có ngoài ra còn cho phần tiền bạc của họ. Người ta có thể kể ra không ít anh hùng ở tuổi phong tình không thể nào trước tiên là thắng nổi chiếc đinh thúc ngựa, tiếp đó là thắng trận, nếu không có túi tiền ít nhiều xủng xoẻng mà các tình nương móc vào yên ngựa của họ.

D'Artagnan chẳng có gì. Tính ngại ngùng của chàng tỉnh lẻ, nước sơn hời hợt, bông hoa phù du, lông tơ trái đào đã thăng hoa theo ngọn gió những lời khuyên không mấy chính đạo của mấy chàng ngự lâm pháo thủ. Theo những thói tục lạ lùng của thời đại, D'Artagnan coi mình ở Paris cũng như trong trận mạc và chẳng hơn chẳng kém gì như ở Flandre[44]. Kia là Tây Ban Nha, đây là đàn bà. Đâu đâu cũng có một kẻ thù phải đánh, những đóng góp phải thúc.

Nhưng lúc này, D'Artagnan bị một tình cảm cao quý hơn và không vụ lợi hơn điều khiển. Ông hàng xén, đã bảo chàng rằng ông ta giàu. Chàng trai trẻ có thể

đoán ra với một gã ngốc nghếch như ông Bonacieux, ắt người vợ sẽ tay hòm chìa khóa.

Nhưng tất cả những điều đó không hề ảnh hưởng gì đến tình cảm nảy sinh từ khi nhìn thấy bà Bonacieux, và mối lợi là điều gần như còn xa lạ với sự chớm nở tình yêu là tình cảm tiếp theo.

Nói gần như, bởi ý nghĩ về một người đàn bà trẻ, đẹp, duyên dáng tinh tế và đồng thời giầu nữa, không hề gạt bỏ đi sự chớm nở tình yêu đó, và hoàn toàn trái lại còn củng cố mối tình đó.

Trong cuộc sống phong lưu, có hàng đống sự chăm chút và thói quý tộc trái khoáy làm vừa lòng sắc đẹp. Một đôi tất mịn màng trắng muốt, một chiếc giầy xinh xắn ở dưới chân, một dải băng mới tinh ở trên đầu không làm cho người đàn bà xấu thành xinh đẹp, nhưng lại làm đẹp một người đàn bà xinh, không tính đến bàn tay được lợi trong mọi chuyện đó. Những bàn tay, nhất là của đàn bà, cần phải được nhàn hạ để được đẹp mãi.

Rồi D'Artagnan, như độc giả quá biết đấy, chúng ta không giấu tình trạng tài sản của chàng. Chàng không phải một nhà triệu phú dù vẫn hy vọng ngày nào đó sẽ thành như thế, nhưng thời gian chàng tự ấn định cho sự thay đổi may mắn đó khá xa.

Trong khi chờ đợi, còn thất vọng nào hơn khi thấy một người đàn bà mình yêu thèm khát hàng ngàn thứ linh tinh tạo nên hạnh phúc của đàn bà, mà mình thì lại chẳng thể cho nàng cái hàng ngàn thứ linh tinh đói ít nhất khi người đàn bà giàu có, và người tình lại không giàu, thì cái gì chàng ta không thể tặng nàng, nàng sẽ tự mình mua sắm lấy. Và dù cho thường thường thì họ được hưởng thụ niềm vui là nhờ tiền của chồng, vẫn hiếm khi họ đáp lại bằng lòng biết ơn.

D'Artagnan nhất quyết trở thành người tình dễ thương, trong khi chờ đợi, tạm là một người bạn hết lòng tận tụy. Giửa những toan tính yêu đương với vợ ông hàng xén, chàng không quên các bạn mình. Bà Bonacieux xinh đẹp, chính là loại đàn bà mà chàng có thể đưa đi dạo ở cánh đồng Saint-Denis hay trong hội chợ Saint-Germain cùng với Athos, Porthos và Aramis, và chàng sẽ kiêu hãnh giới thiệu với họ việc chinh phục này. Rồi, khi đi lâu thì cái đói tới, D'Artagnan ít lâu nay đã nhận ra điều đó. Người ta sẽ tổ chức những bữa ăn trưa nhỏ ngon lành, trong bữa, bên này chạm vào tay bạn, bên kia đụng chân tình nhân. Cuối cùng trong những lúc khẩn cấp, trong những tình huống cùng cực, D'Artagnan sẽ là cứu tinh của các bạn mình. Và ông Bonacieux mà D'Artagnan, đã lớn tiếng chối bỏ và đẩy tay bọn cảnh vệ, rồi thầm hứa sẽ cứu ông thì sao đây? Phải thú nhận là D'Artagnan không hề mảy may nghĩ tới hoặc nếu có nghĩ tới, thì cũng để tự nhủ ông ta ở đâu cũng tốt, dù là ở đâu. Tình yêu là thứ ích kỷ nhất, trong mọi loại đam mê.

Tuy nhiên, bạn đọc cứ yên tâm. Nếu như D'Artagnan có quên ông chủ nhà mình hoặc làm như đã quên, viện cớ không biết ông bị dẫn đến đâu, thì chúng tôi lại không quên ông và biết hiện ông ta đang ở đâu. Nhưng lúc này ta hãy cứ làm cho chàng Gátxcông si tình đã. Còn như ông hàng xén tử tế kia, chúng ta sẽ trở lại với ông sau.

D'Artagnan cứ vừa nghĩ đến những chuyện tình ái tương lai, vừa nói với đêm tối, vừa cười tủm với các vì sao, ngược lên phố Tìm trưa hay như bấy giờ người ta gọi là phố Săn trưa.

Nhân qua phố của Aramis, chàng chợt nảy ra ý nghĩ đến thăm bạn để giải thích lý do sai Planchet mời anh ta đến ngay cái bẫy chuột. Nếu Aramis ở nhà khi Planchet đến, chắc hẳn anh ta đã chạy ngay đến phố Phu đào huyệt và có lẽ chẳng thấy ai ngoài hai đồng đội kia của mình ở đó, và cả ba chắc chẳng ai hiểu thế là thế nào. Sự rắc rối ấy cần phải được giải thích, D'Artagnan nói to lên như vậy.

Rồi chàng lại nghĩ thầm đây là một dịp để chàng nói về bà Bonacieux nhỏ nhắn xinh đẹp, mà hình ảnh đang đầy ắp trong trí não chàng nếu không phải trong trái tim chàng. Không phải vì là mối tình đầu, mà đòi phải kín đáo. Mối tình đầu kèm theo một niềm vui lớn đến mức cần phải tràn ra, nếu không nó sẽ làm cho người ta chết ngạt.

Paris từ hai tiếng đồng hồ qua đã tối và bắt đầu vắng vẻ. Đồng hồ khắp vùng ngoại ô Saint-Germain điểm mười một giờ.

Trời dịu mát. D'Artagnan đi theo một phố hẻm ngày nay là nơi phố Átxát đi qua, hít thở hương thơm từ những khu vườn tươi mát sương đêm do gió đêm từ phố Vôgira thổi tới. Xa xa âm vang tiếng hát của những tay rượu trong vài quán khuất vắng ngoài đồng, tuy nhiên đã câm lặng bớt vì những cánh cửa sổ đóng kín. Ngôi nhà Aramis ở giữa phố Cátxét và phố Xécvăngđôni.

D'Artagnan vừa vượt qua phố Cátxét đã nhận ra cánh cửa nhà bạn mình. Ngôi nhà bị trùm lấp dưới bóng xum xuê cây tiêu huyền và cây ông lão hợp thành tấm thảm rộng lớn phía bên trên. Chàng chợt thấy như có một bóng người ra khỏi phố Xécvăngđôni. Cái bóng đó trùm một chiếc áo khoác, mới đầu D'Artagnan đã tưởng là một người đàn ông, nhưng vóc người nhỏ bé, dáng đi ngập ngừng, bước chân lúng túng, chàng nhận ra ngay một người đàn bà. Hơn nữa, người đàn bà này, vì không tin chắc lắm ngôi nhà mình đang tìm, lại ngước mắt lên để nhận xem, dừng lại, quay lại phía sau, rồi lại trở lại, D'Artagnan thấy khó xử. Chàng nghĩ: "Hay ta đến ngỏ lời giúp đỡ? Qua dáng đi, thấy nàng còn trẻ, có lẽ xinh đẹp nữa. Ồ, phải rồi. Nhưng một phụ nữ chạy rông các phố vào giờ này hiếm khi ra ngoài trừ phi để đi gặp người tình. Khỉ thật? Nếu mình đi phá rối những cuộc hẹn hò. Đó là một cách tồi tệ để làm quen."

Song, thiếu phụ vẫn cứ bước tới, đếm các nhà và các cửa sổ?

-Thật ra, việc đó cũng chẳng lâu la, khó khăn gì. Chỉ có ba dinh quán thuộc phố đó và hai cửa sổ đều trông ra phố, mà một là của nhà hóng mát song song với nhà hóng mát của Aramis, còn cửa sổ kia lại là của bên nhà Aramis.

D'Artagnan, trong đầu hiện ra cô cháu gái của nhà thần học tự nhủ: "Mẹ kiếp! Con bồ câu muộn này lại đi tìm nhà của bạn mình thì kỳ lạ thật. Nhưng có vẻ như thế lắm. Ôi, bạn Aramis thân mến của ta ơi, lần này thì ta muốn làm sáng tỏ mọi chuyện đây."

Và D'Artagnan cố nép mình lại nấp trong bên tối nhất của đường phố, gần một chiếc ghế đá, sát trong một hốc tường.

Người đàn bà trẻ vẫn tiếp tục tiến bước, bởi ngoài dáng đi yểu điệu làm nàng bị lộ, nàng còn vừa cất tiếng ho khẽ giọng rất thanh. D'Artagnan nghĩ tiếng ho đó là một ám hiệu.

-Tuy nhiên, hoặc người ta đã đáp trả tiếng ho bằng một ám hiệu tương đương khiến người phụ nữ đi đêm tìm kiếm phân vân, hoặc chẳng cần sự giúp đỡ của người ngoài, nàng cũng đã nhận ra mình đã tới nơi, nàng quả quyết đến gần cánh cửa sổ nhà Aramis, cong ngón gõ ba tiếng cách đều nhau.

D'Artagnan lẩm bẩm: -Đúng là đến Aramis rồi. A, tay đạo đức giả. Ta tóm được anh đang nghiên cứu ngón thần học rồi!

Ba tiếng vừa gõ xong, chốt cửa bên trong mở ra và ánh sáng lọt ra qua ô kính cánh cửa.

Chà chà? Không gõ cửa đi, lại gõ cửa sổ. Chà! Cuộc thăm viếng đang mong đợi. Nào, cánh cửa sổ mở ra, và phu nhân sẽ trèo qua. Khá lắm!

Nhưng cánh cửa sổ vẫn đóng khiến D'Artagnan hết sức ngạc nhiên. Thêm nữa, ánh sáng vừa lóe lên một lát đã biến mất và tất cả lại tối om.

D'Artagnan nghĩ việc đó không thể kéo dài như thế và tiếp tục giương mắt nhìn và giỏng tai nghe.

Chàng có lý. Khoảng vài giây sau, hai tiếng gõ gọn vang lên từ bên trong.

Thiếu phụ ngoài đường phố đáp lại chỉ bằng một tiếng và cánh cửa sổ hé mở.

Không biết liệu D'Artagnan có hau háu nhìn và dỏng tai nghe không.

Không may thay, ánh sáng lại được chuyển sang phòng khác. Nhưng đôi mắt chàng trai trẻ đã quen với bóng đêm. Hơn nữa, mắt của người Gátxcông, như người ta cam đoan, giống như mắt mèo, có thuộc tính nhìn rõ trong đêm.

Vậy là D'Artagnan nhìn thấy thiếu phụ rút từ túi ra một vật trăng trắng rồi mở ngay ra, có hình thù một chiếc khăn tay.

Khi vật đó được mở ra, nàng chỉ vào góc khăn cho người tiếp chuyện.

Việc đó làm cho D'Artagnan nhớ đến chiếc khăn tay thấy ở dưới chân bà Bonacieux, việc này lại gợi cho chàng nhớ đến chiếc khăn tay chàng thấy dưới chân Aramis.

-Vậy chiếc khăn ấy có ý nghĩ quái quỷ gì?

Ở chỗ nấp, D'Artagnan không thể nhìn rõ mặt Aramis bởi vì chàng không hề có chút nghi ngờ gì rằng chính bạn mình đang từ trong nhà nói chuyện với vị phu nhân ở bên ngoài. Tính tò mò vậy là vượt qua tính thận trọng, lợi dụng lúc hai con người kia mải nhận dạng chiếc khăn tay, chàng ra khỏi chỗ nấp, chạy vụt tới nhưng chân êm như ru, dán mình vào một góc tường, từ chỗ đó, mắt có thể hoàn toàn nhìn lọt sâu và bên trong căn nhà của Aramis.

Tới đó, D'Artagnan suýt buột ra một tiếng kêu kinh ngạc.

-Không phải là Aramis đang nói chuyện với nữ khách ban đêm, mà là một phụ nữ. Có điều, D'Artagnan chỉ nhìn đủ rõ để nhận ra hình dạng quần áo, chứ không đủ rõ để phân biệt đường nét người đàn bà.

Cùng lúc đó, người phụ nữ trong nhà rút ra từ trong túi chiếc khăn tay thứ hai, và đổi lấy chiếc khăn mà người kia vừa đưa ra. Rồi một vài câu được thốt ra giữa hai người. Cuối cùng, cánh cửa lại đóng lại, người đàn bà ở phía bên ngoài cửa sổ quay lại đi qua cách chàng mấy bước, vừa đi vừa kéo thấp mũ xuống che mặt, nhưng sự thận trọng đó đã quá muộn, D'Artagnan đã nhận ra bà Bonacieux.

Bà Bonacieux! Thật ra khi nàng rút khăn tay từ túi ra, chàng đã thoáng ngờ rồi. Nhưng làm sao lại có thể có chuyện bà Bonacieux, người đã phái chàng đi tìm ông De la Porte để ông ta đưa bà trở lại điện Louvre, lại một mình chạy rông các phố ở Paris vào lúc mười một rưỡi đêm, bất chấp bị bắt cóc lần thứ hai? Vậy phải là một việc rất quan trọng. Và việc quan trọng của một người đàn bà hai nhăm tuổi là việc gì ngoài tình yêu?

Nhưng có phải vì chuyện riêng hoặc vì chuyện của người khác mà nàng dấn thân vào những cuộc mạo hiểm ấy hay không? Chàng trai trẻ tự hỏi mình như thể con quỷ ghen tuông đã cắn vào trái tim chàng với danh nghĩa một người tình không hơn không kém.

Thật ra vẫn còn một cách khá đơn giản để biết chắc bà Bonacieux đi đâu, đó là đi theo nàng. Cái cách ấy quá đơn giản khiến D'Artagnan sử dụng nó hoàn hảo tự nhiên và một cách bản năng.

Nhưng, nhìn thấy chàng trai trẻ rời khỏi bức tường như một pho tượng biết đi ra khỏi hốc tường, và nghe quanh người tiếng bước chân vang lên đằng sau mình, bà Bonacieux khẽ kêu lên và chạy trốn.

D'Artagnan đuổi theo sau. Đuổi kịp một người đàn bà đang lúng túng trong chiếc áo choàng không phải là điều gì khó đối với chàng. Vậy là chàng đã đuổi kịp, lúc nàng mới đi được một phần ba đường phố. Người đàn bà khốn khổ kiệt sức, không phải vì mệt mà vì kinh sợ, và khi D'Artagnan đặt tay lên vai nàng, nàng khụy gối xuống và kêu lên một giọng không ra tiếng.

-Nếu muốn, cứ giết tôi đi, đừng hòng biết nổi gì đâu.

D'Artagnan quàng tay đỡ nàng dậy, nhưng thấy người nàng cứ trĩu xuống, như thể sắp ngất, chàng vội làm cho nàng an tâm bằng những câu cam đoan hết

lòng giúp đỡ nàng. Những lời lẽ cam đoan ấy chẳng là cái gì với bà Bonacieux bởi những cam đoan tương tự có thể xuất phát từ những ý đồ xấu xa nhất trên đời.

Nhưng giọng nói mới là đáng kể. Người đàn bà trẻ tưởng như nhận ra âm thanh giọng nói. Nàng mở mắt, liếc nhìn người đàn ỏng đang làm mình sợ hết hồn và nhận ra D'Artagnan, nàng reo lên mừng rỡ: -Ồ thì ra ông! Tạ ơn Chúa!

-Vâng, chính tôi đây – D'Artagnan nói – là tôi, người mà Chúa sai đến để chăm sóc bà.

Với nụ cười đầy vẻ làm duyên nhưng vẫn nổi lên tính cách hơi giễu cợt, người đàn bà trẻ, mọi sự sợ hãi đã tiêu tan khi nhận ra người bạn chứ không phải kẻ thù như đã nghĩ hỏi chàng: -Có đúng là ông đi theo tôi với ý định đó không?

-Không – D'Artagnan nói – không, tôi thú thực như vậy. Tình cờ thôi. Tôi đi cùng đường bà thôi. Tôi thấy một phụ nữ gõ cửa sổ nhà một trong những người bạn tôi.

-Một trong những bạn ông? – Bà Bonacieux ngắt lời.

-Hẳn rồi! Aramis là một trong những bạn tốt nhất của tôi.

-Aramis? Là ai vậy?

-Thôi đi nào! Bà định bảo tôi là bà không quen biết Aramis?

-Lần đầu tiên tôi nghe thấy cái tên ấy đấy.

-Vậy cũng là lần đầu tiên bà đến ngôi nhà đó?

-Đúng thế.

-Và bà không biết ngôi nhà có một người đàn ông trẻ ở?

-Không.

-Một ngự lâm quân mà?

-Đã bảo không rồi.

-Vậy không phải bà đến tìm ông ta sao?

-Không chút nào. Vả lại, ông đã nhìn thấy rõ, người mà tôi nói chuyện là một người đàn bà.

-Đúng rồi, nhưng người đàn bà đó là một trong những bạn gái của Aramis.

-Tôi chẳng biết gì cả.

-Sao, người đàn bà ấy ở nhà anh ấy cơ mà.

-Chẳng liên quan gì đến tôi.

-Nhưng người ấy là ai?

-Ồ đó không là bí mật của tôi.

-Bà Bonacieux thân mến, bà rất duyên dáng nhưng đồng thời cũng là một người đàn bà bí hiểm nhất…

-Điều đó làm cho tôi mất giá ư?

-Không, ngược lại, bà đáng tôn thờ.

-Vậy đưa tay đây cho tôi.

-Xin sẵn sàng. Và rồi?
-Bây giờ, đưa tôi đi.
-Đi đâu nào?
-Chỗ tôi đến.
-Nhưng đến chỗ nào?
-Rồi ông sẽ biết, bởi vì ông sẽ để tôi ở trước cửa nhà đó.
-Có phải đợi bà không?
-Không cần đâu.
-Bà về một mình ư?
-Có thể thế, có thể không.
-Nhưng cái người sẽ đi cùng bà tiếp đó sẽ là đàn ông hay đàn bà?
-Tôi cũng chưa biết nữa.
-Thế mà tôi biết đấy?
-Sao thế được?
-Tôi sẽ đợi đến lúc bà đi ra.
-Nếu như thế thì vĩnh biệt thôi!
-Sao lại thế?
-Tôi không cần đến ông.
-Nhưng mà bà đã yêu cầu…
Sự giúp đỡ của một nhà quý tộc, chứ không phải sự theo dõi của một tên do thám.
-Lời lẽ hơi cứng rắn đấy! Thế người ta gọi những kẻ bám theo người khác bất chấp người ta là gì?
-Người bộc tuệch.
-Gọi thế thì nhẹ quá.
-Thôi nào, thưa bà, tôi thấy rõ là phải làm tất cả những gì bà muốn.
-Thế sao ông không làm ngay có phải quý hơn không?
-Vậy không có điều gì phải ân hận chứ?
-Còn ông, ông ân hận thật rồi ư?
-Chính tôi, tôi cũng chẳng biết gì nữa. Mà tôi chỉ biết là tôi hứa với bà làm tất cả những gì bà muốn, nếu như bà để tôi được đưa bà đến nơi bà định đến.
-Và rồi sau đó, ông cũng sẽ rời khỏi tôi?
-Vâng.
-Mà không rình lúc tôi ra.
-Không.
-Thề danh dự chứ?
-Thề danh dự của một nhà quý tộc.
-Vậy khoác tay tôi rồi cùng đi thôi.

D'Artagnan đưa tay cho bà Bonacieux. Nàng bám tay chàng, nửa tươi cười, nửa run rẩy, và cả hai đi lên đỉnh phố Đàn Thụ cầm. Tới đó người đàn bà trẻ có vẻ do dự, như đã từng do dự ở phố Vôgira. Song, trước một số dấu hiệu nào đó, nàng hình như nhận ra một chiếc cửa, và lại gần chiếc cửa đó.

-Và bây giờ thưa ông – nàng nói – chính nơi đây tôi có việc, muôn vàn lần cám ơn ông cho tôi vinh hạnh đi cùng, đã cứu tôi khỏi mọi hiểm nguy, mà nếu đi một mình tôi có thể gặp phải. Nhưng tôi đã đến nơi và cũng là lúc ông giữ lời hứa rồi.

-Và bà không còn gì e ngại, lúc trở về?

-Tôi chỉ còn phải ngại bọn trộm cắp thôi.

-Thế không phải thế ư?

-Chúng có thể lấy gì của tôi nào? Tôi không có một xu trong người.

-Bà quên chiếc khăn tay đẹp thêu huy hiệu ấy rồi ư?

-Khăn tay nào?

-Chiếc khăn mà tôi đã tìm thấy dưới chân bà và rồi tôi lại nhét vào túi bà.

-Ông im đi, ông im đi? – Người đàn bà trẻ kêu lên – Ông muốn hại tôi ư?

-Bà thừa biết vẫn còn có nguy hiểm cho bà, khi mà một câu thôi cũng làm bà run sợ, và bà thú nhận người ta nghe thấy câu ấy, bà sẽ gặp nguy. Thôi nào, thưa bà! – D'Artagnan vừa nói vừa nắm chặt bàn tay nàng và nhìn nàng bằng con mắt nồng nàn – Thôi nào, bà hãy rộng lượng hơn, hãy tin ở tôi. Bà chẳng phải đã đọc thấy trong mắt tôi chỉ có sự hết lòng và cảm tình trong trái tim tôi đó sao.

-Quá đi chứ – bà Bonacieux trả lời – vì vậy, nếu hỏi tôi những bí mật của tôi, tôi sẽ nói ông nghe nhưng của những người khác, lại là chuyện khác.

-Tốt lắm – D'Artagnan nói – Tôi sẽ khám phá. Một khi những bí mật ấy có ảnh hưởng đến cuộc đời bà, thì những bí mật ấy cũng trở thành của tôi.

Thiếu phụ kêu lên bằng một vẻ nghiêm trang khiến D'Artagnan không tránh khỏi rùng mình.

-Hãy cẩn trọng. Đừng có can thiệp vào bất kỳ điều gì dính dáng đến tôi. Đừng tìm cách giúp tôi trong bất kỳ công việc nào tôi đảm đương. Và tôi yêu cầu ông điều đó là nhân danh sự quan tâm mà ông dành cho tôi, nhân danh những việc ông đã giúp tôi mà suốt đời tôi sẽ không quên. Tốt hơn hãy tin vào những điều tôi nói với ông. Đừng quan tâm tới tôi nữa. Với ông tôi không tồn tại nữa, coi như ông chưa hề gặp tôi bao giờ.

-Thưa bà, anh Aramis có phải làm như tôi không? – D'Artagnan tức khí nói.

-Thưa ông, thế là đã hai lần ông nói đến cái tên đó rồi đấy, nhưng tôi đã nói với ông rằng tôi không quen biết người ấy.

-Bà không quen biết người đàn ông bên cánh cửa mà bà đã gõ ư? Thôi đi nào, thưa bà? Bà tưởng tôi quá nhẹ dạ đến thế ư?

-Ông hãy thú thực, để làm tôi phải nói ra, ông đã bịa ra chuyện ấy và ông đã tạo ra nhân vật ấy đi.

-Thưa bà, tôi chẳng bịa gì hết, chẳng tạo ra cái gì hết, tôi nói đúng sự thật thôi.

-Và ông nói rằng một trong những người bạn ông sống trong ngôi nhà đó?

-Tôi nói vậy, và nhắc lại điều ấy lần thứ ba, ngôi nhà ấy là nhà bạn tôi, và người bạn ấy là Aramis.

-Tất cả những thứ đó sẽ được làm sáng tỏ sau – người đàn bà trẻ thầm thì – còn bây giờ xin ông hãy im đã.

-Nếu bà có thể nhìn vào tim tôi đã mở toang ra – D'Artagnan nói – bà sẽ đọc thấy ở đó bao nỗi hiếu kỳ khiến bà sẽ thương tôi và biết bao tình yêu khiến bà thấy hài lòng ngay về sự hiếu kỳ của tôi. Chẳng có gì để sợ người đang yêu mình.

-Ông nói đến tình yêu nhanh quá đấy, thưa ông! – Người đàn bà trẻ vừa nói vừa lắc đầu. chính vì tình yêu đến với tôi nhanh thế và đây là lần đầu, tôi đã được hai mươi tuổi đâu.

Thiếu phụ liếc nhìn trộm chàng.

-Xin bà nghe đã – D'Artagnan nói tôi đã lần ra dấu vết. Ba tháng trước đây, suýt nữa tôi đã quyết đấu với Aramis chỉ vì chiếc khăn tay tương tự như chiếc khăn mà bà đã cho người đàn bà ở nhà anh ấy xem, vì một chiếc khăn tay in cùng dấu vết, tôi cam đoan như vậy.

-Thưa ông – Thiếu phụ nói – tôi xin thề với ông là ông làm tôi quá mệt vì những câu hỏi đó.

-Nhưng bà thận trọng đến thế, xin bà hãy nghĩ đi, nếu như bà bị bắt giữ cùng với chiếc khăn tay ấy và chiếc khăn tay ấy bị giữ lấy, bà sẽ bị nguy hại chứ?

-Sao lại thế được, những chữ cái viết tay ấy, chẳng phải là của chính tôi sao. C.B tức Constance Bonacieux?

-Hay là Camille de Bois-Tracy nào?

-Ông im đi, một lần nữa im đi! Chà? Một khi những nguy hiểm, của chính bản thân tôi phải trải qua không ngăn nổi ông, ông cũng nên nghĩ đến những cái ông sẽ có thể trải qua chứ?

-Tôi ư?

-Phải, chính ông. Có nguy hiểm của nhà tù, có nguy hiểm đến tính mạng vì quen biết tôi.

-Thế thì tôi không rời bà nữa.

Người đàn bà trẻ chắp hai tay cầu khẩn: -Thưa ông, xin ông vì Chúa, vì danh dự một quân nhân, vì tính hào hoa phong nhã của một nhà quý tộc, hãy xa tôi ra.

Thấy chưa, đồng hồ điểm nửa đêm rồi, là giờ người ta đợi tôi.

-Thưa bà – Chàng trai trẻ nghiêng mình đáp – Tôi không còn biết từ chối thế nào với người đã yêu cầu tôi như thế. Xin bà yên tâm, tôi rời xa bà đây.

-Nhưng ông sẽ không đi theo tôi, ông sẽ không theo dõi tôi chứ?

-Tôi về nhà ngay bây giờ.

-Thế chứ, tôi biết rõ mà, rằng ông là một người đàn ông trẻ tử tế mà! – Bà Bonacieux vừa nói vừa chìa tay cho chàng, tay kia đặt trên chiếc vồ gõ cửa treo trong tường.

D'Artagnan nắm lấy bàn tay chìa ra cho mình và hôn nồng nàn.

-Chao ôi, tôi thích thà rằng chưa bao giờ gặp bà – D'Artagnan kêu lên với vẻ tàn nhẫn ngây thơ mà những người đàn bà thường thích hơn là những sự tế nhị của phép xã giao, bởi vì nó mở ra miền sâu trong tư tưởng và nó chứng tỏ rằng tình cảm đã vượt qua lý trí.

Bà Bonacieux siết chặt bàn tay chưa chịu buông tay bà ra, nói bằng một giọng gần như âu yếm: -Thế ư? Tôi thì tôi sẽ không nói đến mức như ông đâu. Cái gì mất hôm nay, không mất trong tương lai. Ai biết được chả có ngày tôi sẽ được gỡ ra khỏi những rắc rối này, tôi lại chẳng làm thỏa mãn sự hiếu kỳ của ông.

D'Artagnan reo lên tràn trề vui sướng: -Và bà vẫn giữ lời hứa ấy với mối tình của tôi chứ?

-Ồ, về mặt đó, tôi không thể hứa hẹn gì. Cái đó tùy thuộc vào những tình cảm mà ông sẽ gợi lên trong lòng tôi.

-Như thế, hôm nay, thưa bà…

-Hôm nay, thưa ông, tôi chỉ mới ở mức biết ơn ông.

-Trời! Bà thật quá duyên dáng – D'Artagnan nói với vẻ buồn rầu – và bà lợi dụng tình yêu của tôi.

-Không đâu. Tôi sử dụng lòng hào hiệp của ông. Có thế thôi. Nhưng ông hãy tin chắc, với một số người nào đó, chẳng có gì mất hết cả đâu.

-Ôi, bà làm cho tôi thành kẻ hạnh phúc nhất trong mọi người rồi. Xin bà đừng quên cái đêm nay, xin đừng quên lời hứa hẹn này.

-Xin ông yên tâm, đúng thế, đúng chỗ, tôi sẽ nhớ tất cả còn bây giờ, ông đi đi, vì Chúa, ông đi đi! Người ta đợi tôi đúng nủa đêm và tôi đã bị muộn rồi. Muộn năm phút.

-Vâng, nhưng trong một số tình huống, năm phút bằng năm thế kỷ. Khi người ta yêu.

-Ô hay! Ai bảo ông tôi không đang mắc việc với một người đang yêu?

-Đó là một người đàn ông đang đợi bà ư? – D'Artagnan kêu lên – Một người đàn ông!

-Thôi đi, thế là cuộc tranh eãi lại sắp bắt đầu trở lại – Bà Bonacieux nói với nụ cười nửa miệng không loại trừ một vẻ sốt ruột nào đó.

-Không, không, tôi đi đây, tôi đi khỏi đây mà. Tôi tin ở bà.

-Tôi muốn hoàn toàn xứng đáng với lòng tận tụy của mình, dù cho lòng tận tụy ấy là một sự ngốc nghếch. Vĩnh biệt, vĩnh biệt bà!

Và vì phải gắng sức mới giật tay gỡ ra khỏi bàn tay đang nắm, chàng rời xa như chạy vội, trong khi đó bà Bonacieux gõ ba tiếng chậm và cách đều nhau từng gõ vào cánh cửa sổ.

Tới góc phố, D'Artagnan quay lại. Cửa mở ra rồi đóng lại. Bà chủ hiệu tạp hóa xinh đẹp biến mất.

D'Artagnan tiếp tục đi đường mình, chàng đã hứa không rình mò bà Bonacieux và cuộc sống của bà dù có phụ thuộc vào địa điểm bà sắp đến hay vào con người phải đi cùng bà, D'Artagnan cũng sẽ trở về nhà một khi chàng đã nói là trở về nhà. Năm phút sau chàng đã ở phố Phu đào huyệt. Chàng nói một mình: "Athos tội nghiệp! Anh ấy sẽ chẳng biết như thế nghĩa là thế nào. Anh ấy sẽ ngủ mà đợi ta, hoặc sẽ trở về nhà mình, và về đến nơi, anh ấy sẽ biết có một người đàn bà đã đến đấy. Một người đàn bà ở nhà Athos! Rốt cuộc, cũng có một đàn bà trong nhà Aramis cơ mà. Tất cả cái đó đều quá kỳ lạ, và ta háo hức biết mấy để biết xem nó sẽ kết thúc ra sao.

-Nguy, thưa ông, nguy rồi – Một giọng nói đáp lại mà chàng nhận ra giọng của Planchet, bởi vừa lớn tiếng độc thoại theo kiểu những người đang rất bận việc, chàng đi vào lối đi mà phía cuối là cầu thang dẫn lên phòng mình.

-Sao, nguy ư? Mày muốn nói gì, thằng ngu? – D'Artagnan hỏi – Vậy đã xảy ra chuyện gì?

-Đủ mọi thứ tai ương.

-Tai ương nào?

-Trước tiên, ông Athos bị bắt.

-Bị bắt! Athos? Bị bắt? Tại sao?

-Người ta thấy ông ấy ở nhà ông – Họ tưởng là ông nên đã bắt.

-Bọn nào bắt?

Bọn cận vệ do bọn mặc đồ đen bị ông đánh đuổi dẫn đến.

-Tại sao anh ấy không xưng danh? Tại sao anh ấy không nói mình không liên quan gì đến chuyện này?

-Thưa ông, ông ấy đã đề phòng cẩn thận việc đó, và trái lại còn đến gần bảo tôi: "Chính chủ anh đang cần tự do trong lúc này, chứ không phải ta, bởi vì chủ anh biết hết mọi chuyện, còn ta lại chẳng biết gì. Người ta sẽ tưởng chủ anh bị bắt, và việc đó sẽ cho anh ấy thời gian. Ba ngày nữa ta sẽ nói ta là ai, và họ nhất quyết phải thả ta ra."

-Hoan hô Athos! Tấm lòng cao quý! – D'Artagnan thì thầm – Ta biết rõ anh ấy là như thế mà! Và bọn cảnh vệ còn làm gì nữa?

-Bốn tên dẫn ông Athos đi đâu, tôi không biết, đến ngục Bastille hay đến Pholêvếch chẳng rõ. Hai tên lưu lại với những tên mặc đen, lục lọi khắp nơi và

giữ mọi giấy tờ. Hai tên cuối cùng trong cuộc hành quận đó gác ngoài cửa. Rồi, khi tất cả đã xong, chúng bỏ đi, để lại nhà cửa toang hoang, trống trơn.

-Còn Porthos và Aramis?

-Tôi không tìm thấy họ, họ không đến.

-Nhưng họ có thể đến bất cứ lúc nào, bởi vì hẳn mày đã nhắn lại ta đang đợi các ông ấy?

-Vâng, thưa ông.

-Nghe đây? Đừng có nhúc nhích khỏi đây. Nếu hai ông ấy đến, báo cho họ biết cái gì đã xảy đến với ta, bảo họ đợi ở quán Quả thông. Ở đây sẽ nguy hiểm, ngôi nhà có thể bị do thám. Ta chạy đến ông De Treville để báo cho ông ấy tất cả chuyện đó, và ta sẽ gặp họ ở đó.

-Được ạ, thưa ông – Planchet nói.

-Nhưng mày sẽ ở lại và đừng sợ!

D'Artagnan đi được mấy bước lại quay lại để động viên lòng dũng cảm cho người hầu của mình.

-Thưa ông, xin ông yên tâm – Planchet nói – Ông còn chưa biết rõ tôi đấy. Khi lâm sự tôi cũng can trường ra phết đấy. Hơn nữa tôi là dân Pica.

-Vậy, thỏa thuận rồi nhé – D'Artagnan nói – Mà thà chết còn hơn rời vị trí.

-Vâng, thưa ông, và chẳng có việc gì mà tôi không làm để chứng tỏ tôi gắn bó với ông.

"Tốt – D'Artagnan tự nhủ – hình như cái phương pháp mà ta áp dụng đối với gã này là một phương pháp tốt. Khi cần, ta sẽ lại dùng."

Rồi ba chân bốn cẳng tuy đã hơi mỏi vì chạy đây đó suốt ngày, D'Artagnan đi về phố Chuồng chim câu.

Ông De Treville không hề ở dinh quán. Đại đội của ông đang gác điện Louvre. Ông đến Louvre với đại đội của mình.

Phải đến tận chỗ ông De Treville thôi. Điều quan trọng là phải báo cho ông biết điều gì đang diễn ra. D'Artagnan thử vào điện Louvre. Bộ trang phục cận vệ trong đại đội ông des Essarts phải là một giấy thông hành cho chàng.

Thế là chàng đi xuống phố Augustin nhỏ rồi lên đường bờ đê để đến cầu mới. Chàng đã có ý nghĩ qua phà, nhưng tới bờ nước, chàng vô tình thò tay vào túi và nhận ra không có tiền để trả tiền qua phà.

Vừa lên đến dốc phố Ghênêgô, chàng nhìn thấy một nhóm từ phố Cá heo đi ra, gồm hai người dáng dấp đập vào mắt chàng.

Hai người đó gồm một đàn ông, người kia đàn bà.

Người đàn bà có dáng dấp bà Bonacieux và người đàn ông thì giống đến mức nhầm với Aramis.

Ngoài ra, người đàn bà có chiếc áo choàng đen như chiếc áo mà D'Artagnan từng thấy nổi lên trên cánh cửa sổ ở phố Vôgira và trên khung cửa ở phố Đàn

Thụ cầm nữa. Thêm nữa, người đàn ông cũng mặc đồng phục ngự lâm quân.

Cái mũ liền áo của người đàn bà kéo sụp xuống. Người đàn ông cầm khăn tay che lên mặt. Sự thận trọng gấp đôi của cả hai người chỉ ra rằng họ đều lo bị lộ diện.

Họ đi lên cầu, cùng đường với D'Artagnan vì D'Artagnan đi đến điện Louvre. Chàng đi theo họ.

Đi chưa đầy hai chục bước, chàng đã tin chắc người đàn bà chính là bà Bonacieux và người đàn ông kia là Aramis.

Ngay lúc đó chàng cảm thấy mọi sự ngờ vực ghen tuông sôi lên trong trái tim mình.

Chàng đã bị hai lần phản bội vừa bởi bạn mình vừa bởi người mà chàng đã yêu như một người tình của mình. Bà Bonacieux đã thề độc với chàng là không quen biết Aramis và chỉ mười lăm phút sau khi đã thề như thế với chàng, chàng đã thấy bà ta khoác tay Aramis.

D'Artagnan cũng chẳng nghĩ mình mới chỉ quen biết cô hàng xén xinh đẹp được ba tiếng đồng hồ và nàng chỉ phải chịu ơn chàng chút ít vì đã giải phóng nàng khỏi bọn mặc đồ đen muốn bắt cóc nàng đi và nàng chưa hề hứa hẹn gì với chàng.

Chàng tự coi mình như một người tình bị làm nhục, phản bội, cợt nhạo. Máu nóng và cơn giận bốc lên mặt, chàng quyết định phải làm rõ tất cả.

Người thiếu phụ và người đàn ông trẻ biết mình bị theo dõi liền rảo bước gấp đôi. D'Artagnan chạy vượt lên rồi quay lại phía họ lúc họ đến trước mặt nhà thờ Samaritain có một cây đèn lồng chiếu sáng tỏa cả đến tận mặt cầu.

D'Artagnan dừng lại trước mặt họ và họ cũng dừng lại trước mặt chàng.

-Thưa ông, ông muốn gì? – người ngự lâm kia vừa hỏi vừa lùi lại một bước và bằng một giọng lơ lớ, chứng tỏ D'Artagnan đã bị nhầm một phần trong những phỏng đoán của mình.

Chàng kêu lên: -Không phải Aramis!

-Không, thưa ông, không có Aramis nào cả, và nghe cái giọng kinh ngạc của ông, tôi thấy ông đã nhầm tôi với người khác nên tôi tha thứ cho ông.

-Ông tha thứ cho tôi á! – Chàng kêu lên.

-Phải – Người lạ đáp – Vậy hãy để tôi đi vì không phải ông mắc chuyện với tôi.

-Ông có lý, thưa ông – D'Artagnan nói – không phải với ông tôi mắc chuyện, mà là với bà đây.

-Với bà đây? Ông đâu biết bà ấy? – Người lạ nói.

-Thưa ông, ông nhầm rồi, tôi biết bà ấy.

-Đến thế nữa! – Bà Bonacieux nói bằng một giọng trách móc. Thế cơ đấy, thưa ông. Ông đã lấy danh dự quân nhân và tư cách quý tộc ra hứa với tôi. Tôi hy

vọng có thể tin cơ đấy.

-Và tôi thưa bà – D'Artagnan bối rối nói – bà cũng đã hứa với tôi…

Người lạ mặt: -Nào bà, vịn vào tay tôi đi, rồi chúng ta tiếp tục đi đường của chúng ta.

Trong khi đó, D'Artagnan choáng váng sụp đổ, rã rời vì tất cả những gì vừa xảy đến với chàng, vẫn đứng thuỗn người, hai tay khoanh lại trước người ngự lâm và bà Bonacieux.

Người ngự lâm bước lên hai bước, lấy tay gạt D'Artagnan ra.

D'Artagnan nhảy lùi về phía sau và rút gươm.

Nhanh như chớp, người lạ đồng thời cũng rút gươm.

Bà Bonacieux lao vào giữa hai đối thủ, hai tay nắm lấy hai lưỡi gươm, kêu lên: -Lạy Chúa thưa Huân tước[45].

-Huân tước ư? – Chàng vội kêu lên sau một ý nghĩ chợt lóe lên trong đầu – Huân tước, xin lỗi, thưa ngài, nhưng ngài chả nhẽ lại là…

-Là Huân tước Quận công De Buckingham – Bà Bonacieux nói khẽ – Và bây giờ ông có thể làm hại tất cả chúng ta.

-Thưa Huân tước, thưa bà, trăm ngàn lần xin tạ lỗi. Nhưng thưa Huân tước, tôi yêu bà ấy, và tôi ghen. Ngài cũng biết, yêu là thế nào rồi, xin Huân tước tha lỗi cho tôi, và xin nói cho tôi biết, tôi có thể xả thân vì ngài như thế nào?

Buckingham vừa nói vừa chìa tay ra cho chàng siết chặt!

-Ông là một người đàn ông trẻ tuổi tử tế. Ông ngỏ ý phục vụ tôi, tôi xin nhận. Ông hãy đi theo chúng tôi cách ra hai chục bước đến điện Louvre, và nếu có kẻ nào rình rập chúng ta, hãy giết hắn.

D'Artagnan kẹp thanh gươm trần của mình dưới cánh tay, nhường bà Bonacieux và Huân tước đi trước hai chục bước rồi đi theo, sẵn sàng thi hành không sai một chữ chỉ thị của ngài Thủ tướng cao quý và hào hoa của vua Charles đệ nhất[46].

Nhưng may thay, chàng thanh niên cuồng tín ấy không gặp cơ hội nào để chứng tỏ với Huân tước lòng tận tụy của mình, và người đàn trẻ cùng người ngự lâm đẹp trai đi vào điện Louvre qua trạm gác phố Chiếc thang.

Còn D'Artagnan thì đi ngay tới quán Quả thông để tìm gặp Porthos và Aramis đang đợi chàng.

Rồi chẳng giải thích gì với họ về việc rắc rối chàng đã gây ra, chàng bảo họ là đã một mình kết thúc công việc mà có lúc đã tưởng cần đến sự can thiệp của họ.

-Và bây giờ, sau khi đã mải mê đẩy câu chuyện đi, ta hãy để ba người này ai về nhà người ấy, rồi đi theo Quận công Buckingham và người dẫn đường trong những lối đi ngoắt ngoéo ở điện Louvre.

§12. George Villiers quận công de Buckingham

Bà Bonacieux và Quận công đi vào điện Louvre không gặp khó khăn gì. Bà Bonacieux ai cũng biết là người của Hoàng hậu, Quận công mặc đồng phục ngự lâm của ông De Treville như ta đã nói, lại đến phiên gác tối đó. Hơn nữa, Ghécmanh là thuộc hạ tin cậy của Hoàng hậu và nếu xảy ra chuyện gì, bà Bonacieux sẽ bị cáo buộc dẫn người tình của mình vào điện Louvre, có thế thôi.

Bà ta sẽ nhận tội về mình, danh giá của bà sẽ mất, đúng vậy, nhưng cái danh giá của một cô hàng xén nhỏ thì có giá trị gì trong cái thế giới này?

Vào được bên trong hoàng cung rồi, Quận công và người thiếu phụ đi theo chân tường thành một khoảng hai nhăm bước, qua khoảng đó bà Bonacieux đẩy một cái cửa ngách nhỏ, ngày đóng, đêm thường mở. Cửa mở ra, cả hai đi vào một vùng tối om, nhưng bà Bonacieux thuộc hết đường ngang ngõ tắt ở phần này của điện Louvre, phần giành cho những người trong bộ phận tùy tùng. Bà ta đóng lại các cửa đã đi qua, dắt tay ông Huân tước, dò dẫm mấy bước đi, nắm lấy tay vịn, bước lên một bậc, và bắt đầu leo lên cầu thang. Ông Quận công đếm được hai tầng gác.

Rồi bà ra rẽ phải, đi theo một hành lang dài, lại đi xuống một tầng, đi thêm vài bước vài bước nữa, tra chìa khóa vào ổ khóa, mở một cửa và đẩy Huân tước vào một căn phòng chỉ được thắp sáng bằng một ngọn đèn ngủ và bảo: -Xin Huân tước Quận công cứ ở đây, sẽ có người đến.

Rồi bà ta đi ra cũng bằng chiếc cửa ấy, khóa trái lại, thành ra Quận công thấy mình thực sự như một tù nhân.

-Thế nhưng dù hoàn toàn bị biệt lập. Quận công De Buckingham không hề một phút giây cảm thấy sợ hãi. Một trong những mặt nổi bật trong tính cách của ông ta là tìm kiếm sự phiêu lưu và tình yêu, sự lãng mạn. Can trường, táo bạo, dày đạn, đây không phải là lần đầu tiên ông ta liều mạng trong những toan tính như thế. Ông đã hiểu ra bức thư nhắn gửi danh hoàng Anne d'Autriche[47] mà vì tin là thật ông đã sang Paris, chỉ là một cái bẫy, và đáng nhẽ lại trở lại Anh quốc, ông đã lợi dụng tình thế mình bị đẩy vào, tuyên bố với Hoàng hậu sẽ không ra đi nếu không được gặp bà. Lúc đầu Hoàng hậu kiên quyết từ chối, cuối cùng bà lại sợ Quận công nổi giận làm những chuyện điên rồ. Thế là bà đã quyết định tiếp ông và sẽ van xin ông ra đi ngay tức khắc. Chính buổi tối hôm bà Bonacieux được giao việc đi tìm Quận công và dẫn ông vào điện Louvre thì bà bị bắt cóc. Trong hai ngày, người ta hoàn toàn không biết bà ra sao và tất cả mọi việc đều treo lơ lửng. Nhưng một khi được tự do, một khi bắt liên lạc lại được với ông La Porte, mọi việc lại tiếp tục và bà vừa làm tròn cái việc phiêu lưu đầy nguy hiểm mà nếu như không bị bắt bà đã làm xong sớm hơn ba ngày rồi.

Còn lại một mình, Buckingham lại gần một tấm gương và thấy chiếc áo ngự lâm quân sao hợp với mình đến thế. Ở tuổi ba nhăm lúc đó, ông không hổ danh là một nhà quý tộc đẹp trai nhất và kỵ sĩ hào hoa nhất của Pháp quốc và Anh quốc.

Được cả hai quốc vương sủng ái, giàu có bạc triệu, đầy quyền thế trong một vương quốc có thể để yên được yên, làm loạn là loạn, Gioócgiơ Villiers Quận công De Buckingham đã để lại một trong những cuộc đời huyền thoại, lưu truyền qua nhiều thế kỷ như một sự kỳ lạ cho hậu thế.

Vì vậy, tin ở bản thân, vững ở uy lực, biết chắc những luật lệ kiềm chế những người khác không thể động đến mình, ông ta đi thẳng đến mục đích mình đã vạch ra, dù mục đích ấy quá cao xa và chói ngời đến mức là điên rồ với kẻ khác khi mới chỉ nhằm đến thôi. Chính vì thế mà ông đã nhiều lần tiếp cận được Anne d'Autriche xinh đẹp và kiêu hãnh, khiến nàng phải yêu ông vì những phẩm chất sáng ngời.

Soi mình trước gương, sửa lại những nếp sóng của bộ tóc hung vàng mà chiếc mũ nặng đã đè bẹp xuống, vuốt lại bộ ria mép vểnh lên, trong lòng tràn đầy niềm vui sướng và kiêu hãnh đã đạt được giờ phút khao khát bấy lâu nay, ông cười nụ một mình vừa hy vọng vừa hãnh diện.

Cũng lúc đó, một cánh cửa lấp sau tấm thảm che mở ra, và một phụ nữ xuất hiện. Buckingham nhìn thấy người đó hiện ra trong gương, ông kêu lên một tiếng, đó là Hoàng hậu.

Anne d'Autriche lúc đó khoảng hai sáu, hai bảy tuổi, nghĩa là đang lúc sắc đẹp rạng rỡ nhất.

Dáng đi của nàng là dáng đi của một hoàng hậu hay của một nữ thần, đôi mắt long lanh như ngọc bích, vừa đẹp hoàn hảo vừa tràn đầy vẻ dịu dàng lại uy nghi.

Cái miệng nhỏ nhắn và đỏ thắm cho dù môi dưới giống như của các hoàng thân trong gia đình d'Autriche hơi trề ra với môi trên, nàng vẫn vô cùng duyên dáng khi cười, và thâm trầm ngạo nghễ khi khinh bỉ.

Da nàng được coi là biểu tượng cho sự mềm mại mịn màng, bàn tay và cánh tay nàng đẹp đến ngỡ ngàng và tất cả các nhà thơ thời đó đã ca ngợi là bất khả so sánh.

Cuối cùng, tóc nàng hung vàng lúc còn thơ trẻ nay chuyển sang màu hạt dẻ, được nàng uốn nhẹ và rắc nhiều phấn màu, ngưỡng mộ ôm lấy khuôn mặt mà nhà phê bình cứng rắn nhất cũng chỉ có thể muốn đỡ hồng hơn một chút, và nhà tạc tượng khắt khe nhất cũng chỉ yêu cầu sống mũi hơi thanh hơn.

Buckingham ngây ra choáng mắt mất một lúc. Chưa bao giờ Anne d'Autriche lại đẹp đến như thế với ông. Giữa những cuộc khiêu vũ, lễ hội, dạo chơi, nàng chưa bao giờ đẹp như lúc này, trong một chiếc áo sa tanh trắng đơn sơ, cùng với nương tử Étxtêphania tháp tùng, người duy nhất trong những phụ nữ Tây Ban

Nha còn chưa bị nhà Vua đuổi vì lòng ghen tuông cùng với sự ngược đãi của Giáo chủ Richelieu.

Anne d'Autriche tiến lên hai bước, Buckingham vội quỳ xuống dưới đầu gối nàng và nàng còn chưa kịp ngăn lại, thì ông đã hôn vào gấu áo của nàng.

-Quận công đã biết không phải tôi đã sai viết cho ông?

-Ồ vâng, thưa bà, vâng, thưa Hoàng hậu – Quận công nói – tôi biết tôi là một tên điên, một kẻ mất trí đi tin rằng băng tuyết có thể nao lòng, đá có thể bốc nóng. Nhưng bà bảo sao, khi người ta yêu, người ta dễ tin ở tình yêu, vả lại, tôi cũng bõ công trong chuyến đi này vì đã được gặp bà.

-Phải – Anne trả lời – nhưng ông hẳn biết vì sao và làm thế nào tôi gặp ông, bởi vì không động lòng trước mọi nỗi khó khăn của tôi, ông ương ngạnh không chịu rời khỏi cái thành phố mà ở lại đó tức là ông đã liều mạng sống và làm tôi có nguy cơ bị hại thanh danh. Tôi gặp ông để nói với ông rằng tất cả đều ngăn cách chúng ta, những vực sâu của biển, mối thâm thù của các vương quốc, sự thiêng liêng của những lời thề. Chống lại mọi điều như thế là phạm thượng đấy, Huân tước ạ. Cuối cùng, tôi gặp ông còn để nói với ông, chúng ta không nên gặp nhau nữa.

-Xin cứ nói, thưa Hoàng hậu, cứ nói nữa đi! – Buckingham nói – giọng nói dịu dàng của bà che đi những lời lẽ cứng rắn của bà. Bà nói đến phạm thượng? Nhưng sự phạm thượng nằm ngay trong việc chia sẻ những con tim mà Thượng đế tạo ra để chúng được vì nhau.

-Huân tước! – Hoàng hậu kêu lên – Ông quên rằng tôi chưa bao giờ nói tôi yêu ông.

-Nhưng bà cũng chưa hề nói rằng bà không mảy may yêu tôi, và quả thật nói với tôi những lời tương tự sẽ là một điều bạc nghĩa về phần Hoàng hậu đó. Bởi vì bà hãy bảo tôi đi, bà tìm đâu ra một tình yêu như tình yêu của tôi, một tình yêu mà thời gian, sự xa cách, sự thất vọng đều không làm nguội tắt nổi: một tình yêu tự bằng lòng với một dải băng rơi lạc, một cái nhìn lơ đãng, một câu nhỡ miệng? Thưa bà, ba năm trước lần đầu tiên tôi nhìn thấy bà, và đã ba năm tôi yêu bà như thế đó. Bà có muốn tôi nói lần đầu tiên tôi thấy bà, bà mặc gì không? Bà có muốn tôi tả từng chi tiết mỗi đồ trang điểm của bà không? Này nhé, tôi còn nhớ rõ, bà ngồi trên những viên gạch lát kiểu Tây Ban Nha, bà mặc một chiếc áo sa tanh xanh lá cây rua sợi vàng và bạc, hai ống tay rủ xuống và được xắn lên trên đôi cánh tay mỹ lệ, đôi cánh tay đáng ngưỡng mộ của bà bằng những viên kim cương lớn. Cổ áo bà xếp nếp và cài kín, bà đội một chiếc mũ nhỏ cùng màu với áo, trên mũ gài một chiếc lông sếu. Ôi, đây nữa nhé. Tôi nhắm mắt lại và tôi vẫn thấy bà nguyên như thế. Tôi mở mắt ra, tôi thấy bà đúng như bây giờ, nghĩa là còn đẹp hơn gấp trăm lần?

Anne d'Autriche không còn đủ can đảm để giận Quận công đã lưu giữ hình ảnh của mình lâu bền đến thế ở trong tim. Nàng lẩm bẩm: -Ôi, điên rồ! Thật điên rồ đi nuôi một đam mê vô vọng với những kỷ niệm như thế!

-Thế bà bảo tôi sống bằng gì? Tôi ấy? Tôi chỉ có những kỷ niệm mà thôi. Đó là hạnh phúc, kho báu, niềm hy vọng của tôi. Mỗi lần gặp bà, là lại thêm một viên kim cương tôi cất vào hộp báu vật trong trái tim tôi. Viên này là viên thứ tư bà để rơi và tôi nhặt được. Bởi trong ba năm, tôi chỉ được gặp bà bốn lần. Lần đầu, tôi vừa nói rồi, lần thứ hai, tại nhà bà De Chevreuse, lần thứ ba trong vườn Amiêng.

-Quận công! – Hoàng hậu đỏ mặt nói – xin đừng nói tới buổi dạ hội ấy nữa.

-Trái lại, thưa bà, phải nói tới nó chứ. Đó là buổi dạ hội sung sướng và rạng rỡ của đời tôi. Bà có nhớ cái đêm ấy mới đẹp làm sao không? Không khí êm dịu và ngát hương, trời xanh biếc và lấp lánh những vì sao! Ôi, lần đó, thưa bà, tôi đã được một mình với bà trong phút chốc, lần đó bà đã sẵn sàng nói hết với tôi sự cô đơn trong cuộc sống của bà, những phiền não trong trái tim bà. Bà đã tựa vào cánh tay tôi, đây, cánh tay này. Tôi cảm thấy trong lúc tôi ngả đầu sang phía bà, những làn tóc đẹp của bà mơn man má tôi, và mỗi lần nó mơn man, tôi lại rùng mình từ chân tới đầu. Ôi, Hoàng hậu, Hoàng hậu! Bà không biết rằng mọi hạnh phúc lớn lao trong trời đất, những niềm vui trên thiên đường đều được gói trong những giờ phút như thế sao. Này nữa, mọi của cải, vận mệnh, vinh quang của tôi, tất cả những ngày còn lại của đời tôi, chỉ để có được phút giây như thế, một đêm như thế! Bởi cái đêm ấy, thưa bà, đêm ấy bà đã yêu tôi, tôi xin thề như vậy.

-Huân tước, vâng, có thể do ảnh hưởng của môi trường đó, vẻ quyến rũ của cái buổi dạ hội mỹ lệ đó, cái nhìn mê hoặc của ông, cuối cùng, hàng nghìn tình thế đôi khi thống nhất lại với nhau để làm hại một người đàn bà, đã nhóm lại xung quanh tôi trong cái đêm định mệnh đó. Nhưng Huân tước ông đã thấy, bà Hoàng hậu đã đến cứu người đàn bà đang yếu lòng. Ngay câu đầu tiên ông đã dám nói ra, ngay sự táo tợn đầu tiên tôi phải đáp lại, tôi đã gọi Hoàng hậu đến cứu.

-Ồ, vâng, vâng, đúng là như thế, và một thứ tình yêu khác với tình yêu của tôi có lẽ đã quỵ ngã trước thử thách đó, còn tình yêu của tôi đã thoát ra khỏi đó thắm thiết hơn, vững bền hơn. Trở về Paris bà đã tưởng là trốn nổi tôi, bà đã tưởng tôi không dám rời khỏi cái kho báu mà người chủ tôi đã ủy thác cho tôi canh giữ. Ôi, tôi cần quái gì mọi kho báu ở trên đời và mọi ông vua trên trái đất. Tám ngày sau đó, thưa bà, tôi đã quay trở lại. Lần này, bà chẳng còn gì để nói tôi. Tôi đã đánh liều bỏ mặc sủng ái, sinh mạng để gặp bà trong giây phút, tôi còn chưa động đến ngay cả bàn tay bà, và bà đã tha thứ cho tôi khi thấy tôi chịu khuất phục và ăn năn đến thế.

-Vâng, nhưng thưa Huân tước, ông thừa biết, sự vu khống đã chộp lấy mọi điên rồ mà trong đó nào tôi đã có gì đâu. Nhà Vua bị Giáo chủ kích động đã nổi trận lôi đình: Bà Vécnê bị đuổi Duytăng bị đi đầy, bà De Chevreuse bị thất sủng, và khi ông muốn trở lại nước Pháp như một sứ thần, nhà Vua đã tự mình chống đối.

-Phải, và nước Pháp sắp phải trả giá cho sự khước từ của nhà Vua bằng một cuộc chiến. Thưa bà, tôi không thể gặp bà được nữa, vì vậy tôi muốn ngày nào bà cũng nghe nói về tôi. Bà nghĩ thế nào về mục đích cuộc viễn chinh đảo Rê và việc liên minh với các tín đồ phái Tin lành ở thành La Rochelle mà tôi dự định? Đó là niềm vui được gặp bà. Tôi không có hy vọng đưa quân vào tận Paris, tôi thừa biết thế, nhưng cuộc chiến này có thể dẫn đến hòa bình, công cuộc hòa bình này sẽ cần đến một nhà thương thuyết, nhà thương thuyết ấy sẽ là tôi. Lúc đó người ta sẽ không dám từ chối tôi và tôi sẽ trở lại Paris và tôi sẽ gặp lại bà, và tôi sẽ được hạnh phúc trong giây lát. Đúng là hàng vạn người sẽ phải trả giá cho hạnh phúc của tôi bằng sinh mạng họ, nhưng tôi cần gì với tôi, miễn là tôi gặp lại bà? Tất cả cái đó có lẽ là rất điên rồ, có lẽ thật mất trí, nhưng bà nói tôi xem, người đàn bà nào có một người tình si tình hơn thế? Bà Hoàng hậu nào có được người phục vụ nhiệt tình hơn.

-Huân tước, Huân tước, những điều ông viện dẫn để bào chữa cho ông còn buộc tội ông hơn nữa đấy. Huân tước, tất cả những bàng chứng yêu đương mà ông đưa ra cho tôi hầu như đều là tội ác.

-Bởi vì bà không yêu tôi, thưa bà. Nếu bà yêu tôi, bà sẽ nhìn điều đó hoàn toàn khác. Nếu bà yêu tôi? Ôi, nếu bà yêu tôi, sẽ quá hạnh phúc và tôi sẽ phát điên. À, bà De Chevreuse mà bà nói vừa rồi, bà ấy không tàn nhẫn bằng bà, ông Hôlên yêu bà ta, và bà ta đáp lại mối tình của ông ấy.

-Bà De Chevreuse không phải là Hoàng hậu – Anne d'Autriche không cưỡng nổi bị khuất phục bởi biểu hiện của một tình yêu sâu sắc đến như thế, nàng lẩm bẩm.

-Vậy bà sẽ yêu tôi nếu bà không phải là Hoàng hậu chứ, nào bà nói đi, bà yêu tôi chứ? Tôi có thể tin rằng chỉ cái thanh danh của địa vị bà khiến bà tàn nhẫn với tôi thôi. Vậy tôi có thể tin rằng nếu bà là bà De Chevreuse thì chàng Buckingham khốn khổ có thể hy vọng chăng? Cảm ơn những lời nói dịu dàng, ôi bà Hoàng kiều diễm của tôi, trăm ngàn lần cảm tạ.

-Ôi Huân tước, ông hiểu nhầm tôi rồi, diễn giải sai rồi, tôi không muốn nói…

-Thôi, thôi, xin đừng nói nữa? – Quận công nói – Nếu tôi sung sướng mắc sai lầm, xin đừng tàn nhẫn tước bỏ đi. Chính bà đã tự nói ra điều đó, người ta đã kéo tôi vào một cái bẫy, tôi sẽ để sinh mạng tôi ở bẫy, có lẽ thế, bởi vì, bà biết đấy, thật lạ lùng, ít lâu nay tôi có những dự cảm rằng tôi sắp chết. – Và Quận công mỉm một nụ cười vừa sầu não vừa quyến rũ.

-Ôi, lạy Chúa! – Anne d'Autriche kêu lên bằng một giọng hãi hùng chứng tỏ mối quan tâm của nàng với Quận công lớn hơn những điều nàng nói ra nhiều.

-Tôi không hề nói ra điều đó để làm bà hoảng sợ đâu, không thưa bà, điều tôi nói với bà còn lố lăng nũa ấy chứ, xin bà tin rằng tôi chẳng bận tâm chút nào đến những giấc mơ như thế.

Nhưng mấy lời bà vừa thốt ra, niềm hy vọng mà bà hầu như đã cho tôi sẽ được trả giá đầy đủ, dù đó là sinh mạng của tôi đi nữa.

-Lạ thật! – Anne d'Autriche nói – tôi cũng vậy, Quận công ạ, tôi cũng có những dự cảm, tôi cũng có những giấc mơ. Tôi cũng thấy ông bị thương nằm đó, máu me đầy người.

-Ở bên trái do một con dao găm có phải không? – Buckingham ngắt lời.

-Vâng, đúng thế, thưa Huân tước, đúng thế, phía bên trái do một con dao găm. Ai có thể nói với ông tôi đã có giấc mơ đó?

-Tôi chỉ thổ lộ nó với Chúa và còn trong những lời cầu khấn của tôi.

-Tôi không muốn gì hơn, thưa bà, bà yêu tôi, tốt lắm.

-Tôi yêu ông, tôi hở?

-Vâng, bà. Nếu bà không yêu tôi, liệu Chúa có gửi đến cho bà cũng vẫn những giấc mơ ấy như tôi không? Nếu cuộc đời hai chúng ta không tiếp xúc với nhau bằng con tim, liệu chúng ta có cùng những dự cảm không? Bà yêu tôi, ôi Hoàng hậu và bà sẽ khóc thương tôi!

-Ôi Chúa ơi! Chúa ơi! – Anne d'Autriche kêu lên. – Thật quá sức chịu đựng của tôi rồi. Này Quận công, nhân danh Thượng đế, ông đi đi, ông hãy rút lui đi. Tôi không biết là tôi yêu ông hay tôi không yêu ông nữa. Nhưng điều tôi biết là tôi sẽ không thể giả dối chút nào. Vậy hãy thương tôi và đi đi. Ôi nếu ông bị đâm ở nước Pháp, nếu ông chết ở nước Pháp, nếu tôi có thể coi mối tình của ông với tôi là nguyên nhân cái chết của ông, tôi sẽ chẳng bao giờ yên lòng nổi, tôi sẽ phát điên vì thế. Vậy ông đi đi. Đi đi, tôi van ông đấy!

-Ôi, sao bà đẹp đến thế này! Ôi, tôi yêu bà biết mấy!

-Đi đi! Đi đi! Tôi van ông mà. Rồi sau lại trở lại. Với những cận vệ xung quanh bảo vệ ông, với những người hầu chăm sóc ông và lúc đó tôi sẽ không sợ cho tính mạng ông nữa, tôi sẽ hạnh phúc được gặp lại ông.

-Ôi, có đúng bà nói với tôi như vậy không?

-Đúng…

-Hay lắm! Một tín vật cho lòng khoan dung của bà, một vật của riêng bà, nó nhắc cho tôi biết không phải tôi mơ đâu, một vật gì đó mà bà vẫn đeo và đến lượt tôi, tôi cũng có thể đeo, một cái nhẫn, một cái vòng, một chuỗi hạt.

-Và ông sẽ đi, ông sẽ đi nếu tôi cho ông vật ông yêu cầu chứ?

-Vâng.

-Ngay tức khắc?

-Vâng.

-Ông sẽ rời nước Pháp, sẽ quay về nước Anh chứ?

-Vâng, tôi xin thề với bà.

-Đợi đã được rồi, đợi đã.

Và Anne d'Autriche trở về căn phòng của mình rồi hầu như ra ngay, tay cầm cái tráp nhỏ bằng gỗ hồng đào có những chữ cái viết tắt tên họ của nàng nạm vàng.

-Huân tước Quận công, ông cầm lấy – nàng nói – Ông hãy giữ nó để nhớ đến tôi.

Buckingham cầm lấy chiếc tráp và lần thứ hai quỳ xuống.

-Ông đã hứa với tôi là ông sẽ đi – Hoàng hậu nói.

-Và tôi sẽ giữ lời hứa. Bàn tay bà, bàn tay bà, thưa bà, rồi tôi đi.

Anne d'Autriche chìa bàn tay ra, vừa nhắm mắt lại, vừa vịn tay vào Stéphanie, vì nàng cảm thấy không còn đủ sức nữa.

Buckingham say đắm áp môi lên bàn tay mỹ lệ rồi đứng lên nói: -Trước sáu tháng, nếu không chết, tôi sẽ gặp lại bà, dù có phải đảo lộn cả thế giới này vì điều đó.

Và trung thành với lời hứa, ông lao ra khỏi căn phòng.

Trong hành lang, ông gặp bà Bonacieux vẫn đang đứng đợi.

Bà ta dẫn ông ra khỏi điện Louvre, cũng vẫn với những cẩn trọng và cả niềm hạnh phúc nữa.

§13. Ông Bonacieux

Trong mọi chuyện vừa xảy ra, có một nhân vật, mặc dầu trong tình thế không an toàn, lại không được quan tâm mấy, đó là ông Bonacieux, kẻ từ đạo đáng kính của những âm mưu chính trị và tình yêu đan xen nhau chặt chẽ trong cái thời buổi vừa rất hiệp sĩ vừa rất phong tình này.

May sao, chúng tôi đã hứa không bỏ quên ông ta.

Bọn sai nha đã bắt giữ ông rồi dẫn thẳng đến ngục Bastille, ở đó họ đưa ông còn đang run sợ đến trước một tiểu đội lính đang nhồi thuốc vào súng hỏa mai của họ.

Từ chỗ đó, ông lại bị đưa đến một hầm nửa ngầm dưới đất và bị bọn dẫn đi chửi bới thô tục nhất, đối xử dã man nhất. Bọn cảnh vệ thấy ông chẳng phải một nhà quý tộc do đó, chúng đối xừ với ông như kẻ ăn mày thực thụ.

Khoảng nửa giờ sau, một viên lục sự đến chấm dứt những trò tra khảo, nhưng không chấm dứt những mối lo lắng của ông khi ra lệnh dẫn ông vào phòng hỏi cung. Thường thường người ta hỏi cung tù nhân ngay tại nhà họ, nhưng với ông Bonacieux, họ không mất công làm theo cung cách ấy.

Hai tên lính gác túm lấy ông hàng xén, lôi ông qua một cái sân, rồi lôi vào một hành lang có ba lính tuần tra, mở một chiếc cửa, và đẩy ông vào một phòng thấp, ở đó đồ đạc chỉ có mỗi cái bàn, một cái ghế và một viên đồn trưởng cảnh sát. Viên đồn trưởng đang ngồi ở ghế và hý hoáy viết trên bàn.

Hai tên gác dẫn tù nhân đến trước cái bàn. Viên đồn trưởng ra hiệu cho họ đi xa ra khỏi tần nghe rõ tiếng nói.

Viên cảnh sát này cho tới lúc đó vẫn cắm cúi vào đống giấy tờ, bây giờ mới ngẩng đầu lên xem phải làm việc với ai. Đó là một con người mặt quằm quặm, mũi nhọn, gò má vàng và gồ cao, mắt nhỏ nhưng soi mói và lanh lợi, vẻ mặt vừa giống chồn, vừa giống cáo. Đầu hắn thò ra khỏi chiếc áo đen rộng lắc lư trên cái cổ dài ngoẵng, hơi giống như một con rùa thò đầu ra khỏi mai.

Hắn bắt đầu bằng việc hỏi ông Bonacieux tên, họ, tuổi, nghề nghiệp và chỗ ở.

Bị cáo trả lời ông tên là Jắc Misen Bonacieux, năm mốt tuổi, chủ hàng tạp hóa đã nghỉ buôn, ở số nhà 11, phố Phu đào huyệt.

Đến đây, đáng lẽ tiếp tục thẩm vấn ông, hắn lại làm một bài diễn văn dài dòng về mối nguy đối với gã thị dân ngu tối can dự vào những việc công. Hắn còn làm phức tạp thêm phần mào đề bằng việc phô trương quyền lực và hành động của Giáo chủ, vị Thủ tướng không ai sánh nổi, vị Thủ tướng vượt xa những vị trước đây, một tấm gương của những Thủ tướng sau này. Những hành động và quyền lực của Thủ tướng mà không ai chống đối không bị trừng phạt.

Sau phần hai của bài diễn văn, găm con mắt diều hâu vào ông Bonacieux khốn khổ, hắn giục ông suy nghĩ về mức nghiêm trọng tình thế của ông.

Ông đã nghĩ trước cả rồi. Ông nguyền rủa cái khoảnh khắc mà ông De la Porte có ý định gả cho ông cô con gái đỡ đầu, và nhất là cái khoảnh khắc cô con gái đỡ đầu đó được nhận làm người lo khăn áo cho Hoàng hậu.

Điều căn bản trong tính cách của ông Bonacieux là tính ích kỷ sâu xa hòa lẫn tính keo cú bần tiện, trộn thêm tính hèn nhát cực điểm. Tình yêu người vợ trẻ gợi cho ông là một tình cảm hoàn toàn thứ yếu, không thể nào chống nổi những tình cảm bẩm sinh mà chúng ta vừa liệt kê ra.

Bonacieux quả có suy nghĩ về những gì người ta vừa nói với ông ta.

-Nhưng thưa ông đồn trưởng – Ông lạnh lùng nói – Ông hãy tin chắc là tôi biết và tôi đánh giá cao hơn bất cứ ai, tài đức của Đức ông bất khả so sánh, mà chúng ta có vinh dự được ngài cai trị.

-Thật ư? – Viên đồn trưởng hỏi bằng vẻ nghi ngờ – nhưng nếu như thực sự như vậy, làm sao ông lại ở nực Bastille?

-Làm sao tôi ở đây hoặc đúng hơn tại sao tôi ở đây? – Bonacieux đáp – đó là điều tôi hoàn toàn không thể nói được với ông bởi vì bản thân tôi, tôi cũng chẳng hiểu gì. Nhưng có điều chắc chắn không phải vì đã cố ý xúc phạm Đức Giáo chủ.

-Song ông phải mắc một hình tội chứ, vì ở đây ông bị cáo buộc tội phản bội lớn.

-Phản bội lớn! – Bonacieux hoảng hồn kêu lên – Phản bội lớn! Và làm sao ông lại muốn một chủ hàng tạp hóa khốn khổ ghét bọn giáo phái Canvanh và thâm thù bọn Tây Ban Nha lại bị cáo buộc tội phản bội lớn được? Xin hãy nghĩ kỹ đi, thưa ông việc ấy thực tế là không thể được.

Viên đồn trưởng vừa nói vừa nhìn bị cáo như thể đôi mắt ti hí của hắn có khả năng đọc sâu trong trái tim người khác.

-Ông Bonacieux ông có một bà vợ chứ?

-Vâng thưa ông – Ông chủ hàng xén trả lời mà người cứ run hết lên, cảm thấy đến đây mọi việc sắp trở nên rắc rối – nghĩa là tôi đã từng có một người vợ.

-Thế nào? Ông đã từng có một người vợ ư? Vậy ông đã làm thế nào về việc này, nếu như ông không có nữa.

-Người ta đã bắt cóc mất của tôi, thưa ông.

-Người ta đã bắt cóc mất của ông? Viên đồn trưởng nói – Lại thế nữa!

Bonacieux cảm thấy ở cái tiếng "Lại thế nữa!", mọi cái mỗi lúc một rắc rối hơn.

-Người ta đã bắt cóc vợ ông? Viên đồn trưởng lặp lại – và ông có biết người nào đã phạm tội bắt cóc ấy không?

-Tôi tin là biết hắn.

-Hắn là ai?

-Thưa ông đồn trưởng, tôi không khẳng định gì hết mà chỉ nghi ngờ thôi.

-Ông nghi ngờ ai? Nào, cứ trả lời béng ra.

Ông Bonacieux rơi vào tình trạng hết sức bối rối. Chối hết hay nói hết ra đây? Chối hết, người ta có thể tưởng là mình biết quá nhiều không dám thú nhận. Nói hết chứng tỏ có thiện chí. Cho nên ông quyết định nói hết. Ông nói: -Tôi ngờ một người cao lớn, tóc nâu, dáng vẻ kiêu kỳ, hoàn toàn ra dáng một vị đại vương tôn. Hắn đã theo dõi chúng tôi nhiều lần, hình như thế, khi tôi đợi vợ tôi ở trước cửa trạm gác điện Louvre để đưa vợ tôi về nhà.

Viên đội trưởng hình như tỏ ra lo ngại hỏi: -Và tên hắn?

-Ồ, về tên hắn, tôi chẳng biết tí nào, nhưng nếu bao giờ gặp hắn, tôi nhận ra hắn ngay, xin trả lời ông như vậy, dù cho hắn đứng lẫn trong hàng ngàn người khác.

Trán viên đồn trưởng sa sầm lại: -Ông bảo, lẫn trong ngàn người ông cũng nhận ra?

Nghĩa là ông Bonacieux thấy đã trót lỡ lời, lặp lại "nghĩa là."

-Ông đã trả lời rằng ông sẽ nhận ra hắn – viên đồn trưởng nói – tốt lắm, hôm nay tạm thế đã. Trước khi chúng ta đi xa hơn, cần để ai đó được báo trước rằng ông biết tên bắt cóc vợ ông.

-Nhưng tôi không nói với ông là tôi quen biết hắn! – Ông Bonacieux thất vọng kêu lên – Tôi đã nói với ông trái lại…

-Giải tù nhân đi – Viên đồn trưởng bảo hai người gác.

-Và giải nó đến đâu? – Viên lục sư hỏi.

-Vào ngục tối.

-Vào cái nào?

-Ôi, chúa ơi, cái nào chẳng được, miễn là khóa chặt vào – Viên đồn trưởng thản nhiên trả lời khiến ông Bonacieux tội nghiệp hãi hùng đến xương tủy.

Than ôi, than ôi! Ông tự nhủ, bất hạnh treo trên đầu ta rồi.

Vợ ta chắc đã mắc một tội khủng khiếp. Họ tin ta là kẻ đồng mưu, và sẽ trừng phạt ta cùng với nàng. Chắc nàng đã nói, đã thú nhận đã nói hết với ta. Đàn bà mà. Làm gì chẳng yếu đuối!

Một hầm tối, hầm nào chẳng được? Thế đấy. Vèo một cái đã một đêm. Và ngày mai, vào bánh nghiến, lên giá treo cổ? Ôi! Chúa ơi, Chúa ơi! Xin hãy thương con?

Chẳng thèm nghe một chút những lời than khóc của ông Bonacieux, vả lại họ đã quá quen với những lời than khóc, hai tên gác tù nắm lấy tay ông, lối đi, trong khi ấy, viên đồn trưởng viết vội vã một bức thư mà viên lục sự đang đợi mang đi.

Bonacieux không nhắm mắt nổi, không phải vì hầm tối quá khó chịu, mà vì những lo lắng quá lớn. Ông ta ngồi suốt đêm trên ghế đẩu, nghe tiếng động nhỏ

cũng giật bắn người và khi những tia nắng đầu tiên lọt vào căn hầm, rạng đông đối với ông cũng nhuộm màu tang tóc.

Bất thình lình, ông nghe tiếng mở khóa, ông giật bắn người lên hãi hùng. Ông tưởng người ta đến tìm ông để đưa ông lên đoạn đầu đài. Vì vậy, khi nhìn ra chỉ thấy đơn thuần viên đội tưởng và viên lục sự, ông suýt nữa đã nhảy lên ôm lấy cổ họ.

-Việc của ông trở nên quá phức tạp từ tối hôm qua đấy, ông bạn tử tế ạ – viên đồn trưởng bảo ông – và tôi khuyên ông nói hết sự thật, bởi vì chỉ có sự ăn năn hối hận của ông mới có thể làm nguôi cơn giận dữ của Giáo chủ.

-Nhưng tôi sẵn sàng nói hết mà – Ông Bonacieux kêu lên – Ít ra cũng tất cả những gì tôi biết. Ông cứ hỏi đi, tôi yêu cầu ông đấy!

-Trước hết! vợ ông ở đâu?

-Nhưng một khi tôi đã nói với ông, người ta đã bắt cóc vợ tôi.

-Phải, nhưng từ năm giờ chiều hôm qua, nhờ có ông, bà ta đã trốn thoát.

-Vợ tôi đã trốn thoát? – Bonacieux kêu lên – Ôi, con khốn nạn!

-Thưa ông, nếu nó trốn thoát, đó không phải lỗi của tôi. Tôi xin thề với ông đấy.

-Vậy lúc đó ông làm gì tại nhà D'Artagnan láng giềng của ông, và ông đã có một cuộc nói chuyện lâu dài với anh ta cả ngày hôm ấy?

-À, vâng, thưa ông đồn trưởng, vâng đúng như thế và tôi thú nhận tôi đã nhầm. Tôi đã có mặt tại nhà ông D'Artagnan.

-Mục đích của cuộc thăm viếng ấy là gì?

-Là yêu cầu ông ta giúp tôi tìm lại vợ tôi. Tôi tưởng là tôi có quyền đòi lại vợ tôi như vậy. Có vẻ như tôi đã nhầm và tôi xin các ông tha lỗi.

-Thế D'Artagnan đã trả lời thế nào?

-Ông D'Artagnan hứa giúp tôi. Nhưng tôi nhận ra ngay ông ta đã phản tôi.

-Ông lừa gạt công lý rồi! Ông D'Artagnan đã có một giao ước với ông, và thể theo giao ước, ông ta đã đánh đuổi các nhân viên cảnh sát đã bắt giữ vợ ông rồi giấu biến vợ ông đi.

-Ông D'Artagnan đã cuỗm vợ tôi? Nhưng là ông bảo tôi đấy nhé?

-May sao ông D'Artagnan lại trong tay chúng tôi, và ông sắp được đối chất với ông ta.

-Chà, thật tình – tôi không mong gì hơn – Bonacieux kêu lên, tôi sẽ không bực mình vì gặp lại người quen đâu.

-Đưa ông D'Artagnan vào! – Viên đồn trưởng bảo hai tên gác.

Hai tên gác đưa Athos vào.

-Ông D'Artagnan – Viên đồn trưởng nói với Athos – Ông hãy khai điều gì đã diễn ra giữa ông với ông này.

-Nhưng… – Bonacieux kêu lên – Đây không phải ông D'Artagnan!

-Sao! Không phải ông D'Artagnan ư? – Viên đồn trưởng kêu lên.

Ông Bonacieux trả lời: -Không một chút nào.

-Thế ông này tên là gì?

-Tôi không thể nói được, tôi đâu có biết ông ta.

-Thế nào? Ông không quen biết ông ta?

-Không.

-Ông chưa bao giờ gặp ông ta?

-Có chứ. Nhưng tôi không biết ông ấy tên là gì.

-Tên ông? – Viên đồn trưởng hỏi.

-Athos – Chàng ngự lâm quân trả lời.

Nhưng đó đâu phải một cái tên người, đó là một cái tên núi[48] – Tên thẩm vấn khốn khổ bắt đầu điên đầu kêu lên: -Đấy là tên tôi – Athos bình tĩnh trả lời.

Nhưng ông đã nói ông tên là D'Artagnan?

-Vâng, chính ông.

-Có nghĩa là người ta nói với tôi: "Ông là ông D'Artagnan?"

-Tôi đã trả lời: "Ông tin vậy à?" Bọn lính canh giữ tôi kêu ầm lBn họ tin chắc như vậy. Tôi chẳng buồn làm phật ý họ. Vả lại, có thể tôi nhầm.

-Này ông, ông lăng mạ sự tôn nghiêm của công Iý đó.

-Không chút nào, – Athos bình tĩnh nói.

-Ông là ông D'Artagnan?

-Đấy, ông lại nói thế rồi.

Đến lượt ông Bonacieux la lên: -Nhưng, tôi đã nói với ông, thưa ông đồn trưởng. Không có một chút nghi ngờ nào nữa đâu. Ông D'Artagnan là khách thuê nhà của tôi, tôi phải biết ông ta chứ, dù cho ông ta không trả tiền thuê nhà cho tôi, ông D'Artagnan là một người trẻ tuổi khoảng độ mười chín thôi, còn ông này ít nhất cũng ba mươi rồi. Ông D'Artagnan ở trong đội cận vệ của ông des Essarts, còn ông đây là ngự lâm quân của ông De Treville. Hãy nhìn đồng phục, thưa ông đồn trưởng, ông nhìn đồng phục xem.

-Đúng thế – Viên đồn trưởng lẩm bẩm – Mẹ kiếp đúng thế!

-Đúng lúc đó, cánh cửa mở tung và một phái viên do một tên gác cổng ngục Bastille dẫn vào trao một bức thư cho viên đội trưởng.

-Ôi! Con khốn nạn! – viên đội trưởng kêu lên.

-Sao thế? ông bảo sao? Ông nói ai vậy. Tôi hy vọng không phải vợ tôi chứ!

-Trái lại, chính mụ! Vụ việc của ông khá đấy?

-Thế ư!- Ông chủ tạp hóa nổi khùng nói to – Thưa ông, xin ông vui lòng nói cho tôi hay làm sao vụ việc của tôi lại có thể xấu đi với tôi về những sự mà vợ tôi làm, trong khi tôi đang ở trong tù!

-Bởi vì những việc mà vợ ông làm là chuỗi tiếp nối của một kế hoạch được sắp xếp giữa các người, một kế hoạch ma quỷ.

-Tôi xin thề với ông, thưa ông đồn trưởng, ông đang đi sâu vào một sự nhầm lẫn to nhất đấy tôi chẳng biết thứ chết tiệt gì về những điều vợ tôi làm, tôi hoàn toàn xa lạ với việc vợ tôi đã làm, nếu nó làm những chuyện xằng bậy, tôi sẽ từ bỏ nó, phản đối nó, nguyền rủa nó.

-Thế đấy! – Athos nói với viên đồn trưởng – nếu ông không cần tôi ở đây nữa, hãy trả tôi về đâu đó. Thật phiền quá, cái ông Bonacieux của ông.

Viên đội trưởng ra hiệu hất tay về phía Athos lẫn Bonacieux.

Giải cả hai về hầm tối, và phải canh gác nghiêm ngặt hơn bao giờ hết.

-Tuy nhiên, – Athos nói vẫn với vẻ bình thản thường tình – nếu các ông có chuyện với ông D'Artagnan, tôi không rõ lắm tôi có thể thế chỗ ông ta với tư cách gì?

Viên đồn trưởng hét lên: -Hãy làm như tôi bảo – Bí mật tuyệt đối! Hiểu không?

Athos nhún vai đi theo bọn gác, còn ông Bonacieux vừa đi vừa thốt ra những lời than khóc đến hùm beo cũng phải mủi lòng.

Ông chủ tạp hóa bị dẫn trở về hầm tối đêm trước và bị để mặc ông ở đó suốt ngày. Suốt ngày Bonacieux khóc như một ông chủ tạp hóa thực thụ vì như ông đã nói với chúng ta, ông đâu phải giới cầm gươm.

Đến tối, khoảng chín giờ, vào lúc ông quyết định sắp đi nằm, thì nghe thấy tiếng bước chân ngoài hành lang. Những bước chân đến gần hầm tối, cửa mở. Bọn gác đi vào.

-Đi theo tôi – Một viên cai đi sau hai tên gác nói.

-Đi theo ông? Ông Bonacieux la lên – Theo ông vào cái giờ này ư? Và đi đâu thế, Chúa ơi?

-Đến nơi chúng tôi được lệnh dẫn ông đi.

-Nhưng đó không phải là câu trả lời.

-Nhưng đó lại là câu duy nhất chúng tôi có thể trả lời ông.

-Ôi trời ơi, trời ơi, ông chủ tạp hóa lẩm bẩm – lần này thì toi thật rồi?

Và ông đi theo như một cái máy, không thể cưỡng lại.

Ông đi vẫn theo cái hành lang đã từng đi, qua cái sân thứ nhất, rồi một khung nhà và cuối cùng đến cửa sân trước, ông thấy một cỗ xe có bốn lính bảo vệ cưỡi ngựa ở quanh xe. Họ đưa ông lên xe, viên cai ngồi sau lưng ông, người ta khóa cửa xe lại và cả hai như đang trong một nhà tù lưu động.

Cỗ xe bắt đầu chuyển động, chậm chạp như một xe tang.

Qua cửa lớn đã khóa móc, người tù nhìn thấy nhà cửa, hè đường, tất cả chỉ có thế. Nhưng là người Paris chính cống, Bonacieux nhận ra mỗi phố qua các cột mốc, biển hiệu, đèn lồng.

Lúc đến Thánh Pôn, nơi hành quyết các tử tù của ngục Bastille, ông suýt ngất và làm dấu Thánh hai lần. Ông cứ tưởng là cỗ xe hẳn dừng lại ở đây. Tuy nhiên

nó lại vượt qua.

Xa hơn một đoạn, ông ta lại hết hồn hết vía một lần nữa, cho là lúc xe đi men quanh nghĩa địa Thánh Giàng, nơi chôn những tội phạm quốc gia. Điều duy nhất khiến ông hơi yên tâm là trước khi chôn họ, thường người ta chặt đầu họ đã, còn đầu ông vẫn ở trên hai vai. Nhưng khi xe đi theo đường Grevơ, ông nhận ra những mái nhọn của tòa thị chính, và xe đi vào cái cổng tò vò, ông tin tất cả với ông đã hết rồi. Ông muốn xưng tội với viên cai, và viên này từ chối, ông kêu lên những tiếng kêu đến là thảm thiết khiến viên cai phải dọa nếu ông cứ tiếp tục làm điếc tai hắn như thế hắn sẽ nhét giẻ vào mồm ông.

Lời đe dọa làm ông Bonacieux yên tâm đôi chút. Nếu người ta hành quyết ông ở Grevơ, làm gì phải mất công bịt miệng ông lại, vì cũng gần tới nơi hành quyết rồi. Quả nhiên chiếc xe đi qua cái bãi định mệnh mà không dừng lại. Chỉ còn phải sợ mỗi bãi Thập Tự – Trahoa nữa thôi. Chiếc xe lại đi đúng về phía đó.

Lần này thì không còn nghi ngờ gì nữa. Chính Thập tự – Trahoa là nơi hành quyết những phạm nhân hạ lưu. Bonacieux đã tự đắc tưởng mình xứng với Grevơ hay Thánh Pôn kia.

Nhưng đường đời và sế kiếp của ông lại sắp kết thúc ở Thập tự – Trahoa. Ông còn chưa thể nhìn thấy chiếc thập tự bất hạnh đó, nhưng đã cảm thấy như là nó đã đến trước mặt ông. Khi chỉ còn cách đó độ hai mươi bước, ông nghe tiếng lao nhao và cỗ xe dừng lại. Thật quá sức ông Bonacieux khốn khổ có thể chịu đựng, vì ông đã phải trả qua những cơn xúc động nối tiếp nhau nghiến nát ông. Ông thốt lên một tiếng rên yếu ớt tưởng như tiếng thở hắt ra của một kẻ sắp lìa đời, rồi ngất đi.

§14. Con người ở Măng

Cái đám đông tụ tập đó không phải để chờ xem một người sắp bị treo cổ, mà xem một kẻ thắt cổ. Xe dừng lại một lát rồi tiếp tục lăn bánh, đi qua đám đông, đi vào phố Thánh Ônôrê, rẽ sang phố Lũ trẻ ngoan và dừng lại trước một cái cửa thấp.

Cửa mở hai lính gác dìu Bonacieux, có viên cai đỡ rồi đẩy ông vào một lối đi, lôi ông trèo lên một cầu thang và để ông trong một phòng chờ.

Tất cả những động tác đó được ông thực hiện như một cái máy.

Ông đi như đi trong mơ, như mọi vật như nhìn qua sương mù, tai ông tiếp nhận các âm thanh mà không hiểu là gì. Nếu người ta hành quyết ông lúc đó chắc ông cũng chẳng làm nổi một cử chỉ nào phản vệ, chắc cũng chẳng thốt ra một tiếng kêu để cầu xin lòng thương.

-Ông ngồi nguyên như thế trên một chiếc ghế dài, tựa lưng vào tường, hai tay thõng xuống, đúng chỗ mấy tên gác đã đặt ông xuống.

-Tuy nhiên vì nhìn quanh mình, ông chẳng thấy vật gì đáng sợ, vì chẳng có gì chỉ ra ông đang gặp nguy hiểm thật sự, vì chiếc ghế dài đệm lót tươm tất, tường được bọc loại da đẹp Coócđu, những tấm rèm Đamát của Syri màu đỏ được ghim giữ bằng những móc vàng bồng bềnh trước cửa sổ, dần dần ông hiểu ra chẳng qua là mình quá sợ và ông đảo đầu mình cho thư thái.

Chẳng thấy ai phản đối, ông đánh bạo hơn một chút, liều đưa một chân lên, rồi nốt chân kia. Cuối cùng, chống hai tay, ông vươn lên khỏi ghế rồi đứng thẳng dậy.

-Đúng lúc ấy, một viên sĩ quan mặt mày dễ chịu, vén mở rèm cửa, tiếp tục trao đổi thêm vài lời với người đang ở phòng bên, rồi quay lại phía người tù. Ông ta nói: -Chính ông có tên là Bonacieux?

-Vâng, thưa ông sĩ quan – Ông hàng xén sợ hết hồn ấp úng – xin được hầu ông.

-Vào đi!

Viên sĩ quan tránh ra cho ông hàng xén đi qua. Ông này nhất mực tuân theo đi vào căn phòng hình như người ta đang đợi ông.

Đó là một căn phòng lớn, tường treo đầy binh khí tấn công và phòng thủ, khép kín và ngột ngạt, mới cuối tháng chín mà bên trong đã đốt lò sưởi. Một chiếc bàn vuông kê ở giữa phòng, trên đầy sách và giấy tờ, một tấm bản đồ lớn của thành phố La Rochelle đã được mở sẵn.

Đứng trước lò sưởi là một người đàn ông tầm vóc trung bình, vẻ mặt kiêu hãnh, mắt sắc, trán rộng, bộ mặt choắt như dài thêm ra vì bộ râu chòm, phía trên là đôi ria mép vểnh lên cho dù con người đó mới khoảng ba sáu ba bảy tuổi, tóc,

ria và râu chòm đã hoa râm. Con người đó, không đeo gươm, vẫn đầy đủ dáng dấp con nhà chinh chiến, và đôi giầy da trâu còn phủ nhẹ lớp bụi chỉ rõ ông ta trên lưng ngựa cả ngày.

Con người đó chính là Armand Jean Duplessis – Giáo chủ Richelieu, không phải như người ta giới thiệu với chúng ta, còng như một ông già, đau khổ như một kẻ từ vì đạo, thân hình tiều tụy, nói không ra hơi, vùi mình trong một chiếc ghế bành lớn như trong một nấm mồ đào trước, chỉ còn sống bằng sức mạnh thiên tài của mình và chỉ còn duy trì nổi cuộc đấu tranh chống lại châu Âu bằng việc áp dụng bất di bất dịch tư tưởng của ông.

Nhưng con người ông thực sự vào thời kỳ đó là như thế này, một kỵ sĩ thiện nghệ và phong tình, có thể đã suy yếu nhưng được nâng đỡ bởi một sức mạnh tinh thần tạo nên ở ông một trong những con người phi thường nhất đã từng tồn tại. Sau khi ủng hộ Quận công De Nevơ ở công quốc Măngtu, sau khi chiếm Nimơ, Cátxtrơ và Uyzet, cuối cùng ông đang chuẩn bị đuổi quân Anh khỏi dảo Rê và bao vây La Rochelle.

Thoạt nhìn, chẳng có gì chứng tỏ đây chính là Giáo chủ và những ai chưa từng biết mặt ông khó có thể đoán ra ai là người đang ở trước mặt mình.

Ông chủ tạp hóa tội nghiệp cứ đứng ngây ra ở cửa, trong khi đôi mắt của con người vừa miêu tả đó, nhìn xoáy vào ông và như thể muốn lọt sâu vào tận quá khứ của ông. Sau một phút yên lặng. Giáo chủ hỏi: -Đây là cái ông Bonacieux ấy ư?

Viên sĩ quan trả lời: -Vâng, thưa Đức ông.

-Tốt lắm, đưa cho ta những giấy tờ ấy rồi mặc chúng ta.

Viên sĩ quan lấy trên bàn tập giấy tờ đã chỉ, đưa lại cho Giáo chủ, cúi rạp mình xuống đất rồi đi ra.

-Ông Bonacieux nhận ra những giấy tờ ấy là biên bản thẩm vấn ông ở ngục Bastille. Thỉnh thoảng người đứng ở lò sưởi lại ngước mắt lên khỏi những ghi chép và như hai con dao găm thọc sâu vào trong tim ông hàng xén.

Đọc khoảng mươi phút và mươi phút quan sát, Giáo chủ quyết định vào việc. Ông lẩm bẩm: "Cái thớ kia thì âm mưu cái gì nhưng mặc kệ, cứ phải xem xem", rồi chậm rãi nói: -Ông bị buộc tội đại phản nghịch.

-Thưa Đức ông, đấy, người ta cứ bảo tôi thế đấy – Bonacieux kêu lên và cũng gọi theo viên sĩ quan bằng danh hiệu Đức ông – nhưng tôi xin thề với Đức ông, tôi chẳng biết gì cả.

Giáo chủ cố nén một nụ cười.

-Ông đã âm mưu cùng với vợ ông, với phu nhân De Chevreuse và với Huân tước Quận công De Buckingham.

-Thưa Đức ông – Ông hàng xén trả lời – quả là tôi có nghe thấy vợ tôi nói ra những tên ấy.

-Và trong trường hợp nào?

-Nó nói rằng Giáo chủ Richelieu đã dụ Quận công De Buckingham đến Paris để làm hại ông ta và với cả Hoàng hậu.

-Nó nói như thế? – Giáo chủ nói to dữ dội.

-Vâng, thưa Đức ông, nhưng tôi, tôi bảo rằng nó nghĩ như vậy là tầm bậy, rằng Giáo chủ chí tôn không thể…

-Câm miệng đi, ông là đồ súc sinh.

-Thưa Đức ông, nhưng đúng là vợ tôi đã trả lời tôi như thế.

-Ông có biết ai bắt cóc vợ ông không?

-Không, thưa Đức ông.

-Tuy nhiên ông có những nghi ngờ chứ?

-Vâng, thưa Đức ông, nhưng những nghi ngờ ấy có vẻ làm phật ý ông đồn trưởng, và tôi không còn nghi ngờ nữa.

-Vợ ông đã trốn thoát, ông biết chứ?

-Không, thưa Đức ông, tôi chỉ biết điều đó khi đã bị tống vào tù, và cũng là do ông đồn trưởng, một người dễ mến cho biết thôi ạ.

Giáo chủ cố nén nụ cười thứ hai.

-Vậy là ông không biết vợ ông ra sao từ khi trốn thoát?

-Tuyệt đối không, thưa Đức ông, nhưng chắc nó đã trở lại điện Louvre. Lúc một giờ sáng, nó vẫn còn chưa về đó.

-Lạy Chúa! Vậy bây giờ nó ra sao rồi?

-Cứ bình tĩnh, rồi sẽ biết thôi, người ta không giấu gì Giáo chủ cả, Giáo chủ biết tất.

-Thưa Đức ông, trong trường hợp ấy, liệu Đức ông có tin là Giáo chủ sẽ bằng lòng nói cho tôi biết vợ tôi ra sao không?

-Có thể, nhưng trước hết ông cần phải thú nhận tất cả những gì ông biết liên quan đến những mối liên hệ của vợ ông với bà De Chevreuse đã.

-Nhưng thưa Đức ông, tôi chẳng biết gì cả, tôi chẳng bao giờ gặp bà ta cả.

Trước đây khi ông đi đón vợ ông ở Louvre, vợ ông có về thẳng nhà không?

-Hầu như không bao giờ, nó có việc buôn bán với dân hàng vải và tôi đưa nó đến chỗ họ.

-Và có bao nhiêu dân buôn vải?

-Hai, thưa Đức ông.

-Họ cư trú ở đâu?

-Một người ở phố Vôgira, người kia ở phố Đàn Thụ cầm.

-Ông có vào nhà họ cùng với vợ ông không?

-Không bao giờ, thưa Đức ông, tôi đợi ở ngoài cửa.

-Thế vợ ông mượn cớ gì với ông để vào đó một mình?

-Nó chẳng vin cớ gì cả. Nó bảo tôi đợi và tôi đợi thôi.

-Ông là một ông chồng dễ tính đấy, ông Bonacieux thân mến ạ! – Giáo chủ nói.

Ông hàng xén tự nhủ: "Đức ông gọi mình bằng ông bạn thân mến. Mẹ kiếp! Mọi việc khá rồi!."

-Ông có nhận ra cửa các nhà ấy không?

-Có chứ.

-Ông biết số nhà chứ?

-Vâng.

-Số bao nhiêu?

-Số 25 ở phố Vôgira, số 75 ở phố Đàn Thụ cầm.

-Tốt lắm – Giáo chủ nói.

Vừa nói, ông vừa cầm một chuông nhỏ bằng bạc và rung chuông. Viên sĩ quan vào và nói nhỏ: -Đi tìm Rochefort cho ta, bảo đến ngay tức khắc, nếu ông ta đã trở về.

-Bá tước ở ngoài kia – viên sĩ quan nói – Ông ấy yêu cầu được thưa chuyện ngay với Đức ông tối thượng.

-Vậy bảo ông ấy vào ngay đi? – Richelieu vội vã nói.

Viên sĩ quan lao vụt ra ngoài, như mọi người hầu cận thường nhanh nhảu như vậy để tuân lệnh Giáo chủ.

"Với Đức ông tối thượng ư!" – Ông Bonacieux trợn tròn mắt lẩm bẩm.

Viên sĩ quan biến đi chưa được năm giây, cửa đã mở, và một nhân vật mới bước vào.

-Chính hắn? – Bonacieux kêu lên.

-Hắn nào? – Giáo chủ hỏi.

-Kẻ đã bắt cóc vợ tôi.

Giáo chủ rung chuông lần thứ hai. Viên sĩ quan lại hiện ra.

-Hãy giao lại người này cho hai tên lính gác và bảo đợi lại gọi.

-Không, thưa Đức ông! Không, không phải hắn! – Bonacieux kêu lên – Không, tôi nhầm, đây là một người khác chẳng giống hắn chút nào! Quý ông đây là một người lương thiện.

-Mang tên súc sinh này đi! – Giáo chủ nói.

Viên sĩ quan nắm lấy cánh tay ông Bonacieux lôi ra phòng đợi ở đó ông lại gặp hai tên gác ngục.

Nhân vật mới đến sốt ruột đưa mắt nhìn theo Bonacieux.

-Họ gặp nhau rồi – Người này vội vã đến gần Giáo chủ và nói.

-Ai? – Đức ông tối thượng hỏi.

-Bà ta và hắn.

-Hoàng hậu và gã Quận công! – Richelieu kêu lên.

-Vâng.

-Và ở đâu?
-Ở Louvre.
-Ông chắc chứ?
-Hoàn toàn chắc ạ.
-Ai nói với ông?
-Bà De Lonoa, người toàn tâm toàn ý với Đức ông như ngài đã biết đấy.
-Tại sao bà ta không nói sớm hơn?
-Có thể hoặc vì tình cờ hoặc nghi ngờ, Hoàng hậu đã cho bà De Xuyadít ngủ ở phòng bà ta, và canh phòng bà ta suốt cả ngày.
-Hay lắm, chúng ta thua rồi. Hãy cố phục thù thôi.
-Tôi xin toàn tâm toàn ý giúp Đức ông, xin Ngài hãy bình tĩnh.
-Việc đó xảy ra như thế nào?
-Vào lúc mười hai giờ rưỡi đêm. Hoàng hậu đang cùng với các thị nữ của mình.
-Ở đâu?
-Trong phòng ngủ của Hoàng hậu.
-Được lắm.
-Đúng lúc ấy có người đến trao cho Hoàng hậu chiếc khăn tay của người thị nữ lo việc xiêm áo…
-Sau đó?
-Hoàng hậu lập tức tỏ ra hết sức xúc động, mặc dầu đã thoa phấn hồng lên, mặt bà vẫn tái đi.
-Rồi sao nữa? Sao nữa?
-Thế nhưng Hoàng hậu vẫn đứng dậy và lạc giọng bảo: “Thưa các bà, xin đợi tôi mươi phút, tôi sẽ quay lại.” Và bà mở cửa khuê phòng rồi đi ra.
-Tạo sao bà De Lanoa không đến báo ngay cho ông?
-Lúc ấy còn chưa chắc điều gì cả. Vả lại, Hoàng hậu đã nói: “Xin các bà hãy đợi tôi”, bà ấy không dám trái lệnh Hoàng hậu.
-Và Hoàng hậu ra khỏi phòng trong thời gian bao lâu?
-Bốn nhăm phút.
-Không một thị nữ nào theo hầu?
-Chỉ có mỗi Étxlêphania nương tử thôi.
-Tiếp đó Hoàng hậu có trở lại không?
-Có, nhưng để lấy một cái tráp nhỏ bằng gỗ hồng đào nạm vàng tên tắt của bà rồi lại ra ngay.
-Và sau đó khi trở lại bà ấy có mang cái tráp về không?
-Không.
-Bà De Lanoa có biết trong tráp đựng gì không?
-Có những nút kim cương Hoàng thượng tặng Hoàng hậu.

-Và bà ấy trở về không có cái tráp ấy?

-Vâng.

-Bà De Lanoa cho rằng bà ta đã trao cho Buckingham ư?

-Bà ấy tin chắc như thế.

-Sao lại thế?

-Suốt ngày hôm ấy, với tư cách thị nữ coi đồ nữ trang của Hoàng hậu, bà Lanoa đã tìm cái tráp, và tỏ ra lo lắng khi không tìm thấy nó, cuối cùng phải hỏi Hoàng hậu.

-Và Hoàng hậu bảo sao?

-Hoàng hậu đỏ bừng mặt lên và trả lời đêm trước làm vỡ một trong những nút đó, và bà đã sai đưa đến người thợ kim hoàn của mình để chữa lại.

-Phải qua đấy, để nắm chắc có đúng như thế hay không.

-Tôi đã qua đấy rồi.

-Thế nào? Người thợ kim hoàn bảo sao?

-Người này bảo chẳng nghe thấy nói gì cả.

-Tốt! Tốt! Rochefort, chưa hỏng hết đâu mà có lẽ… có lẽ mọi việc lại còn tốt đẹp hơn.

-Vấn đề là tôi không nghi ngờ thiên tài của Đức chí thượng…

-Lại không sửa chữa nổi những điều ngu xuẩn của nhân viên của mình, cô phải không?

-Đúng là điều tôi định nói nếu Đức ông để cho tôi nói nốt câu.

-Bây giờ ông có biết nữ Công tước De Chevreuse và Huân tước De Buckingham trốn ở đâu không?

-Không, thưa Đức ông, người của tôi không thể nói cho tôi biết mấy về điều đó.

-Thế mà tôi biết đấy.

-Thưa, chính Đức ông.

-Phải, ít nhất ta cũng không ngờ gì về điều đó. Bọn họ, người ở phố Vôgira số nhà 25, và người kia ở phố Đàn Thụ cầm số 75.

-Đức ông ngài có muốn tôi cho bắt giữ cả hai?

-Sợ sẽ quá muộn, họ sẽ đi mất.

-Không sao, cứ thử xem thế nào.

-Hãy lấy mười cận vệ của ta, và lục soát cả hai nhà.

-Thưa Đức ông, tôi đi đây.

Và Rochefort lao ra ngoài.

-Còn lại một mình, Giáo chủ nghĩ ngợi một lát và rung chuông lần thứ ba. Viên sĩ quan lại hiện ra. Giáo chủ bảo: -Đem người tù vào đây.

Ông Bonacieux lại được dẫn vào. Giáo chủ ra hiệu cho viên sĩ quan rút lui rồi nghiêm nghị nói: -Ông đã lừa ta.

-Tôi? – Ông Bonacieux kêu lên – Tôi dám lừa Đức ông ư?

Vợ ông khi đến phố Vôgira và phố Đàn Thụ cầm, không đến nhà mấy người buôn vải.

-Vậy nó đến nhà ai hở trời?

-Nó đến nhà nữ Công tước De Chevreuse và nhà Quận công Buckingham.

Bonacieux nhớ lại tất cả nói: -Vâng, vâng, đúng vậy. – Đức ông có lý. Nhiều lần tôi đã nói với vợ tôi rằng dân buôn vải mà lại ở những nhà như thế thì lạ thật, những tòa nhà không có biển hiệu, và lần nào vợ tôi cũng chỉ cười trừ.

Rồi Bonacieux cũng quỳ sụp dưới chân Đức ông nói tiếp: -Chà, thưa Đức ông, ngài chính là Giáo chủ rồi, vị Đại Giáo chủ, con người thiên tài mà cả thế giới phải trọng vọng.

Thắng một kẻ vô danh tiểu tất như Bonacieux là hết sức tầm thường, song không phải Giáo chủ không thấy vui vui trong phút chốc. Rồi, hầu như ngay tức khắc, một ý nghĩ mới nảy ra trong đầu ông, với một nụ cười răn rúm trên môi, ông chìa tay ra cho ông hàng xén và bảo ông ta: -Đứng dậy đi, ông bạn của ta, ông là một con người tử tế.

-Giáo chủ bắt tay tôi. Tôi bắt tay một vĩ nhân! – Bonacieux kêu lên – Bậc vị nhân gọi tôi là bạn!

-Phải, ông bạn ạ, phải đấy? – Giáo chủ nói bằng cái giọng bậc cha mà đôi khi ông vẫn biết đường dùng, nhưng nó chỉ lừa được những người không biết ông – Và vì ông bị nghi oan, nên thế này nhé, ông phải được đền bù. Cầm lấy! Hãy cầm lấy cái túi một trăm đồng tiền vàng và hãy thứ lỗi cho ta.

-Thưa Đức ông, tôi mà lại thứ lỗi cho Đức ông ư?

Bonacieux do dự chưa dám cầm túi tiền, chắc hẳn sợ rằng món quà vờ vịt đó chỉ là một trò đùa, ông ta nói tiếp: -Nhưng mà Đức ông được tự do bắt bớ tôi. Đức ông được thả cửa cho tra tấn tôi, được tùy thích cho treo cổ tôi. Đức ông là bậc chúa tể, nhẽ đâu tôi dám nói nửa lời, chứ đừng nói đến câu thứ lỗi của Đức ông. Thưa Đức ông, ngài không nghĩ thế ư?

-Ôi, ông Bonacieux thân mến của ta! Ông tỏ ra quảng đại thế đấy ta biết thế, và ta cảm ơn ông. Vậy thế này đi, ông cầm lấy cái túi này rồi ông đi đi, mà không quá bất bình đấy chứ?

-Thưa Đức ông, tôi ra về, lòng cực kỳ sung sướng.

-Vậy vĩnh biệt, đúng hơn là tạm biệt, bởi ta hy vọng chúng ta sẽ lại gặp nhau.

-Bất cứ khi nào Đức ông muốn, và tôi sẵn sàng đợi lệnh của Đức ngài.

-Sẽ thường xuyên đấy, cứ yên tâm, bởi ta thấy cực kỳ mê ly trong cách nói chuyện của ông.

-Ôi, thưa Đức ông.

-Tạm biệt, ông Bonacieux, tạm biệt!

Và Giáo chủ giơ tay ra hiệu, ông Bonacieux đáp lại bằng việc cúi mình sát đất, rồi ông giật lùi đi ra và khi ra tới phòng đợi.

Giáo chủ nghe thấy ông ta, trong cơn cuồng nhiệt, ráng sức kêu to: "Đức ông muôn năm! Đức ngài muôn năm! Đại Giáo chủ muôn năm!." Giáo chủ mỉm cười nghe sự biểu lộ ồn ào những tình cảm cuồng nhiệt của ông Bonacieux rồi khi tiếng hô của ông ta tắt hẳn ở phía xa, Giáo chủ nói: -Tốt lắm, từ nay đây là một người sẵn sàng chết vì ta.

Và Giáo chủ chuyển sang khảo sát hết sức chăm chú tấm bản đồ thành La Rochelle, như ta đã nói, được trải rộng trên bàn, rồi lấy bút chì vạch một đường kẻ nơi con đê trứ danh sẽ đi theo và mười tám thâng sau sẽ bịt kín bến cảng của thành phố bị bao vây ông đang chìm sâu trong những suy tư chiến lược thì cửa mở và Rochefort đi vào.

Giáo chủ đứng phắt lên chứng tỏ tầm quan trọng của nhiệm vụ ông trao cho Bá tước, và vội hỏi: -Thế nào?

-Thế đấy – Ông Bá tước nói – một thiếu phụ chừng hai sáu đến hai tám tuổi và một người đàn ông khoảng ba nhăm đến bốn mươi quả nhiên đã trọ, một người bốn ngày, người kia năm ngày, trong những ngôi nhà mà Đức ông đã chỉ rõ, nhưng người đàn bà đã đi khỏi đêm nay và người đàn ông sáng nay.

-Chính chúng rồi! – Giáo chủ kêu lên và nhìn đồng hồ – Bây giờ, quá muộn để đuổi theo rồi. Nữ Công tước đã ở Tours và Quận công ở Bulônhơn. Phải đuổi kịp họ ở London.

-Đức ông ra lệnh mới thế nào ạ?

-Không được lộ một câu chuyện đã xảy ra. Hoàng hậu phải được an toàn tuyệt đối. Bà ấy không được biết chúng ta biết được bí mật của bà ấy. Bà ấy phải tưởng rằng chúng ta đang điều tra một âm mưu nào đấy. Phái ông chưởng ấn Xêghiê đến chỗ ta.

-Thế còn con người ấy, Đức ông đã làm gì?

Con người nào? – Giáo chủ hỏi.

-Cái tay Bonacieux ấy?

-Ta đã làm tất cả những gì có thể làm. Ta đã biến hắn thành tên gián điệp theo dõi vợ hắn.

Bá tước nghiêng mình với tatư cách người nhận ra tầm siêu việt lớn lao của bậc thầy và đi ra.

Còn lại một mình, Giáo chủ lại ngồi xuống, viết một bức thư, và đóng dấu riêng của mình, rồi lắc chuông. Viên sĩ quan vào lần thứ tư.

-Gọi Víttray đến đây cho ta – Ông nói – và bảo hắn chuẩn bị một cuộc hành trình.

Một lát sau, người mà ông yêu cầu đã đứng trước mặt ông, đầy đủ ủng và đinh thúc ngựa.

-Víttray! – Giáo chủ nói – Ông đi thật nhanh đến London. Không được dừng lại giây lát nào ở dọc đường. Đưa thư này cho Milady. Đây là một ngân phiếu hai trăm đồng vàng, ông hãy qua thủ quỹ của ta để lĩnh tiền. Ông sẽ được lĩnh ngần ấy nữa nếu trong sáu ngày quay lại có mặt ở đây và hoàn thành tốt nhiệm vụt ta giao.

Phái viên không trả lời một câu, cúi mình, cầm thư và tấm ngân phiếu hai trăm đồng vàng rồi đi ra.

Đây là nội dung bức thư.

Milady,

Hãy có mặt ở buổi khiêu vũ đầu tiên Qu*ận công De Buckingham tham dự. Ông ta sẽ có trong áo chẽn của mình mười hai nút kim cương, hãy lại gần ông ta và cắt lấy hai viên. Chiếm đoạt được mấy viên kim cương đó, báo cho ta ngay tức khắc.*

§15. Phái quan tòa và phái quân nhân[49]

Hôm sau ngày xảy ra những biến cố ấy, Athos vẫn không thấy có mặt, ông De Treville đã được D'Artagnan và Porthos báo cho biết về việc chàng mất tăm.

Còn Aramis thì đã xin nghỉ năm ngày về Ruăng, nghe nói có việc gia đình.

Ông De Treville là người cha của quân lính ông. Phàm đã mang bộ đồng phục ngự lâm quân trên người thì dù nổi tiếng hoặc vô danh nhất cũng chắc chắn được ông giúp đỡ, phù trợ như thể chính em ông.

Vậy nên ông đi ngay đến viên trợ úy hình sự. Viên sĩ quan chỉ huy đồn Hồng thập tự được gọi đến và những tin tức kế tiếp nhau cho biết Athos lúc này đang ở đồn Pho-lêvếch.

Athos đã trải qua tất cả những thử thách mà Bonacieux phải chịu.

Chúng ta đã dự cảnh đối chất giữa hai người bị giam. Cho tới lúc đó Athos vẫn không nói gì vì sợ D'Artagnan chưa đủ thì giờ cần có, và bấy giờ Athos mới khai mình là Athos không phải D'Artagnan.

Chàng nói thêm chàng không quen biết cả ông lẫn bà Bonacieux, chẳng bao giờ nói chuyện với họ. Lúc mười giờ chàng đến là để thăm D'Artagnan, bạn chàng, nhưng trước lúc đó, chàng vẫn ở nhà ông Treville và ăn trưa ở đấy, chàng nói thêm, hai mươi nhân chứng có thể xác nhận điều ấy, và kể ra tên tuổi nhiều nhà quý tộc nổi tiếng, trong số họ có Công tước De la Trênui.

Viên đồn trưởng thứ hai cũng ngơ ngác như viên thứ nhất trước lời khai đơn giản và quả quyết của người ngự lâm quân này. Vì hắn vẫn có ý định dựa vào người ngự lâm này để nhân đó mở trận phục thù mà phái quan tòa mong thắng bọn quân nhân biết mấy. Nhưng cái tên ông De Treville và Công tước De La Trênui đáng để y suy nghĩ.

Athos cũng được chuyển đến chỗ Giáo chủ, nhưng rủi thay, Giáo chủ lại ở chỗ Nhà Vua tại điện Louvre.

Cũng chính lúc đó, ông De Treville ra khỏi chỗ viên trợ úy hình sự và viên đội trưởng của Pholêvếch, mà vẫn không thấy Athos, liền đi tới chỗ Hoàng thượng.

Ai cũng biết những việc phòng bị của Nhà Vua chống lại Hoàng hậu, nhưng việc phòng bị được Giáo chủ khéo léo điều hành, mà về mặt cơ mưu, lại phòng ngừa đàn bà hơn đàn ông nhiều. Một trong những nguyên nhân lớn nhất của sự đề phòng này là tình bạn giữa Anne d'Autriche với bà De Chevreuse. Hai người đàn bà này khiến Đức ông lo lắng hơn cả những cuộc chiến tranh với Tây Ban Nha, những việc xích mích với Anh quốc và những bê bối về tài chính. Trong con mắt và trong thâm tâm ông, bà De Chevreuse phục vụ Hoàng hậu không

những trong những âm mưu chính trị mà còn cả trong những âm mưu tình ái, điều làm ông còn quay cuồng điên đảo hơn nhiều.

Mới nghe Giáo chủ tâu lại, bà De Chevreuse bị lưu đày ở thành Tours và tưởng bà vẫn ở đó, nhưng bà đã đến Paris, đánh lạc hướng cảnh sát, lưu lại đây năm ngày, nhà Vua đã đùng đùng nổi giận. Tính khí thất thường, không chung thủy, Nhà Vua lại muốn được gọi là Louis chí công và Louis trong trắng. Hậu thế khó hiểu nổi tính cách ấy, mà sử sách lại chỉ giải thích bằng các sự kiện chứ không bao giờ bằng lý giải.

Nhưng khi Giáo chủ thêm rằng không những bà De Chevreuse đã đến Paris, mà Hoàng hậu còn nối lại với bà ta một mối quan hệ bí mật mà thời kỳ đó người ta gọi là bè đảng, và khi ông khẳng định chính ông, Giáo chủ, sắp gỡ ra nước manh mối đen tối nhất của âm mưu đó, lúc đang bắt quả tang, mật sứ của Hoàng hậu bên cạnh người đàn bà bị lưu đày, với đầy đủ chứng cứ thì một tên ngự lâm quân đã dám bạo hành chặn đứng việc thi hành công lý, vung gươm nhẩy bổ vào những con người trung thực của luật pháp được ủy nhiệm cứu xét vô tư toàn bộ vụ việc này để tâu lên đức Vua. Louis XIII nghe vậy không kiềm chế được nữa, ông bước một bước về phía phòng của Hoàng hậu, mặt tái đi vì phẫn nộ, không nói ra được thành lời mà khi nó bùng nổ sẽ dẫn Nhà Vua đến một sự tàn bạo lạnh lùng nhất.

Và tuy vậy, trong mọi chuyện đó, Giáo chủ còn chưa động một lời về Công tước De Buckingham.

Đang lúc đó thì ông De Treville đi vào, lạnh lùng, lễ phép, quần áo chỉnh tề.

Sự hiện diện của Giáo chủ, và nét mặt thất sắc của Nhà Vua, cảnh báo điều gì vừa mới xảy ra, Nhưng ông De Treville tự cảm thấy vững tâm như Xăm xơn trước bọn Philistin[50].

Louis XIII đã đặt tay lên núm cửa, nghe thấy tiếng ông De Treville đi vào, lại quay lại. Nhà Vua không biết che giấu những xúc cảm giận dữ khi nó đã dâng lên tới mức nào đó, liền nói ngay: -Ông đến thật đúng lúc, ông Treville ạ, ta vừa được biết khối chuyện hay ho về lũ ngự lâm quân của ông.

-Và thần – Ông De Treville lạnh lùng đáp lại – thần cũng có khối chuyện hay ho để tâu lên Hoàng thượng về bọn quan tòa của Hoàng thượng.

-Ông nói cái gì vậy? – Nhà Vua ngạo nghễ nói.

Ông De Treville tiếp tục vẫn bằng giọng lạnh lùng: -Thần có vinh dự được tâu với Hoàng thượng là cả bè đảng công tố viên, đồn trưởng và nhân viên cảnh sát, toàn những người đáng kính nhưng hình như lại rất gay gắt đối với giới quân nhân, tự cho phép mình vào nhà bắt bớ, điệu đi công khai trên đường phố rồi tống vào đồn Pholêvếch một ngự lâm quân của thần, đúng hơn là của Hoàng thượng, một ngự lâm quân đạo đức miễn chê, danh tiếng vang lừng, theo một

lệnh bắt mà họ từ chối không cho thần biết, người bị bắt đó chính là Athos, người mà Hoàng thượng đã từng ưu ái.

-Athos ư? – Nhà Vua nói như thể một cái máy – Ừ, thật ra, ta có quen biết cái tên đó.

-Xin Hoàng thượng nhớ cho – Ông De Treville nói – Athos là người ngự lâm quân trong trận đấu kiếm bất đắc dĩ mà Ngài đã biết đấy, chẳng may đã làm ông De Cahuxắc bị trọng thương.

Ông De Treville chuyển sang nói với Giáo chủ: -Thưa Đức ông, nhân tiện, xin Đức ông cho biết ông Cahuxắc đã hoàn toàn bình phục, phải không ạ?

-Cám ơn! – Giáo chủ mím môi giận dữ nói.

Ông De Treville nói tiếp: -Hôm ấy, ông Athos đến thăm một người bạn lúc đó lại không có nhà, đó là một chàng trai người Bearn, đang là lính tập sự cận vệ của Hoàng thượng, trong đại đội ông des Essarts, nhưng ông Athos vừa mới đặt chân vào nhà bạn, vớ lấy cuốn sách chờ bạn, thì một đám những sai nha, cảnh sát lẫn lộn cùng nhau kéo đến vây nhà, phá tung cửa giả…

Giáo chủ ra hiệu cho Nhà Vua ý nói: "Chính là để làm cái công việc mà thần đã nói với Hoàng thượng."

-Chúng ta đã biết cả rồi – Nhà Vua đáp – bởi tất cả những việc đó được làm để phục vụ chúng ta.

-Thế là, – ông Treville nói – Thế là để phục vụ Hoàng thượng, người ta đã giữ mất của thần một ngự lâm quân vô tội, người ta kè kè hai bên hai tên gác như đối với một tên gian phi, và điệu đi giữa đám dân đen hỗn láo con người hào hoa phong nhã đã mười lần đổ máu đề phục vụ Hoàng thượng, và sẵn sàng đổ máu nữa.

-Chà! – Nhà Vua nao núng nói – mọi việc lại đến thế kia ư?

Giáo chủ với vẻ mặt tỉnh bơ nói: -Ông De Treville lại không nói rằng gã ngự lâm quân vô tội ấy, rằng con người hào hoa ấy, một giờ trước đó đã vung gươm đánh bốn điều tra viên do tôi phái đến để điều tra một việc tối quan trọng.

Ông De Treville la lên với tính ngay thẳng hết sức Gátxcông và sự thô bạo rất lính tráng của mình: -Đức ông có dám chứng minh điều đó không, bởi một giờ trước đó, ông Athos, người mà tôi sẽ tiến cử lên Hoàng thượng, là một người có phẩm chất cao quý, sau khi dùng bữa trưa tại nhà tôi, đã cho tôi vinh dự trò chuyện với Công tước De la Trênui và Bá tước De Saluy cũng có mặt ở đấy.

Nhà Vua nhìn Giáo chủ. Đáp lại câu hỏi ngầm của Hoàng thượng, Giáo chủ lớn tiếng nói: -Có biên bản hẳn hoi đây, và những người bị ngược đãi đã lập tờ biên bản sau đây mà thần có vinh dự tâu lên Hoàng thượng.

Ông De Treville kiêu hãnh đáp lại: -Biên bản của phái quan tòa có giá trị bằng lời thề danh dự của giới quân nhân không?

-Thôi nào, thôi nào, Treville, ông im đi – Nhà Vua nói.

-Nếu Đức ông có chút nghi ngờ nào chống lại một trong số ngự lâm quân của tôi – Ông Treville nói – công lý của Giáo chủ đã quá quen thuộc khiến chính tôi, tôi yêu cầu mở một cuộc điều tra.

Giáo chủ vẫn trơ ra tiếp tục: -Trong ngôi nhà mà công lý đã bị tấn công, ở đó tôi tin có một người Bearn, bạn của tay ngự lâm kia thuê.

-Đức ông muốn nói về ông D'Artagnan?

-Tôi muốn nói đến một chàng trai trẻ được ông che chở, ông De Treville ạ.

-Vâng, thưa Đức ông, vẫn là con người ấy.

-Thế ông không ngờ con người trẻ tuổi ấy đã có những lời khuyên láo lếu…

-Khuyên ông Athos, một người gấp đôi tuổi anh ta ư? – Ông De Treville ngắt lời – Không, thưa Đức ông. Vả lại, ông D'Artagnan đã ở nhà tôi tối hôm đó.

-Thế kia ư? – Giáo chủ nói – Vậy ra tất cả mọi người tối ấy đều ở nhà ông?

Ông Treville giận tím mặt nói: -Đức ông nghi ngờ lời nói của tôi ư?

-Không, lạy Chúa chứng giám? – Giáo chủ nói – nhưng chỉ hỏi ông anh ta ở nhà ông lúc mấy giờ?

-Ồ, chuyện đó, tôi có thể nói thẳng thừng ra với Đức ông, bởi khi anh ta vào, tôi nhìn đồng hồ và lúc đó là chín giờ rưỡi, mặc dầu tôi tưởng là muộn hơn thế.

-Và vào lúc mấy giờ anh ta ra khỏi nhà ông?

-Mười giờ rưỡi, một tiếng đồng hồ sau biến cố đó.

Không một chút nghi ngờ lòng trung thực của ông De Treville, Giáo chủ cảm thấy chiến thắng đã tuột khỏi tay mình, ông nói: -Nhưng rốt cuộc, Athos đã bị giữ trong ngôi nhà ở phố Phu đào huyệt.

-Thế một người bạn bị cấm đến thăm bạn mình sao? Cấm một ngự lâm quân của tôi kết bạn với một lính cận vệ ở đại đội ông des Essarts ư?

-Có đấy! Khi một ngôi nhà mà anh ta tới kết bạn với người bạn kia bị tình nghi.

-Chính vì ngôi nhà đó bị tình nghi, Treville ạ! – Nhà Vua nói – có thể ông không biết chăng?

-Quả nhiên, tâu Bệ hạ, thần không biết. Thôi thì nó có thể bị tình nghi ở chỗ nào cũng được, nhưng lại bị tình nghi ở cái phần ông D'Artagnan ở thì thần không công nhận bởi vì thần có thể khẳng định với Bệ hạ rằng, nếu như thần tin ở điều ông ta nói thì không có ai tận trung với Bệ hạ bằng ông ta, không có ai ngưỡng mộ Giáo chủ sâu sắc hơn ông ta.

Nhà Vua liếc nhìn Giáo chủ đang đỏ mặt lên, tức tối rồi hỏi: -Có phải cái gã Đáctanháng một hôm đã đâm bị thương Jussac trong cuộc chạm trán khốn khổ ở gần Tu viện Cácmơ tháo giầy không?

-Và ngày hôm sau, Bécnaju nữa. Vâng, tâu Bệ hạ, đúng thế ạ, Bệ hạ nhớ tốt lắm ạ.

-Vậy bây giờ giải quyết thế nào nào? – Nhà Vua hỏi.

-Việc đó liên quan đến Bệ hạ hơn là đến thần. – Giáo chủ nói – Thần sẽ khẳng định là phạm tội.

-Còn tôi, tôi phủ nhận – Treville nói – Mà Hoàng thượng có các thẩm phán, và các thẩm phán của người sẽ quyết định.

-Phải đấy – Nhà Vua nói – hãy di lý sang các thẩm phán. Công việc của họ là xét xử và họ sẽ xét xử.

-Có điều Treville lắp lại – thật rất đáng buồn trong cái thời buổi khốn khổ mà chúng ta đang sống này, một cuộc sống trong sạch nhất, một đức hạnh không thể chối cãi được nhất vẫn không tránh được cho một con người khỏi bị nhục mạ và bị ngược đãi. Vì vậy, quân đội sẽ không mấy hài lòng khi cứ phải đương đầu với những đối xử nghiệt ngã vì những công việc của cảnh sát.

Câu nói có vẻ không thận trọng, nhưng ông De Treville đã tung ra có chủ định. Ông muốn nổ tung bởi chỉ có thế thuốc nổ mới bén lửa và lửa sẽ làm sáng tỏ mọi việc.

-Những việc của cảnh sát ư? – Nhà Vua hét lên, nêu lại lời của ông De Treville – Những việc của cảnh sát? Ông biết gì về chuyện này? Những việc của cảnh sát! Hãy lo chuyện bọn ngự lâm quân của ông ấy, và đừng làm ta đau đầu nữa. Nghe ông nói thì hình như nếu không may người ta bắt giữ một ngự lâm quân, nước Pháp sẽ lâm nguy. Hừm, om sòm lên vì một lính ngự lâm. Ta sẽ cho bắt mười tên, một trăm, mẹ kiếp, tất cả đại đội! Vì ta chẳng muốn ai hé miệng nửa lời.

-Trong lúc họ bị Hoàng thượng tình nghi – Ông Treville – ngự lâm quân đều phạm tội hết, như vậy xin Hoàng thượng xem xét cho thần xin trao lại thanh gươm, bởi vì sau khi đã cáo buộc binh lính của thần, thần tin chắc, Giáo chủ cuối cùng sẽ buộc tội cả thần nữa. Như thế, thà rằng thần xin nộp mình như là một tù nhân cùng với ông Athos đã bị bắt rồi, và ông D'Artagnan chắc chắn cũng sắp bị bắt.

-Cái đồ Gátxcông cứng đầu, có thôi đi không? – Nhà Vua nói.

-Tâu – Treville không hạ giọng trả lời – xin Hoàng thượng trả lại người ngự lâm quân của thần cho thần, hoặc ông ta phải được xét xử?

-Người ta sẽ xét xử hắn – Giáo chủ nói.

-Thế thì càng tốt! Vì trong trường hợp ấy thần xin Hoàng thượng cho phép bào chữa cho ông ta.

Nhà Vua sợ chuyện vỡ ra, nên bảo Giáo chủ.

-Nếu Đức ông không có những động cơ cá nhân…

Giáo chủ thấy nhà Vua có ý muốn giải quyết thế nào, liền đi đến trước mặt nhà Vua. Ông nói: -Xin Hoàng thượng tha lỗi, nhưng lúc nào Hoàng thượng thấy ở thần một phán quan thiên kiến, thì thần xin rút lui.

-Thôi được – Nhà Vua nói – Treville, ông thề với ta, trước cha ta rằng Athos đã ở nhà ông trong lúc xảy ra sự cố, và không hề dính dáng gì vào đấy chứ?

-Trước tiên đế vinh quang và trước Hoàng thượng là những người thần yêu và sùng kính nhất trên đời, thần xin thề như vậy!

-Tâu Hoàng thượng, xin Ngài hãy suy nghĩ – Giáo chủ nói – Nếu chúng ta thả tên tù nhân ra như thế, sẽ không thể biết được sự thật nữa.

Ông De Treville nói: -Ông Athos vẫn luôn ở đó, sẵn sàng trả lời để làm đẹp lòng các vị phán quan thẩm vấn ông ta. Ông ta sẽ không đào tẩu đâu, thưa Giáo chủ, xin ông cứ yên tâm, tôi, chính tôi xin bảo lãnh cho ông ấy.

Nhà Vua nói: -Thật ra, hắn sẽ không đào tẩu mất đâu, lúc nào chả tìm được ra hắn, như ông Treville nói đấy.

Rồi hạ giọng, nhìn Giáo chủ, bằng giọng cầu khẩn, nhà Vua nói tiếp: -Ta cho họ được an toàn, thế mới là chính trị.

Thứ chính trị ấy của nhà Vua khiến Giáo chủ mỉm cười, ông ta nói: -Xin Hoàng thượng cứ ra lệnh. Hoàng thượng có quyền ân xá mà!

Ông De Treville vẫn còn chưa chịu: -Quyền ân xá chỉ áp dụng với những kẻ phạm tội. Còn người lính ngự lâm của thần vô tội. Vậy đây không phải là Hoàng thượng sắp làm việc ân xá mà là lập lại công bằng.

-Thế ông ta vẫn ở Pholêvếch à? – Nhà Vua hỏi.

-Vâng, tâu Hoàng thượng, mà lại bí mật, trong hầm tối như một kẻ phạm trọng tội.

-Quỷ thật! Quỷ thật? – Nhà Vua lẩm bẩm – Phải làm thế nào đây?

Giáo chủ nói: -Ký lệnh thả tự do. Thế là xong chuyện. Thần cũng tin, như Hoàng thượng, việc ông De Treville xin bảo lãnh thế là quá đủ.

Treville kính cẩn nghiêng mình đáo lễ với một niềm vui không phải không pha lẫn lo sợ. Ông thích Giáo chủ khăng khăng chống lại hơn là sự dễ dãi bất ngờ ấy.

Nhà Vua ký lệnh phóng thích. Ông Treville mang đi không chút chậm trễ.

Đúng lúc ông sắp đi ra, Giáo chủ mỉm cười thân ái với ông và bảo Nhà Vua: -Một sự hài hòa tuyệt vời được duy trì giữa các chỉ huy và binh lính, trong ngự lâm quân của Hoàng thượng. Thật là thuận lợi cho công việc và rất vinh dự cho tất cả.

Ông De Treville tự nhủ: "Lão ta sẽ chơi lại trò đểu ngay thôi. Chẳng bao giờ biết được cái gì sẽ xảy ra với con người như thế. Nhưng thôi mau lên, bởi nhà Vua có thể đổi ý ngay đấy, và xét cho cùng tống giam lại một con người vào ngục Bastille hay Pholêvếch khó hơn cứ giữ nguyên không thả."

Ông De Treville bước vào đồn Pholêvếch một cách đắc thắng giải thoát người lính ngự lâm vẫn còn nguyên vẻ thờ ơ bình thản.

Rồi, lần đầu tiên gặp lại D'Artagnan, ông nói với chàng: -Anh trốn cừ thật đấy? Đây là trả giá nhát gươm anh đâm Jussac đấy. Vẫn còn một nhát với Bécnaju.

Rốt cuộc, ông De Treville có lý khi không tin Giáo chủ và khi nghĩ mọi chuyện còn chưa kết thúc, bởi vì đại úy ngự lâm quân vừa khép cửa đi ra, Đức ông đã nói với Nhà Vua: -Bây giờ thì chỉ có hai người chúng ta, chúng ta sẽ nói chuyện nghiêm túc, nếu Hoàng thượng vui lòng. Tâu Hoàng thượng, ông De Buckingham đã ở Paris được năm ngày nay và tận sáng nay mới đi.

§16. Viên chưởng ấn Xécghiê tìm mấy lần vẫn không thấy chuông ở đâu để rung lên, như ngày trước vẫn quen làm

-Không thể nghĩ nổi việc mấy câu nói kia đã tác động lên nét mặt của vua Louis XIII thế nào. Mặt nhà Vua hết đỏ lên rồi lại tái đi và Giáo chủ thấy ngay mình chỉ bằng một đòn đã chiếm lại được địa bàn đã mất.

Nhà Vua hét lên: -Ông Buckingham ở Paris. Và hắn đến để làm gì?

-Chắc hẳn là để âm mưu với lũ kẻ thù của Hoàng thượng, bọn giáo phái Canvanh và bọn Tây Ban Nha…

-Không, chó chết, không? Âm mưu chống lại danh dự của ta, cùng với lũ bà De Chevreuse, bà Lônggơvin và bọn Côngđê[51] ư?

-Ồ tâu Hoàng thượng, Ngài nghĩ gì vậy? Hoàng hậu quá khôn ngoan và nhất là quá yêu Hoàng thượng.

-Giống đàn bà họ mềm yếu, ngài Giáo chủ ơi, còn về việc quá yêu ta, ta cũng có ý kiến riêng của ta về mối tình đó rồi.

Giáo chủ nói: -Thần cũng không đến mức cho rằng Huân tước De Buckingham đã đến Paris vì một dự định hoàn toàn chính trị.

-Còn ta, ta đoán chắc hắn đến vì một chuyện khác, Giáo chủ ạ. Nhưng nếu Hoàng hậu phạm tội, bà ấy hãy liệu hồn.

-Thật ra – Giáo chủ nói – Dù thấy ghê tởm khiến thần phải dừng ngay không dám nghĩ đến sự phản bội như vậy, nhưng Hoàng thượng làm thần vẫn phải nghĩ tới nó. Bà De Lanoa mà theo lệnh của Hoàng thượng thần đã hỏi nhiều lần, đã nói với thần sáng nay rằng đêm qua Hoàng hậu đã khóc rất nhiều và bà viết suốt ngày.

-Chính thế đó – nhà Vua nói – hẳn là viết cho hắn. Giáo chủ, ta muốn có những giấy tờ của Hoàng hậu.

-Tâu, nhưng làm thế nào lấy được? Hình như không những chỉ thần mà cả Hoàng thượng cũng không thể đảm nhiệm một việc như thế

-Thế người ta đã làm thế nào với bà Thống chế De Ăngcrơ?

Nhà Vua hét lên giận dữ đến tột cùng: -Người ta lục soát hòm tư của bà ta, cuối cùng lục soát cả chính người bà ta đấy thôi.

-Bà Thống chế De Ăngcrơ chỉ là bà Thống chế De Ăngcrơ, một mụ Florăng[52] phiêu bạt, có thế thôi, tâu Hoàng thượng. Còn như phu nhân tôn kính của Hoàng thượng, là Anne d'Autriche, Hoàng hậu của nước Pháp, nghĩa là một trong những bà Hoàng hậu bậc nhất của thế giới.

-Bà ta chỉ tổ nặng tội thêm, Giáo chủ ạ! Càng quên địa vị cao sang mình được đặt lên bao nhiêu, bà ta càng bị hạ bệ tồi tệ bấy nhiêu. Vả lại, từ lâu ta đã quyết

định thanh toán tất cả những âm mưu nhỏ nhen về chính trị và ái tình ấy. Bà ta cũng có một kẻ đồng lõa La Porte nào đó…

Giáo chủ nói: -Thần thú thật, thần tin rằng hắn là kẻ chủ chốt trong mọi việc.

Nhà Vua hỏi: -Vậy cũng như ta, ông nghĩ bà ta lừa dối ta chứ?

-Thần tin, và thần xin nhắc lại với Hoàng thượng rằng Hoàng hậu âm mưu chống lại quyền lực của nhà Vua, nhưng thần không nói chống lại danh dự của Hoàng thượng.

-Còn ta, ta nói với ông rằng chống lại cả hai. Ta đã nói với ông rằng Hoàng hậu không yêu ta, ta nói với ông bà ta yêu một kẻ khác, ta nói với ông bà ta yêu cái tên Buckingham bỉ ổi đó?

-Tại sao ông không cho bắt giữ hắn lúc hắn ở Paris?

-Bắt ông Công tước! Bắt giữ Thủ tướng của Nhà Vua Charles đệ nhất? Hoàng thượng có nghĩ đến điều đó không? To chuyện biết mấy! Và nếu như những ngờ vực của Hoàng thượng cái điều mà thần vẫn chưa tin đâu, lại có cơ sở nào đấy, thì thật tai tiếng khủng khiếp! Một sự bê bối thật đáng xấu hổ!

-Nhưng một khi hắn bất cần đời như một kẻ lang thang và một thằng ăn cắp, thì phải…

Louis XIII tự dừng lại, sợ ngay cả điều mình sắp nói ra, còn Richelieu thì ngỏng cổ ra ngóng đợi cái điều bị ngưng lại trên đôi môi của nhà Vua.

-Thì phải sao ạ?

-Chẳng sao cả – Nhà Vua nói – Nhưng trong suốt thời gian hắn ở Paris, ông không rời mắt khỏi hắn chứ?

-Không ạ.

-Hắn cư trú ở đâu?

-Số nhà 75 phố Đàn Thụ cầm.

-Phố ấy ở chỗ nào nhỉ?

-Cạnh vườn Luxembourg.

-Và ông chắc Hoàng hậu và hắn không gặp nhau?

-Thần nghĩ Hoàng hậu quá gắn bó với nghĩa vụ của mình.

-Nhưng họ đã liên lạc với nhau, Hoàng hậu viết suốt ngày chính là cho hắn, ông Quận công ạ, ta phải có được những bức thư đó?

-Tâu Bệ hạ, thế nhưng…

-Ông Quận công, ta muốn có những thư đó với bất cứ giá nào.

-Tuy nhiên thần xin lưu ý Bệ hạ…

-Ông cũng phản ta ư, ông Giáo chủ, mà cứ luôn chống lại những ý nguyện của ta thế? Ông cũng tán đồng với bọn Tây Ban Nha, bọn Anh, với bà De Chevreuse, với Hoàng hậu ư?

Giáo chủ thở dài: -Tâu Bệ hạ, thần tin không đáng bị nghi ngờ như thế.

-Ông Giáo chủ, ông nghe ta nói rồi đấy, ta muốn những bức thư đó.

-Có lẽ chỉ có một cách.

-Cách nào?

-Sẽ trao nhiệm vụ ấy cho viên chưởng ấn Xécghiê. Việc ấy sẽ được hoàn toàn đặt trong chức trách của ông ta.

-Cho tìm ngay ông ta đi!

-Ông ta chắc đang ở chỗ thần, thần đã sai người yêu cầu ông ấy đến và khi thần đi đến điện Louvre, đã dặn lại, nếu ông ta đến thì cứ chờ ở đó.

-Đi tìm ông ấy đến ngay đi!

-Lệnh của Hoàng thượng sẽ được thi hành, nhưng…

-Nhưng sao?

-Nhưng có thể Hoàng hậu sẽ không chịu tuân…

-Lệnh của ta ư?

-Vâng, nếu bà không biết lệnh ấy là của Nhà Vua.

-Thôi được, để bà ấy khỏi nghi ngờ, chính ta đến báo cho bà ấy biết.

-Hoàng thượng sẽ không quên rằng thần đã làm tất cả những gì mà thần có thể làm để ngăn ngừa một sự tan vỡ.

-Phải, Quận công ạ, ta biết ông rất độ lượng với Hoàng hậu, có lẽ quá độ lượng đấy. Và ta báo cho ông biết, sau này chúng ta sẽ có chuyện để nói về việc ấy đấy.

-Khi nào việc ấy làm vui lòng Hoàng thượng. Nhưng thần sẽ luôn sung sướng và tự hào được xả thân vì sự thuận hòa mà thần ao ước được duy trì giữa Hoàng thượng và Hoàng hậu nước Pháp.

-Tốt, Giáo chủ, tốt, nhưng trong khi chờ đợi, hãy cho đi tìm chưởng ấn đến đây, còn ta, ta đến chỗ Hoàng hậu.

Và Louis XIII mở cửa bên đi vào hành lang thông từ chỗ Ngài đến phòng Anne d'Autriche.

Hoàng hậu đang ở giữa đám phu nhân tùy tùng, bà De Ghitô, bà De Xablê, bà De Môngtazông và bà De Ghêmơnê.

Trong một góc là thị nữ hầu phòng Tây Ban Nha Đônha Stéphanie, đi theo Hoàng hậu từ Madris. Bà De Ghêmơnê đọc sách và mọi người đang chăm chú lắng nghe, chỉ trừ có Hoàng hậu, người đã bày vẽ ra việc đọc sách này cốt để có thể, trái lại vừa giả vờ lắng nghe vừa thả theo những suy nghĩ riêng của mình.

Những ý nghĩ ấy hết thảy đều nạm vàng bởi một ánh hồi quang tình ái, vẫn không kém phần sầu não. Anne d'Autriche không được chồng tin cậy, bị lòng hận thù của Giáo chủ đeo đuổi, người không thể tha thứ cho nàng vì đã không thèm có một tình cảm, dịu dàng hơn, trước mắt nàng là tấm gương của thái hậu mà mối hằn thù đó đã làm thái hậu, Marie de Médicis[53] điên đảo suốt đời, cho dù thái hậu, nếu như tin vào những hồi ký thời đó, lúc đầu đã ban cho Giáo chủ thứ tình cảm mà Anne d'Autriche rốt cuộc vẫn từ chối ông ta. Anne d'Autriche

đã nhìn thấy rơi rụng quanh mình những bầy tôi trung thành nhất, những người tri kỷ tâm đắc nhất, những người sủng ái thân quý nhất của mình. Giống như những kẻ khốn khổ ấy được phú cho một thiên tư bi thảm, nàng chỉ đem bất hạnh đến cho tất cả những gì nàng tiếp xúc. Tình bạn bè của nàng là một dấu hiệu định mệnh dẫn đến sự ngược đãi. Bà De Chevreuse và bà De Vécnê bị lưu đày. Cuối cùng ông La Porte cũng không giấu nữ chủ nhân của mình ông vẫn đợi trước sau gì cũng bị bắt. Chính lúc nàng đang đắm chìm trong những ý nghĩ sâu xa nhất và u ám nhất ấy thì cửa phòng mở và Nhà Vua đi vào.

Người đọc sách im ngay tức khắc, tất cả các bà đều đứng dậy, căn phòng im phăng phắc.

Còn Nhà vua, ông không hề có một biểu hiện lịch sự nào, mà chỉ dừng lại trước Hoàng hậu và lạc giọng nói: -Thưa bà, bà sắp được ông chánh án tối cao[54] đến thăm, ông ta sẽ thông báo với bà một số công việc mà tôi đã ủy nhiệm cho ông đó.

Bà Hoàng hậu khốn khổ, mà người ta không ngừng đe dọa ly dị, lưu đầy và cả xét xử, tái mặt đi dưới lớp phấn hồng và không ngàn nổi nói ra: -Nhưng tại sao lại có cuộc thăm viếng đó, tâu Hoàng thượng? Ông chánh án tối cao sẽ nói với tôi điều gì mà Hoàng thượng không thể tự mình nói với tôi được?

Nhà Vua quay gót không trả lời, và hầu như cùng lúc đó, đại úy quân cận vệ, ông De Ghitô thông báo cuộc viếng thăm của ông chánh án tối cao.

Khi ông ta hiện ra thì Nhà Vua đã ra khỏi bằng một cửa khác.

Viên chánh án đi vào, nửa tươi cười nửa ngượng ngùng. Vì có thể chúng ta sẽ lại thấy ông trong câu chuyện này, không có gì đáng ngại để ngay từ bây giờ làm quen với ông ta.

Viên chánh án là một con người kỳ dị. Chính ông De Rốtsơ Lơ Malơ, giáo chức ở nhà thờ Đức Bà, trước kia từng là hầu phòng cho Giáo chủ, đã tiến cử ông ta với Đức ông như một con người hết mực trung thành. Giáo chủ tin cậy ngay và thấy rất hài lòng.

Người ta kể về ông ta nhiều chuyện trong đó có những chuyện sau: Sau một thời trai trẻ phong ba, ông ta rút lui vào một tu viện để ăn năn hối lỗi, ít nhất trong một khoảng thời gian nào đó, về những thói điên rồ của tuổi thanh xuân. Nhưng vào nơi đất thánh, kẻ sám hối không thể đóng lại thật nhanh cánh cửa, khiến những đam mê mà ông ta chạy trốn lại vào cùng với ông. Ông bị chúng ám ảnh mãi không thôi, và vị bề trên được ông thổ lộ điều bất hạnh đó, rất mong bảo vệ ông tránh khỏi những đam mê đó đã khuyên ông để tống khứ được con quỷ cám dỗ, hãy cầu cứu cái dây thừng kéo chuông, và khua lên cho hết cỡ. Nghe tiếng chuông tố giác, các thày tu sẽ được báo trước sự cám dỗ đang bao vây một đạo hữu, và tất cả giáo đoàn sẽ lên tiếng cầu nguyện.

Lời khuyên có vẻ tốt đối với tương lai ông chánh án tối cao. Ông ta giải trừ tâm tính ma quái dựa vào sự hỗ trợ lớn lao của những lời nguyện của các thày tu. Nhưng con quỷ không dễ để bị tước mất cái vị trí mà nó đã dồn trú. Dần dần người ta tăng gấp đôi những lễ trừ tà, con quỷ cũng tăng gấp đôi cám dỗ, đến nỗi ngày đêm chuông cứ réo lên hết cỡ, thông báo nỗi khát khao cực điểm được hành xác mà kẻ ăn năn đang thể nghiệm.

Các thầy tu không còn nổi một phút nghỉ ngơi. Ban ngày, họ chỉ còn việc lên lên xuống xuống chiếc cầu thang dẫn đến tiểu giáo đường. Ban đêm, ngoài những lề lối và lễ sớm, họ còn buộc phải nhảy từ trên giường xuống hai chục lần quỳ xuống gạch lát nền phòng tăng để cầu nguyện.

Người ta không biết liệu con quỷ đã buông tha hay các thày tu đã mệt mỏi, nhưng khoảng ba tháng sau, kẻ ăn năn lại tái hiện trong thế tục, mang theo những tiếng tăm khủng khiếp nhất, chưa từng thấy bao giờ.

Ra khỏi tu viện, ông ta vào ngành tòa án, trở thành chánh tòa án thế chân ông chú, ôm chân đảng phái của Giáo chủ, điều đó không chứng tỏ ông ít sáng suốt, rồi trở thành chánh án tối cao nhiệt tình phục vụ Đức ông trong mối căm hận chống lại Thái hậu Marie de Médicis và mối thù chống lại Anne d'Autriche, kích động các thẩm phán chống lại Hầu tước de Salê[55] nhà sản xuất túi dết lớn của nước Pháp, rồi cuối cùng chiếm được sự tin tưởng hoàn toàn của giáo chủ, nên đã đạt đến việc được nhận một nhiệm vụ kỳ quặc và ông đang có mặt ở chỗ Hoàng hậu để thực hiện nhiệm vụ đó.

Khi ông ta vào Hoàng hậu còn đang đứng, nhưng vừa thấy ông ta, nàng liền ngồi xuống chiếc ghếbành của mình và ra hiệu cho các bà cũng ngồi xuống những tấm nệm và ghế đẩu của họ, rồi bằng một giọng tối kiêu kỳ hỏi ông ta:
-Ông muốn gì và ông có mặt ở đây với mục đích gì?

-Thưa Hoàng hậu, để làm việc nhân danh Đức Vua, xin thất kính với lệnh bà, là lục soát kỹ các giấy tờ của lệnh bà.

-Sao! Ông nói lục soát các giấy tờ của ta… Với ta ư? Nhưng đó là một điều bỉ ổi!

-Mong lệnh bà thứ lỗi, nhưng trong trường hợp này, tôi chỉ là một công cụ Đức Vua sử dụng thôi. Hoàng thượng chẳng vừa ra khỏi đây sao và chẳng phải chính Ngài đã dặn lệnh bà chuẩn bị cho cuộc thăm viếng này sao?

-Vậy ông lục soát đi! Xem ra ta là một phạm nhân mất rồi! Stéphanie, đưa chùm chìa khóa bàn và tủ sách của ta ra đây.

Viên chánh án xem xét các đồ gỗ một cách chiếu lệ, nhưng ông ta biết thừa không phải trong hòm tủ, Hoàng hậu đã khóa giữ bức thư quan trọng mà nàng đã viết ngày hôm ấy.

Khi ông ta đã mở ra khóa vào đến hai chục lần các ngăn kéo của tủ sách thì dù có cảm thấy do dự đến mấy cũng cứ phải đi đến đoạn kết của công việc nghĩa

là khám người chính Hoàng hậu. Thế rồi viên chánh án tiến lại chỗ Anne d'Autriche và bằng một giọng rất đỗi băn khoăn và với vẻ cực kỳ lúng túng, ông ta nói: -Và bây giờ, còn lại cuộc lục soát chính yếu.

-Cuộc lục soát nào? – Hoàng hậu hỏi, như thể không hiểu hoặc đúng hơn là không muốn hiểu.

-Hoàng thượng đinh ninh có một bức thư mà lệnh bà đã viết ngày hôm nay. Ngài biết bức thư đó chưa được gửi tới địa chỉ của nó. Bức thư đó không có trong bàn, cũng không có trong tủ sách, thế thì nó phải ở đâu đó.

-Ông dám đặt tay lên Hoàng hậu của ông ư? – Anne d'Autriche đứng thẳng người lên, nhìn xoáy vào viên chánh án, bằng đôi mắt có vẻ gần như hăm dọa, hỏi ông ta.

-Thưa lệnh bà, tôi là thần tử trung thành của Hoàng thượng, và tất cả những gì Hoàng thượng ra lệnh, tôi sẽ làm.

-Thế thì đúng rồi! – Anne d'Autriche nói – Và những tên gián điệp của ông Giáo chủ đã phục vụ ông ta đắc lực. Hôm nay ta đã viết một bức thư, bức thư ấy chưa hề gửi đi. Nó ở đây này.

-Và Hoàng hậu đưa bàn tay kiều diễm của mình lên chỗ nịt ngực.

-Vậy xin lệnh bà đưa cho tôi bức thư đó – viên chánh án nói.

-Ta sẽ chỉ đưa nó cho Nhà Vua – Anne nói.

-Thưa lệnh bà, nếu Đức Vua muốn bức thư đó được trao lại cho chính Người thì Ngài đã thân chinh đòi hỏi. Nhưng tôi xin nhắc lại, chính tôi đã được Đức Vua ủy thác đòi hỏi lệnh bà thư đó, và nếu lệnh bà không trao nó cho tôi…

-Thì sao?

-Cũng chính tôi, nhà Vua trao việc đoạt lấy bức thư ấy ở lệnh bà.

-Sao, ông muốn nói thế nào?

-Thưa lệnh bà, là lệnh ban cho tôi phải đi xa hơn, là tôi sẽ được phép tìm mảnh giấy khả nghi đó ngay trên thân thể của lệnh bà.

-Kinh tởm chưa? – Hoàng hậu kêu lên.

-Vậy mong lệnh bà hành động dễ dàng hơn.

-Lối xử sự này là lối bạo lực bỉ ổi, ông biết thế chứ?

-Xin lệnh bà thứ lỗi cho tôi, đây là Đức Vua chỉ dụ.

-Ta sẽ không chịu điều đó đâu, không, không, thà chết còn hơn! – Hoàng hậu thét lên, dòng máu hoàng đế Tây Ban Nha và của nước Áo nổi dậy trong người này.

Viên chánh án nghiêng mình rất kính cẩn, nhưng vẫn rành rành có ý không lùi nữa bước trong việc hoàn thành sứ mệnh ông ta được trao, và có thể làm như một tên hầu của đao phủ trong phòng xét hỏi, hắn xấn lại gần Anne d'Autriche. Ngay lúc ấy, người ta thấy những giọt nước mắt ứa ra trong đôi mắt sôi lên điên giận.

Như đã nói, Hoàng hậu có một sắc đẹp tuyệt trần. Cái sứ mệnh này có thể diễn ra một cách tế nhị nhưng vì quá ghen với Buckingham, nhà Vua đi đến mức không thiết ghen với ai nữa.

Không còn nghi ngờ gì nữa, viên chánh án Xécghiê lúc đó đưa mắt tìm chiếc dây thừng của quả chuông trứ danh, nhưng không thấy nên đành quả quyết đưa tay tới chỗ mà Hoàng hậu đã thú nhận bức thư đang ở đó.

Anne d'Autriche lùi lại một bước, tái nhợt đi như thể sắp chết và phải chống tay trái lên cái bàn ở phía sau để khỏi ngã rồi dùng bàn tay phải rút tờ giấy ra khỏi ngực mình và chìa ra cho viên chánh án, rồi bằng một giọng đứt hơi run rẩy, nói với y: -Đây! Thư ấy đây, cầm lấy, và hãy giải thoát cho ta bộ mặt bỉ ổi của ông!

Viên chánh án, về phía mình, dễ nhận thấy y cũng đang run rẩy xúc động, cầm lấy bức thư, cúi rạp đất chào và rút lui.

Cánh cửa vừa khép lại đằng sau viên chánh án, hoàng hậu liền quỵ ngã, nửa mê nửa tỉnh trong tay đám phu nhân tùy tùng.

Viên chánh án đem thẳng bức thư đến cho nhà Vua, không hề đọc một chữ. Nhà Vua, tay run rẩy cầm bức thư, tìm địa chỉ không thấy ghi, tái nhợt đi, chậm rãi mở ra, rồi qua mấy chữ đầu, thấy ngay là gửi cho quốc vương Tây Ban Nha liền đọc rất nhanh, là cả một kế hoạch tấn công Giáo chủ. Hoàng hậu yêu cầu anh mình và Hoàng đế nước Áo, những người từng vì cái chính sách của Richelieu luôn luôn nhằm hạ uy thế hoàng tộc Áo, làm tổn thương, giả bộ tuyên chiến với nước Pháp và đặt điều kiện hòa bình là tống khứ Giáo chủ. Còn tình yêu, không hề có một chữ trong toàn bộ bức thư.

Nhà Vua, rất đỗi vui mừng, hỏi xem liệu Giáo chủ có còn ở điện Louvre không và được cho biết Đức ông vẫn đang chờ lệnh của nhà Vua trong phòng làm việc.

Nhà Vua trở về ngay chỗ Giáo chủ, nói với ông ta.

-Này, Quận công, ông có lý, chính ta đã nhầm. Toàn bộ âm mưu này là chính trị, không hề có vấn đề tình yêu trong bức thư, đây này. Đổi lại, vấn đề lại mạnh về ông.

Giáo chủ cầm bức thư và đọc hết sức chăm chú. Đọc xong, ông ta lại đọc lại lần nữa, rồi nói: -Đấy nhé, tâu Hoàng thượng, Hoàng thượng thấy lũ kẻ thù của thần đi đến đâu rồi đó. Họ hăm dọa Hoàng thượng bằng hai cuộc chiến tranh nếu không tống khứ thần. Ở địa vị Hoàng thượng, thật tình, thần sẽ nhượng bộ những yêu sách mạnh mẽ đến như thế, và về phía mình, thần sẽ thật sự vui sướng được rút khỏi những công việc mình đảm nhiệm.

-Ông nói gì vậy, Quận công?

-Tâu Bệ hạ, thần nói rằng sức khỏe của thần đã suy sụp trong những cuộc đấu tranh quá căng thẳng và những công việc liên miên. Thần nói rằng, nếu có thể,

thần sẽ không kham nổi những mệt mỏi trong cuộc bao vây La Rochelle, và tốt hơn hết là Bệ hạ chỉ định hoặc ông De Côngđê, hoặc ông De Bassompirre, nếu không thì một con người dũng mãnh nào đó thạo nghề chỉ đạo chiến tranh, chứ không phải thần, vốn chỉ là một kẻ tu hành không ngừng bị lái chệch ra ngoài thiên hướng của mình để đưa vào những việc mà thần không đủ sức. Như vậy, đối nội Bệ hạ sẽ được sung sướng hơn, và đối ngoại, thần tin chắc, Bệ hạ sẽ vĩ đại hơn.

-Ông Quận công – Nhà Vua nói – ta hiểu, ông hãy bình tĩnh, tất cả những kẻ được nêu trong bức thư sẽ bị trừng phạt cho xứng đáng và cả chính Hoàng hậu nữa.

-Bệ hạ nói gì vậy? Cầu Chúa giữ cho Hoàng hậu bớt xung khắc tới thần. Hoàng hậu vẫn luôn tin thần cho là kẻ thủ của bà cho dù Bệ hạ có thể chứng giám cho thần luôn nhiệt tình đứng về phía bà, ngay cả khi phải chống lại Bệ hạ. Ôi! Nếu như Hoàng hậu phản bội Bệ hạ, đúng nơi danh dự của Bệ hạ, lại là chuyện khác, và thần sẽ là người đầu tiên lên tiếng: "Không dung thứ, tâu Bệ hạ, không dung thứ đối với người đàn bà phạm tội." May sao, lại không hề có chuyện ấy, và Bệ hạ vừa thu được một bằng chứng mới như vậy.

-Đúng vậy, Giáo chủ ạ – nhà Vua nói – và ông luôn luôn có lý. Nhưng không vì thế mà Hoàng hậu không làm ta tức giận kém đi hơn đâu.

-Chính Ngài, tâu Bệ hạ, mới đáng để Hoàng hậu tức giận, và thật ra khi Hoàng hậu hờn dỗi nặng nề Bệ hạ, thì thần hiểu được điều đó, đó là vì Bệ hạ đã đối xử với bà có chiều khắc nghiệt!

-Ta luôn luôn sẽ đối xử với kẻ thù của ta và kẻ thù của ông như thế, Quận công ạ, cho dù chúng có cao sang đến đâu và cho dù hiểm nguy đến mấy ta phải chịu khi hành xử khắc nghiệt với chúng!

-Hoàng hậu là kẻ thù của thần, nhưng không phải của Bệ hạ. Trái lại bà là một người vợ chung thủy, nhu mì và không thể chê trách. Vậy Bệ hạ cho phép thần xin giùm Hoàng hậu, tâu Bệ hạ.

-Thì bà ấy cứ tự hạ mình đi và phải làm lành với ta trước.

-Trái lại, tâu Bệ hạ, Bệ hạ hãy làm gương. Bệ hạ là người phạm lỗi trước vì chính Bệ hạ đã nghi ngờ Hoàng hậu.

Nhà Vua nói: -Ta làm lành trước ư! Không bao giờ?

-Tâu Bệ hạ, thần van xin Bệ hạ đấy.

-Hơn nữa, ta làm lành trước như thế nào đây?

-Làm một điều gì đó mà Bệ hạ biết sẽ làm Hoàng hậu hài lòng.

-Việc gì?

-Ban cho một buổi khiêu vũ. Bệ hạ biết Hoàng hậu thích khiêu vũ biết mấy. Thần cam đoan, sự hờn giận của bà sẽ không trụ nổi trước một sự quan tâm như vậy.

-Ông Giáo chủ, ông cũng biết ta không thích mọi vui thú thời lưu.

-Hoàng hậu sẽ lại càng biết ơn Bệ hạ hơn một khi bà biết Bệ hạ mất thiện cảm đối với thú vui ấy. Hơn nữa, đó sẽ là một dịp để Hoàng hậu đeo những hạt kim cương rất đẹp mà Bệ hạ ban cho Hoàng hậu nhân ngày lễ của bà và bà còn chưa có dịp đem dùng.

Nhà Vua, đang mừng thấy Hoàng hậu phạm một tội mà ông không quan tâm mấy, và vô tội đối với một lỗi lầm mà ông rất ghê sợ, đang sẵn sàng hòa giải với bà. Ngài nói: -Để xem đã, ông Giáo chủ, để xem sao đã, nhưng ta lấy danh dự ra mà nói nhé, ông quá độ lượng đấy.

Giáo chủ nói: -Tâu Bệ hạ, xin hãy để sự khắc nghiệt ấy cho các thượng thư. Sự khoan dung là đức tính đế vương. Xin hãy tỏ ra như vậy, Bệ hạ sẽ thấy dễ chịu.

Tới đây, nghe đồng hồ điểm mười một giờ, Giáo chủ van nài xin nhà Vua hòa giải với Hoàng hậu rồi eúi rạp mình xin phép được cáo lui.

Anne d'Autriche, sau khi bị lấy mất bức thư, đang đợi sự khiển trách nào đó, bỗng hết sức ngạc nhiên thấy nhà Vua hôm sau lân la muốn đến gần nàng. Lúc đầu, nàng tỏ vẻ ghê tởm, sự kiêu ngạo của đàn bà, và phẩm giá Hoàng hậu, cả hai đều bị xúc phạm quá ư tàn nhẫn khiến nàng không thể bình tâm trở lại ngay được, nhưng rồi bị các phu nhân tùy tùng thuyết phục, cuối cùng nàng cũng có vẻ bắt đầu khuây đi. Nhà Vua lợi dụng ngay cái khoảnh khắc đầu tiên của sự bình tâm trở lại ấy để nói với nàng rằng Ngài đang tính tổ chức một dạ hội.

Dạ hội là một điều hiếm thấy đối với nàng Anne d'Autriche tội nghiệp. Đúng như Giáo chủ đã nghĩ trước, nghe thông báo như vậy, dấu vết cuối cùng của những nỗi oán hờn biến mất nếu không ở trong lòng, ít ra cũng trên nét mặt. Nàng hỏi, dạ hội định tổ chức vào ngày nào, nhưng nhà Vua lại trả lời về điểm này nhà Vua cần phải thỏa thuận với Giáo chủ đã.

Quả vậy, ngày nào nhà Vua cũng hỏi Giáo chủ xem nên tổ chức dạ hội vào lúc nào, và ngày nào, Giáo chủ cũng vin vào một cớ gì đó lần khần ấn định.

Mười ngày như thế trôi đi.

Ngày thứ tám sau cái cảnh chúng tôi đã kể, Giáo chủ nhận được một bức thư dán tem London, bên trong chỉ có mấy dòng:

"Tôi đã có những vật đó. Nhưng tôi không thể rời London bởi vì thiếu tiền. Gửi cho tôi năm trăm đồng vàng. Và bốn hoặc năm ngày sau khi nhận được tiền, tôi sẽ ở Paris."

Vẫn hôm Giáo chủ nhận được thư đó, nhà Vua lại hỏi ông câu hỏi thường lệ.

Richelieu bấm đốt ngón tay và khẽ nói với mình: "Cô ta nói, bốn năm ngày sau khi nhận được tiền, cô ta sẽ đến nơi. Tiền đi phải mất bốn năm ngày, bốn năm ngày nữa để cô ta trở về, vị chi mất mười ngày. Bây giờ phải tính cả phần ngược

gió, những rủi ro bất ngờ, những yếu đuối của đàn bà… cứ cho tất cả là mười hai ngày.”

-Thế nào? Ông Quận công – nhà Vua nói – Ông tính toán xong rồi chứ?

-Vâng, tâu Bệ hạ, hôm nay là 20 tháng chín, các thẩm phán của thành phố tổ chức một ngày hội ngày 3 tháng mười. Như thể sẽ càng tốt, bởi Bệ hạ sẽ không phải tỏ ra làm lành với Hoàng hậu.

Rồi Giáo chủ nói thêm: -Nhân thể, tâu Bệ hạ, xin đừng quên nói với lệnh bà đêm trước hôm dạ hội Bệ hạ muốn thấy chuỗi kim cương có hợp với lệnh bà không.

§17. Vợ chồng nhà Bonacieux

Đây là lần thứ hai Giáo chủ trở lại vấn đề những nút kim cương với nhà Vua. Louis vì thế không hiểu nổi tại sao ông ta cứ nài nỉ và nghĩ rằng sự khuyến nghị này ắt che giấu một điều bí mật.

Đã nhiều lần nhà Vua từng bị xấu hổ vì Giáo chủ lại tỏ ra thông hiểu hơn cả bản thân nhà Vua về những gì diễn ra trong cuộc sống vợ chồng riêng tư của nhà Vua, do cảnh sát của ông ta hiện đại nhưng cũng rất ưu việt. Vì vậy, nhà Vua hy vọng trong một buổi trò chuyện với Anne d'Autriche sẽ làm lóe ra một tia sáng nào đó, tiếp đó đến ngay bên Giáo chủ cùng với một bí mật nào đó mà ông ta đã biết hoặc không biết, thì dù trường hợp này hay trường hợp kia, việc đó cũng sẽ tôn cao nhà Vua trước mắt viên Thủ tướng của mình.

Nhà Vua liền đi gặp Hoàng hậu và theo thói quen, bắt chuyện với Hoàng hậu bằng những đe dọa mới chống lại những người thân cận của nàng. Anne d'Autriche cúi đầu mặc cho thác lũ tuôn trào, không đáp, và hy vọng cuối cùng cơn lũ cũng phải dừng. Nhưng đó không phải là điều Louis XIII muốn, Louis XIII muốn một cuộc tranh cãi từ đó lóe ra một tia sáng nào đó. Nhà Vua đinh ninh rằng Giáo chủ có một ẩn ý nào đó và trù tính đặt nhà Vua trước một sự bất ngờ ghê gớm như ông ta vẫn quen làm.

Nhà Vua tính đạt tới mục đích đó bằng sự kiên trì cáo buộc. Nhưng, Anne d'Autriche mệt mỏi vì những đòn công kích vu vơ ấy kêu lên: -Nhưng tâu Bệ hạ, Bệ hạ không nói hết ra những điều chất chứa trong lòng. Tôi đã làm cái gì cơ chứ? Tôi đã phạm tội gì nào? Bệ hạ không thể làm ầm lên như thế về bức thư viết cho anh tôi?

Nhà Vua đến lượt mình bị tấn công trực tiếp đến thế không biết trả lời sao, liền nghĩ đây là lúc đưa lời khuyến nghị mà ông chỉ được làm đêm trước hôm dạ hội.

Nhà Vua nói với vẻ uy nghiêm: -Thưa bà, vũ hội chỉ nay mai thôi sẽ được tổ chức ở tòa thị chính. Tôi muốn rằng để tôn vinh các thẩm phán nghiêm túc của chúng ta, bà hãy mặc lễ phục và nhất là trang sức bằng những nút kim cương mà tôi đã ban tặng bà vào ngày lễ sinh nhật của bà. Đó là câu trả lời của tôi đó.

Câu trả lời thật khủng khiếp. Anne d'Autriche tin rằng Louis XIII đã biết tất cả, và Giáo chủ đã thuyết phục được nhà Vua che giấu lâu đến bẩy hoặc tám ngày, vả chăng nó cũng nằm trong bản tính của nhà Vua, Hoàng hậu tái nhợt hẳn đi, bàn tay đẹp tuyệt mỹ lúc này nhợt tựa bàn tay sáp tỳ lên chiếc đôn, nhìn nhà Vua bằng đôi mắt kinh hoàng không trả lời nổi một tiếng.

Nhà Vua vui mừng ra mặt vì sự bối rối này, tuy vẫn chưa đoán ra nguyên nhân.

-Thưa bà, bà nghe rõ chứ?

-Vâng, tâu… tôi nghe rõ – Hoàng hậu ấp súng.

-Bà sẽ có mặt ở vũ hội ấy chứ?

-Vâng.

-Với những nút kim cương của bà?

-Vâng.

Sắc mặt tái nhợt của Hoàng hậu càng tăng thêm đến cùng cực Nhà Vua thấy rõ điều đó và khoái trá với vẻ tàn nhẫn lạnh lùng vốn là một trong những tật xấu của tính cách nhà Vua.

-Thế là thỏa thuận rồi đấy nhé – Nhà Vua nói – đó là tất cả những gì tôi cần nói với bà.

-Nhưng vũ hội sẽ mở vào ngày nào? – Anne d'Autriche hỏi.

Bằng linh tính, nhà Vua cảm thấy không cần phải trả lời thẳng câu hỏi Hoàng hậu hỏi bằng một giọng như của người sắp chết.

-Sắp thôi mà – nhà Vua nói – nhưng tôi không nhớ chính xác ngày nào, để tôi hỏi Giáo chủ xem.

-Vậy ra chính Giáo chủ đã thông báo vũ hội đó với Bệ hạ? – Hoàng hậu kêu lên.

-Vâng, thưa bà -Nhà Vua ngạc nhiên trả lời – nhưng có chuyện gì vậy?

-Chính ông ta bảo Bệ hạ mời tôi dự hội với những nút kim cương ấy?

-Nghĩa là, bà…

-Chính ông ta, tâu Bệ hạ, chính ông ta?

-Ô hay? Do ông ta hay do tôi thì sao nào? Mời như thế thì mắc tội sao?

-Thưa không.

-Vậy bà dự chứ?

-Vâng.

-Tốt lắm! – Nhà Vua vừa nói vừa rút lui – Tốt lắm, tôi mong như thế đấy.

Hoàng hậu trịnh trọng thi lễ vì nghi thức thì ít mà hai gối nàng rời rã thì nhiều.

Nhà Vua khoái trá bỏ đi.

-Ta nguy mất! – Hoàng hậu lẩm bẩm – nguy mất, bởi Giáo chủ biết tất và chính lão ta đã thúc giục nhà Vua vốn còn chưa biết gì nhưng rồi sẽ biết ngay tất cả. Ta chết mất! Trời ơi! Trời ơi! Trời ơi!

Nàng quỳ lên trên một cái nệm và cầu nguyện, đầu gục sâu giữa hai cánh tay run rẩy.

Quả vậy, tình thế thật khủng khiếp. Buckingham đã trở về London. Bà De Chevreuse đã ở Tours bị giám sát ngặt nghèo hơn bao giờ hết, Hoàng hậu thầm cảm thấy có một người trong đám phu nhân tùy tùng của mình đã phản bội mình

mà chưa biết đó là ai. La Porte không thể rời khỏi điện Louvre. Nàng không có một ai trên đời để tin cậy.

Thế là trước bất hạnh đang đe dọa, và tình cảnh bị bỏ rơi, nàng òa lên nức nở.

Bỗng nhiên vang lên một giọng nói đầy lòng thương cảm và hết sức dịu dàng: -Em không thể có ích chút nào cho Hoàng hậu hay sao?

Hoàng hậu quay phắt lại, bởi không thể nào nhầm với giọng nói này được, chỉ là bạn mới nói được như thế.

Quả nhiên, tại một cửa đi vào phòng Hoàng hậu, hiện ra bà Bonacieux xinh đẹp. Bà ta đang bận sắp xếp khăn áo trong một căn phòng thì nhà Vua đi vào. Bà ta không thể ra được và đã nghe thấy hết.

Hoàng hậu rú lên một tiếng chói tai vì bị bất ngờ, bởi trong lúc bối rối, lúc đầu nàng không nhận ra thiếu phụ mà La Porte đã dâng cho mình.

Người đàn bà trẻ chắp hai tay lại vừa khóe vì chia sẻ những lo âu của Hoàng hậu vừa nói: -Ồ xin lệnh bà đừng sợ gì hết. Em xin đem hết linh hồn và thể xác dâng lệnh bà, và cho dù lệnh bà có quá cao sang và thân phận em hèn mọn đến đâu, em tin rằng em đã tìm được một cách giúp lệnh bà thoát ra khỏi những khó khăn.

-Em đấy ư? Trời ơi! Em đấy ư? – Hoàng hậu reo lên – Nhưng xem nào, hãy nhìn thẳng vào mặt ta. Ta bị phản bội tứ phía. Liệu ta có thể tin cậy vào em không?

-Ôi, thưa lệnh bà! – người đàn bà trẻ vừa quỳ xuống – vừa kêu lên – Em xin thề trên linh hồn em, em xin sẵn sàng chết vì lệnh bà!

Tiếng kêu đó thốt ra từ cõi lòng sâu thăm, và cũng như lời nói ban đầu, không thể có chuyện lầm lẫn được.

-Vâng – bà Bonacieux tiếp tục – Vâng, ở đây có những tên phản bội, nhưng có đức mẹ Đồng trinh, em xin thề không có ai có thể trung thành như em với lệnh bà, những nút kim cương mà nhà Vua hỏi lại ấy, lệnh bà đã tặng cho Quận công De Buckingham, có phải không ạ? Những nút kim cương ấy được đựng trong một cái tráp nhỏ bằng gỗ hồng đào mà Quận công đã kẹp dưới cánh tay? Em có nhầm không ạ? Không phải như vậy sao?

-Ôi Chúa ơi! Chúa ơi!

Hoàng hậu thầm thì, răng va vào nhau lập cập vì sợ hãi.

-Thế thì! Bà Bonacieux tiếp tục – Những nút kim cương ấy phải được lấy lại.

-Phải, hẳn rồi, phải vậy thôi. – Hoàng hậu kêu lên – nhưng biết làm thế nào, làm thế nào để lấy lại?

-Phải cử một ai đến gặp Quận công.

-Nhưng ai?… ai?… Ta có thể tin ai đây?

-Xin lệnh bà cứ tin tưởng vào em. Hãy cho em được cái vinh dự ấy, Hoàng hậu của em ạ, và em, em sẽ tìm được sứ giả.

-Nhưng phải viết thư?

-Vâng, việc đó là cần thiết. Vài chữ từ chính tay lệnh bà viết và có đóng dấu riêng của lệnh bà.

-Nhưng vài cái chữ ấy, đó là bản án của ta, đó là sự ly dị, sự lưu đày!

-Vâng nếu nó rơi vào bàn tay lũ đê mạt. Nhưng em, em đảm bảo mấy chữ đó sẽ được trao đúng địa chỉ.

-Ôi, trời ơi! Vậy là ta phải trao tính mạng ta, danh dự ta và danh tiếng của ta vào tay em!

-Vâng, thưa bệnh bà, phải vậy thôi và chính em sẽ cứu vãn mọi cái đó!

-Nhưng như thế nào? Ít nhất em cũng nói cho ta biết chứ.

-Chồng em đã được trả tự do từ hai ba ngày nay. Em còn chưa có thì giờ về thăm ông ấy. Đó là một người đàn ông tử tế và lương thiện, không hằn thù ai, cũng chẳng yêu ai. Ông ấy sẽ làm cái gì em muốn. Ông ấy sẽ ra đi theo lệnh của em, mà không biết mình mang cái gì, và ông ấy sẽ chuyển bức thư của lệnh bà tới địa chỉ lệnh bà đã dặn.

Hoàng hậu nắm lấy hai tay người đàn bà trẻ với niềm phấn khởi dạt dào, nhìn nàng như thể đọc thấu tâm can và chỉ thấy lòng thành thực trong đôi mắt đẹp rồi ôm hôn nàng trìu mến và nói: -Em cứ làm thế đi, em sẽ cứu được đời ta, cứu được danh dự của ta!

-Ồ xin đừng cường điệu cái công việc em vinh dự được làm cho lệnh bà. Em có cứu vớt lệnh bà chút gì đâu, chẳng qua lệnh bà chỉ là nạn nhân của những âm mưu nham hiểm.

-Đúng vậy, đúng vậy, em bé của chị – Hoàng hậu nói – Và em có lý.

-Vậy xin hãy trao cho em bức thư ấy đi, thời gian gấp lắm rồi.

Hoàng hậu chạy ngay đến chiếc bàn nhỏ, trên bàn có sẵn giấy bút mực. Nàng viết hai dòng, niêm phong bức thư bằng con dấu của mình và trao cho bà Bonacieux.

-Và bây giờ – Hoàng hậu nói – Chúng ta quên mất một điều tối cần thiết.

-Điều gì ạ?

-Tiền.

Bà Bonacieux đỏ mặt nói: -Vâng, đúng vậy và em xin thú thực với lệnh bà rằng chồng em…

-Chồng em không có, em muốn nói thế chứ gì.

-Có chứ ạ, chồng em có, nhưng ông ấy keo kiệt lắm, đó chính là tật xấu của ông ấy. Tuy nhiên lệnh bà đừng lo, chúng ta sẽ tìm cách…

-Chính là vì ta cũng không có – Hoàng hậu ngàt lời – những ai đã đọc những tập hồi ký của bà De Mốttơvin sẽ không ngạc nhiên thấy ta trả lời như vậy, nhưng đợi đã.

Hoàng hậu chạy đến hộp đồ nữ trang của mình, và nói: -Đây em cầm lấy, đây là chiếc nhẫn theo người ta cam đoan có giá trị rất lớn. Nó vốn của anh ta, Nhà Vua Tây Ban Nha, nó đã là của ta và ta có thể tùy ý dùng nó. Em hãy cầm chiếc nhẫn này bán lấy tiền để chồng em ra đi.

-Trong vòng một tiếng đồng hồ, lệnh của hoàng hậu sẽ được thi hành.

-Em nhìn rõ địa chỉ chứ – Hoàng hậu nói nhỏ thêm, chỉ vừa đủ nghe – Gửi Huân tước Quận công De Buckingham ở London."

-Bức thư sẽ được trao tận tay cho Huân tước.

-Em nhỏ thật là hào hiệp! – Anne d'Autriche reo lên.

Bà Bonacieux hôn đôi tay của Hoàng hậu, giấu bức thư trong nịt ngực và biến mất nhẹ nhàng như một cánh chim.

Mười phút sau, nàng đã về đến nhà. Như nàng đã nói với Hoàng hậu, từ lúc chồng nàng được trả tự do nàng chưa về thăm. Nàng không biết gì về sự thay đổi đã diễn ra trong lòng ông ta đối với Giáo chủ, sự thay đổi ấy đã được củng cố vững chắc thêm sau hai hay ba lần viếng thăm của Bá tước De Rochefort và ông ta đã trở thành bạn tốt nhất của Bonacieux đã không tốn công mấy làm cho Bonacieux tin rằng việc bắt cóc vợ ông chẳng phải do một tình cảm tội lỗi nào mà chỉ là một việc phòng ngừa chính trị.

Nàng thấy ông Bonacieux chỉ có một mình. Con người khốn khổ đó đang vất vả thu dọn lại nhà cửa mà ông ta thấy đồ đạc gần như gây vỡ hết và tủ giả gần như rỗng không. Công lý không hề là một trong ba điều mà vua Salomon[56] đã chỉ ra là không để lại một vết tích gì trên đường đi của nó. Còn như cô hầu gái thì cô ta đã trốn mất từ khi chủ bị bắt giữ. Sự kinh hoàng đã tác động đến cô gái tội nghiệp đến mức cô ta cuốc bộ một mạch từ Paris đến tận Buốcgônhơ, quê hương của mình.

Ngay lúc vợ mình vừa trở về nhà, ông hàng xén đáng khen đã chia sẻ với người vợ về sự trở về may mắn của mình, còn vợ ông thì đã đáp lại để mừng cho chồng và để nói với chồng rằng, ngay khi nàng có thể dứt ra khỏi công việc là đã nghĩ tới chuyện hiến tất cả thời gian cho việc về thăm chồng.

Cái việc ngay khi ấy cũng phải đợi mất đến năm ngày. Việc đó trong mọi tình huống khác có vẻ hơi dài đối với Bonacieux nhưng trong cuộc viếng thăm Giáo chủ và những cuộc thăm viếng của Rochefort, ông đã có một chủ đề phong phú để suy tư và như người ta biết không có gì khiến thời gian trôi nhanh bằng suy nghĩ.

Hơn thế nữa những suy nghĩ của Bonacieux lại toàn màu hồng. Rochefort gọi ông là bạn mình, bạn thân mến Bonacieux và không ngừng nói với ông rằng Giáo chủ đánh giá rất cao về ông.

Ông hàng xén nhìn thấy mình đang trên con đường vinh hiển và giàu sang.

Về phần mình, phải nói rằng bà Bonacieux lại nghĩ đến tất cả những gì khác ngoài tham vọng. Những ý nghĩ của nàng, bất chấp nàng muốn hay không, chỉ một mực hướng về chàng thanh niên đẹp trai rất đỗi can trường và cũng có vẻ rất đỗi si tình.

Cưới ông Bonacieux ở tuổi mười tám, luôn sống giữa đám bạn bè của chồng mình, là một thiếu phụ mà tấm lòng lại vượt lên trên địa vị của mình, bà Bonacieux vẫn trơ trơ trước những ve vãn tầm thường. Nhưng vào thời kỳ đó, cái danh hiệu quý tộc có một ảnh hưởng lớn đến giới thị dân và D'Artagnan lại là quý tộc, hơn nữa chàng mặc đồng phục quân cận vệ, là thứ được các bà ưa thích nhất chỉ sau có đồng phục ngự lâm quân. Chàng trẻ, đẹp, lại ưa mạo hiểm. Chàng nói về tình yêu như một người lớn đang yêu và đang khát được yêu. Thế là dư thừa những gì cần có để làm điên đảo một cái đầu hai mươi ba tuổi mà bà Bonacieux thì lại vừa đến cái tuổi sung sướng trần đời đó.

Hai vợ chồng, dù họ chưa được thấy nhau từ tám hôm rồi, và trong cái tuần lễ ấy, những biến cố nghiêm trọng từng xảy ra giữa họ, cho nên họ bắt chuyện với nhau mỗi người một mối bận tâm riêng. Tuy nhiên ông Bonacieux tỏ ra vui mừng thực sự và dang rộng hai tay tiến về phía vợ.

-Bà Bonacieux giơ trán cho chồng hôn, rồi nói: -Ta nói chuyện với nhau một chút.

-Sao cơ? – Ông Bonacieux ngạc nhiên.

-Vâng – Em có một chuyện tối quan trọng muốn nói với anh.

-Thật ra, tôi cũng thế, tôi cũng có vài vấn đề khá nghiêm trọng muốn nói chuyện với mình. Mình hãy giải thích qua việc mình bị bắt cóc cho tôi nghe nào, tôi xin mình đấy.

-Lúc này không phải lúc đề cập đến chuyện đó – Bà Bonacieux nói.

-Vậy thì phải là chuyện gì nào?

-Chuyện tôi bị bắt ư? Ngay hôm ấy em đã biết chuyện rồi. Nhưng vì chẳng phạm một tội hình nào, mình chẳng dính líu đến một âm mưu nào, vì rốt cuộc mình chẳng biết chút gì ai có thể làm hại mình, không phải mình, cũng không phải bất cứ ai, mà em chỉ quan tâm đến tầm quan trọng đáng có của sự kiện ấy thôi.

-Thưa bà, bà nói dễ nghe nhỉ! – Bonacieux thấy vợ tỏ ra ít quan tâm đến mình tự ái nói – bà có biết tôi đã bị dìm một ngày một đêm trong hầm tối của ngục Bastille không?

-Một ngày một đêm ấy đã qua rồi, thôi hãy gác chuyện mình bị bắt lại, và ta trở lại cái việc khiến đưa em về đây với mình.

-Sao, cái việc khiến đưa bà về đây với tôi? Vậy chứ không phải lòng khát khao được gặp lại một người chồng mà bà đã phải xa cách tám ngày rồi sao? – Ông hàng xén tức tối hỏi.

-Chuyện đó trước, chuyện kia sau.

-Nói đi!

-Một việc quan trọng bậc nhất, có lẽ vận hội sắp tới của chúng ta tùy thuộc vào đấy.

-Vận hội của chúng ta đã thay đổi bộ mặt rất nhiều kể từ ngày tôi gặp bà, bà Bonacieux ạ, và tôi sẽ không ngạc nhiên khi chỉ mấy tháng nữa thôi, nó sẽ làm cho khối người thèm khát.

-Vâng, nhất là nếu mình muốn những chỉ dẫn mà em sắp đưa ra cho mình.

-Cho tôi?

-Vâng, cho mình. Có một việc tốt và thánh thiện cần làm, mình ạ, đồng thời lại kiếm được rất nhiều tiền.

-Bà Bonacieux biết rằng nói về tiền bạc với chồng tức là bà đã nắm lấy chỗ yếu của ông ta.

Nhưng một người, ngay cả khi là một ông hàng xén, một khi đã trò chuyện mươi phút với Giáo chủ, sẽ không còn là chính người ấy nữa.

-Kiếm được nhiều tiền ư? – Ông Bonacieux bĩu môi.

-Vâng, rất nhiều.

-Khoảng bộ bao nhiêu?

-Vậy cái việc mình yêu cầu tôi nghiêm trọng lắm sao?

-Vâng.

-Vậy phải làm gì?

-Mình sẽ phải đi ngay lập tức, em sẽ đưa cho mình một mảnh giấy mà mình sẽ không được rời khỏi nó với bất cứ lý do gì và phải trao tận tay người nhận.

-Và tôi phải đi đâu?

-Đi London.

-Tôi, đi London á? Thôi nào, mình đùa rồi, tôi chăng có việc gì ở London.

-Nhưng những người khác lại cần mình đi đến đó.

-Những người khác ấy là ai? Tôi xin báo để mình biết tôi sẽ không nhắm mắt làm bừa nữa đâu và tôi muốn biết không chỉ tôi liều đời cho cái gì mà còn liều đời vì ai nữa.

-Một nhân vật nổi tiếng cử mình đi, một nhân vật nổi tiếng khác đợi mình: phần thưởng sẽ vượt xa ước muốn của mình. Đó là tất cả những gì em có thể hứa với mình.

-Lại những âm mưu nữa rồi! Luôn luôn là những âm mưu!

-Cám ơn, bây giờ tôi không tin gì nữa, và Giáo chủ đã khai sáng cho tôi về việc đó rồi.

-Giáo chủ ư! – Bà Bonacieux kêu lên – mình đã gặp Giáo chủ?

-Ngài đã cho gọi tôi – Ông hàng xén kiêu hãnh trả lời.

-Và mình đã nhận lời mời đến đó, mình lại bất cẩn như thế?

-Tôi phải nói rằng, tôi không có sự lựa chọn là đến hay không đến, vì tôi bị kẹp giữa hai lính gác. Nói đúng hơn, vì lúc đó tôi không quen biết Đức ông, nếu như tôi có thể thoát khỏi cuộc viếng thăm đó, tôi hẳn đã cực kỳ sung sướng.

-Vậy ông ấy đã ngược đãi mình ư? Hay ông ta đã hăm dọa mình?

-Ngài chìa tay ra cho tôi bắt và gọi tôi là bạn ngài, bạn ngài, thưa bà, nghe rõ chưa? Tôi là bạn của Đại Giáo chủ!

-Của Đại Giáo chủ?

-Không chấp nhận cái tước vị ấy của ngài, tình cờ thôi đấy chứ, thưa bà!

-Em chẳng không chấp nhận cái gì cả, nhưng em nói với mình rằng sự sủng ái của một ông Thủ tướng chỉ là phù du, và chỉ có điên mới đi gắn bó với một ông Thủ tướng, còn có những quyền lực ở bên trên quyền lực của ông ta, nó không dựa trên tính bất trắc của một con người hoặc lối thoát của một biến cố, chính là những quyền lực ấy ta phải đi theo.

-Tôi thấy bực mình rồi đấy thưa bà, tôi không biết thứ quyền lực nào khác ngoài quyền lực của một bậc vĩ nhân mà tôi vinh dự được phụng sự.

-Ông phụng Giáo chủ?

-Vâng, thưa bà, và như một kẻ tôi tớ của ngài, tôi sẽ không cho phép bà lao vào những âm mưu chống lại sự an ninh của một quốc gia và bà, phải, chính bà, lại phụng sự những mưu mô của một người đàn bà không phải là phụ nữ Pháp và lòng dạ Tây Ban Nha. May thay Giáo chủ vĩ đại ở đó, con mắt cảnh giác của ngài canh chừng và xuyên thấu tận đáy lòng người khác.

Bonacieux nhắc lại nguyên si từng lời cái câu ông ta được nghe Bá tước Rochefort nói. Nhưng người vợ tội nghiệp đã trông mong vào chồng mình, và trong niềm hy vọng ấy, đã đảm bảo cho ông ta trước Hoàng hậu, không kém rùng mình về điều đó và nỗi nguy hiểm suýt nữa nàng đâm đầu vào, và cả sự bất lực nàng đang cảm thấy nữa. Tuy nhiên, biết được sự hèn yếu và nhất là lòng tham của chồng mình, nàng chưa hết hy vọng dẫn dụ ông ta tới những mục đích của mình.

-À! Thưa ông, thì ra ông thuộc phái Giáo chủ! – Nàng kêu lên – Thì ra ông phụng sự đảng phái của những kẻ đã ngược đãi vợ ông và lăng mạ Hoàng hậu!

Ông Bonacieux huyênh hoang nói chữ: -Lợi ích riêng tư không là cái gì trước lợi ích của toàn thể. Tôi đứng về phía những người cứu quốc gia.

Đấy cũng lại là một câu nói khác của Bá tước Rochefort mà ông ta đã nhớ được. Và thấy có dịp đem dùng.

-Thế ông có biết cái quốc gia mà ông vừa nói nó là thế nào không? – Bà Bonacieux nhún vai nói – Hãy yên phận là một thị dân ít học đi, và hãy quay về phía nào cho ông nhiều lợi lộc hơn.

-Ông Bonacieux vừa nói vừa vỗ lên cái túi căng tròn cho xủng xoẻng tiếng bạc reo: -Hà, hà! Bà nói sao về cái túi này, thưa bà thuyết sĩ?

-Ở đâu ra số bạc ấy?

-Bà không đoán ra ư?

-Của Giáo chủ?

-Của ngài và của bạn tôi, Bá tước De Rochefort.

-Bá tước De Rochefort ư? Nhưng chính ông ta đã bắt cóc tôi!

-Có thể đấy, thưa bà.

-Và ông nhận tiền từ con người ấy?

-Tôi đã chẳng bảo bà là việc bắt cóc đó hoàn toàn là chính trị sao.

-Phải, nhưng cuộc bắt cóc đó có mục đích làm cho tôi phản bội lại nữ chủ của mình, và bằng tra khảo để moi ở tôi ra những lời thú nhận có thể phương hại đến danh dự và có thể cả mạng sống của nữ chúa tôn kính của tôi.

-Thưa bà – Bonacieux nói tiếp – nữ chúa tôn kính của bà là một mụ đàn bà Tây Ban Nha điên đảo, và việc Giáo chủ làm là rất đúng.

-Thưa ông – thiếu phụ nói – tôi vẫn biết ông hèn nhát, keo bẩn và ngu xuẩn, nhưng tôi lại không biết ông còn đê tiện nữa?

-Thưa bà – Bonacieux chưa từng thấy vợ mình nổi giận bao giờ, đã lùi bước trước cơn điên giận của người vợ – Thưa bà, bà bảo sao cơ?

-Tôi bảo ông là một tên khốn nạn! – Bà Bonacieux tiếp tục khi thấy mình đã lấy lại được chút ảnh hưởng nào đó với chồng mình – Chà, ông làm chính trị ư, ông hả! Và còn là thứ chính trị Giáo chủ nữa! Ôi chao, ông bán mình, cả thể xác lẫn linh hồn cho quỷ sứ vì tiền?

-Không, cho Giáo chủ chứ.

-Cũng thế cả thôi? Thiếu phụ kêu lên – Nói Richelieu là nói quỷ Satan.

-Bà im đi, im ngay đi, người ta nghe thấy đấy.

-Đúng, ông có lý, và tôi sẽ phải xấu hổ, vì sự hèn nhát của ông.

-Nhưng xem nào, bà đòi hỏi phải làm gì mới được chứ?

-Tôi đã bảo ông là ông sẽ phải đi ngay tức khắc, rằng ông phải hoàn thành một cách trung thực nhiệm vụ mà tôi đã vị nể mà trao cho ông, và với điều kiện sau, tôi sẽ quên hết, tôi tha thứ và còn thêm – nàng chìa tay ra cho ông – em sẽ trao lại mình tình thương mến của em.

Bonacieux hèn mạt và keo kiệt. Nhưng ông ta yêu vợ mình, và ông đã mềm lòng. Một người đàn ông năm mươi tuổi không giữ nổi hiềm thù lâu với một người vợ tuổi hăm ba. Bà Bonacieux thấy ông còn do dự, liền nói: -Thôi được? Vậy thôi! Suy cho cùng, có lẽ mình có lý, một người đàn ông hiểu về chính trị nhiều hơn những người đàn bà, nhất là mình, người đã từng trò chuyện với Giáo chủ. – Tuy nhiên nàng nói thêm – Chồng tôi, người đàn ông mà tôi tưởng có thể trông cậy vào tình thương yêu lại đối xử với tôi bạc bẽo và chẳng chiều theo ý tôi chút nào, chả phải cứng rắn quá sao.

-Chính vì những ý nghĩ ngông cuồng của bà có thể dẫn đi quá xa – Bonacieux đắc thắng trả lời – nên tôi nghi ngờ những ý nghĩ ấy.

-Thì em đành từ bỏ vậy – Thiếu phụ vừa nói vừa thở dài – Thôi được, ta không nói chuyện ấy nữa.

Bonacieux bỗng thấy mình chậm nhớ ra là Rochefort đã dặn mình cố chộp lấy những bí mật của vợ, liền trả lời: -Nói chứ, ít nhất, bà cũng cho biết tôi phải làm gì ở London chứ.

Linh tính khiến người thiếu phụ thấy nghi ngờ và đẩy nàng về tư thế phòng vệ. Nàng nói: -Ông biết cũng vô ích thôi mà. Chỉ là một chuyện tầm phào mà đàn bà thường ao ước ấy mà, mua một món hàng vặt nhưng lời lãi lại khá nhiều.

Nhưng người vợ trẻ càng chống chế, thì Bonacieux trái lại càng nghĩ cái bí mật mà nàng không chịu thổ lộ cùng ông ta rất quan trọng. Vậy ông ta quyết định chạy ngay tới nhà Bá tước Rochefort để nói với Bá tước rằng Hoàng hậu đang tìm một sứ giả để phái tới London.

-Xin lỗi nhé nếu như tôi rời xa bà lúc này, bà Bonacieux thân mến của tôi ạ – Bonacieux nói – vì không biết bà về thăm tôi, tôi trót có cuộc hẹn với một người bạn, Tôi sẽ về ngay thôi và nếu bà có thể đợi tôi chỉ nửa phút thôi, xong việc với người bạn tôi sẽ về ngay đón bà, và vì lúc đó trời cũng đã muộn, tôi sẽ đưa bà về điện Louvre.

-Cám ơn ông – Bà Bonacieux trả lời – Ông đâu có đủ can trường để giúp ích cho tôi việc gì, và tôi thừa sức quay lại Louvre một mình mà.

-Tùy bà thôi, bà Bonacieux – tay cựu hàng xén tiếp – Tôi sớm gặp lại bà chứ?

-Chắc chắn rồi, tuần sau, tôi hy vọng thế, công việc rỗi rãi, tôi sẽ nhân đó trở về sắp xếp lại việc nhà chắc vẫn còn hơi bề bộn.

-Tốt lắm, tôi sẽ đợi bà. Bà không giận tôi đấy chứ?

-Tôi ư! Không chút nào đâu.

-Vậy, sớm gặp lại chứ?

-Sớm gặp lại.

Bonacieux hôn tay vợ mình và vội vã ra đi. Khi cánh cửa ra ngoài phố đã khép lại còn lại một mình, bà Bonacieux nói: -Thế đấy, cung cách này chắc chắn tên ngu xuẩn đó đã thuộc phái Giáo chủ rồi! Và ta, ta đã đảm bảo với Hoàng hậu, ta là người đã hứa với nữ chủ nhân tội nghiệp của ta. Ôi trời ơi! trời ơi! bà sẽ cho tôi cùng giuộc với lũ khốn nạn nhung nhúc như kiến trong cuIlg mà người ta cắt đặt bên bà để do thám bà. Ôi, ông Bonacieux! Tôi chưa bao giờ yêu ông nhiều. Bây giờ, còn tệ hơn nhiều: tôi căm ghét ông. Và tôi thề, ông sẽ phải trả giá.

Đúng lúc nàng nói ra những câu ấy, một tiếng gõ trên trần khiến nàng ngẩng đầu lên, và một giọng nói xuyên qua sàn gác đến tai nàng: -Bà Bonacieux yêu quý, hãy mở chiếc cửa ngách ra lối đi, tôi sẽ xuống bên bà.

§18. Người tình và người chồng

-Ôi thưa bà! – D'Artagnan vừa bước qua chiếc cửa mà thiếu phụ vừa mở ra cho chàng, vừa nói – cho phép tôi được nói với bà, bà có một Đức ông chồng đáng buồn đấy?

-Vậy ra ông đã nghe hết câu chuyện của chúng tôi? – Bà Bonacieux lo lắng nhìn D'Artagnan và vội hỏi.

-Không sót một câu.

-Nhưng làm thế nào lại thế được, trời ơi!

-Bằng một phương sách chỉ có tôi biết, và cũng nhờ nó mà tôi cũng đã nghe được câu chuyện còn sôi nổi hơn giữa bà với bọn nha lại của Giáo chủ.

-Và ông hiểu thế nào về những điều chúng tôi nói?

-Hàng nghìn điều, nhá, trước hết chồng bà là một thằng đần, một kẻ điên khùng, may thay, rồi thì bà bối rối, việc này khiến tôi lại rất vui vì nó cho tôi cơ hội được phục vụ bà, và có trời mới biết liệu tôi có sẵn sàng lao vào lửa vì bà không, cuối cùng là Hoàng hậu cần một người can trường thông minh và tận tụy làm một cuộc hành trình đến London vì lệnh bà. Tôi có ít nhất hai trong số ba phẩm chất bà cần và tôi đây.

Bà Bonacieux không trả lời, nhưng trái tim rung động vì mừng vui, và một hy vọng thầm kín long lanh trong mắt nàng. Nàng hỏi: -Và ông lấy gì đảm bảo với tôi, nếu tôi bằng lòng ủy thác cho ông nhiệm vụ đó?

-Tình yêu của tôi đối với bà. Thế nào, bà nói đi, ra lệnh đi: phải làm gì?

-Lạy Chúa! Lạy Chúa! – Thiếu phụ thầm thì – Tôi có nên thổ lộ với ông một bí mật như thế không? Ông hãy còn như một đứa trẻ.

-Rõ rồi, tôi thấy bà cần có một ai đó bảo đảm cho tôi với bà.

-Tôi xin thú thực là việc đó sẽ làm tôi yên tâm lắm.

-Bà có biết ông Athos không?

-Không.

-Porthos?

-Không.

-Aramis vậy?

-Không, những vị ấy là những người nào?

-Những ngự lâm quân của nhà Vua. Bà biết ông De Treville, đại úy của họ chứ?

-Ồ, vâng, ông ấy, tôi biết chứ, không phải quen riêng đâu, mà vì nhiều lần đã được nghe nói về ông ấy với Hoàng hậu như một nhà quý tộc chính trực và trung thực.

-Bà không sợ ông ấy phản bội bà vì Giáo chủ, phải không nào?

-Ồ chắc chắn không rồi.

-Vậy thì bà hãy thổ lộ bí mật của bà với ông ấy, và hãy hỏi ông ấy xem liệu có thể ký thác nó cho tôi được không, dù việc đó có quan trọng, có quý giá, có ghê gớm đến đâu.

-Nhưng bí mật đó không thuộc về tôi, tôi không thể tiết lộ như thế.

-Bà chẳng vừa thổ lộ với ông Bonacieux đấy sao! – D'Artagnan giận dỗi nói.

-Với ông ta, chẳng qua như ký thác vào một hốc cây, một cánh chim câu, một vòng cổ chó ấy mà.

-Trong khi ấy, bà thấy rõ là tôi yêu bà.

-Là ông nói thôi.

-Tôi là một người hào hoa.

-Tôi tin vậy.

-Tôi can trường.

-Ồ, điều đó, tôi tin chắc.

-Vậy thì đem tôi ra thử thách đi.

Bà Bonacieux nhìn chàng trai trẻ, vẫn còn chút do dự cuối cùng. Nhưng mắt chàng ánh lên nhiệt tình, giọng chàng đầy sức thuyết phục khiến nàng cảm thấy mình bị lôi cuốn tới chỗ tin cậy chàng. Vả lại, nàng đang trong một những tình thế phải liều để được ăn cả ngã về không. Hoàng hậu cũng đã từng bị mất mát nhiều, bởi quá giữ gìn cũng như quá tin tưởng. Rồi, cũng phải thú nhận rằng, mối cảm tình không chủ tâm mà nàng nghiệm thấy đối với người bảo vệ trẻ tuổi đã khiến nàng quyết định nói ra.

-Ông chú ý nghe đây. Tôi xin đầu hàng trước những cam kết của ông, và xin thua những đảm bảo của ông. Nhưng tôi thề với ông trước Thượng đế đang nghe chúng ta, nếu ông phản bội tôi và cho dù kẻ thù có tha thứ cho tôi, tôi sẽ tự sát để lấy cái chết buộc tội ông.

-Và tôi, tôi thề với bà trước Thượng đế – D'Artagnan nói – nếu như tôi bị bắt khi đang hoàn thành những mệnh lệnh của bà, tôi sẽ chết trước khi làm hoặc nói điều gì phương hại đến bất kỳ ai.

Lúc đó người đàn bà trẻ mới thổ lộ với chàng điều bí mật ghê gớm mà do tình cờ đã để lộ một phần với chàng ở trước mặt nhà thờ Samaritain.

Đó là sự tỏ tình giữa họ với nhau.

D'Artagnan rạng rỡ niềm vui và kiêu hãnh. Điều bí mật chàng đang nắm, người đàn bà chàng đang yêu, sự tin tưởng và tình yêu, biến chàng thành một người khổng lồ.

-Tôi đi đây – Chàng nói – Tôi đi ngay lập tức.

-Sao! Ông đi ngay ư? – Bà Bonacieux kêu lên – Thế còn binh đoàn của ông, đại úy của ông?

-Thề trên linh hồn tôi, bà đã làm tôi quên tất những cái đó, Constance yêu quý ạ! Đúng, bà nói đúng, tôi phải xin nghỉ phép.

-Còn một trở ngại nữa – Bà Bonacieux đau đớn nói.

-Ô, cái việc đó – Sau một lúc suy nghĩ, D'Artagnan nói – Tôi sẽ vượt qua. Bà cứ yên tâm.

-Vượt qua như thế nào?

-Ngay tối nay, tôi sẽ đến nhà ông Treville, tôi sẽ nhờ ông xin hộ tôi sự chiếu cố ấy với em rể ông là ông des Essarts.

-Bây giờ còn chuyện khác nữa.

-Chuyện gì? – D'Artagnan hỏi vì thấy bà Bonacieux ngập ngừng không nói tiếp.

-Có lẽ ông không có tiền?

-Nói có lẽ là thừa – D'Artagnan vừa nói vừa mỉm cười.

-Bà Bonacieux mở tủ lôi ra cái túi mà nửa giờ trước đấy chồng bà âu yếm vuốt ve nó, bảo chàng: -Vậy thì, ông hãy cầm lấy cái túi này.

-Túi tiền của Giáo chủ! – D'Artagnan phá lên cười và reo lên, vì chàng đã không bỏ sót một vần trong câu chuyện giữa ông hàng xén và vợ mình, nhờ bóc đi mấy viên gạch lát.

-Đúng, túi tiền của Giáo chủ – bà Bonacieux trả lời – Ông thấy nó có vẻ bề thế đấy chứ.

-Mẹ kiếp! – D'Artagnan kêu lên – Sẽ khoái trá gấp đôi đem tiền của Giáo chủ đi cứu Hoàng hậu đấy?

-Ông là một chàng trai trẻ đáng yêu và duyên dáng – Bà Bonacieux nói – Ông hãy tin là Hoàng hậu sẽ không vô ơn đâu.

-Ồ, tôi đã được thưởng lớn rồi! – D'Artagnan nói – Tôi yêu cầu bà, hãy cho phép tôi nói ra điều đó với bà, như thế đã hạnh phúc hơn cả điều tôi dám hy vọng rồi.

-Im nào! – Bà Bonacieux giật mình nói.

-Cái gì?

-Người ta nói ở ngoài phố.

-Chính là giọng…

-… của chồng tôi. Đúng, tôi đã nhận ra.

D'Artagnan chạy ra cửa, đóng chốt lại. Chàng nói: -Hắn sẽ không vào được khi tôi chưa đi, khi tôi đi rồi, bà hãy mở.

-Nhưng tôi, tôi cũng phải đi thôi. Túi tiền biến mất, nếu tôi còn ở đây, sẽ biện minh ra sao?

-Bà nói đúng. Phải ra thôi.

-Ra ư? Ra thế nào? Ông ta sẽ trông thấy chúng ta nếu chúng ta đi ra.

-Vậy, phải lên nhà tôi thôi.

-Ôi! – Bà Bonacieux kêu lên – Ông nói với tôi chuyện đó bằng cái giọng khiến tôi phát sợ. – Bà Bonacieux rớm nước mắt khi thốt ra những lời ấy.

D'Artagnan nhìn thấy nước mắt, cảm thấy mủi lòng, bối rối, chàng liền quỳ xuống dưới chân nàng và nói: -Ở nhà tôi, bà sẽ được an toàn như trong một ngôi đền, tôi xin thề với lời thề của một nhà quý tộc.

-Ta đi thôi – Nàng nói – tôi tin ở ông, bạn tôi ạ.

D'Artagnan thận trọng mở chốt cửa, và cả hai nhẹ nhàng như hai cái bóng luồn qua cửa trong ra lối đi, rón rén lên cầu thang vào phòng của D'Artagnan.

Một khi đã ở đó rồi, để an toàn hơn, chàng trai trẻ chèn cửa lại rồi hai người đến gần cửa sổ, qua khe cánh cửa, họ nhìn thấy Bonacieux đang nói chuyện với một người mặc áo choàng.

Vừa nhìn thấy người mặc áo choàng. D'Artagnan đã chồm lên, nhích gươm, và lao về phía cửa.

Đó chính là người ở Măng.

-Ông định làm gì vậy? – Bà Bonacieux kêu lên – Ông làm hại chúng ta mất.

D'Artagnan nói: -Nhưng tôi đã thề phải giết con người đó?

-Lúc này sinh mạng ông đã được dâng hiến rồi, nó không còn là của ông nữa. Nhân danh Hoàng hậu, tôi cấm ông không được lao vào bất cứ mối hiểm nguy nào ngoài hiểm nguy trong chuyến đi.

-Còn nhân danh mình bà không ra lệnh gì ư?

-Nhân danh tôi, tôi xin ông thế đấy. – Bà Bonacieux hết sức xúc động nói. Nhưng nghe đã, hình như họ đang nói về tôi.

D'Artagnan lại gần cửa sổ, áp tai vào.

Lão Bonacieux đã mở được cửa, thấy nhà trống không lại quay lại chỗ người mặc áo choàng, mà lão đã để đứng đấy một mình trong giây lát. Lão nói: -Cô ta đi rồi. Cô ta quay lại điện Louvre.

-Ông có chắc vợ ông không nghi ngờ ông bỏ đi với ý đồ nào không? – Người lạ mặt hỏi.

-Chắc chứ! – Bonacieux đáp với vẻ tự mãn – đó là một người đàn bà quá ư nông nổi.

-Tên cận vệ tập sự có ở nhà không?

-Chắc là không, ông thấy đấy, cửa sổ đóng và không có chút ánh sáng nào lọt qua khe cửa.

-Mặc kệ, cứ phải chắc chắn.

-Nhưng làm thế nào?

-Đến gõ cửa phòng nó.

-Để tôi hỏi tên hầu xem.

-Đi đi!

Bonacieux trở vào nhà, đi qua cái cửa mà hai kẻ chạy trốn đã đi qua, trèo lên tận thềm nghỉ cầu thang phòng D'Artagnan, chàng đã cẩn thận không để lộ ra dấu hiệu nào đang có mặt ở nhà.

-Đúng lúc ngón tay Bonacieux gõ ầm lên cánh cửa, đôi bạn trẻ cảm thấy thót tim.

-Chẳng có ai ở nhà – Bonacieux nói.

-Thôi, không cần, ta xuống dưới nhà ông đi, sẽ chắc hơn là cứ đứng ở ngưỡng cửa.

-Ôi, lạy Chúa – Bà Bonacieux thầm thì – Chúng ta không nghe thấy gì nữa rồi.

-Trái lại – D'Artagnan nói – Chúng ta chỉ càng nghe rõ hơn thôi.

D'Artagnan lật ba bốn viên gạch lát tạo thành ở phòng chàng một cái tai khác của Denis[57], trải một tấm thảm lên nền nhà, quỳ xuống và ra hiệu cho bà Bonacieux cúi xuống như mình, về phía lỗ nghe.

-Ông tin chắc không có ai chứ? – Người lạ mặt nói.

-Tôi đảm bảo vậy – Bonacieux trả lời.

-Và ông nghĩ vợ ông đã?…

-Đã quay lại Louvre.

-Không nói gì với người nào ngoài ông?

-Tôi chắc chắn thế.

-Một điểm quan trọng đấy, ông có hiểu không?

-Như thế tức là cái tin tôi mang đến cho ông có một giá trị…

-Rất lớn, ông Bonacieux thân mến của tôi ạ, tôi không giấu ông điều đó.

-Vậy Giáo chủ sẽ bằng lòng về tôi?

-Tôi không nghi ngờ gì điều đó.

-Giáo chủ vĩ đại!

-Ông có chắc trong khi nói chuyện với ông, vợ ông không buột miệng nói ra những cái tên riêng nào chứ?

-Hình như thế.

-Bà ấy không nhắc đến bà De Chevreuse, ông De Buckingham và cả bà De Vécne nữa chứ?

-Không, cô ta chỉ nói với tôi cô ta muốn phái tôi đi London để phục vụ lợi ích của một nhân vật danh tiếng.

-Quân phản phúc! – Bà Bonacieux thầm thì.

-Im nào! – D'Artagnan vừa nói vừa nắm lấy tay nàng còn nàng lơ đãng cứ để mặc.

-Không sao – người mặc áo choàng tiếp tục – Ông thật ngớ ngẩn, không biết giả vờ chấp nhận nhiệm vụ đó, và bây giờ ông đã có bức thư, quốc gia mà họ đe dọa được cứu thoát và ông…

-Và tôi?

-Và ông ấy à! Giáo chủ sẽ ban tước hiệu quý tộc cho ông…

-Ngài nói với ông như thế?

-Phải, tôi biết ngài muốn làm ông bị bất ngờ.

-Ông yên tâm – Bonacieux nói tiếp – vợ tôi tôn thờ tôi, vẫn còn kịp mà.

-Tên đần độn! – Bà Bonacieux lẩm bẩm.

-Có im không! – D'Artagnan vừa nói vừa siết chặt tay nàng hơn nữa.

-Còn kịp là thế nào? – Người mặc áo choàng hỏi lại.

-Tôi cũng quay lại Louvre, tôi yêu cầu gặp bà Bonacieux, tôi nói tôi đã nghĩ lại rồi, tôi lại nhận việc đó, và tôi sẽ lấy được bức thư rồi chạy ngay đến chỗ Giáo chủ.

-Thế thì đi mau lên! Tôi sẽ quay lại ngay để biết kết quả tiến hành thế nào.

Người lạ đi ra.

-Đồ đê mạt? – Bà Bonacieux nói.

-Im nào! – D'Artagnan nhắc lại và siết mạnh tay nàng hơn trước nữa.

Một tiếng hét lên khủng khiếp làm gián đoạn những suy nghĩ của D'Artagnan và bà Bonacieux. Chính là chồng nàng thấy túi tiền biến mất và đang hô hoán kêu bắt kẻ cắp.

-Ôi, lạy Chúa! – Bà Bonacieux khẽ kêu lên.

-Lão ta khuấy đảo cả khu phố lên mất. Bonacieux kêu gào mãi, nhưng vì những tiếng kêu như thế xảy ra luôn, nên chẳng thu hút được ai trong phố Phu đào huyệt, hơn nữa ngôi nhà ông hàng xén lâu nay lại khá tai tiếng. Thấy chẳng ai đến, lão vừa đi ra vừa tiếp tục kêu gào, và người ta nghe thấy tiếng kêu cứ xa dần, theo hướng phố Bến phà.

-Thôi bây giờ lão ta đã đi rồi, đến lượt ông cũng phải ra đi thôi – Bà Bonacieux nói – Hãy can đảm, nhưng cất nhất phải thận trọng, nên nhớ ông có nghĩa vụ với Hoàng hậu.

-Với Hoàng hậu và với bà! – D'Artagnan nói – cứ yên tâm nàng Constance kiều diễm ạ, tôi sẽ trở về xứng đáng với sự biết ơn của Hoàng hậu, nhưng chẳng lẽ tôi lại không trở về xứng đáng với tình yêu của nàng sao.

Người đàn bà trẻ chỉ trả lời bằng đôi má đỏ hồng lên. Mấy phút sau, D'Artagnan đến lượt mình cũng ra đi, mình trùm một chiếc áo choàng lớn, bao gươm dài bên trong đội lên một cách ngang tàng.

Bà Bonacieux nhìn theo không dứt với con mắt thấm đượm tình yêu mà người đàn bà đưa tiễn người đàn ông mình cảm thấy yêu thương. Nhưng khi chàng đã khi khuất khỏi góc phố, nàng liền quỳ xuống, chắp hai tay lại và kêu lên: -Ôi lạy Chúa? Xin người che chở cho Hoàng hậu, che chở cho con!

§19. Kế hoạch tác chiến

D'Artagnan đi thẳng đến nhà ông De Treville. Chàng nghĩ rằng chỉ ít phút nữa, Giáo chủ sẽ được tên lạ mặt khốn kiếp kia, hính như là mật vụ của ông ta thông báo, vì vậy chàng nghĩ không thể để chậm trễ một giây phút nào.

Lòng chàng tràn ngập niềm vui. Một cơ hội vừa giành được vinh quang, vừa kiếm được tiền đang hiện ra trước mắt chàng, và còn là sự cổ vũ ban đầu đưa chàng gần lại người phụ nữ chàng ngưỡng mộ. Sự run rủi hầu như ngay từ lần đầu tiên vậy là đã đem lại cho chàng hơn cả chàng dám cầu xin ở Chúa cứu thế.

Ông De Treville đang trong phòng khách với cuộc hội kiến thường lệ của các nhà quý tộc. D'Artagnan đã như người thân trong nhà, đi thẳng đến phòng làm việc của ông và nhờ báo cho ông chàng đang chờ vì một việc quan trọng.

D'Artagnan ở đó được năm phút thì ông De Treville đi vào, thoáng nhìn thấy niềm vui trải mượt trên khuôn mặt chàng ông đại úy tôn kính hiểu ngay rõ ràng có điều gì mới mẻ đã xảy ra.

Suốt dọc đường, D'Artagnan đã tự hỏi liệu chàng có nên thổ lộ với ông De Treville không hay chỉ xin ông cho phép được tự do hành động vì một công việc bí mật. Nhưng vì ông De Treville đã từng quá chu toàn với chàng, ông lại quá tận tụy với nhà Vua và Hoàng hậu, ông rất đỗi căm ghét Giáo chủ nên chàng trai trẻ quyết định nói hết với ông.

-Anh bạn trẻ, anh yêu cầu gặp tôi? – Ông hỏi.

-Vâng, thưa ông và hy vọng xin ông thứ lỗi vì đã quấy rầy ông, khi\ông biết rõ vấn đề là chuyện quan trọng gì.

-Anh nói đi, ta nghe đây.

D'Artagnan hạ giọng nói: -Chuyện không kém liên quan đến danh dự và có lẽ cả tính mạng của Hoàng hậu.

-Anh nói gì vậy? – Ông De Treville vừa hỏi vừa nhìn xung quanh xem có ai không và đưa mắt nhìn D'Artagnan như muốn hỏi rõ chàng.

-Thưa ông, tôi nói, tình cờ khiến tôi đang làm chủ một bí mật…

-Anh phải giữ kín, ta hy vọng thế, anh bạn trẻ ạ, bằng tính mạng của anh đấy.

-Nhưng tôi lại phải thổ lộ với ông, thưa ông, với chính ông, bởi chỉ có ông mới có thể giúp tôi trong nhiệm vụ mà tôi vừa mới nhận được của Hoàng hậu.

-Cái bí mật ấy là của anh ư?

-Không, thưa ông, của Hoàng hậu.

-Anh được phép của Hoàng hậu?

-Không, thưa ông, trái lại, bởi vì sự tuyệt mật đã được tôi đảm bảo.

-Vậy tại sao anh lại đi phản bội lại ngay trước mặt tôi?

-Bởi vì, tôi đã nói với ông rồi đó, không có ông, tôi chẳng thể làm gì, và tôi sợ rằng ông sẽ từ chối cái ân huệ mà tôi yêu cầu ông, nếu ông không biết rõ tôi yêu cầu ông điều đó với mục đích gì.

-Anh cứ giữ lấy cái bí mật ấy của anh, chàng trai trẻ ạ, và nói cho ta hay anh muốn gì ở ta.

-Tôi muốn ông dành cho tôi một kỳ nghỉ phép mười lăm ngày ở ông des Essarts.

-Khi nào?

-Ngay đêm nay.

-Anh rời Paris?

-Tôi đi làm nhiệm vụ.

-Có thể nói cho tôi ở đâu được không?

-Ở London.

-Liệu có kẻ nào quan tâm đến việc anh không đạt được mục đích không?

-Giáo chủ, tôi tin như vậy, sẽ cho hết mọi thứ trên đời để ngăn tôi thành công.

-Và anh đi một mình?

-Tôi đi một mình.

Trong trường hợp ấy, anh sẽ không qua nổi Bôngđy đâu, chính tôi là người nói với anh như vậy, lời nói của Treville đấy.

-Sao lại thế được?

-Người ta sẽ cho ám sát anh.

-Tôi sẽ chết khi làm nghĩa vụ của mình.

-Nhưng sứ mạng của anh không được làm tròn.

-Đúng vậy – D'Artagnan nói.

-Tin tôi đi – Ông Treville tiếp tục – trong những cuộc phiêu lưu mạo hiểm này, phải có bốn để đến được một.

-Ôi! Thưa ông, sao ông nói đúng thế. Nhưng ông đã biết Athos, Porthos và Aramis, ông thấy liệu tôi có sừ dụng họ được không?

-Không thổ lộ với họ cái bí mật mà chính tôi cũng không muốn biết chứ?

-Chúng tôi đã thề với nhau, một lần cho mọi lần, nhắm mắt tin nhau, hết lòng vì nhau trước mọi thử thách. Vả lại, ông có thể nói với họ rằng ông hoàn toàn tin tưởng ở tôi, và họ sẽ không kém tin tôi hơn ông đâu.

-Tôi có thể cho họ mỗi người một kỳ phép mười lăm ngày, tất cả là thế này: cho Athos, vì vết thương vẫn luôn luôn nhức nhối, để đến vùng suối nóng ở Foócgiơ, cho Porthos và Aramis để đi theo bạn vì không muốn bỏ mặc bạn trong một tình cảnh đau đớn đến như vậy. Gửi cho họ giấy phép sẽ là bằng chứng tôi cho phép cuộc hành trình của họ.

-Xin cám ơn ông, ông thật muôn vàn lần tốt.

-Vậy anh hãy đi tìm họ ngay lúc này đi và tất cả phải được thi hành ngay đêm nay. À, trước hết, hãy viết cho tôi đơn xin ông des Essarts. Có thể anh đã bị một tên do thám theo dõi, và việc anh đến thăm tôi, trong trường hợp Giáo chủ đã biết sẽ được hợp pháp hóa.

D'Artagnan viết đơn xin, và ông De Treville nhận đơn từ tay chàng, đảm bảo trước hai giờ sáng bốn giấy phép sẽ đến đúng địa chỉ các lữ khách.

-Làm ơn gửi giấy phép của tôi đến chỗ Athos – D'Artagnan nói – Tôi sợ rằng trở về nhà tôi sẽ gặp chuyện chẳng lành.

-Anh yên tâm. Vĩnh biệt, chúc thượng lộ bình an! À mà? – Ông De Treville gọi chàng lại.

D'Artagnan rảo bước quay lại.

-Anh có tiền không?

-Ba trăm đồng vàng!

-Tốt lắm, với số tiền ấy có thể đi tận cùng thế giới. Thôi đi đi.

D'Artagnan chào ông De Treville đang chìa tay bắt tay chàng. Chàng siết chặt tay ông với lòng kính trọng xen lẫn sự biết ơn. Từ khi tới Paris, chàng chỉ một mực ca ngợi con người ưu tú ấy con người chàng luôn luôn thấy đáng tôn kính, trung thực và vĩ đại.

Đầu tiên chàng đến thăm Aramis. Từ cái buổi tối tuyệt diệu chàng bám theo bà Bonacieux, chàng chưa trở lại nhà bạn mình.

Còn thêm điều này nữa: Mới thoạt nhìn chàng ngự lâm trẻ ấy và mỗi lần gặp lại, chàng tưởng như nhận thấy một nỗi buồn sâu sắc in trên gương mặt bạn mình.

Tối nay nữa, Aramis vẫn thức, vẻ mặt sầm tối, mơ màng. D'Artagnan hỏi bạn mình mấy câu về nỗi buồn sâu xa ấy.

Aramis phân trần chàng buộc phải viết bằng tiếng Latinh một bài bình luận về chương thứ 18 kinh Thánh Augustin cho tuần sau, khiến chàng phải bận tâm nhiều.

Đôi bạn chuyện trò được một lát thì một đầy tớ của ông De Treville bước vào cầm theo một gói kín có dấu niêm phong.

-Cái gì thế này? – Aramis hỏi.

-Giấy phép ngài yêu cầu – người hầu trả lời.

-Tôi hả, tôi có xin phép nghỉ đâu.

-Im đi và cầm lấy. – D'Artagnan nói – Và anh, anh bạn, đây là nửa đồng vàng thưởng công cho anh, anh về nói với ông Treville là ông Aramis thành thật và rất đỗi cám ơn ông. Thôi về!

Người hầu cúi rạp đất chào và đi ra.

-Thế nghĩa là thế nào? – Aramis hỏi.

-Anh hãy cầm lấy cái cần thiết cho một cuộc hành trình mười lăm ngày và đi theo tôi.

-Nhưng tôi không thể rời Paris lúc này mà không biết… – Aramis dừng lại.

-Không biết bây giờ nàng ra sao, có phải không? – D'Artagnan tiếp tục.

-Ai cơ?

Người đàn bà đã ở đây, người đàn bà có chiếc khăn tay thêu đó.

-Ai bảo cậu có một người đàn bà ở đây? – Aramis cãi, mặt nhợt như người chết.

-Tôi đã trông thấy.

-Và cậu có biết là ai không?

-Tôi ngờ ngợ thôi, ít ra là như vậy.

-Nghe đây – Aramis nói – một khi cậu nắm được bao nhiêu chuyện như vậy, hẳn cậu phải biết người đàn bà ấy bây giờ ra sao?

-Tôi cho là nàng đã trở về Tours.

-Về Tours? Phải, đúng thế, cậu biết nàng rồi. Nhưng làm sao nàng lại trở về Tours mà không nói gì với tôi.

-Bởi nàng sợ bị bắt.

-Làm sao nàng không viết cho tôi?

-Bởi vì nàng sợ làm hại anh.

-D'Artagnan, cậu cứu sống tôi rồi! – Aramis reo lên – Tôi cứ tưởng mình bị khinh bỉ, phản bội. Tôi đã sung sướng biết mấy khi gặp lại nàng! Tôi không thể ngờ rằng nàng đã hy sinh tự dọ của mình vì tôi, tuy nhiên nàng trở lại Paris là vì nguyên cớ gì?

-Vì cái nguyên cớ mà hôm nay chúng ta phải đi sang nước Anh.

-Nhưng nó là gì mới được chứ? – Aramis hỏi.

-Rồi có ngày anh sẽ biết, Aramis ạ, nhưng còn lúc này, tôi sẽ bắt chước tính dè dặt của cháu gái ông tiến sĩ.

Aramis mỉm cười, vì chàng nhớ lại câu chuyện mình đã bịa ra tối hôm đó cho các bạn nghe.

-Thôi được, vậy một khi nàng đã rời Paris, và cậu đã chắc như vậy, D'Artagnan, không có gì ngăn tôi được nữa, tôi sẵn sàng đi theo cậu. Cậu nói chúng ta đi…

-Lúc này hãy đến Athos đã, và nếu anh muốn đến cùng thì nhanh nhanh lên, bởi chúng ta đã mất khá nhiều thời gian rồi.

-À mà, anh báo cho Bazin nữa.

-Bazin đi cùng chúng ta? – Aramis hỏi.

-Có thể. Dẫu sao, lúc này Bazin đi theo chúng ta đến nhà Athos cũng tốt.

Aramis gọi Bazin, và sau khi đã ra lệnh cho y đi theo đến nhà Athos, chàng vơ áo choàng, cầm lấy gươm và ba khẩu súng ngắn, rồi mở đi mở lại ba bốn cái

ngăn kéo xem có sót một đồng vàng nào không, chẳng thấy, chàng nói: -Vậy ta đi thôi.

Sau khi đã chắc chắn việc tìm kiếm tiền còn sót lại chỉ là thừa, Aramis đi theo D'Artagnan, vừa đi vừa tự hỏi làm thế nào mà cái tay tập sự trẻ ở đội cận vệ cũng biết rõ như chàng người phụ nữ đã trọ ở nhà chàng là ai, và còn biết rõ hơn chàng nàng đã ra sao.

Chỉ đến lúc ra khỏi nhà, Aramis mới đặt tay lên cánh tay D'Artagnan, và nhìn thẳng vào mặt bạn và nói: -Cậu không nói về người đàn bà ấy với ai chứ?

-Không một ai hết.

-Không cả với Athos và Porthos chứ?

-Không hé một nửa lời.

-Khá lắm!

Yên tâm về cái điều quan trọng ấy, Aramis tiếp tục lên đường cùng D'Artagnan, chẳng mấy chốc cả hai đã đến nhà Athos.

Họ thấy Athos đang cầm một giấy phép trong tay và tay kia là bức thư của ông De Treville.

"Athos thân mến của tôi.

Vì sức khỏe của anh tuyệt đối đòi hỏi phải như vậy, tôi rất muốn anh phải nghỉ ngơ mười lăm ngày. Vậy hãy đến vùng suối nóng Foócgiơ hoặc chỗ nào khác hợp với anh, và hãy nhanh chóng bình phục.

Thân ái

Treville"

-Anh Athos ơi, cái giấy phép và bức thư đó có nghĩa là phải đi theo tôi đấy.

-Đến suối nóng Foócgiơ?

-Đấy hoặc chỗ khác.

-Để phục vụ nhà Vua ư?

Nhà Vua hoặc Hoàng hậu, chả phải chúng ta là bầy tôi của hai vị sao?

Đúng lúc ấy thì Porthos vào. Chàng nói: -Mẹ kiếp! Chuyện kỳ quá đi thôi. Chả hiểu từ bao giờ trong ngự lâm quân, người ta lại cho quân nghỉ phép không cần xin xỏ gì thế này.

D'Artagnan nói: -Từ khi họ có những người bạn xin hộ họ.

-Chà chà! – Porthos nói – Hình như có chuyện gì mới ở đây chăng?

-Phải, chúng ta ra đi – Aramis nói.

-Đến nước nào? – Porthos hỏi.

-Thật tình, tôi chẳng biết gì lắm – Athos nói – hỏi D'Artagnan ấy.

-Đến London, thưa các vị.

Đến London? – Porthos kêu lên – Và chúng ta sẽ làm gì ở London đây?

-Đó lại là điều tôi không thể nói với các vị được. Các vị phải tin vào tôi thôi.

-Nhưng để đi đến London – Porthos thêm – Cần phải có tiền, mà tôi thì chẳng có một xu nào cả.

-Tôi cũng vậy – Aramis nói.

-Tôi cũng thế – Athos nói.

-Tôi có – D'Artagnan vừa nói vừa rút kho báu từ trong túi mình ra và đặt lên bàn – Trong túi này có ba trăm đồng vàng. Mỗi người hãy cầm lấy, thế là đủ để đi đến London và cho lúc trở về. Vả lại, cứ yên tâm, chúng ta sẽ không đến London tất cả đâu?

-Tại sao thế?

-Bởi vì rất có thể, có một vài người trong chúng ta sẽ ở lại dọc đường.

-Nhưng như vậy phải chăng chúng ta đang tiến hành một chiến dịch?

-Và nguy hiểm nhất, tôi xin báo trước như vậy.

-Ra thế! Porthos nói – Nhưng một khi nhỡ ra chúng ta bị giết chết, ít ra tôi cũng muốn biết tại sao chứ?

-Cậu vội quá đấy! – Athos nói.

-Tuy nhiên tôi đồng ý với Porthos! – Aramis nói.

-Nhà Vua phải chăng có lệ phải trình bày với cái vị? Không, Ngài chỉ nói thẳng ra thế này: "Các vị, người ta đang chiến đấu ở Gátxcônhơ, hay ở Flăngđrơ, hãy lên đường!" và các vị lên đường đến đấy. Tại sao ư? Các vị chẳng áy náy gì đâu.

-D'Artagnan nói đúng – Athos nói – Đây là ba giấy phép của chúng ta do ông De Treville cấp, và đây là ba trăm đồng vàng chẳng biết từ đâu ra. Vậy ta đi thôi, và sẵn sàng chết ở nơi người ta bảo ta đi. Cuộc đời có đáng đặt ra bao nhiêu câu hỏi như vậy không? D'Artagnan, tôi sẵn sàng đi theo cậu.

-Cả tôi nữa – Porthos nói.

-Tôi cũng vậy – Aramis nói – Tôi cũng chẳng buồn bực phải rời khỏi Paris đâu. Tôi đang cần tiêu khiển.

D'Artagnan nói: -Yên trí, các vị sẽ được tiêu khiển.

-Còn bây giờ, khi nào chúng ta đi đây? – Athos hỏi.

-Ngay lập tức – D'Artagnan trả lời – Không còn một chút nào để mất đâu.

Bốn chàng trai trẻ hô lên gọi những người hầu của mình: -Ê này, Grimaud, Planchet, Mousqueton, Bazin! Hãy đánh xi những đôi ủng cho chúng ta, và đem ngựa từ dinh quán đến.

Quả thật, mỗi lính ngự lâm đều để ngựa của mình và của người hầu ở tổng dinh như ở doanh trại.

Planchet, Grimaud, Mousqueton, Bazin vội vàng đi ngay.

-Bây giờ, chúng ta phải vạch kế hoạch tác chiến – Porthos nói – Chúng ta đi đâu trước nào?

-Đến Cale – D'Artagnan nói – đó là con đường đi thẳng đến London.

Porthos nói: -Tôi có ý kiến.

-Nói đi.

-Bốn người đi cùng nhau sẽ bị nghi ngờ. D'Artagnan sẽ hướng dẫn riêng từng người. Tôi đi tiên phong theo đường Bulônhơ để thám thính. Hai giờ sau Athos khởi hành theo đường Amiêng. Aramis sẽ đi theo chúng ta bằng đường Noayông. Còn D'Artagnan, cậu ấy sẽ đi bằng đường nào thì đi, bằng y phục của Planchet, còn Planchet sẽ đi theo chúng ta thành D'Artagnan và với đồng phục quân cận vệ.

-Thưa các vị – Athos nói – tôi thấy mang theo bọn người hầu trong "một việc hệ trọng" như thế này sẽ chẳng hay ho gì. Một bí mật không may có thể bị một nhà quý tộc để lộ. Còn bọn người hầu, hầu như luôn luôn bán rẻ nó.

D'Artagnan nói: -Tôi thấy kế hoạch của Porthos hình như không thể thực hiện được ở chỗ bản thân tôi cũng không biết chỉ dẫn các anh điều gì. Tôi chỉ là người mang theo một bức thư, có thế thôi. Tôi không có và cũng không thể làm ra ba bản sao bức thư ấy, vì nó đã được niêm phong. Vậy theo ý tôi, ta cứ nên đi thành đoàn. Thư ấy ở đây, trong cái túi này (và chàng chỉ cái túi có bức thư). Nếu tôi bị giết, một trong các anh sẽ giữ lấy và các anh tiếp tục lên đường. Nếu anh ấy bị giết, sẽ đến lượt anh khác, và cứ thế tiếp theo, miễn là một người đến được. Đó là tất cả việc cần làm.

-Hoan hô D'Artagnan! Ý kiến cậu cũng là ý kiến tôi! – Athos nói. Hơn nữa phải trước sau như một, tôi đi nghỉ ở suối nóng, các cậu đi cùng, đáng lẽ ở suối nóng Foócgiơ, tôi lại ra biển nghỉ, tôi được tự do cơ mà. Họ muốn bắt giữ chúng ta, chúng ta sẽ chống trả. Họ xét xử chúng ta, chúng ta cứ một mực không có ý định nào khác ngoài việc trầm mình ngày mấy lần trong nước biển. Bốn người mỗi người một phương thì sẽ rẻ mạt, còn như bốn người thống nhất lại thì thành một đội quân. Chúng ta sẽ trang bị cho bốn tên hầu cả súng ngán, lẫn súng trường. Nếu họ phái một đạo quân tới chống lại chúng ta, chúng ta sẽ giao chiến, và người nào sống sót, như D'Artagnan nói sẽ mang thư đi.

-Nói hay lắm! – Aramít reo lên – Anh không hay nói, Athos ạ, nhưng khi anh nói, thì cứ như thánh Jean miệng vàng. Tôi tán thành kế hoạch của Athos. Còn cậu, Porthos?

-Tôi cũng vậy, nếu hợp ý D'Artagnan. D'Artagnan là người mang thư tất nhiên phải là chỉ huy cuộc mạo hiểm, cậu ấy quyết định và chúng ta thi hành.

-Vậy thì tôi quyết định chúng ta chấp nhận kế hoạch của Athos và nửa giờ nữa chúng ta lên đường.

-Chấp nhận! – Ba người ngự lâm đồng thanh hô lên.

-Và mỗi người vươn tay tới cái túi, lấy bẩy nhăm đồng vàng, chuẩn bị hành lý để khởi hành đủng giờ.

§20. Du hành

-Đúng hai giờ sáng, bốn chàng phiêu lưu của chúng ta ra khỏi Paris, qua cửa ô Saint-Denis. Chừng nào vẫn còn là đêm, họ vẫn phải câm lặng. Dẫu không nói, họ vẫn chịu ảnh hưởng của bóng đêm và nhìn đâu cũng thấy ổ phục kích.

Vừa rạng sáng, lưỡi họ mới như được cởi trói. Cùng với mặt trời, niềm vui trở lại. Thật giống như đêm trước một cuộc giao chiến, tim đập mạnh, mắt long lanh, người ta cảm thấy cuộc đời mình sắp lìa bỏ suy cho cùng vẫn là một cái gì tốt đẹp.

Cảnh tượng đoàn người ngựa xem ra thật dữ dội. Những con ngựa ô của ngự lâm quân, dáng dấp hiếu chiến, rồi thói quen bước đều trong đội kỵ binh của những đồng đội cao quý ay, tất cả những cái đó có thể làm lộ một sự giả dạng chặt chẽ nhất. Những tên hầu theo sau, vũ trang đến tận răng.

Mọi việc đều ổn thỏa cho tới khi đến Sángtily vào lúc tám giờ sáng. Phải ăn sáng đã. Họ xuống ngựa trước một quán ăn trưng một biển hiệu vẽ Saint-Martin chia một nửa tấm áo khoác cho một người nghèo. Bọn người hầu được lệnh không được tháo yên cương ngựa và ở tư thế sẵn sàng đi ngay.

Bọn họ vào căn phòng công cộng và ngồi vào bàn. Một nhà quý tộc theo đường D'Artagnan vừa tới cũng vào ngồi cùng bàn và điểm tâm. Hắn gợi chuyện về trời mưa và nắng ráo. Các lữ khách đáp chuyện. Hắn uống chúc họ sức khoẻ. Các lữ khách cũng đáp lễ lại.

Nhưng khi Mousqueton vào báo ngựa đã sẵn sàng, và khi mọi người đứng lên, người lạ đề nghị Porthos nâng cốc chúc sức khỏe Giáo chủ. Porthos trả lời chàng không đòi hỏi gì hơn nếu người lạ đến lượt mình cũng xuống chúc sức khỏe nhà Vua.

Người lạ hét lên hắn không biết nhà Vua nào ngoài Giáo chủ.

Porthos gọi hắn là thằng say rượu. Người lạ rút gươm.

-Cậu lại làm một chuyện dại dột rồi – Athos nói – thôi kệ vậy, lúc này có lùi cũng không được rồi, giết nó đi rồi đuổi kịp bọn mình càng nhanh càng tốt.

Và cả ba đều lên ngựa phi nước đại ra đi trong khi Porthos hứa với đối thủ sẽ đâm xuyên qua người hắn bằng tất cả các thế của thuật đấu gươm.

Đi được khoảng năm trăm bước, Athos nói: -Thế là xong một tên?

-Nhưng tại sao tên đó lại tấn công vào Porthos thay vì mọi người khác? – Aramis hỏi.

-Tại vì – Porthos nói to hơn tất cả chúng ta, nó tưởng anh ấy là chỉ huy – D'Artagnan nói.

Athos lẩm nhẩm: -Mình luôn bảo, cái cậu tập sự Gátxcông này là một tay khôn ngoan thâm thúy mà.

Các lữ khách lại tiếp tục lên đường.

Đến Bôve, họ dừng lại hai giờ, vừa để cho ngựa thở, vừa để chờ Porthos. Không thấy Porthos đến, cũng chẳng có tin gì về chàng, họ lại lên đường.

Đi khỏi Bôve chừng một dặm, đến một chỗ đường đi thắt lại giữa hai vạt đất, họ gặp một bọn tám đến mười người, lợi dụng đoạn đường bị bong đá lát có vẻ như đang làm việc ở đó bằng việc đào hố và xẻ rãnh bùn.

Aramis sợ bẩn ủng trong lớp vữa nhân tạo ấy, quát mắng bọn họ thậm tệ. Athos muốn ngăn chàng lại, nhưng đã quá muộn. Những người thợ bèn châm chọc các lữ khách, sự cấc lấc của họ làm điên đầu cả đến chàng Athos tính lạnh, đến mức thúc ngựa xông vào một người trong bọn.

Thế là mỗi người trong bọn họ đều lùi lại đến tận cái hố, và vồ lấy một khẩu hỏa mai giấu ở đấy. Kết quả là bẩy lữ khách của chúng ta chẳng khác gì được đem ra để thử súng. Aramis nhận một viên đạn xuyên qua vai và Mousqueton bị một viên cắm vào thịt vùng dưới thận. Tuy nhiên chỉ có mỗi Mousqueton ngã ngựa không phải vì bị trọng thương, mà vì hắn không thể nhìn thấy vết thương, chắc hắn tưởng nguy hiểm chứ đâu phải thường.

-Đây là một ổ phục kích – D'Artagnan nói – Đừng bắn nữa, lên đường thôi.

Aramis tuy bị thương vẫn giữ chặt bờm ngựa, đi theo những người khác. Ngựa của Mousqueton cũng đuổi kịp đoàn và phi một mình không chủ.

-Chúng ta sẽ có một con ngựa để thay đây. Athos nói.

-Giá tôi có một chiếc mũ thì tốt quá – D'Artagnan nói – Mũ của tôi bị đạn làm bay mất rồi. Kể cũng may chán, vì bức thư không để ở trong mũ.

Aramis nói: -Nhưng bọn chúng sẽ giết Porthos khi cậu ấy qua đây mất.

-Nếu Porthos còn đứng vững trên đôi chân của mình, có lẽ cậu ấy bây giờ đã đuổi kịp chúng ta – Athos nói – Tôi nghĩ lúc giao tranh, tên say sẽ tỉnh rượu.

Rồi họ lại phi ngựa trong hai tiếng nữa, cho dù ngựa đã quá mệt đến nỗi họ sợ chúng không chịu cho cưỡi nữa.

Các lữ khách đi theo lối tắt hy vọng sẽ bớt lo. Nhưng đến Crevơcơ (Crève – Vỡ tim), Aramis tuyên bố chàng không thể đi xa hơn được nữa. Quả thật, để đi được đến đây, chàng đã phải lấy hết can đảm được che giấu dưới bề ngoài trang nhã và cung cách lịch thiệp của mình. Mỗi lúc chàng càng tái nhợt đi và mọi người phải đỡ chàng ngồi vững trên mình ngựa. Họ để chàng xuống ngựa trước cửa một tửu quán, cho Bazin ở lại với chàng, vả chăng hắn chỉ tổ vướng chân nếu xảy ra đụng độ chứ chẳng được ích lợi gì. Rồi họ lại lên đường với hy vọng đến ngủ ở Amiêng.

Rong ruổi trên đường, lúc này chỉ còn Grimaud, Planchet và hai ông chủ, Athos nói: -Mẹ kiếp! Bọn chúng sẽ không lừa nổi mình nữa đâu, mình đảm bảo với cậu từ đây đến Cale, chúng đừng hòng cậy nổi răng mình hoặc làm mình rút gươm khỏi vỏ.

-Thôi đừng thề thốt nữa – D'Artagnan nói – Hãy phi lên, nếu lũ ngựa còn chịu.

Các du khách thúc đinh vào bụng ngựa, lũ ngựa được kích thích mạnh, lấy lại được sức. Họ đến Amiêng vào lúc nửa đêm và xuống ngựa ở quán trọ Huệ vàng.

Chủ quán có vẻ là một người lương thiện nhất trên đời. Lão ta tay mang cây đèn nến, tay kia ngả mũ bông chào đón khách. Hắn muốn để hai vị khách, mỗi người ngủ một căn phòng duyên dáng, nhưng chán nỗi mỗi phòng lại ở mỗi đầu quán trọ.

D'Artagnan và Athos từ chối. Chủ quán nài mãi. Lừ khách vẫn một mực như thế. Đành phải tùy lữ khách vậy.

Họ vừa xếp đặt chỗ ngủ và chặn cửa phía trong xong thì có tiếng gõ cửa sổ trông ra sân, họ hỏi xem ai thì nhận ra tiếng nói của những người hầu, và mở ra.

Quả nhiên đó là Planchet và Grimaud. Planchet nói: -Một mình Grimaud thôi cũng đủ để canh ngựa, và nếu các ông muốn, tôi sẽ nằm chắn cửa, như thế các ông sẽ yên trí không ai lọt vào chỗ các ông được.

-Thế anh ngủ trên cái gì? – D'Artagnan hỏi.

Planchet trả lời: -Giường tôi đây. – Và anh ta chỉ một bó rơm.

-Vậy vào đi! – D'Artagnan nói – Anh có lý đấy, cái bộ mặt lão chủ quán làm ta không ưa, trông thớ lợ quá.

Athos nói: -Cả tôi nữa cũng thấy thế.

Planchet trèo qua cửa sổ, nằm chắn ngang cửa, còn Grimaud thì chui vào chồng ngựa đảm bảo năm giờ sáng anh ta và ngựa đã sẵn sàng.

Đêm khá yên tĩnh. Khoảng hai giờ sáng, có kẻ định mở cửa thật. Nhưng Planchet giật mình chồm dậy, và kêu lên: "Ai đó?" Kẻ kia trả lời mình nhầm và bỏ đi.

Lúc bốn giờ sáng, có tiếng ầm ầm ở chuồng ngựa. Grimaud muốn đánh thức bọn trai coi ngựa, và bọn chúng đã đánh hắn.

Khi mấy người mở cửa sổ, thì thấy gã hầu tội nghiệp nằm bất tỉnh, đầu bị một đòn cán chĩa đánh vỡ.

Planchet đi xuống sân và định gióng lại yên cương cho ngựa.

Chân ngựa đều bị tụ máu. Chỉ còn mỗi con của Mousqueton chạy không chủ trong năm sáu tiếng đồng hồ đêm trước có lẽ có thể tiếp tục lên đường. Nhưng do một sự nhầm lẫn không thể chấp nhận được, kẻ có vẻ là thú y giải phẫu mà người ta sai đi tìm để trích máu cho con ngựa của chủ quán, lại trích ngay con ngựa của Mousqueton.

Việc đó khiến mọi người trở nên lo lắng. Tất cả những tai họa kế tiếp nhau có thể do rủi ro, nhưng cũng rất có thể là kết quả của một âm mưu. Athos và D'Artagnan ra ngoài, trong khi đó Planchet hỏi thăm xem xung quanh đây, có ba con ngựa nào muốn bán không? Ở ngoài cửa có hai con ngựa yên cương sẵn

sàng, sung sức và lực lưỡng. Đúng là nắng hạn gặp mưa rào. Gã hỏi chủ ngựa đâu, người ta trả lời, họ cũng qua đêm ở đây và lúc này đang tính tiền trả chủ quán.

Athos đi xuống để trả tiền trọ. Còn D'Artagnan và Planchet đứng ở cửa trông ra phố. Chủ quán ở trong một cái phòng thấp và sâu mãi vào trong. Người ta yêu cầu Athos vào trong.

Athos không nghi ngờ gì lấy ra hai đồng vàng để trả. Chủ quán chỉ có một mình và đang ngồi trước bàn làm việc mà một trong số ngăn kéo đã hé mở. Hắn cầm đồng tiền Athos đưa cho, lật đi lật lại từ tay này sang tay khác và bất ngờ kêu toáng lên là tiền giả, hắn tuyên bố sẽ bắt giữ bọn chàng như những kẻ làm tiền giả.

-Quân chó má! – Athos vừa nói vừa tiến lại – Tao sẽ cắt tai mày.

Cùng lúc đó, bốn người trang bị đến tận răng, qua cửa bèn xông vào và nhảy bổ lên Athos.

-Tôi bị bắt – Athos đồn hết sức kêu thật to – chạy đi thôi, D'Artagnan phóng ngựa đi, phóng ngựa mau!

Rồi chàng nhả liền hai phát súng ngắn.

D'Artagnan vì Planchet không để nhắc lại đến lần thứ hai, tháo luôn hai con ngựa chờ ở cửa, nhảy lên, thúc đinh vào bụng ngựa, phóng như bay.

D'Artagnan vừa phi vừa hỏi Planchet: -Mày có biết Athos bây giờ ra sao không?

-Ồ thưa ông – Planchet nói – tôi trông thấy hai tên ngã vì trúng hai phát đạn, và qua cửa kính, tôi thấy hình như ông đang đọ gươm với những tên khác.

-Hoan hô Athos! – D'Artagnan lẩm nhẩm. Lại nghĩ đến việc mình phải bỏ rơi anh ấy – Ồ, mà có lẽ cũng lại như thế đang đợi ta cách đây mấy bước thôi. Planchet tiến lên, mày tốt lắm! Tiến lên!

-Thưa ông, tôi đã nói với ông rồi – Planchet trả lời. Dân Pica, khi dùng mới biết mà. Hơn nữa, tôi đang trên mảnh đất quê hương, tôi càng phấn khích.

-Và cả hai phi ngựa hết tốc lực, một mạch đến Saint Ômê. Ở Saint Ômê, họ xuống cho ngựa thở, cánh tay vẫn ngoắc dây cương, đề phòng bất trắc và ngồm ngoàm đứng ăn đôi chút ngay giữa phố và rồi lại khởi hành.

Cách cửa ô của Cale chừng trăm bước, ngựa của D'Artagnan quỵ ngã, không có cách nào làm cho nó đứng lên được, máu trào ra mũi và hai mắt, còn lại con ngựa của Planchet, nhưng nó cũng dừng lại, không có cách nào làm nó lại đi nữa.

Cũng may chỉ còn cách thành phố trăm bước, họ bỏ ngựa lại trên đường và chạy về phía cảng. Planchet ra hiệu cho chủ mình chú ý đến một nhà quý tộc cùng với người hầu đi trước bọn họ chừng năm mươi bước.

Họ rảo bước đến gần. Gã quý tộc có vẻ đang rất bận rộn, đôi ủng của gã phủ đầy bụi đường và gã đang hỏi thăm xem có thể qua nước Anh ngay lúc này được

không.

Người chủ một chiếc thuyền buồm chuẩn bị căng buồm trả lời: -Chả có gì dễ hơn việc đó. Nhưng sáng nay có lệnh không được để người nào không được phép khẩn cấp của Giáo chủ đi qua.

-Tôi có giấy phép đó – Gã quý tộc vừa nói vừa rút mảnh giấy trong túi ra – Giấy phép đây!

-Ông hãy đem đến trấn thủ cảng xác nhận – chủ thuyền nói – và đưa cho tôi giấy ưu tiên.

-Tôi phải tìm ông trấn thủ ở đâu?

-Ở dã thự của ông ấy.

-Dã thự ấy ở đâu?

-Cách thành phố một phần tư dặm. Kia kìa, từ đây ông cũng nhìn thấy, cái mái lợp đá đen ở chân cái gò nhỏ ấy.

-Tốt lắm! – Gã quý tộc nói.

Và cùng với người hầu, gã đi theo con đường dẫn đến dã thự của viên trấn thủ.

D'Artagnan và Planchet đi theo gã quý tộc với khoảng cách năm trăm bước.

Ra khỏi thành phố, D'Artagnan rảo bước đuổi kịp gã, vừa lúc gã đi vào một cánh rừng nhỏ.

-Thưa ông – D'Artagnan nói – Ông có vẻ rất vội vã?

-Người ta không thể vội hơn thế, thưa ông.

-Tôi lấy làm tiếc – D'Artagnan nói – vì tôi cũng rất vội, nên tôi muốn nhờ ông giúp tôi một việc.

-Việc gì?

-Để tôi đi trước.

-Không được – gã quý tộc nói – tôi đã đi sáu mươi dặm và mất bốn mươi tư giờ và trưa mai tôi đã phải ở London.

-Tôi cũng đi cùng con đường ấy trong bốn mươi giờ và mười giờ sáng mai tôi phải ở London.

-Thưa ông tiếc thật. Nhưng tôi đến trước, và tôi sẽ không qua sau đâu.

-Rất tiếc thưa ông. Nhưng tôi đến sau, và tôi sẽ qua trước.

-Công việc của nhà Vua! – Gã quý tộc nói.

-Công việc của chính tôi! – D'Artagnan nói.

-Tôi thấy hình như ông định cố tình gây sự với tôi.

-Mẹ kiếp! Thế ông muốn nó là thế nào?

-Ông muốn gì?

-Ông muốn biết điều đó ư?

-Hẳn rồi.

-Vậy thì thế này! Tôi muốn cái lệnh ông đang mang theo, bởi vì tôi không có nó, và tôi lại cần có một cái.

-Tôi cho là ông đang đùa.

-Tôi chả bao giờ đùa.

-Để tôi đi!

-Ông không đi được đâu.

-Anh bạn trẻ tử tế của ta ạ, ta sẽ bắn vỡ đầu anh, Lubanh đâu, súng ngắn của ta.

-Planchet! – D'Artagnan nói – hãy lo tên hầu, còn ta lo thằng chủ.

Planchet hăng hái lập chiến công đầu, nhảy bổ lên Lubanh, và vì khỏe và dũng mãnh, hắn quật Lubanh ngã ngửa ra và tì gối lên ngực rồi nói với D'Artagnan: -Ông chủ, ông lo việc của ông đi, còn tôi, tôi đã làm xong việc của tôi rồi.

Thấy vậy, gã quý tộc rút gươm nhảy bổ vào D'Artagnan, nhưng gã gặp phải một đối thủ khó nuốt.

Trong khoảng ba giây đồng hồ D'Artagnan đã cho hắn ba nhát gươm, mỗi nhát chàng lại nói: -Một nhát vì Athos! Một nhát vì Porthos! Một nhát vì Aramis.

Đến nhát thứ ba, gã quý tộc đổ vật xuống như một đống thịt.

D'Artagnan tưởng hắn chết, hoặc ít nhất cũng bị ngất, lại gần hắn để chiếm lấy cái lệnh, nhưng đúng lúc chàng vươn cánh tay ra để lục tìm, tên bị thương vẫn chưa rời tay gươm liền xỉa luôn một mũi vào ngực chàng và nói: -Một cho ngươi!

-Và một cho ta! Nhát cuối là nhát tốt nhất! – D'Artagnan hét lên giận dữ, đâm nhát thứ tư xuyên qua bụng hắn cắm mũi gươm xuống đất.

Lần này gã quý tộc nhắm mắt lại và lịm đi. D'Artagnan lục trong cái túi mà chàng thấy gã đút tờ lệnh đi đường vào đấy rồi cầm lấy. Giấy mang tên Bá tước De Wardes.

Rồi đưa mắt nhìn lần cuối con người trẻ tuổi đẹp trai suýt soát hai nhăm tuổi, bỏ mặc hắn nằm đấy không còn cảm giác, có lẽ đã chết, chàng buông một tiếng thở dài, buồn thay cho cái định mệnh trớ trêu xui khiến con người hủy hoại lẫn nhau vì lợi ích của những kẻ xa lạ với mình và thường không biết cả đến việc mình đang tồn tại nữa.

Nhưng chàng bị bứt ra khỏi những ý nghĩ ấy bởi những tiếng gào thét hết sức mình kêu cầu cứu của Lubanh.

Planchet lấy tay chẹn họng hắn, và dùng hết sức siết chặt lại rồi nói: -Thưa ông, chừng nào tôi còn chẹn thế này, nó sẽ không kêu nữa, tôi tin chắc như vậy. Nhưng tôi chỉ vừa buông tay ra là nó lại rống lên ngay. Tôi nhận ra nó là người Noócmăng, và dân Noócmăng thì bướng lắm.

Thật vậy, bị chẹn đến thế, Lubanh vẫn cố để lọt ra tiếng kêu.

-Đợi đã! – D'Artagnan nói.

Cầm chiếc khăn tay, chàng nhét vào miệng hắn và bảo Planchet: -Bây giờ, trói nó vào một gốc cây.

Công việc được thực hiện cẩn thận, rồi họ kéo Bá tước De Wardes đến gần tên đầy tớ. Và vì đêm bắt đầu buông, kẻ bị trói và kẻ bị tử thương cả hai đều ở sâu mấy bước ở trong rừng, đương nhiên họ phải ở lại đó đến ngày hôm sau.

-Và bây giờ – D'Artagnan nói – ta đến nhà trấn thủ.

-Nhưng tôi thấy hình như ông cũng bị thương? – Planchet nói.

-Không sao cả, ta hãy lo chuyện gấp nhất đã, rồi hãy nói đến vết thương của ta sau, vả chăng hình như cũng không nguy hiểm lắm đối với ta.

-Và cả hai rảo bước tới dã thự của viên trấn thủ đáng kính.

Người ta thông báo có Bá tước De Wardes.

D'Artagnan được dẫn vào.

-Ông có lệnh do Giáo chủ ký? – Viên trấn thủ hỏi.

-Vâng, thưa ông – D'Artagnan trả lời – lệnh đây.

-Ờ, ờ, thế này là hợp thức và bảo đảm lắm rồi – viên trấn thủ nói.

-Đơn giản thôi – D'Artagnan trả lời – tôi là một trong những người thân tín của Giáo chủ mà.

-Hình như Đức ông muốn ngăn ai đó đến nước Anh.

-Phải, một thằng cha D'Artagnan nào đó, một tên quý tộc người Bearn xuất phát từ Paris cùng với ba tên bạn với ý đồ đến tận London.

-Ông có biết đích thân hắn không? – Viên trấn thủ hỏi.

-Ai cơ?

-Cái tên D'Artagnan ấy.

-Quá rõ.

-Vậy cho tôi biết đặc điểm của hắn đi.

-Không gì dễ hơn.

Và D'Artagnan tả từng nét, từng nét đặc điểm của Wardes.

-Hắn có ai đi cùng không? – Viên trấn thủ hỏi.

-Có, một tên hầu là Lubanh.

-Người ta sẽ canh chừng bọn chúng, và nếu tóm được chúng, Đức ông có thể yên tâm, chúng sẽ được giải về Paris, và được áp giải cẩn thận.

D'Artagnan nói: -Thưa ông, nếu làm được chuyện đó, ông sẽ có công lớn với Giáo chủ.

-Khi quay về, ông lại gặp lại Giáo chủ chứ, thưa Bá tước?

-Chắc chắn thế rồi.

-Xin Bá tước nói giùm với Giáo chủ, tôi xin hết lòng phụng sự ngài.

-Tôi sẽ không quên đâu.

Vui mừng vì được bảo đảm như thế, viên trấn thủ xác nhận vào tờ giấy thông hành và trao lại cho D'Artagnan.

D'Artagnan không để mất thì giờ vào những việc chúc tụng vô ích, chàng chào viên trấn thủ, cám ơn và ra đi.

Khi đã ra ngoài, chàng và Planchet đi theo đường vòng để tránh khu rừng và vào thành phốbằng một cửa ô khác.

Con thuyền luôn sẵn sàng ra đi, chủ thuyền đang đợi trên boong thuyền. Thấy D'Artagnan ông ta hỏi: -Thế nào?

-Đây là giấy thông hành đã được xác nhận.

-Còn nhà quý tộc kia?

-Ông ta không đi hôm nay – D'Artagnan nói – nhưng ông yên tâm, tôi sẽ trả tiền đi cho cả hai suất.

-Nếu thế thì đi thôi – chủ thuyền nói.

-Ta đi thôi! – D'Artagnan lắp lại.

Rồi chàng và Planchet nhảy xuống chiếc xuồng nhỏ. Năm phút sau họ đã cặp mạn thuyền.

Ra biển được nửa dặm, D'Artagnan thấy một vùng sáng lóe lên và một tiếng nổ. Thì ra đó là tiếng đại bác báo hiệu đóng cửa hải cảng.

Đã đến lúc chăm sóc vết thương của mình, may sao đúng như D'Artagnan nghĩ, nó không nguy hiểm lắm, mũi gươm gặp phải một xương sườn và trượt dọc theo chiếc xương đó, thêm nữa, áo lót dính ngay vào vết thương và chỉ chảy mất mấy giọt máu.

D'Artagnan mệt lả. Họ trải cho chàng một tấm nệm trên boong thuyền, chàng lăn ra và ngủ thiếp đi.

Sáng sớm hôm sau, chàng thấy mình chỉ cách bờ biển nước Anh ba bốn dặm. Suốt đêm gió yếu nên đi được ít.

Khoảng mười giờ, thuyền thả neo ở cảng Đuvrơ.

-Mười giờ rưỡi, ta đã ở đây rồi!

Nhưng thế chưa đủ, còn phải đến London. Ở nước Anh, bưu trạm phục vụ khá tốt. D'Artagnan và Planchet mỗi người cưỡi một con ngựa nhỏ, một phu trạm chạy trước dẫn đường họ.

Bốn giờ sau, họ đã tới cửa ô kinh thành.

D'Artagnan không quen biết London, không biết một câu tiếng Anh, nhưng chàng viết lên một mẩu giấy cái tên Buckingham và ai ai cùng chỉ dinh Quận công cho chàng.

Quận công đi săn ở Uynxo với nhà Vua.

D'Artagnan hỏi người hầu thân tín của Quận công, thường đi theo ông trong mọi cuộc du hành, nói tiếng Pháp thông thạo.

Chàng bảo anh ta rằng mình đến London vì một việc sinh tử, và anh ta phải nói ngay cho chủ mình tức khắc.

Giọng nói đáng tin của D'Artagnan đã thuyết phục được Patrítxơ. Patrítxơ là tên người thừa hành của Thủ tướng. Anh ta đóng yên cương hai con ngựa, tự đảm nhiệm việc dẫn đường chàng cận vệ trẻ. Còn Planchet, người ta phải đỡ hắn từ trên lưng ngựa xuống, chàng trai đáng thương đã kiệt sức, ngồi cứng đờ như cây chò, không như D'Artagnan vững như thép.

Mọi người đã đến lâu đài, hỏi thăm thì biết nhà Vua và Buckingham đi săn chim ở đầm lầy cách đây hai ba dặm.

Hai người đến nơi chỉ dẫn mất hai mươi phút. Patrítxơ nghe thấy ngay tiếng chủ mình đang gọi chim ưng. Patrítxơ hỏi chàng: -Tôi phải thông báo ai muốn gặp Huân tước Quận công đây?

-Cứ nói chàng trai trẻ một buổi tối đã kiếm cớ gây sự với ngài ở cầu Mới trước mặt nhà thờ Samaritain là được rồi.

-Lối giới thiệu lạ đời nhỉ!

-Anh sẽ thấy nó gấp mấy lối khác ấy chứ.

Patrítxơ phi ngựa nước đại đến gặp Quận công và thông báo với ông đúng lời lẽ D'Artagnan đã nói là có một sứ giả đang đợi ông.

Buckingham nhận ra D'Artagnan ngay và ngờ rằng có chuyện gì đó xảy ra ở Pháp nên phải cho chàng mang tin đến, ông chỉ kịp hỏi người đưa tin đang ở đâu và từ xa đã nhận ra bộ đồng phục cận vệ, ông cho ngựa phi nước đại đến thẳng chỗ D'Artagnan. Patrítxơ cẩn thận đứng tránh ra.

-Hoàng hậu không gặp phải chuyện chẳng lành nào chứ? – Buckingham hỏi bằng tất cả nỗi nhớ mong và tình yêu của mình.

-Tôi không nghĩ như vậy. Tuy nhiên, tôi tin bà đang gặp một mối nguy lớn mà chỉ có Đức ngài mới có thể giải thoát.

-Ta ư? – Buckingham hỏi – Thế nào nào? Ta sẽ rất sung sướng được có ích cho bà trong một việc nào đó! Nói đi nào! Nói đi?

-Ngài hãy xem bức thư này! – D'Artagnan nói.

-Bức thư này ư! Của ai gửi cho ta?

-Tôi nghĩ đó là của Hoàng hậu.

-Của Hoàng hậu! – Buckingham vừa nói vừa tái nhợt đi khủng khiếp, D'Artagnan tưởng ông ta sắp ngất.

Và ông ta bẻ xi niêm phong.

-Vết rách này là cái gì? – Ông ta vừa nói vừa chỉ cho D'Artagnan một chỗ thư bị xuyên thủng.

-À, à, – D'Artagnan nói – Tôi không để ý cái đó. Đó là vết mũi gươm của Bá tước De Wardes, rất đẹp khi đâm vào ngực tôi đấy!

-Ông bị thương à? – Buckingham vừa bẻ xi vừa hỏi.

-Ồ không sao? Một vết xước thôi.

-Trời, ta vừa đọc cái gì đây? – Công tước kêu lên – Patrítxơ hãy ở lại đây rồi xem nhà Vua ở đâu, đi theo và tâu với Hoàng thượng là ta cúi đầu van xin Ngài hãy tha thứ cho ta vì ta có việc tối quan trọng phải có mặt ở London – còn ông đi theo ta.

-Và cả hai cùng phi nước đại về kinh thành.

§21. Nữ bá tước De Winter

Suốt dọc đường, Công tước hỏi D'Artagnan để biết rõ tình hình, không phải tất cả những gì đã diễn ra, mà chỉ những gì D'Artagnan biết. Khớp nối những gì đã được nghe từ miệng chàng trai trẻ với những kỷ niệm của riêng ông, ông có thể có được một ý niệm khá chính xác về tình thế nghiêm trọng, hơn nữa, bức thư của Hoàng hậu dù rất ngắn, và không mấy dứt khoát, cũng cho ông thấy mức độ nghiêm trong đó. Nhưng điều khiến ông lấy làm lạ hơn cả là Giáo chủ vốn quan tâm làm sao để chàng trai trẻ này không đặt chân được trên đất Anh lại không sao bắt giữ nổi chàng ở dọc đường. Thấy ông tỏ vẻ ngạc nhiên như thế, D'Artagnan liền kể hết đã phòng bị thế nào, rồi nhờ sự tận tâm của ba người bạn chàng tuy đang đẫm máu mà chàng vẫn phải bỏ mặc ở dọc đường, rồi việc chàng suýt đã lìa đời vì, mũi gươm đâm xuyên qua bì thư của Hoàng hậu, và chàng đã trả miếng Bá tước De Wardes khủng khiếp thế nào.

Chăm chú nghe câu chuyện được kể vô cùng đơn giản, thỉnh thoảng Công tước lại ngạc nhiên nhìn chàng trai trẻ như thể không tài nào hiểu nổi bấy nhiêu thận trọng, dũng cảm, tận tâm lại có thể sóng đôi với bộ mặt chưa đến hai mươi này.

Ngựa phi như gió, vài phút sau đã tới cửa ô London.

D'Artagnan vẫn tưởng là vào trong thành phố, Quận công sẽ cho ngựa chạy chậm dần, nhưng không phải thế, ông tiếp tục cho ngựa phi hết cỡ, chẳng quan tâm mấy đến chuyện có thể xô ngã những người đi đường. Quả nhiên, khi đi xuyên qua khu đô thị, hai ba tai nạn như thế đã xảy ra, mà Buckingham chẳng hề ngoái đầu lại xem những người bị ông xô ngã ra sao, D'Artagnan đi theo sau ông giữa những tiếng la ó nghe rất giống tiếng chửi rủa.

Vào đến sân dinh thự, ông xuống ngựa, ném dây cương lên cổ nó, để mặc nó rồi lao tới bậc thềm. D'Artagnan cũng làm theo như thế tuy nhiên có đôi chút ngại ngùng hơn đối với những con vật quý mà chàng đã biết nó đáng giá thế nào, nhưng rồi lại thấy không sao vì ba bốn người hầu đã từ trong bếp và chuồng ngựa lao ra túm ngay lấy mấy con ngựa.

Công tước đi khá nhanh khiến D'Artagnan khó theo kịp. Ông đi xuyên qua nhiều phòng khách kế tiếp nhau, rất sang trọng mà những đại lãnh chúa bên Pháp cũng không dám nghĩ tới cuối cùng đến một phòng ngủ, một kỳ tích cả về thẩm mỹ lẫn sự giàu sang. Sâu trong phòng có một cái cửa, phủ thảm, mà Công tước mở bằng một chìa khóa nhỏ bằng vàng ông vẫn đeo ở cổ bằng một sợi dây chuyền cũng bằng vàng. D'Artagnan cẩn thận dừng lại ở phía sau, nhưng lúc Buckingham bước qua ngưỡng cửa đó, ông quay lại thấy chàng trao trẻ vẫn do

dự, ông bảo chàng: -Lại đây nào, và nếu ông có vinh dự được bệ kiến Hoàng hậu, hãy nói lại cho bà nghe những gì ông thấy.

-Được lời mời khích lệ chàng đi theo Quận công. Ông đóng cửa lại.

Thế là hai người đã ở trong một tiểu giáo đường, phủ toàn lụa Ba Tư thêu sợi vàng, rực rỡ ánh sáng của vô số ngọn nến. Bên trên một thứ giống như bàn thờ, và phía dưới một chiếc tán bằng nhung xanh lam cắm lông chim trắng và đỏ, là một bức chân dung to bằng người thật vẽ Anne d'Autriche giống như đúc khiến D'Artagnan phải thốt lên kinh ngạc, tưởng như Hoàng hậu sắp nói thành lời.

Trên bàn thờ, và phía dưới bức chân dung là cái tráp chứa những nút kim cương.

Công tước lại gần bàn thờ, quỳ xuống như một linh mục quỳ trước chúa Kitô, rồi mở tráp.

-Ông lấy ra một nút tết to bằng dải băng xanh lóng lánh kim cương rồi bảo chàng: -Cầm lấy, đây là những nút kim cương quý báu mà ta đã nguyền được chôn theo ta. Hoàng hậu đã tặng ta. Hoàng hậu lại lấy lại của ta. Nguyện vọng của Hoàng hậu là ý của Chúa, phải được thực hiện trong mọi việc.

Kồi ông hôn từng hạt, từng hạt một cả chuỗi nút kim cương sắp phải xa lìa. Bỗng nhiên ông kêu lên một tiếng khủng khiếp.

-Có chuyện gì vậy? – D'Artagnan hỏi vẻ lo lắng – Thưa Huân tước, có điều gì xảy ra với ngài ư?

Buckingham nhợt nhạt hẳn người đi như người đã khuất kêu lên: -Hại to rồi – Thiếu hai hạt kim cương. Chỉ còn có mười hạt.

-Huân tước đánh mất hay bị lấy cắp?

-Họ lấy cắp của ta – Công tước nói tiếp – chính Giáo chủ đã chơi ta quả này. Đây, ông xem, dải băng giữ những nút kim cương có vết cắt bằng kéo.

-Nếu Huân tước nghi ngờ kẻ nào đó đánh cắp… có thể kẻ đó vẫn còn đang giữ nó.

-Khoan đã, khoan đã? – Công tước nói – Chỉ có mỗi một lần ta đeo chuỗi kim cương đó, đó là buổi vũ hội của nhà Vua, cách đây tám ngày ở điện Uyn-xo. Lúc khiêu vũ, nữ Bá tước De Winter, vốn có xích mích với ta đã lại gần ta, lối làm lành đó là sự trả thù của đàn bà ghen tuông. Từ hôm đó, ta không xem lại chuỗi hạt. Mụ đàn bà đó là một điệp viên của Giáo chủ.

-Nhưng ông ta có tay chân ở khắp thế giới ư! – D'Artagnan kêu lên.

-Ồ, đúng đấy! – Buckingham vừa nói vừa nghiến răng giận dữ – Phải, đó một đấu thủ ghê gớm. Nhưng khi nào thì có vũ hội đó?

-Thứ hai tuần sau.

-Thứ hai tuần sau ư! Còn năm ngày nữa. Thế là thừa thì giờ chúng ta phải có rồi. Patrítxơ! – Quận công vừa mở cửa tiểu giáo đường vừa gọi to – Patrítxơ!

Người hầu thân tín của ông xuất hiện.

-Gọi ngay người thợ kim hoàn và viên thư ký của ta!

-Người hầu phòng đi ra, tức khắc và lặng lẽ chứng tỏ thói quen co mình lại vâng lệnh một cách mù quáng và không cãi lại.

Mặc dầu người thợ kim hoàn được gọi trước, nhưng viên thư ký lại hiện ra trước tiên. Ông ta thấy Buckingham ngồi trước chiếc bàn trong phòng ngủ, tự tay viết lấy mấy cái lệnh.

-Ông Jécxơn này, Công tước nói – Ông hãy đến ngay chỗ Huân tước tổng trưởng pháp lý và bảo ông ta rằng ta ủy nhiệm thi hành mấy lệnh này. Ta muốn những lệnh đó được ban bố ngay tức khắc.

-Nhưng thưa Đức ông, nếu Huân tước tổng trưởng hỏi tôi về những động cơ khiến Đức ngài đi đến một biện pháp đặc biệt đến thế, tôi sẽ trả lời thế nào?

-Rằng ta thích như thế và ta chẳng cần báo cáo với ai ý muốn của ta.

Viên thư ký vừa đáp vừa mỉm cười: -Liệu đấy có sẽ là câu trả lời của ngài tổng trưởng phải tâu lên Hoàng thượng không, nếu tình cờ Hoàng thượng tò mò muốn biết tại sao không một chiếc tàu nào có thể ra khỏi các cảng biển của Đại Anh quốc?

-Ông có lý – Buckingham trả lời – Trong trường hợp phải tâu với nhà Vua, ông ấy cứ nói là ta quyết định chiến tranh và biện pháp đó là hành động thù địch đầu tiên của ta chống lại nước Pháp.

Viên thư ký cúi chào và đi ra.

Buckingham quay lại phía D'Artagnan nói: -Thế là chúng ta yên tâm được một bề rồi. Nếu mấy nút kim cương đó chưa hề đến Paris, nó sẽ chỉ đến đó sau ông.

-Làm sao lại thế được?

-Ta vừa ra lệnh cấm các tàu thuyền lúc này đang đậu ở các hải cảng của Hoàng thượng không được rời bến và trừ phi có giấy phép đặc biệt, không một chiếc nào dám nhổ neo.

D'Artagnan vô cùng kinh ngạc nhìn con người đã đem cái quyền lực vô hạn mà nhà Vua đã tin cậy trao cho, phục vụ cho những việc tình ái của mình. Buckingham nhìn nét mặt của chàng trai trẻ, biết được điều gì đang diễn ra trong đầu, liền mỉm cười: -Phải, chính Anne d'Autriche mới là Hoàng hậu đích thực của ta. Một lời nàng nói ra, ta sẽ có thể phản bội lại đất nước ta, phản bội nhà Vua, phản bội lại Chúa trời của ta. Nàng đã yêu cầu ta đừng gửi cứu viện cho giáo phái Tin lành ở La Rochelle và ta đã làm như thế. Ta đã không giữ lời hứa, nhưng cần gì, ta vâng theo ước muốn của nàng. Ta đã chẳng được trả công lớn về sự vâng theo ấy sao, nói xem nào, bởi vì chính nhờ có sự vâng theo đó mà ta có được bức chân dung của nàng?

D'Artagnan lấy làm lạ thay cho vận mệnh một dân tộc và sinh mạng những con người đôi khi lại được treo trên những sợi dây mong manh và không thấy

được như thế.

Chàng đang đắm nhìn trong suy nghĩ, thì người thợ kim hoàn đi vào. Đó là một người Ireland loại có kỹ xảo nhất trong nghề, bản thân cũng thú nhận kiếm được hàng trăm nghìn đồng vàng Anh quốc mỗi năm với Quận công De Buckingham.

-Ông Ôrâyly này, – Quận công vừa nói vừa dẫn ông ta vào tiểu giáo đường – Hãy xem những nút kim cương này và nói cho ta biết mỗi nút giá bao nhiêu?

-Người thợ kim hoàn đưa mắt nhìn vẻ mỹ lệ mà chúng được gọt tỉa, lấy viên nọ bù viên kia, tính toán giá trị rồi không do dự trả lời: -Mười lăm nghìn đồng vàng một nút, thưa Huân tước.

-Cần phải bao nhiêu ngày để làm hai nút như thế? Ông thấy đấy, nó thiếu mất hai.

-Thưa Huân tước, tám ngày.

-Ngày kia ta cần có rồi, ta sẽ trả ba nghìn đồng mỗi nút.

-Huân tước sẽ có.

-Ôi ông Ôrâyly, ông thật là quý giá. Nhưng chưa hết đâu. Những nút kim cương đó không được lộ ra với bất kỳ ai, và phải được làm trong lâu đài này.

-Thưa Huân tước, không thể được. Chỉ có tôi mới có thể làm nổi, để không ai phân biệt nổi cái mới với cái cũ.

-Vì thế, ông Ôrâyly thân mến ạ, ông mới là tù nhân của ta; Giờ đây, ông có muốn ra khỏi lâu đài của ta cũng không thề được nữa rồi. Hãy quyết định đi. Cho ta biết danh sách thợ phụ mà ông cần và ghi rõ những đồ nghề gì bọn chúng phải mang theo.

Người thợ kim hoàn đã biết rõ Quận công. Ông ta hiểu rằng mọi thăm dò ý kiến đều vô ích, nên quyết định ngay phần việc của mình. Ông ta hỏi: -Tôi được phép báo với vợ tôi chứ?

-Ồ, ông còn được phép gặp nữa ấy chữ, ông Ôrâyly thân mến ạ Việc cầm giữ ông sẽ nhẹ nhàng thôi, ông yên tâm, và vì mọi sự đảo lộn đều đáng được đền bù, vậy ngoài giá tiền hai nút kim cương, đây là món quà một nghìn đồng vàng để ông quên đi sự phiền muộn do ta gây ra cho ông.

D'Artagnan không tránh khỏi ngạc nhiên về viên Thủ tướng với đôi tay đã khuấy đảo bao nhiêu sinh mạng con người, và tiền triệu đi tong.

Còn người thợ kim hoàn gửi món quà một nghìn đồng vàng và viết thư cho vợ bảo gửi ngay cho người thợ phụ khéo nhất và một bộ hạt kim cương thích hợp mà ông đã cho biết trọng lượng, phẩm chất, rồi còn danh sách những dụng cụ cần thiết nữa.

Buckingham dẫn người thợ kim hoàn vào căn phong dành riêng cho ông ta và chỉ trong vòng nửa giờ đã biến thành một xưởng thợ. Rồi Công tước cắt lính canh ở mỗi cửa, cấm không cho bất cứ ai vào trừ người hầu phòng Patrítxơ của

ông. Không cần phải nói thêm cũng tuyệt đối cấm ông thợ kim hoàn Ôrâyly và người thợ phụ không được ra khỏi phòng dưới bất cứ lý do nào.

Thu xếp xong việc đó, Công tước trở lại với D'Artagnan.

-Bây giờ, anh bạn trẻ, – Ông nói – nước Anh là của hai chúng ta, ông muốn gì, ông ao ước điều gì nào?

-Một cái giường – D'Artagnan trả lời – tôi thú thực, lúc này đó là thứ tôi cần nhất.

Buckingham đưa D'Artagnan đến một căn phòng liền kề với phòng của ông. Ông muốn giữ chàng trai trẻ trong tay ông, không phải ông nghi ngờ gì chàng mà để ông được không ngừng nói chuyện với chàng về Hoàng hậu.

Một giờ sau lệnh không cho tàu thuyền nào đi Pháp được ra khỏi cảng ngay cả thuyền đưa thư cũng vậy được ban bố. Trước mắt mọi người thì đây là lời tuyên chiến giữa hai vương quốc.

Ngày hôm sau nữa, khoảng mười một giờ hai nút kim cương đã được làm xong, bắt chước quá đúng, hoàn toàn giống hệt khiến Buckingham không nhận ra cái nào là mới, cái nào là cũ và kể cả những người lão luyện nhất trong nghề cũng sẽ bị nhầm như ông.

Ngay lập tức ông cho gọi D'Artagnan, rồi bảo chàng: -Cầm lấy, đây là những nút kim cương mà ông đến tìm, và ông hãy là nhân chứng cho tôi rằng tất cả những gì sức con người có thể làm được tôi đã làm.

-Ngài yên tâm, thưa Huân tước, tôi sẽ nói điều gì tôi thấy nhưng Đức ngài trao cho tôi những nút kim cương mà không có tráp đựng.

-Cái tráp sẽ làm cho ông vướng víu. Vả lại đối với tôi, cái tráp còn quý hơn. Tôi chỉ còn lại mỗi thứ đó. Ông sẽ nói là tôi giữ lại.

-Thưa Huân tước, tôi sẽ nói lại đúng từng lời việc ngài giao cho tôi.

-Và bây giờ – Buckingham vừa nói tiếp vừa nhìn thẳng vào mặt chàng trai trẻ – Bao giờ tôi mới trả ơn được ông đây?

D'Artagnan đỏ bừng mặt lên. Chàng thấy ông Quận công đang tìm cách để chàng nhận một thứ gi đó và cái ý nghĩ máu các đồng đội của chàng và máu chàng sắp được trả cho chàng bằng vàng của nước Anh khiến chàng ghê tởm lạ lùng. Chàng đáp: -Thưa Huân tước, chúng ta hãy thông hiểu lẫn nhau, và cân nhắc kỹ mọi việc trước đã sao cho không có một sự hiểu lầm nào xảy ra. Tôi phục vụ đức Vua và Hoàng hậu nước Pháp, và tham gia đội cận vệ của ông des Essarts, ông này cũng như anh rể ông là ông De Treville hoàn toàn đặc biệt gắn bó với Hoàng thượng. Còn thêm nữa, có thể tôi đã chẳng làm nổi điều gì của tất cả cái đó nếu việc đó không được làm để vừa lòng một người cũng là bà chúa của tôi, giống như Hoàng hậu là của ngài vậy.

-Phải – Quận công vừa nói vừa mỉm cười – và tôi tin tôi cũng biết cái bà chúa khác ấy, có phải…

-Thưa Huân tước, tôi có nêu tên người ấy ra đâu – chàng trai trẻ vội vã ngắt lời.

-Thế là đúng – Công tước nói – vậy chính là tôi phải biết ơn người ấy về sự tận tụy của ông.

-Thưa Huân tước, ngài đã nói rồi, bởi vì đúng vào cái giờ này đã là chuyện chiến tranh rồi, tôi xin thú thực tôi chỉ thấy ở Đức ngài một tên người Anh, do đó là một kẻ thù mà tôi sẽ còn vui sướng được gặp ở chiến trường hơn là trong công viên điện Uynxo hoặc trong những hành cung của điện Louvre. Tuy nhiên điều đó không ngăn cản tôi thực hiện từng chi tiết, nhiệm vụ của tôi, nếu cần thiết, sẵn sàng chết để hoàn thành nhiệm vụ đó Nhưng tôi xin nhắc lại với Đức ngài rằng ngài sẽ không có gì phải cảm ơn tôi những việc tôi sẽ làm cho tôi trong cuộc gặp gỡ lần thứ hai hơn là những gì tôi đã làm cho ngài trong cuộc gặp gỡ lần thứ nhất đâu.

Buckingham lẩm nhẩm: -Bên chúng tôi, chúng tôi thường nói: "Kiêu hãnh như một người Xcốt."

-Còn chúng tôi, chúng tôi nói: "Kiêu hãnh như một người Gátxcông" – D'Artagnan đáp – Dân Gátxcông là dân Xcốt của nước Pháp.

D'Artagnan chào Công tước và sẵn sàng ra đi.

-Khoan đã! Ông đi như thế ư? Đi lối nào? Đi thế nào?

-Vâng, quả có thế.

-Chúa ơi! Người Pháp không nghi ngại gì hết.

-Tôi quên mất nước Anh là một hòn đảo và Ngài là vua hòn đảo ấy ông hãy đi đến cảng, hỏi chiếc thuyền hai buồm tên là "Săn", đưa cho thuyền trưởng thư này. Ông ta sẽ dẫn ông đến một cảng nhỏ, chắc người ta không đợi ông đâu, và ở đó thường chỉ có thuyền đánh cá cặp bến.

-Cảng đó tên là gì?

-Saint-Valery, nhưng khoan đã, tới đó, ông sẽ vào một cái quán tồi tàn không tên, không biển hiệu, một tửu quán đích thực của thủy thủ, và không lo nhầm đâu, vì chỉ có một thôi.

-Sau đó?

-Ông hỏi chủ quán và bảo hắn ta: Forward

-Nghĩa là thế nào?

-Là "Tiến lên." Đó là khẩu lệnh. Hắn sẽ cho ông một con ngựa, yên cương sẵn sàng và sẽ chỉ dẫn đường đi cho ông. Ông cũng sẽ thấy bốn trạm tiếp sức như thế trên đường đi. Nếu ông muốn, ở mỗi trạm, hãy cho địa chỉ của ông ở Paris, bốn con ngựa sẽ đi theo ông đến đó. Ông đã biết hai trong số đó, và tôi thấy hình như ông có vẻ quý nó như một tay chơi ngựa, hai con mà chúng ta đã cưỡi ấy. Và ông hãy tin tôi, hai con kia cũng không hề kém chút nào đâu. Bốn con ngựa ấy đều là ngựa chiến đấy. Dù ông có kiêu hãnh đến đâu, ông cũng đừng từ chối nhận

một con, và bảo các bạn ông nhận ba con kia. Vả lại còn để ta dùng trong chiến tranh mà. Mục đích bỏ qua cho các phương tiện như người Pháp các ông vẫn nói có phải không?

-Phải, thưa Huân tước, tôi xin nhận – D'Artagnan nói – Và nếu hợp lòng trời, chúng tôi sẽ sử dụng tất những món quà của ngài.

-Bây giờ, bắt tay người bạn trẻ, có thể chúng ta sẽ sớm gặp lại nhau trên chiến trường, nay trong khi chờ đợi, chúng ta hãy chia tay nhau như những người bạn tốt, tôi hy vọng thế.

-Vâng, thưa Huân tước, nhưng với hy vọng sớm thành kẻ thù của nhau.

-Ông yên tâm, tôi hứa với ông như vậy.

-Huân tước, tôi tin lời hứa của ngài.

D'Artagnan chào công tước và vội vã tiến về phía cảng.

Trước mặt tháp London, chàng thấy chiếc thuyền đã chỉ định. Chàng trao bức thư cho viên thuyền trưởng. Ông ta đưa cho trấn thủ cảng xác nhận, rồi chuẩn bị giương buồm.

Năm mươi thuyền bè muốn rời bến mà phải nằm chờ.

Khi đi qua mạn một con thuyền trong số đó, D'Artagnan tin là mình đã nhận ra người đàn bà ở Măng, vẫn người đàn bà mà con người xa lạ từng gọi là Milady và chính bản thân D'Artagnan cũng thấy nàng quá đẹp. Nhưng nhờ xuôi dòng, thuận gió con thuyền của chàng đi nhanh đến nỗi chỉ một lát sau đã không thấy tăm hơi của người đàn bà đó.

Hôm sau, khoảng chín giờ sáng, thuyền cập bến Saint-Valery.

D'Artagnan đi ngay tới cái quán đã chỉ dẫn và nhận ra qua những tiếng ầm ĩ từ bên trong thoát ra. Người ta đang nói về chiến tranh giữa nước Anh và nước Pháp sắp xảy ra đến nơi và không phải bàn cãi nữa, và bọn thủy thủ vui vẻ thì lu bù chè chén.

D'Artagnan rẽ đám đông tiến lại chủ quán và đọc Forward.

Ngay tức khắc chủ quán ra hiệu cho chàng đi theo mình qua một chiếc cửa ra sân rồi dẫn chàng đến chuồng ngựa đã có sẵn một con ngựa yên cương đầy đủ đợi chàng rồi chủ quán hỏi xem liệu chàng có cần gì nữa không.

-Tôi cần biết mình phải đi theo đường nào – D'Artagnan – Từ đây đi đến Blănggy, rồi từ Blănggy đến Nớpsaten đến Nớpsaten vào quán Chiếc bừa vàng, nói khẩu lệnh với chủ quán và ông sẽ thấy ở đó một con ngựa đầy đủ yên cương.

-Tôi có phải gì không? – D'Artagnan hỏi.

-Đã trả cả rồi – chủ quán nói – và trả hậu nữa. Ông cứ việc đi đi Cầu trời phù hộ cho ông!

-Amen!

Nói rồi chàng cho ngựa phi nước đại.

Bốn giờ sau chàng tới Nớpsaten. Tuân theo chặt chẽ những chỉ dẫn đã nhận được, ở Nớpsaten giống như ở Saint-Valery, chàng lại thấy một con ngựa yên cương sẵn sàng đang đợi mình.

Chàng định chuyển những khẩu súng ngắn từ yên con ngựa chàng thôi không cưỡi sang yên con ngựa mới chàng sắp cưỡi, nhưng những bao súng ở yên con ngựa này đã gài sẵn những khẩu súng ngắn tương tự.

-Địa chỉ của ông ở Paris?

-Dinh trại quân cận vệ, đại đội ông des Essarts.

-Tốt lắm – chủ quán trả lời.

-Bây giờ phải đi đường nào? – Đến lượt D'Artagnan hỏi lại.

-Đường đi Ruăng, nhưng đừng có đi qua thành phố ở phía bên phải. Đến cái làng nhỏ Ecu-i, ông dừng lại, ở đó chỉ có một cái quán tên là: Đồng vàng nước Pháp. Đừng có nhìn bề ngoài mà xét đoán nó. Trong chuồng ngựa của quán, cũng sẽ có một con ngựa giá trị tương đương con ngựa này.

-Vẫn khẩu lệnh ấy.

-Đúng vậy.

-Xin chào ông chủ?

-Chúc nhà quý tộc lên đường bình an! À mà ông còn cần gì nữa không.

D'Artagnan lắc đầu và lại phóng như bay. Đến Ecu-i, vẫn diễn lại cảnh ấy. Chàng lại gặp một chủ quán đã được báo trước.

Một con ngựa sung sức và được nghỉ ngơi. Chàng để lại địa chỉ như đã làm rồi lại phi nhanh đến Pôngtoa. Ở Pôngtoa chàng đổi ngựa lần cuối và vào lúc chín giờ chàng phi nước đại vào thẳng sân dinh quán ông De Treville, vậy là chàng đã đi gần sáu mươi dặm trong mười hai tiếng đồng hồ.

Ông De Treville đón chàng như thể vừa gặp chàng ban sáng.

-Có điều vừa siết tay chàng hơi mạnh hơn thường lệ, ông vừa báo cho chàng biết đại đội cận vệ của ông des Essarts đang tuần canh điện Louvre và chàng có thể trở về nhiệm sở của mình.

§22. Vũ khúc Merlaison[58]

Hôm sau, người ta xôn xao bàn tán khắp Paris về vũ hội mà các vị thẩm phán thành phố tổ chức để tôn vinh nhà Vua và Hoàng hậu, trong đó chắc Louis sẽ nhảy vũ điệu nổi tiếng Méeledông, là vũ điệu ưa thích của nhà Vua.

-Người ta đã chuẩn bị từ tám hôm nay mọi công việc ở tòa thị chính cho buổi dạ hội long trọng đó. Thợ mộc của thành phố đã dựng những kỳ đài làm chỗ ngồi cho các phu nhân được mời.

Chủ tạp hóa thành phố đã gắn trong các phòng hai trăm cây nến trắng, một sự xa hoa hiếm thấy thời bấy giờ. Cuối cùng là hai mươi cây vĩ cầm được báo trước và giá công được ấn định gấp đôi giá ngày thường vì họ sẽ phải chơi suốt đêm.

Khoảng mười giờ sáng, ông De la Côtx kỳ úy đội cận vệ của nhà Vua, theo sau có hai sĩ quan và nhiều xạ thủ của đội, đến yêu cầu ông lục sự thành phố tên là Clêmăng đưa tất cả chìa khóa các cửa, các phòng, và các phòng làm việc của thị sảnh.

Chìa khóa được trao ngay cho ông ta, mỗi chiếc đều mang theo một thẻ nhỏ để khỏi nhầm và từ lúc đó ông De la Côtx chịu trách nhiệm canh phòng tất cả các cửa và tất cả các lối đi trong thị sảnh.

Mười một giờ, đến lượt ông Đuyhaliê, đại úy cận vệ đến, đem theo năm mươi xạ thủ, bọn họ tản ngay đến các cửa đã được chỉ định trong tòa thị chính.

Ba giờ chiều, hai đại đội cận vệ, một người Pháp, một Thụy Sĩ đến tiếp. Đại đội cận vệ Pháp được hợp thành, một nửa từ những quân của ông Đuyhaliê, một nửa là của ông des Essarts.

Sáu giờ chiều, khách mời bắt đầu kéo đến. Vào đến đâu, khách được mời ngồi đến đấy trên kỳ đài đã được dựng trong đại sảnh đường.

Chín giờ, bà đệ nhất chủ tọa đến. Vì sau Hoàng hậu, đó là nhân vật quan trọng nhất của vũ hội, bà ta được các quan chức của thành phố đón tiếp và được mời ngồi trong khoang đối diện với khoang của Hoàng hậu.

Mười giờ, người ta bầy một tiệc mứt để đón tiếp đức Vua trong một phòng nhỏ phía nhà thờ Thánh Jăng, trước một tủ đựng các bộ đồ ăn bằng bạc, và được bốn xạ thủ bảo vệ.

-Đúng nửa đêm, người ta nghe thấy những tiếng reo lớn, và những tiếng tung hô, đó là lúc nhà Vua đang tiến qua các phố rực rỡ những đèn màu suốt từ điện Louvre đến tòa thị chính.

Ngay tức khắc, các viên thẩm phán trong những chiếc áo dài bằng da, đi trước là sáu viên đội, mỗi người một đèn lồng trong tay ra đón Nhà Vua, mà họ gặp ngay trên những bậc thềm, ở đó viên thị trưởng thành phố đang đọc diễn văn chúc mừng nhà Vua, còn nhà Vua đáp lại bằng việc cáo lỗi đã đến quá muộn

nhưng lại gán cho Giáo chủ đã giữ nhà Vua lại tận mười một giờ để bàn luận công việc quốc gia.

Nhà vua mặc lễ phục, tháp tùng có Đức ông hoàng đế, Bá tước de Xoát xông, đại giáo trường, Quận công Lôngdơvin, Quận công Đenbớp, Bá tước de Hácua, Bá tước de la Rấtsơ Guyông, ông De Lăngcua, ông De Barađát, Bá tước de Cramay, và hiệp sĩ Đờxúvơray.

Mọi người đều nhận thấy nhà Vua có vẻ rầu rĩ và băn khoăn.

Một căn phòng đã được chuẩn bị riêng cho nhà Vua, và một phòng khác cho Hoàng đế. Trong mỗi phòng đó, đều để sẵn y phục giả trang. Cũng như thế cho Hoàng hậu và phu nhân chủ tọa. Các vị đại thần và các phu nhân hộ giá Hoàng thượng thì cứ hai người một thay đồ giả trang các phòng chuẩn bị cho việc đó.

Trước khi vào phòng, nhà Vua dặn khi nào Giáo chủ xuất hiện phải báo ngay cho nhà Vua biết.

Nửa giờ sau khi nhà Vua đi vào, những tiếng tung hô mới lại vang lên báo tin Hoàng hậu đến. Các thẩm phán lại ra đón như đã làm, đi trước cũng là những viên đội, họ tiến đến trước vị nữ khách lừng danh của họ.

Hoàng hậu bước vào đại sảnh. Người ta nhận thấy, giống như nhà Vua, bà có vẻ rầu rĩ và rất là mệt mỏi.

Đúng lúc bà bước vào, tấm rèm của một khán đài nhỏ cho đến lúc đó vẫn buông kín được mở ra và người ta thấy hiện ra bộ mặt xanh xao của Giáo chủ mặc theo lối kỵ sĩ Tây Ban Nha. Đôi mắt của ông ta xoáy vào đôi mắt của Hoàng hậu, và một nụ cười mừng vui khủng khiếp lướt trên đôi môi ông ta: Hoàng hậu không đeo chuỗi kim cương.

Hoàng hậu lưu lại ít phút để nhận những lời chúc tụng của quan chức thành phố và đáp lại sự chào đón của các phu nhân.

Bất thình lình nhà Vua cùng với Giáo chủ hiện ra ở một chiếc cửa của đại sảnh đường. Giáo chủ nói rất khẽ với nhà Vua, và nhà Vua tái nhợt đi.

Nhà Vua rẽ đám đông và, chưa đeo mặt nạ, những dải băng ở áo chẽn còn chưa buộc chặt, tiến lại gần Hoàng hậu, lạc hẳn giọng đi: -Thưa bà, xin bà vui lòng, vậy chớ tại sao bà lại không đeo chuỗi hạt kim cương, khi bà biết nó sẽ làm ta vui lòng khi nhìn thấy nó?

-Tâu hoàng thượng – Hoàng hậu trả lời giọng cũng lạc đi – bởi giữa đám rất đông người này, tôi sợ có chuyện không may xảy ra với nó.

-Thế thì bà nhầm rồi, thưa bà! Nếu như tôi tặng bà món quà đó, chính là để bà đem ra trang điểm. Tôi nói cho bà biết, bà nhầm rồi.

Và giọng của nhà Vua run lên tức giận, ai nấy đều nhìn và nghe rất đỗi ngạc nhiên không hiểu đã xảy ra chuyện gì.

-Tâu Hoàng thượng – Hoàng hậu nói – Tôi có thể sai người về tìm ở điện Louvre, nó vẫn ở đấy, và như vậy những ước muốn của Hoàng thượng sẽ được

hoàn tất.

-Vậy bà làm đi, thưa bà, làm đi, và nhanh nhanh lên, vì nửa giờ nữa là vũ hội bắt đầu rồi.

Hoàng hậu cúi chào tỏ vẻ phục tùng và đi theo các phu nhân có nhiệm vụ dẫn bà về phòng riêng.

Về phía mình, nhà Vua cũng trở về phòng mình.

Đại sảnh rối loạn, xôn xao mất một lúc.

Mọi người đều có thể nhận thấy có chuyện gì xảy ra giữa nhà Vua và Hoàng hậu. Nhưng cả hai đều nói rất khẽ mà mọi người do tôn kính đều đứng xa ra mấy bước, nên không ai nghe thấy gì. Vĩ cầm vang lên hết cỡ nhưng cũng chẳng ai nghe.

Nhà Vua ra khỏi phòng mình trước tiên, trong trang phục đi săn loại hào hoa nhất, Hoàng đế và các vị đại thần khác đều mặc như nhà Vua. Đó là bộ trang phục nhà Vua mặc đẹp nhất và mặc như vậy, ông hình như mới đích thực là nhà quý tộc đệ nhất của vương quốc.

Giáo chủ lại gần và chuyển cho nhà Vua một cái hộp. Nhà Vua mở ra và thấy trong đó hai nút kim cương liền hỏi Giáo chủ: -Thế nghĩa là thế nào?

-Không thế nào cả – Giáo chủ trả lời – có điều nếu Hoàng hậu có những nút kim cương, điều thần đang ngờ đấy, tâu Hoàng thượng, Hoàng thượng hãy đếm xem, và nếu Ngài chỉ thấy có mười viên, xin hãy hỏi Hoàng hậu xem kẻ nào có thể lấy cắp mất hai nút như thế này.

Nhà Vua nhìn Giáo chủ như để hỏi. Nhưng ông còn chưa kịp hỏi một câu nào, thì tiếng kêu ngưỡng mộ đã thốt ra từ miệng tất cả mọi người. Nếu như nhà Vua là bậc quý tộc đệ nhất vương quốc, chắc chắn Hoàng hậu phải là người đàn bà đẹp nhất nước Pháp.

Đúng là bộ y phục nữ đi săn rất hợp với nàng. Nàng đội một chiếc mũ dạ với những lông chim xanh lam, một áo khoác ngoài nhung màu xám có cài những móc kim cương và một chiếc váy bằng xa tanh xanh lam toàn thêu sợi bạc, trên vai trái nàng lấp lánh những nút kim cương được đính vào một cái nơ cùng màu với lông chim và chiếc váy.

Nhà Vua sướng run người, còn Giáo chủ run lên vì giận dữ, tuy nhiên vì cả hai người cùng đứng cách xa Hoàng hậu nên không thể đếm được số nút kim cương. Hoàng hậu đã có những nút kim cương ấy, có điều là có mười hay mười hai nút.

Cũng lúc ấy, vĩ cầm vang lên tín hiệu bắt đầu vũ khúc. Nhà Vua tiến về phía phu nhân chủ tọa và phải nhảy với bà và Hoàng đế với Hoàng hậu. Mọi người đều vào chỗ và vũ khúc bắt đầu Nhà Vua nhảy đối diện với Hoàng hậu, và mỗi lần ông lướt qua gần nàng, Ngài lại hau háu nhìn những nút kim cương mà không đếm nổi. Một lớp mồ hôi lạnh toát ra tên trán Giáo chủ.

Vũ điệu kéo dài một giờ, gồm mười sáu chuyển đoạn động tác múa.

Vũ điệu kết thúc giữa những tiếng vỗ tay hoan hô của khắp mọi người trong đại sảnh, mỗi người đều đưa quý bà nhảy với mình về chỗ, nhưng nhà Vua ỷ vào đặc quyền của mình, bỏ bà chủ tọa ngay tại chỗ để tiến nhanh lại phía Hoàng hậu, và nói với nàng: -Thưa bà, tôi xin cảm ơn bà, về sự tôn trọng mà bà đã biểu lộ trước những ý muốn của tôi, nhưng tôi tin bà thiếu mất hai nút kim cương, mà tôi đã mang đến đây.

Vừa nói, nhà Vua vừa chìa ra cho Hoàng hậu hai nút kim cương mà Giáo chủ đã đưa cho mình.

-Tâu Bệ hạ, lại thế nữa sao! – Hoàng hậu giả vờ ngạc nhiên kêu lên – Bệ hạ lại cho thêm hai hạt nữa, thế là bây giờ tôi sẽ có những mười bốn viên ư?

Nhà Vua đếm, quả nhiên mười hai nút kim cương vẫn trên vai Hoàng hậu.

Nhà Vua gọi Giáo chủ và hỏi bâng một giọng nghiêm khắc: -Thế nào? Thế này, nghĩa là thế nào, ông Giáo chủ?

-Tâu Bệ hạ, – Giáo chủ đáp – thế nghĩa là thần muốn Hoàng hậu nhận hai viên kim cương đó, nhưng tự mình lại không dám dâng lên, thần phải dùng cách ấy.

-Thế thì tôi lại càng phải chịu ơn Đức ông hơn – Anne d'Autriche trả lời bằng một nụ cười chứng tỏ cái lối nịnh đầm tiểu xảo ấy không lừa được nàng – và tôi tin chắc rằng hai nút kim cương này ông phải trả đắt bằng cả mười hai nút kim cương kia mà Hoàng thượng phải trả đấy.

Rồi chào nhà Vua và Giáo chủ, Hoàng hậu trở về căn phòng mà nàng đã mặc giả trang và là nơi nàng phải cởi bỏ.

Chúng tôi buộc phải lưu tâm tới những nhân vật danh tiếng chúng tôi đưa vào ngay từ đầu chương này nên phải tạm xa nhân vật đã giúp Anne d'Autriche vừa giành được thắng lợi không ngờ đối với Giáo chủ, người này hiện đang lẫn vào, không ai biết tới và lạc lõng trong đám đông ùn lại ở một cối cửa, đang nhìn màn kịch chỉ có bốn người hiểu nổi là nhà Vua, Hoàng hậu, Giáo chủ và chính nhân vật đó.

Hoàng hậu vừa trở về phòng, và D'Artagnan chuẩn bị rút lui thì chàng cảm thấy có ai đó đụng nhẹ vào vai chàng. Chàng quay lại thấy một thiếu phụ ra hiệu đi theo nàng. Thiếu phụ đeo mặt nạ chó sói bằng nhung đen, nhưng mặc dầu đã cẩn thận như vậy, vả chăng cũng là để che mắt người khác đâu phải với chàng, chàng nhận ra ngay người dẫn đường mọi khi của chàng, bà Bonacieux khôn ngoan và yêu kiều.

Đêm trước, họ mới chỉ được thoáng gặp nhau một lát tại nhà một người Thụy Sĩ tên là Germain, mà D'Artagnan đã yêu cầu nàng đến gặp ở đó. Thiếu phụ quýnh lên vội mang về cho Hoàng hậu cái tin tuyệt diệu là sứ giả của bà đã trở về may mắn, khiến cho đôi tình nhân chỉ kịp trao đổi được vài lời. D'Artagnan đi

theo bà Bonacieux bởi hai thứ tình cảm gộp lại thúc đẩy tình yêu và sự hiếu kỳ. Suốt dọc đường, mỗi lúc những hành lang càng trở nên vắng vẻ, D'Artagnan định ngăn nàng lại để ôm chặt nàng, ngắm nghía nàng dù chỉ trong giây phút, nhưng thoăn thoắt như một cánh chim, nàng luôn trườn khỏi hai tay chàng, và khi chàng định nói, nàng lại đưa ngón tay lên miệng, một điệu bộ nhẹ nhàng đầy duyên dáng ra lệnh cấm chàng không được nói, và nhắc cho chàng biết đclng dưới một uy quyền phải nhắm mắt tuân theo, và cấm chàng không được thốt ra bất cứ một lời phàn nàn nhỏ nào. Cuối cùng, sau vài phút vòng đi vòng lại, bà Bonacieux mở một chiếc cửa dẫn chàng vào một căn phòng tối om, ở đây nàng lại ra hiệu phải ngậm miệng và mở chiếc cửa thứ hai lấp sau một tấm thảm, bất ngờ một vầng sáng chói tỏa ra và nàng biến mất.

D'Artagnan đứng ngây ra một lúc và tự hỏi mình đang ở đâu thế này, nhưng rồi một tia sáng từ phòng bên lọt sang, hơi ấm và thơm phức tỏa đến tận chỗ chàng, tiếng mấy người đàn bà đang trò chuyện, lời lẽ vừa trang nhã, vừa tôn kính, tiếng Đức bà được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, chỉ rõ cho chàng thấy mình đang trong căn phòng liền kề với phòng Hoàng hậu.

Chàng trai đứng yên trong bóng tối và chờ đợi.

Hoàng hậu tỏ ra vui vẻ và sung sướng, hình như khiến mọi người xung quanh nàng rất đỗi ngạc nhiên, vì trái lại mọi khi thường thấy nàng hầu như luôn luôn lo lắng. Hoàng hậu trả lại hết cái tình cảm vui mừng đó cho vẻ mỹ lệ của đêm hội, cho niềm vui mà vũ điệu đem lại cho nàng, và do không được phép trái ý một bà hoàng, dù bà ta cười hay khóc, mọi người đều cường điệu thêm sự phong nhã của các viên thẩm phán thành Paris.

Dù D'Artagnan còn chưa quen biết gì Hoàng hậu, chàng phân biệt được ngay giọng nói Hoàng hậu với giọng những người khác, trước hết đó là hơi pha giọng nước ngoài, thêm nữa là cái vẻ bề trên tự nhiên in đậm trong mọi lời lẽ của bậc tối thượng.

Chàng nghe thấy tiếng lại gần rồi lại xa ra khỏi chiếc cửa mở, hai ba lần chàng trông thấy vẫn chiếc bóng của thân hình ấy che khuất ánh sáng.

Cuối cùng, bất ngờ một bàn tay và một cánh tay trắng muốt và tuyệt đẹp vén tấm thảm lên, D'Artagnan hiểu đây chính là phần thưởng cho chàng. Chàng quỳ xuống, nắm lấy bàn tay ấy và kính cẩn áp môi lên, rồi bàn tay rút lại, để lại trong hai bàn tay chàng một vật chàng nhận ra là một chiếc nhẫn, lập tức cửa đóng lại và D'Artagnan lại thấy mình hoàn toàn trong bóng tối.

D'Artagnan đeo chiếc nhẫn vào ngón tay chàng và lại đợi.

Rõ ràng mọi chuyện chưa phải đã xong. Sau phần thưởng về lòng tận tụy của chàng phải là phần thưởng của tình yêu. Vả lại vũ điệu đã nhảy rồi, nhưng dạ hội mới chỉ bắt đầu. Người ta ăn đêm vào lúc ba giờ, mà đồng hồ nhà thờ Thánh Jăng chỉ vừa mới điểm hai giờ bốn nhăm phút.

Quả nhiên, tiếng người thưa dần trong phòng bên, và xa dần, rồi cửa phòng D'Artagnan đang đứng lại mở ra và bà Bonacieux lao vào. D'Artagnan kêu lên: -Cuối cùng, nàng đây rồi!

-Im nào! – Thiếu phụ áp bàn tay lên môi chàng – Im nào! Và bây giờ chàng hãy đi đi, đi theo lối chàng đến ấy.

-Nhưng ở đâu và khi nào chúng ta lại gặp nhau?

-Một thư ngắn mà chàng sẽ thấy khi trở về nhà sẽ cho chàng biết điều đó. Đi đi! Chàng đi đi?

Nói xong, nàng mở chiếc cửa thông ra hành lang và đẩy D'Artagnan ra khỏi phòng.

D'Artagnan vâng lời như một đứa trẻ, không kháng cự, không cãi lại câu nào, điều đó chứng tỏ chàng thực sự đang yêu say đắm.

§23. Cuộc hẹn hò

D'Artagnan tức tốc chạy về nhà, và cho dù hơn ba giờ sáng lại phải đi xuyên qua những khu phố dữ tợn nhất của Paris, chàng cũng không gặp phải chuyện rủi ro nào. Người ta nói có một vị thần cho những kẻ yêu đương.

Chàng thấy cửa lối đi để ngỏ, liền leo thẳng lên cầu thang và gõ nhẹ và đúng lối theo quy ước giữa chàng và người hầu của mình. Planchet, hai giờ trước ở tòa thị chính, chàng đã cho về trước và dặn đợi mình, ra mở cửa. Chàng vội hỏi: -Có ai mang thư đến cho ta không?

-Chả có ai mang thư đến cả – Planchet trả lời – nhưng có một thư tự nó đến một mình thôi.

-Mi muốn nói gì, đồ ngốc?

-Tôi muốn nói, lúc trở về, mặc dù chìa khóa phòng ông vẫn trong túi tôi, và không rời khỏi tôi lúc nào, tôi vẫn thấy một bức thư trên tấm thảm xanh trên bàn trong phòng ngủ của ông.

-Bức thư ấy đâu rồi?

-Thưa ông đâu vẫn đó. Những bức thư vào nhà người ta như thế không phải chuyện bình thường đâu. Nếu cửa sổ vẫn mở hoặc chỉ khép, tôi không nói làm gì. Nhưng không, tất cả đều đóng im ỉm cơ mà thưa ông, hãy đề phòng thôi, bởi chắc có phù chú gì đó.

Trong khi đó, chàng trai lao vội vào buồng ngủ và bóc thư xem. Đó là thư của bà Bonacieux vắn tắt như sau:

"Xin gửi tới những lời cảm ơn nồng nhiệt

"Muốn được thể hiện và chuyển cho chàng những lời cám ơn nồng nhiệt. Tối nay khoảng mười giờ chàng hãy đến Saint-Clu, đối diện với Nhà hứng gió nhô lên ở góc nhà ông De Etxtrê."

CB"

Đọc bức thư, D'Artagnan cảm thấy tim mình hồi hộp một sự đê mê dịu dàng vừa hành hạ vừa mơn man trái tim của những cặp tình nhân.

Đó là bức thư vắn đầu tiên chàng nhận được, đó cũng là cuộc hò hẹn đầu tiên dành cho chàng. Trái tim chàng, nở tung ra vì say sưa vui sướng, tự cảm thấy sắp lịm đi ở ngưỡng cửa cái thiên đàng hạ giới mà người ta gọi là tình yêu này.

-Ơ kìa! Thưa ông – Planchet nói khi thấy chủ mình mặt cứ đỏ lên rồi lại tái đi liên tiếp – Ơ kìa! Chẳng phải tôi đã đoán đúng có chuyện dữ hay sao?

-Planchet ơi, mi nhầm rồi – D'Artagnan trả lời – Và bằng chứng đây, đây là một đồng vàng để mi uống chúc mừng ta.

-Tôi xin cảm ơn ông chủ về đồng vàng ông thưởng tôi, và tôi xin hứa làm theo đúng những lời chỉ bảo của ông. Nhưng chẳng lẽ lại không đúng, rằng

những bức thư lại vào được như thế trong những ngôi nhà đóng kín…

-Rơi từ trên trời xuống, anh bạn của ta ạ, rơi từ trên trời xuống đấy.

-Nhưng ông bằng lòng chứ? – Planchet hỏi.

-Planchet thân mến của ta ơi, ta là người sung sướng nhất trong mọi người.

-Và tôi có thể nhân việc ông được sung sướng mà đi ngủ chứ?

-Được, đi ngủ đi.

-Cầu cho mọi phúc lành trên đời đều rơi xuống ông chủ, nhưng chẳng lẽ lại không đúng là bức thư ấy… và Planchet vừa rút lui vừa lắc đầu với vẻ hoài nghi mà sự hào phòng của D'Artagnan không thể hoàn toàn xóa đi nổi.

Còn lại một mình, D'Artagnan đọc đi đọc lại bức thư vắn rồi hôn đi hôn lại đến hai chục lần những dòng chữ do tay người tình của mình viết. Cuối cùng chàng đi nằm, ngủ thiếp đi và mơ những giấc mơ vàng.

Bẩy giờ sáng, chàng dậy và gọi Planchet, ngay sau tiếng gọi lần thứ hai, đã mở cửa, mặt còn chưa gột hết những nỗi lo đêm trước.

-Planchet! – D'Artagnan nói – có thể ta đi cả ngày hôm nay vậy mi được tự do đến bẩy giờ tối. Nhưng đúng bẩy giờ mi phải chuẩn bị sẵn hai con ngựa.

-Nghĩa là – Planchet nói – hình như chúng ta sắp làm cho mình được thủng da ở nhiều chỗ nữa thì phải!

-Mi sẽ mang theo súng trường và mấy khẩu súng ngắn của mày.

-Thấy chưa? Tôi đã nói gì nào? – Planchet kêu lên. – Đến đây, thì tôi chắc chắn, bức thư gở rồi?

-Nhưng mày cứ yên trí, đồ ngu ạ – Đây chỉ hoàn toàn đơn giản là một trò đùa vui thôi.

-Ồ, cũng như cuộc du hành thỏa thích ngày nào mà đạn bắn như mưa, và cạm bẫy mọc như nấm chứ gì.

-Thôi được, thưa ngài Planchet, nếu ngài sợ – D'Artagnan nói tiếp – tôi sẽ đi một mình. Tôi thích du hành một mình hơn là có một bạn đồng hành run sợ.

-Ông chủ lại chửi tôi rồi – Planchet nói – tuy nhiên, hình như ông cũng đã thấy tôi lúc tâm sự.

-Phải, nhưng tao lại tưởng mi đã sử dụng hết lòng can đảm của mi trong một lần rồi.

-Ông chủ sẽ thấy khi có cơ hội, nó còn lại thế nào, có điều tôi xin ông chủ đừng hoang phí nó, nếu ông muốn nó còn được lâu bền.

-Mày có tin là vẫn còn một số nào đấy để chi tối nay không?

-Tôi hy vọng là còn.

-Thôi được! Ta tin ở mi?

-Đúng giờ, tôi sẽ sẵn sàng. Có điều, tôi tưởng ông chủ chỉ có một con ngựa ở chuồng ngựa cận vệ.

-Có lẽ ngay lúc này đã có một con nữa ở đấy rồi. Nhưng tối nay, sẽ có bốn con.

-Hình như chuyến du hành vừa qua của chúng ta là một cuộc du hành để thay ngựa?

-Đúng thế. – D'Artagnan nói.

Rồi bằng cử chỉ cuối cùng để căn dặn Planchet, chàng ra ngoài.

Ông Bonacieux đang đứng trước cửa nhà mình. D'Artagnan định lờ đi không thèm nói gì với lão hàng xén làm bộ làm tịch.

Nhưng lão ta lại chào chàng đến là dịu dàng và nhã nhặn khiến người thuê nhà khó xử, không những phải chào lại mà còn phải bắt chuyện với lão.

Vả lại làm sao lại không có được một chút vị nể một ông chồng mà người vợ lại hẹn mình ngay tối nay ở Saint-Clu, trước mặt Nhà hứng gió của ông De Etxtrê! D'Artagnan lại gần với vẻ dễ mến nhất mà chàng có thể tạo được.

Câu chuyện rơi vào chuyện con người tội nghiệp này bị bắt giam hoàn toàn tự nhiên. Ông Bonacieux không biết D'Artagnan từng được nghe cuộc chuyện trò của ông ta với con người lạ mặt ở Măng, lại đi kể cho chàng thuê nhà trẻ tuổi những sự ngược đãi của con quỷ De Lafêmát mà ông ta gán cái danh hiệu ấy cho tên đao phủ của Giáo chủ suốt cả câu chuyện, và dài dòng sang cả chuyện ngục Bastille, những chốt cửa, những ô trổ những lỗ thông hơi, những song sắt, những dụng cụ tra tấn.

D'Artagnan lắng nghe với một thái độ vui vẻ mẫu mực rồi khi lão kết thúc, liền hỏi: -Còn bà Bonacieux, ông có biết ai bắt cóc bà ấy không? Bởi vì tôi không quên chính trong cái hoàn cảnh bức bối đó mà tôi có được cái diễm phúc làm quen với ông.

-À! Ông Bonacieux nói – họ giữ không nói ra với tôi, còn vợ tôi cũng thề độc với tôi là không biết. Nhưng còn ông – Bonacieux tiếp tục với một giọng hoàn toàn bộc tuệch – mấy ngày qua, ông ra sao? Tôi chẳng thấy ông, cũng chẳng thấy các bạn ông, và tôi nghĩ không phải trên vỉa hè của Paris mà ông đã gom tất cả lớp bụi mà Planchet đã phủi hôm qua trên đôi ủng của ông đấy chứ?

-Ông nói đúng đấy ông Bonacieux thân mến của tôi ạ, tôi và các bạn tôi vừa tổ chức một cuộc du hành nho nhỏ.

-Xa đây không?

-Ồ không, lạy Chúa, chỉ độ bốn mươi dặn thôi. Chúng tôi đưa ông Athos đến vùng suối nóng Foócgiơ, các bạn tôi đều ở lại đó.

-Và ông trở về, có phải không ông? – Bonacieux nói tiếp, nét mặt lộ ra một tên trùm láu cá – Một chàng đẹp trai như ông không thể vắng mặt lâu đối với tình nhân của mình được và chúng ta lại được sốt ruột mong đợi ở Paris, có phải không?

-Thật tình – chàng trai trẻ vừa cười vừa nói – tôi xin thú nhận với ông, còn hơn thế ấy, ông Bonacieux thân mến ạ, tôi thấy không thể giấu nổi ông điều gì. Vâng, tôi đã được mong đợi, và khá sốt ruột, tôi xin đảm bảo với ông như vậy.

Một lớp mây mỏng lướt trên trán ông Bonacieux, nhưng quá mỏng khiến D'Artagnan không nhận thấy.

-Và chúng ta sẽ được thưởng về sự chu đáo của chúng ta chứ? – Lão hàng xén tiếp tục, hơi biến giọng, một sự biến giọng mà D'Artagnan không nhận thấy, chẳng hơn gì lớp mây mỏng trước đấy một lát chốc chốc lại làm sầm tối bộ mặt con người.

D'Artagnan vừa cười, vừa nói: -Kìa, ông cứ tiếp việc giả bộ ngây ngô đi mà.

-Đâu có, tôi nói vậy là chỉ để biết liệu ông có về muộn không thôi.

-Tại sao ông lại hỏi thế, ông chủ nhà thân mến của tôi, – D'Artagnan hỏi – Thế ông định đợi tôi thật à?

-Không, kể từ ngày tôi bị bắt và xảy ra vụ trộm ở nhà tôi, mỗi lần tôi nghe thấy tiếng cửa mở nhất là ban đêm là tôi lại sợ run lên. Mẹ kiếp! Biết làm thế nào! Tôi đâu phải người biết múa gươm!

-Ồ nếu vậy ông chớ có sợ nếu tôi về vào lúc một giờ, hai giờ hay ba giờ sáng. Mà đến sáng tôi vẫn không về, thì ông đừng lo gì nữa.

Lần này thì mặt Bonacieux tái quá khiến D'Artagnan có không muốn cũng không thể không nhận ra, liền hỏi ông ta có chuyện gì vậy.

-Có chuyện gì đâu – Bonacieux trả lời – không có chuyện gì đâu. Chỉ có từ khi gặp vận hạn, bất thình lình tôi lại cứ bị hơi choáng váng như thế, tôi vừa cảm thấy bị rùng người. Ông là người chỉ bận sao cho được sung sướng thì để tâm đến chuyện đó làm gì.

-Thế thì tôi đang bận, vì tôi là người như thế.

-Khoan đã, đã tới lúc đâu, ông bảo tối nay cơ mà.

-Yên trí, rồi sẽ tối! Ơn Chúa? Và có thể ông sốt ruột đợi tối chẳng kém gì tôi đâu. Có thể tối nay bà Bonacieux sẽ về thăm gia đình cũng nên đấy!

-Bà Bonacieux không được tự do tối nay đâu – Bonacieux đáp với vẻ nghiêm trọng – bà ấy bị giữ lại ở điện Louvre vì công việc.

-Thôi kệ ông vậy, ông chủ thân mến của tôi ạ, kệ ông. Khi mà tôi hạnh phúc, tôi những muốn tất cả mọi người được hạnh phúc theo nhưng hình như không thể được.

Và chàng trai trẻ vừa đi vừa phá lên cười khoái trí, mà chàng nghĩ chỉ mình chàng mới có thể hiểu được.

-Cứ việc vui thích đi! – Bonacieux đáp với một giọng như từ dưới đáy mộ vọng lên.

Nhưng D'Artagnan đã đi quá xa không nghe được, mà dù có nghe được, trong tâm trí hiện thời, chắc chắn chàng cũng chẳng để ý.

Chàng đi về phía dinh quán ông De Treville. Cuộc viếng thăm ông đêm trước quá ngắn ngủi, và chưa giải thích được điều gì mấy.

Chàng thấy ông De Treville đang vui. Nhà Vua và Hoàng hậu đã tỏ ra niềm nở với ông trong vũ hội. Còn Giáo chủ thì đúng là mặt khó đăm đăm.

Một giờ sáng Giáo chủ đã rút lui, mượn cớ thấy trong người khó ở. Còn Đức Vua và Hoàng hậu mãi sáu giờ sáng mới trở về điện Louvre.

Ông De Treville đưa mắt nhìn khắp quanh nhà để xem có ai khác không rồi hạ giọng hỏi chàng.

-Bây giờ anh bạn trẻ, ta nói về anh nào, bởi rõ ràng cuộc trở về may mắn của anh đã phần nào là niềm vui của nhà Vua, sự đắc thắng của Hoàng hậu và sự hổ nhục của Đức ông Giáo chủ.

-Anh phải cẩn thận đấy.

D'Artagnan trả lời: -Chừng nào, tôi còn có diễm phúc được hưởng ân sủng của Đức Vua và Hoàng hậu thì tôi phải sợ cái gì nào?

-Phải sợ tất, tin ta đi. Giáo chủ không phải là người quên chuyện mắc lừa chừng nào còn chưa tính sổ với kẻ đánh lừa đâu, và kẻ đi lừa có vẻ là một gã Gátxcông nào đó ta từng quen biết.

-Ông tin rằng Giáo chủ cũng phòng xa như ông và biết chính tôi đã có mặt ở London ư?

-Quỷ thật! Anh đã ở London! Có phải anh đã mang từ London về cái viên kim cương xinh đẹp đang lấp lánh ở ngón tay anh không? Coi chừng đấy, anh D'Artagnan thân mến của ta, món quà của kẻ thù không phải là một điều tốt đẹp đâu. Chẳng phải đã có một câu thơ Latinh về điều đó… khoan đã…

-Vâng hẳn vậy – D'Artagnan trả lời, mặc dầu chàng chưa bao giờ có thể nhồi nổi vào đầu cái nguyên tắc đầu tiên của cuốn sách vỡ lòng, và vì do tối dạ, đã làm vị gia sư của mình thất vọng – Vâng hẳn vậy, chắc phải có một câu.

-Chắc thì chắc rồi – Ông De Treville có vẻ văn chương nói – Ông De Băngxơrát mới đọc cho ta hôm nào… Khoan đã… À, đây rồi! "Timeo Danaos et dona ferente[59], có nghĩa là: "Hãy coi chừng kẻ thù tặng quà cho anh."

-Nhưng chiếc nhẫn kim cương này đâu phải của kẻ thù, thưa ông – D'Artagnan đáp – là của Hoàng hậu đấy chứ.

-Của Hoàng hậu? Ồ, ồ? – Ông De Treville nói – Quả vậy, đích thực là đồ nữ trang của hoàng gia đáng giá nghìn vàng. Thế Hoàng hậu sai ai chuyển món quà này cho anh?

-Đích thân Hoàng hậu trao cho tôi.

-Ở đâu?

-Trong căn phòng liền kề với căn phòng Hoàng hậu thay trang phục.

-Trao thế nào?

-Đưa tay cho tôi hôn.

-Anh được hôn tay Hoàng hậu? – Ông De Treville vừa nhìn D'Artagnan vừa kêu lên.

-Hoàng hậu đã ban cho tôi đặc ân đó.

-Và trước mặt những người khác? Bất cẩn! Ba lần bất cẩn! Ba lần bất cẩn!

-Không, thưa ông, xin ông yên tâm, chẳng ai trông thấy đâu.

Và D'Artagnan kể cho ông Treville mọi việc diễn ra như thế nao.

-Ôi! Đàn bà! Đàn bà! – Người lính già kêu lên – Ta nhận ra ngay cái trí tưởng tượng lãng mạn của họ mà. Tất cả những gì cảm thấy bí ẩn là họ mê say ngay. Như thế là anh đã nhìn thấy cánh tay, chỉ có thế, anh được gặp Hoàng hậu, nhưng không thấy mặt Hoàng hậu, bà gặp anh nhưng không biết anh là ai.

-Không, nhưng nhờ chiếc nhẫn kim cương này… – Chàng trai trẻ tiếp tục.

-Nghe đây – Ông De Treville nói – anh có muốn tôi cho anh một lời khuyên, một lời khuyên tốt, một lời khuyên chí tình không?

-Rất hân hạnh, thưa ông. – D'Artagnan nói.

-Được! Anh hãy đến ngay một chủ hiệu kim hoàn đầu tiên nào cũng được, bán cho hắn chiếc nhẫn kim cương này đi với giá hắn trả cho anh thế nào cũng bán, dù hắn có Do Thái đến đâu anh cũng sẽ được tám trăm đồng vàng. Tiền nó không có tên, anh bạn trẻ ạ, còn chiếc nhẫn này có một cái tên khủng khiếp và có thể phản bội lại kẻ đeo nó.

-Bán chiếc nhẫn ư! Chiếc nhẫn do bà chúa của tôi cho!

-Không bao giờ!- D'Artagnan nói.

-Thì xoay mặt nó vào trong vậy, kẻ điên rồ tội nghiệp ạ, bởi người ta thừa biết một gã thiếu sinh quân Gátxcông không thể moi đâu ra thứ trang sức như thế trong bộ đồ tư trang của mẹ mình.

-Vâng, ông tin là tôi có điều gì cần e ngại ư? – D'Artagnan hỏi.

-Nghĩa là, chàng trai trẻ ạ, kẻ nào đang ngủ thiếp đi trên một quả mìn đã bén ngòi, phải tự coi là an toàn so với anh đấy.

Giọng nói hoàn toàn đáng tin cậy của ông De Treville bắt đầu làm cho chàng lo lắng: -Quỷ thật! Tôi phải làm gì nào?

-Luôn cảnh giác, và coi đó là trên tất cả. Giáo chủ có trí nhớ rất dai và bàn tay rất dài. Tin ta đi, thế nào ông ta cũng chơi lại anh một vố.

-Vố gì nào?

-Ồ, ta biết được vố gì! Chẳng phải dưới trướng ông ta không có đủ mọi mưu ma chước quỷ ư? Bét nhất cũng có thể là cho bắt anh?

-Thế nào? Dám bắt một người dưới trướng của Hoàng thượng?

-Mẹ kiếp! Dễ thường họ chùn tay với Athos đấy! Dẫu sao đi nữa, chàng trai ạ, hãy tin một người đã ba mươi năm nay ở triều đình, đừng có tự ru ngủ là mình an toàn, mà toi đấy. Hoàn toàn ngược lại, ta nói để anh hay, phải thấy đâu đâu cũng có kẻ thù cả. Nếu người ta kiếm cớ gây sự với anh, hãy tránh đi dù kẻ gây

sự là đứa trẻ mười tuổi. Nếu người ta tấn công anh bất kể ngày hay đêm, hãy vừa đánh vừa lùi và đừng xấu hổ. Nếu anh đi qua một chiếc cầu, hãy thăm dò ván cầu, xem có tấm nào bị sụt dưới chân anh không. Nếu anh đi qua một ngôi nhà đang xây, hãy ngước nhìn lên tránh để một hòn đá nào choang đúng đầu anh. Nếu anh về nhà muộn, hãy cho người hầu đi theo và người hầu phải mang theo vũ khí, tuy nhiên anh phải hoàn toàn tin tưởng người hầu. Coi chừng tất cả mọi người, cả bạn bè, anh em, tình thân, nhất là tình nhân của anh.

D'Artagnan đỏ mặt, lắp lại một cách máy móc.

-Cả tình nhân của tôi, nhưng tại sao đối với cô ta hơn người khác?

-Là vì tình nhân là một trong những biện pháp ưa thích của Giáo chủ, không có gì nhanh gọn hơn; một mụ đàn bà có thể bán anh lấy mười đồng vàng, bằng chứng là Đalila[60] đó. Anh biết Kinh thánh chứ?

D'Artagnan bỗng nghĩ đến cuộc hẹn hò mà bà Bonacieux đã hẹn chàng tối nay. Nhưng chúng ta phải khen chàng là cái quan niệm lỗi thời về đàn bà nói chung của ông De Treville không làm chàng mảy may nghi ngờ bà chủ nhà xinh đẹp của mình.

-Nhưng tiện thể – Ông De Treville nói tiếp – Ba người đồng đội của anh ra sao rồi?

-Tôi cũng đang định hỏi ông xem ông có biết chút tin tức gì về họ không?

-Không một tin tức nào.

-Thế ạ! Còn tôi, tôi đã bỏ họ lại ở dọc đường. Porthos ở Săngtily đang sắp quyết đấu. Aramis ở Vỡ Rim với một viên đạn vào vai, và Athos ở Amiêng, bị buộc tội có tiền giả trong người.

-Anh thấy chưa? – Ông De Treville nói – Và anh làm thế nào thoát được?

-Tôi phải nói như có phép mầu ấy, thưa ông, bị đâm một mũi gươm vào ngực, tôi đóng đinh trả lại tay Bá tước De Wardes xuống con đường đi Cale như ghim một con bướm trên một tấm thảm.

-Thấy nữa chưa! De Wardes là một người của Giáo chủ, em họ của Rochefort. Này, anh bạn, ta nảy ra một ý.

-Xin cứ nói, thưa ông.

-Ở địa vị anh, ta sẽ làm một điều.

-Điều gì ạ?

-Trong khi Đức ông cho người đi lùng anh ở Paris, anh, phải chính anh, sẽ không kèn, không trống đi Picađy, tìm hiểu tin tức ba người bạn đồng đội của mình. Mẹ kiếp, họ đáng để anh quan tâm như thế lắm chứ.

-Lời khuyên quý giá, thưa ông, ngày mai tôi sẽ đi.

-Ngày mai? Tại sao không tối nay?

-Thưa tối nay tôi mắc ở Paris một công việc rất cần thiết.

-A, chàng trai? Chàng trai! Một mối tình nho nhỏ chứ gì? Cẩn thận đấy, ta xin nhắc lại với anh; chính đàn bà đã làm hại chúng ta, tất cả, chừng nào chúng ta còn tồn tại, và sẽ còn làm hại chúng ta, tất cả, chừng nào chúng ta còn sống sót. Tin ta đi. Đi ngay tối nay đi.

-Không thể được, thưa ông.

-Anh trót hứa rồi ư?

-Vâng, thưa ông.

-Ồ, thế thì lại là chuyện khác. Nhưng hứa với ta đi, nếu tối nay anh không bị giết, ngày mai anh sẽ đi.

-Tôi xin hứa.

-Có cần tiền không?

-Tôi còn năm mươi đồng vàng. Tôi nghĩ thế là tạm đủ.

-Nhưng còn các đồng đội của mình?

-Tôi nghĩ họ chắc cũng không thiếu. Chúng tôi ra khỏi Paris, mỗi người có bảy nhăm đồng vàng trong túi.

-Ta không cần gặp anh trước khi anh khởi hành chứ?

-Không, tôi nghĩ thế, thưa ông, trừ phi có tin gì mới.

-Thôi được, chúc lên đường may mắn.

-Xin cảm ơn ông.

Và D'Artagnan xin phép cáo lui, cảm động hơn bao giờ hết về sự quan tâm đầy tình cha con với các ngự lâm quân của ông.

Chàng lần lượt qua nhà Athos, Porthos và Aramis chưa có ai trở về. Bọn người hầu của họ cũng vắng mặt, và chả có tin tức gì về người này hay người khác.

-Chắc sẽ biết tin tức của họ qua tình nhân của họ, nhưng chàng lại không biết của Porthos là ai, cũng chẳng biết của Aramis[61] còn Athos thì không có rồi.

Khi đi qua trước mặt dinh trại cận vệ, chàng liếc mắt nhìn vào chuồng ngựa: ba trong số bốn con ngựa đã trở về đấy rồi.

Planchet đang trải lông ngựa, và đã xong hai con, vô cùng sừng sốt khi thấy D'Artagnan.

-A, ông đây rồi, tôi đang mong gặp ông!

-Tại sao vậy, Planchet?

-Ông có tin cái lão Bonacieux chủ nhà của chúng ta không?

-Tao hả? Không chút nào.

-Ồ! Thế là đúng, thưa ông.

-Nhưng tại sao mày lại hỏi thế?

-Là tại vì, trong khi ông chuyện trò với lão, tôi quan sát ông mà không nghe ông nói đâu, mặt lão biến sắc đến hai ba lần.

-Thế à!

-Ông chủ không nhận thấy vì ông còn bận nghĩ đến bức thư vừa nhận được, nhưng tôi, trái lại, vì cái cung cách lạ lùng bức thư đã vào tới nhà mình khiến tôi luôn cảnh giác, tôi không để sót một nét cử động nào trên mặt lão.

-Vì mi thấy mặt lão thế nào?

-Bộ mặt tráo trở, thưa ông.

-Đúng thế.

-Thêm nữa, ngay khi ông chủ vừa đi và khuất ở góc phố, lão Bonacieux cũng cầm mũ, đóng cửa và chạy về phía phố đối diện.

-Mi nói đúng, Planchet ạ, quả thật, ta thấy mọi cái đó hình như đều ám muội lắm. Nhưng yên tâm, chúng ta sẽ chỉ trả tiền thuê nhà cho lão khi nào chuyện này được giải thích rành mạch cho chúng ta.

-Ông chủ đùa rồi, nhưng rồi ông chủ sẽ thấy.

-Mi còn muốn gì, Planchet, cái gì phải đến sẽ đến.

-Ông chủ không bỏ cuộc dạo mát tối nay chứ?

-Hoàn toàn trái lại Planchet ạ, càng giận lão Bonacieux bao nhiêu, ta lại càng sẽ đến nơi bức thư khiến mi khá lo lắng ấy hẹn ta.

-Ờ, nếu đó đã là quyết định của ông chủ…

-Thì không gì lay chuyển được, anh bạn ạ. Cứ như thế nhé, đúng chín giờ mi sẵn sàng ở dinh trại, tao sẽ đến đón mày.

Planchet thấy không còn chút hy vọng nào làm cho ông chủ của mình từ bỏ dự định, liền thở dài và lại tiếp tục trải lông con ngựa thứ ba.

Còn D'Artagnan về cơ bản vốn là một chàng Gátxcông rất cẩn trọng, đáng lẽ trở về nhà, chàng đến ăn trưa tại nhà ông linh mục người Gátxcông đã từng thết bữa điểm tâm cho cả bốn người bạn lúc họ đang trong lúc túng quẫn.

§24. Nhà hóng gió

Lúc chín giờ D'Artagnan đã có mặt ở dinh trại quân cận vệ.

Chàng thấy Planchet đã trang bị đầy đủ vũ khí, con ngựa thứ tư đã tới Planchet vũ trang bằng một súng trường và một súng ngắn.

D'Artagnan đeo gươm và giắt hai khẩu súng ngắn ở đai lưng rồi cả hai lên ngựa, và lặng lB xa dần. Trời tối như bưng, không ai trông thấy họ đi ra, Planchet đi theo sau chủ mình cách xa chừng mười bước.

D'Artagnan đi xuyên qua phố bờ sông, qua cửa ô Hội nghị ra khỏi thành phố rồi đi theo con đường thuở đó đẹp hơn bây giờ nhiều dẫn tới Saint-Clu.

-Còn trong thành phố, Planchet giữ nghiêm khoảng cách đã thiết lập, nhưng từ lúc con đường bắt đầu trở nên vắng vẻ và tối tăm hơn, hắn im lặng nhích lại gần. Bắt đầu vào rừng Bulônhơ, hắn đàng hoàng đi song song sát bên chủ. Quả thật những cây to rung rinh và ánh trăng rọi trong những lùm cây tối sẫm khiến hắn lo sợ. D'Artagnan thấy ở người hầu có điều gì đó lạ thường, liền hỏi: -Thế nào, ngài Planchet, chúng ta có chuyện gì vậy?

-Ông không thấy rừng cây giống như những nhà thờ ư?

-Sao lại thế, Planchet?

-Bởi vì người ta không dám nói to trong chỗ này cũng như trong những chỗ kia.

-Tại sao mi không dám nói to, Planchet mi sợ à?

-Vâng, sợ bị nghe thấy, thưa ông!

-Sợ bị nghe thấy! Nhưng Planchet thân mến, chuyện của chúng ta là chuyện đạo đức, có gì đáng chê đâu.

Planchet trở lại với ý nghĩ chủ chốt của mình, đáp: -À, thưa ông, sao cái lão Bonacieux nó có đôi lông mày trông đến quỷ quyệt, còn đôi môi thì múa may phát tởm.

-Vì cái quỷ gì mà mi cứ nghĩ về lão Bonacieux như thế?

-Thưa ông, người ta nghĩ đến cái người ta có thể, chứ không nghĩ tới cái người ta muốn.

-Bởi vì mi là một thằng nhát, Planchet ạ.

-Thưa ông, đừng nhầm lẫn sự thận trọng với sự nhút nhát, sự thận trọng là một đức tính tốt.

-Và mi có đức tính tốt phải không Planchet?

-Thưa ông, chẳng phải cái nòng súng hỏa mai lấp lánh ở đâu đó chút nào sao? Chúng ta cúi thấp đầu xuống chăng?

D'Artagnan chợt nhớ đến những lời dặn dò của ông De Treville liền lẩm nhẩm: -Thực ra, cái quân súc sinh này cuối cùng cũng làm mình phát sợ.

Nghĩ vậy chàng liền cho ngựa phi nước kiệu.

Planchet cũng phi nước kiệu theo, đúng như một cái bóng của chàng.

-Chúng ta cứ đi như thế này suốt đêm ư, thưa ông?

-Không, Planchet ạ, vì riêng mi, mi đã tới nơi rồi.

-Sao cơ? Tôi tới nơi rồi? Còn ông chủ?

-Ta còn đi thêm ít bước nữa.

-Và ông chủ bỏ lại mình tôi ở đây?

-Mi sợ ư, Planchet?

-Không, nhưng tôi chỉ xin ông chủ lưu ý đêm sẽ rất lạnh và khí lạnh gây bệnh thấp khớp, và một tên hầu mắc bệnh thấp khớp sẽ là một tên đầy tớ đáng buồn, nhất là đối với một ông chủ hiếu động như ông?

-Ồ, nếu mi thấy lạnh, Planchet hãy ghé vào một cái quán nào đó ở kia kìa, và sáu giờ sáng mai đợi ta ở ngoài cửa.

-Thưa ông, tôi đã uống và ăn một cách thành kính hết cả đồng vàng sáng nay ông cho tôi, đến nỗi chẳng còn một xu chết tiệt nào trong trường hợp tôi thấy lạnh.

-Một đồng vàng nữa nữa đây. Mai nhé!

D'Artagnan xuống ngựa, quàng dây cương vào cánh tay Planchet, và vừa khoác áo choàng vừa nhanh chóng rời xa.

-Trời ơi! Tôi rét quá! – Khi bóng chủ mình đã khuất, Planchet la lên, cuống quít mong được sưởi ấm, rồi vội vã đến gõ cửa một ngôi nhà, được bày biện theo đúng kiểu cách một tiểu quán ngoại ô.

Trong khi ấy D'Artagnan rẽ vào một đường tắt tiếp tục đi đến Saint-Clu. Nhưng đáng lẽ đi theo phố lớn, chàng lại rẽ vào đằng sau một tòa lâu đài, đi vào một phố hẻm rất rộng và đã ở ngay trước mặt ngôi nhà hóng gió đã ấn định. Ngôi nhà ở một nơi hoàn toàn vắng vẻ. Một bức tường lớn, mà góc tường là ngôi nhà đó, chiếm hẳn một bên của phố hẻm, mặt phố bên kia, là một hàng rào ngăn người qua lại vào một khu vườn nhỏ, cuối vườn một túp lều xơ xác.

Chàng đã tới chỗ hẹn, và vì nàng không nói trong thư đến nơi thì báo bằng tín hiệu nào, nên đành chờ.

-Không nghe thấy một tiếng động nhỏ, tưởng như đang ở cách xa kinh thành đến trăm dặm rồi. D'Artagnan dựa lưng vào bờ rào sau khi đã đưa mắt nhìn phía sau. Ra khỏi hàng rào, khu vườn và túp lều ấy, một mà sương mù ảm đạm từng lớp, từng lớp bao phủ cả một vùng bao la, trong đó Paris trống rỗng, há hốc mồm ra ngủ, cái bao la trong đó nhấp nháy vài điểm sáng, mấy ngôi sao thê lương của địa ngục này.

Nhưng đối với D'Artagnan, mọi cảnh tượng đều khoác một dáng vẻ vui tươi, mọi ý nghĩ đều mang một nụ cười, mọi bóng đêm đều trong suốt. Giờ hẹn sắp điểm rồi.

Quả vậy, chỉ trong vòng mấy giây, cái mõm rộng của tháp chuông nhà thờ Saint-Clu đã gầm lên và từ từ buông ra mười tiếng.

-Có một cái gì đó nghe đượm màu tang tóc trong cái giọng đồng thau đang than thở như thế giữa đêm trường.

Nhưng mỗi tiếng buông ra hợp thành cái giờ hẹn đó lại rung lên êm ái trong trái tim chàng trai trẻ.

Đôi mắt chàng đăm đàm nhìn lên ngôi nhà nhỏ hóng gió ở góc tường bao mà các cửa sổ đều đóng kín, trừ chiếc cửa sổ duy nhất trên tầng một.

Qua chiếc cửa sổ đó, một vùng ánh sáng dịu dàng như trăng bạc lên những vòm lá run rẩy của vài ba cây thanh quất nhô lên thành từng cụm ở ngoài vườn. Hiển nhiên là đằng sau chiếc cửa sổ nhỏ, được chiếu sáng rất duyên dáng ấy, bà Bonacieux xinh đẹp đang đợi chàng.

Như được ru trong ý nghĩ dịu ngọt ấy, D'Artagnan vẫn đứng đợi tại chỗ nửa giờ đồng hồ không chút sốt ruột, mắt vẫn đăm đăm nhìn lên cái lầu ngắm cảnh nhỏ bé mê hồn đó mà chàng cũng thấy được một mảng trần nhà có những gờ chỉ mạ nhũ vàng, chứng tỏ vẻ hào hoa của phần còn lại của căn phòng.

Gác chuông nhà thờ Saint-Clu điểm mười giờ rưỡi. Lần này không hiểu vì sao, chàng bất giác rùng mình. Cũng có thể chàng bắt đầu thấm lạnh, và thật ra chỉ là một cảm giác hoàn toàn thể chất và chàng lại xem là ấn tượng tinh thần.

Rồi chàng lại nghĩ hay mình đã đọc sai, chứ giờ hẹn là mười một giờ kia.

Chàng lại gần cửa sổ, đứng vào chỗ có ánh sáng chiếu ra, rút bức thư của nàng ra đọc lại thấy mình không hề nhầm, giờ hẹn rõ ràng là mười giờ.

Chàng trở lại chỗ cũ, bắt đầu hơi lo lắng về sự im ắng và quạnh quẽ này.

Chuông điểm mười một giờ.

D'Artagnan bắt đầu lo sợ thực sự đã xảy ra điều gì với bà Bonacieux.

Chàng vỗ tay ba tiếng, tín hiệu thông thường của các cặp tình nhân, nhưng không có ai đáp lại, không cả tiếng vọng.

Thế là chàng giận dỗi nghĩ rằng có thể thiếu phụ đã ngủ quên trong khi đợi chàng.

Chàng lại gần bức tường và cố treo lên, nhưng bức tường mới trát, trơn quá. D'Artagnan không bám móng tay được.

Lúc ấy chàng liền ngắm mấy cái cây mà ánh sáng tiếp tục dát bạc lên các khóm lá và một trong những cây ấy lại ngả ra đường, chàng nghĩ nếu ở giữa đám cành cây ấy chàng có thể nhìn xuyên thấu vào trong ngôi nhà hóng gió.

Cái cây dễ trèo. Hơn nữa, D'Artagnan chưa đầy hai mươi tuổi, do đó chưa quên thói học trò. Thoát một cái, chàng đã ở giữa đám cành lá, và qua những ô kính cửa sổ trong suốt, chàng phóng mắt sâu vào tận bên trong ngôi nhà.

Một chuyện lạ lùng khiến D'Artagnan rợn người từ gan bàn chân lên đến tận chân tóc. Cái ánh sáng dịu dàng kia, cái cây đèn vô tình kia đang chiếu rõ một

cảnh tượng hỗn độn hãi hùng, một ô kính cửa bị vỡ, cửa phòng bị đạp tung, gần gẫy, treo trên bản lề, một cái bàn chắc đã được bày một bữa tối sang trọng nằm lăn ra đất, bình lọ vỡ tan, quả cây bị giẫm nát vung vãi trên sàn nhà, mọi cái đều chứng tỏ một cuộc vật lộn quyết liệt và tuyệt vọng trong căn phòng này. D'Artagnan còn tin rằng đã nhận ra giữa cái đống hổ lốn lạ lùng ấy những mảnh quần áo và mấy vết máu hoen trên khăn trải bàn và rèm cửa nữa.

Chàng vội vàng trèo xuống đường phố, tim đập khủng khiếp, muốn tìm xem có dấu vết bạo lực nào khác không.

Ánh sáng yếu ớt, êm dịu kia vẫn luôn nhấp nháy trong sự tĩnh lặng của ban đêm. Lúc bấy giờ D'Artagnan mới nhận thấy điều mà thoạt đầu chàng không để ý, bởi chẳng có gì đáng khiến chàng để ý, là nền đất nện bằng ở đây, chỗ kia lại lỗ chỗ, in dấu chân người và ngựa. Ngoài ra, vết bánh xe, hình như từ Paris đến cũng đã cầy đấy nhão lên một vết hằn sâu, dài không quá tầm cao của ngôi nhà hóng gió và quay hướng về Paris.

Cuối cùng, trong khi tiếp tục tìm kiếm, D'Artagnan thấy gần bức tường một chiếc găng tay phụ nữ bị rách. Tuy nhiên chiếc găng đó, ở những phần chưa dính bùn, trông vẫn mới không chê vào đâu được. Đó là một chiếc găng sức nước hoa thơm phức mà các tình lang thích rút ra khỏi một bàn tay xinh đẹp.

D'Artagnan càng tiếp tục dò tìm, mồ hôi càng vã ra, càng giá lạnh, long lanh trên trán, tim chàng càng thắt lại bởi một nỗi lo âu khủng khiếp, hơi thở càng hổn hển, tuy nhiên để tự an tủi, chàng tự nhủ, cái nhà hóng gió này có lẽ chả liên quan gì với bà Bonacieux, vì người đàn bà ấy, hẹn chàng ở trước mặt ngôi nhà, chứ đâu phải trong ngôi nhà đó, có khi nàng bị giữ lại ở Paris vì công việc, cũng có thể vì chồng ghen.

Nhưng mọi lý lẽ ấy đều bị công kích dữ dội, bị hủy diệt, bị lật nhào bởi cái cảm giác đau đớn trong nội tâm, trong một số trường hợp nó xâm chiếm toàn bộ con người chúng ta, và gào lên với chúng ta, bởi tất cả những gì trời phú cho chúng ta thấu hiểu, rằng một tai họa lớn đang lượn lờ trên đầu chúng ta.

Thế là, D'Artagnan trở nên như điên dại, chàng chạy phứa ra con đường lớn, rồi theo lối đã đi lúc trước, tiến về phía bến đò hỏi người chở đò.

Người chở đò nói khoảng bẩy giờ tối có chở qua sông một người đàn bà mặc áo choàng đen có vẻ hết sức giữ gìn tránh không để ai nhận ra mình, nhưng cũng chính do quá giữ gìn nên người chở đò lại càng để ý và nhận ra người đàn bà ấy rất đẹp và đẹp.

Thời đó, cũng như ngày nay, có hàng đống đàn bà trẻ và đẹp đi đến Saint-Clu và cũng giữ không để bị lộ diện. Tuy nhiên D'Artagnan không còn hồ nghi gì nữa rằng đó chính là bà Bonacieux.

Nhân có ánh đèn trong lều người lái đò, D'Artagnan đọc lại bức thư của bà Bonacieux yên tâm rằng mình đã không nhầm, nơi hẹn đúng là ở Saint-Clu chứ

không ở đâu khác, và trước ngôi nhà hóng gió của ông De Etxtrê chứ không phải ở phố khác.

Tất cả đều quy tụ lại để chứng minh cho D'Artagnan thấy những dự cảm của chàng đã không lừa chàng và một bất hạnh lớn đã xảy đến.

Chàng vừa đi vừa chạy trên con đường trở về ngôi nhà hóng gió. Chàng thấy hình như trong lúc chàng vắng mặt, đã có thêm điều gì mới có thể đã xảy ra ở ngôi nhà hóng gió và những tin tức đang đợi chàng ở đó.

Phố hẻm vẫn vắng tanh và vẫn thứ ánh sáng mờ mờ êm dịu vô tình tỏa ra ngoài cửa sổ.

D'Artagnan bỗng nghĩ đến căn lều tuy lụp xụp im lìm và tối tăm kia nhưng biết dâu lại thấy hết và có thể nói ra hết mọi điều chăng.

Cửa hàng rào đóng kín, chàng đành nhảy qua và mặc cho con chó bị xích sủa vang, chàng vẫn cứ đến gần túp lều.

Chàng gõ cửa, lúc đầu không ai trả lời. Một sự im lặng chết chóc ngự trự trong căn lều cũng như trong ngôi nhà hóng gió.

-Tuy nhiên, túp lều là nguồn thông tin cuối cùng rồi, chàng đành cứ gõ.

Rồi hình như có tiếng động nhẹ bên trong, một thứ tiếng động sợ sệt như thể run rẩy do sợ bị nghe thấy.

Thế là D'Artagnan thôi không gố nữa và nãn nỉ, van nài, giọng đầy lo âu và hứa hẹn, đầy hãi hùng và ve vãn, khiến cho tiếng nói của chàng tự nhiên lại làm yên tâm được kẻ dễ sợ sệt nhất. Cuối cùng thì một cánh cửa sổ cũ mọt cũng mở ra, đúng hơn là chỉ hé mở rồi lại đóng lại ngay khi ánh sáng của một chiếc đèn tồi tàn đang cháy ở góc lều chiếu lên dải đeo gươm, chuôi gươm và chuôi súng ngắn của D'Artagnan, Trong khi đó D'Artagnan vẫn kịp nhận ra mặt một ông lão, dù cho cửa đập lại rất nhanh.

-Có Chúa chứng giám! – Chàng nói – Xin hãy nghe cháu. Cháu đợi một người mà không thấy tới, cháu đang lo đến chết đây. Đã có chuyện gì không may xảy ra ở quanh đây ư? Cụ nói đi!

Chiếc cửa sổ lại từ từ mở ra, và vẫn bộ mặt ấy hiện ra, chỉ có điều nó còn nhợt nhạt hơn cả lần trước.

D'Artagnan hồn nhiên kể lại chuyện của mình, thay đổi tên người đôi chút. Chàng nói có một cuộc hẹn hò với một thiếu phụ trước ngôi nhà hóng gió như thế nào, và không thấy nàng đến ra sao, chàng trèo lên cây thanh quất và qua ánh đèn nhợt nhạt đã thấy sự rối loạn trong căn phòng thế nào.

Ông lão chám chú lắng nghe, chốc chốc lại tỏ ý đúng như vậy Rồi khi D'Artagnan đã nói xong, ông lão lắc đầu tỏ ý ái ngại.

-Cụ muốn nói sao? – D'Artagnan kêu lên – Trời ơi, cụ nói rõ ra cho cháu nghe nào.

-Ồ, ông ơi! – Cụ già nói – Đừng hỏi gì tôi cả, bởi vì nếu tôi nói với ông những gì tôi đã thấy chắc chắn sẽ xảy ra những điều không hay cho tôi.

-Vậy chắc cụ đã trông thấy chuyện gì đó rồi? – D'Artagnan vừa nói tiếp vừa ném cho ông cụ một đồng vàng – Trong trường hợp ấy, có Chúa nhìn thấy gì, và cháu xin lấy danh dự của một nhà quý tộc ra thề không một lời nào của cụ hé ra khỏi miệng cháu.

Ông cụ đọc thấy trên mặt D'Artagnan biết bao vẻ thực thà và đau đớn, liền ra hiệu cho chàng hãy chú ý nghe rồi nói khẽ:

"Lúc đó khoảng gần chín giờ, tôi nghe thấy có tiếng động gì đó ở ngoài phố và tôi định ra xem xảy ra chuyện gì thì ra gần đến cửa, tôi thấy người ta đang tìm cách vào nhà tôi. Tôi vốn nghèo chả sợ ai trộm cắp đang định mở cổng thì thấy ba người cách đó mấy bước. Trong bóng tối có một cỗ xe thắng ngựa và mấy con ngựa dắt. Mấy con ngựa dắt hiển nhiên là của ba người đàn ông ăn mặc theo lối kỵ sĩ rồi. Tôi kêu lên: -A! Các quý ông? Các quý ông muốn hỏi gì?

-Ngươi hẳn có một cái thang chứ? – Người có vẻ đứng đầu nhóm hộ tống hỏi tôi.

-Vâng, thưa ông, có một chiếc tôi vẫn trèo để hái quả.

-Đưa đây cho chúng ta, rồi lui vào trong nhà, đây là một đồng vàng vì chúng ta đã quấy quả ngươi. Và nhớ nếu ngươi chỉ nói ra một câu thôi những gì ngươi sắp trông thấy và nghe thấy bởi ngươi sẽ nhìn và sẽ chú ý nghe, ta tin chắc là như thế, dù chúng ta đã hăm dọa ngươi, ngươi sẽ toi mạng.

Nói rồi, hắn ta vứt cho tôi đồng tiền, tôi nhặt lấy và hắn mang thang đi!

Quả nhiên, sau khi đã đóng cổng hàng rào, tôi làm như trở vào nhà nhưng tôi lại ra ngay bằng lối cửa sau, luồn trong bóng tối tới tận lùm cây mộc hương, ở giữa lùm cây ấy, tôi có thể nhìn thấy hết mà không ai biết.

Ba người đó cho cỗ xe tiến về phía trước không một tiếng động, và lôi ra khỏi xe một người đàn ông lùn tịt, to ngang, tóc hoa râm, ăn mặc xuềnh xoàng, quần áo màu tối sẫm, người này thận trọng trèo lên thang, nham hiểm nhìn vào trong căn phòng rồi lại lén lút tụt xuống và nói nhỏ: -Đúng ả ta!

Người đã nói chuyện với tôi lập tức đến gần cửa ngôi nhà hóng gió, dùng chiếc chìa khóa mang theo mở ra, đóng lại rồi biến mất. Cùng lúc đó hai người kia trèo lên thang. Lão già thấp bé đứng ở cửa xe, người đánh xe vẫn kìm mấy con ngựa thắng vào xe, và một tên hầu giữ mấy con ngựa cưỡi.

Bất thình lình những tiếng kêu thét vang lên trong ngôi nhà hóng gió, một người đàn bà chạy tới định mở cửa sổ nhào xuống.

Nhưng vừa thấy hai người đàn ông, bà ta nhảy lùi lại đằng sau, hai người đàn ông kia lao qua cửa sổ đuổi theo bà ta trong căn phòng.

Thế rồi chẳng nhìn thấy gì nữa. Nhưng tôi nghe thấy tiếng đồ đạc bị đập gãy. Người đàn bà kêu cứu. Nhưng những tiếng kêu bị dập tắt ngay, ba người đàn ông

lại gần cửa sổ, khênh bà ta trên cánh tay, hai người xuống thang và chuyển bà ta vào trong xe, và lão già sau đó cũng chui vào. Tên còn lại trong ngôi nhà hóng gió đóng cửa sổ lại, một lát sau theo lối cửa ra khỏi nhà, kiểm tra xem người đàn bà đã chắc chắn ở trong xe chưa.

Hai tên đồng bọn đã lên ngựa đợi hắn, đến lượt hắn cũng nhảy lên yên, tên hầu lên ngồi cạnh người đánh xe, cỗ xe được ba kỵ sĩ hộ tống xa dần theo bước ngựa phi nước đại, và thế là hết. Từ lúc đó, tôi không còn trông thấy, nghe thấy gì hết."

D'Artagnan điếng người vì cái tin khủng khiếp đó, đứng lặng câm đi, trong khi đó tất cả những con quỷ giận dữ và ghen tuông gào thét trong lòng chàng. Nỗi thất vọng lặng câm đó hẳn đã tác dụng đến ông lão nhiều hơn nước tiếng kêu rên và nước mắt, khiến ông bảo chàng: -Nhưng ông quý tộc này, thôi đi, đừng buồn phiền, chúng không giết mất người đàn bà của ông, đấy mới là điều cốt yếu.

D'Artagnan liền hỏi: -Cụ có biết tí chút nào cái kẻ đã điều khiển cái cuộc viễn chinh âm ty địa ngục này không?

-Tôi chả biết gì về hắn.

-Nhưng một khi hắn đã nói với cụ thì cụ cũng nhìn thấy hắn chứ?

-À, ông muốn hỏi lão về đặc điểm của hắn chứ gì?

-Vâng.

-Một kẻ rắn sắt lại, da ngăm nâu, ria mép đen, mắt đen, dáng vẻ một nhà quý tộc.

-Đúng nó rồi? – D'Artagnan kêu lên – Vẫn lại nó! Luôn luôn nó. Hình như nó là con quỷ ám của tôi! Còn tên kia?

-Tên nào?

-Tên lùn tịt ấy.

-Ồ, tôi đảm bảo hắn không thuộc loại quyền quý. Vả lại, hắn không đeo gươm, những kẻ khác đối xử với hắn có vẻ khinh thường lắm.

-Chắc một tên hầu nào đó – D'Artagnan lẩm nhẩm – Ôi người phụ nữ tội nghiệp! Tội nghiệp cho nàng. Chúng nó đã làm gì nàng?

-Ông đã hứa giữ kín cho tôi đấy nhé – Ông già nói.

-Và cháu xin hứa lại với cụ lần nữa. Cụ yên tâm. Cháu là một nhà quý tộc. Một nhà quý tộc chỉ có một lời hứa và cháu đã hứa với cụ rồi.

D'Artagnan, lòng sầu não, trở lại con đường ra bến đò, lúc thì chàng không thể tin nổi đấy là bà Bonacieux và hy vọng hôm sau sẽ gặp lại nàng ở điện Louvre, lúc chàng lại e ngại nàng có chuyện dan díu với một người nào khác và tên ghen tuông ấy đã bắt quả tang và đem nàng đi[62], chàng phân vân, chàng rầu rĩ, chàng tuyệt vọng.

-Ôi, giá ta có các bạn ta ở đấy! chàng kêu lên – Ít nhất ta cũng sẽ có hy vọng tìm lại được nàng nhưng ai biết được bây giờ chính họ ra sao?

Đã gần nửa đêm. Phải tìm gặp lại Planchet thôi. D'Artagnan lần lượt gõ cửa tất cả các quán rượu mà chàng thấy còn ánh đèn le lói ở bên trong nhưng chẳng quán nào thấy Planchet cả.

Đến quán thứ sáu, chàng bắt đầu nghĩ tìm kiếm thế này chẳng qua cũng chỉ cầu may thôi. D'Artagnan chỉ hẹn với người hầu đến sáu giờ sáng mai, thì dù lúc này nó ở đâu đi nữa vẫn là quyền của nó.

Hơn nữa, chàng chợt nảy ra ý nghĩ, cứ nán lại quanh quẩn nơi sự cố xảy ra, có khi lại thu thêm được một điều gì đó làm sáng tỏ thêm cái vụ bí ẩn này. Thế là chàng dừng lại ở quán thứ sáu, gọi một chai vang thượng hạng, dựa tay trong góc tối nhất và quyết định ngồi đợi như thế đến sáng hôm sau, nhưng lần này nữa chàng lại hy vọng hão huyền và cho dù có hết sức lắng tai, chàng cũng chỉ nghe thấy giữa những tiếng nguyền rủa là những lời nhạo báng, chửi bới, lời qua tiếng lại giữa đám thợ chuyển, người hầu và phu xe hợp thành cái xã hội đáng kính mà chàng đang tham gia này, chứ chẳng có gì có thể giúp chàng lần ra dấu vết người đàn bà tội nghiệp bị bắt cóc.

Sau khi đã nốc hết chai vang do chẳng có việc gì làm và để khỏi dấy lên những nghi ngờ, chàng đành miễn cưỡng tìm trong góc mình ngồi, một tư thế thuận lợi nhất để ngủ thiếp đi đã, muốn ra sao thì ra.

D'Artagnan mới hai mươi tuổi, và ở cái tuổi ấy, giấc ngủ có những quyền vĩnh cửu để đòi hỏi một cách khẩn thiết cả đối với những con tim tuyệt vọng nhất.

Khoảng sáu giờ sáng, D'Artagnan thức dậy với một nỗi khó chịu thường thấy lúc sáng sớm sau một đêm tồi tệ. Chàng rửa ráy qua loa, kiểm tra xem người ta có lợi dụng chàng ngủ lấy cắp mất gì không, và thấy chiếc nhẫn kim cương vẫn trên ngón tay, ví tiền vẫn nguyên trong túi, súng ngắn vẫn ở đai lưng, liền đứng lên trả tiền chai rượu rồi đi ra để xem sáng nay việc tìm kiếm tên hầu của mình có may mắn hơn đêm qua không. Quả nhiên, thứ đầu tiên chàng trông thấy trong màu sương ẩm ướt và nhờ xám chính là tên Planchet thật thà, tay dắt hai con ngựa, đang đợi chàng ở ngoài cửa một quán rượu nhỏ tồi tàn mà giá D'Artagnan có đi qua trước cửa cũng không ngờ nó đang tồn tại.

§25. Porthos

Đáng lẽ về thẳng nhà D'Artagnan lại xuống ngựa trước cửa nhà ông De Treville, leo vội lên cầu thang, lần này, chàng quyết định kể cho ông nghe tất cả những gì vừa diễn ra. Chắc chắn, ông sẽ cho chàng những lời khuyên tốt trong toàn bộ vụ này.

Rồi, vì ông De Treville hầu như gặp Hoàng hậu hàng ngày, biết đâu ông lại chẳng thể moi được ở Hoàng hậu tin tức nào đấy về người đàn bà tội nghiệp mà nữ chúa của nàng hẳn phải đền đáp lòng tận tụy của nàng với mình.

Ông De Treville lắng nghe câu chuyện chàng trai kể với mức độ nghiêm trọng chứng tỏ ông nhìn thấy một cái gì khác với chuyện dan díu yêu đương, trong toàn bộ cuộc phiêu lưu này.

Rồi khi, D'Artagnan đã kể xong, ông nói: -Hừm, tất cả chuyện này, cách xa một dặm cũng đã ngửi thấy mùi của Giáo chủ.

-Nhưng phải làm gì? – D'Artagnan hỏi.

-Không làm gì hết, tuyệt đối không, lúc này, chỉ có rời khỏi Paris như ta đã bảo anh đó, càng sớm càng tốt. Ta sẽ gặp Hoàng hậu, ta sẽ kể lại mọi tình tiết về sự biến mất của người phụ nữ tội nghiêp, chắc bà còn chưa biết gì, những tình tiết ấy sẽ dẫn dắt bà phải làm gì về phía bà, và khi anh trở về, có thể ta sẽ có một tin tốt lành nào đó để nói với anh. Cứ yên tâm ở ta.

D'Artagnan biết rằng, dù là dân Gátxcông, ông De Treville không có thói quen hứa hẹn và khi tình cờ ông đã hứa, thì ông còn giữ lời hứa hơn đã ngỏ. Chàng liền chào ông, đầy lòng biết ơn cả trong quá khứ lẫn với tương lai, và ông đại úy đáng kính về phần mình cũng cảm thấy một mối thiện cảm mãnh liệt đối với chàng trai đến là can trường và kiên định, và trìu mến bắt tay chúc chàng lên đường may mắn.

D'Artagnan quyết định thực hiện ngay lúc này những lời khuyên của ông De Treville, rẽ về đường Phu đào huyệt, lo việc gói ghém quần áo. Về tới gần nhà, chàng nhận ra lão Bonacieux trong quần áo buổi sáng, đang đứng ở ngưỡng cửa. Tất cả những gì mà gã Planchet cẩn tắc đã nói với chàng đêm trước về tính tình nham hiểm của lão chủ nhà lúc này lại hiện ra trong đầu. D'Artagnan đang nhìn lão chăm chú hơn bao giờ hết. Thật quả, ngoài cái màu nhợt nhạt vàng nhờ bệnh hoạn chỉ rõ mật thấm tràn trong máu, mà cũng có thể chỉ là ngẫu nhiên, D'Artagnan còn nhận ra một cái gì đó tráo trở nham hiển nơi những nếp nhăn trên mặt lão. Một tên bịp bợm không cười giống như một người thật thà, một kẻ đạo đức giả không khóc bằng những giọt nước mắt của người trung thực. Mọi giả tạo đều là một cái mặt nạ, và cho dù cái mặt nạ có làm khéo đến đâu, chỉ cần hơi chú ý, người ta vẫn phân biệt được với mặt thật.

Với D'Artagnan, hình như lão có đeo một cái mặt nạ thật và lại là cái mặt nạ khó coi nhất. Do đó, không thoát ra khỏi sự ghê tởm đối với con người đó, chàng đang định đi qua trước mặt mà không nói gì, thì giống như đêm trước, lão Bonacieux gọi chàng: -Ê này, chàng trai trẻ – lão nói với chàng – Hình như đêm qua chúng ta ngủ mòng mắt? Bẩy giờ sáng rồi, khỉ thật! Tôi thấy hình như ông hơi đảo lộn những thói quen cũ, ông trở về nhà vào lúc người khác ra đi.

-Ngài Bonacieux ạ, người ta sẽ không thể trách ngài như vậy – chàng trai nói – vì ngài là mẫu mực cho những con người nền nếp mà. Đúng là khi người ta có một cô vợ trẻ đẹp, người ta cần gì phải tìm hạnh phúc ở đâu. Chính hạnh phúc tự khắc nó tìm đến mình có phải không ngài Bonacieux?

Bonacieux tái người đi như một xác chết, nhăn nhó cười: -Chà, chà! Ông là một tay vui tính đấy. Nhưng đêm vừa rồi ông chạy nhông đi đâu thế, hở chú mình? Hình như đi ngang về tắt là không hay đâu đấy.

D'Artagnan cúi xuống nhìn đôi ủng đầy bùn của mình, nhưng đồng thời cũng nhìn luôn giầy tất lão hàng xén. Có thể nói chúng cùng chung một giuộc, của chàng và của lão đều vấy bẩn cùng một thứ bùn.

Thế là đột nhiên một ý nghĩ đi xuyên qua đầu chàng. Cái lão tóc hoa râm lùn tịt, to bè, một loại người hầu, mặc sẫm màu, bị bọn đeo gươm đi hộ tống đối xử miệt thị đích thực là Bonacieux chứ còn ai nữa. Tên chồng đã chủ mưu việc bắt cóc vợ mình.

D'Artagnan tự nhiên thèm muốn khủng khiếp nhảy chồm lên cổ họng lão hàng xén bóp hắn chết ngay, nhưng, như đã nói, chàng là một chàng trai rất thận trọng nên kìm giữ được. Tuy nhiên sự đảo lộn diễn ra trên mặt chàng vẫn cứ lồ lộ khiến Bonacieux hoảng và định thử lùi lại, nhưng lão lại ở ngay trước cửa mà cánh cửa lại đóng, khiến lão buộc phải đứng nguyên tại chỗ.

-Ra thế đấy. Nhưng con người tử tế ạ, ông lại đùa rồi – D'Artagnan nói – Tôi thấy hình như nếu đôi ủng của tôi cần phải lau chùi thì giầy, tất của ông cũng đòi bàn chải giúp đấy. Về phần mình, chắc ngài cũng lang thang phải không ngài Bonacieux? Chà, Mẹ kiếp! Như thế thì không thể nào tha thứ cho một người ở vào lứa tuổi ông, thêm nữa lại có một người vợ trẻ đẹp như vợ ông.

-Ôi, lạy Chúa, không phải thế – Bonacieux nói – mà hôm qua tôi đã ở Thánh Măngđê để nắm được tin tức về một con ở, không có nó tuyệt đối không được, và vì đường sá quá tồi, nên tôi đã tha cả đám bùn này về mà chưa có thì giờ làm sạch.

Địa điểm mà Bonacieux chỉ ra là lão đã đi đến đấy, lại là bằng chứng mới làm cho những nghi ngờ của D'Artagnan thêm vững vàng. Bonacieux nói đến Thánh Măngđê, bởi vì Thánh Măngđê ngược lại hoàn toàn phía Saint-Clu.

Khả năng xảy ra như thế làm chàng vơi dịu đi một phần. Nếu Bonacieux biết vợ mình hiện đang ở đâu vẫn có thể dùng những biện pháp cực đoan cậy răng lão

hàng xén để tìm ra bí mật. Chỉ còn việc biến khả năng đó thành tất yếu.

-Xin lỗi, ông Bonacieux thân mến, nếu tôi xử sự với ông hơi khiếm nhã – D'Artagnan nói – nhưng không gì khát bằng đêm không được ngủ, tôi đang khát phát điên đây, vậy cho phép tôi vào uống cốc nước trong nhà ông nhé, ông cũng rõ, giữa hàng xóm với nhau, việc đó cũng tự nhiên thôi.

Và chẳng đợi chủ nhà cho phép, D'Artagnan cứ vào và liếc mắt nhanh nhìn cái giường, cái giường vẫn phẳng phiu.

Bonacieux không nằm ngủ, vậy là lão chỉ vừa mới về nhà được một hai giờ thôi. Lão đã bám theo vợ lão đến tận nơi người ta dẫn vợ lão đến, hoặc ít nhất cũng đến trạm đầu tiên.

D'Artagnan vừa uống cạn cốc nước vừa nói: -Cám ơn ngài Bonacieux nhé. Tôi chỉ cần ở ông có thế thôi. Bây giờ tôi về nhà tôi đây. Tôi sẽ bảo Planchet đánh ủng cho tôi, khi nào nó làm xong, nếu ông muốn, tôi sẽ sai nó sang đánh giầy cho ông.

Và chàng rời nhà tay hàng xén còn đang hết sức ngỡ ngàng về sự chia tay kỳ lạ đó và tự hỏi có phải đã đâm đầu vào bẫy của chính mình không.

Lên đến trên thang gác, chàng thấy Planchet đang hốt hoảng. Thoạt trông thấy chủ mình, gã đã kêu lên: -Ôi, ông chủ, lại có chuyện rồi, mà tôi thấy ông về muộn quá đấy?

-Có chuyện gì vậy – D'Artagnan hỏi.

-Ồ, tôi cho ông chủ đoán một trăm, không, cho hẳn một nghìn lần đấy xem tôi đã thay ông khi vắng mặt tiếp ai đến thăm nào?

-Khi nào?

Nửa giờ trước đây, khi ông còn ở nhà ông De Treville ấy.

-Vậy là ai đến, thôi nói đi nào.

-Ông De Cavoa.

-Ông De Cavoa ư?

-Đích thân ông ấy.

-Ông đại úy cận vệ của Đức ông?

-Chính ông ấy.

-Đến bắt ta?

-Tôi nghĩ vậy, thưa ông, mặc dầu vẻ mềm mỏng của ông ta.

-Mi bảo lão ta mềm mỏng?

-Nghĩa là như mật ong luôn, thưa ông.

-Đúng thế chứ?

-Ông ta nói mình đến là do Đức Giáo chủ phái đến, có nhã ý mời ông theo ông ta đến Hoàng cung.

-Thế mi trả lời thế nào?

-Là việc ấy không thể được, vì ông có ở nhà đâu, ông ta có thể thấy đấy.

-Thế lão ta bảo sao?

-Rằng, nội nhật hôm nay, ông đừng quên đến nhà ông ấy, rồi còn ghé tai nói thêm: "Bảo với chủ anh là Đức ông hoàn toàn biệt đãi chủ anh, tương lai tốt đẹp của chủ anh có lẽ phụ thuộc vào cuộc tiếp kiến này."

-Cái bẫy của Giáo chủ hơi vụng về. – Chàng mỉm cười nói.

-Thì tôi cũng thấy đó là cái bẫy chứ, và tôi trả lời khi ông trở về chắc ông sẽ tiếc lắm. "Thế ông ấy đi đâu?" ông De Cavoa hỏi tôi. Tôi trả lời: "Đi Troa vùng Săm panhơ", "Ông ấy đi bao giờ? " "Tối hôm qua."

-Planchet, anh bạn của ta – D'Artagnan ngắt lời – mi thực sự là của quý của ta đấy.

-Ông biết không, tôi nghĩ nếu ông muốn gặp ông De Cavoa ông cứ việc bảo rằng ông chẳng đi đâu cả, rằng tôi nói dối đấy thôi, vẫn còn kịp chán, vì tôi không phải là nhà quý tộc, tôi có thể nói dối mà.

-Yên tâm đi, Planchet, mi sẽ giữ được danh tiếng một con người chính trực. Mười lăm phút nữa chúng ta sẽ đi.

-Tôi cũng đang định khuyên ông chủ như vậy. Nhưng ta đi đâu tôi không quá tò mò đấy chứ?

-Mẹ kiếp! Cứ đi ngược lại phía mi nói ta đã đi ấy. Vả lại, chắc mi không kém sốt ruột biết tin về Mousqueton, Grimaud và Bazin như ta muốn biết xem Athos, Porthos và Aramis ra sao chứ?

-Muốn quá chứ – Planchet nói. – Ông muốn lúc nào là tôi đi ngay. Không khí ở tỉnh nhỏ tôi tin là tốt hơn cho chúng ta ở Paris. Vậy nên…

-Vậy thì, gói ghém áo quần đi, Planchet và ta đi. Ta sẽ đi trước, hai tay đút túi, để đừng ai nghi ngờ. Mi sẽ đuổi kịp ta ở dinh trại cận vệ. À, Planchet này, ta tin mi nói đúng về lão chủ nhà đấy, chắc hẳn lão là một tên vô lại kinh tởm rồi.

-Ồ, xin ông chủ cứ tin tôi, khi tôi nói với ông điều gì, tôi là thầy tướng đấy.

D'Artagnan xuống trước như đã thỏa thuận, và để khỏi phải băn khoăn điều gì, chàng rẽ tới nhà ba bạn mình lần cuối nhưng cũng chẳng nhận được tin gì. Chỉ có mỗi một bức thư thơm nức và chữ viết rất nhỏ và bay bướm gửi cho Aramis. D'Artagnan nhận chuyển thư bộ. Mười phút sau, Planchet đuổi kịp chàng ở chuồng ngựa dinh trại cận vệ. Để khỏi mất thì giờ, D'Artagnan tự đóng lấy yên cương.

-Tốt lắm – chàng bảo Planchet, khi gã đã buộc gói quần áo vào túi hành trang – Bây giờ đóng yên cương cho ba con ngựa rồi ta đi.

-Ông tin mỗi người hai ngựa, ta sẽ đi nhanh hơn ư? – Planchet hỏi, sẽ tinh quái.

-Không, thưa ông đùa tồi – D'Artagnan trả lời – nhưng với bốn con ngựa, chúng ta có thể đem ba ông bạn của ta về, nếu ta tìm thấy họ còn sống.

-Nếu như thế sẽ là quá may đấy – Planchet trả lời – nhưng rất cuộc không nên thất vọng ở sự nhân từ của Thượng đế.

-Amen! – D'Artagnan nói và phốc lên ngựa.

Và cả hai ra khỏi dinh trại cận vệ, đến đầu phố, tách nhau ra, người đi trước, qua trạm Vi-lét, và người kia qua trạm Mông Mac ra khỏi Paris rồi ra ngoài gặp lại nhau ở Saint-Denis, một phương sách chiến lược được thực hiện cùng độ chính xác, đáng được khen thưởng vì kết quả tốt đẹp. D'Artagnan và Planchet cùng vào Piefit một lúc.

Phải nói Planchet ban ngày can đảm hơn ban đêm. Tuy nhiên tính thận trọng tự nhiên chẳng rời gã một phút. Gã không quên bất kỳ sự cố nào trong cuộc du hành lần trước, và luôn coi tất cả những ai gã chạm trán ở trên đường là kẻ thù. Việc đó dẫn đến gã không rời chiếc mũ trong tay khiến cho D'Artagnan sợ do sự lễ phép thái quá của người hầu, người ta coi mình là người tầm thường, nên đã quở trách Planchet thậm tệ.

Tuy nhiên, quả thật hoặc những người qua đường cảm động vì sự nhã nhặn của Planchet, hoặc lần này chẳng có ai rình rập trên đường, hai người tới Săngtily không gặp bất trắc gì và xuống ngựa ở lữ quán Saint-Martin lớn, vẫn cái lữ quán họ đã dừng chân chuyến đi trước.

Chủ quán thấy một chàng trai, theo sau có một tên hầu tay dắt hai ngựa, liền trịnh trọng tiến ra ngưỡng cửa. Mà vì đã đi được mười một dặm, nên D'Artagnan cho là nên nghỉ, dù Porthos có còn trong quán hay không còn đấy nữa. Rồi có thể sẽ là thiếu thận trọng nếu chưa chi đã hỏi xem chàng ngự lâm kia ra sao, nghĩ vậy, D'Artagnan xuống ngựa, giao ngựa cho người hầu rồi vào một phòng dành cho những ai muốn ngồi riêng, gọi một chai vang loại thượng hạng và một bữa điểm tâm càng ngon càng tốt, làm tăng thêm thiện cảm của chủ quán vốn là đã có từ lúc mới gặp lữ khách.

Vì thế, D'Artagnan được phục vụ nhanh chóng lạ kỳ.

Binh đoàn cận vệ tuyển mộ trong số đệ nhất quý tộc của vương quốc, và D'Artagnan với một người hầu theo sau, lại đi du hành với bốn người ngựa đẹp, mặc dầu bộ đồng phục giản dị vẫn không khỏi khiến người ta trọng nể. Chủ quán muốn đích thân phục vụ. Thấy thế D'Artagnan bảo mang ra hai chiếc cốc và gợi chuyện.

-Thật tình, ông chủ thân mến ạ – D'Artagnan rót đầy hai cốc và nói – tôi đã gọi loại vang hảo hạng của ông, và nếu ông lừa tôi, ông sẽ bị trừng phạt ở chỗ ông mắc tội, vì tôi ghét uống một mình, ông sẽ uống cùng tôi. Ông hãy nâng cốc và ta cùng uống. Ta uống chúc cái gì nhỉ, ở cái gì không phật lòng ai được nhỉ? À ta uống cho sự thịnh vượng của lữ quán ông.

-Quý ông làm cho tôi vinh dự quá – chủ quán nói – tôi xin thành thực cảm ơn lời chúc của ông.

-Nhưng xin ông đừng nhầm đấy – D'Artagnan nói – trong lời chúc của tôi, nó nhuốm màu ích kỷ nhiều hơn là ông nghĩ đấy.

-Có những quán làm ăn thịnh vượng, khách hàng được tiếp đón chu đáo, trong những lữ quán đang sa sút, tất cả đều rối tinh lên, và khách trọ thành nạn nhân của sự lúng túng của người chủ. Mà tôi lại đi du hành nhiều, nhất là trên con đường này, tôi muốn thấy tất cả các ông chủ quán đều làm ăn phát đạt.

-Quả thật – chủ quán nói – hình như đây không phải lần đầu tiên tôi có vinh dự được gặp ngài.

-Ồ, tôi qua Săngtily có lẽ tới chục lần rồi ấy chứ và trong số chục lần ấy, ít ra tôi cũng dừng lại ở quán ông ba bốn lần. Ông nhớ chứ, tôi vừa ở quán này cách đây mười hai ngày gì đó. Tôi dẫn đường cho mấy người bạn tôi, mấy ông ngự lâm quân, rồi một ông cậy mình là ngự lâm quân cãi lộn với một người lạ, người này chẳng biết kiếm cớ gì gây sự với ông ấy.

-À, thôi đúng rồi! – Chủ quán nói – Tôi nhớ hết chuyện đó.

-Có phải là ông Porthos quý ngài muốn nói với tôi không?

-Đúng, đấy là tên người bạn đồng hành của tôi. Lạy Chúa, ông chủ thân mến, nói cho tôi biết nào, bạn tôi có gặp chuyện không may gì không?

-Nhưng quý ngài chắc đã rõ ông ấy không thể tiếp tục lên đường.

-Quả vậy, ông ấy có hứa đuổi kịp chúng tôi, nhưng chúng tôi không gặp lại.

-Ông ấy đã cho chúng tôi cái vinh dự là ở lại đây.

-Sao? Ông ấy đã cho ông vinh dự ở lại đây?

-Vâng, thưa ông, trong lữ quán này. Chúng tôi còn rất lo ngại nữa.

-Về chuyện gì?

-Về các khoản chi dùng của ông ấy.

-Nhưng ông ấy dùng gì thì ông ấy sẽ trả chứ.

-Ôi, thưa ông, ông đúng là bôi cao xoa vào máu tôi rồi! Chúng tôi đã ứng trước những khoản lớn, và sáng nay nữa, nhà phẫu thuật tuyên bố với chúng tôi, nếu ông Porthos không trả tiền ông ấy, chính tôi phải chịu phạt, bởi vì chính tôi cho người đi tìm ông ấy.

-Nhưng Porthos bị thương ư?

-Thưa ông, tôi không thể nói ra với ông.

-Sao, ông không thể nói với tôi? Ông chắc phải biết rõ hơn ai hết chứ.

-Vâng, nhưng trong tình trạng hiện thời của chúng tôi, chúng tôi không nói tất cả những gì mình biết được thưa ông, nhất là khi người ta đã báo trước tai của chúng tôi đảm bảo cho lưỡi của chúng tôi.

-Vậy tôi có thể gặp Porthos không?

-Được chứ, thưa ông. Ông hãy theo cầu thang lên tầng một gõ cửa phòng số 1. Có điều ông phải báo trước là chính ông.

-Sao, tôi báo trước là chính tôi?

-Vâng, bởi ông có thể gặp chuyện rủi.

-Chuyện rủi nào xảy đến với tôi?

-Ông Porthos có thể tưởng lầm ông là người nhà này, và trong lúc tức giận, có thể đâm cho ông một mũi gươm xuyên qua người hoặc bắn vỡ sọ ông.

-Thế ông đã làm gì ông ấy?

-Chúng tôi chỉ đòi tiền ông ấy thôi.

-Ôi đồ quỷ! Tôi hiểu chuyện rồi. Đòi tiền trong khi không còn nữa thì Porthos luôn bậy bả rồi. Nhưng tôi biết chắc là ông ấy còn nhiều tiền kia mà.

-Thì tôi cũng nghĩ như thế, thưa ông. Nhà hàng chúng tôi vốn rất quy củ, tính toán hàng tuần, được khoảng tám ngày chúng tôi đưa ông ấy hóa đơn, nhưng hình như chúng tôi đưa không đúng lúc, vừa mới nói được câu đầu về chuyện thanh toán, ông ấy đã chửi vang lên, đúng là đêm trước ông ấy đánh bạc thật.

-Thế nào, đánh bạc đêm trước. Với ai?

-Ôi, Chúa ơi, ai biết được? Với một quý ông đi qua, và ông Porthos ngỏ ý chơi bạc với ông kia.

-Thế là kẻ khốn khổ nhẵn túi?

-Luôn cả con ngựa nữa thưa ông, vì khi người lạ mặt sắp ra đi, tôi thấy người hầu của ông ta đóng yên vào con ngựa của ông Porthos. Lúc đó chúng tôi cũng đưa ra nhận xét với người khách lạ, nhưng người này trả lời chúng tôi đừng dây vào chuyện không liên quan đến mình, và con ngựa đó là của ông ta. Chúng tôi cũng đã báo ngay cho ông Porthos điều gì vừa xảy ra, nhưng ông ấy bảo chúng tôi là đồ xấc láo mới đi nghi ngờ lời nói của một nhà quý tộc và rằng một khi ông ta đã nói con ngựa ấy là của ông ta, ắt nó là của ông ta.

-Tôi thừa biết điều đó rồi! – D'Artagnan lẩm nhẩm.

Ông chủ quán tiếp tục: -Thế là tôi cho người đến nói với ông ấy rằng vì hình như chúng tôi không thể đi đến một thỏa thuận nào về việc thanh toán, tôi hy vọng ít nhất ông cũng tỏ ra biết điều, bạn cho đồng nghiệp của tôi ở lữ quán Chim Phượng hoàng cái ân huệ đón ông sang bên đó. Nhưng ông Porthos đáp lại rằng, vì quán của tôi tốt nhất, ông muốn lưu lại đây. Câu trả lời quá tâng bốc ấy khiến tôi không dám vật nài ông đi nữa. Tôi chỉ dám giới hạn xin ông trả lại căn phòng là phòng đẹp nhất lữ quán, vui lòng lên căn phòng xinh xắn ở tầng ba. Nhưng ông Porthos nói lúc nào ông cũng ngóng đợi người tình của ông là một trong những phu nhân quyền quý nhất triều đình, tôi đành phải hiểu rằng căn phòng mà ông đem lại cho tôi vinh dự là đã cư trú ở đấy chắc còn tồi tàn hơn nhiều đối với một nhân vật như thế. Tuy nhiên, dù nhận ra điều ông nói là hoàn toàn có thật tôi vẫn cứ vật nài ông, nhưng rồi chẳng thèm bàn cãi gì với tôi ông vớ luôn khẩu súng ngắn đặt lên bàn ngủ và tuyên bố chỉ cần nói ướm một câu về việc chuyển phòng dù sang phòng khác hay quán khác, ông sẽ bắn vỡ sọ kẻ nào

dại dột đi xen vào chuyện chỉ liên quan đến ông, vì thế, từ lúc đó, không ai dám vào phòng ông, nếu không phải tên đầy tớ của ông.

-Vậy Mousqueton cũng ở đây?

-Vâng thưa ông, hắn đi đâu đó năm ngày rồi trở về mặt mũi cau có. Hình như trong chuyến đi hắn cũng gặp những chuyện bực bội. Khốn thay, hắn nhanh nhẹn tháo vát hơn chủ hắn cho nên cái gì cần cho chủ là hắn lục tung lên bằng được, vì nghĩ nếu hỏi có thể lại bị từ chối, hắn cứ lấy phứa mà chẳng hỏi ai.

-Thật ra – D'Artagnan trả lời – tôi luôn nhận thấy ở Mousqueton một lòng tận tụy và trí thông minh rất cao.

-Có thể đúng đấy, thưa ông, nhưng giả thử mà mỗi năm hắn đến tìm tôi bốn lần thì sau khi tiếp xúc với trí thông minh và lòng tận tâm ấy, chắc chắn tôi sẽ khuynh gia bại sản.

-Không, Porthos sẽ trả ông.

-Hừm! – Chủ quán tỏ vẻ nghi ngờ.

-Porthos là người được một vị đại phu nhân yêu quý, bà ta sẽ không để ông ấy trong tình trạng lúng túng và khốn khó đang mắc với ông đâu.

-Nếu như tôi dám nói ra điều tôi tin trong chuyện này…

-Ông tin thế nào?

-Còn hơn là tin, mà là biết.

-Điều mà ông biết?

-Mà còn biết chắc chắn nữa.

-Nhưng ông biết chắc chắn điều gì?

-Tôi nói là tôi biết cái bà đại phu nhân ấy.

-Ông?

-Vâng, tôi.

-Thế làm thế nào ông biết được?

-Ồ, thưa ông, liệu tôi có thể tin được tính kín đáo của ông không?

-Ông nói đi, xin thề danh dự của người quý tộc, ông sẽ không phải hối tiếc về sự tin cậy của ông đâu.

-Đó, ông xem, sự lo lắng cũng làm được khối việc đấy chứ.

-Ông đã làm được những việc gì?

-Ồ, chẳng có gì ngoài việc một chủ nợ có quyền làm.

-Rốt cuộc là cái gì?

-Ông Porthos trao cho chúng tôi một bức thư cho bà nữ Công tước đó, và dặn chúng tôi bỏ vào hòm thư. Gã đầy tớ của ông ấy chưa về. Vì ông ấy không thể rời khỏi phòng mình, ông ấy phải nhờ chúng tôi.

-Rồi sao?

-Đáng lẽ bỏ thư vào hòm thư, việc ấy không bao giờ chắc chắn cả, nhân một tên hầu bàn của tôi có việc phải đi Paris, tôi ra lệnh cho nó mang thẳng bức thư

đến tận tay bà Công tước.

-Như thế là làm tròn ý định của ông Porthos đã hết sức tin cậy trao cho chúng tôi bức thư, có phải không?

-Gần như thế.

-Thế ông có biết cái bà đại phu nhân ấy là thế nào không?

-Không, tôi có được nghe Porthos nhắc đến, có thế thôi.

-Ông có biết cái bà tự nhận là nữ Công tước ấy là người thế nào không?

-Tôi xin nhắc lại, tôi không quen biết bà ta.

Đó là bà biện lý[63] già ở Satơlê, tên là bà Coquenard, bà ta ít nhất cũng năm mươi tuổi và vẫn có vẻ còn ghen tuông ghê lắm.

-Tôi thấy điều đó khá lạ lùng, một nữ Quận chúa mà lại cư trú ở phố Lũ gấu.

-Làm sao ông biết chuyện đó?

Bởi vì bà ta nổi cơn tam bành khi nhận bức thư, và nói rằng ông Porthos là một kẻ thay lòng đổi dạ, rằng lại vì một con mụ nào nữa mà xơi nhát gươm kia.

Nhưng ông ấy bị xơi một nhát gươm thật à?

-Ôi, lạy Chúa! Tôi vừa nói gì đấy nhỉ?

-Ông nói là Porthos bị xơi một nhát gươm.

-Vâng, nhưng ông ấy cấm ngặt tôi không được nói.

-Tại sao vậy?

-Sao ư? Thưa ông, tại vì ông ấy đã huênh hoang sẽ đâm xiên qua cái người lạ mặt mà ông để mặc cho tranh cãi nhau ấy, và rồi chính cái người lạ mặt kia, trái lại, đã cho ông Porthos lăn kềnh ra đất, bất chấp mọi thói anh hùng rơm[64] của ông ấy. Mà vì ông Porthos là một người quá tự phụ, nên trừ đối với bà nữ Công tước mà ông tưởng làm bà ta thích thú bằng việc kể những chuyện phiêu lưu của mình, ông không muốn thú nhận với bất kỳ ai rằng ông đã xơi một nhát gươm.

-Như thế, tức là một nhát gươm khiến ông ta nằm liệt giường?

-Và một nhát gươm bậc thầy, tôi xin cam đoan với ông như vậy. Chắc linh hồn bạn ông phải đóng chốt trong thể xác ông ấy.

-Ông có mặt ở đây à?

-Thưa ông, tôi đi theo họ là do hiếu kỳ, thành thử tôi được nhìn thấy trận đấu, còn các đấu sĩ lại không nhìn thấy tôi.

-Thế trận đấu diễn ra thế nào?

-Ồ! Không lâu đâu, tôi đảm bảo như thế. Họ đều giữ thế thủ, người lạ mặt làm một đòn nhử, rồi doãi chân, tất cả quá nhanh đến nỗi ông Porthos mới định đỡ thì gần một gang tay sắt đã găm vào ngực ông rồi. Ông ngã ngửa ra đằng sau. Người lạ mặt gí ngay mũi gươm vào họng ông. Ông Porthos thấy mạng mình đã trong tay địch thủ, liền xin thua. Người lạ hỏi tên ông và khi biết tên ông là Porthos chứ không phải D'Artagnan, liền đỡ ông ấy dậy dìu về lữ quán, rồi lên ngựa và biến mất.

-Như thế tức là D'Artagnan mới là người hắn ta thù hận?

-Hình như thế.

-Và ông có biết hắn ta thế nào rồi không?

-Không, cho đến khi ấy, tôi chưa bao giờ thấy ông ta, và từ bấy, tôi chưa hề gặp lại.

-Tốt lắm, tôi đã biết được điều tôi muốn biết. Ông bảo hiện thời ông Porthos đang ở phòng số 1 tầng một?

-Vâng, phòng đẹp nhất quán trọ, đáng lẽ tôi đã cho thuê chục lần rồi ấy chứ.

-Thôi được, ông cứ yên tâm – D'Artagnan vừa cười vừa nói – Porthos sẽ trả ông bằng tiền của nữ Công tước Coquenard.

-Ôi thưa ông, bà biện lý hay bà công tước cũng được, miễn là bà ta nới dải buộc túi tiền. Nhưng bà ấy đã trả lời dứt khoát là bà ấy chán những đòi hỏi và sự không chung thủy của ông Porthos lắm rồi, và sẽ không gửi cho ông ta một xu nào nữa.

-Và ông nói lại với vị khách trọ của mình chứ?

-Chúng tôi phải giữ chứ, nếu không ông ấy sẽ biết chúng tôi chuyển thư bằng cách nào.

-Và ông ấy cứ thoải mái đợi tiền?

-Ồ, lạy Chúa, vâng! Mới hôm qua, ông ta lại viết, nhưng lần này là tên đầy tớ bỏ vào thùng thư.

-Và ông nói bà biện lý già và xấu ư!

-Ít nhất năm mươi tuổi, và chẳng đẹp chút nào, theo như Patô nói.

-Nếu thế, thì ông yên tâm đi, bà ta chả thoát khỏi mềm lòng, vả lại, Porthos không thể nợ ông nhiều lắm.

-Sao, không nhiều lắm ư? Hai chục đồng vàng rồi đấy, chưa tính tiền thuốc. Ôi, ông ấy chẳng chịu từ bỏ thứ gì, quen sống thoải mái rồi mà.

-Không sao đâu! Nếu tình nhân của ông ta bỏ rơi ông ta, ông ta sẽ tìm, được các bạn bè, tôi đảm bảo như vậy. Như thế, ông chủ quán thân mến ạ, đừng lo ngại gì cả, ông cứ tiếp tục cung ứng cho ông ấy tất cả những gì đang cần thiết đi.

-Ông đã hứa với tôi là không nói gì về bà biện lý và không nói ra một câu nào về vết thương rồi đấy nhé.

-Đã thỏa thuận thế rồi, tôi đã hứa mà.

-Ông phải biết, ông ấy sẽ giết tôi đấy!

-Ông đừng sợ, ông ấy không đến nỗi hung dữ như bộ dạng ông ấy đâu.

Vừa nói, D'Artagnan vừa leo lên cầu thang, để lại ông chủ quán đã hơi yên tâm về hai điều ông ta hình như hết sức quan tâm: món nợ và mạng sống của ông ta.

Phía trên cầu thang, chiếc cửa dễ nhận ra nhất ở hành lang, trên cửa kẻ chữ số 1 khổng lồ bằng sơn đen, D'Artagnan gõ một tiếng, bên trong có tiếng mời cứ

vào, và chàng bước vào.

Porthos đang nằm và đang chơi bài với Mousqueton để luyện tay chơi, trong khi đó một xiên gà gô đang quay trên lửa và ở mỗi góc của một lò sưởi lớn, là hai cái chảo trên hai bếp lò đang sôi sùng sục tỏa ra thơm lừng mùi thỏ nấu sốt vang và cá om. Ngoài ra, trên bàn và trên mặt đá hoa chiếc tủ ngăn kéo, đầy vỏ chai.

Nhìn thấy bạn, Porthos reo lên mừng rỡ và Mousqueton kính cẩn đứng lên nhường chỗ cho chàng, lui ra kiểm tra hai cái chảo.

-Ôi, Mẹ kiếp! Là cậu ư – Porthos nói với D'Artagnan – Rất mừng là cậu đã đến, nhưng xin lỗi nếu như mình không ra đón cậu được. Nhưng Porthos vừa nhìn D'Artagnan vừa nói tiếp – cậu biết chuyện gì xảy với mình chứ?

-Không.

-Chủ quán không nói gì với cậu à?

-Tôi hỏi thăm anh rồi lên thẳng đây thôi.

Porthos thở phào nhẹ nhõm. D'Artagnan tiếp tục hỏi: -Thế có chuyện gì xảy ra với anh ư, Porthos thân mến?

-Xảy ra với mình khi mình nhoài người về phía địch thủ mà mình đã xỉa cho hắn ba nhát rồi đấy chứ, mình định kết liễu hắn bằng nhát thứ tư, thế là chân mình giẫm lên một hòn đá, và mình bị trẹo gối.

-Thật thế ư?

-Thề danh dự mà! Cũng may cho thằng đểu ấy, chứ không mình đã cho nó chết toi tại chỗ rồi, mình đảm bảo với cậu như vậy.

-Và rồi nó ra sao?

-Ồ, mình cũng chẳng biết gì hết. Nó bị thế là đủ lắm rồi. Nó chuồn mất mà không dám đòi những gì còn lại.

-Bị trẹo gối – D'Artagnan tiếp tục – đến nỗi không ra được khỏi giường ư?

-Ờ Lạy Chúa, thế thôi. Mấy lại chỉ mấy ngày nữa là mình lại đi được mà.

-Tại sao lúc đó anh không để người ta khênh mình về Paris? Ở đây chắc anh phải buồn dữ dội.

-Đấy là ý định của mình. Nhưng, bạn thân mến ạ, mình phải thú nhận với cậu một chuyện.

-Chuyện gì?

-Chính vì mình buồn dữ dội như cậu nói và lại có trong túi bẩy nhăm đồng vàng mà cậu chia cho, để giải sầu, mình đã cho mời một tay quý tộc đi qua đây và đã đề nghị chơi xúc xắc với hắn, hắn nhận lời và không thể ngờ được cả chỗ bẩy nhăm đồng vàng trong túi mình chuyển hết sang túi hắn không kể con ngựa của mình, hắn cũng dắt mất. Còn cậu, D'Artagnan thân mến?

-Anh Porthos thân mến, anh muốn gì nữa, người ta không thể cái gì cũng gặp may được – D'Artagnan nói – Anh hẳn biết câu châm ngôn: "Đen bạc, đỏ tình." Anh quá may trong tình trường không tránh được canh bạc nó trả thù, nhưng cần

cóc gì cái vận rủi! Chẳng phải một tay bợm gái may mắn như anh không có một nữ Công tước không thể quên được việc đến giúp anh sao?

Porthos trả lời, vẻ thoải mái nhất đời: -Ấy đấy, D'Artagnan thân mến ạ, chẳng qua mình gặp vận đen nên mới phải viết thư bảo gửi cho mình khoảng năm mươi đồng vàng mình tuyệt đối cần trong tình cảnh hiện thời.

-Rồi sao?

Rồi thì, chắc mụ ta tịch rồi hay sao không thấy trả lời.

-Thật thế ư?

-Không, vì thế, hôm qua mình lại tống cho một thư nữa thúc ép hơn thư trước. Nhưng còn cậu, bạn rất thân của mình, nói về cậu đi nào. Mình xin thú thực với cậu mình bắt đầu thấy lo lo cho cậu rồi đấy.

-Nhưng mà chủ quán có vẻ đối xử tốt với anh ghê nhỉ, anh Porthos? – D'Artagnan vừa nói vừa chỉ cho người ốm, những chảo đầy và những vỏ chai rỗng.

-Cũng được được? – Porthos trả lời – Cách đây ba bốn ngày cái tên xấc xược đó đưa bảng thanh toán cho mình, thế là mình tống hết ra khỏi cửa, cả tên chủ lẫn bảng thanh toán, thành thử mình ở đây với tư cách người chiến thắng, kẻ chinh phục. Vì vậy, cậu thấy đấy, mình phải vũ trang đến tận răng, vì luôn sợ bị buộc phải rời khỏi cương vị chiến thắng ấy.

-Tuy nhiên – D'Artagnan vừa nói vừa cười, chỉ mấy cái chảo và những vỏ chai – Thỉnh thoảng hình như anh vẫn xuất ngoại đấy chứ.

-Khốn nạn thay, không phải mình! – Porthos nói – cái trò trẹo xương khốn nạn đó giữ chặt mình ở giường, nhưng Mousqueton đi lang thang khắp nơi và mang thực phẩm về.

-Mousqueton, anh bạn của ta – Porthos tiếp – Mi xem, chúng ta có viện trợ rồi, phải bổ sung thức nhắm thôi.

-Mousqueton – D'Artagnan nói – Ta cần anh giúp một việc.

-Việc gì thưa ông.

-Là truyền cho Planchet cái bảo bối của anh. Đến lượt ta, cũng có thể bị bao vây lắm chứ, lúc đó ta ắt sẽ không bực mình vì hắn cũng làm cho ta được hưởng từng này lợi ích giống như anh bạn thưởng cho chủ anh ấy.

-Ôi, trời ơi, thưa ông – Mousqueton nói vẻ khiêm tốn – không gì dễ hơn. Chỉ cần khéo léo một chút, thế thôi. Tôi lớn lên ở thôn quê, và cha tôi, những lúc nhàn rỗi, đôi khi cũng săn bắn trái phép.

-Thời gian còn lại ông ấy làm nghề gì?

-Thưa ông, cha tôi thực hành một công nghệ mà tôi thấy cũng tươm lắm.

-Nghề gì?

-Vì đó là thời chiến tranh giữa người Cơ đốc giáo và giáo phái Canvanh, và ông thấy những người Cơ đốc giáo tàn sát những người phái Canvanh, và những

người phái Canvanh lại tàn sát người Cơ đốc giáo, bên nào cũng nhân danh tôn giáo, ông cụ liền tự cho phép mình tín ngưỡng cả hai, lúc thì Cơ đốc giáo, lúc lại Canvanh. Ông cụ thường súng khoác vai, lang thang sau nước rào giậu bờ đường và khi thấy một người Cơ đốc đi một mình liền nổi máu Tin lành ngay tức khắc. Ông hạ súng hướng về phía lữ khách, rồi khi chỉ còn cách mươi bước chân, ông vào đề đối thoại và hầu như luôn kết thúc bằng việc người kia bỏ lại túi tiền để thoát lấy mạng mình. Ông đi không nói một lời khi thấy một người Canvanh đang tới, ông lại nổi máu Cơ đốc rất dữ dội đến nỗi chẳng hiểu tại sao mới mười lăm phút trước đây ông lại có thể có những nghi ngờ về sự siêu đẳng của tôn giáo thần thánh chúng ta. Bởi vì tôi, thưa ông, tôi theo Cơ đốc giáo, cha tôi, trung thành với những nguyên tắc của ông, bắt anh cả tôi là dân Canvanh.

-Cuối cùng con người đáng kính ấy thế nào? – D'Artagnan hỏi.

-Ôi, thưa ông, một cách khốn nạn nhất. Một hôm ông cụ bị túm trên một con đường trống vắng giữa một người Canvanh và một người Cơ đốc giáo đã từng mắc chuyện với ông cụ, cả hai đều nhận ra ông, thế là họ họp lại với nhau chống lại và treo cổ ông cụ lên một cái cây, rồi họ lại đến huyênh hoang về cái việc quá ư liều lĩnh họ đã làm, trong một tửu quán ở ngôi làng chợt đến mà anh tôi và tôi cũng đang uống ở đó.

-Rồi các anh làm gì? – D'Artagnan hỏi.

-Chúng tôi để mặc cho chúng nói – Mousqueton tiếp – Thế rồi, ra khỏi cái quán đó, mỗi tên đi về một phía trái ngược nhau, anh tôi đi phục ở con đường gã Cơ đốc đi, và tôi phía gã Tin lành. Hai giờ sau, thế là xong, chúng tôi ai nấy tính sổ xong với chúng, và hết sức khâm phục tính lo xa của ông bố đáng thương của chúng tôi đã đề phòng nuôi dạy chúng tôi mỗi người một tôn giáo khác nhau.

-Quả thật, như anh nói ấy, Mousqueton, bố anh hình như từng là một người rất thông mình. Và anh nói, lúc nhàn rỗi, con người tử tế ấy lại là tay săn bắn trộm?

-Vâng, thưa ông, chính ông cụ đã dạy tôi cách buộc bẫy chim muông và đặt dây câu ngầm. Kết quả là khi thấy lão chủ quán ty tiện nuôi chúng tôi bằng đống thịt bạc nhạc chỉ hợp với bọn quê mùa và không thích hợp chút nào với hai cái dạ dày yếu ớt như của chúng tôi, tôi đành xoay xở đôi chút với cái nghề cũ của mình. Lang thang trong khu rừng nhỏ của vị Hoàng thân, tôi giăng bẫy trên các lối đi, ngủ bên bờ nước của Điện hạ, tôi luồn dây câu xuống dưới ao hồ. Thành thử nhờ trời, giờ đây chúng tôi chẳng thiếu những gà gô, thỏ, cá chép, lươn, tất cả các loại thức ăn lành và dễ tiêu, thích hợp với người bệnh, ông có thể coi xem có đúng không.

-Nhưng còn rượu vang – D'Artagnan nói – ai cung cấp rượu vang? – chủ quán chứ?

-Nghĩa là đúng và không.

-Đúng và không là thế nào?

-Đúng là ông ta cung cấp, nhưng ông ta không biết mình có cái vinh dự ấy.

-Giải thích xem nào, Mousqueton, câu chuyện của anh đầy những điều bổ ích đấy.

-Thế này, thưa ông. Tình cờ xui khiến tôi gặp được một người Tây Ban Nha, trong những cuộc đi chơi xa, anh ta từng thăm nhiều nước trong đó có cả Tân thế giới.

-Tân thế giới thì có liên quan gì đến những chai vang trên bàn giấy và trên cái tủ ngăn kia?

-Bình tĩnh nào, thưa ông, đâu sẽ có đấy mà.

-Đúng vậy, Mousqueton. Ta tin và vẫn nghe anh đây.

-Người Tây Ban Nha ấy có một người hầu đi theo sang Mêhicô. Người hầu ấy lại là đồng hương của tôi, thành thử chúng tôi liên kết với nhau rất nhanh vì giữa chúng tôi còn rất hợp nhau về tính cách nữa. Cả hai chúng tôi đều yêu săn bắn trên hết mọi thứ, thành thử hắn kể cho tôi nghe những thổ dân đã săn hổ và bò tót trong những đồng cỏ ở Nam Kỳ với những thòng lọng quăng vào cổ những con vật kinh khủng ấy như thế nào. Lúc đầu, tôi không muốn tin người ta lại có thể đạt tới trình độ khéo léo, cách xa hai ba mươi bước quăng đầu thòng lọng đúng nơi mình nhằm. Bạn tôi đặt một cái chai cách ba mươi bước và lần nào cậu ấy quăng cũng giật được chai trong thòng lòng. Trước bằng chứng ấy, phải nhận câu chuyện là có thật thôi. Tôi cũng lao vào luyện tập, và vì trời phú cho chút ít nàng khiếu, bây giờ tôi quăng thòng lọng giỏi ngang với bất kỳ ai. Thế là, ông có hiểu không? Chủ quán có một hầm chứa đầy rượu và lão ta không bao giờ rời chìa khóa. Có điều hầm rượu có lỗ thông hơi. Thế là, qua lỗ thông hơi đó tôi quăng thòng lọng và giờ đây thì tôi đã biết được góc nào lấy tốt rồi, và cứ nơi ấy tôi kéo. Đó, thưa ông. Tân thế giới có liên quan đến những chai vang trên bàn giấy và tủ ngăn như thế đấy. Bây giờ ông hẳn muốn nếm thử rượu vang của chúng tôi và đừng có thành kiến, ông cho biết uống thấy thế nào.

-Cám ơn, anh bạn của ta, cám ơn, nhưng thật không may ta vừa ăn điểm tâm xong.

-Dào ôi! – Porthos nói – Bày bàn đi, Mousqueton và trong khi chúng ta ăn điểm tâm, D'Artagnan sẽ kể cho chúng ta nghe mười ngày xa chúng ta, cậu ấy ra sao.

-Xin sẵn sàng – D'Artagnan nói.

Trong khi Porthos và Mousqueton ăn điểm tâm với vẻ ngon lành của người ốm ăn giả bữa, và của tinh thần huynh đệ của những con người xích lại gần nhau trong cơn hoạn nạn, D'Artagnan kể Aramis bị thương và buộc phải nằm ở lại Vỡ Tim thế nào, rồi D'Artagnan phải bỏ Athos lại ở Amiêng mặc Athos chống chọi giữa bốn tên buộc tội chàng là tên làm bạc giả ra sao, và chính D'Artagnan đã

buộc phải đâm xuyên qua bụng Bá tước De Wardes để sang được nước Anh thế nào.

Nhưng đến đây, việc tâm sự của D'Artagnan dừng lại, chàng chỉ thông báo ở nước Anh về, chàng mang theo bốn con ngựa đẹp lộng lẫy, một con cho chàng, và đồng đội mỗi người một con. Rồi chàng kết thúc bằng việc báo cho Porthos biết con ngựa dành cho Porthos đã được đưa vào chuồng ngựa của lữ quán.

Đúng lúc đó, Planchet vào và báo cho chủ biết rằng lũ ngựa đã được nghỉ ngơi đầy đủ và có thể đến ngủ ở Clécmông.

Vì D'Artagnan đã gần yên tâm về Porthos và chàng thấy nóng lòng muốn có tin tức của hai người bạn kia, chàng đưa tay cho người bệnh và báo cho biết chàng sắp lên đường tiếp tục tìm kiếm. Vả lại, vì chàng dự tính sẽ trở về theo con đường này, nếu trong vòng bảy tám ngày nữa, Porthos vẫn còn ở lữ quán lớn Saint-Martin, chàng sẽ ghé qua đón bạn.

Porthos trả lời, cái chỗ xương bị trẹo hoàn toàn có thể không cho phép chàng rời khỏi lữ quán. Vả lại chàng phải ở lại ở Săngtily để đợi nữ Công tước của chàng trả lời.

D'Artagnan chúc Porthos mau nhận được sự trả lời và một sự trả lời tốt đẹp. Và sau khi đã nhờ Mousqueton lần nữa trông nom Porthos, trả tiền các khoản cho chủ quán, chàng lại cùng Planchet lên đường, giảm bớt được một con ngựa dắt theo.

§26. Luận văn của Aramis

D'Artagnan không nói gì với Porthos về vết thương, cũng chẳng nói đến bà biện lý. Chàng Bearn dù còn rất trẻ nhưng lại rất khôn ngoan, để giả bộ tin hết mọi điều mà anh chàng ngự lâm quân hão huyền kể cho mình, vì tin chắc không có tình bạn nào trụ vững trước một bí mật bị lật tẩy, nhất là bí mật ấy lại quan thiết đến lòng kiêu hãnh, rồi thêm nữa người ta thường luôn nhìn xuống đối với những người mình biết rõ đời tư. Mà trong những dự định mưu toan sắp tới, D'Artagnan đã quyết định sẽ biến ba người đồng đội thành công cụ cho hạnh vận của mình, và vui vẻ túm trước lấy những sợi dây vô hình mà nhờ chúng chàng tính chuyện điều khiển họ.

Tuy nhiên, suốt dọc đường, một nỗi buồn sâu sắc xiết lấy trái tim chàng, chàng nghĩ tới bà Bonacieux trẻ và xinh đẹp thật xứng đáng với lòng tận tụy của chàng. Nhưng phải nói ngay rằng nỗi buồn đó xuất phát từ niềm tiếc nuối hạnh phúc đã mất ở chàng ít hơn là nỗi sợ hãi chàng cảm thấy tai họa giáng xuống người phụ nữ đáng thương. Với chàng, không còn nghi ngờ gì nữa nàng là nạn nhân của sự báo thù của Giáo chủ và như đã biết, sự báo thù của Đức ông thì thật là khủng khiếp. Làm sao chàng có thể tin được sự tha thứ trước mắt ngài Thủ tướng, đó là điều chính bản thân chàng cũng không biết được, họa chăng chỉ có ông De Cavoa mới có thể tiết lộ cho chàng nếu viên đại úy cận vệ đó tìm thấy chàng ở nhà.

Không có gì khiến thời gian trôi mau, và rút ngắn bớt con đường bằng một ý nghĩ hút hết mọi khả năng suy nghĩ của người ta. Sự tồn tại bề ngoài lúc đó giống như một giấc ngủ mà ý nghĩ đó như là một cơn mơ. Do ảnh hưởng của nó, thời gian không đo được nữa, không gian không còn khoảng cách. Người ta đi từ một nơi và đến ở một nơi, có thế thôi. Từ chặng đường đi qua, chẳng còn gì hiện rõ trong ký ức ta ngoài một lớp sương mù mờ ảo, trong sương, hàng nghìn hình ảnh mơ hồ của cỏ cây, sông núi, cảnh vật tự xóa đi. Bị đàm chìm trong cái ảo giác đó mà D'Artagnan cứ mặc cho ngựa chạy, chả mấy chốc đã vượt qua bẩy tám dặm đường từ Săngtily đến Vỡ Tim, và khi đến làng này chàng chẳng còn nhớ được điều gì mình đã gặp trên dọc đường.

Chỉ đến đây, trí nhớ mới trở lại, chàng làc đầu nhận ra cái quán mà chàng đã để lại Aramis, và thúc ngựa đi nước kiệu tới dừng ở trước cửa.

Lần này không phải ông chủ mà là bà chủ quán ra đón chàng. D'Artagnan biết xem tướng nên chỉ nhìn qua bộ mặt đầy đặn tươi tỉnh của nữ chủ nhân, chàng đã hiểu không cần phải giấu giếm bà ta, và chả có gì đáng sợ đối với bộ mặt vui tươi đến thế.

-Bà chủ phúc hậu ơi – D'Artagnan hỏi – bà có thể nói cho tôi biết một người bạn mà tôi buộc phải bỏ lại ở đây, cách đây khoảng mười hai ngày ra sao rồi không?

-Một người đàn ông trẻ đẹp, chừng hăm ba, hăm bốn tuổi, hiền lành, dễ mến, chững chạc?

-Đúng thế.

-Còn thêm bị thương ở vai?

-Đúng vậy.

-Ồ, thưa ông, ông ấy vẫn ở đây.

D'Artagnan nhảy ngay xuống, ném dây cương vào tay Planchet nói: -Chết thật! Bà chủ thân mến, bà cứu sống tôi rồi. Anh ấy ở đâu, anh Aramis yêu quý của tôi ấy, để tôi ôm hôn anh ấy, bởi vì tôi thú thực với bà, tôi phát sốt vì muốn gặp anh ấy đây.

-Nhưng tôi xin lỗi, thưa ông, tôi không tin ông ấy có thể gặp ông lúc này.

-Tại sao thế? Ông ấy đang ở với một người đàn bà ư?

-Jêsuma! Ông nói gì vậy, chàng trai tội nghiệp! Không, thưa ông, ông ấy không ở với một phụ nữ.

-Vậy thì với ai?

-Với ông mục sư Môđiđiê và ông giáo trưởng dòng Tên của Amiêng.

-Lạy Chúa? D'Artagnan kêu lên – Bệnh tình anh ấy nặng hơn ư?

-Không đâu, trái lại ông ạ, nhưng sau trận ốm, được Chúa ban phúc, ông ấy đã quyết định thụ giới.

-Đúng thế – D'Artagnan nói – tôi quên kuấy anh ấy chỉ là ngự lâm quân tạm thời.

-Vâng, ông vẫn muốn gặp ông ấy ư?

-Hơn bao giờ hết.

-Được thôi! ông cứ việc theo cầu thang bên phải ở ngoài sân, lên tầng hai, phòng số 5.

D'Artagnan lao theo hướng đã chỉ, tìm thấy một chiếc cầu thang ngoài mà ngày nay ta còn thấy ngoài sân những quán trọ cổ lỗ. Nhưng không thể đi như thế đến chỗ ông tu viện trưởng tương lai, những lối đi ngoắt ngoéo đến phòng Aramis được canh giữ không hơn không kém những khu vườn của Aramis[65].

Bazin đóng chốt ở hành lang ngăn không cho chàng đi qua, càng táo tợn hơn sau những năm thử thách cuối cùng Bazin thấy mình sắp đi đến cái kết quả vẫn hằng hy vọng.

Thật vậy, mơ ước của Bazin tội nghiệp vẫn luôn là được phục vụ một nhà tu hành, và gã vẫn sốt ruột đợi chờ cái khoảnh khắc không ngừng hé mở trong tương lai Aramis, cuối cùng vứt bỏ chiếc áo đồng phục ra bụi rậm thay bằng chiếc áo thày tu. Lời hứa ông chủ trẻ tuổi hằng ngày nhắc lại rằng cái khoảnh

khắc đó cũng không lâu nữa đâu là điều duy nhất đã giữ gã lại phục vụ một ngự lâm quân, thứ công việc theo như gã bảo nhỡ ra có thể làm gã mất linh hồn.

Vì vậy Bazin tràn trề vui sướng. Lần này, hoàn toàn có khả năng chủ gã không sai lời. Sự kết nối đau đớn thể xác với đau đớn tinh thần đã tạo ra hiệu quả vẫn hằng khao khát từ lâu Aramis vừa đau đớn thể xác lẫn tinh thần, cuối cùng đã dừng đôi mắt và ý nghĩ của mình lại ở nơi tôn giáo và chàng coi cái tai họa kép đã xảy đến với chàng, nghĩa là sự biến mất đột ngột của người lính và vết thương trên vai, như một sự cảnh tỉnh của trời cao.

Có thể hiểu được, trong tình thế hiện nay, không gì khó chịu cho Bazin bằng việc D'Artagnan đã đến và lại có thể ném chủ gã vào trong xoáy lốc của những ý tưởng phàm thế đã từng lôi cuốn chủ gã quá lâu rồi. Vì vậy gã quyết định bảo vệ can trường chiếc cửa, và vì đã bị bà chủ quán phản bội rồi, gã không thể nói rằng Aramis đi vắng, gã cố tỏ ra cho kẻ mới đến biết thật là vô cùng bất nhã định đến quấy rầy chủ gã đang trong một cuộc hội thảo thành kính bắt đầu từ buổi sáng và theo Bazin nói không thể kết thúc trước buổi tối.

Nhưng D'Artagnan chẳng buồn chú ý đến bài diễn văn hùng biện của thầy Bazin, và cũng chẳng hơi đâu đi lý sự với người hầu của bạn mình, chàng chỉ đơn giản lấy tay gạt gã ra và tay kia vận núm cửa phòng số 5.

Cửa mở, và D'Artagnan vào trong phòng.

Aramis mặc áo ngoài đen, đầu đội một loại mũ tròn và bẹt khá giống loại mũ chỏm đầu, đang ngồi trước một cái bàn hình bầu dục phủ đầy những cuộn giấy và những cuốn sách khổ đôi khổng lồ, bên phải là ông giáo trưởng dòng Tên, và bên trái là ông mục sư Môngđiđiê. Những tấm rèm cửa chỉ vén ra một nửa để lọt vào một thứ ánh sáng huyền bí thích hợp với sự mơ màng mộ đạo. Mọi vật dụng thời lưu có thể đập vào mắt khi bước vào phòng chàng trai trẻ và nhất là chàng trai lại là ngự lâm quân đều biến mất như có phép mầu, và chắc sợ nhìn thấy những thứ ấy chủ mình lại hướng đến những ý nghĩ của thế giới trần tục, Bazin đã dọn sạch gươm súng, mũ cài lông, các đồ thêu, ren các kiểu các loại.

Nhưng thay vì thấy những thứ đó, D'Artagnan tưởng như nhìn thấy ở một góc tối một thứ gì đó giống như chiếc roi hành xác treo trên một cái đinh ở trên tường.

Nghe tiếng D'Artagnan mở cửa Aramis ngẩng đầu lên và nhận ra bạn mình. Nhưng điều làm D'Artagnan hết sức ngạc nhiên là việc chàng xuất hiện hình như chẳng tạo nên một ấn tượng lớn nào đối với chàng lính ngự lâm này, chừng như đầu óc anh ta đã tách rời khỏi mọi vật nơi trần thế.

-Xin chào D'Artagnan thân mến – Aramis nói – xin anh tin là tôi vui sướng được gặp anh.

-Tôi cũng vậy – D'Artagnan nói – cho dù tôi còn chưa tin có phải tôi đang nói với anh Aramis không.

-Với hắn ta đấy, bạn ạ, với chính hắn đấy! Nhưng ai có thể làm cho anh nghi ngờ?…

-Tôi đã sợ là tôi nhầm phòng và lúc đầu tôi cứ tưởng là tôi vào phòng của một vị tu hành nào đó, rồi tôi lại mắc thêm một cái nhầm nữa khi thấy anh đang cùng với các vị đây.

Hai người mặc đồ đen kia hiểu rõ ý đồ của D'Artagnan, liếc nhìn chàng có vẻ như hăm dọa, nhưng chàng không hề tỏ ra sợ

-Có thể tôi làm phiền anh, anh Aramis – D'Artagnan tiếp tục – Bởi vì theo những gì tôi thấy, tôi đành phải tin rằng anh đang xưng tội với các vị đây.

Aramis thoáng đỏ mặt: -Anh mà làm phiền tôi ư? Ồ, hoàn toàn trái lại, bạn thân mến ạ, tôi xin thề với anh đấy, và coi như bằng chứng điều tôi vừa nói là anh hãy cho phép tôi được vui mừng thấy anh được bình an vô sự.

"A, thế mới phải chứ?" D'Artagnan nghĩ thầm "chưa đến nỗi nào?"

-Bởi vì ông đây là bạn tôi, vừa mới thoát khỏi một mối nguy khốc liệt – Aramis vừa tiếp tục nói giọng cảm động vừa trỏ D'Artagnan giới thiệu với hai vị giáo chức kia.

-Xin ông hãy tạ ơn Chúa đi? – Hai người đồng thanh đáp và nghiêng mình.

D'Artagnan về phần mình cũng nghiêng mình đáp lễ.

-Thưa các vị đáng kính, tôi đã không quên đâu.

-D'Artagnan thân mến – Aramis nói – Anh đến thật đúng lúc, anh tham gia vào cuộc tranh luận đi, góp ý kiến làm sáng tỏ vấn đề. Ngài giáo trưởng xứ Amiêng, ngài mục sư Môngđiđiê và tôi, chúng tôi đang tranh luận một số vấn đề thần học mà chúng tôi đã quan tâm từ lâu, tôi sẽ rất vui được biết ý kiến của anh.

D'Artagnan bắt đầu lo ngại trước sự đổi hướng của mọi chuyện, chàng trả lời: -Ý kiến của một kẻ võ biền thì còn đâu ra trọng lượng, xin hãy tin tôi, anh có thể yên tâm về trình độ khoa học của các vị đây.

Hai người mặc áo đen lại đáp lễ.

-Trái lại – Aramis lại tiếp – ý kiến của anh sẽ rất quý với chúng tôi. Vấn đề là thế này, ông giáo trưởng tin rằng bản luận văn nhất thiết phải có tính giáo lý và giáo huấn.

-Bản luận văn! Vậy ra anh làm một luận văn?

-Hẳn rồi, – vị giáo sĩ dòng Tên trả lời – với kỳ sát hạch trước khi thụ phong, bản luận văn là nhất thiết phải có.

-Thụ phong? – D'Artagnan kêu lên, chàng không thể tin nổi vào cái điều mà bà chủ quán và Bazin kế tiếp nhau nói với chàng – Lễ thụ phong.

Và chàng đưa mắt hoang mang nhìn ba nhân vật đang ngồi trước mặt chàng. Còn Aramis thì chễm chệ trên chiếc ghế bành ở tư thế duyên dáng như thể vẫn trong phố hẻm, ngắm nghía thỏa thích bàn tay trắng trẻo và mũm mĩm như bàn tay đàn bà của chàng rồi giơ tay lên cho khỏi bị dồn máu và nói: -D'Artagnan

này, như anh đã nghe thấy đấy, ông giáo trưởng muốn bản luận văn của tôi có tính giáo lý, trong khi tôi lại muốn nó duy lý. Chính vì vậy mà tại sao ông giáo trưởng lại đề nghị với tôi cái chủ đề còn chưa hề được lý giải trong đó tôi nhận thấy có vấn đề cho những sự phát triển rực rỡ: Utraque manus in benedicendo clerieis inferioribus necessaria est.

D'Artagnan mà chúng ta đã biết rõ sự uyên bác của chàng đến đâu, chả buồn chau mày trước câu trích dẫn này hơn câu ông Treville đã trích dẫn về các món quà mà ông cho là chàng đã nhận của ông De Buckingham.

Để D'Artagnan hoàn toàn dễ hiểu, Aramis lại tiếp: -Câu ấy có nghĩa: Hai bàn tay rất cần thiết cho các tu sĩ cấp thấp, khi họ ban phúc lành.

-Đề tài tuyệt vời! – vị tu sĩ dòng Tên kêu lên.

-Tuyệt vời và giáo lý nữa! – Ông mục sư nhắc lại, tiếng Latinh của ông ta chắc cũng đại khái như D'Artagnan, cho nên ông theo dõi chăm chú ông giáo sĩ dòng Tên để bắt chước và lặp lại những lời ông này nói như một loại tiếng vọng mà thôi.

-Còn D'Artagnan chàng hoàn toàn thờ ơ trước nhiệt tình của hai ông áo đen.

-Vâng tuyệt vời! Prorsù admirabile![66] – Aramis tiếp tục – nhưng đòi hỏi một sự nghiên cứu uyên thâm của cha và Kinh thánh. Tôi đã thú nhận với các vị giáo sĩ thông thái này với tất cả sự kém cỏi của tôi rằng những đêm tuần canh của bộ đội vệ binh và việc phục vụ nhà Vua khiến tôi lơ là việc nghiên cứu: Vì vậy tôi thấy thoải mái hơn facilius natans[67] trong một đề tài do tôi lựa chọn, và sẽ là những vấn đề thần học hóc búa, giống như vấn đề đạo lý đối với siêu hình học trong triết học ấy.

D'Artagnan chỉ thấy vô cùng chán ngán và ông mục sư cũng vậy.

-Đã thấy nhập đề tuyệt chưa! – Ông dòng Tên kêu lên.

-Exordium[68] ông mục sư lặp lại cho ra vẻ.

-Quem ad… modum inter coelorum imnrensitatem.[69]

Aramis liếc nhìn D'Artagnan và thấy bạn mình đang ngáp đến sái quai hàm, liền nói với ông giáo trưởng dòng Tên: -Thưa cha, ta nói tiếng Pháp thôi, ông D'Artagnan sẽ thưởng thức những ý kiến của chúng ta nhiệt tình hơn.

-Vâng tôi mệt mỏi khi đi đường – D'Artagnan nói – và mọi thứ tiếng Latinh ấy tuột đi hết.

-Đồng ý – Ông dòng Tên hơi khó chịu nói, trong khi đó ông mục sư thấy dễ chịu hẳn lên, quay lại nhìn D'Artagnan với đầy lòng biết ơn. – Đồng ý để xem cách giải thích ấy đi đến điều gì.

-Môixe[70] kể tôi đòi của Chúa… Ông ta chỉ là kẻ tôi đòi, các vị hiểu chứ? Môixe ban phúc bằng hai bàn tay, để mặc mọi người đỡ hai tay, trong khi người Hêbrơ đánh đuổi quân thù, vậy là ông ban phước bằng hai bàn tay. Vả lại kinh

Phúc âm nói thế này, Imponite manus chứ không manum: Đánh lên hai bàn tay chứ không phải bàn tay.

-Với thánh Pie, mà kế vị ngài là các giáo hoàng, thì trái lại – ông giáo sĩ dòng Tên tiếp – Porrige digitas. Hãy chìa các ngón tay ra, bây giờ các vị đã hiểu chưa?

Aramis rất thoải mái trả lời: -Nhất định thế rồi, nhưng vấn đề rất tinh tế.

-Những ngón tay! – Ông giáo sĩ tiếp – Thánh Pie ban phúc bằng những ngón tay. Vì vậy giáo hoàng cũng ban phúc bằng những ngón tay. Và ngài ban phúc bằng bao nhiêu ngón tay?

-Với ba ngón, một vị Cha, một vị con, một vị Thánh thần.

Mọi người đều làm dấu. D'Artagnan cho là phải bắt chước theo.

Giáo hoàng là người kế vị Thánh Pie và đại diện cho ba quyền lực của cõi thiêng, còn lại ordines inferiores (những chức danh cấp thấp – ND) của đẳng cấp giáo chức, ban phúc nhân danh các thánh đại thiên sứ và thiên sứ. Những giáo chức tầm thường nhất, như các trợ tế, các người coi đồ thánh thì ban phúc bằng những vòi phun giả vờ như vô tận những ngón tay ban phúc. Thế là đề tài đã được đơn giản hóa Argumentum ommi denu datum ornamento[71] – Ông giáo sĩ dòng Tên tiếp – Tôi sẽ triển khai thành hai tập khổ như tập này.

Và trong lúc đang hứng khởi ông ta đấm tay lên cuốn Thánh Crixếtxtôn khổ to, làm võng cả mặt bàn dưới sức nặng của nó.

D'Artagnan rùng người.

-Đúng vậy rồi, Aramis nói – Tôi xin trả lại sự đúng đắn cho những vẻ đẹp của luận thuyết đó, nhưng đồng thời tôi cũng nhận ra nó nặng nề đối với tôi. D'Artagnan thân mến, tôi đã chọn cái tên bài này, anh cho biết liệu anh có thích không: Non inutile est desiderium in oblatone hoặc thế này thì hay hơn. Còn hơi luyến tiếc thì không hợp với lễ vật dâng lên Chúa.

-Dừng lại đi? – Giáo sĩ dòng Tên to tiếng – bởi cái luận đề ấy sa vào tà giáo. Có một đề thuyết gần giống như vậy trong cuốn Ôgúttinutx của tên dị giáo Jăngxêniuytx, mà sớm muộn gì cuốn sách đó cũng bị đốt bởi bàn tay đao phủ. Coi chừng, ông bạn trẻ, ông đang ngả về những tà thuyết đấy, ông có nguy cơ đấy!

-Ông có cơ nguy đấy! – Ông mục sư vừa nói vừa lắc đầu đau đớn. Ông đang đến sát cái quan điểm trứ danh của tự do ý chí nó là một mỏm đá ngầm đó. Ông đang đến gần kề những lối bóng gió của bọn Pêlagiêng và nửa Pêlagiêng.[72]

-Nhưng thưa đức cha… – Aramis nói sau loạt lý sự đổ lên đầu mình như mưa đá.

Vị thầy tu dòng Tên không để chàng kịp nói tiếp: -Làm sao ông có thể chứng minh được người ta lại luyến tiếc trần gian khi hiến thân dâng Chúa? Hãy nghe cái quan điểm hai mặt này: Chúa là chúa và trần gian là quỷ dữ, luyến tiếc trần gian là luyến tiếc quỷ dữ; đó là kết luận của tôi.

-Cũng là của tôi nữa – Ông mục sư nói.

-Nhưng làm ơn… – Aramis nói tiếp.

-Desideras diabolum[73] hơi con người bất hạnh! – Giáo sĩ dòng Tên kêu lên.

-Ông ta luyến tiếc quỹ dữ! Chà, ông bạn trẻ – Ông mục sư rên rỉ nói – đừng luyến tiếc quỷ dữ làm gì, tôi van ông đấy.

D'Artagnan không buồn nghe thứ tiếng nhố nhăng ấy nữa. Chàng cảm thấy như đang trong một ngôi nhà của lũ điên, và chàng cũng sắp phát điên như họ. Có điều chàng buộc phải im miệng, vì chẳng hiểu gì về cái thứ tiếng đang nói trước mặt mình.

-Nhưng các vị hãy nghe tôi đã nào – Aramis nói tiếp với vẻ lễ độ nhưng đã bắt đầu lộ ra đôi chút bực bội. – Tôi không nói là tôi luyến tiếc – Không, tôi không bao giờ đọc lên cái câu không chính giáo ấy…

Giáo sĩ dòng Tên giơ hai tay lên trời, ông mục sư cũng làm theo: -Không, nhưng ít nhất ông cũng phải công nhận rằng thật chẳng ra gì khi chỉ đem hiến dâng cho Chúa những gì mà mình đã hoàn toàn phát ngán. Tôi nói có đúng không, D'Artagnan?

-Ừ, thì đúng! – D'Artagnan nói to.

Ông mục sư và ông giáo sĩ bật người lên. Aramis nói: -Tam đoạn luận là xuất phát điểm của tôi, thế gian không thiếu sức cám dỗ, tôi rời bỏ thế gian, vậy là tôi đã hy sinh. Thánh kinh nói một cách tích cực hơn: Hãy hy sinh cho Chúa.

-Điều đó đúng! – Những người đối lập nói.

-Và rồi – Aramis vừa tiếp tục – vừa bấm vào tai cho đỏ lên và vung vẩy hai tay cho trắng lên – Và rồi tôi đã làm một đoản khúc về vấn đề đó, năm ngoái tôi đã đưa cho ông Voatuya xem và ông ta đã hết lời khen ngợi.

-Một đoản khúc! – ông mục sư lắp lại như cái máy.

-Đọc đi! Đọc đi! D'Artagnan nói to – May ra nó thay đổi không khí một chút.

-Không thay đổi gì đâu, bởi nó vẫn là tôn giáo – Aramis trả lời – Đó là thần học viết thành thơ.

-Chết cha người ta! – D'Artagnan nói.

-Nó đây – Aramis nói với vẻ hơi khiêm tốn không ngoại trừ đượm màu đạo đức giả.

Anh khóc thương quá khứ đầy mê hoặc
Và gánh chịu những người bất hạnh kia
Mọi nỗi đau rồi cũng sẽ xa lìa
Khi dâng hiến lệ mình riêng cho Thượng đế
Ôi anh đang khóc thương như thế.

D'Artagnan và ông mục sư tỏ vẻ khoái lỗ tai lắm. Còn giáo sĩ dòng Tên vẫn khăng khăng giữ ý kiến của mình.

-Ông hãy cẩn thận với các sở thích phàm tục trong văn phong thần học. Thật quả, thánh Augustin đã nói thế nào nhỉ? Severussti Clericsorum sermo.

-Vâng, phải để lời thuyết giáo được rõ ràng. – Ông mục sư nói.

Thấy người phụ tá của mình lạc đề, giáo sĩ dòng Tên vội ngắt lời: -Những luận đề của ông sẽ làm đẹp lòng các quý bà, có thế thôi. Nó sẽ có được thành tích như một bài biện hộ của thầy cãi – Patru.[74]

-Cầu trời, phù hộ! – Aramis tràn trề vui sướng reo lên.

-Ông thấy đấy nhé! – Tu sĩ dòng Tên nói to – Trần tục hãy còn cất cao tiếng nói trong ông. Altisima voce (tiếng Latinh: cao giọng) ông theo thế tục, ông bạn trẻ ạ, và tôi sợ rằng ơn cứu rỗi không có chút hiệu quả nào.

-Xin đức cha tôn kính yên tâm, tôi xin đảm bảo về tôi.

-Một giọng tự phụ phàm tục!

-Thưa cha, tôi hiểu mình chứ, quyết định của tôi là bất di bất dịch.

-Vậy ông vẫn bướng bỉnh theo đuổi luận đề đó?

-Tôi tự cảm thấy mình được kêu gọi xử lý luận đề đó chứ không bất kỳ luận đề nào khác, vậy tôi sẽ tiếp tục, và ngày mai, tôi hy vọng cha sẽ thỏa mãn về những điều tôi sẽ sửa lại theo ý kiến cha.

-Ông cứ làm từ từ thôi – Ông mục sư nói – chúng tôi sẽ để cho ông được chuẩn bị tốt nhất.

Giáo sĩ dòng Tên nói: -Phải, đất đai đã được gieo hạt khắp rồi và chúng ta không có gì để sợ một phần hạt bị rơi xuống đá, một phần rơi vãi dọc đường và phần còn lại Chúa trời ăn nốt, aves coeli comederumt illam.

D'Artagnan nói: -Cho ôn dịch bóp chết cái tiếng Latinh của ngươi đi!

-Xin chào, con trai, hẹn đến mai – Ông mục sư nói.

-Hẹn đến mai, chàng trai táo tợn – tu sĩ dòng Tên nói – Ông hứa sẽ thành một trong những vầng sáng của nhà thờ, cầu trời cho vầng sáng ấy không thành một vầng lửa ngốn ngấu.

D'Artagnan suốt một tiếng đồng hồ gặm móng tay sốt ruột bắt đầu gặm cả vào thịt.

Hai người mặc đồ đen đứng dậy chào Aramis và D'Artagnan rồi tiến ra phía cửa. Bazin vẫn đứng đó lắng nghe cuộc cãi lý với vẻ hân hoan sùng kính, liền lao về phía họ đỡ lấy quyển kinh, đi trước để dẫn đường cho họ.

Aramis ra tiễn tới tận chân cầu thang rồi lên ngay với D'Artagnan đang mơ màng.

-Còn lại mình họ, hai người bạn thoạt tiên vẫn giữ im lắng lúng túng nhưng rồi cũng phải có một trong hai người phá tan sự im lặng đó, và D'Artagnan có vẻ muốn nhường vinh dự đó cho bạn mình: -Anh thấy đấy, – Aramis nói – Anh thấy tôi trở về với những ý tưởng căn bản của mình.

-Phải, ơn cứu rỗi đã tiếp xúc với anh rồi, như các ông ấy vừa rồi đã nói đó.

-Ồ, kế hoạch rút lui đã hình thành từ lâu, và anh đã từng nghe tôi nói, có phải không, bạn tôi?

-Hẳn vậy, nhưng tôi xin thú thực tôi tưởng anh chỉ đùa thôi.

-Đùa với những loại chuyện như vậy ư? Ôi, anh D'Artagnan!

-Mẹ kiếp! Đùa cả với cái chết ấy chứ?

-Và người ta đã nhầm, D'Artagnan ạ, bởi cái chết chính là cửa ải, dẫn đến sự ngộ nan hoặc cứu rỗi.

-Đồng ý, nhưng làm ơn đi, đừng nói về thần học với nhau nữa, Aramis, anh chắc còn khối thì giờ để nghĩ đến chuyện đó, còn tôi, tôi xin thú thật, tôi gần như quên hết một tí vốn Latinh mà tôi chẳng bao giờ hiểu cả, tôi cũng xin thú thật với anh, từ mười giờ sáng nay, tôi chưa ăn uống gì cả và tôi đang đói chết cha đây.

-Chúng ta sẽ ăn trưa ngay thôi, bạn thân mến ạ, có điều mong anh nhớ cho, hôm nay thứ sáu, mà trong những ngày này, tôi không thể nhịn cũng không thể ăn thịt được. Nếu anh hài lòng ăn trưa với tôi, thì bữa ăn chỉ có rau tứ giác luộc với trái cây thôi.

-Rau tứ giác là loại gì vậy? – D'Artagnan lo lắng hỏi.

-Là rau dền ấy mà – Aramis nói tiếp – nhưng với anh tôi sẽ thêm trứng và đấy là phạm luật nghiêm trọng rồi, vì trứng là thịt, vì trứng nở ra gà con.

-Bữa tiệc này chẳng ngon lành gì, nhưng cóc cần, để ở lại với anh, tôi chịu được hết.

-Tôi rất biết ơn anh về sự hy sinh ấy – Aramis nói – Nhưng nếu như nó không có lợi gì cho thể xác anh, nó sẽ có lợi cho tâm hồn anh, xin anh hãy tin chắc như vậy.

-Như thế, Aramis, tức là anh dứt khoát đi tu rồi. Bạn bè chúng ta sẽ nói sao, ông De Treville sẽ nói ra sao? Họ sẽ coi anh là kẻ đào ngũ tôi xin báo trước cho anh như vậy.

-Tôi không đi tu, tôi trở lại việc tu hành. Chính là vì trần thế mà tôi đã đào ngũ khỏi nhà thờ, bởi anh cũng biết rằng tôi đã tự ép buộc mình khoác áo ngự lâm quan.

-Tôi, tôi chẳng biết cái gì cả?

-Anh không biết tôi đã rời bỏ tu viện.

-Hoàn toàn không.

-Đây là chuyện của tôi. Vả lại Thánh kinh nói: "Các con hãy sám hối với nhau." Vậy tôi xin sám hối với anh, D'Artagnan.

-Và tôi tôi xá tội cho anh trước, anh thấy tôi nhân từ chưa.

-Xin đừng đùa với những chuyện của thánh thần, bạn tôi ạ.

-Vậy anh nói đi tôi nghe đây:

"Tôi vào tu viện từ năm chín tuổi. Tới khi ba ngày nữa tôi tròn hai mươi tuổi, tôi sắp thành tu viện trưởng. Một việc đã được ấn định rồi. Một tối, theo thói

quen tôi đi đến một ngôi nhà vẫn thích thú lui tới. Khi người ta trẻ, người ta thường yếu đuối, làm thế nào được. Một viên sĩ quan nhìn tôi bằng con mắt ghen tuông khi thấy tôi đang đọc cuốn "Những cuộc đời của Thánh nhân" cho nữ chủ nhân ngôi nhà nghe, liền bất thình lình xộc vào nhà không báo trước. Đúng buổi tối hôm ấy tôi đã dịch một mẩu chuyện của Juyđít và tôi cũng vừa đưa mấy câu thơ cho nữ chủ nhân xem, bà ta hết lời khen ngợi và ngả vào vai tôi để cùng đọc với tôi. Cái tư thế ấy có đôi chút hơi buông thả, tôi phải thú nhận như vậy và đã làm viên sĩ quan tổn thương, gã không nói gì nhưng khi tôi đi ra, hắn cũng ra theo và đuổi kịp tôi.

-Thưa ông tu viện trưởng – hắn nói – Ông có thích ăn đòn không?

-Tôi không thể nói điều ấy được, thưa ông – tôi đáp – vì không ai dám cho tôi bao giờ cả.

-Vậy nghe đây, ông tu viện trưởng, nếu ông còn trở lại ngôi nhà, mà tôi đã gặp ông tối nay, thì tôi dám đấy.

-Tôi tin là tôi cũng sợ, tôi tái hẳn người đi, cảm thấy như chân mình không còn nữa, tôi tìm một câu trả lời mà không được, tôi đành im.

Viên sĩ quan đợi câu trả lời đó và thấy mãi không có, hắn phá lên cười, quay lưng lại phía tôi và trở vào ngôi nhà. Tôi trở về tu viện.

Tôi là nhà quý tộc dòng dõi, và tôi có bầu máu nóng, như anh đã có thể nhận thấy, D'Artagnan thân mến, sự lăng mạ thật là khủng khiếp mặc dầu chẳng ai biết chuyện đó, tôi vẫn cảm thấy nó sống động trong đáy tim tôi. Tôi tuyên bố với các bề trên của tôi rằng tôi cảm thấy chưa chuẩn bị đầy đủ cho việc thụ phong và theo yêu cầu của tôi, người ta lui lễ lại một năm.

Rồi tôi xin thày dạy gươm bậc nhất ở Paris, đặt điều kiện với ông mỗi ngày học một bài đấu gươm và cứ như thế tôi học trong vòng một năm. Rồi tới ngày kỷ niệm một năm tôi bị lăng nhục, tôi treo áo thày tu lên, mặc một bộ đồng phục kỵ sỹ, rồi tôi đến một vũ hội do một quý bà, bạn tôi tổ chức và tôi biết con người kia của tôi thế nào cũng có mặt. Vũ hội ở phố Những thị dân tự do cạnh ngay phố Sức mạnh.

Quả nhiên viên sĩ quan của tôi có mặt. Tôi lại gần hắn, lúc hắn đang vừa hát một ca khúc ngắn về tình yêu vừa trìu mến nhìn một phụ nữ và tôi ngắt lời hắn giữa điệp khúc thứ hai. Tôi bảo hắn: -Thưa ông, ông vẫn không hài lòng khi tôi quay lại ngôi nhà ở phố Payen và ông không còn cho tôi xơi đòn nữa, nếu như tôi nảy ra ý nghĩ kỳ quặc không tuân lời ông đấy chứ?

Viên sĩ quan nhìn tôi ngạc nhiên rồi nói: -Ông muốn gì tôi thưa ông? Tôi không quen biết ông.

-Tôi là viên tu viện trưởng nhỏ đọc cuốn "Cuộc đời các Thánh nhân" và dịch Juyđít thành thơ ấy mà.

-À, à… Tôi nhớ ra rồi – Viên sĩ quan chớt nhả – Ông muốn gì tôi nào?

-Tôi muốn ông có chút thì giờ nhàn rỗi đi dạo một vòng với tôi.

-Sáng mai, nếu ông muốn, và sẽ không gì làm tôi vui bằng.

-Không sáng mai gì cả, yêu cầu ông ngay lập tức.

-Nếu ông dứt khoát đòi như vậy.

-Phải, tôi đòi thế đấy.

-Vậy, ra thôi; thưa các quý bà – Viên sĩ quan nói – xin cứ tự nhiên. Đủ thì giờ để giết ông đây thôi và tôi sẽ quay lại hoàn tất điệp khúc cuối hầu các quý bà.

Chúng tôi đi ra.

-Tôi dẫn hắn đến phố Payen, đúng địa điểm một năm trước, đúng đến cả giờ hắn đã chúc mừng tôi, mà tôi vừa kể đó. Trăng sáng tuyệt đẹp, chúng tôi cầm gươm và ngay miếng đầu tiên, tôi đâm hắn chết tươi.

-Khiếp nhỉ! – D'Artagnan nhận xét.

Aramis tiếp tục: -Thế rồi, vì các quý bà không thấy ca sĩ của mình trở lại, và người ta tìm thấy xác hắn ở phố Payen với một nhát gươm rất đậm xuyên qua người, người ta nghĩ chính tôi đã dính vào chuyện đó, và sự việc trở thành bê bối. Vì vậy tôi buộc phải cởi bỏ chiếc áo thày tu ít lâu. Athos mà tôi làm quen thời kỳ đó và Porthos là người đã dạy tôi thêm vài ngón gươm giang hồ ngoài những bài đấu gươm tôi đã học, cả hai quyết định tôi xin vào ngự lâm quân. Nhà Vua rất yêu quý cha tôi bị chết trong trận vây Arát nên đã ban chiếc áo ngự lâm quân cho tôi. Bây giờ, anh chắc hiểu đã đến lúc tôi phải trở lại trong sự nâng niu che chở của nhà thờ.

-Và tại sao hôm nay chứ không hôm qua hoặc ngày mai? Hôm nay cái gì đã xảy ra với anh, khiến anh có những ý nghĩ dữ tợn đến như vậy?

-D'Artagnan thân mến ạ, vết thương này đã là một lời cảnh cáo của Thượng đế đối với tôi.

-Vết thương ư? Chết tiệt? Nó đã gần khỏi rồi. Tôi tin chắc không phải nó làm anh đau đớn nhất.

-Thế thì cái gì? – Aramis đỏ mặt hỏi.

-Nó ở trong tim anh cơ! Aramis, một vết thương sâu và đẫm máu hơn, một vết thương do một người đàn bà kia.

Mắt Aramis long lanh lên ngoài ý mình, chàng giấu xúc động của mình dưới vẻ giả vờ hững hờ và nói: -Đùng nói về những chuyện ấy nữa! Tôi mà lại đi nghĩ đến những chuyện ấy ư? Lại có những sầu muộn tình yêu ư? Vanitas Vanitatum! [75] vậy theo ý anh, đầu óc tôi đã bị đảo lộn rồi ư? Và vì ai? Vì con bé lam lũ lẳng lơ nào, hay cô ả hầu phòng nào mà tôi đã tán tỉnh trong trại lính ư? Xì!

-Xin lỗi, Aramis thân mến, nhưng tôi tin anh hướng lên tầm cao hơn kia.

-Cao hơn? Và tôi là ai mà lại đi có tham vọng đến thế? Một gã ngự lâm quân khốn khổ vô cùng quẫn bách, và hết sức tối tăm, căm ghét sự quỵ lụy và cảm thấy quá ư lạc lõng trong thế giới thời lưu.

-Aramis ơi là Aramis ơi! – D'Artagnan vừa kêu lên vừa nhìn bạn mình với vẻ nghi ngờ.

-Cát bụi, tôi trở về cát bụi. Cuộc đời là biển nhục, là bể khổ, chàng tiếp tục và sầm mặt lại – Mọi sợi dây gắn kết hạnh phúc với cuộc đời lần lượt bị đứt gãy trong bàn tay con người nhất là những sợi dây bằng vàng – Ôi, D'Artagnan thân mến của tôi – Aramis vừa tiếp tục vừa đem đến một vẻ cay đắng nhẹ nhàng cho giọng nói của mình – hãy tin tôi, hãy giấu kín những vết thương, đi nếu anh có. Sự im lặng là niềm vui cuối cùng của những con người bất hạnh, hãy giữ đừng để bất kỳ ai biết được dấu tích của những đau khổ của anh, những kẻ tò mò sẽ bâu vào hút nước mắt anh như lũ ruồi bâu vào hút máu một con hoẵng bị thương vậy.

-Than ôi! Aramis thân mến! – D'Artagnan đến lượt mình cũng thở dài nói – Chuyện anh nói cũng chính là chuyện của bản thân tôi đấy!

-Làm sao?

-Phải, một người đàn bà tôi yêu, tôi tôn thờ, vừa bị dùng bạo lực bắt cóc. Tôi không biết hiện giờ nàng ở đâu, người ta dẫn nàng tới đâu, nàng có thể là tù binh, cũng có thể nàng đã chết.

-Nhưng ít ra anh cũng có được niềm an ủi để tự bảo rằng nàng đã không tự nguyện rời bỏ anh, rằng nếu anh không có được chút tin tức nào của nàng, chính vì mọi thông tin với anh đều bị ngăn cấm, trong khi…

-Trong khi…

-Không – Aramis tiếp – không có gì.

-Như vậy, anh mãi mãi từ bỏ trần thế, một quyết định dứt khoát rồi chăng?

-Hoàn toàn mãi mãi. Hôm nay anh là bạn tôi. Ngày mai anh chỉ còn là một cái bóng với tôi mà thôi, hoặc hơn nữa, anh không tồn tại nữa. Còn thế gian, đó chính là một phần mộ chứ không phải cái gì khác.

-Quỷ sứ ơi! Điều anh nói với tôi thật quá thảm sầu!

-Anh còn muốn gì? Thiên hướng của tôi cuốn hút tôi, và bắt tôi đi!

D'Artagnan mỉm cười và không trả lời. Aramis tiếp tục: -Tuy nhiên, chừng nào tôi vẫn còn trên trái đất này, tôi vẫn muốn nghe nói về anh, về các bạn của chúng ta.

-Và tôi – D'Artagnan nói – tôi lại muốn nói với anh về chính anh, nhưng tôi thấy anh đã quá tách mình ra khỏi tất cả. Những mối tình, anh không thèm nữa, bạn bè là những cái bóng, thế giới là một phần mộ.

Aramis thở dài: -Than ôi! Rồi chính anh cũng sẽ thấy như vậy.

-Thôi không nói về những cái ấy nữa – D'Artagnan nói – và ta đốt quách bức thư, chắc chắn, chỉ có thông báo cho anh biết một sự phụ bạc mới của một ả lẳng lơ hoặc một cô hầu phòng của anh mà thôi.

-Thư nào? – Aramis vội reo lên hỏi.

-Một bức thư gửi đến cho anh, anh vắng mặt, nên nhờ tôi chuyển cho anh.

-Nhưng bức thư của ai?

-À, của một hầu gái khóc lóc, một ả lam lũ lẳng lơ đang thất vọng nào đó, có thể là cô gái hầu phòng của bà De Chevreuse cũng nên, cô ta buộc phải trở lại thành Tours với nữ chủ nhân của mình, và để làm ra vẻ tao nhã đã dùng giấy thơm và đã niêm phong thư của mình bằng con dấu của nữ Công tước.

-Anh bảo sao cơ?

-Xem nào hay tôi đánh mất rồi! – D'Artagnan tinh quái vừa nói vừa giả vờ tìm – May sao thế gian là một phần mộ, những người đàn ông, do đó cả những người đàn bà nữa đều là những cái bóng, và tình yêu là thứ tình cảm mà anh không thèm nữa!

-A, D'Artagnan ơi là D'Artagnan? – Aramis kêu lên – Cậu làm tớ chết mất thôi?

-A, nó đây rồi! – D'Artagnan nói. Và chàng rút bức thư ra khỏi túi.

Aramis chồm đến giật lấy bức thư bóc ra đọc, đúng hơn là ngốn ngấu, mặt bừng sáng lên.

-Hình như ả hầu gái văn phong hay lắm! – Người đưa thư uể oải nói.

-Cám ơn D'Artagnan! – Aramis sướng mê lên rối rít – Nàng buộc phải trở lại thành Tours. Nàng không phụ bạc mình. Lại đây, lại đây cho mình ôm hôn bạn. Mình đến ngất vì sung sướng mất!

Và hai người bạn ôm lấy nhau nhảy múa xung quanh cuốn kinh Thánh Critxtôm giẫm đạp một cách can trường lên những trang luận văn lăn lóc trên sàn nhà.

Đúng lúc đó, Bazin bước vào cùng với rau dền và trứng rán.

Aramis ném cái mũ chỏm thầy tu vào mặt gã hét lên: -Tếch đi, đồ khốn kiếp? Từ đâu đến hãy xéo về đấy! Mang hết những thứ rau hãi hùng và món phụ ghê tởm này đi! Gọi một thỏ rừng nấu chua, một gà thiến béo, một đùi cừu ướp tỏi và bốn chai Buốcgô lâu năm cho ta.

Bazin ngơ ngác nhìn chủ chả hiểu gì về sự thay đổi ấy cả, rầu rĩ mặc cho trứng rớt xuống rau và rau rớt xuống sàn.

D'Artagnan thấy vậy nói: -Giờ đây là lúc cống hiến đời anh cho Đức Vua của các Nhà vua, nếu anh còn định giữ chút lễ nghĩa với người. Non inutile desderium in oblatione.

-Vứt mẹ nó thứ tiếng Latinh của cậu cho quỷ sứ đi!

-D'Artagnan thân mến. Chúng ta hãy uống! Mẹ kiếp! Uống tươi uơng sống! Uống thật nhiều vào, và kể cho mình nghe người ta làm gì ở đó đi?

§27. Người vợ của Athos

Sau khi đã kể cho chàng Aramis lanh lợi biết rõ mọi việc diễn ra ở kinh đô từ khi họ ra đi và một bữa trưa thịnh soạn làm cho người thì quên đi bản luận văn, người thì quên hẳn nỗi mệt nhọc, D'Artagnan nói: -Bây giờ việc còn lại là phải biết tin tức về Athos.

-Cậu tin anh ấy gặp bất hạnh ư? – Aramis hỏi – Anh Athos rất chi lạnh tính, rất can trường và là tay gươm rất giỏi kia mà.

-Hẳn thế rồi, và không ai biết rõ hơn tôi về lòng can đảm và tay gươm tuyệt vời của Athos. Nhưng tôi thích gươm tôi đấu với giáo hơn là với gậy. Tôi sợ rằng anh Athos sẽ bị bọn gia nhân quần cho tơi bời, mà lũ gia nhân thì chúng đánh dữ và dai lắm. Vì vậy mà tôi phải thú thật với anh, tôi muốn lại ra đi ngay càng sớm càng tốt.

-Mình sẽ cố đi cùng với cậu – Aramis nói – cho dù mình cảm thấy chưa đủ sức lên ngựa mấy. Hôm qua, mình đã thử dùng cái roi hành xác treo trên tường đó, và đau quá mình không thể tiếp tục được cái bài tập thành kính ấy.

-Chính thế đấy, bạn thân mến, chả ai bao giờ thấy việc thử chứa một phát đạn hỏa mai bằng vụt roi vào người cả. Nhưng anh còn ốm, và ốm đau làm cho đầu óc không tỉnh táo, tôi bỏ qua cho anh. Mai, sớm tinh mơ. Đêm nay anh cứ ngủ cho thật tốt vào, và ngày mai, nếu anh có thể, chúng ta sẽ cùng đi.

-Vậy để đến mai – Aramis nói – vì dù có xương đồng da sắt đi nữa, cậu cũng cần phải nghỉ ngơi.

Hôm sau, khi D'Artagnan bước vào phòng Aramis, đã thấy Aramis ở cửa sổ, D'Artagnan hỏi: -Anh nhìn gì ở đó thế?

-Thú thật! Tôi đang chiêm ngưỡng ba con ngựa đẹp lộng lẫy mà bọn trai coi ngựa đang giữ cương. Cưỡi những con ngựa đó mà đi du hành thì sướng như ông hoàng.

-Thế thì anh Aramis thân mến của tôi ơi, anh hãy sướng đi bởi vì một trong mấy con ngựa đó là của anh.

-Thật không? Thế con nào?

-Con anh thích nhất trong ba con ấy, tôi thì con nào cũng thế thôi.

-Và cả tấm thảm đắt giá phủ lưng ngựa cũng là của tôi?

-Chắc chắn rồi.

-Cậu định giỡn tôi chắc, D'Artagnan?

-Từ lúc anh nói tiếng Pháp, tôi không còn giỡn anh nữa.

-Cả những bao súng ngắn mạ vàng, tấm nhung phủ hông ngựa, bộ yên ghim đinh bạc cũng là của tôi?

-Của chính anh, cũng như con ngựa đang dậm chân là của tôi và cái con đang nhảy nhót kia là của Athos.

-Mẹ kiếp! Đúng là ba con ngựa tuyệt luân?

-Tôi rất mừng vì chúng hợp với sở thích của anh.

-Vậy là nhà Vua đã ban tặng cậu món quà đó ư?

-Chắc chắn không phải của Giáo chủ rồi. Nhưng anh đừng bận tâm chúng từ đâu đến, hãy nghĩ một trong ba con thuộc của anh thôi.

-Mình lấy cái con thằng hầu tóc hung đang giữ ấy.

-Cừ lắm!

-Thượng đế muôn năm! – Aramis reo lên – Thế này thì còn đau ở đâu cũng sẽ hết. Ba mươi phát đạn vào người, mình vẫn sẽ phi nó cho mà xem. Ôi, thề trên linh hồn mình đó, những cái bàn đạp mới đẹp tuyệt chứ! Ê, nào, Bazin đâu, đến đây ngay tức khắc đi!

Bazin rầu rĩ và héo úa người đi, hiện ra trước cửa.

-Lau chuốt thanh gươm của ta, nắn lại mũ, chải lại áo khoác và nạp đạn thuốc vào mấy súng ngắn cho ta.

D'Artagnan ngắt lời: -Không cần lời dặn cuối đâu. Đã có sẵn súng ngắn nạp thuốc rồi trong các bao súng.

Bazin thở dài.

-Thôi nào, thầy Bazin, yên tâm đi – D'Artagnan nói – - Người ta có thể đến được vương quốc cái thiên thần trong mọi hoàn cảnh mà.

-Ông chủ đã từng là một nhà thần học tài ba! – Bazin nói mà rưng rưng nước mắt – Ông ấy có thể trở thành giám mục hoặc hồng y Giáo chủ ấy chứ.

-Thôi nào! Bazin khốn khổ của ta ơi, đừng nghĩ ngợi làm gì. Là người tu hành thì làm được cái gì, ta xin anh đấy. Mà tu hành thì có tránh ra trận được đâu. Anh thừa biết Giáo chủ ra trận lần đầu với cái mũ bình thiên và ngọn giáo trong tay. Còn ông Nôgarê đờ la Valét, anh nói thế nào? Ông ta cũng là Giáo chủ đấy. Thử hỏi lính hầu của ông ta xem bao nhiêu lần phải băng bó cho ông ta?

-Ôi! Bazin thở dài – tôi cũng biết thế, thưa ông, ngày nay mọi chuyện trong thế giới đều lộn tùng phèo hết.

Trong khi đó, hai chàng trai trẻ và gã người hầu khốn khổ cùng đi xuống. Rồi Aramis nói: -Giữ bàn đạp cho ra, Bazin.

Rồi Aramis nhẹ nhàng, duyên dáng nhảy tót lên yên ngựa như mọi khi, nhưng chỉ sau mấy lần con ngựa quý nhảy cỡn và chồm lên, chàng kỵ sĩ của nó cảm thấy đau không chịu nổi, tái người đi và lảo đảo. D'Artagnan đã tiên liệu tai nạn đó, nên vẫn không rời mắt, liền chạy băng tới, đỡ xương và dẫn bạn mình về phòng rồi bảo: -Tốt rồi, Aramis thân mến, anh cứ chữa trị đi, tôi sẽ đi một mình tìm Athos.

-Cậu đúng là một con người thép – Aramis nói.

-Không, tôi may hơn, có thế thôi. Nhưng trong khi đợi tôi, anh sẽ sống ra sao? Không còn những lời chú giải về số ngón tay ban phúc và những lời ban phúc nữa chứ, hả?

Aramis mỉm cười, nói: -Mình sẽ làm thơ.

-Phải đấy, những vần thơ thơm nức mùi nước hoa bức thư ngắn của ả hầu bà De Chevreuse. Anh hãy dạy âm vận thơ cho Bazin đi, cái đó sẽ an ủi gã. Còn con ngựa, hàng ngày cưỡi nó một chút để điều khiển nó cho quen đi.

-Ồ về chuyện đó, cậu cứ yên tâm – Aramis nói – Khi trở lại cậu sẽ thấy mình đã sẵn sàng theo cậu rồi.

Họ chào tạm biệt nhau, và sau khi đã ủy thác bạn mình cho Bazin và bà chủ quán, D'Artagnan cho ngựa đi nước kiệu về phía Amiêng.

Chàng sẽ tìm Athos thế nào đây và liệu có tìm thấy không? Chàng đã để bạn mình lại trong tình thế hiểm nghèo. Người bạn thở dài khiến chàng buông khẽ những lời thề báo hận.

Trong tất cả số bạn bè, Athos là người nhiều tuổi nhất, và bề ngoài ít gần với sở thích và tình cảm của chàng nhất. Tuy nhiên, chàng lại ưa thích con người quý tộc ấy rõ rệt nhất. Phong thái cao quý và thanh lịch của anh ấy, tầm lớn lao của anh thỉnh thoảng lại lóe sáng từ vùng bóng tối mà anh tự nguyện giấu mình vào, tính tình điềm tĩnh không suy suyển khiến anh là người bạn dễ dãi nhất trên đời, niềm vui bất đắc dĩ và cay đắng, sự can trường có thể gọi là mù quáng nếu không phải là kết quả của sự bình tĩnh hiếm hoi nhất, bấy nhiêu phẩm chất ấy của anh khiến chàng hết lòng ngưỡng mộ và còn hơn cả chỉ là quý trọng và bạn bè thân thiết với anh.

Quả thật, đem so sánh ngay với ông De Treville, một triều thần tao nhã và cao quý, Athos trong những ngày anh vui vẻ, anh còn có phần hơn. Vóc người tầm thước, nhưng thân hình lại quá ư cân đối, và tuyệt đẹp, mà, nhiều lần trong những cuộc đấu sức anh đã quật đổ Porthos, gã khổng lồ mà sức mạnh thể xác đã trở thành huyền thoại trong ngự lâm quân. Khuôn mặt với đôi mắt sắc, mũi thẳng, với chiếc cằm như tượng tạc kiểu cằm của Brutus[76]; một tính cách cao thượng và duyên dáng khó xác định; đôi bàn tay không hề chăm chút nhưng vẫn làm cho Aramis phải thất vọng mặc dầu chàng ra sức chăm sóc tay mình bằng kem hạnh nhân và dầu thơm; giọng nói của anh nghe thấm thía lại du dương, và rồi, cái khó xác định trong người Athos, người luôn luôn tỏ ra thấp kém và lu mờ, cái đó chính là cái khoa học về thời lưu và về những lề thói của cái xã hội sáng giá nhất, cái thói quen của một nhà dòng dõi tự lộ ra mà không hề hay biết trong những hành động nhỏ nhặt nhất của mình.

Về mặt ăn uống, Athos đặt ăn giỏi hơn bất kỳ ai, xếp khách ăn đúng chỗ và đúng ngôi thứ mà tổ tiên hoặc chính bản thân họ đã tạo ra cho mình. Về khoa huân huy chương, Athos thông thạo mọi gia tộc quý phái trong vương quốc, phả

hệ của họ, sự liên minh giữa các dòng họ, gia huy và nguồn gốc gia huy. Về nghi thức anh biết đến từng chi tiết. Anh biết rõ quyền lợi của các đại điền chủ là thế nào. Anh biết sâu sắc cách săn bắn bằng chó và chim ưng, và một hôm nhân đàm đạo về cái nghệ thuật lớn này, anh làm Vua Louis XIII phải ngạc nhiên, trong khi đó, bản thân nhà Vua thuộc lại bậc thầy.

Cũng như các đại lãnh chúa thời ấy, anh cưỡi ngựa và sử dụng vũ khí thuộc loại thiện nghệ. Thêm nữa việc học hành của anh không một chút xao lãng, ngay cả trong lĩnh vực kinh viện học rất hiếm thấy trong giới quý tộc, anh chỉ mỉm cười khi Aramis phun ra mấy câu Latinh cụt ngủn, còn Porthos thì ra vẻ hiểu. Vài ba lần khi Aramis để lộ ra một sai lầm sơ đẳng nào đó, đặt động từ không đúng thời, một danh từ không đúng cách, Athos đã sửa lại trước sự ngạc nhiên vô cùng của các bạn. Ngoài ra, tính chính trực của anh là không thể lay chuyển được trong cái thế kỷ mà các quân nhân quá dễ dàng coi nhẹ tôn giáo và lương tâm của mình, các tình nhân quá dễ dàng coi nhẹ sự tế nhị nghiêm ngặt của thời đại chúng ta, và những người nghèo coi nhẹ dễ dàng đối với điều răn thứ bẩy của Chúa. Vì vậy, Athos quả là một con người rất phi thường.

Và tuy vậy cái bản tính quá ưu việt, cái sinh linh quá tốt đẹp cái khí chất quá tinh tế ấy quay lại một cách vô cảm với cuộc sống vật chất, cũng như các cụ già quay lại với sự ngây ngô về thể xác và tinh thần. Athos trong những giờ phút thiếu thốn đó, mà những giờ phút đó lại khá thường xuyên đã tự tắt trong cái phần tỏa sáng của mình và cái mặt ngời ngời của anh bị biến mất trong đêm trường sâu thẳm.

Thế là phần bán thần tàn lụi, anh chỉ còn gần như một con người. Đầu gằm xuống, mắt lơ mơ, lời nói nặng nề và khó khăn. Athos nhìn hàng mấy giờ liền hoặc cái chai và chiếc cốc, hoặc Grimaud, kẻ đã quen vâng lời bằng tín hiệu và đọc được trong con mắt vô sắc của chủ mình cả tới những ước muốn tầm thường nhất để thỏa mãn chủ ngay tức khắc. Giá như bốn người bạn tụ hội vào nước lúc như thế, hết sức cố gắng thất ra được một lời để góp vui vào câu chuyện cũng là hết mức đối với Athos rồi. Đổi lại, Athos một mình uống bằng bốn người và tuy uống như thế, nhưng anh tựa như không có gì thay đổi ngoài sự cau mày lộ liễu hơn và nỗi buồn sâu sắc hơn.

D'Artagnan như ta đã biết, vốn có óc xét đoán và sắc sảo, dù có đôi chút quan tâm để thỏa mãn tính hiếu kỳ của mình về chuyện đó, cũng vẫn không thể gán cho nó bất kỳ nguyên nhân nào, hoặc xác định được do hoàn cảnh nào đã dẫn đến tình trạng suy sụp đó của Athos. Không bao giờ Athos nhận được thư từ, cũng chẳng bao giờ tiến hành một việc gì mà các bạn không biết.

Không thể nói rượu đem lại cho anh nỗi sầu muộn đó, trái lại anh chỉ uống để dẹp nỗi buồn sầu mà phương thuốc đó càng làm thêm u uất hơn. Cũng không thể gán cho cái vẻ u sầu thái quá ấy do thua bạc vì trái hẳn với Porthos tùy theo lúc

đỏ đen thường hát ca hay chửi rủa, Athos dù thua dù được vẫn bình thản như không. Người ta đã từng thấy anh tại câu lạc bộ ngự lâm quân một tối được một nghìn đồng vàng, rồi lại thua hết, và mất cả chiếc đai lưng thêu sợi vàng dùng trong ngày hội, rồi lại được tất cả cộng thêm một trăm đồng vàng louis nữa, mà đôi lông mày đẹp và đen nhánh của anh không hề dướn lên hay cúp xuống, mà đôi bàn tay anh không hề mất đi vẻ ngà ngọc, và việc chuyện trò vui vẻ tối đó không vì thế mà không bình tĩnh và thoải mái.

Càng không phải, như những người láng giềng Anh quốc do ảnh hưởng của khí hậu mà sầm tối mặt mày, bởi nỗi sầu muộn đó càng thấm đậm hơn vào những ngày đẹp trời trong năm.

Tháng sáu và tháng bảy là những tháng khủng khiếp của Athos. Đối với cuộc sống hiện tại, anh không có gì buồn phiền, anh nhún vai khi người ta nói với anh về tương lai. Bí mật của anh đã thuộc về quá khứ, như người ta đã nói một cách mơ hồ với D'Artagnan.

Cái sắc dạng bí ẩn nhuốm màu trên khắp người anh, khiến cái con người trong lúc say sưa túy lúy nhất, đôi mắt và cái miệng cũng không bao giờ hé ra điều gì dù những câu hỏi dò xét được đưa ra khéo léo nhất, càng được người ta mến mộ hơn.

D'Artagnan lẩm bẩm giờ này Athos tội nghiệp có khi đã chết rồi, mà chết do lỗi của ta, bởi chính ta đã lôi anh vào việc này, mà anh lại không biết gốc gác, chẳng rõ kết quả, và cũng chẳng được lợi lộc gì.

-Chưa kể, thưa ông – Planchet trả lời – Chúng ta sống có lẽ là nhờ ông Athos. Ông có nhớ ông ấy đã kêu lên: "Chạy đi, D'Artagnan, tôi bị tóm rồi." Và sau khi đã nổ hai phát súng ngắn, tiếng gươm vun vút của ông ấy mới khủng khiếp làm sao!

-Có thể nói đến hai chục người, đúng hơn là hai chục quỷ dữ đang điên dại!

Những lời nói ấy làm tăng gấp bội bầu máu nóng của D'Artagnan, chàng thúc ngựa, mà con ngựa thì chẳng cần phải thúc cũng đã mang người kỵ sỹ của mình phi nước đại rồi.

Khoảng mười một giờ sáng thì trông thấy Amiêng, và mười một rưỡi, hai người đã tới trước cửa cái quán trọ đáng nguyền rủa.

D'Artagnan vẫn thường luôn suy tính đến một cuộc trả thù thích đáng tên chủ quán điên đảo này họa chăng mới thỏa lòng chàng. Chàng kéo mũ dạ sụp xuống che mắt, tay trái giữ chuôi gươm tay phải quất roi ngựa vun vút bước vào quán trọ.

-Ông còn nhớ tôi chứ? – chàng nói với chủ quán đang tiến ra để chào khách.

-Thưa quý ông, tôi không có được cái vinh dự ấy – gã trả lời, mắt còn đang lóa lên vì đoàn người ngựa quý giá xuất hiện cùng với chàng.

-Chà, ông lại không biết ta ư?

-Không, thưa quý ông.

-Thôi được! Chỉ mấy câu hỏi là làm ông nhớ hết thôi. Ông đã làm gì nhà quý tộc cách đây khoảng mười lăm ngày, đã bị ông cả gan buộc tội làm bạc giả?

Chủ quán xanh mặt, bởi D'Artagnan tỏ thái độ hăm đọa dữ tợn nhất, và Planchet cũng làm y như chủ mình.

-Ôi thưa Đức ông, xin đừng nói với tôi về chuyện ấy, – tên chủ quán kêu lên bằng một giọng muốn khóc – Ôi! Thưa đại nhân, tôi đã phải trả giá đắt chừng nào về cái lỗi lầm này. Ôi, khốn nạn cái thân tôi!

-Nhà quý tộc, ta hỏi ông, bây giờ ra sao?

-Xin Đức ông nghe tôi nói, và xin đại lượng từ bi, xin làm phúc hãy ngồi xuống đã nào.

D'Artagnan giận và lo không nói được ra lời, ngồi xuống, hầm hầm như một quan tòa. Planchet ngạo nghễ tựa lưng vào ghế bành của mình.

-Thưa Đức ông, chuyện là như thế này – chủ quán run như cầy sấy nói tiếp – vì lúc này tôi đã nhận ra ngài rồi, ngài là người đã đi mất khi tôi mắc vào cái chuyện rắc rối khốn khổ với nhà quý tộc mà ngài nói.

-Phải, chính ta, như vậy, ông thừa biết, ông đừng mong ta tha tội, nếu ông không nói toàn bộ sự thật cho ta!

-Vậy mong hãy nghe tôi, và ngài sẽ rõ tất cả.

-Ta nghe đây.

-Tôi đã được nhà đương cục báo trước một tên làm bạc giả trứ danh sẽ đến quán trọ tôi với mấy tên đồng bọn tất cả đều cải trang dưới trang phục cận vệ hoặc ngự lâm quân. Ngựa, người hầu và hình dạng các vị đều được miêu tả cho tôi rõ.

D'Artagnan nhận ra ngay do đâu có sự chỉ điểm chính xác đến như thế. Chàng hỏi: -Rồi sao nữa? Sao nữa?

-Vậy là được nhà đương cục phái đến sáu người tiếp viện, và ra lệnh cho tôi, tôi đã sử dụng những biện pháp mà tôi cho là khẩn cấp để bắt giữ kỳ được mấy người bị mạo danh làm bạc gia.

Nghe mấy tiếng làm bạc giả. D'Artagnan nóng rực tai lên: -Lại vẫn nói thế hả?

-Xin Đức ông tha thứ, vì đã chót nói ra những điều như vậy, nhưng đây thật ra chỉ là cái cớ của tôi thôi. Nhà cầm quyền làm tôi sợ và ngài cũng biết một chủ quán thì phải biết làm theo nhà cầm quyền.

-Nhưng một lần nữa ta hỏi đây, nhà quý tộc ấy ở đâu? Ông ấy ra sao? Còn sống hay đã chết?

-Thưa Đức ông, xin hãy kiên nhẫn một chút, tôi nói ngay bây giờ đây. Vậy là xảy đến cái điều ngài đã biết, mà việc ra đi đột ngột của ngài – chủ quán nói

thêm với vẻ ranh ma không lọt khỏi con mắt của D'Artagnan – việc ra đi ấy dường như đã cho phép có lối thoát. Nhà quý tộc, bạn ngài chống cự tuyệt vọng.

-Người hầu của ông ấy chẳng may vô tình gây sự với các nhân viên của nhà chức trách cải trang làm bồi coi chuồng ngựa.

-Chà, quân khốn kiếp! – D'Artagnan hét lên – tất cả bọn ngươi đã đồng lõa với nhau, ta không hiểu vì cái gì mà chưa giết sạch lũ ngươi!

-Ôi, không, thưa Đức ông, chúng tôi không đồng lõa cả lũ với nhau đâu, rồi Đức ông sẽ thấy ngay thôi. Ngài bạn của Đức ông (tôi xin lỗi vì không biết tên) sau khi đã loại khỏi vòng chiến hai người bằng hai phát súng ngắn, vừa đánh chống đỡ để rút lui bằng lưỡi gươm của mình, rồi đâm què thêm một người nữa của tôi và dùng mặt gươm quật tôi bất tỉnh.

-Nhưng, tên đao phủ kia, mi có chấm dứt đi không? – D'Artagnan nói – Athos, ông Athos ra sao kia?

-Vừa đánh vừa lùi, như tôi đã nói với ngài, ông ấy thấy phía sau mình cầu thang của hầm rượu và vì cửa đang mở, ông ấy rút chìa khóa cất đi và chặn lại từ bên trong, vì người ta tin chắc có thể tìm lại ông ấy, họ để mặc cho ông ấy tự do.

-Phải – D'Artagnan nói – người ta chưa định giết ông ấy nên mới chỉ tìm cách cầm tù ông ấy thôi.

-Trời ơi. Cầm tù ông ấy ư, thưa Đức ông? Ông ấy tự cầm tù thì có, tôi xin thề đấy. Lúc đầu ông ấy đã làm một việc khốc liệt: một người bị chết tươi và hai bị thương nặng. Người chết và hai người bị thương được đồng đội khênh đi và tôi chẳng còn nghe thấy nói năng gì về người này, người khác trong bọn họ nữa. Bản thân tôi khi tỉnh lại, tôi đến gặp ông trấn thủ kể lại mọi chuyện và hỏi tôi phải làm gì với người tù. Nhưng ông trấn thủ như rơi từ trên mây xuống, ông nói hoàn toàn chẳng hay biết gì điều tôi muốn nói, và những mệnh lệnh đến với tôi không phải do ông ban ra, và nếu tôi vô phúc nói ra với bất kỳ ai là ông có chút dính dáng đến cuộc xung đột này. Ông sẽ cho treo cổ tôi.

-Thưa ông, có vẻ như tôi đã bắt giữ nhầm người này thay cho người khác và người đáng ra phải bị bắt đã trốn thoát.

Thấy nói nhà cầm quyền bỏ mặc câu chuyện, D'Artagnan càng sốt ruột gấp bội và hét lên: -Nhưng còn Athos? Athos ra sao?

-Tôi vội sửa chữa ngay những sai lầm của tôi đối với người tù – chủ quán tiếp – tôi đến hầm rượu và định thả ông ra. Ôi! Thưa ông, không phải một con người nữa mà là một con quỷ. Về việc đề nghị thả, ông tuyên bố đấy là một cái bẫy giăng ra bắt ông và trước khi ra, ông buộc phải tuân theo các điều kiện của ông. Tôi hạ mình hết mức nói với ông rằng tôi sẵn sàng tuân chịu những điều kiện của ông, bởi tôi chẳng giấu cái tình cảnh tồi tệ tôi tự chuốc lấy vì đã dám ra tay với một ngự lâm quân của Hoàng thượng. Thế rồi ông bảo tôi: "Trước hết, ta muốn trả người hầu được trang bị vũ khí cho ta."

Chúng tôi vội tuân lệnh ngay, bởi vì ngài thừa hiểu, chúng tôi bị đặt vào tình thế phải làm tất cả những gì bạn ngài muốn.

Ông Grimaud, ông ấy đã nói tên ra, và chỉ thế thôi, được đưa xuống hầm, vẫn đầy mình thương tích. Thế rồi, ông chủ nhận người hầu xong lại chặn cửa lại và ra lệnh cho chúng tôi cứ ở trong cửa hàng.

-Nhưng rốt cuộc – D'Artagnan lại hét lên – Ông ấy ở đâu? Athos ở đâu rồi?

-Trong hầm rượu, thưa ông.

-Sao, đồ khốn kiếp, mi giữ ông ấy trong hầm rượu từ bấy đến nay ư?

-Trời đất quỷ thần ơi! Đâu có, thưa ngài. Chúng tôi mà lại giữ được ông ấy trong hầm! Vậy ngài không biết ông ấy làm gì trong hầm ư? Ôi, nếu ngài có thể làm ông ấy chịu ra, tôi sẽ suốt đời biết ơn ngài, tôi xin thờ ngài như vị thánh tổ của tôi.

-Nghĩa là ông ta vẫn ở đó? Ta sẽ tìm lại được ông ta ở đó?

-Chắc chắn rồi, thưa ngài, ông ấy cứ khăng khăng ở lại. Hàng ngày, phải đưa bánh và thịt bằng một cái xỉa qua lỗ thông hơi khi ông yêu cầu. Nhưng than ôi! Không phải bánh và thịt là khoản tiêu thụ lớn nhất của ông. Một bữa, tôi cùng hai gã hầu bàn định thử xuống hầm nhưng ông liền nổi giận khủng khiếp.

-Tôi nghe thấy tiếng ông ấy nạp đạn vào súng ngắn và Grimaud nạp đạn vào súng trường. Rồi vì là chúng tôi hỏi các ông có ý định gì, ông chủ trả lời rằng thầy trò ông ấy có bốn chục viên đạn và sẽ bắn đến phát cuối cùng còn hơn cho phép bất kỳ ai trong chúng tôi đặt chân xuống hầm. Thưa ông, thế là tôi lại đến kêu với ông trấn thủ, ông trả lời rằng thế mới đáng kiếp cho tôi, và việc đó sẽ dạy cho tôi biết thế nào là lăng nhục các vị đại nhân đáng kính đến trọ ở quán tôi.

-Thành ra từ lúc đó… – D'Artagnan không thể nhịn cười trước bộ mặt thiểu não của chủ quán, liền hỏi.

-Từ lúc đó, thưa ngài, đời sống chúng tôi trở nên cực kỳ bi đát, bởi vì ngài phải biết rằng tất cả nguồn thực phẩm của chúng tôi đều ở dưới hầm, nào là vang chai, vang thùng, bia, dầu, gia vị, mỡ, và xúc xích, và vì bị cấm được xuống, chúng tôi buộc phải từ chối lữ khách tới trọ gọi uống, gọi ăn đến nỗi ngày nào lữ quán chúng tôi cũng mất khách. Bạn ngài chỉ ở thêm một tuần lễ nữa dưới hầm là chúng tôi phá sản.

-Thế mới công bằng, đồ vô lại ạ? Nhìn dáng bộ chúng ta lại không biết chúng tôi là những con người danh giá chứ không phải đồ giả mạo hay sao?

-Vâng, thưa ông, ông nói đúng – chủ quán nói – Nhưng, xem nào, xem nào, ông ấy lại nổi giận đấy.

-Chắc hẳn lại quấy rầy ông ấy chứ gì? – D'Artagnan nói.

-Nhưng đành phải quấy rầy ông ấy thôi. – Chủ quán nói – vì mới có hai vị quý tộc người Anh đến quán chúng tôi.

-Thì sao?

-Thì thế đấy! Bọn người Anh thích vang ngon như ông biết đấy. Bọn họ đòi loại thượng hạng. Vợ tôi chắc có lẽ đến van xin ngài Athos cho phép xuống hầm để thỏa mãn các vị kia. Và ông ấy chắc đã từ chối như thường lệ, ôi trời đất ơi, tiếng la hét, mắng nhiếc lại tăng lên gấp bội.

Quả nhiên, D'Artagnan cũng nghe thấy tiếng ầm ầm cạnh hầm rượu. Chàng liền đứng dậy, đi trước là chủ quán vừa đi vừa vặn vẹo hai tay, và theo sau là Planchet cầm theo súng trường đã nạp đạn, đến gần chỗ xảy ra cảnh náo loạn.

Hai nhà quý tộc Anh đang nổi cáu, họ đã đi một đoạn đường dài và đang sắp chết đói và chết khát.

-Nhưng như thế là bạo hành quá đáng! – Bọn họ hét lên bằng tiếng Pháp rất chuẩn, tuy có hơi lơ lớ giọng nước ngoài – Cái lão điên này lại không cho những con người tốt này sử dụng rượu vang của họ. Đã thế thì chúng tôi sẽ phá cửa mà vào và nếu hắn điên quá, chúng tôi giết béng hắn đi thế là xong.

-Đứng lại các vị! – D'Artagnan vừa nói vừa rút hai khẩu súng ngắn ở đai lưng ra. Các vị sẽ không giết ai hết, xin vui lòng vậy – Tốt thôi, tốt thôi! – Tiếng của Athos bên sau cánh cửa bình tĩnh phát ra – cứ để bọn ăn thịt trẻ con ấy vào thử một chút xem sao nào.

Có vẻ rất can trường thế đấy, nhưng hai nhà quý tộc người Anh nhìn nhau ngại ngùng. Người ta đồn trong hầm rượu có một con quỷ đói, gã khổng lồ trong huyền thoại dân gian mà không ai vào trong hang của nó mà không bị trừng phạt. Lặng đi một lúc, cuối cùng người Anh sợ lùi sẽ xấu hổ, và gã bẳn tính hơn bằng hai bước đã xuống năm sáu bậc thang và đập mạnh vào cửa tưởng đến vỡ cả tường.

-Planchet – D'Artagnan vừa nói vừa lên đạn hai khẩu súng ngắn – ta đảm nhiệm tên đứng trên, còn anh thằng phía dưới.

-Này các vị, các vị muốn giao chiến! Thế thì người ta đến để giao chiến với các vị!

-Trời ơi! – Giọng trầm sâu của Athos hét toáng lên – Hình như ta nghe thấy tiếng D'Artagnan.

-Đúng đấy – D'Artagnan cũng cao giọng nói vọng vào – chính tôi đây, bạn ạ.

-A, tốt lắm, – Athos nói – Ta quần cho cái bọn phá cửa này một trận chứ.

Mấy người quý tộc kia đã lăm lăm tay gươm, nhưng họ thấy mình giữa hai làn đạn nên lừng chừng thêm một lát, nhưng cũng như lần trước lòng kiêu hãnh đã thắng và thêm một cái đạp chân làm vỡ cánh cửa suốt từ trên xuống.

Athos kêu lên: -Tránh ra, D'Artagnan, tránh ra đi, tôi bắn đấy.

-Các vị! – D'Artagnan nói, – hãy kiên nhẫn đã các vị tự nhiên đâm đầu vào một chuyện tồi tệ, và chỉ tổ nát người. Tôi và người hầu của tôi đây sẽ nã vào các vị ba phát và cũng ngần ấy phát từ trong hầm rượu tương ra các vị. Rồi chúng tôi lại còn gươm nữa chứ, mà tôi xin đảm bảo với các vị tôi và bạn tôi sử dụng cũng

kha khá. Vậy hãy để tôi thu xếp việc của các vị với việc của tôi. Tôi xin hứa danh dự chỉ chốc nữa các vị sẽ được uống ngay thôi.

-Nếu như còn rượu – giọng Athos làu bàu giễu cợt.

Gã chủ quán cảm thấy một dòng mồ hôi lạnh chạy dọc xương sống.

-Sao, nếu như còn rượu ư? – Gã lẩm bẩm.

-Con khỉ ạ? Sẽ còn tôi – D'Artagnan tiếp – cứ bình tĩnh nào, có hai người làm sao uống hết cả hầm rượu, còn các vị, tra gươm vào vỏ đi. Thế thì ông cũng cài súng vào đai lưng đi!

-Xin sẵn sàng.

Và D'Artagnan làm gương trước. Rồi quay lại phía Planchet, chàng ra hiệu tháo đạn súng trường.

Bọn người Anh đã tin chắc, làu bàu tra gươm vào vỏ. Người ta kể lại cho họ chuyện Athos bị cầm tù. Và vì họ là những nhà quý tộc đứng đắn nên họ cho lỗi là ở tại chủ quán.

-Bây giờ thưa các vị – D'Artagnan nói – xin mời các vị trở về phòng mình, và trong mười phút, tôi đảm bảo người ta sẽ mang tới cho các vị tất cả những gì các vị muốn.

Bọn người Anh chào và đi ra.

-Bây giờ còn lại có mình tôi – D'Artagnan nói – Anh Athos thân mến ạ, mở cửa cho tôi đi, tôi xin anh đấy.

-Mở ngay đây – Athos nói.

-Thế là người ta nghe thấy tiếng rầm rầm của những thanh gỗ đập vào nhau và của những dầm nhà kêu kẽo kẹt. Đó là những ụ chống và pháo đài của Athos, mà bản thân kẻ bị vây hãm đang phá hủy.

Một lát sau cái cửa rùng rùng chuyển động, bộ mặt xanh xao của Athos hiện ra và đảo mắt rất nhanh dò xét xung quanh.

D'Artagnan nhảy lên bá cổ và ôm hôn trìu mến Athos. Rồi khi chàng định lôi anh ra khỏi nơi trú ngụ ẩm thấp, thì chỉ đến lúc đó chàng mới thấy anh đang lảo đảo: -Anh bị thương ư? – Chàng hỏi.

-Tôi ư? Không đời nào. Chỉ bí tỉ, thế thôi. Và chả có ai bao giờ lại có thể say hơn như thế. Chúa trời muôn năm, chủ quán ơi! Riêng phần tôi, ít nhất cũng phải uống đến một trăm năm chục chai đấy.

-Khốn nạn thân tôi! – chủ quán kêu lên – Nếu người hầu của ông chỉ uống bằng phân nửa chủ mình thì tôi cũng đến phá sản mất.

-Grimaud là một người hầu dòng dõi thế gia, không cho phép mình tầm thường như tôi đâu. Hắn chỉ uống ở thùng thôi. Xem nào, tôi tin là hắn quên đóng nắp lỗ thùng. Các ông nghe thấy không? Nó đang chảy đấy.

D'Artagnan cười phá lên làm cho cơn run rẩy của chủ quán thành cơn sốt nóng.

Cùng lúc đó Grimaud đến lượt mình cũng hiện ra sau ông chủ, súng trường trên vai, đầu lắc lư như những kẻ dâm đãng say sưa trong những tranh của Rubens[77]. Người hắn cả đằng trước lẫn đằng sau ướt đẫm một thứ nước nhờn mà chủ quán nhận ra đó là loại dầu ô-liu hảo hạng.

Đoàn người trịnh trọng đi xuyên qua đại sảnh và đến trụ tại một phòng sang nhất lữ quán mà D'Artagnan đàng hoàng chiếm lấy.

Trong khi đó, vợ chồng chủ quán cầm đèn nhảy bổ xuống căn hầm đã khá lâu bị cấm và một cảnh tượng đáng sợ đang chờ họ ở đó.

Phía sau những thành lũy mà Athos đã phá hủy để đi ra, bao gồm đòn, ván, bó que, thùng rỗng đã được chất xếp hoàn toàn theo những quy tắc chiến thuật phòng thủ, người ta thấy đây đó xương thừa của đùi lợn muối đã ăn rồi như đang bơi trong những vũng dầu và rượu vang, trong khi một đống vỏ chai vỡ ngổn ngang ở góc trái căn hầm và một thùng lớn, vòi không đóng, đang chảy nốt những giọt máu cuối cùng của nó. Hình ảnh của tàn phá và chết chóc nói như nhà thơ cổ đang ngự trị trên bãi chiến trường.

Năm mươi xâu xúc xích treo trên dầm nhà còn lại chưa đầy mười xâu.

Thế là tiếng kêu khóc của vợ chồng chủ quán như thể chọc thủng cả vòm hầm khiến chính D'Artagnan cũng phải mủi lòng. Còn Athos thì không cả ngoảnh đầu lại.

Nhưng cơn điên dại kế tiếp nỗi đau. Chủ quán vũ trang một cái đinh ba, trong cơn tuyệt vọng, lao vào căn phòng mà đôi bạn đã lui về đấy.

-Rượu ư!- Athos thấy chủ quán liền nói.

-Rượu đấy! – Chủ quán la lên rụng rời – Rượu đấy! Ông đã uống của tôi mất hơn một trăm đồng vàng rồi, ông làm tôi phá sản, nguy khốn, tiêu vong rồi!

-Thế à? = Athos nói – Nhưng chúng tôi đã lúc nào hết khát đâu.

-Nhưng giá các ông chỉ chịu uống thôi đã đỡ, lại còn đập hết các vỏ chai.

-Tại ông đẩy tôi vào cái đống ấy nó mới đổ vỡ đấy chứ. Đấy là lỗi của ông.

-Dầu ăn của tôi mất hết!

-Dầu là loại cao bôi thần diệu chửa trị các vết thương cho nên gã Grimaud tội nghiệp phải lấy để xoa bôi những vết thương ông gây ra cho gã chứ.

-Mọi xâu xúc xích của tôi bị gặm hết.

-Trong hầm rượu có vô số chuột cống.

Chủ quán nổi khùng kêu lên: -Ông sẽ phải trả tiền tôi tất cả những thứ đó.

-Quân ba đời vô lại! – Athos vừa nói vừa đứng dậy. Nhưng chàng liền ngã xuống. Chàng đã kiệt sức rồi.

D'Artagnan chạy lại đỡ chàng, và vung roi ngựa lên.

Chủ quán lùi lại một bước và òa lên khóc. D'Artagnan nói: -Điều đó sẽ dạy cho ông biết cách đối xử lịch sự hơn với những khách trọ mà Chúa đã gửi tới cho ông.

-Chúa ư? Quỷ sứ thì có.

-Ông bạn thân mến – D'Artagnan nói – Nếu ông còn làm rách màng nhĩ chúng tôi, cả bốn chúng tôi lại tự nhốt vào hầm và chúng tôi sẽ coi xem sự thiệt hại có thật sự to lớn như ông nói không.

-Thôi được! Vâng, thưa các ngài tôi xin thú nhận tôi sai – Chủ quán nói – Nhưng tội nào cũng phải được lòng nhân đức xá cho và các ngài đều là các bậc quyền quý, còn tôi chỉ là gã chủ quán khốn khổ, xin các ngài rủ lòng thương.

-A, nếu nhà ngươi nói như thế – Athos nói – ngươi làm ta đến tan nát trái tim mất, rồi nước mắt ta cũng lại chảy như rượu chảy từ thùng ra. Cũng không đến nỗi là quỷ như cái vẻ bề ngoài đấy nhỉ. Nào, lại đây ta nói chuyện.

Chủ quán lại gần vẻ lo lắng: -Lại đây, ta bảo rồi, đừng sợ – Athos tiếp tục – Lúc định trả tiền ngươi, ta có đặt túi tiền của ta lên bàn.

-Vâng, thưa Đức ông.

-Trong túi có sáu mươi đồng vàng. Đâu cả rồi?

-Chuyển lên phòng lục sự, thưa Đức ông. Họ bảo đó là tiền giả.

-Thế à, vậy đi mà đòi lại và giữ lấy sáu chục đồng vàng.

-Nhưng Đức ông biết thừa là phòng lục sự chẳng nhả ra cái gì họ giữ đâu. Nếu đó là tiền giả, may ra còn đòi được, nhưng khốn nỗi lại là tiền thật cả.

-Vậy ngươi đi mà thu xếp với họ, con người tử tế ạ, chuyện đó chẳng liên quan gì đến ta, mà ta cũng có còn xu nào đâu.

-Này – D'Artagnan nói – Con ngựa cũ của Athos ở đâu?

-Ở chuồng.

-Đáng giá bao nhiêu?

-Năm mươi đồng vàng là hết nước.

-Nó đáng giá tám mươi đấy – Hãy giữ lấy con ngựa. Coi như xong.

-Sao, cậu bán ngựa của mình – Athos nói – cậu bán con Badadê của tôi ư? Tôi sẽ cưỡi gì để ra trận? Cưỡi lên thằng Grimaud ư?

D'Artagnan nói: -Tôi mang đến cho anh một con khác rồi.

-Con khác?

-Và tuyệt đẹp? – Chủ quán tấm tắc.

-Thế thôi, nếu quả có một con ngựa khác đẹp hơn, ít tuổi hơn, thì ngươi cứ giữ lấy con ngựa cũ đi và cho uống đi thôi.

-Loại nào ạ? Chủ quán hỏi, mặt mũi đã tươi tỉnh lên.

-Loại ở cuối hầm gần đống ván mỏng ấy. Chỗ ấy vẫn còn hai nhăm chai đấy, những chai khác bị vỡ hết lúc ta bị ngã rồi. Đem sáu chai lên đây.

-Loại người này đúng là lưu linh tái thế đấy! – Chủ quán nói với riêng mình – Chỉ cần hắn ở lại đây mười lăm ngày nữa, và uống đến đâu trả đến đấy, ta sẽ phục hồi lại được công việc làm ăn.

-Và đừng quên – D'Artagnan nói tiếp – mang bốn chai cùng loại cho mấy vị người Anh.

-Giờ thì – Athos nói – trong khi chờ đợi họ mang rượu lên.

-D'Artagnan cậu hãy kể cho mình những người kia thế nào.

D'Artagnan kể lại mình đã tìm thấy Porthos nằm liệt giường vì bị trẹo đầu gối như thế nào, và Aramis trước cái bàn giữa hai nhà thần học. Chàng vừa kể xong cũng là lúc chủ quán quay lại với những chai rượu đã gọi và một cái đùi lợn may sao cho hắn lại ở ngoài hầm.

Athos rót đầy cốc mình và cốc bạn rồi nói: -Về Porthos và Aramis thế là ổn rồi, còn cậu, cậu thế nào, có chuyện gì xảy ra với riêng cậu không? Tôi thấy cậu có vẻ gặp tai ương thì phải.

-Than ôi! – D'Artagnan nói – Chính tôi mới là kẻ khốn khổ nhất trong mấy người chúng ta.

-Cậu khốn khổ ư, D'Artagnan! – Athos nói – Thế cậu khốn khổ ra sao nào? Nói tôi nghe đi.

-Để sau đã, – D'Artagnan nói.

-Để sau đã! Tại sao phải để sau? Vì cậu tưởng tôi say ư, D'Artagnan? Hãy nhớ lấy điều này: tôi không bao giờ có được những ý tưởng minh bạch hơn trong rượu nhé. Vậy hãy nói đi, tôi chú ý nghe đấy.

D'Artagnan kể lại cuộc phiêu lưu tình ái của mình với bà Bonacieux.

Athos lắng nghe không cau mày, khi chàng kể xong, Athos nói: -Đau khổ cả mà thôi – Athos nói – Chỉ đau khổ thôi!

Đó là từ Athos ưa dùng.

-Anh luôn luôn nói đau khổ, anh Athos thân mến của tôi? – D'Artagnan nói – Điều đó không hợp với anh, người không bao giờ yêu cả.

Con mắt lạc hồn của Athos bỗng rực sáng lên, nhưng chỉ như một tia chớp, nó lại trở lại mờ đục và mơ hồ như trước.

-Đúng thế – Chàng bình tĩnh nói – tôi chưa bao giờ yêu cả.

-Vậy anh hẳn thấy, trái tim sắt đá ơi – D'Artagnan nói – Anh đã sai khi tỏ ra cứng rắn với những trái tim mềm yếu như chúng tôi chứ.

-Trái tim mềm yếu – Athos nói – là trái tim bị đâm xuyên.

-Anh nói sao?

-Tôi nói, tình yêu chỉ là trò xổ số, mà kẻ nào trúng, trúng luôn cái chết. Cậu không trúng thế là phúc đấy. Tin tôi đi, D'Artagnan thân mến, và nếu tôi có lời khuyên cậu thì là khuyên luôn luôn không trúng.

-Nàng có vẻ quá chi là yêu tôi?

-Nàng mới có vẻ thôi.

-Ô, nàng yêu tôi.

-Trẻ con! Chẳng có người đàn ông nào lại không tin như cậu rằng người tình của mình yêu mình, và chẳng có người đàn ông nào lại không bị người tình của mình lừa dối.

-Trừ anh chứ, Athos, vì anh đã bao giờ có đâu.

-Đúng vậy – Athos nói sau một lúc lặng đi – tôi chưa bao giờ có cả, đúng vậy. Ta uống thôi!

-Vậy thì là một triết gia – D'Artagnan nói – Anh hãy dạy tôi, nâng đỡ tôi. Tôi cần hiểu biết và cần được an ủi.

-An ủi cái gì?

-Nỗi đau khổ của tôi.

-Nỗi đau khổ của cậu làm tôi buồn cười – Athos nhún vai nói – Tôi tò mò muốn biết cậu sẽ nói thế nào nếu tôi kể cho cậu nghe một chuyện tình.

-Xảy ra với anh?

-Hoặc với một người bạn tôi, thì đã sao!

-Nói đi, Athos, anh nói đi.

-Uống đã, sẽ thú vị hơn.

-Vậy anh uống và kể đi.

Athos uống cạn một cốc, rót đầy cốc nữa rồi nói: -Được thôi, vừa uống vừa kể là hay nhất.

-Tôi nghe đây – D'Artagnan nói.

Athos như đang nhớ lại, và càng nhớ lại, D'Artagnan thấy Athos càng tái đi. Anh đang nhớ tới cái giai đoạn trong cơn say mà những kẻ uống tầm thường, thường gục ngã và ngủ thiếp đi, còn anh, anh vẫn mơ màng, lớn tiếng mà không ngủ. Cái trạng huống mộng du say sưa ấy có một cái gì đó thật hãi hùng.

-Cậu muốn nghe thật chứ! – Athos hỏi.

-Tôi xin anh đấy – D'Artagnan nói.

-Vì vậy đã muốn thì phải kể thôi. Một người bạn tôi, một trong số những bạn tôi, cậu hiểu chứ, chứ không phải tôi – Athos ngừng lại một lát với một nụ cười u tối. Một trong những Bá tước ở tỉnh tôi, nghĩa là ở Bery, dòng dõi cao quý như một Đăngđôlô[78] hoặc một Môngmôrăngxi[79] năm hăm nhăm tuổi si mê một thiếu nữ mười sáu tuổi, xinh đẹp như bản thân tình yêu.

Một tâm hồn nồng cháy biểu hiện trong vẻ ngây thơ của tuổi trẻ, không phải một tâm hồn phụ nữ, mà là tâm hồn của nhà thơ.

Nàng không làm người ta thích mà làm người ta si mê. Nàng sống ở một thị trấn nhỏ cạnh người anh là một mục sư. Cả hai đều là người nơi khác đến đấy sinh sống. Không ai biết họ từ đâu đến. Nhưng thấy nàng quá xinh đẹp và anh nàng quá sùng đạo người ta cũng chẳng nghĩ đến việc hỏi họ từ đâu tới. Hơn nữa, người ta nói họ xuất thân từ gia đình tử tế, bạn tôi lúc ấy là lãnh chúa xứ này lẽ ra có thể quyến rũ nàng hoặc cưỡng đoạt nàng theo sở thích, vì chàng là chúa tể ở

đây. Ai sẽ đến bảo vệ hai kẻ xa lạ, hai kẻ vô danh? Khốn nỗi chàng là một người lương thiện, chàng cưới nàng hẳn hoi – Một kẻ dại dột, ngớ ngẩn, ngu đần?

-Nhưng tại sao lại thế, vì chàng yêu nàng cơ mà? – D'Artagnan hỏi.

-Khoan đã nào – Athos nói – chàng đưa nàng về lâu đài của mình và đưa nàng lên hàng đệ nhất phu nhân của tỉnh. Nhưng công bằng mà nói, nàng tỏ ra xứng đáng với địa vị ấy.

-Rồi sao nữa? – D'Artagnan hỏi.

-Rồi một hôm nàng đi săn với chồng – Athos tiếp tục giọng nhỏ hơn và nói rất nhanh – nàng bị ngã ngựa và ngất đi. Bá tước lao đến cứu, do nàng bị ngột ngạt trong bộ quần áo đi săn, chàng bèn lấy dao găm rạch áo nàng ra để hở vai nàng. D'Artagnan cậu thử đoán xem nàng có cái gì trên vai nào? – Athos nói và cười phá lên.

-Tôi có thể biết là cái gì không? – D'Artagnan hỏi.

-Một bông huệ – Athos nói – Nàng bị đóng dấu sắt nung phạm tội.

Và Athos uống một hơi cạn cốc rượu trên tay.

-Khủng khiếp quá! – D'Artagnan kêu lên – Anh nói gì với tôi thế?

-Sự thật. Bạn thân mến, thiên thần là quỷ dữ. Cô thiếu nữ tội nghiệp đó đã ăn cắp.

-Và Bá tước tính sao?

-Bá tước là một đại lãnh chúa, chàng có quyền xét xử các vụ án cấp thấp và cấp cao. Chàng xé nốt quần áo của nữ Bá tước, trói quật tay ra sau lưng và treo cổ nàng trên cây.

-Trời ơi, Athos! Một vụ sát nhân! – D'Artagnan la lên.

-Đúng, một vụ giết người, không hơn không kém – Athos tái người đi như một cái xác không hồn – Nhưng hình như thiếu rượu cho tôi rồi đấy.

Và Athos túm lấy cổ chai rượu cuối cùng còn lại, đưa vào tận miệng và tu thẳng một hơi cạn chai rượu, như bình thường cạn một cốc rượu.

Rồi chàng gục đầu lên hai bàn tay, D'Artagnan ngồi trước mặt chàng rùng mình kinh hoảng.

-Chuyện đó đã chữa khỏi bệnh đàn bà đẹp, thơ mộng và đa tình cho tôi – Athos vừa nói vừa đứng lên không nghĩ tới việc tiếp tục câu chuyện có tính chất ngụ ngôn về ông Bá tước – Cầu chúa cho cậu cũng được khỏi bệnh như vậy – Thôi ta uống đi!

-Thế là nàng đã chết? – D'Artagnan ấp úng.

-Cho chết! – Athos nói – Nhưng nâng cốc lên chứ. Đùi lợn đâu, quân đê tiện – Athos hét lên – chúng ta không thể uống được nữa!

-Thế còn anh nàng? – D'Artagnan rụt rè hỏi thêm.

-Anh nàng ư? – Athos lặp lại.

-Ừ, ông linh mục ấy?

-À, tôi đã cho dò tìm để đem treo cổ cả hắn, nhưng hắn đã phòng xa, bỏ chức mục sư từ đêm trước.

-Ít nhất cũng phải biết tên khốn khiếp ấy là ai chứ?

-Chắc chắn đó là người tình đầu tiên và kẻ đồng lõa của người đẹp, một người danh giá đã đóng giả mục sư để cưới người tình của mình và đảm bảo thân phận của nàng. Rồi cũng sẽ bị xé xác ra thôi, tôi cho là như vậy.

-Ôi! Lạy Chúa? Lạy Chúa! – D'Artagnan kêu lên và choáng váng hết cả người vì câu chuyện hãi hùng đó.

-Ăn miếng đùi lợn này đi, D'Artagnan, tuyệt vời đấy, – Athos vừa nói vừa xẻo một lát đặt vào đĩa của bạn – Thật không may trong hầm lại không có bốn cái đùi lợn này, chỉ cần có thế, có lẽ tôi đã uống thêm năm mươi chai rượu nữa.

D'Artagnan không thể chịu nổi cuộc trò chuyện này nữa, vì nó có thể khiến chàng phát điên. Chàng để gục đầu lên hai bàn tay và giả vờ ngủ thiếp đi.

Athos nhìn chàng thương hại nói: -Bọn trẻ không biết uống nữa rồi. Tuy nhiên, cậu này vẫn cứ là loại cừ nhất!

§28. Trở về

D'Artagnan vẫn choáng váng về câu chuyện tâm tình của Athos, tuy nhiên còn khá nhiều điều hình như vẫn còn mập mờ trong sự bộc lộ nửa vời đó. Trước hết là chuyện do một người hoàn toàn say túy lúy kể cho một người nửa tỉnh nửa say, và mặc dầu hơi men của vài ba chai rượu Buốcgônhơ làm mịt mù cả đầu óc D'Artagnan, sáng hôm sau khi thức dậy, vẫn thấy mỗi lời Athos nói còn in trong ký ức như thể ra khỏi miệng bạn đến đâu, là in vào tâm trí chàng đến đấy. Tất cả nỗi nghi ngờ ấy chỉ khiến chàng càng khao khát mạnh hơn đi đến một sự tường tận, và chàng sang phòng bạn với ý đồ quyết tâm nối lại cuộc trò chuyện đêm qua, nhưng chàng thấy Athos thần trí hoàn toàn ổn định, nghĩa là con người tinh tế và bí hiểm nhất.

Hơn nữa, người lính ngự lâm đó sau khi bắt tay chàng, đã đón trước được ý nghĩ của chàng.

-Hôm qua tôi say quá, D'Artagnan thân mến ạ – Athos nói – Sáng nay tôi vẫn còn cảm thấy cơn say ở đầu lưỡi tôi, nó vẫn cứ bì bì, và mạch tôi vẫn còn đập mạnh lắm. Tôi cược rằng tôi đã nói muôn vàn điều bậy bạ lăng nhăng.

Vừa nói, Athos vừa nhìn bạn mình chằm chằm khiến D'Artagnan bối rối.

-Nhưng không phải thế đâu – D'Artagnan cãi lại – và nếu như tôi nhớ không nhầm thì anh chẳng nói gì ngoài những chuyện thường tình.

-Ồ, cậu làm tôi ngạc nhiên đấy, tôi nghĩ tôi đã kể cho cậu nghe một chuyện thương tâm nhất.

Và anh nhìn chàng trai trẻ như muốn đọc thấu tâm can của bạn mình. D'Artagnan nói: -Thật tình, hình như tôi còn say hơn cả anh, vì tôi chẳng nhớ được điều gì hết.

Athos chẳng thèm để ý đến câu nói ấy, và anh tiếp tục: -Cậu không phải là không nhận thấy, bạn thân mến ạ, mỗi người có một kiểu say, buồn hay vui. Tôi say kiểu buồn, mà một khi tôi đã say, tôi có cái thói kể ra mọi chuyện tang thương mà bà vú nuôi ngớ ngẩn của tôi đã khắc vào trí não tôi. Đó là tật xấu của tôi, tật xấu cơ bản, tôi đồng ý như vậy. Nhưng ngoài tật đó, tôi là tay uống cừ.

Athos nói ra điều đó, quá tự nhiên, khiến cho niềm tin của D'Artagnan bị lung lay. Chàng cố nắm bắt lại sự thật và nói: -Ồ, thì ra là như thế, quả thật tôi cũng nhớ ra là như thế, vả lại nó giống như ta nhớ lại một giấc mơ ấy mà, tôi nhớ chúng ta đã nói về những người bị treo cổ.

-À cậu biết đấy – Athos vừa nói vừa tái người đi tuy nhiên vẫn cố cười – Tôi cam đoan những người bị treo cổ là cơn ác mộng của tôi, của chính tôi.

-Phải phải, – D'Artagnan nói tiếp – tôi nhớ ra rồi – Phải, chuyện đề cập đến… khoan đã nào… đề cập đến một phụ nữ…

-À, đấy là một chuyện hay nhất của tôi – Athos trả lời, mặt xanh đi – về một người đàn bà tóc hoe vàng và khi tôi kể chuyện đó là lúc tôi đang say muốn chết.

-Phải, chính thế – D'Artagnan nói – chuyện về một phụ nữ tóc vàng hoe, cao lớn và đẹp, có đôi mắt xanh.

-Phải, và bị treo cổ.

-Bởi người chồng là một vị lãnh chúa quen biết anh – D'Artagnan vừa tiếp tục nói vừa nhìn thẳng vào mặt Athos.

-Ồ, cậu thấy đấy, trong khi người ta không còn biết mình đang nói gì nữa, thì người ta có thể làm tổn hại đến phẩm giá một con người lắm chứ – Athos vừa nói vừa nhún vai như thể mình đang thương hại chính bản thân mình – Nhất định là tôi không muốn say nữa, D'Artagnan? Đó là một thói quen quá xấu.

D'Artagnan im lặng không nói gì.

Rồi Athos chuyển phắt sang đề tài khác, và nói: -Nhân tiện, xin cảm ơn cậu về con ngựa mà cậu đã mang đến cho tôi.

-Có hợp với anh không? – D'Artagnan hỏi.

-Hợp, nhưng đó không phải là một con ngựa dai sức.

-Anh nhầm rồi. Tôi đã cưỡi nó chạy mười dặm trong một tiếng rưỡi đồng hồ mà cứ như thể mới chạy vòng quanh quảng trường Saint-Sulpice ấy.

-Thế à? Thế thì cậu làm cho tôi tiếc mất rồi.

-Tiếc cái gì?

-Tiếc vì tôi bán nó mất rồi.

-Thế là thế nào?

-Là thế này. Sáng nay tôi thức dậy lúc sáu giờ, cậu vẫn ngủ như chết, tôi chả biết làm gì, tôi vẫn còn ngẩn ngơ về việc quá chén của chúng ta hôm qua, tôi bèn đi xuống đại sảnh và thấy một trong hai người Anh đang mặc cả mua một con ngựa với người lái ngựa, ngựa của hắn bị chết hôm qua vì bị trúng gió.

-Tôi lại gần hắn và vì thấy hắn đang trả một trăm đồng vàng con tuấn mã màu tía. Tôi bảo hắn: "Này nhà quý tộc, tôi cũng có một con muốn bán."

-Và còn rất đẹp nữa – hắn nói – tôi thấy hôm qua rồi, người hầu của bạn ông đang dắt nó.

-Ông thấy nó đáng một trăm chứ?

-Vâng và ông muốn bán cho tôi với giá ấy à?

-Không, tôi chơi bạc nó với ông.

-Ông chơi bạc với tôi?

-Đúng.

-Chơi loại gì?

-Xúc xắc. Nói sao làm vậy, và tôi mất con ngựa, à nhưng mà, – Athos tiếp tục tôi đã gỡ lại được bộ đồ trang sức trên mình ngựa.

D'Artagnan tỏ ra rất bực.

-Trái ý cậu lắm à? – Athos nói.

-Chứ sao, tôi thú thật với anh – D'Artagnan nói tiếp – Con ngựa đó là để chúng ta nhận ra nhau khi xung trận, đó là một tín vật, một kỷ niệm. Athos, anh sai rồi.

-Ôi, bạn thân mến, cậu hãy ở vào địa vị tôi – người lính ngự lâm nói tiếp – tôi buồn muốn chết, thêm nữa, tôi thề danh dự đấy, tôi không thích ngựa Anh. Mà nếu chỉ để nhận ra nhau thôi thì cái yên là đủ, nó có thể nhận ra lắm chứ. Còn con ngựa, ta sẽ tìm một cớ gì đó để biện giải cho việc nó biến mất. Mà đếch gì! Nó chết, ngựa nào mà chả chết, cứ coi như con của tôi bị chết vì xổ mũi hoặc lở loét.

D'Artagnan vẫn cau có.

-Điều đó làm tôi áy náy lắm – Athos tiếp tục – vì cậu quan tâm đến những con vật ấy đến thế, vì tôi đã kể hết chuyện đâu.

-Thế anh còn làm những gì nữa?

-Sau khi đã mất con ngựa của tôi, chín điểm thua mười, cậu thấy ức không, tôi bèn nảy ra ý nghĩ chơi con của cậu.

-Ờ, nhưng tôi mong mới chỉ dừng lại ở ý nghĩ của anh thôi.

-Không đâu, tôi thực hiện ngay lúc ấy.

-À! Hay thật đấy! – D'Artagnan kêu lên lo lắng.

-Tôi chơi và thua.

-Thua con ngựa của tôi?

-Con của cậu, bẩy chọi tám, thua có một điểm… Cậu biết câu ngạn ngữ…

-Athos, tôi xin thề là anh không tỉnh rồi!

-Bạn thân mến, đấy là hôm qua, khi tôi kể cho cậu nghe những chuyện vớ vẩn, tôi phải nói như vậy, chứ không phải sáng nay. Tôi thua hết cả ngựa lẫn yên cương.

-Thế thì ghê tởm quá?

-Khoan đã nào cậu đã nghe hết đâu. Tôi sẽ là một tay chơi sành sỏi nếu tôi không cay cú, nhưng tôi lại cay cú, giống như khi tôi uống ấy, tôi cũng cay cú…

-Nhưng làm sao anh còn chơi nổi nữa, anh có còn cái gì đâu?

-Có chứ? Có quá đi chứ, anh bạn ạ! Chúng ta vẫn còn cái nhẫn kim cương lấp lánh trên ngón tay cậu mà tôi đã thấy hôm qua.

-Cái nhẫn kim cương này ư? – D'Artagnan kêu lên và đưa tay giữ chặt lấy cái nhẫn.

-Và vì tôi là kẻ sành chơi, và cũng đã từng có mấy chiếc trong tài sản riêng, tôi ước lượng nó phải có giá một nghìn đồng vàng.

D'Artagnan chết điếng người vì kinh hãi nghiêm nghị nói: -Tôi hy vọng anh chưa động gì đến chiếc nhẫn kim cương của tôi đấy chứ?

-Trái lại đấy, bạn ơi. Chiếc nhẫn kim cương là tài sản duy nhất của chúng ta. Với nó, tôi có thể gỡ lại được yên cương, ngựa, và thêm nữa, tiền lộ phí.

-Athos, anh làm tôi run lên đây này? – D'Artagnan kêu lên.

-Vậy là tôi nói về cái nhẫn kim cương với con bạc của tôi. Hắn cũng đã để ý thấy cái nhẫn. Mà quỷ ạ, cậu đeo ở ngón tay cậu một ngôi sao trên trời lại muốn người ta không chú ý ư? Không thể được?

-Nói nốt đi, ông bạn quý, nói nốt đi! – D'Artagnan nói- Bởi vì thề danh dự đấy! Với sự bình tĩnh của anh, anh làm tôi chết mất đấy?

-Thế là chúng tôi chia cái nhẫn kim cương ra làm mười phần, mỗi phần một trăm đồng vàng.

-À anh định đùa và thử tôi đấy à? – D'Artagnan nói, mà cơn giận bắt đầu túm lấy tóc chàng giống như thần Minéc túm lấy Akin trong Iliát[80].

-Không, tôi không đùa đâu, mẹ kiếp! Tôi chỉ muốn biết cậu sẽ ra sao trong tình cảnh ấy thôi? Đã mười lăm ngày tôi không được giáp mặt ai và cứ ở đó đàm đạo với những chai rượu cho đến trì độn người đi.

-Đó không phải là lý do đem nhẫn kim cương của tôi ra chơi bạc, thế đó! – D'Artagnan vừa trả lời vừa nắm chặt tay lại, thần kinh co giật bắn người lên.

-Vậy cậu, nghe nốt đã. Mười phần, mỗi phần một trăm đồng vàng, mỗi phần chơi làm mười ván, không chơi gấp thiếc để gỡ, mười ba ván tôi thua tất. Mười ba ván, con số 13 luôn luôn xúi quẩy với tôi, đó là ngày mười ba tháng bẩy mà…

-Mẹ kiếp! – D'Artagnan la lên và đứng lên khỏi bàn, chuyện lúc này khiến chàng quên cả chuyện đêm qua.

-Kiên nhẫn nào – Athos nói – tôi có một kế hoạch. Tên người Anh là một tay độc đáo, sáng nay tôi thấy hắn trò chuyện Grimaud, và Grimaud báo với tôi là hắn đề nghị với Grimaud phục vụ hắn. Tôi đánh luôn với hắn bằng Grimaud và cũng chia Grimaud ra làm mười phần.

-Trời, lại còn thế nữa? – D'Artagnan không giữ nổi phá lên cười.

-Chính bản thân gã Grimaud, cậu hiểu không nào? Và với mười phần của Grimaud mà tất cả cũng chưa đáng một đucatông vàng tôi gỡ lại cái nhẫn kim cương. Giờ thì cậu thử nói xem lòng kiên nhẫn có phải là một đức hạnh không?

-Thật tình, tôi chỉ thấy quái gở! – D'Artagnan đã khuây khỏa, vừa nói vừa ôm bụng cười.

-Cậu hiểu chứ, thấy mình đang vận đỏ, tôi lại chơi tiếp ngay bằng nhẫn kim cương.

-Ôi quỷ sứ! – D'Artagnan nói và lại sa sầm mặt lại.

-Tôi đã gỡ lại được yên cương của cậu, rồi ngựa của cậu rồi yên cương của tôi, ngựa của tôi, rồi lại thua. Tóm lại tôi lấy lại được yên cương của cậu, rồi của tôi. Đó, bây giờ chúng ta chỉ có thế. Đó là một ván chơi tuyệt đẹp, vì vậy tôi dừng ở đó thôi.

D'Artagnan thở phào như thể người ta vừa cất bỏ cả cái lữ quán này đè lên ngực chàng.

-Rốt cuộc, tôi vẫn còn nhẫn kim cương chứ? – D'Artagnan rụt rè hỏi.

-Nguyên si! Bạn thân mến ạ. Thêm nữa là những bộ yên cương của con chiến mã của cậu và của tôi.

-Nhưng chúng ta sẽ làm gì với những yên cương mà không có ngựa?

-Tôi đã có ý kiến về chúng đây.

-Athos, anh làm tôi run đấy.

-Nghe đây, D'Artagnan, đã lâu rồi cậu không chơi có phải không?

-Nhưng tôi không thèm chơi chút nào cả.

-Đừng có vội tuyên bố như thế – Từ lâu rồi, cậu không chơi, cậu chắc chắn sẽ gặp may cho mà xem.

-Thế thì sao?

-Thế thì tên người Anh và bạn hắn vẫn còn ở đây. Tôi nhận thấy hắn tiếc mấy bộ yên cương lắm. Còn cậu, cậu có vẻ tiếc con ngựa của cậu. Ở địa vị cậu tôi sẽ chơi bộ yên cương lấy con ngựa.

-Nhưng hắn sẽ không muốn một bộ thôi đâu.

-Thì chơi cả hai, mẹ kiếp! Tôi không phải là người ích kỷ như cậu đâu.

-Anh chơi thật chứ? – D'Artagnan ngần ngừ nói, sự tin tưởng của Athos đã bắt đầu làm chàng xiêu lòng.

-Chơi một ván thôi, thề danh dự đấy.

-Nhưng chính vì đã mất mấy con ngựa, tôi lại càng muốn giữ lấy mấy bộ yên cương.

-Thế thì chơi bằng nhẫn kim cương vậy.

-Ồ, cái đó lại là chuyện khác, không bao giờ, không bao giờ cả.

-Mẹ kiếp! – Athos nói – Tôi muốn đề nghị cậu chơi bằng thằng Planchet lắm, nhưng cách đó đã làm rồi, thằng người Anh có lẽ không muốn nữa đâu.

-Này Athos thân mến – D'Artagnan nói – tôi thích tốt nhất là đừng có liều nữa làm gì.

-Đáng tiếc đấy! – Athos lạnh lùng nói – Thằng người Anh đó có rất nhiều tiền vàng. Trời ơi! Cứ thử một cái. Một ván thôi mà!

-Và nếu tôi thua?

-Cậu sẽ thắng.

-Nhưng nếu tôi thua?

-À thì… Coi như cậu cho nó mấy bộ yên cương.

-Thì làm một ván – D'Artagnan nói.

Athos liền đi tìm gã người Anh và thấy hắn ở chuồng ngựa đang ngắm nghía mấy bộ yên cương bằng con mắt thèm khát.

-Thật đúng dịp. Athos đặt điều kiện: Hai bộ yên ăn một con ngựa hay một trăm đồng vàng, tùy ý chọn. Tên người Anh tính toán rất nhanh: hai bộ yên cương đáng giá ba trăm đồng vàng, hắn bằng lòng ngay.

D'Artagnan vừa run vừa ném mấy con xúc xắc và đạt ba điểm. Chàng tái người đi khiến Athos đâm sợ lây, đành vui vẻ nói: -Một ván xúi quẩy rồi, ông bạn. Ông đến có lũ ngựa yên cương đầy đủ mất thôi.

Tên người Anh đắc chí, chẳng bỏ công xóc quân xúc xắc, ném luôn ra bàn không thèm nhìn, tin chắc phần thắng thuộc về mình. D'Artagnan quay mặt đi để giấu vẻ bực tức.

-Khoan, khoan, khoan đã. – Athos nói bằng một giọng điềm tĩnh – một ván xúc xắc cực kỳ lạ lùng, và tôi chỉ thấy bốn lần trong đời đấy: hai con một!

Tên người Anh nhìn vô cùng kinh ngạc, D'Artagnan cũng nhìn và rất đỗi vui mừng.

-Phải, – Athos tiếp tục – chỉ bốn lần thôi: một lần ở nhà ông De Crêquy, một lần ở nhà tôi, ở vùng thôn quê, tại lâu đài… khi tôi còn chiếc lâu đài, lần thứ ba ở nhà ông De Treville, làm cả lũ chúng ta phải ngạc nhiên, cuối cùng lần thứ tư ở một quán rượu, lần này giã đúng vào tôi, khiến tôi thua một trăm đồng louis vàng và một bữa nhậu tối.

-Thế là ông gỡ lại được con ngựa của mình rồi – gã người Anh nói.

-Hẳn rồi – D'Artagnan nói.

-Không chơi gỡ ư?

-Chúng ta đã giao hẹn là không chơi gỡ. Ông nhớ chứ?

-Đúng vậy, con ngựa sẽ trả lại cho người hầu của ông.

-Khoan chút đã – Athos nói, – xin phép cho tôi nói với bạn tôi một câu.

-Ông cứ tự nhiên.

Athos kéo D'Artagnan ra một chỗ. D'Artagnan nói: -Thế nào! Anh muốn gì nữa ở tôi, hỡi tên cò mồi, anh muốn tôi chơi nữa, có phải không?

-Không, tôi muốn cậu suy nghĩ thôi.

-Về cái gì?

-Cậu định lấy lại con ngựa có phải không?

-Hẳn rồi.

-Cậu nhầm rồi, tôi lấy một trăm đồng vàng cơ.

-Thôi đi, tôi lấy con ngựa.

-Và cậu nhầm rồi, tôi xin nhắc lại như vậy. Làm gì được với một con ngựa cho hai người chúng ta, tôi không thể cưỡi lên mông ngựa và chúng ta có vẻ như hai con trai nhà Âymông[81] bị chết. Cậu cũng không thể đang tâm cưỡi tuấn mã để tôi đi bộ bên cạnh được. Tôi, không cân nhắc lôi thôi gì cả, tôi lấy một trăm đồng vàng, chúng ta đang cần tiền để trở về Paris.

-Athos, tôi vẫn muốn lấy ngựa.

-Ôi cậu nhầm rồi, bạn ơi. Một con ngựa đi vòng kiềng, một con ngựa vấp chân, trẹo gối, một con ngựa ăn chung máng với con ngựa sổ mũi, đó một con

ngựa như thế chỉ có mất toi một trăm đồng vàng. Rồi lại còn chủ thì phải nuôi ngựa, đằng này trái lại, một trăm đồng vàng nó nuôi chủ.

-Nhưng chúng ta trở về thế nào?

-Trên lũ ngựa của bọn người hầu của chúng ta. Mẹ kiếp!

-Người ta nhìn hình dạng chúng ta sẽ thấy ngay chúng ta là những người gặp phải hoàn cảnh không may.

-Cái bộ dạng đẹp đẽ của chúng ta trên lưng hai con nghẽo, còn Porthos và Aramis thì tưng tưng trên hai con ngựa chứ!

-Aramis, Porthos ư! – Athos la lên và bật cười.

-Cười gì? – D'Artagnan hỏi, chàng chẳng hiểu tại sao bạn mình lại hô hố cười.

-Không có gì đâu, ta tiếp tục thôi – Athos nói.

-Như thế, ý kiến của anh?…

-Là lấy một trăm đồng vàng, D'Artagnan ạ, với một trăm đồng vàng, chúng ta sẽ phè phỡn cho đến cuối tháng, chúng ta đã trải qua bao nhiêu gian lao vất vả, cậu thấy không, nghỉ ngơi một chút sẽ tốt chứ.

-Tôi nghỉ ngơi ư? Ồ, không, Athos, đến Paris một cái là tôi lập tức đi tìm người đàn bà tội nghiệp ấy ngay.

-Được rồi! Thế cậu tưởng con ngựa của cậu sẽ có ích cho cậu trong việc đó hơn là những đồng vàng quý giá ư? Cậu hãy lấy một trăm đồng vàng ấy đi! bạn ạ, hãy lấy một trăm đồng vàng.

D'Artagnan chỉ cần một lý do để đầu hàng. Lý lẽ này có vẻ xuất sắc Vả lại chống chọi mãi, chàng sợ mình có vẻ ích kỷ trong con mắt Athos. Chàng gật đầu, và chọn một trăm đồng vàng gã người Anh đếm ngay tại chỗ.

Rồi họ chỉ còn nghĩ tới việc ra đi. Hòa ước đã ký ngoài con ngựa già của Athos phải trả thêm sáu đồng vàng cho chủ quán.

D'Artagnan và Athos chiếm lấy ngựa của Planchet và Grimaud, hai người hầu đội hai bộ yên lên đầu và đi bộ theo.

Dù cưỡi ngựa tồi, đôi bạn vẫn vượt trước hai người hầu và đến Vỡ Tim. Từ xa họ đã gặp Aramis đang âu sầu tựa cửa sổ, và giống như chị Anne tôi, nhìn bụi rắc phía chân trời[82].

Đôi bạn hô vang lên: -Ê này! Aramis, cậu đang làm cái quái gì thế?

-À, cậu đấy ư, D'Artagnan, và anh nữa, Athos – chàng trai trẻ nói – Tôi đang nghĩ của cải trên đời sao nó ra đi nhanh đến thế và con ngựa Anh của tôi cũng đi xa và vừa biến mất trong lốc bụi, đối với tôi là một hình ảnh sinh động về sự mong manh của mọi vật trên đời. Cuộc đời cũng vậy, có thể quy lại bằng ba từ "Erat, est, fuit".[83]

-Thật ra thế nghĩa là thế nào? – D'Artagnan hỏi và bắt đầu nghi ngờ sự thật.

-Nghĩa là tôi vừa bị lừa một quả sáu mươi đồng louis vàng lấy một con ngựa mà chỉ nhìn cách nó di chuyển thôi cũng đoán ra nó phi nước kiệu năm dặm một giờ.

D'Artagnan và Athos phá lên cười.

-D'Artagnan thân mến – Aramis nói – đừng giận tôi quá nhé, tôi xin cậu đấy, vì nhu cầu thì bất chấp luật lệ. Vả lại, trước hết tôi đã bị trừng phạt rồi, vì cái tên lái ngựa bất lương ấy đã xoáy mất của tôi ít nhất năm mươi louis vàng. Mà các vị cũng là những người điều hành giỏi đấy chứ, các vị đến đây bằng ngựa của bọn hầu và bắt bọn hầu dắt tay những con ngựa quý của các vị, nhẹ nhàng, từng quãng một.

Cũng vào lúc ấy một xe chở hàng từ phía Amiêng đã hiện ra được một lúc bây giờ đã tới nơi và dừng lại, rồi Planchet và Grimaud ra khỏi xe với bộ yên cương đội trên đầu.

Chiếc xe chở hàng đi không về Paris, và hai chàng hầu ta đã điều đình cho đi nhờ xe và sẽ đãi người đánh xe giải khát suốt dọc đường.

-Thế là thế nào? – Aramis thấy cung cảnh vừa diễn ra liền hỏi – Sao lại chỉ có mỗi yên thôi?

-Bây giờ cậu hiểu rồi chứ? – Athos nói.

-Các bạn tôi ơi, thế thì đúng như tôi rồi. Tôi cũng giữ lại yên cương, theo linh tính thôi. Ê này, Bazin! Mang bộ yên cương mới của ta xếp cạnh những bộ của mấy ông đây.

-Và anh làm thế nào với mấy vị mục sư của anh? – D'Artagnan hỏi.

-À, hôm sau tôi mời họ ăn trưa – Aramis nói – Ở đây có loại vàng hảo hạng, đại khái như thế. Tôi cho họ uống say khướt cò lả. Thế là lão mục sư liền chống lại tôi rời bỏ đồng phục ngự lâm, còn ông giáo sĩ dòng Tên thì lại yêu cầu tôi xin giúp ông ta vào ngự lâm quân.

-Súp món luận văn đi! – D'Artagnan hô lên – Súp luận văn đi? Tôi yêu cầu bãi bỏ luận văn đấy.

-Từ khi ấy – Aramis tiếp tục – tôi sống thoải mái. Tôi bắt đầu làm một thi khúc một vần. Cũng khó khăn đấy. Nhưng giá trị của mọi thứ là trong sự khó khăn. Tính cách bài thơ có đôi chút khuynh nữ. Tôi sẽ đọc khổ đầu cho các bạn nghe, có tất cả bốn trăm câu và chỉ kéo dài một phút.

D'Artagnan ghét thi ca hầu như ngang với tiếng Latinh liền bảo: -Thật tình, anh Aramis thân mến ạ, hãy thêm giá trị của sự ngắn gọn vào cái giá trị của sự khó khăn, anh sẽ tin chắc ít nhất thơ anh sẽ có hai giá trị.

-Rồi các bạn sẽ thấy. – Aramis tiếp tục – Nó toát ra những niềm đắm say chân thực – Ơ kìa, các bạn, chúng ta quay về đến Paris rồi ư? Hoan hô, mong mãi đây. Thếlà chúng ta lại sắp gặp Porthos rồi. Thế mới tuyệt. Các bạn không thể tưởng được tôi nhớ cái tay đại ngô nghê này thế nào đâu. Hắn có nhẽ không bán ngựa

như cánh ta đâu cho dù giá một vương quốc. Tôi những muốn thấy hắn đang ngồi trên yên ngựa. Tôi tin chắc sẽ giống như Đại đế Môgôn.[84]

Họ dừng lại một tiếng đồng hồ cho ngựa nghỉ. Aramis thanh toán tiền cho Bazin lên ngồi xe hàng cùng với các bạn rồi lại tiếp tục lên đường để gặp lại Porthos.

Mọi người thấy chàng đang đứng, đỡ xanh xao hơn D'Artagnan gặp lần trước, rồi thấy ngồi vào bàn ăn dù dọn cho một mình chàng, cũng có thể hình dung ra một bữa trưa cho cả bốn người, một bữa trưa gồm thịt nấu nướng rất ngon, rượu nho kén chọn và quả cây tuyệt ngon.

-À, mẹ kiếp! – Chàng vừa đứng lên vừa nói – Các bác đến thật tuyệt, tôi mới chỉ đụng đến món xúp, ăn trưa với tôi thôi.

-Ồ, ồ, – D'Artagnan nhận xét – Không phải Mousqueton dùng thòng lọng quăng những chai rượu này chứ – Lại còn thịt bọc mỡ nướng và thăn bò nữa…

-Tôi đang ăn trả bữa mà – Porthos nói – tôi ăn trả bữa.

-Không gì làm suy yếu bằng cái món trẹo xương chết tiệt đó, anh đã bị trẹo xương bao giờ chưa, Athos?

-Chưa bao giờ. Chỉ có tôi nhớ trong cuộc hỗn chiến ở phố Fréjus ngày nào, tôi bị một nhát gươm, cũng phải mất mười lăm mười tám ngày gì đó, khiến tôi bị ốm yếu hệt như cậu ấy.

-Nhưng bữa trưa này không phải dọn cho một mình anh đấy chứ Porthos? – Aramis nói.

-Không – Porthos đáp – Tôi đợi mấy nhà quý tộc quanh đây nhưng họ vừa đến bảo là không đến được, các bác thay họ vậy, vẫn thế cả thôi mà. Ê này, Mousqueton? Ghế đâu, và mang gấp đôi rượu ra đây.

-Các cậu có biết chúng ta ăn gì ở đây không? Chừng mươi phút sau, Athos hỏi mọi người.

-Mẹ kiếp! – D'Artagnan trả lời – tôi ăn thịt bê nấu chua với tủy và rau cácđông.

-Và tôi thăn cừu non – Porthos nói.

-Còn tôi lườn gà – Aramis nói.

-Các vị nhầm tất – Athos nghiêm nghị nói – các vị ăn ngựa đấy.

-Ngựa thì ngựa! – D'Artagnan nói.

-Thịt ngựa ư! – Aramis cau mặt lợm giọng nói.

Porthos ngồi im không trả lời.

-Phải, ăn ngựa? Có phải không, Porthos chúng ta đang ăn ngựa? Có khi ăn cả yên cương cũng nên!

-Không đâu, các bác ạ, yên cương thì tôi giữ lại – Porthos nói.

-Thì ra chúng ta kẻ tám lạng, người nửa cân cả. – Aramis nói – Cứ như ta bàn trước với nhau ấy.

-Biết làm thế nào – Porthos nói – con ngựa ấy làm cho mấy vị khách của tôi phải xấu hổ, mà tôi thì lại không muốn làm họ xấu hổ!

-Rồi lại thêm cái bà nữ Công tước của anh vẫn cứ ở vùng suối nóng, có phải không? – D'Artagnan nói tiếp.

-Vẫn thế – Porthos trả lời – Mà thật tình cái lão trấn thủ tỉnh này, một trong những vị quý tộc tôi mời ăn trưa hôm nay ấy cứ thèm con ngựa quá cơ, cho nên tôi đã cho lão ta.

-Cho ư? – D'Artagnan kêu lên.

-Ồ, trời ơi, phải cho lão! Đấy là cách nói thôi! – Porthos nói – bởi giá con ngựa phải đến một trăm năm mươi louis vàng và cái tên bủn xỉn ấy chỉ muốn trả tôi có tám mươi.

-Không yên chứ? – Aramis nói.

-Ừ, không yên.

-Các vị nhận thấy chưa – Athos nói – Hóa ra Porthos lại bán được giá hơn tất cả chúng ta.

-Thế là tất cả phá lên cười hô hố làm cho Porthos cứ ngây người ra. Nhưng mọi người giải thích cho chàng ngay lý do mọi người cười, khiến chàng ầm ĩ chia sẻ ngay theo thói quen của mình.

-Thành thử mọi người chúng ta đều sẵn vốn cả? – D'Artagnan hỏi.

-Mình thì không – Athos nói – Mình thấy món rượu nho Tây Ban Nha của Aramis ngon quá, thế là mình cho chất sáu mươi chai lên chiếc xe hàng của bọn người hầu, thành ra nhẵn túi rồi.

-Còn tôi – Aramis nói – các bạn thử tưởng tượng xem tôi đã cúng đến đồng xu cuối cùng cho nhà thờ Môngđiđiơ và cho các giáo sĩ dòng Tên ở Amiêng, ngoài ra tôi có những cam kết buộc phải giữ những lễ misa cho tôi và cho các vị mà tôi tin chắc nhờ thế, chúng ta mạnh khỏe may mắn hơn.

-Và tôi, – Porthos nói – cái chỗ trẹo gối của tôi, các anh tưởng không tốn kém hay sao? Không kể thương tích của Mousqueton mà tôi buộc phải mời thầy giải phẫu đến mỗi người hai lần, lão ta bắt tôi phải trả tiền thăm khám gấp đôi viện cớ cái tên Mousqueton ngu ngốc ấy đã để cho một viên đạn bắn trúng vào chỗ mà người ta thường chỉ cho thầy thuốc xem thôi. Cho nên tôi đã phải căn dặn nó kỹ càng lần sau đừng để bị thương ở chỗ ấy nữa.

Athos cười nháy với D'Artagnan và Aramis rồi nói: -Chà, chà, tôi thấy cậu xử sự với gã hầu tội nghiệp quá hào phóng đấy. Đúng là một ông chủ tốt.

-Tóm lại – Porthos tiếp tục – trả hết mọi khoản chi tiêu, chắc chắn tôi chỉ còn ba mươi êqui vàng.

-Và tôi chừng mươi đồng – Aramis nói.

-Xem nào, – Athos nói – hình như chúng ta đều là những vua Crésus cả[85]. Một trăm đồng pítxtôn vàng của cậu còn bao nhiêu hở D'Artagnan?

-Một trăm của tôi ư? Trước hết, tôi đã cho anh năm chục rồi.
-Cậu tin vậy ư?
-Mẹ kiếp!
-À đúng, tôi nhớ ra rồi.
-Rồi tôi trả sáu đồng cho chủ quán.
-Cái tên chủ quán chó má ấy ư! Tại sao cậu lại cho nó sáu đồng.
-Thì chính anh bảo tôi cho nó còn gì.
-Đúng là tôi quá tốt với nó. Tóm lại, còn bao nhiêu?
-Còn hai nhăm đồng – D'Artagnan nói.
-Và tôi Athos vừa nói vừa móc túi ra mấy xu lẻ – tôi…
-Anh, sạch sành sanh.
-Thú thực, ít quá, chẳng bõ góp vào của chung.
-Bây giờ, ta tính thử xem còn bao nhiêu tất cả nào?
-Porthos?
-Ba mươi đồng êqui.
-Aramis?
-Mười đồng pítxtôn.
-Còn cậu D'Artagnan?
-Hai mươi lăm.
-Tất cả là bao nhiêu? – Athos nói.
-Bốn trăm bẩy nhăm đồng livrơ! – D'Artagnan, tính toán giỏi như Acsimét nói.
-Đến Paris, có lẽ chúng ta còn chừng bốn trăm, lại còn yên cương nữa – Porthos nói.
-Nhưng những con ngựa kỵ binh của chúng ta thì sao đây? – Aramis nói.
-Thế này nhé! bốn con ngựa của bọn người hầu, ta sẽ lấy hai con cho chủ bằng cách gắp thăm. Số bốn trăm livrơ ta sẽ lấy một nửa mua một con cho một cậu chưa có ngựa, rồi còn bao nhiêu ta sẽ vét túi đưa cho D'Artagnan, cậu ấy mát tay, để chơi luôn ngay ở sòng bạc ta gặp. Thế đó.
-Thôi ăn đã, – Porthos nói – Nguội hết cả rồi.
Bốn người bạn từ lúc đó tạm yên tâm về những ngày sắp tới, liền ăn uống thỏa thuê, chỗ còn thừa dành cho các vị Mousqueton, Bazin, Planchet và Grimaud.
Đến Paris, D'Artagnan thấy một bức thư của ông De Treville báo cho chàng biết, thể theo lời cầu xin của ông, nhà Vua vừa mới gia ân cho chàng được xung vào ngự lâm quân.
Vì đó là tất cả những gì D'Artagnan mong ước ở trên đời, đã đành chưa kể sự khao khát được gặp lại bà Bonacieux, chàng sướng run người chạy đến nhà các bạn vừa mới chia tay nhau được nửa tiếng đồng hồ, và chàng thấy họ đều rất

buồn và rất ưu tư. Họ họp bàn ở nhà Athos, điều đó luôn luôn chỉ rõ những tình thế nghiêm trọng nào đó đang xảy ra.

-Ông De Treville cũng vừa báo cho họ biết quyết định dứt khoát của Hoàng thượng là mở chiến dịch vào ngày một tháng năm. Họ phải lập tức chuẩn bị quân trang.

Bốn triết gia sửng sốt nhìn nhau, ông De Treville không đùa về mặt quân kỳ.

-Các anh thử tính xem những bộ quân trang ấy mất bao nhiêu tiền? – D'Artagnan nói.

-Ồ, chẳng có gì để nói cả – Aramis trả lời – chúng ta vừa mới tính toán chi ly chặt chẽ rồi, và mỗi người chúng ta phải có một nghìn năm trăm đồng livrơ.

-Bốn lần mươi lăm là sáu mươi, tức sáu nghìn livrơ – Athos nói.

-Tôi thấy hình như chỉ với một nghìn livrơ mỗi một người…

D'Artagnan nói – Đúng là tôi không nói theo kiểu chặt chẽ mà theo kiểu biện lý[86].

Cái tiếng biện lý làm thức tỉnh Porthos. Chàng nói: -Thôi được, tôi sực nghĩ ra một điều.

-Hẳn là một điều hay ho rồi, còn như tôi, thậm chí một nửa điều cũng không xong – Athos lạnh lùng nói – còn như D'Artagnan thưa các vị, hạnh phúc từ nay được là dân ngự lâm như chúng ta làm cho hắn phát điên. Một nghìn livrơ ư! Tôi tuyên bố riêng tôi thôi, tôi cần phải hai nghìn.

Aramis liền nói tiếp: -Bốn lần hai thành tám. Vậy cần phải tám nghìn livrơ cho chúng ta để mua sắm quân trang. Đúng là chúng ta mới chỉ có yên cương.

-Thêm nữa – Athos vừa nói vừa chờ D'Artagnan đi cám ơn ông De Treville, rồi đóng cửa lại – Thêm nữa, cái nhẫn kim cương tuyệt đẹp lấp lánh ở ngón tay anh bạn chúng ta. Mẹ kiếp D'Artagnan là người bạn quá tốt không thể để anh em trong cơn túng quẫn khi hắn đeo ở ngón giữa một món tiền có thể chuộc được cả một ông vua.

§29. Săn tìm quân trang

Người băn khoăn lo lắng nhất trong số bốn người bạn chắc chắn phải là D'Artagnan, cho dù với tư cách cận vệ quân[87] chàng dễ trang bị hơn là mấy tướng ngự lâm quân, đều là các lãnh chúa nhưng chàng thực tập sinh cận vệ Gátxcông vốn tính lo xa đến mức keo cú đồng thời lại huênh hoang chẳng thua gì Porthos. Cùng với mối bận tâm xuất phát từ tính phù phiếm, lúc này còn có cả một sự lo âu ít vị kỷ hơn. Chàng đã hết sức đi thăm dò tin tức bà Bonacieux mà vẫn biệt tăm hơi. Ông De Treville đã nói chuyện này với Hoàng hậu. Hoàng hậu cũng không biết bà vợ trẻ ông hàng xén ở đâu và hứa sẽ cho tìm.

Nhưng lời hứa thật mơ hồ và chẳng làm D'Artagnan yên tâm mấy.

Athos không ra khỏi phòng mình. Chàng kiên quyết chả tội gì phải đi đâu để trang bị cho mình. Chàng nói với bạn bè: -Chúng ta còn mười lăm ngày nữa phải không? Nếu trong mười lăm ngày ấy, tôi không tìm thấy gì hoặc đúng hơn là không có gì đến tìm tôi, vì tôi vốn rất ngoan đạo, không thể dùng súng ngắn tự bắn vỡ đầu mình, tôi sẽ tìm cách gây sự khéo với bốn tay cận vệ của Đức Giáo chủ hoặc tám thằng người Anh, đánh nhau cho đến khi có một đứa giết chết tôi, chúng đông thế, điều đó chắc không tránh khỏi. Lúc đó người ta sẽ nói tôi chết vì nhà Vua, thành ra tôi vẫn phục vụ mà không cần trang bị gì.

Porthos, hai tay sau lưng, tiếp tục đi đi lại lại và gật gù nói: -Ta sẽ làm theo cái cách của ta.

Aramis thì lo lắng, đầu tóc rối bù và chẳng nói gì.

Qua những chi tiết thảm hại ấy, có thể thấy được một cảnh não nề đang ngự trị cái cộng đồng này.

Những người hầu về phía mình, giống như những con chiến mã của Hypôlít[88] cũng chia sẻ nỗi buồn phiền của chủ.

Mousqueton làm lương khô. Bazin vẫn luôn luôn mộ đạo không rời khỏi các nhà thờ. Planchet nhìn ruồi bay và Grimaud mà sự quẫn bách nói chung không thể quyết định gã phá vỡ sự yên tĩnh mà chủ gã đã thiết lập, chỉ thốt lên những tiếng thở dài khiến đá cũng phải mềm ra.

Ba người bạn, vì Athos đã thề không rời một bước chân để trang bị cho mình, một buổi sớm đã ra khỏi nhà và trở về rất muộn. Họ lang thang trên các đường phố, nhìn từng viên đá lát đường xem liệu ai đó khi đi qua có đánh rơi túi tiền nào không.

Đi đến đâu họ cũng chăm chăm chú chú như thể đang bám theo dấu chân ai vậy. Khi gặp nhau, họ nhìn nhau thất vọng như muốn nói: đằng ấy có vớ được cái gì không?

Tuy nhiên, vì Porthos đã tìm cho mình một ý tưởng riêng và vì chàng kiên trì theo đuổi nó, chàng là người đầu tiên bắt tay hành động. Một hôm D'Artagnan bắt gặp chàng đi về phía nhà thờ Thánh Lơ, theo bản năng liền bám theo chàng. Chàng bước vào đất Thánh sau khi đã vuốt ria mép vểnh lên và vuốt mượt râu cằm, điều đó luôn luôn báo hiệu chàng đang có những ý đồ chinh phục rõ rệt nhất. Vì D'Artagnan đã có ý phòng ngừa khỏi bị lộ mặt, nên Porthos tin rằng không ai thấy mình, D'Artagnan vào theo sau. Porthos đến tựa lưng vào một chiếc cột. D'Artagnan vẫn không để bị bắt gặp, tựa lưng vào chiếc cột khác.

Đúng lúc đang có một bài thuyết giáo, khiến trong nhà thờ có rất đông người. Porthos lợi dụng tình thế ấy để liếc nhìn phụ nữ. Nhờ sự chăm sóc chu đáo của Mousqueton, mã ngoài của chàng cách xa sự cùng quẫn bên trong. Mũ dạ tuy có hơi sởn thật, lông mũ có đôi chút bạc màu, các đường thêu đã hơi mở, những tua ren đã rạn, nhưng ở nơi tranh tối tranh sáng, mọi thứ lặt vặt ấy đều tiêu biến, và Porthos vẫn cứ là chàng Porthos bảnh bao.

D'Artagnan nhận thấy trên chiếc ghế dài kê gần chỗ Porthos và chàng tựa cột nhất, một thứ sắc đẹp đã chín nẫu hơi ngả vàng, hơi khô héo, nhưng giương giương kiêu kỳ dưới những lớp khăn mũ đen. Đôi mắt của Porthos lén lút nhìn xuống người đàn bà đó, rồi chập chờn liệng dần ra xa tới gian giữa của giáo đường.

Về phần mình, vị phu nhân đó thỉnh thoảng lại đỏ mặt lên, liếc nhanh như ánh chớp về phía chàng Porthos chấp chới, và ngay tức khắc đôi mắt của Porthos càng lượn lờ giận dữ. Rõ ràng đây là một trò ma mãnh cốt chọc tức phát điên bà trùm đồ đen, bởi vì bà ta cắn môi đến bật máu, gãi sống mũi và cứ loay hoay một cách tuyệt vọng trên chỗ ngồi của mình.

Thấy thế, Porthos lại vê ngược ria mép, và vuốt râu cằm và bắt đầu ra hiệu với một người đàn bà đẹp ngồi cạnh dàn đồng ca, không những là một phu nhân kiều diễm, mà còn chắc chắn là một bậc mệnh phụ, bởi vì bà ta có một thằng bé da đen bưng theo một chiếc nệm gối để mình quỳ và một thị nữ cầm một chiếc túi thêu gia huy đựng sách lễ để đọc kinh.

Bà đội khăn mũ đen theo dõi cái nhìn đảo đi đảo lại của Porthos và nhận thấy con mắt chàng dừng lại ở vị phu nhân có nệm gối nhung, có thị đồng, thị nữ theo hầu.

Trong khi ấy, Porthos chơi riết hơn, thôi thì đủ thứ, mắt chấp cha chấp chới, ngón tay để lên môi, những nụ cười nửa miệng sát nhân và thực tế đang sát hại người đẹp bị khinh miệt.

Vì vậy dưới danh nghĩa mêâ culpâ[89] bà ta đấm ngực thốt lên một tiếng "hừm" to đến nỗi mọi người kể cả người đàn bà có nệm gối đỏ đều quay lại phía bà ta Porthos vẫn trơ trơ. Tuy chàng thừa hiểu. Nhưng chàng làm như điếc.

Người đàn bà có nệm gối đỏ vì quá đẹp nên đã tác động mạnh đến bà đội khăn mũ đen khi thấy ở con người kia một mối cừu địch thực sự đáng sợ, cũng tác động mạnh đến Porthos khi thấy nàng xinh đẹp hơn bà đội khăn mũ đen rất nhiều, còn tác động mạnh đến cả D'Artagnan khi nhận ra đó là người đàn bà Măng, ở Cale và ở Đuvrơ mà kẻ ngược đãi chàng, có sẹo mặt, đã chào bằng cái tên Milady.

D'Artagnan không rời mắt khỏi người đàn bà có đệm gối đỏ, vẫn tiếp tục theo dõi trò ma của Porthos khiến chàng rất thích thú. Chàng đoán chắc người đàn bà đội khăn mũ đen chính là bà biện lý ở phố Lũ Gấu, mà nhất định như thế vì nhà thờ Thánh Lơ không xa phố ấy lắm.

Bằng suy luận D'Artagnan đoán Porthos đang tìm cách trả thù cho lần thất bại ở Săngtily, lúc đó bà biện lý đã tỏ ra quá cứng rắn về túi tiền.

Nhưng giữa tất cả đám người đó, D'Artagnan cũng nhận thấy không có một gương mặt nào tương xứng với những lối bướm hoa của Porthos, chỉ là những quái tượng và ảo tưởng mà thôi. Nhưng đối với một tình yêu đích thực, một sự ghen tuông thật sự, liệu có hiện thực nào khác với những ảo tưởng và những quái tượng không?

Bài thuyết giáo kết thúc. Bà biện lý tiến lại chậu nước phép.

Porthos đã đến trước và đáng lẽ chỉ nhúng một ngón tay, lại nhúng cả bàn tay. Bà biện lý mỉm cười tưởng rằng vì bà mà Porthos trở nên quá bối rối nhưng bà ta đã nhận ra ngay mình đã nhầm một cách tai hại. Khi bà ta chỉ còn cách chàng không quá ba bước chân, chàng đã quay mặt nhìn không chớp vào người đàn bà có nệm gối đỏ cũng đã đứng lên và tiến gần lại, theo sau là thằng bé da đen và cô gái hầu phòng.

Khi người đàn bà này đến sát Porthos, chàng liền rút bàn tay ướt đẫm nước thánh ra. Người đẹp mộ đạo chấm bàn tay thon thả của mình vào bàn tay to lớn của Porthos, rồi vừa mỉm cười vừa làm dấu thánh và ra khỏi nhà thờ.

-Thật là quá quắt đối với bà biện lý. Bà ta không nghi ngờ gì nữa là người đàn bà kia và Porthos đã tống tình nhau. Nếu bà ta là một mệnh phụ thì bà sẽ ngất mất. Nhưng vì bà chỉ là một bà biện lý[90], bà đành nén giận nói với chàng lính ngự lâm: -Này, ông Porthos, ông không biếu tôi nước thành à?

Nghe giọng nói ấy, Porthos làm như giật nảy mình, như thể một người vừa thức dậy sau một giấc ngủ trăm năm.

-B… à… bà đấy à! – Chàng kêu lên – Đúng là bà đấy ư? – Ông chồng bà, ông Cơkơna yêu quý ấy có được khỏe không? Ông ấy vẫn cứ keo cú như xưa đấy chứ? Không biết mắt tôi để đâu mà suốt hai tiếng đồng hồ thuyết pháp tôi lại không nhìn thấy bà đấy nhỉ?

-Thưa ông, tôi ở cách ông hai bước chân thôi – người đàn bà trả lời – nhưng ông không thấy được tôi vì ông chỉ để mắt ông đến người đàn bà đẹp mà ông vừa

cho nước thánh ấy.

Porthos giả vờ bối rối: -À, ra bà cũng để ý…

-Có mà mù mới không trông thấy.

-Vâng – Porthos hờ hững nói – đó là một nữ công tước trong số các bà bạn tôi mà tôi phải vất vả lắm mới gặp được vì thói ghen tuông của ông chồng, và bà ấy đã báo trước cho tôi hôm nay sẽ tới đây, chỉ cốt để gặp tôi trong cái nhà thờ nhỏ bé ở cái khu phố khuất vắng này.

-Ông Porthos này – bà biện lý nói – liệu ông có lòng tốt cho tôi được khoác tay trong dăm phút không? Tôi sẵn sàng trò chuyện với ông đây.

-Sao lại thế được thưa bà – Porthos vừa nói vừa nháy mắt với chính mình như một tay chơi bạc đang cười vì nước bạc bịp mình sắp đánh.

Trong khi đó, D'Artagnan đang bám theo Milady. Chàng liếc nhìn về phía Porthos và thấy cái nháy mắt đắc thắng ấy.

"Ề, ề, – chàng vừa tự nhủ vừa lý giải theo hướng của thứ đạo lý dễ dãi lạ lùng của cái thời đại bướm ong ấy – cứ kiểu này thì sẽ có một tên có thể trang bị đúng thời hạn được đây."

Porthos đành chịu cho cánh tay của bà biện lý níu xuống như một con thuyền chịu theo tay lái, đi đến nhà tu kín Thánh Magloa, một lối đi ít người qua lại, hai đầu khép lại bằng hai cửa quay, ở đây, ban ngày chỉ thấy ăn mày đang ăn hoặc trẻ con đang chơi đùa.

Bà biện lý thấy yên tâm vì không có bất cứ người xa lạ nào ngoài đám dân thông thường của địa phương có thể trông thấy hoặc nghe thấy, liền kêu lên: -Ôi, ông Porthos! Có vẻ như ông là một tay đại thắng rồi!

-Tôi ư, thưa bà! – Porthos vừa nói vừa vênh váo – Mà tại sao lại thế được?

-Thì chốc chốc lại ra hiệu, và nước thánh ấy? Nhưng ít nhất cũng phải là một Quận chúa, cái bà với thằng bé da đen và cô gái hầu phòng ấy!

-Bà nhầm rồi, lạy Chúa, không- Porthos trả lời – chỉ là một nữ Công tước thôi mà.

-Thế còn tên hầu chạy theo đợi ngoài cửa và cỗ xe với tên đánh xe mặc quần áo xà ích ngồi đợi trên ghế đánh xe?

Porthos chẳng hề nhìn thấy tên hầu chạy theo xe cũng chẳng nhìn thấy cỗ xe, nhưng cứ nhìn người đàn bà đang ghen tuông này, chàng biết bà Coquenard đã nhìn thấy hết.

Porthos đâm tiếc ngay lúc đầu đã không tâng người đàn bà có đệm gối đỏ lên hàng Quận chúa.

-À, thế là ông thành con cưng của các người đẹp rồi, ông Porthos! – Bà biện lý thở dài nói tiếp.

-Nhưng – Porthos trả lời – Bà cũng hiểu với cái tướng mạo tạo hóa phú cho tôi, tôi thường hay gặp vận may mà.

-Lạy Chúa! Sao cái giống đàn ông họ chóng quên đến thế! – Bà biện lý vừa than vừa ngước mắt nhìn lên trời.

-Tôi lại thấy, còn không chóng bằng đàn bà đâu – Porthos trả lời – bởi thưa bà, rất cuộc, tôi có thể nói chính tôi từng là nạn nhân của bà, khi bị tử thương, bị bọn thầy phẫu thuật bỏ rơi, tôi, hậu duệ của một dòng họ danh tiếng, kẻ đã từng tin cậy vào tình bạn của bà, thế mà tôi suýt chết trước hết vì thương tích, tiếp đến vì đói, trong một quán trọ tồi tàn ở Săngtily, đã thế lại còn chẳng thèm trả lời những bức thư cháy bỏng tôi viết cho bà.

-Nhưng ông Porthos ơi – Bà biện lý thầm thì và cảm thấy nếu phán xét theo cách xử sự của các bậc mệnh phụ thời bấy giờ thì bà quả đã sai.

-Tôi, người đã vì bà mà hy sinh cả nữ Nam tước…

-Tôi biết quá chứ.

-Rồi nữ Bá tước…

-Ông Porthos, đừng trách cứ tôi thêm nữa.

-Và nữ Công tước…

-Ông Porthos, hãy đại lượng nào?

-Bà nói đúng, thưa bà, và tôi sẽ không nói nốt ra đâu.

-Nhưng vì ông chồng tôi ông ấy không muốn nghe nói đến chuyện vay, mượn…

-Bà Coquenard – Porthos nói – bà có nhớ bức thư đầu tiên bà đã viết cho tôi mà tôi vẫn ghi khắc trong ký ức không?

Bà biện lý thốt ra một tiếng kêu rên. Bà nói: -Nhưng cũng vì món tiền ông hỏi mượn hơi quá lớn.

-Bà Coquenard ạ, tôi đã thích hỏi bà hơn. Chứ tôi chỉ việc biên thư cho bà nữ Công tước… Tôi không muốn nói tên bà ấy ra, bởi tôi không biết làm tổn hại đến danh giá một phụ nữ nghĩa là thế nào. Nhưng điều tôi biết là tôi chỉ việc viết cho bà ấy mấy chữ là bà ấy gửi ngay cho tôi một nghìn năm trăm đồng.

Bà biện lý rơi một giọt nước mắt. Bà nói: -Ông Porthos ạ, tôi xin thề là ông đã trừng phạt tôi nặng lắm rồi và nếu như mai sau ông gặp phải cảnh ngộ tương tự, ông cứ việc nói cho tôi biết.

-Thôi đi, thưa bà? – Porthos làm ra vẻ bực bội nói – Thôi đừng nói đến chuyện tiền bạc nữa, tôi xin bà, nhục nhã lắm.

-Như thế là ông không yêu tôi nữa rồi! – Bà biện lý chậm rãi và buồn rầu nói.

Porthos im lặng một cách oai vệ.

-Ông trả lời tôi như thế ư? Than ôi! Tôi hiểu rồi.

-Bà hãy nghĩ đến việc bà đã xúc phạm tôi, nó vẫn còn ở đây này – Porthos vừa nói vừa để tay lên trái tim mình và vừa ấn thật mạnh.

-Tôi sẽ sửa chữa. Thôi nào, ông Porthos thân mến của tôi!

-Vả lại, nào tôi đòi hỏi bà gì nào. – Porthos đai lại bằng một động tác đầy vẻ chất phác – chỉ vậy thôi chứ có gì khác đâu. Dẫu sao, tôi đâu phải một kẻ cố cùng. Tôi biết bà không giầu, bà Coquenard ạ, và tôi biết là chồng bà phải hút máu[91] của dân khiếu kiện đáng thương để bòn rút lấy mấy đồng êqui quèn. Ôi, nếu như bà là nữ Bá tước, Hầu tước hay Công tước thì lại là chuyện khác và sẽ không thể tha thứ được.

Bà biện lý tự ái, nói: -Ông phải biết rằng, ông Porthos ạ, cái két sắt của tôi, cứ cho là két sắt của bà biện lý đi, có khi còn chứa nhiều hơn két sắt của mọi mụ đàn bà õng ẹo hư hỏng của ông đấy.

-Thế là bà lại xúc phạm gấp đôi tôi rồi – Porthos vừa nói vừa gỡ cánh tay của bà biện lý dưới cánh tay mình ra – Bởi vì bà giầu, bà Coquenard, thế thì việc bà chối từ tôi là không thể tha thứ nữa.

-Khi tôi nói giầu – bà biện lý nói chữa lại vì thấy chót đã đi quá xa – không nên hiểu theo nghĩa đen của từ ấy – Tôi rõ ràng là không giàu. Tôi chỉ dễ chịu thôi.

-Thôi nào bà – Porthos nói – ta không nói về việc ấy nữa, tôi xin bà đấy. Bà không hiểu tôi rồi. Mọi tình cảm giữa chúng ta đã tắt!

-Ông là đồ bội bạc!

-A, tôi khuyên bà cứ việc oán trách đi! – Porthos nói.

-Vậy thì ông đi luôn với cái bà nữ Công tước xinh đẹp của ông đi! Tôi không giữ ông nữa đâu.

-Này, tôi tin bà ta chưa đáng bị giày vò thế đâu!

-Thế thì, thưa ông Porthos, một lần nữa, cũng là lần cuối cùng, ông có còn yêu tôi nữa không?

-Than ôi! Thưa bà – Porthos nói bằng một giọng bi ai nhất mà chàng có thể tạo được – khi chúng tôi sắp bước vào chiến dịch, trong một chiến dịch mà những linh cảm của tôi bảo tôi rằng tôi sẽ bị giết.

-Ôi, xin ông đừng nói những chuyện như thế – Bà biện lý òa lên nức nở.

-Một điều gì đó nói với tôi – Porthos tiếp tục mỗi lúc càng bi ai hơn.

-Thà ông cứ nói ông có một mối tình mới còn hơn.

-Không đâu. Tôi thành thực nói với bà đấy. Không có một đối tượng nào khiến tôi động lòng và tôi vẫn còn cảm thấy ở đây, trong đáy lòng tôi, một cái gì đó nói cho bà. Nhưng chỉ trong mười lăm ngày nữa như bà đã biết hoặc có khi bà không biết cũng nên, cái chiến dịch tàn khốc vẫn cứ mở ra! Tôi sắp phải lo lắng ghê gớm về món quân trang của tôi. Rồi, tôi sắp phải khởi hành về gia đình tôi ở mãi cuối vùng Brơtanhơ để thực hiện món tiền cần thiết cho việc tòng chinh.

Porthos nhận thấy trận chiến cuối cùng giữa tình yêu và tình keo kiệt đang diễn ra.

-Và vì – chàng tiếp tục – nữ công tước mà bà vừa thấy ở nhà thờ, có những đất đai cạnh đất đai của nhà tôi, chúng tôi sẽ cùng khởi hành. Những cuộc hành trình, bà biết đấy, khi ta đi có đôi, hình như nó cũng đỡ dài hơn.

-Vậy ông không có ai là bạn bè ở Paris ư, ông Porthos? – bà biện lý hỏi.

-Tôi cứ tưởng là mình cũng có – Porthos vừa nói vừa làm ra vẻ sầu não – nhưng tôi thấy rõ tôi đã lầm.

-Ông có đấy, ông Porthos, ông có đấy – Bà biện lý lắp lại trong cơn bốc đồng khiến chính bà ta cũng phải ngạc nhiên – Ngày mai ông cứ đến nhà – Ông sẽ là con trai của cô tôi do đó là anh họ tôi. Ông từ Noayông đến Picađy. Ông có nhiều việc kiện tụng ở Paris mà lại không có biện lý. Ông nhớ tất cả những điều đó chứ?

-Rất nhớ, thưa bà.

-Ông đến vào giờ ăn trưa.

-Rất tốt.

-Và phải vững trước chồng tôi, mặc dầu đã bẩy sáu tuổi, nhưng vẫn tinh quái lắm.

-Bẩy mươi sáu! Chết tiệt! Tuổi vàng đấy!

-Ông Porthos, ông muốn nói tuổi cao chứ gì. Cho nên, con người tội nghiệp thân yêu đó bất cứ lúc nào cũng có thể để tôi góa bụa – bà biện lý vừa ném cái nhìn đầy ý nghĩa về phía Porthos vừa nói tiếp – May sao hôn ước của chúng tôi là chuyên hết của cải cho người còn sống.

-Chuyển tất cả? – Porthos hỏi.

-Tất cả?

-Bà đúng là loại đàn bà biết lo xa, tôi thấy ngay mà, bà Coquenard thân mến của tôi ạ – Porthos vừa nói vừa trìu mến siết tay bà biện lý.

-Thế là chúng ta lại giải hòa với nhau xong rồi, có phải không ông Porthos? – bà biện lý vừa nói vừa õng ẹo.

-Đến trọn đời – Porthos đáp lại cũng với dáng điệu ấy.

-Vậy tạm biệt, kẻ phản bội của tôi.

-Tạm biệt, nàng dễ quên của tôi.

-Mai nhé, thiên thần của em.

Mai nhé, ngọn lửa của đời anh.

§30. Milady

D'Artagnan vẫn bám theo Milady mà không để cho nàng biết được. Chàng thấy nàng lên xe và nghe thấy tiếng ra lệnh cho tên đánh xe đi về cửa ô Saint-Germain.

Nhưng thật là vô ích khi cố chạy bộ bám theo một chiếc xe chạy nước kiệu do hai con ngựa lực lưỡng kéo, D'Artagnan đành trở về phố Fréjus.

-Ở phố Sông Sein chàng gặp Planchet đang dừng chân trước cửa hàng bánh ngọt và có vẻ còn đang đê mê với một ổ bánh mì sữa hình dáng rất ngon lành.

Chàng ra lệnh cho gã đóng yên hai con ngựa trong chuồng ngựa của ông De Treville, một con cho chàng, một con cho gã rồi đến gặp chàng ở nhà Athos. Ông De Treville đã cho phép chàng muốn dùng ngựa của ông lúc nào cũng được.

Planchet đi về phía phố Chuồng chim câu, và D'Artagnan về phố Fréjus. Athos vẫn ở nhà, đang ngồi buồn uống cạn những chai rượu nho Tây Ban Nha nổi tiếng chàng mang về trong chuyến đi tới Picađi. Chàng ra hiệu cho Grimaud mang một cốc cho D'Artagnan và Grimaud vâng lời theo thường lệ.

D'Artagnan kể lại cho Athos nghe tất cả những gì đã diễn ra ở nhà thờ giữa Porthos và bà biện lý, và có thể, lúc này, người bạn của họ đang đi sắm quân trang như thế nào.

Nghe hết chuyện, Athos trả lời: -Còn tôi, tôi hoàn toàn yên trí sẽ không phải là đàn bà bỏ ra trả tiền yên cương cho tôi đâu.

-Nhưng tuy nhiên, đẹp trai, lịch thiệp, đại lãnh chúa như anh, thì sẽ chẳng công chúa, hoàng hậu nào thoát khỏi những mũi tên tình ái của anh đâu.

-Ôi cái cậu D'Artagnan trẻ người non dạ này! – Athos vừa nói vừa nhún vai.

Và chàng ra hiệu cho Grimaud mang chai rượu thứ hai đến.

Cùng lúc đó, Planchet thập thò qua chiếc cửa hé mở báo cho chủ mình biết hai con ngựa đã tới đây.

-Ngựa nào vậy? – Athos hỏi.

-Hai con ông De Treville cho tôi mượn để đi dạo và với lũ ngựa này tôi sẽ làm một chuyến đến Saint-Germain.

-Và cậu định làm gì ở chỗ Saint-Germain? – Athos lại hỏi thêm.

-Thế là D'Artagnan liền kể cuộc gặp gỡ trong nhà thờ, và chàng đã gặp lại cái người đàn bà đi cùng vị lãnh chúa mặc áo choàng đen và có sẹo ở thái dương như thế nào, người đàn bà đó là mối bận tâm vĩnh viễn của chàng.

-Có nghĩa là cậu đã phải lòng người đàn bà này cũng như đối với bà Bonacieux chứ gì – Athos vừa nói vừa nhún vai khinh thị như thể chàng lấy làm thương hại cho sự yếu đuối của con người.

-Tôi hả, không đời nào! – D'Artagnan hét lên – Tôi chỉ tò mò muốn làm sáng tỏ cái bí mật mà bà ta gắn kết với nó. Tôi không biết tại sao tôi cứ hình dung ra người đàn bà tôi hoàn toàn không quen biết đó và con người mặc áo choàng đen cũng hoàn toàn không quen biết tôi lại có ảnh hưởng đến đời tôi.

-Thật ra, cậu có lý đấy – Athos nói – tôi không biết một người đàn bà nào đang để bõ công đi tìm khi nàng đã mất tăm mất tích. Bà Bonacieux đã mất tăm, thì mặc kệ bà ta, rồi bà ta sẽ tìm được đường về.

-Không, Athos, anh nhầm rồi! – D'Artagnan nói – Tôi yêu nàng Constance đáng thương của tôi hơn bao giờ hết và nếu tôi biết nàng ở nơi đâu, dù ở tận cùng thế giới tôi cũng sẽ đi ngay để cứu thoát nàng khỏi bàn tay kẻ thù của nàng. Nhưng tôi không biết ở đâu, mọi sự tìm kiếm của tôi đều vô ích. Anh còn muốn gì nào? Thì cũng phải giải khuây đã chứ.

-Vậy thì đi mà giải khuây với Milady, D'Artagnan thân mến ạ, nếu việc đó làm cậu thích thú, thì tôi xin hết lòng mong cho cậu đấy.

-Nghe đây, anh Athos – D'Artagnan nói – vì anh cứ tự nhốt kín mình ở đây như là bị cầm tù ấy, hãy lên ngựa cùng đi dạo với tôi đến Saint-Germain có hơn không.

-Bạn thân mến – Athos đáp – Tôi lên ngựa khi nào tôi có ngựa, nếu không tôi cuốc bộ.

-Thôi đi! – D'Artagnan vừa trả lời vừa mỉm cười về cái giọng chán đời của Athos, mà nếu là của một người khác chắc hẳn đã làm chàng bị tổn thương – Tôi không kiêu hãnh như anh đâu, tôi cưới bất cứ con ngựa nào tôi gặp. Thôi thế, đành tạm biệt vậy, anh Athos thân mến.

-Tạm biệt, – chàng ngự lâm quân vừa nói vừa ra hiệu cho Grimaud mở nút chai rượu gã vừa mang tới.

D'Artagnan và Planchet cùng nhảy lên yên vừa thẳng đường tới Saint-Germain.

Suốt dọc đường, những gì mà Athos nói về bà Bonacieux lại trở lại trong tâm trí chàng. Cho dù D'Artagnan tính tình không đa cảm mấy, cô hàng xén xinh đẹp vẫn để lại một ấn tượng thật sự trong trái tim chàng. Và như chàng đã nói, chàng sẵn sàng đi đến tận cùng thế giới để tìm nàng. Nhưng thế giới lại có nhiều chỗ tận cùng, sở dĩ như vậy vì nó tròn, thành thử chàng không biết quay về phương nào mà tìm.

Trong khi chờ đợi, chàng đang muốn cố hiểu xem Milady kia là người thế nào. Milady đã nói với người mặc áo choàng đen.

Vậy là nàng quen biết hắn. Thế mà trong tâm trí D'Artagnan, chính tên mặc áo choàng đen đã bắt cóc bà Bonacieux lần thứ hai, cũng như hắn đã từng bắt cóc nàng lần thứ nhất. Như vậy là D'Artagnan chỉ nói dối một nửa, tức chẳng nói dối

bao nhiêu khi chàng nói đi tìm kiếm Milady cũng là đồng thời tìm kiếm nàng Constance.

Vừa đi vừa nghĩ như thế, vừa thỉnh thoảng thúc ngựa, D'Artagnan đi hết đoạn đường và đã đến Saint-Germain.

Chàng đi men theo tòa nhà mà mười năm sau Louis XIV ra đời ở đó Rồi chàng đi xuyên qua một phố vắng, nhìn trái, nhìn phải xem có nhận ra dấu vết gì của mỹ nhân người Anh không, thì ở tầng trệt một ngôi nhà xinh đẹp, theo thói quen thời buổi đó không có cửa sổ trông ra đường phố, chàng thấy xuất hiện một gương mặt quen quen. Gương mặt quen đó đang đi dạo trên một loại thềm cây đang nở hoa. Planchet nhận ra hắn trước liền nói với D'Artagnan: -Này ông chủ, ông không nhớ ra bộ mặt đang ngơ ngơ ngác ngác kia ư?

-Không – D'Artagnan nói – Tuy nhiên ta tin chắc đây không phải là lần đầu ta nhìn thấy gương mặt ấy.

-Mẹ kiếp, tôi thì tôi tin chắc – Planchet nói – đấy chính là tên Luybanh tội nghiệp, người hầu của Bá tước De Wardes mà cách đây một tháng, ông đã sắp xếp cho ông ta rất là chu đáo ở Cale, trên đường tới dã thự của ông trấn thủ ấy.

-À, phải rồi – D'Artagnan nói – giờ thì ta nhận ra hắn rồi.

-Anh có tin hắn cũng nhận ra anh không?

-Ông chủ ạ, lúc đó nó đang rối tinh, rối mù, tôi ngờ nó khó có thể nhớ được một điều gì rõ ràng về tôi.

-Này, thế thì đến gạ chuyện với hắn đi – D'Artagnan nói – và thăm dò xem liệu chủ hắn có ngoẻo không.

Planchet xuống ngựa, đi thẳng đến chỗ Luybanh. Quả nhiên hắn không nhận ra gã, và hai chàng hầu trò chuyện với nhau với tình hữu hảo nhất trên đời. Trong khi đó, D'Artagnan xua hai con ngựa vào trong một ngõ hẻm rồi đi vòng theo một ngôi nhà để trở lại đứng sau hàng rào cây phỉ tham dự cuộc chuyện trò của hai người kia.

Quan sát sau hàng rào được một lúc, chàng nghe thấy tiếng xe ngựa và thấy chiếc xe của Milady đỗ lại ngay trước mặt chàng. Không còn nhầm vào đâu được, Milady đang ngồi trong xe, D'Artagnan cúi người xuống nấp sau cổ ngựa để trông thấy hết mà không bị lộ diện.

Milady thò đầu tóc vàng hoe ra khỏi cửa xe ra lệnh cho cô gái hầu phòng của mình.

Cô gái xinh đẹp khoảng hai mươi đến hăm hai tuổi, hoạt bát, lanh lợi, xứng đáng là người hầu gái của bậc mệnh phụ, đang ngồi ở chỗ bậc lên xe theo tục lệ thời đó, liền nhảy xuống đi về phía cái thềm cây hoa nơi D'Artagnan bắt gặp Luybanh.

D'Artagnan đưa mắt nhìn theo cô người hầu và thấy cô đi về phía cái thềm. Nhưng vô tình trong nhà có lệnh gọi Luybanh, thành thử còn trơ lại Planchet

đang nhìn quanh bốn phía xem chủ mình biến đi đằng nào.

Cô gái hầu phòng đến gần Planchet mà cô tưởng nhầm là Luybanh và đưa cho gã một thư ngắn: -Gửi cho chủ anh đấy – Cô nói.

-Cho chủ tôi? – Planchet ngạc nhiên hỏi lại.

-Vâng và rất vội đấy. Vậy cầm lấy mau lên.

-Thế rồi, nàng như chạy trốn về phía cỗ xe lúc này đã quay đầu lại về phía đã đến. Cô gái nhảy lên bậc xe và cái xe đi mất.

Planchet lật đi lật lại mẩu giấy, rồi theo thói quen vâng lời một cách thụ động, gã nhảy từ bậc thềm xuống luồn vào ngõ hẻm, và được độ hai mươi bước chân thì gặp D'Artagnan đã chứng kiến hết và đang đến trước mặt gã.

-Ông chủ, gửi cho ông đây – Planchet nói và giơ bức thư ra.

-Cho ta? – D'Artagnan nói. – Anh có chắc không?

-Mẹ kiếp! Tôi chắc quá đi chứ, con hầu gái nó bảo: "Gửi cho chủ anh đấy!." Tôi có chủ nào khác ngoài ông nào? Thế đấy… Cái con gái hầu ấy, quả tình, nó xinh và thanh mảnh quá đi mất.

D'Artagnan mở thư ra đọc những hàng chữ sau:

"Một người quan tâm đên ông hơn cả những gì người ấy có thể nói ra, muốn biêt ngày nào ông sẽ thích dạo chơi trong rừng. Ngày mai, ở khách sạn Cánh đồng tấm thảm vàng, một tên hầu mặc áo đỏ quần đen sẽ đợi thư trả lời của ông."

-Ồ, ồ! – D'Artagnan tự nhủ – thế là hơi rõ rồi đây. Hình như Milady và ta đều nhọc lòng vì sức khỏe của cùng một con người thì phải.

-Này Planchet, cái ông De Wardes quý hóa ấy ra sao rồi? Ông ta không ngoẻo đấy chứ?

-Không, thưa ông, ông ta khỏe như một người có thể chịu nổi bốn nhát gươm đâm vào người, bởi ông đã xỉa bốn nhát miễn chê cho vị quý tộc thân mến ấy và ông ấy vẫn còn yếu vì mất nhiều máu quá. Như tôi đã nói với ông chủ đấy. Luybanh không nhận ra tôi, nên đã kể cho tôi nghe từ đầu đến cuối cuộc mạo hiểm của chúng ta.

-Tốt lắm, Planchet, anh đúng là vua của những người hầu đó, bây giờ lên ngựa thôi và đuổi kịp cỗ xe.

Cũng không lấy gì làm lâu lắm, chỉ độ dăm phút họ đã bắt gặp chiếc xe dừng lại bên trái vệ đường. Một kỵ sĩ ăn mặc sang trọng đứng ở cửa xe.

Câu chuyện giữa Milady và người kỵ sĩ đó rất sôi nổi đến nỗi D'Artagnan dừng ngựa phía bên kia cỗ xe mà không ai ngoài cô hầu gái xinh đẹp biết chàng có mặt.

Cuộc nói chuyện được diễn ra bằng tiếng Anh, thứ tiếng D'Artagnan chẳng hiểu gì, nhưng cứ theo giọng điệu, chàng tin là mình đoán được mỹ nhân người Anh đang rất tức giận. Nàng dứt chuyện bằng một điệu bộ khiến chàng chẳng

còn nghi ngờ gì nữa về bản chất của cuộc chuyện trò: đó chính là cú đập quạt mạnh đến nỗi cái đồ mỹ nghệ nhỏ bé của phụ nữ ấy bay lên thành nghìn mảnh.

Người kỵ sĩ phá lên cười chừng như càng làm Milady thêm tức tối D'Artagnan nghĩ đây là lúc nên can thiệp. Chàng lại gần cửa xe bên kia, lễ phép ngả mũ chào: -Thưa bà, bà cho phép tôi được phục vụ bà chứ? Tôi thấy hình như ông kỵ sĩ đây làm bà tức giận. Thưa bà, bà chỉ cần nói một tiếng, tôi xin đảm nhiệm trừng phạt ông ta về tội thiếu lịch sự với bà.

Mới nghe, Milady đã quay lại ngạc nhiên nhìn chàng trai trẻ và khi chàng vừa nói dứt thì nàng nói bằng một thứ tiếng Pháp rất sõi: -Thưa ông, tôi sẽ rất cảm động được đặt mình dưới sự che chở của ông nếu người cãi nhau với tôi không phải là em tôi.

-À, vậy xin thứ lỗi cho tôi – D'Artagnan nói – thưa bà, bà cũng hiểu là tôi không rõ chuyện đó.

-Người kỵ sỹ mà Milady đã chỉ ra là họ hàng đó cúi xuống ngang tầm cửa xe hét lên: -Cái tên bố nhắng ấy làm sao lại xen chuyện vào; tại sao nó không xéo đi theo đường của nó.

D'Artagnan về phía mình, cũng cúi xuống cổ ngựa trả lời chõ vào cửa xe.

-Có ông mới là đồ bố nhắng ấy. Ta không đi đường của ta vì ta thích dừng lại ở đây.

Người kỵ sỹ nói một câu tiếng Anh với chị gái.

-Ta nói với ông bằng tiếng Pháp – D'Artagnan nói – Ta yêu cầu ông vui lòng trả lời ta bằng thứ tiếng ấy. Ông là em của bà ấy thì mặc ông, nhưng may thay ông lại không phải là em của ta.

Người ta đã tưởng rằng Milady cũng sợ sệt như phụ nữ thường tình, sẽ xen vào ngay từ lúc bắt đầu có chuyện khích bác để ngăn không cho nàng nhảy tọt vào mãi tít trong cuối xe và lạnh lùng bảo tên đánh xe: -Về ngay khách sạn.

Cô hầu gái xinh đẹp liếc mắt nhìn lo lắng về phía D'Artagnan mà dáng vẻ khôi ngô của chàng hình như đã ảnh hưởng đến cô.

Cỗ xe phóng đi để lại hai người đàn ông đối mặt nhau không còn trở ngại vật chất nào ngăn cách họ nữa.

-Người kỵ sĩ định quay người đi theo chiếc xe, nhưng D'Artagnan, cơn giận đã sôi lên và càng tăng thêm nữa khi nhận ra ở hắn là tên người Anh ở Amiêng đã thắng chàng con ngựa và suýt nữa đã thắng Athos cả chiếc nhẫn kim cương của chàng liền nhảy tới nắm lấy cương ngựa ngăn hắn lại.

-Này, ông ơi – chàng nói – Ông hình như còn bố nhắng hơn ta bởi ông làm ra vẻ đã quên giữa chúng ta đã có một cuộc cãi nhau nho nhỏ.

-À, à! – Tên người Anh nói – Chính là ông, thầy cờ bạc. Vậy là ông cứ luôn luôn phải chơi hoặc trò này hoặc trò khác hay sao?

-Phải, và việc đó khiến ta nhớ ra là ta phải gỡ lại. Rồi chúng ta sẽ thấy mà, ông bạn thân mến, ông chơi gươm cũng khéo như chơi hộp xúc xắc đấy chứ?

-Ông thấy rõ là tôi không mang theo gươm – Tên người Anh nói – Ông định tỏ ra can trường để chống lại một người không vũ khí chăng?

-Ta hy vọng ông để nó ở nhà – D'Artagnan đáp lại – Dẫu sao ta cũng có hai thanh và nếu ông muốn, ta sẽ chơi với ông bằng một trong hai thanh.

-Vô ích thôi. Tôi cũng mang theo đủ mọi dụng cụ đó.

-Vậy thì? Ông quý tộc danh giá của ta ơi – D'Artagnan nói tiếp ông hãy chọn thanh dài nhất ấy và tối nay hãy mang đến cho ta xem…

-Ông thích ở đâu?

-Đằng sau vườn Luýchxămbua, đó là một khu rất đẹp cho những cuộc dạo chơi thuộc loại mà ta đề nghị với ông.

-Được, sẽ có mặt!

-Ông thích mấy giờ?

-Sáu giờ.

-Nhân thể, ông cũng có thể có một vài người bạn chứ?

-Ồ, tôi có những ba đều sẽ rất vinh dự được chơi cùng bên với tôi.

-Ba à? Càng tốt! Thế là tương ngộ rồi! – D'Artagnan nói – Cũng đúng số bên này.

-Bây giờ ông là ai? – Tên người Anh hỏi.

-Ta là D'Artagnan, quý tộc Gascogne, phục vụ trong cận vệ đội, đại đội ông des Essarts. Còn ông?

-Ta là Huân tước De Winter, nam tước vùng Sépfin[92].

-Vậy thì thưa ông Nam tước, ta sẽ xin hầu ông – D'Artagnan nói – cho dù ông có những cái tên rất khó nhớ.

Rồi chàng thúc ngựa phi nước đại, theo con đường phóng về Paris.

D'Artagnan xuống ngựa ngay tại nhà Athos như chàng vẫn thường làm trong những trường hợp tương tự.

Chàng thấy Athos đang nằm trên một chiếc ghế dài để đợi quân trang tự nó phải tìtn đến mình như anh đã nói.

Chàng liền kể hết cho anh chuyện vừa xảy ra chỉ trừ có bức thư của ông De Wardes.

Athos rất vui thích khi biết mình sắp được đánh nhau với một tên người Anh. Có thể nói đó là giấc mơ của anh.

Họ cho người hầu đi tìm ngay Porthos và Aramis và cho mấy người này biết rõ tình hình.

Porthos rút gươm ra khỏi vỏ và đâm chém bức tường, thỉnh thoảng lại lùi lại, nhún nhảy như một vũ công, Aramis vẫn luôn làm thơ, chui vào thư phòng của Athos và yêu cầu đừng quấy rầy mình nữa cho đến lúc phải tuốt gươm khỏi vỏ.

Athos ra hiệu cho Grimaud bê một chai rượu ra. Còn D'Artagnan thì đang tự mình vạch một kế hoạch nhỏ sau đây sẽ thực hiện, một kế hoạch hứa hẹn một chuyến phiêu lưu thú vị biểu hiện bằng những nụ cười chốc chốc lại hiện lên làm rạng rỡ bộ mặt mơ màng.

§31. Người Anh và người Pháp

Đến giờ hẹn, bọn họ cùng với bốn người hầu đi đến một mảnh đất rào kín thả dê, phía sau vườn Luychxămbua, Athos cho người chăn dê một đồng tiền để y lánh ra nơi khác. Bọn người hầu được giao việc canh phòng.

Một lúc sau, một toán cũng lặng lẽ đến gần, vào đó, gặp mấy người lính ngự lâm, rồi theo những thủ tục nước ngoài, hai bên giới thiệu nhau.

Bọn Anh đều là những người thuộc phẩm trật cao, nên những cái tên kỳ quái của địch thủ không những làm họ ngạc thiên, mà còn lo ngại nữa.

Nghe ba người xưng tên, Huân tước De Winter nói: -Những tên như thế thì chúng tôi biết các ông là ai, và chúng tôi sẽ không giao chiến với những cái tên như thế đâu. Đó là tên của lũ chăn cừu.

-Huân tước, ông đoán đúng đấy, đấy là những tên giả cả thôi – Athos nói.

-Như thế chỉ càng khiến chúng tôi muốn biết những tên thật? – Gã người Anh nói.

-Các ông đã đánh bạc với chúng tôi mà có biết tên chúng tôi tâu Athos nói – với danh hiệu gì các ông thắng của chúng tôi hai con ngựa nào?

-Đúng vậy, nhưng lúc ấy chúng tôi chỉ liều những đồng vàng thôi. Lần này chúng tôi đem máu ra liều. Người ta chơi bạc với cả thiên hạ, nhưng người ta chỉ giao chiến với những người cùng đẳng cấp.

-Đúng lắm! – Athos nói. – Và chàng túm lấy một kẻ trong bốn người Anh sẽ phải đấu với chàng rồi nói nhỏ tên mình cho gã.

Porthos và Aramis cùng làm như thế.

-Như thế đã thỏa mãn ông chưa? – Athos nói với đấu thủ – Và ông thấy ta đã là một đại lãnh chúa để cho phép ta được so gươm với ông chứ?

-Phải, thưa ông – Tên người Anh vừa nói vừa nghiêng mình đáp lễ

-Vậy thì, bây giờ, ông có muốn ta nói cho ông một điều không? – Athos lạnh lùng nói tiếp.

-Điều gì? – Gã người Anh hỏi.

-Là điều nhẽ ra ông đừng đòi ta cho biết tên thì tốt hơn.

-Tại sao vậy.

-Bởi người ta tưởng ta đã chết, vì ta có những lý do để mong muốn người ta không biết ta còn đang sống và ta sẽ buộc lòng phải giết ông để bí mật của ta khỏi tung tóe ra.

Gã người Anh nhìn Athos tưởng chàng đùa, nhưng Athos không đùa một chút nào.

-Các vị! – Athos vừa nói với đồng đội vừa tới phía các địch thủ – Chúng ta sẵn sàng cả rồi chứ?

-Rồi – Cả người Anh và người Pháp đồng thanh trả lời.

-Vậy, hãy phòng thủ – Athos nói, và lập tức tám thanh gươm lóe sáng trong ánh trời tà và cuộc giao chiến bắt đầu với một sự ác liệt hoàn toàn đương nhiên giữa những kẻ từng hai lần thù địch.

Athos xỉa gươm đúng phép và bình tĩnh như trong phòng luyện.

Porthos chắc chắn đã sửa chữa được cái bệnh quá chủ quan trong cuộc phiêu lưu ở Săngtily, chơi những đường kiếm rất hiểm và rất thận trọng.

Aramis còn phải làm cho xong đoạn ba thi khúc của mình nên tỏ ra rất vội, muốn xong chóng vánh.

Athos là người đầu tiên giết chết địch thủ: chàng chỉ đâm hắn có một mũi, nhưng như chàng đã báo trước, đó là một mũi tử thương, mũi gươm xuyên qua tim.

Porthos là người thứ hai hạ đối thủ của mình lăn xuống cỏ.

Chàng đã đâm thủng đùi hắn. Vì gã người Anh này không tiếp tục kháng cự nữa, gã đã trao gươm cho chàng nên Porthos hai tay dìu gã và đưa gã lên xe.

Aramis dồn ép đối thủ mãnh liệt, và sau khi đã bị vỡ thế trận năm chục bước, cuối cùng hắn co cẳng chạy và biến mất trước những tiếng hò reo chế giễu của bọn người hầu. Còn D'Artagnan, chàng chỉ hoàn toàn đánh phòng thủ, rồi khi thấy đối thủ đã quá mệt, bằng một cú đánh tạt cực mạnh chàng làm bay gươm đối thủ. Gã nam tước, thấy bị mất gươm nhảy lùi hai ba bước về phía sau, nhưng trượt chân, ngã lộn ngửa.

D'Artagnan nhảy phọt tới tì mũi gươm vào họng gã.

-Ta có thể giết ông – Chàng nói với người Anh – và ông đã hoàn toàn trong tay ta, nhưng vì tình yêu với chị gái ông, ta tha chết cho ông.

D'Artagnan vui sướng đến cực độ. Chàng vừa thực hiện xong kế hoạch đã vạch trước, và sự tiến triển của kế hoạch làm rạng rỡ những nụ cười trên khuôn mặt chàng.

Người Anh, vui mừng được xử lý việc này với một con người rất chi cao thượng, liền ôm siết D'Artagnan trong vòng tay và không ngớt mồm tâng bốc mấy chàng ngự lâm quân. Rồi vì đối thủ của Porthos đã ở trong xe, còn tên của Aramis đã biến vô tăm tích, mọi người chỉ còn nghĩ đến kẻ đã chết.

Vì Porthos và Aramis lột quần áo hắn ra hy vọng vết thương không gây tử vong, một túi tiền lớn rơi ra khỏi đai lưng.

D'Artagnan nhặt và đưa cho Huân tước De Winter. Gã người Anh nói: -Ông muốn tôi làm cái chết tiệt gì với túi tiền này?

-Ông trả cho gia đình ông ta – D'Artagnan nói.

-Gia đình ông ta quan tâm lắm đến món vặt ấy ư? Họ được thừa hưởng mười lăm nghìn louis vàng lợi tức. Ông cứ giữ lấy cho các người hầu của các ông.

D'Artagnan đút túi tiền vào túi mình.

-Và bây giờ, ông bạn trẻ của tôi, bởi tôi hy vọng ông cho phép tôi được gọi ông như vậy – Huân tước De Winter nói – ngay tối nay, nếu ông muốn, tôi sẽ giới thiệu ông với chị gái tôi, phu nhân Clericss, bởi vì tôi muốn đứng về phía chị ấy, chị ấy cũng hết lòng ưu ái với ông, và vì chị ấy không phải là kém cỏi lắm ở trong triều, có thể trong tương lai chị ấy chỉ nói một tiếng, không phải là không có ích với ông đâu.

D'Artagnan khoái trí đến đỏ mặt, nghiêng mình tỏ ý hoan nghênh. Trong khi đó, Athos lại gần nói nhỏ vào tai D'Artagnan: -Cậu định làm gì với cái túi tiền đó?

-Ồ, tôi định trả lại anh thôi mà, anh Athos thân mến.

-Trả tôi hả? Tại sao vậy?

-Khỉ, anh giết hắn, đó là chiến lợi phẩm của anh.

-Tôi, thừa kế của kẻ thù ư! – Athos nói – Cậu coi tôi là hạng người nào?

-Đó là lệ của chiến tranh – D'Artagnan nói – Tại sao không coi đó là lệ của quyết đấu?

-Ngay cả ở trên chiến trường – Athos nói – Tôi cũng không bao giờ làm như thế.

Porthos nhô vai lên. Aramis mấp máy môi, tán thành Athos.

-Thế thì – D'Artagnan nói – ta cho bọn người hầu số tiền này như Huân tước De Winter bảo nên làm thế.

-Đúng, – Athos nói – nhưng cho lũ người hầu của bọn Anh chứ không phải người hầu của chúng ta.

Cách xử sự cao cả ấy của một con người không còn một xu dính túi khiến bản thân Porthos cũng phải xúc động và lòng hào hiệp Pháp, đã được Huân tước De Winter và bạn mình kể lại, đâu đâu cũng trầm trồ khen ngợi chỉ trừ có các chú chàng Grimaud, Mousqueton, Planchet và Bazin.

Huân tước De Winter khi chia tay D'Artagnan đã cho chàng địa chỉ chị dâu mình. Nàng cư trú ở quảng trường Hoàng gia bấy giờ là khu phố rất thời thượng và ở nhà số 6. Hơn nữa ông ta còn ngỏ ý đến đón chàng đi để giới thiệu. D'Artagnan hẹn với ông ta lúc tám giờ ở nhà Athos.

Việc ra mắt Milady chiếm hết tâm trí chàng Gascogne.

Chàng nhớ lại người đàn bà ấy cho đến nay đã xen vào số phận mình một cách kỳ lạ như thế nào. Chàng tin chắc, đó là người của Giáo chủ, nhưng chàng vẫn cảm thấy không thể cưỡng nổi bị nàng lôi cuốn bởi một thứ tình cảm không phân định rõ ràng được Điều e sợ duy nhất của chàng là Milady nhận ra chàng là người ở Măng và ở Đuvrơ. Lúc đó, nàng sẽ biết chàng là bạn của ông De Treville và do đó linh hồn và thể xác chàng thuộc về nhà vua, dẫn đến việc làm mất một phần lợi thế của chàng, vì một khi, hai bên đều hiểu nhau như thế, cuộc chơi sẽ ở tư thế ngang nhau. Về sự khởi đầu dan díu giữa nàng với Bá tước De Wardes,

anh chàng tự phụ này lại không lo lắng mấy mặc dầu vì Hầu tước[93] này vừa trẻ, đẹp, giàu và có ưu thế mạnh trong sự sủng ái của Giáo chủ. Nhưng khi người ta mới hai mươi tuổi, nhất lại là dân Tácbơ thì không phải những cái đó chẳng là gì hết.

D'Artagnan bắt đầu bằng việc về nhà, ăn mặc thật choáng lộn rồi trở lại nhà Athos và theo thói quen kể lại hết cho Athos, Athos lo lắng nghe những dự định của chàng rồi lắc đầu và khuyên chàng phải cẩn thận, bằng một vẻ chua chát.

-Sao? Cậu vừa bị mất một người đàn bà cậu bảo tất, duyên dáng, hoàn hảo và bây giờ cậu đã vội chạy theo một người đàn bà khác ư?

D'Artagnan cảm thấy sự trách móc ấy thật xứng đáng.

-Tôi yêu bà Bonacieux bằng trái tim, còn Milady, tôi yêu bằng lý trí. Để người ta dẫn tôi đến nhà nàng, trên hết là tôi tìm cách làm sáng tỏ vai trò của nàng ở triều đình.

-Vai trò của nàng ư? Mẹ kiếp! Sau tất cả những gì cậu nói với mình có khó khăn gì mà không đoán ra. Chỉ là thứ con mồi nào đó của Giáo chủ, một mụ đàn bà dụ cậu chui vào trong một cái bẫy, và cậu sẽ mất đầu ở đấy như chơi.

-Quỷ ạ? Anh Athos thân mến, tôi thấy hình như anh nhìn cái gì cũng thành màu đen cả.

-Cậu em thân mến, mình không tin đàn bà, biết làm thế nào! Mình đã 'phải trả giá về chuyện đó, và nhất là loại đàn bà tóc hung vàng. Milady tóc hung vàng, cậu chẳng bảo mình thế ư?

Nàng có bộ tóc hung vàng đẹp chưa từng thấy.

-Ôi, cậu D'Artagnan đáng thương của tôi – Athos nói.

-Anh nghe đây. Tôi muốn làm sáng tỏ. Rồi khi tôi biết rõ điều tôi muốn biết, tôi sẽ lánh xa. cậu cứ việc làm sáng tỏ – Athos nói một cách lạnh lùng.

Huân tước De Winter đến đúng giờ. Athos được báo trước đã chuyển sang phòng bên. Winter thấy có một mình D'Artagnan, và vì đã gần tám giờ, Huân tước dẫn chàng đi.

Một cỗ xe sang trọng đang chờ ở phía dưới và vì xe được thắng hai con ngựa ưu tú, nên chỉ một lát sau mọi người đã ở quảng trường Hoàng gia.

Milady Clericss trịnh trọng đón tiếp D'Artagnan. Cư xá của nàng tráng lệ xa hoa đặc biệt, và cho dù phần lớn người Anh bị chiến tranh xua đuổi, đã rời khỏi hoặc đang rời nước Pháp, Milady lại vừa chi những khoản mới tại ngay cư xá của mình. Điều đó chứng tỏ phương sách nói chung dùng để xua đuổi người Anh về nước không làm cho nàng quan tâm.

Huân tước De Winter giới thiệu D'Artagnan với chị mình.

-Chị xem, đây là nhà quý tộc trẻ đã nắm tính mạng tôi trong tay, và không hề muốn lạm dụng lợi thế của mình, cho dù chúng tôi đã từng hai lần là kẻ thù của

nhau, vì chính tôi đã xúc phạm ông ấy, và vì tôi là người Anh. Chị hãy cảm ơn ông ấy đi nếu chị còn có chút tình với tôi.

Milady hơi cau mày. Một lớp mây thoáng hiện qua trên trán nàng, và một nụ cười rất lạ lùng hiện lên trên môi nàng khiến chàng trai trẻ cùng một lúc nhìn thấy ba sắc dạng ấy không khỏi rùng mình.

Người em nàng không nhìn thấy gì cả. Ông ta quay đi để đùa với con khỉ yêu quý của Milady, đang kéo áo chẽn của ông ta.

Milady bằng một giọng nói đặc biệt dịu dàng trái hẳn với những biểu hiện khó chịu mà D'Artagnan vừa nhận thấy, bảo chàng: -Thưa ông, rất hân hạnh được đón ông. Hôm nay ông đã có được những quyền bắt tôi phải mãi mãi biết ơn ông.

Người Anh kia bấy giờ mới quay lại và kể hết trận chiến không bỏ một chi tiết. Milady lắng nghe hết sức chăm chú, tuy nhiên dù nàng đã hết sức che giấu những cảm xúc của mình, người ta vẫn thấy được dễ dàng câu chuyên không hề làm cho nàng thích thú chút nào. Máu dồn lên mặt nàng và bàn chân nhỏ nhắn của nàng cứ bứt rứt không yên dưới làn váy áo.

Huân tước De Winter không nhận thấy gì hết. Rồi khi đã kể xong, ông ta lại gần cái bàn, trên có một cái khay để một chai rượu nho Tây Ban Nha và mấy cái cốc. Ông ta rót đầy hai cốc, ra hiệu mời D'Artagnan uống.

D'Artagnan hiểu rằng từ chối một người Anh không chạm cốc với họ là làm họ phật ý ghê gớm. Vì vậy chàng lại gần bàn và cầm lấy cốc thứ hai. Song chàng không hề rời mắt khỏi Milady, và trong gương chàng bắt gặp sự biến đổi vừa xảy ra trên khuôn mặt nàng. Giờ đây nàng tưởng không bị ai nhìn nữa, một nét hung tợn lồ lộ trên khuôn mặt nàng. Nàng nghiến chặt răng cắn chiếc khăn tay.

Cô gái hầu xinh tươi nhỏ nhắn mà D'Artagnan đã để ý tới lúc này bước vào, cô nói bằng tiếng Anh mấy câu với Huân tước De Winter. Ông ta lập tức xin phép D'Artagnan, và nhờ người chị xin lỗi.

D'Artagnan bắt tay Huân tước Winter và quay lại bên Milady. Mặt nàng với một sự linh hoạt kỳ lạ, đã lấy lại được nét duyên dáng, duy chỉ có mấy vết máu nhỏ thấm rải rác trên chiếc khăn tay là chỉ rõ nàng đã cắn môi mình đến bật máu.

Đôi môi nàng tuyệt đẹp, người ta bảo như màu san hô.

Cuộc trò truyện có vẻ vui nhộn hẳn lên. Milady hình như đã hoàn toàn trở lại bình thường. Nàng kể Huân tước De Winter chỉ là em chồng nàng chứ không phải em nàng. Nàng đã lấy người con út[94] trong gia đình, người đó đã qua đời để lại nàng góa bụa với một đứa con. Đứa bé ấy là người thừa kế duy nhất của Huân tước De Winter, nếu Huân tước không lấy ai. Tất cả những cái đó khiến cho D'Artagnan thấy như có một tấm màn phủ lên một điều gì đó, nhưng chàng lại chưa nhìn rõ cái gì dưới tấm màn.

Hơn nữa, sau nửa giờ chuyện trò, D'Artagnan chắc Milady là đồng bào của mình, nàng nói tiếng Pháp rất tinh tế và bay bướm khiến không thể còn chút nghi ngờ gì về việc nàng là người Pháp. D'Artagnan không ngớt tán tỉnh và cam đoan chung thủy.

Trước tất cả những câu ngớ ngẩn tuôn ra từ chàng trai Gascogne, nàng chỉ mỉm cười đầy thiện chí. Giờ rút lui đã tới.

D'Artagnan cáo biệt Milady và ra khỏi phòng khách như một người sung sướng nhất trên đời.

Trên cầu thang chàng gặp cô hầu gái xinh đẹp, cô gái khi đi qua khẽ cọ vào người chàng và đỏ bừng mặt lên xin lỗi vì đã đụng phải chàng, bằng một giọng rất hiền dịu khiến lời xin lỗi lập tức được chấp nhận ngay.

Hôm sau D'Artagnan trở lại và còn được đón tiếp nhiệt tình hơn đêm trước. Huân tước De Winter không có đó, và lần này chính là Milady đã hết sức hân hạnh tiếp chàng suốt cả buổi tối.

Nàng tỏ ra vẻ rất thích chàng, hỏi chàng hiện ở đâu, ai là những bạn bè của chàng và liệu đôi khi chàng có nghĩ đến chuyện phụng sự Đức Giáo chủ không.

D'Artagnan như đã biết, là người quá thận trọng so với tuổi hai mươi, liền nhớ lại những ngờ vực của mình về Milady.

Chàng hết sức ca ngợi Đức ông và bảo nàng thay vì xung vào đội cận vệ của nhà vua, chàng đã không hề để lỡ chút nào xung vào đội cận vệ của Giáo chủ, nếu ví dụ chàng quen biết ông De Cavoa thay vì quen biết ông De Treville.

Milady chuyển ngay sang chuyện khác chẳng một chút gượng gạo và hỏi D'Artagnan một cách hững hờ nhất trần đời là chàng đã bao giờ ở nước Anh chưa.

D'Artagnan trả lời rằng chàng đã được ông De Treville phái sang đấy để xử lý vấn đề nâng cấp ngựa, và chàng cũng đã mang về bốn con để làm mẫu.

Milady, trong khi nói chuyện, hai ba lần mím môi. Nàng vấp phải một gã Gascogne chơi rất kín kẽ.

Cũng bằng giờ đêm trước, D'Artagnan rút lui. Trong hành lang chàng lại gặp cô hầu Ketty xinh đẹp. Cô gái nhìn chàng bằng thái độ đầy thiện cảm mà chàng không thể nhầm chút nào.

Nhưng D'Artagnan lại quá quan tâm tới nữ chủ nhân, nên chàng tuyệt đối chẳng nhận thấy gì ngoài những điều đến từ nữ chủ nhân.

Hôm sau D'Artagnan lại đến nhà Milady rồi hôm sau nửa và mỗi tối Milady lại đón tiếp chàng thịnh tình hơn.

Mỗi tối, lần trong tiền sảnh, lần ở hành lang, lần trên cầu thang, chàng đều gặp cô hầu gái xinh đẹp.

Nhưng như đã nói, D'Artagnan không hề chú ý đến sự kiên tâm của nàng Ketty tội nghiệp.

§32. Bữa ăn trưa nhà ông biện lý

Tuy nhiên cuộc quyết đấu, trong đó Porthos đóng một vai trò chói lọi không làm chàng quên bữa ăn trưa của bà biện lý của chàng. Hôm sau khoảng một giờ, sau khi để Mousqueton chải chuốt bộ cánh áo của mình lần nữa, chàng đi về phố Lũ gấu bằng bước chân của một kẻ hai lần gặp may.

Trái tim chàng đập mạnh, nhưng không giống như D'Artagnan với một mối tình trẻ trung và nôn nóng. Không, một lợi ích vật chất hơn đang giục giã máu chàng, cuối cùng chàng cũng sắp vượt qua cái ngưỡng cửa bí ẩn ấy, để bước lên bậc thang xa lạ mà những đồng vàng cũ kỹ của thày cãi Coquenard đã từng một đồng một leo lên.

Chàng sắp được nhìn tận mắt cái hòm sắt mà có đến hai chục lần chàng thấy hình ảnh nó trong mơ, cái hòm dài và sâu, khóa móc, chốt then, niêm phong dưới đất, cái hòm chàng thường được nghe nói, mà đôi bàn tay hơi khô quắt, đúng vậy, của bà biện lý sắp mở ra trước đôi mắt ngưỡng mộ của chàng.

Và rồi chàng nữa, kẻ lang thang phiêu bạt khắp đó đây, kẻ không tài sản, không gia đình, một quân nhân nhẵn mặt nơi quán trọ, tửu quán và lữ điếm, một kẻ sành ăn mà phần lớn thời gian phải gặp đâu ăn đấy, nay sắp được nếm bữa cơm gia đình, được hưởng bầu không khí gia đình ấm cúng, phó mặc cho những sự cưng chiều nho nhỏ mà người ta càng khô khan chừng nào, càng thích thú chừng ấy như mấy bác lính già đã nói. với tư cách người anh họ, ngày ngày đến ngồi vào chiếc bàn, ăn ngon lành, làm bớt nhăn vầng trán bủng beo nhăn nhúm của ông biện lý già, vặt lông đôi chút mấy chú thư ký trẻ bằng cách dạy họ những trò đê tiện, trò ba xúc xắc, bài Đức, trong những ngón thực hành ma mãnh, để thu về mỗi giờ dạy bằng cả khoản dành dụm trong cả tháng của họ, tất cả những điều đó đang mỉm cười thoải mái với Porthos.

Chàng ngự lâm ta liền nhớ lại, chỗ này, chỗ kia, mỗi chỗ một tí những tiếng đồn đại về các ông biện lý, từ thời nảo thời nào, dù chết rồi nhưng tiếng vẫn còn, về thói keo bẩn, thói xà xẻo, những ngày ăn chay, trừ việc tiết kiệm thái quá mà Porthos luôn thấy là rất không đúng lúc, rốt cuộc, đối với một bà biện lý, thì bà biện lý này vẫn cứ là khá hào phóng và chàng hy vọng sẽ gặp một ngôi nhà ở mức làm cho người ta hài lòng.

Thế nhưng, ngay tại cửa, chàng đã thấy ngờ ngợ. Càng tới gần càng thấy chẳng có gì đáng để thu hút mọi người, lối đi hôi hám và tối om, cầu thang nhờ nhờ chiếu sáng qua những song sắt từ ánh sáng sân nhà láng giềng. Ở tầng một, một chiếc cửa thấp đóng những đinh sắt khổng lồ như cổng chính Tòa pháo đài lớn Satơlê.

Porthos giơ ngón tay gõ khẽ. Một chú học nghề ký lục cao lớn, xanh xao, tóc rậm rạp như một rừng nguyên sinh ra mở cửa và chào với vẻ miễn cưỡng phải kính nể một người cũng có vóc dáng to lớn lộ rõ sức mạnh, lại mặc binh phục biểu lộ địa vị hiện thời, và nước da hồng hào chứng tỏ mức sống phong lưu.

Một chú học nghề khác nhỏ hơn đằng sau gã này, và một gã khác cao hơn đằng sau gã thứ hai, và một chú loong toong mười hai tuổi sau gã thứ ba.

Tất cả là ba chàng học nghề rưỡi, điều đó chỉ ra đây là một môn học đắt hàng nhất thời bấy giờ.

Cho dù chàng ngự lâm một giờ mới phải đến nhưng từ giữa trưa bà biện lý đã trông ngóng và mong ở tấm lòng, cũng có thể cả ở dạ dày tình lang của bà để chàng đến sớm hơn.

Bà Coquenard từ cửa buồng đi ra hầu như cùng một lúc với vị thực khách của bà từ cửa cầu thang đi lên và sự xuất hiện của vị phu nhân danh giá đó khiến chàng hết sức bối rối. Bọn học nghề nhìn chàng bằng con mắt tò mò, còn chàng không biết nói sao về cái trò leo lên leo xuống này, đành đứng lặng câm.

-Anh họ tôi đấy? – Bà biện lý reo lên – Anh vào đi, vào đi, anh Porthos.

Cái tên Porthos có ảnh hưởng ngay đến bọn học nghề khiến họ bật cười, nhưng Porthos quay lại, mọi bộ mặt lại trở lại nghiêm trang.

Vào phòng ông biện lý là phải qua tiền sảnh nơi bọn học nghề có lẽ học ở đó. Cái phòng này là một loại phòng tối om và ngổn ngang giấy lộn. Ra khỏi phòng học, đi qua nhà bếp ở bên phải là đi vào phòng tiếp khách.

Tất cả các phòng đều thông sang nhau, và không gây được một ý nghĩ tốt đẹp nào cho Porthos. Cửa phòng mở thì từ xa đã nghe thấy tiếng nói. Rồi khi đi qua, chàng liếc nhanh mắt xem bếp núc ra sao, chàng đành phải tự thú nhận lấy làm xấu hổ cho bà biện lý và trót dại cho bản thân mình, vì không thấy lửa bếp, và vẻ tấp nập, nhộn nhịp thường có trong một bữa ăn ngon, đúng hơn là thường ngự trị trong thánh đường của những món ăn ngon miệng.

Ông biện lý chắc hẳn đã được báo trước cuộc viếng thăm này vì ông chẳng tỏ ra ngạc nhiên chút nào khi nhìn thấy Porthos tiến về phía ông, với vẻ khá thoải mái và nho nhã chào ông.

-Chúng ta là họ hàng, hình như thế phải không, ông Porthos? – Ông biện lý chống tay lên chiếc ghế bành bằng trúc, nhổm dậy hỏi.

Một ông lão, bọc kín trong một chiếc áo chẽn đen rộng thùng thình và tấm thân lòng khòng, xanh xao, khô đét lọt thỏm trong đó. Đôi mắt nhỏ màu xám sáng như hai viên lựu ngọc với cái miệng nhăn nhó hình như là phần sinh sắc duy nhất còn lại trên khuôn mặt ông ta. Khốn nạn thay, đôi chân ông lại bắt đầu từ chối việc phục vụ của cái cỗ máy xương xẩu đó từ năm sáu tháng nay rồi, và từ khi ngửi thấy mùi suy sụp ấy, ông biện lý đáng kính đã gần như trở thành nô lệ của vợ mình.

Người anh họ chẳng qua được tiếp nhận một cách bất đắc dĩ thôi. Thầy kiện Coquenard nếu còn quắc thước thì đã xin lỗi mọi thứ họ hàng với ông Porthos rồi.

-Vâng, thưa ông, chúng ta là họ hàng – Porthos đáp chẳng hề lúng túng, hơn nữa chàng đâu có tính chuyện được người chồng tiếp đón nồng nhiệt.

-Về phía các bà à?

Ông biện lý hỏi một cách tinh quái. Porthos đã chẳng hề cảm thấy là sự mỉa mai, lại còn coi đó như một sự hồn nhiên khiến chàng phát buồn cười sau hàng ria rậm. Bà Coquenard thì biết thừa làm gì có chuyện ông biện lý hồn nhiên trong trường hợp đó, cũng hơi cười tủm nhưng lại đỏ mặt nhiều hơn.

Từ lúc Porthos đến, thầy kiện Coquenard vẫn lo lắng đưa mắt nhìn về phía chiếc tủ lớn kê trước chiếc bàn giấy bằng gỗ sồi của ông ta. Porthos hiểu rằng chiếc tủ ấy cho dù không giống với hình dạng chiếc hòm chàng thấy trong mơ vẫn cứ là chiếc hòm may mắn, và còn mừng thầm vì cái tủ thực này còn cao hơn cái trong mơ gần hai mét.

Thầy kiện Coquenard không đẩy xa việc điều tra gia hệ thêm nữa mà đưa mắt lo lắng từ cái tủ sang Porthos, và đành bảo: -Ông anh họ chúng ta, trước khi ông ra trận chắc sẽ chiếu cố dùng cơm trưa một lần với chúng ta, phải không, bà Coquenard?

Lần này, Porthos cảm thấy như vừa nhận một đòn đánh trúng dạ dày, và hình như về phía bà Coquenard cũng không phải không cảm thấy điều đó vì bà nói thêm: -Ông anh họ tôi sẽ không trở lại nữa nếu chúng ta xử sự tồi với anh ấy. Nhưng trong trường hợp trái lại, cho tới khi ra trận anh ấy cũng có quá ít thời giờ để qua được Paris, do đó không phải bất cứ lúc nào cũng có thể thu xếp để đến thăm chúng ta được đâu ôi! Đôi chân tôi! Đôi chân khốn khổ của tôi! Mày ở đâu rồi? – Ông Coquenard lẩm bẩm.

Và ông cố nở một nụ cười.

Porthos cảm thấy vô cùng biết ơn bà biện lý đã kịp thời cứu chàng đúng lúc chàng bị tấn công trong những niềm hy vọng tiêu hóa thức ăn của mình.

Chỉ lát sau, giờ ăn trưa đã tới. Mọi người đi sang phòng ăn, một phòng lớn tối tăm đối diện với bếp.

Bọn học nghề ký lục hình như cũng cảm thấy trong nhà những mùi thơm khác thường, tăm tắp như nhà binh, tay cầm ghế đẩu sẵn sàng ngồi. Người ta thấy trước được những quai hàm này nhai rau ráu với những dự tính đáng sợ.

Của nợ! – Porthos vừa nghĩ vừa liếc nhìn ba kẻ đói khát bởi chú loong toong không được phép vinh dự ngồi cùng bàn thầy kiện. Của nợ? Ở địa vị ông anh họ mình, mình sẽ không để cho lũ của nợ hau háu kia ngồi cùng – cứ như lũ đắm tàu sáu tuần không được ăn rồi ấy!

Thầy kiện Coquenard đi vào trên chiếc ghế bành có bánh lăn do bà Coquenard đẩy, Porthos thấy thế cũng giúp một tay đẩy xe đến bàn ăn.

Mới thoạt vào, ông ta cũng hít hít mũi và trệu trạo hàm bắt chước bọn học nghề ký lục, rồi nói: -Ồ! Ồ cái món canh này chắc ngon đây.

"Mẹ kiếp món canh này có cái cóc khô gì đặc biệt khiến họ cảm thấy vậy?" Porthos nghĩ thầm trước món canh lõng bõng, chẳng có mùi gì ngoài lềnh bềnh mấy viên bột bao thịt băm như những đảo nổi trên một quần đảo.

Bà Coquenard mỉm cười và ra hiệu mời mọi người ngồi xuống, mọi người vội làm theo.

Thầy Coquenard được phục vụ đầu tiên, rồi đến Porthos. Tiếp đó bà Coquenard múc đầy đĩa mình và phân đều viên thịt bao bột cho lũ học nghề đang sốt ruột.

Cùng lúc đó, cửa phòng ăn cọt kẹt tự mở ra, và Porthos qua cánh cửa hé mở thấy chú nhỏ loong toong không được phép dự tiệc cùng, đang nhai bánh trước mùi bếp và mùi phòng ăn.

Sau món canh, người hầu gái mang ra một gà mái luộc. Món ăn xa xỉ này làm rãn căng mi mắt các thực khách đến nỗi hình như sẵn sàng nứt toác ra.

-Bà có vẻ yêu quý họ hàng nhà mình gớm nhỉ, bà Coquenard – ông biện lý nói với một cụ cười hầu như thê thảm – Rõ ràng đây hẳn phải là sự ân cần chiều chuộng của bà với ông anh họ của bà.

Con gà mái khốn khổ gầy giơ xương nhưng vẫn không chọc thủng nổi lớp da quá dầy, chắc người ta phải tìm mãi mới thấy nó đậu ở cái xó nó đã lui về đấy để đợi chết già.

"Mẹ kiếp! – Porthos nghĩ – Như thế mới thật quá buồn, ta kính trọng tuổi già, nhưng mình ít ra không thích thấy nó được đem luộc hoặc quay."

Và chàng nhìn khắp lượt xem có ai cùng ý kiến với mình không, nhưng trái hẳn với chàng, chàng chỉ thấy những cặp mắt rực lửa như đang ngốn ngấu trước con gà mái tuyệt vời, nhưng lại là đối tượng của sự khinh thị của chàng.

-Bà Coquenard kéo đĩa gà lại gần mình, khéo léo gỡ hai chiếc chân đen to đặt vào đĩa chồng, cắt cổ và đầu vào phần mình, nhấc chiếc cánh gà cho Porthos và trao nó lại cho cô hầu gái vừa mới mang nó lên, con vật lúc này trở về hầu như vẫn còn nguyên rồi biến mất trước khi chàng lính ngự lâm kịp quan sát những biến đổi do tuyệt vọng trên các khuôn mặt tùy theo đặc điểm và tính khí của mỗi người.

Thay cho con gà ranh, một đĩa đậu hạt được bưng ra, một đĩa khổng lồ trong đó có lẫn mấy cái xương cừu, lúc đầu tưởng còn dính thịt, nhưng chỉ làm ra như vậy thôi.

Nhưng bọn học nghề ký lục không bị bịp bởi cái trò tráo trở đó, và bộ dạng thảm hại của họ trở thành những bộ mặt cam chịu.

Bà Coquenard phân phát món ăn đó cho các chàng trai trẻ với mức vừa phải của một bà nội trợ đảm đang.

Rồi đến lượt rượu vang. Thầy kiện Coquenard rót từ một chiếc chai sành bé tí một phần ba ly cho mỗi chàng học việc, rót cho bản thân xấp xỉ như thế, rồi cái chai chuyển sang chỗ Porthos và bà Coquenard.

Bọn con trai pha đầy nước vào chỗ một phần ba rượu vang ấy, rồi khi đã uống xong nửa ly họ lại pha tiếp đầy ly và cứ làm mãi như thế cho đến cuối bữa và nuốt một thứ nước uống màu hồng ngọc chuyển thành màu hoàng ngọc cháy.

Porthos ăn rụt rè chiếc cánh gà và rùng mình khi cảm thấy dưới gậm bàn, đầu gối bà biện lý đang tìm kiếm đầu gối mình.

Chàng cũng uống nửa ly của thứ vang quá chặt chẽ ấy, và nhận ra đó là thứ rượu thổ sản vùng Môngtrơi tởm lợm, nỗi kinh hoàng của thói sành rượu.

Thầy kiện Coquenard nhìn chàng nuốt rượu không pha thở dài.

-Anh ăn cái món đậu đi chứ, người anh họ Porthos của em?

Bà Coquenard nói bằng một giọng như muốn bảo: tin em đi, đừng có mà ăn cái món đó.

-Có mà cho quỷ nó nếm! – Porthos lẩm bẩm rất khẽ.

Rồi chàng cao giọng: -Cám ơn cô em họ của tôi, tôi no mất rồi.

Im lặng mất một lúc. Porthos không biết làm thế nào. Ông biện lý nhắc đi nhắc lại: -Ôi bà Coquenard! Tôi xin có lời khen ngợi bà, bữa trưa hôm nay đúng là một bữa tiệc. Chúa ơi! Tôi ăn mới khiếp chứ?

Thầy kiện Coquenard đã ăn canh, đôi chân đen của con gà mái, và mỗi một chiếc xương cừu còn dính một tí thịt.

Porthos tin mình bị người ta chơi trò lừa, và bắt đầu vểnh ria lên, cau mày lại, nhưng đầu gối bà Coquenard tìm kiếm khẽ chạm vào chàng khuyên chàng nên kiên nhẫn.

Sự im lặng và việc ngừng phục vụ ấy vẫn còn là khó hiểu đối với Porthos thì ngược lại, lại có một ý nghĩa khủng khiếp đối với bọn học việc. Thấy ông biện lý đưa mắt kèm theo nụ cười của bà Coquenard, họ từ tốn đứng lên khỏi bàn, còn từ tốn gấp lại khăn ăn rồi chào và đi ra.

Ông biện lý nghiêm trang nói: -Đi đi, các chàng trai trẻ, đi làm việc đi cho nó dễ tiêu.

Bọn học nghề đi rồi, bà Coquenard đứng lên và lấy ở tủ đồ ăn ra một mẩu pho mát, một ít mứt quả mộc qua và một chiếc bánh ngọt bà tự làm bằng hạnh nhân và mật ong.

Thầy kiện Coquenard cau mày vì nhìn thấy quá nhiều món.

Porthos bậm môi bởi chàng không thấy có gì để ăn trưa nữa.

Chàng nhìn xem đĩa hạt đậu có còn đó không nhưng nó cũng đã biến mất.

-Dứt khoát là tiệc rồi – thầy kiện Coquenard vừa kêu lên vừa cựa quậy trên chiếc ghế của mình – yến tiệc thực sự epulae epularum[95], Luculútx ăn ở nhà Luculútx mất rồi.[96]

Porthos nhìn cái chai để cạnh mình và chàng hy vọng với rượu vang, với bánh với phó mát, chàng sẽ lại tiếp tục ăn trưa, nhưng rượu đã cạn, chai rỗng không, cả ông bà Coquenard có vẻ như chả hề biết đến chuyện đó.

Porthos tự nhủ: "Tốt lắm, đấy là mình đã được báo trước đấy."

Chàng đưa lưỡi thử nếm một thìa nhỏ mứt và bị dính răng vào thứ bột quánh của bà Coquenard.

"Giờ đây, lễ hiến tế đã xong – chàng tự nhủ. Ôi, giá như ta không có hy vọng được cùng bà Coquenard nhìn vào cái tủ của ông chồng!"

Thầy kiện Coquenard, sau khi được khoái miệng vì bữa ăn như thế mà ông gọi là thái quá, cảm thấy nhu cầu được ngủ trưa.

Porthos hy vọng việc đó có nhẽ được thực hiện tức khắc và tại chỗ, nhưng cái lão biện lý phải gió kia lại không chịu nghe ai nhất định đòi đưa về phòng mình và chừng nào lão chưa ở trước cái tủ của lão, và để cẩn thận hơn, phải ghếch chân lên thành tủ, thì lão còn kêu.

Bà biện lý dẫn Porthos sang phòng bên cạnh và người ta bắt đầu đề ra những điểm cơ bản cho việc hòa giải.

-Ông có thể đến ăn trưa ba lần một tuần – Bà biện lý nói.

-Cám ơn, tôi không thích lợi dụng. Vả lại tôi cần phải nghĩ đến việc trang bị kia.

-Đúng vậy – bà biện lý vừa nói vừa rên rỉ – cái thứ trang bị khốn kiếp đó.

-Than ôi? Vâng – Porthos nói – Chính là nó đấy.

-Nhưng món trang bị ấy bao gồm những thứ gì, ông Porthos?

-Ồ! Nhiều thứ lắm – Porthos nói – Những ngự lâm quân, bà biết đấy, là những quân nhân ưu tú, và họ cần có rất nhiều vật dụng mà đối với quân cận vệ hoặc quân Thụy Sĩ lại là vô tích sự.

-Thì hãy kể từng thứ ra nào.

-Nhưng như thế có thể tới… Porthos thích nói tới tổng số hơn bảng liệt kê từng món.

Bà biện lý run lên chờ đợi và hỏi: -Tới bao nhiêu? Em hy vọng nó không vượt quá… Bà dừng lại không nói nổi nữa.

-Ồ, không – Porthos nói – không vượt quá hai nghìn năm trăm quan đâu. Tôi tin nếu tiết kiệm, với hai nghìn quan cũng ổn.

-Chúa ơi, hai nghìn quan! – Bà hét lên – nhưng đó là cả một gia sản.

Porthos nhăn mặt đầy ý nghĩa khiến bà Coquenard hiểu ngay: -Em yêu cầu chi tiết cơ mà – bởi vì em có rất nhiều bà con và những người quen biết trong

thương trường, em hầu như tin chắc trăm phần trăm sẽ mua được những thứ ông anh tự mua với giá thấp hơn.

-À, à, – Porthos nói – thì ra cô em muốn nói như vậy.

-Vâng, ông anh Porthos thân yêu! Như thế là trước tiên anh cần một con ngựa.

-Phải rồi, một con ngựa.

-Được thôi! Đúng là em đã nghĩ đến việc ấy rồi.

-A! – Porthos nói, mặt mày rạng rỡ hẳn lên – thế là xong cái khoản ngựa đã. Tiếp đến cần phải có yên cương đầy đủ gồm những thứ mà chỉ lính ngự lâm mới có thể mua, hơn nữa, nó cũng không vượt quá ba trăm đâu.

-Ba trăm quan. Thôi được, cứ cho là ba trăm đi – Bà biện lý vừa nói vừa thở dài.

Porthos mỉm cười, chàng nhớ mình đã có bộ yên từ ông Buckingham đem tới, thế là chàng đã ngấm ngầm đút túi được ba trăm quan.

-Rồi – Chàng tiếp tục – còn phải ngựa cho người hầu của tôi và chiếc vali cho tôi nữa. Còn về vũ khí không cần bà phải lo, tôi đã có rồi.

-Một con ngựa cho người hầu của anh ư? – Bà biện lý ngập ngừng nhắc lại – nhưng như thế là đại lãnh chúa mất rồi, bạn tôi ạ!

-È, thưa bà! – Porthos kiêu hãnh nói – Võ tình, tôi thành kẻ lạc loài ư?

-Không, em chỉ định nói với ông anh là một con la con xinh xắn đôi khi trông lại hay hơn một con ngựa thôi mà, và em thấy hình như kiếm một con la xinh xắn cho Mútxtông…

-Cho là con la xinh xắn đi! – Porthos nói – Cô em có lý đấy. Tôi cũng đã thấy những bậc đại lãnh chúa Tây Ban Nha mà cả đoàn tùy tòng đều cưỡi la con cả. Nhưng mà này, bà Coquenard ạ, bà phải hiểu một con la con với đầy đủ trang sức và nhạc cổ đấy nhé.

-Ông yên tâm – Bà biện lý nói.

-Còn chiếc vali – Porthos nhắc lại.

-Ồ, cái đó thì ông anh khỏi phải lo – Bà Coquenard reo lên – chồng em có đến dăm sáu chiếc. Ông cứ việc chọn chiếc nào tốt nhất. Có một chiếc ông ta rất thích mang đi du lịch, rất to, tha hồ chứa.

Porthos thật thà hỏi: -Nó rỗng à, cái vali ấy?

Bà Coquenard cũng thật thà đáp: -Chắc chắn là rỗng rồi.

-Ồ, nhưng mà chiếc vali mà tôi cần là chiếc vali đầy ắp cơ, bà em thân yêu ạ.

Bà Coquenard lại thở dài. Môlie còn chưa viết xong vở: "Kẻ keo bẩn" thế mà bà Coquenard đã dẫm lên chân Hácpagông rồi.

Cuối cùng phần còn lại của đồ trang bị đều được kế tiếp nhau bàn cãi theo kiểu đó và kết quả của cuộc hội đàm là bà cho chàng tám trăm quan bằng tiền, và

cấp một con ngựa và một chú la non có vinh dự đem lại vinh quang cho Porthos và Mousqueton.

Các điều kiện đã ấn định xong, Porthos cáo biệt bà Coquenard.

-Bà ta muốn giữ chàng lại bằng đôi mắt hiền dịu đưa tình, nhưng Porthos mượn cớ những đòi hỏi của việc quân, bà biện lý nên nhường bước cho nhà vua.

Chàng ngự lâm quân trở về nhà với cái đói phát điên, phát cuồng.

§33. Cô hầu gái và nữ chủ nhân

Trong khi đó, mặc dầu những tiếng kêu thét của lương tâm và những lời khuyên chín chắn của Athos, D'Artagnan mỗi lúc càng trở nên si mê Milady hơn. Cho nên chả bỏ lỡ ngày nào không đến ve vãn. Chàng Gascogne ưa mạo hiểm tin chắc sớm muộn gì nàng cũng không thể không đền đáp lại.

Một buổi tối chàng đến, mặt vênh lên, phơi phới như một người đang đợi một cơn mưa vàng, thì gặp cô hầu gái ở dưới cửa xe, nhưng lần này nàng Ketty xinh đẹp không chịu chỉ chạm vào người chàng khi đi qua mà còn nhẹ nhàng nắm hẳn lấy tay chàng.

"Tốt! – D'Artagnan tự nhủ – cô gái này chắc được nữ chủ nhân giao việc nhắn tin gì đó cho ta đây, chắc sắp ấn định một cuộc hẹn nào đó cho ta nên mới không dám nói to chứ gì."

Và chàng nhìn cô bé xinh đẹp với vẻ đắc thắng tột bậc.

Cô hầu gái ấp úng: -Thưa ông hiệp sĩ, em muốn nói với ông đôi lời.

-Nói đi, em gái, nói đi, ta nghe đây.

-Ở đây không được, điều em muốn nói với ông, dài dòng lắm và nhất là bí mật lắm.

-Ồ, thế thì phải làm thế nào đây?

-Nếu như ông hiệp sĩ đi theo em được – Ketty dụt dè nói.

-Em muốn đi đâu cũng được, em gái xinh đẹp của ta ạ.

-Thế thì, theo em.

Và Ketty không rời bàn tay D'Artagnan lôi chàng đi qua một cầu thang nhỏ tối, và ngoắt ngoéo, và sau khi leo lên mười lăm bậc, mở cửa ra và nói: -Vào đây, ông hiệp sĩ, ở đây chỉ có mỗi mình chúng ta, và ta có thể chuyện trò.

-Nhưng đây là cái phòng nào, cô em xinh đẹp? – D'Artagnan hỏi.

Phòng của em, ông hiệp sĩ ạ. Nó ăn thông với phòng bà chủ bằng chiếc cửa này. Nhưng ông yên tâm, bà ấy sẽ không thể nghe được những gì chúng ta nói đâu. Bao giờ cũng đến nửa đêm bà ấy mới đi ngủ.

D'Artagnan đưa mắt nhìn xung quanh mình. Căn phòng nhỏ này thật duyên dáng về mặt thẩm mỹ và sạch sẽ, nhưng mặc dầu vậy mắt chàng vẫn gắn vào chiếc cửa mà Ketty bảo dẫn sang phòng Milady.

Ketty đã đoán được điều gì đang diễn ra trong tâm trí chàng trai và buông một tiếng thở dài: -Ông hiệp sĩ, chắc là ông yêu bà chủ em lắm nhỉ?

-Ồ, còn hơn cả những gì ta có thể nói ra. Ketty ạ, ta yêu phát điên!

Ketty lại buông thêm một tiếng thở dài: -Than ôi! Thưa ông, thật đáng tiếc!

-Em thấy rất đáng tiếc là cái quái gì vậy? – D'Artagnan hỏi.

-Là vì, thưa ông – Ketty láy lại – bà chủ em chẳng hề yêu ông chút nào.

-Hả? – D'Artagnan nói – em được bảo nói với ta như thế hay sao?

-Ồ không đâu, thưa ông! Nhưng là vì em quan tâm đến ông nên quyết định nói ra điều đó với ông.

-Cám ơn, em Ketty tốt bụng, nhưng chỉ là ý đồ thôi, bởi việc em tâm sự như vậy là không hay đâu.

-Có nghĩa là ông chẳng tin vào điều em vừa nói chút nào, phải thế không?

-Người ta luôn khó tin vào những điều như vậy, cô em xinh đẹp ạ, ngay cả vì tự ái.

-Tức là ông không tin em?

-Thú thực chỉ đến khi em chịu đưa ra cho tôi bằng chứng nào đấy.

-Ông nói sao về cái bằng chứng này?

Và Ketty rút từ ngực mình ra một bì thư.

-Cho tôi ư? – D'Artagnan vừa nói vừa giật mạnh bức thư.

-Không, cho người khác.

-Cho người khác ư?

-Vâng.

-Tên hắn! Tên hắn! – D'Artagnan kêu lên.

-Ông nhìn địa chỉ ấy.

"Bá tước De Wardes."

Kỷ niệm về cảnh tượng ở Saint-Germain hiện lên ngay tức thì trong óc chàng Gascogne tự phụ. Thoắt một cái chàng xé phăng bì thư, mặc cho Ketty kêu váng lên khi thấy chàng định xé hay đúng hơn chàng đang xé. Cô nói: -Ôi chúa ơi! Ông hiệp sĩ, ông làm gì vậy?

-Tôi ư, làm gì đâu.

Nói rồi chàng đọc thư:

"Ông đã không trả lời bức thư đầu tiên của tôi. Ông vẫn còn đau ư, hay là ông có nhẽ quên ông đã nhìn tôi như thế nào trong buổi khiêu vũ ở nhà phu nhân De Ghidơ. Đây là cơ hội đấy Bá tước! Đừng để tuột mất."

D'Artagnan tái người đi. Lòng tự ái của chàng đã bị tổn thương. Chàng tưởng như tình yêu của mình cũng bị tổn thương.

-Ông D'Artagnan thân mến tội nghiệp! – Ketty nói bằng một giọng đầy cảm thông và lại nắm lấy tay chàng trai trẻ.

-Em thương tôi ư, em bé tốt bụng! – D'Artagnan nói.

-Ồ, vâng, và bằng tất cả trái tim em! Bởi em biết tình yêu là thế nào.

-Em biết thế nào là tình yêu ư? – D'Artagnan vừa nói vừa nhìn cô, lần đầu tiên chăm chú như thế.

-Ôi thật đấy!

-Thế thì, đáng lẽ thương xót tôi, tốt hơn em hãy giúp tôi trả thù bà chủ của em.

-Ông định trả thù kiểu nào đây?

-Tôi muốn chiếm được bà ta, nẫng tay trên địch thủ của ông.

-Em sẽ không bao giờ giúp ông việc ấy, ông hiệp sĩ ạ! – Ketty trả lời thẳng thừng.

-Tại sao lại thế? – D'Artagnan hỏi.

-Vì hai lẽ.

-Những lẽ gì?

-Thứ nhất, chính vì không bao giờ bà chủ em yêu ông.

-Sao em biết?

-Ông đã làm tổn thương trái tim bà ấy.

-Ta ư? Ta có thể làm tổn thương ở chuyện gì, ta, từ khi quen biết nàng, đã chịu sống dưới chân nàng như một nô lệ! Em nói đi, ta van em đấy.

-Em sẽ không bao giờ nói ra với ai ngoại trừ người… đọc thấu tâm can em.

D'Artagnan nhìn cô lần thứ hai. Người thiếu nữ đẹp và tươi tắn đến mức biết bao bà Quận chúa có nhẽ muốn đem cả danh phận của mình ra để mua lấy sắc đẹp đó.

-Ketty này – chàng nói – anh sẽ đọc thấu tận đáy lòng em khi nào em muốn. Có khó gì đâu, em bé bỏng thân mến?

Rồi chàng hôn cô một cái, và cô bé tội nghiệp đỏ bừng mặt lên như màu anh đào chín.

-Ồ không! – Ketty kêu lên – Ông không yêu em? Bà chủ em mới là người ông yêu, ông chẳng vừa bảo em như thế hay sao?

-Và điều đô ngăn em không cho tôi biết lẽ thứ hai ư?

-Lẽ thứ hai, thưa ông hiệp sĩ – Ketty lúc này đã trở nên mạnh dạn hơn trước hết vì nụ hôn, tiếp đó vì đôi mắt đưa đẩy của chàng trai trẻ – là trong tình yêu ai nấy đều vì mình.

Chỉ đến lúc đó D'Artagnan mới nhớ lại cái nhìn rũ héo của Ketty, những lần gặp nhau ở tiền sảnh, trên cầu thang, trong hành lang, những cái cọ tay mỗi lần gặp chàng và những tiếng thở dài kìm nén của nàng. Nhưng vì còn đắm đuối bởi cái ham muốn làm đẹp lòng người đàn bà quyền quý, chàng đã xem thường cô hầu gái. Kẻ đi săn chim ưng, để ý gì đến chim chích.

Nhưng lần này, chàng Gascogne chỉ thoáng nhìn đã thấy có thể rút ra những lợi ích cho mình từ mối tình mà Ketty vừa thổ lộ rất ngây thơ hoặc rất táo tợn. Đó là chặn đứng những bức thư gửi cho Bá tước de Oátđơ, nắm được mọi tin tức xảy ra, và ra vào phòng của Ketty liền kề phòng bà chủ nàng bất cứ lúc nào.

Gã tráo trở này ngay trong ý nghĩ đã hy sinh cô gái đáng thương để đoạt cho kỳ được Milady dẫu nàng có muốn hay không.

-Được rồi! – D'Artagnan nói với cô gái – Ketty thân mến của anh, em có muốn anh cho em một bằng chứng của tình yêu mà em còn ngờ vực không?

-Tình yêu nào? – Cô gái hỏi.

-Tình yêu mà anh sẵn sàng cảm nhận đối với em ấy.

-Thế bằng chứng là cái gì?

-Em có muốn tối nay anh ở bên em suốt cả thời gian mà anh vẫn thường cùng với bà chủ của em không?

-Ồ, vâng – Ketty vừa nói vừa vỗ tay – em xin sẵn sàng?

-Thế thì, em bé của anh ạ – D'Artagnan vừa nói vừa ngồi vào chiếc ghế bành – Em hãy lại đây để anh nói với em rằng em là cô hầu gái xinh đẹp nhất anh chưa hề thấy bao giờ!

Và chàng nói đủ thứ và khéo đến mức cô bé tội nghiệp không mong gì hơn là có thể tin chàng và đã tin chàng… Tuy nhiên, D'Artagnan cũng phải hết sức ngạc nhiên là cô gái Ketty xinh đẹp tự bảo vệ mình khá quyết liệt.

Thời gian trôi nhanh khi diễn ra thành chuyện tấn công và phòng thủ.

Nửa đêm đã điểm, và đồng thời chiếc chuông nhỏ trong phòng Milady cũng rung lên.

-Chết mất thôi! – Ketty kêu lên – Bà chủ gọi em đấy! Anh đi đi! Đi mau lên!

D'Artagnan đứng lên, cầm mũ như có ý làm theo, rồi mở nhanh cửa chiếc tủ lớn thay vì mở cửa cầu thang, lẩn vào bên trong giữa đống váy áo của Milady.

-Anh làm cái gì vậy? – Ketty kêu lên.

D'Artagnan đã cầm trước chìa khóa, tự nhốt mình vào trong tủ và không trả lời.

-Ơ hay? – Milady kêu lên. – Đã ngủ rồi hay sao mà ta rung chuông không thấy đến thế?

Và D'Artagnan nghe thấy tiếng mở cửa thông sầm sầm.

-Em đây, thưa phu nhân, em đây mà! – Ketty vừa kêu lên vừa lao sang gặp bà chủ của mình.

Cả hai cùng trở về phòng ngủ và vì cửa thông vẫn mở, D'Artagnan có thể nghe thêm tiếng Milady mắng cô gái hầu, rồi cuối cùng cũng dịu lại và câu chuyện chuyển sang chàng trong khi Ketty sửa soạn chăn gối cho chủ mình, Milady nói: -Lạ thật? Tối nay ta không thấy anh chàng Gascogne của chúng ta?

-Sao ạ, thưa phu nhân – Ketty nói – Ông ta không đến ư! Chả nhẽ ông ta đã thay đổi trước khi được nếm mùi hạnh phúc?

-Ồ không? Chắc là bị ông De Treville hoặc ông des Essarts ngăn trở. Ta biết rõ mà, Ketty. Và ta đã nắm được gã đó.

-Bà chủ sẽ làm gì với ông ta?

-Ta sẽ làm gì ư?… Yên tâm, Ketty ạ, có một chuyện giữa người ấy và ta mà người ấy không biết… Hắn suýt làm ta mất tín nhiệm với Đức Giáo chủ… Ồ, ta sẽ trả thù!

-Em tưởng bà chủ yêu ông ta?

-Ta yêu hắn ư? Ta ghét hắn thì có. Một thằng ngố, hắn đã nắm trong tay mạng sống của Huân tước De Winter mà lại không giết làm ta mất toi ba trăm nghìn quan lợi tức thường niên!

-Đúng vậy – Ketty nói – Con trai bà chủ là người thừa kế duy nhất của chú ruột mình, bà chủ lẽ ra đã được hưởng tài sản đó cho đến khi cậu trưởng thành.

D'Artagnan rùng mình đến tận xương tủy khi nghe cái sinh linh ngọt ngào đó quở trách mình bằng cái giọng the thé mà người đàn bà này thường phải rất khó khăn mới giấu nổi trong khi chuyện trò, là đã không giết một người tràn đầy tình thân thiết với mụ.

-Cho nên – Milady tiếp tục – Ta đã trả thù chính hắn rồi, nếu như không hiểu tại sao Giáo chủ lại dặn ta nương tay với hắn.

-Ồ, vâng, nhưng phu nhân đã không hề nương tay với người đàn bà mảnh mai mà ông ta yêu.

-Ồ, cái con mụ hàng xén ở phố Phu đào huyệt! Chẳng phải hắn đã quên nhắc mụ ta từng tồn tại sao? Một sự trả thù tuyệt đẹp, ta thề đấy?

Một lớp mồ hôi lạnh toát trên trán D'Artagnan. Mụ đàn bà đúng là một con quỷ rồi.

Chàng lại tiếp tục lắng nghe. Nhưng không may việc sửa soạn giường ngủ đã xong.

-Tốt lắm – Milady nói – em về phòng mình đi và ngày mai cố gắng để có được thư trả lời bức thư ta đã đưa cho em.

-Cho ông De Wardes phải không ạ?

-Phải rồi, cho ông De Wardes.

-Đó là một con người – Ketty nói – em thấy có vẻ hoàn toàn trái ngược với cái ông D'Artagnan tội nghiệp kia.

-Thôi ra đi, quý nương ạ – Milady – ta không thích những câu bình luận.

D'Artagnan nghe thấy cửa đóng lại rồi tiếng hai chốt cửa, Milady cài lại để được một mình ở bên trong.

Về phần mình, Ketty hết sức nhẹ nhàng khóa một vòng chiếc cửa lại. Lúc đó, D'Artagnan mới đẩy cửa tủ ra.

-Ôi Chúa ơi! – Ketty nói rất khẽ – Có chuyện gì vậy? Sao anh tái người đi thế?

-Một con mụ tởm lợm? – D'Artagnan lẩm bẩm.

-Im nào! Im nào! Anh ra đi! – Ketty nói – Chỉ có mỗi một vách ngăn giữa phòng em và phòng bà Milady. Bên này nói gì là bên kia nghe thấy hết.

-Chính vì thế mà anh sẽ không ra đâu. D'Artagnan nói.

-Sao cơ? – Ketty vừa nói vừa đỏ mặt lên.

-Hoặc ít nhất anh sẽ ra… muộn hơn.

Và chàng kéo Ketty lại với mình. Không còn cách nào để cưỡng lại. Cưỡng lại sẽ gây ra tiếng động! Thế là Ketty đành chịu vậy.

Đó là một hành động trả thù Milady. D'Artagnan thấy người ta có lý khi nói rằng trả thù là niềm hoan lạc của các thiên thần. Vì vậy chỉ cần có một chút tấm lòng, D'Artagnan sẽ hài lòng về cuộc chinh phục mới này, nhưng D'Artagnan chỉ có tham vọng và sự kiêu ngạo.

-Tuy nhiên cũng phải khen chàng đã biết dùng ảnh hưởng của mình ể làm cái việc đầu tiên là cố sao biết được bà Bonacieux bây giờ ra sao. Nhưng cô gái tội nghiệp làm dấu thề rằng cô hoàn toàn không biết gì cả, bà chủ cô bao giờ cũng chỉ cho biết một nửa bí mật của bà thôi, nhưng cô đảm bảo bà Bonacieux không chết.

Còn lý do làm Milady mất tín nhiệm với Giáo chủ, Ketty cũng không biết gì hơn. Nhưng lần này, D'Artagnan còn tiến xa hơn cô. Chàng đã bắt gặp Milady trên một con tàu bị hãm lúc chàng rời nước Anh và chàng ngờ rằng đó chính là vấn đề những nút kim cương.

Nhưng điều rõ ràng hơn cả trong mọi chuyện chính là mối căm hờn đích thực, căm hờn sâu xa, mối căm hờn không thể tránh khỏi của Milady đối với chàng là ở chỗ chàng đã không giết em chồng mụ.

Hôm sau, D'Artagnan lại quay lại nhà Milady. Sắc mặt nàng trông rất dữ trợn, D'Artagnan ngờ rằng không thấy thư trả lời của ông De Wardes nên nàng điên tiết, Ketty đi vào, nhưng Milady tiếp cô rất cứng rắn. Cô liếc nhìn D'Artagnan như muốn nói: "Anh đã thấy em đau khổ vì anh thế nào chưa!"

Tuy nhiên, cuối buổi chuyện tối, con sư tử cái mỹ miều đã dịu bớt, nó vừa mỉm cười vừa nghe những mẩu chuyện ngọt ngào của D'Artagnan, lại còn đưa cả tay cho chàng hôn.

D'Artagnan ra về, không biết nghĩ thế nào nữa. Nhưng vì vẫn là một chàng trai, nên không dễ bị rối trí, vẫn vừa tán tỉnh Milady, vừa vạch trong đầu một kế hoạch riêng.

Chàng gặp Ketty ở cửa, và vẫn như đêm trước, chàng leo lên buồng cô. Ketty bị mắng rất ghê vì bị gán cho tội lơ đãng. Milady nào có hiểu gì về sự im lặng của Bá tước De Wardes đâu, nên đã ra lệnh cho cô chín giờ sáng đến phòng mình để đem bức thư thứ ba đi. D'Artagnan bắt Ketty hứa sáng hôm sau phải mang đến cho chàng bức thư ấy. Cô gái tội nghiệp hứa tất cả những gì người tình của mình muốn. Cô đang yêu phát điên.

Mọi sự lại lặp lại như đêm trước. D'Artagnan lại chui vào trong tủ. Milady gọi, sửa soạn đi nằm, đuổi Ketty ra vùng đóng cửa lại. Cũng như đêm trước, D'Artagnan chỉ trở về nhà vào lúc năm giờ sáng.

Mười một giờ, chàng thấy Ketty đến. Cô cầm trong tay một bức thư mới của Milady. Lần này cô bé tội nghiệp chẳng buồn tranh cãi gì với D'Artagnan, cô để

mặc chàng làm gì thì làm. Cả tâm hồn lẫn thể xác cô đã thuộc về chàng lính đẹp trai của mình.

D'Artagnan bóc thư và đọc:

"Thế là lần thử ba tôi viết cho ông để nói rằng tôi yêu ông. Hãy coi chừng đừng để tôi viết bức thư thứ tư cho ông để nói rằng tôi ghét ông.

Nếu như ông hối hận về cung cách ông đã xử sự với tôi, cô gái chuyển bức thư này cho ông sẽ nói cho ông biết một người đàn ông phong tình phải làm thế nào để được tha thứ."

Mặt D'Artagnan lúc đỏ lên, lúc tái lại khi đọc thư.

-Ôi, anh vẫn yêu bà ta! – Ketty, không lúc nào rời mắt khỏi khuôn mặt chàng trai, nói.

-Không, Ketty, em nhầm rồi, anh không còn yêu mụ nữa. Nhưng anh muốn trả thù sự khinh thị của mụ đối với anh.

-Vâng, em biết anh muốn trả thù. Anh đã nói với em điều đó rồi.

-Thôi nào, Ketty! Em thừa biết anh chỉ yêu mỗi em thôi.

-Làm sao để biết được điều đó?

-Bằng việc anh khinh bỉ mụ ta.

Ketty thở dài.

D'Artagnan cầm bút và viết:

"Thưa bà, cho đến tận lúc này tôi vẫn ngờ hai bức thư trước của bà chưa chắc đã phải gửi cho tôi. Vì chưa dám tin mình xứng với vinh dự ấy. Hơn nữa tôi vẫn còn đau lắm nên dẫu sao tôi vẫn ngần ngại trả lời bà.

Nhưng hôm nay, tôi hẳn phải tin bà đã quá tốt vì không những thư bà mà cả người thị nữ của bà đều khẳng định rằng tôi có diễm phúc được bà yêu.

Cô gái không cần phải bảo tôi một người đàn ông phong tình phải làm thế nào để có thể được tha thứ. Tối nay, lúc mười một giờ, tự tôi sẽ đến xin được tha thứ. Giờ đây, trong con mắt tôi, chậm một ngày thôi cũng là làm cho bà bị xúc phạm.

Kẻ được bà biến thành người sung sướng nhất trong những người đàn ông.

Bá tước De Wardes."

Bức thư đó trước hết là một bức thư giả mạo, sau đó là một sự thô bỉ, mà về mặt phong hóa hiện thời của chúng ta, là một cái gì đấy giống như một sự đê tiện, nhưng ở thời đó người ta dễ dãi hơn thời bây giờ. Hơn nữa D'Artagnan biết rõ Milady qua những lời tự thú của nàng, đã phạm tội phản bội cả những thủ lĩnh quan trọng nhất, và chàng thật ra đâu có coi trọng nàng mấy. Và trong khi đó, mặc dầu chàng không mấy coi trọng nàng, chàng vẫn cảm thấy một sự đam mê đến mất trí người đàn bà đó thiêu đốt chàng. Một sự đam mê cuồng say, bất chấp.

Nhưng đam mê hay khát, nói sao cũng được.

Ý đồ của D'Artagnan thật đơn giản: qua phòng của Ketty chàng sẽ sang phòng Milady. Chàng sẽ lợi dụng khoảnh khắc đầu tiên vừa sửng sốt vừa xấu hổ, vừa kinh hoàng để chinh phục nàng. Có thể chàng sẽ thất bại, nhưng cũng phải cầu may chứ. Tám ngày nữa là chiến dịch đã mở và chàng phải đi ra, D'Artagnan không còn đủ thì giờ để theo đuổi một mối tình hoàn hảo. Chàng trao bức thư đã niêm phong cho Ketty và bảo: -Em cầm lấy và đưa bức thư này cho Milady. Đây là thư trả lời của ông De Wardes.

Nàng Ketty đáng thương không biết trong thư viết gì, tái nhợt người đi như một người chết.

-Nghe đã nào, em bé thân yêu của anh – D'Artagnan bảo cô – Em cũng hiểu mọi việc phải kết thúc cách này hay cách khác. Milady có thể phát hiện ra em đã chuyển bức thư đầu tiên cho người hầu của anh thay vì phải chuyển cho người hầu của Bá tước và chính anh đã bóc mấy bức thư sau chứ không phải ông De Wardes bóc, lúc đó Milady sẽ đuổi em, và em đã biết mụ ta rồi đấy đó không phải là một người đàn bà biết giới hạn sự trả thù đâu!

-Than ôi! – Ketty nói – Vì ai mà em ra nông nỗi này?

-Vì anh, anh biết quá đi chứ, em vô cùng xinh đẹp của anh ạ thế cho nên anh rất biết ơn em, anh thề với em đấy.

-Nhưng rốt cuộc, trong thư viết gì?

-Milady sẽ nói với em.

-A, anh không yêu em! – Ketty kêu lên – Sao tôi khốn khổ thế này?

Với những câu than thân trách phận như thế bao giờ cũng có một câu trả lời khiến đàn bà luôn nhầm lẫn. D'Artagnan đã trả lời theo cách khiến Ketty rơi vào tình trạng sai lầm to lớn nhất.

-Tuy nhiên cô đã khóc rất nhiều trước khi quyết định trao bức thư đó cho bà chủ của mình. Nhưng cuối cùng, cô cũng quyết định. Đó là tất cả những gì mà D'Artagnan mong muốn.

Hơn nữa, chàng cũng hứa với cô, chàng sẽ lên với cô ngay, bằng cách ra khỏi chỗ Milady sớm.

Lời hứa đó rốt cuộc cũng làm cho cô Ketty tội nghiệp yên lòng.

§34. Việc trang bị cho Aramis và Porthos đã được xử lý ở đâu

Từ khi bốn người bạn mỗi người một ngả săn tìm đồ trang bị cho mình, thì không còn một cuộc họp mặt nào được ấn định giữa họ nữa. Người ta ăn có người này lại không có người khác, gặp đâu ăn đấy hoặc đúng hơn đâu có thể ăn là ăn. Bản thân việc quân cũng chiếm một phần thời gian quý báu đang trôi rất nhanh. Họ đành thỏa thuận tuần một lần vào lúc một giờ tại nhà Athos, bởi lẽ chàng đã thề không ra khỏi cửa.

Ngày họp mặt lại đúng ngày Ketty đến nhà tìm D'Artagnan. Ketty vừa đi khỏi, D'Artagnan đến phố Fréjus ngay.

Chàng thấy Athos và Aramis đang triết lý. Aramis đang giở chứng muốn trở lại với chiếc áo thầy tu. Athos, theo thói quen của chàng, không can ngăn, cũng không khuyến khích. Athos chủ trương để mặc mỗi người tự quyết định đời mình. Chàng không bao giờ khuyên ai điều gì nếu không yêu cầu chàng. Thậm chí phải van nài đến hai lần chàng mới nói.

-Nói chung, người ta chỉ yêu cầu khuyên bảo người ta – chàng nói – để không theo hoặc nếu có theo thì cũng chỉ để có ai đó để có thể trách móc lại đi khuyên họ như thế.

Porthos đến sau D'Artagnan một lúc. Thế là bốn người bạn lại quây quần với nhau.

Bốn bộ mặt biểu lộ bốn trạng thái tình cảm khác nhau: Porthos thì bình tâm, D'Artagnan hy vọng, Aramis lo lắng, và Athos vô tư lự.

Chuyện trò được một lúc và Porthos đang hé ra có một nhân vật quyền thế rất cao muốn gánh vác giúp chàng khỏi lúng túng thì Mousqueton vào.

Hắn đến yêu cầu Porthos về nhà ngay, và bằng một giọng vô cùng thiểu não, nói thêm rằng sự có mặt của chàng rất khẩn thiết.

-Là chuyện đồ trang bị của ta ư? – Porthos hỏi.

-Đúng và không. – Mousqueton trả lời.

-Nhưng rốt cuộc, mày không thể nói…?

-Về đã thưa ông.

Porthos đứng lên, chào các bạn rồi về theo Mousqueton.

Một lát sau, Bazin hiện ra ở ngưỡng cửa.

-Muốn gì ở ta đây, anh bạn? – Aramis nói với thứ ngôn ngữ dịu dàng mà người ta nhận thấy ở chàng mỗi khi tư tưởng chàng lại dẫn chàng về với nhà thờ.

Bazin trả lời: -Có một người đang đợi ông chủ nhà.

-Một người? Người nào?

-Một người ăn mày.

-Thì bố thí cho người ta và bảo người ta hãy cầu nguyện cho một kẻ tội lỗi đáng thương.

-Người hành khất đó muốn nói chuyện và cho rằng ông sẽ rất hài lòng khi gặp ông ta.

-Hắn không nói điều gì đặc biệt cho ta ư?

-Có chứ. Hắn nói: Nếu như ông Aramis ngại ngùng về gặp tôi, cứ báo tôi từ Tours đến.

-Từ Tours ư? – Aramis reo lên – Thưa các vị, ngàn lần xin lỗi, nhưng chắc chắn con người đó mang đến cho tôi những tin tức tôi đang mong đợi.

Rồi lập tức đứng lên và vội vã đi ngay.

Còn lại mỗi Athos và D'Artagnan.

-Tôi tin mấy gã ấy đã tìm được chỗ giải quyết. Cậu nghĩ thế nào D'Artagnan? – Athos nói.

-Tôi biết Porthos đang thuận lợi, – D'Artagnan nói – còn như Aramis, nói cho đúng, tôi chưa bao giờ thật sự phải quá lo lắng cho anh ấy, nhưng còn anh, anh Athos thân mến, anh đã hào hiệp phân phát hết số tiền vàng của cái người Anh lẽ ra đã trở thành của cải hợp pháp của anh, anh định làm gì đây?

-Tôi rất hài lòng đã giết chết tên vô lại đó, chú em ạ, coi như giết một tên Anh là được ăn bánh thánh, nhưng nếu tôi lại đút những đồng tiền vàng của nó vào túi, thì nó sẽ đè nặng và cấn rứt lương tâm tôi.

-Thôi đi nào, anh Athos thân mến! Anh đúng là có những ý nghĩ không thể chấp nhận được.

-Sang chuyện khác thôi! Nói sang chuyện khác! Cậu có biết ông Treville hôm qua chiếu cố đến thăm mình đã bảo mình rằng có phải cậu đang lui tới mấy tên người Anh khả nghi được Giáo chủ che chở không?

-Nghĩa là tôi đang lui tới một phụ nữ người Anh, người mà tôi đã nói với anh ấy.

-Ờ, phải, người đàn bà tóc hung vàng mà tôi đã khuyên cậu, mặc nhiên cậu đã không nghe theo.

-Tôi đã giải thích với anh.

-Phải, cứ theo như cậu đã nói với tôi, tôi tin là cậu trông mong ở đó có được đồ trang bị cho cậu.

-Không đúng chút nào? Tôi đã có thể chắc chắn người đàn bà đó có liên quan gì đó đến việc bắt cóc bà Bonacieux.

-Phải, tôi hiểu, để tìm lại được một người đàn bà, cậu ve vãn một người đàn bà khác. Đó là con đường dài nhất nhưng lại thú vị nhất.

D'Artagnan đã định kể hết cho Athos, nhưng có một điểm ngăn chàng lại. Athos là một nhà quý tộc rất nghiêm túc trong vấn đề danh dự, mà trong toàn bộ cái kế hoạch nhỏ mà gã si tình đã vạch ra đối với Milady, có một số điều chàng

tin chắc sẽ không được sự đồng cảm của con người thuần khiết đó. Chàng thấy giữ im lặng thì hơn và vì Athos là người ít tò mò nhất trên đời, tâm sự của D'Artagnan chỉ dừng lại ở đấy.

Về phần Aramis, nghe tin người muốn nói chuyện với mình từ thành Tours đến, chàng vội vàng đi theo, hay đúng hơn là vượt trước cả Bazin, vèo một cái đã từ phố Frêru về đến phố Vôgira.

Vừa bước vào nhà, quả nhiên chàng đã thấy ngay một người tầm vóc nhỏ, đôi mắt thông minh, nhưng ăn mặc rách rưới.

-Chính ông muốn hỏi gì tôi ư? – Chàng ngự lâm quân nói.

-Nghĩa là tôi muốn hỏi ông Aramis, có phải tên ông là như vậy không?

-Chính tôi đây. Ông có điều gì muốn nói lại với tôi ư?

-Vâng, nếu ông cho tôi xem chiếc khăn tay thêu.

-Khăn đây – Aramis vừa nói vừa rút từ ngực mình ra một chiếc chìa khóa và mở một cái hộp nhỏ bằng gỗ mun khảm xà cừ – Nó đây, ông cầm lấy.

-Tốt lắm – Người ăn mày nói – Bảo người hầu của ông ra ngoài đi.

Quả vậy, Bazin tò mò muốn biết người ăn mày muốn ở chủ điều gì đã bám sát chủ và hầu như cùng về đến nhà một lúc, nhưng sự nhanh nhảu này cũng chẳng giúp được gì cho gã. Theo yêu cầu của người ăn mày, chủ gã đã ra hiệu cho gã rút lui và gã buộc phải vâng lời.

Bazin đi rồi, người ăn mày đưa mắt nhìn quanh rất nhanh để chắc chắn không có ai nhìn thấy nghe thấy, rồi phanh chiếc áo khoác rách khép hờ bằng một đai lưng da, và tháo đường khâu phía trên chiếc áo chẽn lấy ra một bức thư. Aramis reo lên vui sướng khi nhìn thấy con dấu đóng bì thư, hôn lên nét chữ và với vẻ thành kính gần như tôn nghiêm, chàng mở thư ra đọc:

"Bạn ạ, số phận muốn chúng ta phải xa nhau một thời gian nữa, nhưng những ngày đẹp nhất của tuổi xuân không mất đi mà không trở lại đâu, chàng hãy làm tròn nghĩa vụ nơi chiến trường. Em sẽ làm nghĩa vụ của em. Chàng hãy cầm lấy những gì người mang thư trao cho chàng, chàng hãy tham gia chiến trận như một nhà quý tộc đẹp trai và cao quý, và hãy nghĩ tới em đang trìu mên hôn lên đôi mắt đen của chàng.

Vĩnh biệt (đúng hơn là tạm biệt).

-Người ăn mày vẫn tháo đường khâu. Hắn rút ra từ bộ áo bẩn thỉu của mình từng đồng, từng đồng một, một trăm năm mươi đồng vàng đôi Tây Ban Nha xếp thành dãy trên bàn rồi hắn mở cửa, chào và đi ra trước khi chàng trai trẻ đang bàng hoàng kịp nói được một lời với hắn.

Aramis liền đọc lại bức thư và nhận thấy còn có phần tái bút.

T.B. Chàng có thể tiếp đón người mang thư vốn là Bá tước và đại gia Tây Ban Nha.

-Mộng vàng đây! – Aramis reo lên – Ôi? Đời đẹp thế! Phải, chúng ta còn trẻ! Phải, chúng ta sẽ còn có những ngày hạnh phúc! Ôi! cho em, cho em tình yêu của ta, máu của ta, cuộc sống của ta. Tất tất. Người tình kiều diễm của ta.

Và chàng hôn bức thư say đắm, không cả nhìn vàng đang lấp lánh trên bàn.

Bazin gãi cánh cánh cửa. Aramis không còn lý do gì để bắt gã đứng ngoài. Chàng cho phép vào. Thấy đống vàng đó, Bazin cứ ngây ra quên cả việc báo D'Artagnan đến. Chàng này tò mò muốn biết gã ăn mày kia là thế nào nên đã ra khỏi nhà Athos đến nhà Aramis ngay.

D'Artagnan thường không cần giữ ý với Aramis nên thấy Bazin quên không báo, chàng liền xồng xộc đi vào.

-Ôi quỷ ơi! Anh Aramis thân mến – chàng nói – Nếu đây là những quả mận người ta gửi từ Tours đến cho anh, anh cho tôi gửi lời khen ngợi người làm vườn đã thu hái được.

-Cậu nhầm rồi – Aramis vốn luôn luôn kín đáo trả lời – Đó là ông chủ hiệu sách vừa mới gửi tiền nhuận bút bài thơ một vần tôi bắt đầu làm ở đó mà.

-À, ra thế! – D'Artagnan nói – Này, cái ông hiệu sách của anh quảng đại thật, anh Aramis thân mến ạ, đó, tôi chỉ có thể nói với anh được như thế thôi.

-Sao, thưa ông! – Bazin kêu lên – một bài thơ mà bán được đắt đến thế ư! Không thể tưởng được! Ồ, thưa ông! Ông muốn làm gì thì làm, ông có thể trở thành ngang tầm với ông De Voatuya hay ông De Băngxêrát. Tôi còn thích thế hơn. Một thi sĩ, cũng gần như ông tu viện trưởng. Ôi, thưa ông Aramis, ông cứ làm béng thi sĩ đi, tôi xin ông đấy.

-Bazin, bạn ta ơi – Aramis nói – ta tin anh đang xen vào chuyện của chúng ta đấy.

Bazin hiểu rằng mình sai, liền cúi đầu đi ra. D'Artagnan mỉm cười bảo Aramis: -Chà, anh bán những sản phẩm của anh theo cân trọng vàng. Anh sướng quá đấy, nhưng hãy cẩn trọng, anh sắp mất bức thư nó tòi ra khỏi chiếc áo choàng của anh và chắc hẳn cũng là bức thư của chủ hiệu sách.

Aramis đỏ bừng mặt lên và nhét sâu bức thư xuống và cài lại khuy áo chẽn của mình.

-D'Artagnan thân mến – chàng nói – nếu cậu muốn, chúng ta sẽ đi tìm các bạn của chúng ta, và vì tôi giàu rồi, từ hôm nay, chúng ta lại bắt đầu ăn trưa cùng nhau trong khi đợi các bạn cùng lần lượt giàu có như tôi.

D'Artagnan vô cùng khoái trá nói: -Nói thật nhé! Lâu lắm rồi chúng ta không được chén một bữa ra trò và vì tối nay tôi đang tính làm một cuộc chinh đoạt hơi có phần may rủi, tôi xin thú thực, tôi sẽ không bực mình nếu được bốc đầu lên bằng vài chai Buốcgônhơ lâu năm.

-Thì cứ việc Buốcgônhơ lâu năm, mình cũng không ghét nó nữa đâu – Aramis nói, số vàng sờ sờ kia đã như một bàn tay bốc mất những ý nghĩ giải ngũ

của chàng.

Và chàng đút ba bốn đồng tiền vàng đôi vào túi đủ đáp ứng những nhu cầu lúc này, còn lại bỏ vào chiếc hộp nhỏ bằng gỗ mun khảm xà cừ trong đó đã có sẵn chiếc khăn tay dùng làm bùa hộ mệnh cho chàng.

Đôi bạn trước tiên đến nhà Athos đã. Athos trung thành với lời nguyền không ra khỏi nhà, đảm nhiệm việc đặt ăn tại nhà mình. Vì Athos sành sỏi đến từng chi tiết các món ăn, nên Aramis và D'Artagnan thấy nhẹ tênh cả người khi trao việc quan trọng đó cho Athos.

Rồi hai người đến nhà Porthos. Khi đi đến góc phố Bến phà thì gặp Mousqueton với bộ mặt thiểu não đang xua một con la và một con ngựa đi trước hắn.

D'Artagnan thốt lên một tiếng kêu kinh ngạc không phải không xen lẫn niềm vui: -A! Chú ngựa lông vàng của ta! – Chàng reo lên – Aramis, anh hãy nhìn con ngựa xem.

-Ôi một con nghẽo kinh tởm! – Aramis nói.

-Bạn thân mến – D'Artagnan nói tiếp – đó là con ngựa tôi cưỡi đến Paris đấy.

-Sao, ông cũng quen con ngựa đó ư? – Mousqueton nói.

-Nó có màu lông độc đáo thật – Aramis nhận xét – chưa bao giờ tôi thấy thứ lông như thế đấy.

-Tôi cũng tin như thế mà – D'Artagnan tiếp – cho nên tôi bán nó với giá ba đồng êquy vàng, giá ấy chẳng qua làm giá bộ lông đấy thôi, chứ bộ xương hom của nó có mà mười tám quan cũng chẳng nổi. Nhưng làm sao con ngựa đó lại lọt vào tay anh hở Mousqueton?

-Ôi, – người hầu nói – thôi xin ông đừng nói với tôi về chuyện ấy nữa. Một vố chơi khăm của ông chồng bà Công tước đấy.

-Thế là thế nào, Mousqueton?

-Vâng, chúng tôi được tiếp đón rất tử tế bởi một bà danh giá, một nữ Công tước… Nhưng xin lỗi! Ông chủ tôi đã dặn phải kín đáo. Bà ấy ép chúng tôi phải nhận một kỷ niệm nhỏ, một tuấn mã Tây Ban Nha và một con la vùng Ăngđaludi trông thật sướng mắt. Ông chồng biết chuyện đã tịch thu hai con vật tuyệt đẹp mà người ta gửi cho chúng tôi đó ở ngay giữa đường và thay thế những con vật tởm lợm này!

-Anh đem trả lại à? – D'Artagnan nói.

-Đúng vậy! Ông thừa hiểu chúng tôi không thể chấp nhận loại ngựa nghẽo như thế thay cho những con mà người ta đã hứa với chúng tôi.

-Không, mẹ kiếp, cho dù ta cũng muốn trông thấy Porthos trên lưng con ngựa lông vàng của ta. Như thế sẽ làm cho ta có ý nghĩ trông ta như thế nào khi tới Paris. Nhưng chúng ta sẽ không ngăn anh đâu. Mousqueton ạ. Anh cứ làm theo việc chủ anh giao cho đi. Ông ấy có nhà không?

-Có thưa ông – Mousqueton nói – nhưng đang cáu bẳn lắm.

-Và anh ta tiếp tục đi về phía đường bờ sông phố Đại Thánh Augustin, trong khi hai người bạn đến rung chuông cửa nhà Porthos bất hạnh. Porthos đã nhìn thấy họ đi qua sân, nhưng chẳng buồn mở cửa. Hai người cứ rung chuông một cách vô ích.

Trong khi đó, Mousqueton tiếp tục lộ trình, qua cầu Mới, vẫn lùa hai con nghẽo còm đi trước, rồi đến phố Lũ gấu. Đến đó theo lệnh của chủ mình, anh ta buộc cả ngựa và la vào cái búa gõ cửa nhà ông biện lý. Thế rồi, chẳng thèm quan tâm đến số phận tương lai của chúng ra sao, anh ta trở về tìm Porthos báo với chàng, đã hoàn thành nhiệm vụ.

Một lúc sau, hai con vật khốn khổ từ sáng sớm chưa được ăn gì, chồm lên làm cái búa gõ cửa bổ xuống ầm ầm khiến ông biện lý phải ra lệnh cho chú loong toong đi hỏi láng giềng xem con ngựa và con la ấy là của nhà ai.

Bà Coquenard nhận ra món quà của mình, lúc đầu chẳng hiểu sao nó lại bị trả lại. Nhưng chỉ một lát sau khi Porthos đến thăm là bà vỡ lẽ tất cả. Cơn phẫn nộ long sòng sọc trong đôi mắt chàng ngự lâm quân, mặc dầu chàng cố kiềm chế vẫn làm cho bà tình nhân nhậy cảm hoảng sợ. Quả thật, Mousqueton, không hề giấu giếm chủ mình là anh ta đã gặp D'Artagnan và Aramis và D'Artagnan đã nhận ra con ngựa lông vàng chính là con nghẽo vùng Bearn mà chàng đã cưỡi đến Paris rồi bán nó với giá ba êquy.

Porthos ra về sau khi đã ấn định cuộc hẹn với bà biện lý ở nhà tu kín Saint-Magloa. Ông biện lý thấy Porthos đi, liền mời chàng ăn trưa, nhưng chàng đã từ chối rất chi kẻ cả.

Bà Coquenard đi đến nhà tu kín Saint-Magloa mà người cứ run lên, vì bà đã đoán ra những lời trách cứ đang chờ bà. Nhưng bà cứ mê đi trước cung cách cao ngạo của Porthos.

Tất cả những gì mà một người đàn ông khi lòng tự ái bị tổn thương có thể trút những lời nguyền rủa và trách móc lên đầu một người đàn bà, Porthos đem ra trút hết xuống cái đầu cúi gằm của bà biện lý.

-Than ôi! – Bà nói – Em đã làm sao cho tốt nhất. Một trong những khách hàng của em là lái ngựa. Hắn nợ tiền học nghề và tỏ ra chây ì. Em đã bắt nợ con la và con ngựa ấy. Hắn đã hứa với em là hai con ngựa loại hoàng gia.

-Thế thì, thưa bà! – Porthos nói – Nếu như nó nợ bà năm êquy thôi, thì thằng lái ngựa của bà vẫn là thằng ăn cắp.

-Có ai cấm tìm nơi mua rẻ đâu, ông Porthos – bà biện lý vừa nói vừa tìm cách bào chừa cho mình.

-Không, thưa bà, kẻ nào tìm chỗ mua rẻ phải cho phép người khác tìm những người bạn hào phóng hơn. – Và Porthos quay gót bước một bước định rút lui.

-Ông Porthos! Ông Porthos! – Bà biện lý kêu lên – Tôi sai, tôi nhận ra tôi sai rồi, nhẽ ra tôi không được cò kè khi động đến việc trang bị cho một kỵ sĩ như ông!

Porthos không thèm trả lời, bước thêm một bước nữa định rút lui.

Bà biện lý tưởng như đang thấy chàng trong một đám mây lấp lánh bâu đầy những nữ Công tước, nữ hầu tước đang ném những túi vàng xuống chân chàng.

-Đứng lại đã, trời ơi, ông Porthos! – Bà kêu lên – Dừng lại ta nói chuyện đã!

-Nói chuyện với bà chỉ đem đến bất hạnh cho tôi thôi – Porthos nói.

-Nhưng, ông hãy nói cho em nghe, ông yêu cầu gì nào?

Bà biện lý đu người vào cánh tay Porthos và trong nỗi đau mỗi lúc một tăng, bà kêu lên: -Ông Porthos, em có biết gì về những thứ đó đâu. Em có biết thế nào là ngựa, là yên cương đâu!

-Thế thì bà phải nói ra với tôi chứ, tôi mới biết phải thế nào, thưa bà, nhưng bà lại muốn dè sẻn, và do đó, cho vay cắt cổ.

-Em sai rồi, ông Porthos, em thề danh dự là sẽ sửa chữa mà.

-Sửa chữa thế nào?

-Nghe đây. Tối nay ông Coquenard đến nhà Công tước de Sôn. Công tước triệu ông ấy đến để thẩm vấn ít nhất cũng kéo dài hai tiếng đồng hồ. Ông hãy đến. Chỉ có mỗi đôi ta, chúng ta sẽ tính toán mọi khoản.

-Sẽ đến sớm! Nói thế mới là nói chứ, bạn thân mến ạ!

-Ông sẽ tha thứ cho em chứ?

-Để xem sao đã – Porthos nói một cách kẻ cả.

Và hai người chia tay nhau và cùng nói: “Tối nay nhé!.”

“Con tườu! – Porthos vừa đi vừa nghĩ, – cuối cùng hình như mình cũng đã đến gần hơn cái tủ của thầy kiện Coquenard.”

§35. Ban đêm mèo nào cũng xám

Buổi tối mà cả Porthos lẫn D'Artagnan cùng nóng lòng mong đợi cuối cùng đã tới.

Theo thường lệ, D'Artagnan có mặt ở nhà Milady lúc chín giờ. Chàng thấy nàng rất dễ thương. Chưa bao giờ nàng tiếp đón chàng niềm nở đến thế. Ngay cái nhìn đầu tiên, chàng Gascogne đã biết thư mình viết đã được chuyển tới và chắc đã có tác dụng.

Ketty vào mang theo mấy cốc kem trái cây. Nữ chủ nhân của cô tỏ vẻ tươi cười với cô và bằng nụ cười duyên dáng nhất.

Nhưng than ôi! Cô gái đáng thương lại quá buồn đến nỗi không cả nhận ra thiện ý của Milady.

D'Artagnan lần lượt nhìn cả hai người đàn bà và chàng buộc phải thú nhận với mình, tạo hóa đã nhầm khi tạo tác ra họ, người đàn bà quyền quý thì lại cho một tâm hồn tham lam ty tiện và cô hầu gái lại có tấm lòng của một nữ Công tước.

Đến mười giờ Milady bắt đầu tỏ ra lo lắng. D'Artagnan hiểu điều đó nghĩa là thế nào. Nàng nhìn đồng hồ, đứng lên, rồi lại ngồi xuống, mỉm cười với D'Artagnan có vẻ như muốn nói: "Ông hẳn là rất đáng yêu, nhưng ông sẽ dễ thương nếu ông về đi."

D'Artagnan đứng lên, cầm lấy mũ. Milady đưa tay cho chàng. Chàng trai trẻ cảm thấy nàng siết chặt tay mình và hiểu rằng đó không phải là việc tình tứ mà chỉ là biết ơn vì chàng đã đi khỏi.

-Nàng yêu hắn dữ dội thật – chàng lẩm bẩm. Rồi đi ra.

Lần này Ketty không hề đợi chàng, không trong phòng đợi, không ở hành lang, cũng không dưới chiếc cửa lớn. D'Artagnan phải tự tìm lấy cầu thang và căn phòng nhỏ.

Ketty đang ngồi, ôm mặt khóc.

Cô nghe thấy tiếng D'Artagnan vào, nhưng cô không thèm ngẩng đầu lên. Chàng trai trẻ đến bên cô, cầm lấy hai tay cô.

-Thế là cô òa lên nức nở.

Như D'Artagnan đã suy đoán, Milady nhận được thư, trong cơn vui sướng đã kể hết với thị nữ của mình, rồi lại còn thưởng cho cô lần này đã làm tốt nhiệm vụ một túi tiền.

Ketty lúc trở về tới phòng mình đã ném túi tiền vào góc nhà và túi tiền đã xổ ra vung vãi ba bốn đồng vàng trên thảm lót sàn. Cô gái tội nghiệp được D'Artagnan vuốt ve âu yếm, đã ngẩng đầu lên. Chính D'Artagnan cũng phải kinh

hãi trước sự hoảng loạn trên khuôn mặt cô. Cô chắp hai tay giơ lên vẻ van xin nhưng không dám nói ra lời nào.

Cho dù trái tim của D'Artagnan có sắt đá đến đâu, chàng cũng cảm thấy bị mềm lòng vì nỗi đau câm lặng ấy. Nhưng chàng lại quá kiên định với những dự tính của mình và nhất là với gã Bá tước nọ. để không có gì thay đổi trong chương trình chàng đã tính toán trước. Vì vậy chàng không để cho Ketty một chút hy vọng nào làm chàng xao xuyến. Chàng chỉ trình bày với cô hành động của chàng chỉ đơn thuần là một sự trả thù.

Sự trả thù này hơn nữa lại càng dễ vì Milady chắc chắn để che giấu sự xấu hổ với người tình, đã dặn Ketty tắt hết cả mọi ánh sáng trong nhà và cả chính phòng mình nữa. Trước khi trời sáng, ông De Wardes phải ra về, vẫn trong bóng tối.

Một lát sau có tiếng của Milady trở về phòng mình. D'Artagnan lập tức lao ngay vào tủ. Chàng nấp vào xong thì chiếc chuông nhỏ rung lên.

Ketty vào phòng bà chủ, không để cửa mở, nhưng vách ngăn quá mỏng, người ta có thể nghe được hầu như tất cả những gì hai người đàn bà nói với nhau.

Milady hình như phát cuồng vì vui sướng, bắt Ketty nhắc lại từng chi tiết nhỏ của cuộc cứ cho là gặp gỡ đi giữa cô hầu gái với ông De Wardes, ông ta đã nhận thư thế nào, trả lời ra sao, vẻ mặt ông ta thế nào, hiện ông có vẻ si tình không. Cô Ketty khốn khổ buộc phải trả lời tất cả những câu hỏi ấy một cách làm như thoải mái và bằng một giọng cố kìm nén để cho bà chủ không nhận ra sắc điệu đau đớn, vì hạnh phúc thường là ích kỷ.

Cuối cùng, vì giờ đàm đạo với Bá tước sắp đến, Milady quả nhiên cho tắt hết đèn trong phòng mình và ra lệnh cho Ketty trở về phòng cô và khi nào ông De Wardes có mặt thì dẫn ngay vào.

Ketty chẳng phải đợi lâu. D'Artagnan nhìn qua lỗ khóa vừa thấy trong nhà tối om là nhào ngay ra khỏi chỗ trú, đúng lúc Ketty đang đóng lại cửa thông.

-Cái gì ầm ầm thế? Milady hỏi.

-Tôi đây – D'Artagnan khe khẽ nói – Tôi, Bá tước De Wardes đây!

-Ôi! Lạy Chúa! Lạy Chúa? – Ketty lẩm bẩm – Chàng không đợi được ngay cả giờ chính chàng đã ấn định nữa?

-Thôi nào! – Milady nói giọng run rẩy – Tại sao không vào đi? Bá tước, ông thừa biết em đang đợi ông!

Nghe tiếng mời chào ấy, D'Artagnan khẽ đẩy Ketty ra và lao vào trong buồng.

Nếu như cơn điên dại và nỗi đau buồn cứ phải hành hạ một tâm hồn thì đó là tâm hồn của một người tình đang phải núp dưới cái tên của tình địch may mắn, để nhận những lời cam kết yêu đương tỏ bầy với hắn.

D'Artagnan đang ở trong tình cảnh đau đớn mà chàng không ngờ trước, lòng ghen tuông cắn xé trái tim chàng và chàng đau khổ gần như ngang với cô Ketty

đáng thương lúc này đang khóc trong gian phòng bên cạnh.

-Vâng, Bá tước ạ – Milady vừa nói bằng một giọng dịu dàng nhất vừa trìu mến siết chặt tay chàng trong hai bàn tay mình – Vâng, em sung sướng vì tình yêu được biểu lộ trong khóc mắt và trong lời nói của chàng mỗi lần chúng ta được gặp nhau. Em cũng vậy. Em yêu chàng. Ôi! Ngày mai, ngày mai, em muốn có một tín vật của chàng chứng tỏ chàng luôn nghĩ đến em, và vì chàng có thể quên em, chàng cầm lấy cái này.

Và nàng tháo chiếc nhẫn ở ngón tay nàng đeo vào ngón tay D'Artagnan.

D'Artagnan vẫn nhớ đã từng trông thấy chiếc nhẫn ấy ở tay Milady. Đó là một chiếc nhẫn mặt saphia lộng lẫy xung quanh nạm kim cương.

Động tác đầu tiên của D'Artagnan là trả lại nàng, nhưng Milady nói tiếp: -Không, không, hãy giữ lấy chiếc nhẫn đó vì tình yêu với em. – Rồi nàng nói tiếp bằng một giọng xúc động – Hơn nữa, nhận nó là chàng đã giúp em một việc vô cùng lớn lao mà chàng không thể tưởng tượng nổi đâu.

"Con mụ này đầy những bí hiểm?" – D'Artagnan tự nhủ thầm. Ngay lúc đó, chàng tự cảm thấy sẵn sàng nói toẹt ra tất cả. Chàng mở miệng định nói chàng là ai và với mục đích trả thù cho ai mà chàng đến đây thì nàng lại nói tiếp: -Thiên thần tội nghiệp của em, suýt nữa thì con quỷ Gascogne ấy đã giết chàng.

Con quỷ ấy là chính chàng.

-Ôi! Milady lại tiếp – Những vết thương ấy vẫn còn làm chàng đau đớn ư?

D'Artagnan không biết trả lời sao, nói bừa: -Ừ đau lắm.

-Chàng yên tâm! – Milady thầm thì – Em sẽ trả thù cho chàng và sẽ thật tàn bạo.

"Đồ ôn dịch! – D'Artagnan tự nhủ – Chưa đến lúc tâm sự đâu!"

Phải mất một lúc, D'Artagnan mới bình tĩnh trở lại sau cuộc đối thoại nho nhỏ ấy. Nhưng mọi ý nghĩ trả thù chàng mang theo đã hoàn toàn tiêu tan. Người đàn bà đó đã tác động lên chàng một sức mạnh không tưởng tượng nổi, chàng vừa căm ghét vừa ngưỡng mộ nàng. Chàng chưa bao giờ tưởng tượng nổi hai tình cảm đối địch nhau đến thế lại có thể cùng tồn tại trong cùng một trái tim, và trong khi liên kết lại đã tạo thành một tình yêu kỳ lạ mang một vẻ gì đó rất ma quái.

-Tuy nhiên đồng hồ đã điểm một giờ. Phải xa nhau thôi.

D'Artagnan lúc chia tay Milady chỉ còn cảm thấy rất luyến tiếc phải xa nàng và trong lúc đằm thắm giã biệt họ lại ngỏ ý gặp nhau vào tuần tới. Cô gái Ketty khốn khổ hy vọng có thể nói với chàng đôi lời khi chàng đi qua buồng mình nhưng Milady lại tự mình tiễn chàng trong bóng tối và đến tận cầu thang mới chịu rời xa.

Sáng hôm sau, D'Artagnan chạy đến nhà Athos, chàng đã lao mình và một cuộc phiêu lưu rất chi là đặc biệt nên muốn xin Athos những lời khuyên. Chàng

kể lại tất cả. Athos nhiều lần cau mày và bảo chàng: -Cái ả Milady của cậu tôi thấy hình như là một loại người đê mạt. Nhưng cậu sẽ không kém sai lầm khi đánh lừa ả đâu. Đằng nào thì bây giờ cậu cũng có một mụ kẻ thù khủng khiếp rồi.

Và vừa nói với chàng, Athos vừa chăm chú nhìn cái mặt saphia viên kim cương đang đeo ở ngón tay D'Artagnan ở vị trí chiếc nhẫn của Hoàng hậu ban đã được cất cẩn thận vào hộp đồ kim hoàn.

-Anh nhìn cái nhẫn à? – Gã Gascogne nói với vẻ hoàn toàn hãnh diện về món quà đắt tiền đến thế đang phô ra trước mắt bạn mình.

-Ừ, nó gợi cho mình nhở đến một đồ nữ trang của gia đình.

-Nó đẹp đấy chứ, phải không? – D'Artagnan nói.

-Tuyệt đẹp? – Athos trả lời – Tôi không tin lại có hai viên saphia có sắc đẹp đến thế. Cậu đã đổi chiếc nhẫn kim cương của cậu lấy nó à?

-Không – D'Artagnan nói – đây là món quà tặng của người đẹp Anh quốc, hay đúng hơn là người đẹp Pháp của tôi. Bởi vì cho dù tôi không hề hỏi nàng về chuyện nàng, tôi vẫn tin chắc nàng sinh ra ở Pháp.

-Chiếc nhẫn này là do Milady tặng cậu ư? – Athos kêu lên bằng một giọng rõ ràng là hết sức xúc động.

-Vâng, chính nàng, nàng đã tặng tôi đêm vừa rồi.

-Cho tôi xem chiếc nhẫn nào – Athos nói.

-Nhẫn đây – D'Artagnan vừa trả lời vừa tháo khỏi tay.

Athos ngắm nghía chiếc nhẫn và tái hẳn người đi, rồi chàng thử vào ngón đeo nhẫn bàn tay trái. Chiếc nhẫn vừa khít như thể đã được làm cho chàng vậy. Một lớp mây giận dữ và hận thù lướt trên vầng trán bình thường rất trầm tĩnh của nhà quý tộc.

-Không thể lại là chính cô ta – Chàng nói – Làm sao chiếc nhẫn này lại ở trong tay của Milady Clericss được? Song thật khó có thể có sự giống nhau đến thế giữa hai chiếc nhẫn.

-Anh biết chiếc nhẫn này à? – D'Artagnan hỏi.

-Tôi cứ tưởng là nhận ra! – Athos nói – nhưng chắc tôi nhầm.

-Và chàng đưa trả D'Artagnan, song vẫn không ngừng nhìn nó. Lát sau chàng nói: -D'Artagnan này, cậu cất chiếc nhẫn đi hoặc quay mặt saphia vào trong, nó gợi cho tôi quá nhiều kỷ niệm tàn nhẫn khiến đầu óc tôi không còn bình thường nữa để chuyện trò với cậu. Không phải cậu đến để hỏi tôi khuyên cậu, không phải cậu không hề nói với tôi rằng cậu đang bối rối vì không biết làm thế nào cho phải sao?… Nhưng khoan đã… hãy đưa cho tôi xem lại cái nhẫn saphia. Cái nhẫn mà tôi muốn nói ấy chắc phải có một mặt bị rạch do bị tai nạn.

D'Artagnan lại tháo nhẫn đưa cho Athos.

Athos giật bắn người và bảo D'Artagnan: -Này xem xem, có lạ không!

Và chàng chỉ cho D'Artagnan cái vết xước mà chàng nhớ ắt phải có.

-Nhưng chiếc nhẫn saphia này là của ai cho anh, Athos?

-Của mẹ tôi, và do bà ngoại tôi cho mẹ tôi. Như tôi đã nói với cậu đấy, đó là bảo vật lâu đời của gia đình… không được để lọt ra ngoài.

-Và anh đã… bán nó… – D'Artagnan ngập ngừng hỏi.

-Không! Athos đáp với một nụ cười kỳ lạ – Tôi đã đem tặng nó trong một đêm ân ái, giống như nó được tặng cho cậu ấy!

D'Artagnan đến lượt mình cũng trở nên đăm chiêu. Chàng hình như thấy trong tâm hồn Milady những vực sâu thẳm, tối tăm, bí hiểm. Chàng không đeo nhẫn nữa mà đút vào túi.

-Cậu phải biết – Athos vừa nói vừa nắm lấy tay D'Artagnan – D'Artagnan ạ, cậu chắc đã biết tôi yêu cậu biết mấy. Nếu tôi có được một đứa con trai, tôi cũng sẽ không yêu nó hơn cậu đâu. Nghe đây, hãy tin tôi, hãy từ bỏ người đàn bà đó đi. Tôi không quen biết cô ta, nhưng một thứ trực giác bảo tôi rằng đó là một con người bỏ đi, và có một cái gì đó như tai ương trong mụ.

-Và anh nói đúng – D'Artagnan nói – Cho nên tôi phải rời bỏ thôi. Tôi xin thú thực với anh, mụ đàn bà này làm bản thân tôi cũng thấy sợ đấy.

-Cậu có đủ can đảm không? – Athos hỏi.

-Tôi sẽ có – D'Artagnan trả lời – và ngay lúc này.

-Đúng lắm, chú em ạ, cậu làm thế là đúng – Nhà quý tộc siết chặt tay chàng Gascogne với một tình cảm gần như cha con – Cầu Chúa cho người đàn bà ấy mới chợt bước vào đời cậu và không để lại một dấu vết khủng khiếp nào!

Và Athos gật đầu chào D'Artagnan ngụ ý không muốn bị làm phiền và được còn lại một mình để suy nghĩ.

Trong khi trở về nhà. D'Artagnan thấy Ketty đang ngồi đợi chàng. Một tháng sốt liên miên cũng không làm cô bé tội nghiệp qua một đêm mất ngủ và đau đớn thay đổi hơn thế.

Nàng đã bị bà chủ sai đến nhà De Wardes giả. Bà chủ này đang điên dại vì tình yêu, phát cuồng vì vui sướng. Nàng muốn biết bao giờ người tình của mình sẽ cho mình một đêm thứ hai ân ái.

Và cô gái Ketty khốn khổ, xanh xao và run rẩy đợi câu trả lời cả D'Artagnan.

Athos đã có một ảnh hưởng lớn đến chàng trai trẻ. Những lời khuyên của người bạn mình kết nối với những tiếng kêu của con tim chính mình đã khiến chàng, giờ đây lòng kiêu căng đã được cứu vớt, và sự trả thù đã được thỏa mãn, quyết định không gặp lại Milady nữa. Thay cho mọi trả lời, chàng cầm bút và viết bức thư sau.

"Thưa bà, xin đừng trông chờ ở tôi một cuộc hẹn hò sắp tới.

Từ khi bình phục, tôi bận bịu quá nhiều về những việc kiểu như thế khiến tôi phải sắp xếp cuộc nào trước, cuộc nào sau. Khi nào tới lượt bà, tôi sẽ hân hạnh báo để bà biết.

Hôn tay bà

Bá tước De Wardes

-Không một lời động đến chiếc nhẫn saphia. Chàng Gascogne muốn giữ lại một vũ khí chống Milady chăng? Hay là, hãy thẳng thắn một chút, chẳng phải chàng muốn giữ chiếc nhẫn saphia làm cái vốn cuối cùng cho việc trang bị hay sao?

Vả chăng người ta có lẽ thường nhầm lẫn khi phán xử những hành động của thời đại này theo quan điểm của một thời đại khác. Điều mà ngày nay sẽ bị coi như là một điều hổ nhục đối với một người đàn ông hào hoa thì vào thời ấy lại là một điều hoàn toàn bình thường, hoàn toàn tự nhiên và những chàng con út của những gia đình danh giá nói chung vẫn thường để cho các cô nhân tình của họ chu cấp.

D'Artagnan chuyển lá thư để ngỏ cho Ketty. Lúc đầu cô đọc mà chẳng hiểu gì, nhưng khi đọc lại, cô suýt phát điên vì vui sướng.

Ketty không thể tin nổi niềm hạnh phúc đó. D'Artagnan buộc phải nói to ra bằng lời cho cô nghe những đảm bảo đã được viết trong thư. Và, mặc cho tính tình dễ nổi nóng đến đâu của Milady, mặc cho mối nguy hiểm có thể đổ lên đầu cô gái tội nghiệp khi trao bức thư đó cho bà chủ của mình, Ketty vẫn ba chân bốn cẳng phóng thẳng về quảng trường Hoàng gia.

Trái tim của người đàn bà nhân hậu nhất vẫn cứ là nhẫn tâm trước những đau khổ của tình địch của mình.

Milady cuống quýt mở thư ngang với Ketty cuống quít mang thư về. Nhưng vừa đọc được câu đầu, mặt nàng đã xám ngắt và vò nát ngay tờ giấy. Rồi quay phắt lại Ketty mắt nẩy lửa.

-Bức thư này là thế nào?

-Nhưng đó là thư trả lời thư của bà chủ – Ketty trả lời mà người cứ run bắn lên.

-Không thể thế được! – Milady hét lên – Không thể có chuyện một nhà quý tộc lại viết một bức thư như thế!

Rồi bất ngờ giật bắn người lên và nói: -Trời ơi! Chả lẽ ông ta lại biết…

Và nàng dừng ngay lại.

Răng nghiến ken két, người nàng xám lại như tro. Nàng muốn bước lại gần cửa sổ, nhưng không thể vươn nổi cánh tay ra, hai chân rời rã, và ngã, xuống chiếc ghế bành.

Ketty tưởng nàng khó ở liền nhào tới để tháo nịt ngực ra.

Nhưng Milady đứng phắt dậy hỏi: -Mày muốn làm gì ta vậy? Và tại sao dám để tay lên người ta?

-Em nghĩ bà chủ khó ở nên em muốn đến giúp – Cô gái hầu trả lời, hoảng sợ trước vẻ mặt khủng khiếp của bà chủ lúc đó.

-Ta khó ở ư? Ta mà lại thế ư? Mày nghĩ ta là hạng đàn bà ủy mị ư? Khi người ta lăng mạ ta, ta không khó ở đâu, mà ta trả thù, hiểu không?

-Và nàng giơ tay ra hiệu cho Ketty lui ra.

§36. Mộng báo thù

Tối đến, Milady ra lệnh nếu D'Artagnan theo thói quen có đến, phải dẫn ngay chàng vào. Nhưng chàng không đến.

Hôm sau, Ketty lại đến thăm chàng và kể lại tất cả những gì đã diễn ra đêm trước. D'Artagnan mỉm cười. Cơn giận dữ ghen tuông của Milady chính là sự trả thù của chàng.

Tối đó, Milady còn nóng lòng mong đợi hơn cả đêm trước.

Nàng lại ra lệnh thêm lần nữa về chàng Gascogne. Nhưng cũng giống như đêm trước, nàng chờ đợi vô ích.

Hôm sau, Ketty lại có mặt ở nhà D'Artagnan, không còn vui vẻ và hoạt bát như hai hôm trước nữa mà trái lại buồn chết được.

D'Artagnan hỏi cô gái đáng thương xem có chuyện gì, nhưng cô gái thay cho việc trả lời, rút từ trong túi ra một bức thư trao cho chàng.

Bức thư mang nét chữ của Milady, chỉ lần này mới gửi tới địa chỉ của D'Artagnan chứ không tới địa chỉ của ông De Wardes nữa.

Chàng mở thư ra đọc:

"Ông D'Artagnan thân mến! Chểnh mảng với bạn bè như thế là không tốt đâu, nhất là lại vào lúc mà người ta sắp phải xa nhau rất lâu. Em chồng tôi và tôi đã chờ ông hôm qua và cả hôm kia nữa vô ích.

Liệu tối nay có vẫn thế không đây?

Người rất chịu ơn ông

Phu nhân Clerics

-Cũng dễ hiểu thôi – D'Artagnan nói – Ta đoán trước thế nào cũng có bức thư này mà. Uy tín ta càng tăng thì của Bá tước De Wardes càng giảm.

-Anh sẽ đi chứ? – Ketty hỏi.

-Nghe đây, em bé yêu quý của anh – Chàng Gascogne tìm cách bào chữa cho mình trong con mắt của chính mình vì đã thất hứa với Athos, nói với Ketty – Em cũng hiểu sẽ là vô lối nếu khước từ một lời mời tha thiết đến thế. Milady thấy anh không đến, sẽ không hiểu sao anh lại dứt hẳn không đến thăm rồi có thể nghi ngờ có chuyện gì đó, và ai có thể biết được sự trả thù của mụ đàn bà đầy sát khí đó sẽ đi đốn đâu?

-Ôi, chúa ơi! – Ketty nói – Anh luôn biết cách trình bày mọi việc sao cho bao giờ anh cũng đúng. Nhưng anh vẫn còn muốn ve vãn bà ta. Và nếu lần này anh làm cho bà ta hài lòng dưới cái tên thực của anh, bộ mặt thật của anh, thì còn tệ hại hơn nhiều so với lần trước?

Linh tính khiến cô gái tội nghiệp đoán được phần nào việc gì sắp đến.

D'Artagnan càng cố làm cô yên tâm và hứa với cô sẽ trở ra trước những cám dỗ của Milady.

Chàng nhờ Ketty trả lời hộ chàng không thể làm gì để biết ơn hơn lòng tốt của bà chủ và sẽ tuân theo lệnh của bà. Nhưng chàng không dám viết ra sợ rằng dưới đôi mắt sành sỏi của Milady, không thể giả mạo nổi nét chữ của chàng.

Đúng chín giờ, D'Artagnan đã ở quảng trường Hoàng gia.

Rõ ràng là mấy tên đầy tớ đang đợi ở tiền sảnh đã được cho biết trước, bởi vì D'Artagnan vừa hiện ra, trước cả khi chàng kịp hỏi có được vào thăm Milady không, thì một tên đã chạy vào bẩm báo.

-Mời ông ấy vào – Milady nói vắn gọn nhưng the thé khiến D'Artagnan đứng ngoài tiền sảnh cũng nghe thấy.

Người ta dẫn chàng vào.

-Ta không tiếp ai nữa! – Milady nói – không ai nữa, hiểu chưa.

Người hầu đi ra.

D'Artagnan đưa mắt tò mò nhìn Milady. Nàng xanh xao và đôi mắt mệt mỏi, có thể vì khóc, hoặc vì mất ngủ. Người ta đã chủ ý giảm bớt ánh sáng thường lệ, tuy nhiên thiếu phụ vẫn không thể giấu nổi những dấu vết của cơn sốt đã giày vò nàng suốt hai ngày trời.

D'Artagnan sán lại gần nàng với phong cách tình tứ vốn có của chàng. Nàng phải cố gắng đến tột độ để đón nhận, nhưng không bao giờ một bộ mặt điên đảo nhất lại không trái nghịch với nụ cười dễ thương nhất.

Về những câu hỏi của D'Artagnan đến sức khỏe, nàng đáp: -Tồi, tồi lắm.

-Ồ thế thì – D'Artagnan nói – tôi thật vô ý, bà cần phải nghỉ ngơi, tôi phải cáo lui thôi.

-Không đâu – Milady nói – Trái lại, ông phải ở lại chứ ông D'Artagnan, chuyện trò thân mật với ông sẽ làm tôi khuây khỏa mà.

"Ôi, ôi! – D'Artagnan nghĩ – chưa bao giờ nàng lại yêu kiều đến thế! Phải coi chừng thôi."

Milady cố hết sức mình để tạo dáng vẻ dễ thương và cố làm cho cuộc chuyện trò được giòn giã. Đồng thời cơn sốt tình đã buông tha nàng được giây lát lại quay trở lại làm mắt nàng long lanh, má nàng hồng lên và môi nàng thắm lại. D'Artagnan như thấy lạ; mụ Circé[97] đã từng vây bọc chàng bằng những bùa mê phép lú. Tình yêu, chàng tưởng đã tắt thật ra chỉ vơi dịu đi, nay lại bừng dậy trong tim chàng. Milady mỉm cười và D'Artagnan cảm thấy mình sẽ tự đầy đọa vì nụ cười ấy.

Dần dần Milady càng trở nên tâm tình hơn. Nàng hỏi D'Artagnan đã có tình nhân chưa.

-Than ôi? – D'Artagnan nói với vẻ tình cảm nhất mà chàng có thể tạo được – Bà có thể tàn nhẫn đến thế để hỏi tôi một câu như vậy ư? Tôi, từ khi gặp bà chỉ

còn biết khao khát bà và sống vì bà thôi.

Milady cười một nụ cười rất lạ.

-Vậy là ông yêu tôi? – Nàng nói.

-Có cần tôi phải nói ra với bà không, chả nhẽ bà không hề nhận ra ư?

-Có chứ, nhưng ông biết đấy, những trái tim càng kiêu hãnh bao nhiêu, càng khó chiếm đoạt bấy nhiêu.

-Ồ, khó khăn không làm tôi sợ hãi đâu – D'Artagnan nói – chỉ có những cái bất khả mới làm tôi hoảng sợ.

-Chẳng có gì là bất khả – Milady nói – đối với một tình yêu đích thực.

-Không có gì ư, thưa bà?

-Không gì hết – Milady lặp lại.

"Quỷ ơi! – D'Artagnan tiếp tục nghĩ về phần mình – Giọng điệu đổi rồi đây. Chả lẽ mụ đồng bóng này ngẫu nhiên lại phải lòng ta, và liệu mụ có sẵn sàng tặng cho chính ta một chiếc nhẫn saphia khác giống như chiếc mụ đã tặng cho ta mà tưởng nhầm ta là De Wardes không?"

D'Artagnan xích ngay ghế lại gần ghế của Milady.

-Xem nào – Nàng nói – Ông sẽ làm gì để chứng tỏ mối tình ông nói nào?

-Tất cả những gì người ta đòi hỏi ở tôi. Nào, cứ ra lệnh đi, tôi đã sẵn sàng.

-Làm tất cả?

-Tất cả!- D'Artagnan hét lên. Chàng thừa biết chẳng có việc gì lớn lao phải mạo hiểm nên cứ hứa tràn như thế.

-Được rồi? Ta hãy chuyện trò với nhau một chút đã – Milady vừa nói, vừa kéo chiếc ghế bành của mình lại gần ghế tựa của D'Artagnan.

-Thưa bà, tôi nghe bà đây – chàng nói.

Milady đăm chiêu một lát có vẻ ngần ngại, rồi có vẻ đã quyết định, nàng nói: -Tôi có một kẻ thù.

-Bà ư, thưa bà! – D'Artagnan kêu lên, vờ làm ra ngạc nhiên – Chúa ơi có thể thế được sao? Đẹp và tốt đến như bà?

-Một kẻ tử thù.

-Thật sao?

-Một kẻ thù đã lăng mạ tôi rất tàn nhẫn đến mức giữa tôi và hắn là một cuộc chiến sinh tử. Liệu tôi có thể trông chờ ở ông như một cánh tay đắc lực không?

D'Artagnan hiểu ngay con người mang đầy thù hận đó muốn đi đến đâu.

-Bà có thể lắm chứ, thưa bà – chàng khoa trương nói – cánh tay tôi và mạng sống của tôi thuộc về bà cũng như tình yêu của tôi.

-Thế thì – Milady nói – Một khi ông đã hào hiệp cũng như si tình đến thế…

Nàng dừng lại.

-Thì sao? – D'Artagnan hỏi.

-Thì – Milady nói tiếp sau một phút im lặng – Từ nay thôi đừng nói đến những cái bất khả nữa.

-Xin đừng làm tôi chìm nghỉm trong hạnh phúc – D'Artagnan vừa kêu lên vừa quỳ sụp xuống hôn tới tấp lên đôi bàn tay thả ra cho chàng.

"Hãy trả thù tên De Wardes đê tiện kia cho ta – Nàng nghiến răng lại tự nhủ – Và ta thừa biết cách rũ bỏ ngươi tiếp đó, tên hai lần ngốc, lưỡi gươm sống ạ?"

Về phần mình, D'Artagnan cũng nghĩ thầm: "Hãy tự nguyện ngã vào vòng tay ta sau khi đã giễu cợt ta một cách vô liêm sỉ, hỡi mụ đàn bà đạo đức giả và nguy hiểm kia, rồi sau đó ta sẽ cười vào mũi mụ cùng với kẻ mà mụ muốn giết hắn bằng bàn tay ta."

Nghĩ rồi, D'Artagnan ngẩng đầu lên nói: -Tôi đã sẵn sàng.

-Vậy chắc ông đã hiểu tôi, ông D'Artagnan thân mến?

-Nhìn mắt bà tôi đoán ra tất cả.

-Như vậy có nghĩa ông sẽ dùng tay gươm nổi tiếng của ông giúp tôi chứ?

-Ngay lúc này cũng được.

-Nhưng tôi – Milady nói – biết lấy gì để trả công ông một việc như thế? Tôi biết những kẻ si tình. Đó là những người sẽ không làm gì nếu không được gì.

-Và thừa biết câu trả lời duy nhất của tôi mà tôi khao khát, duy nhất xứng đáng với bà và với tôi.

Và chàng nhẹ nhàng kéo nàng vào sát người mình.

Nàng cưỡng lại một cách chiếu lệ.

-Lợi dụng, đấy! – Nàng vừa nói vừa tủm tỉm cười.

-Thế ư! – D'Artagnan kêu lên, cảm thấy thực sự bị lôi cuốn bởi nỗi ham muốn mà người đàn bà được trời phú cho cái tài nhen nhóm lên trong trái tim chàng – Ôi, chính vì hạnh phúc đối với tôi thật khó tin, và vì luôn luôn sợ thấy nó bay mất như một giấc mơ, nên tôi phải vội biến nó thành hiện thực.

-Ồ, vậy thì ông đáng được hưởng cái gọi là hạnh phúc ấy đấy!

-Tôi đang đợi lệnh của bà đây – D'Artagnan nói.

-Chắc chắn chứ? – Milady vẫn còn chút nghi ngờ hỏi lại.

-Bà hãy chỉ mặt vạch tên kẻ vô lại đã làm đôi mắt đẹp của bà phải khóc đi.

-Ai bảo ông là tôi khóc nào? – Nàng nói.

-Tôi thấy hình như vậy.

-Những phụ nữ như tôi không khóc đâu – Milady nói.

-Càng tốt! Vậy bà nói cho tôi biết tên hắn là gì đi?

-Cứ cho tên hắn là cả bí mật của tôi đi!

-Tuy nhiên, tôi cần phải biết tên hắn.

-Phải, cần phải thế, ông thấy tôi tin ông đến thế nào chưa?

-Bà làm tôi tràn trề vui sướng. Tên hắn là gì.

-Ông biết rồi đấy.

-Thật không?

-Thật.

-Không phải một trong số bạn tôi đấy chứ? – D'Artagnan chơi trò hú tim để nàng tin mình chẳng hay biết gì cả.

-Nếu đó là một trong số bạn ông, ông sẽ ngần ngại ư? – Milady kêu lên. Và mắt nàng ánh lên đe dọa.

-Không, ngay cả là anh tôi! – D'Artagnan làm như đang bồng bột hét lên.

Chàng Gascogne cứ dấn tới mà không lo chi vì chàng đã biết mình đang đi đến đâu.

-Tôi yêu lòng nhiệt thành của ông – Milady nói.

-Than ôi! Bà chỉ yêu cái đó trong tôi thôi ư? – D'Artagnan hỏi.

-Tôi yêu cả ông nữa, yêu ông được chưa – Nàng vừa nói vừa cầm lấy tay D'Artagnan.

Cái siết tay nồng nhiệt ấy làm D'Artagnan rùng mình, như thể khi tiếp xúc, cơn sốt đang thiêu đất Milady cháy lan sang cả chàng.

-Bà yêu tôi, bà ư? – Chàng kêu lên – Ôi, nếu quả như thế, tôi sẽ phát điên thôi.

Và chàng vòng tay ôm lấy nàng. Nàng không hề cố ý gỡ môi ra khi chàng hôn, có điều không hôn lại.

Đôi môi nàng lạnh giá. D'Artagnan thấy như mình vừa hôn một pho tượng.

Tuy vậy, chàng không kém phần nồng say vui sướng và đê mê vì tình. Chàng hầu như tin Milady trìu mến thật, hầu như tin De Wardes có tội thật. Nếu như De Wardes lúc này ở trong tay chàng, chàng sẽ giết thật.

Milady nắm lấy cơ hội. Nàng nói ra luôn: -Hắn tên là…

-De Wardes, tôi biết rồi – D'Artagnan nói to lên.

-Và tại sao chàng biết hắn? – Milady vừa hỏi vừa nắm lấy hai bàn tay chàng và cố nhìn vào mắt để hiểu thấu tận đáy lòng chàng.

D'Artagnan cảm thấy chàng đã để bị lôi cuốn và đã phạm một lỗi lầm.

-Nói, nói đi, nói đi nào! – Milady lắp đi, lắp lại – Làm sao chàng biết là hắn?

-Làm sao tôi biết ư? – D'Artagnan nói.

-Phải.

-Tôi biết, bởi vì hôm qua, trong một phòng khách, De Wardes đã cho tôi xem chiếc nhẫn mà hắn nói có được từ bà.

-Quân khốn nạn? – Milady hét lên.

Cái tiếng rủa ấy vang dội đến tận đáy lòng D'Artagnan.

-Thế nào? – Nàng tiếp tục.

-Thì thế đấy! – Tôi sẽ trả thù tên khốn nạn ấy cho bà -

D'Artagnan nói với điệu bộ như chàng ĐônJaphét của Ácmênia.[98]

-Cám ơn ông bạn tử tế của tôi! – Milady nói – Và khi nào tôi sẽ được trả thù?

-Mai, hoặc ngay lập tức, khi nào bà muốn.

Milady định thét lên "ngay lập tức", nhưng nàng nghĩ một sự hấp tấp như thế sẽ không mấy nhã nhặn đối với D'Artagnan. Hơn nữa, nàng còn phải đề phòng trăm nghìn thứ, còn phải căn dặn người bảo vệ cho mình hàng nghìn điều để tránh khỏi phải giải thích với Bá tước trước những người làm chứng, tất cả những trò đó đã được D'Artagnan đoán trước và nói gọn trong một câu: -Ngày mai, bà sẽ được trả thù hoặc tôi sẽ chết.

-Không! – Nàng nói – Ông sẽ trả thù cho em nhưng ông không chết đâu. Đó là một thằng hèn thôi mà.

-Có thể với đàn bà thôi chứ không với đàn ông đâu. Tôi biết qua qua thế mà.

-Nhưng tôi thấy hình như trong cuộc đấu này với hắn, ông chẳng có gì đáng ngại về sự may rủi cả.

-May rủi là một gái giang hồ, hôm qua vuốt ve chiều chuộng, ngày mai đã có thể quay lưng lại với tôi.

-Có nghĩa bây giờ ông ngần ngại?

-Không, tôi không ngần ngại. Chúa phù hộ cho tôi? Nhưng liệu có công bằng không khi để mặc tôi có thể đi đến cái chết mà lại không cho tôi ít nhất một chút gì đó hơn là hy vọng suông?

Milady trả lời bằng một ánh mắt như muốn nói: Không phải chuyện đó chứ? Nói thẳng ra xem nào. Rồi tiếp theo ánh mắt là những lời cắt nghĩa thêm.

-Đúng quá! – Nàng dịu dàng nói.

-Ôi, nàng quả là một thiên thần! – Chàng trai trẻ nói.

-Thế là thỏa thuận xong cả rồi đấy nhé! – Nàng nói.

-Trừ điều tôi yêu cầu nàng, tâm hồn yêu quý ạ!

-Nhưng khi em đã nói với ông là ông có thể tin vào sự trìu mến của em…?

-Tôi không có ngày mai để chờ đợi.

-Im nào? Tôi nghe thấy tiếng ông em tôi? Không cần thiết để ông ấy thấy ông ở đây.

Nàng rung chuông và Ketty vào.

-Ông ra bằng cửa này. – Nàng vừa nói vừa đẩy chiếc cửa bí mật – và mười một giờ hãy quay lại. Chúng ta sẽ bàn nốt cho xong việc này. Ketty sẽ dẫn ông vào.

Cô bé đáng thương nghĩ mình có thể ngã vật ra khi nghe những câu như thế.

-Ơ kìa? Cô làm gì vậy, sao ngây ra như phỗng thế, tiểu thư? Nghe đây, dẫn ông hiệp sĩ này đến vào mười một giờ tối nay, hiểu chưa!

Hình như những cuộc hẹn của nàng đều vào lúc mười một giờ. Đó là một thói quen rồi. D'Artagnan nghĩ vậy.

Milady chìa tay ra cho chàng hôn trìu mến.

Chàng vừa rút lui vừa tự nhủ như để trả lời những trách móc của Ketty: “Này, này, đừng có làm một thằng ngốc, nhất định con mẹ này là một con đại gian ác rồi, phải coi chừng.”

§37. Bí mật của Milady

Đáng lẽ lên ngay phòng Ketty, D'Artagnan lại ra khỏi tòa nhà, mặc cho những lời nằn nì của cô gái, vì hai lẽ, thứ nhất làm như thế sẽ tránh được những lời trách móc, cãi lý, van xin, thứ hai để được thư thái xem lại tư tưởng của mình một chút và nếu có thể của cả mụ đàn bà kia nữa.

Rõ hơn cả trong chuyện đó là D'Artagnan yêu Milady như một thằng điên và nàng lại không một chút yêu chàng. Có lúc, D'Artagnan cho rằng, tốt nhất là trở về nhà viết một bức thư dài cho Milady, trong thư thú thực chàng và De Wardes cho đến lúc này vẫn chỉ là một, do đó, chàng không thể cam tâm giết chết De Wardes vì như thế chính là tự sát. Nhưng chính chàng cũng bị kích thích bởi một ham muốn dữ tợn trả thù, chàng muốn chiếm đoạt người đàn bà đó dưới cái tên của chính mình và vì sự trả thù đó đối với chàng hình như lại có vẻ ngọt ngào êm dịu nên chàng không hề muốn từ bỏ nó chút nào.

Chàng đi quanh quảng trường Hoàng gia năm sáu lần, cứ mươi bước lại ngoái lại nhìn xem ánh sáng căn nhà của Milady lọt qua những tấm mành che cửa sổ. Rõ ràng lần này người đàn bà không vội vã như lần trước khi trở về phòng ngủ.

Cuối cùng ánh đèn biến mất.

Cùng với ánh đèn, cũng tắt ngấm luôn nỗi băn khoăn cuối cùng trong trái tim D'Artagnan. Chàng nhớ lại những tình tiết của cái đêm đầu tiên và trái tim như chồm lên, đầu bốc nóng, chàng quay lại ngôi nhà và nhẩy bổ lên phòng Ketty.

Cô gái xanh xao như người chết, toàn thân run lên, muốn ngăn người tình lại. Nhưng Milady vẫn rình nghe, đã nghe thấy tiếng chân D'Artagnan liền mở cửa: - Vào đi! – Nàng nói.

Tất cả việc đó diễn ra một cách trơ trẽn không thể tưởng tượng nổi, một cách vô liêm sỉ quá ư ma quái đến mức D'Artagnan khó có thể tin được những gì mình trông thấy và những gì mình nghe thấy. Chàng tin bị lôi cuốn vào một trong những trò chim chuột kỳ quặc nào đấy mà người ta chỉ thực hiện được trong mơ.

Chàng lao theo về phía Milady chẳng kém gì nam châm hút sắt. Cửa đóng lại đằng sau họ.

Ketty cũng lao theo đến bên cửa.

Sự ghen tuông, sự hờn giận, lòng kiêu hãnh bị tổn thương.

Cuối cùng là tất cả những ham muốn đang giằng xé nhau trong trái tim của một người đàn bà si tình đang đẩy cô đến chỗ nói toạc ra tất cả. Nhưng cô sẽ nguy khốn nếu cô thú nhận đã nhúng tay vào việc xếp đặt ấy và trên hết, cô sẽ mất D'Artagnan. Nghĩ vậy cô đành tự nhủ hãy hy sinh thêm lần cuối cùng này nữa.

D'Artagnan về phần mình, đã đạt đến tột đỉnh của mọi ước muốn. Không phải chuyện yêu một tình địch trong bản thân chàng nữa mà có vẻ như yêu chính bản thân chàng. Một tiếng nói thầm kín tận đáy lòng bảo chàng rằng chàng chỉ là một công cụ để trả thù, mà người ta vừa vuốt ve mơn trớn nó vừa chờ đợi nó đem đến chết chóc. Nhưng lòng kiêu hãnh, lòng tự ái, sự điên rồ đã làm tiếng nói ấy câm đi, đã làm lời thầm thì kia phải nghẹn lại. Rồi chàng Gascogne với liều lượng tự tin cao, đa so sánh mình với De Wardes và tự hỏi rút cuộc tại sao người ta lại không yêu chàng, ừ, yêu chàng, chính chàng.

-Thế là chàng phó mặc hoàn toàn cho những cảm giác lúc đó.

Milady đối với chàng không còn là mụ đàn bà với những ý đồ gieo rắc tái ương đã có lúc làm chàng kinh hãi nữa, mà đó là một người tình nồng nhiệt và say đắm hoàn toàn thả mình cho một tình yêu mà hình như chính bản thân nàng cũng nghiệm thấy. Gần hai giờ đồng hồ trôi đi như thế. Song cơn hoan lạc của đôi tình nhân đã lắng dịu lại.

Milady không cùng những động cơ với D'Artagnan để quên đi, là người đầu tiên trở lại với thực tế và hỏi chàng trai trẻ liệu những phương sách cần phải tiến hành ngày mai giữa chàng và De Wardes cho cuộc chạm trán đã được hoạch định trước trong đầu chàng chưa.

Nhưng D'Artagnan, mọi ý nghĩ lại đang trôi theo một dòng khác, như một kẻ lú lẫn, chàng quên mất cả chính mình, trả lời một cách tình tứ rằng muộn quá rồi, không phải lúc tính chuyện đấu gươm được.

Sự lạnh nhạt đối với những quan tâm duy nhất của Milady khiến nàng hảng sợ và nàng càng dồn dập hỏi D'Artagnan.

D'Artagnan không bao giờ suy nghĩ một cách nghiêm túc đến cuộc quyết đấu bất khả thi này, lúc này muốn lái câu chuyện sang hướng khác nhưng chàng không còn đủ sức nữa.

Milady giữ chặt lấy chàng trong những giới hạn mà nàng đã vạch ra trước với tinh thần bất khả kháng và ý chí sắt thép của nàng.

Khuyên Milady tha thứ cho De Wardes mà từ bỏ những chủ định điên khùng mà nàng đã thiết lập, D'Artagnan tưởng rằng mình làm như thế là khôn ngoan nhất.

Nhưng vừa mới nói ra được mấy câu, người đàn bà đó đã giật mình và tách hẳn ra.

-Anh sợ rồi ư, D'Artagnan thân yêu? – Nàng hỏi bằng một giọng chua loét và cợt nhạo vang lên lạ lùng trong bóng đêm.

-Em đừng nghĩ như thế, em thân yêu ạ! – D'Artagnan trả lời nhưng rốt cuộc, nếu như cái ông Bá tước tội nghiệp De Wardes đó đắc tội ít hơn là em nghĩ thì sao?

-Dẫu sao hắn cũng đã lừa dối em – Milady nghiêm nghị nói – và lúc hắn đã lừa dối em, hắn đáng tội chết rồi.

-Vậy hắn sẽ chết, một khi em đã xử tội chết! – D'Artagnan nói bằng một giọng kiên quyết khiến Milady thấy có vẻ như đấy là sự biểu lộ cao độ lòng chung thủy.

Lập tức nàng lại nằm sát vào người chàng.

Đối với Milady, không biết đêm đã kéo dài được thời gian bao lâu nhưng D'Artagnan tưởng như đã nằm ở bên nàng được khoảng hai tiếng đồng hồ, khi mà ánh sáng ban mai đã hiện ra qua khe những rèm cửa rồi tràn ngập trong phòng một thứ ánh sáng mờ nhạt.

Thấy D'Artagnan sắp từ biệt mình, Milady liền nhắc lại lời chàng đã hứa trả thù De Wardes cho nàng.

-Anh rất sẵn sàng – D'Artagnan nói – nhưng trước hết, anh muốn được chắc chắn về một điều.

-Điều gì – Milady hỏi.

-Là được em yêu.

-Em tưởng em đã cho anh bằng chứng về điều đó rồi?

-Phải, anh cũng như thế với em cả thể xác lẫn tâm hồn.

-Cám ơn người tình tử tế của em! Nhưng em đã chứng tỏ tình yêu của em với anh thì anh cũng sẽ phải chứng tỏ tình yêu của anh với em, có phải không?

-Chắc chắn rồi. Nhưng nếu em yêu anh như em nói – D'Artagnan nhắc lại – em không sợ chút nào cho anh ư?

-Em có thể sợ gì cơ chứ?

-Nhưng rút cuộc, anh có thể bị thương nặng, cả chết nữa.

-Không thể thế – Milady nói – Anh là một con người rất can trường, và một tay gươm hiểm hóc.

-Vậy là em không thích – D'Artagnan hỏi tiếp – không thích chút nào một phương sách vẫn có thể trả thù cho em mà lại không cần thiết phải giao đấu?

Milady lặng đi nhìn người tình của mình. Cái ánh sáng nhàn nhạt của những tia sáng đầu tiên ban mai đem lại trong đôi mắt nàng một vẻ thê lượng kỳ lạ.

-Đúng vậy – Nàng nói – Em tin bây giờ anh do dự mất rồi.

-Không, anh không do dự đâu. Nhưng chính vì cái tay Bá tước De Wardes tội nghiệp kia thực sự làm cho anh ái ngại kể từ khi em không yêu hắn nữa, và anh thấy hình như nếu bị mất tình yêu của em là đã bị trừng phạt tàn nhẫn lắm rồi, chẳng cần đến một hình phạt khác nữa.

-Ai bảo anh rằng em đã yêu ông ta? – Milady hỏi.

-Ít nhất bây giờ anh cũng có thể tin mà không quá hợm hĩnh rằng em đã yêu một người khác – Chàng trai trẻ trả lời bằng một giọng mơn trớn – và anh nhắc lại với em rằng anh quan tâm đến ông Bá tước.

-Anh?

-Phải, anh?

-Và tại sao lại anh?

-Bởi vì chỉ mỗi anh biết…

-Biết cái gì?

Biết ông ta còn xa mới đáng bị hoặc đúng hơn đã bị quy là phạm tội như vậy đối với em.

-Thật thế sao? – Milady nói vẻ lo lắng – anh hãy giải thích rõ xem nào bởi vì thực ra em không hiểu anh muốn nói gì.

Và nàng nhìn D'Artagnan vẫn đang ôm nàng, với đôi mắt hình như đang dần dần rực cháy lên.

-Phải, anh là một người đàn ông trăng hoa, đúng vậy! – D'Artagnan nói và đã quyết định giải quyết cho xong mọi chuyện – và từ khi chắc chắn chiếm được tình yêu của em, bởi anh đã chiếm được, phải không nào?

-Chiếm hoàn toàn. Tiếp tục đi!

-Thế là! Anh cảm thấy mình được vô cùng hoan lạc, và một việc cần thú nhận đè nặng lòng anh.

-Thú nhận!

-Nếu anh còn nghi ngờ tình yêu của em, anh đã không cần phải thú nhận. Nhưng em yêu anh, cô người tình kiều diễm của anh, có phải không? Em yêu anh chứ?

-Chắc chắn rồi.

-Vậy nếu vì quá yêu em mà anh mắc tội với em, em có tha thứ cho anh không?

-Có thể!

Với nụ cười dịu dàng nhất, D'Artagnan thử áp môi mình vào môi Milady, nhưng nàng tránh ra.

-Thú nhận đi đã – Nàng vừa nói vừa tái nhợt người đi – Thú nhận xem thế nào đã?

-Em đã hẹn với De Wardes thứ năm tuần trước, vẫn trong căn phòng này, có phải không?

-Em ư, không! Không phải thế – Milady nói bằng một giọng rất kiên quyết và bằng vẻ mặt quá bình thản nếu D'Artagnan không hoàn toàn chắc chắn về điều đó, sẽ nghĩ mình ngờ oan.

-Thôi đừng dối nữa, thiên thần kiều diễm của anh! – D'Artagnan vừa nói vừa cười – Vô ích thôi.

-Sao thế được? Nói đi nào? Anh làm tôi chết mất!

-Ồ, em cứ yên tâm, em có tội gì với anh đâu, và anh cũng đã tha thứ cho em rồi?

-Rồi sao nữa? Sao nữa!

-De Wardes không thể hãnh diện về bất cứ điều gì.

-Tại sao? Chính mồm anh đã nói với tôi rằng cái nhẫn ấy…

-Cái nhẫn ấy, tình yêu của anh ơi, chính anh nhận được nó. Bá tước De Wardes hôm thứ năm và D'Artagnan hôm nay chỉ là một thôi.

Anh chàng bất cẩn ấy vẫn ngỡ rằng nàng sẽ sửng sốt và thẹn thùng và sẽ có một cơn giông nhỏ diễn ra bằng nước mắt, nhưng chàng đã nhầm một cách lạ lùng, và sự nhầm lẫn ấy không kéo dài.

Tái người đi và dữ tợn, Milady vùng dậy, đẩy một cái thật mạnh vào ngực D'Artagnan rồi lao ra khỏi giường.

Lúc này trời gần như đã sáng hẳn.

D'Artagnan túm lấy vạt áo ngủ bằng loại toan mịn Ấn Độ để van xin nàng tha lỗi. Nhưng nàng giằng mạnh ra, kiên quyết cố chạy trốn. Thế là vải toan mịn toạc ra để lộ đôi vai trần và trên một trong đôi vai tròn và trắng muốt, D'Artagnan ngớ hẳn người, nhận ra bông huệ, một dấu vết không thể tẩy xóa được mà bàn tay gia hình của đao phủ đã in lên đấy.

-Trời đất ơi! – D'Artagnan vừa kêu lên vừa buông áo ngủ ra và chàng lặng đi, bất động và lạnh người trên giường.

Nhưng chính Milady cũng cảm thấy mình đã bị phát giác bởi chính ngay sự kinh hoàng của D'Artagnan. Chắc chắn chàng đã nhìn thấy hết, giờ đây chàng trai trẻ đã biết hết bí mật của nàng, cái bí mật khủng khiếp mà tất cả mọi người đều không hay biết, trừ chàng.

Nàng quay phắt lại, không còn như một người đàn bà giận dữ nữa, mà như một con báo bị thương.

-Ôi, quân khốn nạn – Nàng nói – Mày đã phản bội tao một cách hèn hạ, đã thế mày lại còn nắm được bí mật của tao! Mày sẽ phải chết!

Và nàng chạy ngay tới một chiếc hộp khảm đặt trên bàn trang điểm, tay giận run bắn lên mở hộp rút ra một con dao găm nhỏ chuôi bằng vàng, lưỡi sắc và mỏng, nhảy chồm đến D'Artagnan vẫn nửa trần truồng.

Cho dù chàng trai trẻ can trường, chàng vẫn hoảng hồn trước bộ mặt dữ tợn, đôi mắt long lên vô cùng khiếp sợ, hai má tái nhợt và đôi môi bật máu. Chàng lùi lại đến tận khe giường như chạy trốn một con rắn đang trườn về phía mình, rồi vơ lấy thanh gươm bằng bàn tay nhớp nhúa mồ hôi và rút gươm khỏi vỏ. Nhưng bất chấp thanh gươm, Milady cố nhảy lên giường để đâm chàng và nàng chỉ dừng lại khi thấy mũi gươm tì vào cổ họng mình.

Thế là bằng hai tay nàng cố đoạt lấy gươm. Nhưng D'Artagnan luôn rút được gươm ra khỏi hai bàn tay ghì chặt ấy, và lúc thì dí mũi gươm vào mặt nàng, lúc vào ngực nàng, rồi trườn khỏi chiếc giường, tìm cách rút lui về phía cửa thông sang phòng Ketty.

Milady trong khi đó, nhẩy bổ vào chàng với những cơn cuồng nộ ghê rợn và gầm thét lên khủng khiếp.

Tuy nhiên việc đó giống như một trận quyết đấu, vì thế D'Artagnan dần dần trấn tĩnh lại.

-Được lắm, người đẹp, được lắm! – Chàng nói – Nhưng mẹ kiếp, bình tĩnh lại đi, hoặc tôi sẽ rạch một bông huệ thứ hai trên đôi má xinh đẹp đấy.

-Đồ hạ lưu! Quân đê tiện! – Milady rít lên.

Nhưng D'Artagnan vẫn vừa tìm cách đến gần cửa vừa chống đỡ.

Nghe tiếng động ầm ầm này lật đổ đồ đạc để vồ lấy chàng, còn chàng lại toàn nấp sau đồ đạc để tránh đòn, Ketty ra mở cửa. D'Artagnan không ngừng xoay xở để lại gần chiếc cửa đó và lúc này chỉ còn cách ba bước chân. Thế là chàng lao thẳng từ phòng Milady sang phòng cô thị nữ và nhanh như chớp, chàng khép cửa và quay lưng chẹn cửa bằng cả sức nặng của cơ thể mình trong khi Ketty đẩy chốt cửa lại.

Thế là Milady liền cố lật nhào cái vòm cuốn cửa đang nhốt nàng trong phòng mình, với sức mạnh vượt xa sức mạnh của đàn bà, rồi khi cảm thấy không thể được, liền lấy dao găm đâm lỗ chỗ cánh cửa, một vài nhát xuyên qua gỗ.

Mỗi nhát lại kèm theo một lời nguyền rủa khủng khiếp.

-Nhanh, nhanh lên Ketty – D'Artagnan nói khẽ khi chốt cửa đã đóng – giúp anh ra khỏi nhà đi. Nếu chúng ta để mụ có đủ thời gian để xoay xở, mụ sẽ sai bọn người hầu giết anh mất.

-Nhưng anh không thể trần truồng ra ngoài như thế – Ketty nói.

-Đúng vậy – D'Artagnan nói, chỉ lúc này mới biết trên người mình đang mặc gì – Đúng vậy, em mặc cho anh thế nào thì mặc, và nhanh nhanh lên, em hiểu không, sống hay chết là ở lúc này đây!

Ketty thừa hiểu như vậy. Loáng một cái, cô mặc phát cho chàng một váy áo hoa, một mũ rộng vành và một áo khoác ngắn, cô cho chàng một đôi dép trong nhà chàng phải đi chân trần không tất, rồi cô dẫn chàng xuống các bậc thang. Đúng lúc đó, Milady đã rung chuông đánh thức toàn bộ người trong nhà.

Người gác cổng kéo dây thừng nâng cổng đúng lúc Milady cũng nửa trần truồng thò đầu qua cửa sổ kêu lên: -Đừng mở!

§38. Không mất công xoay xở, Athos vẫn có được quân trang

Chàng trai trẻ trốn mất còn nàng vẫn giơ nắm đấm lăm dọa chàng một cách bất lực. Đến lúc không còn trông thấy chàng nữa, Milady ngã bất tỉnh trong phòng mình.

D'Artagnan bối rối đến nước không còn lo lắng đến Ketty sẽ ra sao nữa, chàng vừa đi vừa chạy xuyên qua cả nửa Paris và chỉ dừng lại trước cửa nhà Athos. Hoang mang, sợ hãi, rồi thêm vào là tiếng thét của bọn lính tuần tra rượt đuổi, tiếng hò la của mấy người qua đường đi làm sớm càng khiến chàng chạy cuống cuông.

Chàng đi qua sân, lên hai tầng gác và đập đến vỡ cửa nhà Athos.

Grimaud mắt còn díp lại vì buồn ngủ ra mở cửa. D'Artagnan lao vào phòng mạnh đến nỗi xô ngã cậu ta.

Mặc dầu hàng ngày vốn lầm lì, lần này anh chàng đáng thương cũng phải mở miệng: -Ái chà chà? – Anh ta kêu toáng lên – Muốn gì đây, cô gái giang hồ? Đòi cái gì nào, đồ đĩ điếm?

D'Artagnan kéo mũ và khăn trùm đầu lên, gỡ áo khoác ngắn ra, để lộ ria mép và gươm trần, anh chàng tội nghiệp mới nhận ra mình đang nói chuyện với một người đàn ông.

Thế là anh ta tưởng đó là một kẻ sát nhân liền kêu toáng lên: -Cứu với! Cứu! Cứu!

-Cám đi, đồ khốn! – Chàng trai trẻ nói – Ta là D'Artagnan, anh không nhận ra ta ư? Chủ anh đâu?

-Ông, ông là ông D'Artagnan! – Grimaud vẫn kêu lên! – Không thể thế được.

-Grimaud! – Athos từ phòng mình ra, vẫn còn mặc áo ngủ nói – Tôi thấy anh quá lời rồi đó.

Athos nhận ra bạn mình. Xưa nay vốn rất phớt đời chàng vẫn phải phá lên cười trước lối giả trang kỳ quặc trước mắt mình, khăn mũ xiêu vẹo, váy thõng tận gót, tay xắn lên, râu ria dựng ngược vì xúc động.

-Đừng cười thế bạn tôi ạ – D'Artagnan kêu lên – Trời ơi, đừng cười, tôi thề trước linh hồn tôi là không có gì đáng cười cả.

Và chàng thốt ra những câu ấy rất đỗi trang nghiêm và với một sự hoảng loạn thật sự khiến Athos phải nắm lấy hai tay chàng mà kêu lên: -Cậu bị thương ư? Trông cậu xanh xao quá!

-Không, nhưng vừa xảy ra một sự cố kinh khủng với tôi. Có mỗi mình anh thôi đấy chứ, Athos?

-Mẹ kiếp, thế cậu muốn ai ở nhà tôi vào cái giờ này?

-Tốt, tốt rồi.

Và D'Artagnan chạy bổ vào phòng Athos.

-Nào, nói đi! – Athos đóng cửa cài chết lại để khỏi bị quấy rầy – Nhà Vua bị chết? Cậu đã giết Giáo chủ ư? Cậu hoàn toàn rối trí rồi, nào, nói đi, tôi thực lo đến chết được đây.

-Athos này – D'Artagnan vừa nói vừa cởi bỏ quần áo đàn bà và còn trơ chiếc áo lót – Anh hãy chuẩn bị mà nghe một chuyện không thể tưởng tượng nổi, chưa từng nghe thấy bao giờ nhé.

-Trước hết hãy khoác chiếc áo mặc trong nhà này vào đã.

D'Artagnan choàng chiếc áo lên người, ống tay nọ nhầm ống tay kia, chưa hết xúc động.

-Sao nào? – Athos nói.

-Thế này? – D'Artagnan cúi xuống ghé tai Athos hạ giọng nói – Milady bị đóng dấu bông huệ trên vai.

A! – Chàng ngự lâm quân thét lên như vừa bị một viên đạn bắn vào tim.

-Nào. – D'Artagnan nói – anh có chắc con người kia đã chết thật rồi không?

-Người kia ư? – Athos nói bằng một giọng nghẹn lại đến nỗi D'Artagnan chỉ hơi nghe rõ.

-Phải, người đàn bà mà một hôm anh đã nói với tôi ở Amiêng ấy.

Athos buông một tiếng rên rồi gục mặt vào hai bàn tay.

-Mụ này – D'Artagnan tiếp tục – khoảng hai sáu đến hai tám tuổi.

-Tóc hung vàng – Athos nói – phải thế không?

-Phải.

-Đôi mắt xanh nhạt, ánh lên kỳ lạ, lông mi và lông mày đen?

-Đúng?

-Người cao, thân hình tuyệt đẹp? Mất một chiếc răng hàm gần hốc mắt trái.

-Đúng!

-Bông huệ nhỏ màu đỏ quạch và gần như bị xóa đi bởi những lớp kem trát lên đấy.

-Đúng.

-Nhưng cậu bảo mụ ta là đàn bà Anh?

-Người ta gọi mụ là Milady, nhưng có lẽ mụ là người Pháp. Mặc dầu vậy Huân tước De Winter chỉ là em chồng mụ.

-Tôi muốn nhìn thấy mụ, D'Artagnan.

-Coi chừng, anh Athos, coi chừng. Anh đã từng muốn giết mụ, mụ là một con đàn bà sẽ trả miếng lại anh và không chừa anh đâu.

-Mụ sẽ không dám nói gì đâu, bởi như thế tức là tự vạch mặt.

-Mụ có thể làm tất cả! Anh đã bao giờ thấy mụ lên cơn điên giận chưa?

-Chưa! Athos nói.

-Một con hổ cái, một con báo cái! Ôi, anh Athos thân mến của tôi! Tôi rất sợ đã lôi kéo cả hai chúng ta vào một sự trả thù khủng khiếp.

D'Artagnan liền kể lại hết: cơn giận dữ cuồng điên của Milady và những lời hăm dọa giết người của mụ.

-Cậu nói đúng và tôi xin thề trước linh hồn tôi, tôi lại đi đổi cả mạng sống của mình lấy một sợi tóc hay sao – Athos nói – May sao, ngày kia chúng ta sẽ đi khỏi Paris, rất có khả năng chúng ta sẽ đến La Rochelle và một khi đã đi khỏi.

-Mụ sẽ theo anh đến cùng trời cuối đất, Athos, mụ sẽ nhận ra anh. Vậy hãy để mụ căm hận riêng một mình tôi thôi.

-Ôi, bạn thân mến. Mụ có giết mình thì cũng có sao đâu! – Athos nói – Cậu đã thấy lúc nào mình lo cho mạng sống của mình chưa?

-Anh Athos này, có một cái gì đó bí ẩn khủng khiếp trong mọi chuyện này, tôi tin chắc mụ đàn bà này là con gián điệp của Giáo chủ.

-Nếu như vậy thì chính cậu phải coi chừng. Nếu Giáo chủ không hâm mộ lắm về vụ việc London của cậu, thì ông ta căm hận cậu lắm đấy. Nhưng rút cục vì không thể công khai trách phạt cậu điều gì, nên phải diễn ra chuyện căm hận, nhất là khi lại là mối căm hận của Giáo chủ, thì cậu hãy coi chừng! Nếu đi đâu ra ngoài, đừng ra ngoài một mình, nếu đi ăn, hãy phòng ngừa, rút cục phải nghi ngờ tất, ngay cả cái bóng của mình.

-May sao – D'Artagnan nói – chỉ phải lo từ nay đến tối ngày kia không xảy ra chuyện gì, bởi vì một khi đã ở trong quân đội, tôi hy vọng chúng ta sẽ chỉ còn phải sợ đàn ông thôi.

-Trong khi chờ đợi – Athos nói – tôi sẽ từ bỏ việc cấm cung mà sẽ đi bất cứ đâu với cậu. Cậu nên về nhà, về phố Phu đào huyệt đi, mình sẽ đi cùng với cậu.

-Nhưng dù là đến đó rất gần thôi – D'Artagnan nói – Tôi cũng không thể ăn mặc như thế này mà về được.

-Đúng vậy – Athos nói.

Và chàng rung chuông.

Grimaud bước vào.

-Athos ra hiệu hãy đến nhà D'Artagnan và mang quần áo tới đây.

Grimaud cũng ra hiệu đã hiểu rồi đi ra. Athos bảo D'Artagnan: -Thế đó, chúng ta chẳng tiến thêm được bước nào trong việc lo sắm trang thiết bị, cậu ạ, bởi nếu tôi không lầm, cậu đã để lại tất cả quần áo của cậu ở nhà Milady rồi và chắc hẳn mụ ta sẽ chẳng để ý đến việc gửi trả lại cậu. May sao cậu còn có cái nhẫn saphia.

-Nhẫn saphia là của anh, Athos yêu quý? Anh chẳng bảo tôi đấy là cái nhẫn gia truyền ư?

-Phải, cha tôi đã mua nó với giá hai nghìn êquy vàng. Theo như ông đã nói với tôi trước kia[99], là khoản tặng vật ngày cưới cho mẹ tôi. Nó thật lộng lẫy. Mẹ

tôi cho tôi, và tôi động rồ, tốt hơn phải giữ gìn như một thánh tích, lại đem cho con mụ khốn nạn ây.

-Vậy thì anh Athos thân mến, anh hãy cầm lại chiếc nhẫn, tôi hiểu anh cần phải giữ lấy nó.

-Tôi, cầm lại chiếc nhẫn, sau khi nó đã qua tay con đê tiện ấy ư! Không đời nào, chiếc nhẫn đã bị ô uế rồi, D'Artagnan ạ.

-Vậy thì bán nó đi.

-Bán một báu vật vốn là của mẹ mình ư? Tôi phải thú thật với cậu tôi sẽ coi đó như một sự bất kính.

-Thế thì đem cầm vậy, họ sẽ cho vay may ra cũng trên một nghìn đồng êquy. Với số tiền đó, thừa sức mua sắm trang bị, rồi khi nào có tiền một cái là anh đem chuộc lại ngay, và nó đã qua tay bọn cho nặng lãi rồi, nên nó đã được tẩy sạch những vết nhơ, anh có thể giữ lấy.

Athos mỉm cười: -Cậu đúng là một đồng đội quý hóa, D'Artagnan thân mến ạ. Bằng tính tình vui tươi vĩnh viễn của mình cậu đã vực dậy những linh hồn tội nghiệp khỏi nỗi ưu sầu. Thôi được, ta đem cầm chiếc nhẫn nhưng với một điều kiện.

-Điều kiện gì?

-Là cậu năm trăm êquy và mình năm trăm.

-Anh lại nghĩ thế ư, Athos? Tôi không cần đến một phần tư số tiền đó, tôi ở trong quân cận vệ, bán bộ yên cương đi đã đủ rồi. Tôi còn cần gì nữa nào? Một con ngựa cho Planchet. Có thế thôi. Mà anh quên tôi cũng có một chiếc nhẫn ư?

-Tôi cho rằng cậu phải giữ chiếc nhẫn đó còn hơn là tôi giữ chiếc của tôi. Ít ra tôi cũng nhận ra điều đó.

-Phải, bởi trong tình thế cùng cực nó không những kéo chúng ta ra khỏi những lúng túng lớn mà còn cả mối nguy lớn nào đó nữa, đấy không phải chỉ là một đồ kim cương quý mà còn là một bùa hộ mệnh đầy phép mầu.

-Tôi không hiểu cậu định nói gì, nhưng tôi tin ở những gì cậu nói. Vậy hãy trở lại chuyện cái nhẫn của tôi, đúng hơn là của cậu. Hoặc là cậu nhận nửa số tiền, hoặc tôi ném nó xuống sông Xen và biết đâu, giống như Pôlycrát[100], lại có một con cá nào đó chiều người đem trả chúng ta.

-Thôi được, tôi nhận vậy! – D'Artagnan nói.

Vừa lúc đó Grimaud trở về đem theo cả Planchet – Planchet lo cho chủ và tò mò muốn biết điều gì đã xảy ra, bèn lợi dụng tình thế, tự mình mang quần áo đến.

D'Artagnan mặc quần áo vào, Athos cũng vậy. Rồi khi cả hai đã sẵn sàng đi ra, Athos ra hiệu cho Grimaud, có người đang nhằm bắn vào hắn, hắn liền tháo ngay khẩu súng trường xuống và chuẩn bị đi theo chủ.

Họ đến phố Phu đào huyệt mà không gặp phải tai họa gì.

Bonacieux đang đứng trước cửa, lão nhìn D'Artagnan với vẻ chế nhạo và nói: -Này, ông bạn thuê nhà thân mến, mau mau lên. Một cô gái xinh đẹp đang đợi trên nhà ông đó, và đàn bà, ông biết đấy, người ta không thích bắt phải đợi đâu?

-Chính là Ketty rồi! – D'Artagnan kêu lên.

Và chàng lao vào lối đi.

Quả nhiên, trên bậc nghỉ trước phòng chàng, chàng thấy cô bé tội nghiệp tựa lưng vào cửa, người run bắn lên. Vừa trông thấy chàng cô đã nói: -Ông hứa ông bảo vệ em, ông hứa ông cứu em khỏi cơn điên giận của bà ấy – Ông phải nhớ chính ông đã làm hại em chứ!

-Phải, hẳn vậy rồi – D'Artagnan nói – Ketty, em bình tĩnh nào. Nhưng đã xảy ra chuyện gì khi anh đi?

-Em có biết gì đâu! – Ketty nói – Nghe tiếng bà ta gào thét, bọn người hầu chạy tới. Bà ta điên khùng giận dữ. Có bao nhiêu kiểu chửi rủa trên đời bà ta đều mửa lên đầu ông. Thế là em nghĩ bà ta sẽ nhô ra chính là qua phòng em mà ông đã lọt vào phòng bà ta, và khi đó bà ấy sẽ nghĩ em là kẻ đồng lõa với ông, em cầm lấy một ít tiền mình có, mấy bộ quần áo quý nhất rồi bỏ trốn.

-Em bé tội nghiệp? Nhưng anh sẽ làm gì cho em được đây. Ngày kia anh phải đi rồi.

-Làm thế nào tùy ông, ông hiệp sĩ. Giúp em đi khỏi Paris, khỏi nước Pháp cũng được.

-Song anh không thể mang em theo đến vây thành La Rochelle được.

-Không, nhưng ông có thể gửi em ở một bà nào quen biết ông ở tỉnh lẻ, ở quê ông chẳng hạn.

-Ồ cô bạn thân mến của tôi ơi! Ở quê tôi các bà không hề có hầu phòng. Nhưng, xem nào, ta có việc đây, Planchet, đi tìm Aramis cho ta, bảo ông ấy đến ngay lập tức. Chúng ta có một chuyện rất quan trọng cần nói với ông ấy.

-Tôi hiểu rồi – Athos nói – Nhưng tại sao lại không Porthos?

-Tôi thấy hình như nữ Hầu tước của cậu ta…

Nữ Hầu tước của Porthos đã có bạn học nghề ký lục giúp việc khăn áo rồi – D'Artagnan vừa nói vừa cười – Hơn nữa, Ketty không muốn ở phố Lũ gấu đâu, phải không Ketty?

-Em ở đâu cũng được – Ketty nói – Miễn là em được giấu kín, không ai biết em ở đâu.

-Giờ đây, chúng ta sắp phải xa nhau, do đó em không còn ghen về tôi nữa…

-Ông hiệp sĩ, dù ở gần, ở xa – Ketty nói – em vẫn sẽ yêu ông.

Athos lầm bầm: "Còn có chỗ cóc khô nào để cho lòng kiên trinh đến làm tổ nữa đây?"

-Anh, cũng vậy, D'Artagnan nói – Anh cũng vậy. Anh sẽ luôn yêu em, em cứ yên tâm. Nhưng xem nào, em hãy trả lời anh một câu hỏi rất quan trọng, đã bao

giờ em nghe thấy nói về một thiếu phụ bị bắt cóc giữa ban đêm chưa?

-Đợi một chút đã… Ồ, Chúa ơi! Ông hiệp sĩ, ra ông vẫn còn yêu người đàn bà ấy ư?

-Không, đó là một người bạn của anh yêu bà ta. Chính là cái ông Athos kia kìa.

-Tôi ư! – Athos kêu lên như một người thấy mình sắp giẫm lên một con rắn nước.

-Chắc chắn là anh rồi! – D'Artagnan vừa nói vừa bấm tay Athos – Em thừa biết là cả hai chúng tôi đều quan tâm đến cái bà Bonacieux bé nhỏ đáng thương ấy. Hơn nữa Ketty sẽ không nói ra đâu, phải không em, Ketty? Em hiểu không, em bé – D'Artagnan tiếp tục – Đó là vợ của cái ông phỗng tởm lợm mà em thấy ở cửa khi vào đây ấy.

-Ôi Chúa ơi! – Ketty kêu lên – Ông nhắc đến làm em lại sợ, miễn là lão ta đừng nhận ra em?

-Sao, nhận ra em? Vậy ra em cũng đã từng gặp lão! Lão đến nhà bà Milady hai lần.

-Thế ư? Vào hồi nào?

-Chừng độ mười lăm, mười tám ngày gì đó.

-Đúng rồi.

-Và tối qua lão cũng đến.

-Tối qua ư?

-Vâng, một lúc trước khi ông đến ấy.

-Anh Athos thân mến, chúng ta bị vây trong một mạng lưới gián điệp rồi! Và em tin lão cũng nhận ra em, Ketty?

-Em đã kéo sụp khăn xuống trước mặt, nhưng có lẽ đã quá muộn.

-Anh Athos, anh xuống đi, anh ít bị nó nghi hơn tôi, anh xuống xem nó còn đứng ở cửa không.

Athos xuống rồi lại lên ngay.

-Nó đi rồi – Chàng nói – Cửa nhà đóng.

Nó đi báo cáo, rằng lúc này mấy con chim câu đang ở trong chuồng cả.

-Vậy thì, ta phải vù đi thôi – Athos nói -và chỉ để lại Planchet ở đây để báo tin cho chúng ta.

-Đợi đã! Thế còn Aramis đã.

Đúng lúc đó, Aramis bước vào.

Họ trình bày lại sự việc với Aramis và nói với chàng việc khẩn thiết thế nào để tìm được một chỗ cho Ketty trong số những người thân quen quyền quý.

Aramis nghĩ một lát và đỏ mặt: -Việc đó thực sự giúp ích cho cậu chứ, D'Artagnan?

-Tôi sẽ mang ơn suốt đời tôi.

-Vậy thế này? bà De Bois-Tracy có yêu cầu tôi tìm cho một bà bạn ở tỉnh lẻ một cô hầu phòng tin cẩn. Và nếu cậu có thể, D'Artagnan thân mến, đảm bảo cô…

-Ồ thưa ông! – Ketty reo lên – Xin ông tin chắc, em sẽ hết lòng tận tụy với bà nào giúp em rời khỏi Paris.

-Ồ, – Aramis nói – Vậy thì càng tốt.

Chàng ngồi vào bàn viết vắn tắt mấy chữ rồi đóng dấu niêm phong bằng mặt nhẫn và đưa bức thư cho Ketty.

-Bây giờ, em bé – D'Artagnan nói – em ở đây lúc nào cũng sẽ chẳng tốt đẹp gì cho bọn anh, cũng như cho em lúc ấy. Vậy chúng ta chia tay nhau thôi. Chúng ta sẽ gặp lại nhau trong những ngày tốt đẹp hơn.

-Và dù bao giờ, ở đâu, ta gặp lại nhau – Ketty nói – Ông cũng sẽ lại thấy em vẫn yêu ông như em yêu ông hôm nay.

-Lời thề của con bạc – Athos nói trong khi D'Artagnan đưa Ketty xuống cầu thang.

Một lát sau, ba người bạn chia tay nhau và hẹn bốn giờ gặp nhau ở nhà Athos, để lại Planchet coi nhà.

Aramis trở về nhà còn Athos và D'Artagnan đi lo cầm chiếc nhẫn saphia.

Như chàng Gascogne đã đoán trước, họ dễ dàng vay được ba trăm đồng pitxtôn vàng cho chiếc nhẫn đem cầm. Lão chủ Do Thái bảo nếu bán đứt lão sẽ trả năm trăm, vì chiếc nhẫn đem đánh thành tòng teng của hai hoa tai rất đẹp.

Athos và D'Artagnan với tính năng động của hai người lính và sự hiểu biết của hai tay sành sỏi, chưa đến ba giờ đồng hồ đã mua xong toàn bộ đồ trang bị của ngự lâm quân.

Hơn nữa Athos vốn sinh trưởng nơi dòng dõi, và đại lãnh chúa đến tận đầu móng tay, nên mỗi khi vừa ý, chàng thường thường trả luôn theo giá nói mà không hề mặc cả. D'Artagnan những muốn đưa ra nhận xét, nhưng Athos đã đặt tay lên vai chàng mỉm cười và D'Artagnan hiểu rằng đối với một tiểu quý tộc người Gascogne như chàng thì mặc cả là cần thiết, nhưng với một người có dáng dấp một ông hoàng thì không.

Chàng ngự lâm quân tìm được một con ngựa tuyệt đẹp vùng Ăngđaludi sáu tuổi, đen tuyền, lỗ mũi như bốc lửa, chân nhỏ và bay bướm. Chàng quan sát kỹ và không thấy có một khuyết tật nhỏ nào. Người bán đòi một nghìn quan.

Trong khi D'Artagnan đang tranh cãi về giá với tên lái ngựa, Athos đã đếm ngay một trăm pítxtôn (tương đương một nghìn quan hoặc livrơ) đặt lên bàn.

Grimaud được một con ngựa xứ Picácđi khỏe, mập giá ba trăm quan. Nhưng sau khi mua nốt yên cương cho con ngựa đó và vũ khí cho Grimaud, số một trăm năm mươi pitxtôn của Athos không còn lấy một xu.

D'Artagnan ngỏ ý bảo bạn mình cắn một miếng nhỏ phần chia của chàng, sau này có sẽ trả. Nhưng Athos thay cho không trả lời chỉ nhún vai hỏi chàng: -Lão Do Thái bảo sẽ trả bao nhiêu nếu bán đứt cho hắn cái nhẫn saphia?

-Năm trăm pitxtôn.

-Có nghĩa được thêm hai trăm pitxtôn, cậu một trăm, tôi một trăm. Ồ thế xem ra cũng là một tài sản thực sự rồi. Hãy quay lại thằng cha Do Thái thôi.

-Sao, anh muốn…

-Chiếc nhẫn đó, dứt khoát chỉ gợi cho tôi những kỷ niệm quá đau buồn. Rồi thì chúng ta sẽ chẳng bao giờ có ba trăm để hoàn lại cho nó, thành thử chúng ta mất toi hai nghìn quan cho cái việc mua bán này. Đến bảo lão cái nhẫn là của lão đi, D'Artagnan, và quay lại với hai trăm pitxtôn.

-Nghĩ lại đi, anh Athos.

-Đồng tiền lấy sớm là đồng tiền khôn. Và cũng cần biết hy sinh chứ.

-Thôi đi đi, D'Artagnan, Grimaud sẽ mang súng đi cùng.

Nửa giờ sau, D'Artagnan trở về với hai nghìn quan và không xảy ra chuyện gì.

Athos đã tìm được nguồn tiền mà chàng không tính đến, cho việc sắm sửa của mình như thế đó.

§39. Ảo ảnh

Lúc bốn giờ, bốn người bạn lại tụ tập ở nhà Athos. Những băn khoăn lo lắng của họ về việc mua sắm quân trang đã hoàn toàn biến mất. Trên khuôn mặt mỗi người chỉ còn lại những nét ưu tư thầm kín riêng tư nữa mà thôi, vì đằng sau mọi hạnh phục hiện thời lại ẩn giấu một nỗi lo sẽ tới.

Bất thình lình Planchet bước vào mang theo hai bức thư gửi cho D'Artagnan.

Một bức là một thư ngắn gấp rất lịch sự theo chiều dài với dấu xi màu xanh in một con bồ câu ngậm một nhánh cỏ xanh.

Bức kia là một tờ giấy vuông rất to và chói lòa những huy hiệu khủng khiếp của Đức ông Giáo chủ Quận công.

Vừa nhìn thấy bức thư nhỏ trái tim D'Artagnan đã nhảy lên bởi chàng đã nhận ra nét chữ, và cho dù mới chỉ được nhìn nét chữ ấy có một lần, nó vẫn còn được ghi nhớ tận đáy lòng đấy.

Chàng cầm lấy bức thư nhỏ, bóc ngay ra đọc:

"Thứ tư tới, ông hãy đi dạo từ sáu đến bảy giờ tối, trên đường Sayô, và chú ý nhìn vào những xe ngựa bốn bánh đi qua nhưng nếu ông quan tâm đến tính mạng của mình và đến tính mạng của những con người yêu ông, thì đừng nói một câu, đừng làm một hành động gì để có thể làm người ta tin rằng ông đã nhận ra người đang dám hứng chịu mọi điều để được nhìn thấy ông một lát."

Không ký tên.

Một cái bẫy đấy – Athos nói – Đừng đi, D'Artagnan.

-Thế nhưng hình như tôi nhận ra nét chữ.

-Có thể là giả mạo thôi – Athos nói tiếp – Vào lúc sáu bảy giờ, lúc đó đường Sayô vắng ngắt, chả khác gì cậu đi dạo ở rừng Bôngđy.

-Nhưng nếu đi tất cả chúng ta? – D'Artagnan nói – Mẹ kiếp!

-Chả lẽ chúng ăn tươi nuốt sống được cả bốn chúng ta, lại còn bốn người hầu, rồi ngựa, rồi vũ khí nữa?

-Mà cũng sẽ là dịp để cho biết quân trang của ta chứ – Porthos nói.

-Nhưng nếu đúng là một người đàn bà viết – Athos nói – và người đàn bà ấy lại không muốn bị nhìn thấy, thử nghĩ xem như vậy có phải là làm hại người ta không, D'Artagnan, cái đó không xứng với tư cách một nhà quý tộc.

-Thì chúng ta sẽ đứng ở phía sau, một mình D'Artagnan tiến lên trước.

-Nhưng nhỡ một phát súng ngắn sẽ bắn ra từ một eỗ xe phi nước đại phóng qua.

-Ồ, – D'Artagnan nói – Bắn trúng thế nào được tôi, và chúng ta sẽ đuổi kịp chiếc xe, sẽ giết sạch những đứa trong xe. Như thế lại càng bớt đi kẻ thù.

-Cậu ấy nói đúng đấy – Porthos nói – Đánh nhau thôi! Ta thử vũ khí một thể.

-Ờ thì vui vẻ một chút vậy? – Aramis nhẹ nhàng và uể oải nói.

-Tùy các cậu thôi – Athos nói.

-Thưa các vị – D'Artagnan nói – Bây giờ là bốn giờ rưỡi. Chúng ta còn kịp vào lúc sáu giờ đã ở trên đường Sayô.

-Mà, nếu chúng ta ra đấy muộn quá, họ sẽ không gặp chúng ta, thế thì tiếc lắm. Vậy chuẩn bị đi là vừa.

-Nhưng còn bức thư thứ hai – Athos nói – cậu quên rồi à, tôi thấy hình như dấu xi cũng tỏ ra đáng bóc ra xem rồi. Còn như tôi, D'Artagnan thân mến ạ, tôi tuyên bố với cậu là mình quan tâm đến nó hơn là mẩu giấy lăng nhăng cậu vừa luồn nhẹ vào ngực cậu đấy.

D'Artagnan đỏ mặt nói: -Thôi được. Để xem Đức ông muốn gì ở tôi nào.

Rồi bóc thư đọc:

"Ông D'Artagnan, vệ binh của nhà Vua, thuộc đại đội ông des Essarts, có mặt tại dinh Đức Giáo chủ lúc tám giờ.

La Hudnie

Đại úy cận vệ.

-Mẹ kiếp! – Athos nói – Một cuộc hẹn đáng gờm khác hẳn cuộc hẹn kia.

-Xong cuộc hẹn kia, tôi sẽ đến cuộc hẹn này – D'Artagnan nói – Một cuộc lúc bảy giờ. Một cuộc lúc tám giờ. Vẫn đủ thì giờ để đến cả hai.

-Hừm! Tôi thì tôi không đi đâu – Aramis nói – Một kỵ sĩ hào hoa không thể để lỡ hẹn với một người đàn bà. Nhưng một nhà quý tộc thận trọng có thể cáo lỗi để khỏi đến gặp Đức ông, nhất là khi lại có lý do nào đấy để tin là không phải đến để được ban khen.

-Tôi tán thành ý kiến của Aramis – Porthos nói.

D'Artagnan trả lời: -Thưa các vị, tôi đã nhận được lời mời tương tự của Đức ông do ông De Cavoa chuyển đến, tôi đã phớt lờ và hôm sau tôi gặp ngay một đại bất hạnh! Nàng Constance biến mất. Muốn ra sao thì ra, tôi cũng cứ đến.

-Đã nhất định như thế – Athos nói – thì cứ đi.

-Nhưng còn ngục Bastille? – Athos nói.

-Thế ư? Thế thì các anh sẽ lôi tôi ra.

-Chắc chắn rồi – Aramis và Porthos cùng trả lời thẳng băng như thể không có gì đơn giản hơn thế – Chắc chắn là chúng mình phải lôi cậu ra rồi. Nhưng, trong khi chờ đợi, vì ngày kia chúng ta phải đi rồi, tốt nhất cậu đừng có đùa với ngục Bastille đó.

-Ta làm thế này tốt hơn – Athos nói – Không rời khỏi cậu ấy tối nay. Mỗi người đợi cậu ấy ở một cửa lâu đài kèm thêm ba lính ngự lâm đằng sau nữa. Nếu ta thấy một chiếc xe nào đi ra mà cửa xe đóng hoặc đáng ngờ, là ta nhảy bổ lên. Mà cũng đã lâu rồi ta không kiếm cớ sinh sự với bọn cận vệ của Giáo chủ, ông De Treville lại tưởng chúng ta chết cả rồi.

-Dứt khoát Athos sinh ra là để làm đại tướng rồi – Aramis nói – Các vị thấy kế hoạch ấy thế nào?

-Tuyệt vời! – Tất cả đều đồng thanh hô lên.

-Vậy thì! – Porthos nói – Tôi chạy về dinh trại, báo cho các bạn tôi chuẩn bị sẵn sàng vào lúc tám giờ cho cuộc hẹn sẽ diễn ra ở quảng trường Lâu đài Giáo chủ, còn các anh, bảo bọn người hầu gióng yên cương đi.

-Nhưng tôi, tôi không có ngựa – D'Artagnan nói – Tôi sẽ mượn một con ở chỗ ông De Treville vậy.

-Không cần thiết – Aramis nói – Cậu lấy một con ở chỗ tôi.

-Vậy anh có những bao nhiêu đấy – D'Artagnan hỏi.

-Ba con – Aramis mỉm cười trả lời.

-Bạn thân mến, Athos nói – thế thì cậu chắc chắn là nhà thơ cao giá nhất nước Pháp và xứ Nava rồi. Nghe đây, Aramis thân mến, cậu không biết làm gì với những ba con ngựa, có phải không? Thế thì tôi không hiểu sao cậu lại đi mua những ba con.

-Không, con thứ ba mới được dắt đến cho tôi do một gia nhân không mặc quần áo hầu cũng không muốn nói mình là người của ai, mà chỉ khẳng định là tuân lệnh của ông chủ…

-Ông chủ hay bà chủ – D'Artagnan ngắt lời.

-Chuyện đó không quan trọng – Aramis đỏ mặt lên – Và khẳng định với tôi, tôi muốn nói, tuân lệnh của bà chủ buộc con ngựa đó vào chuồng ngựa của tôi, không được nói nó từ đâu đến.

-Chỉ đối với những nhà thơ, mới có được những chuyện đó! – Athos nghiêm trang nói.

-Thôi được, trường trường hợp ấy, D'Artagnan nói – Anh sẽ cưỡi con nào, con anh mua hay con người ta tặng?

-Tất nhiên con người ta tặng rồi. Cậu hiểu chứ, tôi không thể làm cái chuyện vô sỉ ấy…

-Với người trao tặng xa lạ – D'Artagnan nói tiếp.

-Hay người đàn bà trao tặng bí ẩn – Athos nói.

-Vậy con anh đã mua trở nên không cần thiết?

-Gần như thế.

-Và tự anh chọn lấy?

-Một cách cẩn thận nhất. Cậu biết đấy, sự an toàn của một kỵ sĩ hầu như luôn phụ thuộc vào con ngựa của mình.

-Vậy thì, anh hãy để lại cho tôi với giá anh mua?

-Tôi đang định tặng cậu, D'Artagnan thân mến ạ, chuyện vặt, bao giờ cậu trả tôi thì trả.

-Anh mua giá bao nhiêu?

-Tám trăm quan.

-Vậy đây là bốn mươi đồng pitxtôn đôi bạn thân mến – D'Artagnan vừa nói vừa lấy tiền trong túi ra – Tôi biết tiền này là tiền trả cho thơ của anh.

-Cậu giàu gớm nhỉ? – Aramis nói.

-Giàu, đại phú ấy chứ!

-Và D'Artagnan lắc số pitxtôn còn lại xủng xoảng trong túi.

-Sai đem bộ yên của cậu đến dinh trại Ngự lâm quân, rồi đưa ngay ngựa của cậu về đây.

-Tốt lắm. Nhưng sắp năm giờ rồi. Ta mau lên thôi.

Mười lăm phút sau, Porthos hiện ra ở đầu phố Fréjus trên con ngựa nòi Tây Ban Nha cực đẹp. Mousqueton theo sau trên con ngựa vùng Ôvécnhơ, nhỏ nhưng rất đẹp, Porthos rạng rỡ mềm vui và kiêu hãnh.

Đồng thời Aramis cũng hiện ra ở đầu phố đằng kia, trên một con thiên lý mã Anh quốc tuyệt đẹp. Bazin theo sau trên con ngựa đốm dắt theo một con ngựa Mếchklembua Đức vạm vỡ, chính là con của D'Artagnan.

Hai chàng ngự lâm gặp nhau ở cửa nhà Athos và D'Artagnan qua cửa sổ đang nhìn họ.

-Quỷ thật! – Aramis nói – Porthos thân mến, cậu có con ngựa thật lộng lẫy.

Porthos trả lời: -Ừ nó chính là con ngựa người ta phải gửi cho mình ngay lúc đầu. Lão chồng giở trò đểu thay nó bằng con khác, nhưng lão ta đã bị trừng phạt và mình đã hoàn toàn toại nguyện.

Planchet và Grimaud cũng lần lượt xuất hiện, tay dắt ngựa của chủ, D'Artagnan và Athos đi xuống, nhảy lên yên, đến gần các đồng đội, rồi cả bốn cùng lên đường. Athos trên lưng ngựa nhờ nhẫn của vợ, Aramis trên con ngựa người tình trao, Porthos, ngựa lấy của bà biện lý, và D'Artagnan trên con ngựa có được nhờ vận may của người tình coi là tốt nhất.

Những người hầu đi theo.

Như Porthos đã nghĩ, cuộc diễu hành người ngựa có hiệu quả tốt. Và nếu bà Coquenard gặp Porthos đường bệ trên con tuấn mã Tây Ban Nha, có nhẽ bà ta sẽ không tiếc việc bà ta đã làm rỉ máu chiếc két sắt của chồng mình.

Đến gần điện Louvre, bốn người bạn gặp ông De Treville, từ cửa ô Saint Jean Germain trở về. Ông ngăn họ lại để chúc mừng việc sắm sửa quân trang của họ. Một lát thôi, đã có hàng trăm kẻ vô công rồi nghề xúm lại quanh họ.

D'Artagnan nhân dịp này nói với ông De Treville về bức thư có dấu niêm phong đỏ lớn và có gia huy tước công. Tất nhiên về bức thư kia, chàng không hé một lời.

Ông De Treville tán thành quyết định của chàng và bảo đảm với chàng, nếu ngày mai không thấy chàng trở về ông sẽ có cách, tìm chàng dù bất kỳ chàng ở đâu.

Đúng lúc đó, đồng hồ nhà thờ Samaritain điểm sáu giờ, bốn người bạn vin cớ có cuộc hẹn, cáo lui ông De Treville.

Phi ngựa một lúc họ đã ở trên con đường Sayô. Trời bắt đầu tà, xe cộ đi qua đi lại, D'Artagnan giữ khoảng cách với các bạn vài bước, phóng mắt nhìn sâu vào trong các cỗ xe, chẳng thấy một khuôn mặt quen thuộc nào cả.

Cuối cùng, sau mười lăm phút chờ đợi, và hoàng hôn đã buông xuống hoàn toàn, một chiếc xe hiện ra từ đường Sevre phi nước đại đến. Một dự cảm báo trước cho D'Artagnan rằng chiếc xe đó có người đã hẹn chàng. Chàng trai trẻ hết sức ngạc nhiên khi cảm thấy tim mình đập mạnh đến thế. Hầu như ngay tức thì, đầu một người đàn bà thò ra khỏi cửa xe, hai ngón tay đưa lên miệng như thể dặn dò hãy lặng im hoặc như để gửi một cái hôn, D'Artagnan khẽ kêu lên một tiếng vui mừng, người đàn bà đó, hay đúng hơn là sự hiện diện đó, bởi chiếc xe vút qua quá nhanh như một ảo ảnh, đó là bà Bonacieux.

D'Artagnan nhớ lại lời dặn dò đó: "Nếu ông quan tâm đến mạng sống của ông và của những người yêu ông, ông hãy lặng im như thể ông không trông thấy cái gì hết."

Chàng dừng lại, run lên không phải vì mình mà là vì người đàn bà rõ ràng dám xả thân trong hiểm họa lớn lao để trao cho chàng cuộc hẹn hò này.

Chiếc xe tiếp tục đường đi của nó với hết tốc lực về phía Paris và biến mất.

D'Artagnan vẫn đứng đó, ngớ ra, và không biết nghĩ thế nào nữa. Nếu đó đúng là bà Bonacieux và nếu nàng trở về Paris thật, tại sao lại là cuộc hẹn hò trốn tránh, tại sao lại chỉ là một sự trao đổi đơn thuần trong ánh mắt, tại sao chỉ chiếc hôn gió mà thôi? Mặt khác, nếu không phải là nàng, mà có thể thế lắm chứ, vì trời không còn sáng mấy làm cho rất dễ nhìn nhầm, nếu không phải là nàng, chẳng phải đây là sự bắt đầu một thủ đoạn dựng lên chống lại chàng bằng cái mồi là người đàn bà mà người ta biết chàng yêu hay sao?

Ba người bạn lại gần chàng. Cả ba hoàn toàn trông thấy đầu người đàn bà hiện ra ở cửa xe, nhưng không ai trong họ, trừ Athos, quen biết bà Bonacieux. Ý kiến của Athos, thì đúng là nàng nhưng chàng ít quan tâm hơn D'Artagnan đến bộ mặt xinh đẹp đó mà còn tin là đã nhìn thấy một cái đầu thứ hai, đầu đàn ông ở tít mãi trong xe.

-Nếu là như vậy – D'Artagnan nói – chắc là chúng chuyển nàng từ nhà tù này sang nhà tù khác. Nhưng chúng định làm gì con người đáng thương ấy, và làm thế nào để tôi gặp lại được nàng đây?

-Cậu bạn này – Athos nghiêm trang nói – Hãy nhớ chỉ có người chết mới không gặp được ở trên đời thôi. Cậu cũng biết ít nhiều về chuyện đó như tôi, có phải không? Mà nếu người tình của cậu không chết, nếu nàng chính là người mà chúng ta vừa nhìn thấy thì ngày một ngày hai cậu sẽ tìm lại được nàng. Và có lẽ

Chúa ơi – chàng nói tiếp với cái giọng chán đời riêng có ở chàng – có lẽ còn gặp sớm hơn là cậu muốn cũng nên.

Đồng hồ điểm bẩy giờ rưỡi, chiếc xe đến chậm hai mươi phút. Các bạn nhắc D'Artagnan, chàng còn có một cuộc thăm viếng nữa, đồng thời lưu ý chàng vẫn còn thì giờ để hủy bỏ.

Nhưng D'Artagnan vứa bướng bỉnh vừa tò mò. Chàng nghĩ nhất định mình sẽ đến Lâu đài Giáo chủ và chàng sẽ biết được Đức ông muốn nói gì với mình. Vậy nên không gì có thể làm chàng thay đổi được quyết định của mình.

Đến phố Thánh Ônôrrê và quảng trường Lâu đài Giáo chủ, cả mười hai người lính ngự lâm được mời đến đang dạo quanh chờ đồng bạn. Chỉ tới đây, họ mới giải thích cho những người này vấn đề là chuyện gì.

D'Artagnan được biết đến rất nhiều trong đơn vị ngự lâm được trọng vọng của nhà Vua, và họ đều biết sẽ có ngày chàng đứng vào hàng ngũ đó. Họ đã coi chàng như một đồng đội trước rồi. Từ những tiền lệ ấy, ai nấy đều nhiệt tình nhận nhiệm vụ mình được mời làm, hơn nữa, rất có thể, được dịp trả đũa Giáo chủ và bọn người của ông ta một vố, và đối với những việc chinh chiến như thế, các nhà quý tộc uy tín ấy bao giờ cũng sẵn sàng.

Athos chia họ làm ba nhóm, chàng chỉ huy một nhóm, nhóm thứ hai giao cho Aramis và nhóm thứ ba cho Porthos rồi mỗi nhóm phục kích ở trước một lối ra.

D'Artagnan về phần mình hiên ngang đi vào qua cổng chính.

Cho dù cảm thấy được yểm trợ mạnh mẽ, chàng không phải không lo lắng khi leo từng bước lên cầu thang lớn. Việc chàng đối xử với Milady ít nhiều giống như một sự phản bội, và chàng ngờ có những mối quan hệ chính trị giữa người đàn bà đó với Giáo chủ. Thêm nữa, De Wardes, người mà chàng suýt giết chết lại là một trong số người trung thành với Đức ông, và D'Artagnan biết nếu như Đức ông tàn bạo với kẻ thù, thì với bạn bè, ông lại rất gắn bó.

D'Artagnan lắc đầu tự nhủ: "Nếu De Wardes đã kể hết mọi việc của bọn ta với Giáo chủ, mà chắc là như thế, và nếu Giáo chủ nhận ra, có thể như thế lắm, ta phải coi mình gần như một kẻ đã bị tuyên án. Nhưng tại sao ông ta lại chờ đến tận hôm nay? Hoàn toàn đơn giản thôi, Milady chắc đã khiếu nại chống ta, làm bộ vô cùng đau khổ khiến càng thêm dễ thương. Và thế là cái tội cuối cùng này chắc sẽ làm tràn bình nước.

May thay, chàng nghĩ thêm, những bạn tốt của ta đều ở dưới kia. Họ sẽ không để chúng mang ta đi mà không bảo vệ ta. Tuy nhiên đại đội ngự lâm quân của ông De Treville không thể tự mình gây chiến với Giáo chủ, kẻ bố trí lực lượng của toàn nước Pháp, và đứng trước ông ta, Hoàng hậu thì bất lực, và nhà Vua cũng không đủ quyết tâm. D'Artagnan, này anh bạn, cậu can trường, cậu có những phẩm tính ưu việt, nhưng đàn bà sẽ làm cậu nguy khốn!"

Chàng đi đến kết luận đáng buồn ấy, khi bước vào tiền sảnh.

Chàng trao bức thư của mình cho nha môn, người này dẫn chàng vào phòng đợi, rồi vào sâu mãi phía trong.

Trong phòng đợi, có năm hoặc sáu vệ binh của Giáo chủ, và đều nhận ra D'Artagnan và biết chính là chàng đã làm bị thương De Jussac, nhìn chàng bằng một nụ cười đặc biệt.

Nụ cười đó có vẻ là một điềm gở. Có điều, chàng Gascogne không phải dễ bị dọa nạt, hoặc đúng hơn nhờ lòng kiêu hãnh lớn bẩm sịnh của dân xứ ấy, chàng không dễ để nhận ra những gì đang diễn ra trong tâm hồn mình, khi mà cái điều đang diễn ra ấy giống như một sự sợ hãi. Chàng hiên ngang đứng trụ, tay chống nạnh, thái độ không thiếu vẻ đường bệ.

Viên nha môn quay lại và ra hiệu cho D'Artagnan đi theo hắn. Chàng thấy hình như khi nhìn chàng đi khỏi, bọn cận vệ xì xào gì với nhau.

Chàng đi theo một hành lang, xuyên qua một phòng khách vào một thư viện và thấy trước mặt là một người ngồi trước một bàn giấy và đang viết.

Viên nha môn dẫn chàng vào rồi rút lui không nói một câu.

D'Artagnan vẫn đứng và quan sát người kia.

Lúc đầu, D'Artagnan cứ tưởng mình có việc với một nhân viên thẩm phán nào đó đang nghiên cứu hồ sơ của mình, nhưng chàng thấy người ngồi bàn giấy viết hoặc đúng hơn là đang chữa những câu dài ngắn khác nhau, vừa ngắt nhịp các từ theo các ngón tay. Chàng thấy mình đang đứng trước mặt một nhà thơ.

Một lát sau, nhà thơ gấp lại bản thảo trong một bìa ngoài có đề "Miaram, bi kịch năm hồi" và ngẩng đầu lên.

D'Artagnan nhận ra là Giáo chủ.

§40. Một ảo ảnh khủng khiếp

Giáo chủ chống khuỷu tay lên bản thảo, tỳ tay lên má, và nhìn chàng trai trẻ một lát. Không ai có cái nhìn soi mói sâu hút như Giáo chủ Richelieu và D'Artagnan bị cái nhìn ấy chạy dọc mạch máu mình như một cơn sốt.

Tuy nhiên chàng vẫn giữ được bình tĩnh, tay cầm mũ, và chờ đợi thái độ dễ chịu hơn của Giáo chủ, không quá kiêu hãnh mà không quá khúm núm.

-Ông kia, – Giáo chủ bảo chàng – Ông có phải D'Artagnan xứ Bearn không?

-Vâng, thưa Đức ông.

-Có nhiều chi họ D'Artagnan ở Tácbơ và ở vùng phụ cận – Giáo chủ nói – Ông thuộc chi nào?

-Tôi là con trai người đã từng tham gia chiến tranh tôn giáo với Đại đế Henri, phụ thân của Hoàng thượng.

-Đúng là như thế. Chính ông, khoảng bảy tám tháng trước đây đã từ xứ xở mình ra đi, để tìm vận may trong kinh thành?

-Vâng, thưa Đức ông.

-Ông đi qua Măng đến, ở đấy ông đã gặp một chuyện gì đó, tôi không nhớ lắm, nhưng rút cục là một chuyện gì đấy.

-Thưa Đức ông – D'Artagnan nói – Chuyện xảy ra với tôi là như thế này…

-Không cần thiết, không cần thiết – Giáo chủ đáp lại với một nụ cười tỏ ra ông đã biết hết chuyện chẳng kém gì người định kể cho ông nghe – Ông đã được tiến cử với ông De Treville, phải không?

-Vâng, thưa Đức ông, nhưng đúng ra, trong vụ việc lôi thôi ở Măng…

-Bức thư đã bị mất – Đức ông tiếp – phải, ta biết việc đó.

-Nhưng ông De Treville là một nhà tướng diện học có tài nhìn qua người là đã biết ngay, và ông ấy đã xếp ông vào đại đội em vợ ông ấy, ông des Essarts, để ông hy vọng ngày một ngày hai ông sẽ vào được ngự lâm quân.

-Đức ông biết hết mọi chuyện – D'Artagnan nói.

-Từ buổi đó, đã xảy ra với ông nhiều chuyện. Một hôm ông đã đi dạo sau dãy Sáctrơ[101] mà giá như ông ở chỗ khác thì tốt hơn. Rồi ông đã cùng các bạn ông du hành đến suối nóng Foócgiơ. Các bạn ông bị dừng lại ở dọc đường. Nhưng ông, ông đã tiếp tục chuyến đi. Thật hoàn toàn đơn giản, ông có công việc ở Anh quốc.

-Thưa Đức ông – D'Artagnan lặng người đi -Tôi đi…

-Đi săn, ở Uynxơ hay đâu đó, điều đó cũng chẳng quan hệ gì. Ta biết chuyện đó, ta, bởi ở cương vị ta, ta phải biết hết. Lúc trở về, ông đã nhận được từ một nhân vật chí tôn và ta rất thú vị khi thấy ông vẫn giữ được cái kỷ niệm mà người ấy đã ban tặng.

D'Artagnan lấy tay che cái nhẫn kim cương nhận được của Hoàng hậu và vội xoay mặt nhẫn vào trong nhưng đã quá muộn.

-Sau hôm đó, ông Cavoa có tới thăm ông – Giáo chủ nói tiếp – Ông ấy định yêu cầu ông đến dinh phủ. Ông đã không đáp lại, và ông đã sai lầm.

-Thưa Đức ông, tôi sợ chuốc lấy sự ghét bỏ của Đức ông.

-Ồ! Sao thế được? Vì đã tuân theo mệnh lệnh của cấp trên, với trí thông minh và lòng dũng cảm mà người khác không có nổi lại chuốc lấy sự ghét bỏ trong khi ông xứng đáng được ngợi khen ư? Chỉ có những kẻ không tuân lệnh, ta mới trừng phạt chứ không phải những người như ông rất mực… tuân lệnh – và bằng chứng, đấy, ông hãy nhớ lại cái ngày ta cho gọi ông đến gặp ta, và ông hãy tìm xem trong trí nhớ của ông điều gì đã xảy ra ngay tối hôm đó.

Đó chính là tối bà Bonacieux bị bắt cóc, D'Artagnan rùng mình và chàng nhớ lại nửa giờ trước đây, người đàn bà đáng thương còn diễu qua trước mắt chàng, và còn bị mang đi vẫn do cùng một thế lực đã bắt cóc nàng.

Giáo chủ nói tiếp: -Cuối cùng, vì ta không nghe thấy nói về ông ít lâu nay, ta muốn biết ông đang làm chuyện gì. Vả lại ông còn phải cảm tạ ta ấy chứ, tự ông, ông cũng nhận ra ông đã nhúng tay vào bao nhiêu chuyện.

D'Artagnan nghiêng mình kính cẩn.

Giáo chủ lại nói tiếp: -Điều đó xuất phát không chỉ từ một tình cảm về sự công bằng tự nhiên mà còn từ một kế hoạch ta vạch ra liên quan đến ông.

D'Artagnan mỗi lúc thêm ngạc nhiên.

-Ta định giải thích kế hoạch đó với ông từ hôm mà ông được mời đến lần đầu kia, nhưng ông không đến. May sao không có gì thiệt hại về sự chậm trễ đó, và hôm nay ông đã đến nghe. Ngồi xuống đi, trước mặt ta, ông D'Artagnan. Ông là một nhà quý tộc tốt không đáng để phải đứng nghe ta nói.

Và Giáo chủ chỉ một chiếc ghế tựa cho chàng trai trẻ đang quá đỗi ngạc nhiên trước những gì vừa diễn ra đến nỗi phải chờ người đang cật vấn mình ra hiệu lần thứ hai mới dám ngồi.

-Ông can trường, ông D'Artagnan ạ – Đức ông tiếp tục – Ông lại thận trọng, đáng quý lắm. Ta thích những con người có đầu óc và tâm huyết. Đừng sợ – Giáo chủ cười nói – Những người tâm huyết, ta nghĩ đó là những người dũng cảm. Nhưng tí tuổi như ông, và vừa mới bước vào đời mà đã có những kẻ thù hùng mạnh, nếu ông không cẩn thận, họ sẽ cho ông toi đời

-Than ôi, thưa Đức ông? – Chàng trai trả lời – việc đó chắc hẳn quá dễ thôi, bởi vì họ mạnh lại có chỗ dựa tốt, còn như tôi, tôi chỉ đơn độc một mình!

-Phải, đúng thế. Nhưng đơn độc như ông, ông đã làm được rất nhiều, và ta tin chắc sẽ còn làm được nhiều nữa. Tuy nhiên, ta tin rằng ông cần được dìu dắt trong nghề nghiệp phiêu lưu mà ông dốc tâm theo đuổi, bởi nếu ta không nhầm, ông đến Paris với tham vọng lập nghiệp.

-Thưa Đức ông, tôi đang ở tuổi có những cuồng vọng – D'Artagnan nói.

-Này ông, chỉ có những thằng ngu mới có những cuồng vọng, còn ông là một người có trí tuệ. Xem nào, ông nói sao về chức thiếu úy trong đội cận vệ của ta, và về một đại đội sau khi kết thúc chiến dịch.

-Ôi, thưa Đức ông!

-Ông nhận chứ phải không nào?

-Thưa đức ông… – D'Artagnan nhắc lại bối rối.

-Sao, ông từ chối à? – Giáo chủ kêu lên kinh ngạc.

-Tôi đã ở trong đội cận vệ của Hoàng thượng, thưa Đức ông, và tôi không có lý do gì để không bằng lòng.

-Nhưng hình như – Đức ông nói – cận vệ của ta cũng là cận vệ Hoàng thượng, và miễn là phục vụ trong một đơn vị quân Pháp, tức là phục vụ nhà Vua.

-Thưa Đức ông, Đức ông hiểu lầm tôi nói rồi.

-Ông muốn tìm một cớ để thoái thác chứ gì? Ta hiểu. Thế thì, cái cớ ấy, ông có rồi đấy. Chiến dịch mở, sự thăng chức, cơ hội ta dành cho ông, thế là đủ với mọi người. Đối với ông, nhu cầu được bảo hộ chắc chắn, bởi vì tốt nhất ông nên biết, ông D'Artagnan ạ, ta nhận được những khiếu nại nghiêm trọng chống lại ông rằng ông không ngày đêm dốc lòng phụng sự Đức Vua đâu.

D'Artagnan đỏ mặt.

-Hơn nữa – Giáo chủ, vừa nói tiếp, vừa để tay lên một tập giấy tờ – Ta có đây cả một tập hồ sơ liên quan đến ông, nhưng trước khi đọc nó, ta muốn nói chuyện với ông đã. Ta biết ông là một con người quyết đoán và những việc phục vụ của ông nếu được điều khiển tốt, đáng lẽ dẫn ông đến sự tồi tệ, lại có thể đem lại nhiều thứ cho ông. Nào suy nghĩ và quyết định đi.

-Thưa Đức ông, lòng nhân từ của Đức ông làm tôi bối rối – D'Artagnan trả lời – và tôi nhận thấy trong Đức ông một tâm hồn cao cả khiến tôi cảm thấy mình càng nhỏ bé như loài giun dế. Nhưng chung quy một khi Đức ông cho phép tôi được nói thẳng – D'Artagnan dừng lại.

-Được, nói đi.

-Vậy thì, tôi sẽ nói với Đức ông rằng tất cả các bạn tôi đều ở ngự lâm quân và cận vệ của nhà Vua, còn những kẻ thù của tôi, do định mệnh không thể lý giải nổi, đều là người của Đức ông, vì vậy nếu tôi nhận đặc ân Đức ông ban cho tôi thì tôi sẽ bị bên này khinh thường và bên kia tẩy chay.

-Có nhẽ ông đã có cái ý nghĩ kiêu căng là ta không đãi ông cho xứng với ông chăng? – Giáo chủ hỏi với nụ cười miệt thị.

-Thưa Đức ông, Đức ông quá tốt với tôi gấp trăm lần và trái lại tôi nghĩ còn chưa làm gì để tạm gọi là xứng đáng với lòng tốt của Đức ông. Cuộc bao vây thành La Rochelle sắp mở, thưa Đức ông, tôi sẽ phục vụ dưới sự quan sát của Đức ông, và nếu tôi may mắn xử sự trong cuộc vây hãm này để sao cho xứng

đáng với sự quan tâm của Đức ông, thì sau đó ít nhất tôi cũng sẽ có được một chiến tích chói lọi để chứng minh sự che chở của Đức ông. Mọi việc đều phải được làm đúng lúc, thưa Đức ông, có thể sau này, tôi sẽ có quyền hiến thân, còn lúc này làm thế là tôi tự bán mình.

-Có nghĩa là ông từ chối phục vụ ta – Giáo chủ nói bằng một giọng hờn dỗi nhưng vẫn có vẻ coi trọng – Vậy ông cứ việc tự do và giữ lấy những hận thù và cảm tình của ông.

-Thưa Đức ông…

-Được được – Giáo chủ nói – ta không giận ông đâu. Nhưng ông hiểu đấy, người ta bảo vệ cho bạn và thưởng công cho họ là đủ lắm rồi. Không ai phải làm việc đó với kẻ thù đâu. Tuy nhiên, ta sẽ khuyên ông một điều, hãy giữ mình cẩn thận, ông D'Artagnan ạ, bởi khi ta đã rút bàn tay khỏi sự che chở cho ông, thì tính mạng ông một xu nhỏ ta cũng sẽ không mua đâu.

-Tôi sẽ cố gắng, thưa Đức ông – chàng Gascogne trả lời bằng vẻ quả quyết đáng trân trọng.

-Sau này nếu lúc nào đó xảy đến điều gì không may – Richelieu nói với dụng ý – hãy nhớ chính ta là người đã từng tìm ông và ta đã làm những gì ta có thể để cái điều không may ấy không xảy ra với ông.

-Dù xảy ra chuyện gì… – D'Artagnan vừa nói vừa để tay lên ngực và nghiêng mình – tôi vẫn sẽ vĩnh viễn chịu ơn Đức ông về những điều đã làm cho tôi trong lúc này.

-Thôi được. Ông D'Artagnan, như ông nói, chúng ta sẽ gặp lại nhau sau chiến dịch vậy. Ta theo dõi ông chặt chẽ, bởi ta sẽ ở đấy – Giáo chủ vừa nói tiếp vừa giơ ngón tay chỉ cho D'Artagnan bộ áo giáp lộng lẫy ông ta sẽ khoác lên vai – Thôi khi nào trở về, chúng ta sẽ bàn tính với nhau.

-Ôi! Thưa Đức ông! – D'Artagnan kêu lên – Xin Đức ông tha cho tôi đừng trút sự ghét bỏ lên tôi. Xin Đức ông đừng thiên vị nếu thấy tôi hành động như một kẻ hào hoa.

-Chàng trai trẻ – Richelieu nói – Nếu ta có thể nói với ông một lần nữa cái điều mà ta đã nói với ông hôm nay, thì ta hứa ta sẽ nói.

Câu nói sau cùng này của Richelieu biểu lộ một mối nghi ngờ khủng khiếp. Nó làm cho chàng khiếp sợ hơn cả nếu ông ta hăm dọa, bởi đây là một lời cảnh báo. Giáo chủ vậy là vẫn tìm cách phòng tránh cho chàng khỏi một sự bất hạnh nào đó đe dọa chàng. Chàng mở miệng định trả lời, nhưng bằng một động tác cao ngạo, Giáo chủ đuổi chàng ra.

D'Artagnan đi ra. Nhưng ra đến cửa, chàng như mất hết tinh thần suýt nữa thì đã quay lại. Nhưng một bộ mặt trang trọng và nghiêm khắc hiện ra với chàng. Nếu chàng thỏa thuận với Giáo chủ theo điều ông ta đưa ra, Athos sẽ không cộng tác với chàng nữa, Athos sẽ chối bỏ chàng.

Nỗi sợ đó đã ngăn chàng lại, đúng là một phẩm cách cao cả bao giờ cũng có một ảnh hưởng mạnh mẽ đến xung quanh.

D'Artagnan đi xuống vẫn chiếc cầu thang mà chàng đã đi lên và thấy trước cửa Athos và bốn người lính ngự lâm đang đợi chàng quay ra và đã bắt đầu lo lắng. D'Artagnan nói vắn tắt cho mọi người vững tâm, còn Planchet chạy đi báo cho các trạm khác, không cần thiết phải cảnh giới lâu hơn nữa vì chủ mình ra đã ra khỏi lâu đài Giáo chủ bình yên vô sự.

Về đến nhà Athos, Aramis và Porthos hỏi nguyên nhân của cuộc hẹn hò lạ lùng đó. Nhưng D'Artagnan chỉ nói qua với họ rằng Giáo chủ Richelieu cho gọi chàng đến để đề nghị chàng xung vào đội cận vệ của ông ta với chức thiếu úy và chàng đã từ chối.

-Cậu làm thế là đúng! – Cả Porthos lẫn Aramis đều đồng thanh nói.

Athos mơ mơ màng màng không nói sao nhưng khi chỉ còn lại hai người, chàng nói: -Cậu đã làm cái việc cậu phải làm, D'Artagnan ạ, nhưng có thể cậu đã sai lầm.

D'Artagnan buông một tiếng thở dài. Bởi câu nói đó đã đáp ứng một tiếng nói thầm kín trong lòng chàng, bảo cho chàng biết những bất hạnh lớn đang chờ đợi chàng.

Suốt ngày hôm sau dành cho những việc chuẩn bị lên đường.

D'Artagnan đến chào từ biệt ông De Treville. Đén lúc đó, người ta vẫn tin việc phân tách quân cận vệ và ngự lâm quân sẽ chỉ là tạm thời, nhà Vua họp Nghị viện ngay ngày hôm đó và hôm sau đã phải lên đường. Ông De Treville đành chỉ hỏi D'Artagnan xem chàng có cần gì ở ông không, nhưng D'Artagnan kiêu hãnh trả lời chàng đã có tất cả những gì cần có.

Ban đêm, tất cả các chiến hữu của đại đội cận vệ của ông des Essarts và đại đội ngự lâm của ông De Treville họp lại giao hữu. Họ chia tay nhau và sẽ gặp lại nhau khi nào Chúa thương và nếu Chúa thương. Đêm, vì vậy vô cùng ầm ĩ, cũng dễ hiểu thôi, bởi trong hoàn cảnh ấy, người ta chỉ có thể dẹp bỏ sự băn khoăn lo lắng cực điểm bằng việc thả sức vô tư.

Hôm sau, nghe tiếng kèn đầu tiên, những người bạn chia tay nhau. Ngự lâm quân về dinh trại ông De Treville, cận vệ dinh trại ông des Essarts. Mỗi ông đại úy dẫn ngay tức khắc đại đội của mình đến điện Louvre để nhà vua duyệt binh.

Nhà Vua buồn rầu và có vẻ ốm yếu làm mất đi một phần vẻ oai phong. Quả vậy, hôm trước nhà Vua lên cơn sốt lúc đang điều khiển một phiên chầu ngay giữa Nghị viện. Nhà Vua không vì thế mà kém dứt khoát ra đi ngay buổi tối. Và mặc những lời can ngăn, Ngài vẫn muốn ra duyệt binh, hy vọng bằng một đòn mạnh mẽ, đẩy lui được cơn bệnh bắt đầu xâm chiếm.

Duyệt binh đã xong, quân cận vệ tiến bước một mình, ngự lâm quân phải đợi lên đường cùng với nhà Vua, việc đó cho phép Porthos với đồ quân trang tuyệt

vời của mình làm một vòng đến phố Lũ gấu.

Bà biện lý nhìn thấy chàng diễu qua trong bộ đồng phục mới toanh và trên con tuấn mã. Bà ta yêu Porthos quá nên không thể để chàng ra đi như thế, liền ra hiệu cho chàng xuống ngựa và đến bên bà. Porthos thật là lộng lẫy, đinh thúc ngựa vang vang, áo giáp lấp lánh, thanh gươm đập một cách ngạo nghễ vào ống chân. Lần này trông Porthos có vẻ như một kẻ chuyên xẻo tai, nên bọn học nghề ký lục không ai còn muốn cười nữa.

Chàng ngự lâm quân được dẫn vào chỗ ông Coquenard, con mắt ti hí màu xám của ông long lên giận dữ khi thấy người anh họ của mình, cái gì cũng chói lòa và mới. Tuy nhiên có một điều thầm an ủi ông, đó là đâu đâu người ta cũng nói chiến dịch sẽ gay go khốc liệt, ông thoáng hy vọng trong thâm tâm Porthos sẽ bị giết chết trong chiến dịch này.

Porthos chúc mừng thầy kiện Coquenard và chào từ biệt. Thầy Coquenard cũng chúc chàng mọi sự thuận lợi. Còn như bà Coquenard, bà không thể ngăn nổi rơi nước mắt, nhưng người ta cũng không quy kết gì xấu cho sự đau đớn của bà, người ta biết bà rất gắn bó với họ hàng và thường có những cuộc cãi nhau dữ dội với chồng mình vì họ.

Nhưng việc chia tay thực sự lại diễn ra trong buồng bà Coquenard. Ở đây mới tan nát cõi lòng.

Bà biện lý dõi mắt nhìn theo người tình, ngả đầu ra ngoài cửa sổ, vẫy vẫy khăn tay tưởng như bà đang muốn nhào theo.

Porthos nhận mọi dấu hiệu ấy như một gã đàn ông chai xạn với những trò như thế, chỉ mãi tới khi rẽ ngoặt góc phố, chàng mới nhấc mũ vẫy chào từ biệt.

Về phần mình, Aramis viết một bức thư dài. Cho ai? Không ai biết gì hết. Trong phòng bên cạnh, Ketty cũng phải ra đi ngay tối nay đến Tours, người ta đang chờ nàng.

Athos uống từng ngụm nhỏ chai rượu vang Tây Ban Nha cuối cùng.

Trong khi đó D'Artagnan đang hành quân với đại đội của mình.

Đến ngoại ô Saint-Antoine, chàng quay đầu lại, vui vẻ nhìn ngục Bastille. Nhưng vì chàng chỉ nhìn ngục Bastille thôi, nên không hề thấy Milady cưỡi lên con ngựa màu hạt dẻ đang chỉ tay cho hai kẻ tướng mạo xấu xí đang tiến sát đến hàng quân để nhận mặt chàng. Bọn chúng đưa mắt nhìn có ý hỏi.

Milady ra hiệu trả lời đó chính là chàng. Rồi, sau khi đã đinh ninh mệnh lệnh của mình sẽ được thi hành không thể nhầm lẫn, Milady thúc ngựa và biến mất.

Hai người đàn ông kia liền đi theo đại đội và khi ra khỏi ngoại ô, liền nhảy lên hai con ngựa đã được chuẩn bị đầy đủ do một tên đầy tớ không mặc áo người hầu dắt tay và chờ bọn họ.

§41. Cuộc vây thành La Rochelle

Cuộc vây thành La Rochelle là một trong những sự kiện chính trị trọng đại dưới triều Vua Louis XIII, và là một trong những sự nghiệp quân sự lớn của Giáo chủ. Vì vậy sẽ thú vị và cần thiết nữa để nói đôi điều về việc đó. Vả lại nhiều tình tiết của cuộc vây hãm này liên hệ rất quan trọng đến câu chuyện này không thể bỏ qua.

Những quan điểm chính trị của Giáo chủ, khi ông quyết định cuộc vây hãm này rất quan trọng. Trước hết hãy trình nó ra, rồi sẽ chuyển sang những quan điểm riêng biệt có lẽ không kém ảnh hưởng đến Giáo chủ hơn những quan điểm trước của chính ông.

Những thành phố quan trọng mà Henri IV dành cho những người theo đạo Canvanh như những vị trí an toàn nay chỉ còn lại mỗi thành Rochelle, vị trí cuối cùng của giáo phái Canvanh này, cái mầm mống nguy hiểm không ngừng dính líu với những việc kích động nội loạn hay chiến tranh với nước ngoài.

Người Tây Ban Nha, người Anh, người Ý đều bất bình, khách lục lâm giang hồ, những binh lính gặp may của đủ mọi loại quân nghe thấy lời kêu gọi đầu tiên, đã đổ đến dưới cá cờ của bọn Tin lành, và tổ chức thành một hiệp hội rộng lớn mà các chi hội thoải mái phân nhánh trên khắp các điểm của châu Âu.

La Rochelle giữ một tầm quan trọng mới từ sự sụp đổ của những thành phố Canvanh khác, đã trở thành cái lò của những mối bất hòa và những tham vọng. Còn thêm nữa, hải cảng của nó là chiếc cửa cuối cùng mở ra cho bọn Anh vào vương quốc Pháp và nếu đóng nó lại với bọn Anh, kẻ thù vĩnh viễn của chúng ta, thì Giáo chủ sẽ hoàn tất được sự nghiệp của Janđa[102] và Công tước de Ghidơ, vậy nên, Bassompirre[103] vừa là Tin lành vừa Cơ đốc giáo, Tin lành trong tín ngưỡng và Cơ đốc giáo vì được ban tặng huân chương Thánh Trí tuệ[104]. Bát xompie là người giữ vai trò chỉ huy đặc biệt cuộc bao vây thành La Rochelle, lại đi nhồi vào đầu nhiều lãnh chúa Tin lành khác như mình câu nói sau: -Rồi các vị sẽ thấy là chúng ta khá ngu ngốc khi đánh chiếm thành La Rochelle!

Và Bassompirre đã đúng: Trận đại bác nã vào đảo Rê đã là khúc dạo đầu cho những vụ thảm sát ở Xêven[105] và việc đánh chiếm La Rochelle là phần lời tựa cho sắc lệnh Nante.

Nhưng như đã nói, bên cạnh những quan điểm của vị Thủ trướng muốn san bằng giai cấp, và đơn giản hóa bộ máy Nhà nước, thuộc về lịch sử, còn phải nhặn ra những mục tiêu nho nhỏ của một người đàn ông si tình và một tình địch cả ghen.

Richelieu đã từng si mê Hoàng hậu. Mối tình ấy ở ông là một mục đích chính trị hay chỉ hoàn toàn tự nhiên là một trong những mê đắm sâu sác mà Anne

d'Autriche đem lại cho mọi người xung quanh? Đó là điều chúng ta không thể nói sao cho đúng.

Nhưng dẫu sao, qua những sự phát triển trước đây của chuyện này, người ta cũng thấy Buckingham đã nẫng tay trên mất của Richelieu trong vài ba trường hợp và đặc biệt trong chuyện những nút kim cương, nhờ sự tận tâm của ba chàng ngự lâm và lòng can đảm của D'Artagnan, đã chơi ông một vố tàn bạo.

Vì vậy đối với Richelieu, đây không những là tống cổ kẻ thù ra khỏi nước Pháp mà còn là trả hận một địch tình. Hơn nữa việc rửa hận phải lớn lao, rạng rỡ và hoàn toàn xứng đáng với một người nắm trong tay toàn bộ lực lượng vũ trang của vương quốc như thanh gươm chiến của mình.

Richelieu biết rằng trong khi chiến đấu với Anh quốc tức chiến đấu với Buckingham, thắng Anh quốc ông thắng luôn Buckingham, cuối cùng làm nhục nước Anh trước con mắt châu Âu cũng là làm nhục Buckingham trước mặt Hoàng hậu.

Về phía Buckingham, trong khi đặt danh dự nước Anh lên trước hết, cũng bị lay chuyển bởi những lợi ích tương đồng với những lợi ích riêng của Giáo chủ. Buckingham cũng theo đuổi một cuộc trả thù đặc biệt, Buckingham không thể viện được bất cứ cớ nào để có thể vào nước Pháp như một sứ thần, ông ta định vào đó như một kẻ chiến thắng.

Kết luận là khoản được thua đích thực trong canh bạc mà hai vương quốc hùng mạnh nhất chơi với nhau theo trò hứng trí của hai kẻ si tình chỉ đơn giản là cái liếc nhìn của Anne d'Autriche.

Lợi thế ban đầu thuộc về Công tước De Buckingham.

Bất ngờ có mặt ở đảo Rê với chín mươi chiến hạm và khoảng hai mươi nghìn quân, ông ta đột kích Bá tước de Toiras, người thay mặt nhà Vua trấn giữ đảo. Sau một trận giao chiến đẫm máu, Buckingham đã đổ bộ được lên đảo. Và Nam tước de Săngtan đã tử trận ở đây, để lại cô con gái mồ côi mười tám tháng tuổi, chính là nữ nhà văn De Xêvinhê sau này.

Bá tước De Toiras rút lui vào thành Saint-Martin, cùng với quân đồn trú và tung một trăm quân vào một pháo đài nhỏ mà người ta gọi là pháo đài De La Prê.

Biến cố đó đẩy nhanh những quyết định của Giáo chủ. Trong khi chờ đợi nhà Vua, và đích thân mình chỉ huy cuộc bao vây thành La Rochelle, Giáo chủ đã phái Hoàng đệ chỉ huy những trận đánh đầu tiên, và đưa tất cả các đạo quân có thể bố trí lên sân khấu chiến tranh.

D'Artagnan có mặt trong đạo quân tiên phong đó.

Nhà Vua, như đã nói, đáng lẽ đã đi theo, ngay khi họp xong Nghị viện, nhưng vừa đứng lên sau khi họp xong, ngày 23 tháng sáu, ông bị lên cơn sốt, không phải không muốn ra đi, nhưng thể trạng xấu thêm, buộc phải dừng lại ở Viloroa.

Mà, nhà Vua dừng ở đâu, thì ngự lâm quân dừng ở đó, kết quả là D'Artagnan vốn chỉ đơn thuần là quân cận vệ ít ra đã tạm thời bị tách rời khỏi các bạn tốt của mình là Athos, Porthos và Aramis. Cuộc xa cách này chỉ là một sự bực dọc đối với chàng, chắc chắn đã trở thành một mối lo nghiêm trọng nếu như chàng đoán được những hiểm nguy chưa biết đang vây bọc quanh chàng.

Chàng vẫn đến được doanh trại thiết lập trước thành La Rochelle mà không gặp tai họa nào vào ngày 10 tháng 9 năm 1627.

Mọi việc vẫn trong tình trạng cũ. Quận công De Buckingham và quân Anh, làm chủ đảo Rê, tiếp tục bao vây không có kết quả thành Saint-Martin và pháo đài La Prê, và những trận giao chiến với La Rochelle đã bắt đầu từ vài ba hôm, nhân một pháo đài Quận công vừa cho xây dựng gần thành phố.

Quân cận vệ, dưới quyền chỉ huy của ông des Essarts đóng ở Minim. Nhưng D'Artagnan vẫn băn khoăn với tham vọng được chuyển sang Ngự lâm quân, ít thân mật với đồng đội, chàng thấy mình cô đơn, và đắm mình trong những suy nghĩ riêng tư.

Những suy nghĩ ấy không lấy gì làm vui vẻ lắm. Chàng đến Paris đã được hai năm. Chàng đã hòa mình vào những việc công. Những việc riêng tư như tình yêu và hạnh vận đều không được suôn sẻ lắm.

Về tình yêu, người đàn bà duy nhất chàng yêu là bà Bonacieux thì đã biến mất không để cho chàng khám phá ra được nàng đã ra sao.

Về hạnh vận, nhỏ nhoi như chàng mà lại biến mình thành kẻ thù của Giáo chủ, nghĩa là một con người mà đứng trước ông ta những bậc quyền quý nhất vương quốc bắt đầu từ nhà Vua, cũng phải run sợ.

Con người đó có thể nghiền nát chàng, tuy nhiên, ông ta lại không làm thế. Đối với một trí tuệ minh mẫn như D'Artagnan, sự độ lượng đó như một ánh sáng qua đó chàng nhìn vào một tương lai tốt đẹp hơn.

Thế rồi, chàng lại biến mình thành kẻ thù của một kẻ khác ít đáng sợ hơn, chàng nghĩ vậy, tuy nhiên linh tính báo cho chàng biết không thể coi thường, đó là Milady.

Đổi lại tất cả những điều đó chàng có được sự che chở và sự ưu ái của Hoàng hậu, nhưng sự ưu ái của Hoàng hậu chả mấy chốc lại là cái cớ để thêm nhiều ngược đãi, và sự che chở của bà lại rất tồi, bằng chứng là Cale[106] và bà Bonacieux.

Cái mà chàng kiếm được rõ rệt nhất trong mọi chuyện đó lại là cái nhẫn kim cương đáng giá năm sáu nghìn quan chàng vẫn đeo trên tay. Và còn nữa, cái nhẫn kim cương ấy, giả dụ D'Artagnan trong những dự định đầy tham vọng của mình, giữ nó để một ngày nào đó minh chứng cho lòng biết ơn Hoàng hậu thì trong khi chờ đợi, vì không thể đem bán nó đi được, nên nó cũng chỉ có giá trị như viên sỏi lăn dưới chân chàng.

Nói tới viên sỏi lăn dưới chân chàng, bởi D'Artagnan đang một mình dạo chơi trên con đường nhỏ đẹp từ doanh trại đến làng Ănggúttanh, vừa đi vừa suy nghĩ. Suy nghĩ miên man khiến đi quá xa mà cũng không biết, trời bắt đầu tà, trong tia nắng cuối cùng của mặt trời xế bóng, chàng như trông thấy lóe lên đằng sau một bờ giậu một họng súng hỏa mai.

D'Artagnan mắt tinh và nhanh trí, hiểu ngay khẩu súng hỏa mai không đến đó một mình và kẻ đang mang nó không phải nấp sau bờ giậu với ý đồ thân thiện. Chàng quyết định lánh xa ra, thì bên kia đường, sau một tảng đá, chàng thấy đầu một nòng súng hỏa mai thứ hai.

Rõ ràng là một cuộc phục kích.

Chàng đưa mắt nhìn khẩu súng thứ nhất, có phần lo ngại khi thấy nó đang hạ xuống hướng về phía mình, nhưng ngay khi thấy họng súng bất động, chàng vội nằm sấp xuống đất. Vừa kịp lúc súng nổ và chàng nghe thấy tiếng đạn réo qua đầu.

Không để mất một phút, D'Artagnan vùng ngay dậy và ngay lúc đó viên đạn của khẩu hỏa mai kia làm bay những viên sỏi đúng nơi chàng vừa nằm xuống đất.

D'Artagnan không phải là một kẻ can trường vô ích đi tìm cái chết lố lăng để được người ta nói là hạng người không chịu lùi một bước. Vả lại không phải chuyện can đảm ở đây.

D'Artagnan đã rơi vào một âm mưu sát hại. Chàng tự nhủ, nếu có phát thứ ba, mình chết rồi!

Thế là ngay lập tức chàng vắt chân lên cổ chạy trốn về phía doanh trại, với tốc độ nổi tiếng của dân xứ chàng. Nhưng dù có chạy nhanh đến đâu, thì tên bắn trước đã kịp nhồi lại thuốc súng và bắn chàng phát thứ hai khá trúng. Viên đạn xuyên qua mũ chàng và làm bay mũ xa đến mươi bước.

Thế nhưng D'Artagnan không còn chiếc mũ nào khác, nên chàng phải vừa chạy vừa nhặt lấy mũ, vừa chạy vừa thở, mặt tái nhợt đi, về đến nơi trú quân, rồi ngồi xuống lẳng lặng bắt đầu suy nghĩ.

Sự cố đó có thể có ba nguyên nhân.

Nguyên nhân đầu tiên và cũng là tự nhiên nhất, có thể đây là một ổ phục kích của bọn Rochelle, chắc chẳng thấy phiền lòng khi giết một cận vệ của nhà Vua, trước hết bởi ít nhất đấy cũng là một kẻ thù, và kẻ thù biết đâu lại không có một bọc vàng trong túi.

D'Artagnan cầm mũ, xem lỗ thủng viên đạn và lắc đầu.

-Không phải đạn súng hỏa mai, đó là viên đạn của loại súng có bệ tì, sự chính xác của viên đạn khiến chàng nghĩ nó phải được bắn ra từ một vũ khí đặc biệt, đây không phải một ổ phục kích quân sự một khi viên đạn không thuộc cỡ súng quân dụng.

Đó cũng có thể là một kỷ niệm quý hóa của Giáo chủ. Chàng nhớ lại lúc đó, nhờ có một tia sáng mặt trời may mắn, chàng mới nhìn thấy cái nòng súng và lấy làm ngạc nhiên về tính kiềm chế của Đức ông trong chuyện này.

Nhưng rồi D'Artagnan lại lắc đầu. Đối với những kẻ mà Đức ông chỉ cần giơ tay ra, ông hiếm khi phải dùng đến những thủ đoạn đó.

Có thể đó là sự trả thù của Milady. Có thể có khả năng này hơn.

Chàng tìm cách nhớ lại những nét dạng hay trang phục những tên sát thủ nhưng vô ích. Chàng chạy quá nhanh để thoát khỏi chúng, còn thì giờ đâu để chú ý đến điều gì.

-Ôi các bạn chia sẻ đắng cay của tôi ơi – D'Artagnan lẩm bẩm – các bạn ở đâu? Sao tôi nhớ các bạn đến thế!

D'Artagnan trải qua một đêm thật là tồi tệ. Ba bốn lần chàng giật mình tỉnh dậy, như thấy có người lại gần giường cầm dao đâm mình. Tuy nhiên cho đến rạng sáng bóng đêm không đem đến sự cố gì.

Nhưng D'Artagnan ngờ rằng cái công việc bị trì hoãn này không phải đã mất đi.

Suốt ngày chàng không ra khỏi nơi trú quân, tự bào chữa cho mình vì trời xấu.

Ngày hôm sau nữa, khoảng chín giờ, hai bên đánh nhau.

Quận công De Oóclêăng đi thị sát các vị trí chiến đấu, quân cận vệ vơ lấy vũ khí tập hợp lại, D'Artagnan xếp hàng giữa các đồng ông Hoàng thị sát mặt trận. Các sĩ quan cao cấp, ông des Essarts, đại úy cận vệ, cũng như những người khác đến bên ông Hoàng để chúc tụng.

Một lát sau hình như ông des Essarts ra hiệu cho D'Artagnan lại gần mình, chàng sợ mình hiểu nhầm, đang đợi ông ra hiệu lần nữa, quả nhiên ông ra hiệu lần nữa, chàng liền chạy ra khỏi hàng ngũ, tiến lên để nhận lệnh.

-Đức ông yêu cầu một số người tình nguyện làm một nhiệm vụ nguy hiểm, và sẽ thưởng huân chương cho người nào hoàn thành nhiệm vụ. Và ta đã ra hiệu cho ông hãy sẵn sàng.

-Xin cám ơn, ông đại uý! – D'Artagnan trả lời, không đòi hỏi gì hơn là được tỏ ra nổi trội trước mặt ông trung tướng.

Quả thật, bọn Rochelle đã ra khỏi thành ban đêm và đã chiếm lại được một pháo lũy mà quân đội bảo hoàng đã chiếm trước đây hai ngày. Vấn đề là cần phải tung một nhóm trinh sát quyết tử để xem quân đối phương phòng thủ pháo lũy đó ra sao.

Một lát sau Đức ông cất cao giọng nói: -Để làm nhiệm vụ này, ta cần ba bốn người tình nguyện do một người chín chắn điều khiển.

-Thưa Đức ông, về con người chín chắn, tôi đã có sẵn trong tay – Ông des Essarts vừa nói vừa chỉ D'Artagnan, còn về bốn năm người tình nguyện, Đức

ông chỉ việc cho biết ý đồ của ngài, người sẽ không thiếu đâu.

D'Artagnan vung gươm nói: -Bốn người quyết tâm cao sẵn sàng chết cùng tôi!

Hai trong số bạn cận vệ đồng ngũ lao ra ngay và hai người lính khác cũng ra theo họ, quân số yêu cầu đã đủ, D'Artagnan từ chối mọi người khác dành ưu tiên cho mấy người trước.

Không biết liệu sau khi chiếm lại được pháo lũy, bọn Rochelle đã sơ tán hết hay để quân lại đồn trú, vậy nên phải đến rất gần địa điểm đã định để quan sát mới xác định được thực hư thế nào.

D'Artagnan ra đi cùng bốn đồng đội, theo một đường hào, hai cận vệ đi ngang hàng với chàng và hai người lính đi phía sau.

Được che lấp bằng những lớp tường bao, họ cứ như thế tiến bước đến chỗ cách pháp lũy một trăm bước, tới đây, D'Artagnan ngoảnh lại, thấy hai người lính biến mất. Chàng tưởng họ sợ đã tụt lại phía sau, nên tiếp tục tiến bước.

Tới chỗ ngoặt của bức tường bao ngoài, họ chỉ còn cách pháo lũy khoảng sáu mươi bước. Họ chẳng nhìn thấy ai và pháo lũy như thể bị bỏ hoang.

Ba người ngơ ngác bàn nhau có nên tiến nữa hay không, bất thình lình một vành khói bao quanh pháo lũy bằng đá khổng lồ, và một tá đạn véo véo xung quanh D'Artagnan và hai đồng ngũ của chàng.

Thế là họ đã biết được điều họ muốn biết: pháo thành vẫn được canh giữ. Trụ lâu tại vị trí nguy hiểm này là một sự bất cẩn không cần thiết, D'Artagnan và hai cận vệ quân quay lại, bắt đầu rút lui giống như một sự chạy trốn.

Đi đến góc hào có tác dụng với họ như một chiến lũy, một cận vệ quân ngã xuống, một viên đạn xuyên qua ngực. Người kia không việc gì tiếp tục chạy về trận tuyến của mình.

D'Artagnan không muốn bỏ rơi đồng ngũ của mình liền cúi xuống nâng anh ta dậy và dìu trở về chiến tuyến của mình.

Nhưng cùng lúc đó hai phát súng bắn ra, một viên đạn bắn vỡ đầu người lính cận vệ đã bị thương, và viên khác bay đến bẹt ra trên một tảng đá, sau khi sượt qua D'Artagnan hai đốt ngón tay.

Chàng quay phắt lại, bởi cuộc tấn công này không từ pháo lũy mà từ chỗ này ngay góc chiến hào. Nghĩ tới hai tên lính đã bỏ rơi chàng, chàng liền nhớ lại hai tên sát thủ hôm trước nữa.

Thế là chàng quyết định lần này phải tìm cho ra nguyên cớ, và ngã lên thi thể người bạn làm như mình đã chết.

Chàng thấy ngay hai cái đầu ngóc lên trên một công sự bỏ hoang cách đó ba mươi bước chân, đó chính là đầu hai người lính đã đi theo chàng.

D'Artagnan đã không nhầm, hai tên đó đi theo chỉ để ám sát chàng, hy vọng sẽ đổ được cái chết của chàng trai trẻ cho kẻ thù.

-Có điều sợ rằng chàng có thể chỉ bị thương và sẽ tố cáo tội ác của chúng, chúng phải đến gần để kết liễu đời chàng. May sao, bị lừa bởi mưu kế của D'Artagnan, bọn chúng không nạp lại thuốc súng.

Khi chúng đến cách chàng mười bước, D'Artagnan khi vờ ngã vẫn cẩn thận không rời khỏi tay gươm, bất thình lình đứng vụt dậy và nhẩy phắt đến bên chúng.

Những tên sát thủ hiểu rằng nếu chúng chạy trốn về phía phòng tuyến quân Pháp mà chưa giết chết được người định giết, thì sẽ bị tố cáo. Cho nên ý nghĩ đầu tiên đến với chúng là nhảy sang hàng ngũ kẻ thù. Một trong hai tên cầm nòng súng quay ngược lại dùng làm cây chùy và phang một đòn khủng khiếp vào D'Artagnan, chàng nhảy sang một bên và tránh thoát, nhưng do vậy, chàng đã để lối thoát cho tên cướp lao ngay về phía pháo lũy.

Vì bọn Rochelle canh giữ không biết rõ ý đồ của kẻ chạy đến với chúng, chúng nhả đạn về phía tên này. Y ngã xuống vì bị trúng một phát đạn vỡ vai.

Trong khi đó, D'Artagnan đã nhảy vào tên thứ hai, dùng gươm tấn công hắn, trận đấu không kéo dài, tên kia chỉ chống đỡ bằng khẩu súng có bệ tì chưa nạp thuốc, mũi gươm của chàng cận vệ lướt qua nòng súng đã trở nên bất lực và xuyên qua đùi tên sát thủ. Hắn ngã xuống. D'Artagnan dí ngay mũi gươm và họng hắn.

-Ôi! Đừng giết tôi! – Tên cướp kêu lên – xin tha chết, xin tha chết, ngài sĩ quan? Tôi sẽ nói ra hết với ngài.

Chàng dừng tay lại hỏi: -Bí mật của mày có bõ công tao tha chết cho mày không?

-Có, có, nếu ông coi cuộc sống còn đáng chút gì đó khi người ta mới hăm hai tuổi như ông và đẹp trai, can trường như ông, và có thể đạt tới mọi điều tốt đẹp.

-Đồ khốn! – D'Artagnan nói – Có nói mau lên không nào, ai sai mày ám sát tao?

-Một người đàn bà tôi không quen biết, nhưng người ta gọi là Milady.

-Nhưng nếu mày không biết mụ ấy, làm sao mày lại biết tên?

-Bạn tôi biết bà ta và gọi tên như vậy, và bà ta làm việc với hắn chứ không phải với tôi. Hắn còn có trong túi hắn một bức thư của bà ta, chắc phải rất quan trọng đối với ông theo như tôi được nghe hắn nói.

-Nhưng làm sao mày lại dự phần một nửa trong cuộc mai phục đó?

-Hắn đề nghị tôi hai người cùng làm và tôi đã nhận lời.

-Và mụ ta đã trả cho chúng mày bao nhiêu cho cuộc mạo hiểu đẹp đẽ này?

-Một trăm louis.

-Thế à, trả hậu đấy! – Chàng vừa nói vừa cười – Mụ cho là tao cũng đáng giá đấy chứ, những một trăm louis cơ mà – Một số tiền lớn cho hai tên khốn kiếp

chúng mày, vì vậy tao hiểu tại sao chúng mày nhận, và tao tha chết cho mày với một điều kiện?

-Điều kiện gì? – Tên cướp hỏi và lo lắng vì thấy mọi chuyện chưa xong.

-Mày phải đi lấy bức thư trong túi bạn mày cho tao.

-Nhưng – Tên cướp kêu lên – Đó là cách khác để giết tôi. Làm sao tôi có thể đi tìm bức thư ấy dưới hỏa lực của pháo luỹ?

-Tuy nhiên mày vẫn phải đi tìm, nếu không tao thề sẽ tự tay tao giết chết mày.

Tên cướp quỳ sụp xuống và chống tay lên vì bắt đầu yếu sức do mất máu và kêu lên: -Xin tha tội chết! Thưa ngài, xin rủ lòng thương! Hãy vì người đàn bà trẻ mà ngài yêu và vẫn tưởng có lẽ đã chết, nhưng không phải thế!

-Và do đâu mày biết có một người đàn bà trẻ tao yêu và tao tưởng người ấy đã chết? – D'Artagnan hỏi.

-Do bức thư trong túi bạn tôi.

-Thế thì mày càng thấy tao cần bức thư thế nào – D'Artagnan nói – như vậy đừng chậm trễ thêm nữa, đừng ngần ngừ thêm nữa, nếu không cho dù tao có ghê tởm đến đâu phải nhúng mũi gươm của tao lần thứ hai vào máu một tên khốn kiếp như mày, tao xin thề trước lòng tin của một người lương thiện…

Nói đến đấy, D'Artagnan làm một động tác hăm dọa khủng khiếp khiến kẻ bị thương vội đứng dậy, nỗi khiếp hãi khiến y lấy lại được can đảm, cuống cuồng kêu lên: -Xin dừng lại! xin dừng lại! Tôi sẽ đi… Tôi sẽ đi!…

D'Artagnan cầm lấy súng của tên lính, bắt nó đi trước, tỳ mũi gươm vào mạng mỡ đẩy nó đến chỗ bạn nó.

-Thật là một điều ghê rợn khi nhìn tên khốn kiếp để lại trên đường nó đi qua một vệt máu dài, mặt tái nhợt vì cầm bằng cái chết, cố lê đi để không bị phát hiện tới chỗ xác tên đồng mưu nằm chết cách đó hai mươi bước! Nỗi khiếp hãi in lên trên khuôn mặt lạnh toát mồ hôi, khiến D'Artagnan động lòng thương, chàng nhìn y một cách khinh bỉ và bảo y: -Nghe đây, ta sẽ tỏ ra cho mày thấy sự khác nhau giữa một con người dũng cảm và một kẻ hèn nhát như mày. Mày cứ ở lại, tao đi tiếp.

Và với bước chân nhanh nhẹn, mắt theo dõi, quan sát những động thái của quân thù, lợi dụng những địa hình lồi lõm, chàng đến được chỗ tên lính thứ hai.

-Có hai cách đạt được mục đích của mình: lục soát ngay tại chỗ hoặc lôi hắn đi dùng hắn như một cái khiên che thân chàng rồi lục soát hắn trong đường hào.

D'Artagnan thích dùng cách thứ hai hơn và xốc tên sát thủ lên vai vừa đúng lúc hỏa lực của địch quân bắn ra. Một cái giật nhẹ, tiếng kêu đục của ba viên đạn cắm vào thịt, một cái rùng mình hấp hối đã chứng tỏ cho D'Artagnan thấy kẻ địch ám sát chàng vừa cứu mạng chàng.

D'Artagnan về tới đường hào, ném cái thây ma xuống cạnh tên bị thương cũng nhợt nhạt như một người chết.

Ngay tức khắc chàng bắt đầu lục soát xác chết: một ví da, một túi tiền đương nhiên có một nửa số tiền tên cướp đã nhận được, một ống sừng gieo xúc xắc và mấy con xúc xắc, hợp thành tài sản của kẻ bị chết.

Chàng để mặc ống gieo và xúc xắc rơi ra đất, ném túi tiền cho tên bị thương và mở ví ra.

Giữa vài thứ giấy tờ không quan trọng, chàng tìm thấy bức thư, chính là bức thư chàng đã liều mạng để tìm ra.

"Một khi các anh đã mất dấu vết của mụ đàn bà và bây giờ mụ đang an toàn trong một tu viện mà các anh đáng lẽ không được để mụ đến đó, vậy hãy cố ít nhất đừng để hụt gã đàn ông. Nếu không, các anh sẽ biết ta có bàn tay dài như thế nào và các anh sẽ phải trả đắt món một trăm đồng louis nhận của ta."

Không có chữ ký. Tuy nhiên rõ ràng bức thư là của Milady.

Do đó, chàng giữ nó như một tang chứng và để an toàn, chàng tiến hành thẩm vấn tên bị thương ở góc chiến hào. Tên này thú nhận cùng với bạn mình, vẫn cái tên vừa bị giết ấy, được giao trách nhiệm bắt cóc một thiếu phụ sẽ phải ra khỏi Paris qua trạm La Vilét nhưng vì dừng lại chén chú chén anh trong một quán rượu, chúng tóm hụt chiếc xe mươi phút.

-Nhưng chúng bay sẽ làm gì người đàn bà ấy? – D'Artagnan lo lắng hỏi.

-Chúng tôi phải giao người ấy cho một tòa nhà ở quảng trường Hoàng gia – Tên bị thương nói.

-Đúng rồi! Đúng rồi! – D'Artagnan lẩm bẩm – Đúng là như vậy, đến chính nhà Milady.

Lúc đó, D'Artagnan mới rùng mình hiểu ra cơn khát trả thù khủng khiếp đã đẩy mụ đàn bà đó đến mức làm hại chàng và cả những người rất mực yêu chàng, và một khi mụ đã phát hiện ra tất cả như thế, đủ biết mụ thông thạo công việc triều chính đến thế nào. Chắc chắn mụ phải lấy những tin tức Từ Giáo chủ.

Nhưng ở giữa tất cả mọi cái đó, chàng hiểu, với một tình cảm vui mừng thực sự là Hoàng hậu cuối cùng đã tìm ra nhà tù mà nàng Bonacieux tội nghiệp vì tận tâm hết sức phải chịu, và đã giải thoát nàng khỏi nhà tù đó. Vậy là bức thư chàng nhận được của thiếu phụ và việc nàng đi qua con đường Sayô, đi qua như một sự hiện hình đã được giải thích rõ.

Từ đó, như Athos đã tiên đoán, có thể tìm lại được bà Bonacieux và một tu viện không phải là không với tới được.

Nghĩ vậy nên lòng độ lượng trở lại với chàng. Chàng quay lại tên bị thương đang lo lắng theo dõi những biểu hiện khác nhau trên nét mặt chàng và chìa cánh tay ra bảo: -Vịn vào đây rồi cùng trở về chiến tuyến, tao không muốn bỏ lại mày như thế.

-Vâng – Tên bị thương không tin nổi có sự đại lượng đến thế – Nhưng không phải để treo cổ tôi lên đấy chứ?

-Mày đã được tao hứa rồi – Chàng nói – và lần thứ hai, tao hứa tha chết cho mày.

Tên bị thương liền quỳ xuống và lại hôn chân lần nữa người đã tha mạng hắn, nhưng D'Artagnan không có lý do nào để cảm nhận quá gần kẻ thù như thế, liền cắt phăng những biểu lộ biết ơn ấy đi.

Người lính cận vệ trở về sau loạt súng đầu tiên của pháo lũy đã báo bốn đồng đội bị chết cả, nay thấy chàng trai trẻ lại hiện ra bình an vô sự, mọi người trong binh đoàn đều hết sức ngạc nhiên và vui sướng.

D'Artagnan giải thích vết gươm đâm của tên đồng đội bằng cách bịa ra chuyện phá vây. Chàng kể lại cái chết của tên lính kia và những nguy hiểm mà họ đã trải qua. Câu chuyện kể lại đối với chàng là một cuộc khải hoàn đích thực. Toàn đơn vị nói suốt ngày về cuộc trinh sát này và Đức ông đã gửi lời khen ngợi và chúc mừng chàng.

Hơn nữa, vì mọi hành động đẹp đẽ đều đáng được phần thưởng của chính nó nên hành động đẹp đẽ của D'Artagnan cũng có kết quả là trả lại cho chàng sự bình yên đã mất. Quả vậy, D'Artagnan tin có thể được bình yên, vì hai kẻ thù, một đã bị chết, và kẻ kia trở nên trung thành với chàng.

Sự bình yên này chứng tỏ một điều, là D'Artagnan còn chưa hiểu hết Milady.

§42. Rượu vang Ăngju[107]

Sau những tin gần như thất vọng về nhà Vua, tin đồn Ngài đã bình phục lại bắt đầu lan ra khắp chiến tuyến, và vì nhà Vua rất vội thân chinh tới vòng vây, người ta còn nói, cưỡi nổi ngựa là nhà vua lên đường ngay.

Trong khi đó, Hoàng đệ biết rằng sớm muộn gì ngài cũng bị mất chức tổng chỉ huy hoặc bởi Quận công Ănggulêm, hoặc ông Bassompirre hay Xkombéc đang tranh giành nhau chức ấy, nên Ngài không làm gì mấy, thường cứ mất hàng ngày trời vào những việc thăm dò, và không dám mở một trận đánh lớn để đuổi quân Anh khỏi đảo Rê, nơi chúng đang bao vây thành Saint-Martin và pháo đài Laprê, trong khi về phía mình, quân Pháp vây thành Rochelle.

D'Artagnan như đã nói, trở nên điềm tĩnh hơn lúc bình thường, sau trận nguy hiểm đã qua, và khi mối nguy đã hình như tàn lụi – lúc đó chàng chỉ còn một điều lo lắng là không hề được tin tức gì về các bạn mình.

Nhưng, một buổi sáng đầu tháng mười một, tất cả đều được giải thích bằng một bức thư gửi từ Vilroa.

"Thưa ông D'Artagnan.

Các ông Athos, Porthos, và Aramis, sau một bữa tiệc lớn tại chỗ tôi, đã quá vui và gây chuyện ầm ĩ khiến ông hiên binh của pháo đài, một người rất cứng rắn đã phạt cấm trại họ mấy ngày.

Nhưng tôi phải hoàn tất lệnh của mấy ông trao cho tôi là gửi đến ông một tá chai vang Ăngju của tôi mà các ông ấy rất ngưỡng mộ. Họ muốn ông uống thử rượu vang các ông ấy chuộng để chúc sức khỏe các ông ấy.

Tôi đã làm việc đó và xin trân trọng kính chào ông.

Kẻ rất hân hạnh được phục vụ ông tận tình.

Gôđô,

Chủ lữ quán của các ngài ngự lâm quân."

-Tuyệt vời! – D'Artagnan reo lên – họ nghĩ đến ta trong lúc họ vui chơi, không như ta nghĩ đến họ lúc ta phiền muộn. Nhất định ta sẽ uống chúc sức khỏe họ với tất cả tấm lòng của ta nhưng ta sẽ không uống một mình.

-Và D'Artagnan chạy đến hai chàng cận vệ thân thiết với chàng hơn cả mời họ uống với chàng món Ăngju mê hồn gửi từ Vilơroa đến. Nhưng một người đã được mời ngay tối đó, còn người kia được mời hôm sau mất rồi, đành để ngày hôm sau nữa tụ hội với nhau vậy.

Khi trở về, D'Artagnan sai đem gửi mười hai chai vang tại quầy rượu của quân cận vệ, dặn họ giữ cẩn thận cho. Rồi đến ngày long trọng, bữa trưa được ấn định lúc mười hai giờ trưa.

Từ chín giờ, D'Artagnan đã sai Planchet chuẩn bị đầy đủ.

Planchet hoàn toàn kiêu hãnh đã được nâng lên hàng quản gia, quyết định hoàn thành nhiệm vụ của mình như một người thông minh. Để làm việc đó có hiệu quả, gã nhờ một người hầu của một thực khách của chủ mình đến phụ giúp, tên là Fuarô và cái tên lính giả mạo đã từng muốn giết D'Artagnan, không thuộc đơn vị nào, đã vào phục vụ D'Artagnan hay đúng hơn là phụ việc cho Planchet, từ khi D'Artagnan cứu mạng hắn.

Giờ dự tiệc đã tới, hai thực khách đến ngồi vào chỗ, các món ăn được bày thành hàng trên bàn, Planchet tay khoác khăn đứng hầu, Fuarô mở nút chai, và Bridơmông, tên của kẻ đã bình phục chuyển rượu vang bị nổi bọt do sóc ở dọc đường sang một cái bình nhỏ. Chai rượu đầu tiên hơi bị cặn ở đáy chai, Bridơmông rót chỗ rượu cặn vào một cốc, D'Artagnan cho phép hắn uống cốc vang cặn vì thấy tên tội nghiệp đó vẫn còn yếu quá.

Thực khách sau khi chén món xúp khai vị, vừa đưa cốc lên môi thì bất thình lình, tiếng đại bác đùng đoàng ở pháo đài Louis và pháo đài Nớp.

Mấy người lính cận vệ tin là một cuộc đột kích của bọn bị bao vây hoặc của quân Anh, vồ lấy gươm. D'Artagnan không kém nhanh nhẹn, cũng làm như họ, rồi cả ba cùng chạy về vị trí của mình.

Nhưng vừa ra khỏi quầy rượu, họ thấy ngay nguyên nhân tiếng nổ đó. Những tiếng hô: "Đức Vua muôn năm! Giáo chủ muôn năm!" vang động khắp bốn bề và tiếng trống khua khắp mọi hướng.

Quả vậy, nhà Vua sốt ruột như người ta nói, đã đi gấp đôi các chặng đường, vừa mới tới với cả triều đình và mười nghìn quân tiếp viện, ngự lâm quân đi trước và theo sau. D'Artagnan đứng làm hàng rào cùng với đại đội của mình, ra hiệu chào các bạn mình cũng đang dõi mắt nhìn chàng. Và ông De Treville nhận ra chàng trước tiên.

Lễ đón tiếp đã xong, bốn người bạn ôm chầm lấy nhau.

-Mẹ kiếp! – D'Artagnan kêu lên – Không thể nào đến đúng lúc hơn thế này nữa. Thịt còn chưa kịp nguội! Phải thế không các vị?

Chàng quay lại hai người lính cận vệ hỏi và giới thiệu với các bạn mình.

-Chà chà! – Hình như chúng ta chén tiệc thì phải Porthos nói.

-Mình hy vọng – Aramis nói – không có đàn bà trong bữa chén.

-Có món rượu khớ khớ nào trong lều của cậu không? Athos nói.

-Ồ mẹ kiếp! Có rượu của chính bọn anh mà, bạn thân mến ạ! D'Artagnan trả lời.

-Rượu của bọn mình? – Athos ngạc nhiên.

-Phải, loại các anh gửi cho tôi ấy.

-Bọn mình gửi cho cậu rượu vang ư?

-Thôi đi, các anh biết quá rồi, cái thứ vang từ nho đồi Ăngju ấy?

-Phải, mình thừa biết loại vang cậu định nói.

-Thứ vang anh thích ấy.

-Chắc chắn rồi, khi mình không có sâmbanh sămbéctanh.

-Vậy thì, do không có sâmbanh hay sămbéctanh, thì anh bằng lòng tạm loại này vậy.

-Vậy bọn mình, lũ sành rượu gừi vang Ăngju đến cho cậu thật à?

-Ồ không, đó là vang mà nhân danh các anh, người ta gửi cho tôi.

-Nhân danh bọn mình? – Cả ba người ngự lâm cùng hỏi. – Là cậu ư, Aramis – Athos – cậu đã gửi vang đến?

-Không, còn cậu, Porthos?

-Không, còn anh thế nào, Athos?

-Không.

-Nếu không phải các anh – D'Artagnan nói – thì là chủ quán của các anh.

-Chủ quán của bọn mình?

-Chứ gì nữa! Chủ quán của các anh, lão Gôđô, chủ lữ quán ngự lâm.

Porthos nói: -Mẹ kiếp, của đếch ai chẳng được, cần cóc gì, cứ nếm thử, nếu ngon thì ta uống.

-Không được – Athos nói – không được uống thứ rượu vang không rõ nguồn gốc.

-Anh nói đúng, Athos – D'Artagnan nói – Không ai trong các anh trao cho chủ quán việc gửi vang cho tôi phải không?

-Không! Thế mà nó lại nói bọn mình bảo gửi cho cậu? Bức thư đây! – D'Artagnan nói và đưa mẩu thư ngắn cho các bạn xem.

-Không phải chữ của hắn? – Athos nói – Tôi biết chữ hắn mà.

-Chính tôi trước khi đi đã thanh toán cho cả bọn với hắn.

Porthos nói: -Thư giả mạo, bọn mình có bị phạt cấm trại đâu.

D'Artagnan – Aramis nói bằng giọng trách móc – làm sao cậu có thể tin được bọn mình lại làm ầm ĩ?

D'Artagnan tái người, chân tay run lên bần bật.

-Mày làm tao sợ đấy – Athos nói và chỉ mày tao trong những trường hợp trọng đại – Có chuyện gì xẩy ra vậy?

-Chạy thôi, chạy thôi, các bạn! – D'Artagnan kêu lên – một mối nghi ngờ khủng khiếp vừa lọt qua đầu tôi. Lại vẫn là sự trả thù của mụ đàn bà đó chăng?

Đến lượt Athos cũng tái mặt.

D'Artagnan lao đến quầy rượu, ba người ngự lâm và hai người cận vệ đi theo.

Vật đầu tiên đập vào mắt D'Artagnan khi bước vào phòng ăn là Bridơmông đang nằm lăn dưới đất, lăn lóc và quằn quại dữ dội.

Planchet và Fuarô tái nhợt như những xác chết đang cố cứu hắn, nhưng rõ ràng mọi sự cứu giúp đều vô ích. Nét mặt kẻ sắp chết co giật trong cơn hấp hối.

-A? – khi thấy D'Artagnan hắn kêu lên – A, thật ghê tởm, ông làm như đã tha tội cho tôi rồi đầu độc tôi!

-Tao! – D'Artagnan kêu lên – Tao ư, đồ khốn kiếp! Nhưng mày nói gì vậy?

-Tôi nói rằng chính ông đã cho tôi uống thứ rượu vang đó, tôi nói rằng chính ông đã bảo tôi uống nó, tôi nói rằng ông định trả thù tôi, tôi nói rằng thế là ghê tởm quá!

-Đừng nghĩ như thế, Bridơmông – D'Artagnan nói – Đừng tin như thế – Ta xin thề với anh, ta cam kết với anh…

-Ồ nhưng có Chúa ở đó! Chúa sẽ trừng phạt ông! Chúa ơi, cầu Chúa có ngày cho ông ta đau đớn như con đang đau đớn!

-Thề trên Kinh Thánh – D'Artagnan vừa kêu lên vừa nhảy xổ đến bên người sắp chết – tôi xin thề với anh rằng tôi không biết rượu vang đó bị cho thuốc độc và tôi cũng sắp uống nó như anh!

-Tôi không tin ông – người kia nói.

Và anh ta thở hắt ra sau khi bị đau đớn gấp bội.

-Khủng khiếp quá! – Khủng khiếp quá! – Athos lẩm bẩm, trong khi đó Porthos đập vỡ các chai rượu và Aramis ra lệnh hơi chậm, đi tìm một thày tu rửa tội.

-Ôi các bạn của tôi ơi! – D'Artagnan nói – Các bạn lại đến cứu mạng tôi một lần nữa, không những tôi mà còn cả mấy vị đây nữa. Thưa các vị – Chàng tiếp tục nói với mấy người lính cận vệ – Tôi xin các vị giữ kín mọi chuyện này, những nhân vật quyền thế có thể nhúng vào những việc mà các vị đã nhìn thấy, và điều tồi tệ sẽ rơi lên đầu chúng ta.

-Ôi thưa ông – Planchet như người chết rồi, ấp úng – Ôi thưa ông, may mà tôi thoát đấy!

-Sao, đồ khốn – D'Artagnan nói to – Ra mày cũng định uống rượu vang của tao?

-Để chúc sức khỏe nhà Vua mà thưa ông, tôi đang định uống một cốc vơi thôi nếu Fuarô không bảo có người gọi tôi.

-Than ôi! – Fuarô nói, răng vẫn run cầm cập vì sợ hãi – Tôi cũng định đẩy cậu ta đi để uống một mình!

-Thưa các vị – D'Artagnan nói với mấy người bạn cận vệ – Các vị cũng hiểu một bữa tiệc như thế chỉ có thể rất đáng buồn sau những gì vừa xảy ra, như vậy xin nhận cho mọi lời xin lỗi của tôi và xin khất bữa tiệc vào một ngày khác.

Hai người lính cận vệ lịch thiệp nhận lời xin lỗi của D'Artagnan và hiểu bốn người muốn được ở riêng với nhau, họ rút lui.

Khi chỉ còn lại bốn người, họ nhìn nhau như muốn nói ai nấy đều hiểu tình cảnh nghiêm trọng.

-Trước hết – Athos nói – Ta hãy ra khỏi cái phòng này – Dây dưa với người chết chỉ có dại, lại chết vì bạo lực nữa.

-Planchet! – D'Artagnan nói – Ta giao cho anh thi thể của con người xấu số này. Phải được chôn nơi đất thánh. Anh ta phạm một tội. Đúng vậy. Nhưng anh ta đã hối hận rồi.

Và bốn người bạn ra khỏi phòng, để mặc Planchet và Fuarô lo việc mai táng cho Bridơmông.

Chủ quán đưa họ tới một phòng khác, đem lên món trứng nhúng lòng đào và nước thì Athos tự mình đi múc ở suối về.

Bằng vài câu thôi, Porthos và Aramis đều hiểu ngay được tình thế.

-Thế đấy? – D'Artagnan bảo Athos – Anh thấy đấy, bạn thân mến, đây là một cuộc chiến sinh tử.

Athos lắc đầu: -Phải – Chàng nói – tôi thấy rõ lắm, nhưng cậu tin đúng là mụ ta.

-Tôi tin chắc.

-Thế mà tôi xin thú thực với cậu tôi còn ngờ đấy.

-Nhưng còn bông huệ trên vai thì sao?

-Đó là một mụ đàn bà người Anh mắc tội gì đó ở Pháp, và người ta đóng dấu chín để ghi tội phạm đó.

-Athos, đó là vợ anh, tôi bảo thật anh đấy – D'Artagnan nhắc lại, vậy anh không nhớ hai cái dấu chín ấy giống nhau đến thế nào ư?

-Thế nhưng mình vẫn tin là cô kia chết rồi, mình đã treo cổ ả rất cẩn thận cơ mà.

Đến lượt D'Artagnan phải lắc đầu.

-Nhưng chung quy phải làm gì nào? – chàng trai trẻ hỏi.

-Sự thể là người ta không thể cứ để một thanh gươm treo mãi trên đầu mình như thế – Athos nói – Phải thoát ra khỏi tình cảnh này.

-Nhưng thoát ra thế nào?

-Nghe đây, cố gắng nối lại với mụ và giải thích với mụ, hãy bảo mụ: Hòa bình hay chiến tranh đây! Ta lấy danh dự một nhà quý tộc thề với nàng rằng sẽ không bao giờ nói động đến nàng, sẽ không bao giờ làm gì chống lại nàng, về phía nàng, hãy long trọng thề sẽ trung lập đối với ta. Nếu không ta sẽ tìm ông chánh án, ta sẽ tìm đến tận đức Vua, ta sẽ tìm đao phủ, ta sẽ kích động triều đình chống lại nàng, ta sẽ tố cáo nàng đã bị đóng dấu chín, ta sẽ đưa nàng ra tòa, và nếu người ta tha tội cho nàng, Ồ, ta sẽ giết nàng, ta thề danh dự của một nhà quý tộc, giết nàng ở xó xỉnh nào đó như giết một con chó dại.

-Tôi cũng thích cách ấy đấy – D'Artagnan nói – Nhưng làm thế nào liên hệ được với mụ?

-Thời gian, bạn thân mến, thời gian đem lại cơ hội. Cơ hội, đó là canh bạc tố thêm tiền của con người. Càng tố thêm, lại càng được bẫm nếu người ta biết chờ đợi.

-Được, nhưng chờ đợi, khi xung quanh đầy sát thủ và những kẻ đầu độc mình ư?

-Chứ sao? – Athos nói – Chúa đã canh giữ cho ta đến nay, Chúa sẽ còn canh giữ cho chúng ta.

-Phải, chúng ta, vả lại chúng ta, chúng ta là những thằng đàn ông, chấp nhận tất, không kể chi đến tính mạng, nhưng mà nàng? – Chàng nói thêm bằng giọng khe khẽ.

-Nàng nào? – Athos hỏi.

-Constance ấy.

-Bà Bonacieux ư! A, đúng rồi! – Athos nói – Anh bạn đáng thương! Tôi quên là cậu đang si tình.

-Khoan nào – Aramis nói – thế cậu đã chẳng xem bức thư cậu tìm thấy ở tên khốn kiếp bị chết là nàng đang ở trong một tu viện ư? Ở tu viện thì yên tâm lắm rồi – Chừng nào cuộc bao vây thành La Rochelle kết thúc ngay tức khắc về phần mình, mình xin hứa với cậu…

-Tốt! – Athos – Tốt lắm! Phải, Aramis thân mến ạ, chúng mình biết nguyện vọng của cậu là hướng về tôn giáo.

-Tôi chỉ là ngự lâm quân tạm thời thôi – Aramis nhã nhặn nói.

-Có vẻ như đã lâu anh chàng không nhận được tin tức của người tình – Athos nói rất khẽ – nhưng đừng bận tâm, chúng mình đều biết chuyện đó mà.

-Ồ! Porthos nói – Tôi thấy hình như có một cách rất đơn giản.

-Cách gì? – D'Artagnan hỏi

-Nàng ở trong một tu viện, cậu nói thế phải không? – Porthos hỏi lại.

-Phải – Thế thì, cuộc bao vây kết thúc một cái, chúng ta bốc ngay nàng ra khỏi tu viện.

-Nhưng còn phải biết tu viện nào đã chứ?

-Đúng vậy, – Porthos nói.

-Nhưng tôi nghĩ rồi – Athos nói – Này D'Artagnan, có phải cậu cho là chính Hoàng hậu đã chọn tu viện ấy cho nàng không?

-Đúng, ít ra tôi cũng tin như thế.

-Thế thì Porthos sẽ giúp được chúng ta trong chuyện này rồi.

-Vậy làm thế nào, làm ơn nói cho biết?

-Thì bằng bà Hầu tước, bà Công tước, bà Quận chúa của cậu, bà ấy chắc phải có cánh tay dài.

-Suỵt! – Porthos để ngón tay lên môi – mình tin nàng thuộc phái Giáo chủ và chắc không biết gì đâu.

-Vậy thì – Aramis nói – tôi xin đảm nhiệm, sẽ có được tin tức.

-Cậu, Aramis ư? – Cả ba cùng reo lên – Cậu ư và làm thế nào?

-Qua thày tư tế của Hoàng hậu, người có quan hệ mật thiết với tôi Aramis vừa nói vừa đỏ mặt.

Và được đảm bảo như thế, bốn người bạn đã ăn xong bữa cơm đạm bạc, liền chia tay nhau và hứa ngay tối đó sẽ lại gặp nhau.

D'rtagnan quay lại Minim, và ba người ngự lâm thì trở về khu nhà Vua ngự.

§43. Quán trọ chuồng bồ câu đỏ

Trong khi đó, nhà Vua vừa mới đến, đã rất vội vã giáp mặt kẻ thù với lý do giống hệt như Giáo chủ và chia sẽ cùng Giáo chủ mối căm hận chống lại Buckingham, muốn bố trí tất cả mọi lực lượng, trước hết để đánh đuổi quân Anh khỏi đảo Rê, tiếp đó siết chặt thêm vòng vây La Rochelle. Nhưng dù muốn vậy, nhà Vua vẫn không vội được do những bất hòa đã nổ ra giữa các vị

De Bassompirre và Skombéc chống lại Quận công Ănggulêm.

De Bassompirre và Xkombée là Thống chế nước Pháp và họ đòi quyền chỉ huy quân đội dưới mệnh lệnh của nhà Vua, nhưng Giáo chủ lại sợ Batxompie, trong lòng mang tinh thần giáo phái Tin lành sẽ không cho quân ép mạnh bọn Anh và bọn La Rochelle, những giáo hữu của ông ta, nên Giáo chủ trái lại đã đẩy Quận công Ănggulêm lên xui Vua phong ông ta chức trung tướng. Kết quả là vì lo Bassompirre và Xkombée làm suy yếu tinh thần quân đội, người ta buộc phải để mỗi người chỉ huy một mặt trận riêng.

Bassompirre giữ các khu phía bắc thành phố từ sông La Lơ đến Đôngpie, Quận công Ăngulêm phía đông và Xkombéc cánh quân trung tâm từ Pêrfmky đến Ăngutanh. Hành dinh của Hoàng đệ ở Đôngpie.

Hành dinh của nhà Vua lúc ở Éttrê lúc ở Lajari.

Cuối cùng hành dinh của Giáo chủ là trên các đụn cát ở cầu La Pie, trong một ngôi nhà đơn giản không có công sự.

Theo cách đó Hoàng đệ sẽ giám sát Bassompirre, nhà Vua giám sát Công tước Ăngulêm và Giáo chủ giám sát ông Xkombéc.

Sau khi đã bố trí như vậy xong, họ lập tức lo chuyện đánh đuổi quân Anh khỏi đảo Rê.

Thời cơ đang thuận lợi. Quân Anh trước hết cần phải có lương thực thực phẩm tốt cho binh lính tốt, lại chỉ được ăn thịt ướp muối, và lương khô tồi, đã có những người bị ốm trong doanh trại. Đã thế, vào mùa này trong năm, biển động dữ dội khắp ven bờ đại dương, ngày nào cũng làm những thuyền nhỏ hư hỏng và bãi biển từ mũi Eghiông đến chiến hào mỗi khi thủy triều lên lại phủ đầy những mảnh vỡ của thuyền thoi, xuồng và thuyền buồm có tay chèo. Kết quả là binh lính của nhà Vua cũng phải ở lì trong trại, đương nhiên Buckingham, vẫn còn trụ lại ở đảo do bướng bỉnh buộc lòng sớm muộn phải bỏ vây.

Nhưng vì ông De Toiras lại loan tin doanh trại quân thù đang chuẩn bị một cuộc tập kích mới, nhà Vua quyết định phải thanh toán chuyện này và ban những mệnh lệnh cần thiết để giải quyết dứt điểm việc này.

Cuộc tấn công thành công đến mức khiến nhà Vua vô cùng kinh ngạc và đem lại vinh quang lớn cho Giáo chủ. Quân Anh bị đẩy lùi từng bước, bị đánh bại

trong mọi cuộc giáp chiến, bị đè bẹp trên con đường qua đảo Loa buộc phải xuống tàu, bỏ lại trên chiến trường hai nghìn người trong đó có năm đại tá, ba trung tá, hai trăm năm mươi đại úy, và hai mươi nhà quý tộc danh giá, bốn khẩu đại bác và sáu mươi lá cờ được Clốt de Saint-Simon đem về Paris trang trí dưới các vòm cửa nhà thờ Đức Thánh ca tạ ơn được hát khắp mọi nơi và rồi từ đó lan ra khắp nước Pháp.

Giáo chủ vì vậy được tự do theo đuổi cuộc bao vây, tạm thời ít ra cũng không phải e ngại về phần quân Anh nữa.

Nhưng sự nghỉ ngơi chỉ là tạm thời.

Một phái viên của Công tước De Buckingham, tên là Môngtequy bị bắt giữ và người ta đã thu được bằng chứng một sự liên minh giữa các đế chế Tây BanNha, Anh quốc và vùng Loren.

Liên minh đó hướng vào việc chống nước Pháp.

Thêm nữa, trong hành dinh của Buckingham mà ông ta buộc phải vội vã bỏ lại một cách không ngờ tới, người ta tìm thấy những giấy tờ khẳng định liên minh đó và như giáo chủ cam đoan trong những tập hồi ký của mình, đều phương hại nhiều đến bà De Chevreuse và do đó cả Hoàng hậu nữa.

Trách nhiệm đè nặng lên chính Giáo chủ, bởi không thể là một Thủ tướng chuyên chế mà lại không chịu trách nhiệm. Vì thế đầu óc của thiên tài rộng lớn của ông ngày đêm bị căng ra, và bận rộn nghe ngóng từng tin đồn nhỏ bung ra từ một trong những vương quốc của châu Âu.

Giáo chủ biết rõ hoạt động và nhất là lòng hận thù của Buckingham. Nếu liên minh đe dọa nước Pháp thắng lợi, mọi ảnh hưởng của ông sẽ tiêu tan, chính trị Tây Ban Nha và chính trị Áo quốc sẽ có những đại diện trong triều đình Louvre, nơi lúc này họ mới chỉ có những tên bè phái. Chính ông, Richelieu, thủ tướng Pháp, một Thủ tướng ưu tú của quốc gia cũng tiêu ma.

Nhà Vua hoàn toàn phục tùng ông, căm ghét ông như một đứa trẻ như nó căm ghét ông thầy của mình và sẽ bỏ rơi ông, mặc cho Hoàng đệ và Hoàng hậu trả thù. Vậy là ông sẽ đi toi, và có thể cả nước Pháp theo ông. Phải ngăn chặn lại tất cả những cái.

Vì thế, người ta thấy những phu trạm mỗi lúc một nhiều hơn ngày đêm kế tiếp nhau đến ngôi nhà nhỏ ở cầu Pi-e nơi Giáo chủ thiết lập hành dinh của mình.

Đó là những thày tu khoác vụng về chiếc áo tu hành mà người ta dễ nhận ra họ hầu hết thuộc giáo phái Thánh chiến, là những phụ nữ hơi vụng về trong y phục thị đồng mà những ống quần không thể che nổi hoàn toàn vẻ ngoài mũm mĩm, cuối cùng là những nông dân với hai bàn tay đen nhẻm, nhưng chân lại mảnh mai và cách xa một dặm đã sặc mùi phẩm giá.

Rồi còn những cuộc thăm viếng khác kém thi vị hơn, bởi hai ba lần từ đấy loan ra tin đồn Giáo chủ bị ám sát hụt.

Đúng là những kẻ thù của Đức ông đã tuyên bố chính Đức ông đã từng phái những sát thủ vụng về đi hành thích, cốt để khi lâm sự có quyền sử dụng việc báo thù. Nhưng không nên tin vào các vị bộ trưởng nói cũng như chẳng nên tin vào những gì kẻ thù đã nói ra.

Vả lại điều đó cũng không ngăn nổi Giáo chủ, mà những kẻ phỉ báng ông gay gắt nhất cũng chưa bao giờ bác bỏ lòng can trường của ông, khi ông tiến hành những chuyến đi đêm khi thì để thông báo cho Quận công Ănggulêm những mệnh lệnh quan trọng, khi thì để đến thống nhất với nhà Vua, khi thì đến hội đàm với một sứ giả nào đó mà ông không muốn người ta để viên này đến chỗ ông.

Về phần mình, những ngự lâm quân chẳng có việc gì lớn phải làm trong cuộc vây thành, nên không bị quản lý nghiêm ngặt lắm, và được sống thảnh thơi vui vẻ. Điều đó đối với ba chàng lại càng dễ dàng hơn, nhất là họ đều là những người thân thiết của ông De Treville, họ được ông cho phép dễ đàng về muộn và được lưu lại bên ngoài sau giờ cấm trại với sự cho phép đặc biệt.

Một tối, D'Artagnan phải ở chiến hào không thể đi theo họ được, Athos, Porthos và Aramis cưỡi trên ba con ngựa chiến, mặc áo khoác nhà binh, tay để trên cò súng ngắn, từ một quán rượu ra về, cái quán rượu đó, Athos đã phát hiện ra hai ngày trước đây trên đường Lajari và người ta gọi là quán Chuồng chim câu Đỏ. Họ đi theo con đường dẫn về doanh trại, luôn ở tư thế phòng bị vì sợ bị phục kích, khi đến cách làng Boana khoảng một phần tư dặm, họ nghe tiếng vó ngựa phi về phía họ. Cả ba liền dừng ngay lại, đứng sát vào nhau ở giữa đường và đợi xem chuyện gì. Một lát sau, khi trăng vừa ló ra khỏi một đám mây, họ thấy ở chỗ ngoặt của con đường hai kỵ sĩ. Thấy họ, hai người này cũng dừng lại, hình như bàn với nhau cứ tiếp tục lên đường hay quay lại phía sau. Sự ngập ngừng đó khiến ba người bạn nghi ngờ, và Athos tiến lên mấy bước, quát lên bằng một giọng đanh thép: -Ai?

-Vậy chính các người là ai? – Một trong hai kỵ sĩ trả lời.

-Thế không phải là trả lời! – Athos nói – Ai? Nói ngay không chúng ta bắn.

Thế là một giọng ngân lên có vẻ như đã quen với việc ra lệnh: -Hãy coi chừng điều đang định làm đấy, các vị!

-Hình như đó là một sĩ quan cao cấp nào đó đi tuần đêm – Athos nói – Các vị muốn làm gì?

-Các ông là ai đã? – Vẫn cái giọng chỉ huy ấy nói – hãy trả lời đi, nếu không các ông có thể gặp chuyện không may vì tội không phục tùng đó.

-Ngự lâm quân của nhà Vua – Athos nói, mỗi lúc càng tin hơn người đang hỏi bọn chàng có cái quyền đó.

-Đại đội nào?

-Đại đội ông De Treville.

-Tiến lên theo lệnh ta, và báo cáo rõ các người làm gì ở đây vào giờ này.

Cả ba người bạn cùng tiến lên, tai hơi cúp xuống, bởi cả ba lúc này đều tin là họ đang gặp chuyện với những người mạnh hơn họ.

Một trong hai kỵ sĩ, người lần sau lên tiếng đó tiến lên mười bước trước người đồng bọn. Athos ra hiệu cho Porthos và Aramis cứ ở lại phía sau, rồi một mình tiến lên.

-Xin lỗi, ngài sĩ quan! – Athos nói – nhưng chúng tôi không biết chúng tôi đang tiếp chuyện ai, và ngài có thể thấy chúng tôi phải đề phòng rất cẩn thận.

-Tên ông? – Viên sĩ quan nói, và che mặt bớt đi bằng áo khoác.

-Nhưng tên ông đã, thưa ông – Athos nói, và bắt đầu nổi cáu trước sự lục vấn này – Xin ông hãy cho tôi rõ bằng chứng ông có quyền thẩm vấn tôi.

-Tên ông? – Kỵ sĩ vừa nhắc lại câu hỏi, vừa buông rơi áo khoác để lộ mặt ra.

-Đức ông Giáo chủ! – Chàng ngự lâm bàng hoàng kêu lên.

-Tên ông? – Đức ông nhắc lại lần thứ ba.

-Athos – Chàng ngự lâm trả lời.

Giáo chủ ra hiệu cho viên tùy tùng lại gần.

-Ba lính ngự lâm này sẽ theo ta – Ông nói khẽ – Ta không muốn ai biết ta ra khỏi doanh trại, và trong khi đi theo chúng ta, chúng ta tin chắc họ sẽ không nói ra với ai.

-Thưa Đức ông, chúng tôi là những nhà quý tộc – Athos nói – - Xin Đức ông yêu cầu chúng tôi hứa một lời là Đức ông không còn phải lo gì hết. Ơn Chúa, chúng tôi biết giữ bí mật mà.

Giáo chủ chằm chằm đôi mắt sắc nhìn vào kẻ đối thoại dầy dạn: -Ông Athos, ông có đôi tai thính lắm – Giáo chủ nói – nhưng bây giờ, nghe đây: nếu nghi ngờ ta đã không yêu cầu ông đi theo ta, mà chính để ta được an toàn. Chắc hẳn hai người bạn kia của ông là Porthos và Aramis?

-Vâng, thưa Đức ông – Athos nói, trong khi đó hai chàng ngự lâm ở lại phía sau cũng lại gần, tay ngả mũ ra chào.

-Các vị, ta hiểu các vị – Giáo chủ nói – ta biết các vị không hoàn toàn thuộc loại các bạn ta và ta lấy làm phiền lòng vì điều đó, nhưng ta biết các vị là những nhà quý tộc trung thực và can trường, có thể tin cậy được. Ông Athos, hãy cho ta vinh dự tháp tùng ta, cả ông và hai bạn ông, và thế là ta bỗng có một đoàn hộ tống khiến Hoàng thượng cũng phải ghen thầm nếu chúng ta gặp Người.

Ba người ngự lâm quân cúi rạp mình xuống tận cổ ngựa, Athos nói: -Ồ, tôi xin lấy danh dự tin rằng Đức ông có lý khi mang chúng tôi đi theo. Chúng tôi đã gặp trên đường những bộ mặt ghê rợn và chúng tôi cũng đã cãi lộn với bốn tên có những bộ mặt ấy ở quán Chuồng chim câu Đỏ.

-Một cuộc cãi lộn à, và tại sao, các vị? – Giáo chủ nói – Ta không thích những cuộc cãi lộn, các ông biết rồi đấy.

-Chính vì thế mà tôi có vinh dự được báo trước cho Đức ông những gì vừa xảy ra, Đức ông có thể biết được điều đó qua người khác chứ không phải qua chúng tôi, và trên cơ sở một báo cáo sai, ngài có thể tưởng rằng chúng tôi có lỗi.

Giáo chủ nhíu lông mày hỏi: -Và kết quả của cuộc cãi lộn?

-Dạ, ông bạn Aramis của tôi đây bị mỗi một mũi gươm nhẹ vào cánh tay, điều đó sẽ không thể ngăn nổi ông ấy, như Đức ông có thể thấy, ngày mai ông ấy vẫn leo lên xung phong nếu Đức ông ra lệnh công thành.

-Nhưng các ông không phải những người dễ bị gươm đâm như thế – Giáo chủ nói – nào, nói thực đi, các vị, các vị chắc đã trả đũa được vài tên, thú nhận đi, các vị biết ta có quyền đặc xá mà.

-Thưa Đức ông, tôi đâu có được gươm trong tay, nhưng tôi túm lấy kẻ có chuyện với tôi trong hai cánh tay và ném nó qua cửa sổ, hình như khi rơi – Athos tiếp giọng ngập ngừng, – nó bị gẫy đùi.

-Chà, chà! – Giáo chủ nói – Còn ông, Porthos?

-Tôi, thưa Đức ông, tôi biết quyết đấu bị cấm, tôi cầm chiếc ghế dài và tôi choang cho tên cướp một đòn, tôi tin nó bị gãy vai.

-Được – Giáo chủ nói – Còn ông, ông Aramis?

-Tôi, thưa Đức ông, vì tôi bẩm tính rất hiền lành và hơn nữa, có thể Đức ông chưa biết, tôi đang định thụ giáo, tôi muốn ngăn các bạn tôi ra, thì một tên trong lũ khốn kiếp ấy đã phản trắc đâm tôi một mũi gươm vào tay trái, thế là tôi không kiên nhẫn được nữa, tôi cũng tuốt gươm ra và vì nó lại xông vào tấn công, tôi cảm thấy khi chồm lên tôi, nó bị gươm xuyên qua người, tôi chỉ biết nó ngã lăn ra và hình như người ta khênh nó và hai tên đồng bọn đi.

-Đồ quỷ, lũ các ông! – Giáo chủ nói – ba người bị loại khỏi vòng chiến đấu vì một cuộc cãi lộn nơi quán rượu, các ông không nhẹ tay được sao, mà về chuyện gì đến nỗi sinh cãi nhau?

-Bọn khốn ấy say – Athos nói – và biết có một người đàn bà đã đến tửu quán lúc tối, chúng định phá cửa phòng.

-Phá cửa phòng? – Giáo chủ nói – và để làm gì?

-Chắc để cưỡng bức – Athos nói – tôi đã có vinh dự nói với Đức ông là bọn khốn kiếp ấy say.

-Và người đàn bà đó trẻ và đẹp không? – Giáo chủ hỏi, hơi có vẻ lo lắng.

-Thưa Đức ông, chúng tôi không nhìn thấy bà ta – Athos nói.

-Các ông không nhìn thấy bà ta, chà! Tốt lắm! – Giáo chủ nhanh nhảu nói tiếp – các ông bảo vệ danh dự một phụ nữ như vậy là rất tốt, và vì chính là quán Chuồng chim câu Đỏ, ta phải đích thân đến, ta sẽ biết liệu các ông có nói đúng sự thực với ta không.

-Thưa Đức ông – Athos kiêu hãnh nói – Chúng tôi là những nhà quý tộc và dù để cứu mình khỏi mất đầu, chúng tôi cũng không nói dối một câu.

-Như vậy, ta chẳng còn gì để nghi ngờ điều ông nói nữa, ông Athos ạ, một giây thôi ta cũng không nghi ngờ gì nữa, nhưng… – ông nói thêm để chuyển hướng câu chuyện – người phụ nữ ấy chỉ có một mình à?

-Người phụ nữ ấy có một kỵ sĩ giấu mình trong phòng với bà ta – Athos nói – nhưng mặc cho những tiếng xô xát, gã kỵ sĩ ấy vẫn không ló mặt, có thể cho gã là một thằng hèn.

Giáo chủ đáp lại: -Kinh thánh nói: "Đừng xét đoán liều!"

Athos nghiêng mình.

-Và bây giờ, tốt lắm – Giáo chủ tiếp tục – ta biết điều ta muốn biết rồi, các ông hãy theo ta.

Ba người lính ngự lâm đi đằng sau Giáo chủ.

Giáo chủ lại kéo áo khoác lên che mặt và cho ngựa đi thong thả, giữ cự ly chừng tám chín bước đằng trước bốn người đồng hành.

Chẳng mấy chốc họ đến chiếc quán trọ im lìm và đơn độc, chắc chắn chủ quán đã biết mình đang chờ một vị khách danh tiếng, do đó, đã tống khứ hết bọn quấy rối đi rồi.

Đến trước cửa quán mươi bước, Giáo chủ ra hiệu cho viên tùy tùng của mình và ba lính ngự lâm dừng ngựa. Một con ngựa yên cương sẵn sàng buộc ở cửa chắn gió, Giáo chủ gõ ba tiếng theo ám hiệu riêng.

Một người khoác áo choàng ra ngay và trao đổi nhanh vài câu với Giáo chủ, sau đó lại lên ngựa ra đi về hướng Xuagerơ cùng hướng về Paris.

-Tiến lên, các ông – Giáo chủ nói – các ông đã nói đúng sự thật, mấy nhà quý tộc của ta ạ – Ông nói thêm với ba chàng lính ngự lâm – Cuộc chạm trán giữa chúng ta tối nay có lợi hay không cho các ông, không phụ thuộc vào ta, trong khi chờ đợi, hãy theo ta.

Giáo chủ xuống ngựa. Ba chàng cùng xuống ngựa theo. Giáo chủ ném cương cho viên tùy tòng, ba chàng buộc ngựa mình vào cửa chắn gió.

Chủ quán đứng đón ở ngưỡng cửa, với hắn, Giáo chủ chỉ là một viên sĩ quan đến thăm một người đàn bà.

-Ông có một cái phòng nào đó ở tầng trệt mà các ông này có thể đợi ta bên lò sưởi ấm không? – Giáo chủ hỏi.

Chủ quán liền mở cửa một căn phòng lớn, trong phòng người ta vừa thay chiếc lò sưởi tồi bằng một lò sưởi mới và rất tốt.

-Tôi có chiếc phòng này.

-Tốt lắm – Giáo chủ nói – Vào đi, các vị và đợi ta, ta sẽ không lâu hơn nửa giờ đâu.

-Và trong khi ba chàng ngự lâm vào căn phòng ở tầng trệt đó, Giáo chủ chẳng cần hỏi han gì thêm nữa, lên thẳng cầu thang như một người không cần phải chỉ đường.

§44. Tiện ích của ống khói lò sưởi

Rõ ràng là do lòng hào hiệp và ưa mạo hiểm, không ngờ mấy chàng ngự lâm lại trở nên được việc cho một nhân vật nào đấy được Giáo chủ vinh dự che chở đặc biệt.

-Nhưng kẻ đó là ai? Đó là vấn đề trước tiên ba chàng ngự lâm đặt ra. Rồi vì không một câu trả lời nào có thể thỏa mãn được họ bằng óc phán đoán: Porthos gọi chủ quán và hỏi quân xúc xắc.

Porthos và Aramis ngồi vào bàn chơi xúc xắc. Athos vừa đi đi lại lại vừa suy nghĩ, vô tình đi qua chiếc lò sưởi bị gãy một nửa, nửa trên thông với phòng trên. Và mỗi lần đi qua đi lại, chàng lại nghe thấy tiếng thì thầm khiến chàng đâm chú ý.

Athos lại gần và phân biệt được vài câu có vẻ rất đáng quan tâm nên chàng ra hiệu cho các bạn im đi rồi khòng người áp tai vào lỗ dưới của ống khói.

-Nghe đây, Milady – Giáo chủ nói – việc quan trọng đấy, ngồi xuống đi, rồi ta nói chuyện.

"Milady ư?" – Athos lẩm bẩm.

-Tôi đang hết sức chăm chú nghe Đức ông đây – Một giọng đàn bà trả lời làm chàng ngự lâm giật nảy mình.

-Một tàu nhỏ với thủy thủ người Anh, nhưng thuyền trưởng là của ta đang đợi bà ở pháo đài La Poăng tại cửa sông Sarăng. Sáng mai sẽ giương buồm.

-Vậy tôi phải đến đấy đêm nay?

-Ngay bây giờ, nghĩa là khi bà đã nhận được chỉ thị của ta. Hai người bà sẽ gặp ngoài cửa khi đi ra sẽ hộ tống bà, bà để ta ra trước, nửa giờ sau bà hãy ra.

-Vâng, thưa Đức ông. Bây giờ, trở lại nhiệm vụ Đức ông định trao cho tôi. Và vì tôi mong tiếp tục xứng đáng với lòng tin của Đức ông, xin chiếu cố trình bày rõ ràng chính xác cho tôi để sao tôi không phạm bất cứ một sai lầm nào.

Hai người im lặng một lúc lâu. Rõ ràng Giáo chủ đang cân nhắc trước ngôn từ mình sắp nói và Milady đang tập trung hết khả năng trí tuệ để hiểu được những điều ông sắp nói ra và ghi khắc chúng trong trí nhớ của mình.

Athos lợi dụng lúc đó để bảo hai bạn khóa trái cửa lại và ra hiệu đến nghe cùng chàng.

Hai chàng ngự lâm kia thích được thoải mái, mỗi người mang theo một chiếc ghế và thêm một chiếc cho Athos. Cả ba cùng ngồi, đầu chụm lại, tai rình nghe.

-Bà sẽ đi London – Giáo chủ tiếp tục – Đến London, bà sẽ đi tìm Buckingham.

-Tôi xin lưu ý Đức ông – Milady nói – từ khi có vụ những nút kim cương, Quận công luôn nghi ngờ tôi, và không còn mặn mà với tôi mấy.

-Vì vậy lần này – Giáo chủ nói – vấn đề không phải là lấy lại lòng tin của ông ta mà là ra mắt một cách thẳng thắn và trung thực với tư cách một nhà thương thuyết.

-Thẳng thắn và trung thực? – Milady nhắc lại với vẻ mặt hai mang khó tả.

-Phải, thẳng thắn và trung thực – Giáo chủ lắp lại cùng một giọng điệu – Toàn bộ cuộc thương thuyết đó phải được công khai.

-Tôi sẽ tuân theo từng chữ những chỉ dụ của Đức ông và tôi đang đợi ngài trao cho tôi.

-Bà sẽ thay mặt ta tìm gặp Buckingham nói với ông ta rằng, ta biết hết những chuẩn bị ông ta tiến hành, nhưng ta không lo lắng mấy đâu, bởi vì nếu ông ta liều lĩnh, thì ngay từ hành động đầu tiên của ông ta, ta sẽ làm cho Hoàng hậu điêu đứng.

-Liệu ông ta có tin Đức ông sẵn sàng hoàn tất lời đe dọa của mình không?

-Có chứ, bởi ta có những bằng chứng.

-Tôi có nên cho ông ta biết những bằng chứng ấy không?

-Hẳn rồi, và bà hãy nói với ông ta rằng ta sẽ cho công bố báo cáo của Boa Rôbe và Hầu tước de Bôtơruy về cuộc gặp gỡ giữa ông ta và Hoàng hậu tại nhà của phu nhân thống tướng, cái buổi tối mà phu nhân tổ chức vũ hội hóa trang. Bà hãy bảo để ông ta đừng ngờ gì cả, rằng ông ta đến đó bằng trang phục của Đại đế Môgôn[108] mà đáng ra ông hiệp sĩ De Ghiơ phải mặc, và ông ta đã mua nó với giá thỏa thuận là ba nghìn đồng vàng Pítxtơn.

-Hay lắm, thưa Đức ông.

-Mọi chi tiết về việc ông ta ra vào hoàng cung cái đêm ông ta đội lốt tên thầy bói người Italia, bà sẽ bảo cho ông ta biết đừng có nghi ngờ gì nữa về độ chính xác những tin tức của ta, rằng ông ta mặc trong áo khoác một chiếc áo dài trắng lác đác những giọt lệ đen và đầu lâu xương chéo, bởi vì trong trường hợp bất ngờ bị bắt, ông ta phải làm ra như con ma Đàn bà áo trắng, như mọi người đồn đại, lại trở lại điện Louvre mỗi lần có sự cố lớn sắp xảy ra.

-Có thế thôi, thưa Đức ông?

-Bảo ông ta rằng ta biết mọi chi tiết của cuộc phiêu lưu ở Amiêng và ta sẽ viết thành cuốn tiểu thuyết nhỏ, được sắp xếp một cách khéo léo với bố cục của mảnh vườn và chân dung những diễn viên chính của cái kịch cảnh ban đêm đó.

-Tôi sẽ nói cho ông ta nghe điều đó.

-Bảo thêm với ông ta rằng ta tóm được Môngteguy, rằng Môngteguy đã ở trong ngục Bastille, rằng người ta không bắt quả tang bức thư nào trên người hắn, đúng vậy, nhưng cực hình có thể làm hắn khai những gì hắn biết và cả những gì hắn… không biết.

-Tuyệt diệu.

-Cuối cùng hãy thêm rằng Huân tước trong lúc cuống cuồng cuốn gói khỏi đảo Rê, đã để quên trong hành dinh mình bức thư nào đó của bà De Chevreuse, phương hại đặc biệt đến Hoàng hậu ở chỗ nó chứng tỏ không những Hoàng hậu có thể yêu những kẻ thù của nhà Vua, mà bà còn âm mưu với kẻ thù của nước Pháp. Bà nhớ kỹ được tất cả những gì ta nói với bà, phải không?

-Đức ông cứ việc thử xem: vũ hội ở chỗ phu nhân thống tướng, đêm ở điện Louvre này, chiều tối ở chỗ Amiêng, rồi việc bắt giữ Môngteguy, bức thư của bà De Chevreuse.

-Là thế đấy – Giáo chủ nói – là những chuyện ấy đấy, Milady, bà có trí nhớ tốt lắm.

-Nhưng – Người vừa được Giáo chủ tâng bốc nói tiếp – nếu mặc dầu tất cả những lý lẽ đó, Quận công vẫn không chịu và tiếp tục đe dọa nước Pháp?

-Quận công si tình như một thằng điên hoặc đúng hơn là một thằng đần – Richelieu nói tiếp bằng một giọng vô cùng chua chát – giống như lũ hiệp sĩ giang hồ thời xưa, ông ta lao vào cuộc chiến này chẳng qua chỉ để chiếm được mắt những của người đẹp. Nếu ông ta biết rằng cuộc chiến này có thể đáng giá danh dự và có lẽ cả tự do của người đàn bà vương vấn trong tâm trí ông ta như ông ta nói, ta đảm bảo với bà ông ta sẽ quan tâm tới chuyện đó gấp đôi.

Milady muốn thấy rõ ngọn ngành nhiệm vụ sắp được giao nên vẫn gặng hỏi: -Tuy nhiên nếu ông ta vẫn một mực như thế?

-Nếu ông ta một mực – Giáo chủ nói -… không thể như thế.

-Có thể đấy – Milady nói.

-Nếu ông ta một mực… – giáo chủ dừng một lúc rồi nói tiếp – Nếu ông ta một mực, thì nghe đây, ta sẽ hy vọng vào một trong sự kiện làm thay đổi bộ mặt các quốc gia.

Milady nói: -Nếu Đức ông vui lòng kể ra cho tôi một vài sự biến như thế trong lịch sử, có thể tôi sẽ chia sẻ niềm tin của Đức ông vào tương lai chăng.

-Thì đấy! Đấy nhé, ví dụ vào năm 1610 – Richelieu nói – do một nguyên nhân gần giống như nguyên nhân khiến Quận công Anh quốc dấy quân, vua Henri IV lưu danh muôn thuở đã xâm lược đồng thời cả xứ Flăngđrơ và nước Ý để tấn công nước Áo đồng thời cả hai mặt, thế là, chẳng phải đã xảy ra một sự biến đã cứu nước Áo ư? Tại sao nhà Vua nước Pháp lại không có được cái may như hoàng đế Áo nào?

-Đức ông, muốn nói đến nhát dao găm ở phố Hàng sắt.[109]

-Đúng thế!

-Đức ông không e việc hành hình Ravayắc làm cho những kẻ thoáng có ý nghĩ bắt chước việc đó hoảng sợ sao?

-Ở bất cứ thời kỳ nào và trong bất cứ nước nào, nhất là nếu những nước đó bị chia rẽ về tôn giáo, sẽ có những tên cuồng tín không đòi hỏi gì hơn là được tử

đạo, mà này, đúng lúc ta nhớ ra là các tín đồ Thanh giáo đang giận dữ chống lại Quận công Buckingham và các nhà truyền giáo của họ gọi ông ta là tên phản Chúa.

-Rồi sao ạ? – Milady hỏi.

-Rồi sao ư? – Giáo chủ tiếp tục vẻ hửng hờ – Ví dụ lúc này tìm được một người đàn bà đẹp, trẻ, khôn khéo, có thù riêng phải trả với Quận công. Có thể gặp một người đàn bà như thế lắm. Quận công là một người thường gặp may trong tình ái và nếu như ông ta đã gieo rắc những mối tình bằng những lời nguyện ước chung thủy suốt đời, ông ta hẳn cũng đã gieo bấy nhiêu mối hận thù về sự bội bạc vĩnh hằng của ông ta.

-Chắc chắn sẽ gặp được một người đàn bà như thế – Milady lạnh lùng nói.

-Ồ vậy thì một người đàn bà như thế sẽ đặt vào tay một kẻ cuồng tín con dao găm của Jắcclêmăng[110] hay của Ravayxắc, và sẽ cứu nước Pháp.

-Vâng, nhưng nàng sẽ là kẻ đồng mưu của một vụ sát nhân.

-Đã ai biết những kẻ đồng mưu của Ravayxắc hay Jắcclêmăng bao giờ chưa?

-Chưa, nhưng có lẽ những kẻ đồng mưu ấy ở địa vị quá cao sang nên người ta không dám truy tìm nơi vị thế của họ. Người ta không đốt cháy tòa công lý vì tất cả mọi người, thưa Đức ông.

-Bà tin rằng đám cháy của tòa công lý có nguyên nhân khác với nguyên nhân rủi ro sao? – Giáo chủ hỏi bằng một giọng không có gì là quan trọng.

-Thưa Đức ông, tôi – Milady trả lời – tôi không tin gì cả tôi chỉ kể ra một sự kiện, có thế thôi. Có điều, tôi nói nếu tôi là công nương Môngpăngsiê[111] hay Hoàng hậu Marie đờ Médicis[112] tôi sẽ ít phải đề phòng hơn, khi tên tôi đơn giản chỉ là phu nhân Clerics.

-Đúng thế – Richelieu nói – Vậy ý bà định thế nào?

-Tôi muốn có một lệnh phê chuẩn trước tất cả những gì tôi tin phải làm cho quyền lợi tối cao của nước Pháp.

-Nhưng trước hết phải tìm được người đàn bà mà ta đã nói là phải trả thù ông Quận công.

-Người đàn bà ấy đã được tìm thấy – Milady nói.

-Rồi còn phải tìm ra tên khốn kiếp cuồng tín sẽ dùng như một công cụ cho công lý của Chúa.

-Sẽ tìm được thôi.

-Vậy thì! – Quận công nói – sẽ kịp thỉnh cầu lệnh mà bà vừa yêu cầu thôi.

-Đức ông nói đúng – Milady nói – Và chính tôi đã nhầm khi nhìn vào nhiệm vụ mà ngài đã vinh dự trao cho tôi khác hẳn trong thực tế, nghĩa là phải nhân danh Đức ông báo cho Huân tước rằng ngài biết rõ những trò cải trang khác nhau, nhờ chúng, ông ta đã đạt được việc đến gần Hoàng hậu trong đêm vũ hội do phu nhân thống tướng tổ chức, rằng ngài có những bằng chứng về cuộc gặp

mặt của Hoàng hậu với nhà chiêm tinh người Ý không ai khác ngoài Quận công Buckingham, ở điện Louvre, rằng ngài đã đặt một cuốn tiểu thuyết nhỏ, loại sắc sảo nhất về cuộc phiêu lưu ở Amiêng với bố cục là khu vườn mà cuộc mạo hiểm ấy đã diễn ra, và chân dung những diễn viên đã hiện diện, rằng Môngteguy đã ở ngục Bastille và cực hình có thể khiến hắn nói ra những điều hắn nhớ ra và cả những điều hán có nhẽ đã quên, cuối cùng là ngài đã chiếm hữu được bức thư nào đó của bà De Chevreuse, tìm thấy trong hành dinh của Huân tước sẽ phương hại đặc biệt không những đến người đã viết nó mà còn cả người có tên được viết tới trong bức thư. Rồi nếu như ông ta khăng khăng bất chấp tất cả những cái đó, như nhiệm vụ của tôi giới hạn ở những điều tôi vừa nói, thì tôi sẽ chỉ còn biết cầu Chúa tạo ra một kỳ tích để cứu nước pháp. Có phải thế không, thưa Đức ông, và tôi không có việc gì khác phải làm nữa chứ?

-Có thế thôi – Giáo chủ trả lời cộc lốc.

-Và bây giờ – Tôi đã nhận được những chỉ thị của Đức ông về những kẻ thù của ngài, Đức ông có cho phép tôi được nói đôi điều về những kẻ thù của tôi không?

-Vậy ra bà cũng có những kẻ thù? – Richelieu hỏi.

-Vâng, thưa Đức ông, những kẻ thù mà chống lại chúng tôi phải dựa vào Đức ông, bởi tôi đã biến họ thành kẻ thù khi phục vụ Đức ông.

-Và những tên nào? – Quận công đáp lại.

-Trước hết là con mụ Bonacieux nhỏ bé lắm mưu nhiều kế.

-Nó đang bị giam trong nhà tù ở Nante kia mà.

-Nghĩa là nó từng bị giam ở đấy – Milady lắp lại – nhưng Hoàng hậu đã nhận được lệnh của nhà Vua, nhờ đó, đã cho chuyển mụ ta đến một tu viện.

-Đến một tu viện? – Giáo chủ nói.

-Vâng trong một tu viện.

-Trong tu viện nào?

-Tôi không biết, bí mật được giữ gìn cẩn thận lắm.

-Ta sẽ biết.

-Và Đức ông sẽ nói với tôi mụ ta ở trong tu viện nào?

-Ta không thấy có gì bất tiện trong việc này – Giáo chủ nói.

-Thế thì tốt rồi. Bây giờ tôi có một kẻ thù khác nữa còn đáng sợ hơn là cái mụ Bonacieux bé nhỏ đó đối với tôi.

-Là ai?

-Người tình của mụ.

-Tên là gì?

-Ồ, Đức ông biết nó quá mà – Milady la lên, bừng bừng giận dữ – đó chính là tên ác thần của cả hai chúng ta, chính là kẻ trong cuộc chạm trán với quân cận vệ của Đức ông đã quyết định chiến thắng về phần ngự lâm quân của nhà Vua, là kẻ

đã đâm De Wardes, phái viên của Đức ông, ba nhát gươm và đã làm thất bại vụ nút kim cương, cuối cùng chính là kẻ biết tôi đã bắt cóc mụ Bonacieux của hắn và thề sẽ giết tôi.

-À, à! – Giáo chủ nói – Ta biết bà nói về ai rồi.

-Tôi muốn nói về tên D'Artagnan khốn kiếp.

-Đó là một tay đồng ngũ táo tợn – Giáo chủ nói.

-Thì chính vì nó là một tên táo tợn nên nó càng đáng sợ hơn.

-Cần phải có một bằng chứng về sự tư thông của nó với Buckingham.

-Một bằng chứng ư? – Milady hét lên – Tôi có đến mười cơ.

-Vậy thì, đó là điều đơn giản nhất trên đời, hãy cho ta bằng chứng ấy, ta sẽ tống nó vào ngục Bastille.

-Thưa Đức ông, rồi tiếp đó?

-Khi đã ở ngục Bastille thì không có tiếp đó nữa – Giáo chủ nói bằng một giọng bí hiểm – Chà, mẹ kiếp! Nếu ta thanh toán kẻ thù của ta cũng dễ như ta thanh toán kẻ thù của bà, và nếu như chính đối những kẻ như thế mà bà lại xin ta xá tội?

-Thưa Đức ông, có đi có lại mà, mạng đổi mạng, người đổi người. Cho tôi kẻ này, tôi sẽ cho lại kẻ kia.

-Ta không hiểu bà muốn nói gì – Giáo chủ lặp lại – và cũng chẳng muốn hiểu nữa – Nhưng ta lại mong làm vừa lòng bà và không thấy bất cứ sự trở ngại nào để đáp ứng những gì bà yêu cầu đối với một tên vô danh tiểu tốt ấy, huống hồ bà đã nói với ta cái tên D'Artagnan ranh con đó là một kẻ vô sừng sẹo, một tên chuyên thách đấu, một tên phản trắc.

-Một tên đê tiện, thưa Đức ông, một tên đê tiện!

-Đưa giấy bút mực đây cho ta.

-Đây thưa Đức ông.

Một phút im lặng, chắc Giáo chủ bận tìm ngôn từ để viết.

Athos không bỏ sót một lời nào cuộc nói chuyện, hai tay kéo hai bạn ra đầu phòng bên kia.

-Ơ hay? – Porthos nói – Anh muốn gì, tại sao không để chúng tôi nghe nốt câu chuyện?

Khẽ chứ! – Athos hạ giọng nói – Chúng ta đã nghe được mọi điều cần thiết phải nghe, vả lại, tôi không ngăn cậu nghe nốt chuyện đâu, nhưng bây giờ tôi phải đi đây.

-Anh phải đi! – Porthos nói – Nhưng nếu Giáo chủ hỏi anh, chúng tôi sẽ trả lời ra sao cậu đừng đợi ông ta hỏi tôi, cậu nói luôn ra trước tôi phải đi trinh sát tiền trạm bởi vài câu nói của chủ quán khiến tôi nghĩ con đường không an toàn lắm. Trước hết tôi sẽ nói đôi lời với viên tùy tùng của Giáo chủ, còn lại mặc tôi, đừng lo gì hết.

-Hãy cẩn thận, anh Athos – Aramis nói.

-Yên tâm – Athos trả lời – Cậu biết đấy, tôi rất bình tĩnh.

Porthos và Aramis trở lại chỗ cũ bên ống khói lò sưởi.

Còn Athos, chàng đi ra hoàn toàn công khai, tháo ngựa buộc ở cửa quay, thuyết phục viên tùy tùng bằng mấy câu về sự cần thiết phải đi tiền trạm cho đường về. Chàng làm bộ xem xét lại mồi súng ngắn, cắn gươm, như một quyết tử quân theo con đường trở về doanh trại.

§45. Một cảnh vợ chồng

Như Athos đã đoán trước, một lát sau Giáo chủ đã đi xuống, ông mở của căn phòng mấy chàng ngự lâm chờ ở đó, thấy Porthos đang chơi xúc xắc mất còn với Aramis. Liếc nhanh mắt khắp phòng thấy thiếu một người, ông hỏi: -Ông Athos đi đâu rồi?

Porthos trả lời: -Thưa Đức ông, anh ấy đi trinh sát, vì căn cứ vào mấy lời của chủ quán, anh ấy nghĩ con đường không được an toàn.

-Còn ông, ông làm gì, ông Porthos?

-Tôi được Aramis năm pítxtôn.

-Và bây giờ, các ông có thể trở về với ta!

-Xin tuân lệnh Đức ông.

-Lên ngựa đi! Muộn rồi.

Viên tùy tùng đứng ở cửa, tay dắt cương ngựa của Giáo chủ.

Xa hơn một chút, một nhóm hai người và ba con ngựa thấp thoáng trong bóng tối, hai người này là những người phải dẫn Milady đến pháo đài La Poăng và lo việc xuống tàu cho nàng.

Viên tùy tùng xác nhận với Giáo chủ những gì hai chàng ngự lâm đã nói về Athos. Giáo chủ ra hiệu tỏ vẻ hoan nghênh và tiếp tục lên đường trở về cũng hết sức thận trọng như khi ra đi.

Lại nói về Athos, khoảng trăm bước đầu tiên, chàng cho ngựa đi đều đều, nhưng khi đã khuất, chàng cho ngựa rẽ phải rồi quay ngoắt lại, được khoảng hai mươi bước, liền vào một khu rừng thưa, rình chờ tốp nhỏ đi qua, rồi khi đã nhận ra những chiếc mũ rộng vành của các bạn mình và những tua nạm vàng chiếc áo khoác của Giáo chủ, chàng đợi cho những kỵ sĩ khuất hẳn ở khúc ngoặt mới phi nước đại về quán trọ, người ta mở cửa ngay vì chủ quán đã nhận ra chàng, Athos nói: -Vị sĩ quan của tôi quên không dặn bà ở tầng một, một việc quan trọng. Ông ấy sai tôi đến để dặn lại.

-Ông cứ lên – chủ quán nói – Bà ấy vẫn còn ở trong phòng đấy!

Athos liền nhẹ nhàng bước lên cầu thang lên đến bậc nghỉ, qua cánh cửa hé mở, chàng thấy Milady đang buộc lại dải mũ.

Chàng bước vào phòng và đóng cửa lại. Nghe tiếng cài chốt cửa, Milady quay lại, Athos đứng trước cửa, mình trùm kín áo khoác, mũ sụp xuống mắt.

Thấy bộ mặt câm lặng và trơ tơ như pho tượng, Milady hoảng sợ và kêu to: -Ông là ai? Cần gì tôi?

"Đúng mụ rồi!" Athos lẩm bẩm.

Và buông rơi chiếc áo choàng, kéo mũ lên, tiến lại phía Milady, chàng hỏi: -Bà nhận ra tôi chứ?

Milady tiến lên một bước rồi lùi lại như thấy một con rắn: -Thế nào – Athos nói – Tôi thấy bà đã nhận ra tôi.

-Bá tước de la Fe! – Milady lẩm bẩm, tái nhợt đi và lùi lại đến sát tường.

-Đúng, Milady ạ – Athos trả lời – Bá tước de La Fe bằng xương bằng thịt từ thế giới bên kia hiện ra sờ sờ để có được niềm vui nhìn thấy bà đây. Nào ta ngồi xuống rồi nói chuyện như kiểu Giáo chủ nói ấy.

Milady bị khống chế bởi một nỗi kinh hoàng khó tả, không nói nổi một lời.

-Bà là một con quỷ được phái xuống trần gian! – Athos nói – Thế lực của bà rất mạnh, ta biết lắm. Nhưng bà cũng biết với sự giúp đỡ của Chúa, con người thường thắng được lũ yêu quái ghê gớm nhất. Bà đã từng hiện ra trên đường đời ta, ta vẫn tưởng đã đè bẹp bà, nhưng hoặc ta đã nhầm, hoặc địa ngục đã cho bà hồi sinh.

Nghe những lời nói ấy, những kỷ niệm rùng rợn như trỗi dậy, Milady cúi đầu cất một tiếng rên khan.

-Phải, địa ngục đã cho bà hồi sinh – Athos nhắc lại – địa ngục đã làm cho bà giàu có, đã cho bà một cái tên khác, đã hầu như tạo cho bà một bộ mặt khác, nhưng địa ngục đã không xóa đi những nhơ nhớp trong tâm hồn bà, không xóa đi sự tàn tạ trên thân xác bà.

Milady bật dậy như một chiếc lò xo, đôi mắt long lên như tóe lửa, Athos vẫn ngồi.

-Bà tưởng ta chết, phải không? Cũng giống như ta tưởng bà đã chết? Và cái tên Athos che giấu tên Bá tước de la Fe, giống như cái tên Milady Clerics đã che giấu Anne đờ Bơi! Chẳng phải tên bà như thế khi người anh đáng kính của bà làm lễ cưới cho chúng ta sao? Vị trí của chúng ta thật là kỳ lạ – Athos vừa cười vừa nói tiếp – Chúng ta còn sống được cho đến nay, bởi người này cứ tưởng người kia đã chết, và vì một kỷ niệm thôi thì vẫn đỡ bức bối hơn là một con người bằng xương bằng thịt, cho dù kỷ niệm đôi khi vẫn là một điều vò xé lòng ta.

-Nhưng rốt cuộc – Milady nói bằng một giọng khô khan – ai đưa ông đến chỗ tôi? Và ông muốn gì ở tôi?

-Ta muốn bảo bà rằng trong khi bà hoàn toàn mất hút tăm hơi ta, thì ta lại không mất hút bà!

-Ông biết những gì tôi đã làm?

-Ta có thể kể cho bà nghe từng ngày, từng ngày một những hành động của bà từ khi bà làm việc cho Giáo chủ cho tới buổi tối nay.

Một nụ cười nghi hoặc thoáng trên đôi môi nhợt nhạt của Milady.

-Nghe đây, chính bà, người đã cắt mất hai nút kim cương trên vai Quận công De Buckingham, chính bà là người đã cho bắt cóc bà Bonacieux, chính bà, si mê ông De Wardes và tin rằng đã qua đêm với ông ta, lại mở cửa phòng bà cho ông

D'Artagnan, chính bà tưởng De Wardes đã lừa dối bà, nên đã muốn giết ông ta bằng tay tình địch của ông ta. Chính bà, khi gã tình địch ấy phanh phui cái bí mật đê mạt của bà, lại muốn giết hắn bởi hai sát thủ mà bà đã phái đi theo, chính bà, khi biết đạn đã bắn hụt liền gửi rượu pha thuốc độc cùng một bức thư giả để nạn nhân của bà tưởng nhầm là rượu của các bạn gửi đến. Cuối cùng, chính bà đến đây, trong căn phòng này, ngồi trên chiếc ghế ta đang ngồi, cam kết với Giáo chủ Richelieu tổ chức ám sát Quận công De Buckingham để đổi lấy lời hứa của ông ta cho phép bà ám sát D'Artagnan.

Milady tái mét lại và nói: -Vậy ông là quỷ satan ư?

-Có thể lắm – Athos nói – nhưng dẫu sao hãy nghe đây đã: Ám sát hoặc cho ám sát quận công De Buckingham, ta mặc xác Ta không quen biết ông ta. Hơn nữa, đó là một người Anh. Nhưng chớ có đụng đầu ngón tay vào chỉ một sợi tóc của D'Artagnan, một người bạn chung thủy của ta mà ta yêu, ta bảo vệ, nếu không, ta thề trên linh hồn của cha ta, tội ác mà bà sắp phạm phải sẽ là tội ác cuối cùng.

Milady nói bằng một giọng khô khan: -D'Artagnan đã làm nhục tôi tàn tệ, D'Artagnan phải chết.

-Thực tế, như thế có thể gọi là làm nhục bà không? – Athos vừa nói vừa cười – Ông ta đã làm nhục bà và ông ta sẽ chết ư?

-Hắn sẽ chết – Milady nhắc lại – Trước hết là mụ ấy rồi đến hắn.

Athos như bị choáng. Nhìn cái con người không còn một chút gì tính đàn bà nữa. Nó gợi lại cho chàng những kỷ niệm xé lòng.

Chàng nghĩ tới một hôm, trong một tình thế không nguy hiểm bằng tình thế này, chàng đã muốn hy sinh người đàn bà này vì danh dự của mình. Lòng khát khao giết người lại trở lại cháy bỏng và xâm chiếm lòng chàng như một cơn sốt bừng bừng. Đến lượt chàng đứng lên, đưa tay vào đai lưng rút súng ngắn và lên cò.

Milady nhợt nhạt như một thây ma, muốn kêu, nhưng lưỡi đông cứng lại, chỉ có thể thốt ra được một tiếng khàn khàn không có vẻ gì là tiếng người mà giống như tiếng kêu khan của một con thú hoang. Dán người vào tấm thảm tối màu, tóc xõa tung, mụ hiện ra như một hình ảnh khiếp đảm của nỗi kinh hoàng.

Athos từ từ nâng súng, chĩa gần sát vào trán Milady, rồi bằng một giọng còn khủng khiếp hơn của một sự bình thản đến cao độ của một quyết định không thể lay chuyển, chàng nói: -Bà kia, hãy trao ngay cho ta mẩu giấy mà Giáo chủ đã ký, nếu không ta thề sẽ bắn vỡ sọ bà.

Với một người khác, Milady có lẽ còn giữ đôi chút nghi ngờ, nhưng mụ biết Athos, tuy nhiên mụ vẫn đứng im.

Bà có một giây để quyết định – chàng nói.

Nhìn thấy cơ mặt chàng co rút và sắp bắn, vội vàng đưa tay lên ngực rút tờ giấy ra đưa cho Athos và nói: -. Đây cầm lấy, đồ quỷ tha ma bắt!

Athos cầm tờ giấy, cài súng vào đai lưng, đưa lại gần đèn để đảm bảo đúng là tờ giấy đó, chàng mở ra và đọc.

"Theo lệnh của ta và vì quyền lợi quốc gia, người cầm giấy này đã làm điều người đó phải làm"

Ngày 3 tháng 12 năm 1627

Richelieu

-Và bây giờ – Athos vừa nói vừa khoác lại áo khoác, đội lại mũ lên đầu – bây giờ ta đã nhổ răng mày, đồ rắn độc, cắn đi nếu mày có thể.

Rồi chàng ra khỏi phòng không thèm ngoái lại đằng sau.

Ra đến cửa, chàng gặp hai ngươi và con ngựa họ dắt trong tay.

-Các vị – chàng nói – lệnh của Đức ông, các ông biết đó, là dẫn người đàn bà này đến pháo đài La Poăng và chỉ được rời khỏi bà ấy khi bà ấy đã tới bến.

Vì những câu nói ấy hoàn toàn phù hợp với lệnh họ nhận được, họ nghiêng đầu tỏ ý tán thành.

Còn Athos, chàng nhẹ nhàng lên yên rồi phi nước đại, có điều, đáng lẽ đi theo đường cái, chàng thúc ngựa băng qua đồng ruộng, thỉnh thoảng dừng lại để nghe ngóng.

Trong một lần dừng ngựa, chàng nghe thấy trên đường nhiều tiếng vó ngựa. Chàng tin chắc đó là Giáo chủ và đoàn tùy tùng của ông ta. Lập tức chàng vọt lên phía trước theo một hướng khác mặc cho ngựa bị cành cây lá cây bụi rậm cọ vào, phi ra chắn ngang đường cách doanh trại khoảng gần hai trăm bước.

-Ai đó? – Chàng quát lên từ xa khi nhìn thấy các kỵ sĩ.

-Ta tin là chàng ngự lâm dũng cảm của chúng ta đấy – Giáo chủ nói.

-Vâng, thưa Đức ông – Athos trả lời – Chính hắn đây.

-Ông Athos – Richelieu nói – Ông hãy nhận những lời cảm ơn của ta vì công việc bảo vệ cẩn thận ông đã làm. Các vị, thế là chúng ta đã về đến nơi. Hãy đi theo cổng bên trái, mật khẩu là Vua và Rê.

Vừa nói Giáo chủ vừa gật đầu chào ba người bạn và đi theo cổng phải, có viên tùy tùng đi theo, bởi đêm đó, chính ông ngủ ở doanh trại.

-Thế nào! – Cả Porthos và Aramis cùng nói khi Giáo chủ đã ở ngoài tầm nghe thấy – Thế nào hẳn ông ta đã ký giấy mà mụ ta yêu cầu?

-Tôi biết chứ – Athos điềm tĩnh nói – vì nó đây này.

Và cả ba không trao đổi thêm một lời nào nữa trừ nói khẩu lệnh cho lính canh cho đến khi về đến phân trại của họ.

Họ chỉ làm mỗi một việc là sai ngay Mousqueton đến bảo Planchet là yêu cầu chủ nó khi rời khỏi chiến hào hãy đến ngay chỗ ở của ngự lâm quân.

Mặt khác, như Athos đã tiên đoán, Milady khi gặp hai người đàn ông ngoài cổng đang đợi mình mụ đã lẳng lặng đi theo họ, tuy có lúc đã muốn họ dẫn trở về gặp Giáo chủ, kể hết với ông, nhưng nếu lộ chuyện Athos ra thì cũng dẫn đến việc Athos tiết lộ hết về mụ. Mụ sẽ bảo Athos đã từng treo cổ mụ thì Athos cũng sẽ bảo mụ đã bị đóng dấu chín.

Mụ nghĩ tốt nhất là nên im đi, kín đáo lên đường, dùng sự khôn khéo vốn có hoàn thành nhiệm vụ khó khăn đã được trao cho, rồi khi mọi việc đã được hoàn tất, Giáo chủ hài lòng, sẽ đến lúc thỉnh cầu Giáo chủ trả thù cho mụ.

Sau khi đã đi suốt đêm, bẩy giờ sáng hôm sau, mụ đã ở pháo đài La Poăng, lúc tám giờ mụ xuống tàu, và chín giờ, con tàu, với những chứng chỉ của Giáo chủ, được kiểm tra cho phép đi Bayon, lại nhổ neo căng buồm sang Anh quốc.

§46. Pháo thành Saint Giécve

-Đến nơi, D'Artagnan thấy ba người tụ họp trong một căn phòng. Athos đang nghĩ ngợi, Porthos vê ria mép. Aramis đang đọc kinh trong một cuốn sách nhỏ đẹp, bì bọc nhung xanh.

-Mẹ kiếp, ôi các vị! – Chàng nói – Tôi hy vọng các vị có chuyện gì nói với tôi cho nó bõ công, nếu không, tôi báo trước tôi không tha thứ cho các vị đã gọi tôi đến đây, nhẽ ra tôi đã được nghỉ ngơi sau suốt đêm tấn công và phá tung một pháo thành. Chà, thế mà các vị không có ở đấy! Ác liệt ra phết!

Porthos vừa trả lời vừa gấp ngược ria mép lên, vốn là tật riêng của chàng: -Bọn mình ở chỗ khác, ở đấy cũng không lạnh lẽo đâu.

-Suỵt! Athos nói.

-Ồ, ồ, – D'Artagnan hiểu ra ngay khi Porthos khẽ cau mày – có vẻ như có chuyện gì mới ở đây?

-Aramis – Athos nói – Hôm kia cậu ăn điểm tâm ở quán ăn Pácpayô phải không?

-Phải.

-Ở đấy thế nào?

-Ồ, theo ý tôi, tôi đã ăn một bữa rất tệ. Hôm kia là ngày ăn chay, thế mà họ chỉ có thịt.

-Sao cơ? – Athos nói – Ở một hải cảng mà lại không có cá ư?

-Họ nói – Aramis vừa trả lời vừa đọc kinh tiếp – con đê mà Giáo chủ cho đắp đã xua hết chúng ra ngoài khơi.

Nhưng đó không phải là điều tôi hỏi cậu, Aramis, tôi hỏi cậu có được thoải mái không, và có ai quấy rầy cậu không cơ?

-Hình như cũng không bị làm phiền mấy, Athos này, thật ra, về điều anh muốn nói ấy, ta cứ đến Pácpayô, là biết ngay.

-Vậy thì đến Pácpayô! – Athos nói – bởi ở đây vách mỏng như tờ giấy!

D'Artagnan vốn quen với cung cách của bạn mình, và chỉ cần một câu nói, một cử chỉ, một dấu hiệu là đã hiểu ngay ra tình thế nghiêm trọng, liền khoác tay Athos đi ra không nói một lời. Porthos chệnh choạng theo sau cùng với Aramis.

Dọc đường, họ gặp Grimaud, Athos ra hiệu cho gã đi theo.

Grimaud theo thói quen, im lặng vâng theo, gã trai tội nghiệp gần như đã quên mất cả nói.

Họ đến quán Pácpayô vào lúc bẩy giờ, ngày đã bắt đầu rạng, ba người bạn[113] đặt ăn điểm tâm và vào một phòng theo như chủ quán nói, chắc không bị quấy rầy.

Chẳng may, giờ này lại không thích hợp với một cuộc thương nghị. Tiếng trống hiệu ban mai vừa điểm, ai nấy tỉnh dậy sau giấc ngủ ban đêm đều đến uống tí chút ở quầy rượu để xua cái lạnh ẩm buổi sáng – lính long kỵ, lính Thụy Sĩ, cận vệ, ngự lâm, khinh kỵ nối tiếp nhau kéo đến mau đến nỗi chỉ có lợi cho việc kinh doanh của chủ quán, nhưng lại làm chướng mắt bốn người.

Vì vậy mà họ đáp lại rất nhấm nhẳng những lời chào hỏi, chúc uống, và bông đùa của các đồng đội khác.

Athos nói: -Chúng ta rồi cũng rơi vào tình trạng cãi lộn mất thôi, mà ta lại không muốn có chuyện đó lúc này, D'Artagnan, cậu hãy kể chuyện đêm qua của cậu đi, rồi chúng mình sẽ kể chuyện bọn mình.

Một lính khinh kỵ, tay cầm cốc rượu mạnh, vừa lảo đảo từ từ nếm rượu vừa nói: -Đúng là các ông đã ở chiến hào tối qua, các ông cận vệ ạ, và tôi thấy hình như các ông đã kiếm cớ gây sự với bọn La Rochelle phải không?

D'Artagnan đưa mắt hỏi Athos có cần trả lời cái tay nhiễu sự đi xen vào chuyện người khác không.

-Này, cậu không hiểu ông De Buyxinhi đây đang hân hạnh ngỏ chuyện với cậu ư? Cứ kể hết những gì diễn ra đêm qua đi, một khi các vị này đang khao khát muốn biết.

-Chẳng phải các ông kiếm được một páo tành ư? – Một lính Thụy Sĩ uống rượu room trong một cái cốc uống bia hơi nói.

-Vâng, thưa ông – D'Artagnan nghiêng mình trả lời – chúng tôi có cái vinh dự đó, chúng tôi còn đưa vào dưới một góc thành cả một thùng thuốc nổ, khi nổ, như các ông có thể nghe thấy đấy, đã tạo thành một lỗ hổng tuyệt đẹp, không kể pháo thành không còn nguyên vẹn như hôm qua nữa, mà toàn bộ nền móng đều bị rung chuyển mạnh.

-Và đó là pháo thành nào? – Một lính long kỵ binh lấy kiếm xiên ruột con ngỗng đem đi quay hỏi chàng.

Pháo thành Saint Giécve – D'Artagnan trả lời – Đằng sau pháo thành, bọn Rochelle gây khó khăn cho bọn đào công sự chúng ta.

-Và đánh nhau ác liệt chứ?

-Ồ tất nhiên. Bên ta chết năm. Bọn Rochelle tám đến mười đứa.

-Mẹ kiếp! – Người lính Thụy Sĩ văng tục, mặc dầu anh ta có hẳn một mớ câu chửi bằng tiếng Đức, vẫn có thói quen chửi thề bằng tiếng Pháp.

-Nhưng có thể sáng nay – Người lính khinh kỵ nói – Bọn chúng phái công binh đến gia cố lại pháo thành.

-Đúng, có thể lắm – D'Artagnan nói.

-Các vị – Athos nói – Cược nào!

-Cát ông! Tánh cuộc ư? – Lính Thụy sĩ nói.

-Cuộc gì nào? – Lính khinh kỵ hỏi.

-Khoan đã – Người lính long kỵ đặt kiếm như cái xiên chả lên cái vỉ lớn trên bếp lò nói – Tôi cược, ông chủ quán chết người ơi, đưa ngay cho tôi cái chảo, tôi không chịu mất một giọt mỡ nào của con chim quý này đâu.

-Ông có lý tấy, – Người lính Thụy Sĩ nói – Mớ ngỗn ăn với mứt ngon lám.

-Thế chứ – Người lính long kỵ nói – Bây giờ xem cược thế nào. Chúng tôi nghe đây, ông Athos!

-Đúng, cược đi? – Người lính khinh kỵ nói.

-Thế này nhé? Ông De Buyxinhi, tôi cược với ông – Athos nói – Rằng bốn người lính ngự lâm chúng tôi, các ông Porthos, Aramis và D'Artagnan và tôi, chúng tôi sẽ điểm tâm trong pháo thành Saint Giécve, và sẽ ở đấy trong một tiếng đồng hồ, bất kể quân thù dùng biện pháp gì để đánh bật chúng tôi đi.

Porthos và Aramis nhìn nhau, họ bắt đầu hiểu ra mọi chuyện.

-Nhưng anh định làm chúng ta chết cả lũ mà không thương tiếc ư? – D'Artagnan ghé tai Athos hỏi.

Athos trả lời: -Không đến đó thì chúng ta còn chết hơn.

Porthos ngả người tựa lưng vào ghế vừa vê ria mép nói: -Các vị ạ, thật tình, đây là một cuộc đánh cược rất hay đó, tôi hy vọng thế.

-Vậy, tôi nhận cược – Ông De Buyxinhi nói – Bây giờ vấn đề là cược gì Athos: -Các ông bốn, chúng tôi bốn, một bữa tối thả cửa cho tám người, ông thấy có được không?

-Tuyệt vời – Ông De Buyxinhi nói.

-Miễn chê – Người lính long kỵ nói.

-Tui thấy được lắm – Người lính Thụy Sĩ nói.

Người thính giả thứ tư từ đầu đến cuối chuyện cược vẫn chỉ lặng im, gật đầu tỏ ý tán thành đề xuất đó.

Chủ quán nói: -Bữa điểm tâm của các vị đã sẵn sàng.

-Vậy mang đến đây! – Athos nói.

Chủ quán vâng lời. Athos gọi Grimaud, chỉ cho gã cái thúng lớn đặt ở góc phòng và ra hiệu gói các món thịt vào khăn ăn.

Grimaud hiểu ngay đây là bữa điểm tâm ngoài trời, liền cầm thúng gói thịt lại cho vào thúng và cho thêm mấy chai rượu vào rồi cắp thúng lên.

-Nhưng các ông định ăn điểm tâm ở đâu? – Chủ quán hỏi: -Không việc gì đến ông, miễn là người ta trả tiền cho ông.

Rồi chàng ném hai đồng pítxôn vàng lên bàn.

-Có phải trả lại không, thưa ông sĩ quan? – Chủ quán hỏi.

-Không, chỉ thêm hai chai Sămpanhơ thôi, còn lại là tiền khăn ăn.

Lúc đầu chủ quán đã tưởng bở, nhưng ông ta gỡ lại bằng cách thay hai chai Sămpanơ bằng loại vang Ăngju cho bốn thực khách.

-Thưa ông De Buyxinhi – Athos nói – Mong ông chỉnh đồng hồ của ông cho đúng với đồng hồ tôi hoặc cho phép tôi chỉnh của tôi so với ông cũng được.

-Được lắm, thưa ông! – Người lính khinh kỵ, rút từ một chiếc túi nhỏ ra một chiếc đồng hồ rất đẹp xung quanh nạm kim cương – Bảy giờ rưỡi.

-Bảy giờ ba nhăm -Athos nói – Của tôi nhanh hơn của ông năm phút.

-Và chào mấy người đánh cược đang trợn tròn mắt, bốn người lên đường tới pháo thành Saint Giécve, theo sau có Grimaud bưng thúng, không hiểu mình đang đi đến đâu, vì quen vâng lời Athos thụ động nên không buồn hỏi nữa.

Lúc vẫn còn trong phạm vi chiến tuyến quân Pháp bốn người không trao đổi với nhau một lời, vả lại có nhiều người hiếu kỳ đi theo, hiểu rõ việc đánh cược, muốn xem bốn người gỡ khỏi ra sao. Nhưng một khi đã ra khỏi phòng tuyến bao vây, và ở giữa chốn đồng không mông quạnh, D'Artagnan hoàn toàn chưa hiểu phải làm gì, liền cho rằng đã đến lúc phải yêu cầu giải thích.

-Nào bây giờ, anh Athos thân mến – Chàng nói – Vì tình cảm bạn bè, cho tôi biết chúng ta đi đâu thế này?

-Thì cậu biết rõ rồi đấy – Athos nói – Đi đến pháo thành.

-Nhưng đến đấy để làm gì?

-Thì cậu hiểu rồi đấy, chúng ta ăn điểm tâm ở đấy.

-Nhưng tại sao chúng ta không ăn ở Pácpayô?

-Bởi vì chúng ta có những điều quan trọng để nói với nhau, và không thể chuyện trò trong năm phút thôi trước cái bọn phá đám đi đi lại lại, chào hỏi, lân la đến gần. Ở đây, ít nhất – Athos vừa nói vừa chỉ pháo thành – họ cũng sẽ không đến quấy rầy chúng ta.

D'Artagnan với tính thận trọng đi đôi một cách tự nhiên và rất thích hợp với tính can trường thái quá, nói: -Tôi thấy có lẽ chúng ta có thể tìm một địa điểm xa xa ra trong các đụn cát ở bờ biển.

-Ở đấy chẳng khác gì mời người ta nhìn thấy chúng mình hội họp với nhau, rồi thì chỉ trong vòng mươi lăm phút là Giáo chủ đã được bọn gián điệp của ông ta cho biết.

-Đúng Aramis nói – Anh Athos nói đúng. Animadvertuntur in desertis.[114]

-Sa mạc thì không tồi đâu – Porthos nói – Nhưng kiếm đâu ra sa mạc.

-Không có nơi hoang vắng nào mà chim lại không thể bay qua đầu, cá không nhảy lên nổi mặt nước, thỏ không thể ra khỏi tổ được và tôi tin, chim, cá, thỏ, tất cả đều tự nguyện làm gián điệp cho Giáo chủ. Tốt nhất là cứ làm theo toan tính táo tợn của chúng ta. Vả lại, bây giờ ta không thể lùi bước mà không hổ thẹn được nữa rồi. Chúng ta đã đánh cược, một cuộc cá cược không thể tiên đoán và tôi đố bất cứ ai đoán ra nguyên nhân đích thực. Để thắng cuộc, chúng ta sẽ phải trụ vững một tiếng đồng hồ trong pháo thành. Hoặc chúng ta sẽ bị tấn công hoặc không bị. Nếu không bị, ta sẽ có đủ thì giờ để bàn bạc, và sẽ chẳng ai nghe thấy

chúng ta, bởi tôi đảm bảo những bức tường của pháo thành không có tai. Nếu bị tấn công ta vẫn sẽ bàn bạc được công việc của chúng ta, và thêm nữa, chống cự được, như vậy chúng ta càng vinh quang. Các cậu có thấy đằng nào cũng có lợi không.

-Đúng – D'Artagnan nói – nhưng chắc chắn chúng ta sẽ xơi đạn.

-Ồ, bạn thân mến – Athos nói – Cậu thừa biết những viên đạn đáng sợ nhất không phải là đạn của kẻ thù.

-Nhưng chơi cái trò mạo hiểm này, đáng lẽ ít nhất chúng ta phải mang theo súng trường.

-Cậu ngốc lắm Porthos ạ, tại sao ta lại phải cõng theo cái gánh nặng không cần thiết ấy?

-Tôi chẳng thấy vô ích khi có một khẩu súng trường cỡ đạn lớn với mười hai viên đạn, một gói thuốc súng trước mặt quân thù đâu.

-Này, Athos nói – cậu không nghe D'Artagnan đã nói gì à?

-D'Artagnan nói gì? – Porthos hỏi.

-D'Artagnan đã nói trong cuộc tấn công đêm ấy, có tám đến mười quân Pháp chết và cũng ngần ấy bọn Rochelle ư?

-Thì sao?

-Người ta không kịp vơ vét hết của họ, có phải không? Vì lúc đó, họ còn có những việc khác khẩn cấp hơn phải làm.

-Rồi thế nào?

-Thế này, chúng ta sẽ tìm súng, thuốc súng, và đạn của họ, thế là đáng lẽ bốn khẩu súng trường và mười hai viên đạn, chúng ta sẽ có mười lăm khẩu và hàng trăm phát đạn.

-Ồ, Porthos – Athos nói – Anh đúng là một vĩ nhân!

Porthos gật đầu tỏ ý tán thành.

Chỉ có mỗi D'Artagnan là tỏ vẻ chưa tin lắm.

-Chắc là Grimaud cũng nghĩ như D'Artagnan, vì khi thấy mọi người đi tiếp về phía pháo thành, điều mà đến lúc đó gã vẫn nghi ngờ, gã kéo vạt áo chủ mình và hỏi bằng cách ra hiệu: -Chúng ta đi đâu thế này?

Athos chỉ pháo thành.

-Nhưng – gã Grimaud câm lặng vẫn nói bằng thứ biệt ngữ ấy – chúng ta sẽ bỏ xác ở đấy mất thôi.

Athos ngước mắt và chỉ tay lên trời.

Grimaud đặt thúng thức ăn xuống đất và lắc đầu.

Athos rút súng ngắn ở đai lưng ra nhìn xem đã mồi thuốc chưa, bẻ cò và dí nòng súng vào tai Grimaud.

Grimaud đứng phắt dậy như một chiếc lò xo.

Athos liền ra hiệu cho gã bê thúng lên và đi ở phía trước.

Grimaud vâng lời.

Tất cả những gì mà Grimaud kiếm được ở màn kịch câm chóng vánh ấy là đã được chuyển từ vị trí hậu vệ sang vị trí tiên phong.

Đến pháo thành, bốn người cùng quay đầu lại.

Hơn ba trăm binh lính thuộc mọi thứ quân tụ tập ở trước cửa doanh trại, và trong một toán đứng tách riêng ra, có thể thấy ông De Buyxinhi, chàng long kỵ binh, chàng lính Thụy Sĩ và người cá cược thứ tư.

Athos liền bỏ mũ ra đặt trên mũi gươm và vẫy vẫy.

Tất cả những khán giả đều chào lại chàng kèm theo cử chỉ lịch sự đó là một tiếng hoan hô vang dội đến tận chỗ họ.

Sau đó, cả bốn biến mất vào trong pháo thành, có Grimaud dẫn đầu.

§47. Hội nghị ngự lâm quân

Như Athos tiên đoán, pháo thành chỉ có mười hai người chết cả Pháp lẫn Rochelle.

Athos giữ vị trí chỉ huy cuộc hành quân nói: -Thưa các vị, trong khi Grimaud chuẩn bị bữa ăn, chúng ta hãy bắt đầu bằng việc thu lượm súng đạn, vả lại chúng ta vừa có thể bàn bạc vừa hoàn thành việc đó. Các vị này – Athos chỉ những xác chết nói thêm – không nghe chúng ta nói đâu.

-Nhưng ta có thể ném họ xuống hố – Porthos nói – tuy nhiên sau khi chúng ta được đảm bảo họ không còn gì trong túi.

-Đúng – Athos nói – đó là việc của Grimaud.

-Ồ! Vậy thì cứ để Grimaud lục soát họ và ném họ qua tường thành.

-Giữ họ lại thì hơn – Athos nó – Họ có thể phục vụ chúng ta.

-Những xác chết có thể phục vụ ta ư? – Porthos hỏi – Ái chà, anh điên rồi, bạn thân mến ạ.

-"Chớ có phán xử liều", Kinh Thánh và cả Giáo chủ đều nói thế – Athos trả lời – bao nhiêu súng, các vị?

-Mười hai – Aramis trả lời.

-Bao nhiêu đạn?

-Một trăm.

-Thế là đủ cho chúng ta rồi – Nhồi thuốc đi!

Bốn người tiến hành nhồi thuốc. Khi nhồi xong khẩu súng cuối cùng thì Grimaud ra hiệu bữa điểm tâm cũng vừa xong.

Athos trả lời, vẫn luôn bằng điệu bộ, tốt lắm, và chỉ một góc pháo thành và Grimaud hiểu là mình phải đứng canh ở đó. Có điều để làm vơi nỗi buồn phiền khi canh gác, Athos cho gã mang theo một cái bánh, hai dẻ sườn rán và một chai vang.

-Và vây giờ ta ngồi chén thôi – Athos nói.

Bốn người ngồi xuống đất, chân xếp bằng tròn như người Thổ Nhĩ Kỳ hoặc các bác phó may.

-Nào, bây giờ – D'Artagnan nói – Anh không sợ ai nghe thấy nữa, mong anh cho chúng tôi biết bí mật của anh đi.

-Tôi hy vọng đem lại cho các vị sự hài lòng và cả vinh quang nữa. – Athos nói – Tôi đã đem lại cho các vị một cuộc dạo chơi thú vị, đây là một trong những bữa điểm tâm ngon lành nhất, và năm trăm con người ngoài kia mà các vị có thể nhìn thấy họ qua lỗ châu mai, đang cho chúng ta là những thằng điên hay là những bậc anh hùng, hai hạng ngu ngốc này đều khá giống nhau.

-Nhưng còn cái bí mật ấy? – D'Artagnan nói.

-Bí mật – Athos nói – đó là hôm qua tôi đã gặp Milady.

D'Artagnan đang đưa cốc rượu lên môi, nhưng vừa nghe thấy cái tên Milady, tay chàng đã run bắn lên, khiến chàng phải đặt xuống đất để khỏi sánh rượu ra ngoài.

-Anh đã gặp vợ…

Athos ngắt lời: -Im nào? Cậu quên rằng các vị đây chưa được am tường như cậu về cái bí mật của nội bộ gia đình mình hay sao – Ừ mình đã gặp Milady.

-Và ở đâu? – D'Artagnan hỏi.

-Cách đây chưa đến hai dặm, ở quán trọ Chuồng chim câu Đỏ

-Nếu thế thì tôi toi mất! – D'Artagnan nói.

-Không, chưa hoàn toàn thế đâu – Athos lại nói – bởi vì giờ này, mụ chắc đã rời bờ biển nước Pháp rồi.

D'Artagnan thở phào.

Porthos hỏi: -Nhưng rút cục, cái mụ Milady này là thế nào?

-Một người đàn bà duyên dáng – Athos vừa nói vừa nhấp một cốc rượu vang sủi bọt. Tên chủ quán chó má! – Chàng hét lên – Nó tráo rượu sămpanhơ bằng vang Ăngju, và tưởng cánh ta dùng mà không biết gì! Phải – chàng tiếp tục – một phụ nữ duyên dáng, đã đối xử rất tử tế với D'Artagnan của chúng ta thế mà anh chàng chẳng biết đã làm điều gì hắc ám với nàng khiến nàng cố tìm cách trả thù, cách đây một tháng định cho bắn chết anh chàng, và tám ngày gần đây định đầu độc chàng ta, còn hôm qua thì hỏi xin Giáo chủ cái thủ cấp của chàng.

-Thế nào? Hỏi xin Giáo chủ cái thủ cấp của tôi? D'Artagnan hỏi, tái xanh vì sợ hãi.

Porthos nói: -Việc đó, đúng như kinh Phúc âm rồi. Tôi nghe thấy tận tai điều đó

-Tôi cũng vậy Aramis nói.

-Thế thì – D'Artagnan buông thõng hai cánh tay chán nản nói – đánh nhau thêm làm gì cho phí công, thà tôi cứ tự bắn vỡ óc mình còn hơn và thế là chấm hết tất cả.

Athos nói: -Thế thì đấy là điều xuẩn ngốc cuối cùng cần phải làm vì đó là cách duy nhất vô phương cứu chữa.

-Nhưng với loại kẻ thù như thế tôi không phải bao giờ cũng thoát khỏi đâu. Trước tiên, kẻ xa lạ ở Măng, tiếp đến là De Wardes, kẻ tôi đã đâm cho ba nhát gươm, rồi Milady mà tôi nắm được bí mật của mụ, cuối cùng là Giáo chủ mà tôi đã làm cho việc trả thù của ông ta thất bại.

-Này cậu! – Athos nói – Tất cả như thế mới là bốn và chúng ta có bốn, một chọi một. Mẹ kiếp! Nếu chúng ta tin vào những gì mà Grimaud đang ra hiệu cho chúng ta, thì chúng ta sắp sửa có chuyện với một số đông kẻ khác đây. Có chuyện

gì vậy Grimaud? – Athos nói – Căn cứ vào tình hình nghiêm trọng, ta cho phép anh nói, anh bạn ạ, nhưng xin anh vắn tắt thôi. Anh nhìn thấy gì?

-Một toán.

-Độ bao nhiêu?

-Hai chục người.

-Loại người nào?

-Mười sáu công binh, bốn lính.

-Cách khoảng bao nhiêu bước?

-Năm trăm bước.

-Tốt, chúng ta còn đủ thì giờ để chén nốt con ngỗng này và uống một cốc vang chúc sức khỏe cậu, D'Artagnan!

-Chúc sức khỏe cậu! – Porthos và Aramis cùng nói theo.

-Vậy thì, chúc sức khỏe tôi? Cho dù tôi không tin lời chúc của các anh giúp tôi được gì nhiều.

-Ô hay! – Athos nói – Thượng đế vô biên, như các tín đồ của Mahômét thường nói, và tương lai nằm trong tay Người.

Rồi, uống nốt cốc vang, đặt cốc bên cạnh, Athos uể oải đứng lên, vơ lấy khẩu súng đầu tiên và lại gần một lỗ châu mai.

Porthos, Aramis, và D'Artagnan đều làm theo như thế.

-Còn Grimaud thì nhận lệnh đứng phía sau để nạp lại thuốc súng.

Một lát sau, họ thấy toán người đó xuất hiện, bọn chúng đi theo một đường hào ống ăn thông giữa thành phố vào pháo thành.

-Mẹ kiếp! – Athos nói – Thật không bõ công chúng ta thanh toán hai chục tên vô lại trang bị bằng cuốc bàn, cuốc chim, xẻng.

Grimaud chỉ việc vẫy tay ra hiệu cho chúng đi đi, tôi tin chắc chúng sẽ để ta yên.

-Tôi thì lại ngờ chuyện đó đấy – D'Artagnan nói – bởi chúng tiến rất kiên quyết. Vả lại, cùng với bọn lính thợ còn có bốn lính chiến đấu và một toán trưởng, đều trang bị súng hỏa mai.

-Chính vì chúng không trông thấy bọn ta đấy – Athos nói.

Aramis nói: -Thú thật, tôi cảm thấy tởm lợm khi phải bắn vào lũ thị dân đáng thương này.

-Một thày tu tồi mới đi thương bọn tà đạo.

-Thật ra, Athos nói – Aramis nói đúng đấy, tôi sẽ báo trước cho họ.

-Anh định làm trò quỷ gì vậy? – D'Artagnan nói – Anh định làm bia À, anh Athos thân mến.

Nhưng Athos không chút để ý đế ý kiến ấy, trèo lên lỗ hổng, một tay cầm súng, tay kia cầm mũ, và nói với bọn lính và bọn lính thợ đang kinh ngạc trước sự xuất hiện của chàng, và dừng lại cách pháo thành khoảng năm mươi bước lại

còn chào chúng rất lịch thiệp: -Các vị, chúng tôi gồm mấy người bạn và tôi, đang ăn điểm tâm trong pháo thành. Mà các vị biết rằng không gì khó chịu bằng bị làm phiền trong khi đang ăn điểm tâm, vì vậy chúng tôi yêu cầu các vị hãy đợi chúng tôi ăn xong, nếu các vị thấy nhất định phải làm việc ở đây thì xin để sau hãy đến, trừ khi các vị có thiện ý rời bỏ bọn phiến loạn và đến uống cùng chúng tôi chúc sức khỏe nhà Vua Pháp.

Coi chừng, Athos! – D'Artagnan kêu lên – Anh không thấy chúng đưa súng lên ngắm ư?

-Thấy quá chứ – Athos nói – Nhưng đấy toàn là thị dân bắn tồi lắm và như tránh bắn vào mình ấy.

Quả nhiên, cùng một lúc bốn phát súng nổ, và những viên đạn đều dính bẹt vào xung quanh Athos và chẳng viên nào trúng vào người chàng.

Bốn phát bắn trả lại hầu như đồng thời nhưng đều ngắm trúng hơn bọn xâm lược, ba tên hnh ngã lăn ra chết thẳng cẳng và một lính thợ bị thương.

-Grimaud, đưa khẩu khác! Athos vẫn đứng ở lỗ hổng nói.

Grimaud vâng lệnh ngay. Về phía ba người kia, họ tự nhồi thuốc lấy – loạt bắn thứ hai tiếp theo loạt thứ nhất, viên toán trưởng và hai lính công binh ngã ra chết, số còn lại bỏ chạy.

-Nào, các vị ra thôi – Athos nói.

-Và cả bốn người bạn lao ra khỏi pháo thành, đến tận chỗ quân Rochelle giao chiến, nhặt lấy bốn khẩu hỏa mai và cây giáo ngắn của tên toán trưởng. Tin chắc bọn chạy trốn phải về đến thành phố mới dừng lại, bốn người cùng trở lại pháo thành, mang theo chiến lợi phẩm.

-Nạp thuốc vào súng đi, Grimaud, Athos nói – và chúng ta các vị ạ, ta lại chén bữa điểm tâm và tiếp tục câu chuyện của chúng ta. Chuyện đến đâu rồi nhỉ?

D'Artagnan nói: -Tôi nhớ câu chuyện đến chỗ đang bận tâm xem lộ trình mà Milady phải theo như thế nào.

Athos trả lời: -Mụ đi sang Anh với mục đích gì?

-Mục đích ám sát hay cho người ám sát Buckingham.

D'Artagnan thốt lên một tiếng kêu kinh ngạc và tức tối: -Nhưng thế thì thật đê tiện!

-Ồ! Về chuyện đó – Athos nói – tôi xin cậu hãy tin là tôi chẳng quan tâm mấy đâu. Bây giờ Grimaud, người đã nạp xong rồi, hãy cầm lấy cây giáo ngắn của tay toán trưởng, buộc vào đấy chiếc khăn và cắm lên đỉnh pháo thành để cho bọn phản nghịch Rochelle thấy được là chúng đã gặp phải những binh sĩ can trường và trung thành của nhà Vua.

Grimaud vâng lời mà không trả lời. Một lát sau, lá cờ trắng phấp phới bay bên trên đầu bốn người bạn. Tiếng hoan hô vang dậy như sấm, chào mừng sự xuất hiện lá cờ, một nửa doanh trại đổ ra xem.

-Thế nào? – D'Artagnan nhắc lại – Anh không quan tâm mấy việc mụ giết hay cho người giết Buckingham ư?

-Nhưng quận công là bạn của chúng ta.

-Quận công là người Anh, Quận công đánh lại chúng ta, vậy mặc xác mụ muốn làm gì Quận công thì làm, tôi chỉ quan tâm đến việc ấy như một cái chai hết nhẵn rượu thôi.

Và Athos quăng cái chai chàng đang cầm và vừa rót hết nhẵn sang một cái bình ra xa chàng hai nhăm bước.

-Một giây thôi – D'Artagnan nói – tôi cũng không bỏ rơi ông ta như thế, ông ta đã tặng chúng ta những con tuấn mã.

-Và nhất là những bộ yên cương cực đẹp nữa – Porthos nói, và ngay lúc đó thôi, áo khoác của chàng vẫn còn đeo cái ngự của chiếc yên đó.

-Thêm nữa – Aramis nói – Chúa muốn sự cải hối chứ không phải là cái chết của tội đồ.

-Amen – Athos nói – để sau chúng ta hãy quay lại chuyện đó, nếu đó là sở thích của các vị, còn lúc này, điều làm tôi lo lắng hơn cả và tôi tin cậu sẽ hiểu tôi, D'Artagnan ạ, là đoạt lại ở mụ đàn bà ấy tấm bạch thư mà mụ đã bóp nặn được ở Giáo chủ và nhờ bức thư ấy mụ sẽ thanh toán được cậu và có thể cả bọn tôi nữa.

-Thế thì nó là một con quỷ chứ không phải là người nữa.

D'Artagnan hỏi: -Tờ bạch thư ấy vẫn trong tay mụ chứ?

-Không, nó đã chuyển sang tay tôi rồi. Tôi không bảo là không vất vả đâu, bởi như thế sẽ là nói dối.

-Anh Athos thân mến – D'Artagnan nói – Tôi không đếm nổi những lần anh cứu sống tôi.

-Vậy ra để đến gặp mụ nên anh bỏ lại chúng tôi? Aramis hỏi.

-Đúng thế.

-Và anh có tấm bạch thư ấy của Giáo chủ? D'Artagnan hỏi.

-Nó đây này – Athos nói.

Và chàng rút mẩu giấy quý giá đó ra khỏi túi áo khoác.

D'Artagnan mở thư, cũng chẳng buồn giấu đôi tay run rẩy, và đọc:

"Theo lệnh của ta và vì lợi ích của quốc gia, người mang tờ giấy này đã làm điều người đó phải làm."

3 tháng 12 năm 1627

Richelieu

Quả là một sự miễn trừ đối với mọi điều luật – Aramis nói.

D'Artagnan cảm thấy như đọc bản án treo cổ chính mình, chàng nói: -Phải xé mảnh giấy này đi!

-Hoàn toàn trái lại – Athos nói – Ta phải giữ nó như một báu vật. Phủ đầy vàng, tôi cũng không cho mảnh giấy này đâu.

-Và bây giờ mụ sẽ làm gì được nữa nào? – D'Artagnan hỏi.

-Ồ – Athos hững hờ nói – Có thể mụ ta sẽ viết thư cho Giáo chủ rằng một tên ngự lâm trời chu đất diệt tên là Athos đã dùng vũ lực tước đoạt tờ thông hành vạn năng của mụ, trong thư, mụ cũng sẽ khuyên nên trừ khử đồng thời cả tên Athos lẫn hai bạn nó là Porthos và Aramis. Giáo chủ sẽ nhớ ra ông luôn chạm trán với những con người đó trên đường đi của mình, rồi một buổi sáng ngày kia, ông sẽ cho bắt giữ D'Artagnan, và để cho hắn khỏi phải buồn phiền một mình, ông ta sẽ phái cả lũ chúng ta đến bầu bạn với hắn trong ngục Bastille.

Porthos nói: -Ôi, anh đùa mà nghe cứ não cả ruột, Athos ạ!

-Tôi không đùa đâu.

-Anh có biết không – Porthos nói – thà cắn cổ cái con Milady trời đánh đó còn nhẹ tội hơn cắn cổ cái bọn Tin lành khốn khổ chả bao giờ mắc tội gì khác là đi hát Thánh ca bằng tiếng Pháp chứ không bằng tiếng Latinh như chúng ta.

-Ngài nói sao, tu viện trưởng? – Athos bình thản hỏi Aramis.

-Tôi nói tôi tán thành ý kiến Porthos – Aramis trả lời.

-Tôi cũng thế – D'Artagnan nói.

-Cũng may mà mụ ấy ở xa – Porthos nói – bởi tôi thú thật, nếu mụ ở đây thì ngứa ngáy chân tay tôi lắm.

-Mụ làm phiền tôi ở Anh cũng như ở Pháp – Athos nói.

-Mụ làm phiền tôi ở khắp nơi – D'Artagnan nói.

-Nhưng khi cậu tóm được mụ, – Porthos hỏi – cậu không dìm chết, bóp cổ, treo cổ mụ lên chứ? Chỉ có chết rồi, mụ mới không trở lại được.

-Cậu tin vậy ư? Porthos? – Athos hỏi với một nụ cười u tối mà chỉ D'Artagnan mới hiểu.

-Tôi có một ý kiến – D'Artagnan nói.

-Nói xem nào? – Cả mấy người cùng bảo chàng.

Grimaud bỗng hét lên: -Cầm súng!

Lần này một toán nhỏ khoảng hai mươi đến hai nhăm người, nhưng không còn là lính thợ nữa đó là bọn lính đồn trú.

Porthos nói: -Ta quay về doanh trại chăng? Tôi thấy có vẻ không cân sức.

-Không được – Athos trả lời – vì ba lý do. Thứ nhất, chúng ta chưa xong bữa điểm tâm. Thứ hai, chúng ta vẫn còn những điều quan trọng phải bàn. Thứ ba, còn thiếu mười phút nữa mới hết hạn cược.

-Vậy thì, Aramis nói – phải vạch ra một kế hoạch tác chiến chứ.

-Rất đơn giản – Athos nói – ngay khi quân địch ở đúng tầm, là ta bắn. Nếu chúng tiếp tục tiến, ta bắn nữa cho kỳ hết súng đã nạp sẵn, nếu bọn còn lại muốn leo lên xung phong, chúng ta để cho bọn vây ta xuống đến tận hào, lúc đó ta mới đẩy những vạt tường đã lung lay chỉ còn trụ lại nhờ ở thế cân bằng kỳ quái lên đầu chúng.

-Hoan hô! – Porthos nói – Athos ạ, nhất định anh sinh ra là để làm tướng rồi, và Giáo chủ cứ tưởng mình là nhà quân sự đại tài cũng chưa nước mẹ gì so với anh.

-Thưa các vị – Athos nói – Đừng lải nhải vô tích sự nữa, tôi xin đấy, mỗi người hãy nhằm một tên đi.

-Tôi nhằm tên của tôi rồi – D'Artagnan nói.

-Tôi cũng có rồi – Porthos nói.

-Tôi cũng thế – Aramis nói.

-Vậy bắn! – Athos nói.

Bốn phát súng cùng nổ thành một tiếng và bốn tên ngã.

Lập tức tiếng trống đánh thúc giục tốp lính xông lên theo nhịp trống.

-Thế là tiếng súng nối tiếp nhau nổ, lúc mau lúc thưa, nhưng luôn luôn chính xác. Tuy nhiên vì biết được sự yếu thế về quân số của bọn họ, quân Rochelle tiếp tục tiến bước.

Cứ ba phát bắn ra thì hai tên ngã, nhưng việc tiến quân của những tên còn vững vẫn không chịu chậm lại. Đến chân pháo thành, quân thù còn mười hai hay mười lăm tên gì đó, một loạt đạn cuối cùng bắn ra đón chúng nhưng chúng không hề dừng lại, chúng nhảy xuống hào và chuẩn bị leo lên lỗ hổng.

-Bây giờ, các bạn – Athos nói – Một đòn nữa cho xong đi, ra chỗ tường, ra chỗ tường đi!

Và bốn người, có Grimaud giúp, lấy nòng súng bẩy tường, một mảng tường khổng lồ ngả xuống như bị gió đẩy, long khỏi chân, rơi đánh rầm xuống hào thành một tiếng khủng khiếp, rồi người ta nghe thấy tiếng kêu thét lớn, một đám mây bụi bốc lên cao – và thế là hết.

-Liệu chúng có cho bẹp dí từ đứa đầu đến đứa cuối không? – Athos hỏi.

-Tôi thấy hình như thế – D'Artagnan nói.

-Không – Porthos nói – có hai ba đứa đang bò lê chạy trốn kia kìa.

Quả nhiên ba bốn tên khốn khổ, người đầy bùn và máu chạy trốn trên con đường trống vắng về thành phố, đó là tất cả những gì còn lại của toán nhỏ ấy.

Athos nhìn đồng hồ rồi nói: -Thưa các vị, chúng ta ở đây đã được một giờ rồi, và đã thắng cược. Nhưng chúng ta phải là những tay chơi đẹp. Hơn nữa D'Artagnan còn chưa nói ý kiến của mình.

-Và chàng ngự lâm, với vẻ bình tĩnh vốn có, ra ngồi trước những món ăn còn lại của bữa điểm tâm.

-Ý kiến của tôi ư? – D'Artagnan nói.

-Phải, cậu đã nói cậu có một ý kiến kia mà – Athos nói.

-À, phải rồi! – D'Artagnan nói tiếp – tôi sẽ qua bên Anh lần thứ hai, tôi sẽ tìm Buckingham.

-Cậu sẽ không làm điều đó được, D'Artagnan – Athos lạnh lùng nói.

-Tại sao vậy? Tôi đã từng sang đó mà?

-Phải, lần đó, chúng ta không đang có chiến tranh, ông De Buckingham là một đồng minh chứ không phải là một kẻ thù. Điều cậu định làm sẽ bị quy là phản bội.

D'Artagnan hiểu sức mạnh của lý lẽ đó nên im mất.

-Nhưng – Porthos nói – hình như tôi cũng có ý kiến đây!

-Im để nghe ý kiến của Porthos nào! -Aramis nói.

-Tôi xin ông De Treville nghỉ phép, viện một cái cớ nào đó mấy người sẽ tìm hộ, vì tôi không giỏi về chuyện viện cớ. Milady không biết tôi, tôi đến gần mụ, mụ cũng không nghi ngại gì, và khi tôi tìm được người đẹp, tôi sẽ bóp chết mụ.

-Ờ được đấy! Athos nói – có thể chấp thuận ý kiến ấy được.

-Thôi đi! – Aramis nói – Giết một người đàn bà ư! Không, nghe đây, tôi có một ý kiến thiết thực.

Athos vốn rất tôn trọng chàng ngự lâm trẻ này nên nói: -Để xem ý kiến của Aramis nào!

-Phải báo trước cho Hoàng hậu.

-Hay! Phải rồi – cả Porthos lẫn D'Artagnan đều reo lên -

-Thế là cũng đã có cách rồi.

-Báo trước cho Hoàng hậu ư? – Athos nói – Và báo thế nào?

-Chúng ta có ai thân thích trong triều không? Ta có thể cử ai đến Paris mà ở doanh trại người ta không biết không? Đây đến Paris là bốn trăm dặm. Thư của chúng ta chưa tới Ănggiê thì chúng ta đã bị tống vào hầm tối rồi.

-Về việc làm thế nào để chuyển thư an toàn cho Hoàng hậu – Aramis đỏ mặt nói – tôi xin đảm nhiệm, tôi quen một người ở Tours rất khôn khéo.

Aramis thấy Athos mỉm cười liền dừng lại.

-Thế nào, anh Athos, anh không chấp nhận cách đó ư? – D'Artagnan nói.

-Tôi không hoàn toàn bác bỏ – Athos nói – nhưng chỉ muốn lưu ý Aramis là không thể rời khỏi doanh trại được, mà mọi người khác ngoài chúng ta đều không an toàn, chỉ cần hai giờ sau khi phái viên ra đi là bọn tu sĩ dòng Frăngxít, bọn mật vụ, bọn mũ nồi đen của Giáo chủ đã thuộc lòng bức thư, và người ta sẽ bắt giữ cậu cùng với con người khôn khéo của cậu nữa.

-Chưa kể – Porthos nói – Hoàng hậu sẽ cứu De Buckingham nhưng không cứu chúng ta đâu.

-Thưa các vị – D'Artagnan nói – điều Porthos nói đầy ý nghĩa đấy.

-Ơ kìa? Có chuyện gì xảy ra trong thành ấy nhỉ! – Athos hỏi.

-Chúng đánh trống ra quân.

Bốn người lắng tai nghe, và tiếng trống vang đến tận chỗ họ.

-Các cậu sẽ thấy chúng sắp phái cả một binh đội đến đánh chúng ta đấy – Athos nói.

-Anh không định chống chọi với cả một binh đội đấy chứ?

Porthos hỏi.

-Tại sao không? – Chàng ngự lâm quân đáp – Tôi cảm thấy mình đang hăng máu đây. Và tôi sẽ trụ vững trước cả một đạo quân, chỉ cần chúng ta phòng bị trước bằng cách có thêm mười hai chai rượu nữa.

D'Artagnan nói: -Tôi thề là tiếng trống đang đến gần đấy. Cứ để cho nó đến gần – Athos nói – Đường đi từ đây đến thành phố chỉ mất mười lăm phút và do đó từ thành phố đến đây cũng vậy. Còn khối thì giờ để ta vạch ra kế hoạch của ta. Nếu đi khỏi đây, chẳng bao giờ chúng ta còn tìm lại được một chỗ thuận lợi như thế. Và xem này, đúng là mình vừa có một ý rất hay, các vị ạ.

-Nói xem nào.

Cho phép mình ra lệnh cho Grimaud một vài điều cần thiết.

Athos ra hiệu cho người hầu của mình lại gần.

-Grimaud – Athos chỉ những người chết nằm yên trong pháo thành – Anh đem những vị này dựng lên tựa vào tường thành, đội mũ lên đầu họ, và đặt súng vào tay họ.[115]

-Ồi, vĩ nhân! – D'Artagnan nói – Tôi hiểu anh rồi – Cậu hiểu ư? – Porthos hỏi – Còn anh, Grimaud, anh có hiểu không? Aramis nói.

Grimaud ra hiệu có hiểu.

-Chỉ cần có thế thôi – Aramis nói – ta trở lại ý kiến của tôi đã.

-Tôi muốn hiểu cặn kẽ cơ – Porthos nói.

-Không cần thiết.

-Có chứ, có chứ, phải hiểu cặn kẽ ý kiến của anh Athos chứ? cả D'Artagnan và Aramis cùng nói.

-Cái mụ Milady ấy, mụ đàn bà ấy, con súc sinh ấy, con quỷ ấy có một gã em chồng, theo như cậu nói với tôi có phải không, D'Artagnan?

-Phải, tôi còn biết ông ta rất rõ nữa, và tôi cũng tin ông ta không có cảm tình mấy với chị dâu mình.

-Điều đó không phải là dở, nhưng nếu ông ta ghét mụ thì tốt hơn.

-Trong trường hợp đó, chúng ta càng được việc.

-Thế nhưng – Porthos nói – tôi vẫn muốn biết Grimaud làm cái gì?

-Tên gã em chồng là gì?

-Huân tước De Winter.

-Bây giờ hắn ở đâu?

-Trở về London ngay khi có tin chiến tranh rồi.

-Thế thì, đó chính là người mà chúng ta cần, Athos nói – đó chính là người thích hợp với cậu để báo trước. Chúng ta sẽ cho ông ta biết là chị dâu ông ta đang định ám sát ai đó, và chúng ta sẽ yêu cầu ông ta đừng rời mắt khỏi mụ ta. Tôi hy

vọng ở London chắc cũng có một cơ sở nào đó chứa những mụ đàn bà con gái sa ngã để hoàn lương, để ông ta tống chị dâu mình vào đó, thế là ta yên tâm.

-Yên tâm – D'Artagnan nói – cho đến khi mụ ta ra khỏi đây.

-Chà, thật tình – Athos nói – cậu đòi hỏi nhiều quá đấy, D'Artagnan à, tôi đã hiến cho cậu tất cả những gì tôi có, và xin báo trước thế là cạn túi rồi.

-Tôi thì tôi lại thấy thế này tốt hơn – Aramis nói, chúng ta báo trước cho cả Hoàng hậu lẫn Huân tước De Winter.

-Đúng, nhưng chúng ta sẽ nhờ ai mang thư đến thành Tours và đến London?

-Tôi đảm bảo Bazin đi được – Aramis nói.

-Và tôi, là Planchet – D'Artagnan nói.

Porthos nói: -Quả là nếu chúng ta không thể rời doanh trại, thì những người hầu của chúng ta có thể rời đi lắm chứ.

-Hẳn rồi – Aramis nói – và ngay hôm nay, ta viết thư, ta sẽ cho họ tiền và họ ra đi.

-Chúng ta cho họ tiền? – Athos hỏi lại – vậy các cậu có tiền không?

Bốn người nhìn nhau, và một áng mây lướt trên trán họ vừa mới rạng ra được một lúc.

-Báo động! – D'Artagnan hét lên – tôi thấy những chấm đen và những chấm đỏ đang động đậy dưới kia, vậy mà anh nói là một binh đội được ư, Athos, cả một đạo quân đấy!

-Phải, chúng đấy! – Athos đáp – Cậu thấy lũ thâm hiểm này đang đến không kèn, không trống chứ? A, làm xong rồi hả Grimaud?

Grimaud ra hiệu xong rồi, và chỉ mười hai xác chết hắn đã đặt trên những độ cao rất ngoạn mục số này thì cầm súng, số kia thì nhắm bắn, số khác tay cầm gươm.

-Hoan hô? – Athos nói – trí tưởng tượng của người như thế là đáng tôn vinh đó.

-Thì cũng đến thế thôi – Porthos nói – Tôi muốn hiểu cặn kẽ cơ.

-Hãy chuồn đã – D'Artagnan nói – anh sẽ hiểu sau.

-Khoan tí đã các vị! Khoan một tí cho Grimaud có thì giờ dọn dẹp đi đã.

-Này này! – Aramis nói – Những chấm đen và chấm đỏ mỗi lúc một to thêm và trông rõ quá rồi, tôi đồng ý với D'Artagnan, tôi tin chúng ta không còn dềnh dàng việc rút về doanh trại được nữa đâu.

-Thì tôi có gì để chống lại việc rút lui nữa đâu. Chúng ta đánh cược một giờ, ta đã ở đây một giờ rưỡi, có gì đáng nói nữa, đi thôi, các vị, đi thôi.

Grimaud bê thúng thức ăn thừa đi trước.

Bốn người đi sau gã cách khoảng mươi bước.

-Ê này các vị – Athos nói – Chúng ta làm cái quỷ gì thế?

-Anh quên cái gì ư? – Aramis hỏi.

-Mẹ kiếp, còn lá cờ? Không thể để cờ lọt vào tay quân thù được, ngay cả khi nó chỉ là một cái khăn ăn.

Và Athos lao trở lại pháo thành, leo lên bậc thềm, nhổ lấy lá cờ lên, có điều quân Rochelle đã đến đúng tầm bắn, chúng bắn chát chúa vào phía chàng đang phơi mình ra như một thú vui.

Athos vừa vẫy cờ vừa quay lưng lại bọn Rochelle và chào những người của doanh trại. Từ hai mặt tiếng reo hò vang dội, một mặt là những tiếng la hét giận dữ, mặt kia lại là những tiếng reo cuồng nhiệt.

Một loạt đạn thứ hai tiếp theo loạt thứ nhất và ba viên khoan thủng biến chiếc khăn ăn thành một lá cờ thực sự. Tiếng la vang lên từ khắp doanh trại.

-Xuống đi, xuống đi!

Athos đi xuống. Các bạn đang rất đỗi lo âu đợi chàng, rất vui mừng thấy chàng trở lại.

-Nào, nào – D'Artagnan nói – Bước dài chân ra, mau lên, giờ thì chúng ta đã giải quyết được tất cả rồi, trừ mỗi tiền thôi, để bị giết thì ngu ngốc quá.

Nhưng Athos vẫn bước một cách đường hoàng, mặc kệ những lời chỉ trích của các đồng đội, rồi thấy chỉ trích cũng vô ích, họ đành phải bước theo kiểu đường hoàng theo chàng.

Grimaud bê thúng đi trước đã ra khỏi tầm bắn.

Một lát sau lại vang lên tiếng súng bắn tới.

-Thế là thế nào? – Porthos hỏi – Chúng bắn vào cái gì vậy?

-Tôi không nghe thấy tiếng đạn réo và chẳng nhìn thấy ai cả.

-Chúng bắn vào những xác chết đấy – Athos trả lời.

-Nhưng những xác chết của chúng ta sẽ không đáp lại.

-Đúng thế, thế là chúng liền tưởng là một ổ phục kích, chúng sẽ bàn bạc, rồi sẽ cử một tên đến thương nghị, và khi chúng nhận ra đó là một trò đùa, chúng ta đã ở ngoài tầm bắn.

-Bởi thế làm gì phải vội vã cho nó hết hơi.

-Ồ, tôi hiểu rồi? – Porthos kinh ngạc nói.

-Thế thì sung sướng quá! – Athos nhún vai nói.

Về phía mình, những người Pháp thấy bốn người bạn lững thửng trở về, reo lên cuồng nhiệt.

Cuối cùng một loạt đạn súng trường lại vang lên, và lần này đạn tới bệt dí trên sỏi đá xung quanh bốn người bạn, và réo lên thê thảm bên tai họ. Bọn Rochelle cuối cùng cũng đã chiếm được pháo thành.

-Đúng là một lũ vụng về – Athos nói – Chúng ta giết được bao nhiêu đứa? Mười hai phải không?

-Hoặc mười lăm gì đó.

-Bao nhiêu đứa bị chết bẹp?

-Từ tám đến mười đứa.

-Mất tất cả ngần ấy mà không đổi lại được một vết xước ư?

-Chà! Khá thật? Cậu làm sao ở tay vậy, D'Artagnan? Máu ư?

-Không sao cả – D'Artagnan nói.

-Một viên đạn lạc?

-Không phải đâu.

-Vậy là cái gì?

Như đã nói, Athos yêu D'Artagnan như con mình, và cái tính u trầm và cứng rắn đôi khi đối với chàng trai trẻ lại như những chăm sóc của người cha.

-Vết xước da thôi – D'Artagnan đáp – những ngón tay tôi lại bị kẹp giữa hai hòn đá, một hòn ở bức tường và một viên trên chiếc nhẫn, thế là da bị rách ra.

-Thế mới biết thế nào là có kim cương, ông chủ ạ – Athos nói mỉa.

-Và phải rồi – Porthos reo lên – Quả là có một viên kim cương cơ mà, vậy thì tại cái quỷ gì mà một khi đã có một viên kim cương lại cứ phàn nàn là không có tiền?

-Ừ, phải rồi! – Aramis nói.

-Thế là may quá rồi, Porthos, lần này mới thật là một ý kiến.

-Hẳn rồi – Porthos gân cổ lên nói trước sự khen ngợi của Athos – một khi có kim cương, ta bán béng nó đi.

-Nhưng – D'Artagnan nói – Đó là kim cương của Hoàng hậu.

-Càng đáng bán – Athos nói tiếp – Hoàng hậu cứu Buckingham người tình của mình, không gì đúng hơn thế.

-Hoàng hậu cứu chúng ta, những người bạn của bà, không gì đạo lý hơn, bán cái nhẫn kim cương đi. Ngài nghĩ sao, cha tu viện trưởng? Tôi không hỏi ý kiến Porthos nữa, cậu ấy đã nói rồi.

-Còn tôi thì nghĩ – Aramis đỏ mặt lên nói – vì chiếc nhẫn không phải do người tình tặng và do đó không phải là tín vật của tình yêu nên D'Artagnan có thể bán nó.

-Bạn thân mến, anh nói như một nhà thần học bằng xương, bằng thịt vậy. Như thế ý kiến của anh là…

-Là bán cái nhẫn kim cương – Aramis trả lời.

-Thế thì! – D'Artagnan vui vẻ nói – Ta bán chiếc nhẫn kim cương đi và đừng bàn bạc gì nữa.

Loạt súng mới tiếp tục nổ, nhưng mấy người đã ra khỏi tầm bắn và quân Rochelle chỉ còn bắn để khỏi trái với lương tâm của họ.

-Quả thật tôi thấy ý kiến của Porthos đưa ra thật đúng lúc.

-Giờ đây ta đã ở doanh trại. Như vậy, thưa các vị, không nói ra nói vào một câu nào nữa về mọi chuyện này. Người ta đang quan sát chúng ta, sẽ đến gặp gỡ chúng ta, chúng ta sẽ được công kênh vì chiến thắng.

Quả nhiên, toàn doanh trại đùng đùng chuyển động, hơn hai nghìn người đã tham dự một trò bịp bợm như một màn kịch, một trò bịp bợm may mắn của bốn người bạn mà còn lâu người ta mới nghi ngờ động cơ thực sự của nó. Người ta chỉ còn nghe thấy những tiếng hò "Cận vệ muôn năm! Ngự lâm muôn năm."

Ông De Buyxinhi là người đầu tiên đến siết tay Athos, nhận đã thua cược. Chàng long kỵ binh và chàng lính Thụy sĩ đi theo ông ta, tất cả các bạn hữu đều đi theo chàng Long kị binh và chàng Thụy Sĩ. Khen ngợi bắt tay, ôm hôn không dứt, những chuỗi cười đối với bọn Rochelle không tắt, cuối cùng là một sự náo động lớn đến nỗi Giáo chủ tưởng có nổi loạn phải sai La Huđinie, viên đại úy cận vệ đến xem có chuyện gì.

Mọi việc được kể lại cho vị phái viên với tất cả sự tưng bừng cuồng nhiệt.

-Thế nào? – Giáo chủ hỏi khi thấy La Hyđinie.

-Ồ, thưa Đức ông – người này nói – đó là ba chàng ngự lâm quân và một cận vệ đánh cược với ông De Buyxinhi đến ăn điểm tâm trong pháo thành Saint Giécve, và vừa ăn vừa chống chọi trong hai giờ đồng hồ với quân thù và tôi không biết đã giết được bao nhiêu quân Rochelle.

-Ông có hỏi tên ba người đó không?

-Có, thưa Đức ông.

-Tên là gì?

-Đó là các ông Athos, Porthos, và Aramis.

-Vẫn là mấy tay can trường của ta – Giáo chủ lẩm bẩm – Và tay cận vệ?

-Ông D'Artagnan.

-Vẫn luôn là gã quỷ non của ta! Dứt khoát bốn con người ấy phải thuộc về ta.

Ngay tối ấy, Giáo chủ nói với ông De Treville về chiến công buổi sáng khiến cả doanh trại phải bàn tán. Ông De Treville đã nắm được câu chuyện phiêu lưu ấy từ chính miệng của những nhân vật từng là anh hùng đó, liền kể lại hết đến từng chi tiết, không quên đoạn chiếc khăn cho Giáo chủ nghe.

-Tốt lắm, ông De Treville ạ – Giáo chủ nói – Làm ơn cho tôi được giữ chiếc khăn. Tôi sẽ cho thêu ba bông huệ bằng vàng lên đó, và tôi sẽ trao lại cho đại đội ngài để làm quân kỳ.

-Thưa Đức ông – Ông De Treville nói – Như thế sẽ bất công đối với quân cận vệ. Ông D'Artagnan không thuộc quân tôi mà thuộc ông des Essarts.

-Thế thì, ông hãy lấy anh ta sang đại đội ông đi – Giáo chủ nói – Một khi bốn chiến binh can trường yêu quý nhau đến thế mà lại không phục vụ trong cùng một đại đội há chẳng bất công sao.

Ngay tối đó, ông De Treville báo cáo tin ấy cho ba chàng ngự lâm và D'Artagnan và mời cả bốn người hôm sau tới ăn điểm tâm.

D'Artagnan không đủ sức để gánh nổi vui mừng nữa. Ước mơ suốt đời chàng là trở thành một ngự lâm quân.

-Thật tình! – D'Artagnan nói với Athos – Ý của anh đã làm nên chiến thắng đó, và như anh đã nói đấy, chúng ta đã có thể gắn nó với một cuộc bàn bạc quan trọng bậc nhất.

-Ta lại còn có thể trở lại câu chuyện đó lúc này mà không bị ai nghi ngờ, bởi nhờ Chúa phù hộ, từ nay chúng ta chuyển sang phe Giáo chủ rồi.

Ngay tối đó, D'Artagnan tới để tỏ lòng tôn kính ông des Essarts và báo tin cho ông mình đã được đề bạt.

Ông des Essarts rất yêu D'Artagnan liền ngỏ ý tặng chàng một số thứ, vì sự thay đổi đơn vị sẽ dẫn đến những khoản chi tiêu sắm sửa quân trang.

D'Artagnan từ chối, nhưng không bỏ lỡ dịp tốt, chàng nhờ ông đánh giá giúp chiếc nhẫn kim cương trao cho ông mà chàng muốn đổi thành tiền.

Tám giờ sáng hôm sau, tên hầu của ông des Essarts đến chỗ D'Artagnan và trao cho chàng một túi vàng bẩy nghìn livres.

Đó là giá chiếc nhẫn kim cương của Hoàng hậu.

§48. Việc gia đình

Athos đã tìm ra được từ: Việc gia đình. Việc gia đình không chịu sự điều tra của Giáo chủ. Việc gia đình không liên quan đến ai. Người ta có thể lo việc gia đình công khai trước mọi người.

Thế là Athos đã tìm ra được từ: Việc gia đình.

Aramis tìm ra ý tưởng: những tên hầu.

Porthos nghĩ phương kế. nhẫn kim cương.

Chỉ có D'Artagnan chẳng nghĩ ra kế gì, nhưng lại vẫn thường là người có nhiều sáng kiến nhất trong bốn người. Nhưng cũng phải nói, chỉ riêng cái tên Milady đủ làm chàng tê liệt.

-À mà có chứ, chàng đã tìm được người mua nhẫn kim cương.

Bữa điểm tâm ở nhà ông De Treville là một chuyện vui mừng mê ly. D'Artagnan đã có đồng phục ngự lâm. Vì cùng vóc người với Aramis vì Aramis được chủ hiệu sách trả hậu cho bài thơ của chàng, nên cái gì cũng sắm một đôi, và chàng đã nhường cho bạn mình một bộ quân trang hoàn chỉnh. D'Artagnan có lẽ đã tràn trề thỏa mãn ước nguyện nếu như chàng không nhìn thấy Milady vẫn ló ra như một đám mây đen ở chân trời.

Sau bữa điểm tâm họ thỏa thuận sẽ họp mặt tại lều của Athos và ở đó sẽ bàn nốt công việc.

D'Artagnan suốt ngày hôm đó đi khắp doanh trại để phô bộ trang phục ngự lâm quân.

Buổi tối, theo giờ đã ấn định, bốn người bạn tụ hội lại. Chỉ còn ba điều phải quyết định: -Viết gì cho em chồng Milady. Viết gì cho con người khôn khéo ở Tours.

Những gã hầu nào sẽ mang thư đi.

Mỗi người đều hiến người hầu của mình. Athos nói về tính kín đáo của Grimaud, chỉ nói khi chủ tháo chỉ khâu ở miệng.

Porthos khoe sức lực của Mousqueton ở tầm cỡ có thể quật đổ bốn người bình thường. Aramis tin tưởng ở sự khôn khéo của Bazin, ca tụng bốc trời ứng viên của mình. Cuối cùng, D'Artagnan hoàn toàn tin tưởng vào sự can trường của Planchet, và nhắc lại chuyện hắn đã xử trí thế nào trong vụ việc gai góc ở Bulônhơ.

Bốn đức tính ấy giành giật nhau hồi lâu trong cuộc thi tuyển ngoạn mục.

-Không may thay – Athos nói – ta lại cần phái đi một người hội đủ cả bốn đức tính ấy.

-Nhưng tìm đâu ra được một người hầu như thế?

-Không thể tìm nổi – Athos nói – Tôi biết rõ mà. Ta lấy Grimaud vậy.

-Lấy Mousqueton.

-Lấy Bazin.

-Lấy Planchet: Planchet dũng cảm và khôn khéo, thế là có hai trong bốn phẩm chất rồi.

-Thưa các vị – Aramis nói – cái chính không phải là biết ai trong bốn gã là người kín đáo nhất, khỏe nhất, khôn khéo nhất, hoặc can trường nhất, cái chính là phải biết xem kẻ nào thích tiền nhất.

-Điều mà Aramis nói thật đầy ý nghĩa – Athos nói tiếp – Ta nên lợi dụng những tật xấu của con người chứ không phải là đức hạnh của họ – Thưa cha tu viện trưởng, ngài đúng là một nhà đạo đức học lớn?

-Hẳn rồi – Aramis nói – bởi không những ta cần được phục vụ tốt sao cho thành công, mà còn không để thất bại. Bởi trường hợp thất bại, lại là chuyện cái đầu, không phải đầu của người hầu đâu.

-Khẽ chứ, Aramis! – Athos nói.

-Đúng thế, không phải đầu bọn người hầu- Aramis nói tiếp – mà đầu người chủ và đầu cả mấy người chủ nữa! Bọn người hầu của chúng ta liệu có trung thành đến mức liều đời vì chúng ta không? Không!

-Tôi tin – D'Artagnan nói – tôi hầu như đảm bảo cho Planchet.

-Thế thì! Bạn thân mến, bạn hãy thêm vào lòng trung thành tự nhiên của hắn một món sộp vào làm cho hắn sống dễ chịu một chút, thay vì đảm bảo một lần, làm thế là đảm bảo gấp đôi đấy.

-Ôi, lạy Chúa? Dẫu sao các cậu cũng nhầm cả rồi – Athos vốn lạc quan khi đụng đến sự vật, lại bi quan khi đụng đến con người, nói – Họ sẽ hứa tràn đi để có tiền, và dọc đường nỗi sợ hãi sẽ ngăn họ hành động. Một khi đã cầm tiền, họ sẽ nắm lấy nó cho thật chắc. Nắm chắc rồi, họ sẽ thú nhận. Mẹ kiếp! Chúng ta không phải lũ con nít! Để sang được nước Anh (Athos hạ giọng) phải đi qua gần khắp nước Pháp nhan nhản bọn gián điệp và bọn chó má của Giáo chủ, phải có hộ chiếu để xuống tàu, phải biết tiếng Anh để hỏi đường tới London. Xem xem, tôi thấy điều này khó lắm.

-Chả khó tí nào – D'Artagnan kiên quyết chủ trương phải làm việc này cho kỳ được nói – Trái lại, tôi thấy dễ thôi. Mẹ kiếp, tất nhiên, nếu ta viết cho Huân tước De Winter những điều vượt qua chuyện nhà cửa, những nỗi hãi hùng về Giáo chủ.

-Khẽ chứ? – Athos nói.

-Những âm mưu những bí mật quốc gia, – D'Artagnan tiếp tục nói nhỏ theo lời nhắc nhở của Athos – Tất nhiên chúng ta sẽ bị bánh xe nghiến tươi tất cả[116] nhưng lạy Chúa, đừng quên, như anh đã nói, Athos ạ, chúng ta với mục đích duy nhất để khi Milady đặt chân tới London, ông ta loại ngay mụ không cho hại chúng ta. Tôi sẽ viết cho ông ta một bức thư đại khái như thế này…

-Để xem nào – Aramis nói, mặt đã sẵn vẻ phê phán

"Thưa ngài bạn thân mến"…

-À, hay lắm, bạn thân mến, với một người Anh – Athos ngắt lời mở đầu khá lắm! Hoan hô, D'Artagnan! Riêng với câu ấy cậu đã bị phanh thây thay cho bị nghiến sống rồi.

-Thế thì, thế này vậy: "Thưa ngài", gọn thế thôi.

-Cậu cứ gọi là "Thưa Huân tước" – Athos nắm vững các nghi thức nói.

"Thưa Huân tước, ngài còn nhớ khu vườn kín thả dê ở Luxembourg chứ?"

Hay thật! Vườn Luxembourg lúc này ư? Người ta lại tưởng bóng gió Thái hậu?

-Viết thế mới thật là khéo! – Athos nói.

-Thế thì, đơn giản thôi vậy "Thưa Huân tước, ngài có nhớ một bãi kín nhỏ nào đó mà người ta đã tha mạng ngài?"

-D'Artagnan ơi là D'Artagnan – Athos nói – Cậu sẽ chỉ mãi mãi là một biên tập viên tồi, "Mà người ta đã tha mạng ngài."

-Thôi đi! – Ai lại đi viết thế. Người ta không nhắc những việc đó với một người lịch sự. Trách quên ơn là gây thù oán đó.

-Ôi! Bạn thân mến, – D'Artagnan nói – anh thật không thể chịu nổi, và nếu cứ phải viết dưới sự kiểm duyệt của anh, nói thật nhé, tôi thèm vào nữa.

-Cậu làm thế là đúng. Cậu hãy điều khiển cây súng và lưỡi gươm, bạn thân mến ạ, hai ngón đó thì cậu rất hào hoa, còn cây bút hãy chuyển cho ngài tu viện trưởng, nó liên quan đến ngài nhiều hơn.

-Ờ, đúng, phải rồi – Porthos nói – hãy chuyển bút cho Aramis, hắn ta viết luận văn bằng cả tiếng Latinh kia mà.

-Thôi được – D'Artagnan nói – Aramis, anh soạn thảo bức thư này đi. Nhưng thề có Đức Thánh cha giáo hoàng! Hãy viết cho chặt chẽ, bởi đến lượt tôi, tôi cũng sẽ vặt lông anh đấy, xin báo trước như vậy.

-Tôi không đòi hỏi gì hơn – Aramis nói với niềm tin ngây thơ mà mọi thi sĩ vốn có sẵn trong mình – Nhưng phải cho tôi biết rõ đã, tôi mới chỉ được nghe chỗ này, chỗ kia mỗi chỗ một tí, rằng con chị dâu đó là một con gian manh tôi cũng đã có bằng chứng khi nghe nó nói chuyện với Giáo chủ.

-Khẽ chứ nào, đồ quỷ! – Athos nói.

-Nhưng – Aramis tiếp tục – tôi không nắm được chi tiết.

-Tôi cũng vậy – D'Artagnan nói.

D'Artagnan và Athos im lặng nhìn nhau một lúc. Cuối cùng Athos sau khi đã tĩnh tâm lại và tái người đi hơn thường lệ vốn đã như thế, ra hiệu đồng ý, D'Artagnan hiểu mình có thể nói ra.

-Thế thì! Đây là điều phải nói ra – D'Artagnan nói tiếp – "Thưa Huân tước, chị dâu ngài là một mụ đàn bà hiểm độc, đã từng muốn giết ngài để hưởng gia tài

của ngài. Nhưng mụ không thể lấy anh trai ngài, vì đã cưới chồng ở Pháp, và đã bị…

D'Artagnan dừng lại nhìn Athos như thể muốn tìm một từ.

-"Bị chồng đuổi", – Athos nói.

-"Bởi vì mụ đã từng bị đóng dấu chín" – D'Artagnan tiếp tục.

-Sao, mụ định giết người em chồng ư? Porthos kêu lên – - Không thể thế.

-Phải, thế đấy.

-Mụ đã từng có chồng? Aramis hỏi.

-Phải.

-Và chồng mụ đã phát hiện ra dấu bông huệ đóng chín trên vai mụ? – Porthos kêu lên.

-Phải.

Ba tiếng "phải" đều do Athos nói, mỗi tiếng giọng càng u uất hơn.

-Và ai đã nhìn thấy cái dấu hoa huệ đó? Aramis hỏi.

-D'Artagnan và tôi, hay đúng hơn, nếu theo trật tự niên giám là tôi và D'Artagnan – Athos trả lời.

-Và người chồng của con mụ ghê tởm đó còn sống? Aramis hỏi.

-Ông ta còn sống.

-Anh có chắc không?

-Tôi chắc chứ.

Một phút im lặng lạnh lùng, trong khi đó mỗi người đều cảm nhận riêng theo bản tính của mình. Athos là người đầu tiên phá vỡ sự im lặng, chàng nói: -Lần này, D'Artagnan đã đưa ra cho chúng ta một chương trình hành động rất hay và trước hết ta phải viết thế đã.

-Anh nói đúng, Athos ạ – Aramis nói – và việc biên tập mới gai góc đây. Bản thân ông chánh án cũng sẽ bối rối khi soạn thảo một bức thư mạnh mẽ như thế, trong khi đó ông ta soạn thảo một bản án một cách dễ dàng. Thôi được, các người im đi để tôi viết Thế là Aramis cầm lấy bút, nghĩ vài phút, viết liền một mạch tám đến mười dòng, bằng nét chữ mềm mại duyên dáng của đàn bà, rồi bằng một giọng dịu dàng và chậm rãi như thể mỗi từ đã được cân nhắc chu đáo, chàng đọc:

"Thưa Huân tước,

Người viết mấy dòng chử này cho ngài đã có vinh dự được đọ gươm với ngài trong một mảnh đất kín ở phô Âm ty. Từ đó vì ngài đã từng nhiều lần muốn kết bạn với người đó, người đó có nghĩa vụ phải nhận ra tình bạn bằng một lời khuyên chân thành. Hai lần ngài suýt nữa đã trở thành nạn nhân của người họ hàng gần nhất mà ngài tin là người thừa kế, bởi vì ngài không biết trước khi kết hôn ở Anh, người đó đã từng cưới chồng ở Pháp. Nhưng lần thứ ba, tức lần này, ngài có thể bị giết hại. Mụ họ hàng đó ra đi từ La Rochelle trong đêm tối tới nước Anh. Ngài hãy giám sát mụ khi mụ tới, bởi mụ có những mưu toan to lớn và

khủng khiếp. Nếu ngài nhất thiết muốn biết mụ ta có khả năng làm chuyện gì, xin ngài hãy xem cái quá khứ của mụ trên vai trái …”

-Ồ, thế là tốt lắm rồi, Athos nói – cậu đúng là một cây bút cỡ đồng lý văn phòng Nhà nước, Aramis ạ. Bấy giờ Huân tước De Winter sẽ cảnh giác cao, đương nhiên nếu thư này đến tay ông ta, và không may nó có rơi vào tay Giáo chủ, thì chúng ta cũng sẽ không bị phương hại gì. Nhưng vì gã người hầu ra đi có thể chỉ dừng lại ở Saterlơrôn mà làm cho chúng ta tin đã đến London, ta chỉ trao bức thư và nửa số tiền, và hứa đưa nốt nửa kia, nếu có thư trả lời. Cậu vẫn còn cái nhẫn chứ?

-Còn hơn cả thế kia, tôi có tiền rồi.

-Và D’Artagnan ném cái túi lên bàn, nghe tiếng vàng kêu xủng xoảng, Aramis ngước mắt nhìn, Porthos giật mình, còn Athos vẫn bình thản như không. Chàng hỏi: -Có bao nhiêu trong túi?

-Bẩy nghìn livrơ toàn tiền mười hai quan.

-Bảy nghìn livres? – Porthos kêu lên – Cái viên kim cương nhỏ hạng xoàng ấy mà giá bảy nghìn livrơ cơ à?

-Chắc là như thế – Athos nói – vì tiền một đống đây. Tôi không cho là anh bạn D’Artagnan của chúng ta bỏ thêm tiền của mình vào đâu.

-Nhưng, các vị ạ, trong mọi chuyện này, chúng ta không nghĩ gì đến Hoàng hậu. Vậy chúng ta hãy chăm lo một chút đến sức khỏe của ông Buckingham thân yêu của bà. Đó là điều tối thiểu ta phải làm.

-Chính thế – Athos nói -nhưng việc này liên quan đến Aramis.

Chàng ta đỏ mặt dáp: -Thế thì tôi phải làm gì nào?

-Ồ – Athos nói tiếp – thật quá đơn giản – soạn thảo một bức thư thứ hai cho con người khôn khéo sống ở Tours.

Aramis lại cầm bút, lại nghĩ, và viết những dòng thư lập tức được các bạn hoan nghênh nhiệt liệt như sau: “Cô em họ thân mến…

-A! – Athos nói – ra con người khôn khéo đó là họ hàng của cậu – Em con cô ấy mà – Aramis nói.

-Vậy tiếp tục với em họ cậu đi!

Aramis tiếp tục đọc:

“Cô em họ thân mến, Đức ông Giáo chủ mà Chúa dành cho hạnh phúc của nước Pháp và sự lúng túng của kẻ thù vương quốc đang sắp kết liễu bọn phản nghịch tà đạo ở La Rochelle. Có thể hạm đội cứu viện quân Anh sẽ không đến kịp để tận mắt nhìn thấy. Tôi cũng không dám nói rằng tôi tin chắc ông De Buckingham sẽ bị ngăn trở bởi một sự cố lớn nào đó. Đức ông là một nhà chính trị lỗi lạc nhất trong thời gian qua. Ngài sẽ dập tắt mặt trời, nêu mặt trời làm vướng chân ngài. Hãy báo những tin vui này cho bà chị em, em thân mến ạ. Anh mơ thấy gã người Anh đáng nguyền rủa ấy bị chết. Anh không thể nhớ lại được là

bởi dao găm hay thuốc độc. Có điều anh tin chắc là anh đã mơ thấy hắn bị chết, và như em đã biết đấy, những giấc mơ của anh không đánh lừa anh bao giờ. Em hãy yên tâm, không lâu nữa anh sẽ trở về."

-Tuyệt lắm – Athos nói – cậu là vua của các nhà thơ, Aramis thân mến ạ, cậu nói như Apôcalíp[117] ấy và cậu nói đúng như kinh Phúc âm. Giờ cậu chỉ còn việc ghi địa chỉ vào nửa thôi.

-Dễ thôi mà – Aramis nói.

Chàng gập bức thư lại một cách tình tứ rồi viết: "Gửi cô Mítsông, cô thợ may ở thành Tours."

Cả ba người bạn cùng nhìn nhau cười: họ bị lừa, Aramis nói: -Bây giờ, các vị đã hiểu chỉ Bazin mới có thể mang thư này đi. Cô em họ chỉ quen biết Bazin và chỉ tin anh ta. Bất kỳ ai khác đều làm hỏng việc. Hơn nữa, Bazin nhiều tham vọng và thông thái. Bazin đã đọc lịch sử, các vị ạ, hắn biết Xích Canh đã trở thành giáo hoàng sau khi đã từng chăn lợn con. Hắn cũng tính chuyệnthụ giáo như tôi chẳng qua vẫn hy vọng đến lượt hắn cũng trở thành giáo hoàng hoặc ít nhất cũng Giáo chủ. Các vị hiểu một người đã có những mục tiêu như thế sẽ không để bị tóm, hoặc nếu bị tóm, sẽ chịu tử đạo còn hơn khai ra.

-Tốt, tốt lắm – D'Artagnan nói – Tôi hoàn toàn đồng tình anh chọn Bazin. Nhưng anh ủng hộ tôi chọn Planchet đi. Ngày nào Milady đã dùng gậy phang hắn tống ra khỏi cửa mà Planchet thì nhớ dai lắm, và tôi xin đảm bảo, nếu gã thấy có thể trả thù được, thì thà hắn chịu để đánh gãy sống lưng chứ không chịu bỏ cuộc đâu! Nếu việc đi Tours là việc của anh, Athos ạ, việc đi London cũng là việc của tôi. Vậy tôi mong các vị hãy chọn Planchet, hơn nữa hắn đã từng đến London với tôi và biết nói rất chuẩn mấy câu: "London, sir, if want please and My master, lord D'Artangman" (London, thưa ngài, mong ngài làm ơn chỉ giúp và ông chủ tôi, ngài D'Artagnan). Với những điều đó, xin các vị yên tâm, hắn sẽ biết đường đi, đường về.

-Trong trường hợp ấy – Athos nói – Planchet cần được nhận bẩy trăm livrơ tiền đi và bẩy trăm livrơ tiền về còn Bazin ba trăm livres tiền đi và ba trăm livrơ tiền về. Như thế sẽ còn lại năm nghìn livres, mỗi người chúng ta cầm một nghìn livrơ để chi dùng riêng, còn để lại quỹ một nghìn livrơ mà cha tu viện trưởng sẽ giữ để chi những trường hợp đặc biệt hoặc nhu cầu chung. Như thế có được không?

-Anh Athos thân mến – Aramis nói – Anh nói cứ như ông Nétxto mà ai cũng biết là một nhà thông thái bậc nhất của Hy Lạp ấy.

-Vậy thì! Dứt khoát nhé – Athos nói lại – Planchet và Bazin sẽ đi. Tóm lại, tôi hoàn toàn vui vẻ giữ lại Grimaud, hắn đã quen tính nết chủ, tôi biết thế. Hôm qua chắc hắn đã hết vía, chuyến đi này sẽ chỉ làm hại hắn.

Họ cho gọi Planchet đến và cho hắn những chỉ dẫn. Hắn cũng đã được D'Artagnan báo trước, đầu tiên là vinh quang, tiếp đến là tiền bạc rồi đến hiểm nguy.

-Tôi sẽ giấu thư vào mép áo – Planchet nói – nếu bị bắt tôi sẽ nuốt ngay.

D'Artagnan nói: -Ồ, thế thì anh không thể làm nổi nhiệm vụ này rồi.

-Vậy tối nay ông sao cho tôi một bản, mai tôi sẽ thuộc lòng.

D'Artagnan nhìn các bạn như muốn nói: "Thế nào! Tôi đã hứa với các anh mà?"

-Bây giờ – Chàng tiếp tục căn dặn Planchet – Anh có tám ngày để đến gặp Huân tước De Winter và có tám ngày để trở về đây, tổng cộng mười sáu ngày. Nếu đến ngày thứ mười sáu sau khi khởi hành, tám giờ tối, anh chưa về đến nơi, sẽ không có tiền, dù là tám giờ năm phút.

-Vậy thì ông chủ – Planchet nói – mua cho tôi một cái đồng hồ!

-Cầm lấy cái này! – Athos vừa nói vừa đưa cho hắn chiếc đồng hồ của mình rất hào hiệp vô tư – Và hãy là một chàng trai can trường. Hãy nghĩ rằng nếu ngươi nói, nếu ngươi ba hoa, nếu ngươi la cà, ngươi sẽ làm chủ ngươi bị chặt cổ, mà chủ ngươi lại hết sức tin tưởng ở long trung thành của ngươi và đảm bảo cho ngươi. Nhưng cũng cần nghĩ nếu do lỗi của ngươi, gây tai họa cho D'Artagnan, ta sẽ tìm lại được ngươi ở bất cứ nơi đâu, và sẽ phanh thây ngươi.

-Ồ, thưa ông – Planchet nói, vừa thấy tủi vì bị nghi ngờ và nhất là hoảng sợ về sự bình thản của Athos.

-Và ta – Porthos trợn tròn mắt lên – nên biết ta sẽ lột da mày.

-Ôi, thưa ông!

-Còn ta – Aramis nói bằng một giọng dịu dàng và du dương ta sẽ thiêu người dưới lửa nhỏ như một tên mọi rợ.

-Ôi, thưa ông!

Và Planchet òa khóc, không biết do sự hãi trước những lời hăm dọa đối với hắn hay vì cảm kích khi thấy bốn người bạn gắn bó chặt chẽ với nhau đến thế.

D'Artagnan cầm tay và ôm hôn hắn và bảo: -Thấy chưa, Planchet, các ông ấy nói với ngươi như vậy là vì quý ta, nhưng trong thâm tâm lại yêu mến ngươi.

-Ôi thưa ông? – Planchet nói – hoặc tôi sẽ hoàn thành hoặc cứ cắt tôi ra làm bốn. Cứ việc cắt tôi ra làm bốn, ông cứ tin là không còn sót mảnh nào chịu khai báo đâu.

Chàng quyết định tám giờ sáng hôm sau, Planchet sẽ ra đi cốt để như Planchet đã nói với chàng, đêm có thể học thuộc lòng bức thư. Vậy là hắn có mười hai tiếng đồng hồ để lo việc học. Và phải trở về lúc 8 giờ tối ngày thứ mười sáu.

Sáng hôm sau lúc hắn sắp lên ngựa, D'Artagnan trong lòng vẫn cảm thấy lo lắng cho Quận công De Buckingham, kéo Planchet ra một chỗ và bảo hắn: -Nghe

đây, khi anh đã trao thư cho Huân tước De Winter và khi ông ấy đã đọc xong, anh bảo thêm ông ấy: "Xin ngài hãy canh chừng cho ngài Huân tước De Buckingham, bởi vì người ta muốn ám sát ngài ấy." Này Planchet, điều này rất nghiêm trọng, rất cần thiết đến mức ta cũng chẳng muốn thú nhận với các bạn ta là ta tin trao cho anh bí mật này và đối với một nhiệm vụ hàng đầu như thế, ta cũng không muốn viết cho anh mang đi.

-Xin ông yên tâm – Planchet nói – Rồi ông sẽ thấy có thể tin cậy vào tôi.

Và cưỡi trên một con tuấn mã, gã phải đi hai mươi dặm rồi bỏ ngựa lại để đổi ngựa trạm, Planchet phi nước đại, lòng hơi thắt lại vì ba lời hẹn ước của ba chàng ngự lâm quân nhưng dẫu sao cũng trong tình trạng tốt đẹp nhất trên đời.

Bazin ra đi sáng hôm sau đến Tours và có tám ngày để hoàn thành nhiệm vụ.

Bốn người bạn, trong suốt thời gian vắng mặt hai gã ấy, hơn bao giờ hết phải để mắt canh chừng, phải mũi đánh hơi, tai nghe ngóng. Ngày ngày phải thử xem liệu có bắt gặp người ta nói gì không, phải rình rập điệu bộ, dáng dấp của Giáo chủ, phải đánh hơi các xe thư vừa tới. Nhiều lần, không tránh khỏi run lên khi họ bị gọi lên vì một công việc đột xuất nào đó. Vả lại họ cũng phải giữ sao cho được an toàn cho chính họ. Milady là một con ma, khi nó đã hiện hình với ai, nó sẽ không để cho người đó ngủ yên.

Sáng ngày thứ tám, mặt mày tươi tỉnh như vẫn thường thấy, Bazin mỉm cười theo thói quen bước vào tửu quán Pácpayô, đúng lúc bốn người bạn đang ăn điểm tâm, và nói theo đúng quy ước: -Thưa ông Aramis, đây là thư trả lời của cô em họ.

Bốn người bạn đưa mắt nhìn nhau vui sướng, nửa phần công việc đã được làm xong, tất nhiên đây là phần việc tốn ít thời gian và dễ dàng hơn.

Aramis cầm bức thư, nét chữ thô kệch và sai chính tả, không tránh khỏi đỏ mặt.

-Lạy chúa! – Chàng vừa cười vừa reo lên – dứt khoát là tôi thất vọng rồi. Chả bao giờ cái cô Mítsông tội nghiệp viết được như ông De Voatuya.

-Thế nghĩa là thế nào, cái cô Migiông tội nghiệp ấy – Người lính Thụy sĩ đang trò chuyện với bốn người bạn thì thư đến liền hỏi.

-Ồ, Chúa ơi! Có gì đâu – Aramis nói – một cô thợ may bé nhỏ duyên dáng mà tôi rất yêu và tôi yêu cầu cô ấy viết cho mấy dòng để làm kỷ niệm ấy mà.

-Nói thật nhé – Người lính Thụy Sĩ nói – Nếu nàng là một mệnh phụ như cái chữ viết của nàng, thì ông đúng là có phúc lớn đấy ônh bạn của tôi ạ!

Aramis đọc thư rồi chuyển cho Athos và bảo: -Athos, anh xem cô ấy viết gì này.

Athos liếc nhìn qua bức thư và muốn dập tắt mọi sự nghi ngờ có thể phát sinh, đọc to lên:

“Anh họ của em ạ, chị em và em đoán rất giỏi những giấc mơ, và chúng em cũng có nỗi sợ khủng khiếp về những giấc mơ ấy. Nhưng về giấc mơ của anh, có thể nói, em hy vọng là mọi mộng mị đều là giả dối. Tạm biệt! Mong anh luôn khỏe và thỉnh thoảng cho chúng em biết tin về anh.”

Aglaê Mítsông. [118]

-Cô ta nói về giấc mơ nào thế? – Người lính long kỵ xán lại gần trong khi đọc, hỏi.

-Phải, giấc mơ gì vậy? – Người lính Thụy Sĩ nói.

-Ồ, mẹ kiếp – Aramis nói – thì đơn giản nó là một giấc mơ tôi mơ rồi kể cho cô ấy nghe chứ còn cái của nợ gì nữa.

-Ồ, phải, mẹ kiếp! Vì đơn giản là kể lại giấc mơ, nhưng tôi không mơ bao giờ cả!

Athos vừa đứng dậy vừa nói: -Thế thì anh may quá đấy, tôi những mong có thể nói được như anh thôi!

-Không bao giờ! – Người lính Thụy sĩ lắp lại và tỏ ra rất sung sướng vì một người như Athos lại thèm muốn một điều gì đó ở mình – Không bao giờ! Không bao giờ!

Thấy Athos đứng dậy, D’Artagnan cũng đứng lên theo, khoác tay Athos đi ra.

Porthos và Aramis ở lại để đối mặt với những lời giễu cợt của tay lông kỵ binh và người lính Thụy Sĩ.

Còn Bazin, anh chàng ra nằm ngủ khoèo trên một ổ rơm, và anh ta có nhiều óc tưởng tượng hơn anh chàng Thụy Sĩ, nên mơ thấy Aramis trở thành giáo hoàng, và đội lên đầu anh chiếc mũ hồng y Giáo chủ.

Nhưng dù trở về may mắn Bazin cũng không cất được một phần nỗi lo đang châm đốt bốn người bạn. Những ngày chờ đợi dài dằng dặc, và nhất là D’Artagnan những muốn đánh cược ngày bây giờ dài bốn tám giờ. Chàng quên mất những sự chậm trễ buộc phải có của công việc chạy tàu. Chàng phóng đại thế lực của Milady. Chàng gán cho mụ đàn bà đối với chàng giống như một con quỷ đó, có lũ tay chân cũng siêu nhiên như mụ, chàng tưởng tượng ra từ mỗi tiếng động nhỏ nhất người ta tới bắt giữ chàng và người ta dẫn Planchet về để đối chứng với chàng và các bạn chàng. Còn hơn thế nữa, lòng tin của chàng xưa kia lớn lao đến thế, vào cái gã xứ Picađy ấy, ngày một giảm sút. Sự lo âu ấy lớn đến nỗi lan sang cả Porthos và Aramis. Chỉ còn mỗi Athos vẫn bình thản như không, như thể chẳng có mối hiểm nguy nào động đậy xung quanh chàng và chàng vẫn hít thở không khí như mọi ngày thường.

Nhất là ngày thứ mười sáu, những dấu hiệu bồn chồn ở D’Artagnan và hai người bạn kia thể hiện rõ đến nỗi họ đứng ngồi không yên và lang thang như những cái bóng trên con đường mà Planchet sẽ phải trở về.

Athos bảo họ: -Thật đúng là, các cậu không phải là những người lớn nữa mà là một lũ trẻ con, đến nỗi một con mụ đàn bà này làm cho các cậu sợ hãi ghê gớm đến thế. Và tóm lại, có chuyện gì nào? Bị cầm tù ư? Thì người ta sẽ lôi chúng ta ra khỏi tù. Người ta đã từng kéo bà Bonacieux ra khỏi tù như chơi đó sao. Bị chặt đầu ư? Nhưng ngày ngày trong chiến hào chúng ta vẫn vui vẻ phơi mình ra cho những chuyện còn tệ hơn, bởi một viên đạn trái phá có thể làm gãy chân ta và tôi tin rằng một nhà giải phẫu cắt đùi ta còn làm ta đau hơn tên đao phủ chặt đầu ta. Vậy hãy bình tĩnh chờ đợi. Hai giờ, bốn giờ, sáu giờ, hoặc chậm hơn nữa, Planchet sẽ ở đây. Hắn đã hứa như vậy. Và tôi, tôi có một niềm tin rất lớn vào những lời hứa của Planchet, một người mà tôi thấy là một chàng trai rất can trường.

-Nhưng nếu hắn không tới? – D'Artagnan nói.

-Ồ nếu hắn không tới, đó là có lẽ hắn bị chậm, có thế thôi.

-Hắn có thể bị ngã ngựa, hắn có thể bị lộn nhào qua cầu, có thể chạy quá nhanh nên bị mắc chứng sưng phổi. Thế đấy. Các vị ạ, ta phải tính đến phần của các sự cố chứ. Đời là một chuỗi tràng hạt những nỗi khổ đau nho nhỏ mà nhà triết học vừa cười vừa lần những hạt khổ dau. Hãy là nhà triết học như tôi, các vị ạ, hãy ngồi vào bàn và uống, chẳng có gì làm hiện ra tương lai màu hồng như ta nhìn nó qua một cốc rượu sămbéctanh.

-Đúng lắm, – D'Artagnan trả lời – Nhưng tôi mệt mỏi vì cứ sợ rằng, thứ rượu vang đó lại lấy ra từ hầm rượu của Milady, ngay khi uống.

-Cậu khó tính quá – Athos nói – một người đàn bà đẹp đến như thế?

-Một mụ đàn bà bị đóng dấu! – Porthos cười hô hố.

Athos giật mình đưa tay lên trán lau mồ hôi cũng đứng dậy không kìm nổi một động tác căng thẳng.

Trong khi ấy ngày vẫn cứ trôi và chiều tối đến chậm hơn nhưng cuối cùng vẫn đến. Các quầy rượu đầy ắp khách uống.

Athos rủng rỉnh trong túi phần chia tiền bán kim cương, không rời quán Pácpayô nữa. Chàng đã tìm thấy trong ông De Buyxinhi người chung quy đã khao bọn chàng một bữa tiệc thịnh soạn, một đối thủ cờ bạc ngang tầm với chàng. Họ chơi với nhau như thường lệ tới khi đồng hồ điểm bẩy tiếng và người ta nghe thấy tiếng chân lính tuần tra đến thay phiên các trạm, rồi bảy giờ rưỡi vang lên tiếng kèn thu quân.

-Chúng ta nguy rồi – D'Artagnan rỉ rai Athos.

-Cậu muốn nói chúng ta đã thua chứ gì? – Athos bình tĩnh vừa nói vừa rút trong túi ra bốn đồng pítxtôn vàng ném lên bàn, rồi tiếp tục – Các vị, kèn thu quân rồi, ta về ngủ thôi.

Và Athos, theo sau là D'Artagnan ra khỏi quán Pácpayô, Aramis khoác tay Porthos đi đằng sau. Aramis lải nhải mấy vần thơ, và Porthos thỉnh thoảng lại

nhổ vài chiếc ria mép tỏ ý thất vọng.

Nhưng kìa, bất thình lình từ trong bóng đêm, một bóng người hiện ra, mà hình dạng có vẻ thân quen với D'Artagnan và một giọng nói rất quen thuộc nói với chàng: -Thưa ông, tôi mang đến cho ông áo khoác của ông vì tối nay trời lạnh.

-Planchet! – D'Artagnan reo lên, mừng vui đến phát rồ.

-Planchet! – Porthos và Aramis nhắc lại.

-Ờ, đúng là Planchet – Athos nói – Thế thì có gì lạ? Hắn đã hứa trở về lúc tám giờ, và bây giờ là tám giờ. Hoan hô, Planchet người là một chàng trai biết giữ lời hứa, và nếu bao giờ người thôi làm cho chủ ngươi, ta vẫn dành một chỗ để ngươi giúp ta đấy.

-Ồ, không, không bao giờ – Planchet nói – không bao giờ tôi rời bỏ ông D'Artagnan.

Đồng thời D'Artagnan cảm thấy Planchet nhét một mẩu thư ngắn vào tay mình.

D'Artagnan rất muốn ôm hôn Planchet lúc trở về cũng như chàng đã từng ôm hôn anh ta lúc ra đi. Nhưng chàng lại ngại sự biểu lộ tràn trề đối với người hầu như thế giữa nơi phố xá có vẻ kỳ cục đối với người qua lại đành phải kiềm chế.

-Tôi có thư – chàng nói với Athos và các bạn.

-Tốt lắm – Athos nói – Ta về chỗ mình thôi và ta sẽ đọc bức thư.

Bức thư nóng bỏng trong tay D'Artagnan chàng muốn rảo bước, nhưng Athos kéo tay chàng và khoác vào tay mình, buộc chàng phải đi cùng nhịp với bạn mình.

Cuối cùng họ bước vào lều bạt, thắp đèn lên, trong khi đó Planchet đứng gác trước cửa để đề phòng bốn người bị bắt quả tang, D'Artagnan tay run run, bẻ xi niêm phong mở bức thư mong đợi bấy lâu nay.

Thư chỉ có nửa dòng, nét chữ hoàn toàn của người Anh, ngắn gọn và dứt khoát:

"Thank you, be aesy"

Có nghĩa là "Cám ơn, hãy yên tâm"

Athos giật lấy bức thư trong tay D'Artagnan, đưa lại gần đèn và đốt và chỉ buông ra khi nó đã hoàn toàn biến thành tro. Rồi gọi Planchet, và bảo hắn: -Bây giờ chú em, chú có thể đòi bẩy trăm livrơ của chú được rồi, một bức thư như thế này rồi thì chú em không phải lo gì nữa đâu. Thế mà tôi đã phải nghĩ ra biết bao nhiêu cách để giữ bằng được nó – Planchet nói.

-Vậy thì kể lại cho bọn ta nghe nào – D'Artagnan nói.

-Trời ơi! Dài lắm, thưa ông.

-Anh nói đúng đấy Planchet ạ – Athos nói – Hơn nữa, trống điểm quân đã báo rồi, chúng ta sẽ bị để ý khi để đèn lâu hơn người khác.

-Thôi được, – D'Artagnan nói – Ta đi ngủ vậy. Ngủ ngon nhé! Planchet!

-Thú thật, đây là giấc ngủ đầu tiên từ mười sáu ngày nay đấy, thưa ông.

-Ta cũng vậy? D'Artagnan nói.

-Ta cũng thế – Porthos nói.

-Cả ta nữa! – Aramis nói Thế thì các cậu có muốn tôi thú nhận sự thực không? Thật tình thì tôi cũng thế! – Athos nói.

§49. Định mệnh

Trong khi đó Milady điên cuồng giận dữ, gầm lên trên boong tàu như một con sư tử cái bị đưa xuống tàu, đã định lao xuống biển để trở vào bờ, bởi nàng không thể chịu nổi ý nghĩ bị D'Artagnan làm nhục, bị Athos đe dọa và phải rời nước Pháp và không trả thù được họ. Chả mấy chốc, ý nghĩ ấy hành hạ nàng đến mức mặc cho những gì khủng khiếp có thể đến với mình, nàng đã van nài viên thuyền trưởng ném nàng lên bờ nhưng thuyền trưởng đang lo trốn thoát khỏi tình thế giả mạo đặt giữa những hạm tàu Pháp và Anh, như con dơi giữa đàn chuột và bầy chim[119], đang hết sức vội vã sang tới nước Anh, một mực từ chối không tuân theo cái thói thất thường của đàn bà, mà chỉ hứa với người nữ hành khách, vốn được Giáo chủ đặc biệt gửi gắm, là nếu biển thuận và quân Pháp cho phép sẽ để bà ta cặp bến ở Brơtanhơ hoặc cảng Loriăng hoặc Brétx. Nhưng trong khi chờ đợi, gió lại ngược, biển động mạnh, phải cắt gió đi vát bờ.

Chín ngày sau khi ra khỏi Sarâng, Milady mặt tím lại vì buồn bực và điên giận, chỉ thấy hiện ra vùng bờ biển xanh nhạt của vùng Finítxte.

Nàng tính toán để đi xuyên qua cái góc này của nước Pháp để trở về bên Giáo chủ, ít nhất phải mất ba ngày, thêm một ngày lên bờ thành bốn, thêm bốn ngày này vào chín ngày kia thành mười ba ngày mất toi, mười ba ngày trong khi đó biết bao sự biến quan trọng có thể diễn ra ở London, nàng nghĩ chắc chắn Giáo chủ sẽ giận dữ thấy nàng quay về và hậu quả là ông sẽ sẵn sàng nghe những lời khiếu nại chống nàng hơn là những cáo buộc nàng chống lại kẻ khác. Vậy nên nàng để mặc cho tàu đi qua Loriăng và Brétx không khẩn nài viên thuyền trưởng nữa, còn về phần ông ta, ông ta cũng dè chừng chẳng muốn đánh thức nàng Milady tiếp tục hành trình của mình. Cũng đúng ngày hôm Planchet xuống tàu ở cảng Portsmouth trở về nước Pháp, thì vị nữ phái viên của Đức ông cặp cảng đó một cách thành công.

Toàn thành phố xôn xao vì một hoạt động lạ thường, bốn hạm tàu lớn mới đóng xong vừa được hạ thủy. Người ta thấy ông Buckingham đứng trên cầu tàu, choáng lộn, lòe loẹt, đầy vàng, kim cương, đá quý theo thói quen, mũ dạ trang điểm một chiếc lông trắng cong vut xuống tận vai, xung quanh là bộ tham mưu hầu như cũng choáng lộn như ông.

Đó là một trong những ngày đông đẹp trời và hiếm có mà nước Anh chợt nhớ ra mình cũng có một mặt trời. Vị tinh tú đó đã nhạt đi tuy vẫn còn rực rỡ đang lặn xuống chân trời, nhuộm tía cả bầu trời lẫn mặt biển bằng những vạt lửa và ném lên trên các đỉnh tháp và những ngôi nhà già nua của thành phố những tia nắng vàng, cuối cùng làm các ô cửa kính lấp lánh như ánh lửa một đám cháy. Milady hít thở không khí biển càng gần đất liền càng tươi mát và thơm hơn, vừa

ngắm nhìn sức mạnh của những phương tiện chiến tranh ấy mà nàng được trao trách nhiệm phải phá hủy, toàn bộ sức mạnh của cái đạo quân mà nàng phải chiến đấu bằng một mình nàng – một mình người đàn bà là nàng cùng với mấy túi vàng, nàng thầm tự sánh mình với Judita, người đàn bà Do Thái khủng khiếp, khi lọt sang chiến tuyến quân Atxyri, chỉ gẩy tay một cái đã làm tan tành tất cả thành mây khói.

Tàu vào vụng, nhưng khi người ta sắp thả neo thì một tàu khu trục nhỏ, súng ống khủng khiếp, sáp gần chiếc tàu buôn, nhân danh tuần tra duyên hải, thả xuống biển một chiếc xuồng tiến lại cầu thang tàu buôn. Xuồng có một sĩ quan, một viên cai và tám tay chèo. Chỉ một mình sĩ quan lên tàu buôn, và được tiếp đón trọng thể theo đồng phục cấp bậc sĩ quan.

Viên sĩ quan trao đổi vài phút với chủ tàu buôn, đọc cho người này nghe vài tờ giấy ông ta mang theo và theo lệnh của thuyền trưởng tàu buôn, tất cả thủy thủ đoàn của tàu, thủy thủ và hành khách được gọi lên trên boong tàu.

Khi việc điểm danh đã được tiến hành, viên sĩ quan lớn tiếng hỏi về địa điểm khởi hành, lộ trình, ghé bờ ở đâu, mọi câu hỏi thuyền trưởng đều trả lời trôi chảy, không chút khó khăn. Lúc đó, viên sĩ quan mới đi kiểm tra tất cả mọi người, người nọ sau người kia và dừng lại trước mặt Milady, nhìn nàng rất kỹ, nhưng không hề nói với nàng một lời nào.

Rồi ông ta quay về chỗ thuyền trưởng, nói thêm với ông này vài câu, và từ lúc đó con tàu như thể thuộc quyền chỉ huy của ông ta, ông ta ra lệnh, đoàn thủy thủ thi hành ngay. Thế là con tàu lại lên đường luôn có chiếc tàu khu trục hộ tống chạy song song, nòng sáu khẩu đại bác nhằm vào sườn tàu buôn uy hiếp, trong khi đó chiếc xuồng bơi theo rạch nước của chiếc chiến hạm như một chấm nhỏ bên một khối khổng lồ.

Trong khi viên sĩ quan chăm chú quan sát Milady, thì về phía mình, Milady cũng nhìn lại như ăn tươi nuốt sống người kia. Nhưng người đàn bà có đôi mắt lửa, vốn quen đọc thấu trong tim những kẻ mà nàng có nhu cầu đoán ra những bí mật, lần này chỉ thấy bộ mặt vẫn trơ trơ, không khám phá ra được bất cứ điều gì mà nàng cần dò xét. Người sĩ quan đã dừng lại trước mặt nàng và vẫn đang lặng lẽ nghiên cứu về nàng rất cẩn thận có thể chỉ độ hai nhăm hai sáu tuổi, với đôi mắt xanh tươi hơi sâu, cái miệng nhỏ và rất đẹp, không hề nhúc nhích trong những đường nét rất chuẩn xác, cái cằm nhô ra nhiều biểu lộ một ý chí mạnh mẽ, mà nếu ở trong giới người Anh hạ lưu thường chỉ biểu hiện sự ương bướng, vầng trán hơi ngả về phía sau thích hợp với trán các nhà thơ, những người cuồng nhiệt và các binh sĩ, bị bộ tóc cắt ngắn và thưa hơi che đi, màu hạt dẻ sẫm giống như màu bộ râu cằm phía dưới mặt.

Lúc tàu cặp bến thì trời đã tối. Sương mù làm bóng tối dày đặc thêm tối và tạo thành xung quanh những đèn hiệu và đèn chiếu kè biển những vành tròn

tương tự như vành tròn bao quanh mặt trăng khi trời muốn mưa. Không khí người ta hít thở, buồn, ẩm và lạnh.

Milady, người đàn bà mạnh mẽ đến thế cũng không tránh khỏi thấy rùng mình.

Viên sĩ quan yêu cầu Milady cho biết đâu là những bọc gói của nàng rồi cho chuyển hành lý của nàng xuống xuồng và khi mọi việc đã xong, ông ta vừa mời nàng xuống xuồng vừa chìa tay dắt nàng Milady nhìn người đàn ông và ngập ngừng rồi hỏi: -Thưa ông, ông là ai mà lại chiếu cố chăm sóc quá đặc biệt đến tôi như vậy?

-Ồ, thưa bà, nhìn bộ quân phục tôi mặc – bà phải thấy chứ, tôi là sĩ quan hải quân Anh – người đàn ông trẻ tuổi trả lời.

-Nhưng rút cục, có phải sĩ quan quân Anh có lệ ra lệnh cho đồng bào của mình khi họ cặp bến đất Anh và lịch sự đến mức áp tải họ vào bờ?

-Vâng, thưa bà, đây là thông lệ, không phải do lịch sự mà do cảnh giác nên trong thời chiến, những người ngoại quốc đều được dẫn đến một khách sạn đã chỉ định, cốt để họ được đặt dưới sự giám sát của Nhà nước cho tới khi có được những thông tin đầy đủ về họ.

Những lời lẽ đó được nói ra một cách lịch thiệp chuẩn xác nhất, và với một sự bình thản hoàn hảo nhất. Nhưng nó lại không khiến cho Milady được yên tâm chút nào.

-Nhưng tôi đâu có phải người nước ngoài, thưa ông – Milady nói bằng một giọng đặc Anh chưa hề được nghe thấy từ Portsmouth đến Manchetser – Tôi là phu nhân Clerics, và cái thể thức này…

-Thể thức này là chung thôi, thưa bà, bà có định phá lệ cũng vô ích thôi.

-Thưa ông, vậy tôi sẽ theo ông.

Cầm tay viên sĩ quan, nàng bắt đầu xuống thang và phía dưới là chiếc xuồng đang đợi. Viên sĩ quan đi theo nàng. Một áo choàng lớn được rải ở phía buồng lái, viên sĩ quan bảo nàng ngồi trên cái áo choàng đó rồi ngồi cạnh nàng và bảo thủy thủ: -Bơi đi!

Tám mái chèo cùng buông tõm xuống biển và nhất loạt chèo chiếc xuồng như bay trên mặt nước.

Trong vòng năm phút xuồng đã cặp bờ.

Viên sĩ quan nhảy lên kè và đưa tay cho Milady. Một chiếc xe đang đợi sẵn.

-Xe này là dành cho chúng ta? – Milady hỏi.

-Vâng, thưa bà – Viên sĩ quan trả lời.

-Khách sạn có xa lắm không?

-Ở đầu kia thành phố thôi.

-Ta đi thôi – Milady nói.

Rồi nàng cả quyết bước lên xe.

Viên sĩ quan theo dõi cho đến khi những gói đồ được buộc cẩn thận phía sau thùng xe và khi mọi việc đã xong, ông ta lên ngồi bên Milady và đóng cửa xe lại.

Lập tức, chẳng cần phải để ra lệnh và cũng chẳng cần phải bảo đi về địa chỉ nào, gã đánh xe cho ngựa phi nước đại đi sâu vào các phố trong thành phố.

Một sự đón tiếp lạ lùng như vậy hẳn phải làm cho Milady suy nghĩ rất nhiều, cho nên thấy viên sĩ quan không hề tỏ ra sẵn sàng bắt chuyện, nàng tựa khuỷu vào một góc xe, lần lượt xem lại mọi giả thiết nảy ra trong đầu.

Tuy nhiên, được độ mươi phút, nàng lấy làm ngạc nhiên vì đường xa đến thế, liền ngả người về phía cửa xe để xem người ta đưa mình đi đâu, thì không thấy nhà cửa nữa, chỉ có cây cối hiện ra trong bóng đêm như những con ma lớn đen ngòm, con nọ chạy sau con kia.

Milady rùng mình và nói: -Nhưng chúng ta không còn trong thành phố nữa, thưa ông.

Viên sĩ quan vẫn ngồi im.

-Tôi không đi xa thêm nữa đâu, nếu ông không nói ông dẫn tôi đi đâu, tôi báo trước cho ông đấy.

Lời đe dọa ấy vẫn chẳng nhận được câu trả lời nào.

-Ôi! Thế này thì quá lắm! – Milady kêu lên – Cứu với! Cứu với!

-Không một tiếng đáp lại. Chiếc xe tiếp tục lăn bánh nhanh và viên sĩ quan vẫn tựa như pho tượng.

Milady nhìn viên sĩ quan với một nét mặt đặc biệt khủng khiếp và hiếm khi không có hiệu quả. Cơn giận làm đôi mắt nàng long lanh trong bóng tối.

Milady định mở cửa xe và lao ra.

-Coi chừng đấy, thưa bà – người đàn ông trẻ lạnh lùng nói – bà nhảy ra là tự giết mình đấy.

Milady lại ngồi xuống, tức sùi bọt mép. Viên sĩ quan ngả người đến lượt mình cũng nhìn Milady tỏ vẻ ngạc nhiên thấy khuôn mặt vừa rồi còn đẹp đến thế, vì sôi lên giận dữ đã trở nên hầu như xấu xí. Người đàn bà gian manh ấy hiểu rằng nếu để người ta nhìn sâu trong tâm hồn mình như thế là tự hại mình, liền tươi tỉnh lại nói bằng một giọng thương tâm: -Có Chúa trời chứng giám! Thưa ông, xin ông, xin hãy nói cho biết tôi phải gán việc tôi bị đối xử bằng bạo lực như thế này cho ông, cho Chính phủ của ông hay cho một kẻ thù nào?

-Không ai dùng bạo lực với bằng, thưa bà, và việc xảy ra cho bà chỉ là kết quả của biện pháp hoàn toàn đơn giản mà chúng tôi buộc phải áp dụng đối với tất cả mọi người cặp bến ở nước Anh.

-Thưa ông, thì ra ông không biết tôi?

-Đây là lần đầu tiên tôi hân hạnh được gặp bà.

-Và ông có thể cam đoan ông không có chuyện gì hiềm khích với tôi chứ?

-Không có gì, tôi xin thề với bà.

Giọng nói của người đàn ông trẻ vừa hết sức trong trẻo, bình thản lại dịu dàng nữa khiến Milady yên tâm.

Cuối cùng, sau gần một giờ, xe mới dừng lại trước hàng rào lưới sắt, đi vào một con đường trống vắng dẫn đến một tòa lâu đài bề ngoài nghiêm trang, nặng nề và heo hút. Lúc đó, bánh xe lăn trên cát mịn nên Milady nghe thấy tiếng sóng gầm của biển vỗ vào bờ đá lởm chởm.

Chiếc xe đi dưới hai vòm cổng, cuối cùng dừng lại trong một cái sân vuông và tối, cửa xe vừa mở, người đàn ông trẻ tuổi đã nhảy ngay xuống theo, khá bình tĩnh.

Milady nhìn xung quanh rồi dồn mắt nhìn viên sĩ quan trẻ với nụ cười duyên dáng nhất và nói: -Vậy, tôi vẫn cứ là một tù nhân, nhưng chắc sẽ không lâu đâu, tôi tin chắc như thế – Rồi nàng thêm – Thưa ông, lương tâm tôi và sự lịch sự của ông đảm bảo với tôi như thế.

Dù tán tụng và ve vãn như vậy, viên sĩ quan vẫn không trả lời, mà chỉ rút từ đai lưng ra một chiếc còi bằng bạc mà những viên cai vẫn dùng trên tàu chiến, thổi lên ba hồi theo ba giai điệu khác nhau. Thế là mấy người hiện ra tháo lũ ngựa đang thở phì phì và đưa xe vào một cái nhà kho.

Viên sĩ quan vẫn thái độ lịch sự điềm đạm mời tù nhân của mình vào trong nhà. Người đàn bà vẫn với bộ mặt tươi cười, vịn tay viên sĩ quan, đi vào cùng với ông ta qua một chiếc cửa thấp thắt giữa, vòm cửa chỉ được chiếu sáng từ sâu mãi bên trong, dẫn tới một cầu thang bằng đá xoắn theo một trụ đá, đi lên, rồi dừng lại trước một chiếc cửa nặng nề. Sau khi người kia tra chìa khóa mang theo vào ổ, cánh cửa nặng nề quay trên bản lề để lộ ra lối vào một căn phòng dành cho Milady.

Thoáng nhìn qua, người nữ tù nhân đã nắm được hết các chi tiết nhỏ nhất của căn nhà.

Đó là một căn buồng mà nội thất vừa quá sạch đối với một nhà tù và cũng quá sạch đối với một chỗ ở của một con người sống tự do. Tuy nhiên những song sắt của sổ và những chốt ngoài của cửa ra, lại thiên về một nhà tù.

Trong giây lát, toàn bộ nghị lực của con người từng được tôi luyện trong những mạch nguồn mạnh mẽ nhất tiêu tan hết.

Nàng buông mình xuống ghế tựa, khoanh tay, cúi đầu chờ đợi từng phút một để thấy một thẩm phán đi vào thẩm vấn nàng.

Nhưng chẳng có ai vào mà chỉ có vài ba lính thủy mang rương hòm tới, xếp vào một góc rồi lại rút lui không nói một lời.

Viên sĩ quan điều khiển mọi chi tiết với vẻ bình thản mà Milady thấy vẫn nguyên như trước, chẳng nói một lời mà chỉ lấy tay ra hiệu hoặc thổi còi cho bọn lính tuân theo.

Có thể nói giữa con người này và những kẻ dưới quyền, ngôn ngữ nói không tồn tại hoặc trở nên vô ích…

Cuối cùng Milady không chịu nổi thêm nữa, liền phá vỡ sự im lặng và kêu lên: -Có trời cao chứng kiến, thưa ông. Tất cả những gì diễn ra thế này là thế nào? Nói toạc móng heo xem có chuyện gì nào. Tôi có đủ can đảm đối mặt với mọi hiểm nguy mà tôi thấy trước, mọi bất hạnh mà tôi thấu hiểu. Tôi đang ở đâu và ở đây làm gì? Tôi có còn được tự do không, tại sao lại có những song sắt và những cái cửa ấy? Tôi có phải tù nhân không và tôi mắc tội gì?

-Bà ở đây trong một căn phòng được dành cho bà. Tôi được lệnh phải giữ bà từ ngoài biển và dẫn bà đến tòa lâu đài này. Và tôi tin tôi đã hoàn thành nhiệm vụ với tất cả sự nghiêm túc của một quân nhân và phong độ của một nhà quý tộc. Giờ đây đã kết thúc, ít ra là cho đến lúc này, trách nhiệm tôi phải làm tròn đối với bà, phần còn lại liên quan đến một người khác.

-Thế cái người khác đó là ai vậy? – Milady hỏi – Ông không thể nói tên người ấy ra với tôi ư?

-Đúng lúc đó, có tiếng đinh thúc ngựa ầm ầm phía cầu thang.

-Có mấy tiếng người rồi lại im ngay, và tiếng bước chân một mình ai đó lại gần chiếc cửa.

-Cái người đó đến đây rồi, thưa bà – Vừa nói viên sĩ quan vừa chỉ ra lối đi, vừa đứng dẹp sang một bên với thái độ kính trọng và phục tùng.

Đồng thời cửa mở, một người đàn ông hiện ra ở ngưỡng cửa.

Người này không đội mũ, đeo gươm, tay đang vò một chiếc khăn tay.

Milady tin mình nhận ra bóng người đó trong bóng tối. Nàng chống bàn tay lên thành ghế tựa, vươn đầu ra như để đón trước cái điều đã chắc chắn rồi.

-Người lạ từ từ tiến lại và khi ông ta tiến sâu vào vùng ánh sáng từ chiếc đèn chiếu ra, Milady bất giác lùi lại.

Rồi khi không còn chút nghi ngờ gì nữa, nàng kêu lên đầy vẻ kinh hoàng: -Kìa sao? Em tôi? Chú đấy ư?

-Vâng, thưa quý bà! – Huân tước Winter làm điệu bộ chào nửa phong nhã, nửa hài hước.

-Tôi đây! Nhưng sao, tòa lâu đài này?

-Là của tôi.

-Căn phòng này?

-Là của bà!

-Tôi là tù nhân của ông ư?

-Gần như vậy.

-Nhưng đó là một sự lấy thịt đè người ghê tởm?

-Đừng có ngoa ngoắt. Ta hãy ngồi xuống chuyện trò với nhau bình tĩnh đã, như thế thích hợp giữa ông em và bà chị hơn.

Rồi quay về phía cửa, thấy viên sĩ quan đang đứng đợi những mệnh lệnh cuối cùng, ông ta nói: -Tốt lắm! Xin cám ơn ông. Bây giờ để mặc chúng tôi, ông Felten.

§50. Chuyện trò giữa ông em chồng với chị dâu

Trong lúc Huân tước De Winter đóng cửa, khép cánh cửa sổ lại và kéo một chiếc ghế đến ngồi gần chiếc ghế bành của người chị dâu thì Milady mơ màng dọi mát vào trong sâu thẳm, mong có khả năng khám phá ra toàn bộ âm mưu mà chính nàng không thể thấy nổi dù chỉ lơ mơ, chừng nào nàng còn chưa biết mình bị rơi vào tay ai. Nàng biết rõ ông em chồng vốn nhà quý tộc thực sự, mê săn bắn, một con bạc lì lợm, táo tợn với đàn bà, nhưng về chuyện mưu mô thì còn dưới cả mức trung bình. Làm sao ông ta lại có thể phát hiện việc nàng tới đây, và cho bắt giữ nàng? Tại sao lại giữ nàng tại đây?

Athos đã nói hở với nàng vài câu chứng tỏ cuộc chuyện trò giữa nàng và Giáo chủ đã lọt vào tai người ngoài. Nhưng nàng không thể chấp nhận Athos lại có thể đào hố chống mình nhanh chóng và táo tợn đến thế.

Nàng sợ hơn cả là những hoạt động trước đây của mình trên đất Anh đã bị khám phá. Buckingham có thể đoán chính nàng đã cắt mất hai nút kim cương và trả thù sự phản trắc nhỏ bé này. Nhưng Buckingham không thể đối xử quá đáng đối với một người đàn bà nhất là người đàn bà ấy được coi như là đã hành động bởi một tình cảm ghen tuông.

Giả thiết này đối với nàng có vẻ có lý hơn cả. Nàng thấy hình như người ta muốn trả thù cái đã là quá khứ, chứ không phải để đón trước tương lai. Dẫu sao nàng cũng mừng thầm là đã rơi vào tay người em chồng, mà nàng cho là đã gặp may, hơn là vào tay một kẻ thù trực tiếp và khôn ngoan.

-Vâng, ta nói chuyện, chú ạ – nàng vui vẻ nói và quyết định phải rút ra bằng được trong cuộc trò chuyện, mặc dầu De Winter có thể che giấu, những gì có thể làm sáng tỏ những điều cần biết để điều chỉnh thái độ sắp tới cho thích hợp.

-Vậy là bà đã quyết định trở lại nước Anh. – Huân tước De Winter nói – mặc dầu bà thường ngỏ ý với tôi ở Paris rằng bà quyết định không bao giờ đặt chân trở lại đất Anh nữa.

Milady trả lời câu hỏi đó bằng một câu hỏi: -Trước hết, ông hãy cho tôi biết ông đã cho người rình rập theo dõi tôi nghiêm ngặt đến thế nào để có thể biết trước được không những việc tôi đến mà cả ngày, giờ và cảng nào tôi đến nữa?

De Winter áp dụng ngay cái chiến thuật của Milady, nghĩ rằng chị dâu mình đã dùng nó ắt hẳn phải hay: -Nhưng bà chị thân mến, bà cũng phải nói cho tôi biết bà định làm gì ở đất Anh đã chứ.

-Nhưng tôi sang thăm ông mà – Milady nói tiếp mà không biết câu trả lời đó đã làm trầm trọng thêm biết bao những ngờ vực nảy sinh trong đầu người em chồng từ bức thư của D'Artagnan. Thật ra nàng nói dối chỉ để cốt thu hút được thiện ý của ông ta.

-Chà, sang thăm tôi? – Wintern hỏi một cách thâm hiểm.

-Hẳn rồi, thăm ông. Việc đó lạ lắm sao?

-Và bà sang Anh không ngoài mục đích nào khác là thăm tôi?

-Không.

-Như thế, chỉ vì mỗi mình tôi mà bà phải nhọc công vượt biển Măngssơ?

-Vì mỗi ông thôi.

-Chà, tình cảm gớm nhỉ, bà chị dâu ơi!

-Thế chị không phải họ hàng gần nhất của chú sao? – Milady hỏi bằng một giọng ngây thơ và cảm động nhất.

-Và còn là người thừa kế duy nhất của em nữa chứ, có phải không? – De Winter nhìn chăm chăm vào mắt Milady mà hỏi.

Dù có nghị lực làm chủ được mình đến mấy, Milady không tránh khỏi giật mình, và vì vừa nói ra những câu ấy. De Winter vừa đặt tay lên cánh tay người chị dâu, nên sự rùng mình ấy không tránh khỏi ông ta nhận thấy.

Quả là miếng đòn vừa giáng thẳng lại vừa thâm. Milady chợt nghĩ bị Ketty phản bội, và con bé này đã kể hết với Huân tước về mối ganh ghét về lợi lộc do vô ý nàng đã để lộ ra những dấu hiệu trước người hầu gái. Nàng cũng nhớ ra là mình đã tỏ ra giận dữ và bất cẩn chống lại D'Artagnan thế nào khi chàng tha chết cho em chồng mình.

Để tranh thủ thời gian làm cho đối thủ phải nói ra, nàng nói: -Thưa Huân tước, tôi không hiểu chú định nói gì? Có ẩn ý gì giấu sau lời nói của chú chăng?

-Ồ không, Chúa ơi! – Huân tước De Winter làm ra vẻ thật thà phúc hậu nói – Chị có lòng muốn thăm tôi và chị sang tận Anh. Tôi hiểu tấm lòng đó, hay đúng hơn tôi ngờ rằng chị cảm thấy như vậy, và để tránh cho mọi sự phiền phức và mọi vất vả phải cặp bến ban đêm, tôi đã phái một sĩ quan của tôi tới đón trước chị, đưa cho ông ta một cỗ xe để đưa chị về đây trong tòa lâu đài mà tôi là chủ nhân này. Ngày ngày tôi sẽ đến và để thỏa lòng mong muốn gặp nhau của cả hai chúng ta tôi đã cho sắp xếp cho chị một căn buồng. Có gì trong tất cả những điều tôi nói đó lại lạ lùng hơn những gì chị nói với tôi sao?

-Không, điều tôi thấy lạ, là chú biết trước việc tôi sang đây cơ

-Đó lại là điều đơn giản nhất đấy bà chị thân mến ạ. Chị không thấy lúc tàu vào vịnh, viên thuyền trưởng của tàu chị đã phái một chiếc xuồng nhỏ vào trước mang theo sổ nhật ký hàng hải và danh sách của tàu, người ta mang sổ sách đến trình tôi, tôi nhận ra tên chị. Trái tim tôi mách bảo tôi điều mà chị vừa khẳng định với tôi, nghĩa là chị đã tự dấn thân vào bao gian nan của một vùng biển đầy sóng gió hiểm nguy hoặc ít nhất cũng đầy vất vả trong lúc này với mục đích gì, và tôi đã phái một tàu khu trục ra đón trước. Phần còn lại, chị đã rõ.

Milady hiểu rằng Huân tước De Winter nói dối và chỉ càng sợ hơn.

-Chú ơi – nàng tiếp tục – phải chăng người tôi trông thấy đứng trên đập tối nay lúc cặp bờ là Huân tước De Buckingham?

-Chính ông ta đấy. À! Tôi hiểu việc trông thấy ông ta khiến chị xúc động mạnh – De Winter nói tiếp – Chị đến từ một đất nước mà ở đấy người ta hẳn quan tâm rất nhiều đến ông ta, và tôi biết việc dấy binh của ông ta chống nước Pháp khiến Giáo chủ bạn chị rất lo lắng.

-Giáo chủ bạn tôi! – Milady kêu lên thấy rõ trên điểm này, cũng như điểm khác, De Winter hình như đã hiểu rõ tất cả.

-Ông ta không phải là bạn chị thật ư? Huân tước hững hờ nói tiếp – Ồ, xin lỗi, tôi lại cứ tưởng như vậy. Mà thôi, để sau ta hãy trở lại chuyện của Quận công, ta đừng lạc đề câu chuyện đang diễn ra hết sức tình cảm nữa; chị nói chị đến đây để thăm tôi?

-Vâng.

-Thế thì… ! Tôi đã trả lời chị rằng chị sẽ ước sao được vậy, và ngày nào chúng ta cũng sẽ gặp nhau.

-Vậy tôi cứ phải ở đây vĩnh viễn ư? Milady hỏi với một sự hãi hùng nào đấy.

-Chị thấy ở đây không tốt ư, chị dâu? Chị cứ việc yêu cầu những gì chị thiếu, và tôi sẽ cho người mang tới cho chị ngay.

-Nhưng tôi không có đàn bà, đàn ông giúp việc…

-Bà sẽ có tất cả, thưa bà, bà cứ nói cho biết người chồng đầu của bà đã dựng cho bà loại nhà như thế nào, cho dù tôi chỉ là em chồng của bà, tôi cũng sẽ dựng cho bà loại nhà như thế.

-Người chồng đầu của tôi! – Milady kêu lên, nhìn Huân tước De Winter bằng đôi mắt hãi hùng.

-Vâng, người chồng Pháp của bà ấy. Tôi không nói về anh tôi Hơn nữa, nếu bà đã quên ông ta, vì ông ta vẫn còn sống, tôi có thể viết cho ông ấy, ông ấy sẽ giúp tôi biết tỉ mỉ về chuyện này.

Một lớp mồ hôi lạnh đầm đìa trán Milady.

-Ông đùa rồi – nàng nói bằng một giọng khàn khàn.

-Tôi có vẻ đùa à? – Huân tước vừa hỏi vừa đứng lên, lùi lại một bước về phía sau.

-Hay đúng hơn là ông lăng mạ tôi – nàng tiếp tục, vừa bóp chặt hai bàn tay co quắp lên hai thành ghế, chống tay đứng phắt lên.

-Tôi lăng mạ bà ư! – De Winter khinh bỉ nói – Thật ra bà tin có thể thế được ư?

-Thật ra, thưa ông – Milady nói – Ông say hay phát rồ rồi. Ra đi, và gửi cho tôi một hầu phòng.

-Đàn bà rất hay bép xép, bà chị ạ! Tôi không thể phục vụ bà như một thị nữ được ư? Làm như thế mọi bí mật gia đình sẽ nguyên vẹn.

-Đồ hỗn láo! – Milady thét lên và bật lên như một chiếc lò xo, nhẩy xổ vào Huân tước vẫn đang đứng đợi, hai tay khoanh lại, nhưng bàn tay vẫn giữ chuôi gươm.

-Chà chà! – Ông ta nói – Tôi biết là bà vẫn có thói quen ám sát mọi người, nhưng tôi báo trước cho bà biết, tôi sẽ chống cự lại, dù là chống lại bà.

-Ồ, ông có lý – Milady nói – và ông làm cho tôi thấy ông khá hèn hạ khi đang tay chống với một người đàn bà.

-Có thể thế đấy. Vả lại, tôi có cớ để làm thế này. Bàn tay tôi sẽ không phải là bàn tay đàn ông đầu tiên đặt lên người bà, tôi nghĩ như vậy.

Và Huân tước, bằng một cử chỉ chậm rãi và buộc tội, chỉ vào vai trái Milady, hầu như chạm hẳn ngón tay vào đấy.

Milady thất lên một tiếng gầm khàn, lùi lại tận góc phòng, như một con báo cái tự lùi vào thế bí để lao tới.

-Ồ! Bà cứ việc gầm thét – De Winter nói to – nhưng chớ có định cắn, bởi tôi báo trước sự việc sẽ xoay ngược lại làm hại bà đấy ở đây không có các ông biện lý để tính trước các khoản thừa kế, không có hiệp sĩ lang thang đến để gây sự với tôi vì một người đàn bà đẹp mà tôi giữ làm tù nhân. Nhưng tôi đã có sẵn những quan tòa sẽ phán xử một mụ đàn bà hai chồng khá trơ trẽn đến luồn vào giường Huân tước De Winter, anh cả tôi[120] và những viên quan tòa ấy, tôi xin báo trước cho bà, sẽ tống bà cho đao phủ và đao phủ sẽ làm cho hai vai bà được giống nhau.

Hai mắt Milady ném ra những tia sáng long lanh khiến cho dù là đàn ông và được vũ trang trước một mụ đàn bà không vũ khí ông ta vẫn cảm thấy lạnh thấu con tim vì sợ hãi. Ông vẫn tiếp tục nhưng với nỗi giận dữ tăng lên.

-Phải, tôi hiểu, sau khi được thừa hưởng của anh tôi, nếu được thừa hưởng cả tôi nữa thì ngon lành thật, nhưng phải biết trước rằng, bà có thể giết tôi, hoặc cho người giết tôi, nhưng tôi đã đề phòng cả rồi. Không một xu nào của tôi chuyển sang tay bà đâu. Bà chẳng phải đã giàu có rồi sao, bà sở hữu gần bạc triệu, mà vẫn không thể dừng lại trên con đường định mệnh của mình ư, hay là bà làm điều ác chỉ để bản thân thỏa thích cao độ và đến tận cùng? Ồ, hãy nhớ lấy điều tôi nói đây, nếu không vì lòng tưởng nhớ thiêng liêng của tôi đối với anh tôi, bà sẽ bị thối rữa trong hầm tối quốc gia, hoặc làm thỏa mãn sự tò mò của thủy thủ ở Tybum[121] rồi. Tôi sẽ câm miệng, nhưng bà, bà hãy chịu đựng cảnh giam cầm một cách bình tĩnh. Trong vòng mười lăm hai mươi ngày nữa, tôi sẽ đi La Rochelle cùng với quân đội. Nhưng trước hôm tôi đi, một con tàu sẽ đến đón bà, tôi sẽ nhìn nó ra đi mang bà tới những thuộc địa ở phương Nam, và bà hãy yên tâm, tôi sẽ cho một người bạn đi phụ giúp bà sẵn sàng bắn bà vỡ sọ ngay khi bà có ý định đầu tiên liều lĩnh trở về nước Anh hay lục địa.

Milady lắng nghe chăm chú, trợn tròn đôi mắt nảy lửa.

-Phải, giờ này – Huân tước De Winter tiếp tục – bà ở yên vị trong tòa lâu đài này. Tường bao rất dày, các cổng cửa đều rất kiên cố, chấn song chắc chắn, vả lại cửa sổ phòng bà trông thẳng xuống biển, những người của tôi đều trung thành sống chết với tôi canh gác xung quanh lâu đài và giám sát mọi lối ra sân. Ra sân rồi bà còn phải vượt qua ba hàng rào kẽm gai. Nội dung phạt giam rất rõ ràng: Một bước chân, một cử chỉ, một lời nói tỏ ra ý định vượt ngục là người ta sẽ bắn vào bà. Nếu người ta bắn chết, tôi hy vọng công lý Anh quốc sẽ chịu ơn tôi vì đã tránh cho họ cái nhiệm vụ nặng nề. A, nét mặt bà đã bình thản lại rồi, bộ mặt bà đã có vẻ yên tâm hơn. Mười lăm hai mươi ngày!

Bà nói: -Được!

"Từ nay đến đấy, ta vốn có đầu óc sáng kiến, thế nào chả tìm được ý tưởng nào hay, ta có tâm hồn ma quỷ, ta sẽ tìm được nạn nhân. Từ nay đến mười lăm ngày nữa, bà tự bảo mình, ta sẽ ra khỏi nơi đây. Chà chà! Cứ thử xem."

Milady thấy bị đoán ra ý nghĩ của mình, liền bấm móng tay cho vào da thịt để chế ngự mọi cử động có thể đem lại cho bộ dạng mình dấu hiệu nào đó khác với sự lo âu.

Ông De Winter tiếp tục: -Viên sĩ quan duy nhất chỉ huy ở đây lúc tôi vắng mặt, bà đã gặp và đã biết rồi đó. Ông ta như bà thấy đấy, biết giám sát một lệnh phạt giam, bởi vì, tôi biết, đi từ cảng Portsmouth đến đây bà không phải không cố tìm cách làm cho ông ta nói về việc đó. Bà nói sao về việc này? Một pho tượng đá hoa cương chưa chắc đã trơ và câm lặng hơn ông ta phải không? Bà đã thử cái sức mạnh của những nét quyến rũ của bà với bao nhiêu người đàn ông và khốn nạn thay, bà đã luôn luôn thành công. Nhưng bà cứ thử với ông ta xem, mẹ kiếp! Nếu bà thành công với ông ta, tôi tuyên bố với bà, ông ta cũng là quỷ nốt.

Ông De Winter đi tới cửa, mở bật ra và nói: -Gọi cho ta ông Felten, bà đợi đây một lát, tôi sẽ trao bà cho ông ta trông nom.

Một sự im lặng kỳ lạ diễn ra giữa hai người, trong khi đó người ta nghe thấy tiếng bước chân khoan thai đều đặn lại gần, rồi trong bóng tối hành lang hiện ra một dáng người, đó chính là viên trung úy trẻ lúc trước, ông ta dừng lại ở ngưỡng cửa đợi lệnh của Huân tước.

-Vào đi, John thân mến – Huân tước De Winter nói – vào đi rồi đóng cửa lại.

Viên sĩ quan trẻ vào.

-Bây giờ – Huân tước nói – Ông hãy nhìn người đàn bà này, bà ta trẻ đẹp, có tất cả những nét quyến rũ trên đời, vậy mà, đó lại là một con quỷ ở tuổi hai nhăm, đã phạm không biết bao nhiêu tội ác mà ông có thể đọc trong một năm trong kho lưu trữ các tòa án của chúng ta, giọng nói bà ta rào đón bằng sự lấy lòng khôn khéo, sắc đẹp bà ta dùng làm mồi cho các nạn nhân, thân xác bà ta cũng đem trả cho những điều đã hứa. Bà ta sẽ tìm cách quyến rũ ông, có thể còn tìm cách giết ông nữa. Ông Felten, tôi đã kéo ông ra khỏi cảnh nghèo khổ, tôi đã

phong ông chức trung úy, tôi đã một lần cứu sống ông, ông biết rõ trong hoàn cảnh nào rồi, tôi không những là người bảo hộ cho ông mà còn là bạn ông, không những là một ân nhân mà còn là một người cha, mụ đàn bà này đến nước Anh âm mưu ám hại tôi, tôi đã giữ được con rắn ấy trong tay, vì thế, tôi cho gọi ông để nói với ông: "Anh bạn Felten, John, con ta ạ, hãy canh giữ cho ta, nhất là phải canh chừng cho bản thân anh con mụ đàn bà này, hãy thề trừng phạt mụ ta xứng đáng để cứu lấy bản thân anh, John Felten, ta tin ở lời thề của anh, John Felten, ta tin ở lòng trung thành của anh."

-Thưa Huân tước – Viên sĩ quan trẻ nói, con mắt chứa chất đơn thuần toàn bộ nỗi căm hờn cảm thấy trong lòng – Tôi xin thề với ngài mọi việc sẽ được làm đúng như ngài mong muốn.

Milady nhẫn nhục chịu đựng cái nhìn đó như một nạn nhân.

-Không thể nhìn thấy một vẻ mặt nào chịu khuất phục và dịu dàng hơn những gì đang ngự trị trên bộ mặt kiều diễm của nàng, đến nỗi chính ông De Winter cũng khó lòng nhận ra con hổ cái một lát trước đây ông sẵn sàng chiến đấu với nó.

-Mụ ta sẽ không bao giờ được ra khỏi cái buồng này, hiểu chưa John – Nam tước tiếp tục – mụ sẽ không được liên hệ với bất cứ ai, mụ chưa được nói với ông, nếu ông có ý định ban cho mụ vinh dự ngỏ lời trước với mụ.

-Thế là đủ, thưa Huân tước, tôi đã thề.

-Và bây giờ, thưa bà, hãy cố ôn hòa với Chúa, và bà bị phán xử bởi Người.

Milady mặc cho đầu gục xuống như thể cảm thấy bị sự phán xử ấy đè bẹp. Huân tước De Winter vừa ra hiệu cho Felten theo sau và đóng cửa lại.

Một lát sau trong hành lang có tiếng bước chân nặng nề của một chàng lính thủy đi tuần, chiếc rìu giắt ở đai lưng và súng hỏa mai trong tay.

Milady ngồi im trong tư thế ấy trong mấy phút, bởi nàng nghĩ người ta theo dõi mình qua lỗ khóa, rồi nàng từ từ ngẩng đầu lên, lấy lại vẻ hăm dọa khủng khiếp và vẻ thách thức, chạy đến nghe ở cửa, nhìn qua cửa sổ, rồi lại quay vào vùi mình trong chiếc ghế bành, suy nghĩ.

§51. Sĩ quan

Trong khi đó, Giáo chủ mong đợi những tin tức từ nước Anh nhưng chẳng thấy gì nếu không phải những tin tức gây bực mình hoặc hăm dọa.

Cho dù La Rochelle có bị vây chặt và thành công có vẻ đã chắc trong tay nhờ những biện pháp phòng ngự và nhất là con đê, không cho bất cứ con thuyền nào lọt vào thành phố bị bao vây, thì cuộc vây hãm vẫn cứ phải kéo dài thêm nữa và đó là một nỗi nhục lớn đối các binh chủng của nhà Vua, một sự bực mình lớn đối với Giáo chủ khiến ông ta không thiết gây rắc rối giữa Louis XIII và Anne Autriche nữa, đúng vậy, vì chuyện đó đã xong rồi, mà phải hàn gắn mối bất hòa giữa ông Bassompirre với Quận công Angoulême.

Còn Hoàng đệ, người mở đầu cuộc bao vây nay để mặc Giáo chủ lo việc hoàn tất.

Thành phố, mặc dầu sự kiên gan không thể tưởng tượng nổi của viên thị trưởng, vẫn toan tính nổi loạn để đầu hàng. Viên thị trưởng đã cho treo cổ những kẻ bạo loạn. Việc hành hình đó đã làm dịu bớt những cái đầu bất trị nhất, họ quyết định thôi đành chết đói. Cái chết đó luôn có vẻ chậm chạp hơn và kém chắc chắn hơn cái chết bị treo cổ.

Về phía mình, thỉnh thoảng quân vây thành lại bắt được những phái viên của quân Rochelle phái đến Buckingham hoặc những điệp viên mà Buckingham gửi tới cho quân Rochelle. Đối với cả loại này lẫn loại kia, bản án được đưa ra nhanh chóng.

Giáo chủ chỉ nói mỗi một câu: Treo cổ! Người ta mời nhà Vua xem treo cổ. Nhà vua đến, người mệt lử, ngồi ở một chỗ tốt để xem rõ từng chi tiết việc hành quyết. Việc đó luôn làm Ngài khuây khỏa đôi chút và khiến Ngài kiên nhẫn hơn trong việc bao vây nhưng không ngăn nổi Ngài phiền muộn rất nhiều, và lúc nào cũng nói đến việc trở về Paris, thành thử nếu bọn phái viên và điệp viên không xuất hiện, thì Đức ông, mặc dù sức tưởng tượng phong phú của mình, cũng thấy rất lúng túng.

Song, thời gian cứ trôi đi, quân Rochelle không đầu hàng. Tên gián điệp cuối cùng bị bắt là một kẻ mang một bức thư. Bức thư nói rõ với Buckingham là thành phố đã chịu đựng đến cùng rồi, nhưng đáng lẽ thêm rằng: "Nếu việc cứu viện của ngài, trước mười lăm ngày nữa, không đến, chúng tôi sẽ đầu hàng" lại chỉ đơn giản như sau: "Nếu trong vòng mười lăm ngày việc cứu viện của ngài không tới, thì khi tới chúng tôi đã chết đói hết rồi?"

-Vậy là quân Rochelle chỉ hy vọng vào Buckingham.

Buckingham là chúa cứu thế của họ. Rõ ràng là nếu một ngày nào đó họ biết một cách chắc chắn rằng không nên trông cậy vào Buckingham nữa, thì lòng

dũng cảm của họ sẽ rơi rụng cùng với hy vọng của họ.

Cho nên Giáo chủ rất nóng lòng mong đợi những tin tức từ nước Anh đáng lẽ phải thông báo là Buckingham sẽ không đến nữa.

Vấn đề chiếm thành phố bằng sức mạnh thường được tranh luận trong hội nghị của nhà Vua, luôn bị gạt bỏ. Trước hết vì La Rochelle có vẻ không thể đánh chiếm, rồi Giáo chủ, cho dù ông đã nói, ông biết thừa nỗi kinh hoàng vì máu đổ trong cuộc đối đầu này nơi người Pháp phải chiến đấu chống người Pháp, là một thoái trào chính trị tới sáu mươi năm. Mà Giáo chủ vào thời kỳ này lại được người ta gọi là một con người cấp tiến. Quả thật cuộc cướp phá thành La Rochelle và vụ tàn sát ba bốn nghìn người theo giáo phái Canvanh năm 1628 quá giống cuộc thảm sát Saint Báctêlêmy năm 1572[122], và rồi trên tất những cái đó cái thủ đoạn cực đoan mà nhà vua, một tín đồ Cơ đốc ngoan đạo không ghê tay luôn bị thất bại trước lý lẽ của các tướng lĩnh vây thành: ngoài nạn đói ra, La Rochelle không thể nào bị chiếm.

Giáo chủ không thể gạt ra khỏi trí não nỗi sợ mà người nữ mật sứ đáng sợ đã gieo vào, bởi ông, chính ông cũng hiểu sự mất cân bằng kỳ lạ, lúc là rắn lúc là sư tử của người đàn bà này. Mụ ta đã phản bội? Mụ chết rồi chăng? Dẫu sao ông cũng khá hiểu rõ mụ để biết rằng trong khi hành động cho ông hoặc chống lại ông, là bạn hay là thù của ông, mụ cũng không chịu im ắng như thế nếu không gặp những trở ngại lớn. Nhưng từ đâu ra những trở ngại ấy? Đó là điều ông chưa thể biết.

Vả chăng, ông vẫn có lý do để trông cậy vào Milady, ông đã đoán ra trong quá khứ, người đàn bà ấy đã có những chuyện đáng sợ mà chỉ chiếc áo đỏ Giáo chủ của ông thôi mới có thể che đậy và ông cảm thấy rằng, vì một nguyên nhân này hay nguyên nhân khác, người đàn bà đã thuộc về ông ấy chỉ có thể tìm thấy ở ông một chỗ dựa vượt lên trên mối nguy đang đe dọa mụ, vì vậy, ông quyết định tiến hành chiến tranh một mình mình và chỉ trong đợi vào mọi thành công còn xa lạ với ông như người ta trông đợi một vận may. Ông tiếp tục cho nâng cao thêm con đê nổi tiếng để làm đói La Rochelle, trong khi chờ đợi ông phóng mắt nhìn cái thành phố khốn khổ, chất chứa bao nỗi khốn cùng sâu xa cũng như bao đức tính anh hùng và nhớ đến câu nói của vua Louis XI, bậc tiền bối chính trị của ông, cũng như bản thân ông lại là bậc tiền bối của Rôbétxpie, ông lại nhớ câu châm ngôn của cha đỡ đầu của Trítxtăng[123] "chia để trị."

Henri IV khi vây hãm Paris đã cho ném qua tường thành bánh mì và thực phẩm. Ở đây Giáo chủ cho ném truyền đơn vào trong đó trình bầy cho dân Rochelle rõ cách đối xử bất công ích kỷ, dã man của bọn chỉ huy, bọn chỉ huy thừa mứa lúa mì mà không đem chia cho họ, bọn chúng áp dụng phương châm ấy, bởi chính bọn chúng cũng có những phương châm, rằng phụ nữ, trẻ con và người già có chết cũng chẳng sao, miễn là đàn ông bảo vệ thành lũy thì phải sống

khỏe mạnh và được ăn mặc đầy đủ. Cho đến lúc này, do vì nghĩa vụ hoặc do bất lực không phản ứng lại được, cái phương châm đó không được chấp nhận về đại thể, tuy nhiên đã chuyển từ lý thuyết thành thực hành. Nhưng những tờ truyền đơn bay tới cũng có tác dụng công kích. Những truyền đơn nhắc nhở những người đàn ông rằng trẻ con, đàn bà, người già bị bỏ chết ấy chính là con cái họ, vợ họ và cha họ, rằng sẽ công bằng hơn nếu mỗi người đều chịu chung cảnh khốn cùng, có cùng chung cảnh ngộ thì mới có được những quyết định thống nhất.

Những tờ truyền đơn đó đã phát huy hiệu quả mà những người viết ra có thể trông đợi. Một số đông cư dân đã quyết định mở những cuộc thương lượng riêng với quân đội nhà Vua.

Nhưng đúng lúc Giáo chủ thấy phương sách của mình đã có hiệu quả và lấy làm mừng vì đã áp dụng phương sách đó thì một cư dân của La Rochelle đã có thể vượt qua những phòng tuyến quân đội hoàng gia như thế nào có trời mới biết, dù cho những kiểm soát gắt gao của các ông Bassompirre, De Xkombéc, Công tước Ănggulém, và rồi chính họ lại bị Giáo chủ giám sát, một cư dân ở La Rochelle đến từ cảng Portsmouth và nói rằng, trước đây tám ngày thấy một hạm đội hùng hậu sẵn sàng giương buồm. Thêm nữa, Buckingham đã thông báo cho ông thị trưởng rằng một liên minh to lớn chống nước Pháp sắp sửa ra mắt, và vương quốc Pháp sắp bị quân Anh, Tây Ban Nha và đế quốc Áo xâm lược.

Bức thông điệp được đọc công khai trên tất cả các quảng trường, các bản sao được dán ở các góc phố, và ngay những người đã bắt đầu mở những cuộc thương lượng cũng đình lại, quyết định chờ cứu viện như đã được huyênh hoang công bố.

Tình thế bất ngờ đó khiến cho Richelieu bắt đầu lo lắng, buộc ông bất đắc dĩ phải quay mặt nhìn về phía bên kia bờ biển.

Trong khi đó, bất chấp những lo lắng của vị chỉ huy đích thực và duy nhất, binh lính quân đội nhà vua vẫn sống vui tươi, thực phẩm không thiếu ở doanh trại, tiền bạc cũng vậy, mọi đơn vị đối đầu nhau xem ai gan dạ và vui chơi thỏa thích hơn ai. Bắt gián điệp và đem treo cổ, tiến hành đột kích trên đê hay trên biển, tưởng tượng ra những trò rồ dại rồi thực hiện một cách lạnh lùng, đó là những trò giết thì giờ để tìm cách rút ngắn thời gian trong quân ngũ quá dài, còn quá dài chẳng những với dân Rochelle đang bị nạn đói và nỗi lo âu gậm nhấm mà cả với Giáo chủ đang vây hãm họ rất ác liệt.

Đôi khi, khi Giáo chủ cưỡi trên lưng ngựa như một gã cảnh sát quân sự cuối cùng của quân đội, đưa con mắt đăm chiêu nhìn những công trình mà ông đã ra lệnh huy động các kỹ sư của khắp nước Pháp đến đây để tôn cao lên, lại diễn ra quá chậm trễ không theo mong muốn của ông, nếu khi đó, gặp một lính ngự lâm của đại đội ông De Treville, ông liền lại gần, nhìn người đó một cách lạ thường,

và nếu nhận ra đó không phải là một trong bốn người bạn, ông lại để con mắt thâm trầm và ý nghĩ mung lung hướng về nơi khác.

Một hôm, không còn hy vọng vào những cuộc điều đình với thành phố, không chút tin tức gì từ nước Anh, bị nỗi phiền muộn chết người gậm nhấm, Giáo chủ đi ra ngoài không có mục đích nào khác là chỉ để ra ngoài, cùng đi chỉ có Cahuxắc và Lahuđinie. Ông đi dọc theo bờ cát và hòa trộn những giấc mơ bao la của mình vào sự bao la của đại dương. Ông thong thả cho ngựa đi bước một lên một ngọn đồi, trên đỉnh đồi đằng sau một hàng giậu, ông bắt gặp bẩy người, xung quanh là những chai rượu rỗng, nằm dài trên cát đón những tia nắng mặt trời hiếm hoi trong tiết mùa đông này. Bốn người trong số đó là bốn chàng ngự lâm quân đang chuẩn bị nghe đọc một bức thư mà trong người trong bọn họ vừa nhận được. Bức thư này rất quan trọng đến nỗi nó làm cho họ bỏ mặc cả những lá bài và quân xúc xắc trên mặt trống.

Ba người khác lo việc mở nắp một bình rượu vang Côkina khổng lồ. Đó là mấy người hầu của mấy người kia.

Giáo chủ đang u sầu, và trong tâm trạng ấy, không gì làm tăng gấp bội nỗi bực tức bằng sự vui tươi của những người khác.

Vả lại, ông vốn có một thiên kiến kỳ quái, đó là luôn tin rằng chính nỗi buồn của ông là nguyên nhân làm cho những kẻ khác vui thích.

Ra hiệu cho La Huđinie và Cahuxắc dừng lại, ông xuống ngựa lại gần những kẻ cười cợt đáng ngờ, hy vọng nhờ đi trên cát, nên tiếng bước chân không bị nghe thấy và hàng giậu che khuất ông đi đến, ông có thể nghe được vài câu của cuộc chuyện trò này đối với ông có vẻ rất thú vị. Đến cách hàng giậu chỉ mươi bước ông đã nhận ra giọng thổ ngữ Gascogne, và vì đã biết những người này đều là ngự lâm quân, ông chẳng còn ngờ gì nữa là ba người kia là những người mà người ta gọi là ba chàng nối khố, nghĩa là Athos, Porthos, Aramis.

Việc phát hiện ra mấy chàng này chỉ làm Giáo chủ tăng thêm ham muốn được nghe thấy cuộc trò chuyện. Đôi mắt ông lạ hẳn đi, với bước chân của loài mèo rừng ông tiến đến bờ giậu nhưng ông chỉ vừa nghe thấy những âm tiết mơ hồ, không có nghĩa nào rõ rệt, thì một tiếng kêu thất thanh làm ông giật bắn mình và khiến mấy chàng ngự lâm chú ý.

-Sĩ quan! – Grimaud kêu váng lên.

-Ai cho anh nói? Đồ khốn! – Athos chống tay nhổm dậy nhìn Grimaud bằng con mắt nảy lửa làm anh ta ngẩn ra.

Grimaud không nói thêm một lời nào nữa, đành chỉ tay về phía hàng giậu phát giác Giáo chủ và tùy tùng.

Bốn chàng ngự lâm chồm ngay dậy và đứng nghiêm chào kính cẩn.

Giáo chủ hình như có vẻ giận dữ. Ông nói: -Hình như các vị ngự lâm quân bố trí những người này canh phòng cho mình? Phải chăng bọn Anh đến bằng đường

bộ, hay các ông ngự lâm quân tự coi mình là sĩ quan cao cấp?

-Thưa Đức ông – Athos trả lời, bởi giữa lúc tất cả cùng hoảng sợ, chỉ còn mỗi mình chàng là vẫn giữ được tính điềm đạm và thản nhiên của một bậc đại lãnh chúa không bao giờ thiếu được ở chàng – Thưa Đức ông, những người lính ngự lâm khi không bận làm nhiệm vụ hoặc khi đã làm xong nhiệm vụ, họ uống rượu và chơi xúc xắc và họ là những sĩ quan rất cao cấp đối với những người hầu của họ.

-Những người hầu! – Giáo chủ càu nhàu – những người hầu được lệnh báo cho chủ mình khi có ai đó đi qua, đó không hề là những người hầu, đó là những tên lính gác.

-Tuy nhiên Đức ông thấy quá rõ, nếu không đề phòng trước như vậy, thì chúng tôi đã để ngài đi qua mà không được bày tỏ lòng kính trọng và sự biết ơn vì ngài đã ban cho chúng tôi được xum họp cùng nhau – Athos tiếp tục – D'Artagnan, vừa nãy, anh vẫn mong có dịp bày tỏ lòng biết ơn với Đức ông, giờ Đức ông đã đến đây, hãy lợi dụng cơ hội này đi.

Athos nói ra những câu ấy với vẻ thản nhiên bình lặng thường làm tôn bật chàng lên trong những giờ phút hiểm nguy và sự lễ độ thái quá ấy đôi lúc thường làm chàng như một ông vua còn đường bệ hơn cả những ông vua dòng dõi.

D'Artagnan lại gần và ấp úng mấy câu cám ơn rồi tịt mất trước cái nhìn sa sầm lại của Giáo chủ.

Giáo chủ không tỏ ra bị lạc hướng ý đồ ban đầu của mình bởi sự phá bĩnh của Athos nêu lên, liền tiếp tục: -Không sao, các vị, không sao, ta chỉ không thích thấy những gã mới là lính thôi, bởi thấy mình hơn người, được phục vụ trong một đơn vị được biệt đãi lại làm ra vẻ các đại lãnh chúa như thế và kỷ luật thì đối với họ cũng vẫn là kỷ luật chung cho mọi người.

Athos để cho Giáo chủ nói xong xuôi, liền nghiêng đầu tỏ vẻ đồng tình, đến lượt mình nói tiếp: -Kỷ luật, thưa Đức ông, tôi hy vọng, bất cứ mặt nào, chúng tôi cũng không sao lãng. Chúng tôi chưa được giao nhiệm vụ và chúng tôi nghĩ rằng, vì không làm nhiệm vụ, chúng tôi có thể bố trí thời gian sao cho tốt nhất với mình. Nếu như có đôi chút may mắn được Đức ông trao cho một mệnh lệnh đặc biệt nào đó, chúng tôi sẵn sàng tuân lệnh ngay – Athos vừa tiếp tục nói vừa cau mày lại bởi cái lối thẩm vấn đó bắt đầu làm chàng cáu bực – Đức ông cũng thấy, để sẵn sàng, kể cả trước những báo động nhỏ nhất, chúng tôi đã ra ngoài không rời vũ khí.

Và chàng chỉ cho Giáo chủ bốn khẩu hỏa mai bó lại bên cái trống, trên trống lăn lóc quân xúc xắc và quân bài.

-Mong Đức ông tin rằng – D'Artagnan nói thêm – chúng tôi đâu có cho rằng Đức ông lại đến với chúng tôi bằng một đoàn bé nhỏ như thế này, nếu biết thế chúng tôi đã ra nghênh đón trước ngài rồi.

Giáo chủ cắn ria mép rồi cắn môi, nói: -Các ông có biết giống ai không, luôn luôn tụ họp, như bây giờ đây này, vũ khí trong tay, người hầu canh phòng, các ông giống như bốn kẻ đồng mưu.

-Ồ! Về việc này, thưa Đức ông, đúng là như vậy – Athos nói – Chúng tôi đang mưu tính, như Đức ông có thể thấy buổi sáng hôm nào đó, chỉ để chống lại bọn Rochelle.

-Này, các nhà chính trị!- Giáo chủ đến lượt mình cũng cau mày lại nói tiếp – có lẽ người ta sẽ tìm thấy trong đầu các ông biết bao điều bí mật còn chưa được biết, nếu như người ta có thể đọc được ở trong đó như các ông đọc trong bức thư mà các ông đã giấu đi khi thấy ta đến.

Mặt Athos đỏ bừng lên, chàng bước một bước tiến lại gần Giáo chủ.

-Thưa Đức ông, ngài nghi ngờ chúng tôi thực mất rồi, và chúng tôi đang phải chịu một cuộc thẩm vấn đích thực. Nếu đã như vậy, xin Đức ông hạ cố giải thích cho để ít nhất chúng tôi cũng biết cách xử sự.

-Và khi nào đây là một cuộc thẩm vấn – Giáo chủ nói tiếp – thì là những kẻ khác chứ không phải các ông phải chịu thẩm vấn và phải trả lời, ông Athos ạ.

-Thế cho nên, thưa Đức ông, tôi đã chẳng nói với Đức ông là ngài cứ việc hỏi và chúng tôi sẵn sàng trả lời là gì.

-Bức thư mà các ông định đọc là bức thư gì, mà ông đã giấu đó, ông Aramis?

-Thưa Đức ông, thư đàn bà.

-Ồ ta hiểu – Giáo chủ nói – những loại thư ấy thì phải kín đáo rồi. Nhưng tuy nhiên người ta có thể đưa cho cha xưng tội xem, và ông biết đấy, ta có quyền ấy.

-Thưa Đức ông – Athos nói với một vẻ bình thản còn đáng sợ hơn cả việc mình đem đầu ra đặt vào câu trả lời này – bức thư đó là của một người đàn bà nhưng không ký tên Marion Delorme, cũng không ký tiểu thư De Eghiông.[124]

Giáo chủ tái mặt lại như da người chết, một tia mắt thú dữ lóe lên trong mắt ông, ông quay phắt lại như thể ra lệnh cho Cahuxắc và La Huđinie, Athos thấy động thái độ liền bước lại ngay chỗ để súng. Ba người kia mắt cũng chăm chăm nhìn súng ở tư thế không chịu để bị bắt giữ. Về phía giáo chủ, ông chỉ có ba. Ngự lâm quân kể cả người hầu là bẩy. Giáo chủ nghĩ ngay, dù Athos và đồng bọn có âm mưu thực sự thì vẫn cứ không cân sức, ông lật ngược ngay tình thế và ông vẫn luôn luôn như thế, mọi sự tức giận tan biến thành một nụ cười.

-Thôi nào, thôi nào! – Ông nói – Các ông là những chàng trai trẻ can trường, kiêu hãnh trước mặt trời, chung thủy trong bóng tối, chẳng có điều gì xấu khi chăm lo cho mình, sau khi đã chăm lo đầy đủ cho người khác. Các ông ạ, ta không hề quên cái đêm mà các ông đã hộ tống ta đến quán Chuồng chim câu Đỏ. Nếu như có điều gì nguy hiểm đáng sợ trên con đường ta sắp đi đây, ta sẽ yêu cầu các ông đi cùng ta, nhưng vì không có chuyện gì, các ông cứ việc ở lại, uống nốt những chai rượu, chơi nốt ván bài và đọc xong bức thư đi. Tạm biệt các ông.

Rồi, nhảy lên lưng con ngựa Cahuxắc vừa dắt đến, ông giơ tay chào mọi người và đi mất.

Mọi người nhìn nhau.

Ai nấy mặt mũi đều bàng hoàng bởi mặc dầu bề ngoài chào thân thiện, nhưng tất cả đều hiểu trong lòng, Giáo chủ điên lên lúc ra đi.

Chỉ mỗi Athos là mỉm cười, một nụ cười mạnh mẽ và khinh thị. Khi Giáo chủ đã ra khỏi tầm nhìn và tầm nghe, Porthos nói to: -Cái thằng Grimaud này báo chậm quá! – Porthos muốn trút nỗi bực bội lên một ai đó.

Grimaud định trả lời để bào chữa, Athos giơ ngón tay lên và Grimaud im mất.

D'Artagnan hỏi: -Aramis, anh định đưa bức thư à?

-Mình ư, – Aramis nói bằng một giọng véo von – mình đã quyết định nếu ông ta cứ nằng nặc đòi đưa cho ông ta bức thư, thì một tay mình đưa thư, tay kia mình sẽ đưa gươm của mình xuyên qua người ông ta.

-Mình cũng nghĩ y như vậy – Athos nói – Vì vậy mà mình đã lao vào ngăn giữa cậu và ông ta. Thật ra, con người đó ăn nói như thế với người khác là quá dại. Nghe nói bao giờ ông ta cũng chỉ gây chuyện với đàn bà và trẻ con.

-Anh Athos thân mến – D'Artagnan nói – Tôi phục anh đấy. Nhưng rút cuộc, chúng ta cũng sai đấy.

-Sao, sai ư? – Athos nói – Vậy cái không khí mà chúng ta thở này là của ai? Của ai cái đại dương mà tầm mắt của chúng ta trải ra xa tắp? Lớp cát chúng ta nằm này là của ai? Bức thư của người tình của cậu này là gửi cho ai? Của Giáo chủ hẳn? Mình thề là cái con người đó cứ tưởng cả thế giới này đều thuộc về mình. Cậu đứng đó, ấp úng, hoang mang, kinh hồn. Làm như Bastille lù lù trước mắt cậu và nữ thần khổng lồ Mêđuydơ[125] biến cậu thành đá. Xem nào, si tình mà lại là âm mưu ư? Cậu si mê một người đàn bà mà Giáo chủ đã cho giam lại, cậu muốn kéo nàng ra khỏi bàn tay của Giáo chủ. Đây là một canh bạc cậu chơi với Đức ông. Bức thư đó, là nước bài của cậu. Tại sao cậu lại phô nước bài của mình ra cho đối phương? Không thể làm thế được ông ta cứ việc đoán, tốt thôi. Chúng ta cũng đoán nước bài của ông ta

-Suy đến cùng – D'Artagnan nói – Athos ạ, những điều anh vừa nói mang nhiều ý nghĩa lắm.

Đã vậy thì không còn vấn đề vừa xảy ra nữa, và Aramis đọc tiếp bức thư của cô em họ mà Giáo chủ làm đứt đoạn đi.

Aramis rút bức thư từ trong túi ra, ba người bạn chụm lại và ba người hầu cũng lại quây vào bên cái bình rượu.

-Anh mới đọc được một vài dòng thôi – D'Artagnan nói – Anh đọc lại từ đầu đi.

-Xin sẵn sàng! – Aramis nói.

“Anh họ thân mến, em tin thế nào em cũng sẽ đi Xtơnay nơi chị em đã đưa cô hầu gái bé nhỏ của chúng ta vào ở trong tu viện của những nữ tu sĩ thuộc giáo phái Cácme[126]. Cô bé tội nghiệp đó phải cam chịu, nó biết rằng nó không thể sống ở nơi nào khác mà sự cứu rỗi linh hồn nó không bị nguy hiểm. Tuy nhiên nếu những công việc trong gia đình chúng em được thu xếp ổn thỏa như chúng em mong muốn, em tin rằng cô bé thoát khỏi nguy cơ gánh kiếp đọa đày, sẽ được trở lại bên những người cô bé nhớ tiếc, nhất là nó lại biết người ta luôn nghĩ đến nó. Trong khi chờ đợi cô bé cũng không đến nỗi khốn khổ lắm đâu. Tất cả những gì nó mong ước đó là một bức thư của người hẹn ước. Em biết những loại vật phẩm như thế rất khó vượt qua lưới sắt. Nhưng rút cục như em đã cho anh những bằng chứng, anh họ thân mến, em không đến nỗi quá vụng về và em sẽ đảm nhiệm việc đó. Chị em cảm ơn anh về kỷ niệm tốt và vĩnh hằng của anh. Có lúc chị em cũng rất lo lắng. Nhưng cuối cùng bây giờ chị ấy cũng đã đôi chút yên tâm và đã phái người tới đó để không xảy ra một điều gì bất ngờ. Tạm biệt, anh họ thân mến, cho chúng em biết tin tức về anh càng thường xuyên càng tốt, nghĩa là bất cứ lúc nào mà anh tin có thể gửi đi chắc chắn.

Hôn anh.

Marie Mítsông

-Ôi! Aramis! Tôi phải chịu ơn anh nhiều lắm! – D’Artagnan kêu lên – Constance yêu dấu! Thế là ta cũng đã có được tin tức của em rồi. Em còn sống. Em được an toàn trong một tu viện, em ở Xtơnay? Xtơnay ở đâu anh Athos?

-Ở Loren, cách vùng biên giới Andátx mấy dặm. Một khi cuộc vây hãm này được rỡ bỏ, chúng ta có thể làm một chuyến đến đấy.

-Cũng không lâu đâu, phải hy vọng thế – Porthos nói – Bởi sáng nay đã treo cổ một tên gián điệp, tên này khai bọn Rochelle đã phải ăn cả da giầy. Giả dụ sau khi ăn hết da, chúng phải ăn đến đế giầy, rồi hết đế thì còn gì để ăn, trừ phi chúng ăn lẫn nhau.

-Những kẻ dại dột đáng thương – Athos và nói vừa uống cạn cốc rượu vang Boócđô trứ danh, hồi đó còn chưa nổi tiếng như ngày nay, nhưng không phải hạng xoàng – Những kẻ dại dột đáng thương! Làm như Cơ đốc giáo không phải là thứ tôn giáo lợi lộc nhất và dễ chịu nhất trong các tôn giáo ấy? Mà cũng thế thôi – chàng chặc lưỡi nói tiếp – Đó là những chàng trai trẻ can trường. Mà cậu làm cái quái gì thế hả Aramis? – Athos tiếp tục – cậu khư khư ôm lấy cái thư trong túi cậu ư?

-Phải đấy – D’Artagnan nói – anh Athos nói đúng đấy, phải đốt đi thôi. Phải đốt đi đốt lại ấy, ai biết đâu nhỡ Giáo chủ có bí quyết hỏi cung được tàn tro?

-Ông ta hẳn là có đấy – Aramis nói – Vậy anh định làm thế nào bức thư ấy? – Porthos hỏi.

-Lại đây, Grimaud – Athos nói.

Grimaud đứng lên và tuân lệnh.

-Để phạt ngươi tội nói không xin phép, anh bạn ạ, ngươi phải nuốt mẩu giấy này, rồi để thưởng cho ngươi đã giúp chúng ta một việc tốt, ngươi hãy uống tiếp cốc rượu vang này. Bức thư đây nhai thật kỹ vào.

Grimaud mỉm cười, đôi mắt dán vào chiếc cốc mà Athos vừa rót đầy tràn, gã nghiền nát mẩu giấy và nuốt chửng.

-Hoan hô, thầy Grimaud – Athos nói – Và bây giờ cầm lấy cốc rượu này. Tốt lắm, không cần cám ơn đâu.

Grimaud lặng lẽ uống cốc vang Boócđô nhưng mắt lại ngước lên trời nói bằng thứ ngôn ngữ như thể người câm nhưng không kém biểu cảm trong cả quãng thời gian kéo dài cái việc làm dễ chịu này.

-Và bây giờ – Athos nói – trừ phi ngài Giáo chủ nghĩ ra chuyện mổ bụng Grimaud, còn thì tôi tin chúng ta có thể yên tâm được rồi.

Trong khi đó, Giáo chủ đang tiếp tục cuộc dạo chơi u trầm, miệng lẩm bẩm giữa hai hàng ria: -Dứt khoát, bốn con người ấy phải thuộc về ta.

§52. Ngày đầu tiên trong cảnh giam cầm

Trở lại chuyện Milady, nàng vẫn trong tình trạng tuyệt vọng, tự đào cho mình một vực thẳm của những ý nghĩ tối tăm, một địa ngục tối tăm mà nàng đã hầu như bỏ lại niềm hy vọng ở cửa, bởi đây là lần đầu tiên nàng hoài nghi, lần đầu tiên nàng biết sợ.

Cả hai trường hợp, nàng đều không gặp may, cả hai trường hợp nàng đều bị phát hiện và bị phản bội, và cả hai trường hợp nàng đều thất bại chống lại thần định mệnh chắc hẳn do Thượng đế sai xuống để đánh nàng. D'Artagnan đã thắng nàng, kẻ đại diện cho sức mạnh vô địch của cái ác.

Chàng đã lợi dụng nàng trong tình yêu, làm nhục niềm kiêu hãnh, lừa dối nàng trong tham vọng của nàng và giờ đây, chàng làm cho số phận nàng nguy khốn, tước đoạt tự do của nàng, đe dọa cả mạng sống của nàng. Nhưng, tệ hơn nữa, chàng đã lột bỏ một phần cái mặt nạ của nàng, là tấm da dê nàng quấn quanh người khiến nàng mạnh đến thế.

D'Artagnan đã làm cho Buckingham, người mà nàng căm ghét như thể căm ghét tất cả những gì mình đã từng yêu, thoát khỏi cơn bão táp mà Richelieu uy hiếp ông ta thông qua Hoàng Hậu. D'Artagnan vờ giả làm De Wardes, người mà nàng đã có một cơn giở chứng của loài hổ cái bất trị mà những người đàn bà có cùng tính cách thường làm như vậy. D'Artagnan đã biết được cái điều bí mật mà nàng đã thề không ai biết nổi nếu không bị chết. Cuối cùng, lúc nàng có được tờ giấy toàn quyền hành động, nhờ nó nàng có thể báo thù, tờ giấy đó lại bị giật mất khỏi tay và chính D'Artagnan là người cầm tù nàng và đẩy nàng đến một vịnh Botany[127] không dấu chân người, một thứ Thaibơn[128] nhục nhã nào đó ở Ấn Độ Dương.

Chắc chắn tất cả những gì xảy ra với nàng đó đều do D'Artagnan mà ra cả. Do ai mà bao nhiêu nỗi hổ nhục chồng chất lên đầu nàng nếu không phải hắn? Chỉ có hắn mới có thể chuyển cho Huân tước De Winter tất cả những bí mật kinh khủng hắn đã lần lượt phát hiện ra do định mệnh. Hắn quen biết em chồng nàng. Hắn đã viết cho kẻ kia tất cả.

Biết bao căm hờn nàng nghiền ngẫm! Ngồi đó, bất động, đôi mắt chăm chăm, cháy bỏng trong căn phòng hoang vắng, như những âm vang của những tiếng gầm khan đôi khi thoát ra cùng hơi thở từ sâu trong ngực, hòa cùng với tiếng sóng đang dâng, đang gào thét, gầm rú rồi tới đập vào bờ đá, trên đó là tòa lâu đài u ám và kiêu ngạo, vỡ tan ra như một sự tuyệt vọng vĩnh cửu và bất lực. Trong những ánh chớp của cơn điên giận giông bão làm lóe sáng trí não nàng, nàng thai nghén những dự định trả thù đồ sộ chống lại bà Bonacieux,

Buckingham, nhất là D'Artagnan, nhưng rồi tất cả đều mất tăm mất tích trong cái xa xôi vô tận của tương lai!

Đúng, nhưng để trả thù phải được tự do đã, và để được tự do khi là một tù nhân thì phải đục tường, bẻ song sắt, khoét sàn, với sự quyết tâm chỉ những người đàn ông kiên trì và khỏe mạnh mới có thể đẩy đến cùng, còn trước những cái đó thì sự giận dữ của một người đàn bà mảnh mai chỉ có thất bại. Vả lại, để làm được mọi điều đó, cần phải có thời gian, năm tháng, và nàng… nàng chỉ có mười đến mười hai ngày, như De Winter, tên em chồng đao phủ khủng khiếp kia đã nói với nàng.

Và trong khi đó, nếu nàng là một người đàn ông, nàng sẽ thử làm mọi việc ấy, biết đâu lại chẳng thành công. Tại sao ông trời lại nhầm lẫn đặt một linh hồn nam tử vào tấm thân mềm yếu và mảnh mai như vậy.

Vì thế, những khoảnh khắc đầu tiên của cảnh giam cầm thật là khủng khiếp. Mấy cơn vùng vẫy điên cuồng mà nàng không thể vượt qua đã trả giá cho món nợ của thân phận đàn bà đối với tạo hóa. Nhưng dần dần nàng đã vượt qua được những tiếng nổ của cơn điên giận, những cơn điên giận run người cũng biến mất và giờ đây nàng thu mình lại như một con rắn mệt mỏi cần nghỉ ngơi.

"Thôi đi, thôi đi, ta điên nên mới nổi nóng như thế – Nàng vừa tự nhủ vừa soi gương, trong gương một cái nhìn rực cháy như thể nàng đang tự bảo mình – Không dùng bạo lực nữa. Bạo lực là bằng chứng của sự yếu đuối. Trước hết ta chưa bao giờ thành công được bằng phương thức ấy. Có lẽ nếu ta dùng sức mạnh của ta chống lại đàn bà, may ra ta thấy họ còn yếu hơn ta, do đó ta thắng họ. Nhưng đấu tranh chống lại đàn ông, ta chỉ là một người đàn bà đối với họ. Vậy đấu tranh với tư cách đàn bà, sức mạnh của ta là ở trong sự yếu đuối của ta."

Thế là, như để kiểm tra xem liệu mình có thể làm biến đổi được bộ mặt rất biểu cảm, rất linh hoạt không, nàng liền lần lượt sắm đủ các vai, từ nét mặt giận dữ cau có mặt mày đến nét mặt dịu hiền nhất, đáng yêu nhất, và nụ cười quyến rũ nhất.

Rồi mớ tóc nàng được đôi tay khéo léo lần lượt uốn thành những búp sóng mà nàng tin có thể làm cho bộ mặt mình thêm duyên dáng. Cuối cùng nàng thấy tự thỏa mãn và lẩm bẩm: "Ồ, chẳng bị mất đi cái gì cả. Ta vẫn luôn luôn đẹp."

Lúc đó đã gần tám giờ tối, Milady thấy có cái giường. Nàng nghĩ nghỉ ngơi mấy tiếng đồng hồ sẽ làm dịu mát không những cái đầu và ý nghĩ của mình và còn cả da dẻ mình nữa. Tuy nhiên, trước khi đi nằm, một ý nghĩ rất tuyệt chợt đến với nàng.

Nàng đã nghe nói đến việc ăn tối. Nàng đã ở trong cái buồng này được một tiếng đồng hồ, người ta không thể chậm trễ mang cơm cho nàng. Nữ tù nhân không muốn mất thời gian, nàng quyết định ngay tối nay thử thăm dò địa thế, nghiên cứu tính cách những con người được giao nhiệm vụ canh giác ở đây.

Một luồng sáng hiện ra dưới chân cửa, báo hiệu bọn cai ngục đang trở lại, Milady đang đứng vội gieo mình xuống chiếc ghế bành, đầu ngả ra sau, bộ tóc đẹp xõa tung, bộ ngực trần phơi ra một nửa dưới những nếp ren nhàu nát, một tay đặt lên ngực trái và tay kia thõng xuống.

Người ta mở chốt cửa, bản lề rít lên kin kít, tiếng bước chân rầm rập trong phòng và lại gần.

-Đặt trên chiếc bàn này – Một giọng nói cất lên và người nữ tù nhân nhận ra giọng nói của Felten.

Lệnh được thi hành ngay, Felten tiếp tục: -Anh mang mấy ngọn nến vào rồi đổi gác đi.

-Cái lệnh kép mà viên trung úy trẻ ban ra cho vẫn cùng một người chứng tỏ với Milady rằng những người phục vụ và những người canh gác vẫn chỉ là một, nghĩa là lính cả.

Mệnh lệnh của Felten được thi hành mau lẹ và lặng lẽ, chứng tỏ viên trung úy duy trì kỷ luật rất tốt.

Cuối cùng thì Felten, còn chưa ngó tới Milady, đã quay lại phía nàng: -À! – Felten nói – Bà ta ngủ, thôi được, thức dậy, bà ta sẽ ăn tối! – Và chàng ta bước mấy bước định đi ra.

-Nhưng, thưa trung úy! – Một người lính có lẽ đỡ nghiệt ngã hơn chỉ huy của mình, lại gần Milady – Bà ta không ngủ đâu.

-Sao, bà ta không ngủ! – Felten nói – Vậy bà ta làm gì?

-Bà ta ngất, mặt rất xanh và tôi đã nghe hoài không thấy thở.

-Anh nói đúng – Felten sau khi đứng tại chỗ nhìn Milady, không bước thêm một bước về phía nàng, liền bảo – Đi báo cho ngài De Winter là nữ tù nhân của ông ta bị ngất, bởi tôi không biết làm thế nào, trường hợp này đã không tính trước.

Người lính tuân lệnh đi ra, Felten ngồi đợi ở chiếc ghế bành vô tình kê gần cửa không nói một lời, cũng không động đậy, Milady vốn có cái tài lớn đã được đám đàn bà dày công nghiên cứu là có thể nhìn qua lớp lông mi dài mà lại làm như không phải mở mi. Nàng thấy Felten ngồi quay lưng lại. Nàng tiếp tục nhìn chàng sĩ quan khoảng gần mươi phút và trong mươi phút ấy người ngồi gác vẫn trơ trơ không hề ngoái lại lấy một lần.

Nàng nghĩ có lẽ Huân tước De Winter cũng sắp đến, và sự có mặt của ông ta sẽ đem lại một sức mạnh mới cho viên giám ngục của mình. Cuộc thử nghiệm đầu tiên của nàng đã bị thất bại.

Nàng đành chịu điều đó như một người đàn bà vững tin ở những khả năng trời phú cho đàn bà.

Thế là nàng ngẩng đầu lên, mở mắt và khẽ thở dài.

Nghe tiếng thở dài, Felten rút cục cũng quay lại.

-Kìa, bà đã dậy rồi? – Chàng ta nói – Tôi không còn việc gì ở đây nữa? Nếu bà cần gì, bà cứ lắc chuông.

-Ôi trời ơi! Trời ơi! Sao tôi đau đớn đến thế này! – Milady thầm thì bằng một giọng du dương giống như những mụ yêu tinh thời xưa làm mê hồn tất cả những người nào nó muốn hại.

Rồi nàng ngồi thẳng lên trên ghế bành, ở một tư thế duyên dáng nhất và còn buông thả hơn cả khi nàng đang nằm.

Felten đứng lên và nói: -Bà sẽ được phục vụ như thế ba lần mỗi ngày, buổi sáng, chín giờ, buổi trưa, một giờ và buổi tối, tám giờ. Nếu không thích hợp với bà, bà có thể định giờ cho mình, người ta sẽ làm theo ý bà.

-Nhưng tôi cứ phải luôn đơn độc trong căn buồng rộng và buồn tẻ này vậy sao? – Milady hỏi.

-Một người đàn bà vùng lân cận đã được báo, ngày mai sẽ ở lâu đài và lúc nào bà muốn bà ta sẽ đến.

-Tôi xin cảm ơn ông – nữ tù nhân trả lời khiêm tốn.

Felten khẽ chào và đi về phía cửa. Đúng lúc chàng ta sắp bước qua ngưỡng cửa, Huân tước De Winter xuất hiện trong hành lang, theo sau là người lính đi báo cho ông ta cái tin Milady bị ngất. Ông ta cầm trong tay một lọ muối.

-Thế nào? Có chuyện gì nào? Chuyện gì diễn ra ở đây? – Ông ta vừa nhìn nữ tù nhân của mình đang ớng và Felten đang sắp bước ra vừa nói bằng một giọng châm biếm – Cái người chết ấy đã sống lại rồi ư? Mẹ kiếp, Felten, chú bé ơi, vậy là anh không thấy người ta coi anh là một gã tập toạng vào nghề sao mà người ta vừa mới diễn cái màn đầu của vở hài kịch cho anh xem ư? Chắc hẳn thế nào chúng ta chẳng có được cái thú vị theo dõi tất cả những màn tiếp theo của vở kịch?

-Thưa Huân tước, tôi cũng đã nghĩ lắm chứ – Felten nói – Nhưng, rút cục, vì tù nhân là phụ nữ nên dẫu sao tôi cũng muốn có sự kiêng nể với bà ta như mọi người dòng dõi đối xử với phụ nữ, nếu không vì họ thì ít nhất cũng vì bản thân người đó.

Milady rùng hết cả người. Những lời nói của Felten giống như một dòng nước đá chảy trong khắp các mạch máu của nàng.

De Winter vừa cười vừa nói tiếp: -Vậy là, những mớ tóc đẹp xõa ra khéo léo, làn da trắng, và cái nhìn yểu điệu kia còn chưa quyến rũ nổi anh ư, hở trái tim sắt đá?

-Không, thưa Huân tước – chàng trai sắt đá trả lời – xin ông cứ tin tôi Phải là cái gì hơn những thủ đoạn quỷ quyệt và những lối đỏm dáng của đàn bà mới làm sa ngã được tôi.

-Nếu đã vậy, chàng trung úy dũng cảm của tôi, hãy để Milady tìm xem có gì hơn không, và ta đi ăn tối đã. Mà anh cứ yên tâm. Bà ta có trí tưởng tượng phong

phú, và màn thứ hai sẽ sớm ra mắt tiếp màn đầu ngay.

Nói xong, Huân tước De Winter khoác tay Felten vừa cười vừa lôi anh ta đi.

"Ồ, rồi ta sẽ tìm được cái cần cho mi thôi – Milady lẩm bẩm qua kẽ răng – Cứ yên tâm, tên thày tu hụt khốn kiếp, tên lính khốn kiếp cải đạo lấy áo thày tu may thành áo lính kia ạ."

-Nhân tiện – De Winter dừng lại ở ngưỡng của nói tiếp Milady, đừng nên để sự thất bại này làm cho ăn mất ngon, hãy nếm thử món gà giò, và những con cá mà tôi không bảo cho thuốc độc vào đâu, tôi thề danh dự đấy. Tôi khá hợp với đầu bếp của tôi, và vì nó không được thừa kế gì ở tôi, nên tôi hoàn toàn và đầy tin tưởng vào hắn. Hãy làm như tôi đi. Tạm biệt bà chị thân mến! Hẹn đến lần ngất sau của bà.

Đó là tất cả những gì Milady có thể chịu đựng. Hai bàn tay bấu vào tay ghế, răng nghiến khan, mắt dõi nhìn cánh cửa đóng lại đằng sau Winter và Felten. Và khi thấy chỉ còn có một mình, một cơn khủng hoảng về nỗi tuyệt vọng lại xâm chiếm nàng.

Nàng liếc mắt nhìn lên bàn, thấy lấp lánh con dao liền lao tới và vồ lấy. Nhưng sự thất vọng của nàng thật tàn nhẫn: lưỡi dao tròn, không sắc và bằng bạc nên mềm.

Một tràng cười vang sau cánh cửa khép hở và cửa mở toang.

-Chà, chà, – Huân tước De Winter kêu lên – Anh thấy rõ chưa, chàng Felten tử tế của ta, anh thấy những gì ta đã nói với anh chưa: con dao ấy là dành cho anh đấy, chú em ạ, mụ ta đã định giết anh, anh thấy chưa, đấy mới là một trong những thói điên cuồng của mụ ta để bằng cách này hay cách khác, thanh toán những người làm vướng chân mụ. Nếu ta nghe anh, con dao đã phải sắc nhọn và bằng thép, thế là hết đời Felten, mụ ta đã cắt cổ anh rồi, và sau anh là tất cả mọi người. Nhìn xem, John, mụ ta sử dụng dao có cừ không.

Quả thật Milady vẫn còn cầm con dao tấn công trong bàn tay co quắp, nhưng nghe những câu nói cuối cùng ấy, một sự lăng mạ đến cực điểm ấy, bàn tay nàng, sức lực nàng và cả ý chí nàng nữa đều rã rời ra.

Con dao rơi xuống đất.

-Thưa Huân tước, ông nói phải – Felten nói bằng một giọng tởm lợm sâu sắc vang tới tận đáy lòng Milady – Ông nói phải lắm, và chính tôi đã lầm.

Và cả hai lại đi ra.

Nhưng lần này, Milady lắng tai chăm chú hơn lần trước và nàng thấy bước chân họ xa dần và im mất ở cuối hành lang.

-Ta nguy rồi – nàng lẩm bẩm – Thế là ta đã bị đặt dưới quyền lực của những kẻ mà ta chẳng còn cách gì hơn để tác động đến họ như là trước những pho tượng bằng đồng hoặc bằng đá hoa cương. Chúng hiểu thấu tận tim gan ta và như đeo

giáp sát trước mọi vũ khí của ta. Tuy nhiên mọi việc không thể kết thúc như chúng quyết định.

Quả vậy, ý nghĩ cuối cùng đã là như thế thì hy vọng lại trở lại theo bản năng trong cái tâm hồn xấu xa mà nỗi sợ và những tình cảm yếu đuối không sống lâu nổi. Milady ngồi vào bàn, ăn nhiều món, nhưng chỉ một chút rượu vang Tây Ban Nha và cảm thấy mọi quyết tâm của mình đã trở lại.

Trước khi đi ngủ, nàng đã lý giải, phân tích, lật đi lật lại các mặt, xem xét tất cả các khía cạnh, lời nói, cử chỉ, bước đi, dấu hiệu cho đến cả sự im lặng của những kẻ đối đáp với mình và từ sự nghiên cứu sâu sắc, khéo léo, và thông thái này, có thể rút ra, Felten dẫu sao cũng là kẻ dễ bị xâm hại hơn trong hai kẻ đang ngược đãi nàng.

Trên tất cả, người nữ tù nhân nhớ lại câu nói mà De Winter đã nói với Felten: "Nếu ta đã nghe anh."

Như vậy tức là Felten khi nói đã có ý ưu ái với nàng, vì thế, De Winter mới không muốn nghe Felten.

-Dù sáng hay mờ – Milady nhắc lại – từ con người đó cũng lóe lên một ánh thương hại trong tâm hồn hắn, từ đốm sáng này ta sẽ tạo thành một đám cháy nuốt sống hắn.

-Còn tên kia, hắn biết ta, sợ ta và biết điều gì đợi hắn nếu ta thoát khỏi tay hắn, cho nên dụ dỗ hắn chỉ vô ích. Nhưng Felten lại là chuyện khác, đó là một gã trai tơ ngây thơ trong trắng, và có vẻ có đức hạnh. Tên này, sẽ có cách hại hắn.

-Và Milady đi nằm rồi ngủ với nụ cười trên môi. Nếu ai đó thấy nàng ngủ như thế hẳn đã bảo đó là một thiếu nữ đang mơ đến một vành hoa mà nàng phải đội quanh trán trong ngày hội tới.

§53. Ngày thứ hai bị giam cầm

Milady mơ thấy cuối cùng mình đã tóm được D'Artagnan, nàng tham dự cuộc hành quyết, và chính việc nhìn thấy dòng máu hôi tanh của chàng chảy dưới lưỡi rìu của đao phủ đã phác nên nụ cười duyên dáng trên môi nàng.

Nàng ngủ như một người tù được ru bằng niềm hy vọng đầu tiên.

Hôm sau, khi người ta vào trong buồng nàng, nàng vẫn còn nằm trên giường. Felten ở ngoài hành lang. Anh ta dẫn theo người đàn bà đã nói đêm trước vừa mới tới. Người đàn bà đó vào buồng và lại gần giường Milady và ngỏ ý phục vụ nàng.

Milady thường thường da vẫn tái xanh, làm cho người gặp nàng lần đầu dễ bị nhầm lẫn.

-Tôi bị sốt – Nàng nói – Tôi không ngủ được lấy một phút trong suốt cái đêm dài dặc này. Tôi đau đớn khủng khiếp lắm. Bà sẽ nhân đức với tôi hơn người ta đối xử với tôi hôm qua chứ? Tất cả những gì tôi yêu cầu là cho phép tôi được nằm.

-Bà có muốn cho gọi thầy thuốc không? – Người đàn bà nói.

Felten nghe cuộc đối thoại không nói một lời.

Milady suy nghĩ, người ta càng cho nhiều người đến, nàng càng có nhiều người hơn đoái thương nàng, nhưng ông De Winter lại càng tăng cường giám sát. Vả lại, thầy thuốc có thể tuyên bố bệnh là giả vờ, và Milady sau khi bị thua keo đầu không muốn bị thua trận thứ hai.

-Đi tìm thầy thuốc ư? – Nàng nói – Để làm gì? Hôm qua các vị ấy tuyên bố bố bệnh tôi chỉ là trò hề, vậy hôm nay cũng thế thôi, bởi vì từ tối hôm qua, người ta đã có đủ thì giờ để gọi bác sĩ.

Felten sốt ruột nói: -Vậy bà hãy nói xem bà muốn điều trị thế nào?

-Lạy Chúa! Làm sao tôi biết được? Tôi cảm thấy tôi đau, có thế thôi, muốn cho tôi cái gì thì cho, tôi chẳng cần.

Felten mệt mỏi vì những lời phàn nàn lẽo nhẽo mãi: -Đi tìm ông De Winter thôi.

-Ồ, không, không, – Milady kêu lên – không, thưa ông, đừng gọi ông ta, tôi xin ông đấy, tôi không sao cả, tôi không cần gì hết, đừng gọi ông ta.

Nàng tuôn ra một tràng hùng biện vừa quyết liệt kỳ lạ vừa lôi cuốn vô cùng khiến Felten cũng phải xiêu lòng bước mấy bước vào trong căn buồng Milady nghĩ "Hắn đã tới."

-Tuy nhiên, thưa bà – Felten nói – Nếu bà đau ốm thực sự, người ta sẽ cho tìm thầy thuốc, và nếu bà lừa chúng tôi, nghe đây, sẽ mặc xác bà, nhưng ít nhất về phía chúng tôi, chúng tôi sẽ không có gì phải ân hận.

Milady không trả lời gì, mà ngửa cái đầu xinh đẹp của mình ra trên gối, òa lên nức nở, nước mắt đầm đìa.

Felten nhìn nàng một lát trơ trơ như thường lệ, rồi thấy nguy cơ cơn điên có thể kéo dài, anh chàng đi ra. Người đàn bà nhìn theo. Vẫn không thấy ông De Winter đâu.

-Ta tin ta đã bắt đầu thấy rõ – Milady lẩm bẩm với một nỗi mừng vui hoang dại, vùi mình vào trong chăn để che giấu tất cả những ai có thể chợt bắt gặp sù bột phát thỏa mãn nội tâm ấy.

Hai giờ trôi qua.

"Giờ là lúc cơn bệnh phải dừng lại – nàng nói – hãy đứng lên và thu lấy chút thành công nào đó kể từ hôm nay. Ta chỉ có mười ngày, và tối nay, thế là đã trôi mất hai ngày."

Buổi sáng, lúc vào buồng Milady, người ta đã mang đến cho nàng bữa điểm tâm. Nàng nghĩ họ sẽ sớm đến dọn đi và lúc đó nàng sẽ gặp lại Felten.

Milady đã không nhầm, Felten đã trở lại, không hề để ý đến việc có hay không đụng đến bừa ăn, ra hiệu cho mang ra khỏi phòng, vẫn còn nguyên như khi mang đến.

Felten là người ở lại cuối cùng, tay vẫn cầm cuốn sách.

Milady nằm ngả người trong chiếc ghế bành gần lò sưởi, đẹp, xanh xao, nhẫn nhục, như một thánh nữ đồng trinh đang chờ tử đạo.

Felten lại gần nàng và nói: -Huân tước De Winter cũng là tín đồ Cơ đốc như bà, đã nghĩ rằng sự lược bỏ những nghi thức và giáo lễ của tôn giáo bà có thể làm bà khổ tâm. Ông đồng ý cho bà được hàng ngày đọc kinh Misa của bà và đây là cuốn sách có bài kinh ấy.

Trước cung cách Felten đặt cuốn sách lên chiếc bàn nhỏ gần chỗ Milady, nghe giọng nói khi chàng ta đọc lên mấy tiếng kinh Misa của bà, với nụ cười khinh thị đi kèm, Milady ngẩng đầu và nhìn chăm chú hơn viên sĩ quan.

Thế là, với bộ tóc tai nghiêm túc, bộ quần áo giản dị tới mức thái quá, cái trán nhẵn bóng như đá cẩm thạch, nhưng rắn chắc và khó lọt vào như chàng ta, Milady nhận ra đây là một trong những tín đồ Thanh giáo u sầu mà nàng đã từng gặp quá thường xuyên lúc ở triều đình vua Jắc cũng như ở triều đình vua Pháp, ở đó mặc dầu vụ thảm sát xanh Báctêlêmy, đôi khi họ vẫn đến tìm nơi lánh nạn.

Nàng bỗng có một cảm hứng bất ngờ mà chỉ có những bậc thiên tài mới có được trong những cơn khủng hoảng tinh thần lớn, trong lúc lâm chung, nó quyết định số phận hoặc sinh mạng họ.

Mấy tiếng kinh Misa của bà và chỉ liếc mắt nhìn Felten cũng đủ biểu lộ tầm quan trọng của câu trả lời mà nàng sắp nói ra.

Nhưng với sự thông minh nhanh nhạy riêng nàng mới có, câu trả lời ấy đã hình thành sẵn ở trên môi: -Tôi ư? – Nàng nói với một thái độ khinh thị sao cho

thích hợp với giọng nói nàng đã nhận thấy ở viên sĩ quan trẻ – Tôi ư, thưa ông, kinh Misa của tôi ư! Huân tước De Winter, gã tín đồ Cơ đốc đồi trụy ấy biết thừa tôi không cùng tôn giáo với hắn ta, và đó là một cái bẫy hắn muốn chăng ra với tôi?

-Vậy thưa bà, bà theo tôn giáo nào? – Felten ngạc nhiên hỏi, đến mức bất chấp việc chàng thường tự kiềm chế được mình, không giấu nổi hoàn toàn sự ngạc nhiên đó.

Milady giả vờ phấn khích kêu lên: -Tôi sẽ nói ra điều đó vào một ngày tôi quá đủ đau khổ vì đức tin của mình.

Cái nhìn của Felten mở ra cho Milady cả một không gian bao la mà nàng vừa hé mở ra chỉ bằng một câu nói.

Tuy nhiên viên sĩ quan trẻ vẫn câm lặng và không nhúc nhích, chỉ con mắt là cất tiếng nói thôi.

-Tôi đang trong tay kẻ thù của mình – nàng tiếp tục bằng cái giọng sôi nổi mà nàng biết nó thường quen thuộc với dân Thanh giáo – cứ để Chúa cứu tôi, hoặc tôi chết vì Chúa! Đó là câu trả lời mà tôi xin ông nói lại với ông De Winter. Còn về cuốn sách – nàng vừa nói thêm vừa lấy ngón tay chỉ cuốn sách kinh không hề được động đến, như thể sợ mình cũng bị nhơ bẩn lây – Ông có thể mang về dùng cho bản thân ông, bởi vì chắc chắn ông đã hai lần đồng lõa với Huân tước De Winter, đồng lõa trong chuyện ngược đãi, đồng lõa trong tà đạo của ông ta.

Felten không trả lời gì, cầm lấy cuốn sách với cùng một thái độ ghê tởm mà chàng ta đã từng biểu lộ và rút lui với vẻ mặt trầm ngâm.

Huân tước De Winter đến vào lúc năm giờ chiều. Milady, đã có cả một ngày trời để vạch một kế hoạch xử sự. Nàng tiếp ông ta với tư cách một phụ nữ đã nắm được tất cả mọi lợi thế của đàn bà.

Nam tước ngồi vào chiếc ghế bành đối diện với Milady uể oải gác chân lên lò sưởi và nói: -Hình như chúng ta đang định bỏ đạo?

-Thưa ông, ông muốn nói sao?

-Tôi muốn nói rằng kể từ lần cuối cùng chúng ta gặp nhau, bà đã thay đổi tôn giáo rồi. Tình cờ bà đã lấy người chồng thứ ba theo đạo Tin lành chăng?

-Huân tước, ông hãy giải thích cho tôi – nữ tù nhân nói một cách chững chạc – Bởi vì tôi tuyên bố tôi nghe thấy lời ông nói nhưng tôi chẳng hiểu gì cả.

De Winter cười gằn: -Được thôi, đó là bà chẳng có thứ tôn giáo nào cả! Tôi lại thích thế hơn đấy.

-Chắc chắn là hơn theo những nguyên tắc của ông rồi – Milady lạnh lùng nói tiếp.

-Ồ, tôi xin thú thực với bà, điều đó đối với tôi hoàn toàn vô nghĩa.

-Ồ, ông sẽ chẳng thú nhận sự lãnh đạm tôn giáo ấy đâu, Huân tước ạ, nhưng những việc đồi bại và tội ác của ông làm cho phải tin như vậy.

-Hả, bà nói về những chuyện đồi bại ư, bà Messaline, Mácbét phu nhân[129], hay tôi nghe nhầm, hoặc, mẹ kiếp, bà quá vô liêm sỉ!

-Ông nói như thế bởi vì ông biết người ta đang lắng nghe chúng ta – Milady lạnh lùng trả lời – và ông muốn tác động đến bọn giám ngục và đao phủ của ông chống lại tôi.

-Giám ngục của tôi? Đao phủ của tôi? Gớm chưa, bà lại nói bằng cái giọng thơ phú rồi và tấn hài kịch hôm qua tối nay lại quay ngoắt sang bi kịch. Rút cục thì tám ngày nữa là bà cũng sẽ ở nơi bà phải ở và tôi sẽ xong nhiệm vụ.

-Nhiệm vụ đê tiện! Nhiệm vụ vô luận! – Milady nói tiếp với thái độ nóng nảy của nạn nhân khiêu khích quan tòa của mình.

Huân tước De Winter đứng dậy và nói: -Ta tin con mụ vô lại này phát rồ rồi! Ta thề vậy đấy. Thôi nào, thôi nào, bình tĩnh lại nào, thưa bà Thanh giáo, nếu không ta phải nhất bà vào hầm kín thôi. Mẹ kiếp, rượu vang Tây Ban Nha của ta bốc lên đầu bà rồi không phải thế sao. Nhưng cứ yên tâm, cơn say đó không nguy hiểm và không có hậu quả xấu đâu.

Và Huân tước De Winter vừa lui ra vừa chửi thề vốn là một thói quen hoàn toàn mang tính cách dân kỵ sĩ thời bấy giờ.

Felten lúc đó đứng sau cánh cửa và không để sót một câu nào trong cảnh tượng đó.

Milady đã đoán đúng.

-Được cứ đi đi, – Nàng nói với em chồng – Hậu quả đang tới gần, và trái hẳn lại, rồi mày sẽ thấy, đồ súc sinh, khi chẳng còn thời gian để tránh chúng.

Tất cả lại trở nên yên tĩnh. Hai giờ nửa trôi qua. Người ta mang bữa tối đến và thấy Milady đang bận đọc to những câu kinh cầu nguyện của nàng, mà nàng học được ở ông lão bộc của người chồng thứ hai, một tín đồ Thanh giáo thuộc loại khắc kỷ nhất. Nàng làm như đang đê mê ngây ngất và không còn chú ý đến những gì diễn ra xung quanh nữa. Felten ra hiệu đừng ai quấy rầy nàng và khi tất cả đã đâu vào đấy, anh chàng lẳng lặng đi ra cùng với mấy người lính.

Milady biết nàng có thể bị rình rập nên tiếp tục đọc kinh cho đến hết và nàng thấy hình như người lính đang canh phòng ngoài cửa không đi lại thêm bước nào nữa mà còn lắng tai nghe.

Tới lúc ấy, nàng không còn muốn gì hơn nữa, liền vùng dậy, ngồi vào bàn ăn ít thôi và chỉ uống nước.

Một giờ sau, người ta đến dọn bàn ăn, nhưng Milady nhận thấy lần này Felten không đi cùng bọn lính.

Vậy là anh ta sợ gặp nàng quá nhiều.

Nàng quay mặt vào tường để mỉm cười, bởi trong nụ cười ấy có một biểu hiện thành công nào đó khiến chỉ riêng nó đã đủ làm nàng lộ chân tướng.

Nàng để cho nửa giờ nữa trôi qua, và vì lúc đó, cái lâu đài cũ kỹ đã hoàn toàn yên tĩnh, người ta chỉ còn nghe tiếng sóng rì rào vô tận, tiếng thở bao la của đại dương, nàng bèn cất lên bằng một giọng trong trẻo, du dương và ngân nga đoạn đầu của bài thánh thi thời đó, được mọi tín đồ Thanh giáo ưa thích.

"Ôi Chúa, Người bỏ chúng con
Để thử xem liệu chúng con đủ mạnh
Nhưng rồi bàn tay thiên giới của Người
Lại ban thắng lợi vẻ vang cho nỗ lực của chúng con"

Những câu thơ đó không hay lắm, còn phải cố gắng nhiều nhưng như người ta biết, dân Thanh giáo đâu có tự hào về thi ca.

Vừa ngân nga, Milady vừa lắng nghe. Người lính gác ở cửa đã dừng hẳn lại như thể biến mình thành đá. Milady vậy là có thể đánh giá hiệu quả do mình đã tạo ra.

Thế là nàng lại tiếp tục cất giọng hát với một lòng tin cuồng nhiệt và một tình cảm không thể diễn tả nổi. Nàng thấy dường như những âm thanh lan tỏa mãi ra xa dưới những mái vòm như một phép mầu nhiệm, làm dịu những trái tim của bọn cai ngục. Song người lính đi tuần hẳn một là tín đồ Cơ đốc giáo nhiệt tín, lại chối bỏ phép mầu, nói chõ vào trong: -Bà có im đi không! Bài ca của bà buồn như bài cầu hồn ấy[130]. Và nếu như ngoài việc phải bằng lòng đồn trú ở đây, lại phải nghe thêm những điều như vậy nữa, ai mà chịu nổi.

-Thôi! – Một giọng trầm trầm mà Milady nhận ra ngay là giọng Felten cất lên – Sao anh xen vào chuyện này, đồ vô lại! Người ta ra lệnh cho anh cấm người đàn bà đó hát à? Không, người ta bảo anh canh gác bà ta, bắn vào bà ta nếu bà ta tìm cách chạy trốn. Vậy hãy canh gác bà ta, nếu bà ta trốn, cứ giết. Nhưng đừng thay đổi gì chuyện phạt giam.

Khuôn mặt Milady rạng rỡ vẻ vui mừng khôn tả, nhưng vẻ mặt ấy có vẻ lén lút như phản xạ của một ánh chớp và không để lộ ra là đã nghe thấy cuộc đối thoại mà nàng không bỏ sót một lời nàng lại tiếp tục đem tất cả vào giọng hát của mình sự mê hồn, sức mạnh và sự cám dỗ yêu quái…

"Biết bao nước mắt, bao nỗi đắng cay
Trong xiềng gông và trong cảnh lưu đày…
Ta lại có tuổi xanh và lời cầu nguyện.
Chúa sẽ bù cho đau khổ của ta thôi …"

Giọng ca với sức mạnh chưa từng thấy và sự đam mê tột đỉnh, đem lại cho chất thơ thô thiển và nghèo nàn của bài Thánh thi một ma lực và một biểu hiện mà những ngươi Thanh giáo cuồng nhiệt nhất hiếm khi thấy trong những tiếng hát các đạo hữu của mình, và họ buộc phải tô điểm thêm bằng tất cả nguồn sức mạnh của trí tưởng tượng của họ: Felten tưởng như một vị thiên sứ hát ru ba người Hêbrơ[131] trong vạc dầu.

Milady lại tiếp tục:

"Nhưng rồi ngày giải thoát sẽ đến với chúng con,
Chúa công minh đầy sức mạnh.
Nếu Chúa lừa hy vọng của chúng con
Vẫn luôn còn tuẫn đạo và cái chết."

Khổ thơ mà mụ pháp sư đáng sợ đã cố đem hết tâm hồn mình vào đó, cũng hoàn thành việc đem đến sự xáo trộn trong lòng người sĩ quan non trẻ. Chàng bất thình lình mở tung cửa và Milady thấy chàng vẫn xanh xao như luôn thế, nhưng đôi mắt nồng nàn và hầu như lạc hẳn đi.

-Tại sao bà cứ hát như thế? – chàng nói – và với một cái giọng như thế?

-Xin lỗi ông – Milady dịu dàng nói – tôi quên khuấy là tiếng hát của tôi không phù hợp trong ngôi nhà này. Có lẽ tôi đã xúc phạm đến đức tin của ông. Nhưng tôi xin thề với ông, tôi đâu muốn thế. Hãy tha thứ cho tôi một lỗi có lẽ là lớn đấy, nhưng chắc chắn chỉ vô tình.

Milady lúc này sao đẹp thế, trạng thái đê mê tín ngưỡng mà nàng đang đắm mình vào, đem lại một vẻ đẹp trên khuôn mặt nàng, đến nỗi Felten như quáng mắt, tưởng rằng đấy chính là vị thiên sứ mà chàng vừa nghe lúc nãy.

-Phải, phải lắm – chàng trả lời – đúng là bà đã làm bối rối, đã khuấy động mọi người sống trong tòa lâu đài này.

-Và anh chàng mất trí đáng thương cũng không nhận thấy những lời nói thiếu mạch lạc của bản thân mình, trong khi đó Milady thọc sâu con mắt mèo rừng vào nơi sâu kín nhất của trái tim chàng.

-Tôi sẽ im – Milady vừa nói vừa cúp mắt xuống với tất cả sự dịu dàng nàng có thể đem lại cho giọng nói của mình và với tất cả sự nhẫn nhục có thể biểu lộ ra trong cách xử sự của mình.

-Không, không, thưa bà – Felten nói – có điều, bà hát nhỏ hơn, nhất là ban đêm thôi.

Nói rồi, Felten, cảm thấy mình không thể giữ mãi vẻ nghiêm khắc đối với người nữ tù nhân nữa, liền lao ra khỏi phòng.

-Ông làm thế đúng lắm, trung úy ạ – người lính nói – Những tiếng hát đó làm đảo lộn tâm hồn. Tuy nhiên rồi người ta cũng quen đi, giọng hát bà ta sao mà tuyệt thế?

§54. Ngày thứ ba bị giam cầm

Felten đã cắn câu. Nhưng còn một bước nữa phải làm. Phải giữ hắn lại, hoặc đúng hơn là hắn phải ở lại một mình. Và Milady mới chỉ nhìn thấy mờ mờ cái phương cách dẫn nàng đến kết quả ấy Phải hơn thế ấy chứ. Phải làm cho hắn phải há miệng để mình còn nói được với hắn. Bởi vì, Milady thừa biết sự cám dỗ lớn nhất ở nàng là giọng nói, có thể lướt trên tất cả các cung bậc âm thanh một cách tài tình từ giọng nói nhân gian đến ngôn ngữ thiên thần.

-Và tuy nhiên, mặc cho mọi sức quyến rũ ấy, Milady vẫn có thể thất bại, bởi vì Felten đã được báo trước để phòng ngừa, và điều đó chống lại sự may rủi. Từ lúc đó, nàng cẩn thận giữ gìn mọi hành động, lời nói cho đến cả từng cái nhìn đơn giản, từng cử chỉ, từng hơi thở mà người ta có thể lắm chuyện bảo là tiếng thở dài. Rút cuộc, nàng phải nghiên cứu tất cả như một diễn viên hài kịch tài ba phải làm khi người ta trao cho một vai mới chưa quen đóng.

Đối diện với Huân tước De Winter, cách xử sự của nàng dễ dàng hơn. Việc đó đã được vạch ra từ tối hôm trước rồi. Trước mặt hắn ta, hãy như câm và tỏ ra chững chạc, thỉnh thoảng lại chọc giận hắn ta bằng vẻ khinh khỉnh đáng yêu, bằng một câu khinh bỉ đẩy hắn ra đến những việc hăm dọa và hung bạo trái hẳn với sự nhẫn nhục của nàng, đó chính là ý đồ của nàng, Felten sẽ thấy, có thể sẽ chẳng nói gì, nhưng sẽ thấy hết.

Buổi sáng, Felten đến như thường lệ, nhưng Milady cứ để mặc cho chàng ta điều khiển sắp xếp bữa điểm tâm mà không nói với chàng ta lời nào. Vì thế, lúc anh chàng sắp sửa rút lui, trong nàng đã lóe lên một tia hy vọng nhỏ bởi nàng tưởng chính anh ta sẽ nói trước. Nhưng đôi môi anh ta chỉ mấp máy mà không một lời nào thốt ra khỏi miệng, và cố kiềm chế bản thân, anh ta khép kín những lời đính nói trong trái tim mình và đi ra.

Đến trưa, Huân tước De Winter đi vào.

Đó là một ngày mùa đông đẹp trời, và một tia nắng mặt trời nhợt nhạt của nước Anh lóe sáng, nhưng không ấm áp, lọt qua những song sắt của phòng tù.

Milady nhìn qua cửa sổ, làm ra vẻ không nghe thấy tiếng cửa mở.

Huân tước De Winter nói: -A, a, sau khi đã diễn trò hài kịch, rồi diễn trò bi kịch, giờ ta chơi trò u buồn.

Nữ tù nhân không trả lời. De Winter tiếp tục: -Phải, phải, tôi hiểu. Bà muốn được tự do trên bờ biển kia lắm. Bà muốn lắm trên một con tàu rẽ sóng biển xanh như ngọc bích. Bà muốn lắm, hoặc trên đất liền, hoặc trên đại dương, dựng lên cho tôi một cuộc phục kích hay hay nho nhỏ mà bà biết cách phối kết rất tài. Hãy kiên nhẫn! Hãy kiên nhẫn! Bốn ngày nữa thôi là bờ biển kia bà sẽ được phép,

biển sẽ mở ra cho bà, còn mở rộng hơn là bà mong muốn ấy chứ, bởi bốn ngày nữa, nước Anh sẽ tống khứ được bà.

Milady chắp hai tay lại và ngước đôi mắt đẹp lên nhìn trời: -Thượng đế! Ôi! Thượng đế! – Nàng nói với dáng điệu và giọng nói ngọt ngào thiên sứ – Hãy tha thứ cho con người đó, cũng như bản thân con cũng tha thứ cho ông ta.

Nam tước De Winter hét lên: -Ừ, cứ cầu xin đi, đồ thối tha, lời cầu nguyện của mụ xem ra càng bao dung hơn chừng nào mụ còn trong quyền lực của một người sẽ không tha thứ cho mụ, ta thề như thế đấy.

Và ông ta bỏ đi.

-Đúng lúc ông ta đi ra, Milady đưa cặp mắt sắc nhọn nhìn qua khe cửa và thấy Felten vội lánh sang một bên để nàng khỏi nhìn thấy.

Thế là nàng lại quỳ ngay xuống và cầu nguyện: -Lạy Chúa! Lạy Chúa! Người biết rõ con đau khổ vì lẽ thánh nào, vậy xin Người hãy cho con sức mạnh để con đau khổ.

Cửa mở khẽ. Người đẹp đang cầu nguyện làm như không nghe thấy tiếng động, và bằng một giọng tràn đầy nước mắt, nàng tiếp tục: -Lạy Đức Chúa báo hận! Lạy Đức Chúa nhân từ! Người nỡ để mặc cho con người đó hoàn thành những ý đồ ghê tởm của hắn ư?

Chỉ đến lúc đó nàng mới vờ nghe thấy tiếng bước chân Felten và đứng bật ngay dậy, đỏ mặt lên như thể xấu hổ vì bị bắt gặp đang quỳ.

-Tôi không thích quấy rối những ai đang cầu nguyện chút nào, thưa bà – Felten nghiêm trang nói – vậy xin bà đừng bận tâm vì tôi, tôi cầu xin bà đấy.

-Làm sao ông biết tôi đang cầu nguyện, thưa ông? – Milady hỏi bằng một giọng ngột ngạt vì thổn thức – Ông nhầm rồi, thưa ông, tôi không cầu nguyện đâu?

-Bà nghĩ thế ư, thưa bà – Felten trả lời vẫn với giọng nghiêm trang, cho dù có vẻ dịu dàng hơn – bà nghĩ rằng tôi tin là tôi có quyền ngăn cản một sinh linh quỳ lạy trước Chúa sáng thế ư? Chúa không bằng lòng thế đâu! Vả lại, sự hối hận rất phù hợp với những kẻ phạm tội. Dù mắc phải tội ác đến thế nào đi nữa, kẻ phạm tội đã quỳ dưới chân của Chúa đối với tôi đều thiêng liêng.

-Tôi, tội phạm ư? – Milady nói với một nụ cười có thể tước bỏ vũ khí của thiên thần trong phiên chung thẩm – Tội phạm? Chúa ơi, chỉ có Người mới biết con có phải là tội phạm không? Thưa ông, hãy bảo tôi bị kết tội, thế mới đúng. Nhưng ông biết đấy Chúa thương những người tuẫn đạo, đôi khi cũng cho phép kết án người vô tội.

Felten trả lời: -Dù bà bị kết tội, dù bà tuẫn đạo, bà càng có lý do để cầu nguyện và bản thân tôi, tôi cũng sẽ giúp bà cầu nguyện.

Milady quỳ sụp xuống chân chàng ta và kêu lên: -Ôi, ông đúng là một bậc công minh. Ông ơi, tôi không thể chịu nổi lâu thêm nữa đâu, bởi tôi sợ không còn

sức lực lúc tôi cần vững vàng tranh đấu và tuyên bố đức tin của mình. Vậy xin ông hãy lắng nghe lời khẩn cầu của một người đàn bà đang tuyệt vọng. Thưa ông, người ta lợi dụng ông, nhưng không phải là vấn đề đó, tôi xin ông một ân huệ và nếu như ông đồng ý ban cho tôi, tôi nguyện sẽ cầu chúc cho ông cả trong thế giới này lẫn thế giới bên kia.

-Thưa bà, bà hãy nói với ông chủ – Felten tôi không may mắn được ủy thác tha thứ hay trừng phạt. Thượng đế trao trách nhiệm đỏ cho người cao cấp hơn tôi.

-Không, chỉ với ông, với ông thôi. Xin hãy nghe tôi, còn hơn là tham gia vào việc hại tôi, tham gia vào việc làm tôi ô nhục.

-Nếu bà xứng đáng với nỗi hổ nhục đó, thưa bà, nếu bà gây ra nỗi ô nhục đó, thì phải chịu và hiến dâng nó cho Thượng đế.

-Ông nói sao? Ồ, ông không hiểu tôi rồi! Khi tôi nói đến ô nhục, ông tưởng tôi nói về một sự trừng phạt nào đó ư, về nhà tù, về cái chết ư? Xin tùy ở Chúa! Với tôi, cái chết hay nhà tù, nghĩa lý gì đâu?

-Thưa bà, chính tôi cũng không hiểu nổi bà nữa!

-Hay là làm ra không hiểu nữa, thưa ông – Nữ tù nhân trả lời với nụ cười hoài nghi.

-Không thưa bà, thề danh dự của một quân nhân, thề trên đức tin của một tín đồ!

-Sao cơ? Ông không biết những ý đồ của ông De Winter với tôi thật ư?

-Tôi không biết.

-Không thể thế, ông là người tâm phúc của ông ta!

-Thưa bà, tôi không bao giờ nói dối.

-Ồ, ông ta có che giấu gì nhiều lắm đâu mà ông không đoán ra nổi?

-Tôi không tìm cách để đoán gì hết, thưa bà. Tôi mong người ta tin cẩn tôi, và ngoài phần ông ta nói với tôi trước mặt bà, ông ta không thổ lộ gì với tôi hết.

-Nhưng – Milady kêu bằng cái giọng thực thà không thể tưởng tượng nổi – Vậy thì ông không phải là kẻ đồng lõa của ông ta rồi, thế ra ông không biết ông ta gán cho tôi một nỗi ô nhục mà tất cả những hình phạt trên trái đất này không thể xứng với sự khủng khiếp của nó sao?

-Thưa bà, bà nhầm rồi – Felten vừa nói vừa đỏ mặt lên – Huân tước De Winter không thể phạm một tội ác như vậy.

"Tốt lắm! – Milady tự bảo mình – chẳng biết nó như thế nào mà gã ta đã gọi đó là một tội ác rồi?"

Rồi nói to: -Bạn của kẻ đê tiện có thể làm được tất!

-Bà gọi ai là kẻ đê tiện? – Felten hỏi.

-Vậy ở nước Anh liệu có hai người thích hợp với cái tên tương tự như thế không?

-Bà muốn nói về Gorge Villiers? – Felten hỏi, mà mắt như nảy lửa.

-Về người mà bọn tà giáo, bọn quý tộc vô đạo gọi là Quận công De Buckingham ấy! – Milady lại tiếp – Tôi không tin rằng còn có một người Anh trong khắp nước Anh này lại cần đến một sự giải thích dài dòng đến như thế mới nhận ra kẻ tôi muốn nói!

-Bàn tay của Chúa sẽ vươn tới hắn – Felten nói – hắn sẽ không thoát khỏi bị trừng phạt thích đáũg.

Felten chỉ biểu lộ thái độ phỉ nhổ mà mọi người Anh thể hiện đối với con người mà bản thân những người Cơ đốc giáo cũng gọi là tên hút máu, tên ăn hối lộ, tên đồi trụy, còn những người Thanh giáo gọi hoàn toàn đơn giản là quỷ satan.

-Ôi, lạy Chúa! Lạy Chúa! – Milady kêu lên – Khi con cầu xin Người giáng sự trừng phạt xuống con người đó xứng với tội hắn phải chịu, Người biết rằng không phải con theo đuổi mối thù riêng mà là con van xin Người giải thoát cho cả một dân tộc.

-Bà quen biết ông ta chứ? – Felten hỏi.

"Cuối cùng gã đã hỏi ta" – Milady tự nhủ, lòng tràn ngập vui sướng vì đạt kết quả nhanh đến thế.

Rồi nàng trả lời: -Ồ có chứ! Tôi quen biết ông ta chứ? Thế tôi mới bất hạnh, bất hạnh suốt đời thế này?

-Và nàng vặn vẹo hai cánh tay như thể nỗi đau đã lên đến cực điểm. Trong thâm tâm, Leltel cảm thấy mình cũng rã rời, liền bước vài bước về phía cửa, nữ tù nhân vẫn không ngừng để mắt tới chàng ta, chồm theo sau và ngăn lại: -Thưa ông – Nàng la lên – Xin hãy nhân từ, xin hãy bao dung, hãy nghe lời cầu xin của tôi. Cái con dao mà ông Huân tước thận trọng như thể do định mệnh đã tước đoạt mất của tôi bởi ông ta biết tôi định dừng vào việc gì. Ôi, xin ông nghe tôi nói rõ ngọn ngành đã! Con dao đó, xin hãy trả lại tôi, chỉ một phút thôi, xin làm ơn, xin hãy thương tôi! Tôi xin quỳ xuống hôn chân ông. Nào, ông hãy đóng cửa lại đi. Đâu phải ông là người mà tôi căm thù. Trời ơi! Căm thù ông ư? Căm thù con người công minh chính trực, tốt, và nhân từ duy nhất tôi đã gặp ư? Căm thù ông, có thể là cứu tinh của tôi ư? Con dao ấy, một phút, chỉ một phút thôi, tôi sẽ trả lại ông qua ô cửa. Chỉ một phút thôi, ông Felten, và ông sẽ cứu được danh dự cho tôi!

-Để bà tự sát! – Felten hoảng hồn kêu lên, quên cả rút tay mình ra khỏi đôi bàn tay của nữ tù nhân – Để bà tự sát?

-Thưa ông, tôi đã nói – Milady hạ giọng vừa thầm thì vừa cố ý ngã quỵ xuống sàn nhà – Tôi đã nói hết bí mật của tôi rồi? Ông ta đã biết tất! Trời ơi! Tôi chết mất!

Felten vẫn cứ đứng, bất động, ngẩn người ra.

"Gã vẫn còn ngờ, Milady nghĩ, ta đã không đúng lắm chăng?"

Có tiếng người đang bước trong hành lang. Milady nhận ra tiếng chân của Huân tước De Winter. Felten cũng thấy thế và bước một bước về phía cửa.

Milady lao theo và nói như nén giọng: -Ồ, đừng có nói gì đấy. Đừng một lời nào cho con người ấy về những gì tôi đã nói với ông, nếu không tôi chết mất, và chính ông, ông…

Rồi, vì những bước chân tới gần, nàng im lặng, sợ người ta nghe thấy giọng nói của mình, áp bàn tay xinh đẹp đang run, lên miệng Felten. Felten khẽ đẩy Milady ra. Nàng chạy ra ngồi phịch xuống chiếc ghế tựa dài.

Huân tước De Winter đi qua cửa mà không dừng lại, rồi tiếng chân xa dần.

Felten xanh như một người chết, vẫn để tai nghe ngóng vài phút rồi khi tiếng chân tắt hẳn, chàng ta thở phào như một người vừa ra khỏi một giấc mơ và lao ra khỏi căn phòng.

-A – Milady nói và đến lượt mình cũng lắng nghe tiếng chân của Felten đang xa dần về hướng đối diện hướng đi của De Winter – Cuối cùng thì mi đã thuộc về ta!

Rồi trán nàng lại sa sầm xuống.

-Nếu hắn nói với Huân tước – nàng nói – thì ta chết mất bởi gã Nam tước ấy biết thừa là ta sẽ không tự tử đâu, và đặt dao vào tay ta trước mặt gã trung úy, và ông ta sẽ thấy hết tất cả nỗi tuyệt vọng lớn lao ấy chỉ là một trò hề.

Nàng đến đứng trước gương và ngắm nhìn mình chưa bao giờ thấy mình đẹp đến thế.

-Ồ! Nàng mỉm cười nói – gã sẽ không nói ra với ông Huân tước đâu!

Buổi tối, ông De Winter đi cùng bọn mang đến bữa tối.

Milady bảo ông ta: -Thưa ông, sự có mặt của ông phải chăng là một phụ khoản bắt buộc của việc giam cầm tôi, và ông không thể tha tôi cái việc gia tăng khổ hình mà những cuộc thăm viếng của ông gây cho tôi ư?

-Sao lại thế được, bà chị thân mến? – De Winter nói – Thế chẳng phải cái miệng xinh đẹp nhưng hôm nay lại quá ư tàn nhẫn với tôi đã từng tuyên bố một cách thân ái rằng bà đến nước Anh với mục đích duy nhất là để thăm tôi cho nó thỏa lòng sao? Bà còn nói với tôi bà cảm thấy quá ư mạnh mẽ sự thiếu thốn niềm vui được gặp gỡ tôi, cho nên bà mới bất chấp tất cả, nào say sóng, bão tố, giam cầm? Thế thì, tôi đây, bà hãy hài lòng đi! Vả lại lần này tôi đến thăm bà là có lý do đấy.

Milady rùng mình. Nàng tưởng Felten đã nói. Có lẽ chưa bao giờ trong đời, người đàn bà đã từng trải qua những xúc động mạnh mẽ và đối lập nhau lại cảm thấy tim mình đập mạnh đến thế.

Nàng vẫn ngồi. Huân tước De Winter kéo một chiếc ghế bành đến cạnh nàng, ngồi xuống lấy ra một tờ giấy, từ từ mở ra và bảo nàng: -Nghe đây, tôi muốn giới

thiệu với bà loại hộ chiếu tôi đã tự soạn thảo và từ nay bà sẽ dùng làm số điểm danh trong cuộc đời bà mà tôi bằng lòng dành cho bà.

Rồi đưa mắt nhìn từ Milady sang tờ giấy, ông ta đọc: -"Lệnh dẫn độ đến… Tên vùng để trống – De Winter dừng đọc nói – nếu bà thích chỗ nào hơn, miễn là đừng ít hơn một nghìn dặm tính từ London, yêu cầu của bà sẽ được đáp ứng – Tôi đọc lại nhé: "Lệnh dẫn độ đến… người đàn bà có tên là Sáclôt Bêchxơn bị tòa án vương quốc Pháp thích dấu chín, nhưng đã được thả tự do sau khi chịu tội. Phạm nhân sẽ phải cư trú tại nơi đó không bao giờ được phép đi xa quá ba dặm. Trường hợp toan tính chạy trốn, sẽ áp dụng tội tử hình, phạm nhân sẽ được 5 silinh mỗi ngày cho việc ăn ở."

Milady lạnh lùng trả lời: -Lệnh đó chẳng liên quan gì tới tôi vì trong đó mang tên người khác chứ không phải tên tôi.

-Tên ư? Thì ra bà cũng có một cái tên?

-Tôi mang tên của anh ông.

-Bà nhầm rồi, anh tôi chỉ là người chồng thứ hai và người chồng thứ nhất còn đang sống. Bà hãy nói tên người ấy và tôi sẽ thay vào cái tên Sáclốt Bếchxơn. Không à?… Bà không muốn à?

-Bà im lặng à? Được thôi! Bà sẽ bị đăng ký số tù bằng cái tên Sáclốt Bếchxơn.

Milady vẫn lặng im. Có điều, lần này không còn là do giả bộ nữa mà là do khiếp sợ. Nàng tưởng lệnh đã sẵn sàng được thi hành. Nàng nghĩ ông De Winter đã đẩy thời hạn ra đi lên sớm hơn. Nàng tưởng sẽ bị xử đi đày ngay tối nay. Trong giây lát nàng mất hết tinh thần, thì bất ngờ nàng lại nhận ra lệnh chưa mang chữ ký của một ai.

Nỗi mừng vui khi phát hiện ra điều đó lớn đến nỗi nàng không thể che giấu nổi.

-Phải, phải – Huân tước De Winter đã nhận thấy điều gì diễn ra trong nàng, ông nói – chưa mất hết cả đâu, một khi lệnh đó chưa được ký, người ta giơ ra là để dọa tôi, có thế thôi. Nhưng bà nhầm rồi, ngày mai, lệnh đó sẽ được gửi lên Huân tước De Buckingham. Ngày kia lệnh sẽ được gửi lại do chính tay Huân tước ký và đóng dấu, và hai bơn giờ sau, chính tôi sẽ đảm nhiệm bắt đầu thi hành lệnh đối với bà. Tạm biệt bà, đó là tất cả những gì tôi cần nói với bà.

-Và tôi tôi sẽ trả lời ông rằng việc lạm dụng quyền hành, rằng việc đày ải một người dưới một cái tên giả định là một hành động đê tiện.

-Bà có thích được treo cổ dưới cái tên thật hơn không, Milady? Bà biết đó, luật pháp nước Anh rất nghiêm khắc đối với việc bội ước trong hôn nhân, bà hãy giải thích thẳng thắn chuyện đó. Cho dù tên tôi hoặc đúng hơn là tên của anh tôi bị dính líu vào mọi chuyện đó, tôi cũng đành mang tiếng mang tai trong một vụ án công khai để đoán chắc tôi sẽ loại bỏ được bà.

Milady không trả lời gì, nhưng nhợt nhạt như một cái thây ma.

-Ồ, tôi biết bà thích viễn du hơn mà. Càng tốt, thưa bà. Một ngạn ngữ cổ nói rằng du hành rèn luyện tuổi trẻ. Thật tình tôi thấy dẫu sao bà cũng không nhầm, và sống vẫn tốt hơn. Chính vì lẽ đó mà tôi không lo bà vứt cái lệnh của tôi đi. Thôi hãy nghĩ tính toán lo chuyện năm silinh đi. Tôi tỏ ra hơi bủn xỉn, có phải không? Cái đó chẳng qua là tôi lo xa bà sẽ làm bọn coi giữ sa đọa thôi. Hơn nữa, bà vẫn luôn còn duyên sắc để cám dỗ họ kia mà. Bà hãy đem nó ra dùng nếu sự thất bại của bà với Feltơn không làm bà tởm lợm những toan tính loại ấy.

"Felten không hề nói gì – Milady tự nhủ – Thế là chưa có gì nguy cả."

-Và bây giờ, hẹn gặp lại bà. Ngày mai tôi sẽ đến báo cho bà biết giờ khởi hành của phái viên của tôi.

Ông De Winter đứng lên, châm biếm chào Milady và đi ra.

Milady thở phào. Nàng vẫn còn bốn ngày nữa, bốn ngày đủ để nàng hoàn tất việc quyến rũ Felten.

-Tuy nhiên một ý nghĩ khủng khiếp đến với nàng, đó là nhỡ ông De Winter sai chính Felten đi để lấy chữ ký của Buckingham, như thế thì Felten sẽ tuột khỏi tay nàng, muốn thành công, nữ tù nhân phải có ma thuật để tiếp tục cám dỗ.

Tuy nhiên, một điều làm nàng yên tâm: Felten không nói gì.

Nàng không muốn tỏ ra xúc động trước những lời hăm dọa của Huân tước De Winter, liền ngồi vào bàn và ăn.

Rồi, như đã làm bữa trước, nàng lại quỳ xuống và nhắc lại thật to những câu nguyện cầu của mình. Như bữa trước, người lính thôi đi lại và dừng chân để lắng nghe.

Lát sau, nàng nghe thấy tiếng bước chân nhẹ nhàng hơn của tên lính tuần canh từ cuối hành lang đi đến và dừng lại trước cửa.

-Chính gã rồi! – Nàng nói. Và nàng lại bắt đầu vẫn cái tiếng hát thánh ca bữa trước đã làm Felten phấn khích tới cao độ.

Nhưng, cho dù cái giọng hát êm dịu, tràn đầy và vang động có ngân lên du dương hơn, não lòng hơn bao giờ hết, cửa vẫn cứ đóng. Liếc nhìn trộm về phía ô cửa nhỏ, qua tấm lưới sắt đan dầy, Milady hình như thấy đôi mắt nồng cháy của chàng trai trẻ. Nhưng dù đó là một thực tế hay một ảo ảnh, lần này, gã ta cũng giữ được nghị lực để không đi vào.

Có điều, vài phút sau khi nàng đã hát xong thánh ca Milady tin rằng đã bắt gặp một tiếng thở dài não ruột. Rồi vẫn những bước chân đã lại gần lại xa dần một cách từ từ như vẫn còn lưu luyến.

§55. Ngày thứ tư bị giam cầm

Hôm sau, khi Felten vào phòng Milady, thì thấy nàng đang đứng trên chiếc ghế bành, tay cầm một chiếc thừng bện lại bằng mấy chiếc khăn tay lanh xé ra làm nhiều mảnh dài và nối với nhau. Nghe tiếng Felten mở cửa, Milady nhẹ nhàng nhẩy từ trên ghế xuống đất và cố tình che giấu chiếc thừng ứng biến vẫn cầm trong tay ra đằng sau.

Chàng thanh niên còn xanh xao hơn mọi khi, mắt đỏ lên vì mất ngủ, chứng tỏ anh ta đã trải qua một đêm quằn quại.

-Tuy nhiên vẻ mặt anh ta lại nghiêm trang một cách khắc nghiệt hơn bao giờ hết.

-Anh ta từ từ tiến lại Milady lúc này đã ngồi xuống, cầm lấy đầu sợi dây tết chết người kia do vô tình hay cố ý nàng để hở ra.

-Cái này là cái gì, thưa bà? – Chàng ta lạnh lùng hỏi.

-Cái này, chẳng là cái gì – Milady vừa nói vừa mỉm nụ cười mà nàng khéo biết cách làm cho nó có dáng dấp đau đớn – Sự phiền muộn là tử thù của các tù nhân, tôi buồn phiền nên tết chiếc thừng này để lấy vui thôi.

Felten đưa mắt nhìn về phía tường nhà, trước tường, chàng ta thấy vừa rồi Milady đứng trên ghế bành và bây giờ đang ngồi, và phía trên đầu nàng, thấy một chiếc móc mạ vàng gắn vào tường dùng để treo quần áo hoặc vũ khí.

Chàng giật mình và nữ tù nhân nhìn thấy cái giật mình đó, bởi cho dù đã cúp cuống, nhưng không gì thoát khỏi mắt nàng.

-Bà đứng trên ghế định làm gì? – Chàng ta hỏi.

-Can gì đến ông? – Milady trả lời.

-Nhưng – Felten vẫn nói – tôi muốn biết.

-Xin đừng căn vặn tôi – nữ chủ nhân nói – Ông thừa biết với những tín đồ đích thực như chúng ta, thì cấm không được nói dối.

-Thế thì? – Felten nói – Tôi sẽ nói cho bà vậy, việc bà định làm, hay đúng hơn là bà sắp làm, là bà định kết thúc cái việc làm tai hại vẫn được bà nuôi dưỡng trong đầu – Bà hãy nghĩ kỹ đi. Nếu Chúa cấm dối trá, người còn cấm tự vẫn ngặt hơn.

-Khi Chúa thấy một trong sinh linh do Người sáng tạo bị ngược đãi bất công, bị đặt giữa tự vẫn và sự ô danh, xin ông hãy tin tôi – Milady bằng giọng của niềm tin sâu sắc – Chúa sẽ tha thứ cho nó việc tự vẫn, bởi vì lúc đó tự vẫn chính là tuẫn đạo.

-Bà lại nói quá lời hoặc quá ít rồi. Bà hãy nhân danh Chúa mà nói, hãy giải thích rõ ra.

-Tôi kể cho ông nghe những nỗi bất hạnh của tôi, để ông lại bảo đó là những chuyện bịa ư? Tôi nói cho ông hay những dự định của tôi để ông đi tố cáo với kẻ ngược đãi tôi ư, không đâu thưa ông. Vả lại sự sống hay cái chết của một kẻ khốn nạn bị kết án thì can gì đến ông? Ông chỉ chịu trách nhiệm về phần xác của tôi thôi, phải thế không? Thế thì miễn là ông có trình một xác chết và người ta nhận ra là xác tôi, người ta sẽ chẳng đòi hỏi gì hơn ở ông và có thể, ông còn được thưởng gấp đôi là khác.

-Tôi ư, thưa bà, tôi ư? – Felten kêu lên – Bà nghĩ tôi lại đi nhận tiền thưởng về sinh mạng bà ư? Ồ, bà không nghĩ như bà nói đâu.

-Cứ để mặc tôi, ông Felten, xin để mặc tôi – Được thể, Milady càng hăng máu – Mọi quân nhân chắc đều đầy tham vọng, có phải không? Ông là trung úy chứ gì? Ông sẽ đi theo đám tang tôi với quân hàm đại úy.

-Nhưng tôi đã làm gì nào – Felten núng thế nói – để bà gán cho tôi một trách nhiệm như thế trước con người và trước Chúa? Mấy ngày nữa thôi bà là đã ra khỏi đây, cuộc sống của bà sẽ không còn dưới sự canh giữ của tôi nữa – chàng thở dài nói thêm – Lúc đó bà muốn làm gì tùy bà.

Milady hét lên như thể không chống lại được một sự phẫn nộ thiêng liêng: -Thế nghĩa là, ông một người sùng đạo, một người mà người ta gọi là một người công minh chính trực, ông chỉ yêu cầu một điều là không hề bị quy kết và ân hận gì về cái chết của tôi!

-Tôi phải trông coi đến tính mạng của bà, và tôi sẽ phải làm như thế.

-Nhưng ông có hiểu cái nhiệm vụ mà ông làm tròn không?

-Nếu tôi phạm tội thật, thì thế cũng là tàn nhẫn rồi, nhưng nếu tôi vô tội thì ông sẽ gọi nó là cái nhiệm vụ gì. Chúa sẽ đặt cho nó cái tên gì?

-Tôi là quân nhân, thưa bà, và tôi phải hoàn thành những mệnh lệnh được giao.

-Ông có tin tới ngày phán xử cuối cùng Chúa sẽ phân ra những tên đao phủ mù quáng với những quan tòa tối bất công không? Ông không muốn tôi tự giết chết phần thể xác mình, nhưng ông lại tự biến mình thành tay chân của kẻ muốn giết chết linh hồn tôi!

-Nhưng tôi xin nhắc lại với bà – Felten nao núng nhắc lại – không có mối hiểm nguy nào đe dọa bà, và tôi xin đảm bảo điều ấy nhân danh ông De Winter cũng như bản thân tôi.

-Mất trí rồi! – Milady hét lên – Hỡi con người mất trí đáng thương, dám đảm bảo nhân danh một người khác trong khi những bậc đại hiền triết, những người gần Chúa nhất cũng phải do dự đảm bảo cho chính bản thân mình và con người ấy lại tự xếp mình vào phe phái kẻ mạnh nhất, sung sướng nhất để đè nén người đàn bà yếu đuối nhất và bất hạnh nhất?

-Không thể thế, thưa bà, không thể thế – Felten lẩm bẩm, trong thâm tâm cảm thấy lập luận của nàng có phần đúng lý – Là tù nhân, bà sẽ không tìm lại được tự do thông qua tôi, là người còn sống không phải do tôi mà bà sẽ mất mạng.

-Phải – Milady kêu lên – Nhưng tôi sẽ mất những gì quý giá nhất đời tôi, tôi sẽ mất danh dự, ông Felten ạ. Và chính ông, tôi sẽ buộc ông phải chịu trách nhiệm trước Thượng đế và trước nhân loại về sự hổ nhục và sự đê mạt của tôi.

Lần này, Felten, vốn hoàn toàn sắt đá hoặc làm ra như thế, không thể cưỡng nổi cái ảnh hưởng thầm kín đã xâm chiếm bản thân mình. Nhìn người đàn bà quá đẹp, trong trắng như một ảo ảnh thuần khiết, nhìn nàng hết than khóc lại hăm dọa đứng trước nỗi đau dâng lên cùng sắc đẹp, tất cả trở thành quá sức đối với một kẻ không thực tế, quá sức đối với một khối óc mỏi mòn dần vì những cơn mơ nồng cháy của sự chân thành mê muội, quá sức đối với trái tim bị ăn mòn vừa bởi tình yêu Thượng đế đang ngùn ngụt, vừa bởi hận thù con người đang vò xé.

Milady nhìn thấy sự rối loạn ấy, bằng trực giác, nàng cảm thấy ngọn lửa của những đam mê đối lập nhau đang bùng cháy cùng với máu trong huyết quản chàng thanh niên cuồng tín. Và như một tướng tài, thấy kẻ thù chuẩn bị lùi bước, liền tiến tràn lên và hô vang chiến thắng, nàng liền đứng dậy, đẹp như nữ tu sĩ thời tiền sử, gợi cảm như một nữ tín đồ đồng trinh, cánh tay dang ra, cổ phơi trần, tóc xõa ra, một tay e lệ kéo áo lên che ngực, cái nhìn lấp lánh ngọn lửa đã gây nên sự rối loạn tâm thần của gã trai Thanh giáo. Nàng tiến lại phía gã, cất lên với một vẻ dừ dội cái giọng vốn rất dịu dàng nhưng trong trường hợp này, nàng đem lại cho nó một âm sắc khủng khiếp:

"Nộp nạn nhân cho Baal đi![132]
Cứ ném cho sư tử người tuẫn đạo
Chúa sẽ làm cho ngươi phải ăn năn
Từ vực thẳm ta kêu lên với Chúa."

Felten dừng lại trước đoạn thơ kêu gọi kỳ dị này và như hóa đá.

-Bà là ai, bà là ai? – chàng ta chắp hai tay và kêu lên – bà là sứ giả của Thượng đế hay là tay sai của Diêm vương, bà là thiên thần hay quỷ sứ, bà tên là Êlôa hay Átxtáctê.[133]

-Felten, anh không nhận ra em ư? Em không phải là thiên thần, cũng không phải quỷ sứ, em là một cô gái trên trần thế, em là cô em gái có cùng tín ngưỡng với anh, có thế thôi.

-Phải, phải – Felten nói – Trước tôi còn ngờ, giờ tôi tin rồi.

-Anh tin, thế mà anh lại là kẻ đồng lõa của đứa con của Bêlian mà người ta gọi là Huân tước De Winter! Anh tin, thế mà anh lại bỏ mặc em trong tay kẻ thù của em, và kẻ thù của nước Anh, kẻ thù của Chúa! Anh tin, thế mà anh giao nộp em cho kẻ đang làm nhơ bẩn và tràn ngập thế giới lý thuyết tà giáo và những sự

đồi trụy của hắn, nộp em cho tên Xácđanapan[134] đê tiện mà kẻ đui mù gọi hắn là Quận công De Buckingham còn các tín đồ thì gọi là tên phản Chúa.

-Tôi, nộp bà cho Buckingham ư? Tôi ư? Bà nói gì vậy?

-Chúng có mắt mà như mù, có tai mà như điếc.

-Phải, phải – Felten vừa nói vừa đưa tay lau mồ hôi trên trán như để dứt hẳn mối nghi ngờ cuối cùng – Phải, tôi nhận ra giọng nói, nói với tôi trong những giấc mơ, phải, tôi nhận ra những nét vẻ của vị thiên thần hiện ra đêm đêm kêu gọi linh hồn không thể ngủ của tôi: "Hãy tấn công, hãy cứu lấy nước Anh, cứu lấy bản thân, bởi ngươi có chết cũng không làm Thượng đế nguôi giận!." Nói đi, nói nữa đi! – Felten kêu lên – Bây giờ tôi có thể hiểu được bà rồi.

Một ánh chớp vui sướng khủng khiếp, nhưng nhanh như ý nghĩ, lóe ra trong đôi mắt của Milady.

Cho dù cái ánh mắt sát nhân đó có vụng trộm đến đâu chăng nữa, Felten cũng thấy và giật mình như thể ánh mắt đó soi sáng những vực thẳm sâu trong trái tim người đàn bà này.

Felten chợt nhớ lại những lời cảnh cáo của Huân tước De Winter, những cám dỗ của Milady, những toan tính đầu tiên của nàng từ khi anh ta mới tới. Anh ta lùi lại một bước và cúi đầu, nhưng vẫn không ngừng nhìn nàng, như thể bị thôi miên bởi cái sinh linh kỳ lạ này, ánh mắt anh ta không thể tách ra khỏi mắt nàng.

Milady đâu phải hạng đàn bà bị nhầm lẫn trước sự phân vân đó. Dưới những xúc động bề ngoài, không bao giờ thiếu vắng sự bình tĩnh lạnh như băng. Trước khi Felten trả lời nàng, nàng buộc phải nối lại cuộc nói chuyện khó có thể cứ giữ mãi cái giọng điệu phấn khích trước nữa, nàng liền buông thõng hai cánh tay và thế là sự yếu đuối của đàn bà lại vượt lên trên sự bồng bột của con người đa cảm.

-Ồ không – Nàng nói – Tôi đâu được như Judita đã giải phóng thành phố Bêthuli khỏi tay tên Hôlôphecnơ[135]. Thanh kiếm của Thượng đế vĩnh hằng quá nặng đối với cánh tay tôi. hãy cho tôi được chết để tránh khỏi mất danh dự. Hãy cho tôi được ẩn náu trong việc tuẫn đạo. Tôi không xin ông được tự do như một tội phạm thường làm, cũng không xin được trả thù như một kẻ tà đạo vẫn xin. Xin hãy để tôi được chết, thế thôi. Tôi van ông, tôi quỳ xuống cầu xin ông hãy để tôi được chết, và hơi thở cuối cùng của tôi sẽ là một lời cầu phúc đối với cứu tinh của tôi.

Trước giọng nói dịu dàng và cầu khẩn ấy, trước cái nhìn e lệ và thất vọng ấy, Felten bước lại gần. Mụ phù thủy, dần dần, lấy lại được và khoác cho mình cái bộ dạng ma quái, tạm rời bỏ có chủ định, nghĩa là sắc đẹp, sự dịu dàng, nước mắt và nhất là nét hấp dẫn không cưỡng nổi của cái khoái cảm huyền bí là thứ khó cưỡng nổi nhất, day dứt nhất, trong các thứ khoái cảm.

-Than ôi! – Felten nói – Tôi chỉ có thể làm được một điều là khiếu nại cho bà nếu bà chứng minh cho tôi rõ bà là một nạn nhân. Nhưng ông De Winter lại oán

hận bà rất dữ. Bà là con chiên, bà là giáo hữu của tôi, tôi cảm thấy bị bà lôi cuốn, tôi là người xưa nay chỉ yêu quý ân nhân của mình, và chỉ gặp trong đời những quân phản trắc và lũ vô đạo. Nhưng bà, bà quá đẹp trong thực tế, bà quá trong trắng ở vẻ bề ngoài, mà Huân tước De Winter lại truy đuổi bà đến thế, ắt hẳn bà đã phạm những chuyện bất chính?

-Chúng có mắt – Milady nhắc lại bằng giọng điệu đau khổ khôn tả – mà như mù, chúng có tai mà như điếc.

-Thế thì – Viên sĩ quan trẻ kêu lên – Bà nói đi, nói đi xem nào!

-Thổ lộ với ông nỗi nhục của tôi ư? – Milady kêu lên, mặt đỏ bừng vì thẹn – bởi vì thường thường tội ác của kẻ này lại là nỗi nhục của người khác, thổ lộ với ông nỗi ô nhục của tôi, khi ông là đàn ông còn tôi là đàn bà ư? – Ồ – nàng vừa tiếp tục vừa e lệ lấy tay đưa lên đôi mắt đẹp – Ồ, không bao giờ, không bao giờ, tôi không thể.

-Không thể với tôi ư? Với một đạo hữu ư? – Felten hét lên.

Milady nhìn chàng ta khá lâu với vẻ mặt khiến viên sĩ quan trẻ coi là ngờ vực, nhưng thật ra chỉ là quan sát và nhất là để khuynh đảo chàng.

Felten đến lượt mình chắp hai tay khẩn cầu.

-Thôi được? – Milady nói – Tôi tin người anh em của tôi. Tôi sẽ liều vậy!

Trong lúc đó, có tiếng bước chân của Huân tước De Winter.

Vậy là lần này người em chồng ghê gớm của Milady không chịu bỏ đi, sau khi đến ngang trước cửa như đêm trước, mà lại dừng lại ngang trước cửa như đêm trước, mà lại dừng lại trao đổi mấy câu với người lính canh, rồi cửa mở và ông ta hiện ra.

Trong khi ông ta trao đổi mấy câu, Felten đã vội lùi lại và khi ông ta vào thì chàng ta đã đứng cách xa nữ tù nhân mấy bước.

Nam tước từ từ bước vào, đưa con mắt dò xét hết nữ tù nhân sang đến viên sĩ quan trẻ, và nói: -John! Thế là ông ở đây khá lâu đấy nhỉ. Người đàn bà đó đã kể cho ông nghe những tội ác của bà ta rồi đấy nhỉ? Thảo nào chuyện trò lâu đến thế.

Felten rùng mình. Còn Milady cảm thấy mình nguy mất nếu không cứu anh chàng thanh giáo đang thất sắc kia.

-À, ông sợ nữ tù nhân của ông trốn thoát khỏi ông? – Nàng nói – Vậy thì, ông cứ hỏi viên giám ngục quý hóa của ông ngay lúc này xem tôi khẩn cầu ông ta ân huệ gì.

-Bà xin một ân huệ? – Huân tước hỏi với vẻ ngờ vực.

-Vâng, thưa Huân tước – chàng trai trẻ bối rối trả lời.

-Và ân huệ gì? – Ông Winter hỏi.

-Con dao – Felten trả lời – Một phút sau khi nhận được bà ấy sẽ trả lại tôi qua ô cửa có lưới sắt.

Huân tước De Winter hỏi tiếp bằng một giọng cợt nhạo và khinh bỉ: -Vậy ra có kẻ nào đó ẩn nấp ở đây nên con người yêu kiều này muốn cắt cổ!

-Có tôi đấy – Milady trả lời.

-Tôi đã cho bà được chọn giữa châu Mỹ và Tybum (pháp trường London). – Ông De Winter nói tiếp – Bà hãy chọn Tybum đi, hãy tin tôi, thừng ở đấy còn chắc hơn dao.

Felten tái người bước lên một bước, nghĩ tới lúc mình bước vào Milady đang cầm thừng.

Người tù nói: -Ông có lý. Và tôi đã nghĩ đến điều đó rồi – Rồi nàng tiếp bằng một giọng như tắc lại – Tôi sẽ còn nghĩ đến điều ấy.

Felten cảm thấy ớn lạnh đến tận xương tủy, có thể ông De Winter nhận ra thấy điều đó. Ông nói: -John, hãy cảnh giác, anh bạn ạ, ta tin cậy ở anh, anh hãy coi chừng? Ta đã báo trước cho anh rồi! Vả lại, hãy can đảm lên, chú em ạ, ba hôm nữa thôi là chúng ta được giải thoát khỏi con quái vật này và ở nơi ta gửi nó đến, nó sẽ không hại được ai nữa.

-Nghe thấy chưa? – Milady hét to.

Ông Huân tước tưởng rằng nàng nói với trời, còn Felten lại hiểu là nói với mình.

Felten cúi đầu và mơ màng.

Nam tước vừa nắm cánh tay kéo viên sĩ quan vừa ngoái cổ lại để không rời mắt khỏi Milady cho tới khi đã ra hẳn ngoài.

Khi cửa đã đóng lại, nữ tù nhân nói một mình:

"Xem nào, mình còn chưa tiến tới mức như mình tưởng, Winter đã thay đổi cách ngốc nghếch thường ngày của ông ta bằng một sự thận trọng mới lạ, lòng khao khát trả thù nó là như thế đó. Và cái lòng khao khát ấy nó lại rèn luyện con người ta? Còn Felten, gã ngần ngại. Hừm, đó không phải là một đấng mày râu như tên D'Artagnan khốn kiếp. Một gã Thanh giáo chỉ tôn thờ những nữ đồng trinh và chắp hai tay lại mà tôn thờ họ. Một ngự lâm quân lại thích những người đàn bà và khoanh tay yêu họ.

Tuy nhiên, Milady vẫn sốt ruột đợi chờ, bởi nàng vẫn ngờ rằng ngày hôm nay không thể trôi qua mà nàng lại không gặp lại Felten. Cuối cùng, một giờ sau cảnh tượng đó, nàng nghe thấy tiếng nói khẽ ngoài cửa, rồi thì cửa mở và nàng nhận ra Felten. Nàng nói: -Ông muốn gì tôi?

-Nghe đây – Felten khẽ trả lời – Tôi vừa đuổi tên lính canh đi để có thể ở lại đây mà người ta không biết tôi đến, để nói với bà mà người ta không nghe được điều tôi nói. Huân tước vừa kể cho tôi nghe một chuyện rùng rợn.

Milady nặn ra một nụ cười của nạn nhân chịu oan ức và lắc đầu.

-Hoặc bà đúng là một con quỷ – Felten tiếp tục – Hoặc Huân tước ân nhân của tôi, cha tôi là yêu tinh – Tôi mới biết bà được bốn ngày, tôi yêu ông ấy đã hai

năm – Vậy tôi có thể phân vân giữa hai người lắm chứ. Bà đừng hoảng sợ về những điều tôi nói với bà. Tôi cần được tin chắc. Đêm nay, sau nửa đêm, tôi sẽ đến gặp bà, và bà sẽ làm cho tôi tin.

-Không, Felten, không, người anh em ạ – Nàng nói – Sự hy sinh này lớn quá, và tôi cảm thấy nó quá đắt với ông. Không, tôi sẽ chết, nhưng đừng chết với tôi. Cái chết của tôi sẽ hùng hồn hơn cái sống của tôi nhiều và sự câm lặng của thây ma sẽ làm ông tin hơn nhiều những lời nói của một nữ tù nhân.

-Bà im đi và đừng nói với tôi như thế. Tôi đến đây để bà hứa danh dự với tôi, để bà thề với tôi trên những gì thiêng liêng nhất rằng bà sẽ không mưu hại đời bà.

-Tôi không muốn hứa – Milady nói – bởi không ai hơn tôi lại tôn trọng lời thề và nếu tôi đã hứa, thì tôi sẽ phải giữ lời.

-Vậy thì bà chỉ cam đoan thôi bà sẽ giữ như thế cho đến lúc gặp lại tôi vậy. Nếu khi bà đã gặp lại tôi bà vẫn khăng khăng như thế, thì, được thôi, bà sẽ tự do và chính tôi, tôi sẽ đưa cho bà vũ khí mà bà yêu cầu tôi.

-Thế thì… – Milady nói – Vì ông, tôi sẽ đợi.

-Bà thề đi.

-Tôi xin thề trước đức Chúa của chúng ta. Ông bằng lòng chưa?

-Tốt lắm – Felten nói – Hẹn đêm nay!

Và chàng ta lao ra khỏi căn phòng rồi đóng cửa lại và đợi ở bên ngoài, tay cầm ngọn đoản giáo của tên lính như thể đang đứng gác thay.

Người lính quay lại, Felten trả lại ngọn giáo cho anh ta.

Lúc đó, qua ô lưới cửa, mà nàng đã lại gần, Milady thấy chàng trai trẻ đang say sưa cuồng nhiệt làm dấu rồi theo hành lang đi khỏi với vẻ mừng vui đến tột đỉnh.

Về phần nàng, nàng quay lại chỗ mình ngồi với nụ cười man rợ khinh bỉ trên môi, rồi nàng vừa nhắc lại vừa báng bổ cái tên đáng sợ là Chúa mà nàng đã thề trên đó, mà chẳng bao giờ cần biết nó là cái gì.

-Chúa tôi ư? – Nàng nói – Hỡi tên cuồng tín rồ dại! Chúa tôi! Đấy là ta, chính ta là người sẽ giúp ta trả thù.

§56. Ngày thứ năm bị giam cầm

Tuy nhiên Milady cũng đã đạt được một nửa thắng lợi và kết quả thu được đã làm tăng sức mạnh của nàng lên gấp bội.

Cho đến lúc này, nàng đã chinh phục như thế không khó khăn gì những người đàn ông dễ buông thả cho nàng cám dỗ và bị lối giáo dục phong trình của triều đình lôi nhanh vào bẫy.

Milady lại khá đẹp nên họ khó cưỡng lại được sự thèm muốn về phần xác thịt và nàng cũng khá khôn ngoan để lôi cuốn họ vượt qua những trở ngại về tinh thần.

Nhưng lần này, nàng phải đấu tranh với một bản tính hoang dã, nén chịu, vô cảm vì quá khắc khổ. Tôn giáo và sự ăn năn đã biến Felten thành một kẻ trơ trơ trước những quyến rũ thông thường. Trong cái đầu đang bốc đồng ấy, những chương trình rộng lớn, những dự tính hỗn loạn đang quay cuồng đến nỗi không còn chỗ cho bất cứ mối tình nào. Đó là thứ tình cảm thất thường hoặc vốn đã như thế, tự dưỡng bằng nhàn hạ và lớn lên bởi sự đồi trụy. Vậy là Milady bằng sự đạo đức giả, đã đột phá được vào tư tưởng của một gã đàn ông đã được phòng ngừa trước kịch liệt chống lại nàng, và bằng sắc đẹp, nàng đã đột phá được vào trái tim và tình cảm của một người đàn ông trinh trắng và trong sạch. Rốt cuộc, nàng đã lao theo những biện pháp, những thủ đoạn cho đến nay vẫn còn xa lạ với nàng, cho cuộc thí nghiệm tiến hành trên một chủ thể bất trị nhất mà tạo hóa và tôn giáo đành để nàng nghiên cứu.

Thế nhưng suốt buổi tối, nhiều lần nàng đã thấy thất vọng về số phận và bản thân mình. Nàng không kêu cầu Chúa, nhưng lại tin ở thần ác, cái quyền lực tối cao bao la ngự trị trong một ngóc ngách của cuộc sống, và như trong ngụ ngôn Ả Rập, chỉ một hạt lựu cho cái quyền lực ấy cũng đủ để xây dựng lại một thế giới đã mất.

Milady sau khi đã chuẩn bị rất cẩn thận để tiếp Felten, tha hồ vạch ra những kế hoạch cho ngày hôm sau. Nàng biết mình chỉ còn có hai ngày, một khi lệnh đã được Buckingham ký và Buckingham lại càng ký quá dễ dàng cái lệnh mang một tên giả và ông ta cũng chẳng thể nhận ra người đàn bà đang định giết mình. Một khi lệnh đã ký, Huân tước sẽ đưa nàng lên tàu ngay tức khác, và nàng cũng biết những người đàn bà bị tội lưu đày sử dụng vũ khí quyến rũ yếu hơn những người được cho là đức hạnh, lại được mặt trời thế gian làm rạng rỡ thêm sắc đẹp, cùng giọng nói kiểu cách phô trương dòng dõi, và ánh xạ quý tộc nạm vàng thêm những tia sáng mê hồn của họ. Một người đàn bà bị tội hình khốn nạn và đê nhục không phải ở chỗ bị ngăn không cho đẹp, mà luôn có một trở ngại để không bao giờ lại trở nên mạnh mẽ. Như những người thực sự có tài, Milady hiểu rõ môi

trường nào thì thích hợp với bản chất và những thủ đoạn của mình. Sự nghèo khó làm cho nàng thấy ghê tởm. Sự hèn hạ làm giảm hai phần ba sự vĩ đại của nàng. Milady chỉ là nữ hoàng trong số các nữ hoàng. Nàng cần phải có khoái lạc, lòng kiêu hãnh được thỏa mãn trong khi trị vì. Điều khiển những kẻ thấp kém hơn đối với nàng là một sự sỉ nhục hơn là một khoái lạc.

Chắc chắn nàng sẽ trở lại từ chốn lưu đày, không một phút giây nào nàng nghi ngờ điều đó. Nhưng cuộc lưu đầy này sẽ kéo dài bao lâu? Đối với một bản tính năng động và đầy tham vọng như Milady, những ngày mà người ta không thiết gì ngoi lên nữa là những ngày tệ hại. Vậy thì hãy tìm xem có cái từ nào để đặt tên cho những ngày mà người ta dùng để tụt xuống hay không? Mất một năm, hai năm, ba năm, có nghĩa là vĩnh viễn.

Trở về khi D'Artagnan và các bạn mình sung sướng và chiến thắng, đón nhận phần thưởng của hoàng hậu, xứng với công lao họ đã phục vụ bà ta, đó là những ý nghĩ vò xé mà một người đàn bà như Milady không thể chịu nổi. Hơn nữa, cơn giông tố gầm thét trong lòng nàng làm tăng gấp đôi sức mạnh, nếu như thể xác nàng có được một giây lát thôi cái sức vóc của trí tuệ nàng, có lẽ nàng đã cho nổ tung những bức tường của cái phòng tù giam nàng này rồi.

Rồi giữa mọi cái đó lại còn kỷ niệm về Giáo chủ cũng thôi thúc nàng. Ông Giáo chủ đa nghi cả nghĩ và luôn ngờ vực đó nghĩ gì, nói gì về sự im lặng của nàng. Giáo chủ, chỗ dựa duy nhất của nàng, người duy nhất ủng hộ nàng, người che chở duy nhất cho nàng trong hiện tại, mà còn là công cụ chính của vận mệnh nàng và sự báo thù của nàng trong tương lai. Nàng hiểu ông ta. Nàng biết rằng khi trở về, sau một cuộc hành trình vô ích, nàng có đổ cho việc vì tù tội, có khoa trương thêm những đau khổ phải chịu cũng chỉ vô ích, Giáo chủ sẽ trả lời với vẻ dửng dưng giễu cợt của kẻ theo chủ nghĩa hoài nghi đầy quyền lực vừa bởi sức mạnh lẫn thiên tài: "Không nên để bị bắt mới phải?"

Thế là Milady liền dồn hết nghị lực lại thầm gọi trong thâm tâm cái tên Felten, thứ ánh sáng mặt trời duy nhất còn lọt được tới nàng ở đáy địa ngục nơi nàng đã sa xuống. Và giống như một con rắn cuộn lại các đốt thân rồi duỗi ra etể tự lường sức mình, nàng đã cuộn trước Felten vào hàng ngàn các nếp gấp của trí tưởng tượng sáng tạo của mình.

Tuy nhiên, thời gian trôi đi, giờ này. qua giờ khác lại nhừ đánh thức cái chuông khi đi qua và mỗi tiếng nện vào đồng thau lại ngân vang trong lòng nữ tù nhân. Lúc chín giờ, Huân tước De Winter lại đến thăm như thường lệ, nhìn cửa sổ và song sắt, dò xét sàn nhà và tường bao, kiểm tra lò sưởi và các cửa đi, và trong suốt cuộc thăm viếng lâu dài và tỉ mỉ đó, cả ông lẫn Milady không thốt lên một lời nào.

Chắc hẳn cả hai đều hiểu tình thế đã trở nên quá nghiêm trọng, không nên để mất thời gian vào những câu nói vô ích và giận dữ vô hiệu quả.

-Tốt rồi! – Huân tước rời khỏi căn phòng và nói – Đêm nay thì bà chưa trốn thoát được đâu?

Lúc mười giờ Felten tới xếp lính canh. Milady nhận ra bước chân chàng ta. Lúc này nàng đoán ra được bước chân của chàng ta như một tình nương đoán được bước chân của người tình mình yêu bằng hết con tim, trong khi ấy Milady vừa ghét vừa khinh kẻ cuồng tín hèn yếu đó, chưa đến giờ hẹn, Felten không vào.

Hai giờ sau, chuông điểm nửa đêm, lính canh được thay phiên.

Lần này là đúng giờ rồi. Vì thế, từ lúc ấy, Milady nóng lòng mong đợi.

Người lính canh mới bắt đầu đi dạo trong hành lang.

Mười phút sau, Felten đến.

Milady lắng tai nghe.

-Nghe đây – viên sĩ quan trẻ bảo người lính canh – bất cứ chuyện gì, anh cũng không rời xa chiếc cửa này, bởi anh cũng biết đêm trước một lính canh đã bị Huân tước phạt vì đã rời vị trí trong giây lát, và trong khi ấy chính tôi, trong lúc anh ta vắng mặt khoảng thời gian ngắn, đã phải gác thay.

-Vâng, tôi biết – người lính nói.

-Vậy tôi nhắc anh phải canh giữ cho nghiêm. Còn tôi, tôi sẽ vào kiểm tra lại lần nửa căn buồng của mụ đàn bà này, sợ rằng mụ vẫn toan tính tự hại mình và tôi được lệnh phải trông coi.

-Tốt – Milady, lẩm bẩm – thế là tên Thanh giáo khắc kỷ đã nói dối rồi!

Còn về người lính, anh ta cười trừ và nói: -Mẹ kiếp! Thưa trung úy. Ông không thấy khốn khổ khi được giao nhiệm vụ như thế sao, nhất là nếu Huân tước lại cho phép ông được nhòm vào tận giường mụ ta nữa.

Felten đỏ mặt, trong trường hợp khác chắc chàng ta đã quở mắng người lính dám đùa cợt như vậy, nhưng ý thức của chàng lại lớn tiếng thầm thì khiến miệng chàng không dám nói.

-Nếu tôi gọi – chàng ta nói – thì anh đến, còn nếu có ai đến, nhớ gọi tôi.

-Vâng, thưa trung úy – người lính nói.

Felten vào phòng Milady, Milady đứng dậy.

-Ông đấy ư? – Nàng nói.

-Tôi đã hứa với bà sẽ đến – Felten nói – và tôi đã đến.

-Ông còn hứa với tôi một điều khác nữa.

-Điều gì vậy? Chúa ơi! – Chàng trai trẻ nói và mặc dầu cố làm chủ mình chàng ta vẫn cảm thấy hai đầu gối cứ run lên và mồ hôi lấm tấm trên trán.

-Ông đã hứa mang đến cho tôi con dao và sau khi chúng ta trao đổi hãy để mặc tôi.

-Đừng nói thế, thưa bà – Felten nói – Không có cảnh ngộ nào dù cho có khủng khiếp đến đâu, cho phép một sinh linh của Chúa được tự giết mình. Tôi đã suy nghĩ, không bao giờ tôi cho phép mình phạm một tội như thế.

-À, ông đã nghĩ rồi! – Nữ tù nhân vừa nói vừa ngồi xuống chiếc ghế bành với nụ cười khinh thị – và tôi nữa, tôi cũng đã nghĩ rồi.

-Đến điều gì?

Nghĩ rằng tôi chẳng có gì để nói với một con người không giữ lời hứa.

-Ôi, Chúa ơi! – Felten lẩm bẩm.

-Ông có thể rút lui – Milady nói – tôi sẽ không nói nữa đâu.

-Đây dao đây! – Felten nói và rút từ trong túi ra thứ vũ khí mà chàng ta đã hứa sẽ mang đến nhưng lại ngần ngại trao lại cho nữ tù nhân.

-Đưa cho tôi xem đã.

-Để làm gì?

-Thề danh dự, tôi sẽ trả lại ông ngay tức khắc. Ông cứ để trên bàn ấy và ông vẫn sẽ đứng giữa con dao và tôi kia mà.

Felten chìa con dao cho Milady. Nàng chăm chú quan sát nước thép và ướm thử mũi dao bằng đầu ngón tay.

-Tốt lắm – nàng vừa nói vừa trả lại con dao cho viên sĩ quan trẻ – Con dao này toàn bằng thép tốt. Felten, ông đúng là một người bạn chung thủy.

Felten cầm lại con dao và đặt nó lên bàn tay như vừa thỏa thuận với nữ tù nhân.

Milady đưa mắt nhìn theo và tỏ ra hài lòng. Nàng nói: -Bây giờ, nghe tôi nói đây.

Sự yêu cầu này là vô ích, viên sĩ quan trẻ đứng trước mặt nàng đang đợi nàng nói để ngốn ngấu từng lời.

Milady nói với một vẻ trang trọng đầy sầu muộn: -Felten, nếu em gái ông, con gái của cha ông bảo ông: "Từ khi còn trẻ, lại không may khá đẹp, người ta đã cho em sa bẫy, em đã chống cự lại, người ta tăng gấp bội cạm bẫy và bạo lực xung quanh em, em vẫn chống lại, người ta liền lăng mạ tôn giáo em theo, lăng mạ đức Chúa em tôn thờ, bởi em cầu cứu đến đức Chúa và tôn giáo ấy, em chống lại, thế là họ thả sức làm nhục em, và vì họ không thể làm hại linh hồn em, họ định làm nhơ nhuốc thể xác em mãi mãi, rốt cuộc …"

Milady dừng lại và một nụ cười cay đắng lướt trên môi.

-Rốt cuộc – Felten nói – rốt cuộc họ đã làm gì em?

-Rốt cuộc, một buổi tối, người ta quyết định làm tê liệt tinh thần phản kháng mà người ta không thể thắng được đó. Một buổi tối, người ta hòa vào nước uống của em một liều thuốc mê mạnh, em vừa ăn xong bữa cơm, đã cảm thấy mình dần dần rơi vào một trạng thái hôn mê xa lạ. Cho dù em chẳng một chút nghi ngờ, một nỗi sợ hãi mơ hồ vẫn xâm chiếm em, em cố chống lại cơn buồn ngủ, em đứng dậy, em muốn chạy đến cửa sổ kêu cứu nhưng chân em không chịu cất bước, em thấy hình như trần nhà hạ thấp xuống đầu em và đè nặng lên em. Em dang hai tay ra, em cố nói, em chỉ có thể thốt ra mấy tiếng ú ớ, toàn thân em tê

dại không thể nào cưỡng nổi, em bíu vào chiếc ghế bành, cảm thấy mình sắp ngã, nhưng rồi cánh tay em rã rời không đủ sức vịn vào ghế nữa, em quỵ một gối xuống, rồi cả hai, em muốn cầu nguyện, lưỡi em đã cứng lại rồi. Hẳn là Chúa không trông thấy cũng không nghe thấy em, em nằm soài trên sàn nhà và làm mồi cho giấc ngủ mê như chết.

Em không còn nhớ gì về tất cả những điều diễn ra trong giấc ngủ và giấc ngủ kéo dài trong thời gian bao lâu. Điều duy nhất em còn nhớ là khi tỉnh dậy thấy mình nằm trong một căn buồng tròn, đồ đạc sang trọng, và ánh sáng chỉ lọt vào qua lỗ cửa sát trần nhà. Vả chăng, hình như cũng chẳng có chiếc cửa ra vào nào. Có thể nói đây là một phòng tù lộng lẫy.

Phải rất lâu, em mới có thể nhận ra mình đang ở đâu, và nhớ lại được mọi tình tiết. Đầu óc em như thể vật lộn một cách vô ích để xua đi những bóng tối nặng nề của giấc ngu mà em vẫn chưa thể dứt ra hẳn. Em có những cảm giác mơ hồ về quãng đường đã đi qua, về tiếng bánh xe lăn, về một giấc mơ rùng rợn trong đó sức lực em bị cạn kiệt, nhưng tất cả những cái đó đều quá mờ tối, quá lơ mơ trong ý nghĩ của em, cứ như thể những biến cố đó thuộc về một cuộc sống khác với cuộc sống của em, tuy nhiên lại hòa trộn vào cuộc sống của em bởi một tính nhị nguyên kỳ quặc.

Đôi lúc, em ở trong trạng thái đến lạ lùng, em cứ tưởng như mình đang mơ. Em đứng lên lảo đảo, quần áo em ở ngay bên em, vắt lên thành ghế, em cũng chẳng nhớ mình đã cởi bỏ quần áo cũng chẳng nhớ việc mình đã nằm ngủ. Thế rồi dần dần thực tế hiện ra trước em đầy nỗi kinh hoàng về trinh tiết. Em không còn trong ngôi nhà em vẫn cư trú nữa. Cứ theo như ánh sáng mặt trời mà đoán, có thể ngày đã xế chiều, thế là em đã ngủ suốt cả tối hôm trước đến chiều hôm sau, gấâc ngủ kéo dài gần hai mươi bốn giờ. Cái gì đã diễn ra trong suốt giấc ngủ dài như thế?

Em vội mặc quần áo nhanh chừng nào hay chừng ấy. Mọi cử động của em đều chậm chạp và tê cứng chứng tỏ ảnh hưởng của thuốc mê chưa hoàn toàn tan hết. Hơn nữa, căn buồng lại chỉ trang bị để tiếp nhận một phụ nữ, và cô gái ưa đỏm dáng nhất còn chưa kịp muốn gì, thì khi lướt mắt nhìn quanh căn phòng, đã thấy ước muốn ấy được hoàn tất rồi.

Chắc chắn, em không phải là người con gái đầu tiên bị nhốt trong cái nhà tù tráng lệ này. Nhưng Felten, anh cũng hiểu, nhà tù càng đẹp, em càng hoang mang.

Phải, đó là một cái nhà tù, bởi em càng cố thoát ra cũng vô ích. Em dò tìm cả bốn bức tường để phát hiện ra một chiếc cửa, cả bốn bức tường đều phát lại tiếng kêu bịch bịch chắc nịch.

Em đi vòng quanh căn phòng có lẽ đến hai chục lượt để tìm một lối ra nào đó mà không có. Em buông mình xuống chiếc ghế bành, suy sụp vì mệt mỏi và hãi

hùng.

Trong khi đó đêm xuống rất nhanh, nỗi kinh hoàng của em càng tăng lên. Em không biết liệu có nên ngồi im ở đấy hay không, em thấy hình như em sắp ngã đến nơi. Cho dù em không ăn một chút gì từ đêm trước, nhưng vì quá sợ nên em cũng chẳng cảm thấy đói.

Không có lấy một tiếng vang nào từ bên ngoài lọt vào khiến em tính được thời gian. Em chỉ đoán phỏng chừng có thể là bảy hoặc tám giờ tối, bởi lúc đó là tháng mười nên đã tối hoàn toàn.

Bất thình lình tiếng cánh cửa quay trên bản lề làm em giật mình, một quả cầu lửa hiện ra bên trên ô cửa kính sát trần, rọi ánh sáng chói chang vào phòng và em kinh hãi nhận thấy một người đàn ông đứng cách em mấy bước.

Một bàn ăn đủ các món cho hai suất tối đã dọn sẵn như do ma thuật được kê ở giữa phòng.

Người đàn ông đó là kẻ đã theo đuổi em từ một năm nay, đã thề làm nhục em và mấy câu đầu tiên từ cửa miệng hắn, em hiểu ngay hắn đã hoàn thành cái việc làm nhục em đêm trước.

-Tên đê mạt! – Felten lẩm bẩm.

-Ồ đúng, tên đê mạt! – Milady kêu lên và thấy rõ viên sĩ quan quan tâm đến câu chuyện ly kỳ này đến mức linh hồn như thể bị treo trên đầu lưỡi mất rồi – Đúng hắn là một tên đê mạt? – Hắn tưởng chỉ cần thắng được em trong giấc ngủ là xong được lời thề. Hắn đến, hy vọng em chấp nhận nỗi ô nhục của em, vì nỗi ô nhục ấy được làm tròn rồi. Hắn đến dâng tài sản của hắn cho em để đổi lấy tình yêu.

Con tim cao thượng của người phụ nữ có thể khinh bỉ và miệt thị bao nhiêu, em đều trút lên đầu hắn. Nhưng chắc hắn đã quen bị trách mắng như thế bởi hắn vẫn thản nhiên nghe em, hai tay khoanh trước ngực mỉm cười. Rồi khi hắn tưởng em đã nói hết, hắn tiến lại phía em, em chồm lại cái bàn, cầm lấy con dao, dí vào ngực mình mà nói: “Tiến lên một bước thôi thì ngoài nỗi ô nhục của tôi, ông sẽ còn phải ân hận về cái chết của tôi nữa.”

Chắc là trong mắt em, giọng nói của em, trong toàn bộ người em, cử chỉ, tư thế, âm sắc đều toát lên vẻ chân thực khiến những kẻ có tà tâm nhất cũng phải tin, bởi hắn đã dừng lại và nói: “Cái chết của nàng ư? Ồ, không, nàng là một người tình yêu kiều nhất, ta lại chịu để chết đi như thế, sau khi mới chỉ được một lần có được cái hạnh phúc chiếm hữu nàng sao. Tạm biệt, giai nhân của ta! Ta sẽ đợi, tinh thần, tâm lý nàng khá hơn, ta sẽ trở lại thăm nàng.”

Nói rồi, hắn thổi một tiếng còi, quả cầu lửa chiếu sáng phòng em, nâng lên rồi biến mất, em lại hoàn toàn trong bóng tối. Một lát sau vẫn tiếng kẹt cửa đã mở ra nay lại đóng vào, và quả cầu sáng chói lại hạ xuống, em chỉ còn trơ lại một mình.

Khoảnh khắc ấy thật ghê rợn, nếu như em còn đôi chút nghi ngờ về nỗi bất hạnh của mình, thì những nghi ngờ ấy đã tàn lụi trong một thực tế tuyệt vọng. Em đã ở trong tay một kẻ không những em ghét bỏ mà còn khinh bỉ nữa, một kẻ có khả năng làm tất cả mọi điều và đã từng chứng tỏ với em một cách tàn nhẫn những gì hắn có thể làm.

-Nhưng cái con người ấy là kẻ nào vậy? – Felten hỏi.

-Em ngồi suốt đêm trên cái ghế, nghe tiếng động nhỏ cũng giật mình, bởi gần nửa đêm, đèn tắt, em lại ngồi trong bóng tối nhưng rồi đêm qua đi không có thêm một toan tính mới nào của kẻ ngược đãi em nữa. Ngày lại tới. Chiếc bàn đã biến mất, có điều em vẫn còn con dao trong tay. Con dao, đó là niềm hy vọng của em.

Em rã rời vì mệt mỏi. Sự mất ngủ làm mắt em đỏ lên, em lại không dám ngủ lấy một giây. Ban ngày làm em yên tâm, em chạy lại buông mình xuống giường không rời con dao giải thoát mà em giấu dưới gối.

Khi em thức dậy, một bàn ăn mới đã được dọn ra.

Lần này, mặc dầu bao nỗi hãi hùng, bất chấp những mối lo âu, em cảm thấy một cái đói cào cấu. Đã bốn tám giờ em không ăn một chút gì. Em ăn chiếc bánh, một ít trái cây, rồi lại nhớ đến thuốc mê hòa vào nước em uống hôm trước, em không động đến một giọt bày trên bàn nữa mà ra chỗ tắm rừa, rót đầy một cốc ở vòi nước đá hoa gắn ở tường.

Tuy nhiên, mặc dầu đã đề phòng như vậy, em vẫn trong tình trạng lo ngại ghê gớm khá lâu, nhưng lần này những mối sợ đã không có cơ sở. Suốt ngày hôm ấy, em không thấy gì giống như em lo sợ.

Em đã thận trọng đổ bớt nửa bình nước để họ không biết em nghi ngờ.

Tối buông xuống cùng với bóng đêm, tuy nhiên, dù như bưng như bít, mắt em bắt đầu quen dần. Giữa bóng đêm em trông thấy chiếc bàn thụt sâu xuống dưới sàn, mười lăm phút sau nó lại hiện lên mang cho em bữa tối. Một lát sau vẫn nhờ cái đèn ấy, phòng em lại sáng choang.

Em quyết định chỉ ăn những loại thức ăn mà người ta không thể trộn lẫn thuốc ngủ: hai quả trứng và ít trái cây là đủ bữa cơm cho em, rồi em lại rót một cốc nước ở cái vòi nước bảo trợ mà uống.

Mấy ngụm đầu, em thấy nó không giống như vị ban sáng, em nghi ngờ ngay và dừng lại, nhưng em cũng đã uống mất nửa cốc rồi.

Em đổ phần còn lại đi hãi hùng chờ đợi, mồ hôi vã ra trán.

Chắc hẳn, có một nhân chứng vô hình đã nhìn thấy em uống nước ở chiếc vòi ấy và đã lợi dụng lòng tin của em để hại em cho em chắc chắn hơn, và kẻ đó đã quyết định một cách lạnh lùng, theo đuổi rất chi tàn bạo.

Chưa được nửa giờ sau, vẫn những triệu chứng cũ lại xảy ra.

Có điều, lần này em mới chỉ uống có nửa cốc nước, nên em chống lại được lâu hơn, và đáng lẽ hoàn toàn ngủ thiếp đi, em rơi vào tình trạng chập chờn thức

tỉnh, vẫn cảm nhận được những gì diễn ra xung quanh em, nhưng không còn đủ sức để tự vệ hoặc chạy trốn nữa.

Em lê người đến giường để tìm phương tiện bảo vệ duy nhất còn lại, đó là con dao cứu mạng. Nhưng em chỉ đến được đầu giường là quỵ gối xuống, hai tay em bám chặt lấy chân giường, thế là em hiểu rằng em nguy mất.

Felten tái người một cách ghê rợn, một cơn run rẩy co quắp chạy khắp toàn thân. Milady tiếp tục, lạc giọng đi như thể vẫn còn cảm thấy mối lo trong cái khoảnh khắc hãi hùng đó: -Điều ghê rợn nhất là lần này em có ý thức về mối nguy đang đe dọa mình, là em có thể nói linh hồn mình vẫn thức trong cái thể xác đã ngủ thiếp, là em đã trông, đã nghe thấy, đúng là tất cả những cái đó như trong một cơn mơ, nhưng đó lại chỉ là một cơn mơ hãi hùng nhất.

Em thấy ngọn đèn dâng lên rồi dần dần để em lại trong bóng tối, rồi em nghe thấy tiếng động quen thuộc của chiếc cửa, cho dù nó mới chỉ được mở ra có hai lần.

Bằng bản năng, em cảm thấy người ta lại gần em, giống như một kẻ không may lạc trong những sa mạc châu Mỹ cảm thấy con rắn đến gần.

Em muốn cố làm một điều gì đó, em đã thử kêu lên, bằng một quyết tâm không thể tưởng tượng nổi, em đã vùng đứng lên được nhưng rồi lại ngã xuống ngay và ngã vào hai cánh tay tên ngược đãi em.

-Hãy nói cho tôi biết kẻ đó là ai đi! – Viên sĩ quan trẻ kêu lên.

Chỉ cần liếc mắt cái, Milady đã thấy hết nỗi đau đớn của Felten mà nàng đã gợi ra cho anh ta, nàng xem xét lại từng chi tiết của câu chuyện kể, không định tha cho anh ta bất kỳ một sự cắn rứt nào kết. Càng làm cho cõi lòng anh ta tan nát bao nhiêu, càng chắc chắn anh ta sẽ báo thù cho nàng bấy nhiêu. Nàng tiếp tục, làm như không nghe thấy tiếng kêu than của anh ta, hoặc cũng có thể nàng nghĩ chưa đến lúc trả lời câu hỏi đó.

-Có điều, lần này không còn là chuyện tên đê tiện giở trò với một cái xác bất động, không một chút tình cảm nào như lần trước nữa. Như đã nói với anh đấy, tuy không thể tìm lại được sự thuần thục của các khả năng của mình nữa, em vẫn còn cảm nhận được mối nguy, em chống lại bằng toàn bộ sức lực của mình, và dù sức đã yếu lắm rồi, em vẫn chống lại được khá lâu, bởi em nghe thấy tiếng hắn kêu lên: "Lũ đàn bà Thanh giáo khốn kiếp! Ta thừa biết chúng thường làm cho lũ đao phủ của chúng phải mệt nhoài, nhưng ta cứ tưởng chúng yếu hơn khi cưỡng lại những người tình của chúng!."

Than ôi, cuộc chống cự tuyệt vọng ấy không thể kéo dài mãi, em cảm thấy sức lực mình cạn kiệt dần, và lần này, không phải tên đê tiện lợi dụng em trong giấc ngủ nữa mà là lúc em bị xỉu đi.

Felten lắng nghe, không thất ra một lời nào ngoài một tiếng gầm khan, duy chỉ có mồ hôi đầm đìa trên vầng trán lạnh như đá, và bàn tay giấu trong áo cấu xé

ngực mình.

-Khi tỉnh dậy, hành động đầu tiên của em là tìm dưới gối con dao mà em đã không với đến được. Nếu như nó đã không dùng gì được cho việc tự vệ, ít ra nó cũng có thể dùng cho việc chuộc tội. Nhưng cầm con dao, Felten ạ, một ý nghĩ khủng khiếp chợt đến với em. Em đã thề nói hết với ông, vậy em sẽ nói hết. Em đã hứa với ông nói hết sự thật, vậy em sẽ nói ra sự thật, dù sự thật đó có thể hại em.

-Ý nghĩ sẽ trả thù tên đàn ông đó, có phải không? – Felten hỏi.

-Vâng, đúng thế đấy – Milady nói – ý nghĩ đó không xứng với một tín đồ, em biết thế, chắn hẳn tên kẻ thù vĩnh viễn của linh hồn chúng ta, con sư tử đực gầm thét không ngừng xung quanh chúng ta đã thổi vào đầu óc em cái ý nghĩ đó. Rốt cuộc, em biết nói gì với ông đây, Felten? – Milady tiếp tục với giọng điệu một người đàn bà tự buộc tội mình – Ý nghĩ ấy đến với em và chắc chắn sẽ không bao giờ rời khỏi em nữa. Chính là do cái ý nghĩ sát nhân đó mà giờ đây em đang phải chịu trừng phạt.

-Tiếp tục đi, tiếp tục – Felten nói – Tôi đang mong đến đoạn báo thù.

-Ồ, Em quyết định việc trả thù tiến hành càng sớm càng tốt, em tin chắc đêm sau thế nào hắn cũng đến. Ban ngày, em chẳng có gì phải sợ. Vì vậy, tới giờ ăn sáng, em cứ việc thoải mái ăn uống. Bữa tối em quyết định giả vờ ăn nhưng chẳng ăn gì cả. Muốn vậy em phải lấy việc ăn bữa sáng chống chọi lại cái đói bữa tối.

-Có điều, em phải bớt một cốc nước bữa sáng giấu đi, cái khát đã từng làm em khổ sở, nhất là khi em bốn tám tiếng đồng hồ không ăn không uống.

Ngày trôi đi không có một chút tác động nào đến em, ngoài việc càng quyết tâm hơn ý định trả thù. Có điều em cần giữ sao cho vẻ mặt mình không phản lại ý nghĩ thầm kín trong lòng, bởi em tin chắc em sẽ bị quan sát, nhiều lúc, em còn cảm thấy có cả nụ cười trên môi mình nữa. Felten ạ, em không dám nói ra với ông em mỉm cười vì đã nghĩ gì đâu, em sợ ông kinh tởm em vì điều đó.

-Tiếp tục đi, tiếp tục đi – Felten nói – bà biết rõ tôi đang lắng nghe mà và tôi đang nóng ruột nghe nó đi đến đâu.

-Rồi trời lại tối, những sự cố thông thường lại được hoàn tất. Trong bóng tối, như thường lệ, bữa tối lại được dọn ra, rồi đèn lại thắp sáng, em ngồi vào bàn ăn.

Em chỉ ăn mấy trái cây thôi, em vờ như rót nước từ bình nước nhưng chỉ uống nước em đã trữ sẵn trong cốc, hơn nữa, việc đánh tráo được tiến hành rất khéo khéo khiến cho những kẻ rình mò không một chút nghi ngờ.

Sau bữa tối, em làm như có những dấu hiệu lơ lơ như đêm trước, nhưng lần này, em làm như không thắng nổi mệt mỏi hoặc như thể đã quen với hiểm nguy, em lê người tới giường cởi váy áo và đi nằm.

Lần này, em tìm lại được con dao dưới gối, giả vờ ngủ, tay nắm chặt chuôi dao.

Hai giờ trôi qua không xảy ra chuyện gì mới cả. Lần này, ô, Chúa ơi! Tối qua đâu có chuyện đó! Em bắt đầu lo hắn không đến.

Cuối cùng, em cũng thấy đèn nâng lên nhẹ nhàng và biến mất trong chiều sâu của trần nhà, căn buồng em toàn là bóng tối nhưng em cố sức nhìn xuyên qua bóng đêm.

Khoảng gần mười phút trôi qua. Em chẳng nghe thấy tiếng gì khác ngoài tiếng đập của trái tim mình.

Em cầu trời cho hắn tới. Cuối cùng, em cũng nghe thấy tiếng động cửa quen thuộc mở ra và đóng lại. Mặc dầu thảm trải khá dầy, em vẫn nghe thấy tiếng sàn nhà kêu khẽ. Mặc dầu bóng đêm dày đặc, em vẫn nhìn thấy một bóng người lại gần giường em.

-Nhanh lên, nhanh lên nào! – Felten nói – Bà không thấy mỗi lời nói của bà đều như thiêu đốt lòng tôi ư?

-Thế là – Milady tiếp tục – em tập trung hết sức lực, em nhớ ra đây là lúc trả thù hay đúng hơn, tiếng chuông công lý đã điểm. Em tự coi mình như một nàng Judita khác, em thu mình lại, dao trong tay và khi em đã thấy hắn ở bên em và đang dang rộng hai tay để tìm nạn nhân của hắn, thế là thét một tiếng cuối cùng đau đớn và tuyệt vọng, em phóng dao vào ngực hắn.

Tên khốn kiếp! Hắn đã đề phòng. Ngực hắn đã che một tấm lưới sắt Con dao quằn lại. "Chà!" – Hắn kêu lên, nắm lấy cánh tay em, giật lấy con dao đã chẳng làm nổi việc gì. "Chà, người đẹp Thanh giáo, nàng định giết ta ư? Nhưng thế thì còn hơn cả căm hận, như thế là sự bội bạc! Thôi nào, hãy bình tĩnh lại, cô bé xinh đẹp của ta? Ta cứ tưởng nàng đã dịu dàng lên rồi. Ta đâu phải một tên bạo chúa dùng sức mạnh để giữ chặt đàn bà. Nàng không yêu ta. Ta vốn tự phụ nên không tin điều đó. Giờ thì ta tin chắc rồi. Ngày mai nàng sẽ được tự do"

Em chỉ có một ước muốn, đó là hắn giết em đi vì vậy em bảo hắn: "Hãy coi chừng, bởi tự do của tôi, chính là sự ô nhục của ông" – " Nói rõ ra xem nào, cô đồng bóng xinh đẹp của ta" "Đúng thế đấy, bởi ra khỏi đây một cái, là tôi sẽ nói hết, tôi sẽ nói ông đã dùng bạo lực đối với tôi, tôi sẽ nói việc tôi bị giam cầm, tôi sẽ tố cáo cái lâu đài đê nhục này, ông quyền quý cao sang thật đấy, nhưng hãy biết run sợ! Trên ông còn có Vua, trên Vua còn có Thượng đế."

Kẻ ngược đãi em có vẻ tự chủ đến thế, mà cũng không tránh khỏi hầm hầm giận dữ. Em không thể nhìn rõ nét mặt hắn, nhưng em cảm thấy cánh tay hắn run lên trong bàn tay em.

"Thế thì nàng sẽ không ra khỏi đây nữa!" – Hắn nói thế. Em kêu lên: "Được, được thôi! Thế thì nơi tôi bị khổ hình cũng sẽ là nấm mồ của tôi. Được, tôi sẽ chết ở đây. Và ông sẽ thấy liệu một hồn ma tố cáo ông có khủng khiếp hơn một

người sống hàm dọa ông không." – "Người ta sẽ không để lại cho nàng một thứ vũ khí nào để mà tự sát!." "Có một thứ vũ khí mà sự tuyệt vọng đã đặt trong tầm tay của bất cứ kẻ nào có đủ dũng khí dùng đến nó. Tôi sẽ để mình chết đói." Tên khốn nạn nói: "Nghĩ xem, hòa bình lại không hơn là chiến tranh? Ta sẽ trả tự do cho nàng ngay tức khắc. Ta ban tiết hạnh cho nàng, ta tôn nàng lên hàng Lucrét của nước Anh[136]. "Còn tôi, tôi bảo ông là một tên Xếchtútx, tôi sẽ vạch mặt ông trước mọi người, như tôi đã từng vạch mạch ông trước Chúa, và nếu cần phải như Lucrét, ký vào bản cáo trạng bằng máu của mình, tôi sẽ ký." Kẻ thù của em nói bằng một giọng nhạo báng: "Ồ, đó lại là chuyện khác. Thật ra, suy cho cùng, nàng ở đây cũng tốt, nàng chẳng thiếu thứ gì và nếu như nàng muốn nhịn cho chết đói thì đó là lỗi của nàng."

Nói rồi, hắn rút lui. Em nghe thấy tiếng cửa mở rồi lại đóng và em xin thú thật, em vẫn còn chìm đắm trong nỗi đau, nhưng vẫn không bằng việc chưa trả được thù.

Hắn giữ lời hứa với em. Suốt cả ngày rồi cả đêm hôm sau trôi qua mà em không gặp lại hắn. Nhưng em cũng giữ lời, em không ăn, không uống, em quyết định, như đã nói với hắn, sẽ để mình chết đói.

Đêm ngày em cầu nguyện bởi em hy vọng Chúa sẽ tha tội tự sát cho em.

Đêm thứ hai, cửa mở, em nằm lăn dưới đất sức lực rời rã. Nghe tiếng động, em chống tay ngồi dậy. "Thế nào! – Một giọng nói rung lên khủng khiếp bên tai em khiến em không nhận ra ai nữa – Thế nào? Chúng ta đều mát tính bớt một chút rồi chứ? Và nàng sẽ trả giá cho tự do của mình bằng một lời hứa sẽ lặng im chứ? Nghe đây, ta vốn là một ông hoàng tốt bụng – hắn nói thêm – cho dù không ưa bọn Thanh giáo, ta vẫn công bằng với họ, với đàn bà Thanh giáo khi họ đẹp, cũng thế thôi. Vậy nàng hãy thề một chút trước cây thánh giá, ta không đòi hỏi gì hơn đâu?" "Thề trên thánh giá ư?" – Em vừa đứng dậy vừa kêu lên, bởi nghe cái giọng ghét độc ghét địa ấy, em lại lấy lại được mọi sức lực – "Trên thánh giá ư? Tôi thề không hứa hẹn nào, không hăm dọa nào, không tra khảo nào bịt nổi miệng tôi, đấy, thề trên thánh giá như thế đấy! Tôi thề sẽ vạch mặt ông ở khắp nơi là một kẻ sát nhân, một gã sở khanh, một tên hèn hạ. Trên thánh giá, tôi thề nếu bao giờ tôi có thể thoát được khỏi đây, tôi sẽ nhân danh toàn bộ giống người đòi trả thù ông." "Coi chừng đấy!" – giọng nói với vẻ đe dọa em chưa từng nghe thấy cất lên – "Ta có một biện pháp tối hậu, cùng lắm ta mới phải dùng đến để khóa miệng nàng lại hoặc ít nhất cũng ngăn không cho mọi người tin dù chỉ một lời của nàng."

Em thu hết sức lực để trả lời hắn bằng một tràng cười.

Hắn thấy từ nay giữa em và hắn sẽ là chiến tranh vĩnh viễn, cuộc chiến sinh tử "Nghe đây – hắn nói – Ta cho nàng nốt đêm nay và ngày mai. Nghĩ cho kỹ, và hãy hứa câm miệng. Sự giàu có, danh giá, và cả danh dự nữa sẽ quây quanh

nàng. Dọa nạt tố giác, ta sẽ xử nàng tội ô nhục" – "Ngươi – Em kêu lên – Ngươi xử ư?" "Tội ô nhục suốt đời, không xóa được"! – "Ngươi ư?" – Em nhắc lại.

Ôi, ông Felten, em ngỡ là hắn điên cơ! "Đúng ta sẽ làm thế!" – Hắn nhắc lại. "Này, để mặc tôi – Em nói với hắn – Ra đi, nếu ngươi không muốn tận mắt ngươi, ta đập đầu vào tường" – "Hay lắm – Hắn nhắc lại – nàng đã muốn thế – Hẹn tối mai!" – "Thì tối mai!" – Em vừa trả lời vừa ngã xuống cắn xé tấm thảm như phát dại.

Felten phải tựa mình vào ghế, và Milady thấy có lẽ chàng ta không còn đủ sức nữa trước khi câu chuyện kết thúc.

§57. Một thủ pháp bi kịch cổ điển

Sau một lát im lặng để quan sát chàng trai trẻ, Milady tiếp tục: -Gần ba ngày trời em không uống không ăn, chịu những cực hình tàn khốc, đôi khi như có những đám mây thít chặt lấy trán em, bịt kín mắt em, đó là lúc em mê sảng.

Tối đến, em quá yếu đến nỗi mỗi lúc em ngất đi là mỗi lần em cảm ơn Chúa, bởi em tưởng mình sắp chết.

Giửa một lần đang ngất đi như thế, em nghe thấy tiếng cửa mở, nỗi hãi hùng làm em tỉnh lại.

Hắn vào phòng em, theo sau là một tên đeo mặt nạ, hắn cũng đeo mặt nạ, nhưng em nhận ra tiếng chân hắn, giọng nói hắn em nhận ra cái vẻ oai phong mà địa ngục đã đem lại cho con người hắn để hắn đem lại bất hạnh cho nhân loại. Hắn bảo em: "Thế nào? Nàng đã quyết định thề với ta như ta đã yêu cầu chưa?" – "Ông đã từng nói, dân Thanh giáo chỉ nói một lời. Lời tôi nói, ông đã nghe rồi, đó là trên trái đất sẽ theo ông đến tòa án của con người, lên trên trời, sẽ đưa ông ra tòa của Chúa!." "Vậy là nàng vẫn ngoan cố!" – "Tôi thề trước Đức Chúa thấu hiểu lòng tôi, là tôi sẽ đem toàn nhân loại ra làm chứng cho tội ác của ông, và vẫn làm như thế cho đến khi tìm được một người báo thù! – "Ngươi là một con điếm – hắn gầm lên như sấm – ngươi sẽ phải chịu cực hình cho loài đĩ điếm! Ngươi sẽ được bêu riếu trước mắt cái nhân loại mà ngươi định viện dẫn, ngươi hãy cố chứng tỏ cho cái nhân loại ấy biết là ngươi không hề phạm tội, cũng chẳng điên rồ!." Rồi, hắn nói với kẻ đi theo hắn: "Đao phủ, làm nhiệm vụ của người đi!"

-Ôi, tên hắn, tên hắn là gì? – Felten kêu lên – Tên hắn, nói cho tôi biết đi!

-Thế là, mặc cho em kêu thét, mặc cho em kháng cự, bởi em bắt đầu hiểu ra sắp có chuyện tệ hại với em còn hơn cả cái chết, tên đao phủ túm lấy em, đè ngửa em ra sàn nhà, ghì chặt lấy em. Em khóc nức nở, gần như ngạt thở, như bất tỉnh, cầu Chúa, Chúa không nghe, bất thình lình em hét lên một tiếng khủng khiếp đau đớn và hổ nhục: lửa cháy rừng rực, thanh sắt nung đỏ, thanh sắt của đao phủ in lên vai em.

Felten gầm lên một tiếng.

-Thế đấy – Milady vừa nói vừa đứng lên uy nghi như một bà hoàng – Thế đấy, Felten ạ, ông đã thấy người ta phát minh ra một cực hình mới như thế nào đối với một thiếu nữ trong trắng tuy nhiên lại là nạn nhân của sự tàn bạo của một kẻ hung ác nham hiểm. Ông hãy học cách hiểu lòng dạ con người và từ nay ông đừng có dễ dàng biến mình thành công cụ của những cuộc báo thù bất chính của họ.

Milady cởi phắt áo dài ra, xé toang miếng vải lanh mịn che ngực, mặt bừng bừng vờ giận dữ và hổ nhục, chỉ cho chàng trai trẻ cái dấu chín không thể xóa nổi làm nhơ nhuốc một bên vai tuyệt đẹp của nàng.

-Nhưng – Felten kêu lên – tôi thấy đó là bông hoa huệ cơ mà!

-Sự xấu xa chính lại là ở chỗ ấy. Milady trả lời – Nếu là dấu chín ô nhục của Anh quốc. Tôi sẽ phải làm rõ tòa án nào buộc tội tôi như thế và tôi sẽ công khai khiếu nại với tất cả các tòa án của vương quốc. Nhưng mà là dấu chín ô nhục của nước Pháp. Ôi nếu của nước Pháp, bởi nước Pháp, thì tôi thực sự bị đóng dấu chín rồi.

Như thế là quá mức với Felten.

Tái xanh, bất động, bị dồn ép bởi sự phát giác rùng rợn, bị choáng mắt bởi sắc đẹp siêu nhiên mà người đàn bà đó đã vén toang ra cho chàng hết sức trơ trẽn nhưng chàng ta lại thấy là cao cả, cuối cùng chàng ta quỳ gối trước mặt nàng giống như những tín đồ Thiên Chúa đầu tiên quỳ gối trước những nữ thánh tuẫn đạo trong trắng bị các hoàng đế bạo ngược ném vào trong các hí trường làm trò dâm dục đẫm máu cho đám hạ lưu. Cái dấu chín ô nhục biến mất, chỉ sắc đẹp là còn lại.

-Xin lỗi, xin thứ lỗi! – Felten kêu lên -hãy thứ lỗi cho tôi!

Milady đọc trong đôi mắt gã: Tình yêu, tình yêu.

-Xin lỗi cái gì – Nàng hỏi.

-Xin lỗi vì đã liên kết với những kẻ ngược đãi nàng.

Milady chìa bàn tay ra cho gã.

-Quá đẹp, quá trẻ! – Felten vừa nói vừa tới tấp hôn.

Milady nhìn gã bằng con mắt như thể hoán cải gã từ một tên nô lệ thành một quân vương.

Felten là một tín đồ Thanh giáo. Gã buông tay người đàn bà để hôn chân nàng.

Không phải là yêu nữa mà là hắn tôn thờ nàng.

Khi cơn khủng hoảng đó đã qua đi, khi Milady ra vẻ đã bình tĩnh trở lại, tuy chưa bao giờ mất, thì Felten cũng thấy kho báu tình yêu khép lại dưới tấm màn trinh bạch, cái kho báu mà người ta cất giấu rất kỹ khiến cho càng thêm khát mãnh liệt hơn.

-Thôi, bây giờ tôi chỉ còn một điều để hỏi nàng – gã nói – đó là tên của tên đao phủ đích thực, bởi đối với tôi, chỉ có một tên thôi, tên kia là công cụ, thế thôi.

-Sao thế anh! – Milady kêu lên – em lại còn phải nói đích danh ra cho anh ư? Anh không đoán ra ư?

-Sao! – Felten lắp lại – Hắn ư… lại là hắn!… Vẫn là hắn…

-Sao? Tên tội phạm chính tông.

-Tên tội phạm chính tông -Milady nói – Đó là kẻ tàn phá nước Anh, kẻ ngược đãi những tín đồ chân chính, kẻ hèn hạ đánh cắp danh dự của biết bao phụ nữ, kẻ có thói ngược ngạo của con tim đồi bại sắp làm đổ bao nhiêu máu cho nước Anh, hôm nay che chở cho những người Tin lành và nay mai sẽ phản bội họ.

-Buckingham! Đúng là Buckingham rồi! – Felten nổi giận hét lên.

Milady giấu mặt vào hai tay như thể không chịu nổi nỗi ô nhục khi nhắc tới cái tên ấy.

-Buckingham, tên đao phủ của nữ thiên thần này! – Felten kêu lên – Ôi Chúa, sao Người không giáng sấm sét lên đầu nó – - Người lại còn để nó được cao sang, tôn vinh, hùng mạnh để gây hại cho mọi người chúng con!

-Chúa bỏ mặc kẻ buông thả chính mình – Milady nói.

Felten càng phấn khích hơn, tiếp tục nói: -Nhưng Chúa lại muốn đổ lên đầu hắn sự trừng phạt dành cho những kẻ bị nguyền rủa? Chúa muốn sự trả thù của con người đến trước sự công bằng của Chúa!

-Con người sợ hắn và tha cho hắn.

-Ồ, tôi – Felten nói – Tôi không sợ hắn và tôi sẽ không tha cho hắn!

Milady thấy tâm hồn mình như được tắm trong niềm vui địa ngục.

-Nhưng làm sao Huân tước De Winter, người đỡ đầu của tôi, cha của tôi – Felten hỏi – lại đi xen lẫn vào mọi chuyện này?

-Nghe đây, Felten – Milady nói tiếp – bởi bên cạnh những con người hèn hạ và đáng khinh, vẫn còn những bản tính lớn lao và quảng đại. Em có một vị hôn phu, một người em yêu và cũng yêu em, một tấm lòng như của ông, Felten ạ, một người như ông. Em đến với ông ta, và em kể cho ông ta tất cả. Ông ta hiểu em và không hề nghi ngờ chút nào. Đó là một đại lãnh chúa. Đó là một người đàn ông mọi mặt đều tương xứng với Buckingham.

Ông ấy không nói gì, chỉ đeo gươm vào, khoác áo choàng lên và đi đến lâu đài Buckingham.

-Phải, phải – Felten nói – Tôi hiểu, cho dù với những hạng người như thế, không nên dùng gươm mà phải dùng dao găm.

Buckingham đã đi khỏi từ hôm trước, hắn được phái đi làm đại sứ ở Tây Ban Nha để hỏi công chúa nước này cho vua Charles đệ nhất lúc đó mới là hoàng tử xứ Gan. Vị hôn phu của em quay về bảo em: "Nghe đây, con người ấy đã đi mất rồi, do đó, lúc này anh chưa thể trả thù được. Nhưng trong khi chờ đợi, chúng ta hãy kết hôn như cần phải làm thế, rồi em hãy dựa vào Huân tước De Winter[137] để giữ danh dự cho ông ta và vợ ông ta, tức bản thân em."

-Huân tước De Winter! – Felten kêu lên.

-Phải – Milady nói – Huân tước De Winter, và bây giờ ông hẳn đã hiểu cả phải không? Buckingham vắng mặt gần một năm. Tám ngày trước khi hắn trở lại nước Anh, Huân tước De Winter chết đột tử để lại gia tài cho em là người thừa kế

duy nhất. Từ đâu xảy ra chuyện ấy. Chúa là người biết tất, chắc sẽ biết, riêng em, em không buộc tội ai…

-Ôi, vực thẳm khôn lường, đúng là vực thẳm khôn lường! – Felten kêu lên.

-Huân tước De Winter chết mà không một lời trăng trối cho em mình. Cái bí mật khủng khiếp ấy chắc đã được che giấu đối với tất cả cho tới khi nó nổ tung như một tiếng sét trên đầu tên tội phạm. Người cha đỡ đầu của ông trước đó đã từng phiền lòng về cuộc hôn nhân của anh cả mình với một thiếu nữ không tài sản. Vì vậy em cảm thấy không trông cậy gì được vào con người bị thất vọng trong chuyện kế thừa tài sản ấy. Em sang Pháp, quyết định ở lại đấy trong suốt quãng đời còn lại. Nhưng tất cả tài sản của em đều ở Anh. Chiến tranh làm giao thông bị bế tắc, em thiếu thốn đủ thứ, buộc phải quay về. Thế là em ghé cảng Portsmouth đã được sáu ngày rồi.

-Ra thế? – Felten hỏi.

-Thế đấy? Chắc là Buckingham biết em quay về, hắn nói về em với Huân tước De Winter, là người sẵn thành kiến chống lại em, rằng chị dâu ông ta là một con điếm, một con đàn bà bị đóng dấu ô nhục. Tiếng nói cao quý và trong trắng của chồng em đâu còn nữa để bênh vực em. Ông Winter tin tất cả những gì hắn nói quá dễ dàng, vì càng tin càng có lợi cho mình. Ông ta cho bắt em, cho đưa em đến đây, đặt em dưới sự canh giữ của ông. Phần còn lại, ông biết rõ rồi. Ngày kia ông ấy trục xuất, ông ấy lưu đày em rồi, ngày kia ông ấy quăng em vào lũ xấu xa đê mạt rồi. Ôi, quỷ kế xếp đặt tài tình, âm mưu thật là khéo, danh dự em vì thế sẽ đi đời. Ông đã thấy em nên chết chưa, Felten? Felten, đưa em con dao?

Nói rồi, làm như thể mọi sức lực của mình đã cạn kiệt, nàng lảo đảo lả người vào trong hai cánh tay viên sĩ quan trẻ đang say sưa trong tình yêu, trong giận dữ và trong những khoái cảm xa lạ, sướng quá vội đón lấy nàng, ghì chặt nàng vào ngực mình, toàn thân run lên trước hơi thở của cái miệng quá ư xinh đẹp, và lạc hẳn hồn đi khi chạm phải bầu vú cứ rung rung lên đến thế.

-Không, không – chàng ta nói – em sẽ sống trong danh dự và trong trắng, em sẽ sống để chiến thắng kẻ thù của em.

Milady lấy tay khẽ đẩy, nhưng mắt lại hút chàng ta lại.

Nhưng Felten, đến lượt mình, lại giữ chặt lấy nàng, van xin nàng như với một Đấng thiêng liêng.

-Ôi! Phải chết! Phải chết! – Nàng vừa nói vừa lấy tay che miệng và mi mắt – Ồ, chết còn hơn là ô nhục, Felten anh của em, bạn của em, em xin anh đấy.

-Không Felten kêu lên – không, em sẽ sống, em phải sống để trả thù.

-Felten, em mang bất hạnh cho mọi người quanh em? Felten hãy rời bỏ em ra? Felten, hãy để em chết.

-Đã vậy chúng ta cùng chết! – Felten vừa kêu lên vừa áp môi mình vào môi nữ tù nhân.

Nhiều tiếng gõ cửa, lần này Milady đẩy anh chàng ra thực.

-Nghe nào, – Nàng nói – họ nghe thấy hết chúng ta rồi, họ đã đến. Thế là xong chuyện. Chúng ta toi rồi?

-Không – Felten nói – đó là tên lính canh báo cho anh có một đội tuần tra đang đến thôi mà.

-Thế thì anh chạy nhanh ra cửa và tự mở cửa ra đi.

Felten nghe theo. Người đàn bà đó đã hút hết hồn anh ta rồi.

Anh ta thấy trước mặt mình một viên đội chỉ huy một đội tuần tra.

-Này, có chuyện gì vậy?

-Ông dặn tôi mở cửa nếu nghe tiếng kêu cứu -người lính nói – nhưng ông lại quên để chìa khóa cho tôi, tôi có nghe thấy ông kêu nhưng không hiểu ông nói gì, tôi muốn mở cửa nhưng cửa lại khóa ở bên trong, cho nên tôi phải gọi ông đội.

-Và tôi đã có mặt ở đây – viên đội nói Felten, điếng người, gần như phát điên, không nói nổi điều gì.

Milady hiểu rằng chính mình phải nắm lấy tình thế, liền chạy đến bàn vớ lấy con dao mà Felten đã để lên đấy.

-Và ông lấy quyền gì ngăn tôi không được chết? – Nàng nói.

-Trời ơi! – Felten kêu lên khi nhìn thấy con dao sáng loáng trong tay nàng.

Đúng lúc ấy, một tràng cười mỉa mai vang lên ở hành lang.

Huân tước, bị thu hút bởi tiếng động, vẫn mặc áo ngủ, gươm cầm trong tay chạy đến đứng ở ngưỡng cửa và nói: -Chà, hay lắm! Màn cuối của bi kịch đây! Thấy chưa, Felten, vở diễn đã theo đúng các đoạn cảnh mà tôi đã chỉ ra. Nhưng yên tâm đi, máu sẽ không chảy đâu.

Milady hiểu rằng mình sẽ nguy to nếu không tức khắc đem đến cho Felten một bằng chứng khủng khiếp về lòng dũng cảm của mình.

-Ông nhầm đấy, Huân tước ạ, máu sẽ chảy và cầu cho máu ấy có thể rơi xuống mặt những kẻ làm cho nó chảy.

Felten thét lên một tiếng và nhẩy bổ vào nàng. Nhưng đã quá muộn. Milady đã tự đâm mình.

Nhưng con dao may sao, phải nói là khéo sao mới đúng, chỉ đâm phải tấm sắt uốn cong mà vào thời đó được dùng như một thứ áo giáp che ngực cho phụ nữ, mũi dao bị trượt đi làm rách áo và đâm xiên vào thịt giữa hai giẻ xương sườn. Áo của Milady loang đầy máu.

Milady ngã vật ra và hình như bị ngất.

Felten rút con dao ra, sa sầm mặt lại và nói: -Thưa Huân tước, ngài xem, đây là người đàn bà được tôi canh giữ và đã tự sát!

-Yên tâm, Felten – Ông De Winter nói – bà ta không chết đâu, lũ yêu ma không dễ chết như thế, cứ yên tâm, về đợi ở phòng tôi.

-Nhưng thưa Huân tước…

-Đi đi, tôi ra lệnh cho anh đấy.

Lệnh của cấp trên, Felten phải tuân theo, nhưng khi ra, gã thủ con dao trong ngực mình.

-Còn ông De Winter đành phải cho gọi người hầu phòng của Milady đến giao nữ tù nhân vẫn đang ngất cho bà, bỏ mặc hai người ở đấy.

-Tuy nhiên, mặc dầu vẫn nghi ngờ, nhưng đại để vết thương có thể nặng, ông ta liền sai một người cưỡi ngựa ngay tức khắc đi tìm thầy thuốc.

§58. Vượt ngục

Như ông De Winter nghĩ, vết thương của Milady không nguy hiểm, cho nên ngay từ lúc chỉ còn lại với người đàn bà mà Huân tước đã cho gọi người này vội cởi áo của nàng ra, nàng đã mở mắt.

Tuy nhiên, cần phải chơi trò đau yếu, mà cái trò này lại không khó đối với một diễn viên hài như Milady. Vì vậy người đàn bà đáng thương này hoàn toàn bị nữ tù nhân lừa bịp, mặc dầu nàng nài nã nói không cần nhưng bà ta vẫn cưỡng lại, thức suốt đêm trông coi.

Nhưng sự có mặt của người đàn bà đó không ngăn nổi Milady suy nghĩ.

"Không còn chút nghi ngờ nào nữa, Felten đã bị thuyết phục, Felten đã thuộc về nàng. Với trạng thái tâm lý như hiện nay thì ngay một thiên thần có hiện ra để buộc tội Milady, chàng ta cũng sẽ coi là tay sai của quỷ sứ."

Nghĩ vậy Milady mỉm cười, bởi từ này Felten chính là nguồn hy vọng duy nhất, phương tiện duy nhất để cứu nàng.

Nhưng Huân tước De Winter có thể đã nghi ngờ chàng ta và giờ đây Felten có thể bị chính ông giám sát.

Vào khoảng bốn giờ sáng, thầy thuốc tới, nhưng từ lúc Milady tự đâm, vết thương nay đã kín miệng, thầy thuốc chẳng thể xác định được nông sâu, xiên xẹo ra sao, ông ta chỉ nhận ra sau khi bắt mạch là vết thương không có gì trầm trọng.

Sáng ra, Milady vin cớ suốt đêm không ngủ, cần được nghỉ ngơi, đuổi người đàn bà chăm nom cho mình đi.

Nàng có một hy vọng, đó là Felten tới, lúc ăn điểm tâm.

Nhưng Felten lại không tới.

Những điều nàng lo sợ thành sự thật rồi chăng? Felten do bị Huân tước nghi ngờ sẽ thiếu vắng trong khoảnh khắc quyết định chăng? Nàng chỉ còn có một ngày. Huân tước thông báo ngày nàng xuống tàu là 28 mà lúc này đã sáng ngày 22.

Tuy nhiên nàng vẫn kiên nhẫn đợi cho tới bữa trưa.

Cho dù nàng không ăn sáng, bữa trưa vẫn được dọn tới đúng giờ thường lệ, Milady lúc này kinh hãi nhận thấy đồng phục của bọn lính canh giữ đã thay đổi.

Milady hỏi cầu âu xem Felten ra sao. Họ trả lời Felten đã cưỡi ngựa đi đâu đó trước đây một giờ rồi.

Nàng lại hỏi thăm liệu Huân tước vẫn ở lâu đài chứ. Người lính trả lời vẫn đấy, và anh ta được báo cho ông ta biết nếu người tù muốn gặp.

Milady trả lời lúc này nàng còn yếu lắm và nguyện vọng duy nhất của nàng là được ở một mình.

Người lính ra, để lại bữa cơm trưa.

Felten đã bị tách ra rồi, bọn lính thủy cũng được thay. Vậy là người ta đã nghi ngờ Felten. Đó là đòn cuối cùng đánh vào nữ tù nhân.

Còn lại một mình, nàng ngồi dậy. Chiếc giường do thận trọng nàng đã nằm lỳ ở đấy để người ta tưởng nàng bị thượng nặng, lúc này thiêu đốt nàng như than hồng rực lửa. Nàng liếc mắt nhìn về phía cửa. Huân tước đã cho đóng một tấm ván bịt kín ô cửa lưới. Chắc hẳn ông sợ, qua lỗ cửa ấy, bằng một thủ đoạn ma quái nào đấy màng lại quyến rũ được bọn lính gác.

Milady mỉm cười vui sướng. Vậy là có thể phó mặc cho nỗi lòng mình mà không bị quan sát. Nàng đi quanh phòng, lồng lộn như một con điên đang giận dữ hoặc một con hổ cái bị nhốt trong lồng sắt. Chắc chắn, nếu còn con dao, nàng nghĩ đến chuyện không phải tự giết mình nữa mà lần này, giết ông Huân tước Lúc sáu giờ, Huân tước De Winter vào, trang bị vũ khí đến tận răng. Cái con người mà trước đây nhìn vào, Milady chỉ thấy là một nhà quý tộc ngốc nghếch nay đã trở thành viên cai ngục đáng phục. Ông ta hình như biết trước, đoán trước, liệu trước được hết mọi điều.

Chỉ một cái liếc nhìn về phía Milady là ông ta đã hiểu được điều gì diễn ra trong đầu nàng. Ông nói: -Ồ, thế là, hôm nay bà lại chưa giết được tôi rồi, bà không còn vũ khí nữa, hơn nữa, tôi lại tự canh giữ. Bà mới chỉ bắt đầu làm hư hỏng anh chàng Felten tội nghiệp của tôi. Anh ta đã chịu cái ảnh hưởng âm ty địa ngục của bà, nhưng tôi muốn cứu anh ta, anh ta sẽ không gặp bà nữa, tất cả đã chấm dứt, hãy gói ghém áo quần của bà lại, ngày mai bà sẽ lên đường. Tôi đã ấn định ngày xuống tàu là 24, nhưng tôi đã nghĩ lại, càng làm sớm hơn càng an toàn. Trưa mai, tôi sẽ có lệnh lưu đày bà do ông Buckingham ký. Nếu bà nói một câu với bất cứ ai trên tàu, viên đội của tôi sẽ bắn vỡ sọ bà, ông ta đã được lệnh như thế. Nếu trên tàu, bà nói một câu với bất kỳ ai mà chưa được thuyền trưởng cho phép, thuyền trưởng sẽ cho quẳng bà xuống biển, đã thỏa thuận như thế cả rồi. Tạm biệt, đó là những gì hôm nay tôi cần nói với bà. Ngày mai tôi sẽ gặp lại bà để chào vĩnh biệt!

Nói rồi Huân tước đi ra.

Milady nghe cả một tràng đe nẹt ấy với nụ cười khinh thị trên môi, nhưng với cơn điên dại trong lòng.

Người ta dọn bữa tối. Milady cảm thấy mình cần phải có đủ sức, nàng không biết điều gì có thể diễn ra trong cái đêm đầy đe dọa đang đến gần này, bởi từng đám mây lớn đang cuồn cuộn trên trời và những ánh chớp xa báo hiệu có cơn giông.

Cơn giông nổi lên lúc mười giờ tối, Milady cảm thấy niềm an ủi được thiên nhiên chia sẻ những rối loạn trong lòng. Sét gầm thét trong không trung như những cơn giận trong tư tưởng của nàng. Hình như mỗi trận gió đi qua làm rối tung tóc nàng trên trán giống như nó vật vã cành cây và cuốn lá bay đi. Nó gầm

rú như bão tố, và tiếng gầm rú đó tan lẫn vào tiếng kêu lớn của tự nhiên, như thể chính tự nhiên hình như cũng than vãn và tuyệt vọng.

Bất thình lình nàng nghe thấy tiếng gõ vào cửa kính và trong ánh chớp, nàng nhìn thấy một khuôn mặt người đàn ông hiện ra sau song cửa.

Nàng chạy đến cửa sổ và mở ra.

-Felten – nàng reo lên – Em được cứu rồi!

-Đúng thế – Felten nói – nhưng im nào, im nào! Phải có thì giờ để cưa chấn song, có điều nàng hãy coi chừng bọn chúng nhìn thấy nàng qua ô cửa lưới.

-Ồ, đó là một bằng chứng Thượng đế đã giúp chúng ta, Felten ạ – Milady nói tiếp – họ đã bịt kín ô cửa lưới bằng một tấm ván rồi.

-Tốt lắm. Chúa đã làm cho chúng mất trí hết rồi!

-Nhưng em phải làm gì đây? – Milady hỏi.

-Không gì cả. Chỉ đóng cửa sổ lại thôi. Đi nằm ngủ hoặc ít nhất cũng mặc nguyên quần áo đi nằm. Khi nào xong tôi sẽ gõ lên ô kính. Nhưng nàng có thể đi theo nổi tôi không?

-Ô, có chứ.

-Thế vết thương?

-Làm em đau, nhưng không ngăn nổi em bước.

-Vậy hãy chuẩn bị sẵn sàng có ám hiệu là đi ngay.

Milady đóng cửa sổ lại, tắt đèn và làm đúng như lời Felten dặn, nằm thu lu trên giường. Nàng nghe thấy tiếng giũa cưa ken két vào song cửa, và cứ trong mỗi ánh chớp nàng lại nhìn thấy Felten sau ô kính.

Nàng trải qua một giờ nín thở, hổn hển, mồ hôi đầm đìa trên trán. Mỗi khi nghe thấy một tiếng động nào ngoài hành lang là tim nàng lại thót lại, hoảng hồn.

Mỗi giờ như dài bằng một dặm.

Khoảng một giờ sau, Felten lại gõ cửa.

Milady chồm khỏi giường và ra mở. Hai chấn song bị cưa mất tạo thành một lỗ hổng vừa một người chui.

-Nàng đã sẵn sàng chưa? – Felten hỏi.

-Rồi. Em có nên mang theo vài thứ gì không?

-Vàng, nếu nàng có.

-Có, may sao, họ lại để nguyên số vàng em có.

-Càng tốt, bởi tôi đã sử dụng tất cả những gì tôi có để thuê một chiếc thuyền rồi.

-Chàng cầm lấy – Milady vừa nói vừa đặt tay Felten một chiếc túi đầy đồng louis vàng.

Felten cầm chiếc túi và ném xuống chân tường và nói: -Bây giờ, nàng đến đó chứ?

-Em đã sẵn sàng đây rồi.

Milady trèo lên chiếc ghế bành và chui cả người qua cửa sổ.

Nàng thấy viên sĩ quan trẻ đu người trên một chiếc thang dây bên trên vực thẳm.

Lần đầu tiên, một nỗi kinh hoàng nhắc nàng nhớ ra mình là đàn bà. Khoảng trống làm nàng khiếp đảm.

-Tôi không tin nàng lại sợ đâu – Felten nói.

-Không sao, không sao – Milady nói – Em sẽ nhắm mắt leo xuống.

-Em có tin tưởng ở tôi không? – Felten nói.

-Chàng lại phải hỏi thế ư?

-Chụm hai bàn tay lại, khoác vào nhau! Được rồi!

Felten lấy khăn tay trói hai tay nàng lại rồi trên lượt khăn trói tiếp bằng một chiếc thừng.

Milady ngạc nhiên hỏi: -Chàng làm gì vậy?

Luồn hai cánh tay qua cổ tôi và đừng sợ gì hết.

Nhưng em sẽ làm chàng mất thăng bằng và chúng ta cả hai sẽ tan xương.

-Em yên tâm, tôi là thủy thủ mà.

-Không để mất một giây, Milady quàng hai cánh tay qua cổ Felten và luồn ra ngoài cửa sổ.

Felten bắt đầu từ từ leo xuống từng bậc thang một, bất chấp sức nặng của hai cơ thể và cuồng phong làm đung đưa chiếc thang dây.

Bỗng Felten dừng lại.

-Có chuyện gì vậy? – Milady hỏi.

-Im nào – Felten nói – tôi nghe tiếng chân.

-Chúng ta bị phát hiện rồi?

Vẫn thấy im lặng.

-Không – Felten nói – không có chuyện gì.

-Nhưng rút cuộc đó là tiếng động gì vậy?

Tiếng bọn tuần tra trên đường đi tuần.

-Đương đi tuần ở đâu?

-Ngay phía dưới chúng ta.

-Bọn chúng sẽ phát hiện ra chúng ta.

-Không, nếu không có chớp.

-Bọn chúng sẽ chạm phải chân thang.

-May sao nó lại bị ngắn mất gần hai mét.

-Bọn chúng kia kìa, lạy Chúa?

-Im nào!

Cả hai vẫn treo lơ lửng, bất động, và không thở, khoảng sáu mét cách mặt đất. Trong khi đó bọn lính phía dưới đang cười đùa.

-Thật là một khoảnh khắc khủng khiếp đối với cả hai kẻ chạy trốn.

Bọn tuần canh đi qua. Tiếng bước chân xa dần và tiếng rì rầm cũng yếu dần.

-Bây giờ – Felten nói – chúng ta thoát rồi.

Milady thở phào và ngất đi.

Felten tiếp tục trèo xuống. Xuống đến cuối thang, không còn chỗ để chân nữa, chàng ta phải bíu chặt hai tay vào dây thang mà tụt xuống, đến bậc thang cuối cùng, phải dùng hai tay đu mình rồi buông xuống đất. Sau đó, cúi nhặt túi tiền vàng và lấy răng cắn chặt. Rồi bế thốc Milady lên, nhanh chóng đi về phía đối diện với lối đi của bọn tuần tra. Lát sau, chàng ta đã rời khỏi con đường tuần tra, qua các mỏm đá lởm chởm tới bờ biển rồi thổi một tiếng còi.

Một tín hiệu tương tự đáp lại. Năm phút sau, một chiếc thuyền với bốn tay chèo hiện ra.

Chiếc thuyền vào sát tận gần bờ, nhưng nước không sâu lắm nên không tới hẳn bờ được. Felten lội xuống nước đến tận thắt lưng, không muốn trao cho ai món hàng nặng quý giá.

May sao, giông bão bắt đầu tan, tuy biển còn động mạnh.

Chiếc thuyền con nhấp nhô trên sóng như một chiếc vỏ dừa, Felten nói: -Chèo nhanh lên ra thuyền buồm.

Bốn người miết tay chèo, nhưng biển động quá mạnh, nên không đi được bao nhiêu.

-Tuy nhiên cũng xa được lâu đài rồi. Đó là điều chính yếu.

Đêm tối mù tối mịt. Từ thuyền hầu như không thể nhìn rõ bờ nữa, lại càng không thể từ bờ nhìn rõ được thuyền.

Một chấm đen chao đảo trên biển.

Đó là chiếc thuyền buồm.

Trong khi con thuyền hết sức lao đi bằng bốn tay chèo, Felten cởi thừng rồi cởi khăn tay buộc hai tay Milady ra. Rồi chàng ta lấy nước biển vẩy lên mặt nàng. Milady thốt lên một tiếng thở dài và mở mắt ra.

-Tôi đang ở đâu thế này? – Nàng nói.

-Thoát rồi – Viên sĩ quan trẻ trả lời.

-Ôi, thoát rồi, thoát rồi ư? – Nàng reo lên – Đúng, đây là trời, đây là biển rồi? Cái không khí tôi đang thở là không khí tự do rồi ôi… cám ơn Felten, cám ơn!

Chàng trai trẻ ghì chặt nàng vào ngực mình.

-Nhưng tay em làm sao thế này? – Milady hỏi – Cứ như bị kẹp vỡ ra thế này?

Quả thật, khí Milady nhắc hai cánh tay, hai cổ tay tím bầm như chết.

-Ôi! Felten vừa nói vừa nhìn đôi bàn tay đẹp khẽ lắc đầu.

-Ồ không sao, không sao! – Milady vội nói – Bây giờ em nhớ ra rồi.

Milady đưa mắt nhìn quanh tìm kiếm. Felten đá chân vào túi tiền vàng nói: -Nó đây này.

Họ đã tới gần thuyền buồm. Người thủy thủ đứng gác trên boong réo gọi, chiếc thuyền con đáp lại.

-Chiếc thuyền buồm nào vậy? – Milady hỏi.

-Thuyền tôi thuê cho em đấy.

-Đưa em đi tới đâu?

-Đến đâu tùy em, miễn là tôi, em hãy ném tôi lên Portsmouth.

-Anh định làm gì ở Portsmouth?

-Hoàn thành mệnh lệnh của Huân tước De Winter – Felten nói với một nụ cười sầm tối.

-Lệnh gì? – Milady hỏi.

-Em không hiểu thật ư? – Felten nói.

-Không, anh nói rõ ra đi, em xin anh đấy.

-Vì ông ta không tin anh nữa, ông ta muốn tự canh giữ lấy, và sai anh thay mặt ông ta mang lệnh lưu đày em cho Buckingham ký.

-Nhưng đã không tin anh, sao còn trao cho anh lệnh đó?

-Chẳng phải cái lệnh tôi mang đi đã bị niêm phong rồi hay sao.

-Đúng vậy. Và anh đến Portsmouth?

-Tôi không còn thời gian nữa. Mai đã là 23 và Buckingham đã lên đường cùng với hạm đội của mình rồi.

-Hắn đi ngày mai, nhưng đi đâu?

-Đến La Rochelle.

-Không được để hắn đi! – Milady kêu lên, mất hết bình tĩnh như thường lệ.

-Em yên tâm – Felten trả lời -hắn sẽ không đi đâu.

Milady vui mừng đến phát run lên. Nàng vừa đọc được trong sâu thẳm trái tim chàng trai trẻ cái chết của Buckingham được viết rất rõ nét.

-Felten… – Nàng nói – Anh vĩ đại như Juda Maccabcus.[138]

-Nếu anh chết, em sẽ chết cùng anh. Đó là tất cả những gì em có thể nói với anh!

-Im nào! – Felten nói – Chúng ta đến nơi rồi.

Quả thật họ đã đến chiếc thuyền buồm.

Felten leo lên thang trước và đưa tay kéo Milady, trong khi mấy người thủy thủ đỡ nàng lên, vì biển còn động mạnh.

Một lát sau họ đã ở trên boong.

-Ông thuyền trưởng – Felten nói – đây là người mà tôi đã nói với ông, ông phải đưa bà ấy về Pháp an toàn, nguyên vẹn.

-Thỏa thuận với nhau là một nghìn đồng pítxtôn vàng – viên thuyền trưởng nói.

-Tôi đã đưa trước cho ông năm trăm.

-Đúng vậy – Thuyền trưởng nói.

-Và đây là năm trăm nữa – Milady nói tiếp, thò tay vào túi tiền vàng.

-Không – thuyền trưởng nói – Tôi đã hứa với chàng thanh niên này khi nào tới Bulônhơ, tôi mới lấy nốt năm trăm.

-Và chúng ta sẽ tới chứ?

-Hoàn toàn bình yên vô sự – Thuyền trưởng nói – cũng đúng như tên tôi là Jéc Butler vậy.[139]

-Này ông? – Milady nói – Nếu ông giữ đúng lời hứa, thì không phải là năm trăm mà tôi sẽ trả ông một nghìn nữa.

-Thế thì hoan hô bà, phu nhân kiều diễm ạ – viên thuyền trưởng hét lên – cầu trời luôn gửi cho tôi những khách thuê thuyền như quý bà!

-Trong khi chờ đợi – Felten nói – hãy đưa chúng tôi vào cái vịnh nhỏ…, ông nhớ đã thỏa thuận đưa chúng tôi vào đấy.

Viên thuyền trưởng đáp lại bằng cách ra lệnh điều khiển thuyền theo hướng đó và bẩy giờ sáng, con thuyền nhỏ đã cắm neo ở cái vịnh đã nói.

Suốt lúc thuyền đi, Felten đã kể lể với Milady, đáng lẽ đi London, anh ta đã thuê con thuyền này thế nào, đã trở về thế nào, đã leo tường bằng cách leo đến đâu, lại đặt móc dẫm chân vào kẽ đá đến đấy thế nào, và cuối cùng đã đến được song sắt, đã buộc được thang dây ra sao. Phần còn lại, Milady đã biết.

Về phần mình, Milady cố khích lệ Felten trong dự định của anh ta. Nhưng vừa thốt ra mấy lời đầu tiên, nàng đã nhận thấy ngay chàng thanh niên cuồng tín đó cần được làm cho ôn hòa hơn là làm cho quyết liệt hơn.

Hai người thỏa thuận Milady đợi Felten đến mười giờ. Nếu mười giờ chàng ta không quay lại, nàng cứ đi.

Lúc đó, giả dụ anh chàng được tự do, anh ta sẽ sang Pháp, gặp lại nàng ở tu viện nữ tu sĩ Cácmel ở Bêtuyn.

§59. Điều diễn ra ở Portsmouth ngày 23/8/1628

Felten từ biệt Milady như một người anh sắp làm một cuộc dạo chơi đơn giản từ biệt em gái mình nên chỉ hôn tay.

Toàn bộ con người anh ta tựa như vẫn trong trạng thái yên tĩnh thông thường. Duy chỉ có một tia sáng xưa nay không thấy lấp lánh trong đôi mắt anh ta, giống như đang cơn sốt, trán anh ta tái hơn ngày thường, răng nghiến chặt, nói năng cộc lốc, nhát gừng, chỉ ra có một cái gì đầy u ám đang xáo động trong lòng.

Còn ngồi trên con thuyền đưa vào bờ, anh còn quay mặt hướng về phía Milady, lúc này cũng đứng trên boong tàu dõi mắt nhìn theo. Cả hai đã khá yên tâm không sợ bị truy đuổi nữa. Người ta không bao giờ vào buồng Milady trước chín giờ. Và từ lâu đài đến London phải đi mất ba giờ.

Felten đặt chân lên bờ, trèo lên một mỏm đá để lên kè, chào Milady lần cuối rồi đi về thành phố.

Được khoảng một trăm bước, vì địa hình dốc xuống, chàng ta chỉ còn nhìn thấy cột buồm thôi.

Chàng ta chạy ngay về phía Portsmouth, ở ngay trước mặt chỉ cách nửa dặm đường, mà nhà cửa, các đỉnh tháp nổi bật lên trong sương mù.

Ngoài khơi Portsmouth, trên biển san sát những hạm thuyền cột buồm dựng lên trông như một rừng liễu trụi lá mùa đông đu đưa trong gió.

Felten rảo bước, vừa ôn lại những suy nghĩ của mình hai năm qua và một thời gian dài sống giữa những người Thanh giáo, những cái đã khiến chàng ta đi đến chỗ buộc tội sủng thần của vua Jacques 6 và Charles I.[140]

Khi so sánh những tội ác công khai của viên Thủ tướng đó, những tội ác nổi tiếng khắp châu Âu nếu có thể nói như vậy với những tội ác riêng tư, không ai biết mà Milady đã gán cho ông ta, chàng ta thấy trong hai con người chứa trong một Buckingham ấy, kẻ đáng tội hơn chính là kẻ có đời tư mà quần chúng không hề biết đến. Chính là thứ tình yêu quá kỳ lạ, quá mới mẻ, quá cuồng nhiệt của anh ta đã khiến cho anh ta nhìn nhận những lời buộc tội ti tiện và bịa đặt của phu nhân De Winter giống như qua kính phóng đại người ta nhìn những nguyên tử vi mô bên một con kiến thành những con quái vật rùng rợn.

Càng đi nhanh anh ta càng sôi máu. Ý nghĩ phải để mặc phía sau người đàn bà anh ta yêu, đúng hơn là tôn thờ như một nữ thánh hứng chịu trước một sự báo thù khủng khiếp, sự xúc động vừa qua, sự mệt mỏi hiện tại, tất cả vẫn còn gây phấn khích cho tâm hồn anh ta vượt lên trên tình cảm con người.

Felten vào hải cảng Portsmouth lúc tám giờ sáng. Dân chúng đã đi làm. Tiếng trống khua trên các phố phường và trên bến cảng. Những toán quân sắp lên tàu đi về phía biển.

Felten đến dinh Đô đốc, người đầy bụi và đẫm mồ hôi, da mặt bình thường rất tái nay bầm tím vì trời nóng và giận dữ.

Người lính canh muốn đẩy anh ta đi, nhưng Felten gọi viên trưởng đồn và rút túi ra một phong thư mang theo và nói: -Thông điệp khẩn của Huân tước De Winter.

Nghe tên Huân tước De Winter mà ai cũng biết là một trong những người thân cận nhất của Quận công, viên đồn trưởng ra lệnh cho Felten đi qua, hơn nữa bản thân chàng ta cũng mặc binh phục sĩ quan thủy quân.

Felten lao thẳng vào lâu đài.

Đúng lúc anh ta vào tiền sảnh thì một người đàn ông cũng bước vào, người đầy bụi, thở dốc, để ngoài cửa một con ngựa trạm quỵ hai gối xuống vì mệt.

Felten và người này cùng một lúc đều ngỏ lời với Patrích, người hầu tin cẩn của Quận công. Felten nêu tên Huân tước De Winter. Người lạ không chịu nói ra tên ai và đòi chỉ có thể xưng tên với mỗi quận công thôi, cả hai đều nài xin được gặp trước.

Patrích vì đã biết Huân tước De Winter đang có những công vụ và có quan hệ thân thiết với Quận công, nên ưu tiên cho người nhân danh Huân tước. Người kia buộc phải đợi và dễ thấy ông ta thầm rủa sự chậm trễ này biết chừng nào.

Người hầu phòng dẫn Felten đi xuyên qua một phòng lớn, trong đó những đại diện của La Rochelle do hoàng thân De Xubidơ dẫn đầu đang ngồi chờ, rồi dẫn vào phòng của Buckingham vừa tắm xong, và lần này cũng như mọi khi ông ta thường chăm chút chải chuốt cực kỳ cẩn thận.

-Trung úy Felten – Patrích nói – do Huân tước De Winter phái đến.

-Do huân tước De Winter à? – Buckingham nhắc lại – cho anh ta vào.

Felten vào. Đúng lúc ấy, Buckingham ném lên tràng kỷ một chiếc áo ngủ thêu sợi vàng rất sang để khoác vào người chiếc áo chẽn bằng nhung xanh đính đầy ngọc trai.

-Tại sao Huân tước không đích thân đến nhỉ? – Buckingham hỏi – Ta vẫn đợi ông ấy sáng nay.

-Huân tước sai tôi thưa với Đức ông, – Felten trả lời – là ngài rất tiếc không đến hầu Đức ông được, ngài bị vướng vào chuyện canh gác lâu đài.

-Phải, phải – Buckingham nói – Ta biết việc ấy, ông ấy có một nữ tù nhân.

-Chính là về việc nữ tù nhân đó mà tôi muốn thưa chuyện với Đức ông – Felten nói tiếp.

-Vậy thì nói đi!

Điều tôi nói với ngài chỉ có thể riêng mình ngài nghe thôi ạ.

-Patrích, để mặc chúng ta – Buckingham nói – Nhưng anh phải đứng chờ chuông gọi, lát nữa ta sẽ gọi anh.

Patrích đi ra.

-Bây giờ chỉ còn mỗi chúng ta thôi – Buckingham nói – Ông nói đi.

-Thưa Đức ông, Huân tước De Winter hôm nọ có viết thư yêu cầu ngài ký lệnh tống xuống tàu một thiếu phụ tên là Sáclốt Bếchxơn.

-Phải, ta đã trả lời ông ấy là mang đến cho ta, hoặc gửi cho ta tờ lệnh ấy và ta sẽ ký.

-Lệnh đây, thưa ngài.

-Đưa ta xem – Quận công nói.

Và cầm tờ lệnh từ tay Felten, ông ta đưa mắt xem qua tờ giấy. Thấy đúng tên người đã được thông báo, ông đặt lên bàn, cầm bút và chuẩn bị ký.

-Xin Đức ông thứ lỗi – Felten vừa nói vừa ngăn Quận công lại – nhưng Đức ông chắc biết cái tên Sáclốt Bếchxơn không phải là tên thực của thiếu phụ đó?

-Phải, ta biết, ông ạ – Quận công vừa trả lời vừa chấm bút vào lọ mực.

-Vậy thì, Đức ông hẳn biết tên thực của người ấy? – Felten hỏi bằng một giọng cộc lốc.

-Ta biết chứ.

Quận công đưa bút lại gần tờ giấy. Felten tái người đi: -Và biết rõ cái tên thực ấy – Felten hỏi lại – mà Đức ông vẫn ký sao?

-Hẳn rồi – Buckingham nói – và ký đến hai lần hơn là một lần ấy chứ.

-Tôi không thể tin nổi – Felten tiếp tục bằng một giọng mỗi lúc một cộc lốc và nhát gừng hơn. Đức ông biết đó là việc của phu nhân De Winter.

-Ta hoàn toàn biết rõ, dù ta rất ngạc nhiên anh cũng biết chuyện đó.

-Và Đức ông sẽ ký lệnh đó mà không hối hận ư?

Buckingham ngạo nghễ nhìn chàng trai trẻ và bảo chàng ta: -Ra thế cơ đấy? Thưa ông, chắc ông biết rõ là ông hỏi ta những câu hỏi kỳ quái đấy và ta có quá ngốc đâu mà đi trả lời?

-Đức ông hãy trả lời đi – Felten nói – tình thế có lẽ nghiêm trọng hơn là ngài tưởng đấy.

Buckingham nghĩ chàng trai trẻ này do Huân tước De Winter phái đến, chắc ỷ thế ông ta mới nói năng như vậy, liền dịu giọng lại: -Không ân hận chút nào và Huân tước cũng như ta, biết rõ Milady de Winter là một đại tội phạm, và giới hạn hình phạt ở tội lưu đày cũng đã là gia ân cho mụ rồi.

Quận công đưa bút lên tờ giấy.

-Đức ông, ngài sẽ không ký cái lệnh đó? – Felten vừa nói vừa tiến một bước gần lại Quận công.

-Ta sẽ không ký cái lệnh đó – Buckingham nói – Và tại sao vậy?

-Bởi chính ngài sẽ đổi lại lệnh đó, ngài sẽ trả lại công bằng cho Milady.

-Trả lại công bằng cho mụ thì phải đưa mụ ra pháp trường Tybum – Buckingham nói – Milady là một kẻ đê mạt.

-Thưa Đức ông, Milady là một thiên thần, ngài biết rõ điều đó tôi yêu cầu ngài thả tự do cho nàng.

-Ồ lại đến thế kia ư? – Buckingham néi – Ông có điên không mà lại nói với tôi như thế?

-Thưa Đức ông, xin thứ lỗi cho tôi? Có thể nói sao, tôi nói vậy. Tôi đã kiềm chế. Tuy nhiên, xin Đức ông hãy nghĩ kỹ việc ông sắp làm, và hãy biết sợ, đừng có quá đáng!

-Hay đấy nhỉ?… Cầu Chúa tha thứ cho con! – Buckingham kêu lên – Nhưng con tin là hắn ta đang dọa con!

-Không, thưa Đức ông. Tôi vẫn đang xin ông. Và tôi nói để ông biết: Một giọt nước đủ làm tràn bình nước đầy, một lỗi nhẹ có thể dẫn đến sự trừng phạt trút lên đầu kẻ đã được bỏ qua biết bao tội ác.

-Ông Felten – Buckingham nói – Ông ra ngay khỏi đây và sẽ bị bắt ngay tại chỗ.

-Đức ông, ông sẽ nghe tôi nói kết đã. Ông đã quyến rũ thiếu nữ đó, đã làm nhục cô ta, làm cô ta nhơ nhuốc, ông hãy sửa chữa tội ác của ông đối với cô ta, để cho cô ta ra đi tự do, và tôi sẽ chẳng đòi hỏi điều gì khác ở ông.

-Ông sẽ không đòi hỏi gì ư? – Buckingham vừa nói vừa nhìn Felten, hết sức lạ lùng, và nhấn mạnh từng âm tiết câu vừa nói.

-Quận công – Felten tiếp tục, càng nói càng phấn khích – hãy coi chừng, toàn thể nước Anh đều chán ngán những bất công của ông rồi. Quận công, nếu ông lạm dụng vương quyền mà hầu như ông đã đoạt ngôi rồi, Quận công, ông phải biết mọi người và Chúa kinh tởm ông. Chúa sẽ trừng phạt ông sau, nhưng tôi, tôi sẽ trừng phạt ông hôm nay.

-A, thế này thì quá thể rồi? – Buckingham vừa kêu lên vừa bước một bước về phía cửa.

Felten ngăn lại.

-Tôi nhã nhặn yêu cầu ông – anh ta nói – hãy ký lệnh trả tự do cho phu nhân De Winter. Nên nhớ đó là người phụ nữ mà ông đã làm nhục.

-Lui ra ngay! – Buckingham nói – nếu không ta sẽ gọi người gông cổ anh lại.

-Ông không gọi được đâu – Felten vừa nói vừa nhảy phắt lại đứng giữa quận công và chiếc chuông đặt trên chiếc bàn xoay nạm bạc – hãy coi chừng, Quận công, ông đang trong tay của Chúa đấy.

-Trong tay của quỷ sứ thì có – Buckingham kêu lên và to giọng để làm mọi người chú ý, tuy không gọi trực tiếp.

-Ký đi, Quận công, ký trả tự do cho phu nhân De Winter – Felten vừa nói vừa đẩy tờ giấy về phía Quận công.

-Ép ta ư? Nhạo ta đấy ư? Patrích đâu?

-Ký đi, Quận công!

-Không bao giờ.

-Không bao giờ ư?

-Cứu ta? – Quận công kêu to, đồng thời vồ lấy gươm.

Nhưng Felten không để ông ta kịp rút gươm, anh ta phanh ngực rút con dao mà Milady đã từng tự đâm mình nhảy xổ vào Quận công.

Đúng lúc đó, Patrích vào phòng và kêu lên.

-Thưa Đức ông, một bức thư từ nước Pháp.

-Từ Pháp ư? – Buckingham kêu lên, quên hết và chỉ nghĩ đến người đã gửi bức thư.

Felten lợi dụng lúc đó đâm ngập con dao vào sườn ông ta đến tận chuôi.

-A! Quân phản bội – Buckingham thét lên – mi giết ta rồi.

-Giết người! Patrích hét lên.

Felten liếc mắt nhìn quanh để chạy trốn và thấy chiếc cửa mở liền lao sang phòng bên là phòng những đại diện của La Rochelle đang đợi, chạy xuyên qua và lao xuống cầu thang.

Nhưng ngay bậc đầu tiên, anh ta gặp phải Huân tước De Winter.

Thấy anh ta tái mét, nhớn nhác, tay, mặt đều đầy máu, ông vồ lấy cổ anh ta và kêu lên: -Ta biết mà, ta đoán ra chậm mất một phút thôi! Ôi, khốn nạn, khốn nạn cái thân ta!

Felten không kháng cự lại gì cả, ông De Winter trao hắn tận tay cho bọn lính canh giải hắn đến một sân trời nhỏ nhìn xuống biển, đợi lệnh mới, rồi lao vào phòng Buckingham.

Nghe tiếng kêu của Quận công rồi tiếng gọi Patrích, người đàn ông mà Felten gặp trong phòng đợi cũng nhảy bổ vào căn phòng.

Người này thấy quận công nằm trên ghế dài, tay bịt chặt vết thương.

-La Porte. – Quận công nói bằng giọng hấp hối.

-La Porte, Hoàng hậu sai ông đến ư?

-Vâng, thưa Đức ông – viên hầu cận trung thành của Anne Autriche trả lời – nhưng có lẽ đã quá muộn.

-Im nào, La Porte! Người ta có thể nghe thấy ông đấy! Patrích không được để ai vào. Ôi, ta sẽ không được biết nàng nói gì với ta mất? Trời ơi, ta chết mất.

Và Quận công ngất đi.

-Tuy nhiên, Huân tước De Winter, các đại diện, các vị chỉ huy cuộc viễn chinh, những sĩ quan nội phủ dinh Buckingham đều tràn vào căn phòng. Đâu đâu cũng vang lên những tiếng kêu khóc tuyệt vọng. Lâu đài tràn ngập tiếng kêu than rền rĩ, chả mấy lúc tin tức đã tràn ra lan khắp thành phố.

Một phát đại bác báo hiệu vừa xảy ra một chuyện gì mới và bất ngờ.

Huân tước De Winter bứt tai bứt tóc.

-Chậm mất một phút! Ôi Chúa ơi, bất hạnh thế này ư?

Quả thật, lúc bảy giờ sáng người ta đến báo cho ông biết một chiếc thang dây bồng bềnh dưới một chiếc cửa sổ của lâu đài, ông chạy ngay đến phòng Milady, thấy phòng trống, cửa sổ mở, song sắt bị cưa, chợt nhớ lại lời dặn mồm mà D'Artagnan đã chuyển đến cho ông qua sứ giả của chàng, ông run lên lo cho Quận công, vội chạy ra chuồng ngựa, chẳng kịp đóng yên, vớ con nào, nhảy luôn lên con ấy, phi rạp bụng ngựa sát đất nhảy xuống sân dinh phủ, chạy vội lên cầu thang rồi gặp Felten ngay cầu thang.

Tuy nhiên Quận công chưa chết. Ông tỉnh lại, mở mắt, mọi người lại thấy hy vọng.

-Thưa các vị – Ông nói – xin để mình tôi với Patric và La Porte. A! Ông đấy ư, ông De Winter? Sáng nay ông đã sai đến tôi một thằng điên quái gở, ông xem nó đã làm tôi ra nông nỗi này đây?

-Ôi, thưa Quận công – Huân tước kêu lên – Tôi sẽ chẳng bao giờ hết ân hận về chuyện này.

-Và anh đã nhầm đấy, anh De Winter thân yêu của tôi – Buckingham vừa nói vừa chìa tay cho De Winter -Tôi không biết con người nào lại được một người khác tiếc thương suốt đời cả, nhưng thôi mặc chúng tôi, tôi xin anh đấy.

Huân tước vừa đi ra vừa thổn thức.

Trong phòng chỉ còn lại Quận công bị thương, La Porte và Patrích.

Người ta đi tìm thầy thuốc, nhưng không tìm được.

-Đức ông, ngài sẽ sống, ngài sẽ sống – viên hầu cận trung thành của Anne d'Autriche quỳ trước ghế dài Quận công nằm, nhắc đi nhắc lại.

-Nàng viết cho ta thế nào? – Buckingham đầm đìa máu cố át đi những đau đớn dữ dội để hỏi về người mình yêu bằng một giọng thều thào – Nàng viết gì cho ta? Đọc cho ta nghe đi.

-Ồ thưa Đức ông! – La Porte nói.

-Tuân lệnh đi, La Porte, ông không thấy ta không còn mấy thời gian nữa ư?

La Porte bẻ dấu xi và giơ bức thư trước mắt Quận công, nhưng Buckingham có cố cũng không phân biệt nổi chữ nữa.

-Đọc đi – Ông nói – đọc đi nào, ta không trong thấy nữa, đọc mau lên, chả có ta lại còn không nghe được ấy chứ, và ta sẽ chết mà không biết được nàng viết gì cho ta.

"Quận công.

Từ ngày quen biết ông, tôi đã từng đau khổ do ông và vì ông. Vì vậy tôi cầu xin ông, nếu còn muốn cho tôi được thư thái, thì hãy chấm dứt việc rầm rộ vũ trang chông lại nước Pháp và dừng cuộc chiến lại. Cuộc chiến ấy, người ta nói ầm lên rõ ràng là do nguyên nhân tôn giáo và thầm thì tình yêu của ông đối với tôi là nguyên nhân che giấu bên trong. Cuộc chiến ấy không những có thể đem lại cho nước Pháp và nước Anh những thảm họa lớn mà còn cho ông, Huân tước

ạ, những bất hạnh mà tôi sẽ ân hận vô cùng. Người ta đang đe dọa tính mạng ông, xin ông hãy đề phòng, bởi nó rất quý đối với tôi kể cả lúc tôi sẽ bị buộc phải coi ông như một kẻ thù.

Người được ông yêu mến,

Anne.

Buckingham thu hết tàn lực nghe đọc bức thư, khi người ta đọc xong, ông như thể thấy trong thư một nỗi thất vọng cay đắng, liền hỏi: -Vậy ông không còn một điều gì khác dặn miệng để nói với ta ư, La Porte?

-Có chứ, thưa Đức ông, Hoàng hậu dặn tôi nói với Đức ông phải hết sức giữ gìn bởi bà được tin người ta định ám sát Đức ông.

-Có thế thôi ư, thế thôi ư? – Buckingham sốt ruột hỏi.

-Bà còn dặn tôi nói với Đức ông bà vẫn luôn yêu ông.

-Có thế chứ! – Buckingham mừng rỡ – Đội ơn Chúa! Cái chết của ta sẽ không phải là cái chết của một người xa lạ đối với nàng.

La Porte đầm đìa nước mắt.

-Patrích – Quận công nói – đem cho ta cái tráp đựng những nút kim cương ra đây.

Patrích đem tráp ra và La Porte nhận ngay ra là của Hoàng hậu.

-Bây giờ, mang cái túi xa tanh trắng thêu tên tắt của nàng bằng ngọc trai ra đây.

Patrích lại vâng lời.

-Cầm lấy, La Porte – Buckingham nói – đây là những tín vật duy nhất ta có với nàng, cái tráp bạc và hai chữ tắt ấy. Ông hãy đưa lại cho lệnh bà, và để làm kỷ niệm cuối cùng (ông đưa mắt tìm quanh xem có vật nào quý), ông mang theo về cho nàng.

-Ông vẫn tìm, nhưng đôi mắt đã mờ đi vì cái chết gần kề, đôi mắt chỉ còn thấy con dao từ tay Felten rơi xuống và còn sôi máu tươi trên khắp lưỡi dao.

-Và ông mang theo con dao ấy! – quận công vừa nói vừa siết chặt tay La Porte.

-Ông vẫn còn có thể bỏ chiếc túi vào trong cái tráp bạc, và buông con dao vào đấy, ra hiệu cho La Porte mình không thể nói được nữa. Rồi lần này trong cơn vật vã cuối cùng, ông không thể chống lại được nữa, và lăn từ ghế dài xuống sàn nhà.

Patrích thét lên một tiếng.

Buckingham muốn mỉm cười lần cuối nữa, nhưng cái chết đã chặn đứng lại dòng suy nghĩ vẫn còn hằn lại trên trán ông như một nụ hôn cuối cùng của tình yêu.

Lúc đó, thầy thuốc của Quận công mới hớt hải chạy tới. Ông ta ở trên tàu đô đốc, nên người ta phải đến tận đấy tìm ông.

Ông lại gần Quận công, cầm tay ông ta, giữ một lúc trong tay mình và buông rơi xuống rồi nói: -Vô ích thôi, ông ấy chết rồi.

-Chết ư, chết ư? – Patric kêu lên.

Nghe tiếng kêu, cả đám người ùa vào gian phòng, đâu đâu cũng thất kinh và huyên náo.

Thấy Buckingham vừa tắt thở, Huân tước De Winter chạy ngay đến chỗ Felten mà bọn lính vẫn canh giữ trên chiếc sân trời nhỏ.

-Quân khốn kiếp? – Ông nói với chàng trai trẻ mà từ lúc Buckingham chết anh ta đã lấy lại được sự gan góc và bình thản chẳng bao giờ mất nữa – Khốn kiếp! Mày đã làm gì?

-Tôi trả thù! – gã nói.

-Mày trả thù ư? – Huân tước nói – mày nói mày đã thành công cụ cho con đàn bà trời đánh thì hơn. Nhưng tao thề với mày, tội ác này sẽ là tội ác cuối cùng của nó.

-Tôi không hiểu ông định nói gì – Felten bình tĩnh trả lời – - Và thưa Huân tước, tôi không biết ông định nói về ai đây. Tôi giết ông De Buckingham bởi ông ta đã hai lần từ chối chính ông phong tôi chức đại úy. Tôi trừng phạt sự bất công của ông ta, có thế thôi.

De Winter, choáng người, nhìn những người đang trói hắn ta và không biết nghĩ thế nào về sự vô cảm đến thế.

Tuy nhiên có một điều duy nhất phủ một đám mây lên vầng trán trong trắng của hắn ta. Mỗi tiếng động hắn nghe thấy, tên Thanh giáo ngây thơ ấy lại tưởng như nhận ra tiếng chân và giọng nói của Milady lao vào trong vòng tay hắn để tự cáo buộc mình và cùng chết với hắn ta.

Bỗng hắn giật mình, mắt hắn chăm chăm nhìn vào một chấm đen trên biển mà đối với người khác thì đó chỉ là một con ó biển bồng bềnh trên sóng. Nhưng từ nơi sân thượng hắn đang đứng này có thể bao quát tất cả và với con mắt chim ưng thủy thủ, hắn ta nhận ra cánh buồm của chiếc thuyền buồm đang hướng về bờ biển nước Pháp.

Hắn tái mặt, đưa tay lên bóp chặt trái tim đang tan nát và hiểu ra hoàn toàn sự phản bội.

-Thưa Huân tước, xin cho tôi được hưởng một ân huệ cuối cùng – Hắn nói với Huân tước.

-Ân huệ gì? – Huân tước hỏi.

-Bây giờ là mấy giờ rồi ạ?

-Chín giờ kém mười lăm – Huân tước rút đồng hồ ra xem nói.

Milady đã khởi hành trước thời hạn một tiếng rưỡi. Ngay khi nghe tiếng đại bác báo biến cố trọng đại, đã ra lệnh nhổ neo. Con thuyền đang lướt đi dưới bầu trời xanh ngắt và đã cách rất xa bờ.

-Chúa đã muốn như vậy – Hắn ta nói với sự nhẫn nhục của một kẻ cuồng tín, tuy mắt vẫn không rời khỏi con thuyền đó và hắn tưởng như chắc chắn có thể phân biệt rõ cái bóng ma trắng toát ở mạn thuyền của mụ đàn bà mà vì mụ hắn sắp phải vong mạng.

Ông De Winter nhìn theo con mắt hắn ta, để xem vì đâu hắn đau đớn và đã đoán ra tất cả.

-Quân khôn kiếp, mày hãy chịu trừng phạt mình mày trước đã! – Huân tước nói với Felten, mắt vẫn đang bị hút về phía biển – Nhưng ta thề với mày, trên hương hồn của anh ta mà ta yêu quý biết mấy, cái con đồng phạm của mày không thoát nổi đâu.

Felten cúi đầu không nói một lời.

Còn ông De Winter, ông bước nhanh xuống cầu thang và đi về phía cảng.

§60. Bên nước Pháp

Nỗi lo sợ đầu tiên của Vua nước Anh, Charles đệ nhất, khi được tin cái chết ấy, là sợ cái tin vô cùng khủng khiếp ấy sẽ làm quân Rochelle mất hết lòng can đảm. Richelieu viết trong những hồi ký của mình là Vua Anh cố giấu họ càng lâu càng tất, cho đóng cửa toàn bộ các hải cảng của vương quốc Anh, canh phòng rất cẩn thận không cho tàu nào ra khỏi, cho đến khi đạo quân mà Buckingham đã chuẩn bị trước đó lên đường. Nhà Vua, thay vì Buckingham, sẽ đích thân đảm nhiệm giám sát việc khởi hành.

Nhà Vua còn đẩy lệnh này nghiệt ngã lên đến mức giữ lại ở Anh quốc sứ thần Đan Mạch đã cáo biệt vì hết nhiệm kỳ, và sứ thần đương nhiệm Hà Lan phải đưa trở về cảng Flétxinhgơ những chủ nhiệm tàu Ấn Độ mà Vua Charles đệ nhất trao trả.

Nhưng vì ông chỉ nghĩ tới việc ban ra lệnh ấy sau biến cố kia những năm tiếng đồng hồ nghĩa là vào khoảng hai giờ chiều, hai chiếc tàu đã ra khỏi cảng. Một chiếc mang theo Milady[141]. Lúc đầu mụ còn nghi ngờ về biến cố, nhưng khi nhìn thấy cờ đen xõa trên cột buồm tàu đô đốc, mụ lại càng tin chắc hơn.

Còn con tàu thứ hai, nó chở ai đi và ra đi thế nào, sẽ nói sau.

Hơn nữa, trong thời gian đó, chẳng có gì mới ở trận tuyến Rochelle. Chỉ có nhà Vua là vẫn cứ phiền não như mọi khi, mà có lẽ có đôi chút phiền não hơn ở nơi trận truyến nên quyết định cải trang đi tham dự các lễ hội Thánh Louis và Thánh Germain và đã yêu cầu Giáo chủ chuẩn bị cho mình một đoàn hộ tống độ hai mươi ngự lâm quân thôi. Giáo chủ đôi khi cũng bị lây nỗi phiền muộn của nhà Vua, nên rất vui vẻ cho viên phụ tá của mình nghỉ phép để đi cùng nhà Vua, ông này hứa sẽ trở về ngày 15 tháng chín.

Ông De Treville được Giáo chủ báo trước, liền chuẩn bị hành lý và vì, không rõ tại sao ông lại biết được cái nguyện vọng tha thiết, thậm chí là nhu cầu khẩn yếu của các bạn trẻ của mình là được trở về Paris, nên không cần nói cũng biết ông chỉ định họ tham gia đoàn hộ tống.

Bốn chàng biết tin sau ông De Treville mười lăm phút, bởi họ là những người đầu tiên được ông thông báo, lúc này D'Artagnan mới thấy quý sự biệt đãi mà Giáo chủ đã ban cho chàng được chuyển sang ngự lâm quân, không có chuyện đó chàng đã buộc phải ở lại trận tuyến trong khi các bạn ra đi.

Không nói cũng rõ việc nóng ruột trở về Paris có nguyên nhân là mối nguy hiểm mà bà Bonacieux sẽ gặp phải khi chạm trán với Milady, kẻ tử thù của bà ở tu viện Bêtuyn. Vì vậy Aramis đã viết ngay thư cho Marie Mítsông, cô thợ may ở Tours vốn có những mối quen biết rất thần thế, để xin hoàng hậu cho phép bà

Bonacieux được ra khỏi tu viện, rút lui về sống ở Lôren hoặc ở Bỉ. Chẳng phải đợi lâu tám chín ngày sau Aramis đã nhận được thư trả lời.

"Anh họ thân yêu của em.

Đây là giấy phép của chị em cho rút cô bé nữ tì của chúng ta ra khỏi tu viện Bêtuyn, mà anh thấy không khí ở đấy không hợp với cô bé. Chị em gửi cho anh giấy phép này mà trong lòng rất vui bởi chị ấy yêu cô bé lắm, và vẫn dành cho cô bé sự giúp đỡ sau này."

Kèm theo thư là một giấy phép như sau:

"Bà nhất tu viện Bêtuyn sẽ trao tận tay người trao cho bà giấy này, nữ tu sĩ mới tới và đã vào tu viện của bà dưới sự ủy nhiệm và bảo trợ của ta.

Điện Louvre ngày 10 tháng 8 năm 1628

Anne"

Người ta thừa hiểu mối quan hệ họ hàng giữa Aramis và cô thợ may gọi Hoàng hậu bằng chị đã làm mấy người bạn trẻ hứng thú đến thế nào.

Nhưng Aramis, sau hai ba lần đỏ mặt đến tận lòng trắng con mắt trước những câu đùa tục tĩu của Porthos, đã yêu cầu các bạn mình đừng trở lại chủ đề ấy nữa và tuyên bố nếu còn nói với chàng dù chỉ một lời về chuyện này, chàng sẽ không sử dụng cô em họ mình làm trung gian cho những việc loại này nữa.

Vậy là không còn vấn đề Marie Mítsông giữa bốn chàng ngự lâm nữa, vả lại họ đã có được điều họ mong muốn, đó là lệnh rút bà Bonacieux ra khỏi tu viện những nữ tu sĩ Cácmel ở Bêtuyn.

Đúng là, cái lệnh đó sẽ chẳng giúp được họ bao nhiêu nếu họ vẫn còn ở trận tuyến La Rochelle, nghĩa là ở đầu kia nước pháp.

Vì vậy D'Artagnan đã toan xin ông De Treville cho nghỉ phép, bằng cách thổ lộ hết với ông tầm quan trọng của việc ra đi, thì cái tin nhà Vua sắp đi Paris với một đoàn hộ tống hai mươi ngự lâm quân và D'Artagnan cùng các bạn được tham gia đoàn, được chuyển tới mấy người.

Niềm vui thật lớn lao. Họ sai những người hầu đi trước cùng với hành lý và họ lên đường sáng hôm sau.

Giáo chủ ra tiễn Hoàng thượng từ Xuyếcgie đến Môzê và đến đó, nhà Vua và Giáo chủ từ biệt nhau rất thân tình.

Nhà Vua mặc dầu muốn càng đi nhanh càng tốt để ngày 23 về đến Paris, nhưng lại thích giải phiền, nên dọc đường thỉnh thoảng lại dừng lại săn chim ác là, một trò tiêu khiển trước đây chịu ảnh hưởng của Công tước Luynơ[142] mà nhà Vua vẫn luôn luôn ham thích. Trong số hai mươi ngự lâm quân, thì mười sáu người rất lấy làm vui thích mỗi khi dừng lại như thế, còn bốn người kia thì lại không tiếc lời nguyền rủa. Nhất là D'Artagnan, lúc nào cũng như có tiếng ong ong trong tai, điều đó được Porthos giải thích: -Một vị đại phu nhân bảo tớ, thế là có ai đó đang mong cậu đấy!

Rốt cuộc, đoàn hộ tống cũng vào Paris đêm 23. Nhà vua cám ơn ông De Treville và cho phép ông được cho quân mình nghỉ bốn ngày phép với điều kiện không một ai trong số được đặc ân ấy lộ mặt ở nơi công cộng, nếu không sẽ phạt tội tống ngục Bastille.

Bốn người đầu tiên được nghỉ phép đương nhiên là bốn người bạn. Hơn nữa, Athos còn được ông De Treville cho sáu ngày thay vì bốn, lại còn thêm vào đấy hai đêm, họ được đi vào lúc năm giờ chiều 24, nhưng để làm vừa lòng họ, ông lại tính phép vào sáng ngày 25.

-Ơ hay, lạy Chúa? – D'Artagnan vốn chẳng bao giờ nghi ngờ điều gì nói – Tôi thấy hình như chúng ta đang làm rắc rối thêm cái điều hoàn toàn đơn giản. Chỉ cần hai ngày, phi ngựa chí tử, thay vài ba con (cần cóc gì, tôi có tiền mà) là tôi đã đến được Bêtuyn, tôi sẽ trao thư của Hoàng hậu cho bà nhất và tôi sẽ đưa kho báu thân yêu mà tôi vẫn đi tìm không phải về Lôren, cũng không về Bỉ, mà về Paris, ở đấy giấu tốt hơn, nhất là chừng nào Giáo chủ còn ở La Rochelle. Rồi, một khi đã từ chiến dịch trở về thì lúc đó, một phần được sự che chở của bà chị họ của nàng, một phần được đặc ân do những gì chúng ta đã làm cho Hoàng hậu, chúng ta sẽ được Hoàng hậu ban cho điều chúng ta mong muốn. Các vị cứ ở lại đây, làm gì phải đi đâu cho nó mệt người vô ích, chỉ cần tôi và Planchet là đã đủ cho một cuộc viễn chinh quá ư đơn giản đến thế.

Nghe vậy, Athos điềm tĩnh trả lời: -Thì bọn mình, bọn mình cũng có tiền chứ. Bởi mình đã uống hết phần tiền bán kim cương đâu và Porthos, Aramis cũng đều chưa ăn hết. Chúng mình có thể cho toi đến bốn con mỗi người ấy chứ. Nhưng nghĩ kỹ đi D'Artagnan – Athos nói thêm bằng một giọng quá u uất khiến chàng trai nghe cũng phải rùng mình – hãy nghĩ rằng Bêtuyn là một thành phố, nơi Giáo chủ đã có cuộc hẹn với một người đàn bà đi đến đâu mang theo bất hạnh tới đó. D'Artagnan, nếu đây là công việc chỉ liên quan đến bốn người đàn ông chúng ta, thì tôi sẽ để cậu đi một mình. Nhưng cậu lại có chuyện với con mụ ấy, thì chúng ta phải đi cả bốn đến đó và cầu Chúa phù hộ, cùng với bốn người hầu của chúng ta, chúng ta sẽ đủ chơi.

-Athos, anh làm tôi phát hoảng đấy – D'Artagnan nói – Lạy Chúa, mà anh sợ cái gì mới được chứ?

-Sợ tất – Athos đáp.

D'Artagnan quan sát vẻ mặt các bạn, thấy đều như Athos cả đều mang dấu lo lắng sâu xa. Thế rồi họ tiếp tục lên đường, cho ngựa phóng hết cỡ, không nói thêm một lời.

Chiều ngày 25, khi đi vào Arát, và khi D'Artagnan vừa mới xuống ngựa ở quán Chiếc bừa vàng để uống một cốc vang, thì một kỵ sĩ cũng vừa từ sân một bưu trạm đi ra, có lẽ vừa thay ngựa, và cho con ngựa mới phi nước đại về phía Paris. Lúc hắn phi qua chiếc cổng lớn ra đường phố, gió tốc vạt áo choàng hắn

khoác mặc dầu đang tháng tám, và định cuốn bay chiếc mũ, hắn đưa tay giữ lấy, lúc chiếc mũ vừa rời khỏi đầu, và kéo sụp xuống mắt.

D'Artagnan mắt vẫn chăm chăm nhìn con người ấy bỗng tái mặt, đánh rơi cả chiếc cốc.

-Ông sao vậy, ông chủ? – Lăngsê hỏi.

-Ôi, kìa, lại đây ngay, các ông, ông chủ tôi bị ốm rồi kìa!

Ba người bạn chạy ngay đến và thấy D'Artagnan chẳng những không sao, lại còn chạy đến chỗ ngựa mình. Họ giữ chàng lại ở ngưỡng cửa.

Athos quát: -Hay nhỉ, cậu định đi quái quỷ đâu thế này?

-Chính hắn! – D'Artagnan mặt tái đi tức giận, lấm tấm mồ hôi trán kêu lên – Chính hắn? Cứ để tôi đuổi theo nó?

-Nhưng hắn là ai? – Athos hỏi.

-Hắn, cái người ấy?

-Cái người nào?

-Cái tên trời đánh, cái tên ác thần của tôi, mà bao giờ gặp nó tôi cũng có nguy cơ gặp tai họa, cái tên đi cùng con mụ khủng khiếp lần đầu tiên tôi gặp mụ ấy, cái tên tôi đang đuổi theo tìm nó thì đụng phải anh Athos ấy, cũng là cái tên tôi nhìn thấy đúng sáng hôm bà Bonacieux bị bắt cóc ấy. Tôi đã thấy hắn, đúng là hắn! Tôi nhận ra hắn khi gió tốc áo chàng của hắn lên.

-Quỷ sứ đấy! – Athos mơ màng nói.

-Lên yên, các vị, lên yên thôi. Ta đuổi theo hắn, và sẽ đuổi kịp hắn.

-Bạn thân mến – Aramis nói – Nên nhớ hắn đi về phía đối diện chúng ta đang đi, hắn lại có ngựa mới thay, còn ngựa của chúng ta thì đã mệt, do đó có phi đến quỵ ngựa cũng chẳng có cơ may đuổi kịp hắn. Thôi mặc xác tên đàn ông đó, chúng ta hãy cứu người phụ nữ đã.

-Ê, ông ơi! – Một gã coi ngựa vừa đuổi theo người lạ mặt vừa kêu lên – Ông ơi! Có mẩu giấy rơi ra từ mũ ông đây này? Ê, ông ơi!

-Anh bạn? – D'Artagnan nói – Đồng nửa pítxtôn cho mẩu giấy ấy đây?

-Rất vui lòng, thưa ông, nó đây!

Gã coi ngựa rất vui gặp một ngày may mắn, trở lại sân lữ điếm. D'Artagnan mở mẩu giấy ra.

-Thế nào? – Các bạn vừa quây lại vừa hỏi.

-Mỗi một chữ! – D'Artagnan nói.

-Phải, Aramis nói – nhưng cái tên đó là tên một thị trấn hay tên làng đấy.

-Armandchie – Porthos đọc – Armandchie, tôi không biết cái tên ấy?

-Nhưng tên thị trấn hay tên làng cũng là do tay con mụ đó viết. – Athos kêu lên.

D'Artagnan nói: -Thôi được rồi, chúng ta cứ giữ cẩn thận mẩu giấy đó. Có lẽ tôi sẽ chẳng mất toi đồng nửa pítxtôn cuối cùng của tôi đâu. Lên ngựa, các bạn

lên ngựa thôi?

Và bốn người bạn phi nước đại trên con đường tới Bêtuyn.

§61. Tu viện nữ tu sĩ Cácmel ở Bêtuyn

Những kẻ phạm trọng tội thường mang trong mình một loại tiền định cho phép chúng vượt qua mọi hiểm nguy, cho tới khi Chúa cứu thế đã quá mệt mỏi liền đánh dấu cho tiêu ma cái vận mạng vô đạo của chúng.

Trường hợp Milady là như thế. Mụ đã lọt qua được tàu tuần dương của cả hai nước, và đến Bulônhơ bình yên vô sự.

Lên cảng Portsmouth, Milady là một phụ nữ Anh bị những sự bạo ngược ở Pháp xua đuổi khỏi Rochelle. Lên bờ Bulônhơ, sau hai ngày vượt biển, mụ lại biến thành một người đàn bà Pháp bị người anh ở Portsmouth vì mang mối hận thù chống lại nước Pháp quấy nhiễu.

Vả lại Milady có một thứ hộ chiếu có hiệu lực nhất, đó là sắc đẹp của mụ, dáng vẻ cao quý và sự hào phóng vung tiền của mụ.

Vượt qua những thủ tục thông thường bằng nụ cười đáng yêu và những cử chỉ lả lơi tình tứ, viên trấn thủ cảng còn hôn tay mụ, vì vậy mụ chỉ ở lại Bulônhơ đủ thời gian để bỏ vào bưu trạm bức thư như sau:

"Kính gửi Đức ông Giáo chủ De Richelieu, tại mặt trận La Rochelle.

Thưa Đức ông, xin Đức ông yên tâm, Quận công De Buckingham sẽ không đến nước Pháp được đâu.

Bulônhơ chiều 25.

Milady de…"

T.B. Theo ý muốn của Đức ông, tôi đang trở về tu viện Bêtuyn, và sẽ đợi lệnh ngài ở đấy.

Quả nhiên ngay chiều hôm đó, Milady lên đường. Đêm xuống. Mụ dừng lại và ngủ trong một quán trọ, rồi năm giờ sáng hôm sau, lại ra đi, sau ba tiếng đồng hồ, đến Bêtuyn.

Mụ hỏi thăm tu viện các nữ tu sĩ Cácmel, và vào ngay đó. Bà nhất ra gặp mụ. Milady đưa cho bà lệnh của Giáo chủ. Bà tu viện trưởng sai dọn cho mụ một phòng và bữa điểm tâm.

Mọi cái thuộc về quá khứ đã được xóa nhòa trước mắt người đàn bà đó, và mắt chăm chăm hướng về tương lai, mụ chỉ thấy cái vận mệnh cao sang mà Giáo chủ sẽ đành cho, chỉ thấy phục vụ Giáo chủ quá may mắn khiến tên ông không dính dáng gì vào toàn bộ cái vụ việc đẫm máu đó. Những đam mê luôn luôn mới mẻ làm mụ kiệt quệ sức lực, lại đem lại cho cuộc đời mụ cái vẻ bề ngoài của những đám mây bay trên trờl phản ánh lúc thì màu xanh biếc, lúc thì màu lửa đỏ, khi thì màu đen u ám của bão tố và chỉ để lại trên mặt đất những vết tích của tàn phá và chết chóc.

Sau bữa điểm tâm, bà tu viện trưởng tới thăm mụ. Ở nhà tu kín chẳng có mấy trò tiêu khiển, và bà nhất hiền lành phúc hậu đã vội đến làm quen với người khách trọ mới của mình.

Milady muốn làm bà tu viện trưởng vui lòng. Điều đó thật dễ đối với một người đàn bà thực sự thuộc tầng lớp trên như thế.

Mụ cố làm ra vẻ dễ thương. Mụ kiều diễm và quyến rũ bà nhất phúc hậu bằng những câu chuyện rất đa dạng và bằng những nét duyên dáng trên khắp người mình.

Nữ tu viện trưởng, một tiểu thư xuất thân từ gia đình quý tộc nên càng thích nghe những chuyện triều đình hiếm khi lan đến những nơi tận cùng của vương quốc và nhất là phải khó khăn lắm mới vượt qua được những bức tường của các tu viện, nơi những dư luận thế gian chỉ đến được ngưỡng cửa là đã thở hắt ra rồi.

Milady, trái lại, lại thông tỏ mọi mưu mô của giới quý tộc, mà mụ đã từng sống giữa những thủ đoạn đó năm sáu năm nay, bèn kể cho bà tu viện trưởng phúc hậu kia những thói tục thời lưu của triều đình Pháp, xen lẫn những cuồng nhiệt quá đáng của nhà Vua. Mụ liệt kê ra cái biên niên sử đầy bê bối của các vị vương hầu và các phu nhân trong triều đình, mà bà tu viện trưởng đều biết mặt biết tên, động nhẹ cả tới mối tình của Hoàng hậu và ông Bôtany, nói rất nhiều để moi người ta nói ra chút ít.

Nhưng bà tu viện trưởng chỉ biết nghe và mỉm cười, mà không đáp lại.

Tuy nhiên, vì Milady thấy bà có vẻ rất thích những loại chuyện ấy, liền tiếp tục. Có điều mụ dồn câu chuyện vào Giáo chủ.

Nhưng mụ rất lúng túng vì không biết bà nhất thuộc phe nhà Vua hay phe Giáo chủ, nên mụ phải giữ thái độ trung dung thận trọng. Nhưng bà nhất, về phía mình lại còn thận trọng hơn, chỉ biết kính cẩn cúi đầu mỗi khi nữ du khách nói đến tên của Giáo chủ.

Milady bắt đầu tin bà ta cũng rất phiền muộn phải sống trong tu viện. Mụ quyết định thử liều một chút là biết ngay phải như thế nào. Muốn biết sự kín đáo của bà tu viện trưởng phúc hậu này đến mức nào, mụ liền nói tới một điều xấu xa lúc đầu còn rất giấu giấu giếm giếm, về sau thì rõ rành rành của Giáo chủ, kể lại những mối tình của Thủ tướng Richelieu với các bà De Eghiông, Mariông đờ Lócmơ và một vài phụ nữ phong tình khác nữa.

Bà nhất nghe chăm chú hơn, dần dần có vẻ thích thú hơn và mỉm cười.

"Tốt, Milady nghĩ, bà ta có vẻ thích chuyện mình nói. Nếu bà ta thuộc phe Giáo chủ, ít nhất cũng không thuộc loại cuồng tín."

Thế là mụ liền chuyển sang những hành vi bạo ngược của Giáo chủ với kẻ thù của mình. Bà tu viện trưởng chỉ làm dấu thánh không tán thành cũng không phản đối.

Điều đó khiến Milady khẳng định bà ta thuộc phái nhà Vua hơn là phái Giáo chủ. Milady tiếp tục, mỗi lúc một thêm thắt vào.

-Tôi hoàn toàn mô tê mù tịt về tất cả những chuyện ấy – Cuối cùng bà nhất cũng nói – nhưng dù có ở cách xa triều đình đến mấy, có đặt ra ngoài những lợi ích của người đời trong vị trí của chúng tôi đến mấy thì những gì mà bà kể cho chúng tôi nghe cũng là những tấm gương rất đáng buồn và một trong số những khách trọ của chúng tôi đã từng đau khổ biết mấy trước những sự trả thù và ngược đãi của Giáo chủ.

-Một trong những khách trọ của bà ư – Milady nói – Ờ! Chúa ơi! Tội nghiệp người đàn bà đó. Tôi thấy thương cho cô ta.

-Và bà nói có lý đấy, bởi cô ấy rất đáng thương. Nhà tù, hăm dọa, đối xử tệ hại, cô ấy đau khổ mọi điều. Nhưng suy cho cùng – bà nhất nói tiếp – Giáo chủ có lẽ có những lý do khả dĩ tin cậy để hành động như thế, và cho dù cô ta có phong thái của một thiên thần, cũng không bao giờ nên đánh giá con người theo dáng vẻ bề ngoài.

"Tốt – Milady tự nhủ – ai biết đâu đấy! Có lẽ ta sắp phát hiện ra được điều gì ở đây, ta gặp may rồi."

Và mụ tạo cho mình một bộ mặt hoàn toàn ngây thơ.

-Ôi! – Milady nói – Tôi biết chứ. Người ta vẫn nói, mặt người dạ thú đấy thôi. Nhưng biết tin vào cái gì đây, nếu không tin vào cái công trình đẹp nhất của Thượng đế! Về phần tôi, có lẽ suốt đời tôi sẽ bị nhầm. Nhưng tôi sẽ luôn luôn tin vào người nào mà bộ mặt gợi cảm tình cho tôi.

Bà tu viện trưởng nói: -Vậy thì bà sẽ tin là thiếu phụ ấy vô tội mất thôi.

-Ngài Giáo chủ không chỉ truy cứu các tội ác – Mụ nói – Có một số những đức hạnh ngài còn truy cứu nghiêm khắc hơn cả tội lỗi nữa đấy.

-Cho phép tôi, thưa bà được biểu lộ sự kinh ngạc của tôi đấy – Bà nhất nói.

-Và về điều gì? – Milady vờ ngây thơ hỏi.

-Ồ, về khẩu khí của bà ấy.

Milady mỉm cười hỏi.

-Bà thấy khẩu khí của tôi đáng ngạc nhiên ở chỗ nào?

-Bà là bạn của Giáo chủ, vì ông ấy phái bà đến đây, tuy nhiên…

-Tuy nhiên tôi lại nói xấu về ông ấy – Milady nói tiếp suy nghĩ của bà nhất.

-Ít nhất bà cũng chẳng nói tốt gì cho ngài.

-Đó là vì tôi không phải là bạn – Mụ vừa nói vừa thở dài – mà là nạn nhân của ông ấy.

-Tuy nhiên bức thư mà ngài trao cho bà gửi cho tôi thì sao đây?

-Là lệnh giữ tôi trong một loại nhà tù mà ông ấy sẽ cho tay chân đến lôi tôi ra.

-Nhưng tại sao bà không trốn?

-Trốn đi đâu được? Bà tưởng có một địa điểm nào trên trái đất này mà Giáo chủ không với tới được ư, nếu như ngài chịu khó ra tay? Nếu tôi là một người đàn ông, bần cùng lắm, còn có thê làm như thế, nhưng một người đàn bà như tôi, bà bảo phải làm gì? Cái cô khách trọ trẻ mà bà cho ở đây có ý định chạy trốn không?

-Không, đúng vậy, với cô ta, lại là chuyện khác, tôi tin rằng cô ấy ở lại Pháp là vì một mối tình nào đó.

Milady thở dài: -Nếu cô ta yêu, cô ta đâu phải hoàn toàn bất hạnh.

-Như thế có nghĩa – bà tu viện trưởng vừa nói vừa nhìn Milady thêm thiện cảm – tôi lại gặp thêm một phụ nữ đáng thương bị ngược đãi ư?

-Than ôi, đúng như thế đấy bà ạ – Milady nói.

Bà tu viện trưởng nhìn Milady một lúc với vẻ lo lắng như thể có một ý nghĩ mới vừa nẩy ra trong óc bà.

-Bà không phải là kẻ thù của đức tin thần thánh của chúng tôi đấy chứ? – Bà nhất lúng túng hỏi.

-Tôi ư? – Milady kêu lên – Tôi mà Tin lành ư? Ồ, không đâu, xin chúa chứng giám và thấu hiểu cho tôi, trái lại, tôi còn là một tín đồ Cơ đốc giáo đầy nhiệt huyết.

-Thế thì – bà nhất mỉm cười nói – bà cứ yên tâm. Ngôi nhà mà bà đang ở đây sẽ không phải là một nhà tù quá khắc nghiệt, và chúng tôi sẽ làm tất những gì cần làm để bà yêu mến cảnh giam cầm này. Thêm nữa, bà sẽ gặp ở nơi đây thiếu phụ bị ngược đãi chắc hẳn do một âm mưu nào đó tiếp theo ở triều đình, cô ấy thật đáng yêu và duyên dáng.

-Bà gọi tên cô ta thế nào?

-Cô ấy được một vị nào đó quyền chức rất cao gửi gắm tới dưới cái tên là Ketty. Tôi cũng chẳng muốn biết tên khác của cô ấy là gì.

-Ketty? – Milady reo lên – Sao! Bà chắc như thế chứ? Rằng cô ấy được gọi tên như thế có phải không?

-Phải đấy. Ra bà cũng biết cô ấy?

Milady mỉm cười với chính mình và với ý nghĩ vừa chợt đến với mình là thiếu phụ đó có thể là thị tì cũ của mình. Kỷ niệm về cô gái này nối liền với kỷ niệm giận dữ, và một ý muốn trả thù đã làm Milady biến sắc, nhưng người đàn bà có tới trăm bộ mặt này trong khoảnh khắc đã lấy lại ngay vẻ bình thản và nhân ái.

-Khi nào tôi có thể gặp được người thiếu phụ, con người mà tôi đã cảm thấy ngay có rất nhiều cảm tình ấy? – Milady hỏi.

-Tối nay thôi – Bà tu viện trưởng nói – nội nhật hôm nay thôi. Nhưng bà vừa dong duổi bốn ngày trời, chính bà đã nói với tôi như thế, sáng nay bà lại dậy từ

năm giờ bà cần phải nghỉ ngơi đã. Bà đi nằm rồi ngủ đi, đến giờ ăn trưa, chúng tôi sẽ đánh thức bà dậy.

Cho dù Milady rất có thể bỏ qua không cần ngủ nghê gì do cuộc phiêu lưu mới đã gây nên những kích thích cho con tim luôn thèm khát những âm mưu, mụ vẫn chấp nhận nhã ý của bà nhất. Từ mười hai đến mười lăm ngày nay mụ đã trải qua biết bao nhiêu những cảm xúc khác nhau đến nỗi nếu tấm thân gang thép của mụ còn có thể chịu đựng được sự mệt mỏi, thì tâm hồn mụ cũng cần phải nghỉ ngơi.

Mụ cáo từ bà nhất đi nằm và được êm ru trong những ý nghĩ trả thù dĩ nhiên là hướng tới cái tên Ketty. Mụ nhớ lại cái lời hứa hầu như vô giới hạn của giáo chủ nếu mụ thành công trong việc mưu sát. Mụ đã thành công, vậy D'Artagnan phải được để cho mụ xử.

Điều duy nhất làm mụ sợ hãi, đó là kỷ niệm về chồng mụ.

Đó là Bá tước de la Ferơ, mà mụ cứ tưởng đã chết hoặc ít nhất cũng đã đi biệt xứ, và bây giờ mụ lại gặp lại trong Athos, người bạn thân thiết nhất của D'Artagnan.

Cho nên, nếu đã là bạn của D'Artagnan, thì hắn phải sẵn sàng tham dự vào những thủ đoạn của gã mà nhờ thế Hoàng hậu đã phá vỡ được những mưu toan của Giáo chủ, nếu hắn đã là bạn của D'Artagnan thì hắn phải là kẻ thù của Giáo chủ và chắc chắn mụ sẽ chùm luôn cả hắn vào việc trả thù mà mụ vẫn hy vọng sẽ bóp chết chàng ngự lâm trẻ.

Tất cả những hy vọng đó đều là những ý nghĩ êm dịu đối với Milady, được ru bằng những ý nghĩ đó chẳng mấy chốc mụ đã ngủ thiếp đi.

Mụ được đánh thức bằng một giọng nói dịu dàng ngay phía cuối gường. Mụ mở mắt và thấy bà tu viện trưởng đi cùng một thiếu phụ tóc hoe vàng, da rất mịn, đang chăm chú nhìn mụ bằng con mắt tò mò đầy thiện ý.

Khuôn mặt thiếu phụ hoàn toàn xa lạ đối với mụ. Cả hai đều vừa chào hỏi xã giao nhau – vừa thận trọng dè dặt dò xét nhau.

Cả hai đều rất đẹp, nhưng hai sắc đẹp hoàn toàn khác biệt nhau. Tuy nhiên Milady mỉm cười nhận ra mình trội hơn nhiều về vẻ quyền quý và những kiểu cách quý tộc. Mà cũng đúng, áo quần của người mới xuất gia mà thiếu phụ đang mặc không có lợi lắm trong cuộc thi sắc này.

Bà tu viện trưởng giới thiệu hai người với nhau. Rồi khi mọi thủ tục đã xong, vì phải làm những bổn phận của mình ở giáo đường, bà để mặc hai thiếu phụ lại với nhau.

Người phụ nữ mới xuất gia thấy Milady vẫn nằm, định đi theo bà nhất, nhưng Milady giữ lại.

-Sao vậy thưa bà, – mụ nói với nàng – tôi vừa mới được thấy bà, mà bà đã định tước mất của tôi niềm hân hạnh được tiếp kiến bà ư. Xin thú thực với bà, tôi

vẫn mong có được điều đó trong thời gian phải lưu lại ở đây.

-Không, thưa bà – người mới xuất gia trả lời – có điều tôi e đã đến không đúng lúc: bà còn đang ngủ và còn mệt.

-Thế à? – Milady nói – Người đang ngủ có thể đòi hỏi điều gì nào? Đó là được tỉnh giấc khoan khoái. Bà đã làm cho tôi được tỉnh giấc như thế đấy. Bà hãy cho tôi được thoải mái hưởng cái thú khoan khoái đó.

-Và cầm lấy tay nàng, kéo đến ngồi trên chiếc ghế bành cạnh giường ngủ của mình.

Thiếu phụ ngồi xuống.

-Lạy Chúa! – Nàng nói – sao mà tôi khốn khổ đến thế! Thế là đã sáu tháng tôi ở đây, không một chút bóng dáng thú vui, bà đến đây, sự hiện diện của bà làm tôi sắp có được một người bạn yêu kiều, ấy thế mà, rất có thể, chưa biết lúc nào, tôi sắp rời khỏi tu viện.

-Sao thế? – Milady nói – bà sắp ra khỏi đây ư?

-Ít ra tôi cũng mong như thế – Nàng vừa nói vừa biểu lộ một niềm vui chẳng hề tìm cách ngụy trang.

-Tôi tin là mình đã được biết bà đã từng đau khổ vì Giáo chủ – Milady tiếp tục – cái đó cũng lại thêm một lý do để chúng ta có sự thông cảm với nhau.

-Điều mà mẹ nhất của chúng ta nói với tôi vậy cũng là sự thật nghĩa là bà cũng là nạn nhân của lão thầy tu độc ác đó sao?

-Suyt! – Milady nói – ngay ở đây, chúng ta cũng đừng nói ông ta như thế. Mọi nỗi bất hạnh của tôi chính cũng xuất phát từ chỗ đi nói gần như bà vừa nói với tôi ấy trước một người đàn bà tôi vẫn coi là bạn, ai ngờ đã phản bội tôi. Và chắc bà cũng vậy, bà cũng là nạn nhân của một sự phản bội?

-Không – thiếu phụ đáp – mà là sự tận tâm của tôi, tận tâm với một người đàn bà mà tôi yêu, với bà, tôi đã cống hiến cả đời mình và với bà, tôi sẽ còn cống hiến thêm nữa.

-Và người đó đã bỏ rơi bà, thế chứ gì?

-Tôi đã từng khá bất công để tin như thế, nhưng từ hai ba hôm nay tôi đã thu được bằng chứng ngược lại và tôi đã cảm ơn Chúa về điều đó.

-Tôi đáng bị trả giá về việc đi tin rằng bà đã quên tôi. Nhưng bà, thưa bà – thiếu phụ tiếp tục – tôi thấy hình như bà được tự do và nếu như bà định trốn, có điều gì ngăn cấm bà đâu.

-Bà muốn tôi trốn đi đâu, không bạn bè, không tiền bạc, đến một miền của nước Pháp mà tôi không hay biết và chưa bao giờ đặt chân tới ư?

-Ồ! – Thiếu phụ kêu lên – về chuyện bạn bè thì ở đâu bà chẳng có khi bà tỏ ra hiền hậu, và trông bà lại đẹp đến thế kia!

Milady vừa nói vừa nặn ra một nụ cười dịu dàng hơn cho có vẻ thiên thần: -Điều đó cũng không tránh cho tôi khỏi bị đơn độc và bị ngược đãi.

-Bà hãy nghe tôi – thiếu phụ nói – cần phải hy vọng vào trời. Làm điều tốt rồi thế nào cũng có lúc Chúa thấu hiểu, mà có thể đây cũng là dịp may của bà chăng, tuy tôi hèn mọn và không thần thế gì, nhưng bà đã gặp tôi, nếu tôi ra khỏi đây, lúc đó, tôi sẽ có mấy người bạn khá mạnh sau khi đã tiến hành vận động cho tôi, cũng có thể vận động cho bà.

-Ồ, khi tôi nói rằng tôi đơn độc – Milady nói về bản thân mình, hy vọng người nữ tu mới xuất gia cũng phải bật ra về cô ta – không phải tôi không có một số chỗ quen biết rất cao, nhưng ngay chính họ cũng run sợ trước Giáo chủ. Kể cả Hoàng hậu nữa cũng không dám chống lại vị thủ tướng khủng khiếp ấy cơ mà.

-Tôi có bằng chứng Hoàng hậu mặc dầu có tấm lòng nhân hậu tuyệt vời đã mấy lần phải để mặc cho Giáo chủ trút giận dữ lên những người đã phục vụ mình.

-Thưa bà, xin hãy tin tôi, Hoàng hậu có thể làm ra vẻ bỏ rơi những con người đó, nhưng ta không nên tin ở bề ngoài, họ càng bị ngược đãi bà càng nghĩ đến họ, và thường thường đúng lúc họ trông chờ ở bà ít nhất, họ lại có được bằng chứng về việc bà rất nhớ đến họ.

-Ôi! – Milady nói – Tôi tin chứ. Hoàng hậu thật quá tất.

-Ồ? Thế ra bà cũng quen biết Hoàng hậu ư? – Thiếu phụ cuồng nhiệt reo lên – Hoàng hậu kiều diễm và cao quý, bà cũng nói về Hoàng hậu như thế ư?

-Nghĩa là – Milady bị đẩy vào thế phòng thủ nói – về cá nhân tôi, tôi không có được cái vinh dự quen biết Hoàng hậu, nhưng tôi quen biết khá nhiều bạn bè thân thiết của bà. Tôi quen ông De Puytănggiơ này, tôi quen ở anh ông Đuyja. Tôi quen ông De Treville.

-Ông De Treville? – Thiếu phụ reo lên – Bà quen cả ông De Treville?

-Vâng, hoàn toàn, nhiều nữa ấy chứ.

-Đại úy ngự lâm quân của nhà Vua?

-Đúng, đại úy ngự lâm quân của nhà vua.

-Ồ, vậy thì rồi bà sẽ thấy – thiếu phụ vẫn reo lên – Vừa mới quen biết nhau xong mà hầu như đã là bạn của nhau rồi. Nếu bà quen biết ông De Treville, chắc bà đã đến nhà ông ấy?

-Luôn luôn? – Milady nói vậy, vì đã trót rồi, lại thấy nói dối cũng có kết quả nên định nói dối đến cùng.

-Tại chỗ ông ấy, chắc bà phải gặp một vài lính ngự lâm của ông ấy?

-Gặp tất cả những người mà ông ấy tiếp thường xuyên? – Milady trả lời, vì thấy câu chuyện xoay ra có lợi.

-Bà thử kể tên một vài người bà quen biết xem sao nào, và bà sẽ thấy họ cũng thuộc trong số người bạn của tôi.

-Nhưng – Milady lúng túng nói – Tôi quen ông De Xuvinhi, ông De Cuốctivrông, ông De Fréjusxắc.

Thiếu phụ để cho mụ nói, rồi thấy mụ dừng lại nàng hỏi: -Thế bà không quen một nhà quý tộc tên là Athos ư?

Milady mặt xám ngoét đi như màu thảm trải giường mụ nằm, và dù đã rất tự chủ, không tránh khỏi vừa thốt ra một tiếng kêu, vừa nắm lấy tay người đang trò chuyện với mình, vừa nhìn như muốn nuốt sống người ta.

-Sao? Bà sao vậy? Ôi, lạy Chúa – Người phụ nữ đáng thương hỏi – tôi đã nói điều gì xúc phạm đến bà ư?

-Không, nhưng cái tên đó đã tác động mạnh đến tôi, bởi vì tôi, tôi cũng quen biết nhà quý tộc đó, nhưng tôi lấy làm lạ khi thấy có người lại quen biết ông ta nhiều đến thế.

-Ồ, đúng! Nhiều! Rất nhiều! Không những ông ấy mà còn cả các bạn ông ấy nữa: các ông Porthos và Aramis?

-Thật ra, tôi cũng quen cả mấy ông này! – Milady nói mà cảm thấy lạnh thấu tim.

-Thế thì… Nếu bà đã quen biết họ, hẳn bà phải biết họ là những người bạn tất và trung thực, và sao bà không ngỏ ý với họ, nếu bà cần chỗ dựa?

-Nghĩa là – Milady ấp úng – tôi không thực sự kết giao với bất kỳ ai trong số họ. Tôi biết họ vì được một người bạn họ, ông D'Artagnan, đã nói rất nhiều về họ thôi.

-Vậy bà quen ông D'Artagnan? – Đến lượt thiếu phụ nói như thét lên. Nắm lấy tay Milady với đôi mắt ngốn ngấu. Rồi nhận thấy biểu hiện lạ lùng trong con mắt của Milady: -Xin lỗi bà, bà quen ông ấy với danh nghĩa gì?

-Ồ – Milady bối rối – Ồ, danh nghĩa bạn bè thôi.

-Bà lừa tôi, thưa bà -người nữ tu mới nói – bà từng là người tình của ông ấy.

-Chính bà mới từng là người tình của ông ấy – Đến lượt Milady hét lên.

-Tôi ư? – Thiếu phụ nói.

-Phải, bà, bây giờ thì tôi biết bà rồi: bà là bà Bonacieux.

Thiếu phụ lùi lại hết sức kinh ngạc và hoảng sợ.

-Ồ! Đừng chối nữa! Trả lời đi! – Milady tiếp – Được! Thì đúng đấy? – Thiếu phụ nói – Chúng ta là tình địch của nhau?

Mắt Milady tóe lên ngọn lửa hết sức hoang dại mà trong mọi trường hợp khác bà Bonacieux đã vội chạy trốn vì hoảng sợ, nhưng mà nàng cũng đang hoàn toàn lên cơn ghen.

-Nào, bà nói đi – Bà Bonacieux nói với một nghị lực mà người ta không thể ngờ tới – bà từng là hay đang là người tình của ông ấy?

-Ồ, không! – Milady hét lên bằng một giọng không thể ngờ được về sự chân thực – Không bao giờ! Không bao giờ!

-Tôi tin bà, bà Bonacieux! Nhưng tại sao bà cũng thét lên như thế?

-Sao, bà không hiểu ư? – Milady lúc này đã bình tĩnh trở lại và lại ứng phó nhanh như trước, mụ hỏi vậy.

-Bà muốn tôi phải hiểu thế nào đây? Tôi chẳng biết gì cả.

-Thế là bà không hiểu ông D'Artagnan là bạn của tôi, và ông ấy coi tôi là bạn tâm tình ư?

-Thật thế sao?

-Bà không hiểu là tôi biết hết ư. Từ việc bắt cóc bà tại ngôi nhà nhỏ ở Saint-Germain, sự thất vọng của ông ấy, của các bạn ông ấy, đến những việc tìm kiếm vô ích của họ từ khi ấy? Và làm sao tôi lại không ngạc nhiên được, khi mà tôi đinh ninh mình đang ở trước mặt bà, người mà chúng tôi thường cùng nhau nói đến, người mà ông ấy làm cho tôi phải yêu trước cả khi tôi được gặp bà? Ôi! Constance thân mến, thế là tôi đã tìm được bà, cuối cùng thì tôi cũng đã gặp bà!

Và Milady dang hai cánh tay ra cho bà Bonacieux đã bị thuyết phục bởi những gì mụ vừa nói, và chỉ còn thấy người đàn bà mà mới chỉ một phút trước đây nàng còn tưởng là tình địch ấy, một người bạn thật thà và hết lòng với mình.

-Ồi, thứ lỗi cho em? Thứ lỗi cho em? – Nàng vừa kêu lên vừa ngả người vào vai Milady – Em yêu chị biết mấy!

Hai người ôm lấy nhau trong giây lát. Chắc hẳn, nếu sức lực của Milady có thể lên cao ngang với nỗi căm hận của mụ thì ôm nhau xong bà Bonacieux đã chết ngạt rồi. Nhưng vì không bóp chết ngạt được, mụ cười với nàng.

-Ôi người đẹp thân mến? Cô bé hiền hậu thân mến! – Milady nói – Được gặp cô tôi sung sướng biết mấy! Nào để tôi nhìn cô nào! – Và vừa nói ra những câu ấy, mụ vừa hau háu nhìn nàng – Phải, đúng là cô rồi! Chà! Theo như lời ông ấy đã nói với tôi, lúc này tôi nhận ra cô rồi, tôi hoàn toàn nhận ra cô.

Người phụ nữ tội nghiệp không thể ngờ tới những gì đang diễn ra vô cùng ghê rợn và hung dữ đằng sau cái chiến lũy là vầng trán trong trắng là đôi mắt sáng long lanh đến thế làm cho nàng chỉ thấy thích thú và cảm tình.

-Thế thì chị cũng biết em đã từng đau khổ thế nào – Bà Bonacieux nói – một khi chàng đã nói với chị những gì chàng đau khổ, thì đau khổ vì chàng, chính lại là hạnh phúc.

Milady lắp lại một cách máy móc vì đang nghĩ đến điều khác: -Phải, chính lại là hạnh phúc.

-Và rồi, – Bà Bonacieux tiếp tục – nỗi thống khổ của tôi cũng đến hồi kết thúc rồi, ngày mai, có lẽ ngay tối nay cũng nên, tôi sẽ gặp lại chàng và thế là quá khứ sẽ không tồn tại nữa.

-Tối nay ư? Ngày mai ư? – Nghe những lời nói ấy Milady như hết mơ màng, thét lên – cô muốn nói sao? Cô đang đợi tin tức của ông ấy à?

-Tôi đợi chính bản thân chàng.

-Chính chàng! D'Artagnan, ở đây ư?

-Chính chàng.

-Nhưng, không thể thế được? Ông ấy đang cùng với Giáo chủ vây thành La Rochelle kia mà? Ông ấy sẽ chỉ trở về sau khi chiếm được thành?

-Chị cứ tưởng thế đấy thôi chứ làm gì có cái gì lại không có thể với chàng D'Artagnan của em, con người quý tộc trung thực và cao quý ấy.

-Ồ, tôi không thể tin nổi cô đâu?

-Vậy thì, chị đọc đi!

Trong lúc quá vui mừng và kiêu hãnh, người phụ nữ trẻ khốn khổ chìa ngay một bức thư cho Milady.

"Nét chữ của bà De Chevreuse rồi! – Milady tự nhủ – chà, mình vẫn tin chắc chúng thông đồng với nhau về chuyện này mà?"

Và mụ đọc ngốn ngấu mấy dòng chữ đó:

"Em yêu quý, em hãy chuẩn bị sẵn sàng, người bạn của chúng ta sắp tới gặp em rồi, và chàng đến gặp em là chỉ để kéo em ra khỏi cảnh giam cầm mà vì sự an toàn của em buộc phải giấu em ở đấy Vậy em hãy chuẩn bị lên đường và đừng bao giờ thất vọng về bọn ta.

Chàng Gátxông đáng yêu của chúng ta đến để tỏ ra là vẫn luôn can trường và trung thành như mọi khi, em hãy nói với chàng là người ta rất biết ơn chàng về thông báo chàng đã đưa ra."

-Phải, phải, – Milady nói – Phải, bức thư rất rõ ràng. Cô có biết thông báo đó là về cái gì không?

-Không, em chỉ ngờ rằng chàng đã báo cho Hoàng hậu về một âm mưu mới nào đấy của Giáo chủ.

-Phải, chắc là như thế! – Milady vừa nói vừa trả lại bức thư cho bà Bonacieux rồi gục đầu xuống trầm ngâm.

Đúng lúc ấy có tiếng vó ngựa.

-Ồ! Bà Bonacieux vừa reo lên vừa lao ra cửa sổ – Chàng đã đến rồi ư?

Milady vẫn đang ở trong giường, đờ người ra vì kinh ngạc.

Bao nhiêu chuyện bất ngờ bỗng đến với mụ, và lần này thì mụ thật sự hoang mang. Mụ lẩm bẩm: -Hắn! Hắn ư? Thật hắn ư?

Nhưng mụ vẫn ở lì trên giường, mắt chăm chăm.

-Ôi! Không phải – Bà Bonacieux nói – Đó là một người đàn ông, em không quen biết, có vẻ như đang đến đây. Đúng, ông ta cho ngựa chạy chậm lại, dừng ở trước cửa và giật chuông.

Milady nhảy ngay ra khỏi giường và hỏi: -Cô có thật tin chắc không phải chàng không?

-Ồ, vâng, chắc quá đi chứ?

-Cô nhìn nhầm chăng?

-Ồ, em chỉ thấy lông cài mũ và vạt áo chàng là em đã nhận được ngay ra chàng mà.

Milady vẫn cứ mặc quần áo vào.

-Không sao! Cô bảo người đàn ông đó đến đây?

-Phải, ông ta đã vào rồi.

-Thế thì hoặc để gặp cô hoặc để gặp tôi.

-Ôi, Chúa ơi! Sao trông chị có vẻ bồn chồn thế

-Đúng, tôi xin thú thực, tôi không có được lòng tin như cô, tôi sợ Giáo chủ đủ thứ.

-Suỵt! – Bà Bonacieux – họ tới đấy!

Quả nhiên, cửa mở và bà nhất bước vào hỏi Milady: -Có phải bà từ Bulônhơ đến không?

-Vâng, chính tôi – Mụ trả lời, cố giữ bình tĩnh -Ai hỏi tôi ư?

-Một người không muốn nói tên ra, nhưng là người do Giáo chủ phái đến.

-Và muốn nói chuyện với tôi?

-Muốn nói chuyện với một bà từ Bulônhơ đến.

-Thế thì tôi xin bà, bà để ông ấy vào đi.

-Ôi lạy Chúa! Lạy Chúa! – Bà Bonacieux nói – Hay là lại có một tin dữ nào ư?

-Tôi sợ là như thế.

-Vậy em để chị gặp người lạ mặt đó, nhưng ngay khi người ấy đi khỏi, nếu chị cho phép, em sẽ trở lại.

-Sao lại không chứ! Tôi mong cô đến đấy.

Milady còn lại một mình, mắt chăm chăm nhìn ra cửa, một lát sau, có tiếng đinh thúc ngựa vang lên trên cầu thang rồi tiếng bước chân lại gần, cửa mở, và một người đàn ông hiện ra.

Milady reo lên mừng rỡ, người đàn ông đó chính là Bá tước De Rochefort, linh hồn tội lỗi của Giáo chủ.

§62. Hai giống yêu quái

-Kìa!

Cả Milady lẫn Rochefort cùng reo lên.

-Thì ra ông!

-Vâng, chính tôi.

-Ông từ đâu đến? – Milady hỏi.

-Từ La Rochelle, còn bà?

-Từ nước Anh.

-Buckingham sao rồi?

-Chết hoặc bị thương nặng[143] vì tôi đã đi trước nên không nắm được điều gì rõ ràng về hắn, một tên cuồng tín vừa ám sát hắn.

-Chà! – Rochefort nở một nụ cười – Một sự run rủi quá may mắn rồi! Và Đức ông chắc sẽ hài lòng lắm! Bà đã báo cho ngài chưa?

-Từ Bulônhơ tôi đã viết cho ngài rồi. Nhưng làm thế nào ông lại đến được đây?

-Đức ông lo lắng đã phái tôi đi tìm bà.

-Tôi mới đến từ hôm qua.

-Và bà làm gì từ hôm qua đến giờ?

-Tôi chẳng để phí thời gian đâu.

-Ồ cái đó thì tôi không nghi ngờ gì rồi?

-Ông có biết tôi gặp ai ở đây không?

-Không.

-Ông đoán xem.

-Làm sao tôi đoán nổi.

-Cái cô ả mà Hoàng hậu đã kéo ra khỏi nhà tù đó.

-Tình nhân của thằng ranh D'Artagnan?

-Đúng vậy, vợ lão Bonacieux mà Giáo chủ không biết trốn ở đâu ấy!

-Ồ! – Rochefort nói – Thế thì lại thêm một sự run rủi có thể sánh đôi với sự run rủi kia rồi. Giáo chủ đúng thật là may mắn.

-Ông có biết tôi ngạc nhiên đến thế nào khi tôi thấy mình đối mặt với con mụ ấy không?

-Mụ biết bà à?

-Không.

-Vậy mụ ta coi bà là một người xa lạ?

Milady mỉm cười?

-Tôi là bạn chí thiết của mụ?

-Xin lấy danh dự ra thề đấy – Rochefort nói – chỉ có nữ Bá tước thân mến của tôi mới làm nổi những kỳ tích đó.

-Và phen này thì tôi tính sổ được rồi, ông hiệp sĩ ạ – Milady tiếp tục – bởi vì ông có biết xảy ra chuyện gì không?

-Không.

-Ngày mai hoặc ngày kia, người ta sẽ đem lệnh của Hoàng hậu đến đây tìm mụ.

-Thật à! Và ai đến?

-D'Artagnan và lũ bạn hắn.

-Đúng là chúng gây ra bao nhiêu chuyện, phải tống chúng vào ngục Bastille thôi.

-Tại sao còn chưa làm cái việc ấy?

-Bà muốn sao! Giáo chủ có một điểm yếu nào đó đối với những con người này mà tôi không hiểu nổi.

-Thật à?

-Thật đấy.

-Thế thì ông phải nói với Giáo chủ điều này, ông Rochefort ạ. Ông hãy nói với Giáo chủ câu chuyện giữa tôi và Giáo chủ ở quán Chuồng chim câu Đỏ đã bị bốn kẻ ấy nghe trộm, sau khi ngài đi, một kẻ đã lên chỗ tôi và dùng bạo lực giật mất của tôi tờ thông hành đặc biệt ngài cho tôi. Nói với ngài chúng đã báo trước cho De Winter về việc tôi sang Anh, chúng đã làm thất bại nhiệm vụ của tôi cũng như chúng đã từng làm thất bại vụ nút kim cương. Nói với ngài trong bốn tên, chỉ hai tên là đáng sợ là D'Artagnan và Athos. Tên thứ ba Aramis là tình nhân của bà De Chevreuse nên để cho tên ấy sống, biết được bí mật của nó, nó có thể có ích. Còn tên thứ tư, Porthos, một thằng ngu, một tên hợm hĩnh và ngớ ngẩn, chẳng thèm để ý làm gì.

-Nhưng cả bốn tên ấy lúc này đang ở chỗ vây hãm La Rochelle kia mà.

-Tôi cũng đã tin thế như ông. Nhưng bức thư vợ lão Bonacieux nhận được của bà thống tướng, và ả đã khờ khạo đưa cho tôi xem, trái lại đã khiến tôi biết bốn tên đó đang đến đây để mang ả đi.

-Trời? Làm thế nào đây?

-Giáo chủ nói với ông thế nào về tôi?

-Rằng tôi phải mang những báo cáo bằng văn bản hoặc bằng miệng của bà trở về bằng ngựa trạm, và khi ngài biết được bà đã làm được những gì, ngài sẽ thông báo bà phải làm gì.

-Vậy tôi phải lưu lại đây à?

-Đây hoặc quanh đây.

-Ông không thể mang tôi đi cùng?

-Không, lệnh là lệnh. Ở vùng quanh đấy, việc đó phương hại đến Đức ông.

-Vậy tôi phải đợi ở đây hay vùng quanh đây?

-Chỉ cần bà nói trước cho tôi biết bà đợi tin của Giáo chủ ở đâu, để tôi biết chỗ tìm bà.

-Ông này, có lẽ tôi không thể ở lại đây.

-Tại sao?

-Ông quên bọn kẻ thù của tôi, sớm muộn gì cũng đến đây ư?

-Đúng vậy, nhưng thế thì con mụ hạ tiện kia sẽ thoát khỏi tay Giáo chủ ư?

-Vớ vẩn? – Milady nở một nụ cười chỉ riêng mình hiểu – Ông quên tôi là bạn chí thiết của ả ư?

-Ồ, đúng rồi! Vậy tôi có thể nói với Giáo chủ, đối với mụ đàn bà này…

-Ngài cứ yên tâm.

-Thế thôi ư?

-Ngài sẽ biết tôi muốn nói gì.

-Chắc là ngài sẽ đoán ra. Còn bây giờ tôi phải làm gì đây?

-Phải đi ngay đi. Tôi thấy những tin tức ông mang về bõ công đi sao cho thật nhanh đấy.

-Thế thì đến Liliê xe ngựa tôi gãy bánh mất.

-Càng tuyệt!

-Càng tuyệt là thế nào?

-Đúng, vì tôi cần cỗ xe của ông mà.

-Thế thì tôi đi bằng gì bây giờ?

-Bằng ngựa trạm.

-Bà nói dễ nghe nhỉ. Một trăm tảm mươi dặm đấy.

-Thế thì đã sao?

-Được tôi sẽ đi bằng ngựa trạm. Rồi sau đó?

Sau đó, khi qua Liliê, ông sẽ lệnh cho gia nhân đánh xe về đây cho tôi.

-Được! Chắc ông có sẵn một tờ lệnh nào đó của Giáo chủ trong người chứ?

-Tôi có toàn quyền.

-Ông hãy ra lệnh cho bà tu viện trưởng, bảo bà ta rằng hôm nay hoặc ngày mai ông sẽ cho người đến tìm tôi, và tôi sẽ phải đi theo người đó.

-Được!

-Ông đừng quên tỏ ra cứng rắn với tôi khi nói với bà tu viện trưởng. Thì tôi là nạn nhân của Giáo chủ mà. Tôi rất cần gây được lòng tin với cái bà Bonacieux bé nhỏ tội nghiệp kia.

-Đúng vậy. Bây giờ bà có thể làm cho tôi một báo cáo về tất cả những gì đã xảy đến không?

-Tôi đã chả kể hết cho ông nghe các biến cố rồi là gì. Ông có trí nhớ tốt, ông cứ nhắc lại mọi điều tôi đã nói với ông là được rồi. Giấy tờ nguy lắm.

-Bà nói đúng, có điều tôi phải biết chính xác tìm bà ở đâu, để tôi khỏi phải chạy đi tìm khắp xung quanh vô ích.

-Đúng, ông chờ tí nhé.

-Bà cần bản đồ không?

-Ồ tôi thuộc vùng này như trong lòng bàn tay ấy chứ.

-Bà thuộc ư? Vậy bà ở đây khi nào?

-Tôi lớn lên ở đây mà.

-Thật ư?

-Ông thấy đấy, lớn lên ở đâu mà chẳng có đôi chút ích lợi.

-Vậy bà đợi tôi ở đâu?

-Để tôi nghĩ một chút. À, ở Acmăngchie ông ạ.

-Acmăngchie là chỗ nào nhỉ?

-Một thị trấn nhỏ trên sông Lítx, tôi chỉ việc qua sông là đã sang nước ngoài rồi.

-Và trong trường hợp ấy, làm thế nào để tôi biết được bà ở đâu?

-Ông không cần người hầu của ông đấy chứ?

-Không.

-Có tin được không?

-Đã được thử thách nhiều.

-Hãy trao nó cho tôi. Không ai quen biết nó. Tôi để nó lại chỗ tôi đã rời đi, nó sẽ dẫn ông tới nơi tôi ở.

-Và bà nói đợi tôi Acmăngchie.

-Ở Acmăngchie.

-Bà hãy viết cái tên đó lên mẩu giấy, sợ tôi quên mất, bởi cũng chẳng có hại gì, một cái tên thị trấn thôi, có phải không?

-Ồ biết đâu đấy? Thôi cóc cần – Milady vừa nói, vừa ghi tên đó lên nửa tờ giấy – Thế này là tôi hại tôi đây.

-Tốt – Rochefort vừa nói vừa cầm lấy mẩu giấy, gập lại và nhét vào mũ – vả lại, bà yên tâm, tôi sẽ làm như lũ trẻ con và trong trường hợp đánh mất mẩu giấy, tôi sẽ nhắc đi nhắc lại suốt dọc đường. Giờ thì xong tất cả rồi chứ.

-Tôi nghĩ vậy.

-Tôi kiểm tra lại một chút nhé: Buckingham bị chết hoặc bị thương nặng. Cuộc trao đổi giữa bà với Giáo chủ đã bị bốn tên ngự lâm quân nghe trộm. De Winter đã được báo trước việc bà đến Portsmouth. Tống Athos D'Artagnan vào Bastille. Aramis là tình nhân của bà De Chevreuse. Porthos là một tên hợm hĩnh. Đã tìm thấy vợ lão Bonacieux. Gửi lại ngay cho bà cỗ xe càng sớm càng tốt. Cho người hầu của tôi đến hầu bà. Làm như bà là nạn nhân của Giáo chủ, để bà tu viện trưởng khỏi nghi. Acmăngchie trên bờ sông Litx. Đủ chưa nào?

-Ông hiệp sĩ thân mến của tôi ơi, đúng là ông có một trí nhớ thần kỳ. Nhân tiện, thêm một điều…

-Điều gì?

-Tôi thấy có những mảnh rừng nhỏ rất đẹp nối liền với khu vườn cây của tu viện, hãy bảo họ cho tôi được phép đi dạo trong những mảnh rừng ấy, biết đâu tôi lại chẳng cần ra bằng lối cổng sau.

-Bà chu đáo lắm.

-Và ông quên một điều…

-Điều gì?

-Hỏi tôi xem tôi có cần tiền không?

-Đúng vậy, bà cần bao nhiêu?

-Tất cả số vàng ông có.

-Tôi có khoảng xấp xỉ năm trăm Pítxtôn.

-Tôi cũng có ngần ấy. Với một nghìn Pítxtôn, có thể đối mặt với mọi thứ. Nào ông dốc túi ra đi.

-Đây!

-Tốt, và ông đi chứ?

-Khoảng một giờ nữa. Đủ thời gian để có chút gì vào bụng.

-Trong thời gian đó tôi sẽ đi tìm một con ngựa trạm. Tuyệt lắm! Tạm biệt ông hiệp sĩ!

-Tạm biệt nữ Bá tước?

-Cho tôi gửi lời thăm hỏi Giáo chủ.

-Cho tôi gửi lời thăm quỷ Satan.

Milady và Rochefort mỉm cười với nhau và chia tay. Một giờ sau, Rochefort phi ngựa nước đại ra đi.

Năm giờ chiều hắn đi qua Arratx.

Ở đó hắn đã bị D'Artagnan nhận mặt, vì vậy đã khơi gợi những mối lo ngại cho bốn chàng ngự lâm, và đã đem lại một động lực mới cho cuộc hành trình của họ.

§63. Giọt nước

Rochefort vừa đi khỏi, bà Bonacieux đã trở lại, nàng thấy Milady mặt mũi tươi cười.

-Thế nào! – Thiếu phụ nói – Điều mà chị lo sợ vậy là đã đến rồi chứ? Tối nay hay ngày mai Giáo chủ sẽ cho người đến bắt chị?

-Ai bảo em như vậy nào, cô bé của tôi? – Milady hỏi.

-Em nghe nói từ miệng của viên sứ giả.

-Lại đây, ngồi gần chị vào – Milady nói.

-Em đây.

-Hãy khoan, để chị xem có ai nghe được chúng ta không đã.

-Tại sao phải đề phòng như vậy?

-Rồi em sẽ biết.

Milady đứng lên đi ra mở cửa, nhìn hành lang, rồi trở lại ngồi bên bà Bonacieux. Mụ nói: -Thế là ông ta đã diễn tốt vai của mình rồi.

-Ai cơ?

-Người tự xưng với bà tu viện trưởng là phái viên của Giáo chủ đấy.

-Vậy là ông ta diễn trò ư?

-Đúng, cô em ạ.

-Vậy, người đó không phải là…

-Người đó – Milady hạ giọng – là ông anh của chị.

-Ông anh của chị! – Bà Bonacieux kêu lên.

-Chứ sao! Chỉ mình em biết bí mật này thôi đấy nhé, em bé ạ. Nếu em để lộ cho bất kỳ ai là chị nguy đấy, cả em cũng vậy.

-Ôi lạy Chúa tôi!

Nghe đây, chuyện là như thế này, anh chị đến cứu chị ra khỏi đây bằng vũ lực, nếu cần, nhưng gặp phải phái viên của Giáo chủ đến tìm chị. Anh chị đi theo hắn ta, đến một chỗ đường vắng và hẻo lánh, anh ấy rút gươm ra lệnh cho tên phái viên phải trao hết giấy tờ mang theo, tên kia định kháng cự, anh ấy đã giết chết hắn.

-Ôi! – Bà Bonacieux rùng mình kêu lên.

Đó là cách duy nhất, em cứ thử nghĩ xem. Thế là ông anh chị quyết định thay sức mạnh bằng mưu kế, anh ấy lấy hết giấy tờ ra mắt ở đây như chính bản thân phái viên của Giáo chủ, và trong khoảng một hai tiếng nữa, một cỗ xe sẽ nhân danh Giáo chủ đến bắt chị.

-Em hiểu rồi, chiếc xe đó là do ông anh chị gửi đến cho chị.

-Đúng vậy, nhưng chưa hết, bức thư mà em nhận được và em tin là của bà De Chevreuse.

-Thì sao?

-Là giả.

-Sao lại thế?

-Phải, giả đấy. Đấy là cái bẫy để em không chống cự lại khi người ta tới tìm em.

-Nhưng là D'Artagnan sẽ đến kia mà.

-Em hãy tỉnh lại đi. D'Artagnan và các bạn mình bị giữ lại ở cuộc vây thành La Rochelle kia mà.

-Làm sao chị biết được điều ấy?

-Anh chị gặp những phái viên của Giáo chủ trong quần áo ngự lâm. Họ sẽ gọi em ra cổng, em sẽ tưởng là có chuyện với các bạn mình, và họ sẽ bắt em đưa về Paris.

-Ôi, lạy Chúa! Đầu tôi đến nổ tung ra mất vì cái mớ hỗn mang đầy bất công này – Bà Milady lấy hai tay bóp trán nói tiếp – Tôi cảm thấy nếu việc cứ như thế này tôi phát điên mất – Khoan đã!

-Gì thế?

-Chị nghe tiếng vó ngựa, đấy là ông anh chị lại ra đi đấy. Chị muốn nói lời chào tạm biệt cuối cùng với anh ấy, lại đây.

Milady mở cửa sổ và ra hiệu cho bà Bonacieux ra theo. Thiếu phụ đi đến đấy.

Rochefort phi nước đại đi qua.

-Tạm biệt, anh trai! – Milady nói to.

Kỵ sĩ ngẩng cao đầu, nhìn thấy hai người thiếu phụ và vừa phi vừa giơ tay ra hiệu chào Milady thân mật.

-Ôi cái anh Gioóc tốt bụng! – Mụ vừa nói đóng cửa sổ lại với vẻ mặt đầy yêu thương và buồn bã.

Rồi mụ trở lại ngồi vào chỗ cũ như thể đang đắm mình trong những suy nghĩ hoàn toàn riêng tư.

-Phu nhân thân mến? – Bà Bonacieux nói – Xin thứ lỗi cho em đã cắt ngang dòng suy nghĩ của chị! Nhưng chị khuyên em phải làm gì bây giờ? Chúa ơi! Chị có nhiều kinh nghiệm hơn em, chị hãy nói đi, em xin nghe đây.

-Trước hết – Milady nói – có thể là chị nhầm lắm chứ và D'Artagnan và các bạn của chàng sẽ thực sự đến với em.

-Ôi! thế thì còn gì bằng? – Bà Bonacieux reo lên – chẳng lẽ em lại được hạnh phúc đến thế sao!

-Ồ, em nên hiểu, vấn đề sẽ chỉ đơn giản là thời gian, một thứ chạy đua xem ai đến trước thôi. Nếu là các bạn em chạy nhanh hơn thì em sẽ được cứu thoát, nếu là bọn tay chân Giáo chủ thì em chết.

-Ồ, phải, phải, chết khốn khổ khốn nạn! Vậy phải làm gì? làm gì?

-Có một cách rất đơn giản, rất tự nhiên…

-Cách gì, chị nói xem nào?

-Là sẽ đợi, ẩn nấp vùng quanh đấy và để biết chắc những người đến đây tìm mình là ai?

-Nhưng đợi ở đâu?

-Ồ, không thành vấn đề. Cả chị nữa, chị cũng định trốn ở chỗ nào cách đây vài dặm để chờ anh chị đến gặp chị cơ mà. Chị sẽ đem em đi theo, chúng ta sẽ cùng trốn, sẽ cùng đợi.

-Nhưng người ta không để cho em đi đâu. Em ở đây gần như một nữ tù nhân rồi.

-Vì người ta tin là chị đi theo lệnh của Giáo chủ, nên sẽ không tin em vội vã đi theo chị đâu.

-Em không hiểu?

-Thế này nhé. Xe sẽ đỗ ở cổng. Em sẽ ra tạm biệt chị, em sẽ trèo lên bậc xe để ôm chị lần cuối. Tên gia nhân của ông anh chị đến đón chị sẽ được dặn trước, hắn ra hiệu cho bọn xà ích, và chúng ta phi luôn.

-Nhưng còn D'Artagnan, nhỡ chàng đến?

-Chả nhẽ chúng ta lại không biết sao?

-Làm sao biết được?

-Không gì dễ hơn. Chúng ta sẽ cho tên gia nhân của ông anh chị quay lại Bêtuyn, ta có thể tin ở nó. Nó sẽ cải trang, sẽ cư trú đối diện với tu viện. Nếu bọn phái viên của giáo chủ đến nó sẽ không cựa quậy, nếu là D'Artagnan và các bạn, nó sẽ đưa họ đến chỗ chúng ta.

-Nó cũng biết họ ư?

Hẳn rồi. Nó đã từng thấy D'Artagnan ở nhà chị!

-Ồ phải rồi, phải, chị nói có lý. Như thế, mọi việc đều ổn cả, mọi việc đều tốt đẹp. Nhưng ta đừng ở xa đây quá.

-Nhiều lắm là bảy tám dặm thôi. Chúng ta sẽ ở ngay trên biên giới. Giả dụ, có động tĩnh gì, chúng ta ra khỏi nước Pháp ngay.

-Từ giờ đến lúc đó, ta làm gì?

-Đợi thôi.

-Nhưng nếu chúng đến?

-Xe của ông anh chị sẽ đến trước bọn chúng.

-Thế khi họ đến đón chị, em lại đang ăn trưa, ăn tối, không ở gần chị, chẳng hạn?

-Thì làm một việc gì đó.

-Việc gì?

-Nói với bà nhất phúc hậu rằng để cho chị em mình được gần gũi nhau hơn chút ít, xin bà cho phép được ăn cơm cùng với chị.

-Liệu bà có cho phép không?

-Có vướng gì đâu mà không cho?

-Ồ phải đấy, làm theo cách ấy thì chúng ta không rời nhau một giây.

-Vậy thì, em hãy xuống chỗ bà mà xin đi! Chị cảm thấy nhức đầu, chị đi quanh vườn một lúc.

-Vậy chị đi đi, nhưng em sẽ tìm chị ở đâu?

-Độ một giờ nữa, ở đây thôi.

-Một giờ nữa ở đây ư, ôi, chị tất quá, em cảm ơn chị.

-Làm sao chị lại không quan tâm đến em được? Kể cả em không đẹp và duyên dáng, em chẳng phải là bạn gái của người bạn tốt nhất chị sao!

-D'Artagnan thân yêu ơi, chàng phải cám ơn chị đến chừng nào!

-Chị rất mong là thế. Thôi nhé, thỏa thuận cả rồi, ta đi xuống thôi.

-Chị ra vườn?

-Ừ!

-Chị đi theo hành lang, một cầu thang nhỏ sẽ dẫn chị xuống.

-Tuyệt lắm, cám ơn!

Và hai người đàn bà mỉm cười duyên dáng rời nhau ra.

Milady nói thật. Mụ nhức đầu, bởi các dự định chồng chéo lên nhau như mớ bòng bong. Mụ cần được một mình để sắp xếp lại những ý nghĩ trong đầu. Mụ thấy tương lai còn mơ hồ. Cần phải có đôi chút yên tĩnh và bình tâm để đem lại cho những ý nghĩ hãy còn rối rắm một khuôn khổ rõ ràng, một kế hoạch dứt khoát.

Điều cần gấp hơn cả, là bắt cóc được bà Bonacieux đưa đến một địa điểm an toàn, và ở đó trong trường hợp cần thiết sẽ biến thành một con tin. Milady bắt đầu thấy hoảng cho cái kết cục cuộc đấu khủng khiếp mà mụ càng sống mái bao nhiêu thì kẻ thù của mụ càng kiên gan bấy nhiêu.

Hơn nữa, mụ còn có cảm giác như cơn dông ào tới, cái kết cục này đã gần lắm rồi và không thể không khủng khiếp.

-Vậy điều chủ yếu đối với mụ là nắm lấy vợ lão Bonacieux trong tay. Vợ lão Bonacieux chính là sinh mạng của D'Artagnan, còn hơn cả sinh mạng của hắn nữa, đó là sinh mạng người đàn bà hắn yêu, trường hợp xấu nhất, đó là phương sách để thương nghị và chắc chắn sẽ có lợi thế.

Mà điều ấy thì đã chắc chắn rồi. Vợ lão Bonacieux, không chút nghi ngờ sẽ đi theo mụ. Một khi đã trốn cùng mụ ở Acmăngchie, sẽ dễ làm cho người đàn bà đó tin rằng D'Artagnan không đến Betuyn. Trong vòng mười lăm ngày hoặc hơn thế, Rochefort sẽ quay lại, vả lại trong vòng mười lăm ngày ấy, mụ sẽ suy tính phải làm gì để báo thù bốn tên lính ngự lâm. Mụ chẳng làm gì phải buồn phiền, bởi vì nhờ trời, mụ sẽ có được một trò giết thời gian ngọt ngào nhất mà những biến cố có thể đem đến cho một người đàn bà có tính khí như mụ, đó là hoàn thiện kế hoạch trả thù.

Trong lúc mơ màng, mụ vẫn đưa mắt nhìn quanh, sắp xếp trong đầu địa hình của khu vườn, Milady như một vị tướng tài tiên đoán đồng thời cả chiến thắng lẫn thất bại, và tùy theo thời cơ may rủi của trận chiến mà tiến lên hay vừa đáp vừa lùi.

Khoảng một giờ sau, mụ nghe một tiếng nói dịu dàng gọi mình. Đó là tiếng của vợ lão Bonacieux. Bà tu viện trưởng phúc hậu đã hồn nhiên bằng lòng tất cả, và để bắt đầu, họ sẽ cùng ăn bữa tối nay.

Vừa đến sân, họ đã nghe thấy tiếng xe đỗ ở ngoài cổng.

Milady lắng nghe: -Em có nghe thấy gì không?

-Có, tiếng xe lăn bánh.

-Xe anh chị phái đến đấy.

-Ôi! Chúa ơi!

-Kìa, can đảm lên chứ!

Người ta giật chuông gọi cửa tu viện, Milady đã không nhầm. Mụ nói với bà Bonacieux: -Em lên ngay buồng em, em chắc có ít đồ nữ trang phải mang theo chứ.

-Em chỉ có những thư của chàng.

-Thế thì đi lấy đi và đến ngay phòng chị, chúng ta ăn tối thật nhanh vào, có lẽ chúng ta phải đi mất gần hết đêm nay đấy, phải ăn để giữ sức.

-Chúa ơi! – Bà Bonacieux đưa tay ôm ngực nói – Tôi hồi hộp đến ngạt thở thế này, tôi không đi nổi mất.

-Can đảm lên, nào, phải can đảm lên chứ! Nên biết là mười lăm phút nữa là em được cứu thoát rồi và phải nghĩ là việc em sắp làm là chính vì chàng chứ.

-Ồ vâng, tất cả vì chàng. Chị chỉ nói một câu thôi mà đã làm em can đảm lên rồi, nào chị đi đi, em theo chị đây.

Milady vội lên ngay phòng mình và đã thấy người hầu của Rochefort, liền dặn dò hắn.

-Hắn phải ra đợi ngoài cổng nếu không may, các chàng ngự lâm quân xuất hiện, thì phải đánh xe đi thật nhanh vòng một lượt quanh tu viện, và đến đợi Milady tại một làng nhỏ ở đầu cánh rừng. Trong trường hợp này, Milady sẽ đi xuyên qua vườn và đi bộ đến làng đó, vì Milady đã thuộc lòng vùng này của nước Pháp.

Nếu những chàng ngự lâm không xuất hiện, mọi việc cứ tiến hành như đã thỏa thuận. Bà Bonacieux lên xe mượn cớ chào tạm biệt, và mụ sẽ cuốn nàng đi cùng.

Bà Bonacieux vào phòng. Để gạt bỏ mọi nỗi nghi ngờ của nàng nếu có, Milady nhắc lại mấy câu dặn dò cuối cùng với người hầu.

Milady hỏi vài ba câu về xe cộ. Đó là cỗ xe tam mã do một xà ích điều khiển. Tên người hầu của Rochefort phải cưỡi ngựa chạy trước như một phu trạm.

Milady nghi ngại bà Bonacieux cũng bằng thừa. Người thiếu phụ tội nghiệp quá ngây thơ trong trắng, đâu có nghi ngờ gì một con đàn bà phản trắc đến như thế. Vả lại cái danh hiệu nữ Bá tước De Winter mà nàng đã nghe bà tu viện trưởng nhắc tới đối với nàng hoàn toàn xa lạ, nàng đâu biết mụ đàn bà lại góp một phần to lớn và tàn bạo đến thế vào những bất hạnh của đời nàng.

-Em thấy đấy – Milady nói khi tên hầu đã đi ra – tất cả đã sẵn sàng. Bà tu viện trưởng chẳng hề nghi ngờ gì cả và tin rằng họ nhân danh Giáo chủ đến đây tìm chị. Cái tên đó sẽ ra những mệnh lệnh cuối cùng. Em hãy cố ăn lấy một chút; uống một ít rượu vang rồi ta khởi hành.

-Vâng – Bà Bonacieux trả lời như một cái máy – Vâng, chúng ta khởi hành.

Milady ra hiệu cho nàng ngồi trước mặt mình rót một cốc nhỏ vang Tây ban Nha và gắp cho nàng một miếng lườn gà giò.

-Em thấy không – Mụ bảo nàng – có cái gì không phù hộ chúng ta đâu. Đêm đang xuống, rạng sáng mai là chúng ta đã tới nơi trú ẩn, và chẳng ai có thể nghi ngờ nơi ở của chúng ta. Nào, can đảm lên, ăn một chút gì đi.

Bà Bonacieux ăn như một cái máy vài miếng và nhấm môi vào cốc rượu vang.

-Nào uống đi – Milady đưa cốc rượu của mình lên môi – uống như chị đây này.

Nhưng đúng lúc mụ đưa cốc gần tới miệng, tay mụ bỗng thõng xuống. Mụ vừa nghe thấy tiếng vó ngựa dồn dập từ xa đang phi nước đại đến gần, rồi hầu như đồng thời mụ nghe thấy cả tiếng ngựa hí.

Tiếng động đó kéo mụ ra khỏi nỗi mừng vui như một cơn dông bừng dậy giữa giấc mộng vàng, mụ tái người đi và chạy ra cửa sổ, trong khi đó bà Bonacieux đứng dậy, toàn thân run lên, phải chống tay vào ghế để khỏi ngã.

Họ không thấy gì nữa mà chỉ nghe thấy tiếng vó ngựa phi mỗi lúc một gần.

-Ôi Chúa ơi! – Bà Bonacieux nói – Tiếng vó ngựa đó là gì vậy?

-Là của các bạn hoặc của kẻ thù của chúng ta – Milady trả lời với một vẻ bình tĩnh đáng sợ – Em ở đâu cứ ở yên đấy, có thế nào chị sẽ bảo em.

Bà Bonacieux đứng ngây ra, câm lặng, bất động như một pho tượng.

Tiếng vó ngựa mỗi lúc một rầm rập hơn, chắc không quá một trăm năm mươi bước, tuy vẫn chưa trông thấy, đó là vì con đường có chỗ gấp khúc, tuy nhiên tiếng vó ngựa trở nên quá rõ đến nỗi có thể đếm được bao nhiêu con ngựa qua tiếng móng sắt đổ dồn dập xuống mặt đường.

Milady cố giương mắt ra nhìn. Trời hãy còn khá sáng để nhận rõ những ai đang phi tới.

Bỗng ở khúc ngoặt mụ thấy loang loáng những chiếc mũ đính ngự cài lông chim phần phật. Mụ đếm, hai, rồi năm, rồi tám kỵ sĩ, người nọ cách người kia chừng hai thân ngựa.

Milady rên lên một tiếng than như bị tắc thở. Mụ nhận ra người đi đầu là D'Artagnan.

-Ôi Chúa ơi! Chúa ơi! – Bà Bonacieux kêu lên – có chuyện gì vậy?

-Đó là đồng phục bọn cận vệ của Giáo chủ đấy. Không được để lỡ một giây nào nữa! – Milady kêu lên – Trốn thôi, trốn thôi.

-Vâng, vâng, trốn thôi? – Bà Bonacieux lắp lại, nhưng không thể nhấc nổi chân, như bị đóng đinh tại chỗ vì quá đỗi kinh hoàng.

Có tiếng ngựa chạy ngang qua phía dưới cửa sổ.

-Lại đây nào? Kìa lại đây chứ! – Milady vừa hét lên vừa kéo tay thiếu phụ – nhờ có mảnh vườn, chúng ta còn có thể trốn thoát, chị có chìa khóa đây. Những nhanh lên, năm phút nữa là quá muộn mất rồi.

Bà Bonacieux cố cất bước, được hai bước thì quỵ gối xuống.

Milady cố đỡ nàng dậy và lôi nàng đi nhưng không nổi.

-Đúng lúc ấy mụ nghe thấy tiếng bánh xe lăn vì thấy các chàng ngự lâm quân, chiếc xe đã chồm lên phóng mất. Rồi ba bốn tiếng súng nổ vang.

-Lần cuối cùng tôi hỏi đây, cô có muốn đi không?

-Ôi, Chúa ơi! Chúa ơi! Chị thấy rõ em không còn đủ sức nữa mà! Chị thừa thấy em không thể bước nổi nữa. Chị trốn một mình đi.

-Trốn một mình ư? Để cô lại đây ư? Không, không, không đời nào! – Milady thét lên.

Bỗng mụ đứng sững lại. Một ánh sắc xám tóe ra trong đôi mắt mụ. Mụ chạy tới bàn ăn, cậy cực nhanh mặt nhẫn lấy ra một chất gì trong đó đổ vào cốc rượu của bà Bonacieux. Đó là một hạt màu đỏ nhờ, tan ra ngay lập tức.

Rồi cầm chiếc cốc bằng bàn tay quả quyết và bảo bà Bonacieux.

-Uống đi, loại vang này sẽ đem lại sức mạnh cho em, uống đi em.

Và mụ đưa chiếc cốc lại gần môi thiếu phụ. Nàng uống theo như một cái máy.

Milady đặt cốc xuống bàn vôi nụ cười độc địa, nhủ thầm: -Chà, thật ra ta cũng chẳng muốn trả thù thế này đâu, những còn làm được thì vẫn phải làm thôi.

Và mụ lao ra khỏi căn phòng.

Bà Bonacieux nhìn theo mụ chạy trốn, không thể đi theo.

Nàng như người đang mơ thấy người ta truy đuổi mình mà có cố cũng không bước nổi.

Vài phút trôi qua. Có tiếng đập cổng ầm ầm khủng khiếp.

Mỗi giây, mỗi phút, bà Bonacieux lại mong thấy Milady quay lại nhưng không thấy.

Nhiều lúc, hẳn vì hoảng sợ, mồ hôi lạnh toát ra trên vầng trán nóng bỏng của nàng.

Cuối cùng nàng thấy tiếng kêu kin kít của cổng sắt mở ra, tiếng ủng và tiếng đinh thúc ngựa vọng lên trên cầu thang. Rồi tiếng rầm rì đang đến gần, và giữa những tiếng đó nàng nghe như thấy nói đốn tên ai đó.

Bỗng nàng hét lên sung sướng và lao ra cửa, nàng nhận ra đó là tiếng của D'Artagnan.

-D'Artagnan! D'Artagnan! – Nàng hét lên – có phải chàng không? Đây cơ mà, đây cơ mà.

-Constance? Constance – Chàng trai trẻ đáp – Em ở đâu?

-Chúa ơi!

Ngay lúc đó, cánh cửa căn phòng nhỏ bật tung ra[144]. Nhiều người nhảy bổ vào trong phòng. Bà Bonacieux đã ngã xuống chiếc ghế băng và không thể cử động nữa.

D'Artagnan ném khẩu súng ngắn còn đang bốc khói vẫn cầm trong tay và quỳ xuống trước người yêu của mình. Athos cài súng của mình vào đai lưng. Porthos và Aramis tra gươm trần vào vỏ.

-Ôi, D'Artagnan? D'Artagnan yêu dấu của em! Vậy là cuối cùng anh đã đến, anh không lừa dối em, đúng là anh đây mà!

-Đúng, đúng anh đây, Constance ạ! Xum họp rồi!

-Ôi! Thế mà bà ta cứ nói anh sẽ không đến, em cứ hy vọng thầm. Em đã không muốn trốn mà? Ôi, em làm thế là đúng quá rồi, em sung sướng biết bao!

Nghe tiếng bà ta Athos đang ngồi yên liền đứng phắt lên.

-Bà ta, bà ta là ai? – D'Artagnan hỏi.

-Là bạn của em mà, cái bà vì yêu mến em muốn giúp em thoát khỏi bọn bạo ngược, cái bà đã tưởng nhầm bọn anh là cận vệ của Giáo chủ, vừa mới trốn khỏi đây.

-Bạn em! – D'Artagnan kêu lên, mặt trắng nhợt ra hơn cả tấm voan trắng của người tình – em muốn nói đến người bạn nào vậy?

-Là người có xe đỗ ở ngoài cổng, người đàn bà nói là bạn anh ấy, D'Artagnan, người đàn bà mà anh đã kể hết với bà ta ấy.

-Tên mụ, tên của mụ – D'Artagnan hét lên – Chúa ơi, em không biết tên của mụ ư?

-Có chứ, người ta đã nhắc tới cái tên đó trước mặt em, khoan đã, nhưng sao lạ thế này… Ôi, lạy Chúa! Đầu tôi quay cuồng, tôi không thấy gì nữa.

-Giúp tôi, các bạn, giúp tôi với! Tay nàng lạnh hết rồi – D'Artagnan kêu lên – nàng ấm rồi. Chúa ơi! Nàng bất tỉnh rồi!

Trong lúc Porthos hết sức gào lên kêu cứu, Aramis chạy đến bàn ăn lấy một cốc nước, nhưng chàng dừng lại vì thấy mặt Athos biến sắc đi khủng khiếp, vẫn đứng trước bàn, tóc dựng ngược lên, mắt đờ ra kinh hoàng nhìn vào một trong những chiếc cốc và đang day dứt bởi một ngờ vực khủng khiếp nhất.

-Ôi! – Athos nói – Ôi! Không, không thể thế được! Chúa không cho phép một tội ác đến như vậy!

-Nước, nước, D'Artagnan thét lên – nước đâu?

-Ô, người phụ nữ tội nghiệp, người phụ nữ tội nghiệp – Athos lẩm bẩm bằng một giọng xé lòng.

-Bà Bonacieux mở lại mắt dưới những cái hôn của D'Artagnan.

-Nàng tỉnh lại rồi! – Chàng trai trẻ reo lên, ôi, lạy Chúa? Lạy Chúa tôi? Con cám ơn Người!

-Thưa bà – Athos nói – Thưa bà, nhân danh Chúa trời, chiếc cốc uống cạn kia là cho ai?

-Cho tôi, thưa ông… thiếu phụ trả lời bằng một giọng thều thào.

-Nhưng ai đã rót rượu vang vào chiếc cốc đó?

-Bà ta – Nhưng, bà ta là ai?

-À, tôi nhớ ra rồi – bà Bonacieux nói – nữ Bá tước De Winter.

Cả bốn người bạn đều cùng thét lên một tiếng duy nhất nhưng tiếng thét của Athos át đi tất cả.

Cùng lúc ấy, mặt bà Bonacieux trở nên xám ngoét, một cơn đau ngấm ngầm đang vật vã nàng, nàng hổn hển ngã vào vòng tay của Porthos và Aramis.

D'Artagnan nắm chặt bàn tay Athos với một nỗi lo khó tả, và nói: -Thế nào! Anh tin.

Chàng nức nở không nói được nên lời.

-Tôi tin tất – Athos cắn môi đến bật máu để nén tiếng thở dài.

-D'Artagnan? D'Artagnan? – Bà Bonacieux kêu lên – Anh ở đâu? Đừng rời bỏ em, anh biết rõ là em sắp chết mà?

D'Artagnan rời bàn tay Athos mà chàng vẫn còn đang co quắp nắm chặt lấy, chạy đến với nàng.

Khuôn mặt rất đẹp của nàng đã hoàn toàn biến đổi, đôi mắt chong chong không còn nhìn vào đâu nữa, người nàng quằn quại, trán đầm đìa mồ hôi.

-Nhân danh Chúa trời! Chạy đi, gọi lên, Porthos, Aramis, xin cấp cứu mau!

-Vô ích thôi! – Athos nói – Vô ích, với thứ thuốc độc con mụ ấy đổ vào, không có thuốc giải độc đâu.

-Vâng, vâng, gọi cấp cứu, gọi cấp cứu? – Bà Bonacieux lẩm bẩm – cấp cứu!

Rồi, thu hết sức lực, nàng ôm lấy đầu chàng trai trẻ, nhìn chàng một lát, như thể tất cả linh hồn nàng đều thu vào đấy, và nghẹn ngào thét lên một tiếng, áp môi mình vào môi chàng.

-Constance! Constance ơi! – D'Artagnan thét lên.

Một hơi thở hắt ra từ miệng nàng Constance, lướt qua miệng D'Artagnan. Hơi thở ấy, chính là linh hồn trong trắng và trinh bạch và rất đỗi yêu thương đang bay trở về trời.

D'Artagnan chỉ còn ôm chặt một xác người trong tay.

Chàng trai trẻ thét lên một tiếng và ngã vật ra cạnh người yêu của mình cũng tái nhợt đi và lạnh ngắt như nàng.

Porthos khóc, Aramis giơ nắm đấm lên trời. Athos làm dấu thánh.

Vừa lúc ấy một người đàn ông hiện ra ở trước cửa, hầu như cũng nhợt nhạt như những người ở trong phòng, nhìn khắp xung quanh, thấy bà Bonacieux đã chết, và D'Artagnan đang ngất đi.

Người này xuất hiện đúng vào giây phút kinh hoàng tiếp theo những thảm họa lớn.

-Nếu tôi không nhầm – Ông ta nói – đây là ông D'Artagnan và các ông là ba người bạn của ông ấy, các ông Aramis, Porthos và Aramis.

Mấy người nghe thấy nói đến tên mình ngạc nhiên nhìn người lạ mặt. Cả ba đều hình như nhận ra ông ta.

-Thưa các vị – người mới đến nói – các vị cũng như tôi đều tìm kiếm một con đàn bà mà – Ông ta mỉm một nụ cười ghê sợ – chắc nó đã qua đây, bởi tôi thấy ở đây có một xác chết.

Cả ba người đều im không nói. Chỉ có tiếng nói và khuôn mặt là gợi họ nhớ đến một người đã từng gặp, tuy nhiên lại không thể nhớ rõ đã gặp trong trường hợp nào.

-Thưa các vị – người lạ tiếp tục – thôi thì vì các ông chẳng buồn nhận ra một người có lẽ các ông đã hai lần cứu mạng, tôi đành phải xưng tên ra vậy. Tôi là Huân tước De Winter, em chồng của mụ đàn bà đó.

Cả ba người cùng ồ lên kinh ngạc.

Athos đứng dậy chìa tay ra cho ông ta và nói: -Rất hoan nghênh ông, Huân tước, ông là bạn bè của chúng tôi mà.

-Từ Portsmouth đi sau con mụ đó năm giờ – Huân tước De Winter nói – Tôi đến Bulônhơ sau mụ ba tiếng, tôi đến Saint Ômê chậm hơn nó hai mươi phút, cuối cùng đến Liliê, tôi mất hút nó. Tôi đi lung tung hỏi thăm mọi người thì thấy các ông đang phi ngựa qua rất nhanh. Tôi gọi các ông, các ông không trả lời. Tôi muốn đi theo, nhưng ngựa tôi đã quá mệt, không thể đi ngang tầm ngựa của các ông. Và tuy nhiên, hình như các ông mặc dầu đã đi nhanh đến thế mà vẫn bị quá muộn khi đến nơi, ông thấy đấy – Athos vừa nói vừa chỉ cho ông De Winter bà Bonacieux đã chết và D'Artagnan thì Porthos và Aramis đang cố gọi cho tỉnh lại.

-Cả hai đều chết ư? – De Winter hỏi.

-Không, may sao, D'Artagnan chỉ bị ngất – Athos trả lời.

-Thế thì tốt rồi!

Quả nhiên, đúng lúc đó, D'Artagnan mở mắt. Chàng rút ra khỏi tay Porthos và Aramis, như một người mất trí vồ lấy thi thể người yêu của mình.

Athos đứng lên, bước lại phía bạn mình, chậm rãi trang nghiêm, trìu mến ôm lấy chàng và vì chàng đang nức nở, Aramis nói với chàng bằng một giọng đầy vẻ thuyết phục và cao thượng: -Bạn ạ, hãy đàn ông lên nào, chỉ đàn bà mới khóc người chết, còn đàn ông phải trả thù cho họ!

-Ồ, đúng – D'Artagnan nói – Đúng! Nếu là để trả thù, tôi sẵn sàng theo anh!

Nhằm lúc hy vọng trả thù đem lại sức mạnh tinh thần cho người bạn bất hạnh, Athos ra hiệu cho Porthos và Aramis đi tìm bà nhất.

Hai người gặp bà ở hành lang, còn đang hoàn toàn hoang mang, bối rối trước bao nhiêu biến cố. Bà gọi mấy nữ tu sĩ, trái với tục lệ của tu viện được tiếp xúc với năm người đàn ông.

-Thưa bà – Athos vừa khoác tay D'Artagnan vừa nói – chúng tôi xin để lại để nhờ bà lo việc nhân đức cho thi hài của người đàn bà bất hạnh này. Đó là một thiên thần nơi trần thế trước khi trở thành thiên thần trên thượng giới. Xin bà hãy lo mai táng nàng như một trong các nữ tu sĩ của bà. Chúng tôi sẽ quay lại cầu nguyện bên nấm mộ của nàng sau.

D'Artagnan úp mặt mình vào ngực Athos òa lên nức nở.

-Khóc đi – Athos nói – khóc đi trái tim đầy tình yêu của tuổi trẻ và sức sống! Ôi, tôi cũng muốn có thể khóc được như bạn lắm!

Rồi chàng dìu bạn mình đi, âu yếm như một người cha, an ủi như một tu bĩ, Và cao cả như một người đã từng chịu nhiều đau khổ.

Rồi cả năm người, theo sau là những người hầu, lên ngựa tiến về thị trấn Bêtuyn, gặp một quán trọ ở đấy, họ dừng lại.

-Nhưng chúng ta không truy đuổi con mụ đó ư? – D'Artagnan hỏi.

-Để sau đã – Athos nói -tôi đã có cách rồi.

-Nó sẽ thoát mất – Chàng trai trẻ nói tiếp – nó sẽ thoát mất thôi, và sẽ là lỗi ở anh đấy, Athos ạ.

-Tôi xin đảm bảo về nó – Athos nói.

D'Artagnan rất tin vào lời hứa của bạn mình nên chàng chỉ lặng lẽ cúi đầu đi vào quán.

Porthos và Aramis nhìn nhau, chẳng hiểu gì về lời cam đoan của Athos.

Huân tước De Winter thì lại tin chàng nói thế để làm vơi dịu nỗi đau đớn của D'Artagnan.

Khi đã yên tâm lữ điếm còn năm phòng trống, Athos nói: -Bây giờ xin các vị lui về phòng mình. D'Artagnan cần được một mình để khóc và ngủ. Tôi sẽ lo tất cả. Xin cứ yên tâm.

-Tuy nhiên, tôi thấy hình như – Huân tước De Winter nói – nếu như phải dùng cách nào để đối phó với con mụ nữ Bá tước ấy thì việc đó phải liên quan đến tôi, nó là chị dâu tôi.

-Còn tôi – Athos nói – nó là vợ tôi.

D'Artagnan mỉm cười, bởi chàng hiểu Athos một khi đã tiết lộ ra cái bí mật ấy tức là anh ấy đã tin chắc vào việc trả thù. Porthos và Aramis nhìn nhau tái người đi. Huân tước thì nghĩ Athos là một gã điên.

-Các vị về phòng mình đi – Athos nói – cứ để mặc tôi làm.

-Các vị quá rõ với tư cách là chồng mụ, thì việc đó liên quan đến tôi Có điều, D'Artagnan, nếu cậu chưa làm mất, hãy trao lại mẩu giấy đã tuột khỏi mũ thằng cha đó, và trên giấy ghi tên một làng…

-À! D'Artagnan nói – tôi hiểu rồi, cái tên ấy do chính tay mụ ta viết…

-Cậu thấy chưa? – Athos nói – vẫn có Chúa ở trên trời đấy chứ?

§64. Người khoác áo choàng đỏ

Nỗi thất vọng của Athos đã nhường chỗ cho một nỗi đau bị dồn nén khiến trí tuệ sáng suốt của chàng lại càng minh mẫn hơn.

Tất cả đều dồn vào một ý nghĩ duy nhất, mà chàng đã hứa, và trách nhiệm chàng đã nhận. Chàng là người cuối cùng trở về phòng mình, yêu cầu chủ quán kiếm cho chàng một tấm bản đồ của tỉnh. Rồi cúi xuống bản đồ tìm kiếm những đường nét đã vạch ra, thấy có bốn con đường đi từ Betuyn đến Acmăngchie, liền gọi những người hầu.

Planchet, Grimaud, Mousqueton và Bazin đều có mặt để nhận những mệnh lệnh rõ ràng, chuẩn xác và nghiêm trọng của Athos.

Mờ sáng hôm sau, họ phải lên đường mỗi người một ngả khác nhau đến Acmăngchie. Planchet, lanh lợi hơn cả phải đi theo con đường mà cỗ xe đã biến mất, và bốn người đã bắn theo, và người ta nhớ ra, đi kèm còn có tên đầy tớ của Rochefort.

Athos giao trách nhiệm cho họ đi trước, bởi vì, từ khi họ phục vụ bọn chàng, chàng đã nhận ra những phẩm chất thiết yếu khác nhau của mỗi người bọn họ.

Thế rồi, những người hầu có hỏi han những người đi đường, cũng ít gây ra nghi ngờ hơn là chủ của họ và cũng dễ gây được cảm tình hơn đối với những người đó.

Cuối cùng, Milady đều biết các ông chủ bọn họ, nhưng lại không biết các người hầu. Trái lại, bọn họ lại biết quá rõ Milady.

Cả bốn phải hội lại với nhau vào mười một giờ hôm sau, nếu phát hiện được chỗ ẩn náu của Milady thì ba người phải lở lại canh giữ mụ, người thứ tư trở về Bêtuyn báo cho Athos và dẫn đường cho bốn người bạn.

Sắp xếp đâu vào đấy những người hầu lần lượt rút lui.

Athos liền đứng dậy đeo gươm, khoác áo choàng vào và ra khỏi lữ điếm. Lúc ấy đã gần mười giờ đêm. Vào giờ ấy ở tình lẻ phố xá thường vắng vẻ. Tuy nhiên, rõ ràng là Athos đang tìm kiếm một người nào đó mà chàng có thể hỏi một điều. Cuối cùng, cũng gặp được một người về muộn, liền lại gần người đó và nói với người này mấy câu. Người này kinh hãi lùi lại, tuy nhiên vẫn chỉ dẫn cho chàng, Athos biếu người đó một đồng nửa pítxtôn để người ấy dẫn chàng đi, nhưng người này từ chối.

Athos đi sâu vào trong phố theo hướng người kia chỉ tay.

Nhưng đến ngã tư, chàng lại phải dừng lại, rõ ràng đang lúng túng. Tuy nhiên, hơn bất cứ chỗ nào, ngã tư dễ gặp người hơn, chàng dừng lại. Quả nhiên, một lát sau, một tuần đêm đi qua.

Athos nhắc lại với anh ta vẫn câu hỏi mà chàng hỏi người gặp trước. Người tuần đêm cũng lộ vẻ kinh hãi, từ chối dẫn đường cho Athos, và lại chỉ ra con đường mà chàng phải đi theo.

Athos bước theo hướng đã chỉ và đi đến vùng ngoại ô ở đầu kia thị xã, đối diện với vùng mà chàng cùng các bạn đã đi vào.

Đến đây, chàng lại lo lắng và bối rối, lần thứ ba phải dừng lại.

May sao, một người ăn mày đi qua, lại gần Athos để xin bố thí. Athos ngỏ ý cho một đồng êquy vàng để hắn ta dẫn chàng đi.

-Người ăn mày do dự một lát, nhưng nhìn thấy đồng tiền lấp lánh trong bóng đêm, hắn quyết định và đi trước Athos.

Đến một góc phố, hắn chỉ cho chàng một ngôi nhà hẻo lánh đơn độc và buồn thảm ở phía xa. Athos lại gần ngôi nhà đó, trong khi đó người ăn mày, khi đã nhận được tiền công liền cuốn gói đi ngay.

Athos đi một vòng quanh ngôi nhà quét vôi đỏ, trước khi nhận ra chiếc cửa ở chính giữa. Không một chút ánh sáng lọt qua khe cửa, không một tiếng động để có thể coi là nhà có người ở Ngôi nhà âm u và im lìm như một nấm mồ.

Athos gõ cửa đến ba lần mà vẫn không ai trả lời. Tuy nhiên, lần thứ ba, có tiếng chân bên trong đang bước lại gần. Cuối cùng thì cửa cũng hé mở, một người đàn ông cao lớn, nước da mái[145] râu tóc đen hiện ra.

Athos khẽ trao đổi với người đó vài câu, thế rồi người đó ra hiệu cho chàng có thể vào nhà. Athos thấy thế vào liền và cánh cửa đóng lại sau lưng chàng.

Người đàn ông mà Athos phải từ xa và biết bao vất vả đến tìm kiếm, đưa chàng vào phòng thí nghiệm của hắn, ở đó hắn đang bận dùng dây thép xâu lại những khúc xương va vào nhau lách cách của một bộ xương người. Tất cả đều được sắp xếp đúng vào vị trí chỉ còn cái đầu lâu là đang đặt trên bàn.

Mọi thứ còn lại của nội thất chứng tỏ chủ nhân quan tâm đến khoa học tự nhiên. Có những bình đựng đầy rắn dán nhãn tùy theo loài, những con thằn lằn sấy khô, lóng lánh như ngọc bích nạm trên những khung tranh lớn bằng gỗ mun. Cuối cùng là những bó cỏ dại thơm nức, mà chắc hẳn có những công năng ít người biết tới, và được treo trên trần nhà, lõng thõng ở các góc nhà.

Hơn nữa, người đàn ông cao lớn, không gia đình không vợ con, không kẻ hầu người hạ, sống một mình trong ngôi nhà.

Athos đưa mắt lạnh lùng lãnh đạm nhìn mọi vật trong nhà và theo lời mời, ngồi xuống cạnh người đó.

Rồi chàng giải thích lý do chàng đến thăm và công việc chàng yêu cầu hắn làm, nhưng chàng vừa yêu cầu xong thì người lạ vẫn đang đứng cũng hoảng hết lùi lại và từ chối. Thế là Athos liền rút trong túi ra một tờ giấy nhỏ, trên đó viết hai dòng kèm theo chữ ký và con dấu đưa cho con người chưa chi đã tỏ ra ghê tởm ấy xem. Người đàn ông cao lớn vừa đọc xong hai dòng chữ ấy, nhìn thấy

chữ ký và nhận ra con dấu, liền nghiêng mình tỏ ý không còn gì để bác bỏ nữa và sẵn sàng tuân lệnh.

Athos không yêu cầu gì hơn. Chàng đứng dậy, chào, đi ra, lại đi theo con đường cũ trở về lữ điếm và chui vào phòng mình.

Rạng sáng, D'Artagnan vào phòng Athos và hỏi phải làm gì.

-Chờ đợi – Athos trả lời.

Mấy phút sau, bà nhất tu viện cho người đến báo việc mai táng sẽ được tiến hành vào buổi trưa. Còn về con mụ đầu độc, người ta vẫn chưa có tin tức gì, chỉ biết chắc nó trốn qua lối vườn, trên cát người ta còn nhận ra vết chân mụ, và cửa ra vườn đóng nhưng chìa khóa đã biến mất.

Bốn người bạn và Huân tước De Winter trở về đúng giờ mai táng. Chuông rung hết cỡ, tiểu giáo đường mở toang cửa, hàng rào nơi dàn đồng ca khép lại, thi hài nạn nhân được mặc lại quần áo nữ tu mới quy giáo, được đặt chính giữa dàn đồng ca. Ở mỗi bên dàn đồng ca và đằng sau hàng rào trông ra toàn bộ tu viện là cộng đồng các nữ tu sĩ dòng Cácmel đứng nghe thánh lễ và hòa giọng mình vào giọng hát kinh của các giáo sĩ, mắt không nhìn những người phàm tục và cũng không để họ nhìn mình.

Trước cửa tiểu giáo đường, D'Artagnan lại cảm thấy mình không còn đủ can đảm nữa, chàng quay lại tìm Athos, nhưng Athos đã biến mất.

Trung thành với trách nhiệm trả thù, Athos nhờ người đưa ra vườn, ở đó, trên cát, lần theo vết chân rón rén của con đàn bà đi qua bất cứ nơi đâu cũng để lại vết máu, chàng tiến đến cái cổng mở ra mảnh rừng, nhờ người ta mở của rồi đi sâu vào rừng.

Lúc này, mọi nghi ngờ của chàng đều được khẳng định. Con đường mà chiếc xe đã biến mất, chạy vòng quanh rừng, Athos đi theo con đường đó ít lâu, mắt chăm chăm nhìn xuống đất thấy những vết máu nhỏ từ vết thương hoặc của kẻ đi theo xe như phu trạm, hoặc của một trong mấy con ngựa nhỏ giọt xuống nền đường. Đi khoảng độ ba phần tư dặm, cách Fetxtube khoảng năm mươi bước chân, vết máu loang rộng ra. Nền đường bị vó ngựa dẫm nát. Giữa mảnh rừng và chỗ này, hơi lui về phía sau một chút, lại thấy dấu những vết chân thon nhỏ như ở trong vườn, chiếc xe đã dừng lại.

Và Milady đã ra khỏi rừng và lên xe ở chỗ đó. Hài lòng với việc phát hiện đã khẳng định mọi sự ngờ vực của mình, Athos trở về lữ điếm và thấy Planchet đang nóng ruột chờ mình.

Tất cả đều đúng như Athos đã dự đoán.

Planchet đã đi theo con đường đó, giống như Athos cũng để ý đến các vết máu, nhận ra chỗ xe dừng lại, nhưng anh ta còn tiến xa hơn Athos, thành thử đến làng Fetxtube, vào uống trong một quán ăn, không cần hỏi, anh ta cũng biết được đêm trước, khoảng tám rưỡi tối, một người đàn ông bị thương đi hộ tống một phu

nhân đi du hành trên một cỗ xe trạm, đã buộc phải dừng lại không thể đi tiếp. Tai nạn được gán cho bọn trộm cướp đã chặn xe lại ở trong rừng. Người đàn ông ở lại trong làng đó, người đàn bà thay ngựa và tiếp tục lên đường.

Planchet liền đi lùng tên xà ích đã đáp chiếc xe ấy và tìm được hắn. Hắn đã đưa vị phu nhân đó đến tận Frômen và từ Frômen, mụ ta đến Acmăngchie. Planchet liền đi theo lối tắt và bẩy giờ sáng đã ở Acmăngchie.

Ở đó chỉ có mỗi một lữ quán, đó là lữ quán của bưu trạm.

Planchet đến đó tự giới thiệu mình như một gã hầu không có việc làm đi tìm việc. Anh ta chuyện trò với những người trong lữ quán không đến mười phút đã biết được một người đàn bà một mình đến đây vào lúc mười một giờ đêm, đã thuê một phòng, và đã cho gọi chủ quán đến và bảo rằng muốn lưu lại một thời gian trong vùng quanh đây.

Planchet không cần biết gì hơn. Anh ta chạy đến chỗ hẹn, thấy ba người hầu kia đã đến đúng vị trí, liền cắt cử ba người canh giữ mọi lối ra của lữ quán, và trở về tìm Athos. Athos vừa nghe xong những tin tức thu lượm được của Planchet, thì các bạn của chàng cũng bước vào.

Mặt mũi ai nấy đều u uất và cau có, ngay cả khuôn mặt hiền dịu của Aramis.

-Phải làm gì bây giờ? – D'Artagnan hỏi.

-Đợi – Athos trả lời.

Ai nấy đều trở về phòng mình.

Tám giờ tối, Athos hạ lệnh đóng yên cương ngựa, và báo cho các bạn mình và Huân tước De Winter chuẩn bị sẵn sàng để lên đường Trong giây lát, cả năm người đã chuẩn bị xong. Mỗi người đều kiểm tra lại vũ khí và nạp thuốc đạn sẵn. Athos xuống sau cùng và thấy D'Artagnan đã lên ngựa và đang sốt ruột.

-Hãy kiên nhẫn – Athos nói – ta còn thiếu một người.

Bốn kỵ sĩ nhìn quanh ngạc nhiên, bởi tìm mãi trong đầu cũng chẳng thấy ai có thể thiếu đây.

Vừa lúc ấy, Planchet dắt ngựa của Athos đến, chàng nhẹ nhàng nhảy lên yên và nói: -Chờ tôi đã, tôi quay lại ngay.

Và chàng phi nước đại.

Mười lăm phút sau, quả nhiên chàng quay lại đi cùng có một người đeo mặt nạ, và khoác một chiếc áo choàng đỏ rộng.

Ông De Winter và ba người bạn đưa mắt hỏi nhau. Chẳng ai trong bọn họ có thể cho người khác biết rõ chuyện gì bởi tất cả đều không biết người đó là ai. Tuy nhiên tất cả đều nghĩ rằng cần phải như thế bởi vì việc đó được làm theo lệnh của Athos.

Chín giờ đoàn người ngựa được Planchet hướng dẫn, lên đường theo đúng con đường mà chiếc xe đã đi.

Thật là một cảnh tượng buồn thảm khi sáu con người im lìm phóng ngựa, đắm mình trong những ý nghĩ riêng tư, tê tái như sự tuyệt vọng, u uất như sự trừng phạt.

§65. Phán xử

Đêm ấy là một đêm giông tố và u ám, những đám mây lớn cuồn cuộn trên trời, che hết ánh sáng các vì sao, đến nửa đêm trăng mới mọc.

Đôi khi, qua ánh chớp lóe lên phía chân trời, cũng thấy rõ được con đường trải ra trắng xóa và đơn độc. Chớp tắt, tất cả lại tối om.

Thỉnh thoảng Athos lại phải nhắc nhở D'Artagnan luôn luôn đi đầu đoàn là phải giữ vững cự ly, nhưng một lúc sau, chàng lại bỏ xa cả đoàn. Chàng chỉ có một ý nghĩ duy nhất là tiến lên phía trước và cứ tiến phứa lên.

Họ lặng lẽ đi xuyên qua làng Fetxtube, nơi tên đầy tớ bị thương phải lưu lại, rồi đi dọc cánh rừng Ritsơbua. Planchet vẫn dẫn đường cho đoàn người đến Hecliê thì rẽ trái.

Nhiều lúc, khi thì Huân tước De Winter, khi thì Porthos, khi thì Aramis định thử bắt chuyện với người mặc áo choàng đỏ nhưng mỗi khi hỏi, người này chỉ nghiêng mình không trả lời. Mọi người bấy giờ đều hiểu rằng chắc phải có một lý do nào đó, nên người là mặt này mới giữ yên lặng như thế, nên cũng thôi không hỏi nữa.

Hơn nữa, cơn giông lớn dần, chớp nhoáng nhoàng nối tiếp nhau, sấm bắt đầu gầm thét, và gió rít trên lông chim và đầu tóc các kỵ sĩ báo hiệu phong ba.

Đoàn người ngựa vẫn phi nước kiệu.

Ra khỏi Frômen một quãng, cơn giông bùng nổ. Mọi người phanh áo choàng ra. Còn phải đi ba dặm đường nữa. Họ đi dưới trời mưa như thác đổ.

D'Artagnan đã bỏ mũ ra và cũng chẳng mặc áo khoác.

Chàng thấy thích thú mặc cho nước chảy ròng ròng trên vầng trán nóng bỏng và trên cơ thể đang rùng rùng lên cơn sốt của mình.

Lúc tốp người đã vượt khỏi Gôtxkan và sắp tới bưu trạm, một người đàn ông, trú dưới một gốc cây, lẫn trong bóng tôl, tách ra, tiến ra giữa đường giơ ngón tay đặt lên môi.

Athos nhận ra Grimaud

-Có chuyện gì vậy? – D'Artagnan kêu lên – mụ ta đã rời khỏi Acmăngchie rồi ư?

Grimaud gật đầu khẳng định điều đó.

D'Artagnan nghiến răng.

-Im nào, D'Artagnan! – Athos nói – chính tôi đã chịu trách nhiệm tất cả cơ mà, vậy phải để tôi hỏi Grimaud chứ. Nó đi đâu?

Grimaud chỉ tay về hướng sông Litx.

-Xa đây không? – Athos hỏi.

Grimaud giơ ra cho chủ mình ngón tay trỏ đã gấp.

-Một mình à?

Grimaud gật đầu.

-Các vị Athos nói – nó đang ở một mình cách đây nửa dặm, ở phía đông.

-Tốt lắm – D'Artagnan nói – dẫn bọn ta đi, Grimaud.

Grimaud vượt qua đường, dẫn đoàn người ngựa đi.

Đi được khoảng năm trăm bước, thì gặp một con suối, họ lội qua dễ dàng.

Qua ánh chớp khác lóe lên, Grimaud dang tay ra chỉ và qua ánh chớp xanh lè, người ta thấy rõ một ngôi nhà đơn độc bên bờ sông, cách bến đò ngang chừng trăm bước.

Một cửa sổ có ánh đèn.

Athos nói: -Chúng ta đến nơi rồi.

-Đúng lúc đó, một người nằm dưới một cái hố đứng dậy. Đó là Mousqueton, gã chỉ cái cửa sổ có ánh sáng và nói: -Mụ ở đó.

-Bazin đâu? – Athos hỏi.

-Trong khi tôi canh gác cửa sổ, hắn ta gác ở cổng.

-Tốt lắm – Athos nói – các anh tất cả đều là những người giúp việc trung thành.

Athos nhảy từ trên lưng ngựa xuống, đưa dây cương, cho Grimaud tiến đến phía cửa sổ sau khi đã ra hiệu cho mọi người vòng ra phía cổng.

Ngôi nhà nhỏ được bao quanh bằng một hàng rào cây xanh cao già nửa mét. Athos bước qua hàng rào đến tận cửa sổ không có ván chắn gió nhưng có rèm lửng che kín.

Chàng trèo lên bờ đá chân tường để mắt có thể nhìn qua bên trên tấm rèm.

Dưới ánh đèn, chàng nhìn thấy một người đàn bà khoác một áo choàng không tay màu tối, ngồi trên một chiếc ghế đẩu bên đống lửa sưởi đang tàn, khuỷu tay tựa lên một chiếc bàn tồi tàn và đang ôm đầu trong đôi tay trắng mịn như ngà voi.

-Không thể trông rõ mặt, nhưng một nụ cười thảm khốc lướt trên môi Athos, không thể nhầm vào đâu được nữa, đó chính là con đàn bà chàng đang tìm kiếm.

-Đúng lúc ấy, một con ngựa hí lên. Milady ngẩng đầu lên, nhìn thấy khuôn mặt xanh xao của Athos dán vào ô kính liền thét lên.

Athos hiểu mụ đã nhận ra mình, liền lấy đầu gối và tay đẩy bật cửa sổ, các ô kính vỡ ra.

Và Athos như một hồn ma báo oán, nhảy vào trong phòng.

Milady chạy ra cửa và mở ra. Nhưng còn xanh hơn và dữ tợn hơn Athos, D'Artagnan đã ở ngay ngưỡng cửa.

Milady thét lên và lùi lại. D'Artagnan sợ rằng mụ còn có cách nào đó để trốn thoát, liền rút ngay súng ngắn ở đai lưng ra, nhưng Athos giơ tay ngăn lại.

-Cứ để yên súng đấy, D'Artagnan. con đàn bà này cần phải được xét xử chứ không phải bị ám sát. Cứ đợi đó một lát thôi, D'Artagnan, rồi cậu sẽ được hài lòng. Nào các vị, xin mời vào cả đây D'Artagnan tuân lệnh bởi Athos nói bằng một giọng long trọng và với dáng điệu uy quyền của một vị phán quan do chính Thượng đế phái xuống.

-Thế rồi, sau D'Artagnan, Porthos, Aramis, Huân tước De Winter và người mặc áo choàng đỏ vào theo.

Bốn người hầu canh giữ ngoài cổng và cửa sổ.

Milady ngã xuống chiếc ghế tựa, hai tay dang ra như để cầu xin giải trừ sự hiện diện khủng khiếp này. Nhận ra người em chồng, mụ thét lên một tiếng kêu hãi hùng.

-Ông muốn gì? – Milady kêu lên.

Athos nói: -Chúng ta đòi Sáclốt Bêchxơn, lúc đầu được mang tên nữ Bá tước de la Fe, rồi tiếp đó là phu nhân De Winter, nữ Nam tước vùng Sepfin có mặt.

-Là tôi, là tôi đây! – Milady hoảng sợ tới cực điểm, lẩm bẩm – Ông muốn gì tôi?

Athos nói: -Chúng ta muốn xét xử mụ theo đúng những tội ác mụ làm. Mụ sẽ được tự do bào chữa, hãy minh oan cho mụ nếu mụ có thể. Thưa ông D'Artagnan, xin ông buộc tội trước tiên.

D'Artagnan tiến lên nói: -Trước Đức Chúa và trước con người nói chung, tôi buộc tội con đàn bà này đã đầu độc nàng Constance Bonacieux đêm qua.

Chàng quay lại phía Porthos và Aramis.

-Chúng tôi xác nhận – cả hai chàng ngự lâm quân cùng nói.

D'Artagnan tiếp tục: -Trước Đức Chúa và trước con người, tôi buộc tội con đàn bà này đã định đầu độc chính tôi, bằng rượu vang mụ gửi cho tôi từ Vilơroa với một bức thư giả mạo, như là vang của các bạn tôi. Chúa đã cứu thoát tôi, nhưng một người đã chết thay tôi, người ấy tên là Bridơmông.

-Chúng tôi xác nhận – Porthos và Aramis lại cùng nói.

-Trước Đức Chúa và trước con người, tôi buộc tội con đàn bà này đã xui tôi giết Nam tước de Wardes và vì không có ai ở đó để xác nhận việc cáo buộc này là sự thực, tôi xin tự xác nhận. Tôi đã nói xong.

Và D'Artagnan chuyển qua cạnh phòng, gần Porthos và Aramis.

-Đến lượt ông, Huân tước? – Athos nói.

Đến lượt Nam tước bước lại gần, ông nói: -Trước Đức chúa và con người, tôi buộc tội con đàn bà này đã cho người ám sát Quận công De Buckingham.

-Quận công De Buckingham bị ám sát rồi ư? – Tất cả mọi người tham dự đều kêu lên.

-Vâng – Huân tước nói – bị ám sát rồi! Theo bức thư mà ông đã báo cho tôi, tôi đã cho bắt giữ con mụ này và tôi đã giao cho một người giúp việc trung thực

canh giữ mụ. Mụ đã làm cho anh ta sa ngã, đã đặt dao găm vào tay anh ta để giết Quận công. Và lúc này có lẽ, Felten, tên anh ta, đã bị chặt đầu để trả giá cho tội ác điên rồ của hắn.

Tất cả các phán quan đều rùng mình về việc phát giác những tội ác mà mọi người chưa biết này.

-Chưa phải tất cả! – Huân tước De Winter nói tiếp – anh trai ta, người đã để lại tài sản thừa kế cho mụ đã chết trong vòng ba tiếng đồng hồ vì một căn bệnh kỳ lạ, để lại những vết bầm tím trên khắp cơ thể. Mụ chị dâu kia, chồng mụ đã chết như thế nào?

-Khủng khiếp quá! – Cả Porthos lẫn Aramis đều kêu lên.

-Kẻ giết Buckingham, giết Felten, giết anh trai ta, ta đòi công lý xử tội ngươi, và ta tuyên bố, nếu người ta không làm điều ấy cho ta, ta sẽ tự làm lấy.

Và Huân tước De Winter đến xếp hàng bên D'Artagnan, dành chỗ cho người buộc tội khác.

Milady gục đầu trong hai bàn tay và cố nhớ lại những ý nghĩ hỗn độn của mụ bởi một cơn choáng váng dữ dội.

-Đến lượt tôi – Athos, nói người run lên như một con sư tử run lên trước con rắn độc – Đến lượt tôi. Trước đây tôi đã cưới mụ đàn bà đó khi nó còn là một thiếu nữ, tôi đã cưới nó bất chấp tất cả mọi người trong gia đình, tôi cho nó của cải, cho nó danh phận của tôi, và một hôm tôi chợt thấy mụ đàn bà đó bị đóng dấu chín về tội ô nhục, mụ đàn bà đó bị đóng dấu bông hoa huệ bên vai trái.

-Ồ! – Milady đứng ngay dậy – tôi thách tìm lại được cái tòa án đã tuyên phạt tôi tội hình nhục nhã ấy. Tôi cũng thách tìm lại được người đã thi hành tội ấy.

-Im đi – một giọng người cất lên – về việc này, thì đã có ta trả lời.

Và người mặc áo choàng đỏ đến lượt mình lại gần.

-Người này là người nào, người này là người nào? – Milady kêu lên, như người tắc thở bởi nỗi kinh hoàng và tóc xổ tung ra, và dựng đứng lên như thể những con vật sống trên bộ mặt xám ngoét.

Mọi con mắt đều đổ dồn vào con người đó, bởi trừ Athos, với tất cả, đó còn là một người lạ.

Mà Athos cũng còn sững sờ như mọi người khác vì chàng cũng không hiểu làm sao mà con người này lại dính dáng đến tấn thảm kịch khủng khiếp đang ở đoạn sắp kết thúc này.

Từ tốn và trịnh trọng bước đến gần, chỉ còn cách Milady cái bàn, người lạ mặt bỏ mặt nạ ra.

Milady nhìn người này một lúc, nỗi kinh hoàng càng tăng thêm, cái khuôn mặt tái nhợt râu tóc đen ngòm, cái gì cũng khiếp, chỉ duy nhất ngoại trừ vẻ bình thản lạnh lùng. Rồi thình lình mụ kêu lên: -Ồ không không – Mụ đứng dậy và lùi tận sát tường – - Không, không, đây là ma quỷ hiện hình! Đây không phải hắn!

Cứu tôi? Cứu tôi! – Mụ kêu tiếp giọng khản đi và quay mặt vào tường, như thể mở nổi một lối thoát bằng hai tay mụ.

Mọi nhân chứng trong cảnh đó đều kêu lên: -Nhưng ông là ai vậy?

-Xin cứ hỏi mụ đàn bà này – Người đàn ông mặc áo choàng đỏ nói – bởi vì các ông thấy rõ là mụ ta đã nhận ra tôi?

-Tên đao phủ ở Lilơ, đao phủ ở Lilơ.

Milady sợ đến phát điên, vừa kêu lên vừa phải bấu chặt hai tay vào tường cho khỏi ngã.

Mọi người giãn ra, chỉ còn mỗi người mặc áo choàng đỏ đứng ở giữa phòng.

Con khốn nạn quỳ sụp xuống kêu lên: -Ôi, xin tha chết! Xin tha chết!

Người lạ mặt để cho mọi thứ ổn định lại mới nói tiếp: -Tôi đã nói với các ông mà, thế nào mụ cũng nhận ra tôi!

-Đúng tôi là đao phủ của thành Lilơ. Sau đây là chuyện của tôi.

Mọi con mắt đều đổ dồn vào con người đó, hau háu chờ nghe ông ta nói.

"Thiếu phụ này ngày xưa là một cô gái cũng đẹp như mụ ta hiện nay. Mụ là nữ tu sĩ ở tu viện dòng thánh Bênêđích ở Tămplôma. Một giáo sĩ trẻ lòng dạ hồn nhiên và sùng đạo phục vụ tại tu viện này. Mụ tính chuyện quyến rũ ông ta và đã thành công. Mụ đã cám dỗ một bậc thánh.

Cả hai thề nguyền mãi mãi bên nhau, không bao giờ thay đổi. Mối quan hệ của họ không thể kéo dài mà không tổn hại đến cả hai người. Mụ thuyết phục được ông ta rời bỏ xứ sở, Nhưng để rời bỏ xứ sở, để cùng nhau trốn đi, để đến được một miền khác trên đất Pháp, để có thể sống yên ổn, để không ai biết tới, thì cần phải có tiền, mà lại chẳng ai có. Vị linh mục liền lấy cắp các bình gốm thờ đem bán nhưng họ vừa cùng nhau chuẩn bị ra đi thì cả hai đều bị bắt.

Tám ngày sau, mụ đã quyền rũ được con trai viên cai ngục và trốn thoát. Vị linh mục trẻ bị kết án mười năm gông xiềng và bị đóng dấu chín. Tôi là đao phủ thành Lilơ, như mụ ta đã nói.

Tôi phải đóng dấu phạm nhân và thưa các vị, phạm nhân chính là em trai tôi.

Thế là tôi thề rằng con đàn bà đã làm nó chết, còn tệ hơn là kẻ đồng lõa của nó, vì lẽ mụ đã đẩy nó đến chỗ phạm tội thì ít nhất mụ cũng phải chia sẻ sự trừng phạt. Tôi ngờ nơi mụ trốn, và truy đuổi, rồi tóm được mụ, tôi gô cổ mụ lại và cũng in dấu sắt nung vào mụ như đã in vào em trai tôi.

Hôm sau tôi trở lại Lilơ, em trai tôi cũng lại trốn mất, người ta buộc tội tôi thông đồng và xử tôi bị tù thay chừng nào em tôi vẫn ngoài vòng pháp luật. Thằng em trai khốn khổ của tôi không biết việc xét xử đó, nó lại gặp được mụ đàn bà ấy, rồi cùng nhau trốn ở Bery và ở đó nó được nhận chân mục sư nhỏ.

Mụ đàn bà được coi là em gái nó.

Vị lãnh chúa trong vùng có ngôi nhà thờ của mục sư đó thấy cô em gái giả vờ đó, đem lòng si mê, đến mức ngỏ lời cầu hôn.

Thế là mụ bỏ phéng ngay kẻ mụ đã làm hại để chạy theo kẻ mụ phải làm hại và trở thành nữ Bá tước de la Fe."

Mọi con mắt lại đổ dồn về Athos, mà cái tên đó mới đích thực là tên chàng. Chàng gật đầu tỏ ý mọi điều người đao phủ nói đều đúng cả.

-Thế rồi – người này nói tiếp – thất vọng, điên dại, thằng em trai khốn khổ của tôi quyết định rũ bỏ cuộc đời mà mụ ta đã lấy đi tất cả danh dự, hạnh phúc, trở lại Lilơ mới hiểu ra tôi đã bị án quyết tù thay, nên nó đã ra đầu thú và ngay tối ấy đã treo cổ dưới lỗ thông hơi của xà lim.

Tóm lại, cũng là công bằng đối với chúng thôi. Những người đã kết án tôi đã giữ lời hứa. Tử thi được xác nhận là họ trả tự do cho tôi ngay.

Đó là tội ác tôi buộc tội mụ, và đó là nguyên nhân mụ bị đóng dấu nung.

Athos nói: -Ông D'Artagnan, ông đòi xử mụ đàn bà này hình phạt gì?

-Tử hình! – D'Artagnan đáp.

Athos tiếp tục: -Huân tước De Winter, ông đòi xử mụ đàn bà này hình phạt gì?

-Tử hình! – De Winter lặp lại.

-Các vị Porthos và Aramis – Athos hỏi tiếp – Các vị là các thẩm phán, các vị xử mụ đàn bà này hình phạt gì?

-Tội tử hình – cả hai đều trả lời bằng một giọng khàn khàn.

Milady rú lên một tiếng ghê rợn và lê gối đến trước mấy người xét xử.

Athos giơ thẳng cánh tay chỉ vào mặt mụ và nói: -Sáclốt Bêchxơn, nữ Bá tước de la Fe, Milady de Winter, tội ác của mụ đã làm mệt mỏi người trên trần thế. Chúa ở trên trời. Nếu mụ biết vài lời cầu nguyện, thì hãy cầu đi, bởi mụ đã bị kết án tử hình và mụ sắp chết rồi.

Nghe nói vậy, thấy không còn chút hy vọng nào nữa, mụ đứng thẳng người lên định nói, nhưng không còn đủ sức. Mụ thấy có một bàn tay mạnh mẽ và không đội trời chung tóm lấy tóc mụ, lôi mụ đi không thể nào cưỡng lại như định mệnh lôi một con người. Mụ cũng chẳng thèm chống cự lại nữa và ra khỏi túp lều tranh.

Huân tước De Winter, D'Artagnan, Athos Porthos và Aramis ra theo phía sau. Những người hầu cũng đi theo chủ và căn phòng lại đơn độc với chiếc cửa sổ vỡ, cổng mở và ngọn đèn bốc khói đang hắt hiu cháy trên mặt bàn.

§66. Hành quyết

Đã gần nửa đêm, mảnh trăng khuyết hạ tuần như nhuốm máu bởi những dấu vết cuối cùng của cơn giông tố, nhô lên sau cái thị trấn nhỏ Acmăngchie, làm nổi bật trong ánh trăng nhợt nhạt bóng dáng âm u các ngôi nhà và cái gác chuông cao lênh khênh như một bộ xương người. Phía trước mặt dòng sông Litx cuồn cuộn chảy như một dòng thiếc nóng, còn phía bờ bên là một khối đen sì cây cối hiện ra dưới bầu trời giông tố vẫn còn ngổn ngang những đám mây lớn màu đồng thau, tạo thành một cảnh hoàng hôn giữa ban đêm. Bên trái nổi lên một chiếc cối xay cũ bỏ hoang, với bộ cánh gió im lìm, trong chốn hoang phế ấy vang lên tiếng the thé, từng hồi và đơn điệu của một con cú mèo. Đây đó, trong cánh đồng, bên trái và bên phải con đường mà đám rước tang tóc ấy đang đi, hiện ra mấy cây thấp, mập giống như những thằng lùn dị dạng đang ngồi xổm để rình xem mọi người vào cái giờ thê lương ấy.

Thỉnh thoảng một lúc đám chớp lớn lại sáng lòa khắp chân trời và ngoằn ngoèo trên những đám cây đen ngòm, giống như một lưỡi đao khủng khiếp phạt đứt bầu trời và mặt nước ra làm hai mảnh. Không một làn gió nhẹ lướt qua vùng không khí nặng nề. Một sự im lìm chết chóc đè nặng lên tạo vật. Đất ẩm ướt và trơn tuột vì trời mưa. Cỏ cây như sống lại càng bốc nặng mùi hương.

Hai người hầu lôi Milady, mỗi người giữ một cánh tay, đao phủ đi sau, Huân tước De Winter, D'Artagnan, Athos, Porthos và Aramis bước sau đao phủ. Planchet và Bandanh đi sau cùng.

Hai người hầu lôi Milady tơi bờ sông. Miệng mụ câm như hến, nhưng đôi mắt mụ lại nói lên một cách hùng hồn khó tả như thể lần lượt van xin những người mà mụ đang nhìn.

Vì mụ đi trước mấy bước[146] mụ bảo mấy người hầu: -Một nghìn Pitxtôn cho mỗi người các anh, nếu để cho tôi trốn. Còn nếu các anh nộp tôi cho chủ các anh (?) tôi có ở gần đây những kẻ báo thù sẽ bắt các anh phải trả giá đắt cái chết của tôi.

Grimaud lưỡng lự, Mousqueton run hết cả tứ chi lên.

Athos nghe thấy Milady nói vậy vội đến gần ngay. Huân tước De Winter cũng vậy. Ông ta nói: -Đổi mấy tên người hầu này đi thôi, mụ ta đã nói với chúng, không tin được chúng nữa.

Planchet và Bazin được gọi lên thay chỗ cho Grimaud và Mousqueton.

Đến bờ sông, đao phủ lại gần Milady, trói chân và trói tay mụ lại.

Bấy giờ mụ mới phá tan sự im lặng kêu lên: -Chúng bay là những thằng hèn, chúng bay là những tên khốn nạn giết người. Chúng bay phải tới mười người để

cắt cổ một người đàn bà, hãy coi chừng, nếu tao không được cứu thì tao sẽ được trả thù.

-Mụ không phải là một người đàn bà – Athos lạnh lùng nói – mụ không thuộc giống người, mụ là một loài yêu quái trốn thoát khỏi địa ngục và chúng ta sắp tống mụ trả về đấy.

-Chà các trang nam nhi đức hạnh! – Milady nói – Hãy coi chừng, kẻ nào động đến một sợi tóc trên đầu tao, thì kẻ ấy mới là tên sát nhân.

-Đao phủ có thể giết, nhưng không vì thế mà là một kẻ sát nhân – Người mặc áo choàng đỏ vừa nói vừa vỗ vào thanh kiếm rộng bản của mình – đây là vị quan tòa cuối cùng, có thể thôi: -Nachrichter[147] như những ông bạn láng giềng Đức chúng ta vẫn nói ấy mà.

Nghe đao phủ vừa nói như thế vừa trói mình, Milady kêu lên hai ba tiếng man rợ tạo nên một hiệu quả u ám dị thường bay trong đêm tối và chìm dần trong rừng thẳm.

-Nhưng nếu tao là tội phạm, nếu tao mắc những tội mà chúng bay cáo buộc – Milady gào lên – thì phải đưa tao ra trước một tòa án, chúng bay không phải là các quan tòa để có thể kết tội tao.

-Ta đã đề nghị Tybum cho mụ – Huân tước De Winter – tại sao mụ lại không muốn?

-Bởi tôi không muốn chết – Milady vừa hét lên vừa giãy giụa – Bởi tôi còn quá trẻ không chết được.

-Người đàn bà bà đã đầu độc ở Bêtuyn còn trẻ hơn bà đấy, thế nhưng người ấy đã chết rồi – D'Artagnan nói.

-Tôi sẽ vào nhà tu kín, tôi sẽ bắt mình đi tu? – Milady nói.

-Mụ đã từng ở trong một nhà tu kín – đao phủ nói – và mụ đã ra khỏi đó để làm hại em ta.

Milady kêu lên một tiếng hãi hùng và quỵ xuống.

Đao phủ xốc nách mụ lên và định lôi mụ xuống đò.

-Ôi, Chúa ơi – Mụ kêu lên – lạy Chúa! Các người định dìm chết ta ư?

Tiếng kêu đó cũng có đôi chút não lòng khiến D'Artagnan là người hăng hái nhất trong việc truy đuổi Milady, cũng thẫn thờ đến tựa vào một gốc cây, đầu cúi xuống, lấy hai tay bịt tai lại, thế nhưng, mặc dù làm vậy, chàng vẫn nghe tiếng mụ hăm dọa và kêu khóc.

D'Artagnan là người trẻ nhất trong tất cả bọn họ, nên không sắt đá nổi.

-Ôi! Tôi không thể nhìn cái cảnh tượng hãi hùng này! Tôi không thể bằng lòng với cảnh người đàn bà này chết như thế này?

Milady nghe thấy mấy câu nói đó, mụ lại lấy lại được chút tia hy vọng.

-D'Artagnan! D'Artagnan!- Mụ kêu lên – chàng nhớ là em đã yêu chàng chứ!

Chàng trai trẻ đứng lên và tiến một bước về phía mụ.

Nhưng Athos cũng đứng dậy, rút gươm ra chặn D'Artagnan lại và nói: -D'Artagnan, nếu cậu tiến thêm một bước, chúng ta sẽ phải so gươm với nhau đấy.

D'Artagnan quỳ xuống và cầu nguyện.

-Thôi nào, đao phủ – Athos tiếp tục – làm phận sự của mình đi.

-Xin sẵn sàng, thưa Đức ông – đao phủ nói – bởi cũng đúng như việc tôi là một tín đồ Cơ đốc ngoan đạo, tôi tin tưởng vửng chắc rằng tôi rất chân chính khi hoàn thành chức năng của tôi đối với mụ đàn bà này.

-Tốt lắm.

Athos bước một bước lại phía Milady.

-Ta tha thứ cho bà – chàng nói – về cái ác bà đã làm đối với ta, ta tha thứ cho bà làm tương lai ta tan nát, hạnh phúc ta mất mát, tình yêu ta nhơ bẩn và sự cứu rỗi linh hồn ta mãi mãi bị tổn hại bởi nỗi tuyệt vọng mà bà đã ném ta vào. Hãy chết cho bình yên.

Đến lượt mình, Huân tước De Winter cũng tiến lên và nói: -Ta tha thứ cho bà đã đầu độc anh trai ta, đã ám sát Quận công De Buckingham, ta tha thứ cho bà về cái chết của gã Felten tội nghiệp, ta tha thứ cho bà về những mưu đồ ám hại chính bản thân ta. Hãy chết cho bình yên.

-Còn tôi – D'Artagnan nói – xin bà hãy tha thứ cho tôi, đã dùng một ngón giảo quyệt không xứng với một nhà quý tộc, khiêu khích bà nổi giận, và đổi lại, tôi cũng tha thứ cho bà việc giết hại người bạn gái đáng thương của tôi và những sự trả thù tàn bạo của bà đối với tôi, tôi tha thứ cho bà và cũng khóc thương bà. Bà hãy chết bình yên.

-I am lost! – Milady lẩm bẩm bằng tiếng Anh – I must die.[148]

Rồi mụ tự đứng dậy nhìn xung quanh với con mắt rực lửa.

Nhưng mụ không nhìn thấy gì hết.

Mụ lắng nghe, nhưng cũng không nghe thấy gì hết.

Mụ chỉ có xung quanh mình toàn là kẻ thù.

-Tôi sẽ chết ở đâu? – Mụ hỏi.

-Ở bờ sông bên kia – Đao phủ đáp.

Rồi đao phủ lôi mụ xuống đò, khi anh ta vừa bước chân xuống đò, Athos trao cho anh ta một số tiền.

-Cầm lấy – chàng nói – đây là tiền công hành quyết. Để cho mọi người thấy chúng tôi hành động như những quan tòa.

-Được thôi – đao phủ nói – và bây giờ để người đàn bà đến lượt mình cũng hiểu rằng không phải tôi hoàn thành một việc có tính chất nghề nghiệp mà là nghĩa vụ của tôi.

-Và hắn ta ném số tiền ấy xuống sông.

Đò xa dần sang bờ trái sông Litx, mang theo kẻ tội phạm và người hành quyết. Mọi người khác đều ở lại bên bờ phải và cùng quỳ xuống.

Con đò lướt đi chầm chậm theo dọc dây chăng qua sông của bến đò, dưới ánh phản quang của một đám mây nhợt nhạt lúc này đang chiếu xiên ngang mặt nước.

Thuyền đã cặp bờ bên kia, những bóng người in lên một màu đen trên nền chân trời màu đỏ nhờ.

Milady trong lúc sang sông đã cởi được thừng trói chân mình. Tới bờ này, mụ nhẹ nhàng nhảy lên bờ chạy trốn.

Nhưng đất ướt, lên hết dốc, mụ bị trượt chân ngã khuỵu xuống.

Một ý nghĩ mê tín chắc hẳn đã tác động mạnh đến mụ. Mụ hiểu rằng trời đã không dung mụ nữa, nên cứ ngồi nguyên như thế, đầu gục xuống và hai tay chắp lại.

Lúc đó, từ bờ kia nhìn sang mọi người thấy đao phủ từ từ nâng cao hai cánh tay lên, ánh trăng phản chiếu trên lưỡi đao rộng bản rồi hai cánh tay hạ xuống, người ta nghe thấy tiếng rít của lưỡi đao và tiếng kêu của nạn nhân, rồi một khối thịt mất đầu vật xuống.

Đao phủ liền cởi chiếc áo choàng đỏ trải ra đất, đặt thi thể nằm xuống, ném cái đầu vào, túm lại bốn góc khoác lên vai và bước xuống đò.

-Đến giữa dòng sông Litx, anh ta cho dừng đò lại, nâng cái bọc nặng lên trên mặt sông và hét lên rất to: -Xin để cho Chúa phán xử!

Và anh ta buông cái xác cho rơi xuống đáy sông, và cho dòng nước khép lại.

Ba ngày sau, bốn chàng ngự lâm trở lại Paris, và vẫn còn trong thời hạn nghỉ phép. Ngay tối đó, như thường lệ, họ tới thăm ông De Treville.

-Thế nào? Các vị – Ông đại úy tử tế hỏi họ – các vị thỏa thích trong chuyến đi chơi xa chứ?

Athos thay mặt cho tất cả các bạn trả lời: -Tuyệt diệu ạ!

Kết luận

Ngày mồng sáu tháng sau, giữ lời hứa với Giáo chủ rời khỏi Paris trở lại La Rochelle, nhà Vua ra khỏi kinh thành lúc còn rất đỗi bàng hoàng về tin tức vừa lan đến là Buckingham bị ám sát.

Cho dù đã được báo trước người đàn ông mình yêu biết bao gặp nguy hiểm. Hoàng hậu, khi người ta báo tin cái chết ấy, vẫn không chịu tin, lại còn bất cẩn kêu lên: -Thất thiệt! Ông ấy vừa viết thư cho ta!

Nhưng hôm sau thì bà đành phải tin cái tin thảm khốc đó.

La Port cũng như mọi người khác bị giữ chân lại ở Anh theo lệnh của Vua anh Charles đệ nhất, đã trở về mang theo món quà cuối cùng, tang tóc mà Buckingham gửi cho Hoàng hậu.

Nhà Vua vui mừng khôn tả. Ông chẳng tội gì giấu giếm niềm vui, lại còn cố ý làm rùm beng trước mặt Hoàng hậu, Louis XIII giống như mọi con tim hẹp hòi khác, thiếu sự đại lượng.

Nhưng rồi nhà Vua lại trở nên u buồn và cáu bực ngay.

Vầng trán Ngài không thuộc những vầng trán rạng rỡ được lâu dài. Khi trở lại trận tuyến, Ngài cảm thấy sắp sửa lại phải sống lệ thuộc, tuy nhiên Ngài vẫn trở lại.

Giáo chủ đối với Ngài như con rắn biết thôi miên và Ngài là con chim chuyền từ cành này sang cành khác nhưng không thể thoát ra được.

Vì vậy việc trở lại La Rochelle buồn sâu sắc. Nhất là bốn người bạn, họ làm cho đồng đội phải ngạc nhiên. Họ đi bên nhau, đầu cúi xuống, mắt u sầu. Chỉ có Athos thỉnh thoảng ngẩng vầng trán rộng lên, mắt long lanh, một nụ cười chua chát lướt trên môi, rồi lại như các bạn mình, phó mặc cho những ý nghĩ mơ màng.

Đoàn hộ tống đi tới một thành phố, ngay sau khi hộ giá nhà Vua về tới nơi nghỉ lại, bốn người bạn lui về chỗ mình ở hoặc đến một tửu quán hẻo lánh nào đó, chẳng bài bạc cũng không chè chén mà chỉ nói nhỏ với nhau, chăm chú nhìn xem có ai để ý nghe mình nói không.

Một hôm nhà Vua dừng lại ở dọc đường nhìn chim ác là bay, bốn người bạn theo thường lệ, đáng lẽ đi săn cùng, đã dừng lại trong một tửu quán cạnh đường cái, một người đàn ông phi nước đại từ La Rochelle tới, dừng lại ở cửa để uống một cốc rượu vang, phóng mắt nhìn vào tận bên trong nơi bốn chàng đang ngồi tại bàn.

-Ô, ông D'Artagnan! – Hắn nói – chẳng phải ông, tôi đang thấy đó sao?

D'Artagnan ngẩng đầu lên và reo lên mừng rỡ. Cái con người mà chàng gọi là con ma của chàng ấy chính là cái thằng cha căng chú kiết ở Măng, ở phố Phu

đào huyệt, và ở Arát.

D'Artagnan rút gươm và lao ra cửa.

Nhưng lần này thay vì chạy trốn, kẻ lạ mặt nhảy phắt từ ngựa xuống, và tiến đến đối mặt với D'Artagnan.

-Chà, thưa ông

D'Artagnan nói – cuối cùng thì tôi cũng gặp được ông, lần này thì ông không thoát nổi tôi đâu.

-Tôi cũng có ý ấy đâu thưa ông, bởi lần này, tôi tìm ông, nhân danh đức Vua, tôi bắt ông. Ông hãy trao gươm cho tôi, và không được chống cự, sẽ mất đầu đấy, tôi báo cho ông biết vậy.

-Vậy ông là ai? – D'Artagnan vừa hỏi vừa hạ gươm xuống, nhưng vẫn chưa trao.

-Tôi là hiệp sĩ De Rochefort – người lạ trả lời – tổng quản của Đức giáo chủ Richelieu, và tôi được lệnh áp giải ông đến chỗ Đức ông.

-Thưa ông hiệp sĩ, chúng tôi đang quay về bên chỗ Đức ông – Athos vừa nói vừa tiến lại – và ông sẽ chấp nhận lời hứa của ông D'Artagnan là ông ấy sẽ đi thẳng một mạch đến La Rochelle.

-Tôi phải giao ông ấy cho lính cận vệ để giải ông ấy về doanh trại.

-Chúng tôi sẽ làm cái việc ấy, thưa ông, xin lấy danh dự của các nhà quý tộc mà hứa đấy. Nhưng cũng xin lấy danh dự của các nhà quý tộc – Athos cau mày nói thêm – Ông D'Artagnan sẽ không rời khỏi chúng tôi đâu.

Hiệp sĩ De Rochefort liếc nhìn về phía sau đã thấy Porthos và Aramis đứng xen vào giữa hắn ta và cổng quán, nên hiểu rằng phải tuân theo bốn người đó.

-Thưa các vị – hắn nói – nếu ông D'Artagnan bằng lòng trao gươm cho tôi và cũng hứa như ông, tôi bằng lòng việc ông hứa dẫn ông D'Artagnan tới hành dinh của Đức ông Giáo chủ.

-Tôi hứa với ông như vậy – D'Artagnan nói – gươm của tôi đây!

-Thế thì càng tốt cho tôi – Rochefort nói thêm – tôi còn phải tiếp tục cuộc hành trình của tôi.

-Nếu là để gặp Milady – Athos lạnh lùng nói – sẽ vô ích thôi, ông sẽ không gặp lại được nữa đâu.

-Vậy bà ta ra sao rồi? – Rochefort vội hỏi.

-Cứ trở về doanh trại rồi ông sẽ biết.

Rochefort lặng lẽ đi một lát đăm chiêu. Rồi vì chỉ một ngày đường nữa là đến Xuyếcgie, nơi Giáo chủ đến yết kiến nhà Vua, hắn quyết định nghe theo lời khuyên của Athos và trở về cùng với họ.

Vả lại việc quay trở lại cũng có ích cho hắn, đó là hắn đích thân giám sát được tù nhân của mình.

Tất cả lại lên đường.

Hôm sau, ba giờ chiều, họ đến Xuyếcgie. Giáo chủ đợi Louis XIII ở đó. Thủ tưởng và nhà Vua cực lực ve vuốt tán dương nhau, về dịp may ngẫu nhiên khiến nước Pháp rũ bỏ được một kẻ thù cuồng nhiệt đang xúi bẩy cả châu Âu chống lại mình. Sau đó, Giáo chủ vì đã được Rochefort báo cho biết D'Artagnan đã bị bắt giữ, vội đến gặp chàng, nên đã xin cáo từ nhà Vua và mời nhà Vua ngày mai đến khánh thành công trình xây dựng con đê.

Chiều tối, lúc trở về hành dinh ở Cầu Đá, Giáo chủ thấy D'Artagnan đứng trước cổng ngôi nhà ông ở, không gươm, cùng với các bạn mình đều vũ trang đầy đủ.

Lần này, vì ông đang ở thế mạnh, ông nghiêm khắc nhìn họ và giơ tay, liếc mắt ra hiệu cho D'Artagnan đi theo mình.

D'Artagnan tuân theo.

-Chúng mình đợi cậu đấy, D'Artagnan – Athos cố tình nói to để Giáo chủ nghe thấy.

Giáo chủ cau mày, dừng lại một lát, rồi lại đi tiếp không nói một lời.

D'Artagnan theo sau giáo chủ đi vào, và cửa được canh giữ ngay.

Giáo chủ đi vào căn phòng dùng làm phòng làm việc và ra hiệu cho Rochefort dẫn D'Artagnan vào.

Rochefort vâng lời và rút lui.

Còn lại một mình D'Artagnan trước mặt Giáo chủ. Đây là cuộc gặp mặt lần thứ hai với Rochefort và chàng tự thú nhận chàng đã tin chắc đây là cuộc gặp gỡ cuối cùng.

Rochefort vẫn đứng tựa người vào lò sưởi, một chiếc bàn kê giữa ông ta và D'Artagnan.

-Này ông, – Giáo chủ nói – ta đã ra lệnh bắt ông.

-Thưa Đức ông, người ta đã bảo tôi vậy.

-Ông có biết tại sao không?

-Không, thưa Đức ông, bởi điều duy nhất khiến tôi có thể bị bắt giữ, Đức ông còn chưa biết.

Richelieu chăm chăm nhìn chàng trai trẻ: -Ra thế, thế nghĩa là thế nào?

-Mong Đức ông vui lòng cho tôi biết trước những tội mà người ta buộc cho tôi, tôi sẽ nói những việc tôi đã làm sau.

-Người ta buộc ông những tội mà ngay cả những người có địa vị cao hơn cả ông cũng phải mất đầu đấy! – Giáo chủ nói.

-Thưa Đức ông, là những tội gì?

D'Artagnan hỏi với thái độ bình tĩnh khiến Giáo chủ cũng phải kinh ngạc.

-Người ta đã buộc tội ông đã thông đồng với kẻ thù của vương quốc, buộc tội ông đã làm lộ bí mật quốc gia, buộc tội ông toan làm thất bại những kế hoạch đại tướng của ông.

-Và ai buộc tội tôi như thế thưa Đức ông? D'Artagnan nói – Và ngờ rằng đó là do Milady – một con đàn bà bị công lý của đất nước đóng dấu chín, một con đàn bà đã cưới một người đàn ông ở Pháp, và một người khác ở Anh, một con đàn bà đã đầu độc người chồng thứ hai và toan tính đầu độc chính tôi ư?

-Ông nói gì thế? – Giáo chủ ngạc nhiên kêu lên – Và ông đang nói về mụ đàn bà nào thế?

-Về Milady de Winter – D'Artagnan trả lời – Vâng, về Milady de Winter, mà chắc hẳn Đức ông không biết mọi tội ác của mụ khi mà mụ ta có vinh dự được hưởng sự tin cẩn của ngài.

-Này ông, Giáo chủ nói – nếu Milady de Winter phạm những tội ác như ông nói, mụ ta sẽ bị trừng phạt.

-Thưa Đức ông, mụ đã bị trừng phạt rồi!

-Ai đã trừng phạt mụ.

-Chúng tôi.

-Mụ ở trong tù à?

-Mụ đã chết.

-Chết! – Giáo chủ nhắc lại, chưa tin nổi những gì mình nghe thấy – Chết ư? Ông không nói mụ ta chết đấy chứ?

-Ba lần mụ định giết tôi, và tôi đã tha thứ cho mụ. Nhưng mụ đã giết người đàn bà tôi yêu. Thế là các bạn tôi và tôi, đã bắt, xét xử và kết án mụ.

D'Artagnan liền kể lại việc đầu độc bà Bonacieux trong nữ tu viện Cácmel ở Bêtuyn, việc xét xử trong ngôi nhà hẻo lánh, việc hành quyết bên bờ sông Litx.

Giáo chủ đâu phải là người dễ rùng mình, vậy mà người cứ run lên.

Nhưng rồi bất ngờ một ý nghĩ thầm kín nảy sinh trong ông, Giáo chủ cho tới lúc này vẫn sa sầm, dần dần rạng rỡ lên, rồi hoàn toàn trong sáng hơn bao giờ hết.

-Như vậy là – Giáo chủ nói bằng một giọng dịu dàng trái hẳn với tính chất nghiêm khắc của câu nói – các ông tự cho mình là quan tòa, không nghĩ rằng những kẻ nào không có nhiệm vụ trừng phạt mà lại đi trừng phạt đều là những kẻ sát nhân!

-Thưa Đức ông, tôi xin thề với ngài rằng không giây phút nào, tôi có ý định chống lại ngài để giữ lấy cái đầu tôi. Đức ông muốn trừng phạt tôi thế nào, tôi cũng chịu. Tôi có thiết sống lắm đâu mà sợ chết.

-Phải, ta biết điều đó, ông là một con người dũng cảm – Giáo chủ nói bằng một giọng gần như trìu mến – ta có thể nói trước với ông rằng ông sẽ bị xét xử, bị kết án nữa đấy.

-Một kẻ khác đã có thể đảm bảo với Đức ông rằng hắn ta có lệnh đặc xá ở trong túi mình. Còn tôi, tôi vui lòng nói với ngài rằng xin Đức ông cứ ra lệnh, tôi đã sẵn sàng.

-Đặc xá ông? – Richelieu kinh ngạc nói.

-Vâng, thưa Đức ông – D'Artagnan nói.

-Và ai ký, nhà Vua ư? – và Giáo chủ thót lên câu nói ấy với vẻ miệt thị khác thường.

-Đức ông hẳn nhận ra chữ ký của ngài.

Và D'Artagnan đưa cho Giáo chủ mẩu giấy quý giá mà Athos đã tước được của Milady, và chàng đã đưa cho D'Artagnan dùng làm bùa hộ mệnh.

Đức ông cầm mẩu giấy và chậm rãi đọc, nhấn mạnh vào từng vần:

"Theo lệnh của ta và vì quyền lợi quốc gia, người mang giấy này đã làm điều người ấy phải làm.

3 tháng 12, 1672.

Richelieu"

Đọc xong hai dòng chữ ấy, Giáo chủ như rơi vào một giấc mơ sâu thẳm, nhưng không trả lại mẩu giấy cho D'Artagnan.

"Ông ta đang suy nghĩ xem dùng cực hình gì đối với ta đây – D'Artagnan tự nhủ thầm. Được thôi, ta thề là ông ta sẽ thấy một nhà quý tộc chết như thế nào"

Chàng lính ngự lâm trẻ tuổi đã suy tính rất tuyệt để chết một cách anh hùng.

Richelieu vẫn suy nghĩ, cuộn vào rồi lại giở ra tờ giấy trong tay. Cuối cùng ông ngẩng đầu, trừng trừng đôi mắt chim ưng nhìn vào khuôn mặt trung trực, cởi mở, thông minh, đọc trên khuôn mặt ròng ròng nước mắt ấy những đau khổ mà anh ta phải chịu từ một tháng nay, và lần thứ ba hay thứ tư gì đó, ông lại nghĩ rằng thằng bé hai mốt tuổi này hẳn có tương lai biết mấy, và sự năng động của nó, lòng dũng cảm của nó, trí tuệ của nó sẽ cống hiến biết bao kế sách cho một người chủ tốt.

Mặt khác, tội ác, quyền lực, và thiên tài yêu quái của Milady từng đã nhiều lần làm ông hoảng sợ. Ông cảm thấy như có một niềm vui thầm kín mãi mãi rũ bỏ được kẻ đồng mưu nguy hiểm đó.

Ông chậm rãi xé tờ giấy mà D'Artagnan đã hào hiệp trao cho ông.

"Ta toi rồi" – D'Artagnan tự nhủ.

Và chàng cúi gập đầu trước Giáo chủ, như bảo ông: "Đức ông, ý của ngài đã được mãn nguyện!."

Giáo chủ lại gần bàn, không ngồi, ghi thêm mấy dòng vào một tờ giấy đã viết kín đến hai phần ba rồi áp dấu.

"Đây là bản án của mình đây – D'Artagnan thầm nói – Ông ta tha cho mình vào ngục Bastille và việc lề mề xét xử. Cũng là tiện cho ông ta!."

-Cầm lấy – Giáo chủ nói với chàng trai trẻ – ta lấy mất của ông tờ giấy khống chỉ, ta trả lại ông một tờ khống chỉ khác.

Chưa có tên trên tờ chứng chỉ đó đâu, để tự ông sẽ điền vào.

D'Artagnan lưỡng lự cầm tờ giấy và liếc mắt nhìn qua.

Đó là giấy phong hàm trung úy ngự lâm quân.

D'Artagnan quỳ xuống chân Giáo chủ nói: -Thưa Đức ông, sinh mệnh tôi thuộc về ngài. Từ nay xin tùy ngài sắp xếp, nhưng ân tình mà ngài ban cho tôi, tôi không xứng đáng đâu, tôi có ba người bạn đều xứng đáng và cao quý hơn tôi.

-Ông là một chàng trai trung hậu, D'Artagnan – Giáo chủ ngắt lời, thân mật vỗ vai chàng, sung sướng vì đã chinh phục được cái bản chất bất trị ấy – Ông thích thế nào thì cứ làm như thế. Có điều hãy nhớ rằng, tuy tên còn để trống, nhưng là ta cho ông đấy.

-Tôi sẽ không bao giờ quên – D'Artagnan đáp.

-Đức ông có thể tin chắc như vậy.

Giáo chủ quay lại và lớn tiếng gọi: -Rochefort!

Hiệp sĩ hắn vẫn ở đằng sau cánh cửa liền vào ngay.

-Rochefort! – Giáo chủ nói – Ông xem ông D'Artagnan này, ta đã nhận ông ta vào số những bạn bè của ta. Vậy hãy ôm hôn nhau, và hãy khôn ngoan nếu muốn giữ vững cái đầu.

Rochefort và D'Artagnan ôm hôn nhau qua quýt chút đầu môi, nhưng Giáo chủ vẫn đứng đó đang quan sát họ bằng con mắt soi mói.

Họ ra khỏi phòng cùng một lúc.

-Chúng ta còn gặp nhau, phải không ông?

-Khi nào ông thích – D'Artagnan nói.

-Chắc sẽ có dịp thôi – Rochefort trả lời.

-Hả? – Richelieu mở cửa ra hỏi.

Hai người mỉm cười, bắt tay nhau và chào Giáo chủ.

-Bọn mình bắt đầu sốt ruột rồi đấy – Athos nói.

-Tôi đây mà, các bạn! – D'Artagnan trả lời – không những được tự do mà còn được ân sủng nữa.

-Cậu sẽ kể cho bọn mình nghe chứ?

-Ngay tối nay.

Quả vậy, ngay tối ấy, D'Artagnan trở về lều Athos, thấy chàng đang uống cạn chai vang Tây Ban Nha, một việc mà tối tối chàng đều thành kính hoàn thành.

D'Artagnan kể lại mọi chuyện xảy ra giữa Giáo chủ và mình rồi rút trong túi ra cái chứng chỉ và nói: -Anh cầm lấy, anh Athos thân mến, cái đó rất hợp với anh.

Athos mỉm một nụ cười hiền hậu và duyên dáng: -Anh bạn ơi – chàng nói – với Athos thế quá nhiều, với Bá tước de la Fe, lại là quá ít – cậu cứ giữ lấy cái giấy chứng chỉ đó, nó thuộc về cậu. Than ôi! Lạy chúa? Cậu đã phải mua nó khá đắt rồi.

D'Artagnan ra khỏi phòng Athos và vào phòng Porthos, chàng thấy Porthos ăn mặc rất lộng lẫy, áo quần đầy những đường thêu rực rỡ và đang soi mình trước

gương.

-Chà, chà! – Porthos nói – cậu đấy à, bạn thân mến! Cậu thấy bộ quần áo này có hợp với mình không?

-Tuyệt lắm! – D'Artagnan nói – nhưng tôi đến để đề nghị với anh một bộ quần áo còn hợp với anh hơn kia.

-Quần áo nào? – Porthos hỏi.

-Quân phục của trung úy ngự lâm quân!

D'Artagnan kể cho Porthos cuộc hội kiến với Giáo chủ và rút tờ chứng chỉ từ trong túi ra: -Cầm lấy, Porthos thân mến, anh hãy ghi tên anh vào đấy, và anh hãy là chỉ huy tất của tôi.

Porthos đưa mắt đọc tờ chứng chỉ rồi trả lại cho D'Artagnan làm chàng hết sức ngạc nhiên.

-Đúng – Porthos nói – cái đó tôn mình lên rất nhiều nhưng mình sẽ chẳng có đủ thời gian lâu dài để hưởng cái ân huệ ấy đâu. Trong thời gian chúng ta viễn chinh tới Bêtuyn, ông chồng của bà Công tước của mình đã chết, thành thử cái két bạc của người quá cố đang dang hai tay đón mình, bạn thân mến ạ, mình sẽ cưới bà góa ấy. Coi đây, mình đang thử quần áo cưới mà, hãy giữ lấy chức trung úy, bạn thân mến. Giữ lấy.

Và Porthos trả lại cho D'Artagnan.

Chàng trai trẻ lại vào phòng Aramis.

D'Artagnan thấy chàng đang quỳ trước ghế đọc kinh, trán tựa vào cuốn sách kinh đã mở.

D'Artagnan kể cho chàng nghe cuộc gặp gỡ với Giáo chủ, và lần thứ ba rút tờ chứng chỉ từ trong túi ra và nói: -Anh, người bạn của tất cả chúng tôi, ánh sáng của chúng tôi, người che chở vô hình của chúng tôi, anh hãy nhận cái chứng chỉ này, anh xứng đáng với nó hơn bất kỳ ai bởi sự thông thái của anh và những lời khuyên của anh luôn luôn đem theo những thành công may mắn.

-Ôi chao! Bạn thân mến – Aramis nói – cuộc phiêu lưu cuối cùng của chúng ta đã làm tôi hoàn toàn chán ngán sự đời và gươm giáo rồi. Lần này, ý nguyện của tôi không thể lay chuyển nữa. Sau cuộc vây hãm thành La Rochelle này, tôi sẽ vào giáo đoàn truyền giáo[149]. Hãy giữ lấy cái chứng chỉ đó, D'Artagnan, nghề binh đao phù hợp với cậu, cậu sẽ trở thành một đại úy can trường và bất chấp mọi hiểm nguy.

D'Artagnan rơm rớm nước mắt tỏ lòng biết ơn và rạng rỡ vui mừng, trở lại chỗ Athos, thấy chàng vẫn ngồi bàn và đang soi cốc rượu Malaga cuối cùng trước ánh đèn.

-Thế đấy? Họ cũng vậy, đều từ chối tôi cả?

-Chính là vì không ai xứng đáng với nó hơn cậu, bạn thân mến ạ.

Và Athos cầm một chiếc bút ghi tên D'Artagnan lên tờ chứng chỉ rồi trao cho chàng.

-Vậy tôi sẽ không còn có bạn bè nữa – chàng trai trẻ nói – Ôi thôi! Không còn gì nữa, chỉ còn những kỷ niệm cay đắng…

Rồi chàng gục đầu vào hai lòng bàn tay, nước mắt ròng ròng trên hai gò má.

-Cậu còn trẻ – Athos trả lời – và những kỷ niệm cay đắng của cậu sẽ có đủ thời gian để đổi thành những kỷ niệm ngọt ngào!

Phần chót

La Rochelle, mất đi sự cứu trợ của hạm đội Anh và của sư đoàn mà Buckingham đã hứa hẹn, đã đầu hàng sau một năm bị vây hãm. Ngày 28 tháng mười năm 1628, người ta ký kết đầu hàng.

Nhà Vua trở về Paris ngày 23 tháng mười hai năm ấy.

Người ta tổ chức lễ khải hoàn như thể vừa chiến thắng quân thù chứ không phải thắng người Pháp. Nhà Vua đi vào ngoại ô Thánh Giắc qua những cổng chào xanh rờn hoa lá.

D'Artagnan đã nhận chức vụ của mình, Porthos giải ngũ và năm sau cưới bà Coquenard, cái két sắt thèm thuồng bấy lâu nay chứa những tám trăm ngàn quan.

Mousqueton được nhận một bộ chế phục lộng lẫy, và lấy làm thỏa mãn vì đã thực hiện được cái tham vọng suốt đời là được trèo lên phía sau một cỗ xe mạ vàng.

Aramis, sau một chuyến du hành đến Loren, bất ngờ biến mất và thôi không viết thư cho bạn bè. Mãi sau, do bà De Chevreuse nói cho hai ba người tình của bà, mới biết chàng đã thụ giáo ở tu viện Năngxy.

Bazin trở thành thầy dòng.

Athos vẫn ở lại ngự lâm quân dưới quyền chỉ huy của D'Artagnan đến năm 1631, sau một chuyến du lịch đến Loren, chàng cũng rời quân ngũ mượn cớ vừa được thừa hưởng một gia tài nhỏ ở Rutxiông.

Grimaud đi theo Athos.

D'Artagnan ba lần đấu với Rochefort và cả ba lần đều làm ông ta bị thương.

-Có thể lần thứ tư tôi sẽ giết ông đấy – chàng vừa bảo ông ta vừa đưa tay nâng dậy.

-Vậy thì sẽ tốt hơn cho cả ông lẫn cả tôi là chúng ta dừng lại ở lần này thôi – người bị thương trả lời – Mẹ kiếp! Tôi là bạn ông hơn là ông nghĩ đấy, bởi ngay từ lần đầu chạm trán với ông, tôi chỉ cần nói với Giáo chủ một câu là ông đã có thể bị chặt đầu rồi.

Lần này họ ôm hôn nhau, nhưng thật lòng và không một chút ẩn ý.

Planchet nhận được ở Rochefort chức đội trưởng trong đội cận vệ.

Ông Bonacieux sống rất bình yên, hoàn toàn không biết vợ mình đã ra sao, và cũng chẳng quan tâm mấy đến việc đó. Một hôm ông ta bất cẩn đi nhắc lại việc đó với Giáo chủ. Giáo chủ trả lời ông ta rằng Ngài sắp chu cấp cho ông ta để từ nay sẽ không bao giờ thiếu thốn cái gì nữa.

Quả nhiên, ngày hôm sau, bảy giờ tối, ông Bonacieux ra khỏi nhà để đi đến điện Louvre, rồi không bao giờ thấy xuất hiện lại ở phố Phu đào huyệt nữa. Theo

giới thạo tin thì ông đã được nuôi dưỡng và cư trú ở một vương phủ nào đó do Đức ông hào phóng tài trợ.

HẾT.

HAI MƯƠI NĂM SAU

Người dịch: Anh Vũ
Nguồn: NXB Văn Học, 2006
Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: "VINGT ANS APRÈS – A. Dumas, Agence Parisienne de distribution, Paris"

Lời giới thiệu

Hai mươi năm sau là tập thứ hai trong thiên tiểu thuyết lịch sử gồm: "Ba người lính ngự lâm". "Hai mươi năm sau" và "Tử tước de Bragelonne" (hay Mười năm sau nữa).

Hai mươi năm sau diễn ra trong hoàn cảnh lịch sử nước Pháp những năm 1648-1649 khi mà các nhân vật của tập truyện thứ nhất đã thêm hai mươi tuổi đời. Lúc ấy, giáo chủ tể tướng de Richelieu và vua Luis XIII đã chết, vua Louis XIV nối ngôi mới có mười tuổi. Hoàng hậu Anne d'Autriche làm nhiếp chính và đưa người tình của mình là giáo chủ Mazarin gốc Ý lên làm tể tướng.

Tính tham lam, biển lận, xảo quyệt và những sự bóc lột tàn tệ của Mazarin cùng những hành vi chuyên quyền độc đoán của triều đình dấy lên lòng căm phẫn cao độ trong nhân dân và cả trong lớp hoàng thân, quý tộc bị chèn ép, khủng bố.

Thời gian ấy giai cấp tư sản ở châu Âu đã hình thành và phát triển, bắt đầu bộc lộ những mâu thuẫn gay gắt với giai cấp phong kiến thống trị triều đình của nó. Ở nước Anh, một nước công nghiệp phát triển sớm và mạnh, cuộc cách mạng dân chủ tư sản do Olivier Cromwell lãnh đạo rồi lôi kéo được nghị viện và quân đội chống lại vua Charles I, lật đổ vương quyền và tuyên bố nền cộng hoà, gây ảnh hưởng vang dội đến tình hình các nước châu Âu, đặc biệt là Pháp. Tại Pháp, những tầng lớp tư sản giành được sự đồng tình của nghị viện và một số nhà quý tộc lại được nhiều tầng lớp nhân dân, nhất là thị dân, ủng hộ, đã lập ra phong trào La Fronde chống lại Mazarin và triều đình, gây lên những cuộc bạo loạn và dựng những luỹ chiến đấu nổi tiếng ở giữa Paris, buộc triều đình phải trốn khỏi kinh đô và đàm phán.

Trong bối cảnh lịch sử rối ren và sôi động ấy, Alexandre Dumas đưa các chàng ngự lâm quân quen thuộc của chúng ta trở lại sân khấu chính trị – xã hội. D'Artagnan và Porthos phục vụ trong ngự lâm quân trực tiếp dưới quyền của tể tướng và hoàng hậu, còn Arthos và Aramis bí mật tham gia phong trào La Fronde. Những cuộc chạm trán bất ngờ và đọ kiếm nảy lửa giữa bốn người bạn tâm đắc thuộc hai phe đối lập tưởng như sẽ làm tan vỡ tình bằng hữu, trái lại lại đi đến củng cố tình bạn keo sơn sống chết có nhau. Vì bản chất của bốn con người ấy vẫn là trong sáng, nhân hậu, thuỷ chung, cùng yêu mến và căm ghét giống nhau, vì nghĩa lớn và tình riêng mà hành động, dù đường đi có khác nhau.

Tính cách của nhân vật được khắc hoạ trên các bối cảnh lịch sử đang trở dạ, sôi sục những cuộc bạo động và khủng bố, những cuộc đấu tranh giai cấp giữa chủ nghĩa tư bản đang lên và chế độ phong kiến đang suy tàn.

Hoạt động của các chàng ngự lâm quân trong bộ truyện này gắn bó hơn với những sự kiện lịch sử và có thể nói, tham gia trực tiếp vào đó. Cái chất sôi nổi, lãng mạn, hùng tráng của họ trước kia phát triển thành sâu sắc, chín chắn và thực tế hơn, còn mang tính hiện thực đậm đà. Dù ở phe bên này hay phe bên kia, họ đều nhìn thấy sự thối nát của triều đình, bản chất xấu xa ti tiện của tể tướng, tính độc đoán, tàn bạo và bạc bẽo của hoàng hậu, sự suy vong của các vương triều, sự lợi dụng của những kẻ cầm đầu tranh thủ nhân dân để phục vụ lợi ích của chính mình. Qua lời nói của các chàng ngự lâm quân, tác giả đã nhận xét.

"Ở Pháp lúc này mọi thứ đều tồi tàn nhỏ mọn. Chúng ta có một ông vua mười tuổi chưa hiểu mình muốn gì. Chúng ta có một hoàng hậu mà nỗi đam mê muộn mằn khiến trở thành mù quáng. Chúng ta cỏ một tể tướng cai trị nước Pháp như cai quản một trang trại lớn, nghĩa là bận tâm xem ở đó vàng có mọc lên được không khi cày bừa nó bằng âm mưu và thói xảo quyệt Ý. Chúng ta có những ông hoàng gây sự chống đối có tính cách cá nhân và ích kỷ chẳng đi tới đâu ngoài việc moi từ tay Mazarin mấy thỏi vàng và vài mảnh quyền thế".

"Còn nhân dân thì sao?… Tội nghiêp cho những con người kia! Họ tiến ra chỗ chết để người ta trả lại đất Sedan cho ông de Buiông, để người ta ban quyền tập chức đô đốc cho ông de Beaufort, và để ngài chủ giáo được phong làm giáo chủ!"

"Dân chúng không kêu ca gì cho các vị hoàng thân, mà lại nổi dậy vì Broussel chính vì đây là một người thuộc tầng lớp bình dân, và bảo vệ Broussel dân chúng cảm thấy một cách tự nhiên rằng họ bảo vệ chính mình".

Sức mạnh của quần chúng nhân dân khi đã vùng lên là cơn bão táp ghê gớm, thậm chí chỉ một gã trùm ăn mày mà "Chẳng ai hồ nghi rằng hai bàn tay của hắn vừa mới giúp kéo ra khỏi toà kiến trúc xã hội hòn đá nền tảng của vương quyền".

Với thái độ thiện cảm, tác giả nhìn Olivier Cromwell như "một thủ lĩnh tài ba và vững vàng, kiên quyết chống lại một vương triều thối rữa và mọt ruỗng nó sắp sụp đổ một sớm một chiều như một túp lều cũ nát".

Viết tiếp "Hai mươi năm sau", A. Dumas chứng tỏ ngòi bút khoẻ khoắn, linh hoạt và sức tưởng tượng dồi dào, phong phú của mình. Vẫn những chàng ngự lâm kia nay đã sang tuổi trung niẻn, rất ít những chuyện đấu kiếm hoặc yêu đương, tập truyện vẫn hấp dẫn người đọc bằng sự kiện, những tình tiết luôn luôn bất ngờ, lý thú và hồi hộp, bằng hơi văn sinh động, tự nhiên, pha chút châm biếm mỉa mai. Tính cách mỗi nhân vật đều độc đáo, phát triển lôgích và đậm nét.

D'Artagnan suốt hai chục năm ròng chỉ là một anh trung uý ngự lâm bị lãng quên, bạc đãi, vẫn là con người vừa trung hậu, tận tâm, vừa thực tế sắc sảo, bằng tài trí và mưu lược của mình nổi bật lên như một ngôi sao sáng mà bao kẻ quyền cao chức trọng khó bề sánh kịp.

Arthos mà lòng nhân ái và cao thượng đã thành truyền thuyết suốt đời, không màng danh lợi, không quản hy sinh, đến mức cứu cả kẻ tử thù và suýt mất mạng vì nó. Tuy nhiên mối tình bất ngờ và ngắn ngủi với bà công tước cải trang trên đường đi trốn, mang tính người hơn và tình phụ tử với đứa con chung – tử tước de Bragelonne – đã giải thoát anh khỏi nỗi thất vọng nặng nề của mối tình đầu thuở hoa niên bị đầu độc.

Aramis, con người khi là lính ngự lâm thì luôn luôn mơ ước được khoác áo tu viện trưởng, nhưng khi đã trở thành tu viện trưởng lại mang tính ngự lâm hơn bao giờ hết, vẫn thể hiện đúng bản chất nhất quán của mình và tự anh đã vạch trần những mặt trái nực cười của các tu viện và giáo chức.

Vẫn đáng yêu với tính huênh hoang chất phác nhưng bộc tuệch và chân thành của mình, chàng hộ pháp Porthos là một nét tương phản đặc sắc bổ sung cho hình tượng các chàng ngự lâm quân.

Mordount, đứa con trai sống sót của Milady, bước vào truyện với chí báo thù cho mẹ quyết liệt và dai dẳng như chính Milady hiện thân, là một bóng ma, một định mệnh luôn luôn đeo đẳng, ám ảnh, hãm hại các chàng ngự lâm quân và trở thành một đối tượng ghê gớm gây nên biết bao tai hoạ, biết bao tình huống gay go khốc liệt cho những địch thủ của mình, mang đầy kịch tính xuyên suốt cả cuốn truyện.

Những sự biến cách mạng ở Pháp và Anh thời bấy giờ thường sơ lược và khô khan trên các trang sử ký đã sống dậy dưới ngòi bút tài tình của A. Dumas, với nhũng quang cảnh, những con người, những tình tiết sinh động, linh hoạt, sôi nôi của những cuộc nổi dậy, những cuộc chinh chiến, những cuộc đấu tranh phức tạp, một mặt phơi bày tính chất phản động, xảo quyệt và ngoan cố của giai cấp thống tri, mặt khác làm nối bật khí thế dũng mãnh, hào hùng, hình ảnh cao đep của quần chúng cach mạng, nó như những cơn bão táp đầu tiên trong lịch sử làm rung chuyển nền móng của các ngai vàng và của mọi chế độ bóc lột. Rất thú vị là giống như trong nhiều tác phẩm của Victo Hugo, những cơn bão táp ấy làm thức dậy và lôi cuốn theo cả vào làn sóng cách mạng những tầng lớp "cặn bã" của xã hội, "những thằng nhóc Paris" đáng yêu và những đội quân hành khất bí hiểm và kỳ lạ.

Đọc "Hai mươi năm sau" chúng ta càng yêu mến các chàng ngự lâm và bùi ngùi cho số phận của họ, số phận của những con người. Cuộc đời của họ rồi sẽ ra sao? Họ vẫn gắn bó với lịch sử, sẽ sống với lịch sử, và cuốn hút chúng ta trong tập truyện cuối cùng "Tử tước de Bragelonne".

Anh Vũ.

§1. Bóng ma của Richelieu

Trong căn phòng của Cung giáo chủ mà chúng ta đã từng biết, bên chiếc bàn có góc thếp vàng trên chất đầy giấy tờ sổ sách, một người đang ngồi tì đầu lên hai bàn tay. Phía sau ông ta là một lò sưởi lớn đỏ rực lửa, những thanh củi bốc cháy đổ sụt trên những thanh sắt rộng vàng chóe. Ánh lò sưởi soi rọi phía sau bộ y phục lộng lẫy của con người trầm ngâm được ánh cây đèn thắp đầy nến chiếu sáng từ phía trước.

Cứ nhìn tấm áo dài đỏ tía và những thêu ren sang trọng ấy, nhìn vầng trán xanh xao vọng dưới những suy tư, nhìn cảnh quạnh hiu của căn phòng, sự yên tĩnh ở các tiền sảnh, bước đi đều đặn của lính vệ trên thềm, người ta có thể tưởng như vong hồn của cố giáo chủ tể tướng Richelieu[150] vẫn còn ngự trong phòng của ông ta.

Hỡi ơi! Quả thực đó chỉ là vong hồn của con người vĩ đại ấy. Nước Pháp suy yếu, quyền lực của nhà vua không dược biết đến, các quan đại thần lại mạnh lên và hiếu loạn. Kẻ thù lấn vào tận bên trong biên thuỳ, mọi thứ chứng tỏ rằng Richelieu không còn ở đây nữa.

Nhưng điều rõ hơn tất cả rằng tấm áo dài đỏ không phải là tấm áo của vị cố giáo chủ, ấy là sự cô đơn của một bóng ma hơn là một kẻ đang sống, ấy là những dãy hành lang vắng bóng các cận thần, những sân đầy những vệ sĩ, ấy là cái tinh thần nhạo báng bốc lên từ phố phường nó xuyên qua những cửa kính của căn phòng này đang bị lay động trước hơi thở của cả một kinh thành liên minh chống lại tể tướng, sau hết ấy là tiếng súng xa xa không ngớt dội về, may thay chỉ bắn vu vơ và không kết quả cốt làm sao cho bọn vệ sĩ, bọn lính gác Thuỵ Sĩ, đám ngự lâm quân và các binh lính bao quanh Hoàng cung – chính là Cung giáo chủ đã đổi tên – hiểu rằng nhân dân cũng có vũ khí.

Cái bóng ma ấy của Richelieu chính là Mazarin.[151]

Vì chưng Mazarin đơn độc và tự cảm thấy mình hèn yếu.

Ông ta lẩm bẩm: -Người ngoại quốc? Người Ý! Đấy những lời đao to búa lớn mà chúng buông ra! Với lời ấy, chúng ta đã ám sát treo cổ, xé xác Concini[152] và nếu ta để mặc chúng, ắt chúng cũng sẽ ám sát ta, treo cổ ta, xé xác ta như vậy; mặc dù ta chẳng hề gây cho chúng một điều tai hại gì ngoài việc bóp nặn chúng một tí chút. Đồ ngu ngốc? Vậy là chúng không thấy rằng kẻ thù của chúng không phải lão người Ý này nói tiếng Pháp không sõi mà chính là cái bọn kia, họ có tài nói năng với chúng những lời hoa mỹ bằng cái giọng Paris thật là thuần tuý và tuyệt diệu.

-Phải rồi, phải rồi, – vị tể tướng nói tiếp và xảo quyệt cười, lần này cái cười có vẻ lạ lẫm trên đôi môi nhợt nhạt, – phải rồi, những tiếng đồn của các ngươi đã

nói với ta điều đó, số phận của các sủng thần là bấp bênh, nhưng nếu các người biết điều đó thì các người cũng phải biết rằng ta đây, ta chẳng phải là một sủng thần tầm thường. Bá tước D'Essex có một cái nhẫn tuyệt đẹp nạm đầy kim cương mà nữ hoàng tình nhân đã tặng: còn ta chỉ có một chiếc nhẫn bình thường với một con số ngày tháng[153], nhưng nó đã được ban phước tại tiểu thánh đường trong Hoàng cung, cho nên họ sẽ không phế bỏ ta theo nguyện vọng của họ. Họ chẳng nhận thấy rằng với tiếng hô muôn thuở của họ: "Đả đảo lão Mazarin!" ta đã hô với họ, khi thì de Beaufort[154] muôn năm, khi thì ngài Hoàng thân muôn năm?

-Này! Ông de Beaufort đang ở Vinxen; Hoàng thân nay mai sẽ đến theo ông ta, còn nghị viện…

Đến đây, nụ cười của giáo chủ biểu hiện một vẻ thù hằn dường như không thể có được trên gương mặt vốn dịu dàng của ông.

-Nào! Nghị viện… Chúng ta xem xét sẽ làm gì cải nghị viện này. Có Orléans[155]. Ồ! Ta sẽ để thì giờ xem xét. Song những ai đã hô đả đảo Mazarin cuối cùng sẽ phải hô đả đảo tất cả những kẻ đó, người nào phiên nấy. Richelieu khi còn sống bị bọn họ căm ghét và khi chết còn bị họ nhắc đến luôn trước kia còn thấp kém hơn ta, bới vì ông ta đã bị nhiều lần xua đuổi và luôn luôn nơm nớp còn bị xua đuổi nhiều hơn nữa. Hoàng hậu, chẳng bao giờ xua duổi ta đâu, còn nếu ta bị ép buộc phải nhượng bộ dân chúng thì nàng sẽ nhượng bộ cùng với ta; nếu ta chạy trốn, nàng cũng sẽ bỏ trôn và chúng ta sẽ thấy bọn phiến loạn xoay xở thế nào khi không có hoàng hậu, không có đức vua của họ. Ôi! Giá như ta không phải là người ngoại quốc, giá như ta là người Pháp, giá như ta là người quý tộc!

Và ông ta lại rơi vào trạng thái trầm ngâm.

Quá thật, tình thế đang khó khăn, và cái ngày vừa trôi qua càng thêm phức tạp. Luôn luôn bị tính biền lận bẩn thỉu thôi thúc, Mazarin chà siết dân chúng bằng thuế khoá, và dân chúng ấy chỉ còn lại có linh hồn như tổng trạng sư Talon nói, và hơn nữa, vì người ta không thể đem linh hồn ra bán tầm tầm, cho nên đám dân chúng mà người ta cố làm cho họ kiên nhẫn bằng tiếng đồn về những trận chiến thắng đã giành được, họ thấy những vòng nguyệt quế chẳng phải là thịt để có thể nuôi sống mình, đám dân chúng ấy từ lâu đã bắt đầu xì xào kêu ca.

Nhưng đó chưa phải là tất cả, vì khi dân chúng xì xào, triều đình không nghe thấy do nó vốn bị ngăn cách bởi giới thị dân và các nhà quý tộc Nhưng Mazarin đã dại dột đánh vào các pháp quan! Ông ta đã bán mười hai tờ chứng chỉ uỷ viên thỉnh nguyện, và do các án quan trả giá cho những chức vị của họ quá đắt và sự gia nhập của mười hai bạn đồng nghiệp kia tất làm giảm giá những chức vị đó, những án quan cũ đã hợp nhau lại, thề trước kinh Phúc âm là sẽ không chịu sự tăng thêm ấy và kháng cự lại mọi sự ngược đãi của triều đình; họ hứa hẹn với

nhau là trong trường hợp một ngươi trong bọn họ do sự phản kháng ấy mà mất chức vị của mình thì họ sẽ cùng nhau đóng góp để hoàn lại tiền cho người ấy.

Đây là chuyện xảy ra từ hai phía đó:

Ngày bảy tháng Giêng, bảy đến tám trăm nhà buôn tập hợp và bị kích loạn về một khoản thuế mới mà người ta muốn đánh vào các trạch chủ, và họ đã cử mười đại biểu đến trình bày với quận công Orléans, người vốn có thói quen lấy lòng dân. Quận công tiếp họ và họ tuyên bố sẽ quyết định không đóng khoản thuế mới cho dù có phải dùng vũ lực chống lại quan quân của nhà vua đến thu thuế. Quân công Orléans lắng nghe với vẻ rất ân cần, làm họ hy vọng một sự giảm nhẹ nào dấy, hứa sẽ trình lại với hoàng hậu và đã tông biệt họ bằng lời nói thông thường của các ông hoàng: "Người ta sẽ xem xét".

Về phía mình, ngày mồng chín, các uỷ viên thỉnh nguyện của Tham chính viện đến gặp giáo chủ tể tướng, và một người thay mặt họ phát ngôn đã nói năng rất cương quyết và táo bạo đến nỗi giáo chủ sửng sốt; ông ta tống khứ họ ra và nói giống như quận công Orléans rằng người ta sẽ xem xét.

Thế là, để xem xét, người ta đã họp hội đồng và cho đi tìm quan Tổng giám tài chính d'Emery.

Cái ông d'Emery này bị dân chúng ghét cay ghét đắng, trước hết bởi vì ông ta là tổng giám tài chính, mà bất cứ tổng giám tài chính nào cũng đều bị ghét cả; sau nữa phải nôi rằng vì ông ta ít nhiều cũng xứng đáng bị ghét.

Ông ta là con trai một chủ ngân hàng thành Lyon tên gọi Particelli, sau khi bị vỡ nợ bèn đổi tên là d'Emery. Nhân thấy ông ta có khả năng rất lớn về tài chính, giáo chủ de Richelieu đã tiến cử ông với vua Louis XIII dưới cái tên d'Emery và do muốn phong ông làm giám quan tài chính nên đã nói rất tốt về ông ta.

-Hay tuyệt? – Nhà vua trả lời. – Ta hài lòng là khanh trình với ta ông d'Emery để tiến cử vào chỗ đòi hỏi một con người lương thlện. Ta nghe nói khanh tán trợ cái tên Particelli vô lại ấy, và ta lo khanh sẽ ép ta dùng hắn.

-Tâu hoàng thượng, – ngài giáo chủ đáp, – xin Hoàng thượng yên lòng, tên Particelli mà Hoàng thượng vừa nói đến đã bị treo cổ rồi ạ

-A! Hay lắm! – Nhà vua reo lên. – Như vậy chẳng phải không dưng thiên hạ gọi là Louis Công minh.

Và ngài ký giấy bổ nhiệm ông d'Emery. cũng vẫn cái ông d'Emery ấy trở thành tổng giám tài chính. Người ta đi tìm ông theo lệnh tể tướng và ông chạy đến mặt tái mét và hốt hoảng, nói rằng con trai ông suýt bị ám sát ngay ban ngày giữa quảng trường Hoàng cung: đám đông gặp anh ta và chê trách sự xa hoa của vợ anh ta, mụ này có một căn nhà chăng nhung đỏ với những lụa ren bằng vàng. Đó là con gải của Lơ Camuy, tổng trưởng năm 1617. Ông này khi đến Paris chỉ có hai mươi livrơ, nay tự dành cho mình bốn mươi nghìn livrơ niên thu và vừa mới chia chín triệu cho các con.

Con trai d'Emery suýt chết nghẹt vì một trong những người nổi loạn bắt phải ép hắn cho đến khi hắn phải nhả chỗ vàng đã ngốn.

Ngày hôm ấy Hội đồng chẳng quyết nghị được gì, vì viên tổng giám quá bấn bíu về sự cố đó nên chẳng còn bụng dạ nào mà bàn định.

Ngày hôm sau ông đệ nhất chủ tịch Nghị viên Mathieur Molé mà lòng quả cảm trong mọi công việc như giáo chủ de Retz nói, ngang với ngài quận công de Beaufort và ngài hoàng thân de Condé[156], nghĩa là hai người được coi như dũng cảm nhất nước Pháp, ngày hôm sau, đến lượt mình ông đệ nhất chủ tịch bị tiến công. Dân chúng đe doạ là ông ta phải gánh chịu trách nhiệm tất cá những tai hoạ mà người ta gây ra cho họ; nhưng với vẻ bình tĩnh thông thường, ông đệ nhất chủ tịch không xúc động và không kinh ngạc, ông đệ nhất chủ tịch đã trả lời rằng nếu những kẻ phiến loạn không tuân theo ý nhà vua, ông ta sẽ cho dựng những giá treo cổ ở các quảng trường để treo cổ ngay tức khắc những kẻ ngỗ ngược nhất trong bọn họ. Bọn này bên đáp lại rằng họ không yêu cầu gì hơn là dược trông thấy dựng lên những giá treo cổ, và chúng sẽ dùng để treo cổ những viên pháp quan tồi đã đi mua ân sủng của triều đình bằng giá sự khốn cùng của nhân dân.

Chưa hết, ngày mười hai, hoàng hậu đi dự lễ ở nhà thờ Đức Bà, việc bà thường làm đều đặn vào các ngày thứ bảy, thì hơn hai trăm phụ nữ bám theo vừa kêu la vừa xin được thừa nhận quyền lợi. Kể ra họ không có một ý đồ xấu nào, chỉ muốn quỳ trước hoàng hậu đề cầu bà rủ lòng thương; song vệ sĩ đã ngăn cản họ và hoàng hậu cứ ngạo mạn và kiêu hãnh đi qua mà chẳng để tai đến những tiếng kêu gào của họ.

Buổi chiều hội đồng họp và quyết nghị giữ vững quyền lực của nhà vua, do đó nghị viện được triệu tập vào ngày hôm sau tức ngày mười hai.

Ngày hôm ấy, cải ngày mà vào buổi chiều tối, chúng tôi mở đầu câu chuyện mới mẻ này, nhà vua khi ấy mới mười tuổi và vừa mắc bệnh thỷy đậu xong, mượn cớ đi nhà thờ Đức Bà để lễ tạ ơn bình phục, đã bố trí vệ sĩ, lính Thuỵ Sĩ và lính ngự lâm, rải quân xung quanh Hoàng cung, trên các kè và trên Cầu Mới, và sau khi nghe kinh misa, nhà vua bèn sang nghị viện. Ở đó trên một chiếc ngai ngự dựng bất ngờ, nhà vua không những giữ nguyên những chỉ dụ cũ mà còn đặt năm, sáu cái mới, tất cả những điều giáo chủ de Retz nói đều tai hại chẳng kém gì nhau. Đến nỗi ông đệ nhất chủ tịch như ta đã thấy, những hôm trước vẫn đồng tình với triều đình, mà nay cũng hết sức bất bình về cái cách đưa nhà vua đến Cung để tập kích và vi phạm sự tự do đầu phiếu.

Nhưng những người phản đối mạnh mẽ nhất những thuế khoá mới là ông chủ tịch Blancmensnil và ông tham nghị Broussel.

Các chỉ dụ đó ban xong, vua trở về Hoàng cung. Một trăm dân chúng đông nghịt đang đi trên dường, họ biết nhà vua từ nghị viện về, nhưng vì không biết nhà vua họp ở đó để thừa nhận quyền lợi của nhân dân hay để tiếp tục áp bức họ,

nên không một tiếng kêu mừng rỡ nào vang lên khi vua đi qua để chúc mừng nhà vua đã bình phục. Trái lại, tất cả các gương mặt đều rầu rĩ và lo lắng; có vài người còn tỏ vẻ sừng sộ.

Mặc dầu nhà vua đã ra về, các toán lính vẫn ở nguyên tại chỗ: người ta lo ngại một cuộc bạo loạn bùng nổ khi biết kết quả phiên họp nghị viện; và quả nhiên, tiếng đồn vừa mới lan ra các phố rằng đáng lẽ phải giảm nhẹ thuế nhà vua lại tăng thêm thì các nhóm tập họp lại và những tiếng la hét vang ầm lên: "Đả đảo Mazarin? Broussel muôn năm! Blancmensnil muôn năm!" vì dân chúng biết rằng Broussel và Blancmensnil đã lên tiếng ủng hộ họ; và tuy tài hùng biện của các ông bị thất bại, họ vẫn tỏ lòng biết ơn.

Người ta muốn giải tán các đám dân chúng, muốn dập tắt các tiếng kêu, nhưng càng thế các đám người càng đông lên và những tiếng kêu la càng tăng gấp bội. Lệnh vừa mới ban ra cho lĩnh ngự vệ và lính Thuỵ Sĩ, không những phải giữ vững, mà còn phải đi tuần tra trong các phố Saint-Denis và Saint-Martin, nơi các đám người có vẻ đông đảo hơn và nhộn nhạo hơn, thì ở Hoàng cung người ta thông báo có ông thị trưởng thành phố đến.

Ông ta được dẫn vào ngay: ông nói rằng nếu không chấm dứt ngay lập tức những cuộc thị uy thù nghịch, thì trong hai giờ nữa toàn thành phố Paris sẽ vũ khí sẵn sàng.

Người ta đang bàn luận xem phải làm gì thì viên trung uý thị vệ đoàn Comminger trở về quần áo tả tơi và mặt mày đầm đìa máu.

Thấy ông ta xuất hiện, hoàng hậu kinh hãi kêu lên và hỏi xem có chuyện gì.

Như ông thị trưởng đã dự kiến; nhìn thấy các toán lính gác, dân tình nổi xung lên. Người ta chiếm các tháp chuông và rung chuông báo động. Comminger đã chống cự tốt, bắt giữ một người đàn ông có vẻ là một trong những tay phiến động chủ yếu, và để làm gương đã ra lệnh treo cổ anh ta ở bãi Thập tự T'rahoa. Binh lính lôi anh đi để thi hành lệnh, nhưng đi đến dãy chợ thì bị tiến công bằng gạch đá và giáo mác, kẻ phiến loạn thừa cơ chạy thoát ra phố Lômba và chạy bổ vào trong một ngôi nhà. Nhà bị phá cửa ngay lập tức. Nhưng bạo lực ấy cũng vô ích, không thể tìm thấy tội phạm.

Comminger để lại một trạm gác trong phố và cùng số lính còn lại của đơn vị trở về Hoàng cung để tâu với hoàng hậu về sự việc đã xảy ra. Suốt dọc đường, ông ta bị những tiếng la ó và đe doạ đuổi theo, nhiều lính của ông bị giáo mác đâm bị thương và bản thân ông bị một hòn đá đáp rách chỗ lông mày.

Câu chuyện của Comminger làm vững thêm ý kiến của ông thị trưởng – người ta chưa đủ sức đương đầu với một cuộc nổi loạn thực sự; ông giáo chủ cho loan tin trong dân chúng rằng các toán quân rải trên các kè và Cầu Mới chỉ là nhân dịp làm lễ và sắp rút đi.

Quả thật vào lúc bốn giờ chiều, các toán quân tập trung cả về phía Hoàng cung, người ta đặt một trạm gác ở chỗ chắn đường Sergents, một trạm khác ở chỗ Tám Mươi, cuối cùng một trạm nữa ở Saint-Roch. Người ta đưa lính Thuỵ Sĩ và lĩnh ngự lâm vào đầy các sân, các tầng trệt và chờ đợi.

Đấy là bối cảnh diễn biến các sự kiện, khi chúng tôi đưa bạn đọc vào văn phòng của giáo chủ Mazarin xưa kia vốn là văn phòng của giáo chủ de Richelieu. Chúng ta đã thấy ông ta ở trong tình trạng tinh thần như thế nào khi nghe tiếng rì rầm của dân chúng lọt đến tai ông và tiếng âm vang của những phát súng nổ vọng đến căn phòng ông.

Bỗng nhiên, ông ngẩng dầu lên, lông mày hơi cau lại như một người đã có quyết định, trừng mắt nhìn lên một chiếc đồng hồ lớn sắp đánh chuông mười giờ, và vớ một cái còi bằng đồng mạ vàng nằm trong tầm tay ở trên bàn. Ông huýt lên hai tiếng.

Cánh cửa khuất sau tấm thảm treo tường mở ra không có một tiếng động và một người vận đồ đen lặng lẽ bước vào phòng, rồi đứng ở phía sau ghế bành.

-Bernouin, – giáo chủ nói mà chẳng buồn quay đầu lại vì sau khi thổi lên hai tiếng còi, ông biết người hầu của mình phải là ai, – lính ngự lâm đang gác ở Cung là lính nào?

-Thưa Đức ông, đó là ngự lâm đen.

-Đại đội nào?

-Đại đội Treville.

-Có sĩ quan nào ở đại đội ấy trong tiền sảnh không?

-Có trung uý d'Artagnan.

-Chắc đó là một người tốt, phải không?

-Vâng, thưa Đức ông.

-Lấy cho ta một bộ y phục ngự lâm quân và giúp ta mặc vào.

Người hầu phòng đi ra cũng lặng lẽ như lúc vào và một lát sau trở lại mang theo bộ quần áo đòi hỏi.

Thế là vị giáo chủ vẻ im lặng và suy nghĩ, bắt đầu cởi bỏ bộ lễ phục mà ông đã mặc để dự phiên họp nghị viện, và mặc chiếc áo lính với một vẻ thoải mái nhờ những chiến dịch ở Ý của ông xưa kia, rồi khi đã vận xong hoàn toàn, ông bảo:
-Đi tìm ông d'Actagnan cho ta.

Người hầu phòng lần này đi ra cửa giữa, nhưng vẫn lặng lẽ và câm như hến. Có thể nói như một cái bóng.

Còn lại một mình, giáo chủ soi mình trong gương, vẻ hài lòng.

Ông ta vẫn còn trẻ, vì mới gần bốn mươi sáu tuổi, thân hình thanh nhã, hơi dưới chiều cao trung bình; da dẻ sáng và đẹp, cái nhìn rực lửa, mũi to, tuy nhiên khá cân đối, trán rộng và đường bệ, tóc hung hung và hơi xoăn, râu đen hơn tóc và lúc nào cũng uốn cao lên, khiến ông có dáng phong nhã. Ông quàng tấm dải

đeo gươm, nhìn với vẻ thoả mãn hai bàn tay nuột nà của mình mà ông chăm chút nhất; rồi quẳng đôi găng bằng da hoẵng mà ông đã cầm lấy và hợp với bộ quân phục, ông xỏ đôi găng lụa giản dị.

Lúc ấy cánh cửa mở ra.

Một sĩ quan bước vào.

Đó là một người chạc băm chín bốn mươi tuổi, vóc người nhỏ nhưng chắc, gầy, mắt tinh và hóm hỉnh, râu đen và tóc hoa râm như thường xảy đến khi người ta thấy cuộc đời quá tốt hoặc quá xấu, và nhất là khi da người ta rất nâu.

D'Artagnan đi bốn bước trong văn phòng là nhận ra mình đã

đến đây một lần trong thời giáo chủ de Richelieu, và chẳng thấy có ai trong phòng ngoài một lính ngự lâm của đại đội mình, anh dừng mắt trên người lính ngự lâm ấy và qua bộ y phục của người đó, vừa mới thoạt nhìn anh đã nhận ra ông giáo chủ.

Anh đứng thẳng trong tư thế cung kính nhưng đường hoàng và rất thích hợp với một người có địa vị trong đời mình luôn có dịp tiếp xúc với các quan đại thần.

Giáo chủ chằm chằm nhìn anh bằng con mắt tinh ranh hơn là sâu xa, ngắm nghía chăm chú, rồi sau vài giây im lặng, ông cất tiếng.

-Chính ông là ông d'Artagnan phải không?

-Chính tôi, thưa Đức ông – viên sĩ quan nói.

Giáo chủ nhìn một lát nữa cái đầu đến là thông minh ấy và khuôn mặt mà sự linh hoạt thái quá đã bị kiềm chế bởi tuổi tác và kinh nghiệm; nhưng d'Artagnan chịu dựng sự thẩm tra với tư cách một người xưa kia đã từng bị nhìn bằng những con mắt sắc sảo khác hẳn những con mắt mà anh chịu đựng sự dò xét vào lúc này.

-Này ông, – giáo chủ nói, – Ông sẽ đến với tôi, hay đúng hơn là tôi sẽ đi với ông.

-Xin tuân lệnh, – D'Artagnan đáp.

-Tôi muốn tự mình đến thăm những trạm gác bao quanh Hoàng cung; ông nghĩ có điều gì nguy hiểm không?

-Nguy hiểm ư? Đức ông? Mà nguy hiểm gì? – D'Artagnan ngạc nhiên hỏi.

-Người ta nói dân chúng hết sức náo loạn.

-Quân phục ngự lâm quân của nhà vua rất được kính nể, thưa Đức ông, và với bốn người, tôi dám cam đoan đánh tan một trăm tên loại dân đen ấy.

-Nhưng ông đã thấy, chuyện xảy ra với Comminger chưa?

-Ông de Comminger là thuộc đội cận vệ, chứ không phải ngự lâm quân là lính cừ hơn cận vệ.

-Thế có nghĩa là, – giáo chủ mỉm cười nói, – ngự lâm quân là lính cừ hơn cận vệ.

-Thưa Đức ông, mỗi người có lòng tự tôn về binh phục của mình.

-Trừ tôi ra! – Mazarin vừa cười vừa nói, – vì ông thấy tôi đã rời bỏ y phục của mình để mặc binh phục của ông.

-Ấy chết, thưa Đức ông, – D'Artagnan nói, – đó là sự nhũn nhặn. Còn như tôi, tôi xin bày tỏ rằng nếu tôi có bộ y phục của Các hạ, tôi sẽ rất thoả mãn và nếu cần thì xin thề là sẽ chăng bao giờ mặc bộ y phục nào khác.

-Phải, nhưng để đi ra tối nay, có lẽ nó không an toàn lắm. Bemuanh đưa mũ dây.

Người hầu phòng mang ra một cái mũ binh phục rộng vành.

Ông chủ đội mũ với vẻ khá phóng túng và quay lại phía d'Artagnan: -Ông có những con ngựa đóng yên cương sẵn ở trong các chuồng phải không?

-Vâng, thưa Đức ông.

-Nào, ta đi đi.

-Đức ông cần bao nhiêu người?

-Ông đã nói là với bốn người các ông có thể đánh tan một trăm tên dân đen; cho là có thể gặp hai trăm tên, hãy lấy tám người.

-Khi nào Đức ông cần?

-Tôi theo ông, hay thôi, – giáo chủ nói tiếp, – ta đi lối này.

Bernouin, rọi đèn cho chúng tôi.

Người hầu cầm ngọn nến, giáo chủ cầm một chiếc chìa khoá mạ vàng để trên bàn giấy, và sau khi mở cửa một cầu thang bí mật, chỉ một lát sau ông đã ở trong sân Hoàng cung.

§2. Một cuộc đi tuần đêm

Mười phút sau, toán lính nhỏ di ra qua phố Trẻ Ngoan, phía sau phòng biểu diễn mà giáo chủ de Richelieu đã cho xây để diễn vở "Niramơ" và giáo chủ Mazarin – say mê âm nhạc hơn văn chương – vừa mới cho diễn những ca kịch đầu tiên trình diễn ở Pháp.

Quang cảnh thành phố thể hiện tất cả nhưng tính chất của một cuộc náo động lớn; những đoàn người đông đảo chạy khắp phố phường, và mặc dầu d'Artagnan có nói gì đi nữa, thì họ cũng dừng lại xem toán linh đi qua, vẻ giễu cợt dậm doạ chỉ rõ rằng những thị dân[157] đã tạm thời gác bỏ cái tính khoan hậu thông thường để mang những ý đồ gây gổ hơn. Chốc chốc; những tiếng ồn ào từ khu chợ Hallơ vọng đến. Những phát súng nổ lẹt đẹt từ phía phố Saint-Denis, và thỉnh thoảng đột nhiên không hiểu sao một tiếng chuông lại dội lên do tính bốc đồng của dân chúng.

D'Artagnan bước trên con đường của mình với vẻ vô tư của một người mà với những chuyện lăng nhăng như vậy chẳng thể có một tác động nào. Khi một người đứng nghênh ngang giữa lòng đường anh thúc ngựa mà chẳng hề báo tránh, và những người trong đám đông, phiến loạn hay không, như biết rõ họ đang đụng phải tay nào đây, bèn dãn ra và để toán tuần tra đi qua. Ông giáo chủ khao khát cái thái độ bình tĩnh được ông gán cho là do thói quen gặp nguy hiểm, nhưng đối với viên sĩ quan tạm thời ông bị đặt dưới quyền: ông vẫn tỏ một thứ vị nể mà chính tính thận trọng làm hoà hợp với lòng can đảm vô tư.

Khi đến gặp trạm gác ở cửa ô Sergents, người lính canh hô:

"Ai! Đứng lại!", d'Artagnan đáp và sau khi đã hỏi một mật khẩu ở giáo chủ, anh tiến đến. Mật khẩu "Louis" và "Rôcroa".

Những tín hiệu nhận biết được trao đổi. D'Artagnan hỏi xem có phải ông de Comminger chỉ huy trạm này không?

Người lính canh chỉ cho anh một viên sĩ quan đang đứng dưới đất nói chuyện, bàn tay vịn vào cổ con ngựa của người đối thoại. Đó chính là người mà d'Artagnan đang cần hỏi. Anh trở lại và nói với giáo chủ: -Đấy là ông De Comminger.

Giáo chủ thúc ngựa về phía họ trong khi d'Artagnan kín đáo lùi lại: -Hoan hô Gitaud, – giáo chủ nói với kỵ sĩ, – mặc dù ông đã sáu mươi tư tuổi tôi thấy ông vẫn như xưa, lanh lẹn và tận tuỵ. Ông nói gì với chàng trai này thế?

-Thưa đức ông, – Gitaud đáp – tôi bảo anh ấy là chúng ta đang sống trong một giai đoạn kỳ dị, và ngày hôm nay giống hệt một trong những ngày của khối Liên Minh mà tôi từng nghe nói đến rất nhiều trong thời trai trẻ. Anh có biết

trong phố Saint-Denis và Saint-Martin, người ta không có việc gì khác ngoài việc dựng các vật chướng ngại không?

-Ông bạn Gitaud thân mến, thế Comminger trả lời ông thế nào?

-Thưa Đức ông, – Comminger nói, – tôi trả lời rằng muốn một Liên Minh, họ chỉ thiếu một điều mà tôi thấy là khá quan trọng đó là một quận công De Guise[158] vả chăng người ta không làm hai lần cùng một việc.

-Không, nhưng họ sẽ làm một La Fronde[159] như họ bảo, – Gitaud đáp.

-La Fronde, đó là cái gì? – Mazarin hỏi.

-Thưa Đức ông, đó là cái tên họ đặt cho bè đảng của họ.

-Tên ấy từ đâu ra?

Hình như cách đây mấy ngày. Ông tham nghị Basơmông có nói ở trong Cung rằng tất cả những người làm loạn giống như bọn học sinh dùng ná bắn đá trong các hầm hố ở Paris, khi thấy viên cảnh sát đến thì chạy đi, rồi lại tập hợp lại. Thế là họ chớp lấy cái đó, giống như bọn ăn xin ở Bruxelles đã làm, vả họ tự xưng là Fronde. Hôm nay và hôm qua, mọi thứ đều là của La Fronde, bánh trái, mũ mãng, găng, bao tay, quạt; nhưng này nghe kìa.

Quả nhiên lúc ấy một cửa sổ mở ra, một người đàn ông đứng đó và bắt đầu hát:

Một cơn gió Fronde
Nổi từ sớm tinh mơ
Chắc là nó gầm thét
Chống lại Mazarin
Một cơn gió Fronde
Nổi từ sớm tinh mơ

-Đồ lếu láo! – Gitaud lẩm bẩm.

Do bực bội vì vết thương, do chỉ muốn trả thù ăn miếng trả miếng, Comminger nói: -Thưa Đức ông, ngài có muốn tôi nã một viên đạn cho cái tên vô lại kia, để dạy cho hắn đừng có hát bậy bạ đến thế một lần nữa không?

Và anh ta đưa tay với súng ở bên yên ngựa của ông giáo chủ.

-Chớ! Chớ! – Mazarin kêu lên. – Điavôlê[160]! Anh bạn thân mến anh làm hỏng bét bây giờ, trái lại mọi việc đang tiến hành rất tuyệt. Tôi hiểu người Pháp của các anh y như tôi đã tạo ra họ, từ người đầu tiên đến người cuối cùng: họ ca hát, họ sẽ trả giá. Trong thời Liên Minh mà Gitaud nói đến lúc nãy, người ta chỉ hát kinh lễ, cho nên mọi việc rất dở. Lại đây Gitaud, lại đây và ta xem ở Tám mươi người ta có canh gác tốt như ở cửa ô Sergents không?

Giơ tay chào Comminger, ông ta đi theo d'Artagnan đang lại dẫn dầu toán lính nhỏ của mình. Gitaud và giáo chủ bám sát ngay sau d'Artagnan, rồi cuối cùng đến những kẻ còn lại trong đám tuỳ tùng.

-Đúng thật, – Comminger nhìn đoàn người xa dần và lẩm bẩm, – ta quên khuấy rằng, miễn là người ta nộp tiền, đó là tất cả những gì ông ta cần, cho riêng ông ta.

Dân chúng lại tiến vào phố Xanh Ônorê bằng cách luôn luôn chuyển dịch các đoàn, trong các đoàn ấy, người ta chỉ nói về các chi dụ trong ngày, người ta phàn nàn ông vua thơ trẻ huỷ hoại nhân dân mình như thế mà không biết, người ta đổ tất cả mọi tội lên đầu Mazarin, người ta bàn kêu với quận công d'Orléans và ngài Hoàng thân, người ta ca tụng Blancmensnil và Broussel.

D'Artagnan đi qua giữa những đoàn người ấy vô tư như thể anh và con ngựa của anh đều bằng sắt; Mazarin vâ Gitaud nói chuyện thì thầm, các lính ngự lâm cuối cùng nhận ra ông giáo chủ, lẳng lặng đi theo.

Đến phố Saint-Tauma du Louvre nơi có trạm Tám Mươi, Gitaud gọi một sĩ quan cấp dưới ra báo cáo.

-Thế nào? – Gitaud hỏi.

-A? Thưa đại uý, phía này mọi sự tốt cả, có chăng tôi thiết tưởng, có chuyện gì đó đang diễn ra trong cái dinh thự kia.

Và anh ta đưa tay trỏ một toà nhà lộng lẫy ở đúng ngay tại vị trí mà từ ấy có toà Vodovin.

-Trong cái dinh thự kia… – Gitaud nói. – Nhưng đó là dinh thự Rambouillet. [161]

Tôi không biết đó có phải là dinh thự Rambouillet không, – viên sĩ quan nói tiếp, – nhưng tôi thấy vô số người vẻ tiều tuỵ lắm đi vào đó.

-Chà! – Gitaud bật cười nói – những thi sĩ ấy.

-Này, Gitaud, – Mazarin bảo, – thôi đi, đừng có bình phẩm với một vẻ bất kính như vậy về các vị ấy? Anh không biết tôi đã là thi sĩ hồi còn thanh niên và tôi đã làm những vần thơ như loại thơ của Benxơrađơ ấy!

-Ngài ư? Thưa Đức ông.

-Phải, chính tôi, anh có muốn tôi đọc nghe không?

-Tôi không biết lắm, thưa Đức ông. Tôi không hiểu tiếng Ý.

-Ừ nhưng anh hiểu tiếng Pháp, phải không, anh bạn Gitaud tốt bụng và trung thực của tôi, – Mazarin vừa nói vừa đặt tay thân mật lên vai. Ông và người ta ra mệnh lệnh nào đó bằng thứ tiếng ấy cho anh thì anh sẽ thi hành chứ!

-Hẳn nhiên rồi, thưa Đức ông, như tôi đã từng làm, miễn là mệnh lệnh đó từ hoàng hậu ban ra.

-A phải! – Macdaranh cắn môi nói. Tôi biết là anh hoàn toàn trung thành với bà ấy.

-Tôi là chỉ huy đội ngự vệ của hoàng hậu hơn hai mươi năm nay.

-Lên đường, ông d'Artagnan, – giáo chủ nói, – phía này mọi sự tốt cả!

D'Artagnan lại dẫn đầu đoàn người, không nói một lời và với sự phục tùng thụ động tạo nên tính cách của người lính kỳ cựu.

Anh rong ruổi đến phía cồn đất Saint-Roch nơi có cái trạm thứ ba sau khi đi qua phố Richelieu và phố Vilơđô. Đó là cái trạm lẻ loi nhất vì nó gần giáp với thành luỹ và ở phía này, thành phố thưa người ở.

-Ai chỉ huy trạm này? – Giáo chủ hỏi.

-Vilơkiê – Gitaud đáp.

-Quỷ ạ! – Mazarin kêu. – Ông nói chuyện riêng với hắn thôi, ông hẳn biết chúng tôi bất hoà với nhau từ khi ông nhận trách nhiệm bắt giữ quận công de Beaufort, hắn ta tưởng vinh dự ấy thuộc về hắn với tư cách là chỉ huy ngự vệ của Đức vua.

-Tôi biết rõ, và tôi đã bảo hắn đến trăm lần rằng hắn lầm rồi, Đức vua không thể ra lệnh ấy cho hắn, vì hồi ấy, vua mới chưa đầy bốn tuổi.

-Đúng, nhưng tô1, tôi có thề ban lệnh đó cho hắn, Gitaud ạ. song tôi lại thích rằng đó là ông.

Gitaud không đáp, thúc ngựa tiến lên, tự giới thiệu với người lính gác và cho gọi ông de Vilơkiê.

Ông de Vilơkiê đi ra với giọng bực bội khó chịu đã thành thói quen, ông nói: -A? Ông đấy à, Gitaud! Ông đến đây làm quái gì thế?

-Tôi đến hỏi xem có chuyện gì mới ở phía này không?

-Thế ông muốn có chuyện gì nào? Người ta hô: "Đức vua muôn năm" và "Đả đảo Mazarin!" đó không phải là chuyện mới à? Thời gian gần đây, chúng tôi quen với những tiếng hô ấy.

-Và các ông phụ hoạ chứ gì? – Gitaud đáp.

-Thực tình đôi khi tôi rất thèm? Tôi thấy họ rất đúng, Gitaud ạ.

Tôi sẵn sàng cho đi năm năm tiền lương của tôi, không nhận lương để Đức vua tăng thêm năm tuổi.

-Thật chứ, và nếu nhà vua thêm năm tuổi thì sẽ có chuyện gì xảy ra.

-Nếu Đức vua thành niên, Đức vua sẽ tự mình ban mệnh lệnh và tuân theo cháu trai của Henri IV ắt là thú vị hơn con trai của Pietro Mazarin. Vì Đức vua, mẹ kiếp, tôi vui lòng xả thân, còn nếu vì Mazarin mà tôi bị giết giống như cháu trai ông suýt bị hôm nay ấy, thì chẳng có thiên đường nào, dù tôi có được đặt đàng hoàng vào đấy lại có thể an ủi được tôi bao giờ.

-Được rồi. được rồi, ông Vilơkiê – Mazarin – Cứ yên tâm, tôi sẽ báo cáo về lòng trung thành của ông lên Đức vua.

Rồi quay lại đám tuỳ tùng, ông bảo: -Đi thôi các anh, mọi việc tốt cả, ta trở về.

-Này. – Vilơkiê hỏi, – Mazarin ở kia ư? Càng hay, đã từ lâu tôi có ý muốn nói thẳng trước mặt ông điều mà tôi nghĩ về ông ta, Gitaud, ông đã tạo cho tôi cơ hội

ấy, và mặc dù ý định của ông có thể không phải là những ý định tốt nhất đối với tôi, tôi cũng xin cảm ơn ông.

Và ông quay gót trở lại đơn vị canh gác, miệng hát một điệu hát Fronde. Trong khi đó Mazarin quay về đăm chiêu tư lự, điều mà ông đã liên tiếp nghe qua Comminger, Gitaud, và Vilơkie càng khiến ông tin chắc vào điều suy nghĩ là trong trường hợp những biến cố quan trọng ông sẽ chẳng còn ai vì mình ngoài hoàng hậu, mà hoàng hậu thì thường bỏ rơi bạn bè, nên sự nâng đỡ của hoàng hậu đối với ông tể tướng đôi khi dường như chẳng chắc chắn gì và rất bấp bênh, mặc dầu ông đã có những cách đề phòng.

Suốt thời gian trong chuyến đi ban đêm ấy, tức là quãng gần tiếng đồng hồ. Ông giáo chủ vừa lần lượt nghiên cứu Comminger, Gitaud và Vilơkiê, vừa xem xét mọi người. Con người ấy tỏ ra thản nhiên trước sự hăm doạ của dân chúng và trước những lời bông đùa mà Mazarin buông ra, người ấy không hề cau mày cũng như trước những lời đùa bỡn mà anh ta là đối tượng, ông thấy đó dường như một người ngoại lệ và được tôi luyện để ứng phó với những biến cố thuộc loại những biến cố trong đó người ta đang có mặt, nhất là những biến cố mà trong đó người ta sắp có mặt.

Vả chăng cái tên d'Artagnan ấy đối với ông hoàn toàn xa lạ, và mặc dầu Mazarin mới đến nước Pháp vào khoảng năm 1634 và 1635; tức là bảy hoặc tám năm sau những biến cố mà chúng tôi đã kể trong một thiên truyện trước, ông giáo chủ thấy hình như một trường hợp nào đó mà nay ông không nhớ rõ, ông đã nghe thốt ra cái tên giống như tên một con người nổi bật lên như một tấm gương về dũng cảm, khôn khéo và tận tuỵ.

Ý nghĩ ấy xâm chiếm đầu óc ông mạnh đến nỗi ông quyết định làm sáng tỏ ngay không chậm trễ; nhưng những điều cần tìm hiểu về d'Artagnan không thể hỏi thẳng ngay anh ta được. Qua, vài tiếng thốt ra từ miệng viên trung uý ngự lâm quân, ông giáo chủ nhận ra ngay nguồn gốc Gascogne, mà người Ý và người Gascogne thì hiểu biết nhau quá rõ và giống nhau quá đỗi nên không thể tin cậy lẫn nhau về những điều mà họ tự nói về bản thân mình. Cho nên, khi đến dãy tường rào của Hoàng cung, giáo chủ gõ vào một cái cửa nhỏ gần đó nay là quán cà-phê De Foa, và sau khi cảm ơn d'Artagnan và đặn anh đợi ở trong sân Hoàng cung, ông ra hiệu cho Gitaud đi theo ông. Cả hai người xuống ngựa, trao dây cương, cho tên hầu đã mở cửa và biến vào trong vườn.

Ông Giáo chủ vịn vào cánh tay viên đại uý ngự vệ già và nói: -Ông Gitaud thân mến ơi, lúc nãy ông có nói với tôi là ông đã phục vụ hoàng hậu ngót hai mươi năm nay rồi phải không?

-Vâng, đó là sự thật, – Gitaud đáp.

-Này, Gitaud thân mến ơi, – giáo chủ tiếp, – tôi nhận xét thấy ngoài tinh thần quả cảm của ông không còn phải tranh cãi và lòng trung thành của ông đã qua

mọi thử thách, ông còn có một trí nhớ tuyệt diệu.

-Đức ông nhận xét như vậy ư? – Viên đại uý, ngự vệ nói, – Quỷ ạ! Thật là rủi cho tôi.

-Thế là thế nào?

-Chắc hẳn một trong những phẩm chất hàng đầu của người cận thần là biết quên đi.

-Như ông Gitaud, ông không phải cận thần. Ông là một người lính trung thực, một trong những đại uý nọ, như hãy còn sót lại vài người của thời vua Henri IV nhưng buồn thay rồi chẳng mấy chốc sẽ chẳng còn lại người nào cả.

-Kỳ thật! Phải chăng Đức ông bảo tôi đến để xem số tử vi cho tôi?

-Không đâu, – Mazarin cười nói, – tôi bảo ông đến để xem ông có chú ý đến ông trung uý ngự lâm quân không?

-Ông d'Artagnan ấy à?

-Phải.

-Tôi chẳng cần phải chú ý, thưa Đức ông – tôi biết ông ta từ lâu.

-Vậy là người thế nào?

-Ờ? – Gitaud ngạc nhiên vể câu hỏi. – Đó là một người Gascogne chứ sao!

-Phải, tôi biết điều đó, nhưng tôi muốn hỏi xem đó có phải là một người mà có thể tin cậy dược không?

Ông de Treville rất quý trọng ông ta, mà ông de Treville, ngài biết đấy, thuộc những người bạn lớn của hoàng hậu.

-Tôi muốn biết xem đó có phải là một người đã từng chứng tỏ giá trị và tài năng của mình chưa?

-Nếu theo ngài hiểu như một quân nhân dũng cảm, tôi thiết tưởng có thể trả lời đúng như vậy. Tại cuộc bao vây thành La Rochelle ở đèo Xuydơ, ở Pecpinhăng, tôi nghe nói ông ta đã hoàn thành quá cả nhiệm vụ của mình kia đấy.

-Nhưng Gitaud, ông biết đấy, những tể tướng khốn khổ như chúng tôi, thường thường còn cần cả những người khác những người dũng cảm kia. Chúng tôi cần những người khôn khéo. Ông d'Artagnan dưới thời giáo chủ Richelieu chẳng đã dính líu vào một chuyện mưu mô nào đó chăng mà dư luận chung mong muốn rằng ông ta hãy rút ra một cách thật khéo léo.

-Thưa Đức ông! – Gitaud thấy rõ là giáo chủ muốn làm cho ông phải phun ra, bèn đáp – Tôi buộc phải thưa với Các hạ rằng tôi chi biết điều mà dư luận chung có thể mách đến Các hạ. Riêng tôi không bao giờ dây vào những chuyện mưu mô, mà nếu như thỉnh thoảng tôi có nghe đôi điều tâm sự về những âm mưu của những người khác thì do điều bí mật không phải là của tôi, Đức ông sẽ cho là phải khi tôi giữ gìn điều bí mật ấy cho những ai đã gửi gắm vào tôi.

Mazarin lắc đầu và nói: -A! Tôi cam đoan là có những vị tể tướng thật là hạnh phúc, họ biết tất cả những gì họ muốn biết.

-Thưa Đức ông. – Gitaud nói tiếp, – Ấy vì những vị đó không đem cân tất cả mọi người vào cùng một bị và họ biết gõ vào những người chinh chiến về chuyện chiến tranh và gõ vào những người mưu mô về chuyện âm mưu. Ngài hãy tìm hỏi mọi người mưu toan nào đó ở cái thời kỳ ngài nói đến vả ngài sẽ moi được ở họ cái mà ngài muốn, tất nhiên là phải trả tiền.

-Ồ! Mẹ kiếp!- Mazarin thốt lên và chợt nhăn nhó, cái nhăn nhó thương bật ra khi người ta đụng với ông đến vấn đề tiền bạc theo cái nghĩa mà Gitaud vừa nói. – Người ta sẽ trả tiền… nếu như, không có cách nào khác.

-Có thật đúng là Đức ông yêu cầu tôi chỉ cho một người đã từng dây vào những chuyện mưu mô trong thời kỳ ấy không?

-Per Bacco! – Mazarin bắt đầu suốt ruột kêu lên. – Dễ đến một tiếng đồng hồ rồi, tôi có hỏi ông điều gì khác đâu, rõ cứng đầu, cứng cổ.

-Có một người mà tôi có thể đảm bảo với ngài về phương diện đó tất nhiên nếu ông ta muốn nói.

-Đó là việc của tôi.

-A, thưa Đức ông, không phải bao giờ cũng dễ dàng bắt những người không muốn nói phải nói.

-Chà! Cứ kiên nhẫn là sẽ đạt. Này, thế cái người ấy là…

-Bá tước de Rochefort…

-Bá tước de Rochefort?

-Rủi thay ông ta đã biến mất từ bốn năm năm rồi và tôi không biết ông ta bây giờ ra sao.

-Tôi thì tôi biết đấy, Gitaud ạ, – Mazarin nói.

-Thế ban nãy sao Các hạ còn than vãn và kêu không biết gì hết?

-Và, – Mazarin nói tiếp, – Ông tưởng rằng ông Rochefort…

-Đó là kẻ một lòng một dạ theo ngài giáo chủ đấy, nhưng tôi xin báo trước Đức ông là ngài sẽ phải trả giá đắt về điều đó, ngài giáo chủ xưa rất hào phỏng với các bộ hạ của mình.

-Phải rồi, phải rồi, Gitaud ạ, – Mazazin nói. – đấy là một con người vĩ đại, nhưng ông ta có cái thiếu sót đó. Cảm ơn Gitaud, tôi sẽ lợi dụng lời khuyên bảo của ông, ngay tối nay.

Do lúc ấy hai người đối thoại đi tới sân Hoàng cung, giáo chủ giơ tay ra hiệu chào Gitau và chợt thấy một viên sĩ quan đang đi đi lại lại ông tiến đến gần người ấy.

Đó là d'Artagnan đợi giáo chủ trở lại như giáo chủ đã ra lệnh.

-Lại đây, ông d'Artagnan, – Mazarin nói, với giọng dịu dàng uyển chuyển nhất của mình, – tôi có một mệnh lệnh trao cho ông.

D'Artagnan nghiêng mình, đi theo giáo chủ theo lối cầu thang bí mật và một lát sau đã trở lại chỗ văn phòng, nơi anh đã ra đi. Giáo chủ ngồi trước bàn giấy

và lấy một tờ giấy viết lên đó mấy dòng.

D'Artagnan đứng yên, thản nhiên chờ đợi, không suốt ruột cũng không tò mò; anh đã trở thành một người lính bằng máy hành động hay nói đúng hơn là tuân theo bằng lò xo.

Giáo chủ gấp thư và niêm phong, rồi bảo: -Ông d'Artagnan, ông mang bức công văn này đến ngục Bastille và dẫn về vài người ghi tên trong đó; ông lấy xe ngựa, một toán áp tải và canh giữ người tù cho cẩn mật.

D'Artagnan cầm phong thư, đưa tay lên mũ chào, xoay mình trên gót chân như viên đội huấn luyện khéo léo nhất có thể làm được, đi ra và một lát sau, người ta nghe thấy anh ra lệnh, giọng ngắn gọn, đều đều: -Bốn ngươl hộ tống, một cỗ xe, con ngựa của tôi.

Năm phút. sau, tiếng bánh xe và móng ngựa vang lên trên nền sân.

§3. Hai kẻ thù cũ

D'Artagnan đến ngục Bastille thì chuông đồng hồ vang lên tám rưỡi. Anh cho báo với viên quản ngục, khi ông này biết anh do quan tể tướng phái đến cùng với một tờ lệnh bèn ra đón anh tại bậc thềm.

Viên quản ngục Bastille ở lúc bấy giờ là Du Tremblay, em của thầy tu nổi tiếng Josep, người sủng thần khủng khiếp của de Richelieu mà thiên hạ gọi là Các hạ xám.[162]

Khi thống chế de Batxompie bị giam ở ngục Bastille và đã ở đó mười hai năm ròng, các bạn tù của ông trong những giấc mơ được tự do đã nói với nhau: Tôi, tôi sẽ ra tù thời kỳ này, và tôi, tôi sẽ thời kỳ nọ, thì Batxompie đáp: Còn tôi thưa quý vị, tôi sẽ ra khi nào ông Duy Tremblay ra. Điều đó có nghĩa là khi tể tướng de Richelieu chết, ông Du Tremblay không thể không bị mất ghế ở ngục Bastille và tất nhiên Batxompie sẽ chiếm lại ghế của mình ở triều đình.

Điều tiên đoán ấy quả nhiên suýt nữa thì trở thành hiện thực, nhưng khác với điều Batxompie suy nghĩ, vì khi tể tướng Richelieu chết trái với mọi sự chờ đợi mọi việc vẫn tiếp tục tiến hành như trước kia: Du Tremblay chẳng ra, và Batxompie suýt nữa thì cũng không ra khỏi nhà tù.

Như vậy là du Tremblay vẫn là quản ngục Bastille khi d'Artagnan đến đấy thi hành lệnh của tể tướng, ông ta tiếp anh một cách rất lịch sự, và nhân sắp ngồi vào bàn ăn, ông ta mời d'Artagnan cùng dủng bữa tối với ông.

-Tôi sẽ rất vui lòng, – D'Artagnan nói, – nhưng nếu tôi không lầm, ngoài phong bì của bức thư có ghi chữ: "Thượng khẩn".

-Đúng thật! – Du Tremblay, nói. – Ơ này thiếu tá, đưa tên tù số 256 xuống đây.

Khi bước vào ngục Bastille, người ta chấm dứt là một con người và trở thành một con số.

D'Artagnan rùng mình khi nghe khoá loảng xoảng, nên anh ngồi yên trên mình ngựa mà chẳng xuống, nhìn những song sắt, những cửa sổ gia cố, những bức tường đồ sộ mà anh chi mới trông thấy ở bên kia đường hào, và chúng đã khiến anh sợ hết vía cách đây chừng hai mươi năm.

Một tiếng chuông vang lên.

-Tôi phải chia tay với ông thôi, – de Tremblay nói, – người ta gọi tôi đến ký lệnh thả tù nhân ra. Hẹn gặp lại nhé, ông d'Artagnan!

-Quỷ diệt ta đi nếu ta đáp lại lời chào của anh! – D'Artagnan lẩm bẩm và kèm theo lời rủa của mình bằng nụ cười duyên dáng nhất – Chi cần đứng thêm năm phút ở cái sân này là ta phát ốm. Này, này, ta thấy thà chết mục trên đống rạ,

mà chuyện đó có thể xảy ra với ta lắm, còn thích hơn là làm quản ngục Bastille và vơ vét mười nghìn livres tiền niên thu.

Anh vừa kết thúc bản độc thoại ấy thì người tù xuất hiện. Vừa trông thấy kẻ ấy, d'Artagnan tỏ ra kinh ngạc, nhưng vội kiềm chế ngay. Người tù bước lên xe chẳng tỏ ra đã nhận biết d'Artagnan.

-Này các ông, – D'Artagnan nói với bốn người lính ngự lâm, – người ta đã dặn tôi là phải canh giữ tù nhân một cách nghiêm cẩn nhất, do không có khoá ở các cửa xe, tôi sẽ lên ngồi cạnh hắn ta. Ông Lilơbon làm ơn dắt con ngựa của tôi theo.

-Xin sẵn sàng, thưa trung uý, – người lính đáp.

D'Artagnan xuống ngựa, đưa dây cương cho người lính ngự lâm, trèo lên xe và với giọng không hề để lộ một chút xúc động nào, anh bảo: -Đến Hoàng cung nhanh lên.

Xe vừa chạy, d'Artagnan lợi dụng bóng tối dưới vòm cây mà xe đi qua, bá lấy người tù và bảo: -Rochefort! Anh đấy à! Đúng là anh chứ! Tôi không lầm.

-D'Artagnan! – Đến lượt Rochefort ngạc nhiên reo lên.

-Ôi! Anh bạn khốn khổ của tôi! – D'Artagnan nói tiếp. – Không gặp lại anh từ bốn năm năm nay, tôi cứ tưởng anh chết rồi cơ đấy.

-Thực tình, – Rochefort nói, – tôi cũng nghĩ chẳng có gì khác nhau lắm, giữa một người chết và một người bị chôn vùi, hoặc cũng gần như thế.

-Thế vì tội gì mà anh vào ngục Bastille?

-Anh có muốn tôi nói sự thật không?

-Có

-Này nhé! Tôi chẳng biết vì sao cả.

-Không tin tôi ư, Rochefort?

-Không phải thế, xin lấy danh dự quý tộc mà thề! Bởi lẽ không thể nào ngồi tù vì cái lý do mà họ gán cho tôi.

-Lý do gì?

-Kẻ trộm đêm.

-Anh, kẻ trộm đêm! Rochefort, auh đùa đấy à?

-Tôi hiểu. Chuyện này cần được giải thích phải không?

-Đúng vậy.

-Này nhé! Chuyện xảy ra như thế này. Một buổi tối, sau một bữa chè chén ở nhà Rêna tại cung Tuileries, cùng với quận công d'Harcourt, Fontrailles – de Rieux và những người khác nữa, quận công d'Harcourt đề xuất đi chơi trò kẻo áo choàng ở trên Cầu Môi. Anh biết đấy, đó là một trò chơi rất thịnh hành do quận công d'Orléans đặt ra.

-Anh điên hay sao, Rochefort! Ở cái tuổi anh!

-Không, lúc ấy tôi say, tuy nhiên thấy cái trò ấy dở, tôi bàn với hiệp sĩ de Rieux chỉ nên là khán giả chứ không là diễn viên và để xem được cảnh từ những lô hạng nhất, ta trèo lên con ngựa bằng đồng đen. Nói là làm luôn. Nhờ những đinh thúc ngựa dùng làm bậc leo, một lát sau chúng tôi ngồi vắt vẻo trên mông ngựa; chúng tôi khoan khoải lắm và xem say sưa. Đã có bốn năm áo choàng bị lột đi bằng sự khéo lẻo vô song và chẳng một người nào bị lột áo dám nói một lời thì không biết một tên ngu xuẩn nào đó không kiên tâm chịu đựng bằng những người khác, bỗng kêu lên: "Ối, cảnh giới" và thu hút ngay một đội cảnh sát tuần tra. Quận công d'Harcourt, Fontrailles và mấy người khác bỏ chạy, de Rieux cũng muốn làm theo. Tôi giữ ông ta lại và bảo rằng người ta chẳng tìm mình ở đây đâu. Ông ta không nghe, đặt chân lên định thúc ngựa, để xuống, cái đinh gãy, ông ta ngã gãy một chân và đáng lẽ im đi thì ông lại kêu toáng lên như một tên sắp bị treo cổ. Tôi định nhảy xuống theo, nhưng muộn quá rồi: tôi nhảy vào tay bọn cảnh sát, họ dẫn tôi đến đồn Châtelet). Tôi yên trí ngủ một mạch, chắc chắn ngày mai sẽ ra khỏi đó. Ngày hôm sau, qua đi hôm sau nữa qua, rồi tám ngày qua đi, tôi viết thư gửi giáo chủ. Ngay ngày hôm ấy, người ta đến tìm tôi và dẫn về ngục Bastille. Tôi ở đây năm năm rồi. Anh có tin rằng đó là vì tôi đã phạm tội mạn thượng leo lên ngồi mông ngựa sau vua Henri IV không?

-Không, anh nói đúng. Rochefort thân mến ạ, không thể nào vì thế, nhưng có lẽ anh sắp hiểu vì sao.

-À phải, bởi vì chính tôi đã quên không hỏi anh điều này: anh dẫn tôi đi đâu?

-Đến quan tể tướng.

-Ông ta muốn gì tôi?

-Tôi không biết nữa, vì tôi cũng chẳng hiểu rõ là tôi phải đi tìm anh.

-Vô lý, Anh là một sủng thần mà?

-Một sủng thần, tôi ấy à? – D'Artagnan kêu lên.

-Ôi! Ông bá tước tội nghiệp của tôi! Tôi còn quá là thiếu sinh Gascogne khi tôi gặp anh ở Meung, anh thấy đấy, thấm thoắt đã hai mươi năm rồi, than ôi!

Và một tiếng thở dài rất to chấm dứt lời anh.

-Nhưng nếu đến với một mệnh lệnh! – Vì tình cờ tôi đang ở tiền sảnh, và ông tể tướng tìm gọi tôi như có thể tìm gọi một người nào khác, nhưng tôi vẫn chỉ là trung uý ngự lâm quân, và nếu tôi tính đúng thì đã ngót nghét hai mươi mốt năm rồi tôi là trung uý.

-Rốt cuộc không có tai hoạ xảy đến với anh, thế đã là nhiều rồi.

-Thế anh muốn tai hoạ gì xảy đến với tôi kia chứ? Như một câu thơ La-tinh nào đó mà tôi quên, hay nói đúng hơn chưa bao giờ tôi thuộc cả: "Sét không đánh vào những thung lũng!", tôi là một thung lũng, hơn nữa một thung lũng thấp nhất, anh Rochefort thân mến ạ.

-Vậy lão Mazarin vẫn là Mazarin à?

-Cỏn hơn bao giờ hết, bạn thân mến ạ; người ta nói ông ta lấy hoàng hậu rồi.
-Lấy rồi?
-Nếu ông ta không phải là chồng, thì chắc chắn là nhân tình bà ấy…
-Cưỡng lại một Buckingham[163] và chịu khuất phục một Mazarin?
Đàn bà thế đấy! – D'Artagnan nói triết lý.
-Đàn bà, không phải, nhưng các bà hoàng hậu.
-Trời ơi, về phương diện ấy, các hoàng hậu hai lần là đàn bà.
-Thế còn ông de Beaufort, ông ta vẫn ở trong tù à?
-Vẫn, thế thì sao?
-À vì ông ta muốn điều tốt lành cho tôi, ông ta có thể gỡ ra cho tôi.
-Có lẽ anh còn gần được tự do hơn ông ấy; như vậy chính anh sẽ gỡ cho ông ta.
-Thế thì, chiến tranh…
-Sẽ có
-Với Tây Ban Nha?
-Không, với Paris.
-Anh định nói gì?
-Anh có nghe những tiếng súng kia không?
-Có. Thì sao?
-Các thị dân đang đánh cầu dạo.
-Anh có tin rằng có thể làm nên trò trống gì với cái đám thị dân ấy không?
-Có chứ, họ có nhiều hứa hẹn đấy, và nếu như họ có một thủ lĩnh có thể tập hợp tất cả các nhóm lại làm một.
-Không được tự do cực thật.
-Ồ, lạy Chúa! Anh đừng thất vọng. Nếu Mazarin cho tìm anh, ắt là cần đến anh; và nếu ông ta cần anh thì này, tôi xin chúc mừng anh. Hàng bao nhiêu năm nay, chẳng ai còn cần đến tôi nữa; cho nên anh thấy tôi đã đến đâu rồi đó.
-Anh hãy khiếu nại đi, tôi khuyên anh đấy!
-Nghe này, Rochefort. Một thoả ước.
-Thoả ước gì?
-Anh biết rằng chúng ta là bạn tốt.
-Mẹ kiếp! Tôi vẫn còn mang những dấu tích của tình bạn chúng ta: ba nhát kiếm!…
-Này! Nếu anh lại trở thành người được ưu ái thì xin đừng quên tôi nhé!
Lời thề của Rochefort, nhưng cũng phải được đáp lại.
-Thoả thuận rồi nhé! Tai tôi đây.
-Như vậy ngay từ cơ hội đầu tiên mà anh thấy nói về tôi.
-Tôi sẽ nói về anh, còn anh?
-Tôi cũng vậy. Nhân tiện, về các bạn của anh, cũng phải nói về họ chứ?

-Bạn nào nhỉ?

-Arthos, Porthos và Aramis, anh đã quên họ rồi sao?

-Gần như thế.

-Bây giờ họ ra sao?

-Tôi không hay biết gì cả.

-Thật à?

-Ôi lạy Chúa, đúng thế. Chúng tôi từ giã nhau như anh biết đấy: họ vẫn sống; đó là tất cả điều tôi có thể nói, thỉnh thoảng tôi có nghe những tin tức, gián tiếp về họ. Nhưng họ ở chỗ nào trên thế giới này, quỷ bắt tôi đi nếu tôi biết được điều gì. Không, nói danh dự đấy! Tôi chỉ còn có anh là bạn mà thôi, Rochefort ạ.

-Còn cái vị trứ danh… anh gọi hắn là gì nhỉ, cái cậu người hầu mà tôi đã đưa làm ông đội ở trung đoàn Piêmông ấy mà.

-Planchet à?

-Phải, đúng rồi. Cái ngài Planchet trứ danh bây giờ ra sao?

-Ấy cậu ta đã lấy một ả có cửa hàng mứt kẹo ở phố Lombard cậu ta bao giờ cũng thích của ngọt mà; thành thử cậu ta trở thành thị dân Paris, rất có thể lúc này cậu ấy đang làm loạn. Rồi anh xem cái thằng vô lại ấy sẽ làm pháp quan trước khi tôi lên đại uý.

-Thôi d'Artagnan thân mến ơi, can đảm lên một chút nào! Anh đang ở chỗ thấp nhất của bánh xe và khi bánh xe quay thì nâng anh lên cao. Ngay tối nay, số phận của anh có thể sẽ thay đổi.

-Amen! – D'Artagnan vừa nói vừa dừng xe lại.

-Anh làm gì thế? – Rochefort hỏi.

-Phải làm sao để khi đến nơi người ta không trông thấy tôi ra khỏi xe anh; coi như chúng ta không quen biết nhau.

-Anh làm thế là phải. Xin từ biệt.

-Hẹn gặp lại, anh nhớ lời hứa nhé!

D'Artagnan nhảy lên ngựa và lại dẫn đầu đoàn hộ tống.

Năm phút, sau về đến sân Hoàng cung.

D'Artagnan dẫn người tù lên lối cầu thang lớn đi qua tiền sảnh và hành lang. Đến cửa phòng Mazarin; anh sắp sửa vào báo thì Rochefort đặt tay lên vai anh: -D'Artagnan này, – Rochefort mỉm cười nói, – anh có muốn nghe tôi thú nhận điều tôi đã suy nghĩ suốt dọc đường, khi thấy những đám thị dân lúc chúng ta đi qua và họ nhìn các anh – anh và bốn người của anh – với những con mắt rực lửa không?

-Nói đi, – D'Artagnan đáp.

-Ấy là tôi chỉ cần kêu cứu là đủ khiến người ta xé xác các anh ra từng mảnh, anh và toán áp giải của anh, và thế là tôi được tự do.

-Thế sao anh không làm? – D'Artagnan hỏi.

-Vớ vẩn! – Rochefort nói. – Tình bạn đã thề thốt! A, ví phỏng, một người khác, chứ không phải anh dẫn tôi đi, tôi không nói…

D'Artagnan cúi đầu.

"Liệu Rochefort có sẽ được may mắn hơn mình không!" Anh tự nhủ.

Và anh cho người vào trình báo với tể tướng.

-Cho ông de Rochefort vào! – tiếng nói sốt ruột của Mazarin vang lên ngay sau khi nghe nói đến tên hai người – À mời ông d'Artagnan hãy đợi: tôi chưa xong việc với ông ấy.

Những lời đó khiến d'Artagnan mừng rơn. Như anh đã nói, từ lâu rồi chẳng ai cần đến anh và sự khẩn khoản ấy của Mazarin đôi với anh có vẻ là một điềm tốt.

Còn với Rochefort, điều đó chẳng có tác động gì khác đối với ông, ngoài việc khiến ông càng hết sức đề phòng. Ông bước vào căn phòng và thấy Mazarin đang ngồi ở bàn, mặc bộ y phục thông thường, nghĩa là theo kiểu môngxinho; nó gần như quần áo các tu viện trưởng thời bấy giờ, chi khác là ông ta đi bít-tất dài và khoác áo choàng tím.

Cánh cửa khép lại, Rochefort liếc nhìn Mazarin và bắt gặp cái nhìn của tể tướng.

Quan tể tướng vẫn như xưa, chải chuốt, banh bao, râu tóc uốn cẩn thận, bôi nước hoa thơm nức, và nhờ đỏm dáng nên trông ông trẻ hơn tuổi nhiều. Còn về Rochefort, lại là chuyện khác, năm năm tù đày đã làm già sọm đi người bạn cao đạo của ngài Richelieu: mái tóc đen của ông đã bạc trắng, nước da rám màu đồng nhường chỗ cho một màu tái xanh xao như do bị kiệt sức. Vừa nhìn thấy ông, Mazarin lắc đầu rất nhẹ khó mà nhận thấy vẻ như muốn nói: "Kìa, một con người dường như chẳng còn làm nên trò trống gì hết …"

Sau một lát im lặng khá lâu trong thực tại, nhưng dài đến một thế kỷ đối với Rochefort, Mazarin rút từ một tập giấy tờ ra một phong thư mở, chỉ cho nhà quý tộc và nói: -Tôi tìm thấy ở đây một bức thư ông yêu cầu được tự do, ông Rochefort ạ. Thế ra ông bị ngồi tù à?

Rochefort rùng mình trước câu hỏi đô. Ông nói: -Nhưng hình như Các hạ biết rõ việc đó hơn bất kỳ ai.

-Tôi ấy à? Không đúng đâu! Ở ngục Bastille còn cả mớ tù nhân bị giam từ thời ngài Richelieu mà tôi cũng chẳng biết đến tên nữa.

-Ồ! Nhưng tôi thì lại là chuyện khác, thưa Đức ông? Và ngài biết tên tôi, vì theo chính lệnh của Các hạ mà tôi bị chuyển từ đồn chatelet đến ngục Bastille.

-Ông tưởng thế ư?

-Tôi biết chắc.

-Ồ, hình như tôi nhớ ra rồi, đúng vậy, có phải hồi ấy ông đã từ chối đi một chuyến công du sang Bruxelles cho hoàng hậu phái không?

-A, a! – Rochefort nói. – Vậy ra đó là cái nguyên nhân chính đây? Tôi tìm kiếm nó từ năm năm nay. Tôi đến là ngốc nên đã không tìm ra nó.

-Nhưng tôi không nói với ông đó là nguyên nhân vụ bắt giữ ông; ta thoả thuận với nhau, tôi hỏi ông câu này, chỉ có thế thôi: chẳng phải là ông từ chối đi Bruxelles vì hoàng hậu, trong khi ông đã bằng lòng đi đến đó vì ông cố giáo chủ.

-Thì đúng là do tôi đến đó vì cố giáo chủ mà tôi không thể trở lại đó vì hoàng hậu được. Tôi đã đến Bruxelles trong một một hoàn cảnh khủng khiếp. Đó là nhân vụ mưu phản của Sale. Tôi ở đó để rình chộp thư từ liên lạc của Sale với ông thân vương và ngay hồi ấy khi tôi bị nhận ra, suýt nữa tôi bị xé xác ra từng mảnh. Như vậy làm sao mà ngài lại muốn tôi trở lại đó? Đáng lẽ phụng sự hoàng hậu tôi sẽ làm nguy hại cho bà.

-Đấy nhé! Ông Rochefort thân mến ơi, ông hiểu rõ những ý đồ tốt nhất bị diễn giải sai đi như thế nào? Haàng hậu chỉ nhìn thấy ở sự tù chối cúa ông một sự từ chối thuần tuý và đơn giản, bà đã phải than vãn trách oán ông rất nhiều, dưới thời cố giáo chủ, ôi, Hoàng thương, Lệnh bà!

Rochefort mỉm cười khinh bỉ: -Chính vì tôi đã hết lòng phụng sự ngài giáo chủ Richelieu chống lại hoàng hậu, sau khi ngài mất, xin đức ông hiểu rằng tôi sẽ hết lòng phụng sự đức ông chống lại tất cả mọi người.

-Tôi ấy à, ông de Rochefort ơi, – Mazarin nói. – Tôi không như ngài Richelieu, ông ta muốn giành quyền tối thượng, tôi là một vị tể tướng bình thường không cần tới công bộc, khi mình đã là công bộc của hoàng hậu: Do Lệnh bà rất hay hờn giận, bà đã biết việc từ chối của ông, coi đó là một sự tuyên chiến; lại được biết ông là người ưu tú biết chừng nào, do đó càng nguy hiểm. Ông Rochefort thân mến ạ, nên bà đã ra lệnh cho tôi phải giữ ông. Đấy là nguyên nhân vì sao ông lại ở trong ngục Bastille.

-Vậy thì, thưa Đức ông – Rochefort nói, – dường như nếu vì lầm lẫn mà tôi phải vào ngục Bastille…

-Phải, phải, – Mazarin tiếp lời, – chắc mọi chuyện có thể dàn xếp ông là người hiểu biết một số việc nào đó và khi những việc đó không thông tỏ thì xúc tiến cho tốt.

-Đó là ý giáo chủ Richelieu và lòng kính phục của tôi đối với bậc sĩ nhân ấy càng tăng thêm vì điều ngài có ý muốn nói rằng đó cũng là ý của ngài.

-Đúng vậy, – Mazarin nói, – ngài giáo chủ là một người rất chính trị, đó là điều ngài hơn hẳn tôi; tôi chỉ là mội người giản dị, thật thà, đó là điều hại cho tôi, tôi có cái tính ngay thẳng thật là Pháp.

Rochefort mím chặt môi để khỏi bật cười.

-Vậy là tôi tới đích. Tôi cần những người bạn tốt, những người thủ hạ trung thành; khi tôi nói tôi cần, nghĩa là tôi muốn nói: hoàng hậu cần. Tôi làm gì cũng chỉ do mệnh lệnh của hoàng hậu- chính tôi ấy, ông nghe chứa? Không phải như

ông giáo chủ de Richelieu làm mọi thứ theo ý mình. Cho nên tôi sẽ chẳng bao giờ là một người vĩ đại như ông ấy, nhưng bù lại, tôi là một người tốt, ông Rochefort ạ, và tôi hy vọng ông sẽ thể nghiệm điều đó.

Rochefort biết cái giọng nói mượt mà ấy trong đó chốc chốc lại lướt một tiếng rít giống như tiếng rít của con rắn hổ mang.

-Thưa Đức ông, tôi sẵn sàng để tin tưởng, dầu về phần tôi, tôi có ít chứng từ về cái tính chất phác thật thà mà Đức ông nói tới.

Nhìn thấy cử chỉ của quan tể tướng định ngắt lời mình, Rochefort nói tiếp luôn: -Xin Đức ông đừng quên rằng từ năm năm nay tôi ở ngục Bastille và không có gì làm sai ý nghĩ như khi nhìn mọi vật qua những song sắt một nhà tù.

-A! Ông Rochefort, tôi đã nói với ông rằng đối với cái nhà tù của ông, tôi chẳng là cái thá gì. Hoàng hậu… cơn thịnh nộ của đàn bà và của các bà hoàng, biết làm thế nào. Nhưng cái đó sẽ qua đi như nó đến, vả sau đó không nghĩ đến nó nữa…

-Thưa Đức ông, tôi hiểu rằng hoàng hậu không nghĩ tới chuyện ấy nữa, bà đã trải qua năm năm ở Hoàng cung, giữa những hội hè và các cận thần; nhưng tôi, người đã trải qua năm năm ở ngục Bastille…

-Ôi! Lạy chúa! Ông Rochefort thân mến ơi, ông tưởng rằng Hoàng cung là một chốn vui thú lắm sao? Không đâu. Ở đấy, chúng tôi, ngay chúng tôi cũng có những nỗi lo toan, phiền lụy lớn của chúng tôi, tôi cam đoan với ông đấy. Nhưng này, thôi đừng nói đến tất cả những chuyện đó. Tôi bao giờ cũng vậy, tôi cứ hay nói trắng ra. Thế nào, ông có phải là người của chúng tôi không, ông Rochefort?

-Thưa Đức ông, ngài cần hiểu rằng, tôi không đòi hỏi gì hơn, nhưng tôi không còn hiểu biết tình hình gì hết. Ở ngục Bastille, người ta chỉ nói chuyện chính trị với các binh lính và cai ngục và chắc ngài cũng không biết rằng những loại người ấy thật mù mờ về những chuyện xảy ra. Tôi bao giờ cũng theo ông de Batxompie. Ông ta vẫn là một trong số mười bảy vị đại thần chứ?

-Ông ta chết rồi, ông ạ, và đó là một tổn thất lớn.

Đó là một con người thật tận tuỵ với hoàng hậu, mả những người tận tuỵ thật là hiếm.

-Mẹ kiếp, tôi tin lắm. – Rochefort nói – Khi ngài có những người như thế, ngài đưa họ vào ngục Bastille.

-Nhưng hơn nữa – Mazarin nói, – cái gì chứng tỏ lòng tận tụy?

-Hành động – Rochefort nói.

-À phải. Hành động! – Quan tể tướng nói, vẻ suy nghĩ – Nhưng tìm đâu những người hành động?

Rochefort gật đầu: -Những người ấy chẳng bao giờ thiếu đâu, thưa Đức ông, có điều ngài kiếm dở đấy thôi.

-Tôi tìm kiếm dở? Ông định nói gì thế. Ông Rochefort thân mến, hãy chỉ dẫn cho tôi. Ông hẳn phải học được rất nhiều trong mối thân tình với Đức cố giáo chủ. A! Đó là một người thật vĩ đại.

-Đức ông liệu có tức giận không, nếu tôi nói với ngài những điều đạo lý?

-Tôi ấy à, không bao giờ. Ông biết đấy, người ta có thể nói mọi điều với tôi. Tôi tìm cách làm cho người ta yêu mên tôi, chứ không phải sợ hãi tôi.

-Này nhé! Thưa Đức ông, trong ngục tối giam tôi có một câu ngạn ngữ viết lên tường bằng đầu đinh.

-Câu gì? – Mazarin hỏi.

-Thưa Đức ông, thế này này: chủ nào…

-Tôi biết rồi: tớ ấy…

-Không, môn hạ ấy. Đó là thay đổi nhỏ mà những người tận tuỵ ngài vừa nói tới ban nãy đã đưa vào để thoả mãn ý riêng của họ.

-Thế câu ngạn ngữ ấy là gì?

-Nghĩa là ông de Richelieu đã khéo biết tìm ra những người môn hạ tận tụy và có tới hàng tá!

-Ông ta, mục tiêu của tất cả những lưỡi dao găm! Ông ta, người đã suốt đời tránh đỡ tất cả những đòn người ta đánh.

-Nhưng ông ta, cuối cùng, đã đỡ được hết, và mặc dầu những đòn đó đánh rất dữ tợn. Chính vì nếu như ông ta có những kẻ thù thật sự thì ông cũng có những người bạn thật sự.

-Ấy, đó là tất cả những gì tôi yêu cầu! – Tôi biết có những người, – Rochefort nghĩ đã đến lúc thực hiện lời hứa với d'Artagnan, bèn nói tiếp, – tôi có biêt những người, do sự khôn khéo của họ đã hàng trăm lần làm cho sức thông tuệ của ngài giáo chủ Richelieu cũng bị sai lạc; do lòng dũng cảm của họ đã đánh bại những vệ sĩ và bọn do thám của ngài, những người không tiền của, không nơi nương tựa, không uy tín, đã giữ gìn vương vị cho một đế vương và đến xin ngài giâo chủ dung thứ.

Mazarin cười thầm về việc Rochefort đang đi đến chỗ mà ông muốn dẫn dắt đến, và nói: -Nhưng những người mà ông đang nói đến ấy, họ không tận tuy với ngài giáo chủ vì họ chống lại ngài.

-Không, vì lẽ ra họ phải được hậu đãi hơn, song họ có điều bất hạnh là đã tận tuy với chính bà hoàng hậu mà lúc nãy ngài tìm kiếm những thủ hạ cho bà ấy đấy.

-Ấy! Nhưng sao ông lại có thể thông tỏ mọi chuyện.

Tôi biết rõ những chuyện ấy, vì những người đó là kẻ thù của tôi ở thời kỳ đó; vì họ chống lại tôi; vì tôi đã gây ra cho họ mọi tai hoạ mà tôi có thể làm được và ngược lại, họ cũng ra sức trả miếng tôi như thế; vì một người trong bọn họ mà tôi đặc biệt va chạm nhiều nhất, đã cho tôi một nhát kiếm cách đây cũng gần bảy

năm rồi đấy, đó là nhát kiếm thứ ba do cùng một bàn tay đã đâm tôi… sự kết thúc của một khoản thanh toán cũ.

-A! – Mazarin thốt lên với vẻ chất phác tuyệt vời – Giá tôi biết được những con người như vậy?

-Thưa Đức ông, ngài có một người như thế ở ngay cửa ngài từ hơn sáu năm nay và từ sáu năm nay ngài coi là chẳng sử dụng được vào việc gì.

-Ai vậy?

-Ông d'Artagnan.

-Cái tên Gascon ấy à? – Mazarin kêu lên với một vẻ ngạc nhiên vờ vĩnh rất giỏi.

-Cái tên Gascon ấy đã cứu một hoàng hậu, và nhắn lại với ngài de Richelieu rằng về mặt khôn ngoan, khéo léo và chính trị, hắn chỉ là một đứa học trò.

-Thật vậy ư?

-Xin lấy danh dự mà nói với các hạ.

-Hãy kể cho tôi nghe chuyện ấy một chút, ông Rochefort thân mến.

-Kể cũng rất khó đấy, thưa Đức ông, – nhà quý tộc mỉm cười nói.

-Vậy thì tự hắn ta sẽ kể cho tôi chăng?

-Tôi không chắc vậy, thưa Đức ông.

-Tại sao vậy?

-Vì điều bí mật không phải là ông ta, nhưng tôi đã thưa với ngài, đó là bí mật của một bà hoàng hậu vĩ đại.

-Và anh ta chỉ có một mình để thực hiện một mưu sự dường ấy sao?

-Không, thưa Đức ông, anh ta có ba người bạn thân, ba con người dũng cảm giúp sức, những người dũng cảm như ngài tìm kiếm lúc nãy.

-Và bốn người ấy hợp nhất lại, đúng không?

-Cứ như thể bốn người ấy chỉ là một, cứ như thể bốn trái tim đập trong cùng một lồng ngực, cho nên với cả bốn người, họ làm gì chẳng được…

-Ông Rochefort thân mến ơi, quả thực ông đã chọc tính hiếu kỳ của tôi tới mức khôn tả. Ông không thể kể lại tôi nghe câu chuyện đó sao?

-Không, nhưng tôi có thể nói với ngài một chuyện cổ tích, một chuyện thần tiên thật sự, tôi xin cam đoan như vậy, thưa Đức ông.

-Ồ! Nói đi, ông Rochefort, tôi rất thích những chuyện cổ tích.

-Đức ông muốn vậy chứ? – Rochefort nói và cố thử khám phá xem trên bộ mặt tinh ma quỷ quyệt ấy có để lộ một ý đồ gì không.

-Phải.

-Vậy xin ngài nghe đây! Ngày xưa có một hoàng hậu…, mà một hoàng hậu rất quyền thế, hoàng hậu của một trong những vương quốc lớn nhất thế giới. Một quan đại tể tướng muốn làm nhiều điều ác với hoàng hậu vì trước kia đã muốn làm nhiều điều thiện cho bà.

Đức ông đừng vội đoán, ngài sẽ chẳng đoán được lả ai đâu. Mọi chuyện đã xảy ra trước đây rất lâu, trước khi ngài đến vương quốc nơi bà hoàng hậu ngự trị. Rồi có một vị đại sứ đến triều đình, một vị đại sứ dũng cảm thật giàu có và thật phong nhã đến nỗi tất cả phụ nữ đều chết mê chết mệt, và ngay cả hoàng hậu, có lẽ để kỷ niệm cách ông ta giải quyết các công việc Nhà nước thế nào đấy, bà đã khinh suất trao tặng ông một vật trang sức nảo đó rất đặc biệt, đến nỗi nó không thể nào thay thế được. Do vật trang sức ấy của vua ban, quan tể tướng đó xui ngài buộc bà hoàng phải dùng vật trang sức đó trong bộ trang phục của bà tại buổi dạ hội sắp tới. Chẳng cần phải nói với Đức ông rằng quan tể tướng biết chính xác đồ trang sức ấy đã đi theo vị đại sứ về một nơi xa tít bên kia biển cả. Bà hoàng hậu vĩ đại thấy nguy rồi? Giống như người nữ tỳ cuối cùng của bà, vì bà rơi xuống từ trên cao chót đỉnh của tất cá nỗi quang vinh quyền thế của bà.

-Thế à! – Mazarin nói.

-Thế rồi, thưa Đức ông, bốn người đàn ông quyết chí cứu bà. Bốn người ấy chẳng phải công hầu, chẳng phải những người quyền thế, cũng chẳng phải những người giàu có, đó chỉ là bốn người lính có lòng nhiệt thành, cánh tay vững chắc, lưỡi kiếm sắc bén. Họ ra đi. Quan tể tướng biết rõ họ lên đường và đã cắt đặt người ở dọc đường để ngăn cản họ tới đích. Ba người trong bọn họ bị rất nhiều kẻ công kích loại khỏi vòng chiến đấu, chỉ mỗi một người tới bến cảng, giết hoặc làm bị thương những kẻ muốn chặn bắt anh ta, vượt biển và mang trở về đồ trang sức cho bà hoàng hậu vĩ đại bà đã có thể đính vào vai áo đúng ngày đã ấn định, điều ấy suýt làm cho ông tể tướng phát điên. Thưa Đức ông, ngài nghĩ thế nào về mẩu chuyện ấy?

-Thật là tuyệt! – Mazarin mơ màng nói.

-Thưa ngài, tôi biết mười chuyện như vậy.

Mazarin không nói gì nữa – ông nghĩ ngợi.

Năm, sáu phút trôi qua.

-Thưa Đức ông, ngài không có gì hỏi tôi nữa chứ? – Rochefort nói.

-Có và d'Artagnan là một trong bốn người đó phải không?

-Chính anh ta đã chỉ huy toàn bộ vụ ấy.

-Thế mấy người kia là những ai?

-Xin Đức ông cho phép tôi dành cho ông d'Artagnan được lộ trình với ngài tên những người ấy. Đấy là bạn bè của ông ta chứ không phải của tôi; chỉ riêng ông ta có thể có một ảnh hưởng nào đó đối với họ, và tôi cũng không biết nhưng tên thật của họ.

Ông không tin ở tôi, ông Rochefort. Này, tôi muốn thẳng thắn đến cùng; tôi cần đến ông, đến anh ta và đến tất cả.

-Xin Đức ông bắt đầu từ tôi, vì ngài đã cho tìm tôi và bây giờ tôi có dây, rồi ngài chuyển sang họ. Xin ngài đừng lạ về tính tò mò của tôi, khi một người đã

ngồi tù năm năm, anh ta chẳng hề bực bội vì biết người ta sẽ đưa mình đi đâu.

-Ông Rochefort thân mến, ông sẽ có vị trí tin cậy, ông sẽ đến Vincennes nơi giam giữ ông de Beaufort; ông sẽ kèm giữ chặt ông ấy cho tôi. Ơ kìa? Ông làm sao thế?

-Tôi thấy ngài bắt tôi phải làm điều không thể làm được, – Rochefort lắc đầu nói, vẻ thất vọng.

-Thế nào, một điều không thể làm được! Mà tại sao điều đó lại không thể làm được?

-Vì ông de Beaufort là bạn của tôi, hay đúng hơn, tôi là một trong những người của ông ấy. Đức ông đã quên rằng chính ông ấy đã bảo đảm cho tôi trước hoàng hậu hay sao?

-Từ hồi ấy ông de Beaufort là kẻ thù của quốc gia.

-Vâng, thưa Đức ông, điều đó có thể, song vì tôi không phải vua, không phải hoàng hậu, cũng chăng phải tể tướng, ông ta không phải là kẻ thù của tôi và tôi không thể nào nhận việc mà ngài ban cho tôi.

-Đấy là cái mà ông gọi là tận tuỵ trung thành. Tôi khen ngợi ông đấy. Lòng trung thành của ông không ràng buộc ông quá, ông Rochefort ạ.

-Với lại thưa Đức ông, – Rochefort nói tiếp, – ngài nên hiểu cho rằng ra khỏi Bastille để lại vào Vincennes, thế chỉ là thay đổi nhà tù.

-Hãy nói ngay rằng ông thuộc phái ông Beaufort có phải là thẳng thắn không.

-Thưa Đức ông, tôi bị giam cầm lâu đến nỗi tôi chỉ thuộc có một phái: đó là phái ngoài trời thoáng đãng. Xin hãy dùng tôi vào mọi việc khác, phái tôi đi đâu đấy làm cho tôi bận rộn luôn, nhưng nếu có thể, trên những con đường cái.

-Ông Rochefort thân mến, – Mazarin nói, vẻ giễu cợt, – lòng hăng hái của ông đã lôi cuốn ông; ông tưởng vẫn còn trai trẻ, vì con tim thì vẫn còn trẻ đấy, nhưng lực đã kiệt rồi, ông ạ. Vậy hãy tin ở tôi; điều cần cho ông bây giờ, đó là nghỉ ngơi. Ơ này, có người nào đấy không…

-Thế Đức ông không quyết định gì về tôi sao?

-Trái lại, tôi đã quyết.

Bernouin vào.

-Gọi một môn lại đến, – Ông bảo, và nói thêm rất khẽ, – hãy ở bên tôi.

Một môn lại vào. Mazarin viết mấy chữ đưa cho người đó, rồi gật đầu chào.

-Từ biệt ông de Rochefort, – Ông nói.

Rochefort cung kính cúi mình và nói: -Thưa Đức ông, tôi biết người ta sẽ đưa tôi trở lại Bastille.

-Ông thông minh đấy.

-Tôi trở lại đó, thưa Đức ông; nhưng tôi xin nhắc lại rằng, ngài đã sai lầm không biết dùng tôi.

-Dùng ông, bạn của những kẻ thù của tôi?

-Biết làm thế nào! Phải biến tôi thành kẻ thù của những kẻ thù của ngài chứ?

-Ông tưởng chỉ có một mình ông thôi ư, ông de Rochefort? Hãy tin tôi, tôi sẽ tìm được những người rất đáng với ông.

-Xin chúc ngài được như vậy.

-Được lắm. Thôi, thôi! Này, đừng có viết nhiều cho tôi nữa, vô ích, ông Rochefort ạ, các thư từ của ông sẽ là những bức thư thất lạc.

"Mình thật là cốc mò cho cò xơi", – Rochefort vừa lui ra vừa lẩm bẩm, và nếu d'Artagnan không hài lòng với ta khi lát nữa ta kể cho hắn nghe những điều ta tán dương hắn, thì hắn khó tính đấy. Nhưng người ta dẫn mình đi chỗ quái quỷ nào thế này?

Quả thật, người ta dẫn Rochefort theo lối cầu thang nhỏ, chứ không đưa đi qua tiền sảnh nơi d'Artagnan đang chờ. Ra đến sân, ông thấy cỗ xe với bốn ngựa hộ tống còn người bạn thì tìm uổng công.

-A, a! – Rochefort tự nhủ thầm! – Kìa, mọi sự thay đổi ghê gớm!

Và nếu như trong các đường phố lúc nào cũng có đông đảo dám bình dân như vậy thì, nào! Chúng ta hay cố gắng chứng minh cho Mazarin rằng chúng ta vẫn còn thích hợp cho một công việc khác, ơn Chúa, hơn là canh giữ một người tù!

Và ông nhảy lên cỗ xe cũng nhẹ nhàng như thể ông mới có hai mươi lăm tuổi.

§4. Anne d'Autriche[164] ở tuổi bốn mươi sáu

Còn lại một mình Bernouin, Mazarin ngồi tư lự một lát; ông ta biết rất nhiều song lại biết chưa đủ.

Madarann là kẻ cờ gian bạc lận; đó là một chi tiết mà Briênnơ đã giữ lại cho chúng ta: ông gọi là giành lợi thế cho mình.

Mazarin quyết định chỉ bắt đầu canh bạc với d'Artagnan khi ông ta đã biết rõ mọi con bài của đối phương.

-Đức ông không ban lệnh gì à? – Bernouin hỏi.

-Có chứ, – Mazarin đáp, – soi đèn cho tôi, tôi đến chỗ hoàng hậu.

Bernouin lấy một cây nến và đi trước.

Có một lối thông bí mật từ chỗ ở và chỗ làm việc của Mazarin đến các căn buồng của hoàng hậu; chính qua cái hành lang ấy mà ngài giáo chủ đến với Anne d'Autriche bất cứ giờ nào.

Khi đến phòng ngủ, mà lối đi ấy dẫn tới, Bernouin gặp bà Beauvais.

Bà Beauvais và Bernouin là những kẻ tâm phúc mật thiết của những mối tình quá lứa ấy. Bà Beauvais đi báo tin giáo chủ đến với Anne d'Autriche đang ở trong phòng cầu nguyện với vua trẻ Louis XIV. Anne d'Autriche ngồi trong một chiếc ghế bành, khuỷu tay tì lên mặt bàn và đầu tỳ lên bàn tay, bà nhìn đứa con ấu chúa đang nằm trên tấm thảm giở xem một quyển sách lớn về trận mạc. Anne d'Autriche là một hoàng hậu hơn ai hết biết buồn chán với vẻ tôn nghiêm, đôi khi bà ngồi ru rú hàng giờ như vậy trong phòng bà hoặc trong phòng cầu nguyện, không đọc sách cũng chẳng cầu nguyện.

Còn quyển sách mà vua đang chơi, đó là tập Quinte-curse đầy tranh vẽ thể hiện những sự nghiệp vĩ đại của Thánh Alexandre.

Bà Bôve xuất hiện ở cửa phòng cầu nguyện và báo tin giáo chủ Mazarin đến.

Cậu bé quỳ trên một đầu gối, cau mày nhin mẹ và nói: -Sao thế, ông ta vào như vậy mà không xin bái yết ư?

Anne hơi đỏ mặt. Bà đáp: -Trong cái thời buổi mà chúng ta đang sống này rất cần thiết lâ một quan tể tướng có thể đến bất kỳ lúc nào để trình báo với hoàng hậu những gì đã xảy ra, mà không kích thích sự tò mò hoặc những lời bình phẩm của tất cả triều đình.

Nhưng con thấy hình như ông de Richelieu không vào như thế đâu, – đứa bé ngang ngạnh đáp.

-Làm sao mà con nhớ ông de Richelieu làm nhưng gì? Dạo ấy con có nhỏ quả, con không biết được đâu.

-Con không nhớ, con đã hỏi và người ta đã nói cho con biết.

-Thế ai đã nói với con điều đó? – Anne hỏi với một cử chỉ khó chịu không giấu nổi.

-Con biết là không bao giờ được nói tên những người đã trả lời các câu con hỏi, – cậu bé đáp, – hoặc nếu không thì con sẽ không biết gì nữa cả.

Vừa lúc đó Mazarin vào. Ông vua nhỏ tuổi liền đứng hẳn dậy, cầm lấy quyển sách, gấp lại và đem đặt lên bàn, rồi đứng nguyên cạnh đó để buộc Mazarin cũng phải đứng.

Mazarin quan sát cảnh tượng đó bằng con mắt tinh ranh của mình và dường như muốn đòi giải thích cái chuyện xảy ra trước đó.

Ông cung kính cúi mình trước bà hoàng hậu và trịnh trọng khom lưng thi lễ với vua, vua đáp lại bằng một cái gật đầu khá ngang tàng: như một cái nhìn của bà mẹ có ý trách móc sự buông thả những tình cảm hằn thù mà tù hồi còn nhỏ vua Louis XlV đã dành cho ông giáo chủ, và cậu mỉm cười tiếp nhận những lời chúc tụng của ông tể tướng.

Anne d'Autriche cố đoán trên nét mặt Mazarin nguyên nhân của cuộc viếng thăm bất ngờ này, vì thông thường, giáo chủ đi đến với bà khi mọi người đã rút lui hết.

Ông tể tướng khẽ gật đầu, hoàng hậu liền quay lại bảo bà Beauvais: -Đến giờ đưa vua đi nằm rồi đấy, gọi Laporte đi

Trước đó bà hoàng đã hai, ba lần bảo cậu Louis rút lui mà cậu vẫn nũng nịu đòi ở lại, nhưng lần này cậu không nói một lời, chỉ bậm môi và tái mặt đi.

Lát sau Laporte vào.

Cậu bé đi thẳng ra với ông, mà không ôm hôn mẹ.

-Ô này, Louis! – Anne nói. – Sao con không hôn mẹ?

-Thưa bà, tôi nghĩ rằng bà giận tôi, bà đuổi tôi.

-Mẹ có đuổi con đâu, chẳng qua vì con mới bị thuỷ đậu, con hãy còn ốm, mẹ sợ thức khuya sẽ làm con mệt.

-Bà đã chẳng còn nỗi lo sợ ấy khi hôm nay bà bắt tôi đến Cung để ban những bản chiếu chỉ độc ác khiể1n nhân dân kêu ca biết bao nhiêu.

-Tâu Hoàng thượng. – Laporter muốn lái câu chuyện, bèn nói – ngài muốn tôi đưa cho ai cây đèn nến.

-Muốn đưa cho ai thì đưa, – cậu bé đáp, rồi to tiếng nói thêm – Miễn là không phải đưa cho Mancini

Mancini là cháu của Mazarin mà ông ta cắt đặt bên vua làm ngự đồng và vua Louis XIV trút lên đầu hắn ta một phần nỗi hằn thù với tể tướng.

Và vua đi ra, không hôn mẹ mà cũng chẳng hề chào giáo chủ.

-Hay lắm! – Mazarin nói. – Tôi thích được thấy người ta giáo dục Hoàng thượng trong nỗi ghê sợ sự giấu giếm…

-Tại sao thế? – Hoàng hậu hỏi một cách gần như rụt rè.

-Tôi thấy hình như việc vua đi ra vừa rồi không cần đến những lời bình luận, vả lại Hoàng thượng cũng chẳng buồn che giấu, ngài chẳng ưa gì tôi; dù sao điều đó cũng không ngăn cản tôi hết lòng trung thành phụng sự ngài, cũng như phụng sự Lệnh bà.

-Ông giáo chú, tôi xin ông thứ lỗi cho cháu – Hoàng hậu nói – Cháu còn nhỏ chưa hiểu là phải mang ơn ông nhiều lắm.

Giáo chủ cười.

-Nhưng, – Hoàng hậu tiếp, – chắc hẳn ông đến vì một việc gì quan trọng, có chuyện gì vậy?

Mazarin ngồi xuống, hay đúng hơn là nằm vật ra cái ghế to, và vẻ buồn rầu, ông nói: -Có chuyện là, rất có thể chúng ta sẽ buộc phải từ giã nhau ngay, trừ phi là bà tận tâm với tôi đến mức theo tôi đi sang Ý.

-Tại sao thế? – Hoàng hậu hỏi.

-Bởi vì, – Mazarin nói tiếp, – như vở ca kịch Thisbé nói: Tất cả thiên hạ hùa nhau vào chia rẽ tình duyên của đôi ta.

-Ông đùa đấy ư, thưa ông! – Hoàng hậu nói – cố thử lấy lại một chút phong thế cũ của mình.

-Chao ôi, không đâu, thưa Lệnh bà. – Mazarin đáp – tôi không hề bông đùa một chút nào, đáng lẽ tôi phải khóc mới đúng, tôi xin bà hãy tin điều đó; bởi vì, xin bà nhớ kỹ, có sao thì tôi mới nói: Tất cả thiên hạ hùa nhau vào chia rẽ tình duyên của đôi ta. Do bà tham dự vào cái toàn thiên hạ, tôi muốn nói rằng cả bà cũng bỏ tôi.

-Ông giáo chủ!

-Lạy chúa, hôm nọ tôi đã chẳng trong thấy bà cười rất dễ thương với quận công d'Orléans đấy ư, hay đúng hơn là với điều mà ông ta nói với bà.

-Ông ta nói gì với tôi?

-Thưa bà, ông ta bảo: "Chính lão Mazarin của bà là vật chướng ngại, hắn cút đi là mọi việc đều tốt đẹp"

-Thế ông bảo tôi lúc ấy phải làm gì?

-Ồ! Thưa Lệnh bà, bà là hoàng hậu thì phải.

-Cái vương vị mỹ miều mà tên thư lại dỏm đầu tiên của Hoàng cung hoặc kẻ quý tộc quê kệch đầu tiên của Vương quốc cũng có thể làm tình làm tội bắt sao chịu vậy!

Tuy nhiên bà vẫn đủ mạnh để đẩy đi những kẻ không vừa lòng bà.

-Nghĩa là không vừa lòng ông. Ông ấy! – Hoàng hậu đáp.

-Tôi ư?

-Còn gì nữa! Ai đã đuổi bà de Chevreuse, người đã từng bị đày đoạ dưới triều trước?

-Một kẻ âm mưu muốn tiếp tục chống lại tôi bằng những mưu đồ mở đầu chống lại ông de Richelieu.

-Ai đã tống cổ bà de Hautefort, người bạn đến là tuyệt diệu ấy đã từ chối các ân sủng của vua để vẫn ở lại trong đám thị nữ của tôi?

-Một mụ ra vẻ đoan trang, mỗi buổi tối khi cởi bộ xiêm y cho bà thường bảo bà là mất linh hồn đi yêu một lão thầy tu; cứ làm như hễ là giáo chủ thì ắt phải là thầy tu ấy.

-Ai đã cho bắt ông de Beaufort?

-Một tên phá bĩnh chỉ tâm niệm có mỗi một điều là phải ám sát tôi!

-Ông giáo chủ, ông thấy chưa, – Hoàng hậu nói, – rõ ràng những kẻ thù của ông là kẻ thù của tôi.

-Chưa hết, thưa Lệnh bà, nhưng bạn hữu của bà còn phải lả bạn hữu của tôi nữa chứ?

-Bạn hữu của tôi ư, ông? – Bà hoàng lắc đầu. – Than ôi! Tôi chẳng còn bạn hữu nữa.

-Sao bà lại không có bạn hữu trong cảnh vui sướng, khi có đầy bạn bè trong cơn hoạn nạn.

-Bởi vì. Ông ạ, trong cảnh sung sướng, tôi đã quên mất những bạn bè xưa, bởi vì tôi đã làm như nữ hoàng Marie de Médicis[165] khi từ cuộc lưu đầy lần thứ nhất trở về đã khỉnh rẻ tất cả những ai đã chịu khổ vì bà, và đến khi bị lưu đầy lần thứ hai đã chết ở Cologne, bị tất cả mọi người bỏ rơi kể cả con trai bà, vì đến lượt tất cả mọi người khinh rẻ bà.

-Thế thì, bà này! – Mazarin nói. – Chẳng phải đến lúc sửa chữa cái sai ư? Hãy tìm kiếm những người xưa nhất trong số những bạn bè của bà.

-Ông muốn nói gì hở ông?

-Không có gì khác ngoài điều tôi nói: hãy tìm kiếm.

-Than ôi! Tôi đã hoài công nhìn xung quanh mình, tôi chẳng có ảnh hưởng đối với ai cả. Ông thì bao giờ cũng được sủng thần đưa dẫn, hôm qua là Choisy, hôm nay là La Rivière, ngày mai sẽ là một người khác. Ông Hoàng thân thì có ông giáo chủ đưa đón, mà chủ giáo thì có bà de Guéménée đưa đón.

-Cho nên, thưa bà, tôi không bảo bà trông vào những bạn hữu hôm nay, mà trông vào những bạn hữu ngày xưa.

-Những bạn hữu ngày xưa ư? – Hoàng hậu hỏi.

-Phải, trong số những bạn hữu ngày xưa, trong số những người

"Ông ta muốn đi tới đâu" – Hoàng hậu lẩm bẩm và lo ngại nhìn giáo chủ.

-Phải, – Ông ta nói tiếp, – trong những hoàn cảnh nào đó cái tinh thần mạnh mẽ và tinh tế nó là đặc điểm của Lệnh bà, bà có thể nhờ sự giúp sức của bạn bè, đẩy lùi những cuộc công kích của kẻ địch thủ ấy.

-Tôi ấy ư! – Hoàng hậu nói, – tôi đã chịu khổ, tất cả chỉ có thế!

-Phải, – Mazarin nói, – giống như những người đàn bà vừa đau khổ vừa trả thù. Thôi này, ta hãy đi vào việc! Bà có biết ông Rochefort không?

Ông de Rochefort không phải là bạn của tôi, – Hoàng hậu nói, – mà trái lại, thuộc hàng những kẻ thù dai dẳng nhất của tôi, một trong những người trung thành nhất của giáo chủ de Richelieu. Tôi chắc là ông biết điều đó. Tôi biết rõ hắn đến mức là chúng tôi đã cho nhốt hắn vào ngục Bastille.

-Hắn ta đã ra chưa? – Hoàng hậu hỏi.

-Không, bà yên tâm, hắn vẫn ở đấy, tôi nói về hắn là để đi đến một người khác. Bà có biết ông d'Artagnan không? – Mazarin vừa nói tiếp vừa nhìn thẳng vào mặt hoàng hậu.

Anne d'Autriche bị một nhát vào giữa tim.

"Tên Gascone đã để lộ gì chăng?" – Bà lẩm bẩm.

Rồi bà nói to: -D'Artagnan? Xem đã, ờ, phải cái tên đó chắc quen. d'Artagnan, một người lính ngự lâm trước có yêu một nữ tì của tôi, tội nghiệp con bé bị đầu độc chết cũng vì tôi.

-Tất cả thế thôi à? – Mazarin nói.

Hoàng hậu ngạc nhiên nhìn giáo chủ và nói: -Nhưng mà, ông này, hình như ông đem tôi ra để làm một cuộc hỏi cung hay sao?

Với nụ cười muôn thuở và giọng nói dịu dàng của mình, Mazarin nói: -Bất cứ trường hợp nào, bà cũng chỉ đáp lại theo ý thích riêng của bà.

-Ông trình bày rõ ràng những ý muốn của ông đi và tôi sẽ trả lời tất – hoàng hậu bắt đầu mất kiên nhẫn nói.

-Thế thì, thưa Lệnh bà, – Mazarin nghiêng mình thi lễ và nói, – tôi muốn bà chia sẻ với tôi những bạn hữu của bà, cũng như tôi đã chia sẻ với bà chút ít kỹ xảo và tài năng mà Trời đã phú cho tôi. Các tình huống đang nghiêm trọng, và sắp phải hành động kiên quyết.

-Lại thế nữa – Hoàng hậu nói. – Tôi ngỡ rằng chúng ta sẽ hết nợ với ông de Beaufort.

-Vâng! Bà chỉ nhìn thấy dòng thác nó muốn lật nhào tất cả, mà bà không chú ý đến chỗ nước lũ. Trong khi đó ở Pháp có câu tục ngữ về nước lặng.

-Ông nói nốt đi, – Hoàng hậu bảo.

-Này nhé, – Mazarin nói tiếp – hàng ngày tôi chịu đựng những sự xúc phạm do các ông hoàng của bà, các kẻ hầu có tước vị của bà gây ra với tôi, tất cả những con rối không thấy rằng cầm các đầu dây của họ, và dưới cái vẻ nghiêm trang kiên nhẫn của tôi, họ không đoán được cái cười của người bị chọc tức thề với mình rằng một ngày nào đó sẽ là người mạnh nhất. Chúng tôi đã cho bắt ông de Beaufort, đúng; nhưng đó là kẻ ít nguy hiểm hơn tất cả, còn có ông Hoàng thân…

-Người chiến thắng de Rocroy![166] Ông nghĩ đến điều đó à?

-Vâng, thưa bà, và luôn luôn; nhưng Patienza[167] như những người Ý chúng tôi nói. Rồi sau ông De Condé có ông quận công d'Orléans.

-Ông nói gì thế? Vị đệ nhất hoàng thân, chú ruột của vua?

-Không phải đệ nhất hoàng thân, không phải chú ruột vua, mà là kẻ mưu phản hèn nhát, dưới triều đình cũ, bị tính bốc đồng và ngông nghênh thúc đẩy, những buồn bực hèn hạ gặm nhấm, lòng tham lam tầm thường xâu xé, ganh ghét tất cả những gì vượt hắn ta về mặt trung thực và dũng cảm, bực tức vì chẳng là cái thá gì, nhờ cái rỗng tuếch của mình làm tiếng vang cho tất cả những tin đồn bậy, làm linh hồn cho tất cả những âm mưu, ra hiệu tiến lên cho tất cả những con người trung hậu kia, họ dại dột tin vào lời nói của một thân vương mà hắn ta thì chối bỏ họ khi họ bước lên đoạn đầu đài. Không phải đệ nhất hoàng thân, không phải chú ruột của vua, tôi xin nhắc lại, mà là kẻ sát hại de Chalais, de Montmorency và de Cinq-Mars, ngày nay hắn thử diễn lại vẫn trò ấy và tưởng tượng mình sẽ thắng cuộc bởi vì hắn sẽ thay đổi đối thủ và bởi vì đáng lẽ có trước mặt mình một con người hăm doạ thì hắn có một con người mỉm cười. Nhưng hắn lầm, làm hại ông de Richelieu, hắn ắt thất bại, và tôi không có lợi gì để bên cạnh hoàng hậu một chất men bất hoà, với chất men đó ông cố giáo chủ đã khiến cho nhà vua điên tiết trong hai chục năm trời.

Anne đỏ mặt và giấu mặt trong hai bàn tay.

-Tôi không muốn làm Lệnh bà xấu hổ, – Mazarin trở lại một giọng bình tĩnh hơn nhưng đồng thời với thái độ cương quyết lạ lùng, nói tiếp. – Tôi muốn người ta kính trọng hoàng hậu và kính trọng tể tướng của bà, bởi vì trước mặt mọi người tôi chỉ là như vậy. Chính Lệnh bà biết rằng, không phải như nhiều người nói tôi không phải là một thằng hề Ý tới; Lệnh bà phải làm cho mọi người hiểu.

Uốn người dưới cái giọng áp chế ấy, hoàng hậu nói: -Vậy thì tôi phải làm gì?

-Bà phải tìm trong ký ức tên của những con người trung thành và tận tụy, mặc dầu ông de Richelieu ra sức cản trở, đã để lại những vệt máu của họ suốt dọc đường đi, đề đem về dâng Lệnh bà cái đồ trang sức nào đó mà bà đã tặng ông de Buckingham.

Như bị một cái lò-xo thép làm bật lên, Anne đứng lên đường bệ và phẫn nộ và nhìn giáo chủ với cái uy phong và cao ngạo đã làm cho bà đầy quyền thế trong những ngày son trẻ, bà nói: -Ông lăng mạ tôi đó hả ông?

-Cuối cùng tôi muốn rằng, – Mazarin nói nốt cái y nghĩ bị cử chỉ của hoàng hậu cắt ngang, – tôi muốn rằng ngày nay bà hãy làm cho chồng bà cái mà ngày xưa bà đã làm cho người yêu của bà.

-Lại cái điều vu cáo ấy nữa? – Hoàng hậu kêu lên – Thế mà tôi cứ tưởng nó đã chết và bị bóp nghẹt, bởi vì ông đã xá miễn cho tôi đến tận bây giờ, nhưng lúc này ông lại lên tiếng. Càng hay! Bởi vì lần này sẽ là chuyện giữa chúng tôi, và tất cả sẽ kết thúc, ông nghe rõ chưa?

Kinh ngạc trước sự phục hồi quyền lực này, Mazarin nói: -Nhưng thưa Lệnh bà, tôi có đòi hỏi Lệnh bà thổ lộ với tôi tất cả đâu.

-Còn tôi, tôi muốn nói hết với ông! – Anne d'Autriche đáp lại. Hãy nghe đây! Tôi muốn nói với ông rằng quả thật ở thời kỳ đó, có bốn trái tim tận tụy, bốn linh hồn trung thực, bốn thanh kiếm trung thành đã cứu hơn cả cuộc đời tôi, thưa ông, đã cứu danh dự cho tôi!

-A! Bà thú nhận, – Mazarin nói.

-Thưa ông, phải chăng chỉ có những kẻ có tội thì danh dự của họ mới bị tổn hại, còn người ta không thể làm mất danh dự của một người nào đó, nhất là một người phụ nữ, bằng những lời thị phi dè bỉu sao? Đúng, những lời thị phi dè bỉu nhắm vào tôi và tôi sắp bị ô danh, nhưng dẫu sao tôi xin thề, tôi không phải là kẻ có tội. Tôi xin thề…

Hoàng hậu tìm kiếm một vật linh thiêng để thề, bà mở cửa tủ nằm khuất sau một tấm thảm, lấy ra một tráp nhỏ bằng gỗ cây hồng khảm bạc, và đặt lên bàn thờ, rồi nói: -Trên những thành tích thiêng liêng này, tôi xin thề rằng tôi có yêu ông de Buckingham, nhưng ông Buckingham không phải là tình nhân của tôi!

-Nhưng đó là những thành tích gì mà bà dùng để thề bồi, thưa bà? – Mazarin mỉm cười nói, – vì tôi xin nói trước với bà, với tư cách người La Mã, tôi thuộc loại người không tín ngưỡng, toàn thành tích là thành tích.

Hoàng hậu tháo một chìa khoá bằng vàng ở cổ và đưa cho giáo chủ. Bà bảo: -Ông hãy mở ra và tự ông nhìn xem.

Mazarin ngạc nhiên cầm lấy chìa khoá và mở tráp, trong đó ông chỉ nhìn thấy một con dao bị gỉ ăn mòn và hai bức thư mà một bức có vết máu.

-Thế này là thế nào? – Mazarin hỏi.

-Thế này là thế nào ư, ông? – Anne d'Autriche nói với cử chỉ nữ hoàng của bà và giơ một cánh tay hãy còn tuyệt mỹ, tuy bao năm tháng đã trôi qua, đặt lên cái tráp để mở, – tôi sẽ nói ông rõ. Hai bức thư ấy là hai bức thư duy nhất mà tôi đã viết cho Buckingham. Con dao ấy là con dao mà Filtơn đã đâm ông ấy. Ông hãy đọc mấy bức thư đó và sẽ thấy tôi có nói dối hay không?

Mặc dầu được phép như vậy, vì một tình cảm tự nhiên, đáng lẽ đọc thư, Mazarin đã cầm lên con dao mà Buckingham lúc gần chết đã rút ra khỏi vết thương của mình và qua Lanporter gửi đến hoàng hậu, lưỡi dao đã mòn hết vì máu biến thành gỉ; rồi sau một lát xem xét, trong khi đó khuôn mặt hoàng hậu biến sắc trắng bệch ra như tấm vải phủ bàn thờ mà bà tựa mình lên, ông đặt lại con dao vào trong tráp và bất giác rùng mình. Ông nói: -Được rồi bà ạ, tôi tin lời thề của bà.

-Không, không – Hoàng hậu cau mày nói – đọc đi, tôi muốn thế, tôi ra lệnh thế, như tôi đã nhất quyết tất cả sẽ kết thúc lần này, và chúng ta sẽ không trở lại vấn đề này nữa. – Rồi với một nụ cười khủng khiếp bà nói tiếp, – Ông cho rằng

rồi đây, trước mỗi lời buộc tội của ông, tôi lại phải sẵn sàng mở tráp này ra hay sao?

Bị khuất phục bởi khí phách ấy, Mazarin tuân theo như một cái máy và đọc hai bức thư. Một bức là hoàng hậu xin lại ông Buckingham chuỗi hạt kim cương, bức này do d'Artagnan mang đi và đưa đến kịp thời. Bức kia do Laporter mang đến cho quận công trong đó hoàng hậu báo trước là ông sắp bị ám hại, nhưng thư đến quá muộn.

-Được rồi, thưa bà, – Mazarin nói, – chẳng có gì phải trả lời điều đó.

-Có chứ, thưa ông, – Hoàng hậu nói và đậy tráp lại rồi đặt bàn tay lên nắp tráp. – Có chứ, có một điều gì đấy phải trả lời: ấy là tôi vẫn luôn luôn bội bạc với những người đã cứu tôi, tôi ấy, và đã làm tất cả những gì họ có thể làm để cứu ông ta: ấy là tôi chưa tặng gì cho cái ông d'Artagnan trung hậu ấy mà ông nói đến ban nãy, ngoài bàn tay tôi đưa ra để ông ta hôn, và chiếc nhẫn kim cương này.

Hoàng hậu chìa bàn tay xinh đẹp về phía giáo chủ và chỉ cho ông ta xem một viên đá tuyệt diệu lóng lánh nơi ngón tay bà. Bà nói tiếp: -Hình như ông ta đã bán nó đi trong một lúc túng thiếu; ông ta đã bán đi để cứu tôi lần thứ hai, vì để cử một mật sứ đến ông quận công và để bảo với ông rằng ông sắp bị ám sát.

-D'Artagnan có biết chứ?

-Ông ta biết tất cả. Làm thế nào mà biết được? Tôi không rõ, nhưng cuối cùng ông ta đã bán chiếc nhẫn kim cương đó cho ông des Essarts, tôi thấy ông Essarts, đeo ở ngón tay và tôi đã chuộc lại, nhưng chiếc nhẫn kim cương này là của d'Artagnan ông ạ. Tôi nhờ ông đưa lại cho ông ta, và vì ông có diễm phúc có bên cạnh mình một con người như vậy, ông cứ sử dụng ông ta.

-Cảm ơn bà- Mazarin nói – Tôi sẽ tận dụng lời khuyên.

Như rã rời bởi nỗi xúc động Hoàng hậu nói: -Bây giờ ông có chuyện gì khác cần hỏi tôi không?

-Thưa bà, không, – Giáo chủ trả lời với giọng mơn trớn nhất của mình. – chỉ cần bà tha thứ cho những điều nghi kỵ bất công của tôi nhưng vì tôi yêu bà đến nhường nào, nên cũng chẳng lấy làm lạ nếu tôi ghen, dù ghen cả với quá khứ.

Một nụ cười khó hiểu lướt trên môi Hoàng hậu. Bà nói: -Vậy thưa ông, nếu không có điều gì cần hỏi, xin ông để tôi yên, chắc ông hiểu rằng sau một cuộc xung đột như vậy, tôi cần ở một mình.

Mazarin nghiêng mình nói: -Tôi xin cáo lui, thưa bà, bà có cho phép tôi lại đến không?

-Có nhưng ngày mai. Tất cả quãng thời gian ấy để tôi hồi phục, không phải là quá nhiều.

Giáo chủ cầm tay hoàng hậu, hôn một cách phong nhã, rồi rút lui.

Ông ta vừa ra khỏi, hoàng hậu đi sang phòng con trai và hỏi Laporter xem vua đi nằm chưa. Laporter lấy tay trỏ cậu bé đang ngủ.

Anne d'Autriche trèo lên các bậc giường, ghé môi sát vầng trán cau lại của con trai và dịu dàng đặt lên đó một cái hôn; rồi bà đi lặng lẽ như đã đến, tự bằng lòng với việc bảo người hầu phòng: -Laporter thân mến của tôi, hãy cố gắng làm cho vua vui vẻ hơn với ông giáo chủ, tôi và vua chịu ơn ông ấy nhiều lắm.

§5. Người Gascon và người Ý

Trong thời gian ấy giáo chủ trở về phòng mình, thấy Bernouin đứng cạnh cửa. Ông hỏi xem có gi mới xảy ra không và có tin tức gì về tình hình bên ngoài không.

Nghe trả lời không, ông ra hiệu cho hắn ta lui.

Còn lại một mình, ông ra mở cửa hành lang, rồi cửa tiền sảnh; d'Artagnan mệt mỏi nằm ngủ trên một cái ghế dài nhỏ.

-Ông d'Artagnan! – Ông gọi, giọng dịu dàng.

D'Artagnan không động đậy.

-Ông d'Artagnan! – Ông gọi to hơn.

D'Artagnan vẫn ngủ.

Giáo chủ tiến về phía anh lấy đầu ngón tay chạm nhẹ vào vai anh.

Lần này d'Artagnan giật mình thức giấc và tỉnh dậy, đứng ngay đơ như một người lính trong hàng quân. Anh nói: -Có tôi, ai gọi đấy?

-Tôi đây! – Mazarin nói, vẻ mặt rất tươi cười.

-Xin Các hạ thứ lỗi, – D'Artagnan nói, – tôi mệt quá!

-Ông không phải xin lỗi tôi, – Mazarin nói, – vì ông mệt mỏi do phục vụ cho tôi.

D'Artagnan ngắm cái vẻ duyên dáng của tể tướng.

-Ái chà! – Anh nhủ thầm, – không rõ có câu tục ngữ "điều hay đến ngay khi ngủ" có đúng không nhỉ?

-Ông theo tôi – Mazarin bảo.

-Này này – D'Artagnan lẩm bẩm. – Rochefort đã giữ lời hứa với ta, nhưng không biết hắn mất biến đi đằng nào ấy nhỉ?

Và anh nhìn vào mọi ngóc ngách trong căn phòng mà chẳng thấy bóng Rochefort đâu cả.

Mazarin vừa ngồi xuống ghế bành vừa sắp xếp lại và nói: -Ông d'Artagnan, bao giờ tôi cũng thấy ông là một con người trung hậu và phong nhã.

-Cũng có thể, – D'Artagnan nghĩ, – nhưng ông ta đã mất bao nhiêu thời gian để nói với mình điều đó. Ý nghĩ ấy không ngăn cản anh cúi sát đất đầu đáp lại lời khen ngợi của ông ta.

-Thế này nhé. – Mazarin nói tiếp – đã đến lúc cần tận dụng tài năng và giá trị của ông đấy!

Một ánh vui mừng vụt lóe lên, rồi tắt ngấm ngay trong cặp mắt người sĩ quan, vì anh không biết giáo chủ muốn đi đến đâu. Anh nói: -Xin Đức ông cứ ra lệnh, tôi sẵn sàng phục tùng.

-Ông d'Artagnan, – giáo chủ tiếp, – dưới triều cũ ông đã lập một số chiến công…

-Các hạ quá rộng lòng nhớ lại… Đúng thế, tôi có tham gia chiến tranh với khá nhiều thành tích.

-Tôi không nói về thành tích chiến tranh của ông, – Mazarin nói, – vì dù cho nó có gây được tiếng vang nào đó, nó cũng bị những chiến công khác vượt xa.

D'Artagnan làm bộ ngơ ngác.

-Thế nào! – Mazarin nói, – Ông không trả lời à?

-Tôi được Đức ông bảo cho biết ngài muốn nói về những chiến công nào.

-Tôi nói về câu chuyện phiêu lưu… Hề! Ông thừa biết tôi muốn nói gì.

-Chao ôi! Thưa Đức ông, không ạ, – D'Artagnan sửng sốt đáp.

-Ông kín đáo, càng tốt. Tôi muốn nói chuyện phiêu lưu về Hoàng hậu, về chuỗi hạt kim cương, về chuyến viễn du mà ông đã thực hiện cùng với ba người bạn ông.

-Hề, hề – Chàng Gascon nghĩ – phải chăng đây là một cái bẫy? Ta phải vững mới được.

Và anh tạo trên nét mặt một vẻ kinh ngạc mà Mondori hoặc Bellerose, những tay hề xuất sắc nhất của thời ấy cũng phải ganh tị.

Rất tốt! – Mazarin cười nói. – Hoan hô! Người ta đã nói rất đúng với tôi rằng ông là người mà tôi cần. Thế nào? Ông sẽ làm điều gì tốt lành cho tôi nào?

-Tất cả những điều gì Các hạ ra lệnh cho tôi làm, – D'Artagnan đáp.

-Ông sẽ làm cho tôi cái điều mà xưa kia ông đã làm cho một bà hoàng hậu chứ?

D'Artagnan tự nhủ thầm: "Nhất định là người ta muốn bắt mình phải tuôn ra, cứ đợi đấy. Ông ta chẳng tinh khôn hơn Richelieu đâu, mẹ kiếp… ". Anh nói: -Cho một bà hoàng hậu ư, thưa Đức ông. Tôi không rõ Đức ông định nói gì.

-Ông không hiểu rằng tôi cần đến ông và ba người bạn của ông ư?

-Ba người bạn nào ạ?

-Ba người bạn ngày xưa của ông.

-Ngày xưa, thưa Đức ông, – D'Artagnan đáp, – tôi không có ba người bạn, tôi có năm mươi bạn. Ở tuổi hai mươi, người ta gọi tất cả thiên hạ là bạn của mình.

-Được được ông sĩ quan này! – Mazarin nói – Tính kín đáo là một điều hay, nhưng ngày nay ông có thể sẽ hối tiếc vì đã quá kín đáo.

-Thưa Đức ông, Pythagore đã bắt môn đồ của mình giữ im lặng trong năm năm để dạy cho họ biết ngậm miệng.

-Còn ông đã giữ im lặng trong hai mươi năm. Thế là hơn một nhà triết học phái Pythagore mười năm lăm, tôi thấy thế là phải rồi: Vậy hôm nay hãy nói đi, vì rằng chính hoàng hậu đã giải lời thề cho ông rồi.

-Hoàng hậu ư? D'artagnan nói với một vẻ kinh ngạc lần này không giả tạo nữa.

-Phải, hoàng hậu? Và để chứng thực rằng tôi nhân danh bà mà nói với ông, bà đã bảo tôi đưa cho ông xem chiếc nhẫn kim cương này mà bà cho rằng ông cũng biết, và bà đã chuộc lại ở ông des Essarts.

Và Mazarin giơ bàn tay về phía viên sĩ quan, anh thở dài khi nhận ra chiếc nhẫn mà hoàng hậu đã tặng anh buổi tối cuộc vũ hội ở toà thị sảnh.

-Đúng thật – D'Artagnan nói, – tôi nhận ra chiếc nhẫn kim cương này trước kia của hoàng hậu.

-Ông thấy rõ rằng tôi nhân danh bà hoàng hậu mà nói với ông. Vậy đừng đóng kịch nữa, mà hãy trả lời tôi. Tôi đã nói với ông, và tôi xin nhắc lại, vận hạnh của ông cũng trông vào đấy mà nên.

-Thưa Đức ông, thực tình tôi rất cần làm nên những chuyện lớn lao đó. Các hạ đã quên tôi quá lâu.

-Chỉ cần tám ngày để sửa chữa điều ấy. Này, ông thì đây rồi, nhưng còn các bạn của ông đâu?

-Thưa Đức ông, tôi không rõ.

-Sao, ông không biết gì về họ ư?

-Không, chúng tôi đã xa nhau lâu lắm rồi. Vì cả ba người đã rời quân ngũ.

-Thế ông sẽ tìm họ ở đâu?

-Ở bất cứ nơi nào họ sẽ đến. Việc ấy tôi lo.

-Tốt! Các điều kiện của ông?

-Tiền, thưa Đức ông, chừng nào mà những mưu sự của ta đòi hỏi. Tôi rất nhớ biết bao lần chúng tôi bị trở ngại vì thiếu tiền và không có nhẫn kim cương kia mà tôi buộc lòng phải bán thì hẳn chúng tôi đã phải ở lại giữa đường.

-Quỷ quái thật! Tiền, nhiều tiền lắm sao? – Mazarin nói. – Này ông sĩ quan, ông có biết rằng không có tiền ở trong các két bạc của nhà vua không?

-Xin Đức ông hãy làm như tôi, bán những hạt kim cương ở mũ miện; hãy tin tôi, không nên mặc cả, với những phương tiện nhỏ mọn người ta làm hỏng những việc lớn.

-Thôi này! – Mazarin nói, – chúng tôi sẽ tìm cách làm vừa lòng ông.

"Richelieu, – D'Artagnan nghĩ, – hẳn là đã cho ta năm trăm pistoles[168] tiền đặt cọc".

-Các ông sẽ theo tôi chứ?

-Vâng, nếu các bạn của tôi muốn vậy.

-Nhưng nếu họ từ chối, tôi có thể trông cậy ở ông không?

-Một mình thì tôi chẳng làm nên trò trống gì, – D'Artagnan lắc đầu nói.

-Vậy đi tìm kiếm họ đi.

Tôi sẽ nói với họ như thế nào để khiến họ phụng sự Các hạ?

-Ông biết rõ họ hơn tôi. Tuỳ tính cách họ mà ông hứa hẹn.

-Tôi sẽ hứa hẹn gì?

-Rằng họ cứ giúp tôi như đã giúp hoàng hậu và sự trả ơn của tôi sẽ hậu hĩnh.

-Chúng tôi sẽ làm gì?

-Tất cả vì dường như ông biết làm tất cả.

-Thưa Đức ông, khi người ta tin cậy những người khác và muốn rằng họ cũng tin cậy vào mình thì người ta cho biết tình hình rõ hơn là Các hạ đã làm.

-Khi nào thời gian hành động đến sẽ hay, – Mazarin nói, – cứ yên tâm, ông sẽ biết tất cả ý nghĩ của tôi.

-Thế cho đến lúc ấy?

-Chờ đợi và đi tìm các bạn của ông.

-Thưa Đức ông, có lẽ họ không ở Paris, chắc chắn là như vậy, phải đi xa mới được. Tôi chỉ là một viên trung uý ngự lâm nghèo xác xơ mà những chuyến đi thì tốn kém.

-Ý định của tôi, – Mazarin nói, – không phải là ông sẽ xuất hiện như một ông hoàng với tiền hô hậu ủng, kế hoạch của tôi cần bí mật và sẽ hỏng bét với những ngựa xe nghễu nghện.

-Thưa Đức ông, tôi chẳng thể đi với tiền lương của tôi: vì lương chậm đến ba tháng chưa trả, tôi cũng không thể đi được bằng tiền dành dụm lý do là từ hai mươi năm nay phục vụ trong quân đội, tôi chỉ dành dụm được những khoản nợ nần mà thôi.

Mazarin đứng đăm chiêu một lát như phải suy nghĩ một cách hết sức căng thẳng, rồi bước đến bên chiếc tủ ba lần khoá, ông lôi ra một cái túi, nhấc nhấc trên tay hai ba bận để ước lượng nặng nhẹ ra sao trước khi đưa cho d'Artagnan.

-Anh cầm lấy chỗ này, – Mazarin thở dài và nói, – đây là cho chuyến viễn du.

D'Artagnan nghĩ thầm: "Nếu là những đồng tiền vàng Tây Ban Nha hoặc những đồng êquy vàng thì chúng ta sẽ có thể cộng tác được với nhau đấy!" Anh chào giáo chủ và nhét bọc tiền vào túi áo rộng.

-Này thế là xong nhé? – Giáo chủ đáp lại. – Ông sẽ lên đường…

-Vâng, thưa Đức ông.

-Rất tốt. Nhân tiện, tên các bạn ông là gì nhỉ?

-Tên các bạn tôi ư? – D'Artagnan nhắc lại, vẻ hơi băn khoăn.

-Phải, trong khi ông đi tìm họ, về phần tôi cũng sẽ cho dò hỏi, may ra biết thêm được chút gì.

-Ông bá tước De la Fére, tức Arthos, ông Du Vallon tức Porthos. Ông hiệp sĩ De Herblay, bây giờ là tu viện trưởng Herblay, tức Aramis.

Giáo chủ mỉm cười.

-Những vị quý tộc đăng vào ngự lâm quân dưới những tên giả để khỏi phương hại đến tên họ tộc. Kiếm dài nhưng hầu bao nhẹ, người ta biết điều đó.

-Nếu Chúa muốn rằng những tay trường kiếm kia chuyển sang phụng sự Các hạ. – D'Artagnan nói, – thì tôi xin mạo muội bày tỏ một mong ước là, đến lượt cái hầu bao của đức ông nhẹ đi và hầu bao của họ tăng lên; bởi vì với ba con người kia và tôi, Các hạ sẽ khuấy động toàn nước Pháp và toàn châu Âu nữa, nên điều đó hợp ý ngài.

-Những tên Gascon này – Mazarin cười nói – cũng gần ngang với người Ý về tài huênh hoang.

-Dù sao, – D'Artagnan nói với một nụ cười tương tự như bộ mặt giáo chủ – dù sao, họ cũng hơn về tài đấu kiếm. Và anh ra đi sau khi đã xin một giấy nghỉ phép được Mazarin cấp ngay và tự mình ký.

Vừa mới ra ngoài, anh bèn đến gần một ngọn đèn ngoài sân và nhòm vội vào cái túi.

-Những đồng êquy bạc! – Anh buông một câu khinh bỉ, – ta ngờ ngay mà. A, Mazarin, Mazarin, mi không tin cậy ta! Cóc cần! Điều này sẽ mang đến những tai hoạ cho mi!

Trong lúc ấy, ông giáo chủ xoa xoa tay. Ông lẩm bẩm: -Một trăm pistol! Mất một trăm pistol ta có được một bí mật mà Richelieu có lẽ phải trả hai mươi nghìn êquy ấy là chưa kể cái nhẫn kim cương này, – Ông ta vừa nói tiếp vừa tình tứ liếc nhìn cái nhẫn mà đáng lẽ phải đưa cho d'Artagnan, ông đã giữ lại, – chưa kể cái nhẫn kim cương này trị giá ít ra là mười nghìn livres).

Ông giáo chủ đi vào phòng mình mừng rơn về cái buổi tối này mà ông đã kiếm được món lãi đến là bở, đặt chiếc nhẫn vào trong một hộp tư trang đầy kim cương các loại; vì ông giáo chủ ham thích các loại ngọc thạch, và ông gọi Bernouin vào để cởi bỏ quần áo cho mình, chẳng bận tâm thêm nữa về những tiếng ồn ào vẫn tiếp tục dội từng cơn vào cửa kính và những tiếng súng vẫn, còn vang vọng trong thành phố Paris, mặc dù lúc ấy đã hơn mười một giờ đêm.

Trong khi đó d'Artagnan lần về phía con đường Tiquetonne nơi quán "Con dê cái nhỏ". Ta hãy nói vài lời về d'Artagnan làm thế nào mà lại chọn nơi trú ngụ ấy.

§6. D'Artagnan ở tuổi bốn mươi

Than ôi! Từ hồi mà trong cuốn tiểu thuyết "Ba người lính ngự lâm, chúng tôi từ biệt d'Artagnan ở 12 phố Phu Đào Huyệt đến nay đã diễn ra biết bao sự việc và nhất là đã trôi qua biết bao năm trời.

D'Artagnan đã không bỏ lở các cơ hội, nhưng các cơ hội đã bỏ lỡ d'Artagnan còn ở trong tuổi thanh xuân và thơ mộng của mình; đó là một trong những bản chất tinh tế và linh lợi nó dễ dàng hấp thụ các phẩm chất của người khác. Arthos cho anh tính cao thượng, Porthos lòng hăng hái, Aramis – vẻ hào hoa phong nhã. Ví phỏng d'Artagnan tiếp tục cuộc sống với ba người ấy, anh sẽ trở thành một người cao siêu. Arthos từ giã anh đầu tiên, để lui về cái khoảnh đất nhỏ mà anh thừa kế ở mạn Blois, Porthos là người thứ hai chia tay anh để kết hôn với bà biện lý của mình, cuối cùng Aramis là người thứ ba từ biệt anh để đi hẳn với giới tu hành và trở thành tu viện trưởng.

D'Artagnan như đã đã hòa tương lai của mình vào tương lai của ba người bạn, bắt đầu từ khi ấy trở thành lẻ loi và yếu đuối, không có can đảm để theo đuổi một nghề nghiệp trong đó với điều kiện mỗi người bạn của anh sẽ nhường cho anh, nếu có thể nói như vậy, một phần chất điện khí mà họ đã thu nhận của của trời.

Như vậy, dù trở thành trung uý ngự lâm quân, d'Artagnan chỉ càng thấy mình trơ trọi hơn, anh chẳng phải con nhà gia thế như Arthos để các nhà danh giá rộng mở đón tiếp anh. Anh cũng chưa đủ huênh hoang như Porthos để khiến người ta tưởng anh cũng quen biết giới thượng lưu. Anh cũng không phải khá là lịch thiệp như Aramis để vừa đứng vững trong cái phong nhã bẩm sinh vừa rút ra vẻ phong nhã từ chính mình. Có thời kỷ niệm tuyệt diệu về bà Bonacieux[169] đã in vào tâm trí người trung uý trẻ trung một chút thơ mộng nào đó, nhưng giống như kỷ niệm trên đời này, cái kỷ niệm có thể tiêu tan ấy cũng dần dần bị xoá nhòa; cuộc sống doanh trại thật phũ phàng, ngay cả đối với những tư chất quý phái. Trong hai bản chất trái ngược nhau tạo thành cá tính của d'Artagnan, cái bản chất vật chất dần dần lấn át, và cứ nhẹ nhàng ít một ít một không thể nhận thấy. D'Artagnan vốn luôn luôn sống cuộc đời doanh trại, cuộc đời đồn trú, luôn luôn trên mình ngựa, đã trở thành (tôi không biết thời ấy gọi thế nào) như thời nay người ta gọi là một lính già thực thụ.

Không phải vì thế d'Artagnan mất đi cái tinh khôn sơ khai, không đâu. Trái lại, có lẽ cái tinh khôn ấy càng tăng thêm, hoặc ít ra là đáng chú ý gấp đôi dưới một cái vỏ hơi thô lỗ; nhưng cái tinh khôn ấy anh đã áp dụng cho những chuyện nhỏ nhặt, chứ không phải cho những việc lớn của cuộc đời; cho hạnh phúc vật

chất, cho thứ an lạc như lính tráng thường hiểu, nghĩa là có chỗ ở tốt, có bữa ăn ngon và có cô chủ nhà tử tế.

Và d'Artagnan đã tìm được cả mấy thứ đó từ sáu năm nay ở phố Tiquetonne tại quán mang tên de La Chevrette"Con dê cái nhỏ".

Trong thời gian đầu ở quán này, bà chủ người Flamande trạc hai lăm hai sáu tuổi đẹp và tươi trẻ, say mê anh một cách lạ lùng. Sau mấy chuyện tình tự, bị người chồng khó chịu ngăn trở, d'Artagnan đến chục lần làm ra bộ sắp đâm kiếm xuyên suốt người ông ta đến nơi; một buổi sáng nọ người chồng đã biến mất, chuồn đi hẳn sau khi đã bán lén dăm chai rượu vang và mang theo tiền bạc cùng tư trang. Người ta tưởng ông ta chết; nhất Ià người vợ tự phỉnh mình bằng cái ý nghĩ ngọt ngào là mình goá bụa, càng dũng cảm bảo vệ ý kiến cho rằng ông ta đã qua đời. Cuối cùng sau ba năm cố ra sức giữ gìn cho mối quan hệ khỏi bị tan vỡ, d'Artagnan thấy rằng mỗi năm chỗ trú ngụ của anh và bà chủ của anh càng thú vị hơn bao giờ hết, vì cái nọ làm tăng thêm ảnh hưởng cho cái kia, bà chủ đưa ra một yêu cầu quá đáng là trở thành vợ, và tỏ ý muốn d'Artagnan lấy bà ta.

-Á à? Xì! – D'Artagnan trả lời. – Lấy hai chồng ư, bà thân mến? Thế nào, bà không nghĩ đến điều đó sao?

-Nhưng mà ông ấy chết rồi, tôi chắc chắn như vậy.

-Đó là một tay rất ngang ngạnh và hắn sẽ trở về để treo cổ chúng ta.

-Thế thì, nếu hắn về, ông sẽ giết luôn hắn đi, ông dũng cảm và khéo léo thế kia mà!

-Ghê chưa, bà bạn thân mến? Đấy cũng là một cách khác để được treo cổ.

-Như vậy, ông từ chối yêu cầu của tôi ư?

-Ô hay! Làm gì mà quyết liệt thế!

Bà chủ quán xinh đẹp đau khổ lắm. Bà rất muốn d'Artagnan không những làm chồng bà, mà làm Chúa của bà nữa, đó là một trang nam nhi tuấn tú, một binh sĩ hiên ngang.

Vào năm thứ tư của mối quan hệ ấy xảy ra cuộc viễn chinh đến Franche-Comté. D'Artagnan được cử vào đoàn quân ấy và sửa soạn lên đường. Thế là diễn ra những đau khổ xé lòng, những dòng lệ rơi. bất tận, những nguyện thề thủy chung long trọng, tất nhiên tất cả là từ phía bà chủ. D'Artagnan thì vốn quá là ông hoàng, nên không thể không hứa hẹn gì, cho nên anh hứa sẽ làm những gì có thể làm được để thêm phần vẻ vang cho tên tuổi của anh.

Về mặt này, ai còn lạ gì tinh thần quả cảm của d'Artagnan. Anh liều thân một cách tuyệt vời, và dẫn đầu đại đội mình để công kích, anh bị một viên đạn xuyên qua người và ngã sóng soài trên trận địa.

Người ta trông thấy anh rơi từ trên mình ngựa xuống mà không thấy anh trở dậy, nên chắc là anh đã chết, và tất cả những người hy vọng kế tục chức vụ của anh đều nói phứt rằng anh chết rồi, người ta dễ tin điều mà người ta mong ước;

như ở trong quân đội, từ các ông tướng sư đoàn mong ước cái chết của vị tướng tổng tư lệnh cho đến những người lính trơn mong ước cái chết của thày cai, mọi người đã mong ước cái chết của một người nào đó.

Song d'Artagnan không phải loại người dễ chịu bị giết như vậy.

Sau khi bị ngất và nằm trong cái nóng nực ban ngày, anh hồi tỉnh nhờ cái mát mẻ ban đêm, anh lần vào một làng, đến gõ cửa ngôi nhà đẹp nhất và được đón tiếp như mọi người Pháp bị thương ở mọi nơi, mọi lúc. Anh được nâng niu, chăm sóc, chữa chạy, và khỏe khoắn hơn bao giờ hết, một buổi sáng nọ, anh lên đường về Pháp, về nước rồi anh lên đường đi Paris, rồi thì anh về giữa phố Tiquetonne.

Nhưng d'Artagnan thấy căn phòng mình bị chiếm bởi một cải mắc áo treo trọn bộ y phục đàn ông chỉ thiếu thanh kiếm đặt sát tường.

Anh được biết nhà đã nuôi thằng ở mới, con hầu mới, bà chủ nhà đang, đi dạo chơi.

-Bà ta đi một mình à? – D'Artagnan hỏi.

-Với ông ấy ạ.

-Vậy là ông ấy đã trở về ư?

-Chắc thế – cô hầu thật thà trả lời.

D'Artagnan tự nhủ thầm: "Nếu có tiền, ta sẽ ra đi ngay, nhưng vì không có tiền, ta phải ở lại đây và làm theo lời khuyên của bà chủ nhà của ta bằng cách ngăn cản những toan tính linh hoạt vợ chồng của kẻ trở về hãm tài kia".

Anh vừa kết thúc bản độc thoại ấy, điều đó chứng tỏ trong những hoàn cảnh trọng đại không có gì tự nhiên bằng độc thoại, thì cô hầu đang rình cửa bỗng kêu lên: -A này? Đúng là bà chủ đang trở về với ông ấy.

D'Artagnan đưa mắt ra xa nhìn ngoài đường, quả nhiên thấy ở ngay con đường Montmartre, bả chủ đi về và bám vào cánh tay của một người lính Thụy Sĩ rất đồ sộ, hắn ta đi cứ núng na núng nính với những điệu bộ gợi nhớ một cách thú vị hình ảnh Porthos trong đầu người bạn thân thiết cũ.

-Đức ông chồng đấy ư? – D'Artagnan tự nhủ – Ô, ồ! Dường như hắn đã lớn vồng lên!

Và anh ngồi lại phòng ở một chỗ rất dễ nhìn thấy.

Bà chủ nhà bước vào chợt nhận ra d'Artagnan và khẽ kêu lên một tiếng.

Nghe tiếng kêu nho nhỏ ấy, d'Artagnan biết rằng bà đã nhận ra anh, bèn đứng dậy, chạy đến ôm hôn bà ta rất trìu mến.

Tên Thụy Sĩ ngơ ngác nhìn bà chủ quán đang tái nhợt cả người.

Trong lúc bối rối cực kỳ, bà nói: -À! Ông đấy à! Ông cần gì ở tôi thế?

Không mảy may bị chưng hửng trong vai trò mình đang đóng, d'Artagnan nói: -À! Ông đây là anh em họ bà à? Ông đây là anh bà à?

Và chẳng đợi bà trả lời, anh nhảy ra ôm tên Thụy Sĩ, hắn cứ để mặc anh làm, vẻ mặt lạnh như băng.

-Ông này là thế nào? – Hắn hỏi.

Bà chủ đáp lại bằng những tiếng nghẹn ngào.

-Người Thụy Sĩ này là thế nào? – D'Artagnan hỏi.

-Ông ấy sắp cưới tôi, – bà chủ trả lời giữa hai cơn giật.

-Vậy là chồng bà cuối cùng đã chết rồi à?

-Chuyện đó can hệ gì đến ông? – Người Thụy Sĩ nói.

-Can hệ lắm chứ? – D'Artagnan đáp – Vì ông không thể cưới bà ta mà không được sự đồng ý của tôi và vì…

-Vì sao? – Người Thụy Sĩ hỏi.

-Vì tôi không cho. – Người lính ngự lâm đáp.

Tên Thụy Sĩ mặt đỏ lên như hoa mẫu đơn, hắn bận quân phục rất bảnh mạ vàng, d'Artagnan choàng một chiếc áo choàng xẫm, tên Thụy Sĩ cao sáu bộ[170], d'Artagnan không hơn năm bộ, người Thụy Sĩ coi như ở nhà mình, d'Artagnan như một kẻ đột nhập.

-Ông có đi ra khỏi đây không? – Người lính Thụy Sĩ hỏi và giậm mạnh chân như một người bắt đầu tức giận thực sự.

-Tôi ấy à? Không đâu? – D'Artagnan nói.

-Ồ chỉ có việc đi tìm kẻ trợ lực – một thằng ở nói, hắn chỉ có thể hiểu là cái người nhỏ bé này muốn tranh chỗ với người hộ pháp kia.

Cơn giận bắt đầu lên đến cổ, d'Artagnan liền túm lấy tai thằng ở mà quát: -Mày, mày phải đứng yên tại chỗ và không được động đậy, nếu không tao sẽ dứt đứt cái mà tao đang cầm đây. Còn về phía ông, vị con cháu lẫy lừng của hoàng đế Guillaume Tell, ông hãy gói ghém quần áo của ông đang để trong phòng tôi và gây phiền cho tôi, và đi ngay lập tức mà tìm kiếm một quán trọ khác.

Tên Thụy Sĩ phá ra cười ầm ĩ.

-Tôi ấy à? – Hắn nói – Mà vì sao?

-A, được lắm! – D'Artagnan nói. – Tôi thấy là ông hiểu tiếng Pháp. Thế thì ông hãy đi chơi một vòng với tôi, và tôi sẽ giải thích cho ông sau.

Bà chủ quán biết rõ d'Artagnan là một tay kiếm giỏi, nên bắt đầu khóc lóc và bứt tóc bứt tai.

D'Artagnan quay lại phía người đẹp đang khóc than và bảo: -Thế thì bà hãy đuổi hắn đi.

Tên Thụy Sĩ phải mất một lúc mới hiểu ra đề nghị mà d'Artagnan đề ra với hắn, hắn nói: -Chà. Trước hết ông là ai mà dám đề nghị tôi đi chơi với ông một vòng.

-Tôi là trung uý ngự lâm của Hoàng thượng – D'Artagnan đáp. – do đó tôi là thượng cấp của ông. Tuy nhiên không phải là vấn đề cấp bậc ở đây mà là phiếu phân phối chỗ ở. Ông biết thủ tục rồi. Ông hãy đi lấy phiếu của ông. Ai trở lại đây trước sẽ lấy lại phòng của mình.

D'Artagnan dẫn tên Thụy Sĩ đi, mặc những lời than vãn của bà chủ quán; trong thâm tâm bà cảm thấy lòng mình nghiêng về phía mối tình xưa; nhưng cũng không bực mình vì dạy một bài học cho anh chàng ngự lâm quân kiêu căng kia đã xúc phạm đến bà khi từ chối lấy bà.

Hai địch thủ đi thẳng đến đường hào Montmartre.

Khi đến nơi thì trời đã tối, d'Artagnan lịch sự đề nghị tên Thụy Sĩ nhường phòng cho mình và đừng đến đấy nữa; hắn lắc đầu từ chối và rút kiếm ra.

-Thế thì ông hãy nằm lại ở đây, – D'Artagnan nói – chỗ trú ngụ này tồi lắm, nhưng không phải lỗi của tôi, mà chính ông đã muốn vậy.

Nói xong, đến lượt anh tuốt kiếm và chạm kiếm với địch thủ.

Anh gặp phải một tay cứng cựa, nhưng sự mềm dẻo của anh vượt mọi sức mạnh. Thanh trường kiếm của tên người Thụy Sĩ không lúc nào chạm được vào kiếm của người ngự lâm. Tên Thụy Sĩ xơi hai nhát kiếm trước khi nhận biết được vì quá rét, tuy nhiên bỗng chốc do mất máu và đuối sức đi trông thấy hắn buộc phải ngồi xuống.

-Đấy nhé! – D'Artagnan nói – Tôi đã bảo trước mà. Ông đã đi quá trớn và đến là bướng bỉnh! Cũng may, ông chỉ phải nằm độ mười lăm ngày thôi. Hãy ở đây, tôi sẽ cho thằng hầu mang quần áo đến cho ông. Tạm biệt, Nhân tiện xin mách ông hãy đến quán Con Mèo Mơn Trớn ở đường Montorgueil, ở đấy sẽ được nuôi dưỡng đầy đủ, nếu vẫn là bà chủ quán cũ. Vĩnh biệt nhé!

Rồi anh hí hửng trở về, sai đưa quần áo đến cho tên Thụy Sĩ. Tên hầu thấy hắn vẫn ngồi đúng chỗ mà d'Artagnan để hắn lại và táng đởm kinh hồn vì lòng gan dạ vững vàng của người địch thủ.

Tên hầu, bà chủ quán và cả nhả kính trọng d'Artagnan như người ta kính trọng thần Hercule, nếu ông trở lại trần gian để bắt đầu lại mười hai kỳ tích của ông ta.

Nhưng khi còn một mình với bà chủ nhà, anh nói: -Bây giờ bà hiểu rõ khoảng cách từ một tên lính Thụy Sĩ đến một nhà quý tộc, còn về phàn bà, bà đã cư xử như một con mụ chủ quán. Mặc kệ bà, nhưng vì cách cư xử ấy bà làm tôi mất uy tín với khách khứa giao thiệp của tôi, tôi sẽ không trọ ở đây nữa, tôi chẳng ở cái nơi, mà mình khinh rẻ. Ơ này, thằng hầu! Cho mang va-li của ta đến khách sạn Bồn ái ân ở đường Bourdonnais. Vĩnh biệt bà!

Khi tuôn ra những lời lẽ ấy, d'Artagnan tỏ ra vừa oai nghiêm vừa ái ngại. Bà chủ quản phục xuống dưới chân anh, vừa xin lỗi vừa giữ anh lại bằng một sự hung tợn ngọt ngào. Còn biết nói thế nào nữa! Cái chĩa nướng thịt lại quay, cái chảo rán lại xèo xèo, mỹ nhân Madeleine khóc lóc, d'Artagnan cảm thấy cái đói, cái rét và tình yêu cùng đến với anh, anh tha thứ, và đã tha thứ thì anh ở lại.

Sự tình d'Artagnan đến ở quán "Con dê cái nhỏ" Tiquetonne là như thế đấy.

§7. D'Artagnan gặp khó khăn, nhưng một người quen biết của chúng ta đến giúp anh

D'Artagnan trở về vừa đi vừa đăm chiêu suy nghĩ. Anh thấy hào hứng khi mang túi tiền của giáo chủ Mazarin và khi nghĩ đến chiếc nhẫn kim cương đẹp trước kia đã từng là của anh và có một lát anh đã trông thấy nó lấp lánh ở ngón tay ông tể tướng. Anh tự bảo:

"Giá cái nhẫn kim cương ấy lại rơi vào tay mình, mình sẽ bán ngay lấy tiền, mình sẽ mua hết bất động sản ở chung quanh lâu đài của cha mình, ngôi nhà đẹp thật đấy, nhưng về công trình phụ chỉ có một mảnh vườn lớn gần bằng cái nghĩa trang. Những Kẻ Vô Tội. Ta sẽ ngồi nhà và đàng hoàng ngồi đợi một nàng thừa kế giàu có say mê cái tốt mã của ta và đến lấy ta; rồi ta sẽ có ba cậu con trai, ta sẽ nuôi dạy đứa lớn thành một đại thần như Arthos, đứa thứ hai – một chàng lính bảnh bao như Porthos, đứa thứ ba – một tu viện trưởng lịch sự duyên dáng như Aramis. Thực tình mà nói, như thế còn tốt hơn cuộc sống hiện nay của ta, nhưng khốn thay lão Mazarin là một tên đê tiện, chẳng có hảo ý nhường lại cái nhẫn kim cương ấy cho ta".

Không biết d'Artagnan sẽ nói thế nào khi anh biết rõ rằng hoàng hậu đã nhờ Mazarin đưa lại cái nhẫn ấy cho anh?

Về đến phố Tiquetonne, anh thấy có tiếng ồn ào và một đám tụ tập lớn ở quanh nhà anh.

-A, a! – Anh nói. – Hay là cháy ở quán "Con dê cái nhỏ"? Hay là chồng của nàng Madeleine xinh đẹp dứt khoát trở về.

Chẳng phải chuyện này cũng chẳng phải chuyện nọ. Đến gần, d'Artagnan mơi rõ là người ta tụ tập không phải ở trước nhà anh mà trước nhà bên cạnh. Người ta kêu la om xòm, người ta vác đuốc chạy và dưới ánh đuốc, d'Artagnan nhận ra những bộ quân phục.

Anh hỏi xem có chuyện gì xảy ra.

Người ta cho biết là có một thị dân cùng với hai chục người bạn đã tấn công một cỗ xe có các vệ sĩ của tể tướng đi hộ tống, nhưng có viện binh ập đến, đám thị dân bỏ chạy. Tên cầm đầu đám ấy trốn vào một nhà ở giáp quán và lính đang sục sạo trong nhà ấy.

Hồi còn trẻ, có lẽ d'Artagnan đã chạy tới chỗ anh nhìn thấy những bộ quân phục và giúp sức cho bọn lính chống lại đám thị dân; nhưng bây giờ anh đã ngán tất cả những cơn nóng đầu ấy rồi. Vả lại, trong túi đang có một trăm pistol của ngài giáo chủ, anh chẳng muốn mình phiêu lưu vào trong một đám đông.

Anh chẳng hỏi gì thêm và bước vào quán.

Xưa kia, bao giờ d'Artagnan cũng muốn biết rõ tất cả, giờ đây bao giờ anh cũng biết rõ khá nhiều.

Anh thấy nàng Madeleine xinh đẹp không chờ đợi anh, vì tưởng anh ở đêm tại cung Louvre như anh đã dặn. Thấy anh trở về bất ngờ, bà mừng rỡ và nồng nhiệt đón tiếp anh, càng mừng hơn vì bà vừa mới trải qua một cơn sợ hãi hết hồn về việc đang xảy ra ở ngoài phố, mà bà thì không có một người lính Thụy Sĩ nào để bảo vệ cho bà.

Cho nên bà muốn bắt chuyện với anh và kể lể việc đã xảy ra; nhưng d'Artagnan bảo bà cho mang bữa ăn tối lên phòng anh và kèm theo một chai rượu vang Bourgogne lâu năm.

Bà Madeleine xinh đẹp được dạy cho quen với cách tuân lệnh kiểu nhà binh, nghĩa là theo một cử chỉ ra hiệu. Lần này d'Artagnan lại còn hạ cố nói nên lời, thành ra anh được bà tuân lệnh nhanh gấp hai lần.

D'Artagnan cầm chìa khóa và cây nến đi lên phòng mình. Để khỏi ảnh hưởng tới việc cho thuê phòng, anh tự bằng lòng với một phòng ở tận tầng tư. Vì tôn trọng chân lý, chúng tôi buộc phải nói thẳng ra rằng căn phòng ở ngay sát dưới ống máng và ở dưới mái nhà.

Đó là chiếc lều Asin[171] của anh. D'Artagnan ở lì trong buồng mỗi khi anh muốn trừng phạt Madeleine bằng sự vắng mặt của mình.

Sự quan tâm đầu tiên của anh là nhét túi tiền vào ngăn một cái bàn cổ mà khoá còn mới, anh cũng chẳng cần kiểm tra xem số tiền là bao nhiêu, rồi một lát sau, bữa cơm tối được dọn ra, chai rượu vang đem đến, anh cho tên hầu đi ra, đóng cửa và ngồi vào bàn.

Không phải suy nghĩ như người ta tưởng; nhưng d'Artagnan nghĩ rằng chỉ có thể làm tốt mọi việc bằng cách làm lần lượt từng việc một. Anh đang đói, anh ăn, rồi sau bữa ăn anh đi nằm. D'Artagnan cũng chẳng phải loại người cho rằng ban đêm thường đem đến cho người ta nhiều điều khuyên bổ ích: ban đêm d'Artagnan ngủ khì.

Nhưng trái lại buổi sáng, trong người tỉnh táo, tinh khôn hẳn, anh tìm thấy những cảm hứng hay nhất. Từ lâu anh chẳng có cơ hội để suy nghĩ vào buổi sáng, nhưng ban đêm anh vẫn ngủ.

Sớm tinh mơ, anh thức giấc, nhảy khỏi giường với một quyết tâm thật là lính và vừa đi lững thững quanh buồng, vừa ngẫm nghĩ.

-Năm 43 – anh nói – khoảng gần tháng sáu, khi cố giáo chủ qua đời mình nhận được lá thư của Arthos. Ở đâu nhỉ! Xem nào… à! Đó là tại cuộc bao vây Besançon, mình nhớ ra rồi… mình đang ở trong hào? Cậu ta nói gì nhỉ? Cậu ấy ở một mảnh đất nhỏ, phải, đúng thế, một mảnh đất nhỏ; nhưng ở đâu? Mình đọc đến đấy thì có cơn gió cuốn bay đi. Giá như ngày xưa là hẳn mình sẽ đi tìm, mặc dù gió cuốn lá thư ra một chỗ trống trơn.

Nhưng tuổi trẻ là một thiếu sót lớn… khi người ta không còn trẻ nứa. Mình đã để cho lá thư bay đi đến chỗ quân Tây Ban Nha, mang theo địa chỉ của Arthos mà chúng chẳng cần đến và lẽ ra phải trả lại mình chứ. Vậy là không nghĩ đến Arthos nữa. Xem nào… Porthos. Mình đã nhận được bức thư của cậu ta, cậu ấy mời mình đến dự một hội săn lớn trong vùng đất đai của cậu ấy, vào tháng Chín năm 1646. Rủi thay. Hồi ấy mình đang về quê ở Bearn vì ông bố mình mất, lá thư đuổi theo mình, khi mình đi thì nó lại đến. Rồi nó lại theo mình và đến Montmédy mấy ngày sau khi mình rời thành phố này. Cuối cùng nó tới tay mình vào tháng Tư, nhưng lại là tháng Tư năm 1667 mà giấy mời đến dự vào tháng chín cuối năm 1646, cho nên chẳng còn tác dụng gì. Nào ta hãy tìm bức thư ấy và chắc nó phải có tước hiệu trang ấp?

D'Artagnan mở một cái hòm nhỏ cũ kỹ nằm ở góc buồng đầy những giấy tờ liên quan đến đất đai của d'Artagnan, từ hai trăm năm nay giấy tờ ấy hoàn toàn ra khỏi gia đình anh, và anh thốt ra một tiếng kêu mừng rỡ: anh vừa nhận ra một nét chữ to đùng của Porthos và ở dưới có mấy dòng chữ nhỏ li ti do bàn tay khô héo của bà phu nhân xứng đáng của cậu ta viết.

D'Artagnan không buồn đọc chơi lại lá thư, anh biết nó viết gì, anh xem vội địa chỉ.

Địa chỉ là: ở lâu đài du Vallon.

Porthos đã quên béng một chỉ dẫn khác. Trong niềm kiêu hãnh của mình, anh ta tưởng tất cả thiên hạ đều phải biết cái lâu đài mà anh ta đã lấy tên mình đặt cho nó.

"Quỷ bắt cái thằng huênh hoang này? – D'Artagnan nói, – bao giờ nó cũng vẫn thế! Tuy nhiên mình cần bắt đầu từ cậu ta, chắc nó chẳng cần đến tiền nong, nó đã thừa kế tám trăm nghìn livres của ông Coquenard[172]. Này, đó là người cần nhất mà mình đang thiếu. Arthos uống rượu lắm vào chắc đến đần độn người ra rồi. Còn Aramis hẳn đang chìm ngập trong việc cầu nguyện!

D'Artagnan lại đưa mắt nhìn bức thư của Porthos.

Dưới thư có một dòng tái bút như sau:

"Cùng với chuyến thư này, tôi viết cho Aramis, anh bạn xứng đáng của chúng ta ở tu viện của anh ta".

"Ở tu viện của anh ta! Ừ, nhưng mà tu viện nào? Có đến hai trăm tu viện ở Paris và ba nghìn tu viện ở nước Pháp. Lại nữa khi vào tu viện cậu ta có thể đổi tên đến ba lần. A! Ví phỏng mình thông thái về thần học và chỉ cần nhớ cái chủ đề các luận án cậu ta tranh cãi rất hay với với ông linh mục Montdidie ở Crèvecoeur và ông tăng viện trưởng dòng Jesus, mình sẽ biết cậu ta thuộc phái nào. Và từ đó suy ra cậu ta thờ phụng thánh nào. Kể ra nếu mình đến ông giáo chủ, xin ông ta cấp cho một giấy thông hành có thể vào bất cứ tu viện nào, kể cả tu viện các nữ tu sĩ nhỉ! Đó cũng là một ý hay và có khi mình sẽ tìm thấy cậu ta.

Ở đấy giống như Asin… Ô, nhưng mà như thế khác gì thú nhận ngay từ đầu sự bất lực của mình, và ngay từ việc đầu tiên mình đã đi đứt trong tâm trí của giáo chủ.

Những quan to chỉ biết ơn khi nào người ta làm cho họ cái việc không có thể. Họ sẽ bảo chúng ta rằng: "Nếu là việc có thể thì tôi tự làm lấy mình cũng được". Và những quan to nói phải. Nhưng hãy đợi tí và xem nào. Mình cũng đã nhận một bức thư của cậu ta, người bạn thân thiết, đúng thế nên cậu ta mới nhờ mình một việc nhỏ và mình đã giúp. À, đúng rồi, nhưng mình đã nhét cái thư ấy vào đâu chứ?

D'Artagnan ngẫm nghĩ một lát, rồi tiến về phía cái mắc áo treo những áo cũ của anh. Anh tìm chiếc áo khoác ngắn của mình dùng năm 1646, và do là một chàng trai có trật tự ngăn nắp, anh thấy nó được móc ở một cái đinh. Anh móc túi áo ra một mảnh giấy, đúng là thư của Aramis. Thư viết:

"Anh d'Artagnan, xin anh biết cho rằng tôi đang có chuyện xích mích với một người quý tộc, hắn đã hẹn tôi chiều nay đến quảng trường Hoàng cung. Vì tôi là một người tu hành và việc ấy có thể hại cho tôi nếu tôi cho người khác biết, ngoài một người bạn thật tin cậy như anh, nên tôi viết cho anh để nhờ anh làm người trợ thủ cho tôi.

Anh sẽ đến đường Neuve-Sainte-Catherine; tới ngọn đèn thứ hai bên phải, anh sẽ thấy địch thủ của anh. Tôi sẽ cùng địch thủ của tôi ở dưới ngọn đèn thứ ba.

Tận tình với anh, Aramis!"

Lần ấy chẳng có đến lời từ biệt. D'Artagnan cố nhớ lại kỷ niệm ấy. Anh đi đến chỗ hẹn, gặp địch thủ như đã dặn và anh chẳng biết tên, tặng hắn một nhát kiếm nên thân vào cánh tay, rồi anh đến chỗ Aramis thì Aramis cũng đã kết thúc cuộc đấu của mình rồi và đang đi đến với anh. Aramis nói: -Xong rồi, tôi chắc là đã giết chết tên hỗn láo. Nhưng bạn thân mến ơi, nếu anh cần đến tôi thì anh biết rằng tôi hết lòng tận tụy với anh.

Nói xong Aramis bắt tay anh và biến đi dưới những ô cửa tò vò.

Thế là về chỗ ở của Aramis, d'Artagnan cũng chẳng biết rõ hơn chỗ ở của Porthos và Arthos. Vấn đề bắt đầu trở nên rối rắm, thì anh nghe như có tiếng một tấm kính ở phòng anh bị đập vỡ. Lập tức anh nghĩ ngay đến túi tiền ở trong bàn và lao ngay vào phòng.

Anh không lầm: lúc anh vào bằng cửa chính thì có một người vào qua cửa sổ.

-A! Tên khốn nạn! – D'Artagnan kêu lên, anh tưởng đó là một kẻ trộm và vớ lấy thanh kiếm.

-Ấy thưa ông? – Người kia kêu lên. – Lạy trời, xin ông hãy tra kiếm vào bao và chớ giết tôi mà không nghe tôi nói! Tôi không phải là một tên ăn trộm, trái lại,

tôi là một thị dân hẳn hoi, có nhà cửa đàng hoàng. Tôi tên là… Ơ này, nếu tôi không lầm thì ông là ông d'Artagnan.

-Còn cậu, Planchet hả! – Viên trung uý kêu lên.

-Để hầu hạ ông, nếu tôi còn làm được, – Planchet mừng quýnh lên nói.

-Có thể lắm, – D'Artagnan đáp, – nhưng mà làm thế quái nào mà cậu lại chạy trên mái nhà vào lúc bảy giờ sáng giữa tiết tháng Giêng này?

-Thưa ông, ông cần biết rằng – Planchet nói, – nhưng xét ra có lẽ ông không nên biết.

-Ô hay, sao thế! Nhưng trước hết hãy đặt một cái khăn trước ô kính và kéo rèm lại.

Planchet vâng lời và khi làm xong, d'Artagnan hỏi: -Thế nào?

Tên Planchet khôn ngoan đáp: -Thưa ông, trước hết, ông đối với ông Rochefort thế nào.

-Rất tốt! Sao vậy? Rochefort ư, cậu có biết rằng ông ta bây giờ là một trong những người tốt nhất của tôi không?

-A, càng hay.

-Nhưng giữa Rochefort với cái cách đột nhập vào phòng tôi thì có liên quan gì với nhau hả?

-Ấy đấy thưa ông? Cần phải thưa với ông rằng ông de Rochefort…

-Mẹ kiếp! – D'Artagnan kêu – Tôi thừa biết ông ấy ở ngục Bastille.

-Nghĩa là ông ta đã ở đó, – Planchet đáp.

-Thế nào? Ông ta đã ở đó! – D'Artagnan kêu lên. – Phải chăng ông ta có diễm phúc thoát rồi?

-A, thưa ông, – đến lượt Planchet kêu lên, – nếu ông gọi đó là diễm phúc, thì mọi sự đều ổn, vậy phải nói với ông rằng, hình như hôm qua người ta cho người đến Bastille đem ông Rochefort đi.

-Mẹ kiếp, ta biết thừa, bởi vì chính ta tới kiếm ông ấy.

-Nhưng không phải ông đã đưa ông ta trở lại đó, thật may cho ông; bởi vì nếu tôi nhận ra ông trong đoàn hộ tống thì ông hãy tin rằng bao giờ tôi cũng kính trọng ông quá.

-Nói nốt đi, con khỉ! Nào, thế rồi sao?

-Ấy! Thế rồi khi đến giữa phố Hàng Sắt, nhân xe chở ông Rochefort đi qua một đám dân chúng và bọn lính áp giải hành hạ những người thị dân, thế là người ta ồn ào lên; người tù nghĩ cơ hội thật là thuận tiện, bèn tự xưng tên và kêu cứu. Lúc ấy tôi đang ở đó, tôi nhận ra tên ông bá tước de Rochefort và nhớ rằng chính ông ấy đã cử tôi làm viên đội trong trung đoàn Piémont, tôi bèn nói to lên rằng người tù này là bạn của quận công de Beaufort. Mọi người liền nổi dậy, chặn ngựa lại, đánh tan đoàn áp giải. Trong khi tôi mở cửa xe, ông Rochefort nhảy xuống đất lẫn vào đám đông. Khốn thay khi ấy một đội tuần tra đi qua, chúng

hợp với toán vệ sĩ và tấn công chúng tôi. Tôi vừa đánh vừa rút về phía phố Tiquetonne, tôi bị đuổi riết phải trốn vào một nhà ở cạnh nhà này; bọn chúng đã bao vây, sục sạo nhưng uổng công. Tôi đã gặp ở tầng năm một người tốt bụng giấu tôi giữa hai tấm nệm. Tôi đã nằm lại trong chỗ ẩn nấp của tôi, hoặc gần như thế, cho đến sáng, và nghĩ rằng đến chiều họ lại bắt đầu những cuộc lục soát, tôi đánh liều bò lên ống máng, tìm kiếm một lối vào sau đó một lối ra trong một ngôi nhà nào đó không bị canh gác. Câu chuyện của tôi là thế đấy và thưa ông, xin lấy danh dự mà thề rằng tôi sẽ rất thất vọng nếu nó làm ông chán tai.

-Không đâu, – D'Artagnan nói, – thực sự tôi rất mừng là Rochefort đã được tự do, nhưng cậu có biết rõ điều này không: nếu cậu rơi vào tay những người của nhà vua, cậu sẽ bị treo cổ không dung tha.

-Mẹ kiếp, tôi biết lắm chứ! – Planchet nói- Đó chính là điều làm cho tôi sợ hết hồn, và đấy, về sau tôi rất mừng khi gặp lại ông; bởi vì nếu ông mà muốn giấu tôi thì chẳng có ai làm việc đó tốt hơn ông.

-Phải, – D'Artagnan nói, – tôi không đòi hỏi gì hơn, dù rằng tôi chỉ phải hy sinh không hơn không kém cái chức vị của tôi, nếu như người ta biết rằng tôi đã cho một tên phiến loạn ẩn náu.

-Ôi, thưa ông, xin ông biết cho rằng tôi có thể liều mạng vì ông.

-Cậu có thể thêm hẳn vào là cậu liều mạng rồi, Planchet ạ. Tôi chỉ quên những điều tôi cần phải quên, nhưng còn điều này, tôi muốn nhớ lại: Cậu ngồi xuống đây, bình tĩnh mà ăn đi, bởi vì tôi nhận thấy cậu nhìn những món ăn thừa của bữa ăn của tôi với một cái nhìn biểu hiện cảm xúc nhất.

-Vâng, thưa ông, bơi cái tủ buffet của nhà bên cạnh rất hiếm của chất bột, và vì trưa hôm qua tôi mới ăn có một lát bánh với mứt. Mặc dầu tôi chẳng chê các của ngọt khi nó đến đúng nơi đúng chốn, tôi thấy bữa ăn tối hơi nhẹ.

-Khổ thân cậu! – D'Artagnan nói. – Bình tâm lại đi.

-Ôi, ông ơi, ông đã cứu mạng tôi hai lần, – Planchet nói.

Rồi anh ta ngồi xuống bàn và ăn nghiến ngấu như những ngày nào ở phố Phu đào huyệt.

D'Artagnan tiếp tục đi đi lại lại, anh cố moi trong óc xem có cách nào tận dụng được Planchet trong những tình huống hiện nay của anh. Trong lúc đó Planchet ra sức hoạt động để bù lại những giờ đã mất.

Cuối cùng anh ta trút một hơi thở phào khoan khoái của một người đói lả báo hiệu rằng sau khi được chén một đợt đầu tiên và chắc dạ, anh ta tạm ngừng một chút.

D'Artagnan nghĩ đến lúc bắt đầu cuộc lục vấn, bèn nói: -Nào, ta hãy tuần tự: cậu có biết Arthos ở đâu không.

-Không, ông ạ, – Planchet đáp.

Đồ quỷ! Cậu có biết Porthos ở đâu không.

-Cũng không.
-Đò quỷ! đồ quỷ! Còn Aramis?
-Cũng không nốt.
-Đồ quỷ! đồ quỷ! đồ quỷ!
-Nhưng, – Planchet nói với vẻ láu cá, – tôi biết Bazin ở đâu.
-Sao, cậu biết Bazin ở đâu à?
-Thưa vâng.
-Thế hắn ở đâu nào?
-Ở Nhà thờ Đức Bà.
-Làm gì ở Nhà thờ Đức Bà?
-Làm phụ thủ.
-Bazin phụ thủ ở nhà thờ Đức Bà? Cậu chắc chắn như vậy ư?
-Hoàn toàn chắc chắn, tôi đã trông thấy anh ta, tôi đã nói chuyện với anh ta.
-Hẳn là hắn ta phải biết hắn ta ở đâu chứ?
-Chắc thế.
D'Artagnan ngẫm nghĩ, rôi lấy áo choàng và thanh kiếm, anh sửa soạn đi ra.
-Ông ơi, – Planchet với vẻ mặt thiểu não nói, – Ông bỏ rơi tôi thế này ư? Xin ông nhớ rằng, tôi chỉ còn hy vọng ở ông thôi.
Nhưng người ta sẽ chẳng đến đây tìm cậu đâu, – D'Artagnan bảo.
Anh chàng Planchet thận trọng nói: -Cuối cùng người ta đến, ông nhớ cho rằng đối với những người trong nhà không trông thấy tôi vào, tôi ắt là một kẻ trộm.
-Đúng đấy, – D'Artagnan nói. – Này thế cậu có nói được một thổ ngữ nào không?
-Tôi còn biết hơn ấy chứ, thưa ông, – Planchet đáp. – Tôi nói một ngôn ngữ, ngôn ngữ Flamant.
-Cậu học nó ở nơi quái quỷ nào thế?
-Ở Artois, nơi tôi đã dự cuộc chiến tranh hai năm. Ông nghe xem: Goeden morgen, mynheer! ltk ben begeeray te weeten the ge sond hects omstand.
-Nghĩa là gì?
-Chào ông! Tôi nóng lòng muốn biết tình trạng sức khỏe của ông thế nào?
-Nó gọi đấy là ngôn ngữ? Nhưng không sao! – D'Artagnan nói, – thế mà tuyệt đấy?
D'Artagnan đi ra cửa gọi một thằng hầu và bảo nó mời bà Madeleine xinh đẹp lên.
-Ông ơi, ông làm gì đấy, – Planchet nói, – Ông định trao cái điều bí mật của chúng ta cho một người đàn bà sao?
-Cứ yên tâm, bà ta sẽ chẳng hé nửa lời.

Lúc ấy bà chủ quán vào. Bà tươi cười chạy đến, tưởng rằng sẽ thấy d'Artagnan một mình, nhưng vừa nhác thấy Planchet, bà kinh ngạc lùi lại.

-Bà chủ thân mến của tôi, – D'Artagnan nói, – tôi xin giới thiệu ông anh của bà từ xứ Flandre đến, tôi nhờ ông ấy đến giúp việc tôi mấy ngày.

-Anh tôi! – Bà chủ nói, giọng mỗi lúc một sửng sốt.

-Hãy chào cô em đi, master Peter.

-Vilkom zueter! – Planchet nói.

-Goeden day, broer! – Bà chủ ngạc nhiên đáp lại.

-Câu chuyện là thế này! – D'Artagnan nói. – Ông đây là anh bà, có thể bà không biết. Ông ấy từ Amsterdam đến. Trong khi tôi đi vắng, bà sẽ sắm sửa quần áo cho ông ấy; khi tôi về, nghĩa là độ một giờ nữa, bà sẽ giới thiệu ông ta với tôi và theo sự gửi gắm của bà. Mặc đầu ông ta sẽ chẳng nói một tiếng Pháp nào, do tôi chẳng có gì từ chối bà, tôi sẽ nhận ông ta vào giúp việc cho tôi, bà hiểu chứ!

-Nghĩa là tôi đoán ra điều ông mong muốn và chỉ cần có vậy, – Madeleine nói.

-Bà là một người phụ nữ quý hoá, bà chủ xinh đẹp của tôi ạ, và tôi tin cậy ở bà.

Nói xong, d'Artagnan làm hiệu riêng với Planchet, rồi ra để đi đến Nhà thờ Đức Bà.

§8. Một nửa đồng Pistol có thể có những ảnh hưởng khác nhau đến một số phụ thủ và Lễ phục sinh

D'Artagnan đi lên Cầu Mới, tự chúc mừng đã gặp lại được Planchet; bởi vì vừa có vẻ giúp được một việc cho chàng trai xứng đáng ấy, trong thực tế d'Artagnan cũng được cậu ta giúp cho một việc. Quả thật lúc này không có gì khoái hơn cho anh bằng một người hầu dũng cảm và thông minh.

Đúng là Planchet rất có thể sẽ chẳng ở giúp việc anh lâu; nhưng khi giành lại vị trí xã hội cũ ở phố Lombards; Planchet vẫn là người chịu ơn d'Artagnan; do cho hắn ẩn náu ở nhà mình, anh đã cứu mạng cho hắn hoặc gần như thế, và d'Artagnan sẽ chẳng phiền lòng có những quan hệ trong giới thị dân vào lúc họ chuẩn bị cuộc chiến tranh với triều đình. Đó sẽ là một nội ứng trong hàng ngũ địch, và đối với một người tinh tế như d'Artagnan, những chuyện vặt vãnh nhất có thể dẫn đến những đại sự.

Thế là trong cái thư thái tinh thần ấy, khá hài lòng về sự tình cờ và về bản thân mình, d'Artagnan tới Nhà thờ Đức Bà. Anh bước lên bậc thềm, vào trong nhà thờ và đến trước một người giữ đồ thánh đang quét tước một giáo đường nhỏ, anh hỏi xem có biết ông Bazin không.

-Ông Bazin phụ thủ ấy à? – Người đó hỏi lại.

-Chính ông ấy.

Ông ta đang hầu lễ messe ở kia kìa, gần tiểu thánh đường Đức Mẹ đồng trinh.

D'Artagnan sướng run người, vì dù cho Planchet đã nói, anh tưởng như chẳng bao giờ gặp lại Bazin; nhưng bây giờ anh đã nắm một đầu dây, anh bảo đảm sẽ đi tới đầu dây kia.

Anh đến quỳ ở trước tiểu giáo đường để khỏi mất hút người của mình. May thay đó là một lễ messe nhỏ và sẽ xong nhanh thôi. Đã quên hết những cầu nguyện và chẳng buồn cầm một quyển kinh, d'Artagnan xem xét Bazin.

Bazin mặc bộ y phục của mình, có thể nói với tất cả vẻ trịnh trọng và toàn phúc. Có thể hiểu rằng bác đã đạt tới, hoặc gần như vậy, thượng đỉnh của những tham vọng, và cái thanh nạm bạc bác cầm trong tay cũng danh giá như cây gậy chỉ huy mà tướng Condé chĩa hoặc không chĩa vào những phòng tuyến quân thù ở trận Fribourg.

Thể xác bác đã thay đổi, nếu có thể nói, hoàn toàn tương tự bộ y phục. Toàn thân bác tròn xoay như là đã Sanoan hoá[173]. Còn mặt bác ta, nhưng chỗ gồ lên đã biến mất. Bác vẫn có cái mũi, nhưng đôi má béo phị lên đã kéo sang hai bên một phần của mũi; cái cằm chảy tuột xuống cổ; đó không phải là mỡ mà như phù nề nó che kín cả mắt, tóc thì cắt vuông và theo kiểu thánh thần che khắp vầng

trán xuống sát lông mày. Cần phải nói ngay rằng cái trán của Bazin ngay thời còn để trần trụi cũng chỉ có cao một đốt rưỡi.

Ông phó mục sư làm xong lễ messe cùng lúc d'Artagnan hoàn tất việc quan sát của mình. Ông nói những lời chú giải thánh lễ, và trước sự sửng sốt của d'Artagnan, ông vừa rút lui vừa ban phước và mọi người quỳ mà nhận lễ. Nhưng sự kinh ngạc của d'Artagnan chấm dứt khi anh nhận ra ở vị tư tế chính ông giáo chủ, nghĩa là Jean-François de Gondy, nổi tiếng, hồi ấy dự cảm thấy vai mà ông đã sắm, bằng cách vung ra những của bố thí, ông bắt đầu làm cho mình rất được lòng dân. Nhằm mục đích tăng thêm cái dân tâm ấy, thỉnh thoảng ông lại đi làm những lễ messe buổi sớm mà chi có đám dân chúng đến dự.

D'Artagnan quỳ gối như những người khác nhận giáng phước và làm dấu; nhưng vào lúc Bazin đi qua, mắt ngước lên trời và khúm núm bước sau cùng, thì d'Artagnan níu lấy gấu áo bác.

Bazin cúi xuống nhìn và nhảy phắt ra đằng sau y như trông thấy một con rắn.

-Ông d'Artagnan – Bác kêu lên, vade retro, Satanas[174].

-Này, bác Bazin thân mến ơi, – viên sĩ quan cười nói, – bác đón tiếp người bạn cố tri như thế này hay sao!

-Thưa ông, – Bazin nói, – những người bạn hữu thật sự của người tín đồ Thiên chúa giáo là những người giúp cho họ được cứu rỗi, chứ không phải những kẻ đi làm chệch hướng của họ.

-Tôi chẳng hiểu bác nói gì, bác Bazin ạ, nhưng tôi không thấy vì sao tôi lại có thể làm một vật chướng ngại cho sự cứu rỗi của bác được.

-Ông quên rồi sao, – Bazin đáp, – suýt nữa ông đã mãi mãi phá hoại sự cứu rỗi của ông chủ tội nghiệp của tôi và cũng tại ông, nên ông ta mới tự làm tội mình ở lại ngự lâm quân, trong khi thiên hướng lôi cuốn ông ta thật mãnh liệt đến Nhà thờ.

-Bác Bazin thân mến ơi, – D'Artagnan nói tiếp, – bác cần thấy rõ ràng ở các nơi mà bác gặp tôi đấy, tôi đã thay đổi nhiều nhiều về mọi mặt: tuổi tác đem đến cho người ta lý trí, và do tôi không hề nghĩ rằng chủ của bác đang làm việc cứu rỗi của mình, tôi mới đến đây muốn bác cho biết ông ấy ở đâu để nhờ, ông ấy giúp đỡ bảo ban cho tôi làm cái việc cứu rỗi của tôi.

-Đúng hơn hãy nói thẳng ra rằng để dẫn ông ấy trở về nơi trần tục. May thay, – Bazin nói tiếp, – tôi chẳng biết ông ấy ở đâu cả, mà chúng ta đang ở trong một thánh thất, tôi không dám nói dối.

Thất vọng đến cùng cực, d'Artagnan kêu lên.

-Trước hết, – Bazin nói, – Aramis là cái tên mất ơn Chúa, trong Aramis người ta thấy Simara là một cái tên ma quỷ, và phúc thay cho ông đã từ bỏ mãi mãi tên đó rồi.

Quyết ý kiên nhẫn đến cùng, d'Artagnan nói: -Cho nên tôi đi tìm không phải là Aramis mà là tu viện trưởng d'Herblay. Thế nào, bác Bazin thân mến, hãy bảo cho tôi biết ông ấy ở đâu?

-Ông d'Artagnan, ông không nghe thấy rằng tôi đã trả lời ông là tôi không biết hay sao?

-Vâng, chắc thế, nhưng về điều này, thì tôi dám cam đoan rằng không thể như thế được.

-Ấy thế mà là sự thật đấy ông ạ, sự thật thuần tuý, sự thật của Chúa.

D'Artagnan thấy rõ là không thể moi gì được ở Bazin; hiển nhiên là Bazin nói dối, nhưng bác ta nói dối đến kiên quyết, nên có thể dễ dàng đoán ra rằng bác ta sẽ không thay đổi điều đã nói dối.

-Thôi được, Bazin! – D'Artagnan nói, – vì bác chẳng biết chủ bác ở đâu thì thôi ta không nói đến nữa, chúng ta hãy chia tay nhau như những người bạn tốt, và bác hãy cầm lấy đồng nửa pistol này để uống mừng cho sức khỏe của tôi.

-Thưa ông, tôi không uống, – Bazin vừa nói vừa oai vệ đẩy tay viên sĩ quan ra, – cái ấy chỉ hợp với người thực tế.

-Không thể cám dỗ nổi? – D'Artagnan lẩm bẩm – Mình thật là xúi quẩy! – D'Artagnan mải suy nghĩ, buông áo Bazin ra, thế là Bazin lợi dụng ngay để vội đánh tháo về phía kho đồ thánh. Sau khi đóng cửa lại, bác mới cảm thấy an toàn.

D'Artagnan đứng yên lặng, suy tư mắt đang đăm đăm nhìn vào cánh cửa đã đặt một rào chắn giữa anh và Bazin, thì cảm thấy có ai đụng nhẹ vào vai mình.

Anh quay lại và sắp thốt ra một tiếng kêu kinh ngạc, cái kẻ đã đụng ngón tay vào anh vội đưa ngón tay ấy lên môi ra hiệu im lặng.

-Anh ở đây, Rochefort thân mến! – Anh khẽ nói.

-Suỵt! Rochefort bảo. – Anh có biết tôi tự do rồi không.

-Tôi biết ngay từ đầu.

-Ai nói?

-Planchet.

-Sao Planchet à!

-Tất nhiên? Chính cậu ta cứu anh.

-Planchet! Quả vậy, tôi ngỡ đã nhận ra hắn ta, bạn thân mến ạ; điều đó chứng tỏ rằng, làm ơn không bao giờ mất đâu.

-Thế anh đến đây làm gì?

-Tôi đến cảm ơn Chúa về sự giải thoát may mắn của tôi, – Rochefort đáp.

-Rồi còn gì nữa chứ? Vì tôi đoán chừng chưa phải đã hết.

-Rồi nhận mệnh lệnh của ông chủ giáo xem bọn tôi có thể làm một chút gì chọc cho lão Mazarin điên người lên.

-Đồ bướng bỉnh! Rồi anh lại đến bị tống vào Bastille nữa cho mà xem.

-Ồ! Về cái đó thì tôi cảnh giới. Tôi xin cam đoan với anh thế!

-Ngoài trời tốt biết bao! – Rochefort thở hít đầy nồng ngực và nói tiếp.- Cho nên tôi sẽ đi dạo ở đồng quê, làm một chuyến về tỉnh lẻ.

-Này, – D'Artagnan nói, – tôi cũng vậy!

-Và không tọc mạch, co thể hỏi anh đi đâu chăng?

-Đi tìm các bạn tôi.

-Bạn nào?

-Những bạn mà hôm qua anh hỏi thăm ấy.

-Arthos, Porthos và Aramis à! Anh đi tìm kiếm họ?

-Phải.

-Nói danh dự đấy chứ?

-Thế chuyện ấy có gì lạ?

-Không. Hơi kỳ. Thế ai nhờ anh đi tìm họ?

-Anh cũng thừa biết.

-Phải đấy.

-Khốn thay tôi chẳng biết họ ở đâu cả.

-Mà anh không có một cách gì để biết tin tức họ ư? Đợi tám ngày nữa, tôi sẽ cho anh biết về họ.

-Tám ngày lâu quá, cần phải tìm ra họ trước ba ngày.

-Ba ngày thì ngắn quá, – Rochefort nói, – mà nước Pháp lại rộng mênh mông.

-Có sao! Anh biết chữ "cần phải" với chữ đó có thể làm được khối việc.

-Thế bao giờ anh bắt tay vào việc tìm kiếm.

-Tôi đang làm đây.

-Chúc anh may mắn!

-Còn anh, chúc anh lên đường bình an! Có thể chúng ta sẽ gặp nhau trên các nẻo đường.

-Chưa chắc.

-Biết đâu đấy? Rủi may, may rủi, biết thế nào.

-Từ biệt nhé!

-Hẹn gặp lại! Tiện đây, nếu lão Mazarin nói với anh về tôi, anh hãy nói với hắn rằng tôi nhờ anh bảo cho hắn, hãy biết chờ xem, không lâu đâu, liệu tôi có như hắn nói, là quá già nua để hành động hay không?

Và Rochefort chia tay với một trong những nụ cười ma quái ngày xưa đã từng khiến d'Artagnan rợn người; nhưng lần này d'Artagnan nhìn theo chẳng chút lo âu và đến lượt anh mỉm cười với một nỗi buồn man mác mà chỉ có kỷ niệm ấy mới có thể in lên gương mặt anh. Anh nói: -Đi đi, con quỷ, mày muốn làm gì thì làm, chẳng can hệ đến ta: không có một chàng Constance thứ hai ở trên đời đâu!

Khi quay trở lại, anh thấy Bazin sau khi cởi bỏ bộ quần áo tu hành đang nói chuyện với người coi giữ đồ thánh mà d'Artagnan đã hỏi han khi mới bước vào

nhà thờ. Bazin tỏ ra rất xao động và đang giơ những cánh tay to nần nẫn và ngắn cũn cỡn làm đủ các động tác. D'Artagnan hiểu rằng chắc chắn bác ta đang dặn dò người kia phải hết sức kín đáo với anh.

Lợi dụng lúc hai người đó đang bận rộn, d'Artagnan lùi ra khỏi nhà thờ và đi đến nấp ở góc phố Canettes. Đứng ở đó mà nhìn thì nếu Bazin đi ra ngoài không thể lọt qua mắt anh được. Năm phút sau, d'Artagnan đã đến vị trí. Bazin xuất hiện ở sân trước giáo đường. Bác ta nhìn khắp xung quanh để yên trí không bị quan sát, nhưng bác không thể nhìn thấy viên sĩ quan chỉ thò mỗi cái đầu ra ở góc một ngôi nhà cách đó năm chục bước. Yên tâm với những biểu hiện đó, bác đánh liều ra phố Đức Bà. D'Artagnan vọt ra khỏi chỗ nấp và vừa kịp trông thấy bác đi qua phố Juiverie, sang phố Calandre và đi vào một ngôi nhà trông bề ngoài giản dị. Cho nên viên sĩ quan không hề nghĩ rằng vị phụ thủ xứng đáng kia lại không ở trong căn nhà đó.

D'Artagnan chẳng buồn đến hỏi nhà ấy. Người gác cổng, nếu có, hẳn phải được báo trước rồi; còn nếu không có thì hỏi ai được. Anh đi vào một quán rượu ở góc phố Saint-Eloi và phố Calandre gọi một lượng d'hypocras[175]. Loại rượu này pha chế phải mất đứt nửa tiếng đồng hồ. D'Artagnan có đủ thì giờ rình Bazin mà chẳng khiến ai nghi ngờ.

Anh trông thấy ở trong quán một thằng lỏi trạc mười hai đến mười ba tuổi vẻ linh lợi mà anh ngờ đã nhìn thấy trước đó hai mươi phút trong bộ quần áo lễ. Anh hỏi chuyện nó và do thằng nhỏ học việc phụ trợ tế chẳng có gì mà phải giấu giếm, anh biết nó làm từ sáu giờ đến chín giờ sáng nghề lễ sinh và từ chín giờ sáng đến nửa đêm nghề hầu bàn.

Trong khi anh nói chuyện với thằng nhỏ, người ta dắt đến cửa nhà Bazin một con ngựa. Con ngựa đóng yên cương sẵn sàng. Một lát sau Bazin xuống.

-Này ông ta đi đâu vậy? – D'Artagnan hỏi.

-Ơ? Tôi biết đâu đấy?

-Nửa pistol nếu mày biết được! – D'Artagnan bảo.

-Cho tôi ấy à? – Thằng bé nói, mắt ánh lên vui mừng, – nếu tôi biết Bazin đi đâu. Chẳng khó gì đâu! Ông không giỡn tôi đấy chứ?

-Không, danh dự sĩ quan. Đây, đồng nửa pistol.

Và anh chìa ra đồng tiền cám dỗ, nhưng chưa đưa cho nó.

-Tôi sẽ đi hỏi bác ta.

-Đó là một cách để chẳng biết được gì cả, – D'Artagnan nói. – Đợi bác ta đi, rồi sau đó. Mẹ kiếp! Hỏi han, lục vấn, dò xét. Đó là việc của mày, đồng nửa pistol vẫn đó. Và anh lại bỏ tiền vào túi.

-Tôi hứa – thằng bé nói với nụ cười ranh mãnh chỉ có ở bọn nhóc Paris, – Thế thì, ta đợi xem.

Chẳng phải đợi lâu, năm phút sau, Bazin đi nước kiệu nhỏ, dùng cán ô thúc ngựa.

Bazin bao giờ cũng có thói quen mang ô thay cho roi ngựa.

Bác vừa mới ngoặt góc phố Juiverie thì thằng nhóc đã lao theo như con chó săn đuổi theo mồi.

D'Artagnan lại ngồi vào bàn chỗ anh đã ngồi khi mới vào, hoàn toàn chắc chắn rằng trước mười phút anh sẽ biết điều mình muốn biết.

Quả nhiên trước cả thời gian dự kiến, thằng nhỏ trở về.

-Thế nào! – D'Artagnan hỏi.

-Thế là đã biết rồi, – thằng bé đáp.

-Thế bác ta đi đâu?

-Đồng nửa pistol vẫn dành cho tôi chứ?

-Tất nhiên rồi. Trả lời đi.

-Cho tôi xem nào. Đưa tôi xem có phải tiền giả không?

-Đây!

-Ông chủ ơi. – thằng bé nói, – Ông khách đây cần đổi tiền lẻ.

Người chủ đang ở quầy, đưa tiền lẻ và cầm lấy đồng nửa pistol.

Thằng nhóc bỏ tiền lẻ vào túi nó.

D'Artagnan trông cái trò xảo trá của thằng nhóc, bật cười và nói: -Nào bây giờ nói đi, bác ta đi đâu?

-Bác ấy đi Noisy.

-Tại sao mày biết?

-À mẹ nó! Cũng chẳng cần phải ma lanh lắm đâu. Tôi đã biết rằng con ngựa là của bác hàng thịt thỉnh thoảng vẫn cho bác Bazin thuê. Tôi cũng đã nghĩ rằng bác hàng thịt chẳng khi nào cho thuê ngựa mà lại không hỏi người ta dẫn nó đi đâu, dù rằng tôi chẳng tin là bác Bazin có thể làm con ngựa bị quá sức.

-Và bác ta đã trả lời mày và Bazin…

-Đi Noisy. Với tuồng như việc ấy đã thành lệ, cứ mỗi tuần vài ba lần đi tới đó.

-Thế mày có biết Noisy không?

-Biết chứ! Tôi có bà mẹ nuôi!

-Ở Noisy có tu viện nào không?

-Một cái oách là khác, tu viện dòng Jésuites.

-Tốt! – D'Artagnan thốt lên, – không còn ngờ gì nữa?

-Vậy ông hài lòng chứ?

-Ừ! Mày tên là gì?

-Friquet.

D'Artagnan giở sổ ra ghi tên thằng nhỏ và địa chỉ quán rượu.

-Ông ơi, – thằng bé hỏi, – liệu có còn kiếm được những đồng nửa pistol khác nữa không?

-Có thể, – D'Artagnan đáp.

Và do đã nắm được điều muốn biết, anh trả tiền lượng hypocras mà anh chẳng dụng môi, và vội vàng trở về đường phố Tiquetonne.

§9. D'Artagnan đi tìm Aramis ở tận đẩu đâu, cuối cùng lại gặp anh ta ngồi ngay trên lưng ngựa sau Planchet

Khi trở về, d'Artagnan trông thấy một người ngồi ở góc lò sưởi. Đó là Planchet, nhưng Planchet thay hình đổi dạng hẳn, nhờ những quần áo cũ, mà người chồng để lại khi bỏ trốn, đến nỗi chính d'Artagnan cũng khó mà nhận ra.

Madeleine giới thiệu cậu ta với anh trước mặt bọn đầy tớ. Planchet nói với anh một câu tiếng Flamant rất chúa, viên sĩ quan đáp lại vài lời chẳng thuộc ngôn ngữ nào cả, và cuộc mặc cả ngã giá. Người anh của Madeleine vào giúp việc d'Artagnan.

Kế hoạch của d'Artagnan được sắp đặt rất chu đáo: anh không muốn đi ban ngày đến Noisy sợ bị lộ. Anh hãy còn thời giờ, Noisy cách Paris có ba, bốn dặm, trên đường đi Meaux.

Anh bắt đầu ăn bữa sáng rất ngon, điều đó có thể là không tốt khi người ta muốn hoạt động bằng cái đầu nhưng lại là sự dự phòng rất tuyệt khi muốn hoạt động bằng thân thể. Xong, anh thay đổi y phục, sợ rằng cái áo trung uý ngự lâm quân sẽ gây nên nghi ngờ; rồi anh lấy ra thanh kiếm khỏe nhất và chắc nhất trong số ba thanh kiếm mà anh chỉ đem theo những ngày đại sự. Khoảng hai giờ, anh cho thắng ba con ngựa, và với Planchet theo sau, anh đi ra lối qua Villette.

-Ở nhà bên cạnh quán "Con dê cái nhỏ", người ta vẫn lục soát rất gắt gao để truy tìm Planchet.

Đi cách Paris một dặm rưỡi, d'Artagnan cảm thấy mình do sốt ruột nên ra đi quá sớm, bèn dừng lại cho ngựa thở; quán bên đường đầy những người vẻ mặt bất hảo như sắp mưu toan một chuyến đi đêm. Một người khoác áo choàng xuất hiện ở cửa, nhưng nhìn thấy một người lạ, hắn giơ tay làm hiệu và hai tên uống rượu đi ra ngoài để bàn bạc với hắn.

Còn d'Artagnan tiến lại phía bà chủ quán với vẻ vô tư, tán dương rượu vang của bà nó vốn làm từ một đồng nho kinh khủng của Montreuil, hỏi vài câu về Noisy và được biết rằng ở trong làng có hai ngôi nhà thờ bề thế: một nhà của Đức ông tổng giám mục Paris, ở đó hiện giờ có cháu gái ông là bà công tước De Longueville, nhà kia là một tu viện dòng Giêduyt và theo tục lệ là sở hữu của những vị cha cố danh giá ấy, không sợ nhầm lẫn đâu.

Bốn giờ, d'Artagnan lại lên dường, rong bước một vì anh chỉ muốn tới nơi khi trời tối hẳn. Lúc người ta rong ngựa thong thả vào một ngày mùa đông, trời âm u giữa một phong cảnh bằng lặng, thì chẳng có gì dáng làm hơn là – như La Fontaine nói làm như con thỏ ở trong hang của nó: nghĩ ngợi. Vậy là d'Artagnan nghĩ ngợi, và Planchet cũng thế. Tuy nhiên, như ta sẽ thấy, những mơ tưởng của họ khác.

Một tiếng nói của bà chủ quán đã truyền một phương hướng đặc biệt vào dòng suy nghĩ của d'Artagnan. Tiếng ấy là tên bà De Longueville.

Quả thật, bà Longueville có đủ mọi cái cần thiết để làm người ta phải nghĩ đến đó là một trong những mệnh phụ lớn nhất của vương quốc, đó là một trong những phụ nữ xinh đẹp nhất của triều đình.

Kết hôn với lão quận công De Longueville mà bà không yêu, lúc dầu bà bị coi như tình nhân của Coligny, ông này vì bà mà bị giết trong cuộc đấu kiếm với quận công de Guise ở quảng trường Hoàng cung.

Rồi sau người ta đồn về sự thân mật hơi quá đáng của bà với anh ruột của bà là hoàng thân Condé, chuyện đó gây phẫn nộ trong những người sùng đạo sợ tội với Thượng đế ở trong triều. Cuối cùng, người ta còn nói một mối thù thực sự và sâu sắc kế tiếp mối thân tình ấy; và hồi ấy, người ta vẫn cứ đồn bà công tước De Longueville có liên hệ về chính trị với hoàng thân De Marcillac con của lão quận công De la Rochefoucauld, do đó bà trở thành kẻ thù của quận công De Condé, anh bà.

D'Artagnan suy nghĩ đến tất cả những điều đó. Anh nghĩ rằng khi xưa ở cung Louvre anh thường thấy bà Longueville đi qua trước mặt anh, rạng rỡ và chói lọi. Anh nghĩ đến Aramis, chẳng hơn gì anh, xưa kia là tình nhân của bà de Chevreuse; đối với triều đình trước bà de Chevreuse như thế nào thì đối với triều đình này bà De Longueville cũng như vậy. Và anh tự hỏi tại sao ở trên đời này có nhiều người đạt tới tất cả những gì họ mong ước, người này về mặt tham vọng, kẻ kia về mặt ái tình, trong khi có những người khác hoặc vì tình cờ hoặc vì vận rủi, hoặc do trở ngại tự nhiên, do thiên nhiên đã đặt vào họ, khiến họ ở lại nửa đường trong mọi ước vọng của mình.

Anh buộc phải tự thú nhận rằng mặc dầu tất cả trí tuệ của mình, tất cả sự khéo léo của mình, chắc chắn là anh thuộc và sẽ vẫn thuộc loại những kẻ sau rốt kia. Anh nghĩ đến đỏ thì Planchet đến gần và nói: -Ông này, tôi đánh cuộc là ông nghĩ đến cùng một điều như tôi.

-Tôi hoài nghi đấy, Planchet? – D'Artagnan nói. – Nhưng cậu nghĩ đến gì cơ chứ?

-Thưa ông, tôi nghĩ đến những bộ mặt bất hảo đang nhậu nhẹt ở trong quán rượu mà chúng ta vừa dừng lại đó…

-Cậu lúc nào cũng thận trọng!

-Đấy là bản năng, ông ạ.

-Thế thì thử xem trong hoàn cảnh như thế này, bản năng cậu nói với cậu thế nào?

-Ông ạ, bản năng nói với tôi rằng những kẻ kia tụ tập ở trong cái quán ấy nhằm một mục đích xấu, và tôi ngẫm nghĩ đến cái điều mà bản năng của tôi nói

với tôi trong cái xó tối tăm nhất của chuồng ngựa. Khi một gã khoác áo choàng bước vào chuồng ngựa có hai tên khác theo sau.

Thấy câu chuyện của Planchet phù hợp với những quan sát của mình, d'Artagnan nói: -A, a? Thế nào?

Một người trong bọn họ nói: "Chắc chắn hắn ta ở Noisy hoặc sẽ đến đó tối nay, bởi vì tôi nhận ra tên hầu của hắn".

-Anh có chắc không? – Người khoác áo choàng hỏi.

-Thưa hoàng thân chắc ạ.

-Thưa hoàng thân à? – D'Artagnan ngắt lời.

-Vâng, thưa hoàng thân. Nhưng ông hãy nghe đã.

-Nếu nó đến đấy, dứt khoát ta phải hành động thế nào chứ? – Một tên uống rượu nói.

-Phải hành động thế nào ấy à? – Ông hoàng hỏi.

-Hắn không phải kẻ dễ để người ta tóm như thế đâu. Hắn sẽ đẩu kiếm.

-Thế thì phải làm như hắn ta, tuy nhiên cố bắt sống nó. Anh có thừng để trói nó không, và một túm giẻ để bịt miệng nó lại.

-Chúng tôi có đầy đủ.

-Phải chú ý, rất có thể hắn sẽ cải trang làm một kỵ sĩ.

-Ồ vâng! Xin Đức ông cứ yên tâm.

-Với lại tôi cũng sẽ ở đó và tôi sẽ hướng dẫn các anh.

-Ngài bảo đảm là công lý…

-Tôi xin bảo đảm tất, – Ông hoàng nói.

-Thế thì tốt, chúng tôi sẽ cố làm hết sức mình.

Nói xong, bọn họ ra khỏi chuồng ngựa.

-Này! – D'Artagnan nói, – chuyện đó thì có can hệ gì đến chúng ta? Đó là một trong những kế hoạch mà người ta vẫn làm hằng ngày.

-Ông có chắc rằng việc đó không phải nhằm chống lại chúng ta không?

-Chống lại chúng ta? Tại sao?

-Ấy, xin hãy nhớ lại câu nói của họ. "Tôi nhận ra thằng hầu của hắn", hẳn là nói về tôi.

-Gì nữa?

-"Hắn phải ở Noisy hoặc sẽ đến đó tối nay", một tên khách nói, hẳn là nói về ông.

-Rồi sao nữa?

-Rồi ông hoàng thân nói: "Phải chú ý là rất có thể hắn cải trang là kỵ sĩ", điều này không nghi ngờ gì nữa, bởi vì ông mặc kỵ sĩ chứ không phải là ngự lâm quân; xin hỏi, ông nói sao?

-Chao ôi, Planchet thân mến của tôi? – D'Artagnan thở dài. – Tôi xin nói rằng tôi không còn phải khốn khổ ở cái thời mà các ông hoàng muốn cho ám sát

tôi. Ôi! Các ông hoàng ấy, đó là thời xa xưa rồi. Cậu hãy yên tâm, những người ấy chẳng thù oán gì ta đâu?

-Ông chắc thế chứ?

-Tôi cam đoan vậy.

-Thế thì tốt rồi; ta không bàn chuyện ấy nữa.

Và Planchet lại lùi lại đi sau d'Artagnan với niềm tin cậy tuyệt vời mà bao giờ anh cũng có đối với chủ anh, và mười lăm năm xa cách vẫn không hề phai nhạt.

Cứ thế đi được gần một dặm. Planchet tiến gần lại d'Artagnan và nói: -Ông này!

-Gì đấy? – D'Artagnan hỏi.

-Này, ông thứ nhìn về phía kia xem hình như có bóng người đang đi trong đêm tối thì phải. Ông nghe xem, hình như có tiếng vó ngựa ấy.

-Vô lý! D'Artagnan nói. – Đất ướt nhão vì mưa, tuy nhiên, như cậu nói, tôi thấy hình như có cái gì đó.

Và họ dừng lại để nhìn và nghe ngóng.

-Nếu không nghe tiếng chân ngựa, ít ra cũng nghe tiếng ngựa hí; này này!

Quả nhiên có tiếng một con ngựa hí vọng qua không gian và bóng tối, đập vào tai d'Artagnan.

-Đó là những người của ta đi dã ngoại, – anh nói, nhưng chẳng can hệ gì đến ta, ta cứ tiếp tục đi thôi.

Và họ lại lên đường.

Nửa giờ sau họ tới những căn nhà đầu tiên của Noisy, lúc ấy khoảng tám giờ rưỡi đến chín giờ tối.

Theo thói quen ở nông thôn, mọi người đã đi nằm, và trong làng không còn có một ánh lửa.

Mái nhà nhấp nhô ở hai bên đường nổi bật trên nền trời xám, chốc chốc một con chó canh sủa lên sau một cánh cửa, hoặc một con mèo hoảng hốt vội vã rời lòng đường chạy đến núp trong một đống củi, và cặp mắt sợ hãi vẫn sáng lấp lánh như những hòn ngọc xanh lè.

Dường như đó là những sinh vật duy nhất sống ở làng này.

Đến giữa xóm, cứ cho là như vậy, có một khối nhà tối sẫm nổi lên giữa hai ngõ, án ngữ khu chính, hai cây bồ đề lớn ở trước nhà dang rộng những cánh tay khẳng khiu. D'Artagnan chú ý xem xét ngôi nhà. Anh bảo Planchet.

-Đây chắc hẳn là lâu đài của tổng giám mục, nơi ở của phu nhân De Longueville kiều diễm. Nhưng còn tu viện ở đâu nhỉ?

-Tu viện ở đầu làng, – Planchet nói, – tôi biết mà.

-Này Planchet,- D'Artagnan bảo – phóng thẳng đến đó đi, còn tôi sẽ siết lại đai ngựa, và khi quay về cậu sẽ cho tôi biết rõ còn cửa sổ nào có ánh đèn ở chỗ

cái ông thầy tu Giêduyt không?

Planchet tuân lời và lao vào bóng tối. D'Artagnan nhẩy xuống đất siết lại đai ngựa.

Năm phút sau, Planchet trở lại. Anh nói: -Ông ạ, chỉ mỗi cửa sổ ở phía tường trông ra ngoài đồng là có ánh đèn thôi.

-Hừm! – D'Artagnan nói. – Nếu ta là Fronde ta sẽ gõ cửa đây và chắc chắn sẽ có nơi trú tốt, nếu ta là thầy tu ta sẽ gõ cửa đằng kia, và chắc chắn sẽ có một bữa ăn tối ngon. Còn trái lại, ở giữa lâu đài và tu viện, rất có thể chúng ta sẽ nằm trên mặt đất, chết khát và chết đói.

-Đúng đấy Planchet đáp, – giống như con lừa của Buridăng nổi tiếng. Trong khi chờ đợi, ông có muốn tôi gõ cửa không?

-Suỵt! D'Artagnan nói. – Cửa sổ duy nhất có ánh đèn thì lại vừa mới tắt.

-Ông có nghe thấy không? Planchet nói.

-Có tiếng động gì ấy nhỉ?

Đó là tiếng ồn ào của một cơn dông đang đến gần, cùng lúc ấy hai toán kỵ sĩ, mỗi toán độ mười người, túa ra từ hai ngõ men theo ngôi nhà, và bịt chặt mọi lối thoát, bao vây d'Artagnan và Planchet.

-Ái chà? – D'Artagnan vừa nói vừa tuốt kiếm và nấp sau con ngựa của mình, còn Planchet cũng làm động tác như vậy – Có lẽ cậu nghĩ đúng đây, và họ định công kích chúng ta thật chăng?

-Nó kia rồi, bắt lấy nó!

Các kỵ sĩ vừa nói vừa xông vào d'Artagnan, kiếm tuốt trần.

-Chớ để nó thoát, – một giọng nói to.

-Không, xin Đức ông yên tâm.

D'Artagnan cho là đến lúc anh phải xen vào câu chuyện. Anh nói bằng giọng Gascogne: -Ơ này, các ông! Các ông muốn gì, các ông cần gì?

-Rồi mày sẽ biết! – Các kỵ sĩ đồng thanh quát lên.

-Dừng lại! dừng lại! – Người được gọi là Đức ông kêu lên, – Dừng lại! Không phải là tiếng nó.

-À, ra thế! Này các ông, – D'Artagnan nói, – phải chăng ngẫu nhiên mà người ta phát rồ lên ở Noisy. Tuy nhiên hãy coi chừng, vì tôi xin báo trước rằng kẻ đầu tiên sấn lại vừa tầm dài thanh kiếm của tôi, mà thanh kiếm của tôi thì dài đấy, tôi sẽ rạch thủng bụng ra.

Người thủ lĩnh tiến lại: -Anh làm gì đấy? – Ông ta nói bằng một giọng kiêu kỳ và như quen chỉ huy.

-Thế còn chính ông? – D'Artagnan nói.

-Nên tỏ ra lễ độ, nếu không ta sẽ nện cho ra trò; vì dù không muốn tự xưng tên, ta cũng muốn được kính trọng theo thứ vị.

-Ông không muốn xưng danh, bởi vì ông chỉ huy một cuộc mai phục, – D'Artagnan nói, – nhưng tôi đây, tôi đi du ngoạn yên lành với tên hầu của tôi, tôi không có lý do như ông để giấu tên.

-Thôi, thôi, ông tên là gì?

-Tôi nói tên ra để ông còn biết mà tìm lại, thưa ông, thưa Đức ông hay thưa Hoàng thân, tuỳ ý ông thích gọi thế nào cũng được, – chàng xứ Gascogne của chúng ta không muốn có vẻ lùi bước trước một lời doạ nạt, bèn nói, – Ông có biết ông d'Artagnan không?

-Trung uý ngự lâm quân của nhà vua?

-Đúng thế.

-Phải.

-Vậy thì, chàng xứ Gascon tiếp tục, – Ông phải nghe nói đó là một tay kiếm vững vàng và điêu luyện chứ?

-Ông là ông d'Artagnan à?

-Tôi đây.

Thế ra ông đến đây để bảo vệ cho hắn ư?

-Hắn? Hắn nào?…

-Kẻ mà chúng tôi tìm kiếm.

-Dường như, – D'Artagnan nói, – không có nghi ngờ gì nữa đến Noisy tôi tưởng như đã tiếp cận vương quốc của những lời bí ẩn.

-Này, trả lời đi, – vẫn cái giọng kiêu ngạo ấy cất lên. Ông chờ hắn ở dưới những của sổ này phải không? Ông đến Noisy để bảo vệ hắn phải không?

-Tôi chẳng đợi ai hết, – D'Artagnan nói, anh đã bắt đầu nổi nóng, – tôi chẳng tính bảo vệ ai ngoài tôi ra, mà cái tôi ấy tôi sẽ báo vệ mãnh liệt đấy, xin báo để ông rõ.

-Được rồi, ông đi khỏi đây đi, rời khỏi chỗ này đi.

Cái mệnh lệnh đó ngược lại với kế hoạch của d'Artagnan, nên anh đáp: -Đi khỏi đây ư? Không dễ đâu, vì tôi mỏi rã người ra rồi và con ngựa của tôi cũng vậy, trừ phi ông sẵn sàng đãi tôi một bữa ăn tối và cho tôi ngủ ở đâu đó quanh đây.

-Đồ lếu láo!

-Này! – D'Artagnan nói. – Xin ông giữ mồm giữ miệng, vì nếu ông còn nói một câu tương tự, thì dù ông là hầu tước, công tước, hoàng thân, hay vua chăng nữa, tôi cũng sẽ tống câu ấy trở vào bụng ông, ông nghe rõ chưa?

-Thôi, thôi, viên chỉ huy nói, – không thể lầm lẫn được, đúng là một Gascogne, và do đó không phải là kẻ ta đang tìm. Việc của ta tối nay thế là hỏng rồi, ta rút thôi. Chúng ta sẽ lại gặp nhau, tiên sinh d'Artagnan ạ, – viên chỉ huy cao giọng nói tiếp.

-Vâng, nhưng không bao giờ với lợi thế như thế này,- chàng Gascogne nói mỉa, – vì khi gặp lại tôi, có lẽ ông sẽ đi một mình và giữa ban ngày ban mặt.

-Được lắm, được lắm! – Giọng nói cất lên. – Nào, các ông lên đường.

Và đám người vừa lầu bầu vừa la gắt gỏng, biến trong bóng tối, trở về phía Paris.

D'Artagnan và Planchet còn đứng một lát giữ thế thủ, nhưng, tiếng động tiếp tục xa dần, họ tra kiếm vào bao.

D'Artagnan bình thản bảo Planchet: -Cậu thấy chưa, đồ ngu, không phải họ công kích chúng ta mà.

-Thực tình tôi chẳng hiểu gì! Nhưng không sao. Điều can hệ đối vôi tôi là vào tu viện jésuites. Vậy thì, ta lên ngựa và đến đó gõ cửa. Thế nào thì thế chứ? Mẹ kiếp, họ có ăn thịt ta đâu mà lo?

D'Artagnan trèo lên yên.

Planchet vừa mới lên yên, thì một khối nặng bất ngờ rơi bịch xuống đằng sau con ngựa khiến nó khuỵu xuống.

-Ối ông ơi, – Planchet kêu lên, – có một người ngồi sau mông ngựa tôi.

D'Artagnan quay lại và quả nhiên trông thấy hai bóng người trên con ngựa của Planchet.

-Vậy đúng là ma quỷ theo đuổi chúng ta, – anh kêu lên và rút kiếm chuẩn bị tấn công kẻ mới đến.

-Không, d'Artagnan thân mến của tôi ơi, không phải ma quỷ đâu! Aramis đây!

Planchet phi nước đại lên, đến đầu làng thì rẽ bên trái.

Và Planchet mang Aramis trên mông ngựa, phóng nước đại, d'Artagnan theo sau, anh bắt đầu ngờ như mình đang mơ một giấc mơ kỳ ảo và chẳng ăn nhập gì với nhau cả.

§10. Tu viện trưởng d'Erblay

Đến đầu làng Planchet rẽ sang bên trái như Aramis đã dặn và dừng lại dưới một cửa sổ có ánh đèn, Aramis nhảy xuống đất và vỗ tay ba lần. Tức thì cửa sổ mở ra, và một cái thang dây buông xuống.

-Bạn thân mến ơi, – Aramis nói, – nếu bạn muốn lên tôi sẽ rất vui mừng được tiếp đón.

-Ối chà! – D'Artagnan nói. – Thì ra người ta về nhà anh bằng cách ấy à?

-Quá chín giờ tối rồi thì mẹ kiếp, dứt khoát phải như vậy chứ! – Aramis nói. – Lệnh của tu viện là loại nghiêm ngặt nhất đấy, mẹ kiếp!

-Xin lỗi anh bạn thân mến, – D'Artagnan nói, – hình như vừa rồi anh có nói mẹ kiếp!

-Cậu tin là có thể lắm chứ. Bạn thân mến ơi, cậu không thể tưởng tượng được rằng trong những cái tu viện phải gió này người ta nhiễm biết bao nhiều thói xấu xa, những dàn nhà thờ này đều có những cung cách độc ác và tôi buộc phải chung sống với họ! Thế cậu không lên à?

-Cậu đi trước, tôi theo sau.

Giống như vị cố giáo chủ nói với vua đã khuất: "Để chỉ đường cho Hoàng thượng", Aramis nhanh nhẹn leo thang và loáng một cái đã tới cửa sổ

D'Artagnan lên sau, nhưng thong thả hơn, rõ ràng cái kiểu đường đó anh không quen bằng bạn.

Aramis nhận thấy sự vụng về ấy, bèn bảo: -Xin lỗi, nếu tôi biết trước có vinh dự được cậu đến thăm, tôi sẽ mang cho cái thang của bác làm vườn đến, còn đối với riêng tôi, cái thang này là đủ rồi.

Khi thấy d'Artagnan leo gần đến nơi, Planchet nói.

-Thưa ông, cái trò này rất hợp với ông Aramis cũng hợp với ông, và quá lắm nó cũng còn hợp với tôi, nhưng hai con ngựa chúng không thể nào leo thang được ạ

-Cậu dẫn chúng xuống nhà kho, anh bạn ạ, – Aramis vừa nói vừa trỏ cho Planchet một thứ xưởng mọc lên ở dưới đồng, – Ở đó có rơm và lúa mạch cho ngựa.

-Thế còn cho tôi? – Planchet hỏi.

-Cậu sẽ trở lại dưới cửa sổ, vỗ tay ba lần và chúng tôi sẽ chuyển thức ăn xuống. Yên tâm đi,! Ở đây chẳng lo chết đói đâu. Thôi, đi đi.

Rồi Aramis rút thang dây lên, đóng cửa sổ.

D'Artagnan ngắm căn phòng.

Chưa bao giờ anh thấy một căn phòng vừa chinh chiến hơn vừa lịch sự hơn. Ở mỗi góc phòng bày những binh khí chiến lợi phẩm, có thể xem và cầm những

gươm, kiếm đủ loại, và bốn bức tranh lớn về giáo chủ Lorraine, giáo chủ de Richelieu, giáo chủ La Valette và tổng giám mục De Bordeaux trong các bộ quần áo trận mạc. Ngoài ra thực sự chẳng có một cái gì chứng tỏ đây là chỗ ở của một tu viện trưởng; các bức rèm căng bằng gấm Damas, các tấm thảm từ Alençon, và nhất là cái giường với tràng kỷ thêu ren và tấm mến đắp chân, có vẻ giường của một tiểu thư hơn là giường của một người đàn ông đã nguyện đi tới thiên cung bằng con đường tiết dục và hành xác.

-Cậu xem tệ xá của tôi, – Aramis nói. – Ôi, bạn thân mến thứ lỗi cho tôi nhé. Biết làm thế nào? Mình ở như một kẻ tu hành. Nhưng cậu để mắt tìm kiếm gì thế?

-Tôi tìm xem ai đã ném thang xuống cho cậu, tôi chẳng nhìn thấy ai cả, mà thang thì chẳng tự rơi xuống được?

-À, Bazin đấy mà.

-A, A! – D'Artagnan kêu lên.

-Nhưng, – Aramis nói tiếp, – Bazin là một tay được huấn luyện tốt, hắn thấy tôi về không phải một mình nên đã kín đáo rút lui. Bạn thân mến ngồi xuống đi và ta cùng nhau trò chuyện.

Aramis đẩy cho d'Artagnan một cái ghế bành lớn và anh bạn chống khuỷu tay duỗi người ra.

-Trước hết cậu ăn tối với tôi chứ? – Aramis hỏi.

-Vâng, nếu cậu sẵn lòng, – D'Artagnan nói, – và tôi rất vui lòng, vì thú thật, đường sá khiến tôi đói cồn cào cả lên.

-Ôi, khổ thân anh bạn? – Aramis nói. – Cậu sẽ phải ăn kham khổ đấy vì không biết có khách mà.

-Liệu tôi có bị đe doạ phải xơi trứng tráng như dạo ở Crèvecoeur và những lá cù lác không? Phải chăng như thế mà ngày xưa cậu gọi là rau mồng tơi ư?

-Ôi! Phải hy vọng chứ, – Aramis nói, – với sự giúp dỡ của Chúa và Bazin, chúng ta sẽ kiếm được cái gì đó hay hơn trong chậu thức ăn của các cha Jésuites tôn kính. Bazin, anh bạn tôi ơi, Bazin, ra đây nào.

Cánh cửa mở và Bazin xuất hiện, nhưng vừa thoạt trông thấy d'Artagnan, bác thốt lên một tiếng than giống như một tiếng kêu thất vọng.

-Bác Bazin thân mến ơi, – D'Artagnan nói, – tôi rất thú vị được xem bác nói dối với một vẻ chững chạc biết chừng nào, ngay ở trong một giáo đường.

-Thưa ông, – Bazin đáp, – tôi học được ở các cha Jésuites tôn kính rằng có thể được phép nói dối khi nói dối với một ý đồ tốt.

-Tốt lắm, tốt lắm, Bazin. – Aramis bảo – D'Artagnan đang chết đói đây và tôi cũng vậy, bác hết sức cố gắng cho chúng tôi ăn tối, và nhất là đem rượu ngon cho chúng tôi.

Bazin cúi đầu vâng, lệnh, thở dài đánh thượt một cái rồi đi ra.

-Bây giờ còn lại riêng chúng ta, Aramis thân mến ơi, – D'Artagnan vừa nói vừa đảo cặp mắt nhìn căn phòng, rồi dừng nơi chủ của nó và kết thúc ở bộ y phục, – Cậu cho tôi biết cậu từ chỗ quỷ quái nào đến khi cậu rơi phịch xuống mông ngựa đằng sau Planchet.

-Mẹ kiếp. – Aramis nói. – Cậu trông thấy rành rành rồi, từ trên trời.

-Từ trên trời! – D'Artagnan gật đầu nhắc lại.

-Tôi thấy cậu có vẻ đi lên đó hơn là từ đó trở về.

Với cái vẻ hợm mình d'Artagnan chưa bao giờ thấy khi còn ở ngự lâm quân, Aramis nói: -Bạn thân mến ơi, nếu tôi không từ trên trời xuống, thì it ra tôi cũng từ thiên đường tới; điều đó giống nhau lắm.

-A ha! Thế là các nhà bác học đã rõ rồi nhé, – D'Artagnan bảo, – cho đến nay người ta không thể đồng ý với nhau về vị trí xác thực của thiên đường, người thì đặt nó trên Ararat[176], người thì đặt nó giữa sông Tigre và sông Ophra[177], dường như người ta cứ đi tìm nó ở tận đâu đâu trong khi nó lại ở rất gần. Thiên đường ở ngay Noisy-le-Sec, trên địa điểm lâu dài vị tổng giám mục Paris. Người ta ở đó đi ra không bằng cửa chính mà bằng cửa sổ, người ta xuống không bằng các bậc đá hoa cương của cầu thang cuốn, mà từ trên cành cây bồ đề, và vị thần cầm thanh kiếm rực lửa bảo vệ thiên đường hình như đã đổi cái tên thiên đình Gabiren ra cái tên hạ giới hoàng thân Marcillac.

Aramis bật cười nói: -Cậu luôn là người vui tính, và cái chất hài hước trí tuệ mang tính chất Gascogne của cậu vẫn không rời cậu. Phải, cậu nói kể cũng phần nào đúng đấy, song ít ra cậu phải loại trừ ý nghĩ cho rằng tôi yêu bà De Longueville.

-Gớm chưa! Tôi nghi lắm đấy? – D'Artagnan nói. – Sau một thời gian dài yêu bà de Chevreuse, dễ thường cậu không đem lòng si mê kẻ tử thù ghê gớm nhất của bà ta đâu nhỉ?

-Phải, đúng đấy, – Aramis nói với vẻ ngán ngẩm, phải, cái bà công tước tội nghiệp ấy, xưa tôi đã yêu tha thiết, và phải thừa nhận rằng bà đã rất có ích cho chúng ta; nhưng làm thế nào được? Bà ấy đã phải rời nước Pháp. Cái lão giáo chủ gian ác đó thực là một đối thủ ghê gớm? – Aramis ngước nhìn lên bức chân dung của tể tướng cũ và nói tiếp – Lão đã ra lệnh bắt giữ bà và dẫn đến lâu dài Loches, lão toan cho chém đầu bà ấy, tôi nói thực đấy nhưng đã đối xử tốt với Chalais, Montmorency và Cinq-Mars; bà ta đã cải trang làm đàn ông và trốn đi cùng cô hầu phòng, cái cô Ketty tội nghiệp ấy. Tôi còn nghe nói đã có một chuyện tình cờ kỳ lạ xảy đến với bà ấy ở một làng nào đó tôi không rõ, với một ông linh mục nào ấy tôi cũng không biết, mà bà xin nghỉ trọ. Ông ta chỉ có một phòng và tưởng bà ta là một kỵ sĩ nam nên đã cho nghỉ chung phòng. Ấy vì bà ta mặc y phục nam giới hợp một cách không tưởng tượng được, cái bà Mari thân thương ấy. Tôi chỉ biết có một phụ nữ mặc y phục nam hợp đến thế cho nên

người ta đã làm một khúc ca về bà ta: Laboatxie hãy nói đi! Cậu có biết không nhỉ?

-Không đâu, cậu thử hát nghe xem nào, bạn thân mến.

Và Aramis hát với giọng phóng túng nhất:

Laboissière hãy nói đi!
Tôi có giống nam nhi?
Quả tình tôi xin nói,
Bà cưỡi ngựa thật giỏi
Hơn cả bọn chúng tôi.
Bà sống giữa gươm dao
Trong trung đoàn vệ sĩ
Như một chàng dự bị.

-Hoan hô! – D'Artagnan nói. – Cậu hát bao giờ cũng rất tuyệt. Aramis thân mến ạ, và tôi thấy kinh kệ đã không làm hỏng giọng của cậu.

-Bạn thân mến ơi, – Aramis nói, – cậu nên nhớ là… cái thời tôi còn là ngự lâm quân, tôi đi gác càng ít càng hay; bây giờ tôi làm tu viện trưởng tôi đọc kinh lễ càng ít càng tốt. Nhưng thôi, ta nên trở lại với bà công tước tội nghiệp ấy.

-Bà nào? Bà công tước de Chevreuse hay bà công tước De Longueville?

-Bạn thân mến ơi, tôi đã nói với cậu rằng không có cái gì giữa tôi và công tước De Longueville đâu, những chuyện tán tỉnh có lẽ, và chỉ thế thôi. Không, tôi nói về bà công tước de Chevreuse. Sau khi vua mất, bà ấy ở Bruxelles trở về, cậu có gặp bà ta không nhỉ?

-Có hẳn chứ, mà bà vẫn còn rất xinh đẹp.

-Phải, – Aramis nói. – Hồi ấy tôi cũng có gặp lại bà ấy một đôi lần; tôi đã đưa nhiều lời khuyên rất tốt mà bà không biết lợi dụng. Tôi sẵn sàng chết để nói với bà ấy rằng Mazarin là tình nhân của hoàng hậu; bà ấy không muốn tin tôi và bà ấy biết rõ Anne d'Autriche và Anne thì kiêu hãnh để có thể nói đi yêu một tên đê hèn như vậy.

Rồi trong khi chờ đợi, bà lao vào vụ âm mưu của quận công de Beaufort và tên đê hèn kia đã bắt giam ông quận công de Beaufort và lưu đầy bà de Chevreuse.

-Cậu biết rằng bà ta đã được phép trở về à? – D'Artagnan hỏi.

-Ừ, và biết cả bà ta đã trở về rồi… Bà ấy còn làm một điều dại dột nào đó.

-Ờ, nhưng lần này bà ta sẽ nghe theo lời khuyên của cậu?

-Ồ, Aramis bảo, – lần này tôi chẳng gặp lại bà ấy; bà ấy đã thay đổi quá nhiều.

-Đâu có được như cậu, Aramis thân mến ạ, bởi vì cậu vẫn như xưa, cậu vẫn có bộ tóc đen, vẫn có thân hình duyên dáng, vẫn có đôi bàn tay như tay phụ nữ nay trở thành những bàn tay giáo chủ tuyệt đẹp.

-Ừ, đúng đấy, – Aramis nói, – tôi tự chăm chút mình nhiều.

-Cậu biết không, trông mình cũng già hơn tuổi, mình sắp ba mươi bảy tuổi rồi.

-Cậu nghe đây, bạn thân mến! – D'Artagnan mỉm cười nói. – Do gặp lại nhau, ta nên thoả thuận với nhau một điều chính là tuổi tác mà chúng ta sẽ có từ rày về sau.

-Thế là thế nào? – Aramis hỏi.

-Thế đấy, – D'Artagnan nói tiếp, ngày trước tôi là em út của các cậu kém cậu hai hay ba tuổi, và nếu tôi không tính lầm thì nay đã tròn bốn mươi tuổi rồi đấy

-Thật vậy ư? – Aramis nói. – Thế thì tôi nhầm, bởi vì bạn thân mến ơi, bao giờ cậu cũng là một nhà toán học tuyệt vời. Như vậy là theo tính toán của cậu, tôi đã bốn mươi ba tuổi! Chết thật, chết thật! Bạn thân mến ơi, chớ có đi nói ra ở dinh Rambouillet mà hại to cho tôi đó.

-Yên tâm, – D'Artagnan nói, – tôi chẳng đến đấy đâu.

-À mà cái con vật Bazin làm gì thế? Có mau mau lên không, ông mãnh ơi, chúng tôi đang điên lên vì đói khát đây.

Bazin lúc này vừa giơ cao hai tay lên trời, mỗi tay cầm một chai rượu.

-Cuối cùng,- Aramis nói, – chúng ta đã sẵn sàng phải không?

-Vâng, thưa ông, ngay bây giờ, nhưng cũng phải có thời gian để tôi đem lên tất cả…

Bởi vì bác vẫn tin tưởng cái áo dài phụ nữ ở trên vai, – Aramis ngắt lời, – và suốt ngày mê mải ở sách kinh. Nhưng tôi bảo trước cho mà biết rằng nếu bác cứ miệt mài đánh bóng mọi thứ thánh đường mà quên mất cách lau chùi thanh kiếm của tôi thì tôi sẽ đem tất cả những tranh thánh của bác ra đốt một ngọn lửa thật to để đem quay bác lên cho mà xem.

Bazin phẫn nộ làm dấu thánh bằng chai rượu mà tay bác đang cầm.

Còn d'Artagnan kinh ngạc hơn bao giờ hết về giọng nói và cung cách của tu viện trưởng d'Erblay. Chúng tương phản dữ dội với cung cách của anh lính ngự lâm Aramis, anh cứ trợn tròn mắt lên trước mặt bạn mình.

Bazin vội vã phủ bàn bằng một tấm khăn Damas và bày lên đó bao nhiêu thứ mạ vàng, thơm phức, ngon lành mà d'Artagnan cứ ngẩn người ra nhìn ngắm.

-Nhưng cậu còn đợi một người nào đó phải không? – Viên sĩ quan hỏi.

-Đâu! Aramis nói. – Bao giờ tôi cũng để một suất dự phòng, với lại tôi biết là cậu đi tìm tôi.

-Ai bảo cậu?

-Thày Bazin chứ còn ai. Bác ta tưởng cậu là ma quỷ bạn thân mến ạ, và đã chạy tới đây để báo trước cho tôi biết mối nguy hiểm đang đe doạ linh hồn tôi, nếu tôi lại đàn đúm bậy bạ với một sĩ quan ngự lâm quân.

-Ồ thưa ông, – Bazin kêu lên và chắp hai tay lại, vẻ van lơn.

-Thôi, đừng đạo đức giả nữa? Biết rằng tôi không ưa thế. Tốt hơn hết bác mở cửa sổ ra, thả một cái bánh, một con gà và một chai rượu cho Planchet, bạn của bác, hắn đang mệt phờ ra vì vỗ tay đến nửa giờ đồng hồ rồi.

Quả thật, sau khi đem rơm và lúa mạch cho ngựa ăn, Planchet đã trở lại dưới cửa sổ và làm hiệu đến hai ba lần.

Bazin vâng lệnh, buộc vào đầu dây ba thứ đã nói và ròng xuống cho Planchet, hắn chẳng đòi hỏi gì hơn, lập tức rút ngay về nhà kho.

-Bây giờ ta vào chén nào, – Aramis bảo.

Hai người bạn ngồi vào bàn, và Aramis bắt đầu cắt xé gà giò, chim trĩ, chân giò muối và với sự khéo léo thật sự của phép ăn ngon.

-Ghê thật? – d'Artagnan nói, – Cậu bồi bổ mới khiếp làm sao?

-Ờ cũng khá tốt. Nhờ ông giáo chủ, tôi được toà thánh La Mã cho miễn trừ những ngày ăn chay vì lý do sức khỏe của tôi. Về người nấu nướng, tôi dùng người đầu bếp cũ của De Lafollone, cậu biết chứ? Bạn cũ của ông giáo chủ, cái lão phàm ăn ấy cứ sau mỗi bữa là cầu độc mỗi câu kinh: "Lạy Chúa, xin ban cho tôi cái ân là tiêu hoá thật tốt cái mà tôi đã chén thật ngon".

-Ấy thế mà cũng không tranh khỏi chết vì bội thực đấy,- D'Artagnan nói với một vẻ cam chịu, – người ta chẳng trốn được số mệnh.

-Này, xin cậu bỏ qua cho câu tôi sắp hỏi nhé, – D'Artagnan nói tiếp.

-Thế nào, cậu nói đi, cậu biết giữa chúng mình với nhau chẳng có gì là tọc mạch.

-Vậy cậu trở lên giàu có, phải không?

-Ồ, lạy Chúa, không đâu. Tôi kiếm được mười hai nghìn livrres một năm, không kể một khoản lãi nhỏ nhặt chừng một nghìn êquy mà ông hoàng thân dành cho tôi.

-Thế mười hai nghìn livres ấy cậu kiếm bằng cách gì, – D'Artagnan hỏi, – bằng thơ ca của cậu à?

-Không, tôi đã từ bỏ thơ ca rồi, trừ phi thỉnh thoảng làm đôi bài hát chúc rượu, vài bài xonnê[178] tán tỉnh hoặc thơ trào phúng vô thưởng vô phạt. Tôi làm nhưng bài thuyết pháp, anh ạ.

-Sao, những bài thuyết pháp?

-Ồ! Mà những bài thuyết pháp phi thường, cậu biết không. Ít ra là tôi thấy như vậy.

-Mà cậu thuyết giáo ư?

-Không, mà tôi đem bán.

-Bán cho ai?

-Cho những đồng nghiệp nào của tôi muốn trở thành những nhà đại hùng biện.

-Thật thế ư? Thế sao cậu không mưu đồ vinh quang cho bản thân cậu?

-Có chứ! Nhưng bản chất đã thắng tôi. Khi tôi lên bục giảng mà tình cờ có một người phụ nữ xinh đẹp nhìn tôi là tôi nhìn lại, nếu người ấy cười, tôi cũng cười theo. Và thế là tôi nói loạn xạ: đáng lẽ nói về những hình phạt dưới địa ngục thì tôi lại nói về những lạc thú trên thiên đường. Hề! Cậu này, thế rồi một hôm tại nhà thờ Saint-Louis ở Marais… một việc đã xảy đến với tôi. Một tay kỵ sĩ cười nhạo thẳng vào mặt tôi, tôi bèn ngừng giảng để nói với hắn rằng nó là một tên ngu ngốc. Dân chúng ùa ra để nhặt đá, nhưng lúc ấy tôi rất khéo léo lái tư tưởng của đám người dự rằng chính hắn là kẻ mà người ta ném đá. Hiển nhiên là ngày hôm sau hắn đến ngay nhà tôi, tưởng rằng có chuyện gì với một tu viện trương giống như một tu viện khác.

D'Artagnan ôm bụng cười và hỏi: -Thế cuộc viếng thăm của hắn rồi sau ra sao?

-Rồi chúng tôi đã hẹn nhau cuộc gặp gỡ vào buổi chiều hôm sau ở quảng trường Hoàng cung! Ê! Mẹ kiếp, cậu đã biết chút nào rồi.

-Có lẽ, tình cờ mà tôi đã giúp làm trợ thủ cho cậu chống lại cái tên hỗn xược ấy không? – D'Artagnan hỏi lại.

-Đúng thế. Cậu đã thấy tôi đã cho nó như thế nào?

-Nó có chết không?

Tôi chẳng biết nữa. Nhưng dù sao tôi cũng đã xá tội cho nó " in articulo mortis"[179]. Giết chết thể xác mà không giết chết linh hồn thế là tốt rồi.

Bazin làm dấu thất vọng tỏ ý muốn nói rằng bác ta có lẽ tán thành cái đạo lý ấy, nhưng phản đối mạnh mẽ cái giọng nói ra điều ấy.

-Này, ông bạn Bazin, – Aramis nói, – bác không biết tôi đã nhìn thấy bác ở trong tấm gương kia và lần này là lần chót, tôi cấm bác không được có động tác tỏ vẻ tán thành hoặc phản đối. Thôi, bác hãy làm ơn dọn rượu vang Tây Ban Nha cho chúng tôi, rồi bác trở về. Với lại ông bạn d'Artagnan có điều bí mật gì đó muốn nói với tôi. Có phải không d'Artagnan?

D'Artagnan gật đầu và Bazin, sau khi đặt rượu vang lên bàn, bèn rút lui.

Còn lại hai người bạn ngồi đối diện với nhau, im lặng trong giây lát. Aramis dường như chờ đợi một sự tiêu hoá êm ái.

D'Artagnan chuẩn bị lời khai đề. Mỗi người khi trông thấy người kia nhìn mình vội liếc nhìn xuống phía dưới bụng-

Aramis là người đầu tiên phá vỡ sự im lặng.

§11. Mạt cưa – mướp đắng

Aramis nói: -D'Artagnan, cậu nghĩ gì thế, và điều gì đã khiến cậu mỉm cười vậy?

-Bạn thân mến ơi, tôi nghĩ rằng khi cậu còn là lính ngự lâm cậu luôn luôn hướng về tu viện trưởng, con bây giờ đã là tu viện trưởng, hình như cậu lại hướng mạnh về ngự lâm quân.

-Đúng thế, – Aramis cười nói, – D'Artagnan ạ cậu biết đấy người là một sinh vật toàn những mâu thuẫn. Từ khi tôi là tu viện trưởng, tôi chỉ mơ toàn những trận mạc.

-Điều ấy thấy rõ qua đồ đạc bày biện của cậu: cậu có kia những thanh trường kiếm đủ các dạng và cho những thị hiếu khó tính nhất. Cậu chơi kiếm vẫn tốt chứ?

-Tôi ấy à, tôi chơi tốt như cậu ngày xưa, và còn tốt hơn là khác. Suốt ngày tôi chỉ tập kiếm, thôi mà.

-Với ai?

-Với một thầy dạy kiếm tuyệt diệu mà bọn tôi có ngay ở đây.

-Sao, ở đây à?

-Phải, ở đây, ngay trong tu viện này, bạn thân mến ạ. Có đủ mọi thứ ở trong tu viện Jésuites.

-Thế có lẽ cậu giết đức ông de Marcillac, nếu ông ta đến một mình tấn công cậu, chứ không phải là cậu đấu với hai chục người.

-Hoàn toàn đúng, kể cả trường hợp hắn cầm đầu cả hai chục người, nếu như tôi kịp rút gươm ra mà không bị phát hiện.

-Xin Chúa xá tội, – D'Artagnan nói rất khẽ, – mình thấy cậu trở thành Gascogne[180] hơn cả mình. – Rồi cao giọng – Này Aramis thân mến, cậu hỏi vì sao tôi đến tìm cậu ư?

-Không, tôi không hỏi cậu, – Aramis nói với vẻ ranh mãnh, – tôi đợi cậu đến nói điều đó.

-Vậy thì, tôi đến tìm cậu chỉ độc có mỗi chuyện là để hiến cậu một cách giết chết ông de Marcillac, khi nào cậu thích, dù ông ta có là ông hoàng chăng nữa?

-Này, này, này, – Aramis nói, – đó cũng là một ý kiến hay đấy…

-Mà tôi mới cậu lợi dụng nó, anh bạn thân mến ạ. Nhưng này, với cái chức tu viện trưởng được một nghìn êquy và mười hai nghìn livres mà cậu kiếm được do bán các bài thuyết pháp, cậu có giàu có không? Cậu hãy trả lời thành thật đi.

-Tôi ấy à? Tôi nghèo xác xơ như thánh Job, và moi cả túi lẫn hòm ra, tôi chắc cậu cũng không thấy nổi một trăm pistol ở đây.

D'Artagnan tự nhẩm thầm: Ghê chưa! Một trăm pistol hắn gọi như thế là nghèo xác như một thánh Job! Nếu như lúc nào mình cũng có được một số tiền như thế, mình sẽ thấy mình giàu sụ như Crésus[181]. Rồi anh nói to: -Cậu có tham vọng không?

-Như Enceladet[182]?

-Vậy thì, bạn ơi, tôi mang đến cho cậu cái thứ để cậu trở nên giàu có, hùng mạnh, và tự do làm bất cứ điều gì cậu muốn.

Một bóng mây thoáng qua trên trán Aramis nhanh như bóng mây trôi qua cánh đồng lúa tháng Tám, nhưng nhanh đến mấy, d'Artagnan vẫn nhận thấy.

-Cậu nói đi. – Aramis bảo.

-Thêm một câu hỏi trước đã. Cậu có làm chính trị không?

Một tia chóp lóe lên trong đôi mắt Aramis cũng nhanh như bóng mây đã lướt qua trán anh, nhưng nhanh đến mấy cũng không lọt khỏi mắt d'Artagnan.

-Không. – Aramis đáp.

-Thế mọi điều tôi đề ra đều hợp với cậu, bởi vì lúc này cậu không có chủ nào ngoài Thượng đế, – chàng Gascon cười nói.

-Có thể lắm.

-Aramis thân mến ơi, có khi nào cậu nhớ tới những chuỗi ngày đẹp đẽ thời thanh xuân mà chúng ta đã trải qua trong vui chơi, chè chén và choảng nhau không?

-Có chứ, chắc chắn như vậy, và nhiều lần tôi đã luyến tiếc nó. Đó là một thời sung sướng, delectabile tempus[183].

-Này, bạn ơi, những ngày tươi đẹp ấy có thể sống lại, cái thời sung sướng ấy có thể lại đến? Tôi lĩnh sứ mệnh đi tìm các bạn đồng đội của tôi, và tôi muốn bắt đầu từ cậu, cậu là linh hồn của cả đội.

Aramis cúi mình xuống, với vẻ lịch sự hơn là thân ái. Rồi anh nói bằng một giọng như sắp chết và vật mình ra ghế bành.

-Tôi lại tham gia vào chính trị ư? D'Artagnan thân mến ơi, cậu xem tôi đang sống bình thường và thoải mải. Chúng ta đã từng nếm sự vong ân của các vị đại thần, cậu biết đấy!

-Đúng thế, – D'Artagnan nói, – nhưng có thể các đại thần hối hận là đã vong ân.

-Trường hợp ấy lại là chuyện khác. Chà? Nhất tội nhất xá, vạn tội vạn xá. Vả chăng cậu có lý ở một điểm ấy là nếu lòng ham muốn xui chúng ta dây vào công việc quốc gia thì tôi nghĩ cũng đã đến lúc rồi đó.

-Làm thế nào mà cậu biết điều đó, vì cậu có quan tâm đến vấn đề chính trị đâu?

-Ô, lạy Chúa! – Aramis đáp. – Cá nhân tôi không làm chính trị, nhưng tôi sống trong một thế giới mà người ta làm chính trị. Vừa trau dồi thi ca, vừa đeo

đẳng tình ái, tôi kết thân với ông Sarazin là người của ông chủ giáo, vấ với ôngDe Bois – Robert, ông này nếu không là của ông giáo chủ de Richelieu thì không là của ai hoặc là của tất cả thiên hạ, tuỳ ý cậu, thành thử ra phong trào chính trị tôi không quên bẵng hẳn.

-Tôi hoài nghi đấy, – D'Artagnan nói.

-Hơn nữa, anh bạn thân mến ơi, – Aramis nói tiếp, – cậu chớ coi những điều tôi sắp nói với cậu là lời của một gã thầy tu ở ẩn, một kẻ nói như một tiếng vang, nhắc lại thuần tuý và đơn giản cái gì mà hắn nghe thấy. Tôi nghe nói trong lúc này giáo chủ Mazarin đang lo sốt vó về cung cách biểu diễn các vấn đề. Dường như ông ta không có được trong sự chỉ huy của mình tất cả niềm kính trọng mà ngày xưa người ta đã tỏ ra đối với ông ngáo ộp cũ – vị cố giáo chủ – mà cậu nhìn thấy chân dung đây này; bởi vì anh bạn ạ, muốn nói gì thì nói, phải thừa nhận rằng đó là một con người vĩ đại.

-Ý tôi không trái ý cậu về điều đó đâu, Aramis thân mến ạ, chính ông ta đã phong tôi làm trung uý.

-Ý kiến ban đầu của tôi là hoàn toàn ủng hộ ông giáo chủ hiện nay. Tôi tự nhủ rằng một vị tể tướng chẳng bao giờ được người ta yêu mến, nhưng với thiên tài mà người ta thừa nhận cho ông này, ông ta cuối cùng sẽ chiến thắng các kẻ thù của ông và làm cho người ta phải sợ hãi mình, điều đó theo tôi có lẽ còn tốt bằng mấy là làm cho người ta yêu mến mình.

D'Artagnan gật đầu, vẻ như muốn nói rằng anh hoàn toàn tán thành cái phương châm đáng ngờ ấy.

-Ý kiến ban đầu của tôi là như vậy đấy, – Aramis nói, – nhưng vì tôi dốt đặc cán mai về tất cả những khoa ấy và vì cái tính nhún nhường mà tôi luôn tự nhận đặt ra cho tôi luật lệ là chớ có tin cậy vào sự suy xét của chính mình, cho nên tôi đã được thông tỏ. Vậy thì! Bạn thân mến ạ…

-Vậy thì, – Aramis nói tiếp – tôi cần phải sỉ nhục tính kiêu ngạo của tôi, tôi cần phải thú nhận rằng tôi đã lầm.

-Thật thế ư?

-Phải, tôi đã được thông tỏ, như đã nói với cậu, và đây là câu trả lời của nhiều người khác hẳn nhau về thị hiếu và tham vọng: ông de Mazarin không phải là một người thiên tài như tôi tưởng.

-Chà! – D'Artagnan thốt lên.

-Không. Đó là một con người vô giá trị, trước là người hầu của giáo chủ Bentivoglio, tiến phát bằng âm mưu, một kẻ bạo đạt, một kẻ vô danh, hắn sẽ chỉ làm ở Pháp một con đường đảng phái. Hắn sẽ tích luỹ hàng đống tiền vàng, xoay thả cửa hoa lợi của nhà vua, sẽ chi cho riêng mình tất cả những trợ cấp mà cố giáo chủ de Richelieu chi cho thiên hạ, nhưng hắn sẽ chẳng bao giờ cai trị bằng pháp luật của kẻ mạnh nhất, của người vĩ đại nhất. Ngoài ra hình như vị tể tướng

ấy chẳng phải nhà quý tộc cả phong cách lẫn tâm địa. Đó chỉ là một thứ thằng hề, một thứ Pulcinello, một thứ Pantalon[184]. Cậu có biết rõ hắn không? Tôi, tôi không biết hắn.

-Hừ! – d'Artagnan nói. – Điều cậu vừa nói cũng đúng một phần nào đấy.

-Chao ôi! Cậu làm cho tôi hãnh diện quá, bạn thân mến ạ, nhờ chút thông tuệ tầm thường mà tôi vốn có, tôi có thể tương ngộ với một người như cậu đang sống ở triều đình.

-Nhưng cậu chỉ mới nói với tôi về cá nhân ông giáo chủ chứ chưa nói về phe phái và những nguồn lực lượng của ông ta.

-Đúng đấy. Ông ta có hoàng hậu theo ông ta.

-Tôi thấy đó là một cái gì đáng kể đấy.

-Nhưng ông ta không có được nhà vua.

-Một đứa bé ấy mà!

-Một đứa bé sẽ trưởng thành trong bốn năm.

-Nói hiện tại ấy chứ!

-Ừ, thì chưa phải tương lai, ngay hiện tại, ông ta không có cả nghị viện lẫn dân chúng, nghĩa là tiền bạc; ông ta không có cả giới quý tộc lẫn các vị hoàng thân, nghĩa là thanh gươm.

D'Artagnan gãi tai, anh buộc phải thú nhận rằng điều Aramis suy nghĩ không những nhìn xa trông rộng mà còn đúng đắn nữa.

-Này, anh bạn tội nghiệp của tôi ơi, nếu như tôi vẫn được trời phú cho chút mẫn tiệp thông thường, tôi sẽ nói với cậu rằng có lẽ tôi đã lầm khi nói chuyện với cậu một cách cởi mở như vậy, bởi vì cậu, cậu có vẻ nghiêng về phía Mazarin.

-Tôi ấy à! – D'Artagnan kêu lên. – Tôi ấy à Aramis? Không hề, không một chút nào cả.

-Cậu đã chẳng nói về sứ mệnh là gì?

-Tôi đã nói về sứ mệnh ư? Thế thì tôi nhầm đấy. Tôi tự nhủ với mình giống như cậu nói: kìa xem các công chuyện đang rối rắm cả lên. Vậy thì ta hãy ném chiếc lông chim theo gió, gió cuốn theo chiều nào thì ta đi về đó và chúng ta sống lại cuộc đời phiêu lưu. Chúng ta đã là bốn hiệp sĩ dũng cảm, bốn trái tim thân thương gắn bó; nay ta lại gắn bó không những bốn trái tim chưa hề bao giờ xa cách, mà cả vận hạnh và lòng quả cảm của chúng ta nữa. Thời cơ rất tốt để đoạt lấy một cái gì quý giá hơn cả một báu vật kim cương.

-D'Artagnan ơi, cậu nói chí lý, bao giờ cũng chí lý, mà bằng chứng là tôi có cùng một ýghĩ như cậu, song le đối với tôi là người không có cái tr tưởng tượng sôi nổi và phong phú như cậu, ý nghĩ ấy đã khơi gợi cho tôi rằng: ngày nay tất cả mọi người đều rất cần nhưng phụ tá; người ta đã đưa ra với tôi nhưng đề ghị trong đó toát ra một cái gì đó như những chuyện chọc trời khuấy nước của chúng

ta ngày xưa, và tôi xin thẳng thắn thú nhận với cậu là ông chủ giáo đã cho mọi người nói với tôi như vậy.

-Ông de Gondy, kẻ thù của giáo chủ ấy à? – D'Artagnan kêu lên.

-Không, bạn của nhà vua, – Aramis nói, – bạn của nhà vua, cậu hiểu chưa! Này nhé, vấn đề là phụng sự Đức vua, đó là bốn phận của người quý tộc.

Nhưng bạn thân mến ơi, vua lại đi cùng với ông Mazarin.

-Trên thực tế chứ không phải tự nguyện, bề ngoài chứ không phải thật tâm, và đó chính là cái bẫy mà những kẻ thù của vua giăng ra với cậu bé.

-Ra thế! Nhưng đó là một sự thật, là một cuộc nội chiến mà cậu đề xuất với tôi đấy, Aramis thân mến ạ.

-Cuộc chiến tranh vì nhà vua.

-Nhưng nhà vua sẽ đứng đầu quân đội trong đó có Mazarin.

-Nhưng nhà vua sẽ một lòng với quân đội do ông de Beaufort chỉ huy.

-Ông de Beaufort ư? Ông ấy đang bị giam giữ ở Vincennes.

-Tôi đã nói Beaufort à? – Aramis nói, – Ông de Beaufort hoặc một người khác, ông de Beaufort hoặc ngài Hoàng thân[185].

-Nhưng Hoàng thân sắp đi đến quân đội, ông ấy hoàn toàn cùng cánh với ông giáo chủ.

-Hề, hề! – Aramis cười nói. – Họ có cùng nhau bàn luận một số công việc đúng vào lúc này. Nhưng với lại nếu không phải Hoàng thân thì sẽ là ông De Gondy…

-Nhưng ông De Gondy sắp thành giáo chủ rồi, người ta đang xin mũ cho ông ấy.

-Dễ thường không có những ông giáo chủ cực kỳ hiếu chiến đó sao? – Aramis nói. – Cậu thử nhìn quanh xem, bốn ông giáo chủ cầm đầu quân đội cũng ngang tài ông De Guébriant và ông De Gassion.

-Ồ, một ông tướng gù lưng.

-Mặc áo giáp vào thì chẳng ai nhìn thấy cái bướu. Hơn nữa, cậu hãy nhớ rằng Alexandre thọt chân và Annibal thì chột mắt.

-Cậu thấy có những lợi thế gì lớn trong phe phái ấy? – D'Artagnan hỏi.

-Tôi thấy có sự che chở của những ông hoàng mạnh thế.

-Với sự cấm chỉ của chính phủ.

-Bị bác bỏ bởi các viện và những cuộc bạo loạn.

-Tất cả những cái đó có thể làm được, như cậu nói, nếu người ta thực hiện việc tách rời nhà vua khỏi mẹ.

-Có thể sẽ đạt được.

-Không bao giờ, – D'Artagnan kêu lên, lần này anh trở lại niềm tin của mình. – Aramis bạn ạ, tôi xin hỏi cậu, cậu là người hiểu biết Anne d'Autriche cũng rõ như tôi. Có bao giờ cậu tin hoàng hậu lại có thể quên rằng con trai bà là sự an

toàn, là bảo chứng, là vị thủ thần của bà, của tài sản và cuộc đời bà không? Phải làm sao cho bà cùng với con bỏ Mazarin mà đi sang phía hoàng thân, nhưng cậu biết rõ hơn ai hết là có đâu những lý do mạnh mẽ để bà chẳng bao giờ bỏ ông ta đâu.

-Có thể cậu nói đúng, – Aramis trầm ngâm nói, – vì thế tôi sẽ không giao ước.

-Với họ, – D'Artagnan nói, – nhưng còn với tôi.

Không với ai hết. Tôi là linh mục, làm chính trị để làm gì! Tôi không đọc một quyển sách kinh nào hết; tôi có một đám bạn bè nho nhỏ, mấy thằng cha tu viện trưởng hóm hỉnh và mấy phụ nữ kiều diễm; các công chuyện càng rối ren thì các vụ lẻn chơi càng ít bị tai tiếng; tôi chẳng cần dây vào những vụ kia mà mọi sự vẫn tuyệt diệu; này bạn thân mến ơi, dứt khoát ta sẽ không dây vào nữa đâu.

-Này, bạn thân mến ơi. – D'Artagnan nói. – Thì cái triết lý của cậu làm tôi xiêu lòng, xin thề đấy, và chẳng biết cái con mòng tham vọng quỷ quái nào đã châm đốt tôi thế nhỉ? Tôi có một khoản trợ cấp đủ sống, ông de Treville tội nghiệp ấy già yếu rồi, khi nào ông chết tôi có thể trở thành đại uý; đó là một chiếc gậy thống chế cực oai đối với một thiếu sinh Gascogne và tôi cảm thấy mình gắn bó với cương vị của chiếc bánh đạm bạc nhưng là bữa hàng ngày. Đáng lẽ chạy theo những cuộc phiêu lưu, ôi dào? Tôi sẽ nhận lời mời của Porthos, sẽ đi săn trong vùng đất đai của cậu ấy, cậu biết rằng Porthos có đất đai chứ?

-Sao lại không? Tôi biết chứ. Mười dặm rừng, đầm lầy với thung lũng; cậu ấy là lãnh chúa của núi non và vùng đồng bằng, và cậu ta đang kiện cáo linh mục Noyon về những quyền thái ấp.

"Tốt – D'Artagnan tự nhủ, – đó là điều ta cần biết; Porthos ở vùng Picardi".

Rồi anh nói to: -Và cậu ta đã lấy lại cái tên cũ Du Vallon rồi chứ?

-Còn thêm vào đó tên Bracieux, một khoảnh đất đã được phong nam tước, nói thật đấy!

-Thành thử chúng ta sẽ thấy Porthos là nam tước.

-Tôi không hoài nghi. Bà nam tước Porthos thật tuyệt vời!

Hai người bạn cùng bật cười.

-Như vậy là, – D'Artagnan nói tiếp, – cậu không muốn sang với Mazarin?

-Cậu cũng không muốn sang với các hoàng thân?

-Không. Chúng ta chẳng sang với ai cả, và chúng ta vẫn là bạn, chúng ta sẽ chẳng phải là phe giáo chủ, cũng chẳng là người Fronde.

-Phải đấy, – Aramis nói. – Chúng ta là ngự lâm quân.

-Với cả chiếc áo thầy dòng. – D'Artagnan nói.

-Nhất là với chiếc áo thầy dòng! – Aramis kêu lên. – Có thế mới duyên dáng.

-Vậy thì xin từ biệt nhé, – D'Artagnan nói.

-Tôi không dám giữ cậu, bạn thân mến ạ, vì tôi không biết sẽ để cậu nằm ở đâu, mà tôi không thể thất thố mời cậu chia sẻ một nửa cái nhà kho với Planchet được – Với lại đây cách Paris không đầy ba dặm; ngựa nghẽo nghỉ ngơi rồi, và chỉ độ non một tiếng đồng hồ là tôi sẽ về đến nhà.

-Và d'Artagnan rót cho mình một cốc rượu vang cuối cùng.

Chúc mừng thời xưa của chúng ta. " Anh nói.

-Đồng ý, – Aramis nói, tiếc thay đó là một thời đã qua "fugit irreparabile tempus …"[186]

-Ô hay, – D'Artagnan nói. – Có thể trở lại. Dù sao, nếu cậu cần đến tôi, xin cứ đến phố Ticơton, khách sạn "Con dê cái nhỏ".

-Còn tôi, ở tu viện thày dòng Jésuites: từ sáu giờ sáng đến tám giờ tối qua lối cửa chính, từ tám giờ tối đến sảu giờ sáng, qua lỗi cửa sổ.

-Từ biệt bạn thân mến.

-Ồ! Tôi không từ giã cậu như vậy, để tôi đưa cậu đi.

Và Aramis lấy gươm và áo choàng.

D'Artagnan tự nhủ thầm: "Cậu ấy muốn chắc chắn là ta đi thật".

Aramis huýt sáo gọi Bazin, nhưng Bazin ngủ ở tiền sảnh trên đống thức ăn thừa của buổi tối, và Aramis buộc phải lắc tai bác để đánh thức dậy.

Bazin dang tay ra, dụi mắt và định ngủ tiếp.

-Này, này, ông trạng ngủ, lấy thang ra mau lên.

Bazin vừa ngáp đến trật quai hàm vừa nói: -Cái thang vẫn để ở cửa sổ.

-Cái khác vậy, cái thang của bác làm vườn ấy, bác không thấy là d'Artagnan lên thang đã khó, xuống thang còn khó hơn ấy à?

D'Artagnan sắp bảo Aramis rằng anh xuống rất thạo thì một ý nghĩ chợt đến làm anh im bặt.

Bazin thở dài đánh thượt một cái và ra đi tìm thang. Lát sau, một cái thang gỗ tốt và chắc chắn đã được đặt dựa vào cửa sổ.

-Thế chứ, – D'Artagnan nói – cái gọi là một phương tiện giao thông? Một phụ nữ có lẽ trèo được một cái thang như thế này đấy nhỉ.

Một cái nhìn sắc như dao của Aramis như muốn tìm kiếm ý nghĩ của bạn mình thấu tận đến đáy lòng, nhưng d'Artagnan chịu đựng cái nhìn ấy với vẻ thật thà tuyệt diệu.

Vả lại vừa lúc ấy anh đặt chân lên bậc thang đầu tiên và bước xuống.

Lát sau anh tới đất. Còn Bazin đứng ở cửa sổ.

Aramis bảo bác: -Cứ ở đấy, tôi về ngay.

Hai người lần đến nhà kho, gần tới nơi thấy Planchet đi ra dắt theo hai con ngựa.

-Vừa hay – Aramis nói, thật là một tên hầu năng nổ và chu đáo, chẳng như cái gã lười Bazin, không còn được tích sự gì khi là người nhà thờ. Planchet, đi

theo chúng tôi, chúng ta vừa đi vừa trò chuyện đến tận đầu làng.

Quả vậy, hai người đi qua suốt làng, nói những chuyện bâng quơ rồi khi đến mấy ngôi nhà cuối cùng, Aramis nói: -Thôi, đi nhé, bạn thân mến, cứ theo cái nghề của cậu, vận may đang cười với cậu đấy, đừng có để vuột mất; nên nhớ rằng vận may là một cô gái giang hồ và nên đối xử cho thích hợp; còn về phần tôi, tôi an phận trong cảnh hèn mọn vả trong tính lười nhác của tôi, xin vĩnh biệt!

-Thế là dứt khoát hẳn đấy à!- D'Artagnan nói. – Điều tôi đề nghị với cậu không hợp ý cậu ư?

-Trái lại, rât hợp ý tôi. – Aramis nói, – nếu như tôi là một người giống như người khác. Nhưng, tôi xin nhắc lại, thật ra tôi là một hỗn hợp những mâu thuẫn: điều hôm nay tôi ghét, ngày mai tôi sẽ tôn thờ và vice versa[187]. Cậu thấy rõ tôi không thể hứa hẹn như cậu chẳng hạn, với những ý nghĩ định đoạt hẳn hoi.

"Tào lao, đồ thâm hiểm, – D'Artagnan tự nhủ thầm, – trái lại mi là người duy nhất biết chọn lấy một mục đích và đi tới đó một cách thầm lặng"

-Thôi, vĩnh biệt nhé, bạn thân mến, – Aramis nói, – và cảm ơn về nhưng ý đồ tuyệt diệu của cậu, và nhất là về những kỷ niệm tốt đẹp mà sự hiện diện của cậu đã làm thức tỉnh trong tôi.

Họ ôm hôn nhau. Planchet đã lên ngựa. D'Artagnan trèo lên yên, rồi họ còn siết tay nhau lần nữa. Hai kỵ sĩ thúc ngựa và rời xa về phía Paris.

Aramis vẫn đứng yên lặng giữa lòng đường cho đến lúc hai người mất hút.

Nhưng đi được độ hai trăm bước, d'Artagnan dừng phắt lại, nhẩy xuống đất, ném cương ngựa vào tay Planchet, rồi lấy mấy khẩu súng ngắn ở bao yên ngựa giắt vào thắt lưng mình.

-Ông ơi, ông làm gì thế? – Planchet hốt hoảng nói.

-Dù cho hắn có xảo quyệt đến mấy đi nữa, – d'Artagnan nói, – tôi cũng làm cho người ta không thể bảo rằng tôi đã mắc lừa hắn. Cậu ở đây và chớ có động đậy; nhưng cậu hãy nép xuống vệ đường và đợi tôi nhé

Nói xong d'Artagnan băng mình sang bên kia đường hào chạy men theo đường cái, đâm thẳng qua cánh đồng để vòng quanh làng.

Trước đó anh đã trông thấy một khoảng trống chỉ có một hàng rào che nằm giữa ngôi nhà bà de Longueville và tư viện Jésuites.

Một giờ trước đó có lẽ khó mà tìm lại hàng rào, nhưng trăng vừa mới mọc, và dù rằng chốc chốc lại bị mây che phủ, ngay trong lúc tối tăm, người ta vẫn có thể trông rõ và tìm lại đường đi.

D'Artagnan bèn đi tới hàng rào và nấp mình sau đó. Khi đi qua trước ngôi nhà nơi đã xảy ra cuộc xung đột mà chúng tôi đã kể trên, anh nhận ra vẫn cái cửa sổ lúc này lại sáng lên, anh tin rằng Aramis chưa trở về nhà mình, và khi nào trở về, anh sẽ không về một mình.

Quả nhiên, một lát sau anh nghe thấy tiếng những bước chân đi tới gần và hình như có cả tiếng nói chuyện rầm rì.

Tới đầu hàng rào, những bước chân dừng lại.

D'Artagnan quỳ một đầu gối xuống đất, tìm chỗ nào dày nhất để nấp.

Vừa lúc đó hai người đàn ông xuất hiện trước sự kinh ngạc hết sức của d'Artagnan. Nhưng nỗi ngạc nhiên của anh đã tan biến khi nghe thấy một giọng nói dịu dàng, du dương, một trong hai người đàn ông ấy là đàn bà cải trang làm kỵ sĩ.

-Cứ yên tâm, ông René thân yêu của tôi, – giọng dịu dàng nói – Việc như thế sẽ không diễn lại nữa đâu; tôi đã phát hiện ra một đường hầm đi qua dưới mặt đường phố và chúng ta chỉ có việc nhấc một trong những viên đá lật ở ngay trước cửa nhà để mở một lối ra cho ông.

-Ồ thưa bà quận chúa, – một giọng khác cất lên và d'Artagnan nhận ra là của Aramis – tôi xin thề với bà rằng nếu như danh tiếng của chúng ta không phụ thuộc vào tất cả những thứ không đề phòng ấy và tôi chỉ mạo hiểm có tính mạng của tôi thôi…

-Phải, phải, tôi biết, ông dũng cảm và phiêu lưu như một người thuộc xã hội thượng lưu phải thế; nhưng ông không phải chỉ thuộc về một mình tôi đâu, mà ông còn thuộc về tất cả đảng của chúng ta. Vậy ông nên thận trọng, nên khôn ngoan.

-Thưa bà, – Aramis nói, – bao giờ tôi cũng tuân theo khi người ta biết ra lệnh cho tôi bằng một lệnh ngọt ngào đến thế.

Anh cầm lấy tay bà ta mà hôn âu yếm.

-Ấy? Người kỵ sĩ có giọng dịu dàng kêu lên.

-Sao vậy? – Aramis hỏi.

-Thế ông không trông thấy gió thổi tung mũ của tôi ư?

Và Aramis băng mình theo chiếc mũ bay đi. D'Artagnan lợi dụng hoàn cảnh ấy tìm một chỗ rào thưa thớt để có thể nhận rõ người kỵ sĩ khả nghi. Đúng lúc ấy trăng có lẽ tò mò như viên sĩ quan chui ra khỏi mây và nhờ ánh sáng tọc mạch ấy, d'Artagnan nhận ra cặp mắt to xanh biếc, mớ tóc vàng óng và mái đầu thanh cao của bà công tước De Longueville.

Aramis tươi cười trở lại một cái mũ trên đầu và một cái mũ cầm tay, và cả hai tiếp tục đi về phía tu viện thầy dòng Jésuites.

D'Artagnan vừa đứng lên vừa phủi quần vừa nói: "Hay lắm, bây giờ ta nắm được cu cậu rồi, cu cậu là frondeur và là tình nhân của bà De Longueville".

§12. Ông Porthos Du Vallon de Bracieux de Pierrefonds

Theo những thông tin lấy ở nơi Aramis, d'Artagnan vốn đã biết rằng Porthos theo tên dòng họ gọi là Vallon, nay – từ tên đất đai nên phải được gọi là De Bracieux và do cái đất đai De Bracieux ấy đang kiện tụng với linh mục Noyon.

Như vậy là d'Artagnan phải đi tìm kiếm đất đai ấy ở quanh vùng Noyon, tức là trên biên giới xứ Ils de France và xứ Picardie.

Hành trình của anh được quyết định nhanh chóng anh sẽ đi đến tận Dammartin nơi tách ra hai con đường, một đi Soissons, một đi Compiègne. Ở do anh sẽ thăm hỏi về vùng đất đai Bracieux và tuỳ theo câu trả lời mà anh sẽ đi thẳng hoặc rẽ về bên trái.

Planchet còn chưa thật yên tâm về sự trốn tránh của mình, tuyên bố rằng anh sẽ đi theo d'Artagnan đến cùng trời cuối đất, dù có đi thẳng hay rẽ sang trái.

Tuy nhiên anh van lơn ông chủ cũ là nên đi vào buổi chiều tối vì đêm tối có nhiều bảo đảm hơn. D'Artagnan bèn bảo anh nên bảo cho vợ anh biết để ít ra cũng giúp chị yên tâm về số phận của chồng mình. Nhưng Planchet tỏ ra rất sáng suốt trả lời rằng anh chắc chắn là vợ anh sẽ không chết vì lo ngại không biết anh đi đâu còn anh vì biết cái miệng của chị mắc bệnh bép xép, nên anh sẽ chết vì lo ngại nếu như chị biết điều đó.

D'Artagnan thấy những lý lẽ ấy là chí lý đến nỗi anh không nài ép thêm, và vào khoảng tám giờ tối, khi sương mù bắt đầu dày đặc trong đường phố, anh khởi hành từ quán "Con dê cái nhỏ", theo sau là Planchet ra ngoài kinh đô qua cửa ô Saint-Denis.

Nửa đêm, hai lữ khách đến Dammartin.

Không thể hỏi thăm vì muộn quá rồi. Chủ quán Thiên Nga Chữ Thập đã đi nằm.

Sáng hôm sau anh gọi chủ quán đến. Đó là một trong số những người Normands quỷ quyệt chẳng nói có cũng chẳng nói không và lúc nào cũng tưởng mình bị hớ khi trả lời thẳng vào câu người ta hỏi.

Tuy nhiên, cho rằng mình đã hiểu là phải đi theo con đường thẳng, d'Artagnan lại lên đường theo lời chi dẫn mập mờ ấy. Chín giờ sáng anh đến Nanteuil và dừng ở đó để ăn sáng.

Lần này chủ quán là một người Picard thật thà tốt bụng, lại nhận ra Planchet là người đồng hương, nên anh cần hỏi gì là bác ta chỉ dẫn rất dễ dàng. Lãnh địa Bracieux ở cách Villers-Cotterêts, anh đã hai ba lần đi theo triều đình đến đó, vì hồi ấy đây là một nơi nhà vua ngự. Anh liền đi tới thị trấn ấy và vào cái quán anh thường nghỉ tức là quán Cá Heo Vàng.

Những tin tức thu lượm được ở đây là đáng hài lòng nhất. Anh được biết ấp Bracieux ở cách thị trấn bốn dặm, nhưng không phải tìm Porthos ở đấy. Đúng là Porthos có những chuyện kiện cáo với ông linh mục ở Noyan về khoảnh đất Pierrefonds giáp giới đất của anh, và bực bội rầy rà về cái mớ tố tụng tư pháp mà anh chẳng am hiểu tí gì, để chấm dứt, anh đã mua phăng đất Pierrefonds, thành thử anh đã điền thêm cái tên mới ấy vào những tên cũ của mình. Bây giờ tên anh gọi là Du Vallon de Bracieux de Pierrefonds và anh ở tại điền sản mới của mình. Không có danh tiếng nào khác, rõ ràng anh đang nhằm danh tiếng của hầu tước de Carabas.

Còn phải đợi đến hôm sau, vì ngựa đã mệt sau một cuốc mười dặm trong ngày. Kể ra cũng có thể lấy ngựa khác, nhưng phải xuyên qua cả một cánh rừng lớn, mà Planchet, ta còn nhớ, chẳng thích thú gì những cánh rừng đêm tối.

Còn một điều nữa Planchet không thích là lên đường khi bụng đói: cho nên khi tỉnh dậy d'Artagnan đã thấy bữa ăn sáng dọn sẵn sàng. Không có cách gì để phàn nàn về một sự chu đáo như vậy, cho nên d'Artagnan ngồi vào bàn chén. Chẳng cần phải nói cũng biết Planchet khi đã nhận lại chức trách cũ thì cũng nhận lại tính khiêm nhường cũ và ăn thừa các thức ăn của d'Artagnan cũng chẳng xấu hổ gì hơn bà De Motteville và bà De Fargis khi dùng các thức ăn thừa của Anne d'Autriche.

Như vậy là không thể khởi hành vào Khoảng tám giờ. Không còn sợ nhầm lẫn, phải theo đường từ V Villers-Cotterêts đi Compiègne và khi ra khỏi rừng thì rẽ bên phải. Buổi sáng mùa xuân đẹp trời, chim hót trên những cây đại cổ thụ, những chùm nắng xuyên qua các khoảnh rừng giống như những tấm màn kim tuyến lóng lánh.

Ở những quãng khác, ánh sáng khó khăn lắm mới lọt qua vòm lá rậm rạp, và mấy chú sóc khi trông thấy người liền thoăn thoắt chuyền dưới những gốc cây sến già vẫn chìm trong bóng tối. Thiên nhiên vào buổi sớm ấy đã toát ra hương thơm ngạt ngào của có cây hoa lá làm khoan khoái lòng người. Chán ngán cái mùi vị uế tạp của Paris, d'Artagnan tự nhủ rằng, khi mang ba cái tên đất đai xuyên tiếp vào nhau như que chả, chắc hẳn người ta phải sướng điên trong một thiên đường như thế, rồi anh lắc đầu nói: "Ví phỏng ta là Porthos và d'Artagnan đến nói với ta lời đề nghị mà ta sắp nêu ra với Porthos thì ta chưa biết ta trả lời d'Artagnan như thế nào".

Còn Planchet chẳng hề suy nghĩ gì hết, anh đang để cái dạ dày tiêu hoá.

Ra đến ven rừng, d'Artagnan trông thấy con đường mà người ta đã chỉ dẫn cho và những ngọn tháp của một toà lâu đài lãnh địa đồ sộ nằm tại cuối đường.

-A, a! – Anh lẩm bẩm. – Hình như toà lâu đài này thuộc về dòng họ Orléans xưa; liệu Porthos có điều đình với quận công De Longueville không?

-Ông ơi, – Planchet nói, – thực tình đây là những đất đai rất tốt; và nếu nó thuộc về ông Porthos thì tôi sẽ chúc mừng ông ấy mới được.

-Gớm nhỉ? – D'Artagnan bảo, – cậu chớ có gọi Porthos, gọi Du Vallon cũng không được, phải gọi ông ấy là de Bracieux hoặc de Pierrefonds. Nếu không cậu sẽ làm hỏng chuyện đi sứ của tôi đấy.

Toà lâu đài thoạt tiên thu hút cặp mắt anh, nhưng đến gần, anh mới hiểu ra là bạn anh không thể ở đấy được, cái tháp mặc dầu vững chắc và trông như mới xây, hở toang hoác như bị mổ bụng. Trông như một người khổng lồ nào đó đã băm chém chúng bằng những nhát rìu. Tới cuối con đường, d'Artagnan thấy mình bao quát một thung lũng kỳ diệu và trông thấy ở dưới đáy thung lũng một mảng hồ xinh đẹp ngủ dưới chân mấy ngôi nhà tản mác đó đây, bình dị, lợp ngói hoặc rơm, chúng như công nhận một lãnh chủ cao nhất một toà lâu đài tráng lệ xây dựng vào khoảng dầu triều vua Henri IV trên nóc có những chong chóng nhà bạo chúa.

Lần này, d'Artagnan không nghi ngờ gì đấy là nơi ở của Porthos. Con đường dẫn thẳng đến toà lâu đài tráng lệ ấy, nó so với ông tổ nó là toà lâu đài trên núi kia cũng tựa như một chàng công tử bột thuộc đảng phái quận công d'Enghien so với một trang hiệp sĩ mình bọc đầy giáp sắt thời vua Charles VIl. D'Artagnan cho ngựa đi nước kiệu và men theo con đường, Planchet điều chỉnh bước đi của ngựa mình theo ngựa ông chủ.

Mười phút sau, đã đến đầu lối đi trồng đều đặn những cây phong đẹp dẫn đến một cổng sắt có những đầu nhọn và thanh ngang đều mạ vàng. Ở giữa con đường có một người kiểu như lãnh chúa vận y phục xanh và vàng như cổng rào, cưỡi trên lưng một con ngựa trận to lrớng. Bên phải và bên trái ông ta là hai tên hầu quần áo thêu những vạch ngang dọc khắp mọi chiều; vô số những nông dân cục mịch xúm xít lại chào ông ta hết sức cung kính.

-A! – D'Artagnan tự bảo. – Phải chăng đấy là ông Du Vallon de Bracieux de Pierrefonds? Ôi, lạy Chúa! Ông ta đã khép mình nhỏ lại từ khi không còn gọi là Porthos nữa.

-Không thể là ông ấy được, – Planchet đáp lại câu mà d'Artagnan tự nói với mình. – Ông Porthos cao gần sáu bộ, còn ông này chưa đến năm bộ.

Nói xong, d'Artagnan thúc ngựa đến chỗ con ngựa chiến con người danh giá và các tên hầu. Lần lần đi tới gần, anh như nhận ra những nét quen quen của nhân vật ấy.

-Jésus lạy Chúa tôi? – Về phía mình Planchet cũng ngỡ nhận ra người ấy, liền kêu lên – Chẳng lẽ lại có thể là hắn ta?

Nghe tiếng kêu ấy, người cưỡi ngựa chậm rãi quay lại và với một vẻ cao sang, hai lữ khách liền trông thấy đôi mắt ốc nhồi lóe sáng lên hết cỡ, bộ mặt đỏ lửng và nụ cười đến là hùng hồn của Mousqueton.

Quả thật đó là Mousqueton, Mousqueton béo núc ních những mỡ, sụn xuống vì sức khỏe dồi dào, húp híp vì an lạc. Trái với bác Bazin đạo đức giả, khi nhận ra d'Artagnan, Mousqueton tuột từ lưng ngựa xuống đất và ngả thấp mũ tiến đến gần viên sĩ quan, thành thử những sự cung kính của cử tọa quay hẳn một phần tư vòng sang ông mặt trời mới đang che lấp mặt trời cũ.

-Ông d'Artagnan, ông d'Artagnan! – Mousqueton tràn trề hoan hỉ gọi mãi lên trong đôi má phì nộn của mình. – Ông d'Artagnan. Ôi! Vui mừng biết bao cho Đức ông và ông chủ Du Vallon de Bracieux de Pierrefondss của tôi?

-Cái cậu Mousqueton tốt bụng này? Chủ cậu có ở đây chứ.

-Ông đang ở trên lãnh địa của ông ấy.

-Nhưng kìa, cậu thật là bảnh bao, cậu thật là béo tốt, cậu thật là tươi tắn! – D'Artagnan tiếp tục tỉa tót không biết mỏi những đổi thay mà hạnh vận đã mang lại cho cái thằng cha chết đói năm xưa.

-À vâng, ơn Chúa! – Mousqueton nói. – Thưa ông, sức khỏe của tôi cũng kha khá.

-Thế cậu không nói gì với bạn Planchet của cậu đấy ư?

-Với bạn Planchet của tôi! Hoạ chăng là cậu ấy à? – Mousqueton kêu lên, hai tay dang ra và lệ tràn đôi mắt.

-Chính tôi đây, – Planchet vẫn thận trọng nói, – nhưng tôi muốn xem cậu có giở trò kiêu hãnh hay không?

Giở trò kiêu hãnh với một người bạn cố tri! – Không bao giờ! Planchet ạ. Cậu không nghĩ như vậy hoặc là cậu không hiểu Mousqueton.

-Tốt lắm! – Planchet vừa nói vừa xuống ngựa và đến lượt mình giơ tay về phía Mousqueton.

-Cậu chẳng giống như cái thằng chó chết Bazin ấy, hắn đã bỏ mặc tôi hai tiếng đồng hồ trong cái nhà kho chẳng thèm làm bộ nhận ra tôi nữa.

Rồi Planchet và Mousqueton ôm chầm lấy nhau chứa chan tình cảm khiến mọi người đứng đấy đều hết sức xúc động và tưởng rằng Planchet là một lãnh chúa nào đó cải trang và họ càng đánh giá đến mức cao nhất địa vị của Mousqueton.

Khi gỡ mình ra khỏi cái ôm riết của Planchet, anh chàng Mousqueton đã cố gắng vô ích để tiếp giáp hai bàn tay của mình sau lưng bạn, Mousqueton nói: -Và thưa ông d'Artagnan, bây giờ xin ông cho phép tôi vào, vì tôi không muốn ông chủ tôi hay tin ông đến do người khác báo chứ không phải là tôi, ông chủ sẽ không tha thứ cho tôi về tội lỗi đã để cho người khác vượt lên trước.

-Ông bạn thân mến ấy, – D'Artagnan nói, anh muốn tránh gọi Porthos bằng cả tên cũ lẫn tên mới, – thì ông bạn thân mến ấy vẫn không quên tôi.

-Quên! Ông tôi mà quên? – Mousqueton kêu lên. – Nghĩa là, thưa ông, không có ngày nào chúng tôi không ngong ngóng chờ tin ông được phong làm thống

chế, hoặc thay ông De Gatxiông, hoặc thay ông De Batxompie.

D'Artagnan để lớn vởn trên môi mình một trong những nụ cười sầu thảm đã từng sống sót ở nơi sâu thăm nhất trong lòng mình qua nỗi thất vọng của những năm tuổi xanh.

-Còn các ông, những tiện dân kia, – Mousqueton nói, hãy ở bên bá tước d'Artagnan và ráng sức cung kính ngài, chờ tôi vào trình với Đức ông về việc ngài đến.

Trong khi Planchet còn lanh lẹn hơn, nhảy lên ngựa một mình thì Mousqueton phải chờ hai người từ tâm giúp để leo lên mình một con ngựa chiến lực lưỡng, và cho ngựa chạy chậm chậm rãi, điều đó chứng tỏ anh chiếu cố cái lưng hơn là những cái căng của con vật bốn chân này.

-Ái chà? Thế là điềm tốt đây! – D'Artagnan nói.

-Ở đây chẳng có gì bí mật, chẳng có gì giấu giếm che đậy, chẳng có chính trị, người ta cười sằng sặc, người ta khóc vì vui mừng tôi chỉ trông thấy những gương mặt rộng một aune[188] thật thế, tôi thấy dường như ngay cả thiên nhiên cũng mở hội, cây cối đáng lẽ phủ lá và hoa thì lại ngợp đầy những dải băng nhỏ xanh xanh hồng hồng.

-Còn tôi, – Planchet nói, – dường như đã ngửi thấy mùi thơm ngon nhất của thịt quay, trông thấy những nồi niêu xếp thành những hàng rào danh dự để đón chúng ta đi qua. Ôi! Thưa ông, không biết ông De Pierrefonds phải thuê đầu bếp nào khi mà xưa kia mới chỉ có tên là Porthos ông ấy đã thích ăn và ăn thật ngon.

-Đừng nói nữa? – D'Artagnan bảo. – Cậu làm tôi sợ đấy. Nếu sự thật giống bề ngoài, thì ta toi công rồi. Một con người sung sướng đến thế sẽ chẳng bao giờ ra khỏi hạnh phúc của mình và ta sẽ thất bại với hắn như đã thất bại với Aramis.

§13. Khi gặp lại Porthos, d'Artagnan đã nhận ra rằng của cải là không làm nên hạnh phúc

D'Artagnan vượt qua rào sắt và đến trước toà lâu đài, anh vừa nhảy xuống đất thì một thứ người khổng lồ xuất hiện trên bậc tam cấp. Công bằng mà nói, ta nên gạt sang một bên tình cảm ích kỷ, d'Artagnan mừng rỡ khi thấy cái vóc dáng cao lớn và gương mặt thượng võ gợi cho anh nhớ tới một con người dũng cảm và tốt bụng.

Anh chạy đến bên Porthos và nhào vào vòng tay anh ta; tất cả bọn tôi tớ vây tròn lại ở một khoảng cách cung kính và nghếch mắt nhìn vẻ tò mò khúm núm. Mousqueton đứng ở hàng đầu, quệt nước mắt, tội nghiệp cậu ta từ sau khi nhận ra d'Artagnan và Planchet, cậu ta cứ khóc mãi vì vui mừng.

Porthos nắm cánh tay bạn và kêu lên bằng một giọng từ bậc nam trung chuyển sang nam trầm: -A? Gặp lại cậu thật là mừng, thế ra cậu, cậu vẫn không quên tôi ư?

-Quên cậu ư? Ôi, Du Vallon thân mến, quên sao được những chuỗi ngày tươi đẹp nhất của tuổi thanh xuân, bè bạn chí tình và những nỗi gian nan nguy hiểm đã cùng nhau vượt qua! Ấy, trông thấy cậu, là bao nhiêu kỷ niệm tình bạn xưa của chúng ta lại hiện lên trong tâm trí mình.

-Ờ, ờ! – Porthos vừa nói vừa vân về ria mép, cố trả lại cho nó cái vẻ đỏm dáng đã bị mất trong cánh cô đơn.

- Ờ ờ, hồi ấy chúng ta đã làm bao nhiêu việc long trời lở đất và chúng ta cũng đã gây cho ngài giáo chủ tội nghiệp ấy biết bao chuyện đau đầu.

Và anh thở dải, d'Artagnan lặng nhìn anh.

-Dù sao, – Porthos nói tiếp, giọng rầu rĩ, – tôi cũng xin chào mừng bạn thân mến, cậu sẽ giúp tôi tìm lại niềm vui; ngày mai chúng ta sẽ đi săn hoãng ở trong những cánh rừng cũng rất tuyệt; tôi có bốn con chó săn lévriers vào loại nhanh nhẹn nhất tỉnh và một bầy chó săn có một không hai ở trong vòng hai mươi dặm.

Và Porthos lại thở dài lần nữa.

"Ồ, ồ! – D'Artagnan nhủ thầm, phải chăng con người tráng kiện, khoẻ mạnh này không thật sung sướng như cái vẻ bề ngoài của hắn sao?" Rồi anh nói: -Nhưng trước hết, cậu giới thiệu với tôi bà Du Vallon đã, vì tôi còn nhớ một bức thư mời mọc mà cậu đã hạ cố viết cho tôi và ở dưới thư bà ấy có nhã ý viết thêm mấy dòng.

Một tiếng thở dài thứ ba của Porthos. Anh nói: -Bà Du Vallon mất đã hai năm rồi, và cậu thấy tôi vẫn còn buồn rười rượi. Chính vì vậy nên tôi đã rời lâu đài Du Vallon ở gần Corbeil để đến mảnh đất Bracieux, sự thay đổi ấy dẫn đến việc tôi mua vùng đất đai này. Tội nghiệp bà Du Vallon, – Porthos nói tiếp và cau mặt vẻ

thương tiếc, – đó không phải là một người đàn bà tính khí rất dửng dưng, song cuối cùng bà ấy cũng vẫn quen dần với những cung cách của tôi và chiều những yêu cầu, vòi vĩnh nho nhỏ của tôi.

-Như thế là cậu giàu có và tự do nhỉ? – D'Artagnan hỏi.

-Chao ôi! – Porthos nói, – tôi goá vợ và có bốn chục nghìn livres niên thu… À, cậu có muốn ta ăn lót dạ bây giờ không?

-Muốn quá đi chứ, – D'Artagnan nói, – buổi sớm mát trời đã khiến tôi đói bụng rồi đó.

-Đúng, – Porthos nói, – khí trời chỗ tôi thì tuyệt diệu.

Họ bước vào lâu đài, từ trên xuống dưới toàn là mạ vàng, các đường viền mạ vàng, các đường gỗ mạ vàng, gỗ ghế bành mạ vàng.

Một bàn ăn dọn sẵn đang đợi.

-Cậu xem, – D'Artagnan nói, – tôi xin chúc mừng cậu, vua cũng không được một bữa như thế này.

-Ừ, – Porthos bảo, – nghe đâu Mazarin nuôi nấng vua rất tồi. Nếm thử món sườn này đi, d'Artagnan thân mến, cừu nhà tôi nuôi đây.

-Cậu có những con cừu non quá, mình xin có lời khen ngợi.

-Ấy, cừu nuôi trong những cảnh đồng cỏ của tôi đấy mà, những đồng cỏ tuyệt diệu.

-Cậu tiếp thêm cho tôi nào.

-Không, hãy nếm thử con thỏ này mà tôi đã bắn hôm qua ở một trong những bãi cỏ thả thỏ của tôi.

-Gớm chưa! Khẩu vị thật đặc biệt! – D'Artagnan nói. – Chà, chà! Dễ thường cậu nuôi thỏ toàn bằng rau thơm, rau mùi?

-Thế còn rượu của tôi, cậu thấy thế nào. – Porthos hỏi. – Ngon chứ?

-Tuyệt!

-Rượu quê ấy mà.

-Thật ư?

-Phải, một sườn đồi nhỏ hướng Nam ở đằng kia, trên núi của tôi nó cho hai mươi muy.[189]

Lần thứ năm Porthos lại thở dài. D'Artagnan vẫn đếm những tiếng thở dài của bạn. Tò mò muốn đi sâu vào vấn đề, anh nói: -Ôi chao! Bạn thân mến ơi, dường như có điều gì khiến cậu buồn phiền. Chẳng may cậu có đau ốm gì chăng?… Sức khỏe của cậu…

-Rất tốt cậu ạ, tốt hơn bao giờ hết, tôi có thể đâm chết một còn bò.

-Hay là buồn chuyện gia đình…

-Gia đình ư? May thay tôi chỉ có một mình ở trên đời.

-Thế điều gì khiến cậu thở dài thườn thượt?

-Bạn thân mến ơi, tôi sẽ thành thật với cậu, tôi không sung sướng.

-Cậu mà không sung sướng ư, Porthos? Cậu có một toà lâu đài, những cánh đồng cỏ, rừng núi bao la; lại bốn chục nghìn livres niên thu, vậy mà rốt cuộc cậu không hạnh phúc?

-Bạn thân mến ơi, đúng là tôi có tất cả những thứ đó, song tôi sống một mình giữa tất cả những thứ đó.

-A! Tôi hiểu rồi: xung quanh toàn những bọn dân ngu, nhìn họ cậu thấy danh giá mình bị mất mát.

Porthos hơi tái mặt, và nốc cạn thật nhanh một cốc rượu. Anh nói: -Không phải thế đâu, mà trái lại, cậu tưởng tượng xem đó là những bọn quý tộc nông thôn, ai cũng có một tước vị nào đó và còn muốn đi ngược gia phả lên tận Pharamond, Charlemagne, hay ít ra đến Hugues Capet. Vào lúc khởi đầu, tôi đã là người đến sau chót, do đó tôi phải chạy vạy, tôi đã làm việc đó, nhưng bạn thân mến ơi, như cậu biết đấy, bà Du Vallon…

Nói ra những lời ấy, Porthos như nghẹn ngào.

-Bà Du Vallon. – anh nói tiếp, – có thể là một gốc quý tộc; trong cuộc hôn nhân đầu tiên, d'Artagnan ạ, tôi thiết tưởng điều này chẳng có gì mới đối với cậu, bà ta lấy một ông biện lý. Người ta cho chuyện đó là đáng lộn mửa. Họ đã nói là lộn mửa. Cậu hiểu chứ, đó là một tiếng giết chết ba chục nghìn người. Tôi khác, nhưng họ không coi tôi là bạn họ. Thành thử tôi không có bạn bè, tôi sống lẻ loi, tôi chán nản, tôi buồn phiền.

D'Artagnan mỉm cười, anh nhìn thấy kẽ hở của áo giáp và anh chuẩn bị nhát đâm.

-Nhưng mà, rốt cuộc, – anh nói, – cậu sinh ra thế nào là do cậu chứ vợ cậu làm sao mà thay đổi được?

-Phải, nhưng cậu hiểu cho rằng, vì không phải là dòng dõi quý tộc lâu đời như họ hàng Coucy họ tự bằng lòng là những Sires[190] hoặc dòng họ Rohan họ không muốn là công tước, tất cả những bọn kia đều là tử tước, nhưng khi vào nhà thờ hay đến các lễ hội họ đều được coi trọng hơn tôi, tôi nói vào đâu được… Ôi! Giá như tôi chỉ là…

-Nam tước, phải không? – D'Artagnan nói nốt câu của bạn.

-A! – Porthos kêu lên, mặt hớn hở – A! Giá như tôi là nam tước?

"Tốt rồi! – D'Artagnan nghĩ. – Ta thành công rồi".

Rồi anh cao giọng bảo: -Thế thì bạn thân mến ơi, chính cái tước hiệu mà cậu ao ước ấy, hôm nay tôi mang đến cho câu đây.

Porthos nhảy bật lên một cái làm rung chuyển cả gian phòng hai ba chai rượu bị mất thăng bằng lăn ngay xuống đất vỡ tan tành.

Mousqueton nghe tiếng chạy đến và người ta trông thấy bóng Planchet tay cầm khăn ăn, miệng căng phồng.

-Đức ông gọi tôi à? Mousqueton buột miệng hỏi

Porthos ra dấu bảo Mousqueton hãy dọn dẹp những chai vỡ.

-Tôi rất vui thấy cậu vẫn dùng thằng hầu ấy, – D'Artagnan nói.

-Nó là quản gia của tôi đấy, – Porthos đáp.

Rồi anh cao giọng: -Nó đã làm việc đánh chén, thằng ranh ấy, người ta trông rõ rồi, nhưng, – anh hạ giọng nói tiếp, – nó quyến luyến tôi lắm và có cho vàng nó cũng sẽ chẳng chịu rời tôi đâu.

-"Và nó gọi chủ nó là đức ông", – D'Artagnan nghĩ thầm.

-Ra ngoài kia đi. Mouston. -Porthos bảo.

-Cậu gọi Mouston à? À phải, gọi tắt, gọi Mousqueton thì dài quá.

-Phải, – Porthos nói, – với lại gọi như thế thì từ ngoài một dặm người ta ngửi thấy cái chức đội trưởng ky binh của nó. Thôi, đợi thằng ranh ấy vào, chúng ta sẽ còn bàn công việc.

-Ừ d'Artagnan bảo, – nhưng ta gác câu chuyện lại sau, vì người làm của cậu có thể nghi ngờ; biết đâu chẳng có dọ thám ở trong vùng, Porthos ạ, cậu đoán xem, đó là những việc nghiêm ngặt.

-Ghê nhỉ! – Porthos nói, – thế để dễ tiêu hoá chúng ta đi quanh vườn nhé

-Được thôi.

Và nhân hai người đã ăn lót dạ đầy đủ, họ bắt đầu dạo quanh khu vườn tuyệt đẹp Nhưng lối đi trồng cây dẻ và cây bồ đề bao quanh một khoảng rộng ít nhất là 30 acpăng[191]. Đến mỗi ô kiểu ngũ điểm dầy những cây lớn và cây con lại thấy những chú thỏ chạy biến trong các bụi hạt dẻ và nô đùa trong các đám cỏ cao.

Thực tình, – D'Artagnan nói, – khu vườn phù hợp với tất cả phần còn lại; và nếu những bãi thả có bao nhiêu thỏ, ao hồ có bấy nhiêu cá thì cậu sẽ là một con người hạnh phúc. Porthos thân mến ạ, chỉ cần cậu vẫn giữ cái sở thích săn bắn và có thêm cái hứng thủ đi câu.

-Bạn ơi, – Porthos nói, – Tôi dành việc đi câu cho Mousqueton đó là một thú vui quê mùa; nhưng thỉnh thoảng tôi đi săn; nghĩa là khi nào tôi buồn chán, tôi ngồi trên một chiếc ghế đá hoa cương này, tôi sai đem súng và mang con Gredinet, con chó cưng của tôi đến và bắn thỏ.

-Thế thì thú vị quá còn gì, – D'Artagnan nói.

-Phải, thú vị quá! – Porthos đáp lại với một tiếng thở dài.

D'Artagnan không đếm những tiếng thở dài nữa.

Rồi thì, Porthos nói thêm: -Gredinet chạy đi nhặt thỏ và tự nó mang đến cho đầu bếp, nó được dạy quen rồi…

-Ô con chó hay tuyệt! – D'Artagnan nói.

-Thôi, hãy gác chuyện con Gredinet lại, – Porthos bảo, – nếu cậu thích, tôi sẽ biếu cậu vì tôi cũng bắt đầu chán rồi. Ta trở lại với công việc của chúng ta.

-Rất sẵn sàng, – D'Artagnan đáp, – tuy nhiên, bạn thân mến ơi tôi xin báo trước để cậu khỏi bảo tôi mưu phản cậu, cần phải thay đổi cuộc sống hiện nay.

-Thế là thế nào?

-Là cầm lại dây cương, giắt kiếm xông vào các cuộc phiêu lưu, và như hồi xưa, để lại vài mảnh da thịt ở dọc đường; rốt cuộc là cậu biết đấy, cái phong cách ngày xưa.

-Chà! Gớm nhỉ! – Porthos kêu lên.

-Phải. Tôi hiểu rồi, cậu đã làm mình hư hơn bạn thân mến ạ, bụng cậu đã phát phì, cổ tay không còn độ dẻo dai mà bọn vệ sĩ của ngài giáo chủ đã bao phen được nếm mùi.

-A, cổ tay còn tốt lắm, tôi xin cam đoan với cậu, – Porthos vừa nói vừa giơ một bàn tay ra trông nần nẫn như miếng vai cừu.

-Càng hay.

-Như vậy là chúng ta gây chiến à?

-Ồ! Lạy Chúa đúng thế.

-Mà chống lại ai?

-Bạn ơi, cậu có theo đuổi chính trị không thế?

-Tôi ấy à! Không mảy may nào.

-Thế cậu theo Mazarin hay theo các hoàng thân?

-Tôi chẳng theo ai cả.

-Nghĩa là cậu theo chúng ta. Càng hay, Porthos ạ, đó là vị trí tốt nhất để tiến hành các công việc. Này bạn thân mến ạ, tôi xin nói với cậu rằng tôi đến đây là do ý ông giáo chủ đấy.

Tiếng ấy tác động rõ ràng đến Porthos, cứ như vẫn đang là năm 1640 khi nói đến ông giáo chủ thật sự.

-Ô, ô? – Anh nói. – Các hạ muốn gì ở tôi?

-Các hạ muốn lấy cậu vào giúp việc.

-Thế ai nói về tôi với ông ta?

-Rochefort. Cậu có nhớ không?

-Nhớ, mẹ kiếp! Cái thằng cha hồi ấy đã gây cho chúng ta bao nhiêu chuyện rắc rối và khiến chúng ta phải long đong trên các nẻo đường, cái thằng cha mà cậu đã tặng cho ba nhát kiếm, mà cũng xứng đáng đây chứ.

-Nhưng cậu có biết hắn đã trở thành bạn của chúng ta không? – D'Artagnan nói.

-Không, tôi không biết. Ô! Hắn không có thù hằn gì đâu.

-Cậu lầm rồi, Porthos ạ, – D'Artagnan nói. – Chính là tôi không thù hằn.

Porthos không hiểu lắm, nhưng ta còn nhớ, hiểu biết không phải là chỗ mạnh của anh. Anh nói tiếp: -Thế cậu bảo chính bá tước De Rochefort đã nói về tôi với giáo chủ à?

-Phải, và hoàng hậu nữa.

-Sao, hoàng hậu à?

Để cho chúng ta tin, tự bà ấy đã đưa cho giáo chủ cái nhẫn kim cương trứ danh mà cậu biết đấy, tôi đã bán cho ông des Essarts, và chẳng hiểu thế nào lại trở về với hoàng hậu.

-Nhưng tôi thấy, – Porthos nói, – là một người có lương tri lẽ ra bà ấy nên trao cái nhẫn lại cho chúng ta thì hay hơn.

-Mình cũng nghĩ vậy, – D'Artagnan nói, – nhưng biết làm thế nào? Vua chúa và hoàng hậu, đôi khi có những tính đồng bóng lạ lùng. Rốt cuộc thì do họ là những người giữ của cải và danh vọng, phân phát tiền bạc và chức tước, cho nên người ta tận tụy với họ.

-Phải, người ta tận tụy với họ, – Porthos nói, – như vậy là hiện nay cậu đang tận tụy…

-Với vua, với hoàng hậu và với tể tướng, và thêm nữa tôi bảo đảm về sự tận tuỵ của cậu.

-Và cậu nói rằng cậu có đặt vài điều kiện cho tôi.

-Điều kiện tuyệt diệu, bạn thân mến ạ, tuyệt diệu. Trước hết cậu có tiền, phải không? Bốn mươi nghìn livres, cậu đã bảo tôi vậy.

Porthos đâm nghi ngờ.

-Ồ! Bạn ơi – anh nói, – mình chẳng bao giờ có quá nhiều tiền. Bà Du Vallon đã để lại một khoản thừa kế rắc rối, tôi chẳng giỏi giang gì, thành thử tôi sống hơi lần hồi…

"Hắn sợ mình đến vay tiền". D'Artagnan nghĩ bụng. Rồi anh nói: -A! Bạn ơi, nếu cậu túng bẩn thì càng hay!

-Sao lại càng hay? – Porthos hỏi.

-Vì muốn gì, các hạ sẽ cho: đất đai, tiền bạc, tước vị.

-A, a! – Nghe tiếng cuối cùng này, Porthos trợn tròn mắt kêu lên: -Dưới thời tể tướng,

-D'Artagnan nói tiếp – chúng ta không biết lợi dụng vận hạnh, tuy đó cũng là dịp tốt. Tôi không nói về của cải cho cậu vì cậu có bốn mươi nghìn livres niên thu; và dường như cậu là người hạnh phúc nhất trên đời.

Porthos thở dài.

-Dù sao! – D'Artagnan nói tiếp, – mặc dù số bốn mươi nghìn livres niên thu của cậu và cũng có thể do số bốn mười nghìn livres niên thu của cậu, tôi thấy hình như một tước miện nho nhỏ vẽ trên thành xe của cậu sẽ làm nên khối chuyện đấy. Hề hề!

-Phải lắm! – Porthos đáp.

-Vậy thì, bạn thân mến, hãy giành lấy nó, ở đầu lưỡi gươm của cậu. Chúng ta sẽ không làm tổn hại gì nhau. Mục tiêu của cậu là một tước vị; mục tiêu của tôi là tiền bạc. Mong rằng tôi sẽ kiếm được kha khá để xây dựng lại cơ ngơi d'Artagnan mà tổ tiên tôi nghèo túng đi vì những cuộc thập tự chinh đã để điều

tàn từ thời ấy và để mua ba chục d'arpents đất xung quanh, tất cả chỉ cần có vậy, rồi tôi rút lui về đấy, và chết yên lặng ở đấy.

-Còn tôi, – Porthos nói, – tôi muốn là nam tước.

-Cậu sẽ được như vậy!

-Thế cậu không nghĩ đến các bạn khác của chúng ta nữa hay sao! – Porthos hỏi.

-Có chứ, tôi đã gặp Aramis.

-Thế Aramis mong muốn gì? Làm giám mục chăng?

Không muốn làm Porthos thất vọng, d'Artagnan nói: -Aramis, cậu hãy tưởng tượng hắn đã trở thành thầy tu và jésuite, hắn sống như một con gấu, hắn từ bỏ tất cả, và chỉ nghĩ đến sự cứu rỗi. Những điều chào mới của tôi đề không thể lay chuyển cậu ấy

-Thôi kệ, – Porthos nói, – cậu có trí tuệ. Còn Arthos thế nào?

-Tôi chưa gặp anh ta, nhưng sau khì rời đây, tôi sẽ đi tìm ngay.

-Cậu có biết anh ta ở đâu không?

-Ở gần Blois, trong một danh địa nhỏ mà anh ta thừa kế, cũng chẳng biết của bà con nào.

-Tên gọi là gì?

-Bragelonne. Cậu hiểu không, Arthos quyền quý như hoàng đế và thừa kế một danh địa mang tước bá! Anh ta sẽ làm gì với những tước bá ấy? Tước bá de la Fére, tước bá de Bragelonne?

-Với những tước vị ấy mà không có con cái, – D'Artagnan nói.

-Ơ? – Porthos kêu. – Tôi nghe nói anh ta nhận một đứa bé trai làm con nuôi, mặt rất giống anh ta.

-Arthos, Arthos của chúng ta, một người đức hạnh như Scipion.

-Cậu có gặp lại anh ấy không?

-Không.

-Thế ngày mai tôi sẽ đến cho anh ta biết về tình hình của cậu.

-Nói riêng với nhau, tôi sợ rằng đam mê rượu chè có thể đã làm cho anh ta bị huỷ hoại và già sọm.

-Phải, đúng đấy, – Porthos, – anh ấy uống tợn lắm.

-Với lại đó là anh cả của bọn ta – D'Artagnan nói.

-Mới mấy năm nay thôi, – Porthos nói tiếp – cái dáng bộ uy nghiêm khiến anh ta già đi nhiều.

-Phải, đúng thế. Vậy nếu chúng ta có Arthos càng hay, bằng không thì thôi. Hai đứa chúng ta cũng bằng mười hai người.

-Phải rồi, – Porthos cười nhớ đến những chiến công xưa của mình, – Nhưng nếu có bốn chúng ta thì sẽ bằng ba mươi sáu người ấy chứ; mà nếu công việc gay

go gian khổ như cậu nói, thì lại cần đủ như vậy. Gay go đối với bọn lính mới thật, nhưng đối với chúng ta thì không.

-Có lâu dài không?

-Ấy, có thể là ba bốn năm đấy.

-Sẽ choảng nhau nhiều chứ.

-Mình hy vọng như vậy.

-Càng hay, rốt cuộc thì càng hay? – Porthos kêu. – Cậu không thể tưởng tượng rằng từ khi tôi ở đây đến giờ xương cốt lắm lúc muốn bung ra. Đôi khi ngày chủ nhật đi lễ nhà thờ ra, tôi phóng ngựa băng qua các đồng ruộng, đất đai của những người ở giáp ranh để tìm một chuyện gây sự nho nhỏ nào đó, vì tôi cảm thấy cần thiết, nhưng bạn thân mến ơi, chẳng có cóc gì cả. Hoặc là người ta kính nể tôi, hoặc là người ta sợ hãi tôi chắc hẳn như thế, người ta để mặc cho tôi cùng đàn chó giày xéo đồng linh lăng, vượt trên tất cả thiên hạ, và tôi trở về càng phiền muộn hơn, chỉ, có thế thôi? Cậu hãy cho tôi biết ít ra ở Paris đánh nhau có dễ hơn chút nào không?

-Bạn thân mến ơi, về chuyện đó thật là tuyệt: chẳng còn chiếu chỉ, của còn vệ sĩ của tể tướng[192], chẳng còn de Jussac với lũ cảnh sát[193]. Lạy Chúa. Cậu có biết không, dưới một ngọn đèn đường, trong một quán rượu, ở khắp mọi chỗ, anh là một người Fronde, người ta tháo gươm ra, thế là xong. Ông De Guise đã giết chết ông De Coligny.

-Ở ngay giữa quảng trường Hoàng cung, thế mà chẳng sao cả.

-A? Tình hình bây giờ hay đấy! – Porthos nói.

-Và rồi chẳng bao lâu nữa, – D'Artagnan nói tiếp, – sẽ có những cuộc chiến đấu hẳn hoi, có súng đại bác, có những đám cháy thật muôn màu muôn vẻ.

-Vậy thì, tôi quyết định.

-Cậu hứa với tôi chứ?

-Dứt khoát rồi. Tôi sẽ tìm Mazarin mà đâm chém. Nhưng mà…

-Nhưng mà sao?

-Nhưng mà ông ta phải phong cho tôi là nam tước.

-Trời ạ. – D'Artagnan nói. – Cái đó được quyết định trước tôi đã nói với cậu như vậy và tôi xin nhắc lại tôi bảo đảm cho cái nam tước của cậu.

Sau câu hứa hẹn ấy, Porthos vốn không bao giờ hoài nghi lời của bạn mình, bèn cùng bạn trở về toà lâu dài.

§14. Nếu Porthos không hài lòng vì hoàn cảnh của mình thì Mousqueton lại rất thoải mái với địa vị của hắn. Điều ấy được chứng minh như thế nào?

Trên đường trở về lâu đài, trong khi Porthos đang bơi trong những giấc mơ Nam tước, d'Artagnan ngẫm nghĩ đến sự khốn khổ của cái bản chất con người tội nghiệp kia luôn luôn không hài lòng về cái nó có và luôn luôn ham muốn về cái nó không có. Ở vào địa vị của Porthos, hẳn d'Artagnan sẽ thấy mình sung sướng nhất trần đời, và Porthos còn thiếu cái gì để hạnh phúc nhỉ? Mấy chữ cái đặt trước những tên họ của cậu ta và một cái tước miện nho nhỏ sơn lên trên thành xe của cậu ấy.

D'Artagnan tự nhủ thầm: "Như vậy là suốt đời ta có trông bên phải, ngó bên trái cũng chẳng bao giờ nhìn thấy gương mặt của một người hoàn toàn sung sướng".

Anh đang suy nghĩ cái điều triết lý ấy, thì Thượng đế dường như muốn đưa ra cho anh một điều cải chính.

Vào lúc đó Porthos rời anh để sai bảo bác đầu bếp, anh thấy Mousqueton tiến lại. Trừ một thoáng gợn như một áng mây mùa hạ điểm trên vẻ mặt đúng hơn là che ám nó, thì gương mặt của chàng trai thật thà ấy tỏ ra là của một con người hoàn toàn sung sướng.

-Kia, cái mà mình đang tìm kiếm, – D'Artagnan tự nhủ, – nhưng than ôi! Cái thằng nhỏ tội nghiệp ấy chưa biết vì sao ta lại đến đây.

Mousqueton đứng cách xa. D'Artagnan ngồi xuống ghế và ra hiệu cho hắn lại gần. Được phép, Mousqueton tiến đến và nói: -Thưa ông, tôi xin ông gia ân cho một điều.

-Nói đi, anh bạn.

-Thưa, tôi không dám, tôi e ông sẽ nghĩ rằng phú quý đã làm tôi hư hỏng.

-Vậy là cậu sung sướng phải không? – D'Artagnan nói.

-Sung sướng đến thế là cùng, tuy nhiên ông có thể làm tôi sung sướng hơn nữa.

-Cứ nói đi, nếu điều đó tuỳ thuộc tôi, thì xong ngay thôi mà…

-Ôi, thưa ông, điều ấy chỉ tuỳ thuộc ông thôi.

-Tôi nghe đây.

-Thưa ông, cái điều ân huệ mà tôi xin ông là đừng gọi tôi là Mousqueton nữa[194], mà gọi là Mouston. Từ ngày làm quản lý cho đức ông, tôi đã dùng cái tên sau, nó chững chạc hơn và để cho bọn dưới quyền tôi kính trọng tôi hơn. Thưa ông, ông biết đấy, sự lệ thuộc là tối cần thiết đối với bọn tôi tớ.

D'Artagnan mỉm cười nghĩ "Porthos thì muốn kéo dài tên mình ra còn Mousqueton thì muốn rút ngắn tên mình lại".

-Thưa ông, thế nào ạ? – Mousqueton run bần bật hỏi.

-Thế thì được thôi, Mousqueton thân mến ạ, – D'Artagnan bảo.

-Cậu cứ yên tâm, tôi sẽ không quên điều thỉnh cầu của cậu đâu; và nếu cậu thích, tôi cũng sẽ không gọi cậu bằng cậu hay mày nữa.

Mousqueton đó bừng mặt lên vì vui sướng nói: -Ôi, nếu ông ban cho tôi điều vinh dự đến thế, thì thưa ông tôi sẽ đội ơn ông suốt đời, nhưng như thế liệu có phải là đòi hỏi quá đáng không ạ?

D'Artagnan bụng dạ bảo: "Chao ôi! Như thế thì có thấm tháp gì so với những nỗi ưu phiền bất ngờ mà ta mang đến cho cái thằng quỷ tội nghiệp này, nó đã đón tiếp ta chu đáo".

Khuôn mặt Mousqueton trở lại thanh thản như trước và nở ra như một bông hoa thược được, hắn hỏi: -Thế ông còn ở chơi, lâu với chúng tôi chứ ạ?

-Ngày mai tôi đi, anh bạn ạ, – D'Artagnan đáp.

-Ôi thưa ông, – Mousqueton nói, – thì ra ông đến chỉ đem lại cho chúng tôi những nỗi luyến tiếc sao?

-Tôi e là như vậy đó, – D'Artagnan nói rất khẽ đến nỗi Mousqueton không nghe thấy khi chào và rút lui.

Một niềm ân hận xuyên qua tâm trí d'Artagnan, mặc dầu con tim anh đã chai cứng.

Anh không hối tiếc dẫn dắt Porthos vào một con đường mà cuộc sống và tài sản của anh sẽ bị tổn hại, vì Porthos sẵn lòng mạo hiểm tất cả những thứ ấy cho cái tước hiệu nam tước mà anh ao ước giành được từ mười lăm năm nay. Nhưng còn Mousqueton không ao ước gì, ngoài việc được gọi tên là Mouston, thì há chẳng phải là tàn nhẫn khi dứt anh ta ra khỏi cuộc sống thú vị trên cái vực sung túc của anh ta sao? Ý nghĩ ấy đang làm anh bận tâm thì Porthos xuất hiện.

-Ta vào bàn ăn đi. – Porthos bảo.

-Sao, ăn à? – D'Artagnan hỏi. – Mấy giờ rồi?

-Ồ bạn thân mến ơi, một giờ rồi đấy.

-Trang ấp của cậu là một thiên đường. Porthos ạ, người ta quên cả thời gian. Tôi đi theo cậu, nhưng tôi không đói đâu.

-Đến đây, nếu như người ta không thể lúc nào cũng ăn thì người ta có thể lúc nào cũng uống được, đó là một câu châm ngôn của Arthos đáng thương mà tôi đã nhận ra tính vững chắc của nó kể từ khi tôi buồn chán.

Bản năng Gascogne làm cho d'Artagnan luôn luôn có tiết độ, anh có vẻ không thật tin tưởng như anh bạn mình vào cái định lý không cần chứng giải của Arthos, song anh vẫn làm cái gì mình có thể làm để giữ mình ngang hàng với chủ nhà.

Tuy nhiên, trong khi nhìn Porthos ăn và anh cũng ra sức uống, ý nghĩ về Mousqueton trở lại tâm trí d'Artagnan và nó càng mãnh liệt khi mà Mousqueton không tự mình hầu bàn, việc ấy có lẽ thấp hơn địa vị mới của hắn, nhưng chốc chốc lại xuất hiện ở cửa và bày tỏ lòng biết ơn của hắn đối với d'Artagnan bằng độ tuổi và gốc gác những loại rượu mà hắn sai mang ra hầu.

Do đó, khi ăn tráng miệng, d'Artagnan ra hiệu cho Porthos bảo bọn đầy tớ ra ngoài, còn lại hai người bạn với nhau, d'Artagnan nói: -Porthos này, ai sẽ theo cậu đi các chiến trận?

-Ấy Mousqueton chứ còn ai. – Porthos trả lời một cách tự nhiên.

Một đòn đối với d'Artagnan: anh đã trông thấy nụ cười đôn hậu của viên quản lý chuyển thành một cái nhăn nhó đau khổ.

-Nhưng, – D'Artagnan đáp, – Mousqueton chẳng phải còn non trẻ gì nữa, bạn thân mến ạ, hơn nữa hắn đã phát phì như ông phễnh và có khi hắn đã mất đi thói quen của công việc hoạt động.

-Mình biết, – Porthos nói, – nhưng tôi dùng hắn đã quen, vả lại hắn chẳng muốn rời tôi đâu, hắn yêu mến tôi quá chừng.

"Ôi! Lòng tự tôn mù quáng?" d'Artagnan nghĩ.

-Vả chăng, chính cậu, – Porthos nói, – cậu đã chẳng luôn luôn vẫn dùng một cái thằng hầu đấy sao? Cái thằng tốt bụng, can đảm và thông minh… tên nó là thằng gì nhỉ?

-Planchet. Tôi đã gặp lại nó, nhưng nó không phải là thằng hầu nữa.

-Thế nó là gì?

-Này nhé! Cậu biết đấy, với một nghìn sáu trăm livres mà nó kiếm được trong cuộc bao vây thành La Rochelle[195] do mang bức thư đến cho Lord de Winter[196] hắn đã dựng một cửa hàng nhỏ ở phố Lomba, và trở thành chủ hiệu mứt kẹo.

-A! Nó là chủ hiệu mứt kẹo phố Lombards à? Thế vì sao nó lại đi hầu cậu?

-À nó đang phải trốn tránh, – D'Artagnan đáp, – và nó sợ bị nguy hại.

Và chàng ngự lâm quân kể lại cho bạn nghe chuyện anh đã gặp lại Planchet như thế nào.

-Bạn thân mến ơi, – Porthos nói, – có phải vì người ta nói với cậu rằng một hôm Planchet tổ chức cứu thoát Rochefort nên cậu đã che giấu hắn phải không?

-Không hẳn như vậy. Nhưng biết làm thế nào, các biến cố làm thay đổi con người.

-Không còn gì đúng hơn, – Porthos nói, – nhưng có cái không thay đổi, hoặc thay đổi thành tốt hơn, đó là rượu vang. Cậu thử nếm thứ này xem, đó là chính cống nho gốc Tây Ban Nha mà anh bạn Arthos của chúng ta rất thích, vang Xérès đấy.

Vừa lúc ấy viên quản lý đến hỏi ý kiến ông chủ về thực đơn ngày hôm sau và về chuyến đi săn dự định.

-Mouston này, – Porthos nói, – binh khí của ta vẫn còn tốt đấy chứ?

D'Artagnan bắt đầu gõ nhịp trên bàn để che giấu sự lúng túng của mình.

-Binh khí của đức ông ấy à? – Mousqueton hỏi, – binh khí nào cơ ạ?

-Thằng quỷ! Cái bộ yên cương ấy.

-Yên cương nào ạ?

-Yên cương trận mạc chứ còn gì.

-À, thưa đức ông, vâng. Tôi chắc là như vậy.

-Ngày mai cậu phải bảo đảm đấy, và nếu cần thì lau chùi cẩn thận. Ngựa đua tốt nhất của ta là con nào?

-Con Vulcain ạ?

-Thế con trường sức nhất?

-Con Bayard ạ?

-Còn cậu, cậu thích con nào?

-Thưa dức ông, tôi thích con Rustaud; đó là một con ngựa hay, tôi dùng thật là hợp tuyệt diệu.

-Lực lưỡng phải không?

-Đó là giống Normand lai với Mecklembourg, cứ là đi cả ngày lẫn đêm.

-Việc của ta đó. Cậu cho ba con vật ấy ăn uống, nghỉ ngơi cho khỏe, cậu lau chùi binh khí cho ta; thêm nữa các súng ngắn cho cậu và một con dao săn.

-Thưa đức ông, chúng ta làm một cuộc viễn du à? – Mousqueton hỏi vẻ lo lắng.

Cho đến lúc ấy, d'Artagnan mới chỉ bâng quơ gõ nhịp, bây giờ anh đập một nhịp hành khúc.

-Còn hơn thế nữa kia, – Porthos nói.

-Chúng ta làm một cuộc viễn chinh ư, thưa ông? Viên quản lý nói, mặt từ màu hồng chuyển sang trắng bệch.

-Chúng ta trở lại phụng sự, Mouston ạ? – Porthos vừa đáp vừa cố vấn bộ ria mép để lấy lại cho nó cái vẻ vũ dũng đã mất.

Những lời ấy vừa mới buông ra thì Mousqueton đã bị một cơn run rẩy làm rung rinh và đôi má xệ to tướng trắng nhợt như đá; hắn ta nhìn d'Artagnan, vẻ trách móc nhẹ nhàng khó tả mà viên sĩ quan không thể chịu đựng mà không cảm thấy rầu rĩ trong lòng; rồi hắn ta loạng choạng với giọng nghẹn ngào, hắn nói: -Phụng sự! Phụng sự trong quân đội nhà vua.

-Phải và không phải. Chúng ta lại đi vào trận mạc, tìm kiếm mọi chuyện phiêu lưu, rốt cuộc là sống lại cuộc đời xưa kia.

Cái tiếng cuối cùng đập vào Mousqueton như một tiếng sét. Chính cái xưa kia đến là khủng khiếp ấy nó làm nên cái bây giờ đến là êm đềm!

-Ôi lạy Chúa! Tôi đang nghe cái gì thế nhỉ? – với một cái nhìn còn van vỉ hơn cái nhìn trước, Mouston nói với d'Artagnan.

-Biết làm thế nào được, Mouston tội nghiệp của tôi ơi, – D'Artagnan nói, – cái số mệnh…

Mặc dầu d'Artagnan đã cẩn thận không gọi xếch mé và cho tên hắn cái kích thước mà hắn khao khát, Mousqueton vẫn bị một đòn không kém, và cái đòn khủng khiếp đến nỗi hắn bước ra mà lòng dạ rối bời, quên cả khép cửa lại.

-Cái thằng Mousqueton hiền lành ấy, nó bực tức vì vui mừng đấy mà, – Porthos nói với giọng mà Don-Quichotte phải dùng để động viên Sancho buộc lại yên cương con lừa khi đi làm một chiến trận cuối cùng.

Còn lại hai người, họ xoay ra bàn chuyện tương lai và xây đắp hàng nghìn lâu đài trên bãi cát. Rượu vang ngon của Mousqueton đã khiến họ trông thấy ở d'Artagnan một viễn cảnh ngời sáng những đồng tiền vàng và đồng pistol, ở Porthos là dải băng xanh lơ và tấm áo choàng công tước. Thực tế là họ ngủ gục ngay trên bàn ăn khi người ta vào mới họ sang giường ngủ.

Tuy nhiên từ hôm sau d'Artagnan đã làm cho Mousqueton vững dạ hơn, anh nói rằng chắc chắn chiến tranh sẽ chỉ diễn ra ở trung tâm Paris vả đến tầm lâu đài Vallon ở gần Corbeil, đến Bracieux ở gần Melun, và đến Pierrefonds ở giữa Compiègne và Villers-Cotterêts.

Nhưng, tôi thấy hình như xưa kia… – Mousqueton rụt rè nói.

-Ồ, bây giờ người ta không làm chiến tranh theo kiểu ngày xưa. Bây giờ là chuyện ngoại giao. Cứ hỏi Planchet mà xem.

Mousqueton đi hỏi Planchet bạn cũ của mình thì Planchet xác minh mọi điểm mà d'Artagnan nói; song le anh ta nói thêm rằng trong cuộc chiến tranh này, các tù binh có nguy cơ bị treo cổ.

-Gớm nhỉ! – Mousqueton nói, – có lẽ tôi thích cuộc vây thành La Rochelle hơn.

Còn Porthos, sau khi đã cho giết một con hoẵng để đãi khách, sau khi dẫn khách đi thăm từ cánh rừng lên núi, rồi từ núi đến ao hồ của mình, sau khi đã cho xem tất cả các chó săn, chó đàn và con Gredinet của mình, rốt cuộc là tất cả những gì mình có, và cho làm lại ba bữa ăn thịnh soạn nhất, anh hỏi d'Artagnan những lời chỉ dẫn cuối cùng và ông khách buộc lòng phải từ giã bạn để tiếp tục lên đường.

-Này, bạn thân mến ơi! – Vị sử giả nói: – Tôi phải mất bốn ngày để đi từ đây đến Blois, một ngày ở lại đây, ba hoặc bốn ngày trở về Paris. Vậy một tuần nữa cậu ra đi với bộ hạ nhé; cứ đến phố Tiquetonne, khách sạn "Con dê cái nhỏ" và đợi tôi trở về.

-Đồng ý. – Porthos nói.

-Còn tôi, – D'Artagnan nói, – tôi sẽ đi một chuyến chẳng hy vọng gì đến chỗ Arthos; nhưng mặc dầu tôi tin rằng anh ta đã trở thành bất lực, ta vẫn cứ phải đối đãi tử tế với bạn bè.

-Nếu tôi đi với cậu, – Porthos nói, – có lẽ cũng hay cho mình đấy.

-Rất có thể, và tôi cũng vậy, – D'Artagnan nói, – nhưng cậu sẽ chẳng còn thì giờ để sửa soạn đâu.

-Đúng thế. – Porthos nói. – Vậy cậu đi nhé và can đảm lên; còn tôi, tôi đang hăng hái có thừa.

-Thế thì tuyệt lắm? – D'Artagnan nói.

Và họ chia tay nhau trên con đường ranh giới của lãnh địa Pierrefonds mà Porthos muốn tiễn bạn đến chỗ tận cùng của nó.

D'Artagnan đi theo con đường Villers-Cotterêts và tự nhủ: "Ít ra ta cũng không bị lẻ loi. Cái thằng quỷ sứ Porthos ấy vẫn còn sung sức ghê. Nếu Arthos cũng đến thì hay lắm, chúng ta sẽ có ba người để cười vào mũi Aramis, cái thằng thày tu lắm số đào hoa ấy".

Đến Villers-Cotterêts, anh viết thư cho tể tướng: "Thưa Đức ông tôi đã có một người để dâng lên Các hạ và anh ta giá trị bằng hai mươi người. Tôi sẽ đi Blois, bá tước de La Fére ở lâu đài Bragelonne gần quanh thị trấn ấy".

Rồi anh lên đường đi Blois, vừa đi vừa trò chuyện với Planchet, hắn là một niềm vui lớn đối với anh trong chuyến viễn du này.

§15. Hai cái đầu thiên thần

Đó là một chặng đường dài, nhưng d'Artagnan không hề lo ngại. Anh biết rằng những con ngựa đã hồi sức ở những máng ăn đầy ắp của lâu đài lãnh chúa de Bracieux. Anh vững tâm lao đi bốn năm ngày đàng, với Planchet trung thành đi theo.

Như chúng tôi đã nói, để chống những nỗi buồn chán dọc đường, hai người ấy lúc nào cũng đi bên cạnh nhau và chuyện trò suốt. Dần dà d'Artagnan cởi bỏ cái mã ông chủ và Planchet cởi bỏ cái lốt thằng hầu. Là một kẻ tinh ranh sâu sắc, từ khi sống cuộc đời trưởng giả ngẫu nhiên hắn thường luyến tiếc những bữa ăn ngon lành mà rẻ tiền trên đường thiên lý cũng như những cuộc chuyện trò và đám bạn bầu danh giá của các nhà quý tộc và tự cảm thấy mình có một giá trị nào đó, hắn đau lòng thấy mình bị giảm giá khi tiếp xúc thường xuyên với những kẻ có tư tưởng tầm thường.

Thế là chẳng mấy chốc hắn tự nâng mình lên hàng bạn tri kỷ của con người mà hắn vẫn gọi là ông chủ. Đã từ bao nhiêu năm d'Artagnan không cởi mở tấm lòng. Vậy khi gặp nhau, hai con người ấy hợp với nhau một cách tuyệt vời.

Vả chăng, Planchet không phải là một kẻ bạn đường phiêu lưu hoàn toàn tầm thường; hắn thường có những ý hay, không tìm kiếm hiểm nguy nhưng hắn không lùi bước trước những trận đánh, như d'Artagnan đã có nhiều dịp chứng kiến. Cuối cùng, hắn đã từng là lính và binh nghiệp nâng cao người ta lên; rồi thì, còn hơn tất cả những điều đó, nếu Planchet cần đến anh thì hắn cũng không phải là kẻ vô dụng đối với anh. Thế là với tư cách hai người bạn tốt mà d'Artagnan và Planchet đi đến vùng Blois.

Dọc dường, trở lại cái ý nghĩ vẫn ám ảnh anh hoài, d'Artagnan lắc đầu nói: - Tôi biết rằng việc tôi vận động Arthos là vô ích và vô nghĩa nhưng tôi vẫn cứ phải cư xử như vậy đối với người bạn cố tri, anh ấy có bản chất cao thượng và hào hiệp hơn tất cả mọi con người.

-Ôi! Ông Arthos là một người quý tộc đường hoàng! – Planchet nói.

-Có phải không nào? – D'Artagnan nháy lại.

-Ông ấy rắc tiền bạc như mưa, – Planchet nói tiếp, – tuốt kiếm ra với vẻ vương giả. Chắc chắn ông còn nhớ trận đấu kiếm với bọn người Anh ở trong sân tu viện Carmes chứ? Chao ôi, hôm ấy trông thấy ông Arthos sao mà đẹp đẽ uy nghi đến thế khi ông bảo với địch thủ: "Thưa ông, ông đã bắt tôi phải xưng tên với ông, thôi thì mặc kệ ông, vì rằng tôi buộc lòng phải giết ông!". Lúc ấy tôi đứng gần nên nghe thấy ông ấy nói thế. Đúng từng tiếng lời của ông ấy. Và cái ánh mắt ấy, ông ơi lúc ông Arthos đâm trúng địch thủ như ông ấy đã nói" và địch

thủ ngã xuống không kêu được rnột tiếng. Ôi! Thưa ông, tôi xin nhắc lại, đó là một nhà quý tộc đường hoàng.

-Phải rồi, – D'Artagnan nói, – tất cả những điều ấy đúng như kinh Phúc âm, nhưng ông ta đã mất đi tất cả những phẩm chất ấy vì một khuyết tật.

-Tôi có nhớ, – Planchet nói, – Ông ấy thích uống rượu hay nói đúng hơn là ông ấy uống quá nhiều rượu. Nhưng không uống như những người khác Đôi mắt ông ta chẳng nói gì hết khi ông ấy đưa cốc lên môi. Thực ra, không bao giờ sự im lặng lại nói rõ đến thế. Còn tôi, hình như đã nghe ông ấy lẩm bẩm: "Rượu ơi, hãy vào đi và xua tan những nỗi u buồn trong ta". Và cái cách ông ta đập vỡ một chân cốc hoặc một cổ chai! Chỉ có ông ta mới có cái phong điệu ấy.

-Thế thì hôm nay – D'Artagnan nói, – một cảnh tượng đáng buồn đang chờ đợi chúng ta. Con người quý tộc thanh cao với cặp mắt kiêu hãnh ấy, chàng kỵ sĩ đẹp trai thật xuất sắc trong quân ngũ ấy mà người ta thường lấy làm lạ làm sao không cầm một cây gậy chỉ huy mà chỉ cầm một thanh kiếm tầm thường, than ôi! Con người ấy sẽ trở thành một lão già lưng gù, mũi đỏ, mắt như khóc. Chúng ta sẽ gặp ông ta nằm vật trên một bãi cỏ nào đó và nhìn chúng ta bằng con mắt mờ đục và có khi chẳng nhận ra chúng ta nữa. Planchet này, – D'Artagnan nói tiếp, – xin Chúa chứng giám, tôi sẽ trốn tránh cảnh tượng buồn thảm ấy còn hơn là cố chứng tỏ lòng kính trọng của mình đối với cái bóng lẫy lừng của vị bá tước de La Fére quang vinh mà chúng ta đã yêu mến xiết bao.

Planchet gật đầu mà không nói một lời, người ta dễ dàng nhận rõ anh đang chia sẻ những nỗi lo âu của ông chủ.

-Thế rồi, – D'Artagnan lại nói, – sự suy sụp vì Athos bây giở già rồi, cảnh túng quẫn, có lẽ thế vì ông ta lơ là với chút ít của cải vốn có.

-Và cái tên của nợ Grimaud câm lặng hơn bao giờ hết và say bí tỷ hơn cả chủ mình… này, Planchet ơi, tất cả những điều ấy xé nát lòng tôi.

-Tôi thấy dường như mình đã đến nơi, – Planchet nói với giọng thương cảm, – và tôi trông thấy ông ấy kia kìa miệng thì lắp bắp, đi thì chân nam đá chân chiêu.

-Tôi phải thú nhận rằng, – D'Artagnan nói, – tôi chỉ sợ Arthos nhận lời tôi trong một lúc say cuồng chiến. Nếu vậy đối với Porthos và tôi sẽ là một tai hoạ lớn và nhất là một điều rắc rối thật sự; nhưng ngay trong cơn bí tỷ đầu tiên của ông ấy, chúng ta sẽ từ giã, thế là xong. Lúc nào tỉnh, ông ấy sẽ hiểu ra.

-Thưa ông dù sao, – Planchet nói, – chúng ta cũng sẽ hiểu rõ tình hình ngay bây giờ đây. Những bức tường cao vút kia rực đó ánh mặt trời tà chắc hẳn là tường của thị trấn Blois.

-Chắc thế, – D'Artagnan đáp, – và những ngọn tháp nhọn hoắt chạm trổ thắp thoáng ở trong rừng phía bên trái kia giống như những cái tôi nghe tả về lâu đài Chambord

-Chúng ta sẽ vào trong thị trấn chứ? – Planchet hỏi.

-Dĩ nhiên, để hỏi thăm.

-Ông này, nếu chúng ta vào đó, tôi khuyên là ta nên nếm thử vài cốc kem mà tôi đã nghe nói đến rất nhiều nhưng khốn thay người ta lại không thể mang lên Paris được, mà phải ăn ngay tại chỗ.

-Cứ yên tâm, ta sẽ làm một chầu, – D'Artagnan đáp.

Vừa lúc ấy một cỗ xe loại nặng thắng mấy con bò chở gỗ đốn tại những cánh rừng tươi tốt của vùng này đưa đến cửa sông Lois từ một con đường nhỏ đầy vết bánh xe đi ra đường cái mà hai kỵ sĩ đang đi.

Một người đàn ông đi theo cầm một cây sào cắm đinh ở đầu dùng để thúc lũ bò chậm chạp.

-Này anh bạn ơi! – Planchet gọi người chăn bò.

-Các ông cần gì đó?

Người nông dân nói từ ngôn ngữ đặc biệt thuần khiết của dân vùng này, nó ắt phải làm cho các nhà sính tu từ thành thị trường Sorbonne và phố Đại học Tổng hợp phải hổ thẹn.

-Chúng tôi tìm nhà ông bá tước De La Fére, – D'Artagnan nói, vậy ông có biết tên ông ấy trong số những vị lãnh chúa ở quanh đây không?

Nghe nói cái tên đó, người nông dân ngả mũ ra mà đáp: -Thưa các ông, gỗ này là của ông ấy đấy, tôi đốn gỗ trong dám rừng già và chở đến lâu đài.

D'Artagnan không muốn hỏi han thêm bác nông dân, anh rất sợ phải nghe từ miệng một người khác điều mà chính anh đã nói với Planchet.

-Lâu đài? – D'Artagnan bụng bảo dạ, – Lâu đài! – A! Ta hiểu rồi! Arthos không kiên lòng, giống như Porthos anh ta bắt nông dân gọi anh ta là Đức ông và gọi túp lều của mình là lâu đài; cái anh chàng Arthos thân mến ấy có bàn tay khắc nghiệt nhất là khi đã nốc rượu.

Những con bò đi chậm chạp, d'Artagnan và Planchet đi sau cỗ xe và sốt ruột vì cái nhịp điệu ấy.

D'Artagnan hỏi người chăn bò.

-Đúng là đường này phải không? Chúng tôi cứ đi mà không sợ lạc chứ?

-Ồ, lạy Chúa! Đúng đấy ạ, – Bác chăn bò nói, – Ông cứ việc đi trước, chẳng có gì phải đi theo những con bò chậm ri chậm rì này cho khổ. Đi bộ nửa dặm là thấy toà lâu đài ở phía bên phải; đứng ở đây chưa trông thấy đâu, vì vướng một rặng cây bạch dương che khuất. Lâu đài ấy không phải là Bragelonne mà là La Vallière. Ông hãy bỏ qua và đi thêm độ ba tầm súng trường sẽ thấy một toà nhà lớn mái lợp lá đen đứng trên một gò đất rợp bóng những cây phong đồ sộ thì đấy là lâu đài ngài bá tước de La Fére.

-Nhưng nửa dặm ấy có dài không? – D'Artagnan hỏi, vì trên đất Pháp tươi đẹp của chúng ta chỗ nào cũng toàn dặm là dặm cả, mà chẳng dặm nào giống

nhau.

-Mười phút đi đường ông ạ, với những cái chân nhanh nhẹn của con ngựa ông cưỡi.

D'Artagnan cảm ơn người chăn bò, rồi phóng đi ngay lập tức.

Nhưng rồi bụng chẳng muốn mà lòng cứ bối rối với ý nghĩ gặp lại con người đặc biệt kia đã từng quý mến anh xiết bao, đã từng qua những điều khuyên bảo và qua tấm gương của mình góp phần giáo dục anh trở nên một người quý tộc, anh cho ngựa đi chậm dần lại, đầu cúi xuống như một người mơ mộng.

Planchet cũng đã tìm thấy trong cuộc gặp gỡ và thái độ của bác nông dân một chất liệu cho những suy nghĩ nghiêm trang. Ở Normandie hay Franche- Comté, Artois hay Picacdie là những nơi anh từng ở lâu, chưa bao giờ anh gặp những người dân quê lại có đáng điệu thanh thoát như thế, lời ăn tiếng nói thuần khiết như thế.

Anh tưởng như mình đã gặp một nhà quý tộc nào đó thuộc phải như anh, nhưng vì duyên do chính trị đã buộc phải cải trang như anh.

Chợt đến một chỗ đường quanh, lâu đài La Vallière hiện ra trước mắt các lữ khách như bác chăn bò đã nói, rồi đi bộ một phần tư dặm nữa, một toà nhà trắng xoá có những cây phong bao quanh, nổi bật lên trên nền một lùm cây um tùm mà mùa xuân đã rắc lên những bông hoa tuyết.

Bình thường d'Artagnan ít xúc động, nhưng trông thấy cảnh tượng này, anh cảm thấy một nỗi xao xuyến lạ lùng thấm sâu vào đáy lòng mình; trong suốt cuộc đời mình những kỷ niệm tuổi thanh xuân mạnh mẽ biết bao. Không có cùng những cảm tưởng ấy, trông thấy chủ mình xao động đến thế, Planchet ngẩn người ra, hết nhìn d'Artagnan lại nhìn ngôi nhà.

Người lính ngự lâm tiến thêm mấy bước và đến trước một cổng rào sắt gia công với một thị hiếu khác hẳn lối đúc thời bấy giờ.

Qua cổng rào, nhìn thấy những vườn rau được chăm sóc cẩn thận một cái sân rộng lớn có nhiều ngựa đang giậm chân do những tên hầu mặc quần áo dấu khác nhau dắt, và một cỗ xe thắng hai con ngựa của vùng này.

-Chúng ta nhầm rồi, hoặc là người ấy đã lừa chúng ta. D'Artagnan nói, – không thể nào Arthos lại ở đây được. Lạy Chúa!

Hay là anh ấy chết rồi và trang ấp này thuộc về người khác cùng họ với anh. Này Planchet, cậu xuống ngựa và đi vào hỏi xem sao, thú thật tôi chẳng có can đảm vào hỏi đâu.

Planchet xuống ngựa. D'Artagnan bảo: -Cậu nói thêm rằng có một vị quý tộc đi qua muốn được vào chào ngài bá tước de La Fére và nếu cậu thấy hài lòng, với những tin tức lượm được thì hãy nói rõ tên tôi nhé.

Planchet nắm cương dắt ngựa đến cổng, kéo chuông và tức khắc có một người làm, tóc bạc phơ, tuổi đã cao mà lưng vẫn thẳng đi ra và tiếp Planchet.

-Xin hỏi có phải ngài bá tước de La Fére ở tại đây không? – Planchet nói.

-Phải đấy, ông ạ, đúng ở đây, – người hầu không mặc áo dấu trả lời Planchet.

-Một vị lãnh chúa về hưu phải không?

-Đúng thế.

-Và có một người hầu tên là Grimaud? – Planchet lại hỏi, với thói quen thận trọng anh không sợ thừa tin tức.

-Ông Grimaud lúc này không có ở nhà, – người hầu đáp, bác ta không quen với những cách hỏi như vậy và bắt đầu nhìn Planchet từ đầu đến chân.

Planchet mặt mày rạng rỡ kêu lên: -Thế thì đúng bá tước de La Fére mà chúng tôi tìm kiếm. Vậy xin bác mở cửa cho tôi vì tôi muốn báo tin với ngài bá tước rằng ông chủ tôi là một vị quý tộc, bạn của ngài, đang ở kia và muốn đến chào ngài.

-Thế sao ông không bảo tôi sớm? – Người đầy tớ nói. – Còn vị chủ của ông đâu?

-Ông ấy đi sau tôi.

Người đầy tớ mở cổng và đi trước. Planchet theo sau và ra hiệu cho chủ mình. D'Artagnan tim đập hồi hộp hơn bao giờ hết, cưỡi ngựa đi vào sân.

Lúc Planchet bước lên bậc thềm, anh nghe thấy từ trong một căn phòng thấp, một tiếng vọng ra:

"Ơ này! Vị quý tộc ấy đâu, sao lại không dẫn vào đây".

Giọng nói ấy vang lên đến tận tai d'Artagnan và đánh thức trong lòng anh muôn vàn tình cảm, muôn vàn kỷ niệm đã lãng quên.

Anh vội vã xuống ngựa, trong khi Planchet nụ cười trên môi tiến vào chỗ chủ nhân ngôi nhà.

-Tôi biết anh chàng này mà! – Arthos xuất hiện trên ngưỡng cửa và nói.

-Ồ, vâng, thưa bá tước, ông biết tôi và tôi cũng biết rõ ông. Tôi là Planchet, thưa bá tước, Planchet, ông biết rõ…

Nhưng anh đầy tớ thật thà đó không nói gì được hơn, dung mạo bất ngờ của nhà quý tộc đã khiến anh xúc động biết chừng nào.

-Sao? Planchet ư? – Arthos kêu lên. – Thế ông d'Artagnan ở đây à?

-Tôi đây, bạn ơi! Tôi đây, Arthos thân mến ơi! – D'Artagnan nói lắp bắp và hầu như lảo đảo cả người.

Nghe câu nói đó, một nỗi xúc động rõ ràng lần lượt xuất hiện lên gương mặt đẹp đẽ và những đường nét bình thản của Arthos. Anh tiến nhanh mấy bước về phía d'Artagnan, mắt vẫn không rời bạn và trìu mến ôm chặt bạn trong vòng tay. D'Artagnan qua cơn bối rối, cũng ôm chặt lấy Arthos với một niềm thân ái long lanh thành những giọt lệ trong đôi mắt.

Arthos cầm lấy tay bạn, siết chặt trong tay mình và dẫn bạn vào phòng khách có nhiều người đang quây quần. Mọi người đều đứng dậy. Arthos nói: -Tôi xin

giới thiệu ông hiệp sĩ d'Artagnan, trung uý ngự lâm quân của Hoàng thượng, một người bạn tận tụy của tôi, một trong những nhà quỷ tộc dũng cảm nhất và đáng mến nhất mà tôi được quen biết từ xưa.

Theo tục lệ, d'Artagnan tiếp nhận những lời chúc mừng của cử tọa, nhiệt liệt chúc mừng lại và cùng ngồi dự, và trong khi cuộc trò chuyện tạm ngừng một lát lại tiếp tục rôm rả, thì anh ngồi ngắm Arthos.

Lạ lùng thật? Arthos chỉ hơi già đi. Cặp mắt đẹp toát ra khỏi cái quầng nâu xám do những đêm thức và những cuộc chè chén say sưa tạo thành trông to hơn và lóng lánh như mặt hồ tinh khiết hơn bao giờ hết; khuôn mặt hơi dài và được tăng thêm vẻ uy nghi bù cho cái mất đi về nét sôi động nhiệt tình; bàn tay mềm mại, lộng lẫy dưới ống tay áo thêu ren, giống như những bàn tay nào đó trong các bức họa của Titien et de Van Dick[197] thân hình anh mảnh dẻ hơn xưa, hai bắp vai thanh và rộng nói lên một sức mạnh hiếm có, mái tóc đen dài điểm mấy sợi xam xám, rủ xuống đôi vai một cách phong nhã và lượn sóng như một nếp uốn tự nhiên; giọng nói anh vẫn tươi mát như mới ở tuổi hai mươi lăm, hàm răng đẹp còn nguyên vẹn và trắng muốt đem cho nụ cười một vẻ duyên dáng khôn tả.

Tuy nhiên, các vị khách của bá tước qua vẻ lạnh nhạt khó nhận biết của cuộc đàm luận hiểu rằng hai người bạn thân đang nóng lòng mong mỏi được ngồi riêng với nhau. Cho nên với tất cả cái nghệ thuật và phép lịch sự ngày xưa, họ sửa soạn ra về, cái việc trịnh trọng của những người ở xã hội thượng lưu, khi có mặt của những người thượng lưu. Nhưng vừa lúc ấy có tiếng chó sủa ầm ĩ ngoài sân và nhiều người cùng nhao nhao lên: -A! Raoul trở về.

Nghe đến tên Raoul, Arthos nhìn sang d'Artagnan và như vừa rình xem cái tên ấy có gây nên vẻ tò mò nào trên nét mặt bạn mình không. Nhưng d'Artagnan chưa hiểu ra sao, anh còn chưa ra khỏi nỗi chói ngợp. Cho nên gần như cái máy anh quay lại, thì thấy một cậu thiếu niên tuấn tú trạc 15 tuổi, ăn vận giản dị nhưng với một thị hiếu hoàn mỹ, bước vào phòng khách và với vẻ duyên dáng ngả chiếc mũ dạ đính những chiếc lông chim dài đỏ thắm.

Vậy mà nhân vật mới lạ này hoàn toàn bất ngờ, đập vào mắt anh. Cả một loạt ý nghĩ mới mẻ ập đến tâm trí anh và bằng mọi nguồn thông minh sắc sảo của anh, đã cắt nghĩa sự thay đổi của Arthos cho đến lúc này vẫn tỏ ra không lý giải được. Một sự giống nhau kỳ lạ giữa vị quý tộc và đứa nhỏ cắt nghĩa cho anh sự bí mật của thời tái sinh này. Anh đợi chờ xem xét và nghe ngóng.

-Anh đã trở về đấy ư, Raoul? – Bá tước nói.

-Thưa ông, vâng, – cậu thiếu niên cung kính đáp, và tôi làm tròn nhiệm vụ mà ông giao cho.

-Nhưng có chuyện gì đấy, Raoul? – Arthos băn khoăn hỏi – Trông anh tái nhợt và có vẻ xao xuyến.

-Thưa ông, – cậu thiếu niên đáp, – chả là vì có một tai họa xảy đến với cô bé láng giềng của chúng ta.

-Với cô De La Vallière ấy à? – Arthos vội hỏi.

-Chuyện gì thế, – vài tiếng người hỏi.

-Cô ấy đi dạo chơi với bà vú Marceline ở khu vườn các bác tiều phu đang đẽo những cây gỗ, thì tôi cưỡi ngựa đi qua trông thấy bà và dừng lại. Lúc ấy cô ta đang đứng trên một đống gỗ, thấy tôi, cô ấy toan nhảy xuống nhưng bị trượt chân không tài nào dậy nổi. Tôi cho rằng cô ấy bị trẹo mắt cá chân.

-Ôi, lạy Chúa? – Arthos nói.- Thế bà de Saint-Remy, mẹ cô đã biết chưa?

-Không ạ, bà de Saint-Remy đang ở Blois, chỗ bà quận công d'Orléans. Tôi e rằng việc chỉ sơ cứu cho cô ta không được tốt, nên chạy về xin ông chỉ bảo.

-Raoul, cho đưa ngay cô ấy ra Blois? Hay tốt hơn hết là tự anh lấy ngựa và chạy ra ngoài ấy.

Raoul cúi mình.

-Nhưng Louise đang ở đâu? – Bá tước hỏi.

-Thưa ông, tôi đã mang đến đây và để nằm ở chỗ vợ bác Charlot; trong khi chờ đợi, bà ấy cho cô bé ngâm chân vào nước lạnh giá.

Câu chuyện ấy đã tạo cái cớ cho các vị khách của Arthos đứng lên và xin cáo từ, riêng lão công tước de Barbé tỏ ra là chỗ thân tình từ hai chục năm nay với nhà La Vallière đi ra thăm cô bé Louis, cô ta đang khóc, nhưng khi trông thấy Raoul thì lập tức chùi ngay đôi mắt diễm lệ và nhoẻn miệng cười.

Cụ công tước bảo đưa cô bé Louise đến Blois bằng cỗ xe ngựa của mình. Arthos nói: -Cụ dạy phải đấy, cô bé sẽ đến với mẹ sớm hơn. Còn anh, Raoul, tôi chắc anh đã hành động dại dột và việc này có phần lỗi của anh đấy.

-Ồ, thưa ông, không ạ, tôi xin thề như vậy! – Cô gái kêu lên, còn cậu thiếu niên thì tái mặt đi, vì nghĩ rằng mình có thể là nguyên nhân của tai nạn.

-Ôi thưa ông tôi xin cam đoan rằng… – Raoul lẩm bẩm.

-Nhưng anh vẫn cứ phải đi đến Blois, – bá tước ân cần nói tiếp, và anh xin với bà de Saint-Remy thứ lỗi cho anh và cả tôi nữa, rồi trở về đây.

Gò má cậu thiếu niên tươi trở lại; sau khi đưa mắt hỏi ý bá tước, anh ôm cô gái trong đôi cánh tay đã vạm vỡ, cái đầu xinh đẹp của cô vừa nhăn nhó lại vừa tươi cười ngả vào vai anh, anh nhẹ nhàng đặt cô vào trong xe. Rồi nhảy lên ngựa với vẻ phong nhã và khéo léo của một kỹ sĩ thành thạo, anh chào Arthos và d'Artagnan, rồi phóng nhanh, đi kèm cạnh cỗ xe ngựa, đôi mắt anh vẫn đăm đăm nhìn vào trong xe.

§16. Lâu đài Bragelonne

Trong suốt cả màn kịch ấy, d'Artagnan van ngồi yên: mắt lơ láo, miệng há hốc; những điều anh dự đoán một đằng lại diễn ra một nẻo đến nỗi anh cứ ngẩn ra vì kinh ngạc.

Arthos nắm tay anh và dẫn ra vườn.

-Trong lúc người ta sửa soạn bữa ăn, – Arthos cười nói, – bạn ơi chắc cậu không phật lòng làm sáng tỏ một chút điều bí ẩn đã khiến cậu mơ màng đến thế.

-Đúng đấy, ông bá tước ạ, – D'Artagnan nói, dần dần anh cảm thấy Arthos đã lấy lại cho mình cái uy thế quý phái to lớn mà anh vốn có từ xưa Arthos nhìn anh và cười dịu dàng, nói: -D'Artagnan thân mến của tôi ơi. Trước hết ở đây chẳng có ông bá tước nào hết. Nếu như ban nãy tôi gọi cậu là hiệp sĩ chẳng qua là để giới thiệu với các vị khách của tôi để họ biết cậu là ai, còn đối với cậu d'Artagnan ạ, tôi hy vọng rằng bao giờ tôi cũng vẫn là Arthos: người bạn đường, người bạn thân của cậu. Cậu thích nghi thức trịnh trọng phải chăng vì cậu không yêu mến tôi bằng ngày xưa.

-Ôi! Lạy Chúa chứng giám! – Chàng Gascogne nói với vẻ hăm hở chân thành của thời niên thiếu hiếm thấy bộc lộ ở người đứng tuổi.

-Vậy chúng ta nên trở lại thói quen cũ, và để bắt đầu chúng ta nên thành thực. Mọi thứ ở đây đều làm cậu ngạc nhiên phải không?

-Ngạc nhiên vô cùng.

-Nhưng điều làm cậu ngạc nhiên nhất,- Arthos cười nói, – chính là tôi phải không, thú nhận đi.

-Thú thật như vậy!

-Tôi vẫn còn trẻ, có phải không. Mặc dầu tôi đã bốn chín tuổi rồi, tôi vẫn dễ nhận ra được phải không?

-Trái hẳn lại cơ đấy? – D'Artagnan sẵn sàng vi phạm điều mà Arthos căn dặn là phải thành thực, – anh chả còn trẻ trung gì đâu.

-A! Mình hiểu, – Arthos hơi đó mặt nói, – mọi cái đều có kết thúc, d'Artagnan ạ. Sự cuồng điên cũng như mọi thứ khác.

-Lại còn sự thay đổi về tài sản nữa chứ, hình như vậy. Anh ở thật là tuyệt; tôi đoán toàn nhà là của anh.

-Phải, bạn ạ, đó là gia sản nhỏ mà tôi đã nói với cậu là tôi được thừa kế khi rời quân ngũ.

-Anh có vườn tược ngựa xe, bầy chó.

Arthos cười và nói: -Vườn rộng hai mươi acpăng trên đó trồng rau và làm nhà phụ.

Ngựa tôi có hai con, dĩ nhiên không kể con ngựa cộc của thằng hầu, đàn chó thì chỉ có bốn con chó canh rừng, hai con chó săn đuổi, và một con săn đón. Mà cái bầy chó xa xỉ ấy, – Arthos mỉm cười nói thêm, – chẳng phải của tôi.

-Phải, tôi hiểu, – D'Artagnan, – Đó là dành cho cậu thiếu niên, cho Raoul.

Và d'Artagnan nhìn Arthos với một nụ cười gượng.

-Bạn ơi, cậu đã đoán ra! – Arthos nói.

-Và cậu thiếu niên đó là khách, là con nuôi hoặc bà con họ hàng gì chăng? A! Anh đã thay đổi nhiều đấy, Arthos, thân mến?

-D'Artagnan thân mến ơi, – Arthos bình thản đáp, – cậu thiếu niên ấy là một đứa trẻ mồ côi mà mẹ nó đã bỏ rơi tại nhà một vị linh mục xã khốn khổ; tôi đã nuôi nấng dạy dỗ nó.

-Chắc nó mến anh lắm nhỉ?

-Tôi nghĩ rằng nó yêu quý tôi như cha đẻ.

-Nhất là rất hàm ơn phải không?

-Ồ, về chuyện ân huệ, – Arthos nói, – thì đều như nhau thôi, tôi hàm ơn nó cũng bằng nó hàm ơn tôi; tôi không nói điều ấy với nó, nhưng tôi nói với cậu, d'Artagnan ạ, tôi vẫn là người mang ơn nó.

-Thế là thế nào? – Chàng ngự lâm ngạc nhiên.

-Ôi lạy Chúa! Đúng như vậy. Chính nó đã tạo cho tôi sự đổi thay mà cậu đã thấy đấy. Tôi khô héo như một cái cây lẻ loi chẳng bám tí nào vào đất, chỉ có một tình thân thương sâu sắc mới có thể khiến tôi bám rễ vào cuộc đời. Một cô nhân tình ư? Tôi quá già rồi. Cho nên thằng bé ấy đã giúp tôi tìm thấy lại tất cả những gì đã mất.

-Tôi đã không còn can đảm để sống cho tôi, tôi đã sống vì nó. Những bài học cho một đứa trẻ thì có quá nhiều rồi, tấm gương thì tốt hơn.

-Tôi đã cho nó một tấm gương, d'Artagnan ạ. Nhưng ở cái tuổi suy tàn này mình vẫn phải làm hết sức để cho Raoul trở thành một người quý tộc hoàn hảo nhất.

D'Artagnan nhìn Arthos lòng càng thêm kính phục. Họ đi dạo trong một vòm cây râm mát lấp lánh những tia nắng lọt xiên của mặt trời tà. Một tia nắng vàng chiếu sáng gương mặt Arthos và cặp mắt anh như phản chiếu lại ngọn lửa ấm áp và yên ả của trời chiều mà chúng đã thu nhận.

Ý nghĩ về Milady[198] chợt đến với d'Artagnan. Anh hỏi: -Và anh hạnh phúc chứ?

Con mắt cảnh giác của Arthos xuyên sâu đến tận đáy lòng d'Artagnan và như đọc được cả ý nghĩ của bạn. Anh nói: -Cũng hạnh phúc như một tạo vật của Chúa được phép hạnh phúc ở trên cõi trần này. Nhưng này, d'Artagnan, cậu hãy nói trọn ý nghĩ của cậu đi, vì cậu chưa nói hết.

-Anh thật là kinh khủng, Arthos ạ, và chẳng ai giấu được điều gì.

-Thế thì tôi xin hỏi xem có khi nào anh cảm thấy những cơn nguy hiểm bất ngờ giống như…

-Như những niềm hối hận à? – Arthos tiếp lời – Tôi nói nốt câu của cậu. Đúng và không đúng, tôi chẳng hối hận, vì người đàn bà ấy tôi nghĩ là xứng đáng với hình phạt đã chịu, tôi chẳng hối hận vì nếu như chúng ta để cho nó sống chắc hẳn nó vẫn tiếp tục công cuộc phá hoại, nhưng bạn ơi, điều đó không có nghĩa là tôi có niềm tin rằng chúng ta có quyền làm cái việc chúng ta đã làm. Có lẽ máu nào đổ ra cũng đòi hỏi sự đền tội, cô ta đã đền tội của mình rồi, có thế rồi đến lượt chúng ta, chúng ta cũng sẽ phải đền tội.

-Arthos ạ, đôi khi tôi cũng nghĩ như anh đấy, – D'Artagnan nói.

-Người đàn bà có một thằng con trai phải không?

-Phải.

-Cậu có nghe nói đến nó bao giờ không?

-Không.

-Nó cũng phải hai mươi ba tuổi rồi. – Arthos lẩm bẩm, tôi thường nghĩ đến người thanh niên ấy, d'Artagnan ạ.

-Lạ nhỉ, tôi thì quên hẳn!

Arthos mỉm cười buồn bã.

-Thế Lord de Winter[199] cậu có được tin tức gì về ông ấy không?

-Tôi biết ông ta được vua Charles đệ nhất[200] rất là sủng ái.

-Ông vua ấy đã đi theo số phận của mình lúc này cũng chẳng ra gì. D'Artagnan này, – Arthos nói tiếp.

-Chuyện ấy trở lại điều mà tôi đã nói với cậu ban nãy.

-Ông ta đã làm đổ máu Straffort, máu kêu trả máu. Thế còn hoàng hậu?

-Hoàng hậu nào?

-Bà Henriette Anh quốc, con gái vua Henri IV ấy.

-Bà ta đang ở cung Louvre, anh biết đấy.

-Phải, ở đấy bà ta thiếu đủ thứ, phải không? Trong những ngày giá rét nhất của mùa đông này, người ta nói là con gái bà ta ốm cứ phải nằm suốt, vì không có củi sưởi? Cậu có hiểu điều đó không? – Arthos nhún vai nói. – Con gái của vua Henri IV rét run lên vì thiếu củi! Tại sao bà không đến xin trú ngụ ở nhà bất kỳ ai trong chúng ta, mà lại đi cầu xin cái lão Mazarin? Bà ta phải được đầy đủ chứ?

-Anh có biết bà ấy à, Arthos?

-Không, nhưng mẹ tôi có thấy bà ta hồi nhỏ. Tôi đã chẳng nói với cậu rằng mẹ tôi là cung nữ của hoàng hậu Marie de Médicis là gì?

-Đâu nào, Arthos, anh có nói những chuyện ấy bao giờ đâu.

-A! Lạy Chúa, có chứ, cậu thấy đấy, – Arthos nói, nhưng cũng phải có dịp chứ.

-Porthos có lẽ chẳng kiên nhẫn chờ đợi như thế đâu, – D'Artagnan cười, nói.

-Mỗi người một tánh ý, d'Artagnan thân mến ạ. Mặc dầu một chút huênh hoang, Porthos có những đức tính rất tốt. Cậu có gặp lại anh ta không?

-Tôi mới chia tay cách đây năm ngày.

Rồi với cái hào hứng mang tính Gascogne, d'Artagnan kể lại tất cả những sự xa hoa tráng lệ của Porthos ở lâu đài Pierrefonds; và vừa công kích bạn mình, anh vừa bắn vài ba mũi tên vào cái ông Mouston trứ danh ấy.

Mỉm cười với cái nét mặt vui vẻ gợi nhớ những ngày xa xưa, Arthos nói: -Tôi rất thú vị là hồi xưa tình cờ chúng ta đã lập nên một hội những người bạn bè đến nay vẫn còn gắn bó chặt chẽ với nhau, mặc dầu đã hai mươi năm xa cách. D'Artagnan này, tình bạn bắt rễ thật sâu trong những trái tim chân thật; cậu tin lời tôi chỉ có những kẻ độc ác mới phủ nhận tình bạn, vì họ chẳng hiểu gì về nó cả. Thế còn Aramis?

-Tôi cũng đã gặp, – D'Artagnan đáp, – nhưng cậu ta tỏ vẻ lạnh nhạt với tôi.

-A, cậu đã gặp Aramis, – Arthos vừa nói vừa nhìn d'Artagnan, vẻ dò xét – Bạn thân mến ơi, thì ra là một cuộc hành hương thật sự mà cậu tổ chức đến ngôi đền của Tình bạn như các nhà thơ có thể nói.

-Phải đấy, – D'Artagnan lúng túng đáp.

-Cậu biết đấy – Arthos nói tiếp, – Aramis vốn tính lạnh lùng, với lại cậu ta luôn luôn bận rộn về những chuyện đàn bà.

-Tôi tin rằng hiện giờ cậu ta đang mắc vào một chuyện đàn bà hết sức phức tạp.

Arthos không đáp.

"Anh ta không tò mò", d'Artagnan nghĩ.

Không những Arthos không đáp, mà anh còn lái sang chuyện khác. Anh tỏ rõ cho d'Artagnan thấy là đã về gần đến lâu đài và nói: -Cậu thấy đấy trong một giờ đồng hồ đi dạo, chúng ta đi gần một vòng quanh lãnh ấp của tôi.

-Mọi thứ ở đây đều mỹ lệ và nhất là mọi thứ đều sực nức hơi hướng nhà quý tộc của nó, – D'Artagnan đáp.

Vừa lúc ấy có tiếng vó ngựa.

-Raoul trở về, – Arthos nói, – chúng ta về xem tình hình cô bé tội nghiệp thế nào?

Quả nhiên cậu thiếu niên xuất hiện ở cổng rào và đi vào trong sân, người phủ đầy bụi, rồi nhảy xuống đất, trao ngựa cho người chăn. Cậu đến chào bá tước và vị khách.

Arthos đặt tay lên vai d'Artagnan và nói: -Ông đây là hiệp sĩ d'Artagnan mà anh vẫn thường nghe tôi nói đến đấy, Raoul ạ.

Raoul lại cúi chào cung kính hơn và nói: -Ông bá tước đã nói đến tên ông trước mặt tôi như một tấm gương mỗi lần ông muốn dẫn chứng về một người quý

tộc gan dạ và hào hiệp.

Lối khen tụng nho nhỏ ấy chẳng khỏi làm d'Artagnan cảm động, anh thấy lòng mình nhẹ nhàng xao xuyến. Anh giơ bàn tay cho Raoul mà bảo: -Anh bạn trẻ của tôi ơi, tất cả những lời người ta khen ngợi tôi phải trở về với ông bá tước đây, bởi vì ông đã giáo dục tôi mọi điều, và chẳng phải lỗi tại ông nếu như người học trò không biết lợi dụng đầy đủ. Nhưng ông sẽ bù đắp ở anh, tôi chắc chắn như vậy. Raoul, tôi thích phong thái của anh, thái độ lịch sự của anh đã làm tôi cảm kích.

Arthos mừng rỡ hơn người ta tưởng. Anh nhìn d'Artagnan vẻ biết ơn, rồi mỉm cười với Raoul – một nụ cười kỳ lạ mà trẻ con lấy làm hãnh diện khi nhận được.

Cái trò kịch câm ấy không thoát khỏi cặp mắt d'Artagnan và anh tự bảo: "Bây giờ thì ta biết chắc như cua gạch rồi …"

-Thế nào! – Arthos nói, – ta hy vọng rằng tai nạn ấy không có hậu quả gì nghiêm trọng.

-Thưa ông, cũng chưa biết thế nào, thầy thuốc chưa thể nói gì do chỗ đau sưng to; tuy nhiên ông ấy cũng lo bị chấn thương ở một chỗ gân nào đó.

-Thế anh không nấn ná lại lâu hơn ở nhà bà Saint-Remy à?

-Tôi sợ về trễ giờ ăn, – Raoul đáp – như vậy sẽ để ông phải chờ đợi.

Vừa lúc ấy một thằng nhỏ nửa nông dân, nửa người hầu đến thưa là bữa ăn đã dọn ra.

Arthos dẫn khách vào một phòng ăn giản dị, nhưng cửa sổ một phía mở ra vườn và một phía mở ra một nhà kính trồng hoa rực rỡ.

D'Artagnan đưa mắt nhìn bộ đồ ăn: bát đĩa đẹp thật, trông rõ là đồ bạc cổ của gia đình. Trên tủ dựng bát đĩa là một bình dựng nước bằng bạc lộng lẫy, d'Artagnan ngắm mãi.

-Ô! Làm thánh thật! – Anh nói.

-Phải, – Arthos đáp, – đó là một tác phẩm lớn của một nghệ sĩ florintin tên là Benvenuto Cellini

-Thế còn trận chạm trán đó là trận gì?

-Trận Marignan. Đó là lúc một vị tổ tiên của tôi đưa kiếm cho vua Françoise đệ nhất vì kiếm của ngài vừa bị gẫy. Nhờ dịp ấy mà Enguerrand de La Fère, ông tổ của tôi được tặng huân chương Saint-Michel. Ngoài ra mười lăm năm sau nhà vua không quên đã chiến đấu ba tiếng đồng hồ nữa bằng thanh kiếm của ông bạn Enguerrand mà kiếm không gãy, cho nên đã tặng cho ông cái bình kia và một thanh kiếm mà có lẽ hồi xưa cậu đã trông thấy ở nhà tôi, và nó cũng là một đồ kim hoàn rất đẹp đấy. Đó là thời của những người khổng lồ, Arthos nói. – Chúng ta đây, chúng ta là những thằng lùn bên cạnh những con người đó. D'Artagnan ta

ngồi xuống và ăn đi. Tiện đây, – Arthos bảo thằng nhỏ vừa đưa món xúp ra, – gọi bác Charlot đến.

Thằng nhỏ đi ra và một lát sau bác đầy tớ mà hai người khách đã hỏi lúc mới đến đây bước vào.

-Bác Charlot thân mến ơi, tôi dặn riêng bác về Planchet, người hầu của ông d'Artagnan, trong suốt thời gian anh ta ở đây: Anh ta thích rượu vang ngon, mà bác thì có chìa khoá hầm rượu đấy. Lâu nay anh ta ngủ trên ván cứng hẳn không chê một cái giường êm ái. Tôi mong bác hãy chăm lo đến việc ấy nhé.

Charlot cúi mình và đi ra.

-Charlot cũng là một người trung hậu; – bá tước nói, bác ấy giúp việc tôi mười tám năm rồi.

-Anh nghĩ đến mọi việc, – D'Artagnan nói, – và tôi xin cảm ơn anh về Planchet, Arthos thân mến.

Cậu thiếu niên trợn tròn mắt khi nghe tên ấy và nhìn xem có đúng là d'Artagnan nói với bá tước không.

-Cái tên ấy có vẻ kỳ lạ đối với anh phải không, Raoul? – Arthos cười nói – đó là biệt danh của tôi trong quân, ngũ khi ông d'Artagnan cùng với hai người bạn dũng cảm và tôi, chúng tôi lập những chiến tích ở thành La Rochelle dưới thời ông cố giáo chủ và ông De Bassompierre, ông này sau cũng chết rồi. Ông d'Artagnan chiếu cố giữ cho tôi cái tên bè bạn ấy và mỗi lần nghe nói đến lòng tôi rất hân hoan.

-Cái tên lừng lẫy lắm đấy, – D'Artagnan nói, – và một hôm nó đã mang vinh dự khái hoàn.

-Thưa ông, thế là thế nào ạ. – Raoul hỏi, vẻ tò mò một cách ngây thơ.

-Thật tình tôi chẳng biết gì cả, – Arthos nói.

-Anh đã quên cái đồn Saint-Gervais và tấm khăn ăn mà ba vết dạn đã làm nên lá cờ. Trí nhớ tôi tốt hơn của anh, tôi vẫn còn nhớ và tôi sẽ kể cho chàng trai này nghe.

Và anh kể lại tất cả câu chuyện về cái đồn cũng như Arthos đã kể cho anh nghe câu chuyện về ông cụ tổ.

Nghe chuyện, chàng thiếu niên thấy như đang diễn ra một trong những chuyện binh đao do Tasse ou l'Arioste kể và nó thuộc về nhưng thời hiệp sĩ thần kỳ.

-Nhưng Raoul này, – Arthos nói, – có điều d'Artagnan không nói cho anh nghe ông ấy là một trong những tay kiếm cự phách nhất của thời ấy; bắp chân sắt, cổ tay thép, ánh mắt tinh xác và cái nhìn nảy lửa đấy lả cái mà ông phô ra với địch thủ. Ông ấy mười tám tuổi, hơn anh có ba tuổi Raoul ạ, khi tôi thấy ông ấy đã xuất trận lần dầu tiên và đấu với những người đã được thử thách.

-Và ông d'Artagnan là người chiến thắng chứ? – Chàng thiếu niên nói, mắt long lanh trong suốt câu chuyện ấy và như muốn hỏi thêm những tình tiết.

-Tôi cho là đã giết chết một tên? – D'Artagnan vừa nói vừa đưa mắt hỏi Arthos. – Còn tên nữa, tôi đã tước vũ khí hoặc đánh bị thương, tôi không nhớ nữa.

-Phải, cậu đánh nó bị thương. Ô, cậu là một võ sĩ ghê gớm.

-Này, thế mà tôi cũng chưa mất mát lắm đâu, – D'Artagnan nói tiếp với một nụ cười Gascogne đầy tự mãn, – ngay gần đây thôi.

Thấy Arthos đưa mắt nhìn anh im bặt.

-Raoul này, – Arthos nói, – anh thường tự cho mình là một tay kiếm giỏi và tự phụ có thể một ngày nào đó chịu một nỗi thất vọng tàn nhẫn. Tôi muốn anh hiểu rằng người nào kết hợp được tính bình tĩnh với tài lanh lẹn khôn khéo thì thật là nguy hiểm, vì không bao giờ tôi có thể giới thiệu với anh một thí dụ hiển nhiên hơn: nếu ông d'Artagnan không mệt, anh hãy xin với ông, ngày mai cho anh một bài học.

-Ơ kìa, Arthos thân mến, chính anh là một ông thầy giỏi, nhất là về mặt những phẩm chất mà anh khoe về tôi. Này, mới sớm nay thôi, Planchet nói với tôi về trận đấu kiếm trứ danh ở trong sân tu viện Carmes với Lord de Winter và đồng bọn. A! Chàng trẻ này, – D'Artagnan nói tiếp, – có một tay kiếm đâu đây mà tôi vẫn thường gọi là đệ nhất của vương quốc đấy.

-Ồ tôi đã làm hư bàn tay mình với thằng nhỏ này đấy – Arthos nói.

-Có những bàn tay không bao giờ hư đâu, Arthos thân mến ạ, – D'Artagnan nói, – nhưng làm hư rất nhiều những bàn tay khác.

Cậu thiếu niên muốn cuộc chuyện trò kéo dài suốt cả đêm, nhưng Arthos đã nhắc rằng vị khách ắt là mệt và cần nghỉ ngơi.

D'Artagnan chối từ vì lịch sự, nhưng Arthos ép anh về phòng dành cho anh. Raoul dẫn khách đến đó. Và do Arthos đoán rằng Raoul có thể sẽ nấn ná thật muộn bên d'Artagnan để bắt anh kể tất cá những chuyện dũng lược thời trai trẻ của họ, một lát sau anh tự đến tìm và kết thúc buổi tối tốt lành ấy bằng một cái bắt tay rất thân mật và lời chúc chàng ngự lâm quân ngủ ngon.

§17. Phép xã giao của Arthos

Artagnan đi nằm để được được một mình suy nghĩ đến tất, cả những điều mắt thấy tai nghe trong buổi chiều tôi nay hơn là để ngủ.

Do bản chất tốt và ngay thoạt đầu đối với Arthos đã có một cảm tình bản năng nó dẫn đến một tính bằng hữu chân thành d'Artagnan vui mừng được gặp lại một con người nổi bật về trí dũng, chứ không phải là một gã say rượu đần độn mà anh chờ đợi nom thấy say mềm nằm vật vạ trên một đống phân; anh chấp nhận mà không quá phản kháng cái ưu thế bất biến của Arthos đối với mình, và thay cho lòng ganh ghét và thất vọng có thể làm phiền muộn một bản chất kém khoan dung, rốt cuộc anh chỉ cảm thấy một niềm vui chân thành và trung thực khiến anh mang những kỳ vọng thuận lợi nhất cho cuộc thương lượng của mình.

Tuy nhiên anh không thấy Arthos thành thực và minh bạch về mọi điểm. Cái cậu thiếu niên mà anh ta nói là con nuôi và giống anh như đúc ấy là thế nào nhỉ? Việc trở lại cuộc sống của xã hội thượng lưu và vẻ thanh đạm cường điệu mà anh nhận thấy ở bàn ăn là thế nào?

Một điều bề ngoài có vẻ vô nghĩa là sự vắng mặt của Grimaud mà xưa kia Arthos không bao giờ xa rời, và tên hắn ta cũng không hề được nhắc đến mặc dầu có những chuyện đã hé đề cập tới, tất cả những điều đó khiến d'Artagnan băn khoăn. Như vậy là anh không còn được bạn mình tin cậy, hoặc giả Arthos đã bị vướng mắc vào một sợi dây vô hình nào đó, hoặc là đã được báo trước về chuyến viếng thăm của anh.

Anh không thể không nghĩ đến Rochefort, đến điều mà ông ta nói với anh ở nhà thờ Đức bà. Phải chăng Rochefort đã đến nhà Arthos trước anh? D'Artagnan không có thì giờ để mắt vào những việc nghiên cứu lâu la. Nên anh quyết là ngày hôm sau đi đến một sự lý giải. Cái tài sản ít ỏi được Arthos ngụy trang khéo léo báo hiệu lòng ham muốn xuất hiện và tiết lộ chút tham vọng còn sót lại dễ dàng bị đánh thức dậy. Sức mạnh về tinh thần và sự rành rọt về tư tưởng của Arthos khiến anh một con người dễ xúc cảm hơn kẻ khác. Tính hoạt động vốn có của anh được nhân đôi vì nhu cầu riêng, anh sẽ càng hăng hái gấp bội bước vào những kế hoạch của quan tể tướng.

Những ý nghĩ ấy khiến d'Artagnan thao thức mặc dầu rất mệt mỏi; anh vạch ra những kế hoạch công kích và dù biết Arthos là một đối thủ đáng gờm, anh ấn định hành động vào ngày hôm sau, sau bữa ăn lót dạ.

Tuy nhiên anh cũng tự chủ về một mặt khác, trên một trường đấu khá mới mẻ phải tiến lên một cách thận trọng, nghiên cứu trong nhiều ngày những hiểu biết của Arthos, theo dõi và tìm hiểu những thói quen mới của anh ta; qua việc tập đấu kiếm hoặc đi săn với cậu thiếu niên, thử moi ở cậu những tin tức gián tiếp

mà anh còn thiếu, để nối liền chàng Arthos ngày xưa với chàng Arthos ngày nay; điều ấy chắc dễ dàng vì rằng người thầy giáo nào chẳng lây lan một phần con người mình sang tâm trí học trò. Nhưng bản thân d'Artagnan vốn là một chàng trai rất tinh ma, ngay lập tức anh hiểu rằng những rủi ro gì sẽ chờ đợi anh trong trường hợp một sự không kín đáo hoặc vụng về có thể làm lộ tẩy những cuộc vận động của anh trước con mắt lão luyện của Arthos.

Rồi có cần nói đến điều này nữa không? D'Artagnan sẵn sàng dùng mưu mẹo chống lại tính giảo quyệt của Aramis hoặc thói huênh hoang của Porthos, nhưng anh hổ thẹn nếu phải lắt léo với Arthos, con người thẳng thắn và trung hậu. Anh thấy dường như trong khi công nhận anh là bậc thầy của họ về khoa học xã giao. Aramis và Porthos sẽ càng coi trọng anh hơn nữa, còn Arthos thì trái lại sẽ coi thường anh.

-A! Tại sao cái tên Grimaud câm lặng lại không có đây nhỉ? – D'Artagnan nghĩ – Trong cái im lặng của hắn có khối điều mà ta có thể hiểu. Grimaud có một sự im lặng thật là hùng hồn. Trong khi đó những tiếng ồn ào lần lượt tắt dần trong ngôi nhà, d'Artagnan đã nghe đóng các cửa giả; những tiếng chó sủa chốc chốc vang lên đáp lại nhau trong thôn xóm cũng im ắng, cuối cùng một con hoạ mi lạc lõng trong một lùm cây có lúc hót lên những cung điệu du dương giữa đêm thâu cũng ngủ nốt; trong lâu đài chỉ còn tiếng bước chân bình thản và đều đều ở phía dưới phòng anh; anh đồ chừng đó là phòng của Arthos. Anh ngẫm nghĩ: -Anh ta đi đi lại lại và suy nghĩ, nhưng suy nghĩ đến cái gì cơ chứ? Đó là điều không thể biết được.

Người ta có thể đoán ra cái khác, chứ không thể đoán ra điều ấy.

Cuối cùng chắc hẳn Arthos đi nằm, vì cái tiếng động cuối cùng ấy cũng tắt ngấm.

Im lặng và mệt mỏi hùa với nhau đã thắng d'Artagnan, đến lượt anh nhắm mắt lại và hầu như ngay lập tức anh thiếp đi.

D'Artagnan không phải là người ngủ nhiều. Bình minh vừa mới nhuốm vàng các tấm rèm, anh đã nhảy ra khỏi giường và mở cửa sổ.

Qua tấm mành anh thấy như có người lảng vảng ở ngoài sân và tránh gây tiếng động. Theo thói quen không khi nào để lọt qua một vật nào trong tầm nhìn của mình mà không biết chắc đó là cái gì, d'Artagnan chăm chú nhìn không gây tiếng động và nhận ra chiếc áo chẽn màu đỏ và bộ tóc màu nâu của Raoul.

Chàng thiếu niên, vì đúng là cậu ta, mở chuồng ngựa dắt ra con ngựa màu hồng nhạt mà hôm qua cậu đã cưỡi, tự mình thắng yên cương với vẻ nhanh nhẹn và khéo léo như người kỵ sĩ thành thạo nhất rồi cho con ngựa đi ra theo lối bên phải của con đường nhỏ, kéo ngựa ra ngoài, đóng cửa lại sau mình, rồi qua mép bờ tường, d'Artagnan trông thấy cậu ta phóng đi như mũi tên, cúi mình dưới những cành nở hoa rủ lòng thòng của những cây phong và cây keo.

Từ hôm qua d'Artagnan đã thấy đó là con đường dẫn đi Blois.

-Hề! Hề! – Chàng Gascon nói, – lại một thằng nhóc bắt đầu biết đi tán gái, nó chẳng giống Arthos luôn thù hằn phái đẹp. Không phải nó đi săn vì chẳng mang súng ống và chó; cũng không phải được đi sai làm việc vì nó có vẻ len lén. Len lén giấu ai cơ? Ta hay bố nó?… Mà ta chắc chắn rằng bá tước là bố nó… Mẹ kiếp về chuyện này ta sẽ rõ, vì ta sẽ nói thẳng với Arthos.

Trời sáng dần, tất cả những tiếng động mà ban đêm d'Artagnan nghe lần lượt tắt ngấm bây giờ lại nối tiếp nhau bừng dậy: con chim trên cành cây, con chó trong chuồng bò, đàn cừu ngoài cánh đồng. Những con thuyền neo trên bờ sông Loire cũng sống động lên, rời bến và trôi theo dòng nước. D'Artagnan cứ đứng thế ở cửa sổ để khỏi làm ai thức giấc, rồi khi đã nghe tiếng các cửa của toà lâu đài mở ra, anh vuốt lại mái tóc, vân vê lại chòm ria, theo thói quen phủi vành mũ bằng ống tay áo chẽn và đi xuống. Vừa mới bước qua bậc thang cuối cùng anh đã nom thấy Arthos đang cúi xuống đất với cái vẻ của một người đang tìm một đồng tiền trên cát.

-A! Xin chào chủ nhân thân mến, – D'Artagnan nói.

-Chào bạn thân mến. Đêm qua ngủ ngon chứ?

-Tuyệt, Arthos ạ, như cái giường của anh, như bữa ăn tối của anh, nó đã dẫn tôi đến giấc ngủ, như sự tiếp đãi của anh khi gặp lại tôi. Nhưng kìa, sao anh nhìn cái gì chăm chú thế? Hay là tình cờ anh trở thành nhà tài tử chơi hoa tuy líp đấy?

-Bạn thân mến ơi, không nên vì thế mà cậu giễu cợt tôi nhé. Ở nông thôn các thị hiếu thay đổi nhiều lắm và người ta yêu thích mà không hay biết tất cả những cái đẹp được. Chúa làm nảy ra từ lòng đất và rất bị coi thường ở thành thị. Tôi đang nhìn những cây hoa iris (Huệ tím) tôi đặt bên cạnh cái bể này đã bị giẫm nát sớm nay. Bọn làm vườn là những tay vụng về nhất đời. Cho ngựa đi kéo nước xong trở về họ để chúng giẫm lên cả các vạt đất trồng cây.

D'Artagnan mỉm cười. Anh nói: -Anh tưởng thế à?

Và anh dẫn bạn theo dọc lối đi in đầy những vết chân giống hệt những vết chân đã giẫm lên những cây iris.

-Arthos xem này, cả những vết ở đây nữa, – D'Artagnan thản nhiên nói.

Ù nhỉ mà những vết chân còn mới nguyên.

-Mới nguyên, – D'Artagnan nhắc lại.

-Sáng sớm nay, ai mới đi ra ngoài nhỉ? – Arthos băn khoăn tự hỏi, – hay là một con ngựa đã xổng chuồng?

-Không thể như vậy được, – D'Artagnan nói, – vì những bước chân rất đều và thư thả.

-Raoul đâu rồi? – Arthos kêu lên. – Sao tôi không trông thấy nó nhỉ.

-Sụyt! – D'Artagnan đưa một ngón tay lên miệng và cười.

-Có chuyện gì vậy. – Arthos hỏi.

D'Artagnan kể lại điều anh đã trông thấy và theo dõi sắc mặt của chủ nhân.

-A! Bây giờ tôi đoán ra rồi, – Arthos khẽ nhún vai nói, – thằng bé tội nghiệp lại đi đến Blois.

-Để làm gì?

-Ồ, lạy Chúa! Để hỏi tin tức về con bé La Vallière. Cậu biết đấy, con bé bị ngã trật chân hôm qua.

-Anh nghĩ thế à? – D'Artagnan nói, vẻ không tin.

-Không những tôi nghĩ mà tôi chắc chắn như vậy. – Arthos đáp, – Anh không nhận thấy rằng Raoul nó phải lòng à?

-Chà! Phải lòng ai? Con bé bảy tuổi ấy à?

-Bạn thân mến ơi, ở cái tuổi của Raoul, trái tim nó đầy chan chứa đến nỗi nó phải cho tràn ra một vật nào đó dù là mộng hay thực. Cho nên, tình yêu của nó cũng nửa là mộng nửa là thực.

-Anh đùa đấy ư? Sao? Con bé nhỏ tí ấy à?

-Anh đã không nhìn ư? Đó là một tạo vật xinh đẹp nhất đời: mái tóc hoe ánh bạc, cặp măt xanh thế mà đã vừa linh lợi vừa thẫn thờ.

-Nhưng anh nói gì về mối tình đó?

-Tôi chẳng nói gì hết, tôi cười và mặc kệ Raoul; nhưng những nhu cầu đầu tiên ấy của con tim rất khẩn thiết, những nỗi tương tư chan chứa ở những người trẻ tuổi ấy nó êm ái mà đồng thời cũng đắng cay đến mức nó như thường mang tất cả những đặc điểm của một mối tình si. Tôi còn nhớ hồi ở tuổi Raoul, tôi say mê một pho tượng Hy Lạp mà đức vua Henri IV cho cha tôi và tôi nghĩ đến phát điên lên vì đau khổ khi người ta bảo tôi rằng câu chuyện về Pygmalion chỉ là một chuyện hoang đường[201].

-Đó là vô công rồi nghề. Anh không giao đủ việc cho Raoul và tự nó kiếm chuyện đấy.

-Chẳng có việc gì khác. Cho nên tôi đã nghĩ cho nó đi khỏi nơi đây.

-Anh làm thế là tốt.

-Chắc thế, nhưng việc đó sẽ làm nó tan nát cõi lòng và nó sẽ đau khổ như với một mối tình thực sự. Từ ba bốn năm rồi khi ấy chính nó cũng là một đứa trẻ, nó đã quen trang điểm và ca ngợi cái thần tượng bé bỏng ấy mà một ngày nào đó nó sẽ đi tới tôn thờ nếu như nó ở lại đây. Hai đứa trẻ ấy suốt ngày cùng mơ mộng với nhau và chuyện trò hàng nghìn điều nghiêm túc cứ như là những tình nhân thực sự hai mươi tuổi. Từ lâu bố mẹ của con bé La Vallière đã buồn cười về chuyện này, nhưng gần đây ông bà ấy đã bắt đầu cau mày rồi đó.

-Chuyện trẻ con vớ vẩn! Nhưng Raoul cũng cần được giải khuây; nên nhanh chóng cho nó đi khỏi đây nếu không thì, mẹ kiếp, chẳng bao giờ anh làm cho nó nên người được.

-Tôi định gửi nó đến Paris.

-A! – D'Artagnan kêu lên.

Và anh nghĩ rằng thời kỳ chiến tranh đã đến.

-Nếu anh muốn, – anh nói, – chúng ta có thể tạo một vận mệnh cho cậu thiếu niên ấy.

-A! – Đến lượt Arthos kêu lên.

-Tôi cũng muốn hỏi ý kiến anh về một điều này ra trong khối óc tôi.

-Nói đi.

-Anh có nghĩ là đã đến lúc lại ra làm việc không?

-Thì cậu đã chẳng đang làm việc đấy ư, d'Artagnan?

-Tôi muốn nói công việc hành động. Cuộc đời xưa kia chẳng còn gì cám dỗ anh nữa sao? Và nếu như những lợi ích thật sự đang chờ đợi anh, anh chẳng vui lòng lại bắt đầu những chiến công của thời trai trẻ chúng ta ở đại đội của tôi hoặc đại đội của anh bạn Porthos ư?

-Thế là cậu đưa ra với tôi một đề nghị? – Arthos nói.

-Rõ ràng và thẳng thắn.

-Để lại vào trận?

-Phải.

-Của ai và chống lại ai? – Arthos hỏi đốp lại ngay và nhìn chàng Gascon bằng con mắt thật sáng suốt và thật nhân hậu.

-A! Quỷ thật? Anh vội vã thế?

-Và nhất là minh bạch: Cậu nghe đây, d'Artagnan, chỉ có một nhân vật hay nói đúng hơn một lợi ích vì đó mà một người như tôi xem ra còn có thể có ích: đó là lợi ích của nhà vua.

-Chính xác như vậy đấy, – chàng ngự lâm nói.

-Phải, chúng ta hãy thông với nhau, – Arthos nghiêm trang nói tiếp – nếu như cậu hiểu lợi ích của Mazarin là lợi ích của nhà vua, thì chúng ta nên thôi không tìm cách hiểu lẫn nhau nữa.

-Tôi không nói chính xác, – chàng Gascon lúng túng đáp.

-Này, d'Artagnan, – Arthos nói, – ta đừng chơi cái trò lập lờ ấy: sự ngập ngừng và những kiểu loanh quanh của cậu cho tôi thấy rõ cậu từ phía nào đến. Cái lợi ích ấy quả thật người ta không dám lớn tiếng thú nhận, nhưng khi người ta chiêu mộ cho nó thì tai cụp xuống và giọng nói lúng túng.

-A! Arthos thân mến của tôi, – D'Artagnan kêu.

-Ê! – Arthos nói tiếp – Cậu biết rõ là tôi không nói cậu, cậu là hòn ngọc của những người dũng cảm và táo bạo, tôi nói với cậu về cái lão người Ý bần tiện và mưu mô, về cái đứa thô bỉ đang cố đặt lên đầu nó một cái vương miện mà nó ăn cắp ở dưới một tám gối, về cái thằng bần tiện nó gọi đảng phái của nó là đảng phái của nhà vua và tính đến bắt giam các thân vương mà không dám giết họ như ông giáo chủ của chúng ta, vị giáo chủ vĩ đại đã làm; một tên biển lận cân các

đồng êquy vàng và giữ những đồng tiền bị cắt xén vì dù rằng chuyên cờ bạc bịp hắn vẫn sợ nhỡ ngày hôm sau thua bạc; cuối cùng, một tên vô lại nó hành hạ hoàng hậu, theo người ta nói chắc như vậy với lại cũng mặc kệ bà ta! Và trong ba tháng nữa hắn sẽ gây ra một cuộc nội chiến chống lại chúng ta để giữ gìn những khoản lương bổng của nó. Đây là vị minh chủ mà cậu đề nghị với tôi ư, d'Artagnan? Xin đa tạ nhé!

-Anh nóng nảy hơn xưa đấy, xin Chúa tha tội! – D'Artagnan nói. – Năm tháng đã không làm nguội lạnh đi mà hun nóng dòng máu anh. Ai bảo anh đó là minh chủ của tôi và tôi muốn áp đặt cho anh?

"Chết thật! – Chàng Gascon tự nhủ. – Ta chẳng dại gì mà trao những bí mật cho một người không sẵn lòng đến thế".

-Bạn thân mến ơi, – Arthos nói tiếp, thế bây giờ những đề nghị ấy là gì?

-Ôi lạy Chúa! Chẳng có gì đơn giản hơn: Anh sống trong điền địa của anh và hình như anh lấy làm sung sướng trong cảnh sống xuềnh xoàng mạ vàng của mình. Porthos có năm sáu chục nghìn livres niên thu thì phải; Aramis lúc nào cũng có mười lăm bà công tước giành nhau vị tu giáo cũng như ngày xưa tranh giành nhau chàng ngư lâm quân; đó cũng còn là một đứa con cưng của số mệnh; nhưng còn tôi tôi làm cái thá gì ở cõi đời này? Tôi mang tấm áo giáp và miếng da trâu từ hai mươi năm nay, bảm chặt lấy cái chức vị quèn này, không tiến không lùi mà cũng chẳng sống nổi. Tóm lại là tôi chết!

Vậy mà khi đối với tôi là chuyện hồi sinh lại đôi chút, thì tất cả các anh đều nhao nhao bảo tôi là: Đó là một tên bần tiện? Đó là một thằng vô lại! Một đứa thô bỉ! Một lão xáu xa? Ồ, mẹ kiếp tôi đồng ý với các anh lắm, nhưng các anh hãy tìm cho tôi một kẻ khá hơn, hoặc là làm sao cho tôi có nguồn thu nhập đồng niên đi?

Arthos ngẫm nghĩ mấy giây đồng hồ, và trong mấy giây ấy, anh hiểu ra mưu mẹo của d'Artagnan, cậu ta lúc đầu đi quá trớn nay ngắt đi để che giấu trò chơi của mình. Anh thấy rõ ràng những đề nghị bạn đưa ra với anh là có thật và được bày tỏ một cách đầy đủ nhất, dù anh chỉ mới hơi lắng tai nghe:

"Được? Anh tự bảo, d'Artagnan là của Mazarin".

Từ lúc ấy, anh giữ gìn cực kỳ thận trọng.

Về phía mình, d'Artagnan chơi chặt chẽ hơn lúc nào hết.

-Nhưng rốt cuộc cậu có ý kiến gì?- Arthos hỏi.

-Tất nhiên. Tôi muốn nghe lời khuyên của tất cả các anh và tính xem nên làm cái gì đó, vì nếu có người này mà thiếu người kia, chúng ta bao giờ cũng khập khiễng.

-Đúng thế. Cậu nói với tôi về Porthos; vậy cậu đã định đoạt cho cậu ấy đi tìm kiếm hạnh vận chưa?

-Hạnh vận ấy, cậu ta có rồi mà.

-Chắc hẳn cậu ta có; nhưng con người ta sinh ra như vậy đấy, bao giờ cũng ao ước một điều gì. Thế Porthos ao ước gì nào?

-Được là Nam tước.

-À phải rồi? Tôi quên mất, – Arthos cười nói.

"Phải rồi, – D'Artagnan ngẫm nghĩ. Nhưng ta nghe ở đâu ấy nhỉ? Hay là anh ta liên lạc với Aramis? – A! Nếu ta biết điều đó thì ta sẽ biết tất cả?"

Cuộc trò chuyện chấm dứt ở đây, vì lúc ấy Raoul về.

Arthos muốn mắng nhẹ một câu, nhưng thấy cậu thiếu niên buồn rũ rượi, anh không có can đảm và chỉ hỏi xem có chuyện gì.

-Tình trạng cô bé láng giềng của chúng ta có nặng lên không?- D'Artagnan hỏi.

-Ôi thưa ông,- Raoul hầu như nghẹn ngào vì đau đớn nói. – Cô bé ngã thế là nặng đấy, tuy bên ngoài không thấy biến dạng, nhưng thầy thuốc lo ngại rằng cô ta sẽ bị tàn tật suốt đời.

-A! Thế thì ghê gớm lắm!- Arthos nói.

D'Artagnan toan đùa một câu, nhưng nhìn thấy Arthos chia sẻ tai họa đó, anh ghìm lại.

-Ôi, thưa ông, điều làm tôi ân hận nhất, – Raoul nói tiếp,- là tai hoạ ấy lại do chính tôi gây nên.

-Sao lại anh, Raoul?- Arthos hỏi.

-Không nghi ngờ gì nữa. Chẳng phải vì muốn chạy đến với tôi mà cô bé ấy đã nhảy từ trên đống gỗ cao xuống, đấy thôi?

-Raoul thân mến của tôi ơi, – D'Artagnan nói, – chỉ còn có một cách là anh hãy cưới cô ta để đền tội.

-Ôi chao, thưa ông.- Raoul nói, – Ông đùa trên một nỗi đau khổ thực sự, thế là không tốt đâu.

Raoul đang cần ở một mình để khóc cho đã, bèn đi vào phòng mình và đến lúc ăn sáng mới ra.

Hoà khí giữa hai người bạn rất tốt, nên không vì cuộc xô xát buổi sớm mà bị phai lạt; cho nên họ ăn lót dạ một cách thật ngon lành, chốc chốc, nhìn cậu bé Raoul tội nghiệp, mắt ướt mọng ra và lòng nặng trĩu, ăn cho qua bữa.

Vào cuối bữa ăn, có hai bức thư đến, Arthos đọc hết sức chăm chú và không tránh khỏi rùng mình nhiều lần. D'Artagnan nhìn bạn đọc thư, từ phía bên này bàn sang phía bên kia, với con mắt xuyên thấu anh thề rằng không còn hồ nghi gì nữa, anh đã nhận ra nét chữ nhỏ li ti của Aramis. Còn bức thư kia là chữ đàn bà, viết dài và rắc rối.

Thấy Arthos có vẻ muốn ngồi một mình để phúc đáp thư hoặc suy nghĩ, d'Artagnan bảo Raoul: -Ta đi quanh ra phòng binh khí một lát, nó sẽ làm anh khuây khỏa đấy.

-Cậu thiếu niên nhìn Arthos vẻ dò hỏi và được đáp lại bằng một dấu hiệu ưng thuận.

Cả hai ngươi đi sang một gian phòng thấp có treo những thanh kiếm tập, mặt nạ, găng tay, áo giáp và các thứ dụng cụ đấu kiếm.

Chừng mười lăm phút sau, Arthos đến và hỏi: -Thế nào?

-Arthos thân mến ạ, đã ra vẻ tay kiếm của anh rồi đó, – D'Artagnan nói, – và nếu có thêm tính bình tĩnh của anh nữa thì tôi chỉ còn có chúc mừng anh ta mà thôi.

Cậu thiếu niên hơi xấu hổ. Có một vài bận cậu chạm được vào tay hoặc chân d'Artagnan thì ngược lại cậu bị đâm tới hai chục lần vào giữa thân mình.

Vừa lúc ấy, bác Chatlot vào đưa cho d'Artagnan một bức thư khẩn do một phái viên mang đến.

Bây giờ đến lượt Arthos liếc nhìn.

D'Artagnan đọc thư không để lộ một cảm xúc nào, và khi đọc xong anh khe khẽ gật đầu.

-Này bạn thân mến ơi, – anh nói, – công việc phụng sự là như thế này đây. Thật tình anh không muốn tham gia lại là đúng: ông De Treville[202] ốm và đại đội không thể thiếu tôi được, thành thử việc nghỉ phép của tôi mất toi.

-Cậu trở về Paris à? – Arthos vội vã hỏi.

-Ôi, lạy Chúa. Phải! – D'Artagnan đáp – Thế còn anh, anh không đến đấy ư?

Arthos hơi đỏ mặt và đáp: -Nếu tôi đến đó, tôi sẽ rất sung sướng được gặp cậu.

D'Artagnan đứng ra cửa và gọi to: -Ơ này, Planchet! Mười phút nữa ta sẽ ra đi, cho ngựa ăn lúa mạch đi nhé.

Rồi quay lại phía Arthos, anh nói: -Tôi thấy dường như còn thiếu cái gì ở đây và tôi rất lấy làm tiếc phải từ giã anh mà không được gặp lại bác Grimaud hiền lành ấy.

-Grimaud à! – Arthos nói, – À, phải đấy, tôi cũng lấy làm lạ sao không thấy cậu hỏi về hắn ta. Tôi đã cho một người bạn mượn rồi.

-Ai mà có thể hiểu nổi những dấu hiệu[203] của hắn? – D'Artagnan nói.

-Tôi cũng hy vọng, – Arthos đáp.

Hai người bạn ôm hôn nhau thân mật.

D'Artagnan bắt tay Raoul và bắt Arthos hứa nếu đến Paris sẽ ghé thăm, mà nếu không đến thì cũng viết thư cho anh, rồi anh lên ngựa.

Planchet bao giờ cũng chính xác. D'Artagnan cười nói với Raoul: -Anh không đi cùng với tôi ư, tôi đi qua Blois đấy.

Raoul quay lại phía Arthos, anh ngăn cậu ta bằng một dấu hiệu khó nhận thấy.

-Thưa ông, không ạ, – cậu thiếu niên đáp, – tôi ở lại với ông bá tước.

-Thế thì xin từ biệt cả hai, hai người bạn tốt của tôi, – D'Artagnan vừa nói vừa siết tay họ một lần cuối, – và cầu Chúa phù hộ cho các bạn giống như chúng ta thường nói với nhau mỗi lần từ biệt nhau dưới thời vị cố giáo chủ.

Arthos giơ tay chào, Raoul cúi mình thi lễ và d'Artagnan cùng Planchet lên đường.

Bá tước nhìn theo họ, tay vịn lên vai cậu thiếu niên đã cao gần bằng anh; phút chốc họ đã khuất sau bức tường.

-Raoul, – bá tước bảo, – tối nay chúng ta đi Paris.

-Sao!- Cậu thiếu niên nói, mặt tái nhợt.

-Anh hãy đến nhà bà Saint-Remy nói những lời từ biệt của tôi và của anh. Tôi sẽ đợi ở đây lúc bảy giờ.

-Cậu thiếu niên cúi chào với vẻ đau khổ xen lẫn biết ơn, rồi đi ra thắng ngựa.

Còn d'Artagnan vừa đi khuất đã móc bức thư ở trong túi ra đọc lại:

"Trở về Paris ngay lập tức J. M.".

-Bức thư thật khô khan, – D'Artagnan lẩm bẩm và nếu như không có một dòng tái bút, có lẽ ta cũng chẳng hiểu gì, nhưng may thay lại có dòng tái bút. Và anh đọc cả dòng tái bút trứ danh ấy, nó làm cho anh phớt qua cả cái khô khan của bức thư.

"Tái bút. Hãy đến ông trưởng kho bạc của nhà vua ở Blois, xưng tên ông ra và đưa bức thư này cho ông ta xem: ông sẽ được lĩnh hai trăm pistoles".

D'Artagnan nói: -Dứt khoát là ta thích cái lối văn xuôi này và ông giáo chủ viết hay hơn ta tưởng nhiều. Nào Planchet, chúng ta hãy đến thăm ông trưởng kho bạc của nhà vua, rồi thì ta phóng.

-Về Paris ư, thưa ông?

-Về Paris.

Rồi cả hai người cho ngựa phi nước đại.

§18. Ông de Beaufort

Chuyện gì xảy ra và nguyên nhân nào đã buộc d'Artagnan phải trở về Paris?

Một buổi tối theo lệ thường, Mazarin đến chỗ hoàng hậu vào giờ mà mọi người đã rút lui hết. Khi đi qua gần gian phòng lính gác có một cửa trông ra tiền sảnh. Ông ta nghe tiếng nói oang oang ở trong phòng. Muốn biết xem bọn lính nói về vấn đề gì, ông rón rén đến gần và theo thói quen đẩy cửa hé ra và thò đầu vào.

Có một cuộc bàn luận giữa các vệ sĩ. Một người nói: -Còn tôi, tôi xin cam đoan rằng như Croysel đã tiên đoán điều ấy thì nó chắc chắn cứ như là đã xảy ra rồi. Tôi không biết ông ta, nhưng tôi đã nghe nói ông ta không chỉ là một nhà chiêm tinh học mà còn là một nhà pháp sư nữa.

-Ghê thật, bạn thân mến ơi, nếu ông ta là bạn bè của cậu thì coi chừng. Cậu giúp ông ta một việc tai hại đấy.

-Sao lại thế?

-Bởi vì người ta có thể kết án ông ta được chứ.

-Ô hay? Ngày nay người ta không thiêu sống phù thủy.

-Không! Vậy mà cách đây không lâu lắm ông cố giáo chủ đã cho thiêu Urbain Grandier. Tôi cũng biết đôi điều. Hồi ấy tôi đứng canh ở dàn hỏa và tôi đã trông thấy ông ấy bị thiêu.

-Bạn thân mến ơi, Urbain Grandier không phải là phù thủy mà là một nhà bác học, đó lại là chuyện khác. Urbain Grandier không tiên đoán tương lai. Ông ta biết quá khứ, đôi khi điều ấy còn tệ hơn nữa.

Mazarin gật đầu vẻ đồng tình, nhưng muốn biết rõ điều tiên đoán mà người ta đang bàn luận, ông ta đứng nguyên một chỗ.

Người lính vệ nói tiếp: -Tôi không bảo cậu rằng Croysel là một phù thủy nhưng tôi nói với cậu rằng nếu như ông ta công bố trước điều tiên đoán của mình thì đấy là một cách để nó không thực hiện được.

-Tại sao?

-Rõ ràng như vậy đấy. Nếu tôi với cậu đánh nhau mà tôi bảo cậu: "Tôi sẽ đâm cho cậu hoặc một nhát thẳng hoặc một nhát xiên" thì cậu đỡ ngay được chứ còn gì nữa. Vậy nếu Croysel nói khá to để ngài giáo chủ nghe thấy là: "Trước ngày ấy, ngày ấy, người tù ấy sẽ vượt ngục" thì hiển nhiên là ông giáo chủ sẽ có cách đề phòng để tù nhân không xổng ra được.

Một lính vệ khác nằm ngay trên chiếc ghế dài có vẻ đang ngủ và mặc dầu bề ngoài có vẻ ngủ thật những vẫn không bỏ sót một lời của câu chuyện bật ra nói: -Ôi lạy Chúa! Các cậu tưởng người ta có thể thoát được số mệnh mình ư? Nếu trời đã định rằng ông quận công De Beaufort phải trốn thoát thì ông De Beaufort

sẽ trốn thoát, và mọi sự đề phòng của ông giáo chủ đều chẳng có tác dụng gì cả hết.

Mazarin rùng mình. Ông ta là người Ý, có nghĩa là mê tín; ông ta vội vã đi qua giữa những người lính vệ, họ trông thấy ông liền ngừng ngay câu chuyện.

-Các ông nói chuyện gì thế? – Mazarin hỏi với vẻ mơn trớn, – hình như về chuyện ông de Beaufort vượt ngục phải không?

-Ô, không ạ, thưa Đức ông? – người lính không cả tin nói, – lúc này ông ấy không thể vượt được ngục được đâu. Người ta chỉ nói là ông ta sẽ vượt ngục.

-Thế ai nói như vậy?

Người lính quay về phía người kể chuyện mà bảo: -Này Saint – Laurent, cậu nhắc lại câu chuyện của cậu đi.

-Thưa Đức ông, – người lính vệ nói, – tôi kể với ông này rất thuần tuý và giản đơn cái mà tôi nghe nói về điều tiên đoán của một người tên là Croysel cho rằng ông de Beaufort dù có bị canh gác cẩn mật đến đâu, ông ta sẽ trốn thoát trước ngày lễ Pentecote.

-Thế cái tên Croysel ấy là một kẻ mộng tưởng hay thằng điên? – Giáo chủ vẫn tươi cười hỏi.

-Không đâu, – người lính vệ vẫn bám chắc vào niềm tin của mình nói, – Ông ta đã đoán trước nhiều điều và những điều đó đã xảy ra, thí dụ như việc hoàng hậu sinh con trai, ông Coligny sẽ bị giết trong trận đấu kiếm với quận công de Guise cuối cùng là việc ông giáo chủ sẽ được phong giáo chủ… Ấy đấy hoàng hậu đã không chỉ sinh một con trai đầu lòng mà hai năm sau lại sinh một cậu nữa, và ông de Coligny đã bị giết.

-Phải rồi, – Mazarin nói, – nhưng mà ông chủ giáo vẫn chưa thành giáo chủ.

-Vâng, thưa Đức ông, – anh lính vệ nói, – nhưng ông ta sẽ trở thành giáo chủ.

Mazarin cau mặt như muốn nói: ông ta chưa mang chiếc mũ đó. Rồi ông nói thêm: -Bạn ơi, như vậy theo ý ông thì ông de Beaufort nhất thiết phải thoát à?

-Thưa Đức ông. – Người lính đáp, – ý kiến của tôi đúng là như vậy, đến nỗi bây giờ Các hạ có ban cho tôi cái chức của ông De Chavigny, nghĩa là cai quản lâu đài Vincennes, tôi cũng sẽ không dám nhận. Chà! Còn như sau ngày lễ Pentecôte, đó lại là chuyện khác.

Không có gì đáng tin cậy hơn là một niềm tin mãnh liệt, nó tác động đến nhĩmg người không tin, mà Mazarin như chúng tôi đã nói mới là kẻ không tin, ông ta là người mê tín. Nên ông ta bước ra vẻ đăm chiêu tư lự.

-Đồ keo kiệt! – Người vệ sĩ đứng tựa ở tường nói. – Lão ta làm ra vẻ không tin ở vị pháp sư của cậu, Saint-Laurent ạ, để khỏi phải cho cậu cái gì đấy thôi, nhưng về đến nhà là lão ta sẽ lợi dụng ngay cái điều tiên đoán của cậu cho mà xem.

Quả thật, đáng lẽ tiếp tục đi đến phòng của hoàng hậu, Mazarin trở về văn phòng mình, gọi Bernouin đến và ra lệnh ngày hôm sau từ mờ sáng phải cho đi gọi ngay viên cảnh sát mà ông ta cắt đặt ở bên cạnh ông de Beaufort về, và khi hắn về đến nơi phải lập tức đánh thức ông ta dậy.

Không còn hoài nghi gì nữa, người lính vệ đã chạm ngón tay vào vết thương nhức nhối nhất của ông giáo chủ, ông de Beaufort ngồi tù từ năm năm nay, và không ngày nào Mazarin không nghĩ rằng ông ấy có thể sẽ ra khỏi nơi đó lúc này hoặc lúc khác. Người ta không thể giữ làm tù nhân suốt đời một cháu nội của Henri IV mới suýt soát ba mươi tuổi. Nhưng dù ông ta ra tù bằng cách nào chăng nữa thì trong thời gian bị giam giữ, ông đã tích lũy hận thù sâu sắc đến chừng nào đối với kẻ đã bắt giam ông trong khi ông đang giàu có can trường, vinh quang, được phụ nữ yêu mến, được cánh đàn ông sợ sệt; bắt giam ông để tước khỏi cuộc đời ông những năm tháng tươi đẹp nhất, bởi vì sống ở trong tù thì cũng như không tồn tại!

Trong khi chờ đợi, Mazarin cho tăng cường giám sát ông de Beaufort.

Song giống như kẻ hà tiện trong truyện ngụ ngôn, Mazarin không thể ngủ yên bên cạnh kho vàng của mình. Biết bao lần đang đêm lão choàng dậy vì mơ thấy người ta cướp mất ông de Beaufort của lão. Thế là lão hỏi ngay tin túc về ông ta, và mỗi tin lượm được lão đều đau đớn khi nghe nói tù nhân vẫn chơi bời, ca hát, ông thường dừng lại luôn để nguyền rủa rằng lão Mazarin sẽ trả giá đắt về những trò giải trí mà lão bắt buộc ông ta phải chơi ở lâu đài Vincennes.

Ý nghĩ ấy choán hết tâm trí tể tướng trong giấc ngủ, cho nên bảy giờ sáng khi Bernouin vào phòng để đánh thức ông ta dậy thì câu đầu tiên của ông ta là: -Này, có chuyện gì thế? Ông de Beaufort có trốn khỏi Vincennes không?

-Thưa Đức ông, tôi không tin như vậy, – Bernouin, vẻ bình tĩnh đạo mạo của hắn không tự mâu thuẫn bao giờ, – nhưng dù sao ngài cũng sẽ được tin về ông ta ngay bây giờ, vì viên cảnh sát La Ramée mà ngài cho gọi sáng nay ở Vincennes đã đến ngoài kia và đang đợi lệnh của Các hạ.

-Mở cửa và cho hắn vào đây, – Mazarin vừa nói vừa sắp xếp lại nệm gối để ngồi ngay tại phòng mà tiếp khách.

Viên sĩ quan vào. Đó là một người cao to, má sệ, mặt tươi tỉnh, hắn có một vẻ bình thản khiến Mazarin lo lắng. Lão lẩm bẩm: -Cái thằng cha này trông đúng là một thằng ngu.

Viên cảnh sát đứng im lặng ở cửa.

-Mời ông vào! – Mazarin bảo.

Viên cảnh sát tuân lệnh.

-Ông có biết ở đây người ta đồn gì không? – Mazarin nói.

-Thưa Các hạ, không.

-Thế này này! Người ta đồn rằng ông de Beaufort đã trốn khỏi Vincennes, nếu không thì cũng sắp trốn khỏi. Mặt mày viên sĩ quan ngớ ra vì kinh ngạc. Hắn đồng thời mở cả hai mắt ti hí và cái miệng rộng hoác để hít lấy hít để câu nói đùa mà Các hạ đã vinh dự ban cho hắn; rồi không giữ lâu được vẻ nghiêm trang đối với một giả thiết như vậy hắn phá ra cười, cười sằng sặc đến rung cả các chân tay hộ pháp y như là đang lên một cơn sốt dữ dội.

Mazarin trong bụng khấp khởi mừng vì sự thổ lộ thiếu cung kính ấy, nhưng vẫn giữ vẻ trang nghiêm.

Khi La Ramée đã cười thoả thuê và chùi nước mắt rồi, hắn cho rằng đến lúc phải nói và xin lỗi về sự vui vẻ thất lễ đó, hắn nói: -Trốn thoát ư, thưa Đức ông! Thế Các hạ không biết là ông de Beaufort đang ở đâu ư?

-Có chứ, tôi biết rằng ông ta đang ở trong cái tháp tòa lâu đài Vincennes.

-Đúng vậy, thưa Đức ông ở trong một căn phòng có tường dày đến bảy bộ với các cửa sổ có chấn song sắt đan chéo, mỗi thanh to bằng cánh tay ấy.

-Ông này, Mazarin nói, – cứ kiên nhẫn người ta đục xuyên mọi bức tường, và với một mảnh dây cốt đồng hồ người ta cưa được song sắt.

-Nhưng Đức ông không biết rằng bên ông ta có tám lính gác, bốn ở tiền sảnh, và bốn ở trong phòng, họ không lúc nào rời ông ta cả.

-Nhưng có lúc ông ta ra khỏi phòng, chơi bóng vụt, bóng ném chứ!

-Thưa Đức ông, đó là những trò giải trí cho phép tù nhân chơi. Tuy nhiên nếu Các hạ muốn, thì sẽ cấm ông ta.

-Không đâu, không đâu, – Mazarin nói, lão sợ rằng cấm cả các trò giải trí đó thì nếu như có bao giờ ra khỏi tù, tù nhân càng căm giận lão hơn nữa. Nhưng ta muốn hỏi xem ông ta chơi với ai.

-Thưa Đức ông, ông ta chơi với viên sĩ quan trực gác, hoặc với tôi hoặc với các tù nhân khác.

-Khi chơi, ông ta không đến gần tường lũy ư?

-Thưa Đức ông, Các hạ không biết lường luỹ thế nào ư? Tường lũy cao sáu mươi bộ, và tôi hoài nghi rằng ông de Beaufort khá là chán đời để mạo hiểm nhảy từ trên cao xuống cho gẫy cổ.

-Hừm! – Giáo chủ bắt đầu yên tâm nói – Ông La Ramée thân mến, vậy ông nói là…

-Trừ phi ông de Beaufort có phép biến thành con chim nhỏ, tôi xin bảo đảm về ông ta.

-Hừ coi chừng! Ông vội vã quá đấy, – Mazarin nói – Khi các vệ sĩ dẫn de Beaufort đến Vincennes, ông ta có nói to với họ rằng ông ta thường nghĩ đến trường hợp ông ta bị tù, và trong trường hợp ấy, ông ta đã kiếm được bốn mươi cách để vượt ngục.

-Thưa Đức ông, – La Ramée đáp, – nếu trong bốn mươi cách ấy có một cách tốt, thì ông ta đã ở ngoài từ lâu rồi.

-Thôi, thôi, không đến nỗi tồi như mình tưởng, – Mazarin lẩm bẩm.

La Ramée nói tiếp: -Với lại Đức ông quên rằng ông De Chavigny là người cai quản lâu đài Vincennes, mà ông ta lại không phải là chỗ bạn bè của ông de Beaufort.

-Ừ nhưng khi ông De Chavigny vắng mặt?

-Khi ông ta vắng mặt thì có tôi.

-Nhưng khi chính ông cũng vắng mặt.

-Khi tôi cũng vắng mặt, thì tôi đã có người thay thế là một gã rất hầm hố trở thảnh một viên phó cảnh sát của Hoàng thượng, và tôi xin bảo đảm với ngài là anh ta canh gác rất nghiêm mật. Từ khi tôi nhận anh ta vào giúp việc tôi đã ba tuần nay, tôi chỉ quở trách anh ta có một điều là quá khắt khe với tù nhân.

-Thế con chó ngao đó là ai? – Giáo chủ hỏi.

-Một ông Grimaud nào đó, thưa Đức ông.

-Trước khi đến Vincennes giúp việc anh, hắn ta làm gì?

Theo lời người giới thiệu hắn ta với tôi thì hắn ở tỉnh lẻ, do tính bướng bỉnh hắn đã làm một việc bậy bạ gì đó, và tôi nghĩ rằng hắn sẽ chẳng bất bình khi được thoát tội dưới bộ quân phục của nhà vua.

-Thế ai đã giới thiệu hắn ta với ông?

-Viên quản lý của ông quận công de Grammont.

-Theo ý ông thì có thể tin cậy vào đó chứ?

-Như tin vào chính tôi, thưa Đức ông.

-Hắn ta có phải là người ba hoa không?

-Giêsu, lạy Chúa tôi! Thưa Đức ông, một thời gian dài tôi cứ tưởng hắn câm cơ đấy? Hắn chỉ nói và đáp bằng các dấu hiệu, hình như người chủ cũ của hắn đã dạy hắn như vậy.

-Vậy thì, ông Ramée thân mến ơi, – giáo chủ nói, – Ông hãy bảo hắn ta rằng nếu hắn canh phòng cẩn thận và nghiêm ngặt, người ta sẽ nhắm mắt làm ngơ cho những việc hắn lẩn trốn ở tỉnh, người ta sẽ khoác lên người hắn một bộ quân phục khiến hắn sẽ được kính nể, và trong bộ quân phục ấy sẽ có dăm đồng pistoles để uống rượu chúc mừng sức khỏe nhà vua đấy.

Mazarin rất rộng rãi về những lời hứa hẹn, thật trái hẳn với bác Grimaud thật thà mà Ramée tán dương, bác ta nói it mà làm nhiều.

Tể tướng còn đặt ra với La Ramée một lô câu hỏi nữa về người tù, về cách cho từ nhân ăn uống, ở và ngủ.

Những câu trả lời của viên sĩ quan đáng hài lòng đến mức tể tướng hầu như yên tâm và cho hắn lui.

Lúc ấy cũng đã chín giờ sáng rồi, cho nên ông ta dậy hẳn, xức hương thơm, vận quần áo và đi sang chỗ hoàng hậu để nói rõ những duyên cớ gì đã giữ ông ở lại phòng mình tối hôm qua. Hoàng hậu sợ ông de Beaufort chẳng kém gì tể tướng sợ ông ta, và hầu như cũng mê tín như tể tướng, bà bắt ông nhắc lại từng câu từng chữ tất cả những lời hứa hẹn cam đoan của Ramée và tất cả những lời viên cảnh sát tán dương người giúp việc của mình. Rồi khi tể tướng đã nói xong, bà thầm thì với ông: -Than ôi! Tiếc rằng chúng ta chẳng có một Grimaud ở bên cạnh mỗi hoàng thân!

-Hãy kiên nhẫn, – Mazarin nói với nụ cười theo đúng kiểu người Ý của mình, – việc ấy sẽ đến trong một ngày nào đó, nhưng trong khi chờ đợi…

-Thì sao? Trong khi chờ đợi.

-Tôi vẫn có những biện pháp đề phòng.

Sau đó ông đã viết thư gọi d'Artagnan trở về gấp.

§19. Ở tháp lâu đài Vincennes ông quận công de Beaufort giải trí như thế nào?

Người tù khiến ngài tể tướng khiếp đảm đến thế và những cách vượt ngục của ông khiến cả triều đình mất ăn mất – ngủ chẳng hồ nghi gì mấy về tất cả nỗi hãi hùng ấy do chính ông gây nên trong Hoàng cung.

Thấy mình được canh gác một cách tuyệt vời như vậy, ông hiểu rằng những mưu toan của ông là vô ích. Tất cả sự trả thù của ông chỉ là văng ra vô vàn những lời chửi rủa nhiếc móc lão Mazarin. Ông đã thử làm mấy ca khúc, nhưng rồi lại thôi ngay. Thực ra, ông de Beaufort không những không được trời phú cho cái tài làm thơ mà ngay biểu hiện bằng văn xuôi thôi ông cũng chật vật nhất trần đời. Cho nên Blot, người đặt các bài hát đương thời, đã nói về ông ta:

"Nơi trận mạc, người người kiêng sợ
Ông tung hoành, hò hét sấm vang
Nhưng buồn thay khi cần biện luận
Ông đúng ngây như chiếc cán tàn.
Gaxtông kia chẳng hề lúng túng
Mỗi khi ra diễn thuyết đăng đàn
Hỡi Beaufort sao không có lưỡi
Còn Gascogne chẳng thấy tay dang?"

Như vậy, ai cũng hiểu rằng người tù chỉ còn xoáy vào với những lời chửi rủa nhiếc móc.

Quận công de Beaufort là cháu ruột của vua Henri IV và bà Gabrielle d' Estrées, cũng tốt bụng, cũng dũng cảm, cũng kiêu hãnh và nhất là cũng mang tính Gascon như ông nội, nhưng lại ít chữ nghĩa hơn rất nhiều. Sau khi vua Louis XIII chết, có một thời gian ông được coi là sủng thần, là người tin cẩn, đệ nhất triều thần cơ đấy, nhưng rồi đến một hôm ông phải nhường chỗ cho Mazarin và xuống hàng thứ hai; hôm sau nữa, do ông nóng đầu lên phẫn nộ về sự thay bậc đổi ngôi ấy và dại dột nói ra mồm, hoàng hậu đã cho bắt và đưa ông đến lâu đài Vincennes, vẫn do bàn tay Gitaut mà chúng ta đã thấy xuất hiện ở phần đầu câu chuyện và sẽ còn có dịp gặp lại. Dĩ nhiên, nói hoàng hậu là nói Mazarin. Không những người ta gạt bỏ được con người ông và những kỳ vọng của ông, mà người ta không bàn bạc đến ông nữa, và từ năm năm nay ông ở một gian phòng hiểm yếu chẳng vương giả cho lắm trong cái tháp lâu đài Vincennes.

Khoảng thời gian ấy ắt đã làm chín mùi những ý nghĩ của bất kỳ ai khác, nhưng đã trôi qua trong đầu óc của ông de Beaufort mà không tạo nên một sự đổi thay nào cả. Thật vậy, một người khác có lẽ suy nghĩ rằng nếu ông ta đã không chấp nhận chống lại tể tướng, khinh thường các hoàng thân, và đi một mình, như

giáo chủ De Retz nói, không có tùy tùng nào khác ngoài mấy kẻ đa sầu luôn có vẻ người mộng tưởng, thì từ năm năm nay, ông ta có lẽ đã được tự do hoặc có những người bảo vệ. Nhưng suy xét ấy chắc hẳn cũng không hiện ra trong tâm trí ông quận công mà việc giam giữ lâu dài trái lại chỉ càng củng cố thêm trong ông tinh thần loạn nghịch và hàng ngày ông tể tướng nhận những tin tức về ông không còn gì khó chịu hơn.

Sau khi thất bại về thi ca, ông de Beaufort thử về hoạ. Ông dùng than vẽ những nét đặc điểm của giáo chủ; nhưng vì tài năng khá tồi về môn nghệ thuật này không cho phép đạt tới sự giống hệt để người ta khỏi phải hoài nghi về nguyên bản của bức chân dung, ông đề xuống dưới: "Ritratto delL'illustrissimo facchino Mazarini". Ông De Chavigny được báo trước đã đến thăm quận công và yêu cầu ông tìm trò giải trí khác, hoặc ít ra thì vẽ những chân dung không đề chú thích. Ngày hôm sau trong phòng đầy những chú thích và chân dung.

Kể ra ông de Beaufort cũng như mọi tù nhân rất giống trẻ con ở chỗ cái gì người ta càng ngăn cấm thì càng như xúi giục.

Ông De Chavigny được báo về sự gia tăng các bức vẽ trông nghiêng. Ông de Beaufort không tự tin lắm để vẽ cái đầu nhìn thẳng trước mặt, đã biến căn phòng mình thành một gian triển lãm thật sự.

Lần này viên giám ngục chẳng nói chẳng rằng; nhưng một hôm thừa lúc ông de Beaufort đi chơi ném cầu, hắn cho xoá sạch các bức vẽ và sơn lại căn phòng bằng thuốc màu trơn.

Ông de Beaufort cảm ơn De Chavigny đã có lòng tốt sơn lại các bức vách cho ông; và lần này ông chia gian phòng thành nhiều ngăn và mỗi ngăn dành cho một nét trong cuộc đời của Mazarin.

Ngăn thứ nhất để vẽ nhà đê tiện đại danh Mazarin đang nhận một trận roi đòn của giáo chủ Bentivoglio mà Mazarin là đày tớ.

Ngăn thứ hai, nhà đê tiện đại danh Mazarin đang sắm vai d' Ignace de Loyola trong vở bi kịch cùng tên.

Ngăn thứ ba, nhà đê tiện đại danh Mazarin đang ăn cắp chức tể tướng của ông De Chavigny mà ông này tưởng đã nắm chắc trong tay.

Cuối cùng ở ngăn thứ tư, nhà đê tiện đại danh Mazarin từ chối cấp khăn trải giường cho Laporte hầu phòng của vua Louis XIV và nói rằng đối với một ông vua nước Pháp ba tháng thay khăn trải giường một lần là đủ lắm rồi.

Đó là những dàn dựng lớn chắc chắn vượt quả tài năng của người tù cho nên ông ta đành chỉ vẽ các khung và viết các dòng chữ.

Nhưng các khung và các dòng chữ đủ khiến ông De Chavigny nổi cáu, ông báo trước cho ông de Beaufort là nếu không từ bỏ những bức tranh dự định, thì ông sẽ tước hết mọi phương tiện thực hiện. Ông de Beaufort đáp lại rằng vì người ta tước của ông cái cơ hội nổi danh trong binh nghiệp, ông phải tìm kiếm

nó trong hội hoạ và đã không thể là một Bayard hoặc một Trivulce[204], ông muốn trở thanh một Michel – Ange hoặc một Rahaoul.[205]

Một hôm ông de Beaufort ra sân dạo chơi thì ở phòng người ta lấy hết lửa của ông, cùng đi với lửa là than cùng với than là tro, thành thử khi trở về ông không tìm được một mẩu vụn nào để làm bút vẽ cả.

Ông de Beaufort chửi rủa, la hét om sòm và nói rằng người ta muốn làm ông chết vì rét, vì nước và ẩm thấp, như Puylaurens, thống chế Ornano và ông trụ trì tăng viện Vendôme đã chết. De Chavigny bảo rằng ông chỉ cần hứa từ bỏ vẽ hoặc hứa là không vẽ những bức tranh lịch sử là người ta sẽ cấp củi và các thứ để nhóm lửa cho ông. Ông de Beaufort không muốn hứa và đành phải chịu không có lửa sưởi suốt cả mùa đông.

Đã thế, trong một buổi người tù đi ra ngoài, người ta cạo hết các dòng chữ, và căn phòng trắng trần trụi không còn một vết tích gì của bức hoạ vẽ trên tường.

Ông de Beaufort bèn mua lại của một tên gác ngục một con chó tên là Pistache, chẳng có gì để phản đối những tù nhân có chó, ông De Chavigny cho phép con vật bốn chân thay đổi chủ. Có khi hàng mấy giờ đồng hồ liền, ông de Beaufort ở lì trong phòng với con chó.

Người ta ngờ rằng trong những lúc ấy người tù bận vào việc huấn luyện con chó, nhưng không rõ ông ta dạy nó làm gì. Một hôm xem chừng con chó đã được huấn luyện đầy đủ, ông de Beaufort mời De Chavigny và các sĩ quan ở Vincennes đến dự một buổi đại công diễn ở phòng mình. Các tân khách đến, gian phòng được chiếu sáng với tất cả số nến mà ông kiếm được. Các tiết mục bắt đầu.

Người tù bóc một mảnh thạch cao ở tường và vạch ở giữa phòng một đường thẳng dài màu trắng coi như một sợi căng. Nghe mệnh lệnh đầu tiên của chủ, Pistache đi đến vạch phấn, đứng thẳng trên hai chân sau và hai chân trước cầm một cái que phủi quần áo, nó bắt đầu đi theo vạch phấn với tất cả những điệu uốn éo mà một người đi trên dây vẫn làm, rồi sau hai ba lần đi thẳng đi lui dọc theo vạch phấn, nó trả cái que cho ông de Beaufort và lại bắt đầu biểu diễn đi trên dây mà không có gậy thăng bằng.

Con vật thông minh được hoan hô nhiệt liệt.

Cuộc biểu diễn được chia làm ba phần: phần thứ nhất xong, chuyển sang phần thứ hai.

Trước hết là nói xem mấy giờ.

Ông Chavigny, hãy giơ đồng hồ ra cho Pistache coi. Bây giờ là sáu giờ rưỡi.

Pistache giơ một chân lên và hạ xuống sáu lần và đến lần thứ bảy thì nó giơ chân lên mà không hạ xuống. Không có thể rõ ràng hơn nữa, một cái đồng hồ bóng mặt trời cũng không thể trả lời tốt hơn; ai nấy đều biết rằng đồng hồ bóng mặt trời có nhược điểm là chỉ bảo giờ được khi mặt trời chiếu sáng.

Tiếp đến là nhận xét trước tất cả mọi người xem ai là kẻ gác ngục cừ nhất trong tất cả các nhà tù ở nước Pháp.

Con chó đi vòng quanh cử toạ ba lượt rồi đến nằm phủ phục một cách cung kính nhất trần đời dưới chân ông De Chavigny.

De Chavigny làm ra vẻ thấy cái trò này hay hay và cười gượng; nhưng cười xong thì ông cắn môi và bắt đầu cau mày.

Cuối cùng ông de Beaufort đặt ra cho Pistache một câu hỏi thật khó mà giải đáp, tức là: Tên kẻ cắp khét tiếng nhất thiên hạ là ai?

Lần này Pistache đi quanh phòng nhưng không dừng lại trước người nào cả và tiến ra phía cửa nó cào cào vào cánh cửa và rên ăng ẳng.

-Các ngài hãy xem, – hoàng thân nói, – con vật thông minh này không tìm thấy ở đây cái mà tôi hỏi, nó muốn đi tìm kiếm ở bên ngoài. Nhưng xin các ngài yên tâm, không vì thế mà không có câu trả, lời cho các ngài đâu. Pistache, – hoàng thân tiếp tục, – anh bạn thân mến của tôi, lại đây? – Con chó vâng lời, hoàng thân lại tiếp – Tên kẻ cắp khét tiếng nhất thiên hạ, có phải là viên bí thư của nhà vua Le Camus không, cái người khi đến Paris chỉ có hai mươi livres mà bây giờ có mười triệu đấy?

Con chó lắc đầu ra hiệu không phải.

Hoàng thân lại nói tiếp: -Có phải ông Tổng giám thu d' Emery không, cái người đã cưới vợ cho con trai là Thoré và cho hắn ta ba trăm nghìn livres niên thu và một dinh cơ mà so với nó thì lâu đài Tuileries chỉ là căn nhà nát và cung Louvre là một túp lều tơi tã ấy?

Con chó vẫn lắc đầu.

-Cũng vẫn không phải hắn à? – Hoàng thân nói, – Nào hãy tìm cho kỹ: phải chăng nhỡ may ra là nhà đê tiện đại danh Madarini di Pitxini?

Con chó gật đầu lia lịa đến chín mười lần ra hiệu là phải.

Cử toạ này cũng không dám cười gượng.

Ông de Beaufort nói: -Thưa các ngài, các ngài thấy đấy, nhà đê tiện đại danh Madarini di Pitxini là kẻ đại bợm khét tiếng nhất thiên hạ; chính con Pistache nói, ít ra là như vậy.

Sang một trò khác. Lợi dụng lúc đang im phăng phắc, quận công de Beaufort giới thiệu chương trình phần thứ ba của buổi biểu diễn: -Thưa các ngài, tất cả các ngài đều nhớ rõ là ông quận công De Guise đã dạy cho tất cả các con chó ở Paris biết nhảy mừng cô de Pông mà ông đã công bố là mỹ nhân của các mỹ nhân? Ô! Thưa các ngài, thế thì có nghĩa lý gì, vì những con vật ấy tuân theo một cách máy móc, không còn biết phân liệt (ông de Beaufort muốn nói phân biệt) giữa những người mà chúng phải nhảy mừng với những người mà chúng không được làm như vậy. Pistache sẽ chứng minh cho các ngài cũng như cho các ngài giám ngục

rằng nó vượt hơn các đồng chủng của nó. Xin ông De Chavigny làm ơn cho mượn cây gậy của ông.

De Chavigny đưa cây gậy cho ông de Beaufort.

De Beaufort để cây gậy nằm ngang cách mặt đất một bộ, rồi báo: -Pistache, anh bạn của tôi, để tôi được vui lòng, hãy nhảy mừng bà de Montbazon đi.

Mọi người cười ồ: ai cũng biết khi de Beaufort bị bắt, ông ta đang là tình nhân công khai của bà de Montbazon.

Pistache mừng rỡ nhảy qua gậy chẳng khó khăn gì.

-Nhưng này – Ông De Chavigny nói – hình như Pistache cũng làm đúng như những con đồng chủng của nó khi nhảy mừng cô de Pons.

-Chờ tí, – hoàng thân nói, – Pistache, anh bạn của tôi, nhảy mừng hoàng hậu đi.

Và ông nhấc gậy cao thêm sáu tấc.

Con chó cung kính nhảy qua cây gậy.

Ông quận công lại nâng cao cây gậy thêm sáu tấc nữa và bảo: -Pistache, anh bạn của tôi, hãy nhảy mừng đức vua đi.

Mặc dầu cây gậy khá cao, con chó lấy đà và nhảy qua một cách nhẹ nhàng.

Lần này ông quận công hạ cây gậy xuống gần sát đất và bảo: -Bây giờ chú ý, Pistache, anh bạn của tôi, nhảy mừng nhà đê tiện đại danh Mazarini di Piscina. xem nào.

Con chó quay đít lại phía cây gậy.

-Ô hay? Thế là thế nào? – Ông de Beaufort vừa nói vừa vẽ một vòng cung từ đuôi đến đầu con vật, và lại giơ cây gậy ra, bảo – nhảy đi nào, ông Pistache.

Nhưng cũng như lần trước, Pistache quay nửa vòng và chổng đít lại phía cây gậy.

Ông de Beaufort làm động tác và nhắc lại câu nói ấy, nhưng lần này Pistache không chịu nổi nữa; nó giận dữ nhảy xổ vào cây gậy, giằng ra khỏi tay hoàng thân và lấy răng cắn gẫy.

Ông de Beaufort cầm lấy hai đoạn gẫy từ mõm con chó, và với vẻ thật trang nghiêm ông vừa trả lại De Chavigny vừa hết lời xin lỗi và tuyên bố rằng ba tháng nữa sẽ công diễn một buổi khác, Pistache chắc hẳn sẽ học được nhiều trò mới.

Ba ngày sau, con Pistache bị đầu độc chết.

Người ta tìm kiếm thủ phạm, nhưng chả ai biết rằng thủ phạm sẽ chẳng tìm ra. Ông de Beaufort cho đắp một cái mộ với tấm bia đề: "Nơi yên nghỉ Pistache, một trong những con chó thông minh nhất chưa từng có bao giờ!"

Chẳng nói gì được về lời bàn tán ấy và ông De Chavigny không thể ngăn cản.

Nhưng ông quận công bèn nói bô bô rằng người ta đã thử một liều thuốc độc cho con chó của ông trước khi dùng cho ông. Rồi một hôm sau bữa ăn trưa, ông lăn ra giường kêu đau bụng và bảo chính là Mazarin đã cho đầu độc ông.

Trò tinh nghịch mới mẻ này đến tai ông tể tướng làm ông sợ hết hồn. Cái tháp lâu đài Vincennes có tiếng là độc địa. Trong căn phòng mà ông Puylaurens, thống chế Ornano và vị phó trụ trì tăng viện Vendôme bị chết, bà De Rambouillet đã từng nói căn phòng này đáng giá một liều thạch tín mạnh và câu nói ấy đã rất thiêng. Thế là ông giáo chủ ra lệnh rằng người tù không được ăn gì hết nếu người ta không thử trước rượu và thịt.

Thế là viên cảnh sát La Ramée được cắt đặt làm người nếm thức ăn bên cạnh người tù.

Trong khi đó De Chavigny vẫn không tha thứ cho ông quận công về những trò xấc xược mà vì đó con chó Pistache vô tội của ông đã được đền tội, Chavigny là một thủ hạ của ông giáo chủ đã qua đời, thậm chí người ta còn đồn đại là con đẻ của ông ta nữa, như vậy ắt hắn hắn phải bộc lộ ra phần nào tính bạo hành: hắn bắt đầu gây sự lại với ông de Beaufort, hắn lấy đi tất cả những dao sắt và đĩa bạc mà người ta để cho ông ta dùng và thay bằng các dao bạc và đĩa gỗ. Ông de Beaufort khiếu nại, Chavigny sai người trả lời ông rằng hắn vừa mới nghe tin ông tể tướng nói với bà De Vendôme rằng con trai bà sẽ ở trong tháp của lâu đài Vincennes suốt đời, ông sợ rằng nghe cái tin thảm khốc đó người tù của ông có thể đi đến mưu toan tự tử. Mười lăm hôm sau, ông de Beaufort trông thấy hai hàng cây nho bằng ngón tay út trồng ở hai bên con đường dẫn đến sân chơi cầu ông hỏi trồng để làm gì thì được trả lời là để sau này cho ông hưởng bóng mát.

Cuối cùng một buổi sáng người làm vườn đến tìm ông, và chẳng có vẻ đùa tí nào, báo cho ông biết là người ta định trồng cho ông măng tây. Ai cũng biết những cây măng tây bây giờ trồng phải mất bốn năm nhưng thời ấy, kỹ thuật làm vườn còn kém, trồng phải mất năm năm. Phép lịch sự ấy khiến ông de Beaufort tức điên lên.

De Beaufort nghĩ đã đến một trong bốn mươi kế sách của ông, và thoạt đầu ông thử cái đơn giản nhất là hối lộ La Ramée; nhưng La Ramée đã phải mua cái chức phó quan cảnh sát mất một nghìn năm trăm êquy hắn bám chặc lấy chức vụ ấy. Cho nên đáng lẽ nghe theo người tù, hắn tức tốc bảo ngay cho De Chavigny, lập tức De Chavigny cắt tám người ngay trong phòng ông hoàng thân tăng gấp đôi số lính canh và tăng gấp ba số vọng gác. Tù hôm ấy ông hoàng chỉ còn được đi lại như những ông vua trên sân khấu với bốn lính đằng trước, bốn lính đằng sau, không kể những tên đi áp giải.

Ông de Beaufort lúc đầu giễu cợt cái việc nghiêm cẩn ấy nó trở thành một trò giải trí của ông. Luôn mồm ông nhắc đi nhắc lại: "cái này mua vui cho tôi, cái này giải vây cho tôi"! (ý ông muốn nói: cái này giải khuây cho tôi, nhưng ai cũng biết rằng ông thường không nói ra được những điều ông muốn nói). Rồi ông tiếp: "Với lại, khi nào tôi muốn thoát khỏi những điều vinh dự mà các ông dành cho tôi, tôi vẫn còn ba mươi chín kế khác nữa".

Nhưng cái trò giải trí ấy cuối cùng trở thành một mối bực bội.

Do huênh hoang ông de Beaufort chịu đựng tốt được sáu tháng: nhưng qua sáu tháng ròng quay đi quay lại lúc nào cũng thấy tám người, khi mình ngồi xuống, họ cũng ngồi xuống, mình đứng lên họ cũng đứng lên theo, mình dừng lại họ cùng dừng lại, thì ông bắt đầu cau mày và đếm ngày tháng.

Hình phạt mới này dẫn đến sự thâm thù gay gắt đối với lão Mazarin. Ông hoàng thân không ngớt mồm chửi rủa từ sáng đến tối và chỉ nói đến món tai Mazarin ninh nhừ, nghe mà rùng mình.

Quan tể tướng biết tường tận mọi chuyện diễn ra ở Vincennes, nhưng đành tảng lờ, lấy mũ nỉ che tai.

Một hôm, ông de Beaufort tập hợp bọn lính canh lại, và mặc dầu cái tật diễn đạt khó khăn của mình đã trở thành truyền thuyết, ông đọc một bài diễn văn đã được chuẩn bị trước, thực vậy, ông nói: -Hỡi các ông, lẽ nào các ông cam lòng nhìn một người cháu nội của đức minh quân Henri IV bị người ta trút lên đầu những lăng mạ và kỷ nhục (ý ông đình nói sỉ nhục)? Mẹ kiếp chứ! Như ông nội tôi thường nói, hầu như tôi đã trị vì ở Paris, các ông biết chứ. Trong suốt một ngày tôi trông coi vua và Hoàng đệ. Hoàng hậu lúc ấy mơn trớn tôi và gọi tôi là con người trung thực nhất vương quốc: tôi sẽ đi đến cung Louvre, tôi sẽ vặn cổ lão Mazarin, các vị sẽ là người hộ vệ của tôi, tôi sẽ phong tất cả các vị là sĩ quan và cấp bổng lộc khá. Mẹ kiếp chứ! Đi đằng trước, bước.

Nhưng dù có thống thiết đến mấy, bài diễn thuyết của cháu nội vua Henri IV chẳng hề làm xúc động những quả tim bằng đá; không một tên nào nhúc nhích. Thấy thế, ông de Beaufort bảo chúng là đồ đê tiện và coi chúng là những kẻ thù tàn ác.

Hằng tuần De Chavigny đến thăm quận công vài ba lần; đôi khi ông quận công lợi dụng lúc ấy để dọa dẫm.

-Này ông, – quận công nói, – nếu như một ngày kia, ông trông thấy một đội quân người Paris mình đầy giáp sắt và tua tủa súng ống đến để giải thoát cho tôi thì ông sẽ làm gì?

-Thưa Đức ông, – Chavigny vừa đáp vừa củi rạp mình chào ông hoàng, – tôi có hai chục khẩu đại bác đặt trên các thành lũy và ba mươi ngàn quả đạn đặt trong các hầm hào; tôi sẽ bắn phá họ ra trò.

-Phải, nhưng mà khi ông bắn được ba chục ngàn phát, thì họ đã chiếm được cái tháp lâu đài, và tháp bị chiếm, tôi buộc lòng phải để mặc họ treo cổ ông, và hẳn là tôi rất lấy làm phiền lòng.

Và đến lượt mình, hoàng thân chào De Chavigny một cách lịch sự nhất.

-Nhưng thưa Đức ông, – Chavigny lại nói, – về phía tôi tôi thấy tên phản loạn đầu tiên nào bước qua ngưỡng cửa đường hào hoặc đặt chân lên tường thành, tôi

rất tiếc là buộc lòng phải tự tay giết ngài, vì tôi được giao trách nhiệm đặc biệt trông coi ngài và phải nộp ngài hoặc sống hoặc chết.

Và hắn lại cung kính: -Chào Điện hạ.

-Phải – quận công nói tiếp, – nhưng vì chắc chắn rằng những con người trung hậu ấy chỉ đến đây sau khi đã treo cổ Giulio Mazarin thì hẳn là ông sẽ chẳng đụng đến tôi và để cho tôi sống vì sợ rằng dân thành Paris sẽ cho bốn con ngựa xé xác ông ra, như thế còn khó chịu gấp trăm lần ông bị treo cổ ấy chứ, có phải không?

Những câu chuyện bông đùa xỏ ngọt ấy thường kéo dài mươi mười lăm phút, hai mươi phút là cùng, nhưng bao giờ cũng kết thúc thế này.

De Chavigny quay ra phía cửa và gọi: -Ơ này! La Ramée đâu?

La Ramée vào và Chavigny bảo: -La Ramée, tôi đặc biệt dặn ông về ông de Beaufort: hãy đối xử đối với ông ấy bằng mọi cung cách xứng đáng với tên tuổi và địa vị của ông ấy, nhưng không vì thế mà được rời mắt khỏi ông ta một chút nào.

Rồi hắn nói vừa rút lui vừa chào ông de Beaufort bằng một vẻ lễ phép giễu cợt khiến ông bầm gan tím ruột.

Vậy là La Ramée trở thành người cùng mâm bắt buộc, người hộ vệ vĩnh cửu của hoàng thân cái bóng của thân thể ông. Nhưng phải nói rằng La Ramée là một người sống vui nhộn, một thực khách thật thà, một cây rượu nổi tiếng, một tay cầu thủ giỏi, thâm tâm cũng tốt thôi, và đối với ông de Beaufort chỉ có mỗi một khuyết điểm là không thể mua chuộc được, thì bầu bạn với hắn trở thành một nỗi tiêu khiển hơn là một sự mệt mỏi đối với hoàng thân.

Khốn nỗi đối với thày đội La Ramée lại không như vậy. Mặc dù được nhốt cùng với tù nhân tối quan trọng đến thế, thày cũng coi là một niềm vinh dự nào đó, nhưng nỗi vui thú được sống trong cảnh thân thuộc với cháu nội Henri IV đại đế chẳng bù lại nổi thú vui giá như thỉnh thoảng thày được về thăm gia đình mình.

Người ta có thể vừa là phó cảnh sát xuất sắc của nhà vua, vừa là cha hiền chồng thảo. Song thày La Ramée yêu quí vợ và con cái mà thày chỉ được nhác trông từ trên tường lũy cao ngất, mỗi khi vợ con thày đến và đi dạo ở bên kia các bờ hào để tạo cho thày niềm an ủi phu thê và phụ tử tình thân. Rõ ràng là quá ít ỏi đối với thày và La Ramée cảm thấy rằng cái nết vui tính của mình mà trước kia thày coi như nguyên nhân của sức khỏe tốt mà không tính đến trái lại nó có thể chỉ là kết quả nó sẽ không bền vững dưới một chế độ như thế này đâu. Niềm tin ấy chỉ càng lớn lên trong tâm trí La Ramée khi mà dần dần, môi quan hệ giữa ông de Beaufort và De Chavigny ngày càng trở nên gay gắt và họ chấm dứt hẳn việc gặp gỡ nhau. La Ramée liền cảm thấy trách nhiệm đè nặng lên đầu lên cổ mình và đích thực vì những nguyên do mà chúng tôi vừa mới giải thích, La

Ramée tìm cách làm nhẹ gánh và hắn sốt sắng chấp nhận điều đề nghị của bạn thân làm quản lý cho thống chế de là kiếm cho hắn ta một thủ hạ.

Hắn lập tức trình với De Chavigny, viên giám mục trả lời là chẳng hề phản dối, miễn là cái tên thủ hạ ấy vừa ý ông ta.

Chúng tôi coi là hoàn toàn vô ích việc mô tả bức chân dung thể xác và tinh thần của Grimaud cho các bạn độc giả. Chúng tôi hy vọng nếu như các bạn không quên tập đầu của bộ truyện này, ở anh ta chẳng có sự thay đổi nào ngoài việc tăng thêm hai mươi tuổi, việc ấy chỉ khiến anh ta càng thêm lầm lì và im lặng mà thôi, dù rằng Arthos từ khi bản thân mình có sự thay đổi đã cho phép Grimaud hoàn toàn tự do nói năng.

Nhưng hồi ấy đã có đến mười hai hay mười lăm năm Grimaud câm lặng, và một thói quen lâu đến mười hai hay mười lăm năm thì trở thành một bản năng thứ hai.

§20. Grimaud vào cuộc

Với vẻ ngoài thuận lợi của mình, Grimaud đến trình diện ở cây tháp lâu đài Vincennes. De Chavigny tự phụ có con mắt không bao giờ lầm lẫn; điều ấy có thể khiến người ta tin rằng ông ta đích thực là con đẻ của giáo chủ de Richelieu mà lòng tự phụ cũng là muôn thuở. Ông ta chăm chú ngắm kẻ đến xin việc và suy đoán rằng lông mày sít vào nhau, môi mông dính, mũi khoằm và lưỡng quyền cao gồ của Grimaud là những đặc trưng hoàn hảo. Ông ta chỉ hỏi mười hai câu. Grimaud đáp lại có bốn. Ông liền bảo: -Đây là một tay xuất sắc, tôi đã nhận xét trước như thế mà. Anh hãy đến nói với ông La Ramée chấp nhận và bảo ông ấy rằng anh vừa ý tôi về mọi điểm.

Grimaud quay gót và sang dự cuộc kiểm tra khe khắt hơn của La Ramée. Điều khiến La Ramée khó khăn hơn, chính là vì De Chavigny biết là có thể dựa vào hắn ta và hắn ta thì muốn có thể dựa vào Grimaud.

Grimaud có đúng những phẩm chất có thể làm xiêu lòng một viên sĩ quan cảnh sát đang mong muốn có một người phụ cảnh sát; cho nên sau một nghìn câu hỏi mà mỗi câu chỉ được đáp lại bằng có một phần tư câu. La Ramée mê mẩn về cái tính hà tiện lời ấy, bèn xoa xoa hai bàn tay và tuyển dụng Grimaud luôn.

-Mệnh lệnh? – Grimaud hỏi.

-Đây. Không bao giờ để tù nhân một mình, tước của hắn mọi đồ dùng nhọn sắc, không cho hắn làm hiệu với những người ở ngoài hoặc chuyện trò quá lâu với bọn lính canh.

-Hết à? – Grimaud hỏi.

-Hết với lúc này thôi. – La Ramée đáp. – Nếu có những hoàn cảnh mới thì sẽ có những mệnh lệnh mới.

-Được – Grimaud đáp.

Và hắn đi vào phòng quận công de Beaufort.

Ông quận công đang chải râu, ông để cả râu tóc mọc dài cốt để chơi khăm Mazarin bằng cách phơi bày sự khổ cực và phô ra vẻ mặt ốm o của mình.

Nhưng vừa mới mấy hôm trước đây, đứng trên tháp cao ông ngỡ như nhận ra ở trong một cỗ xe bóng bà De Montbazon kiều diễm mà kỷ niệm bao giờ cũng thân thương với ông, thì ông lại không muốn mình xuất hiện với bà cũng giống như Mazarin; cho nên trong niềm hy vọng gặp lại bà, ông đã hỏi mượn một cái lược bằng chì và được đồng ý.

Ông de Beaufort hỏi mượn lược bằng chì, vì giống như mọi người có tóc hoe vàng, ông có bộ râu hung đó; chải lược bằng chì râu sẽ đen lại.

Grimaud bước vào vừa nhìn thấy cái lược ông hoàng vừa đặt trên bàn, hắn cầm lấy chiếc lược và vái chào.

Quận công kinh ngạc nhìn nhân vật kỳ dị ấy.

Nhân vật đó bỏ lược vào túi.

-Ơ này? Thế là thế nào? – Quận công kêu lên – Cái thằng bố láo này là ai vậy?

Grimaud, chẳng nói chẳng rằng, nhưng lại cúi chào lần thứ hai.

-Mày câm à? – Quận công hỏi.

Grimaud ra hiệu là không.

-Thế mày là gì nào. Trả lời đi, tao ra lệnh cho mày đấy.

-Lính canh, – Grimaud đáp.

-Lính canh? – Quận công nói. – Được, bộ sưu tập của ta chỉ thiếu có bộ mặt đáng treo cổ này. Ơ! La Ramée, có một kẻ nào đây này!

La Ramée nghe gọi chạy đến. Không may cho hoàng thân – La Ramée tin cậy ở Grimaud, sắp đi Paris, ông ta đã ra đến sân, lại quay trở lên bực dọc và hỏi: -Gì thế, hoàng thân?

-Tên kẻ cắp này là thế nào, nó lấy cái lược của tôi và bỏ vào trong túi – Ông de Beaufort hỏi.

-Đó là một tên lính gác của Đức ông. Một anh chàng đầy uy tín mà tôi chắc rằng ngài cũng sẽ coi trọng như ông De Chavigny và tôi.

-Tại sao nó lại lấy cái lược của tôi?

-Quả vậy, – La Ramée nói, – tại sao anh lại lấy cái lược của Đức ông?

Grimaud rút lược ở túi ra, đưa mấy ngón tay lên và vừa nhìn vừa trỏ cái răng lược to, hắn chỉ thốt ra có mỗi một tiếng: -Nhọn.

-Đúng thế, – La Ramée nói.

-Cái tên súc sinh ấy bảo gì? – Quận công hỏi.

-Nó bảo rằng mọi đồ dùng nhọn đều cấm Đức ông dùng.

-Thế đấy? La Ramée này. Ông điên đấy à? Chính ông đưa cho tôi cái lược ấy cơ mà.

-Thưa Đức ông, tôi đã sai lầm, đưa cái lược cho ngài, tôi đã vi phạm chính mệnh lệnh của tôi.

Hoàng thân giận dữ nhìn Grimaud, hắn đã đưa chiếc lược cho La Ramée.

-Ta thấy trước rằng cái thằng vô lại này sẽ làm bực mình ghê gớm, – hoàng thân lẩm bẩm nói.

Thực vậy, trong ngục tù không có tình cảm trung gian. Vì vậy tất cả mọi thứ, người và vật, đều hoặc là bạn anh, hoặc là kẻ thù của anh, người ta yêu và ghét đôi khi do lý trí, nhưng thường thường do bản năng.

Do cái duyên do hết sức đơn giản là vừa thoạt nhìn, Grimaud đã vừa lòng De Chavigny và La Ramée, những đức tính của hắn trước mắt viên giám ngục và viên quan cảnh sát là ưu điểm thì trước mắt người tù là khuyết điểm, cho nên trước tiên hắn ắt không vừa lòng ông de Beaufort.

Tuy nhiên Grimaud không muốn thẳng thừng công kích người tù; hắn cần không phải một sự hiềm ghét tạm thời mà một sự hằn thù thật dai dẳng.

Cho nên hắn rút lui để nhường chỗ cho bốn tên vệ sĩ vừa mới ăn sáng xong tiếp tục công việc ở bên hoàng thân.

Về phía hoàng thân còn phải làm một trò bông đùa mới mà ông ta rất trông cậy vào nó: ông đã bảo mang đến những con tôm cho bữa ăn sáng hôm sau và mong dùng thì giờ ban ngày làm một cái giá treo cổ nhỏ xíu để treo cái con đẹp nhất ngay giữa phòng. Cái màu đỏ của tôm chín sẽ khiến người ta không còn phải nghi ngờ gì sự ám chỉ, và như vậy ông sẽ thích chí được treo cổ hồng y giáo chủ bằng tượng trưng trong khi chờ đợi lão ta bị treo cổ thật sự, mà chẳng ai có thể trách ông đã không treo vật khác ngoài con tôm.

Ngày hôm ấy dùng để chuẩn bị cho việc hành hình. Trong từ người ta trở thành trẻ con và ông de Beaufort có tính cách dễ thành trẻ con hơn bất kỳ ai. Ông đi dạo như thường lệ, ông bẻ vài ba cành cây để dùng vào trò chơi và sau khi tìm kiếm ông nhặt được một mảnh thủy tinh vỡ, việc đó có vẻ làm ông thích thú nhất. Về nhà ông tháo sợi vải ở khăn tay.

Không một chỉ tiết nào thoàt khỏi con mắt dò xét của Grimaud.

Buổi sáng hôm sau, cái giá treo cổ đã xong và để trông rõ nó, ở giữa gian phòng, ông de Beaufort dùng mảnh thủy tinh vỡ để vót nhọn một đầu cọc.

La Ramée xem ông làm với vẻ tò mò của một người cha đang nghĩ rằng có lẽ mình sắp phát hiện ra một đồ chơi mới cho lũ con, còn bốn tên vệ sĩ thì nhìn với cái vẻ vô công rồi nghề thời ấy cũng như bây giờ làm nên đặc điểm chủ yếu của bộ mặt người lính.

Lúc Grimaud vào, hoàng thân vừa mới đặt mảnh thủy tinh xuống mặc dù ông chưa vót xong cái chân cột; nhưng ông dừng lại để buộc sợi chỉ vào đầu cột.

Ông liếc nhìn Grimaud, mắt vẫn còn vương một chút bực bội từ chiều hôm trước, nhưng rất hi hả về kết quả tất yếu của sáng kiến mới của mình ông không còn chú ý đến chuyện khác.

Song, khi ông buộc xong một nút ở đầu dây này và một thòng lọng ở đầu dây kia, ông nhìn sang một đĩa tôm và đưa mắt chọn một con tôm bệ vệ nhất, và ông quay lại để tìm mảnh thủy tinh, thi mảnh thủy tinh đã biến mất.

-Ai lấy mảnh thủy tinh của tôi? – Ông hoàng cau mày hỏi.

Grimaud ra hiệu là hắn lấy.

-Sao? Lại là mày à? Sao mày lấy của tao?

-Ờ – La Ramée hỏi. – Sao ông lại lấy mảnh thủy tinh của Điện hạ?

-Sắc bén- Đúng thế, thưa Đức ông!

La Ramée nói: -Chà! thật ghê chưa. Chúng ta kiếm được một thằng cha quý hoá.

-Này ông Grimaud, – hoàng thân nói, – vì lợi ích của ông, tôi van ông đó, hãy cẩn thận chớ có bao giờ đứng ở trong tầm tay của tôi.

Grimaud cúi chào và đứng xa ra đầu phòng.

-Thôi, thôi, Đức ông, – La Ramée nói, – đưa tôi cái giá nhỏ của ông, tôi sẽ vót nhọn bằng con dao của tôi.

-Ông ấy à? – Quận công cười nói.

-Vâng, tôi; thế chẳng phải ngài cần việc ấy sao?

-Đúng vậy.

-Này, làm đi, – quận công nói tiếp, – thế thì càng ngộ. Cầm lấy, ông La Ramée thân mến.

La Ramée không hiểu tý gì về lời cảm thán của hoàng thân, ra sức vót lấy vót để cái chân cọc.

-Được rồi, – quận công nói, – bây giờ ông đào một lỗ nhỏ ở dưới đất kìa trong khi tôi đi kiếm kẻ chịu nạn.

La Ramée quỳ một chân xuống đào đất.

Trong lúc ấy, hoàng thân treo một con tôm vào sợi len. Rồi ông cắm cái giá ở giữa gian phòng và phá lên cười.

La Ramée cũng cười như nắc nẻ, chẳng hiểu mình cười vì cái gì.

Và bọn vệ sĩ cũng đồng thanh cười theo.

Riêng Grimaud không cười.

Hắn đến gần La Ramée và chỉ cho xem con tôm đang quay đi quay lại ở đầu dây, rồi nói: -Giáo chủ!

-Bị treo cổ bởi Điện hạ quận công de Beaufort và bởi thày Jacques Chrysostome La Ramée, phó quan cảnh sát của nhà vua. – Hoàng thân vừa nói vừa cười dữ dội hơn lúc nào hết.

La Ramée kêu lên một tiếng kinh hoàng và nhảy bổ vào cái giá treo cổ mà hắn ta nhổ lên, bẻ vụn ra từng mảnh và vứt qua cửa sổ, hắn toan làm thế với cả con tôm do hắn đang nổi khùng, thì Grimaud liền đỡ lấy luôn.

-Ăn ngon đấy – hắn nói và bỏ con tôm vào túi.

Lần này ông quận công thích thú vô cùng với trò chơi đó, nên ông cũng hầu như tha thứ cho Grimaud về cái vai hắn đóng. Nhưng trong ngày hôm ấy ông suy nghĩ về cái ý đồ của tên lính canh và kỳ thực ý đồ ấy có vẻ xấu xa, cho nên ông cảm thấy mối hằn thù của ông đối với hắn tăng lên rõ rệt.

Nhưng trước sự thất vọng lơn lao của La Ramée, câu chuyện con tôm vẫn có tiếng vang rộng rãi trong tháp đài và cả ra bên ngoài. De Chavigny trong thâm tâm ghét cay ghét đắng tể tướng, rắp lòng kể lại giai thoại ấy cho vài ba người bạn có thiện ý, họ đem loan truyền ngay tức khắc.

Ông de Beaufort được hai ba ngày khoan khoái.

Tuy nhiên, ông quận công chú ý thấy trong đoàn vệ sĩ có một người có vẻ mặt tử tế, và Grimaud càng làm ông bực bội bao nhiêu thì ông càng mơn trớn người kia bấy nhiêu. Nhân một buổi sáng ông đã gặp riêng được người ấy và đi tới chỗ nói chuyện nêng với hắn một lát, thì Grimaud bước vào, nhìn xem tình hình đã diễn ra, rồi cung kính đến gần tên vệ sĩ và hoàng thân, hắn nắm lấy cánh tay tên vệ sĩ.

-Ông muốn gì ở tôi? – Quận công hỏi một cách tàn nhẫn.

Grimaud dẫn tên vệ sĩ đi ra mấy bước và trở ra cửa mà bảo: -Đi ra.

Tên vệ sĩ tuân theo.

-Ôi! – Hoàng thân la lên – Ông thật là không chịu nổi, tôi sẽ trừng trị ông.

Grimaud chào cung kính.

-Này ông gián điệp; tôi sẽ dần gãy xương ông! – Hoàng thân giận dữ hét lên, Grimaud vừa chào vừa bước lùi.

-Ông gián điệp, – quận công nói tiếp – tôi sẽ tự tay bóp chết ông…

Grimaud vẫn vừa chào vừa lùi.

Ông quận công nghĩ thôi thì chấm dứt mọi chuyện ngay cho xong, nói tiếp: -Và như vậy không chậm quá một phút đâu.

Rồi ông giơ hai bàn tay co quắp về phía Grimaud, hắn ta đành đẩy tên vệ sĩ ra ngoài và đóng cửa lại sau mình.

Cùng lúc hắn cảm thấy hai bàn tay của hoàng thân hạ xuống hai vai hắn giống như hai gọng kìm bằng sắt; đáng lẽ kêu cứu hoặc tự vệ hắn chỉ từ từ đưa hai ngón tay chỉ trỏ lên ngang môi và vừa tô điểm gương mặt mình bằng một nụ cười duyên dáng nhất của mình, hắn vừa khe khẽ nói một tiếng: -Sụyt!

Ở Grimaud thì đó là một điều hiếm hoi hơn cả một cử chỉ, một nụ cười và một lời nói khiến Điện hạ dừng phắt ngay lại, kinh ngạc đến tột bực.

Lợi dụng lúc đó, Grimaud rút từ lớp áo lót một bức thư xinh xinh có giấy niêm phong quyền quý, mặc dầu để lâu trong áo Grimaud vẫn còn thoang thoảng mùi hương, và đưa cho ông quận công mà không nói một lời.

Quận công mỗi lúc một ngạc nhiên hơn, buông Grimaud ra, cầm lấy bức thư và nhận ra nét chữ, ông kêu kêu: -Của bà de Montbazon à?

Grimaud gật đâu.

Quận công vội xé phong bì, đưa tay lên mắt, ông bị chói ngợp biết chừng nào, và đọc những dòng sau đây:

"Ông quận công thân mến, ông có thể hoàn toàn tin cậy ở cái anh chàng trung thực sẽ đưa lại ông bức thư này, bởi vì đó là một người hầu của một vị quý tộc thuộc phe chúng ta. Ông ấy đã bảo đảm về hắn do đã được thử thách hai mươi năm trung thành. Hắn đã bằng lòng vào giúp việc viên quan cảnh sát của ông và cùng nhốt mình với ông ở Vincennes để sửa soạn và giúp vào việc vượt ngục của ông mà chúng tôi đang lo liệu.

Thời kỳ giải thoát sắp tới gần; ông hãy kiên tâm và can đảm lên khi nghĩ rằng, mặc dù thời gian và sự vắng mặt, tất cả các bạn bè của ông vẫn giữ gìn những tình cảm mà họ đã trao cho ông.

Người vô cùng và mãi mãi thân thương của ông, Marie De Montbazon"

Tái bút – Tôi ký cả tên, bởi vì e rằng mình sẽ quá tự phụ khi nghĩ rằng sau năm năm vắng mặt, ông vẫn nhận ra những chữ đầu của tên họ tôi".

Ông quận công đứng ngẩn ngơ một lát. Cái mà ông tìm kiếm từ năm năm nay mà không thể chứng minh, tức là một người đầy tớ, một người giúp việc, một người bạn, bỗng nhiên từ trên trời rơi xuống vào lúc mình ít chờ đợi nhất. Ông nhìn Grimaud, vẻ ngạc nhiên và trở lại với bức thư, ông đọc lại từ đầu đến cuối.

Ôi, nàng Marie thân yêu, – ông lẩm bẩm nói khi đã đọc xong, thì ra chính nàng mà ta đã nhác thấy ở trong cỗ xe. Sao, nàng vẫn còn nghĩ đến ta sau năm năm xa cách ư? Mẹ kiếp! Đây là một sự thủy chung mà người ta chỉ thấy ở trong truyện Astrée[206]. Rồi ông quay về phía Grimaud, bảo: -Còn bác, con người trung hậu của tôi ơi, bác bằng lòng giúp chúng tôi đấy à?

Grimaud gật đầu.

-Và vì vậy mà bác đến đây ư?

Grimaud lại gật đầu.

-Và chính tôi muốn bóp cổ bác ư? – Quận công kêu than.

Grimaud hơi mỉm cười.

-Này đợi tí, – quận công bảo.

Và ông lục tìm trong túi.

-Đợi tí! Ông nói tiếp và làm lại cái thí nghiệm vô hiệu quả ban đầu – không thể nào một sự tận tụy như vậy đối với một vị cháu nội của Henri IV mà lại không được ân thưởng.

Cứ chỉ của quận công de Beaufort cáo giác cái ý định tử tế nhất trên đời. Nhưng một trong những điều phòng ngừa ở Vincennes là không để tiền cho tù nhân.

Nhìn thấy sự thất vọng của quận công, Grimaud rút từ trong túi ra một bao đầy tiền vàng đưa cho ông và bảo: -Đây là cái mà ngài tìm.

Quận công mở bao tiền và muốn dốc hết ra tay Grimaud, nhưng bác lắc đầu.

-Xin cảm ơn Đức ông, tôi đã được trả công. – Bác vừa nói vừa lùi ra.

Quận công đi từ kinh ngạc nọ đến kinh ngạc kia.

Ông giơ hai bàn tay ra. Grimaud bước tới và cung kính hôn tay ông. Những phong cách quý phái của Arthos đã lây sang cả Grimaud.

-Thế bây giờ chúng ta sẽ làm gì? – Quận công hỏi.

-Bây giờ lả mười một giờ sáng, – Grimaud nói – Đến hai giờ xin Đức ông rủ La Ramée ra chơi cầu và ném vài ba quả vọt qua tường thành.

-Rồi sao nữa?

-Rồi… Đức ông đi đến gần tường và gọi một người đàn ông đang làm ở dưới hào nhờ họ ném cầu lại cho.

-Tôi hiểu, – quận công nói.

Gương mặt Grimaud rạng rỡ vẻ thoả mãn: thói quen ít dùng đến lời nói đã khiến cho việc chuyện trò của bác thành khó khăn.

Bác làm một động tác để rút lui.

-Ái chà! – Quận công nói – Thế bác không chịu nhận cái gì ư?

-Tôi muốn Đức ông hứa với tôi một điều.

-Điều gì? Nói đi…

-Đó là khi chúng ta chạy trốn, bất cứ lúc nào và ở chỗ nào, tôi cũng đi đầu tiên; vì nếu người ta bắt được Đức ông, điều rủi ro lớn nhất đối với ngài là bị giam lại vào tù; còn nếu như người ta bắt được tôi điều rủi ro xoàng nhất đối với tôi là bị treo cổ.

-Đúng quá đi rồi, – quận công nói – xin lấy danh dự nhà quý tộc ra mà thề, điều ấy sẽ được thực hiện như bác đòi hỏi.

-Bây giờ, – Grimaud nói, – tôi chỉ xin Đức ông có một điều là ngài hãy tiếp tục ban cho tôi niềm vinh dự là căm ghét tôi như trước.

-Tôi sẽ cố gắng. – quận công đáp.

Có tiếng gõ cửa.

Quận công nhét bức thư và bọc tiền vào túi và nằm lăn ra giường. Ai cũng biết đó là cung cách của ông trong những lúc phiền muộn nhất. Grimaud ra cửa: đó là La Ramée vừa mới ở chỗ tể tướng về, nơi đã diễn cảnh gặp gỡ mà chúng tôi đã kể.

La Ramée đưa mắt dò xét nhìn quanh mình, mà vẫn nom thấy những biểu hiện hục hặc giữa người tù và người canh tù, hắn ta cười đầy vẻ thỏa mãn trong lòng.

Rồi quay về phía Grimaud, hắn nói: -Tốt, anh bạn ạ, tốt! Anh vừa được nói đến rất đúng chỗ, và tôi hy vọng chẳng mấy chốc anh sẽ có những tin tức chẳng đến nỗi khó chịu đối với anh đâu.

Grimaud chào với cái vẻ mà bác cố làm cho lịch sự và rút lui, đó là thói quen của bác khi cấp trên vào.

-Thế nào, Đức ông! – La Ramée vừa nói vừa cười hô hố, – ngài cứ giận dỗi mãi cái thằng cha tội nghiệp ấy ư?

-À! La Ramée đấy à? – Quận công nói, – thực tình ông đến đúng lúc. Tôi đã nằm lăn ra giường và quay mặt vào tường để cưỡng lại cái ý định giữ lời hứa của tôi là bóp cổ tên phản trắc Grimaud.

La Ramée muốn dùng một câu bóng gió hóm hỉnh về cái tật câm lỳ của kẻ phụ tá cho mình, nói: -Tuy nhiên tôi ngờ rằng hắn lại có thể nói điều gì rất khó chịu với Điện hạ.

-Chắc mười mươi như vậy! Một thằng câm phương Đông. La Ramée ạ, tôi xin thề là ông đến đúng lúc, và tôi rất nóng gặp lại ông.

-Đức ông tốt bụng quá! – La Ramée phồng mũi về lời khen, nói.

-Phải, – Quận công nói tiếp, – thực ra hôm nay tôi cảm thấy một sự vụng về mà ông nom thấy cũng hay.

-Vậy chúng ta sẽ làm một ván cầu chứ? – La Ramée bất giác nói.

-Nếu ông muốn.

-Xin tuân lệnh Đức ông.

-La Ramée thân mến ơi, – Quận công nói – nghĩa là ông là một người rất hay và có lẽ tôi muốn ở lại Vincennes mãi mãi để hưởng cái thú là sống suốt đời với ông.

-Thưa Đức ông, – La Ramée nói, – Tôi cho rằng những nguyện ước của ngài thực hiện được hay không chẳng phải do nơi ông giáo chủ đâu.

-Sao lại thế? Gần đây ông có gặp ông ta không?

-Ông ấy mới cho tìm tôi sớm hôm nay.

-Thật à? Để nói với ông về tôi ư?

-Thế ông bảo còn nói với ai nữa? Đức ông ạ, thực ra ngài là cơn ác mộng của giáo chủ.

Quận công mỉm cười chua chát.

-A! – Ông nói – La Ramée, nếu ông chấp nhận những đề nghị của tôi!

-Kìa, đức ông! Chúng ta lại bàn về chuyện đó sao! Nhưng ngài phải thấy rõ là ngài chẳng biết điều.

-La Ramée, tôi đã nói với ông và tôi xin nhắc lại rằng tôi sẽ làm cho ông giàu có.

-Bằng cái gì cơ? Chỉ mới ra khỏi tù là của cải của ngài sẽ bị tịch thu.

-Chỉ mới ra khỏi tù là tôi sẽ làm chủ Paris.

-Sụyt! Sụyt! Thế nào… Chẳng lẽ tôi lại có thể nghe nói những điều như thế ư? Thật là một câu chuyện hay ho mà người ta dám bàn với một sĩ quan của nhà vua. Thưa Đức ông, tôi thấy rõ là phải kiếm thêm một Grimaud thứ hai.

-Thôi! Không nói chuyện ấy nữa. Như vậy là có vấn đề giữa tôi với anh và giáo chủ? La Ramée ạ, một ngày nào đó lão ta cho gọi anh thì anh phải để cho tôi mặc quần áo của anh. Tôi sẽ đi thay anh, tôi sẽ bóp cổ lão, và xin lấy danh dự nhà quý tộc mà thề nếu đó là một điều kiện, tôi sẽ tự mình trở lại nhà tù.

-Này Đức ông, tôi thấy cần phải gọi Grimaud đến.

-Tôi sai rồi. Thế lão ta đã nói gì với anh cái đồ nghiệp chướng ấy?

-Xin truyền lại Đức ông cái từ ấy vì nó vần với tể tướng[207]. – La Ramée nói với vẻ hóm hỉnh, – Ông ấy nói gì với tôi ư? Ông ấy bảo tôi phải giám sát ngài.

-Tại sao phải giám sát tôi? – Quận công lo lắng hỏi.

-Bởi vì một nhà chiêm tinh học tiên đoán là ngài sẽ trốn thoát.

-A! Một nhà chiêm tinh học đoán vậy à? – ông quận công bất giác rùng mình.

-Ôi! Lạy Chúa! Có thể! Cái bọn pháp sư ba láp ấy chúng cứ việc tưởng tượng ra để làm khổ những người thật thà. Tôi xin lấy danh dự mà nói như vậy.

-Thế anh đã trả lời Các hạ đại danh như thế nào?

-Là nếu cái lão chiêm tinh ấy soạn ra các quyển lịch thì tôi khuyên Các hạ chớ có mua.

-Tại sao?

-Bởi vì nếu ngài có muốn trốn thoát thì ngài phải biến thành con chim sơn ca hoặc con chim sẻ đó.

-Buồn thay, anh nói rát có lý. Thôi La Ramée, ta đi chơi một ván cầu nào.

-Thưa Đức ông, xin ngài thứ lỗi cho, nhưng ngài phải cho tôi nửa giờ nữa.

-Sao vậy?

-Bởi vì Đức ông Mazarin dòng dõi dù chẳng ghê gớm gì, nhưng vẫn kiêu hãnh hơn ngài và ông ấy đã quên không mời tôi ăn sáng.

-Vậy thì, anh có muốn để tôi bảo dọn bữa ăn sáng lên đây cho anh không?

-Không! Xin trình với Đức ông rằng cái người bán bánh ngọt ở trước mặt lâu đài, mà người ta gọi là cha marteau…

-Thế thì sao?

-Này nhé, cách đây tám hôm ông ta đã bán cửa hàng của mình cho một người làm bánh ngọt ở Paris, nghe đâu ông này được các thày thuốc khuyên là nên nghỉ ở nơi đồng quê thoáng đãng.

-Ơ hay! Thế thì có liên can gì đến tôi nào?

-Khoan đã, Đức ông; thành thử ra cái lão hàng bánh quái ác ấy cứ lúc nào cũng bày ra ở quầy hàng cơ man nào là những thứ làm người ta thèm rõ dãi.

-Đồ tham ăn?

-Ôi lạy Chúa! – La Ramée nói – Đức ông ơi, thích ăn ngon không phải là tham an. Bản tính con người ta là tìm kiếm sự hoàn hảo trong những cái bánh ngọt cũng như trong các thứ khác. Cũng xin thưa với Đức ông rằng khi trông thấy tôi dừng chân trước quầy hàng của hắn, cái lão chủ hiệu bánh ngọt quỷ quyệt ấy, mồm đầy bột mon men đến và bảo tôi rằng: "Ông La Ramée ơi, tôi cần phải có khách hàng trong đám tù nhân của lâu đài. Tôi đã mua cửa hiệu này của người chủ trước, chẳng qua vì hắn ta bảo đảm với tôi rằng hắn cung cấp bánh cho lâu đài; vậy mà, ông La Ramée ơi, tôi xin lấy danh dự mà thề rằng, từ khi tôi mở cửa hiệu đến nay đã tám hôm rồi, mà ông De Chavigny chẳng hề sai mua cho tôi lấy một cái bánh nhỏ".

Tôi bảo lão rằng: -Chắc hẳn ông De Chavigny sợ rằng bánh trái cây của bác không ngon…

-Bánh của tôi mà không ngon. Thế thì ông La Ramée ơi, tôi mong rằng ông sẽ phán xét cho, và ngay bây giờ đây này…

-Không được đâu, tôi trả lời, nhất thiết tôi phải trở về lâu đài.

-Nếu ông vội thì xin ông cứ về, nhưng mời ông nửa giờ nữa trở lại đây.

-Nửa giờ nữa à?

-Vâng. Ông đã ăn sáng chưa?

-Thực tình là chưa.

-Thế thì đây, một cái bánh nướng sẽ đợi ông cùng với một chai rượu vang Bourgogne lâu năm…

-Và thưa Đức ông vì tôi cũng chưa ăn gì? Chắc ngài hiểu cho rằng được Điện hạ cho phép.

Và La Ramée nghiêng mình.

-Thôi đi đi, của nợ ạ, – quận công nói, – nhưng hãy chú ý là tôi chỉ cho có nửa giờ thôi đấy.

-Liệu tôi có thể hứa hẹn với người kế tục cho cha Marteau về sự chiếu cố của Đức ông không ạ?

-Được miễn là ông ta đừng có cho nấm vào trong bánh, anh biết đấy, – hoàng thân nói thêm, – những cây nấm ở vùng Vincennes chết người đối với gia đình tôi đấy.

Không nhận thấy ý bóng gió, La Ramée đi ra và năm phút sau, viên sĩ quan trực gác vào mượn cớ bầu bạn với hoàng thân để làm rạng rỡ thêm cho ông, nhưng kỳ thực là để thi hành mệnh lệnh của tể tướng là không được rời mắt khỏi người tù.

Nhưng trong năm phút ngồi một mình, quận công có đủ thời giờ để đọc lại bức thư của bà de Montbazon, nó chứng tỏ cho người tù thấy rằng bạn bè ông không quên ông và lo liệu việc giải thoát cho ông. Bằng cách nào, ông chưa rõ, nhưng ông tự hứa là sẽ làm cho Grimaud nói ra, dù bác ta có câm lì. Càng biết rõ tính nết Grimaud, ông càng tin cậy bác nhiều hơn, và ông hiểu rằng bác ta bày đặt ra tất cả những trò hành hạ vặt vãnh đối với ông chẳng qua là để cho bọn lính canh khỏi nghi ngờ rằng bác có thể thông đồng với quận công.

Mưu chước ấy khiến quận công đánh giá rất cao trí tuệ của Grimaud, và ông nhất quyết tin cậy hoàn toàn ở bác.

§21. Chiếc bánh nướng của người kế tục cha Marteau chứa đựng cái gì?

Chiếc bánh nướng của người kế tục cha Marteau chứa đựng cái gì?

Nửa giờ sau La Ramée trở về vui vẻ và hoạt bát như một người đã ăn ngon và nhất là uống tốt. Hắn thấy rõ là – bánh rất ngon và rượu vang thật là tuyệt diệu.

Trời đẹp và cho phép tiến hành cuộc chơi dự định. Trò chơi cầu dài, tức là chơi ở ngoài trời rộng rãi. Như vậy đối với ông quận công chẳng có gì dễ dàng hơn là làm theo điều Grimaud dặn dò, nghĩa là ném bóng ra ngoài hào rãnh.

Tuy vậy khi mà hai giờ chưa điểm thì quận công chưa đến nỗi vụng về quá, vì hai giờ là giờ quy định. Nhưng cho đến lúc ấy ông vẫn cứ bị thua mấy ván, điều đó cho phép ông phát cáu và liên tiếp đánh hỏng như người ta thường bị trong trường hợp tương tự.

Cho nên, khi hai giờ đúng vang lên, các quả bóng bắt đầu văng ra phía ngoài hào trước nỗi vui mừng lớn của La Ramée, hắn ghi mười lăm điểm mỗi lần bóng của hoàng thân trật ra ngoài.

Ném trật ra ngoài tới tấp đến nỗi chả mấy chốc thiếu bóng. La Ramée toan bảo người nào đó ra ngoài hào nhặt bóng. Nhưng quận công nhận xét rất chí lý rằng làm như vậy mất thì giờ, và tiến gần đến tường thành, chỗ ấy như viên quan cảnh sát nói cao ít nhất là năm mươi bộ, thì ông chợt nom thấy một người đàn ông đang làm lụng ở một trong số nghìn mảnh vườn nhỏ mà các người nông dân khai khẩn ở bên kia bờ hào.

-Ê! Anh bạn này! – Quận công kêu lên.

Người đàn ông ngẩng lên, và quận công suýt bật ra một tiếng kêu kinh ngạc. Người đàn ông ấy, người nông dân ấy, người làm vườn ấy, chính là Rochefort mà quận công tưởng vẫn còn ở trong nhà tù Bastille.

-Có chuyện gì ở trên ấy đấy? – người đàn ông hỏi.

Bác làm ơn ném các quả bóng lên cho chúng tôi, – quận công bảo.

Người làm vườn gật đầu và ném bóng lên; La Ramée và các vệ sĩ đi nhặt. Một quả bóng rơi đúng chân quận công, và vì quả bóng ấy rõ ràng gửi ông, nên ông bỏ vào túi.

Rồi ra hiệu cám ơn với người làm vườn xong, ông quay trở lại cuộc chơi.

Nhưng rõ ràng là quận công vớ phải một ngày đen đủi, các trái bóng tiếp tục bay lung tung; đáng lẽ phải rơi vào trong giới hạn của sân chơi thì hai quả lại văng ra ngoài hào; nhưng vì người làm vườn không còn ở đấy nữa để ném trả bóng, nên mất bóng, rồi quận công tuyên bố rằng ông xấu hổ vì vụng về đến thế và ông không muốn chơi nữa.

La Ramée khoái chí vì đã đánh bại hoàn toàn một vị thân vương.

Ông hoàng trở về nhà và đi nằm; hầu như ông nằm suốt ngày từ khi người ta tước hết sách vở của ông.

La Ramée lấy quần áo của hoàng thân đi, lấy cớ là nó đầy bụi phải mang đi chải, nhưng thực ra là để yên trí rằng ông ta không đi đâu được. Một con người đến là cẩn thận như La Ramée!

May thay hoàng thân đã kịp giấu quả bóng dưới cái gối ngang.

Cửa vừa đóng là quận công dùng răng xé ngay cái vỏ quả bóng vì người ta không để cho ông một dụng cụ sắc cạnh nào, ông vẫn phải ăn bằng những con dao bạc có lưỡi gập lại được nhưng không cắt được.

Dưới lượt vỏ là một bức thư viết mấy dòng sau đây:

"Thưa Đức ông, các bạn bè của ngài vẫn quan tâm, và giờ giải thoát ngài sắp tới. Ngày kia ngài hãy đòi ăn một cái bánh do người làm bánh mới đã mua cửa hiệu của người chủ cũ, và chính là Noirmont đầu bếp của ngài, chỉ mở cái bánh khi nào có một mình ngài, tôi hy vọng ngài sẽ hài lòng cái đựng bên trong.

Kẻ môn hạ luôn luôn tận tụy với Điện hạ, dù ở ngục Bastille hay bất cứ đâu.

Bá tước de Rochefort!

Tái bút. – Điện hạ có thể tin cậy ở Grimaud về mọi mặt, đó là một người rất thông minh và hết lòng tận tụy với chúng ta".

Từ khi quận công de Beaufort từ bỏ vẽ tranh người ta đã trả lại lửa cho ông. Ông tiếc ngẩn tiếc ngơ mà đốt thư của bà De Montbazon, và sắp sửa đốt cả quả bóng, thì chợt nghĩ rằng nó có thể có ích để gửi thư trả lời Rochefort.

Ông bị canh riết lắm, vì vừa mới nghe tiếng cử động của ông, La Ramée vào. Hắn hỏi: -Đức ông cần gì thế?

-Tôi rét, – quận công đáp, – nên tôi khơi lửa lên cho ấm. Bạn thân mến ạ, ông biết đấy, các căn phòng của Tháp đài Vincennes nổi tiếng là lạnh lẽo. Người ta có thể giữ băng ở đấy và lượm được diêm tiêu Puylaurens, thống chế Ornano và vị phó trụ trì cậu của tôi đã chết ở trong những căn phòng, mà như là bà De Rambouillet nói, về phương diện ấy, đáng giá với lượng thạch tín của nó.

Và ông quận công lại nằm kềnh ra giường và giúi quả bóng xuống dưới gối. La Ramée hơi mỉm cười.

Thực ra hắn cũng là một người tốt và rất mến người tù lừng lẫy này và có thể sẽ rất khổ tâm nếu tai họa xảy ra đến với ông. Mà những tai họa liên tiếp này xảy ra với ba nhân vật mà quận công vừa mới nêu tên là không thể chối cãi được.

-Đức ông ạ, – hắn nói, – không nên buông mình vào nhưng ý nghĩa như vậy. Chính là những ý nghĩ đó giết chết người ta, chứ không phải diêm tiêu đâu.

-Này, bạn thân mến ơi, – quận công nói, – Ông thật là tử tế, giá mà tôi được như ông đi ăn bánh nướng và uống rượu vang Bourgogne ở hàng cái người kế tục cha Marteau ấy, thì tôi sẽ khuây khoả.

-Đức ông ơi, thực tế là bánh nướng của lão ấy là loại bánh trứ danh và rượu vang thì là thứ rượu đáng tự hào.

-Dù sao thì hầm rượu và bếp núc của lão cũng hơn đứt của ông De Chavigny.

-Vậy thì thưa Đức ông, – La Ramée sa vào bẫy nói, – Ai cấm ngài nếm thử. Vả chăng tôi cũng đã hứa rằng ngài sẽ là khách hàng.

-Anh nói phải đấy, – quận công đáp – nếu tôi phải tù chung thân ở đây như lão Mazarin đã có lòng tốt sai nói cho tôi biết, thì tôi cũng cần phải tạo cho mình một sự giải trí trong những ngày già nua, tôi cũng phải trở nên tham ăn chứ.

-Thưa Đức ông, – La Ramée nói, – hai tin đó là một lời khuyên hay, chẳng phải là vì thế mà ngài sẽ già nua đi đâu.

"Hay, – quận công de Beaufort nói riêng với mình, – bất cứ người nào, để mất trái tim và linh hồn của mình, nếu không mắc hai thì cũng đã mắc một trong bảy đại tội[208] từ sự hoa lệ của trời; dường như tội của thày đội La Ramée là tham ăn. Được chúng ta sẽ lợi dụng nó".

Rồi ông nói to: -Này, La Ramée thân mến ơi, ngày kia là ngày lễ phải không?

-Đúng đấy, lễ Pentecôte.

-Ngày kia, anh có thể cho tôi một bài học không?

-Về cái gì cơ?

-Về phàm ăn.

-Xin vui lòng, thưa Đức ông.

-Nhưng là một bài học giữa hai người thôi, chúng ta sẽ cho bọn vệ sĩ đi ăn ở căng tin của De Chavigny, còn chúng ta sẽ làm một bữa tối ở đây mà tôi để ông điều khiển.

-Hừm? – La Ramée thốt lên.

Lời mời thật cám dỗ. Dù rằng tể tướng có nghĩ đến điều bất lợi khi gặp La Ramée, thì hắn ta cũng là một tay lão luyện biết hết những cạm bẫy mà một tù nhân giăng ra. Ông de Beaufort đã sửa soạn bốn mươi kế để vượt ngục; bữa ăn này liệu có che giấu một mưu mô nào không?

Hắn suy nghĩ một lát, nhưng kết quả của những suy nghĩ là tự hắn đặt thức ăn và rượu và như vậy chẳng ai có thể trộn bột gì vào thức ăn hoặc nước gì vào rượu.

Còn chuốc rượu cho hắn say ư, ông quận công chẳng thể có ý đồ ấy, và hắn bật cười với ý nghĩ ấy, rồi một ý nghĩ đến với hắn và hoá giải tất cả.

Quận công theo dõi bản độc thoại thầm của La Ramée bằng con mắt khá lo âu theo chừng những biểu hiện trên nét mặt hắn, nhưng cuối cùng gương mặt viên cảnh sát rạng rỡ hẳn lên.

-Thế nào, – quận công hỏi – được chứ?

-Thưa Đức ông, được, nhưng với một điều kiện.

-Điều kiện gì.

-Grimaud sẽ hầu bàn cho chúng ta.

Không có gì tuyệt hơn đối với hoàng thân.

Tuy nhiên ông có khả năng biểu lộ một sự khó chịu ra mặt và kêu lên.

-Cút mẹ cái thằng Grimaud của ông đi. Nó sẽ làm hỏng cả buổi liên hoan.

-Tôi sẽ ra lệnh cho nó đứng đằng sau Điện hạ và không cho nó chẳng sủa lấy một lời, Điện hạ sẽ không trông thấy nó, không nghe thấy nó, và với một chút thiện ý thôi, Điện hạ sẽ tưởng tượng như nó ở cách xa ngài đến trăm dặm…

-Bạn thân mến ơi – quận công nói. – Ông có biết tôi đã nhìn thấy rất rõ ràng cái gì trong chuyện này không? Đó là ông nghi ngờ tôi.

-Thưa Đức ông, ngày kia là lễ Pentecôte rồi.

-Thì sao? Lễ Pentecôte có liên quan gì đến tôi. Dễ thường ông sợ rằng Thánh linh sẽ giáng thế dưới hình dạng một lưỡi lửa để mở các cửa nhà tù của tôi ra chăng?

-Không ạ, nhưng tôi đã kể với ngài cái điều mà lão pháp sư quái ác kia tiên đoán.

-Hắn tiên đoán gì?

-Rằng chẳng quá ngày lễ Pentecôte, ngài sẽ ra khỏi lâu đài Vincennes.

-Thế anh tin ở bọn pháp sư à? Đồ ngốc!

-Tôi mà quan tâm đến những chuyện ấy ư? – La Ramée vừa nói vừa búng ngón tay – Nhưng chính Đức ông Giulio ông ta lo ngại, với tư cách người Ý, ông ta mê tín dị đoan.

-Quận công nhún vai. Rồi với một vẻ thực thà đóng kịch rất giỏi ông nói: -Thôi được! Tôi đồng ý Grimaud, vì không thể cũng không xong. Nhưng tôi không muốn ai nữa ngoài Grimaud; anh sẽ đảm đương tất. Anh đặt bữa ăn thế nào tùy anh, tôi chỉ yêu cầu một món duy nhất là một cái bánh nướng như anh đã nói với tôi. Anh nhớ nói là đặt cho tôi để vị kế tục cha Marteau làm cho khéo hơn, và anh hứa hẹn với bác ta về sự chiếu cố của tôi không những suốt trong thời gian tôi ở tù, mà cả sau này khi tôi ra tù nữa.

-Ngài vẫn tin là ngài sẽ ra tù à? – La Ramée hỏi.

-Ấy chết? – Hoàng thân đáp, – có chăng là đến khi nào Mazarin chầu trời. Tôi kém lão ta mười lăm tuổi, ông vừa cười vừa nói thêm – Đúng là ở Vincennes người ta sống mau hơn.

-Đức ông! – La Ramée kêu lên, – kìa Đức ông!

-Hay là người ta chết sớm hơn, cũng vậy thôi! – Quận công nói tiếp.

-Thưa Đức ông, tôi đi bảo dọn bữa tối đây.

-Anh có cho rằng anh có thể sử dụng người học trò của anh vào việc gì không?

-Tôi hy vọng chứ, thưa Đức ông.

-Nếu anh còn có thì giờ, – quận công lẩm bẩm.

-Đức ông nói gì vậy? – La Ramée hỏi.

-Đức ông bảo là anh chớ dè sẻn túi tiền của ông giáo chủ, ông ta rất muốn đảm nhiệm tiền trợ cấp của chúng ta.

La Ramée dừng lại ở cửa và hỏi.

-Đức ông muốn tôi cắt ai đến với ngài.

-Ai cũng được, trừ Grimaud.

-Viên sĩ quan vệ sĩ nhé?

-Với bàn cờ của hắn nữa.

-Vâng.

Và La Ramée đi ra.

Năm phút sau, viên sĩ quan vệ sĩ vào và quận công de Beaufort có vẻ đang chìm đắm sâu xa trong những tính toán tuyệt vời của nước cờ.

Tư tưởng con người ta thật là kỳ lạ, và một dấu hiệu, một lời nói, một hy vọng gây nên trong đó những biến đổi như thế nào. Quận công ở tù năm năm rồi. Một cái nhìn về phía sau khiến thấy năm năm ấy tuy trôi chậm thật nhưng dường như còn không dài đằng đẵng bằng hai ngày, bằng bốn mươi tám giờ nó đang ngăn cách ông với thời điểm ấn định cho cuộc vượt ngục.

Rồi lại có một điều đặc biệt làm ông bận tâm ghê gớm đó là cuộc vượt ngục tiến hành như thế nào. Người ta đã làm cho ông hy vọng kết quả, nhưng lại giấu ông những chi tiết cụ thể chứa đựng trong cái bánh nướng bí hiểm. Những bạn bè nào chờ đợi ông? Thế ra sau năm năm tù đầy ông vẫn còn bè bạn ư? Trong trường hợp ấy ông là một hoàng thân được biệt đãi.

Điều kỳ lạ hớn nữa là ông quên rằng ngoài bạn bè ra, có được một người đàn bà vẫn nhớ đến ông; đúng là bà ta có lẽ không phải nhất nhất trung thành với ỏng rồi nhưng bà ta không quên ông, thế cũng là nhiều rồi.

Như vậy là có quá nhiều hơn mức cần thiết những điều khiến ông quận công phải bận tâm. Trong cuộc chơi cờ và trong cuộc chơi ném cầu, cũng vậy, và buổi chiều đến lượt viên sĩ quan lại đánh bại ông như La Ramée đã đánh bại ông ban sáng.

Song những cuộc thất bại liên tiếp của ông cũng có lợi, đó là nó dẫn ông hoàng tới tận tám giờ tối; thế là lợi được ba tiếng đồng hồ.

Rồi thì đêm sẽ đến và cùng với ban đêm là giấc ngủ.

Ít ra quận công nghĩ như vậy, nhưng giấc ngủ là một vị thần tính khí bất thường và đúng vào lúc người ta vời đến thì nó lại bắt người ta chờ đợi đến tận nửa đêm, trằn trọc mãi trên tấm nệm giống như thánh Laurent trên giá sắt lò lửa. Cuối cùng ông thiếp đi.

Nhưng rạng sáng là ông tỉnh giấc. Ông đã mơ những giấc mơ kỳ quặc: ông thấy mình mọc cánh, tất nhiên là ông muốn bay. Thoạt tiên, cánh đỡ ông bay vù vù nhưng đến một độ cao nào đó, chỗ tựa kỳ lạ ấy đột nhiên bị hẫng, đôi cánh

ông bị gẫy và ông thấy hình như mình lăn xuống những vực thẳm không đáy, ông chợt tỉnh dậy, trán đẫm mồ hôi và mình mẩy rã rời như đã rơi từ trên trời xuống thật.

Ông ngủ tiếp, để rồi lại lang thang trong một mê cung toàn là những giấc mơ rất hung dữ; cứ vừa chợp mắt là linh hồn ông vươn theo một mục đích duy nhất: vượt ngục, lại bắt đầu tìm cách vượt ngục. Người ta tìm thấy một đường hầm dẫn ra ngoài Vincennes; ông dẫn mình vào con đường ấy, và Grimaud tay cầm đèn bước đi trước ông; nhưng dần dần đường hầm hẹp lại, tuy nhiên ông quận công vẫn tiếp tục đi; cuối cùng đường hầm chặt bó lại đến nỗi kẻ đào tẩu cố gắng đi xa hơn cũng uổng công: hai bên thành tường co hẹp lại và ép chặt lấy ông; ông muốn gọi bác ta đến giúp ông ra khỏi cái lỗ hẻm này nó đang siết ông đến ngạt thở, nhưng không làm sao mà thốt lên được một lời. Thế là ở phía đầu đường nơi ông đi vào có tiếng bước chân của những người đuổi theo ông, nó không ngừng tiến gần lại, ông bị phát hiện rồi, của còn hy vọng trốn thoát.

Những thành tường như đồng tình với kẻ thù của ông, ông càng muốn chạy, chúng càng ép chặt lấy ông. Cuối cùng ông nghe tiếng La Ramée rồi ông trông thấy hắn. Hắn giơ bàn tay ra và đặt lên vai ông mà cười phá lên. Ông bị tóm lại và dẫn đến căn phòng thấp có vòm cong nơi thống chế Ornano, Puylaurens và cậu của ông đã bỏ mạng; ba nấm mồ lù lù ở đấy, gồ lên trên mặt đất, và một cái hố thứ tư mở toang hoác ra chỉ còn đợi một xác người.

Cho nên lúc trước quận công cố sức để ngủ bao nhiêu, thì đến khi tỉnh dậy cố sức để thức bấy nhiêu; và khi La Ramée vào hắn thấy ông nhợt tái và phờ phạc đến nỗi hắn phải hỏi xem ông có bị ốm không.

Một vệ sĩ nằm trong phòng, nhưng không ngủ được vì đau răng do ẩm thấp, nói: -Quả thật, Đức ông qua một đêm hoảng loạn lắm và hai ba lần ngủ mê cứ kêu cứu hoài.

-Đức ông làm sao thế? – La Ramée hỏi.

-Chỉ tại cậu thôi, đồ ngốc ạ! – quận công nói. – Những chuyện vớ vẩn hão huyền về vượt ngục của cậu hôm qua ám ảnh tôi và khiến tôi nằm mơ thấy mình chạy trốn và khi chạy trốn thì bị ngã gẫy cổ.

La Ramée bật cười và nói: -Đức ông thấy đấy, đó là một sự cảnh cáo của Trời; cho nên tôi mong rằng ngoài giấc mơ, Đức ông chớ bao giờ phạm những điều dại dột như vậy.

Quận công lau mồ hôi vẫn còn ròng ròng trên trán, mặc dù ông đã tỉnh hẳn và nói: -La Ramée thân mến ơi, anh nói đúng đấy, tôi chỉ còn muốn nghĩ đến uống rượu và ăn thôi.

-Sụyt! – La Ramée nói.

Rồi hắn kiếm cớ cho bọn vệ sĩ lần lượt đi ra.

-Thế nào? – Quận công hỏi khi còn lại hai người với nhau.

-Này nhé bữa tiệc tối đã được đặt rồi, – La Ramée nói.

-A! Thế gồm những gì nào? Nào, ông đầu bếp của tôi? – Quận công nói.

-Đức ông đã hứa là tin cậy ở tôi cơ mà.

-Thế có một cái bánh nướng chứ?

-Dĩ nhiên rồi! Như một cái tháp ấy.

-Do người kẻ tục cha Marteau làm?

-Đặt bác ta làm mà.

-Thế anh có bảo là đặt cho tôi không?

-Có

-Bác ta trả lời sao?

-Là sẽ làm hết sức để vừa lòng Điện hạ.

-Hay lắm! – Quận công vừa nói vừa xoa xoa tay.

-Ghê thật. Đức ông ngoạm vào thói tham ăn như thế đấy! Từ năm năm nay, tôi chưa bao giờ thấy ngài mặt mày hoan hỉ như lúc này.

Quận công thấy rõ mình chưa thật làm chủ được mình. Nhưng vừa lúc ấy ông hiểu rằng nghe như có tiếng ở ngoài cửa và ông hiểu rằng làm những ý La Ramée bây giờ là việc cấp bách, thì Grimaud vào và ra hiệu với La Ramée là bác có điều gì muốn nói với hắn.

La Ramée đến gần Grimaud nghe bác nói thầm thì.

Trong khi đó, quận công tĩnh tâm lại.

Ông nói: -Tôi đã cấm người ấy hiện diện ở đây nếu không được tôi cho phép cơ mà.

-Thưa Đức ông. – La Ramée nói, – cần tha thứ cho hắn, vì chính tôi gọi hắn đến.

-Thế tại sao anh lại gọi hắn đến, bởi vì anh biết rằng hắn làm tôi phật lòng.

-Xin Đức ông nhớ lại điều đã thỏa thuận, – La Ramée nói – và hắn còn phải hầu chúng ta trong bữa tiệc trứ danh ấy chứ. Đức ông quên mất bữa tiệc ấy rồi à?

-Không đâu, nhưng tôi quên mất Grimaud.

-Đức ông biết rằng không có hắn thì không có bữa tiệc.

-Thôi được, tuỳ ông làm thế nào thì làm.

-Lại đây anh chàng, – La Ramée bảo, – và nghe tôi nói đây.

Grimaud bước lại gần với vẻ mặt nhăn nhó nhất. La Ramée nói tiếp: -Đức ông ban cho tôi vinh dự là là mời tôi ăn bữa tối mai chỉ có tôi với ngài thôi.

Grimaud ra hiệu như muốn nói rằng bác ta chẳng thấy gì có liên quan đến bác trong việc này cả.

-Có chứ, có chứ, – La Ramée nói – trái lại việc này liên quan đến việc anh đấy; bởi vì anh sẽ có vinh dự là hầu tiếp chúng tôi, chưa kể là dù chúng tôi có chén ngon miệng và nốc đã khát đến mây thì chắc chắn vẫn còn cái gì đó ở dưới đáy đĩa và đáy chai và cái gì đó ấy là phần anh.

Grimaud cúi mình ra hiệu cảm ơn.

-Và bây giờ, thưa Đức ông – La Ramée nói, – xin Đức ông thứ lỗi, hình như ông De Chavigny sẽ vắng mặt mấy ngày, và trước khi đi, ông ta đã báo trước là sẽ có những mệnh lệnh ban cho tôi.

Quận công thử trao đổi một cái nhìn với Grimaud, nhưng mắt Grimaud cứ trơ như đá.

-Đi đi! – quận công bảo La Ramée, – và cố gắng về cho thật sớm.

-Đức ông muốn phục thù ván cầu hôm qua chăng?

Grimaud khẽ gật đầu một cái khó mà nhận thấy.

-Phải, – quận công nói, – nhưng hãy coi chừng La Ramée thân mến ạ, ngày ngày nối tiếp nhau nhưng chẳng giống nhau đâu, thành ra hôm nay tội quyết định sẽ giã cho anh một trận ra trò.

La Ramée ra. Grimaud mắt theo dõi theo, còn toàn thân không xê dịch đến một ly; rồi khi nhìn thấy cửa đóng lại, bác vội vã rút ở túi ra một cái bút chì và một mảnh giấy.

-Xin Đức ông viết đi, – bác nói.

-Nhưng viết gì cơ?

Grimaud giơ một ngón tay ra hiệu và đọc:

"Mọi thứ sẵn sàng vào tối mai. Các anh hãy cảnh giới từ bảy giờ đến chín giờ và có sẵn hai ngựa cưỡi. Chúng tôi sẽ xuống bằng lối cửa sổ thứ nhất của hành lang …"

-Rồi sao nữa? – quận công hỏi.

-Rồi thế nào ư, Đức ông? – Grimaud ngạc nhiên hỏi.

-Thế là hết à?

-Đức ông còn muốn nói gì thêm nữa. – Grimaud đáp, bác bao giờ cũng muốn sự gọn gàng nghiêm ngặt nhất.

Quận công ký.

-Bây giờ, – Grimaud nói – Đức ông có còn quả bóng không hay mất rồi?

-Bóng nào?

-Quả bóng đựng bức thư ấy.

-À còn. Tôi nghĩ là có thể nó còn có ích cho chúng ta. Bóng đây.

Quận công moi quả bóng ở dưới gối ra và đưa cho Grimaud mỉm cười một cách khoan khoái nhất.

-Để làm gì? – quận công hỏi.

-Thưa Đức ông, – Grimaud nói, tôi sẽ khâu mảnh giấy vào trong quả bóng, và lúc nào chơi cầu, ngài sẽ ném quả bóng xuống hồ.

-Nhỡ bị mất thì sao?

-Đức ông cứ yên tâm. Sẽ có người nhặt.

-Một người làm vườn phải không? – Quận công hỏi.

Grimaud gật đầu.

-Vẫn người hôm qua à?

Grimaud lại gật đầu.

-Bá tước de Rochefort phải không?

Grimaud gật đầu luôn ba cái.

-Nhưng, này, – quận công nói, – ít ra hãy cho tôi biết vài chi tiết về cách chúng ta trốn ra như thế nào chứ?

-Tôi bị cấm tiết lộ, – Grimaud đáp, – ngay cả trước lúc thực hiện.

-Nhưng ai sẽ đợi tôi ở bên kia bờ hào?

-Thưa Đức ông, tôi không biết gì cả.

-Nhưng ít ra thì cũng cho tôi rõ cái gì đựng ở trong cái bánh nướng trứ danh ấy chứ, nếu như bác không muốn tôi phát điên lên.

-Thưa Đức ông, trong đó có hai con dao găm một sợi dây có nút và một quả lê cay đắng.[209]

-Tốt lắm, tôi hiểu rồi.

Đức ông thấy là sẽ có cái dùng cho mọi người.

-Chúng ta dùng hai con dao găm và sợi dây – quận công nói.

-Và chúng ta cho La Ramée xơi trái lê cay đắng, – Grimaud tiếp lời.

-Grimaud thân mến của tôi ơi, – quận công bảo – bác không hay nói, nhưng khi bác nói thì phải công nhận rằng bác nói ra vàng ra bạc.

§22. Một cuộc phiêu lưu của Marie Michon

Cùng với thời gian mà quận công de Beaufort và Grimaud toan tính vượt ngục, thì có hai người cưỡi ngựa và một thằng hầu theo sau đi vào Paris bằng phố cửa ô Saint-Marcel.

Hai người đó là bá tước De La Fère và tử tước De Bragelonne.

Đây là lần đầu tiên chàng thanh niên đến Paris và Arthos chẳng tô son vẽ phấn gì cho kinh đô, người bạn cố tri của mình, khi đưa chàng trai trẻ vào xem bằng phía ấy. Thật vậy cái làng Touraine cuối cùng trên chặng đường còn ưa nhìn hơn Paris trông ở phía mặt đối diện với Blois. Cho nên phải nói rằng thật xấu hổ cho cái thành phố từng được ca tụng này, nó gây một tác dụng tồi tệ cho chàng trai trẻ.

Arthos vẫn giữ cái vẻ vô tư lự và thanh thản của mình.

Là người dẫn đường cho người bạn đồng hành của mình trong cái mê cung mênh mông này, khi tới Xanh Mêda, Arthos đi theo phố Bưu Trạm rồi phố Cực Hình, phố Hào,Vaugirard, Saint – Médard, rồi phố, khi tới phố Férou thì đi vào. Đến giữa phố, Arthos ngước mắt lên mỉm cười và chỉ cho chàng trai trẻ xem một ngôi nhà có vẻ ngoài sang trọng và nói: -Này Raoul, đây là một ngôi nhà mà tôi ở bảy năm êm đềm nhất và phũ phàng nhất của đời mình.

Chàng thanh niên mỉm cười theo và cúi chào ngôi nhà, lòng hiếu thảo của cậu đối với người đỡ đầu cho mình biểu lộ trong mọi hành động của cuộc sống.

Còn đối vôi Arthos, như chúng ta đã nói, Raoul không những là trung tâm mà, không kể những kỷ niệm cũ ở trung đoàn, còn là đối tượng duy nhất của tình yêu thương và người ta hiểu lần này trái tim Arthos có thể yêu tha thiết và sâu sắc đến nhường nào.

Hai lữ khách dừng chân ở phố Chuồng Bồ Câu cũ, chỗ có biển quán Con Cáo Xanh. Arthos biết quán rượu này từ lâu, hàng trăm lần anh đã đến đây cùng các bạn, nhưng từ hai mươi năm nay đã có bao nhiêu đổi thay ở trong quán, bắt đầu từ những người chủ.

Các lữ khách trao ngựa cho mấy tên hầu, và do ngựa thuộc giống quý, họ dặn dò phải trông nom thật chu đáo, chỉ cho ăn rơm và lúa mạch và rửa ngực và chân ngựa bằng rượu vang ấm. Họ đã đi hai mươi dặm trong ngày. Trước tiên phải săn sóc ngựa của mình như những kỵ sĩ thực thụ thường làm, sau đó họ gọi hai phòng cho họ: -Anh đi tắm rửa và sửa soạn quần áo đi, – Arthos nói, – tôi sẽ giới thiệu anh với một người quen.

-Hôm nay ư thưa ông? – Chàng thanh niên hỏi.

-Nửa giờ nữa.

Chàng trai trẻ cúi chào.

Có lẽ kém chịu đựng mệt nhọc hơn Arthos, một con người như bằng thép, Raoul thực sự muốn xuống tắm trong dòng sông Sein mà anh từng nghe nói đến rất nhiều, song vẫn cho rằng kém đứt sông Loire, sau rồi đi nằm một lát; nhưng vì bá tước de La Fére đã nói vậy nên cậu chỉ biết vâng lời.

-À này, Raoul, – Arthos nói, – anh ăn vận chăm chút vào nhé, tôi muốn người ta thấy anh đẹp trai.

-Thưa ông, – chàng trai trẻ mỉm cười đáp, – tôi hy vọng rằng không phải là chuyện hôn nhân. Ông biết tôi đã hứa hẹn với Louise.

Arthos cũng mỉm cười và nói: -Không đâu, cứ yên trí, mặc dù tôi sẽ giới thiệu anh với một phụ nữ.

-Một phụ nữ ư? – Raoul hỏi

-Phải, và tôi mong rằng anh sẽ yêu mến người ấy.

Chàng thanh niên nhìn bá tước thoáng băn khoăn; nhưng thấy Arthos, mỉm cười, anh cũng vững dạ.

-Người phụ nữ ấy bao nhiêu tuổi ạ? – Tử tước De Bragelonne hỏi.

-Raoul thân mến của tôi ơi, – Arthos nói, hãy nhớ rằng câu hỏi như vậy từ nay về sau chớ bao giờ lặp lại. Khi anh có thể đoán tuổi trên nét mặt một người đàn bà, thì tuổi người ta là vô ích, còn khi đã không thể đoán mà hỏi thì là tọc mạch.

-Người ấy có xinh đẹp không?

Cách đây mười sáu năm, bà ta không những được coi là xinh đẹp nhất, mà còn là người phụ nữ duyên dảng nhất nước Pháp.

Câu trả lời ấy làm cho cậu tử tước yên tâm hoàn toàn. Arthos không thể có một dự định nào về cậu ta và về một người đàn bà đã được coi là xinh đẹp nhất và duyên dáng nhất nước Pháp một năm trước khi cậu ra đời.

Raoul bèn về phòng mình và với cái tính làm dáng rất hợp với tuổi trẻ, anh làm theo những lời dặn dò của Arthos, nghĩa là ra sức trang điểm cho nó có vẻ đẹp đẽ bảnh bao nhất. Mà cũng là chuyện dễ dàng thôi đối với một con người mà thiên nhiên đã tạo ra sẵn như vậy. Khi cậu lại ra mắt, Arthos đón nhận với nụ cười cha con mà vừa qua anh đã đón tiếp d'Artagnan, nhưng nó đượm một niềm vẻ trìu mến sâu xa hơn.

Arthos liếc nhìn chân, tay và tóc Raoul, ba cái dấu hiệu của chủng tộc, giòng giống, mái tóc đen nhành rẽ ngôi giữa theo kiểu thời bấy giờ và buông rũ thành búp khuôn lấy gương mặt có nước da hơi sạm; những đôi găng bằng da hoẵng màu xam xám hoà hợp với cái mũ dạ và làm nổi bật hai bàn tay thanh tú, tao nhã, còn đôi ủng đồng màu với găng và mũ, bó khít đôi bàn chân nhỏ nhắn như chân đứa trẻ mười tuổi.

-Nào, – Arthos lẩm bẩm – nếu nàng không hãnh diện về nó thì đúng là nàng khó tinh.

Lúc ấy là ba giờ chiều, nghĩa là giờ thích hợp cho những cuộc viếng thăm. Hai người đi dọc phố Grenelle sang phố Cây Hồng, vào phố Saint Dominique, và dừng lại trước một dinh thự nguy nga ở trước mặt dinh Jaccobins, và trên có gia huy dòng họ De Luynes.

-Đây rồi, – Arthos nói.

Anh bước vào toà nhà với bước đi đĩnh đạc đường hoàng chứng tỏ cho tên gác cổng Thụy Sĩ rằng người khách vào có quyền như vậy.

Anh bước lên bậc thềm gặp một thằng hầu ăn mặc quần áo dấu ngày lễ. Anh hỏi xem bà công tước de Chevreuse có nhà không và có thể tiếp ông bá tước de La Fère không.

Một lát sau tên hầu ra và nói rằng mặc dầu bà công tước de Chevreuse không được hân hạnh quen biết bá tước de La Fère, nhưng bà vẫn xin mời ông vào.

Arthos theo tên hầu đi qua một dãy dài các gian phòng và cuối cùng dừng lại trước một cửa đóng. Đây là phòng khách. Arthos ra hiệu cho tử tước Bragelonne đứng nguyên tại chỗ.

Tên hầu mở cửa và trình báo là bá tước de La Fère đến.

Bà de Chevreuse mà chúng tôi đã nói đến luôn trong truyện Ba người lính ngự lâm nhưng chưa có dịp đưa lên sân khấu lúc này vẫn được coi như một phụ nũ tuyệt đẹp. Quá vậy, hồi ấy bà đã bốn tư bốn lăm tuổi rồi, mà nom cứ như mới băm tám băm chín; tóc vẫn hoe vàng, cặp mắt to thông minh và linh hoạt mà những âm mưu luôn luôn mở rộng ra và ái tình luôn luôn khép lại, và cái vóc người yểu điệu khiến nhìn đằng sau vẫn như cô thiếu nữ hồi nào cùng với Anne d'Autriche nhảy qua cái hào ở Tuileries, cái hào năm 1683 đã cướp đi ngôi báu nước Pháp của một kẻ kế vị.

Vả chăng đó bao giờ cũng vẫn là tạo vật cuồng điên ấy, nó đã ném lên những cuộc tình duyên của mình một dấu ấn độc đáo đến nỗi những cuộc tình duyên ấy hầu như trở thành một vinh hiển cho gia đình mình.

Bà đang ở trong một khuê phòng mà cửa sổ trông ra vườn. Theo mốt mà bà de Rambouillet đưa ra khi xây dựng dinh thự của mình, khuê phòng ấy chăng một tấm Damas màu lơ thêu hoa hồng và cành lá kim tuyến. Với tuổi của bà de Chevreuse thì ở trong một khuê phòng như vậy là đỏm dáng quá nhất là trong tư thế của bà lúc này, nghĩa là nằm trên một chiếc ghế dài và tựa đầu vào tấm thảm.

Bà cầm một quyển sách hé mở và một cái nệm dỡ cánh tay cầm sách.

Nghe tên hầu báo, bà hơi nhấc mình dậy và tò mò nhô cái đầu ra.

Arthos xuất hiện.

Anh vận đồ nhung tím với những thêu ren cùng màu; các dây tua bịt bạc đánh nâu, áo choàng không có chút thêu kim tuyến nào và một chiếc lông chim giản dị màu tím cắm trên chiếc mũ dạ đen.

Chân anh dận đôi ủng bằng da đen, ở thắt lưng đeo thanh kiếm có cái chuôi lộng lẫy mà Porthos hồi xưa đến phố Fréjus đã từng ngắm nghĩa thèm thuồng nhưng Arthos không bao giờ muốn cho mượn cả.

Những tấm thêu ren làm thành cái cổ áo gập xuống của chiếc sơ mi; những dải đăng-ten cũng rũ xuống đôi ủng.

Trong tất cả con người của vị khách vừa mới được trình báo dưới một cái tên hoàn toàn xa lạ với bà de Chevreuse, toát lên một vẻ quý tộc thượng lưu khiến bà hơi nhổm dậy và ra hiệu một cách duyên dáng mời khách ngồi xuống một chiếc ghế bên cạnh bà.

Arthos thi lễ và ngồi xuống. Tên hầu sắp sửa rút lui thì Arthos ra hiệu giữ hắn lại. Anh nói bà công tước: -Thưa bà, tôi không được bà quen biết mà dám mạo muội đến trình diện tại quý dinh thự, nhưng đã đạt kết quả vì bà đã chiếu cố tiếp tôi. Bây giờ tôi xin bà ban cho nửa giờ hội kiến.

-Thưa ông, tôi đồng ý, – bà de Chevreuse trả lời với nụ cười duyên dáng nhất.

-Nhưng chưa hết đâu, thưa bà. Ôi! Tôi thật là tham lam quá, tôi biết mà! Cuộc hội kiến mà tôi yêu cầu là một cuộc hội kiến riêng giữa hai người và trong khi ấy có một điều mong mỏi thiết tha là không bị ngắt quãng.

-Lúc này tôi không tiếp cả, – bà công tước de Chevreuse bảo với tên hầu. – Thôi, ra đi.

Tên hầu đi ra.

Một lát im lặng, trong đó hai nhân vật ngay từ lúc thoạt nhìn đã nhận ra nhau ngay là thuộc dòng dõi cao sang, nên ngắm nghía nhau mà chẳng một ai hề thấy lúng túng, bối rối.

Bà công tước de Chevreuse đầu tiên phá tan sự im lặng.

-Thế nào, thưa ông, – bà mỉm cười nói, – Ông không thấy rằng tôi nóng lòng mong đợi ư?

-Còn tôi, thưa bà, – Arthos nói, – tôi nhìn với vẻ thản phục và hâm mộ.

-Thưa ông, – bà công tước nói, – xin ông thứ lỗi tôi muốn được biết ngay tôi nói chuyện với ai. Ông là người trong triều đình đó là điều không thể chối cãi, thế mà tôi chưa hề gặp ông trong cung bao giờ. Phải chăng ông mới ở nhà ngục Bastille ra?

-Thưa bà, không phải, – Arthos cười đáp, – nhưng có lẽ tôi đang ở trên đường dẫn tới đó.

-A! Trong trường hợp ấy, ông hãy mau mau nói rõ ông là ai và đi đi, – bà công tước nói với giọng vui vẻ rất duyên dáng ở bà, – bởi vì tôi đã bị liên lụy khá nhiều như thế rồi, và chẳng còn muốn để mình bị nguy hại thêm nữa.

-Tôi là ai ư, thưa bà? Người ta đã báo tên tôi là bá tước de La Fère. Bà chẳng biết cái tên ấy bao giờ. Ngày xưa tôi mang một tên khác mà có lẽ bà đã biết đấy, nhưng chắc bà đã quên rồi.

-Ông cứ nói đi.

-Ngày xưa, – bá tước de La Fère nói, – tôi tên gọi là Arthos.

Bà de Chevreuse giương to mắt kinh ngạc. Như bá tước nói hiển nhiên là cái tên ấy chưa bị xoá hẳn trong ký ức bà dù rằng nó lẫn lộn trong bao nhiêu kỷ niệm cũ.

-Arthos à? Khoan đã… – Bà nói.

Và bà đặt hai ngón tay lên trán như muốn bắt hàng nghìn ý nghĩ thoáng qua trong đó phải dừng lại giây lát để có thể nhìn rõ ràng trong cái đám lóng lánh và tạp sắc ấy.

-Bà có muốn tôi giúp dỡ một chút không? – Arthos mỉm cười nói.

-Vâng, – bà công tước mệt mỏi vì tìm kiếm đáp, – xin ông vui lòng…

-Cái tên Arthos ấy gắn liền với ba người linh ngự lâm trẻ tuổi tên là d'Artagnan, Porthos và…

Arthos ngừng lại: -Và Aramis, – bà công tước vội vã nói.

-Và Aramis, đúng thế, – Arthos nói tiếp, – vậy là bà không hoàn toàn quên cái tên ấy?

-Không, – bà nói – không đâu, Aramis tội nghiệp! Đó là một nhà quý tộc tuyệt diệu, tao nhã, kín đáo và làm thơ hay, tôi ngờ rằng ông ấy đã gặp bước không may.

-Tồi tệ nhất ấy; ông ta là tu viện trưởng.

-À à! Khổ chưa? – Bà de Chevreuse vừa nói vừa lơ đễnh nghịch nghịch chiếc quạt. – Thật vậy, thưa ông, tôi xin cảm ơn ông.

-Cảm ơn về cái gì, thưa bà?

-Về việc đã nhắc lại với tôi kỷ niệm ấy, nó là một trong những kỷ niệm êm ái nhất thời thanh xuân của tôi.

-Thế bà có cho phép tôi nhắc lại một kỷ niệm thứ hai không, – Arthos hỏi.

-Nó cũng gắn với người kia à?

-Có và không?

-Thật tình, xin ông cứ nói nữa đi, – bà de Chevreuse nói – với một người như ông, tôi mạo hiểm tất cả.

Arthos cúi mình. Rồi nói tiếp: -Aramis liên hệ với một cô bán quần áo trẻ tuổi ở thành Tour.

-Một cô bán quần áo trẻ tuổi ở thành Tour? – Bà Chevreuse lặp lại.

-Vâng, một cô em họ của ông ta, tên gọi Marie Michon.

-À! Tôi biết cô ta, bà de Chevreuse kêu lên, – chính ông Aramis từ trận vây thành La Rochelle đã viết thư cho cô ấy để báo trước về một cuộc âm mưu tiến hành chống ông Buckingham tội nghiệp ấy.

-Đúng thế, – Arthos nói – bà có vui lòng cho phép tôi nói về cô ta không?

Bà de Chevreuse nhìn Arthos, rồi nói: -Vâng, miễn là ông đừng nói nhiều điều không hay về cô ấy.

-Tôi sẽ là một kẻ bội bạc, – Arthos nói – và tôi coi sự bội bạc không phải như một khuyết điểm hoặc một tội ác mà là một điều xấu xa, như thế còn tồi tệ hơn.

-Thưa ông, ông mà bội bạc với Marie Michon ư?- Bà de Chevreuse vừa nói vừa thử đọc trong cặp mắt của Arthos. – Nhưng tôi làm sao lại có thể thế được? Chưa bao giờ ông quen riêng cô ta.

-Ồ, thưa bà, biết đâu đấy? – Arthos nói tiếp – Có một câu tục ngữ dân gian nói rằng chỉ có núi non mới không gặp nhau? Và những câu tục ngữ dân gian đôi khi đúng không thể tưởng tượng được.

-Ôi, nói tiếp đi, ông ơi, nói tiếp đi! – Bà de Chevreuse cuồng quít nói, – bởi vì ông không thể tưởng tượng rằng cuộc trò chuyện này làm tôi thích thú biết chừng nào.

-Bà cổ vũ tôi, – Arthos nói – vậy tôi xin nói tiếp. Cô em họ Aramis, cô Marie Michon ấy, rốt cuộc là cô bán quần áo trẻ tuổi ấy, mặc dầu địa vị tầm thường, cô quen biết những người cao sang nhất; cô gọi những mệnh phụ lớn nhất trong triều là bạn bè mình, và hoàng hậu dù kiêu hãnh đến mấy với tư cách vừa là người Áo vừa là người Tây Ban Nha, cũng gọi cô là em gái mình.

-Than ôi! – Bà de Chevreuse khẽ buông một tiếng thở dài và hơi nhíu đôi lông mày, động tác chỉ riêng bà có và nói. – Từ ấy đến nay đã bao sự đổi thay.

-Và Hoàng hậu rất đúng, – Arthos nói tiếp, bởi vì cô ta hết lòng tận tụy với bà đến mức làm trung gian cho bà với anh của bà ấy là vua Tây Ban Nha.

-Do việc ấy cô ta bị quy vào một trọng tội, – bà de Chevreuse nói.

-Đến nỗi, – Arthos nói, – ngài giáo chủ ngài giáo chủ thực sự kia cơ một buổi sớm nọ đã quyết định cho bắt cô Marie Michon tội nghiệp và đưa hẳn đến lâu đài Loches. May thay chuyện ấy không thể làm bí mật, đến mức nó không thoát ra ngoài được. Trường hợp ấy đã được dự phòng: nếu Marie Michon bị một mối nguy hiểm nào đó đe doạ, hoàng hậu sẽ phải gửi tới cho cô một cuốn sách kinh nhật tụng đóng và bọc bằng nhung xanh.

-Đúng thế thưa ông? Ông biết thật là tường tận.

-Một buổi sáng, cuốn sách xanh được hoàng thân Marcillac mang tới. Không còn thì giờ nữa. May thay, Marie Michon và một nữ tỳ của cô tên là Ketty mặc quần áo đàn ông hợp một cách tuyệt vời. Hoàng thân cấp cho Marie Michon một bộ quần áo kỵ sĩ và cho Ketty một bộ quần áo thằng hầu, giao cho họ hai con ngựa thật tốt, và hai kẻ chạy trốn nhanh chóng rời khỏi thành phố Tour về phía Tây Ban Nha. Họ run sợ trước mỗi tiếng động nhỏ, men theo những con đường quanh co vì không dám đi theo đường cái và khi nào không gặp hàng quán thì tìm nhà xin nghỉ trọ.

-Thực hoàn toàn đúng vậv, – bà de Chevreuse vỗ tay kêu lên – Nhưng thật là lạ lùng.

Bà ngừng bặt.

-Rằng tôi đã theo dõi hai người chạy trốn từ đầu đến cuối cuộc hành trình, phải không? – Arthos nói. – Không đâu, thưa bà, tôi sẽ chẳng lạm dụng thời giờ của bà như vậy, mà tôi chỉ đi theo họ tới một làng nhỏ vùng Limousin, ở giữa Tulle và Angoulême, một làng nhỏ tên là Roche – l'Abeille.

Bà de Chevreuse thốt lên một tiếng kêu kinh ngạc và nhìn Arthos với vẻ sửng sốt khiến anh lính ngự lâm cũng mỉm cười.

-Khoan đã, thưa bà, Arthos nói tiếp, – bởi vì điều còn lại để nói với bà sẽ khác hẳn điều mà tôi đã nói.

-Thưa ông, – bà de Chevreuse nói, – tôi ngỡ ông là một thày phù thủy, tôi sẵn sàng nghe tất cả, nhưng thực ra…, thôi, không sao, xin ông cứ tiếp tục.

-Lần ấy, ngày sao mà dài lê thê và mệt mỏi thế, trời thì rét, đó là ngày mười một tháng Mười. Trong làng không có hàng quán hay lâu đài nào, nhà ở của nông dân thì tiều tụy bẩn thỉu. Marie Michon là một người rất quý phái giống như hoàng hậu chị cô, cô đã quen với hương hoa và áo quần là lượt; cô bèn quyết định xin nghỉ trọ ở nhà một mục sư.

Arthos ngừng một lát.

-Ồ! Nói tiếp đi, – nữ công tước nói, – tôi đã bảo trước ông là tôi sẵn sàng chờ đợi mọi chuyện mà.

-Hai lữ khách gõ cửa, lúc ấy đã muộn, vì mục sư đã đi nằm, bảo họ cứ vào họ vào vì cửa không đóng. Trong các làng người ta sống rất tin cậy. Một ngọn đèn thắp trong buồng mục sư. Marie Michon, đóng vai một chàng kỵ sĩ tuyệt diệu nhất trần đời, đẩy cửa, thò đầu vào và xin nghỉ trọ.

-Rất sẵn sàng, chàng kỵ sĩ trẻ ạ, – mục sư nói, – nếu như anh vui lòng với bữa tối còn lại của tôi và với nửa căn phòng này của tôi.

Hai lữ khách trao đổi với nhau một lát, vị mục sư nghe họ cười phá lên, rồi ông chủ hay nói đúng hơn bà chủ đáp: -Cám ơn mục sư tôi nhận lời.

-Vậy thì các bạn ăn đi và cô giữ thật yên lặng, – mục sư nói, – bởi vì tôi cũng đã chạy cả ngày và chẳng phiền lòng nếu được ngủ đêm nay.

Rõ ràng bà de Chevreuse đi từ ngạc nhiên đến sửng sốt và từ sửng sốt đến rụng rời; nhìn Arthos gương mặt bà có một vẻ biểu hiện không thể nào tả nổi; người ta thấy như là muốn nói, song lại ím lặng, sợ bỏ sót một lời nào của người đối thoại.

-Rồi sao nữa? – Bà hỏi.

-Rồi sao ư? – Arthos nói – đúng là chỗ khó nói nhất.

-Nói đi, nói đi, cứ nói đi! Có thể nói với tôi tất cả. Vả chăng chuyện ấy không can hệ gì đến tôi, đó là chuyện của cô Marie Michon.

-À đúng thế! – Arthos nói – Vậy xin kể tiếp. Marie Michon ăn cùng với con hầu, và ăn xong, theo điều đã được cho phép, cô trở vào căn phòng nơi vị chủ nhà nghỉ, còn Ketty ngả lưng trên chiếc ghế bành ở ngăn đầu tiên, tức là nơi họ vừa ăn.

-Thưa ông, – bà de Chevreuse nói, trừ phi ông là ma quỷ hiện hình, thực tình tôi không hiểu, làm thế nào mà ông biết rõ từng chân tơ kẽ tóc như vậy.

-Cái cô Marie Michon ấy thật là một người đàn bà kiều diễm, – Arthos nói tiếp, – đó là một trong những tạo vật điên cuồng, trong đầu óc luôn luôn có những ý nghĩ lạ lùng nhất, đó là một trong những sinh vật sinh ra để làm tình làm tội tất cả chúng ta chừng nào chúng ta còn tồn tại. Nhân nghĩ rằng chủ nhà là một vị mục sư, cô gái đỏng đảnh nảy ra ý nghĩ rằng giữa muôn vàn những kỷ niệm vui tươi mà mình đã sẵn có, thì đây có khi sẽ là một kỷ niệm thú vị cho tuổi già của cô là đã làm tội một kẻ tu hành.

-Bá tước ơi, xin thề là ông làm cho tôi kinh hãi lắm!

-Than ôi! – Arthos lại tiếp, – vị mục sư tội nghiệp chẳng phải là một ông thánh Ambroise, mà cô Marie Michon, tôi xin nhắc lại, là một tạo vật đáng yêu quý.

Bà công tước nắm lấy tay Arthos mà kêu lên: -Ông ơi, hãy nói ngay lập tức cho tôi biết làm sao mà ông biết hết ngọn ngành chuyện ấy, nếu không tôi sẽ gọi một thày tăng ở tu viện Vieux – Augustins đến để trừ tà cho ông.

Arthos bật cười nói: -Thưa bà chẳng có gì dễ hiểu hơn. Một kỵ sĩ, được trao một sứ mệnh quan trọng đến xin ngủ trọ ở nhà mục sư một tiếng đồng hồ trước khi cô ấy đến, và đúng lúc ấy, mục sư được mời đi tới chỗ một kẻ sắp chết, ông ta vội rời không những khỏi nhà mình mà rời khỏi làng đi suốt đêm. Thế là người của Chúa đầy lòng tin cậy ở vị khách trọ của mình, mà vị khách này cũng là một nhà quý tộc, nên ông đã bỏ lại cho khách cả nhà cửa, bữa ăn tối và phòng nghỉ. Như vậy là Marie Michon đã ngỏ lời xin nghỉ trọ không phải với vị mục sư mà với khách của mục sư.

-Thế người kỵ sĩ ấy, vị khách ấy, vị quý tộc ấy đã đến trước cô ta là ai?

-Chính tôi, bá tước de La Fère, – Arthos vừa nói vừa đứng dậy và cung kính chào nữ công tước de Chevreuse.

Nữ công tước qua một lát kinh hoàng, rồi bỗng bật cười nói: -Ôi! Thực tình mà nói, thật là kỳ khôi và cái cô Marie Michon điên dại ấy đã tìm thấy hơn cả điều mình mong ước. Bá tước thân mến, hãy ngồi xuống và kể tiếp đi nào.

-Bây giờ còn lại điều tôi tự buộc tội mình. Tôi đã nói với bà rằng, chính tôi tôi cũng đi vì một sứ mệnh cấp bách; từ mờ sáng tôi đã lặng lẽ ra khỏi phòng, để mặc cho người bạn đồng phòng của tôi ngủ tiếp. Trong gian ngoài, cô hầu cũng vẫn ngủ, đầu ngả trên ghế bành, trông thật xứng đáng với bà chủ. Khuôn mặt xinh đẹp của cô ta làm tôi chú ý, tôi tiến gần lại và nhận ra cô bé Kettty mà anh

bạn Aramis của chúng tôi đã thu xếp cho theo hầu bà ta. Do đó mà tôi biết được rằng người lữ khách kiều diễm là…

-Marie Michon? – Bà de Chevreuse vội vã cướp lời.

-Marie Michon, – Arthos nhắc lại – Thế là tôi ra khỏi nhà, đến chuồng ngựa, thấy ngựa đã thắng yên cương và tên hầu của tôi đã sẵn sàng, chúng tôi ra đi.

-Thế không bao giờ ông quay trở lại cái làng đó à? Bà de Chevreuse hấp tấp hỏi.

-Thưa bà, một năm sau.

-Thế sao?

-Tôi muốn thăm lại mục sư tử tế ấy. Tôi thấy ông đang bận về một chuyện mà ông chẳng hiểu gì cả.

Trước đó tám ngày, ông nhận được một chiếc nôi nhỏ trong có đứa con trai ba tháng với một túi đầy tiền vàng và một mảnh giấy ghi mấy dòng chữ đơn giản "11 tháng Mười, năm 1633".

-Đó là ngày xảy ra cuộc phiêu lưu kỳ lạ ấy, – bà de Chevreuse nói.

-Phải, nhưng ông mục sư không hiểu gì ngoài việc đêm hôm ấy ông đã ở bên cạnh một kẻ sắp chết, bởi vì Marie Michon cũng đã rời khỏi nhà mục sư trước lúc ông trở về.

-Ông biết không, năm 1643 khi Marie Michon trở về Pháp đã cho hỏi ngay tin tức về đứa trẻ, bởi vì đang lẩn trốn cô không thể trông nom nó được; nhưng sau về Paris cô ấy muốn được nuôi nấng dạy dỗ nó ở bên mình.

-Thế vị mục sư nói gì với cô ta? – Đến lượt Arthos hỏi.

-Ông ấy cho biết là một vị lãnh chúa mà ông không quen biết đã có ý muốn nhận nuôi nó, bảo đảm tương lai cho nó và đã mang nó đi theo.

-Sự thật là như vậy.

-A! Tôi hiểu rồi? Vị lãnh chúa ấy chính là ông đây, chính là cha thằng bé?

-Sụyt! Đừng nói to thế bà ơi, nó ở ngoài kia.

-Nó ở ngoài kia à? – Bà de Chevreuse kêu lên và vội vàng đứng dậy – Nó ở kia, con trai của tôi, con trai của Marie Michon ở kia! Tôi muốn gặp nó ngay bây giờ!

-Xin bà hãy chú ý đừng để nó biết rõ cha nó và mẹ nó, – Arthos ngắt lời.

-Ông đã giữ kín điều bí mật, và ông đã dẫn nó tới đây vì nghĩ ràng nó sẽ làm cho tôi sung sướng. Ôi, xin cảm ơn, xin cảm ơn ông!

Bà de Chevreuse vừa kêu lên vừa nắm chặt lấy tay Arthos và cố đưa lên môi hôn.

-Xin cảm ơn! Ông là một tấm gương cao quý.

Arthos vừa rút bàn tay vừa nói: -Tôi dẫn nó đến đây với bà, để đến lượt bà cũng làm cho nó một cái gì. Cho tới nay tôi đã trông nom việc giáo dục nó và tin rằng đã khiến nó trở thành một người quý tộc hoàn tất, nhưng đã đến lúc tôi thấy

mình buộc phải sống trở lại cuộc đời lang thang và nguy hiểm của người đảng phái. Ngay ngày mai tôi sẽ lao vào một công việc phiêu lưu và có thể bị giết chết; thế là sẽ chỉ còn có bà để đẩy nó vào thế giới thượng lưu mà nó được gọi đến để giành một vị trí.

-Ồ! Ông yên tâm? – Bà công tước nói. – Tiếc thay lúc này tiền nong tôi không còn mấy, nhưng cái gì còn lại của tôi là của nó; còn về vận hạnh và tước vị của nó thì…

-Về điều này bà khỏi phải lo: tôi đã cho nó thừa hưởng lãnh địa Bragelonne mà tôi thừa kế, lãnh địa ấy sẽ cho nó nhận tước vị tử tước và mười nghìn livres niên thu.

-Thưa ông, – nữ công tước nôi, – tôi xin lấy linh hồn mình ra mà thề rằng ông là một nhà quý tộc chân chính! Nhưng tôi đang nóng lòng gặp chàng tử tước trẻ tuổi của chúng ta. Cậu ta đâu?

-Ở ngoài phòng khách kia, tôi sẽ bảo nó vào.

Arthos toan bước ra cửa, thì bà de Chevreuse ngăn lại.

-Nó có đẹp không? – Bà hỏi.

Arthos mỉm cười đáp: -Nó giống mẹ nó.

Cùng lúc anh mở cửa và ra hiệu cho chàng trai trẻ vào, cậu xuất hiện ở ngưỡng cửa.

Bà de Chevreuse không thể ngăn mình thốt lên một tiếng kêu lên mừng rỡ, khi trông thấy một chàng kỵ sĩ tuấn tú đến thế, thật vượt mọi kỳ vọng mà niềm kiêu hãnh của bà có thể ấp ủ.

-Tử tước, lại gần đây, bà công tước de Chevreuse cho phép anh hôn tay bà.

-Cậu thiếu niên bước lại với một nụ cười duyên dáng, rồi ngả mũ, quỳ đầu gối xuống đất và hôn tay bà de Chevreuse.

-Thưa bá tước, – cậu quay về phía Arthos mà nói, – phải chăng vì muốn nương nhẹ tính nhút nhát của tôi mà ông nói rằng đây là nữ công tước de Chevreuse, và đúng ra là hoàng hậu phải không ạ?

-Bà de Chevreuse cầm lấy tay cậu, kéo ngồi xuống bên cạnh mình và nhìn cậu bằng cặp mắt long lanh mừng vui và nói.

-Không phải đâu, tử tước ơi. Tiếc thay tôi không phải là hoàng hậu, vì rằng nếu là hoàng hậu thì ngay lúc này đây, tôi sẽ làm cho anh tất cả những gì mà anh xứng đáng, nhưng nào, – bà khó lòng tự ghìm mình áp đôi môi lên vầng trán đến là thanh khiết của cậu và nói tiếp – Nào anh thích làm nghề gì?

Arthos đứng ngây ra nhìn hai người với vẻ sung sướng khôn tả.

Bằng một giọng vừa êm ái vừa vang vang, Raoul nói: -Thưa bà, đối với một quý tộc, hình như chỉ có một nghề, đó là binh nghiệp. Ông bá tước đã dạy dỗ tôi với một ý định là làm tôi thành một người lính, tôi chắc thế, và ông đã để cho tôi

hy vọng là sẽ giới thiệu tôi với một vị nào đó ở Paris có thê tiển cử tôi với ngài Hoàng thân.

-Phải tôi hiểu, một binh sĩ trẻ như anh mà phục vụ dưới quyền một vị tướng như ông ta thì thật là hợp quá.

-Nhưng này, khoan đã… quan hệ cá nhân giữa tôi với ông ta không được tốt lắm, do những chuyện xích mích giữa bà de Montbazon, mẹ ghẻ tôi, với bà de Longueville; nhưng qua hoàng thân de Marcillac là bạn cũ của tôi, ông sẽ giới thiệu anh bạn trẻ của chúng ta với bà de Longueville, bà sẽ viết một bức thư cho anh bà, ông hoàng thân, ông ấy yêu mến bà ta quá tha thiết nên không thể không làm ngay tức khắc cho bà tất cả những gì bà đòi hỏi.

-Thế là mọi chuyện được thu xếp rất tuyệt, – bá tước nói – Song bây giờ liệu tôi có dám dặn dò bà một điều khẩn gấp bậc nhất không? Tôi có lý do để mong muốn rằng chiều ngày mai tử tước không ở Paris nữa.

-Thưa bá tước, ông có ý muốn rằng người ta biết là ông quan tâm đến anh ta không?

-Tốt hơn hết đối với tương lai của anh ta có lẽ là đừng để ai biết rằng anh ta đã từng quen biết tôi.

-Ôi, thưa ông! – Chàng trẻ kêu lên.

-Bragelonne này, – bá tước nói, anh biết rằng tôi không bao giờ làm điều gì mà không có lý do.

-Vâng, thưa ông, – chàng trai trẻ nói, – tôi biết rằng ở ông là sự khôn ngoan cực điểm, và tôi sẽ tuân lời ông như tôi đã từng quen làm như vậy.

-Thôi, bá tước cứ để anh ấy cho tôi, – nữ công tước nói. – Tôi sẽ cho đi tìm hoàng thân de Marcillac, may ra lúc này ông ấy đang ở Paris, và tôi sẽ không rời anh ta chừng nào công việc chưa xong.

-Tốt lắm, thưa bà công tước, xin đa tạ bà. Hôm nay tôi cũng có nhiều nhiều việc phải làm và lúc trở về, tức là khoảng sáu giờ chiều, tôi sẽ đợi tử tước ở khách sạn.

-Tối nay ông làm gì?

-Chúng tôi sẽ đến tu viện trưởng Scarron vì có thư cho ông ấy và cũng sẽ gặp một người bạn ở đấy.

-Được rồi, – bà công tước nói, – tôi sẽ qua đấy một lát, vậy ông chớ từ giã phòng khách này trước khi gặp tôi.

Arthos chào bà de Chevreuse và sửa soạn ra đi.

-Ơ này, ông bá tước, – bà công tước cười nói – người ta từ giã bạn bè một cách nghiêm khắc đến thế ư?

-A!- Arthos lẩm bẩm và hôn tay bà.

-Nếu như trước đây tôi đã biết sớm rằng Marie Michon là một con người tuyệt vời đến thế!

Anh vừa rút lui vừa thở dài.

§23. Tu viện trưởng Scarron

Ở phố Tournelles có một ngôi nhà mà tất cả những phu khiêng kiệu và tất cả những thằng hầu ở Paris đều biết, tuy nhiên đó chẳng phải nhà của một vị đại thần hay một nhà tài chính. Người la không ăn, không chơi và không nhảy múa ở đấy bao giờ.

Ngôi nhà đó là của ông Scarron nhỏ bé.

-Ở nhà ông tu viện trưởng sắc sảo hóm hỉnh ấy, người ta vui cười thoả thích; người ta tuôn ra bao nhiêu tin tức; những tin ấy nhanh chóng được bình luận, xé vụn ra và chế biến hoặc thành truyện, hoặc thành những bài thơ trào phúng, đến nỗi ai cũng muốn đến chơi một lát với ông Scarron nhỏ bé, nghe ông nói và rồi đi kể lại những điều ông đã nói. Có nhiều người nóng lòng đến đấy để nói lời của mình và nếu nó có kỳ cục, thì họ vẫn là những kẻ được hoan nghênh.

Ông tu viện trưởng bé nhỏ Scarron được coi là tu viện trưởng chăng qua vì ông sở hữu tu viện, chứ hoàn toàn không phải ông thuộc giới chức nhà thờ; xưa kia ông là một trong những kẻ hưởng lộc thánh đỏng đảnh nhất của thành phố Meung nơi ông ở. Nhân một hôm hội giả trang, ông định mua vui một cách cực điểm cho cái thành phố tử tế này mà ông là linh hồn. Ông bèn sai tên hầu bôi mật ong vào khắp người ông, rồi trải một cái nệm lông ra, ông lăn mình vào trong đô thành thử ông biến thành một loài chim kỳ cục nhất chưa từng thấy.

Ông bắt đầu đến viếng thăm các bạn trai và bạn gái trong bộ quần áo lạ đời ấy. Lúc đầu, người ta theo dõi với vẻ kinh ngạc, rồi với những tiếng la ó, rồi những kẻ thô lỗ chửi rủa ông, trẻ con ném đá vào ông, cuối cùng ông phải bỏ chạy để tránh những quả đạn.

Ông chạy trốn rồi mà mọi người vẫn đuổi theo: săn, dồn, ép mọi bề.

Scarron chẳng còn cách nào thoát là nhảy xuống sông. Ông bơi như một con cá, nhưng nước giá như băng. Scarron đang nhễ nhại mồ hôi, bị nhiễm lạnh đột ngột, khi sang đến bờ bên kia thì bại liệt.

Người ta thử tìm mọi cách đã biết để khôi phục hoạt động chân tay cho ông; chữa chạy khiến ông đau đớn quá đến nỗi ông tống khứ tất cả các thày thuốc và tuyên bố rằng ông thích bệnh tật hơn. Rồi ông trở về Paris nơi danh tiếng con người trí tuệ của ông đã được thiết lập ông cho làm một cái ghế đi động theo sáng kiến của mình. Một hôm ông ngồi trong chiếc ghế ấy và đến thăm hoàng hậu Anne d'Autriche, bà hoàng cảm phục trí tuệ của ông đã hỏi ông có mong muốn một tước vị gì không.

-Thưa Hoàng hậu, – Scarron đáp – có một tước vị mà tôi rất tham vọng.

-Tước vị gì? – Hoàng hậu hỏi.

-Thưa, tước vị bệnh nhân của người, – tu viện trưởng đáp.

Và Scarron đã được phong là Bệnh nhân của Hoàng hậu với một khoản trợ cấp một nghìn năm trăm livres.

Tuy nhiên, một hôm phái viên của giáo chủ đã nói cho biết rằng ông đã sai lầm vì tiếp đãi ông chủ giáo.

-Tại sao vậy? – Scarron hỏi, – đó chẳng phải là một người dòng dõi hay sao?

-Có chứ.

-Đáng mến không?

-Không chối cãi được.

-Thông tuệ không?

-Khốn thay, ông ấy quá thừa.

-Vậy thì cớ sao ông lại muốn tôi thôi không gặp gỡ một người như vậy? – Scarron hỏi.

-Bởi vì ông ta nghĩ xấu.

-Thật ư? Nghĩ xấu về ai?

-Về ông giáo chủ…

-Sao lại thế nhỉ? – Scarron nói. – Ông Gilles Despréaux nghĩ xấu về tôi tôi vẫn tiếp tục gặp gỡ ông ta, thế mà ông lại bắt tôi không được gặp ông chủ giáo chỉ vì ông ta nghĩ xấu về một người khác ư? Không thể được!

Câu chuyện ngừng ở đấy, còn Scarron vì bực tức, càng gặp gỡ ông de Gondy nhiều hơn.

Buổi sáng hôm chúng ta đến đúng vào kỳ hạn phát tiền quỹ, theo lệ thường. Scarron sai tên hầu mang phiếu đến quỹ trợ cấp để lĩnh lương quý nhưng ông được trả lời:

"Nhà nước không còn tiền cho tu viện trưởng Scarron".

Lúc tên hầu mang thư trả lời đó về nhà thì có quận công de Longueville đang ở chơi, ông đề nghị sẽ cấp cho Scarron một khoản trợ cấp to gấp đôi khoản trợ cấp mà lão Mazarin cắt đi của ông, nhưng lão bại liệt ranh ma không nhận. Thế là chỉ đến bốn giờ chiều tất cả thành phố đều biết tin về việc giáo chủ cắt lương Scarron.

Hôm ấy lại đúng vào ngày thứ năm, ngày tiếp khách của tu viện trưởng; người ta ùn ùn kéo đến nhà ông, và người ta ủng hộ phong trào La Fronda một cách điên cuồng ở khắp nơi trong thành phố.

Arthos đi đến phố Saint-Honoré gặp hai người quý tộc mà anh không quen, họ cũng đi ngựa như anh, có một tên hầu đi theo như anh và đi cùng đường với anh.

Một trong hai người đó ngả mũ ra và nói với anh: -Thưa ông, ông có tin rằng cái lão Mazarin đê tiện ấy đã cắt tiền trợ cấp của ông Scarron đáng thương ấy không?

-Đó là một việc đại vô lý, Arthos vừa đáp vừa chào lại hai người kỵ sĩ.

Người ban nãy lại nói: -Người ta thấy rõ ông là người trung thực và cái lão Mazarin ấy là một tai vạ thật sự.

-Chao ôi! Thưa ông, – Arthos đáp – Ông nói điều ấy với ai vậy?

Và họ chia tay nhau hết sức lễ phép.

-Chúng ta đến đó tối nay thật là vừa hay, – Arthos nói với tử tước – Chúng ta sẽ chúc mừng con người tội nghiệp ấy.

Nhưng ông Scarron là ai mà làm náo động cả kinh thành Paris lên thế – Raoul hỏi. – Một ông thượng thư bị thất sủng chăng?

-Ô, lạy Chúa, không phải đâu, tử tước ạ, – Arthos đáp, – đó chỉ là một vị quý tộc nhỏ bé rất thông tuệ, bị thất sủng với ngài giáo chủ chăng qua là vì đã làm một bài thơ gì đó chống lại ông ta.

-Các nhà quý tộc có làm thơ không? – Raoul ngây thơ hỏi – tôi e rằng như vậy là tự hạ mình.

-Phải đấy, tử tước thân mến ạ, khi làm thơ tồi, – Arthos cười đáp, – nhưng nếu làm thơ hay thì lại càng rạng rỡ. Hãy xem ông de Rotrou đấy Tuy nhiên, – Arthos nói tiếp với cái giọng khi người ta ban một lời khuyên bổ ích, – tôi cho rằng không làm thơ thì hơn.

-Thế ông Scarron có phải là thi sĩ không? – Raoul hỏi.

-Phải, tử tước được báo trước rồi đấy: đến nhà ông ấy là phải chú ý rất cẩn thận, chỉ nói năng bằng cử chỉ, hoặc tốt hơn hết là lắng nghe thôi.

-Thưa vâng, – Raoul đáp.

-Anh sẽ thấy tôi chuyện trò nhiều với một vị quý tộc trong số bạn tôi: đó là tu viện trưởng De Herblay mà anh vẫn thường nghe tôi nói đến.

-Tôi có nhớ, thưa ông.

-Thỉnh thoảng anh đến gần chúng tôi như muốn nói chuyện, nhưng chớ nói, và cũng chớ có nghe. Làm thế cốt để những kẻ quấy rầy khỏi làm phiền chúng tôi thôi.

-Được ạ, tôi sẽ tuân theo ông từng điểm một.

Arthos đi thăm hai nơi ở Paris. Rồi đến bảy giờ hai người đi về phía phố Tournelles. Đường phố tắc nghẽn những phu trạm, ngựa và bọn đầy tớ đi bộ, Arthos đi lách qua để vào và chàng trẻ tuổi theo sau.

Người đầu tiên đập vào mắt Arthos khi vào là một người ngồi trong một chiếc ghế lớn lắp bánh xe lăn có che một cái tán bằng thảm thêu, dưới tán thấy động đậy một thân hình bọc trong một tấm mền gấm với khuôn mặt nhỏ nhắn hãy còn trẻ cười cợt nhưng thỉnh thoảng tái nhợt đi, song cặp mắt lúc nào cũng biểu lộ một tinh thần linh hoạt, thông minh và duyên dáng. Đó là tu viện trưởng Scarron luôn luôn tươi cười, giễu cợt.

Chung quanh cái thứ lều lưu động ấy, chen chúc một đám các vị quý tộc và các phu nhân. Căn phòng rất tinh tươm và bày biện tao nhã. Trên những ô cửa sổ

lớn buông những tấm rèm bằng lụa thêu hoa màu sắc trước kia sặc sỡ nay đã hơi phai lạt; thảm phủ tường giản dị nhưng nhã nhặn. Hai tên hầu rất lễ phép và được huấn luyện quen với những phong cách lịch sự hầu hạ rất khéo léo.

Vừa chợt thấy Arthos, Aramis chạy ra ngay nắm lấy tay anh và giới thiệu với Scarron, chủ nhân tỏ ra rất vui mừng và cung kính đối với vị khách mới và nói một câu chúc mừng rất hóm hỉnh với cậu tử tước. Raoul ngẩn người vì chưa được chuẩn bị với những chuyện ứng đối văn hoa, song anh thi lễ rất tao nhã. Sau đó Arthos được Aramis giới thiệu với hai ba lãnh chúa và được họ chúc mừng. Sự ồn ào lắng dần và cuộc chuyện trò lại tiếp tục lan rộng.

Sau khoảng bốn năm phút để trấn tĩnh và nhận diện tỉ mỉ, Raoul thấy cửa mở và một tên hầu báo có cô Paulet đến.

Arthos chạm vào vai tử tước và bảo: -Hãy nhìn kỹ người phụ nữ này, vì đó là một nhân vật lịch sử: chính vua Henri IV đến nhà bà ta khi bị ám sát.

Raoul rùng mình: từ mấy hôm nay, lát lát một tấm màn lại vén lên cho anh thấy một quang cảnh lịch sử: người đàn bà vẫn còn trẻ và vẫn còn đẹp, đang vào kia đã từng biết Henri IV và nói chuyện với ngài.

Ai nấy tíu tít bên cạnh bà khách mới đến vì bà vẫn còn thời thượng lắm. Đó là một phụ nữ cao, vóc người thanh tú và yểu điệu có mái tóc rậm vàng óng như Raphaen vẫn hằng yêu thích và Titien thường vẽ cho các nàng Madeleine của mình. Cái màn hung hung hoang dã ấy hoặc có lẽ cái vẻ vương giả mà bà ta đã chinh phục được ở các phu nữ khác đã khiến bà giành được biệt danh Sư tử cái[210].

Những phu nhân mỹ miều ngày nay nhằm đạt tới danh hiệu phong lưu đài các ấy sẽ hiểu rằng chẳng phải nó từ nước Anh tới như có lẽ họ tưởng, mà chính từ người đồng hương xinh đẹp và trí xảo của họ, cô Paulet.

Cô Paulet đi thẳng đến chỗ Scarron, giữa những tiếng rì rầm nổi lên từ tứ phía lúc cô vào.

-Thế nào, ông tu viện trưởng thân mến? – Cô nói giọng bình thản, – Vậy, ông nghèo túng phải không? Chúng tôi vừa mới biết chuyện đó chiều nay ở nhà bà de Rambouillet, ông de Grasser nói với chúng tôi.

-Vâng, nhưng Nhà nước bây giờ lại giàu lên, – Scarron đáp: – Ta cũng phải biết hy sinh cho đất nước mình chứ!

Chợt một người phái Fronda mà Arthos nhận ra là nhà quý tộc anh đã gặp ở phố Saint Honoré nói: -Ngài giáo chủ sắp mua thêm cho mình một nghìn năm trăm livres, phấn sáp và nước hoa một năm đấy.

-Nhưng còn Nàng Thơ nàng sẽ nói gì? – Aramis nói bằng giọng ngọt xớt của mình, – Nàng Thơ cần đến sự xuềnh xoàng mạ vàng chăng? Bởi vì cuối cùng:

Si Virgilio puer aut tolerabile desit.

Hospitium caderent omnes a crinibus hydri[211].

- Hay! – Scarron vừa giơ tay ra cho cô Paulet vừa nói, – nhưng nếu tôi không còn con giao long của tôi nữa thì ít ra tôi cũng còn con sư tư cái của tôi.

Tối hôm ấy, mọi lời nói của Scarron đều có vẻ tuyệt diệu. Đó là đặc ân của sự ngược đãi. Ông Ménage[212] có những cảm hứng bột phát.

Cô Paulet sắp đến chỗ của mình mọi khi, nhưng trước khi ngồi xuống, từ trên tầm cao của mình, cô đưa mắt lướt một cái nhìn vương hậu xuống tất cả cử toạ và dừng lại ở Raoul.

Arthos mỉm cười bảo Raoul: -Anh được cô Paulet chú ý đấy, tử tước ạ, đến chào cô đi. Cứ tự nhiên như mình là một người dân tỉnh lẻ chất phác; nhưng chớ có đã động đến chuyện vua Henri nhé.

Tử tước đỏ mặt tiến lại phía Sư tử cái, và lẫn vào ngay với đám lãnh chúa quây quanh chiếc ghế.

-Thế là đã hình thành hai nhóm rõ rệt: một nhóm vây quanh ông Ménage, và một nhóm xúm quanh cô Paulet. Scarron chạy từ nhóm này sang nhóm kia, điều khiển chiếc ghế có bánh xe ở giữa đám đông ấy một cách khéo léo hết sức, chẳng khác một người hoa tiêu lão luyện dẫn một con thuyền giữa mặt biển lởm chởm những đá ngầm.

-Lúc nào chúng ta nói chuyện với nhau? – Arthos hỏi Aramis.

-Lát nữa, – Aramis đáp: Lúc này chưa đông khách lắm, ta dễ bị chú ý.

Vừa lúc ấy cửa mở và một tên hầu báo có ông chủ giáo đến.

Nghe vậy, tất cả mọi người đều quay ra, vì cái tên ấy đã trở thành rất nổi tiếng

Arthos cũng nhìn ra. Cho đến nay anh mới chỉ nghe tên tu viện trưởng Gôngdy mà chưa biết người.

Anh trông thấy đi vào một người nhỏ nhắn, đen đủi, xấu xí, cận thị tay chân vụng về đủ thứ trừ việc tuốt kiếm và rút súng, thoạt tiên ông ta đi đến một cái bàn mà ông suýt xô đổ, nhưng với tất cả những cái đó ông có một cái gì cao ngạo và hãnh diện trên gương mặt. Đến sát Scarron, ông mới nhận ra và nói: -Thế nào, tu viện trưởng, ông bị thất sủng rồi hả?

Lời nói ấy như câu kinh lễ được nhắc đến trăm lượt trong buổi chiều nay rồi, và Scarron đã phải trả lời đến câu thứ một trăm về vẫn một chủ đề ấy. Cho nên ông im bặt đi, nhưng rồi một cố gắng tuyệt vọng đã cứu ông. Ông nói: -Ngài giáo chủ Mazarin rất muốn nghĩ tới tôi.

-Kỳ diệu nhỉ? – Ménageơ kêu lên.

-Nhưng rồi ông làm thế nào để tiếp tục đón chúng tôi? Ông chủ giáo nói tiếp. – Nếu thu nhập của ông tụt xuống, buộc lòng phải cử ông làm chanoine[213] ở nhà thờ Đức bà.

-Ô! Không đâu, – Scarron nói, – tôi làm luỵ cho ông nhiều quá.

-Hay là ông có những nguồn nào khác mà chúng tôi không biết?

-Tôi sẽ vay hoàng hậu.

-Nhưng hoàng hậu chẳng có gì cho riêng mình đâu, – Aramis nói, – bà ấy chẳng sống dưới chế độ cộng đồng đó sao?

Ông chủ giáo quay lại cười với Aramis và giơ một đầu ngón tay ra hiệu thân mật. Ông nói: -Xin lỗi tu viện trưởng thân mến của tôi, ông bị muộn, và tôi phải tặng ông một món quà.

-Quà gì vậy? – Aramis hỏi.

-Một cái dải mũ.

Ai nấy quay về phía chủ giáo, ông rút ở túi ra một dải lụa hình dáng kỳ lạ.

-A!- Scarron nói, – một cái dải Fronda.

-Đúng thế, – chủ giáo nói, – Ở La Fronda, người ta làm đủ mọi thứ. Cô Paulet này, tôi dànhl cho cô một cái quạt ở La Fronda. De Herblay, tôi sẽ cho ông người bán găng tay của tôi, bác ta làm găng ở La Fronda; còn ông, Scarron: tôi sẽ cho ông người hàng bánh của tôi với tín dụng vô thời hạn; bác ta làm bánh ngon tuyệt vời cho La Fronda.

Aramis cầm dải lụa quấn quanh mũ.

Vừa lúc ấy cửa mở và một tên hầu kêu to: -Bà công tước de Chevreuse!

Nghe tên bà de Chevreuse, tất cả mọi người đứng dậy.

Scarron vội vã lăn chiếc ghế bành của mình ra phía cửa. Raoul đỏ mặt lên. Arthos ra hiệu cho Aramis và anh này đến nép sau một khuông cửa sổ.

Giữa những lời chúc tụng cung kính đón bà vào, nữ công tước de Chevreuse đưa mắt tìm kiếm một người hay một vật gì. Cuối cùng bà nhận ra Raoul và mắt bà rực sáng lên; bà nom thấy Arthos và trở nên mơ màng; rồi nhìn thấy Aramis ở bên cửa sổ, bà để lộ sau cái quạt một vẻ bất ngờ khó nhận biết.

-Tiện đây, – bà nói như để xua đuổi những ý nghĩ đang xâm chiếm đầu óc mình mà mình không muốn, – xin hỏi, cái ông Voiture tội nghiệp ấy ra sao rồi? Ông Scarron có biết không?

Vị lãnh chúa đã hỏi chuyện Arthos ở thành phố Honoré nói: -Sao? Ông Voiture ốm à? Và có chuyện gì nữa?

Ông chủ giáo nói: -Ông ta mải chơi bài không bảo tên hầu mang áo đến thay, thành thử bị cảm lạnh và sắp chết.

-Ở đâu thế?

-Ôi lạy Chúa! Ở chỗ tôi. Cứ tưởng tượng xem ông Voiture tội nghiệp đó đã có một lời nguyền long trọng là không chơi bài bạc nữa. Sau ba ngày không giữ nổi, ông ta lần đến toà tổng giám mục để tôi giải lời nguyền đó cho ông. Khốn nỗi lúc ấy tôi đang bận việc rất quan trọng với ông tham nghị Broussel tử tế ấy ở tít sâu trong phòng tôi thì Voiture chợt thấy hầu tước de Luynes đang ngồi ở bàn đợi một chân bài. Hầu tước gọi và mời Voiture ngồi vào bàn. Voiture đáp rằng không thể chơi, nếu tôi không giải lời nguyền cho ông ấy. Luynes mượn danh nghĩa tôi

mà cam kết và nhận tội về mình. Voiture ngồi vào bàn chơi, thua mất bốn trăm êquy, khi ra về thì cảm lạnh, đi nằm để không còn dậy được nữa.

Aramis lấp ló sau tấm rèm cửa sổ hỏi: -Ông Voiture thân mến ấy ốm đến thế kia à?

-Hỡi ôi! – Ông Ménage đáp, – Ông ta ốm nặng lắm, và con người vĩ đại ấy có lẽ sắp từ giã chúng ta, deserel Orbem.[214]

-Hừ, ông ấy mà chết ư! – Cô Paulet nói với vẻ châm biếm. – Ông ấy chẳng muốn chết đâu? Ông ta có đầy cung phi xung quanh như ông vua Thổ Nhĩ Kỳ. Bà de Saintot chạy đến nấu cháo, bà Renaudot sưởi mền chăn cho ông; và ông ta lại chẳng có đến cả bạn gái của chúng ta, nữ hầu tước de Rambouillet gửi thuốc sắc đến hay sao.

-Nàng Parthenie thân mến của tôi, – Scarron cười nói, – cô không yêu mến ông ta?

-Ồ oan cho tôi quá, bệnh nhân thân mến của tôi ạ! Tôi chẳng ghét ông ta mấy đâu và tôi sẽ vui lòng cầu kinh cho linh hồn ông được yên nghỉ.

Bà de Chevreuse từ chỗ ngồi nói với: -Bạn thân mến ơi, chẳng phải không dưng mà người ta tặng bà cái biệt danh Sư tử cái, và bà công kích dữ quá.

-Thưa bà, dường như bà ngược đãi quá đáng một nhà thơ lớn – Raoul đánh liều lên tiếng.

-Ông ta mà là một nhà thơ lớn à? Này, tử tước ơi người ta thấy rõ là ông từ tỉnh lẻ đến như ông nói với tôi ban nãy, và ông chưa trông thấy ông ta bao giờ. Ông ta là một nhà thơ lớn ư? Hê, ông ta chưa cao đến năm bộ.

-Hoan hô! Hoan hô! – Một người cao lớn, có bộ ria kiêu hãnh và một thanh kiếm đồ sộ nói. – Hoan hô, nàng Paulet kiều diễm? Đã đến lúc đặt lại cái ông Voiture bé nhỏ ấy vào đúng vị trí của mình.

-Tôi lớn tiếng tuyên bố rằng tôi cho là tôi giỏi về thi ca, và tôi luôn luôn thấy thơ ca của ông ta dở lắm.

-Cái vị anh hùng rơm ấy là ai thế, thưa ông? – Raoul hỏi Arthos.

-Ông Scudéry.

-Tác giả Clédi và Grand Cyrus vĩ đại ấy à?

-Mà ông ta soạn chung với cô em gái lúc này đang nói chuyện với cái cô xinh đẹp ngồi gần ông Scarron ở kia kìa.

Raoul quay đầu lại và quả nhiên nom thấy hai khuôn mặt mới vừa vào: Một thật kiều diễm, thật mảnh mai, thật ủ dột, đóng khung trong mái tóc đen lánh với cặp mắt nhung giống như những cánh hoa pensée tím ngắt phía dưới lóng lánh một đài hoa vàng óng; khuôn mặt kia là một bà có vẻ đỡ đầu cô gái, vẻ lạnh lùng, khô héo và úa vàng, một khuôn mặt thực thụ của một bà già khó tính hoặc sùng tin, Raoul tự hẹn với mình sẽ không ra khỏi phòng khách khi chưa nói chuyện với cô thiếu nữ mắt nhung; do một ý nghĩ trớ trêu cô ta vừa mới gợi nhớ đến

Louise, mặc dầu cô chẳng giống chút nào cô bé Louise tội nghiệp mà anh bỏ mặc đau đớn ở lâu đài La Vallière, và ở giữa cả cái thế giới thượng lưu này anh đã lãng quên trong chốc lát.

Trong lúc ấy Aramis xích đến gần vị chủ giáo, ông ta với vẻ cười cợt khi nói vào tai anh ta mấy tiếng. Mặc dầu có sự kiềm chế, Aramis cũng không ngăn nổi một động tác nhẹ.

-Cười đi! – Ông de Retz bảo anh, – người ta nhìn chúng mình đấy.

Rồi ông rời anh để lên chuyện trò với bà de Chevreuse đang có một đám đông vây quanh.

Aramis giả bộ cười để đánh lạc hướng mấy thính giả tọc mạch, và nhác thấy Arthos lại đến đứng ở chỗ cửa sổ ban nãy anh đã đứng, sau khi ném vài lời sang trái sang phải, anh chẳng phải vờ vịt gì nữa mà đến thẳng chỗ Arthos.

Vừa giáp mặt nhau là hai người chuyện trò ngay kèm theo bao nhiêu cử chỉ.

Raoul bèn đến gần họ theo như Arthos đã dặn.

Arthos cao giọng nói: -Đó là một bài thơ ngắn của ông Voiture mà ông tu viện trưởng đó cho tôi nghe và tôi thấy là không thể so sánh.

Raoul đứng một lát gần họ, rồi ra hoà mình trong nhóm bà de Chevreuse có cô Paulet và cô Scudéry đứng hai bên.

Này – Ông chủ giáo nói, – tôi xin phép không hoàn toàn đồng ý với ông de Scudéry; tôi thấy trái lại, ông de Voiture là một nhà thi sĩ thuần tuý. Ông ta hoàn toàn thiếu những tư tưởng chính trị.

-Vậy thế nào? – Arthos hỏi.

-Ngày mai, – Aramis vội vã đáp.

-Mấy giờ?

-Sáu giờ.

-Ở đâu?

-Ở Saint Mandé.

-Ai bảo cậu?

-Bá tước de Rochefort.

Chợt có một người nào đó đến gần.

-Còn những tư tưởng triết lý? Chính đó là những cái thiếu ở ông Voiture đáng thương kia, tôi thì tôi tán thành ý kiến của ông chủ giáo: thi sĩ thuần tuý.

-Phải đấy. – Ông Ménage nói, – về thi ca, chắc chắn ông ta kỳ tài rồi, song sau này, hậu thế khi khâm phục ông thì cũng trách ông một điều, ấy là đã đưa vào cấu tạo của thơ một sự tự do phóng túng quá đáng; ông ta giết chết thi ca mà không biết.

-Giết chết, từ ấy đúng đấy. – Scudéry nói.

-Nhưng văn chương của ông ta thật là kiệt tác! – Bà de Chevreuse nói.

-Ồ! Về phương diện ấy, – cô Scudéry nói, – đó là một người lẫy lừng thật sự.

-Đúng – Cô Paulet đối đáp, – nhưng chừng nào ông ta còn bông phèng, bởi vì trong thể văn thư tín nghiêm túc thì ông ta thật thảm hại, và nếu ông ta không nói các điều ra một cách sống sượng, thì các bạn cũng phải thừa nhận rằng ông ta nói rất dở.

-Nhưng it ra cô phải đồng ý rằng cách bông đùa của ông ta không thể bắt chước được.

Ông Scudéry vân về ria mép mà nói: -Hẳn như thế; duy tôi thấy là cái khôi hài của ông ta miễn cưỡng và sự bông đùa của ông ta thì quá suồng sã, đọc Thư cá Chép cá Meung của ông ấy mà xem.

Chưa kể những cảm hứng tuyệt diệu nhất của ông ta thường đến từ dinh Rambouillet, – Ménage nói tiếp. – Cứ xem élide và Alcidalis.

Aramis đến gần đám đông và cung kính chào bà de Chevreuse, bà đáp lại bằng một nụ cười duyên dáng, còn tôi, tôi cáo buộc ông ta là đã tự do quá trớn đối với các đại thần. Ông ta thường không phải với bà hoàng thân với ông thống chế d'Albert, với ông de Schomberg, với cả hoàng hậu nữa.

-Sao? Với hoàng hậu à? – Scudéry vừa hỏi vừa bước chân phải lên như đứng thủ thế. – Mẹ kiếp! Tôi không biết điều đó. Mà ông ta cư xử không phải với hoàng hậu như thế nào?

-Ông không biết bài "Tôi nghĩ" của ông ta sao?

-Không, – bà de Chevreuse nói.

-Không, – cô Paulet nói.

-Quả vậy, tôi cho rằng hoàng hậu chỉ truyền cho ít người biết thôi, nhưng tôi, tôi nắm chắc trong tay.

-Và ông thuộc chứ?

-Tôi chắc là có nhớ.

-Nào? nào! – mọi người nhao nhao lên.

Aramis kể: -Chuyện ấy xảy ra trong trường hợp như thế này. Ông de Voiture ngồi trong cỗ xe của hoàng hậu, bà cùng ông ta đi dạo chơi tay đôi trong rừng Fontainebleau. Ông ta làm ra vẻ đang ngẫm nghĩ để hoàng hậu hỏi xem ông ta nghĩ gì. Y như rằng, điều đó diễn ra.

Hoàng hậu hỏi: -Ông de Voiture, ông đang nghĩ gì thế?

Voiture mỉm cười và giả vờ suy nghĩ năm giây để người ta tương rằng ông ứng khẩu thành thơ và đáp:

"Tôi nghĩ rằng sau bao tháng năm ròng
Nàng bị đoạ đày gian khổ bất công
Số mệnh đã thưởng cho nàng xứng đáng
Nào danh dự, nào vinh quang xán lạn;
Nhưng khi xưa trong cảnh ngộ đáng thương
Chắc nàng còn sung sướng trăm đường

Tôi không nói rằng vì nàng đã yêu đương.
Dù vần gieo đến là thích hợp".
Scudéry, Ménage và cô Paulet nhún vai.
-Khoan đã, khoan đã. – Aramis nói, – có ba đoạn cơ mà!
-Ồ! – Cô Scudéry nói, – hãy nói là ba khúc, đây bất quá là một ca khúc.
"Tôi nghĩ thương thần ái tình tội nghiệp
Hằng cấp cho nàng vũ khí của mình
Nhưng giờ đây bị đuổi khỏi cung đình
Chẳng còn cung tên, chẳng còn vẻ mỹ miều say đắm,
Ngồi cạnh nàng đây, ơi nữ hậu Marie,
Nghĩ mà buồn chăng thể làm chi
Khi nàng đã phũ phàng bạc đãi
Những kẻ hy sinh vì nàng mà không hề sợ hãi".
-Ô! về cái nét sau cùng này, – bà de Chevreuse nói, – tôi không biết nó có nằm trong các quy tắc của thi ca không, nhưng tôi xin miễn thứ cho nó vì đó là sự thật, và bà de Hautefort, bà de Sennecey nếu cần sẽ đồng ý với tôi, chưa kể ông de Beaufort.
-Này, này, – Scarron nói, – điều ấy chẳng còn can hệ gì đến tôi nữa đâu; kể từ sáng hôm nay tôi chẳng còn là bệnh nhân của hoàng hậu nữa.
-Thể còn khúc cuối – Cô Scudéry bảo, – còn khúc cuối nữa. Nào!
-Có đây – Aramis nói – khúc này có ưu thế là nói rõ cả tên riêng, thành thử không còn lầm vào đâu được nữa.
"Chúng tôi đây – những nhà thi sĩ,
Mang trong đầu những ý nghĩ cuồng điên
Tâm trạng nàng đang hớn hở hồn nhiên
Hay ủ dột, suy tư trầm lắng,
Nàng sẽ làm gì nếu chốn này vắng lặng
Thấy hiện lên de Buckingham,
Và ai sẽ là người thất sủng
Ngài quận công hay ông cố Vincent." [215]
Đến đoạn cuối cùng này chỉ có một tiếng kêu thốt lên về sự xấc xược của Voiture.
Nhưng mà – cô thiếu nữ mắt nhung thì thào, – khổ một nỗi là riêng tôi, tôi thấy những câu thơ ấy tuyệt diệu.
Đó cũng là ý kiến của Raoul, anh ta sán đến gần Scarron và đỏ mặt nói
-Thưa ông Scarron, xin ông làm ơn bảo cho tôi biết người phụ nữ trẻ tuổi kia là ai mà một mình một ý kiến chống lại tất cả cuộc hội họp trứ danh này.
-A! A! – Chàng tử tước trẻ tuổi của tôi ơi, – Scarron nói. – Tôi chắc rằng anh mong muốn đề nghị với cô một tên minh tiên công và phòng ngự phải không?

Raoul lại đỏ mặt đáp: -Xin thú thật là tôi thấy những vần thơ ấy rất hay.

-Mà hay thực đấy chứ, – Scarron nói, – nhưng sụyt! Giữa những nhà thơ với nhau, họ chẳng nói như thế đâu: -Nhưng tôi. – Raoul nói, – tôi chẳng có vinh dự là thi sĩ, và tôi xin hỏi ông

-Đúng đấy: người phụ nữ trẻ ấy là ai chứ gì? Đó là cô Ấn Độ xinh đẹp.

-Thưa ông, xin ông thứ lỗi, – Raoul đỏ mặt nói, – Ông nói thế tôi cũng chẳng rõ gì hơn trước. Than ôi, tôi là dân tỉnh lẻ.

-Có nghĩa là anh chưa biết gì về cái thứ văn chương kiểu cách ở đây nó ròng ròng ở cửa miệng mọi người. Càng hay! Chàng tuổi trẻ ạ, càng hay! Đừng tìm hiểu làm gì, mất thì giờ thôi; và khi nào anh hiểu thì cũng nên hy vọng rằng người ta chẳng nói cái kiểu văn hoa ấy nữa.

-Vậy thì xin ông thứ lỗi, – Raoul nói, – xin ông hãy rủ lòng nói cho tôi biết người mà ông gọi là cô gái Ấn Độ xinh đẹp ấy là ai thế?

-Phải, chắc hẳn đó là một trong những người đàn bà kiều diễm nhất hiện nay, cô Françoise d'Aubigné.

-Phải chăng cô ấy thuộc dòng họ ông Agrippa danh tiếng, bạn của vua Henri IV?

-Cháu gái nội ông ta đấy. Cô ấy từ Martitique đến, chính vì thế mà tôi gọi là cô gái Ấn Độ xinh đẹp[216].

Raoul trợn tròn mắt, và nó gặp cặp mắt của vị phu nhân trẻ đang mỉm cười.

Người ta tiếp tục bàn tán về Voiture.

Cô d'Aubigné lân la đến bên ông Scarron như để tham gia vào câu chuyện của ông với chàng tử tước trẻ, cô nói: -Thưa ông, ông không tán thưởng những người bạn của ông Voiture tội nghiệp à? Ông nghe xem họ vừa ca ngợi vừa vặt lộng ông ta! Người này tước mất của ông lương tri, người kia tước mất tính độc lập người khác… Thế thì, lạy Chúa? Họ để lại cái gì cho ông ta, cho cái bộ hoàn chính lừng lẫy ấy? Theo cách nói của cô de Scudéry.

Cả Scarron và Raoul đều cười rộ. Cô gái Ấn Độ xinh đẹp tự mình cũng ngạc nhiên về tác động do mình gây ra, cúi mặt xuống và lấy lại cái vẻ chất phác của mình.

-Đấy là một người thông tuệ, – Raoul nói.

Arthos vẫn đứng ở khung cửa sổ nhìn bao quát toàn cảnh nụ cười khinh khi đọng trên môi.

Bà de Chevreuse bảo ông chủ giáo: -Ông gọi hộ bá tước dờ La Fère; tôi cần nói chuyện với ông ấy.

-Nhưng tôi, – chủ giáo đáp – tôi lại cần người ta tin rằng không nói chuyện với ông ta. Tôi rất mến và khâm phục ông ấy, vì tôi có biết về những cuộc phiêu lưu cũ của ông, ít ra là vài chuyện nhưng tôi chỉ tính đến chào ông ta vào sáng ngày kia.

-Tại sao lại sáng ngày kia? – Bà de Chevreuse hỏi.

-Chiều mai bà sẽ biết, – Ông chủ giáo cười nói.

-Ông Gondy thân mến ơi, – bà công tước nói. – kể ra ông nói cứ như là tử vi ấy.

Rồi bà quay về phía Aramis và gọi: -Ông De Herblay, ông có vui lòng tối nay làm hộ vệ cho tôi một lần nữa không?

-Có gì vậy, bà công tước? -Aramis đáp. – Xin sẵn sàng tối nay, ngày mai và mãi mãi; xin bà cứ ra lệnh.

-Thế thì ông hãy tìm hộ tôi bá tước de La Fère, tôi muốn nói với ông ấy.

Aramis đến chỗ Arthos, rồi cùng trở lại với anh.

Bà công tước đưa một bức thư cho Arthos và nói.

-Thưa bá tước, đây là cái mà tôi đã hứa với ông. Người được chúng ta che chở sẽ được tiếp đãi chu đáo.

-Thưa bà, – Arthos nói, – anh ta sẽ sung sướng được chịu ơn bà.

-Về phương diện ấy ông chẳng có gì phải ganh tị với anh đâu vì rằng chính tôi, tôi nhờ ơn ông mà được biết ông ta, – người đàn bà ranh mãnh đáp và nở một nụ cười gợi nhớ đến Marie Michon cho cả Aramis và Arthos.

Nói xong bà đứng dậy và gọi xe của mình. Cô Paulet đã về rồi và cô Scudéry cũng ra về.

Arthos bảo Raoul: -Tử tước, anh hãy đi theo bà công tước de Chevreuse, hãy nói với bà cho anh vinh hạnh đỡ bà lên xe, rồi cảm ơn bà.

Cô gái Ấn Độ xinh đẹp đến chỗ Scarron để xin cáo lui.

-Cô đã về cơ à? – Ông nói.

-Tôi là một trong những người cuối cùng ra về, ông thấy đấy.

-Nếu ông có những tin tức về ông de Voiture, nhất là những tin tốt lành, xin ông làm ơn gửi cho tôi vào ngày mai.

-Ồ, ông ta có thể chết bây giờ, – Scarron đáp.

-Thế là thế nào? – Cô thiếu nữ mở mắt hỏi.

-Bài tán dương ông ta đã làm xong rồi.

Và họ vui cười chia tay nhau; cô thiếu nữ ngoái đầu lại để nhìn người bại liệt đáng thương với vẻ thích thú, còn người bại liệt dõi theo cô bằng con mắt tình tứ.

Các nhóm khách thưa thớt dần. Scarron không làm ra bộ nhìn thấy một số tân khách đã chuyện trò bí mật với nhau, thư từ đã đến với nhiều người, và buổi tối hội họp dường như có một mục đích bí mật nó đi trệch khỏi chuyện văn chương mà họ đã bàn cãi om sòm.

Những điều đó có can hệ gì đến Scarron? Bây giờ người ta cứ việc hoạt động thoải mái cho phong trào La Fronda ở ngay nhà ông; vì từ sáng hôm nay như ông đã nói, ông không còn là bệnh nhân của hoàng hậu nữa rồi.

Còn về Raoul, quả nhiên anh đã đưa bà công tước ra tận xe của bà, bà ngồi và đưa bàn tay cho anh hôn; rồi do một trong những cơn ngẫu hứng cuồng điên đã khiến bà thật đáng yêu quý và nhất là thật nguy hiểm, bà đột nhiên ôm lấy đầu anh và hôn lên trán mà nói: -Tử tước ơi mong rằng những điều chúc mừng của tôi và cái hôn này sẽ mang lại hạnh phúc cho anh.

Rồi bà đẩy anh ra xa và bảo người xà ích đánh xe đến dinh Luynes. Cỗ xe đã lăn bánh, bà de Chevreuse còn giơ tay ra hiệu với anh một lần cuối qua cửa xe, Raoul quay trở vào cứ ngẩn người ra.

Arthos hiểu rõ những gì đã diễn ra và mỉm cười.

-Tử tước, lại đây, – anh nói, – đã đến lúc anh rút lui rồi đấy; ngày mai anh đi đến quân đội của Ngài hoàng thân, chúc anh ngủ ngon đêm cuối cùng của người thành thị.

-Tôi sẽ là người lính ư? – Chàng thanh niên hỏi. – Ôi! Thưa ông xin hết lòng cảm ơn ông!

-Xin từ biệt bá tước, tôi trở về tu viện của tôi, – tu viện trưởng De Herblay nói.

-Xin từ biệt tu viện trưởng, – Ông chủ giáo nói – ngày mai tôi giảng kinh và tối nay có đến vài chục bài phải tham khảo.

-Xin từ biệt quý vị, – bá tước nói, – còn tôi, tôi sẽ ngủ hai mươi bốn giờ liền, vì mệt mỏi lắm.

Ba người chào nhau sau khi trao đổi với nhau một cái nhìn cuối cùng. Scarron liếc mắt theo dõi họ qua các ô cửa phòng khách.

Chẳng có ai trong bọn họ sẽ làm như họ nói đâu. Scarron lẩm bẩm với nụ cười ranh ma của mình. Nhưng họ cứ việc làm, những con người quý tộc trung hậu! Biết đâu họ chẳng làm thế nào để trả lại trợ cấp cho ta?…, Họ thì họ có thể vung cánh tay lên, thế là quá nhiều; còn ta, than ôi! Ta chỉ có cái lưỡi, nhưng ta sẽ cố gắng chứng minh rằng đó là một cái gì đáng kể.

-Ơ này? Champenois, mười một giờ điểm rồi đấy. Đến đẩy ta về giường nào. Quả tình cái cô tiểu thư d'Aubigné ấy thật là kiều diễm

Nói rồi, kẻ bại liệt tội nghiệp ấy biến vào trong buồng ngủ, cánh cửa khép lại sau lưng ông ta, và những ngọn đèn sáng lần lượt tắt dần trong căn phòng khách ở phố Tournelles.

§24. Saint-Denis

Arthos trở dậy vào lúc trời vừa rạng sáng và mặc quần áo. Qua nước da xanh tái nhiều hơn thường ngày và những dấu vết mất ngủ còn đọng lại trên gương mặt anh, rất dễ thấy rõ là hầu như suốt đêm anh không chợp mắt. Trái với thói quen của một người vững vàng và dứt khoát ấy, sáng nay ở toàn bộ con người anh có một cái gì đó chậm chạp và lưỡng lự.

Anh đang sửa soạn cho sự ra đi của Raoul và tìm cách tranh thủ thời gian. Trước tiên, anh tự mình trau chuốt thanh kiếm rút ra từ chiếc bao da ướp hương, xem xét chuôi kiếm có ngay ngắn không và lưỡi kiếm có gắn chặt vào chuôi không.

Rồi anh bỏ vào đáy chiếc va-li dành cho chàng trẻ tuổi một túi nhỏ đựng đầy tiền louis. Anh gọi Olivain, một thằng hầu theo anh đi từ Blois, sai hắn xếp rương quần áo trước mặt mình, chăm lo chu đáo mọi thứ cần thiết cho một chàng thanh niên sắp ra trận. Cuối cùng, sau gần một tiếng đồng hồ giải quyết những việc tỉ mỉ ấy, anh mở cửa dẫn đến phòng tử tước và nhẹ nhàng bước vào.

Mặt trời đã rực rỡ rọi vào căn phòng qua những ô cửa sổ rộng rãi mà đêm qua Raoul về muộn đã quên không buông rèm. Cậu vẫn còn ngủ, đầu gối một cách duyên dáng lên cánh tay. Mớ tóc dài đen lánh phủ nửa vầng trán thanh tú và lấm tấm hơi nước ẩm ướt đang lăn thành giọt long lanh trên gò má của đứa trẻ mệt. Arthos đến gần, mình cúi xuống trong tư thế đầy về âu sầu trìu mến, anh ngắm hồi lâu cậu thiếu niên miệng đang mủm mỉm, mí mắt he hé, mà những giấc mơ hẳn là êm đềm và giấc ngủ nhẹ nhàng; vị thần hộ mệnh cậu đã đặt biết bao âu yếm và mến thương vào trong sự canh gác thầm lặng của mình. Dần dà Arthos bị cuốn vào cơn mộng mê say trước cái thời thanh xuân đến là phong phú và trong sáng này. Tuổi thanh xuân của chính anh cũng lại hiện ra, mang theo tất cả những kỷ niệm ngọt ngào như hương thơm hơn là những tư tưởng.

Từ cái quá khứ ấy đến hiện tại là một vực thẳm. Nhưng trí tưởng tượng có cánh bay của thiên thần và tia chớp: nó vượt qua biển cả mà ta suýt bị chìm đắm, qua những bóng đêm mà áo giác của ta cũng tan biến, qua hang sâu mà hạnh phúc của ta bị nuốt chửng. Anh nghĩ đến cả chặng đầu của cuộc đời anh đã bị tan nát bởi một người đàn bà; và anh kinh hoàng nghĩ đến ái tình nó sẽ tác động đến thế nào đối với một tư chất vừa thanh tú vừa cường tráng như vậy.

Nhớ lại tất cả những gì mà mình đã phải chịu đựng, anh nhìn trước tất cả nhưng gì mà Raoul có thể sẽ phải chịu đựng và một niềm thương cảm trìu mến, sâu xa trào lên trong tim anh và toả ra cả cái nhìn ướt lệ của anh trùm lên cậu thiếu niên.

Vừa lúc ấy Raoul bừng tỉnh giữa cái cơn thức giấc trong trẻo không một gợn mây, không bóng tối và không mỏi mệt nó đặc trưng cho một số tư chất tinh tế như loài chim. Đôi mắt Raoul dừng lại ở đôi mắt Arthos và chắc hẳn cậu hiểu rõ những gì đã diễn ra trong trái tim con người ấy đang chờ đợi sự tỉnh giấc của cậu như một tình lang chờ đợi phút tỉnh giấc của tình nương, vì rằng cái nhìn của cậu đến lượt mình chan chứa một niềm yêu thương vô bờ bến.

-Ông đứng đấy ư, thưa ông? – Cậu kính cẩn nói. – Sao ông không đánh thức tôi?

-Phải, Raoul, tôi đứng đây, – bá tước đáp. – Thấy anh ngủ ngon, tôi muốn để anh ngủ thêm chút nữa, anh bạn ạ; ngày hôm qua thức khuya quá, hẳn là anh rất mệt.

-Ôi thưa ông, ông tốt quá! – Raoul nói.

Arthos mỉm cười và hỏi: -Anh thấy trong người thế nào?

-Thưa ông tuyệt diệu ạ, hoàn toàn lại sức và dễ chịu.

-Thế là anh còn lớn nữa đấy, – Arthos tiếp tục nói với vẻ quan tâm cha con và vẻ nhã nhặn của một người đứng tuổi đối với cậu thiếu niên – và ở tuổi anh sự mệt mỏi cũng gấp đôi.

Thẹn thùng vì bao sự ân cần ấy, Raoul nói: -Ôi! Thưa ông, xin ông thứ lỗi cho; một lát nữa tôi sẽ ăn mặc xong ngay mà.

Arthos gọi Olivain và quả nhiên chỉ mười phút sau, với tính đúng giờ giấc mà Arthos từng trải trong quân ngũ đã truyền lại cho cậu con nuôi, chàng trai trẻ đã sẵn sàng. Cậu bảo tên hầu: -Bây giờ anh sửa soạn hành trang cho tôi đi.

-Hành trang của anh đang đợi anh, Raoul ạ, – Arthos nói. – Tôi trực tiếp đôn đốc việc soạn va-li, và chẳng còn thiếu gì nữa. Cả va-li anh với rương hòm của thằng hầu chắc hẳn đã xếp lên ngựa rồi, nếu như người ta làm theo lệnh tôi.

-Thưa bá tước, – Olivain nói, – mọi thứ đều đã làm theo ý ngài, và ngựa cũng đang đợi.

-Thưa ông, – Raoul kêu lên, – thế mà tôi thì ngủ trong khi ông hết lòng trông nom đến tất cả những việc nhỏ nhặt ấy! Ôi, thưa ông, thật tình là ông ban cho tôi nhiều ân huệ quá.

-Như vậy là anh cũng yêu mến tôi một chút đấy chứ? Tôi hy vọng ít ra là như thế, – Arthos nói với giọng trìu mến.

Raoul tự kiềm chế gần như đến ngạt thở để khỏi bộc lộ nỗi xúc động của mình bằng một cử chỉ bồng bột thân thương và kêu lên.

-Ôi thưa ông! Ôi! Xin Chúa chứng giám tôi hết lòng yêu quý ông và tôn kính ông.

-Này, anh xem có quên cái gì không. – Arthos vừa nói vừa giả bộ tìm kiếm xung quanh để che giấu nỗi xúc động của mình.

-Thưa không ạ, – Raoul nói.

Tên hầu đi tới gần Arthos với vẻ ngập ngừng và nói nhỏ: -Cậu tử tước không có kiếm, vì tối hôm qua ngài bá tước đã bảo tôi lấy đi thanh kiếm mà cậu đã bỏ ra.

-Được, – Arthos nói, – điều ấy tôi lo.

Raoul không tỏ ra nhận thấy cuộc đối thoại ấy. Cậu đi xuống, chốc chốc lại nhìn bá tước để xem phút chia tay đã tới chưa, nhưng Arthos vẫn tỏ vẻ điềm nhiên.

Đến bậc tam cấp. Raoul trông thấy ba con ngựa.

-Ô thưa ông, ông tiễn tôi ư? – Cậu nói, mặt mày rạng rỡ hẳn lên. Niềm vui mừng ánh lên trong mắt Raoul và cậu nhẹ nhàng nhảy lên mình ngựa.

Arthos cũng thong thả lên ngựa sau khi đã nói khẽ một lời với tên hầu, nên đáng lẽ đi theo sau ngay thì hắn trở lên nhà. Raoul mừng rỡ được bá tước đi cùng, nên không nhận thấy hoặc làm ra bộ không nhận thấy gì hết.

Hai người quý tộc ra Pont Neuf, đi dọc các kè hay đúng hơn như hồi ấy người ta gọi là mảng Pépin, và đi men theo các bức tường của toà Biệt trang lớn Grand Chatelêt. Họ vào phố Saint-Denis thì tên hầu đuổi kịp.

Họ đi đường rất im lặng. Raoul cảm thấy rõ ràng phút chia tay đang đến; cả ngày hôm qua bá tước bảo ban làm mọi thứ liên quan đến cậu. Hơn nữa, những cái nhìn của ông tăng bội phần trìu mến, và vài lời ông bật ra chan chứa yêu thương. Chốc chốc một suy nghĩ hoặc một điều khuyên nhủ thốt ra thì lời lẽ đầy vẻ ân cần lo lắng.

Sau khi qua cửa ô Saint-Denis, và tới ngang tầm toà Récollets, Arthos liếc nhìn con ngựa của từ tước và nói: -Raoul, tôi vẫn thường bảo anh phải đề phòng điều này và chớ có quên, vì đó là một khuyết điểm lớn của một người cưỡi ngựa. Nhìn xem! Con ngựa của anh đã mệt rồi, sùi cả bọt mép ra, trong khi con ngựa của tôi vẫn như mới ở chuồng ra. Anh ghì hàm thiếc mạnh quá làm cho nó cứng cả mõm; và hãy chú ý, anh sẽ không thể làm nó vận động với sự lanh lẹn cần thiết. Sự an toàn của người kỵ sĩ đôi khi nằm trong sự tuân theo lẹ làng của con ngựa. Tám ngày nữa, anh hãy nhớ tới điều đó, vì anh sẽ không phải vận động trong một trường đua ngựa mà là trên một bãi chiến trường.

Rồi để điều nhận xét ấy khỏi mang một vẻ quan trọng nặng nề đột nhiên Arthos nói tiếp: -Raoul xem kìa, cánh đồng đẹp thế kia; săn bắn chim đa đa thì tuyệt.

Raoul được một bài học tốt và tỏ ra rất khâm phục, vì nó được đưa ra một cách tế nhị dịu dàng biết chừng nào.

-Hôm nọ tôi còn chú ý một điều nữa, – Arthos nói, – đó là khi dùng súng ngắn, tay anh duỗi thẳng quá, nên bắn mất chính xác. Vì anh bắn mười hai phát thì trượt ba.

-Còn ông thì cả mười hai phát đều trúng đích, – Raoul cười đáp. – Bởi vì tôi gập cánh tay và tì lên khuỷu tay.

-Raoul, anh có hiểu rõ điều tôi muốn nói không?

-Dạ, có ạ. Theo lời khuyên, tôi đã tập một mình và đã thành công mỹ mãn.

-Này, – Arthos nói tiếp, – cũng như khi tập đấu kiếm, anh công kích đối phương dữ quả. Ở tuổi anh thường mắc khuyết điểm ấy, tôi biết lắm; những cử động của thân mình khi công kích thường làm trệch đường mũi kiếm; và nếu anh phải đương đầu với một địch thủ bình tĩnh, hắn sẽ chặn đứng anh từ nước kiếm đầu tiên anh chơi như vậy, bằng một miếng gỡ đơn giản hoặc bằng ngay một nhát đâm thẳng.

-Vâng, như ông vẫn thường làm như vậy, nhưng chẳng ai có được lòng quả cảm và sự lanh lẹn khéo léo như ông.

Chà, một cơn gió mát! – Arthos nói, – đó là một kỷ niệm của mùa đông. Nhân tiện, dặn anh thêm; nếu anh đi ra tuyến lửa, mà anh sẽ ra thôi, vì anh đã được tiến cử với một vị trưởng rất mê thuốc súng, thì hãy nhớ rằng trong một cuộc chiến dấu đặc biệt, như thường hay xảy ra đối với những người kỵ binh chúng ta, hãy nhớ kỹ là đừng bao giờ bắn trước cả. Kẻ nào bắn trước ít khi trúng địch thủ, bởi vì hắn nổ súng chẳng qua vì sợ mình sẽ bị mất súng trước một kẻ thù có súng; khi nào hắn bắn, anh hãy cho ngựa của mình chồm lên; cái động tác ấy đã hai ba lần cứu tôi thoát chết rồi đấy.

-Tôi sẽ ứng dụng, dù chỉ là để tạ ơn.

-Ơ này! – Arthos kêu, – phải chăng kia là những kẻ săn bắn trộm bị người ta bắt giữ? Ờ, đứng rồi. Raoul, lại còn một điểm quan trọng nữa: nếu anh bị thương trong một cuộc công kích, nếu anh ngã ngựa và còn chút sức lực, thì rời ngay khỏi con đường mà trung đoàn anh đi, nếu không nó có thể trở lại và anh sẽ bị giày xéo dưới vó ngựa. Bất cứ trường hợp nào, nếu bị thương, anh viết thư ngay cho tôi, hoặc nhờ người viết; chúng tôi rất thông thạo về những vết thương, – Arthos vừa nói thêm vừa mỉm cười.

-Xin cảm ơn ông. – Cậu thiếu niên rất xúc động đáp.

-A! Chúng ta đến Saint-Denis rồi! – Arthos lẩm bẩm.

Quả thật lúc ấy họ đến cổng thị trấn có hai lính canh. Một tên nói với tên kia:
-Hình như lại một nhà quý tộc trẻ tuổi nữa sắp sung vào quân đội.

Arthos quay đầu lại, bất cứ cái gì liên quan đến Raoul, dù gián tiếp anh đều thích thú.

-Do đâu mà anh đoán biết được? – Arthos hỏi.

-Thưa ông, – tên lính canh đáp, – do cái dáng vẻ của cậu nhà. Với lại cậu cũng đến tuổi rồi. Đó là người thứ hai trong ngày hôm nay.

-Thế sáng nay cũng có một người trẻ tuổi như tôi đến đây à? – Raoul hỏi.

Vâng, thực vậy, một người vẻ mặt cao sang và trang bị ngựa rất oách, ra dáng con nhà gia thế.

-Đó sẽ là một bạn đồng hành của tôi đó, thưa ông, – Raoul vừa đi vừa nói, – Nhưng than ôi! Anh ta sẽ không làm tôi quên được người mà tôi bị mất.

-Raoul, tôi không chắc anh sẽ đuổi kịp anh ta đâu, – Arthos nói, – bởi vì tôi cần nó, chuyện với anh tại đây, và cái điều tôi nói cũng chiếm khá thời gian, nên nhà quý tộc ấy sẽ đi trước anh đấy.

-Dạ xin tuỳ ý ông.

Vừa trò chuyện, họ vừa đi qua các phố đông nườm nượp nhân ngày lễ rồi đến trước một giáo đường cổ trong đó đang cầu lễ misa đầu tiên.

-Raoul, ta xuống ngựa đi, – Arthos bảo. – Olivain giữ ngựa cho chúng tôi và đưa tôi thanh kiếm.

Arthos cầm lấy thanh kiếm, rồi hai nhà quý tộc đi vào nhà thờ.

Arthos dâng nước thánh cho Raoul. Trong trái tim người cha có một chút gì như mối yêu thương ân cần của một tình lang đối với tình nương của mình vậy.

Cậu thiếu niên chạm vào tay Arthos, chào và làm dấu thánh.

Arthos nói một câu gì đó với lnột người canh gác, hắn cúi mình và đi về phía những hầm mộ táng.

-Lại đây Raoul, – Arthos bảo, – chúng ta đi theo người này.

Người canh mở cổng rào những ngôi mộ vua chúa và đứng ở bậc trên còn Arthos và Raoul đi xuống. Phía dưới sâu của cầu thang nhà mồ được chiếu sáng bởi một cây đèn bạc đặt ở bậc cuối cùng.

Ngay bên dưới cây đèn ấy có một nhà táng chân chống bằng gỗ sồi, phủ một tấm mùng lớn bằng gấm tím thêu hoa huệ vàng.

Lòng đầy ưu sầu và vẻ uy nghiêm của nhà thờ vừa đi qua chuẩn bị sẵn cho chàng thiếu niên đi đến tình huống này, cậu bước xuống thong thả và trang trọng, rồi bỏ mũ đứng nghiêm trước di hài của vị vua cuối cùng. Vị vua ấy chỉ phải đi theo tổ tiên khi kẻ kế vị ông đến nối gót ông, và dường như ông nằm đó để nói với niềm kiêu hãnh của con người đôi khi rất dễ phẩn khich khi ở trên, rằng: "Hỡi cát bụi trần gian, ta đợi người!"

Một lát im lặng.

Rồi Arthos giơ ngón tay chỉ vào cỗ quan tài và nói: -Cái phần mộ vô định này là của một con người yếu hèn và không quyền thế vậy mà lại có một triều đại đầy những biến cố lớn lao. Vì ở trên ông vua, có trí tuệ của một người khác canh giấc, giống như cây đèn kia canh giấc bên trên cỗ quan tài này và chiếu sáng nó.

-Người kia là vua thực sự, Raoul ạ; người này chỉ là một bóng ma và người kia đặt linh hồn mình vào đó[217]. Song le cái quyền uy quân chủ ở nước ta nó mạnh mẽ biết chừng nào, con người kia chẳng được vinh dự có một nấm mồ dưới chân của kẻ mà vì họ ông ta đã đem cả cuộc đời để tạo nên niềm quang

vinh. Bởi vì, Raoul, hãy nhớ lấy điều này, nếu như người ấy đã làm cho nhà vua nhỏ bé thì ông ta đã làm cho vương vị lớn lao hơn, và trong cung điện Louvre cất giữ hai điều: vua thì chết và vương vị không chết, Raoul này, triều đại ấy đã qua đi, vị tể tướng mà ông chúa của mình hết sức kiềng nể, sợ hãi và căm ghét, khi xuống mồ đã kéo theo mình cả nhà vua mà ông không muốn để còn sống một mình, chắc hẳn vì ngại rằng nhà vua sẽ phá hoại sự nghiệp của ông ta, bởi vì nhà vua chỉ có thể kiến thiết khi có ở bên cạnh mình hoặc Chúa trời hoặc anh linh của Chúa. Vậy mà trong khi ấy, cả thiên hạ coi cái chết của tể tướng như một giải thoát.

Những người đương thời thật là mù quáng, và chính tôi, đã có mấy lần ngang nhiên ngăn cản những ý đồ của con người vĩ đại ấy. Ông nắm cả nước Pháp trong tay mình và tuỳ theo ông siết chặt lại hay buông tay ra mà bóp nghẹt nó hoặc cho nó thở thoải mái.

Nếu như trong cơn giận dữ khủng khiếp của mình, ông đã không nghiền nát tôi ra, tôi và các bạn thân của tôi, chắc hẳn là để hôm nay tôi có thể nói với anh rằng: này Raoul hãy luôn luôn biết phân biệt nhà vua và vương vị; vua chỉ là một con người, vương vị là ý thức của Chúa; khi nào anh hoài nghi không biết cần phải phụng sự ai, thì hãy bỏ đi cái vỏ ngoài vật chất mà giữ lấy cái nguyên lý vô hình, là tất cả.

Tuy nhiên Chúa muốn làm cho cái nguyên lý ấy có thể sờ thấy được và cho nó hiện thân vào một con người. Raoul ơi, tôi nhìn tương lai của anh dường như qua một đám mây. Tôi tin rằng tương lai anh sẽ sáng sủa hơn của chửng tôi.

Chúng tôi đã có một tể tướng mà không có vua; trái hẳn lại, anh có một ông vua mà không có tể tướng[218]. Vậy thì anh có thể phụng sự, yêu mến và kính trọng đức vua. Nếu như ông vua ấy là một bạo chúa vì mọi sự toàn năng đều có cái choáng váng thúc đẩy nó đi đến bạo quyền – thì anh hãy phụng sự, yêu mến và kính trọng vương vị, nghĩa là cái điều không bao giờ sai lầm, nghĩa là ý thức của Chúa trên cõi trần này, nghĩa là cái tia lửa trời nó làm cho hạt bụi trở thành lớn lao và thần thánh đến nỗi chúng ta, những nhà quý tộc cũng vào hạng danh gia thế phiệt, cũng thành chẳng có nghĩa lý gì trước cái hình hài nằm ở bậc cuối cùng của cầu thang này, giống như hình hài ở trước ngai vàng của Đấng cứu thế.

-Thưa ông, tôi sẽ tôn thờ Chúa – Raoul nói – Tôi sẽ kính trọng vương vị, tôi sẽ phụng sự Đức vua, và nếu như phải chết, tôi sẽ cố gắng chết hoặc vì Đức vua, hoặc vì vương vị, hoặc vì Chúa. Ông hiểu tôi rõ ràng chứ?

Arthos mỉm cười và nói: -Anh là một thiên bẩm cao quý. Đây là thanh kiếm của anh.

Raoul quỳ một chân xuống đất.

Arthos nói tiếp: -Thanh kiếm này đã được cha tôi, một nhà quý tộc trung hậu mang. Đến lượt tôi lại mang nó và đôi lần tôi đã làm rạng rỡ nó khi chuôi kiếm ở

trong lòng bàn tay tôi và bao kiếm đeo ở bên sườn tôi. Raoul, nếu như bàn tay anh hãy còn yếu đề sử dụng thanh kiếm này thì càng hay, anh sẽ có thêm thì giờ để tập tành và để chỉ tuốt nó ra khi nào nó cần phải trông thấy ánh mặt trời.

Raoul đón nhận thanh kiêm từ tay bá tước và nói: -Thưa ông, tôi chịu ơn ông về mọi thứ; tuy nhiên thanh kiếm này là tặng vật quý báu nhất mà ông đã cho tôi. Tôi xin thề với ông rằng tôi sẽ mang nó với tư cách một người biết ơn.

Rồi cậu kính cẩn ghé môi hôn lên chuôi kiếm.

-Tốt lắm, – Arthos nói, – tử tước hãy đứng lên và chúng ta ôm hôn nhau.

Raoul đứng dậy và xúc động tràn trề, nhào mình vào cánh tay Arthos.

Bá tước cảm thấy trái tim mình như tan ra, lẩm bẩm.

-Thôi vĩnh biệt, và hãy nhớ tới tôi.

-Ôi vĩnh viễn! Vĩnh viễn? – Chàng trẻ kêu lên. – Ôi, tôi xin thề như vậy, và nếu có điều bất hạnh xảy ra với tôi thì tên ông sẽ là cái tên cuối cùng tôi thốt ra, sẽ là kỷ niệm của tôi, ý nghĩa cuối cùng của tôi.

Arthos vội vã đi lên để che giấu nỗi xúc động của mình. Anh lấy một đồng tiền vàng cho người canh mộ, cúi mình trước bàn thờ, rồi rảo bước ra cổng nhà thờ. Olivain chờ ngoài đó cùng với hai con ngựa kia.

Arthos trỏ tấm dải đeo gươm của Raoul và bảo: -Olivain, buộc lại vòng thanh kiếm, nó hơi trễ xuống quá. Được rồi. Bây giờ anh đi theo tử tước cho đến khi nào Grimaud đuổi kịp các anh; bác ấy đến thì anh từ giã tử tước. Raoul, nghe đấy chứ? Grimaud là một người lão bộc đầy lòng quả cảm và thận trọng: bác ấy sẽ đi theo anh.

-Thưa vâng, – Raoul đáp.

-Nào lên ngựa, tôi muốn được trông thấy anh ra đi.

Raoul tuân lệnh và nói: -Xin vĩnh biệt ông! Xin vĩnh biệt người che chở kính yêu của tôi.

Arthos vẫy tay chào, vì không dám nói nên lời, còn Raoul cất mũ và đi xa dần.

Arthos đứng lặng im và nhìn theo cho đến lúc Raoul khuất sau chỗ đường rẽ.

Rồi ném cương ngựa vào tay một người nhà quê, anh lững thững bước lên bậc, trở vào nhà thờ, đến một góc tối tăm nhất và cầu nguyện.

§25. Một trong bốn chước vượt ngục của ông de Beaufort

Thời gian trôi đi đối với người tu giống như đối với những kẻ đang lo chạy trốn; tuy nhiên nó trôi chậm chạp hơn.

Trái hẳn với những người khác khi có một quyết định mạo hiểm thì rất hăng hái nhưng lại nguội lạnh dần khi thời điểm thực hiện tới gần, quận công de Beaufort mà tinh thần quả cảm sôi sục đã trở thành ngạn ngữ, lại bị cột lại trong sự trì trệ của năm năm tù túng, ông quận công như xô đẩy thời gian ở phía trước mình và hết lòng mong mỏi giờ hành động đến. Trong cuộc vượt ngục lẻ loi của mình, ngoài những dự định mà ông nuôi dưỡng cho tương lai, phải thu nhận rằng đó là những dự định hãy còn rất mơ hồ và không chắc chắn, còn bắt đầu có một sự trả thù nó làm dãn nở con tim ông. Trước tiên việc chạy trốn của ông là một việc tai hại đối với De Chavigny mà ông thù hằn vì những hình phạt nho nhỏ hắn đã bắt ông phải chịu, rồi nó là một việc còn tai hại hơn nữa đối với Mazarin mà ông ghê tởm do chính những lời chửi rủa thậm tệ ông dành cho lão.

Rõ ràng là có những tỉ lệ phân minh giữa những tình cảm mà ông de Beaufort dành cho giám ngục và tể tướng, cho kẻ thủ hạ và người chủ.

Ông de Beaufort còn biết rõ chân tơ kẽ tóc tình hình bên trong Palais Royal và chẳng lạ gì những quan hệ giữa hoàng hậu và giáo chủ. Từ trong tù, ông dàn dựng tất cả những vận động kịch tính ấy, nó sắp sửa diễn ra, khi từ văn phòng tể tướng đến phòng riêng Anne d'Autriche vang lên tiếng đồn rằng ông de Beaufort tẩu thoát rồi? Tự nói với mình điều ấy, ông de Beaufort khẽ mỉm cười, tưởng như mình đã ở bên ngoài rồi, đang thở hít không khí đồng nội và rừng cây, hai chân kẹp chặt mình một con ngựa lực lưỡng và hét to lên: "Ta tự do rồi!"

Đúng là khi trở về với mình, ông vẫn ở giữa bốn bức tường dày, trông thấy La Ramée đứng cách mười bước đang quay quay hai ngón tay quanh nhau, và ở ngoài tiền sảnh, những tên lính gác đang cười đùa hoặc uống rượu.

Sự bất định của ý tưởng con người thật ghê gớm: vật duy nhất khiến quận công lãng ý khỏi cảnh tượng khả ố đó chính là bộ mặt cau có của Grimaud, bộ mặt mà thoạt đầu tiên ông thù ghét và rồi sau đó trở thành tất cả mối kỳ vọng của ông. Đối với ông, Grimaud giống như một Antinios[219].

Chẳng cần phải nói rằng tất cả điều đó là một trò của trí tưởng tượng dữ dội của người tù. Grimaud bao giờ cũng vẫn thế. Cho nên bác đã giành được lòng tin cậy hoàn toàn của cấp trên là La Ramée, lúc này có lẽ hắn còn tin cậy ở bác hơn là ở chính mình, vì như chúng tôi đã nói, La Ramée thấy trong thâm tâm mình có một điểm yếu nào đó đối với ông de Beaufort.

Cho nên gã La Ramée tốt bụng ấy coi như một lễ hội bữa tiệc đêm xoàng xĩnh đối ẩm với người tù của mình, La Ramée chỉ có một khuyết điểm là tham

ăn; hắn đã thấy rõ là bánh rất ngon, rượu vang tuyệt diệu.

Người thay thế cha Marteau lại đã hứa với hắn một chiếc bánh nướng nhân thịt chim trĩ, chứ không phải nhân thịt gà vịt, và rượu Chambertin, chứ không phải rượu Mâcon. Tất cả những thứ đó được tôn cao bởi sự hiện diện của vị hoàng thân trứ danh này, ông ta thực ra rất tốt bụng, đã nghĩ ra bao nhiêu ngón kỳ khôi xỏ Chavigny và bao nhiêu trò đùa chua cay chống lại lão Mazarin. Tất cả những cái đó làm cho ngày lễ Pentecôte đẹp đẽ sắp tới đối với La Ramée trở thành một trong bốn kỳ lễ lớn trong năm.

Vậy nên La Ramée ngóng đợi sáu giờ tối, sốt ruột chẳng kém gì ông quận công.

Ngay từ sáng hắn đã lo toan mọi việc tỉ mỉ và chỉ tin cậy ở bản thân mình, đích thân đến thăm người kế nghiệp của cha Marteau. Bác chủ hiệu mới vượt xa chủ cũ; bác ta trỏ cho cho Ramée xem một cái bánh nướng khổng lồ thật sự, trên mặt trang trí gia huy của ông de Beaufort, bánh hãy còn rỗng, nhưng bên cạnh để sẵn một con trĩ và hai con đa đa châm rất sang trọng nên trông giống như những cái nùn gài kim.

La Ramée trông mà ứa nước miếng, và trở về phòng quận công, vừa đi vừa xoa xoa hai bàn tay.

Càng may hơn nữa, như chúng tôi đã nói, De Chavigny tin cậy ở La Ramée, nhân có chút việc đã ra đi từ buổi sáng, thành thử La Ramée trở thành phó cai quản tòa lâu đài.

Còn Grimaud tỏ ra cau cau có có hơn bao giờ hết.

Buổi sáng ông de Beaufort đã chơi với La Ramée một ván cầu; qua một dấu hiệu của Grimaud, ông hiểu rằng phải chú ý đến mọi việc.

Grimaud bước đi đằng trước, vạch ra con đường mà buổi tối họ sẽ phải đi theo. Cuộc chơi cầu diễn ra trong một khoảng đất rào ở cái sân nhỏ của lâu dài.

Đó là một nơi khá vắng vẻ chỉ đặt lính canh khi ông de Beaufort chơi cầu; vả chẳng do tường thành cao lắm, việc đề phòng như thế dường như cũng là thừa.

Có ba cửa phải mở trước khi đến sân bóng: mỗi cửa có chìa khoá khác nhau.

Khi đến sân, Grimaud đi như một cái máy đến ngồi cạnh một ụ súng buông thõng chân ra phía ngoài tường. Hiển nhiên là sẽ buộc thang dây ở chỗ ấy.

Tất cả động tác ấy, quận công de Beaufort hiểu hết, còn La Ramée chẳng hề biết tí gì.

Ván cầu bắt đầu. Lần này ông de Beaufort số đỏ, có thể nói ông muốn ném vào đâu là trúng đấy. La Ramée bị thua trắng.

Bốn tên lính gác ông de Beaufort theo dõi ông và đi nhặt bóng.

Cuộc chơi kết thúc, ông de Beaufort tha hồ cười về sự vụng về của La Ramée và cho bọn lính hai đồng louis để chúng cùng bốn tên khác đi uống rượu chúc mừng ông.

Bọn lính gác xin phép La Ramée, hắn đồng ý, nhưng chỉ cho đi buổi tối thôi. Cho đến lúc ấy La Ramée quan tâm đến những chi tiết quan trọng; do phải chạy việc hắn muốn rằng nhân viên không lúc nào được rời mắt khỏi người tù.

Còn ông de Beaufort thì tỏ ra để cho tên lính canh dọn dẹp các thứ giúp ông thì ông vừa ý hơn là tự mình làm. Cuối cùng chuông đồng hồ điểm sáu giờ. Mặc dầu bảy giờ mới bắt đầu, bữa ăn dọn xong xuôi. Trên tủ buýp-phê bày cái bánh to tướng có gia huy quận công, trông cái vỏ bánh vàng óng cũng đủ rõ là bánh nướng vừa chín tới.

Các món khác của bữa tiệc cũng như vậy.

Mọi người đều sốt ruột, bọn lính gác thì chờ đi uống rượu, La Ramée đợi ngồi vào bàn ăn, còn ông de Beaufort nóng lòng tẩu thoát.

Chỉ riêng Grimaud vẫn thản nhiên như không. Có thể nói Arthos xưa kia đã huấn luyện bác vì đã tiên đoán trường hợp đại sự này.

Có những lúc ngồi nhìn bác, quận công de Beaufort tự hỏi phải chăng mình đang nằm mơ, và cái bộ mặt lầm lì như đá kia có thật giúp việc mình không và có lẽ sẽ linh hoạt lên khi nào thời điểm tới.

La Ramée cho bọn lính gác ra và dặn chúng uống mừng sức khỏe hoàng thân, rồi sau khi chúng đi khỏi, hắn khoá các cửa lại, bỏ chìa khoả vào túi, trỏ vào bàn ăn như muốn nói với hoàng thân: -Tôi đã sẵn sàng, bắt đầu lúc nào xin tuỳ Đức ông.

Hoàng thân nhìn Grimaud, Grimaud nhìn đồng hồ.

Mới gần sáu giờ mười lăm, cuộc vượt ngục ấn định vào bảy giờ, như vậy là còn phải chờ bốn mươi lăm phút nữa.

Để tranh thủ mười lăm phút, hoàng thân mượn cớ cuốn sách hay muốn đọc nốt chương xem dở. La Ramée tới gần nhìn qua vai hoàng thân xem sách gì mà lôi cuốn ông đến nỗi chưa chịu ngồi vào bàn ăn, khi bữa tiệc đã dọn xong.

Đó là cuốn "Bình luận" của César mà chính La Ramée đã kiếm cho ông xem cách đây ba hôm, trái với lệnh của Chavigny.

La Ramée tự nhủ từ nay sẽ không đi ngược lại những quy chế của lâu đài nữa.

Trong khi chờ đợi, hắn đi mở các nút chai và ra ngửi chiếc bánh.

Sáu giờ rưỡi, quận công đứng lên và nói với vẻ trịnh trọng: -Dứt khoát César là con người vĩ đại nhất thời xưa.

-Đức ông thấy vậy ư? – La Ramée nói.

-Phải.

-Còn tôi, – La Ramée nói, – tôi thích Annibal.[220]

-Tại sao vậy, thày La Ramée? – Quận công hỏi.

-Bởi vì ông ta không để lại những bình luận. – La Ramée vừa nói vừa cười hô hố.

Quận công hiểu câu nói bóng gió và ngồi vào bàn vừa ra hiệu cho La Ramée ngồi xuống đối diện với mình.

Viên phó quan cảnh sát không để mời đến lần thứ hai.

Không có bộ mặt nào biểu đạt rõ rêt hơn bộ mặt một kẻ tham ăn khi ngồi trước một mâm cỗ ngon; do đó khi La Ramée nhận đĩa xúp từ tay Grimaud, khuôn mặt hắn ta lộ ra một vẻ tràn trề hạnh phúc.

Quận công mỉm cười nhìn hắn.

-Mẹ kiếp! – Ông kêu lên. – La Ramée này, anh có biết rằng nếu có ai nói rằng lúc này ở nước Pháp có một kẻ nào sung sướng hơn anh, tôi sẽ không tin.

-Thực tình, Đức ông nói đúng đấy, – La Ramée nói, – Còn tôi, xin thú nhận rằng khi đói bụng thì không cái gì nhìn ngoạn mục hơn là một mâm cỗ ngon lành, và nếu như ngài nói thêm rằng, cái người làm vinh dự cho bữa tiệc này là cháu nội của Henri đại đế, thì, thưa Đức ông, ngài sẽ hiểu rằng cái vinh dự mà người ta được hưởng sẽ nhân đôi cái thú vị mà người ta được nếm.

Đến lượt mình, hoàng thân cúi mình, và một nụ cười khó nhận biết thoáng trên mặt Grimaud đang đứng sau lưng La Ramée.

-La Ramée thân mến của tôi ơi, thực ra chỉ có anh mới khéo đặt một lời tán tụng.

Trong niềm xúc động chứa chan của tâm hồn mình, La Ramée đáp: -Không đâu, thưa Đức ông, thật tình tôi nghĩ thế nào nói thế, chẳng có gì gọi là tán tụng trong điều tôi vừa nói đâu.

-Thế ra ông gắn bỏ với tôi lắm à? – Quận công hỏi.

-Nghĩa là, – La Ramée đáp, – tôi sẽ không nguôi lòng nếu như Điện hạ ra khỏi lâu đài Vincennes.

-Thật là kỳ cục cái cách chứng minh nỗi ưu phiền của anh (ý hoàng thân muốn nói ưu ái).

-Nhưng thưa Đức ông, ngài sẽ làm gì ở bên ngoài cơ chứ? Cơn điên giận nào khiến ngài xích mích với triều đình có thể sẽ đưa ngài đến ngục Bastille chứ không phải Vincennes nữa. Ông De Chavigny chẳng phải người dễ ưa, tôi đồng ý, – La Ramée vừa nói tiếp, vừa nhẩm nháp một cốc rượu vang madère, – nhưng ông Du Tremblay thì còn tệ hại hơn.

-Đúng đấy? – Quận công nói, ông thích thú với câu chuyện xoay vần và chốc chốc lại nhìn đồng hồ mà chiếc kim chạy chậm chạp đến nản lòng.

-Ngài trông đợi gì ở người em của một lão thày tu nuôi nấng Ờ trong trường dòng của giáo chủ de Richelieu! Chà Đức ông hãy tin ở lời tôi rằng cũng còn đại phúc và nhờ có hoàng hậu vẫn còn mong điều lành cho ngài, ấy là tôi nghe đồn như vậy, nên bà mới có ý đưa ngài tới đây, ở đây còn có dạo chơi, đánh cầu, ăn uống tử tế và không khí thoáng đãng.

-Kể ra, – hoàng thân đáp, – La Ramée này, cứ nghe anh nói thì tôi thật là bạc bẽo vì một lúc nào đó đã có ý nghĩ ra khỏi đây phải không?

-Ồ, thưa Đức ông, bạc bẽo quá đi chứ! – La Ramée nói tiếp, – nhưng Điện hạ có bao giờ nghĩ tới điều ấy một cách nghiêm túc đâu.

-Có chứ, – quận công đáp, – và tôi phải thú thật với anh rằng, có thể đó là một điều điên rồ, tôi chẳng bảo là không, nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn còn nghĩ đến đấy.

-Vẫn bằng một trong bốn mươi mưu kế à, thưa Đức ông?

-Ờ, phải đấy.

-Đức ông ơi, -La Ramée nói, – vì rằng chúng ta đang lúc thổ lộ tâm can với nhau, xin ngài hãy nói cho tôi biết một trong bốn mươi chước tẩu mà Điện hạ nghĩ ra.

-Vui lòng thôi, – quận công nói, – Grimaud, đưa chiếc bánh nướng đây…

-Tôi xin nghe, – La Ramée nói và ngả người trên chiếc ghế bành vừa nâng cốc và liếc nhìn ánh mặt trời chiếu qua chất hồng ngọc lỏng chứa trong cốc.

Quận công ngước nhìn đồng hồ, còn mười phút nữa là điểm bảy giờ.

Grimaud đem bánh đến trước hoàng thân, ông cầm con dao lưỡi bằng bạc định cắt cái nắp bánh ra; nhưng La Ramée sợ dao cùn sẽ làm hỏng cái bánh đẹp đẽ kia bèn đưa con dao có lưỡi thép của mình ra.

-Cảm ơn La Ramée? – Quận công nói và cầm lấy dao.

-Thế nào, thưa Đức công? – Viên quan cảnh sát nói, – cái mưu kế trứ danh ấy thế nào.

-Có cần phải nói với anh cái mưu kế mà tôi trông cậy nhất, cái mưu kế mà tôi đã quyết định đem dùng đầu tiên không nhỉ?

-Vâng, vâng, cái ấy đấy, – La Ramée đáp.

Quận công bèn một tay moi chiếc bánh, tay kia cầm dao cắt khoanh một vòng và nói: -Thế thì ông La Ramée ơi, trước tiên tôi ước ao có một chàng trai tử tế như ông làm kẻ canh giữ tôi đấy.

-Được, ngài đã có rồi đấy. Rồi sao nữa, thưa Đức ông?

-Tôi xin tự chúc mừng về việc đó.

La Ramée cúi chào: -Tôi tự nhủ rằng, – hoàng thân nói tiếp, – một khi đã có ở bên mình một chàng trai tử tế như La Ramée, tôi sẽ cố gắng làm sao để anh ta nhờ một người bạn của tôi mà anh ta không biết rõ mối quan hệ với tôi, tiến cử cho một người trung thành tận tụy với tôi và có thể thông đồng với tôi để chuẩn bị cho tôi vượt ngục.

-Nào! Nào! – La Ramée nói, – tưởng tượng không đến nỗi tối ấy.

-Có phải không nào? – Hoàng thân lại nói – giả dụ người đầy tớ của một vị quý tộc nào đó là kẻ thù của lão Mazarin, như bất cứ quý tộc nào cũng cần phải như vậy.

-Sụyt! Đức ông ơi, ta đừng nói chuyện chính trị, – La Ramée bảo.

-Khi tôi đã có người đó ở bên mình, – quận công nói tiếp, – chỉ cần anh ta khôn khéo một chút và gây được lòng tin của kẻ canh giữ tôi, hắn dựa vào anh ta, trông cậy ở anh ta, thế là tôi sẽ có được tin tức ở bên ngoài.

-À phải, – La Ramée nói, – nhưng làm thế nào mà có được tin tức ở bên ngoài.

-Ồ! Chẳng có gì dễ dàng hơn, – quận công de Beaufort đáp – chẳng hạn lúc chơi ném cầu.

-Lúc chơi ném cầu à? – La Ramée hỏi, hắn bắt đầu chăm chú hết sức vào câu chuyện của quận công.

-Phải, này nhé, tôi ném quả bóng xuống hồ, một người ở sân đó nhặt lấy quả bóng đựng một bức thư. Đáng lẽ ném trả tôi quả bóng mà tôi đánh rơi từ trên tường thành, người ấy ném cho tôi một quả bóng khác; quả ấy chứa một bức thư. Như thế là chúng tôi đã trao đổi được ý kiến với nhau mà chẳng nhìn thấy gì hết.

-Quỷ quái thật! – Quỷ quái thật? – La Ramée vừa kêu lên vừa gãi gãi tai. – Đức ông nói ra điều ấy với tôi, hay đấy, tôi sẽ giảm sát những kẻ nhặt bóng.

Quận công mỉm cười.

-Nhưng mà, – La Ramée nói tiếp, – tất cả những cái đó, rốt cuộc là một kế để liên lạc tin tức mà thôi.

-Tôi thấy như thế là nhiều rồi.

-Nhưng chưa đủ.

-Anh thứ lỗi cho nhé. Giả dụ tôi bảo một người bạn rằng: "Vào ngày này, giờ này…, anh sẽ có mặt ở bên kia bờ hào với hai con ngựa dắt theo".

-Được? Rồi sao nữa? – La Ramée nói với vẻ hơi lo lắng – trừ phi các con ngựa ấy có cánh để bay lên tường luỹ và tìm ngài…

-Ồ, lạy chúa! – Hoàng thân lững lờ nói, – chẳng cần ngựa mọc cánh để bay lên tường thành, mà tự tôi, tôi sẽ có cách xuống.

-Cách gì?

-Một cái thang dây.

-À, La Ramée gượng cười nói, – cái thang dây chẳng dễ gửi đi như lá thư vào trong quá bóng.

-Nhưng nó được gửi vào vật khác.

-Vào vật khác? Vào vật khác! Vào cái gì?

-Trong một cái bánh nướng chẳng hạn.

-Trong một cái bánh nướng? – La Ramée hỏi.

-Phải. Hãy giả thiết một điều như thế này, – quận công nói – Giả thử bác đầu bếp của tôi, bác Noirmont đã mua lại cửa hiệu của cha Marteau…

-Thì sao? – La Ramée run bắn lên hỏi.

-Thì La Ramée vốn là kẻ phàm ăn, nhìn các bánh nướng của bác chủ hiệu, thấy chúng ngon lành hơn bánh của các vị chủ trước, bèn đến mời tôi nếm thử. Tôi nhận lời với điều kiện là La Ramée cùng ăn với tôi. Để được thoải mái hơn. La Ramée đã tống bọn vệ sĩ đi và chỉ giữ lại Grimaud để hầu bàn chúng tôi. Grimaud là người mà một anh bạn tôi đã cử cho tôi, tên đầy tớ ấy đã thông đồng với tôi và sẵn sàng giúp tôi làm việc. Thời điểm vượt ngục đã ấn định vào bảy giờ. Vậy thì đến bảy giờ kém mấy phút…

-Bảy giờ kém mấy phút? – La Ramée nhắc lại, mồ hôi bắt đầu lấm tấm trên trán.

-Đến bảy giờ kém mấy phút, – quận công vừa nói tiếp, vừa gắn luôn lời nói với hành động, – tôi bóc cùi bánh nướng ra. Tôi thấy ở trong đó có hai con dao găm, một thang dây và một cái nhét miệng. Tôi dí một con dao găm vào ngực La Ramée mà bảo: "Anh bạn tôi ơi, tôi rất khổ tâm, nhưng nếu anh động đậy, nếu anh kêu lên một tiếng, thì anh toi mạng đấy!".

Như chúng tôi đã nói, khi thốt lên những tiếng cuối cùng này, ông quận công đã gắn hành động vào lời nói. Quận công đứng cạnh hắn, dí mũi dao vào ngực hắn với một giọng không cho phép kẻ nghe giữ một chút hoài nghi nào về quyết định của ông.

Trong khi ấy, Grimaud vẫn im lặng lôi từ trong cái bánh ra con dao găm thứ hai, cái thang dây và trái lê cay đắng.

La Ramée đưa mắt theo dõi vật đó với một nỗi kinh hãi tăng dần.

Hắn nhìn quận công với một vẻ hoảng hốt, giá vào lúc khác chắc đã khiến ông hoàng thân phải phì cười, và hắn kêu lên: -Ôi! Đức ông ơi, ngài chẳng nỡ lòng nào giết tôi.

-Không, nếu như anh không chống lại việc đi trốn.

-Nhưng thưa Đức ông, nếu tôi để ngài trốn, thì tôi sẽ là một kẻ khuynh gia bại sản.

-Ta sẽ đền bù cái giá mua chức việc của anh.

-Thế ngài quyết định dứt khoát rời lâu đài à?

-Mẹ kiếp! Còn phải hỏi.

-Tất cả những điều tôi có thể sẽ nói với ngài chẳng làm ngài thay đổi quyết định ư?

-Tối nay, ta muốn tự do.

-Nếu tôi tự vệ, nếu tôi gọi người, nếu tôi kêu lên thì sao?

-Lời thề của quý tộc, ta sẽ giết người.

Lúc ấy, chuông đồng hồ vang lên.

-Bảy giờ, – Grimaud nói, cho đến lúc ấy bác chưa thốt nửa lời.

-Bảy giờ, – quận công nói, – anh xem ta muộn rồi đấy.

La Ramée cử động một cái như để chiếu lệ. Quận công chau mày và viên quan cảnh sát cảm thấy mũi dao găm sau khi xuyên qua quần áo sắp sửa chích vào ngực hắn.

-Thôi được, thưa Đức ông, – hắn nói, – như thế đủ rồi. Tôi sẽ không động đậy.

-Ta mau lên nào, – quận công nói.

-Đức ông ơi, xin gia ân một điều cuối cùng.

-Điều gì? Nói đi, mau lên.

-Xin Đức ông trói chặt tôi lại.

-Tại sao lại trói?

-Để người ta khỏi tưởng tôi là kẻ đồng loã với ngài.

-Đưa tay ra? – Grimaud bảo.

-Không phải đằng trước, trói quặt tay ra đằng sau cơ.

-Lấy gì mà trói? – Quận công hỏi.

-Lấy thắt lưng của ngài ạ – La Ramée nói.

Quận công tháo dây lưng đưa Grimaud, bác liền trói tay La Ramée lại theo cách làm vừa lòng hắn.

-Giơ chân ra? – Grimaud bảo.

La Ramée giơ chân, Grimaud lấy một tấm khăn xé ra thành mảnh và cột La Ramée lại.

-Bây giờ đến thanh kiếm. – La Ramée nói, – buộc đốc kiếm của tôi lại!

Quận công dứt một dải băng quần cụt của mình để thực hiện điều mong mỏi của kẻ hộ vệ.

-Còn bây giờ cho tôi xin quả lê cay đắng, – La Ramée tội nghiệp nói. – Nếu không họ sẽ xử tội tôi vì tội đã không kêu lên, ấn sâu vào Đức ông ơi, ấn sâu vào.

Grimaud sắp sửa thực hiện điều ao ước của viên cảnh sát, thì hắn ra hiệu như muốn nói điều gì.

-Nói đi, – quận công bảo.

-Bây giờ, nếu như vì ngài mà có tai họa gì xảy ra với tôi, thì xin Đức ông chớ quên rằng tôi có một vợ và bốn con nhỏ.

-Cứ yên tâm! Ấn sâu vào, Grimaud!

Trong một giây đồng hồ, La Ramée bị bịt miệng, nằm lăn ra đất, vài ba cái ghế bị lật đổ để có dấu hiệu chiến đấu. Grimaud móc trong túi áo viên cảnh sát ra tất cả các chìa khoá, trước tiên mở cửa phòng, đi ra và khoá hai vòng lại. Rồi hai thày trò vội đi ra hành lang dẫn đến cái sân cầu nhỏ. Họ liên tiếp mở và đóng lại ba lần cửa. Sự nhanh nhẹn làm rạng rỡ tài khéo léo của Grimaud. Cuối cùng họ ra đến sân chơi cầu. Sân hoàn toàn vắng vẻ không có lính canh, cũng chẳng có ai ở các cửa sổ.

Quận công chạy đến bờ tường và trông thấy ở phía bên kia hào ba kỵ sĩ với hai con ngựa dắt tay. Quận công ra hiệu với họ, đúng là họ đến đón ông.

Trong lúc ấy, Grimaud buộc dây leo. Không phải thang dây mà là một cuộn dải lụa với một cái que ngắn để ngồi lên và tụt dần xuống.

-Xuống đi, – quận công bảo.

-Thưa Đức ông, tôi xuống trước à? – Grimaud hỏi.

-Tất nhiên rồi, – quận công đáp. – Nếu người ta bắt được tôi, tôi cũng chỉ ngồi tù lại là cùng; còn nếu người ta tóm được bác thì bác bị treo cổ.

-Đúng đấy, – Grimaud nói.

Lập tức Grimaud cưỡi lên cái que, bắt đầu cuộc xuống nguy hiểm, quận công nhìn theo bất giác kinh hoàng; khi xuống được ba phần tư bức tường thì bất ngờ dây dứt. Grimaud ngã lộn xuống hào.

Quận công thốt kêu lên một tiếng, nhưng Grimaud chẳng hề kêu ca; vậy mà chắc hẳn bị thương nặng lắm, vì bác vẫn nằm sóng soài ở chỗ mình rơi xuống.

Một người lập tức tụt xuống hào buộc Grimaud vào một dây và hai người kia kéo Grimaud lên.

Người đứng dưới hào nói: -Đức ông cứ xuống đi, chỉ cách có khoảng mười lăm bộ và bãi cỏ êm lắm.

Quận công đã hành sự. Công việc đối với ông khó khăn hơn vì của còn thanh đỡ; ông phải xuống bằng sức đôi tay mà từ trên cao năm chục bộ. Nhưng như chúng tôi đã nói, ông quận công lực lưỡng, khéo léo lại rất bình tĩnh, sau có gần năm phút ông chỉ còn cách mặt đất mười lăm bộ, ông buông dây ra và nhảy xuống chẳng đau đớn gì cả.

Ông leo ngay lên bờ hào và thấy Rochefort. Hai người quý tộc kia ông không quen. Grimaud bị ngất được buộc lên một con ngựa.

-Thưa các ông, – hoàng thân nói, – sau này tôi sẽ cảm tạ các ông; còn bây giờ không thể để mất một phút nào. Ta phải lên đường, nào lên đường! Ai quý mến tôi hãy theo tôi!

Rồi ông nhảy phốc lên mình ngựa, phi nước đại, hít không khí vào đầy lồng ngực và hét lên với một nỗi vui mừng khôn tả: Tự do!… Tự do?… Tự do!…

§26. D'Artagnan đến kịp thời

Ở Blois d'Artagnan lĩnh số tiền mà Mazarin đang mong muốn gặp lại anh đã quyết định gửi lại cho anh để dùng vào những việc sau này.

Từ Blois đến Paris đối với một kỵ mã bình thường phải đi mất bốn ngày. D'Artagnan đi đến buổi chiều thứ ba đã tới cửa ô Saint-Denis Ngày trước thì anh chỉ đi mất hai ngày. Chúng ta đã thấy Arthos khởi hành sau anh ba giờ mà đã đến trước anh hai mươi tư giờ.

Planchet đã mất thói quen về nhưng cuộc dạo chơi bắt buộc này; d'Artagnan trách hắn về tính nhu nhược.

-Ồ! thưa ông, bốn mươi dặm trong ba ngày! Tôi thấy thật là hãnh diện cho một gã bán hàng bánh kẹo.

-Cậu có thật sự trở thành một gã bán hàng không, và bây giờ khi chúng ta đã gặp nhau, cậu có nghiêm chỉnh tính đến việc sống vật vờ trong cửa hiệu của cậu nữa không?

-Ồ! Planchet đáp, – thực ra chỉ có ông là được tạo ra cho một cuộc sống hoạt động. Hãy xem ông Arthos kia; ai bảo đảm đó là một người thích tìm kiếm chuyện phiêu lưu mà chúng ta đã biết. Bây giờ ông ấy sống như một vị quý tộc trang chủ thực thụ, một lãnh chúa nông thôn thật sự. Này ông ạ, kể ra chỉ có một cuộc sống yên bình là đáng ao ước.

-Đồ đạo đức giả! – D'Artagnan nói, – người ta thấy rành rành là cậu đang về gần đến Paris, và ở Paris chỉ có một sợi dây thừng và cái giá treo cổ đang chờ cậu.

Thật vậy, câu chuyện trao đổi đến đây thì hai lữ khách tới cửa ô. Nhớ rằng mình sắp đi qua những phố mà mình đã nhẵn mặt, Planchet kéo sụp mũ xuống, còn d'Artagnan thì vểnh ria lên nhớ tới Porthos chắc đang đợi anh ở phố Tiquetonne. Anh nghĩ đến những bữa ăn rôm rả ở Pierrefonds.

Rẽ quanh góc phố Montmartre, anh trông thấy ở một khung cửa sổ khách sạn "Con dê cái nhỏ", Porthos vận một áo chẽn lộng lẫy màu da trời thêu đầy ngân tuyến và đang ngáp đến trật quai hàm, thành thử khách qua đường ngắm nghía với một vẻ khâm phục cung kính nào đó vị quý tộc đến là bảnh bao và giàu có ấy dường như đang chán ngấy cảnh giàu có và sang trọng của mình.

D'Artagnan và Planchet vừa rẽ sang phố nhà thì Porthos cũng nhận ra họ và kêu lên: -Ê! d'Artagnan! Cảm ơn Chúa! Cậu đấy à?

-A! Chào bạn thân mến, – D'Artagnan đáp.

Tức thì một nhóm lêu lổng xúm quanh những con ngựa mà mấy tên hầu quán vừa cầm lấy dây cương và vây quanh mấy kỵ sĩ đang hếch mũi lên trời trò chuyện; nhưng một cái cau mày của d'Artagnan và vài ba cử chỉ hăm doạ của

Planchet được những người chứng kiến hiểu ý liền xua đám người đang bắt đầu quây đông lại, vì càng không hiểu vì sao họ lại tụ tập thì họ lại càng kéo đến.

Porthos đã xuống đến ngưỡng cửa. Anh nói: -A! Bạn thân mến ơi, ngựa của tôi ở đây thì khốn mất.

-Thật thế! – D'Artagnan đáp, – tôi cũng lo ngại cho lũ ngựa cao quý ấy.

-Và tôi cũng vậy, tôi cũng hơi khó chịu, – Porthos nói, rồi đung đưa mình trên chân với cái vẻ dương dương tự mãn về bản thân mình, anh nói tiếp – Và nếu như bà chủ quán không khá hoà nhã và biết bông đùa thì có lẽ tôi sẽ tìm một chỗ trú chân khác.

Mỹ nhân Madeleine đã đến gần cuộc đối thoại ấy, vội lùi lại đằng sau một bước và tái nhợt như xác chết khi nghe những lời nói của Porthos; bởi vì bà ngỡ cái cảnh tên lính Thụy Sị lại tái diễn. Nhưng bà hết sức kinh ngạc thấy d'Artagnan không cau mày, và đáng lẽ bực bội, thì anh lại cười nói với Porthos: -Phải mình hiểu, bạn thân mến ạ, không khí phố Tiquetonne sao bằng không khí thung lũng Pierrefonds được; nhưng cứ yên tâm, mình sẽ cho cậu đi kiếm một không khí tốt hơn.

-Khi nào thế?

-Thực tình cũng sắp rồi đấy, tôi hy vọng như vậy.

-A, càng hay!

Thán từ ấy của Porthos được nối tiếp ngay bằng một tiếng rên rỉ khe khẽ và sâu văng ra từ góc cửa.

D'Artagnan vừa đặt chân xuống đất liền trông thấy nổi sừng sững trên tường cái bụng to kềnh càng của Mouston, mồm hắn rầu rĩ buột ra những tiếng ta thán trầm trầm.

-Còn cậu nữa, ông Mouston thân mến ơi, phải chăng cậu đã được đặt không đúng chỗ vào trong cái khách sạn còm nhom này? – D'Artagnan hỏi với giọng giễu cợt cũng có thể vừa là thông cảm vừa là chế nhạo.

-Hắn thấy bếp núc tồi tệ quá, – Porthos nói.

-Ô này! – D'Artagnan nói, – thế hắn chẳng đích thân làm bếp như ở Chantilly đó sao?

-A, Thưa ông! Ở đây chẳng như ở đằng kia tôi có ao hồ của ông hoàng để câu những con cá chép béo ngậy, và những khu rừng của Điện hạ để đánh bẫy những con chim đa da thơm thịt. Còn cái hầm rượu tôi đã thăm thú kỹ càng, nhưng thực ra chẳng có bao nhiêu.

-Mouston ơi, – D'Artagnan nói, – thực tình tôi ái ngại cho cậu, nhưng lúc này tôi có một việc tối ư cấp bách phải làm.

Rồi kéo riêng Porthos ra và bảo: -Du Vallon thân mến ơi, cậu đã ăn mặc chính tề thế là hay rồi, tôi sẽ dẫn cậu ngay tức thì đến quan tể tướng.

-Ô kìa! Thật thế ư? – Porthos nói và trố mắt ra nhìn.

-Đúng thế, bạn thân mến ạ?

-Một sự trình diện à?

-Điều ấy làm cậu hoảng sợ ư?

-Không, nhưng nó làm mình xúc động.

-Ồ! Cứ yên tâm; cậu chẳng phải va chạm với tể tướng xưa kia đâu, ông này sẽ chẳng quật ngã cậu trước uy phong của ông ấy.

-Cũng thế thôi, cậu hiểu chứ, triều đình mà!

-Này bạn ơi, bây giờ chẳng còn có triều đình nữa.

-Thì hoàng hậu!

-Tôi nói rằng không có hoàng hậu nữa. Hoàng hậu ư? Cậu cứ tin chắc rằng chúng ta sẽ không trông thấy hoàng hậu.

-À cậu bảo là đi ngay bây giờ đến hoàng cung à?

-Ngay bây giờ. Song, để khỏi bị muộn, tôi mượn cậu một con ngựa.

-Xin tuỳ thích: cả bốn con ngựa đều để cậu sử dụng.

-Ồ lúc này tôi chỉ cần một con thôi.

-Chúng ta mang theo Mouston cũng chẳng sao.

-Còn Planchet hắn có lý do riêng để không đến triều đình.

-Tại sao thế?

-À hắn bất bình với Các hạ.

-Mouston, – Porthos bảo, – thắng yên cương vào con Vulcain và Bayard.

-Thưa ông, còn tôi, tôi lấy con Rustaud chứ?

-Không, lấy một con ngựa sang trọng, lấy con Phébus hay Superbe ấy, chúng ta đi dự lễ hội mà.

-À, Mousqueton thở phào nói, – thế ra chỉ là một cuộc viếng thăm thôi ư?

-Ê, lạy Chúa, đúng thế, Mouston ạ, chẳng có chuyện gì khác. Nhưng mà ta cứ đề phòng cho súng ngắn vào trong các bao; cậu sẽ thấy ở yên của tôi súng nạp đạn sẵn sàng.

Mousqueton thở dài, hắn khó hình dung những cuộc viếng thăm nghi lễ gì mà phải vũ trang đến tận răng.

Ân cần nhìn người đầy tớ cũ của mình rời bước, Porthos nói: -Thực tế cậu nói có lý, d'Artagnan ạ, cho Mouston đi theo là đủ, hắn rất đẹp mã.

D'Artagnan mỉm cười.

-Thế còn cậu, – Porthos hỏi, – cậu không thay quần áo mới à?

-Không đâu, tôi cứ để nguyên như thế này.

-Nhưng cậu đầm đìa mồ hôi và bụi bậm, giày cậu đầy bùn thế kia?

-Bụi dường càng chứng tỏ mình gấp gáp trở về theo lệnh của tể tướng.

Vừa lúc ấy Mouston trở lại với ba con ngựa trang bị đầy đủ sẵn sàng. D'Artagnan lại lên yên như anh ta đã nghỉ ngơi tám hôm rồi.

-Ơ này, – anh bảo Planchet, – thanh trường kiếm của ta…

-Còn tôi, – Porthos trỏ vào thanh kiếm nhỏ trang trí có đốc kiếm mạ vàng mà nói, – tôi có thanh kiếm chầu vua.

-Bạn ơi, hãy cầm lấy thanh trường kiếm.

-Vì sao?

-Tôi cũng không biết nữa, nhưng nên luôn luôn mang nó, tin ở tôi: -Thanh trường kiếm của ta đâu, Mouston! – Porthos bảo.

-Ôi thưa ông, – Mouston nói, – thế là cả một bộ đồ chiến tranh; chúng ta đi trận rồi còn gì? Vậy thì ông cứ bảo tôi ngay, để tôi còn phòng bị.

-Mouston ơi, – D'Artagnan nói, – với chúng ta, những chuyện phòng bị bao giờ cũng tốt. Cậu không có trí nhớ tốt hoặc cậu đã quên rằng chúng ta chẳng có thói quen đi đến để chơi vũ hội hay dạ khúc.

-Than ôi, đúng là tôi đã quên thật rồi! – Mouston vừa nói vừa vũ trang cho mình từ đầu đến chân.

Họ phi khá nhanh và đến Cung giáo chủ vào khoảng bẩy giờ mười lăm. Phố phường đông đúc vì là ngày lễ Pentecôte, và đám đông ngạc nhiên nhìn hai chàng kỵ sĩ mà một đến là bảnh bao như vừa mới lấy ở trong hộp ra, còn chàng kia thì lấm những bụi bậm cứ y như vừa mới ở chiến trường về.

Mouston cũng thu hút cái nhìn của bọn lêu lổng và do cuốn tiểu thuyết Don Quichotte lúc ấy đang thịnh hành tràn lan, nên một vài người bảo rằng đó là Sancho[221] sau khi mất chủ đã tìm thấy hai ông chủ khác.

Đi tới tiền sảnh, d'Artagnan như về đến nhà mình. Đúng phiên đội ngự lâm của anh trực gác. Anh cho gọi người môn vệ đến và đưa cho hắn xem lá thư của tể tướng gọi anh trở về không thể chậm một giây phút. Môn vệ cúi mình và vào chỗ Các hạ.

D'Artagnan quay về phía Porthos và như thấy bạn mình đang xao xuyến hồi hộp. Anh lại gần ghé tai và bảo: -Can đảm lên, anh bạn dũng cảm của tôi ơi, đừng có hốt hoảng; tin tôi, con mắt của phượng hoàng nhắm lại rồi, chúng ta chỉ còn có chuyện với một con diều hâu tầm thường thôi. Hãy đứng thẳng người như hôm ta đánh chiếm đồn Saint-Gervais, và khẽ chào chớ có cúi mình quá trước cái lão người Ý ấy, để lão khỏi có một ý nghĩ không hay về cậu.

-Được rồi! Được rồi! – Porthos đáp.

Tên môn vệ lại xuất hiện và nói: -Xin mời các ông vào. Các hạ đang đợi.

Quả nhiên, Mazarin đang ngồi ở văn phòng riêng, hí húi gạch bỏ tới mức tối đa trên một bản danh sách các tên người được hưởng trợ cấp và lợi nhuận. Ông khẽ liếc nhìn d'Artagnan và Porthos vào, và mặc dầu mắt ông đã lóe lên nỗi vui mừng khi nghe tên môn vệ vào báo, ông không tỏ ra xúc động.

-A! Ông đây à, ông trung uý? – Giáo chủ nói – Ông đã về gấp, thế là tốt; xin hoan nghênh ông.

-Xin đa tạ Đức ông, theo lệnh Đức ông tôi đã có mặt cùng với ông Du Vallon, một bạn thân cũ của tôi, ông ngụy trang cái gốc quý phái của mình dưới cái tên Porthos.

Porthos chào tể tướng.

-Một kỵ sĩ lộng lẫy, – Mazarin nói.

Porthos quay đầu sang phải, sang trái và làm những động tác với đầy vẻ hãnh diện.

-Thưa Đức ông, – D'Artagnan nói, – đây là tay kiếm cừ nhất vương quốc, có khối người biết mà không nói ra hoặc không thể nói ra.

Porthos cúi chào Mazarin.

Mazarin yêu thích những người lính đẹp đẽ cũng giống như vua Frédéric de Prusse sau này yêu thích họ.

Ông ta ngồi ngắm những bàn tay gân guốc, đôi vai to rộng và con mắt chăm chăm của Porthos. Ông dường như đang có ở trước mặt mình kẻ cứu nạn cái ngôi tể tướng của mình và của vương quốc đẽo bằng da bằng thịt. Điều ấy nhắc ông nhớ lại cái hội ngự lâm cũ gồm những bốn người. Ông hỏi: -Thế còn hai ông bạn kia của các anh đâu?

Porthos mở miệng, tưởng có dịp đến lượt mình nói một lời.

D'Artagnan đưa mắt ra hiệu và nói: -Mấy ông bạn kia của tôi lúc này đang bận, họ sẽ đến sau.

Mazarin ho húng hắng. Ông hỏi: -Thế còn ông đây rỗi rãi hơn họ, ông sẵn lòng trở lại phụng sự chứ?

-Vâng, thưa Đức ông, – D'Artagnan nói, – và đó là thuần tuý do lòng tận tụy, vì rằng ông de Bracieux giàu có.

-Giàu có ư? – Mazarin hỏi, đối với lão ta chỉ riêng từ đó bao giờ cũng có ưu thế gây ở lão một sự kính nể lớn lao.

-Năm chục nghìn livres niên thu, – Porthos đáp.

Đó là điều đầu tiên anh thốt ra.

-Thuần tuý vì tận tụy, – Mazarin lại nói với nụ cười quỷ quyệt; thế là với lòng tận tụy thuần túy ư?

-Có lẽ Đức ông không tin lắm ở cái từ đó phải không ạ? – D'Artagnan hỏi.

-Còn ông, ông Gascon thì sao? – Mazarin hỏi, tì hai khuỷu tay lên bàn và tỳ cằm lên hai bàn tay.

D'Artagnan đáp: -Tôi thì tôi tin ở lòng tận tụy như tin ở một cái tên rửa tội chẳng hạn, nó dĩ nhiên có một tên đất đai đi theo. Chắc chắn là bản chất người ta ít nhiều đều tận tụy; song cuối cùng của sự tận tụy đó bao giờ cũng phải có một cái gì đó chứ.

-Thế bạn của ông chẳng hạn, ông ta ao ước cái gì ở cuối sự tận tụy của mình?

-A! Thưa Đức ông, bạn của tôi có ba mảnh đất đai rất đẹp: mảnh đất Vallon ở Corbeil; mảnh đất Bracieux ở Soissonnais và mảnh đất Pierrefonds ở Valois. Mà, thưa Đức ông, bạn tôi mong ư? Rằng một trong ba mảnh đất ấy được phong Nam tước.

-Chỉ có thế thôi ư? – Mazarin nói, mắt ông ta lóe lên một nỗi vui mừng khi thấy rằng mình có thể khen thưởng đền bù lòng tận tụy mà chẳng mất xu nào. – Chỉ có thế thôi ư; việc có thể sẽ thu xếp được đấy.

-Tôi sẽ là Nam tước! – Porthos vừa kêu lên vừa tiến lên một bước.

D'Artagnan lấy tay giữ Porthos lại và nói: -Tôi đã bảo ông rồi mà, và Đức ông cũng vừa nhắc lại điều đó.

-Thế còn ông d'Artagnan, ông mong ước cái gì?

-Thưa Đức ông, – D'Artagnan đáp, – đến tháng Chín tôi này là tròn hai mươi năm ngài giáo chủ de Richelieu phong tôi làm trung uý.

-Ừ, và ông muốn rằng giáo chủ Mazarin phong ông làm đại uý chứ gì?

D'Artagnan nghiêng mình thi lễ.

-Ôi dào! Tất cả những điều đó không phải là điều không thể được – Mazarin nói. – Người ta sẽ xem xét các ông ạ, người ta sẽ xem xét. Bây giờ thì ông Du Vallon, ông thích công việc gì ở thành phố hay ở nông thôn?

Porthos mở miệng định trả lời. D'Artagnan vội đáp: -Thưa Đức ông, cũng như tôi, ông Du Vallon thích công việc phi thường, nghĩa là những sự nghiệp nổi tiếng là điên rồ và không thể làm được.

Lời huênh hoang ấy không làm Mazarin phật lòng, ông ta trầm ngâm. Rồi nói: -Tuy nhiên, tôi thú thật với ông là tôi cho gọi ông đến để giao cho ông một chức vụ tĩnh tại. Tôi đang có một số điều lo ngại.

Chợt ông ta kêu lên: -Ơ này! Cái gì đó?

Quả thật, một tiếng động vang lên ngoài tiền sảnh và hầu như cùng lúc ấy cửa văn phòng bật mở. Một người nhìn đầy bụi chạy bổ vào phòng và kêu: -Ngài giáo chủ đâu? Ngài giáo chủ đâu?

Mazarin tưởng người ta muốn ám sát mình vội lùi lại làm lăn cái ghế bành. D'Artagnan và Porthos cùng xông ra đứng giữa giáo chủ và kẻ mới đến.

-Ê, ông kia? – Mazarin nói. – Có chuyện gì vậy mà ông xông vào đây như vào trong cái chợ thế?

-Bẩm Đức ông, – viên sĩ quan bị quở trách nói, – tôi xin nói một câu thôi, rất gấp và bí mật. Tôi là M. de Poins, sĩ quan thị vệ, đang làm việc ở tháp lâu đài Vincennes.

Viên sĩ quan mặt tái mét và bơ phờ đến nỗi Mazarin tin ngay là hắn mang một tin tức quan trọng lắm, bèn ra hiệu cho d'Artagnan và Porthos nhường chỗ cho kẻ đưa tin.

D'Artagnan và Porthos lui ra một góc phòng.

-Ông nói đi, nhanh lên, – Mazarin bảo, – có chuyện gì vậy?

-Bẩm Đức ông – người đưa tin nói – có chuyện là ông de Beaufort vừa mới trốn khỏi lâu đài Vincennes.

Mazarin thét lên một tiếng và mặt tái xanh tái xám hơn cả kẻ báo cái tin kia, lão rơi mình xuống chiếc ghế bành và gần như ngất xỉu.

-Vượt ngục rồi à? – Ông hỏi, – Ông de Beaufort vượt ngục rồi à?

-Bẩm Đức ông, tôi trông thấy ông ta chạy trốn từ trên sân thượng.

-Thế sao ông không bắn?

-Vì xa quá tầm súng ạ.

-Thế ông De Chavigny làm gì?

-Ông ta vắng mặt.

-Còn La Ramée?

-Người ta thấy ông ta bị trói ở trong phòng của tù nhân, bị nhét giẻ vào miệng và có một con dao găm ở bên cạnh.

-Nhưng còn cái người phó của ông ta đâu?

-Hắn ta là đồng loã với quận công và cùng bỏ trốn với ông ấy.

Mazarin thốt ra một tiếng rên rỉ.

-Thưa Đức ông! – D'Artagnan tiến lên một bước về phía tể tướng và nói.

-Cái gì cơ? – Mazarin hỏi.

-Tôi thấy hình như Các hạ bỏ phí một thời gian quý báu.

-Thế là thế nào?

-Nếu Các hạ ra lệnh cho người ta đuổi theo tù nhân thì còn có cơ đuổi kịp. Nước Pháp rộng lớn, nơi biên giới gần nhất là sáu mươi dặm.

-Thế ai đuổi theo hắn ta? – Mazarin kêu lên.

-Tôi! Mẹ kiếp!

-Vả ông bắt được hắn chứ?

-Tại sao không?

-Ông bắt giữ quận công de Beaufort được vũ trang, tại trận ư?

-Nếu Đức ông ra lệnh cho tôi bắt quỷ dữ, tôi sẽ nắm sừng nó lôi về đây.

-Tôi cũng vậy, – Porthos nói.

-Ông cũng vậy à? – Mazarin kinh ngạc nhìn hai người mà nói. – Nhưng quận công sẽ không đầu hàng đâu, nếu không, có trận kịch chiến.

-Thì chiến đấu chứ sao? – D'Artagnan đáp, mắt nảy lửa. – Đã lâu lắm rồi, chúng ta chưa đi đánh nhau phải không Porthos?

-Chiến đấu! – Porthos nói.

-Và các ông tin rằng bắt được hắn?

-Vâng, nếu như chúng tôi có ngựa tốt hơn.

-Thế thì có lính tráng gì ở đây, các ông cứ lấy mà chạy ngay đi.

-Đức ông ra lệnh chứ?

-Tôi ký lệnh đây, – Mazarin vừa nói vừa lấy tờ giấy viết mấy dòng.

-Xin Đức ông viết thêm rằng chúng tôi có thể lấy tất cả những con ngựa mà chúng tôi sẽ gặp trên đường.

-Được rồi, được rồi, – Mazarin nói – Công vụ của Đức vua! Cầm lấy và chạy đi.

-Tốt! Thưa Đức ông.

-Này, ông Du Vallon, – Mazarin nói, – cái tước vị nam tước của ông nằm trên mông ngựa của quận công de Beaufort; chỉ cần tóm lấy ông ta. Còn ông, ông d'Artagnan thân mến của tôi ơi, tôi chẳng hứa hẹn gì cả với ông, nhưng nếu ông mang quận công về dù sống hay chết, thì ông muốn gì cứ việc đi hỏi.

D'Artagnan cầm tay bạn mà bảo: -Lên ngựa nào, Porthos!

-Có tôi đây – Porthos đáp lại với vẻ bình tĩnh tuyệt vời.

Rồi họ xuống cầu thang lớn, vơ lấy những lính vệ mà họ gặp trên đường đi và kêu lên: "Lên ngựa đi! Lên ngựa đi!".

Độ một chục người tập họp lại.

D'Artagnan và Porthos nhảy lên con Vulcain và Bayard:

Mouston cưỡi con Phébus.

-Đi theo tôi! – D'Artagnan la lên.

-Lên đường! – Porthos nói.

Và họ thúc đinh ngựa vào sườn những con tuấn mã quý phái phóng theo phố Saint-Honoré như một trận cuồng phong.

-Này, ông Nam tước! Tôi đã hứa với ông việc diễn tập ông xem tôi đã giữ lời đấy.

-Vâng, thưa đại uý, – Porthos đáp.

Họ ngoái đầu lại: Mouston vã mồ hôi hơn cả ngựa, đi ở cự ly cần thiết. Theo sau Mouston, mười lính vệ phóng nước đại.

Các thị dân kinh ngạc đi ra ngưỡng cửa, và những con chó hoảng sợ vừa chạy theo các kỵ sĩ vừa sủa váng lên. Đến góc nghĩa trang Saint-Jean, d'Artagnan xô ngã một người đàn ông; nhưng đó là một sự cố nhỏ nhặt chẳng đáng để bắt dừng lại những con người gấp gáp đến thế. Toán ngựa phi tiếp tục con đường cứ như là chúng có cánh.

Than ôi! Chẳng có biến cố nào nhỏ nhặt ở trên đời này, và chúng ta sẽ thấy rằng cái biến cố này tưởng đến làm mất cả nền quân chủ.

§27. Con đường cái lớn

Họ cứ phóng như thế suốt dọc ngoại ô Saint-Antoine và con đường cái Vincennes; chẳng mấy chốc họ ra khỏi thành phố, rồi đến cánh rừng, rồi thấy làng xóm.

Các con ngựa mỗi bước chạy như càng thêm phấn khích, mũi chúng bắt đầu đó rực như những lò than hồng. D'Artagnan thúc đinh vào bụng ngựa, vượt trước Porthos hai bộ là cùng. Mouston đi sau độ hai quãng. Các lính vệ tuỳ xa gần tuỳ theo sức ngựa của họ.

Từ trên một gò cao, d'Artagnan trông thấy một nhóm người dừng lại ở bên kia bờ hào, trước mặt phần ngọn tháp trông sang Saint-Maur. Anh hiểu rằng người tù trốn qua phía ấy và có thể anh sẽ lượm được tin tức ở đó. Năm phút sau anh đã tới nơi, và bọn lính lần lượt đến sau.

Đám người ở đấy rất rộn rịch, họ nhìn sợi dây bẫy còn treo lủng lăng ở cái ụ súng và đứt ở cách mặt đất hai mươi bộ. Họ đo chiều cao của tường và trao đổi với nhau biết bao nhiêu lời phỏng đoán.

Trên bờ tường thành cao nhưng lính canh đi đi lại lại, vẻ hoảng sợ.

Một toán lính do một viên đội chỉ huy, xua đám thị dân khỏi chỗ ông quận công đã lên ngựa.

D'Artagnan phóng thẳng đến chỗ viên đội.

-Thưa ngài sĩ quan, – viên đội nói, – không ai được dừng lại ở đây.

-Lệnh ấy không phải cho tôi, – D'Artagnan nói, – đã có ai đuổi theo những kẻ chạy trốn chưa?

-Thưa có rồi, nhưng tiếc thay họ lại có ngựa tốt hơn.

-Họ có mấy người?

Bốn người khỏe mạnh và một người thứ năm bị thương được mang theo.

-Bốn người – D'Artagnan vừa nói vừa nhìn Porthos – cậu có nghe thấy không, Nam tước? Họ chỉ có bốn người thôi.

Một nụ cười làm rạng rỡ gương mặt Porthos.

-Thế họ đi được bao lâu rồi?

-Thưa ngài sĩ quan, hai giờ mười lăm phút.

-Hai giờ mười lăm phút, chẳng có nghĩa lý gì. Chúng ta có ngựa tốt hơn, phải không Porthos?

Porthos thở dài, anh nghĩ đến cái gì đang chờ đợi những con ngựa đáng thương của anh.

-Rất tốt! – D'Artagnan nói, – bây giờ hãy cho biết họ đi phía nào?

-Về điều này, thưa ngài sĩ quan, cấm nói ạ.

D'Artagnan rút tờ giấy ở trong túi ra.

-Lệnh của Đức vua, – anh nói.

-Thưa ngài sĩ quan, xin ngài gặp nói với ông tổng quản.

-Ông tổng quản ở đâu?

-Ở trong làng…

Cơn giận dữ bốc lên mặt d'Artagnan, trán anh cau lại, thái dương đỏ bừng.

-A! Tên khốn kiếp! – Anh bảo viên đội. – Ta cho là mi muốn nhạo ta đó. Đợi đấy.

Anh mở tờ giấy ra, một tay đưa cho viên đội, tay kia rút khẩu súng ở trong bao ra và lên đạn.

-Lệnh của Đức vua, ta bảo cho mi biết. Đọc đi và trả lời, nếu không ta bắn vỡ sọ. Họ đi theo đường nào?

Viên đội thấy rõ là d'Artagnan nói nghiêm chỉnh.

-Đường đi Vendômois, – hắn đáp.

-Đi ra cửa ô nào?

-Cửa ô Saint-Maur.

-Nếu mi lừa dối ta, tên khốn kiếp, – D'Artagnan bảo, – thì ngày mai mi sẽ bị treo cổ!

-Còn ông, nếu ông đuổi kịp họ, thì cũng sẽ chẳng còn về để treo cổ tôi, – viên đội lầu bầu nói.

D'Artagnan nhún vai, ra hiệu cho toán lính và thúc ngựa.

-Lối này cơ, các ông ơi, lối này cơ!- Anh vừa la lên vừa đi về phía khu vườn đã chỉ.

Nhưng lúc này khi ông quận công trốn thoát rồi, người gác cổng đã tính nên đóng chặt cửa hai lần khoá.

Thế là phải cưỡng bức bác ta mở cửa cũng như đã cưỡng bức viên đội, và lại mất thêm mười phút nữa. Vật chướng ngại cuối cùng vượt qua, toán binh sĩ lại tiếp tục phóng đi với tốc độ như trước.

Nhưng các con ngựa chẳng tiếp tục chạy với sự hăng hái như nhau; vài con không chịu đựng lâu được cuộc đua điên loạn ấy, một giờ sau ba con dừng lại, một con ngã quỵ. D'Artagnan không ngoái đầu lại nên cũng chẳng biết. Porthos nói lại với anh, vẻ bình thản.

-Miễn là còn hai chúng ta đến được, – D'Artagnan nói, – chỉ cần thế thôi, vì họ chỉ có bốn người.

-Đúng thế – Porthos đáp.

Và anh thúc đinh vào bụng ngựa.

Trong hai tiếng đồng hồ, mấy con ngựa phi mười hai dặm không nghỉ; chân chúng bắt đầu run, bọt mép chúng sùi ra bắn cả vào áo chẽn của các kỵ sĩ, trong khi mồ hôi thấm vào dưới quần cụt của họ.

Porthos nói:

Ta hãy nghỉ một lát để những con vật khốn khổ này thở.

-Ta hãy giết chết chúng, trái lại, ta hãy giết chết chúng, và đi tới nơi, – D'Artagnan đáp. – Tôi trông những dấu vết còn mới, họ qua đây chưa đầy mười lăm phút.

Quả thật, bờ đường bị vó ngựa xới lên; những vết chân trông rõ dưới những tia nắng cuối cùng.

Họ tiếp tục đi, nhưng được hai dặm thì con ngựa của Mouston ngã lăn ra.

-Thôi! – Porthos nói, – con Phébus toi rồi!

-Tể tướng sẽ trả cậu một nghìn pistol.

-Ồ, – Porthos nói, – tôi còn trên tài nữa kia.

-Ta lại đi thôi, và phi nước đại!

-Ừ nếu chúng ta có thể.

Quả nhiên con ngựa của d'Artagnan không chịu đi xa hơn, nó không thở nữa. Một mũi đinh thúc cuối cùng đáng lẽ đẩy nó đi lên thì làm nó ngã xuống.

-A! Chết cha rồi! – Porthos kêu lên, con Vulcain bị bầm máu ở chân?

-Mẹ kiếp! – D'Artagnan vừa kêu vừa túm lấy tóc mình day lòng bàn tay, – Ta phải dừng lại vậy! Đưa ngựa của cậu cho tôi, Porthos! Ơ này? Nhưng cậu làm cái trò quỷ quái gì thế?

-Ôi, mẹ kiếp! Tôi ngã bây giờ – Porthos nói, – hay đúng hơn là con Bayard qụy.

D'Artagnan muốn đỡ anh dậy, trong khi Porthos cố rút chân ra khỏi bàn đạp, nhưng anh trông thấy máu ộc ra ở mũi con ngựa.

-Thế là ba con rồi! – anh nói. – Bây giờ thế là hết tất cả rồi.

Vừa lúc ấy một tiếng ngựa hí vang lên.

-Sụyt! – D'Artagnan nói.

-Cái gì đấy?

-Tôi nghe tiếng một con ngựa.

-Chắc là ngựa một ngươi nào đó trong bọn mình theo kịp.

-Không đâu, – D'Artagnan nói, – Ở phía trước cơ mà.

-Thế lại là chuyện khác.

Porthos nói và đến lượt mình giỏng tai về phía mà bạn trỏ.

Mouston sau khi bỏ lại con ngựa trên đường cái lớn, đi bộ đuổi theo chủ và vừa đến nơi nói: -Thưa ông, còn Phébus không thể chịu đựng nổi, và…

-Im nào! – Porthos bảo.

Quả nhiên một tiếng hí thứ hai theo ngọn gió đêm thoáng qua.

-Đấy là từ phía trước chúng ta, cách đây trăm mét.

-Đúng đấy, ông ạ, – Mouston nói, – quả là ở cách ta năm trăm mét có một ngôi nhà đi săn thỏ.

-Mouston, cầm lấy súng ngắn, – D'Artagnan bảo.

-Tôi cầm ở tay rồi, ông ạ.

-Porthos cầm lấy súng cậu ở trong bao.

-Đây rồi.

-Được! D'Artagnan nói và cũng lấy súng của mình ra. – Bây giờ cậu hiểu chứ, Porthos?

-Không rõ lắm.

-Chúng ta đi vì công việc của nhà vua.

-Thì sao?

-Vì công việc nhà vua, chúng ta đòi mấy con ngựa.

-Đúng thế. – Porthos nói.

Vậy thì không nói một lời và vào việc luôn.

Cả ba người đi trong đêm tối lặng im như những bóng ma. Đến một chỗ đường ngoặt, họ trông thấy một ánh lửa ở giữa lùm cây.

-Nhà kia rồi? – D'Artagnan khẽ nói. – Porthos, cậu cứ để mặc mình và làm theo nhé. Họ luồn lách từ cây này sang cây khác và đến cách nhà hai mươi bước mà không ai nhìn thấy. Đến đó, nhờ có ngọn đèn treo ở nhà kho, họ nhận ra bốn con ngựa rất đẹp mã. Một tên đầy tớ đang băng cho chúng.

Bên cạnh là đống yên cương.

D'Artagnan bước sấn tới và ra hiệu cho hai đồng đội đứng sau mình mấy bước.

-Tôi muốn mua những con ngựa này, – anh bảo.

Tên này quay lại, kinh ngạc nhưng chẳng nói chẳng rằng.

D'Artagnan quát: -Mày không thấy à, đồ vô lại?

-Có chứ, – tên này đáp.

-Tại sao mày không trả lời.

-Bởi vì ngựa này không phải để bán.

-Thế thì lấy đi vậy, – D'Artagnan nói.

Và anh đặt tay lên con ngựa gần nhất. Hai đồng đội đồng thời làm theo anh.

-Ấy các ông ơi! – Tên hầu la lên – Chúng vừa mới chạy sáu dặm mà vừa mới tháo yên cương chưa được nửa giờ.

-Nghỉ nửa giờ là đủ rồi, – D'Artagnan nói, – và chúng chỉ càng thêm hăng thôi.

Tên coi ngựa gọi người ra giúp mình. Một người kiểu như quản lý ra đúng vào lúc d'Artagnan và đồng đội đặt yên lên lưng ngựa.

Viên quản lý toan to tiếng.

-Bạn thân mến ơi, – D'Artagnan nói, – nếu anh kêu một tiếng, tôi bắn vỡ sọ anh ra.

Và anh trỏ cái nòng súng ngắn mà anh đặt ngay dưới cánh tay để tiếp tục công việc.

-Nhưng ông ơi, – viên quản lý nói, – Ông có biết rằng những con ngựa này là của ông de Montbazon không?

-Càng hay, – D'Artagnan nói, – như vậy chắc hẳn phải là ngựa tốt.

Viên quản lý lùi dần mấy bước toan ra cửa và nói: -Này ông, tôi xin báo trước là tôi sẽ gọi người nhà ra.

-Và tôi cũng sẽ gọi người của tôi, – D'Artagnan nói, – tôi là trung uý ngự lâm quân của nhà vua, tôi có mười lính đi theo, và này, anh có nghe thấy họ đang phi không? Ta xem nào.

Người ta chẳng nghe thấy gì hết, nhưng viên quản lý sợ rằng nghe thấy thật.

-Xong chưa, Porthos? – D'Artagnan hỏi.

-Tôi xong rồi.

-Còn cậu, Mouston.

-Tôi cũng vậy.

-Thế thì ta lên ngựa và đi thôi.

-Cứu tôi với! – Viên quản lý kêu – Cứu tôi với, các đầy tớ và súng ống ra đây.

-Lên đường? – D'Artagnan bảo, – sẽ có nổ súng Và cả ba người phi như gió.

-Cứu tôi với! – Viên quản lý gào lên, trong khi tên coi ngựa chạy sang toà nhà bên cạnh.

D'Artagnan cười phá ra và bảo: -Cẩn thận không có lại bắn vào ngựa của chúng mày đấy.

-Bắn! – Viên quản lý đáp lại.

Một ánh sáng như tia chớp soi sáng đường; rồi đồng thời với tiếng nổ, ba người kỵ sĩ nghe tiếng đạn réo và tan đi trong không trung.

-Chúng bắn như những tên hầu, – Porthos nói, – Thời ông de Richelieu, người ta bắn khá hơn. Cậu còn nhớ con đường Crèvecoeur không, Mousqueton?

-A, ông ơi, cái mông bên phải nay vẫn còn đau.

-D'Artagnan ơi, cậu có chắc là đuổi đúng đường không? – Porthos hỏi.

-Mẹ kiếp! Cậu không nghe thấy họ nói gì à?

-Nói gì cơ?

-Rằng những con ngựa này là của ông de Montbazon.

-Thế thì sao?

-Ông de Montbazon là chồng bà de Montbazon.

-Sao nữa?

Mà bà de Montbazon lại là tình nhân của ông de Beaufort.

-A! Mình hiểu rồi, – Porthos nói, – bà ta đã xếp đặt các trạm thay ngựa.

-Đúng thế.

-Và chúng ta chạy theo quận công bằng những con ngựa mà ông ta vừa mới rời ra.

-Porthos thân mến ơi, cậu thật là thông minh tuyệt vời đấy! – D'Artagnan nói, giọng nửa nạc nửa mỡ.

-Ô chà! – Porthos nói – thế mà mình vẫn như thế này đấy thôi.

Họ phóng như vậy một tiếng đồng hồ, mấy con ngựa sùi bọt mén trắng xoá, và máu từ bụng chảy ra.

-Hừ! Mình nhìn thấy gì kia nhỉ? – D'Artagnan nói.

-Cậu thật là may mắn nếu cậu trông thấy cái gì đó trong đêm tối mù mịt như thế này – Porthos nói.

-Những đốm lửa.

-Tôi cũng trông thấy, – Mouston nói.

-A, a? Có lẽ chúng ta đuổi kịp họ.

-Hay! Một còn ngựa chết! – D'Artagnan vừa nói vừa kéo con ngựa của mình ra khỏi chỗ nó vừa nhảy tránh, – dường như bọn họ cũng mệt bở hơi tai ra rồi.

Porthos cúi rạp mình xuống bờm ngựa và nói: -Hình như có tiếng một toán kỵ sĩ.

-Vô lý

-Mà đông nữa kia.

-Thế thì lại là chuyện khác.

-Lại một con ngựa nữa. – Porthos nói.

-Chết à?

-Không, ngắc ngoải.

-Có yên cương hay tháo ra rồi?

-Có yên cương.

-Thế thì đúng là họ đấy.

-Can đảm lên! Ta sẽ tóm lấy họ.

-Nhưng mà nếu họ đông, – Mouston nói, – không phải ta tóm họ, mà chính họ tóm ta.

-Ô hay? – D'Artagnan nói, – họ tưởng chúng ta mạnh hơn họ, bởi vì chúng ta truy đuổi mà, cho nên họ sẽ sợ hãi và tản mát ra.

-Chắc chăn đấy! – Porthos nói.

-A! Các cậu có trông thấy không nào? – D'Artagnan kêu lên.

-Phải rồi, lại những đốm lửa, đến lượt tôi cũng trông thấy, – Porthos nói.

-Tiến lên! Tiến lên nào? – D'Artagnan nói, giọng the thé, – sau năm phút nữa chúng ta sẽ được cười.

Và họ lại lao đi. Những con người giận dữ vì đau đớn và vì ganh đua, bay trên con đường tối, ở giữa dường người ta đã bắt đầu nhận thấy một đám đông dài dặc hơn và đen sẫm hơn khoảng còn lại của chân trời.

§28. Gặp gỡ

Họ còn phóng mười phút nữa như vậy.

Chợt có hai chấm đen tách ra khỏi mảng tối, tiến lên, to dần và càng to ra càng rõ hình thù hai kỵ sĩ.

-Ô, ô! – D'Artagnan nói, – họ tiến đến chúng ta đấy.

-Mặc xác những kẻ đi đến, – Porthos nói.

-Ai đi kia? – Một giọng ồ ồ hô lên.

Ba kỵ sĩ vẫn lao, chẳng dừng lại mà cũng chẳng trả lời tuy nhiên người ta nghe thấy tiếng kiếm rút ra khỏi vỏ và tiếng cò súng lách cách của hai bóng đen.

-Ngậm dây cương vào miệng! – D'Artagnan bảo.

Porthos hiểu y và cả hai người lấy tay trải rút súng ngắn ở bao dưới yên ra và lên cò súng.

-Ai kia? – Lại một tiếng quát vang lên. – Không được tiến thêm một bước nếu không sẽ chết!

Porthos hầu như bị nghẹt thở vì bụi và miệng nhai dây cương như ngựa nhai hàm thiếc, đáp: -Ghê nhỉ! Chúng ta đã thấy khối chuyện ghê gớm hơn thế!

Anh vừa dứt lời, thì hai bóng đen chặn đường lại và dưới ánh sao lấp lánh những nòng súng đang hạ thấp xuống.

-Lùi lại ngay? – D'Artagnan quát to, – nếu không chính các ngươi sẽ chết!

Hai phát súng ngắn đáp lại lời doạ ấy, nhưng hai người công kích đã xông lên nhanh đến nỗi cùng lúc đó đã nhào vào địch thủ.

Một phát súng thứ ba vang lên do d'Artagnan bắn sát đầu họng súng và kẻ thù của anh ngã gục. Còn Porthos va vào địch thủ của mình mạnh đến nỗi mặc dầu thanh kiếm của anh đã bị gạt ra, anh đã hất hắn ngã lăn ra cách ngựa anh mười bước.

-Kết liễu đi, Mouston, kết liễu đi!- Porthos bảo.

Và anh lao lên phía trước cùng bạn mình đã lại tiếp tục cuộc truy lùng.

-Thế nào? – Porthos hỏi.

-Tôi đã bắn vỡ sọ nó, – D'Artagnan đáp, – còn cậu?

-Tôi chỉ xô ngã nó thôi, nhưng này…

Một tiếng súng trường nổ: đó là Mouston khi đi qua đã thi hành lệnh của chủ mình.

-Nào! Nào? – D'Artagnan nói – Việc trôi chảy đấy và chúng ta đã tiền đầu có lợi!

-A! A! – Porthos nói, – những tay chơi khác kìa! Quả nhiên, hai kỵ sĩ khác tách ra khỏi tốp chính đã nhanh chóng xông ra chặn đường.

Lần này d'Artagnan chẳng đợi họ cất tiếng hỏi mình.

-Tránh ra! – Anh la lên trước. – Tránh ra!

-Anh muốn gì? – Một người hỏi.

-Ông quận công! – Cả Porthos và d'Artagnan cùng gầm lên.

Một tiếng cười bật ra đáp lại, nhưng nó chấm dứt ngay trong một tiếng rên rỉ: d'Artagnan đã đâm xuyên vào thân kẻ đã cười.

Hai tiếng nổ vang lên đồng thời. Porthos và địch thủ của mình đã bắn nhau.

D'Artagnan quay lại thấy Porthos bên cạnh.

-Hoan hô Porthos! – Anh nói, – hình như cậu đã giết chết nó.

-Tôi chắc rằng chỉ bắn trúng ngựa của nó thôi.

Bạn thân mến ơi, biết làm thế nào! Chẳng ai bắn bách phát bách trúng, và khi đã đặt bạc thì chẳng nên than vãn. Ô! Mẹ kiếp! Con ngựa của tôi nó làm sao thế này?

-Nó sắp quỵ rồi, – Porthos nói và dừng ngựa mình. Quả nhiên, con ngựa của d'Artagnan vấp một cái và khuỵu chân xuống, rồi nó rên rỉ và lăn kềnh ra.

Nó đã bị địch thủ đầu tiên của d'Artagnan bắn vào ngực từ nãy.

D'Artagnan thét lên một tiếng chửi rủa to đến sập trời.

-Ông có muốn một con ngựa không? – Mouston hỏi.

-Mẹ kiếp? Có chứ, ta cần một con! – D'Artagnan reo lên.

-Đây ông? – Mouston nói.

-Làm thế nào mà cậu dắt được hai con ngựa? – D'Artagnan vừa nói vừa nhảy lên một con.

-Chủ của chúng chết rồi. Tôi nghĩ chúng có thể có ích cho ta, nên tôi lấy đi.

Trong lúc ấy Porthos nạp đạn vào súng.

Chợt d'Artagnan kêu: -Báo động! Có hai tên khác.

-Ái chà! Thế thì chúng sẽ tiếp tục ra cho đến ngày mai chắc? – Porthos nói.

Quả thật hai kỵ sĩ khác đang tiến nhanh lại.

-Ô, ông ơi, – Mouston nói, – cái thằng mà ông quật ngã nó trở dậy.

Tại sao cậu không kết liễu như thằng trước?

-Tôi đang lúng túng vì dắt hai con ngựa, ông ạ.

Một phát súng nổ, Mouston kêu lên đau đớn: -Ôi, ông ơi, ở bên hông kia, đúng bên mông! Cái phát bên này sẽ làm thành đôi câu đối với phát ở trên đường Amiens hồi xưa. Porthos quay lại như một con sư tử, nhào vào tên kỵ sĩ đã mất ngựa đang chực tuốt kiếm, nhưng trước khi gươm hắn ra khỏi vỏ, thì Porthos đã dùng đuôi gươm của mình giáng một đòn khủng khiếp xuống đầu hắn khiến hắn đổ kềnh ra như con bò dưới nhát búa của người đồ tể.

Mouston vừa rên rỉ vừa tụt khỏi mình ngựa, vết thương không cho phép hắn ngồi trên yên.

Trông thấy các kỵ sĩ, d'Artagnan đã dừng lại và nạp đạn vào súng ngắn, thêm nữa, con ngựa mới lại có một khẩu súng trường móc ở yên.

-Có tôi đây? – Porthos nói, – Chúng ta đợi hay là công kích?

-Công kích, – D'Artagnan bảo.

-Công kích, – Porthos nói.

Họ thúc đinh vào bụng ngựa.

Mấy kỵ sĩ chỉ còn cách hai chục bước.

-Theo lệnh Đức vua, hãy để chúng ta đi qua – d'Artagnan kêu lên.

-Nhà vua chẳng có gì để làm ở đây cả? – Một giọng âm vang đáp lại, nó như thoát ra từ một đám mây, vì rằng người kỵ sĩ đến với một cơn lốc bụi bao quanh.

-Được rồi, hãy xem nhà vua có đi qua được mọi chỗ không, – D'Artagnan lại nói.

-Nào? – Vẫn một giọng ấy nói.

Hai phát súng ngắn nổ đồng thời, một do d'Artagnan, một do địch thủ của Porthos. Viên đạn của d'Artagnan làm bay mũ kẻ thù của anh; viên đạn của địch thủ kia xuyên qua họng con ngựa Porthos, nó ngã vật ra rên rỉ.

-Lần cuối cùng, các anh đi đâu? – Vẫn giọng lúc nãy hỏi.

-Đi đến quỷ sử! – D'Artagnan đáp.

-Được, cứ yên tâm, các anh sẽ đến đó như ý muốn.

D'Artagnan nhìn thấy nòng một khẩu súng trường hạ xuống. Anh không còn thì giờ moi bao súng ra nữa, và chợt nhớ đến một lời khuyên của Arthos hồi xưa. Anh cho ngựa chồm lên.

Viên đạn bắn trúng giữa họng con ngựa, d'Artagnan thấy hẫng dưới chân mình, và với một sự nhanh nhẹn kỳ lạ anh nhảy phắt sang một bên.

-Ái chà! Vẫn cái giọng ngân vang và châm biếm ấy nói, – đó là cái lò mổ ngựa chứ không phải một cuộc chiến đấu của con người mà ta làm ở đây. Hãy đấu kiếm! Ông ơi, hãy đấu kiếm.

Và người ấy nhảy xuống ngựa.

-Đấu kiếm, được lắm!- D'Artagnan đáp, – đó là việc của tôi!

Và nhảy hai bước, d'Artagnan đã tới sát địch thủ và hai thanh kiếm, đã chạm nhau ngay. Với sự khéo léo thông thường của mình, d'Artagnan giơ kiếm theo thế ba cách phòng ngự anh ưa thích.

Trong khi đó Porthos quỳ sau con ngựa của mình, nó đang giậm chân trong cơn giãy chết, anh cầm mỗi tay một khẩu súng ngắn.

Cuộc chiến đấu đã bắt đầu giữa d'Artagnan và địch thủ của mình. Anh tấn công dữ dội theo thói quen; nhưng lần này anh đã gặp một cách đánh và một bàn tay khiến anh phải suy nghĩ. Hai lần trở sang thế bốn, d'Artagnan lùi một bước lại phía sau; địch thủ vẫn đứng yên; d'Artagnan tiến lên và lại xoay kiếm sang thế ba.

Hai ba nhát đánh lung tung không kết quả, lửa tóe ra thành chùm từ các thanh gươm.

Cuối cùng, d'Artagnan nghĩ đã đến lúc dùng miếng nghi binh hay nhất của mình; anh dẫn dắt rất khôn khéo, thực hiện nhanh như chớp: và đâm với sức mạnh ghê gớm mà anh tưởng như không ai chống đỡ nổi.

Nhưng nhát kiếm đã bị chặn đứng.

-Mẹ kiếp? – Anh kêu lên với cái giọng Gascon của mình.

Nghe tiếng kêu ấy, địch thủ của anh nhảy lùi lại đằng sau, và nghiêng cài đầu trần cố phân biệt qua màn đêm khuôn mặt của d'Artagnan.

Về phần d'Artagnan, sợ có một sự nghi binh, anh đứng ở thế phòng ngự.

Porthos nói với địch thủ của mình: -Hãy coi chừng, tôi còn hai khẩu súng đã nạp đạn.

-Thêm lý do để anh có thể bắn trước, – địch thủ đáp.

Porthos bắn luôn, hai đấu thủ kia cùng kêu lên.

-Arthos! – D'Artagnan gọi.

-D'Artagnan! – Arthos gọi.

Arthos nâng kiếm lên; d'Artagnan hạ kiếm xuống.

-Aramis? – Arthos kêu lên – Đừng bắn!

-A! A! Cậu đấy à, Aramis? – Porthos nói.

Và anh quăng súng đi.

Aramis bỏ súng vào bao và nhét gươm vào vỏ.

Arthos giơ tay ra phía d'Artagnan mà nói.

-Con trai của tôi!

Đó là cái tiếng ngày xưa anh thường gọi d'Artagnan trong những lúc âu yếm.

-Arthos ơi! – D'Artagnan vặn vẹo bàn tay anh và nói, – anh bảo vệ ông ta à? Còn tôi thì đã thề rằng sẽ mang ông ta về hoặc sống hoặc chết? Ôi! Tôi bị mất thể diện rồi!

Arthos phanh ngực mình ra và bảo: -Hãy giết tôi đi, nếu như danh dự của cậu cần thiết đến cái chết của tôi.

-Ôi khốn khổ thân tôi? Khốn khổ thân tôi – D'Artagnan kêu la. – Ở trên đời này chi có một người có thể ngăn cản tôi; và chắc hẳn là định mệnh đã đặt người ấy trên con đường tôi đi. A! Tôi sẽ nói với giáo chủ thế nào bây giờ?

Một giọng nói át cả chiến trường đáp lại: -Này ông! Ông hãy nói với giáo chủ rằng ông ta đã cử đi để chống lại tôi, hai người duy nhất có thể quật ngã bốn người, đánh giáp lá cà mà không phân thắng bại với bá tước de La Fère và hiệp sĩ De Herblay, và chỉ đầu hàng trước năm chục người thôi.

-Hoàng thân! – Arthos và Aramis cùng kêu lên và làm một cử chỉ tiết lộ quận công de Beaufort, còn d'Artagnan và Porthos lùi một bước lại phía sau.

-Năm mươi kỵ sĩ – D'Artagnan và Porthos lẩm bẩm.

-Các ông hãy nhìn xung quanh xem, nếu như các ông còn hoài nghi. – Quận công nói.

D'Artagnan và Porthos nhìn quanh mình; quả thật các anh đang hoàn toàn bị vây chặt giữa một toán người cưỡi ngựa. Quận công nói tiếp: -Nghe tiếng các ông đánh nhau, tôi cứ tưởng các ông có hai chục người, và tôi trở ra với tất cả những người đi theo tôi, vì chạy trốn mãi cũng chán, và cũng thèm đến lượt mình tuốt kiếm ra một chút. Không ngờ các ông chỉ có hai người.

-Đúng đấy, thưa Đức ông, – Arthos nói, – nhưng ngài đã nói, hai người bằng hai mươi người.

-Nào, các ông, nộp kiếm đi? – Quận công bảo.

-Nộp kiếm của chúng tôi ư? – D'Artagnan ngẩng đầu lên và hỏi lại, anh nói, – nộp kiếm của chúng tôi ư? Không bao giờ!

-Không bao giờ! – Porthos cũng nói.

Mấy người trong đám đông động đậy.

-Đức ông đợi một chút, – Arthos nói, – cho tôi xin nói đôi lời.

Và anh đến gần hoàng thân, ông ta cúi xuống và nghe anh nói thầm mấy câu.

-Xin tuỳ ý bá tước, – hoàng thân nói, – tôi chịu ơn ông quá nhiều nên không thể từ chối điều thỉnh cầu đầu tiên của ông.

Rồi hoàng thân bảo những người tuỳ tùng của mình: -Các ông hãy giãn ra. Còn các ông d'Artagnan và Du Vallon, các ông được tự do.

Mệnh lệnh lập tức được thi hành, và d'Artagnan cùng Porthos thấy mình là trung tâm của một vòng tròn rộng rãi.

-Bây giờ, D'Herblay hãy xuống ngựa và đến đây, – Arthos nói.

Aramis xuống và đến gần Porthos, còn Arthos đến gần d'Artagnan. Thế là cả bốn người lại đoàn tụ.

-Các bạn ơi, – Arthos nói, – các bạn có tiếc là chưa đổ máu của chúng ta không?

-Không. – D'Artagnan đáp, – tôi tiếc là trông thấy chúng mình chống lại nhau mà từ xưa chúng ta đoàn kết là thế? Tôi tiếc rằng chúng ta gặp nhau ở hai phe đối lập. Ôi! Chúng ta sẽ chẳng còn làm nên trò trống gì nữa?

-Ôi lạy Chúa? Thôi, thế là hết! – Porthos nói.

-Thế thì, hãy đi với tôi, – Aramis nói.

-Đừng nói vậy, D'Herblay? – Arthos bảo, – không ai lại đưa ra những đề nghị như thế với những người như các ông đây. Nếu các ông ấy vào phe Mazarin tức là ý thức của các ông đã thúc đẩy các ông về phía ấy; cũng như ý thức của chúng ta đã thúc đẩy chúng ta về phía các hoàng thân.

-Trong khi chờ đợi, chúng ta là kẻ thù của nhau còn gì, – Porthos nói – trời ạ! Có ai ngờ như thế này bao giờ không?

D'Artagnan không nói gì, mà buông một tiếng thở dài.

Arthos nhìn hai bạn và nắm lấy tay họ.

-Các ông ơi, – anh nói, – việc này nghiêm trọng lắm, và lòng tôi đau đớn như các ông đâm nát nó ra.

-Phải, chúng ta đã xa cách nhau, đó là sự thật hiển nhiên, sự thật đáng buồn; song chúng ta chưa hề tuyên chiến với nhau; có thể chúng ta sẽ đưa ra những điều kiện, một cuộc hội đàm cuối cùng là rất cần thiết.

-Về phần tôi tôi đòi hỏi cuộc họp đó, – Aramis nói.

-Tôi chấp nhận, – D'Artagnan nói, vẻ hãnh diện.

Porthos cúi đầu tỏ về tán thành.

-Vậy ta hẹn nhau, -Arthos nói, – Ở một nơi thuận tiện với tất cả chúng ta, và trong một cuộc hội kiến cuối cùng, chúng ta quy định dứt khoát lập trường và thái độ mà chúng ta phải giữ và cư xử đối với nhau.

-Được! – Ba người kia đều nói.

-Thế các bạn tán đồng với tôi chứ? – Arthos hỏi.

-Hoàn toàn.

-Vậy ở đâu?

-Quảng trường Hoàng gia[222] có tiện không? – D'Artagnan hỏi.

-Ở Paris ư?

Arthos và Aramis nhìn nhau. Aramis gật dầu.

-Được rồi, Quảng trường Hoàng gia.

-Thế bao giờ?

-Tối mai, nếu anh muốn.

-Anh có trở về không?

-Mấy giờ?

Mười giờ tối, được chứ?.

-Hay lắm.

-Từ đấy, – Arthos nói, – sẽ ra vấn đề hoà bình hay chiến tranh, nhưng ít nhất danh dự của chúng ta được cứu vãn, các bạn ạ.

-Than ôi! – D'Artagnan lẩm bẩm, – danh dự người lính của chúng ta bị mất.

-Này, d'Artagnan ơi, – Arthos nghiêm trang nói, – tôi thề rằng cậu đã làm tôi đau lòng thấy cậu nghĩ đến điều ấy trong khi tôi nghĩ đến một điều là chúng ta đã chạm kiếm đánh lại nhau. Phải, – anh vừa đau khổ lắc đầu vừa nói tiếp, – phải đó, tai hoạ rơi vào chúng ta, lại đây Aramis.

-Còn chúng ta, Porthos ơi, – D'Artagnan nói, – chúng ta hãy mang nỗi nhục của mình về cho tể tướng.

-Và nhất là nói với lão ta rằng tôi không đến nỗi quá già để làm một con người hành động.

Một tiếng nói cất lên, và d'Artagnan nhận ra tiếng Rochefort.

-Này, các ông, tôi có thể làm được chút việc gì cho các ông? – Hoàng thân nói.

-Thưa Đức ông, làm chứng cho những gì chúng tôi đã làm và có thể làm được.

-Yên tâm, điều ấy sẽ được thực hiện. Xin tạm biệt các ông; sau một thời gian nữa chúng ta sẽ gặp lại nhau, tôi hy vọng như vậy, ở giáp Paris, và có khi ở ngay thành phố Paris nữa, và lúc ấy các ông có thể phục thù.

Nói xong, quận công giơ tay chào, cho ngựa phi nước đại cùng với đoàn tuỳ tùng biến vào trong bóng đêm, tiếng họ tan vào trong không trung.

Còn lại có d'Artagnan và Porthos trên đường cái lớn cùng với một người tay dắt hai con ngựa.

-Ô! Ai thế này? – D'Artagnan kêu lên, – Grimaud đấy phải không?

-Grimaud!- Porthos nói.

Grimaud ra hiệu với hai người bạn là họ không lầm.

-Ngựa của ai thế? – D'Artagnan hỏi.

-Ai cho chúng tôi? – Porthos hỏi.

-Bá tước de La Fère.

-Arthos, Arthos! – D'Artagnan lẩm bẩm, – anh nghĩ tới mọi điều, anh thực sự là một nhà quý tộc.

-Hay quá? – Porthos nói, – tôi đã sợ là phải cuốc bộ.

Và anh nhảy lên yên. D'Artagnan đã lên yên rồi.

-Bây giờ bác đi đâu? – D'Artagnan hỏi. – Bác từ giã chủ bác à?

-Vâng, – Grimaud đáp, – tôi đi theo tử tước de Bragelonne đến đội quân ở Flandre.

Rồi họ im lặng đi mấy bước trên con đường lớn về phía Paris; nhưng bỗng nhiên họ nghe thấy những tiếng than vãn như vọng từ một cái hào.

-Cái gì thế? – D'Artagnan hỏi.

-Mouston đấy! – Porthos nói.

-Phải đấy, thưa ông, tôi đây, – một tiếng nói ai oán cất lên, trong khi một cái bóng đứng lên trên bờ đường.

Porthos, chạy ngay tới viên quản gia của mình mà anh thật sự yêu mến. Anh hỏi: -Cậu bị thương có nguy hiểm không hả Mouston thân mến của tôi?

-Mouston à? – Grimaud giương đôi mắt kinh ngạc mà thốt lên.

-Thưa ông, tôi không thấy là không nguy hiểm đâu, nhưng vết thương rất là khó chịu.

-Thế cậu không lên ngựa được à?

-Trời ơi, ông bảo tôi cái gì vậy!

-Cậu đi bộ được không?

-Tôi sẽ cố, cho đến ngôi nhà đầu tiên.

-Làm thế nào bây giờ? D'Artagnan nói. – Mà chúng ta phải trở về Paris ngay.

-Tôi xin đảm nhiệm Mouston, – Grimaud nói.

-Cảm ơn Grimaud của tôi! – Porthos nói.

Grimaud đặt chân xuống đất và giơ tay ra đỡ người bạn cũ của mình, anh đón bác mà nước mắt lưng tròng.

Grimaud không thể hiểu đích xác rằng những giọt nước rnắt ấy là do vui mừng gặp lại bác hay là do vết thương đau quá gây nên.

Còn d'Artagnan và Porthos lặng lẽ tiếp tục con đường trở về Paris.

Ba giờ sau có một người như kiểu phu trạm mình cuốn đầy bụi vượt qua hỏi; đó là người do quận công sai mang đến cho tể tướng một bức thư như quận công đã hứa, chứng nhận những điều mà Porthos và d'Artagnan đã làm.

Mazarin trải qua một đêm thật tệ hại khi nhận được thư ấy, trong đó hoàng thân đích thân báo rằng mình đã tự do và sẽ tiến hành một cuộc tử chiến chống lại lão.

Tể tướng đọc đi đọc lại mấy lần rồi gấp thư lại và bỏ vào túi.

Ông nói: -Điều an ủi ta là dù d'Artagnan đã bắt hụt hoàng thân, ít ra khi đuổi theo lão ta, hắn đã đè nát Broussel. Dứt khoát tên Gascogne là một người quý giá và trong tất cả những cái vụng về của hắn, hắn cũng giúp ích cho ta.

Giáo chủ ý muốn nói đến cái người mà d'Artagnan đã xô ngã ở góc nghĩa trang Saint-Jean Paris, và đấy chẳng phải ai khác là ông tham nghị Broussel.

§29. Bốn bạn sửa soạn gặp lại nhau

Ngồi trong sân khách sạn "Con dê cái nhỏ", Porthos trông thấy d'Artagnan từ Cung giáo chủ trở về, mặt dài thuỗn ra và nhăn nhăn nhó nhó. Anh hỏi.

-Thế nào, d'Artagnan trung hậu của tôi ơi, ông ta tiếp đãi cậu tồi lắm phải không?

-Thực tình là thế đấy? Người gì mà như lợn ấy! Cậu đang làm gì thế, Porthos?

-À, cậu thấy đó, tôi chấm bánh quy vào một cốc rượu vang Tây Ban Nha. Cậu cũng làm như vậy đi.

-Cậu nói phải. Gimblou, một cốc đầy?

Tên hầu bàn được gọi bằng cái tên du dương ấy mang cốc rượu đến, và d'Artagnan ngồi uống bên cạnh bạn.

-Chuyện ấy diễn ra như thế nào?

-Ôi dào! Cậu biết đây, nói gần nói xa chẳng qua nói thật. Tôi bước vào, ông ta nguýt mắt nhìn tôi; tôi nhún vai và nói: "Thế đấy! Thưa Đức ông, chúng tôi chẳng phải là những người mạnh hơn".

-Phải, tôi biết cả rồi, nhưng hãy kể chi tiết cho tôi nghe.

-Porthos, cậu hiểu rằng tôi không thể kể chi tiết mà không nói ra tên các bạn chúng ta, mà nói tên họ ra là làm hại họ.

"Mẹ kiếp! Thưa Đức ông, – tôi nói, – họ những năm mươi người mà chúng tôi chỉ có hai".

"Ừ, nhưng điều đó không ngăn cản có những phát súng bắn lẫn nhau, theo như tôi nghe nói lại, – Ông ta nói".

"Sự thực là, bên này bên kia đều có vài loạt đạn nổ".

"Thế nhưng thanh kiếm đã trông thấy ánh mặt trời chứ? – Ông ta nói thêm".

"Nghĩa là ban đêm ạ, thưa Đức ông".

"Ái chà! Tôi tuởng ông là Gascon cơ mà, ông bạn thân mến?"

"Tôi chỉ là Gascon khi tôi thành công thôi, thưa Đức ông".

Câu trả lời làm vừa lòng ông ta, vì ông ta bật cười, ông ta nói tiếp:

"Điều đó dạy tôi là phải cho các lính vệ những con ngựa tốt hơn, bởi vì nếu như họ đuổi kịp các ông và mỗi người đều có thể làm được như ông và bạn của ông, thì có thể ông đã giữ đúng lời hứa và mang hắn về đây hoặc chết hoặc sống".

-Ơ này! Nếu chuyện như vậy thì tôi thấy cũng chẳng đến nỗi dở đâu, – Porthos nói.

-Ồ, Lạy Chúa! Không đâu, bạn thân mến ơi, đó chỉ là một cách nói thôi. – Rồi d'Artagnan bất chợt nói – Không thể tưởng tượng được, những cái bánh quy

này hút mật ghê thật? Cứ như là những miếng bọt biển ấy! Gimblou đâu, một chai nữa!

Chai rượu được mang đến rất nhanh chứng tỏ anh được cửa hàng kính nể như thế nào. Anh nói tiếp: -Cho nên lúc tôi cáo lui, thì ông ta gọi lại. Ông ta hỏi tôi:

"Các ông có ba con ngựa bị chết hoặc bầm máu chân phải không?"

"Vâng, thưa Đức ông".

"Chúng đáng giá bao nhiêu?"

-Ấy – Porthos nói, – tôi thấy có lẽ là một dịp khá tốt đấy chứ!

"Một nghìn pistol, – tôi trả lời".

-Một nghìn pistol? – Porthos kêu lên. – Ô, ồ! Nhiều quá đấy; nếu ông ta sành về ngựa, chắc ông ta phải mặc cả.

-Thực tình là lão ta muốn mặc cả lắm đấy, cái lão đê tiện ấy vì lão nhảy bật lên một cái kinh khủng và nhìn tôi trừng trừng. Tôi cũng nhìn lại, lão hiểu ra và thò tay vào tủ lão lấy phiếu ra nhà băng Lyon.

-Để lĩnh một nghìn pistol à?

-Một nghìn pistol chẵn, không thêm một đồng nào; cái lão keo kiệt ấy!

-Thế cậu lấy chưa?

-Đây rồi.

-Thực tình mình thấy ông ta làm thế nào là thoả đáng rồi!

-Thoả đáng! Với những người không những vừa mới mạo hiểm tính mạng mình mà còn giúp ích lão ta một việc lớn mà gọi là thoả đáng ư?

-Một việc lớn à, việc gì thế! – Porthos hỏi.

-Chà, hình như tôi đã cho ngựa đạp phải một ông tham nghị của nghị viện.

-Sao? Cái người nhỏ nhắn, đen đen mà cậu đã xô ngã ở góc nghĩa trang Saint-Jean phải không?

-Đúng thế, bạn thân mến ạ. Này, ông ta như cái gai trước mắt giáo chủ đấy. Khốn nỗi, tôi lại không đè bẹp ông ta. Có khi ông ta sẽ trở lại và còn cản trở lão.

-Này cậu, – Porthos nói, – Chính tôi đã rẽ ngựa để nó khỏi giẫm lên người ông ta! Có lẽ để lần khác?

-Đáng lẽ lão ta phải trả tiền tôi về ông tham nghị mới phải, cái lão mặt mo ấy?

-Chà! Nếu ông ta không bị đè bẹp hẳn…

-A! Nếu là ngài giáo chủ de Richelieu, chắc hẳn ngài sẽ nói: "Năm trăm êquy về một ông tham nghị!".

-Thôi không nói chuyện ấy nữa. Porthos này, mấy con ngựa ấy của cậu đáng giá bao nhiêu?

-Ồ, bạn ơi, nếu Mouston tội nghiệp có đây, hắn sẽ nói với cậu giá tiền tính đến đồng, hào và xu lẻ.

-Không sao! Cậu cứ nói đi, tính đến mười êquy lẻ. – Vulcain và Bayard mỗi con giá chừng hai trăm pistol, và cứ cho là con Phébus giá một trăm rưởi nữa đi, tôi cho là ta định sát giá đây.

-Vậy thì còn dư ra bốn trăm rưởi pistol, – D'Artagnan nói với vẻ khá hài lòng…

-Ừ – Porthos nói, – nhưng còn yên cương?

-Đúng quá đi rồi. Yên cương giá bao nhiêu?

-Coi là cả ba bộ một trăm pistol đi…

-Được một trăm pistol, – D'Artagnan nói, – Vị chi là còn dư ba trăm rưởi pistol.

Porthos gật đầu tán thành.

-Bây giờ ta đưa ông chủ quán năm mươi pistol để trả chi phí của chúng ta? – D'Artagnan nói, – còn ba trăm pistol ta chia nhau.

-Chia đi, – Porthos bảo.

-Việc nhỏ nhặt! – D'Artagnan lẩm bẩm, tay nắm những tờ bạc của mình.

-Hừ? – Porthos nói, – lại vẫn chuyện ấy à. Nói đi.

-Gì cơ?

-Ông ta không đả động gì đến tôi ư?

-À, có chứ, – D'Artagnan vội reo lên, anh sợ làm bạn mình nản nếu bảo rằng tể tướng chẳng hề nhắc đến bạn một tiếng. – Có chứ!

-Ông ta nói…

-Ông ta nói gì? – Porthos hỏi.

-Khoan đã, để tôi nhớ lại đúng lời ông ta. Ông ta nói rằng: "Về phần bạn ông, thì ông hãy báo ông ta cứ yên tâm chẳng có gì quản ngại".

-Tốt! – Porthos nói, – như thế là rõ như ban ngày rồi, ông ta vẫn tính phong mình là Nam tước.

Vừa lúc ấy chuông đồng hồ nhà thờ gần đó điểm chín giờ.

D'Artagnan giật mình.

-A! Đúng rồi, – Porthos nói, – Bây giờ chín giờ mà cậu nhớ chứ, đến mười giờ là ta có cuộc hẹn ở quảng trường Hoàng gia.

-Thôi, im đi, Porthos! – D'Artagnan la lên với vẻ nóng nảy, – cậu đừng nhắc lại cái kỷ niệm ấy nữa; chính nó làm cho tôi bực bội khó chịu từ ngày hôm qua. Tôi chẳng đi đâu.

-Tại sao thế? – Porthos hỏi: -Bởi vì thật là điều đau lòng phải gặp lại hai con người ấy, họ đã làm hỏng công việc của chúng ta.

-Mà họ có lợi thế gì đâu, – Porthos nói. – Lúc ấy tôi vẫn còn một khẩu súng đã nạp đạn còn các cậu thì đã đứng đối mặt nhau, kiếm trong tay.

-Phải, – D'Artagnan nói – nhưng nếu như cuộc hẹn hò này che giấu một điều gì.

-Ồ – Porthos nói, d'Artagnan, cậu không nên tin như vậy.

Đúng thế, d'Artagnan không tin rằng Arthos có thể dùng mưu gian; song anh tìm cớ để không đi đến nơi hẹn.

-Phải đến đấy chứ, – vị lãnh chúa de Bracieux đường bệ nói tiếp. – Họ có thể cho là chúng ta sợ hãi. Này, bạn thân mến ơi, chúng ta đã dám chọi với năm mươi kẻ thù trên đường cái lớn; chúng ta cũng sẽ chọi tốt với hai anh bạn trên Quảng trường Hoàng gia.

-Phải phải, – tôi biết, – D'Artagnan nói – nhưng họ đã phải theo các hoàng thân mà không bảo cho chúng ta biết trước. Arthos và Aramis đã chơi tôi một vố làm tôi hết sức kinh ngạc. Hôm qua ta đã khám phá ra sự thật; hà tất gì hôm nay chúng ta còn phải đi tìm hiểu điều khác nữa.

-Cậu thật sự nghi ngờ à? – Porthos hỏi.

-Về Aramis thì đúng vậy, từ khi hắn làm tu viện trưởng, bạn thân mến ơi, cậu không thể hình dung hắn bây giờ thế nào đâu. Hắn nhìn chúng ta vướng trên con đường dẫn dắt đến chức giám mục, cho nên có lẽ hắn sẽ chẳng phiền lòng nếu cần phải thủ tiêu chúng ta.

-A, về Aramis thì lại là chuyện khác, – Porthos nói, – và tôi chẳng lấy làm lạ.

-Ông de Beaufort cũng có thể đến lượt mình thử bắt chúng ta lắm chứ.

-Ô hay! Ông ta đã bắt được chúng mình và lại thả ra cơ mà. Với lại, chúng ta sẽ đề phòng, mang đủ vũ khí và mang theo Planchet với cây súng trường của hắn.

-Planchet là Fronde – D'Artagnan nói.

-Vứt mẹ nó những cuộc nội chiến đi? – Porthos kêu lên, – người ta không còn có thể tin cậy ở bạn bè hay người hầu nữa. A! Nếu như Mouston có đây! Còn có một người không bao giờ rời bỏ ta.

-Phải, chừng nào mà cậu còn giàu có. Này! Bạn thân mến ơi, chẳng phải là những cuộc nội chiến chia rẽ chúng ta; chẳng qua vì chúng ta không còn ở tuổi hai mươi nữa; vì những niềm hăng hái chân thành của tuổi trẻ đã mất đi rồi để nhường chỗ cho tiếng thì thầm của quyền lợi, cho hơi thở của tham vọng, cho những lời khuyên bảo của lòng ích kỷ. Phải, cậu nói có lý, ta cứ đi đến đó, Porthos ạ, nhưng ta phải vũ khí đầy đủ.

-Nếu không, họ sẽ bảo rằng chúng ta hoảng sợ. Ơ này, Planchet đâu?

Planchet xuất hiện.

-Thắng yên cương vào ngựa đi, và mang theo khẩu súng trường.

-Nhưng thưa ông, trước tiên, chúng ta đi chống lại ai?

-Chẳng chống lại ai cả, – D'Artagnan nói, – đó chỉ là một sự đề phòng trường hợp ta bị tấn công.

-Ông biết không, người ta muốn giết chết cái ông tham nghị Broussel tử tế, người cha của dân tộc ấy.

-A, thật ư? – D'Artagnan nói.

-Thật ạ. Nhưng ông đã được trả thù đích đáng, vì ông ta được mang trở về nhà trong tay dân chúng. Từ hôm qua, nhà ông ấy chẳng lúc nào vơi người: ông chủ giáo, ông de Longueville, hoàng thân de Côngty đã đến thăm ông Broussel. Bà de Chevreuse và bà de Vendôme cũng đã cho ghi tên mình đến thăm đấy. Và bây giờ, khi nào ông ta muốn…

-Khi nào ông ta muốn, thì sao?

Planchet bèn cất tiếng hát:

"Một cơn gió Fronde
Nổi từ sớm tinh mơ
Chắc là nó gầm thét
Chống lại Mazarin
Một cơn gió Fronde
Nổi từ sớm tinh mơ …"

D'Artagnan thì thầm với Porthos: -Tôi chẳng còn ngạc nhiên về chuyện này nữa, khi bảo Mazarin đã rất mong là tôi cán chết hẳn vị tham nghị của lão thì hơn.

-Thưa ông, – Planchet nói,

-Vậy ông hiểu rằng nếu như ông bảo tôi mang súng đi để làm một công việc gì đó giống như việc người ta đã mưu hại ông Broussel, thì…

-Không, cứ yên tâm. Nhưng cậu nghe nhưng chi tiết ấy ở đâu thế?

-Ồ! Từ nguồn đáng tin cậy. Tôi nghe Friquet. nói.

-Friquet. à? – D'Artagnan nói, – Tôi biết cái tên đó.

-Đó là con trai bà đầy tớ nhà ông Broussel; một thằng nhóc rất nhộn mà tôi xin bảo đảm với ông rằng không một cuộc bạo loạn nào nó chịu mất phần đâu.

-Có phải cái thằng lễ sinh ở nhà thở Đức Bà không? – D'Artagnan hỏi.

-Đứng nó đấy; Bazin che chở cho nó.

-A, a! Tôi biết, – D'Artagnan nói. – Và là thằng hầu quầy ở quán rượu phố Calandre chứ gì?

-Đúng thế

-Thằng lỏi con ấy làm gì cho cậu? – Porthos hỏi.

-A – D'Artagnan đáp, – nó đã cho tôi nhiều tin tức hay, và nếu có dịp, chắc nó sẽ còn cho nữa.

-Cho cậu, người đã suýt cán chết chủ nó ư?

-Đúng vậy.

Vào lúc ấy, Arthos và Aramis đi vào Paris, bằng lối cửa ô Saint-Antoine. Họ nghỉ ngơi ở dọc dường và vội vã đi để khỏi lỡ cuộc hẹn.

Chỉ có Bazin đi theo họ.

Ta còn nhớ rằng, Grimaud ở lại để săn sóc Mouston và đuổi kịp cậu tử tước trẻ de Bragelonne đang đi đến đội quân Flandre.

-Bây giờ, – Arthos nói, – chúng ta cần vào một quán trọ để mặc quần áo thị dân, cất súng ống, kiếm gươm và giải giáp cả tên hầu của chúng ta nữa.

-Ồ! Không làm thế được đâu, bá tước thân mến ơi, và việc này, tôi xin anh cho phép không những tôi không tán thành anh, mà còn thử khiến anh theo ý với tôi.

-Tại sao vậy?

-Bởi vì đây là một cuộc hò hẹn chiến tranh mà chúng ta đang đi tới.

-Cậu muốn nói gì thế, Aramis?

-Tôi muốn nói rằng Quảng trường Hoàng gia là sự tiếp diễn của con đường cái lớn Vendôme chứ chẳng phải cái gì khác.

-Thế nào? Các bạn của chúng ta…

-Đang trở thành những kẻ thù nguy hiểm nhất của chúng ta. Arthos, tin ở tôi, chúng ta phải phòng ngừa, và nhất là anh hãy phòng ngừa.

-Ồ! D'Herblay thân mến của tôi!

Ai bảo anh rằng d'Artagnan không đổ tất cả thất bại của hắn lên đầu chúng ta và không báo trước cho giáo chủ biết? Ai bảo anh rằng giáo chủ không lợi dụng cuộc hẹn hò ấy để cho tóm cổ chúng ta?

-Sao? Aramis, cậu nghĩ rằng d'Artagnan và Porthos tiếp tay cho một sự ô nhục như vậy ư?

-Arthos thân mến ơi, giữa bạn bè với nhau thì anh nói đúng, đó là một sự ô nhục; nhưng giữa những kẻ thù địch thì đó là một mưu kế.

Arthos khoanh tay và để gục cái đầu tuấn tú xuống trước ngực.

-Biết làm thế nào được, Arthos ơi? Con người ta sinh ra như vậy, và không phải bao giờ cũng ở tuổi hai mươi. Anh thấy đấy, chúng ta đã làm tổn thương một cách tàn nhẫn lòng tự ái nó điều khiển mù quáng những hành động của d'Artagnan. Hắn bị bại trận. Anh đã chẳng nghe hơi thở than tuyệt vọng trên đường sao? Còn về Porthos, danh hiệu Nam tước của hắn có lẽ tuỳ thuộc ở sự thành công của việc này. Thế đây? Hắn đã gặp chúng ta cản trở con đường đi của hắn và sẽ chưa được là Nam tước lần này đâu. Ai bảo anh rằng cái tước, thứ năm trứ danh ấy không dựa vào cuộc hội kiến chiều nay của chúng ta? Ta nên đề phòng, Arthos ạ.

-Nhưng nếu họ đến mà không mang vũ khí thì sao? Thật xấu hổ cho chúng ta biết chừng nào.

-Cứ yên tâm, bạn thân mến ơi, tôi xin cam đoan rằng sẽ không như vậy đâu. Vả chăng chúng ta có cớ để nói thác là chúng ta đi du hành tới và chúng ta là kẻ phiến loạn? Một cớ nói thác cho chúng ta! Cần phải dự kiến trường hợp chúng ta cần xin lỗi d'Artagnan và Porthos!

-Ôi! Aramis Aramis ơi, – Arthos vừa buồn rầu lắc đầu vừa nói tiếp xin lấy linh hồn ra mà thề rằng cậu làm cho tôi thành kẻ khổ sở nhất trần đời. Cậu làm thất vọng một trái tim đã không hoàn toàn chết ở tình bạn. Này, Aramis, tôi xin thề là thà người ta dứt nó ra khỏi lồng ngực của tôi còn hơn. Aramis, cậu đi đến đó thế nào thì tuỳ cậu. Còn tôi, tôi sẽ đi mà không mang vũ khí.

-Không, tôi sẽ không để anh đi như vậy đâu: Sẽ không còn là một con người, không còn là Arthos, không còn là Bá tước de La Fère nữa mà anh phản bội bằng sự yếu đuối ấy; đây là cả một đảng phái mà anh thuộc vào nó và nó tin cậy ở anh.

-Thôi thì đành làm theo lời cậu vậy, – Arthos buồn rầu đáp.

Và họ tiếp tục đi.

Qua phố Bước Con La[223], vừa đến hàng rào sắt của bãi vắng, họ trông thấy ở dưới cửa tò vò, chỗ phố Sainte Catherine đổ ra, ba kỵ sĩ.

Đó là d'Artagnan và Porthos đang bước đi, áo choàng bị chuôi kiếm vén lên. Planchet đi đằng sau họ, súng trường thõng xuống đùi.

Nhìn thấy d'Artagnan và Porthos, Arthos và Aramis xuống ngựa.

Phía bên kia cũng vậy. D'Artagnan nhận thấy ba con ngựa kia đáng lẽ do Bazin giữ thì lại buộc ở các vòng của cổng tò vò và anh bảo Planchet cũng làm như thế.

Rồi họ tiến đến gần nhau hai người này đối diện với hai người kia, và chào nhau lễ phép.

Chợt Arthos trông thấy nhiều người dừng chân và nhìn bọn họ, giống như đây là một trong những cuộc đấu kiếm trứ danh vẫn còn sống động trong trí nhớ những người dân Paris, nhất là những người ở gần Quảng trường Hoàng gia, Anh nói: -Này các ông ơi, các ông thích chúng ta trò chuyện với nhau ở đâu?

-Cổng rào khoá, – Aramis nói, – nhưng nếu như các ông thích mát dưới bóng cây và một sự tĩnh mịch không thể vi phạm, thì tôi sẽ lấy chìa khoá ở dinh Rôhan và chúng ta sẽ toại nguyện.

D'Artagnan phóng tầm mắt vào trong bóng tối của quảng trường, và Porthos thử chui dầu vào hai song sắt để dò bóng đêm.

Với cái giọng thanh cao và dễ thuyết phục, Arthos nói: -Nếu các ông thích một nơi khác, thì xin cứ tự chọn.

Aramis lập tức tránh ra và dặn dò Arthos chớ đứng một mình ở trong tầm tay d'Artagnan và Porthos; nhưng kẻ được ban lời khuyên răn ấy chỉ cười vẻ khinh khi và tiến một bước về phía các bạn cũ đang đứng nguyên tại chỗ.

Quả thật Aramis đã đến gõ cửa dinh Rôhan; một người hiện ra cùng với anh, nói.

-Thưa ông, ông thề với tôi chứ?

-Cầm lấy, – Aramis đưa ra một đồng louis và bảo.

-A! Vị quý tộc của tôi, ông không muốn thề à? – Người gác cổng vừa nói vừa lắc đầu.

-Ô, có gì mà thề với thốt cơ chứ, – Aramis nói. – Tôi chỉ khẳng định với bác rằng cho đến giờ phút này các ông kia vẫn là bạn chúng tôi.

-Phải rồi, tất nhiên? – Arthos, d'Artagnan và Porthos lạnh lùng nói.

D'Artagnan đã nghe thấy cuộc đối thoại và hiểu rõ.

-Cậu có thấy không? – Anh hỏi Porthos.

-Thấy cái gì nhỉ?

-Hắn không muốn thề.

-Thề cái gì?

-Người gác cổng kia muốn Aramis thề rằng chúng ta vào Quảng trường Hoàng gia không phải để đánh nhau.

-Không thấy.

-Thế thì phải cẩn thận.

Arthos không rời mắt khỏi hai người đang nói.

Aramis mở cổng và né ra để d'Artagnan bước vào.

Khi vào, chuôi kiếm của d'Artagnan mắc vào cổng rào, buộc anh phải phanh áo choàng ra. Thế là anh để lộ cái báng súng ngắn bóng loáng ánh trắng.

Aramis bèn một tay chạm vai Arthos, một tay trỏ cho anh xem khẩu súng đeo ở đây lưng d'Artagnan.

-Chao ôi! Phải rồi, – Arthos nói và buông một tiếng thở dài não ruột. Và là người thứ ba đi vào. Aramis vào cuối cùng và đóng cổng lại. Hai kẻ hầu ở bên ngoài; nhưng do họ cũng ngờ vực lẫn nhau, nên đứng cách xa nhau.

§30. Quảng trường Hoàng gia

Họ lặng lẽ đi tới trung tâm quảng trường; nhưng do lúc ấy mặt trăng vừa ra khỏi đám mây, họ nghĩ rằng ở chỗ bãi trống trải này họ sẽ dễ bị người ta trông thấy, họ bèn đến chỗ mấy cây bồ đề bóng tối dày dặc hơn.

Có các ghế dài kê rải rác; bốn kẻ du ngoạn dừng lại trước một cái ghế. Arthos ra hiệu, d'Artagnan và Porthos ngồi xuống. Arthos và Aramis đứng yên trước mặt họ.

Sau một lát im lặng, mỗi người đang cảm thấy lúng túng không biết bắt đầu giải thích thế nào đây, thì Arthos lên tiếng: -Các anh ơi, một chứng cớ về sức mạnh của tình bằng hữu cũ của chúng ta là sự có mặt của chúng ta ở nơi hò hẹn này. Không một ai vắng mặt, không một ai có gì để trách móc cả.

-Thưa bá tước, – D'Artagnan nói – xin hãy nghe đây, thay cho những lời tán tụng mà có lẽ chẳng có ai trong chúng ta đây xứng đáng, chúng ta hãy phát biểu như những người chân thành.

-Tôi không mong gì hơn, – Arthos đáp. – Tôi là người thẳng thắn, các anh hãy nói thẳng thắn. Các anh có điều gì cần trách tôi hoặc tu viện trưởng D'Herblay không?

Có đấy – D'Artagnan nói, – khi tôi có vinh dự được gặp anh ở lâu đài Bragelonne, tôi đã đưa ra với anh những đề nghị mà anh đã hiểu rõ. Đáng lẽ trả lời tôi như với một người bạn, thì anh đã chơi tôi như một đứa trẻ, và cái tình bằng hữu mà anh tán dương ấy tan vỡ không phải do cuộc chạm kiếm tối hôm qua mà do sự nguỵ trang của anh ở trong lâu đài mình.

-D'Artagnan! – Arthos nói với một giọng trách móc nhẹ nhàng.

-Anh cần ở tôi sự thẳng thắn, thì đấy! – D'Artagnan nói – Anh hỏi tôi nghĩ gì thì tôi đã nói rồi. Và bây giờ, ông tu viện trưởng D'Herblay, tôi cũng sẵn sàng hầu tiếp ông. Tôi cũng đã hành động với ông như vậy và ông cũng đã lạm dụng tôi.

-Ông lạ lùng thực đấy, ông ạ, – Aramis nói – Ông đến tìm tôi để đưa ra những đề nghị, nhưng ông đã nói với tôi chưa nào? Không, ông thăm dò tôi, có thế thôi. Này, tôi đã nói với ông thế nào nhỉ? Rằng Mazarin là một tên đê tiện và tôi chẳng phụng sự nó đâu. Tất cả chỉ có thế. Tôi có nói với ông rằng tôi không phụng sự một người khác đâu? Trái lại, tôi đã nói để ông hiểu rằng, tôi đứng về phía các hoàng thân. Nếu tôi không lầm thì chúng ta còn nói đùa rất thoải mái về trường hợp rất có khả năng là ông nhận nhiệm vụ của giáo chủ giao là bắt giữ tôi. Vậy thì tại sao chúng tôi không thể là người có đảng phái? Ông có bí mật của ông, cũng như chúng tôi có bí mật của chúng tôi; chúng ta đã không trao đổi bí mật với nhau, càng hay điều đó chứng tỏ là chúng ta biết giữ bí mật.

-Tôi có trách gì ông đâu, – D'Artagnan nói, – chẳng qua vì bá tước de La Fère nói về tình bạn bè, cho nên tôi mới xem xét cách đối đãi của ông thôi.

-Và ông thấy gì ở đó? – Aramis kiêu ngạo hỏi.

Máu dồn lên mặt, d'Artagnan đứng phắt dậy và đáp: -Tôi thấy đúng là một cách đối đãi của một môn đệ những thầy dòng Jésuites.

Thấy d'Artagnan đứng lên, Porthos cũng đứng dậy. Thế là cá bốn người đều đứng sừng sững hằm hè trước mặt nhau.

Nghe câu trả lời của d'Artagnan, Aramis giơ tay như muốn sờ vào đốc kiếm.

Arthos ngăn anh lại.

-D'Artagnan này, – anh nói, – tối nay anh đến đây vẫn còn tức giận sục sôi về cái việc tình cờ tối hôm qua của chúng ta.

D'Artagnan, tôi tin rằng lòng anh khá quảng đại để cho một tình bằng hữu hai mươi năm ròng rả có thể chống lại ở anh một sự thất bại của lòng tự ái trong khoảnh khắc. Nào, hãy nói điều đó với tôi đi. Anh thấy có điều gì khiển trách tôi không? Nếu tôi có lỗi, tôi sẽ nhận lỗi.

Cái giọng nghiêm nghị và du dương ấy của Arthos bao giờ cũng có ảnh hưởng đến d'Artagnan như xưa, trong khi giọng của Aramis trở nên chua cay và kêu gào trong những lúc bực mình càng chọc tức anh. Cho nên anh đáp lại Arthos: -Ông bá tước ơi, tôi tưởng rằng ông có điều tâm sự nói với tôi ở lâu đài Bragelonne, và còn ông, – anh nói tiếp và trỏ sang Aramis, – Ông cũng có điều tâm sự với tôi ở tu viện, hẳn là tôi đã chẳng lao vào một cuộc phiêu lưu mà các ông chắc sẽ cản đường tôi. Tuy nhiên vì rằng tôi kín đáo, chớ có vội cho tôi là một đứa ngu ngốc.

Nếu như tôi muốn đi sâu để phân biệt những người, mà ông D'Herblay đón tiếp bằng cái thang dây với những người mà ông đón tiếp bằng chiếc thang gỗ, thì ắt là tôi đã bắt ông ta phải nói với tôi rồi.

Trong bụng ngờ rằng d'Artagnan đã rình rập mình và trông thấy mình đi cùng bà de Longueville, Aramis giận tím mặt và la lên: -Sao ông đi dây vào việc người khác?

-Tôi chỉ dây vào việc gì can hệ đến tôi, và tôi biết giả bộ không trông thấy những cái gì không can hệ đến tôi. Nhưng tôi ghét những kẻ đạo đức giả, và trong cái loại đó tôi xếp những ngự lâm quân đi làm tu viện trưởng và những tu viện trưởng đi làm ngự lâm quân.

Rồi quay sang phía Porthos, anh nói tiếp: -Ông đây cũng đồng ý với tôi.

Porthos từ nãy chưa nói gì, chi đáp lại bằng một tiếng nói và một cử chỉ.

Anh nói "Phải" và cầm kiếm ra tay.

Aramis nhảy lùi lại một bước và tuốt kiếm ra. D'Artagnan khom lưng lại, sẵn sàng công kích hoặc tự vệ

Arthos bèn giơ bàn tay ra với cái dáng bộ chỉ huy tối thượng chỉ ở anh mới có, anh thong thả rút cả thanh kiếm và vỏ cùng một lúc, tì kiếm lên đầu gối và bẻ gẫy lưỡi kiếm ngay trong bao, rồi vứt hai mẩu sắt sang phía bên phải.

Rồi quay về phía Aramis, anh bảo: -Aramis, bẻ gẫy kiếm anh đi.

Aramis lưỡng lự.

-Cần phải làm như vậy, – Arthos bảo. Rồi với một giọng nhỏ hơn và dịu dàng hơn, anh nói – Tôi muốn như vậy.

Aramis, mặt càng tái hơn, nhưng bị khuất phục bởi cử chỉ ấy, bị đánh bại bởi tiếng nói ấy, anh cũng dùng tay bẻ gẫy cái lưỡi thép dẻo, rồi khoanh tay lại đợi, người run lên vì tức giận.

Động tác ấy khiến d'Artagnan và Porthos phải lùi lại; d'Artagnan chưa rút kiếm, Porthos tra kiếm vào bao.

Arthos từ từ giơ bàn tay phải lên trời mà nói: -Chúng ta đang đứng trước Chúa, Chúa đang nhìn chúng ta và nghe chúng ta trong cảnh trang nghiêm của đêm nay, tôi xin thề là không bao giờ thanh kiếm của tôi chạm vào kiếm của các anh, không bao giờ con mắt tôi nhìn các anh bằng cái nhìn giận dữ; không bao giờ trái tim tôi có một nhịp đập thù ghét các anh. Chúng ta đã cùng sống với nhau, cùng ghét và cùng yêu. Chúng ta đã đổ ra và cùng hoà máu của chúng ta, và có lẽ, anh nói thêm, – giữa chúng ta có một mối dây liên hệ còn mạnh mẽ hơn cả tình bạn, có lẽ có cái hiệp ước của tội ác; bởi vì cả bốn chúng ta, chúng ta đã buộc tội, xét xử và giết một con người mà cớ lẽ chúng ta không có quyền trừ bỏ khỏi thế gian này, dù rằng dường như nó là người của địa ngục, chứ không phải người của trần gian[224]. d'Artagnan, bao giờ tôi cũng yêu mến anh như con trai tôi. Porthos, chúng ta đã từng ngủ bên cạnh nhau mười năm; Aramis là anh em của các anh cũng như là anh em của tôi, bởi vì Aramis đã yêu mến các anh như tôi vẫn yêu mến các anh, như tôi sẽ yêu mến các anh mãi mãi. Lão Mazarin có thể là cái cóc khô gì đối với chúng ta, những người đã từng chống lại cả bàn tay và trái tim của một con người như Richelieu? Hoàng thân này hay hoàng thân nọ cũng là cái gì đối với chúng ta, những người đã từng giữ vững vương miện trên đầu một bà hoàng hậu? d'Artagnan, tôi xin lỗi anh vì đã chạm kiếm với anh hôm qua; Aramis cũng làm như vậy với Porthos. Và bây giờ nếu có thể, các anh hãy cứ thù ghét tôi đi, còn tôi, tôi xin thề rằng dù các anh có thù ghét tôi, tôi vẫn chỉ mang lòng quý trọng và tình bằng hữu đối với các anh mà thôi. Bây giờ, Aramis, hãy nhắc lại lời tôi, và nếu như các anh đây muốn, và anh cũng muốn, thì chúng ta sẽ từ giã các bạn cũ của chúng ta mãi mãi.

Một lát lặng yên trang trọng. Rồi Aramis cất tiếng. Vầng trán anh bình thản và cái nhìn trung hậu, nhưng giọng nói vẫn còn vang lên một chút run run xúc động, cuối cùng, anh nói: -Tôi xin thề là tôi không còn thù ghét gì những người đã từng là bạn tôi, tôi rất tiếc là đã chạm kiếm với anh đấy, Porthos ạ. Cuối cùng

tôi xin thề là không những thanh gươm của tôi sẽ không chĩa vào ngực các anh nữa, mà từ trong đáy lòng thầm kin nhất của tôi sau này cũng sẽ không bao giờ còn bóng dáng của những thù địch đối với các anh nữa. Lại đây, Arthos.

Arthos toan rút lui. Nhưng d'Artagnan bị cuốn hút vào một cơn phấn khích không cưỡng nổi, nó tiết lộ bầu nhiệt huyết và tâm hồn thẳng thắn bẩm sinh của anh, anh vội kêu lên: -Ô không, không! Các anh đừng đi! Các anh đừng đi, bởi vì tôi, tôi cũng phải thề. Tôi thề rằng tôi sẽ hy sinh đến giọt máu cuối cùng, đến mảnh da thịt cuối cùng để giữ tấm lòng quý trọng đối với một con người như anh, Arthos và tình bằng hữu đối với một con người như anh, Aramis.

Rồi anh nhào vào trong vòng tay của Arthos.

-Con trai của tôi! – Arthos vừa nói vừa siết bạn vào ngực mình.

-Còn tôi, – Porthos nói – tôi khỏng thề thốt gì hết, nhưng tôi đang nghẹn ngào đây, mẹ kiếp! Nếu như phải đánh nhau với các anh thà tôi để mình bị đâm xuyên suốt người còn hơn, vì rằng ở trên đời này tôi chỉ có yêu mến các anh mà thôi.

Và chàng Porthos ruột ngựa vừa nhào vào vòng tay Aramis vừa khóc lên rưng rức.

-Các bạn ơi, – Arthos nói, – đó là điều tôi hy vọng, đó là điều tôi chờ đợi ở hai tấm lòng như các anh. Phải, tôi đã nói và tôi xin nhắc lại số phận của chúng ta ràng buộc với nhau một cách không thể nào thay đổi, dù rằng chúng ta có đi theo một con đường khác. Tôi tôn trọng quan niệm của anh, d'Artagnan; tôi tôn trọng niềm tin của anh, Porthos; nhưng dù chúng ta có chiến dấu cho những mục đích trái ngược nhau chúng ta vẫn coi nhau là bạn, các tể tướng, các hoàng thân, các vua chúa sẽ qua đi như một con thác, cuộc nội chiến như một ngọn lửa, nhưng chúng ta, chúng ta có sẽ tồn tại không? Tôi dự cảm là có đấy.

-Đúng rồi, – D'Artagnan nói, – chúng ta hãy mãi mãi là ngự lâm quân, và hãy giữ làm một lá cờ duy nhất, cái tấm khăn trứ danh ở đồn Saint-Gervais mà vị giáo chủ vĩ đại đã cho thêu lên ba bông hoa huệ.

-Phải rồi, – Aramis nói, – là người phe giáo chủ hay Fronde, chăng can hệ gì đến ta? Chúng ta lại tìm những người trợ lực cho các cuộc quyết đấu, những bạn bè tận tụy cho những công việc nghiêm, trọng, những bạn vui vầy cho những thú vui.

-Và mỗi khi mà chúng ta gặp nhau trong một cuộc hỗn chiến, – Arthos nói, – chi cần nói một tiếng: "Quảng trường Hoàng gia" là chúng ta đưa kiếm sang tay trái và giơ tay phải ra nắm tay nhau; dù ở giữa một cuộc chém giết điên loạn cũng vậy?

-Anh nói thật mê hồn? – Porthos bảo.

-Anh là con người vĩ đại nhất, – D'Artagnan nói, – và riêng anh, anh vượt chúng tôi hàng chục cái đầu.

Arthos mỉm cười với nỗi vui mừng khôn tả.

-Như thế là thoả thuận rồi nhé, – anh nói. – Nào, các anh giơ tay ra. Các anh có còn là tín đồ chút nào không?

-Đúng thế! – D'Artagnan nói.

-Chúng ta sẽ là tín đồ trong dịp này, để trung thành với lời thề của chúng ta, – Aramis nói.

-A! – Porthos nói, – tôi sẵn sàng viện bất cứ ai mà các anh muốn đưa ra để thề, cả thánh Mahomet[225] cũng được. Quỷ bắt tôi đi, nếu tôi nói sai rằng chưa bao giờ tôi sung sướng như lúc này.

Và chàng Porthos tốt bụng chùi đôi mắt vẫn còn ướt: -Các anh có ai mang một cây thánh giá nào không? – Arthos hỏi.

Porthos và d'Artagnan nhìn nhau lắc đầu như những người bị bất ngờ.

-Aramis mỉm cười và móc ở ngực ra một chiếc thập tự kim cương đeo vào cổ bằng một chuỗi ngọc trai.

-Có đây, anh nói.

-Vậy, Arthos lại nói, – chúng ta hãy thề trước cây thánh giá này, dù nó có bằng chất gì thì vẫn là một cây thánh giá. Chúng ta xin thề là dù thế nào đi chăng nữa chúng ta sẽ đoàn kết mãi mãi và lời thề ấy không những ràng buộc bản thân chúng ta mà còn ràng buộc cả con cháu chúng ta nữa! Lời thề ấy có hợp ý các anh không?

-Có! – Mọi người cũng nói.

-A! Đồ xỏ lá! – D'Artagnan ghé sát tai Aramis mà nói thầm.

-Cậu cho chúng tớ thề trên cây thánh giá của một nữ Fronde.

§31. Bến phà sông l'Oise

Chúng tôi hy vọng rằng độc giả đã không quên bẵng – người lữ khách trẻ tuổi mà chúng tôi đã để lại trên con đường đi Flandre.

Đến lúc không còn trông thấy người đỡ đầu của mình đứng ở trước ngôi nhà thờ cổ vương giả đưa mắt theo dõi mình, Raoul thúc ngựa phi lên trước hết để tránh khỏi những ý nghĩ đau buồn của mình và sau nữa để giấu Olivain nỗi xúc động đang làm mình biến sắc.

Tuy nhiên một tiếng đồng hồ phóng nhanh chẳng mấy chốc xua tan những đám mây u ám đã làm rầu rĩ trí tưởng tượng đến là phong phú của chàng tuổi trẻ. Nỗi vui thú lạ lẫm được tự do – thú vui có cái ngọt ngào của nó, ngay cả đối với những kẻ chưa từng đau khổ vì sự lệ thuộc của mình – mạ vàng cho Raoul trời và đất, và nhất là cái chân trời xa xăm và xanh biếc của cuộc đời mà người ta gọi là tương lai.

Song le sau nhiều lần thử chuyện trò với Olivain, anh nhận ra rằng những ngày dài đằng đẵng cứ trôi qua như thế cũng buồn lắm, và lời nói của bá tước thật là ngọt ngào, thật là dễ nghe, thật là thú vị lại hiện lên trong trí nhớ anh về những thành phố mà người ta đi qua, và về những nơi đó thì chẳng ại còn có thể cung cấp cho anh những tin tức quý báu như anh đã thu được ở Arthos, người hướng dẫn thông thái nhất và vui tính nhất.

Một kỷ niệm khác lại khiến Raoul buồn rầu: đến Louvre, anh đã trông thấy khuất sau một rặng cây phong, một toà lâu đài gợi nhớ da diết lâu đài ở La Vallière đến nỗi anh dừng lại để ngắm nghía đến mười phút, rồi vừa thở dài vừa tiếp tục ra đi, chẳng buồn trả lời Olivain đã kính cẩn hỏi anh vì sao lại chú ý đến thế. Cái vẻ của những vật bên ngoài là một dây dẫn bí hiểm nó nối với những sợi tơ của trí nhớ và dôi khi đánh thức những sợi tơ ấy dậy ngoài ý muốn của chúng ta; một khi sợi dây ấy thức tỉnh thì giống như sợi dây của Ariane[226] nó dẫn dắt trong một mê cung tư tưởng, nơi người ta lạc lối do lần theo cái bóng của quá khứ mà người ta gọi là kỷ niệm. Cho nên việc nom thấy toà lâu đài ấy đã quẳng Raoul trở lại phía Tây năm mươi dặm và đưa anh đi ngược lại cuộc đời mình từ lúc chia tay với cô bé Louise cho đến khi anh mới gặp cô lần đầu, và mỗi bụi cây sồi, một cái chong chóng nhìn thấy trên cao, một mái ngói đá đen đều nhắc nhở anh là đáng lẽ trở về với các bè bạn thuở ấu thơ thì anh mỗi lúc một xa rời hơn và cũng có thể anh đã xa rời họ cho đến mãi mãi.

Lòng buồn rầu, đầu nặng trĩu, anh sai Olivain dắt ngựa đến một cái quán nhỏ mà anh vừa trông thấy trên đường còn cách xa độ nửa tầm súng trường. Còn anh nhảy xuống đất và dừng chân dưới một lùm cây dẻ đang nở hoa rất đẹp xung quanh vo ve từng đàn ong mật.

Ngay tại đây có một cái bàn như đặt sẵn để viết, anh dặn Olivain bảo chủ quán mang đến cho anh bút mực và giấy viết thư.

Olivain tuân lệnh, còn Raoul ngồi xuống tỳ khuỷu tay lên bàn, cặp mắt mơ hồ chìm vào trong phòng cảnh mê hồn rải rác những cánh đồng xanh và lùm cây, thỉnh thoảng lại rắc hoa như tuyết rơi xuống người anh.

Raoul ngồi đấy đến gần mười phút thì đã năm phút đắm mình trong mộng; chợt trong khoảng thời gian mà cặp mắt lơ đãng của mình bao quát, anh thấy ngọ nguậy một khuôn mặt đỏ gay, một chiếc khăn quấn quanh mình, một khăn vắt trên cánh tay, mũ vải màu trắng đội đầu tiến lại gần, mang đến cho anh gíấy bút và mực.

-A, a! – cái quái tượng hiện hình nói – tuồng như tất cả các nhà quý tộc đều có những ý nghĩ giống nhau: chỉ cách đây mới mười lăm phút một vị lãnh chúa trẻ, cưỡi ngựa tốt như ông dáng mạo cao kỳ như ông tuổi trạc bằng ông, cũng nghỉ chân trước bụi cây này, sai mang bàn ghế ra đây và đã ăn ở đây với một bác già có vẻ là viên quản lý của ông ta xơi gọn một cái bánh nướng không để lại một mẩu và nốc cạn một chai rượu vang Mâcon không để lại một giọt; nhưng may thay chúng tôi vẫn còn loại rượu ấy và bánh ấy, và nếu ông muốn sai…

-Không, không, ông bạn ơi, – Raoul mỉm cười nói, xin cảm ơn ông, lúc này tôi chỉ cần đến những thứ đã bảo ông: song tôi sẽ rất sung sướng nếu mực thật đen, bút thật tốt, được như vậy tôi sẽ trả ông tiền bút bằng giá chai rượu và tiền mực bằng giá cái bánh nướng.

-Thế thì thưa ông, – chủ quán nói, – tôi sẽ cho tên đầy tớ của ông cái bánh và chai như vậy là ông sẽ được kèm thêm bút và mực không phải trả tiền.

-Tùy ý ông, Raoul nói, anh bắt đầu cuộc tập sự của mình với cái tầng lớp thật đặc biệt này của xã hội, trước kia khi còn trộm cướp trên những đường cái lớn thì nó thông đồng với chúng ta, và từ khi không còn trộm cướp thì nó tha hồ thay thế chúng.

Chủ quán yên tâm về khoản tiền thu, đặt giấy và bút mực lên bàn. Cũng may là bút cũng khá tốt, và Raoul hạ bút viết.

Chủ quán đứng trước anh và ngắm nghía với niềm thán phục bất ý khuôn mặt tuyệt đẹp vừa nghiêm trang vừa dịu dàng. Sắc đẹp bao giờ cũng đã và sẽ là một hoàng hậu.

Lúc ấy Olivain ra xem Raoul có cần gì không, thì chủ quán nói: -Không phải một thực khách như ban nãy đâu, ông chủ trẻ của anh không đói đâu.

-Trước đây ba hôm, ông tôi ăn vẫn ngon, nhưng biết làm thế nào, từ hôm kia đến giờ ông ấy chăng thiết ăn uống.

Rồi Olivain và chủ quán quay về tiệm. Theo thói quen của những tên đầy tớ mãn nguyện về thân phận của họ, Olivain kể cho chủ quán nghe tất cả những gì hắn có thể nói về người quý tộc trẻ.

Trong khi ấy thì Raoul viết:

"Thưa ông, Sau bốn giờ đi đường, tôi dừng lại để viết cho ông, bởi vì lúc nào tôi cũng thấy thiếu ông, và lúc nào tôi cũng chỉ chực quay đầu lại như để trả lời khi ông nói với tôi. Tôi thật bàng hoàng trước sự ra đi của ông và thật đau lòng về sự chia ly của chúng ta, đến nỗi chỉ biểu hiện được một sự nhỏ nhoi là tất cả những gì tôi cảm thấy là trìu mến và biết ơn đối với ông. Thưa ông, ông sẽ tha thứ cho tôi, vì rằng lòng ông rất hào hiệp, ông đã hiểu cả những gì diễn ra trong lòng tôi.

Mong ông hãy viết thư cho tôi, bởi vì những lời khuyên nhủ của ông là một phần của cuộc đời tôi. Tiếp thêm nữa, nếu tôi dám nói với ông, tôi rất lo lắng, hình như chính ông, ông cũng đã chuẩn bị cho một cuộc phiêu lưu nguy hiểm nào đó mà tôi đã không dám hỏi ông, vì ông chẳng nói với tôi gì cả. Cho nên ông thấy đấy, tôi rất cần có tin tức của ông. Từ khi không có ông ở bên cạnh, lúc nào tôi cũng sợ sai hỏng. Thưa ông, ông đã nâng đỡ tôi mạnh mẽ biết chừng nào và bây giờ tôi xin thề rằng tôi thấy mình rất lẻ loi. Thưa ông, nếu ông có tin tức gì ở Blois, xin ông làm ơn nói cho tôi nghe vài lời về cô bạn gái nhỏ La Vallière của tôi, khi chúng ta ra đi, sức khỏe của cô ấy có điều đáng lo ngại. Thưa với ông và người che chở thân mến của tôi, mong ông hiểu cho rằng những kỷ niệm trong cái thời tôi được sống bên ông đối với tôi quý báu và cần thiết biết chừng nào. Đôi khi, tôi hy vọng rằng ông cũng nghĩ đến tôi và nếu trong một lúc nào đó, nếu ông cảm thấy thiếu tôi, mong nhớ tôi một chút, thì tôi sẽ vô cùng sung sướng nghĩ rằng ông đã cảm thấy tình yêu thương và lòng tận tuy của tôi đối với ông, và rằng tôi đã biết làm cho ông hiểu những điều đó trong thời gian tôi có diễm phúc được sống bên ông".

Thư viết xong, Raoul thấy mình thanh thản hơn, anh nhìn kỹ xem Olivain và gã chủ quán có rình trộm mình không và đặt một cái hôn lên mảnh giấy, một cái vuốt ve xúc động và thầm lặng mà trái tim của Arthos có thể đoán ra khi mở phong thư.

Trong khoảng thời gian ấy, Olivain đã nốc chai rượu và ăn xong cái bánh nướng; ngựa cũng đã ăn uống nghỉ ngơi. Raoul ra hiệu gọi chủ quán đến, ném một đồng êquy lên bàn, lên ngựa và khi đến Senlis thì bỏ thư vào bưu trạm.

Chầu nghỉ ngơi đã cho phép người và ngựa tiếp tục đi, đường không dừng lại. Đến Verberie, Raoul sai Olivain hỏi tin tức về người quý tộc trẻ tuổi đi trước họ; người ta cho biết là có trông thấy anh ta đi qua trước đó bốn mươi lăm phút, nhưng vì cưỡi ngựa rất tốt như gã chủ quán đã nói, cho nên đi rất nhanh.

-Chúng ta hãy cố đuổi kịp vị quý tộc ấy, – Raoul bảo Olivain – - Ông ấy cũng đến quân đội như chúng ta, và đó sẽ là bạn đường thú vị.

Bốn giờ chiều thì đến Compiègne. Raoul nghỉ chân và ăn thấy ngon miệng. Anh lại hỏi thăm về người quý tộc trẻ đi trước mình.

Cũng như Raoul, anh ta dừng ở khách sạn "Quả chuông và cái chai"[227] là quán sang nhất ở Compiègne, rồi lại tiếp tục lên đường và nói rằng muốn đến ngủ ở Noyon.

-Ta đến ngủ ở Noyon, – Raoul nói.

-Thưa ông, – Olivain kính cẩn đáp, – cho phép tôi nhận xét rằng sáng nay ta đã làm cho ngựa mệt nhoài rồi. Tôi thiết nghĩ ta ngủ lại đây để sáng mai đi sớm thì tốt hơn. Chặng đường đầu tiên đi mười tám dặm là vừa rồi.

-Bá tước de La Fère muốn rằng tôi phải đi gấp, – Raoul nói, – và tôi cần phải theo kịp Hoàng thân vào buổi sáng hôm thứ tư. Vậy ta hãy cố đến Noyon, chặng này cũng chỉ bằng ta từ Blois đến Paris thôi mà. Tám giờ tối là tới nơi. Ngựa sẽ được nghỉ suốt đêm và sáng mai năm giờ ta sẽ lại lên đường.

Olivain chẳng dám phản đối; nhưng hắn vừa đi theo vừa lầu bầu nói qua kẽ răng: -Này này, hãy vứt cái hăng hái ngày đầu tiên ấy đi. Ngày mai, thay cho hai mươi dặm một ngày cậu sẽ đi mười dặm, ngày kia năm dặm và sau ba ngày nữa cậu sẽ nằm giường. Đến đây thì chắc hẳn cậu phải nghỉ thôi. Tất cả các cậu thanh niên ấy đều là những tay huênh hoang khoác lác thực sự.

Ta thấy rõ là Olivain không được dạy dỗ ở trường học của các Planchet và Grimaud.

Quả tình Raoul thấy mệt rồi; song anh muốn thử sức mình, và được nuôi dưỡng bằng những nguyên tắc của Arthos, chắc chắn là đã nghe nói hàng nghìn lần những chặng đường hai mươi dặm, anh không muốn mình ở dưới tầm người mẫu của mình. d'Artagnan, con người thép ấy, dường như thân thể chỉ toàn những gân cốt và bắp thịt đã khiến anh rất khâm phục.

Thế là anh lại tiếp tục đi và mặc dầu những lời nhận xét của Olivain, anh càng thúc ngựa mau hơn, và đi theo một con đường nhỏ dẫn đến một bến phà sẽ ngắn hơn đi đường cái một dặm như người ta đã nói chắc với anh; khi đến đỉnh một ngọn đồi, anh trông thấy trước mặt là con sông. Một nhóm người cưỡi ngựa đứng ở bờ sông và sẵn sàng xuống phà. Raoul không còn hồ nghi là trong đám ấy có chàng quý tộc trẻ và tuỳ tùng. Anh cất tiếng gọi nhưng còn xa quá; thế là ngựa đang mệt phờ anh cũng thúc nó phi nước đại; nhưng một quãng nhấp nhô lên che lấp dám lữ khách, và khi anh lên đến một chỗ cao hơn thì đã thấy phà rời bến đi sang bờ bên kia.

Đã lỡ không kịp sang phà cùng với đám lữ khách, Raoul dừng lại đợi Olivain.

Vừa lúc ấy có tiếng kêu vang lên từ ngoài sông. Raoul quay lại xem và phải lấy tay che mắt vì bị chói nắng xế chiều.

-Olivain! – anh kêu lên, – ta nhìn thấy cái gì ở ngoài kia nhỉ?

Một tiếng kêu thứ hai nổi lên còn chói tai hơn nữa.

-Ôi, ông ơi – Olivain nói, – dây kéo phà đứt và phà bị trôi.

-Nhưng cái gì ở dưới nước kìa? Nó đang giãy giụa.

-À, đúng rồi! – Raoul vừa nói vừa chăm chăm nhìn vào một điểm ở trên sông mà tia nắng mặt trời chiếu lên rực rỡ thì thấy một con ngựa và một kỵ sĩ.

-Họ đang chìm, – Olivain kêu lên.

Đúng thế và Raoul cũng vừa mới cảm thấy chắc chắn một tai nạn xảy ra và một người sắp chết đuối. Anh nới tay cương, thúc đinh vào bụng ngựa, nó đau quá và cảm thấy không vướng víu gì nữa bèn nhảy vọt qua một hàng lan can bao quanh bến đò và rơi tõm xuống sông làm nước và bọt bắn tung tóe ra xa.

-Ôi! Lạy Chúa? – Olivain kêu lên. – Ông làm cái gì thế, ông ơi!

Raoul điều khiển con ngựa đến phía kẻ khốn khổ đang bị nguy ngập. Đó chẳng qua là một trò tập dượt quen thuộc đối với anh.

Được nuôi nấng bên bờ sông Lois có thể nói anh được ru trên sông nước; hàng nghìn lần anh bơi qua sông và hàng trăm lần anh cưỡi ngựa bơi qua. Arthos lo xa đến thời cho cậu tử tước vào lính đã rèn cho cậu dày dạn trong tất cả những cuộc tập dượt đó.

-Ôi, lạy Chúa, – Olivain lại thất vọng kêu lên, – nhìn thấy ông thế này, bá tước sẽ nói sao?

-Bá tước sẽ làm như tôi, – Raoul đáp và thúc mạnh con ngựa.

-Nhưng còn tôi, còn tôi! Tôi sang bằng cách nào? – Olivain thất vọng, mặt tái mét, vừa kêu to vừa hoa chân múa tay ở trên bờ sông.

-Nhảy xuống đi, đồ nhút nhát? – Raoul bảo và vẫn bơi.

Rồi anh nói với người lữ khách đang giãy giụa ở cách anh hai chục bước.

-Cố gắng lên, ông ơi, tôi đến giúp ông đây.

Olivain tiến lên, lùi lại, cho ngựa chồm lên, cho nó quay vòng cuối cùng sợ xấu hổ, hắn băng lên như Raoul đã làm, nhưng cứ lải nhải mãi: “Tôi chết mất! Chúng ta toi mạng rồi”.

Trong khi ấy, chiếc phà trôi xuôi vun vút theo dòng nước và người trong phà kêu la om sòm.

Một người đàn ông tóc hoa râm nhảy từ trên phà xuống và bơi ráo riết về phía kẻ đang chìm, nhưng ông ta tiến chậm chạp vì phải bơi ngược dòng.

Raoul tiếp tục bơi và tiến nhanh rõ rệt, nhưng con ngựa và người kỵ sĩ mà anh không rời mắt cứ chìm đi trông thấy: con ngựa chỉ còn hở lỗ mũi trên mặt nước, còn người kỵ sĩ đã bỏ dây cương và vùng vẫy tay giơ lên, đầu đã ngã ra phía sau. Chỉ một phút nữa thôi là tất cả mất hút.

-Cố lên! Cố lên! – Raoul gào to.

-Muộn quá rồi? – Muộn quá rồi! – Người thanh niên lẩm bẩm.

Nước trào qua đầu anh và dập tắt tiếng nói trong miệng anh.

Raoul nhào ra khỏi con ngựa của mình mà anh để nó tự xoay xở, và bơi ba bốn sải đã tới bên chàng quý tộc. Anh túm ngay lấy cái dây buộc hàm thiếc ngựa

và nâng đầu nó lên khỏi mặt nước; con vật thở dễ hơn, và dường như hiểu rằng người ta đến cứu, nó gắng sức lên.

Đồng thời Raoul nắm lấy một tay người thanh niên và đẩy anh lên bờm ngựa, anh ta vội vàng bám chặt lấy đúng như người sắp chết đuối. Biết chắc rằng anh ta sẽ không buông ra nữa, Raoul chỉ còn lo cho ngựa, anh dẫn nó bơi về phía bờ đối diện, cắt chéo dòng nước và chậc chậc lưỡi để khuyến khích nó.

Bỗng nhiên con ngựa vấp vào một mô đất ngầm và chạm chân lên cát.

-Thoát rồi! – Chàng quý tộc bất giác lẩm bẩm, rồi buông bờm ngựa ra trườn từ trên yên ngựa xuống vòng tay Raoul.

Chỉ còn cách bờ có mười bước, Raoul vác kẻ bị nạn đã ngất đi vào bờ, đặt lên bãi cỏ, cởi dây cổ áo, tháo các khuy và kẹp áo chẽn.

Một phút sau người đàn ông tóc hoa râm đã tới bên anh.

Olivain cuối cùng cũng tới được bờ sau bao nhiêu lần làm dấu thánh và những người trên phà cũng ráng sức chống vào bờ nhờ một chiếc sào vớ được ở trong phà.

Nhờ sự săn sóc của Raoul và của người nhà chàng kỵ sĩ, sự sống trở lại trên đôi má nhợt nhạt của kẻ sắp chết, đôi mắt anh mở ra lúc đầu ngơ ngác, nhưng rồi liền sau đó nhìn chằm chằm vào người đã cứu mình.

-A! Ông ơi, – anh kêu lên, – Chính ông là người tôi đang tìm đây: không có ông thì tôi chết rồi, ba lần chết rồi.

-Nhưng người ta sống lại chứ, ông thấy đấy, – Raoul đáp, – và chúng ta cũng chỉ phải một mẻ tắm thôi.

Người tóc hoa râm nói: -Ôi, thưa ông, đội ơn ông nhiều lắm?

-A, kìa ông, ông Arminges quý hoá của tôi! Tôi làm ông sợ hết hồn phải không? Ông là gia sư của tôi, tại sao ông không dạy tôi bơi giỏi hơn.

-Ôi thưa bá tước, – Ông già nói, – nếu ông có mệnh hệ nào, tôi sẽ chẳng bao giờ dám ra mắt ngài thống chế.

-Nhưng chuyện ấy xảy ra như thế nào nhỉ? – Raoul hỏi.

Người được tôn là Bá tước đáp: -A, thưa ông, xảy ra một cách thật là đơn giản. Chúng tôi ra được non một phần ba sông thì dây phà đứt. Người đi phà kêu la và nhốn nháo làm cho con ngựa của tôi hoảng sợ và nhảy xuống nước.

-Tôi bơi kém quá nên chẳng dám lao xuống sông. Đáng lẽ lựa theo những cử động của con ngựa thì tôi lại làm cho nó tê liệt và tôi đang chết đuối một cách tao nhã nhất đời thì ông đến vừa đúng lúc để kéo tôi lên. Cho nên thưa ông, nếu ông vui lòng, thì từ nay trở đi chúng ta sẽ là những kẻ sống chết có nhau.

-Thưa ông, – Raoul cúi mình thi lễ, – tôi sẽ hết mình làm kẻ bộ hạ của ông, tôi xin đảm bảo như vậy.

-Tôi là bá tước de Guise, – chàng kỵ sĩ nói tiếp, – cha tôi là thống chế Grammont. Và bây giờ ông biết rõ tôi rồi, xin ông ban cho tôi vinh dự được biết

ông là ai?

-Tôi là tử tước de Bragelonne, – Raoul đáp và đỏ mặt lên vì không thể nói tên của cha mình như bá tước de Guise đã nói.

-Thưa tử tước, gương mặt ông, lòng tốt của ông và tinh thần quả cảm của ông thu hút tôi đến với ông, ông đã nhận tất cả lòng biết ơn của tôi. Chúng ta hãy ôm hôn nhau, tôi cầu xin tình bạn của ông.

Raoul ôm bá tước mà nói: -Thưa ông, tôi đã hết lòng yêu mến ông rồi đó. Tôi mong ông hãy coi tôi như một người bạn tận tụy.

-Bây giờ tử tước đi đâu? – De Guise hỏi.

-Đi đến quân đội của ngài Hoàng thân, bá tước ạ.

-Tôi cũng vậy, – chàng thanh niên mừng rỡ kêu lên.

-À? Hay lắm, chúng ta sẽ cùng đi bắn phát súng đầu tiên.

-Tốt lắm, các ông hãy thương yêu nhau? – Viên quản lý nói.

Cả hai đều trẻ tuổi, chắc hẳn có cùng một ngôi sao dẫn đường và ắt phải gặp nhau.

Hai chàng thanh niên mỉm cười với niềm tin cậy của tuổi trẻ.

-Và bây giờ, – viên quản lý nói,

-Các ông phải thay quần áo, lúc bọn đầy tớ ra khỏi phà, tôi đã sai chúng về sửa soạn, chắc giờ đã tới khách sạn. Quần áo và rượu vang làm ấm người lên đấy. Ta về đi.

Hai chàng trai chẳng có gì để phản đối đề nghị đó; trái lại còn thấy là tuyệt diệu. Họ liền lên ngựa, cùng nhìn nhau và ngắm nghía nhau: quả thật đó là hai kỵ sĩ phong nhã có vóc người dong dỏng và mảnh dẻ, khuôn mặt cao quý với vầng trán rộng, cái nhìn dịu dàng mà kiêu hãnh, nụ cười trung hậu mà tinh ranh. De Guise có lẽ mười tám tuổi, nhưng chẳng lớn hơn Raoul mới mười lăm tuổi.

Bằng một động tác bất ngờ, họ giơ tay ra với nhau, và thúc ngựa, cùng đi bên nhau quãng đường từ bờ sông đến khách sạn; một người thấy rằng cuộc đời mà mình suýt mất thật tử tế và tươi cười, còn người kia thì cảm ơn Thượng đế đã cho mình sống khá đủ để làm được một điều gì khiến người đỡ đầu của mình vui lòng.

Còn Olivain, hắn là kẻ duy nhất không thoả mãn hoàn toàn về hành động đẹp đẽ của chủ mình. Hắn vắt nước các cánh tay áo và đuôi áo của mình và tiếc rằng một cuộc nghỉ ngơi ở Compiègne chắc hẳn không những tránh cho hắn khỏi tai nạn vừa mới thoát mà còn tránh cho hắn cả những chứng sưng phổi và tê thấp dĩ nhiên sẽ đến.

§32. Cuộc đụng độ nhỏ

Thời gian lưu lại Noyon ngắn ngủi. Ai nấy đều ngủ say. Raoul đã dặn đánh thức anh nếu Grimaud đến nhưng Grimaud không đến.

Những con ngựa chắc hẳn quý trọng tám tiếng đồng hồ nghỉ ngơi tuyệt đối lại có ổ rơm tử tế. Bá tước de Guise tỉnh dậy lúc năm giờ khi Raoul đến chúc mừng buổi sớm. Mọi người ăn lót dạ vội vàng và đến sáu giờ đã đi được hai dặm.

Cuộc chuyện trò của chàng bá tước trẻ tuổi với Raoul thật là thú vị. Cho nên Raoul lắng nghe nhiều và bá tước trẻ tuổi kể mãi. Anh lớn lên ở Paris nơi Raoul mới đến có một lần. Ở trong cung đình mà auh chưa bao giờ thấy, những chuyện điên rồ của đôi thị đồng hai cuộc quyết đấu mà anh đã tìm được cách tham gia, mặc dầu có những sắc dụ cấm đoán và nhất là bị ông thầy ngăn cản, là những chuyện khơi dậy cao độ trí tò mò của Raoul. Raoul mới đến chơi có nhà ông Scarron và kể ra với Guise những người mình đã gặp. Guise biết tất cả mọi người: bà de Neuillan, cô d'Aubigné, cô de Scudéry, cô Paulet, bà de Chevreuse. Anh giễu cợt tất cả mọi người một cách hóm hỉnh; Raoul chỉ lo anh ta giễu cợt cả bà de Chevreuse mà anh có một mối thiện cảm thật sự và sâu sắc; song do linh tính hoặc do quý mến nữ công tước Chevreuse, anh ta chỉ nói toàn điều hay về bà.

Những lời tán dương ấy làm tăng gấp bội tình cảm của Raoul đối với bá tước.

Rồi đến mục những chuyện tán gái và yêu đương. Về phương diện này nữa, Bragelonne chỉ có nghe nhiều hơn là nói. Raoul đã từng nghe bá tước de La Fère nói nhiều về triều đình, nhưng từ cái thời Arthos biết nó đến nay, nó đã thay đổi bộ mặt rất nhiều rồi. Cho nên tất cả câu chuyện của bá tước de Guise đều mới lạ đối với người bạn đồng hành. Chàng bá tước trẻ hay nói xấu và hỏm hỉnh đem tất cả mọi người ra điểm mặt. Anh kể những chuyện yêu đương cũ của bà Longueville với Coligny, và cuộc đấu kiếm của Coligny ở quảng trường hoàng gia, một cuộc đấu bất hạnh với ông ta mà bà de Longueville nhìn qua một cơn ghen tuông. Rồi những chuyện tình ái mới của bà với hoàng thân de Marcillac, người ta đồn rằng ông này ghen với bà ta đến nỗi muốn cho giết tất cả mọi người, kể cả tu viện trưởng D'Herblay là giám đốc của ông ta. Lại chuyện yêu đương giữa hoàng thân de Galles với Quý nương mà sau này người ta gọi là đại Quý nương từ đó rất là nổi tiếng do cuộc hôn nhân bí mật của bà với ông Lauzun. Ngay cả hoàng hậu cũng không được buông tha, và giáo chủ Mazarin cũng có phần trong cuộc chế giễu.

Một ngày qua nhanh như một giờ. Viên quản lý của bá tước là người vui tính, thuộc xã hội thượng lưu, thông thái đến tận gốc, như cậu học trò của ông nói; nhiều lần gợi cho Raoul nhớ đến sự uyên bác sâu xa và cái tính giễu cợt hóm

hỉnh và cay độc của Arthos, nhưng còn về cái duyên dáng, tế nhị và cái vẻ quý phái ngoại quan thì chẳng thể nào so sánh được với Bá tước de La Fère.

Những con ngựa được nương nhẹ hơn hôm qua, đến bốn giờ chiều dừng lại ở Arras. Đã đến gần chiến địa rồi, người ta quyết định nghỉ lại ở thị trấn này cho đến ngày hôm sau nữa; các biệt đội Tây Ban Nha đôi khi lợi dụng đêm tối hành quân đến tận vùng phụ cận Arras.

Quân đội Pháp đóng từ Pont-à-Marc đến Valenciennes và quanh lại Douai. Người ta đồn rằng ngài Hoàng thân đích thân ở Béthune.

Quân đội địch rải từ Cassel đến Courtray và do chúng toàn cướp phá và hãm hiếp, nên những người dân khốn khổ vùng biên giới rời bỏ những chốn nhà cửa hẻo lánh của họ, đến ẩn náu trong các thị trấn kiên cố. Arras đầy những người lánh nạn.

Người ta nói cuộc chiến đấu sắp tới chắc là có tính quyết định cho đến lúc này sự vận động của Hoàng thân chỉ là để chờ viện binh mà cuối cùng tất sẽ tới. Các chàng thanh niên mừng cho mình đã đến vừa đúng dịp.

Họ cùng ăn và ngủ cùng buồng. Họ ở vào lứa tuổi đánh bạn với nhau rất nhanh chóng, cứ như là đã quen nhau từ thuở mới lọt lòng và không bao giờ có thể xa rời nhau nữa.

Buổi tối dành cho chuyện chiến tranh. Bọn đầy tớ lau chùi vũ khí. Các chàng thanh niên nạp đạn sẵn vào súng ngắn đề phòng trường hợp xô xát và họ chợt tỉnh giấc, chán nản thất vọng, vì cả hai đã nằm mơ thấy mình đến đã quá muộn để tham gia chiến dấu.

Buổi sáng hôm đó có tin đồn rằng Hoàng thân de Condé đã rời khỏi Béthune để rút về Carvin nhưng vẫn đề quân đồn trú ở thị trấn đầu tiên ấy. Nhưng vì tin tức ấy chưa có gì xác thực, hai chàng thanh niên quyết định cứ tiếp tục đi về Béthune, cùng lắm thì dọc đường rẽ chếch sang bên phải và đi đến Carvin.

Viên quản lý của bá tước de Guise thuộc làu vùng này; ông đưa ra ý kiến là đi theo một đường tắt ở giữa hai con đường đi Lens và Béthune; đến Ablen sẽ hỏi thăm tin tức. Đường đi thế nào sẽ ghi lại cho Grimaud.

Mọi người lên đường khoảng bảy giờ sáng.

De Guise trẻ người và hung hăng, bảo Raoul: -Chúng ta đây có ba chủ và ba tớ; đầy tớ của ta trang bị khí giới đầy đủ nhưng đầy tớ của anh xem chừng khá bướng bỉnh.

-Tôi chưa biết vào việc thì nó sẽ ra sao. – Raoul đáp nhưng nó là người Brơtông, điều ấy hứa hẹn đấy.

-Phải, phải – de Guise nói – tôi tin rằng khi cần thì nó sẽ nổ súng; còn tôi có hai người chắc chắn, họ đã đi chiến trận với cha tôi; như vậy chúng ta có sáu chiến sĩ cả thảy; ví phỏng ta gặp một toán du kích nhỏ số người bằng ta hoặc nhiều hơn chăng nữa, thì chúng ta có công kích không, Raoul?

-Có chứ, – tử tước đáp.

-Ơ này, các chàng thanh niên ơi? Ơ này! – viên quản lý xen vào câu chuyện. – Các ông bàn bạc hay đấy nhỉ, Chúa ơi! Thế còn những điều dặn dò của tôi, bá tước nghĩ sao? Ông quên rằng tôi được lệnh đưa ông an toàn đến chỗ Hoàng thân ư? Vào quân đội rồi, ông có muốn liều thân thế nào, xin tùy ý, nhưng từ đây đến đó, tôi xin báo trước rằng với tư cách chỉ huy quân đội, tôi ra lệnh rút lui và quay lưng lại cái lông mũ lính đầu tiên mà tôi trông thấy.

De Guise và Raoul đưa mắt nhìn nhau mỉm cười. Vùng đất đai này phủ khá nhiều cây cối, thỉnh thoảng lại gặp những toán nông dân rút lui, lùa đàn gia súc và mang vác hoặc chở trong xe những đồ vật quý giá nhất.

Đoàn lữ hành đến Ablanh không gặp biến cố gì. Ở đây họ hỏi thăm và được biết Hoàng thân quả thật đã rời Béthune và đóng ở giữa Cambrin và Venthie. Thế là họ để lại bản đồ lại cho Grimaud, họ đi một đường tắt sau nửa giờ thì đến bờ một con suối nhỏ, suối này chảy ra sông Lys.

Phong cảnh thật đẹp, ngang dọc những thung lũng xanh biếc như ngọc bích. Chốc chốc con đường họ đi lại xuyên qua một khu rừng nhỏ. Đề phòng một cuộc mai phục, đến mỗi khu rừng, viên quản lý lại cho hai tên đầy tớ của bá tước đi trước coi như đội tiền vệ. Viên quản lý và hai chàng thanh niên là đội quân chính, còn Olivain với khẩu súng trường trên đầu gối và mắt canh chừng, làm hậu vệ.

Từ một lát rồi đã nom thấy một cánh rừng khá rậm rạp ở phía chân trời. Còn cách rừng đó trăm bước, ông Arminges đã cẩn thận như mọi khi cử hai đầy tớ của bá tước đi lên trước.

Hai tên đầy tớ vừa khuất trong các bụi cây, hai thanh niên và viên quản lý đi sau gần ba trăm bước chuyện trò vui vẻ, Olivain đi phía sau, cũng cách quãng chừng ấy, thì bất thình lình năm sáu tiếng súng trường vang lên. Viên quản lý kêu dừng lại, hai chàng thanh niên tuân lệnh và ghìm cương ngựa. Cùng lúc ấy thấy hai tên đầy tớ phi ngựa quay trở lại.

Nóng lòng biết nguyên nhân của loạt súng nổ ấy, hai thanh niên thúc ngựa đến đón hai đầy tớ. Viên quản lý đi theo sau.

-Các anh có bị ngăn giữ lại không? – Hai thanh niên vội vã hỏi.

-Không ạ, – bọn đầy tớ đáp, – có thể là chúng tôi cũng chưa bị trông thấy, những phát súng nổ phía trước chúng tôi một trăm bước, gần nơi rậm rạp nhất của khu rừng, và chúng tôi quay lại để xin ý kiến.

-Ý kiến của tôi, – Ông Arminges nói, – mà cũng cần phải thế là chúng ta rút lui, trong khu rừng ấy có thể có mai phục.

Bá tước hỏi bọn đầy tớ: -Các anh không trông thấy gì ư?

-Tôi thấy, – một tên đáp, – hình như có mấy kỵ sĩ mặc quần áo vàng luồn lách trong lòng suối.

-Đúng đấy, – viên quản lý nói, – chúng ta sa vào toán quân Tây Ban Nha rồi. Trở lui, các ông ơi, trở lui!

Hai thanh niên đưa mắt hỏi ý kiến nhau, và vừa lúc ấy người ta nghe thấy một tiếng súng lục nổ và hai ba tiếng kêu cứu.

Hai thanh niên bằng một cái nhìn cuối cùng tin chắc rằng họ đều ở trong tư thế không lùi được, và vì viên quản lý đã cho ngựa quay lại, cả hai đều thúc ngựa tiến lên.

Raoul kêu: -Olivain, theo tôi!

Còn bá tước de Guise kêu: -Urbain và Blanchet, theo tôi!

Và trước khi viên quản lý hết kinh ngạc thì họ đã biến vào trong rừng.

Vừa thúc ngựa, hai chàng thanh niên vừa cầm lăm lăm súng trong tay.

Năm phút sau, họ tới nơi có vẻ đã phát ra tiếng động, cho ngựa đi chậm lại và tiến lên thận trọng.

-Suỵt! – De Guise nói – Bọn kỵ binh.

Đúng, ba tên cưỡi ngựa và ba tên đã xuống đất.

-Chúng làm gì? Anh có thấy không?

Có, hình như chúng lục soát một ngươi bị thương hoặc chết rồi.

-Đó là một cuộc ám sát hèn nhát nào đó, – de Guise nói.

-Vậy mà chúng là những người lính đấy. – Bragelonne đáp.

-Phải, nhưng là bọn du kích, nghĩa là bọn cướp đường.

-Công kích nào! – Raoul bảo, – Công kích nào? – De Guise đáp…

-Các ông ơi – Viên quản lý khốn khổ kêu lên – Này, các ông ơi! Nhân danh Trời…

Nhưng các thanh niên nào có nghe. Họ đua nhau phóng, và những tiếng kêu la của viên quản lý càng tổ làm thức tỉnh bọn Tây Ban Nha.

Lập tức ba tên du kích cưỡi ngựa xông đến các chàng thanh niên, còn ba tên kia tiếp tục lột nốt số đồ vật của hai người lữ khách, vì rằng khi đến gần, hai thanh niên thấy rõ là có hai người bị nạn, chứ không phải là một.

Còn cách mươi bước de Guise bắn trước nhưng trượt: một tên Tây Ban Nha xông đến nổ súng vào Raoul, anh cảm thấy cánh tay trái đau rát như bị roi quất. Cách bốn bước, anh nhả đạn và tên Tây Ban Nha bị trúng giữa ngực giơ tay lên và ngã vật ra sau mông ngựa, con ngựa quay ngoắt lại và chạy đi mang theo tên lính.

Cùng lúc ấy, Raoul trông thấy như qua một đám mây một nòng súng trường chĩa vào anh. Chợt nhớ đến lời dặn của Arthos, bằng một động tác nhanh như chớp anh cho ngựa chồm lên, súng nổ.

Con ngựa nhảy sang bên cạnh, loạng choạng ngã kềnh ra đè lên chân Raoul.

Tên lính Tây Ban Nha lao tới cầm nòng súng toan dùng báng súng đập vỡ đầu Raoul.

Trong tư thế của mình, Raoul không thể rút kiếm ra khỏi vỏ, cũng không thể rút súng ra khỏi bao. Anh trông thấy báng súng quay quay trên đầu mình và bất giác nhắm mắt lại, thì Guise nhảy một phát đến sát tên Tây Ban Nha và dí súng vào họng nó.

-Đầu hàng ngay! – anh bảo nó, – nếu không thì chết!

-Khẩu súng trường rơi khỏi tay tên lính và nó đầu hàng ngay lập tức Guise gọi một đầy tớ đến giao cho coi tên tù binh và dặn nếu nó lăm le muốn chạy trốn thì cứ bắn vỡ sọ nó ra, rồi anh xuống ngựa và đến với Raoul.

Mặc dầu mặt còn tái xanh do cơn xúc động không tránh khỏi của một sự việc đầu tiên như vậy, Raoul cười nói: -Thực tình tôi thấy anh trả nợ mau quá và không muốn chịu ơn tôi lâu. Không có anh thì… – Raoul nhắc lại lời bá tước, – tôi chết rồi, ba lần chết rồi.

-Tên địch của tôi chạy trốn, – de Guise nói, – đã giúp tôi dễ dàng đến cứu anh. Nhưng mà anh bị thương có nặng không? Tôi thấy anh máu ra đầm đìa kìa.

-Tôi thấy như một vết xước da ở cánh tay. Hãy giúp tôi rút chân ra khỏi con ngựa đã, và tôi hy vọng chẳng có gì cản trở chúng ta tiếp tục lên đường.

-Ông Arminges và Olivain đã xuống đất và cố nhắc con ngựa lên, nó đang giẫy chết. Raoul rút được bàn chân ra khỏi bàn đạp và cẳng chân ra khỏi mình ngựa, một lát sau mới đứng lên được.

-Không gãy xương chứ? – De Guise hỏi.

-Nhờ trời, không, – Raoul đáp. – Nhưng còn những người bị bọn khốn nạn ám sát thì sao?

Chúng ta đến muộn quá; chúng đã giết chết họ rồi và bỏ chạy, mang theo những thứ cướp được. Hai đầy tớ của tôi đang ở bên mấy xác chết.

Raoul nói: -Ta hãy ra xem họ chết hẳn chưa để cấp cứu cho họ. Olivain này ta chiếm được hai con ngựa, nhưng ngựa tôi mất rồi. Anh hãy lấy con ngựa tốt nhất mà dùng và đưa tôi con ngựa của anh.

Và họ đi đến chỗ những kẻ bị nạn.

§33. Vị mục sư

Hai người nằm sóng sượt: một người bất động, mặt úp xuống đất bị ba vết đạn xuyên, Nằm chết trong vũng máu của chính mình. Người kia được hai người đầy tớ đỡ cho tựa lưng vào gốc cây, mắt ngước lên trời, hai tay chắp lại đang ra sức cầu kinh… bác ta bị một vết đạn bắn gãy xương đùi Hai chàng thanh niên thoạt tiên đến chỗ người chết và nhìn thật kinh ngạc.

-Đây là một linh mục đã thế phát. – Bragelonne nói.

-Ôi! Bọn khốn kiếp! Chúng dám đụng đến các vị sứ giả của Chúa!

Urbain, một cựu binh đã từng đi tất cả các chiến trận với quận công – giáo chủ, nói: -Lại đây, ông ơi. Đối với người kia thì chẳng làm gì được nữa rồi, còn người này có thể còn cứu được.

Kẻ bị thương mỉm cười buồn bã nói: -Cứu tôi ư! Thôi, hãy giúp cho tôi chết.

-Ông có phải linh mục không? – Raoul hỏi.

-Không, thưa ông.

-Tại vì người đồng hành tội nghiệp của ông có vẻ là một linh mục, Raoul nói.

-Đó là vị linh mục xứ Béthune đấy, ông ạ; ông ta mang các kinh thánh và kho báu của tăng hội đến gửi ở nơi chắc chắn; bởi vì Hoàng thân rời bỏ thị trấn hôm qua và có thể ngày mai quân Tây Ban Nha tới. Do người ta biết rằng các toán quân địch chạy khắp nơi và nhiệm vụ thì nguy hiểm, chẳng ai dám đi cùng, thế là tôi tình nguyện.

-Và thế là bọn khốn nạn tấn công các ông; bọn khốn nạn đã bắn vào một vị linh mục.

Kẻ bị thương nhìn quanh mình và nói: -Các ông ơi, tôi đau lắm, tuy nhiên tôi vẫn muốn được mang đến một nhà nào đó.

-Để ông được cấp cứu à? – De Guise hỏi.

-Không để tôi được xưng tội.

-Nhưng có lẽ, – Raoul nói, – Vết thương của ông không đến nỗi nguy hiểm như ông tưởng đâu.

-Ông ơi, – kẻ bị nạn nói, – Hãy tin tôi, đừng để mất thì giờ, viên đạn đã bắn vỡ cổ xương đùi và chui lên tận ruột.

-Ông là thầy thuốc à? – De Guise hỏi.

-Không, – kẻ sắp chết nói, – nhưng tôi biết chút ít về các vết thương, mà vết thương của tôi thì chết người đấy. Hãy cố mang tôi đến chỗ nào đó có thể kiếm một linh mục; hoặc phiền các ông đón một, linh mục đến đây và Chúa sẽ thương cho hành động vị thánh ấy; chính là phải cứu vớt linh hồn tôi, chứ thể xác tôi thì đã mất rồi.

-Không thể chết vì làm một việc thiện! Và Chúa sẽ cứu giúp ông.

Kẻ bị nạn gom tất cả sức mình lại như muốn đúng dậy và nói: -Các ông ơi, nhân danh Chúa Trời? Xin đừng mất thì giờ vào những lời lẽ vô ích; hoặc giúp tôi đi tới làng nào gần nhất, hoặc hãy thề trước sự cứu rỗi linh hồn mình rằng các ông sẽ gửi đến tôi vị mục sư hay một vị linh mục, vị giáo sĩ đầu tiên nào mà các ông sẽ gặp. – Rồi với giọng tuyệt vọng, bác ta nói thêm – Nhưng có lẽ chẳng ai dám tới đâu vì người ta biết rằng quân Tây Ban Nha nhan nhản ở đây, và tôi sẽ chết mà không được xá tội. Lạy Chúa tôi Lạy Chúa tôi! – Kẻ bị thương rên la với cái giọng thảm thiết khiến các chàng thanh niên phải rùng mình – Người không cho phép điều ấy hay sao? Thế thì thật là khủng khiếp?

-Này ông, hãy bình tâm. – De Guise nói. – Tôi xin thề là ông sẽ có được niềm an ủi mà ông yêu cầu. Chỉ cần ông bảo cho tôi biết ở đâu có một ngôi nhà để đến xin cấp cứu và một làng xóm để đến tìm một linh mục.

-Xin cảm ơn, cầu Chúa ban ơn cho ông! Cứ đi theo đường này độ nữa dặm có một tửu quán và đi thêm non một dặm nữa sẽ thấy làng Greney. Ông hãy tìm đến vị linh mục; nếu vị linh mục vắng nhà ông hãy vào tu viện các giáo sĩ Augustins tức là cái nhà cuối cùng của xóm ở bên tay phải và dẫn đến cho tôi một thày cả cũng được! Mục sư hay linh mục đều được cả, miễn là họ đã nhận được ở nhà thờ hiển linh của chúng ta quyền xá tội khi lâm chung.

-Ông Arminges ơi, – de Guise bảo, – Ông hãy ở lại bên kẻ khốn khổ này và trông nom sao cho ông ta được mang đi thật êm ái. Hãy sai làm một cái cáng bằng cành cây, xếp tất cả áo choàng của chúng ta lên đấy; hai đầy tớ sẽ khiêng cáng, đứa thứ ba sẽ thay thế người nào, mệt. Còn tử tước và tôi sẽ đi tìm linh mục.

-Bá tước cứ đi, – viên quản lý nói, – nhưng lạy Chúa! Xin ông đừng có mạo hiểm.

-Cứ yên tâm. Vả lại hôm nay chúng tôi đã tai qua nạn khỏi rồi, ông đã biết cái định lý: Non bis in idem[228].

-Hãy cố gắng lên, ông ạ! – Raoul bảo kẻ bị thương, chúng tôi đi thực hiện ý nguyện của ông đây.

-Cầu Chúa phù hộ cho các ông! – Kẻ sắp chết đáp lại với giọng biết ơn khó tả.

Và hai thanh niên phóng nước đại theo hướng đã chỉ, còn viên quản lý trông nom việc làm cáng.

Sau mười phút, hai thanh niên trông thấy quán rượu.

Không xuống ngựa, Raoul gọi chủ quán báo trước sẽ có người bị thương đến và bảo bác ta sửa soạn mọi thứ cần thiết để cứu chữa tức là một cái giường, vải, băng và ngoài ta nếu biết ở vùng lân cận có thầy thuốc, nhà giải phẫu hoặc nhà thủ thuật nào thì cho mời đến, và anh sẽ chịu mọi phí tổn.

Chủ quán trông thấy hai nhà quý tộc trẻ ăn vận sang trọng, nên họ yêu cầu gì là gã hứa nhận hết, và hai kỵ sĩ sau khi trông thấy gã bắt đầu chuẩn bị việc đón tiếp, lại ra đi và vội vã phóng về phía Greney.

Đi được hơn một dặm họ nom thấy xóm làng với mấy ngôi nhà đầu tiên lợp ngói đỏ nổi bật mạnh mẽ trên những bụi cây xanh. Chợt họ bắt gặp đi về phía họ một mục sư tồi tàn cưỡi ngựa, trông cái mũ rộng vành với cái áo dài bằng len màu xám, họ đoán đó là một thày dòng Augustins. Lần này sự tình cờ dường như gửi đến cho họ cái mà họ đang tìm kiếm.

Họ đến gần mục sư.

Đó là một người đàn ông trạc hai mươi hai, hai mươi ba tuổi, nhưng những việc kiêng khem tiết dục đã làm cho ông ta trông già đi. Nước da tái, nhưng không phải tái săn thì đã đẹp, mà lại vàng bủng, tóc ngắn chỉ dài hơn cái vành mũ quanh trán một tí màu hoè hoe và cặp mắt mâu xanh nhạt như thẫn thờ.

-Thưa ông, – Raoul nói với lễ phép thông thường, – Ông có phải giáo chức không?

-Sao ông lại hỏi tôi điều đó – Kẻ lạ mặt nói với một vẻ thản nhiên gần như bất lịch sự.

-Hỏi để biết, – bá tước de Guise kênh kiệu nói.

Kẻ lạ mặt lấy gót chân thúc con la và tiếp tục đi.

De Guise nhảy một cái đến trước mắt y và cản đường. Anh nói: -Ông hãy trả lời đi. Người ta đã hỏi ông một cách lịch sự và mọi câu hỏi đều đáng được trả lời.

-Tôi cho rằng tôi được tự do nói hoặc không nói tôi là ai với hai người đầu tiên đến và có ngẫu hứng tra hỏi tôi.

De Guise cố ghìm cơn giận dữ khiến anh muốn nện gẫy xương viên mục sư. Anh nói: -Trước hết, chúng tôi không phải là những kẻ đến đầu tiên; bạn tôi đây là tử tước de Bragelonne, còn tôi là bá tước de Guise. Sau nữa, chẳng phải vì ngẫu hứng mà chúng tôi hỏi ông như vậy. Vì rằng ở đằng kia có một kẻ bị thương và sắp chết đang đòi hỏi sự cứu giúp của nhà thờ. Nếu ông là giáo sĩ, thì nhân danh lòng nhân đạo, tôi yêu cầu ông đi theo tôi và đến cứu giúp người ấy nếu ông không phải là giáo sỹ thì lại là chuyện khác. Tôi xin báo trước để ông biết rằng, nhân danh phép xã giao mà dường như ông hoàn toàn không biết đến, tôi sẽ trừng trị ông về thái độ hỗn xược của ông.

Nước da tai tái của viên mục sư trở nên nhợt nhạt, và hắn mỉm cười một cách đến lạ lùng khiến Raoul từ nãy vẫn không rời mắt khỏi hắn cảm thay nụ cười ấy siết chặt trái tim anh như một sự lăng nhục.

-Chắc là một tên gián điệp Tây Ban Nha hoặc Flamand gì đây? – Anh vừa nói vừa đặt tay lên báng súng.

Một cái nhìn hăm doạ giống như một tia chớp đáp lại Raoul.

-Thế nào? Ông trả lời chứ? – De Guise bảo.

-Tôi là linh mục, các ông ạ, – người trẻ tuổi đáp. Và mặt hắn ta trở lại vẻ thản nhiên như cũ.

Raoul bỏ súng vào bao, và tạo cho lời lẽ của mình một giọng cung kính không phải thốt ra từ đáy lòng, anh nói: -Vậy thì thưa cha, nếu là linh mục, cha sắp có dịp để hành nghề như bạn tôi đã nói. Một kẻ bị thương khốn khổ sắp đến và sẽ dừng ở cái quán gần đây; ông ta cầu xin sự cứu giúp của một thiên sứ; người của chúng tôi đi theo ông ta.

-Tôi sẽ đến đấy, – mục sư nói.

Và hắn thúc con la cái đi.

-Nếu ông không đến đấy, – De Guise bảo, – thì hãy nhớ rằng chúng tôi có những con ngựa có thể đuổi kịp con la cái của ông, một sức mạnh có thể tóm bắt ông ở bất cứ chỗ nào; và khi ấy tôi xin thề là bản án của ông sẽ được thi hành ngay; ở đâu chẳng tìm được một cái cây và một sợi dây thừng.

Mắt viên mục sư lại chớp lửa lên lần nữa, nhưng rồi thôi hẳn; hắn nhắc lại câu: "Tôi sẽ đến đó", rồi lên đường.

-Ta đi theo hắn, – de Guise nói, – như thế chắc chắn hơn.

-Tôi cũng định nói với anh như vậy, – Bragelonne đáp.

Và hai chàng thanh niên lên đường, lựa bước theo sau gã mục sư cách độ một tầm súng ngắn.

Chừng năm phút sau, gã mục sư quay đầu lại để xem có bị theo dõi không.

-Anh thấy không, – Raoul nói, – chúng ta làm thế này là rất đúng!

-Cái mặt thằng cha mục sư ấy mới kinh tởm làm sao! – Bá tước de Guise tiếp lời.

-Kinh tởm, – Raoul đáp, – và nhất là sự biểu hiện mới ghê chứ. Tóc thì vàng, mắt thì mờ đục, môi thì cứ hé ra nói là biến đi đâu mất…

De Guise ít bị những chi tiết ấy đập mạnh hơn Raoul, vì Raoul thì chú ý quan sát, còn de Guise thì nói nhiều hơn. Anh đáp: -Phải, phải, khuôn mặt hắn thật lạ lùng, những bọn mục sư ấy tuân theo những cách tu hành làm hư hại con người; nhịn đói đến xanh xao, lấy roi vọt tự hành xác đến trở thành đạo đức giả, và vì, ra sức khóc than những phúc lợi của cuộc đời mà họ đã để mất đi và chúng ta thì được hưởng, nên mắt họ trở thành mờ xỉn.

-Cuối cùng, – Raoul nói, – con người tội nghiệp kia sắp có mục sư đến rồi. Nhưng có Chúa chứng giám! Kẻ sám hối hình như có một bụng dạ tử tế hơn là kẻ đi nghe xưng tội. Còn về tôi xin thú nhận là tôi quen nhìn các vi linh mục theo một dung mạo khác hẳn cơ.

-A! Anh có hiểu không? – De Guise nói. – Lão này là một trong những thày dòng lang thang chuyên đi ăn xin trên những đường cái lớn cho đến ngày nào đó một lộc thánh từ trên trời rơi xuống với họ.

Đó phần lớn là người nước ngoài: người Ecossais, người Irlandais, người Danois. Thỉnh thoảng người ta có chỉ cho tôi xem bọn ấy.

-Cũng xấu xí như thế ư?

-Không, gớm ghiếc phải chăng thôi.

-Cực thay cho kẻ bị thương tội nghiệp ấy phải chết trong tay một gã thày tu như vậy.

-Ô hay? – de Guise nói, – việc xá tội không phải do kẻ nói ban cho mà do từ Chúa. Tuy nhiên anh có muốn tôi nói với anh điều này không? Tôi thích thà chết không sám hối, còn hơn là dây với một kẻ nghe xưng tội như thế. Anh đồng ý với tôi phải không, tử tước? Mà tôi thấy anh vuốt ve cái báng súng như có ý định đập vỡ đầu hắn ra.

-Phải, bá tước ạ, thật là một điều kỳ lạ và nó đến bắt chợt, anh ạ nhìn con người ấy tôi cảm thấy một nỗi ghê sợ khó tả. Đã có lần nào anh thấy một con rắn ngóc mình lên trên đường anh đi chưa?

-Chưa bao giờ, – de Guise đáp.

-Thế mà tôi, tôi đã gặp ở trong cánh rừng Blaisois của nhà tôi.

-Tôi còn nhớ lần đầu tiên một con rắn cuộn khúc nó nhìn tôi bằng cặp mắt mờ xỉn, đung đưa cái đầu và thè lè cái lưỡi, tôi đứng ngây ra, tái mặt và như bị mê đi cho đến lúc bá tước de La Fère…

-Ông bố anh à? – De Guise hỏi.

-Không, vị đỡ đầu của tôi, – Raoul đỏ mặt đáp.

-Hay lắm.

-Cho đến lúc bá tước de La Fère bảo tôi "Bragelonne, tuốt kiếm ra". Chỉ đến lúc ấy tôi mới chạy tới con rắn đúng lúc nó dựng đứng mình trên cái đuôi, miệng rít phì phì, để lao vào người tôi, tôi vội chém nó đứt đôi mình ra. Lạ thật anh ạ. Tôi xin thề là có cảm giác giống hệt như thế khi trông con người kia lúc hắn hỏi: "Tại sao các ông lại hỏi tôi điều đó?" và hắn nhìn vào tôi.

-Thế thì anh phải tự trách mình đã không chém cho nó đứt đôi người ra như con rắn.

-Phải, Pomme-de- Pintình cũng gần như vậy, – Raoul đáp.

Lúc ấy họ đi đến cái quán nhỏ và trông thấy ở đầu đường đằng kia toán người cáng kẻ bị thương do ông Arminges dẫn đầu cũng đang đi tới. Hai người khiêng kẻ sắp chết, người thứ ba dắt ngựa.

Hai chàng thanh niên thúc ngựa phóng lên.

De Guise đi sát bên người thày dòng Augustins và bảo: -Đây là người bị thương; xin ngài mục sư làm ơn nhanh lên một chút.

Còn Raoul tránh gã thầy dòng ra hết mép đường bên kia và quay mặt đi với vẻ ghê tởm.

Như vậy là hai chàng thanh niên đi trước người nghe xưng tội chứ không phải đi sau nữa. Họ đi đến đón người bị thương và bảo cho biết cái tin hay ấy. Kẻ bị nạn nhổm người lên để nhìn theo hướng trỏ và trông thấy mục sư đang thúc con la gấp bước đi tới, rồi bác ta lại rơi mình xuống tấm nệm, mặt sáng lên một tia mừng rỡ.

-Bây giờ đây, – Hai chàng thanh niên nói – chúng tôi đã làm cho ông tất cả những gì chúng tôi có thể làm, và do chúng tôi vội đến đội quân của Ngài Hoàng thân, chúng tôi, phải tiếp tục lên đường, Vậy ông thứ lỗi cho chúng tôi nhé. Người ta đồn sắp có đánh nhau rồi, chúng tôi chẳng muốn ngày mai mới có mặt.

-Hãy đi đi, các vị lãnh chúa trẻ tuổi của tôi, – kẻ bị thương nói, và cầu cho cả hai ông được ban phước lành vì có lòng thương người.

Pomme-de- Pinthật là như các ông nói, các ông đã làm tất cả những gì có thể làm cho tôi; tôi chỉ có thể nói với các ông một lần nữa: Chúa phù hộ cho các ông và những người thân thiết của các ông.

De Guise bảo viên quản lý: -Chúng tôi đi phía trước, ông sẽ đuổi theo chúng tôi trên đường Cambrin.

Chủ quán đứng ở của và đã chuẩn bị mọi thứ, giường, băng, vải xé, và một tên coi ngựa đã đi tìm thày thuốc ở Lens là thị trấn gần nhất.

-Được rồi, – chủ quán nói, – mọi thứ sẽ được làm như ông mong muốn. Nhưng ông ơi, – gã nói tiếp với Bragelonne – Ông không dừng lại chốc lát để băng bó vết thương của ông hay sao?

-Ồ, vết thương của tôi chẳng sao đâu, – Tử tước đáp – Đến chặng nghỉ sau băng bó cũng được. Chỉ có điều yêu cầu ông là nếu ông có thấy một kỵ sĩ qua đây và hỏi thăm ông tin tức về một thanh niên cưỡi con ngựa hồng có một đầy tớ đi theo, thì ông làm ơn bảo rằng đã gặp tôi hẳn hoi, nhưng tôi đã tiếp tục lên đường và tính sẽ ăn trưa ở Mazingarbe và ngủ ở Cambrin.

-Để cho chắc chắn, tôi sẽ hỏi tên người ấy và nói rõ tên ông, như thế có hơn không – Chủ quán nói.

-Phải đấy, cẩn tắc vô áy náy, – Raoul đáp, – tôi là tử tước Bragelonne, còn bác ta là Grimaud.

Lúc ấy kẻ bị thương đến từ phía này và mục sư đến từ phía kia. Hai chàng thanh niên lùi lại để cho cáng đi qua. Mục sư cũng nhảy xuống đất và sai dẫn con la cái ra chuông ngựa mà không tháo yên cương.

-Ông mục sư ơi, – De Guise nói, – Ông hãy giúp cho con người tử tế ấy xưng tội cẩn thận, và đừng lo gì về những khoản chi phí của ông và của con la mọi thứ đều thanh toán rồi.

-Xin cảm ơn ông! – Gã mục sư đáp với cũng nụ cười khiến Bragelonne rùng mình.

Linh tính cảm thấy như không thể chịu nổi sự có mặt của gã thày dòng Augustins, Raoul bảo: -Ta đi thôi, bá tước; ở đây tôi cảm thấy khó chịu.

-Lần nữa xin cảm ơn các vị lãnh chúa trẻ trung tuấn tú, – kẻ bị thương nói – và xin đừng quên tôi trong những lời cầu nguyện?

-Cứ yên tâm! – De Guise vừa nói vừa thúc ngựa đuổi theo Bragelonne đã đi trước hai chục bước.

Lúc ấy hai người đầy tớ đã khiêng cáng vào trong nhà. Chủ quán và vợ đã chạy đến, đang đứng trên bậc cầu thang.

Kẻ bị thương như đang lên những cơn đau dữ dội; song bác ta chỉ bận tâm xem ông mục sư có theo vào không.

Vừa trông thấy cái người mặt tái nhợt và máu me đầm đìa ấy, người đàn bà nắm chặt lấy cánh tay chồng.

-Kìa! Mình làm sao thế? – Chủ quán hỏi. – Phải chăng tình cờ mình thấy khó ở?

-Không, nhưng trông kìa? – Người vợ nói và chỉ kẻ bị thương cho chồng.

-Chết chửa, ông ta có vẻ đau dữ.

-Không phải tôi định nói như vậy, – người vợ vẫn run bắn lên nói tiếp, – tôi hỏi ông có nhận ra người này không?

-Người này ư, khoan đã…

-A! Hình như ông đã nhận ra, – người vợ nói, – vì ông cũng đang tái mặt đi kìa.

-Thật vậy! – Chủ quán kêu lên. – Tai hại cho nhà ta! Đó là tên đao phủ cũ xứ Béthune.

-Đao phủ cũ xứ Béthune! – Gã mục sư trẻ lẩm bẩm và đột nhiên dừng lại, để lộ trên gương mặt một cảm giác ghê tởm đối với kẻ sám hối.

-Ông Arminges đang đứng ở cửa, nhận thấy vẻ lưỡng lự ấy bèn nói: -Ông mục sư ơi, dù làm đao phủ hoặc đã từng làm đao phủ, kẻ khốn khổ kia vẫn cứ là một con người. Vậy ông hãy giúp cho hắn cái việc cuối cùng mà hắn yêu cầu ở ông, và việc làm của ông chỉ càng thêm xứng đảng mà thôi.

Gã mục sư không đáp lại gì cả, mà tiếp tục lặng lẽ đi về phía căn buồng thấp nơi hai người đầy tớ đã đặt kẻ sắp chết lên giường.

Trông thấy người của Chúa đến gần giường kẻ bị nạn, hai đầy tớ đi ra và đóng cửa lại.

Arminges và Olivain đang đợi họ. Cả bốn người lên ngựa, đi nước kiệu theo con đường màRaoul và dờ Guise đã đi và mất hút ở đằng xa.

Khi viên quản lý và đoàn tuỳ tùng đã đi khuất, thì một lữ khách mới dừng lại trước cửa quán.

-Thưa ông cần gì ạ? – Chủ quán nói mà vẫn còn run và tái người đi vì điều vừa mới phát hiện.

Lữ khách ra hiệu muốn uống, rồi đặt chân xuống đất, và chỉ vào con ngựa ra hiệu kỳ cọ.

-Quỷ nợ ở đâu ấy? – Chủ quán lẩm bẩm, – hình như lão này câm.

-Thế ông muốn uống ở đâu. – Gã hỏi.

-Ở đây – lữ khách nói và chỉ vào một cái bàn.

-Ta lầm rồi, – chủ quán tự nhủ – hắn không hoàn toàn câm.

Và gã cúi mình rồi đi lấy một chai rượu vang và bánh quy đem đặt trước mặt vị thực khách ít lời này.

-Ông có cần gì khác nữa không? – Gã hỏi.

-Có chứ.

-Thế ông cần gì?

-Cần biết xem ông có trông thấy một vị quý tộc trẻ tuổi cưỡi con ngựa hồng và có tên đầy tớ theo hầu đi qua đây không?

-Tử tước Bragelonne phải không? – Chủ quán hỏi.

-Đúng thế!

-Thế ra ông là Grimaud?

Lữ khách gật đầu.

A, thế thì vị chủ trẻ tuổi của ông mới ở đây cách mười lăm phút, ông ấy sẽ ăn trưa ở Mazingarbe và sẽ ngủ ở Cambrin.

-Đây đến Cambrin bao xa?

-Hai dặm rưỡi.

-Cảm ơn.

Yên trí sẽ gặp chủ trước khi trời tối, Grimaud có vẻ bình thản hơn lau mồ hôi trán, rót rượu ra cốc và uống lặng lẽ.

Bác vừa mới đặt cốc xuống bàn và toan rót cốc thứ hai, thì một tiếng kêu khủng khiếp phát ra từ căn buồng có gã mục sư và kẻ sắp chết.

Grimaud đứng bật dậy.

-Cái gì vậy? – Bác hỏi – Tiếng kêu ở đâu ra?

-Từ buồng kẻ bị thương, – chủ quán đáp.

-Kẻ bị thương nào? – Grimaud hỏi.

-Người đao phủ cũ xứ Béthune, vừa mới bị bọn du kích Tây Ban Nha ám sát. Hắn được mang đến đây và đang xưng tội với một thầy dòng Augustins. Chắc là hắn đau dữ lắm.

-Đao phủ cũ ở Béthune à? – Grimaud lẩm bẩm, nhớ lại những kỷ niệm xưa… – Một người độ năm sáu mươi tuổi, cao lớn, lực lưỡng, da ngăm ngăm, râu tóc đen phải không?

-Phải đấy, trừ râu đã hoa râm và tóc đã bạc. Ông biết hắn à? – Chủ quán hỏi.

-Tôi có trông thầy một lần, – Grimaud đáp; nhớ lại cái cảnh cũ trán bác sa sầm lại.

Vợ chủ quán chạy ra run như cầy sấy, hỏi chồng: -Ông có nghe thấy không?

-Có, – Chủ quán đáp và lo ngại nhìn về phía cửa.

Vừa lúc ấy vang lên một tiếng kêu không to bằng tiếng kêu đầu tiên, nhưng kèm theo một tiếng rên rỉ kéo dài.

-Phải xem đó là cái gì, – Grimaud nói.

-Nghe như tiếng một người bị chọc tiết, – chủ quán nói.

-Giêsu! – Người đàn bà vừa nói vừa làm dấu thánh.

Ta biết rằng Grimaud nói ít mà làm nhiều. Bác băng mình về phía cửa buồng, lắc thật mạnh, nhưng nó được chốt ở phía trong.

-Mở ra? – Chủ quán la lên, – mở ra ông mục sư ơi, mở ra ngay!

Chẳng có ai trả lời.

-Mở ra, nếu không ta phá cửa? – Grimaud nói.

Vẫn im lặng.

Grimaud đưa mắt nhìn quanh và trông thấy một cái kẹp sắt tình cờ vứt ở một xó nhà. Bác vồ lấy và trước khi chủ quán kịp phản đối, thì bác đã nạy cánh cửa bật vào trong.

Căn buồng ngập máu chảy qua tấm nệm; kẻ bị thương không nói được nữa và rên rỉ, gã mục sư đã biến đâu mất.

-Mục sư – Chủ quán kêu – Mục sư đâu rồi?

Grimaud xông ra phía cửa sổ nhìn ra sân.

-Nó đã trốn ra lối này.

-Ông cho là như vậy à? – Chủ quán hốt hoảng nói.

-Thằng nhỏ đâu, hãy ra chuồng ngựa xem có con la của mục sư không?

-Không thấy con la đâu nữa ạ!

Grimaud đến gần kẻ bị thương, nhìn những nét thô kệch và hằn rõ kia nó gợi nhớ lại một kỷ niệm thật là khủng khiếp.

Sau một giây lát suy ngẫm ảm đạm và âm thầm, cuối cùng bác nói: -Không còn hồ nghi gì nửa. Chính là hắn ta.

-Hắn còn sống không? – Chủ quán hỏi.

Không trả lời, Grimaud mở cái áo chẽn của người bị nạn để sờ tim xem, còn chủ quán thì bước lại gần.

Nhưng đột nhiên hai người lùi lại, chủ quán hét lên một tiếng kinh hãi, còn Grimaud thì tái mặt đi.

Một lưỡi dao găm cắm phập đến tận gốc vào phía ngực bên trái của gã đao phủ.

-Chạy đi gọi cấp cứu ngay, – Grimaud bảo, – tôi sẽ ngồi canh ở đây.

Chủ quán ra khỏi buồng, ngơ ngác như kẻ mất hồn; còn người vợ thì nghe tiếng chồng kêu đã chạy bạt vía.

§34. Xá tội

Việc ấy diễn ra như thế nào?

Chúng ta đã thấy chẳng phải do tự nguyện, mà trái hẳn lại, vì miễn cưỡng mà gã mục sư phải đi theo kẻ bị thương được gửi gắm cho gã một cách đến là kỳ cục. Có lẽ hắn đã tìm cách chạy trốn nếu có thể được; nhưng những lời dọa nạt của hai người quý tộc, đám tuỳ tùng ở ngay cạnh họ và chắc đã được dặn là chẳng nên tỏ ra ác ý quá đã khiến gã mục sư đóng vai người nghe xưng tội cho đến nơi đến chốn. Và khi đã vào buồng rồi, hắn đến bên giường kẻ bị thương.

Bằng một cái nhìn mau lẹ đặc biệt ở những kẻ sắp chết do đó không có thì giờ để mất, gã đao phủ ngắm nghía khuôn mặt của kẻ sẽ là người an ủi mình; rồi tỏ vẻ kinh ngạc nói: -Thưa cha, cha hãy còn trẻ thế?

-Những người mặc chiếc áo như của tôi không có tuổi, viên mục sư khô khan đáp.

-Chao ôi! – Kẻ bị thương nói, – xin cha hãy nói năng với tôi nhẹ nhàng hơn một chút; tôi cần có một người bạn trong lúc lâm chung này.

-Ông đau đớn lắm à? – Mục sư hỏi.

-Vâng, nhưng đau đớn linh hồn nhiều hơn thể xác.

-Ta sẽ cứu vớt linh hồn cho ông, – người trẻ tuổi nói, – nhưng có thật ông là đao phủ xứ Béthune như những người kia nói không?

Chắc hắn sợ rằng cái tiếng đao phủ sẽ xua đi những việc giúp cuối cùng mà mình cầu xin, kẻ bị nạn vội vàng nói: -Nghĩa là tôi đã làm nghề ấy, nhưng bây giờ thì không làm nữa tôi đã bỏ nghề mười lăm năm rồi. Tôi vẫn còn dự những cuộc hành quyết, nhưng tự tôi không làm, ồ, không!

-Vậy là ông kinh sợ cái nghề của ông à?

Gã đao phủ buông một tiếng thở dài, rồi nói: -Chừng nào mà tôi còn hạ thủ nhân danh pháp luật và công lý thì cái nghề của tôi vẫn cho tôi ngủ yên vì được núp dưới bóng công lý và luật pháp. Nhưng từ cái đêm khủng khiếp mà tôi được dùng làm công cụ cho một cuộc trả thù riêng và tôi đã vung dao với lòng căm ghét lên một tạo vật của Chúa, thì từ ngày ấy…

Gã đao phủ ngừng lời và lắc đầu một cách tuyệt vọng.

Mục sư ngồi ở chân giường kẻ bị thương bắt đầu quan tâm đến câu chuyện kể ra một cách thật lạ lùng.

Với tất cả sức bật của một nỗi đau khổ từ lâu dồn nén lại nay cuối cùng bộc lộ ra, kẻ sắp lìa đời kêu lên: -Ôi, tôi cũng đã cố dập tắt nỗi hồi hận bằng hai mươi năm làm việc thiện; tôi đã lột bỏ tính tàn bạo tự nhiên cho những kẻ đổ máu; trong mọi cơ hội, tôi đã liều thân để cứu tính mạng của những kẻ lâm nguy và tôi đã giữ gìn cho cõi trần những kiếp người để đổi lại những kiếp sống mà tôi đã

cướp đi. Chưa phải đã hết: của cải thu được trong việc hành nghề của tôi, tôi đem chia cho những kẻ nghèo. Tôi chăm đi lễ nhà thờ, những người trước lẩn tránh tôi đã quen nhìn tôi. Mọi người đã tha thứ cho tôi, vài người còn yêu mến tôi nữa. Nhưng tôi chắc rằng Chúa đã không tha thứ cho tôi vì rằng cái kỷ niệm về cuộc hành quyết ấy cứ theo đuổi tôi mãi, và dường như đêm nào tôi cũng thấy hiện lên trước mặt tôi quái tượng của người đàn bà ấy.

-Một người đàn bà! Thế ra ông đã ám sát một người đàn bà? – Mục sư kêu lên.

-Thì ra ông cũng vậy? – Gã đao phủ nói – Ông đã dùng một từ nó vang bên tai tôi: ám sát? Vậy là tôi đã ám sát, chứ không phải hành quyết. Vậy tôi là một kẻ sát nhân, chứ không phải là một kẻ xử tội!

Hắn nhắm mắt lại và buông ra một tiếng rên rỉ. Hẳn là sợ hắn chết mà không nói thêm được gì, mục sư vội vàng bảo: -Tiếp tục đi, tôi không biết gì về chuyện đó cả. Khi nào ông kể hết, Chúa và tôi sẽ phán xử.

Như sợ mở mắt ra là lại trông thấy một vật gì đó hãi hùng, gã đao phủ vẫn nhắm mắt kể tiếp: -Ôi thưa cha, nhất là ban đêm mà tôi đi qua sông thì nỗi kinh hoàng mà tôi không thể thắng nổi lại càng tăng gấp bội; lúc ấy bàn tay tôi nặng trĩu cứ như vẫn còn cầm thanh đao; nước sông trở thành màu máu, và tất cả những tiếng nói của thiên nhiên, tiếng cây cối xào xạc, tiếng gió thổi rì rào, tiếng sóng vỗ ì ộp, tất cả hoà thành một tiếng khóc than, tuyệt vọng, kinh hồn thét vào tai tôi: "Hãy để cho công lý của Thượng đế phán xử"

-Mê sảng? – Mục sư lẩm bẩm và lắc đầu.

Đao phủ mở choàng mắt, cố xoay mình về phía mục sư và nắm lấy cánh tay mà nói: -Mê sảng, ông bảo thế à? Ồ, không đâu, vì rằng đó là buổi tối, vì rằng tôi đã ném xác người ấy xuống sông, vì rằng những lời lẽ mà niềm hối hận nhắc lại với tôi những lời lẽ ấy chính tôi đã thốt ra trong niềm kiêu hãnh; sau khi là công cụ của công lý con người, tôi tưởng rằng mình đã trở thành công cụ của công lý Thượng đế!

-Nhưng này, chuyện ấy xảy ra thế nào nhỉ? – Mục sư hỏi.

-Vào một buổi tối một người đàn ông đến tìm tôi, đưa cho tôi xem một tờ lệnh, tôi đi theo ông ta. Bốn vị lãnh chúa khác chờ tôi. Họ che mặt tôi và dẫn tôi đến. Tôi vẫn dành quyền phản đối, nếu như công việc mà họ bắt tôi làm tỏ ra không đúng. Chúng tôi đi chừng năm sáu dặm đường, buồn thảm, lặng lẽ và hầu như chẳng nói một lời. Cuối cùng qua cửa sổ một căn nhà tranh nhỏ, họ trỏ cho tôi trông thấy một người đàn bà đang ngồi tì tay lên bàn và bảo tôi: "Đó là người cần phải hành quyết".

-Kinh khủng! – Mục sư nói. – Và ông đã tuân theo?

-Thưa cha, người đàn bà ấy là một con quái vật: người ta nói mụ đã đầu độc người chồng thứ hai của mình mưu toan ám sát anh chồng mình, ông này cũng có

mặt trong số những người ở đây; mụ vừa mới đầu độc chết một thiếu phụ trẻ là tình địch của mụ, và người ta còn nói là trước khi rời nước Anh, mụ còn sai người đâm chết vị sủng thần của vua.

-Buckingham? – Mục sư kêu lên.

-Phải, Buckingham, đúng thế.

-Người đàn bà ấy là người Anh phải không?

-Không, là người Pháp, nhưng lấy chồng ở Anh.

Mục sư tái mặt đi và lau mồ hôi trán, rồi ra cài chốt cửa lại. Đao phủ tưởng gã bỏ rời mình lại nằm vật ra giường mà rên rỉ.

-Không, không, tôi đây – mục sư nói và vội vàng trở lại bên giường. – Kể tiếp đi, những người đàn ông ấy là ai?

-Một là người ngoại quốc, người Anh thì phải. Bốn người kia là người Pháp và mặc binh phục ngự lâm quân.

-Tên họ là gì? – Mục sư hỏi.

-Tôi không biết. Song bốn vị công hầu kia gọi người Anh là Milordr.

-Người đàn bà ấy có đẹp không?

-Trẻ và đẹp! À phải, nhất là đẹp. Tôi vẫn còn như trông thấy bà ta lúc quỳ dưới chân tôi, bà ta cầu nguyện, đầu ngửa ra đằng sau. Từ đấy tôi không bao giờ hiểu nổi làm sao mà tôi lại chém một cái đầu xinh đẹp và tái xanh đến thế.

Mục sư như bị một nỗi xúc động lạ lùng: chân tay run lên bần bật; miệng muốn hỏi một câu mà không dám.

Cuối cùng sau một cố gắng mãnh liệt, gã nói: -Tên người đàn bà ấy là gì?

-Tôi không biết. Như tôi đã nói, bà ta lấy chồng hai lần. Một lần ở Pháp, một lần ở Anh.

-Ông bảo bà ta còn trẻ à?

-Hai mươi lăm tuổi.

-Xinh đẹp à?

-Mê hồn.

-Tóc hoe vàng?

-Phải.

-Tóc rậm phải không, và xoã xuống ngang vai?

-Phải.

-Mắt có nét biểu hiện tuyệt vời phải không?

-Khi nào bà ta muốn. Ồ, phải đúng như thế.

-Giọng nói dịu dàng kỳ lạ.

-Làm thế nào mà ông biết được.

Đao phủ chống tay lên giường và đưa mắt kinh hãi nhìn chằm chằm vào mục sư đang tái nhợt đi.

-Và ông đã giết bà ta? – Mục sư nói – Ông đã làm công cụ cho những kẻ hèn nhát ấy, chứng không dám tự mình giết bà ta! Ông đã không thương hại cái tuổi trẻ ấy, cái nhan sắc ấy, cái sự yếu đuối ấy!

-Ông đã giết người đàn bà ấy!

-Than ôi! – đao phủ lại nói, – Thưa cha, tôi đã nói rằng người đàn bà ấy, dưới cái vỏ thiên thần ấy, che giấu một linh hồn địa ngục, và khi tôi trông thấy mụ ấy, khi tôi nhớ lại tất cả những tội ác mà mụ ta đã gây ra với bản thân tôi…

-Với ông à? Thế bà ta đã có thể làm gì với ông? Nào!

Mụ ta đã quyến rũ và làm hại em tôi là một linh mục mụ cùng với hắn trốn khỏi tu viện.

-Với em ông à?

-Phải. Em trai tôi là tình nhân đầu tiên của mụ, mụ là nguyên nhân cái chết của em tôi. Ôi, thưa cha, xin cha đừng nhìn tôi như vậy! Ôi! Vậy tôi là kẻ phạm tội ư? Ôi! Cha không tha thứ cho tôi ư?

Mục sư sửa lại nét mặt cho nghiêm và nói: -Có chứ, có chứ! Tôi sẽ tha thứ cho ông, nếu ông kể cho tôi nghe tất cả!

-Ôi! – Đao phủ kêu. – Tất cả! Tất cả! Tất cả!

-Thế thì hãy trả lời. Nếu như bà ta đã quyến rũ em ông… ông nói là bà ta quyến rũ em ông chứ gì?

-Vâng.

-Thể thì ông phải biết rõ tên thời con gái của bà ta chứ?

-Ôi lạy Chúa! – gã đao phủ kêu lên! – Hình như tội sắp chết đến nơi rồi. Xá tội, cha ơi! Xá tội!

-Hãy nói tên bà ta! – Mục sư bảo. – Và ta sẽ xá tội cho.

-Bà ta tên là… lạy Chúa hãy thương con? – đao phủ lầm bầm. Và hắn nằm vật ra giường, tải mét, rùng mình như người sắp chết hẳn.

Gã mục sư cúi mình xuống tên đao phủ như muốn dứt ra cái tên ấy từ lưỡi hắn nếu hắn không muốn nói.

Gã bảo: -Tên bà ta là gì? Tên bà ta!… Nói đi nếu không thì không có xá tội gì hết.

Kẻ sắp chết như gom hết sức mình lại.

Cặp mắt mục sư lóe sáng.

-Anne de Bueil? – kẻ bị thương lẩm bẩm.

-Anne de Bueil! – Mục sư kêu lên và vừa đứng bật dậy vừa giơ hai tay lên trời, – Anne de Bueil? Mi nói đúng Anne de Bueil phải không?

-Phải, phải, chính tên bà ta, và bây giờ hãy xá tội cho tôi, vì tôi đang chết đây.

-Ta xá tội cho mi! – Gã mục sư kêu lên với một cái cười ghê rợn làm dựng đứng tóc gáy kẻ sắp chết. – Ta xá tội cho mi ư? Ta không phải là linh mục?

-Ông không phải là linh mục ư? – Tên đao phủ kêu lên – Thế ông là vậy?

-Ta sẽ nói cho mi biết, tên khốn kiếp!

-Ôi, lạy Chúa! Lạy chúa!

-Ta là John Francis de Winter!

-Tôi không biết ông? – Đao phủ nói.

-Đợi đấy, đợi đấy mi sẽ biết về ta: ta là John Francis de Winter; còn người đàn bà ấy… .

-Sao! Người đàn bà ấy…?

-Là mẹ của ta.

Tên đao phủ thét lên tiếng kêu thứ nhất, tiếng kêu khủng khiếp mà người ta nghe thấy trước tiên.

-Ôi! Hãy tha thứ cho tôi, hãy tha thứ cho tôi – hắn lẩm bẩm, – nếu không phải là nhân danh Chúa thì ít ra là nhân danh ông, nếu không phải là với tư cách linh mục thì ít ra với tư cách con trai bà.

-Tha thứ cho mi ư? – Gã mục sư quát – Tha thứ cho mi ư? Chúa có lẽ làm như vậy, nhưng ta thì không bao giờ?

-Vì lòng thương, – tên đao phủ vừa nói vừa giơ tay về phía gã.

-Không có lòng thương đối với kẻ đã không có lòng thương. Mi hãy chết mà không được sám hối, chết tuyệt vọng và bị đày xuống địa ngục!

Rồi rút từ trong áo dài ra một con dao găm, hắn đâm vào ngực tên đao phủ mà nói: -Này, xá tội của ta đây!

Đó là lúc người ta nghe tiếng kêu thứ hai yếu ớt hơn tiếng kêu thứ nhất và kèm theo một tiếng rên rỉ dài.

Tên đao phủ nhổm người lên, rồi ngã vật xuống giường. Còn gã mục sư chẳng rút con dao ra khỏi vết thương, chạy tới cửa sổ, mở ra, nhảy xuống vườn hoa, tuồn ra chuồng ngựa, chộp lấy con la, chuồn ra cổng sau, phóng một mạch cho đến một khóm rừng, cởi bỏ cái áo mục sư, lấy ở va-li ra một bộ đồ kỵ sĩ mặc vào, đi bộ đến bưu trạm gần nhất, lấy một con ngựa và dong cương phóng thẳng trên con đường về Paris.

§35. Grimaud nói

Grimaud đứng một mình bên cạnh người đao phủ. Chủ quán đi gọi cấp cứu; vợ bác cầu nguyện.

Một lát sau kẻ bị thương mở mắt.

-Cứu giúp tôi với? Cứu giúp tôi với! – hắn lẩm bẩm.

-Ôi, lạy Chúa? Lạy Chúa! Thế là tôi chẳng tìm được ở trên đời này một người bạn đã giúp tôi sống hoặc giúp tôi chết hay sao?

Và hắn cố đưa bàn tay lên ngực; bàn tay đụng phải cái đốc dao găm.

A! – Hắn nói như một người chợt nhớ ra. Và lại để cánh tay rơi xuống bên mình.

-Hãy cố gắng nhé – Grimaud bảo – đang cho đi gọi cấp cứu.

-Ông là ai thế? – Kẻ bị nạn giương trừng trừng đôi mắt nhìn Grimaud và hỏi: -Một người quen cũ, – Grimaud đáp.

-Ông ư?

Kẻ bị nạn đang cố nhớ lại nét mặt người đang nói với mình và hỏi: -Chúng ta đã gặp nhau trong hoàn cảnh nào nhỉ?

-Một đêm cách đây hai mươi năm; ông chú tôi đã đến tìm ông ở Béthune và dẫn ông đến Armentières.

-Tôi nhận ra ông rồi, – đao phủ nói, – Ông là một trong số bốn người hầu.

-Phải rồi.

-Ông từ đâu đến đây?

-Tôi đi qua đường và dừng lại ở quán này để cho ngựa nghỉ ngơi. Người ta kể cho tôi nghe rằng người đao phủ xứ Béthune bị thương đang nằm ở đây, thì ông thét lên hai tiếng. Nghe tiếng đầu tiên chúng tôi chạy lại, nghe tiếng thứ hai chúng tôi phá cửa vào.

-Thế còn mục sư – đao phủ hỏi, – Ông có trông thấy mục sư không?

-Mục sư nào?

Mục sư ngồi trong buồng này với tôi ấy.

-Không, hắn không còn đây nữa? Hình như nó đã trốn qua cửa sổ. Phải chăng chính hắn đã đâm ông?

-Phải.

Grimaud toan đi ra.

-Ông định làm gì thế? – Kẻ bị nạn hỏi.

-Phải đuổi theo nó.

-Phải đề phòng cẩn thận đấy, – đao phủ nói.

-Tại sao vậy?

-Hắn trả thù và hắn đã làm được. Giờ đây tôi hy vọng Chúa sẽ tha thứ cho tôi, bởi vì đã có sự chuộc tội.

-Ông cắt nghĩa xem nào, – Grimaud nói.

-Người đàn bà kia mà các ông và chủ của các ông sai tôi giết…

-Milady?

-Phải rồi, Milady, đúng thế, các ông gọi như vậy mà.

-Có liên quan gì giữa Milady và gã mục sư.

-Mẹ của nó đấy.

Grimaud lảo đảo và nhìn kẻ sắp chết bằng con mắt mờ xỉn và ngậy dại.

-Mẹ của nó đấy! – Bác nhắc lại. – Phải, chính mẹ nó.

-Thế nó biết điều bí mật ấy à?

-Tôi ngỡ nó là mục sư, nên khi xưng tội đã bộc lộ ra chuyện ấy.

-Khốn khổ chưa? – Grimaud kêu lên, tóc bác đẫm mồ hôi khi nghĩ đến việc bộc lộ ấy có thể gây ra những hậu Pomme-de- Pinnhư thế nào. – Khốn khổ chưa! Ông không nói ra tên ai chứ?

-Không, vì tôi chẳng biết một tên nào cả, trừ cái tên thời con gái của mẹ hắn, và cũng vì cái tên ấy mà hắn đã nhận ra mẹ mình nhưng hắn biết rằng ông bác của hắn ở trong số những người xử tội.

Và kẻ bị nạn lại xỉu đi vì kiệt sức. Grimaud muốn giúp và đưa bàn tay đến cán con dao.

-Đừng có đụng vào – đao phủ nói, – nếu rút con dao ra là tôi sẽ chết ngay.

Grimaud vẫn giơ ra, rồi bỗng nhiên đập vào trán mình mà nói: -A! Nếu như bây giờ mà kẻ ấy biết những người kia là ai, thì chủ mình nguy to.

-Gấp lên, gấp lên nào! – Người đao phủ kêu lên, hãy báo gấp cho ông chủ biết nếu ông ấy còn sống; hãy bảo cho các bạn của ông ấy nữa. Hãy tin rằng cái chết của tôi sẽ không phải là sự kết thúc của câu chuyện phiêu lưu khủng khiếp ấy đâu.

-Hắn đi đâu? – Grimaud hỏi.

-Về phía Paris.

-Ai đã ngăn hắn lại?

Hai nhà quý tộc trẻ đang đi tới quân đội. Một người được bạn kia gọi là tử tước de Bragelonne.

-Và chính người thanh niên ấy đã dẫn gã mục sư đến cho ông à?

-Phải.

Grimaud ngước mắt lên nhìn trời nói: -Phải chăng đó là ý Chúa?

-Tất nhiên rồi, – kẻ bị thương nói.

-Thế thì kinh hãi thật, – Grimaud lẩm bẩm. – Tuy nhiên mụ đàn bà ấy cũng đáng kiếp. Ý kiến ông không phải thế nữa sao?

-Vào lúc chết, – gã đao phủ lại nói, – người ta thấy tội ác của các kẻ khác chẳng thấm vào đâu so với những tội ác của mình.

Và hắn kiệt sức, nhắm mắt lại.

Grimaud đang bị giằng co giữa lòng thương hại không cho bác để mặc người đó không được cứu chữa và nỗi lo sợ giục giã bác phải đi ngay để mang cái tin mới mẻ này đến cho bá tước de La Fère thì nghe có tiếng động ở hành lang và trông thấy chủ quán trở về cùng với nhà phẫu thuật mà cuối cùng người ta đã tìm được Nhiều người tò mò đi theo sau; tin đồn về sự biến lạ lùng này bắt đầu lan rộng.

Nhà phẫu thuật đến gần kẻ bị nạn hình như đã ngất.

-Trước hết phải rút con dao ra khỏi ngực đã – Ông ta vừa nói vừa lắc đầu một cách đầy ý nghĩa.

Grimaud nhớ đến điều tiên đoán mà kẻ bị thương vừa mới nói lúc nãy và quay mặt đi.

Nhà phẫu thuật phanh chiếc áo chẽn ngoài, xé áo sơ-mi và để lộ ngực trần của nạn nhân ra.

-Chúng tôi đã nói là lưỡi dao cắm ngập đến tận cán.

Nhả phẫu thuật cầm mỏm chuôi dao; ông từ từ rút ra và kẻ bị nạn mở mắt ra trừng trừng trông đến thật kinh hãi. Khi lưỡi dao rút ra hẳn, một đám bọt hồng hồng trào ra quanh miệng kẻ bị thương, rồi lúc người ấy thở, một dòng máu từ vết thương vọt ra. Kẻ bị thương nhìn chằm chằm vào Grimaud với một vẻ biểu hiện rất lạ lùng, buông ra rnột tiếng rên bị tắc nghẹn và tắt thở ngay lập tức.

-Thế là Grimaud nhặt lấy con dao găm đầy máu me nó làm cho tất cả mọi người kinh sợ rồi bác ra hiệu gọi chủ quán đến, trả tiền với sự hào phóng thật xứng đáng với chủ mình và lên ngựa.

Lúc đầu Grimaud toan quay trở lại Paris ngay; nhưng rồi bác nghĩ Raoul sẽ lo lắng về sự vắng mặt kéo dài của bác; bác nhớ là Raoul ở cách chỗ bác lúc này có hai dặm, trong mười lăm phút là bác sẽ tới, rồi vừa đi vừa trở lại vừa giải thích cũng chẳng đến một tiếng đồng hồ; thế là bác cho ngựa phi nước đại và mười phút sau bác đã đến quán Con la đội miện, cái quán duy nhất ở Mazingarbe.

Mới trao đổi mấy câu với chủ quán, bác đã biết chắc là đã theo kịp người mình đang tìm.

Raoul đang ngồi bàn ăn cùng với bá tước de Guise và viên quản lý nhưng câu chuyện phiêu lưu buồn thảm ban sớm vẫn để lại trên hai vầng trán trẻ một nêt ưu sầu mà sự vui nhộn của ông Arminges vững vàng hơn họ do đã quen nhìn thấy những cảnh tượng như vậy, cũng không xua tan nổi.

Bỗng nhiên cửa mở và Grimaud xuất hiện, mặt tái xanh, người đầy bụi bậm và vẫn áo còn nhuốm máu của kẻ bị thương khốn khổ.

-Grimaud, bác Grimaud hiền lành của tôi ơi, – Raoul reo lên, – cuối cùng, bác đến đây rồi. Xin lỗi các ông nhé, đây không phải người hầu mà là một người bạn.

Rồi đứng lên và chạy tới bác, anh nói tiếp: -Bá tước thế nào? Ông có nhớ tôi chút nào không? Bác có gặp bá tước từ sau khi chúng tôi chia tay nhau không? Bác trả lời đi. Về phần tôi cũng có rất nhiều điều nói với bác đấy. Này chỉ mới ba ngày thôi mà đã xảy đến với chúng tôi bao nhiêu là chuyện rắc rối. Ơ, nhưng mà bác làm sao thế? Trông bác tái mét đi? Lại máu nữa kìa! Máu ở đâu ra?

-Pomme-de- Pinthật là có máu! – Bá tước de Guise nói và đứng dậy. – Bác có bị thương không, ông bạn của tôi?

-Không đâu, ông ạ, – Grimaud đáp, – đây không phải là máu của tôi: -Thế máu của ai? – Raoul hỏi.

-Đó là máu của kẻ khốn khổ mà ông đã để lại ở quán hàng và hắn đã chết ở trong tay tôi.

-Ở trong tay bác? Cái người ấy à! Nhưng bác có biết đó là ai không?

-Có – Grimaud đáp.

- Đấy là đao phủ cũ ở Béthune.

-Tôi biết.

-Bác quen hắn à?

-Tôi quen hắn.

-Hắn chết rồi ư?

-Rồi.

Hai thanh niên nhìn nhau.

-Biết làm thế nào, các ông ơi, – Arminges nói, – đó là quy luật chung, và đã làm đao phủ người ta chẳng vì thế mà được miễn bị đao phủ giết. Cái lúc tôi trông thấy vết thương của hắn, tôi đã có ý nghĩ không hay về nó rồi, và các ông biết đấy, đó là quan niệm riêng của hắn bởi vì hắn cứ nằng nặc đòi một mục sư.

Nghe tiếng mục sư, Grimaud tái mặt.

Giống như mọi người ở thời ấy và nhất là ở lứa tuổi như mình, Arminges không chấp nhận sự mẫn cảm giữa hai công việc, ông nói: -Thôi, thôi, ta vào bàn ăn đi!

-Vâng, ông nói phải đấy! – Raoul đáp. – Nào Grimaud, bác bảo họ dọn cho bác ăn đi; cứ đặt, cứ gọi và sau khi bác đã nghỉ ngơi, ta sẽ nói chuyện.

-Không, ông ạ, không, – Grimaud nói – tôi không thể dừng lại đây một lát nào cả, tôi cần phải trở lại Paris.

-Thế nào, bác trở lại Paris ư? Bác lầm rồi, chính Olivain mới trở về, còn bác, bác ở lại.

-Trái lại, chính Olivain mới ở lại còn tôi đi về. Tôi đến đây chỉ cốt để báo cho ông biết điều đó.

-Nhưng do đâu mà có sự thay đổi ấy.

-Tôi không thể nói với ông được.

-Bác hãy nói rõ đi.

-Tôi không thể nói rõ được.

-Này, bác đùa đấy ư?

-Ông Tử tước biết rằng tôi không đùa bao giờ.

-Ừ, nhưng tôi cũng biết rằng Bá tước de La Fère đã nói là bác sẽ ở lại với tôi, còn Olivain sẽ trở lại Paris. Tôi sẽ theo lệnh của bá tước.

-Trong trường hợp này thì không, ông ạ.

-Tại sao mà bác không tuân lời tôi ư?

-Vâng, thưa ông, cần phải như thế.

-Vậy là bác vẫn khăng khăng?

-Vậy là tôi cứ đi; chúc ông Tử tước may mắn.

Grimaud chào và quay ra cửa. Raoul vừa tức giận vừa lo lắng, chạy theo và nắm tay giữ bác lại.

-Grimaud, – Raoul kêu lên – Hãy ở lại, tôi muốn vậy.

-Thế là, – Grimaud nói, – Ông muốn tôi để mặc bá tước bị giết hay sao?

Grimaud chào và sắp sửa đi ra, Tử tước vội nói: -Grimaud, bạn của tôi ơi, bác sẽ không ra đi như vậy, bác sẽ không để mặc tôi trong một nỗi lo lắng dường này. Grimaud, nói đi, nói đi nào, nhân danh Chúa trời! và Raoul lảo đảo rơi mình xuống chiếc ghế bành.

-Ông ơi, tôi có thể nói với ông một điều thôi, bởi vì bí mật mà ông hỏi không thuộc về tôi. Ông đã gặp mục sư phải không?

-Phải.

Hai chàng thanh niên nhìn nhau hoảng hốt.

-Ông dẫn hắn đến bên người bị thương?

-Phải.

-Ông có thì giờ để nhìn hắn chứ?

-Phải.

-Và nếu có bao giờ gặp lại hắn, có thể ông sẽ nhận ra hắn chứ?

-Ồ, có chứ, tôi xin thề như vậy, – Raoul đáp.

-Cả tôi nữa, – de Guise nói.

-Vậy thì nếu có bao giờ gặp hắn, – Grimaud nói, – dù bất cứ ở đâu, trên đường cái, trong phố xá, tại nhà thờ, ở chỗ nào có hắn và có các ông, thì hãy giẫm chân lên xéo nát hắn, không thương hại, không dung tha, như ông sẽ làm đối với một con rắn, một con rắn hổ mang một con rắn độc; hãy nghiền nát nó ra và chỉ bỏ đi khi nào nó chết hẳn. Chừng nào nó còn sống thì tôi thấy tính mạng của năm con người còn bấp bênh lắm.

Rồi không nói thêm một lời, thừa lúc mấy người còn đang ngơ ngác và kinh hoàng về cái điều bác vừa kể, Grimaud băng mình ra khỏi phòng.

-Này bá tước ơi, – Raoul quay về phía de Guise và nói – tôi đã chẳng nói với anh rằng cái tên mục sư ấy gây tác động với tôi đúng như một con rắn là gì!

Hai phút sau có tiếng ngựa phi nước đại trên đường cái. Raoul chạy ra cửa sổ xem.

Đó là Grimaud lên đường về Paris. Bác vẫy mũ chào tử tước và phút chốc đã khuất ở góc đường.

Trên đường, Grimaud suy nghĩ về hai điều: thứ nhất là cứ cái đà chạy này thì ngựa không đi nổi mười dặm.

Thứ hai là bác không còn tiền.

Nhưng Grimaud càng nói ít thì tưởng tượng càng phong phủ.

Đến bưu trạm đầu tiên mà bác gặp, bác bán phăng con ngựa đi và lấy tiền đi xe trạm.

Chú thích:

- Con la đội miện= Mulet-Couronné

§36. Đêm trước trận đánh

Chủ quán đã đem Raoul ra khỏi những sự suy tư u ám khi bác vội vã bước vào căn phòng nơi vừa diễn ra cảnh tượng mà chúng tôi đã kể; bác la lên: -Quân Tây Ban Nha! Quân Tây Ban Nha!

Tiếng kêu ấy khá nghiêm trọng để buộc mọi sự bận tâm phải nhường chỗ cho sự bận tâm mà tiếng kêu ấy ắt gây ra. Hai chàng thanh niên hỏi han tin tức và được biết rằng quả thật quân thù đang tiến qua Houdin và Béthune.

Trong khi ông Arminges sai bảo gia nhân sửa soạn cho những con ngựa đã được nghỉ ngơi sẵn sàng lên đường, hai chàng thanh niên trèo lên mấy cửa sổ cao nhất của ngôi nhà bao quát vùng chung quanh và.Quả nhiên trông thấy ở phía Hersin và Lens hiện lên một đoàn rất đông bộ binh và kỵ binh. Lần này không còn phải là một toán du kích lẻ tẻ nữa, mà là cả một đội quân.

-Thế là không còn cách nào khác hơn là nghe theo những lời chỉ bảo khôn ngoan của ông Arminges và vừa đánh vừa rút lui.

Hai thanh niên vội vàng xuống nhà. Ông Arminges đã lên ngựa. Olivain dắt hai con ngựa của hai anh, và bọn gia nhân của Bá tước de Guise đang canh giữ cẩn thận tên tù binh Tây Ban Nha, hắn cưỡi trên lưng một con ngựa nhỏ mà người ta vừa mới mua theo ý của nó. Để cẩn thận hơn nữa, họ trói tay nó lại.

Toán nhỏ ấy chạy nước kiệu theo đường đi Cambrin nơi họ tưởng sẽ tìm thấy hoàng thân nhưng tù hôm qua ông không còn ở đấy và đã rút về La Bassée vì một tin tức sai đã báo cho ông biết là quân địch phải qua sông Lys ở Estaire.

Quả thật do bị lầm về những tin tức đó, hoàng thân de Condé đã cho rút quân mình khi Béthune, tập trung mọi lực lượng của mình ở vùng giữa Vielll – Chapelle và Venthie. Sau khi đích thân ông cùng với thống chế Grammont đi quan sát suốt dọc trận tuyến, ông vừa mới trở về và ngồi vào bàn ăn, hỏi han các sĩ quan ngồi gần về những tình hình mà ông đã sai họ thu thập; nhưng chẳng ai có được những tin tức xác thực. Quân đội địch đã biến đi đâu từ bốn mươi tám giờ và dường như đã tiêu tán mất rồi.

Không bao giờ một quân đội địch lại rất gần và do đó rất là đe doạ bằng khi nó bỗng nhiên biến mất hoàn toàn. Cho nên hoàng thân vừa trở nên cau có và băn khoăn trái với thói quen của mình thì một sĩ quan trực vào bảo rằng có người nào đó xin gặp thống chế Grammont.

Quận công đưa mắt xin phép hoàng thân và đi ra.

Hoàng thân nhìn theo, dán mắt vào cánh cửa, chẳng ai dám ho he, sợ làm ông lãng ý khỏi mối bận tâm của mình.

Bất thình lình một tiếng động vang lên. Hoàng thân vội vàng đứng dậy và giơ bàn tay về phía có tiếng động. Tiếng động ấy quá quen thuộc đối với ông, đó là

tiếng súng đại bác.

Ai nấy đều đứng cả dậy.

Vừa lúc ấy cửa mở, thống chế Grammont mặt mày rạng rỡ bước vào và nói: -Thưa Đức ông, Điện hạ có vui lòng cho phép con trai tôi, bá tước de Guise và bạn đồng hành là tử tước de Bragelonne vào để đem đến cho Điện hạ những tin tức về quân địch mà chính chúng ta đang tìm kiếm và chính họ đã lượm được?

-Thế là thế nào nhỉ? – Hoàng thân vội vã nói. – Tôi cho phép chứ. Không những tôi cho phép và tôi còn mong muốn nữa. Bảo họ vào đi.

Thống chế đẩy hai thanh niên đến trước mặt hoàng thân. Hoàng thân chào họ và bảo: -Các ông hãy nói đi, nói trước đã; rồi sau chúng ta hãy chúc mừng nhau theo tục lệ. Điều cấp bách nhất đối với tất cả chúng ta bây giờ là biết được quân địch ở đâu và đang làm gì.

Dĩ nhiên là bá tước de Guise lên tiếng không những vì anh lớn tuổi hơn mà còn vì anh được cha mình giới thiệu với hoàng thân. Và lại anh đã quen hoàng thân từ lâu, còn Raoul thì mới gặp lần đầu.

Anh kể cho hoàng thân nghe điều họ đã trông thấy từ quán Mazingarbe.

Trong lúc ấy, Raoul nhìn vị tướng trẻ mà đã lừng danh về nhưng trận Roroy, Fribourg et và Nordlingen.

Từ sau khi cha mình và Henri de Bourbon chết, Louis de Bourbon, hoàng thân de Condé được người ta gọi tắt theo thói quen thời bấy giờ là Ngài Hoàng thân là một người trẻ trạc hai mươi sáu hai mươi bảy tuổi, mắt sắc như mắt phượng hoàng; agl'occhi griphani, như nhà thơ Dante nói, mũi khoằm, tóc dài bồng bềnh thành búp, tầm vóc nhỏ nhưng rắn rỏi, có tất cả những phẩm chất của một nhà chiến tranh vĩ đại, tức là cái nhìn sắc sảo, quyết định nhanh chóng, tinh thần dũng cảm truyền thuyết. Điều đó chẳng ngăn cản ông đồng thời là người phong nhã và trí tuệ, đến nỗi ngoài cuộc cách mạng mà ông đã làm trong chiến tranh bằng những yếu lĩnh mới mà ông đưa vào đó, ông còn làm cách mạng ở Paris trong hàng ngũ những vị công hầu trẻ ở triều đình mà ông là người thủ lĩnh tự nhiên.

Và đối lại với những người phong nhã của triều đình cũ mà Bassompierre, Bellegarde và quận công d'Angoulême là những người mẫu, người ta gọi các vị công hầu trẻ kia là những ông chúa nhỏ bé.

Mới nghe vài lời đầu tiên của bá tước de Guise và theo hướng có tiếng súng đại bác, hoàng thân đã hiểu cả.

Quân địch ắt đã qua sông Lys ở Saint-Venant và tiến về Lens hắn là với ý đồ chiếm thị trấn này để tách quân đội Pháp ra khỏi nước Pháp. Tiếng đại bác mà người ta nghe thấy chốc chốc nổ vang át cả những tiếng nổ khác của những khẩại bác cỡ nòng lớn đáp lại những đại bác Tây Ban Nha và Lorrain.

Những toán quân đó là thuộc lực lượng nào? Phải chăng chỉ là một đội dùng để nghi binh? Hay đó là toàn thể quân đội?

Đó là câu hỏi cuối cùng của hoàng thân mà de Guise không thể nào trả lời được.

-Do đó là câu hỏi quan trọng nhất đó cũng là câu hỏi mà hoàng thân muốn có được một câu trả lời chính xác, rõ ràng và chắc chắn.

Đứng trước mặt Hoàng thân, Raoul bị một tình cảm nhút nhát rất tự nhiên xâm chiếm ngoài ý mình. Lúc ấy anh cố vượt qua và tiến lại hoàng thân, anh nói: -Về vấn đề này. Hoàng thân có cho phép tôi mạo muội đưa ra vài lời may ra có giúp ngài được chút nào không?

Hoàng thân quay lại và như bao trùm toàn thân chàng thanh niên trong một cái nhìn; ông mỉm cười nhận ra ở chảng một đứa trẻ suýt soát mười lăm tuổi.

Hoàng thân bèn dịu bớt cái giọng cộc lốc và rành rọt của mình và như đang phải nói với một phụ nữ, ông bảo: -Tất nhiên rồi, ông cứ nói đi nào.

Raoul đỏ mặt đáp: -Đức ông có thể tra hỏi tên tù binh Tây Ban Nha.

-Các ông bắt được một tù binh Tây Ban Nha à! – Hoàng thân reo lên.

-Vâng, thưa Đức ông.

-A, đúng rồi? – de Guise nói, – tôi đã quên đi mất.

-Có gì đâu, chính bá tước đã bắt nó mà, – Raoul mỉm cười nói.

Vị thống chế già quay lại phía tử tước, tỏ vẻ biết ơn về lời chúc mừng ấy đối với con trai mình, còn hoàng thân thì nói: -Chàng thanh niên nói đúng đấy! Dẫn tù binh ra đây.

Trong lúc ấy Hoàng thân gọi riêng de Guise ra, hỏi anh về việc tên tù binh ấy bị bắt như thế nào, và hỏi xem chàng thanh niên kia là ai.

Rồi hoàng thân trở lại phía Raoul và nói: -Này ông, tôi biết rằng ông có mang một bức thư của em gái tôi bà de Longueville, nhưng tôi thấy rõ là ông thích tự giới thiệu mình hơn bằng cách nêu cho tôi một ý kiến hay.

-Thưa Đức ông, – Raoul đỏ mặt đáp – Tôi không muốn Đức ông phải bỏ dở một cuộc chuyện trò thật là quan trọng như câu chuyện ngài đã trao đổi với Bá tước. Thưa, bức thư đây ạ.

-Được rồi, – hoàng thân nói, – Ông sẽ đưa tôi sau. Tù binh đây rồi, ta hãy nghĩ đến việc cấp bách nhất.

Người ra dẫn tên du kích đến. Đó là một tên trong bọn lính đánh thuê thời ấy vẫn còn, chúng bán máu cho bất kỳ ai muốn mua và già đời trong chuyện mưu mô và cướp phá. Từ lúc bị bắt, nó không nói nửa lời đến nỗi những người đã giữ nó cũng chẳng biết nó thuộc quốc gia nào nữa.

Hoàng thân nhìn nó với vẻ nghi ngờ khó tả.

-Mày là người nước nào? – Hoàng thân hỏi.

Tên tù binh trả lời bằng vài tiếng nước ngoài.

-A! Hình như nó nói tiếng Tây Ban Nha, Grammont, ông nói được tiếng Tây Ban Nha không?

-Thưa Đức ông, thực tình là rất ít.

-Còn tôi chẳng biết tí nào, – hoàng thân cười nói.

Rồi quay nhìn những người xung quanh, ông nói tiếp: -Này các ông, ở đây có ai nói tiếng Tây Ban Nha và phiên dịch giúp cho tôi được không?

-Thưa Đức ông, tôi ạ, – Raoul đáp.

-A! Ông nói được tiếng Tây Ban Nha à?

-Thưa cũng tàm tạm, để thực hiện mệnh lệnh của điện hạ trong dịp này.

Trong suốt thời gian ấy, tên tù binh vẫn thản nhiên cứ như là hắn không hiểu gì hết về điều người ta đang bàn.

Raoul nói tiếng Tây Ban Nha bằng cái giọng xứ Castillan thuần tuý nhất: -Đức ông muốn hỏi anh là ngươi nước nào?

-Ich bin ein Deutscher, – Tên tù binh đáp.

-Nó nói cái quỷ gì thế? – Hoàng thân hỏi. – Và cái tiếng nói lố lăng ấy là tiếng gì?

-Thưa Đức ông nó nói nó là người Đức, – Raoul đáp, – tuy nhiên tôi hoài nghi vì giọng nó dở quá và phát âm sai bét.

-Thế ông cũng nói được tiếng Đức nữa à? – Hoàng thân hỏi.

-Vâng, thưa Đức ông – Raoul đáp.

-Đủ để hỏi cung nó bằng tiếng ấy chứ?

-Vâng ạ.

-Vậy thì hỏi nó đi.

Raoul bắt đầu cuộc hỏi cung nhưng thực tế đã củng cố nhận định của anh. Tên tù binh không hiểu hoặc giả vờ không hiểu Raoul nói gì với hắn. Về phía mình Raoul cũng không hiểu rõ những câu trả lời của nó pha trộn hầu lốn tiếng Flamand và Alsacien. Tuy nhiên giữa tất cả những cố gắng của tên tù binh để lẩn tránh một cuộc hỏi cung đúng qui cách. Raoul nhận ra cái giọng tự nhiên của người đó. Anh nói: -Non siete Spagnuolo, non siet Tedesco; Siete Italiano[229].

Tên tù binh làm một động tác và cắn môi.

-A! Cái tiếng này thì tôi thạo lắm, – hoàng thân de Condé nói.

-Và vì rằng nó là người Ý, tôi sẽ tiếp tục cuộc hỏi cung. Cảm ơn Tử tước nhé, – Hoàng thân cười và nói tiếp – Từ giờ phút này, tôi cử ông làm người phiên dịch của tôi.

Nhưng tên tù binh không sẵn sàng trả lời bằng tiếng Ý cũng như bằng các thứ tiếng khác; nó chỉ muốn lảng tránh các câu hỏi mà thôi.

Cho nên nó chẳng biết gì hết, từ số lượng quân địch, tên họ những người chỉ huy, cho đến ý đồ của cuộc tiến quân.

-Thôi được, – Hoàng thân nói, ông hiểu những nguyên do của sự không biết ấy, – người này bị bắt trong lúc đang cướp phá và ám sát; hắn đã có thể chuộc mạng sống bằng cách nói ra, nhưng hắn không muốn nói. Hãy dẫn nó đi và đem bắn.

Tên tù binh tái mặt; hai người lính đã dẫn nó đến, mỗi người túm một tay nó và đưa ra cửa; còn hoàng thân thì quay lại với thống chế Grammont dường như đã quên hẳn mệnh lệnh ông vừa mới ban ra.

Tới ngưỡng cửa, tên tù binh dừng lại: hai người lính chỉ biết thi hành mệnh lệnh, muốn lôi nó ra đi tiếp.

-Khoan đã, – tên tù binh nói bằng tiếng Pháp – Thưa Đức ông, tôi xin nói.

-A, a! – Hoàng thân cười nói, – tôi biết rõ thế nào rồi cũng đến đấy mà. Tôi có một bí quyết kỳ diệu để gỡ những cái lưỡi này, các chàng thanh niên hãy tận dụng nhé, để sau này đến lượt mình còn chỉ huy.

-Nhưng với điều kiện là, – tên tù binh nói tiếp, – Điện hạ hãy thề là để tôi sống.

-Ta lấy danh dự quý tộc mà thề, – hoàng thân nói.

-Vậy Đức ông hãy hỏi đi.

-Đội quân vượt qua sông Lys ở chỗ nào?

-Giữa Saint-Venant và Aire.

-Ai là người chỉ huy?

-Bá tước de Fuensaldagna, tướng général Beck và đích thân Đại công thân vương.

-Đội quân có bao nhiêu người?

-Mười tám nghìn người và ba mươi sáu khẩu đại bác.

Nó tiến về đâu?

-Về Lens.

-Các ông thấy chưa – Với vẻ đắc thắng, Hoàng thân vừa nói vừa quay lại phía thống chế Grammont và các sĩ quan khác.

-Vâng, thưa Đức ông – thống chế nói, – ngài đã đoán đúng tất cả những gì mà thiên tài của con người có thể đoán được.

Hoàng thân nói: -Hãy nhắc Le Plessis, Bellièvre, Villequier et d'Erlac, và hãy nhắc tất cả các toàn quân ở bên kia sông Lys rằng họ phải sẵn sàng để hành quân đêm nay; rất có khả năng ngày mai chúng ta tấn công quân thù.

-Nhưng, thưa Đức ông, – thống chế Grammont nói, – xin ngài nhớ cho rằng có tập hợp tất cả những người của chúng ta lại, cũng chỉ đạt xấp xỉ con số mười ba nghìn người.

-Ông thống chế ơi, – hoàng thân nói với cái nhìn tuyệt vời mà chỉ ông mới có, – chính là với những đội quân nhỏ mà người ta giành những trận thắng lớn.

Rồi quay về phía tên tù binh, ông bảo: -Dẫn người này đi và phải canh giữ cẩn thận. Tính mạng nó trông vào những tin tức nó đã cung cấp: nếu tin tức đúng nó sẽ được tự do, nếu sai thì nó sẽ bị bắn.

Người ta dẫn tù binh đi.

-Bá tước de Guise, – Hoàng thân nói,

- Đã lâu rồi anh không được gặp cha anh, hãy đến với cha anh đi. Còn anh, – ông nói tiếp với Raoul, – Nếu anh không mệt quá thì hãy đi theo tôi.

-Đến cùng trời cuối đất thưa Đức ông! – Raoul reo lên, anh cảm thấy một niềm nhiệt thành mới lạ, đối với vị tướng trẻ tỏ ra rất xứng đáng với danh tiếng của ông.

Hoàng thân mỉm cười; ông ghét những kẻ xu nịnh, nhưng rất yêu quý nhưng người nhiệt tâm.

-Này anh bạn, – Ông nói, – anh giỏi về góp ý kiến, điều ấy vừa được thử thách; ngày mai chúng ta sẽ xem anh hành động thế nào.

-Thế còn tôi, thưa Đức ông, – Thống chế nói, – tôi sẽ làm gì?

-Ông ở lại đây để tiếp nhận các toán quân hoặc tự tôi sẽ lại tìm họ hoặc tôi sẽ cử một người liên lạc về để ông dẫn họ đến cho tôi.

-Hai mươi vệ sĩ có ngựa tốt nhất, đoàn tuỳ tùng của tôi chỉ cần thế thôi.

-Ít quá đấy – thống chế nói.

-Thế là đủ rồi, – Hoàng thân đáp. – Bragelonne, anh có ngựa tốt không?

-Con ngựa của tôi bị giết sáng nay tạm thời tôi cưỡi con ngựa của tên hầu.

-Anh hãy hỏi và tự mình chọn ở trong chuồng ngựa của tôi con ngựa nào vừa ý anh nhất. Đừng có sĩ diện hão nhé hãy lấy con ngựa mà anh thấy là tốt nhất ấy. Tối nay anh có thể cần dùng đến nó và ngày mai thì chắc chắn đấy.

Raoul chẳng đợi bảo đến hai lần anh biết rằng đối với cấp trên nhất là khi các vị cấp trên đó lại là Hoàng thân, thì sự việc lễ phép cao nhất là tuân theo không chạm trễ và đừng có lý sự gì cả. Anh xuống chuồng ngựa, chọn một con ngựa andalou màu vàng nhạt, tự mình thắng yên cương cho nó – vì Arthos đã dặn anh là trong lúc nguy hiểm thì đừng có giao những việc quan trọng ấy cho ai cả. Rồi anh đến với hoàng thân lúc ấy đã lên ngựa.

-Bây giờ, -Hhoàng thân bảo Raoul.

-Anh hãy đưa tôi bức thư mà anh mang theo.

Raoul đưa thư cho hoàng thân.

-Anh hãy đi bên tôi nhé, – Ông bảo.

Hoàng thân thúc ngựa, móc dây cương vào chuôi kiếm như ông vẫn thường làm khi muốn tay mình được tự do, bóc phong thư của bà Longueville và phi nước đại trên con đường đi Lens, đi theo có Raoul và đỏàn tuỳ tùng nhỏ, trong khi những phái viên phái đi gọi các toán quân thì phóng băng băng theo các hướng ngược nhau.

Hoàng thân vừa phi ngựa vừa đọc. Một lát sau ông nói: -Người ta nói những điều hay nhất về anh, tôi chỉ nói với anh một điều, đó là theo chút ít mà tôi đã trông thấy và nghe thấy, tôi nghĩ còn nhiều hơn người ta nói với tôi.

Raoul cúi mình.

Trong khi đó, toán người đi cứ mỗi bước tiến về Lens thì tiếng đại bác nghe càng gần lại. Mặt hoàng thân dán chặt về phía tiếng súng như mắt một con chim mồi. Dường như mắt của ông có sức mạnh xuyên quạ các rặng cây đang giăng ra trước mặt ông và bịt kín chân trời. Chốc chốc hai lỗ mũi của hoàng thân lại dãn ra như là ông háu ngửi mùi thuốc súng và ông thở phì phò như con ngựa của mình.

Cuối cùng người ta nghe tiếng đại bác gần quá và thấy rành rành là mình chỉ còn cách trận địa chừng một dặm. Pomme-de- Pinvậy, đến chỗ ngoặt của con đường thì trông thấy cái làng nhỏ Annay

.Dân làng hết sức bối rối, lộn xộn, tin đồn về những sự tàn bạo của bọn Tây Ban Nha lan rộng và khiến ai nấy đều sợ hãi; đàn bà đã chạy trốn, đi về Vitry, có mấy người đàn ông ở lại.

Trông thấy hoàng thân, họ chạy đến, một người nhận ra ông và nói: -A, Đức ông, ngài đến đánh đuổi tất cả lũ Tây Ban Nha đê tiện và lũ kẻ cướp Lorain phải không?

-Phải, nếu anh muốn làm người dẫn đường cho tôi.

-Rất sẵn lòng, Đức ông ạ. Điện hạ muốn tôi dẫn ngài đến đâu?

-Đến một chỗ nào cao để tôi có thể nhỉn thấy Lens và các vùng xung quanh.

-Tôi làm được.

-Tôi có thể tin ở anh anh là một người Pháp tốt chứ?

-Thưa Đức ông tôi là lính cũ ở trận Rocroy.

-Này cầm lấy, – hoàng thân vừa nói vừa đưa cho người lính túi tiền của mình, – đây là thưởng cho chiến công Rocroy. Bây giờ anh có muốn một con ngựa không hay là thích đi bộ?

-Đi bộ, Đức ông ạ trước tôi ở bộ binh mãi. Vả lại tôi tính dẫn Đức ông đi qua những con đường mà ngài phải xuống ngựa.

-Đi nào, – Hoàng thân nói, – Ta chớ nên để mất thì giờ.

Người nông dân chạy trước con ngựa của hoàng thân; rồi ra khỏi làng một trăm bước bác ta đi vào một con đường mòn ở cuối một thung lũng nhỏ xinh đẹp. Trong khoảng nửa dặm họ đi như vậy dưới lùm cây. Những phát súng đại bác vang lên rất gần, đến nỗi cứ mỗi tiếng nổ người ta tưởng như sắp nghe thấy tiếng Pomme-de- Pinđạn rít trên không. Cuối cùng người ta thấy một lối nhỏ rời con đường đang đi để bám vào thành núi. Bác nông dân đi vào lối ấy và mời hoàng thân đi theo mình. Hoàng thân xuống ngựa, bảo người phụ tá và Raoul cũng làm

như vậy, dặn những người khác đợi lệnh của ông và phải đề phòng thủ thế cẩn thận, rồi ông bắt đầu leo lên lối dốc.

Mười phút sau đến một toà lâu đài cổ hoang tàn, nó bao quanh ngọn một Pomme-de- Pinđồi, đứng trên đó nhìn được bao quát cả vùng chung quanh. Cách xa độ một phần tư dặm trông thấy rõ Lys đang ở thế nguy, và phía trước Lens là cả đạo quân thù.

Nhìn thoáng một cái hoàng thân đã bao quát khoảng không gian mở ra trước mắt ông từ Lens cho đến Vitry. Một lát sau đã diễn ra trong trí óc ông tất cả kế hoạch của một trận đánh vào ngày hôm sau ắt là nó sẽ cứu nước Pháp lần thứ hai khỏi cuộc xâm lăng.

Ông lẩy bút chì, xé một tờ giấy trong cặp và viết.

"Ông thống chế thân mến,

Trong một giờ nữa Lens sẽ rơi vào tay quân địch. Ông hãy đến chỗ tôi, mang theo tất cả quân đội. Tôi sẽ tới Vendin để bố trí quân. Ngài mai chúng ta sẽ chiếm lại Lens và đánh bại quân thù!"

Rồi quay lại phía Raoul, ông bảo: -Đi đi phi thật nhanh và trao bức thư này cho ông de Grammont

-Raoul cúi mình cầm mảnh giấy đi nhanh xuống núi, nhảy phốc lên ngựa và phi nước đại.

Mười lăm phút sau anh đã về tới chỗ thống chế.

Một phần lực lượng đã tới nơi. Người ta đợi phần còn lại từng giây từng phút.

Thống chế De Grammont dẫn đầu tất cả số lục quân và kỵ binh có sẵn và đi theo đường Vendin, để lại quận công Châtillon để chờ số quân còn lại và đưa họ đi sau.

Tất cả pháo binh đều đã sẵn sàng và lên đường.

Bảy giờ tối thì thống chế đến chỗ hẹn. Hoàng thân đang đợi.

Như ông đã đoán trước, Lens rơi vào tay quân địch gần như ngay sau khi Raoul đi. Việc ngừng pháo kích cũng đã nói lên sự kiện đó.

Người ta chờ đêm tới. Trời càng tối dần thì những toán quân mà Hoàng thân gọi cũng lần lượt tới nơi. Họ đã được lệnh là tuyệt đối không đánh trống thổi kèn.

Chín giờ thì tối hẳn. Tuy nhiên một ánh hoàng hôn cuối cùng còn chiếu sáng cánh đồng.

Đoàn quân do hoàng thân dẫn đi bắt đầu hành quân lặng lẽ.

Đi tới bên kia Annay thì trông thấy Lens; vài ba ngôi nhà đang cháy và một tiếng xôn xao âm thầm chỉ rõ sự hấp hối của một thành phố bị chiếm lĩnh dội đến tai những người lính.

Hoàng thân cắt đặt vị trí cho mỗi người; thống chế de giữ đầu cánh trái và phải dựa vào Méricourt; quận công de Châtillon ở trung tâm; cuối cùng hoàng thân ở phía trước Annay hình thành cánh phải.

Trật tự của trận đánh ngày hôm sau phải giữ nguyên như trật tự các vị trí đã bố trí đêm hôm trước. Mỗi người khi tỉnh giấc phải ở đúng nơi mà mình cần hành động.

Cuộc vận động được thực hiện trong yên lặng như tờ và với sụ chính xác cao nhất. Mười giờ ai nấy đã giữ vị trí của mình, mười giờ rưỡi hoàng thân đi kiểm tra các vị trí và ban mệnh lệnh cho ngày hôm sau.

Ba điều được căn dặn kỹ càng nhất cho tất cả các chỉ huy, và họ phải lo sao cho tất cả binh sĩ tuân theo nghiêm ngặt. Thứ nhất là các đơn vị phải trông nhau mà hành quân cho đúng, sao cho kỵ binh và bộ binh ở trên cùng một tuyến và mỗi đơn vị giữ đúng các khoảng cách của mình.

Thứ hai là đi công kích chỉ đi bước thường.

Thứ ba là để quân địch nổ súng trước.

Hoàng thân giao de Guise cho cha anh, và giữ Bragelonne ở với mình, nhưng hai thanh niên xin cho ngủ cùng với nhau đêm nay và được chấp thuận.

Một tấm lều được dựng lên cho họ bên cạnh lều của thống chế.

Ban ngày mệt nhọc thế, mà chẳng cậu nào buồn ngủ.

Vả chăng đêm trước của một trận đánh bao giờ chẳng là một điều trang nghiêm và trịnh trọng, ngay cả đối với những người lính già cũng vậy, huống hồ là cả hai thanh niên lần đầu tiên đi ra nơi chiến trường khủng khiếp ấy.

Đêm trước một trận đánh, người ta nghĩ đến trăm điều lãng quên cho đến lúc ấy lại vụt lên trong trí óc. Đêm trước một trận đánh, những người dưng trở thành bạn bè và bạn bè trở thành anh em.

Chẳng cần phải nói rằng nếu như người ta giữ ở trong tim một tình cảm nào đó trìu mến hơn thì dĩ nhiên tình cảm ấy sẽ đạt tới mức phấn khích cao nhất mà nó có thể đạt.

Chắc rằng hai thanh niên ấy mỗi người đều cảm thấy một tình cảm nào đó, vì rằng một lát sau mỗi người ra ngồi ở một góc lều và tì lên đầu gối để viết.

Thư văn lai láng, bốn trang giấy lần lượt đầy những dòng chữ nhỏ li ti và sít nhau. Chốc chốc hai thanh niên lại nhìn nhau mỉm cười. Họ hiểu nhau mà không nói gì cả; hai tư cách phong nhã và dễ thương ấy sinh ra để thông cảm với nhau mà chẳng nói thành lời.

Viết thư xong, mỗi người bỏ thư của mình vào hai lần phong bì, chỉ khi nào xé phong bì ngoài cùng ra người ta mới biết được thư viết cho ai. Rồi cả hai tiến lại gần nhau, trao đổi các phong thư và mỉm cười.

-Nếu như sự bất hạnh đến với tôi. – Bragelonne nói.

-Nếu như tôi bị giết, – de Guise nói.

-Cứ yên trí, – cả hai cùng nói.

Rồi họ ôm hôn nhau như hai anh em. Xong mỗi người trùm áo choàng mà ngủ cái giấc ngủ trẻ trung và duyên dáng của những cánh chim, những bông hoa

và những em bé.

§37. Một bữa ăn ngày xưa

Cuộc hội kiến thứ hai của bốn chàng ngự lâm quân cũ không long trọng và rần rộ như cuộc đầu tiên. Với lý lẽ bao giờ cũng trội hơn của mình, Arthos phán đoán rằng bàn ăn sẽ là trung tâm tụ họp nhanh chóng nhất và đầy đủ nhất. Và vào cái lúc mà bạn bè anh kiêng nể sự tao nhã và tiết độ của anh chàng dám đá động đến một trong số những bữa thịnh soạn ngày xưa ăn ở quán Pomme-de- Pin hoặc quán Parpaillot, thì anh là người đầu tiên đề nghị gặp nhau quanh một bàn ăn thật đàng hoàng và mỗi người có thể buông theo tính tình và phong cách của riêng mình, sự buông thả tự nhiên ấy đã duy trì sự thông cảm và hoà hợp nó khiến các anh được người ta gọi là những người bạn nối khố.

Lời đề nghị thật là thú vị đối với mọi người nhất là d'Artagnan, anh đang khao khát thấy lại những bữa ăn ngon và niềm vui vẻ chuyện trò của thời trai trẻ; bởi vì đã từ lâu, tâm hồn tinh tế và khoái hoạt của anh chỉ toàn gặp những thoả mãn nửa vời, những thức ăn tồi, như anh thường nói. Porthos vào lúc có cơ làm Nam tước rất vui mừng có được cơ hội để nghiên cứu ở Arthos và Aramis lời ăn tiếng nói và các cung cách của những người cao sang. Aramis muốn qua d'Artagnan và Porthos để biết tin tức trong hoàng cung và trong mọi cơ hội muốn giành cho mình những người bạn thật là tận tụy ngày xưa và từng hỗ trợ anh trong các cuộc quyết đấu với những đường kiếm đến là nhanh nhẹn và không ai có thể thắng nổi.

Còn về Arthos, anh là người duy nhất không có chút gì chờ đợi hoặc thu nhận ở những người kia, mà chỉ được thúc đẩy bằng một tinh thần cao thượng giản đơn và tình bạn bè thuần tuý.

Thế là họ thỏa thuận với nhau rằng mỗi người sẽ cho biết địa chỉ rất rõ ràng của mình và khi nào một người cần đến thì cuộc hội họp sẽ được triệu tập tại nhà một chủ quán nổi tiếng ở phố Monnais có tấm biển đề L'Ermitage. Cuộc hẹn dầu tiên ấn định vào thứ tư sau, đúng tám giờ tối.

Đúng ngày hôm ấy, bốn người bạn đến rất đúng giờ và mỗi người từ một phía. Porthos cần thử một con ngựa mới, d'Artagnan rời phiên gác ở cung Louvre, Aramis đã phải đi thăm một bà sám hối của mình trong xóm, còn Arthos đã thuê nhà ở phố Guénégaud, hầu như ở sát gần, họ rất bất ngờ gặp nhau ở ngay cửa quán L'Ermitage, Arthos từ Cầu Mới ra, Porthos từ phố Gỗ xẻ đến, d'Artagnan từ phố Hào Saint-Germain-L'Auxerrois – và Aramis từ phố Béthisy tới.

Những lời lẽ đầu tiên trao đổi giữa bốn người bạn đúng là do cố ý làm bộ dạng cho nên có phần hơi gượng gạo và ngay bữa ăn cũng bắt đầu với một vẻ tẻ nhạt, cứng ngắt thế nào ấy. Người ta thấy rõ là d'Artagnan cố gượng để cười,

Arthos để uống, Aramis để kể chuyện và Porthos để im tiếng. Arthos nhận thấy sự lúng túng ấy và đề có phương thuốc cứu chữa ngay anh gọi mang đến bốn chai rượu sâm-banh.

Trước tiếng gọi ấy ban ra với vẻ điểm tĩnh thông thường của Arthos, người ta thấy khuôn mặt chàng Gascon dãn ra, và vầng trán Porthos rạng rỡ hẳn.

Aramis ngạc nhiên. Anh biết rằng Arthos không những không uống rượu nữa, mà còn cảm thấy phần nào ghê sợ rượu.

Aramis càng ngạc nhiên gấp bội khi thấy Arthos rót rượu đầy phè và uống với niềm hào hứng xưa kia. D'Artagnan rót rượu ra cốc và cạn ngay; Porthos và Aramis chạm cốc nhau. Loáng một cái, bốn chai rượu đã rỗng không. Dường như các thực khách vội vã tuyệt giao với những ẩn ý của mình.

Thoáng một cái môn thuốc đặc hiệu ấy đã xua tan đến những bóng mây nhỏ nhất còn đọng lại trong lòng họ. Bốn người bạn bắt đầu nói to hơn, chẳng đợi người này dứt lời, người kia đã lên tiếng, và mỗi người ngồi ăn theo kiểu mình thích. Chẳng mấy chốc, thật là điều ghê gớm. Aramis tháo hai sợi dây ngù buộc áo chẽn của mình, thấy vậy Porthos cởi phăng tất cả dây áo của anh.

Những trận đánh, những chặng đường dài, những nhát gươm nhận được và ban đi là những điều tươi mát đầu tiên của cuộc chuyện trò. Rồi người ta chuyển sang nhưng cuộc đấu tranh ngấm ngầm chống lại người mà bây giờ người ta gọi là vị giáo chủ vĩ đại.

-Thực tình – Aramis cười nói. – là đã khá nhiều lời ca tụng những người đã chết rồi, bây giờ ta hãy chê bai người sống một chút.

-Tôi muốn chê bai lão Mazarin một ti, có được không?

-Được chứ! – D'Artagnan bật cười nói – được chứ. Cậu cứ kể chuyện đi, nếu hay tôi sẽ tán thưởng.

Aramis bắt đầu kể: -Mazarin đang cần liên minh với một vị đại hoàng thân. Lão yêu cầu ông ta gửi cho lão bản liệt kê những điều kiện theo đó hai người có thể kết giao được. Hoàng thân vốn ghét thương lượng với một kẻ thô bỉ như lão, đành miễn cưỡng làm bản liệt kê và gửi cho lão. Trong bản đó có ba điều kiện không vừa lòng Mazarin, lão đề nghị ông từ bỏ ba điều kiện ấy để đổi lấy mười nghìn êquy.

-A, a! – Cả ba người bạn reo lên, – chẳng đắt đâu, và lão chẳng sợ bị cột vào lời nói hớ đâu. Thế hoàng thân bảo sao?

Hoàng thân lập tức gửi ngay năm mươi nghìn livres cho Mazarin và yêu cầu lão đừng bao giờ viết cho ông nữa và còn sẵn sàng biếu thêm hai mươi nghìn livres nếu như lão cam kết là không bao giờ nói gì với ông nữa.

-Thế Mazarin làm gì?

-Lão tức giận chứ? – Arthos hỏi.

-Chắc là lão cho đánh đòn người đưa thư? – Porthos hỏi.

-Lão nhận số tiền phải không? – D'Artagnan nói.

-Cậu đoán đúng, Artagnan ạ, – Aramis bảo.

Và tất cả phá ra cười ầm ĩ đến nỗi chứ quán chạy lên và hỏi xem các ông ấy cần gì. Gã cứ tưởng họ đánh nhau.

Trận cười rồi cũng yên.

-Có thể cho ông de Beaufort một đòn không nhỉ? – D'Artagnan hỏi, – Tôi rất muốn đây.

-Cứ làm đi, – Aramis nói, anh biết đến tận gan ruột cái anh chàng Gascon thật là tinh ma và thật là dũng cảm này, hẳn không bao giờ chịu lùi một bước trên bất cứ đấu trường nào.

-Anh thấy thế nào, Arthos? – D'Artagnan hỏi.

-Tôi lấy danh dự quý tộc mà thề, – Arthos đáp, – nếu cậu nói dấm dớ thì chúng tôi sẽ cười cho đấy.

-Tôi xin bắt đầu, – D'Artagnan nói – Một hôm trong lúc chuyện trò với một người bạn của Ngài Hoàng thân, ông de Beaufort kể với người ấy rằng; có một lần ông tranh luận với De Chavigny về những cuộc tranh chấp đầu tiên giữa Mazarin và nghị viện. Thấy Chavigny gắn bó với tể tướng mới, mà chính hắn xưa kia đã từng ra sức ôm chân tể tướng cũ, ông de Beaufort bực lắm và đã đánh cho hắn một trận ra trò.

"Người bạn ấy biết ông de Beaufort vốn có bàn tay rất nhẹ nhàng, nên sửng sốt về việc đó và vội chạy đến kể lại cho Ngài Hoàng thân nghe. Câu chuyện lan rộng ra ngay và ai nấy đều quay lưng lại Chavigny. Hắn rất thắc mắc về thái độ lạnh nhạt chung ấy của mọi người, nhưng người ta ngại cho hắn biết nguyên do. Cuối cùng có một người đánh bạo nói với hắn rằng mọi người rất lấy làm lạ vì sao hắn để cho ông de Beaufort thụi hắn, dù ông ta có là hoàng thân chăng nữa.

"Thì ai nói là Hoàng thân de Beaufort thụi tôi? – Chavigny hỏi.

"Thì chinh Hoàng thân chứ ai, – người bạn đáp.

"Người ta bèn đi ngược nguồn tin và tìm thấy người mà hoàng thân đã kể cho nghe chuyện ấy, ông ta lấy danh dự ra thề là đã nói sự thật, lại còn nhắc lại và khẳng định nữa.

"Chavigny phẫn uất về một chuyện vu cáo như vậy mà hắn chẳng hiểu tí gì, tuyên bố với bạn bè là hắn thà chết, chứ không thể chịu dựng một sự lăng nhục đến thế. Cho nên hắn cử hai người làm chứng đến gặp hoàng thân, với nhiệm vụ là hỏi ông xem có đúng là ông có nói rằng ông đã thụi De Chavigny không.

"Tôi đã nói như thế, – Hoàng thân đáp, – và tôi xin nhắc lại, vì đó là sự thật.

"Thưa Đức ông, – một người nhà Chavigny bèn nói, – Xin phép cho tôi được thưa với Điện hạ rằng, những cú đánh vào một người quý tộc làm hạ phẩm giá của cả người đánh lẫn người bị đánh. Vua Louis XIII trước kia đã không muốn dùng những người quý tộc làm hầu phòng để có quyền đánh đập hầu phòng.

“Ơ kìa, – ông de Beaufort ngạc nhiên hỏi, – nhưng mà ai đã bị đánh đòn và ai nói đến chuyện đánh đòn cơ chứ?

“Thì chính Đức ông bảo là đã đánh…

“Đánh ai?

“Ông de Chavigny.

“Tôi ấy à?

“Thì ngài đã chẳng thụi ông de Chavigny rồi sao, ít ra là theo như ngài nói.

“Đúng vậy.

“Ồ! Nhưng ông ta cải chính.

“À ra thế, – hoàng thân nói, – tôi đã thụi cho ông ta ra trò, mà nguyên văn lời tôi nói như thế này. – Ông de Beaufort nói với tất cả về oai nghiêm mà các cậu đã biết đây!

“Ông Chavigny thân mến ơi, ông thật là đáng chê trách vì đã giúp sức cho một tên vô lại như lão Mazarin kia”.

“A! Thưa Đức ông, – nhân chứng thứ hai reo lên, tôi hiểu rồi, chắc là ý ngài muốn nói quở trách.

“Quở trách với thụi[230] thì có sao nào? – Hoàng thân nói – chẳng phải cũng đúng cả ư? Quả các nhà soạn chữ nghĩa của các ông thực là thông thái rởm!

Mọi người cười đến vỡ bụng về điều sai lầm ngôn ngữ học đó của ông Beaufort mà những sai lầm loại ấy bắt đầu trở thành truyền thuyết. Cũng như thừa nhận rằng ý thức đảng phái đã bị loại trừ lẫn nhau ra khỏi các cuộc hội họp thân mật này, d’Artagnan và Porthos có thể chế giễu các ông hoàng với điều kiện là Arthos và Aramis có thể thụi cho lão Mazarin.

-Thực tình – D’Artagnan nói với hai bạn, – các anh muốn điều ác cho Mazarin cũng đúng thôi, bởi vì về phía lão ta, tôi xin thề rằng lão cũng chẳng muốn điều lành cho các anh.

-Lạ nhỉ! Thật không? – Arthos nói. – Nếu tôi biết rằng, cái lão đê tiện ấy biết tên tôi, thì có lẽ tôi sẽ phải đổi tên, vì sợ rằng người ta sẽ tưởng là tôi quen biết hắn.

-Lão ta không biết anh do tên tuổi, mà do việc làm của anh. Lão biết rằng có hai người qui tộc tham gia một cách đặc biệt vào vụ vượt ngục của ông de Beaufort và đang ráo riết cho tìm kiếm; tôi xin bảo đảm với anh như vậy.

-Cho ai đi tìm kiếm?

-Tôi.

-Sao, cậu à?

-Phải, mới sáng nay thôi lão cho gọi tôi đến để hỏi xem có tin tức gì chưa?

-Về hai người quý tộc ấy à?

-Phải.

-Thế cậu trả lời thế nào?

-Là tôi chưa có tin tức gì, nhưng tôi ăn cùng với hai người họ có thể cung cấp tin cho tôi.

-Cậu bảo lão ta thế à? – Porthos hỏi với cái cười hô hố nở nang trên khuôn mặt to bè của anh. – Hoan hô! Thế việc ấy không làm cho anh lo sợ à, Arthos?

-Không? – Arthos nói, – chẳng phải tôi sợ việc tìm kiếm của Mazarin.

-Thế anh hãy cho tôi biết một chút anh sợ cái gì nào? – Aramis hỏi.

-Chẳng sợ gì đâu, ít ra là trong hiện tại thật đấy.

-Thế còn trong quá khứ? – Porthos vặn lại.

-A! Trong quá khứ lại là chuyện khác – Arthos thở dài nói, – trong quá khứ và trong tương lai…

-Phải chăng anh lo sợ cho Raoul của anh? – Aramis hỏi.

-Không? – D'Artagnan nói – chẳng ai chết trong trận đầu tiên đâu.

-Trận thứ hai cũng vậy, – Aramis nói.

-Cả trận thứ ba cũng thế thôi, – Porthos nói. – Và lại khi người ta bị giết thì người ta khỏi chết, chứng cớ là chúng ta vẫn còn cả đây.

-Không, Arthos nói, – cũng không phải chuyện Raoul làm tôi lo ngại bởi vì tôi hi vọng rằng nó sẽ cư xử như người quý tộc và nếu nó bị giết thì chắc là chết một cách dũng cảm, nhưng này, nếu như tai hoạ ấy đến với nó, thì… – Arthos đưa bàn tay lên vầng trán tái xanh.

-Thì sao? – Aramis hỏi.

-Thì tôi sẽ coi cái tai hoạ ấy như một sự chuộc tội.

-A, a! – D'Artagnan nói, – tôi biết anh định nói gì rồi.

-Và tôi cũng vậy, – Aramis nói – nhưng không nên nghĩ đến chuyện đó, Arthos ạ: quá khứ đã qua rồi.

-Tôi không hiểu, – Porthos nói.

-Chuyện ở Armentières ấy mà, – D'Artagnan khẽ nói.

-Chuyện ở Armentières nào nhỉ? – Porthos hỏi.

-Milady…

-A! Phải rồi, – Porthos nói, – tôi quên bẵng đi mất rồi.

Arthos nhìn anh bằng con mắt sâu xa và hỏi: -Cậu đã quên chuyện ấy rồi ư?

-Thực tình, – Porthos đáp, – chuyện ấy cũng xa xôi lắm rồi.

-Điều ấy chẳng đè nặng lên lương tâm cậu hay sao?

-Quả là không! – Porthos nói.

-Thế, còn cậu, Aramis?…

-Ấy thỉnh thoảng tôi cũng có nghĩ đến, nhưng giống như một trong những điều khó xử nó có tính cách giúp cho sự nghị luận nhiều hơn.

-Còn cậu thì sao, d'Artagnan?

-Tôi thú thật là khi nào nghĩ lại thời kỳ khủng khiếp ấy, tôi chỉ nhớ đến kỷ niệm về tấm thân lạnh giá của bà Bonacieux tội nghiệp mà thôi. Đúng, đúng, biết

bao lần tôi thương tiếc nạn nhân, nhưng không bao giờ hối hận đối với kẻ ám sát nàng.

Arthos lắc đầu, vẻ hoài nghi.

-Anh hãy nhớ rằng, – Aramis nói, – nếu như anh chấp nhận công lý của Trời và sự tham gia của nó vào các việc ở trên đời này, thì người đàn bà ấy đã bị trừng phạt theo ý Chúa. Chúng ta chỉ là nhưng công cụ, có thế thôi.

-Thế còn sự tự do ý chí thì sao, Aramis?

-Quan toà làm gì nào? Ông ta có tự do ý chí của mình và kết tội mà chẳng sợ hãi gì. Đao phủ làm gì nào? Hắn làm chủ cánh tay của hắn và chém mà không ân hận.

-Đao phủ… – Arthos lẩm bẩm.

Và người ta trông thấy anh dừng lại ở một kỷ niệm.

-Tôi biết là chuyện ấy kinh hoàng thật, – D'Artagnan nói – nhưng khi nghĩ rằng chúng ta đã giết những người Anh, những người dân thành La Rochelle, bọn Tây Ban Nha, Rochelais cả người Pháp nữa, họ chẳng làm điều gì ác nào khác ngoài việc nhằm bắn chúng ta nhưng bắn hụt họ chẳng có điều sai lầm nào khác ngoài việc chạm kiếm với chúng ta và không kịp đỡ, tôi xin tự biện giải cho mình trong vụ giết người đàn bà ấy, xin lấy danh dự mà thề như vậy.

-Còn tôi, – Porthos nói, – bây giờ các anh nhắc lại chuyện ấy. Arthos ạ, tôi thấy quang cảnh ấy hiện lại rành rành như lúc mình đã chứng kiến: Milady ở chỗ kia, anh ở đấy (Arthos tái mặt); còn tôi ở chỗ d'Artagnan đang ngồi đây. Tôi đeo bên mình một thanh kiếm sắc như nước… Aramis, cậu còn nhớ thanh kiếm ấy chứ? Cậu vẫn gọi nó là Balizarde mà. Thật đấy, tôi xin thề với cả ba anh rằng nếu như không có gã đao phủ xứ Béthune ở đấy… Xứ Béthune phải không nhỉ?… Phải, nếu không có hắn ở đấy, thi thực tình tôi đã chém cổ con mụ phản trắc ấy một nhát đứt phăng không cần làm lại, mà dù có phải làm lại đi nữa… Đó là một mụ đàn bà độc ác.

Với các giọng điệu triết lý vô tư mà anh có từ khi đi tu nhà thờ và trong đó chất vô thần nhiều hơn tin tưởng ở Chúa, Aramis nói: -Mà nghĩ đến tất cả những chuyện ấy làm gì kia chứ. Việc gì đã xong là xong rồi. Việc ấy chúng ta sẽ xưng tội vào lúc lâm chung và Chúa sẽ hiểu rõ hơn chúng ta đó là một tội ác, một lỗi lầm hay là một hành động đáng khen thưởng. Các anh bảo tôi có hối hận không ư? Thực tình là không. Xin thề trên danh dự và trên cây thánh giá vả tôi chỉ ân hận vì người ấy là đàn bà.

-Cái điều đáng yên tâm nhất trong tất cả câu chuyện ấy, – D'Artagnan nói, – là nó không còn để lại một dấu tích gì.

-Mụ ấy có một đứa con trai, – Arthos nói.

-À phải, tôi biết rõ, – D'Artagnan nói, – và anh cũng đã nói với tôi: nhưng ai biết nó bây giờ ra sao? Rắn chết thì hết đời ổ trứng? Anh tưởng rằng de Winter

bác của nó đã nuôi nấng con rắn con đó sao? De Winter sẽ kết tội đưa con trai như đã kết tội mẹ nó.

-Thế thì, – Arthos nói, – thật tai hoạ cho de Winter, bởi vì đứa con chưa thấy làm gì.

-Thằng bé ấy chết rồi, không thì quỷ bắt tôi đi, – Porthos nói. – Theo d'Artagnan nói thì ở cái xứ sở khốn khổ ấy, sương mù lúc nào cũng dày đặc, ít ra thì…

Vào cái lúc mà câu kết luận ấy của Porthos có lẽ sắp tô lại niềm vui trên những vầng trán ít nhiều u ám ấy, thì có tiếng động vang lên ở cầu thang và có tiếng gõ cửa.

-Cứ vào – Arthos bảo.

-Thưa các ông, chủ quán nói – có một tên hầu có việc rất gấp xin gặp một trong các ông ở đây.

-Gặp ai? – Cả bốn người cùng hỏi.

-Gặp vị nào là bá tước de La Fère.

-Tôi đây, – Arthos nói, – thế tên hầu ấy tên là gì?

-Grimaud.

-A! – Arthos tái mặt thốt lên. – Hắn đã về rồi ư? Có chuyện gì xảy ra với Bragelonne rồi chăng?

-Cho hắn vào! – D'Artagnan bảo. – Cho hắn vào!

Nhưng Grimaud đã lên hết cầu thang và đang đợi ở thềm; bác lao vào trong phòng và ra hiệu bảo chủ quán đi ra.

Chủ quán đóng cửa lại. Bốn người bạn đợi chờ. Vẻ xáo động của Grimaud, khuôn mặt tái mét và ròng ròng mồ hôi bụi bậm lẫm đầy quần áo bác, tất cả báo hiệu rằng bác mang đến một tin quan trọng và khủng khiếp nào đó.

-Thưa các ông, – bác nói – người đàn bà ấy có một đứa con, đứa con ấy đã thành người lớn; hổ cái có một hổ con, con hổ ấy đã được thả ra, nó sẽ tìm đến các ông, phải đề phòng!

Arthos nhìn các bạn với một nụ cười buồn thảm.

Porthos tìm thanh kiếm ở bên mình, nó được treo ở tường.

Aramis vớ con dao; d'Artagnan đứng dậy và hỏi: -Bác định nói gì vậy, Grimaud?

-Con trai của Milady đã rời nước Anh, nó đang ở Pháp, đi đến Paris nếu không phải là nó đã có mặt ở đây rồi.

-Quái quỷ thật! – Porthos nói, – bác có chắc chắn không?

-Chắc! – Grimaud đáp.

Một lát im lặng dài tiếp đón điều tuyên bố ấy.

Grimaud thở hổn hển, mệt rã rời ra và ngồi phịch xuống ghế. Arthos rót một cốc sâm-banh và đưa bác.

-Ồ! Dù sao, – D'Artagnan nói, – nếu nó còn sống, nếu nó đến Paris: thì chúng ta cũng đã thấy lắm chuyện ghê gớm hơn thế! Nó cứ việc đến!

-Phải, – Porthos vuốt ve bằng ánh mắt thanh kiếm treo trên tường và nói – Chúng ta chờ đợi, nó cứ việc đến.

-Vả chăng nó cũng chỉ là một đứa trẻ con, – Aramis nói.

-Trẻ con? – Grimaud nói. – Ông có biết cái thằng trẻ con ấy đã làm gì không? Cải trang làm mục sư hắn đã khám phá ra tất cả câu chuyện do nghe đao phủ xứ Béthune xưng tội, và sau khi đã nghe xong, sau khi đã biết rõ tất cả, để xá tội, hắn đã cắm vào tim kẻ sám hối lưỡi dao găm này đây. Các ông xem, lưỡi dao vẫn còn đó lòm và ẩm ướt, vì nó được rút ra khỏi vết thương chưa đầy ba mươi tiếng đồng hồ.

Và Grimaud quẳng lên giường con dao mà gã mục sư đã để quên trong vết thương của tên đao phủ.

D'Artagnan, Portox và Aramis đứng bật dậy và thình lình chạy cả ra chỗ để kiếm.

Riêng Arthos vẫn ngồi ở ghế, bình tĩnh và trầm ngâm.

-Grimaud, bác bảo là hắn mặc áo mục sư à?

-Vâng, mục sư Augustins.

-Người như thế nào?

-Theo chủ quán nói thì hắn trạc vóc người tôi, gầy, da tai tái, mắt xanh nhạt và tóc hoe vàng.

-Và hắn không gặp Raoul chứ? – Arthos hỏi.

-Trái lại họ đã gặp nhau và chính Tử tước đích thân dẫn hắn đến bên giường kẻ sắp chết.

Arthos không nói một lời, đứng dậy và đến lượt mình ra lấy thanh gươm.

-Ái chà! Các cậu ơi! – D'Artagnan gượng cười nói, – các cậu có thấy rằng chúng ta có vẻ giống như các tiểu thư liễu yếu đào tơ không? Thế nào mà chúng ta, bốn người đàn ông đã từng đương đầu với những đội quân mà chăng hề phải chau mày, bây giờ lại run sợ trước một đứa trẻ con ư!

-Ừ! Arthos nói, – nhưng đứa trẻ con ấy nhân danh Chúa mà đến.

Và họ vội vã ra khỏi khách sạn.

§38. Bức thư của vua Charles đệ nhất

Bây giờ mời độc giả vượt qua bên kia sông Seine với chúng tôi đến nguỡng cửa của nữ tu viện Carmel trên phố Saint Jacques.

Bấy giờ là 11h sáng và các nữ tu đạo đức vừa xong buổi dâng lễ cầu nguyện chiến thắng cho đoàn quân của Vua Charles đệ Nhất. Rời khỏi giáo đường, một người đàn bà và một thiếu nữ mặc bộ áo đen của quả phụ và cô nhi quay trở về phòng riêng.

Người đàn bà quỳ xuống trước tượng Chúa chịu hình bằng gỗ sơn, còn người con gái đứng cách bà ta một khoảng gần, dựa vào chiếc ghế, lặng lẽ khóc.

Người đàn bà hẳn đã từng là một giai nhân, nhưng nỗi đau buồn đã làm bà già xọm đi. Thiếu nữ thì đang độ xuân sắc, và những giọt lệ rơi chỉ làm sắc đẹp nàng lộng lẫy hơn. Người mẹ đã khoảng 40 tuổi, còn người con chỉ mới 14.

"Chúa ơi," người quỳ gối khẩn nài "xin hãy che chở chồng con, bảo bọc con trai con, và cứ lấy đi mạng sống khổ ải cơ cực này thay vào!"

" Chúa ơi," thiếu nữ nghẹn ngào "hãy giữ mẹ lại với con!"

"Mẹ thì có ích gì cho con trên đời bây giờ, Henriette," vị mệnh phụ nói, khẽ xoay mình lại nhìn nàng, "khi không còn cả ngôi báu lẫn chồng. Ta không có gì hết: con trai, tiền, hay bạn bè. Cả thế giới, con ơi, đã bỏ rơi mẹ!" Và bà ngã vào vòng tay con gái giang ra mà bật khóc.

"Dũng cảm lên, cần phải dũng cảm lên, mẹ thân yêu ơi!" Cô gái nói.

"Ôi, thật là một năm đen tối cho các vì vua," người mẹ nói, đầu gục vào lòng con; "Chẳng còn ai lo đến chúng ta, vì ai cũng còn phải lo thân mình. Giá anh con còn đây thì nó còn an ủi mẹ được, nhưng nó cũng đi mất và biệt luôn tăm tích, cả cho mẹ lẫn cha con. Mẹ đã phải cầm hết nữ trang, bán quần áo của hai mẹ con ta để trả lương cho bọn hầu cận của nó, nếu không chúng sẽ bỏ nó mà đi. Cuối cùng thì ta chỉ còn biết đến đây nương nhờ vào nhà Chúa; chúng ta đã bần cùng, đã bị Trời chà đạp thật rồi."

"Sao mẹ không liên lạc với hoàng hậu, chị mình?"

"Chao ôi, hoàng hậu có còn là hoàng hậu nữa đâu. Bà chỉ ngồi làm vì cho kẻ khác đấy thôi. Rồi một ngày con sẽ hiểu tất cả."

"Thế thì với cháu mẹ vậy, nhà vua ấy. Con sẽ đến gặp người nhé? Mẹ biết người thương yêu con đến mực nào…"

"Con ạ, cháu ta cũng chưa là vua hẳn, và con cũng biết là Laporte đã nói với chúng ta bao nhiêu lần rằng chính chàng cũng thiếu thốn đủ đường."

"Thế thì chỉ còn cách cầu nguyện mà thôi," thiếu nữ nói.

Hai người phụ nữ đang quỳ gối cầu nguyện ấy như vậy chính là con gái và cháu ngoại của vua Henry IV, cũng là vợ và con của Charles I.

Họ vừa cùng cầu nguyện xong, thì có tiếng gõ nhẹ ngoài cửa.

"Mời xơ vào," hoàng hậu nói, gạt lệ và đứng dậy.

Con người mộ đạo kính cẩn bước vào cửa.

"Xin lệnh bà thứ lỗi đã quấy rầy người cầu nguyện, nhưng một nhà quý tộc đã đến đây từ nước Anh, và đang đợi ngoài phòng khách để được yết kiến và trao thư cho lệnh bà."

"Thư à! Thư của hoàng thượng, có lẽ. Tin của cha con, con có nghe không, Henriette?

"Con nghe, mẹ ạ, và con cũng hy vọng là thế."

"Thế nhà quý tộc xơ nói đó đó là ai?"

"Một người trạc độ 45 cho đến 50 tuổi."

"Còn tên ông ta? Ông ta có xưng tên không?"

"Milord de Winter."

"Milord de Winter!" hoàng hậu thốt lên. "người bạn của chồng ta. Nhờ xơ mời ông ấy vào đây."

Và bà bước ra để đón người sứ giả, rồi nắm tay ông ta thật thân thiết, trong khi ông ta quỳ gối trình lên lá thư trong một cái hộp bằng vàng.

"Milord ạ, ngài thật đã mang cho ta ba thứ từ lâu lắm ta không còn nhìn thấy lại: vàng, một người bạn tín cẩn, và lá thư của hoàng thượng, chồng và chủ nhân của chúng ta."

De Winter khấu đầu một lần nữa, không cất lời được vì cảm xúc tràn trề.

"Milord," hoàng hậu nói, tay giơ lá thư, "ngài cũng hiểu ta thật nóng lòng muốn đọc lá thư này."

"Vậy chắc thần xin rút lui, thưa lệnh bà."

"Ồ không, xin ngài ngồi lại, ta sẽ đọc ngay đây thôi. Còn hàng triệu câu ta phải hỏi ngài về chuyến đi này nữa chứ."

De Winter bước lui một vài bước, rồi đứng chờ trong yên lặng.

Người mẹ và con gái rút về hướng khung cửa sổ, hăm hở đọc lá thư:

"Hoàng hậu, vợ yêu dấu – Chúng ta đã đi đến giờ phút quyết định rồi. Trẫm đã tập trung ở trại Naseby này tất cả lực lượng mà Hoàng thiên còn để lại trong tay trẫm, và vội vàng viết cho nàng từ nơi đó. Bây giờ trẫm sẽ chờ đợi đoàn quân của bọn loạn dân. Trẫm sẽ giao tranh trận cuối cùng với chúng. Nếu thắng trận này, ta sẽ tiếp tục tranh đấu; nếu thua trận này, kể như ta mất tất cả. Trong trường hợp sau (hỡi ôi, người ta phải chuẩn bị cho mọi thứ, trong hòan cảnh của chúng ta) trẫm sẽ cố gắng vượt thoát sang tới bờ biển nước Pháp. Nhưng họ có thể, hay có chịu, đón tiếp một vị vua thất thế, kẻ mang thêm một câu chuyện bi thảm tới cho một quốc gia vốn đã sôi sục trong bạo loạn? Sự khôn ngoan và tình yêu của nàng sẽ chỉ đường cho trẫm. Người mang thư này sẽ cho nàng biết những điều ta không dám đặt lên giấy vì sợ rủi ro dọc đường. Y sẽ giải thích cho nàng những

việc mà trẫm mong nàng sẽ thực hiện. Trẫm cũng gửi y mang theo lời chúc phúc của trẫm cho các con và chân tình từ trong hồn trẫm vẫn dành cho nàng, hỡi người thương yêu nhất."

Dưới thư ký tên, không còn là "Vua Charles" mà là "Charles, vẫn còn là vua."

Bức thư buồn thảm này, khi De Winter theo dõi những ấn tượng trên mặt hai người đọc, không ngờ lại làm mắt họ sáng lên một tia hy vọng.

"Cứ để cho người đánh mất ngôi báu," hoàng hậu kêu lên." Cứ để người bị chiếm đoạt tất cả, bị lưu đày, tuyệt vãng, chỉ cần người còn sống. Than ôi! Những ngày này, ngai vàng thật là một chỗ quá nguy hiểm nên ta cũng chẳng mong người lưu lại nơi ấy. Nhưng thưa Milord, cho ta biết," bà tiếp "đừng giấu gì cả – thật sự ra, tình thế của nhà vua bây giờ như thế nào? Có thật là đã tuyệt vọng như người nghĩ không?"

"Than ôi, thưa lệnh bà, còn tệ hơn thế nhiều. Trái tim của Hoàng thượng quá đỗi cao cả, ngài không hiểu nổi sự thù hận, và quá trung hậu nên không biết nghi kỵ sự phản phúc! Anh quốc đã bị chia cắt bởi một ám ảnh của bạo loạn, mà thần sợ rằng chỉ có máu mới trục hết được.

"Nhưng còn Lord Montrose?" hoàng hậu trả lời. "Ta đã nghe nói về những trận đại thắng thần tốc của ông, ở Inverlochy, Auldearn, Alford và Kilsyth. Ta còn nghe nói ông đang tiến quân về phía biên giới để nhập vào đòan quân của Hoàng thượng."

"Đúng vậy, tâu lệnh bà, nhưng gần biên giới ông đã đụng phải Lesley. Ông đã phải quyết thắng bằng cả nỗ lực vượt quá sức người. Cuối cùng thì tình thế đã phản lại ông. Montrose bị đánh bại ở Phillipaugh, phải giải tán đòan quân còn sót lại và cải trang thành một tên đầy tớ để trốn thóat. Hiện giờ ông đang ở Bergen nước Na Uy.

"Trời phù hộ ông ấy!" Hoàng hậu nói. "Ít nhất ta cũng thấy an ủi là một người đã bao phen liều mình vì hoàng gia nay đã được an tòan. Bây giờ, thưa đại nhân, trước tình thế tuyệt vọng như vậy, hãy cho ta biết sứ mệnh phu quân ta đã trao cho ngài."

"Phải lắm thưa lệnh bà. Hoàng thượng muốn bà khéo léo tìm hiểu được chủ định của nhà vua và thái hậu (N.D. nước Pháp) đối với ngài."

"Than ôi, như ngài đã biết, nhà vua chỉ là một đứa trẻ và thái hậu là một người đàn bà yếu thế. Ở đây, Đức ông Mazarin là tất cả quyền hành."

"Ông ta có phải muốn trở thành một Cromwell thứ hai ở Pháp chăng?"

"Ồ không, ông ta là một tên người Ý thâm trầm, vô lương tâm, và không có cái gan phạm tội ác, mặc dù có thể cũng ngấm ngầm mơ ước đấy. Hơn nữa, ở Anh thì Cromwell mới nắm các viện trong tay, còn ở đây ngược lại, Mazarin phải dựa vào thái hậu để chống lại nghị viện.

"Thế lại càng thêm lý do cho ông ta hỗ trợ một vị vua bị nghị viện săn đuổi."

Hoàng hậu lắc đầu một cách chán chường:

"Cứ như ta thấy, Milord ạ, thì ông Giáo chủ này sẽ không làm gì giúp ta cả, mà có khi còn chống lại ta nữa. Sự có mặt của mẹ con ta ở nước Pháp đã làm ông khó chịu lắm rồi, còn nói gì đến nhà vua. Milord ạ," Henriette nói thêm với nụ cười buồn bã " thật là thê thảm và gần như hổ thẹn khi ta phải nói rằng chúng tôi đã trải qua mùa đông trong điện Louvre không có tiền bạc, không vải trải giường, gần như không có bánh mì, và thường phải nằm lì trên giường vì phòng không có lửa sưởi."

"Thật kinh khủng!" De Winter thốt lên, "Con gái của vua Henry IV, vợ vua Charles! Thế sao lệnh bà không chuyển đạt những việc ấy cho người đầu tiên của bên mình mà bà gặp được?"

"Đấy là sự hiếu khách dành cho một hoàng hậu từ một vị tể tướng sau khi chính nhà vua đã yêu cầu ông ta."

"Nhưng thần còn nghe nói phong thanh về ý định một cuộc hôn nhân giữa Hoàng tử xứ Wales và công nương d Orleans."

"Đúng, đã có lúc ta cũng mong đợi chuyện ấy. Hai đứa trẻ cũng thấy tình ý hợp với nhau, nhưng hoàng hậu, trước kia thì tán thành tình cảm của chúng, sau lại đổi ý, và Đức ông, Công tước Orleans, người đã thúc đẩy cho chúng gần gũi nhau, đã cấm con mình không được nghĩ gì thêm đến chuyện hôn nhân ấy nữa. Milord ạ", hoàng hậu tiếp, không cầm được nước mắt "thà rằng được ra chiến đấu, như Hoàng thượng bây giờ, rồi chết như ngài có lẽ sẽ chết, còn hơn sống trong cảnh ăn mày như ta."

"Hãy vững lòng lên, thưa lệnh bà, hãy vững lòng lên chứ. Chưa phải lúc chán nản kia mà. Quyền lợi của ngai vàng nước Pháp, đang bị đe dọa trong hoàn cảnh này, đòi hỏi phải ngăn chặn nạn phiến loạn tại quốc gia láng giềng. Là chính khách, chắc chắn Mazarin hiểu được nhu cầu chính trị."

"Ngài có chắc rằng ngài không bị chặn tay trước rồi không?" Hoàng hậu hỏi vẻ nghi ngờ.

"Bởi người nào?"

"Những kẻ như Joyce, Pride, Cromwell."

"Tên thợ may, tên đóng xe ngựa, và tên nấu bia ư! A, thưa lệnh bà, tôi hy vọng là ông Giáo chủ không đi thương lượng với lọai người ấy chứ!"

"Bản thân ông ta lại là lọai người nào?" Hoàng hậu Henrietta hỏi.

"Nhưng còn danh dự của nhà vua- của hoàng hậu."

"Ừ, thì ta hãy hy vọng ông ta sẽ làm gì vì danh dự của họ." Hoàng hậu Henrietta nói. "Sự hùng biện của một người bạn chân thành có tác dụng thật mạnh mẽ, thưa Đại nhân, nên cuối cùng ngài đã trấn an được ta. Chúng ta hãy bắt tay và đến gặp tể tướng."

“Thưa lệnh bà,” De Winter nghiêng mình “ngài ban cho thần quá nhiều vinh hạnh”.

Tuy nhiên,” bà nói thêm, “giả sử ông ta từ chối và Hoàng thượng thua trận này?”

“Hoàng thượng sẽ tỵ nạn tại Hà Lan, nơi mà nghe nói Hoàng tử xứ Wales cũng đang lưu lại.”

“Vậy Hoàng thượng có còn nhiều thần dân trung thành như ngài trong cuộc chiến này chăng?”

“Thưa lệnh bà, không” De Winter trả lời “nhưng tình thế đã sắp đặt như vậy và thần đang cố tìm thêm đồng minh ở nước Pháp này.”

“Đồng minh ư!” Hoàng hậu lắc đầu.

“Thưa lệnh bà,” De Winter đáp, “chỉ cần thần tìm lại được một số bạn bè tốt ngày xưa, thần có thể lo liệu mọi việc.”

“Vậy chúng ta đi thôi, thưa Đại nhân” hoàng hậu nói với sự hòai nghi đau khổ của những người đã trải qua nhiều bi kịch “Đi thôi, và mong Trời chứng giám những lời của ông.”

Hoàng hậu bước lên xe, và De Winter, trên lưng ngựa, theo sau có 2 người hầu, cùng tiến ra cổng.

§39. Bức thư của Cromwell

Vào lúc bà Henriette rời tu viện Carmélites để đi đến Hoàng cung thì một kỵ sĩ xuống ngựa ở trước cung vua và báo cho lính gác rằng y có một việc đại sự cần nói với tể tướng Mazarin.

Mặc dầu giáo chủ vẫn thường hay lo sợ, nhưng vì cần được nghe những ý kiến và tình hình nhiều hơn, nên ông ta vẫn dễ gần. Không phải ở ngưỡng cửa đầu tiên người ta gặp khó khăn thực sự; cửa thứ hai cũng qua được khá dễ dàng, nhưng ở cửa thử ba, người lính gác và môn lại, còn có gã Bernouin trung thành canh giữ, con chó ngao mà không một lời lẽ nào có thể làm xiêu lòng không một cành nguyệt quế nào, dù nó có bằng vàng đi nữa, có thể mê hoặc.

Như vậy là ở cửa thứ ba, kẻ nào đến cầu khẩn hoặc yêu cầu một cuộc yết kiến phải chịu một cuộc lục vấn rành rọt.

Người kỵ sĩ buộc ngựa ở hàng rào ngoài sân, leo lên cầu thang lớn và hỏi các lính gác ở gian phòng đầu tiên: -Cho tôi gặp tể tướng Mazarin.

-Cứ vào! – Lính gác đáp mà không cần hếch mũi lên khỏi các quân bài hoặc những quân xúc xắc mà họ đang chơi, lại còn hí hửng để cho người ta hiểu rằng mình không phải làm nhiệm vụ của những tên hầu.

Người sĩ vào gian phòng thứ hai được canh gác bởi lính ngự lâm và môn lại. Y nhắc lại yêu cầu của mình. Một môn lại tiến đến và hỏi: -Ông có mang thư tiếp kiến không?

-Tôi có mang, nhưng không phải thư của tể tướng Mazarin.

-Vào đi và hỏi ông Bernouin!

Viên môn lại nói và và mở cánh cửa thứ ba.

Chẳng biết do tình cờ hay do vẫn đứng ở chỗ thường lệ, Bernouin đứng sau cánh cửa và đã nghe thấy tất cả. Hắn nói: -Chính tôi là người ông tìm đây. Ông mang thư của ai đến Các hạ?

-Của tướng Olivier Cromwell[231], – Kẻ mới đến nói, – nhờ ông nói lại tên đó với Các hạ và ra cho tôi biết Các hạ có thể tiếp tôi hay không?

Y đứng dậy trong một tư thế vừa âm thầm vừa kiêu hãnh rất đặc biệt với những thánh đồ thánh giáo.

Sau khi đưa con mắt tra xét lên toàn thân người trẻ tuổi, Bernouin vào trong văn phòng và truyền đạt lại những lời nói của sứ giả.

-Một người mang thư của Olivier Cromwell à? – Mazarin hỏi, – và người ấy như thế nào?

-Thưa đức ông, một người Anh chính cống, tóc hung vàng, hung hung đúng hơn là hoe vàng, mắt xanh xám, xám đúng hơn là xanh, phần còn lại là kiêu ngạo và cứng cỏi.

-Bảo hắn đưa thư.

Bernouin từ văn phòng ra tiền sảnh nói: -Ông hỏi bức thư.

Người trẻ tuổi đáp: -Đức ông xem thư mà không có người mang thư. Nhưng để ông tin rằng tôi thực sự là người mang thư, xin hãy nhìn xem.

Bernouin nhìn dấu niêm phong thấy bức thư đúng là của tướng Olivier Cromwell, hắn sắp sửa quay vào văn phòng, thì người trẻ tuổi nói: -Hãy nói thêm rằng tôi không phải là một người mang tin bình thường mà là một phái viên đặc biệt.

Bernouin vào, sau mấy giây lại ra, giữ cửa mở và bảo: -Mời ông vào.

Mazarin cần đến tất cả những sự đi đi lại lại ấy để hồi phục khỏi cơn xúc động mà việc bảo tin có bức thư gây nên. Nhưng tâm trí ông có minh mẫn đến đâu, ông vẫn không tin được lý do gì đã khiến Cromwell muốn liên lạc với ông.

Người trẻ tuổi xuất hiện ở ngưỡng cửa văn phòng, một tay cầm mũ, một tay cầm phong thư.

Mazarin đứng dậy và nói: -Ông có mang thư uỷ nhiệm với tôi à?

-Thưa Đức ông, thư đây, – người trẻ tuổi đáp.

Mazarin cầm bức thư, mở dấu niêm phong và đọc,

"Ông Mordaunt là một thư ký của tôi sẽ trình bức thư giới thiệu này lên Các hạ giáo chủ Mazarin ở Paris. Ngoài ra viên thư ký này còn mang đến các hạ một bức thư mật thứ hai.

Olivier Cromwell"

-Rất tốt, ông Mordaunt ạ, – Mazarin nói, – Ông hãy đưa tôi bức thư thứ hai và ngồi xuống đây!

Người trẻ tuổi rút ở trong túi ra bức thư thứ hai đưa cho giáo chủ, rồi ngồi xuống.

Tuy nhiên đang mải suy nghĩ, giáo chủ cầm thư rồi mà chưa bóc, lật đi lật lại trong tay; nhưng rồi để đánh lạc hướng kẻ mang tin, ông ta bắt đầu lục vấn y theo thói quen của mình, và do kinh nghiệm, ông tin chắc rằng ít người giấu nổi ông điều gì khi ông đã vừa hỏi vừa nhìn vào mặt. Ông nói: -Ông Mordaunt này, ông còn trẻ lắm đối với cái nghề đại sứ hóc búa này mà nhiều khi những nhà ngoại giao kỳ cựu nhất cũng thất bại đây.

-Thưa Đức ông, tôi hai mươi ba tuổi, nhưng Các hạ lầm khi nói rằng tôi trẻ. Mặc dầu tôi không có được sự khôn ngoan của ngài, nhưng tuổi tôi thì hơn ngài đấy.

-Thế là thế nào? – Mazarin nói. – Tôi không hiểu ý ông.

-Thưa Đức ông, tôi nói rằng những năm tháng khổ đau phải tính gấp đôi, mà từ hai mươi năm nay tôi đau khổ.

-À phải, tôi hiểu rồi, – Mazarin nói, – vì không có của cải; ông nghèo khổ có phải không?

Rồi ông nói thêm với mình: "Bọn làm cách mạng nước Anh toàn là những đồ khố rách áo ôm".

-Thưa Đức ông, lẽ ra tôi phải có một tài sản là sáu triệu đồng, nhưng người ta đã tước đoạt mất của tôi.

-Thế ra ông không phải là một người trong đám bình dân à? – Mazarin ngạc nhiên hỏi.

-Nếu tôi mang tước hiệu, Tôi sẽ là "Lord"; nếu tôi mang họ tôi, ắt ngài đã từng nghe thấy là một trong những dòng họ lẫy lừng nhất Anh quốc.

-Vậy tên họ ông là gì? – Mazarin hỏi.

-Tên tôi là Mordaunt, – Người trẻ tuổi nghiêng mình đáp.

Mazarin hiểu rằng phái viên của Cromwell muốn giữ kín cuộc vi hành của mình.

-Ông im lặng một lát, nhưng trong lúc ấy ông nhìn vào người lạ với sự chú ý còn lớn hơn cả lúc mới đầu.

Người thanh niên vẫn thản nhiên.

-Quỷ bắt cái bọn thanh giáo này đi – Mazarin khẽ nhủ thầm – Chúng như tượng đá tạc ấy.

Rồi ông cao giọng: -Ông vẫn còn bà con thân thích chứ?

-Thưa Đức ông còn một người.

-Người ấy đã giúp đỡ ông chứ?

-Đã, ba lần tôi đến cầu xin sự giúp đỡ, thì ba lần ông ta sai đầy tớ ra đuổi tôi.

Mazarin hy vọng dùng lòng thương giả dối để người trẻ tuổi rơi vào bẫy của mình, bèn nói: -Ôi, lạy Chúa? Câu chuyện của ông tôi thấy thật đảng quan tâm! Thế ông không biết mình ra đời thế nào à?

-Mãi tận gần đây tôi mới biết rõ.

-Còn trước đó thì sao?

-Tôi tự coi mình như một đứa con hoang.

-Vậy là ông chưa hề biết mặt mẹ mình à?

-Có chứ, thưa Đức ông. Khi tôi còn nhỏ, mẹ tôi đến thăm tôi ba lần ở nhà bà vú nuôi; lần cuối cùng mẹ tôi đến tôi còn nhớ rõ như mới ngày hôm nay.

-Ông có trí nhớ tốt nhỉ? – Mazarin nói.

-Ồ, đúng thế, thưa Đức ông, – người thanh niên nói với một cái giọng thật kỳ lạ nó khiến cho giáo chủ cảm thấy một cơn rùng mình chạy khắp các mạch máu.

-Thế ai nuôi dưỡng ông? – Mazarin hỏi.

-Một bà vú người Pháp; khi tôi lên năm tuổi bà ấy đuổi tôi đi vì chẳng có ai trả tiền công cho bà, và bà ấy bảo tôi biết tên người thân thích kia mà bà thường nghe mẹ tôi nói đến.

-Rồi ông ra sao?

-Tôi khóc lóc và đi ăn xin trên những đường cái lớn. Một vị thượng thư ở Kingston nhặt tôi về dạy dỗ tôi theo đạo Tân giáo, truyền cho tôi tất cả trí thức của mình và còn giúp đỡ tôi trong việc tìm lại gia đình.

-Những cuộc tìm kiếm ấy ra sao?

-Đều vô hiệu quả; ăn nhờ may rủi mà thôi.

-Ông tìm ra tình hình mẹ ông bây giờ thế nào rồi?

-Tôi được biết rằng mẹ tôi đã bị ám sát bởi chính cái kẻ thân thích ấy, hắn được bốn người bạn giúp sức. Và tôi cũng được biết rằng vua Charles I đã tước danh hiệu quý tộc và tước cả tài sản của tôi nữa.

-A! Bây giờ thì tôi mới hiểu vì sao ông phụng sự ông Cromwell. Ông thù ghét nhà vua.

Mazarin kinh ngạc khi người thanh niên thốt ra những lời lẽ ấy với vẻ mặt ma quái. Mặt những người khác thường đỏ gay lên vì bị bốc máu, nhưng ở y mặt lúc ấy vàng như sắc mặt và trở nên nhợt nhạt.

-Ông Mordaunt ạ, câu chuyện của ông thật là khủng khiếp và làm tôi xúc động mạnh mẽ, nhưng cũng may cho ông là ông phụng sự một vị chúa tể toàn năng. Ông ấy hẳn là sẽ giúp ông trong việc tìm kiếm. Chúng tôi cũng sẽ có những tin tức cung cấp cho ông.

-Thưa Đức ông, đối với một con chó nòi tốt, chỉ cần chỉ cho nó một đầu đường săn là chắc chắn nó sẽ đi tới đầu kia.

-Nhưng cái người thân thích mà ông kể với tôi ấy, ông có muốn tôi nói với ông ta không? – Mazarin nói, toan kiếm một người bạn bên cạnh Cromwell.

-Cảm ơn Đức ông, tự tôi sẽ nói.

-Nhưng ông đã chẳng nói rằng ông ta bạc đãi ông đó sao?

-Lần sau tôi gặp, ông ta sẽ đối xử với tôi tốt hơn.

-Ông có cách làm siêu lòng ông ta à?

-Tôi có cách khiến ông ta phải sợ tôi.

Mazarin nhìn người thanh niên nhưng một tia chớp lóe ra từ đôi mắt anh ta khiến ông cúi đầu xuống và ông sẽ lúng túng nếu tiếp tục một câu chuyện như vậy, ông bèn mở phong thư của Cromwell.

Dần dần mắt của người thanh niên trở lại khép lại và lờ đờ như thường lệ và y lại rơi vào một giấc mộng sâu xa.

Sau khi đọc được mấy dòng, Mazarin thử nhìn trộm xem Mordaunt có rình nom vẻ mặt ông không, và nhận thấy về thản nhiên của y, ông khẽ nhún vai mà nói.

-Những công việc của ông, ông cứ nhờ những người khác làm giúp đồng thời với công việc của họ. Nào, xem bức thư này nói gì.

Chúng tôi xin in nguyên văn bức thư ra đây:

"Kính gửi Các hạ

Đức ông giáo chủ Mazarini.,

Thưa Đức ông, tôi muốn được biết các ý định của ngài về những công việc hiện nay ở nước Anh. Hai vương quốc chúng ta ở quá gần nhau nên nước Pháp không thể không quan tâm đến tình hình nước chúng tôi, cũng như chúng tôi không thể không quan tâm đến tình hình nước Pháp. Những người dân Anh hầu như hoàn toàn nhất trí chống lại chính thể chuyên chế tàn bạo của vua Charles và bè đảng.

Do lòng tin cậy chúng tôi, tôi được đặt đứng đầu phong trào ấy, tôi đánh giá rõ ràng hơn ai hết bản chất và hậu quả phong trào. Giờ đây tôi đang làm chiến tranh và tôi sắp mở một trận đánh quyết định với vua Charles. Tôi sẽ thắng bởi vì hi vọng của dân tộc, của ý của Chúa đứng về phía tôi. Tôi thắng trận này nhà vua sẽ chẳng còn chút tự lực nào ở Anh hay ở Scotland. Nếu không bị bắt hoặc bị giết, ông ta sẽ tiếp nhận hoàng hậu Henriette rồi và chắc hẳn là vô tình đã duy trì một nội chiến không dứt trong đất nước tôi. Nhưng bà Henriettetetetete là con gái nước Pháp thì sự tiếp đãi của nước Pháp là phải. Còn về vua Charles, vấn đề lại khác hẳn. Tiếp nhận và giúp đỡ ông ta là nước Pháp phản đối những hành động của nhân dân Anh và làm phương hại một cách hết sức cơ bản đến nước Anh và nhất là đến tiến trình mà chúng tôi muốn tạo ra cho chính phủ của mình; một tình trạng như vậy cũng ngang với hành vi thù địch hiển nhiên… “.

Lúc này rất đỗi lo lắng vì thái độ trong bức thư, Mazarin ngừng đọc và lại nhìn trộm người thanh niên. Y vẫn mơ màng.

Mazarin đọc tiếp:

“Thưa Đức ông, như vậy thật là gấp bách, tôi cần phải biết sự thể ra sao về những sở kiến của nước Pháp. Lợi ích của nước Pháp và nước Anh dù rằng được lái theo những hướng trái ngược, nhưng lại gần nhau hơn là người ta có thể tưởng. Nước Anh cần có sự yên tĩnh nội bộ để hoàn tất việc loại trừ ông vua của mình; nước Pháp cần sự yên tĩnh đó để củng cố ngai vàng của ông vua non trẻ, các ông cũng như chúng tôi cần đến nền hoà bình nội tại ấy mà chúng ta có thể đạt tới nhờ sức mạnh của chính phủ chúng ta.

Những cuộc tranh chấp của ngài với nghị viện, những mối bất hoà âm ỉ của ngài với các hoàng thân, họ hôm nay chiến đấu vì ngài và ngày mai sẽ chiến đấu chống lại ngài, lòng kiên nhẫn của dân chúng được chỉ huy bởi ông chủ giáo, ông chủ tịch Blancmensnil và ông tham nghị Broussel, cuối cùng tất cả sự hỗn loạn ấy trải qua những bậc thang khác nhau của quốc gia buộc ngài phải xem xét với tinh thần lo ngại về một cuộc chiến tranh có thể xảy ra với nước ngoài. Bởi vì khi ấy nước Anh phấn khích cuồng nhiệt vì những tư tưởng mới có thể sẽ liên minh với Tây Ban Nha, nước này vốn đang thèm thuồng sự liên minh ấy. Cho nên, thưa Đức ông, biết rõ tính thận trọng của ngài và lập trường hoàn toàn cá nhân của ngài mà những biến cố đã tạo nên như ngài, nay tôi thiết nghĩ ngài sẽ cho

rằng tốt hơn hết là tập trung lực lượng của mình vào nội bộ vương quốc Pháp và để mặc Chính phủ mới của nước Anh với lực lượng của họ. Sự trung lập ấy chi cốt để tách xa vua Charles khỏi lãnh thổ Pháp, và không giúp đỡ cả về vũ khí, tiền bạc hay quân đội cho cái ông vua hoàn toàn xa lạ với quí quốc kia.

Bức thư của tôi như vậy là hoàn toàn bí mật, và cũng vì thế mà tôi gửi tới ngài qua tay một người tâm phúc tin cẩn; bức thư sẽ đi trước, bằng một tinh thần mà Các hạ sẽ lường ra, những biện pháp mà tôi sẽ áp dụng tuỳ theo các sự kiện diễn biến.

Olivier Cromwell nghĩ rằng tốt hơn hết là bày tỏ lẽ phải với một đầu óc thông minh như Madarim hơn là với một bà hoàng hậu chắc chắn hơn đáng khâm phục về tính kiên nghị nhưng lại quá qui phục những thành kiến hão huyền về dòng dõi và về quyền lực thần linh.

- Xin kính chào Đức ông. Nếu trong mười lăm ngày mà tôi không nhận được trả lời thì tôi sẽ coi như bức thư của tôi vô hiệu.

Olivier Cromwell”

-Này ông Mordaunt, – Tể tướng cất cao giọng như muốn đánh thức con người đang mơ mộng, – bức thư trả lời của tôi sẽ càng làm vừa lòng tướng Cromwell hơn, nếu như tôi càng chắc chắn hơn là người ta sẽ không biết rằng tôi sẽ viết ra nó. Vậy ông hãy đợi lấy thư ở Boulogne-sur-Mer – trên bờ biển, và hãy hứa với tôi rằng ông sẽ đi ngay sáng mai.

-Thưa Đức ông, tôi xin hứa, – Mordaunt đáp, – nhưng Đức ông sẽ bắt tôi đợi bức thư ấy bao nhiêu ngày?

-Nếu trong mười ngày mà ông không nhận được thì ông có thể ra đi.

Mordaunt cúi chào.

-Chưa xong đâu ông, – Mazarin nói, – những cuộc phiêu lưu đặc biệt của ông làm tôi rất xúc động; hơn nữa bức thư của Ngài Cromwell khiến ông trở thành quan trọng trước mắt tôi với tư cách đại sứ. Nào, tôi xin nhắc lại, hãy nói đi tôi có thể làm gì cho ông?

Mordaunt ngẫm nghĩ một lát, rồi sau một chút do dự dễ nhận thấy, sắp mở miệng để nói, thì Bernouin hấp tấp đi vào ghé vào tai giáo chu thì thầm: -Bẩm Đức ông, hoàng hậu Henriettetetetete, có một vị quý tộc người Anh đi theo, lúc này đang vào Hoàng cung.

Mazarin nảy bật người trên ghế, cử chỉ ấy không thoát khỏi mắt người trẻ tuổi, và ông vội kìm hãm chuyện kín ấy mà chắc hẳn ông suýt tuôn ra.

-Này ông, – giáo chủ nói, – Ông nghe tôi dặn rồi chứ. Tôi ấn định nơi hẹn với ông ở Boulogne-sur-Mer, vì rằng tôi nghĩ đối với ông, mọi thành phố ở Pháp cũng như nhau mà thôi, nếu ông muốn một thành phố khác thì cứ nêu ra. Nhưng chắc ông cũng dễ dàng hiểu rằng bị bao bọc như tôi giữa những thế lực mà tôi

chỉ có thể thoát ra bằng sự kín đáo, tôi muốn rằng mọi người không hay biết gì về sự có mặt của ông ở Paris.

-Thưa Đức ông, tôi sẽ đi ngay,

Mordaunt vừa nói vừa đi mấy bước ra phía cửa mà mình đã vào, thì giáo chủ gọi giật lại: -Này, ông ơi! Không đi lối ấy! Xin ông đi theo hành lang, rồi ra nơi tiền phòng. Tôi muốn rằng người ta không nom thấy ông đi ra, cuộc hội kiến của chúng ta phải được giữ bí mật.

Bernouin đưa Mordaunt sang phòng bên cạnh, trao cho một tên môn lại và trỏ cho anh ta một cửa ra.

Rồi hắn hấp tấp trở lại để dẫn hoàng hậu Henriettete vào căn phòng giáo chủ, bà đã đi qua dãy hàng lang kính.

§40. Mazarin và bà Henriette

Giáo chủ tể tướng đứng dậy và vội vã đi ra đón bà hoàng hậu nước Anh. Ông gặp bà ở quãng giữa hành lang dẫn đến văn phòng mình.

Ông càng tỏ vẻ cung kính bà hoàng hậu không có tùy tùng mà cũng chẳng có trang điểm này hơn, khi tự mình cảm thấy rõ ràng có điều gì đáng chê trách về tính biển lận thiếu nhân tâm của mình.

Song những người đến cầu khẩn lại tài bắt gương mặt mình biểu hiện được mọi vẻ, và người con gái của Henri IV vừa tươi cười đi tới người mà mình căm ghét và khinh bỉ.

-Chà! Vẻ mặt mềm mỏng làm sao! – Mazarin tự nhủ. – Phải chăng bà ta đến vay mượn mình tiền?

Và ông ta liếc một cái nhìn lo ngại về phía cái két bạc của mình, ông cũng vội quay cái nhẫn của mình vào phía trong để che giấu cái mặt kim cương lộng lẫy mà ánh hào quang của nó hẳn sẽ thu hút cặp mắt người ta lên đôi bàn tay vốn đã nuột nà của mình.

Khốn nỗi cái nhẫn ấy không cho phép mầu giúp ông tàng hình như chiếc nhẫn của Gygès[232] khi người mang nhẫn xoay nó.

Lúc này Mazarin ao ước tàng hình quá đi, vì ông ta đoán rằng bà Henriette đến để yêu cầu ông một cái gì đó mà một bà hoàng bị ông đối xử tàn tệ như vậy lại xuất hiện với nụ cười trên môi, Chứ không phải với lời doạ dẫm thì rõ ràng là bà ta đến để cầu xin.

-Thưa ngài giáo chủ – Bà khách uy nghi nói, – lúc đầu tôi có ý định nói về việc đã xui khiến tôi đến đây với hoàng hậu em gái tôi, nhưng tôi lại suy nghĩ rằng những vấn đề chính trị can hệ trước hết đến đàn ông.

-Thưa bà – Mazarin nói, – thực là Lệnh bà làm tôi rối với những lời lẽ biệt đãi êm tai đó.

"Hắn thật là nhã nhặn, – bà hoàng nghĩ, – hay là hắn đoán được ý định của ta".

Tới văn phòng của mình, giáo chủ mời hoàng hậu và khi bà đã yên vị trong chiếc ghế bành ông nói: -Xin Lệnh bà ban lệnh cho kẻ tôi tớ cung kính nhất của Lệnh bà.

-Than ôi! Thưa Đức ông, – Hoàng hậu nói, – tôi đã mất đi thói quen ra mệnh lệnh và mắc thói quen cầu khẩn. Tôi đến đây để cầu khẩn ông và rất sung sướng nếu lời cầu khẩn của tôi được ông chấp nhận.

-Tôi xin nghe, thưa bà, – Mazarin nói.

-Thưa ông giáo chủ, đây là câu chuyện về cuộc chiến tranh mà chồng tôi duy trì chống lại những phần tử phiến loạn. Có lẽ ông không biết rằng người ta đang

đánh nhau ở bên Anh – hoàng hậu nói với nụ cười buồn rầu, – và sắp tới đây người ta sẽ đánh nhau còn quyết liệt hơn từ trước đến giờ.

-Thưa bà, tôi hoàn toàn không biết, – Mazarin nói và kèm theo một cái nhún vai nhè nhẹ. – Chao ôi! Những cuộc chiến tranh của chúng tôi đã choán hết thời giờ và tâm trí của một tể tướng khốn khổ bất lực và suy nhược như tôi.

-Thế này nhé, – Hoàng hậu nói, – tôi xin báo với ông giáo chủ rằng Charles đệ nhất, chồng tôi nay mai sẽ thắng một trận quyệt định. – Trong trường hợp thất bại, – Mazarin làm một động tác, – Ấy phải phòng trước mọi chuyện, – hoàng hậu nói tiếp, – ngài muốn rút lui sang Pháp và sống ở đấy như một người bình thường. Ông thấy thế nào về dự định ấy?

Giáo chủ lắng nghe mà không một thớ thịt nào trên nét mặt tiết lộ cảm xúc mà ông nhận thấy; suốt lúc nghe mà ông vẫn giữ nguyên nụ cười giả tạo, vuốt ve. Đến khi hoàng hậu nói xong, ông mới đáp bằng cái giọng mượt mà nhất.

-Thưa bà, bà cho rằng nước Pháp bản thân nó đang xáo động và sục sôi như thế này lại có thể là một cái bến yên lành cho một ông vua bị truất ngôi hay sao? Vương miện chẳng đã vững chắc gì trên đầu vua Louis XIV làm sao ông ta có thể chịu đựng nổi một trọng lượng gấp đôi?

-Về cái gì can hệ đến tôi, thì trọng lượng ấy đã chẳng lấy gì làm nặng lắm đâu, ông giáo chủ ạ, – Hoàng hậu ngắt lời với một nụ cười đau đớn, – và tôi chẳng đòi hỏi người ta phải làm gì cho chồng tôi nhiều hơn so với tôi đâu. Ông thấy rằng chúng tôi là những vua chúa rất khiêm tốn đấy chứ.

-Ấy, thưa bà, – giáo chủ vội cướp lời để cắt đứt những điều giải thích có thể tiếp theo, – về bà thì lại là chuyện khác, bà là một người con gái của Henri IV của đức vua vĩ đại và tuyệt vời ấy…

-Điều ấy không ngăn cản ông từ chối tiếp đón con rể của Người, có phải không, thưa ông? Tuy nhiên, ông cũng nên nhớ lại rằng vị vua vĩ đại, tuyệt vời ấy có lần bị phế truất giống như chồng tôi sắp sửa bị, đã cầu cứu nước Anh, và nước Anh đã chấp thuận; nói cho đúng thì hoàng hậu Elidabet chẳng phải cháu gái của Người?

-Peccato[233] – Mazarin nói, ông ta cãi bữa trước cái lý luận thật là đơn giản ấy. – Lệnh bà không hiểu tôi: Lệnh bà nhận xét sai những ý định của tôi, và như vậy chắc chắn là tôi diễn đạt bằng tiếng Pháp dở quá.

-Vậy thì xin ông cứ nói tiếng Ý. Hoàng hậu Marie de Médicis mẹ của tôi đã dạy cho chúng tôi thứ tiếng ấy trước khi bị giáo chủ tể tướng tiền bối của ông đưa đi chết trong cảnh lưu đày. Nếu như còn lại chút gì, của đức vua Henri IV vĩ đại và tuyệt vời mà ông nói đến lúc nãy ấy, chắc chắn là Người sẽ rất lấy làm ngạc nhiên vì sao sự khâm phục sâu xa đối với Người lại chẳng dính dáng gì mấy đến lòng thương đối với gia đình của Người như vậy.

Mồ hôi hột đổ trên trán Mazarin. Rồi chẳng nhận lời đề nghị của hoàng hậu là thay đổi ngôn ngữ, ông nói: -Thưa bà, trái lại sự khâm phục ấy là to lớn và hiển nhiên, đến nỗi nếu như vua Charles I – xin Chúa phù hộ cho ngài tránh khỏi mọi tai hoạ – mà đến nước Pháp, thì tôi sẽ xin hiến toà nhà tôi, toà nhà riêng của tôi cho ngài; nhưng chao ôi! Đó sẽ là một nơi rút lui ít an toàn. Một ngày nào đó, dân chúng sẽ đốt cháy ngôi nhà đó như đã đốt cháy nhà thống chế Ancre. Tội nghiệp thay Concino Concini[234]. Mà ông ta chỉ muốn có điều hay của nước Pháp[235].

-Đúng đấy thưa Đức ông, cũng như ngài ấy mà? – Bà hoàng nói châm biếm.

Mazarin giả bộ không hiểu ý nghĩa kép của câu mà chính ông ta vừa nói ra, và tiếp tục thương vay khóc mướn cho số phận của Concino Concini.

Bà hoàng hốt hoảng quá kêu lên: -Nhưng thưa ngài giáo chủ, rốt cuộc ngài trả lời cho tôi thế nào chứ?

Mỗi lúc một áo não thêm, Mazarin nói: -Thưa Lệnh bà, Lệnh bà có cho phép tôi đưa ra một lời khuyên nhủ không? Tất nhiên là trước khi mạo muội làm việc đó, tôi xin bắt đầu phục xuống dưới chân Lệnh bà để làm tất mọi điều gì khiến Lệnh bà vui lòng.

-Ông hãy nói đi, – Hoàng hậu đáp. – Lời khuyên của một người khôn ngoan như ông chắc chắn là phải tốt.

-Thưa bà, xin hãy tin tôi, đức Vua phải chống cự đến cùng.

-Thưa ông đức Vua đã làm như vậy, và trong trận đánh này đưa ra những lực lượng ít ỏi hơn lực lượng địch rất nhiều chứng tỏ đức Vua không tính đến đầu hàng mà không chiến đấu. Nhưng cuối cùng, trong trường hợp Vua sẽ bại trận thì sao?

-Thế thì thưa bà, trong trường hợp ấy, tôi biết rằng tôi đưa ra một ý kiến với Lệnh bà là liều lĩnh, nhưng ý kiến của tôi là đức Vua không nên rơi bỏ vương quốc của mình. Người ta sẽ lãng quên nhanh chóng những ông vua vắng mặt; nếu vua mà rời sang Pháp thì mục đích và lợi ích của ngài sẽ đi đứt.

-Nhưng mà, – Hoàng hậu nói, – nếu đó là ý kiến của ông và nếu ông thật sự quan tâm, thì xin ông gửi ngay cho nhà vua chút ít viện trợ về người và tiền bạc; bởi vì tôi tôi chẳng còn làm gì được cho chồng tôi nữa; để giúp chồng, tôi đã bán đến hạt kim cương cuối cùng. Bây giờ tôi chẳng còn chút gì hết, ông biết đấy. Ông biết còn rõ hơn bất cứ ai. Nếu như còn đồ tư trang nào, chắc hẳn là mùa đông này tôi đã mua củi về sưởi cho tôi và con gái tôi rồi.

-A! Thưa bà, – Mazarin nói – Lệnh bà không hiểu gì mấy về điều mà bà yêu cầu. Đến lúc mà một ông vua phải cần đến viện trợ từ nước ngoài để đặt lại mình lên ngôi, thì có nghĩa là thú nhận rằng mình chẳng còn có một chỗ dựa nào trong tình cảm của bầy tôi của mình nữa.

Bực bội phải theo dõi cái trí xảo tinh vi trong cái mê cung những từ ngữ mà ông ta đang lạc vào đó, hoàng hậu nói: -Xin ông giáo chủ hãy đi vào việc thực tế: Hãy trả lời cho tôi là có hay không? Nếu vua ở lại nước Anh, ông có gửi viện trợ cho không? Nếu vua sang Pháp, ông có tiếp nhận không?

-Thưa Lệnh bà, – giáo chủ làm ra vẻ chân thành nhất nói, – tôi hy vọng sẽ chứng tỏ với Lệnh bà lòng tận tụy của tôi và ý muốn của tôi kết thúc một công việc mà Lệnh bà đang canh cánh bên lòng. Sau đó tôi nghĩ Lệnh bà sẽ chẳng còn hoài nghi tinh thần sốt sắng của tôi phụng sự Lệnh bà.

Bà hoàng cắn môi và tức tối cựa quậy trong chiếc ghế bành. Rồi bà nói: -Vậy thì ông sẽ làm gì? Nào, nói đi.

-Ngay bây giờ tôi sẽ đến xin ý kiến hoàng hậu và sau đó đưa vấn đề ra trình nghị viện.

-Với nghị viện mà ông đang xung đột phải không? Ông sẽ giao cho Broussel tường trình chứ gì? Thôi đủ rồi, ông giáo chủ ạ, đủ rồi. Tôi hiểu ông hoặc đúng hơn là tôi đã sai lầm. Chà! Hãy đi ra nghị viện, vì rằng từ cái nghị viện ấy – kẻ thù của các vị vua – đã gửi tới người con gái của đức vua Henri IV vĩ đại và tuyệt vời mà ông khâm phục vô cùng ấy, những viện trợ duy nhất giúp bà ta mùa đông này khỏi chết đói và chết rét.

Dứt lời bà hoàng đứng lên với một vẻ phẫn nộ đường bệ.

Ông giáo chủ chắp hai tay giơ về phía bà mà nói: -A! Thưa Lệnh bà, thưa Lệnh bà, Lệnh bà hiểu sai tôi rồi, lạy Chúa!

Nhưng hoàng hậu Henriette chẳng thèm quay lại phía kẻ đang rơi những giọt nước mắt cá sấu ấy, bà đi ngang qua văn phòng, tự mình mở cửa, và ở giữa đám vệ sĩ đông đảo của Các hạ, đảm cận thần đang xun xoe nịnh hót, giữa cảnh xa hoa của vương vị đối địch, bà đến nắm tay de Winter đang đứng lẻ loi một mình. Tội nghiệp bà hoàng hậu đã mất ngôi, trước mặt bà ta mọi người vẫn nghiêng mình thi lễ, vì nghi thức mà thôi, nhưng thực tế chi còn có một cánh tay mà bà có thể vịn lên được.

-Thôi kệ! – Mazarin nói khi còn lại một mình, – Điều đó làm phiền cho ta quá, và phải sắm vai này thật là hóc búa. Nhưng ta đã nói gì rõ ràng với cả bên này và bên kia đâu. Hừ! Cromwell là một tay săn đuổi các nhà vua quyết liệt, ta thương cho các tể tướng của hắn, nếu như hắn dùng tể tướng, Bernouin đâu!

Bernouin vào.

-Hãy nhìn xem cái người trẻ tuổi mặc áo chẽn đen, tóc ngắn mà lúc nãy anh dẫn vào đây, có còn ở trong cung không?

Bernouin đi ra. Trong khi vắng mặt hắn, giáo chủ xoay cái mặt nhẵn ra phía ngoài để lau hạt kim cương và ngắm nghía nước sáng của nó, và do một giọt lệ vẫn còn đọng ở trong mắt khiến mắt mờ khó nhìn, ông ta lắc lắc cái đầu cho giọt lệ rơi xuống.

Bernouin vào cùng với Comminger bữa nay đến phiên gác, Comminger nói: -Thưa Đức ông, tôi dẫn người trẻ tuổi mà Các hạ hỏi ra ngoài.

Anh ta đến gần tấm kính hành lang và nhìn một vật gì đó với vẻ kinh ngạc, chắc là bức hoạ của Raphael vì nó treo đối diện cánh cửa. Sau đó anh ta mơ màng một lát và đi xuống cầu thang. Tôi thấy anh ta đã lên một con ngựa màu xám và đi ra khỏi sân hoàng cung. À, nhưng Đức ông không đến chỗ hoàng hậu ư?

-Để làm gì?

-Ông de Gitaud bác của tôi, vừa nói mới nói rằng Hoàng thượng nhận được những tin tức mới của quân đội.

-Được tôi sẽ sang ngay.

Vừa lúc ấy xuất hiện. Ông ta được hoàng hậu sai đến tìm giáo chủ.

Comminger đã nhìn rõ vì Mordaunt đã làm đúng như hắn ta kể. Khi đi qua hành lang song song với hành lang kín lớn, anh ta đã gặp gỡ de Winter đang đứng đợi hoàng hậu Henriette.

Nhìn thấy ông, anh ta dừng phắt lại, không phải để ngắm nghía bức hoạ của Raphael, mà như bị mê mẩn trước một vật khủng khiếp.

Mặt anh ta dãn nở ra toàn thân ớn lạnh. Đường như anh ta muốn vượt qua bức tường bằng kính ngăn cách mình với kẻ thù. Nếu như Comminger trông thấy anh ta nhìn de Winter với con mắt căm thù như thế nào, thì sẽ chẳng còn nghi ngờ gì rằng vị công hầu người Anh kia là kẻ tử thù của anh ta.

Nhưng anh ta dừng lại.

Chắc là để ngẫm nghĩ. Vì rằng đáng lẽ để mình bị lôi cuốn theo cử chỉ ban đầu là xông thẳng tới Milord de Winter, thì anh ta lững thững bước xuống cầu thang, cúi đầu đi ra khỏi cung, nhảy lên yên và thúc ngựa đi đến góc phố Richelieu, và mắt chăm chú nhìn phía hàng rào, anh ta đợi cỗ xe của hoàng hậu ra sân.

Chẳng phải đợi lâu, vì hoàng hậu ngồi với Mazarin khoảng mười lăm phút, nhưng mười lăm phút đợi chờ ấy bằng một thế kỷ đối với kẻ chờ đợi.

Cuối cùng cỗ máy nặng nề mà người ta gọi là cái xe rít lên qua cổng sắt, và De Winter vẫn cưỡi ngựa, cúi xuống cánh cửa xe để nói chuyện với Hoàng hậu.

Mấy con ngựa chạy nước kiệu trên đường đến cung Louvre và đi vào đó. Trước khi đi khỏi tu viện Carmélites, bà Henriette đã dặn con gái đợi bà ở cung Louvre nơi họ đã sống khá lâu và chỉ rời khỏi đó bởi vì cảnh khốn cùng của họ dường như càng nặng nề hơn trong những căn phòng vàng son lộng lẫy.

Mordaunt đi theo cỗ xe và khi thấy cỗ xe đi vào dưới cổng tò vò tối tối, anh ta cùng ngựa đi áp sát vào thành tường có bóng tối trải trên đó, và đứng lặng im giữa những đường gờ của Jean Goujon[236], giống hệt một bức phù điêu người cưỡi ngựa.

Anh ta đợi chờ như đã đợi chờ ở Hoàng cung.

§41. Vì sao những kẻ khốn khó đôi khi coi sự tình cờ như thiên mệnh

-Thế nào, thưa Lệnh bà? – de Winter hỏi sau khi hoàng hậu đã cho các đầy tớ lui ra.

-Thế đấy, Milord ạ, điều tôi dự đoán đã xảy ra.

-Ông ta từ chối à?

-Tôi đã chẳng nói trước với ông như vậy là gì?

-Nhưng còn hoàng hậu, bà có gặp không?

-Vô ích. – Bà Henriette buồn bã lắc đầu nói. – Chẳng bao giờ hoàng hậu lại nói có, khi giáo chủ đã nói không. Ông không biết rằng cái lão người Ý ấy chi đạo tất cả ở bên trong cũng như ở bên ngoài hay sao? Hơn nữa, tôi trở lại điều đã nói với ông, tôi sẽ chẳng ngạc nhiên rằng chúng ta đã bị Cromwell vượt trước rồi. Giáo chủ rất lúng túng trong khi nói với tôi, nhưng rất kiên quyết trong ý định từ chối. Rồi nữa, ông có nhận xét thấy sự nhốn nháo trong hoàng cung không những kẻ đến người đi hối hả tất bật? milord này, phải chăng họ đã nhận được tin tức gì mới.

-Không phải từ nước Anh đâu, thưa bà, tôi đã làm rất chu đáo và khẩn trương, nên chắc chắn rằng không bị kẻ nào vượt trước. Tôi ra đi cách đây ba ngày, tôi đã đi qua một cách thần kỳ giữa đám quân đội thanh giáo, tôi dùng xe trạm cùng với tên hầu Tony, và ngựa mà chúng tôi cưỡi chúng tôi mua ở Paris. Vả lại trước khi phải mạo hiểm một chút gì, tôi tin chắc là đức vua chờ đợi thư trả lời của Lệnh bà.

- Milord ạ, – hoàng hậu tuyệt vọng nói, – Ông hãy trình lại với đức vua rằng tôi không thể làm gì được, tôi đã đau khổ như Ngài, hơn Ngài nữa, tôi mà buộc phải ăn miếng bánh lưu đày, và đi xin trú ngụ ở những nơi người bạn giả dối họ cười nhạo nước mắt của tôi, và ông hãy thưa rằng về phần thánh thể của Ngài. Ngài cần phải hy sinh một cách dũng cảm và chết như một ông vua. Tôi sẽ chết ở bên cạnh Ngài.

-Thưa Lệnh bà! Thưa Lệnh bà! – de Winter kêu lên. – Lệnh bà phó mình cho sự ngã lòng, mà có lẽ chúng ta còn một chút hy vọng đó.

- Milord ơi! Chẳng còn bạn bè nào ở trên đời này nữa, ngoài ông ra? Ôi, lạy Chúa! Lạy Chủa. – Bà Henriette kêu than và ngước mắt lên trời – Ông đã thu phục tất cả những trái tim hào hiệp ở trên đời này chưa?

-Thưa bà, tôi hy vọng là chưa, – de Winter trầm ngâm đáp, – tôi đã có lần nói với bà về bốn con người.

-Ông định làm gì với bốn người

-Bốn con người tận tụy, bốn con người quyết tử có thể làm được nhiều lắm chứ, xin lệnh bà hãy tin tôi, và những con người mà tôi nói với bà đây trong một thời đã làm biết bao nhiêu là việc.

-Thế bốn người ấy bây giờ đâu?

-À! Đó là điều tôi chưa rõ. Từ gần hai mươi năm nay tôi mất tin của họ, nhưng trong mọi hoàn cảnh mà đức Vua lâm nguy, tôi đều nghĩ tới họ.

-Những người ấy là bạn của ông à?

-Một người trong bọn họ đã cầm tính mạng tôi trong tay và đã trả lại tôi; tôi không biết ông ta còn là bạn tôi không nhưng ít ra, từ đấy, tôi vẫn là bạn của ông ấy.

-Những người ấy đều ở Pháp ư, Milord?

-Chắc thế.

-Ông hãy nói tên của họ; có khi tôi đã từng nghe và tôi có thể giúp ông tìm kiếm.

-Một người tên là hiệp sĩ d'Artagnan.

-Ô, Milord? Nếu tôi không lầm, hiệp sĩ d'Artagnan là trung uý thị vệ tôi đã nghe nói đến cái tên ấy; nhưng hãy cẩn thận đó, tôi sợ rằng người ấy hoàn toàn theo giáo chủ…

-Trong trường hợp ấy, đó là tai hoạ cuối cùng của chúng ta – de Winter nói, – và tôi bắt đầu tin rằng chúng ta thật sự bị trừng phạt.

-Thế còn những người khác nữa, Milord? – Hoàng hậu nói, – bà bám víu vào chút hy vọng cuối cùng như kẻ bị đắm tàu bám vào mảnh ván vỡ.

-Người thứ hai tôi tình cờ nghe được tên ông vì trước khi đánh nhau với chúng tôi, bốn vị quý tộc ấy đã nói tên của họ, người thứ hai tên là bá tước de La Fère. Còn hai người kia, thói quen gọi bằng biệt danh đã khiến tôi quên mất tên thật.

-Ôi, lạy Chúa! – Hoàng hậu nói, – cần cấp bách tìm kiếm họ, bởi vì ông cho rằng những vị quý tộc xứng đáng ấy có thể rất có ích cho đức vua…

-Vâng! Vâng! – De Winter nói – vì rằng vẫn là những người ấy.

-Xin bà hãy nghe kỹ điều này và hồi tưởng lại ký ức. Không biết bà có được nghe kể chuyện rằng hoàng hậu Anne d'Autriche xưa kia đã từng được cứu thoát khỏi một nỗi nguy hiểm lớn nhất mà chưa hoàng hậu nào trải qua?

-Có, nhân những chuyện yêu đương của bà ta với ông de Buckingham, và tôi cũng không rõ lắm, về những chuỗi hạt kim cương gì đó.

-Đúng đấy, thưa bà. Những người kia chính là những kẻ đã cứu bà ta, và tôi cười ái ngại khi, nghĩ rằng nếu như tên họ của nhưng nhà quý tộc ấy mà bà không hề biết, thì hoàng hậu đã quên đi, trong khi đáng lẽ bà ta phải phong họ làm những đại thần đầu tiên của vương quốc.

-Vậy thì phải tìm kiếm họ, Milord ạ! Nhưng bốn người hay đúng hơn là ba người thì có thể làm gì được nhỉ? Vì tôi đã nói với ông rằng không nên tin cậy ở ông d'Artagnan.

-Thế là bớt đi một tay kiếm dũng mãnh, nhưng vẫn còn ba tay kia, chưa kể tôi. Mà bốn người tận tụy xung quanh đức vua, để canh giữ vua khỏi quân thù, che chở vua trong trận mạc, giúp đỡ vua bằng những ý kiến, hộ giá vua khi chạy trốn, như thế cũng là đủ, không phải để giúp vua chiến thắng, nhưng đủ để cứu vua nếu vua bại trận, giúp vua vượt biển, và dù Mazarin có nói gì thì nói, một khi đã lên đến bờ biển Pháp, thì quân vương của Lệnh bà sẽ kiếm được chẳng thiếu chỗ ẩn náu và nương tựa giống như loài chim biển tìm được chỗ ẩn náu trong những cơn giông tố.

- Milord ơi, hãy tìm kiếm những nhà quý tộc ấy đi, và nếu tìm thấy họ và họ đồng ý cùng với ông sang Anh, thì ngày, nào chúng tôi trở lại ngôi báu, tôi sẽ tặng mỗi người trong bọn họ một lãnh địa tước công ngoài ra còn thêm vàng đủ để mua cả cung Đại sảnh trắng. Đi tìm kiếm đi, Milord, đi tìm kiếm đi, tôi van ông đấy!

-Thưa bà, tôi sẽ tìm kiếm, – de Winter đáp, – và chắc là tôi sẽ kiếm được, nhưng tôi không có đủ thời giờ. Lệnh bà quên rằng đức vua đang chờ đợi thư trả lời của Lệnh bà, và đợi chờ khắc khoải đó sao?

-Thế là chúng ta đi đứt rồi! – Hoàng hậu kêu lên với sự bùng ra của một trái tim tan vỡ.

Vừa lúc ấy cánh cửa mở, cô gái Henriette xuất hiện. Với sức mạnh tuyệt vời là tính chất anh hùng của những người mẹ, bà hoàng cố nuốt nước mắt và ra hiệu cho de Winter nói lảng sang chuyện khác.

Nhưng phản ứng ấy dù mạnh mẽ đến đâu cũng không lọt khỏi mắt cô công chúa trẻ; cô dừng ở ngưỡng cửa, buông một tiếng thở dài mà nói với hoàng hậu: -Cớ sao mẹ cứ luôn luôn khóc lúc vắng mặt con thế, hả mẹ?

Hoàng hậu chỉ mỉm cười không đáp.

-Này ông de Winter ơi! – bà nói, – tôi đã lợi được một điều là chỉ còn là nửa hoàng hậu thôi; ấy là các con tôi gọi tôi là mẹ, chứ không gọi là Lệnh bà nữa.

Rồi quay về phía con gái bà nói: -Henriette con muốn gì nào?

-Thưa mẹ, – Cô công chúa trẻ nói, – Một kỵ sĩ vừa mới vào cung Louvre và xin đến bái yết Hoàng thượng; ông ta từ bên quân đội đến và nói có bức thư của thống chế de Grammont trình lên mẹ, con chắc như vậy.

-A! – Hoàng hậu bảo de Winter, – đó là một người trung thành với tôi, nhưng Milord thân mến ơi, ông có nhận thấy rằng chúng ta được phục dịch bạc bẽo đến nỗi chính con gái tôi phải làm công viêc báo tin và dẫn người không?

-Xin bà hãy tội nghiệp cho tôi, – de Winter nói, – bà làm tôi đến nát lòng.

-Henriettete, người kỵ sĩ ấy thế nào? – Hoàng hậu hỏi.

-Thưa mẹ con nhìn qua cửa sổ, thấy đó là một thanh niên xấp xỉ mười sáu tuổi và người ta gọi là tử tước de Bragelonne.

Hoàng hậu mỉm cười và gật đầu, nàng công chúa trẻ ra mở cửa và Raoul xuất hiện trên ngưỡng cửa.

Anh bước ba bước đến phía hoàng hậu và quỳ xuống.

-Thưa Lệnh bà, – anh nói – tôi mang đến Lệnh bà một bức thư của người bạn tôi, bá tước de Guise, ông ta nói là có vinh dự được là kẻ hầu hạ của Lệnh bà; bức thư này mang một tin tức quan trọng và những lời chào cung kính của ông ta.

Nghe nói tên bá tước de Guise má nàng công chúa ửng đó; hoàng hậu nhìn cô có chiều nghiêm khắc. Bà nói: -Henriettete, sao con lại nói là thư của thống chế de Grammont?

-Thưa mẹ con tưởng như vậy. – Cô gái lắp bắp.

-Đó là lỗi tại tôi thưa bà, – Raoul nói, – Quả thật tôi đã báo tin là từ chỗ thống chế Grammont đến; nhưng do bị thương ở cánh tay phải nên ông không viết được và đã sai bá tước de Guise viết thay.

-Thế ra có đánh nhau? – Hoàng hậu hỏi và ra hiệu cho Raoul đứng dậy.

-Vâng, thưa bà, – chàng thanh niên đáp và đưa bức thư cho de Winter ông ta đã tiến lên để nhận và trao lại thư cho hoàng hậu.

Nghe tin một trận đánh đã nổ ra, nàng công chủa há miệng để hỏi một điều gì đó làm cô quan tâm, nhưng rồi lại ngậm miệng không thốt ra một lời, trong khi nét ửng đó trên má cô dần dần biến mất.

Hoàng hậu nhìn thấy tất cả những cử chỉ ấy và chắc hẳn tấm lòng mẫu tử của bà đã diễn giải ra, và quay lại phía Raoul bà hỏi: -Không có điều gì xảy ra với ông bá tước trẻ de Guise chứ? Vì rằng, ông ta không những ở trong số những người phụng sự chúng tôi như ông ta đã nói với ông, mà còn là chỗ bạn bè của chúng tôi nữa.

-Không sao ạ, thưa bà, – Raoul đáp. – Trái lại trong ngày hôm ấy ông ấy còn giành được một vinh quang to lớn, ông ấy đã có vinh dự được Ngài Hoàng thân ôm hôn ngay tại chiến trường.

Nàng công chúa vỗ hai tay vào nhau, nhưng rồi xấu hổ vì đã để mình bị lôi cuôn theo cách biểu hiện nỗi vui mừng như vậy, cô hơi quay mặt đi và cúi xuống một bình cắm đầy hoa hồng như để hít mùi hương.

-Nào, hãy xem bá tước nói gì, – Hoàng hậu bảo.

-Tôi có vinh dự được thưa với Lệnh bà là bá tước viết nhân danh phụ thân ông.

-Vâng.

Hoàng hậu mở phong thư và đọc:

“Thưa Lệnh bà và Hoàng hậu,

Không có vinh dự được tự mình viết cho bà do bị thương ở bàn tay phải, tôi phải nhờ con trai tôi viết, bá tước de Guise mà bà đã biết là một kẻ tôi tớ của bà giống như cha nó, để thưa với bà rằng chúng tôi vừa mới thắng trận ở Lens, và chiến thắng ấy nhất định sẽ tạo quyền lực cho giáo chủ Mazarin và hoàng hậu trong những công việc của châu Âu. Nếu Lệnh bà tin ở lời khuyên của tôi, thì xin Lệnh bà tranh thủ cơ hội này đến chính phủ của nhà vua để yêu cầu sự giúp đỡ đối với phu quân tôn kính của bà.

Tử tước de Bragelonne, người có vinh dự được chuyển bức thư này đến Lệnh bà là bạn của con trai tôi mà ông ta đã cứu mạng. Đó là một nhà quý tộc mà Lệnh bà có thể hoàn toàn tin cậy, trong trường hợp Lệnh bà có điều gì cần dặn miệng hoặc viết gửi cho tôi. Tôi rất vinh dự được tỏ lòng kính trọng…

Thống chế de Grammont".

Do có chuyện giúp đỡ công việc cho bá tước, Raoul không tránh khỏi quay đầu lại phía nàng công chúa trẻ tuổi và anh đã nhìn thấy trong mắt cô một biểu hiện vô cùng biết ơn Raoul. Không còn hồ nghi gì nữa, con gái vua Charles I đã yêu bạn anh.

Trận Lens đã thắng – Hoàng hậu nói. – Ở đấy người ta vui mừng, người ta thắng trận! Phải, thống chế de nói đúng, điều đó làm thay đổi bộ mặt các công việc của họ; nhưng các bạn ạ, tôi rất sợ rằng nó chẳng giúp ích gì cho công việc của chúng ta, nếu không chừng còn làm hại. Cái tin này mới mẻ, ông ạ, – Hoàng hậu nói tiếp, – Tôi xin cám ơn ông đã khẩn trương mang đến cho tôi; không có ông, không có bức thư này, thì có lẽ đến ngày mai ngày kia, tôi mới là kẻ cuối cùng ở Paris biết tin này.

-Thưa Lệnh bà, – Raoul nói, – cung Louvre là cung thứ hai tin tức này đến; chưa ai biết tin này đâu. Tôi đã thề với bá tước de Guise là sẽ mang thư này đến Lệnh bà trước cả khi đến ôm hôn vị đỡ đầu của tôi.

-Vị đỡ đầu của ông cũng họ Bragelonne như ông ư? – Milord de Winter hỏi – Ngày xưa tôi cũng có quen một ông Bragelonne, ông ấy còn sống chứ?

-Không, thưa ông, ông ta chết rồi. Vị đỡ dầu của tôi là là bà con thân thích của ông ta đã giúp tôi thừa kế lãnh ấp mà ông ta mang tên.

Hoàng hậu không khói quan tâm đến chàng thanh niên tuấn tú và hỏi: -Này ông, vị đỡ đầu ông tên là gì?

Chàng thanh niên cúi mình đáp: -Thưa bà, bá tước de La Fère.

De Winter giật bắn người kinh ngạc; còn hoàng hậu nhìn anh mà tươi tinh mặt mày. Bà reo lên: -Bá tước de La Fère! Có đúng là ông nói cái tên họ ấy không?

Còn de Winter không tin ở điều mình nghe nữa. Đến lượt ông reo lên: -Bá tước de La Fère! Ôi! Ông ơi, hãy trả lời tôi đi, tôi van ông đấy. Bá tước de La

Fère mà tôi quen có phải là một lãnh chúa tuấn tú và dũng cảm làm ngự lâm quân của vua Louis XIII và nay đã khoảng bốn bảy, bốn tám tuổi không?

-Thưa ông, hoàn toàn đúng như vậy.

-Và phụng sự dưới một biệt danh?

-Dưới cái tên Arthos. Mới gần đây thôi, tôi có nghe ông d'Artagnan là bạn ông gọi ông bằng tên ấy!

-Đúng rồi, thưa bà, đúng rồi. Ơn trời! – de Winter nói, rồi hỏi Raoul – Ông nhà ở Paris à?

Rồi lại trở về với hoàng hậu, ông nói: -Hãy hy vọng, hãy hy vọng nữa. Thượng đế tuyên bố ủng hộ chúng ta, bởi vì đã cho tôi gặp lại vị quý tộc ấy một cách thật là thần kỳ, ông ấy bây giờ ở chỗ nào, ông làm ơn chỉ cho tôi với.

-Bá tước de La Fère ở phố Guénégaud, khách sạn Grand-Roi-Charlemagne…

-Cám ơn ông. Nhờ ông nói với vị bạn cao quý ấy là hãy nán ở nhà, lát nữa tôi sẽ đến ôm hôn ông ấy.

-Thưa ông, tôi xin vui lòng tuân lệnh ông, nếu như Hoàng hậu đây cho tôi cáo lui.

-Hãy đi đi, tử tước Bragelonne, – Hoàng hậu nói, – Và hãy yên lòng về niềm thân ái của chúng tôi.

Raoul cung kính cúi mình trước hai bà chúa, chào de Winter và đi ra.

De Winter và hoàng hậu tiếp tục trò chuyện một lát nói thì thầm để cô công chúa không nghe thấy, nhưng sự đề phòng ấy là vô ích, vì cô ta đang trò chuyện với những suy nghĩ riêng tư của mình.

Đến lúc de Winter xin cáo lui, Hoàng hậu nói: -Hãy nghe đây, Milord, tôi còn giữ cây thánh giá bằng kim cương này, nó là của mẹ tôi, và tấm hình thánh Misen này, nó là của chồng tôi, hai thứ đáng giá khoảng năm mươi nghìn livrơ. Tôi đã thề rằng thà chết đói bên cạnh những của tin quý báu này, chứ không cầm bán. Nhưng giờ đây hai đồ tư trang này có thể có ích cho chồng tôi hoặc cho những người bảo vệ ngài, cần phải hy sinh tất cả cho niềm hy vọng ấy. Ông hãy cầm lấy, và nếu cần tiền cho chuyến viễn chinh, thì cứ bán đi, đừng ngại gì cả, milord ạ, cứ bán đi. Nhưng nếu ông có cách để giữ nó lại thì xin milord hãy nhớ rằng tôi coi như ông đã giúp cho tôi một công vụ lớn nhất mà một nhà quý tộc có thể làm cho một bà hoàng hậu, và đến ngày thành đạt của tôi, người nào mang tấm hình và cây thánh giá này đến cho tôi sẽ được tôi và các con cái của tôi ban phước.

-Thưa bà, – de Winter nói, – Lệnh bà sẽ được phụng sự bởi một người tận tụy. Tôi sẽ đưa gửi ở nơi chắc chắn hai vật này mà tôi sẽ không nhận nếu như còn lại chút của cải của gia tài cũ của tôi; nhưng tài sản của tôi đã bị tịch thu, tiền mặt đã cạn, và chúng tôi cũng đã phải đem cầm bán tất cả những gì mình có, trong một giờ nữa tôi sẽ đến chỗ bá tước de La Fère và ngày mai Lệnh bà sẽ có một thư trả lời dứt khoát.

Hoàng hậu giơ tay ra, de Winter cung kính hôn lên. Rồi bà quay về phía con gái mà nói: – Milord ơi, ông có nhiệm vụ đưa lại cho con bé này một cái gì đó của cha nó.

De Winter ngạc nhiên, chẳng hiểu hoàng hậu định nói gì.

Cô bé Henriette bèn tiến lại, vừa mỉm cười vừa đỏ mặt và giơ trán về phía vị quý tộc. Cô nói: -Ông hãy nói với cha tôi rằng, dù là vua hay kẻ lẩn trốn, dù chiến thắng hay chiến bại hùng cường hay nghèo khó, bao giờ Người vẫn có ở tôi một đứa con gái ngoan ngoãn và thân thương.

-Thưa bà, tôi hiểu, – de Winter đáp và đụng môi lên trán cô Henriette.

Rồi ông ra đi, không có ai đưa đường, đi qua những gian phòng hoang vắng, tối tăm, vừa đi vừa lau những giọt nước mắt, mà chai sạn như ông suốt năm mươi năm trong cuộc sống cung đình, ông cũng không ngăn nổi rơi lệ trước sự bất hạnh vương hầu vừa thật là trang nghiêm vừa thật là sâu sắc.

§42. Bác và cháu

Con ngựa và người hầu của Winter đợi ông ở ngoài cổng. Ông đi về phía nơi ở của mình vẻ tư lự và chốc chốc lại quay lại ngắm nhìn bề mặt của cung Louvre lặng lẽ và tồi tăm chợt ông nom thấy một kỵ sĩ có thể nói là tách ra khỏi bức tường và đi theo sau ông cách một quãng; ông nhớ lại rằng khi ra khỏi Hoàng cung, ông cũng đã nom thấy một cái bóng như vậy.

Người hầu của de Winter theo sau một vài bước cũng dõi nhìn theo tay kỵ sĩ ấy với vẻ lo ngại.

-Tony, – vị quý tộc gọi và ra hiệu cho tên hầu đến gần.

-Thưa Đức ông, tôi đây.

Và tên hầu đến ngay bên cạnh chủ.

-Anh có nhìn thấy người kia đang theo dõi chúng ta không?

-Thưa Đức ông có ạ.

-Hắn là ai thế?

-Thưa, tôi không biết ạ; tuy nhiên tôi thấy hắn đi theo chúa công từ Hoàng cung, dừng lại ở cung Louvre để đợi ngài ra, rồi từ cung Louvre đi theo ngài.

-Một tên do thám nào đó của giáo chủ chăng? – de Winter nói riêng với mình, – Này ta cứ làm như không biết hắn theo dõi.

Rồi thúc ngựa, ông dấn sâu vào trong mê lộ các phố xá dẫn đến khách sạn ông nghỉ ở phía đầm lầy.

Đã từng ở lâu quảng trường Hoàng gia, Milord de Winter rất tự nhiên trở về gần nơi ở cũ.

Kẻ lạ mặt cho ngựa phi nước đại.

De Winter đến khách sạn và lên phòng mình, tự nhủ là phải quan sát tên gián điệp. Nhưng ông vừa mới đặt đôi găng và cái mũ lên bàn, thì ông trông thấy trong chiếc gương trước mặt một người hiện lên ở ngưỡng cửa.

Ông quay lại thì Mordaunt đã ở trước mắt ông.

De Winter tái mặt và đứng yên còn Mordaunt đứng ở ngưỡng cửa vẻ lạnh lùng hăm doạ và giống hệt bức tượng nhà võ sĩ.

Một giây lat im lặng băng giá giữa hai người.

-Này ông – de Winter nói- tôi tưởng rằng đã làm cho ông hiểu rằng sự quấy nhiễu này làm tôi mệt mỏi. Hãy rút lui đi hoặc tôi sẽ gọi người đuổi ông ra ngay. Tôi không phải là bác của ông. Tôi không quen biết ông!

-Bác của tôi- Mordaunt đáp lại bằng giọng khàn khàn và giễu cợt – Ông lầm rồi, lần này ông sẽ không đuổi như ông đã làm ở London, ông chẳng dám. Còn việc chối bỏ tôi là cháu của ông, ông nghĩ đến việc đó hai lần, khi mà bây giờ rôi đã biết được khối điều mà cách đây một năm tôi chưa biết.

-Điều mà ông biết được can hệ gì đến tôi đâu! – de Winter nói.

-Ồ! Can hệ lắm chứ. Ông bác của tôi ạ, tôi chắc chắn như vây và lát nữa ông sẽ đồng ý với tôi ngay, – hắn nói thêm với một nụ cười làm ớn lạnh các mạch máu của người nghe. – Khi tôi đến nhà ông lần đầu tiên ở London là để hỏi ông về tài sản của tôi ra sao; khi tôi đến lần thứ hai là để hỏi ông cái gì đã bôi nhọ tên họ tôi. Lần này tôi đến đây là để hỏi ông một vấn đề khủng khiếp khác hẳn mọi vấn đề kia, để nói với ông như Chúa nói với kẻ giết người đầu tiên: "Cain, mày đã làm gì thằng em Abel của mày?"[237] Milord, ông đã làm gì em gái của ông, người em gái là mẹ của tôi ấy?

De Winter lùi bước trước ánh mắt nảy lửa ấy.

-Mẹ ông ư? – Ông nói.

-Phải mẹ tôi, – người thanh niên đáp và gật mạnh đầu.

De Winter cố gắng vùi mình trong ký ức để tìm một nỗi căm thù mới và ông kêu lên: -Cứ đi tìm kiếm xem bà ta ra sao, đồ khốn kiếp, và hãy xuống hỏi địa ngục có lẽ địa ngục sẽ trả lời ông đấy!

Người thanh niên liền tiến bước cho đến lúc mặt đối mặt với de Winter. Với nét mặt nhợt nhạt vì đau đớn và căm giận và giọng nói trầm trầm, Mordaunt, khoanh tay nói: -Tôi đã hỏi tên đao phủ ở Béthune, và tên đao phủ Béthune đã trả lời cho tôi biết.

De Winter ngồi phịch xuống ghế như bị sét đánh và muốn trả lời mà không được.

-Đúng thế, phải không? – Mordaunt nói tiếp, – Với từ đó mọi việc được cắt nghĩa, với chiêc chìa khoá đó, vực thẳm mở ra. Mẹ tôi được thừa kế chồng bà và ông đã ám sát mẹ tôi! Tên họ tôi bảo đảm cho tôi tài sản của cha tôi thì ông đã tước bỏ tên họ của tôi. Rồi khi đã tước bỏ tên họ của tôi, ông tước đoạt luôn cả tài sản của tôi. Bây giờ thì tôi chẳng còn lấy làm lạ vì sao ông từ chối thừa nhận tôi. Khi người ta đã là kẻ cưỡng đoạt mà gọi kẻ bị người ta làm cho nghèo khổ bằng cháu thì thật là khó coi, cũng như khi người ta đã là kẻ giết người mà đi gọi kẻ bị người ta làm cho mồ côi bằng cháu!

Những lời lẽ ấy gây một tác dụng trái hẳn lại điều mà Mordaunt chờ đợi. De Winter nhớ lại Milady là một con quái vật như thế nào. Ông trở lại trầm tĩnh và trịnh trọng, chịu dựng cái nhìn phẫn khích của người thanh niên bằng cái nhìn nghiêm khắc của mình. Ông nói: -Ông muốn đi sâu vảo cái điều bí mật ghê gớm ấy phải không?

-Thế thì được! Hãy hiểu rõ người đàn bà mà hôm nay ông đến đòi thanh toán với tôi. Người đàn bà ấy chắc chắn đã đầu độc em trai tôi. Và để thừa kế tôi mụ định ám sát cả tôi nữa; tôi có chứng cứ. Ông sẽ nói gì về điều đó?

-Tôi sẽ nói đó là mẹ tôi!

-Mụ ấy đã dùng bàn tay của một con người trước kia vốn tử tế, đứng đắn và trong sạch để đâm chết quận công de Buckingham đáng thương. Ông sẽ nói gì về tội ác đó mà tôi có đủ bằng chứng?

-Đó là mẹ tôi!

-Trở sang Pháp, đến tu viện các nữ tu sĩ Augustins ở Béthune, mụ đã đầu độc một thiếu phụ được một kẻ thù của mụ yêu mến. Tội ác ấy có khiến ông tin ở công lý của sự trừng phạt không? Tôi có bằng chứng về tội ác ấy?

-Đó là mẹ tôi! – Gã thanh niên gào lên đến lần thứ ba mà lần sau đều mạnh mẽ hơn lần trước.

Cuối cùng chứa chất đầy những tội giết người, những chứng dâm loạn, nhơ nhuốc trước mọi người và vẫn còn hung hăng đe doạ như một con báo khát máu, mụ đã quỵ trước búa rìu của những con người mà mụ đã làm cho khổ sở, mặc dầu họ chẳng hề làm tổn hại cho mụ một chút nào. Mụ đã tìm được những quan toà mà những âm mưu hại người xấu xa của mụ đã triệu đến. Và cái người đao phủ mà ông đã gặp, người đao phủ đã kể lại tất cả cho ông, ông chắc như vậy, nếu người đao phủ ấy đã kể hết cho ông, hẳn là ông ta đã phải nói rằng ông ta đã run lên vì vui sướng khi trả thù mụ về nỗi hổ nhục và vụ tự sát của em trai ông ta. Là người đàn bà hư hỏng, là người vợ ngoại tình, là đứa em bất mục, sát nhân, đầu độc, ghê tởm đối với mọi người biết mụ, đối với mọi dân tộc đã đón nhận mụ trong lòng mình, mụ ta chết bị cả đất trời nguyền rủa. Đấy, người đàn bà ấy là như vậy đó!

Một cơn nức nở còn mạnh hơn cả ý chí của Mordaunt xé họng anh ta và dồn máu lên khuôn mặt nhợt nhạt; anh ta nắm chặt tay, mặt ròng ròng mồ hôi tóc dựng tua tủa trên trán như tóc Hamlet anh ta thét lên vì điên giận nghiến ngấu:

-Ông hãy im đi! Đó là mẹ tôi! Những sự phóng túng của bà, tôi không biết; những tật xấu của bà, tôi không hay, những tội ác của bà, tôi không rõ! Nhưng điều mà tôi biết, ấy là tôi có một người mẹ ấy là năm người đàn ông hùa nhau chống lại một người đàn bà, giết chết bà một cách lén lút, giữa đêm khuya lặng lẽ, như những kẻ hèn nhát! Điều mà tôi biết là ông đã ở đó, thưa ông, là ông có mặt ở đó, ông bác của tôi ạ, và ông cũng nói như những kẻ khác và còn cao giọng hơn là khác: Mụ ta cần phải chết! Vậy thì tôi báo trước cho ông biết, ông hãy nghe cho kỹ những lời này và nó phải được khắc sâu trong trí nhớ của ông để ông không bao giờ quên: Vụ giết người này đã cướp đi của tôi tất cả, vụ giết người này đã làm cho tôi hư hại, tàn ác không nguôi, tôi đòi phải thanh toán món nợ này với ông trước hết, rồi đến những kẻ đồng loã của ông khi nào tôi biết rõ chúng.

Lửa căm thù trong ánh mắt, bọt sùi ra bên mép, nắm tay giơ ra, Mordaunt đã tiến thêm một bước, một bước khủng khiếp và đe dọa về phía de Winter.

De Winter đặt bàn tay lên chuôi kiếm và nói với nụ cười của người đã từng ba mươi năm đùa giỡn với cái chết.

-Ông muốn ám sát tôi phải không? Thế thì tôi sẽ thừa nhận ông là cháu tôi, vì ông đúng là con trai của mẹ ông.

Mordaunt cố bắt những thớ thịt trên khuôn mặt mình, những cơ bắp trong người mình trở lại vị tri cũ và lặn đi, rồi nói: -Không, tôi sẽ không giết ông. Ít ra là trong lúc này, bởi vì mất ông tôi sẽ không phát hiện ra những kẻ kia. Nhưng khi nào tôi biết rõ chúng, thì ông hãy run sợ; tôi đã đâm tên đao phủ xứ Béthune, tôi đã đâm hắn không thương hại, không dung tha, mà đấy là kẻ phạm tội ít nhất trong tất cả bọn ông.

Dứt lời người thanh niên đi ra và xuống cầu thang một cách bình thản để khỏi bị chú ý, rồi khi xuống đến thềm dưới, anh ta đi qua trước mặt Tony, hắn đang cúi mình xuống lan can và chỉ đợi một tiếng kêu của chủ là lên ngay với ông.

Nhưng de Winter không gọi. bải hoải, rã rời, ông vẫn đứng nguyên và lắng tai nghe; rồi chỉ đến lúc nghe tiếng vó ngựa xa dần, ông mới buông mình xuống ghế mà nói: -Lạy Chúa Xin cảm ơn Người, vì hắn mới chỉ biết có mình tôi.

§43. Tình phụ tử

Trong khi cái cảnh khủng khiếp kia diễn ra ở nhà Lord de Winter, thì Arthos ngồi bên cửa sổ phòng mình khuỳnh tay tì lên bàn đầu nghiêng trên bàn tay, đang nghe cả bằng tai và bằng mắt Raoul kể lại những chuyện phiêu lưu trong chuyến viễn du và những chi tiết của trận đánh.

Khuôn mặt tuấn tú và thanh cao của vị quý tộc biểu hiện một niềm hạnh phúc khôn tả trước câu chuyện kể bằng những nỗi xúc động đầu tiên thật là tươi mát và thuần khiết. Arthos nuốt từng âm thanh của giọng nói ấu thơ đã biết say sưa với những tình cảm đẹp đẽ giống như người ta thưởng thức một khúc nhạc du dương. Anh đã quên đi những gì là u ám trong quá khứ, là vẩn vũ trong tương lai.

Dường như sự trở về của đứa trẻ thân yêu ấy đã biến cả những nỗi lo sợ kia thành những niềm hy vọng. Arthos sung sướng, sung sướng như chưa từng bao giờ được như vậy.

-Bragelonne, thế anh đã chứng kiến và tham dự vào trận đánh lớn ấy à? – Người lính cựu ngự lâm hỏi.

-Thưa ông, vâng.

-Anh nói trận đánh gay go lắm phải không?

-Ngài Hoàng thân đã thân chinh công kích mười một lần.

-Đó là một nhà quân sự vĩ đại, Bragelonne ạ.

-Đó là một vị anh hùng, thưa ông. Tôi không rời mắt khỏi ngài một lúc nào. Ôi! Thưa ông, thật là đẹp đẽ biết bao được có tên gọi là Condé… và được mang tên Ngài như vậy!

-Bình tĩnh và huy hoàng phải không?

-Bình tĩnh như trong một cuộc duyệt binh và huy hoàng như trong một lễ hội. Khi chúng tôi tiếp cận quân thù là vẫn đi bước thường; có lệnh cấm chúng tôi nổ súng trước và chúng tôi cứ tiến thẳng đến quân Tây Ban Nha, chừng ở trên một điểm cao súng kẹp bên đùi. Đến cách chúng ba chục bước. Hoàng thân quay lại phía binh lính mình và nói: "Hỡi các con, các con sắp phải chịu một loạt đạn điên cuồng, nhưng sau đó hãy yên trí, các con sẽ làm có chúng nó". Lúc ấy chiến trường im phăng phắc cả ta và địch đều nghe rõ những lời đó. Rồi vung kiếm lên ngài hô: "Thổi kèn lên!".

-Hay, hay… Trong trường hợp như vậy, anh cũng sẽ làm như thế chứ, Raoul?

-Tôi e khó, thưa ông, yì tôi thấy điều ấy thật là đẹp đẽ và lớn lao quá. Khi còn cách hai chục bước, chúng tôi thấy những nòng súng trường chỉa xuống như một đường kẻ lấp lánh vì phản chiếu ánh nắng mặt trời. "Đi bước thường, các con, đi bước thường, – Hoàng thân nói, – Đây là lúc …"

-Anh có sợ hãi không, Raoul? – Bá tước hỏi.

-Thưa ông, có chứ, – chàng thanh niên thật thà đáp, tôi thấy lạnh buốt trong tim và khi nghe tiếng "Bắn!" bằng tiếng Tây Ban Nha trong hàng ngũ địch, tôi nhắm nghiền mắt lại và nghĩ đến ông.

-Thật chứ, Raoul – Arthos nói và siết chặt tay anh.

-Thưa ông, vâng. Cùng lúc ấy một tiếng nổ dữ dội vang lên tưởng như địa ngục đang mở ra và những ai không bị giết đều cảm thấy lửa nóng rát. Tôi mở mắt ra, ngạc nhiên thấy mình không chết hoặc ít ra, cũng bị thương; một phần ba đội kỵ binh ngã lăn ra đất, tơi tả máu me. Lúc ấy tôi gặp ánh mắt Hoàng thân; tôi chỉ còn nghĩ đến một điều là ngài nhìn tôi. Tôi thúc ngựa va xông vào giữa hàng ngũ quân thù.

-Hoàng thân có nói gì với anh không?

-Khi Hoàng thân sai tôi đi theo theo đội ngũ Paris với ông de Châtillon mang tin tức này và những lá cờ địch thu được về dâng hoàng hậu. Ít ra Hoàng thân đã nói với tôi như thế này: "Cứ đi đi, quân địch sẽ không tập hợp được trong vòng mười lăm ngày. Từ giờ đến đó tôi chưa cần đến anh. Anh hãy về ôm hôn nhưng người mà anh yêu mến và yêu mến anh. Và hãy nói với cô em de Longueville của tôi rằng tôi cảm ơn cô về món quà mà cô tặng tôi khi giao anh cho tôi. Và thưa ông, tôi đã về đây

Raoul nói thêm và nhìn bá tước với nụ cười yêu thương sâu sắc vì tôi nghĩ rằng ông sẽ rất vui lòng gặp lại tôi.

Arthos kéo chàng thanh niên về mình và hôn lên trán anh như đối với một cô con gái.

-Như thế là, – Arthos nói, – anh đã được vang danh lên rồi đó, Raoul ạ! Anh đã có những công tước là bạn bè, một vị thống chế Pháp quốc làm cha nuôi, một thân vương là chỉ huy và trong cùng một hôm trở về anh được hai bà Hoàng hậu tiếp đón: thật là tuyệt diệu đối với một lính dự bị

-À! Thưa ông, – Raoul bỗng nhiên reo lên, – Ông làm tôi nhớ đến một việc mà tôi lãng quên trong lúc vội vã kể lại những chiến công của mình. Ấy là trong lúc ở chỗ Hoàng hậu Anh quốc, có một vị quý tộc khi tôi nói đến tên ông đã thốt lên một tiếng reo kinh ngạc và mừng rỡ. Ông ấy nói là bạn của ông, hỏi địa chỉ của ông và bảo sẽ đến thăm ông.

-Tên ông ta là gì?

-Thưa ông tôi không dám hỏi ông ta nhưng mặc dầu ông ta nói năng rất lịch sự, qua giọng nói, tôi đoán ông ta là người Anh.

-A! – Arthos kêu lên.

Và đầu anh cúi xuống như để tìm một kỷ niệm. Rồi khi anh ngẩng đầu lên: sự hiện diện của một người đứng trước cánh cửa hé mở đập vào mắt anh. Ông ta nhìn anh với vẻ cảm động.

-Lord de Winter – Bá tước reo lên – Ôi, bạn của tôi!

Và hai nhà quý tộc ôm hôn nhau giây lát. Rồi Arthos nắm lấy hai bàn tay ông nhìn ông và hỏi: -Ông có điều gì vậy. Tôi đang vui vẻ ba nhiêu thì trông ông buồn rầu bấy nhiêu?

-Phải đúng thế, bạn thân mến ạ, và tôi có thể nói là hơn thế nữa kia; vì rằng trông thấy ông nỗi lo sợ của tôi còn tăng lên gấp đôi.

Và de Winter nhìn xung quanh mình như để tìm sự vắng vẻ.

Raoul hiểu rằng hai người bạn càn nói chuyện riêng nên tự rút lui ra ngoài một cách lặng lẻ: -Nào, bây giờ còn có hai ta – Arthos nói – Ta hãy nói chuyện về ông.

-Trong khi có riêng mình chúng ta, hãy nói chuyện về chúng ta. – Lord de Winter đáp – Hắn đang ở đây!

-Ai?

-Con trai Milady.

Arthos lại lần nữa bị xúc động bởi cái tên nó theo đuổi anh như một tiếng vang không tránh khỏi, ngập ngừng một lát, khẽ chau mày rồi nói bằng một giọng bình thản.

-Tôi có biết.

-Ông biết rồi à?

-Phái, Grimaud đã gặp hắn ở quãng giữa Béthune và Arras và bác chạy ngay về đây để báo cho tôi biết về sự xuất hiện của hắn.

-Grimaud biết hắn à?

-Không, nhưng bác ta đã đứng bên giường một người sắp chết có biết hắn ta.

-Người đao phủ Béthune! – Winter kêu lên.

-Ông biết chuyện đó à? – Arthos ngạc nhiên hỏi.

-Hắn vừa mới rời khỏi chỗ tôi, – Winter đáp, – hắn đã nói hết với tôi rồi! Bạn ơi, thật là một cảnh ghê gớm! Sao chúng ta không bóp chết đứa con cùng với mẹ nó nhỉ!

Giống như mọi bản chất cao thượng. Arthos không truyền lại cho người khác những ấn tượng buồn phiền mà anh cảm nhận. Trái lại, anh hấp thụ chúng vào mình và bắt trả lại thay vào chỗ chúng những hy vọng và niềm an ủi. Dường như những đau khổ riêng tư của anh khi ra khỏi tâm hồn được biến thành những nỗi vui mừng cho những người khác.

Nỗi kinh hoàng tự nhiên mà anh cảm thấy lúc ban đầu bị sự suy luận xua tan, anh nói: -Ông lo sợ cái gì cơ chứ? Chúng ta ở đây chẳng phải để tự bảo vệ mình sao? Cái gã trẻ tuổi ấy phải chăng là một kẻ ám sát chuyên nghiệp, một tên uống máu người không tanh? Hắn có thể đã giết đao phủ Béthune trong một cơn cuồng loạn, nhưng giờ đây cơn thịnh nộ của hắn đã nguôi.

De Winter mỉm cười buồn bã lắc đầu và nói: -Ông không còn biết cái máu của nó nữa sao?

-Ô hay! – Arthos gượng cười nói. – Sang thế hệ thứ hai nó đã mất bớt tính hung bạo rồi. Vả chăng, bạn ơi, Thượng đế đã báo trước cho chúng ta để đề phòng rồi. Chúng ta chẳng thể làm gì khác hơn là chờ đợi. Ta hãy chờ đợi. Nhưng, như tôi nói lúc đầu ấy, ta hãy nói về ông đi. Cái gì đã dẫn ông tới Paris?

-À một vài việc quan trọng mà ông sẽ biết sau. Nhưng sao tôi nghe nói bên chỗ Hoàng hậu Anh quốc rằng ông d'Artagnan thuộc phe Mazarin. Xin bạn hãy tha thứ cho cái tính thẳng thắn của tôi. Tôi chẳng thù ghét mà cũng chẳng chê trách gì giáo chủ, và ý kiến của ông đối với tôi bao giờ chẳng là thiêng liêng. Liệu ngẫu nhiên mà ông có ở phe giáo chủ không?

-Ông d'Artagnan đang ở trong quân ngũ, – Arthos nói. – Ông ta là người lính và phải phục tùng quyền lực thiết chế. Ông d'Artagnan không giàu có và cần sinh sống bằng cấp bậc trung uý của mình. Những nhà triệu phú như ông ở Pháp hiếm lắm, Milord ạ.

-Than ôi. – De Winter nói, – tôi cũng nghèo bằng và còn nghèo hơn ông ta. Nhưng ta hãy trở lại chuyện ông đi.

-Nào! Ông muốn biết tôi có phải người phe Mazarin không ư? Không, nghìn lần không- Cũng xin Milord tha thứ cho các tính thẳng thắn của tôi.

De Winter đứng lên và siết chặt Arthos trong vòng tay mình.

-Xin cảm ơn Bá tước, – Ông nói, – Xin cảm ơn về cái tin vui này.

-Ông có thấy tôi vui mừng và trẻ hẳn ra không? À! Ông không phải người phải Mazarin – Hay lắm! Với lại điều kiện ấy là không thể có được Nhưng, xin lỗi ông lần nữa nhé, ông có tự do không?

-Ông muốn nói tự do là thế nào?

-Tôi muốn hỏi ông có vợ không?

-A! Về chuyện đó thì không – Arthos mỉm cười nói.

-Nghĩa là cái cậu thiếu niên thật là khôi ngô, thật là phong nhã, thật là duyên dáng kia…

-Là một đứa trẻ mà tôi nuôi nấng từ bé, mà nó cũng không biết biết cả cha nó nữa.

-Tốt lắm. Ông vẫn như xưa. Arthos oai phong và hào hiệp.

-Nào, Milord, ông cần hỏi gì tôi?

-Ông vẫn còn Porthos và Aramis là bạn chứ?

-Và thêm vào d'Artagnan, Milord ạ. Chúng tôi vẫn là bốn người bạn hết lòng vì nhau như xưa kia; nhưng nếu là chuyện phụng sự giáo chủ hay chống lại ông ta, là người Mazarin hay Fronde, thì chúng tôi chỉ có hai thôi.

-Ông Aramis cùng phe với d'Artagnan à? – Lord de Winter hỏi.

-Không, – Arthos nói, – Ông Aramis cho tôi cái vinh hạnh là chia sẻ niềm tin với tôi.

-Ông có thể giúp tôi liên lạc với người bạn đến là phong nhã và trí tuệ ấy không?

-Tất nhiên, khi nào ông thấy thích hợp.

-Ông ta có thay đổi gì không?

-Ông ta làm tu viện trưởng, có thế thôi.

-Ông đã làm tôi kinh hãi đấy. Nghề nghiệp ấy buộc ông ta từ chối những chuyện mưu đồ lớn.

-Trái hẳn lại, – Arthos mỉm cười nói, – Chưa bao giờ ông ta lại mang chất ngự lâm quân nhiều đến thế kể từ khi ông ta là tu viện trưởng và ông sẽ tìm thấy ở ông ta một Galaor thực sự. Ông có muốn để tôi bảo Raoul đi tìm ông ấy không?

-Cảm ơn Bá tước có thể sẽ không tìm thấy ông ấy ở nhà vào giờ này Nhưng ông có thể đảm bảo về ông ta…

-Như về chính tôi.

-Ông có thể hẹn ông ấy đến với tôi vào mười giờ sáng mai trên cầu cung Louvre được không?

-À, à! – Arthos nói ông có một cuộc đấu kiếm.

-Vâng, thưa Bá tước, một cuộc đấu kiếm đẹp đẽ, một cuộc đấu kiếm mà tôi hy vọng các ông sẽ có mặt.

-Chúng ta sẽ đi đâu. Milord?

-Tới chỗ Hoàng hậu Anh quốc. Lệnh bà có sai tôi giới thiệu các ông với Lệnh bà, bá tước ạ!

-Hoàng hậu biết tôi sao?

-Chính là tôi biết ông.

-Bí ẩn. – Arthos nói. – nhưng không sao, khi mà ông đã hiểu cách phải xử trí thì tôi không hỏi gì thêm đâu. Milord. Ông có ban cho tôi cái vinh hạnh được ăn tối cùng ông không?

-Cám ơn Bá tước, – de Winter nói – xin thú thật là cuộc viếng thăm của gã thanh niên ấy khiến tôi mất cả đói và chắc chắn là mất cả ngủ nữa. Hắn đến Paris để thực hiện một việc gì đó? Chẳng phải hắn đến để gặp tôi vì hắn không biết chuyến đi của tôi. Bá tước ạ, gã thanh niên ấy làm tôi kinh hãi, trong người nó có một tương lai đầy máu.

-Hắn làm gì ở bên Anh?

-Đó là một trong những tin đồ cuồng nhiệt nhất của Olivier Cromwell.

-Cái gì đã gắn nó với lý tưởng ấy? Mẹ và bố nó đều là tín đồ Gia-tô giáo cơ mà?

-Hắn căm thù nhà vua.

-Căm thù nhà vua?

-Phải, vì nhà vua đã tuyên bố hắn là đứa con hoang, tước đoạt hết của cải của hắn và cấm hắn mang họ de Winter.

-Thế tên hắn là gì?

-Mordaunt.

-Một tên thanh giáo cải trang làm mục sư, đi lang thang một mình trên các đường cái nước Pháp.

-Ông bảo hắn cải trang làm mục sư à?

-Phải, ông không biết sao?

-Tôi chỉ biết những điều nó nói ra mà thôi.

-Xin Chúa tha thứ nếu tôi có báng bổ, cũng vì vậy và do tình cờ hắn đã nghe lời xưng tội của đao phủ xử Béthune.

-Vậy thì tôi đoán ra cả rồi: hắn do Cromwell phái đến.

-Phái đến ai?

-Đến Mazarin; và hoàng hậu đã đoán đúng, chúng tôi đã bị vượt trước; bây giờ mọi việc đều sáng tỏ ra với tôi rồi. Xin tạm biệt bá tước, hẹn ngày mai.

Trông thấy Lord de Winter xao xuyến vì một nỗi lo ngại mà ông không muốn để lộ ra, Arthos nói: -Trời tối lắm mà hình như ông không có người hầu.

-Tôi có Tony, một đứa rất tốt, nhưng thật thà.

-Ơ này! Olivain, Grimaud, Blaisois, hãy mang súng trường theo và gọi tử tước lên đây.

Blaisois là gã thanh niên cao lớn trông nửa thằng hầu nửa nông dân mà chúng ta đã thoáng trông thấy ở lâu đài Bragelonne lúc hắn vào báo là bữa trưa đã dọn xong, và Arthos đã lấy tên tỉnh nhà đặt tên cho hắn.

Năm phút sau, Raoul vào.

-Này tử tước, – Arthos bảo, – anh hộ tống Milord về khách sạn của ông và không được để ai lại gần nhé!

-A! Thưa bá tước, – Winter nói, – Ông coi tôi là người thế nào vậy?

-Như một người khách nước ngoài chưa hề biết Paris, – Arthos đáp, và tử tước sẽ dẫn đường.

De Winter siết tay anh.

-Grimaud, – Arthos bảo, – bác dẫn đầu đoàn và coi chừng tên mục sư đấy?

Grimaud rùng mình rồi gật đầu và vừa chờ đợi lên đường vừa vuốt ve báng súng với một vẻ hùng hồn im lặng.

-Xin hẹn gặp lại bá tước ngày mai.

-Vâng, thưa Milord.

Toán người đi theo phố Saint Louis. Olivain run như Sosie[238] khi thấy một tia sáng khả nghi. Blaisois khá vững vàng vì hắn không biết là đang có một mối nguy hiểm nào đó. Tony hết nhìn trái lại nhìn phải, nhưng chẳng thể nói một lời, vì không biết tiếng Pháp.

Grimaud, theo lệnh Arthos dẫn đầu đoàn người tay cầm đuốc, tay mang súng, đi tới trước khách sạn ông de Winter ở, lấy tay đấm cửa và khi thấy có người ra mở cửa rồi, thì chào Milord mà chẳng nói câu nào.

Lượt trở về cũng vậy: Cặp mắt sắc của Grimaud không nhìn thấy gì khả nghi ngoài một bóng đen nấp ở góc phố Guénégaud và đường kế. Cái kẻ rình mò đêm ấy khiến bác chú ý. Bác thúc ngựa về phía nó thì cái bóng đã biến mất trong một ngõ hẻm mà bác nghĩ chẳng dại gì dấn mình vào đó.

Người ta báo cáo với Arthos về việc hoàn thành chuyến đi; và do lúc ấy đã mười giờ đêm, ai nấy trở về phòng mình.

Sáng hôm sau khi mở mắt ra thì chính bá tước đến lượt mình trông thấy Raoul ở chân giường. Chàng thanh niên đã ăn mặc chỉnh tề và đang đọc một cuốn sách mới của Chapelain.

-Dậy rồi à, Raoul? – bá tước hỏi.

-Vâng, thưa ông, – chàng thanh niên hơi ngập ngừng đáp, – Đêm qua tôi khó ngủ.

-Raoul! Anh mà khỏ ngủ ư? – Arthos hỏi. – Có điều gì khiến anh bận tâm chăng?

-Thưa ông, ông sắp sửa nói rằng tôi vừa mới về chưa được bao lâu mà đã vội vã từ biệt ông, nhưng…

-Anh chỉ được nghỉ có hai ngày mà thôi à?

-Trái lại, thưa ông, tôi được nghỉ những mười ngày, song không phải là tôi muốn trở lại trại ngay đâu.

Arthos mỉm cười: -Vậy thì tử tước đi đâu, trừ phi đó là một điều bí mật! Anh hầu như đã thành người lớn rồi đó, bởi vì anh đã tham gia những trận chinh chiến đầu tiên, và anh có quyền muốn đi đâu thì đi, mà không cần phải hỏi tôi.

-Thưa ông, – Raoul đáp – Chừng nào mà tôi còn có diễm phúc có ông làm người che chở, tôi sẽ không bao giờ cho rằng mình có quyền tự giải thoát khỏi một sự bảo hộ thật là thân thiết đối với tôi. Tôi chỉ muốn về qua Blois một hôm thôi. Ông nhìn tôi và sắp cười.

-Không, trái lại – Arthos vừa nói vừa nén một tiếng thở dài. – Tôi không cười đâu, tử tước ạ?

-Vậy ông cho phép chứ ạ? – Raoul vui mừng reo lên.

-Chắc chắn là như thế, Raoul.

-Trong thâm tâm ông không buồn phiền chứ?

-Không chút nào cả. Tại sao tôi buồn phiền về cái điều nó làm cho anh thích cơ chứ?

-A! Ông tốt bụng quá? – Chàng thanh niên thốt lên và làm một động tác như muốn nhảy lên bả lấy cổ Arthos, nhưng sự cung kính ngăn anh ta lại.

Arthos giang tay ra với anh.

-Như vậy tôi có thể đi ngay chứ?

Raoul đi mấy bước chợt nói: -Thưa ông, tôi nghĩ đến một điều, ấy là bà công tước de Chevreuse rất tốt đối với tôi, chính nhờ bà mà tôi được giới thiệu với Hoàng thân.

-Và anh đến cảm ơn bà chứ gì?

-Nhưng thưa ông, việc ấy cũng do ông quyết định.

-Raoul, anh hãy ghé qua Luynes và hỏi xem bà công tước có tiếp anh được không. Tôi rất vui lòng thấy anh không quên giữ lễ tiết. Anh hãy kêu Grimaud và Olivain đi theo.

-Cả hai ư, thưa ông? – Raoul ngạc nhiên hỏi. Rồi anh chào và đi ra.

Nhìn Raoul đóng cửa lại và nghe anh gọi Grimaud và Olivain với cái giọng vui mừng và ngân vang, Arthos thở dài.

-Từ giã ta nhanh quá, – Arthos vừa nghĩ vừa lắc đầu, nhưng nó tuân theo quy luật chung. Bản chất đã sinh ra như vậy, nó nhìn về phía trước. Dứt khoát là nó yêu con bé ấy, nhưng có phải vì yêu người khác mà nó yêu ta kém đi không?

Arthos tự thú nhận rằng mình không ngờ đến sự ra đi vội vã ấy; nhưng Raoul thật là vui sướng, đến nỗi mọi thứ trong tâm trí Arthos bị xoá nhoà đi trước cái duyên cớ ấy.

Đến mười giờ mọi thứ đã sẵn sàng cho việc ra đi. Khi Arthos nhìn Raoul lên ngựa thì thấy một tên hầu do bà de Chevreuse phái đến chào anh. Hắn được sai đến nói với bá tước de La Fère rằng bà công tước đã biết tin cậu thanh niên được bà che chở đã trở về và biết cả tinh thần thái độ của cậu trong chiến trận ra sao, bà rất vui lòng gửi đến cậu những lời chúc mừng.

-Hãy thưa với bà công tước, – Arthos đáp, – rằng tử tước đang lên ngựa để đi đến dinh Luynes.

Rồi sau khi lại dặn dò Grimaud rất cẩn thận, Arthos giơ tay ra hiệu cho Raoul có thể đi.

Vả chẳng suy nghĩ đi suy nghĩ lại, Arthos thấy rằng để cho Raoul xa Paris lúc này có lẽ cũng chẳng gì tai hại.

§44. Lại một Hoàng hậu cần sự giúp đỡ

Ngay từ sáng Arthos đã báo tin cho Aramis. Anh giao thư cho Blaisois tên đầy tớ duy nhất còn ở nhà. Hắn tìm thấy Bazin mặc áo phụ thủ hôm ấy đang phiên trực ở Nhà thờ Đức Bà.

Arthos đã dặn Blaisois cố gặp riêng Aramis. Nhưng hắn vốn là một tên gà tồ ngốc nghếch chỉ biết sai gì làm nấy nên đã tìm hỏi tu viện trưởng d'Herblay. Bazin thì khăng khăng nói là chủ mình không có nhà, còn Blaisois thì nằng nặc đòi gặp khiến Bazin phát khùng. Thấy Bazin mặc lễ phục của người nhà thờ, Blaisois tưởng rằng bác ta có mọi đức tính của bộ quần áo ấy tức là tính kiên nhẫn và lòng nhân từ Thiên chúa giáo, cho nên hắn chẳng ngại ngùng lắm vì những lời chối từ và muốn vào phía trong.

Nhưng Bazin bao giờ cũng là người hầu của ngự lâm quân khi máu đã bốc lên hai con mắt ốc nhồi của bác, liền vớ lấy một cái cán chổi và vụt túi bụi vào Blaisois mà bảo: -Anh đã lăng mạ nhà thờ, anh bạn ạ, anh đã lăng mạ nhà thờ.

Nghe tiếng ồn ào khác thường ấy, Aramis thận trọng hé cánh cửa phòng ngủ ra và xuất hiện.

Thế là Bazin kính cẩn dựng cái chổi lên như bác đã thấy tên lính gác Thụy Sĩ dựng cây giáo lên ở Nhà thờ Đức Bà. Còn Blaisois vừa nhìn con chó ngao với vẻ trách móc vừa móc túi lấy bức thư đưa cho Aramis.

-Của bá tước de La Fère phải không? – Aramis hỏi. – Tốt lắm.

Rồi anh trở vào chẳng buồn hỏi duyên cớ của tiếng ồn ào đó.

Blaisois rầu rĩ trở về khách sạn Grand-Roi-Charlemagne. Arthos hỏi hắn tình hình và hắn kể lại câu chuyện vừa xảy ra.

-Đồ ngốc – Arthos cười nói – Thế mày không báo là do tao sai mày đến à?

-Thưa, không ạ.

-Thế khi Bazin đã biết rõ rồi, thi hắn nói sao?

-A, thưa ông, bác ta xin lỗi đủ điều và bắt tôi phải uống cạn hai chén rượu muscat và ăn mấy cái bánh quy nhúng rượu ngon tuyệt. Nhưng cũng vậy thôi, bác ta ác như quỷ. Thể mà cũng làm phụ với thủ,

-Được – Arthos nghĩ, – Aramis đã nhận thư ta rồi thì bận đến mấy cũng sẽ đến.

Mười giờ, với tính chính xác đã thành thói quen, Arthos đã có mặt ở cầu Louvre. Cùng lúc ấy, Milord de Winterr đến.

Họ đợi gần mười phút, Milord de Winter bắt đầu lo Aramis không đến.

-Yên trí, – Arthos nói anh đăm đăm nhìn về phía đường Bến phà.

-Yên trí, kìa một tu sĩ đang nện một quả đấm vào mặt một người đàn ông và cúi chào một người đàn bà chắc hắn là Aramis rồi

Quả thật đúng là Aramis. Một gã thị dân trẻ đang đứng ngơ ngẩn giữa đường và làm vấy bùn lên người anh, anh tống cho hắn một quả đấm bắn xa đến mười bước. Cùng lúc một trong những kẻ sám hối của anh đi qua, và vì đấy là một thiếu phụ trẻ và đẹp, anh chào cô ta bằng nụ cười duyên dáng nhất.

Lát sau Aramis tới.

Chúng ta biết chắc rằng anh và Milord de Winter ôm hôn nhau da diết.

-Ta đi đâu bây giờ? – Aramis hỏi, – có phải sẽ đánh nhau ở chỗ kia không? Mẹ kiếp. Sáng nay tôi không mang kiếm, tôi phải về nhà lấy mới được.

-Không, – Lord de Winter đáp – chúng ta đến thăm Lệnh bà Hoàng hậu Anh quốc.

-A! Hay lắm! – Aramis nói, rồi anh ghé tai Arthos và hỏi – Cuộc viếng thăm có mục đích gì vậy?

-Thực tình, mình cũng không biết gì cả. Có lẽ người ta yêu cầu chúng ta một sự biểu thị nào đó.

-Phải chăng về cái việc phải gió ấy? – Aramis nói.

-Trong trường hợp ấy, tôi chẳng muốn đến làm gì, vì đến lại để nhận mấy lời giáo huấn; mà từ khi tôi ban những lời giáo huấn cho kẻ khác thì tôi chẳng muốn nhận làm gì.

-Nếu là như vậy, thì Milord de Winter sẽ chẳng dẫn chúng ta đến Hoàng hậu, vì ông ấy cũng sẽ có phần. Ông ấy cùng phe với chúng ta đấy.

-À có thế thật. Vậy thì ta đi nào.

Đến cung Louvre, Milord de Winter đi vào trước, vả chăng cũng chỉ có mỗi một người gác cổng. Trong ánh sáng ban ngày, Arthos, Aramis và cả người Anh đều có vẻ nhận xét thấy cảnh tiêu điều kinh khủng của cư xá mà một lòng từ thiện bủn xỉn dành cho bà hoàng hậu khốn khổ. Những gian phòng thênh thang trơ trụi chẳng còn đồ đạc tường long lở lác đác những đoạn đường gờ thếp vàng vẫn còn cầm cự trước sự bỏ hoang, các cửa sổ không còn đóng lại được và mất cả kính; không có thảm rải, không có lính canh, không có người hầu: đó là cái đầu tiên đập vào mắt Arthos và anh lặng lẽ nhắc cho bạn biết bằng cách lấy khủy tay hích vào người bạn và trỏ cho bạn mình xem cảnh tượng khốn cùng hiện ra trước mắt.

-Mazarin ở tốt hơn nhiều, – Aramis nói.

-Mazarin hầu như là vua, – Arthos nói, – còn bà Henriette hầu như không phải là hoàng hậu nữa.

-Arthos này, – Aramis nói, – anh không thiết đấy thôi, chứ nếu anh muốn tỏ ra có chất hóm hỉnh thì tôi tin chắc rằng anh sẽ có nhiều hơn cái lão de Voiture khốn khổ ấy.

Arthos mỉm cười.

Hoàng hậu có vẻ chờ đợi sốt ruột lắm, vì mới nghe tiếng động đầu tiên ở gian phòng kế trước gian trong mình, bà đã đích thân ra khỏi ngưỡng cửa để đón những cận thần trong cơn hoạn nạn của bà.

Bà nói.

-Mời vào, và xin có lời hoan nghênh các ông.

Các nhà quý tộc vào và vẫn đứng; nhưng hoàng hậu ra hiệu ngồi và Arthos làm theo. Anh vẫn nghiêm trang và điềm tĩnh, nhưng Aramis tỏ vẻ giận dữ: cái cảnh cùng quẫn vương giả ấy khiến anh phẫn nộ, cặp mắt anh xem xét mỗi dấu vết mới của sự khôn khó mà anh nhận thấy.

-Ông xem xét cảnh xa hoa của tôi đấy ư? – bà Henriette nói và đưa cặp mắt buồn rầu nhìn quanh mình.

-Thưa bà, – Aramis nói – xin Lệnh bà miễn thứ, chứ tôi không thể che giấu nỗi bất bình khi nhìn thấy người ta đối xử với con gái của vua Henri IV ở trong cung đình nước Pháp như thế này.

-Ông đây không phải là kỵ sĩ à? – Hoàng hậu hỏi Milord de Winter.

-Ông đây là tu viện trưởng D'Herblay – de Winter đáp.

Aramis đỏ mặt.

-Thưa bà, – Aramis nói, – tôi là tu viện trưởng, đúng thế, nhưng bất đắc dĩ chưa bao giờ tôi có thiên hướng làm tu viện trưởng, cái áo choàng tu sĩ này của tôi chỉ dính vào bằng một chiếc cúc và tôi luôn luôn sẵn sàng trở lại làm ngự lâm quân. Sáng nay do không biết có vinh dự được vào yết kiên Lệnh bà, nên tôi khoác quàng khoác quấy bộ y phục này, nhưng không phải vì thế mà kém là một người mà Lệnh bà sẽ thấy là tận tụy nhất để phụng sự Lệnh bà trong bất cứ công việc gì mà Lệnh bà sai khiến.

-Ông hiệp sĩ D'Herblay, – de Winter nói tiếp, – là một trong những ngự lâm quân dũng cảm của đức Hoàng thượng Louis XIII mà tôi đã kể với Lệnh bà… – Rồi quay về phía Arthos ông nói – Còn đây là bá tước de La Fère cao quý mà danh tiếng lẫy lừng Lệnh bà đã biết rõ.

-Thưa các ông, – Hoàng hậu nói – cách đây mấy năm, tôi có ở quanh mình những nhà quý tộc, những kho vàng, những quân đội; tôi chỉ vẫy tay một cái là tất cả được dùng cho công việc của tôi. Còn bây giờ, các ông hãy nhìn quanh tôi xem điều này hẳn làm các ông bất ngờ, nhưng để thực hiện một ý đồ cứu vớt cuộc đời tôi, tôi chỉ có Milord de Winter, một người bạn hai mươi năm và các ông đây mà tôi mới gặp lần đầu và chỉ biết là những người đồng bào của mình.

-Thưa Lệnh bà, – Arthos cúi rạp mình nói, – Thế là đủ rồi, nếu như tính mạng của ba con người có thể chuộc lại tính mạng của Lệnh bà.

-Xin đa tạ các ông, – Hoàng hậu nói tiếp. Nhưng xin các ông hãy nghe đây, tôi không những là hoàng hậu khốn khổ nhất là còn là người mẹ bất hạnh, người vợ tuyệt vọng nhất. Các con tôi ít ra là hai người, quận công d'York và công chúa

Charlotte đều ở xa tôi và phơi mình ra trước những đòn của kẻ thù vả bọn tham vọng. Đức vua chồng tôi thì đang kéo lê lết bên Anh một cuộc sống vô cùng đau khổ mà chắc sẽ không ngoa khi nói chắc với các ông rằng chồng tôi tìm kiếm cái chết như một điều đáng ao ước. Đây các ông xem bức thư mà chồng tôi nhờ Milord de Winter mang đến cho tôi. Hãy đọc đi.

Arthos và Aramis xin lỗi.

-Cứ đọc đi mà, – Hoàng hậu nói.

Arthos cất cao giọng đọc bức thư mà chúng ta đã biết và trong đó vua Charles hỏi xem liệu ông có được đón nhận ở Pháp hay không.

-Thế nào? – Arthos hỏi sau khi đọc xong thư.

-Thế đấy! Lão ta từ chối, – Hoàng hậu đáp.

Hai người bạn trao đổi với nhau một nụ cười khinh bỉ.

-Thưa bà, thế bây giờ phải làm gì ạ? – Arthos hỏi.

-Các ông có chút lòng thương cảm đối với bao nỗi khổ cực như thế không? – Hoàng hậu xúc động nói.

-Tôi xin thưa với Lệnh bà rằng: Lệnh bà muốn ông D'Herblay và tôi phải làm gì để phụng sự Lệnh bà, chúng tôi xin sẵn sàng.

-Ôi! Quả thật ông là một tấm lòng cao quý! – Hoàng hậu reo lên với một giọng nói ra bằng lòng biết ơn, trong khi Milord de Winter nhìn bà như có vẻ muốn nói: Tôi đã chẳng bảo đảm với bà về hai vị này đó sao?

-Thế còn ông? – Hoàng hậu hỏi Aramis.

-Về tôi thì thưa bà, – Aramis đáp, bất kỳ ông bá tước đi đâu, dù là đi đến chỗ chết, tôi cũng đi theo mà không hỏi vì sao; nhưng khi đã là việc phụng sự Hoàng thượng, thì tôi xin đi trước bà tước,

Aramis nói thêm và nhìn hoàng hậu với tất cả vẻ duyên dáng của tuổi trẻ.

-Các ông ơi, – hoàng hậu nói, – cơ sự đã như vậy, các ông lại sẵn lòng tận tụy giúp đỡ một bà hoàng khốn khổ mà cả thiên hạ ruồng bỏ; thế thì đây là việc cần làm giúp tôi. Nhà vua bây giờ ở một mình với mấy nhà quý tộc mà ngày ngày ông sợ mất dần đi, ở giữa đám người Scotland mà ông nghi kỵ mặc dầu chính ông cũng là người Scotland. Từ khi Milord de Winter rời Đức vua tôi không còn sống nữa, các ông ạ. Ô. Có lẽ tôi đòi hỏi quá nhiều chăng, bởi vì tôi chẳng có danh vị gì để đòi hỏi. Xin các ông hãy sang nước Anh, tìm đến với nhà vua, làm bạn với vua, làm những người canh giữ vua, hãy đi bên cạnh vua trong trận mạc, đi bên vua cả ở trong nhà nơi cạm bẫy ngày càng dày thêm và còn nguy hiểm hơn rất nhiều mọi rủi ro của chiến tranh. Và thưa các ông, để đổi lại sự hy sinh của các ông tôi xin hứa không phải là thưởng công cho các ông đâu, vì điều đó sẽ xúc phạm các ông, mà là yêu mến các ông như một người chị và quý trọng các ông hơn tất cả những ai ngoài chồng tôi và các con tôi; tôi xin thề trước Chúa trời như vậy?

Và hoàng hậu từ từ và trang trọng ngước mắt lên trời.

-Thưa Bà, – Arthos hỏi, – bao giờ phải đi?

-Ông bằng lòng chứ – Hoàng hậu vui mừng reo lên.

-Vâng, thưa Bà. Song le Lệnh bà đường như quá xa khi hứa hẹn ban cho chúng tôi một tình thân hữu cao hơn nhiều những công lao của chúng tôi. Khi chúng tôi phụng sự một ông hoàng thật khốn khổ và một bà hoàng thật đức hạnh tức là chúng tôi phụng sự Chúa. Thưa bà, chúng tôi xin dâng cả linh hồn và thể xác cho bà.

Hoàng hậu xúc động đến rơi nước mắt, nói: -Ôi các ông ơi, đây là giây phút vui sướng và hy vọng đầu tiên mà mấy năm nay tôi mới lại được cảm thấy. Phải rồi, các ông phụng sự Chúa, và khả năng của tôi quá hạn chế để nhận ra một sự hy sinh như vậy, cho nên chính Chúa sẽ thưởng công cho các ông. Chúa sẽ đọc trong lòng tôi tất cả những gì tôi hàm ơn Chúa và các ông. Hãy cứu lấy chồng tôi, hãy cứu lấy đức vua. Và dù rằng các ông không mẫn cảm với cái giá mà các ông xứng đáng vì một hành động cao đẹp trên mặt đất này, thì hãy cho tôi hi vọng được gặp lại các ông để tự tôi cảm ơn các ông. Trong khi chờ đợi, tôi ở lại đây. Các ông có điều gì cần dặn dò tôi không? Từ giờ phút này tôi là bạn của các ông và bởi vì các ông làm những công việc của tôi, tôi phải chăm lo việc của các ông.

-Thưa bà, – Arthos nói, – tôi không yêu cầu Lệnh bà cái gì ngoài những lời cầu nguyện.

-Còn tôi, Aramis nói, – tôi chỉ có một mình ở trên đời và chỉ có Lệnh bà để phụng sự.

Hoàng hậu giơ tay cho hai người hôn và nói nhỏ với de Winter: – Milord ạ, nếu thiếu tiền, xin ông đừng do dự gì cả, hãy lấy những đồ châu báu mà tôi đã đưa cho ông, tách những hạt kim cương ra và đem bán cho một hàng Do Thái, có thể sẽ được năm sáu chục nghìn livres; nếu cần cứ tiêu đi nhưng những vị quý tộc ấy phải được đối xử như họ xứng đáng, nghĩa là như những ông vua.

Hoàng hậu đã chuẩn bị hai bức thư: một do bà viết, một do công chúa Henriette con gái bà viết. Bà đưa cho Arthos và Aramis mỗi người một bức để phòng trường hợp họ bị tách rời nhau, thì họ đều có cái để vua nhận ra, rồi họ rút lui.

Xuống đến chân cầu thang, Milord de Winter dừng lại nói: -Các ông đi một ngả, tôi một ngả để người ta khỏi nghi kỵ và chín giờ tối nay chúng ta gặp nhau ở cửa ô Saint-Denis. Chúng ta sẽ dùng ngựa của chúng ta chừng nào chúng ta còn đi được, rồi sau ta sẽ đi xe trạm. Lần nữa xin cám ơn các bạn thân mến, cảm ơn nhân danh tôi và cám ơn nhân danh hoàng hậu.

Ba nhà quý tộc siết tay nhau Bá tước de Winter đi đường Saint Honoré, còn Arthos và Aramis đi với nhau.

Khi còn lại riêng hai ngươi bạn, Aramis hỏi: -Này Bá tước thân mến, anh nói thế nào về việc này?

-Xấu lắm – Arthos đáp, – Rất xấu.

-Thế sao anh lại chấp nhận với vẻ nhiệt tình như vậy?

-Cũng như tôi sẽ luôn luôn chấp nhận sự bảo vệ một nguyên tắc lớn, D'Herblay thân mến ạ. Các ông vua chỉ có mạnh nhờ quý tộc, nhưng quý tộc chỉ có thể lớn lên nhờ các ông vua. Cho nên ủng hộ nền quân chủ tức là chúng ta ủng hộ chính mình.

-Chúng ta đi sang bên kia để cho người ta ám sát mình à? Tôi căm ghét bọn Anh, chúng thô lỗ như tất cả những kẻ uống bia.

-Thế ở lại đây có hơn gì không nào? – Arthos nói, – để rồi chúng ta sẽ vào nghỉ một chầu ở nhà ngục Bastille hoặc lâu đài Vincennes do đã giúp đỡ cuộc vượt ngục của ông de Beaufort hay sao? A! Hãy tin tôi, Aramis ạ, thực tình chẳng có gì phải luyến tiếc. Chúng ta tránh nhà tù. Và chúng ta hành động như những người anh hùng, việc lựa chọn thật dễ dàng.

-Đúng thế; nhưng bạn thân mến ạ, dù sao cũng phải trở lại vấn đề đầu tiên này thật dớ dẩn nhưng thật cần thiết đấy: anh có tiền không?

-Chừng đâu như một trăm pistol mà bác quản lý trang trại gửi cho tôi hôm trước khi Bragelonne đi, nhưng tôi đã phải để năm chục cho Raoul: một nhà quý tộc trẻ tuổi phải sống cho đàng hoàng chứ.

-Thế là còn lại có gần năm chục pistol. Còn cậu?

-Tôi thì chắc chắn có soát hết các túi và mở hết các ngăn kéo cũng sẽ chẳng thấy mười louis đâu. May thay Milord de Winter giàu có.

- Milord de Winter tạm thời bị phá sản bởi vì Cromwell hưởng các khoản thu nhập của ông ta.

-Thế mới biết có Nam tước Porthos thì hay biết chừng nào, – Aramis nói.

-Thế mới biết không có d'Artagnan đáng tiếc biết bao nhiêu, – Arthos nói, Một túi tiền đầy căng

-Một thanh kiếm kiêu hùng?

-Hay là ta rủ bọn họ đi.

Bí mật này không phải của chúng ta, Aramis ạ, – Arthos nói – Hãy nghe tôi, đừng đưa ai vào trong chuyện riêng của chúng ta. Với lại chạy vạy như vậy chúng ta sẽ tỏ ra không tin ở chính mình. Chúng ta tiếc vậy thôi, nhưng đừng nói ra…

-Anh nói có lý. Từ giờ đến tối anh làm gì?

-Tôi buộc phải thu xếp hai việc.

-Liệu những việc ấy có thu xếp được không?

-Ấy! Phải thu xếp cho xong chứ!

-Việc gì vậy?

-Trước hết là một nhát kiếm với ông chủ giáo mà tối hôm qua tôi gặp ở nhà bà de Rambouillet và tôi thấy ông ta lên giọng với tôi một cách lạ kỳ.

-Vớ vẩn! Một sự xích mích giữa các tu sĩ với nhau! Một cuộc đấu kiếm giữa đồng minh với nhau.

Biết làm sao được, bạn thân mến ông ta hay đấu kiếm và tôi cũng vậy; ông ta hay giao thiệp với đàn bà, tôi cũng vậy; chiếc áo thày tu đè nặng ông ta, tôi cũng thấy chán chiếc áo của mình. Đôi khi tôi ngỡ ông ta là Aramis và tôi là chủ giáo, chúng tôi giống nhau biết chừng nào. Cái thứ người giống tôi như đúc ấy làm tôi chán ngán và lo ngại. Với lại hắn ta là một kẻ gây rối có thể sẽ làm hỏng đảng phái ta. Tôi tin rằng nếu tôi cho hắn một cái tát như sáng nay tôi đã làm với cái gã thị dân vấy bẩn lên người tôi, thì sẽ làm thay đổi bộ mặt của các công việc đấy.

-Còn tôi, Aramis thân mến ơi, – Arthos bình thản nói, – tôi cho rằng điều đó chỉ làm thay đổi bộ mặt của ông de Retz thôi[239]. Như vậy hãy tin tôi mọi việc thế nào cứ để nó thế. Vả chăng các ông chẳng còn là của mình nữa; anh thuộc về hoàng hậu Anh quốc còn ông ta thuộc về La Fronde. Vậy thì, nếu việc thứ hai mà anh tiếc là không thể hoàn thành, nếu như chẳng quan trọng hơn việc thứ nhất…

-Ồ! Việc ấy quan trọng lắm chứ.

-Thế thì hãy làm luôn đi.

-Tiếc thay tôi không được tự do vào cái giờ tôi muốn: Vì là tối nay cơ, đúng tối nay.

-Tôi hiểu, – Arthos mỉm cười nói, – Nửa đêm phải không?

-Gần như vậy.

-Biết làm thế nào bạn thân mến ơi, đó là những việc tự nó thu xếp được, và anh sẽ thu xếp được, cốt là khi nào trở về sẽ có lời xin lỗi tử tế.

-Phải nếu tôi trở về.

-Mà nếu không trở về thì đã sao! Cần phải biết điều một chút chứ. Này Aramis thân mến ơi, cậu chẳng còn phải ở tuổi hai mươi đâu.

-Rất tiếc, mẹ kiếp! A! Giá như mình còn ở tuổi đó nhỉ?

-Ừ, Arthos nói, – thì cậu sẽ làm khối chuyện điên rồ! Nhưng ta phải chia tay nhau thôi. Tôi còn phải viếng thăm một vài chỗ, viết một lá thư. Cậu sẽ đến rủ tôi lúc tám giờ hoặc tốt nhất, tôi đợi cậu đến cùng ăn tối lúc bảy giờ nhé!

-Được lắm? – Aramis nói. – Tôi phải đi thăm hai chục nơi và viết chừng ấy lá thư nữa.

Nói rồi, họ chia tay nhau Arthos đi thăm bà de Vendôme, ghi tên trước ở nhà bà de Chevreuse và viết cho d'Artagnan bức thư sau đây:

"Bạn thân mến,

Tôi cùng Aramis đi làm một việc quan trọng. Tôi muốn đến từ biệt cậu nhưng không có thời gian. Đừng quên rằng tôi viết đây để nhắc lại rằng tôi yêu mến cậu

biết chừng nào.

Raoul đang đi Blois và không biết về chuyến đi của tôi. Vắng mặt tôi cậu gắng trông nom nó cẩn thận nhé, và nếu chẳng may trong ba tháng tới mà không nhận được tin tức của tôi, thì cậu hãy bảo nó mở một gói gửi cho nó ở Blois để ở trong cái hộp bằng đồng thau của tôi mở bằng cái chìa khoá mà tôi gửi cậu.

Nhờ cậu ôm hôn Porthos thay cho Aramis và tôi.

Xin tạm biệt và có thể là vĩnh biệt".

Và anh sai Blaisois mang thư đi.

Đến giờ hẹn, Aramis tới. Anh mặc quần áo kỵ sĩ và mang bên mình thanh kiếm cũ mà anh đã từng rút ra luôn và giờ đây hơn bao giờ hết anh sẵn sàng tuốt ra khỏi vỏ.

-A này, – anh nói, – Dứt khoát là chúng ta sai lầm, nếu cứ thế này mà ra đi không để lại một lời chào từ biệt Porthos và d'Artagnan.

-Việc ấy tôi đã lo làm rồi bạn thân mến ạ. Tôi đã ôm hôn cả hai người cho cậu và cho tôi.

-Bá tước thân mến ơi anh thật là một người tuyệt vời, anh nghĩ đến mọi việc.

-Thế nào! Cậu đã quyết định đi chuyến này chứ?

-Dứt khoát rồi! Và bây giờ nghĩ lại tôi thấy rời Paris lúc này là hay.

-Tôi cũng vậy, – Arthos đáp, – Song le tôi vẫn tiếc không đến ôm hôn d'Artagnan được. Nhưng cái thằng quỷ sứ tinh ma lắm, nó sẽ đoán ra dự định của chúng ta.

Cuối bữa ăn, Blaisois trở về.

-Thưa ông, đây là thư trả lời của ông d'Artagnan.

-Ta có bảo phải lấy thư trả lời đâu, đồ ngu? – Arthos nói.

-Cho nên tôi có đợi đâu ạ và ra về, nhưng ông ấy gọi lại và đưa tôi cái này.

Và hắn giơ ra một cái túi nhỏ bằng da tròn căng và kêu xủng xoảng.

Arthos mở túi và lấy ra một lá thư nhỏ, thư viết:

"Bá tước thân mến,

Khi người ta viễn du, nhất là lại lâu tới ba tháng thì chẳng bao giờ có đủ tiền. Do nhớ đến những thời quẫn bách của chúng ta, tôi gửi tới anh một nửa túi tiền của tôi, đó là tiền tôi bóp nặn được của lão Mazarin, vậy tôi xin anh hãy dùng sao cho xứng đáng nhé.

Còn chuyện nói rằng chúng ta không gặp nhau nữa, tôi chẳng tin chút nào đâu; khi người ta có một trái tim và tay kiếm, như anh, người ta đi đâu cũng lọt. Vậy thì xin tạm biệt, chứ không vĩnh biệt…

Chẳng cần phải nói rằng từ cái ngày gặp Raoul, tôi đã yêu nó như con của mìnhh: tự nhiên hãy tin rằng tôi thật lòng cầu Chúa không trở thành cha nó, dù rằng tôi lấy làm hãnh diện về một đứa con trai như nó.

D'Artagnan của anh!

Tái bút – Tất nhiên là năm mươi louis tôi gửi anh là của anh cũng như của Aramis, của Aramis cũng như của anh!”

Arthos mỉm cười và cái nhìn đẹp đẽ của anh nhoà một giọt lệ.

D’Artagnan mà anh luôn luôn yêu mến thân thương thì bao giờ cũng vẫn yêu quý anh, dù cậu ta là thuộc phái Mazarin.

Aramis dốc túi tiền ra bàn và nói: -Và đây năm chục đồng louis tất cả đều mang hình vua Louis XIII. Thực tình xin hỏi bá tước, anh dùng tiền này làm gì, giữ lại hay gửi trả?

-Giữ lại chứ. Aramis và nếu không cần đến thì vẫn giữ cái gì được vui lòng tặng thì phải được vui lòng nhận. Cậu hãy cầm lấy hai mươi lăm đồng, Aramis ạ, và đưa tôi hai mươi lăm.

-Càng hay, tôi rất vui mừng thấy anh cùng ý kiến với tôi. Bây giờ thì ta đi chứ?

-Đi lúc nào tuỳ cậu, nhưng cậu không mang người hầu đi à?

-Không, cái tên Bazin ba bị ấy đã dại dột đi làm phụ thủ như anh biết đấy, thành thử hắn không rời nhà thờ Đức Bà được.

-Thôi được, cậu cứ lấy Blaisois mà tôi cũng chẳng cần đến vì đã có Grimaud.

-Xin vui lòng, – Aramis nói.

Vừa lúc ấy, Grimaud xuất hiện ở ngưỡng cửa.

-Sẵn sàng, – Bác nói vẫn với cái kiểu vắn tắt như mọi khi.

-Ta đi thôi, – Arthos bảo.

Quả thật, ngựa đã thắng đầy đủ yên cương đang chờ đợi. Hai người hầu cũng vậy.

Đến góc đường kè, họ gặp Bazin đang chạy vội đến thở dốc ra.

-A! Thưa ông, – Bazin nói. – Nhờ trời tôi đến còn kịp.

-Có chuyện gì đấy?

-Ông Porthos vừa ra khỏi nhà và để lại cái này mà bảo rằng việc rất gấp, tôi phải đưa đến cho ông trước khi ông ra đi.

Aramis cầm lấy cái túi Bazin đưa vào nói: -Tốt, nhưng cái gì đây?

-Khoan đã, thưa ông tu viện trưởng, có một cái thư.

-Nhà mi biết là tôi bảo nhà mi rằng, nếu không gọi tôi là hiệp sĩ mà cứ gọi khác đi thì tôi sẽ dần gãy xương nhà mi ra. Nào, đưa thư đây.

-Làm thế nào mà đọc được? – Arthos nó – Trời tối đen như hũ nút này này.

-Đợi tí, – Bazin nói.

Bazin bật lửa châm vào ngọn nến nhỏ mà bác vẫn dùng để thắp các cây sáp. Dưới ánh nến Aramis đọc:

“D’Herblay thân mến,

D’Artagnan thay mặt anh và bá tước de La Fère ôm hôn tôi và cho biết là các anh có việc đi một chuyến đâu vài ba tháng. Vì biết tính anh không thích hỏi

mượn bạn bè tôi xin đưa anh hai trăm pistol, anh cứ dùng và sẽ hoàn lại tôi khi nào có dịp. Chớ ngại là tôi bị túng, nếu tôi cần tiền tôi sẽ bảo một trong mấy lâu đài của tôi gửi ra. Riêng ở Bracieux tôi có hai mươi nghìn livres vàng. Tôi không gửi anh nhiều hơn vì rằng anh sẽ không nhận một số tiền quá lớn. Tôi viết cho anh bởi vì Bá tước de La Fère bao giờ cũng có cái gì đó làm cho tôi hơi sờ sợ một cách bất ý mặc dầu tôi hết lòng yêu quý. Đã đành rằng cái mà tôi gửi tặng anh đồng thời cũng là tặng bá tước. Tôi mong anh hãy tin rằng bao giờ tôi cũng vốn là người bạn tận tụy của anh.

Du Vallon de Bracieux de Pierrefonds".

-Này, – Aramis nói, – anh nói thế nào về chuyện này?

-D'Herblay thân mến ơi, tôi nói rằng hầu như sẽ là một điều phạm thánh, nếu ta nghi ngờ Thượng đế, trong khi chúng ta có những người bạn chí thiết như vậy.

-Vậy thế nào bây giờ?

-Vậy thì chúng ta sẽ chia nhau những đồng pistol của Porthos như đã chia những đồng louis của d'Artagnan.

Việc chia tiền diễn ra dưới ngọn nến của Bazin, xong hai người bạn lên đường.

Mười lăm phút sau, họ tới cửa ô Saint-Denis nơi de Winter đang chờ họ.

§45. Ở đây đã được chứng minh rằng động tác đầu tiên bao giờ cũng là động tác hay hơn cả

Ba nhà quý tộc đi theo con đường đi Picardie, con đường mà họ quen nhẵn và nó gợi cho Arthos và Aramis nhớ lại vài kỷ niệm trong những niệm huy hoàng nhất thời trẻ trung của họ.

Khi tới chỗ ngày xưa họ đã xô xát với bọn đắp đường, Arthos nói: -Nếu Mousqueton đi với chúng ta, qua chỗ này hẳn là hắn rưn sợ lắm nhỉ; cậu còn nhớ không, Aramis? Chính tại chỗ này hắn đã xơi phát đạn trứ danh ấy.

-Thực tình thì tôi cho phép nó run sợ đấy, – Aramis nói, – Bởi vì chúng tôi cũng rùng mình trước kỷ niệm đó: ở quá cây kia là một chỗ hẻm mà tôi tưởng đã bỏ xác lại đấy.

Mọi người tiếp tục đi. Rồi chả mấy chốc chính Grimaud trở lại với ký ức của mình.

Tới trước quán hàng mà chủ bác và bác ngày xưa đã làm một chầu no say tuý luý, bác đến gần Arthos, trỏ anh xem cửa sổ cái hầm rượu và nói: -Xúc xích!

Arthos bật cười về cơn điên loạn hồi tuổi trẻ của mình và anh cũng thấy thú vị như nghe kể về chuyện của một người khác vậy.

Cuối cùng, sau hai ngày và một đêm rong ruổi, một buổi chiều đẹp trời họ tới Boulogne-sur-Mer, một thành phố hầu như hoang vắng, hoàn toàn xây trên đồi cao cái mà người ta gọi là thành phố thấp hồi ấy chưa có. Boulogne là một vị trí vững chắc phi thường.

Khi đến cửa ô thành phố de Winter nói: -Các ông ạ, ở đây ta cũng phải làm như ở Paris; ta phải tách nhau ra để tránh những điều nghi kỵ. Tôi quen một quán hàng ít khách, nhưng người chủ hoàn toàn tận tâm với tôi. Tôi đi đến đấy, vì chắc có những thư từ đang đợi tôi. Các ông đến khách sạn đầu tiên của thành phố, như khách sạn l'Epée du Grand Henri chẳng hạn các ông ăn uống nghỉ ngơi, rồi sau hai giờ nữa chúng ta sẽ đợi ở đấy.

Công việc quyết định như vậy.

Milord de Winter đi dọc theo các đại lộ phía ngoài để vào bằng một lối vào khác khác, còn hai người bạn thì vào lối cửa ở ngay trước mặt. Đi độ hai trăm bước họ đã tìm được cái khách sạn đã được chỉ dẫn từ trước

Mọi người cho ngựa được nghĩ ngơi và tám mát, nhưng vẫn không rời yên ngựa, những người theo hầu đang mệt mõi, bởi hai người hầu cận làm việc rất trể, họ lo cho chủ cũng họ một cách kiên nhẫn, để chủ nhân họ đến nơi hẹn đúng giờ,

Họ làm việc, nhưng không trao đổi với nhau một lời gì cả một lời gì cả.

Ai cũng hiểu rằng những cử chỉ ấy chỉ nhằm đối với Blaisois; đối với Grimaud thì từ lâu nó đã trở thành vô ích rồi.

Arthos và Aramis đi ra cảng.

Với bộ quần áo phủ đầy bụi, với cái, dáng thanh thoát dễ nhận ra là người thường quen với những chuyến đi xa, đôi bạn khêu gợi sự chú ý của mấy người đi dạo chơi.

Họ thấy rõ ràng là việc họ đến đây đã gây một ấn tượng nào đó đối với một người trong số những kẻ đi dạo kia. Họ chú ý đến người ấy trước tiên cũng chính vì những nguyên nhân chính họ bị những người khác chú ý; anh ta đi đi lại lại có vẻ buồn rầu trên con đập dẫn ra bến, vừa trông thấy họ là anh ta cứ nhìn chằm chằm mãi và có vẻ nóng lòng muốn bắt chuyện.

Anh ta trông còn trẻ và nước da tai tái; cặp mắt có một màu xanh bất định đến nỗi tuỳ theo nhưng màu sắc mà nó phản chiếu nó có vẻ giận dữ lên như mắt một con hổ. Dáng đi mặc dầu thủng thỉnh và quanh co mơ hồ, vẫn tỏ ra rắn rỏi và táo bạo. Anh ta vận đồ đen và mang một thanh kiềm dài với vẻ khá trang nhã.

Đi tới con đập. Arthos và Aramis dừng lại nhìn một chiếc thuyền nhỏ buộc vào một cái cọc và trang bị đầy đủ như đang chờ đợi.

-Chắc hẳn là thuyền của ta, – Arthos nói.

-Ừ, – Aramis đáp, – Cái thuyền buồm đang sẵn sàng ở ngoài kia có vẻ là thuyền sẽ chở chúng ta đến nơi đã định. Còn bây giờ – anh nói tiếp. – Miễn là Winter đừng để chúng ta phải chờ đợi thì nán lại đây cũng chẳng hay ho gì, chẳng có một bóng phụ nữ nào đi qua cả.

-Suỵt! Arthos bảo – Người ta sẽ nghe được những lời chúng ta nói đấy.

Thật vậy, trong khi đôi bạn quan sát, thì người du khách du ngoạn đi qua đi lại nhiều lần phía sau họ và dừng lại khi nghe nói đến tên de Winter, song vì khuôn mặt anh ta chẳng biểu hiện một xúc cảm nào khi nghe cái tên đó, nên cũng có thể là ngẫu nhiên anh ta dừng chân.

-Thưa các ông, – Người thanh niên chào với vẻ rất thoải mái và lễ độ; xin các ông miễn thứ cho tính tò mò của tôi, tôi thấy như các ông từ Paris tới đây, hoặc ít ra các ông cũng là những người mới đến ở Boulogne-sur-Mer.

-Vâng, thưa ông, – Arthos đáp cũng với vẻ lịch sự như vậy. – Chúng tôi từ Paris đến. Ông có điều gì cần vậy?

-Thưa ông, – Người thanh niên nói, – Liệu ông có vui lòng cho tôi biết rằng có thật ngài giáo chủ Mazarin không còn là tể tướng phải không?

Đó là một câu hỏi kỳ lạ, – Aramis nói.

-Ông ta là tể tướng mà cũng chẳng là tể tướng. – Arthos đáp. – Nghĩa là một nửa nước Pháp xua đuổi ông ta, và một nửa kia thì duy trì do những mưu mô và những lời hứa hẹn đầy rẫy của ông ấy. Tình trạng này có thể còn kéo dài rất lâu, như ông thấy đấy.

-Cuối cùng – Kẻ lạ mặt nói – Ông ta không bỏ trốn mà cũng chẳng bị cầm tù ư?

-Không, ông ạ, ít ra trong lúc này.

-Thưa các ông, tôi xin cảm ơn về sự ân cần của các ông, – Người thanh niên nói và bước đi.

-Anh nghĩ thế nào về cái người hỏi chuyện này? Aramis nói.

-Tôi cho đó là một dân tỉnh lẻ chán chường hoặc một kẻ dọ thám dò la tin tức.

-Thế mà anh trả lời như vậy ư?

-Tôi chẳng thể trả lời khác được. Hắn lịch sự với tôi và tôi cũng lịch sự lại với hắn.

-Nhưng nếu đó là một tên do thám?

-Thì tên do thám ấy làm gì tôi? Chúng ta không còn ở thời giáo chủ de Richelieu, chỉ cần một điều khả nghi nhỏ là ông ta cho đóng cửa các cảng.

-Dù sao thì anh cũng sai lầm khi trả lời hắn như vậy – Aramis vừa nói vừa đưa mắt theo dõi người thanh niên đi khuất sau những đồi cát.

-Còn cậu, – Arthos nói, – cậu quên rằng cậu đã phạm một điều khinh suất khác là đã nói ra tên Milord de Winter. Cậu quên rằng người thanh niên đã dừng lại khi nghe nói đến cái tên đó sao?

-Thêm một lý do để khi hắn nói với anh thì mới hắn vừa đi qua con đường của hắn.

-Thế là một cuộc cãi vã nổi lên, – Arthos nói.

-Một cuộc cãi vã làm anh sợ hãi từ bao giờ vậy?

-Một cuộc cãi vã bao giờ cũng làm tôi sợ khi người ta cố tình chờ đợi ở tôi và cuộc cãi vã ấy có thể ngăn cản tôi tới đích. Với lại, cậu có muốn tôi thú nhận một điều không? Chính tôi, tôi cũng tò mò muốn nhìn gần gã thanh niên ấy.

-Tại sao vậy?

-Aramis, cậu sắp giễu cợt tôi cho mà xem; cậu sẽ nói rằng tôi luôn luôn nhắc lại vẫn một điều ấy, cậu sẽ gọi tôi là kẻ hoảng sợ nhất trong những kẻ hoang tưởng.

-Sao nữa?

-Cậu thấy cái người ấy giống ai?

-Về cái xấu hay cái đẹp? – Aramis cười hỏi.

-Về cái xấu và về cái điểm mà một người đàn ông có thể giống một người đàn bà đến mức nhiều nhất.

-A! Mẹ kiếp! – Aramis kêu lên, – Cậu làm tôi nghĩ đến điều ấy.

-Không, bạn thân mến ơi, chắc chắn là cậu không hoang tưởng đâu; và bây giờ mình suy nghĩ lại, thực tình là cậu có lý: cái miệng nhỏ và lặn vào, cặp mắt

lúc nào cũng tuân theo mệnh lệnh của trí óc, chứ không phải của trái tim. Đúng là một đứa con hoang nào đó của Milady.

-Cậu cười à, Aramis?

-Theo thói quen, thế thôi, vì rằng xin thề là cũng như cậu, mình chẳng thích thú gì gặp lại cái con rắn ấy trên đường đi của mình đâu.

-A, de Winter đến kìa? – Arthos nói.

-Tốt! – Aramis đáp, – chỉ còn thiếu một điều là mấy thằng hầu của chúng ta bây giờ lại bắt chúng ta phải chờ đợi.

-Không đâu, – Arthos nói, – tôi đã trông thấy chúng đi sau Milord vài chục bước. Tôi nhận ra Grimaud ở cái đầu rắn rỏi và đôi chân dài nghêu. Tony mang những khẩu súng trường của chúng ta.

-Thế là chúng ta xuống thuyền ban đêm à. – Aramis hỏi và liếc nhìn về phía tây nơi mặt trời chỉ còn lại một áng mây vàng vừa chìm xuống biển vừa tắt dần.

-Chắc thế, – Arthos nói.

-Chán thật! – Aramis kêu lên, – ban ngày tôi đã ít thích biển, ban đêm càng ít hơn, tiếng sóng vỗ, tiếng gió thổi, cái lúc lắc ghê sợ của con tàu, thú thực là tôi ưa thích tu viện ở Noisy hơn.

Arthos mỉm cười bằng nụ cười buồn rầu của mình, vì rõ ràng anh vừa nghe bạn nói vừa nghĩ đến chuyện khác và bước về phía de Winter.

Aramis đi theo anh.

-Này, ông bạn của chúng ta có chuyện gì thế nhỉ? Aramis nói – Trông ông ấy giống những kẻ bị đày xuống địa ngục của Dante, mà quỷ Satan đã vặn cổ và đang nhìn xuống gót chân. Ông ta nhìn cái quái gì ở đằng sau mình như vậy.

Trông thấy hai người bạn, de Winter bước gấp đến với họ một cách nhanh chóng lạ thường.

-Có chuyện gì thế, Milord, ai đã làm ông thở đến đứt hơi như vậy – Arthos hỏi.

-Chẳng có gì đâu, – Vừa nói Wanter vừa ngoái nhìn sau đồi cát.Thì thầm: Hình như nó cũng có mặt ở đây

Athors nhìn qua Aramis

-Chúng ta hãy đi đi, de Wanter nói tiếp – Chúng ta đi đi, cái thuyền buồm bỏ neo kia chờ chúng ta đấy, các ông có trông thấy không, chúng ta hãy lên trên đó đi nhé.

Vừa nói, de Wanter cũng nhìn ngược lại về phía đồi cát một lần nữa

-Ô kìa! – Aramis nói, – Ông còn quên cái gì chăng?

-Không, đó là một mối bận tâm.

-Ông ta đã trông thấy hắn- Arthos nói nhỏ với Aramis.

Đã tới cái cầu thang dẫn tới thuyền. De Winter cho bọn đầy tớ xuống trước mang theo vũ khí và bọn phu mang các rương hòm và ông đi xuống sau họ.

Cùng lúc ấy Arthos chợt nhìn thấy một người đàn ông đi men theo bờ biển song song với con đập và rảo bước vội vàng như muốn đứng từ phía kia của bến cách chừng non hai chục bước, chứng kiến việc xuống thuyền của họ.

Giữa bóng tối bắt đầu buông xuống, anh tưởng như nhận ra người thanh niên đã hỏi chuyện các anh.

-Ồ ! Ồ! Anh tự nhủ, – phải chăng rõ ràng là một tên do thám và hắn định cản trở bọn ta xuống thuyền? Song, dù trong trường hợp kẻ lạ mặt có ý định ấy thật, thì cũng đã khá muộn để thi hành, nên Arthos đến lượt mình vẫn bước xuống thang, nhưng không rời mắt khỏi gã thanh niên. Cuối cùng, hắn đã xuất hiện trên một cửa cống.

Chắc chắn là hắn định công kích chúng ta, nhưng ta cứ việc xuống thuyền và một khi đã ra khơi, thì hắn cứ việc đến!

Và Arthos nhảy xuống thuyền, nó lập tức rời bến và bắt đầu đi ra với sức của bốn tay chèo lực lưỡng.

Nhưng gã thanh niên cũng đi theo ngay hay nói đúng hơn là vượt chiếc thuyền. Thuyền phải đi qua giữa cái mỏm của con đập bị chế ngự bởi một cây đèn biển vừa mới thắp sáng và một tảng đá dựng xiên từ xa đã trông thấy hắn leo lên tảng đá để có thể chế ngự con thuyền khi nó đi qua.

-Ái chà! – Aramis báo Arthos, – Gã thanh niên ấy nhất định là một tên dọ thám rồi.

-Gã thanh niên nào vậy? – de Winter hỏi và quay đầu lại.

-Thì cái gã đã đi theo bọn tôi, nói chuyện với bọn tôi và đợi chúng ta ở kia kìa, ông hãy nhìn xem.

De Winter quay lại và nhìn theo hướng Aramis trỏ. Ngọn đèn pha chiếu sáng cái eo biển nhỏ mà họ sắp đi qua và tảng đá có gã thanh niên đang đứng đợi, đầu để trần và hai tay khoanh lại.

-Chính nó! – Milord de Winter vừa kêu lên vừa nắm lấy cánh tay Arthos, – Chính nó, tôi đã ngờ nhận ra nó và tôi đã không lầm.

-Nó là ai vậy? – Aramis hỏi.

-Con trai của Milady, – Arthos đáp.

-Gã mục sư, – Grimaud kêu lên.

Gã thanh niên nghe thấy những lời đó, dường như hắn sắp nhảy bổ xuống, hắn ra đứng tận mỏm đá nghiêng nghiêng xuống mặt biển.

-Phải chính ta đây, ông bác của tôi ơi, ta là con trai của Milady, ta là mục sư, ta là thư ký và là bạn của Cromwell, và ta biết các người, và đồng bọn.

Ở trong thuyền có ba con người chắc chắn là dũng cảm và không ai dám phủ nhận lòng can đảm của họ. Vậy mà trước tiếng nói ấy, cái giọng ấy, cử chỉ ấy, họ cảm thấy một nỗi kinh hoàng chạy rần rật trong mạch máu họ.

Còn Grimaud thì tóc gáy dựng lên và mồ hôi chảy ròng ròng trên trán.

-A! – Aramis nói, – Đó là thằng cháu, đó là gã mục sư, đó là con trai của Milady, như chính hắn vừa nói sao?

-Chao ôi, đúng thế! – De Winter lẩm bẩm.

-Thế thì, đợi đấy! – Aramis nói.

Và với vẻ bình tĩnh ghê gớm mà anh thường có trong những tình huống gay go nhất, anh cầm lấy một trong hai khẩu súng trường mà Tony mang theo, giơ lên nhằm vào con người đang đứng sừng sững trên tảng đá như một hung thần.

-Bắn đi!- Grimaud bất giác kêu lên.

Arthos nhào mình vào nòng súng và ngăn lại phát đạn sắp sửa bay đi.

-Quỷ đã bắt anh chuyện điên rồ ấy rồi? – Aramis la lên, – Tôi đã nhằm hắn rất chính xác ở đầu mũi súng và chắc chắn là viên đạn đã trúng giữa ngực hắn rồi.

-Giết chết mẹ nó là đủ lắm rồi, – Arthos âm thầm nói.

-Mẹ nó là một đứa phản trắc đã từng đánh vào tất cả chúng ta, hoặc vào bản thân chúng ta hoặc vào những người thân yêu của chúng ta.

-Phải rồi, nhưng đứa con trai, nó chưa làm gì chúng ta cả.

Grimaud lúc nhảy nhổm lên để xem hiệu quả của phát súng bây giờ buông mình xuống chán nản và đập tay đen đét.

Gã thanh niên cười phá lên.

-A! Thì ra chính các người, – Hắn nói, – Thì ra chính các người và bây giờ ta đã biết rõ các người.

Tiếng cười the thé và những lời nói hăm doạ của hắn theo gió bay lên mạn thuyền và tan đi trong chân trời sâu thẳm.

Aramis rùng mình.

-Hãy bình tĩnh nào, – Arthos nói. – Quỷ quái thật! Chúng ta không còn phải là những đấng nam nhi nữa hay sao?

-Có chứ. – Aramis đáp, – Nhưng gã kia là một con quỷ và này, hãy hỏi ông bác xem tôi có sai lầm không, nếu trừ khử đứa cháu thân yêu của ông ấy.

De Winter chỉ đáp lại bằng một tiếng thở dài.

Arthos nắm bàn tay de Winter và thử lái qua câu chuyện khác, anh hỏi ông: -Bao giờ thì chúng ta cập bến nước Anh?

Nhưng ông ta không nghe thấy những lời ấy và không trả lời.

-Arthos này, – Aramis nói, – Có lẽ hãycòn kịp thời giờ. Trông xem hắn vẫn đứng ở chỗ cũ.

Arthos gắng gượng quay đầu lại nhìn gã thanh niên đối với anh hiển nhiên là nặng nề khó chịu.

Thực vậy, gã vẫn đứng sừng sững trên tảng đá, ngọn đèn pha tạo ra chung quanh gã một vầng hào quang xán lạn.

Arthos như là hiện thân của lý trí, chú ý tìm hiểu nguyên nhân mà ít quan tâm đến hiệu quả, anh hỏi: -Nhưng hắn làm gì ở Boulogne-sur-Mer?

-Hắn theo đuổi tôi, hắn theo đuổi tôi, – de Winter đáp, lần này ông đã nghe thấy tiếng nói của Arthos, vì tiếng nói của anh phù hợp với những suy nghĩ của ông.

-Bạn ơi, – Arthos nói, – để theo đuổi ông, ắt là hắn phải biết rõ cuộc khởi hành của chúng ta chứ? Vả chăng, chắc chắn là trái hẳn lại, hắn ta đã đi trước chúng ta kia mà.

-Thế thì tôi chẳng hiểu ra làm sao cả? – Người Anh vừa nói vừa lắc đầu như một kẻ đang nghĩ rằng thử chống lại một sức mạnh siêu nhiên thì thật là vô ích.

-Aramis này, – Arthos báo, – Tôi nghĩ rằng mình rõ ràng sai lầm không thể để mặc cậu làm cái việc vừa rồi.

-Thôi im đi, – Aramis đáp, – anh làm tôi phát khóc lên bây giờ.

Grimaud thốt ra một tiếng càu nhàu không rõ rệt, nghe như một tiếng gầm gừ.

Vừa lúc ấy từ chiếc tàu buồm có tiếng réo gọi họ. Người lái thuyền ngồi ở đằng lái đáp lại và chiếc thuyền ghé mạn con tàu.

Một lát sau, mấy người cùng đày tớ và hành lý đã lên tàu. Người chủ tàu chỉ đợi hành khách để nhổ neo, và hành khách mới lên boong là người ta cho con tàu quay mũi về phía Hastings, nơi họ phải lên bờ.

Cũng lúc ấy ba người bạn đều bất giác nhìn một lần cuối cùng về phía tảng đá, ở đó vẫn nổi rõ lên cái bóng hăm doạ đang theo dõi họ.

Rồi một tiếng nói vọng đến tận chỗ họ và gửi tới họ lời đe doạ cuối cùng: -Hẹn gặp lại các ngài ở bên nước Anh nhé?

§46. Lễ tạ về chiến thắng Lens

Tất cả sự hoạt động náo nhiệt ấy mà bà Henriette nhận thấy và cố tìm hiểu lý do nhưng uổng công, là do chiến thắng ở Lens gây nên. Quận công de Châtillon có phần đóng góp cao quý vào chiến thắng, được ngài Hoàng thân phải về đưa tin; ngoài ra ông còn được giao cho treo lên các vòm cửa nhà thờ Đức Bà hai mươi là cờ chiếm được của cả quân Lorrain và quân Tây Ban Nha.

Tin tức ấy có tính quyết định: nó cắt đứt cuộc tố tụng với nghị viện ủng hộ triều đình. Tất cả những thuế khoá đăng ký giản lược bị nghị viện phản đối đều được viện lý do về sự cần thiết bảo vệ danh dự của nước Pháp và về kỳ vọng rủi may đánh bại quân thù. Nhân vì từ sau chiến thắng Nordlingen người ta chỉ toàn gặp phải những chuyện hẩm hiu, nên nghị viện có thể chất vấn Mazarin về những chiến thắng luôn luôn được hứa hẹn và luôn luôn bị trì hoãn.

Nhưng lần này rốt cuộc người ta đã đánh nhau và tranh giành toàn là chiến công và chiến công mỹ mãn. Cho nên mọi người đều hiểu rằng có chiến thắng kép đôi với triều đình: chiến thắng ở bên ngoài và chiến thắng ở bên trong, đến nỗi nhà vua ấu thơ khi nhận được tin tức cũng phải kêu lên: -A! Hỡi các ngài trong nghị viện, chúng ta sẽ xem các ngài nói thế nào đây!

Nghe vậy Hoàng hậu đã ôm ghì vào ngực mình vị ấu chúa mà những tình cảm kiêu kỳ và bất khuất hoà hợp thật nhịp nhàng với tình cảm của bà. Một cuộc hội họp được triệu tập ngay tối hôm nay được mời dự có thống chế de La Meilleraie và ông de Villeroy, bởi vì họ theo phái Mazarin; có Chavigny và Séguier bởi vì họ thù ghét nghị viện; có Gitaud và Comminger bởi vì họ hết lòng với hoàng hậu.

Những điều quyết định trong cuộc họp chẳng lọt ra ngoài tí gì.

Người ta chi biết rằng chủ nhật tới sẽ có lễ và hát Tạ ơn ở nhà thờ Đức Bà mừng chiến thắng Lens.

Hôm chủ nhật ấy, dân chúng Paris tỉnh giấc trong niềm hoan hỉ.

Thời ấy lễ tạ ơn là một đại sự, người ta hứa lạm dụng cái kiểu lễ nghi này và nó gây tác dụng lớn. Mặt trời như cũng tham dự vào lễ hội, thức dậy thật rạng rỡ và mạ vàng lên những ngọn tháp tối sẫm của kinh đô lúc ấy đã nườm nượp dân chúng. Những phố xá tối tăm nhất của khu Cité cũng mang không khí hội hè và dọc theo các đường kè người ta cũng thấy những đoàn dài dằng đặc những nhà tư sản, nhưng thợ thủ công, những đàn bà trẻ con nối tiếp nhau kéo nhau đến nhà thờ Đức Bà giống như một con sông chảy ngược về nguồn.

Các cửa hiệu vắng tanh, các nhà đều đóng cửa. Ai nấy đều muốn xem ông vua trẻ cùng với mẹ và vị giáo chủ trứ danh Mazarin mà người ta căm ghét đến nỗi ai cũng muốn nhìn tận mắt.

Vả chăng, sự tự do lớn nhất ngự trị trong đám dân chúng đông đảo ấy: mọi chính kiến đều biểu hiện công khai và có thể nó báo hiệu cuộc khởi loạn, giống như hàng nghìn quả chuông ở tất cả các nhà thờ ở Paris khua vang báo hiệu lễ Tạ ơn. Cảnh sát của thành phố do tự thành phố đặt ra; chẳng có cái gì đe doạ đến quấy rối cuộc hoà tấu của lòng căm ghét rộng rãi và làm nguội lạnh những lời nói từ những cửa miệng phỉ báng kia.

Tuy nhiên, từ tám giờ sáng, trung đoàn thị vệ của hoàng hậu do Gitaud chỉ huy cùng với phó là Comminger cháu ông ta, có kèn trống đi đầu, đến bố trí quân từ Hoàng cung đến nhà thờ Đức Bà.

Dân Paris xem cuộc vận động ấy với vẻ bình thản và bao giờ cũng tò mò trước điệu nhạc binh và những bộ quân phục sặc sỡ.

Friquet. diện quần áo ngày hội. Viện cớ bị sưng hàm mà hắn tạo ra bằng cách ngậm vô sô hạt anh đào vào một bên miệng, hắn đã được Bazin cấp trên của hắn cho nghỉ cả ngày.

Lúc đầu Bazin từ chối, do bác đang bực bội trước hết vì Aramis ra đi mà chẳng hề nói cho bác biết là đi đâu, sau nữa vì bác phải phục dịch một cuộc lễ mừng chiến thắng không hợp với chính kiến của mình. Ta còn nhớ Bazin là một người Fronde và nếu trong một buổi lễ long trọng như thế này mà một ông phụ thủ có thể vắng mặt như một ngày lễ tầm thường mà Bazin ắt đã trình với vị tổng giám mục cái điều yêu cầu như người ta vừa trình với bác. Bác bèn bắt đầu bằng cách từ chối mọi chuyện nghỉ phép.

Nhưng ngay trước mắt Bazin cái hàm của Friquet. sưng lên to tướng, cho nên vì danh dự của cả đoàn lễ sinh có thể bị tổn hại bởi một dị dạng như thế, cuối cùng Bazin đành càu nhàu mà nhượng bộ.

Ra đến cổng nhà thờ, Friquet. nhổ toẹt cái khối sung ra và nhìn về phía Bazin một cử chỉ mà nó bảo đảm cho thằng nhóc Paris lớn sự hơn hẳn của nó đối với những thằng nhóc khác trên thế giới, còn về công việc khách sạn của hắn, tất nhiên hắn giũ sạch mà nói rằng hắn phải phục dịch một ngày lễ ở nhà thờ Đức Bà.

Như vậy là Friquet được tự do diện bộ quần áo bảnh bao nhất.

Nhất là hắn lại có một thứ trang sức thật đặc sắc, đó là một cái mũ bonnet nó lai lai kiểu mũ dẹt thời trung cổ với kiểu mũ rộng vành thời vua Louis XIII. Bà mẹ nó may cho nó cái mũ kỳ lạ ấy, và do ngẫu hứng hoặc do thiếu vải đồng màu, bà đã tỏ ra ít quan tâm đến sự hoà hợp màu sắc, thành thử các tác phẩm tuyệt xuất của đồ mũ mãng thế kỷ thứ mười bảy kia một bên thì vừa vàng vừa xanh, một bên thì vừa trắng vừa đỏ. Nhưng Friquet. vốn rất mê sự đa dạng của màu sắc, nên hắn chỉ càng thêm hãnh diện và dương đương đắc ý.

Ra khỏi chỗ Bazin, Friquet. ba chân bốn cẳng chạy đến Hoàng cung. Hắn tới vào lúc trung đoàn thị vệ từ trong đó đi ra, và do hắn đến chẳng có mục đích nào

khác là xem diễn binh và nghe nhạc, hắn bèn đi lên đầu, đánh trống bằng hai thanh đá đen, rồi chuyển sang chơi kèn miệng giả làm kèn đồng một cách tài tình khiến các nhà tài tử về âm điệu bắt chước đã phải nhiều lần khen ngợi.

Trò chơi ấy kéo dài từ cửa ở các Thày đội đến quảng trường nhà thờ Đức Bà, và Friquet. lấy làm thích thú lắm. Nhưng khi trung đoàn dừng lại và các đại đội triển khai đi sâu tận vào tận trung tâm khu Cité và đóng ở cuối phố Saint Christophes, gần phố Cocatrix nơi ông Broussel ở, thì Friquet. chợt nhớ ra là mình chưa ăn sáng, hắn loay hoay tìm xem mình phải quay gót về phía nào để hoàn thành cái công việc quan trọng trong ngày ấy. Sau khi đã suy nghĩ chín chắn, hắn quyết định rằng ông tham nghị Broussel sẽ phải chi cho bữa chén của hắn.

Cho nên hắn băng mình chạy đến đứt hơi tới nhà ông tham nghị và đập cửa dữ dội.

Bà mẹ hẳn làm vú già cho ông Broussel ra mở cửa.

-Thằng ôn con kia, – bà nói, – Mày đến đây làm gì, tại sao mày không ở nhà thờ Đức Bà?

-Mẹ Nanettete ơi, – Friquet. đáp, – con đã đến đấy, nhưng vì con thấy có những chuyện xảy ra mà thày Broussel cần được báo cho biết, cho nên được ông Bazin cho phép, mẹ biết ông Bazin phụ thủ chứ, con đến đây để nói chuyện với ông Broussel.

-Thế mày định nói gì với ông Broussel, hả thằng khỉ?

-Con muốn nói riêng với ông ấy.

-Không thể được, ông ấy đang bận việc.

-Thế thì con đợi vậy, – Friquet. nói, – Chắc hẳn ông ấy thu xếp thì giờ được.

Và hắn leo nhanh lên cầu thang, còn bà Nanette thong thả lên sau hắn.

-Nhưng cuối cùng, – Bà nói, – Mày muốn gì ở ông Broussel.

-Con muốn bảo ông ấy rằng – Friquet. cố nói thật to để đáp lại – có cả một trung đoàn thị vệ đi về phía này. Do con nghe nói ở khắp nơi rằng triều đình có ác cảm với ông, nên con đến báo trước để ông ấy đề phòng.

Broussel nghe tiếng kêu của thằng nhãi ranh và thích thú trước sự hăng hái quá mức của hắn, ông bước xuống gác một, vì quả thật ông đang làm việc ở gác hai.

-Này, cậu bạn ơi, – Ông nói, – Trung đoàn thị vệ thì can gì đến ta và cậu điên hay sao mà làm om xòm lên thế? Cậu không biết rằng đó là thói quen các vị ấy vẫn làm như thế ư? Theo lệ thường thì trung đoàn ấy phải làm hàng rào trên đường vừa đi qua.

Friquet. giả bộ kinh ngạc và dùng ngón tay quay quay cái mũ mới, hắn nói: -Thưa ông Broussel, ông biết điều đó thì chẳng có gì đáng ngạc nhiên với ông, ông biết hết mọi thứ, nhưng còn cháu thì lạy Chúa, thực ra cháu không biết, và

cháu cứ tưởng rằng đã góp với ông một ý kiến hay. Xin ông Broussel đừng giận cháu về điều đó.

-Trái lại, cậu nhỏ ơi trái lại ta thích sự nhiệt tình của cậu. Bà Nanette ơi, hãy xem những quả mơ mà bà Longueville gửi cho ta hôm qua; và lấy dăm sáu quả cho con trai bà cùng với một cái bánh mềm.

-A! Xin cảm ơn ông Broussel – Friquet. nói, – xin cảm ơn, cháu rất thích ăn mơ.

Broussel sang phòng vợ và bảo dọn ăn sáng. Lúc ấy chín giờ rưỡi ông cố vấn đứng ra cửa sổ. Phố xá vắng tanh, nhưng xa xa người ta nghe thấy như tiếng thuỷ triều đang dâng lên, tiếng ầm ầm mênh mông của những đợt sóng quần chúng đã lớn lên chung quanh nhà thờ Đức Bà.

Tiếng ồn ấy càng tăng khi d'Artagnan cùng với đại đội ngự lâm quân đến canh ở các cổng nhà thờ Đức Bà để giúp tiến hành cuộc lễ. Anh đã bảo trước Porthos vận đại lễ phục cưỡi con ngựa đẹp nhất của mình, đóng vai người linh ngự lâm danh dự giống như d'Artagnan trước kia vẫn thường làm.

Viên đội trong đơn vị, người lính già trong những cuộc chiến tranh với Tây Ban Nha đã nhận ra Porthos là bạn đồng ngũ và chẳng mấy chốc đã kể cho mọi người dưới quyền bác những công tích lớn lao của anh chàng khổng lồ ấy, niềm vinh dự của ngự lâm quân xưa kia của ngài de Treville. Porthos không những được anh em trong đại đội đón tiếp niềm nở mà còn được mọi người nhìn với vẻ thán phục.

Mười giờ sáng đại bác ở cung Louvre bắn báo hiệu vua ra. Một chuyển động giống như một cơn giông bão uốn cong và xô lắc các ngọn cây truyền nhanh trong đám dân chúng đang rộn rịch đằng sau những khẩu súng trường bất động của lính thị vệ. Cuối cùng vua xuất hiện cùng với thái hậu trong một cỗ xe toàn mạ vàng. Mười cỗ xe khác theo sau chở các thị nữ, các sĩ quan của hoàng gia và tất cả triều đình.

-Đức vua muôn năm! – Người ta hô lên ở khắp mọi chỗ.

Ông vua trẻ trịnh trọng thò đầu ra cửa xe, lộ vẻ mặt khá biết ơn và cũng khẽ gật đầu chào, điều đó càng làm tăng tiếng hô của đám đông.

Đoàn ngự giả đi thong thả và phải mất gần nửa giờ để vượt khoảng cách từ cung Louvre đến quảng trường nhà thờ Đức Bà. Tới đó đoàn dần dần tiến vào dưới cái vòm rộng mênh mông của đô thành và cuộc lễ thánh bắt đầu.

Lúc triều đình đi đến chỗ của mình, thì một cỗ xe có gia huy của Comminger rời đoàn xe của triều đình và thong thả đi đến cuối phố Saint-Christophe vắng tanh vắng ngắt. Bốn thị vệ và một phó quan cảnh sát đi theo xe bèn leo lên cỗ xe nặng nề và đóng các rèm cửa lại rồi qua một kẽ sáng được sắp đặt thận trọng, viên cảnh sát bắt đầu rình theo dọc phố Cocatrix như có ý đợi một người nào đi tới.

Tất cả mọi người đều bận tâm vào lễ hội, thành thử cả cỗ xe lẫn những sự đề phòng của những kẻ ngồi trong xe đều không bị chú ý.

Riêng có Friquet. mà mắt lúc nào cũng rình rập là thấy rõ, hắn đến đầu tường ở một ngôi nhà ở sân trước nhà thở để nhấm nháp những quả mơ. Từ chỗ ấy hắn nhìn xem vua, hoàng hậu và tể tướng Mazarin, và dự lễ messe như hắn đã phục dịch.

Vào cuối cuộc lễ, hoàng hậu trông thấy Comminger vẫn đứng bên cạnh bà để chờ đợi sự xác định lại mệnh lệnh mà bà đã giao cho y trước lúc rời cung Louvre, bà khẽ nói: -Đi đi, Comminger, và xin Chúa phù hộ cho ông?

Comminger lập tức đi ngay, ra khỏi nhà thờ và đi vào phố Saint-Christophe.

Friquet. nhìn thấy viên sĩ quan bảnh bao ấy có hai thị vệ theo sau thì cũng đi theo chơi, và càng hoan hỉ vì cuộc lễ kết thúc ngay lúc ấy và vua cũng đã lên xe.

Vừa trông thấy Comminger xuất hiện ở đầu phố Cocatrix là viên cảnh sát nói nhỏ một tiếng với tên đánh xe ngựa và tên này lập tức cho cỗ xe chuyển động và đi đến cổng nhà ông Broussel.

Comminger gõ cửa cùng lúc chiếc xe dừng ở đó.

Friquet. đứng đằng sau Comminger, đợi mở cửa.

-Thằng ôn kia, mày làm gì đấy? – Comminger hỏi.

Với cái giọng mơn trớn mà thằng nhóc Paris biết dùng rất tài tình khi cần thiết, Friquet. đáp: -Thưa ngài sĩ quan, tôi đợi vào nhà tiên sinh Broussel?

-Đúng là ông ta ở đây phải không? – Comminger hỏi.

-Vâng, thưa ngài.

-Ông ta ở gác mấy?

-Ở tất cả các ngôi nhà, Friquet. đáp, – Nhà này là của ông ấy mà.

-Nhưng thường ông ta ở đâu?

-Khi làm việc ông ở gác hai; khi ăn ông xuống gác một, lúc này chắc ông đang ăn vì là giữa trưa rồi.

-Tốt! – Comminger nói.

Cửa mở. Viên sĩ quan hỏi người đầy tớ và biết rằng tiên sinh Broussel có nhà và đúng là đang ăn trưa. Comminger đi lên sau người đầy tớ và Friquet. đi lên sau Comminger.

Broussel ngồi ở bàn ăn cùng với gia đình, trước mặt ông là bà vợ, hai bên cạnh là hai cô con gái, ở đầu bàn là người con trai Louvières, mà chúng ta đã thấy xuất hiện nhân tai nạn của ông tham nghị, nay ông đã bình phục hoàn toàn. Ông già đôn hậu sức khỏe dồi dào đang thưởng thức những trái mơ ngon lành mà bà de Longueville gửi đến.

Người đầy tớ toan mở cửa phòng dề báo tin, thì Comminger giữ tay người ấy lại, tự mình mở cửa và đứng ngay trước bức tranh gia đình ấy.

Trông thấy viên sĩ quan, Broussel hơi xúc động, nhưng nhìn thấy hắn chào lễ phép, thì ông đứng lên và cũng chào lại.

Tuy nhiên, mặc dầu sự lễ phép qua lại ấy, nỗi lo âu hiện lên gương mặt mấy người phụ nữ. Louvières tái xanh mặt và nóng lòng chờ đợi viên sĩ quan biện giải.

-Thưa ông, – Comminger nói, – Tôi mang một mệnh lệnh của đức vua.

-Hay lắm, – Broussel đáp. – Đó là lệnh gì thế ông?

Và ông giơ tay ra.

-Thưa ông, tôi được phải đến bắt giữ ông, – Comminger nói vẫn với cái giọng và vẻ lịch sự ấy, – và nếu như ông tin, thì ông chẳng phải mất công đọc bức chiếu dài dòng này làm gì và xin ông đi theo tôi.

Sấm sét giáng xuống giữa đám người hiền lành đang sum họp yên tĩnh này cũng không gây nên một tác dụng khủng khiếp hơn.

Broussel lùi lại run như cây sẩy. Thời ấy, bị giam cầm vì mối cừu thù của nhà vua thật là một điều kinh khủng. Louvières toan nhảy đến chỗ thanh kiếm của mình để trên một cái ghế ở góc phòng, nhưng ông lão Broussel giữa tình cảnh ấy vẫn không mất trí ông đưa mắt nhìn con trai và ghìm lại được cái động tác tuyệt vọng đó. Bà Broussel bị cái bàn ngăn cách với chồng khóc nức nở còn hai cô con gái thì cứ ôm chặt lấy cha mình.

-Nào ông ơi, – Comminger bảo, – Mau mau lên, phải tuân lệnh đức vua.

-Thưa ông – Broussel nói, – Tôi đang yếu sức và không thể ngồi tù trong tình trạng này được; tôi yêu cầu có thời gian.

-Không thể được! – Có một tiếng gào ở cuối phòng.

Comminger quay đầu lại và trông thấy bà Nanette, tay cầm cán chổi, mắt rực lên những tia lửa giận dữ.

-Bà Nanette ơi, – Broussel bảo – Hãy bình tĩnh nào, tôi van bà đấy.

-Tôi mà bình tĩnh được ư, trong khi người ta bắt giữ ông chủ của tôi, người phù trợ, người giải phỏng, người cha của nhân dân khốn khổ! A! Phải rồi? Ông có xéo đi không? Ông vẫn còn biết tôi – bà nói với Comminger.

Comminger mỉm cười. Hắn quay về phía Broussel và nói: -Này, ông bảo cái mụ kia câm mồm đi và hãy đi theo tôi.

-Bảo tôi câm mồm ư, hả hả! – Nanette nói. – À! Được đấy! Phải có một người khác nữa ngoài ông ra, kẻ đẹp mã của nhà vua ạ! Rồi ông xem!

Và bà Nanette lao về phía cửa sổ, mở ra và kêu to bằng một giọng chói tai từ sân trước nhà thờ cũng nghe thấy: -Cứu chúng tôi với! Người ta bắt giữ ông chủ của tôi người ta bắt giữ ngài tham nghị Broussel! Cứu chúng tôi với!

-Này ông, – Comminger nói, – Hãy nói rõ ý kiến ngay đi: Ông có tuân lệnh không hay là toan kháng cự lại đức vua?

-Tôi tuân lệnh, tôi tuân lệnh, ông ạ, – Broussel kêu lên, thử gỡ mình khỏi vòng tay của hai con gái và dùng mắt ghìm anh con trai luôn sẵn sàng buột khỏi ông.

-Trong trường hợp ấy – Comminger nói, – hãy bắt mụ già này im lặng.

-A, mụ già à! – Nanette nói.

Và bà lại càng gào thét to hơn, tay bám chặt lấy song cửa: -Cứu chúng tôi với! Cứu chúng tôi với! Cứu ngài Broussel đang bị người ta bắt chỉ vì đã bảo vệ dân chúng! Cứu chúng tôi với!

Comminger ôm ngang mình bà vú toan giằng bà ra khỏi vị trí, nhưng cùng lúc ấy có một tiếng nói khác từ tầng dưới đất hét lên bằng cái giọng the thé: -Có vụ giết người! Cháy! Có kẻ ám sát! Người ta chọc tiết ông Broussel!

Đó là tiếng của Friquet… Bà Nanette thấy mình được ủng hộ càng ra sức hò la theo.

Đã có những cái đầu tò mò hiện ra ở các cửa sổ. Dân chúng từ đầu phố chạy đến, lúc đầu có một số người, rồi từng toán, rồi cả đám đông? Người ta nghe thấy tiếng kêu, trông thấy một cỗ xe, nhưng không hiểu chuyện gì cả. Friquet. từ trong nhà nhảy lên nóc cỗ xe và kêu to: -Họ định bắt ông Broussel? Trong xe có lính thị vệ và trên gác có viên sĩ quan.

Đám đông bèn gầm lên và đến gần mấy con ngựa. Hai lính vệ đứng ở dưới dường trèo lên gác hỗ trợ cho Comminger; những tên ở trong xe mở cửa xe ra và dựng chéo các cây giáo.

-Các vị thấy chưa? – Friquet. kêu. – Các vị thấy chưa? Chúng nó đấy!

Rồi nó quay vào nhà và ném tới tấp vào người tên đánh xe ngựa tất cả những gì nó vớ được.

Mặc dầu sự thị uy cừu địch của bọn lính vệ và có lẽ, chính vì sự thị uy đó mà đám đông càng gào thét lên và xấn vào lũ ngựa. Bọn lính vệ dùng giáo đâm làm lùi bước những kẻ hung hăng nhất.

Tuy nhiên sự huyên náo mỗi lúc một tăng, đường phố không còn chứa nổi những người xem từ mọi phía dồn đến; đám đông lấp cả khoảng trống mà mấy ngọn giáo ghê gớm cửa lính vệ còn canh giữ ở giữa dân chúng và cỗ xe. Bọn lính như bị xô đẩy bởi những bức tường luỹ sống, sắp sửa bị đè nát vào những trục xe và thành xe.

Những tiếng kêu "Nhân danh đức vua!" do viên phó quan cảnh sát nhắc đi nhắc lại hàng chục lần chẳng mảy may tác động đến đám người hằng hà sa số đáng sợ ấy và dường như còn khiến họ phẫn nộ thêm. Lúc ấy nghe tiếng kêu "Nhân danh đức vua!" một kỵ sĩ phóng đến và trông thấy những bộ quân phục bị ngược đãi, bèn xông lên, tay kiếm lăm lăm và đem đến một sự hỗ trợ không ngờ tới cho bọn lính vệ

Kỵ sĩ ấy là một thanh niên trạc mười lăm mười sáu tuổi mặt tái đi vì phẫn nộ. Anh nhảy xuống đất tựa lưng vào càng xe và dùng con ngựa của mình làm chiến luỹ, anh rút những khẩu súng ngắn ở bao ra gài vào thắt lưng và bắt đầu vung gươm ra dáng một con người mà, việc múa gươm là điều quen thuộc.

Trong mười phút một mình anh ta chống cự với cả đám đông.

Lúc ấy Comminger ra và đẩy Broussel đi trước mình.

-Phá tan cỗ xe ra! – Dân chúng gào lên.

-Cứu chúng tôi với – Bà vú già kêu.

-Có vụ giết người! – Friquet. vừa la vừa tiếp tục ném tới tấp vào bọn thị vệ tất cả những gì hắn nhặt được.

-Nhân danh đức vua! – Comminger hô.

-Kẻ nào xông lên trước tiên sẽ chết! – Raoul vội vã kêu lên khi thấy một gã khổng lồ sắp sửa đè bẹp mình anh dí luôn mũi kiếm vào người hắn, hắn cảm thấy bị thương bèn vừa lùi ra và hét lên.

Chính là Raoul sau năm ngày vắng mặt đã trở lại theo đúng lời hứa với bá tước de La Fère. Anh muốn dự xem lễ hội và đã theo dường ngắn nhất đi đến nhà thờ Đức Bà. Tới gần phố Cocatrix, anh đã bị lôi cuốn theo làn sóng dân chúng. Khi nghe kêu "Nhân danh đức vua!" anh nhớ ngay đến lời dặn của Arthos "Phụng sự đức vua" và chạy ngay đến để chiến đấu vì đức vua, mà những lính thị vệ của Ngài đang bị ngược đãi.

Có thể nói là Comminger đã quăng Broussel vào trong cỗ xe và nhào vào theo. Đúng lúc ấy một phát súng hoả mai nổ, đạn xuyên qua mũ của Comminger từ trên xuống dưới và làm gẫy tay một lính vệ.

Comminger ngẩng đầu lên, và trông thấy giữa đám khói bộ mặt hăm doạ của Louvières ló ra ở cửa sổ gác hai.

-Được lắm, – Comminger nói, – tôi sẽ nói chuyện với ông sau.

-Và tôi cũng vậy – Louvières đáp, – Chúng ta sẽ xem người nào nói to hơn.

Friquet. và Nanette vẫn gào thét. Những tiếng kêu la, tiếng đạn nổ, mùi thuốc súng bao giờ cũng làm cho người ta say sưa, đang phát huy tác dụng.

-Đánh chết tên sĩ quan đi! Đánh chết đi! – Đám đông hét.

Một náo động lớn rộn lên.

Comminger vén các tấm rèm cửa ra để mọi người nhìn rõ trong xe rồi tì mũi gươm vào ngực Broussel hắn, kêu lên: -Các người tiến lên một bước là ta sẽ giết chết tên tù nhân này ngay, ta được lệnh là mang tù nhân về chết hoặc sống: ta sẽ mang hắn chết về, có thế thôi.

Một tiếng kêu khủng khiếp vang lên. Vợ và các con gái của Broussel giơ tay ra van xin dân chúng.

Dân chúng hiểu rằng viên sĩ quan tái mét nhưng tỏ ra thật kiên quyết và hắn sẽ làm như hắn nói. Mọi người vẫn hăm doạ, nhưng dãn bớt.

Comminger cho tên lính bị thương lên xe cùng với mình rồi ra lệnh đóng cửa xe lại.

-Đi đến Cung, – Hắn bảo tên đánh xe ngựa vừa trải qua một mẻ thừa sống thiếu chết.

Tên đánh xe ra roi quất ngựa mở một con đường rộng trong đám đông, nhưng đi đến kè thì phải dừng lại. Chiêc xe đổ kềnh, mấy con ngựa bị đám đông lôi đi, chèn cho ngạt thở và nghiền nát. Raoul đi bộ vì không có thì giờ để lên ngựa, mệt nhoài vì phải đánh kiếm bằng bản cũng như bọn lính vệ phát chán vì phải đánh giáo mác bằng mặt dẹt, bắt đầu dừng đến mũi nhọn của gươm giáo. Người ta bắt đầu thấy chốc chốc lóe lên ở giữa đám đông nòng một khẩu súng trường hoặc lưỡi một thanh trường kiếm; vài phát súng nổ đì đoành chắc là bắn chỉ thiên, nhưng tiếng vang cũng không kém làm rung động những trái tim; gạch đá tiếp tục ném xuống như mưa từ các cửa sổ. Khắp phố vang lên những tiếng nói mà người ta chỉ nghe thấy trong những ngày bạo loạn và xuất hiện những bộ mặt mà người ta chỉ trông thấy trong những ngày đẫm máu. Những tiếng kêu "Đánh chết! Đánh chết bọn lính vệ? Quẳng thằng sĩ quan xuống sông Seinee?" át tất cả tiếng ồn ào dù to đến mấy. Raoul mũ tả tơi, mặt đầm đìa máu me, cảm thấy không chỉ sức lực mà cả lý trí bắt đầu bỏ rơi anh: cặp mắt anh bơi trong một đám sương mù đo đó và qua đám sương mù ấy anh nhìn thấy hàng trăm cánh tay đang vươn ra sẵn sàng tóm lấy anh khi nào anh ngã xuống. Comminger bứt tóc vò tai trong cỗ xe lật đổ. Bọn lính vệ chẳng thể hỗ trợ cho ai trong khi mỗi tên phải lo bảo vệ cho chính mình. Tất cả thể là hết: xe, ngựa, lính vệ, sai nha, và có thể cả tù nhân nữa tất cả sắp sửa tan tác tả tới, thì bỗng nhiên một tiếng nói rất quen thuộc với Raoul vang lên, bỗng nhiên một thanh kiếm lớn lấp lánh trên không; cùng lúc ấy đám đông mở ra, bị chọc thủng, bị lật nhào, bị đè bẹp. Một viên sĩ quan ngự lâm quân đánh chém tứ tung, chạy đến chỗ Raoul và ôm lấy anh đúng lúc anh sắp quỵ xuống.

-Mẹ kiếp! – Viên sĩ quan kêu lên, – Họ giết chết anh ta rồi chăng? Nếu vậy thì tai hoạ lớn cho họ!

Ba viên sĩ quan quay lại mặt đằng đằng sát khí, giận dữ và nạt nộ trông phát khiếp đến nỗi những kẻ phiến loạn hung cuồng nhất cũng xô đè lên nhau mà bỏ chạy, có mấy người lăn cả xuống sông.Seine

-Ông d'Artagnan? – Raoul lẩm bẩm.

-Phải, chính tôi tôi đây! Chúa ơi! Và xem ra anh cũng còn may lắm, anh bạn trẻ ạ.

Rồi d'Artagnan đứng hẳn lên đôi bàn đạp, giơ gươm lên, gọi vừa bằng lời vừa bằng cử chỉ đám ngự lâm quân không chạy kịp theo anh, thế mới biết anh phóng nhanh biết chừng nào. Anh hô to: -Nào, lại đây các ông! Nào, hãy quét

sạch cho tôi tất cả những thứ này đi! Dùng súng! Cầm lấy súng Nạp đạn! Ngắm…

Nghe mệnh lệnh ấy những núi người đổ sụp xuống bất thình lình, đến nỗi d'Artagnan không nén được một chuỗi cười ròn rã.

-Cảm ơn ông d'Artagnan, – Comminger vừa nói vừa thò nửa người ra cửa cỗ xe đổ, – Xin cảm ơn vị quý tộc trẻ tuổi! Tên ông là gì nhỉ? Để tôi trình với hoàng hậu.

Raoul toan trả lời, thì d'Artagnan ghé vào tai anh mà bảo: -Hãy im lặng để tôi trả lời.

Rồi quay về phía Comminger, anh bảo: -Comminger, đừng để mất thì giờ, hãy ra khỏi xe nếu có thể, và lấy một xe khác mà đi.

-Nhưng xe nào?

-Trời ơi, chiếc xe đầu tiên nào đi qua Cầu Mới. Tôi cho rằng những kẻ nào đi chiếc xe ấy sẽ rất sung sướng được cho mượn xe để làm công cụ của nhà vua.

-Nhưng tôi không thể… – Comminger nói.

-Thôi, đi đi, nếu không thì năm phút nữa tất cả bọn tiện dân sẽ trở lại với kiếm gươm và súng ống. Ông sẽ bị giết chết và tù nhân được giải thoát. Đi thôi. Mà này, vừa vặn có một cỗ xe đang đến kia kìa.

Rồi lại cúi xuống Raoul, anh khẽ bảo: -Nhất là chớ có xưng tên anh ra.

Chàng thanh niên nhìn anh với vẻ kinh ngạc.

-Được rồi, tôi chạy đến đó bây giờ, – Comminger nói, – vả nếu chúng trở lại, thì các ông cứ bắn.

-Không được, không được đâu, – D'Artagnan đáp, Trái lại không ai được động đậy. Một phát súng nổ lúc này. sẽ phải trả giá quá đắt ngày mai.

Comminger lấy bốn lính thị vệ và từng ấy lính ngự lâm chạy ra chỗ chiếc xe. Hắn bảo mọi người xuống và đem cỗ xe đến gần chiếc xe đổ.

Nhưng khi phải chuyển Broussel từ chiếc xe đổ sang xe kia, dân chúng chợt trông thấy người mà họ gọi là kẻ giải phóng họ, bèn thốt ra những tiếng gào thét không thể tưởng tượng được và lại ùa đến cỗ xe.

-Đi đi, d'Artagnan nói, – Đây là mười lính ngự lâm để đi theo ông; tôi giữ lại hai mươi người để kìm giữ dân chúng. Hãy đi ngay và chớ để mất một phút nào cả. Mười người cho ông Comminger!

Mười người rời khỏi toán quân, bao quanh cỗ xe mới và phi nước đại.

Cỗ xe chạy thì tiếng kêu la càng tăng lên gấp bội, mười nghìn người ùn ùn trên kè, làm nghẽn tắc Cầu Mới và những phố liền kề.

Mấy phát súng nổ. Một lính ngự lâm bị thương.

-Tiến lên! – D'Artagnan hô, – anh không nhịn được nữa và cắn ria mép.

Và với hai mươi người của mình anh công kích cả đám dân chúng ấy khiến họ nhào đổ, kinh hoàng.

Riêng có một người đứng nguyên tại chỗ, cây súng hoả mai trong tay. Người ấy nói: -A! Thì ra chính mày đã toan ám sát ông ta. Đợi đây!

Và hắn hạ nòng súng nhằm vào d'Artagnan đang cho ngựa phi hết sức vào chỗ hắn.

D'Artagnan cúi rạp mình xuống cổ ngựa vào lúc người thanh niên nổ súng; viên đạn cắt phăng chiếc lông mũ của anh.

Con ngựa phát khùng xộ vào kẻ dại dột đã dám một mình thử ngăn cản một trận cuồng phong, và hất tung hắn rơi vào một bức tường.

D'Artagnan dừng phắt ngựa lại và trong khi ngự lâm quân của anh tiếp tục công kích, anh trở lại giơ cao kiếm trên kẻ bị anh xô ngã.

Raoul nhận ra người trẻ tuổi ấy vì đã trông thấy anh ta ở phố Cocatrix, vội kêu lên: -A! Ông ơi, hãy tha thứ cho anh ta, đó là con trai ông ấy đấy.

D'Artagnan vội dừng cánh tay sắp giáng xuống.

-Ồ! anh nói, – anh là con trai ông ấy à? Nếu thế thì là chuyện khác.

-Thưa ông, tôi xin đầu hàng! – Louvières vừa nói vừa đưa khẩu súng hoả mai nhả đạn cho viên sĩ quan…

-Thôi nào! Mẹ kiếp, chớ có đầu hàng! Trái lại hãy cố chuồn đi mau lên! Nếu tôi bắt anh, thì anh sẽ bị treo cổ.

Người thanh niên không để nói đến câu thứ hai, anh ta chui dưới cổ con ngựa và biến đi ở góc phố Guénégaud.

-A, anh ngăn bàn tay tôi rất kịp thời, – D'Artagnan bảo Raoul, thực tình mà nói người này coi như chết đến nơi rồi và khi tôi biết anh ta là ai thì tôi sẽ ân hận là đã giết anh ta.

-Ôi thưa ông, – Raoul nói, – sau khi cảm ơn ông thay cho người thanh niên tội nghiệp kia, tôi xin phép cảm ơn ông cho riêng tôi, vì thưa ông, tôi cũng sắp chết đến nơi rồi thì ông kịp đến.

-Khoan đã, khoan đã, chớ có nói năng mệt sức.

Rồi moi ở một bao súng ra một lọ đầy rượu vang Tây Ban Nha anh bảo: -Hãy uống vài ngụm đi nào.

Raoul uống và toan nhắc lại lời cảm ơn, thì d'Artagnan đã nói: -Này người thân yêu ơi, chúng ta sẽ nói chuyện đó sau.

Rồi trông thấy ngự lâm quân sau khi đã quét đường kể từ Cầu Mới đến Saint-Michel đang trở lại anh giơ cao thanh kiếm để họ rảo bước lên và hỏi họ: -Ơ này? Có chuyện gì mới xảy ra không?

-Thưa ông, – Viên đội đáp, – Xe của họ bị gẫy lần nữa, đúng là một vận xui thực sự.

D'Artagnan nhún vai nói: -Đó là những kẻ vụng về. Khi chọn một cái xe, thì phải chọn cái vững chắc chứ. Cỗ xe dùng để bắt giữ một Broussel phải chờ nổi mười nghìn người.

-Trung uý ra lệnh gì không ạ?
-Hãy dẫn phân đội về dinh.
-Thế ông rút về một mình?
-Đã đành! Ông cho tôi cần người hộ vệ à?
-Tuy nhiên…
-Thôi đi đi.
Ngự lâm quân đi và d'Artagnan ở lại một mình với Raoul.
-Bây giờ còn đau không? – Anh hỏi.
-Còn, ông ạ. Tôi thấy đầu mình nặng và nóng như lửa.
-Có gì ở đầu vậy? – D'Artagnan vừa nói vừa bỏ mũ ra. – Á à! Một vết bầm.
-Vâng, tôi chắc rằng đã bị một chậu hoa ném vào đầu.
-Bọn súc sinh! – D'Artagnan kêu lên. – Ơ, nhưng mà anh có mang đinh thúc ngựa, thế lúc ấy anh đi ngựa à?
-Vâng, nhưng tôi đã xuống ngựa để bảo vệ ông Comminger, và con ngựa của tôi đã bị người ta lấy mất. Mà này, nó kia kìa.
Quả thật, đúng lúc ấy con ngựa của Raoul đi qua do Friquet cưỡi, hắn đang vừa phi vừa vẫy chiếc mũ bonnet và la.
-Broussel! Broussel!
-Ơ này! Thằng vô lại kia, dừng lại! – D'Artagnan kêu lên – Đem con ngựa lại đây!
Friquet. nghe rõ hẳn hoi, nhưng hắn tảng lờ và cứ chạy tiếp…
D'Artagnan toan đuổi theo Friquet., nhưng không muốn để Raoul ở lại một mình, anh đành lấy súng ngắn ở bao ra và nạp đạn.
-Friquet. tinh mắt và tinh tai, hắn vừa trông thấy động tác của d'Artagnan và nghe thấy tiếng cò súng vội dừng phắt ngựa lại.
-A! Ông đấy à, thưa ông sĩ – quan – Hắn vừa, nói vừa tiến lại nói, Tôi rất vui mừng được gặp ông.
D'Artagnan chăm chú nhìn Friquet. và nhận ra thằng nhóc con ở phố Calandre…
-A, mày đấy à, thằng nhóc! Lại đây!
-Vâng, thưa ông sĩ quan chính tôi đây, – Friquet. nói với cái điệu mơn trơn.
-Thì ra mày đổi nghề rồi à? Mày không còn làm lễ sinh, mày không còn làm hầu bàn quán ruợu, và bây giờ đi ăn trộm ngựa!
-Ồ, thưa ông sĩ quan, sao lại nói thế, – Friquet. kêu lên. – Tôi đang đi tìm vị quý tộc có con ngựa này, một chàng kỵ sĩ tuấn tú uy nghi như César… – Hắn giả bộ như mới trông thấy Raoul lần đầu tiên và nói tiếp – A! Nhưng tôi không nhầm, người ấy đây rồi. Thưa ông, ông sẽ không quên thằng nhỏ này chứ?
Raoul thò tay vào túi.
-Anh định làm gì thế? – D'Artagnan nói.

-Để tôi cho thằng bé đó mười livres, vừa nói Raoul vừa lấy trong túi ra một cây súng ngắn

-Cho nó mười cái đá thì có – Artagnan vừa nói, vừa ra lệnh -

-Cút đi, đồ vô lại và đừng quên rằng tao biết nhà của mày đấy.

Friquet. không ngờ được thoát nợ một cách dễ dải đến thế, hắn ta nhảy một bước từ kè ra phố Dauphine và biến mất.

Raoul lên ngựa và cả hai người đi bước một về phố Tiquetonne, d'Artagnan nhìn chàng thanh niên như đó là con đẻ của mình.

Dọc đường vẫn có khối tiếng xì xào lẩm bẩm và những lời hăm doạ xa xa. Nhưng nhìn thấy viên sĩ quan có phong cách thật nhà binh, trông thấy thanh kiếm ghê gớm treo ở cổ tay anh bằng sợi dây da người ta luôn luôn tránh ra và không có một ý đồ thực sự nào nhằm chống lại hai kỵ sĩ.

Thế là hai người đi tới quán "Con dê cái nhỏ" mà không có chuyện gì xảy ra.

Mỹ nhân Madeleine báo với d'Artagnan là Planchet đã trở về và dẫn theo Mousqueton, anh chàng này đã chịu đựng một cách anh hùng việc lấy viên đạn ra và lại khỏe mạnh như xưa.

D'Artagnan cho gọi Planchet; nhưng người ta gọi mãi mà chẳng thấy hắn trả lời: hắn đã biến mất.

-Thế thì đem rượu vang ra đây? – D'Artagnan bảo.

Rồi khi rượu mang ra và d'Artagnan còn lại một mình với Raoul, anh nhìn thẳng vào mặt Raoul mà nói: -Anh tự thấy bằng lòng với mình lắm phải không?

-Vâng ạ, – Raoul đáp. – Hình như tôi đã làm tròn bốn phận của mình. Tôi đã chẳng bảo vệ nhà vua đó sao?

-Thế ai bảo anh bảo vệ vua?

-Thì chính Bá tước de La Fère.

-Đúng, vua, nhưng hôm nay anh không bảo vệ vua, anh đã bảo vệ Mazarin, như thế lại khác hẳn.

-Nhưng thưa ông…

-Anh đã làm một việc dị thường, anh bạn trẻ ạ, anh đã dây vào nhưng chuyện không can hệ gì đến anh.

-Song chính ông…

-Ồ, tôi là chuyện khác tôi phải tuân theo mệnh lệnh vị chỉ huy của tôi. Vị chỉ huy của anh là Ngài hoàng thân. Hãy nhớ rõ điều đó, anh không có người chỉ huy nào khác. Nhưng mà, – D'Artagnan nói tiếp, – người ta đã trông thấy cái đầu vớ vẩn này đang đi theo phái Mazarin và giúp vào việc bắt bớ Broussel! Thôi, chớ có hé miệng một ti gì kẻo Bá tước de La Fère sẽ tức giận đấy.

-Ông cho rằng bá tước de La Fère sẽ tức giận tôi ư?

-Hẳn đi chứ! Tôi chắc chắn như vậy; nếu không vì điều ấy, thì có lẽ tôi sẽ cảm ơn anh vì rốt cuộc anh đã làm việc cho chúng tôi. Cho nên tôi đã thay bá

tước mà quở trách anh, cơn thịnh nộ sẽ dịu hơn, anh hãy tin như vậy. Với lại, – D'Artagnan nói thêm, – Con thân yêu, ta dùng đặc quyền mà người đỡ đầu của con đã nhượng cho ta.

-Thưa ông, tôi không hiểu ý ông, – Raoul nói.

D'Artagnan đứng dậy đến bàn viết lấy một bức thư đưa cho Raoul.

Raoul đọc lướt qua tờ giấy và cái nhìn trở nên bối rối. Ngước đôi mắt đẹp rưng rưng lệ nhìn d'Artagnan anh nói: -Ôi, lạy Chúa! Vậy là ông Bá tước đã rời Paris mà không gặp tôi.

-Ông ra đi cách đây bốn ngày, – D'Artagnan nói.

-Nhưng bức thư dường như chỉ rõ rằng ông ấy đang trải qua một mối nguy hiểm chết người.

-Ồ! Ông ấy mà trải qua một mối nguy hiểm chết người! Không đâu, cứ yên tâm, ông ấy đi vì công việc và chẳng bao lâu sẽ trở về. Tôi mong rằng anh sẽ không lấy làm khó chịu nhận tôi làm người bảo trợ tạm thời.

-Ồ, không đâu, ông d'Artagnan – Raoul nói, – Ông là người quý tộc trung hậu và Bá tước de La Fère yêu quý ông biết chừng nào!

-Này, lạy Chúa! Hãy yêu mến tôi nhé. Tôi sẽ không làm rầy rà anh mấy đâu, nhưng với điều kiện anh sẽ là Fronde, anh bạn trẻ và rất Fronde nữa kia.

-Nhưng tôi có được tiếp tục thăm bà de Chevreuse không?

-Có chứ! Cả ông chủ giáo và bà de Longueville nữa. Và nếu ông Broussel tử tế mà anh đã dại dột tham gia vào việc bắt bớ còn ở kia, thì tôi sẽ bảo anh: Hãy mau mau đến xin lỗi ông Broussel và hôn lên hai mà ông.

-Được rồi thưa ông, tôi sẽ tuân lời ông, dù rằng tôi chưa hiểu ý ông.

-Anh hiểu làm gì, vô ích. Kìa, – D'Artagnan quay ra phía cửa vừa mới mở ra và nói tiếp – Ông Du Vallon đến đây với quần áo rách tả tơi.

Porthos mình ròng ròng mồ hôi và đầy bụi bặm đáp: -Phải, nhưng đổi lại, tôi đã xé rách bao nhiêu da thịt. Những tên loạn dân ấy không muốn cất kiếm của tôi đi! Ghê thật! Cuộc náo động dân chúng đến thế là cùng! – Chàng hộ pháp nói tiếp với vẻ bình thản, – nhưng tôi đã dập chết hơn hai chục tên bằng cái chuôi gươm Balizarde… Một chút rượu vang nào, d'Artagnan.

-Ồ xin tuỳ ý cậu, – Chàng Gascon vừa nói vừa rót đầy cốc Porthos, – Nhưng khi đã uống rồi, cậu hãy nói tôi biết ý kiến của cậu.

Porthos nốc một hơi cạn cốc rượu, rồi sau khi đã đặt cốc xuống bàn và mút mút chòm ria mép, anh hỏi.

-Ý kiến về cái gì cơ?

-Này nhé, – D'Artagnan nói. – Bragelonne đây muốn đem hết sức mình ra giúp vào việc bắt giữ Broussel và tôi vất vả lắm để ngăn anh ta bảo vệ Comminger.

-Ghê nhỉ! – Porthos nói – Và người bảo trợ sẽ nói thế nào khi biết chuyện này?

-Thấy chưa! – D'Artagnan ngắt lời, – Hãy làm Fronde, anh bạn trẻ ơi. Hãy làm Fronde và nhớ rằng tôi thay bá tước về mọi mặt.

Và anh vỗ rủng rẻng túi tiền.

Rồi quay về phía bạn, anh bảo: -Có đi không, Porthos?

-Đi đâu cơ? – Porthos vừa hỏi vừa rót thêm rượu vang nữa.

-Đi đến bày tỏ kính lễ với tể tướng.

Porthos nốc cốc rượu thứ hai vẫn với vẻ bình thản như lần trước, rồi vớ chiếc mũ dạ để ở trên ghế và đi theo d'Artagnan.

Còn Raoul thì đứng ngẩn người ra vì những điều mắt thấy tai nghe; d'Artagnan đã cấm anh rời khỏi phòng trước khi sự náo động lắng dịu.

§47. Kẻ ăn mày ở nhà thờ Saint-Eustache

Artagnan đã tính toán việc mình làm khi anh không đến ngay Hoàng cung. Anh đã để cho Comminger đến đó trước anh và do đó trình với tể tướng những công việc phi thường mà hắn ta, d'Artagnan và bạn anh đã làm trong buổi sáng, hôm nay cho phe phái của hoàng hậu.

Cho nên Mazarin đã đón tiếp hai anh một cách nồng hậu, hết lời khen ngợi các anh và tuyên bố rằng mỗi anh đã tiến quá nửa con đường mà các anh ao ước, nghĩa là cấp đại uý của d'Artagnan và tước vị Nam tước của Porthos.

D'Artagnan có lẽ thích tiền bạc hơn là tất cả những thứ đó vì anh biết rằng Mazarin hứa hẹn thì dễ dàng nhưng giữ lời thì khó lắm. Cho nên anh coi những lời hứa của giáo chủ như những món ăn vô bổ, song anh tỏ ra không kém hài lòng trước mặt Porthos để bạn khỏi nản lòng.

Trong khi hai người bạn đang ở chỗ tể tướng thì hoàng hậu cho gọi ông ta. Giáo chủ nghĩ rằng đây là một dịp tăng thêm nhiệt tình của hai kẻ bảo vệ mình bằng cách để chính hoàng hậu ban lời cảm ơn với họ; ông ra hiệu cho họ đi theo mình. D'Artagnan và Porthos chỉ cho ông xem phần quần áo bụi bặm và rách tả tơi của họ, nhưng giáo chủ lắc đầu và nói: -Những bộ quần áo này còn giá trị hơn quần áo của phần lớn các cận thần mà các ông sẽ trông thấy ở chỗ hoàng hậu, vì đây là những quần áo chiến trận.

D'Artagnan và Porthos tuân lệnh.

Cung đình của Anne d'Autriche đông đúc và ồn ào vui vẻ, vì xét cho cùng, sau khi giành một chiến thắng với Tây Ban Nha, người ta vừa mới giành một chiến thắng với dân chúng. Broussel đã bị đưa ra khỏi Paris mà không có chống cự và giờ này chắc đang nằm trong nhà tù Saint-Germain; và Blancmensnil cũng bị bắt đồng thời với Broussel nhưng êm ru, không khó khăn gì và đã bị nhốt vào lâu dài Vincennes.

Comminger đứng bên cạnh hoàng hậu, bà hỏi hắn ta về những chi tiết của cuộc chinh phạt. Mọi người đang nghe Comminger kể chuyện, thì hắn chợt nom thấy ở cửa giáo chủ bước vào, theo sau là d'Artagnan và Porthos.

-A! Thưa Lệnh bà, – Comminger vừa nói vừa chạy đến d'Artagnan, – đây là một người có thể trình với Lệnh bà hay hơn tôi, vì đó là cứu tinh của tôi. Không có ông ta, chắc hẳn lúc này tôi đang mắc vào những tấm lưới ở Saint-Clou vì tôi chỉ còn cách là nhảy xuống sông mà thôi. Nói đi, d'Artagnan nói đi.

Từ khi là trung uý ngự lâm quân đến giờ, d'Artagnan đứng ở cùng phòng với hoàng hậu kể có đến trăm bận, nhưng chẳng bao giờ bà ta nói năng với anh cả.

-Thế nào, ông? – Hoàng hậu nói, – Sau khi đã làm một việc như vậy để phụng sự tôi mà ông lại im lặng ư?

-Thưa Lệnh bà, – D'Artagnan đáp, – tôi chẳng có gì để nói, nếu không phải tính mạng của tôi là để phụng sự Hoàng thượng, và tôi chỉ lấy làm sung sướng ngày nào tôi hy sinh nó vì Người.

-Tôi biết điều đó ông ạ, – Hoàng hậu nói, -Ttôi biết điều, đó và từ lâu rồi. Cho nên tôi rất sung sướng được ban cho ông cái dấu hiệu công khai của niềm quý trọng và lòng biết ơn của tôi.

-Xin phép Lệnh bà, – D'Artagnan nói, – cho tôi được san sẻ một phần ân huệ đó cho người bạn của tôi là cựu ngự lâm quân thuộc đại đội Ngài de Treville cũng giống như tôi (anh nhấn mạnh vào những tiếng đó), và đã lập nhiều kỳ tích, – Anh nói thêm.

-Tên ông là gì? – Hoàng hậu hỏi.

-Trong ngự lâm quân, – D'Artagnan đáp – Ông ấy được gọi là Porthos, (hoàng hậu rùng mình) nhưng tên thật của ông là hiệp sĩ Du Vallon.

-De Bracieux de Pierrefonds, – Porthos nói thêm.

-Những tên ấy quá dài tôi không nhớ hết được, và tôi chỉ muốn nhớ đến cái tên đầu tiên, – hoàng hậu nói một cách duyên dáng.

Porthos thi lễ, d'Artagnan lùi hai bước lại đằng sau. Lúc ấy người ta báo có ông chủ giáo đến.

Một tiếng kêu kinh ngạc nổi lên trong cuộc hội họp cung đình.

Dù rằng ông chủ giáo vừa mới truyền giảng ngay buổi sáng nay, người ta biết rõ ông nghiêng hẳn về phía La Fronde. Và Mazarin khi yêu cầu với vị Tổng giám mục Paris để cháu ông truyền giảng, hiển nhiên là đã có ý đồ thí cho ông de Retz[240] một trong những đường gươm hiểm hóc theo kiểu Ý nó khiến ông vô cùng thích thú.

Quả thật, ra khỏi nhà thờ Đức Bà ông chủ giáo đã biết tin về biến cố xảy ra. Mặc dầu gần như giao kết với những người Fronde chủ chốt, ông ta chưa dấn sâu đến mức không thể rút lui được, nếu như triều đình ban cho ông những lợi ích mà ông khao khát và chức vụ chủ giáo chỉ là sự dẫn dắt tới đó. Ông de Retz muốn được làm tổng giám mục thay chân chú mình, và làm giáo chủ như Mazarin.

Nhưng cái đảng phái bình dân khó lòng ban cho ông những ân sủng hoàn toàn vương giả ấy. Ông bèn đi tới Hoàng cung để chúc tụng hoàng hậu về chiến thắng Lens và định bụng sẵn là sẽ hành động ủng hộ hoặc chống lại triều đình tuỳ theo lời chúc tụng của ông được tiếp đón tốt hay xấu.

Vậy là ông chủ giáo được trình báo. Ông bước vào và vừa trông thấy dung mạo của ông, cả cái triều đình dương dương đắc thắng này háo hức tò mò nghe lời ông nói.

Một mình ông chủ giáo gần như có dư trí tuệ bằng tất cả những người hội họp ở đẩy nên họ chẳng dễ gì giễu cợt ông. Cho nên bài diễn văn của ông khôn khéo hoàn hảo đến nỗi những người dự muốn cười nhạo quá đi, mà không tài nào

nắm bắt được chỗ sơ hở. Ông kết thúc bằng cách nói rằng ông đem cái năng lực nhỏ mọn của mình ra phụng sự hoàng thượng.

Suốt thời gian ấy hoàng hậu tỏ vẻ thưởng thức hào hứng bài diễn văn của ông chủ giáo. Nhưng diễn văn lại kết thúc bằng câu nói đó, câu nói duy nhất sơ hở cho những lời giễu cợt. Anne quay đầu lại và một cái đưa mắt ném ra phía các sủng thần của bà báo hiệu rằng bà phó mặc ông chủ giáo cho họ. Tức thì những kẻ khôi hài trong triều đình lao ngay vào việc trêu đùa gạt gẫm. Nogent-Bautru, thằng hề của nhà vua kêu lên rằng hoàng hậu rất sung sướng tìm được những sự cứu viện của tôn giáo trong lúc nghiêm trọng như thế này.

Mọi người phá ra cười ngạo nghễ

Bá tước de nói Villeroy rằng không hiểu sao có lúc người ta đã phải sợ hãi, khi mà để bảo vệ triều đình chống lại nghị viện và các nhà tư sản Paris, người ta đã có ông chủ giáo, ông chỉ ra hiệu một cái là có thể làm nổi dậy cả một đội quân gồm những linh mục, lính gác Thụy Sĩ và phụ thủ.

Thống chế de La Meilleraie nói thêm rằng nếu trường hợp xảy ra đánh nhau và ông chủ giáo sẽ nổ súng thì thống chế chỉ bực mình một nỗi là trong cuộc hỗn chiến, người ta không thể nhận ra ông chủ giáo bằng chiếc mũ đỏ[241] như người ta đã nhận ra vua Henri IV nhờ chiếc mũ lông trắng ở trận Ivry.

Trước cơn bão tố ấy mà ông có thể làm thành chết người đối với những kẻ giễu cợt, Gondy vẫn bình tĩnh và nghiêm khắc, Hoàng hậu bèn hỏi ông xem ông có điều gì hay hơn thêm vào bài diễn văn mà ông vừa nói không.

-Có thưa Lệnh bà, – Chủ giáo nói, – Tôi xin Lệnh bà suy nghĩ hai lần trước khi gây ra nội chiến trong vương quốc.

Hoàng hậu quay lưng lại và những chuỗi cười lại bắt đầu.

Ông chủ giáo chào và đi ra khỏi Hoàng cung, ông ném lại giáo chủ đang nhìn ông, một trong những cái nhìn mà người ta hiểu là chỉ có giữa những kẻ tử thù. Cái nhìn ấy sắc bén đến nỗi nó xuyên thấu vào tận trong tim Mazarin, và, cảm thấy đó là một lời tuyên chiến, ông ta nắm lấy cánh tay d'Artagnan và nói: -Này ông khi nào có dịp ông sẽ nhận ra đúng cái người vừa mới đi ra chứ?

-Vâng, thưa Đức ông, – anh đáp.

Rồi quay lại phía Porthos, anh nói: -Chán thật! Hỏng cả rồi. Tôi không thích những cuộc xung đột giữa những người nhà thờ.

Gondy vừa rút lui vừa ban phước trên lối đi của ông, tự tạo cho mình cái thú vui ranh mãnh là khiến cho đến cá những bộ hạ, cả kẻ thù của ông cũng quỳ gối dưới chân ông.

Bước chân qua ngưỡng cửa Hoàng cung, ông lẩm bẩm: -Ôi! Triều đình bội bạc, triều đình điên đảo, triều đình hèn mạt! Ngày mai ta sẽ dạy cho mi cười, nhưng cười với giọng khác kia.

Nhưng trong khi người ta làm những trò vui thích điên cuồng ở Hoàng cung để thêm thắt vào trận cười của hoàng hậu, thì Mazarin, con người biết phải chăng, vả lại đã có tất cả sự lo xa của nỗi sợ hãi, không mất thì giờ vào những trò đùa vẩn vơ và nguy hiểm. Ông ta đi ra sau chủ giáo, soát lại các khoản mục, siết chặt bao vàng, và sai những người thợ tin cẩn làm các chỗ cất giấu trong tường.

Trở về nhà, ông chủ giáo được biết có một người trẻ tuổi đến sau lúc ông đi và vẫn đợi ông, ông hỏi tên và mừng run lên khi biết đó là Louvières.

Ông chạy ngay đến văn phòng mình. Quả thật người con trai của Broussel đang ở đó vẫn còn tức điên lên và đầm đìa máu me sau cuộc chiến đấu chống lại các nhân viên của nhà vua. Sự đề phòng duy nhất của anh để đi đến toà tổng giám mục là để lại cây súng hoả mai ở nhà một người bạn.

Ông chủ giáo đi tới chỗ anh và giơ tay ra. Anh nhìn ông như muốn đọc rõ tim gan ông.

-Ông Louvières thân mến ơi, – chủ giáo nói, – hãy tin rằng tôi chia sẻ một phần thật sự mối tai hoạ xảy ra với ông.

-Có thật không và ông nói nghiêm túc đấy chứ? – Louvières hỏi.

-Từ đáy lòng tôi, – Gondy đáp.

-Trong trường hợp ấy, thưa Đức ông, thời kỳ của những lời nói đã qua rồi và giờ hành động đã tới. Nếu Đức ông muốn thì trong ba ngày nữa cha tôi sẽ ra khỏi nhà tù và trong sáu ngày nữa ông sẽ là giáo chủ.

Chủ giáo rùng mình.

Louvières nói tiếp: -Ồ! Ta hãy nói chuyện thẳng thắn và lật ngửa quân bài. Người ta chẳng gieo rắc ba mươi nghìn êquy bố thí như ông đã làm từ sáu tháng nay vì lòng từ thiện Gia-tô giáo thuần tuý đâu, nếu như thế thì hay quá. Ông có tham vọng, thật là đơn giản: ông là người có kỳ tài và ông cảm thấy giá trị của ông. Còn tôi, tôi căm ghét triều đình, và lúc này đây tôi chỉ có một mong muốn trả thù. Ông hãy cho chúng tôi giới tu hành và dân chúng mà ông có sẵn; tôi, tôi sẽ cho các ông giới tư sản và nghị viện; với bốn nhân tố ấy, trong tám hôm là Paris về tay chúng ta, và xin ông hãy tin lời tôi, ông chủ giáo ạ, triều đình sẽ đem cho vì sợ hãi cái mà nó ắt chẳng đem cho vì hảo tâm.

Chủ giáo đến lượt mình nhìn Louvières bằng con mắt xuyên thấu và nói: -Nhưng ông Louvières ơi ông có biết rằng điều mà ông đề nghị tôi ấy chẳng qua là cuộc nội chiến ư?

-Đức ông ạ, ông chuẩn bị nó từ khá lâu rồi để nó đến đúng lúc.

-Không can gì, – Chủ giáo nói, – Ông hiểu rằng điều ấy cần được suy nghĩ chứ?

-Thế ông cần mấy tiếng đồng hồ?

-Mười hai tiếng ông ạ, có nhiều quá không?

-Bây giờ là giữa trưa, nửa đêm tôi sẽ đến ông.

-Nếu tôi chưa về thì hãy đợi tôi nhé?

-Tuyệt! Hẹn nửa đêm, thưa Đức ông.

-Nửa đêm, ông Louvières thân mến ạ.

Còn lại một mình, Gondy cho gọi tất cả những linh mục mà ông có quan hệ. Hai giờ sau ông đã tụ họp được ba mươi linh mục ở các giáo khu đông dân nhất và do đó phiếu đông nhất thành Paris.

Gondy kể lại điều lăng mạ mà người ta vừa mới làm với ông ở Hoàng cung và nhắc lại những lời đùa cợt của Bautru, của bá tước de Vilơroa và thống chế de La Meilleraie. Các linh mục hỏi ông cần phải làm gì.

-Rất đơn giản, – Chủ giáo nói. – Các ông điều khiển các ý thức, vậy thì hãy phá tan cái thiên kiến tồi tệ về sự sợ hãi và kính nể các vua chúa. Hãy nói cho các con chiênn biết rằng hoàng hậu là một bạo chúa, và nhắc đi nhắc lại thật mạnh mẽ để mỗi người đều biết rằng những tai hoạ của nước Pháp đều do Mazarin mà ra, hắn là tình nhân và kẻ cám dỗ hoàng hậu. Hãy bắt đầu công việc ngay hôm nay, ngay từ lúc này, và trong ba ngày tới, tôi chờ các ông thành đạt.

Ngoài ra nếu trong số các ông ai có điều gì hay muốn khuyên nhủ tôi thì hãy ở lại, tôi sẽ vui lòng lĩnh ý.

Ba linh mục ở lại: linh mục ở Saint-Merri, linh mục ở Saint-Sulpice và linh mục ở Saint-Eustache.

Những người khác rút lui.

Gondy nói: -Các ông cho rằng có thể giúp đỡ tôi còn hiệu quả hơn các bạn đồng giáo chứ?

-Chúng tôi hy vọng như vậy, – các linh mục đáp.

-Nào, xin ông linh mục Saint-Merri bắt đầu.

-Thưa Đức ông ở trong khu vực tôi có một người có thể là rất có ích cho ngài.

-Người nào thế?

-Một thương nhân ở phố Lombards, có ảnh hưởng lớn nhất đến giới tiểu thương trong khu.

-Tên là gì?

-Tên là Planchet. Cách đây sáu tuần một mình anh ta làm nên một cuộc bạo loạn, nhưng sau đó người ta lùng anh để treo cổ, nên anh ta biến mất.

-Liệu ông có tìm lại được không?

-Tôi hy vọng là được. Tôi không tin là anh ta đã bị bắt giữ; và do tôi là người nghe xung tội của vợ anh ta nếu chị ta biết chồng ở đâu thì tôi cũng sẽ biết.

-Được, ông linh mục hãy tìm người ấy và nếu thấy thì dẫn đến cho tôi nhé.

-Vào lúc nào, thưa Đức ông?

-Sáu giờ, được không?

-Chúng tôi sẽ tới Đức ông vào lúc sáu giờ.

-Thôi đi đi, ông linh mục thân mến, và cầu Chúa phù hộ cho ông?

-Ông linh mục đi ra.

-Thế còn ông? – Gondy vừa nói vừa quay về phía linh mục xứ Saint-Sulpice.

-Thưa Đức ông, – Ông này đáp, – Tôi quen một người đã từng làm nhiều việc lớn giúp một vị hoàng thân rất được lòng dân, ông ta có thể làm một thủ lĩnh xuất sắc của những kẻ khởi loạn và tôi có thể tiến cử lên Đức ông sử dụng.

-Người ấy tên là gì?

-Bá tước de Rochefort.

-Tôi cũng biết ông ta, nhưng khốn nỗi ông ấy không ở Paris.

-Thưa Đức ông, ông ta ở phố Cassette.

-Từ bao giờ?

-Từ ba hôm nay rồi.

-Thế tại sao ông ta không đến thăm tôi?

Người ta đã nói với ông ta rằng. Đức ông sẽ thứ lỗi cho tôi…

-Tất nhiên, cứ nói.

-Rằng Đức ông đang thương lượng với triều đình.

Gondy cắn môi.

-Người ta lừa dối ông ấy đấy. Hãy dẫn ông ấy đến đây vào lúc tám giờ, ông linh mục ạ, và cầu Chúa ban phước cho ông cũng như tôi ban phước cho ông!

Ông linh mục thứ hai cúi chào và đi ra.

Chủ giáo quay về phía người còn lại và nói: -Bây giờ đến lượt ông. Liệu ông có gì hay để hiến cho tôi như hai ông kia không?

-Thưa Đức ông, còn hay hơn ạ.

-Gớm nhỉ! Hãy chú ý là ông vừa mới làm một điều cam kết ghê gớm: Một vị đã hiến cho tôi một thương nhân, vị kia hiến cho tôi một bá tước; hẳn là ông sẽ hiến cho tôi một vị hoàng thân phải không?

-Thưa Đức ông, tôi sẽ hiến ngài một kẻ ăn mày.

-A! A! – Gondy suy nghĩ và kêu lên. – Ông nói phải đấy, ông linh mục ạ; một người nào đó sẽ làm nổi dậy cả cái đạo quân những kẻ cùng khổ làm tắc nghẽn ngã tư đường phố Paris và có thể khiến họ kêu la khá to để cho tất cả nước Pháp nghe thấy rằng chính lão Mazarin đã dồn họ đến cảnh bị gậy…

-Vừa hay tôi có người mà ngài cần.

-Hoan hô! Người nào vậy?

-Một kẻ ăn mày tầm thường như tôi đã nói với Ngài, hắn xin của bố thí bằng cách đưa nước thánh trên những bậc thềm của nhà thờ Saint Eustache từ gần sáu năm nay.

-Và ông nói rằng hắn có ảnh hưởng lớn đến đồng bọn ạ?

-Đức ông có biết rằng cảnh ăn mày là một đội quân có tổ chức một thứ hiệp hội của những kẻ không sở hữu gì hết chống lại những kẻ có sở hữu, một hiệp hội trong đó mỗi người đóng góp phần của mình và nó thuộc về một thủ lĩnh.

-Phải, tôi đã nghe nói đến điều ấy, – Ông chủ giáo nói.

-Vậy thì cái người mà tôi hiển ngài ấy là một tổng đại biểu.

-Ông có biết gì về người đó không?

-Thưa Đức ông, tôi không biết gì hết ngoài điều tôi thấy hình như hắn bị giày vò vì một nỗi hối hận nào đó.

-Ai làm cho ông tin điều đó?

-Tháng nào cũng vậy, cứ đến ngày 28, hắn nhờ tôi làm lễ mess cầu cho sự yên nghỉ của linh hồn một người nào đó chết bất đắc kỳ tử. Tôi cũng vừa mới làm lễ ấy ngày hôm qua.

-Tên hắn là gì.

-Maillard, nhưng tôi không nghĩ rằng đó là tên thật.

-Liệu vào giờ này chúng ta có thể gặp hắn ở vị trí của hắn được không?

-Hoàn toàn được.

-Vậy thì ông linh mục ơi, ta đến gặp kẻ ăn mày của ông đi. Và nếu hắn đúng như ông đã nói, thì ông có lý đấy, chính ông đã tìm ra kho báu thực sự.

Và Gondy mặc y phục kỵ sĩ, đội một cái mũ rộng vành đính chiếc lông chim đó, đeo một thanh gươm dài, mắc đinh thúc ngựa vào đôi ủng, khoác một tấm áo choàng rộng và đi theo ông linh mục.

Ông chủ giáo và kẻ đồng hành đi qua tất cả các phố xá ngăn cách toà tổng giám mục yới nhà thờ Saint Eustache, xem xét cẩn thận tinh thần dân chúng. Dân chúng náo động, nhưng giống như một đàn ong hoảng sợ dường như không biết đậu xuống đâu, và hiển nhiên là nếu không tìm được những thủ lĩnh cho đám dân chúng ấy thì tất cả sẽ chỉ diễn ra thành những tiếng vo ve mà thôi.

Đi tới phố Prouvaires, ông linh mục trỏ tay về phía sân trước nhà thờ, nói: -Kia kìa, hắn đang ở tại vị trí của hắn.

Gondy nhìn theo và trông thấy một kẻ nghèo khổ ngồi trên một chiếc ghế và tựa lưng vào một góc tường; hẳn có một cái xô nhỏ để bên cạnh và tay cầm một cây ngù dùng để rẩy nước thánh.

-Có phải vì đặc quyền mà hắn được ngồi ở đấy không? – Gondy hỏi.

-Không đâu, thưa Đức ông, – Linh mục đáp, – Hắn đã thương lượng với kẻ trước hắn về chỗ của người đưa nước thánh.

-Thương lượng à?

-Vâng, cái chỗ ấy phải mua đấy; tôi chắc tên này đã mua chỗ với giá một trăm pistol.

-Tên vô lại này hẳn là giàu có?

-Vài người trong bọn này lúc chết đói khi để lại tới hai mươi nghìn, hai lăm nghìn, ba mươi nghìn livres hay nhiều hơn nữa.

-Hừm! – Gondy cười nói, – Tôi không ngờ rằng mình đã đặt của bồ thí đúng chỗ đến thế.

Trong khi đó hai người đi về phía sân trước. Lúc linh mục và chủ giáo đặt chân lên bậc đầu tiên của nhà thờ, người ăn mày đứng dậy và chìa cây ngù ra.

Đó là một người đàn ông trạc bảy mươi đến bảy mươi tám tuổi, thấp và khá đẫy đà, tóc xám, mắt hung hung. Trên gương mặt gã hiện lên cuộc đấu tranh giữa hai nguyện lý trái ngược nhau, một bản chất xấu xa bị chế ngự bởi nghị lực, có lẽ bởi sự ăn năn.

Trông thấy người kỵ sĩ đi theo linh mục, hắn khẽ giật mình và nhìn với vẻ kinh ngạc.

Linh mục và chủ giáo lấy đầu ngón tay chạm vào cây ngù và làm dấu chữ thập, chủ giáo ném một đồng tiền bạc vào trong chiếc mũ để dưới đất.

-Maillard này, – Linh mục nói, – Ông đây với tôi đến để nói chuyện với bác một lát.

-Với tôi ư? – Gã ăn mày nói, – thật là vinh dự cho một kẻ dâng nước thánh nghèo hèn.

Trong giọng nói của gã có một nét trào lộng mà hắn không chế ngự được hoàn toàn vả nó khiến ông chủ giáo kinh ngạc.

Linh mục như đã quen với cái giọng ấy, nói: -Phái, chúng tôi muốn biết xem bác nghĩ gì về những sự kiện ngày hôm nay và bác nghe thấy những người ra vào nhà thờ bàn tán, thế nào về những sự kiện đó?

Gã ăn mày gật đầu và nói: -Thưa linh mục, đó là những sự kiện đáng buồn và cũng như mọi khi nó rơi vào đầu đám dân chúng nghèo khổ. Còn về điều người ta bàn tán thì tất cả thiên hạ đều bất bình, tất cả thiên hạ đều ca thán, nhưng nói tất cả thiên hạ là chẳng nói ai cả.

-Bạn thân mến, – Ông chủ giáo nói, – Bác hãy cắt nghĩa xem.

-Tôi nói rằng tất cả những tiếng kêu la ấy, tất cả những điều ca thán ấy, tất cả những lời chửi rủa ấy chi gây nên một cơn giông tố và những tia chớp mà thôi, nhưng sấm sét sẽ chỉ giáng xuống khi nào có một người chỉ huy điều khiển nó.

-Này bạn ơi, – Gondy nói – Tôi thấy bác là một người khôn khéo; liệu bác có sẵn lòng tham gia vào một cuộc nội chiến nho nhỏ trong trường hợp nó xảy ra và nếu như chúng ta tìm được một thủ lĩnh thì liệu bác có để cho vị ấy tuỳ ý sử dụng thế lực riêng của bác và ảnh hưởng mà bác đã giành được ở bạn bè của bác không?

-Có thưa ông, miễn là cuộc chiến tranh ấy được Nhà thờ tán thành và do đó có thể dẫn tôi tới mục đích mà tôi muốn đạt tới, nghĩa là sự xá tội cho tôi.

-Cuộc chiến tranh ấy không những được Nhà thờ tán thành mà còn do Nhà thờ lãnh đạo nữa. Còn việc xá tội cho bác, chúng ta có Ngài Tổng giám mục Paris, ngài giữ nhiều quyền hành lớn của Toà thánh La Mã, và cả ông chủ giáo nữa, ông có quyền đại xá; chúng tôi sẽ giới thiệu bác với ông ta.

-Maillard này, – Linh mục nói, – Hãy nhớ rằng chính tôi đã giới thiệu bác với ngài chủ giáo, ngài là một vị chúa toàn năng và có thể nói là ngài đã bảo đảm cho bác.

-Thưa linh mục, – Người ăn mày nói, – Tôi biết rằng bao giờ ông cũng rất tốt với tôi; cho nên về phía mình, tôi sẵn sàng làm vừa lòng ông.

-Thế bác có cho rằng thế lực của bác đối với đồng nghiệp của bác cũng to tát như ông linh mục nói với tôi ban nãy không?

-Tôi cho rằng họ có một niềm tôn kính nào đó đối với tôi, gã ăn mày nói với vẻ kiêu hãnh, – và không những họ sẽ làm mọi điều tôi ra lệnh cho họ, mà tôi đi bất cứ đâu họ cũng sẽ theo tôi.

Và bác có thể bảo đảm với tôi về năm mươi người thật quyết tâm, những con người tâm tính tốt và thật phấn khích, những kẻ la hét to có thể làm sụp đổ những tường luỹ của Hoàng cung khi hô "Đả đảo lão Mazarin" giống như tường lũy của Jéricho ngày xưa sụp đổ không?[242]

-Tôi tin rằng, – Gã ăn mày đáp – Tôi có thể đảm đương những việc khó khăn hơn và quan trọng hơn thế nữa.

-A, a! – Gondy nói, – bác có thể đảm nhiệm trong một đêm dựng mười lũy chướng ngại không?

-Tôi có thể nhận làm năm mươi cái và đến ban ngày thì bảo vệ chúng.

-Mẹ kiếp, – Gondy nói, – bác nói với vẻ chắc chắn khiến tôi rất hài lòng, và bởi vì ông linh mục bảo đảm với tôi về bác…

-Tôi xin bảo đảm, – Linh mục nói.

-Đây là một cái túi đựng năm trăm pistol bằng vàng, – Gondy nói, – bác hãy làm mọi sự sửa soạn, và cho tôi biết mười giờ tối nay tôi có thể gặp bác ở đâu?

-Đó phải là một nơi thật cao để một hiệu lệnh phát ra từ đấy mọi khu phố ở Paris đều có thể trông thấy được.

-Bác có muốn tôi nói một lời với thày trợ tế ở nhà thờ Saint-Jacques – la-Boucherie không? – Linh mục nói – Ông ta sẽ đưa bác vào một căn phòng trên ngọn tháp.

-Thế thì tuyệt quá! – Gã ăn mày đáp.

-Vậy thì chiều nay vào sáu giờ, – Chủ giáo nói, – Và nếu tôi hài lòng về bác, thì bác sẽ có một túi tiền năm trăm pistol nữa.

Cặp mắt gã ăn mày ánh lên một nỗi thèm thuồng, nhưng hắn dẹp ngay niềm xúc động ấy và nói: -Vâng, tối nay, mọi thứ sẽ sẵn sàng.

Và hắn đem chiếc ghế vào trong nhà thờ, xếp cái xô và cây ngù bên cạnh chiếc ghế, rồi đi lấy nước thánh ở trong chậu nước thánh để làm dấu, dường như hắn không tin cậy ở nước cửa hắn trong xô, và ra khỏi nhà thờ.

§48. Ngọn tháp nhà thờ Saint-Jacques – la-Boucherie

Ông de Gondy đã chạy khắp chỗ và trở về toà tổng giám mục là sáu giờ kém mười lăm.

Đến sáu giờ ông được báo là có linh mục ở Saint-Merri tới.

Ông vội vã nhìn phía sau linh mục và thấy có một người đi theo.

-Cho vào – Ông bảo.

Linh mục vào và Planchet theo sau.

-Thưa Đức ông, – Linh mục Saint-Merri nói, – Đây là người mà tôi đã có vinh dự trình với ngài.

Planchet cúi chào với dáng điệu của một người đã từng đi lại những nhà tử tế.

-Ông sẵn lòng phụng sự lợi ích của nhân dân chứ? – Gondy hỏi.

-Đúng như thế, – Planchet đáp – tôi là Fronde trong tâm hồn. Như Đức ông thấy đấy, tôi bị kêt án treo cổ.

-Vào dịp nào?

-Tôi đã giải thoát khỏi tay bọn cảnh sát của Mazarin một vị công hầu cao quý mà chúng dẫn trở lại ngục Bastille nơi ông đã bị giam giữ từ năm năm.

-Ông ta tên là gì?

-Ồ! Đức ông biết rõ quá: đó là bá tước de Rochefort.

-À! Thật đúng rồi! – Chủ giáo nói – tôi có nghe nói về vụ ấy. Ông đã làm nổi dậy cả một khu phố, có phải không?

-Cũng gần như vậy, – Planchet đáp với vẻ tự mãn.

-Ông làm nghề gì nhỉ?

-Bán mứt kẹo ở phố Lombard.

-Ông thử giải thích xem vì sao làm một nghề yên bình như vậy mà ông lại có những khuynh hướng hiếu chiến đến thế?

-Thế vì sao Đức ông vốn là người nhà thờ bây giờ lại tiếp tôi trong bộ y phục kỵ sĩ với thanh kiếm bên mình và đinh thúc ngựa ở đôi ủng?

-Đối đáp khá lắm, thật vậy? – Gondy cười nói, – Nhưng ông biết đấy, mặc dầu đeo tấm băng giáo sĩ, tôi luôn luôn có những khuynh hướng chiến tranh.

-Ấy, thưa Đức ông, trước khi làm nghề mứt kẹo tôi đã ba năm ở trung đoàn Piémont, và trước đó tôi đã đi hầu ông d'Artagnan mười tám tháng.

-Ông trung uý ngự lâm quân ấy à? – Gondy hỏi.

-Chính ông ấy, thưa Đức ông.

-Nhưng người ta bảo ông ấy là một người theo phái Mazarin cuồng nhiệt?

-Ô! – Planchet kêu lên.

-Ông định nói gì?

-Không, thưa Đức ông. Ông d'Artagnan đang ở trong quân ngũ, ông ấy làm chức phận của mình là bảo vệ Mazarin, lão trả lương cho ông ấy, cũng như những nhà tư sản chúng tôi, chúng tôi làm chức phận của mình là công kích Mazarin, lão ăn cắp của chúng tôi.

-Ông là một anh chàng thông minh đấy, ông bạn ạ. Có thể trông cậy ở ông được không?

-Tôi nghĩ rằng, – Planchet nói, – Ông linh mục đã bảo đảm với ngài về tôi.

-Có thể, nhưng tôi thích nhận được sự bảo đảm ấy từ miệng ông.

-Thưa Đức ông, ngài có thể trông cậy ở tôi miễn rằng đó là việc làm đảo lộn thành phố.

-Thì đúng là việc ấy. Ông thấy là có thể tập hợp được bao nhiêu người trong đêm nay?

-Hai trăm tay súng và năm trăm tay thương.

-Giá như mỗi khu phố chỉ cần một người làm được như vậy, thì ngày mai chúng ta sẽ có một đội quân khá mạnh.

-Đúng quá.

-Ông có sẵn sàng tuân theo bá tước de Rochefort không?

-Tôi sẽ đi theo ông ấy xuống dịa ngục, và chẳng phải nói chơi đâu vì tôi cho rằng ông ấy có thể xuống đấy lắm chứ?

-Hoan hô!

-Ngày mai phân biệt giữa bạn và thù bằng dấu hiệu gì?

Mọi người Fronde có thể gài trên mũ một chiếc nơ bằng rơm.

-Được!

-Xin ngài ra lệnh.

-Ông có cần tiền không?

-Thưa Đức ông, tiền bạc không bao giờ làm hại trong bất cứ việc gì. Nếu không có tiền người ta sẽ khỏi cần đến nó; nhưng nếu có tiền thì mọi việc chỉ càng nhanh hơn và tốt hơn thôi.

Gondy đến một cái hòm và lôi ra một túi tiền và nói: -Đây là năm trăm pistol; mà nếu công việc tiến hành tốt thì ngày mai lại có từng ấy nữa.

-Tôi sẽ báo cảo trung thành với Đức ông về số tiền đó, – Planchet nói và kẹp túi tiền vào nách.

-Tốt lắm. Ông hãy canh chừng giáo chủ.

-Xin cứ yên trí, lão ta ở trong những bàn tay vững vàng.

Planchet đi ra, Linh mục nán lại đằng sau một chút và nói: -Thưa Đức ông, ngài hài lòng chứ?

-Phải, người ấy có vẻ là một tay kiên quyết.

-Vâng, hắn sẽ làm nhiều hơn hắn hứa đấy.

-Thể thì tuyệt lắm.

Linh mục ra theo Planchet đang đợi ông ở cầu thang.

Mười phút sau người ta báo tin linh mục ở Saint-Sulpice đến.

Cửa phòng Gondy vừa mở ra, một người chạy xổ vào đó là bá tước de Rochefort.

-Thì ra ông đây à, ông bá tước thân mến! – Gondy vừa nói vừa giơ tay ra.

-Thưa Đức ông, – Rochefort nói, – thế là cuối cùng ngài đã dứt khoát?

-Bao giờ tôi cũng vậy, – Gondy đáp.

-Thôi không bàn chuyện ấy nữa; tôi tin lời ngài; chúng ta sẽ cho lão Mazarin dự vũ hội[243].

-Thì… tôi hi vọng.

-Thế bao giờ cuộc vũ bắt đầu.

-Những người được mời sẽ đến đêm nay, – Chủ giáo nói, – Nhưng các cây vĩ cầm sớm mai mới bắt đầu chơi.

-Ngài có thể trông cậy ở tôi và ở năm mươi lính mà hiệp sĩ d'Humières đã hứa trong cơ hội tôi cần đến.

-Năm chục người lính à?

-Phải, ông ta tuyển mộ và cho tôi mượn. Lễ hội xong, nếu còn thiếu tôi sẽ cho thay thế.

-Tốt lắm, Rochefort thân mến ạ; nhưng chưa phải đã hết.

-Còn chuyện gì nữa? – Rochefort cười hỏi.

-Ông de Beaufort, các ông đã làm gì?

-Ông ấy đang ở Vendôme và đợi nhận thư của tôi để trở về.

-Viết thư cho ông ấy đi. Đến lúc rồi đó.

-Vậy là ngài chắc chắn ở công việc của ngài rồi ư?

-Phải, nhưng ông ta phải gấp lên mới được, vì rằng khi dân chúng Paris chỉ mới chớm khởi nghĩa thì chúng ta sẽ chọn một trong mười hoàng thân để đứng đầu dân chúng; nếu ông de Beaufort chậm trễ thì ông ấy sẽ mất chỗ.

-Tôi có thể cho ông ấy biết ý kiến của ngài không?

-Hoàn toàn được.

-Tôi có thể bảo ông ấy rằng ông ấy cần trông cậy ở ngài không?

-Hay lắm.

-Và ngài để cho ông ấy toàn quyền?

-Phải, về mặt chiến tranh, còn về chính trị…

-Ngài biết rõ đó không phải là mặt mạnh của ông ta.

-Ông ta sẽ để tuỳ ý tôi thương lượng về chiếc mũ giáo chủ của tôi.

-Ngài vẫn tha thiết đến cái đó à?

-Vì rằng người ta buộc tôi phải đội một cái mũ hình dáng không hợp với tôi, – Gondy nói, – tôi mong muốn ít ra cái mũ ấy phải màu đỏ.

-Không nên tranh cãi về thị hiếu và màu sắc, – Rochefort cười nói, – tôi xin bảo đảm về sự đồng ý của ông ấy.

-Thế tối nay ông viết thư cho ông ấy à?

-Tôi làm hơn thế nửa, tôi phải một người đưa tin đến chỗ ông ta.

-Độ bao nhiêu ngày thì ông ấy có thể tới đây.

-Trong năm ngày.

-Ông ấy hãy đến và sẽ thấy một sự đổi thay.

-Tôi mong muốn như vậy.

-Tôi xin bảo đảm với ông.

-Như vậy thì…

-Hãy đi tập hợp năm mươi người của ông lại và ông hãy sẵn sàng.

-Với cái gì kia?

-Với mọi chuyện.

-Có tín hiệu tập hợp gì không?

-Một cái nơ bằng rơm gài trên mũ.

-Được rồi. Xin từ biệt Đức ông.

-Xin từ biệt Rochefort thân mến.

Ông linh mục từ nãy vẫn chẳng có cách nào xen vào cuộc đối thoại ấy, thì Rochefort đã kéo ông ra về; vừa đi Rochefort vừa nói: -A!Ngài Mazarin, ngài Mazarin! Ngài hãy xem tôi có quá già nua để làm một con người hành động không?

Lúc ấy đã chín giờ rưỡi tối và ông chủ giáo phải mất nửa giờ để đi từ toà tổng giám mục đến tháp nhà thờ Xanh Giác La Busơri.

-Ông nhận thấy một ánh đèn le lói ở một trong những cửa sổ cao nhất trên cây tháp.

-Ông gõ cửa và có người ra mở. Ông trợ tế đích thân đợi và cầm đèn soi đưa ông lên tận trên ngọn tháp. Đến đây, ông trỏ một cánh cửa nhỏ đặt chiếc đèn vào trong một góc tường để khi ra chủ giáo có thể tìm thấy và đi xuống.

Mặc dù chìa khoá vẫn cắm ở cửa, ông chủ giáo vẫn gõ cửa.

-Cứ vào! Một giọng nói cất lên mà ông chủ giáo nhận ra là người ăn mày.

De Gondy vào. Quả nhiên đó là người dâng nước thánh ở sân trước nhà thờ Saint- Eustache. Gã nằm đợi trên một chiếc chõng. Thấy chủ giáo vào, hắn đứng dậy.

Chuông điểm mười giờ.

-Thế nào, – Gondy hỏi, – Nhà ngươi giữ lời hứa đấy chứ?

-Không được hoàn toàn, – Gã ăn mày đáp.

-Thế là thế nào?

-Ngài yêu cầu tôi năm trăm người, có phải không?

-Phải, thế sao?

-Tôi sẽ cung cấp cho ngài hai ngàn người.

-Bác không nói khoác chứ?

-Ngài có muốn một bằng chứng không?

-Có.

Ba cây nến được thắp lên, chảy ở ba cửa sổ mà một cửa trông ra khu Cité, một cửa trông ra Hoàng cung và một cửa trông ra phố Saint-Denis.

Người ăn mày lẳng lặng đi ra lần lượt thổi tắt ba ngọn nến.

Chủ giáo đứng trong bóng tối, căn phòng chỉ còn được chiếu bởi ánh sáng chập chờn của mặt trăng khuất trong những đám mây đen lớn mà nó viền bạc ở chung quanh.

-Ngươi làm gì thế? – Chủ giáo hỏi.

-Tôi phát tín hiệu.

-Tín hiệu gì?

-Tín hiệu dựng lũy chướng ngại.

-À ! À !

-Lúc này ra khỏi đây, ngài sẽ thấy người của tôi đang hành động. Song le ngài hãy đề phòng kẻo gẫy chân khi vấp phải một dây xích hoặc rơi xuống một cái hố.

-Tốt lắm! Tiền đây cũng bằng số tiền ngươi đã nhận. – Bây giờ hãy nhớ rằng nhà ngươi là một thủ lĩnh và chớ có đi uống rượu.

-Hai mươi năm nay tôi chỉ uống nước.

Chủ giáo đưa túi tiền cho gã ăn mày và nghe tiếng bàn tay moi móc và mân mê những đồng tiền vàng.

-Á à! – Chủ giáo nói, – Đồ vô lại, mi là một kẻ bủn xỉn.

Gã ăn mày buông một tiếng thở dài và quẳng túi tiền xuống.

-Thì ra tôi vẫn như thế ư, – Hắn nói, – và tôi không bao giờ gột bỏ được con người cũ hay sao? Ôi khốn cùng, ôi phù hoa?

-Song bác cứ cầm lấy.

-Vâng, nhưng tôi xin thề trước mắt ngài rằng tôi sẽ dùng những gì còn lại của tôi vào việc thiện.

Mặt gã tái đi và cau lại như một người vừa mới trải qua một cuộc đấu tranh nội tâm.

-Con người lạ lùng – Gondy lẩm bẩm.

-À ông cầm lấy chiếc mũ định đi ra, nhưng khi quay lại ông thấy gã ăn mày đứng giữa ông và cánh cửa.

Cử động đầu tiên dường như là người ấy muốn làm điều gì ác đối với ông.

Nhưng rồi, trái lại, ông thấy gã chắp hai bàn tay lại và quỳ xuống.

-Thưa Đức ông, – Hắn nói, – Trước khi rời tôi, xin ngài hãy ban phước cho tôi, tôi van ngài.

-Đức ông à! – Gondy kêu lên, – Ông bạn ơi, bác nhầm tôi với người khác rồi.

-Không, thưa Đức ông, ngài là gì thì tôi coi ngài đúng như vậy, nghĩa là Ngài chủ giáo, thoạt nhìn là tôi nhận ra ngay.

Gondy mỉm cười.

-Thế bác muốn tôi ban phước à? – Ông hỏi.

-Vâng, tôi cần vậy.

Người ăn mày nói những lời đó với giọng hổ nhục và ân hận thật lớn lao và sâu sắc đến nỗi Gondy giơ tay ra và ban phước cho hắn với tất cả sự uyển chuyển mà ông có thể làm được.

-Bây giờ, – chủ giáo nói, – giữa chúng ta có sự hoà đồng. Tôi sẽ ban phước cho ngươi và đối với tôi, nhà ngươi là thiêng liêng cũng như ngược lại tôi là thiêng liêng đối với ngươi. Nào, nhà ngươi có phạm một trọng tội gì mà công lý của con người truy tố không và tôi có thể bảo đảm cho nhà ngươi?

Gã ăn mày lắc đầu.

-Cái trọng tội mà, tôi phạm không thuộc công lý của con người, và ngài chỉ có thể giải thoát cho tôi bằng cách luôn luôn ban phước cho tôi như ngài vừa mới làm.

-Nào, phải thật thà, – Giáo chủ nói – Không phải suốt đời nhà ngươi đã làm cái nghề mà ngươi đang làm chứ?

-Không, thưa Đức ông, tôi chỉ làm từ mười năm nay.

-Trước khi làm nghề này, bác ở đâu?

-Ở ngục Bastille.

-Thế trước khi vào ngục Bastille?…

-Tôi sẽ nói với Đức ông sau, vào cái ngày mà ngài muốn nghe tôi xưng tội.

-Được rồi. Vào bất cứ giờ nào ngươi đến, ban ngày hay ban đêm, hãy nhớ rằng tôi sẵn sàng xá tội cho ngươi.

-Xin cảm ơn Đức ông, – gã ăn mày nói bằng một giọng khàn khàn, – Nhưng tôi chưa sẵn sàng để tiếp nhận.

-Được rồi. Thôi, từ biệt.

-Xin từ biệt Đức ông, – Gã ăn mày nói và vừa mở cửa vừa cúi rạp mình trước vị chủ giáo.

Chủ giáo cầm cây đèn nến xuống thang và đi ra, vẻ rất trầrn ngâm.

§49. Cuộc nổi dậy

Gần mười một giờ đêm: Gondy đi trên các đường phố Paris chưa được một trăm bước đã nhìn thấy diễn ra một đổi thay kỳ lạ.

Toàn thành phố dường như do những sinh vật quái dị cư trú. Người ta trông thấy những cái bóng lặng lẽ nậy đá lát đường, hoặc kéo đi và lật đổ những cỗ xe, hoặc đào những, cai hố lớn để nuốt, chửng cả hàng đại đội kỵ binh. Tất cả những nhân vật hoạt động sôi nổi ấy đi đi lại lại, chạy vùn vụt, giống như những ma quỷ đang thực hiện một công việc lạ lùng nào. Đó là, những người ăn mày của triều đình những "Chuyện Thần Kỳ": đó là những bộ hạ của gã dâng nước thánh ở sân trước nhà thờ Saint Eustache đang chuẩn bị những luỹ chướng ngại cho ngày mai.

Gondy nhìn những con người của bóng tối ấy, những kẻ lao động đêm hôm ấy với một niềm kinh hãi. Ông tự hỏi sau khi lùa tất cả những tạo vật bẩn thỉu ấy ra khỏi hang ổ của chúng, liệu ông có quyền lực đề đẩy chúng trở lại được không. Khi một kẻ nào đó trong đám người ấy tiến đến gần ông, ông sẵn sàng làm dấu thánh.

-Ông đi vào phố Saint-Honoré và bước đến phố Ferronnerie.: ở đây, quang cảnh thay đổi: đó là những người buôn bán đang chạy từ nhà hàng này đến nhà hàng nọ; các cửa ra vào đóng kín như những cánh cửa chắn gió; nhưng chỉ là khép lại thôi, chốc chốc mở ra, rồi đóng lại ngay để cho người vào, họ có vẻ sợ bị trông thấy họ mang cái gì?

Đó là những chủ hiệu có thừa khí giới đem cho những người không có mượn.

Một người lưng gập xuống dưới sức nặng của gươm kiếm, súng hoả mai, súng trường, khí giới đủ loại, đi từ cửa nhà này đến cửa nhà khác và rải rác đặt vũ khí xuống. Nhờ ánh sáng một ngọn đèn, ông chủ giáo nhận ra Planchet. Chủ giáo qua phố Tiền Tế đi ra kè. Trên kè những tốp nhà tư sản mặc áo choàng màu đen hoặc xám tuỳ theo họ thuộc tầng lớp tư sản cao hay thấp, đứng im lặng, trong khi những người riêng lẻ chuyển từ tốp này sang tốp khác. Tất cả những tấ áo choàng xám hay đen đều bị vén lên ở phía sau bởi mũi một thanh kiếm và ở phía trước bởi nòng một khẩu súng hoả mai hoặc súng trường. Đi đến Pont-Neuf, chủ giáo thấy cầu bị canh gác.

Một người tiến lại hỏi: -Ống là ai? Tôi không công nhận ông là người của chúng tôi.

-Đó là vì ông không nhận ra bạn bè của mình, ông Louvières thân mến ạ? – Chủ giáo nói và bỏ mũ ra.

Louvières nhận ra ông và cúi chào.

Gondy lại rong ruổi trên đường và xuống tận cây tháp Nesle.

-Ở đây ông trông thấy một đoàn dài những người đang lướt men theo các bờ tường. Có thể nói đó là một đám rước của những bóng ma vì rằng tất cả đều khoác áo choàng trắng. Đi tới một chỗ nọ, tất cả lũ người đó theo nhau lần lượt tiêu tan cứ như là mặt đất hẫng dưới chân họ. Gondy đứng tì khuỵu tay vào một góc tường và xem họ biến đi từ người thứ nhất đến người sát cuối.

Người cuối cùng ngước mắt nhìn chắc hẳn để yên tâm rằng mình và đồng đội không bị rình mò, và mặc dầu bóng tối, vẫn nhận ra Gondy. Hắn bước thẳng đến chỗ ông và gí khẩu súng ngắn vào ngực ông.

-Ơ này? Ông de Rochefort, – Gondy cười nói, – đừng có đùa với súng đạn.

Rochefort nhận ra tiếng nói và kêu lên: -A! Đức ông đấy à?

-Chính tôi đây. Ông dẫn những người nào vào tận trong lòng đất như vậy?

-Năm mươi lính mới mộ của hiệp sĩ d'Humières, họ được nhằm đưa vào khinh kỵ binh, và được trang bị toàn áo choàng trắng.

-Thế ông đi đâu vậy?

-Đến một nhà điêu khắc là bạn tôi, nhưng chúng tôi đi xuống bằng cái cửa sập nơi người cất những tượng đá.

-Tốt lắm, – Gondy nói.

Và ông bắt tay Rochefort; ông này đến lượt mình bước xuống và đóng cửa sập lại.

Chủ giáo trở về nhà. Lúc ấy đã một giờ sáng. Ông mở cửa sổ và cúi xuống để nghe ngóng.

Khắp thành phố vang lên một tiếng ồn ào kỳ lạ, chưa từng nghe, chưa từng biết. Người ta cảm thấy như ở trong tất cả các phố xá tối tăm tựa những hang sâu kia đang diễn ra một điều gì lạ lùng và ghê gớm. Chốc chốc nổi lên một tiếng gầm gào tựa như tiếng giông bão đang ào đến hoặc tiếng sóng biển đang trào lên nhưng không có gì rõ ràng, không có gì khác biệt, không có gì cắt nghĩa nổi hiện ra trong trí óc dường như những tiếng bí ẩn và ngầm sâu nó thường đi trước những trận động đất.

Công cuộc chuẩn bị khởi loạn kéo dài suốt đêm như vậy. Ngày hôm sau Paris tỉnh giấc như cũng giật mình về diện mạo của chính mình. Có thể ví như một thành phố bị bao vây. Những người vũ trang đứng trên các lũy chướng ngại, mặt hầm hè, vai đeo súng; những mật khẩu, nhưng toán tuần tra, nhưng cuộc bắt bớ, cả những cuộc hành quyết nữa, đó là cảnh tượng mà khách bộ hành trông thấy trên mỗi bước đi. Người ta giữ những người đội mũ có lông chim và những thanh kiếm mạ vàng để bắt họ hô Broussel muôn năm! Đã đảo lão Mazarin! Và nếu kẻ nào từ chối cái nghi thúc đó liền bị hò la, làm nhục và đánh đập nữa. Người ta chưa giết chết, nhưng không phải là không muốn.

Những lũy chướng ngại mọc lên đến tận Hoàng cung. Bons-Enfants đến phố Ferronnerie, từ phố Saint Thomas du Louvre đến Pont-Neuf, từ phố Richelieu

đến cửa ô Saint-Honoré, có đến hơn mười nghìn người vũ trang và những người hăng hái nhất: kêu những lời thách thức với những lính gác trơ trơ của trung đoàn thị vệ được bố trí canh gác xung quanh Hoàng cung mà các cổng rào sắt được đóng chặt sau lưng họ, sự đề phòng ấy khiến tình thế trở nên bấp bênh. Diễu hành giữa quang cảnh đó là những toán hàng trăm rưởi, hai trăm con người hốc hác, bủng beo, rách rưới mang theo những thứ cờ hiệu viết những chữ: "Nhìn xem sự khốn cùng của dân chúng"

Khắp nơi những con người ấy đi qua, những tiếng hô cuồng nhiệt vang lên, và có biết bao nhiêu những toán người như thế nên người ta hô gào ở khắp mọi nơi.

Sự kinh ngạc của Anne d'Autriche và Mazarin lúc thức dậy càng lớn khi người ta đến báo tin rằng khu Cité mà chiều tối hôm qua họ để cho yên ổn thì sớm nay tỉnh dậy xôn xao, náo động hết sức. Cho nên cả hai người đều không muốn tin ở những báo cáo của người ta và nói rằng họ sẽ chi tin điều đó bằng mắt thấy tai nghe mà thôi.

Người ta bèn mở cửa sổ ra: họ trông thấy, họ nghe thấy và họ tin vậy.

Mazarin nhún vai và làm ra bộ rất khinh thường cái đám tiện dân kia, nhưng ông ta tái mặt đi rõ rệt, và run bắn lên ông ta chạy về văn phòng mình, cất ngay vàng và tư trang của mình vào những hộp bí mật và lấy những cái nhẫn kim cương đẹp nhất ra đeo vào các ngón tay. Còn hoàng hậu giận dữ và mặc theo ý chí của riêng mình, bà cho gọi thống chế de La Meilleraie đến, ra lệnh cho ông cần bao nhiêu người thì cứ lấy và đi xem xét xem trò đùa ấy là cái gì vậy.

Ông thống chế vốn tính rất liều lĩnh và quả quyết. Đối với đám tiện dân ông có một nỗi khinh bỉ sâu sắc mà cánh binh gia thường biểu thị với họ. Ông lấy năm mươi người và toan đi ra bằng lối cầu Louvre; nhưng tại đó ông gặp Rochefort với năm mươi khinh kỵ binh của mình kèm theo một nghìn năm trăm người. Chẳng có cách nào phá vỡ một hàng rào như vậy. Thống chế cũng chẳng muốn thử và đi ngược đường sau.

Nhưng đến Pont-Neuf, ông gặp Louvières cùng đám tư sản. Lần này thống chế thử công kích nhưng ông được đón tiếp bằng những phát súng trường trong khi gạch đá từ các cửa sổ ném xuống như mưa. Ông phải bỏ lại ba người.

Ông đành tháo lui về khu chợ, nhưng vấp phải Planchet cùng đám kích thủ. Những cây kích, cây thương nằm ngang trong tay lăm lăm chĩa về phía ông.

Ông muốn đè bẹp, tất cả đám áo choàng xám ấy, nhưng những áo choàng xám chống cự rất hăng và thống chế phải lùi về phía phố Saint-Honoré, để lại trên chiến trường bốn lính vệ bị giết rất êm ái bằng giáo mác.

Ông bèn đi vào phố Saint-Honoré; nhưng tại đây ông gặp những lũy chướng ngại của gã ăn mày ở nhà thờ Saint- Eustache. Những bức lũy ấy được canh giữ không chỉ bởi đàn ông đuợc vũ trang, mà còn bởi đàn bà và trẻ con nữa. Trùm

Friquet., sở hữu một khẩu súng ngắn và một thanh gươm do Louvières cho, đã tổ chức một toán bấu sấu như hắn, và la hét om sòm đến vỡ ập cả phố.

Ông thống chế tưởng nơi ấy canh giữ kém những nơi khác và muốn bẻ gãy. Ông cho hai chục lính xuống ngựa để tấn công và mở cửa bức luỹ, còn ông và số quân cưỡi ngựa còn lại bảo vệ toán công kích. Hai mươi lính tiến thẳng đến chiến luỹ, nhưng sau những cây rầm; giữa những bánh xe, từ trên các phiến đá, một loạt súng khủng khiếp bắn ra, và nghe tiếng súng, những kích thủ và Planchet xuất hiện ở góc nghĩa trang. Những kẻ vô tội, và những người tư sản của Louvières cũng ló ra ở góc phố Tiền Tệ. Thống chế La Meilleraie bị mắc kẹt giữa hai làn đạn.

Thống chế La Meilleraie là người dũng cảm, cho nên ông quyết chết tại trận. Ông bắn trả từng phát một, và những tiếng rú đau đớn bắt đầu vang lên trong đám dân chúng. Lính thị vệ thành thạo hơn, bắn trúng hơn, nhưng dân tư sản đông đảo hơn, nghiền nát họ trong một trận bão sắt thép thật sự. Nhiều lính ngã gục xung quanh ông thống chế tưởng như trong trận Rocroy hoặc trận Lérida. Fontrailles, viên phụ tá của ông gãy tay, ngựa thì bị đạn vào cổ và đau đến phát điên, nên khó khăn lắm mới kiềm chế được nó. Cuối cùng đến cái giờ phút tưởng như sắp lìa đời mà kẻ dũng cảm nhất cũng thấy ớn lạnh trong mạch máu và mô hôi vã trên trán, thì bỗng nhiên đám dân chúng mở ra ở phía phố l'Arbre-Sec và hô vang: Chủ giáo muôn năm!

Và Gondy vận lễ phục thày tu xuất hiện, điềm tĩnh đi qua giữa loạt súng nổ, ban phước cho những ngươi ở hai bên, bình thản như khi ông dẫn một đám rước Thánh thể.

Mọi người quỳ gối.

Thống chế nhận ra chủ giáo, chạy tới và nói: -Nhân danh Chúa trời, hãy kéo tôi ra khỏi nơi đây, nếu không thì tôi và tất cả những người của tôi đến để xác lại đây mất.

Tiếng ồn ào nổi lên giữa đám dân đông to đến nỗi nếu có tlểng sấm sét cũng chẳng ai nghe thấy. Gondy giơ tay lên và kêu gọi yên tĩnh.

Mọi người lặng im.

-Này các con, – chủ giáo nói, – Đây là Thống chế de La Meilleraie mà các con đã hiểu lầm ý định của ngài. Ngài cam kết rằng khi trở về cung Louvre sẽ nhân danh các con mà yêu cầu hoàng hậu trả lại tự do cho Broussel của chúng ta. Ngài thống chế cam kết như vậy chứ?

Gondy quay về phía La Meilleraie và nói thêm.

-Mẹ kiếp, – Thống chế kêu lên, – Chắc chắn rằng tôi cam kết như vậy? Mình đã không hy vọng được thoát nợ một cách rẻ đến thế.

-Ông ấy đã nói lời hứa của nhà quý tộc, – Gondy nói.

Thống chế giơ bàn tay lên ra hiệu đồng ý.

"Chủ giáo muôn năm!" – Đám đông hô to. Có vài tiếng còn thêm: "Thống chế muôn năm", nhưng rồi tất cả đồng thanh hô: "Đả đảo lão Mazarin!"

Đám đông dãn ra; đường qua phố Saint-Honoré là gần nhất.

Người ta mở các lũy chướng ngại và ông thống chế cùng đám tàn quân rút lui, có Friquet. cùng bọn trộm cắp dẫn đầu, những đứa này giả bộ đánh trống, những đứa khác bắt chước tiếng kêu.

Trông cứ như là cuộc hành quân khải hoàn; song le đằng sau những lính vệ, các chiến luỹ đóng lại; ngài thống chế thì tấm tức trong lòng.

Trong thời gian ấy, như chúng tôi đã nói, Mazarin vẫn ở tại văn phòng riêng, thu xếp những việc nhỏ của mình. Ông cho gọi d'Artagnan, nhưng giữa sự ồn ào ấy, ông chẳng hy vọng gặp anh d'Artagnan không phải phiên trực. Mười phút sau viên trung uý xuất hiện ở ngưỡng cửa, cùng đi có Porthos, người bạn nối khố.

-A! Lại đây, lại đây, ông d'Artagnan, – Giáo chủ reo lên, – Xin hoan nghênh ông cùng bạn ông. Nhưng này, có chuyện gì xảy ra trong cái thành phố Paris độc địa này thế?

-Chuyện gì xẩy ra ư? Thưa Đức ông! Chẳng có gì hay ho cả? – D'Artagnan gật gù nói – Thành phố khởi loạn rầm rộ. Lúc nãy tôi đi qua phố Montorgueil cùng ông Du Vallon đây, ông thực sự là môn hạ của ngài; mặc đầu bộ quân phục của tôi và có lẽ chính tại bộ quân phục ấy, mà người ta bắt chúng tôi phải hô: "Broussel muôn năm!" và thưa Đức ông, có nên nói thêm họ bắt chúng tôi hô gì nữa không ạ?

-Cứ nói, cứ nói.

-Và "Đả đảo Mazarin!" Thực tình đó là câu đại ngôn tung ra.

Mazarin mỉm cười, nhưng mặt tái mét.

-Thế ông có hô không? – Ông ta hỏi.

-Thực tình là không, – D'Artagnan đáp, – Tôi không tốt giọng, ông Porthos bị cảm nên cũng không hô. Thế là, thưa Đức ông…

-Thế là sao? – Mazarin hỏi.

-Xin hãy xem mũ áo của tôi.

Và d'Artagnan đưa ra bốn lỗ đạn ở tấm áo choàng và hai lỗ đạn ở mũ của mình. Còn quần áo của Porthos thì một nhát kích xé toạc một bên sườn và một phát súng ngắn cắt đứt lông mũ.

-Ghê gớm thật – Giáo chủ trầm ngâm nói và nhìn hai người bạn với một vẻ khâm phục chất phác, – Nếu là tôi thì có khi tôi la to lên rồi đấy.

Lúc ấy, tiếng ồn ào vang đến gần hơn.

Mazarin lau mồ hôi trán và nhớn nhác nhìn quanh mình. Ông ta muốn ra cửa sổ xem lắm, nhưng không dám. Ông bảo: -Ông d'Artagnan, nhìn xem có chuyện gì thế?

D'Artagnan đi ra cửa sổ với vẻ vô tư lự thông thường của mình.

-Ô! Ô! Cái gì thế kia? Thống chế La Meilleraie trở về không mũ. Fontrailles tay buộc treo, lính thị vệ bị thương, ngựa máu me đầy mình… Ơ! Nhưng mà bọn lính canh làm gì thế này? Họ giương súng ngắm và sắp sửa bắn.

-Đã ra lệnh cho họ bắn vào dân chúng, – Mazarin nói, – nếu dân chúng tiến sát Hoàng cung.

-Nếu họ nổ súng thì mọi việc hỏng hết! – D'Artagnan kêu lên.

-Chúng ta có cổng sắt.

-Cổng sắt à! Chỉ được năm phút! Cổng sắt sẽ bị nhổ lên vặn quẹo và bẻ gẫy! Đừng bắn, mẹ kiếp! – D'Artagnan mở hẳn cửa sổ và kêu lên.

Giữa tiếng ồn ào lời dặn dò ấy chẳng thể nghe được và ba bốn tiếng súng trường vang lên, rồi một loạt đạn ghê gớm tiếp theo.

Người ta nghe thấy tiếng những viên đạn đập chan chát vào mặt ngoài của Hoàng cung; một viên lọt qua dưới cánh tay d'Artagnan và đập vỡ một tấm gương mà Porthos đang soi với vẻ thoả mãn.

-Ôhimé! Một tấm gương Venise, – Giáo chủ kêu lên.

-Ồ! Thưa Đức ông, – D'Artagnan vừa nói vừa bình tĩnh đóng cửa sổ lại, – Xin ngài đừng tiếc vội, chẳng bõ công, vì rất có thể chỉ một tiếng đồng hồ nữa thôi, tất cả gương của ngài sẽ không còn một mảnh, dù là gương Venise hay gương Paris.

-Nhưng ý kiến ông thế nào? – Giáo chủ run như cầy sấy hỏi.

-Chà mẹ kiếp! Trả Broussel cho họ vì họ đòi! Một viên tham nghị ở nghị viện, ngài dùng làm cái gì kia chứ? Chẳng được tích sự gì?

-Thế còn ông Duy Vallon ý kiến ông ra sao? Ông sẽ làm gì?

-Tôi sẽ trả Broussel, – Porthos đáp.

-Lại đây, lại đây các ông, – Mazarin gọi, – tôi đến nói với hoàng hậu về chuyện này.

Đến cuối hành lang, ông dừng lại và nói: -Các ông ơi, tôi có thể trông cậy vào các ông chứ?

-Chúng tôi không hiến mình hai lần – D'Artagnan nói, – chúng tôi hiến mình cho ngài, ngài cứ ra lệnh, chúng tôi tuân theo.

-Vậy thì các ông hãy vào căn phòng này và chờ đợi, – Mazarin nói.

Và rẽ sang một lối, ông đi vào phòng khách bằng một cửa khác.

§50. Nổi dậy biến thành bạo loạn

Căn phòng d'Artagnan và Porthos vào chỉ ngăn cách với phòng khách nơi có hoàng hậu bằng những ô cửa căng thảm. Tấm ngăn mỏng cho phép nghe rõ tiếng nói ở bên kia, và kẽ hở giữa những tấm rèm dù hẹp mấy vẫn có thể nhìn sang được.

Hoàng hậu đang đứng trong phòng khách, mặt tái đi vì giận dữ, song cố tự kiềm chế đến nỗi tưởng như bà chẳng cảm thấy một xúc động nào. Đằng sau bà là Comminger, Villequier và Gitaud, sau nữa là các thị nữ.

Trước mặt bà là viên chưởng ấn Séguier, vẫn con người cách đây hai mươi năm đã làm tình làm tội bà[244]. Hắn kể rằng xe của hắn vừa bị phá hỏng, hắn bị rượt theo, hắn lao vào dinh l'Hôtel d'O… rằng dinh lập tức bị xâm chiếm, cướp bóc, tàn phá, may thay hắn kịp trốn vào một căn buồng, nấp sau một tấm thảm, được một bà già che giấu cùng với anh hắn là giám mục Meaux. Rành rành nguy to rồi, bọn cuồng bạo sấn đến gần căn buồng và hầm hè de doạ đến nỗi viên chưởng ấn tưởng giờ tận số của mình đã điểm, vội vàng xưng tội với người anh để dọn mình sẵn sàng chết nếu bị phát hiện. May sao dân chúng tưởng chúng tẩu thoát bằng lối cửa sau nào đó, nên rút đi để hắn tụ do chuồn. Hắn bèn cải trang bằng bộ y phục của hầu tước l'Hôtel d'O và ra khỏi dinh bước qua xác viên phó quan cảnh sát và hai vệ sĩ của hắn đã bị giết chết khi bảo vệ cổng phố.

Trong khi hắn kể chuyện, Mazarin vào, lặng lẽ đến bên hoàng hậu và nghe.

-Thưa Lệnh bà, tôi nghĩ rằng nghiêm trọng lắm, – Viên chưởng ấn nói.

-Nhưng ông có ý kiến gì trình với tôi?

-Tôi rất muốn trình bày một ý kiến với Hoàng thượng, nhưng không dám.

-Cứ nói đi, cứ nói đi ông ạ, – Hoàng hậu nói với một nụ cười chua chát, – Ông đã từng dám cả chuyện khác nữa cơ mà.

Viên chưởng ấn đỏ mặt và lắp bắp vài tiếng.

-Không bàn chuyện quá khứ, mà hiện tại, – Hoàng hậu nói, – Ông bảo rằng có một điều khuyên tôi, vậy là điều gì?

-Thưa Lệnh bà, – Chưởng ấn ngập ngừng đáp, – Đó là hãy thả Broussel ra.

Mặc dầu mặt bà đã tái, Hoàng hậu càng tái đi rõ rệt và cau mặt lại. Bà nói: -Thả Broussel ư? Không bao giờ!

Vừa lúc ấy có tiếng chân bước ở phòng trước, và chẳng báo trước thống chế de La Meilleraie xuất hiện ở ngưỡng cửa.

-A! Ông thống chế đây rồi! – Hoàng hậu mừng rỡ reo lên, – Tôi hy vọng ông đã trị được tất cả bọn súc sinh ấy rồi chứ?

-Thưa Lệnh bà, – Thống chế nói, – Tôi đã để lại ba người ở Pont-Neuf, bốn ở Halles, sáu ở góc phố l'Arbre-Sec và hai ở cổng Hoàng cung, vị chi là mười lăm

người. Tôi đem về mười hai người bị thương. Mũ của tôi bị một viên đạn bắn văng đi không biết ở đâu, và rất có thể là tôi đã nằm lại cùng với chiếc mũ, nếu không có ông chủ giáo đến giải thoát cho tôi.

-A! – Hoàng hậu nói: -Xét cho kỹ, tôi sẽ ngạc nhiên nếu trong tất cả vụ này mà không thấy cái con chó lùn chân quẹo ấy dây vào.

-Thưa Lệnh bà, – La Meilleraie cười nói,

-Xin đừng nói nhiều điều xấu quá về ông ấy trước mặt tôi, vì rằng cái việc mà ông ấy giúp tôi vẫn còn nóng hổi.

-Hay đấy! – Hoàng hậu nói, – Ông hãy biết ơn ông ta bao nhiêu tuỳ thích, nhưng việc đó không ràng buộc tôi. Ông về đây bình yên vô sự đó là tất cả điều tôi mong muốn; ông không những là người đến vừa hay mà còn là kẻ quay trở về thật kịp thời[245].

-Vâng thưa Lệnh bà, nhưng tôi là người trở về kịp thời với một điều kiện, đó là tôi sẽ chuyển đạt tới Lệnh bà ý nguyện của dân chúng.

-Ý nguyện à? – Anne d'Autriche cau mày nói. – Ô hô? Ông thống chế ơi, ắt là ông phải lâm vào một mối nguy hiểm ghê gớm lắm, nên ông mới đảm nhiệm một sứ mạng lạ lùng đến thế.

Những lời ấy được thốt ra với một giọng châm biếm không lọt khỏi tai thống chế.

-Xin Lệnh bà thứ lỗi, – Thống chế nói, – Tôi không phải luật sư, mà là người chinh chiến, do đó có thể hiểu sai giá trị của từ ngữ, có lẽ tôi phải nói điều mong ước của dân chúng, chứ không phải ý nguyện của dân chúng. Còn cái điều mà Lệnh bà hạ cố trả lời tôi, tôi cho rằng Lệnh bà muốn nói rằng tôi đã sợ hãi.

Hoàng hậu mỉm cười.

La Meilleraie nói tiếp: -Vâng, thưa Lệnh Bà, tôi đã sợ hãi; trong đời tôi đây là lần thứ ba điều ấy đến với tôi, trong khi tôi đã dự mười hai chiến trận hẳn hoi, chưa kể bao nhiêu cuộc chiến đấu và những cuộc đụng độ lẻ tẻ mà tôi không nhớ rõ. Vâng, tôi đã sợ hãi, và tôi thích thà đứng trước Hoàng thượng dù nụ cười của Người có đe doạ đến mấy, còn hơn đối mặt với lũ quỷ sử địa ngục kia đã đi theo tôi về đến tận đây.Và chúng từ đâu chui ra tôi cũng không biết nữa.

-Hoan hô! – D'Artagnan khẽ nói với Porthos, – Trả lời hay đấy.

Trong khi các cận thần nhìn nhau kinh ngạc thì hoàng hậu cắn nhẹ vành môi và nói: -Vậy thì cái điều mong ước ấy của dân chúng là gì?

-Là trả Broussel, cho họ, thưa Lệnh bà, thống chế đáp.

-Không bao giờ? – Hoàng hậu nói, – Không bao giờ!

-Hoàng thượng là chúa tể, – La Meilleraie nói, rồi cúi chào và lùi một bước về phía sau.

-Ông đi đâu, thống chế? – Hoàng hậu hỏi.

-Tôi ra truyền lại câu hỏi trả lời của Hoàng thượng cho những kẻ đang chờ đợi.

-Hãy ở lại, thống chế, tôi không muốn có vẻ phải đàm phán với bọn phiến loạn.

-Thưa Lệnh bà, tôi đã hứa với họ, – Thống chế nói.

-Có nghĩa là?…

-Là nếu Lệnh bà không cho ngăn giữ tôi, thì tôi buộc phải đi xuống.

Cặp mắt Anne d'Autriche phóng ra hai tia chớp.

-Ồ! Ông ơi, điều ấy không trở ngại gì, – Hoàng hậu nói, – Ta đã cho bắt giữ những kẻ còn cao hơn ông. Gitaud!

Mazarin xông ra. Ông nói: -Thưa Lệnh bà, đến lượt tôi, nếu tôi dám trình Lệnh bà một ý kiến…

-Phải chăng vẫn là trả Broussel, thưa ông? Nếu đúng như vậy thì ông có thể miễn nói.

-Không – Mazarin đáp, – Mặc dầu có thể ý kiến ấy cũng giá trị bằng một ý kiến khác.

-Vậy là ý kiến gì?

-Đó là cho gọi ông chủ giáo đến.

-Chủ giáo! – Hoàng hậu kêu lên, – Cái kẻ gây rối ghê tởm ấy ư? Chính hắn đã gây ra tất cả cuộc nổi loạn này.

-Thêm một lý do, – Mazarin nói – nếu hắn đã gây ra, hắn có thể dẹp lại.

-Ơ này, thưa Lệnh bà, – Comminger nói, hắn đang đứng gần cửa sổ và nhìn ra – Cơ hội thật là tốt, ông ta kia kìa, đang ban phước trên quảng trường Hoàng cung.

Hoàng hậu lao ra cửa sổ.

-Đúng rồi, – bà nói, – Lão chúa đạo đức giả! Nhìn xem!

Mazarin nói: -Tôi thấy tất cả mọi người quỳ trước mặt ông ta, mặc dầu ông ta chỉ là chủ giáo, còn tôi nếu ở chỗ ông ta bây giờ người ra sẽ xé xác tôi ra từng mảnh, mặc dầu tôi là giáo chủ. Cho nên, thưa Lệnh bà, tôi kiên trì điều mong ước của tôi (Mazarin nhấn mạnh hai tiếng đó) là xin Hoàng thượng tiếp ông chủ giáo.

-Thế tại sao cả ông nữa, ông không nói ý nguyện của ông? – Hoàng hậu khẽ nói.

Mazarin cúi mình.

Hoàng hậu đứng trầm ngâm một lát. Rồi ngẩng đầu lên bà nói: -Ông thống chế, hãy đi tìm ông chủ giáo và dẫn đến đây.

-Tôi sẽ nói gì với dân chúng? – Thống chế hỏi.

-Bảo họ hãy kiên nhẫn, – Anne d'Autriche nói, – Tôi, tôi rất kiên nhẫn!

Trong tiếng nói của người đàn bà Tây Ban Nha kiêu hãnh có một giọng thật là mệnh lệnh thống chế không cãi lại nửa lời, ông cúi mình và đi ra.

D'Artagnan quay lại phía Porthos và nói: -Chuyện này rồi kết thúc ra sao?

-Chúng ta sẽ thấy rõ, – Porthos đáp với vẻ bình tĩnh.

Trong khi đó, Anne d'Autriche đến chỗ Comminger và nói khẽ với hắn điều gì.

Mazarin lo ngại nhìn về phía có d'Artagnan và Porthos.

Những người tham dự khác trao đổi với nhau những lời nói thì thầm.

Cửa mở ra thống chế xuất hiện, theo sau có chủ giáo.

-Thưa Lệnh bà, – Ông nói, – có ông Gondy đây, ông ấy vội vã đến theo lệnh của Hoàng thượng.

Hoàng hậu đi vài bước ra đón và dừng lại, lạnh lùng, nghiêm khắc, im lặng và môi dưới bĩu ra, vẻ khinh bỉ.

Gondy kính cẩn cúi mình thi lễ.

-Thế nào, ông, – Hoàng hậu nói, Ông nói gì về cuộc nổi dậy này?

-Ấy, thưa Lệnh bà, – Chủ giáo đáp, – Không còn là cuộc nổi loạn nữa, mà là một cuộc bạo loạn.

-Bạo loạn là ở những kẻ nghĩ rằng dân chúng của ta có thể nổi loạn? – Anne kêu lên, – Bà không giấu nổi ý nghĩ của mình trước mặt chủ giáo, mà bà coi, có lẽ là chính đáng, như kẻ chủ mưu của sự náo động ấy. Bà nói tiếp – Bạo loạn? Những kẻ mong mỏi điều đó gọi như thế đây cái phong trào do chính họ gây ra; nhưng đợi đấy, quyền lực của nhà vua sẽ lập lại trật tự!

Gondy lạnh lùng đáp: -Thưa Lệnh bà, phải chăng Hoàng thượng ban cho tôi cái vinh dự được kiến diện là chỉ để nói với tôi điều đó?

-Không đâu, ông chủ giáo thân mến ơi, – Mazarin nói, – Chính là để hỏi ý kiến ông trong cái bối cảnh mà chúng ta đang sống.

Gondy giả vờ ngạc nhiên hỏi: -Có đúng là Hoàng thượng cho gọi tôi là để hỏi ý kiến không?

-Phải, – Hoàng hậu nói, – Người ta muốn vậy.

Chủ giáo nghiêng mình: -Hoàng thượng muốn rằng…

-Ông nói cho biết nếu ở địa vị Hoàng thượng thì ông sẽ làm gì. – Mazarin vội vã đáp.

Giáo chủ nhìn hoàng hậu, bà gật đầu.

-Ở địa vị Hoàng thượng, – Gondy lạnh lùng đáp, – Tôi sẽ không do dự, tôi sẽ thả ngay Broussel.

-Thế nếu tôi không thả, – Hoàng hậu kêu lên, – Thì ông cho rằng điều gì sẽ xảy ra?

-Tôi cho rằng ngày mai Paris sẽ bị phá tan tành, – Ông thống chế nói xen vào.

-Ta không hỏi ông – Hoàng hậu nói xẵng và chẳng buồn quay đầu lại, – Ta hỏi ông de Gondy.

-Nếu hoàng thượng hỏi tôi, – Chủ giáo đáp vẫn với vẻ điềm nhiên, – Tôi sẽ nói rằng, tôi hoàn toàn nhất trí với ông thống chế.

Mặt hoàng hậu đỏ rực lên, cặp mắt xanh huyền diệu dường như sắp bật ra khỏi tròng, đôi môi son tươi thắm mà các thi sĩ đương thời ví như đoá hoa lựu đang nở bỗng tái hẳn đi và run lên vì điên giận; bà khiến cả Mazarin cũng kinh hãi, mặc dù ông ta đã quen với những cơn giận dữ trong cái gia đình sóng gió ấy. Cuối cùng với một nụ cười dễ sợ bà kêu lên: -Trả lại Broussel! Quả là một điều khuyên hay ho đấy! Người ta thấy rõ đó là của một vị thầy tu.

Gondy không sờn lòng. Những lời sỉ nhục hôm nay trôi tuột đi như những lời châm chọc ngày hôm qua; nhưng nỗi căm ghét và lòng phục thù cứ lặng lẽ tích tụ lại từng giọt từng giọt trong tâm can ông. Ông lạnh lùng nhìn hoàng hậu, bà có ý giục Mazarin cũng phải nói điều gì.

Theo thói quen, Mazarin nghĩ ngợi nhiều và nói năng ít.

-Hề hề! – Ông nói – Lời khuyên hay đấy, lời khuyên của bè bạn.

-Tôi cũng vậy, tôi sẽ trả ông ta, cái ông Broussel tử tế ấy, sống hoặc chết, thế là mọi việc xong xuôi.

-Nếu ông trả lại ông ta chết rồi thì mọi việc sẽ xong xuôi như ông nói, thưa Đức ông, nhưng sẽ xong xuôi khác với ông hiểu đấy.

-Tôi đã nói sống hoặc chết à? – Mazarin đáp – Đó là cách nói thôi, ông biết rằng tôi hiểu tiếng Pháp tồi mà ông thì nói và viết giỏi lắm, ông chủ giáo ạ.

-Chao ôi, Hội nghị quốc gia kia đấy! – D'Artagnan nói với Porthos, – thế mà chúng tôi đã họp những cuộc hội nghị hay bằng mấy ở La Rochelle cùng với Arthos và Aramis.

-Ở pháo đài Saint-Gervais, – Porthos nói thêm.

-Ở đấy và nhiều nơi khác nữa.

Đợi cơn mưa rào qua đi, chủ giáo lại tiếp tục vẫn với vẻ lãnh đạm ấy: -Thưa Lệnh bà, nếu Hoàng thượng không tán thành cái ý kiến tôi đưa ra, thì chắc chắn bởi vì Người đã có nhiều ý kiến hay hơn để nghe theo. Tôi quá hiểu sự khôn ngoan của hoàng hậu và của những vị cố vấn của Lệnh bà nên không thể giả định rằng người ta sẽ để thành phố kinh đô chìm đắm lâu trong một sự rối loạn nó có thể trở thành một cuộc cách mạng.

Người phụ nữ Tây Ban Nha cắn đôi vành môi để dấu đi cơn giận dữ, rồi cười khẩy nói: -Như vậy là theo ý ông cuộc nổi dậy ngày hôm qua, hôm nay đã trở thành một cuộc cách mạng phải không?

-Vâng, thưa Lệnh bà, – Chủ giáo trịnh trọng đáp.

-Này ông, nhưng nghe ông thì, các dân tộc có lẽ quên các máy hãm?

Gondy lắc đầu nói: -Năm nay là năm xui đối với các vua chúa. Xin Lệnh bà hãy nhìn nước Anh.

-Phải, – Hoàng hậu đáp – Nhưng may thay ở nước Pháp không có Olivier Cromwell.

-Biết đâu đấy! – Gondy nói,

-Những con người kia tựa như sét, người ta chỉ biết đến họ khi nào họ giáng xuống.

Ai nấy rùng mình và có một lát im lặng.

Trong khi ấy hoàng hậu ấn hai bàn tay lên ngực. Rõ là bà đang nén những tiếng đập gấp gáp của trái tim mình.

-Porthos, – D'Artagnan lẩm bẩm, – hãy nhìn kỹ vị linh mục kìa.

-Có, mình đã nhìn, – Porthos đáp. – Thế thì sao?

-Này, thật là một con người!

Porthos nhìn d'Artagnan với vẻ ngạc nhiên; rõ ràng là anh hoàn toàn không hiểu bạn mình định nói gì

-Hoàng thượng sẽ dùng những biện pháp thích hợp, – Chủ giáo tiếp tục nói một cách tàn nhẫn, – Nhưng tôi dự đoán là những biện pháp ấy rất khủng khiếp và chỉ càng chọc tức thêm những kẻ ngang ngạnh.

-Thế thì ông chủ giáo ơi, – Hoàng hậu nói với vẻ châm biếm – Ông là bạn của chúng tôi và ông lại có rất nhiều thế lực đối với họ, ông sẽ trấn an họ bằng cách ban phước lành cho họ.

-Như thế có lẽ sẽ quá muộn, – Gondy nói, vẫn lạnh như băng: -Và có lẽ bản thân tôi sẽ mất hết mọi ảnh hưởng, còn Hoàng thượng bằng cách trả lại Broussel cho họ sẽ chặt đứt mọi cội rễ của cuộc phản loạn và dùng quyền trừng trị một cách tàn nhẫn mọi sự gia tăng bạo loạn.

-Thế tôi không có cái quyền đó sao? – Hoàng hậu kêu lên.

-Nếu Lệnh bà có thì xin cứ dùng, – Gondy đáp.

-Ghê thật! – D'Artagnan bảo Porthos, – Đó là một tính cách mà tôi ưa thích. Sao ông ta chẳng là tể tướng và tôi chẳng là d'Artagnan của ông ta nhỉ, mà lại là của cái lão Mazarin đê tiện ấy! A, mẹ kiếp! Chúng ta sẽ cùng chơi những đòn ra trò!

-Phải đấy, – Porthos đáp.

Hoàng hậu ra hiệu cho bãi triều trừ Mazarin.

Gondy cúi chào và toan rút lui như những người khác.

-Ông hãy ở lại, – hoàng hậu nói.

"Được, Gondy tự nhủ, – bà ta sẽ nhượng bộ".

-Bà ta sẽ cho giết ông ấy mất, – D'Artagnan nói với Porthos, – nhưng dù sao cũng không bởi tay ta. Trái lại tôi xin thề trước Chúa rằng hẻ nào xông đến ông ta, tôi sẽ nhảy bổ vào họ.

-Tôi cũng vậy, – Porthos nói.

-Được! – Mazarin ngồi xuống ghế và lẩm bẩm, – ta sẽ thấy cái mới.

Hoàng hậu đưa mắt dõi theo những người đi ra. Khi người cuối cùng ra đã đóng cửa, bà quay đầu lại. Người ta thấy bà đã có những cố gắng không ngờ để chế ngự cơn tức giận của minh. Bà quạt, bà hít ở lư hương, bà đi đi lại lại. Gondy bắt đầu lo ngại đưa mắt thăm dò những tấm thảm phủ tường, sờ nắn tấm áo giáp ông mặc dưới lần áo dài và chốc chốc lại rờ tìm cái chuôi con dao găm Tây Ban Nha rất tốt mà ông giấu trong chiếc áo thày tu xem nó có tiện ở trong tầm tay mình không.

Cuối cùng hoàng hậu dừng chân và nói: -Nào, bây giờ còn có riêng chúng ta, xin ông chủ giáo nhắc lại lời khuyên của ông.

-Đây, thưa Lệnh bà, – Gondy làm bộ suy nghĩ một chút – Công khai thừa nhận một điều sai lầm, đó là sức mạnh của những chính quyền mạnh, đưa Broussel ra khỏi nhà tù và trả lại cho dân chúng.

-Ôi! – Anne d'Autriche kêu lên, – ta phải tự hạ mình như thế ư? Ta có phải là nữ hoàng hay không? Tất cả bọn đê tiện đang hò hét có phải là đám thần dân của ta hay không? Ta có những bạn bè và lính thị vệ hay không? A! Xin Thánh mẫu như nữ hoàng Catherine nói – Bà lên giọng và nói tiếp – Thà tự tay ta bóp cổ tên Broussel ti tiện ấy còn hơn trao hắn cho bọn chúng.

Và hai bàn tay quặp lại, bà xông đến Gondy mà lúc này bà căm ghét ít ra thì cũng bằng Broussel.

Gondy đứng im, không một thớ thịt nào trên khuôn mặt động dậy; song cái nhìn giá băng của ông như một lưỡi gươm chạm với cái nhìn điên giận của hoàng hậu.

-Một người chết này, – D'Artagnan nói, – nếu như có một Vitry nào đó[246] trong triều và vào đây trong lúc này. Nhưng trước khi hắn tới được ông chủ giáo tử tế kia thì chính tôi, tôi sẽ giết tên Vitry chết tươi? Giáo chủ Mazarin hẳn sẽ vô cùng biết ơn tôi.

-Suỵt! Nghe nào! – Porthos nói.

-Này bà! – Mazarin kêu lên và nắm lấy tay Anne d'Autriche kéo lại sau, – Bà làm cái gì thế?

Rồi ông nói thêm bằng tiếng Tây Ban Nha: -Anne, bà điên đấy à? Bà là hoàng hậu mà gây ra ngay ở đây những cuộc cãi nhau như của bọn tư sản ấy! Và bà không trông thấy sao trước mặt bà, trong con người của vị tu sĩ này là cả dân chúng Paris lăng nhục ông ta trong lúc này là nguy hiểm; nếu ông ta muốn thì trong một giờ nữa bà sẽ không còn ngôi báu! Được rồi, ít lâu nữa trong một dịp khác bà sẽ đối chọi vững vàng và mạnh mẽ, nhưng hôm nay chưa phải lúc. Hôm nay bà hãy giả vờ, ve vuốt đi, nếu không thì bà chỉ là một người đàn bà tầm thường.

Nghe mấy tiếng mở đầu bài diễn văn, d'Artagnan đã nắm lấy cánh tay Porthos và siết chặt dần dần, rồi khi Mazarin im lặng, anh nói rất khẽ với bạn: -

Porthos này, chớ có bao giờ nói trước mặt Mazarin rằng tôi biết tiếng Tây Ban nha, nếu không thì tôi sẽ đi đứt, cả cậu cũng vậy.

-Được rồi, – Porthos đáp.

Lời giáo huấn gay gắt ấy đượm vẻ hùng hồn đặc trưng cho Mazarin khi ông ta nói tiếng Ý hoặc Tây Ban Nha và biến mất hẳn khi ông nói tiếng Pháp được nói ra với một vẻ mặt thân nhiên khó thăm dò khiến Gondy vốn tài xem tướng thế mà cũng chỉ nghĩ rằng đó chỉ là một lời khuyên can đơn giản cần phải ôn hoà hơn mà thôi.

Về phía mình, hoàng hậu bị trách móc nặng lời bỗng nhiên dịu hẳn đi. Có thể nói rằng bà đã để rơi lửa khỏi mắt bà, máu khỏi má bà và cơn giận dữ dai dẳng khỏi cặp môi của bà. Bà ngồi phịch xuống, để rơi hai cánh tay rã rời xuống hai bên mình, bằng một giọng đầy nước mắt, bà nói: -Ông chủ giáo, xin ông hãy tha thứ cho tôi, và gán sự dữ dằn kia cho điều mà tôi phải chịu đựng. Là đàn bà, và do đó dễ nệ theo những yếu đuối của giới mình, tôi kinh hãi nội chiến; là hoàng hậu và quen được phục tùng, tôi dễ nổi khùng trước những sự kháng cự đầu tiên.

-Thưa Lệnh bà, – Gondy nghiêng mình nói – Hoàng thượng lầm khi coi những ý kiến chân thành của tôi là kháng cự. Hoàng thượng chỉ có những bầy tôi phục tùng và cung kính. Không phải hoàng hậu là người mà dân chúng căm giận. Họ đòi Broussel, có thế thôi, và họ sung sướng được sống dưới những luật pháp của Hoàng thượng, nếu như Hoàng thượng trả Broussel cho họ, – Gondy mỉm cười nói thêm.

Vừa mới nghe câu: "Không phải hoàng hậu là người mà nhân dân căm giận, Mazarin đã vểnh cả hai tai lên, tưởng rằng chủ giao sẽ nói tiếp về những lời hô: "Đả đảo lão Mazarin!'. Nhưng thấy đoạn ấy được bỏ đi, ông thầm cảm ơn chủ giáo. Rồi bằng giọng mượt mà nhất và vẻ mặt nhã nhặn nhất ông nói: -Xin Lệnh bà hãy tin ở ông chủ giáo ông là một trong những chính khách tài giỏi nhất mà chúng ta có được. Chiếc mũ giáo chủ đang khuyết dường như dành cho cái đầu cao quý của ông.

"A! Mi cần đến ta thế ư, thằng ba que quỷ quyệt" – Gondy nhủ thầm.

Và lão ta sẽ hứa hẹn gì với chúng ta, – D'Artagnan nói, – cái ngày mà người ta sẽ muốn giết lão? Ghê nhỉ? Lão ta ban phát những chiếc mũ giáo chủ như thế, thì Porthos ạ, chúng ta hãy chuẩn bị ngay ngày mai yêu cầu cho mỗi đứa chúng ta phụ trách một trung đoàn. Mẹ kiếp Chỉ cần cuộc nội chiến kéo dài một năm thôi, tôi sẽ cho mạ vàng lại cho tôi thanh gươm của nguyên suý!

-Thế còn tôi? – Porthos hỏi.

-Cậu ấy à? Tôi sẽ cho cậu cây gậy thống chế của ông de La Meilleraie, lúc này ông ta có vẻ không được sủng ái lắm.

-Như vậy, – Hoàng hậu nói, – Thực sự là ông sợ cuộc phản loạn dân chúng à?

-Thực sự chứ, thưa Lệnh bà, – Gondy nói, ngạc nhiên rằng mình đã không làm già hơn – Tôi sợ rằng khi cơn lũ đã phá vỡ đê, nó sẽ gây nên những cuộc tàn phá lớn.

-Còn tôi, – hoàng hậu nói, – Tôi cho rằng trong trường hợp ấy phải chống lại bằng những con đê mới.

-Nào, tôi sẽ suy nghĩ.

Gondy nhìn Mazarin với vẻ kinh ngạc. Mazarin đến gần hoàng hậu để nói. Vừa lúc ấy người ta nghe thấy tiếng ồn ào dữ dội trên quảng trường Hoàng cung.

Gondy mỉm cười, cái nhìn của hoàng hậu rực lửa, Mazarin tái xanh tái xám.

-Lại chuyện gì nữa? – Mazarin nói.

Lúc đó Comminger chạy xổ vào phòng khách và thưa: -Xin Lệnh bà thứ lỗi, nhưng dân chúng đã nghiền nát lính canh vào rào sắt và lúc này đang phá các cổng. Lệnh bà ra lệnh thế nào ạ?

-Lệnh bà nghe xem, – Gondy nói. – Tiếng sóng gào, tiếng sét nổ, tiếng núi lửa gầm cũng không thể so sánh với trận bão tố của những tiếng la hét lúc này đang bốc lên tận trời.

-Ta ra lệnh thế nào ư? – Hoàng hậu nói.

-Vâng, gấp lắm rồi.

-Ông có khoảng bao nhiêu người ở Hoàng cung?

-Sáu trăm người.

-Cắt một trăm người ở bên vua, và với số còn lại hãy quét sạch bọn tiện dân ấy cho ta.

-Bà làm gì thế? – Mazarin nói.

-Đi đi! – Hoàng hậu bảo.

Comminger đi ra với sự phục tùng thụ động của người lính.

Vừa lúc ấy, một tiếng gãy kinh khủng vang lên, một chiếc cổng bắt đầu bật tung.

-Này bà! – Mazarin nói, – Bà làm nguy hại tất cả chúng ta rồi, nhà vua, bà và tôi nữa.

Nghe tiếng kêu của linh hồn đó của ông giáo chủ thất đảm hoàng hậu cũng hoảng sợ và gọi Comminger lại.

-Muộn quá rồi! – Mazarin vò đầu bứt tai nói, – Muộn quá rồi.

Cổng bật ra và người ta nghe đám tiện dân reo hò mừng rỡ.

D'Artagnan cầm kiếm ra tay và ra hiệu cho Porthos làm theo.

-Hãy cứu lấy hoàng hậu? – Mazarin nói với ông chủ giáo.

Gondy lao ra phía cửa sổ và mở ra. Ông nhận thấy Louvières đi đầu một đám đông phải đến ba bốn nghìn người.

-Không được tiến thêm một bước nào nữa! – Ông kêu lên. – Hoàng hậu ký rồi.

-Ông nói gì thế? – Hoàng hậu kêu.

-Sự thật, thưa bà, – Mazarin vừa nói vừa đưa giấy bút ra – Cần phải như vậy. – Rồi ông nói thêm – Anne, hãy ký đi, tôi van bà tôi muốn thế!

Hoàng hậu ngồi phịch xuống ghế, cầm bút và ký.

Do Louvières ngăn dân chúng không tiến thêm một bước nào nữa, nhưng tiếng ồn ào khủng khiếp chỉ rõ sự phẫn nộ của quần chúng đông đảo vẫn tiếp tục.

Hoàng hậu viết:

"Người coi nhà tù Saint-Germain sẽ trả lai tự do cho cố vấn Broussel"

Rồi bà ký.

Mắt nhìn ngốn ngấu từng cử động nhỏ của bà, ông chủ giáo chộp lấy tờ giấy ngay khi nó vừa được ký xong, trở ra cửa sổ và cầm tờ giấy mà vẫy vẫy: -Tờ lệnh đây, – Ông nói.

Dường như toàn thể Paris cùng reo hò ầm ĩ vì vui mừng; rồi vang lên những tiếng hô:

"Broussel muôn năm! Chủ giáo muôn năm!".

-" Hoàng hậu muôn năm!" – Ông chủ giáo hô.

Mấy tiếng hô đáp lại, nhưng lẻ tẻ rời rạc.

Phải chăng chủ giáo hô lên câu đó chỉ là để cho Anne d'Autriche nhận thấy thế yếu của mình.

-Ông Gondy, – Bà nói, – bây giờ ông đã đạt được điều ông mong muốn thì mời ông đi đi.

-Khi nào hoàng hậu cần đến tôi, – chủ giáo cúi chào và nói, – Xin Hoàng thượng biết cho rằng tôi sẵn sàng chờ lệnh.

Hoàng hậu gật đầu và Gondy rút lui.

Cửa vừa mới đóng lại, Anne d'Autriche đã giơ tay ra về phía ấy mà nói: -A! Tên thầy tu đáng nguyền rủa kia! Sẽ có ngày ta cho mi uống nốt chén mật đắng mà mi đã chuốc cho ta hôm nay.

Mazarin chầm chậm tiến đến gần bà.

-Hãy để mặc tôi, – Bà nói – Ông không phải là một người đàn ông?

Và bà đi ra.

-Chính bà mới không phải một người đàn bà, – Mazarin lẩm bẩm.

Rồi sau một lát trầm ngâm, ông chợt nhớ ra rằng d'Artagnan và Porthos chắc vẫn ở kia, do đó đã nghe thấy hết cả. Ông cau mày và đi thẳng đến chỗ che thảm và vén lên: căn phòng vắng tanh.

Khi nghe lời nói cuối cùng của hoàng hậu, d'Artagnan đã nắm tay Porthos và kéo bạn đi ra phía hành lang.

Mazarin cũng ra hành lang và thấy đôi bạn đang đi dạo.

-Ông d'Artagnan, tại sao ông rời căn phòng?

-Bởi vì, – D'Artagnan đáp, – hoàng hậu đã ra lệnh cho tất cả mọi người đi ra, tôi nghĩ rằng lệnh ấy là cho chúng tôi cũng như cho những người khác.

-Như vậy là ông đã ra đây từ…

-Từ khoảng mười lăm phút d'Artagnan vừa nói vừa nhìn Porthos và ra hiệu cho bạn đừng cải chính.

Mazarin bất chợt cái ra hiệu đó và tin chắc rằng d'Artagnan đã trông thấy hết và nghe thấy hết, nhưng ông biết ơn anh về sự nói dối.

-Ông d'Artagnan này, Quiả nhiên ông là người mà tôi tìm kiếm, và ông có thể trông cậy ở tôi cả bạn của ông nữa.

Rồi chào đôi bạn bằng nụ cười ưu nhã nhất, ông yên tâm hon trở vào văn phòng mình, vì sau khi Gondy ra, tiếng ồn ào đã ngừng bặt y như bởi phép mầu.

§51. Khi hoạ thì dễ nhớ ra

Anne d'Autriche điên giận trở về phòng cầu nguyện của mình. Bà vặn vẹo đôi cánh tay mỹ miều mà kêu lên: -Sao! Dân chúng đã từng thấy ông de Condé đệ nhất thân vương, bị mẹ chồng của ta, Marie de Médicis bắt giữ: họ đã thấy mẹ chồng ta, nhiếp chính cũ của họ bị tể tướng Richelieu đuổi đi; họ cũng đã từng thấy ông de Vendôme tức là con trai vua Henri IV bị cầm tù ở Vincennes. Họ chẳng nói năng gì cả, trong khi người ta lăng nhục, người ta tống giam, người ta đe doạ những nhân vật lớn ấy! Thế mà chỉ vì một tên Broussel! Giê su ơi, cái vương quyền ra thế nào rồi đấy?

Anne vô tình dụng chạm đến vấn đề nóng bỏng. Dân chúng không nói năng gì cho các hoàng thân, dân chúng nổi dậy vì Broussel, chính vì đây là một người thuộc tầng lớp bình dân, và bảo vệ Broussel, dân chúng cảm thấy một cách tự nhiên rằng họ bảo vệ chính mình.

Trong lúc ấy, Mazarin đi dạo khắp trong văn phòng mình, chốc chốc lại nhìn sang chiếc gương Venise của ông bị rạn nứt hết.

-Chà! – Ông nói, – Ta biết lắm, buộc phải nhượng bộ như vậy thì thật dáng buồn. Nhưng, ơ hay, chúng ta sẽ phục thù, Broussel thì can hệ gì! Đó chỉ là một cái tên, không phải là một vật.

Là chính khách khôn ngoan đến mấy đi nữa, lần này Mazarin lầm rồi: Broussel là một vật, chứ không phải một cái tên.

Cho nên, buổi sáng hôn đó, khi Broussel vào Paris trong một cỗ xe lớn có con trai là Louvières ngồi bên và Friquet. đi theo xe, tất cả dân chúng mang vũ khí đổ xô ra trên đường ông đi qua. Những tiếng hô: "Broussel muôn năm! Cha của chúng ta muôn năm!" vang lên khắp nơi và mang cái chết đến cho lỗ tai Mazarin.

Từ mọi phía những tên do thám của tể tướng và hoàng hậu mang về những tin tức xấu, chúng thấy giáo chủ rất hoảng loạn và hoàng hậu rất bình tĩnh. Hoàng hậu có vẻ như đang suy nghĩ thật chín muồi một quyết định lớn lao, điều ấy càng tăng lên những nỗi lo ngại của Mazarin. Ông biết rõ bà hoàng kiêu ngạo và rất sợ những quyết định của bà.

Ông chủ giáo trở lại nghị viện còn vua hơn cả vua, hoàng hậu và giáo chủ ba người cộng lại. Theo ý kiến của ông, nghị viện ra một pháp lệnh yêu cầu những người tư sản hạ vũ khí và phá bỏ các luỹ chướng ngại; bây giờ thì họ biết rằng chỉ cần một giờ để cầm lại vũ khí và một đêm để dựng lại các luỹ chướng ngại.

Planchet trở về cửa hiệu của mình. Chiến thắng ân xá, Planchet không còn sợ bị treo cổ; anh tin chắc rằng nếu người ta chỉ lộ vẻ bắt giữ anh, thì dân chúng sẽ nổi dậy ủng hộ anh cũng như họ vừa mới làm để ủng hộ Broussel.

Rochefort đã trả lại đội khinh kỵ binh cho hiệp sĩ d'Humières.

Thiếu mất hai người khi điểm danh, nhưng ông hiệp sĩ là Fronde trong tâm hồn chẳng muốn nghe nói đến bồi thường.

Gã ăn mày ở lại chỗ mình ở sân nhà thờ Saint Eustache, vẫn một tay dâng nước thánh một tay xin bố thí, và chẳng ai hồ nghi rằng hai bàn tay ấy vừa mới giúp kéo ra khỏi toà kiến trúc xã hội hòn đá nền tảng của vương quyền.

Louvières hãnh diện và hài lòng. Anh đã trả thù Mazarin mà anh khinh ghét và đã góp sức để đưa cha mình ra khỏi nhà tù; tên tuổi anh đã được nhắc đến với nỗi kinh hoàng ở Hoàng cung. Anh nói với ông cố vấn được trở về với gia đình: -Cha ơi cha có tin rằng, nếu giờ đây con xin hoàng hậu một đại đội thì bà ấy sẽ cho con không?

Trong thời gian bạo động, Raoul nhất thiết đòi tuốt kiếm ra để tham gia vào phe này hoặc phe kia, d'Artagnan phải vất vả lắm mới giữ chân Raoul ở nhà được. Lúc đầu Raoul không chịu, nhưng d'Artagnan đã phải nhân danh bá tước de La Fère để bảo ban anh.

Nhân dịp tình hình đã yên tĩnh, d'Artagnan cho Raoul đi. Raoul đến thăm bà de Chevreuse rồi lên đường trở lại quân đội.

Riêng Rochefort thấy công việc kết thúc quá kém. Ông đã viết thư mời quận công de Beaufort về, quận công sắp tới nơi và sẽ thấy Paris yên tĩnh.

Ông đến tìm chủ giáo để hỏi xem có nên bảo hoàng thân dừng lại trên đường không, nhưng Gondy ngẫm nghĩ một lát và nói: -Cứ để ông ấy tiếp tục hành trình.

-Như vậy là công việc chưa xong ư? – Rochefort hỏi.

-Không đâu! Bá tước thân mến ơi, chúng ta chỉ mới ở chỗ bắt đầu.

-Ai làm cho ngài tin như vậy?

-Tôi biết rõ bụng dạ hoàng hậu: bà ta chẳng chịu thua đâu.

-Bà ta chuẩn bị một việc gì sao?

-Tôi chắc thế.

-Ngài biết chuyện gì, nào?

-Tôi biết rằng bà ra đã viết thư triệu ngài Hoàng thân từ quân đội trở về gấp.

-Á, à! – Rochefort nói, – Ngài nói đúng đấy, cần để ông de Beaufort đến.

Ngay buổi chiều tối hôm ấy, tiếng đồn lan ra là Hoàng thân de Condé đã về tới Paris.

Đó là một tin tức thật bình thường và tự nhiên song nó có một âm vang rộng rãi. Người ta nói rằng hở chuyện này ra là do bà de Longueville, bà được ngài Hoàng thân tâm sự, mà thiên hạ thì buộc tội Hoàng thân đã có một sự luyến ái đối với em gái vượt quá giới hạn của tình anh em.

Những chuyện tâm sự đó tiết lộ những dự định nham hiểm của hoàng nậu.

Ngay buổi chiều hôm Hoàng thân về, những người tư sản tiến bộ hơn những kẻ khác, những thẩm phán, những thủ lĩnh các khu phố đến những chỗ quen biết

và nói: -Tại sao chúng ta đã không đoạt lấy nhà vua và đưa đến Toà Thị sảnh? Thật là một sai lầm để cho kẻ thù của chúng ta dạy dỗ vua, bảo ban vua những điều xấu. Nếu như được ông chủ giáo chẳng hạn trông nom thì vua sẽ hấp thụ được những nguyên lý quốc dân và sẽe yêu mến nhân dân.

Ban đêm náo động một cách âm thầm. Ngày hôm sau người ta lại trông thấy những tấm áo choàng xám và đen, những đội tuần tra thương nhân mang vũ khí và những toán ăn mày.

Hoàng hậu đã thức suốt đêm để bàn bạc với Hoàng thân. Nửa đêm Hoàng thân được dẫn đến phòng nguyện của hoàng hậu và tới năm giờ sáng ông mới ra về.

Năm giờ hoàng hậu đến văn phòng tể tướng. Nếu như bà chưa được đi nằm thì giáo chủ cũng đã dậy rồi.

Ông đang thảo bức thư trả lời Cromwell. Ông hẹn với Mordaunt mười ngày thì sáu ngày đã qua rồi.

Chà! Ta để hắn phải chờ một chút, nhưng ông Cromwell hiểu quá đi, cách mạng là thế nào, nên không thể không thứ lỗi cho ta.

Ông bèn đọc lại với vẻ thoả mãn đoạn đầu bức thư biện hộ của mình thì nghe có tiếng cào nhè nhẹ vào cánh cửa thông sang những căn phòng của hoàng hậu. Chỉ một mình hoàng hậu có thể đến bằng cửa ấy.

Giáo chủ đứng lên và ra mở.

Hoàng hậu mặc xuềnh xoàng, nhưng cái xuềnh xoàng ấy càng hợp với bà, vì rằng cũng như nữ thần Dian ở viện bảo tàng Poitiers hoặc ở phòng khách bà Ninon, Anne d'Autriche giữ cái độc quyền là lúc nào cũng xinh đẹp. Song buổi sớm hôm ấy bà còn đẹp hơn thường lệ bởi vì cặp mắt bà có tất cả cái long lanh mà một nỗi vui mừng bên trong tạo nên.

-Có việc gì đấy bà, – Mazarin lo ngại nói, – Trông bà có vẻ đắc ý lắm?

-Đúng, Giulio ạ, – bà đáp – đắc ý và vui sướng, vì rằng tôi đã tìm ra kẻ bóp chết cuộc bạo loạn này.

-Bà hoàng của tôi ơi, – Mazarin nói, – bà là một chính khách lớn nào xem kế sách ra sao.

Và ông giấu điều mà ông viết bằng cách nhét lá thư mới bắt đầu xuống dưới tờ giấy trắng.

-Chúng muốn bắt nhà vua, ông biết chứ? – Hoàng hậu nói.

-Chao ôi! Biết! Và còn muốn treo cổ tôi nữa!

-Chúng sẽ không có vua.

-Và chúng sẽ không treo cổ tôi.

-Ông nghe đây: tôi muốn cướp đi họ của con trai tôi và bản thân tôi và ông cùng với tôi, tôi muốn rằng sự kiện này, từ hôm nay đến ngày kia sẽ thay đổi bộ

mặt của mọi thứ cần được thực hiện mà không ai biết, ngoài ông, tôi và một người thứ ba.

-Người thứ ba ấy là ai?

-Ông Hoàng thân.

-Ông ta đã về như người ta nói với tôi phải không?

-Về tối hôm qua.

-Bà đã gặp rồi chứ?

-Tôi vừa mới chia tay ông ấy.

-Ông ấy giúp sức vào kế hoạch này à?

-Chính ông ta đề ra ý kiến.

-Thế còn Paris?

-Ông ta sẽ để cho bị đói và buộc phải đầu hàng không điều kiện.

-Kế hoạch không thiếu vẻ vĩ đại, nhưng tôi chỉ thấy có một trở ngại.

-Trở ngại gì?

-Sự không thể được.

-Lời nói vô nghĩa. Không có gì là không thể được.

-Trên kế hoạch.

-Trong thực hiện. Chúng ta có tiền không?

-Ít thôi – Mazarin đáp, sợ Anne d'Autriche đòi moi tiền trong túi ông ta.

-Chúng ta có tinh thần can đảm không?

-Rất nhiều.

-Vậy thì dễ lắm. Ô! Giulio, ông có hiểu không? Paris, cái thành phố Paris ghê tởm ấy một buổi sáng thức dậy không có hoàng hậu không có vua, bị bao vây, bị quấy nhiễu bị bỏ đói, tất cả phương sách chỉ còn trông vào cái nghị viện ngu đần và ông chủ giáo còm nhom với đôi chân vặn vẹo của họ!

-Hay, hay! – Mazarin nói. – Tôi hiểu rõ hiệu quả, nhưng tôi không trông thấy phương tiện để đạt tới.

-Tôi thì tôi sẽ tìm thấy đấy.

-Bà nên biết rằng đây là chiến tranh, là cuộc nội chiến bừng bừng, kịch liệt, không nguôi.

-Ồ! Phải đấy, phải đấy, chiến tranh, – Anne d'Autriche nói – Phải đấy, tôi muốn biến cái thành phố phiến loạn này thành tro bụi; tôi muốn dập tắt ngọn lửa trong máu; tôi muốn rằng một tấm gương kinh khủng sẽ nếu mãi mãi tội ác và trừng phạt. Hỡi Paris! Ta căm thù mi, ta ghê tơm mi!

-Khoan, khoan, Anne, bà khát máu đấy! Hãy coi chừng, chúng ta không còn ở thời đại những Malatesta và những Castruccio Castracani[247]; bà sẽ tự làm cho bà bị chặt đầu, bà hoàng xinh đẹp của tôi ạ, và như thế thì uổng lắm.

-Ông cười tôi đây à?

-Tôi rất ít cười. Chiến tranh với cả một dân tộc thì thật là nguy hiểm. Bà hãy trông Charles đệ nhất em rể của bà đấy, tình hình ông ấy xấu lắm, rất xấu.

-Chúng ta đang ở nước Pháp, và tôi là người Tây Ban Nha.

-Không cần, per Baccho, không cần, có lẽ tôi thích bà là người Pháp thì hơn, cả tôi cũng vậy; người ta sẽ thù ghét cả hai ta ít hơn.

-Song ông tán thành tôi chứ?

-Vâng, nếu tôi thấy điều ấy có thể làm được.

-Nó sẽ làm được, chính tôi nói với ông thế. Ông hãy sửa soạn.

-Tôi ấy à? Lúc nào tôi cũng sẵn sàng ra đi, song, như bà biết đấy, tôi chẳng ra đi bao giờ… và lần này chắc là cũng không hơn những lần khác.

-Cuối cùng, nếu tôi đi thì ông có đi không?

-Tôi sẽ thử xem.

-Ông làm tôi đến chết về những sự sợ hãi của ông đấy Giulio ạ, mà ông sợ cái gì kia chứ?

-Sợ nhiều điều lắm.

-Những điều gì nào?

Bộ mặt Mazarin từ giễu cợt trở thành u ám.

-Anne, – Ông nói, – Bà chỉ là một người đàn bà, và là đàn bà bà có thể tùy tiện lăng nhục đàn ông vì chắc chắn là mình được miễn tội. Bà cáo buộc tôi là sợ hãi; tôi không sợ hãi nhiều như bà đâu, bởi vì tôi tôi không bỏ trốn. Người ta hò la chống ai? Chống bà hay chống tôi? Người ta muốn treo cổ ai? Bà hay tôi? Vậy mà tôi đương đầu với bão tố, trong khi bà cáo buộc tôi là sợ hãi; chẳng phải anh hùng rơm đâu, đó không phải là thói của tôi, nhưng tôi vững vàng. Hãy bắt chước tôi, om sòm ít thôi, hiệu quả nhiều hơn. Bà la hốt hoảng lên, bà chẳng đạt tới đâu. Bà bàn đến chuyện trốn…

Mazarin nhún vai, cầm tay hoàng hậu và dắt bà ra cửa sổ: -Hãy nhìn xem!

-Gì nào? – Hoàng hậu nói, mù quáng vì sự bướng bỉnh của mình.

-Kia kìa! Qua cửa sổ bà nhìn thấy gì nào? Nếu tôi không lầm thì đó là dân tư sản mặc áo giáp đội mũ sắt trang bị súng trường tốt như thời Liên minh thần thánh; họ đang nhìn chằm chằm lên cửa sổ bà đang đứng và bà có thể bị nom thấy nếu bà vén rèm lên quá cao.

Bây giờ ta ra cửa sổ kia; bà trông thấy gì nữa? Những đám dân chúng mang giáo mác canh gác các cổng ngõ của bà. Ở bất cứ cửa nào của Hoàng cung mà tôi dẫn bà ra, bà đều thấy như thế cả. Các cổng lớn bị canh gác, các cửa thông gió và các căn hầm cũng bị canh gác, và đến lượt tôi sẽ nói với bà cái điều mà La Ramée nói với tôi về ông De Beaufort: trừ phi là chim hay là chuột, ông sẽ không ra khỏi nơi đây.

-Vậy mà ông ta vẫn ra đấy.

-Bà có tính nước ra cũng bằng cách ấy không.

-Thế tôi là tù nhân đấy à?

-Trời ơi! – Mazarin nói, – Có đến một tiếng đồng hồ tôi chứng minh với bà điều đó rồi.

Và Mazarin điềm nhiên lấy ra viết tiếp bức thư đang viết dở.

Anne tức run người lên, đỏ bừng mặt vì hổ nhục, đi ra khỏi văn phòng và dập cửa đánh rầm một cái.

Mazarin chẳng buồn quay đầu lại.

Trở về phòng mình, hoàng hậu buông mình xuống chiếc ghế bành và khóc nức nở.

Rồi bỗng nhiên một ý nghĩ đến bất thình lình khiến bà bật dậy và reo lên: -Ta thoát rồi! Ô, phải, rồi, phải rồi, ta biết một người có thể đưa ta ra khỏi Paris người ấy, một người mà ta đã quên lãng quá lâu.

Và mặc dầu với nỗi vui mừng, bà mơ màng nói:

"Ta mới bội bạc làm sao, có đến hai mươi năm trời ta bỏ quên người ấy, người mà lẽ ra ta phải phong làm một thống chế Pháp quốc. Bà mẹ chồng ta đã vung vãi vàng bạc, chức phẩm và những vuốt ve cho Concini, ông ta đã làm hại bà; ông vua chồng ta vì một cuộc ám sát đã phong Vitry làm thống chế Pháp quốc. Còn ta, ta đã bỏ mặc trong quên lãng, trong cảnh khốn cùng cái anh chàng d'Artagnan cao quý đã từng cứu ta.

Và bà chạy ra chiếc bàn để giấy, bút, mực và ngồi viết.

§52. Cuộc hội kiến

Sáng hôm ấy, d'Artagnan nằm trong phòng Porthos. Đó là một thói quen của đôi bạn từ khi có những cuộc rối loạn. Dưới chân giường họ để gươm kiếm và trên bàn trong tầm tay để súng ngắn.

D'Artagnan vẫn còn ngủ và mơ thấy trời phủ một đám mây, từ đám mây ấy rơi xuống một trận mưa vàng và anh giơ mũ ra hứng dưới một ống máng, Porthos thì mơ thấy cái tấm bảng ở cỗ xe của mình không đủ rộng để chứa hết những gia huy mà anh cho tô vẽ vào đấy.

Các anh thức giấc vào lúc bảy giờ do một thằng hầu không vận áo dấu mang một bức thư đến cho d'Artagnan.

-Thư của ai đấy? – Chàng Gascon hỏi.

-Của hoàng hậu, – Tên hầu đáp.

-Sao! – Porthos ngồi dậy ở trên giường nói – Nó bảo gì vậy?

D'Artagnan bảo thằng hầu sang buồng bên cạnh và khi nó khép cửa lại, anh nhẩy ra khỏi giường và lướt đọc rất nhanh, trong khi Porthos cứ giương mắt ếch ra mà nhìn, mà không dám hỏi câu nào.

-Này bạn Porthos – D'Artagnan đưa thư ra và nói, – Lần này thì đây là danh hiệu Nam tước của cậu và tờ phong đại uý của tôi. Cầm lấy đọc đi và xét đoán.

Porthos giơ tay đón bức thư và run run đọc dòng chữ:

"Hoàng hậu muốn nói chuyện với ông d'Artagnan. Ông hãy đi theo người đưa thư!"

-Ơ này! – Porthos nói, – Mình thấy đây chỉ là chuyện bình thường.

-Mình thì lại thấy nhiều chuyện đặc biệt, – D'Artagnan nói.

Nếu người ta gọi đến tôi, tức là công việc rối rắm lắm. Cậu thử nghĩ xem trong đầu óc hoàng hậu phải xáo động thế nào thì kỷ ức về tôi sau hai chục năm trời nó mới nổi lên trên mặt nước chứ?

-Đúng đấy, – Porthos nói.

-Nam tước, hãy mài sắc gươm, nạp đạn vào súng, đem lúa mạch cho ngựa ăn, tôi xin cam đoan rằng trước ngày mai sẽ có chuyện mới lạ và motus![248]

-Ái chà? Thế không phải là một cái bẫy người ta giăng ra để gạt bỏ chúng ta hay sao? – Porthos nói, anh vẫn băn khoăn rằng vinh quang sau này của anh ắt gây ra sự khó chịu cho kẻ khác.

-Nếu là một cái bẫy thì tôi sẽ ngửi thấy ngay, hãy yên trí, – D'Artagnan nói. – Nếu Mazarin là người Ý thì tôi cũng là Gascon cơ mà.

Và d'Artagnan loáng một cái đã mặc xong quần áo.

Porthos vẫn nằm và đang cài áo choàng cho bạn thì có tiếng gõ cửa lần nữa.

-Cứ vào! – D'Artagnan bảo.

Một tên hầu thứ hai vào.

-Giáo chủ Mazarin sai tôi mang thư đến, hắn nói.

D'Artagnan nhìn Porthos.

-Phiền phức rồi đấy, – Porthos nói, – Bắt đầu từ đâu bây giờ?

-Tuyệt diệu thật, – D'Artagnan nói, – Đức ông hẹn gặp tôi sau nửa giờ.

-Anh bạn này, – D'Artagnan quay sang nói với tên hầu, – Hãy trình Đức ông rằng nửa giờ nữa tôi sẽ có mặt.

Tên hầu chào và đi ra.

-Cũng may là nó không trông thấy tên hầu kia, – D'Artagnan nói.

-Cậu cho rằng cả hai người cho đi tìm cậu vì cùng một việc ư? – Porthos hỏi.

-Tôi chắc chắn là không phải như vậy.

-Thôi, thôi, nhanh nhẹn lên, d'Artagnan. Nhớ rằng hoàng hậu đang đợi cậu; sau hoàng hậu là giáo chủ, và sau giáo chủ là tôi.

Tên hầu dẫn anh đi qua phố Petits-Champs, và rẽ sang trái đưa anh vào một cái cổng nhỏ trông ra phố Richelieu. Rồi họ đi lên một cái cầu thang kín và d'Artagnan được đưa vào trong phòng nguyện.

Một niềm xúc động bất giác khiến trống ngực viên trung uý đập rộn rã. Anh không còn lòng tin cậy của tuổi trẻ nữa, và kinh nghiệm đã dạy cho anh tất cả tầm nghiêm trọng của những biến cố đã qua.

Anh đã biết thế nào là sự quý phái của các ông hoàng và vẻ uy nghiêm của các vua chúa. Anh đã quen xếp sự tầm thường của mình sau những kẻ giàu sang và danh gia thế phiệt. Xưa kia anh tiếp cận Anne d'Autriche với tư cách một chàng trai trẻ chào đón một người đàn bà. Giờ đây thì khác hẳn: anh đến với bà ta như một người lính tầm thường đến với một vị thủ lĩnh lẫy lừng.

Một tiếng nhè nhẹ khuấy động sự yên tĩnh của phòng nguyện.

D'Artagnan rùng mình và trông thấy một bàn tay trắng muốt vén tấm thảm lên. Nhìn hình dạng thanh tú, màu trắng nuột nà và vẻ đẹp mỹ miều, anh nhận ra bàn tay vương giả kia mà có lần người ta đưa anh hôn.

Hoàng hậu đi vào.

-Ông đấy à, ông d'Artagnan, – Bà nói và nhìn viên sĩ quan bằng cặp mắt chứa chan nỗi u hoài thương mến. – Đúng là ông, và tôi nhận ra ngay. Ông hãy nhìn lại tôi đi, tôi là hoàng hậu, ông có nhận ra tôi không?

-Không ạ, Thưa Lệnh bà, – D'Artagnan đáp.

Bằng cái giọng ngọt ngào mà bà biết lồng vào tiếng nói của mình khi bà muốn, Anne d'Autriche nói tiếp: -Thế ra ông không còn biết rằng hồi xưa hoàng hậu đã cần đến một dũng sĩ trẻ dũng cảm và tận tụy và bà đã tìm được người kỵ sĩ ấy và mặc dầu ông ta có thể tưởng rằng bà đã quên ông ta, bà vẫn dành một chỗ cho ông ta trong đáy lòng mình.

-Không, Thưa Lệnh bà, tôi không biết chuyện ấy, – Người lính ngự lâm đáp.

-Không sao cả ông ạ, – Anne d'Autriche nói, – Không sao, ít ra là đối với hoàng hậu, vì rằng bà hoàng hậu ấy hôm nay cần đến vẫn lòng dũng cảm ấy, vẫn lòng tận tụy ấy.

-Sao thế nhỉ? – D'Artagnan nói, – Xung quanh hoàng hậu đầy những bộ hạ thật tận tụy, những cố vấn thật khôn ngoan, những con người thật vĩ đại do công tích hoặc địa vị của họ, vậy mà hoàng hậu lại hạ cố để mắt đến một người lính vô danh ư?

Anne hiểu rõ lòng trách móc được che đậy ấy, bà cảm động hơn là tức giận. Biết bao đức hy sinh và vô tư của người quý tộc Gascon đã bao phen khiến bà hổ thẹn, bà sẵn sàng chịu thua vì tinh thần cao thượng.

-Ông d'Artagnan này, – Hoàng hậu nói:

- Tất cả những điều ông nói về những người bao quanh tôi có lẽ đúng đấy; nhưng tôi chỉ tin cậy có một mình ông thôi. Tôi biết ông là của giáo chủ, nhưng hãy là của tôi nữa, tôi sẽ đảm nhận vận hạnh của ông. Nào, giờ đây liệu ông có làm cho tôi cái mà hồi xưa người quý tộc kia mà ông không biết ấy đã làm cho hoàng hậu không?

-Tôi sẽ làm mọi điều mà Hoàng thượng ra lệnh, – D'Artagnan nói.

Hoàng hậu ngẫm nghĩ một lát, và nhìn thấy thái độ dè đặt của người lính ngự lâm, bà nói: -Có lẽ ông thích sự nghỉ ngơi phải không?

-Tôi không biết nữa, thưa Lệnh bà, vì tôi có được nghỉ ngơi bao giờ đâu.

-Ông có bạn bè không?

-Tôi có ba người bạn: hai người đã rời Paris không biết đi đâu. Còn mỗi một người còn lại, nhưng tôi chắc rằng đó là một trong số những kẻ biết người kỵ sĩ mà Hoàng thượng đã nói với tôi.

-Tốt lắm. – Hoàng hậu nói: -Ông và bạn của ông giá trị bằng một đội quân.

-Thưa Lênh bà, tôi phải làm gì?

-Năm giờ ông trở lại đây và tôi sẽ nói ông biết; nhưng này chớ có nói với bất kỳ ai về cuộc gặp gỡ mà tôi hẹn với ông!

-Không đâu, thưa Lệnh bà!

-Thề trước Chúa Jesus đi.

-Thưa Lệnh bà, tôi không bao giờ sai lời hứa. Tôi đã nói không là không.

Mặc dầu ngạc nhiên về thứ ngôn ngữ ấy mà bà không quen nghe từ miệng các cận thần của mình, hoàng hậu coi đó một điểm tốt cho nhiệt tình mà d'Artagnan đem ra phục vụ bà trong việc hoàn thành kế hoạch của bà. Đó là một trong những thủ đoạn của chàng Gascogne đôi khi nhằm che đậy sự tinh tế sâu xa của mình dưới cái bề ngoài có vẻ là một sự cục cằn trung thực.

-Lúc này hoàng hậu không có điều gì khác phán bảo tôi chứ? – anh nói.

-Không, ông ạ – Anne d'Autriche đáp, – Ông có thể lui cho đến lúc mà tôi đã hẹn.

D'Artagnan chào và đi ra. Vừa ra khỏi cửa, anh nói: -Quái nhỉ! Hình như ở đây người ta rất cần đến mình.

Rồi vì nửa giờ đã trôi qua anh đi theo dãy hành lang và đến gõ cửa văn phòng tể tướng.

Bernouin đưa anh vào.

-Thưa Đức ông, tôi đến theo lệnh ngài, – Anh nói.

Và theo thói quen anh đưa mắt lướt nhanh chung quanh mình và nhận thấy trước mặt Mazarin có một bức thư niêm phong. Song nó lại được đặt mặt có chữ xuống bàn thành thử không thể nào xem được gửi cho ai.

Mazarin chằm chằm nhìn d'Artagnan và nói: -Ông vừa ở chỗ hoàng hậu ra, phải, không?

-Tôi ấy à, thưa Đức ông! – Ai bảo ngài như vậy?

-Chẳng ai bảo, nhưng tôi biết.

-Tôi rất lấy làm thất vọng thưa với Đức ông rằng ngài lầm, – Chàng Gascon trả lời một cách nghênh ngang, ỷ vào điều mình vừa mới hứa với Anne d'Autriche.

Tự tôi mở cửa tiền sảnh và trông thấy ông ở đầu hành lang ấy là vì tôi được đưa vào lối cầu thang kín.

-Sao thế?

-Tôi không biết; có lẽ có sự hiểu lầm.

Mazarin biết rằng không phải dễ dàng bắt d'Artagnan nói ra điều anh muốn giấu; cho nên lúc này ông thôi không muốn khám phá điều chàng Gascon giữ bí mật với ông.

-Thôi, ta hãy bàn việc của tôi vậy, bởi vì ông không muốn nói với tôi về việc của ông.

D'Artagnan nghiêng mình.

-Ông có thích những chuyện viễn du không? – giáo chủ hỏi.

-Cuộc đời của tôi đã trải qua trên những nẻo dường lớn.

-Có điều gì giữ ông ở lại Paris không?

-Chẳng có điều gì giữ tôi lại Paris ngoài một mệnh lệnh của bề trên.

-Tốt. Đây là một bức thư cần phải đưa tới địa chỉ của nó.

-Tới địa chỉ của nó, thưa Đức ông? Nhưng làm gì có địa chỉ.

-Quã thật mặt trước của phong bì chẳng đề chữ gì cả.

-Nghĩa là, – Mazarin nói, – Có hai lớp phong bì.

-Tôi hiểu rồi, tức là đến một nơi đã định nào đó, tôi mới được xé phong bì ngoài.

-Đúng thế? Hãy cầm lấy và mang đi. Ông có người bạn, ông Du Vallon mà tôi rất mến, ông hãy để ông ta đi cùng.

“Thôi rồi! – D’Artagnan tự nhủ, – lão ta biết rằng bọn mình đã nghe được câu chuyện hôm qua, nên muốn đẩy bọn mình đi khỏi Paris”.

-Ông lưỡng lự à? – Mazarin hỏi.

-Không, thưa Đức ông, tôi đi ngay lập tức. Song le tôi mong muốn một điều.

-Điều gì? Nói đi.

-Xin Đức ông qua chỗ hoàng hậu.

-Khi nào?

-Ngay bây giờ.

-Để làm gì cơ?

-Để nói với Lệnh bà một câu này thôi: “Tôi phái ông d’Artagnan đi có việc, và tôi bảo ông ta đi ngay lập tức”.

-Đấy nhé, – Mazarin nói, – rành rành là ông đã gặp hoàng hậu.

-Tôi đã thưa với Đức ông rằng có thể có một sự hiểu lầm.

-Thế là thế nào, – Mazarin hỏi.

-Tôi có dám nhắc lại với Đức ông lời thỉnh cầu của tôi không ạ?

-Được rồi, tôi đến đó bây giờ. Hãy đợi tôi ở đây.

Mazarin cẩn thận nhìn xem có cái chìa khoá nào bỏ quên ở các tủ không, và đi ra.

Mười phút trôi đi, trong khi ấy d’Artagnan cố sức đọc qua lớp phong bì ngoài xem viết gì ở phong bì trong, nhưng không thể được.

Mazarin trở lại, mặt tái đi và có vẻ bận tâm lắm. Ông ngồi vào bàn giấy. D’Artagnan chăm chú xem xét ông ta như vừa mới xem xét phong thư; nhưng lớp bì mặt của ông ta cũng không thể xuyên thấu được như lớp bì của bức thư.

“Ê, ê, – Chàng Gascon nhủ thầm, lão ấy có vẻ tức giận. Với ta chăng? Lão ngẫm nghĩ, tống ta vào ngục Bastille chăng? Khoan khoan, Đức ông! Câu đầu tiên mà ngài nói ra điều ấy thì tôi bóp cổ ngài ngay và tôi đi làm Fronde. Người ta sẽ hoan nghênh ca tụng tôi như ông Broussel và Arthos sẽ phong tôi là Brutus của nước Pháp[249]. Thế thì cũng kỳ đấy nhỉ?”

Chàng Gascogne với trí tưởng tượng luôn luôn phi nước đại, đã nhìn thấy tất cả sự quyết định có thể rút ra từ tình huống ấy.

Nhưng Mazarin chẳng hề ban một mệnh lệnh nào thuộc loại đó và trái lại còn mơn trớn d’Artagnan. Ông nói: -Ông d’Artagnan thân mến của tôi ơi, ông nói phải đấy, và ông chưa thể đi ngay được.

-A! – D’Artagnan kêu lên.

-Tôi xin ông hãy trả lại tôi bức thư kia.

D’Artagnan tuân theo. Mazarin yên tâm rằng dấu niêm phong vẫn nguyên vẹn. Ông nói: -Chiều nay tôi sẽ cần đến ông, hai giờ nữa ông sẽ trở lại đây.

-Thưa Đức ông, – D’Artagnan đáp, – Hai giờ nữa tôi có một cuộc hẹn không thể vắng mặt được.

-Ông đừng ngại điều đó, – Mazarin nói, – Vẫn cùng một việc ấy mà.

-Được, d'Artagnan nghĩ, – Ta nghi ngờ.

-Vậy ông hãy đến đây vào năm giờ và đưa cả ông Du Vallon thân mến ấy đến nhé, tuy nhiên, cứ để ông ta ở tiền sảnh; tôi muốn nói chuyện riêng với ông.

D'Artagnan nghiêng mình. Vừa nghiêng mình anh ta vừa tự nhủ:

"Cả hai người cùng một mệnh lệnh, cả hai người cùng một giờ hẹn, cả hai người cùng ở Hoàng cung; ta đoán xem. A! Đây là một bí mật mà ông de Gondy có thể trả giá một trăm nghìn livres".

-Ông suy nghĩ à? – Mazarin lo ngại nói.

-Vâng, tôi tự hỏi xem có cần phải mang vũ khí hay không?

-Phải vũ trang đến tận răng, – Mazarin nói.

-Được rồi, thưa Đức ông, chúng tôi sẽ làm thế.

D'Artagnan chào, đi ra và chạy về nhà kể lại với bạn mình những lời hứa hẹn phỉnh phờ của Mazarin, nó mang đến cho Porthos một niềm hân hoan không thể tưởng tượng được.

§53. Chạy trốn

Mặc dầu những dấu hiệu náo động của thành phố, khoảng năm giờ chiều khi d'Artagnan đến, Hoàng cung vẫn phô bày một quang cảnh vào loại thú vị nhất.

Chẳng có gì đáng ngạc nhiên: hoàng hậu thực sự chẳng phải sợ hãi điều gì, vì dân chúng chẳng còn gì để yêu cầu cả. Vẻ xôn xao của họ chỉ là sự rơi rớt của cuộc náo loạn cần có thời gian để yên đi, giống như sau một trận bão phải nhiều ngày sau mới lặng sóng.

Có một bữa tiệc lớn mà duyên cớ là sự trở về của người thắng trận ở Lens. Các ông hoàng, bà chúa được mới dự, xe cộ ngổn ngang các sân từ buổi trưa. Sau bữa ăn có chơi bài ở chỗ hoàng hậu.

Anne d'Autriche hôm ấy thật tuyệt vời, đầy vẻ duyên dáng và trí tuệ. Chưa bao giờ người ta thấy bà ta hớn hở đến thế. Lòng phục thù ra hoa long lanh trong cặp mắt và làm hé nở đôi môi bà.

Lúc mọi người ăn xong, Mazarin lánh đi, d'Artagnan đã đến vị trí của mình và đợi ông ở tiền sảnh. Giáo chủ xuất hiện, vẻ tươi cười, cầm tay anh dẫn vào văn phòng mình. Ông ngồi xuống và nói: -Ông d'Artagnan thân mến ơi, tôi sẽ trao cho ông cái dấu hiệu lớn nhất của lòng tin cậy mà một tể tướng có thể trao cho một sĩ quan.

D'Artagnan nghiêng mình và nói: -Tôi hy vọng rằng Đức ông trao cho tôi điều đó mà không có ẩn ý và với sự tin tưởng rằng tôi xứng đáng với nó.

-Người xứng đáng nhất trong tất cả mọi người ông bạn thân mến của tôi ạ, bởi vì chính là với ông mà tôi ngỏ lời.

-Vậy thì, thưa Đức ông, – D'Artagnan nói, – tôi xin thú nhận rằng tôi chờ đợi một cơ hội như thế từ lâu rồi. Vậy xin ngài nói nhanh lên điều mà ngài cần nói với tôi.

-Ông d'Artagnan thân mến ạ, – Mazarin nói tiếp, – chiều nay ông sẽ mang ở trong tay mình sự nghiệp cứu quốc. – Ông dừng lại.

-Xin Đức ông cắt nghĩa xem, tôi chờ đợi.

-Hoàng hậu đã quyết định một chuyến đi nho nhỏ cùng với vua đến Saint-Germain.

-Á à! – D'Artagnan nói, – Nghĩa là hoàng hậu muốn rời Paris.

-Ông hiểu đấy, tính ngẫu hứng của đàn bà mà.

-Vâng, tôi hiểu rất rõ, – D'Artagnan đáp.

-Chính vì thế mà sáng nay, hoàng hậu đã cho gọi ông đến và báo ông trở lại vào năm giờ.

D'Artagnan lẩm bẩm: "Thế mà cũng mất công bắt mình thề rằng không được lộ ra với bất kỳ ai về cuộc gặp gỡ đó. Ôi! Đàn bà! Dù có là hoàng hậu chăng nữa,

họ vẫn cứ là đàn bà!”

-Ông không tán thành cuộc đi chơi nho nhỏ ấy à, ông d’Artagnan thân mến? – Mazarin hỏi với vẻ lo lắng: -Tôi ấy à, thưa Đức ông? Sao lại thế?

-Ấy là vì thấy ông nhún vai.

-Thưa Đức ông, đó là cách tôi tự nói với mình.

-Như vậy là ông tán thành chuyến đi ấy?

-Thưa Đức ông, tán thành hay không tán thành, đối với tôi. không hơn không kém. Tôi chờ đợi mệnh lệnh của ngài.

-Tốt! Vậy chính ông là người mà tôi yên tâm để đưa đức vua và hoàng hậu đến Saint-Germain.

“Xảo trá gấp đôi! – D’Artagnan tự nhủ”.

Nhìn thấy vẻ lãnh đạm của d’Artagnan, Mazarin lại nói: -Ông thấy rõ ràng như tôi nói với ông, việc cứu quốc dựa vào bàn tay ông.

-Vâng, thưa Đức ông, tôi cảm nhận thấy tất cả trách nhiệm của một nhiệm vụ như vậy.

-Tuy nhiên ông chấp nhận chứ?

-Tôi vẫn chấp nhận.

-Ông cho rằng việc đó có thể làm được chứ?

-Mọi việc đều có thể làm được.

-Liệu ông có bị tấn công ở dọc đường không?

-Có khả năng lắm.

-Trong trường hợp ấy, ông sẽ làm thế nào?

-Tôi sẽ đi xuyên qua những kẻ tấn công tôi.

-Nếu như ông không đi xuyên qua họ thì sao?

-Thì mặc kệ họ, tôi sẽ vượt qua đầu họ.

-Và ông đưa vua và hoàng hậu đến Saint-Germain an toàn chứ?

-Vâng.

-Trên tính mạng của ông?

-Trên tính mạng của tôi.

-Ông d’Artagnan thân mến ơi, ông là một anh hùng! – Mazarin nói và nhìn người lính ngự lâm với vẻ khâm phục.

D’Artagnan mỉm cười.

-Thế còn tôi? – Mazarin nói sau một lát im lặng và nhìn chằm chằm vào anh.

-Thưa Đức ông, sao lại còn ngài nữa?

-Còn tôi, nếu tôi cũng muốn ra đi.

-Thế thì khó khăn hơn đấy.

-Sao vậy?

-Đức ông có thể bị nhận ra.

-Cả với sự cải trang này ư? – Mazarin nói.

Và ông vén tấm áo choàng phủ lên trên chiêc ghế bành trên đó để một bộ com-lê kỵ sĩ màu ngọc trai và thạch lựu viền đầy tua ren bạc.

-Nếu Đức ông cải trang thế thì sẽ dễ dàng hơn.

-A! – Mazarin thở phào.

-Nhưng sẽ phải làm cái điều mà hôm nọ Đức ông nói rằng nếu ở địa vị chúng tôi chắc ngài đã làm rồi.

-Làm cái gì cơ?

-Hô: "Đả đảo Mazarin?"

-Tôi sẽ hô.

-Hô bằng tiếng Pháp. Tiếng Pháp đúng cơ, Đức ông ạ; hãy coi chừng về giọng nói. Người ta đã giết của chúng ta hai nghìn người Angevins ở Sicile, chỉ vì họ phát âm sai tiếng Ý. Hãy coi chừng dân Pháp có thể trả thù ngài về vụ Kinh vãn khoá Sicile[250].

-Tôi sẽ hết sức cố gắng.

-Có rất nhiều người vũ trang ở các phố xá, – D'Artagnan nói tiếp, – ngài có dám chắc rằng không một ai biết kế hoạch của hoàng hậu không?

Mazarin ngẫm nghĩ.

-Thưa Đức ông, việc mà ngài đề ra với tôi ấy sẽ là một việc thật hay ho đối với một kẻ phản bội. Những lý do về những sự tình cờ của một cuộc công kích có thể biện minh tất cả.

Mazarin rùng mình; song ông nghĩ rằng một kẻ có ý định phản bội sẽ chẳng báo trước.

-Cho nên, – ông vội vã nói, – tôi không tin cậy tất cả mọi người, và bằng chứng là tôi đã chọn ông để hộ vệ tôi.

-Ngài không đi cùng với hoàng hậu à?

-Không.

-Thế ngài đi sau hoàng hậu ư?

-Không, – Mazarin vẫn nói như vậy.

-A! – D'Artagnan bắt đầu hiểu ra và kêu.

-Phải! Tôi có kế hoạch của tôi, – giáo chủ nói tiếp. – Đi với Hoàng hậu, tôi làm tăng gấp đôi những vụ rủi ro của bà. Đi sau hoàng hậu thì việc ra đi của bà làm tăng gấp đôi những rủi ro của tôi; rồi một khi triều đình đi thoát người ta có thể quên tôi lắm chứ: Những đại nhân thường hay bội bạc mà.

-Đúng đấy, – D'Artagnan nói và bất giác đưa mắt nhìn chiếc nhẫn kim cương của hoàng hậu mà Mazarin đeo ở ngón tay.

Mazarin theo dõi hướng nhìn ấy và nhẹ nhàng lộn mặt nhẫn vào phía trong. Và với nụ cười quỉ quyệt Mazarin nói: -Cho nên tôi muốn ngăn họ khỏi bội bạc với tôi.

-Không xui khiến người khác vào đường tà tâm, đó là lòng nhân ái Thiên chúa giáo, – D'Artagnan nói.

-Đúng là vì như vậy, – Mazarin đáp, – mà tôi muốn ra đi trước họ.

D'Artagnan mỉm cười; anh là người hiểu rất rõ cái tính xảo quyệt kiểu Ý ấy. Mazarin trông thấy anh mỉm cười và thừa lúc đó nói luôn: -Như vậy là ông sẽ bắt đầu bằng việc đưa tôi ra khỏi Paris trước tiên, có phải không, ông d'Artagnan thân mến?

-Việc ủy thác gay go đấy, thưa Đức ông, – D'Artagnan lấy lại vẻ trang nghiêm nói.

Mazarin chăm chú nhìn anh để không một biểu hiện nào trên gương mặt anh lọt khỏi mắt ông và nói: -Nhưng mà sao ông không nói tất cả những nhận xét ấy đối với vua và hoàng hậu.

-Thưa Đức ông, vua và hoàng hậu là hoàng hậu của tôi và vua của tôi, – Người lính ngự lâm đáp, – Sinh mệnh của tôi thuộc về các Người và tôi chịu ơn các Người, về nó. Các Người yêu cầu sinh mệnh của tôi, tôi chẳng có ý kiến gì hết.

"Thật là chí lý, Mazarin khẽ lẩm bẩm, nhưng vì sinh mệnh của mi không thuộc về ta thì ta phải mua nó chứ gì?"

Và buông một tiếng thở dài não nuột, ông bắt đầu quay mặt nhẫn ra phía ngoài.

D'Artagnan mỉm cười.

Hai con người đó gặp nhau ở một điểm: tính giảo hoạt. Nếu như họ cũng lại gặp nhau ở lòng dũng cảm nữa, ắt hẳn sẽ giúp cho nhau được những việc thật lớn lao.

-Nhưng ông cũng nên hiểu rằng, – Mazarin nói, – nếu tôi yêu cầu ông giúp cho việc đó cũng là với ý định tỏ lòng biết ơn.

-Đức ông chỉ mới có ý định thôi ư? – D'Artagnan hỏi.

-Này, – Mazarin vừa nói vừa tháo chiếc nhẫn khỏi ngón tay.

-Ông d'Artagnan thân mến ơi, đây là một chiếc nhẫn kim cương xưa kia đã thuộc về ông, bây giờ nó trở về với ông là chính đáng, hãy cầm lấy nó, tôi van ông.

D'Artagnan không để Mazarin phải mất công nài nỉ, anh cầm lấy nhẫn, nhìn xem hạt kim cương có đúng vẫn là hạt ấy không và sau khi yên tâm về sự tinh khiết của nước láng anh đeo nhẫn vào ngón tay với niềm vui khôn tả.

-Tôi thích nó lắm đấy, – Mazarin nhìn theo nó lần cuối cùng mà nói, – Nhưng không sao, tôi rất vui lòng tặng ông.

-Thưa Đức ông, – D'Artagnan nói, – còn tôi, tôi nhận nó như nó đã được cho tôi. Nào, ta hãy bàn về những công việc nho nhỏ của ngài. Ngài muốn ra đi trước tất cả mọi người à?

-Phải, tôi cần như vậy.
-Lúc mấy giờ?
-Mười giờ.
-Còn hoàng hậu đi lúc mấy giờ?
-Nửa đêm.
-Như vậy, có thể được. Tôi đưa ngài ra trước, rồi để ngài ở ngoài cửa ô và quay về đón hoàng hậu.
-Tuyệt diệu, nhưng làm thế nào để đưa tôi ra khỏi ngoài Paris?
-Ồ! Về chuyện đó xin cứ để mặc tôi làm.
-Tôi giao ông toàn quyền, hãy lấy một toán hộ vệ đông thế nào tuỳ ông.
D'Artagnan lắc đầu.
-Tuy nhiên, tôi thấy rằng đó là cách chắc chắn nhất. – Mazarin nói.
-Vâng, thưa Đức ông, chắc chắn đối với ngài nhưng không chắc chắn đối với hoàng hậu.
Mazarin cắn môi. Ông nói: -Thế thì chúng ta sẽ tiến hành thế nào?
-Thưa Đức ông !Cứ để mặc tôi tự lo liệu.
-Hừm! Mazarin kêu.
-Và cần phải giao cho tôi quyền chỉ huy hoàn toàn công việc này.
-Tuy nhiên…
-Hay là ngài kiếm người khác vậy, – D'Artagnan nói và quay lưng lại.
-Ơ! – Mazarin khẽ lẩm bẩm – Ta chắc là nó bỏ đi với chiếc nhẫn. – Và ông gọi anh lại.
-Ông d'Artagnan, Ông d'Artagnan thân mến của tôi ơi, – Mazarin nói bằng một giọng mơn trớn.
-Đức ông gọi tôi?
-Ông có bảo đảm với tôi về mọi sự không?
-Tôi không bảo đảm gì cả. Tôi sẽ làm hết sức mình.
-Hết sức mình?
-Phải.
-Vậy thì, nào tôi tin cậy ở ông.
"Thật là may!", d'Artagnan tự nhủ thầm.
-Vậy ông có mặt ở đây vào chín giờ rưỡi.
-Tôi sẽ thấy Đức ông sẵn sàng chứ?
-Tất nhiên; rất sẵn sàng.
-Như vậy là đã thỏa thuận. Bây giờ Đức ông cho tôi gặp hoàng hậu được chứ?
-Gặp để làm gì?
-Tôi muốn nhận mệnh lệnh của Hoàng thượng từ miệng của Người.
-Lệnh bà đã giao cho tôi nói với ông.

-Lệnh bà có thể quên điều gì đó?

-Ông cần gặp lắm à?

-Rất cần, thưa Đức ông.

Mazarin lưỡng lự một lát.

-Tôi sẽ đưa ông vào, nhưng không được hé một tí nào về cuộc nói chuyện của chúng ta.

-Thưa Đức ông, điều gì nói giữa chúng ta chỉ can hệ đến chúng ta mà thôi.

-Ông thề sẽ im lặng chứ?

-Thưa Đức ông, tôi không thể thốt bao giờ. Tôi nói có hoặc không. Và do tôi là nhà quý tộc tôi giữ lời.

-Thôi được, tôi thấy rằng cần phải tin cậy ông hoàn toàn, không ngoại trừ gì hết.

-Đó là điều hay nhất đấy xin Đức ông hãy tin lời tôi.

-Đi nào, – Mazarin nói.

Ông đưa d'Artagnan đến phòng nguyện và bảo anh đợi.

Anh đợi không bao lâu. Năm phút sau anh đã ở trong phòng hoàng hậu đến trong bộ y phục đại lễ hội. Trang điểm như thế trông bà chỉ ngót ba mươi lăm tuổi và vẫn xinh đẹp.

-Ông đấy à, ông d'Artagnan, – Bà cười duyên dáng và nói, – Xin cảm ơn ông đã khẩn khoản xin gặp tôi.

-Xin hoàng thượng thứ lỗi, – D'Artagnan nói, – Vì tôi muốn được nhận mệnh lệnh từ miệng Lệnh bà.

-Ông biết về chuyện gì rồi chứ?

-Vâng, thưa Lệnh bà.

-Ông chấp nhận việc mà tôi ủy thác cho ông?

-Với lòng biết ơn.

-Hay lắm: hãy có mặt ở đây vào lúc nửa đêm.

-Tôi sẽ có mặt.

-Ông d'Artagnan ạ, – Hoàng hậu nói, – tôi biết quá rõ tính vô tư của ông, nên không nói về lòng biết ơn của tôi với ông trong lúc này, nhưng tôi thề với ông rằng tôi sẽ không quên việc giúp đỡ thứ hai này như tôi đã quên việc giúp đỡ đầu tiên đâu.

-Hoàng thượng được tự do nhớ hay là quên, và tôi không biết Người định nói gì.

Và d'Artagnan nghiêng mình thi lễ.

Hoàng hậu nói với nụ cười duyên dáng nhất của mình: -Thôi, ông đi đi và trở lại đây lúc nửa đêm.

Bà ta giơ tay làm hiệu tạm biệt, d'Artagnan rút lui; nhưng khi ra anh đưa mắt nhìn chỗ cửa nhỏ nơi hoàng hậu đã vào và dưới tấm rèm anh thấy thò ra một

chiếc mũi giày nhung.

-A, – anh nói, – lão Mazarin nghe ngóng xem ta có phản lại lão không. Thực ra cái con rối nước Ý ấy chẳng đáng được phục vụ bởi một người quân tử.

Cùng không vì thế mà d'Artagnan không đến đúng hẹn. Chín giờ rưỡi, anh tới tiền sảnh.

Bernouin đang đợi và dẫn anh vào.

Anh thấy giáo chủ bận y phục kỵ sĩ. Ông ta rất tươi tỉnh trong bộ quần áo ấy, song ông rất tái và run sợ đôi chút.

-Có một mình ông thôi à? – Mazarin hỏi.

-Vâng, thưa Đức ông.

-Thế ông Du Vallon tử tế ấy không đi cùng với chúng ta cho vui à?

-Có chứ, ông ấy đợi ở ngoài xe ông ấy.

-Tại chỗ nào?

-Ở cổng khu vườn Hoàng cung.

-Thế ta đi bằng xe của ông ta à?

-Vâng.

-Không có hộ vệ nào khác ngoài hai ông à?

-Như thế chưa đủ sao; chỉ một trong hai chúng tôi là đủ rồi.

-Ông d'Artagnan thân mến ơi, thực tình ông làm tôi kinh hãi với sự bình tĩnh của ông đây.

-Trái lại tôi tưởng rằng nó phải gây nên lòng tin cậy cho ngài chứ.

-Còn Bernouin, tôi có mang theo đi không,

-Không có chỗ cho ông ấy, ông ấy sẽ đến với Đức ông sau.

-Đành vậy, – Mazarin nói – bởi vì mọi việc đều phải làm theo ý ông.

-Thưa Đức ông, hãy còn đủ thời giờ để rút lui, và ngài hoàn toàn tự do.

-Không đâu, không đâu! – Mazarin nói, – Ta đi nào.

Và cả hai người đi xuống lối cầu thang kín.

Mazarin vịn tay mình vào cánh tay d'Artagnan và anh thấy tay ông run bần bật.

Họ đi qua các sân Hoàng cung vẫn còn mấy chiếc xe của các thực khách về muộn, vào khu vườn và đến chỗ cổng nhỏ.

Mazarin lấy một chiếc chìa khoá ở trong túi ra thử mở cửa, nhưng tay run đến nỗi chẳng rõ thấy lỗ khóa.

-Đưa tôi! – D'Artagnan bảo.

Mazarin đưa chìa khoá, d'Artagnan mở cửa, rồi cho chìa vào túi mình; anh tính còn phải trở lại bằng cổng ấy.

-Bậc xe được hạ xuống, cửa mở sẵn, Mousqueton đứng ở ngoài cửa. Porthos ngồi tít trong xe.

-Mời Đức ông lên đi, – D'Artagnan nói.

Chẳng đợi bảo đến hai lần Mazarin lao mình vào trong xe.

D'Artagnan lên theo. Mousqueton đóng cửa xe lại và leo lên đằng sau xe với những tiếng rên rỉ thảm hại. Mượn cớ là vết thương hãy còn đau lắm, hắn đã lần chần chẳng muốn đi, nhưng d'Artagnan đã bảo hắn: -Nếu ông muốn thì cứ ở lại, ông Mousqueton thân mến ạ, nhưng tôi báo trước để ông biết rằng đêm nay Paris sẽ bị thiêu trụi.

Nghe vậy, Mousqueton không đòi hỏi gì hơn và tuyên bố rằng hắn sẵn sàng đi theo chủ hắn và ông d'Artagnan đến cùng trời cuối đất.

Cỗ xe đi nước kiệu vừa phải để không tố giác một chút nào rằng có chưa những người vội vã. Giáo chủ lấy khăn tay ra lau mồ hôi trán và đưa mắt nhìn xung quanh mình.

Bên trái là Porthos, bên phải là d'Artagnan, mỗi người ngồi cạnh một cửa, mỗi người dùng làm một bức thành cho ông.

Trước mặt trên một chiếc ghế nhỏ đặt hai đôi súng ngắn, một đôi trước Porthos, một đôi trước d'Artagnan. Ngoài ra, mỗi anh còn đeo một thanh kiếm bên sườn.

Cách Hoàng cung một trăm thước, một đội tuần tra ngăn xe lại.

-Ai đó? – Người chỉ huy quát.

-Mazarin! – D'Artagnan đáp và cười phá lên.

Giáo chủ cảm thấy tóc dựng ngược trên đầu.

Câu bông đùa tỏ ra thú vị đối với mấy người tư sản, họ thấy cỗ xe không có vũ khí và chẳng có hộ tống, nên không thể ngờ là sự thật với một sự khinh suất như vậy.

-Chúc đi bình yên? – Họ reo lên.

Và họ để cho xe đi.

-Hừm! – D'Artagnan nói. – Đức ông nghĩ thế nào về câu trả lời ấy?

-Một người tài trí.

-Chuyện phải làm, – Porthos nói, – Tôi hiểu…

Đến giữa phố Les Petits-Champs, một toán kiểm tra thứ hai ngăn xe lại.

-Ai đó? – Viên đội trưởng hô.

-Đức ông ngồi lui vào, – D'Artagnan nói.

Và Mazarin ngồi tụt vào giữa hai người bạn thế nào mà bị họ che lấp chẳng còn nhìn thấy ông đâu cả.

-Ai đó? – Vẫn tiếng nói ấy sốt ruột kêu lên.

Và d'Artagnan cảm thấy như người ta xông ra chặn đầu lũ ngựa.

-Ê! Planchet, – Anh nói.

Viên đội trưởng lại gần, Quả nhiên là Planchet, d'Artagnan nhận ra tiếng nói của người hầu cũ.

-Ơ kìa! Ông! – Planchet nói, – Ông đấy à?

-Ồ lạy Chúa! Phải rồi bạn thân mến ạ. Ông Porthos thân thiết này vừa mới bị một nhát kiếm và tôi đưa ông trở về nhà nghỉ nơi miền quê của ông ở Saint-Clou.

-Ô? Thật à? – Planchet nói.

-Porthos này, – D'Artagnan bảo, – Nếu cậu còn nói được, thì hãy nói một lời với cậu Planchet tốt bụng này.

Bạn Planchet thân mến ơi, – Porthos nói bằng một giọng rầu rĩ, – Tôi đau lắm, và cậu có gặp một thầy thuốc, cậu hãy giúp đưa đến tôi nhé!

-Ôi lạy Chúa? Tai hoạ thật! – Planchet kêu lên. – Chuyện xảy ra như thế nào?

-Tôi sẽ kể cho cậu nghe sau, – Mousqueton nói.

Porthos thốt ra một tiếng rên rỉ dài.

-Này Planchet, – D'Artagnan nói thầm, – Hãy tránh ra để bọn tôi đi, kẻo ông ấy không kịp đến nơi mất: ông ta bị thương vào phổi.

Planchet lắc đầu ra vẻ muốn nói: Trường hợp ấy thì nguy rồi!

Rồi quay về phía người của mình anh bảo: -Để cho đi, bạn tôi đấy mà.

Xe tiếp tục đi, Mazarin nín hơi mãi, đánh liều thở mạnh.

-Bricconi! – Ông lẩm bẩm.

Đến cách cửa ở Saint-Honoré, xe lại gặp một toán thứ ba. Toán này gồm những kẻ mặt mày ốm o giống như bọn trộm cướp; đó là quân của gã ăn mày ở Saint Eustache.

-Chú ý, Porthos! – D'Artagnan bảo.

-Porthos vươn tay ra chỗ súng ngắn.

-Có chuyện gì vậy? – Mazarin hỏi.

-Thưa Đức ông tôi cho rằng chúng ta gặp bọn xấu rồi.

Một người tiến lên cửa xe, tay cầm một thứ lưỡi liềm.

-Ai đó? – Người ấy hỏi.

-Ê! Lạ chưa – D'Artagnan nói, – Các người không nhận ra xe của Ngài hoàng thân, hay sao?

-Hoàng thân hay không cũng phải mở ra! Chúng tôi canh giữ cửa ô, không ai đi qua mà tôi không biết đó là người nào.

-Phải làm gì bây giờ? – Porthos hỏi.

-Mặc kệ! Cứ đi qua, d'Artagnan nói.

-Nhưng đi thế nào? – Mazarin hỏi.

-Đi qua hoặc vượt qua. Người đánh xe ngựa vội phóng nước đại. Đang giơ roi lên

-Không được đi một bước nào nữa, – Người có vẻ là chỉ huy nói; nếu không ta sẽ chặt chân ngựa.

-Gớm nhỉ, – Porthos nói, – thế thì tiếc lắm, lũ ngựa giá một trăm pistolg một con đó.

-Tôi sẽ trả ông hai trăm? Mazarin nói.

-Vâng, nhưng một khi họ đã chặt chân ngựa thì họ sẽ cắt cổ chúng ta.

-Có một tên đến bên cạnh tôi, – Porthos nói – Có cần hạ sát nó không?

-Có! Bằng một quả đấm, nếu cậu có thể làm được.

-Chúng ta chỉ nổ súng khi cùng bất đắc dĩ.

-Tôi có thể làm được, – Porthos nói.

-Thế thì đến đây mà mở, – D'Artagnan nói với kẻ cầm liềm; anh cầm một khẩu súng bằng nòng và chuẩn bị đánh bằng báng súng.

Trong khi kẻ ấy tiến lại, d'Artagnan nhô nửa người ra ngoài để dễ dàng cử động hơn. Mắt anh nhìn vào mắt gã ăn mày và ánh sáng của ngọn đèn soi tỏ.

Chắc hẳn hắn nhận ra người lính ngự lâm, vì mặt hắn tái nhợt đi; chắc hẳn d'Artagnan nhận ra hắn, vì tóc anh dựng ngược lên.

-Ông d'Artagnan? – Hắn kêu lên và lùi lại một bước, – Ông d'Artagnan đấy? Hãy để cho đi qua!

Có lẽ d'Artagnan sắp trả lời, thì một đòn giống như một quả chùy giáng xuống đầu một con bò vang lên: Porthos vừa mới đập chết địch thủ của mình.

D'Artagnan quay lại và trông thấy kẻ bất hạnh nằm sóng soài ra cách đấy bốn bước. Anh bảo người đánh xe: -Bây giờ phi đại lên! Phóng, phóng!Nhanh lên !

Người đánh xe ra roi quất ngựa, những con ngựa quí phải chồm lên. Người ta nghe thấy những tiếng kêu như của những người bị xô ngã. Rồi cảm thấy xe giật lên hai cái liền: khi bánh xe vừa mới chẹt lên một vật mềm và tròn.

Một lát im lặng, xe vượt qua cửa ô.

-Đi đến Cours-la-Reine! – D'Artagnan bảo người đánh xe.

Rồi quay lại phía Mazarin, anh nói: -Thưa Đức ông, bây giờ ngài có thể đọc năm điều kinh Chúa Cha và năm điều kinh Thánh Mẫu để cảm ơn Thượng Đế về sự giải thoát ngài rồi đấy; ngài đã thoát nạn, ngài được tự do.

Mazarin chỉ đáp lại bằng một tiếng rên rỉ. Ông không thể tin nổi một sự thần kỳ đến như vậy.

Năm phút sau, xe đứng lại, đã đến khu vườn dạo chơi Cours-la-Reine.

-Đức ông hài lòng về đoàn hộ vệ của ngài chứ? – Ngươi lính ngự lâm hỏi.

-Rất vui mừng, ông ạ. – Mazarin nói và liều thò đầu ra cửa xe bây giờ ông hãy làm như thế cho hoàng hậu.

-Sẽ dễ dàng hơn, – D'Artagnan đáp và nhảy xuống đất, anh nói tiếp – ông Du Vallon, tôi gửi gắm Đức ông cho ông đấy.

-Cứ yên tâm, – Porthos nói và chìa tay ra.

D'Artagnan nắm tay Porthos và lắc lắc.

-Ái! Porthos kêu lên.

D'Artagnan nhìn bạn kinh ngạc.

-Cậu làm sao thế? – Anh hỏi.

-Tôi e rằng bị trật xương cổ tay, – Porthos đáp.

-Chết thật! Với lại cậu nện như một thằng điếc ấy.

-Cần phải thế, vì địch thủ của tôi sắp nổ một phát súng ngắn vào tôi. Nhưng còn cậu, cậu khử thằng địch của cậu như thế nào?

-Ồ! Địch thủ của tôi ấy à, – D'Artagnan nói, – đó không phải là một người.

-Thế là cái gì.

-Đó là một loài yêu quái. Và tôi đã xua đuổi nó.

Không giải thích gì thêm, d'Artagnan cầm lấy súng ngắn ở ghế đằng trước gài vào thắt lưng, khoác tấm áo choàng và không muốn trở lại bằng lối cửa ô đã đi ra, anh đi về phía cửa ô Richelieu.

§54. Cỗ xe của ông chủ giáo

Đáng lẽ trở về bằng cửa ô Saint-Honoré, vì còn thì giờ, d'Artagnan đi quay về lôi cửa ô Richelieu. Người ta đến kiểm tra và khi trông thấy chiếc mũ có lông chim và áo choàng gắn lon sĩ quan ngự lâm quân, họ vây lại với ý định bắt anh hô: "Đả đảo lão Mazarin!". Cuộc thị uy đầu tiên ấy, thoạt đầu không làm anh lo ngại; nhưng khi biết rõ sự thể ra sao, anh hô bằng một giọng rất hay khiến những kẻ khó tính nhất cũng phải hài lòng.

Anh đi theo đường Richelieu, ngẫm nghĩ cách đưa hoàng hậu đi như thế nào vì đưa đi bằng cỗ xe có quốc huy Pháp thì chẳng nên nghĩ đến. Chợt ở cổng dinh bà de Guéménée, anh nhác trông thấy một cỗ xe.

Một ý nghĩ đột ngột loé lên trong óc anh.

-À! Chúa ơi! – Anh nói, – Cuộc chiến chính đáng đây.

Và anh tiến gần đến cỗ xe, nhìn huy hiệu trên thành xe và áo dấu của người đánh xe ở trên ghế.

Cuộc khám xét ấy càng dễ dàng vì người đánh xe đang ngủ say.

-Đúng là xe của ông chủ giáo, – Anh nói, – Mình bắt đầu tin rằng Thượng Đế ủng hộ ta thật đấy.

Anh nhẹ nhàng trèo lên xe, và kéo sợi dây lụa móc ở ngón tay út người đánh xe, anh nói: -Đi đến Hoàng cung.

Người đánh xe mình choàng dậy cho xe chạy đến nơi đã bảo, chẳng hồ nghi lệnh ban ra từ kẻ khác chứ không phải chủ của mình.

Người lính canh Thụy Sĩ sắp sửa đóng cổng nhưng trông thấy cỗ xe lộng lẫy, ngỡ đó là cuộc đến thăm quan trọng và để cho xe đi qua, xe đứng lại ở hàng cột.

Đến lúc ấy, người đánh xe ngựa mới nhận ra là không có người hầu ở đằng sau xe.

Hắn tưởng là ông chủ giáo đã dùng bọn chúng vào việc gì đó, và chẳng buông cương, hắn nhảy xuống để mở cửa.

D'Artagnan nhảy xuống theo. Tên đánh xe ngựa nhận thấy không phải chủ mình, hoảng sợ lùi lại một bước, anh liền một tay túm lấy cổ áo, một tay dí súng vào họng hắn. Anh bảo: -Cứ thử kêu lên một tiếng thôi, mày sẽ chết.

Nhìn vẻ mặt của người đang nói, gã đánh xe thấy rõ mình đã rơi vào một cái bẫy, hắn cứ há hốc miệng ra và mắt mở thao láo.

Hai người lính ngự lâm đang đi dạo ngoài sân, d'Artagnan gọi họ bằng tên: -Này ông de Bellière, hãy vui lòng cầm lấy dây cương từ tay con người đôn hậu này, trèo lên xe đánh đến chiếc cửa cầu thang kín và đợi tôi ở đó. Đây là việc quan trọng để phục vụ nhà vua.

Biết rõ viên trung uý của mình không thể làm một trò đùa đối với công vụ, người lính ngự lâm tuân theo chẳng nói một lời, mặc dầu anh thấy mệnh lệnh có vẻ kỳ cục.

Rồi quay về phía người lính ngự lâm thứ hai, d'Artagnan nói: -Ông du Verger, hãy giúp tôi đưa người này đến nơi an toàn.

Người lính ngự lâm tưởng ông trung uý của mình vừa mới bắt giữ một ông hoàng nào đó cải trang, bèn cúi chào, rồi tuốt gươm ra, anh ra hiệu là mình đã sẵn sàng.

Bernouin sốt ruột đợi tin tức của chủ mình.

-Thế nào ông – Hắn hỏi.

-Mọi việc đều tuyệt diệu, ông Bernouin thân mến ạ; nhưng đây là một người mà xin ông vui lòng đưa vào một nơi chắc chắn…

-Đưa vào đâu, hả ông?

-Tùy ông, miễn là nơi ông chọn phải có vừa cửa ra vào vừa cửa sổ khoá cẩn thận.

Và người ta dẫn ngươi đánh xe ngựa tội nghiệp ấy vào một căn buồng cửa sổ có chấn song sắt, trông chẳng khác một xà lim nhà tù.

-Bây giờ, ông bạn thân mến ơi, – D'Artagnan nói với người đánh xe, – Tôi mời ông bỏ ra cho tôi mũ và áo choàng của ông.

Ta biết chắc là người đánh xe chẳng kháng cự chút nào; hơn nữa hắn vô cùng kinh ngạc về chuyện xảy ra với mình đến nỗi hắn lảo đảo và lắp bắp như người say rượu. D'Artagnan ném tất cả bộ y phục vào tay gã hầu phòng.

-Ông Verger, – D'Artagnan nói, – Bây giờ ông hãy tự giam mình cùng với người này cho đến lúc nào ông Bernouin mở cửa.

Phiên gác sẽ khá dài và chẳng thú vị lắm đâu, tôi biết, nhưng ông hiểu cho, – Anh trịnh trọng nói thêm, – Vì công vụ của đức vua.

-À này! – D'Artagnan nói, – Nếu người này định trốn hoặc kêu, ông cứ việc cho gươm xuyên qua ngực hắn.

Người lính ngự lâm gật đầu ra hiệu là anh sẽ nghiêm chính tuân theo mệnh lệnh.

D'Artagnan đi ra, dẫn theo Bernouin.

Đồng hồ điểm mười hai giờ đêm.

-Hãy đưa tôi đến phòng nguyện của hoàng hậu, – D'Artagnan nói,

-Báo với bà là tôi đã đến, rồi đem cái bọc quần áo này cùng với một khẩu súng trường nạp đạn đầy đủ để lên ghế của cỗ xe đang đợi ở chân cầu thang kín ấy.

Bernouin dẫn d'Artagnan vào phòng nguyện, anh ngồi đó dáng trầm ngâm.

Mọi việc ở Hoàng cung vẫn như thường lệ. Lúc mười giờ, như chúng tôi đã nói, mọi thực khách đều về hết; nhưng người phải đi trốn cùng với triều đình đã

nhận mật khẩu và được mời có mặt tại Cours-la-Reine từ nửa đêm đến một giờ.

Mười giờ, Anne d'Autriche sang chỗ vua. Người ta vừa mới cho hoàng đế đi nằm; cậu Louis trẻ còn lại sau cùng, bày trò đánh nhau bằng những chú lính chì, trò chơi ấy làm cậu thích thú lắm. Hai đứa thị đồng cùng chơi với cậu.

-Laporter, – Hoàng hậu nói, – Đến giờ Hoàng thượng đi nằm rồi.

-Cậu vua đòi thức đêm vì chẳng buồn ngủ tí nào.

Nhưng hoàng hậu khẩn khoản.

-Thế sáu giờ sáng mai con chẳng phải đi tắm ở Conflans à, Louis? Hình như chính con yêu cầu mà?

-Mẹ nói đúng đấy, – Vua nói, – Và con sẵn sàng lui về buồng khi nào mẹ vui lòng ôm hôn con.

-Laporter hãy đưa cây đèn cho ông hiệp sĩ de Coislin.

Hoàng hậu đặt môi lên vầng trán trắng mịn màng mà cậu bé tôn kính giơ ra với vẻ đường bệ đã sặc mùi nghi thức.

-Con ngủ mau lên nhé Louis, – Hoàng hậu nói, – Con sẽ bị đánh thức sớm lắm đấy.

-Con sẽ cố gắng để tuân lệnh mẹ, – Cậu Louis nhỏ nói, – Nhưng con chẳng buồn ngủ tí nào cả.

-Laporter, – Anne d'Autriche khẽ nói, – hãy kiếm quyển sách nào thật chán cho Hoàng thượng đọc, nhưng chớ cởi bỏ quần áo.

Vua đi ra, có hiệp sĩ Coislin cầm đèn đi theo. Đứa thị đồng kia được đưa về nhà nó.

Hoàng hậu bèn trở về phòng mình. Các thị nữ của bà, tức bà de de Brégy, tiểu thơ de Beaumont, bà de Motteville et Socratineem – Người ta, gọi như vậy do sự khôn ngoan của cô, họ vừa mang đến chỗ tủ quần áo những thức ăn còn lại của bữa trước để bà ăn, theo thói quen.

Hoàng hậu sai bảo các việc, nói về bữa ăn mà hầu tước de Villequier mời bà vào ngày kia, chỉ định những người mà bà cho đi dự, bà còn báo trước vào ngày hôm sau nữa một cuộc đi thăm tu viện Val-de-Grâce nơi bà có ý đình qui y, và dặn Béringhen, người hầu phòng thứ nhất của bà, sẽ đi theo bà.

Bữa ăn tối của các thị nữ xong, hoàng hậu giả bộ rất mệt và sang phòng mình để nằm. Bà de Motteville trực việc hầu riêng tối hôm ấy đi theo hoàng hậu và giúp bà cởi bỏ xiêm y. Hoàng hậu lên giường nằm và nói chuyện thân ái với bà mấy phút, rồi cho bà ra.

Đấy là lúc d'Artagnan đi vào sân Hoàng cung bằng cỗ xe của chủ giáo.

Một lát sau, xe của các bà thị nữ đi ra và cổng sắt đóng lại.

Mười hai giờ điểm.

Năm phút sau, Bernouin gõ cửa phòng ngủ của hoàng hậu, hắn đến bằng lối đi bí mật của giáo chủ.

Anne d'Autriche tự mình ra mở cửa.

Bà đã mặc quần áo, nghĩa là đã đi tất dài và khoác cái áo choàng dài.

-Ông đấy à, Bernouin, – Bà nói, – Ông d'Artagnan có đấy không?

-Thưa Lệnh bà có, ở trong phòng nguyện. Ông ấy đợi Hoàng thượng sửa soạn xong.

-Tôi xong bây giờ. Hãy đến bảo Laporter đánh thức vua dậy và mặc quần áo cho vua, rồi từ đây đi sang chỗ thống chế de Villeroy và báo cho ông ta biết.

Bernouin cúi chào và đi ra.

Hoàng hậu vào phòng nguyện được chiếu sáng bằng một ngọn đèn giản dị loại hàng thuỷ tinh Venise. Bà thấy d'Artagnan đang đứng đợi.

-Ông đấy à? – bà nói.

-Vâng, thưa Lệnh bà.

-Ông sẵn sàng chứ?

-Vâng, tôi đã sẵn sàng.

-Thế còn ông giáo chủ?

-Ông ấy đã đi ra không gặp rủi ro gì, và đang chờ Lệnh bà ở Cours-la-Reine.

-Nhưng chúng ta đi bằng xe nào?

-Tôi đã lo trước cả rồi. Một cỗ xe đang đợi Lệnh bà ở dưới sân.

-Ta sang chỗ vua đi.

D'Artagnan nghiêng mình và đi theo.

Cậu bé Louis đang được mặc quần áo trừ đôi giày và áo chẽn ngoài. Cậu để người ta làm với vẻ ngạc nhiên, căn dặn Laporter mãi, nhưng chỉ được trả lời bằng mỗi câu: -Thưa Ngài, đó là theo lệnh của hoàng hậu.

Giường để hở và người ta trông thấy nhưng tấm vải trải giường của vua cũ kỹ quá đến nỗi đã thủng lỗ chỗ.

Đó lại là một trong những hậu quả tính biển lận của Mazarin.

Hoàng hậu vào, d'Artagnan đứng ở ngưỡng cửa.

Cậu bé thấy hoàng hậu vào liền tuột ra khỏi tay Laporter và chạy đến với bà.

Hoàng hậu ra hiệu cho d'Artagnan tới gần.

D'Artagnan tuân theo.

Hoàng hậu chỉ cho con người lính ngự lâm đang đứng, bình thản, đầu trần và nói: -Con trai của ta ơi, đây là ông d'Artagnan, con người dũng cảm như những anh hùng, hiệp sĩ ngày xưa mà con rất yêu thích mỗi lần các bà thị nữ kể cho con nghe. Hãy nhớ kỹ tên ông và nhìn kỹ ông để không quên mặt ông, bởi vì tối nay ông sẽ giúp chúng ta một việc lớn.

Cậu vua nhỏ nhìn viên sĩ quan bằng con mắt to và kiêu hãnh của mình và nhắc lại: -Ông d'Artagnan.

-Đúng đấy, con ạ.

-Cậu vua nhỏ thong thả giơ bàn tay nhỏ nhắn lên và chìa ra cho người lính ngự lâm quân; anh quỳ một chân xuống và hôn lên tay vua.

-Ông d'Artagnan? Louis nhắc lại. – Đúng chứ, thưa mẹ.

Vừa lúc ấy người ta nghe thấy như một tiếng ồn ào đến gần.

-Cái gì đó? – Hoàng hậu nói.

D'Artagnan giương cả đôi tai thính và cặp mắt thông minh lên và đáp: -Ô, ô! Đó là tiếng dân chúng đang nổi loạn.

-Ta phải trốn đi thôi, – Hoàng hậu nói.

-Hoàng thượng đã giao cho tôi chỉ huy việc này, ta cần phải ở lại và xem họ muốn gì?

-Ông d'Artagnan.

-Tôi xin bảo đảm mọi chuyện.

-Không gì thông cảm nhanh chóng hơn lòng tin cậy. Vốn đầy sức mạnh và lòng can đảm, hoàng hậu nhận thấy được đến mức cao nhất hai đức tính ấy ở những người khác.

-Hãy làm đi, – Bà nói, – Tôi trông cậy ở ông.

Trong tất cả việc này, Hoàng thượng có cho phép tôi ra các mệnh lệnh nhân danh Người không?

-Cứ ra lệnh ông ạ.

-Đám dân chúng này còn muốn gì nữa. – Vua nói. – Và cậu nhanh chóng ra khỏi phòng.

Tiếng ồn ào càng lớn dần, như bao trùm toàn bộ Hoàng cung.

Ở bên trong người ta nghe thấy những tiếng hô nhưng không rõ nghĩa. Hiển nhiên là có la ó và phản loạn. Nhà vua mặc dở dang, Hoàng hậu và Laporter ai nấy thế nào vẫn nguyên thế ấy và hầu như đứng nguyên tại chỗ, nghe ngóng và chờ đợi.

Comminger đêm ấy trực gác ở Hoàng cung chạy đến. Anh ta có gần hai trăm quân ở trong các sân và chuồng ngựa và đem ra để hoàng hậu sử dụng.

Trông thấy d'Artagnan trở lại, Anne d'Autriche hỏi: -Thế nào, có chuyện gì đó?

-Thưa Lệnh bà, có tin đồn rằng hoàng hậu đã rời Hoàng cung, cướp đi cả đức vua, và dân chúng yêu cầu có bằng chứng là không phải như vậy, nếu không thì họ sẽ phá huỷ Hoàng cung.

-Ôi, lần này thì thật quá lắm, – Hoàng hậu nói, – Và tôi sẽ chứng minh cho họ rằng tôi không ra đi.

Nhìn vẻ mặt của hoàng hậu, d'Artagnan đoán rằng bà sẽ ra lệnh làm một việc hung bạo nào đó. Anh đến gần bà và nói thì thầm: -Hoàng thượng bao giờ cũng tin cậy tôi chứ?

Giọng nói ấy khiến bà rùng mình.

-Phải ông ạ, hoàn toàn tin cậy… hãy nói đi.

-Hoàng hậu có hạ cố làm theo ý kiến của tôi không?

-Cứ nói.

-Xin Hoàng thượng hãy cho ông Comminger lui và ra lệnh cho ông ấy cùng với người của mình ở yên trong đơn vị và các chuồng ngựa.

Comminger nhìn d'Artagnan bằng cái nhìn ghen tị, với cái nhìn ấy mọi cận thần đều thấy rạng lên một vận hội mới.

-Ông nghe thấy rồi chứ, Comminger? – Hoàng hậu nói.

D'Artagnan đến bên anh ta, với sự minh mẫn thông thường anh đã nhận ra cái nhìn lo ngại ấy.

-Ông Comminger, – Anh nói – Hãy thứ lỗi cho tôi, hai chúng ta đều là bầy tôi của hoàng hậu có phải không? Lúc này là đến lượt tôi có ích cho Lệnh bà, vậy xin ông chớ ao ước cái diễm phúc đó của tôi.

Comminger nghiêng mình và đi ra.

"Bây giờ, – D'Artagnan tự nhủ, – Ta lại có thêm một kẻ thù!".

-Bây giờ cần phải làm gì? – Hoàng hậu nói với d'Artagnan. – Vì ông nghe đấy, tiếng ồn ào chẳng dịu đi mà còn tăng lên gấp bội.

-Thưa Lệnh bà, – D'Artagnan đáp, – Dân chúng muốn trông thấy vua, cần phải để họ thấy vua.

-Sao để cho họ thấy vua à? Ở đâu? Ngoài bao lớn ư?

-Không, thưa Lệnh bà, mà ở ngay đây, trên giường vua đang ngủ.

-Ô! Thưa Hoàng thượng – Laporter reo lên – Ông d'Artagnan hoàn toàn đúng.

Hoàng hậu suy nghĩ, rồi mỉm cười ra vẻ một người đàn bà chẳng lạ lùng gì đối với cách cư xử hai mặt.

-Cốt yếu là… – hoàng hậu lẩm bẩm.

-Ông Laporter, – D'Artagnan nói, – hãy đi ra ngoài cổng Hoàng cung báo với dân chúng rằng họ sẽ được mãn nguyện, và năm phút nữa, họ không những sẽ trông thấy vua mà còn thấy vua ở giường; cần nói thên rằng vua đang ngủ và hoàng hậu yêu cầu mọi người im lặng để khỏi làm vua thức giấc.

-Nhưng không phải là tất cả mọi người, mà một đoàn đại biểu độ dăm ba người thôi chứ?

-Thưa Lệnh bà, tất cả mọi người.

-Nhưng họ sẽ giữ ta đến sáng hãy nghĩ đến điều đó.

-Chỉ mười lăm phút thôi. Tôi xin bảo đảm mọi điều, xin Lệnh bà hãy tin tôi. Tôi hiểu biết dân chúng, đó là những đứa trẻ lớn chỉ cần vuốt ve là xong. Trước mặt nhà vua đang ngủ, họ sẽ câm miệng, hiền hoà và nhút nhát như một con cừu.

-Thôi đi đi, Laporter, – Hoàng hậu bảo.

Cậu vua nhỏ sán đến gần mẹ và hỏi: -Tại sa phải làm những điều họ đòi hỏi.

-Cần phải thế, con trai ạ, – Anne d'Autriche đáp.

-Nhưng nếu người ta bảo con phải thế này phải thế nọ, thì con không còn là vua nữa rồi.

Hoàng hậu im lặng.

-Thưa Hoàng thượng, – D'Artagnan nói, ngài có cho phép tôi hỏi ngài một câu không?

Louis XIV quay lại, ngạc nhiên vì có người dám nói với mình như vậy. Hoàng hậu siết bàn tay con.

-Được, ông ạ, – cậu nói.

-Hoàng thượng có nhớ khi chơi ở khu vườn Fontainebleau hoặc trong cung điện Versailles, bỗng nhiên trông thấy mây kéo đầy trời và nghe tiếng sấm vang rền không?

-Chắc chắn là có chứ.

-Thế thì Hoàng thượng có còn muốn chơi mấy đi chăng nữa, tiếng sấm ấy nói với ngài rằng: "Ngài hãy về đi, cần phải như vậy".

-Hẳn là thế, ông ạ; nhưng người ta cũng đã nói với tôi rằng, tiếng sấm, đó là tiếng của Chúa Trời.

-Ấy đấy, – D'Artagnan nói, – Ngài hãy nghe tiếng của dân chúng xem, và ngài sẽ thấy nó giống tiếng sấm.

Quả nhiên lúc ấy một tiếng ầm ầm kinh khủng theo cơn gió đêm bay qua. Rồi đột nhiên nó ngừng bặt.

-Thưa ngài, – D'Artagnan nói, – người ta vừa mới nói với dân chúng rằng ngài đang ngủ: ngài thấy rõ rằng ngài vẫn là vua đấy chứ?

Hoàng hậu kinh ngạc nhìn con người kỳ lạ kia mà tinh thần dũng cảm vang lừng khiến anh ngang hàng với những kẻ dũng cảm nhất và trí tuệ tinh tế và ranh ma khiến anh ngang hàng với tất cả mọi người.

Laporter vào.

-Nào, Laporter? – Hoàng hậu hỏi.

-Thưa Lệnh bà, – Ông đáp – Điều tiên đoán của ông d'Artagnan đã thực hiện: họ dịu yên đi như bởi phép mầu. Người ta sắp mở cổng cho họ và năm phút nữa họ sẽ tới đây.

-Laporter, – Hoàng hậu nói, – Nếu ông đặt một con trai của ông vào chỗ vua thì ta có thể đi trong lúc này.

-Nếu hoàng thượng ra lệnh, – Laporter đáp, – Thì các con trai tôi cũng như tôi đều sẵn sàng phục vụ hoàng hậu.

-Không được, – D'Artagnan nói, – Bởi vì nếu một người trong bọn họ biết mặt Hoàng thượng và nhận ra mưu gian, thì mọi sự sẽ thất bại thôi.

-Ông nói có lý đấy, ông ạ, và bao giờ cũng có lý, – Anne d'Autriche nói. – Laporter cho vua đi nằm.

Laporter đặt vua ăn vận, nguyên như thế vào trong giường, rồi phủ một tấm mền lên tận vai.

Hoàng hậu cúi xuống và hôn lên trán con.

-Giả vờ ngủ đi, Louis, – Bà bảo.

-Vâng, – Vua đáp, – Nhưng con không muốn bất cứ người nào trong số họ đụng chạm vào con.

-Thưa hoàng thượng, – D'Artagnan nói, – Tôi đứng đây và tôi cam đoan rằng nếu một kẻ nào đó dám cả gan như vậy, hắn sẽ trả giá bằng tính mạng hắn.

Laporter đi ra, hoàng hậu đứng gần tấm thảm, d'Artagnan lách vào sau tấm rèm.

Rồi có tiếng bước nặng nề và dè đặt của cơ man nào là người.

Hoàng hậu tự mình vén thảm lên và đặt một ngón tay lên miệng.

Trông thấy hoàng hậu, đám người đứng lại với thái độ cung kính.

-Vào đi các ông, vào đi! – Hoàng hậu nói.

-Thế là trong đám dân chúng ấy có một cử chỉ do dự giống như là nỗi hổ thẹn. Họ sẵn sàng chờ đợi sự kháng cự, họ chờ đợi sự phản đối, họ sẵn sàng phá cổng và quật ngã lính thị vệ; nhưng cổng mở sẵn, và nhà vua thì rõ ràng không có người canh gác nào khác ngoài bà mẹ đứng ở bên giường.

Những người đi đầu lắp bắp gì đó toan rút lui.

-Các ông cứ vào, – Laporter nói, – Vì hoàng hậu đã cho phép.

Một người bạo dạn hơn mấy người kia, bèn đánh liều vượt qua ngưỡng cửa và rón rén đi vào. Những người khác làm theo và căn phòng đông ùn lên một cách lặng lẽ, cứ như là tất cả những kẻ đó đã là những cận thần cung kính nhất và tận tâm nhất. Phía bên ngoài cửa, những người không vào được kiễng chân, nhô đầu lên xem.

Qua một kẽ hở của tấm rèm, d'Artagnan trông thấy hết và nhận ra người vào trước tiên là Planchet.

Hoàng hậu đoán rằng đó là người chỉ huy của cái đám này bèn nói: -Ông muốn nhìn mặt vua thì tự tôi sẽ chỉ cho ông xem. Lại gần đây, nhìn kỹ xem và hãy nói xem chúng tôi có vẻ là những ngươi định đi trốn hay không?

-Chắc là không phải thế, – Planchet đáp, hơi ngạc nhiên về vinh dự bất ngờ mà anh được nhận.

-Vậy ông hãy nói với những người Paris trung thành của tôi, – Anne d'Autriche nói tiếp với một nụ cười mà d'Artagnan không lầm về cái vẻ biểu hiện của nó, – Rằng ông đã nhìn thấy vua đang nằm ngủ, cũng như hoàng hậu sắp sửa đi nằm.

-Thưa Lệnh bà, tôi sẽ nói như vậy và những người đi cùng tôi cũng sẽ nói như tôi, nhưng…

-Nhưng sao? – Anne d'Autriche hỏi.

-Xin Hoàng thượng thứ lỗi, – Planchet nói, nhưng có đúng là đức vua đang nằm trong giường không?

Anne d'Autriche rùng mình. Bà nói: -Nếu trong các ông, có ai biết mặt vua thì cứ đến gần và nói xem có đúng là Hoàng thượng nằm đây không?

Một người khoác áo choàng che cả mặt bước đến, cúi xuống giường và nhìn.

D'Artagnan đã tưởng là người đó có ý đồ xấu, anh đặt tay vào thanh kiếm; nhưng khi người đó cúi xuống để lộ một phần mặt, d'Artagnan nhận ra ông chủ giáo.

-Đúng là vua rồi, – Người đó nói và đứng lên. – Cầu Chúa ban phước lành cho Hoàng thượng.

-Phải, – Người chỉ huy khẽ nói, – Phải cầu Chúa ban phước lành cho Hoàng thượng.

Và tất cả những con người ấy, lúc vào đằng đằng tức khí, bây giờ chuyển từ phẫn nộ sang mủi lòng, cũng cầu ban phước lành cho ấu chúa.

-Bây giờ các bạn ơi, – Planchet nói, – Chúng ta hãy cảm ơn hoàng hậu và rút lui thôi.

Tất cả mọi người cúi chào và đi ra dần dần không gây tiếng động như lúc họ vào. Planchet vào đầu tiên ra cuối cùng.

Hoàng hậu ngăn anh lại và nói: -Ông bạn ơi, tên ông là gì?

Planchet quay lại rất đỗi ngạc nhiên về câu hỏi.

-Phải, – Hoàng hậu nói, – Được tiếp ông tối hôm nay, tôi cũng rất vinh dự như tiếp một ông hoàng, và tôi mong muốn biết tên ông.

"Phải – Planchet nghĩ, – Để rồi đối xử với tôi như một ông hoàng chứ gì, xin cảm ơn!".

D'Artagnan rùng mình sợ rằng Planchet bị cám dỗ như một con quạ trong ngụ ngôn sẽ nói tên ra và hoàng hậu biết tên cậu ta có thể sẽ biết Planchet đã từng là người của anh.

-Thưa Lệnh bà. – Planchet cung kính trả lời, – tôi tên là Dulaurier sẵn sàng hầu hạ Lệnh bà.

-Cảm ơn ông Dulaurier, – Hoàng hậu nói, – Ông làm nghề gì thế?

-Thưa Lệnh bà, tôi làm nghề buôn bán đồ dạ ở phố Bourdonnais.

-Tôi chỉ cần biết có thế, – hoàng hậu nói. – Cảm ơn ông Dulaurier thân mến, tôi sẽ nói chuyện với ông sau.

D'Artagnan từ sau tấm rèm đi ra, lẩm bẩm: -Thôi thôi dứt khoát Planchet không phải là một thằng ngốc, và người ta thấy rõ hắn đã có thầy có bạn giỏi giang.

Các diễn viên khác nhau của màn kịch lạ lùng này còn đứng nhìn nhau một lát mà chẳng nói một lời, hoàng hậu đứng gần cửa, d'Artagnan nửa người thò ra khỏi nơi ẩn nấp nhà vua chống khuỷu tay nhổm dậy và sẵn sàng lại nằm kềnh

xuống, nếu có một tiếng động nào chứng tỏ đám dân chúng quay trở lại. Nhưng tiếng động không gần lại mà mỗi lúc một xa dần và cuối cùng tắt hẳn.

Hoàng hậu thở phào; d'Artagnan lau mồ hôi trán, nhà vua tụt xuống sàn và nói: -Ta đi thôi.

Lúc đó Laporter xuất hiện.

-Thế nào? – Hoàng hậu hỏi.

-Thưa Lệnh bà, – người hầu phòng đáp, – tôi đã đi theo họ ra cổng; họ báo tin cho tất cả bạn bè của họ rằng họ đã trông thấy vua và hoàng hậu đã nói chuyện với họ, thành thử họ ra về với vẻ rất hãnh diện và đắc ý

-Ôi! Bọn khốn nạn! – Hoàng hậu lẩm bẩm, – Chúng sẽ phải trả giá về tội mạo muội của chúng, chính ta hẹn với chúng đấy?

Rồi quay về phía d'Artagnan, bà nói: -Này ông, tối nay ông đã cho tôi những lời khuyên hay nhất mà tôi nhận được trong đời mình. Hãy tiếp tục đi: chúng ta phải làm gì?

-Ông Laporter, – D'Artagnan nói, – Mặc nốt quần áo cho Hoàng thượng.

-Chúng ta có thể đi rồi à? – Hoàng hậu hỏi.

-Khi nào Hoàng thượng muốn. Lệnh bà chỉ phải xuống cầu thang kín, và sẽ thấy tôi ở cửa.

-Ông đi đi, – Hoàng hậu nói, – Tôi sẽ theo ông.

D'Artagnan cầm lấy cái bọc mà anh đã dặn Bernouin để ở trong xe. Ta còn nhớ đó là chiếc mũ và tấm áo choàng của gã đánh xe cho ông de Gondy.

Anh khoác áo lên vai và đội mũ lên đầu.

Người lính ngự lâm xuống xe.

-Này ông, – D'Artagnan nói, – Ông đi trả lại tự do cho bạn đồng ngũ của ông đang canh giữ tên xà ích. Các ông đi ngựa của mình đến phố Tiquetonne khách sạn "La Chevrette" và lấy con ngựa của tôi và ngựa của ông Du Vallon, đem thắng yên cương theo kiểu chiến trận, rồi các ông dắt ra khỏi Paris và đến khu Cours-la-Reine. Nếu không thấy ai ở đấy thì các ông đi tiếp đến tận Saint-Germain. Công vụ của nhà vua!

Người lính ngự lâm giơ tay lên mũ chào và ra đi để hoàn thành những mệnh lệnh mà anh vừa nhận.

D'Artagnan lên ghế xe.

Anh có một đôi súng ngắn ở thắt lưng, một khẩu súng trường ở dưới chân, thanh kiếm trần ở đằng sau.

Hoàng hậu xuất hiện, đằng sau bà có vua và quận công d'Anjou, em trai vua.

-Cỗ xe của ông chủ giáo? – Hoàng hậu kêu lên và lùi lại một bước.

-Phải đó thưa Lệnh bà, nhưng xin cứ mạnh dạn trèo lên; chính tôi sẽ đánh xe.

Hoàng hậu thốt lên một tiếng kinh ngạc và leo lên xe. Vua lên sau và ngồi bên cạnh bà.

-Lại đây, Laporter, – Hoàng hậu bảo.

-Sao? Thưa Lệnh bà! – Người hầu phòng nói – Ngồi cùng một xe với các Hoàng thượng ư!

-Tối nay không có chuyện nghi thức, mà là việc của nhà vua. Lên đi, Laporter.

Laporter tuân lệnh.

-Đóng các rèm cửa lại, – D'Artagnan bảo.

-Nhưng thế liệu có gây nên sự nghi ngờ không hả ông? – Hoàng hậu hỏi.

-Xin Lệnh bà cứ yên tâm, – D'Artagnan đáp, – Tôi đã có sẵn câu trả lời.

Người ta đóng rèm cửa xe và phi nước đại qua phố Richelieu. Đến cửa ô, viên chỉ huy đồn tiến ra, tay cầm ngọn đèn và dẫn đầu mười hai người.

D'Artagnan ra hiệu cho viên đội trưởng đến gần và nói: -Ông có nhận ra xe của ai không?

-Không, – Viên đội trả lời.

-Hãy nhìn gia huy xem.

Viên đội mang dèn lại gần tấm biển xe.

-Gia huy của Ngài chủ giáo? – Anh ta nói.

-Sụyt! Ngài đang hú hí với bà de Guéménée.

Viên đội bật cười, nói: -Mở cửa ra. Tôi biết là cái gì rồi đó.

Rồi đến gần tấm rèm buông, anh ta nói: -Đức ông ơi, khoái tỉ nhé!

-Tò mò, – D'Artagnan kêu, – Cậu làm tớ bị đuổi mất.

Chiếc rào chắn cót két trên bản lề và trông thấy đường mở, d'Artagnan ra roi quất mạnh lũ ngựa khiến chúng chạy lồng lên.

Năm phút sau đã tới chỗ xe của giáo chủ.

-Mousqueton, – D'Artagnan gọi, – Hãy vén các tấm màn xe của hoàng thượng lên.

-Chính ông ta đấy, – Porthos nói.

-Làm người đánh xe? – Mazarin kêu lên.

-Và với cỗ xe của ông chủ giáo?

-Hoàng hậu tiếp lời – Corpo di dio! – Mazarin nói,

-Ông d'Artagnan, ông đang giá nghìn vàng.

§55. Làm thế nào mà d'Artagnan và Porthos kiếm được một người 219, một người 215 louis nhờ bán rơm

Mazarin muốn đi ngay lập tức đến Saint-Germain, nhưng hoàng hậu nói rằng bà còn phải đợi những người bà đã hẹn. Tuy nhiên bà dành cho ông chỗ của Laporter. Giáo chủ nhận và chuyển từ xe này sang xe nọ.

-Không phải vô cớ mà tiếng đồn rằng vua sẽ rời Paris vào ban đêm. Mươi mười hai người được biết cuộc đi trốn đó từ sáu giờ chiều, và dù kín đáo đến mấy, họ không thể truyền lệnh ra đi mà câu chuyện không lọt ra ngoài chút ít. Vả chăng mỗi người trong bọn họ đều có một vài người quan hệ thân thiết, và do người ta chẳng còn nghi ngờ gì là hoàng hậu rời Paris với những kế hoạch trả thù khủng khiếp, nên mỗi người đều báo trước cho bạn hữu hoặc họ hàng thành thử tiếng đồn về cuộc ra đi ấy lan nhanh ra các phố phường trong thành phố như một vệt thuốc súng.

Cỗ xe đầu tiên đến sau xe hoàng hậu là xe của Ngài Hoàng thân, trong có ông de Condé, bà Condé và bà hoàng thân quả phụ. Cả hai đều bị khua dậy từ nửa đêm và chẳng hiểu vì sao cả.

Cỗ xe thứ hai có quận công d'Orléans và bà quận công. Bà Cô lớn và tu viện trưởng de La Rivière, người sủng ái không thể tách rời và là cố vấn thân tín của quận công.

Xe thứ ba có ông de Longueville và hoàng thân de Conti là em và em rể ngài Hoàng thân. Họ xuống xe đến gần cỗ xe của vua và hoàng hậu để bái chào Hoàng thượng.

Hoàng hậu phóng một cái nhìn vào tận đáy xe cửa vẫn mở và thấy xe không còn ai. Bà hỏi: -Thế còn bà Longueville đâu?

-Ô! Mà em gái tôi đâu nhỉ? – Hoàng thân de Condé hỏi.

-Thưa Lệnh bà, – Quận công de Longueville đáp, – Bà nhà tôi đau và có nhờ tôi xin với Hoàng thượng xá lỗi cho.

Anne d'Autriche đưa mắt rất nhanh sang Mazarin, ông đáp lại bằng một cái lắc đầu khó nhận biết.

-Về chuyện này, ông thấy thế nào? – Hoàng hậu hỏi.

-Tôi cho rằng đó là một con tin đối với dân chúng Paris, – Giáo chủ đáp.

-Tại sao cô ta không đến? – Hoàng thân de Condé khẽ hỏi de Conti.

-Im nào! – Ông này đáp, – Chắc hẳn bà ta có lý do riêng của mình.

-Bà ấy làm hại chúng ta, – Hoàng thân lẩm bẩm.

-Bà ấy cứu chúng ta, – Hoàng thân de Conti nói.

Xe cộ ùn ùn đến. Có thống chế de La Meilleraie, thống chế de Villeroy, Gitaud, Villequier, Comminger; hai người lính ngự lâm cũng tới dắt theo ngựa

của d'Artagnan và Porthos. D'Artagnan và Porthos nhảy lên ngựa. Tên đánh xe của Porthos thay d'Artagnan trên cỗ xe chở Hoàng hậu, còn Mousqueton thay thế tên đánh ngựa và cứ đứng sừng sững mà đánh xe với lý do mà chỉ riêng hắn biết, chẳng khác gì chàng l'Automédon ngày xưa.

Hoàng hậu mặc dầu bận hàng trăm việc linh tinh vẫn đưa mắt tìm d'Artagnan, nhưng chàng Gascon đã chen lẫn vào đám đông với sự thận trọng quen lệ của mình. Anh bảo Porthos: -Chúng ta hãy đi tiền trạm và sửa soạn chỗ ở cho tử tế ở Saint-Germain, vì chẳng ai sẽ nghĩ đến chúng ta đâu. Tôi cảm thấy mệt mỏi lắm rồi.

-Tôi buồn ngủ dúi dụi ra rồi – Porthos nói. – Thề mà nói rằng chúng ta chẳng có một trận chiến đấu cỏn con nào! Rõ rằng dân Paris thật là ngu ngốc.

-Chẳng phải là chúng ta khôn ngoan hơn không? – D'Artagnan nói.

-Có lẽ

-Thế cổ tay cậu có đỡ đau không?

-Khá rồi. Nhưng cậu có tin rằng lần này chúng ta nắm chắc không?

-Cái gì cơ?

-Cái lon của cậu và cái tước hiệu của tôi ấy mà.

-Thực tình có? Gần như tôi dám cuộc như vậy. Với lại nếu họ không nhớ ra thì tôi sẽ làm cho họ nhớ.

-Có tiếng hoàng hậu kìa, – Porthos nói. – Hình như bà đòi cưỡi ngựa.

-Ồ! Bà ấy thì rất muốn đấy, nhưng…

-Nhưng sao?

-Nhưng mà giáo chủ không muốn.

Rồi d'Artagnan bảo hai người lính ngự lâm: -Các ông đi theo xe hoàng hậu và không được rời xa cửa xe. Chúng tôi đi sửa soạn chỗ nghỉ.

Và d'Artagnan cùng Porthos phóng về phía Saint-Germain.

-Các ông? Chúng ta đi nào! – Hoàng hậu nói.

Cỗ xe vua lên đường theo sau là tất cả các xe khác và hơn năm mươi kỵ binh.

Đoàn đi tới Saint-Germain không gặp chuyện gì trắc trở. Bước xuống bậc xe, Hoàng hậu thấy Hoàng thân đang bỏ mũ đứng đợi để đỡ bà xuống.

Mặt mày rạng rỡ, bà nói: -Hay thật! Khi dân chúng Paris tỉnh giấc.

-Chiến tranh đấy, – Hoàng thân nói.

-Chiến tranh ư? Được lắm! Chúng ta chẳng có về phía chúng ta con người chiến thắng Rocroy ạ, Nordlingen và Lens đó sao?

Hoàng thân nghiêng mình ra hiệu cảm ơn.

Ba giờ sáng. Hoàng hậu đi đầu vào lâu đài. Mọi người vào theo; gần hai trăm người đã đi theo bà trong cuộc đi trốn.

-Thưa các ông, – Hoàng hậu cười nói, – Các ông nghỉ tại đây, lâu đài rộng rãi chẳng thiếu chi đâu: nhưng ta không tính đến đây, nên người ta cho tôi biết là tất

cả chỉ có ba cái giường, một cho vua, một cho tôi.

-Và một cho Mazarin, – Ông Hoàng thân khẽ nói.

-Còn tôi, tôi sẽ nằm ở dưới sàn à? Gaston d'Orléans nói với một nụ cười lo ngại.

-Không, thưa Đức ông, – Mazarin nói, – Giường thứ ba dành cho Điện hạ.

-Thế còn ông, – Hoàng thân hỏi.

-Tôi không ngủ, – Mazarin đáp, – Tôi còn phải làm việc.

Gaston bảo người ta trỏ cho mình buồng và giường, chẳng buồn lo xem vợ và con gái mình nghỉ ngơi bằng cách nào.

-Còn ta, ta sẽ đi nằm, – D'Artagnan nói. – Porthos lại đây với tôi!

Porthos đi theo d'Artagnan với niềm tin cậy sâu sắc vào trí tuệ của bạn mình.

Họ đi bên nhau trên quảng trường của toà lâu đài. Porthos ngơ ngác nhìn d'Artagnan đang bấm ngón tay tính tính toán toán.

-Mỗi cái một pistol, bốn trăm cái bốn trăm pistol.

-Đúng rồi. Bốn trăm pistol, – Porthos nói, – Nhưng cái gì làm nên bốn trăm pistol cơ chứ?

-Một pistol chưa được, tiếp tục tính toán, phải đáng một louis.

-Cái gì đáng giá một louis?

-Một louis một cái, bốn trăm cái vị chỉ là bốn trăm louis.

-Bốn trăm à? – Porthos hỏi.

-Phải, họ hai trăm người; một người cần ít ra là hai cái; vậy tổng cộng là bốn trăm cái.

-Nhưng bốn trăm cái gì cơ chứ?

-Nghe đây, – D'Artagnan nói. – Do ở đây có đủ loại người đang ngơ ngác xem triều đình tới…, – anh nói thầm vào tai Porthos.

-Tôi, hiểu rồi, – Porthos nói – thực tình tôi hiểu rất rõ! Mỗi đứa hai trăm louis hay lắm, nhưng người ta sẽ nói gì?

-Họ muốn nói gì thì nói, vả lại họ có biết là chúng ta đâu?

-Thế ai sẽ đi phân phối?

-Mousqueton chẳng có đây sao? – Thế còn áo đâu! – Porthos nói: người ta sẽ nhận ra áo đâu của nhà tôi.

-Thì nó lộn áo ra!

-Cậu bao giờ cũng phải, bạn thân mến ạ, – Porthos kêu lên, – Nhưng tất cả những ý kiến ấy, cậu moi móc ở nơi quỷ quái nào ra thế.

D'Artagnan mỉm cười.

Đôi bạn đi vào phố đầu tiên mình gặp. Porthos gõ cửa nhà bên trái.

-Có rơm không? – Họ hỏi.

-Thưa ông, nhà chúng tôi không có, người chủ đáp, – Nhưng các ông hãy đến hỏi người bán rơm ạ.

-Người bán rơm ở đâu?
-Ở cái cổng lớn cuối phố này.
-Bên trái hay bên phải.
-Bên trái.
-Ở Saint-Germain liệu còn các nhà khác có rơm rạ không?
-Cô chủ quán Mouton-Couronné và bác chủ trại Gros Louis.
-Họ ở đâu?
-Phố Ursulines.
-Cả hai đều ở phố ấy ư?
-Phải.
-Tốt lắm.

Đôi bạn đến nhà thứ hai và thứ ba hỏi thăm, họ chỉ đúng như nhà đầu tiên. Rồi d'Artagnan đến nhà người buôn rơm, mua một trăm năm mươi bó rơm hết ba trăm pistol. Anh tiếp tục đến nhà chủ quán và thấy Porthos đang mua hai trăm bó với giá tương tự. Cuối cùng bác chủ trại Louis biếu không tám mươi bó. Thế là tổng cộng được bốn trăm ba mươi bó rơm.

Saint-Germain không còn rơm.

Những việc vơ vét ấy không mất quá nửa giờ. Mousqueton được dặn dò cẩn thận, đứng đầu cuộc mua bán bất ngờ ấy. Hắn được dặn không bán một chút rơm nào dưới giá một louis một bó, và phải thu được bốn trăm ba mươi louis.

Mousqueton lắc đầu và chăng hiểu gì về sự đầu cơ của hai ông bạn.

D'Artagnan vác ba bó rơm trở về lâu đài. Ai này đều rét run cầm cập và buồn ngủ dúi dụi, nhìn một cách thèm thuồng ganh tỵ, nhà vua, hoàng hậu và Đức ông nằm trên giường.

D'Artagnan vào, gây ra một trận cười rộn rã cả phòng.

Nhưng anh làm ra vẻ không nhận thấy rằng mình là đối tượng chú ý của mọi người và anh bắt tay vào xếp dọn cái ổ rơm của mình khéo léo biết bao vui vẻ biết bao khiến cho những kẻ tội nghiệp buồn ngủ mà không ngủ được kia phải thèm rỏ dãi.

-Phải có rơm? – Họ kêu lên, – Phải có rơm! Kiếm rơm ở đâu bây giờ?

-Tôi sẽ dẫn các ông đi, – Porthos nói.

Và anh dẫn các vị ham thích đến chỗ Mousqueton, hắn phân phát một cách hào hiệp các bó rơm, cứ mỗi bó một louis. Người ta thấy rõ là hơi đắt, nhưng khi đã buồn ngủ rũ người ai mà chẳng sẵn sàng bỏ ra vài ba louis để mua lấy vài tiếng đồng hồ ngủ ngon giấc?

D'Artagnan liên tiếp nhượng lại ổ rơm của mình đến mười lần, và anh coi như đã trả tiền rơm của mình như mọi người khác, mỗi bó một louis cho nên anh bỏ túi được ba chục louis trong non nửa giờ. Đến năm giờ sáng giá rơm lên đến tám mươi livres một bó, nhưng cũng chẳng có mà mua.

D'Artagnan đã cẩn thận để dành bốn bó rơm cho mình. Anh cầm chìa khoá phòng giấu rơm và cùng Porthos, anh ra tính toán với Mousqueton. Chất phác và giống như một viên quản lý đứng đắn mà hắn đã làm, hắn nộp lại cho hai ông chủ bốn trăm ba mươi louis và còn giữ một louis cho mình.

Mousqueton không biết gì về những chuyện đã diễn ra ở lâu đài, không hiểu vì sao ý nghĩ về việc bán rơm lại không đến với hắn sớm hơn.

D'Artagnan bỏ tiền vào mũ và trở về thanh toán với Porthos.

Mỗi người được hai trăm mười năm louis.

Lúc bấy giờ Porthos mới nhận ra rằng anh không có rơm để dành cho mình, anh quay lại chỗ Mousqueton thì hắn đã bán sạch không giữ lại một cọng rơm nào cho hắn cả.

Anh tìm đến d'Artagnan. Nhờ để lại bốn bó rơm, d'Artagnan đang bện lại và nếm náp trước một cách thú vị cái ổ thật êm ái độn cao trên đầu và kín dưới chân, đến vua trông thấy cũng phải thèm: nếu như vua ngủ chẳng được ngon giấc trong giường mình.

Bằng bất cứ giá nào d'Artagnan cũng không muốn xáo trộn giường mình vì Porthos, nhưng với bốn louis bạn nộp cho anh, anh bằng lòng cho Porthos nằm chung với anh.

Anh xếp thanh gươm ở chân, để súng ngắn bên cạnh mình, trải áo choàng xuống chân, để mũ dạ lên áo choàng và khoan khoái duỗi mình lên ổ rơm kêu lạo xạo. Anh đã bắt đầu mơn man những mơ ước mà số tiền hai trăm mười chin louis kiếm được trong mười lăm phút gây nên, thì một tiếng gọi ở cửa phòng làm anh bật dậy.

-Ông d'Artagnan, ông d'Artagnan!

-Ở đây, – Porthos nói – Ở đây!

Porthos hiểu rằng nếu d'Artagnan đi thì cái giường sẽ thuộc một mình anh.

Một sĩ quan tiến đến.

D'Artagnan chống khuỷ tay nhổm dậy.

-Ông là d'Artagnan phải không, – Viên sĩ quan hỏi.

-Phải, tôi đây. Ông cần gì?

-Tôi đi tìm ông.

-Ai bảo ông đi?

-Ngài giáo chủ.

-Hãy nói với Đức ông là tôi sắp ngủ và với tư cách bạn bè tôi khuyên ông ấy cũng làm như vậy.

-Các hạ không ngủ và sẽ không đi ngủ, và ngài cần ông ngay bây giờ.

-Ôn dịch bắt cái lão Mazarin ấy đi, lão ta không biết ngủ đúng lúc! D'Artagnan lẩm bẩm. – Lão ấy muốn gì ở ta? Có phải để phong ta làm đại uý không? Trường hợp ấy thì ta thứ lỗi cho lão.

Và chàng ngự lâm quân vừa trở dậy vừa cằn nhằn, mang gươm, mũ, súng, áo choàng, rồi đi theo viên sĩ quan, còn Porthos ở lại làm chủ nhân độc nhất của cái giường rơm, thử bắt chước những mưu toan đẹp nhất của bạn.

Trông thấy người mà mình vừa mới cho đi tìm thật không đúng lúc, giáo chủ nói: -Ông d'Artagnan, tôi quên ông đã giúp đỡ tôi tận tình như thế nào và tôi sẽ đưa ra một bằng chứng.

-Hay, – D'Artagnan nghĩ, – có vẻ là điểm tốt đây.

Mazarin nhìn người lính ngự lâm và thấy anh nở nang cả mặt mày.

-A! Đức ông.

-Ông d'Artagnan, – giáo chủ nói, – Ông rất muốn làm đại uý phải không?

-Vâng, thưa Đức ông!

-À bạn ông, cũng vẫn ước ao làm nam tước chứ?

-Thưa Đức ông, lúc này ông ấy đang mơ làm nam tước.

-Vậy thì, – Mazarin, vừa nói rút ra một bức thư mà ông ta đã đưa d'Artagnan xem – Ông cầm bức thư này và mang nó sang nước Anh.

D'Artagnan nhìn phong bì không có địa chỉ.

-Tôi có được biết phải đưa lại cho ai không ạ?

-Đi tới London ông sẽ biết. Đến London ông mới được xé các phong bì ngoài.

-Ngài có điều gì chỉ giáo cho tôi?

-Tuân theo về mọi điểm người nhận thư này.

D'Artagnan định hỏi thêm, thì Mazarin nói: -Ông đi Boulogne-sur-Mer; đến quán Huy hiệu Anh quốc ông sẽ gặp một người quý tộc trẻ tên là Mordaunt.

-Vâng, và tôi phải làm gì với người ấy?

-Đi theo anh ta tới nơi mà anh ta dẫn đến.

D'Artagnan kinh ngạc nhìn giáo chủ.

-Dặn dò ông thế là đủ rồi, – Mazarin nói, – thôi đi đi.

-Nói đi đi thì dễ lắm, – D'Artagnan nói, – Nhưng muốn đi phải có tiền mà tôi thì chẳng có.

-A! – Mazarin gãi tai nói, ông nói là không có tiền à?

-Không có, thưa Đức ông.

-Thế cái nhẫn kim cương tôi cho ông hôm qua đâu?

-Tôi muốn giữ nó làm kỷ niệm của Đức ông.

Mazarin thở dài.

-Thưa Đức ông, ở nước Anh sinh hoạt đắt đỏ lắm, nhất là với tư cách phái viên đặc biệt.

-Hừm! – Mazarin nói. – Đó là một nước rất thanh đạm và sống giản dị từ khi có cách mạng nhưng không sao.

-Ông mở ngăn kéo và lấy ra một túi nhỏ.

-Ông nói thế nào về một nghìn êquy này?

D'Artagnan bĩu môi dưới dài thè lè ra và nói: -Thưa Đức ông, tôi nói rằng thế là ít, vì chắc chắn là tôi sẽ không đi một mình.

-Tôi đã tính rồi, – Mazarin đáp, – Ông Du Vallon sẽ cùng đi với ông, cái vị quý tộc xứng đáng ấy; vì rằng, ông d'Artagnan thân mến ạ, sau ông thì chắc chắn là tôi yêu quý con người Pháp quốc ấy hơn cả.

D'Artagnan bèn trỏ vào cái túi tiền mà Mazarin vẫn giữ khư khư và nói: -Thưa Đức ông, nếu ngài yêu quý ông ta đến thế thì, ngài hiểu cho rằng…

-Được rồi. Vì coi trọng ông ta, tôi đưa thêm hai trăm êquy.

-Đồ bần tiện, – D'Artagnan lẩm bẩm, rồi nói. – Nhưng ít ra thì khi trở về chúng tôi có thể trông cậy chứ? Ông Porthos vào tước hiệu nam tước của ông ấy và tôi vào cấp bậc của tôi.

-Lời thề của Mazarin.

-Tôi thích một lời thề khác hơn kia, – D'Artagnan nói nhỏ với mình, rồi cao giọng. – Tôi có thể đến bái chào Hoàng thượng không ạ.

-Hoàng thượng ngủ, – Mazarin vội vã đáp, – Và ông cần phải đi ngay. Thôi, đi đi ông.

-Thêm một lời nữa, thưa Đức ông: nếu ở nơi tôi đến, người ta đang đánh nhau thì tôi có đánh nhau không?

-Ông sẽ làm theo lệnh người mà tôi biên thư.

-Được rồi, thưa Đức ông, – D'Artagnan vừa nói và vươn dài tay ra nhận lấy túi tiền, – Và tôi xin bày tỏ với ngài lòng kính trọng của tôi.

D'Artagnan thong thả bỏ bọc tiền vào cái túi áo rộng của mình, rồi quay lại nói với viên sĩ quan.

-Nhờ ông vui lòng đến đánh thức ông Du Vallon dậy, nói là lệnh của Các hạ và bảo ông ấy là tôi đợi ở chuồng ngựa.

Viên sĩ quan hối hả đi ngay, d'Artagnan xem ra hắn có điều gì cần thiết nữa hay không?.

Porthos vừa mới ngả lưng xuống nệm rơm và bắt đầu ngáy du dương theo thói quen, thì có ai đó đập vào vai mình. Anh tưởng d'Artagnan, nên không động đậy.

-Lệnh của giáo chủ, – Viên sĩ quan đáp.

-Hừm! – Porthos lầu bầu và mở to mắt, – Ông bảo gì?

-Tôi nói rằng Các hạ phải ông sang nước Anh và ông d'Artagnan đợi ông ở chuồng ngựa.

Porthos buông một tiếng thở dài, đứng lên lấy mũ, súng, kiếm và áo choàng, rồi vừa đi ra vừa luyến tiếc ngoái nhìn cái nệm ấm mà anh đã tự hẹn với mình ngủ một giấc thật ngon lành.

Anh vừa mới quay lưng, thì viên sĩ quan đã nằm kềnh xuống chiếc nệm, mà anh chưa bước qua ngưỡng cửa thì kẻ kế tục anh đã ngáy đến vỡ nhà. Cũng tự nhiên thôi: anh ta là kẻ duy nhất trong tất cả cái đám người này cùng với vua và hoàng hậu và Đức ông Gaxton d'Orléans ngủ mà không mất tiền.

§56. Có tin tức về Aramis

D'Artagnan đi thẳng đến chuồng ngựa. Trời vừa tảng sáng. Anh nhận ra ngựa của anh và của Porthos buộc ở máng ăn nhưng máng rỗng không. Nghĩ thương hại mấy con vật tội nghiệp anh lần đến một góc chuồng ngựa và thấy lấp lánh một ít rơm có lẽ thoát khỏi cuộc vơ vét đêm qua. Anh lấy chân vun rơm thì thấy mũi giày đụng phải một vật tròn tròn và có lẽ đụng phải chỗ phạm, nên nó hét lên một tiếng, chống đầu gối nhổm dậy và dụi mắt. Đó là Mousqueton, đêm qua không còn rơm cho mình, nên lấy rơm ăn của ngựa để nằm.

-Mousqueton, – D'Artagnan bảo, – Nào, ta lên đường!

Nhận ra tiếng nói của bạn chủ mình, Mousqueton vội vàng đứng dậy và đánh rơi mấy đồng louis kiếm được khi đêm một cách bất hợp pháp.

D'Artagnan nhặt một đồng louis ngửi và nói: -Ô! Cái thứ vàng này có mùi kỳ cục thật, mùi rơm.

Mousqueton đó đừ mặt một cách đến là thật thà và có vẻ thật bối rối khiến chàng Gascon bật cười và bảo:

Porthos có lẽ sẽ nổi giận đấy, Mousqueton thân mến ạ, nhưng tôi thì tôi tha thứ cho cậu, song hãy nhớ rằng vàng này cần dùng để chữa cho các vết thương của chúng ta, và hãy vui lên nào.

Tức thì Mousqueton miệng cười toe toét, nhanh nhẩu thắng ngựa cho chủ và leo lên ngựa mình mà chẳng nhăn nhó bao nhiêu.

Vừa lúc ấy Porthos đi đến với bộ mặt cáu kỉnh và hết sức ngạc nhiên trông thấy d'Artagnan với vẻ cam chịu và Mousqueton khá hớn hở.

-Ái chà! – Anh nói, – Chắc là đã có cấp bậc cho cậu và Nam tước cho tôi phải không?

-Chúng tôi sắp đi kiếm mảnh bằng chứng nhận, – D'Artagnan nói, – Và khi ta trở về tiên sinh Mazarin sẽ ký.

-Thế ta đi đâu? – Porthos hỏi.

-Trước hết đi Paris, – D'Artagnan đáp, – Tôi muốn thu xếp vài công việc.

-Nào ta về Paris, – Porthos nói.

Và cả hai đi về Paris.

Tới mấy cửa ô họ kinh ngạc thấy thái độ doạ nạt của thành phố.

Chung quanh một cỗ xe bị phá tan tành dân chúng không ngớt phần chửi rủa, trong khỉ mấy người định đi trốn thì bị bắt giữ, chúng là một ông già và hai người đàn bà.

Trái lại khi d'Artagnan và Porthos xin vào thì họ mơn trớn hết lời. Họ cho rằng đó là những người rời bỏ phe nhà vua và họ muốn thu hút về với họ.

-Vua đang làm gì? – họ hỏi.

-Vua ngủ.

-Còn mụ Tây Ban Nha?

-Bà ta mơ màng.

-Còn cái tên người Ý đáng nguyền rủa ấy?

-Lão ta thức, – D'Artagnan đáp. – Như vậy các bạn phải giữ vững, bởi vì rằng nếu họ ra đi, chắc hẳn là để làm chuyện gì đó. Nhưng vì rốt cuộc các bạn là những kẻ mạnh hơn, không nên gay gắt với phụ nữ và ông già, và nên nhắm đúng những mục đích thực sự.

Dân chúng nghe những lời đó với vẻ thú vị và để cho mấy bà bị giữ đi, họ cảm ơn d'Artagnan bằng một cái nhìn hùng hồn.

-Thôi bây giờ, tiến lên nào! – D'Artagnan nói.

Và họ tiếp tục đi, xuyên qua các lũy chướng ngại, bước qua những dây xích, bị xô đẩy, bị căn vặn và cũng hỏi han lại những người khác.

Đến Hoàng cung, d'Artagnan trông thấy một viên đội đang huấn luyện quân sự cho sáu trăm thị dân. Đó là Planchet, anh đang đem những điều nhớ được ở trung đoàn Piémont ra giúp cho đội tự vệ thành thị.

Đi qua trước mặt d'Artagnan, anh nhận ra chủ cũ của mình.

-Kính chào ông d'Artagnan, – Planchet nói với vẻ hãnh diện.

-Kính chào ông Dulaurier, – D'Artagnan đáp.

Planchet đứng sựng lại trố đôi mắt thao láo và ngơ ngác ra nhìn d'Artagnan. Hàng người đầu tiên thấy chỉ huy của mình dừng chân cũng đứng lại, cứ như thế cho đến hàng cuối cùng.

-Những bọn thị dân ấy thực là kỳ lạ một cách ghê gớm, – D'Artagnan nói với Porthos.

Và anh lại tiếp tục đi.

Năm phút sau anh xuống ngựa trước khách sạn "La Chevrette.

Mỹ nhân Madeleine chạy ra đón d'Artagnan.

-Bà Turquaine thân mến của tôi ơi, – D'Artagnan nói, – Nếu bà có tiền bạc nhiều thì hãy chôn vùi cho nhanh lên; nếu bà có đồ tư trang hãy giấu ngay đi; nếu bà có con nợ, hãy đòi bằng được, nếu bà có chủ nợ thì chớ có trả họ.

-Tại sao thế? – Madeleine hỏi.

-Bởi vì Paris sắp biến thành tro bụi, như Babylone không hơn không kém, mà chắc hẳn bà đã nghe nói đến![251]

-Thế ông chia tay tôi trong tình hình như thế này ư?

-Phải đi ngay bây giờ, – D'Artagnan nói.

-Ông đi đâu?

-A! Nếu bà có thể bảo cho tôi biết điều đó, thì quả là bà giúp tôi một việc thực sự đấy.

-Ôi! Lạy Chúa! Lạy Chúa!

D'Artagnan giơ tay ra hiệu cho bà chủ quán hãy bớt những lời kêu ca than vãn đi vì có kêu cũng bằng thừa. Và anh hỏi: -Có thư từ gì cho tôi không?

-Có một bức thư cũng vừa mới đến.

Và bà đưa thư cho anh.

-Thư của Arthos! – D'Artagnan reo lên khi nhận ra nét chữ cứng cáp và dài của bạn.

-A, – Porthos nói, – xem anh ta nói những chuyện gì nào, d'Artagnan mở thư và đọc:

"D'Artagnan thân thiết,

Du Vallon thân mến,

Các bạn thân thiết của tôi ơi, có lẽ đây là lần cuối cùng các bạn nhận được tin tức của tôi. Aramis và tôi, chúng tôi cực khổ lắm, nhưng lạy Chúa, lòng dũng cảm của chúng tôi và kỷ niệm về tình bạn của chúng ta nâng đỡ chúng tôi. Hãy luôn nhớ đến Raoul. Tôi gửi gắm các bạn những giấy tờ để ở Blois, và trong hai tháng rưỡi nữa, nếu các bạn không nhận được tin tức về chúng tôi thì hãy xem những giấy tờ đó. Hãy ôm hôn thật mạnh tử tước hộ người bạn tận tụy này.

Arrthos"

-Chắc chắn là tôi sẽ ôm hôn nó, – D'Artagnan nói, – Và như thế nó ở trên đường đi của chúng ta. Và nếu như nó bất hạnh bị mất đi, Arthos tội nghiệp của chúng ta, thì từ ngày hôm nay nó trở thành con trai của tôi.

-Và tôi – Porthos nói, – Tôi sẽ cho nó làm người thừa kế toàn hưởng của tôi.

-Xem Arthos còn nói gì nữa nào?

"Nếu trên các ngả đường đi, các cậu gặp một tên Mordaunt thì hãy coi chừng. Tôi không thể nói nhiều về điều đó ở trong thư".

-Mordaunt! – D'Artagnan kinh ngạc kêu lên, – Mordaunt, được lắm, – Porthos nói, – Ta sẽ nhớ.

-Này, nhưng còn có lời tái bút của Aramis.

Thật thế, – D'Artagnan nói.

Và anh đọc:

"Các bạn thân mến, Chúng tôi giấu giếm các bạn nơi trú ngụ của chúng tôi vì hiểu rõ lòng tận tụy anh em của các cậu và biết rõ rằng các cậu sẵn sàng đến để chết cùng với chúng tôi".

-Mẹ kiếp! – Porthos đùng đùng nổi giận hét lên làm Mousqueton bắn đi tới cuối phòng, – Như vậy là cậu đang gặp nguy hiểm chết người à?

D'Artagnan đọc tiếp:

"Arthos truyền lại cho cậu Raoul, còn tôi truyền lại cho cậu một cuộc trả thù. Nếu may mắn các cậu tóm được một tên Mordaunt nào đó, thì hãy bảo Porthos dẫn nó đến một xó và vặn cổ nó đi. Tôi không dám nói gì hơn trong một lá thư.

Aramis"

-Nếu chỉ có thế thì dễ dàng lắm, – Porthos nói.

-Trái hẳn lại cậu ạ, – D'Artagnan rầu rầu đáp – Vì không thể được.

-Sao vậy?

-Vì đúng là cái tên Mordaunt mà chúng ta phải gặp ở Boulogne-sur-Mer và đi cùng hắn sang Anh.

-Thế thì, đáng lẽ đuổi theo tên Mordaunt ấy, Chúng ta đuổi theo các bạn của ta. – Porthos nói với những cử chỉ có thể làm kinh hãi cả một đội quân.

-Tôi có nghĩ đến điều đó, – D'Artagnan nói, – Nhưng bức thư không có ngày cũng chẳng có con niêm.

-Đúng thế, – Porthos nói.

Và anh đi đi lại lại trong phòng như một kẻ lạc lối, làm mọi điệu bộ và chốc chốc lại rút gươm gần ra khỏi vỏ.

Còn d'Artagnan đứng ngây ra như một người thất đảm và trên gương mặt anh hiện lên nỗi đau buồn sâu sắc nhất.

-A! Thãt là một chuyện không hay! – Anh nói – Arthos coi thường chúng ta, anh ấy muốn chết một mình, không tốt!

Nhìn thấy hai nỗi thất vọng tầy đình ấy, Mousqueton khóc rưng rức ở trong góc phòng.

-Thôi, – D'Artagnan nói, – Làm như thế chẳng được tích sự gì. Chúng ta hãy đi gặp và ôm hôn Raoul như ta đã nói, và có khi nó nhận được tin của Arthos.

-Ô đó là một ý kiến hay, – Porthos nói, – D'Artagnan thân mến ạ, thực ra tôi không biết cậu định làm gì, nhưng cậu có rất nhiều ý kiến. Ta hãy đến gặp Raoul đi.

-Kẻ nào đụng đến ông chủ ta lúc này hãy coi chừng, – Mousqueton nói, – Ta sẽ lột xác nó ra.

Họ lên ngựa và ra đi. Đến phố Saint-Denis, họ thấy một đám tụ hội dân chúng. Đó là ông de Beaufort vừa mới từ Vendôme tới và được ông chủ giáo giới thiệu với đám dân Paris kinh ngạc và mừng rỡ.

Với ông de Beaufort, họ coi như từ nay mình là kẻ bất khả chiến bại.

Đôi bạn rẽ sang một phố nhỏ để khỏi gặp hoàng thân và đi đến cửa ô Saint-Denis. Mấy lính canh hỏi hai kỵ sĩ: -Có đúng là ông de Beaufort đã tới Paris không?

-Đúng quá rồi còn gì, – D'Artagnan đáp, – và bằng chứng là ông ấy phái chúng tôi đi đón cha ông ấy là cụ de Vendôme cũng sắp tới nơi.

-Ông de Beaufort muôn năm! – Lính canh hô to.

Và họ kính cẩn lui ra để những phái viên của ông hoàng vĩ đại đi qua.

Ra khỏi cửa ô, con đường như bị ngốn ngấu bởi những con người không hề biết mệt mỏi hay chán nản; ngựa của họ bay đi và họ không ngớt bàn tán về Arthos vả Aramis.

Mousqueton chịu đựng mọi nỗi đau đớn không thể tưởng tượng nổi, nhưng người nô bộc tuyệt vời ấy tự an ủi, nghĩ rằng hai ông chủ của mình còn nếm trải biết bao nỗi đau khổ khác. Bây giờ hắn đi tới coi d'Artagnan như ông chủ thứ hai và hắn tuân lệnh anh còn nhanh nhảu hơn và nghiêm chính hơn đối với Porthos.

Doanh trại đóng ở giữa Saint-Omer et Lambres; đôi bạn đi vòng đến tận trại và kể lại cho quân đội biết chi tiết về cuộc đi trốn của vua và hoàng hậu mà ở đây chỉ mới được nghe tin không rõ ràng. Họ thấy Raoul ở cạnh lều của mình nằm trên một bó rơm mà con ngựa đang rút vụng mấy cọng. Chàng thanh niên mắt đỏ ngầu và có vẻ thất vọng. Thống chế de Grammont và bá tước de Guise trở về Paris và cậu bé tội nghiệp thấy mình lẻ loi.

Lát sau, Raoul ngước mắt lên trông thấy hai kỵ sĩ đang nhìn mình anh nhận ra và chạy tới, hai tay dang ra.

-Ô! Các ông bạn thân mến đấy ư? – Anh reo lên,

-Các ông đến tìm tôi à? Các ông có đưa tôi đi với các ông không? Các ông có mang đến tin tức gì của vị đỡ đầu của tôi không?

-Thế anh không nhận được tin à? – D'Artagnan hỏi.

-Chao ôi? Không, ông ạ, và tôi chẳng biết thực sự bây giờ ông ấy ra sao. Thành thử ra… Ôi! Thành thử ra tôi lo lắng đến phát khóc.

Quả thật hai giọt nước mắt lớn lăn trên đôi má sạm nâu của chàng thanh niên.

Porthos quay đi để người ta khỏi nhìn thấy trên khuôn mặt phương phi mà hiền lành của anh những gì đang diễn ra trong trái tim anh.

D'Artagnan từ lâu lắm rồi mới thấy mình xao xuyến mạnh đến thế. Anh nói: -Anh bạn ơi, việc gì phải thất vọng. Anh không nhận được thư của bá tước, thì chúng tôi nhận được… một…

-Ô! Thật ư? – Raoul reo lên.

-Và thư đáng yên tâm nữa kia, – D'Artagnan nói khi nhìn thấy nỗi vui mừng mà tin tức ấy đem lại cho cậu thanh niên.

-Ông có thư đấy không? – Raoul hỏi.

-Có, nghĩa là tôi đã có, – D'Artagnan vừa nói vừa làm bộ lục tìm, – Đợi tí, chắc nó ở trong túi áo, bá tước nói về việc trở về, phải không Porthos.

Vốn là Gascon, d'Artagnan không muốn một mình gánh chịu sự nói dối.

-Phải đấy, – Porthos húng hắng nói.

-Ôi! Đưa thư cho tôi, – Raoul nói.

-Ô Tôi mới còn đọc mà. Chẳng lẽ lại mất. A! khổ chưa, túi tôi bị thủng.

-Ồ! Đúng thế, ông Raoul, – Mousqueton nói. – Lá thư rất đáng mừng; các ông đây đã đọc cho tôi nghe và tôi đã khóc vì vui sướng.

-Ông d'Artagnan ơi, – Raoul bình tĩnh lại được một nửa và hỏi, – Ít ra ông cũng biết bá tước ở đâu?

-A! Thế đấy! – D'Artagnan nói, – Chắc chắn là tôi biết, nhưng, Chúa ơi! Đó là một điều bí mật.

-Tôi hy vọng là không phải đối với tôi.

-Không phải đối với anh, cho nên tôi sẽ nói ông ấy ở đâu?

Porthos trố mắt ngạc nhiên nhìn d'Artagnan, d'Artagnan lẩm bẩm: "Ta sẽ nói ở đâu để nó không thể tìm nhỉ?".

-Ông ấy đang ở Constantinople.

-Chỗ bọn Thổ Nhĩ Kỳ! – Raoul hốt hoảng kêu lên. – Lạy Chúa?

-Ông nói gì vậy?

-Ơ kìa, điều ấy làm anh sợ hãi ư? – D'Artagnan nói. – Bọn Thổ thì là cái thá gì đối với những người như bá tước de La Fère và tu viện trưởng D'Herblay?

-A! Bạn của ông đi cùng với ông bá tước à? – Raoul nói, – Điều ấy làm tôi yên tâm đôi chút.

"Cái thằng quỉ sứ d'Artagnan ấy thật là nhanh trí!" Porthos lẩm bẩm, anh phục lăn cái mưu mẹo của bạn.

Vội chuyển hướng câu chuyện, d'Artagnan nói: -Đây là năm mươi pistol mà bá tước gửi cùng một chuyến thư cho anh. Tôi đoán là anh không còn tiền và món tiền này đến kịp thời.

-Thưa ông, tôi hãy còn hai mươi pistol.

-Ồ, cứ cầm lấy, thể là bảy mươi đồng.

-Và nếu anh muốn thêm nữa…, – Porthos nói và thọc tay vào túi.

-Xin cảm ơn, – Raoul đỏ mặt nói, – Nghìn lần cảm ơn ông.

Vừa lúc ấy Olivain hiện ra.

-Nhân tiện hỏi anh, – D'Artagnan nói, cố để tên hầu nghe thấy.

-Anh có hài lòng về Olivain không?

-Vâng, cũng được ạ.

Olivain giả tảng không nghe thấy gì và đi vào lều.

-Anh trách gì cái thằng bố láo ấy?

-Nó tham ăn lắm, – Raoul nói.

-Ô! Thưa ông – Olivain nghe lời cáo buộc lại xuất hiện và nói.

-Nó hơi có tính ăn cắp.

-Ô, thưa ông!

-Và nhất là nhát như cáy.

-Ô! ô! ô! Ông ơi, ông bôi xấu tôi, – Olivain nói.

-Gớm nhỉ! – D'Artagnan nói, – Olivain này, hãy nhớ rằng những người như bọn ta không thể để bọn nhút nhát hầu hạ, ăn cắp của chủ, ăn mứt kẹo vả uống rượu vang của chủ còn tha thứ được, chứ nhút nhát thì ta xẻo tai đi. Hãy trông ông Mousqueton kia, bảo ông ấy cho xem những vết thương danh dự, và nhìn

xem tính dũng cảm thường lệ của ông ấy đã tô điểm vẻ uy phong lên gương mặt ông ấy như thế nào.

Mousqueton lên đến chín tầng mây, và nếu hắn dám thì hắn đã ôm hôn d'Artagnan, trong khi chờ đợi hắn tự hứa với mình sẵn sàng chết vì anh nếu như cơ hội đến.

-Raoul hãy tống cổ thằng vô lại này đi, – d'Artagna nói. – Vì nó nhát gan, có ngày nó làm mất thể diện.

-Ông hỏi rằng tôi nhát gan, – Olivain la lên, – Bởi vì hôm nọ ông toan đánh nhau với người cầm cờ của trung đoàn Grammont; và tôi từ chối không đi theo ông.

-Này, Olivain, – D'Artagnan nghiêm khắc nói. – Một tên hầu không bao giờ được trái lệnh.

Rồi kéo nó ra chỗ khác anh bảo: -Nếu chủ mày sai thì mày đã làm đúng, và đây là một êquy thưởng cho mày. Nhưng nếu có bao giờ chủ mày bị lăng nhục mà mày không xả thân vì chủ, thì tao sẽ cắt lưỡi mày và đem quét lên mặt mày đấy. Hãy nhớ lấy!

Olivain cúi mình và nhét đồng êquy vào túi.

-Raoul này, – D'Artagnan nói, – Bây giờ ông Du Vallon và tôi phải đi làm nhiệm vụ sứ giả. Tôi không thể nói với anh là nhằm mục đích gì? Vì chính tôi cũng không biết, nhưng nếu anh cần điều gì thì cứ viêt thư cho bà Madeleine Turquaine ở khách sạn "La Chevrette phố Tiquetonne, và cứ rút tiền ở quỹ đó như ở quỹ nhà băng: tất nhiên cần tiết kiệm vì tôi không dồi dào như quỹ của ông Tổng giám thu d'Emery đâu.

Và sau khi ôm hôn đứa con nuôi tạm thời anh chuyển nó sang cánh tay lực lưỡng của Porthos. Porthos nhấc bổng nó và để nó bám một lúc vào trái tim cao quý của chàng khổng lồ ghê gớm.

-Nào, ta lên đường, – D'Artagnan nói.

Và họ đi Boulogne-sur-Mer, tới nơi trời gần tối, ngựa của họ đẫm mồ hôi và sùi cả bọt mép.

Họ đứng lại trước khi vào thành phố và cách đấy mười bước, có một người trẻ tuổi vận đồ đen trông như đang chờ đợi ai, và khi trông thấy họ, anh ta cứ nhìn chằm chằm mãi.

D'Artagnan đến gần hắn ta và thấy hắn vẫn không rời mắt nhìn mình, anh nói: -Ê, này ông bạn, tôi không thích người ta cứ nhìn mình từ đâu đến chân như vậy.

Người thanh niên không đáp lại câu đó của d'Artagnan mà hỏi.

-Thưa ông, xin ông cho biết ông có phải từ Paris đến không?

D'Artagnan cho rằng đó là một kẻ tò mò nào muốn biết tin tức về kinh đô, nên đáp bằng một giọng mềm mỏng hơn.

-Phải đấy, ông ạ.

-Ông có phải vào nghỉ ở quán Huy hiệu Anh quốc không? Các ông có được Các hạ giáo chủ Mazarin giao cho một sứ mệnh không?

-Có, ông ạ.

Nếu vậy thì chính tôi là người ông cần liên hệ, tôi là Mordaunt.

-A! – D'Artagnan tự nhủ thầm, – Kẻ mà Arthos dặn ta phải coi chừng.

-A – Porthos lẩm bẩm. – Kẻ mà Aramis muốn ta vặn cổ.

Cả hai người chăm chú nhin gã thanh niên.

Gã hiểu lầm cái vẻ nhìn ấy và nói: -Các ông nghi ngờ lời tôi nói chăng? Nếu vậy tôi sẵn sàng đưa ra mọi bằng chứng.

-Không, ông ạ, – D'Artagnan nói, – Chúng tôi sẵn sàng theo ý ông.

-Vậy thì, các ông ơi, – Mordaunt nói, – Chúng ta đi ngay không chậm trễ, bởi vì hôm nay là ngày hạn cuối cùng mà ông giáo chủ đã hẹn với tôi. Tàu của tôi đã sẵn sàng, nếu các ông không đi thì tôi đi một mình, và tướng Olivier Cromwell chắc đang rất sốt ruột đợi tôi trở về.

-A! a, – D'Artagnan nói, – Như vậy là chúng ta được phải đến tướng Olivier Cromwell.

-Ông không mang một bức thư gửi cho Ngài ư? – Người thanh niên hỏi.

-Tôi có một bức thư mà tôi chỉ được mở phong bì ngoài khi tới London, nhưng là vì ông đã nói là phải gửi tới ai rồi, cho nên chẳng cần phải đợi khi tôi đến đó.

D'Artagnan xé luôn phong bì. – Quả thật bức thư để:

"Gửi ngài Olivier Cromwell, tướng lãnh quân đội quốc gia Anh".

-A! – D'Artagnan nói, – Sứ mệnh lạ lùng.

-Ông Olivier Cromo là người như thế nào? – Porthos hỏi khẽ.

-Một người trước làm rượu bia, – D'Artagnan đáp.

-Phải chăng lão Mazarin muốn làm một vụ đầu cơ rượu bia giống như chúng ta đã đầu cơ rơm? – Porthos nói.

-Nào, nào, ta đi thôi, các ông ơi, – Mordaunt sốt ruột nói.

-Ồ, ồ! Không ăn tối à? – Porthos kêu, – Ông Cromwell không chờ được một chút hay sao?

-Vâng, nhưng còn tôi? – Mordaunt nói.

-Ông thì sao? – Porthos hỏi.

-Tôi, tôi rất vội.

-Ồ! Nếu là việc ông thì chẳng can hệ gì đến tôi, – Porthos nói, – Và tôi sẽ ăn tối dù có được phép hay không được phép của ông.

Cái nhìn mơ hồ của gã thanh niên chợt rực lên và như sắp tóe ra một tia chớp, nhưng gã tự kiềm chế.

-Ông ạ, – D'Artagnan nói, – Cần miễn thứ cho những lữ khách đói bụng. Vả lại bữa ăn của chúng tôi chẳng làm ông bị muộn lắm đâu. Chúng tôi sẽ phóng ngay đến quán. Ông cứ đi bộ ra bến, chúng tôi ăn một miếng, rồi sẽ theo kịp ông thôi mà.

-Xin tuỳ ý các ông – Mordaunt nói, – Miễn là chúng ta sẽ ra đi.

-May quá, – Porthos lẩm bẩm.

-Tên tàu là gì? – D'Artagnan hỏi.

-Tàu Standard.

-Được rồi. Nửa giờ nữa chúng ta sẽ lên tàu.

Và đôi bạn thúc ngựa phóng đến quán Huy hiệu Anh quốc.

Vừa phi d'Artagnan vừa hỏi: -Cậu thấy gã thanh niên thế nào?

-Tôi chẳng ưa cái thằng ấy chút nào, – Porthos nói, và tôi chỉ thấy ngứa ngáy chân tay dữ dội, muốn làm theo lời dặn của Aramis.

-Chớ có làm như vậy, – Porthos thân mến ạ; đó là một phái viên của tướng Cromwell. Tôi chắc rằng chúng mình sẽ được tiếp đãi tồi tệ nếu báo cho ông ấy biết là chúng ta đã vặn cổ người bộ hạ tin cẩn của ông ấy.

-Mặc kệ – Porthos nói, – Tôi thấy Aramis là người có ý kiến hay.

-Hãy nghe tôi, – D'Artagnan nói, – Khi sứ mệnh của chúng mình làm xong.

-Thì sao?

-Nếu nó đưa chúng ta trở lại Pháp…

-Sao nữa?

-Thì rồi ta sẽ tính.

Đôi bạn tới quán Huy hiệu Anh quốc ăn uống ngon lành, rồi đi ngay ra cảng. Một con tàu sẵn sàng giương buồm, và trên boong tàu, họ nhận thấy Mordaunt đang đi đi lại lại ra vẻ sốt ruột lắm.

Trong lúc, con thuyền chờ họ ra cặp mạn tàu Standard, d'Artagnan nói: -Cái gã thanh niên kia giống một cách lạ lùng một người nào đó mà mình đã quen, nhưng không nhớ được là ai.

Họ đến chỗ bắc cầu và lát sau đã lên tàu.

Nhưng đưa ngựa lên lâu hơn và đến tám giờ tối mới nhổ neo được.

Gã thanh niên sốt ruột giậm chân và bắt người ta phải kéo buồm lên…

Porthos mệt lử vì ba đêm qua không ngủ và vì một cuộc đường chạy ngựa bảy mươi dặm, vào phòng là ngủ ngay liền.

D'Artagnan kiềm chế nỗi ghê tởm đối với Mordaunt, đi dạo với hắn ở trên boong và kể lể đủ mọi thứ chuyện để buộc hắn phải nói.

Mousqueton thì say sóng.

§57. Người Scotch phản bội lời thề, vì một đồng xu, bán rẻ Đức vua

Giờ đây, xin bạn đọc hãy để mặc con tàu Standard lặng lờ trôi không phải về phía London nơi mà d' Artagnan và Porthos đã ngĩ là sẽ đến, nhưng con tàu lại chạy vế phía Durham, nơi mà Mordaunt trong thời gian lưu trú ở Boulogne-sur-Mer đã nhận được thư từ ra lệnh cho anh ta phải trở về đó. Xin các bạn hãy theo chúng tôi đến danh trại quân đội nhà vua đóng ở bên này sông Tyne, cạnh thành phố Newcastle.

Tại đó, giữa hai con sông, những tấm lều vải của một đội quân nhỏ trải ra trên biên giới giáp xứ Scotch nhưng vẫn ở trên đất Anh. Đã nửa đêm. Qua những bắp chân trần, những vạt áo ngắn, nhưng áo tới sặc sỡ và cái lông chim trang trí trước mũ nỉ của họ, ta vẫn có thể nhận ra những người dân vùng cao nguyên Scoth đang canh phòng uể oải. Mặt trăng lướt giữa hai đám mây lớn. Từng quãng chiếu sáng những khẩu súng hỏa mai của các lính canh và làm nổi bật mạnh mẽ những bức tường, những mái nhà và những tháp chuông của thành phố mà vua Charles I vừa mới nộp cho các toán quân của nghị viện, cũng như thành phố Oxford và Newark, họ còn cầm cự vì ông ta trong niềm hy vọng một sự hoà giải. Trong một mái lều rộng lớn ở một đầu doanh trại, đông đảo sỹ quan Scotch đang họp một cuộc hội nghị do lão bá tước de Loewen vị chỉ huy của họ chủ trì.

Cạnh lều, một người mặc kỵ sỹ đang nằm ngủ trên thảm cỏ, tay phải duỗi ra trên thanh kiếm.

Cách đấy năm chục bước, một người khác cũng vận y phục kỵ sỹ đứng nói chuyện với một lính canh Scotch dường như thông thạo tiếng Anh nên mặc dầu là người nước ngoài anh ta cũng hiểu được những câu trả lời của gã lính canh nói bằng thổ ngữ xứ Perth.

Chuông đồng hồ thành phố Newcastle điểm một giờ sáng, người kỵ sỹ ngủ choàng dậy và sau khi làm mọi cử chỉ của một người tỉnh dậy sau một giấc ngủ sâu, anh ta chăm chú nhìn ngó xung quanh.

Thấy chỉ có một mình mình. Anh đứng lên, rẽ quặt ngang và đi qua chỗ người kỵ sỹ đang nói chuyện với gã lính canh.

Chắc là đã hỏi chuyện xong vì một lát sau anh này từ giã người lính và đàng hoàng đi theo người kỵ sĩ nọ.

Đến chỗ bóng một chiếc lều dựng trên lối đi, người kỵ sĩ đi ra đứng lại đợi bạn và hỏi bằng thứ tiếng Pháp thuần tuý nhất từng được nói từ vùng Rouen đến Tour: -Thế nào, bạn thân mến của tôi?

-Chà? Bạn ơi, chẳng còn thì giờ để mất đâu, cần phải báo trước cho nhà vua.

-Có chuyện gì xảy ra thế?

-Dài lắm, không thể nói được. Vả lại lát nữa cậu cũng sẽ được nghe cơ mà. Hơn nữa, chỉ một lời nói hở ra ở đây là hỏng hết mọi việc. Ta đi tìm Milord de Winter.

Và hai người đi đến phía cuối doanh trại. Do doanh trại chẳng rộng hơn năm trăm bước vuông, chẳng mấy chốc họ đã tới lều của người cần tìm kiếm.

-Tony, chủ của anh ngủ à? – Một kỵ sỹ nói bằng tiếng Anh với tên hầu nằm ở ngăn thứ nhất dùng làm phòng đợi.

-Thưa bá tước, không ạ, – Tên hầu đáp, chắc là không phải, hoặc nếu có ngủ thì cũng chỉ mới chợp mắt thôi, vì rằng sau khi cáo biệt đức vua về, ông chủ tôi cứ đi đi lại lại đến hơn hai tiếng đồng hồ và tiếng bước chân của ông mới ngừng độ một phút. Với lại, ông có thể xem đây, – Tên hầu vua nói thêm vừa vén tấm rèm cửa lên.

Quả thật Winter đang ngồi trước một ở cửa sổ để không khí ban đêm lọt vào, ông buồn rầu nhìn lên mặt trăng đang khuất sau những đám mây đen lớn.

Đôi bạn đi đến gần de Winter. Ông không nghe thấy gì, vẫn cứ ngồi nguyên, đầu tỳ lên bàn tay, mắt ngước nhìn trời. Mãi đến lúc thấy có người đặt tay lên vai mình, ông mới quay lại nhận ra Arthos và Aramis và giơ tay ra bắt tay họ. Ông nói: -Các ông có nhận thấy đêm nay mặt trăng đỏ quá như nhuộm một màu máu không?

-Không – Arthos đáp, – Tôi thấy vẫn như mọi khi.

-Ông hiệp sỹ hãy nhìn xem – de Winter bảo.

-Xin thú thật rằng, tôi cũng đồng ý với bá tước de La Fère, – Aramis đáp, – và tôi thấy chẳng có gì khác thường cả.

-Thưa bá tước, – Arthos nói, – trong một tình cảnh thật là bấp bênh như tình cảnh chúng ta hiện nay, thì chính là cần phải xem xét ngay trên mặt đất, chứ không phải trên trời. Ông đã xem xét những người Scotch của chúng ta chưa và ông có tin chắc họ không?

-Những người Scotch à? – de Winter hỏi, – Những người Scotch nào?

-Ôi, Chúa tôi, – Arthos nói, – những người Scotch của chúng ta chứ còn ai nữa, những người mà nhà vua trông cậy những quân sĩ Scotch của bá tước Loewen.

-Không, – de Winter đáp, rồi ông nói thêm – Như vậy, các ông hãy nói xem có phải các ông không thấy như tôi cái màu đỏ đó kia đang che phủ bầu trời?

-Không thấy một chút nào cả! – Arthos và Aramis cùng đáp.

Vẫn băn khoăn về ý kiến ấy, de Winter lại nói: -Các ông hãy cho tôi biết có đúng là có một truyền thuyết ở Pháp kể rằng trước hôm bị ám sát, vua Henri IV ngồi chơi cờ với ông de Bassompierre và trông thấy có những vết máu ở trên bàn cờ phải không?

-Phải – Arthos đáp, – Và ngài thống chế kể lại cho tôi nghe nhiều lần.

-Thế đấy, – de Winter lẩm bẩm – Và ngày hôm sau Henri IV bị giết chết.

-Nhưng bá tước ơi, cái ảo ảnh của Henri IV có liên quan gì đến ông kia chứ? – Aramis hỏi.

-Chẳng có gì cả, các ông ạ; kể ra tôi cũng điên rồ đi bàn với các ông những chuyện như vậy, khi mà vào giờ này các ông đến lều tôi chắc hẳn có tin tức gì quan trọng.

-Vâng, thưa Milord, – Arthos nói, – Tôi muốn nói chuyện với đức vua.

-Với đức vua ư? Nhưng vua đang ngủ.

-Tôi cần tiết lộ với vua những điều rất hệ trọng.

-Những chuyện đó để đến mai không được ư?

-Cần để vua biết ngay bây giờ, và có lẽ cũng đã quá muộn.

-Thế thì vào ngay đi, – de Winter nói.

Lều của de Winter dựng cạnh lề vua, hai lều thông nhau bằng một thứ hành lang. Việc canh phòng hành lang ấy không giao cho lính gác mà giao cho một tên hầu phòng tin cẩn của vua Charles I để trong trường hợp khẩn cấp nhà vua có thể liên hệ ngay với người bầy tôi trung thành của mình.

-Các ông này đi cùng với tôi, – de Winter nói.

Tên hầu cúi chào và để cho đi qua.

Quả thật vua Charles I không cưỡng nổi cơn buồn ngủ đang ngủ thiếp đi trên một chiếc giường dã chiến, mặc áo chẽn đen, chân đi ủng dài, thắt lưng nới lỏng, mũ để bên mình. Mấy người tiến lại.

Arthos đi đầu lặng yên ngắm nghía một lát bộ mặt thanh tao mà tái nhợt khuôn trong mớ tóc đen dài dính vào thái dương bởi mồ hôi của một giấc ngủ thảng thốt, những đường gân xanh to nổi lên như căng đầy nước mắt dưới cặp mắt mệt mỏi.

Arthos buông một tiếng thở dài; tiếng thở dài ấy khiến vua tỉnh dậy đủ biết nhà vua ngủ chập chờn như thế nào.

Vua mở mắt, rồi chống khuỷ tay nhổm người lên và nói: -A! Bá tước de La Fère đấy à?

-Vâng, thưa Hoàng thượng, – Arthos đáp.

-Ông thức canh chừng trong khi tôi ngủ, và ông mang tin tức gì đến cho tôi phải không?

-Chao ôi! – Arthos đáp. – Hoàng thượng đoán đúng.

-Tin tức xấu, phải không? – Vua rầu rầu mỉm cười và nói.

-Vâng thưa Hoàng thượng.

-Không sao, người mang tin là người được hoan nghênh, vả chẳng bao giờ ông đến tôi mà không làm cho tôi vui lòng. Ông do Henriette cử đến tôi, lòng tận tụy của ông không cần biết đến Tổ quốc đến tai hoạ.

Tin tức mà ông mang đến, dù thế nào đi nữa, ông cứ nói hẳn hoi.

-Thưa Hoàng thượng, ông Cromwell đã đến Newcastle tối nay.

-A! Để đánh tôi chăng? – Vua nói.

-Không đâu, thưa Hoàng thượng, để mua ngài.

-Ông nói gì thế?

-Thưa Hoàng thượng, tôi nói rằng ngài còn nợ quân đội Scotch bốn trăm nghìn livres

-Về tiền lương muộn trả? Phải, tôi biết. Từ gần một năm nay những người Scotch dũng cảm và trung thành của tôi chiến đấu vì danh dự.

Arthos mỉm cười, nói: -Ấy thưa ngài, dù danh dự là một điều tốt đẹp, họ cũng chán chiến đấu vì nó rồi, và đêm nay họ đã bán ngài lấy hai trăm nghìn livres, tức là một nửa số tiền nợ họ.

-Không thể có chuyện ấy được, – Nhà vua kêu lên – Người Scotch bán vua của họ lấy hai trăm nghìn livres.

-Những người Do Thái rõ ràng đã bán Chúa của họ lấy ba mươi xu.

-Thế tên Judas nào đã làm cái việc mua bán đê mạt ấy?

-Bá tước de Loewen.

-Ông có chắc chắn không?

-Tôi đã nghe điều đó bằng chính tai mình.

Nhà vua buông một tiếng thở dài, dường như trái tim ông tan vỡ và gục đầu vào hai bàn tay mình.

-Ôi Những người Scotch – Ông nói,

- Những người Scotch mà ta gọi là những kẻ trung thành của ta những người Scotch mà ta gửi gắm thân mình khi ta trốn thoát ở Oxford, những người Scotch! Đồng bào của ta, những người Scotch! Anh em của ta! Nhưng ông ơi, ông có thật chắc chắn như thế không?

-Nằm sau tấm lều của bá tước de Loewen và vén rèm lên, tôi đã trông thấy hết cả và nghe thấy hết cả.

-Thế khi nào thì việc mua bán ghê tởm ấy phải hoàn tất?

-Trong buổi sáng ngày hôm nay. Hoàng thượng thấy đấy, không thể chậm trễ được nữa.

-Để làm gì cơ chứ, bởi vì ông nói rằng tôi đã bị bán rồi cơ mà.

-Để vượt qua sông Tyne, để sang đất Scotch, để đến với Lord Montrose, ông ta không bán ngài.

-Tôi sẽ làm gì ở Scotch? Làm một cuộc chiến tranh du kích ư? Một kiểu chiến tranh như vậy chẳng xứng dáng với một ông vua.

-Tấm gương của Robert Bruce[252] còn đó để xá miễn cho ngài.

-Không, không, tôi chiến đấu quá lâu rồi. Nếu chúng muốn bán tôi chúng cứ việc nộp tôi đi, và nỗi hổ nhục muôn đời về sự phản phúc của họ sẽ rơi xuống đầu họ.

-Thưa Hoàng thượng, – Arthos nói,

-Có thể một ông vua phải hành động như vậy, nhưng một người chồng hay một người cha không nên hành động như vậy. Tôi đến đây nhân danh vợ và con gái của ngài, và nhân danh vợ và con gái và hai con nữa của ngài đang còn ở London, tôi xin nói với ngài rằng: Thưa Ngài, Ngài phải sống, Thượng đế muốn như vậy?

Nhà vua đứng dậy, siết chặt dây lưng, gài thanh kiếm, lấy khăn lau mồ hôi trán và nói: -Vậy thì, phải làm gì bây giờ?

-Thưa ngài, trong tất cả quân đội của ngài có một trung đoàn nào ngài có thể trông cậy không?

-De Winter, – Vua nói, – Ông có tin vào sự trung thành của trung đoàn ông không?

-Thưa Hoàng thượng, đó là những con người, mà những con người dễ trở thành rất yếu đuối hoặc rất độc ác. Tôi tin ở sự trung thành của họ, nhưng tôi không dám bảo đảm, tôi có thể gửi gắm tính mạng tôi cho họ nhưng tôi do dự khi phải gửi gắm họ tính mạng của Hoàng thượng.

-Thế này vậy, – Arthos nói, – không có trung đoàn, chúng ta có ba người tận tụy, thể là đủ. Xin Hoàng thượng hãy lên ngựa, đi ở giữa chúng tôi, chúng ta sẽ vượt qua sông Tyne, sang đất Scotch và chúng ta sẽ thoát.

-Ông có đồng ý như thế không, de Winter? – vua hỏi.

-Có, thưa Hoàng thượng.

-Còn ông hiệp sĩ D'Herblay?

-Thưa ngài, tôi đồng ý.

-Vậy thì phải làm theo như các ông đã muốn, de Winter, hãy ra lệnh đi!

De Winter đi ra, trong khi ấy vua sửa sang y phục.

Những tia sáng đầu tiên của ban ngày bắt đầu lọt qua những ô cửa lều, thì de Winter vào.

-Thưa ngài, tất cả đã sẵn sàng, – Ông nói.

-Còn chúng ta? – Arthos hỏi.

-Grimaud và Blaisois đã thắng ngựa xong rồi.

-Thế thì, – Arthos nói, – ta không để mất một phút nào nữa và đi ngay.

-Ta ra đi nào, – Vua nói.

-Thưa ngài, – Aramis nói, – Ngài không bảo cho bè bạn biết à?

-Bạn bè của tôi ư, – Charles I buồn bã lắc đầu nói, – Tôi chẳng còn bạn bè nào khác ngoài ba ông ra. Một người bạn hai mươi năm chẳng bao giờ quên tôi; hai người bạn mà tám ngày tôi sẽ không bao giờ quên. Ta đi thôi, các ông, ta đi thôi.

Vua ra khỏi lều và thấy ngựa của mình đã sẵn sàng. Đó là một con ngựa màu vàng nhạt mà ông cưỡi được ba năm rồi và rất quý mến nó.

Con ngựa trông thấy ông, mừng rỡ hí lên.

-A! – Vua nói, – Ta hơi bất công, còn đây nữa, nếu không phải một người bạn thì ít ra cũng là một sinh vật yêu mến ta. Mày, mày sẽ trung thành với ta phải không, Arthus?

Như hiểu những lời nói đó, con ngựa giơ cái mũi bốc khói đến gần mặt vua và mừng rỡ nhếch mép lên để lộ hàm răng trắng nhơn.

-Phải rồi, phải rồi – Nhà vua lấy hai tay vuốt ve nó và nói, – Tốt lắm, Arthus, ta hài lòng về mày.

Và với cái dáng bộ nhẹ nhàng đã khiến nhà vua nổi tiếng là một trong những kỵ sĩ giỏi nhất châu Âu, Charles nhảy phắt lên mình ngựa, rồi quay lại phía Arthos, Aramis, và de Winter, ông nói: -Nào, tôi chờ các ông đây.

Nhưng Arthos vẫn đứng yên, mắt đăm đăm và tay giơ về phía một vạch đen men theo bờ sông Tyne và trải ra trên một chiều dài gấp đôi bề dài của doanh trại. Giữa lúc còn đang tranh tối tranh sáng, anh chưa phân biệt được rõ ràng và nói: -Đường vạch kia là cái gì ấy nhỉ? Hôm qua tôi không trông thấy.

-Chắc là sương mù từ sông bốc lên, – Vua nói.

-Thưa ngài, đó là một cái gì đặc và chắc hơn là hơi nước.

-Đúng vậy – de Winter nói, – Tôi thấy như một hàng rào chắn màu đo đỏ.

-Đấy là quân địch, – Arthos kêu lên, – Chúng từ Newcastle ra và bao vây chúng ta.

-Quân địch, – Vua nói. – Đúng là quân địch. Muộn quá rồi, kia kìa! Bên cạnh thành phố, chỗ có mặt trời, các ông có thấy những sườn sắt lấp lánh không?

Người ta gọi như vậy những lính mặc giáp sắt mà Cromwell trang bị cho các đội cận vệ.

-A! – vua nói, – chúng ta sắp được biết có đúng là những người Scotch của ta phản bội không?

-Ngài làm gì bây giờ? – Arthos hỏi.

-Ra lệnh cho họ công kích và cùng với họ đè bẹp những quân phiến loạn kia.

Và nhà vua thúc ngựa phóng đến lều của bá tước de Loewen.

-Chúng ta hãy đi theo ngài, – Arthos bảo.

-Nào ta đi, – Aramis nói.

-Nhà vua bị thương chăng – de Winter nói, – tôi trông thấy những vết máu trên mặt đất.

Và ông phóng theo hai người bạn. Arthos ngăn ông lại, bảo: -Ông đi tập hợp trung đoàn ông lại; tôi thấy thế nào chúng ta sẽ cần đến nó.

De Winter quay ngựa lại, còn đôi bạn tiếp tục đi.

Vài giây sau, vua tới lều của viên tướng tổng chỉ huy quân đội Scotch, vua nhảy xuống đất và bước vào.

Viên tướng đang ở giữa các chỉ huy chủ yếu.

-Đức vua? – Họ vừa kêu vừa đứng lên và nhìn nhau với vẻ kinh ngạc.

Charles đứng trước mặt họ, mũ trên đầu, lông mày nhíu lại, ông cầm roi ngựa vụt vào chiếc ủng của mình mà nói: -Phải rồi các ông ạ, đích thân nhà vua đây; nhà vua đến hỏi các ông về tình hình xảy ra.

-Thưa ngài, có chuyện gì ạ? – Bá tước dờ Loewen hỏi.

Nổi giận đùng đùng, vua nói: -Có chuyện gì à? Tướng Cromwell đã đến Newcastle đêm qua, các ông biết mà tôi không được thông báo; có chuyện là quân địch ra khỏi thành phố và chặn đường qua sông Tyne, các lính canh ắt phải trông thấy cuộc vận động đó, vậy mà tôi không được thông báo; có chuyện là bằng một hiệp ước hèn hạ, các ông đã bán đứng nhà vua cho nghị viện lấy hai trăm nghìn livres, ít ra là tôi được thông bảo về việc đó. Đấy, những chuyện ấy đấy, các ông ạ. Tôi buộc tội các ông, các ông hãy trả lời hoặc thanh minh đi.

-Thưa Hoàng thượng, – Bá tước de Loewen lắp bắp – Ngài đã lầm vì một báo cáo sai nào đó.

-Chính mắt tôi trông thấy quân đội địch trải ra giữa tôi và xứ Scotch, – Charles I nói, – và hầu như tôi có thể nói rằng chính tai tôi đã nghe bàn luận những điều khoản của cuộc mua bán ấy.

Những viên chỉ huy Scotch đến lượt mình nhíu lông mày lại nhìn nhau.

Hổ thẹn chín người, bá tước de Loewen lẩm bẩm: -Thưa hoàng thượng, chúng tôi sẵn sàng trình với ngài mọi bằng chứng.

-Ta chỉ cần mỗi một bằng chứng thôi, – Vua nói. – Hãy đưa quân đội ra chiến đấu và tiến thẳng đến quân thù.

-Thưa ngài, không thể được?

-Có ai ngăn cản vậy – Charles I quát lên.

-Hoàng thượng biết rằng có đình chiến giữa chúng ta và quân đội Anh, – Bá tước đáp.

-Nếu có đình chiến thì quân Anh cũng phá bỏ nó rồi khi chúng ra khỏi thành phố trái với những điều ước buộc chúng phải ở yên trong thành. Ta đã nói với các ông rằng các ông phải cùng tôi xuyên qua quân địch và trở về Scotch. Nếu các ông không làm như vậy thì được? Hãy chọn lựa giữa hai cái tên nó phân biệt những kẻ đáng khinh bỉ và phỉ nhổ với những con người khác. Hay là các ông là những kẻ hèn nhát, hoặc các ông là những kẻ phản bội?

Mắt của những người Scotch rừng rực lên như ta thường thấy trong những tình huống tương tự. Họ đi từ chỗ cực kỳ hổ thẹn đến chỗ cực kỳ trâng tráo, và hai viên tộc trưởng xông đến bên cạnh nhà vua.

-Thế thì phải đấy, – Họ nói, – Chúng tôi đã hứa giải thoát xứ Scotch và nước Anh khỏi tay những kẻ uống máu và vàng bạc của xứ Anh và Scoch. Chúng tôi đã hứa và chúng tôi giữ lời.Vua Charles Stuart, ông là tù nhân của chúng tôi!

Và cả hai người cùng giơ tay ra để bắt giữ nhà vua.

Nhưng trước khi ngón tay của họ chạm đến người vua thì cả hai đã ngã xuống, một người ngất đi và một người chết.

Arthos đã đập đầu một người bằng báng súng và Aramis đã dùng kiếm đâm xuyên qua thân hình người kia.

Bá tước de Loewen và những chỉ huy khác lùi lại trước sự cứu viện bất ngờ như từ trên trời rơi xuống người mà họ tưởng đã là tù nhân của họ. Nhân đó Arthos và Aramis kéo nhà vua ra khỏi mái lều phản bội mà ông đã mạo hiểm dấn thân mình vào một cách đến là thiếu thận trọng rồi cả ba người phóng ngựa trở về. Họ gặp de Winter dẫn đầu trung đoàn mình đang tiến lại. Vua ra hiệu cho ông đi theo mình.

§58. Lễ phục thù

Bốn người đi vào trong lều. Thực tế chưa có một kế hoạch hành động nào phải quyết định ngay một kế mới. Nhà vua buông mình xuống chiếc ghế bành và nói.

-Tôi thất bại rồi.

-Không đâu, thưa Ngài, – Arthos nói, – Ngài chỉ bị bội phản thôi.

Vua buông một tiếng thở dài.

-Bị phản bội, bị phản bội bởi những người Scotch mà tôi đã sinh ra giữa lòng họ, mà tôi bao giờ cũng ưu ái hơn người Anh. Ôi! Bọn khốn khiếp!

-Thưa ngài, bây giờ không phải là lúc trách móc mà là lúc tỏ ra ngài là vua và nhà quý tộc. Đứng lên, ngài hãy đứng lên? Vì rằng ở đây ít ra ngài cũng có ba người sẽ không phản bội ngài, ngài có thể yên tâm! A! Nếu như chúng ta có tới năm người. – Arthos lẩm bẩm, nghĩ đến d'Artagnan và Porthos.

-Ông nói gì vậy? – Charles đứng lên và hỏi.

-Thưa ngài, tôi nói rằng chỉ còn có một cách. Milord de Winter chịu trách nhiệm về trung đoàn của ông hoặc na ná như vậy, ta không tranh cãi về chữ nghĩa; ông dẫn đầu quân của ông; chúng tôi đi bên cạnh Hoàng thượng; chúng ta chọc thủng những chỗ trong quân đội của Cromwell và chúng ta sẽ đi sang Scotch.

-Còn một cách nữa, – Aramis nói – đó là một người trong chúng ta mặc quần áo và cưỡi ngựa của vua, trong khi quân địch bám theo người ấy, nhà vua có lẽ đi thoát.

-Ý kiến hay lắm – Arthos nói, – và nếu Hoàng thượng muốn ban vinh dự đó cho một người trong số chúng tôi, chúng tôi sẽ rất biết ơn.

-Ông thấy lời khuyên ấy thế nào, de Winter? – Vua nói và nhìn với vẻ khâm phục hai người kia mà sự bận tâm duy nhất là chọn cho mình những nỗi nguy hiểm đe doạ nhà vua.

-Thưa Hoàng thượng, nếu như có một cách để cứu vua thì đó chính là kiến nghị mà ông D'Herblay vừa mới đề ra. Cho nên chúng tôi tha thiết xin Hoàng thượng lựa chọn ngay vì chúng ta không còn thì giờ nữa.

-Nhưng nếu tôi chấp nhận, thì đó là cái chết, ít ra cũng là một người tù tội đối với người đóng vai tôi.

-Đó là niềm vinh dự đã cứu được vua của mình! – de Winter nói.

Nhà vua nước mắt lưng tròng nhìn người bạn già của mình, tháo dải huy chương Thánh linh mà ông đã đeo để nghênh tiếp hai người Pháp đi theo mình và quàng vào cổ de Winter đang quỳ xuống để nhận cái dấu hiệu kinh khủng của tình thân hữu và lòng tin cậy của vua mình.

-Thật là chính đáng, – Arthos nói, – Ông ấy phụng sự lâu hơn chúng ta nhiều.

Nghe vậy, nhà vua quay lại nhìn rưng rưng nước mắt và nói: -Các ông hãy đợi một lát, tôi vẫn còn hai dải huân chương để ban cho các ông.

Rồi ông đến chỗ cái tủ huân chương của chính mình lấy ra hai dải huân chương Jarretière.

Arthos vội nói: -Những huân chương này không thể dành cho chúng tôi.

-Tại sao vậy ông? – Charles hỏi.

-Những huân chương này hầu như chỉ dành cho những bậc vương hầu mà chúng tôi chỉ là những nhà quý tộc bình thường.

-Ông thử điểm qua tất cả những ngai vàng có mặt trên mặt đất này, – Nhà vua nói, – Và tìm xem có những trái tim nào lớn hơn trái tim của các ông không. Không, không, các ông không thừa nhận giá trị của mình nhưng tôi đây, tôi công nhận nó. Hãy quỳ xuống, bá tước.

Arthos quỳ xuống vua quàng cho anh giải huân chương từ trải qua phải như thường lệ và nâng thanh kiếm lên, rồi đáng lẽ dùng câu nói thường lệ: "Trẫm tặng thưởng huân chương này cho khanh, khanh hãy dũng cảm, trung thành và chính trực", thì vua nói: -Ông bá tước, ông dũng cảm, trung thành và chính trực, tôi tặng thưởng huân chương này cho ông.

Rồi ông quay sang phía Aramis, vua bảo: -Ông hiệp sỹ, đến lượt ông.

Và nghi thức cũng lại bắt đầu với những lời như vậy, trong khi de Winter nhờ các giám mã cởi chiếc áo giáp đồng đang mặc ra để trông giống vua hơn.

Trao huân chương cho Aramis xong, vua ôm hôn cả Aramis và Arthos.

Đứng trước một tấm gương tận tụy lớn lao như vậy, de Winter lấy lại mọi sức lực và can đảm của mình và nói: -Thưa Hoàng thượng chúng tôi đã sẵn sàng.

Nhà vua nhìn ba người quý tộc và hỏi: -Như vậy ta phải chạy trốn à?

-Thưa Hoàng thượng, – Arthos nói, – Đi trốn xuyên qua một đội quân, ở khắp các nước trên thế giới coi là công kích.

-Như vậy, – Charles nói – ta sẽ cầm kiếm ở trong tay mà chết.

-Ông bá tước, ông hiệp sỹ ơi, nếu như có bao giờ tôi còn là vua…

-Thưa Hoàng thượng, ngài đã ban vinh dự cho tôi nhiều hơn là thuộc về nhưng người quý tộc bình thường, như vậy chúng tôi mới là người mang ơn.

-Nhưng thôi ta đừng để mất thì giờ, vì ta đã để mất khá nhiều rồi đó.

Nhà vua bắt tay lần cuối cùng cả ba người, đổi mũ với de Winter, rồi đi ra.

Trung đoàn của de Winter đứng trên một nền đất cao vượt doanh trại, vua cùng với ba người bạn đi ra đó.

Doanh trại lính Scotch như đã tỉnh giấc hẳn; mọi người ra khỏi lều và đến xếp hàng như để đi chiến đấu.

-Nhìn xem, – vua nói – Phải chăng họ hối hận và sẵn sàng ra trận.

-Thưa Hoàng thượng, – Arthos nói, – Nếu họ hối hận thì họ sẽ đi theo chúng ta.

-Được – vua nói, – Ta làm gì bây giờ?

-Ta hãy xem xét quân đội địch, – Arthos nói.

Cả nhóm người đều dán mắt vào cái vạch thẳng mà lúc tảng sáng họ tưởng là sương mù và bây giờ những tia nắng đầu tiên tố giác là một đạo quân bố trí chiến đấu. Không khí trong lành như thường thấy vào lúc sớm tinh mơ này. Người ta phân biệt rõ ràng những trung đoàn, những lá cờ và đến cả màu sắc các binh phục và ngựa.

Lúc ấy Arthos trông thấy trên một ngọn nhỏ hơi nhô ra phía trước phòng tuyến địch, xuất hiện một người dáng thấp, đậm và nặng nề. Người ấy đứng giữa mấy sỹ quan và đang chĩa ống nhòm sang nhóm người có vua đứng.

-Người ấy, – Aramis nói, – Có quen biết Hoàng thượng không?

Charles mỉm cười, nói: -Người ấy là Cromwell.

-Vậy thì ngài hãy sụp mũ xuống để ông ta khỏi nhận ra sự thay thế.

-Ôi, – Arthos nói, – Chúng ta đã mất nhiều thì giờ rồi.

-Vậy thì, – Vua nói, – Ban mệnh lệnh và ta đi thôi.

-Ngài ra lệnh chứ? – Arthos hỏi.

-Không, tôi phong ông làm trung tướng, – Vua nói.

-Vậy thì, – Arthos nói, hãy nghe đây, Milord de Winter, thưa Hoàng thượng, xin ngài hãy đứng xa ra; điều chúng tôi sắp nói ra đây không liên can đến Hoàng thượng.

Vua mỉm cười và lùi lại ba bước.

-Tôi đề nghị như thế này, – Arthos nói. – Ta chia trung đoàn của ta ra làm hai đội kỵ binh ông dẫn đầu đội thứ nhất, Hoàng thượng và chúng tôi dẫn đầu đội thứ hai. Nếu không có gì đến cản trở lối đi của chúng ta, thì tất cả chúng ta cùng công kích để chọc thủng phòng tuyến địch và ta sẽ nhảy xuống sông Tyne, rồi lội hoặc bơi qua. Trái lại nếu quân địch ngăn cản chúng ta trên đường, thì ông và quân của ông hãy liều chết cho đến người cuối cùng; còn chúng tôi và vua tiếp tục tiến theo đường của mình. Một khi chúng tôi tới bờ sông, nếu đội kỵ binh của ông làm tròn nhiệm vụ của mình thì dù địch có đông dày đến ba hàng chúng tôi cũng đánh bằng được.

-Lên ngựa! – Winter nói.

-Lên ngựa! – Arthos nói, – mọi việc đã được tính trước và quyết định rồi.

-Vậy thì, – vua nói, – Các ông tiến lên! Và ta sẽ tập hợp nhau lại bằng mật khẩu xưa kia của Pháp: Montjoie và Saint-Denis! Tiếng kêu của nước Anh bây giờ đang được nhắc lại bởi quá nhiều kẻ phản bội.

Mấy người lên ngựa, vua lên ngựa của de Winter, de Winter lên ngựa của vua, rồi de Winter đứng lên hàng đầu của đội kị binh thứ nhất vua với Arthos bên

phải và Aramis bên trái, đứng lên hàng đầu đội kỵ binh thứ hai.

Tất cả quân đội Scotch nhìn những sự chuẩn bị đó, với sự bất động và im lặng của nỗi hổ thẹn.

Có mấy viên chỉ huy đi ra khỏi hàng ngũ và bẻ gãy gươm kiếm của mình.

-Hay! – Vua nói, – Điều đó an ủi ta không phải tất cả họ là phản bội.

Lúc ấy tiếng de Winter vang lên, ông hô: -Tiến lên!

Đội kỵ binh thứ nhất chuyển động, đội thứ hai nối theo và đi xuống khỏi nền đất cao.

Một trung đoàn giáp sĩ địch quân số gần bằng bên này đang triển khai từ phía sau ngọn đồi và rạp ngựa phóng sang nghinh chiến.

Vua chỉ sang Arthos và Aramis xem diễn biến đó.

-Thưa ngài, – Arthos nói, – Trường hợp này đã được tính trước, nếu như quân sĩ của de Winter làm nhiệm vụ của mình, thì sự kiện này sẽ cứu chúng ta, chứ không phải làm hại chúng ta.

Giữa lúc ấy vượt lên tất cả tiếng ngựa phi ngựa hí, tiếng de Winter vang lên: -Tuốt kiếm ra tay!

Nghe mệnh lệnh ấy tất cả các thanh kiếm tuốt ra khỏi vỏ như những ánh chớp.

Say sưa vì tiếng ồn ào và quang cảnh đó, vua cũng hô lên: -Nào, các ông tuốt kiếm ra tay.

Nhưng nghe mệnh lệnh ấy mà vua làm gương, chỉ có Arthos và Aramis tuân theo.

-Chúng ta bị phản bội rồi, – Vua nói nhỏ.

-Khoan đã, Arthos nói. – Có lẽ họ không nhận ra tiếng hoàng thượng và đợi mệnh lệnh của viên chỉ huy đội của họ.

Họ lại không nghe thấy mệnh lệnh của đại tá họ hay sao! Nhưng xem kìa!- Vua kêu lên và ghìm ngựa đứng phắt lại khiến nó khuỵu chân xuống và vua phải túm lấy dây cương ngựa của Arthos.

-A! a, đồ khốn mạt! Đồ phản trắc! – de Winter la lên trong khi quân của ông rời hàng ngũ chạy tản mác ra ngoài cánh đồng.

Chỉ có khoảng mười lăm người ở lại quanh ông và đợi chờ cuộc công kích của đội giáp sĩ của Cromwell.

-Ta hãy ra cùng chết với họ – Vua nói.

-Ta cùng chết! – Arthos và Aramis cùng nói.

-Tất cả những trái tim trung thành hãy đến với tôi! – de Winter hô to.

-Tiếng hô đó vang đến tai đôi bạn, họ phóng vút ngựa lên.

-Không dung tha! – Một lời hô bằng tiếng Pháp bỗng vang lên đáp lại lời hô của de Winter một giọng nói khiến họ rùng mình.

Còn de Winter nghe giọng nói đó tái người đi và như hoá đá.

Giọng nói ấy là của một kị sĩ cưỡi trên một con tuấn mã màu đen, dẫn đầu một trung đoàn Anh mà trong khi công kích thật hăng hái anh ta đã vượt trước đến mười bước.

-Chính hắn? – de Winter lẩm bẩm, mắt nhìn trân trân và buông thõng thanh kiếm bên mình. Trông thấy dải huân chương màu lơ và con ngựa màu vàng nhạt của de Winter, nhiều người đã lầm lẫn và kêu: -Vua! Vua.

-Không phải, không phải vua đâu!- Người kỵ sĩ nọ kêu lên – Đừng có lầm lẫn. Có phải không, Milord de Winter, rằng ông không phải là vua? Có phải ông là bác của tôi không?

Và cùng lúc ấy, Mordaunt, vì chính là hắn chĩa nòng súng ngắn vào de Winter, súng nổ, viên đạn xuyên qua ngực của vị quí tộc già khiến ông nảy bật người trên yên và ngã vào trong tay Arthos.

Ông lẩm bẩm: -Kẻ phục thù!

-Mi hãy nhớ đến mẹ ta – Mordaunt vừa hét lên vừa nhảy băng qua do ngựa phóng quá đà.

-Đồ khốn kiếp! – Aramis vừa kêu vừa nã một phát súng gần như sát đầu nòng vào Mordaunt do hắn đi sát gần anh; nhưng chỉ có kíp nổ còn đạn xịt.

Lúc ấy cả trung đoàn địch xông vào đoàn người đã chống cự.

Hai người Pháp bị vây quanh dồn ép, bao trùm. Sau khi biết chắc là de Winter chết, Arthos buông xác ông ta tuốt kiếm và bảo bạn.

-Nào, Aramis, vì danh dự của nước Pháp.

Và hai lính Anh ở sát gần hai nhà quí tộc ngã gục ngay xuống bị đánh tử thương.

Ngay lúc ấy một tiếng hò la khủng khiếp vang lên và ba chục lưỡi kiếm lấp lánh trên đầu họ.

Bỗng nhiên một người lao ra từ giữa hàng ngũ quân Anh mà anh ta xô đẩy và nhảy bổ vào Arthos, ôm chặt lấy anh bằng đôi tay gân guốc của mình, giằng lấy thanh kiếm của anh và nói vào tai anh: -lm lặng! Đầu hàng đi! Đầu hàng tôi tức là không đầu hàng.

Một người khổng lồ cũng nắm lấy hai cổ tay Aramis và ôm chặt lấy anh khiến anh cố vùng vẫy mà không thoát ra được.

-Đầu hàng đi! – Người ấy nói và nhìn anh chằm chặp.

Aramis ngẩng đầu lên và Arthos quay lại:

D'art…, – Arthos vừa kêu lên thì bị chàng Gascon bịt chặt lấy miệng: -Tôi xin hàng? – Aramis vừa nói vừa đưa thanh gươm cho Porthos.

-Bắn! Bắn! – Mordaunt trở lại chỗ đôi bạn và hô.

-Tại sao lại bắn? – Viên đại tá nói, – Tất cả mọi người đều đầu hàng rồi.

-Con trai của Milady, – Arthos bảo d'Artagnan.

-Tôi đã nhận ra nó.

-Tên mục sư đấy, – Porthos bảo Aramis.

-Tôi biết rồi.

Cùng lúc ấy, các hàng ngũ bắt đầu dãn mở ra.

D'Artagnan cầm lấy cương ngựa Arthos, và Porthos cầm cương ngựa Aramis. Mỗi người cố đưa tù binh của mình ra xa bãi chiến trường.

Cuộc chuyển dịch ấy để lộ nơi de Winter đã ngã xuống. Với bản năng thù hằn, Mordaunt đã tìm lại ông, từ trên lưng ngựa cúi xuống nhìn ông với một nụ cười khả ố.

Arthos vốn điềm tĩnh là thế, thò tay vào bao súng hãy còn súng.

-Anh làm gì thế? – D'Artagnan hỏi.

-Hãy để tôi giết nó.

-Không được có một cử chỉ nào khiến người ta có thể cho rằng anh biết nó, nếu không thì cả bốn chúng ta cùng đi đời.

Rồi quay về phía gã thanh niên, anh nói: -Bắt được món bở! Ông bạn Mordaunt này, bắt được món bở!

-Ông du Vallon và tôi mỗi người đều có một tù binh: những người được tặng huân chương Jarretière.

Mordaunt nhìn Arthos và Aramis bằng cặp mắt đỏ ngàu và nói: -Nhưng mà tôi thấy hình như đây là những người Pháp.

-Thực tình tôi chẳng biết gì cả, – D'Artagnan nói và hỏi Arthos – Ông là người Pháp phải không?

-Đúng, tôi là người Pháp, – Arthos trịnh trọng đáp.

-Thế thì ông bạn thân mến ơi. Ông đang là tù binh của người đồng quốc đấy.

-Nhưng vua đâu? – Arthos băn khoăn hỏi – Vua đâu?

-Ê! Chúng tôi bắt giữ vua rồi.

-Phải, – Aramis nói, – Bằng một sự phản bội đê hèn.

Porthos bấm tay bạn và mỉm cười nói: -Ồ, thưa ông, chiến tranh tiến hành bằng cả vũ lực lẫn sự khôn ngoan. Trông kìa!

Quả nhiên lúc ấy người ta trông thấy đội kỵ binh phải bảo vệ cuộc rút chạy của Charles đang tiến ra đón trung đoàn Anh; họ quây quanh vua đang đi bộ một mình trong khoảng trống. Ông hoàn trông bình thản, nhưng người ta thấy rõ ông đã phải chịu đựng đau khổ như thế nào để tỏ ra bình thản; vì vậy mồ hôi chảy ròng ròng trên trán ông và ông lau thái dương và môi ông bằng một chiếc khăn tay cứ mỗi lần khăn rời khỏi miệng lại thấy nhuộm máu.

-Đây là Nabuchodonosor[253]! – Một giáp sĩ cựu thanh giáo của Cromwell trông thấy kẻ mà người ta gọi là bạo chúa kêu lên.

-Ông nói gì vậy, Nabuchodonosor à? – Mordaunt nói với một nụ cười ghê rợn. – Không đâu, đây là vua Charles I, ông vua Charles tử tế đã tước đoạt của các thần dân để thừa hưởng.

Charles ngước mắt nhìn xem kẻ láo xược nào nói như vậy, nhưng không nhận ra hắn. Tuy nhiên vẻ uy nghiêm bình thản và sùng tín của gương mặt ông khiến mắt của Mordaunt phải cụp xuống.

Nhìn thấy hai người bạn quí tộc, một ở trong tay d'Artagnan, một ở trong tay Porthos, vua nói: -Xin chào các ông! Ngày hôm nay tệ hại quá, nhưng ơn Chúa, không phải lỗi tại các ông. Ông bạn già de Winter của tôi đâu?

Hai người quí tộc quay đầu lại và im lặng.

-Hãy tìm xem Straffordd đâu[254] ở đâu, – Mordaunt nói bằng cái giọng the thé.

Charles rùng mình: tên quỷ sứ đã đánh trúng. Strafford là nỗi ân hận đời đời, là bóng đen ban ngày, là ma quái ban đêm của ông: Vua nhìn xung quanh và thấy một xác chết dưới chân mình, đó là de Winter.

Charles không kêu một tiếng, không rỏ một giọt nước mắt, song mặt ông tái nhợt hẳn. Ông quỳ một chân xuống đất, nâng đầu de Winter dậy và hôn lên trán. Rồi tháo dải huân chương Thánh linh mà ông đã quàng vào cổ bạn, ông thành kính đặt lên ngực mình.

-De Winter bị giết rồi à? – D'Artagnan dán mắt vào xác chết và hỏi.

-Ừ, bởi tay thằng cháu ông ấy, – Arthos nói.

-Ồ, thế thì người đầu tiên trong chúng ta ra đi, – D'Artagnan lẩm bẩm, – Đó là một con người dũng cảm, cầu cho ông được yên nghỉ.

Vua vừa mới lấy lại những huy hiệu của vương vị xong, thì viên đại tá chỉ huy trung đoàn tiến lại và bảo: -Charles Stuart, tù binh của chúng tôi, có đầu hàng không?

-Đại tá Thomlison, – Charles nói, – Nhà vua không đầu hàng đâu; con người nhượng bộ trước vũ lực, có thế thôi.

-Đưa gươm đây.

Vua rút thanh gươm ra và tì vào đầu gối mà bẻ gẫy.

Lúc ấy một con ngựa không người cưỡi, mép sùi bọt, mũi hếch ra, chạy tới. Nhận ra chủ, nó đứng lại bên ông và mừng rỡ hí vang; đó là con Arthus.

-Nào các ông hãy dẫn tôi đi, tuỳ các ông đi đâu thì đi.

Rồi vội vàng quay đầu lại, ông nói: -Khoan đã, hình như Winter cựa quậy, nếu ông ta còn sống, thì vì những điều thiêng liêng nhất mà các ông còn có trong lòng, chớ nên bỏ vị quý tộc cao thượng ấy.

-Ồ, hãy yên trí, vua Charles ạ, – Mordaunt nói, – Viên đạn đã xuyên qua tim.

D'Artagnan vội bảo Arthos và Aramis: -Đừng nói một lời nào, đừng có một cử chỉ nào, đừng nhìn sang Porthos, vì rằng Milady không chết, và linh hồn mụ ta đang sống trong thể xác thằng quỷ sứ kia!

Phân đội kỵ binh tiến về thành phố, mang theo chiến lợi phẩm đế vương; nhưng đi được nửa đường thì một phụ tá của tướng Cromwell mang lệnh đến bảo

đại tá Thomlison dẫn vua đến Holdenby-Castle.

Đồng thời những người liên lạc phóng đi tất cả các ngả đường để báo tin cho nước Anh và tất cả châu Âu rằng Charles Stuart đã là tù binh của tướng Olivier Cromwell.

§59. Olivier Cromwell

-Các ông có đến chỗ tướng quân không? – Mordaunt hỏi d'Artagnan và Porthos. – Các ông biết đấy, ngài triệu các ông tới sau công việc này.

-Trước hết, – D'Artagnan nói – chúng tôi đưa tù binh của chúng tôi đến nơi an toàn. Ông có biết rằng những nhà quí tộc ấy đáng giá mỗi người một nghìn năm trăm pistol không?

Mordaunt cố kiềm chế mà vẻ hung dữ vẫn bật ra trong ánh mắt khi hắn nhìn hai người kia mà nói: -Ồ cứ yên trí, các kỵ sĩ của tôi sẽ canh giữ họ và canh giữ cẩn thận là khác; tôi xin bảo đảm với các ông về họ.

-Tự tôi canh giữ còn cẩn thận hơn, – D'Artagnan nói, – Vả chăng, cần cái gì nào; một căn phòng với những người canh gác, hay là lời nói đơn giản hơn rằng họ không tìm cách chạy trốn đâu.

-Tôi sẽ thu xếp việc này, rồi chúng tôi sẽ có vinh dự đến trình diện tướng quân và hỏi ngài xem có điều gì chuyển đến Các hạ của chúng tôi không.

-Thế các ông định ra đi ngay à? – Mordaunt hỏi.

-Sứ mệnh của chúng tôi đã hoàn thành, chẳng có gì giữ chúng tôi ở lại nước Anh nữa, ngoài hảo ý của con người vĩ đại mà chúng tôi được phải đến.

Gã thanh niên cắn môi và ghé vào tai viên đội mà nói: -Ông hãy theo dõi những người này thật sát, khi nào biết rõ họ ở đâu ông hãy đến đợi tôi ở cổng thành.

Viên đội ra hiệu tuân lệnh.

-Thế rồi, đáng lẽ đi theo đám tù binh bị dẫn vào thành phố, Mordaunt đi về phía ngọn đồi nơi Cromwell đã xem trận đánh và vừa mới sai dựng lều cho mình.

Cromwell đã cấm không để cho ai vào chỗ mình; nhưng người lính canh biết rõ Mordaunt là một trong số những người thân tín nhất của vị tướng, nên nghĩ rằng lệnh đó không nhằm anh tả.

Thế là Mordaunt vạch tấm rèm cửa lều và trông thấy Cromwell ngồi trước một cái bàn tì mặt vào hai bàn tay và quay lưng lại.

Chẳng biết ông có nghe tiếng Mordaunt đi vào không, những Cromwell không ngoảnh lại. Mordaunt đứng lại gần cửa.

Cuối cùng, sau một lát, Cromwell ngẩng vầng trán nặng nề lên và linh cảm như thấy ai đó, ông thong thả quay đầu lại. Trông thấy gã thanh niên, ông báo: -Tôi đã bảo là tôi muốn ngồi một mình cơ mà?

-Thưa ngài, tôi tưởng điều ngăn cấm đó không nhằm vào tôi, – Mordaunt nói, – Tuy nhiên, nếu ngài ra lệnh, tôi sẵn sàng đi ra ngay.

-A, ông đấy à, Mordaunt! – Cromwell nói, như bằng sức mạnh của ý chí mình, vén tấm màn đang che cặp mắt ông – Vì ông đã đến đây, tốt thôi, hãy ở lại.

-Tôi xin dâng ngài những lời chúc mừng của tôi – Mordaunt nói.

-Những lời chúc mừng của ông? Về việc gì?

-Về việc bắt được Charles Stuart. Bây giờ ngài là chúa tể của nước Anh.

-Tôi còn hơn thế nữa kia, cách đây hai tiếng đồng hồ, – Cromwell nói.

-Thế là thế nào, thưa tướng quân?

-Nước Anh đã cần đến tôi để bắt tên bạo chúa, bây giờ tên bạo chúa đã bị bắt. Ông có trông thấy hắn không?

-Thưa ngài, có ạ.

-Thái độ hắn thế nào.

Mordaunt ngập ngừng, rồi chân lý như tự bật ra khỏi miệng hắn: -Bình thản và đường hoàng.

-Hắn nói gì?

-Vài câu từ biệt bạn bè.

"Bạn bè à? – Cromwell lẩm bẩm, – Thì ra hắn, hắn cũng có bạn bè"?

Rồi cao giọng: -Có chống cự không?

-Thưa ngài không, hắn ta bị mọi người bỏ rơi, trừ ba bốn người; cho nên hắn không có cách gì chống cự.

-Hắn nộp gươm cho ai?

-Hắn không nộp mà bẻ gẫy.

-Hắn ta làm thế là hay; nhưng đáng lẽ đừng bẻ mà để dùng thì hay hơn và có lợi hơn.

Một lát im lặng.

Rồi Cromwell nhìn chằm chằm Mordaunt và hỏi: -Hình như viên đại tá chỉ huy trung đoàn đứng bảo vệ cho nhà vua, cho Charles, bị giết rồi phải không?

-Phải đó, thưa ngài.

-Bị ai giết? – Cromwell hỏi.

-Tôi ạ.

-Tên ông ta là gì?

-Lord de Winter.

-Bác của ông ư? – Cromwell kêu lên.

-Bác của tôi – Mordaunt nói, – Những kẻ phản bội nước Anh không phải họ hàng nhà tôi.

Cromwell trầm ngâm một lắt, nhìn gã thanh niên kia, rồi với một nỗi u buồn sâu sắc mà Shakespeare miêu tả thật tài tình; ông nói: -Mordaunt, ông là một bộ hạ ghê gớm.

-Khi Chúa đã ra lệnh, – Mordaunt nói, – Không có gì phải mặc cả với mệnh lệnh của Người. Abraham đã giơ dao lên đầu Isaac, mà Isaac là con trai của ông ta.

-Phải, – Cromwell nói, – Nhưng Chúa đã không để hoàn thành sự hy sinh ấy.

-Tôi đã nhìn xung quanh tôi, – Mordaunt nói, – Và tôi chẳng nhìn thấy dê lớn dê con đứng lại trong các bụi cây ngoài cánh đồng.

Cromwell nghiêng mình nói: -Mordaunt, ông là kẻ dũng mãnh trong số những kẻ dũng mãnh.

-Thế còn mấy người Pháp họ xử sự thế nào.

-Như những người nghĩa hiệp.

-Phải rồi, phải rồi, – Cromwell lẩm bẩm. – Những người Pháp chiến đấu tốt và quả thật nếu ống nhìn thấy của tôi tốt, hình như tôi đã trông thấy họ ở hàng đầu.

-Đúng là họ ở hàng đầu.

-Tuy nhiên còn sau ông, – Cromwell nói.

-Đó là lỗi tại những con ngựa của họ, chứ không phải tại họ.

Lại im lặng một lát.

-Thế còn bọn Scotch?

-Họ đã giữ lời cam kết, – Mordaunt đáp, – Và án binh bất động.

-Bọn khốn nạn! – Cromwell lẩm bẩm.

-Sĩ quan của họ xin gặp ngài, – Mordaunt nói.

-Tôi không có thì giờ. Đã trả tiền họ chưa?

-Đêm nay ạ.

-Họ nói hãy đi đi, hãy trở về núi non của họ mà che giấu nỗi sỉ nhục của họ, nếu như núi non đủ cao đề che giấu; tôi chẳng có việc gì với họ nữa và họ cũng chẳng có việc gì với tôi nữa. Và bây giờ hãy đi đi, Mordaunt.

-Trước khi ra đi, – Mordaunt nói, – Thưa chủ soái tôi có mấy điều muốn hỏi và một điều muốn cầu xin ngài.

-Với tôi ư?

Mordaunt cúi mình và nói: -Tôi đến với ngài, vị anh hùng của tôi, người che chở tôi, người cha của tôi, và tôi xin nói: Thưa chủ soái, ngài có hài lòng về tôi không?

Cromwell ngạc nhiên nhìn anh ta.

Gã thanh niên vẫn thản nhiên.

-Có, – Cromwell nói, – Từ khi biết ông, tôi thấy ông không những đã làm nhiệm vụ của mình, mà còn làm hơn thế nữa; ông là người bạn trung thành, người thương lượng khôn khéo, người lính dũng cảm.

-Ngài có nhớ rằng, tôi là người đầu tiên đưa ra ý kiến thương lượng với bọn Scotch về việc bỏ rơi vua của họ

-Phải, ý kiến ấy là của ông, đúng thế. Tôi đã chưa đẩy lòng khinh bỉ những con người đi tới chỗ ấy.

-Tôi có phải sứ giả tốt khi sang Pháp không?

-Phải, và tôi đã đạt được những gì tôi yêu cầu ở Mazarin.

-Có phải tôi đã luôn luôn chiến đấu hăng hái vì quang vinh và lợi ích của ngài không?

-Có lẽ quá hăng hái là khác, và đó là điều tôi đã khiển trách ông lúc nãy. Nhưng mà ông muốn đi tới đâu với tất cả những câu hỏi?

-Thưa chúa công, để thưa với ngài rằng đã đến lúc chỉ cần một lời nói của ngài có thể thưởng công cho tất cả mọi việc phụng sự của tôi.

-A! – Olivier nói với một cử chỉ hơi khinh thị, – Đúng đấy tôi quên rằng mọi việc phục vụ đều cần được thù lao, ông đã phục vụ tôi và chưa được đền bù.

-Thưa ngài, tôi có thể được đền bù ngay bây giờ và vượt cả những điều tôi mong ước.

-Thế là thế nào?

-Tôi đã có phần thưởng trong tầm tay và hầu như tôi đã nắm được.

-Phần thưởng gì vậy? – Cromwell hỏi. – Người ta đã hiến vàng cho ông ư? Ông yêu cầu một cấp bậc chăng? Hay là ông muốn cai trị một vùng?

-Thưa ngài, ngài có chấp nhận điều thỉnh cầu của tôi không ạ?

-Phải xem đó là cái gì đã chứ!

-Thưa ngài, khi ngài bảo tôi: Hãy thực hiện một mệnh lệnh, có bao giờ tôi trả lời: Hãy xem mệnh lệnh gì nào?

-Nếu như điều mong ước của ông không thể nào thực hiện được thì sao?

-Khi ngài có một điều mong muốn và giao cho tôi phải hoàn thành, có bao giờ tôi đáp lại rằng: Không thể nào thực hiện được.

Nhưng một yêu cầu gì mà phải rào trước đón sau đến thế.

-A, xin ngài cứ yên tâm, – Mordaunt nói với vẻ đơn giản – nó chẳng làm ngài phá sản đâu.

-Thôi này, – Cromwell nói, – Tôi hứa sẽ chấp nhận yêu cầu của ông chừng nào nó ở trong quyền hạn của tôi. Nói đi.

-Thưa ngài, – Mordaunt đáp, – Sáng nay người ta bắt được hai tủ binh, ngài cho tôi xin hai người đó.

-Chắc là họ dạm tiền chuộc lớn lắm phải không? – Cromwell nói.

-Trái lại, thưa ngài, tôi chắc rằng họ nghèo.

-Thế họ là bạn bè của ông à?

-Vâng, thưa ngài, – Mordaunt reo lên. – Đó là bạn của tôi, bạn thân thiết mà tôi có thể hy sinh tính mạng của tôi cho họ.

-Được, Mordaunt ạ, – Cromwell nói, với một cử chỉ vui vẻ ông lấy lại được quan niệm tốt hơn về người thanh niên. – Được, tôi cho anh, tôi cũng chẳng muốn biết họ là những ai; đấy anh muốn làm gì họ thì làm.

-Xin cảm ơn ngài, – Mordaunt reo lên. – Xin cảm ơn ngài! Sinh mạng tôi nay thuộc về ngài, và nếu có mất nó đi, tôi vẫn còn chịu ơn ngài, xin cảm ơn, ngài vừa mới trả công cho tôi thật hậu hĩ.

Và hắn quỳ xuống chân Cromwell. Vị tướng thanh giáo không muốn hoặc làm ra bộ không muốn để người ta bày tỏ kính lễ với mình như đối với nhà vua, ông không chịu nhưng gã thanh niên cứ nắm lấy tay ông mà hôn.

Khi hắn đứng lên, Cromwell ngăn lại và hỏi: -Sao? Thế không xin những phần thưởng khác à? Không xin vàng bạc ư? Không xin cấp bậc ư?

-Thưa chúa công, ngài đã cho tôi tất cả những gì ngài có thể cho được, và kể từ ngày hôm nay, tôi coi như ngài hết nợ với tôi rồi.

Và Mordaunt lao ra khỏi lều của vị tướng với một nỗi vui mừng tràn ngập cả trái tim và đôi mắt của mình.

Cromwell nhìn theo. Ông lẩm bẩm: -Hắn đã giết chết bác hắn! Chao ôi! Những bộ hạ của ta là những của gì thế này? Tên này không đòi hỏi gì hoặc làm như không đòi hỏi gì, có lẽ trước Thượng đế hắn đã yêu cầu nhiều hơn cả những kẻ sẽ đến đòi hỏi vàng bạc, các tỉnh thành và bánh ăn của những người cùng khổ; chẳng có kẻ nào phụng sự ta không công. Charles I là tù binh của ta có lẽ còn có bạn bè, còn ta, ta chẳng có bạn bè nào cá.

Và thở dài, ông lại tiếp tục nỗi trầm ngâm bị Mordaunt ngắt quãng.

§60. Những người quý tộc

Trong khi Mordaunt đi về phía lều của Cromwell, thì d'Artagnan và Porthos dẫn tù binh của anh đến ngôi nhà mà người ta thu xếp cho các anh ở tại Newcastle.

Việc Mordaunt dặn dò viên đội không thoát khỏi mắt chàng Gascon: cho nên anh cũng đưa mắt dặn dò Arthos và Aramis hết sức thận trọng. Vì vậy Arthos cứ lặng lẽ đi bên cạnh những người chiến thắng; điều đó cũng chẳng khó vì mỗi người đã có bao nhiêu điều phải suy nghĩ và giải đáp.

Nếu như có người phải kinh ngạc thì đó là Mousqueton, khi đứng ở ngưỡng cửa, hắn trông thấy bốn người bạn đang đi. Có viên đội và khoảng một chục người đi kèm. Hắn giụi mắt không thể tin đó là Arthos và Aramis, nhưng rồi hắn buộc phải thừa nhận sự thật hiển nhiên. Cho nên hắn sắp cuống quít lên với những lời cảm thán, thì Porthos bắt hắn im lặng ngay bằng một cái trừng mắt ghê gớm không còn cho phép bàn cãi gì nữa.

Mousqueton đứng sững ra ở cửa đợi chờ sự giải thích một việc kỳ lạ đến thể; điều làm đảo lộn đầu óc hắn hơn cả là cả bốn người bạn có vẻ như không nhìn nhận nhau nữa.

Ngôi nhà mà d'Artagnan và Porthos dẫn Arthos và Aramis tới là do tướng Cromwell thu xếp cho các anh đến ở từ hôm trước, nó ở vào góc phố, có một khoảng vườn và chuồng ngựa ngoặt sang phố bên.

Các ở cửa ở tầng sát đất có chắn song sắt như thường thấy ở các thị xã nhỏ, nên trông giống hệt cửa sổ nhà tù.

Hai người bạn đưa tù binh vào nhà trước và đứng ở ngưỡng cửa.

Sau khi sai Mousqueton dắt ngựa vào chuồng, Porthos nói: -Tại sao chúng ta không vào cùng họ.

-Vì rằng, – D'Artagnan đáp, – Trước hết phải xem viên đội kia và tám hay mười người cùng đi muốn gì ở chúng ta đã.

Viên đội cùng người của hắn vào đóng ở trong vườn.

D'Artagnan hỏi họ muốn gì và tại sao lại đóng ở đó. Viên đội đáp.

-Chúng tôi được lệnh giúp các ông canh giữ tù binh.

Chẳng có gì phải nói về điều ấy, trái lại đó là một sự quan tâm nhã nhặn mà mình phải tỏ ra biết ơn mới đúng, d'Artagnan bèn cảm ơn viên đội và cho hắn một đồng cuaron để uống rượu mừng sức khỏe tướng Cromwell.

Viên đội nói rằng những người thanh giáo không uống rượu và bỏ đồng tiền vào túi mình.

– Ôi, d'Artagnan thân mến ơi, – Porthos nói, – thật là một ngày ghê sợ!

-Cậu nói gì thế, Porthos? Ngày chúng ta tìm lại được bạn bè mà cậu bảo là ngày ghê sợ?

-Ừ? Nhưng mà trong một hoàn cảnh như thế này ư?

-Đúng là hoàn cảnh rắc rối thật, – D'Artagnan nói, – Nhưng không sao, ta hãy vào nhà và cố nhìn cho sáng tỏ hơn một chút tình huống của chúng ta.

-Tình huống rắc rối lắm, – Porthos nói, – Và bây giờ tôi mới hiểu vì sao Aramis dặn đi dặn lại tôi là phải bóp cổ cái tên Mordaunt ghê tởm ấy.

-Im nào, – D'Artagnan bảo, – Chớ có nói cái tên ấy ra.

-Nhưng mình nói tiếng Pháp, mà họ lại là người Anh cơ mà.

D'Artagnan nhìn Porthos với vẻ khâm phục, mà một con người biết điều không thể từ chối trước những điều dị thường đủ loại.

Rồi do Porthos nhìn lại anh mà chẳng hiểu tý gì về sự kinh ngạc của anh, anh đẩy Porthos và bảo: -Ta vào thôi.

Porthos vào trước, d'Artagnan vào sau, anh đóng cửa lại cẩn thận rồi lần lượt ôm hôn hai người bạn.

Arthos buồn rũ rượi, Aramis hết nhìn Porthos lại nhìn d'Artagnan mà chẳng nói một lời, nhưng cái nhìn của anh truyền cảm đến nỗi d'Artagnan hiểu rõ. Anh nói: -Các anh muốn biết làm thế nào mà chúng tôi lại ở đây phải không? Trời ơi! Thật là dễ đoán. Mazarin đã phải chúng tôi mang một bức thư cho tướng Cromwell.

-Nhưng thế nào mà cậu lại ở bên cạnh Mordaunt. – Arthos nói, – Mordaunt mà tôi đã dặn cậu phải đề phòng, hả d'Artagnan?

-Và tôi đã dặn cậu là phải bóp cổ, hả Porthos! – Aramis nói theo.

-Vẫn là do Mazarin. Cromwell cử Mordaunt sang gặp Mazarin; Mazarin sai chúng tôi đến Cromwell. Có định mệnh trong tất cả các chuyện này.

-Phải, d'Artagnan, cậu nói đúng. Một định mệnh chia rẽ chúng ta và làm hại chúng ta. Vậy thì Aramis, ta không bàn đến nữa, và chúng ta hãy sửa soạn chịu đựng số phận của chúng ta.

-Mẹ kiếp! – D'Artagnan nói, – Trái lại, ta cứ bàn chứ; bởi vì đã thoả thuận một lần cho mãi mãi rằng chúng ta bao giờ cũng bên nhau dù trong những mục đích trái ngược nhau.

-Ồ phải, rất trái ngược nhau! – Arthos mỉm cười nói, bởi vì tôi xin hỏi cậu, cậu phục vụ mục đích gì ở đây? A! d'Artagnan, hãy xem tên Mazarin khốn khiếp dùng cậu vào việc gì. Cậu có biết rằng hôm nay cậu phạm tội gì không? Tội bắt vua, sỉ nhục vua, giết vua.

-Ồ, ồ! – Porthos nói, – Anh tưởng như vậy ư?

-Arthos, anh nói quá lên đây, – D'Artagnan, – Chúng tôi không đến nỗi như thế đâu.

-Ồ, lạy Chúa, trái lại chúng tôi nói đúng đấy. Tại sao lại bắt giữ một ông vua. Khi người ta muốn kính trọng ông như một vị chủ, người ta không mua ông như mua một kẻ nô lệ. Cậu tưởng rằng Cromwell trả giá ông hai trăm nghìn livres là để đặt lại ông lên ngôi đấy chứ? Các bạn ạ, họ sẽ giết vua, hãy tin chắc như vậy và nó vẫn là cái tội nhỏ nhất họ có thể phạm. Thà chém đầu còn hơn là sỉ nhục một ông vua.

-Tôi chẳng bảo là không, – D'Artagnan nói, – Dù sao đó là điều có thể xảy ra, nhưng tất cả những chuyện ấy có làm gì chúng tôi đâu? Tôi đến đây vì tôi là người lính, vì tôi phục vụ những người chủ của tôi, nghĩa là những người trả lương cho tôi. Tôi đã thề phục tùng và tôi phục tùng; nhưng các anh, các anh chẳng thể thốt gì tại sao các anh lại đến đây; và các anh phục vụ lợi ích gì nào?

-Lợi ích thiêng liêng nhất trên đời này, – Arthos nói. – Lợi ích của hoạn nạn, của vương quyền và của tôn giáo. Một người bạn một người vợ, một người con gái đã thiết tha kêu gọi chúng tôi đến giúp đỡ họ. Chúng tôi đã giúp đỡ họ theo khả năng nhỏ mọn của chúng tôi và Chúa sẽ chứng giám cho chúng tôi là có tâm mà thiếu lực. D'Artagnan ạ, cậu có thể nghĩ theo cách khác và xem xét vấn đề theo một kiểu khác, bạn ạ. Tôi không ngăn cản cậu đâu, nhưng tôi trách cứ cậu.

-Ô, ô! – D'Artagnan đáp, – Ông Cromwell là người Anh, chống lại vua của ông ấy là người Scotch, thì rốt cuộc có làm gì tôi đâu?

-Tôi là người Pháp, tất cả những chuyện ấy chẳng liên quan gì đến tôi Tại sao anh lại bắt tôi chịu trách nhiệm?

-Thôi, ta hãy đi vào thực chất, – Porthos bảo.

Arthos lại nói: -Bởi vì tất cả những người quý tộc đều là anh em, bởi vì cậu là nhà quý tộc, bởi vì vua ở tất cả các nước đều là những người cao nhất trong những nhà quý tộc; bởi vì đám dân chúng mù quáng, bội bạc và tồi tệ luôn luôn thích hạ thấp những gì cao hơn mình; và chính cậu, d'Artagnan con người của giới lãnh chúa cổ, con người có tên đẹp đẽ, có tay kiếm sắc bén, cậu đã góp phần nộp một ông vua cho bọn buôn bán rượu bia, bọn thợ may, bọn đánh xe! A! D'Artagnan là một người lính, có thể cậu đã làm tròn nhiệm vụ, nhưng là nhà quý tộc cậu là người phạm tội, tôi xin nói với cậu như vậy.

D'Artagnan nhai một chiếc cọng hoa, không trả lời và thấy khó chịu, bởi vì khi tránh cái nhìn của Arthos anh gặp cái nhìn của Aramis.

-Còn cậu Porthos, – Bá tước tiếp lời, như ái ngại cho sự bối rối của d'Artagnan, – Cậu là tấm lòng tốt nhất, ngươi bạn tốt nhất người lính tốt nhất mà tôi được biết; cậu mà tâm hồn khiến cậu xứng đáng sinh ra trên những phẩm cấp của một triều đình và sớm muộn sẽ được một ông vua thông minh thưởng công; Porthos thân mến của tôi ơi, là nhà quý tộc bằng những phong cách, những thị hiếu và lòng Pomme-de- Pincảm, cậu cũng có tội như d'Artagnan đấy.

Porthos đỏ mặt lên, nhưng vì thích thú hơn là ngượng ngùng, tuy nhiên vẫn cúi đầu xuống ra chiều hổ thẹn và nói: -Phải rồi, phải rồi, bá tước thân mến ạ, tôi chắc rằng anh nói đúng.

Arthos đứng dậy. Anh đi tới d'Artagnan chìa tay ra và nói: -Thôi nào, đừng hờn dỗi nữa, con trai thân yêu của tôi, vì rằng tất cả những điều tôi nói với cậu, tôi đã nói nếu không phải bằng tiếng nói, thì ít ra cũng bằng tấm lòng của một người cha. Cậu hãy tin rằng, nếu cảm ơn cậu đã cứu mạng tôi và không đã động một lời nào về tình cảm của tôi cho cậu biết thì chắc hẳn là dễ dàng cho tôi hơn nhiều.

-Dĩ nhiên rồi, dĩ nhiên rồi, Arthos ạ, – D'Artagnan vừa đáp vừa siết chặt tay bạn, – Nhưng cũng vì anh có những tình cảm quái gở mà mọi người không có. Ai có thể tưởng tượng một con người biết phải chăng mà rời bỏ nhà cửa mình, rời bỏ nước Pháp, rời bỏ đứa con nuôi, một chàng trai tuyệt diệu – Vì rằng chúng tôi mới gặp nó ở doanh trại – để chạy đi đâu? Đi cứu viện cho một vương triều thối rữa và mọt ruỗng nó sắp sụp đổ một sớm một chiều như một túp lều cũ nát. Cái tình cảm mà anh nói đẹp thật đấy, đẹp quá đến nỗi nó thành siêu nhân.

Không để mình mắc bẫy vào cái ngón láu cá Gascon mà người bạn giăng ra khi đụng chạm đến tình yêu thương cha con của anh với Raoul, Arthos đáp: -D'Artagnan này, dù sao chăng nữa cậu cũng biết rõ ràng trong thâm tâm cái tình cảm ấy là đúng; nhưng tôi đã sai lầm đi tranh cãi với ông chủ của mình, d'Artagnan, tôi là tù binh của cậu, cậu cứ đối xử với tôi đúng như thế.

-A, Chúa ơi! – D'Artagnan nói, – Ông cũng thừa biết ông chẳng bị như thế lâu nữa đâu, ông tù binh của tôi ạ

-Không, – Aramis nói, – chắc hẳn họ sẽ đối xử với chúng ta như những tù binh ở Philip-Haugh.

-Thế người ta đã đối xử với tù binh ở Philip-Haugh như thế nào? – D'Artagnan hỏi.

-À – Aramis trả lời – người ta đã treo cổ một nửa và đem bán nửa còn lại.

-Thế thì tôi xin bảo đảm với các anh rằng, – D'Artagnan nói, -Cchừng nào còn một giọt máu trong huyết quản tôi thì các anh sẽ không bị bắn hoặc treo cổ! Chúng cứ đến đây! Với lại anh có trông thấy cái cổng kia không, Arthos?

-Thì sao?

-Khi nào muốn, các anh cứ việc đi bằng cái cổng ấy vì rằng từ lúc này trở đi anh và Aramis, các anh tự do như khí trời.

-Tôi công nhận điều đó, d'Artagnan thân mến ạ – Arthos đáp, – Nhưng cậu không còn là chủ của chúng tôi nữa: cậu thấy rõ là cổng đã bị canh gác rồi.

-Thì phá mà ra chứ, – Porthos nói. – Ở đấy có gì nào? Mười người là cùng.

-Chẳng là quái gì đối với bốn chúng ta nhưng đối với hai chúng tôi là quá nhiều đấy. Thôi này, chia rẽ như chúng ta hiện nay thì chúng tôi phải chết thôi.

-Nhìn xem cái số nó là như vậy; hồi trước trên đường Vendôme, d'Artagnan quả cảm là thế, vậy mà các cậu đã bị bại trận, giờ đây đến lượt Aramis và tôi. Vì những điều như vậy không bao giờ xảy ra khi cả bốn chúng ta đoàn kết lại với nhau, vậy thì chúng tôi sẽ chết như de Winter; còn tôi, tôi xin tuyên bố rằng tôi chỉ đồng ý cả bốn chúng ta cùng trốn.

-Không thể được – D'Artagnan nói – Chúng tôi ở dưới quyền Mazarin.

-Tôi biết chứ và không ép buộc gì cậu hơn. Những điều biện luận của tôi chẳng kết quả gì đâu, chắc hẳn là nó rất tệ vì chẳng có chút tác động nào đến những tâm trí rất là đúng đắn như của các cậu.

-Vả chăng, – Aramis nói, – Dù những biện luận ấy có tác dụng đi chăng nữa, thì tốt hơn cả là không nên làm nguy hại đến hai người bạn tuyệt diệu của chúng ta như d'Artagnan và Porthos. Các cậu hãy yên trí, chúng tôi chết và làm vẻ vang cho các cậu; còn riêng tôi, Arthos ạ, tôi cảm thấy hãnh diện đi tới trước những mũi súng và cả sợi dây thừng nữa cùng với anh, vì rằng chưa bao giờ tôi thấy anh cao cả như hôm nay.

D'Artagnan chẳng nói chẳng rằng, nhưng sau khi gặm nát cái cọng hoa, anh gặm đến các móng tay. Cuối cùng anh nói: -Các anh tưởng tượng rằng người ta sẽ giết các anh à? Để làm gì kia chứ? Ai quan tâm đến cái chết của các anh? Vả lại các anh là tù binh của chúng tôi cơ mà.

-Ngốc! Đại ngốc! – Aramis nói, – thế ra cậu chưa biết rõ Mordaunt à! Này, chỉ nhìn nhau có một cái thôi mà tôi đã trông thấy trong cái nhìn của hắn rằng chúng tôi đã bị kết án rồi.

-Này – Aramis ơi, – Porthos nói, – Sự thực là tôi rất bực đã không bóp cổ nó chết như cậu đã dặn đấy.

-Ê, Tôi sợ cóc gì cái thằng Mordaunt ấy? – D'Artagnan kêu, – Mẹ kiếp! Nó cứ ám tôi xem, tôi sẽ nghiền nát nó ra, đồ sâu bọ ấy! Các anh không phải trốn, tôi xin thề rằng ở đây các anh cũng an toàn như cách đây hai mươi năm Arthos ở phố Férou và Aramis ở phố Vaugirard.

Chợt Arthos chỉ tay ra phía một trong hai cửa sổ có chắn song sắt đang soi sáng căn phòng và nói: -Này, các cậu sắp biết sự tình ra sao đấy vì chính nó đang chạy đến kia kìa.

-Ai kia?

-Mordaunt.

Quả thật, nhìn theo hướng Arthos trỏ, d'Artagnan trông thấy một kỵ sĩ đang phi nước đại tới.

Đó là Mordaunt.

D'Artagnan băng mình ra khỏi căn phòng.

Porthos định ra theo, nhưng d'Artagnan bảo: -Cậu hãy ở lại và chỉ ra khi nào tôi gõ gõ vào cánh cửa.

§61. Jesus, lạy Chúa tôi!

Khi Mordaunt tới trước ngôi nhà thì trông thấy d'Artagnan đứng ở ngưỡng cửa và lính tráng cùng vũ khí nằm rải rác trên thảm cỏ khu vườn.

-Ơ hay! – Hắn kêu lên, nghẹn cả họng vì vừa mới chạy bở hơi tai, – Các tù binh vẫn còn ở cả đây chứ.

-Vâng, thưa ông, – Viên đội vừa đáp vừa cùng đồng đội vội vã đứng lên và giơ tay lên mũ chào.

-Tốt! Lấy bốn người; để dẫn họ ra và đưa ngay lập tức đến chỗ tôi ở.

Bốn người sửa soạn.

-Thưa ngài nói gì ạ? – D'Artagnan nói bằng cái giọng giễu cợt mà các bạn đọc của chúng tôi đã từng thấy bao lần từ khi quen biết anh – Có chuyện gì xin ngài vui lòng cho biết?

-Thưa ông, có chuyện là tôi ra lệnh cho bốn người đem tù binh mà chúng ta bắt được sáng nay ra và đưa đến chỗ ở của tôi.

-Tại sao vậy? – D'Artagnan nói. – Xin lỗi về sự tò mò, nhưng mong ông hiểu rằng tôi muốn được rõ về chuyện đó.

Mordaunt kiêu ngạo đáp: -Tại những tù binh ấy bây giờ thuộc về tôi, và tôi được tuỳ hứng sử dụng họ.

-Xin phép ông, ông bạn trẻ ơi, – D'Artagnan nói, – Xin phép ông, hình như ông lầm rồi đấy. Xưa nay tù binh thuộc về người nào đã bắt họ, chứ không thuộc kẻ nào đã xem bắt họ. Ông có thể bắt Lord de Winter là bác của ông, như người ta nói, nhưng ông thích giết ông ta hơn, được thôi; chúng tôi, ông Du Vallon và tôi có thể giết hai nhà quý tộc này, nhưng chúng tôi thích bắt họ hơn, mỗi người một ý thích mà.

Cặp môi Mordaunt trắng bệch ra.

Hiểu rằng công chuyện sắp hỏng đến nơi, d'Artagnan bèn gõ nhịp hành khúc thị vệ đội vào cánh cửa.

Vừa mới được một nhịp, Porthos đã ra và đứng về phía bên kia cánh cửa, chân anh chạm vào ngưỡng cửa và đầu chạm vào rầm cửa.

Mưu kế ấy không lọt qua mắt của Mordaunt, với vẻ tức giận bắt đầu lộ rõ, hắn nói: -Thưa ông, ông kháng cự vô ích, những tù binh này vừa mới được giao cho tôi xong do vị tổng chỉ huy, vị chủ soái lẫy lừng của tôi, Ngài Olivier Cromwell.

Những lời ấy như sét đánh ngang tai d'Artagnan. Máu bốc lên thái dương, một đám mây mù bay qua mắt anh, anh hiểu rõ nỗi kỳ vọng hung cuồng của gã thanh niên và tự nhiên bàn tay anh hạ xuống đốc kiếm.

Porthos nhìn sang d'Artagnan xem mình phải làm gì và rập theo những động tác của anh.

Cái nhìn ấy khiến d'Artagnan lo ngại hơn là vững tâm, và anh bắt đầu tự trách mình đã cầu cứu đến sức mạnh tàn bạo của Porthos vào một việc đáng lẽ cần phải dùng mưu mẹo nhiều hơn.

Anh tự nhủ thầm: "Bạo lực sẽ làm cho tất cả chúng ta đi đời. Anh bạn d'Artagnan của tôi ơi, hãy chứng tỏ cho con rắn con này hiểu rằng anh không những mạnh hơn nó, mà còn tinh khôn hơn nó".

Anh bèn lễ phép cúi chào và nói: -A! Ông Mordaunt ơi, thế mà ông chẳng nói rõ điều ấy ngay tử đầu. Sao, ông được ngài Olivier Cromwell vị chỉ huy lẫy lừng nhất thời đại này phái đến đây ư?

-Tôi vừa mới ở chỗ ngài ra, – Mordaunt vừa nói vừa nhảy xuống đất và đưa con ngựa của mình cho một tên lính giữ, – Tôi vừa mới rời khỏi ngài đây, ông ạ.

-Ông bạn thân mến ơi, – D'Artagnan nói tiếp, – Ông chẳng bảo tôi ngay từ đầu. Tất cả nước thuộc về ngài Cromwell và bởi vì ông nhân danh ngài đến lấy tù binh, tôi xin phục tùng, họ là của ông, xin ông cứ mang đi.

Mordaunt tiến lên, mặt mày rạng rỡ, còn Porthos thì rụng rời nhìn d'Artagnan và há miệng toan nói.

D'Artagnan giẫm lên ủng Porthos, anh mới hiểu rằng đó là một mánh khóe của bạn.

Mordaunt đặt chân lên bậc thềm thứ nhất, mũ cầm tay, sắp sửa đi qua giữa đôi bạn, và ra hiệu cho bốn tên lính đi theo mình, thì d'Artagnan với nụ cười nhã nhặn nhất đặt bàn tay lên vai gã thanh niên và nói: -Xin lỗi ông, nếu vị tướng lẫy lừng Olivier Cromwell dùng tù binh của chúng tôi để ân thưởng cho ông, thì chắc hẳn ngài đã viết cho ông tờ giấy ban tặng đó chứ?

Mordaunt đứng sững lại. D'Artagnan nói tiếp: -Ngài có gửi cho ông một lá thư nào cho tôi, hoặc một mảnh giấy nhỏ nào đó, chứng tỏ ông nhân danh ngài mà đến không? Xin ông hãy trao cho tôi mảnh giấy ấy để ít ra tôi còn có cớ biện minh với mấy người đồng quốc của tôi về sự bỏ rơi nọ. Nếu không thì dù tôi có tin chắc rằng tướng Olivier Cromwell không thể muốn điều ác cho họ, ông hãy hiểu rằng sẽ có những hành động xấu đấy.

Mordaunt lùi lại và cảm thấy rõ ngón đòn, hắn phóng sang d'Artagnan một cái nhìn khủng khiếp, nhưng anh vẫn đáp lại bằng vẻ mặt dễ thương và thân thiện nhất đời.

-Này ông, – Mordaunt nói, – Khi tôi nói với ông một điều. Ông có lăng nhục tôi bằng cách nghi ngờ đó không?

-Tôi ấy à, – D'Artagnan kêu lên, – Tôi mà nghi ngờ điều ông nói ư: Xin chúa chứng giám, ông Mordaunt thân mến ơi, trái lại tôi coi ông như một nhà quý tộc

xứng đáng và hoàn hảo, theo những thể hiện bên ngoài. Với lại, ông có muốn tôi nói thẳng thắn với ông không? – D'Artagnan nói tiếp với vẻ cởi mở.

-Xin ông cứ nói. – Mordaunt đáp.

-Ông Du Vallon đây giàu có, ông ấy có bốn mươi nghìn livres tiền niên thu, do đó ông ấy chẳng thiết tiền bạc, cho nên tôi không nói cho ông ấy, mà nói cho tôi thôi.

-Sao nữa ông?

-Tôi thì không giàu, ở xứ Gasgogne, đó không phải là điều nhục, ông ạ. Chẳng ai giàu có cả và Henri IV hiển hách vua của dân Gascons cũng như hoàng thượng Philip IV vua tất cả các xứ Tây Ban Nha chẳng bao giờ có đồng xu dính túi.

-Nói nốt đi, ông, – Mordaunt bảo, – Tôi thấy ông muốn đi tới đâu rồi, và nếu cái điều mà tôi suy nghĩ nó ngăn giữ ông, thì ta có thể cắt bỏ sự khó khăn đó.

-A! – D'Artagnan nói, – Tôi biết rõ ông là một chàng trai thông minh. Vậy thì đây là sự thật, đó là cái thóp của tôi, như dân xứ tôi thường nói. Tôi là một sỹ quan từ chân trắng mà lên, tôi chỉ có những cái mà thanh kiếm mang lại, nghĩa là những nhát đâm chém nhiều hơn những tờ giấy bạc. Nhân vì sớm hôm nay bắt được hai người Pháp có vẻ là danh gia thế phiệt, hai người được tặng thưởng huân chương Jarretière, tôi tự nhủ: Tài sản của ta gây dựng rồi đây. Tôi nói lại, bởi vì ông Du Vallon giàu có, trong trường hợp như thế này bao giờ cũng nhường tù binh lại cho tôi.

Hoàn toàn bị huyễn hoặc bởi cái vẻ chất phác dài dòng của d'Artagnan. Mordaunt mỉm cười ra vẻ người hiểu biết rành rọt những điều mà người ta phân trần với mình và mềm mỏng đáp: -Này ông ạ, lát nữa tôi sẽ đưa ông tờ lệnh ký hẳn hoi và kèm theo tờ lệnh là hai nghìn pistol. Nhưng trong khi chờ đợi, ông hãy để tôi dẫn những người ấy đi.

-Không đâu, – D'Artagnan nói, – Chậm trễ nửa giờ thì quan trọng gì đối với ông? Tôi là người có nề nếp ông ạ, ta hãy làm mọi việc theo đúng nguyên tắc.

-Song tôi có thể ra lệnh cho ông – Mordaunt nói, – Tôi chỉ huy ở đây.

-A, này ông ơi – D'Artagnan mỉm cười nhã nhặn và nói, – Mặc dầu ông Du Vallon và tôi có vinh dự cùng đi với ông, người ta thấy rõ là ông chưa biết về chúng tôi đâu. Chúng tôi là những nhà quý tộc, chỉ với hai chúng tôi thôi, chúng tôi có thể giết chết các ông, ông cùng tám người của ông đấy. Vì chúa! Ông Mordaunt ạ, đừng cố chấp, vì rằng khi người ta cố chấp, tôi cũng cố chấp, và có thể là tôi trở thành ngang ngạnh một cách hung tợn. Và ông bạn đây nữa, – D'Artagnan nói tiếp, – Trong trường hợp ấy, ông ấy còn ngang ngạnh và hung tợn hơn tôi nhiều. Đó là chưa kể chúng tôi do tể tướng Mazarin phải tới đây, ngài thay mặt cho vua nước Pháp. Do đó, trong lúc này dây, chúng tôi thay mặt cho vua và tể tướng, với tư cách là những sứ giả chúng tôi là bất khả xâm phạm, ngài

Olivier Cromwell, vị tướng vĩ đại và chắc chắn cũng là nhà chính trị vĩ đại hoàn toàn sẽ là người hiểu biết điều đó. Hãy về xin ngài tờ lệnh ký đi. Điều ấy có mất gì với ông đâu, ông Mordaunt thân mến.

Porthos lắc đầu vỡ lẽ, hiểu ý bạn và nói: -Phải rồi tờ lệnh ký; người ta chỉ yêu cầu ông có thế thôi.

Dù ham dùng bạo lực đến mấy chăng nữa, Mordaunt cũng nhận ra những lý lẽ d'Artagnan vừa nói là chí phải. Vả lại danh tiếng của anh khiến hắn phải kính phục và điều hắn trông thấy anh làm sáng nay càng làm nổi tiếng thêm danh tiếng ấy. Hắn suy nghĩ. Rồi hoàn toàn mù tịt về những quan hệ bạn bè sâu xa giữa bốn người Pháp mọi điều lo ngại của hắn biến đi hết trước cái lý do rất là xuôi tai về tiền chuộc.

Thế là hắn quyết định đi lấy không chỉ tờ lệnh mà cả hai nghìn pistol nữa, số tiền mà hắn tự đánh giá hai tù binh.

Mordaunt bèn lên ngựa và sau khi dặn dò viên đội canh gác cẩn thận, hắn ngoắt dây cương bỏ đi mất.

-Tốt lắm! – D'Artagnan nói, – Mười lăm phút đi đến chỗ lều và mười lăm phút trở lại, thừa đủ cho chúng ta.

Rồi anh trở lại với Porthos, bộ mặt không biểu lộ một sự thay đổi nhỏ nhặt nào khiến những kẻ đang rình anh tưởng như anh vẫn tiếp tục câu chuyện lúc nãy. Anh nhìn thẳng vào mặt Porthos và nói: -Này cậu, hãy nghe cho rõ điều này nhé. Trước hết không được nói tí gì cho các bạn chúng ta về những điều cậu vừa nghe thấy, không cần để các cậu ấy biết về việc chúng ta giúp đỡ họ.

-Được rồi, tôi hiểu, – Porthos đáp.

Bây giờ cậu hãy ra chuồng ngựa, cậu sẽ thấy Mousqueton ở đó, các cậu thắng yên cương cho ngựa để súng ống vào các bao rồi cho ngựa ra và dẫn đến cái phố dưới kia, để chỉ còn có việc nhảy lên cưỡi còn các việc khác tôi lo.

Porthos không có ý kiến nhận xét gì hết và tuân theo với niềm tin cậy tuyệt vời ở bạn mình.

-Tôi đi đây – Anh nói, – Song tôi có vào được phòng các bạn ấy không?

-Không, khỏi cần.

-Vậy thì cậu hãy cầm hộ tôi túi tiền để ở trên lò sưởi.

-Yên trí.

Porthos bình thản và lẳng lặng đi ra chuồng ngựa. Anh đi giữa đám binh lính và mặc dù anh là người Pháp hẳn hoi họ không thể không chiêm ngưỡng vóc người cao lớn và chân tay vạm vỡ của anh.

Đến chỗ góc phố anh gặp Mousqueton và kéo hắn đi củng.

Lúc ấy d'Artagnan trở vào, vừa đi vừa huýt sáo một điệu hát mà anh đã bắt đầu từ lúc Porthos đi ra.

-Arthos thân mến ơi, – D'Artagnan nói – Tôi vừa mới suy nghĩ về những lý lẽ của anh và bị nó thuyết phục. Dứt khoát là tôi không tiếc rằng mình đã rơi vào trong cái vụ lôi thôi này. Cho nên tôi quyết định cùng trốn với các anh. Không nghĩ ngợi gì nữa nhé và hãy sẵn sàng. Hai thanh kiếm của các anh ở trong góc kia, đừng quên, đó là một công cụ rất có ích trong những hoàn cảnh như thế này. À, điều đó làm tôi sực nhớ đến túi tiền của Porthos.

Và anh cất bọc tiền vào túi. Hai người nhìn anh với vẻ kinh ngạc.

-Ơ hay! – D'Artagnan nói, – Tôi xin hỏi các anh, như thế có gì là lạ nào? Tôi mù quáng, Arthos đã mở mắt cho tôi, có thế thôi. Lại đây.

Hai người bạn lại gần. Anh bảo: -Các anh có trông thấy cái phố kia không? Ngựa của các anh để ở đấy; các anh đi ra cổng rẽ về bên trái, nhảy lên yên thế là xong xuôi. Các anh đừng lo ngại gì hết mà cần chú ý nghe hiệu lệnh hành động. Hiệu lệnh đó là khi tôi kêu: "Giêsus, lạy Chúa tôi!".

-Nhưng cậu hãy thề đi là cậu sẽ đến, – Arthos nói.

-Có Chúa, tôi xin thề!

-Đồng ý, – Aramis reo lên. – Khi nghe tiếng kêu "Giêsus, lạy Chúa tôi! chúng tôi sẽ ra, chúng tôi sẽ quật đổ tất cả những gì cản lối đi của mình, chúng tôi sẽ chạy đến chỗ để ngựa, sẽ nhảy lên yên và thúc ngựa phóng, có phải như thế không?

-Tuyệt diệu!

-Aramis thấy chưa, – Arthos nói, – Tôi vẫn bảo cậu rằng d'Artagnan là người hay nhất trong chúng ta mà.

-Lại những lời tán tụng, – D'Artagnan nói, – Được tôi sẽ trốn.

-Tạm biệt!

-Và cậu sẽ đi trốn với chúng tôi chứ?

-Chắc chắn rồi! Đừng quên hiệu lệnh "Giêsus, lạy Chúa tôi".

Và anh bình thản đi ra như lúc đi vào lại huýt sáo tiếp bài ban nãy bỏ dở.

Bọn lính đang chơi hoặc ngủ, hai tên ngồi trong góc hát sai bài thánh thi: Superflumina Babylonis.

D'Artagnan gọi tên đội và nói: -Ông bạn thân mến ơi, tướng Cromwell đã sai ông Mordaunt mời tôi đến, tôi nhờ các ông canh gác tù binh cẩn thận hộ.

Viên đội ra hiệu là không biết tiếng Pháp.

D'Artagnan bèn cố làm những cử chỉ để cho hắn hiểu, hắn hiểu ra và gật đầu.

Anh liền đi xuống chuồng ngựa và thấy năm con ngựa đã thắng yên cương, cả con của anh cũng vậy.

Anh bảo Porthos và Mousqueton: -Mỗi người hãy dắt một con và rẽ về bên trái để Arthos và Aramis từ cửa sổ trông thấy rõ.

-Họ đến ngay chứ? – Porthos hỏi.

-Một lát nữa.

-Cậu không quên túi tiền của tôi chứ?

-Không, yên trí.

-Tốt.

Rồi Porthos và Mousqueton mỗi người dắt một con ngựa ra vị trí.

Còn lại một mình, d'Artagnan bèn đánh lửa châm vào một mẩu bùi nhùi to bằng hai cánh bèo, nhảy lên ngựa và đi đến trước cửa, đứng giữa bọn lính.

Vừa vuốt ve con ngựa, anh vừa nhét mầu bùi nhùi cháy vào tai nó.

-Phải là một kỵ sĩ cừ khôi như d'Artagnan mới dám liều chơi như vậy vì rằng vừa mới cảm thấy nóng bỏng trong tai, con ngựa hý lên một tiếng đau đớn nó nhảy lồng lên và nhảy chồm chồm như điên dại.

Bọn lính sợ nó đè bẹp vội tản ra xa.

-Cứu tôi với! Cứu tôi với! Giữ nó lại, giữ nó lại! Con ngựa của tôi bị chóng mặt.

Quả nhiên một lát sau máu như ứa ra từ mắt nó và miệng nó sùi bọt trắng xoá.

D'Artagnan vẫn kêu cứu mà bọn lính chẳng dám bén mảng tới gần.

-Cứu tôi với! Cứu tôi với! Các ông để mặc tôi chết à? Giêsus, lạy Chúa tôi!

D'Artagnan vừa mới thốt ra tiếng kêu ấy thì cửa bật mở Arthos và Aramis kiếm cầm tay, băng ra. Nhờ mưu mẹo của d'Artagnan, đường đi mở rộng.

-Tù binh trốn kìa! Tù binh trốn kìa! – Viên đội kêu lên.

-Giữ lại Giữ lại! – D'Artagnan vừa kêu vừa thả dây cương cho con ngựa hung dữ, nó lao đi và xô ngã mấy người.

-Stop! Stop![255] – Bọn lính vừa kêu vừa chạy đến chỗ để vũ khí.

Nhưng các tù binh đã nhảy lên yên, và một khi đã lên yên ngựa rồi, họ chẳng để mắt thì giờ lao ra phía cổng gần nhất. Chạy đến giữ phố họ gặp Grimaud và Blaisois đang đến tìm chủ.

Bằng một dấu hiệu, Arthos làm cho Grimaud hiểu rõ tất cả, bác đi theo luôn cái tốp nhỏ ấy nó phóng như một cơn lốc, d'Artagnan đến sau cùng càng thúc giục thêm. Họ lướt qua những ô cửa như những cái bóng những người canh không kịp nghĩ đến ngăn giữ lại, và họ ra đến cánh đồng bằng phẳng.

Trong khi ấy bọn lính vẫn kêu gào: Stop! Stop. Còn viên đội – bắt đầu nhận thấy mình bị mắc lừa cứ vò đầu bứt tóc mãi.

Giữa lúc ấy, người ta trông thấy một kỵ sĩ phi nước đại tới, tay cầm một mảnh giấy.

Đó là Mordaunt quay trở lại với tờ lệnh.

-Tù binh đâu? – Hắn vừa kêu, vừa nhảy xuống ngựa.

Viên đội không còn sức mà trả lời, giơ tay trỏ vào cái cổng mở toang và căn phòng trống rỗng. Mordaunt xông lên các bậc thềm hiểu rõ mọi sự, hắn hét lên một tiếng như vừa bị ai xé đứt ruột và ngất xỉu trên thềm đá.

§62. Ở đâu chứng minh rằng những tình huống gay go nhất, những trái tim lớn vẫn không mất dũng cảm và những dạ dày lớn vẫn không quên đói

Cái toán nhỏ ấy không trao đổi một lời, không ngoái lại đằng sau, cứ phi nước đại, vượt qua một con đường mà chẳng ai biết tên và để lại sau phía trái mình một thị trấn mà Arthos đoán chừng là Durham.

Cuối cùng trông thấy một khu rừng nhỏ họ thúc ngựa một lần cuối và đi về hướng đó.

Vừa mới khuất sau một rặng cây xanh khá dày để che mắt những kẻ có thể đuổi theo, họ dừng lại để họp bàn. Họ giao ngựa cho đầy tớ để cho ngựa nghỉ mà không tháo yên cương và cắt Grimaud canh gác.

Arthos bảo d'Artagnan: -Trước hết, lại đây đã để tôi ôm hôn cậu, cậu là cứu tinh của chúng tôi, cậu là người anh hùng thật sự trong chúng ta.

-Arthos nói đúng đấy, và tôi khâm phục cậu, – Aramis vừa nói vừa ôm chặt lấy bạn. – Với cái đầu thông minh, con mắt tinh tường, cánh tay sắt thép, tinh thần chiến thắng, có cái gì mà cậu không kỳ vọng được.

-Bây giờ thì ổn cả rồi, – Chàng Gascon nói – Tôi xin nhận tất cả những cái hôn và lời cảm ơn cho tôi và Porthos, nhưng thôi đừng mất thì giờ nữa.

Nghe nói vậy, hai người bạn sực nhớ đến Porthos, vội đến bắt tay anh.

-Bây giờ – Arthos nói, – Không thể cứ chạy bừa phứa và như những kẻ rồ dại mà phải bàn định một kế hoạch. Chúng ta sẽ làm gì nào?

-Cái mà chúng ta sắp làm ấy à? – D'Artagnan nói – Dễ thôi! Chẳng có gì là khó nói cả.

-Vậy cậu thử nói xem nào?

-Chúng ta đến một hải cảng gần nhất, tập trung tất cả những món tiền nhỏ mọn của chúng ta lại, thuê một chiếc tàu và đi về Pháp. Riêng tôi tôi góp đến đồng xu cuối cùng. Kho báu thứ nhất là tính mạng, mà tính mạng của các anh phải nói rằng treo trên sợi tóc.

-Cậu thấy thế nào, du Vallon! – Arthos hỏi.

-Tôi ấy à, – Porthos nói, – Tôi hoàn toàn nhất trí với d'Artagnan; thiết gì cái nước Anh của nợ này.

-Cậu dứt khoát rời bỏ nước Anh à? – Arthos hỏi d'Artagnan.

-Đúng thế, tôi chẳng thấy có gì giữ tôi lại cả.

Arthos trao đổi một cái nhìn với Aramis, rồi thở dài nói: -Thôi các bạn, hãy đi đi.

-Sao lại "các bạn hãy đi đi". – D'Artagnan hỏi. – Chúng ta đi nào chứ!

-Không, bạn ơi, – Arthos nói, – Cần phải từ giã chúng tôi.

-Từ giã chúng tôi? – D'Artagnan lặp lại, bàng hoàng về cái tin bất ngờ ấy.

-Ô hay! – Porthos nói, – tại sao lại từ giã chúng tôi, vì chúng ta cùng có nhau cơ mà?

-Bởi vì nhiệm vụ của các cậu đã hoàn thành, các cậu có thể, thậm chí phải trở về Pháp, nhưng nhiệm vụ của chúng tôi chưa hoàn thành.

-Nhiệm vụ của các anh chưa hoàn thảnh ư? – D'Artagnan kinh ngạc nhin Arthos và nói.

-Chưa bạn ạ, – Arthos đáp bằng một giọng vừa nhẹ nhàng vừa kiên quyết. – Chúng tôi đến đây để bảo vệ vua Charles, chúng tôi đã bảo vệ tồi, bây giờ chúng tôi phải cứu ông ta.

-Cứu vua? – D'Artagnan nhắc lại và nhìn Aramis như đã nhìn Arthos.

Aramis đành khẽ gật đầu.

Gương mặt d'Artagnan biểu lộ một vẻ thương cảm sâu sắc; anh bắt đầu cho rằng mình đang có chuyện với hai kẻ điên rồ.

-Arthos này, – D'Artagnan nói – Anh không thể nói nghiêm túc như thế được đâu. Nhà vua đang ở giữa một đạo quân đang dẫn đến London. Chỉ huy đạo quân ấy là một người hàng thịt hoặc con một người hàng thịt gì đó, không quan trọng, đại tá Harison. Việc xử án vua sẽ làm ngay khi tới London tôi xin cam đoan như vậy. Chính Olivier Cromwell đã nói với tôi không ít về vấn đề đó, nên tôi cũng hiểu sự thể sẽ ra sao.

Arthos và Aramis lại trao đổi với nhau một cái nhìn thứ hai.

-Bản án xong, người ta sẽ chẳng thi hành chậm trễ đâu, – D'Artagnan nói tiếp. – Ô, các vị thanh giáo ấy là những người khẩn trương trong công việc đấy.

-Thế cậu cho rằng nhà vua sẽ bị hình phạt gì? – Arthos hỏi.

-Tôi e rằng là án xử tử; họ đã làm quá nhiều chuyện chống lại nhà vua, nên không thể tha thứ cho ông và chỉ còn một cách là giết đi. Thế các anh không biết câu nói của Olivier Cromwell khi ông đến Paris và người ta chỉ ông xem tháp lâu đài Vincennes nơi giam giữ ông Vendôme à?

-Câu gì vậy? – Porthos hỏi.

-Chỉ nên đụng đến các ông hoàng vào nơi đầu.

-Tôi có biết, – Arthos nói.

-Thế anh tưởng ông ta không đem câu châm ngôn của mình ra thực hiện khi bây giờ ông ta đã tóm giữ được nhà vua hay sao?

-Có chứ, tôi còn chắc chắn là khác, nhưng như thế là thêm một lý do để không bỏ rơi cái đầu uy nghi đang bị đe doạ.

-Arthos, anh điên mất rồi.

-Không đâu, bạn ạ, – Vị quý tộc nhẹ nhàng đáp, – nhưng de Winter đã đến Pháp tìm chúng tôi và dẫn chúng tôi đến bà Henriette. Bà hoàng đã ban vinh dự cho chúng tôi, D'Herblay và tôi, bà yêu cầu chúng tôi giúp đỡ cho chồng bà.

Chúng tôi đã hứa hẹn, lời hứa của chúng tôi bao gồm tất cả, đó là sức lực của chúng tôi, trí tuệ của chúng tôi, sau rốt là tính mạng của mình mà chúng tôi cam kết chúng tôi chỉ còn việc giữ lời. Ý kiến của cậu cũng thế phải không, D'Herblay

-Phải, – Aramis nói, – Chúng tôi đã có một lời hứa.

-Rồi chúng tôi lại có một ý kiến khác nữa, – Arthos nói tiếp, – Đây này, hãy nghe kỹ nhé. Ở Pháp lúc này mọi thứ đều tồi tàn và nghèo đói. Chúng ta có một ông vua mười tuổi chưa biết mình muốn cái gì. Chúng ta có một hoàng hậu mà nỗi đam mê muộn màn làm cho mù quáng. Chúng ta có một tể tướng cai trị nước Pháp như là cai quản một trang trại lớn nghĩa là chỉ bận tâm xem ở đó vàng có mọc lên được không, khi cày bừa nó bằng một âm mưu và thói xảo quyệt.Ý chúng ta có những ông hoàng gây sự chống đối có tính cách cá nhân và ích kỷ chẳng đạt tới đâu ngoài việc moi từ tay Mazarin mấy thỏi vàng và vài mảnh quyền thế. Tôi đã phục vụ họ không phải vì nhiệt tâm. Thượng đế chứng giám rằng tôi đánh giá họ theo giá trị thực của họ, có chăng là do một sự an bài từ trước. Giờ đây lại là chuyện khác, giờ đây trên đường đi của tôi, tôi gặp một bất hạnh vương hầu, một bất hạnh Âu châu và tôi gắn bó với nó. Nếu chúng tôi cứu được nhà vua thì thực là đẹp đẽ; nếu chúng tôi chết vì vua, thì thực là lớn lao!

-Như vậy, – D'Artagnan nói, – Anh biết trước là các anh sẽ tiêu vong chứ gì?

-Chúng tôi e là như vậy và nỗi đau đớn duy nhất của chúng tôi là chết xa các cậu.

-Các anh sẽ làm gì giữa một nước xa lạ và thù địch?

-Cậu nhỏ ơi, tôi đã từng đi khắp nước Anh, tôi nói tiếng Anh như ngươi Anh, và Aramis cũng có biết ít nhiều thứ tiếng ấy. A! Nếu, như chúng tôi có các cậu! Với cậu, d'Artagnan, với cậu, Porthos, tất cả bốn chúng ta hợp nhau lại lần đầu tiên từ sau hai mươi năm nay, chúng ta sẽ đương đầu không chỉ với nước Anh mà với ba vương quốc!

D'Artagnan bực tức nói: -Thế các anh có hứa với bà hoàng ấy rằng các anh sẽ công phá tháp London giết một trăm nghìn lính không, chiến đấu thắng lợi chống lại nguyện vọng của một dân tộc và tham vọng của một con người khi người đó tên là Cromwell không? Các anh, cả Arthos và Aramis, chưa trông thấy con người ấy. Này, đấy là một người thiên tài khiến tôi rất nhớ đến giáo chủ của chúng ta, giáo chủ kia cơ, giáo chủ vĩ đại. Các anh biết đấy. Cho nên các anh chớ có cường điệu nhiệm vụ của mình. Nhân danh Chúa Trời, Arthos thân mến ạ, chớ có làm những việc tận tâm vô ích! Thực tình, khi nhìn anh, tôi thấy anh là một người biết những lẻ phải; nhưng khi anh trả lời tôi, tôi thấy như mình đang nói chuyện với một thằng điên. Nào, Porthos, hãy đứng về phía tôi.

-Cậu nghĩ thế nào về việc này? Cứ nói thẳng thắn.

-Chẳng có gì là hay ho cả? – Porthos đáp.

Thấy Arthos như chẳng nghe anh nói mà lại đang lắng nghe mình nói với mình, d'Artagnan sốt ruột bảo: -Nào Arthos, chưa bao giờ anh khó chịu về những lời khuyên của tôi. Vậy thì hãy tin tôi, nhiệm vụ của anh đã kết thúc, kết thúc một cách cao quý, hãy trở về Pháp với chúng tôi.

-Bạn ơi, quyết định của chúng tôi là không thể lay chuyển.

-Nhưng anh còn một lý do gì mà chúng tôi không biết chăng?

Arthos mỉm cười.

D'Artagnan tức giận vỗ đùi đen đét và lải nhải những lý lẽ thuyết phục nhất mà anh có thể làm ra; nhưng Arthos chỉ đành lòng đáp lại bằng một nụ cười bình thản và hiền hoà, còn Aramis bằng những cái gật gù.

Cuối cùng d'Artagnan tức điên người và la lên: -Bởi vì các anh đã muốn vậy, thôi thì chúng ta hãy để lại nắm xương tàn của mình ở cái xứ sở khốn nạn quanh năm rét mướt này, mà ngày đẹp trời là sương mù, sương mù là mưa và mưa là lũ lụt, nơi mà mặt trời giống như mặt trăng, mặt trăng như một bánh pho-mát kem. Thực ra vì đã chết thì chết ở đây hay chết ở đâu đâu, đối với chúng ta chẳng có gì quan trọng.

-Tuy nhiên – Arthos nói, – Bạn thân mến ơi, Hãy nghĩ xem, đây là chết sớm hơn.

-Ô hay. Sớm hơn một chút hay muộn hơn một chút, điều ấy chẳng bõ công tranh cãi.

-Nếu như có điều khiến tôi thấy làm lạ, – Porthos trịnh trọng nói, thì dường như chưa phải điều đó đã đến đâu.

-Ồ, điều đó sẽ đến cứ yên trí Porthos ạ. – D'Artagnan nói, – Như vậy là thoả thuận rồi nhé, và nếu như Porthos không phản đối…

-Tôi ấy à, – Porthos nói, – tôi sẽ làm điều mà các cậu muốn. Vả lại, tôi thấy điều mà bá tước La Fère nói ban nãy là rất đẹp.

-Nhưng còn tương lai của cậu thì sao, – D'Artagnan nói liến thoắng và sôi nổi, – nếu chúng ta cứu được vua thì chúng ta có cần quan tâm đến điều đó không? Vua được cứu rồi, chúng ta tập hợp bạn bè của vua lại, chúng ta đánh bại bọn thanh giáo, chúng ta chiếm lại nước Anh, chúng ta đưa vua trở về London, chúng ta đặt ngài thật lên ngai vàng một cách nghiêm chính…

-Và rồi vua phong chúng ta làm quận công, làm triều thần, – Porthos nói, mắt anh lóng lánh mừng vui và như trông thấy cái tương lai ấy qua một huyền thoại.

-Hoặc là vua quên mất chúng ta, – D'Artagnan nói.

-Ồ – Porthos kêu.

-Kìa! Điều ấy đã thấy rồi còn gì? Porthos. Hình như xưa kia chúng ta đã giúp Anne d'Autriche một việc chẳng kém việc mà hôm nay chúng ta định giúp vua Charles I là bao nhiêu, thế mà nó có ngăn cản hoàng hậu quên béng chúng ta trong gần hai mươi năm đâu.

-Này d'Artagnan, – Arthos nói, – Mặc dầu vậy, cậu có bực mình khi đã giúp bà ta không?

-Thực tình không, – D'Artagnan đáp, – Vả tôi còn thú nhận rằng trong những lúc bực bội nhất, tôi vẫn tìm thấy một niềm an ủi trong kỷ niệm ấy.

-D'Artagnan cậu thấy đấy, Các ông hoàng thường bội bạc, Nhưng Chúa thì không bao giờ.

-Thế thì, Arthos ơi, – D'Artagnan nói, – tôi tin rằng nếu anh gặp quỷ sứ ở trên mặt đất này ắt hẳn anh sẽ dẫn nó cùng với anh lên trời.

Arthos chìa tay ra với d'Artagnan và nói: -Như vậy là…

-Như vậy là thoả thuận, – D'Artagnan đáp, – Tôi thấy nước Anh là một xứ tuyệt vời, tôi ở lại, nhưng với một điều kiện.

-Điều kiện gì?

-Người ta không bắt tôi học tiếng Anh.

-Được thôi, – Arthos nói với vẻ đắc thắng. – Bạn ơi bây giờ tôi xin viện Đức Chúa là người am hiểu chúng ta, viện tên họ của tôi mà tôi cho là không có tỳ vết, để thề với cậu là tôi tin rằng có một uy quyền canh chừng cho chúng ta, và tôi có hy vọng là cả bốn chúng ta sẽ gặp lại nước Pháp.

-Được – D'Artagnan nói – nhưng xin thú thực là tôi có niềm tin trái ngược hẳn.

-Cái cậu d'Artagnan thân mến này! – Aramis nói, – Ở giữa chúng ta, hắn tiêu biểu cho sự chống đối của các nghị viện, họ luôn luôn nói không và luôn luôn làm có.

-Phải rồi, nhưng trong khi chờ đợi, thì cứu nguy cho cuộc cờ.

-Thôi, này, các bạn ơi, – Porthos xoa xoa tay nói, – Bây giờ mọi việc đã quyết định xong xuôi, nếu như chúng ta nghĩ đến ăn uống nhỉ? Hình như trong những tình huống gay go nhất trong đời mình, chúng ta vẫn ăn uống thì phải.

-A phải đấy, – D'Artagnan nói. – Hãy bàn về ăn uống trong một đất nước mà yến tiệc linh đình, người ta ăn toàn thịt cừu luộc, cỗ bàn thịnh soạn, người ta uống toàn rượu bia? Chẳng biết ma xui quỷ giục thế nào mà anh lại đâm đầu vào một đất nước tội nợ như thế này, hử Arthos? À xin lỗi nhé, – Anh mỉm cười nói thêm, – Tôi quên rằng anh không còn là Arthos nữa.

-Nhưng chẳng sao, chúng ta hãy xem cái kế hoạch ăn uống của cậu ra sao nào, Porthos.

-Kế hoạch của tôi à?

-Ừ, cậu có một kế hoạch không?

-Không, tôi đói, có thế thôi.

-Chết chưa, nếu chỉ có thế thì tôi cũng vậy, tôi đang đói.

-Nhưng không phải cứ đói là đủ, phải tim cái ăn chứ, trừ phi gặm cỏ như lũ ngựa của chúng ta.

-A! – Aramis kêu, anh không đến nỗi hoàn toàn tách rời mọi thứ ở trên trần như Arthos, – Khi chúng ta ở khách sạn Parpaillot, các cậu có nhớ các con sò huyết đỏ au mà chúng ta chén không?

-Và những cái đùi cừu ở trên cánh đồng muối nữa! – Porthos nói và thè lưỡi ra liếm mép.

-Nhưng này Porthos – D'Artagnan nói – Chúng ta đã chẳng có anh bạn Mousqueton nuôi nấng cậu ăn uống thật đang hoàng ở Chantilly đó sao?

-Thật thế – Porthos nói, – chúng ta đã có Mousqueton, nhưng từ khi hắn lên làm quản lý hắn nặng nề ra quá; không sao, cứ gọi hắn lên.

Vả để chắc chắn được hắn đáp lại một cách dễ chịu, anh kêu: -Ơ này, Mousqueton.

Mouston xuất hiện; mặt hắn trông thật thảm hại.

-Mouston thân mến, anh làm sao thế? – D'Artagnan hỏi, – Anh có ốm đau gì không?

-Thưa ông, – Mouston đáp, – Tôi đói lắm ạ.

-Ấy chính vì thế mà chúng tôi triệu ông lên đấy. Ông Mouston thân mến ạ. Ông không thể đánh bẫy được con thỏ hiền lành và mấy con trĩ đẹp đẽ để làm món hầm và chả nướng như ở khách sạn… thực tình là tôi quên mất tên rồi.

-Khách sạn… gì nhỉ? – Porthos nói, – Tôi cũng quên nốt.

-Không sao, và quăng thòng lọng lấy mấy chai rượu vang Bourgogne lâu năm nó đã chữa khỏi rất nhạy cái trật xương của chủ anh ấy mà.

-Chao ôi, thưa ông, – Mouston đáp, – Tôi e rằng tất cả những thứ ông vừa yêu cầu rất hiếm ở cái xứ sở tồi tệ này, và tôi cho rằng tốt hơn cả là nhờ đến ông chủ của ngôi nhà nhỏ mà từ ven rừng ta cũng trông thấy.

-Saol? Có một ngôi nhà ở quanh đây à? – D'Artagnan hỏi.

-Thưa ông, vâng.

-Vậy thì như cậu nói, chúng ta đến ăn ở đó đi.

-Thưa các vị, các vị thấy thế nào, ý kiến của ông Mouston chẳng chí lý hay sao?

-Ê này – Aramis nói – Nếu chủ nhà là người thanh giáo thì sao.

-Càng hay! Mẹ kiếp, – D'Artagnan đáp, – Nếu hắn là người thanh giáo thì chúng ta sẽ cho hắn biết tin vua bị bắt, rồi để mừng cái tin ấy, hắn sẽ cho chúng ta mấy con gà mái trắng.

-Nhưng nếu hắn là lãnh chúa – Porthos nói.

-Trong trường hợp ấy, chúng ta sẽ làm bộ mặt đưa đám và vặt lông những con gà mái đen.

Arthos bất giác mỉm cười về cái máu vui nhộn của chàng Gascon bất trị, và nói: -Cậu sung sướng thật, vì cậu nhìn cái gì cũng tươi cười.

-Biết làm thế nào! – D'Artagnan đáp, – tôi sinh ra ở một xứ không có bóng mây trên trời.

-Chẳng như ở cái xứ này, – Porthos vừa nói vừa giơ tay ra để xem có đúng là mưa không vì anh vừa mới thấy như có một giọt nước rơi làm anh lạnh quá.

-Nào, nào, – D'Artagnan nói, – thêm một lý do để chúng ta lên đường… Ơ này Grimaud!

Grimaud xuất hiện.

-Này ông bạn Grimaud bác có thấy gì không, – D'Artagnan hỏi.

-Chẳng có gì hết, – Grimaud đáp.

-Đồ ngu, – Porthos nói, – Ba người kia chúng chẳng buồn đuổi theo chúng ta. Ồ! Nếu chúng ta ở vào địa vị chúng thì sao nhỉ?

-Ồ, chúng nó sai lầm, – D'Artagnan nói, nếu gặp Mordaunt, tôi sẵn sàng nói với nó một câu ở trong Thébaïde[256]: Đây là chỗ rất hay để quật ngã một con người.

-Này cậu ơi, – Aramis nói, – Dứt khoát là thằng con trai không có sức mạnh như mẹ.

-Bạn thân mến ơi, – Aramis nói, – hãy khoan đã. Chúng ta mới rời nó khoảng hai tiếng đồng hồ nó chưa biết chúng ta đi lối nào, chúng ta ở đâu. Khi nào đặt chân lên đất Pháp, chúng ta hãy nói nó không mạnh bằng mẹ nó, nếu từ giờ đến lúc ấy chúng ta không bị giết hoặc đầu độc.

-Trong khi chờ đợi, ta cứ chén, – Porthos nói.

-Phải đấy, – Arthos nói, – Thực tình tôi đói lắm rồi.

-Liệu hồn những con gà mái đen! – Aramis bảo.

Và do Mouston dẫn đường, bốn bạn đi về phía ngôi nhà, họ gần trở lại nỗi vô tư lự xưa kia, vì rằng giờ đây họ là bốn người hợp nhất và hoà thuận như Arthos nói.

§63. Chào Hoàng thượng sa cơ

Lần trước tới ngôi nhà, những kẻ lần trốn của chúng ta trông thấy đất bị xới lên như có một toán kỵ sĩ đông đảo đã đi trước họ. Trước cổng nhà các dấu vết càng nom rõ hơn cái toán ấy dù có là gì chăng nữa cũng đã nghỉ chân tại đây.

-Mẹ kiếp. – D'Artagnan nói, – Chuyện rành rành ra rồi, vua và đoàn hộ tống đã đi qua đây.

-Thôi chết! – Porthos nói – Như thế thì họ đã ngốn ngấu hết rồi còn gì.

-Biết đâu họ chẳng để lại một con gà.

D'Artagnan nói rồi nhảy xuống ngựa, đến gõ cửa, nhưng chẳng có ai trả lời.

Anh đẩy cửa, cửa không chốt và thấy căn phòng đầu tiên vắng tanh.

-Thế nào? – Porthos hỏi.

-Chẳng thấy ai cả, – D'Artagnan đáp – A, a!

-Cái gì thế?

-Có máu.

Nghe thấy thế, ba người bạn nhẩy xuống ngựa và đi vào. Nhưng d'Artagnan đã đẩy cửa căn phòng thứ hai, và qua nét mặt anh, rõ ràng là anh đã thấy một vật gì đặc biệt.

Ba người bạn đến gần và nom thấy một người đàn ông hãy còn trẻ nằm sóng sượt dưới đất trong một vũng máu.

Chắc là anh ta đã muốn vào giường, nhưng không đủ sức và ngã xuống.

Arthos là người đầu tiên đến gần kẻ bị nạn, anh tưởng như trông thấy người ấy cựa quậy.

-Thế nào? – D'Artagnan hỏi.

-Nếu như anh ta chết, – Arthos đáp, – Thì cũng chưa lâu, vì người vẫn còn nóng. Mà không, tim vẫn còn đập. Này, anh bạn ơi!

Kẻ bị thương thở dài một cái. D'Artagnan vốc nước vào lòng bàn tay và vẩy vào mặt.

Anh ta mở mắt, toan ngóc đầu dậy và lại ngã xuống.

Arthos định vực anh ta lên đầu gối mình, nhưng trông thấy vết thương ở phía trên tiểu não một chút và làm nứt toác sọ; máu ở đó tuôn ra lênh láng.

Aramis lấy khăn thấm nước và đắp vào vết thương, nước lạnh khiến kẻ bị thương hồi tỉnh và mở mắt lần thứ hai.

Anh ta ngạc nhiên nhìn những người kia có vẻ thương hại anh và đang cố sức cứu chữa cho anh.

-Ông đang ở giữa các bạn bè – Arthos nói bằng tiếng Anh, – Cứ yên tâm, và nếu ông còn có sức thì hãy kể cho chúng tôi nghe chuyện gì đã xảy ra.

-Đức vua, – Kẻ bị thương lẩm bẩm, – đức vua là tù binh.

-Ông trông thấy à! – Aramis hỏi cũng bằng tiếng Anh.

Người ấy không trả lời.

-Hãy yên trí, – Arthos lại nói, – Chúng tôi là những bầy tôi trung thành của Hoàng thượng.

-Ông nói thật chứ? – Kẻ bị thương hỏi.

-Chúng tôi lấy danh dự quý tộc mà thề.

-Vậy tôi có thể nói với ông được không?

-Nói đi.

-Tôi là em của Parry, người hầu phòng của Hoàng thượng ấy.

Arthos và Aramis nhớ lại đó là cái tên mà de Winter đã gọi người hầu mà các anh đã gặp trong hành lang lều vua.

-Chúng tôi có biết, anh ta không rời vua bao giờ.

-Phải, đúng thế, – Kẻ bị thương nói. – Thấy Đức vua bị bắt, bác ấy nghĩ tới tôi. Khi đoàn người đi qua nhà tôi, bác nhân danh vua xin cho đoàn dừng lại và được chấp thuận. Nghe nói vua đòi, họ cho vua vào trong căn phòng tôi đang ở đây, để người dùng bữa và cắt lính canh ở cửa ra vào và cửa sổ. Parry biết căn phòng này có một cửa sập dẫn xuống căn hầm và từ đó có thể đi ra ngoải vườn, bác ra hiệu cho tôi, tôi hiểu ngay, nhưng chắc hẳn ám hiệu bị bọn lính canh bắt chợt và nghi ngờ. Không biết rằng họ nghi ngờ, tôi chỉ có một điều mong muốn là cứu Hoàng thượng. Tôi bèn giả vờ ra vườn kiếm củi và nghĩ rằng không thể chậm trễ. Tôi đi vào đường ngầm dẫn đến căn hầm có cánh cứu sập Tôi lấy đầu đội nắp hầm lên, và trong khi Parry nhẹ nhàng cài chốt cửa ra vào lại, tôi ra hiệu cho vua đi theo tôi? Than ôi, vua không muốn, dường như ngài ghê tởm việc chạy trốn như thế. Nhưng Parry chắp tay van lạy ngài, tôi cũng vật nài ngài đừng bỏ lỡ một cơ hội như vậy. Cuối cùng ngài quyết định đi theo tôi. May thay, tôi đi trước, vua đi sau tôi vài bước bỗng nhiên tôi thấy trong đường hầm sừng sững một bóng đen cao lớn. Tôi toan kêu lên để báo hiệu cho vua, nhưng không kịp. Tôi cảm thấy một đòn như cả ngôi nhà đổ sập xuống đầu tôi và tôi lăn ra bất tỉnh.

Một người Anh tử tế và chính trực! Một bầy tôi trung thành! – Arthos nói.

-Khi tỉnh lại tôi thấy mình vẫn nằm ở chỗ ấy. Tôi lết ra tận ngoài sân, vua và đoàn hộ tống đã đi rồi. Tôi lê từ ngoài vườn vào đây phải mất đến một tiếng đồng hồ, nhưng rồi kiệt sức, tôi ngất đi lần thứ hai.

-Thế bây giờ ông thấy thế nào?

-Đau lắm, ông ạ.

-Chúng tôi có thể giúp gì cho ông? – Arthos hỏi.

-Hãy đỡ tôi lên giường, như thế có lẽ dễ chịu hơn.

-Có người nào để cứu chữa cho ông không?

-Vợ tôi đang ở Durham và sớm muộn sẽ trở về. Nhưng còn các ông không cần gì ư, không muốn cái gì ư?

-Lúc này chúng tôi định đến xin ăn.

-Chao ôi? Họ vơ vét sạch, chẳng còn lấy một mẩu bánh ở trong nhà. D'Artagnan, cậu nghe thấy chưa? – Arthos nói, – chúng ta phải đi kiếm bữa ăn ở chỗ khác thôi.

-Chẳng sao! – D'Artagnan nói, – Bây giờ tôi không thấy đói nữa.

-Thực tình, tôi cũng vậy, – Porthos nói.

Họ đưa người bị nạn lên giường và gọi Grimaud đến băng bó vết thương. Giúp việc bốn người bạn, Grimaud đã có nhiều dịp làm băng bó và đôi chút ra dáng nhả phẫu thuật.

Trong khi ấy mấy người lẩn trốn đi ra căn phòng ngoài và họp bàn.

-Bây giờ đây, – Aramis nói, – Chúng ta đã biết sự thể ra sao rồi.

-Đúng là vua và đoàn hộ tống đã đi qua đây ta phải đi theo hướng ngược lại. Cậu thấy thế nào, Arthos?

Arthos không đáp, anh đang suy nghĩ

-Phải đấy, – Porthos nói – Ta đi hướng ngược lại. Nếu ta đi theo đoàn hộ tống, ta sẽ thấy mọi thứ đều bị ngốn ngấu hết và cuối cùng chúng ta sẽ chết đói. Cái nước Anh đáng nguyền rủa này. Đây là lần đầu tiên tôi không được ăn trưa. Bữa trưa là bữa ăn ngon nhất của tôi đấy!

-D'Artagnan, cậu nghĩ thế nào – Arthos hỏi. – Cậu có đồng ý với Aramis không?

-Không, – D'Artagnan đáp. – Tôi trái với ý kiến đi theo chiều ngược lại.

-Sao, – Porthos hoảng hốt nói. – Cậu định đi theo đoàn hộ tống ư?

-Không, nhưng đi cùng hướng với họ.

-Đi cùng hướng với đoàn hộ tống ư? – Aramis kêu lên.

-Cứ để d'Artagnan nói, – Arthos bảo, – Cậu biết rằng hắn là người luôn có ý kiến hay mà.

-Tất nhiên. – D'Artagnan đáp, – phải đi nơi nào người ta không tìm kiếm chúng ta. Do họ chẳng bao giờ lại đi lùng chúng ta trong đám người thanh giáo, chúng ta hãy đến chỗ bọn thanh giáo.

-Hay lắm, bạn ơi! Ý kiến thật là tuyệt, – Arthos nói, – Tôi sắp sửa nói thì cậu đã nói trước mắt rồi.

-Thế anh cũng đồng ý như vậy à? – Aramis hỏi.

-Phải. Người ta tưởng chúng ta muốn rời nước Anh và họ tìm kiếm chúng ta ở các bến cảng; trong khi đó chúng ta sẽ đến London cùng với vua. Một khi tới London rồi, sẽ chẳng ai tìm thấy chúng ta đâu; Ở giữa một triệu con người, ẩn náu chăng khó khăn gì, chưa kể, – Arthos nói thêm và đưa mắt sang Aramis, – Những điều may ta sẽ gặp trong chuyên đi này.

-Phải, – Aramis nói. – Tôi hiểu.

-Tôi chẳng hiểu gì, – Porthos nói, – Nhưng không sao vì ý kiến này vừa là của d'Artagnan, vừa là của Arthos, ắt hẳn là ý kiến hay nhất.

-Nhưng – Aramis nói, – Liệu đại tá Harrison có nghi ngờ chúng ta không?

-Ô mẹ kiếp! – D'Artagnan nói -Ttôi lại trông cậy vào chính ông ta cơ chứ. Đại tá Harrison là chỗ bạn bè của chúng ta, tôi đã gặp ông ta hai lần ở chỗ tướng Cromwell; ông ta biết rằng chúng tôi được ông Mazarin phải từ Pháp sang, và coi chúng tôi như anh em. Vả chăng, đó chẳng phải là con trai một người đồ tể đó sao? Đúng như thế, phải không? Vậy thì Porthos sẽ chỉ cho ông ta biết người ta đập chết một con bò bằng một quả đấm như thế nào, còn tôi sẽ cho ông ấy hay người ta nắm sừng một con bò to lớn và quật ngã nó ra sao, điều ấy sẽ chinh phục lòng tin cậy của ông ta.

Arthos mỉm cười. Rồi vừa giơ tay ra vừa nói với chàng Gascon: -D'Artagnan, cậu là người bạn đường hay nhất mà tôi được biết. Tôi rất sung sướng được gặp lại cậu, con trai thân yêu của tôi.

Ta đã biết, Arthos thường gọi d'Artagnan như vậy những khi trải tim anh dạt dào tình cảm.

Vừa lúc ấy Grimaud đi ra. Kẻ bị thương đã được băng bó và khá hơn.

Bốn người bạn cáo biệt anh ta và hỏi có nhắn gì cho anh trai mình không.

Con người trung hậu đáp: -Nhờ các ông bảo bác ấy nói để Đức vua biết rằng họ không giết chết hẳn tôi; dù hèn hạ như tôi, tôi cũng tin chắc rằng hoàng thượng thương tiếc tôi và ân hận về cái chết của tôi.

-Cứ yên trí, – D'Artagnan nói, – Trước buổi tối này, ngài sẽ biết.

Toán người lại ra đi. Không thể lầm đường, vì con đường họ muốn đi theo được vạch rõ ràng qua cánh đồng.

Sau hai tiếng đồng hồ đi lặng lẽ, d'Artagnan dẫn đầu bỗng dừng ở lại một chỗ dường ngoặt.

-A, a, – Anh nói, – Người chúng ta đây rồi.

Quả thật một toán đông kỵ sĩ hiện ra ở cánh đồng nửa dặm.

-Các bạn ơi! – D'Artagnan nói, – Hãy đưa gươm kiếm cho ông Mouston, ông ta sẽ trả lại các anh khi cần thiết, và đừng quên rằng các anh là tù binh của chúng tôi đấy.

Rồi mọi người cho ngựa đi nước kiệu, chúng cũng bắt đầu mệt mỏi, và chẳng mấy chốc họ đuổi kịp đoàn hộ tống.

Nhà vua có một bộ phận của trung đoàn Harrison bao quanh, đi đầu vẫn thản nhiên, đàng hoàng và với vẻ như là thiện ý.

Trông thấy Arthos và Aramis mà người ta đã chẳng để cho ông có thì giờ từ biệt, vua đọc trong những cái nhìn của hai nhà quý tộc thấy rằng họ còn có những bạn bè ở cạnh họ mấy bước và mặc dầu vẫn tưởng họ là tù binh, một sắc đỏ vui mừng bốc lên hai gò má xanh xao của nhà vua.

Để hai bạn mình cho Porthos canh giữ, d'Artagnan đi lên hàng đầu của đoàn quân đến thẳng chỗ Harrison. Ông ta nhận ngay ra là đã gặp anh ở dinh Cromwell, và đón tiếp anh một cách lịch sự như một người ở địa vị ấy và với tính cách ấy có thể làm đối với mọi người khách. Đúng như điều dự đoán của d'Artagnan, viên đại tá không nghi ngờ gì hết.

Người ta dừng lại; vua ăn ở chỗ nghỉ này. Tuy nhiên lần này người ta đề phòng để vua khỏi mưu toan chạy trốn. Trong gian phòng lớn của khách sạn, một chiếc bàn nhỏ được xếp cho vua và một bàn lớn cho các sĩ quan.

-Ông có ăn với tôi không? – Harrison hỏi d'Artagnan.

-Chao ôi, tôi rất vui lòng – D'Artagnan đáp, – Song tôi còn người bạn đồng hành, ông Du Vallon với hai tù binh mà tôi không thể rời xa và họ làm chật bàn của ông ra. Nhưng thế này có lẽ tiện hơn; ông cho kẻ một cái bàn vào một góc và cho dọn thức ăn sang đấy cho chúng tôi nếu không thì chúng tôi chết đói mất. Như thế vẫn là cùng ăn với nhau, bởi vì chúng ta sẽ ăn trong cùng một gian phòng.

-Được! Harrison nói.

Mọi việc được thu xếp như d'Artagnan mong muốn và khi anh trở lại thì đã thấy nhà vua ngồi ở cái bàn nhỏ, do Pary hầu, Harrison và các sĩ quan ngồi chung một bàn và ở trong góc một bàn dành cho anh và các bạn đồng hành.

Bàn của các sĩ quan thanh giáo hình tròn và chẳng biết do tình cờ hay tỉnh toán vụng, Harrison ngồi quay lưng lại phía vua.

Trông thấy bốn người quý tộc vào, vua không tỏ ra chú ý gì đến họ.

Họ đến chỗ bàn dành cho mình và ngồi sao để không quay lưng lại ai.

Để chào mừng các vị khách của mình, Harrison sai mang nhưng thức ăn ngon nhất của bàn mình sang cho họ. Tiếc thay không có rượu vang. Đối với Arthos điều ấy không can gì, nhưng d'Artagnan, Porthos và Aramis mỗi lần phải nhấp rượu bia lại nhăn nhó vì cái thứ đồ uống thanh giáo này.

-Thưa đại tá, – D'Artagnan nói, – Thậttình là chúng tôi rất biết ơn ông về sự mời mọc quý hoá này, vì nếu không có ông, chắc chắn chúng tôi sẽ phải nhịn bữa trưa cũng như đã nhịn bữa ăn lót dạ và đây là ông du Vallon là bạn tôi cũng chia sẻ lòng biết ơn của tôi bởi vì ông ấy đói lắm.

-Tôi vẫn đói, – Porthos vừa nói vừa chào viên đại tá.

-Thế cái sự kiện nghiêm trọng là phải nhịn bữa lót dạ ấy đã xảy ra với các ông như thế nào? – Viên đại tá vừa cười vừa hỏi.

-Do một nguyên nhân rất đơn giản, – D'Artagnan nói, – Tôi vội vã đuổi theo đại tá, vì vậy đi cùng đường với ông. Lẽ ra một sĩ quan kỳ cựu như tôi không làm như vậy, vì phải biết rằng nơi nào mà một trung đoàn hùng hậu như trung đoàn ông đã đi qua thì chẳng còn để lượm một nữa. Cho nên ông hiểu rõ nỗi thất vọng của chúng tôi khi tới một ngôi nhà xinh xinh ven rừng mái ngói đó, cửa sổ xanh,

đẹp như mơ, từ xa trông rất thích. Chúng tôi chắc mẩm là sẽ có gà mái tơ để quay, đùi cừu để nướng chả, nhưng đến nơi chỉ trông thấy một kẻ tội nghiệp tắm mình trong… – A, mẹ kiếp Thưa đại tá, xin hãy chuyển lời khen của tôi đến viên sĩ quan nào đã giáng cái đòn ấy thật đích đáng, thật đích đáng khiến ông du Vallon bạn tôi phải khâm phục, ông ấy cũng giáng được những đòn như thế.

-Vâng, – Harrison cười nói và đưa mắt sang một viên sĩ quan ngồi cùng bàn, – khi Groslow đã đảm nhiệm công việc ấy thì chẳng cần ai đến sau ông ta.

-A! Thì ra ông đấy à? – D'Artagnan nói và chào viên sĩ quan, tôi tiếc là ông không nói tiếng Pháp để tôi có lời chúc mừng ông.

-Thưa ông, tôi sẵn sàng nhận và chúc mừng lại ông, – Viên sĩ quan nói bằng tiếng Pháp khá thạo, – Bởi vì tôi đã ở Paris ba năm.

-Vậy thì – D'Artagnan nói tiếp, – Tôi vội xin thưa với ông rằng, cái đòn ấy nện hay đến nỗi hầu như đã giết chết địch thủ.

-Tôi tưởng đã giết chết hắn rồi chứ, – Groslow nói.

-Không. Cũng chẳng còn gì quan trọng lắm đâu, đúng thế, nhưng hắn không chết.

Khi nói câu ấy, d'Artagnan đưa mắt nhìn Parry, bác đang đứng trước nhà vua, mặt tái nhợt, – để ngụ ý rằng cái tin tức này là gửi cho bác.

Vua lắng nghe câu chuyện này mà tim thắt lại với một nỗi lo âu khôn tả, vì không biết tên sĩ quan người Pháp kia muốn đi tới đâu, và những chi tiết tàn nhẫn kia núp dưới một bề ngoài vô tư lự khiến ông bực tức.

Chỉ sau những lời nói cuối cùng của d'Artagnan ông mới dễ thở.

-A! Bực nhỉ, – Groslow nói, – tôi cứ tưởng đạt hơn cơ đấy. Nếu từ đây đến nhà tên khốn kiếp này không xa, tôi sẽ trở lại, cho hắn chết hẳn.

-Ông làm thế là phải, nếu như ông sợ nó hồi phục, d'Artagnan nói, – bởi vì ông biết đấy, khi vết thương vào đầu mà không giết chết ngay thì sau tám ngày nó sẽ khỏi.

Và d'Artagnan lại liếc nhìn Parry lần thứ hai, mặt bác ta lộ vẻ mừng rỡ khiến Charles giơ tay ra cho bác và mỉm cười.

Parry cúi xuống bàn tay chủ và hôn lên với vẻ cung kính.

-D'Artagnan này, – Arthos nói, – Quả thật cậu vừa là người giữ lời vừa là người tài trí. Nhưng cậu thấy vua thế nào?

-Tôi hoàn toàn ưa thích gương mặt của vua. Ông ta vừa có vẻ tử tế vừa có vẻ cao quý.

-Phải, – Porthos nói, – Nhưng ông ta để bị bắt, đó là một sai lầm.

-Tôi rất muốn uống chúc mừng sức khỏe nhà vua, – Arthos nói.

-Vậy thì để tôi làm cho, – D'Artagnan bảo.

-Làm đi, – Aramis nói.

Porthos nhìn d'Artagnan, choáng váng cả người về những nguồn thủ đoạn dồi dào mà trí xảo Gascon không ngừng cung cấp cho bạn.

D'Artagnan cầm chiếc cốc bằng thiếc rót đầy rượu và đứng lên. Anh nói với các bạn: -Thưa các ông, chúng ta hãy uống mừng sức khỏe người chủ bữa ăn này. Chúc mừng ông đại tá và mong ông biết cho rằng chúng ta sẵn sàng phục vụ ông đến tận London và xa hơn nữa.

Vừa nói d'Artagnan vừa nhìn Harrison, ông ta tưởng người ta nâng cốc chúc mình bèn đứng dậy và chào bốn người bạn, mấy người này dán mắt vào vua cùng uống, trong khi Harrison cũng cạn cốc của mình không một chút nghi ngờ.

Đến lượt mình, Charles chìa cốc ra để Parry rót cho vài giọt bia vì rằng vua cũng chỉ được chia phần như mọi người, và vừa đưa cốc lên môi vừa nhìn lại bốn người quý tộc, ông uống với nụ cười đầy vẻ quý phái và biết ơn.

Harrison đặt cốc xuống và chẳng tỏ một vẻ kính trọng nào đối với người tù hiển hách mà mình dẫn đi, ông hô: -Nào, xin các ông lên đường!

-Ta ngủ ở đâu, đại tá?

-Ở Tirsk. – Harrison đáp.

Vua đứng lên, quay lại phía người hầu và nói: -Parry, đem ngựa ra. Ta muốn đi đến Tirsk.

-Arthos này, – D'Artagnan nói, – Thực tình vua của anh đã quyến rũ tôi thật sự và tôi sẵn lòng phục vụ ông ta.

-Nếu điều cậu nói là chân thành, – Arthos nói, – Thì vua không đi tới London.

-Sao vậy?

Vì rằng trước lúc đó, chúng ta đã cướp vua đi.

-A! – D'Artagnan nói, – Xin lấy danh dự mà thề rằng lần này anh điên thật đấy, Arthos ạ.

-Thế cậu có một kế hoạch nào không? – Aramis hỏi.

-Này, – Porthos nói – việc đó không phải là không thể làm được nếu như có một kế hoạch hẳn hoi.

-Tôi không có, – Arthos đáp, – nhưng d'Artagnan sẽ tìm ra một diệu kế.

D'Artagnan nhún vai, và mọi người lên đường.

§64. D'Artagnan được một diệu kế

Có lẽ Arthos hiểu d'Artagnan còn hơn d'Artagnan tự hiểu mình. Anh biết rằng trong một tâm trí mạo hiểm như tâm trí d'Artagnan chỉ cần gieo một ý tưởng giống như trên một mảnh đất màu mỡ chỉ cần gieo một hạt giống. Cho nên anh đã lặng lẽ để mặc bạn mình nhún vai, và anh vừa đi vừa nói chuyện với bạn về Raoul, câu chuyện mà trong một hoàn cảnh khác, anh đã hoàn toàn bỏ rơi.

Trời tối hẳn thì đến Tirsk. Bốn người bạn tỏ ra hoàn toàn xa lạ và thờ ơ với những biện pháp phòng ngừa mà người ta thi hành để yên tâm về nhà vua. Họ rút vào một ngôi nhà riêng và do luôn luôn phải lo ngại cho chính mình, họ cũng ở trong một phòng và sắp xếp một lối thoát trong trường hợp bị tấn công. Các người hầu được cắt đặt vào những vị trí khác nhau; Grimaud nằm trong một ổ rơm chắn ngang cửa.

D'Artagnan có vẻ đăm chiêu và tạm thời mất đi tính vui miệng thông thường. Anh chẳng nói một lời và không ngừng huýt sáo, đi từ giường ra cửa sổ. Porthos xưa nay chỉ nhìn thấy những sự vật bên ngoài, vẫn nói chuyện như thường lệ, d'Artagnan đáp lại bằng những tiếng nhát gừng. Arthos và Aramis nhìn nhau tủm tỉm cười.

Cả ngày mệt mỏi song trừ Porthos mà giấc ngủ cũng bất khuất như sự thèm ăn, các bạn khác đều khó ngủ.

Sớm hôm sau d'Artagnan dậy trước tiên. Anh xuống chuồng ngựa, xem xét các con ngựa, ban các mệnh lệnh cần thiết trong ngày cho người hầu, trong khi Arthos và Aramis chưa dậy và Porthos vẫn đang ngáy.

Tám giờ sáng đoàn quân lên đường theo trật tự hôm trước.

Riêng d'Artagnan để mặc các bạn đi với nhau và đến nối lại với Groslow sự quen biết bắt đầu từ hôm qua.

Được những lời khen của anh ve vuốt, Groslow đón tiếp anh bằng một nụ cười nhã nhặn.

-Thưa ông, – D'Artagnan nói, – Thực tình tôi rất sung sướng tìm được một người nào đó để nói cái ngôn ngữ tầm thường của mình. Ông Du Vallon bạn tôi vốn tính đa sầu thành ra cả ngày chẳng thể moi ở miệng ông ấy lấy bốn câu, còn hai tù binh của chúng tôi ông cũng thừa hiểu rằng họ chẳng hào hứng gì chuyện trò với chúng tôi.

-Đó là những tên bảo hoàng cuồng dại, – Groslow nói.

-Thêm một lý do để họ bất bình với chúng tôi vì đã bắt mất lão Stuart mà chúng tôi mong rằng các ông sẽ đem ra xử án đến nơi đến chốn.

-Thì chúng tôi dẫn hắn đến London để làm cái việc ấy mà, – Groslow nói.

-Và tôi đoán rằng không lúc nào ông rời mắt khỏi lão ta phải không.

-Hẳn đi chứ! Ông thấy đấy, – Viên sĩ quan cười nói, – Hắn ta có một đoàn hộ giá thật là đế vương.

-Phải ban ngày chẳng có nguy cơ lão ta trốn thoát; nhưng ban đêm?

-Ban đêm phải phòng ngừa gấp đôi.

-Bằng cách nào?

Tám người thường xuyên ở trong phòng hắn.

-Ghê nhỉ! – D'Artagnan nói. – Nhưng ngoài tám người đó ra, còn phải canh gác ở bên ngoài nữa chứ. Vì một tù nhân như vậy thì đề phòng bao nhiêu cũng chẳng phải là thừa.

-Ồ không, ông thử nghĩ xem: hai người không vũ khí thì làm gì được tám người có vũ trang.

-Sao lại hai người?

-Vua và tên hầu phòng.

-Người ta cũng cho phép tên hầu phòng ở bên ông ta à?

-Phải, Stuart yêu cầu được ban cho cái đặc ân ấy và đại tá Harrison đã bằng lòng. Lấy cớ mình là vua hình như lão ta không thể tự mình mặc lấy quần áo hoặc cởi ra…

Quyết định tiếp tục cái phương án tán tụng đã tỏ ra rất có hiệu quả với tên sĩ quan Anh, d'Artagnan nói: -Đại uý này, thực tình là càng nghe ông nói tôi càng ngạc nhiên về cách ông nói tiếng Pháp sao mà dễ dàng và tao nhã thế. Ông đã ở Paris ba năm, đúng như tôi dù có ở London suốt đời chăng nữa, tôi tin rằng cũng chăng thể đạt tới trình độ hiện nay của ông đâu. Thế dạo ở Paris ông làm gì?

-Cha tôi vốn là thương gia đã cho tôi đến ở với người bạn bán hàng bằng thư tín ở Paris, và ngược lại ông ta đã cho con trai đến ở với cha tôi. Việc trao đổi như vậy là thường giữa các nhà buôn với nhau.

-Thế Paris có làm vừa lòng ông không?

-Có chứ, nhưng các ông cần một cuộc cách mạng như kiểu của chúng tôi; không phải để chống lại vua của các ông đâu, đó chỉ là một đứa bé, mà để chống lại cái lão người Ý bần tiện ấy, hắn là tình nhân của hoàng hậu.

-A! Tôi rất đồng ý với ông đấy, và điều ấy sẽ làm sớm, chỉ cần chúng tôi có được mười hai sĩ quan như ông, không thiên kiến, cánh giác và không thể thương lượng! A! Chúng tôi sẽ nhanh chóng thanh toán được lão Mazarin và sẽ cho lão một bản án nho nhỏ như các ông sắp làm với vua của mình.

-Nhưng tôi tưởng ông phục vụ lão ta cơ mà, – Viên sĩ quan nói, – Và chính lão ta đã phái ông sang gặp Cromwell?

-Nghĩa là tôi phục vụ nhà vua, và biết rằng lão ta cần phải một người nào đó sang nước Anh, tôi bèn xin lãnh nhiệm vụ đó, ông xem tôi mong muốn biết chừng nào con người thiên tài lúc này đây đang chỉ huy ở ba vương quốc[257].

Cho nên khi ngài đề nghị với ông Du Vallon và tôi tuốt kiếm ra để chào mừng nước Anh cổ kính, ông đã thấy chúng tôi bập vào đề nghị đó như thế nào rồi.

-Phải tôi biết rằng các ông đã công kích bên cạnh ông Mordaunt.

-Ở bên trái và bên phải ông ấy. Ghê thật, lại một chàng thanh niên dũng cảm xuất sắc như ông ta. Ông thẳng tay hạ sát bác của mình. Ông có trông thấy không?

-Ông quen biết ông ấy à? – Viên sĩ quan hỏi.

-Quen lắm chứ, có thể nói rằng chúng tôi rất mật thiết với nhau. Ông Du Vallon và tôi đã cùng đi với ông ấy từ Pháp sang đây.

-Hình như các ông để cái ông ấy phải chờ đợi rất lâu ở Boulogne-sur-Mer phải không?

-Làm thế nào được, – D' Artagnan đáp, – Cũng như ông, tôi phải canh giữ một ông vua.

-A, a! Vua nào – Groslow hỏi.

-Vua của chúng tôi, mẹ kiếp, ông king[258] tí hon Louis thứ mười bốn.

Và d'Artagnan ngả mũ ra. Viên sĩ quan Anh vì lịch sự cũng làm theo.

-Thế ông phải canh giữ bao lâu?

-Ba đêm và thực tình, tôi sẽ mãi mãi nhớ lại ba đêm ấy một cách thú vị.

-Ông vua nhỏ dễ thương chứ?

-Ông ta ngủ ngon lành.

-Ý ông định nói gì?

-Tôi muốn nói rằng các sĩ quan bạn tôi ở thị vệ đội và ngự lâm quân đến chơi với tôi, và cả đêm chúng tôi chè chén và cờ bạc.

-À phải, – Người Anh thở dài, – Đúng thật người Pháp các ông là những người bạn vui tính.

-Khi canh gác các ông không chơi bạc à?

-Không bao giờ.

-Như vậy, chắc các ông buồn chán lắm nhỉ và tôi lấy làm ái ngại cho các ông đấy – D'Artagnan nói.

-Sự thật là, – Viên sĩ quan nói, – Tôi đợi phiên gác với một nỗi kinh hoàng. Sao mà dài thế, cả một đêm trọn thức canh.

-Đúng thế, khi người ta canh gác một mình hoặc với những người lính ấm ớ. Nhưng khi người ta canh với một người bạn chơi vui tính. Khi người ta lăn tiền vàng và những quân súc sắc trên bàn, thì đêm qua đi như một giấc mơ. Ông không thích cờ bạc à?

-Trái lại.

-Chơi Le lansquenet[259] chẳng hạn.

-Tôi mê lắm. Hồi ở Pháp hầu như tối nào tôi cũng chơi.

-Thế từ khi về nước Anh?

-Tôi chẳng cầm đến một con súc sắc hay một quân bài.

-Tôi thương ông quá, – D'Artagnan nói với một vẻ thương cảm sâu xa.

-Này ông, – Người Anh nói, – Ta hãy làm một chầu?

-Chầu gì?

Ngày mai tôi trực gác.

-Trông chừng Stuart à?

-Phải. Ông hãy sang chơi đêm với tôi.

-Không được đâu, – D'Artagnan đáp.

-Không được ư?

-Hoàn toàn không thể được.

-Sao vậy?

-Đêm nào tôi cũng chơi bạc với ông Du Vallon. Đôi khi chúng tôi không ngủ… Sáng nay chẳng hạn, sáng rồi mà vẫn còn chơi.

-Thế thì sao?

-Ông ấy sẽ buồn phiền, nếu không có tôi cùng chơi.

-Ông ấy chơi khá không?

-Tôi đã thấy ông ấy thua hai nghìn pistol và cười ra nước mắt.

-Thế thì kéo ông ta đến đây.

-Ông tính thế nào? Còn tù binh của chúng tôi?

-Ờ nhỉ. Khỉ thật! – Viên sĩ quan nói. – Nhưng bảo bọn đầy tớ canh gác cho.

-Vâng, để họ tẩu thoát à? Tôi chẳng làm thế đâu – D'Artagnan nói.

-Chắc hẳn đó là những người có địa vị cao sang nên ông mới giữ riệt thế?

-Ấy một người là lãnh chúa giàu sụ ở Touraine; một người là hiệp sĩ ở Malte nhà quyền thề lắm. Chúng tôi sẽ thương lượng tiền chuộc; khi về Pháp mỗi người phải nộp hai nghìn livres sterling[260].

Chúng tôi không muốn rời mắt một lát nào những người mà bọn đầy tớ của chúng tôi biết rõ là triệu phú. Khi bắt được họ, chúng tôi đã moi của họ được ít nhiều, và xin thú thật với ông rằng đêm đêm, tôi và ông Du Vallon chúng tôi giằng co nhau túi tiền của họ đấy. Nhưng có lẽ họ còn giấu giếm một vài viên ngọc quí, một vài hạt kim cương, thành thử chúng tôi cứ như những kẻ biển lận chẳng lúc nào dám rời xa kho vàng của mình. Chúng tôi trở thành kẻ canh gác thường xuyên tù binh của mình; khi người này ngủ thì người kia thức.

-À ra thế! – Groslow nói.

-Bây giờ thì ông hiểu cái gì buộc tôi phải từ chối nhã ý của ông. Vả lại tôi càng nhạy cảm với lời mời của ông hơn khi thấy rằng không có gì chán hơn là cứ chơi mãi với vẫn một người vận số đen liên tục bù trừ nhau, và sau một tháng chẳng ai được cũng chẳng ai thua.

-Ôi! Groslow thở dài mà nói, – Còn có điều chán hơn nữa kia, đó là chẳng có gì hết.

-Tôi hiểu lắm, – D'Artagnan đáp.

-Nhưng này, – Người Anh lại nói, – Những tù binh của ông có nguy hiểm không?

-Về mặt nào cơ?

-Họ có khả năng tẩu thoát không?

D'Artagnan bật cười và nói: -Ôi lạy Chúa, một tên sốt rét run cầm cập vì không quen với khí hậu ở đất nước tươi đẹp của ông, tên kia là hiệp sĩ Malte nhút nhát như đứa con gái. Và để chắc hơn, chúng tôi tước bỏ của họ đến cả con dao gập và cái kéo bỏ túi.

-Vậy thì hãy dẫn họ theo, – Groslow nói.

-Sao, ông định thế ư? D'Artagnan hỏi.

-Vâng, tôi có tám người.

-Thì sao?

-Bốn người canh họ, bốn người canh vua.

Kể ra thì công việc có thể thu xếp như vậy đấy, – D'Artagnan nói, – Nhưng tôi gây cho ông nhiều điều phiền phức quá.

-Ồ hay, cứ đến chứ ông sẽ thấy tôi dàn xếp công việc như thế nào?

-Ồ, tôi không ngại ngần đâu, đối với một người như ông, tôi có thể nhắm mắt mà phó thác mình.

Câu phỉnh nịnh sau cùng này khiến cho viên sĩ quan cười một cái cười thoả mãn nó làm cho người ta trở thành bạn bè của kẻ đã gây ra tiếng cười ở họ bởi vì nó là một sự bốc hơi của lòng tự phụ được mơn trớn.

-Thế có gì ngăn trở chúng ta bắt đầu ngay tối nay không, – D'Artagnan hỏi.

-Bắt đầu cái gì cơ?

-Canh bạc của chúng ta ấy.

-Chẳng có gì ngăn trở cả, – Groslow đáp.

-Thế thì tối nay ông sang với chúng tôi, và tối mai chúng tôi sẽ sang ông. Ông biết đấy tù binh của chúng tôi là những kẻ bảo hoàng cuồng dại; nếu như họ có điều gì làm ông lo ngại thì thôi, và dù sao đêm nay vẫn là một đêm thú vị.

-Tuyệt lắm! Tối nay ở bên các ông, tối mai ở chỗ Stuart, tối ngày kia ở chỗ tôi.

-Và các ngày sau ở London. Ê, mẹ kiếp! – D'Artagnan nói, ông thấy không, người ta có thể sống vui vẻ ở khắp nơi.

-Đúng, – Groslow nói, – Khi người ta gặp những người Pháp và những người Pháp như ông.

-Và như ông Du Vallon; ông sẽ thấy một chàng trai khoái hoạt như thế nào! Một người Fronde cuồng điên, một người đã suýt giết gọn Mazarin, người ta dùng ông ấy, chẳng qua vì sợ ông ấy.

-Phải, ông ấy trông ra dáng lắm, và chưa quen biết ông ấy, tôi cũng rất ưng ý.

-Thế thì khi ông quen biết ông ta lại còn khác nữa. Ơ này, ông ta đang gọi tôi. Chúng tôi gắn bó với nhau đến nỗi ông ta không thể thiếu tôi được. Xin lỗi ông nhé.

-Ta định thế nào?

-Đến tối nay.

-Ở chỗ ông á?

-Vâng ở chỗ tôi.

Hai người chào nhau và d'Artagnan trở lại với các bạn đồng hành.

-Cậu nói chuyện quỉ quái gì với con chó ngao ấy thế? – Porthos hỏi.

-Bạn thân mến chớ nói năng như vậy về ông Groslow; đó là một trong những bạn thân của tôi đấy.

-Bạn thân ư, – Porthos nói, – Cái kẻ tàn sát nông dân ấy à?

-Sụyt! Porthos thân mến ơi, đúng là ông Groslow có hơi nóng nảy, nhưng kỳ thực ông ta có hai đức tính tốt mà tôi khám phá được: Ông ta khờ dại và kiêu ngạo.

Porthos trợn tròn mắt kinh ngạc, Arthos và Aramis nhìn nhau tủm tỉm, họ hiểu d'Artagnan và biết rằng anh chẳng làm gì không có mục đích.

-Nhưng thôi, tự cậu sẽ đánh giá ông ấy, – D'Artagnan nói thêm.

-Thế là thế nào?

-Tối nay tôi sẽ giới thiệu ông ấy với cậu. Ông ấy đến chơi bạc với chúng ta đấy.

Nghe vậy mắt Porthos sáng lên, anh nói: -Ồ, ồ! Hắn ta có giàu không?

-Đó là con trai của một trong những thương gia mạnh nhất ở London.

-Hắn biết chơi Le lansquenet chứ?

-Hắn tôn thờ.

-Thế bài bassette?

-Hắn mê như điên.

-Con bài biribi?

- Sở trường của hắn.

-Tốt lắm! – Porthos, – Chúng ta sẽ có một đêm thích thú.Càng thích thú vì nó hứa hẹn một đêm tuyệt diệu hơn.

-Tại sao thế?

-Vì chúng ta mời hắn chơi tối nay hắn mời chúng ta chơi tối mai.

-Ở đâu?

-Tôi sẽ bảo cậu sau. Bây giờ chúng ta hãy lo một điều: tiếp đãi sao cho xứng đáng cái vinh hạnh mà ông Groslow dành cho ta. Tối nay nghỉ ở Decby. Mousqueton cần đi trước và có chai rượu vang nào trong tỉnh phải mua luôn. Cũng chẳng tai hại gì nếu hắn sửa soạn một bữa ăn tối nho nhỏ, bữa ấy hai cậu sẽ không dự vì Arthos bị sốt rét và Aramis là hiệp sĩ ở Malte thì những câu chuyện

của bọn lính tráng thô bỉ như chúng tớ sẽ chẳng làm đẹp lòng cậu và khiến cậu đỏ mặt. Các cậu nghe rõ chứ?

-Rõ, – Porthos nói, – Nhưng quỷ bắt tôi hay sao, mà sao tôi chả hiểu được gì.

-Bạn Porthos ơi, – D'Artagnan nói, – Cậu nên nhớ rằng, tôi dòng dõi các nhà tiên tri nhờ bố tôi, và các mụ thầy bói nhờ mẹ tôi, và tôi chỉ nói bằng các lời ẩn dụ và những câu đố: ai có tài thì nghe ai có mắt thì nhìn, lúc này tôi không thể nói hơn được.

-Này bạn, cứ làm đi, – Arthos nói, – Tôi chắc chắn rằng điều cậu làm là tốt đây.

-Còn cậu Aramis, cậu có nhất trí như thế không?

-Hoàn toàn, d'Artagnan thân mến ạ.

-Hay lắm, – D'Artagnan nói, – Đây là hai tín đồ thật sự, mình vui lòng làm thử những điều thần diệu cho họ; chẳng như cái tên Porthos hoài nghi này, nó bao giờ cũng muốn trông thấy và sờ thấy thì mới tin.

Porthos làm ra vẻ tinh khôn nói: -Sự thật là tôi rất hay nghi ngờ.

D'Artagnan vỗ vào vai anh một cái và nhân đến chỗ đứng lại để ăn sáng, câu chuyện ngừng lại ở đó.

Khoảng năm giờ chiều, theo như đã thoả thuận, họ cho Mousqueton đi trước, Mousqueton không biết tiếng Anh, nhưng từ khi sang nước Anh đã nhận xét thấy rằng Grimaud do thói quen dùng cử chỉ thay thế lời nói một cách tuyệt diệu. Hắn bèn nghiên cứu cử chỉ của Grimaud và chỉ qua mấy bài học, nhờ tính ưu việt của ông thày hắn đã đạt tới trình độ kha khá. Blaisois đi theo hắn.

Đi qua phố chính của Derby, bốn người bạn nom thấy Blaisois đứng ở ngưỡng cửa một ngôi nhà đẹp; họ sẽ trú ngụ ở đây.

Suốt cả ngày họ không lại gần vua, sợ gây ra nghi ngờ, và đáng lẽ ăn cùng bàn với đại tá Harrison như hôm qua, hôm nay họ ăn riêng với nhau.

Tới giờ đã thỏa thuận. Groslow đến. D'Artagnan đón hắn ta như đón một người bạn hai mươi năm.

Porthos ngắm nghía hắn từ đầu đến chân và mỉm cười nhận thấy rằng hắn không cân sức với anh, mặc dầu cái đòn ghê gớm hắn đã giáng cho người em của Parry.

Arthos và Aramis cố gắng hết sức để che giấu nỗi ghê tởm mà cái bản chất tàn bạo và thô lỗ kia đã gây nên cho các anh.

Tựu trung là Groslow tỏ ra hài lòng về cuộc đón tiếp.

Arthos và Aramis giữ đúng vai trò của mình. Đến nửa đêm hai anh lui về phòng mình và người ta đã để ngỏ cửa với lý do nhân đức.

Hơn nữa d'Artagnan dẫn các anh về, để cho Porthos đánh với Groslow.

Porthos được năm mươi pistol và khi rút lui thấy rằng mình có một chỗ bầu bạn dễ chịu hơn thoạt đầu anh tưởng.

Còn Groslow tự hẹn với mình hôm sau trút cái thua bạc với Porthos lên dầu d'Artagnan, và khi chia tay với chàng Gascon hắn không quên nhắc lại cuộc hẹn buổi tối.

-Chúng tôi nói buổi tối vì mấy con bạc chia tay nhau vào lúc bốn giờ sáng.

Ngày hôm ấy trôi qua như thường lệ; d'Artagnan đi từ chỗ đại uý Groslow, đến chỗ đại tá Harrison và từ chỗ Harrison đến chỗ các bạn anh. Đối với ai không hiểu biết d'Artagnan thì dường như anh vẫn trong trạng thải thông thường; nhưng đối với các bạn anh, nghĩa là Arthos và Aramis thì thấy anh vui thích như điên.

-Chẳng rõ hắn mưu mô gì đây? – Aramis nói.

-Đợi xem, – Arthos đáp.

Porthos không nói gì, song với vẻ thỏa mãn lộ hắn ra mặt anh thọc tay vào túi đếm lại từng đồng số tiền năm mươi pistol anh được bạc ở Groslow.

Buổi tối đến Ryston, d'Artagnan tập hợp các bạn lại. Gương mặt anh để mất đi cái vui vẻ vô tư mà anh đeo như một cái mặt nạ suốt cả ngày. Arthos siết chặt tay Aramis.

-Sắp đến lúc rồi à? – Arthos hỏi.

-Phải, – D'Artagnan nghe tiếng và đáp, – Phải, sắp đến lúc rồi: các cậu ạ, đêm nay chúng ta cứu vua.

Arthos rùng mình, mắt sáng rực lên. Lúc trước anh hy vọng bây giờ thì hoài nghi, Anh nói: -Này d'Artagnan,đây không phải là một trò đùa chứ? Nếu là một trò đùa thì nó làm tôi đau lòng lắm đấy.

-Arthos, anh nghi ngờ tôi như vậy thì kỳ lạ thật, – D'Artagnan đáp – Ở đâu và lúc nào anh thấy tôi đùa với tấm lòng một người bạn và tính mạng của một ông vua? Tôi đã nói và tôi nhắc lại rằng đêm nay chúng ta cứu Charles đệ nhất. Anh đã tin tưởng nơi tôi sẽ tìm ra một kế, kế ấy đã tìm được.

Porthos nhìn d'Artagnan với một niềm khâm phục sâu xa.

Aramis mỉm cười ra chiều hy vọng.

Arthos thì tái đi như xác chết và run bắn cả tay chân.

-Nói đi nào, – Arthos bảo.

Porthos giương to đôi mắt thao láo của mình, Aramis có thể nói là đánh đu lên đôi môi của d'Artagnan.

-Chúng ta được mời sang chơi đêm ở chỗ ông Groslow, các cậu biết chứ?

-Ừ – Porthos nói, – Hắn đã bảo chúng ta hẹn cho hắn chơi canh bạc phục thù.

-Đúng. Nhưng các cậu có biết chơi phục thù ở đâu không?

-Không.

-Ở chỗ nhà vua.

-Ở chỗ vua? – Arthos kêu lên.

-Phải đấy, các cậu ạ: Groslow tối nay hắn là người lo về chuyện canh gác Hoàng thượng, và để giải trí trong phiên gác, hắn mời chúng ta đến chơi.

-Cả bốn người? – Arthos hỏi.

-Dĩ nhiên, tất nhiên là cả bốn, chẳng lẽ chúng tôi rời tù binh của mình à?

-A, a! – Aramis reo lên.

-Nào, nào! nói tiếp đi – Arthos hồi hộp nói.

-Thế là chúng ta sẽ đến với Groslow, chúng tôi mang kiếm, các cậu mang dao găm. Bốn chúng ta sẽ làm thịt tám tên lính ấm ớ và tên chỉ huy ngu dại của chúng. Porthos cậu thấy thế nào?

-Tôi cho là dễ như chơi, – Porthos đáp.

-Chúng ta sẽ cho vua mặc giả Groslow. Mousqueton, Grimaud và Blaisois giữ ngựa đã thắng yên cương sẵn sàng ở góc phố đầu tiên chúng ta nhảy phốc lên và trước khi trời sáng chúng ta đã phóng được hai mươi dặm. Hèm! Trù liệu như thế được không, Arthos?

Arthos đặt hai bàn tay lên vai d'Artagnan và nhìn anh với nụ cười hiền hậu và bình thản.

-Bạn ơi, – Anh nói, – Tôi xin tuyên bố rằng dưới trời này không ai sánh được với cậu về lòng cao quý và dũng cảm. Trong khi chúng tôi tưởng rằng cậu thờ ơ với những nỗi đau khổ của chúng tôi, mà cậu dù không chia sẻ cũng chẳng có tội vạ gì, thì một mình cậu tìm ra được cái mà chúng tôi tìm tòi uổng công. d'Artagnan, vậy tôi xin nhắc lại rằng, cậu là người tốt nhất trong bọn chúng ta, tôi ban phước cho cậu và tôi yêu quý cậu, con trai thân yêu của ta ạ.

Porthos lấy tay đập đập vào trán và nói: -Thế mà tôi không nghĩ ra, thật là đơn giản.

-Nhưng này, – Aramis nói, – Nếu tôi hiểu đúng thì có phải là chúng ta giết tất cả không?

Arthos rùng mình và gương mặt trở nên trắng bệt.

-Chán quá! – D'Artagnan nói. – Dứt khoát là phải thế rồi. Tôi đã tìm ra những việc này từ lâu, để xem có cách nào tránh được chuyện đó không, nhưng thú thật là chịu đấy.

-Thôi, – Aramis nói, – Không phải chuyện mặc cả với tình thế ở đây. Chúng ta sẽ tiến hành như thế nào?

-Tôi có đến hai phương án, – D'Artagnan đáp.

-Ta xem cái thứ nhất thế nào, – Aramis nói.

-Nếu tất cả bốn chúng ta cùng quây quần, thì khi tôi ra ám hiệu, ám hiệu là tiếng "Rốt cuộc", các cậu đâm một nhát dao vào tên lính đứng gần nhất, chúng tôi cũng làm như vậy. Thế là trước hết, bốn tên địch chết, thế là trận đánh coi như cân nhau, vì chúng ta có bốn người chọi năm. Năm tên đó đầu hàng, chúng ta sẽ nhét giẻ vào miệng chúng, nếu chúng chống cự, ta sẽ giết. Nếu tình cờ mà vị chủ tiệc của chúng ta thay đổi ý kiến và chỉ nhận tiếp Porthos và tôi thôi, thì dành là phải dùng những phương kế lớn và đánh gấp đôi, nhưng thế sẽ lâu hơn và ầm ĩ

hơn một chút, nhưng các cậu sẽ đứng ở bên ngoài với gươm kiếm và khi nghe thấy tiếng động thì chạy đến.

-Nhưng nếu chính các cậu bị đả thì sao? – Arthos nói.

-Không thể vậy đâu! – D'Artagnan nói, – những tên nghiện rượu bia ấy nặng nề lắm vả vụng về lắm, vả lại cậu sẽ đâm vào họng, Porthos ạ, như thế giết chết nhanh hơn và lại tránh được tiếng kêu.

-Hay lắm! – Porthos nói, – Đó sẽ là một cuộc chọc huyết rất xoàng thôi.

-Ghê tởm, ghê tởm! – Arthos nói.

-Ơ kìa? Con người đa cảm, – D'Artagnan nói,

-Anh đã làm những chuyện ấy như thế trong trận mạc rồi. Với lại bạn ơi, – Anh nói tiếp, – Nếu anh thấy sinh mạng của vua không đáng với cái nó phải trả giá, thì coi như xong thôi, và tôi sẽ báo với Groslow rằng tôi bị mệt.

-Không, bạn ơi, – Arthos nói, – Tôi đã sai lầm và chính cậu mới đúng. Hãy tha lỗi cho tôi nhé.

Vừa lúc ấy cửa mở, một tên lính xuất hiện. Hắn nói bằng tiếng Pháp tồi.

-Ông đại uý Groslow báo với ông d'Artagnan và ông Du Vallon rằng ông ấy đang đợi các ông.

-Ở đâu? – D'Artagnan hỏi.

-Ở trong phòng Nabuchodonosor người Anh, – tên lính thanh giáo cực đoan nói.

Nghe hắn lăng mạ đức vua như vậy, Arthos giận đỏ mặt, và đáp lại bằng tiếng Anh thật nặng và rõ ràng: -Được rồi, hãy nói với đại uý Groslow rằng chúng tôi sẽ đến.

Sau khi tên lính thanh giáo đi ra, mấy tên hầu được lệnh thắng yên cương cho tám con ngựa và đến đợi ở góc phố cách nhà vua ở hai chục bước, và phải ở liền bên nhau, ngồi sẵn trên mình ngựa.

§65. Canh bài lansquenet

Chín giờ tối. Các trạm gác thay phiên lúc tám giờ, và phiên gác của đại uý Groslow đã bắt đầu được một tiếng.

D'Artagnan và Porthos mang theo gươm. Arthos và Aramis mỗi người mang theo một con dao găm trong ngực áo, tiến về phía ngôi nhà tối hôm ấy đang giam giữ Charles Stuart. Đi theo những người chiến thắng mình, hai anh bạn bề ngoài không vũ trang và khúm núm như những kẻ bị bắt.

Trông thấy họ, Groslow nói: -Thật tình, tôi hầu như không trông đợi ở các ông nữa.

D'Artagnan đến gần hắn và nói nhỏ: -Quả thật, ông Du Vallon và tôi đã do dự một lát.

-Vì sao? – Groslow hỏi.

D'Artagnan đưa mắt nhìn sang Arthos và Aramis: -À, a! – Groslow nói, – Do chính kiến ư? Không can gì. Trái lại, -Hhắn cười và nói thêm – nếu họ muốn xem Stuart của họ thì cứ việc xem.

-Chúng ta chơi đêm ở trong phòng vua à? – D'Artagnan hỏi.

-Không, ở phòng bên cạnh, và do cửa để ngỏ, cho nên đúng như chúng ta ở cùng phòng vua. Ông có mang tiền không? Tôi xin tuyên bố là buổi tối nay tôi tính chơi một cảnh sát phạt kịch liệt.

-Ông có nghe thấy không? – D'Artagnan vừa nói vừa vỗ túi cho tiền vàng kêu xủng xoảng.

-Very good[261]? – Groslow nói và mở cửa phòng, – Để mở đường cho các ông.

Và hắn vào trước.

D'Artagnan quay lại phía các bạn. Porthos vô tư như đi vào một canh bạc thật thông thường. Arthos tái mặt nhưng cương quyết. Aramis lấy khăn lau mồ hôi lầm tấm trên trán.

Tám tên lính gác đứng ở vị trí của mình, bốn tên trong phòng vua, hai tên ở chỗ cửa thông, hai tên ở cửa ngoài. Nhìn thấy những thanh kiếm tuốt trần, Arthos mỉm cười: không phải là một nơi mổ thịt nữa, mà là một cuộc chiến đấu hẳn hoi.

Từ lúc đó khí sắc vui vẻ trở lại với anh.

Qua cửa thông mở sẵn, người ta trông thấy Charles nằm trên giường, mặc nguyên quần áo, ông chỉ đắp một tấm chăn len.

Parry ngồi ở chân giường, khẽ đọc một chương trong kinh Phúc âm, nhưng cũng đủ để Charles nghe, mắt lim dim.

Một cây nến mỡ bò đặt trên một cái bàn đèn soi sáng bộ mặt nhẫn nhục của vua và bộ mặt vô cùng kém bình tĩnh của gã đầy tớ trung thành.

Thỉnh thoảng Parry ngừng đọc, tưởng rằng vua ngủ rồi, nhưng vua lại mở mắt, mỉm cười, bảo: -Đọc tiếp đi Parry tốt bụng của tôi, tôi vẫn nghe.

Groslow bước đến ngưỡng cửa phòng vua, chiếc mũ đang cầm tay, hắn làm điệu bộ đội lên đầu để đón tiếp các vị khách, và nhìn một lát với vẻ khinh bỉ bức tranh giản dị và cảm động một lão bộc đọc Kinh thánh cho vua của mình đang bị tù đầy. Rồi yên tâm về lính gác của hắn đều đứng đúng ở nơi qui định, hắn quay lại phía d'Artagnan, nhìn người Pháp với vẻ đắc chí, như muốn cầu xin ở anh một lời khen cho chiến thuật của hắn.

-Thật là tuyệt điệu, – Chàng Gascon nói, – Chúa ơi! Ông sẽ làm một vị tướng khá xuất sắc đấy.

-Thế ông có tin rằng chừng nào tôi còn canh gác Stuart, hắn có trốn được không? – Groslow hỏi.

-Tất nhiên là không rồi, – D'Artagnan đáp. – Trừ phi là trời mưa rơi xuống các bạn bè của ông ta.

Groslow nở nang cả mặt mày.

Trong suốt cảnh đó, Charles Stuart vẫn nhắm mắt, không ai biết được ông có nghe thấy hay không những lời xấc xược của viên đại uý thanh giáo. Nhưng đến khi nghe thấy giọng nhấn mạnh của d'Artagnan, ông bất giác mở mắt.

Về phía mình, Parry cũng rùng mình và ngừng đọc.

Vua nói: -Đọc tiếp đi Parry, tất nhiên nếu anh mệt thì thôi.

-Thưa Ngài, không, – Gã hầu phòng đáp.

Và hắn lại tiếp tục đọc.

-Ở phòng ngoài, một cái bàn được sửa soạn, bàn phủ một tấm thảm, trên đặt hai cây nến những quân bài và hai hộp xúc xắc.

-Nào các ông, – Groslow nói, xin mời các ông ngồi, tôi ngồi đối diện với Stuart, tôi mê nhìn hắn ta lắm, nhất là xem hắn ở đâu, ông d'Artagnan ngồi trước mặt tôi.

Arthos tức đỏ mặt lên, d'Artagnan cau mày nhìn anh.

-Được rồi, – D'Artagnan nói, – Ông, bá tước de La Fère ngồi bên phải ông Groslow,Ông hiệp sĩ D'Herblay ngồi bên trái. Còn ông Du Vallon ngồi cạnh tôi. Ông cuộc cho tôi, còn hai ông kia cuộc cho ông Groslow.

Như vậy là Porthos ngồi bên trái d'Artagnan, anh dùng đầu gối để nói với bạn. Arthos và Aramis ngồi đối diện với anh anh có thể đưa mắt.

Nghe tên bá tước de La Fère và hiệp sĩ D'Herblay, Charles mở mắt ra và bất giác ngẩn cái đầu cao lên nhìn bao quát tất cả các diễn viên của màn kịch đó. Vừa lúc ấy Parry giở mấy trang Kinh thánh và cất cao giọng đọc câu xướng này của Jérémie:

"Chúa phán rằng: Hỡi các tôi tớ của ta hãy lắng nghe lời các nhà tiên tri mà ta đã quan tâm phải đến cho các người, và ta đã dẫn dắt đến với các người!".

Bốn người bạn đưa mắt nhìn nhau. Những lời mà Parry vừa đọc chỉ cho họ rằng vua đã hiểu lý do thật sự của sự hiện diện của họ.

Mắt d'Artagnan ngời lên một sự mừng rỡ.

-Lúc nãy ông hỏi tôi là có tiền không phải không? – D'Artagnan nói và đặt hai mươi pistol lên bàn.

-Phải, – Groslow đáp.

-Thế thì đến lượt tôi, tôi xin nói: Hãy giữ gìn cẩn thận kho vàng của ông, vì rằng tôi xin cam đoan là chúng tôi chỉ ra khỏi đây khi đoạt được nó.

-Nhưng tôi sẽ bảo vệ nó đấy, – Groslow đáp.

-Càng hay, – D'Artagnan nói – Vào trận, nào đại uý, vào trận. Ông biết hoặc hay không biết rằng đó là điều chúng tôi đòi hỏi.

-A biết lắm chứ, – Groslow vừa nói vừa cười hô hố, – Người Pháp các ông chỉ hay kiếm chuyện đánh nhau.

Charles đã nghe thấy hết và hiểu tất cả. Mặt ông hơi đỏ lên.

Những tên lính gác thấy ông dần dần duỗi chân tay mỏi mệt ra, và lấy cớ là nóng bức quá do cái lò sưởi đốt đến sáng trắng, ông dần dần gạt cái chăn Scotch sang một bên để lộ thân hình ông nằm ngủ mà vẫn mặc nguyên quần áo.

Arthos và Aramis mừng rở khi thấy vua quần áo vẫn sẵn sàng.

Canh bạc bắt đầu. Tối hôm ấy vận đó xoay sang Groslow. Hắn cầm cái may và được luôn luôn thắng. Một trăm pistol cứ thế chuyển từ cạnh bàn bên này sang cạnh bàn bên kia. Groslow sướng điên người.

Porthos mất cả năm mươi pistol vừa được bạc hôm qua cộng thêm độ ba chục pistol của riêng mình nữa, anh càu nhàu bực bội lắm và lấy đầu gối thúc vào đùi d'Artagnan như muốn hỏi đã đến lúc chuyển sang trò chơi khác chưa; Arthos và Aramis cũng nhìn anh bằng con mắt dò hỏi, nhưng d'Artagnan vẫn thản nhiên như không. Đồng hồ điểm mười giờ. Có tiếng đội tuần tra đi qua.

D'Artagnan rút thêm những đồng pistol ở túi ra và hỏi: -Các ông cho đi tuần tra bao nhiêu bận?

-Năm bận, cứ hai giờ một bận? – Groslow đáp.

-Tốt lắm, – D'Artagnan nói, – Thế là thận trọng.

-Tiếng đội tuần tra đi xa dần.

Lần đầu tiên d'Artagnan đáp lại Porthos bằng một cái thúc vào đùi.

Trong khi ấy, bọn lính được lệnh phải canh ở trong phòng vua, bị hấp dẫn bởi canh bạc và trông thấy vàng – Thế lực thật là mạnh mẽ

-Ở tất cả mọi con người – Chúng dần dần đi lại gần cửa và kiễng chân nhìn qua vai d'Artagnan và Porthos. Những tên lính ở ngoài cửa cũng xích đến gần, vô tình hộ trợ cho lòng mong muốn của bốn người bạn, họ muốn có chúng ở trong tầm tay hơn là buộc phải chạy tới chúng ở bốn góc phòng. Hai tên lính ở cửa vẫn cầm kiếm tuốt trần, nhưng chúng cũng kiễng chân để xem đánh bạc.

Thời điểm càng đến gần, Arthos càng tỏ ra bình tĩnh hơn. Hai bàn tay trắng muốt và quí phái của anh nghịch những đồng louis vàng mà anh vặn vẹo và uốn thẳng lại dễ như thế chúng làm bằng thiếc. Kém tự chủ mình hơn, Aramis luôn luôn thọc tay vào ngực áo; còn Porthos sợ thua bạc mãi, cứ lầy đầu gối thúc liên hồi vào đùi bạn.

D'Artagnan hững hờ quay đầu lại và trông thấy ở giữa hai tên lính, Parry đang đứng và Charles chống khủy tay và chắp hai bàn tay lại như gửi tới Chúa một lời cầu nguyện nhiệt thành. D'Artagnan hiểu là đã đến lúc rồi, mỗi người đã ở vị trí của mình và chỉ chờ một tiếng "Rốt cuộc" là tiếng ám hiệu của anh.

Anh ném một cái nhìn chuẩn bị về phía Arthos và Aramis, cả hai khẽ nhích ghế lại đằng sau để dễ dàng cử động.

Anh thúc một cái thứ hai vào đùi Porthos. Porthos đứng lên như để dãn gân cốt, những vừa đứng lên anh vừa xem lại thanh kiếm có rút ra khỏi vỏ dễ dàng không.

-Thánh thần ơi! – D'Artagnan nói, – Lại mất toi hai chục pistol nữa rồi! Đại uý Groslow ơi, quả thật là ông có vận đỏ quá, nhưng chẳng được lâu đâu.

Anh móc túi lấy ra hai chục pistol nữa.

-Ván cuối cùng, đại uý ạ. Hai mươi pistol đặt một ván, một ván thôi ván cuối cùng.

-Thì hai mươi pistol, – Groslow nói.

Và hắn lật hai con bài như thường lệ, một con vua cho d'Artagnan và một con ách cho hắn.

-Một vua, – D'Artagnan nói, – Điểm tốt đấy. Này tiên sinh Groslow ơi, – Anh nói thêm, – Hãy coi chừng vua đấy.

Mặc dầu tự kiềm chế mình, giọng nói của anh run lên một cách kỳ lạ, khiến đối phương của anh phải rùng mình.

Groslow bắt đầu lần lượt lật các quân bài. Nếu lật được một quân ách trước thì hắn thắng nếu lật một vua trước hắn thua.

Hắn lật lên một quân vua.

-Rốt cuộc! – d'Artagnan kêu.

Nghe tiếng đó, Arthos và Aramis đứng bật dậy Porthos lùi lại một bước.

Kiếm và dao sắp sửa loé lên, thì bất thình linh cửa mở và Harrison xuất hiện ở ngưỡng cửa, đi cùng có một người mặc áo choàng đen.

Phía sau người ấy lấp lánh những súng ống của năm sáu tên lính.

Groslow vội vàng đứng dậy, xấu hổ vì bị bắt bất chợt giữa những quân bài, xúc xắc và rượu vang nhưng Harrison không chú ý đến hắn và cùng đi với người mặc áo choàng vào phòng vua. Ông nói: -Charles Stuart! Có lệnh dẫn ông về London, ngày hay đêm cũng không nghỉ. Vậy ông hãy sửa soạn đi ngay lập tức.

-Lệnh ấy từ đâu ra, – Vua hỏi. – Từ tướng Olivier Cromwell phải không?

-Phải, – Harrison đáp. – Chính ông Mordaunt vừa mới mang đến và đôn đốc thi hành.

-Mordaunt! – Bốn người bạn lẩm bẩm và đưa mặt nhìn nhau.

D'Artagnan vơ vét tất cả tiền nong mà anh và Porthos bị thua ở trên bàn và nhét vào trong cái túi áo rộng của mình. Arthos và Aramis đứng vào phía sau anh. Mordaunt quay lại nhìn thấy nhận ra các anh và reo lên một tiếng vui mừng man rợ.

-Có lẽ chúng mình bị bắt, – D'Artagnan nói nhỏ với các bạn.

-Chưa đâu! – Porthos nói.

-Đại tá, đại tá!- Mordaunt nói, – Cho bao vây căn phòng này, ông bị chúng lừa rồi. Bốn tên Pháp này trốn khỏi Newcastle và chắc hẳn muốn cướp vua đi. Phải bắt giữ chúng ngay.

-Ồ! Chàng trẻ ơi, – D'Artagnan vừa nói vừa tuốt gươm ra – Đây là một mệnh lệnh dễ nói hơn là dễ thi hành.

Rồi vung lên một đường gươm tròn khủng khiếp anh hô: -Rút lui! Các bạn! Rút lui!

Đồng thời anh băng mình ra ngoài cửa, quật ngã hai tên lính gác trước khi chúng có thời giờ lên lên súng.

Arthos và Aramis chạy ra theo. Porthos đi tập hậu, và trước khi lính tráng, sĩ quan, đại tá kịp tỉnh ra, thì bốn người bạn đã đến ngoài phố.

-Bắn! – Mordaunt kêu – Bắn theo họ!

Có vài ba phát súng nổ thật, nhưng chỉ để soi bốn kẻ chạy trốn ngoặt vào góc phố, bình yên vô sự.

Ngựa đã để sẵn nơi quy định; mấy tên hầu chỉ việc quăng dây cương cho chủ, họ nhảy phắt lên yên nhẹ nhàng như những kỵ sĩ thiện nghệ.

-Tiến lên! – D'Artagnan hô, – Thúc ngựa và vững vàng!

Họ cứ thế mà phóng, theo sau d'Artagnan và trở lại con đường mà họ đã đi trong ngày, tức là nhằm hướng Scotch. Thị trấn không có cổng và tường lũy nên họ đi ra chẳng khó khăn gì.

Đi khỏi ngôi nhà cuối cùng độ năm chục bước d'Artagnan dừng ngựa.

-Dừng lại! – anh hô.

-Sao lại dừng? – Porthos kêu. – Cậu muốn nói phi rạp đất chứ gì?

-Không đâu, – D'Artagnan đáp. – Lần này họ sẽ đuổi theo chúng ta; cứ để cho họ đi ra khỏi thị trấn và chạy theo chúng ta trên đường đi Scotch. Khi nào trông thấy họ phóng đi qua đây, chúng ta sẽ đi ngược trở lại.

Cách đấy mấy bước có một con suối cắt ngang đường và một cái cầu bắc qua suối, d'Artagnan dắt ngựa đi xuống dưới vòm cầu các bạn anh làm theo anh.

Chưa được mười phút, họ nghe tiếng phi nước đại của một toán kỵ binh. Năm phút sau toán ấy đi qua ngay trên đầu họ, chúng chẳng hề ngờ rằng những người

mà chúng đang tìm kiếm chỉ ngăn cách chung bởi chiều dày của cái vòm cầu.

§66. London

Khi tiếng vó ngựa đã chìm trong khoảng xa xăm, d'Artagnan lội lên bờ và vừa bước dài trên cánh đồng vừa cố sức hướng về phía London. Ba người bạn lặng lẽ đi theo anh cho đến lúc nhờ một khoảng trống rộng hình bán nguyệt ở phía sau họ trông thấy họ đã rời xa thành phố.

Cuối cùng sau khi biết chắc rằng mình đã ở khá xa nơi xuất phát để có thể chuyển từ phi nước đại sang nước kiệu, d'Artagnan nói: -Lần này tôi tin rằng mọi việc hỏng hết rồi và tốt nhất là chúng ta trở về Pháp, Arthos, anh thấy ý kiến ấy thế nào? Liệu có phải lẽ không?

-Phải bạn thân mến ơi, – Arthos đáp – Nhưng hôm nọ cậu thốt ra một lời phải lẽ hơn, một lời cao quý và hào hiệp. Cậu nói: "Chúng ta chết ở đây!". Tôi xin nhắc lại để cậu nhớ lời của cậu.

-Ồ! Porthos nói, – Cái chết thì có nghĩa lý gì đâu đối với ta, và không phải cái chết nó làm ta lo ngại, bởi vì chúng ta có biết đó là cái gì đâu; nhưng ý nghĩ về một sự thất bại nó giày vò tôi. Cứ theo cái chiều mọi sự xoay vần, tôi thấy là chúng ta sẽ phải đi đánh nhau ở London, ở các tỉnh, ở tất cả các nước Anh và thật ra đến bước cuối cùng chúng ta không thể tránh khỏi bị đánh bại.

-Chúng ta cần chứng kiến cái bi kịch lớn này đến cùng, – Arthos nói, – Muốn sao thì chúng ta chỉ rời khỏi nước Anh sau khi nó kết thúc, Aramis cậu có nghĩ như tôi không?

-Hoàn toàn như vậy, Bá tước thân mến ạ vì thú thật với anh rằng tôi chẳng thấy bực mình nữa nếu gặp lại Mordaunt. Tôi chỉ thấy hình như chúng ta có một món nợ phải thanh toán với hắn mà thôi, và chúng ta không có thói quen rời bỏ các xứ sở mà không trả những loại nợ nần như vậy.

-À? Đây lại là chuyện khác, – D'Artagnan nói, – và đó là một lý do tôi thấy có thể thừa nhận được. Về phần tôi, xin thú nhận là nếu cần tôi sẽ ở lại London một năm để gặp cái tên Mordaunt đó.Song le chúng ta phải ở nhà một người chắc chắn và làm sao để không gây một sự nghi ngờ nào, vì rằng vào giờ này hẳn ông Cromwell đã cho lùng chúng ta và theo tôi phán đoán, ông Cromwell không đùa đâu. Arthos này, anh có biết ở trong thành phố có một cái quán nào có khăn trải bàn trắng tinh, có thịt bò quay vừa chín tới, có rượu vang không làm bằng houblon hoặc đỗ tùng không.

-Tôi chắc làm được việc ấy đây, – Arthos đáp. – De Winter đã dẫn chúng tôi đến nhà một người mà ông nói là dân Tây Ban Nha vào quốc tịch Anh nhờ những đồng tiền guinées (đồng Ghi né = 21 shillings) của những người đồng quốc mới của ông ta. Aramis, cậu thấy thế nào?

-Chủ trương nghỉ lại ở nhà ông trưởng lão Péréz tôi thấy là phải lẽ nhất đây, và tôi tán thành. Chúng ta sẽ gợi lại những chuyện về De Winter mà ông ta có vẻ rất kính trọng; chúng ta nói là chúng ta sẽ đến đây như những nhà tài tử muốn đi xem xét tình hình, chúng ta sẽ chì tiêu ở đấy mỗi người một guinées một ngày, và tôi thiết nghĩ rằng với tất cả những sự phòng bị ấy, chúng ta có thể sống khá yên ổn.

-Cậu quên một điều đấy. Aramis ạ, một điều phòng bị khá quan trọng.

-Điều gì?

-Thay đổi y phục.

-Ô hay! – Porthos nói, – Hà cớ gì phải thay đổi y phục? Những y phục chúng ta đang mặc thật là vừa ý.

-Để không bị nhận ra, – D'Artagnan nói, – Quần áo chúng ta có những kiểu cắt may và màu sắc hầu như giống nhau, thoạt nhìn nó đã tố giác ngay là nhưng French man[262]. Tôi chẳng tội gì bám lấy kiểu cắt may chẽn hoặc màu sắc giày dép của tôi để đến nỗi vì yêu thích nó mà có nguy cơ bị treo cổ ở Tyburm hoặc đi đầy ở bên Ấn Độ. Tôi sẽ mua một bộ y phục màu hạt dẻ. Tôi chú ý tất cả những tên thanh giáo ngu ngốc kia đều mê mệt cái màu ấy.

-Nhưng liệu anh có tìm thấy người ấy không? – Aramis hỏi.

-Ồ tất nhiên, – Arthos đáp, – Ông ta ở phố Green-Hall street, quán Bedford's Tavern. Vả lại tôi có thể nhắm mắt mà đi trong thành phố ấy chứ.

-Tôi muốn đã ở ngay tại đó rồi đấy, – D'Artagnan nói, – Ý kiến tôi là ta phải tới London trước khi trời sáng, dù ngựa có ngã quỵ mà chết cũng đành.

-Nào đi, – Arthos nói, – Bởi nếu vì tôi không tính toán sai, thì chúng ta chỉ còn cách đó chừng tám đến mười dặm.

Mấy người bạn thúc ngựa đi và quả nhiên khoảng năm giờ sáng họ đã đến London. Qua cửa ô họ bị một trạm gác ngăn lại, nhưng Arthos trả lời bằng tiếng Anh rất cừ rằng họ do đại tá Harrison phải về báo trước cho người bạn đồng liêu là ông Pridge rằng vua sắp tới.

Câu trả lời ấy dẫn đến những câu hỏi han về chuyện bắt vua, và Arthos kể ra những chi tiết rõ ràng và xác thực đến nỗi những lính canh nếu có vài điều nghi ngờ thì nó cũng tan biến hết. Thế là cửa ô được mở rộng cho bốn người bạn với mọi kiểu chúc mừng thanh giáo.

Arthos đã nói đúng, anh đi thẳng đến Tửu quán Bedford's Tavern, chủ quán nhận ra anh và rất vui mừng thấy anh trở lại với với đám bạn đông đảo và sang trọng ông ta lập tức cho sửa soạn những căn phòng đẹp nhất.

Bốn lữ khách tới London lúc trời chưa sáng mà đã thấy cả thành phố rộn rịp. Từ chiều trước đã có tin loan truyền rằng đại tá Harrison sắp giải vua trở về kinh đô, cho nên nhiều người không ngủ

Sợ rằng lão Stuart – Như họ gọi – Tới nơi vào ban đêm và họ sẽ bị lỡ không được xem.

Chủ trương thay đổi y phục được mọi người nhất trí tán thành, trừ sự phản đối yếu ớt của Porthos lúc đầu. Họ bèn đem ra thực hiện.

Chủ quán cho mang đến những quần áo đủ loại cứ như là ông định sắm sửa thêm cho tủ quần áo của mình. Arthos lấy một bộ màu đen tạo cho anh vẻ một như nhà tư sản tử tế. Aramis không muốn rời thanh gươm, chọn một bộ màu sẫm kiểu quân nhân. Porthos mê tít một cái áo chẽn màu đỏ và đôi giày màu xanh. D'Artagnan đã quyết định màu từ trước, nên chỉ còn chọn sắc độ và mặc một bộ màu hạt dẻ trông rất giống một người buôn bán đã về nghỉ hưu.

Còn Grimaud và Mousqueton do không mặc áo dấu, nên trông như đã cải trang hẳn. Ngoài ra Grimaud có dáng điềm đạm, khô khan và cứng nhắc như kiểu một người Anh thận trọng. Mousqueton thì như một người Anh to bụng, phì nộn và nhàn du.

-Bây giờ hãy sang vấn đề chủ yếu, – D'Artagnan nói. – Ta hãy cắt tóc để khỏi bị đám tiện dân chửi bới. Không còn là nhà quý tộc bằng thanh kiếm, ta hãy là người thanh giáo bằng mái tóc. Các cậu biết đấy, đó là điểm quan trọng phân biệt kẻ đính kết cùng tôn giáo với chàng công tử.

Về cái điểm quan trọng ấy, Aramis tỏ ra thật là bất phục tùng anh muốn ra sức giữ lại bộ tóc vốn rất đẹp của mình mà anh chăm chút rất cẩn thận. Arthos đành phải làm gương trước vì anh vốn dửng dưng với tất cả những vấn đề ấy. Porthos không khó khăn lắm, dâng cái đầu mình cho Mousqueton, hắn thẳng tay đưa kéo vào mớ tóc dày và cứng. D'Artagnan tự cắt cho mình một kiểu đầu ngẫu hứng, nó khá giống với cái mề đay thời Françoise đệ nhất hoặc thời Charles IX.

-Trông chúng ta thật là ghê tởm, – Arthos nói.

-Và hình như chúng bốc mùi thanh giáo thối tha đến rùng mình, – Aramis nói theo.

-Ô, tôi lạnh ở đầu, – Porthos kêu.

-Còn tôi, – D'Artagnan nói – Tôi thấy thèm đi thuyết giáo quá.

-Giờ đây, – Arthos nói, – Chúng ta chẳng còn nhận ra nhau nữa; do đó chẳng sợ người khác nhận ra chúng mình, ta hãy đi ra xem vua đến. Nếu ông ta đi suốt đêm thì chẳng còn cách xa London đâu.

Quả thật bốn người bạn chen lẫn vào đám dông, chưa được hai giờ đồng hồ mà đã có tiếng reo hò và náo động lớn báo hiệu Charles tới nơi. Người ta cho một cỗ xe đi đón, và từ xa chàng khổng lồ Porthos đứng cao hơn mọi cái đầu, báo tin rằng anh đã trông thấy cỗ xe vua.

D'Artagnan đứng kiễng chân, trong khi Arthos và Aramis lắng nghe để tự mình biết xem dư luận bàn bạc thế nào. Cỗ xe đi qua, d'Artagnan nhận ra

Harrison và Mordaunt ngồi ở hai bên cửa xe. Còn dân chúng, Arthos và Aramis nghe thấy họ chửi rủa Charles thậm tệ.

Arthos trở về chán nản, d'Artagnan bảo anh: -Bạn thân mến ơi, anh cố chấp một cách thật vô ích. Tôi cam đoan với anh là tình thế rất xấu. Riêng tôi, tôi gắn mình với nó là vì anh và vì một sự thích thú tài tử về chính trị theo kiểu ngự lâm quân; tôi thấy rất thú vị giật miếng mồi khỏi tay tất cả những kẻ hò hét kia và cười vào mũi họ. Tôi sẽ nghĩ đến chuyện đó.

Ngày hôm sau khi đứng ở cửa sổ trông ra những khu phố đông người nhất của khu Cité, Arthos nghe thấy người ta rao bán nghị án của Nghị viện đưa ra toà cựu vương Charles I bị coi là phạm tội phản bội và lạm dụng quyền hành.

D'Artagnan đứng cạnh anh. Aramis tra một bản đồ, Porthos mê man trong những khoái cảm cuối cùng của một bữa ăn sáng ngon lành.

-Nghị viện ư? – Arthos kêu lên, – Không thể nào Nghị viện ra một nghị án như vậy.

-Nghe này, – D'Artagnan nói, – Tôi ít hiểu tiếng Anh, nhưng chẳng qua tiếng Anh là tiếng Pháp phát âm sai, nếu điều tôi nghe Nghị viện nghị án thì có nghĩa là nghị án của Nghị viện chứ gì, nếu không thì Chúa đầy doạ tôi đi, như ở đây họ thường nói.

Vừa lúc ấy chủ quán vào, Arthos ra hiệu cho ông ta đến. Anh hỏi bằng tiếng Anh: -Nghị viện ban ra nghị án đấy à?

-Vâng, thưa Milord, Nghị viện thuần khiết.

-Sao, Nghị viện thuần khiết à? Như vậy là có hai Nghị viện ư?

-Ông bạn ơi! – D'Artagnan ngắt lời, – Tôi không nghe được tiếng Anh, nhưng tất cả chúng tôi đây đều hiểu tiếng Tây Ban Nha, xin ông vui lòng nói chuyện với chúng tôi bằng thứ tiếng ấy, nó lại là tiếng của nước ông, do đó chắc hẳn ông thích dùng nó mỗi khi có dịp.

-A, đúng đấy, – Aramis nói.

Còn Porthos như chúng tôi đã nói, anh đang tập trung tất cả sự chú ý vào miếng sườn mà anh đang mải gỡ chỗ nạc ra.

-Ông hỏi gì nhỉ? – Chủ quán nói bằng tiếng Tây Ban Nha.

Arthos lại nói bằng tiếng ấy: -Tôi hỏi có phải là có hai nghị viện không, một thuần khiết và một không thuần khiết.

-Ồ! Thật là kỳ lạ! – Porthos nói, anh ngẩng đầu lên và nhìn các bạn với vẻ ngạc nhiên, – Thế là bây giờ tôi hiểu tiếng Anh à? Tôi hiểu ông vừa nói cái gì.

Với vẻ bình tĩnh thông thường Arthos nói: -Ấy là vì chúng tôi nói tiếng Tây Ban Nha bạn ạ.

-À, khổ thật! – Porthos nói, – Đáng lẽ tôi đã biết thêm một thứ tiếng nữa, bực nhỉ.

-Thưa ngài, – Chủ quán đáp, – Khi nói Nghị viện thuần khiết, tôi muốn nói cái Nghị viện mà ông đại tá Pridge đã thanh lọc rồi.

-À ra thế, – D'Artagnan nói, – dân ở đây sáng tạo thật. Khi trở về Pháp tôi phải mách cái kế ấy cho ông Mazarin và ông chủ giáo. Một người thanh lọc nhân danh triều đình, một người thanh lọc nhân danh dân chúng, kết cục sẽ chẳng còn Nghị viện nữa.

Đại tá Pridge trước làm nghề đánh xe, – Chủ quán đáp – Ông ta là một người tài trí khi đánh xe đã nhận xét thấy một điều; ấy là khi một hòn đá nằm ở trên đường đi, thì nhặt hòn đá vứt đi còn nhanh hơn là cố đẩy cho bánh xe trườn qua hòn đá. Bây giờ trong số hai trăm năm mươi thành viên của Nghị viện thì một trăm chín mươi mốt người cản trở ông ta và có có thể làm đổ cỗ xe chính trị của ông. Giống như xưa kia ông bèn nhặt những hòn đá và quẳng ra khỏi nghị viện.

Vốn là người trí xảo, d'Artagnan rất trân trọng trí xảo ở bất cứ nơi nào gặp nó. Anh reo lên: -Hay thật!

-Những người bị trục xuất ấy có phải thuộc phái Stuart không? – Arthos hỏi.

-Có thể như vậy, thưa Senior[263], chẳng hoài nghi gì nữa, và chắc ngài biết rằng họ đã toan cứu vua.

-Chúa ơi! – Porthos trịnh trọng nói, – Họ đều là số đông.

-Thế ông cho rằng vua bằng lòng ra trước một toà án như vậy sao? – Aramis hỏi.

-Phải bằng lòng chứ, – Người Tây Ban Nha đáp, – Nếu ông ta từ chối, dân chúng sẽ cưỡng bách.

-Xin cảm ơn tiên sinh Perez, – Arthos nói, – bây giờ tôi đã biết tình hình đầy đủ.

-Arthos ơi, – D'Artagnan nói:

- Cuối cùng anh đã bắt đầu tin chưa, đó là một mục đích thất bại, và chúng ta sẽ không bao giờ vươn tới ngang tầm của những Harrison, những Joyce, những Pridge và những Cromwell.

-Vua sẽ được giải thoát ở toà án, – Arthos nói, chính sự im lặng của những người theo ông chỉ rõ một âm mưu.

D'Artagnan nhún vai.

-Nhưng mà, – Aramis nói, – nếu họ dám kết án vua của họ, thì họ sẽ kết án lưu đầy hoặc tù là cùng.

D'Artagnan huýt sáo với vẻ ngờ vực.

-Rồi sẽ biết, – Arthos nói, – vì chúng ta sẽ đến xem phiên toà, tôi đoán chừng như vậy.

-Ông chẳng phải đợi lâu đâu, – Chủ quán nói, – Vì ngày mai bắt đầu xứ án rồi!

-Ái chà! – Arthos nói, – Thế là thủ tục tố tụng được làm xong trước khi vua bị bắt hay sao?

-Chắc hẳn là thế, – D'Artagnan đáp, – Người ta đã bắt đầu làm hôm vua bị mua bán.

-Các cậu biết đấy, – Aramis nói, – Chính ông bạn Mordaunt của chúng ta đã làm cuộc mua bán, nếu không thì ít ra cũng làm những việc mở đầu cho vụ đó.

-Các cậu nhớ rằng, – D'Artagnan nói, – Tôi sẽ giết ông Mordaunt ở bất cứ nơi nào ông ta rơi vào trong tầm tay tôi.

-Hừ! Một tên khốn nạn như vậy? – Arthos kêu.

-Nhưng chính vì hắn là một tên khốn nạn mà tôi giết nó, – D'Artagnan đáp.

-Anh bạn thân mến ơi, tôi đã chiều ý anh khá nhiều rồi, nên anh cũng phải rộng lượng với tôi chứ. Vả chăng lần này, dù có vừa lòng anh hay không, tôi cũng tuyên bố với anh rằng cái tên Mordaunt ấy sẽ bị giết vì tay tôi mà thôi.

-Và tôi nữa, – Porthos nói.

-Và tôi nữa, – Aramis nói.

-Sự nhất tríthật xúc động! – D'Artagnan reo lên, – Và nó rất thích hợp với những người tư sản hẳn hoi như chúng ta. Ta hãy đi dạo quanh thành phố nào. Ngay Mordaunt cách bốn bước cũng không thể nhận ra chúng ta trong sương mù như thế này. Ta hãy đi uống một chút sương mù xem sao.

-Phải đấy, – Porthos nói, – thay rượu bia mà.

Và bốn người bạn đi ra, để như người ta thường nói, thở hít không khí của xứ sở.

§67. Xử

Ngày hôm sau một toán lính gác đông đảo dẫn Charles I đến trước toà thượng thẩm để xử án. Dân chúng tràn vào các phố và các ngôi nhà giáp toà án.

Cho nên vừa mới bước đi, bốn người bạn đã bị ngăn lại bởi bức tường sống hầu như không thể vượt qua ấy. Vài người trong đám dân chúng xô đẩy Aramis rất dữ dội, đến nỗi Porthos phải giơ nắm đấm ghê gớm của anh lên và giáng xuống khuôn mặt trắng bột của một gã làm bánh, nó lập tức thay đổi màu và nhuốm đầy máu, như giập nát một chùm nho chín. Việc đó gây ra náo động; ba người định xông vào Porthos, nhưng hai người bị Aramis và d'Artagnan gạt ra, còn người thứ ba bị Porthos ném qua đầu. Mấy người Anh ham mê võ thuật rất phục cách đánh nhanh chóng và dễ dàng ấy và vỗ tay. Thế là Porthos và các bạn mình lúc đầu sợ bị đám đông đánh chết, suýt nữa thì được hoan hỉ chúc mừng. Nhưng bốn lữ khách của chúng ta sợ bất cứ cái gì có thể làm lộ họ, nên cố thoát ra khỏi sự hoan hô. Tuy nhiên nhờ cuộc biểu diễn sức mạnh Hecquyn ấy[264] họ giành được một điều, đó là đám đông dãn ra trước họ và họ đạt tới kết quả đó một bức tường như không thể thực hiện được, tức là tới được toà xử án.

Tất cả London chen chúc nhau ở cửa các khán đài. Cho nên khi bốn người bạn lách được vào một khán đài thì đã thấy ba hàng ghế đầu hết chỗ. Đối với những người không muốn mình bị nhận ra thì đó chỉ là một nửa điều không may thôi. Họ bèn đến ngồi ở phía dưới, rất hài lòng là đã tới được đây, trừ Porthos vì muốn khoe cái áo chẽn đó và đôi giày xanh, nên cứ tiếc là không được ngồi ở hàng ghế đầu.

Các ghế bố trí theo kiểu vòng cung từ thấp lên cao, nên từ chỗ ngồi của mình, bốn người bạn bao quát tất cả cử toạ. Do tình cờ mà các anh vào đúng khán đài ở giữa và ngồi đúng trước mặt cái ghế bành dành cho Charles I.

Khoảng mười một giờ sáng, vua xuất hiện ở cửa phòng. Ông đi vào giữa đám lính gác, nhưng vẫn đội mũ, vẻ mặt điềm tĩnh và đưa mắt nhìn một cách cương quyết khắp mọi phía y như ông đến chủ trì một cuộc họp các quần thần chịu khuất phục, chứ không phải để trả lời những điều buộc tội của một triều đình phản loạn.

Các quan toà hãnh diện vì có một ông vua để làm nhục, rành rành đang sử dụng cái quyền mà chính họ đã tước đoạt. Cho nên một quan toà đến bảo Charles I rằng theo tục lệ bị cáo phải bỏ mũ ra trước mặt hắn.

Chẳng nói chẳng rằng, Charles ấn sâu mũ xuống đầu và quay đi chỗ khác, rồi khi các quan toà rời đi, ông ngồi xuống cái ghế bành đã để sẵn trước mặt chánh án, và ông vụt vào đôi giày của mình bằng một cái que cầm ở tay.

Parry vẫn đi theo ông, đứng ở phía sau.

Đáng lẽ xem những nghi thức ấy thì d'Artagnan nhìn Arthos; gương mặt Arthos phản chiếu tất cả những sự xúc động của nhà vua mà chính vua do cố sức tự kiềm chế đã xua đuổi khỏi gương mặt mình. Nỗi xao xuyến ấy của Arthos, con người lạnh lùng và điềm tĩnh, khiến anh hãi hùng, Anh ghé tai bạn và nói: -Tôi hy vọng rằng anh noi gương Hoàng thượng và chớ để mình bị giết một cách dại dột ở trong cái cũi này.

-Yên trí, – Arthos đáp.

-A, a? – D'Artagnan nói, – Hình như người ta lo sợ một cái gì vì xem này, các điểm gác tăng gấp đôi, trước chỉ có gươm giáo, nay có cả súng ống nữa. Bây giờ có vũ khí cho tất cả mọi người: gươm giáo đối với những thính giả ở dưới sàn, súng ống dành cho chúng ta.

-Ba mươi, bốn mươi, năm mươi, bây mươi…, – Porthos lẩm bẩm đếm những lính mới đến.

-Ê, Porthos, cậu quên viên sĩ quan à, – Aramis nói, hình như hắn cũng đáng được đếm đấy chứ!

-Ôi cha, – D'Artagnan thốt lên. Và anh tức giận tái người đi, vì nhận ra Mordaunt, gươm tuốt trần, dẫn toán lính ngự lâm đứng sau nhà vua, nghĩa là trước mặt khán đài.

-Liệu hắn có nhận ra chúng ta không? – D'Artagnan nói.

Trường hợp hắn nhận ra, thì tôi sẽ đánh để rút lui ngay. Tôi chẳng thích để người ta áp đặt cho tôi một kiểu chết đâu. Tôi rất muốn chết theo cách mình chọn. Mà tôi thì không chọn cách được bắn chết trong một nhà ngục.

-Không, hắn không nhìn thấy chúng ta đâu, – Aramis nói. – Hắn chỉ nhìn vua thôi. Hắn đang nhìn vua bằng con mắt thật ghê gớm, đúng là một thằng láo xược. Liệu nó có thù ghét hoàng thượng bằng thù ghét chúng ta không?

-Mẹ kiếp, – Arthos nói, – Chúng ta chỉ tước mất mẹ nó, còn vua đã tước cả tên họ và tài sản của nó rồi còn gì.

-Đúng đấy, – Aramis nói – Nhưng hãy yên lặng nào? Ông chánh án đang nói với vua.

Thật vậy ông chánh án Bradshaw gọi kẻ bị cáo uy nghi và nói: -Stuart, ông hãy nghe điểm danh các vị thẩm phán và nếu có ý kiến gì thì trình bày với toà.

Như thể những lời ấy chẳng phải nói với mình, nhà vua quay đầu ra chỗ khác.

Viên chánh án chờ đợi và do chẳng có câu trả lời nào đáp lại, nên đợi một khoảnh khắc trong im lặng.

Trong số một trăm sáu mươi ba uỷ viên được chỉ định, chỉ có bảy mươi ba người có thể đáp lại cuộc điểm danh, những người khác sợ hãi bị đồng loã với một hành động như vậy nên tránh mặt.

Không tỏ ra chú ý đến sự vắng mặt của ba phần năm số uỷ viên, ông chánh án nói: -Tôi tiến hành điểm danh.

Và ông lần lượt đọc tên những uỷ viên có mặt và vắng mặt những người có mặt đáp lại bằng một giọng mạnh mẽ hoặc yếu ớt, tuỳ theo họ có can đảm hay không về quan niệm của mình. Lại có một khoảnh khắc im lặng ngắn ngủi tiếp sau tên những người vắng mặt được nhắc lại hai lần.

Tên của đại tá Fairfaxc cũng được tiếp theo bằng một khoảnh khắc im lặng nhưng rất trang trọng, nó tố giác sự vắng mặt của những người không muốn cá nhân mình tham gia vào cuộc xét xử này.

-Đại tá Fairfaxc có không? – Bradshaw nhắc lại.

-Fairfaxc à? – Một tiếng nói giễu cợt đáp lại, qua giọng kim ấy, người ta nhận ra là giọng một phụ nữ, – Ông ta quá là khôn ngoan để có mặt ở đây.

Một trận cười vang lên tiếp đón những câu nói ấy thốt ra với sự táo bạo mà nhưng người phụ nữ rút ra từ chính sự yếu đuối của họ, sự yếu đuối ấy tránh cho họ mọi sự trả thù.

-A, tiếng nói của một phụ nữ, – Aramis kêu lên. – Thực tình tôi sẵn sàng cho đi rất nhiều để nàng ta sẽ trẻ trung và xinh đẹp.

Và anh trèo lên bậc để cố nhìn xem tiếng nói ấy từ đâu phát ra.

-Xin thề là nàng ta kiều diễm thật! Xem này d'Artagnan, mọi người đều nhìn bà ta, và mặc dầu cái nhìn của Bradshaw, bà ta chẳng tái mặt đi.

-Thì chính là Fairfaxc phu nhân đấy, – D'Artagnan nói, – Porthos, cậu có nhớ không? Chúng ta đã gặp bà ta cùng chồng ở nhà tướng Cromwell.

Sự yên tĩnh do sụ việc khác lạ đó làm rộn lên một lát lại trở lại và việc điểm danh tiếp tục.

-Bọn kỳ quặc này sắp bế mạc phiên họp đấy, khi nhận thấy không đủ số người cần thiết, – Bá tước de La Fère nói.

-Arthos anh không hiểu rõ họ đâu, – D'Artagnan nói. – Hãy chú ý cái cười của Mordaunt, hãy xem nó nhìn vua kia. Đó là một cái nhìn của một kẻ sợ nạn nhân của hắn trốn thoát chăng? Không, không, đó là cái cười của nỗi hằn thù được thoả mãn, của lòng phục thù chắc chắn được toại nguyện. A, con mãng xà độc địa này[265], ngày nào mà ta được chọi nhau với mi chỉ bằng mắt thôi cũng đã là một ngày sung sướng đối với ta.

-Vua trông đẹp thật! – Porthos nói, – và xem kìa, là tù binh mà ông ta vẫn ăn vận chính tề. Cái lông cài mũ của ông ta cũng đáng giá ít ra là năm mươi pistol, Aramis nhìn xem!

Cuộc điểm danh xong, ông chánh án ra lệnh chuyển sang bản buộc tội.

Arthos tái mặt, anh lại sai lầm một lần nữa trong sự chờ đợi. Mặc dầu các thẩm phán không đủ số người, việc xử án vẫn tiến hành, như vậy là nhà vua bị kết án từ trước.

D'Artagnan nhún vai bảo Arthos: -Tôi đã nói với anh rồi mà. Nhưng anh vẫn hoài nghi. Bây giờ anh hãy giơ cả hai tay ra mà giữ chắc lấy lòng can đảm của

mình và lắng nghe, đừng có thất vọng những việc ghê gớm nho nhỏ mà cái ông mặc áo đen kia sắp nói về vua của mình với đặc quyền đặc lợi ấy. Thật vậy, chưa bao giờ người ta làm nhục vẻ tôn nghiêm vương giả bằng sự buộc tội độc ác hơn, bằng những lời chửi rủa hèn hạ hơn, bằng điều công kích đẫm máu hơn. Cho đến đây, người ta sẵn lòng ám hại các ông vua, nhưng người ta có lăng nhục thì cũng chỉ là lăng nhục những thi hài của họ mà thôi.

Charles I lắng nghe bài diễn văn của kẻ buộc tội với một sự chú ý đặc biệt, cho qua những lời chửi rủa, giữ lại những điều bất bình, và khi nỗi hằn thù quá tràn trề, khi kẻ buộc tội tự nhận trước làm đao phủ, vua chỉ đáp lại bằng một nụ cười khinh bỉ. Kết thúc thì đó là một bản cáo buộc chủ yếu và ghê gớm, trong đó vua tìm thấy tất cả những điều khinh suất của mình biến thành một âm mưu, những lỗi lầm của mình biến thành một âm mưu, những lỗi lầm của mình biến thành trọng tội.

D'Artagnan để mặc dòng thác chửi rủa ấy trôi đi với niềm khinh thị xứng đáng với nó, anh chỉ dùng hết cái trí xét đoán đúng đắn của mình ở vài ba điều cáo buộc của kẻ buộc tội.

-Sự thật là, – Anh nói, – Nếu người ta trừng phạt vua về tội thiếu thận trọng và nhẹ dạ thì cũng là xứng đáng; nhưng hình như cái hình phạt mà ông phải chịu đựng lúc này đây mới thật là tàn nhẫn.

-Trong mọi trường hợp, – Aramis nói, – Hình phạt không nhằm vào vua mà vào các tể tướng, bởi vì điều luật đầu tiên của hiến pháp là: Vua không thể sai lầm.

Porthos chỉ nhìn Mordaunt và chỉ quan tâm đến hắn. Anh thầm nghĩ:

"Đối với ta, nếu chỉ để làm rối loạn vẻ trang nghiêm của tình hình, ta sẽ nhảy từ khán đài xuống dưới kia, bằng ba bước nhảy ta sẽ chồm vào Mordaunt và bóp cổ hắn, ta sẽ cầm hai cẳng hắn mà quật chết tất cả lũ ngự lâm quân xấu xa kia chúng học đòi ngự lâm quân Pháp. Trong khi ấy d'Artagnan vốn giàu trí xảo và ứng phó kịp thời có lẽ sẽ tìm ra một kế cứu vua. Ta cần nói điều này với cậu ta".

Còn Arthos, mặt nóng bừng, hai nắm tay quặp lại, môi ứa máu vì răng cắn phải, người đẫm mồ hôi, anh tức giận về điều lăng nhục của nghị viện và sự nhẫn nại bền bỉ của vua chúa; và cánh tay vững vàng ấy, trái tim không hề nao núng ấy đang biến thành một bàn tay run rẩy và một cơ thể gai rợn.

Vừa lúc ấy kẻ buộc tội kết thúc ban cáo trạng của mình bằng câu:

"Bản cảo trạng này do chúng tôi làm nhân danh nhân dân nước Anh".

Nghe câu đó có tiếng rì rầm ở các khán đài và giọng nói không phải của đàn bà mà là một giọng đàn ông, hùng mạnh và giận dữ, vang lên phía sau d'Artagnan: -Mày nói láo? Chín phần mười nhân dân Anh ghê tởm những điều mày nói.

Đó là tiếng nói của Arthos, anh không kiềm chế được mình, đứng lên giơ tay ra chất vấn kẻ buộc tội công khai.

Nghe tiếng nói ấy, vua, quan toà, khán giả tất cả mọi người quay lại nhìn phía khán đài có bốn người bạn ngồi, Mordaunt nhận ra nhà quí tộc và ba người Pháp cũng đứng dậy vẻ mặt tái đi và hăm doạ.

Mắt hắn rực sáng lên vì mừng rỡ, hắn vừa mới tìm được những người mà hắn đã mang cả cuộc đời mình ra để tìm kiếm và giết chết. Hắn tức giận vẫy hai chục lính ngự lâm đến gần và trỏ tay lên khán đài nơi có kẻ thù của mình, hắn quát: -Bắn lên khán đài kìa!

Nhưng, nhanh như cắt, d'Artagnan nắm lấy ngang mình Arthos, Porthos ôm lấy Aramis, lao vào các hành lang, nhảy bổ xuống các cầu thang và mất hút trong đám đông. Trong khi ấy, ở trong hội trường, những nòng súng hỏa mai giơ ra de doạ ba nghìn khán giả, họ hoảng sợ và kêu la ầm ĩ nên ngăn chặn được một cuộc tàn sát đã chuẩn bị.

Charles cũng nhận ra bốn người Pháp; một tay ông đặt lên ngực để nén những nhịp đập dồn dập của con tim, một tay che mắt để khỏi nhìn những người bạn trung thành của mình bị thảm sát.

Mặt Mordaunt tái đi và run lên vì tức giận, nhảy bổ ra khỏi gian phòng tay lăm lăm gươm trần cùng với mười kích thủ, sục sạo trong đám dân chúng, hỏi han, căn vặn thở hổn hển, rồi quay về mà chẳng tìm được ai cả.

Rối loạn khôn tả xiết. Hơn nửa giờ trôi qua mà nói chẳng ai nghe. Các quan toà tưởng như mỗi khán đài đều sẵn sàng vang lên như sấm. Các khán đài trông những mũi súng hướng về phía mình, vừa sợ hãi vừa tò mò cứ ồn ào và náo động lên.

Cuối cùng sự yên lặng được lặp lại.

Bradshaw hỏi vua: -Ông có nói gì để tự bào chữa không?

Thế là bằng giọng một quan toà chứ không phải của một bị cáo, Charles đứng lên không phải với vẻ hổ nhục mà với vẻ chế ngự, ông nói: -Trước khi hỏi tôi, hãy trả lời tôi đã. Ở Newcastle tôi vẫn tự do, tôi đã ký một hiệp nghị với hai viện. Tôi đã thực hiện phần của tôi. Còn các ông đã mua tôi ở tay bọn Scotch, không đắt đâu, tôi biết, và điều đó làm vinh dự cho nền kinh tế của chính phủ các ông. Nhưng mua tôi với cái giá của một tên nô lệ, các ông mong rằng tôi không còn là vua nữa chăng? Không đâu. Trả lời các ông là quên mất điều đó. Cho nên tôi chỉ trả lời các ông khi nào các ông đã xác minh được quyền chất vấn tôi. Trả lời các ông tức là thừa nhận các ông là quan toà, mà tôi chỉ thừa nhận các ông là đao phủ của tôi thôi.

Và giữa một sự im lặng chết chóc, Charles vẫn đội mũ bình tĩnh và kiêu kì, ngồi xuống ghế. Rồi với niềm kiêu hãnh, ông quay lại nhìn chỗ khán đài lúc nãy có mấy người Pháp xuất hiện và lầm bầm: -Tiếc rằng mấy người Pháp của mình

không ở đây nữa? Họ sẽ thấy rằng người bạn của họ sống thì xứng đáng được bảo vệ, chết thì xứng đáng được than khóc.

Song ông đã uổng công dò tìm trong đám đông dày đặc và như cầu xin ở Thượng đế những sự mầu nhiệmr ngọt ngào và an ủi ấy. Ông chỉ nhìn thấy toàn những bộ mặt ngây dại và sợ sệt; ông cảm thấy mình đang đánh nhau với thù hằn và hung bạo.

Thấy Charles quyết định giữ thái độ im lặng đến cùng, ông chánh án nói: -Thôi được! Mặc dù ông im lặng, chúng tôi vẫn xét xử ông. Ông bị buộc tội phản nghịch, lạm dụng quyền hành và ám sát. Những nhân chứng sẽ làm chứng. Một phiên toà sáp tới sẽ hoàn tất những gì mà ông không chịu làm trong phiên họp này.

Charles đứng dậy và quay lại trông thấy Parry mặt tái mét, thái dương đẫm mồ hôi.

-Ơ kìa? Parry thân mến, ngươi làm sao thế và vì cớ gì mà xúc động dữ vậy?

Nước mắt rưng rưng, giọng năn nỉ, Parry nói: -Ôi thưa Hoàng thượng, khi ra khỏi phòng, xin ngài chớ nhìn sang bên trái.

-Tại sao thế. Parry?

-Ôi đức vua của tôi ơi, tôi van xin ngài đừng có nhìn.

Charles vừa cố nhìn qua hàng rào lính gác đứng sau mình vừa hỏi: -Nhưng mà có cái gì cơ chứ? Nói đi.

-Có đấy ạ Nhưng mà ngài sẽ không nhìn chứ! Người ta đã đem đặt trên bàn cái lưỡi rìu mà người ta vẫn dùng để xử tội nhân. Trông cái đó thật là đáng sợ; ngài chớ có nhìn, tôi van ngài.

-Bọn ngu ngốc? – Charles nói, – Chúng nó tưởng ta cũng hèn nhát như chúng sao? Nhà ngươi đã báo trước cho ta như thế là tốt đấy, cảm ơn Parry.

Đã đến lúc phải rút lui, vua đi ra theo bọn lính.

Quả thật ở phía trái cổng lấp lánh ánh sáng ghê rợn của một tấm thảm đó trên đó đặt một lưỡi rìu sáng loáng có cán dài nhẵn bóng bởi bàn tay đao phủ.

Đến trước lưỡi rìu, Charles dừng lại và mỉm cười nói:

. – À !Thật là một lũ ngốc ! Dụng công và rất xứng đáng đối với những kẻ không biết thế nào là một nhà quý tộc.

Rồi lấy cái que mảnh dẻ cầm trong tay, ông vụt lên chiếc rìu và nói tiếp

- Hỡi lưỡi rìu của đao phủ, mi chẳng khiến ta sợ hãi đâu; ta quất mi trong khi chờ đợi một cách kiên nhẫn và sùng tín rằng mi sẽ quật trả lại ta.

Rồi nhún vai với dáng ngạo mạn vương giả, ông tiếp tục đi, để lại những bộ mặt kinh ngạc của những kẻ xúm đông lại quanh chiếc bàn, để xem thái độ của vua ra sao, khi trông thấy cái lưỡi rìu nó sẽ chặt lìa cái đầu của mình ra khỏi cổ.

-Parry này, – Vua nói,

- Xin Chúa tha tội! Thực ra tất cả lũ người ấy coi ta như một tên lái buôn bông Ấn Độ, chứ không phải một nhà quý tộc đã quen trông những gươm kiếm lấp lánh. Chắc rằng chúng nghĩ rằng ta không bằng một gã hàng thịt.

Vua ra đến cổng. Một đoàn người dài dằng đặc chạy đến; không kiếm được chỗ trên khán đài họ muốn ít ra cũng được thưởng thức đoạn cuối của quang cảnh đó mà phần thú vị nhất đã bị hụt. Đám người đông nghìn nghịt trong đó rải rác những bộ mặt hằm hè khiến vua buông một tiếng thở dài: -Biết bao nhiêu là người, – Vua nghĩ, – Mà chẳng có lấy một người bạn tận tâm.

Ông vừa tự nhủ thầm với mình những lời hoài nghi và chán nản ấy thì bỗng nghe một giọng nói lẩm bẩm bên cạnh ông: -Kính chào Hoàng thượng sa cơ!

Vua quay ngoắt lại, lệ tràn trong khóe mắt và trong tim.

Đó là một người lính già trong đội ngự vệ của ông không muốn trông thấy ông vua bị bắt của mình đi qua mà không dâng ông một kính lễ cuối cùng.

Nhưng cũng lúc ấy con người khốn khổ đó bị nện một chuỗi gươm xuống đầu ngã gục.

Trong số những kẻ giết người, nhà vua nhận ra đại uý Groslow.

-Chao ôi, – Charles nói, – Một hình phạt thật nặng nề đối với một lỗi thật nhỏ nhặt.

Rồi, lòng quặn đau, ông lại tiếp tục đi, nhưng chưa được trăm bước thì một kẻ hung hãn ghé đầu vào giữa hai tên lính áp giải và nhổ toẹt vào mặt vua, như xưa kia một tên Do Thái hèn mạt và xấu xa đã nhổ vào mặt Chúa Giêsu.

Những chuỗi cười hô hố và những tiếng rì rầm áo não đồng thời vang lên.

Đám đông lúc dãn ra, lúc cụm lại rập rờn như mặt biển trong cơn dông, và giữa làn sóng sống động ấy vua hình như trông thấy cặp mắt nảy lửa của Arthos. Charles chùi mặt và nói với một nụ cười buồn bã: -Tên khốn kiếp! Cho nó một xu nào cũng sẽ làm như vậy đối với bố nó.

Vua không nhầm. Quả thậtông đã trông thấy Arthos và các bạn mình lại chen lấn vào đám dông và bằng cái nhìn cuối cùng hộ tống ông vua tuẫn nạn.

Khi người lính già chào Charles, Arthos vui mừng lắm; và khi người lính tội nghiệp ấy tỉnh lại, bác ta sẽ lấy mười đồng guinées của nhà quý tộc Pháp nhét vào túi bác. Nhưng lúc tên lăng mạ hèn nhát nhổ vào mặt vua, Arthos sờ tay vào cán dao găm. D'Artagnan vội ngăn lại và nói bằng giọng khàn khàn: -Khoan đã cậu!

Chưa bao giờ d'Artagnan gọi Arthos hoặc bá tước de La Fère bằng cậu.

Arthos đứng lại.

D'Artagnan tì vào tai Arthos và ra hiệu cho Porthos và Aramis cùng dừng lại. Rồi anh đến đứng đằng sau cái người tay để trần vẫn còn cười về các trò đùa đê tiện của hắn được mấy kẻ hung dữ khác khen ngợi

Người ấy đi về phía khu Cité, d'Artagnan vẫn vịn vai Arthos đi theo hắn và ra hiệu cho Porthos và Aramis cùng đi.

Người để cánh tay trần trông giống như một kẻ mổ thịt, cùng với hai tên đồng bọn đi theo một phố dốc và hẻo lánh dẫn xuống bờ sông.

D'Artagnan rời Arthos vả đi sau kẻ lăng mạ.

Tới bờ sông ba kẻ kia nhận thấy có người bám sát mình bèn dừng lại và vừa nhìn những người Pháp một cách xấc xược vừa trao đổi với nhau mấy lời giễu cợt.

-Arthos này, – D'Artagnan nói, – Tôi không biết tiếng Anh, nhưng anh biết, vậy anh hãy làm thông ngôn cho.

Nói xong anh bước gấp lên và vượt qua ba người kia. Rồi quay ngoắt lại, d'Artagnan bước thẳng đến trước mặt gã mổ thịt, hắn cũng dừng lại. Anh chỉ tay vào ngực hắn và nói với Arthos: -Anh hãy nhắc lại với hắn câu này: "Mày là đồ hèn mạt. Mày đã lăng nhục một người không có tự vệ mày đã bôi bẩn mặt vua của mày, mày phải chết! …"

Arthos mặt tái nhợt và tay bị d'Artagnan nắm chặt dịch lại những lời nói lạ lùng ấy cho gã kia nghe. Nhìn thấy những sự sửa soạn ghê gớm ấy và con mắt khủng khiếp của d'Artagnan, hắn toan tự vệ Aramis bèn đặt tay lên thanh kiếm, nhưng d'Artagnan bảo: -Không dùng gươm kiếm, không dùng gươm kiếm! Gươm kiếm là để cho những nhà quý tộc.

Rồi túm lấy cổ gã mổ thịt, anh nói: -Porthos, cậu hãy đập chết tên khốn nạn này hộ tôi bằng một cú đấm thôi.

Porthos vung cánh tay khủng khiếp của mình lên làm nó kêu rít trong không khí như một cánh ná và cả một khối nặng nề giáng xuống đầu tên hèn mạt đánh ịch một cái và đập vỡ sọ hắn.

Hắn đổ vật xuống như một con bò dưới một nhát búa tạ. Những tên đồng bọn muốn kêu, muốn chạy trốn, nhưng há miệng mà chẳng ra lời, đôi chân run rẩy như biến đâu mất.

-Arthos hãy nói với chúng điều này nữa, – D'Artagnan bảo -

"Sẽ chết như thế này tất cả những kẻ quên rằng một người bị xiềng xích là một người bất khả xâm phạm, một ông vua bị tù đầy thì hai lần thay mặt cho Chúa".

Arthos dịch lại lời d'Artagnan.

Hai gã kia miệng câm như hến, tóc dựng ngược lên, nhìn cái xác của bạn chúng ngập trong những vũng máu đỏ ngầu. Rồi như lấy lại được tiếng nói và sức lực, chúng vừa chạy vừa kêu rú lên vừa chắp hai bàn tay lại.

-Công lý đã thực hiện! – Porthos lau trán và nói.

-Và bây giờ đây, – D'Artagnan bảo Arthos,

-Anh đừng có nghi ngờ gì tôi và hãy yên trí, tôi sẽ đảm nhiệm mọi việc liên quan đến vua.

§68. Đại sảnh trắng

Nghị viện kết án tử hình Charles Stuart, như người ta có thể dễ dàng thấy trước. Những cuộc xét xử chính trị bao giờ cũng chỉ là những nghi thức vô ích, bởi vì vẫn nhưng thiên kiến ấy vừa buộc tội lại vừa kết án. Cái lý luận kinh khủng của những cuộc cách mạng là như thế đấy.

Việc kết án ấy mặc dầu đã được mấy người bạn của chúng ta liệu trước, nó vẫn làm cho họ đau đớn. D'Artagnan có những tài trí hơn là những lúc gay go càng nảy ra nhiều mưu mẹo nhất, lại thề rằng sẽ tìm mọi cách ở trên đời để ngăn cản sự kết thúc của tấn bi kịch đẫm máu này. Nhưng bằng cách nào đây? Đó là điều anh thấy còn mơ hồ quá.

Tất cả phụ thuộc vào tính chất của hoàn cảnh. Trong khi chờ đợi một kế sách hoàn chính, để tranh thủ thời gian, bằng mọi giá phải cản trở việc hành hình mà các quan toà đã quyết định vào ngày hôm sau.

Cách duy nhất là làm sao làm biến mất tên đao phủ London.

Đao phủ biến mất thì bản án không thể thi hành. Chắc chắn là người ta sẽ đi kiếm đao phủ ở thành phố gần London nhất, và như thế ít ra cũng được thêm một ngày, mà một ngày trong trường hợp như thế này có thể là cứu nạn! D'Artagnan đảm nhiệm cái công việc quá ư là khó khăn này.

Một điều không kém phần quan trọng là báo cho Charles Stuart biết rằng người ta đã định cứu ông để ông hết sức hỗ trợ những người bảo vệ ông hoặc ít ra không làm điều gì trở ngại cho công việc của họ… Aramis nhận làm cái việc mạo hiểm đó.

Charles Stuart đã yêu cầu người ta cho phép giám mục Juxon đến thăm ông ở nhà tù Đại sảnh trắng. Ngay chiều hôm ấy Mordaunt đã đến nhà giám mục để cho ông biết điều mong muốn sùng tín của nhà vua và sự cho phép của Cromwell. Aramis nhất quyết bằng cách doạ nạt hoặc thuyết phục làm sao cho giám mục đồng ý để cho anh thay thế ông, mang những huy hiệu giáo chức của ông và lọt vào cung Đại sảnh trắng.

Cuối cùng Arthos đảm nhiệm việc chuẩn bị các kế hoạch rời khỏi nước Anh trong trường hợp thành công cũng như thất bại.

Đêm đến, họ hẹn gặp nhau ở khách sạn vào lúc mười một giờ, và mỗi người lên đường để thực hiện nhiệm vụ nguy hiểm của mình.

Cung Đại sảnh trắng được canh gác bởi ba trung đoàn kỵ binh và nhất là bởi những nỗi băn khoăn vô tận của Cromwell, ông đi đi lại lại và phải đi các tướng lãnh hoặc nhân viên.

Một mình trong căn phòng thường lệ của mình có hai ngọn nến soi sáng, nhà vua bị kết án tử hình buồn bã nhìn cái xa hoa của thời vàng son đã qua, giống

như vào lúc lâm chung người ta nhìn hình ảnh cuộc đời thấy nó sáng lạn và ngọt ngào hơn bao giờ hết.

Parry không rời chủ lúc nảo và từ khi chủ bị kết án, hắn khóc mãi không thôi.

Ngồi tì tay trên một cái bàn, Charles Stuart ngước nhìn một bức đại bài trên đó treo những bức chân dung của vợ và các con của ông.

Ông chờ đợi Juxon trước hết, rồi sau Juxon là sự tuẫn tử.

Đôi khi dòng suy nghĩ của ông dừng lại ở những người quí tộc Pháp trung hậu lúc này như đã cách xa ông hàng trăm dặm, có vẻ huyền thoại, hư ảo và tựa như những hình ảnh mà người ta thấy trong giấc mơ và biến mất khi tỉnh dậy.

Mà quả thật, đôi khi Charles tự hỏi mình rằng tất cả những gì vừa mới xảy ra với ông phải chăng là một giấc mơ hoặc ít ra cũng là một điều mê sảng trong cơn sốt.

Nghĩ vậy ông đứng lên, đi vài bước như để ra khỏi cơn mê, đi ra đến cửa sổ nhưng lập tức trông thấy ở phía dưới cửa lấp lánh những nòng súng của lính gác. Khi ấy ông buộc phải thú nhận rằng ông đang thức tỉnh hẳn hoi và giấc mơ đẫm máu của ông là có thật.

Charles lặng lẽ trở lại ghế bành, ngồi tì tay lên bàn, gục đầu vào bàn tay và nghĩ ngợi.

-Than ôi! – Ông tự nhủ thầm, – Nếu như ít ra ta có một đức cha để xưng tội trong số những tâm hồn sáng láng của Nhà thờ đã thăm dò mọi bí mật của cuộc đời, mọi điều nhỏ nhen của sự cao cả, thì, tiếng nói của người ấy có lẽ sẽ dập tắt tiếng nói đang than thở trong tâm hồn ta? Nhưng ta sẽ có một linh mục tâm hồn tầm thường mà do tai hoạ của ta, ta đã phá vỡ cuộc đời và cơ nghiệp của ông ấy. Ông ấy sẽ nói với ta về Thượng đế và cái chết như vẫn thường nói với những kẻ sắp chết khác, không hiểu rằng kẻ sắp lìa đời vương giả này để lại một ngai vàng cho kẻ tiếm đoạt trong khi con gái của mình chẳng còn bánh ăn.

Rồi đưa các bức chân dung lên môi, ông lần lượt lẩm nhẩm đọc tên của từng đứa con ông.

Đêm hôm ấy là một đêm mù sương và ảm đạm. Chuông nhà thờ gần đó thong thả điểm giờ. Ánh sáng vàng vọt của hai cây nến gieo rắc trong căn phòng rộng rãi và cao ráo ấy những bóng ma chập chờn kỳ lạ. Đó là những tổ tiên của vua Charles tách ra khỏi những khung ảnh thiếp vàng; và những bóng chập chờn kia là những vầng sáng cuối cùng xanh xanh và lấp lánh của một ngọn lửa than đang tắt.

Một nỗi buồn mênh mang xâm chiếm cả tâm hồn. Ông vùi đầu vào trong lòng bàn tay và mơ màng đến cái thế giới thật là tươi đẹp, khi người ta rời bỏ nó hoặc đúng hơn là nó rời bỏ ta, đến những cái vuốt ve thật êm ái và ngọt ngào của những đứa con nhất là khi người ta xa rời chúng để không bao giờ gặp lại nữa.

Rồi ông nghĩ đến người vợ cao quý và can đảm đã nâng đỡ ông đến phút cuối cùng. Ông rút từ ngực ra cây thánh giá kim cương và tấm huân chương Jarretière mà bà đã nhờ những người Pháp hào hiệp kia đưa tới, và hôn lên. Rồi nghĩ rằng bà chỉ thấy lại những kỷ vật ấy khi tấm thân lạnh giá và bị chặt của ông ta đã bị vùi trong một nấm mồ, ông cảm thấy một cơn rùng mình ớn lạnh chạy khắp người như những cơn ớn lạnh mà tử thần ném lên mình ta như ném chiếc áo choàng đầu tiên của nó.

Thế là trong căn phòng nhắc nhở với ông biết bao kỷ niệm đế vương và đã từng chứng kiến biết bao cận thần vào ra và biết bao điều phỉnh phờ nịnh hót, giờ đây một mình ông cùng với một tên đầy tớ buồn phiền mà linh hồn yếu đuối không thể nâng đỡ linh hồn ông nhà vua buông rơi lòng can đảm của mình xuống ngang tầm của sự yếu đuổi ấy, của những bóng đêm ấy, của cái giá lạnh mùa đông ấy.

Và liệu người ta có sẽ nói ra không? Cái ông vua ấy chết thật cao cả, thật tuyệt vời, với nụ cười nhẫn nhục trên môi, đã lau trong bóng tối một giọt nước mắt rơi xuống bàn và rung rinh trên tấm thảm thêu vàng lỏng lánh.

Bỗng nhiên có tiếng chân bước ngoài hành lang, rồi cửa bật mở và gian phòng bừng lên trong ánh sáng khói um của những ngọn đuốc Một giáo sĩ vận y phục chủ giáo bước vào có hai tên lính gác theo sau. Charles khoát tay một cách khẩn thiết cho hai tên lính và chúng đi ra. Căn phòng trở lại tối tăm.

-Juxon! – Charles reo lên, – Juxon? Cảm ơn người bạn cuối cùng của tôi, ông đến rất kịp thời.

Vị giám mục đưa mắt lo ngại nhìn nghiêng sang phía người dân ông đang thổn thức ở góc lò sưởi.

-Nào, Parry, đừng khóc nữa, – Vua nói, – đây là Chúa đến với chúng ta.

-Nếu là Parry thì tôi chẳng có gì phải lo ngại, – Giám mục nói. – Vậy thì tôi xin phép kính chào Hoàng thượng và thưa với ngài tôi là ai và đến đây vì việc gì.

Nhìn lại người và nghe giọng nói ấy, suýt nữa Charles kêu lên, nhưng Aramis đặt ngón tay lên môi và kính cẩn cúi chào ông vua Anh quốc.

-Ông hiệp sĩ, – Charles lẩm bẩm.

-Vâng, thưa Hoàng thượng, – Aramis ngắt lời và lên cao giọng, vâng tôi là giám mục Juxon, người hiệp sĩ trung thành của Chúa Giêsu, đến đây theo nguyện vọng của Hoàng thượng.

Đã nhận ra D'Herblay, Charles chắp hai tay, kinh ngạc và ngẩn người ra trước những người ngoại quốc này, họ chẳng có động cơ nào khác ngoài nghĩa vụ mà tự lương tâm họ đặt ra, chiến đấu chống lại ý nguyện của một dân tộc và chống lại số mệnh của một ông vua.

-Ông đấy à! – Vua nói, – Ông làm thế nào mà tới được đây? Lạy Chúa, nếu họ nhận ra ông thì ông nguy to.

Parry đứng gần đấy, tất cả con người hắn biểu hiện một niềm khâm phục hồn nhiên và sâu sắc.

Vừa tiếp tục ra hiệu cho vua im lặng, Aramis vừa nói: -Xin ngài đừng lo gì cho tôi, và chỉ nên lo cho ngài thôi. Các bạn bè của ngài chăm lo cho ngài, ngài thấy đấy; chúng tôi sẽ làm gì, tôi cũng chưa biết; nhưng bốn con người đầy lònh cương quyết đó có thể làm được rất nhiều việc. Trong khi chờ đợi, ngài chớ nhắm mắt ban đêm, chớ ngạc nhiên về chuyện gì cả và sẵn sàng với mọi việc có thể đến.

Charles lắc đầu nói: -Bạn ơi, các ông có biết rằng chẳng còn mấy thời giờ nữa đâu, và nếu các ông muốn hành động thì phải gấp lắm ư? Các ông có biết rằng đến mười giờ sáng mai là tôi phải chết không?

-Thưa ngài, từ giờ đến lúc ấy, một điều gì đó sẽ xảy ra khiến việc hành quyết không thể thực hiện được.

Vua nhìn Aramis với vẻ ngạc nhiên.

-Đúng lúc ấy ở phía dưới cửa sổ phòng vua vang lên một tiếng động lạ như tiếng bốc dỡ một xe chở gỗ.

-Ông có nghe thấy không? – Vua hỏi.

-Tiếng động kia kèm theo một tiếng kêu đau đớn.

-Tôi có nghe, – Aramis đáp, – Nhưng tôi không hiểu rõ tiếng động ấy là gì và nhất là tiếng kêu kia.

-Tôi không biết ai đã thốt ra tiếng kêu ấy, Vua nói: nhưng về tiếng động tôi sẽ nói để ông rõ. Ông có biết rằng tôi sẽ bị hành quyết ở ngay ngoài cửa sổ kia không? – Vua nói và giơ tay về phía bãi tối chỉ có toàn lính gác.

-Vâng, thưa ngài, tôi có biết, – Aramis đáp.

-Đấy! Những gỗ mang đến là những cột kèo người ta dùng để dựng đoạn đầu đài cho cho tôi đấy. Có người thợ nào đó bị thương khi bốc dỡ.

Aramis bất giác rùng mình.

-Các ông thấy đấy, – Charles nói, – Các ông có khăng khăng làm nữa cũng vô ích mà thôi. Tôi đã bị kết án, hãy để tôi cam chịu số phận của mình.

Lấy lại sự bình tĩnh bị quấy động trong giây lát, Aramis nói: -Thưa ngài họ có thể dựng một đoạn dầu đài nhưng họ sẽ không tìm được một đao phủ.

-Thế nghĩa là thế nào? – Vua hỏi.

-Nghĩa là vào lúc này, thưa ngài, tên đao phủ đã bị bắt cóc hoặc dụ dỗ đi. Ngày mai đoạn đầu đài sẽ sẵn sàng, nhưng không còn đao phủ, người ta sẽ phải hoãn việc hành quyết đến ngày kia.

-Thế thì sao? – Vua hỏi.

-Thì đêm mai chúng tôi sẽ bốc ngài đi, – Aramis đáp.

Một tia chớp vui mừng bất giác lóe lên gương mặt vua. Ông reo lên: -Thế là thế nào?

Parry chắp hai bàn tay lẩm bẩm: -Ôi, ông ơi! Cầu Chúa ban phước lành cho ông và các bạn ông.

-Thế là thế nào? – Vua nhắc lại, – Tôi cần phải biết để nếu cần tôi còn hỗ trợ các ông chứ.

-Thưa ngài, tôi thật không biết gì cả, – Aramis nói, – Nhưng cái người khôn khéo nhất, dũng cảm nhất, tận tâm nhất trong bốn chúng tôi đã bảo khi chia tay rằng: "Hiệp sĩ, hãy nói với vua rằng ngày mai vào lúc mười giờ tối, chúng tôi cướp vua đi". Bởi vì ông ấy đã nói, ông ấy sẽ làm.

-Hãy cho tôi biết tên của ông bạn hào hiệp ấy, – Vua nói, – Để tôi giữ một niềm biết ơn ông ấy mãi mãi, dù ông ấy có thành công hay không.

-D'Artagnan, thưa ngài. Chính ông ấy đã suýt cứu được ngài thì đại tá Harrison vào thật là không đúng lúc.

-Quả thật các ông là những con người kỳ diệu! – Vua nói. – Người ta đã kể cho tôi nghe những chuyện tương tự về các ông mà tôi không tin.

-Giờ đây xin ngài hãy nghe tôi – Aramis nói. – Không một lúc nào ngài quên rằng chúng tôi chăm lo việc cứu ngài; một cử chỉ nhỏ nhặt, một tiếng hát khe khẽ, một dấu hiệu thoảng qua của những người sẽ đến gần ngài, phải rình hết, nghe hết, thật bình tỉnh.

-Ôi, hiệp sĩ! – Nhà vua kêu lên, – Tôi biết nói gì với ông đây? Không một lời nào, dù từ đáy lòng tôi thốt ra, có thể biểu hiện hết niềm biết ơn của tôi. Nếu các ông thành công – Tôi sẽ không nói rằng các công cứu một ông vua, không, nhìn từ doạn đầu đài như tôi đang nhìn đây thì, tôi xin thề rằng, vương vị chẳng có nghĩa lý gì cả; nhưng các ông giữ gìn được một người chồng cho vợ, một người cha cho các con của ông ta. Hiệp sĩ ơi, hãy cầm lấy tay tôi, đó là tay một người bạn sẽ yêu quý ông cho đến hơi thở cuối cùng.

Aramis muốn hôn tay vua, nhưng vua nắm lấy tay anh và áp vào tim mình.

Lúc ấy một người đi vào không buồn gõ cửa. Aramis toan rụt tay về, nhưng vua giữ lại.

Đó là một trong những tín đồ thanh giáo nửa thày tu nửa lính đầy rẫy quanh Cromwell.

-Ông cần gì? – Vua nói.

-Tôi muốn xem việc xưng tội của Charles Stuart đã xong chưa, – Người mới vào đáp.

-Điều ấy can hệ gì đến ông? – Vua nói, – Chúng ta không cùng một tôn giáo.

-Tất cả mọi người đều là anh em, – Người thanh giáo nói. – Một người anh em của tôi sắp chết, tôi đến khích lệ anh ta đi đến cái chết.

-Thôi đủ rồi, – Parry nói – Đức vua không cần đến những điều khích lệ của ông.

-Thưa ngài, – Aramis nói nhỏ, – Hãy nhẹ nhàng với hắn, chắc hẳn đó là một tên do thám.

-Thưa ông, – Vua nói, – sau vị tiến sĩ giám mục tôn kính, tôi sẽ vui lòng nghe ông.

Người có cái nhìn lấm lét rút lui và không quên quan sát Juxon với một vẻ chú ý không thoát khỏi con mắt nhà vua. Khi cửa đóng rồi, vua nói: -Hiệp sĩ ạ, tôi chắc rằng ông nói đúng và cái người kia đến đây với y đồ xấu. Khi ra khỏi đây ông hãy coi chừng kẻo vướng vào tai hoạ.

-Xin cảm ơn Hoàng thượng, – Aramis nói, – Nhưng ngài hãy yên tâm. Dưới làn áo dài này tôi mặc một áo giáp sắt và giấu một con dao.

-Thôi, ông đi đi, và cầu Chúa che chở cho ông, như tôi vẫn thường nói khi còn làm vua.

Aramis đi ra. Charles tiễn anh ra ngưỡng cửa, Aramis vừa đi vừa ban phước khiến những tên lính gác cúi rạp mình, anh đưởng bệ đi qua các tiền sảnh đầy lính tráng, bước lên cỗ xe có hai tên hầu đi theo và trở lại toà giám mục, hai tên hầu cáo biệt anh, Juxon đợi chờ lo lắng.

-Thế nào? – Ông vội hỏi thì thấy Aramis vào.

-Thưa ngài, mọi việc đều hoàn thành như tôi cầu mong. Dọ thám, lính gác, sai nha đều tưởng tôi là ngài, nhà vua thì ban phước cho ngài trong khi chờ đợi ngài ban phước cho vua.

-Cầu Chúa che chở cho con, vì rằng tấm gương của con đem lại cho ta hi vọng và can đảm.

Aramis mặc lại y phục và áo choàng của mình ra đi và báo trước cho Juxon rằng anh sẽ còn nhờ vả ông một lần nữa.

Đi ra phố mới độ mươi bước anh đã nhận thấy rằng mình bị một người khoác chiếc áo choàng lớn bám theo sau; anh rờ tay vào con dao găm và đứng lại. Người kia đi thẳng tới anh. Đó là Porthos.

-À, ra cái anh bạn thân mến này, – Aramis nói và chìa tay ra cho bạn.

-Bạn thân mến, cậu thấy đấy, – Porthos nói, – Mỗi người chúng ta có nhiệm vụ của mình; nhiệm vụ của tôi là canh gác cho cậu và tôi đã làm. Cậu có gặp vua không?

-Có mọi việc tốt cả. Bây giờ các bạn chúng ta đâu?

-Chúng ta hẹn gặp nhau ở khách sạn vào lúc mười một giờ.

-Thế thì của còn bao lâu nữa đâu.

Quả thật, chuông nhà thờ Saint Paul điểm mười giờ.

Tuy nhiên do hai người bạn làm chu tất mọi việc nên đến nơi hẹn trước.

Sau đó, Arthos vào.

-Mọi việc tốt cả, anh nói trước khi các bạn kịp hỏi.

-Cậu đã làm gì? – Aramis hỏi.

-Tôi đã thuê một chiếc tàu buồm hẹp như cái thuyền thoi, nhẹ như cánh én, nó đợi chúng ta ở Greenwich, trước mặt đảo Những con Chó. Tàu có một chủ và bốn người làm, họ nhận năm mươi livres sterling và để tuỳ ý chúng ta sử dụng trong ba đêm liền. Sau khi đưa vua lên thuyền, lợi dụng nước triều chúng ta xuôi sông Tamise và hai giờ sau là ra đến biển khơi. Lúc ấy, như những tên cướp thực thụ chúng ta đi men bờ biển, trú ở các vách núi, hoặc nếu mặt biển tự do chúng ta sẽ dong buồm thẳng đến Boulogne-sur-Mer. Nếu tôi có chết thì hãy nhớ ông chủ tàu là thuyền trưởng Roger và tàu gọi là Tia chớp. Cứ thế là sẽ tìm ra. Một cái khăn tay buộc ở bốn góc là ám hiệu nhận ra nhau.

Một lát sau d'Artagnan về.

-Các cậu hãy dốc túi ra cho đủ một trăm livres sterling, vì rằng túi tôi…

Và anh lộn các túi rỗng không của mình ra.

Số tiền được góp xong ngay, d'Artagnan đi ra một lát rồi quay về. Anh nói: -Vậy, mọi việc đã xong xuôi. Nhưng cũng chẳng phải là dễ dàng.

-Gã đao phủ đã rời London chưa? – Arthos hỏi.

-Ấy! Như thế chưa phải là chắc chắn đâu. Hắn có thể ra cửa này và lại vào cửa khác.

-Thế bây giờ hắn ở đâu?

-Ở trong hầm

-Trong hầm nào?

-Trong hầm của ông chủ quán chúng ta! Mousqueton ngồi canh ở ngưỡng cửa, chìa khoá đây.

-Hoan hô! – Aramis nói. – Nhưng cậu làm thế nào mà định đoạt người ấy biến đi được?

-Giống như người ta định đoạt mọi thứ ở đời này. Bằng tiền bạc. Việc này tôi phải trả giá đắt lắm, nhưng hắn đã đồng ý.

-Thế cậu phải trả bao nhiêu? – Arthos hỏi, – Bởi vì cậu hiểu đấy, bây giờ chúng ta hoàn toàn không còn là những anh chàng ngự lâm quân nghèo xác không nhà không cửa, cho nên những việc chi tiêu của chúng ta là phải chung nhau.

-Tôi phải chi mười hai nghìn livres, – D'Artagnan đáp.

-Thế cậu đã kiếm đâu ra được? – Arthos hỏi. – Cậu có đủ số tiền đó ư?

-À cái nhẫn kim cương trứ danh của hoàng hậu ấy mà! – D'Artagnan thở dài đáp.

-A đúng thế? – Aramis nói, – Tôi đã nhận ra nó ở ngón tay cậu.

-Thế cậu đã chuộc lại nó ở ông des Essarts đấy à? – Porthos hỏi.

-Ồ, phải, lạy Chúa! – D'Artagnan nói. – Nhưng thiên mệnh đã ghi rằng tôi không thể giữ gìn nó. Biết làm thế nào? Người ta tin rằng kim cương nó cũng có thiện cảm và có ác cảm như con người; dường như cái nhẫn nó ghét tôi.

-Nhưng nó lại rất hợp với lão đao phủ, – Arthos nói.

-Khốn thay, đao phủ nào cũng có người phụ việc, người hầu, biết đâu đấy.

-Thì đao phủ này cũng có đầy tớ đấy, nhưng chúng ta ăn may thôi.

-Thế là thế nào?

-Vào cái lúc tôi tưởng mình sắp có một việc thứ hai phải thương lượng, thì người ta mang cái thằng đầy tớ ấy về với một bên đùi gẫy.

Do quá hăng hái hắn đã đi theo cỗ xe chở kèo cột đến tận cửa sổ nhà vua; một cái cột rơi và đè gẫy chân hắn.

-A! – Aramis nói, -Thế ra chính hắn đã thốt ra tiếng kêu mà tôi nghe thấy lúc đang ở phòng vua.

-Có thể lắm! – D'Artagnan nói, – Nhưng vì là một người có thiện tâm, khi ra về hắn đã hứa là sẽ cử đến nơi đến chốn bốn thợ giỏi và lành nghề để giúp sức những thợ đang làm. Và khi về đến nhà chủ, mặc dù đang bị thương như thế, hắn lập tức viết cho bác Tôm Lâu là một thợ mộc bạn hắn, dặn bác đến ngay cung Đại sảnh trắng để hoàn tất lời hứa của hắn. Bức thư ấy đây, hắn thuê một người mang đi ngay, mất mười xu và tôi đã phải mua lại mất một đồng louis.

-Thế cậu lấy bức thư ấy làm gì? – Arthos hỏi.

-Thế anh không đoán ra à. – D'Artagnan hỏi lại, cặp mắt lấp lánh thông minh.

-Xin thề là là tôi chịu đấy.

-Thế này nhé, Arthos thân mến! Anh nói tiếng Anh như đích thị Jôn Bun[266], anh là bác Tôm Lâu, còn ba chúng tôi là ba thợ bạn. Bây giờ anh hiểu ra chưa?

Arthos reo lên đầy vẻ mừng vui và thán phục. Rồi anh chạy vào buồng lấy ra mấy bộ quần áo thợ thuyền; cả bốn người mặc vào và ra khỏi khách sạn, Arthos mang một cái cửa, Porthos một cái kìm, Aramis một cái rìu, d'Artagnan một cái búa và đinh.

Lá thư của gã đầy tớ tên đao phủ chứng thực với bác thợ cả rằng họ đúng là những người mà bác đang đợi.

§69. Những người thợ

Khoảng nửa đêm. Charles nghe tiếng rầm rầm rất to ở dưới cửa sổ: đó là tiếng búa rìu chan chát, tiếng kìm cặp ken két và tiếng cửa xẻ xoèn xoẹt.

Charles để nguyên quần áo nằm lăn ra giường và vừa mới chợp mắt thì tiếng ồn ào khiến ông choàng dậy.

Ngoài tiếng vang nghe thấy, tiếng ồn kia còn dội tiếng vang tinh thần khủng khiếp trong tâm hồn ông và những ý nghĩ ghê sợ tối hôm qua lại đến công kích ông.

Một mình trước bóng đêm và sự cô đơn, ông không đủ sức chịu đựng nổi sự tra tấn ấy, nó không có trong chương trình những hình phạt đối với ông. Ông bèn bảo Parry ra bảo lính canh nói với những người thợ làm nhẹ tay hơn và hãy thương đến giấc ngủ cuối cùng của kẻ đã từng là vua của họ.

Lính canh không muốn rời vị trí của họ, nhưng để cho Parry đi.

Sau khi đi vòng quanh lâu đài đến gần cửa sổ, Parry trông thấy ở ngang bằng với bao lớn đã dỡ rào sắt đi, một đoạn đầu đài đang làm dở nhưng người ta đã bắt đầu đóng đinh chắng bằng một tấm rèm bằng nỉ đen.

Đoạn đầu đài dựng cao ngang tầm cửa sổ tức là gần hai mươi bộ có hai tầng ở dưới. Nhìn cảnh tượng thật là dể sợ, nhưng Parry vẫn cố tìm trong đám đông bảy tám người thợ đang dựng cái máy thê thảm ấy xem chỗ nào gây tiếng ồn nhức óc nhất cho vua.

Trên sàn thứ hai, bác trông thấy hai người đang dùng kìm gõ nốt những thanh sắt cuối cùng của bao lớn. Một người cao lớn như ông hộ pháp thay cái chiên cụ phá cổng thành ngày xưa làm việc xô đổ những bức tường. Mỗi lần anh ta ra tay, gạch đá bay tứ tung. Người kia quỳ đang cạy từng tảng đá lung lay.

Rành rành là những người này gây ra tiếng động khiến vua kêu la.

Parry trèo thang đến chỗ họ. Bác nói: -Các bạn ơi, xin các bạn làm nhẹ nhàng hơn một chút có được không? Vua đang ngủ và cần được ngủ.

Người thợ dùng kẹp ngừng tay và quay nghiêng lại, nhưng do bác ta đứng nên mặt bị khuất trong bóng tối dày đặc gần sàn và Parry trông không rõ.

Người đang quỳ cũng quay lại và do thấp hơn người kia, nên mặt được ánh đèn chiểu sáng và Parry trông rõ. Người ấy chằm chằm nhìn Parry và để một ngón tay lên miệng.

Pary kinh ngạc lùi lại.

-Được thôi, được thôi, – Người thợ nói tiếng Anh rất cừ, – Bác hãy trở về nói với vua rằng, nếu đêm nay khó ngủ thì đêm mai sẽ ngủ ngon hơn.

Những lời nói ấy cứ theo nghĩa đen có một ý nghĩa thật ghê gớm, được những người thợ làm ở phía bên cạnh và tầng dưới tiếp nhận bằng một trận cười

ầm ĩ.

Parry rút lui, ngờ rằng mình đang chiêm bao.

Charles sốt ruột đợi hắn.

Lúc bác trở về, tên lính canh cửa tò mò ngó đầu vào xem vua đang làm gì.

Vua đang chống khuỷu tay lên giường.

Parry đóng cửa và đi đến bên vua, mặt vui mừng rạng rỡ.

-Thưa Hoàng thượng, Hắn khẽ nói, – Ngài có biết những người thợ đang làm ồn ồn đó là ai không?

Charles lắc đầu buồn bã, nói: -Không, làm sao tôi biết được điều đó? Tôi có quen những người ấy không?

Parry cúi sát xuống giường chủ và nói nhỏ hơn nữa: -Thưa Hoàng thượng, đó là bá tước De La Fère và đồng đội của ông.

-Họ dựng đoạn đầu đài cho tôi à? – Vua ngạc nhiên hỏi.

-Vâng họ vừa dựng đài vừa đục một lỗ thủng vào tường.

-Suỵt – Vua vừa nói vừa hoàng hốt nhìn quanh. – Ngươi trông thấy họ à?

-Tôi đã nói với họ.

Vua chắp hai tay lại và ngước mắt lên trời. Sau một lời cầu nguyện thành kính và ngắn ngủi ông nhảy ra khỏi giường và đi đến cửa sổ, vén rèm lên những lính canh vẫn ở đấy, phía xa ngoài bao lớn một bãi phẳng trải rộng và bọn lính đi qua như những cái bóng.

Charles không phân biệt được gì cả, nhưng cảm thấy ở dưới chân những nhát búa chấn động của các bạn mình. Mỗi nhát đó lúc này đáp lại tận đáy lòng ông.

Parry không lầm, bác đã nhận rõ Arthos. Chính anh được Porthos giúp sức đang đục một lỗ hổng để đặt các xà ngang.

Cái lỗ ấy ăn thông vào một cái hầm nhỏ đào ngay dưới sàn của phòng vua. Hầm đó giống như một tầng trệt, khi vào trong đó rồi, chỉ cần một cái kìm và đôi vai thật khỏe là có thể nậy một tấm ván sàn lên, việc này có Porthos lo. Vua sẽ lách qua lỗ hổng ấy cùng những người cứu mình chui vào một ngăn ở dưới đoạn đầu đài, mặc một bộ quần áo thợ đã chuẩn bị sẵn, chẳng e sợ gì, đàng hoàng đi ra với bốn người bạn.

Những lính canh chẳng nghi ngờ gì, thấy những người thợ vừa mới làm ở đoạn đầu đài sẽ để họ đi qua.

Còn cái tàu buồm như chúng tôi đã nói vẫn sẵn sàng ngoài bến.

Cái kế hoạch to lớn, đơn giản và dễ dàng, giống như mọi điều này sinh từ một quyết định táo bạo.

Đôi bàn tay trắng muốt và nuột nà của Arthos toạc ra để bốc những tảng đá mà Porthos đã nậy bật ra. Anh đã có thể thò đầu xuống dưới những vải trang trí bàn ở bao lớn. Hai giờ nữa anh sẽ lách được cả người qua. Trước khi trời sáng cái

lỗ hổng sẽ được đục xong và khuất sau tấm rèm bên trong mà d'Artagnan sẽ căng lên.

D'Artagnan làm như một người thợ Pháp và đóng những cái đinh rất đều đặn như một người căng thảm khéo léo nhất. Aramis cắt những chỗ vải thừa của tấm nỉ xoà xuống đất và che bộ khung của giàn giáo.

Một ngọn lửa than bùn đã giúp những người thợ qua được cái giá rét thấu xương đêm hôm 29 rạng ngày 30 tháng Giêng[267]. Những người thợ mải miết nhất chốc chốc cũng ngừng tay để sưởi. Riêng Arthos và Porthos không rời công việc của mình. Cho nên trời vừa rạng sáng và soi tỏ các nóc nhà thì cái lỗ chui đã hoàn thành. Arthos vào đó mang theo quần áo dành cho vua bọc trong một mảnh nỉ đen. Porthos đưa anh một cái kìm, d'Artagnan căng một tấm nỉ rộng ở bên trong, kể cũng khá xa xỉ đấy, nhưng rất có ích vì nó che lấp hẳn cái lỗ hổng ở tường.

Arthos chỉ còn phải làm hai tiếng đồng hồ nữa để thông được đến chỗ vua. Theo dự kiến của bốn người bạn, họ còn cả một ngày rộng rãi, bởi vì thiếu đao phủ người ta buộc phải đi kiếm đao phủ ở Bristol.

D'Artagnan lại mặc bộ đồ hạt dẻ, Porthos mặc áo chẽn đó, Còn Aramis đến nhà ông Juxon để nếu có thể thì cùng ông đi vào tận chỗ vua.

Cả ba người hẹn gặp nhau vào giữa trưa ở quảng trường toà Đại sảnh trắng để xem tình hình ra sao.

Trước khi rời đoạn dầu đài, Aramis đã đến gần chỗ Arthos nấp để báo rằng anh sẽ cố gặp lại nhà vua.

-Vậy thì xin tạm biệt và can đảm lên nhé, – Arthos nói. – Hãy cho vua biết tình hình đến đâu rồi. Dặn vua là khi nào không có ai ở trên thì gõ xuống sàn để tôi yên trí tiếp tục công việc. Nếu Parry giup tôi gỡ sẵn cái tấm lót dưới lò sưởi, chắc là một tấm đá lát, ra được thì hay lắm. Còn cậu Aramis, cố gắng không rời vua.

Hãy nói to, nói thật to, vì ở ngoải cửa sẽ có người nghe. Nếu trong phòng có một lính canh thì cậu giết ngay không chờ đợi gì cả.

Nếu có hai tên thì cậu giết một, Pary giết một. Nếu có ba tên thì các cậu hãy liều chết, nhưng hãy cứu lấy nhà vua.

-Cứ yên trí, – Aramis nói, – Tôi sẽ mang đi hai con dao găm và đưa cho Parry một con. Hết rồi chứ?

-Ừ đi đi. Nhưng dặn kỹ là đừng có hào hiệp hão. Trong khi các cậu đánh nhau, thì vua phải trốn ngay. Khi phiến đá đã đậy lại trên đầu vua thì cậu ở lại chiến đấu dù sống hay chết, người ta cũng phải mất ít ra mười phút để tìm ra cái lỗ tẩu thoát. Trong mười phút ấy chúng tôi đi được khối đường đất và vua sẽ được cứu thoát.

-Mọi việc sẽ như cậu dặn, Arthos ạ. Đưa tay đây, vì có lẽ chúng ta sẽ không gặp lại nhau nữa.

Arthos đưa hai tay ra quàng lấy cổ Aramis và hôn bạn.

-Tôi hôn cậu đây, – Anh nói, – Bây giờ nếu tôi chết hãy nói với d'Artagnan rằng tôi yêu nó như con tôi và ôm hôn nó hộ tôi. Ôm hôn cả cái cậu Porthos dũng cảm và tốt bụng của chúng ta nữa. Vĩnh biệt! – Vĩnh biệt, – Aramis nói. – Bây giờ thì chắc nhà vua sẽ trốn thoát, cũng chắc chắn như đang siết chặt bàn tay trung hậu nhất trên đời.

Aramis rời Arthos, xuống khỏi đoạn đầu đài và trở về khách sạn vừa đi vừa huýt sáo một điệu hát ca tụng Cromwell. Anh thấy hai bạn mình đang ngồi gần lò sưởi cháy rựng rực, uống một chai rượu vang ports và ăn ngấu nghiến một con gà ướp lạnh. Porthos vừa ăn vừa tuôn ra ông ổng những lời chửi rủa bọn nghệ sĩ đê tiện, d'Artagnan cứ im lặng ăn, nhưng trong óc vẫn nghĩ đến những kế hoạch táo bạo nhất.

Aramis kể lại tất cả những điều đã thoả thuận với Arthos, d'Artagnan tán thành bằng cái đầu, còn Porthos bằng tiếng nói: -Hoan hô! – Anh kêu lên, – Vả lại chúng ta sẽ ở đấy khi vua trốn. Nấp dưới đoạn đầu đài thì kín quá rồi và chúng ta có thể trông vào đó. Với d'Artagnan, tôi, Grimaud và Mousqueton, chúng tôi đủ sức diệt tám tên. Tôi không kể Blaisois, hắn chỉ giữ nổi ngựa. Hạ một tên mất hai phút, hai lần mất bốn phút. Cho Mousqueton thêm một phút là năm, trong năm phút ấy, các cậu có thể phóng được một phần tư dặm.

Aramis ăn vội một miếng, uống một cốc rượu vang và thay quần áo.

-Bây giờ tôi đi đến ngài tổng giám mục. Porthos chuẩn bị vũ khí, d'Artagnan canh gác cẩn thận gã đao phủ nhé.

-Yên trí, Grimaud đã thay phiên Mousqueton và chặn chân lên cẩn thận rồi.

-Kệ cứ phải canh gác thật cẩn mật và không được một phút ngồi rồi.

-Ngồi rồi ư? Bạn thân mến ơi, cậu hãy hỏi Porthos xem. Tôi có ở yên đâu. Lúc nào tôi cũng ở trên đôi cẳng và có vẻ một người ham nhảy múa. Mẹ kiếp! Lúc này đây tôi yêu quí nước Pháp biết chừng nào. Có một tổ quốc cho riêng mình thật là sung sướng, khi mình đang khốn khổ trên tổ quốc những người khác. Aramis rời các bạn như đã rời Arthos, nghĩa là ôm hôn họ. Rồi anh đến giám mục Juxon và trình bày yêu cầu của mình. Do đã được báo trước là cần một linh mục để làm lễ ban thánh thể và nhất là trong trường hợp vua muốn được dự lễ messe, nên Juxon càng dễ dàng bằng lòng mang theo Aramis.

Mặc y phục giống như Aramis hôm trước, giám mục lên xe.

Aramis đổi dạng vì vẻ mặt xanh xao và rầu rĩ hơn là vì bộ y phục trợ tế, leo lên ngồi cạnh Juxon. Cỗ xe dừng lại trước cổng toà Đại sảnh trắng lúc gần chín giờ sáng. Chẳng có vẻ thay đổi gì cả: Các tiền sảnh, các hành lang vẫn dẫy lính

canh như hôm trước. Hai lính gác ở cửa phòng vua, hai tên khác đi đi lại lại trước bao lớn trên sàn của đoạn đầu đài đã kê sẵn chiếc thớt.

Nhà vua lòng đầy hi vọng, gặp lại Aramis, niềm hi vọng ấy biến thành mừng rỡ. Ông ôm hôn Juxon và bắt tay Aramis. Juxon giả vờ nói to và trước mặt mọi người về cuộc gặp gỡ với nhà vua hôm trước.

Vua đáp lại rằng nhưng lời mà giám mục nói với ông trong cuộc hội kiến ấy đã khai hoa kết Pomme-de- Pinvà ông mong muốn một cuộc hội đàm nữa tương tự. Juxon quay về phía những người có mặt ở đấy và yêu cầu được ở lại một mình với vua. Mọi người rút lui.

Cửa vừa mới khép lại, thì Aramis vội nói: -Thưa Hoàng thượng? Ngài được cứu thoát rồi! Tên đao phủ London đã biến mất; người phụ việc của hắn hôm qua bị gẫy đùi dưới cửa sổ phòng ngài. Tiếng kêu mà chúng ta đã nghe thấy là của hắn. Chắc hẳn người ta đã biết tin đao phủ mất tích, chỉ có đao phủ ở Bristol và phải có thời gian để tìm kiếm hắn.

-Chúng ta còn thì giờ tới tận ngày mai.

-Thế bá tước de La Fère đâu? – Vua hỏi.

-Ở cách ngài hai bộ. Ngài hãy lấy cây gắp than gõ vào lò ba tiếng sẽ thấy ông ấy đáp lại.

Vua đưa bàn tay run rẩy cầm lấy cây gắp than gõ ba tiếng cách đều nhau. Lập tức từ dưới sàn những tiếng gõ đáp lại vang lên đùng đục và dè đặt.

-Như vậy, – Vua nói, – Người đáp lại cho tôi là…

Là bá tước de La Fère, – Aramis nói. – Ông ta sửa soạn đường để Hoàng thượng trốn. Parry sẽ nhấc tấm đá lát kia và một lối đi sẽ mở ra.

-Nhưng tôi chẳng có một dụng cụ nào. – Parry nói.

-Hãy cầm lấy con dao găm này, – Aramis bảo, – Nhưng đừng làm cùn nó quá vì rằng bác sẽ cần dùng nó để đào cái khác hơn là đá.

Charles quay về phía giám mục và nắm lấy hai tay ông mà nói: -Ôi, Juxon, hãy nhớ lời cầu nguyện của kẻ đã từng là vua của ông.

-Người ấy vẫn là vua và sẽ mãi mãi là vua, – Juxon hôn tay ông hoàng và nói.

-Ông hãy cầu nguyện suốt đời cho người quý tộc mà ông trông thấy đấy, cho người kia mà ông nghe thấy ở dưới chân và cho hai người khác nữa, dù đang ở đâu họ cũng chăm lo đến việc cứu thoát tôi.

-Thưa Hoàng thượng, – Juxon đáp, – Ngài sẽ được tuân theo.

-Chừng nào tôi còn sống thì mỗi ngày sẽ có một lời cầu nguyện của Chúa cho những người bạn trung thành này của ngài.

Người thợ đào hầm tiếp tục công việc một lát nữa và người ta cảm thấy nó không ngừng nhích gần lại. Chợt một tiếng động bất ngờ vang lên trong hành lang. Aramis vờ lấy cây gắp than và ra hiệu ngừng việc.

-Tiếng động ấy đến gần và nghe rõ tiếng những bước chân đều dặn. Bốn người đứng im lặng và chằm chằm nhìn ra cửa. Cánh cửa mở ra từ từ và trang trọng.

Lính thị vệ dàn thành hàng rào trong gian phòng ở phía trước phòng vua. Một ủy viên của Nghị viện vận y phục đen và đầy vẻ trịnh trọng báo điểm gả bước vào chào vua và mở một tờ chiếu ra đọc cho ông nghe bản phán quyết như người ta thường làm đối với tội phạm sắp bước lên đoạn đầu dài.

-Thế này là thế nào? – Aramis hỏi Juxon.

Juxon ra hiệu như nói rằng ông cũng hoàn toàn mù tịt như anh.

Với vẻ xúc động chỉ riêng Juxon và Aramis cảm nhận thấy vua hỏi: -Việc ấy thi hành hôm nay à?

-Ngài không được báo trước là làm sáng nay ư? – Người mặc áo đen hỏi lại.

Vua nói: -Thế ta phải chết như một tội phạm bình thường do tay đao phủ London sao?

-Thưa ngài, – Vị uỷ viên Nghị viện đáp,

-Đao phủ London biến mất, nhưng một người khác xin thay thế. Như vậy là việc hành quyết chỉ chậm lại trong khoảng thời gian ngài yêu cầu để sắp xếp những công việc vật chất và tinh thần mà thôi.

Một chút mồ hôi lâm tấm ở chân tóc là dấu hiệu xúc động duy nhất của nhà vua khi nghe tin ấy.

Còn Aramis thì tái nhợt hẳn. Tim anh ngừng đập. Anh nhắm mắt lại và vịn tay lên bàn. Nhìn thấy nỗi đau đớn sâu sắc ấy, Charles như quên bẵng nỗi đau của mình. Ông đến cạnh Aramis, nắm lấy tay anh. Với một nụ cười dịu dàng và buồn bã, ông nói: -Bạn ơi! Hãy can đảm lên nào rồi quay về phía uỷ viên, ông nói: -Tôi đã sẵn sàng, ông ạ. Ông thấy đấy, tôi chỉ mong muốn hai điều và nó cũng chẳng làm các ông chậm trễ bao nhiêu đâu: một là nhận lễ ban thánh thể; hai là ôm hôn các con tôi và nói với chúng lời vĩnh biệt cuối cùng. Chẳng hay có được phép không?

-Thưa ngài, được ạ, – Vị ủy viên Nghị viện đáp.

Và ông đi ra…

Aramis hồi tỉnh lại, bấm móng tay vào thịt mình, một tiếng rên rền rĩ thoát ra từ lồng ngực anh. Anh nắm lấy tay Juxon và kêu lên: -Ôi! Thưa Đức ông, Chúa ở đâu? Chúa ở đâu?

-Con ơi, – Giám mục đĩnh đạc nói, – Con không trông thấy Chúa đâu, bởi vì những dục vọng của cõi trần che khuất Chúa.

-Con ơi, – Vua bảo Aramis, – Con đừng buồn phiền làm chi. Con hỏi Chúa làm gì ư? Chúa chứng giám lòng tận tụy của con và việc tuẫn tử của ta, hãy tin rằng cả hai điều ấy đều sẽ được ân thưởng. Vậy thì hãy cáo buộc những con

người, chứ không phải Chúa, về những việc xảy ra. Chính là những con người làm con phải khóc.

-Vâng, thưa Hoàng thượng, ngài nói đúng, – Aramis đáp.

-Chính là những con người mà tôi phải công kích, chính là những con người mà tôi sẽ công kích.

Vua quỳ xuống và bảo Juxon: -Juxon, hãy ngồi xuống. Bây giờ chỉ còn có việc ông nghe tội và tôi xưng tội với ông.

Thấy Aramis toan rút lui, ông nói: -Ông cứ ở lại. Parry cứ ở lại. Trong việc bí mật của việc sám hối, ta cũng chẳng có gì mà không thể nói trước mặt mọi người, các bạn cứ ở lại; và ta chỉ tiếc có một điều là tất cả thiên hạ không được nghe ta nói như các bạn và cùng với các bạn.

Juxon ngồi xuống, và vua quỳ trước mặt ông ta như kẻ kinh cẩn nhất trong các tín đồ, bắt đầu việc xưng tội.

§70. Hãy nhớ lấy

Xưng tội xong, vua Charles nhận lễ ban thánh thể rồi xin được gặp con cái. Chuông điểm mười giờ; theo vua nói, như vậy chẳng phải là chậm trễ gì lắm.

Trong khi ấy, dân chúng đã sẵn sàng. Họ biết rằng việc hành quyết ấn định vào lúc mười giờ nên ùn ùn kéo đến những phố giáp hoàng cung và nhà vua bắt đầu phân biệt được cái tiếng ồn xa xăm kia của sóng biển và đám đông, một đằng do bão tố, một đằng ham mê khuấy động.

Con cái của vua tới: trước tiên là công chúa Charlotte, rồi công tước de de Glocester, nghĩa là một thiếu nữ tóc hoe vàng mắt đẫm lệ rồi một cậu bé độ tám chín tuổi mắt ráo hoảnh, môi dưới bĩu ra một cách khinh khi nó biểu hiện niềm kiêu hãnh chớm nở. Cậu bé đã khóc suốt đêm qua, nhưng trước mặt đám người này cậu không khóc.

Charles cảm thấy trái tim mình tan ra khi trông, thấy hai đứa con mà ông không gặp từ hai năm rồi mà chỉ được gặp lại vào lúc chết.

Một giọt lệ rưng rưng trên khóe mắt, ông vội quay đi để chùi, vì ông muốn tỏ ra mạnh mẽ trước những kẻ mà ông để lại một di sản thật nặng nề tai hoạ và đau thương.

Thoạt tiên ông nói với con gái. Kéo con vào lòng ông nhắc nhở con lòng sùng đạo, sự nhẫn nhục và tình yêu thương cha mẹ. Rồi ông bế cậu công tước nhỏ de Glocester đặt lên đùi mình để có thể ôm ghì vào lòng và hôn lên mặt nó. Ông nói:
-Con trai của ta ơi, khi đi tới đây con gặp rất nhiều người ở ngoài phố và trong các hành lang; những người ấy sắp chặt đầu cha, con chớ bao giờ quên điều đó. Có thể một ngày kia, thấy con ở gần và có con ở trong tay, họ muốn đưa con lên làm vua mà khước từ hoàng tử de Galles hoặc quận công d'York là những anh lớn của con, một người đang ở Pháp, một người không rõ ở đâu. Nhưng con không là vua đâu, con trai ạ, và con chỉ có thể làm vua bằng cái chết của các anh con. Con hãy thề với ta rằng con chớ để người ta đặt vương miện lên đầu con mà không có quyền hợp pháp thừa kế. Vì rằng, con hãy nghe cho kỹ nhé, nếu con làm như vậy, thì một ngày kia người ta sẽ chặt bỏ cả đầu lẫn vương miện, và lúc ấy con sẽ chẳng thể chết một cách bình thản và không ân hận như ta chết hôm nay. Con trai ta, hãy thề đi.

Cậu bé giơ bàn tay nhỏ xíu trong lòng bàn tay cha và nói: -Thưa Hoàng thượng, con thề với ngài rằng…

Charles ngắt lời: -Henri, hãy gọi ta là cha con.

-Thưa cha, – Cậu bé nói lại, – Con xin thề với cha rằng người ta sẽ giết chết con trước khi đưa con lên làm vua.

-Tốt lắm con ạ, – Charles nói? – Bây giờ con hãy ôm hôn cha, cả Charlotte nữa, và đừng quên cha nhé.

-Ồ! Không, không bao giờ! – Hai đứa trẻ kêu lên và quàng những cánh tay thân yêu quanh cổ cha.

-Vĩnh biệt, – Charles nói, – vĩnh biệt các con. Juxon, hãy dẫn chúng nó đi, nước mắt của chúng nó sẽ tước mất của ta lòng can đảm đi đến cái chết.

Juxon gỡ tay hai đứa trẻ khỏi tay cha chúng và giao chúng cho những người đã đưa chúng đến.

Cửa mở ra sau lưng họ và mọi người có thể vào.

Thấy mình lẻ loi giữa đám lính gác đông đảo và những kẻ tò mò bắt đầu ùa vào trong phòng, vua chợt nhớ rằng bá tước de La Fère ở rất gần đây, ngay dưới sàn nhà, không trông thấy ông và có lẽ lúc nào cũng mong gặp ông.

-Ông sợ rằng một tiếng động nhỏ nhất cũng sẽ coi như một ám hiệu cho Arthos, và nếu lại tiếp tục làm việc anh sẽ tự làm lộ mình.

Cho nên ông giả tảng yên lặng và do đó giữ được mọi người trong trạng thái nghỉ ngơi.

Tình trạng bất động khủng khiếp ấy kéo dài hai tiếng đồng hồ.

Một sự im lặng chết chóc ngự trị trong căn phòng vua.

Arthos bèn quyết định đi tìm nguyên nhân của sự yên tĩnh câm lặng và ảm đạm ấy, nó chỉ bị khuấy động bởi tiếng ồn ào không dứt của đám đông. Anh vạch tấm rèm che khuất lỗ thủng ở tường và đi xuống tầng một của đoạn đầu dài. Trên đầu anh cách không đầy gang tay là tấm sàn gỗ dựng đoạn đầu đài.

Tiếng động cho đến lúc đó chỉ ầm ì bây giờ huyên náo hẳn lên và có vẻ hăm doạ khiến anh giật nẩy người lên vì kinh hãi. Anh đi đến sát mép đoạn đầu đài, hé mở tâm nỉ đen ở ngang tầm mắt và trông thấy những kỵ binh dồn đến chỗ bộ máy khủng khiếp. Bên ngoài đám kỵ binh là một hàng kích thủ, ngoài hàng kích thủ là ngự lâm quân và ngoài ngự lâm quân là những hàng đầu tiên của đám dân chúng, họ giống như một đại dương ảm đạm đang sôi sục và gầm gào.

Còn run rẩy hơn cả tấm vải anh đang vò trong tay, Arthos tự nhủ thầm: -Chuyện gì xảy ra thế? Dân chúng chen chúc xô đẩy nhau, lính tráng lăm lăm vũ khí, và giữa đám khán giả đang dán mắt về phía cửa sổ, ta nom thấy d'Artagnan. Hắn đợi gì. Hắn nhìn gì? Lạy Chúa! Có lẽ họ để xổng tên đao phủ rồi ư?

Bỗng nhiên trên quảng trường vang lên tiếng trống lục bục và buồn thảm. Những tiếng bước chân nặng nề và kéo dài vang lên trên đầu anh. Có một cái gì tựa như một đám rước lớn đang giẫm đạp lên các sàn của toà Đại sảnh trắng, rồi chợt anh nghe thấy chính những tấm ván của đoạn đầu đài kêu cót két. Anh đưa mắt lần cuối nhìn quảng trường và vẻ mặt của các người xem nói cho anh biết rõ cái điều mà một mềm hi vọng cuối cùng còn rót lại trong lòng anh đã ngăn không đoán ra.

Tiếng ồn ào ở quảng trường đã tắt hẳn. Tất cả mọi con mắt đều dán chặt về phía cửa sổ toà Đại sảnh trắng; những cái miệng hé mở và hơi thở ngưng lại chỉ rõ sự chờ đợi một cảnh tượng hãi hùng.

Tiếng bước chân mà khi ngồi ở dưới gian phòng vua Arthos đã nghe thấy bây giờ lại vang lên trên đầu anh và sàn đoạn đầu đài võng xuống dưới sức nặng đến nỗi những tấm ván gần chạm đầu người quý tộc khốn khổ. Đúng là có hai hàng lính đến chiếm chỗ.

Cùng lúc ấy một giọng nói rất quen thuộc với Arthos, một giọng nói cao quý thốt ra ở trên đầu anh: -Thưa ông đại tá, tôi muốn nói với dân chúng.

Arthos rợn cả người, đúng là vua đang nói trên đoạn đầu dài.

Quả thật sau khi uống vài ngụm rượu vang và nhấp một mẩu bánh, Charles cảm thấy mệt mỏi đến với mình vì đợi chờ cái chết, đột nhiên quyết định đi tới đón rước và ra hiện tiến tới. Người ta bèn mở toang hai cánh cửa sổ trông ra quảng trường và dân chúng có thể nhìn thấy từ cuối phòng thoạt tiên một người trùm kín mặt lặng lẽ tiến ra, tay cầm một cây rìu khiến người ta nhận ra ngay đó là đao phủ. Người ấy đến gần cái thớt và đặt rìu lên đó.

Đó là tiếng động đầu tiên mà Arthos nghe thấy.

Rồi tiếp sau người ấy, Charles Stuart chắc là tái nhợt nhưng bình thản và chũng chạc bước đi giữa hai hàng linh mục theo sau có mấy vị sĩ quan cao cấp đến chủ toạ cuộc hành hình và hai hàng kích thủ đi hộ tống xếp hàng ở hai bên đoạn đầu đài.

Sự xuất hiện của người bịt mặt gây nên tiếng xì xào bàn tán kéo dài. Ai nấy đều tò mò muốn biết gã đao phủ lạ kia là ai mà có mặt đến là kịp thời để cho cái cảnh tượng khủng khiếp kia đã hứa hẹn với dân chúng được diễn ra trong khi mọi người đã tưởng rằng nó sẽ bị hoãn đến ngày mai. Cho nên ai nấy đều hau háu nhìn hắn, nhưng chỉ có thể thấy đó là một người tầm thước vận toàn đồ đen và có vẻ đã đứng tuổi vì chòm râu hoa râm thò ra một chút dưới tấm vải che mặt.

Nhưng khi nhìn thấy vua thật là bình tĩnh, thật là cao quý, thật là đường hoàng, dân chúng lập tức im lặng, nên ai nấy đều nghe rõ nguyện vọng mà vua mới nêu ra là được nói với dân chúng.

Chắc là điều yêu cầu ấy đã được đáp lại bằng một dấu hiệu đồng ý cho nên bằng một giọng đĩnh đạc và âm vang nó rung động đến tận đáy lòng Arthos, vua bắt đầu nói.

Ông giải thích cách cư xử của mình với dân chúng và đưa ra cho họ những lời khuyên răn vì lợi ích của nước Anh.

-Chao ôi, – Arthos tự nhủ thầm, – Có thể nào mà ta lại nghe và trông thấy những điều ta đang nghe và trông thấy kia ư? Có thể nào mà Chúa lại bỏ rơi kẻ đại diện của mình ở trên mặt đất này đến mức để nó chết một cách thê thảm, ê

chề như vậy ư? Còn ta thì không được trông thấy vua! Và không được nói với vua lời vĩnh biệt!

Một tiếng động tựa như tiếng cái công cụ chết người động đậy trên tấm thớt vang lên.

Vua ngừng lời, rồi bảo: -Đừng đụng đến cái rìu.

Rồi ông tiếp tục bài diễn văn.

Bài diễn văn kết thúc, một sự im lặng băng giá trùm lên đầu Arthos. Anh đặt tay lên trán và thấy mồ hôi chảy ròng ròng mặc dầu trời lạnh.

Sự im lặng đó chỉ rõ những việc sửa soạn cuối cùng.

Kết thúc bài diễn văn, vua lướt trên đảm dân chúng một cái nhìn đầy lòng khoan dung. Và tháo tấm huân chương đang đeo, vẫn là tấm kim cương mà hoàng hậu gửi đến, Charles trao cho vị linh mục đi theo Juxon. Rồi rút trong ngực cây thánh giả cũng bằng kim cương và cũng do Henriette gửi đến, ông nói với linh mục: -Này ông, tôi sẽ giữ cây thánh giá này trong tay cho đến phút cuối củng; ông sẽ cầm lấy nó sau khi tôi chết.

-Vâng, thưa Hoàng thượng.

-Tiếng nói ấy Arthos nhận ra là của Aramis.

Cho đến lúc ấy Charles vẫn đội mũ. Ông bỏ mũ ra và ném sang bên cạnh. Rồi ông lần lượt cởi từng chiếc cúc áo chẽn, cởi áo và ném xuống cạnh chiếc mũ. Cảm thấy rét ông bảo người ta đưa mình chiếc áo ngủ.

Tất cả những sự sửa soạn ấy được tiến hành với một vẻ bình thản đến kinh người.

Người ta tưởng như nhà vua sắp sưa đi nằm ở trên giường ngủ, chứ không phải ở trong chiếc quan tài.

Sau hết lấy tay, vén tóc lên, ông bảo đao phủ: -Liệu tóc này có vướng ông không? Nếu vướng thì có thể lấy dây buộc nó lên.

Kèm theo lời nói là một cái nhìn như muốn xuyên qua tâm vải che mặt của kẻ lạ mặt. Cái nhìn đến là cao thượng, đến là bình tĩnh, đến là quả quyết buộc người kia phải quay mặt đi. Nhưng tránh cái nhìn sâu xa của vua, hắn lại gặp cái nhìn nảy lửa của Aramis.

Thấy hắn không trả lời, vua nhắc lại câu hỏi. Hắn đáp: -Chỉ cần ông vén tóc lên khỏi cổ.

Dùng hai bản tay rẽ mái tóc và nhìn chiếc thớt, vua nói: -Cái thớt này thấp quá, không có cái nào cao hơn à?

-Đó là cái thớt thường dùng, – Gã che mặt đáp.

-Ông có chắc chắn chặt đầu tôi bằng một nhát không? – Vua hỏi.

-Tôi hy vọng như vậy, – Đao phủ đáp.

Trong mấy tiếng "Tôi hy vọng" như vậy bật lên một giọng nói thật lạ lùng khiến mọi người đều rùng mình, trừ nhà vua.

-Được lắm, – Vua nói. – Bây giờ đao phủ hãy nghe đây.

Kẻ bịt mặt tiến một bước về phía vua và tì tay lên chiếc rìu.

-Ta không muốn mi chém bất ngờ, – Charles nói, – Ta sẽ quỳ để cầu nguyện, khi ấy mi đừng chém vội.

-Thế tôi chém vào lúc nào? – Đao phủ hỏi.

Khi nào ta kề cổ lên thớt và giơ tay lên mà nói "Remember"[268] thì mi hãy chém mạnh tay vào.

Kẻ bịt mặt khẽ cúi mình.

Vua bắt đầu nói với những người xung quanh: -Đây là lúc ta từ giã cõi dời. Hỡi các người, ta bỏ các người giữa cơn bão táp và đi trước các người trong một xứ sở không biết bão táp là gì. Vĩnh biệt!

Ông nhìn Aramis và hất đầu bằng một dấu hiệu đặc biệt. Rồi ông nói tiếp: -Bây giờ xin ông hãy đứng ra xa để tôi thầm cầu nguyện. Cả mi nữa cũng đứng xa ra, – Vua nói với đao phủ, – Chỉ cần một lát thôi, ta biết rằng ta thuộc về mi rồi nhưng hãy nhớ là chỉ vung rìu khi ta ra hiệu.

Charles quỳ xuống, làm dấu thánh, ghé miệng xuống mấy tấm ván như muốn hôn lên mặt sàn. Rồi một tay tì xuống sàn, một tay vịn vào cái thớt, ông nói bằng tiếng Pháp: -Bá tước de La Fère ơi, ông có đấy không và tôi nói với ông được chăng?

Giọng nói ấy đập thẳng vào tim Arthos và xuyên qua như một lưỡi gươm lạnh giá. Anh run rẩy nói: -Được ạ thưa Hoàng thượng.

-Hỡi bạn trung thành, trái tim hào hiệp, – Vua nói, tôi đã không thể được cứu thoát, tôi không nên được cứu thoát. Giờ đây, dù có phạm điều bất kính, tôi cũng sẽ nói với ông rằng: Phải, tôi đã nói với những con người, tôi đã nói với Chúa, bây giờ tôi nói với anh là người cuối cùng. Để bảo vệ một mục đích tôi cho là thiêng liêng, tôi đã mất ngôi báu của ông cha tôi và làm tan nát hương hỏa của các con tôi. Còn lại một triệu đồng tiền vàng tôi chôn giấu trong các hầm của lâu đài ở Newcastle khi rời bỏ thành phố này. Số tiền ấy chỉ một mình anh biết; khi nào thời cơ đến anh hãy dùng nó cho lợi ích của đứa con trai cả của tôi. Và giờ đây, bá tước de La Fère, hãy nói với tôi lời vĩnh biệt.

Lạnh toát cả người vì kinh hãi, Arthos lắp bắp: -Xin vĩnh biệt Hoàng thượng thần thánh và tuẫn tử.

Một lát im lặng, trong khi đó Arthos thấy hình như vua nhổm dậy và thay đổi tư thế.

Rồi bằng một giọng cả tiếng và âm vang để không những ở đoạn đầu đài mà cả trên quảng trường cũng nghe thấy vua kêu lên: -Remember!

-Tiếng ấy vừa mới thốt ra thì một nhát kinh khủng phập xuống làm rung cả sàn đoạn đầu đài. Bụi từ tấm vải văng ra làm mù cả mắt nhà quý tộc khốn khổ. Rồi bất giác Arthos ngước mắt và ngẩng đầu lên, một giọt nong nóng rơi xuống

trán anh. Anh kinh hãi rợn người và lùi lại. Tức thì những giọt rơi chuyển thành một dòng suối đen đổ xuống dưới sàn.

Arthos ngã khuỵu xuống, như người điên dại và xỉu đi một lúc lâu. Nghe tiếng ồn ào giảm dần anh chắc là đám đông đã rời xa; anh ngồi yên một lát nữa, im lặng và bàng hoàng. Rồi anh quay lại, lấy khăn tay nhúng vào vũng máu của ông vua tuẫn tử. Cuối cùng anh bước xuống, vạch tấm rèm, lách ra giữa hai con ngựa, chen lẫn vào đám dân chúng và trở về khách sạn trước tiên.

Lên phòng mình, anh soi gương thấy một vết đỏ lớn trên trán, anh lấy tay chùi, tay dính bê bết máu vua và anh ngất lịm.

§71. Người chết

Tới bốn giờ chiều mà trời đã tối mịt. Tuyết rơi dày đặc và lạnh buốt. Aramis trở về và thấy Arthos nếu không phải là bất tỉnh thì cũng rã rời.

Nghe tiếng bạn mình, bá tước ra khỏi cơn mê.

Aramis nói: -Thế là chúng ta thất bại trước định mệnh.

-Thất bại – Arthos nói. – Đức vua cao quý và khốn khổ thay!

-Anh bị thương đấy à? – Aramis hỏi.

-Không. Đó là máu của vua.

-Thế lúc ấy anh ở đâu?

-Vẫn ở đây, dưới gầm đoạn đầu đài.

-Anh trông thấy hết cả chứ?

-Không, nhưng nghe tiếng hết cả. Cầu Chúa hãy tránh cho tôi một khoảnh khắc như tôi vừa mới trải qua! Tóc tôi không bị bạc đi chứ?

-Như vậy anh biết rằng tôi đã không rời nhà vua.

-Tôi nghe tiếng của anh cho đến phút chót.

-Đây là tấm huân chương vua đưa cho tôi, đây là cây thánh giá tôi gỡ từ tay ngài; ngài mong muốn những vật ấy được trao lại cho hoàng hậu.

-Và đây là một chiếc khăn để bọc lại, – Arthos nói.

-Và anh rút từ túi áo ra chiếc khăn tay đã nhúng vào máu vua.

-Giờ đây, – anh hỏi, – người ta làm gì với cái thi thể tội nghiệp ấy.

-Theo lệnh của Cromwell, – Aramis đáp,

-Các nghi lễ đối với vua chúa được phép tiến hành. Chúng tôi đã đặt thi thể vào trong một cỗ quan tài bằng chì: các thầy thuốc lo việc ướp hương những di hài và sau đó vua được đặt trong một phòng tang luôn thắp sáng.

-Trò hề! – Arthos rầu rĩ lẩm bẩm, – Nghi lễ nhà vua cho người bị chúng ám hại.

Aramis nói: -Điều đó chứng minh rằng vua chết, nhưng vương quyền không chết.

-Than ôi? – Arthos nói, – Có lẽ đó là ông vua hiệp sĩ cuối cùng ở trên đời này.

-Thôi đừng buồn phiền nữa, bá tước ơi, – Một giọng nói ồm ồm cất lên ở cầu thang cùng với những bước chân sải rộng của Porthos – Tất cả chúng ta đều phải chết, các bạn khốn khổ của tôi ạ.

-Cậu về muộn thế, Porthos thân mến, – Bá tước de La Fère nói.

-Phải, – Porthos nói, – Dọc đường có nhiều người khiến tôi bị trễ.

Họ nhảy nhót, bọn khốn khiếp! Tôi đã tóm lấy cổ một thằng và chắc đã bóp nghẹt một chút. Đúng lúc ấy một đội tuần tra đi tới. May thay cái thằng cha mà tôi gây sự đứng mấy phút mà chẳng nói được. Tôi thừa cơ lao vào một phố nhỏ.

Phố ấy dẫn đến một phố nhỏ hơn. Thế là tôi bị lạc. Tôi chưa thuộc London, mà lại không biết tiếng Anh, đã tưởng không tìm ra đường đi nữa; cuối cùng cũng về được đây.

-Nhưng còn d'Artagnan, – Aramis hỏi – Cậu có trông thấy hắn không và liệu có chuyện gì xảy ra với hắn ta không?

-Chúng tôi lạc nhau vì đám đông, – Porthos đáp, – và mặc dầu cố sức tôi vẫn không đuổi kịp cậu ấy.

-Ồ, tôi đã trông thấy cậu ấy, – Arthos chua chát nói. – Cậu ấy đứng ở hàng đầu đám dân chúng, chiếm chỗ thật tuyệt để không bỏ sót một chút gì, và xem chừng cảnh tượng thật ly kỳ, nên cậu ấy muốn xem đến cùng.

-Ồ, bá tước de La Fère ơi! – Một giọng nói cất lên bình tĩnh mặc dù hơi nghẹt lại vì cuộc đi vội vã – Phải chăng anh vu oan cho người vắng mặt?

Lời trách móc ấy chạm vào tim Arthos. Tuy nhiên vì sự có mặt của d'Artagnan ở hàng đầu của đám dân chúng ngu dại và hung dữ ấy đã gây ấn tượng sâu sắc với anh. Arthos đành chỉ đáp lại: -Bạn ơi, tôi không vu khống cho cậu đâu. Anh em đang lo ngại cho cậu, nên tôi nói là đã trông thấy cậu ở đâu thôi. Cậu không quen Charles, đấy chỉ là một người xa lạ đối với cậu, và không ai buộc cậu phải yêu mến ông ấy.

Arthos vừa nói vừa chìa tay ra với bạn. Nhưng d'Artagnan giả vờ không trông thấy cử chỉ ấy và vẫn để tay trong áo choàng.

Arthos từ từ buông thõng tay xuống.

-Úi chà? Tôi mệt lắm, – D'Artagnan nói và ngồi xuống.

Aramis lấy một chai rượu ở trên bàn rót đầy một cốc và bảo: -Uống một cốc Porthos đi cho tỉnh người.

Biết chàng Gascon đang bực mình, Arthos muốn chạm cốc với bạn và nói: -Phải đấy, ta uống nào và rời bỏ cái đất nước ghê tởm này. Các cậu biết đấy, thuyền đang đợi chúng ta.

-Ta khởi hành tối nay vì chẳng còn việc gì phải làm ở đây nữa.

-Ông bá tước vội lắm nhỉ? – D'Artagnan nói.

-Mảnh đất đẫm máu này thiêu đốt chân tôi, – Arthos nói.

Chàng Gascon thản nhiên nói: -Băng tuyết không gây tác dụng như thế với tôi.

-Nhưng bây giờ nhà vua chết rồi, – Arthos nói, – Cậu muốn chúng ta phải làm gì cơ chứ?

-Ông bá tước ơi, – D'Artagnan nói với giọng thờ ơ – Như vậy là ông không thấy rằng ông còn phải làm một việc gì đó ở nước Anh sao?

-Chẳng có gì hết, – Arthos nói, – Chẳng có gì hết ngoài việc hoài nghi lòng nhân đức của Thượng đế và khinh rẻ những khả năng của bản thân tôi.

-Thế thì, – D'Artagnan nói, – Tôi, một thằng yếu hèn, một thằng ngông nghênh khát máu, đứng sát gần đoạn đầu đài ba chục bước để xem cho rõ cảnh chém rơi đầu một ông vua mà tôi không quen biết và dường như tôi dửng dưng, tôi nghĩ khác với ông bá tước…, tôi ở lại.

Arthos tái nhợt cả người, mỗi lời trách móc của bạn như trích từng nhát dao vào tim gan anh.

-Ồ, cậu ở lại London à? – Porthos hỏi.

-Phải, – D'Artagnan đáp. – Thế còn cậu?

-Tôi ấy à! – Porthos nói, anh cảm thấy lúng túng với Arthos và Aramis, – Ô, ờ… vì rằng tôi đến đây cùng với cậu, nên cậu đi tôi mới đi, tôi không thể để cậu ở lại một mình trong cái xứ sở ghê tởm này đâu.

-Cảm ơn người bạn tuyệt vời của tôi. Vậy thì tôi có một công việc muốn đề nghị với cậu và chúng ta sẽ bắt tay vào thực hiện sau khi ông bá tước ra đi. Việc ấy tôi mới nghĩ tới khi xem cái cảnh tượng mà cậu đã biết đấy.

-Việc gì cơ? – Porthos hỏi.

-Việc tìm hiểu xem người che mặt đã sốt sắng nhận chém đầu vua là ai vậy?

-Người che mặt? – Arthos kêu lên, – Thế ra cậu không để xổng tên đao phủ à?

-Tên đao phủ ư?- D'Artagnan nói – hắn vẫn ở trong hầm rượu và tôi đoán thế nào hắn chẳng nhỏ to vài lời với những chai rượu của chủ quán. À, mà anh làm tôi nghĩ đến…

Anh ra cửa và gọi: -Mousqueton.

-Ông gọi tôi? – Một giọng nói như từ âm phủ vọng lên.

-Hãy thả tù nhân của cậu ra, – D'Artagnan nói, – mọi việc xong cả rồi!

-Thế kẻ khốn khiếp nào đã hạ sát vua? – Arthos hỏi.

-Một tên đao phủ nghiệp dư, – Aramis nói, – Vậy mà hắn múa rìu cũng khá thành thạo, vì rằng đúng như hắn hi vọng như vậy, hắn chỉ chém có một nhát.

-Cậu có nom thấy mặt nó không? – Arthos hỏi.

-Nó mang vải che mặt, – D'Artagnan nói.

-Nhưng Aramis, cậu đứng gần hắn cơ mà? Tôi chỉ nom thấy một chỏm râu hoa râm thò ra dưới tấm mặt nạ.

-Vậy là một người đứng tuổi ư? – Arthos hỏi.

-Ồ, – D'Artagnan đáp, – Điều ấy có nghĩa lý gì. – Khi người ta đeo một chiếc mặt nạ, người ta có thể đeo một chòm râu lắm chứ.

-Bực thật, tôi đã không theo dõi, – Porthos nói.

-Này, Porthos thân mến, – D'Artagnan nói, – Đúng là cái ý nghĩ đã đến với tôi.

Arthos đã hiểu ra. Anh đứng dậy và nói: -D'Artagnan, hãy tha lỗi cho tôi. Tôi đã nghi ngờ Chúa, tôi rất có thể nghi ngờ cả cậu. Bạn ơi, tha lỗi cho tôi nhé!

D'Artagnan nhếch mép gượng cười và nói: -Lát nữa ta sẽ bàn.

-Thế nào? – Aramis hỏi.

-Chẳng là, – D'Artagnan nói tiếp, – Trong lúc hành hình, tôi không xem vua như bá tước nghĩ, bởi vì tôi biết một người sắp chết như thế nào rồi, và dù đã quen với những chuyện như thế, nó vẫn làm tôi khó chịu. Cho nên tôi đã nhìn kỹ tên đao phủ che mặt, như đã nói với các bạn, tôi nảy ra ý nghĩ xem hắn là ai. Do chúng ta có thói quen bổ sung lẫn nhau và gọi nhau giúp đỡ, như người ta vẫn thường dùng tay nọ hỗ trợ tay kia, tôi bất giác nhìn xem Porthos có đấy không; bởi vì tôi biết là Aramis lúc ấy ở bên vua, còn bá tước đang ở dưới gầm sàn đoạn đầu đài. Vì thế mà tôi thứ lỗi cho anh, – D'Artagnan chìa tay ra cho Arthos và nói – chắc là anh đau khổ lắm.

-Tôi nhìn quanh và trông thấy ở bên cạnh tôi một cái đầu vỡ toác vá qua quít bằng vải đen. "Ô hay? – Tôi tự nhủ. – hình như một miếng vá theo kiểu vá của mình, và chính ta đã khâu cái sọ ấy ở đâu thì phải". Quả thật đó là gã Scotch tội nghiệp, em của Parry mà các bạn biết đấy; người đã bị Groslow đùa thử sức mình, và chỉ còn có nửa đầu khi chúng ta gặp.

-Hoàn toàn đúng, – Porthos nói, – Người có gà mái đen.

-Đúng thế Porthos ạ, người có gà mái đen.

-Đúng thế, chính hắn. Hắn ra hiệu với một người khác đứng ở phía bên trái tôi, tôi quay lại và nhận ra bác Grimaud thật thà, cũng như tôi, đang hau háu nhìn tên đao phủ che mặt.

-Ô! Tôi bảo bác ta. Đó là tiếng nói tắt bá tước thường dùng để nói với bác. Grimaud hiểu ngay là người ta gọi mình và quay phắt lại như một chiếc lò so; bác nhận ra tôi và giơ tay trỏ người che mặt, bác nói: "Hèm!" Thế có nghĩa là: "Ông có trông thấy không". " Mẹ kiếp" – Tôi đáp. Chúng tôi hoàn toàn hiểu nhau. Tôi quay về phía người Scotch; anh ta cũng có những cái nhìn biết nói. Tóm lại các anh biết đấy, mọi sự kết thúc thật là bi thảm. Dân chúng ra về; chiều xuống dần; tôi rút lui vào một góc quảng trường cùng với Grimaud và người Scotch và ra hiệu cho anh ta ở lại với chúng tôi. Từ chỗ ấy tôi trông thấy tên đao phủ vào phòng vua thay quần áo vì chắc hẳn quần áo hắn nhuốm đầy máu. Sau đó, hắn đội mũ khoác tấm áo choàng và biến mất. Tôi đoán là hắn sắp đi ra, bèn chạy đến phía trước cổng.

Quả đúng thật, năm phút sau chúng tôi trông thấy hắn xuống thang.

-Cậu đi theo hắn chứ? – Arthos hỏi.

-Tất nhiên!- D'Artagnan đáp, – Nhưng chẳng phải dễ dàng đâu.

Chốc chốc hắn quay lại, chúng tôi buộc phải ẩn nấp hoặc giả bộ như người bình thường. Tôi rất có thể xông tới và giết chết i hắn ngay; nhưng tôi không ích kỷ và coi đó là một cuộc liên hoan dành cho anh, Arthos ạ, để an ủi anh đôi chút. Cuối cùng sau nửa giờ đi qua các phố xá ngoằn ngoèo nhất của khu Cité, hắn tới

một ngôi nhà nhỏ hẻo lánh không có một tiếng động, một tia sáng nào báo hiệu là có người ở.

Grimaud rút từ đôi ủng to tướng của mình ra một khẩu súng ngắn.

-Hử!- Bác vừa nói vừa chỉ tay vào súng.

-Đừng!- tôi bảo và giữ tay bác lại.

Như tôi đã nói, tôi có ý định riêng.

Kẻ che mặt đứng lại trước một cái cổng thấp và rút chìa khoá ra; nhưng trước khi tra khoá vào ổ, hắn quay lại xem có bị theo dõi không. Tôi núp sau một cây to, Grimaud sau một cái cột mốc; gã Scotch chẳng có chỗ nấp đành nằm bẹp xuống mặt đường.

Chắc hẳn kẻ bị theo dõi chỉ có một mình hắn, vì tôi nghe tiếng khoá vặn lách cách, cửa mở ra và hắn biến mất.

-Tên khốn kiếp! – Aramis nói, – Trong khi cậu trở về thì hắn trốn mất và chúng ta sẽ chẳng tìm ra đâu.

-Thế nào, Aramis, – D'Artagnan nói, – Cậu coi thường tôi như một kẻ khác sao?

-Tuy nhiên, – Arthos nói, – Lúc cậu vắng mặt.

-Ô hay, lúc tôi vắng mặt tôi đã chẳng cắt Grimaud và tên Scotch thay tôi là gì? Trước khi hắn có thì giờ đi mười bước ở trong nhà, tôi đã đi quanh nhà và xem xét, ở cái cửa mà hắn đi vào tôi để gã Scotch canh và ra hiệu bảo gã nếu tên che mặt đi ra, thì phải theo hắn ngay, còn Grimaud cũng theo dõi hẳn và trở về báo cho chúng ta biết. Cuối củng tôi cắt Grimaud coi cửa thứ hai và cũng căn dặn như vậy, rồi tôi trở về đây. Con thú bị bao vây rồi, bây giờ ai muốn xem nó bị dồn đến đường cùng nào?

D'Artagnan lau mồ hôi trán, còn Arthos nhảy xổ vào vòng tay anh mà nói: -Bạn ơi, kể ra cậu quá tốt, nên mới tha thứ cho tôi; tôi đã sai lầm, trăm lần sai lầm. Lẽ ra tôi phải hiểu cậu lắm chứ, nhưng ở trong lòng chúng ta có cái gì đó độc ác nó cứ bắt tôi nghi ngờ mãi.

-Hừm! – Porthos nói, – Biết đâu tên đao phủ lại chẳng phải là Cromwell, ông ta muốn công việc thật chắc chắn nên tự mình làm lấy.

-Không đâu! Ông Cromwell người mập và thấp, còn kẻ kia thanh mảnh và dong dỏng cao cao.

-Có khi là một tên lính bị tội mà người ta bắt làm việc đó để được hưởng ân xá như người ta làm với ông Sale tội nghiệp. – Arthos nói.

-Không, không, – D'Artagnan nói tiếp, – Đây cũng không phải bước đi đều dặn của một bộ binh; cũng không phải là bước đi dài rộng của một kỵ sĩ. Người này có bắp chân mảnh mai và dáng đi thanh nhã. Nếu tôi không nhầm thì chúng ta đang nói chuyện,chuyện với một người quý tộc.

-Một người quý tộc! – Arthos kêu lên, – Không thể thế được! Đó là một điều sỉ nhục đối với tất cả giới công hầu.

-Một cuộc đi săn lý thú! – Porthos cười rung cả cửa kính mà nói – Một cuộc đi săn lý thú, mẹ kiếp!

-Thế nào, Arthos, anh vẫn ra đi chứ? – D'Artagnan hỏi.

-Không, tôi ở lại, – Arthos đáp với một cử chỉ hăm doạ nó chẳng hứa hẹn điều gì tốt lành cả.

-Nào, mang gươm ra! Aramis mang gươm ra! Và không để trễ một phút nào.

Bốn người bạn vội vàng mặc lại y phục quý tộc, đeo gươm vào, gọi Mousqueton và Blaisois lên, sai họ thanh toán tiền nong với chủ quán và sẵn sàng để lên đường vì rất có khả năng là họ rời London ngay đêm nay.

Đêm càng khuya, tuyết vẫn rơi và giống như một tấm vải liệm mênh mông phủ lên cái thành phố giết vua: mới gần bảy giờ tối mà chỉ thấy vài ba người đi ngoài phố, mọi người ở trong nhà và thì thầm bàn tán về những biến cố khủng khiếp trong ngày.

Bốn người bạn khoác áo choàng đi qua khắp các quảng trường và phố xá của khu Cité, ban ngày đông đúc thế mà ban đêm vắng tanh. D'Artagnan dẫn các bạn đi, chốc chốc lại thử tìm những dấu chữ thập mà anh đã dùng dao găm vạch vào tường, nhưng trời tối như bưng khiến các dấu vết chỉ đường rất khó nhận ra. Tuy nhiên d'Artagnan đã khắc sâu vào trong góc mỗi cột mốc, mỗi vòi nước, mỗi biển hàng, nên chỉ nửa giờ sau, anh cùng các bạn đã trông thấy ngôi nhà hẻo lánh.

Lúc đầu d'Artagnan ngỡ là người em của Parry biến đi rồi nhưng anh lầm. Gã Scotch lực lưỡng đã quen với băng tuyết của núi non quê mình đang nằm dài bên cột mốc giống như một pho tượng đổ ra khỏi đế trơ trơ trước thời tiết trái chướng, để mặc tuyết phủ đầy mình, khi thấy bốn người đến gần mới nhỏm dậy.

-Này, – Arthos nói, – Đây lại thêm một tôi tớ hết lòng.

Lạy Chúa, kể ra những người trung hậu không đến nỗi hiếm hoi như người ta tưởng, điều ấy cổ vũ ta.

-Đừng vội khen gã Scotch của chúng ta – D'Artagnan nói.

-Tôi cho rằng hắn đến đây là vì lợi ích của bản thân mình. Tôi nghe nói rằng những người sinh ra ở bên kia sông Tweed chúa là thù hằn.

-Ngài Groslow hãy coi chừng! Rất có thể ngài sẽ trải qua một khắc thảm sầu nếu ngài gặp lại hắn.

Nói xong, anh tách ra khỏi các bạn, đến gần gã Scotch để hắn nhận ra anh, rồi gọi các bạn đến.

-Thế nào? – Arthos hỏi bằng tiếng Anh.

-Chẳng có ai đi ra cả, – Người em của Parry đáp.

-Được rồi. Porthos và cả Aramis nữa, hãy ở lại đây với người này. Còn d'Artagnan dẫn tôi đến Grimaud.

Grimaud không nhanh nhẹn bằng gã Scotch, bác dán mình vào một cây liễu rỗng mà bác làm thành một chòi canh. Lúc đầu d'Artagnan cũng tưởng là kẻ che mặt đã đi và Grimaud đã bám theo hắn.

Chợt một cái đầu ló ra và khẽ huýt sáo.

-Ô! – Arthos nói.

-Vâng, – Grimaud đáp.

Mấy người đến gần cây liễu.

-Thế nào, – D'Artagnan hỏi, – Có ai đi ra không?

-Không, nhưng có một người nào đó đi vào, – Grimaud đáp.

-Đàn ông hay đàn bà.

-Đàn ông.

-A a? Thế là họ có hai người.

-Tôi muốn rằng họ có bốn ngươi, – Arthos nói, – Ít ra cuộc chiến cũng cân bằng.

-Có khi họ có bốn người đấy, – D'Artagnan nói.

-Sao vậy?

-Những người khác chẳng thể có sẵn từ trước ở trong nhà và chờ đợi họ hay sao?

Grimaud trỏ một cửa có ánh sáng lọt qua khe cửa chớp và nói: -Ta thử xem.

-Đúng đấy, – D'Artagnan đáp và gọi mấy người kia.

Họ đi vòng quanh ngôi nhà và ra hiệu cho Porthos và Aramis đến. Hai anh chạy tới và hỏi: -Các anh có nhìn thấy gì không?

-Không, nhưng ta sẽ biết, – D'Artagnan nói và chỉ vào Grimaud đang bám vào những chỗ gồ ghế ở tường và leo lên được năm sáu bộ.

Cả bốn tiến lại gần. Grimaud vẫn leo tiếp nhẹ nhàng như một con mèo và cuối cùng tay với được một cái móc cửa, chân tì, vào một bờ tường khá chắc chắn và ra hiệu rằng mình đã tới đích. Ồi bác ghé mắt vào một kẽ cửa.

-Thế nào? – D'Artagnan hỏi.

Grimaud giơ hai ngón tay ra.

-Nói xem nào, vì tối quá chẳng trông thấy gì cả, – Arthos bảo.

-Có bao nhiêu người?

Grimaud gắng sức cất lời: -Hai người: một trước mặt tôi một quay lưng lại.

-Được. Người quay mặt lại là ai?

-Người tôi thấy đi vào lúc nãy.

-Bác có biết hắn không?

-Tôi ngỡ nhận ra và tôi không lầm: người ấy mập và thấp.

-Ai thế? – bốn người bạn thì thào hỏi.

-Tướng Olivier Cromwell.

Bốn người bạn nhìn nhau.

-Còn người kia! – Arthos hỏi.

-Gầy và dong dỏng cao.

-Chính tên đao phủ, d'Artagnan và Aramis cùng nói.

-Tôi chỉ nhìn sau lưng hắn, – Grimaud nói, – Nhưng khoan đã, hắn cử động, hắn quay lại, hắn đã bỏ cái trùm mặt tôi có thể trông thấy… A!

Như bị bắn trúng tim, Grimaud buông cái móc sắt ra và vừa thốt lên một tiếng rên rĩ, vừa ngã vật ra sau.

Porthos đỡ bác trong tay.

-Bác có trông thấy hắn không? – Bốn người bạn hỏi.

Tóc dựng đứng và mồ hôi vã ra trán, Grimaud đáp: -Có

-Thế đó là ai? – Porthos hỏi.

-Nó! Nó! – Grimaud lắp bắp, mặt tái nhợt như một xác chết, và giơ hai bàn tay run rẩy nắm chặt lấy tay chủ.

-Nó là ai? – Arthos hỏi.

-Mordaunt!… – Grimaud đáp.

D'Artagnan, Porthos và Aramis thốt lên một tiếng kêu mừng rỡ.

Arthos lùi lại một bước rờ tay lên trán và lẩm bẩm: -Định mệnh.

§72. Ngôi nhà của Cromwell

Quả đó là Mordaunt mà d'Artagnan đã theo dõi nhưng không nhận ra. Khi vào nhà hắn đã bỏ mặt nạ, và gỡ chòm râu hoa râm mà hắn dùng để cải trang, trèo lên gác, mở cửa căn phòng có đèn chiếu sáng và căng rèm màu sẫm, đến trước một người đàn ông đang ngồi viết trước một bàn giấy.

Người ấy là Cromwell.

Người ta biết rằng ở London, Cromwell có vài ba chỗ ẩn náu như vậy mà các bạn bè đều không hay và ông chỉ cho mấy người thân cận nhất biết mà thôi.

Mordaunt được kể trong số những người ấy.

Khi hắn vào, Cromwell ngẩng đầu.

-Anh đấy à, Mordaunt, – Ông nói, – Anh đến muộn thế?

-Thưa tướng quân, – Mordaunt đáp, – Tôi muốn xem nghi lễ ấy cho đến cùng cho nên bị trễ.

-A! – Cromwell nói, – Thông thường tôi không ngờ anh tò mò đến thế đâu.

-Bao giờ tôi cũng tò mò xem sự sụp đổ của một trong những kẻ thù của Đức ông, mà kẻ thù này không tính trong những kẻ nhỏ mọn nhất. Nhưng tướng quân không đến Đại sảnh trắng ư?

-Không, – Cromwell đáp.

Một sự im lặng.

-Ngài đã biết những chi tiết gì chưa? – Mordaunt hỏi.

-Chưa. Tôi ở đây từ buổi sáng. Tôi chỉ biết có một âm mưu cứu thoát vua.

-A! Ngài biết điều đó à? – Mordaunt hỏi.

-Có gì đâu! Bốn người cải trang làm thợ toan kéo vua ra khỏi nhà tù và đưa đến Greenwich nơi có một chiếc tàu đợi sẵn.

-Biết rõ như vậy mà Đức ông vẫn ngồi đây, xa khu Cité bình thản và bất động?

-Bình tĩnh thì đúng, – Cromwell đáp, – Nhưng ai bảo anh là bất động?

-Tuy nhiên, nếu như âm mưu kia thành công thì sao?

-Tôi những mong như vậy.

-Tôi nghĩ rằng Đức ông coi cái chết của Charles I như một tai họa cần thiết cho lợi ích của nước Anh.

-Thì sao! – Cromwell nói, – Ý kiến tôi vẫn như vậy đấy. Miễn là hắn chết; có lẽ chết không phải ở trên đoạn đầu đài thì hơn.

-Tại sao vậy?

Cromwell mỉm cười.

-Xin ngài tha lỗi, – Mordaunt nói,: -Xin ngài hiểu cho rằng ngài là vị tướng, còn tôi là một kẻ học việc trong nghề chính trị, tôi mong muốn trong mọi hoàn

cảnh được lợi dụng những bài học mà vị chủ của tôi ban cho tôi.

-Bởi vì người ta sẽ nói rằng tôi cho xử án vua là vì công lý, và để cho vua chạy trốn là vì khoan dung.

-Nhưng nếu vua trốn thoát được thì sao?

-Không thể được.

-Không thể được ư?

-Phải, tôi đã cho phòng bị cẩn thận.

-Đức ông có biết bốn người mưu mô cứu vua là ai không?

-Đó là bốn người Pháp mà hai do bà Henriette cử sang cho chồng, còn hai người do Mazarin cử sang cho tôi.

-Ngài cho rằng Mazarin phái họ sang để làm cái việc họ đã làm không?

-Có thể như vậy, nhưng ông ta sẽ chối.

-Ngài tin như vậy à?

-Tôi chắc chắn như thế.

-Tại sao vậy?

-Vì họ đã thất bại.

-Trước đây Đức ông đã cho tôi hai tên trong số những người Pháp ấy trong khi chúng chỉ phạm tội mang vũ khí ủng hộ Charles I. Bây giờ chúng phạm tội âm mưu chống lại nước Anh, ngài có vui lòng cho tôi cả bốn tên ấy không?

-Cứ lấy – Cromwell nói.

Mordaunt cúi mình thi lễ với một nụ cười đầy vẻ hung bạo đắc thắng.

Thấy hắn sắp sửa cảm ơn mình, Cromwell nói: -Nhưng này, ta hãy trở lại với lão Charles tội nghiệp ấy. Trong đám dân chúng người ta có hô gì không?

-Rất ít, ngoài những tiếng hô "Cromwell muôn năm!"

-Lúc ấy anh ở đâu?

Mordaunt nhìn vị tướng một lát để thử đọc trong mắt ông xem có phải ông đưa ra một câu hỏi vô ích không và ông đã biết hết tất cả rồi. Hắn đáp: -Tôi đứng ở chỗ có thể trông thấy hết và nghe thấy hết.

Đến lượt Mordaunt tỏ ra kín đáo không ai dò xét được. Sau mấy giây quan sát, hắn đưa mắt ra chỗ khác với vẻ thản nhiên.

Cromwell nói: -Hình như gã đao phủ ngẫu nhiên ấy hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Thấy người ta nói rằng chỉ ít nhát chém cũng được thực hiện bằng một bàn tay bậc thầy.

Nhớ lại rằng lúc nãy Cromwell nói là không được biết một chút chi tiết nào cả, Mordaunt bèn tin rằng vị tướng đã nấp ở sau một tấm rèm cửa nào đó để chứng kiến cuộc hành hình. Hắn đáp bằng một giọng bình thản: -Đúng vậy, chỉ một nhát là đủ.

-Phải chăng đó là một đao phủ chuyên nghiệp, – Cromwell nói.

-Ngài tin vậy ư?

-Sao lại không?

-Người ấy không có vẻ một đao phủ.

-Nếu không phải là đao phủ, – Cromwell nói, – Kẻ nào lại muốn làm cái nghề ghê tởm ấy?

Mordaunt đáp: -Có thể đó là một kẻ thù riêng của vua Charles đã thề trả hận và đã thực hiện lời thề đó. Cũng có thể đó là một vị quý tộc nào đó có những duyên cớ nghiêm trọng thù ghét ông vua mất ngôi và biết rằng vua sắp trốn thoát, nên đã đứng chặn đường, mặt che kín, lưỡi rìu cầm tay, không phải như kẻ thay thế đao phủ, mà như người đại diện của định mệnh.

-Cũng có thể như vậy, – Cromwell nói.

-Nếu như thế thật, – Mordaunt nói, – thì Đức ông có kết tội hành động của người kia không?

-Không phải tôi làm nhiệm vụ xét xử. Đó là việc giữa người ấy với Thượng đế.

-Nhưng nếu Đức ông biết người quý tộc ấy?

-Tôi không biết, – Cromwell đáp, – Và tôi cũng không muốn biết. Người ấy hay người khác đối với tôi thì can hệ gì? Khi mà Charles đã bị kết án thì không phải một người chém đầu ông ta mà là lưỡi rìu.

-Nhưng mà, – Mordaunt nói, – Không có người ấy thì vua đã được cứu thoát.

Cromwell mỉm cười.

-Như ngài nói, chắc hẳn người ta đã cướp vua.

-Người ta cướp vua và đưa đến Greenwich, – Cromwell nói,

-Tại đó vua xuống một tàu buồm cùng với bốn kẻ của mình, nhưng trên tàu có bốn người của tôi và năm tấn thuốc nổ của nhà nước. Ra ngoài biển, bốn người của tôi xuống một chiếc xuồng, và anh đã khá khôn khéo về chính trị, nên tôi khỏi phải giải thích nốt phần sau.

-Vâng, ra ngoài biển tất cả bọn họ sẽ bị nổ tung.

-Đúng thế. Vụ nổ sẽ làm cái việc mà lưỡi rìu không muốn làm. Vua Charles sẽ tiêu ma trong biển cả.

Người ta sẽ nói rằng vua thoát khỏi công lý của con người nhưng không thoát khỏi sự trả thù của trời đất; chúng ta sẽ chỉ là những quan toà và Thượng đế là đao phủ của vua. Đấy, nhà quý tộc che mặt của anh đã làm hỏng việc ấy của tôi. Anh thấy rõ là tôi có lý khi không muốn biết người đó; bởi vì thực ra, dù người ấy có những ý đồ thật tốt, tôi cũng không thể tỏ ra biết ơn về cái việc người ấy đã làm.

-Thưa ngài, – Mordaunt nói, – Cũng như mọi khi, tôi cúi mình bái phục trước tướng quân, người là một nhà tư tưởng uyên thâm, và cao kiến làm chiếc tàu buồm bị nổ mìn thật là tuyệt vời.

-Vô lý – Cromwell nói, – Vì nó đã trở thành vô ích. Về chính trị chỉ có ý kiến tuyệt vời khi nó mang lại kết quả; mọi ý kiến khi làm bị thất bại đều là điên rồ và Cromwell đứng lên và nói tiếp: -Vậy thì, Mordaunt, tối nay anh đến Greenwich; hỏi người chủ chiếc tàu buồm Tia chớp. Anh giơ cho ông ta một chiếc khăn tay trắng buộc nút ở bốn góc, đó là ám hiệu đã định. Anh bảo những người ở thuyền lên bộ và anh cho chở chỗ thuốc nổ đến kho binh khí, trừ phi…

-Trừ phi…, – Mordaunt lặp lại, mắt ánh lên một niềm vui man rợ trong khi Cromwell nói.

-Trừ phi chiếc tàu buồm để nguyên như vậy có thể sử dụng cho những dự định riêng của anh.

-A! Chúa công! Chúa công! – Mordaunt reo lên. – Khi kén chọn ngài làm thánh nhân, Thượng đế đã ban cho ngài cái nhìn của Người mà không gì có thể thoát khỏi.

Cromwell cười, nói: -Hình như anh vừa mới gọi tôi là Chúa công thì phải? Tốt thôi, vì chỉ có chúng ta với nhau, nhưng cần phải chú ý rằng anh không được buột miệng nói một lời như vậy trước mặt bọn thanh giáo ngu độn của chúng ta.

-Thì cũng chẳng mấy chốc mà người ta sẽ gọi Đức ông như vậy hay sao?

-Tôi cũng mong như vậy, – Cromwell nói, – Nhưng bây giờ chưa đến lúc.

Cromwell đứng dậy và cầm áo choàng.

-Ngài ra về ạ? – Mordaunt hỏi.

-Phải, – Cromwell đáp, – Tôi đã ngủ ở đây tối hôm qua và tối hôm kia; và anh biết đấy, tôi không có lệ ngủ ba lần ở cùng một giường.

-Như vậy là Đức ông cho tôi tự do suốt đêm nay.

-Nếu cần thì cả mai nữa, – Cromwell nói. – Từ chiều hôm qua đến giờ, – Ông mỉm cười nói thêm, – Anh đã làm khá nhiều việc giúp tôi nếu anh có những việc riêng cần giải quyết, tôi cũng cần đành thì giờ cho anh.

-Cám ơn ngài. Tôi mong rằng thời giờ ấy sẽ được sử dụng tốt.

Cromwell gật đầu, rồi hỏi: -Anh có trang bị vũ khí không?

-Tôi có mang kiếm.

-Có ai đợi ở ngoài cửa không?

-Không ạ.

-Vậy thì anh nên đi với tôi.

-Xin cám ơn ngài, những lối quanh co mà ngài phải đi theo lối đường ngầm vào đây ắt là sẽ chiếm nhiều thì giờ của tôi, mà theo những điều mà ngài vừa nói với tôi thì có lẽ tôi đã để mất quá nhiều thời giờ rồi. Tôi sẽ đi ra bằng cổng trước.

-Vậy thì hãy đi đi, – Cromwell nói.

Và đặt tay lên một nút bấm ông làm mở ra một cánh cửa khuất kín trong tấm thảm phủ tường mà con mắt thành thạo nhất cũng không thể nhận ra.

Cánh cửa lò-xo thép tự khép lại.

Đó là một trong những lối thoát bí mật thường có ở tất cả những ngôi nhà bí hiểm của Cromwell, như lịch sử đã kể.

Lối thoát ấy đi bên dưới một đường phố vắng vẻ và thông ra một cái hành lang nhỏ trong vườn một ngôi nhà khác ở cách xa một trăm bước.

Qua khe hở của một tấm rèm không kín, Grimaud đã lần lượt nhận ra Cromwell và Mordaunt và chứng kiến phần cuối của cuộc hội kiến ấy.

Ta đã thấy tin này tác động như thế nào đến bốn người bạn.

D'Artagnan là người đầu tiên lấy lại sự bình tĩnh và sáng suốt của mình. Anh nói: -A, Mordaunt! Đúng là đích thân Chúa gửi hắn đến cho chúng ta.

-Phái đấy, – Porthos nói, – Vậy chúng ta hãy phá cửa và vồ lấy nó.

-Không, – D'Artagnan nói, – Trái lại ta không phá gì hết. Không được gây tiếng động, tiếng động sẽ gọi mọi người đến. Nếu nó ở cùng vị chủ soái đáng tôn kính của nó như Grimaud cho biết, thì chắc hẳn có một đội lính giáp sắt nào đó nấp ở cách đây năm chục bước.

-Ơ này, Grimaud, lại đây và cố đứng vững trên hai chân nhé.

Grimaud đến gần. Tức giận và xúc động, nhưng bác vẫn vững vàng.

-Tốt, – D'Artagnan nói tiếp. – Bây giờ bác lại trèo lên cái bao lơn kia và cho chúng tôi biết cái thằng Mordaunt có còn đứng với ai không, nó sắp sửa đi ra hay là đi ngủ; nếu nó còn có người khác đợi thì ta đợi đến lúc nào đó chỉ còn có một mình; nếu nó đi ra, ta sẽ bắt nó khi đi ra; nếu nó ở lại ta sẽ phá cửa sổ lớn mà vào. Như thế đỡ gây tiếng động và đỡ khó khăn hơn là phá cổng.

Grimaud bắt đầu lặng lẽ leo lên cửa sổ, d'Artagnan bảo: -Arthos và Aramis hãy gác cửa sau, chúng tôi ở đây với Porthos.

Hai người bạn tuân lệnh.

-Thế nào, Grimaud? – D'Artagnan hỏi.

-Nó có một mình, – Grimaud đáp.

-Có chắc không?

-Chắc.

-Chúng ta không thấy người bạn của nó đi ra.

-Nó đang làm gì?

-Nó khoác áo choàng và xỏ găng tay.

-Nào, chúng ta bắt đầu! – D'Artagnan lẩm bẩm.

Porthos đặt tay vào con dao găm và bất giác rút ra khỏi vỏ.

-Hãy tra vào, Porthos ạ, – D'Artagnan nói, – Không phải đánh ngay đâu. Ta giữ được nó rồi, cần tiến hành có trật tự. Chúng ta có mấy điều giải thích cần trao đổi với nhau, và việc này là một vế đối xứng của màn kịch ở Armentières[269] xưa kia. Tuy nhiên, ta hy vọng rằng thằng này không có con cái nối dõi, và nếu ta diệt nó thì tất cả sẽ bị diệt cùng với nó.

-Suỵt! – Grimaud nói. – Nó sắp sửa đi ra đấy. Nó đến gần cây đèn. Nó tắt đèn. Tôi chẳng còn trông thấy gì nữa cả.

-Xuống đất, nào xuống đi.

Grimaud nhảy lùi ra và rơi xuống. Tuyết làm giảm tiếng động, không nghe thấy gì hết.

-Bác hãy ra cửa bảo Arthos và Aramis đứng chực ở hai bên cửa sau, còn tôi và Porthos đứng ở cửa này. Nếu tóm được nó, họ sẽ vỗ tay làm hiệu; chúng tôi cũng vậy!

Grimaud biến đi.

-Porthos, – D'Artagnan nói, – hãy né bớt đôi vai to bè của cậu đi để nó không trông thấy.

-Miễn là nó đi lối này, – Porthos nói.

-Suỵt!

Porthos dán người vào tường như anh muốn lẩn vào trong đó d'Artagnan cũng làm như vậy.

Có tiếng bước chân của Mordaunt trong cầu thang âm vang.

Một ô cửa nhỏ không nhìn thấy trượt ken két trong đường rãnh.

Mordaunt ngó nhìn, nhưng do sự phòng bị của hai người bạn, hắn không thấy gì cả. Hắn bèn tra chìa khoá vào ổ. Cánh cửa mở ra, hắn xuất hiện trên ngưỡng cửa.

Cùng lúc ấy, hắn đứng đối diện với d'Artagnan.

Hắn muốn đẩy cửa lại, nhưng Porthos đã lao đến quả nắm và mở toang cửa ra.

Porthos vỗ tay ba tiếng. Arthos và Aramis chạy đến.

Mordaunt tái nhợt đi, nhưng hắn không kêu một lời, không gọi người ứng cứu.

D'Artagnan bước thẳng đến, nhìn thẳng vào lòng ngực của Mordaunt,có thể cái nhìn thấu cả lòng ngực của hắn, và khiến hắn bước giật lùi lên suốt cầu thang có một ngọn đèn soi sáng giúp chàng Gascogne không rời mắt khỏi hai bàn tay Mordaunt.

Nhưng Mordaunt hiểu rằng nếu có y giết được d'Artagnan, thì hắn còn phải đương đầu với ba kẻ thù khác nữa, cho nên hắn không làm một động tác chống cự nào, không làm một cử chỉ đe doạ nào.

Lùi tới cửa, Mordaunt cảm thấy cùng đường và tưởng rằng thôi thế là mọi sự chấm dứt với hắn ở đây rồi; nhưng hắn lầm, d'Artagnan giơ tay mở cửa, hắn và anh đi vào phòng nơi mười phút trước đó hắn đã chuyện trò với Cromwell.

Porthos vào theo; anh nhấc chiếc đèn treo ở bên trần lấy lửa châm vào một chiếc đèn khác.

Arthos và Aramis vào sau cùng và khoá cửa lại.

D'Artagnan cầm một cái ghế và bảo Mordaunt: – Hãy ngồi xuống đi.

Mordaunt đón cái ghế từ tay d'Artagnan, hắn ngồi xuống, mặt xanh nhợt nhưng bình tĩnh. Aramis kéo ba chiếc ghế đến cách đó ba bước cho mình với d'Artagnan và Porthos ngồi.

Arthos ra ngồi ở một góc xa nhất, có vẻ nhất quyết làm một khán giả im lặng trước những điều sắp diễn ra.

Porthos ngồi bên trái và Aramis ngồi bên phải d'Artagnan.

Arthos tỏ ra buồn rầu. Porthos xoa xoa bàn tay có vẻ sốt ruột lắm.

Aramis vừa mỉm cười vừa cắn môi đến chảy máu.

Riêng d'Artagnan tự kiềm chế, ít ra là bề ngoài.

Anh nói: -Ông Mordaunt này, sau bao nhiêu ngày trời mất công chạy đuổi theo nhau, cuối cùng sự tình cờ đã tập hợp chúng ta lại, cho nên ta hãy chuyện trò với nhau một chút, ông vui lòng chứ?

§73. Đối thoại

Mordaunt bị chộp bất thình lình, hắn trèo lên thang gác với cảm tưởng càng mơ hồ hơn nữa, đến nỗi sự suy nghĩ của hắn không thể nào trọn vẹn. Chỉ có điều thực tế là tình cảm đầu tiên của hắn hoàn toàn dành cho nỗi xúc động, sự bất ngờ và nỗi kinh hoàng khủng khiếp nó xâm chiếm bất cứ người nào bị một kẻ tử thù hơn hẳn về sức mạnh tóm chặt lấy cánh tay đúng lúc anh ta tưởng kẻ thù ấy đang ở một nơi khác và bận bịu về những việc khác.

Nhưng một khi đã ngồi xuống, lúc đã biết rằng mình được hưởng một sự đình hoãn trị tội, thì dù với ý đồ gì hắn cũng tập trung tư tưởng và gom hết sức lực. Cái nhìn nảy lửa của d'Artagnan không làm nhụt chí mà có thể nói truyền điện thêm cho Mordaunt, vì cái nhìn bừng bừng hăm doạ thật đấy nhưng chân thành trong nỗi thù hằn và giận dữ. Mordaunt sẵn sàng nắm lấy mọi cơ hội thuận lợi để ra thoát khỏi cơn nguy, hoặc bằng vũ lực hoặc bằng mưu mẹo, hắn bèn thu mình lại như con gấu bị dồn vào hang ổ bằng con mắt có vẻ bất động nó theo dõi mọi cử chỉ của người thợ săn đã dồn đuổi nó.

Tuy nhiên, nhanh như tia chớp con mắt ấy nhìn xuống thanh kiếm dài và chắc chắn đập bên hông hắn, hắn thản nhiên đặt bàn tay trái lên chuôi kiếm đưa nó sang tầm tay phải và ngồi xuống theo yêu cầu của d'Artagnan.

D'Artagnan chắc hẳn chờ đợi một lời nói công kích nào đó để bắt đầu vào một cuộc chuyện trò châm biếm hoặc gay gắt mà anh thường ứng đối rất tài.

Aramis tự nhủ thầm:

"Chúng ta sắp sửa nghe những chuyện nhạt nhẽo",

Porthos ngoạm ria mép và lẩm bẩm:

"Mẹ kiếp, lại sắp sửa những chuyện khách sáo, để đập nát con rắn này!",

Arthos né mình trong góc phòng, bất động và nhợt nhạt như một bức tượng chạm nổi và mặc dầu ngồi yên anh vẫn cảm thấy trán mình râm rấp mồ hôi.

Mordaunt không nói gì, song le khi yên trí rằng thanh kiếm của mình vẫn sẵn sàng, hắn ngang nhiên bắt tréo chân và chờ đợi.

Sự im lặng không thể kéo dài hơn nữa để trở thành vô nghĩa, d'Artagnan hiểu điều đó và do anh đã mời Mordaunt ngồi xuống để nói chuyện, anh biết rằng chính anh phải mở đầu câu chuyện. Với vẻ lịch sự chết người, anh nói: -Thưa ông, dường như ông thay đổi y phục cũng gần nhanh bằng bọn tuồng câm nước Ý mà ngài giáo của Mazarin đã đưa từ Bergame tới. Tôi đã từng được xem và chắc hẳn ông cũng được ngài giáo chủ dẫn đi xem trong chuyến du ngoạn của ông tại Pháp.

Mordaunt không trả lời.

-Ban nãy, – D'Artagnan nói tiếp, – Ông cải trang, tôi muốn nói rằng ông vận y phục kẻ giết người, và bây giờ…

-Và bây giờ trái lại, tôi hoàn toàn có vẻ trong bộ y phục của kẻ sắp bị người ta giết có phải không? – Mordaunt đáp lại bằng một giọng bình thản và cộc lốc.

-Ồ, ông ơi, – D'Artagnan đáp, – Sao ông lại có thể nói năng như thế nhỉ, khi mà ông đang ngồi cùng với các nhà quý tộc và ông có một thanh gươm thật tốt kề bên mình.

-Thưa ông, – Mordaunt đáp, – Chẳng có thanh gươm tốt nào địch nổi bốn thanh gươm và bốn con dao găm của bọn tuỳ tùng đang đợi các ông ở ngoài cửa.

-Xin lỗi ông lầm rồi, – D'Artagnan nói. – Nhưng kẻ đang đợi chúng tôi ở ngoài cửa chẳng phải tuỳ tùng mà là đầy tớ của chúng tôi. Tôi muốn đặt mọi vật vào đúng sự thật chí ly nhất.

Mordaunt chỉ đáp lại bằng một nụ cười làm nhíu đôi môi lại một cách giễu cợt.

Nhưng vấn đề không phải ở đó, – D'Artagnan nói tiếp, – Tôi xin trở lại vấn đề của tôi. Tôi lấy làm vinh dự hỏi ông rằng tại sao ông lại đội lốt. Tấm vải che mặt khá tiện lợi cho ông thì phải. Chòm râu xám hợp tuyệt vời với ông. Cái lưỡi rìu mà ông bổ một nhát thật trứ danh lúc ấy chẳng phải lạc lõng với ông. Thế thì hà cớ gì ông phải gỡ bỏ nó đi…

-Vì rằng nhớ lại tấn thảm kịch ở Armentières, tôi nghĩ rằng có thể tôi sẽ thấy bốn lưỡi rìu chọi một, bởi vì tôi sẽ ở giữa bốn đao phủ.

Mặc dầu một cái chau mày nhẹ báo hiệu rằng anh bắt đầu nổi cáu d'Artagnan vẫn đáp lại với vẻ bình tĩnh nhất.

-Này ông, dù rằng hết sức xấu xa và tồi bại, ông vẫn quá non trẻ, cho nên tôi chẳng quan tâm đến những câu chuyện vớ vẩn của ông. Vớ vẩn thật, vì ông vừa mới nói đến vụ Armentières nó chẳng mảy may liên quan gì đến tình hình hiện nay. Thật vậy, chúng tôi chẳng thể đưa một thanh gươm cho bà mẹ nhà ông và yêu cầu đấu gươm với chúng tôi.

Nhưng đối với ông, một kỵ sĩ trẻ chơi dao găm với súng ngắn như chúng tôi đã thấy và mang một thanh gươm lớn nhường kia, thì chẳng ai không có quyền xin chiếu cố một cuộc gặp gỡ.

-A, a! – Mordaunt nói, – Vậy là ông muốn một cuộc đấu gươm ư?

Và hắn đứng lên, mắt lấp lánh như sẵn sàng đáp lại lời khiêu khích ngay lập tức.

Porthos cũng đứng dậy, sẵn sàng như mọi khi với những chuyện bất ngờ như thế.

Vẫn bình tĩnh, d'Artagnan nói: -Xin lỗi, xin lỗi! Chúng ta đừng vội vã, bởi vì chúng ta ai cũng mong muốn mọi việc tiến hành đúng quy tắc. Cho nên, Porthos thân mến, hãy ngồi xuống, và xin ông Mordaunt lãy bình tĩnh. Chúng ta sẽ thu

xếp việc này cho ổn thoả, và tôi sẽ thẳng thắn với ông. Ông Mordaunt này, hãy thú nhận rằng ông rất khao khát giết chết những người này hoặc những người nọ trong số chúng tôi đây có phải không?

-Những người này và những người nọ, – Mordaunt đáp.

D'Artagnan quay về phía Aramis và nói: -Aramis thân mến, hãy thừa nhận rằng thật là một điều rất may mắn, ông Mordaunt am hiểu tường tận những điều tinh tế trong tiếng Pháp. Ít ra là sẽ không có sự hiểu lầm giữa chúng ta; và chúng ta sẽ thu xếp mọi việc cho thật kỳ diệu.

Rồi quay lại phía Mordaunt, anh nói tiếp: -Ông Mordaunt thân mến ơi, tôi xin nói với ông rằng các ông bạn của tôi đây sẽ đáp lại tấm thịnh tình của ông đối với họ và cũng sẽ rất vui mừng được giết chết ông. Tôi xin nói thêm rằng, rất có khả năng họ sẽ giết ông, tuy nhiên với tư cách những nhà quý tộc chính trực và bằng chứng tốt nhất mà người ta có thể đưa ra là đây.

Nói xong, d'Artagnan ném mũ xuống tấm thảm, kéo sát ghế vào tường, ra hiệu cho các bạn cũng làm như vậy, rồi chào Mordaunt với vẻ ưu nhã rất lịch sự của một người Pháp và nói: -Xin hầu tiếp ông: vì rằng nếu ông không có ý gì bác bỏ điều vinh dự mà tôi yêu cầu, thì tôi sẽ là người bắt đầu. Thanh gươm của tôi có ngắn hơn thanh gươm của ông, nhưng… chậc… tôi hy vọng rằng cánh tay tôi sẽ bổ sung cho lưỡi gươm.

-Dừng lại? – Porthos tiến lên và nói, – Tôi là người bắt đầu, không bàn cãi gì hết.

-Ấy, xin phép, Porthos? – Aramis nói.

Arthos không động đậy, dường như đó là một bức tượng, hơi thở của anh cũng như dừng lại.

-Này, này, các bạn ơi, – D'Artagnan nói,

-Xin cứ yên trí, sẽ đến lượt các anh. Hãy nhìn xem đôi mắt của ông ta và đọc trong nó mối hận thù sung mãn mà chúng ta gây nên, hãy xem ông ta tuốt kiếm khéo léo như thế nào. Kìa, ông ta đang nhìn quanh rất thận trọng xem có chướng ngại nào ngăn mình bước lùi không. Này, tất cả những điều đó chứng chẳng tỏ rằng ông Mordaunt là một tay kiếm tài ba sao, và các bạn sẽ nối tiếp tôi ngay thôi mà, miễn là các bạn hãy ở nguyên tại chỗ như Arthos ấy, tính bình tĩnh của anh ấy như thế nào, các bạn đã biết rõ, tôi chẳng phải nhắc lại nhiều lần, và hãy cho tôi được thực hiện cái sáng kiến của tôi. Và chăng,-

D'Artagnan tuốt gươm ra bằng một động tác kinh khủng và nói tiếp, – Tôi có chuyện đặc biệt quan thiết với ông này và tôi sẽ bắt đầu. Tôi mong như vậy, tôi muốn như vậy.

Lần đầu tiên d'Artagnan nói với các bạn lời lẽ như thế. Từ trước đến giờ anh chỉ nghĩ trong đầu mà thôi.

Porthos lùi lại, Aramis kẹp gươm vào nách. Arthos ngồi im lặng trong góc tối không phải bình tĩnh như d'Artagnan nói, mà đang ngột ngạt, đang hổn hển.

-Này, hiệp sĩ, hãy tra kiếm vào vỏ – D'Artagnan bảo Aramis, – Kẻo ông đây lại hiểu sai rằng anh có những ý định không hay.

Rồi quay sang Mordaunt anh nói: -Thưa ông, tôi chờ ông.

-Tôi rất khâm phục các ông đấy, – Mordaunt nói. – Các ông tranh cãi xem ai là người đầu tiên đấu với tôi, nhưng các ông chẳng hề hỏi ý kiến tôi mà hình như vấn đề này có can hệ đến tôi một chút ít thì phải. Tôi thù tất cả bốn ông, đúng thế, nhưng ở mức độ khác nhau. Tôi hy vọng giết chết cả bốn ông, nhưng tôi có nhiều cơ hội giết chết người thứ nhất hơn người thứ hai, người thứ hai hơn người thứ ba, người thử ba hơn người cuối cùng. Do đó tôi đòi hỏi quyền được chọn địch thủ của tôi. Nếu các ông từ chối quyền đó thì cứ việc giết tôi đi tôi sẽ chăng đấu gươm đâu.

Bốn người bạn nhìn nhau.

-Đúng đấy – Porthos và Aramis đều nói, ai nấy đều hy vọng rằng sự lựa chọn rơi vào mình.

Arthos và d'Artagnan không nói gì cả; nhưng sự im lặng của họ biểu hiện sự tán thành.

Giữa cảnh im lặng sâu xa và trang nghiêm ngự trị trong ngôi nhà bí ẩn ấy, Mordaunt nói: -Thế thì tôi xin chọn làm địch thủ đầu tiên của tôi cái người đã cho rằng mình xứng đáng mang danh hiệu bá tước de La Fère và đã lấy tên là Arthos.

Arthos đứng bật dậy như có lò-xo, nhưng trước nỗi kinh ngạc của các bạn, sau một giây lâu bất động và lặng im, anh lắc đầu nói: -Ông Mordaunt này, mọi cuộc đấu gươm giữa hai người chúng ta là không thể được; ông hãy trao cho người khác cái vinh dự mà ông dành cho tôi.

Và anh ngồi xuống.

-A, – Mordaunt nói, – Ra đây là một kẻ đã sợ hãi.

-Đồ khốn khiếp! D'Artagnan thét lên và nảáy vọt đến gã thanh niên. – Kẻ nào dám nói ở đây là Arthos sợ hãi.

-D'Artagnan, cứ để cho hắn nói – Arthos nói với một nụ cười đầy buồn phiền và khinh bỉ.

Chàng Gascon hỏi: -Arthos, đây là quyết định của anh đấy

-Không thay đổi.

-Thôi được, không bàn đến chuyện ấy nữa.

Rồi quay lại Mordaunt, anh nói: -Ông đã nghe đấy, bá tước de La Fère không muốn ban cho ông vinh dự là người được đấu gươm cùng ông ấy. Vậy ông hãy chọn trong số người nào thay thế ông ấy.

-Khi đã không đấu với ông ta, – Mordaunt nói – Thì đấu với ai cũng chẳng quan trọng gì đối với tôi. Hãy viết tên các ông bỏ vào chiếc mũ và tôi sẽ rút thăm.

-Ý kiến hay đấy, – D'Artagnan nói.

-Thật vậy, – Aramis nói, – Cách ấy hoà giải tất cả.

-Thế mà tôi không nghĩ ra, – Porthos nói, mà thật là đơn giản.

-Nào, Aramis – D'Artagnan nói, – Hãy viết thăm đi, bằng kiểu chữ xinh xinh mà anh đã viết cho Marie Michon để báo cho cô ấy biết rằng bà mẹ của ông Mordaunt đây muốn ám sát quận công Buckingham ấy mà.

Mordaunt chịu đựng đòn công kích mới ấy mà không chau mày.

Hắn đứng khoanh tay và tỏ ra thản nhiên như không. Nếu không phải can đảm, thì ít ra cũng là lòng kiêu hãnh, thật rất giống như vậy.

Aramis đến bàn giấy của Cromwell xé lấy mảnh giấy to bằng nhau, viết tên mình trước tiên rồi đến tên các bạn và để mở nguyên, đưa cho Mordaunt xem. Hắn không đọc và gật đầu tỏ ý hoàn toàn tin cậy ở anh. Anh gập giấy lại cho vào một cái mũ và đưa lại cho hắn.

Mordaunt thò tay vào mũ lấy một tờ giấy và để rơi lên bàn một cách khinh thị mà không buồn đọc.

-A! Con rắn con! – D'Artagnan lẩm bẩm, – Ta muốn đánh đổi tất cả vận may thăng cấp lên đại uý ngự lâm quân lấy tờ phiếu mang tên ta.

Aramis mở tờ giấy ra. Anh cố làm ra vẻ bình thản và lạnh lùng, nhưng ai cũng thấy giọng nói của anh run lên vì căm hờn và thèm khát.

-D'Artagnan – anh đọc to lên.

D'Artagnan thốt lên một tiếng kêu mừng rỡ: -A!- anh nói – Trời công minh thật!

Rồi quay lại Mordaunt, anh nói: -Tôi hy vọng rằng ông không có điều gì phản đối chứ?

-Hoàn toàn không, – Mordaunt đáp, và rút gươm ra để mũi gươm lên giày của mình.

Khi đã chắc chắn điều mong ước của mình được thực hiện và địch thủ của mình không thoát khỏi tay mình, d'Artagnan lấy lại tất cả sự yên trí, bình tĩnh và thong thả nữa mà anh thường quen đưa vào chuẩn bị cái công việc hệ trọng mà người ta gọi là một cuộc quyết đấu.

Anh vén tay áo, chùi đế giày bên phải lên sàn nhà, điều ấy không ngăn cản anh chú ý thấy lần thứ hai Mordaunt đưa mắt nhìn quanh mình bằng một cái nhìn rất kỳ lạ mà anh đã một lần nhác thấy. Cuối cùng anh nói: -Ông đã sẵn sàng chưa?

-Chính tôi đang chờ ông đấy. – Mordaunt ngẩng đầu lên đáp và ném sang d'Artagnan một cái nhìn không thể tả được.

-Vậy ông hãy coi chừng, – Chàng Gascon nói, – vì rằng tôi đánh gươm khá lắm.

-Tôi cũng vậy, – Mordaunt đáp.

-Càng hay, điều đó khiến cho lương tâm tôi thanh thản. Hãy đề phòng!

-Khoan đã, – Gã thanh niên nói, – Xin các ông hãy hứa với tôi rằng các ông chỉ công kích tôi một cách tuần tự, người nọ sau người kia thôi.

-Này, con rắn con! – Porthos nói, – Có phải anh yêu cầu như vậy để lăng mạ chúng tôi đấy không?

-Không đâu, để lương tâm được thanh thản như ông này vừa nói đấy thôi.

-Chắc nhằm chuyện khác đây, – D'Artagnan lẩm bẩm và vừa lắc đầu vừa băn khoăn nhìn xung quanh.

-Lời thề của nhà quý tộc! – Aramis và Porthos đồng thanh nói.

-Trong trường hợp ấy, – Mordaunt nói, – Xin các ông hãy đứng gọn vào một góc như bá tước de La Fère, nếu ông không đấu thì ít nhất cũng tỏ ra hiểu biết những qui tắc của một trận đấu. Các ông hãy để rộng cho chúng tôi, chúng tôi rất cần.

-Được, – Aramis nói.

-Lắm thứ lủng củng, – Porthos nói.

-Các anh hãy đứng gọn lại, – D'Artagnan nói. – Đùng để cho ông đây có thể vịn vào một cớ nhỏ mọn nào để xử sự không đúng mà, xin thất lễ ông chứ, hình như ông rất thèm những cớ ấy.

Porthos và Aramis đứng vào cạnh tường song song với chỗ Arthos đứng, thành thử hai đấu thủ chiếm chỗ chính giữa căn phòng, nghĩa là họ ở nơi sáng nhất, hai ngọn đèn chiếu sáng đặt trên bàn của Cromwell.

Chẳng cần phải nói rằng khi người ta rời xa ngọn đèn thì ánh sáng yếu dần đi.

-Nào, – D'Artagnan nói, – Cuối cùng thì ông đã sẵn sàng chưa?

-Rồi, – Mordaunt đáp.

Cả hai người đồng thời tiến lên một bước, và nhờ cái động tác giống nhau ấy, hai thanh kiếm chạm nhau.

D'Artagnan là một tay kiếm siêu quần nên chẳng cần sờ nắn địch thủ, như người ta thường nói theo luật ngữ đấu kiếm. Anh giở một đòn nghi binh tuyệt diệu và nhanh như chớp, Mordaunt đỡ được.

-A, a! – Anh kêu lên với nụ cười khoan khoái.

Và chẳng để mất thì giờ, tưởng nhìn thấy chỗ sơ hở, anh vươn tay đâm một nhát thẳng cực nhanh và lóe sáng như tia chớp.

Mordaunt đỡ bằng một đường gươm rất chặt chẽ như không ra khỏi chôn kim.

D'Artagnan nói: -Tôi bắt đầu ngờ rằng chúng tôi đang chơi đùa.

-Ừ, – Aramis nói, – Nhưng vừa chơi đùa vừa chơi thật chặt chẽ vào.

-Mẹ kiếp! Này bạn cẩn thận đấy, – Porthos nói.

Mordaunt mỉm cười.

-Chà! – D'Artagnan nói,

-Sao ông có một cái cười đê tiện đến thế? Ma quỷ đã dạy ông cười như thế phải không?

Mordaunt chỉ đáp lại bằng cách cố khoá chặt thanh gươm của d'Artagnan với một sức mạnh mà chàng Gascon không ngờ có thể tìm thấy ở một cơ thể trông ốm o, nhưng nhờ một miếng đỡ khéo léo không kém nhát đánh của đối thủ, anh kịp thời gặp lưỡi gươm của Mordaunt, nó trượt theo gươm của anh mà không chạm vào ngực anh.

Mordaunt lùi nhanh lại một bước.

-A! Ông lùi đấy à? Ông quay đấy à? – D'Artagnan nói.

-Tuỳ ý ông thôi, nhưng tôi cũng đã nhìn thấy được một điều: tôi không trông thấy nụ cười độc ác của ông đâu nữa. Tôi đang đứng hẳn trong bóng tối; càng hay. Ông không ngờ rằng ông có cái nhìn giả dối, nhất là khi ông sợ hãi. Hãy nhìn vào mắt tôi đây và ông sẽ thấy một điều mà một mảnh gương chẳng bao giờ cho ông thấy cả, đó là một cái nhìn thật thà và thẳng thắn.

Những lời lẽ dài dòng ấy có lẽ chẳng lấy gì làm nhã nhặn lắm, nhưng d'Artagnan có thói quen tuôn ra cốt để làm bận tâm rối trí địch thủ. Song Mordaunt chẳng đáp lại một lời, hắn cứ lùi và chạy mãi, cuối cùng đổi được sang chỗ d'Artagnan.

Hắn càng mỉm cười luôn và bắt đầu khiến chàng Gascon lo ngại.

-Thôi, thôi, phải kết thúc đi, – D'Artagnan nói, – thằng ba hoa này có những bắp chân bằng thép. Nào xông lên đánh những đòn mạnh mẽ!

Anh dồn ép ráo riết Mordaunt. Hắn tiếp tục lùi bước, nhưng rõ ràng là do chiến thuật, không phạm một sơ suất nào khiến d'Artagnan có thể lợi dụng, lưỡi gươm của hắn không một nhát nào trệch đường.

Tuy nhiên trận đấu diễn ra trong một căn phòng chật hẹp thiếu chỗ tung hoành đến nỗi một lúc chân Mordaunt chạm vào trường và tay trái hắn vịn vào đó.

-A! – Ông bạn quý ơi, lần này thì ông không còn lùi vào đâu được nữa. – d'Artagnan mím môi, chau mày và nói tiếp: -Các bạn ơi, đã bao giờ các bạn trông thấy một con bọ cạp bị đóng đinh vào tường chưa? Chưa thấy phải không? Vậy thì các bạn sắp thấy đấy.

Và trong một giây đồng hồ, d'Artagnan phóng ba nhát khủng khiếp vào Mordaunt. Ba nhát đều chạm vào người, nhưng chỉ sướt qua thôi. D'Artagnan không sao hiểu nổi sức mạnh kỳ lạ đó. Ba người bạn đứng xem mà thở hổn hển, trán đẫm mồ hôi.

Cuối cùng vì lấn quá gần, đến lượt d'Artagnan lùi lại một bước để chuẩn bị một nhát thứ tư hay nói đúng hơn là để thực hiện nhát đó. Bởi vì đối với anh, đấu kiếm cũng như đánh cờ là một sự phối hợp rộng lớn, trong lúc mọi chi tiết móc nối ăn khớp với nhau.

Nhưng đến lúc anh làm một động tác nghi binh vừa mau lẹ vừa rảo riết, rồi bất thần đâm một nhát nhanh như chớp, thì bức tường nút đôi ra. Mordaunt biến mất vào khe hở toang hoác đó, còn lưỡi gươm của d'Artagnan bị kẹp chặt giữa hai mảng tường khép lại và gẫy vụn ra như thuỷ tinh.

Trong khi đang đấu kiếm, Mordaunt đã vừa tự vệ vừa tìm cách đến dựa vào cánh cửa bí mật mà lúc trước ta đã trông thấy Cromwell đi ra. Từ đó, hắn đưa tay trái dò tìm và ấn nút; rồi hắn biến mất giống như những hung thần nọ trên sân khấu có tài đi xuyên qua các bức tường.

Chàng Gascon văng ra một tiếng chửi rủa điên giận, nó được đáp lại bằng một tiếng cười từ bên kia tấm cửa sắt, một tiếng cười man rợ, thê lương khiến chàng Aramis hoài nghi ớn lạnh đến tận xương sống.

Đến đây với tôi, – D'Artagnan kêu lên, – Ta hãy phá cái cửa này ra.

Aramis chạy tới và nói: -Đó là quỷ sử hiện hình!

-Nó trốn thoát rồi! Mẹ kiếp! Nó trốn thoát rồi! – Porthos gào lên và tì cả bắp vai đồ sộ của mình vào vách ngăn mà ấy, nhưng nó không hề suy suyển.

-Càng hay! – Arthos thầm lẩm bẩm.

Mệt nhoài vì những cố sức vô ích, d'Artagnan nói: -Tôi đã ngờ ngợ. Khi thằng khốn khiếp chạy quanh gian phòng, tôi đã nghi nó mưu mô một điều gì đê tiện; nhưng ai có thể ngờ được việc đó.

Aramis nói: -Quỷ sứ đã đưa đến cho chúng ta một tai hoạ ghê gớm.

-Thượng đế đưa đến cho chúng ta một hồng phúc hiển nhiên! – Arthos nói với một vẻ mừng rỡ rành rành.

D'Artagnan rời bỏ cánh của sắt trơ trơ, nhún vai nói: -Arthos! Thực sự là anh tự hạ mình đấy. Sao anh lại có thể buông ra những lời lẽ như vậy với những người như chúng tôi, mẹ kiếp! – Anh không hiểu tình hình bây giờ ra sao ư?

-Sao? Tình hình thế nào cơ? – Porthos hỏi.

-Trong các trò chơi này, – D'Artagnan nói, – Kẻ nào không giết thì sẽ bị giết. Bạn thân mến ơi, trong những lời than vãn chuộc tội của mình, anh có nghĩ rằng Mordaunt hy sinh chúng ta cho lòng hiếu tử của hắn ta không? Nếu đó là ý kiến của anh, thì hãy nói thật cho chúng tôi biết.

-Ôi! d'Artagnan, bạn thân mến của tôi! – Kể ra thật tệ hại phải nhìn các sự việc theo phương diện đó. Thằng khốn nạn sắp phải một trăm giáp sĩ đến nghiền nát chúng ta như nghiền bột trong cái cối của ông Cromwell. Nào, lên đường thôi! Chúng ta mà nán lại đây năm phút thôi thì ta sẽ đi đời hết.

-Phải, cậu nói đúng đấy, ta lên đường thôi! – Arthos và Aramis nói.

-Nhưng đi đâu bây giờ? – Porthos hỏi.

Về khách sạn, lấy quần áo và ngựa. Rồi từ đó, nhờ Trời phù hộ, ta sẽ trở về Pháp, nơi ít ra tôi cũng còn biết về kiến trúc nhà cửa.

Thuyền đang đợi chúng ta, thực tình là hãy còn may đó.

Nói rồi, gắn liền lời giáo huân với những hành động nêu gương, d'Artagnan tra đoạn gươm gãy vào vỏ, nhặt mũ, mở cửa cầu thang và bước vội xuống, ba người bạn theo sau.

Ra ngoài cổng, gặp lại mấy người hầu, họ hỏi tin tức về Mordaunt, nhưng bọn này chẳng thấy ai đi ra cả.

§74. Con tàu Tia chớp

Artagnan đã đoán đúng: Mordaunt không có thời giờ để mất và đã không để mất thời giờ! Biết rõ quyết định và hành động nhanh chóng của kẻ thù, nên hắn cũng quyết ra tay ngay. Lần này các chàng ngự lâm quân đã tìm được địch thủ ngang tài.

Sau khi đóng cửa cẩn thận sau lưng mình, Mordaunt tra thanh gươm vào võ, trườn xuống một đường hầm và lần sang ngôi nhà bên cạnh, Hắn dừng lại để lấy hơi và sờ nắn trong người.

-Tốt lắm! – Hắn nói, – Chẳng sao cả, chẳng có gì đáng kể: mấy vết xây xát, có thế thôi, hai vết ở cánh tay, một vết ở ngực. Nhưng vết thương do ta gây nên hay hơn nhiều! Cứ hỏi tên đao phủ xứ Béthune, cứ hỏi ông bác ta và vua Charles xem? Bây giờ không thể để mất một giây đồng hồ, vì chỉ chậm một giây thôi là chứng nó có thể trốn thoát; mà cần làm sao cho cả bốn tên kia chết cùng với nhau, chết cùng một đòn, tan xương, nát thịt, bay biến đi. Ta sẽ chạy cho đến lúc hai chân không còn mang nổi mình, trái tim rộng nở đầy lồng ngực, nhưng ta sẽ đến trước chúng nó. Mordaunt bắt đầu rảo bước nhanh hơn, nhưng đều dặn hơn đến trại kỵ binh đầu tiên cách đó gần một phần tư dặm và đi chừng mất bốn năm phút.

Đến trại, hắn xưng danh, rồi lấy con ngựa tốt nhất và phóng đi ngay. Mười lăm phút sau hắn đến Greenwich.

-Bến cảng kia rồi, – Hắn lẩm bẩm. – Chấm đen sẫm ngoài kia kia đảo Những con Chó. Hay thật! Ta vượt chừng nửa giờ… có lẽ một giờ. Ta ngốc thật! Suýt nữa thì mình chết ngạt vì sự vội vã điên cuồng ấy.

Hắn đứng lên bàn đạp để nhìn ra xa tìm giữa những đám dây dợ và cột buồm nói: -Tia chớp, con tàu Tia chớp ở đâu?

Như để đáp lại mấy lời nói lầm bầm của hắn, một người nằm trên một cuộn dây thừng đứng dậy và tiến mấy bước về phía Mordaunt.

Mordaunt rút chiếc khăn tay ra và giơ phất phới trong gió một lát. Người kia tỏ vẻ chăm chú, nhưng vẫn đứng nguyên một chỗ, chẳng tiến mà cũng chẳng lùi một bước nào.

Mordaunt thắt nút lại ở bốn góc khăn tay, người kia đến sát gần. Đó là ám hiệu thỏa thuận. Người thủy thủ khoác một chiếc áo choàng len rộng che cả mặt, cất tiếng: -Thưa ông, phải chăng tình cờ mà ông từ London đến đây để làm một chuyến du ngoạn trên biển.

-Rõ ràng như vậy, – Mordaunt đáp, – Tôi muốn đi ra phía đảo Những con Chó.

-Thế đấy. Chắc hẳn ông ưa thích một loại thuyền nào đó hơn phải không? Ông muốn thuyền chậm hay thuyền nhanh…

-Như tia chớp, – Mordaunt đáp.

-Hay lắm, thế thì đúng chiếc thuyền của tôi mà ông đang tìm.

-Tôi là người chủ thuyền đó.

-Tôi bắt đầu tin điều đó, – Mordaunt nói, – Nhất là nếu ông không quên ám hiệu nào đó.

-Thưa ông đây! – Người chủ thuyền rút trong túi áo choàng ra một chiếc khăn tay buộc nút ở bốn góc.

-Tốt lắm, tốt lắm? – Mordaunt reo lên và xuống ngựa. – Bây giờ gấp lắm rồi, ông hãy cho dẫn con ngựa này đến quán hàng gần đây và đưa tôi ra thuyền của ông.

-Nhưng những người đồng hành của ông đâu? – Chủ thuyền hỏi. – Tôi ngỡ rằng ông có bốn người cơ mà, không kể đầy tớ.

Mordaunt đến gần người thuỷ thuỷ và nói: -Này ông, hãy nghe đây, tôi không phải là người mà ông chờ đợi cũng như ông không phải là người mà họ muốn tìm. Ông đã thay thế đại uý Roger phải không? Ông đến đây theo lệnh của tướng Cromwell; tôi cũng do ngài phải tới.

-QuÅả thật vậy, – Người chủ thuyền nói, tôi nhận ra ông, – Ông là đại uý Mordaunt.

Mordaunt giật mình.

-Ồ đừng sợ, – Người chủ thuyền kéo áo choàng xuống, ngả mũ ra và nói, – Tôi là một người bạn mà.

-A, đại uý Groslow! – Mordaunt reo lên.

-Chính tôi. Tướng quân nhớ rằng trước kia tôi là sĩ quan hải quân nên đã giao nhiệm vụ này. Có gì thay đổi không?

-Không có gì thay đổi cả. Trái lại mọi việc vẫn như đã định. Có lúc tôi nghĩ rằng cái chết của nhà vua…

-Cái chết của nhà vua càng thúc giục họ chạy trốn.

-Có lẽ trong mười lăm phút nữa họ sẽ tới đây.

-Thế ông đến đây làm gì?

-Để xuống thuyền với ông.

-A, a! Tướng quân hoài nghi nhiệt tình của tôi chẳng?

-Không phải thế đâu! Tôi muốn tự mình chứng kiến cuộc trả thù của tôi. Này, ông không có ai giúp mang con ngựa của tôi đi ư?

Groslow huýt sáo, một thủy thủ xuất hiện.

-Này Patric, – Groslow bảo, hãy dắt con ngựa này đến chuồng ngựa của quán hàng gần nhất. Nếu có người hỏi ngựa của ai thì nói rằng của một vị lãnh chúa Irlandais.

Người thủy thủ lẳng lặng rời bước.

-Ông không sợ họ nhận ra ông ư? – Mordaunt hỏi.

-Chẳng lo đâu! Tôi mặc như thế này, trùm cái áo choàng này trời tối như thế này. Vả lại, ông mà còn chẳng nhận ra tôi, thì họ làm sao mà nhận ra được.

-Đúng thế, – Mordaunt nói, – Với lại họ chẳng ngờ đến ông đâu.

-Mọi thứ sẵn sàng cả rồi chứ?

-Rồi.

-Thuyền chất hàng chưa?

-Rồi.

-Năm thùng đầy phải không?

-Và năm mươi thùng rỗng.

-Thế đấy.

-Chúng tôi chở rượu Portos đến Anvers.

-Tuyệt lắm. Bây giờ cho tôi xuống thuyền và ông hãy trở lại vị trí, vị họ đến ngay bây giờ đấy.

-Sẵn sàng.

-Điều quan trọng là không để cho ai trong số người của ông trông thấy tôi vào.

-Chỉ có một người ở trên thuyền và tôi tin ở hắn ta như chính mình. Vả chăng người ấy không biết ông, và cũng như đồng đội của hắn, hắn sẵn sàng phục tùng mệnh lệnh mà không hay biết gì hết.

-Tốt lắm, ta đi thôi.

Họ đi xuống phía sông Tamies. Một chiếc xuống nhỏ neo ở bến cảng bằng một xích sắt buộc vào một cái cọc. Groslow kéo cái xuồng nhỏ lại giữ cho Mordaunt xuống, rồi hắn nhảy xuống theo. Và ngay lập tức hắn cầm lấy mái chèo và chèo miết để chứng tỏ với Mordaunt điều hắn nói là thật, nghĩa là hắn không quên nghề thủy thủ của mình.

Năm phút sau, chiếc xuống thoát ra khỏi cái thế giới thuyền bè vào thời ấy luôn luôn bề bộn ở các vùng lân cận London và Mordaunt có thể trông thấy chiếc tàu buồm buông neo như một chấtm đen đang đung đưa ở cách đảo Chó chừng bốn năm tầm[270].

Đến gần tàu Tia chớp, Groslow huýt sáo ra hiệu và trông thấy một cái đầu ló ra trên thành tàu.

-Đại uý đấy à? – Người kia hỏi.

-Phải, ném thang xuống đây.

Nhanh nhẹn và nhẹ nhàng như một con én, Groslow leo lên và đứng bên gã thủy thủ. Không trả lời, Mordaunt nắm lấy sợi thừng và leo theo thành tàu một cách lanh lẹn và chắc chắn hiếm có đối với những người ở trên cạn; lòng háo hức

trả thù của hắn đã thay thế cho thói quen và khiến hắn có khả năng làm được mọi việc.

Như Groslow đã dự kiến, người thuỷ thủ gác trên tàu Tia chớp không có vẻ gì nhận biết là chủ mình trở về cùng với người khác.

Mordaunt và Groslow đi đến phòng của thuyền trưởng. Đó là một ngăn đựng tạm bằng ván gỗ ở trên boong.

-Căn phòng danh dự đã được đại uý Roger nhượng cho hành khách.

-Bọn họ đâu? – Mordaunt hỏi.

-Ở cuối tàu Groslow đáp.

-Họ không có việc gì làm ở phía này ư?

-Chẳng có việc gì hết.

-Tuyệt lắm! Tôi sẽ nấp ở chỗ ông. Ông hãy trở lại Greenwich và dẫn họ đến đây. Ông có một chiếc xuồng nhỏ nào không?

-Chỉ có mỗi chiếc xuồng nhỏ đã đưa ông đấy thôi.

-Nó có vẻ nhẹ và chắc.

-Một thuyền thoi thực sự đấy.

-Hãy lấy dây chão buộc nó vào sau đuôi tàu, để mái chèo vào xuồng để nó có thể đi theo luồng tàu và khi cần thì chỉ việc cắt dây. Để sẵn rượu rhum và bánh qui trong xuồng. Nếu chẳng may biển động, người của ông sẽ chẳng bực mình thấy có sẵn các thứ để mà bồi bổ sức lực.

-Ông sẽ thấy được vừa ý. Ông có muốn thăm sợi dây mìn không?

-Không, – Mordaunt đáp. – Đợi lúc ông trở lại. Tôi muốn tự mình đặt dây mìn để chắc chắn là không cháy chậm. Chú ý che mặt để họ không nhận ra ông.

-Chuông đồng hồ Greenwich đang điểm mười giờ.

-Cứ yên trí.

Thật vậy, mười tiếng chuông ngân vang rầu rĩ quyện qua bầu trời chứa đầy những đám mây khổng lồ đang trôi đi giống như những làn sóng im lặng.

Groslow khép cửa lại và Mordaunt cài chốt bên trong. Sau khi ra lệnh cho người thuỷ thủ gác canh phòng thật cẩn mật, Groslow xuống thuyền. Chiếc thuyền nhanh chóng rời xa, đôi mái chèo khuấy nước bọt ngầu.

Khi Groslow cập bến Greenwich, gió thổi lạnh và con đường đập vắng tanh; nhiều thuyền bè vừa lên bờ thì nghe như có tiếng ngựa phi trên con đường lát đá.

-Ồ, ồ! – hắn nói, – Mordaunt giục ta gấp lên là đúng. Không thể chậm trễ được nữa, họ tới kia rồi.

Quả nhiên, đó là những người bạn của chúng ta hay nói đúng hơn là nhóm tiền trạm gồm d'Artagnan và Arthos. Đến trước nơi Groslow đứng, họ đứng lại như đã đoán ra rằng đó là người họ cần tìm. Arthos xuống ngựa và lặng lẽ giơ một chiếc khăn tay buộc nút ở bốn góc và phất lên trước gió, trong khi

d'Artagnan bao giờ cũng thận trọng, hơi cúi mình trên yên ngựa, một tay thọc vào bao súng.

Ngồi xổm sau một chiếc nòng đại bác chôn xuống đất dùng để cột các dây thuyền, Groslow ngỡ rằng các kỵ sĩ kia là những người hắn đang đợi, lại trông thấy ám hiệu đã định hắn đứng dậy và bước thẳng đến chỗ họ. Hắn trùm áo choàng kín mít, nên trông không rõ mặt. Vả chăng tròi tối như mực nên việc phòng bị cũng bằng thừa.

Tuy nhiên, mặc dầu bóng tối, con mắt sắc sảo của Arthos vẫn đoán ra rằng không phải kẻ đứng trước mặt anh là Roger.

Arthos lùi lại một bước và hỏi: -Ông cần gì?

Groslow bắt chước giọng Irlandais và nói: -Thưa Milord, tôi muốn thưa với ngài rằng ngài định tìm ông chủ tàu Roger, nhưng uổng công thôi.

-Sao vậy? – Arthos hỏi.

-Bởi vì sáng nay ông ta ngã từ trên cột buồm quan trắc và bị gẫy đùi. Tôi là em họ của ông Roger, nên ông ta kể với tôi tất cả mọi việc và nhờ tôi thay ông ra đón ngài và các vị quý tộc có mang chiếc khăn tay buộc nút ở bốn góc giống như cái khăn tôi có ở trong túi đây. Tôi sế đưa các ngài đi bất cứ nơi nào các ngài muốn.

Nói rồi Groslow móc túi ra chiếc khăn mà hắn đã giơ cho Mordaunt xem.

-Có thế thôi à? – Arthos hỏi.

-Ấy thưa ngài, còn bảy mươi lăm livres đã hứa nếu tôi đưa các ngài yên ổn đến Boulogne-sur-Mer hoặc một nơi nào đó ở nước Pháp mà các ngài cho biết.

Arthos quay sang hỏi d'Artagnan bằng tiếng Pháp: -Cậu thấy việc đó thế nào?

-Hắn nói gì đã chứ? – D'Artagnan đáp.

-Ở nhỉ, – Arthos nói, – Mình quên rằng cậu không biết tiếng Anh.

Và anh kể lại cho bạn những lời trao đổi vừa rồi với người chủ tàu.

-Điều ấy có vẻ thật đấy. – D'Artagnan đáp.

-Tôi cũng nghĩ thế, – Arthos nói.

-Với lại d'Artagnan nói, – Nếu như người này lừa dối ta, ta vẫn có thể bắn vỡ sọ nó.

-Thế ai sẽ dẫn đạo chúng ta?

-Anh đấy, Arthos ạ. Anh biết đủ thứ ở trên đời và tôi chẳng hồ nghi là anh không biết lái một con tàu.

Arthos mỉm cười bông đùa và nói: -Bạn ơi, thực tình là cậu nói khoác thật đúng lúc. Cha tôi ngày trước hướng cho tôi làm nghề hàng hải, cho nên tôi cũng biết đôi chút về việc lái tàu.

-Anh thấy chưa. – D'Artagnan reo lên.

-Vậy cậu hãy đi tìm các bạn chúng ta và trở lại đây. Mười một giờ đêm rồi, chẳng còn nhiều thì giờ nữa đâu.

D'Artagnan tiến về phía hai kỵ sĩ cầm súng ngắn đang đứng gác ở những ngôi nhà đầu tiên của thị trấn.

Ba kỵ sĩ khác cũng đứng canh có vẻ chờ đợi, họ nép vào một nhà kho sát bờ đường.

Hai kỵ sĩ đứng giữa là Porthos và Aramis. Ba kỵ sĩ ở cạnh nhà kho là Mousqueton, Blaisois và Grimaud.

Nhưng nhìn gần thì thấy sau lưng ngựa của Grimaud còn có người em của Parry. Anh ta phải dẫn trở lại London những con ngựa của mấy ông chủ và người hầu đã bán cho chủ khách sạn để trả tiền trú ngụ. Cũng nhờ vậy mà bốn người bạn còn dư ra được một số tiền, nếu không phải là to tát thì ít ra cũng đủ chi dùng trong những khi bị chậm trễ hoặc xảy ra những chuyện bất thường.

D'Artagnan rỉ tai bảo Porthos và Aramis đi theo mình và mấy người này lại ra hiệu cho bọn đầy tớ xuống ngựa và tháo các bọc quần áo ra.

Người em của Parry lưu luyến chia tay bạn bè. Họ mời anh ta sang Pháp, nhưng anh khăng khăng từ chối.

-Cũng đơn giản thôi – Mousqueton giải thích, – Anh ta còn có ý định trả thù Groslow.

-Ta còn nhớ rằng chính Groslow đã đập vỡ sọ anh ta.

Toán người theo kịp Arthos. Nhưng d'Artagnan đã lấy lại tính đa nghi tự nhiên của mình. Anh thấy trên hè vắng vẻ quá, đêm tối đen quá, chủ tàu dễ dãi quá.

Anh kể lại những việc xảy ra cho Aramis nghe, anh chàng này không kém đa nghi càng góp phần làm tăng thêm những nỗi nghi ngại của bạn.

Một tiếng chậc nhỏ báo cho Arthos biết những nỗi băn khoăn của chàng Gascon.

-Chúng ta chẳng có thì giờ để hoài nghi đâu, – Arthos nói, – Chiếc thuyền đang đợi chúng ta, ta vào đi.

-Với lại ai cấm chúng ta cứ vào mà vẫn cứ hoài nghi, – Aramis nói. – Ta sẽ theo dõi chủ thuyền.

-Nếu hắn không đường đường chính chính, tôi sẽ đập vỡ sọ nó ra, có thế thôi…

-Porthos nói hay lắm, – D'Artagnan bảo. – Nào, ta vào đi. Đi, Mousqueton.

D'Artagnan ngăn các bạn lại, cho bọn gia nhân qua trước để thử tấm ván bắc từ con đập ra thuyền.

Ba tên hầu sang thuyền yên ổn.

Arthos theo sau họ, rồi đến Porthos và Aramis; d'Artagnan sang sau cùng, vừa đi vừa lắc đầu.

-Cậu làm cái quái gì thế? – Porthos nói. – xin thề là cậu làm cho Césars cũng phải sợ.

D'Artagnan đáp: -Trên cái bến này, tôi thấy chẳng có người kiểm tra, chẳng có một tên lính gác chẳng có nhân viên thuế quan.

-Vậy mà cậu than vãn ư? Porthos nói. – Mọi việc trôi chảy như trên một đường dốc nở hoa.

-Mọi việc trôi chảy quá, Porthos ạ. Mặc kệ, rốt cuộc, nhờ ơn Chúa.

Tấm ván vừa rút lên, chủ thuyền ngồi vào đằng lái và ra hiệu cho một thuỷ thủ dùng một cây sào đẩy cho thuyền ra khỏi chốn mê lộ những tàu với bè.

Một thủy thủ khác đứng sẵn ở mạn trái thuyền tay cầm mái chèo.

Khi ra được chỗ thoáng, bạn hắn đến cùng chèoo và thuyền bắt đầu lướt nhanh.

-Cuối cùng chúng ta ra đi! – Porthos nói.

-Than ôi! – Bá tước de Là Fère đáp, – Chúng ta ra đi không có thêm ai!

-Phải rồi, nhưng cả bốn người chúng ta cùng đi, không một vết xước, đó là một điều an ủi.

-Chúng ta chưa đến nơi đâu, – D'Artagnan nói. – Hãy coi chừng những cuộc chạm trán.

-Ơ này, bạn thân mến ơi, – Porthos nói. – Cậu giống như những con quạ ấy, cậu toàn kêu điều gở. Ai có thể gặp gỡ chúng ta trong cái đêm tối mù mịt như thế này, cách xa hai chục bước chẳng còn nhìn thấy gì hết.

-Phải, nhưng sáng mai thì sao? – D'Artagnan nói.

-Sáng mai chúng ta sẽ ở Boulogne-sur-Mer.

-Tôi thành tâm cầu mong điều đó, – Chàng Gascon nói, -

Và tôi thú nhận nỗi yếu đuối của tôi. Arthos này, anh sắp cười đấy, nhưng chừng nào chúng ta còn ở trong tầm súng của con đập hoặc những tàu bè ven đó, tôi vẫn thấp thỏm đợi chờ một loạt đạn khủng khiếp nào đó sẽ nghiền nát tất cả chúng ta.

-Nhưng mà, – Porthos nói về biết suy nghĩ, – Đó là điều không thể có được, bởi vì người ta sẽ giết chết luôn cả chủ thuyền lẫn thuỷ thủ.

-Ô hay, đó là một việc quan trọng đối với ông Mordaunt đó hả?

-Cậu tưởng ằng ông ấy quá câu nệ như thế ư?

-Rốt cuộc, – Porthos nói, – Tôi rất khoái thấy d'Artagnan thú nhận là cậu ta sợ.

-Không những tôi thú nhận, mà tôi còn tự phụ là khác. Tôi chẳng phải là con tê giác cứ húc bừa như cậu. Ơ này, cái gì thế kia?

-Tia chớp đó, – Chủ thuyền nói.

-Chúng ta đến rồi ư? – Arthos hỏi bằng tiếng Anh.

-Đến rồi! – Thuyền trưởng nói.

Quả thật, sau ba nhát chèo, con thuyền đã cập mạn chiếc tàu nhỏ.

Người thuỷ thủ đang đợi, cái thang đã buông sẵn, hắn đã nhận ra con thuyền.

Arthos leo lên trước tiến nhanh nhẹn như thuỷ thủ thực thụ.

Aramis từ lâu đã quen với thang dây và những phương tiện khác ít nhiều sáng tạo dùng để vượt qua những nơi cấm đoán. D'Artagnan thì như một thợ săn hươu nai và hoẵng. Còn Porthos thì cứ lấy sức mà giẫy.

Leo thang dây đối với mấy tên đầy tớ khó khăn hơn. Không phải với Grimaud, bác như giống mèo ống máng, gầy và thon, bao giờ cũng tìm được cách leo lên mọi chỗ. Nhưng đối với Mousqueton và Blaisois, mấy người thủy thủ buộc phải đẩy họ lên đến ngang tầm tay của Porthos, rồi chàng hộ pháp cứ tóm lấy cổ áo của họ mà lôi lên boong tàu.

Thuyền trưởng dẫn hành khách vào phòng đã sửa soạn cho họ, nó gồm có mỗi một gian, cho nên họ phải ở chung. Rồi hắn đi ra, viện cớ phải sai phải làm các việc.

-Khoan đã, – D'Artagnan bảo, – Ông chủ ơi, ông có bao nhiêu người ở trên tàu?

-Tôi không hiểu, – Hắn trả lời bằng tiếng Anh.

-Arthos dịch hộ tôi với.

Arthos hỏi lại bằng tiếng Anh.

-Ba người, – Groslow đáp, – Tất nhiên không kể tôi.

D'Artagnan hiểu, vì chủ tàu vừa nói vừa giơ ba ngón tay.

-Ồ ba à? – D'Artagnan nói. – Tôi bắt đầu yên tâm hơn. Mặc lòng, trong khi các cậu sửa soạn chỗ nằm, tôi đi một vòng quanh tàu xem sao.

-Còn tôi, – Porthos nói, – Tôi đi lo bữa tối.

-Cái dự tính ấy thật đẹp đẽ và hào hiệp, Porthos ạ, hãy thực hiện ngay đi. Còn Arthos, anh hãy cho tôi mượn gã Grimaud, khi đánh bạn với Parry hắn đã học sủa được chút ít tiếng Anh; hắn sẽ làm thông ngôn cho tôi.

-Đi đi, Grimaud, – Arthos bảo.

Một tay cầm khẩu súng ngắn, một tay nhấc sẵn chiếc dèn có sẵn ở trên bong, d'Artagnan bảo chủ tàu: -Come![271]

Cùng với chữ Goddam[272], đó là tất cả những gì anh nhớ được trong tiếng Anh.

D'Artagnan đi đến cửa quầy tàu và xuống sàn giữa.

Sàn giữa chia làm ba khoang; khoang d'Artagnan đang xuống nó có thể kéo dài từ cột buồm nhỏ thứ ba đến tận đuôi tàu, phía trên nó là ván sàn phòng Arthos, Porthos và Aramis đang sửa soạn nghỉ ngơi. Khoang thứ hai ở giữa tàu dùng làm nơi nghỉ cho bọn đầy tớ. Khoang thứ ba kéo dài dưới mũi tàu, nghĩa là dưới cái buồng mà thuyền trưởng dựng tạm và Mordaunt nấp trong đó.

D'Artagnan vừa bước xuống thang vừa dang tay giơ chiếc đèn ra phía trước và nói: -Ồ, ồ, sao mà lắm thùng gỗ thế này. Hẳn là căn hầm của Ali Baba[273].

-Ông nói cái gì thế? – Gã thuyền trưởng nói bằng tiếng Anh.

D'Artagnan hiểu qua giọng nói. Anh đặt chiếc đèn lên một thùng rượu và nói: -Tôi muốn biết có cái gì trong những thùng này.

Chủ tàu toan trèo lên thang, nhưng lại thôi.

-Porthos! – hắn đáp.

-A, rượu vang portos hả? – D'Artagnan nói. – Dù sao cũng yên tâm, chúng ta sẽ không chết khát.

Rồi quay lại phía Groslow đang lau mồ hôi hột đổ trên trán, anh hỏi: -Các thùng có đầy không?

Grimaud dịch lại.

-Có thùng đầy, Có thùng rỗng, – Groslow trả lời bằng một giọng dù cố gắng tự nhiên vẫn lộ ra vẻ lo lắng.

D'Artagnan lấy tay gõ gõ vào các thùng thấy rằng có năm thùng đầy, còn các thùng khác đều rỗng. Rồi trước sự kinh hoàng của gã người Anh, anh soi đèn vào khe thùng và thấy rằng các khe thùng đều trống.

-Thôi, ta đi nào, – Anh nói và tiến về phía cửa thông sang khoang thứ hai.

Viên thuyền trưởng đứng ở phía sau luôn luôn hốt hoảng, nói: -Khoan đã, tôi có chìa khoá của cửa ấy.

Và vội vàng đi trước d'Artagnan và Grimaud, hắn run run tay tra chìa khoá vào ổ. Mousqueton và Blaisois sắp sửa ăn bữa tối.

Trong khoang này rành rành chẳng có gì để tìm kiếm hoặc lấy ra cả: ánh đèn soi rõ những người bạn đồng hành xứng đáng ấy và tất cả mọi ngóc ngách.

Người ta chuyển sang thăm khoang thứ ba.

Đó là phòng các thuỷ thủ.

Ba bốn chiếc võng mắc ở trần; một cái bàn treo bằng hai sợi dây luồn qua mỗi đầu bàn, hai cái ghế một và gãy chân, đó là tất cả đồ đạc trong phòng.

D'Artagnan tới vén mấy tấm rèm treo ở vách và chẳng thấy gì khả nghi, anh trở lên trên boong.

-Thế còn căn buồng này? – Anh hỏi.

Grimaud dịch ra tiếng Anh và chủ tàu đáp: -Đó là buồng của tôi. Ông có muốn vào không?

-Mở cửa ra, – D'Artagnan bảo.

Chủ tàu tuân theo, d'Artagnan giơ đèn và ló đầu qua cánh cửa hé mở và thấy rằng căn buồng đó là một túp lều thật sự. Anh nói: -Tốt! Nếu có một đội quân ở trên tàu, thì chẳng phải nó được giấu ở đây. Thôi ta về xem Porthos đã kiếm được cái gì ăn chưa?

Rồi gật đầu cảm ơn chủ tàu, anh trở về căn phòng danh dự có các bạn anh ở đó.

Hình như Porthos chẳng kiếm được gì ăn cả, hoặc giả – Nếu có kiếm được cái gì đó thì do cái mệt thắng cái đói, anh nằm trong tấm áo choàng, và lúc d'Artagnan về thì anh đã ngủ say.

Được những cơn sóng biển đầu tiên ru êm, Arthos và Aramis cũng lim dim con mắt và mở choàng khi nghe tiếng bạn bước vào.

-Thế nào? – Aramis hỏi.

-Ổn cả, – D'Artagnan đáp, – Chúng ta có thể ngủ yên.

Được đảm bảo như vậy, Aramis lại ngả đầu xuống sàn, Arthos gật đầu thân ái, và d'Artagnan, cũng như Porthos, còn cần ngủ hơn là ăn, anh nằm ngủ trong chiếc áo choàng, gươm tuốt trần, mình chắn ngang lối đi để không ai có thể đi vào mà không đụng phải anh.

§75. Rượu vang Porto

Mười phút sau, các ông chủ ngủ thiếp cả, nhưng bọn đầy tớ thì không ngủ được vì đói và nhất là vì khát.

Blaisois và Mousqueton sắp chuẩn bị chỗ nằm bằng một tấm ván và một chiếc va-li, trong khi ấy một chiếc bàn treo giống như cái bàn ở phòng bên cạnh, trên đặt một bình rượu bia và ba cái cốc cứ lắc la lắc lư theo sóng biển.

-Sóng lắc dữ quá! – Blaisois nói, – Tôi cảm thấy lại sắp bị say sóng như hôm đến.

Mousqueton đáp: -Để chống say sóng, chỉ có bánh lúa mạch và rượu houblon là hay nhất.

Blaisois vừa sửa soạn chỗ nằm xong, loạng choạng bước đến ngồi cạnh cái bàn nơi Mousqueton đang ngồi và bảo: -Mousqueton ơi, thế còn cái chai bằng mây của cậu đâu, cậu đánh mất rồi ư!

-Không, – Mousqueton đáp, – Parry giữ rồi. Cái lũ quỷ sứ Scotch ấy lúc nào cũng khát.

Rồi quay về phía Grimaud vừa mới theo d'Artagnan đi tuần tra về, hắn hỏi: -Còn anh, Grimaud, anh có khát không?

-Cũng như một thằng Scotch, – Grimaud rầu rầu đáp.

Rồi bác ngồi xuống cạnh Blaisois và Mousqueton, lấy ở trong túi ra một cuốn sổ tay và tính toán tiền chi tiêu của cả hội mà bác làm quản lý.

-Ôi chao ơi. – Blaisois kêu lên, – Bụng tôi nó cuốn cuộn lên rồi đây này.

Lên giọng thầy thuốc Mousqueton bảo: -Thế thì phải ăn một chút thức ăn.

Vẻ mặt thảm hại, Blaisois đưa ngón tay khinh thị chỉ cái bánh lúa mạch và bình rượu bia và nói: -Cái kia mà cậu gọi là thức ăn ư?

-Này Blaisois, – Mousqueton nói: -Cậu nên nhớ rằng bánh mì là thức ăn thật sự của người Pháp, mà không phải lúc nào người Pháp cũng có bánh mì ăn đâu; hỏi Grimaud mà xem.

Với một sự nhanh nhẹn nó làm vinh dự cho tài ứng đối lanh lợi của mình, Blaisois đáp: -Phải, nhưng mà rượu bia thì có phải là thức uống của người Pháp không?

Mắc bí và lúng túng, Mousqueton ậm ừ đáp: -Về điểm này thì đúng là không thật và người Pháp ác cảm với rượu bia cũng như người Anh ác cảm với rượu vang.

Bình thường, Blaisois vẫn phục lăn những kiến thức sâu xa của Mousqueton, nhưng lần này hắn đâm ra hoài nghi và hỏi: -Ông Mousqueton ơi, thế những người Anh không thích rượu vang như thế nào?

-Họ ghét rượu vang.

-Ấy thế mà tôi đã trông thấy họ uống đấy.

-Chịu hình phạt thôi, – Mousqueton vênh vang nói – Chứng cớ là một ông hoàng người Anh đã chết vì người ta nhét vào một thùng rượu bồ đào. Tôi đã nghe ông tu viện trưởng D'Herblay kể như vậy.

-Cái thằng ngốc thật! – Blaisois nói, – Tôi rất mong ở vào địa vị của hắn.

-Cậu có thể làm được đấy? – Grimaud vừa ghi chép các con số vừa nói.

-Sao tôi lại có thể làm như vậy? – Blaisois hỏi.

Grimaud lẩm bẩm nhẩm nhớ bốn và chuyển con số đó sang cột bên cạnh rồi đáp: -Được đấy!

-Tôi làm được ư, bác Grimaud? Bác giải thích xem.

Trong khi Blaisois nêu những câu hỏi, thì Mousqueton vẫn giữ im lặng, nhưng qua vẻ mặt anh ta thấy rõ chẳng phải là thản nhiên.

Grimaud vẫn lẩm nhẩm tính cộng và viết xong tổng số. Bác chỉ tay về phía khoang tàu đầu tiên mà bác và d'Artagnan đã đến xem và nói: -Porthos.

-Sao? Những thùng gỗ mà tôi đã nhìn thấy qua cánh cửa hé mở ấy à?

-Porthos, Grimaud nhắc lại và lại bắt đầu một con toán mới.

Blaisois nói với Mousqueton: -Tôi nghe nói portos là một thứ rượu vang ngon tuyệt của Tây Ban Nha.

-Ngon tuyệt! – Mousqueton vừa đáp vừa liếm mép, – Ngon tuyệt. Trong hầm của ông nam tước đở Bracieux có thứ rượu ấy.

Gã Blaisois thật thà bảo: -Giá chúng ta nài bọn Anh bán cho một chai nhỉ?

Mousqueton chợt trở lại với những bản tính ăn trộm cũ hắn nói: -Bán à! Chàng nhỏ ơi, người ta thấy rõ là cậu chưa có kinh nghiệm việc đời. Tại sao lại đi mua trong khi có thể lấy được.

-Ấy à? – Blaisois đáp – Thèm muốn của người khác – hình như là điều cấm đấy!

-Ở đâu nào – Mousqueton hỏi.

Trong những điều răn của Chúa hoặc Nhà thờ gì đó tôi không nhớ rõ. Nhưng điều tôi biết là có câu:

Của người khác
Chớ có thèm,
Vợ người ta
Chớ tòm tem.

Bằng giọng kẻ cả nhất, Mousqueton nói: -Lại một lý sự trẻ con. Phải trẻ con. Tôi xin nhắc lại, ông Blaisois ạ. Tôi xin hỏi ông, trong các kinh Thánh có chỗ nào ông thấy nói rằng bọn Anh là người đồng loại của ông không?

-Đúng là không thấy ở đâu cả, hoặc giả là tôi không nhớ.

-Lý sự của trẻ con, tôi xin nhắc lại, – Mousqueton nói – Blaisois thân mến ơi, nếu cậu đi chinh chiến mười năm như Grimaud hoặc tôi đây, cậu sẽ biết phân biệt

của người khác với của kẻ thù. Tôi nghĩ rằng do người Anh là một kẻ thù, mà rượu vang porto kia lại là của người Anh; vậy thì nó là của chúng ta, vì chúng ta là người Pháp. Cậu không biết câu cách ngôn này ư: Của quân thù tha hồ mà lấy.

Tài lém miệng ấy được nhấn mạnh bằng tất cả quyền uy mà Mousqueton rút ra từ kinh nghiệm lâu đài khiến Blaisois kinh ngạc.

Hắn cúi đầu như để suy ngẫm và đột nhiên ngẩng đầu lên như một kẻ được trang bị một lý lẽ không thể cưỡng nổi. Hắn nói: -Ông Mousqueton ơi, thế các vị chủ của chúng ta có tán thành ý kiến của ông không?

Mousqueton mỉm cười khinh khỉnh và nói: -Có lẽ tôi phải đến quấy rầy giấc ngủ của các vị công hầu trứ danh ấy để nói rằng: "Thưa các ngài, tên Mousqueton, đầy tớ của các ngài đang khát, các ngài cho phép nó uống không ạ?" Tôi xin hỏi các bạn, tôi khát hay không thì có can hệ gì đến ông de Bracieux?

Blaisois lắc đầu nói: -Thứ rượu ấy đắt lắm.

-Blaisois ơi, – Mousqueton nói, – Dù có là vàng nước uống được chăng nữa, thì các ông chủ của chúng ta cũng chẳng nhịn đâu. Nên biết rằng, nam tước de Bracieux khá giàu để uống một mình một thùng rượu portos, dẫu phải trả mỗi giọt rượu một pistol.

Càng lúc càng vênh vang hãnh diện, Mousqueton nói tiếp: -Mà các ông chủ đã không nhịn rượu thì việc gì các đầy tớ lại nhịn?

Rồi Mousqueton cầm lấy bình rượu bia đem dốc hết ra ngoài cửa sổ thành tàu và oai vệ tiến đế phía cửa thông ra khoang tàu.

-A, a. – Hắn nói, – Cửa đóng rồi? Cái bọn quỷ sứ Anh cát lợi này là đa nghi quá nhỉ?

-Cửa đóng à? – Blaisois nói với giọng thất vọng không kém. – Khổ thân tôi, bụng tôi càng nôn nao dữ.

Mousqueton quay về phía Blaisois với bộ mặt thật là thảm hại, rành rành là hắn chia sẻ đến cao độ nỗi thất vọng của thằng bạn trẻ.

-Cửa đóng! – Hắn nhắc lại.

-Nhưng mà, – Blaisois nói ướm, – Anh Mousqueton ơi tôi đã nghe anh kể rằng, hồi còn trẻ có lần ở Chantilly anh đã nuôi nấng chủ anh và bản thân anh bằng cách đánh bẫy chim trĩ, câu cá chép và quăng thòng lọng các chai rượu thì phải.

-Tất nhiên, – Mousqueton đáp, – Hoàn toàn đúng như vậy, và Grimaud kia, có thể nói cho cậu nghe. Nhưng mà hầm rượu có cửa thông gió, và rượu đóng vào chai? Tôi không thể quăng thòng lọng qua vách tường này, cũng không thể dùng một sợi dây nhỏ kéo cả một thùng rượu đến hai tạ.

-Không, – Blaisois nói,

-Nhưng anh có thể nhấc vài ba tấm ván ở vách ra và lấy khoan khoan một lỗ ở một thùng rượu chứ.

Mousqueton trợn tròn mắt lên và nhìn Blaisois như một người rất đỗi ngạc nhiên tìm thấy ở một kẻ khác những đức tính không ngờ tới, hắn nói: -Đúng đấy, có thể làm như vậy. Nhưng kiếm đâu ra một cái đục để nậy ván và một cái khoan để khoan thùng?

Vừa kết sổ thu chi, Grimaud vừa nói: -Cái túi đồ nghề.

-A, phải rồi, cái túi đồ nghề, – Mousqueton nói, – Thế mà mình không nghĩ ra.

Thật vậy, Grimaud không chỉ là quản lý của đoàn mà còn là thợ sửa chữa binh khí nữa, ngoài quyển sổ, bác còn một túi đồ nghề. Do Grimaud là một con người cực kỳ thận trọng, cái túi đồ nghề của bác xếp cẩn thận trong va-li, đựng các thứ dụng cụ cần thiết nhất. Trong cái túi có một mũi khoan to vừa phải. Mousqueton chộp lấy ngay.

Còn cái đục, chẳng phải tìm đâu xa; con dao găm đeo ở thắt lưng dùng thay còn lợi hơn. Mousqueton tìm một chỗ có tấm ván long ra, điều ấy dễ thôi, và bắt tay ngay vào việc.

Blaisois xem làm với vẻ khâm phục xen lẫn nôn nóng; chốc chốc hắn lại góp ý về cách nậy một cái đinh hoặc thực hành những lời khuyên thật thông minh và sáng suốt.

Sau một lúc Mousqueton đã nậy ra được ba tấm ván.

-Đấy! – Blaisois nói.

Mousqueton trái ngược với con ếch trong ngụ ngôn cứ tưởng rằng mình to hơn thật. Khốn thay, nếu hắn ta đã rút gọn cái tên mình được một phần ba, thì hắn lại chẳng làm được như vậy cho cái bụng của mình.

Hắn thử chui qua cái lỗ hổng vừa mở xong, nhưng đau khổ thay, vì thấy còn phải nậy ít ra vài ba tấm ván ra thì hắn mới chui lọt.

Hắn buông một tiếng thở dài và lui ra để tiếp tục công việc.

Lúc ấy Grimaud đã tính toán xong. Rất thích thú với công việc đang tiến hành, bác đứng dậy đi tới chỗ các bạn và nom thấy nhưng cố gắng vô ích của Mousqueton để chui sang bên kia.

-Để tôi – Grimaud bảo.

Chỉ một tiếng đó với riêng bác giá trị bằng một đoản thi và như người ta biết một đoản thi với riêng bác giá trị bằng một bản trường thi. Mousqueton quay lại hỏi: -Sao, bác à?

-Tôi, tôi sẽ qua?

Liếc nhìn thân hình dài và mảnh của bạn, Mousqueton nói: -Đúng thế, bác sẽ qua được, và dễ dàng là khác.

-Phải đấy, – Blaisois nói, – Bác ấy biết rõ những thùng đầy vì đã vào hầm cùng với ông hiệp sĩ d'Artagnan. Mousqueton, hãy để bác Grimaud qua.

Mousqueton hơi tự ái, nói: -Tôi cũng qua dễ dàng được như Grimaud.

-Ừ nhưng mà sẽ lâu hơn và tôi đã khát khô cổ rồi. Bụng tôi càng ngày càng nôn nao.

Mousqueton đưa cái bình đựng rượu bia và mũi khoan cho kẻ thay mình làm cuộc mạo hiểm và nói: -Vậy thì sang đi, Grimaud.

-Chuẩn bị cốc sẵn đi, – Grimaud bảo.

Và bác tỏ một cử chỉ thân ái với Mousqueton để hắn tha thứ cho bác đang kết thúc một công việc đã được một kẻ khác khởi đầu rất xuất sắc. Rồi như một con rắn ráo bác trườn vào cái lỗ hổng và biến mất.

Blaisois say sưa đến mê hồn. Trong tất cả những chiến công thực hiện được từ khi sang nước Anh bởi những con người phi thường mà bọn họ có cái may mắn được giúp việc, thì chiến công này đối với hắn dường như dứt khoát là kỳ diệu hơn cả.

Mousqueton nhìn Blaisois với vẻ thân thiện mà nó cũng không tìm cách lẩn tránh và nói: -Blaisois, rồi cậu xem, những lính tráng kỳ cục như chúng tớ, khi khát chúng tớ uống như thế nào.

Từ cuối hầm tàu. Grimaud bảo: -Cái áo choàng.

-Đúng thế. – Mousqueton nói.

-Bác ấy muốn gì? – Blaisois hỏi.

-Bịt lỗ hổng bằng cái áo choàng.

-Để làm gì cơ?

-Sao mà ngốc thế? – Mousqueton nói. – Nếu có ai vào thì sao?

-À, đúng thật! – Blaisois kêu lên với niềm thán phục ngày càng rõ rệt. – Nhưng như thế thì bác ấy trông rõ sao được.

-Grimaud lúc nào cũng nhìn rõ, – Mousqueton đáp, – Ban đêm cũng như ban ngày.

-Bác ấy sướng nhỉ, – Blaisois nói, – Ban đêm không có đèn nên thì tôi cũng chẳng đi nổi hai bước mà không cụng dầu.

-Ấy là vì không phục vụ trong quân ngũ. – Mousqueton nói.

Nếu có thì cậu đã học được cách lấy một cái kim từ trong lò ra.

-Nhưng thôi, im lặng! Hình như có người đến.

Mousqueton hú một tiếng sáo báo động quen thuộc với bọn đầy tớ hồi còn trẻ, rồi ngồi vào bàn và ra hiệu cho Blaisois làm theo.

Blaisois tuân lời.

Của mở. Hai người trùm áo choàng xuất hiện. Một người lên tiếng: -Ồ, ồ! Mười một giờ mười lăm rồi mà chưa đi ngủ à? Thế là trái điều lệnh đấy. Mười lăm phút nữa phải tắt hết đèn đóm và mọi người phải ngáy đều rồi.

Hai người bước đến cái cửa khoang nơi Grimaud đã chui vào, mở cửa, đi vào và đóng cửa lại:

Blaisois run rẩy nói: -Thôi chết rồi, bác ấy nguy to.

-Grimaud cáo già lắm! – Mousqueton lẩm bẩm.

Và họ đợi chờ, dỏng tai nghe và nín thở.

Mười phút trôi qua, trong khi đó không có tiếng động gì đáng nghi ngại là Grimaud bị lộ.

Cánh cửa lại mở, hai người khoác áo choàng đi ra và khép cửa lại cũng thận trọng như khi họ vào, rồi đi ra ngoài sau khi ra lệnh tắt đèn đi ngủ.

Blaisois thì thào: -Ta có tuân lệnh không? Tôi thấy họ có điều gì ám muội.

Họ bảo mười năm phút, ta còn năm phút nữa, – Mousqueton nói.

-Ta báo cho ông chủ biết chăng?

-Đợi Grimaud đã.

-Nhưng nếu họ giết bác ấy rồi thì sao?

-Thì Grimaud phải kêu chứ.

-Anh biết, bác ấy như câm ấy mà.

-Thì ta cũng phải nghe tiếng đánh nhau.

-Nhưng nếu bác ấy không ra?

-Bác ta đây rồi.

Quả thật, đúng lúc ấy, Grimaud vén tấm áo choàng lên, thò ra khỏi lỗ hổng một khuôn mặt tái nhợt, đôi mắt hoảng sợ trợn tròn lên để lộ một đồng tử nhỏ giữa một vòng trắng lớn. Bác cầm ở tay cái bình bia đựng đầy một chất gì đó đem lại gần ánh đèn bốc khói để soi và thốt ra một tiếng ối! Với vẻ khiếp đảm hết sức khiến Mousqueton hoảng sợ lùi lại một bước và Blaisois suýt ngất.

Tuy nhiên cả hai người cũng tò mò nhìn vào cái bình bia, nó đựng đầy thuốc súng.

Tin chắc rằng con tàu chở thuốc nổ, chứ không phải rượu vang, Grimaud băng mình lên cửa quầy tàu, nhảy một bước đến phòng các ông chủ ngủ. Bác đẩy khẽ cửa, cánh cửa chạm vào người d'Artagnan khiến anh choàng dậy.

Vừa trông thấy bộ mặt thất sắc của Grimaud, anh hiểu ngay là có việc gì bất trắc xảy ra và toan kêu lên. Nhưng Grimaud bằng một cử chỉ nhanh hơn lời nói đặt một ngón tay lên miệng anh và bằng một hơi thở mạnh không ngờ có trong một thân hình mảnh dẻ như vậy, bác thổi tắt ngọn đèn đêm ở cách đó ba bước.

D'Artagnan tì tay nhổm người lên, Grimaud quỳ một chân xuống sàn và vươn dài cổ, mọi giác quan kích động cực độ, bác thì thầm kể vào tai anh một câu chuyện xét cho cùng khá là nguy kịch để khỏi phải dùng đến cử chỉ và nét mặt.

Trong khi đó, Arthos, Porthos và Aramis ngủ nhưng những người đã thức trắng tám ngày qua; và ở sàn giữa Mousqueton đang thận trọng buộc các dây ngù, còn Blaisois sợ dựng cả tóc gáy cũng cố làm theo.

Việc đó đã diễn ra như thế nào?

Vừa mới chui qua lỗ hổng vào khoang tàu đầu tiên là bác tìm đến một thùng rượu. Bác gõ lên thấy thùng rỗng. Bác sang một thùng khác cũng lại thùng rỗng.

Nhưng đến thùng thứ ba gõ thì nghe tiếng đùng đục không thể sai được là thùng này đầy.

-Hay lắm, – Grimaud nói, – Thế là đỡ công đục.

Bác ghé bình bia vào, mở vòi thì thấy có chất gì chảy rất êm và chậm từ thùng ra.

Rất có ý thức là không thể mang về cho đồng đội một thứ rượu mà mình không thể bảo đảm, Grimaud trước hết cẩn thận đóng vòi lại và đưa bình lên miệng để nếm thì nghe thấy tiếng báo động của Mousqueton.

Nghi là có cuộc tuần tra đêm, bác lách mình vào kẽ hai cái thùng và nấp sau một chiếc.

Quả nhiên một lát sau, cửa mở ra rồi đóng lại, sau khi hai người khoác áo choàng vào như chúng ta đã biết lúc họ xuất hiện và ra lệnh cho Blaisois và Mousqueton tắt đèn.

Một người cầm một chiếc đèn có kính che kín và cao để ngọn lửa không bốc khói lên. Hơn nữa kính lại được che bằng tờ giấy trắng để làm dịu hoặc đúng hơn là hút bớt ánh sang và độ nóng.

Người ấy là Groslow.

Người kia tay cầm một vật gì đó dài, dẻo và lại như một sợi dây thừng ngà ngà. Khuôn mặt hắn ta che một chiếc mũ rộng vành.

Grimaud tưởng rằng một sự thèm khát giống như của bác đã cuốn hút họ vào trong hầm và đến thăm chất rượu portos. Bác càng nép mình vào sau thùng rượu và bụng bảo dạ rằng nếu mình có bị phát hiện thì tội cũng chẳng lấy gì làm ghê gớm lắm.

Đến chỗ cái thùng mà Grimaud nấp ở phía sau hai người kia dừng lại.

Người cầm đèn lồng hỏi bằng tiếng Anh: -Ông mang dây cháy đây chứ?

-Dây cháy đây, – Người kia đáp.

Nghe giọng nói người vừa đáp, Grimaud giật mình và cảm thấy ớn lạnh đến tận tuỷ sống. Bác khẽ nhổm đầu lên khỏi nắp thùng gỗ và nhận ra dưới cái mũ rộng vành khuôn mặt xanh xao của Mordaunt. Hắn hỏi: -Dây này cháy độ bao lâu.

-Độ gần năm phút, – Chủ tàu đáp.

Giọng nói này cũng chẳng xa lạ với Grimaud. Bác nhìn và nhận ra Groslow.

-Vậy thì, – Mordaunt nói, – Ông báo cho người của ông hãy sẵn sàng, đừng nói để làm gì cả. Cái xuồng nhỏ vẫn neo theo tàu chứ?

-Giống như một con chó sói dắt đi theo chủ bằng một sợi dây gai…

Như vậy khi đồng hồ chỉ mười hai giờ mười lăm phút, các ông lẳng lặng xuống chiếc xuống.

-Sau khi châm lửa vào dây cháy à?

-Việc đó tôi lo. Tôi muốn thật chắc chắn về cuộc trả thù của tôi.

-Cái mái chèo ở trong xuống chứ?

-Mọi thứ đều sẵn sàng.

-Như vậy là thoả thuận rồi nhé!

Mordaunt quỳ xuống buộc một đầu dây cháy vào cái vòi thùng; để chỉ còn có việc châm lửa vào đầu dây kia.

Xong việc đó, hắn rút đồng hồ ra, đứng dậy và bảo: -Ông nhớ rồi chứ? Đến mười hai giờ mười lăm, nghĩa là…

Hắn nhìn đồng hồ.

-Còn hai mươi phút.

-Tốt lắm, – Groslow đáp, – Tuy nhiên tôi cần lưu ý ông một lần cuối cùng rằng có nguy hiểm trong việc ông tự dành lấy, và có lẽ nên sai một người của chúng ta đốt dây mìn thì tốt hơn.

-Ông Groslow ơi, – Mordaunt nói, – Ông biết câu tục ngữ Pháp: "Mình làm lấy, thấy yên tâm". Tôi sẽ đem áp dụng nó.

Grimaud đã lắng nghe tất cả. Con mắt bác đã bù vào chỗ không hiểu hết lời nói. Bác đã trông thấy và nhận ra hai kẻ tử thù của bốn chàng ngự lâm quân. Bác đã tận mắt nhìn thấy Mordaunt đặt dây mìn và chính tai nghe thấy hắn nói câu tục ngữ bằng tiếng Pháp nên càng dễ đoán ra.

Cuối cùng bác sờ đi sờ lại cái chất đựng trong bình nó chẳng phải chất lỏng như Mousqueton và Blaisois chờ đợi, mà lại là những hạt bột thô nó kêu sin sít và tan vỡ ra trong tay bác.

Mordaunt rời gót cùng với thuyền trưởng. Tới cửa hắn dừng lại nghe ngóng và nói: -Ông nghe chúng nó ngủ có mê không?

Thực vậy, qua ván sàn vẫn nghe thấy Porthos ngáy.

-Đúng là Chúa giao chúng nó cho ta! – Groslow nói.

-Lần này thì quỷ cũng không cứu được chúng nó!

Và cả hai đi ra.

§76. Rượu vang Porto (tiếp theo)

Đợi nghe tiếng khoá cửa vặn xong và chắc chắn còn lại một mình, Grimaud từ từ đứng dậy dọc theo thành vách.

Bác giơ ống tay áo quệt những giọt mồ hôi lã chã trên trán và nói: -Ái chà! May mắn làm sao mà Mousqueton lại khát.

Bác vội vàng chui ra khỏi lỗ hổng, ngỡ mình vẫn còn mơ; nhưng nhìn thấy thuốc nổ trong bình bia bác thấy rõ giấc mơ đó là cơn ác mộng chết người.

Như ta đoán biết, d'Artagnan nghe kể tất cả những chi tiết ấy với sự chú ý ngày càng tăng. Và chẳng đợi Grimaud kể xong, anh nhẹ nhàng đứng lên và quay sang phía Aramis nằm ở bên trái, anh vửa ghé tai vừa vỗ vào vai bạn để phòng ngừa mọi động tác phản ứng đột ngột. Anh bảo.

-Hiệp sĩ ơi, dậy đi và chớ có gây tiếng động.

Aramis tỉnh giấc, d'Artagnan nhắc lại câu nói và nắm lấy tay bạn. Aramis tuân theo.

-Arthos nằm bên trái cậu, – D'Artagnan nói tiếp, – Hãy báo cho anh ấy biết như tôi đã nói với cậu.

Aramis đánh thức Arthos thật dễ dàng vì giấc ngủ của anh nhẹ nhàng như của những bản chất tinh vi và nhạy cảm. Nhưng đánh thức Porthos thì khó khăn hơn.

Anh ta sắp sửa hỏi những nguyên nhân và duyên cớ làm sao anh ta mất giấc và rất bực mình, thì d'Artagnan thay cho mọi lời giải thích lấy tay bịt miệng anh ta lại.

Rồi chàng Gascon giơ tay kéo các bạn lại gần thành thử họ như chụm đầu lại với nhau. Anh bảo: -Các bạn ơi, ta phải rời tàu ngay lập tức, nếu không thì chết cả lũ bây giờ.

-Ô hay! – Arthos nói, – Lại còn thế nữa kia à?

-Các cậu có biết thuyền trưởng là ai không?

-Không.

-Đại uý Groslow.

Một cái rùng mình của các bạn cho d'Artagnan hay là câu chuyện của anh bắt đầu gây tác động đến họ.

-Groslow à, quỷ thật? – Aramis nói.

-Groslow là gì? – Porthos hỏi, – Tôi chẳng nhớ nữa.

-Cái kẻ đã đập vỡ đầu Parry và giờ đây đang sửa soạn đập vỡ đầu chúng ta.

-Ô, ồ!

-Còn viên trung uỷ của hắn ta, các cậu có là biết ai không?

-Trung uý của hắn ta à? – Arthos nói – Trong một cái tàu buồm bốn người không có trung uý đâu.

-Nhưng Groslow không phải là đại uý thuyền trưởng như một người khác. Hắn có một trung uý trợ giúp, và viên trung uý ấy là Mordaunt.

Lần này thì các ngự lâm quân không còn rùng mình mà gần như là bật kêu lên. Những con người không thể chiến bại ấy bị khuất phục trước thế lực huyền bí và bất hạnh mà cái tên kia gây ra và họ cảm thấy kinh hoàng khi chỉ mới nghe thốt ra cái tên ấy.

-Làm thế nào bây giờ? – Arthos hỏi.

-Ta chiếm lấy con tàu, – Aramis đáp.

-Và giết phăng nó đi, – Porthos nói.

-Tàu bị đặt mìn rồi, – D'Artagnan nói. – Những thùng gỗ mà tôi tưởng chứa đầy rượu. Porthos toàn là những thùng thuốc nổ. Khi Mordaunt thấy hắn bị lộ, hắn sẽ cho nổ tung cả bạn cả thù, và thực tình đó là một ông bạn khó chơi, nên tôi chẳng thích đánh bạn với ông ta dù ở trên trời hay dưới địa ngục.

-Vậy cậu có một kế hoạch rồi – Arthos hỏi.

-Có

-Thế nào?

-Các cậu có tin cậy tôi không?

-Cứ ra lệnh đi! – cả ba chàng ngự lâm cùng nói.

-Thế thì, lại đây.

D'Artagnan đi tới một cửa sổ thấp như cửa dùng để thoát nước ở mạn tàu, nhưng vừa cho một người chui qua và đẩy nhẹ trên bản lề.

-Đường đi đây, – Anh nói.

-Ôi chao, – Aramis nói, – Các bạn ơi, trời rét cắt da cắt thịt thế này.

-Nếu cậu muốn thì cứ ở lại; nhưng tôi báo cho cậu biết rằng lát nữa sẽ nóng giẫy lên đấy.

-Nhưng chúng ta không bơi vào bờ được.

-Một chiếc xuống được dắt theo tàu. Tất cả chỉ có thế. Đi thôi, các cậu

-Khoan đã, – Arthos nói, – Bọn đầy tớ đâu?

-Chúng tôi đây! – Mousqueton và Blaisois đáp.

Grimaud đã đi tìm họ để tập trung tất cả lực lượng vào phòng, họ theo lối cửa quầy ở gần giáp cửa đi vào mà chẳng bị trông thấy.

Tuy nhiên ba người bạn đứng lặng yên trước quang canh hãi hùng mà d'Artagnan đã mở ra trước mắt họ khi nâng tấm cửa che lên.

Thtc vậy, bắt cứ ai đã nhìn thấy cảnh tượng đó một lần đều biết rằng không có gì tác động sâu sắc hơn mặt biển động rì rầm cuồn cuộn những con sóng đen ngòm dưới ánh trăng nhợt nhạt đêm đông.

-Mẹ kiếp! – D'Artagnan nói, – Hình như chúng ta do dự. Chúng ta do dự thì bọn đầy tớ của chúng ta sẽ thế nào?

-Tôi chẳng do dự đâu, – Grimaud nói.

-Thưa ông, – Blaisois nói, – Tôi xin báo trước là tôi chỉ biết bơi ở trong sông ngòi thôi.

-Còn tôi, – Mousqueton nói – Tôi chẳng biết bơi chút nào hết.

Trong lúc đó, d'Artagnan lách mình qua ô cửa.

-Bạn ơi, cậu quyết định rồi ư? – Arthos hỏi.

-Phải, – Chàng Gascon đáp. – Này, Arthos, anh là người hoàn hảo, anh hãy bảo tinh thần chế ngự thể chất. Anh, Aramis, hãy dặn dò bọn đầy tớ. Anh Porthos, hãy giết tất cả những gì cản trở chúng ta.

Rồi, sau khi siết tay Arthos, d'Artagnan lợi dụng thời cơ lúc tàu đang dập dờn nghiêng ngả chìm ở phía đuôi, anh trườn xuống nước và đã ngập đến thắt lưng.

Arthos xuống theo ngay trước khi tàu dềnh lên. Sau đó đuôi tàu nhô lên và người ta trông thấy sợi chão buộc chiếc xuống căng ra trên mặt nước.

D'Artagnan bơi đến nắm lấy sợi chão. Anh đợi ở đó, đầu mấp mé mặt nước, tay bám sợi dây.

Một giây sau Arthos đã tới chỗ anh.

Rồi ở chỗ ngoặt của đuôi tàu, hai cái đầu khác ló ra. Đó là Aramis và Grimaud.

-Tôi lo cho Blaisois, – Arthos nói, – D'Artagnan cậu có nghe nó nói rằng nó chỉ biết bơi ở sông ngòi không?

-Khi người ta biết bơi thì ở đâu cũng bơi được, – D'Artagnan đáp – Lên thuyền, lên thuyền đi.

-Nhưng chưa thấy Porthos đâu.

-Porthos sẽ tới. Cứ yên trí, hắn bơi như Eviathan[274] vậy.

Nhưng không thấy Porthos đâu thật; bởi vì một màn kịch nửa bi nửa hài đã diễn ra giữa anh với Mousqueton và Blaisois.

Hai gã này hoảng sợ vì tiếng sóng vỗ, tiếng gió gào, kinh hãi trước đám nước đen ngòm sôi sục trong cái hốc sâu thẳm, hai gã chẳng dám tiến mà lùi lại.

-Nào, nào, – Porthos bảo, – Xuống nước đi

-Nhưng thưa ông, – Mousqueton nói, – Tôi không biết bơi, hãy để tôi lại đây – Ông ơi, tôi cũng vậy, – Blaisois nói.

-Tôi bảo đảm là sẽ tôi ôm các cậu sang thuyền, Porthos nói.

-Nhưng chắc chắn rằng ta sẽ chìm nghỉm trước khi tới đó, – Blaisois mếu máo.

-Ái chà, ta sẽ bóp chết cả hai đứa nếu chúng mày không đi ra.

-Porthos vừa nói vừa túm lấy cổ chúng. – Tiến lên, Blaisois.

Một tiếng rên rỉ bị dập tắt bởi bàn tay sắt của Porthos là tất cả câu trả lời của Blaisois; vì rằng ông hộ pháp nắm lấy cổ và chân nó và quăng nó như một tấm ván qua cửa sổ đầu cắm xuống biển.

-Bây giờ Mousqueton, – Porthos nói, – Ta hi vọng rằng mày không rời bỏ chủ mày chứ!

Nước mắt rưng rưng, Mousqueton đáp: -Ối ông ơi, tại sao ông lại lập lại những lời ấy làm gì? Chúng ta ở lâu đài Pierrefonds sung sướng bao nhiêu.

Rồi không nói thêm một lời oán trách nào khác, hắn trở nên tư lự và vâng lời, hoặc vì tận tâm thật, hoặc vì tấm gương của Blaisois.

Mousqueton lao đầu xuống biển. Dù sao đó cũng là một hành động vì Mousqueton tưởng phen này chết thật.

Nhưng Porthos không phải người bỏ rơi đồng đội như vậy. Ông chủ nhảy liền theo chân đầy tớ, nên hai người rơi mà chỉ nghe tõm cùng một tiếng. Thành thử khi Mousqueton vừa ngoi lên mặt nước, mắt loá đi, thì đã thấy mình được giữ bởi bàn tay to tướng của Porthos, và hắn chẳng cần cử động chút nào cũng vẫn lừ lừ tiến về cái dây chão với vẻ oai vệ của một vị thuỷ thần.

Cùng lúc ấy, Porthos thấy ở tầm tay với của mình một vật gì đang xoáy theo dòng nước. Anh túm lấy tóc, thì ra là Blaisois mà Arthos cũng đang ra đón.

-Thôi, thôi, bá tước, không cần đến anh đâu! – Porthos nói.

Quả thật, nhoài chân mạnh một cái Porthos đã đứng thẳng lên như người khổng lồ Adamaxto trên ngọn sóng, và ba cái nhoài nữa anh đã tới được chỗ các đồng đội.

D'Artagnan, Aramis và Grimaud giúp Mousqueton và Blaisois leo lên thuyền. Rồi đến lượt Porthos, anh trèo qua mạn thuyền khiến nó suýt bị lật úp.

-Còn Arthos đâu? – D'Artagnan hỏi.

-Tôi đây, – Arthos đáp.

-Đủ cả rồi, – D'Artagnan đáp. – Còn anh, Arthos, có giữ dao găm đấy chứ?

-Vậy thì cắt dây chão đi và lên đây.

Arthos rút từ thắt lưng con dao găm sáng loáng và cắt dây. Con tàu rời xa. Chiếc thuyền dừng lại bị sóng đánh dập dềnh.

-Lên đi, Arthos! – D'Artagnan nói.

Và giơ tay cho bá tước de La Fère leo lên và ngồi vào trong thuyền.

-Vừa kịp, – chàng Gascon nói,

-Và các anh sắp trông thấy một điều kỳ lạ.

§77. Định mệnh

Quả nhiên, d'Artagnan vừa dứt lời thì một tiếng còi vang trên chiếc tàu buôm, nó bắt đầu xuyên vào trong sương mù và bóng đêm. Anh nói tiếp: -Các anh biết đấy, điều ấy có nghĩa là gì rồi.

Lúc ấy người ta trông thấy một chiếc đèn lồng xuất hiện trên boong và những bóng đen ở đuôi tàu.

Bỗng nhiên một tiếng kêu khủng khiếp một tiếng kêu tuyệt vọng xuyên qua khoảng không và dường như tiếng kêu ấy xua đuổi mây đi, tấm màn che khuất mặt trăng bỗng phanh ra và người ta nhìn thấy in lên trên nền trời xanh bàng bạc nhưng cánh buồm xám và những sợi dây đen của con tàu.

Trên tàu, những bóng đen chạy cuống quýt, những tiếng kêu thảm thiết hoà nhập với những điệu vũ điên loạn ấy.

Giữa những tiếng kêu hoảng hốt, trên vầng sáng ở đuôi tàu người ta thấy xuất hiện Mordaunt tay cầm một bó đuốc.

Những bóng đen chạy cuống quýt ở trên tàu kia, đó là Groslow tới giờ quy định với Mordaunt đã tập hợp người của mình lại. Còn Mordaunt sau khi nghe ngóng ở cửa phòng các ngự lâm quân xem họ có ngủ yên không, thấy yên tĩnh, hắn yên tâm và đi xuống hầm tàu. Thực vậy, ai có thể nghi ngờ những việc vừa xảy ra? cho nên Mordaunt mở cửa và chạy đến chỗ những thùng thuốc súng. Cuồng nhiệt như một kẻ khao khát trả thù và vững tin ở mình như những kẻ mà Chúa đã mê hoặc, hắn châm lửa vào đây mìn.

Trong khi ấy, Groslow và các thuỷ thủ tập trung ở đuôi tàu – Kéo dây đi, – Groslow bảo, – Kéo xuồng lại phía chúng ta.

Một thuỷ thủ trèo qua thành tàu, nắm sợi dây chão và kéo, sợi dây cứ trôi tuồn tuột chẳng nặng nề vướng víu gì.

-Dây chão bị đứt rồi! – Người thuỷ thủ kêu lên. – Không còn xuồng nữa!

-Sao! Không còn xuống à? – Groslow vừa nói vừa lao ra bao lơn tàu – Không thể như thế được?

-Nhưng đúng là như vậy, – Thuỷ thủ đáp, – Xin ông hãy nhìn xem: chẳng có vệt nước kéo theo và dầu dây chão đây thôi.

Ấy là lúc Groslow kêu thất thanh và các chàng ngự lâm quân nghe thấy.

-Có chuyện gì thế? – Mordaunt vừa chạy ra hỏi và cũng lao về phía sau, tay cầm đuốc.

-Quân địch tẩu thoát rồi! Chúng đã cắt dây và dùng xuống để trốn.

Mordaunt nhảy vọt một cái tới cửa phòng và đạp tung cửa ra.

-Trống rỗng! – Hắn kêu lên. – Ôi! Bọn quỷ quái !

-Chúng ta sẽ đuổi theo chúng, – Groslow nói – Chúng nó chưa thể đi xa đâu, và ta sẽ đánh chìm chúng bằng cách đè lên thuyền chúng.

-Ờ nhưng mà lửa! – Mordaunt nói, – Tôi đã châm.

-Châm vào đâu?

-Vào đây mìn – Chết cha rồi! – Groslow gầm lên và nhảy bổ đến cửa kho.

-May ra còn kịp chăng?

Mordaunt chỉ đáp lại bằng một tiếng cười ghê rợn. Nét mặt xáo động vì hận thù hơn là vì khiếp sợ, hắn ngước nhìn trời bằng cặp mắt lơ láo như muốn ném lên đó một lời phỉ báng cuối cùng. Trước tiên hắn ném bó đuốc xuống biển, rồi hắn nhảy xuống theo.

Cùng lúc ấy Groslow vừa đặt chân xuống cầu thang hầm tàu thì con tàu mở hoác ra như miệng một ngọn núi lửa, một ngọn lửa vọt lên trời cùng với một tiếng nổ giống như cả trăm khẩu đại bác cùng bắn đồng thời.

Bầu trời đỏ rực, những mảnh tàu vỡ cũng rực lửa văng vọt tứ tung. Rồi ánh chớp kinh khủng tắt, những mảnh vỡ là tả rơi xuống, run rẩy trong vực thẳm và tắt ngấm, và trừ một chấn động trong không trung, sau một lát, người ta tưởng như không có gì xảy ra cả.

Riêng có chiếc tàu đã biến mất khỏi mặt biển, cả Groslow, cả ba thuỷ thủ tiêu ma.

Bốn người bạn đã trông thấy hết cả, không bỏ sót một chi tiết nào của tấn thảm kịch ghê gớm ấy. Bị chìm ngập chốc lát trong ánh sáng chói lọi nó soi rọi mặt biển xa đến hơn một dặm, người ta có thể nom thấy họ mỗi người trong một tư thế khác nhau, nhưng cùng biểu lộ một nỗi kinh hoàng mà mặc dầu lòng gan dạ sắt họ không thể không cảm thấy rõ rệt. Rồi những tàn lửa rơi quanh họ; cuối cùng ngọn núi lửa tắt như chúng tôi đã kể, và tất cả lại rơi vào bóng đêm, con thuyền gập ghềnh và mặt biển động sóng.

Họ yên lặng và rã rời trong một lát. Porthos và d'Artagnan mỗi người cầm một mái chèo cứ giữ nguyên nó trên mặt nước, tì cả người lên và quặp chặt lấy nó.

Aramis là người đầu tiên phá vỡ sự im lặng chết chóc đó. Anh nói.

-Thực tình tôi tin rằng lần này mọi sự đều kết thúc.

-Cứu tôi với các ngài ơi! Cứu tôi với!

Một tiếng kêu bi thảm vang lên giống như tiếng kêu của một hồn ma nào trên biển.

Mấy người bạn nhìn nhau. Ngay Arthos cũng rùng mình. Anh nói: -Chính nó đây, đúng giọng nói của nó.

Mọi người im lặng, vì rằng cũng như Arthos mọi người nhận ra giọng nói ấy. Song, những đồng tử dãn to của họ quay về phía tàu đắm, cố gắng phi thường để nhìn xuyên qua màn đêm.

Sau một lát, họ bắt đầu nhận ra một bóng người đang ráng sức bơi gần lại.

Arthos thong thả giơ tay chỉ người đó cho các bạn.

-Phải rồi, phải rồi, – D'Artagnan nói, – Tôi trông rõ hắn.

-Lại hắn à? – Porthos thờ phì phò như bễ lò rèn nói.

-Ái chà, hắn là người sắt chắc.

-Ôi, lạy Chúa, – Arthos lẩm bẩm.

Aramis và d'Artagnan nói thầm với nhau.

Mordaunt bơi vài sải nữa, và giơ một tay lên khỏi mặt nước ra hiệu nguy cấp, nói: -Hãy thương tôi! Lạy Chúa, xin các ngài hãy thương tôi! Tôi cảm thấy kiệt sức rồi, tôi sắp chết đến nơi rồi.

-Tiếng nói khẩn cầu cứu vớt thật là rung động đến nỗi nó khêu gợi lòng thương cảm tận đáy lòng Arthos.

-Tội nghiệp nó! – Anh lẩm bẩm.

-Được, – D'Artagnan nói, anh chỉ còn thiếu nước thương hại nó thôi! Thật ra tôi cho rằng nó bơi về phía chúng ta. Vậy hắn có nghĩ rằng chúng ta sẽ vớt nó không? Cứ chèo đi, Porthos cứ chèo đi.

Và để làm gương, d'Artagnan nhấn mái chèo xuống nước, hai nhát chèo đẩy thuyền đi xa hai mươi sải, Mordaunt gào lên: -Ôi các ngài sẽ không bỏ rơi tôi! Các ngài sẽ không để mặc tôi chết đuối! Các ngài không phải không thương xót?

-A a! – Porthos bảo Mordaunt, – Anh bạn dũng cảm ơi tôi ngỡ là cuối cùng chúng tôi đã bắt được anh, và anh chẳng có lối nào ra thoát khỏi nơi đây ngoài cánh cửa của địa ngục!

-Ồ Porthos! – Bá tước de La Fère lẩm bẩm.

-Arthos, cứ để mặc tôi. Kể ra anh trở nên kỳ lạ với những kiểu hào hiệp bất tận của anh rồi đó. Trước hết tôi xin tuyên bố rằng nếu nó tiến sát cách thuyền mười bộ, tôi sẽ lấy mái chèo phang vỡ sọ nó.

-Ôi xin các ông gia ơn, đừng bỏ mặc tôi, xin các ông hãy thương tôi! – Gã thanh niên kêu vang, đôi lúc đầu hắn chìm xuống ngọn sóng, thì hơi thở hổn hển của hắn làm sủi bọt làn nước lạnh giá.

Mắt luôn theo dõi mỗi cử động của Mordaunt, d'Artagnan kết thúc cuộc dối thoại với Arthos, rồi đứng dậy nói với kẻ đang bơi.

-Này ông, hãy lánh xa ra. Nỗi ân hận của ông nó còn quá mới mẻ nên chúng tôi không thể nào tin tưởng được. Hãy nhớ rằng con tàu mà ông toan dùng để nướng chúng tôi hãy còn phun khói ở dưới mấy tấc nước và tình trạng của ông hiện giờ vẫn là một nệm trải hoa hồng so với tình trạng mà ông muốn đặt chúng tôi vào và ông đã đặt ông Groslow cùng đồng đội của ông ta vào đó.

Với giọng tuyệt vọng hơn, Mordaunt nói: -Các ngài ôi, tôi xin thề rằng nỗi hối hận của tôi là thực sự. Các ngài ơi, tôi còn trẻ mới chưa đầy hai mươi ba tuổi

đầu. Tôi bị lôi cuốn bơi một mối đi hận thật tự nhiên, tôi muốn trà thù cho mẹ tôi, và chắc chắn ở địa vị tôi, các ngài sẽ làm như tôi thôi.

Trông thấy Arthos mỗi lúc một rầu rỉ thêm, d'Artagnan nói: -Hừ! Tùy xem.

Mordaunt chỉ còn ba, bốn sải nữa là tới thuyền, vì rằng cái chết đang đến gần như tạo cho hắn một sức mạnh phi thường.

-Chao ôi? – Hắn nói, – Tôi sắp chết rồi? Các ngài sắp giết chết đứa con trai như đã giết chết mẹ nó? Vậy mà tôi có phải là kẻ phạm tội đâu. Theo mọi luật lệ của Trời và của con người, một đứa con phải báo thù cho mẹ. – Hắn chắp tay lại và nói thêm. – Với lại nếu như đó là một tội ác, thì bởi vì tôi đã ăn năn, bởi vì tôi đã xin lỗi thì tôi phải được tha thứ.

Rồi như lực đã kiệt, hắn không thể đứng nổi dưới nước nữa, một con sóng tràn qua đầu và dập tắt tiếng nói của hắn.

-Ôi! Thật là xé lòng! – Arthos nói.

Mordaunt lại nhô lên.

-Còn tôi – D'Artagnan nói, – Tôi nói rằng phải chấm dứt. Hỡi ông đã nhẫn tâm hạ sát bác mình, hỡi ông đao phủ của vua Charles, hỡi ông đốt tàu, tôi xin cam đoan là sẽ để ông chìm xuống tận đáy biển, hoặc nếu ông còn tiến gần lại thuyền một sải tay thôi, tôi sẽ đập vỡ sọ ông bằng mái chèo.

Trong nỗi tuyệt vọng, Mordaunt bơi thêm một sải, d'Artagnan hai tay cầm chặt mái chèo. Arthos đứng dậy và kêu lên: -D'Artagnan, d'Artagnan! Con trai của ta ơi! Ta van xin con! Kẻ khốn khổ sắp chết rồi, và thật là ghê tởm để mặc một con người chết mà không chìa tay ra khi người ta chỉ cần chìa tay ra là cứu được hắn. Ôi! Trái tim tôi ngăn cấm một hành động như vậy; tôi không thể cưỡng lại được, cần phải cho hắn sống.

-Mẹ kiếp! – D'Artagnan đáp lại. – Tại sao anh không tự trói chân tay và tự nộp mình ngay lập tức cho tên khốn kiếp ấy? Như thế có phải sớm hơn không? A! Bá tước de La Fére ơi, ông muốn chết bởi tay nó phải không? Thế thì tôi, con trai của ông như ông gọi ấy, tôi không muốn như vậy.

Đây là lần đầu tiên d'Artagnan cưỡng lại một điều thỉnh cầu của Arthos khi Arthos gọi anh bằng con.

Aramis lạnh lùng tuốt lưỡi gươm ra mà anh đã ngậm vào miệng mang theo trong khi anh bơi. Anh nói: -Nếu hắn đặt tay vào mạn thuyền thì tôi sẽ chặt tay hắn như đối với một kẻ giết vua.

-Còn tôi, khoan đã, – Porthos nói…

-Cậu sẽ làm gì? – Aramis hỏi.

-Tôi sẽ nhảy xuống nước và bóp cổ cho nó chết.

Với một tình cảm không cưỡng nổi, Arthos kêu lên: -Ôi! các anh ơi! Chúng ta hãy là những con người chúng ta hãy là những kẻ có đạo!

D'Artagnan buông ra một tiếng thở dài nghe như một tiếng rên rỉ. Aramis hạ mũi gươm. Porthos ngồi xuống.

-Xem kìa, – Arthos nói, – Xem kìa, cái chết đang hiện lên gương mặt hắn. Hắn kiệt sức rồi, và chỉ một phút nữa thôi, hắn sẽ chìm xuống tận đáy biển. Ôi! Hãy tránh cho tôi niềm ân hận gớm guốc ấy; đừng bắt tôi phải chết vì nhục nhã, các bạn ơi, hãy ban cho tôi tính mạng của kẻ khốn khổ đó, tôi sẽ ban phước cho các anh, tôi sẽ…

-Tôi chết mất, – Mordaunt lẩm bẩm, – Cứu tôi với! Cứu tôi với!

-Ta hãy giành lấy một phút. – Aramis cúi sang bên trái bảo d'Artagnan, rồi cúi sang bên phải bảo Porthos – Chèo một mái nữa nào.

D'Artagnan không đáp lại bằng cử chỉ hoặc lời nói. Anh bắt đầu xúc động phần vì những lời van nài của Arthos, phần vì cảnh tượng đang diễn ra trước mắt anh. Riêng Porthos đẩy một mái chèo, nhưng vì chèo có một bên nên chiếc thuyền quay vòng và khiến Aramis nhích gần lại kẻ sắp chết.

-Bá tước de La Fère! – Mordaunt kêu lên, – Bá tước de La Fère ơi? Chính là ngài mà tôi xin thưa, chính là ngài mà tôi cầu khẩn, ngài hãy thương tôi!… Bá tước de La Fère, ngài ở đâu? Tôi không còn nhìn thấy gì cả… Tôi chết mất!… Cứu tôi với, cứu tôi!

Với vẻ cao thượng và đường hoàng vốn có, Arthos chìa tay ra cho Mordaunt và nói: -Tôi đây! Ông hãy bám lấy tay tôi mà leo lên thuyền.

-Thà không nhìn còn hơn, – D'Artagnan nói – Sự yếu đuối ấy làm tôi thêm sợ hãi.

Anh quay lại phía các bạn; họ chen nhau vào phía cuối thuyền dường như sợ đụng chạm vào cái kẻ mà Arthos đã không ngại ngần chìa tay ra cho nó.

Mordaunt cố hết sức nhô người lên, nắm lấy bàn tay đang chìa ra cho hắn và bám chặt lấy với sức mãnh liệt của niềm hy vọng cuối cùng.

-Được rồi. – Arthos nói. – Đặt tay kia vào đây.

Và anh giơ vai mình ra làm điểm tựa thứ hai, thành thử đầu anh gần chạm đầu Mordaunt và hai kẻ tử thù ấy ôm chặt lấy nhau như hai anh em.

Mordaunt quặp chặt ngón tay vào cổ áo Arthos.

-Tốt! – Bá tước nói. – Bây giờ ông được cứu thoát rồi, hãy yên tâm.

Bỗng với một cái nhìn rực lửa và một giọng nói hận thù khôn tả, Mordaunt thét lên: -A! Mẹ ơi, con chỉ có thể dâng cho mẹ một vật hiến tế thôi, nhưng ít ra đó cũng sẽ là vật mà mẹ lựa chọn!

Và trong khi d'Artagnan kêu lên một tiếng, Porthos giơ mái chèo lên Aramis tìm một chỗ để đâm, thì một chấn động dữ dội khiến thuyền nghiêng đi và kéo tuột Arthos xuống nước. Mordaunt thốt ra một tiếng kêu đắc thắng lấy tay siết chặt cổ Arthos: dùng chân quặp chặt người và chân anh, giống như một con rắn quấn chặt con mồi của mình để làm cho nó tê liệt.

-Không kêu la, không gọi cứu, Arthos cố ngoi ở trên mặt biển một lát, nhưng rồi bị sức nặng lôi kẻo anh chìm dần. Chẳng mấy chốc mọi người chỉ còn trông thấy mớ tóc dài cửa anh chập chờn; rồi tất cả mất hút. Chỉ còn một khoảng rộng mặt nước sôi sục nhưng rồi cũng tan đi là chỉ rõ nơi cả hai người đã chìm nghỉm.

Câm lặng vì ghê sợ, nghẹn ngào vì bất bình và kinh hãi, ba người bạn cứ đứng trơ ra đó, miệng há hốc, mắt giương to, tay dang ra. Trông họ như những pho tượng và mặc dầu họ lặng im, người ta vẫn nghe tiếng tim họ đập thình thình. Porthos là người đầu tiên hồi tỉnh, anh vò đầu bứt tai và với tiếng nức nở xé lòng ở một người như anh, anh gào lên: -Ôi Arthos, Arthos! Tấm lòng cao quý! Tai hoạ! Tai hoạ cho chúng ta đã để mất anh!

-Ôi tai hoạ thật! – D'Artagnan nhắc lại.

-Ôi tai hoạ! – Aramis lẩm bẩm.

Vừa lúc ấy giữa một khoảng biển rộng lấp lành ánh trăng cách thuyền bốn năm sải cái sôi sục ban nãy lại diễn ra và người ta trông thấy xuất hiện trước tiên chỏm tóc, rồi đến một khuôn mặt nhợt nhạt, mắt mở nhưng đã đục lại, rồi một thân hình nhô lên đến ngang lưng thì lật ngửa ra, bồng bền theo từng ngọn sóng.

Trước ngực cái xác đó có một con dao đâm vào và thò ra cái chuôi nạm vàng lấp lánh.

-Mordaunt! Mordaunt! – Cả ba người bạn cùng kêu lên, đấy là Mordaunt.

-Nhưng còn Arthos? – D'Artagnan nói.

Bỗng nhiên con thuyền nghiêng hẳn về bên trái trước một sức nặng mới bất ngờ và Grimaud thốt lên một tiếng kêu mừng rỡ. Mọi người quay lại và trông thấy Arthos, mặt tái nhợt, mắt mờ đi và tay run rẩy, anh đang bám vào mạn thuyền để nghỉ ngơi. Tám cánh tay gân guốc lập tức nhấc anh lên và đặt vào trong thuyền.

Một lát sau. Arthos thấy người ấm lên, tỉnh táo và hồi sinh dưới những cái vuốt ve ôm ấp của các bạn mình đang mừng rối rít.

-Anh không bị thương à? – D'Artagnan hỏi.

-Không, – Arthos đáp… – Thế còn nó?

-Ồ, nó ấy à? Lần này ơn Trời, nó chết thật rồi.

Và buộc Arthos phải nhìn theo hướng tay mình d'Artagnan chỉ anh xem cái xác Mordaunt trôi trên những con sóng khi nổi khi chìm dường như vẫn còn đuổi bốn người bạn bằng một cái nhìn chứa chất lời nguyền rủa và mối tử thù.

Cuối cùng nó chìm nghỉm. Arthos dõi theo bằng con mắt buồn rầu và ái ngại.

Hoan hô Arthos! – Aramis nói với vẻ đạt dào tình cảm hiếm thấy ở anh.

-Nhát đâm đẹp thật! – Porthos reo lên…

-Tôi có một đứa con trai, – Arthos nói. – Tôi đã muốn sống.

-Cuối cùng, – D'Artagnan nói, – Chúa đã lên tiếng.

-Không phải tôi đã giết nó, – Arthos lẩm bẩm, – Số mệnh đấy.

§78. Sau khi suýt bị đem quay, Mousqueton suýt bị nướng thịt

Sau màn kịch khủng khiếp mà chúng tôi vừa kể, một không khí im lặng sâu xa bao trùm tất cả con thuyền. Mặt trăng ban nãy ló ra trong chốc lát dường như Thượng đế muốn rằng không một chi tiết nào của sự kiện này được che giấu trước con mắt của các khán giả, bây giờ lẫn vào trong mây. Tất cả lại trở vào cái bóng đêm thật hãi hùng trong một bãi sa mạc và nhất là bãi sa mạc lỏng này mà người ta gọi là đại dương, và chỉ còn nghe thấy tiếng gió rít trên các ngọn sóng.

Porthos phá tan sự im lặng, nói: -Tôi đã được xem vô khối chuyện, nhưng không chuyện nào xúc động tôi mạnh mẽ như chuyện tôi vừa mới chứng kiến. Tuy nhiên, trong lòng thật xáo động như tôi, tôi xin tuyên bố với các bạn rằng tôi thật là sung sướng. Một trăm cân được cất đi khỏi ngực tôi và cuối cùng tôi thở dễ dàng.

Thật vậy, Porthos thở với một tiếng kêu nó làm vẻ vang cho cái cử động mãnh liệt của hai lá phổi anh.

-Porthos ạ, – Aramis tiếp lời,

-Còn tôi, tôi sẽ không nói đến như cậu; tôi vẫn còn kinh hoàng, đến độ tôi không còn tin ở mắt mình nữa, tôi nghi ngờ những gì tôi đã trông thấy, tôi tìm kiếm xung quanh chiếc thuyền và từng phút, từng giây, tôi sẵn sàng đợi chờ cái thằng khốn kiếp hiện ra, và chính tôi tay cầm con dao găm để cắm vào tim nó.

-Ồ, tôi thì rất bình tĩnh, – Porthos nói. – Nhát dao đâm vào chỗ xương sườn thứ sáu và ngập tới đốc. Arthos ơi tôi không trách móc gì anh đâu mà trái lại. Khi đâm là phải đâm như thế chứ. Cho nên bây giờ tôi mới sống, tôi thở, tôi vui mừng.

-Porthos ơi, – D'Artagnan nói, – Chớ vội hát mừng chiến thắng.

-Chưa bao giờ chúng ta trải qua một nguy hiểm lớn hơn lúc này, vì rằng một con người thắng được một con người chứ không thắng được một hoàn cảnh. Chúng ta đang đi biển ban đêm không người hướng dẫn, trên một chiếc thuyền mỏng manh; một cơn gió có thể lật úp thuyền thế là chúng ta đi đứt.

Mousqueton buông một tiếng thở dài.

-D'Artagnan, cậu thật là bội bạc, – Arthos nói.

-Phải bội bạc và đã hoài nghi Thượng đế đúng lúc Người vừa mới cứu tất cả chúng ta một cách thật là kỳ diệu. Cậu tưởng rằng Người cầm tay dẫn chúng ta vượt qua bao nhiêu hiểm nguy để rồi sau đó bỏ rơi chúng ta ư? Không đâu. Chúng ta lên đường bằng một ngọn gió tây, ngọn gió ấy vẫn thổi cơ mà.

Arthos định hướng theo sao Bắc đẩu và nói tiếp: -Đây là Đại Hùng Tinh, do đó chỉ ta biết bên kia là nước Pháp.Ta cứ đi theo chiều gió, và chừng nào gió chưa đổi chiều thì nó sẽ đưa ta về phía bờ biển Calais hoặc Boulogne-sur-Mer.

Nếu thuyền lật úp thì chúng ta là những người khá khoẻ mạnh và bơi lội khá giỏi. Ít ra là năm người trong chúng ta – Để lật ngửa thuyền lên hoặc ôm chặt cùng với nó nếu như sự cố gắng đó vượt quá sức của chúng ta. Hiện giờ chúng ta đang đi trên con đường của mọi tàu bè đi từ Douvre đến Calais và từ Portsmouth đến Boulogne-sur-Mer. Nếu như nước giữ lại được những vết tàu đi thì chắc chắn chúng sẽ đào thành một thung lũng dài ở ngay chỗ chúng ta đang đi này. Như vậy thì đến sáng không thể nào chúng ta lại không gặp một chiếc thuyền đánh cá nào đó họ sẽ tiếp đón chúng ta.

-Nhưng giả dụ chúng ta không gặp thuyền nào và gió đổi chiều lên hướng Bắc thì sao?

-Thế lại là chuyện khác, – Arthos đáp. – Chúng ta sẽ chỉ gặp đất liền ở bờ bên kia Đại Tây Dương.

-Có nghĩa là chúng ta sẽ chết đói, – Aramis nói.

-Chắc chắn mười mươi rồi! – Bá tước de La Fère nói.

Mousqueton buông một tiếng thở dài còn não nuột hơn lần trước.

-Ơ này, Mousqueton? – Porthos hỏi, – Sao cậu cứ thở dài thườn thượt mãi như vậy? Thế thì chán ngán lắm.

-Tôi đang rét, ông ạ, – Mousqueton đáp…

-Vô lý – Porthos nói.

-Sao lại vô lý? – Mousqueton ngơ ngác hỏi.

-Đúng thế. Người cậu có một lớp mỡ bao bọc, khi trời không thấm vào được. Hẳn là có chuyện khác hãy nói thật đi.

-Thế thì, thưa ông, chính cái lớp mỡ mà ông biểu dương ấy nó làm tôi kinh hãi.

-Tại sao vậy, Mousqueton. Cứ mạnh dạn nói đi, các ông đây cho phép cậu đấy.

-Thưa, tại vì tôi nhớ đến cái tủ sách ở lâu đài Bracieux có vô số truyện phiên lưu, và trong số sách đó có sách của Jean Mocquet, người phiêu lưu trứ danh của Henri IV.

-Thì sao?

-Thưa ông, trong những sách ấy nói rất nhiều đến những chuyện phiêu lưu trên biển cả và những sự nguy hiểm giống như sự nguy hiểm đang đe dọa chúng ta trong lúc này!

-Tiếp tục đi, Mousqueton, – Porthos nói, – sự so sánh ấy đầy thú vị.

-Ấy đấy, ông ơi, trong những trường hợp như vậy, Jean Mocquet kể rằng những du khách đói mèm có tục lệ ghê tởm là ăn thịt lẫn nhau và thường bắt đầu bằng…

Dù tình thế đang nghiêm trọng, d'Artagnan không nhịn cười được, nói: -Trước tiên là thịt người nào béo nhất?

Hơi choáng váng vì trận cười đó, Mousqueton đáp: -Vâng, thưa ông, nhưng tôi cũng xin phép thưa với ông rằng tôi chẳng thấy có gì đáng buồn cười trong chuyện ấy cả.

-Cái thằng Mousqueton hiền lành ấy là hiện thân của đức hy sinh. Ta cuộc rằng cậu đã bắt đầu trông thấy mình bị ông chủ xé xác ra từng mảnh và ăn thịt.

-Vâng, thưa ông, tôi xin thú nhận rằng mặc dầu cái niềm vui mà ông đoán ra ở trong lòng tôi không phải không xen lẫn chút ưu phiền, tôi cũng không lấy làm tiếc cho cái thân tôi lắm, nếu như tôi được biết chắc chắn rằng khi chết tôi vẫn còn có ích cho ông.

-Mousqueton ơi! Porthos rầu rầu nói, – Nếu có bao giờ chúng ta còn trở lại được lâu đài Pierrefonds, thì cậu và con cháu cậu sẽ được sở hữu cái vườn nho ở phía trên trang trại.

-Và Mousqueton này, – Aramis nói, – Cậu sẽ đặt tên nó là vườn nho Hy sinh để truyền lại cho hậu thế cái kỷ niệm về việc hiến mình của cậu.

-Ông hiệp sĩ ơi, – D'Artagnan cười nói, – Chắc hẳn cậu sẽ ăn thịt Mousqueton mà không ghê sợ, nhất là sau vài ba ngày nhịn đói.

-Ồ không đâu, – Aramis đáp, – Thực tình tôi thích ăn Blaisois hơn, vì chúng ta quen biết nó chưa bao lâu.

Người ta trao đổi với nhau câu chuyện bông đùa đó nhằm mục đích gạt ra khỏi tâm trí Arthos cái cảnh tượng vừa mới diễn ra nhưng thấy rằng bọn đầy tớ đều thấp thỏm lo âu, trừ Grimaud, bác biết rằng mối nguy hiểm, dù là nguy hiểm gì, vẫn có thể xảy ra. Cho nên bác không tham gia vào câu chuyện và câm lặng theo thói quen, bác ráng sức chèo, mỗi tay một mái.

-Bác vẫn chèo đấy à? – Arthos hỏi.

Grimaud gật đầu.

-Sao lại chèo?

-Để cho nóng người.

Thật vậy, trong khi những kẻ đắm tàu khác rét run lên, thì bác Grimaud thầm lặng đổ mồ hôi hột.

Bỗng nhiên Mousqueton mừng rỡ reo lên và tay giơ cao một cái chai. Hắn đưa chai cho Porthos và nói: -Ô ông ơi! Chúng ta thoát nạn rồi. Thuyền chứa đầy thức ăn.

-À lục lọi ở dưới gầm ghế nơi hắn ngồi, hán đã vớ được cái vật mẫu quý hoá kia, hắn lôi ra hơn chục chai như vậy, bánh mì và một tảng thịt bò muối.

Chẳng cần phải nói rằng sự khám phá ấy đem lại niềm hân hoan cho mọi người, trừ Arthos.

Ta nhớ rằng Porthos đã đói bụng từ lúc bước chân lên tàu buồm, anh reo lên: -Thật vậy! Sao lạ thật, sao những nỗi xúc động làm cho ta đói cồn cào đến thế?

Và anh uống một hơi cả chai rượu rồi ăn béng luôn trọn một phần ba cái bánh và tảng thịt muối.

-Bây giờ – Arthos nói, – Các bạn hãy ngủ đi hoặc cố mà ngủ đi, để tôi canh cho.

Đối với những người khác không phải là những chàng phiêu lưu dày dạn của chúng ta, thì lời đề nghị kia chắc hẳn là giễu cợt. Thật vậy, họ ướt lạnh đến xương tuỷ, gió rét cắt da và những nỗi xúc động vừa nếm trải không cho họ nhắm mắt. Nhưng đối với những bản chất ưu tú kia, những tính tình sắt đá kia, những cơ thể rã rời vì trăm thứ mệt nhọc kia, thì trong mọi trường hợp giấc ngủ vẫn đến đúng giờ chẳng khi nào vắng mặt.

Cho nên tận dụng lời khuyên của Arthos và vững tin ở người hoa tiêu ấy một lát sau, mỗi người đều ngủ theo một cách. Như đã hứa.

Arthos ngồi một mình ở đằng lái, tỉnh táo và tư lự điều khiển con thuyền như theo con đường nó phải đi. Chốc chốc anh lại đăm đăm ngước nhìn trời, chắc là không phải chỉ để tìm hướng đi về nước Pháp, mà còn để xem gương mặt của Thượng đế.

Arthos đánh thức mọi người dậy sau khi đã để họ ngủ mấy tiếng đồng hồ. Ánh sáng ban mai đầu tiên chiếu rạng mặt biển xanh xanh, và cách non mười tầm súng ở phía trước người ta trông thấy một khối đen sì phía trên căng một tấm buồm hình tam giác mảnh và dài như cánh én.

-Một thuyền buồm! – Bốn người bạn cùng reo lên, trong khi bọn đầy tớ cũng biểu hiện nỗi vui mừng bằng những giọng khác nhau.

Thực và đó là một chiến thuyền Dunkerquoise kéo đi về phía Boulogne-sur-Mer.

Bốn ông chủ với Blaisois và Mousqueton cùng kêu lên hòa làm một tiếng vang ngân trên mặt biển đàn hồi, trong khi Grimaud chẳng nói chẳng rằng chụp chiếc mũ vào đầu mái chèo và giơ cao lên để thu hút con mắt của những người ở trên chiếc tàu kia cũng sắp nghe thấy tiếng kêu gọi.

Mười lăm phút sau, chiếc xuồng của con tàu dắt họ đến. Họ đặt chân lên boong của con tàu nhỏ.

Grimaud được chủ mình sai đưa hai mươi đồng guinées cho chủ tàu, và do thuận gió đến chín giờ sáng thì những người Pháp của chúng ta đặt chân lên mảnh đất của Tổ quốc.

Porthos giẫm những bàn chân đồ sộ lên bãi cát và nói: -Hay thật! Giẫm lên mảnh đất này mình thấy khỏe hẳn ra. Bây giờ kẻ nào thử đến sinh sự với mình, ngó nghiêng mình hoặc chọc tức mình xem, hắn sẽ thấy là hắn gặp phải tay ai? Tôi thách thức cả một vương quốc.

-Còn tôi, – D'Artagnan nói, – Tôi xin thề với cậu là tôi chẳng thách thức oang oang như thế đâu, Porthos ạ: vì rằng ở đây người ta để ý đến chúng ta lắm

đấy.

-Thật quả vậy, – Porthos nói, – Người ta ngắm nghía chúng ta thì có.

-Này cậu, – D'Artagnan nói, – Tôi chẳng tự ái đâu, thật đấy. Tuy nhiên tôi nhìn thấy những người mặc áo đen, mà trong tình thế hiện nay của chúng ta, tôi xin thú thật rằng bọn áo đen làm tôi hoảng sợ.

-Đó là những nhân viên thuế quan, – Aramis nói.

-Dưới thời giáo chủ cũ, giáo chủ vĩ đại, – Arthos nói, chắc người ta chú ý đến chúng ta nhiều hơn là đến hàng hoá. Nhưng dưới thời giáo chủ này, các bạn hãy yên tâm, người ta sẽ chú ý đến hàng hoá nhiều hơn đến chúng ta.

-Tôi chẳng tin đâu, – D'Artagnan đáp, – Tôi sẽ đi theo lần những đồi cát.

-Tại sao không đi vào thành phố? – Porthos bảo. – Tôi thích một quán hàng tử tế hơn là những bãi sa mạc ghê tởm này mà Chúa tạo ra riêng cho loài thỏ thôi. Vả lại tôi đang đói đây.

-Porthos ạ, cậu làm thế nào tuỳ thích! – D'Artagnan nói, – Nhưng riêng tôi, tôi tin rằng đối với những kẻ trong hoàn cảnh chúng ta, thì đi ngoài đồng ruộng vẫn chắc chắn hơn.

Và chắc chắn là tập hợp được đa số, d'Artagnan cứ bước dần vào những đống cát mà chẳng đợi Porthos trả lời.

Cả toán đi theo anh và chẳng mấy chốc đã biến mất sau lưng những cồn cát, không bị mọi người chú ý.

Sau khi đi được một phần tư dặm đường, Aramis bảo: -Bây giờ ta nói chuyện nào.

-Ấy chớ. – D'Artagnan nói, – Ta hãy trốn đi. Chúng ta đã thoát khỏi Cromwell, Mordaunt và biển cả ba cái vực thẳm toan nuốt chửng chúng ta, nhưng chúng ta sẽ chẳng thoát khỏi tay ngài Mazarin đâu.

-D'Artagnan nói đúng đấy, – Aramis nói, – Và theo ý tôi, để chắc chắn hơn, chúng ta hãy chia nhau ra.

-Phải đấy. d'Artagnan, ta chia nhau ra.

Porthos toan lên tiếng phản đối, nhưng d'Artagnan bấm tay anh để anh hiểu là đừng nói.

Porthos biết tuân theo những ám hiệu ấy. Với bản tính chất phác anh thừa nhận sự hơn hẳn về trí tuệ của bạn. Cho nên anh đành câm như hến.

-Nhưng tại sao ta lại phải chia nhau ra? – Arthos hỏi.

-Bởi vì – D'Artagnan đáp, – Porthos và tôi được Mazarin phải sang với Cromwell và đáng lẽ phục vụ Cromwell thì chúng tôi đã phục vụ Charles I, hai việc đó chẳng giống nhau tí nào.Sau đó lại trở về cùng với các ông de La Fère và D'Herblay thì tội trạng của chúng tôi càng được xác nhận. Nếu chúng tôi trở về không có các anh thì tội trạng của chúng tôi ở trong tình trạng nghi ngờ, mà với

sự hoài nghi người ta sẽ đi rất xa. Mà tôi thì đang muốn làm cho ngài Mazarin điên đầu đấy.

-Ồ, đúng thế, – Porthos nói.

-Nhưng cậu quên rằng, – Arthos nói, – Chúng tôi là tù binh của cậu, chúng tôi không hề tự coi mình đã thoát lời cam kết với các cậu. Và khi các cậu dẫn chúng tôi như tù binh về Paris…

-Arthos ơi – D'Artagnan ngắt lời, – Tôi rất bực mình thấy một người trí tuệ như anh lại hay nói những điều tầm thường khiến học trò lớp ba cũng phải đỏ mặt.

Lúc ấy Aramis đang hiên ngang tì lên thanh gươm của mình, mặc dầu lúc trước anh đã nêu lên một ý kiến trái ngược, bây giờ sẵn sàng đồng tình với Arthos.

D'Artagnan quay lại phía Aramis và nói thêm: -Hiệp sĩ ơi, anh hãy hiểu rằng lúc này cũng như mọi khi tính liều lĩnh của tôi là thái quá. Tóm lại: Porthos và tôi chẳng mạo hiểm cái gì. Nhưng nếu tình cờ, người ta thử bắt giữ chúng tôi trước mặt các anh thì sao? Bắt bảy người chẳng giống bắt ba người đâu: gươm kiếm sẽ tuốt ra khỏi vỏ và sự việc vốn đã chẳng hay ho gì đối với mọi người trở thành nghiêm trọng và nguy hại cho cả bốn chúng ta. Hơn nữa, nếu tai hoạ đến với hal chúng ta thôi, thì hai người kia còn được tự do chẳng hơn ư, họ sẽ cố gắng lặn lội và đào tường phá ngạch để cuối cùng giải thoát được cho các bạn. Rồi thì biết đâu nếu chúng ta tách riêng ra, bà hoàng sẽ chẳng tha thứ cho các anh và Mazarin sẽ chẳng tha thứ cho chúng tôi, điều mà chắc hẳn họ sẽ từ chối nếu chúng ta tụ họp lại với nhau. Thôi, Arthos và Aramis hãy đi phía tay phải, còn Porthos đi về phía trái cùng tôi. Hãy để các anh ấy đi lên vùng Normandie; còn chúng ta theo con đường ngắn nhất về Paris.

-Nhưng này, – Aramis hỏi, – Nếu chúng ta có ai bị bắt ở dọc đường thì làm thế nào báo cho nhau biết tai hoạ đó?

-Chẳng có gì khó cả, – D'Artagnan đáp. – Ta hãy thoả thuận với nhau về một hành trình và cứ theo đúng như thế mà đi, không sai trệch. Các anh hãy đến Saint-Valery, rồi Dieppe, sau đó theo đường bên phải Dieppe mà tới Paris. Chúng tôi sẽ đi qua Abbeville, Amiens, Péronne, Compiègne và Senlis. Ở mỗi quán ăn, mỗi ngôi nhà mà chúng ta dừng chân, ta sẽ vạch lên tường bằng mũi dao hoặc vạch lên cửa kính bằng mảnh kim cương, một dấu hiệu có thể dẫn đường cho những người còn tự do đi tìm kiếm.

-Chao ôi – Arthos nói, – Tôi yêu quý những đức tính của trái tim cậu bao nhiêu thì tôi càng khâm phục những tài trí của khối óc cậu bấy nhiêu.

Và anh chìa tay ra cho d'Artagnan.

Chàng Gascon nhún vai nói: -Arthos ơi, liệu con cáo có tài năng không. Không, nó biết bắt gà ăn, biết đánh lạc hướng những kẻ đi săn và tìm được

đường dù ngày hay đêm, tất cả chỉ có thế thôi. Thế nào, ta thỏa thuận chứ?

-Thỏa thuận rồi.

Vậy thì ta chia tiền, – D'Artagnan nói, – Chắc còn khoảng hai trăm pistol. Grimaud, còn bao nhiêu?

-Thưa ông, một trăm tám mươi louis rưỡi ạ.

-Thế à! Hoan hô! Kìa, mặt trời! Xin chào bạn mặt trời! Tuy rằng bạn chẳng giống như mặt trời xứ Gastogne, ta vẫn nhận ra bạn hoặc ta giả hộ nhận ra bạn. Xin chào! Lâu lắm rồi ta chưa trông thấy bạn.

-Thôi, thôi d'Artagnan ơi, – Arthos nói, – Đừng có làm ra vẻ gan dạ quá,ta thấy nước mắt cậu rưng rưng kìa. Ta hãy thẳng thắn với nhau: sự thẳng thắn ấy ắt làm lộ ra những phẩm cách tốt của chúng ta.

-Ôi chao – D'Artagnan nói. – Arthos ơi: anh tưởng rằng người ta có thể chia tay một cách bình tĩnh và trong một hoàn cảnh không ít nguy hiểm hai người bạn như anh và Aramis hay sao?

-Không đâu. – Arthos đáp – Con trai của tôi ơi, hãy đến cho tôi ôm hôn nào!

-Chúa ơi! – Porthos nghẹn ngào nói. – Hình như mình sắp khóc, khỉ thật?

Và bốn người bạn nhào vào nhau: ôm chặt lấy nhau. Bốn con người ấy siết chặt trong vòng tay anh em, lúc này chỉ có một linh hồn chung.

Blaisois và Grimaud đi theo Arthos và Aramis.

Mousqueton đủ giúp cả Porthos và d'Artagnan.

Như vẫn thường làm, họ chia nhau tiền một cách đều dặn thân thiết. Rồi sau khi bắt tay từng người và nhắc đi nhắc lại với nhau những lời thề thốt về tình bằng hữu thuỷ chung, bốn nhà quý tộc chia tay nhau để đi theo con đường đã qui định, và dời chân mà vẫn còn ngoái lại nhìn nhau và gửi cho nhau những lời lẽ thân thương mà các đụn cát còn vang vọng mãi.

Cuối cùng họ không còn nhìn thấy nhau nữa.

-Chúa ơi! – Porthos lên tiếng, – D'Artagnan ơi, tôi phải nói với cậu điều này ngay lập túc, vì tôi không thể để bụng một điều gì chống lại cậu. Tôi đã không nhận ra cậu trong hoàn cảnh này.

-Vì sao? – D'Artagnan mỉm cười tinh quái và hỏi.

-Vì rằng nếu như cậu nói, Arthos và Aramis đang trải qua một mối nguy hiểm thì không phải lúc bỏ rơi họ. Tôi thú thật là tôi đã sẵn sàng theo họ và tôi vẫn sẵn sàng đuổi theo họ, bất chấp tất cả bọn Mazarin trên cõi đời này.

-Porthos ạ, cậu làm thế là phải nếu tình hình đúng như vậy, – D'Artagnan nói. – Nhưng cậu cần biết rõ một điều nhỏ nhặt này, tuy nhiên dù nhỏ nhặt mấy chăng nữa nó cũng sẽ làm thay đổi luồng suy nghĩ của cậu. Đó là các anh bạn kia không trải qua mối nguy hiểm lớn nhất, mà là chúng ta? Chúng ta chia tay họ không phải là bỏ rơi họ, mà là để khỏi làm lụy tới họ.

-Thật ư? – Porthos giương to mắt ngạc nhiên hỏi.

-Tất nhiên rồi! Nếu họ bị bắt thì đơn giản chỉ có nhà ngục Bastille, còn nếu chúng ta bị bắt thì là đến quảng trường Grève[275].

-Ô, ô! Porthos nói, – Thế thì từ đó còn xa mới tới cái huy hiệu Nam tước mà cậu hứa với tôi.

-Ô hay! Có lẽ chẳng xa đến như cậu tưởng đâu Porthos ạ. Cậu nhớ câu phương ngôn: "Mọi con đường đều dẫn tới La Mã".

-Nhưng này – Porthos hỏi, – Tại sao chúng ta trải qua những nguy hiểm to lớn hơn của Arthos và Aramis?

-Bởi vì họ chỉ có làm theo nhiệm vụ của bà hoàng Henriette giao cho, còn chúng ta thì phản lại sứ mệnh mà Mazarin giao. Bởi vì ra đi với tư cách sứ giả đến Cromwell, bây giờ chúng ta trở thành người thuộc phe vua Charles. Bởi vì đáng lẽ phải góp sức làm rơi đầu ông vua bị kết án bởi những kẻ thô bỉ mà người ta gọi là các ngài Mazarin, Cromwell, Joyce, Pride, Fairfaxx, v v… thì chúng ta suýt nữa cứu thoát vua.

-Thực tình đúng là như vậy, – Porthos nói, – Nhưng bạn thân mến ơi, lo chuyên giữa trăm công nghìn việc to lớn, tướng Cromwell Iàm gì có thì giờ nghĩ đến.

-Cromwell nghĩ đến mọi việc, Cromwell có đủ thì giờ cho mọi việc và bạn thân mến ơi, hãy tin tôi, chúng ta đừng để mất thì giờ của mình, nó quý lắm. Chúng ta chỉ an toàn sau khi đã gặp Mazarin, vậy mà vẫn còn…

-Chết thật! – Porthos nói, – Thế chúng ta sẽ nói gì với Mazarin?

Cứ để mặc tôi, tôi đã có kế hoạch, cười người hôm trước, hôm sau người cười. Ông Cromwell rất giỏi, ông Mazarin rất quỉ quyệt, nhưng tôi muốn dùng mưu thuật còn cừ hơn chống lại họ và chống lại ông Mordaunt đã quá cố.

-Này cậu, – Porthos bảo, – Được nói ông Mordaunt đã quá cố thì khoái thật.

-Thực tình đúng như vậy, – D'Artagnan đáp. – Nhưng ta lên đường thôi.

Và không để mất thời gian, hai người bạn theo hương lần ra con đường đi Paris. Mousqueton theo sau, đêm trước hắn đã đói rét cóng cả đêm, bây giờ mới đi được mười lăm phút đã nóng rực cả người.

§79. Trở về

Arthos và Aramis đi theo hành trình mà d'Artagnan đã vạch ra và cố sức đi thật nhanh. Họ thấy dường như nếu bị bắt giữ ở gần Paris thì vẫn lợi hơn ở xa.

Trong nỗi thấp thỏm lo bị bắt, nên vào ban đêm tối nào họ cũng vạch lên tường hoặc lên kính ám hiệu đã thỏa thuận. Nhưng sáng ra tỉnh giấc họ rất đỗi ngạc nhiên thấy mình vẫn tự do.

Lần lần họ tìm về Paris, những biến cố lớn mà họ đã chứng kiển và đã làm đảo lộn nước Anh dần dần tan biến như những giấc mơ.

Trong khi đó trái lại những biến cố trong thời gian vắng mặt họ đã khuấy động Paris và các tỉnh xuất hiện trước mặt họ.

Trong sáu tuần vắng mặt họ, ở Pháp đã xảy ra rất nhiều sự việc nhỏ, chúng hợp lại cũng thành như một biến cố lớn. Nhân dân Paris buổi sáng tỉnh dậy không thấy hoàng hậu, không thấy vua, xôn xao náo động cả lên về sự ra đi này; và sự vắng mặt của Mazarin mà họ rất mong muốn cũng không bù lại nổi sự vắng mặt của hai hoàng thượng bỏ trốn.

Khi Paris biết tin cuộc chạy trốn đến Saint-Germain, cuộc chạy trốn mà chúng tôi đã để bạn đọc chứng kiến, thì tình cảm trước tiên khuấy động đô thành là một kiểu hốt hoảng mà trẻ con thường cảm thấy khi chúng thức giấc giữa ban đêm hoặc trong cảnh vắng lặng.

Nghị viên hốt hoảng và quyết định cử một phái đoàn đến tìm hoàng hậu và yêu cầu bà trở về Paris sớm.

Nhưng hoàng hậu còn đang say sưa với chiến thắng Lens và với niềm kiêu hãnh về cuộc bỏ trốn thực hiện thật là đẹp đẽ. Những đại biểu Nghị viện không những không có vinh dự được bà tiếp đón, mà còn phải đứng đợi ở ngoài đường cái. Tại đây quan chưởng ấn – vẫn viên chưởng ấn Séguier mà trong cuốn "Ba Người lính ngự lâm" chúng ta đã thấy hắn ngoan cố truy lùng một bức thư giấu tận trong yếm bà hoàng hậu – Séguier trao cho họ một bức tối hậu thư của triều đình nêu rõ là Nghị viện phải tự hạ mình nhận lỗi trước Hoàng thượng về những vấn đề đã dẫn tới cuộc xích mích chia rẽ họ nếu không thì ngày hôm sau Paris sẽ bị bao vây.

Ngay lúc này, theo dự kiến của cuộc bao vây đó, quận công d'Orléans đã chiếm cầu Saint-Clou và ngài Hoàng thân đang còn chói lọi về chiến thắng Lens của ngài đã giữ Charenton và Saint-Denis.

Một sự trả lời ôn hoà của triều đình có lẽ sẽ được nhiều người đồng tình. Tiếc thay lời đe doạ kia đã gây tác dụng ngược lại với điều mong đợi. Nó đã chạm lòng tự ái của Nghị viện, Nghị viện đang cảm thấy được sự ủng hộ mạnh mẽ của giai cấp tư sản mà việc thả Broussel vừa rồi càng tỏ rõ sức mạnh. Nghị viện bèn

trả lời bức công hàm đó bằng cách tuyên bố rằng giáo chủ Mazarin rành rành là thủ phạm của tất cả những sự lộn xộn và bị coi là kẻ thù của nhà vua và quốc gia.

Nghị viện ra lệnh cho Mazarin rút lui khỏi triều đình ngay hôm đó và rời khỏi nước Pháp trong vòng tám ngày; quá hạn đó mà hắn không chấp hành thì sẽ ra lệnh cho tất cả quần thần của nhà vua đuổi đánh hắn.

Câu trả lời kiên quyết ấy mà triều đình còn lâu mới ngờ tới, đồng thời đặt cả Paris và Mazarin ra ngoài vòng pháp luật. Bây giờ chỉ còn chờ xem Nghị viện hay triều đình sẽ thắng.

Triều đình bèn chuẩn bị tấn công và Paris chuẩn bị phòng thủ.

Thế là những nhà tư sản, thị dân lại bận vào cái việc thông thường của họ trong thời tao loạn, nghĩa là chăng các dây xích và đào phá nền đường phố.

. Họ bỗng thấy ngài chủ giáo dẫn đến viện trợ cho họ hoàng thân de Conti, em của hoàng thân de Condé, và quận công de Longueville, em rể ông. Từ lúc đó họ vững dạ vì có hai vị thân vương về phe mình và hơn nữa lại có lợi thế về số đông. Sự viện trợ không hy vọng thà cô ấy đến với dân chúng Paris ngày mồng mười tháng Giêng.

Sau một cuộc bàn cãi sôi nổi, hoàng thân de Conti được phong làm tổng tư lệnh các quân đội của vua ở ngoài Paris, cùng với quận công d' Elubeuf, quận công de Bouillon và thống chế La Mothe làm trung tướng. Quận công de Longueville không chức trách và tước vị đành bằng lòng với việc phụ tá cho anh vợ mình.

Còn quận công de Beaufort từ Vendôme tới, sử chép rằng ông mang theo cái dáng bộ kiêu kỳ, mớ tóc dài và đẹp và cái tính được lòng dân nó khiến ông xứng đáng với vương quyền của các khu chợ.

Thế là quân đội Paris được tổ chức một cách vội vã; những người tư sản, thị dân do một tình cảm nào đó thôi thúc hối hả cải trang thành binh sĩ, đội quân lâm thời đã thử làm một cuộc xuất quân chủ yếu nhằm tự trấn an mình và trấn an những người khác bằng sự tồn tại của mình hơn là nhằm một điều gì nghiêm túc.

Nó mang một lá cờ phấp phơi trên đầu và ghi một tiêu ngữ thật lạ lùng: "Chúng ta đi tìm đức vua của chúng ta!"

Những ngày tiếp sau, họ làm một vài cuộc hành quân bộ phận chẳng có kết quả nào khác ngoài việc cướp đi mấy đàn gia súc và đốt cháy vài ba ngôi nhà.

Lúc ấy vào những ngày đầu tháng Hai. Đúng ngày mồng một, bốn người bạn của chúng ta cập bến Boulogne-sur-Mer và chia làm hai ngả đi về Paris.

Đến ngày thứ tư, họ tránh Nanterre một cách thận trọng để khỏi rơi vào tay một nhóm nào đó theo hoàng hậu.

Arthos làm những việc phòng bị ấy một cách cẩn thận, nhưng Aramis đã nhắc nhủ anh rất chí lý rằng: họ không có quyền bất cần, họ được vua Charles ủy

nhiệm một việc tối thượng và thiêng liêng và nhiệm vụ ấy được định hướng trao từ dưới chân đoạn đầu đài chỉ kết thúc ở dưới chân bà hoàng Henriete.

Arthos dành nhượng bộ.

Đến ngoại ô hai lữ khách thấy việc canh phòng cẩn mật, toàn Paris được vũ trang. Lính canh không cho hai nhà quý tộc đi qua và gọi viên đội.

Viên đội ra ngay lập tức và lấy bộ dạng quan trọng như những người tư sản thường làm khi có vinh dự được mang một chức vị nhà binh.

-Các ông là ai? – Hắn hỏi.

-Hai nhà quý tộc, – Arthos đáp.

-Các ông từ đâu đến – Từ London.

-Các ông đến Paris làm gì?

-Thực hiện một sứ mệnh nơi hoàng hậu Anh quốc.

-Ái chà! Hôm nay tất cả mọi người đều đến nhà hoàng hậu Anh quốc cả! viên đội đối đáp. – Ở đồn này đã có ba nhà quý tộc đang đưa kiểm tra giấy tờ và sắp đi đến chỗ hoàng hậu. Giấy thông hành của các ông đâu?

-Chúng tôi không có.

-Sao, các ông không có à?

-Không, chúng tôi đã nói là chúng tôi từ bên nước Anh về. Rời Paris từ trước khi nhà vua ra đi, chúng tôi hoàn toàn không biết tình hình chính trị diễn ra đến đâu rồi.

-A! – Viên đội nói với vẻ ranh mãnh – Các ông là những người thuộc phái Mazarin định vào đây để dọ thám chúng tôi.

Từ nãy Arthos vẫn để Aramis trả lời, bây giờ mới nói: -Ông bạn thân mến ơi, nếu chúng tôi là người phải Mazarin thì trái lại, chúng tôi đã có đủ mọi thứ giấy tờ. Trong hoàn cảnh của các ông lúc này tôi thiết tưởng trước hết các ông hãy đề phòng những người có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ.

-Các ông hãy vào trong đơn vị canh phòng, – viên đội nói, – và trình bày lý lẽ với ông chỉ huy đồn.

Hắn ra hiệu cho lính gác đứng ra một bên, rồi đi trước dẫn hai nhà quý tộc vào.

Đơn vị canh phòng gồm toàn những nhà tư sản và lớp bình dân người này đánh bạc, người kia uống rượu, người khác tán chuyện gẫu.

Trong một góc được canh chừng, ba người quý tộc đến trước đang đợi kiểm tra giấy tờ thông hành. Viên sĩ quan xem xét giấy tờ ngồi ở phòng bên cạnh, cấp bậc của anh ta khá quan trọng nên được dành một phòng riêng.

Cử chỉ trước tiên của những người đến trước và những người đến sau là từ hai đầu của đơn vị canh phòng, họ đưa mắt nhìn nhau rất nhanh và dò xét.

Những người đến trước khoác những tấm áo choàng dài phủ lên những bộ y phục chỉnh tề. Một người nhỏ nhắn hơn đồng bọn đứng ở phía sau khuất trong

bóng. Nghe viên đội báo rằng, rất có khả năng hắn dẫn vào hai kẻ thuộc phái Mazarin, ba người quý tộc lắng tai lên và chú ý. Người nhỏ nhất trong bọn họ đã bước lên hai bước lại lùi lại một bước và lẩn vào bóng tối. Nghe nói hai người mới đến không có thông hành cả đơn vị canh phòng hầu như nhất trí là không để cho họ vào.

-Có chứ? – Arthos nói, – Trái lại, rất có khả năng là chúng tôi sẽ vào bởi vì dường như chúng tôi đang tiếp xúc với những người biết chuyện. Vả lại có thể làm một điều rất đơn giản là thỉnh tên họ của chúng tôi đến Lệnh bà hoàng hậu Anh quốc. Nếu như Lệnh bà bảo đảm cho chúng tôi, thì chắc các ông sẽ thấy rằng để chúng tôi đi vào chẳng có điều gì tai hại cả.

Nghe câu nói ấy, sự chú ý của người quý tộc nấp trong bóng tối càng tăng gấp bội, thậm chí kèm theo một cử chỉ kinh ngạc, đến nỗi tấm áo choàng mà ông ta quấn chặt lại đẩy rơi chiếc mũ xuống đất:

Ông ta cúi xuống và vội vã nhặt lên.

Ồ! Lạy Chúa! – Aramis thúc khuỷu tay vào Arthos mà nói – Anh có trông thấy không?

-Cái gì cơ? – Arthos hỏi.

-Khuôn mặt của người nhỏ nhất trong số ba nhà quý tộc kia.

-Không.

-Hình như tôi đã…, nhưng điều ấy không thể có được.

Vừa lúc ấy viên đội vào phòng riêng của viên sĩ quan chỉ huy để nhận lệnh đi ra, hắn trao một tờ giấy cho ba người quý tộc và nói: -Giấy thông hành hợp lệ cả, hãy để cho ba ông này đi qua.

Ba người quý tộc cúi đầu chào và vội vã đi ra lối cửa đã mở theo lệnh viên đội.

Aramis đưa mắt dõi theo và lúc người khách nhỏ nhất đi qua trước mặt, anh siết mạnh tay Arthos.

-Có chuyện gì đấy hả bạn? – Arthos hỏi.

-Tôi thấy… chắc là một tưởng tượng của tôi.

Rồi quay lại phía viên đội, anh hỏi: -Xin ông cho biết ông có quen ba nhà quý tộc vừa ra khỏi dây không.

-Tôi biết họ qua giấy thông hành: đó là các ông de Flamarenx, de Châtillon và de Bruy, ba nhà quý tộc phái Fronde đang đi tới chỗ quận công de Longueville.

Aramis như trả lời cho ý nghĩ của chính mình hơn là nói với viên đội: -Quái lạ, mình tưởng như nhận ra chính lão Mazarin.

Viên đội bật cười, nói: -Lão ấy à! Liều mạng đến chỗ chúng tôi để được treo cổ à? Đâu lại ngu ngốc đến thế!

-A! – Aramis lẩm bẩm, – Có thể mình bị lầm lắm chứ; mình chẳng còn con mắt sắc sảo như d'Artagnan.

-Ai nói đến d'Artagnan đó? – Viên sĩ quan vừa lúc ấy ra đến ngưỡng cửa hỏi.

-Ôi! – Grimaud trợn tròn mắt kêu lên.

-Cái gì thế? – Aramis và Arthos cùng hỏi.

-Planchet! – Grimaud nói – Planchet với giáp che cổ.

-À! Các ông de La Fère và D'Herblay, – viên sĩ quan reo lên. – Các ông trở về Paris! Ôi, tôi mừng quá! Chắc hẳn các ông đến với các vị hoàng thân?

Trong khi Arthos mỉm cười nhìn người bạn cũ của Mousqueton, Bazin và Grimaud giữ một cấp bậc quan trọng trong đội tự vệ tư sản thì Aramis nói: -Như cậu thấy đấy, Planchet thân mến ạ.

-Thưa ông D'Herblay, liệu ông có thể cho tôi biết tin tức về ông d'Artagnan mà ông vừa nhắc đến.

-Bạn thân mến ơi, chúng tôi chia tay ông ấy cách đây bốn ngày, và chắc hẳn ông ấy đã tới Paris trước chúng tôi.

-Không đâu, tôi chắc chắn là ông ấy chưa trở về đô thành, có lẽ ông ấy ở lại Saint-Germain.

-Tôi vừa mới qua đấy hôm nay mà.

Aramis mỉm cười hỏi: -Thế mỹ nhân Madeleine có tin tức gì về ông ấy không?

-Không, tôi cũng chẳng giấu ông rằng bà ta tỏ vẻ rất lo lắng.

-Kể ra thì giờ cũng gấp lắm rồi – Aramis nói – mà chúng tôi cũng rất vội vã. Vậy nên Arthos thân mến ơi, tôi chẳng hỏi tin thêm về anh bạn của chúng ta, và hãy cho phép tôi chúc mừng ông Planchet.

-A! Ông hiệp sĩ! – Planchet nghiêng mình nói.

-Ông trung uý! – Aramis đáp.

-Trung uý và được hứa hẹn lên đại uý.

-Tuyệt lắm! – Aramis nói. – Thế nhưng vinh dự ấy đến với anh như thế nào?

-Trước hết, các ông có biết rằng chính tôi đã cứu ông de Rochefort không.

-Biết quá đi! Ông ta đã kể cho chúng tôi nghe.

-Việc ấy khiến tôi suýt bị lão Mazarin treo cổ và tất nhiên cũng khiến tôi được lòng dân hơn nữa.

-Và cũng nhờ được lòng dân…

-Không, nhờ có một cái gì hơn thế kia. Hẳn các ông biết rằng trước kia tôi đã phục vụ ở trung đoàn Piémont và được vinh dự làm đội trưởng.

-Phải rồi.

-Ấy thế! Một hôm có một đám tư sản và thị dân vũ trang đi diễu hành mà người thì bước chân trái, người thì bước chân phải, chẳng ai có thể xếp họ thành

hàng lối cả. Tôi mới hướng dẫn họ và khiến họ đi đều bước hẳn hoi, và thế là người ta bèn phong cho tôi làm trung uý ở ngay bãi… tập.

-À, ra thế đấy! – Aramis nói.

-Thành thử ra, – Arthos tiếp lời, – Các anh có một đám quý tộc đi với mình phải không?

-Đúng vậy! Chắc các ông cũng biết lúc đầu chúng tôi có hoàng thân de Conti, quận công de Longueville, quận công de Beaufort, quận công de d'Elbeuf, quận công de Bouillon, quận công de Chevreuse, ông Brissac, thống chế de La Mothe, ông de Luyne, hầu tước de Vitry, hoàng thân de Marcillac, hầu tước de Marcillacs, bá tước Noirmoutiers, hầu tước de Fiesque, hầu tước Laigues, công tước de Montrésor, hầu tước de Sévigné, rồi còn ai mà biết không nữa nhỉ…

-Thế còn ông Raoul de Bragelonne đâu? – Arthos hỏi với giọng xúc động. – D'Artagnan có nói với tôi là khi ra đi đã gửi gắm ở nơi anh Planchet tốt bụng của tôi mà.

-Vâng, thưa bá ông d'Artagnan đã coi cậu Raoul như chính con đẻ của mình, và tôi phải thưa rằng tôi không lúc nào rời mắt khỏi cậu ấy.

Giọng lạc đi vì mừng rỡ, Arthos lại hỏi tiếp: -Thế cậu ta có mạnh khỏe không. Có gặp tai nạn gì không?

-Không sao cả, ông ạ.

-Cậu ta hiện ở đâu?

-Vẫn ở phố Grand-Roi-Charlemagne…

-Hằng ngày cậu ta làm gì?

-Khi thì đến hoàng hậu Anh quốc, lúc tới bà de Chevreuse. Cậu ấy và bà de Guise chẳng rời nhau mấy khi.

-Cảm ơn Planchet, cám ơn nhé! – Arthos vừa nói vừa chìa tay ra.

Planchet khẽ chạm đầu ngón tay mình vào bàn tay Arthos và đáp: -Ôi! Thưa ông bá tước.

-Ơ kìa! Bá tước làm cái gì vậy! Với một tên đầy tớ cũ! – Aramis nói.

-Bạn ơi, – Arthos đáp, – Anh ta cho tôi biết tin tức về Raoul.

Planchet không nghe thấy lời nhận xét ấy nói: -Thế bây giờ các ông định làm gì?

-Planchet thân mến ơi, nếu anh cho phép thì chúng tôi trở về Paris, – Arthos nói.

-Sao! Tôi mà cho phép các ông? Ông bá tước nhạo tôi đấy ư? – Tôi chẳng là gì khác ngoài kẻ hầu hạ ông. – Planchet đáp và cúi đầu.

Rồi quay về phía quân mình, anh bảo: -Hãy để các ngài đây đi qua. Tôi biết các ngài, các ngài là bạn của ông de Beaufort đấy.

-Ông de Beaufort muôn năm! – Cả đồn đồng thanh hô và mở đường cho Arthos và Aramis. Riêng viên đội đến gần Planchet và lẩm bẩm.

-Sao! Không có giấy thông hành à?

-Không giấy thông hành – Planchet đáp…

-Thưa đại uý, – Viên đội nói và thăng tước cho Planchet cấp bậc mà người ta đã hứa, – Hãy chú ý là một trong số ba người đi ra lúc nãy có nói nhỏ với tôi là phải đề phòng các ông này.

Planchet trịnh trọng nói: -Còn tôi, tôi quen các ông này và tôi xin bảo đảm.

Nói rồi anh bắt tay Grimaud, bác ta có vẻ lấy làm vinh dự về sự đối xử đặc biệt ấy.

-Tạm biệt đại uý nhé! – Aramis nói với giọng giễu cợt, – Nếu có chuyện gì xảy ra, chúng tôi sẽ kêu nài lên ông đấy.

-Thưa ông, về điều này cũng như về mọi việc khác, tôi vẫn là kẻ hầu hạ của ông.

Aramis lên ngựa nói: -Cái thằng ranh này xem ra sáng trí lắm.

-Sao lại không? – Arthos cũng nhảy lên yên và nói: sau bao nhiêu năm chải mũ cho chủ nó mà!

§80. Những sứ giả

Hai người bạn lên đường ngay và xuôi xuống cái dốc cao ngoại ô. Nhưng tới chân dốc họ rất đỗi ngạc nhiên thấy các phố xá Paris biến thành sông ngòi và các quảng trường biến thành hồ ao. Sau những trận mưa lớn đầu tháng Giêng, sông Seine dâng cao và cuối cùng tràn ngập nửa kinh thành.

Arthos và Aramis cho ngựa xông bừa xuống chỗ lụt nhưng chẳng mấy chốc nước ngập đến ngực ngựa, và hai nhà quý tộc phải rời ngựa để đi thuyền. Họ dặn mấy người đầy tớ đợi họ ở Khu Chợ.

Thế là họ đi thuyền cập vào cung Louvre. Trời tối mịt. Những ngọn đèn lồng vàng vọt run rẩy trên các ao hồ, những chiếc thuyền chở lính tuần tra lấp lánh gươm súng, những tiếng gọi canh đêm trao đổi giữa các đồn bốt, cảnh tượng ấy của thành phố Paris làm loá mắt Aramis, con người nhạy bén nhất với những tình cảm hiếu chiến mà người ta có thể gặp.

Họ tới chỗ hoàng hậu Henriette, nhưng buộc phải chờ đợi. Bà hoàng đang tiếp những người quý tộc mang đến những tin tức về nước Anh.

Nghe người hầu nói vậy, Arthos bảo hắn: -Chúng tôi cũng vậy, chúng tôi không những mang những tin tức của nước Anh mà chúng tôi còn đích thân từ nước Anh tới đây.

-Vậy xin các ngài cho biết quý danh, – tên hầu nói.

Aramis đáp.

-Bá tước de La Fère và hiệp sĩ D'Herblay.

Đã được nghe bà hoàng bao lần thốt lên những tên này trong niềm hy vọng, gã hầu nói: -A! Trường hợp này lại khác, và tôi chắc Lệnh bà sẽ chẳng tha thứ cho tôi nếu tôi để các ngài phải chờ đợi dù chỉ chốc lát. Xin các ngài hãy theo tôi.

Và hắn đi trước, Arthos và Aramis theo sau.

Đến phòng bà hoàng, hắn ra hiệu cho họ chờ, rồi mở cửa và nói: -Thưa Hoàng thượng, mong Lệnh bà xá lỗi cho tôi đã trái lệnh Người, nếu Người biết rằng những vị khách mà tôi đưa vào là các ngài bá tước de La Fère và hiệp sĩ D'Herblay.

Nghe nói đến hai cái tên ấy, hoàng hậu mừng rú lên khiến hai nhà quý tộc cũng nghe thấy.

-Tội nghiệp hoàng hậu? – Arthos lẩm bẩm.

-Ô! Mới các ông vào! Mời các ông vào! – Cô công chúa trẻ reo lên và lao ra cửa.

Cô gái đáng thương không rời mẹ và cố gần gủi chắm sóc bà để bà khuây khoả nỗi nhớ hai anh và em gái cô.

Cô tự ra mở cửa và bảo: -Xin mời các ông vào.

Arthos và Aramis cúi chào. Bà hoàng ngồi trong một chiếc ghế bành. Đứng trước mặt bà là hai nhà quý tộc mà các anh đã gặp ở bốt canh.

Đó là các ông Flamarens và Gaspard de Coligny, công tước de Châtillon em của người bảy tám năm về trước đã bị giết ở quảng trường Hoàng gia trong một cuộc đấu kiếm dính dáng đến chuyện bà Longueville.

Nghe báo hai người mới vào, họ lùi lại một bước và thì thầm với nhau vài lời vẻ lo ngại.

Trông thấy Arthos và Aramis, hoàng hậu Anh quốc reo lên: -A! Các ông đấy à! Cuối cùng các ông, những người bạn trung thành đã trở về. Nhưng các, chuyến thư tín của Nhà nước còn đi nhanh hơn các ông. Triều đình đã hay tin các sự việc ở London khi các ông tới các cửa ô Paris. Đây là các ông de Flamarenx và de Châtillon do hoàng hậu Anne d'Autriche phải mang đến cho tới những tin tức mới nhất.

Aramis và Arthos liếc nhìn nhau. Sự bình thản và cả nỗi vui mừng nửa lấp lánh trong đôi mắt của bà hoàng khiến các anh hết sức kinh ngạc.

Bà hoàng quay lại phía các ông Flamarens và Châtillon và bảo: -Xin mời ông tiếp tục đi. Các ông nói rằng Hoàng thượng Charles I, vị cha tôn nghiêm của tôi đã bị kết án từ hình trái với nguyện vọng của đa số quần thần Anh phải không?

-Vâng, thưa Lệnh bà, – Hai ông lắp bắp.

Arthos và Aramis nhìn nhau mỗi lúc một kinh ngạc hơn.

-Và rồi, – bà hoàng nói tiếp, – Khi bị đưa ra đoạn đầu đài! Ôi lạy Chúa, ôi quân vương của tôi! Và khi bị đưa ra đoạn đầu đài, Người được đám dân chúng bất bình cứu thoát!

-Vâng, thưa Lệnh bà, – Châtillon đáp lại rất khẽ chỉ có hai nhà quý tộc hết sức chăm chú mới nghe được lời khẳng định ấy.

Bà hoàng chắp hai bàn tay lại với vẻ biết ơn sâu sắc, trong khi cô gái quàng tay lên cổ mẹ và hôn bà, mắt đầm đìa những giọt lệ mừng vui.

Châtillon thấy vai kịch mình sắm quá nặng nề và đỏ mặt lên trước cái nhìn trân trân và sắc sảo của Arthos, nói: -Bây giờ, chúng tôi chỉ còn dâng lên Hoàng thượng những kính lễ của chúng tôi.

-Khoan đã nào, các ông, – hoàng hậu vừa nói vừa ra hiệu giữ họ lại. – Hãy nán lại một lát bởi vì các ông de La Fère và ông d'Herblay đây mà chắc các ông có nghe nói, đã tới London và là nhân chứng mắt thấy tai nghe, có lẽ sẽ kể những chi tiết mà các ông không biết. Các ông sẽ kể lại những chi tiết này cho hoàng hậu, cô em dâu tốt bụng của tôi nghe, đừng giấu giếm tôi điều gì, đừng nương nhẹ tôi. Hoàng thượng vẫn còn sống và danh dự vương tông được bảo toàn thì mọi chuyện khác đối vôi tôi chẳng có nghĩa lý gì.

Arthos tái mặt và đưa tay lên ngực.

Hoàng hậu trông thấy vẻ mặt tái và cử chỉ ấy vội nói.

-Thế nào, hãy nói đi, tôi van ông.

-Xin Lệnh bà xá lỗi, – Arthos nói – Nhưng tôi chẳng muốn thêm thắt gì vào câu chuyện kể của các ông đây trước khi các ông thừa nhận là có thể các ông đã lầm.

-Lầm à! – Hoàng hậu gần như tức tối kêu lên – Lầm à?… Vậy thì chuyện gì đã xảy ra? Ôi, lạy Chúa.

-Thưa ông, – Flamarenx nói với Arthos.

-Nếu chúng tôi lầm thì đó là do hoàng hậu nói sai, và chúng tôi thiết nghĩ rằng các ông không có ý định sửa lại vì như vậy là đính chính điều mà Hoàng thượng nói.

-Điều sai lầm ấy là do hoàng hậu ư, thưa ông? – Arthos hỏi hằng giọng bình tĩnh và âm vang.

-Vâng – Flamarenx cúi mặt xuống lẩm bẩm.

Arthos thở dài buồn bã.

-Phải chăng điều sai lầm ấy là do cái người đi cùng với các ông mà chúng tôi đã gặp ở đơn vị canh phòng cửa ô Roule – Aramis nói với vẻ lịch sự khiêu khích. – Bởi vì nếu bá tước de La Fère và tôi không lầm, thì các ông có ba người khi đi vào Paris.

Châtillon và Flamarenx rùng mình.

Nỗi lo âu mỗi lúc một tăng, hoàng hậu kêu lên: -Nhưng bá tước hãy giải thích đi. Tôi đọc thấy nỗi tuyệt vọng trên trán ông, miệng ông ngập ngừng phải báo cho tôi một tin tức khủng khiếp, bàn tay ông run lên kia… Ôi! Lạy Chúa? Lạy Chúa! Có chuyện gì xảy ra vậy?

Nàng công chúa trẻ quỳ xuống bên cạnh mẹ nói: -Cầu Chúa hãy rủ lòng thương chúng tôi.

-Này, ông ơi, – Châtillon nói, – Nếu các ông mang một tin bất hạnh mà lại báo cho hoàng hậu biết thì các ông hành động như một người tàn nhẫn.

Aramis sấn đến gần như chạm vào người Châtillon. Mím môi lại và mắt nảy lửa, anh nói: -Này ông, tôi thiết tưởng rằng ông không có ý định dạy bá tước de La Fère và tôi điều gì cần phải nói ở đây chứ?

Trong lúc diễn ra cuộc đấu khẩu ngắn ngủi ấy, Arthos vẫn đặt lên ngực và đầu cúi xuống, tiến đến gần hoàng hậu và nói bằng giọng xúc động: -Thưa Lệnh bà, do bản chất ở cao hơn những kẻ khác, những ông hoàng bà chúa được trời phú cho một trái tim để chịu đựng những nỗi bất hạnh to lớn hơn rất nhiều những bất hạnh của kẻ tầm thường; bởi vì trái tim của họ có liên quan đến tính ưu việt của họ. Cho nên tôi thiết nghĩ là một hoàng hậu lớn như Hoàng thượng không thể nào hành động giống như một người đàn bà thân phận như chúng tôi. Thưa hoàng hậu, người được phó cho tất cả những sự tuẫn nạn trên cõi trần này, đây là kết quả cái sứ mạng vinh dự mà Người đã trao cho chúng tôi.

Và quỳ xuống trước mặt bà hoàng hồi hộp và lạnh ngắt, Arthos rút từ trong ngực ra một cái hộp trong đựng tấm huân chương bằng kim cương mà hoàng hậu đưa cho Lord de Winter trước khi ra đi, và chiếc nhẫn cưới mà vua Charles trước khi chết giao cho Aramis. Từ khi nhận hai kỷ vật ấy, Arthos không lúc nào rời chúng cả.

Anh mở hộp và giơ những kỷ vật đó ra cho bà hoàng hậu với một nỗi đau đớn âm thầm và sâu sắc.

Hoàng hậu đưa tay ra cầm lấy chiếc nhẫn, run rẩy đưa lên môi hôn, rồi không buông nổi một tiếng thở dài, không thốt ra được một tiếng nức nở, bà dang tay ra, tái nhợt đi và ngã ngất trong vòng tay các cung nữ và con gái.

Arthos hôn lên gấu áo người quả phụ đáng thương và đứng lên với một vẻ uy nghiêm nó gây ấn tượng sâu sắc đến những người chứng kiến, anh nói: -Tôi, bá tước de La Fère, người quý tộc không bao giờ nói dối, tôi thề trước Chúa trước tiên, rồi trước bà hoàng hậu tội nghiệp, rằng tất cả những gì có thể làm được để cứu đức vua, chúng tôi đã làm trên đất nước Anh.

Rồi quay lại phía Aramis, anh nói tiếp: -Hiệp sĩ, bây giờ chúng ta hãy ra đi, nhiệm vụ của chúng ta đã hoàn thành.

-Chýa hết, – Aramis bảo, – Chúng ta còn phải nói một lời với các vị này.

Rồi quay lại phía Châtillon, ông nói: -Thưa ông, liệu ông có vui lòng đi ra ngoài, dù chỉ một lát thôi, đề nghe những lời mà chúng tôi không thể nói trước mặt bà hoàng?

Châtillon không đáp, chỉ cúi đầu ra hiệu đồng ý.

Arthos và Aramis đi trước, Châtillon và Flamarens theo sau.

Chẳng nói một lời, họ đi qua tiền sảnh, nhưng khi tới một nền đất ngang bằng với một cửa sổ, Aramis đi theo lối nền đất hoàn toàn vắng vẻ. Đến cửa sổ anh dừng chân và quay về phía công tước de Châtillon, anh nói: -Thưa ông, ban nãy hình như ông tự cho phép mình cư xử với chúng tôi thật lỗ mãng. Như vậy dù ở trường hợp nào cũng đều bất nhã, tệ hơn nữa nó lại do những người mang đến cho hoàng hậu tin tức của một kẻ nói dối.

-Ơ, cái ông này! – Châtillon kêu lên.

Aramis hỏi với giọng giễu cợt: -Các ông đã làm gì ông de Bruy? Phải chăng do tình cờ mà ông ta thay đổi bộ mặt khiến nó giống hệt ông Mazarin? Ai cũng biết rằng ở Hoàng cung có vô số mặt nạ của ngýòi Ý để thay đổi từ mặt nạ thằng hề đến mặt nạ rối Pantalon.

-Nhưng ông khiêu khích chúng tôi đấy à? Tôi ngỡ như vậy.- Flamarens nói.

-A! Các ông chỉ ngỡ thôi à?

-Hiệp sĩ ơi, hiệp sĩ! – Arthos kêu.

-Kìa, cứ để mặc tôi làm, – Aramis bực bội nói, – Anh biết rằng tôi không thích những chuyện tồn tại ở dọc đường.

-Thế thì kết thúc đi, ông ơi, – Châtillon nói với vẻ ngạo mạn chẳng thua gì Aramis.

Aramis nghiêng mình nói: -Thưa các ông, một người khác ngoài tôi hoặc bá tước de La Fère có lẽ sẽ bắt giữ các ông đây, vì rằng chúng tôi có vài người bạn thân ở Paris. Nhưng chúng tôi hiến các ông một cách để ra đi mà chẳng lo ngại gì. Hãy đến cái bãi hoang kia, kiếm cầm tay và nói chuyện với chúng tôi năm phút.

-Sẵn lòng, – Châtillon nói.

-Khoan đã, các ông, – Flamarens kêu lên. – Tôi biết rõ lời đề nghị thật cám dỗ, nhưng vào giờ này thì không thể chấp nhận được.

Aramis nói giọng giễu cợt: -Tại sao vậy? Phải chăng sự gần gũi Mazarin đã khiến các ông thận trọng đến thế?

-Ồ! Flamarens, ông nghe đấy, – Châtillon nói – Không đáp lại sẽ là một vết nhơ cho tên tuổi của tôi và danh dự của tôi.

-Ý kiến tôi cũng vậy, – Aramis nói.

-Ông đừng trả lời nữa, – Flamarens nói, – Song tôi chắc rằng lát nữa các ông cũng sẽ đồng ý với tôi.

Aramis bắt đầu với một cử chỉ xấc xược không tưởng tượng nổi. Châtillon thấy vậy liền đặt tay vào đốc kiếm.

-Công tước ơi, – Flamarens nói, – Ông quên rằng ngày mai ông phải chỉ huy một cuộc tiến quân thật là quan trọng, và do ngài Hoàng thân chỉ định và Hoàng hậu chấp thuận, từ giờ cho tới mai ông không còn thuộc về ông nữa.

-Được! Vậy thì đến sáng ngày kia, – Aramis nói.

-Đến sáng ngày kia, – Châtillon nói, – Thì lâu quá, các ông ạ.

-Không phải tôi ấn định và yêu cầu thời hạn đó. – Aramis nói. – Nhất là hình như người ta có thể gặp lại nhau ở cuộc ra quân đó.

-Vâng thưa ông, – Châtillon nói, – Ông có lý, và rất vui lòng nếu ông quá bộ đến tận cửa ô Charenton.

-Sao vậy? Để có danh dự gặp ông, tôi có thể đi cùng trời cuối đất, huống hồ chỉ phải đi có một vài dặm thôi.

-Vậy thì đến ngày mai.

-Tôi mong như vậy. Bây giờ ông hãy đi đến với giáo chủ của ông. Nhưng trước hết, hãy lấy danh dự mà thề rằng ông sẽ không báo cho ông giáo chủ biết là chúng tôi đã trở về.

-Lại còn ra điều kiện ư?

-Sao lại không.

-Bởi vì chỉ có người chiến thắng mới ra điều kiện, còn các ông thì lại không phải như vậy.

-Thế thì, chúng ta tuốt gươm ra ngay bây giờ. Đối với chúng tôi chẳng sao cả, vì rằng chúng tôi không chỉ huy cái cuộc ra quân ngày mai.

Châtillon và Flamarens nhìn nhau. Lời nói và cử chỉ của Aramis đầy vẻ châm biếm khiến họ nhất là Châtillon, khó mà kềm chế nổi tức giận. Nhưng rồi gã nhịn được trước lời nói của Flamarens. Gã nói: -Thôi được! Người bạn của chúng ta dù là gì chăng nữa, cũng không biết gì về những điều đã xảy ra. Nhưng này ông, ông hứa rằng ngày mai có mặt ở Charenton phải không?

-A! Các ông cứ yên trí, – Aramis đáp.

Bốn nhà quý tộc chào nhau, nhưng lần này Châtillon và Flamarens đi ra khỏi cung Louvre trước, còn Arthos và Aramis theo sau.

-Này, Aramis, – Arthos hỏi, – Ai làm cho cậu nổi cơn điên giận lên thế?

-Họ đã… thế anh không trông thấy à?

-Không.

-Họ đã cười khẩy khi chúng ta thề rằng chúng ta đã làm nhiệm vụ của mình ở trên nước Anh. Có thể họ tin hoặc không tin. Nếu tin thì họ cười khẩy là để lăng mạ chúng ta; nếu không tin thì họ càng lăng nhục chúng ta hơn, và phải làm chứng tỏ cho họ biết chúng ta là thế nào chứ? Với lại tôi cũng chẳng bực mình thấy họ hoãn việc này đến ngày mai đâu; tôi cho rằng tối nay chúng ta có việc gì đó làm hay hơn là đấu kiếm.

-Việc gì thế?

-À, chúaôi! Chúng ta cho bắt lão Mazarin.

Arthos bĩu môi khinh thị và nói: -Những cuộc chiến ấy không hợp với tôi, cậu biết chứ, Aramis?

-Tại sao vậy?

-Tại vì nó giống những cuộc đánh úp.

-Arthos ạ, kể ra anh có thể là một vị tướng kỳ cục đấy. Anh chỉ đánh nhau ban ngày thôi, anh sẽ cho đối phương biết trước giờ mà anh tấn công, và anh sẽ chẳng nhằm đánh họ ban đêm bao giờ, vì sợ họ buộc tội là anh đã lợi dụng bóng tối.

Arthos mỉm cười nói: -Cậu biết rằng người ta chẳng thể thay đổi được bản tính mình. Và chăng cậu có biết chúng ta đang ở đâu không, và biết đâu bắt lão Mazarin lại chẳng phải việc xấu hơn là việc tốt, một sự lôi thôi hơn là một chiến công?

-Arthos, hãy nói rằng anh không tán thành kiến nghị của tôi.

-Không đâu, trái lại tôi cho rằng đó là thẳng thắn; tuy nhiên…

-Tuy nhiên làm sao?

-Tôi cho rằng đáng lẽ cậu không nên bắt những gã kia thề là không nói gì cho Mazarin biết; vì rằng bắt họ thề như vậy thì hầu như cậu cũng đã cam kết rằng sẽ chẳng làm gì cả?

-Tôi thề rằng tôi chẳng cam kết gì hết, tôi tự coi như mình hoàn toàn tự do. Nào, nào, Arthos, ta đi thôi?

-Đi đâu?

-Đến ông de Beaufort hoặc ông de Bouillon; chúng ta sẽ cho họ biết tình hình ra sao.

-Được, nhưng với một điều kiện là ta sẽ bắt đầu bằng ông chủ giáo. Đó là một tu sĩ, ông ta thông thạo về những điều nan giải và chúng ta sẽ kể với ông ta điều băn khoăn của ta.

-A! – Aramis kêu lên, – Ông ta sẽ làm hỏng cả, sẽ chiếm lấy hết cả. Ta sẽ không bắt đầu từ ông ấy mà kết thúc ở ông ấy.

Arthos mỉm cười. Ta thấy anh có một suy nghĩ từ trong đáy lòng mà không nói ra.

-Thế thì, – anh nói, – Ta bắt đầu bằng người nào?

-Bằng ông de Bouillon nếu như anh vui lòng, nhà ông ấy là nhà đầu tiên trên đường ta đi.

-Bây giờ cậu cho phép mình một việc nhé!

-Việc gì?

-Mình đến khách sạn "Grand-Roi-Charlemagne." để ôm hôn Raoul.

-Ơ kìa! Thế thì tôi cũng đi với anh và chúng ta sẽ cùng ôm hôn nó.

Hai người lại xuống chiếc thuyền đã đưa họ đến đây và đi ra khu chợ. Họ gặp Grimaud và Blaisois đang giữ ngựa của họ, và cả bốn thầy trò đi về phố Guénégaud.

Nhưng Raoul không có ở khách sạn "Grand-Roi-Charlemagne.", trong ngày anh nhận được một bức thư của ngài hoàng thân và lập tức cùng Olivain ra đi ngay.

§81. Ba phụ tá của Tổng tư lệnh

Theo như đã thoả thuận với nhau, sau khi ra khỏi khách sạn "Đại đế Grand-Roi-Charlemagneơ", Arthos và Aramis đi về phía dinh công tước de Bouillon.

Đêm tối mù mịt và mặc dầu đi vào những giờ yên tĩnh và vắng vẻ vẫn tiếp tục vang lên hàng nghìn tiếng động nó khiến một thành phố bị bao vây giật mình tỉnh dậy.

Đi mỗi bước là gặp các lũy chướng ngại, ở mỗi ngách phố xá là những sợi dây chăng, ở mỗi ngã tư là những toán quân đóng ngoài trời. Những đội tuần tra nhan nhản gặp nhau và trao đổi mật khẩu; những người đưa tin do các chỉ huy khác nhau phải đi như mắc cửi.

Cuối cùng những cuộc đối thoại sôi nổi chỉ rõ sự xao xuyến nhân tâm được trao đổi giữa những dân cư hoà bình đứng ở cửa sổ với những người hiếu chiến hơn họ mang thương tích trên vai hoặc súng cầm tay chạy khắp phố phường.

Đi chưa được trăm bước, Arthos và Aramis bị lính canh ở lũy chướng ngại ngăn giữ lại và hỏi mật khẩu. Các anh nói là đi đến nhà ông de Bouillon để báo cho ông biết một tin tức quan trọng, và người ta đành cho một người gọi là để đưa các anh đi vào dễ dàng, nhưng thực ra là để canh phòng các anh. Người dẫn đường đi trước và hát:

"Cái ông Bouillon hiền lành
Bị bệnh phong thấp nó hành"

Đó là một trong những bài ca mới mẻ nhất, không biết có bao nhiêu đoạn, và mỗi người đều có phần trong đó.

Đi đến gần dinh ông dờ Bouillon họ gặp một tốp ba kỵ sĩ có đủ mọi khẩu lệnh trên đời, vì họ đi chẳng có người dẫn đường và hộ tống, và khi tới các lũy chướng ngại họ chỉ cần trao đổi vài lời với những người canh gác là người ta để cho họ đi qua với tất cả sự tôn kính dành cho chức vị của họ. Trông thấy dáng vẻ họ. Arthos và Aramis dừng lại.

-Ô kìa! – Aramis, nói – Bá tước có nhìn thấy không?

-Có, – Arthos đáp.

-Anh thấy ba kỵ sĩ đó giống ai nhỉ?

-Thế cậu thấy thế nào, Aramis?

-Hình như địch thủ của chúng ta.

-Cậu không lầm đâu. Tôi hoàn toàn nhận ra ông Flamarens.

-Còn tôi nhận ra ông de Châtillon.

-Còn kỵ sĩ mặc áo choàng nâu…

-Đó là giáo chủ.

-Đích thân.

-Quái quỉ nhỉ! – Aramis nói, – sao họ lại dám đi liều ở gần dinh Bouillon này.

Arthos mỉm cười, nhưng không đáp. Năm phút sau họ gõ cửa nhà ông Bouillon.

Cổng có một lính gác giống như nhà những nhân vật cao cấp; trong sân có cả một cái bốt nhỏ sẵn sàng tuân theo lệnh viên trung uý của hoàng thân de Conti.

Đúng như bài hát nói, công tước de Bouillon bị bệnh phong thấp và nằm liệt giường. Mặc dầu bệnh tình như vậy không cho phép ông cưỡi ngựa từ một tháng nay, nghĩa là từ khi Paris bị bao vây, ông vẫn bảo rằng ông sẵn sàng tiếp đón bá tước de La Fère và hiệp sĩ D'Herblay.

Hai người bạn được dẫn đến giường ông Bouillon. Bệnh nhân nằm ở trong phòng, nhưng quanh mình đầy những trang bị nhà binh nhất. Khắp chỗ chỉ toàn bày và treo gươm kiếm súng ống, áo giáp, và ta dễ dàng thấy rằng khi nào dứt bệnh phong thấp là ông de Bouillon lập tức gây rắc rối ngay cho các kẻ thù của Nghị viện.

Trong khi chờ đợi, ông nói rằng ông rất tiếc mình buộc phải nằm liệt giường.

Trông thấy hai người khách, ông cố nhắc mình dậy và nhăn nhó vì đau, nhưng vẫn reo lên: -A! Xin chào các ông! Các ông sung sướng thật các ông có thể nhảy ngựa, đi lại, chiến đấu vì lợi ích của nhân dân. Còn tôi, các ông thấy đấy, tôi bị đóng đinh chặt vào giường, ái chà. Cái bệnh phong thấp quỉ quái này? – Ông lại nhăn nhó. – Cái bệnh phong thấp tệ hại này.

-Thưa Đức ông, – Arthos cất tiếng, – Chúng tôi từ nước Anh về và việc quan tâm đầu tiên của chúng tôi khi tới Paris là đến hỏi thăm sức khoẻ của ngài.

-Xin đa tạ các ông, xin đa tạ. – Ông quận công đáp – Sức khỏe tôi kém lắm, như các ông thấy đấy… Cái bệnh phong thấp tội nợ này! A! Các ông từ Anh trở về ư? Tôi vừa nghe tin rằng vua Charles vẫn bình an, phải không?

-Thưa Đức ông, – Aramis đáp, – vua chết rồi.

-Ô hay? – quận công tỏ vẻ kinh ngạc.

-Bị Nghị viện kết án và chết trên đoạn đầu đài.

-Không thể thế được.

-Và bị hành quyết trước mắt chúng tôi.

-Vậy mà ông Flamarens nói với tôi thế nào?

-Ông Flamarens ư? – Aramis hỏi.

-Phải, ông ta mới ở đây ra.

Arthos mỉm cười và hỏi: -Cùng với hai người bạn à?

-Phải cùng với hai người bạn, – Quận công đáp và nói thêm với vẻ lo ngại – Họ có gặp các ông không?

-Có chứ, – Arthos đáp, – Ở ngoài phố thì phải.

Và anh mỉm cười nhìn Aramis, Aramis cũng nhìn lại anh với vẻ hơi ngạc nhiên.

-Thưa Đức ông – Arthos nói, – Thật ra đang đau ốm như ngài, phải hết lòng hết dạ lắm với lợi ích của Paris, ngài mới vẫn đứng đầu quân đội và sự kiên trì ấy khiến chúng tôi rất cảm phục.

-Các ông ơi phải thế, chứ biết làm thế nào. Các ông cũng là một tấm gương, các ông thật là dũng cảm và tận tụy và chính nhờ các ông mà ông bạn đồng liêu thân mến của tôi, quận công de Beaufort được tự do và có thể là được cứu sống nữa. Phải biết hy sinh cho lợi ích chung chứ! Cho nên các ông thấy đấy, tôi cũng hy sinh; nhưng cũng xin thú nhận rằng tôi kiệt sức rồi; lực bất tòng tâm mà! Cái bệnh phong thấp chết tiệt này nó giết tôi! Và tôi cũng thú thật rằng nếu như triều đình chấp nhận những yêu cầu của tôi, yêu cầu thật chính đáng, bởi vì tôi chỉ yêu cầu một sự bồi thường mà ngài giáo chủ cũ đã hứa khi người ta tước mất thái ấp Sedan của tôi… Phải, tôi thú thật rằng nếu như người ta đền cho tôi những lãnh địa giá trị cũng ngang như thế, nếu như người ta bồi thưởng cái việc tôi không được hưởng thụ cái dinh địa ấy từ khi bị tước doạt, tức là từ tám năm nay, nếu như tước vị hoàng thân được ban cho người nhà tôi, và nếu ông Tuyren, em tôi, được phục chức chỉ huy, thì tôi sẽ rút lui ngay về đất đai của tôi và để mặc triều đình và nghị viện dàn xếp với nhau tuỳ họ.

-Thưa Đức ông – Arthos nói, – ngài nói rất chí lý.

-Ông đồng ý như vậy có phải không, bá tước de La Fère?

-Hoàn toàn.

-Thế còn ông hiệp sĩ D'Herblay?

-Nhất trí.

-Thế thì, – quận công nói, – Tôi xin bảo đảm với các ông rằng đó là điều tôi sẽ chấp nhận. Lúc này triều đình đang đưa ra những kiến nghị với tôi, và chỉ còn mong tôi chấp nhận. Cho đến giờ phút này tôi vẫn từ chối. Nhưng vì rằng những người như các ông cho rằng như thế thì tôi sai lầm, và nhất là vì cái bệnh phong thấp chết tiệt này nó khiến tôi không thể làm được một chút việc gì cho lợi ích của Paris, cho nên thực tình, tôi muốn nghe lời khuyên của các ông và chấp rthận đề nghị mà ông de Châtillon vừa mới đưa ra với tôi.

-Hoàng thân hãy chấp nhận đi, – Aramis nói, – Hãy chấp nhận.

-Vâng, thực tình tôi cũng tiếc là chiều nay hầu như tôi đã gạt phăng lời đề nghị đó… nhưng ngày mai có hội nghị và ta sẽ xem.

Hai người chào quận công. Ông nói: -Các ông về đi. Cuộc viễn du hẳn khiến các ông mệt nhọc lắm. Tội nghiệp vua Charles. Nhưng dù sao cũng có đôi phần sai sót của ông ta trong tất cả những chuyện đó. Điều an ủi chúng ta là nước Pháp không có gì phải tự trách mình trong trường hợp này, nó đã làm tất cả những gì có thể làm để cứu ông ta.

-Ồ! Về điều này, – Aramis nói, – Chúng tôi đã được chứng kiến, nhất là ông Mazarin…

-Thấy chưa? Tôi rất hài lòng là các ông đã làm chứng cho ông ấy; thực ra ông giáo chủ có mặt tốt, và nếu ông ấy không phải là người ngoại quốc thì có lẽ người ta cũng sẽ thừa nhận ông ấy. Ờ! Cái bệnh phong thấp quỉ quái này!

Arthos và Aramis đi ra, và tới tiền sảnh rồi mà vẫn nghe thấy những tiếng kêu la của ông de Bouillon; rõ ràng là ông hoàng tội nghiệp ấy đau ghê gớm lắm.

Ra khỏi cổng; Aramis hỏi Arthos: -Thế nào, anh nghĩ sao?

-Về ai cơ?

-Thì về ông de Bouillon!

-Bạn ơi, tôi nghĩ về ông ta như bài hát của người dẫn đường cho chúng ta ấy, – Arthos đáp và lặp lại:

"Cái ông Bouillon đê hèn,

Bị bệnh phong thấp nó hành"

-Thế cho nên, – Aramis nói, – Anh thấy đấy, tôi có hé răng chút nào về mục đích chúng ta đến đâu.

-Và cậu hành động khôn ngoan đến nỗi có thể lại cho hắn bị một cơn đau nữa rồi. Thôi, ta đi đến ông de Beaufort.

Và hai người bạn đi về phía dinh Vendôme. Khi họ đến nơi, chuông điểm mười giờ tối.

Dinh Vendôme được canh phòng không kém và cũng phô ra vẻ mặt hiếu chiến không kém dinh Bouillon. Cũng có lính gác, có quân đứng gát ngoài sân, có súng dựng chụm, có ngựa thắng yên cương sẵn sàng.

Arthos và Aramis đi vào thì hai kỵ sĩ đi ra, họ phải cho ngựa lùi lại một bước để nhường chỗ cho các anh vào.

-A, a! – Aramis nói, – Các ông ơi, rành rành đêm nay là cái đêm gặp gỡ. Thú thật là chúng ta sẽ không may, vì sau khi gặp nhau quá nhiều trong buổi tối nay, đến mai chúng ta sẽ chẳng thể gặp nhau nữa.

Châtillon, vì chính là gã cùng với Flamarens vừa ở nhà quận công de Beaufort ra, đáp lại: -Ồ, về điều ấy các ông có thể yên tâm vì nếu ban đêm chúng ta không tìm nhau mà vẫn gặp nhau thì ban ngày chúng ta tìm nhau ắt là sẽ gặp nhau.

-Tôi mong như vậy, ông ạ, – Aramis nói.

-Còn tôi thì tôi chắc chắn, – Công tước đáp.

Flamarens và Châtillon tiếp tục đi ra, còn Arthos và Aramis xuống ngựa.

Hai anh vừa mới trao dây cương cho mấy tên hầu và cởi bỏ áo choàng ra, thì một người tiến lại gần dưới ánh sáng mập mờ của một ngọn đèn treo ở giữa sân, nhìn ngó các anh một lát, rồi kêu lên một tiếng kinh ngạc và vừa nhảy xổ vào vòng tay các anh vừa reo: -Bá tước de La Fère! Hiệp sĩ D'Herblay! Làm thế nào mà các ông lại có mặt ở Paris đây?

-Rochefort! – Hai anh cùng reo lên.

-Vâng, đúng rồi. Như các ông đã biết, chúng tôi từ Vendôme tới đây được bốn năm hôm rồi và đang sửa soạn cho lão Mazarin bận rộn đây. Tôi đoán chắc rằng các ông vẫn là người của bên ta chứ?

-Hơn bao giờ hết!

-Thế còn quận công?

-Ông ấy căm giận chủ giáo lắm. Các ông biết thắng lợi của lão đối với ông quận công thân mến của chúng ta chứ? Lão ta là ông vua thực sự của Paris, lão không thể đi ra ngoài mà không có nguy cơ bị người ta bóp cổ chết.

-A, càng tốt! – Aramis nói. – Nhưng này, hãy cho tôi biết có phải Flamarens và Châtillon vừa ở đây ra không?

-Phải, họ vừa mới yết kiến ông quận công. Chắc hẳn do Mazarin phái đến, nhưng họ đã thấy phải đối mặt với ai rồi, tôi dám chắc như vậy.

-Vừa hay! – Arthos nói. – Nhưng liệu chúng tôi có được vinh dự vào chào điện hạ không?

-Ô kìa! Vào ngay bây giờ ấy chứ! Các ông biết rằng đối với các ông lúc nào Điện hạ cũng có thể gặp được. Hãy đi theo tôi, tôi mong có vinh dự được giới thiệu các ông đấy.

Rochefort đi trước. Tất cả các cửa mở ra trước ông và hai người bạn. Họ thấy ông de Beaufort sắp sửa ngồi vào bàn ăn. Hàng nghìn công việc bận rộn ban chiều đã làm chậm bữa ăn tối của ông đến lúc ấy. Nhưng mặc dầu sự nghiêm trọng của tình hình, vừa mới nghe Rochefort báo tên hai người khách, ông hoàng đang kéo ghế vào sát bàn, ăn vội đứng lên, bước tới hai người bạn và nói: -A! Xin chào mừng các ông. Các ông ăn cùng với tôi nhé.

-Boisjoli, hãy bảo Noirmont là tôi có hai thực khách. Các ông biết Noimont chứ? Đó là viên đầu bếp của tôi, người kế tục cha Marteau, kẻ làm những cái bánh nước ngon tuyệt mà các ông biết đấy. Boisjoli, bảo bác ấy đưa một chiếc bánh nướng lên, nhưng không phải loại bánh đã từng làm cho La Ramée. Ơn trời, chúng ta không cần đến thang đây, dao găm hay quả lê cay đắng nữa.

-Thưa Đức ông, – Arthos nói, – xin đừng làm phiền bác đầu bếp trứ danh của ngài nữa, chúng tôi biết bác ấy có tài năng phong phú đa dạng lắm. Tối nay, được Điện hạ cho phép, chúng tôi chỉ dám xin hỏi thăm sức khỏe của ngài và nhận mệnh lệnh của ngài thôi.

-Ồ, về sức khỏe của tôi, các ông thấy đấy thật là tuyệt diệu. Một sức khỏe đã chịu đựng năm năm ngục tù kèm theo ông De Chavigny nữa thì có thể làm được mọi việc. Còn về mệnh lệnh cho các ông, thi xin thú thật là tôi rất lúng túng, nhân vì mỗi người đều tự mình ra lệnh cả, nếu tình trạng này tiếp diễn thì cuối cùng, tôi chẳng ra lệnh gì hết.

-Thật thế ư? – Arthos nói, – Tôi tưởng rằng nghị viện trông cậy vào sự đoàn kết của các ngài.

-À phải, sự đoàn kết của chúng tôi! Nghe đẹp đẽ đấy. Với quận công de Bouillon thì còn khả dĩ; ông ta bị bệnh phong thấp và chịu liệt giường, nhưng còn có cách để thông cảm với nhau được. Còn với ông d' Elbeuf và lũ con trai bị thịt của ông ta ấy à… Các ông biết bài vè về quận công d ' Elbeuf chứ!

-Thưa ngài, không ạ.

-Thật ư?

Ông quận công bèn cất tiếng hát:

d'Elbeuf và lũ con
Làm loạn cả Hoàng trường.
Bốn kẻ đi vênh váo
d'Elbeuf và lũ con
Nhưng nếu ra chiến trường
Tìm đâu vẻ mã thượng
d'Elbeuf và lũ con
Nhặng xị cả Hoàng trường.

Nhưng mà, – Arthos nói, – Đối với ngài chủ giáo, tôi hy vọng không phải như vậy.

-A, vâng? Với ông chủ giáo thì còn tệ hơn nữa. Cầu Chúa hãy tránh cho ông những viên tư giáo bát nháo, nhất là khi họ lại mặc giáp sắt bên trong áo thày tu! Đáng lẽ ở yên trong toà giám mục của mình để làm các lễ tạ ơn mừng những chiến thắng mà chúng ta bị đánh bại, thì ông có biết ông ta làm gì không?

-Không ạ.

-Ông ta lập một trung đoàn mang tên ông, trung đoàn Coadjuter. Ông ta biến các trung uý và đại uý thành thống chế và các đại tá thành ông vua.

-Vâng, – Aramis nói, – Nhưng đến lúc phải chiến đấu, tôi chắc rằng ông ta sẽ bám trụ ở toà giám mục.

-Ồ, không phải thế đâu, D'Herblay thân mến ơi, điều ấy ông lầm đấy! Khi cần chiến đấu thì ông ta chiến đấu. Thành thử do cái chết của chú ông đã cho ông cái ghế trong nghị viện, lúc nào ông ta cũng quẩn chân người ta ở nghị viện, ở hội đồng, ở trận mạc. Hoàng thân de Conti thì là tướng trong bức hoạ thôi, mà bức hoạ thế nào cơ chứ? Một ông hoàng gù lưng! Ôi, tất cả những điều đó tiến hành rất dở, các ông ạ, rất dở.

Arthos đưa mắt nhìn Aramis và nói: -Thưa Đức ông, thành thử ra Điện hạ bất bình?

-Bất bình ư, bá tước? Phải nói rằng Điện hạ phẫn nộ. Đến mức – Tôi không nói với người khác mà nói riêng với ông thôi nhé – Nếu như hoàng hậu thừa nhận sai lầm đối với tôi mà gọi bà mẹ tôi đang bị lưu đầy trở về, và cho tôi lấy lại chức cái tước vị đô đốc vốn là của cha tôi và người ta đã hứa ban cho tôi khi ông

chết, thì tôi sẵn sàng dạy những con chó cho chúng biết sủa rằng ở Pháp còn có những tên ăn cắp lớn hơn ông Mazarin nhiều.

Arthos và Aramis không chỉ đưa mắt nhìn nhau, mà còn vừa nhìn nhau vừa mỉm cười. Và dù có không gặp chăng nữa, các anh cũng đoán rằng Châtillon và Flamarens đã qua đây, cho nên các anh không nói nửa lời về sự có mặt của Mazarin ở Paris.

-Thưa Đức ông, – Arthos nói, – Thế là chúng tôi thoả mãn rồi. Đến thăm Điện hạ vào giờ này, chúng tôi không có mục đích nào khác là chứng minh lòng tận tụy của chúng tôi và để thưa với ngài rằng chúng tôi sẵn sàng hầu hạ ngài như những người tôi tớ trung thành nhất.

-Như những người bạn trung thành nhất, các ông ạ, như những người bạn trung thành nhất của tôi! Các ông đã chứng minh như vậy. Và nếu như sau này tôi có hoà giải với triều đình, thì tôi cũng sẽ chứng minh với các ông rằng tôi vẫn là người bạn của các ông, cũng như là bạn của mấy ông kia nữa, tên mấy ông kia là gì nhỉ?

-D'Artagnan và Porthos.

-À, phải rồi, như vậy ông, bá tước de La Fère, và ông hiệp sĩ D'Herblay, các ông hiểu cho rằng bao giờ tôi cũng hết lòng với các ông.

Arthos và Aramis cúi chào và đi ra.

-Arthos thân mến ơi, xin Chúa tha lỗi, tôi chắc rằng anh chỉ bằng lòng đi với tôi chẳng qua là để cho tôi một bài học phải không?

-Khoan đã, bạn thân mến, – Arthos đáp, – Hãy còn thì giờ để chiêm nghiệm khi chúng ta ra khỏi nhà ông chủ giáo.

Và cả hai người đi về khu Cité.

Đến gần cái nôi của Paris, Porthos vàAaramis thấy phố xá ngập lụt và lại phải đi thuyền.

Đã mười một giờ khuya rồi, nhưng ai cũng biết rằng đến nhà ông chủ giáo thì chẳng kể giờ giấc gì. Sự hoạt động ghê gớm của ông, tuỳ theo nhu cầu mà biến đêm thành ngày và ngày thành đêm.

Toà tổng chủ giáo nhô lên từ lòng nước, và cứ theo số thuyền đậu khắp chung quanh toà nhà, ta cớ thể ngờ rằng mình không phải ở Paris mà đang ở Venise[276]. Thuyền bè đi lại đan nhau khắp mọi ngả, chui sâu vào trong những mé lộ của khu Cité, hoặc đi xa ra phía Binh công xưởng hoặc những con đường Saint-Victo, và cứ bơi như trên một cái hồ lớn. Có những thuyền im lặng và bí hiểm, có những thuyền ồn ào và sáng đèn. Đôi bạn lướt giữa cái thề giới thuyền bè ấy và cập bến.

Tất cả tầng trệt của toà giám mục bị ngập nước, nhưng có những cầu thang mọi kiểu lắp vào các tường. Tất cả sự biến đổi do ngập lụt là đáng lẽ vào nhà bằng của chính thì bây giờ vào bằng cửa sổ.

Cũng bằng cách như vậy, đôi bạn vào gian tiền sảnh của chủ giáo. Ở đây đông đặc những đầy tớ vì có đến một tá các vị công hầu tụ tập ở phòng đợi.

-Trời ơi! – Aramis nói, – Arthos hãy xem kìa! Thế này thì liệu cái lão chủ giáo hợm hĩnh ấy có vui lòng bảo chúng ta chờ đợi không?

Arthos mỉm cười, nói: -Bạn thân mến ơi, cần phải xét người với tất cả những bất lợi trong tình cảnh của họ. Lúc này thì ngài chủ giáo đang là một trong số bảy tám ông vua Pháp đang ngự trị ở Paris, và ông ta có một triều đình.

-Phải đấy, – Aramis nói, – Nhưng chúng ta chẳng phải là cận thần.

-Cho nên chúng ta sẽ đưa tên chúng ta vào và nếu ông ta xem rồi mà không có sự trả lời thích đáng thì, được rồi chúng ta sẽ mặc ông ta với những công việc của nước Pháp và của riêng ông ấy. Bây giờ ta chì cần gọi một tên hầu ra và dúi cho nó một nửa pistol.

-A! đúng rồi, – Aramis kêu lên, – Mình có lầm không nhỉ… đúng không…, đúng đấy… này ông mãnh Bazin lại đây!

Lúc ấy Bazin oai vệ trong bộ y phục nhà thờ đang đi qua phòng đợi, chợt quay lại, cau mày nhìn xem kẻ nào hỗn xược gọi mình như vậy. Nhưng vừa mới nhận ra Aramis, thì con cọp bỗng trở thành con cừu và tiến lại hai nhà quý tộc mà nói: -Ô kia! Ông hiệp sĩ đấy à! Ông bà tước đấy à! Chúng tôi đang lo lắng về các ông thì cả hai ông đã về đây rồi! Ôi, gặp lại hai ông, tôi mừng quá.

-Tốt lắm, tốt lắm, thày Bazin ạ, – Aramis nói, – Thôi chúc tụng thế đủ rồi. Chúng tôi muốn đến thăm ngài chủ giáo; chúng tôi vội lắm và cần gặp ngay bây giờ.

-Thế nào? – Bazin nói, – ngay bây giờ ư? Những vị công hầu như các ông không phải để người ta bắt ngồi chờ. Song le trong lúc này chủ giáo đang hội đàm bí mật với ông de Bruy nào đó.

-De Bruy? – Cả Arthos và Aramis cũng kêu lên.

-Vâng, tôi đã trình báo ông ta đến và tôi nhớ rất rõ tên ông ta.

-Ông quen biết ông ta ư? – Bazin lại nói. – Vì ông ta trùm áo choàng kín mít, đến nỗi tôi cố nhìn cũng chẳng nom thấy một góc nhỏ nào trên mặt cả. Nhưng tôi sẽ vào trình rằng các ông tới, và lần này sẽ có may mắn hơn.

-Vô ích! – Aramis nói. – Chúng ta lại không gặp ông chủ giáo tối nay nữa, phải không Arthos?

-Tuỳ anh thôi.

-Ông ta có những việc quá quan trọng cần thương lượng với cái ông de Bruy ấy.

-Thưa các ông, – Bazin nói, – Sau đấy tôi có phải trình lại rằng các ông đã tới toà giám mục không?

-Không, chẳng cần đâu, – Aramis nói, – ta đi thôi, Arthos.

Và hai người bạn rẽ đám đầy tớ, đi ra khỏi toà giám mục.

Bazin theo sau và chứng mình tầm quan trọng của các ông chủ mình bằng những cái vái chào lia lịa.

Khi xuống thuyền rồi, Arthos hỏi Aramis: -Này cậu ơi, cậu đã bắt đầu thấy chưa, rằng chứng mình sẽ chơi xỏ tất cả các vị kia nếu chúng mình bắt giữ Mazarin?

-Arthos ơi, – Aramis nói, – Anh là hiện thân của sự khôn ngoan đấy.

Điều đập mạnh nhất vào hai người bạn là những biến cố ghê gớm xảy ra ở nước Anh và các anh tưởng như chúng bắt tất cả châu Âu phải quan tâm thì chẳng có gì là quan trọng đối với triều đình Pháp.

Thật vậy, ngoài một người vợ goá tội nghiệp và một đứa con mồ côi khóc lóc ở một xó cung Louvre thì chẳng ai tỏ ra biết rằng đã có một ông vua Charles I tồn tại và ông vua ấy vừa mới chết trên đoạn đầu đài.

Đôi bạn hẹn gặp lại nhau vào mười giờ sáng hôm sau. Khi đến cổng khách sạn thì đêm đã khuya lắm, nhưng Aramis còn có vài việc thăm viếng quan trọng phải làm và đã để Arthos về một mình.

Sáu giờ sáng hôm sau Arthos cũng đã đi ra ngoài và đến mười giờ họ lại gặp nhau.

-Thế nào, có tin tức gì không? – Arthos hỏi.

-Chẳng có gì hết. Chẳng ai trông thấy d'Artagnan ở đâu, và Porthos cũng chưa xuất hiện. Thế còn anh?

-Cũng chẳng có tin gì cả.

-Kì lạ nhỉ?

-Thật vậy, – Arthos nói, – Sự chậm trễ này là không bình thường.

-Các cậu ấy đi theo đường ngắn nhất, cho nên đáng lẽ phải về trước chúng mình chứ?

-Chưa kể, – Arthos nói, – Chúng ta đều biết rằng d'Artagnan rất khẩn trương trong mọi công việc, không bao giờ để mất thì giờ, nhất là lại biết rằng chúng ta chờ đợi… Cậu ta tính về đây ngày mồng năm.

-Mà hôm nay đã mồng chín. Tối nay là quá hạn rồi.

-Cậu định thế nào, – Arthos hỏi, – Nếu tối nay vẫn chưa có tin tức gì về các bạn?

-Chúa ơi! Chúng ta phải đi tìm.

-Được – Arthos nói.

-Nhưng còn Raoul? – Aramis hỏi.

Một bóng mây thoáng qua trán Arthos. Anh nói: -Tôi cũng rất lo cho nó. Nó nhận một bức thư của hoàng thân de Condé và tới gặp ngài ở Saint-Clou, thế mà vẫn chưa trở về.

-Anh không gặp bà de Chevreuse à?

-Bà ta không có nhà. Còn cậu, tôi chắc thế nào cậu chẳng tạt qua bà de Longueville?

-Có đấy – Aramis đáp.

-Thế nào?

-Bà ta cũng không có nhà, nhưng ít ra cũng để lại địa chỉ mới.

-Ở đâu thế?

-Thử đoán xem, tôi cá bạc nghìn đấy.

-Tôi chắc rằng đêm qua cậu chia tay tôi và đến nhà bà ấy. Thế thì cậu bảo tôi làm sao mà đoán được cái bà xinh đẹp nhất và hoạt động nhất trong đám nữ Fronde ấy ở đâu lúc nửa đêm.

-Bạn thân mến ơi, bà ta ở Toà thị sảnh.

-Sao, ở Toà thị sảnh à? Thì ra bà ta được cử làm thị trưởng Paris ư?

-Không; bà ta làm quyền hoàng hậu Paris, và do không dám vừa thoạt đầu đã đến ngự ở Hoàng cung hoặc cung điện Tuleries, bà ta đóng ở Toà thị sảnh, tại đây bà ta sẽ cho ngài quận công thân mến ấy một đứa con thừa kế trai hoặc gái.

-Aramis, thế mà cậu đã không cho tôi biết tình hình này, – Arthos trách.

-Ơ thật à? Thế thì tôi quên đấy. Xin lỗi nhé!

-Từ giờ đến chiều tối chúng ta làm gì nào? – Arthos hỏi, – hình như ta quá rỗi rãi.

-Anh quên rồi ư, chúng ta có việc ấn định sẵn rồi mà.

-Về phía Charenton à, mẹ kiếp!

-Theo lời hẹn của hắn, tôi hy vọng gặp tại đấy một gã Châtillon nào đó mà tôi căm ghét từ lâu.

-Tại sao thế? – Arthos hỏi.

-Tại vì hắn là em ruột lão Coligny nào đó.

-À phải rồi, tôi quên mất. Cái lão đã tấp tểnh làm đối thủ của cậu. Hắn đã bị trừng phạt một cách tàn nhẫn vì cái tội mạo muội ấy.

-Bạn thân mến ơi, kể ra như thế cũng đủ lắm cho cậu rồi.

-Vâng, nhưng biết làm thế nào. Điều đó chưa đủ với tôi. Tôi là người thù dai; đó là cái điểm duy nhất khiến tôi bám vào Nhà thờ. Sau đó, Arthos ơi, mong anh hiểu rằng anh không hề bị buộc phải đi theo tôi.

-Thôi đi nào – Arthos nói – Cậu đùa đấy à?

-Bạn thân mến ơi, nếu anh quyết định đi với tôi thì không chậm trễ nữa. Trống đã đánh, tôi đã gặp các cỗ đại bác, đã trông thấy các nhà tư sản thị dân dàn trận trên quảng trường Toà thị sảnh; chắc chắn sắp có đánh nhau ở phía Charenton như hôm qua công tước de Châtillon đã nói.

-Tôi ngỡ là, – Arthos nói, – những cuộc đàm phán đêm qua có làm thay đổi chút nảo những khuynh hướng hiếu chiến.

-Phải, chắc thế, nhưng không phải vì vậy mà người ta không đánh nhau, dù là để ngụy trang cho những cuộc đàm phán.

-Tội nghiệp cho những con người kia? – Arthos nói, họ đi ra chỗ chết đề người ta trả lại đất Sedan cho ông Bouillon, để người ta ban quyền tập chức đô đốc cho ông de Beaufort, và để ngài chủ giáo được phong làm giáo chủ.

-Này, này, Arthos thân mến ơi, – Aramis nói, – Hãy thú nhận rằng anh chẳng tỏ ra hiền triết đến thế đâu, nếu như Raoul của anh không phải có mặt ở trong những vụ lộn xộn ấy?

-Có lẽ cậu nói đúng đấy, Aramis ạ.

-Vậy thì chúng ta hãy đến chỗ nào có đánh nhau, đó là một cách chắc chắn để tìm gặp d'Artagnan, Porthos và cả Raoul nữa.

-Chao ôi! – Arthos nói.

-Này anh bạn thân mến ơi, – Aramis nói, – Hãy nghe tôi, giờ đây chúng ta đang ở Pháp thì phải bỏ cái thói quen luôn luôn thở vắn than dài ấy đi. Đúng là! Thời thế thế, thế thời phải thế! Arthos, anh chẳng phải người kiếm cung nữa sao và anh làm như người tu hành ấy. Xem kìa, những nhà tư sản bảnh bao đang đi qua; trông ra dáng nhà binh đấy chứ!

-Họ đi từ phố Con Cừu ra.

-Trống trận đi trước, như những binh lính thực thụ. Này nhìn xem cái thằng cha kia, nó khệnh khạng, ưỡn ngực ra!

-Hừ! – Grimaud thốt lên.

-Cái gì? – Arthos hỏi.

-Planchet, ông ạ…

-Hôm qua trung uý, hôm nay đại úy. – Aramis nói, – Ngày mai chắc là đại tá, trong tám ngày nữa không chừng nó lên thống chế Pháp quốc.

-Ta hãy hỏi thăm tin tức nó xem sao, – Arthos nói.

Đôi bạn đến chỗ Planchet. Anh ta hãnh diện hơn bao giờ hết vì được biết đến trong khi đang thừa hành chức vụ của mình, chiếu cố giải thích cho hai nhà quý tộc rằng anh được lệnh đóng ở Hoàng trường với hai trăm người tạo thành đội hậu vệ của quân đội Paris, và khi cần sẽ tiến về phía Charenton.

Do đi cùng một hướng, Arthos và Aramis hộ tống Planchet đến tận vị trí của anh ta.

Planchet cho vận động khá nhanh nhẹn người của mình trên Hoàng trường và bố trí họ đằng sau một dãy dài những dân tư sản đứng ở phố và cửa ô Saint-Antoine, trong khi chờ đợi hiệu lệnh chiến đấu.

-Ngày hôm nay sẽ nóng bỏng đây, – Planchet nói với giọng hiếu chiến.

-Hẳn là thế, – Aramis nói, – nhưng từ đây đến chỗ quân thù còn xa.

-Người ta sẽ rút ngắn khoảng cách lại, ông ạ, – một viên khu trưởng nói.

Aramis chào, rồi quay lại bảo Arthos: -Tôi chẳng thiết ở lại Hoàng trường với tất cả lũ người này. Hay là chúng ta tiến lên phía trước; ta sẽ thấy rõ mọi sự hơn.

-Với lại ông de Châtillon sẽ chẳng đi tìm cậu ở Hoàng trường đâu, có phải không? Nào, ta đi lên phía trước.

-Thế về phía anh chẳng có vài lời cần nói với ông Flamarens hay sao?

-Bạn ơi, tôi đã có một quyết định là chỉ rút kiếm ra khi cùng bất đắc dĩ.

-Từ bao giờ vậy?

-Từ khi tôi rút dao găm.

-A, được lắm? Lại một kỷ niệm về ông Mordaunt.

-Này, bạn thân mến ơi, anh chỉ có nước ăn năn hối hận vì đã giết chết cái thằng ấy.

Với nụ cười buồn bã chỉ anh mới có, Arthos đặt một ngón tay lên miệng mà nói: -Suỵt! Đừng nói đến Mordaunt nữa, kẻo mang hoạ đấy.

Rồi Arthos nhằm hướng Charenton mà phóng, đi theo cửa ô, rồi thung lũng Fêcamp đen đặc những thị dân vũ trang.

Aramis đi theo sau anh nửa thân ngựa.

§82. Trận đánh ở Charenton

Arthos và Aramis tiến dần lên, vượt qua những đơn vị khác nhau, trông thấy những áo giáp đánh bóng sáng loáng nối tiếp những binh khí han gỉ và những súng hoả mai lấp lánh, những thương kích sặc sỡ.

-Tôi ngỡ đây là chiến trường thực sự, – Aramis nói.

-Anh có trông thấy đội kỵ binh đóng ở phía trước cầu, tay lăm lăm súng ngắn không?

-Này! Hãy coi chừng, đại bác tới kìa.

-Ái chà! Bạn thân mến ơi, – Arthos nói, – Cậu dẫn chúng ta đến đâu thế này? Tôi như thấy xung quanh chúng ta toàn những người thuộc các sĩ quan của quân đội hoàng gia. Có phải đích thị Châtillon đang tiến lên với hai viên đội trưởng kia không?

Và Arthos cầm kiếm ra tay, còn Aramis cho rằng quả thật mình đã đi quá giới hạn của trận địa Paris, cũng cho tay vào bao súng.

Công tước de Châtillon tiến lại và nói: -Xin chào các ông? Tôi thấy là các ông không biết gì về tình hình xảy ra, nhưng một lời sẽ giải thích rõ hết cho các ông. Lúc này tạm đình chiến, vì có đàm phán. Ngài hoàng thân, ông de Retz, ông de Beaufort và ông de Bouillon đang bàn chính trị. Có hai điều: một là công việc dàn xếp không xong, chúng ta sẽ gặp lại nhau, hiệp sĩ ạ, hoặc là dàn xếp được, thì do tôi trút được việc chỉ huy, chúng ta sẽ lại càng gặp nhau.

-Thưa ông, – Aramis đáp, – Ông nói hay tuyệt. Vậy xin phép ông cho tôi hỏi một điều.

-Xin ông cứ hỏi.

-Các vị đại diện toàn quyền họp ở đâu?

-Ở ngay Charenton trong ngôi nhà thứ hai phía bên phải từ Paris vào.

-Cuộc hội nghị này không dự kiến trước à?

-Không. Hình như nó là kết quả những kiến nghị mới mà ông Mazarin đưa ra với dân chúng Paris tối hôm qua.

Arthos và Aramis nhìn nhau cười. Hơn bất kỳ ai, các anh hiểu rõ những kiến nghị đó là gì, do ai đề ra và đề ra với ai.

Arthos hỏi: -Thế ngôi nhà nơi họp các vị đại diện ấy là của…

-Của ông de Chanleu, người chỉ huy các toán quân của các ông ở Charenton. Tôi nói các toán quân của các ông bởi vì tôi đoán chừng rằng các ông đây là Frondeurs.

-Nhưng… gần như thế, – Aramis nói.

-Sao lại gần như?

-Ồ, tất nhiên. Ông biết rõ hơn ai hết rằng trong thời buổi này người ta không thể nói chính xác người ta là cái gì?

-Chúng tôi ủng hộ đức vua và các ngài hoàng thân, – Arthos nói.

-Tuy nhiên chúng ta cần hiểu nhau, – Châtillon đáp.

-Đức vua đi với chúng tôi và vua có tổng tư lệnh là các ngài d'Orléans và de Condé.

-Phải, – Arthos nói, – nhưng chỗ của vua là ở trong hàng ngũ chúng tôi với các ngài de Conti, de Beaufort, d' Elbeuf và de Bouillon.

-Có thể như vậy, – Châtillon nói, – và người ta biết rằng riêng tôi, tôi rất ít cảm tình với ông Mazarin; các quyền lợi của chính tôi cũng ở tại Paris; tôi đang có việc tố tụng ở đó và tất cả tài sản của tôi tuỳ thuộc vào nó, và tôi vừa mới đến hỏi luật sư của tôi như các ông trông thấy tôi như thế này đây…

-Ở Paris à?

-Không, ở Charenton… ông Viole mà các ông biết tên, một con người tuyệt vời, hơi ngang ngạnh, nhưng ông ta không phải vào nghị viện để chẳng được lợi lộc gì. Tôi đã định đến thăm ông ấy tối hôm qua, nhưng cuộc gặp gỡ giữa chúng ta đã ngăn trở công việc của tôi. Do công việc vẫn phải tiến hành tôi đã lợi dụng cuộc hưu chiến, và thế là tôi đến với các ông.

Aramis cười hỏi: -Ông Viole nói ý kiến với ông giữa trời ư?

-Vâng, và ngay trên mình ngựa nữa. Hôm nay, ông ta chỉ huy năm trăm tay súng, còn tôi thì đến thăm ông ta với hai khẩu đại bác nhỏ này kèm theo để làm vinh dự cho ông ta. Các ông đã tỏ ra ngạc nhiên khi nhìn thấy tôi như vậy. Thú thực rằng lúc đầu tôi không nhận ra ông luật sư; ông ta đeo một thanh kiếm dài bên ngoài tấm áo trạng sư và những súng ngắn ở thắt lưng, khiến ông ta trông thật dữ dội. Chắc là các ông sẽ thú vị lắm nếu may mắn gặp ông ta.

-Nếu ông ta trông kỳ cục, – Aramis nói, – Thì người ta có thể cố tình cất công đi tìm kiếm ông ấy đấy.

-Phải gấp lên ông ơi, vì rằng những cuộc đàm phán không thể kéo dài nữa đâu.

-Nhưng nếu cuộc đàm phán tan vỡ không mang lại kết quả, – Arthos hỏi, – Thì ông có định đánh chiếm Charenton không?

-Đó là lệnh của tôi. Tôi chỉ huy các toán quân công kích, và tôi cố hết sức để thành công.

-Ông ơi, – Arthos nói, – vì rằng ông chỉ huy kỵ binh…

-Xin lỗi, tôi chỉ huy toàn bộ.

-Càng hay!… Chắc ông phải biết tất cả các sĩ quan của ông chứ, tôi muốn nói những sĩ quan xuất sắc.

-Có chứ, biết gần hết.

-Mong ông vui lòng cho biết dưới quyền ông có hiệp sĩ d'Artagnan, trung uý ngự lâm quân không?

-Không có, ông ạ. Từ hơn sáu tuần nay ông ta rời Paris và nghe nói sang nước Anh.

-Tôi biết điều đó, nhưng tưởng ông ấy đã trở về.

-Không, và tôi không biết rằng có ai gặp lại ông ấy không. Về vấn đề này tôi có thể trả lời ông rõ ràng, nhất là ngự lâm quân lại thuộc chúng tôi và chính là ông Cambon tạm thời thay thế ông d'Artagnan.

Đôi bạn nhìn nhau.

-Cậu thấy đấy Arthos nói.

-Lạ nhỉ? – Aramis đáp.

-Dứt khoát là cậu ấy gặp tai hoạ ở dọc đường rồi.

-Hôm nay là mồng tám, tối nay là hết hạn. Nếu tối nay mà không có tin cậu ấy, thì sáng mai chúng ta sẽ đi tìm.

Arthos gật đầu.

Rồi với vẻ vẫn ngượng nghịu vì để lộ ra trước mặt anh chàng Aramis đa nghi những mối bận tâm cha con của mình, Arthos quay sang hỏi Châtillon: -Thưa quận công, chẳng biết de Bragelonne, người thanh niên mười lăm tuổi giúp việc cho Ngài Hoàng thân có vinh dự được ông biết đến không?

-Tất nhiên là có, – Châtillon đáp. – Sáng nay cậu ấy đến chỗ chúng tôi cùng với Hoàng thân. Một chàng thanh niên tuyệt diệu. Cậu ấy là chỗ bạn bè của bá tước à?

-Thưa vâng, – Arthos nhẹ nhàng xúc động đáp, – Cho nên tôi muốn được gặp cậu ta. Có được không ạ?

-Thưa ông, được lắm chứ. Ông hãy đi theo tôi và tôi dẫn ông đến bộ tư lệnh.

-Ơ này! – Aramis quay lại và kêu lên – Nghe như có tiếng ồn ào ở phía sau chúng ta.

-Thật thế, – Châtillon nói, – Một biên đội kỵ binh đang đến chỗ chúng ta.

-Tôi nhận ra ngài chủ giáo với cái mũ Fronde.

-Còn tôi nhận ra ông de Beaufort với những chiếc lông chồn trắng.

-Họ phi nước đại tới, ngài hoàng thân cùng đi với họ. A! Ngài rời xa họ kìa.

-Trống gọi quân nổi lên rồi, – Châtillon kêu lên. – Các ông có nghe thấy không? Ta phải hỏi xem tình hình thế nào?

Quả thật, người ta trông thấy binh linh chạy đi lấy vũ khí, các kỵ binh đang ở dưới đất nhảy lên yên, kèn kêu, trống đánh, ông de Beaufort tuốt gươm ra.

Về phía mình, ngài Hoàng thân ra hiệu tập hợp, và tất cả các sĩ quan của quân đội hoàng gia, hoà lẫn với những toán quân Paris trong chốc lát, bây giờ chạy ùa về phía ông.

-Thưa các ông, – Châtillon nói, – Cuộc hưu chiến tan vỡ hiển nhiên rồi, người ta sắp sửa đánh nhau. Các ông hãy trở lại Charenton, vì tôi công kích ngay đấy.

-Kìa ngài Hoàng thân ra hiệu cho tôi.

Thật vậy, một người cầm cờ đang phất cao ba lần lá cờ hiệu của ngài hoàng thân.

-Hẹn gặp lại ông hiệp sĩ! – Châtillon kêu to.

Rồi ông ta phi nước đại đuổi theo đoàn hộ tống của mình.

Arthos và Aramis cũng giật cương đến chào ông chủ giáo và ông de Beaufort. Còn ông de Bouillon đến cuối cuộc đàm phán lên một cơn đau khớp kinh khủng đến nỗi người ta buộc phải đưa ông trở lại Paris bằng cáng.

Đối lại, ông quận công d'Elbeuf có bốn con trai xúm quanh như một bộ tham mưu, lướt qua các hàng ngũ quân đội Paris.

Trong khi giữa Charenton và quân đội hoàng gia hình thành một khoảng trống dài nó dường như sửa soạn dùng làm cái ổ nằm cuối cùng cho những xác chết.

Ông chủ giáo siết lại dây lưng đeo kiếm mà ông mang bên ngoài chiếc áo giám mục dài theo mốt những vị tư giáo nhà binh xưa và nói: -Cái lão Mazarin ấy thật sự là một điều sỉ nhục cho nước Pháp. Đó là một tên thô bỉ muốn cai quản nước Pháp như một mảnh đất phát canh. Cho nên nước Pháp chỉ có thể hy vọng được hạnh phúc và yên tĩnh khi hắn cút đi.

-Hình như người ta không thoả thuận được với nhau về màu của chiếc mũ[277], – Aramis nói.

Cùng lúc ấy ông de Beaufort giơ gươm lên và nói: -Thưa các ông, chúng ta đã làm ngoại giao vô ích. Chúng ta muốn gạt cái lão Mazarin đê tiện ấy ra; nhưng hoàng hậu quá si mê lão ta nên khư khư giữ lão ta làm tể tướng, thành thử chúng ta chỉ còn có một cách là đánh cho thích đáng.

-Hay! – Ông chủ giáo nói, – tài hùng biện quen thuộc của ông de Beaufort đấy.

-May thay, – Aramis nói, – Ông ta sửa chữa những lỗi về Pháp văn của mình bằng mũi kiếm.

-Hừ! – chủ giáo nói với vẻ khinh thị, – Tôi xin thề là trong suốt cuộc chiến tranh này, ông ta sẽ rất mờ nhạt.

Rồi ông cũng tuốt gươm ra và nói: -Này các ông, quân thù đang tiến đến chúng ta, tôi hi vọng chúng ta sẽ tha cho chúng nửa đoạn đường.

Và chẳng lo có ai theo mình hay không, ông phóng đi. Trung đoàn của ông mang tên trung đoàn Corinthe, tên địa hạt giáo chức của ông, rùng rùng theo ông và bắt đầu cuộc hỗn chiến.

Về phía mình, ông de Beaufort trung đoàn kỵ binh của mình dưới sự chỉ huy của Noimoutiers ra phía Etampes nơi nó phải gặp một đoàn quân lương mà dân Paris đang nóng lòng mong đợi. Ông de Beaufort sắp sửa yếm hộ cho nó.

Ông de Chaleu chỉ huy vị trí với bộ phận mạnh nhất của quân số mình sẵn sàng chống lại cuộc tấn công và trong trường hợp quân địch bị đẩy lùi thì sẽ làm một cuộc xuất quân.

Sau nửa giờ cuộc chiến nổ ra ở khắp các điểm. Ông chủ giáo tức khí về sự nổi danh về tinh thần dũng cảm của ông de Beaufort hăng hái xông lên và cá nhân cũng làm được những kỳ tích về quả. Ai cũng biết thiên hướng của ông là nghề gươm dao, và ông rất sung sướng mỗi lần được tuốt gươm ra khỏi vỏ, bất kể vì ai và vì cái gì. Nhưng trong hoàn cảnh này, nếu như ông đã làm tốt việc của người lính trơn thì ông lại làm tồi việc của viên đại tá chỉ huy. Với bảy tám trăm người, ông húc đầu vào cả khối ba nghìn quân cứ rùng rùng vừa đánh vừa đẩy lùi quân chủ giáo lộn xộn trở lui về phía tường thành. Nhưng đạn pháo binh của Chaleu bỗng chặn đứng quân đội của nhà vua khiến nó bị lung lay trong chốc lát. Nhưng rồi nó tập hợp lại sau một dãy nhà và một đám rừng nhỏ.

Chaleu tưởng rằng thời cơ đã đến bèn dẫn đầu hai trung đoàn băng ra truy đuổi quân đội nhà vua; nhưng như đã nói, nó đã được chính đốn lại và do đích thân Châtillon chỉ huy trở lại tấn công. Cuộc công kích rất dữ dội và khôn khéo khiến Chaleu và quân của ông ta hầu như bị vây kín. Chaleu ra lệnh rút lui, từng bước từng bước một.

Chẳng may một lát sau Chaleu bị tử thương, ngã xuống ngựa.

Châtillon trông thấy ông kia ngã xuống bèn báo tin đó ầm ĩ lên khiến quân đội nhà vua càng hăng, còn hai trung đoàn của Chaleu thì hoàn toàn mất tinh thần. Do đó ai nấy lo phận mình và tìm cách rút về chiến luỹ, tại đấy ông chủ giáo cố tổ chức lại cái trung đoàn của mình bị đánh tan.

Bỗng nhiên một đội kỵ binh xông ra trước những quân chiến thắng đang lộn xộn cùng với những kẻ lẩn trốn chạy vào trong các chiến luỹ. Arthos và Aramis dẫn dầu đội kỵ binh. Aramis lăm lăm tay kiếm tay súng. Arthos thì gươm vẫn trong vỏ, súng vẫn trong bao.

Arthos bình thản và lạnh lùng như trong một cuộc diễu binh, tuy nhiên cặp mắt đẹp và cao thượng của anh buồn rầu nhìn cảnh đâm chém lẫn nhau giữa bao nhiêu con người bị đem ra làm vật hy sinh bởi một bên là sự ngang ngạnh của phía nhà vua, và bên kia là sự thù hằn của các ông hoàng. Aramis trái lại, đâm chém, giết chóc và hăng say dần lên theo thói quen của anh. Cặp mắt anh rực lửa, khóe miệng thanh tú của anh mỉm cười một nụ cười tang tóc, cánh mũi mở to hít mùi máu, mỗi nhát gươm của anh đều đâm trúng và chuôi khẩu súng của anh kết thúc, đập chết kẻ bị thương đang cố gượng dậy.

Về phía đối phương, trong hàng ngũ quân đội hoàng gia, hai kỵ sĩ, một người mặc áo giáp mạ vàng, người kia mặc một mảnh da trâu đơn giản thò ra hai ống tay áo chẽn bằng nhung xanh lơ, công kích ở hàng đầu. Kỵ sĩ mặc áo giáp mạ vàng xông vào Aramis và đâm một nhát gươm, nhưng anh đỡ được với tài khôn khéo thường lệ.

-A! Ông Châtillon đấy à! – anh kêu lên, – Xin hoan nghênh! Tôi đang đợi ông đây.

-Tôi hy vọng đã không phải để ông chờ lâu, – quận công nói, – dù sao tôi cũng có mặt đây rồi.

Aramis rút từ trong bao ra một khẩu súng ngắn mà anh dành cho dịp này và nói: -Ông Châtillon ơi, tôi tưởng rằng nếu như khẩu súng của ông hết đạn thì ông đi đời rồi.

-Ơn trời, không đâu? – Châtillon đáp.

Và quận công giơ súng lên ngắm và bắn vào Aramis. Nhưng đúng lúc ông bóp cò, thì Aramis cúi rạp xuống, đạn bay sượt trên đầu anh.

-Ồ ông bắn hụt rồi, – anh nói, – Nhưng tôi thì tôi xin thề rằng chẳng bắn hụt ông đâu.

-Nếu như tôi để cho ông có thì giờ! – Châtillon hét và thúc ngựa chồm lên, tay vung cao thanh kiếm.

Aramis chờ đợi với nụ cười khủng khiếp mà anh thường có vào những cơ hội như thế này. Trông thấy Châtillon phóng nhanh như chớp vào Aramis, Arthos vừa há miệng để kêu lên: "Bắn đi! Bắn đi chứ!" thì súng nổ. Ông de Châtillon dang hai cánh tay ra và ngã vật ra trên mông ngựa.

Viên đạn lọt qua kẽ hở của tấm áo giáp và xuyên vào trong ngực.

-Tôi chết rồi, – Quận công lẩm bẩm. Và ông tuột từ trên mình ngựa xuống đất.

-Tôi đã bảo mà, ông ơi, – Aramis nói, – giờ tôi tiếc rằng đã giữ lời hứa cẩn thận quá. Tôi có thể giúp gì được cho ông?

Châtillon giơ tay ra hiệu. Aramis toan bước xuống, thì đột nhiên một nhát gươm chém mạnh vào sườn anh, nhưng chiếc áo giáp đã đỡ được. Anh quay ngoắt lại nắm chặt lấy cổ tay kẻ địch thủ mới ấy thì đồng thời hai tiếng kêu thốt ra, do anh và Arthos.

-Raoul!

Chàng thanh niên cũng đồng thời nhận ra khuôn mặt D'Herblay và giọng nói của cha mình, và buông Reuil thanh kiếm. Lúc ấy nhiều kỵ sĩ của quân đội Paris xông vào Raoul, nhưng Aramis dùng gươm đỡ cho cậu ta.

Anh kêu lên: -Tù binh của tôi đấy? Hãy tránh xa ra.

Arthos cầm dây cương của con trai mình và kéo ra ngoài cuộc hỗn chiến.

Ngài hoàng thân de Condé ở tuyển hai yếm trợ cho Châtillon lúc ấy cũng xuất hiện. Người ta trông thấy lấp lánh cặp mắt phượng hoàng của ông và nhận ra ông bởi những đường kiếm sắc bén.

Trung đoàn Corinthe mà ông chủ giáo mất bao nhiêu công để tổ chức lại, vừa nhác trông thấy Ngài Hoàng thân đã ba hồn bảy vía lao vào giữa đám quân Paris, xô đẩy bừa phứa tất cả và chạy trốn vào Charenton mà họ đi qua không dừng lại. Bị lôi cuốn theo, ông chủ giáo chạy sang cái nhóm gồm Arthos, Aramis và Raoul…

Trong nỗi ghen tuông của mình, Aramis không thể không hí hửng về sự thất bại của ông chủ giáo, anh nói: -A ! Thưa Đức ông, với tư cách tổng giám mục, chắc hẳn ngài phải biết Kinh Thánh!

-Kinh Thánh có liên quan gì đến những điều xảy ra với tôi? – chủ giáo hỏi: -Ngài Hoàng thân hôm nay đối xử với ngài như với Thánh Paul[278] trong buổi sơ diễn với quân Corinthe.

-Thôi thôi! – Arthos bảo – Cậu nói hay lắm đấy, nhưng chớ có chờ đợi những lời chúc tụng ở đây. Tiến lên, tiến lên, hoặc đúng hơn là lùi lại vì rằng tôi thấy như trận đánh thất bại với phe Fronde rồi.

-Chẳng sao đối với tôi! – Aramis nói. – Tôi đến đây chỉ cốt gặp ông de Châtillon. Tôi đã gặp rồi và tôi mãn nguyện. Một cuộc, quyết đấu với một Châtillon, cũng khoái đấy chứ!

-Lại thêm một tù binh! – Arthos trỏ Raoul mà nói.

Ba kỵ sĩ tiếp tục lên đường, phi nước đại, chàng thanh niên mừng rỡ gặp lại cha mình. Hai người đi cạnh nhau, nắm tay nhau.

Khi đã ra khỏi bãi chiến trường, Arthos hỏi Raoul: -Làm gì mà anh bạn xông xáo vào trong đám hỗn chiến thế? Tôi thấy như đó không phải là chỗ của anh, nhất là lại không được đem vũ khí đầy đủ hơn cho một cuộc chiến đấu.

-Cho nên, thưa ông, hôm nay tôi không nên đánh nhau mới phải. Tôi được giao một nhiệm vụ đến ông giáo chủ, và tôi đi Rueil, nhưng trông thấy ông de Châtillon công kích, tôi cũng thèm muốn được công kích bên cạnh ông. Ông ta mới cho tôi biết rằng có hai kỵ sĩ của quân đội Paris đang tìm tôi và một người tên là bá tước de La Fére.

-Thế nào, anh biết rằng chúng tôi ở đó và anh muốn giết ông bạn hiệp sĩ ư?

Raoul đỏ mặt đáp: -Tôi không nhận ra ông hiệp sĩ trong bộ áo giáp, nhưng lẽ ra tôi phải nhận ra ông qua thái độ gan góc và tài khéo léo của ông mới phải.

-Xin cảm ơn lời khen ngợi, anh bạn trẻ ạ! – Aramis nói, – và người ta trông thấy rõ ai đã dạy anh những bài học xã giao. Nhưng này, anh nói là đi Reuil phải không?

-Vâng.

-Chỗ ông giáo chủ à?

-Chắc thế. Tôi mang một công văn của ngài Hoàng thân gửi Các hạ.

-Thế thì phải mang nó đi, – Arthos nói.

-Ô! Khoan đã nào, bá tước, đừng có hào hiệp rởm. Lạ thật! Không chừng số phận của chúng ta, và quan trọng hơn là số phận của các bạn ta lại nằm trong bức công văn ấy.

-Nhưng, – Arthos nói, – không nên để cho cậu thanh niên này làm không trọn nhiệm vụ của mình.

-Bá tước ơi, trước hết cậu thanh niên này là tù binh của chúng ta, anh quên rồi sao. Việc ta định làm là chính đáng. Vả chăng những người bại trận không nên khó tính trong việc lựa chọn phương tiện. Raoul đưa bức công văn đây!

Raoul do dự, nhìn Arthos như để tìm một qui tắc ứng xử trong ánh mắt cha.

-Raoul cứ đưa công văn ra, – Arthos nói, – anh là tù binh của hiệp sĩ D'Herblay.

Raoul nhượng bộ với vẻ ghê sợ, nhưng Aramis không quá câu nệ như bá tước de La Fère, chộp ngay lấy lá thư, đọc lướt qua, rồi đưa lại Arthos mà nói: -Anh là người tín ngưỡng, anh hãy đọc và suy nghĩ xem trong bức thư này có điều gì mà Thượng đế xét thấy là cần cho chúng ta biết.

Arthos, cầm bức thư, cau đôi lông mày thanh tú, nhưng rồi ý nghĩ cho đây là chuyện về d'Artagnan đã giúp anh thắng nỗi ghê tởm phải đọc vụng thư. Bức thư viết:

"Thưa Đức ông,

Tối nay tôi sẽ gửi đến Các hạ mười người mà ngài yêu cầu để tăng cường cho toán quân của ông de Comminger. Đó là những người lính cũ có thể dùng canh giữ hai địch thủ ghê gớm mà tài khôn khéo và lòng quả cảm đã khiến Các hạ lo sợ!"

-Ồ! – Arthos kêu lên.

-Thế nào, – Aramis hỏi, – hai tay địch thủ mà ngoài toán quân của Comminger ra, còn phải cần đến mười tên lính thiện nghệ nữa để canh gác, là những ai vậy. Phải chăng nó không giống d'Artagnan và Porthos như hai giọt nước?

-Chúng ta sẽ đi sục Paris suốt ngày hôm nay, – Arthos nói, – và nếu đến tối mà không có tin tức thì sẽ đi đường Pacardi và tôi bảo đảm rằng nhờ trí óc sáng tạo của d'Artagnan, chúng ta sẽ sớm tìm ra vài dấu hiệu khiến chúng ta hết mọi nghi ngờ.

-Nào, ta đi sục ở Paris và nhất là hỏi Planchet xem hắn có nghe nói gì về chủ cũ của mình không?

-Cái cậu Planchet tội nghiệp ấy! Aramis này, cậu nói thế thôi, chứ không chừng hắn bị giết rồi. Tất cả những nhà tư sản hiếu chiến ấy đều ra trận cả, và có lẽ người ta đã làm một cuộc tàn sát.

Rất có thể như vậy, cho nên đôi bạn cũng thấy lo lắng, đi theo lối cửa ô Ngôi đền vào Paris và lần đến Hoàng trường, nơi các anh tính biết được tin về những người tư sản tội nghiệp kia. Nhưng các anh vô cùng ngạc nhiên thấy họ và đại uý của họ vẫn đóng quân ở quảng trường, uống rượu và cười cợt, trong lúc gia đình họ chắc hẳn đang khóc thương họ khi nghe tiếng đại bác Charenton nổ và tưởng rằng họ đã bị tan xác.

Arthos và Aramis lại hỏi tin Planchet, nhưng hắn chẳng biết gì về d'Artagnan cả. Các anh định rủ hắn đi, nhưng hắn tuyên bố là không thể rời bỏ vị trí nếu không có lệnh trên.

Mãi đến năm giờ, mọi người mới trở về nhà và nói rằng họ đi đánh nhau về, họ đã không rời mắt khỏi con ngựa đồng đen của vua Louis XIII.

Planchet trở về cửa hiệu của mình ở phố Lombard và nói: -Mẹ cha nó! Chúng ta đại bại. Tôi sẽ không bao giờ khuây được.

§83. Đường Picardi

Rất an toàn ở trong thành phố Paris, Arthos và Aramis chẳng giấu giếm rằng hễ thò chân ra ngoài là có cơ gặp những nguy hiểm lớn nhất, nhưng đối với những con người như vậy, ta hiểu vấn đề nguy hiểm là thế nào. Hơn nữa họ cảm thấy rằng đoạn kết thút của chuyến phiêu lưu thứ hai ấy đang tới gần, và như người ta nói, chỉ cần ráng sức một chút nữa là xong.

Vả chăng chính Paris cũng chẳng yên ổn gì: lương thực bắt đầu thiếu thốn, và tuỳ theo một viên tướng nào đó của Hoàng thân de Conti thấy cần lấy lại ảnh hưởng, ông ta gây một cuộc nổi loạn nhỏ mà ông dẹp yên và nó giúp cho ông ta một khoảnh khắc vượt cao hơn các bạn đồng liêu.

Trong một cuộc bạo loạn như vậy, ông de Beaufort đã cho cướp phá ngôi nhà và thư viện của Mazarin, để theo ông nói, cho lũ dân khốn khổ kia một chút gì nhấm nháp. Arthos và Aramis rời Paris trong cuộc đảo chính ấy nó xảy ra vào buổi chiều tối hôm nhân dân Paris bị bại trận ở Charenton. Cả hai người để Paris ở lại trong cảnh cùng khổ sắp lâm vào nạn đói, xôn xao vì sợ hãi, bị xâu xé vì các bè đảng.

Là người Paris và là Frondeurs, các anh chờ đợi sẽ tìm thấy cảnh cùng khổ những nỗi lo sợ và những âm mưu cũng giống như vậy ở trong phe quân địch. Nhưng các anh vô cùng sửng sốt khi đi qua Saint-Denis, nghe nói là ở Saint-Germain người ta cười đùa, hò hát và sống rất vui nhộn.

Hai nhà quý tộc đi theo những đường quanh trước hết để khỏi sa vào tay bọn theo phái Mazarin rải rác ở Ile de France, sau nữa là để thoát khỏi những người Frondeurs đang giữ vùng Normandie họ sẽ chẳng tha dẫn các anh đến ông de Longueville để ông nhận xem là bạn hay là thù. Thoát khỏi hai mối nguy ấy, các anh lại bắt vào đường Boulogne-sur-Mer đến Abơvin và đi lần từng bước, từng dấu vết một. Tuy nhiên có một lúc các anh ngập ngừng hỏi thăm hai ba quán hàng rồi mà chẳng thấy một dấu hiệu nào có thể soi sáng những mối hoài nghi hoặc hướng dẫn sự tìm kiếm cả. Nhưng khi đến Montreuil, Arthos cảm thấy trên mặt bàn có cái gì nham nháp dưới những ngón tay mịn màng của mình. Anh lật tấm khăn bàn lên thì thấy trên mặt gỗ khắc sâu mấy chữ bằng mũi dao: “Por… D’act… – 2 tháng Hai”.

Hay quá! – Arthos trỏ dòng chữ cho Aramis xem và nói. – Chúng ta định ngủ ở đây, nhưng thôi vô ích. Cần đi xa hơn nữa.

Cá hai lên ngựa và đi đến Abơvin. Tới đây các anh rất lưỡng lự vì có nhiều quán ăn quá. Biết bạn mình đã trọ ở đâu mà tìm, không lẽ vào tất cả các quán.

-Arthos, hãy nghe tôi, – Aramis nói. – Chúng ta dừng nghĩ đến chuyện tìm kiếm ở Abbeville làm gì. Chúng ta mà lúng túng thì các bạn ta cũng vậy thôi.

Nếu như chỉ có một mình Porthos cậu ta sẽ đến trọ ở cái khách sạn sang trọng nhất và tới đấy, chúng ta sẽ tìm lại dấu vết của cậu ấy. Nhưng d'Artagnan chẳng có những chỗ yếu ấy đâu. Porthos có thể khẩn khoản rằng cậu ta đói bụng lắm rồi, nhưng d'Artagnan khắt khe như số mệnh ắt sẽ không nghe và vẫn đi tiếp.

Cho nên ta phải tìm ở nơi khác kia.

-Thế là đôi bạn lại lên đường, nhưng chẳng thấy quán hàng, nhà cửa, cây cối gì cả. Thật là một trong những nhiệm vụ khó nhọc nhất và vô vị nhất mà Arthos và Aramis đã từng làm. Và nếu không có cái động cơ ba mặt là danh dự, tình bạn và lòng biết ơn khắc sâu vào tâm hồn mình, thì hai lữ khách của chúng ta chắc hẳn đã trăm lần từ chối những việc đào bới cát ven đường, hỏi han khách bộ hành và bình luận những dấu hiệu, rình mò các bộ mặt.

Cứ như vậy họ đi tới Péronne

Arthos bắt đầu thất vọng. Cái bản chất cao quý và dễ thương ấy tự trách mình về cái tình trạng mờ mịt mà các anh đang lâm vào.

Chắc hẳn các anh đã tìm kiếm không kỹ, chắc hẳn các anh chưa đủ bền bỉ và sắc bén khi hỏi han, dò xét. Các anh đã sắp sửa quay trở lại thì lúc đi qua xóm ngoại ô dẫn đến cổng vào thị trấn, các anh trông thấy một bức tường trắng ở góc cái phố chạy quanh thành, Arthos ngước nhìn một bức tranh trên tường trông như của một đứa trẻ con vẽ bằng đá đen hình hai kỵ sĩ đang phi ngựa như điên, một kỵ sĩ cầm trong tay một tâm biển đề mấy chữ Tây Ban Nha: "Người ta đi theo chúng tôi ".

-Ồ! – Arthos nói, – thật là rõ như ban ngày. Dù đang bị đuổi theo, d'Artagnan cũng dừng lại đây năm phút. Điều đó chứng tỏ là không bị đuổi sát gần và có thể cậu ta đã thoát được.

Aramis lắc đầu.

-Nếu cậu ấy thoát thì chúng ta đã gặp lại hoặc ít ra cũng nghe nói đến chứ!

-Cậu nói đúng đấy. Ta lại đi thôi.

Nói sự lo lắng và không kiên tâm của hai nhà quý tộc có lẽ là điều không thể có được.

Lo lắng là để cho trái tim trìu mến và thân thương của Arthos, không kiên tâm là để cho tính khí nóng nảy và dễ lầm lạc của Aramis. Cho nên trong ba bốn tiếng đồng hồ, cả hai người phóng với sự điên cuồng của hai kỵ sĩ vẽ trên bức tường. Bỗng nhiên đến một chỗ đường thắt hẹp lại giữa hai bờ cao, họ trông thấy một tảng đá lớn chắn ngang mặt đường. Chỗ cũ của tảng đá là ở trên một bờ cao, và cái hố sâu hoắm nó để lại chứng tỏ nó không thể tự lăn xuống đường: mà trông nó to nặng thế kia thì phải có cánh tay Biarée hoặc Encelade[279] mới vần ấy nó đi được.

Aramis dừng lại. Anh nhìn tảng đá mà nói: -Ồ, trong chuyện này ắt là có hơi hướng Ajax de Télémon[280] hoặc Porthos đấy! Xuống đi anh và ta xem tảng đá

này thế nào?

Đôi bạn xuống ngựa. Tảng đá rõ ràng được lăn xuống để cản đường các kỵ sĩ. Lúc đầu nó nằm ngang dường sau đó những kỵ sĩ đi sau đã phải vần nó sang một bên để lấy lối đi.

Đôi bạn ngăm nghía tảng đá ở mọi phía phơi ra ánh sáng nhưng không thấy gì lạ. Họ bèn gọi Blaisois và Grimaud tới. Cả bốn người mới lật được tảng đá lên, Bên sườn tảng đá chạm đất có viết mấy dòng chữ: "Tám lính khinh kỵ đuổi theo chúng tôi. Nếu chúng tôi tới được Compiègne, chúng tôi sẽ dừng ở quán "Con Công đội miện" chủ quán là chỗ bạn bè của ta".

-Thế là đã có điều được xác định, – Arthos nói, – trong trường hợp thế này hoặc thế khác, chúng ta cũng còn biết đường mà lần. Nào ta đi đến quán Con Công đội miện.(quán Paon Couronné)

-Ừ! Aramis nói, – nhưng muốn đến được đó thì phải cho ngựa nghỉ một lát kẻo chúng sắp sưng bầm chân rồi.

Aramis nói đúng. Họ dừng ở quán đầu tiên, cho ngựa ăn gấp đôi lúa mạch ngâm rượu vang, cho chúng nghỉ ba giờ, rồi lại lên đường. Mọi người cũng đã mệt nhoài, nhưng còn đứng vững được là nhờ niềm hi vọng.

Sáu tiếng đồng hồ sau, họ đến Compiègne và hỏi thăm quán Con Công đội miện. Người ta chỉ cho họ một tấm biển vẽ con công thần với chiếc mũ miện trên đầu.

Đôi bạn xuống ngựa và chẳng chú ý đến vẻ tự phụ huênh hoang của tấm biển hàng mà giá vào lúc khác chắc hẳn Aramis đã nặng lời chỉ trích. Họ thấy một gã chủ quán đầu hói nhẵn thín và bụng phệ như một ông phỗng của Tàu. Các anh hỏi hắn xem cách đây ít lâu có hai nhà quý tộc bị một toán khinh kỵ binh đuổi bắt không. Chẳng nói chẳng rằng, chủ quán đi đến chiếc tủ lấy ra một nửa lưỡi thanh trường kiếm.

-Các ông có biết cái này không? – Hắn hỏi.

Arthos chỉ thoáng nhìn qua và nói: -Đây là thanh kiếm của d'Artagnan.

-Của ông to cao hay ông nhỏ người? – chủ quán hỏi.

-Của ông nhỏ người – Arthos đáp.

-Chắc các ông là bạn bè của mấy ông kia?

-Phải. Thế chuyện gì đã xảy ra với họ?

-Các ông ấy đi vào sân nhà tôi với những con ngựa chân bầm máu, và trước khi kịp đóng cánh cổng lớn thì tám khinh kỵ binh đuổi theo đã ập vào.

-Tám tên! – Aramis nói. – Tôi lấy làm lạ là hai người dũng mãnh như d'Artagnan và Porthos mà lại để bị tám người bắt.

-Đúng như vậy, thưa ông, tám tên lính kia sẽ chẳng làm gì nổi đâu nếu chúng không lấy thêm hai chục tên lính của trung đoàn Hoàng gia Ý đang đóng trong

thành phố, thành thử có thể nói thẳng ra là hai ông bạn của các ông đã bị áp đảo về số lượng.

-Bị bắt giữ à? – Arthos, – nhưng có biết vì sao không?

-Thưa ông không. Họ đã dẫn hai ông đi ngay lập tức và các ông ấy không kịp nói gì với tôi cả. Sau đó tôi nhặt được mảnh kiếm gãy này trên bãi chiến trường, trong khi giúp khiêng hai người chết và năm sáu người bị thương.

-Thế còn hai ông kia, – Aramis hỏi, – có bị làm sao không?

-Tôi tin là không việc gì cả.

-Ông có biết họ dẫn đi đâu không? – Arthos hỏi.

-Về phía cung Louvre.

Arthos bảo: -Ta hãy để Blaisois và Grimaud ở lại đây, ngày mai chúng nó về Paris, còn bây giờ chúng ta đi xe trạm.

-Được chúng ta đi xe trạm.

Trong khi cho đi kiếm ngựa, đôi bạn ăn vội vàng; họ muốn tiếp tục lên đường, nếu như thu thập được chút ít tình hình ở Louvre.

Họ đến Louvre. Ở đó chỉ có một tửu quán bán một thứ rượu chế tạo từ thời đó và đến ngày nay vẫn còn nổi tiếng. Arthos nói: -Ta xuống đây nào, d'Artagnan thể nào cũng chẳng bỏ lỡ dịp, không phải để uống một cốc đâu mà cốt để lại một dấu hiệu cho chúng ta.

Hai người bước vào và đến quầy gọi hai cốc rượu như d'Artagnan và Porthos ắt đã làm. Mặt quầy phủ một tấm thiếc. Trên tấm thiếc có mấy chữ vạch bằng đầu chiếc kim băng lớn: "Rueil. Đ'".

Aramis nom thấy trước và khẽ reo lên: -Họ ở Rueil!

Vậy thì chúng ta đến Reuil. – Arthos bảo.

-Như thế có khác nào ta tự dẫn mình đến miệng chó sói, – Aramis nói.

-Nếu tôi là bạn của Jonas ngày xưa giống như ngày nay tôi là bạn của d'Artagnan, thì tôi sẽ chui theo anh ta vào tận trong bụng của cá voi, và cậu cũng sẽ làm như tôi, Aramis ạ.

-Dứt khoát rồi, bá tước ạ, tôi ngỡ là anh làm cho tôi hơn lên thế nào kia. Nếu có một mình tôi, tôi chưa biết liệu tôi đi Reuil như thế này mà không có những cách đề phòng cẩn thận không, nhưng vì có anh, thì anh đi đâu tôi sẽ đi đấy.

Họ lấy ngựa và đi Reuil ngay.

-Không còn nghi ngờ gì cả, Arthos đã nêu ra với Aramis ý kiến hay nhất.

Các đại biểu nghị viện vừa mới tới Reuil để dự những cuộc hội đàm trứ danh kéo dài ba tuần lễ và dẫn đến cái nền hoà bình khập khiễng nó kéo theo việc Ngài Hoàng thân bị bắt giữ…

Reuil bừa bộn và đầy rẫy người. Phe Paris thì có các luật sư các chủ tịch, các cố vấn, các pháp quan đủ loại. Phe triều đình có các quý tộc các sĩ quan, các lính vệ. Giữa cái đám hỗn độn ấy, người ta có thể xen vào mà chẳng sợ bị nhận ra. Vả

lại, những cuộc đàm phán đã đi đến một cuộc đình chiến, thì nếu bắt giữ hai nhà quý tộc dù hợ có phạm tội nặng mấy chăng nữa cũng là vi phạm đến quyền của mọi người.

Đôi bạn tưởng rằng tất cả mọi người đều bận tâm đến điều đang giày vò các anh. Các anh chen vào các nhóm, tưởng rằng họ nghe được điều gì về d'Artagnan và Porthos; nhưng ai nấy chỉ quan tâm đến những điều khoản và những sự sửa đổi.

Arthos bàn là có thể lên gặp thẳng tể tướng.

-Bạn ơi!, – Aramis cãi, điều anh nói thật là hay ho đấy, nhưng hãy coi chừng; chúng ta có kín đáo thì mới an toàn. Nếu chúng ta lộ mình ra bằng cách này hay cách khác, thì ngay lập tức chúng ta nối gót các bạn ta ở một ngục tối nào đó, sâu dưới đất mà quỷ cũng chẳng lôi chúng ta ra được đâu. Các bạn của ta bị bắt ở Compiègne rồi dẫn đến Reuil như chúng ta đã biết chắc ở Louvre. Tới Reuil họ đã bị tể tướng tra hỏi và sau cuộc thẩm vấn ấy họ đã bị giam ở gần đấy hoặc tống đi Saint-Germain rồi. Họ không ở Bastille đâu, vì ngục Bastille thuộc quân Fronde và con trai Broussel, chỉ huy ở đó. Họ không chết đâu, vì cái chết của d'Artagnan sẽ ầm ĩ to. Còn Porthos tuy có nóng nảy tôi vẫn tin rằng cậu ấy bất tử như Chúa Trời. Ta chớ thất vọng, hãy chờ đợi và nán lại Reuil, vì tôi chắc rằng các bạn ở Reuil. Nhưng kìa, anh làm sao mà tái nhợt đi thế kia!

Arthos run run đáp: -Tôi nhớ là ở lâu đài Reuil, giáo chủ de Richelieu có cho xây một hầm giam kinh khủng để quăng vào đấy suốt đời những kẻ trọng tội.

-Ô hãy yên tâm anh ạ, – Aramis nói. – Ông de Richelieu là một nhà quý tộc dòng dõi cũng như chúng ta nhưng hơn chúng ta về địa vị, giống như một ông vua, ông ta có thể túm đầu những vị cao sang nhất trong chúng ta và láy lắc nó trên đôi vai. Nhưng Mazarin là một thằng hèn, nhiều nhất chỉ có thể túm cổ chúng ta như một tên xạ thủ. Vậy bạn cứ yên tâm, tôi đinh ninh rằng d'Artagnan và Porthos ở Reuil, vẫn sống và rất khỏe mạnh là khác.

-Mặc kệ, – Arthos nói, – ta cứ yêu cầu ông chủ giáo để ta tham gia cuộc đàm phán và như vậy ta sẽ vào Reuil.

-Với những tên pháp quan tởm lợm ấy à? Bạn thân mến, anh có nghĩ đến điều ấy không? Anh tưởng rằng người ta cũng thèm đưa ra bàn bạc về sự tự do hay sự giam cầm d'Artagnan và Porthos hay sao? Không, tôi có ý kiến là ta tìm một cách nào khác.

-Này bạn, – Arthos nói, – tôi trở lại ý nghĩ ban đầu. Tôi chẳng thấy có cách nào hơn là hành động thẳng thắn và chân thực. Tôi sẽ không tìm đến Mazarin mà đến gặp hoàng hậu mà bảo rằng: "Xin Lệnh bà hãy trả lại cho chúng tôi hai kẻ trung thành của Lệnh bà và hai người bạn thân thiết của chúng tôi".

Aramis lắc đầu nói: -Arthos ạ, đó là phương sách cuối cùng mà anh vẫn có thể tuỳ ý sử dụng. Nhưng hãy nghe tôi, chỉ dùng nó khi cùng bất đắc dĩ, vẫn còn

có thì giờ kia mà. Trong khi chờ đợi chúng ta tiếp tục đi từn kiếm.

-Thế là họ lại đi tìm kiếm, thăm dò tin tức, và tìm đủ mọi cách khôn khéo hỏi han để người ta phải nói ra, và cuối cùng gặp được một lính khinh kỵ, hắn thú nhận đã tham dự vào việc áp giải d'Artagnan và Porthos từ Compiègne đến Reuil. Không có hắn ta thì thực chẳng còn biết tăm hơi gì.

Arthos vẫn trơ lại hoài ý định gặp hoàng hậu.

-Muốn gặp hoàng hậu – Aramis nói, – trước hết phải gặp tể tướng, mà Arthos ơi, hãy nhớ điều tôi nói, chỉ mới nhìn thấy giáo chủ thôi, là chúng ta sẽ được sum họp ngay với các bạn của ta, mà không phải theo cách chúng ta muốn đâu. Thú thật rằng cách sum họp ấy tôi thấy chẳng thích thú chút nào. Muốn làm được tốt và nhanh chóng, chúng ta phải được tự do để hành động.

-Tôi sẽ đến gặp hoàng hậu. – Arthos nói.

-Nếu anh quyết định làm cái việc điên rồ ấy, thì xin hãy báo trước cho tôi một ngày.

-Tại sao vậy?

Tại tôi cần có một cuộc viếng thăm ở Paris.

-Thăm ai?

-Nào biết! Có thể là bà de Longueville. Bà ta rất có uy thế ở đó, bà ấy sẽ giúp đỡ tôi. Tuy nhiên nếu như anh bị bắt thì hãy nhờ ai đó báo tin cho tôi, tôi sẽ cố trở lại ngay.

-Tại sao cậu không liều để bị bắt giữ với tôi? – Arthos hỏi.

-Không, xin cảm ơn.

-Cả bốn người bị bắt và cùng tụ họp lại, tôi tin rằng chúng ta chẳng còn sợ nguy cơ gì. Chỉ hai mươi bốn giờ sau là chúng ta sẽ thoát ra ngoài.

-Bạn thân mến ơi, từ khi tôi giết chết Châtillon, thần tượng của các phu nhân ở Saint-Germain, tôi có quá nhiều hào quang ở quanh mình, nên không thể không sợ tù tội gấp đôi. Hoàng hậu chắc sẽ nghe theo lời khuyên của Mazarin nhân dịp này, và lời khuyên của Mazarin là đưa tôi ra xét xử.

-Nhưng Aramis ơi, vậy cậu nghĩ rằng hoàng hậu mê cái lão người Ý ấy đến mức như người ta đồn ư?

-Bà ta si mê một người Anh.

-Ơ bạn ơi, bà ấy là đàn bà.

-Không đâu, anh nhầm rồi, Arthos ạ. Bà ấy là hoàng hậu.

-Bạn thân mến ơi, tôi tự hiến thân và đến xin yết kiến Anne d'Autriche.

-Xin vĩnh biệt Arthos; tôi sẽ dấy lên một đạo quân.

-Để làm gì?

-Để trở lại bao vây Reuil.

-Chúng ta sẽ gặp nhau ở đâu?

-Ở dưới chân giá treo cổ của giáo chủ.

Và đôi bạn chia tay nhau. Aramis trở về Paris. Arthos chạy vạy để đến được hoàng hậu.

§84. Sự trả ơn của Anne d'Autriche

Để vào tới chỗ Anne d'Autriche, Arthos gặp ít khó khăn hơn anh tưởng. Ngay lần vận động đầu tiên mọi sự đã trôi chảy, và cuộc bái yết mà anh thỉnh cầu được chấp thuận vào ngày hôm sau, sau buổi lễ thức dậy mà với dòng dõi của mình, anh được phép tham dự.

Một đám đông đầy chật các gian nhà ở Saint-Germain. Tại Louvre hoặc Hoàng cung, chưa bao giờ Anne d'Autriche có nhiều cận thần đến thế. Tuy nhiên có một sự huyên náo nổi lên trong cái đám quần thần thuộc lớp quý tộc thứ yếu ấy, trong khi những nhà quí tộc đệ nhất Pháp quốc lại ở bên cạnh hoàng thân de Conti, hoàng thân de Beaufort và ông chủ giáo.

Hơn nữa, một niềm hoan hỉ lớn tràn ngập trong triều đình. Tính cách đặc biệt của cuộc chiến tranh này là có nhiều khúc ca hơn là những phát đại bác.

Triều đình hát nhạo cánh Paris, cánh Paris hát xỏ triều đình.

Những vết thương không chết người thì cũng chẳng kém phần đau đớn, bởi vì bị gây ra bởi vũ khí mỉa mai.

Nhưng giữa những trận cười tràn lan và những câu chuyện có vẻ tầm phào ấy, một mối bận tâm lớn lắng sâu trong, mọi suy nghĩ.

Mazarin còn là tể tướng hoặc sủng thần, hay là Mazarin từ phương Nam như một đám mây bị cơn gió cuốn đến, rồi lại cuốn đi?

Tất cả mọi người hy vọng điều đó, mong muốn điều đó, thành thử ngài tể tướng cảm thấy như mọi lễ tiết, mọi sự phỉnh phờ ở quanh ông đều che phủ một nội dung hận thù ngụy trang không kỹ dưới sự sợ hãi và lòng vụ lợi. Ông thấy bực bội khó chịu, không biết tin cậy vào đâu và dựa dẫm vào ai.

Ngài Hoàng thân Condé chiến đấu vì ông, nhưng vẫn không bỏ lỡ dịp giễu cợt ông hoặc làm nhục ông. Đã mấy lần trước mặt kẻ chiến thắng Rocroy, Mazarin toan tỏ thiện ý thì Hoàng thân đã nhìn ông bằng một cách để ông hiểu rằng, nếu Hoàng thân bảo vệ ông ta thì chẳng phải vì tin tưởng hay nhiệt thành.

Thế là giáo chủ đành bám vào hoàng hậu, điểm tựa cuối cùng của ông ta. Nhưng đã mấy lần rồi ông cảm thấy như điểm tựa ấy rung rinh dưới bàn tay ông.

Giờ yết kiến tới, người ta báo cho bá tước de La Fère rằng bá tước vẫn được tiếp, nhưng phải đợi một lát, vì hoàng hậu còn phải họp với tể tướng. Sự thật có như vậy, Paris vừa cử một đoàn đại biểu mới đến nhằm đưa lại một sự chuyển biến nào đó cho các công việc và hoàng hậu đang trao đổi ý kiến với Mazarin về việc đón tiếp các đại biểu.

Các nhân vật cao cấp của nhà nước đang rất bận rộn. Arthos không thể chọn một thời điểm nào tồi tệ hơn để nói về các bạn bè mình, những hạt bụi khốn khổ mất hút trong cơn lốc tung hoành.

Nhưng Arthos là một người ương ngạnh chẳng bao giờ đắn đo với một điều đã quyết định, khi quyết định ấy xuất phát từ lương tâm và do nghĩa vụ thôi thúc.

Cho nên anh khẩn khoản được vào chầu và nói rằng mặc dầu anh không phải đại biểu của de Conti, de Beaufort, de Bouillon, của d'd'Elbeuf, cũng chẳng phải của chủ giáo, bà de Longueville, de Broussel hay nghị viện, và anh đến chỉ về việc riêng thôi, nhưng không phải vì thế mà không có những điều quan trọng nhất để trình với Hoàng thượng, cuộc hội đàm xong, hoàng hậu cho gọi Arthos đến phòng mình.

Arthos được đưa vào và xưng danh. Đó là một cái tên đã quá nhiều lần vang đến tai hoàng hậu và rung động trong trái tim bà, nên bà không thể không nhận ra; tuy nhiên bà tỏ ra thản nhiên và đành nhìn người quý tộc ấy với vẻ chằm chằm mà chỉ các bà hoàng được phép do nhan sắc hoặc do dòng máu của mình.

Sau một lát im lặng, Anne d'Autriche hỏi: -Vậy là bá tước định giúp chúng tôi một việc thế?

Khó chịu thấy hoàng hậu không tỏ ra nhận biết mình, Arthos thưa: -Vâng thưa Lệnh bà, lại một việc nữa ạ.

Arthos thật là một trái tim lớn, do đó là một cận thần rất tồi.

Anne chau mày, Mazarin ngồi trước bàn đang giở những giấy tờ như một quốc vụ khanh bình thường ngẩng đầu lên.

-Nói đi, – hoàng hậu bảo.

Mazarin lại giở giấy tờ.

-Thưa Lệnh bà, – Arthos nói, – Hai người bạn thân của chúng tôi hai kẻ tôi tớ dũng cảm của Hoàng thượng là các ông d'Artagnan và Du Vallon do ngài giáo chủ phái sang nước Anh, khi trở về mới đặt chân lên đất Pháp thì bỗng nhiên mất tích, và không hiểu ra sao rồi.

-Thế thì sao? – Hoàng hậu hỏi.

-Vì vậy thưa Lệnh bà, – Arthos nói, – tôi khẩn cầu tới lòng nhân đức của Hoàng thượng để biết được hai nhà quý tộc ấy bây giờ ra sao, và sau đó nếu cần thi khẩn cầu đến công lý của Người.

Với vẻ cao ngạo trở thành xấc xược đối với một số người, Anne d'Autriche đáp: -Thưa ông, thì ra đó là lý do vì sao ông đến quấy rầy chúng tôi giữa lúc hàng trăm công nghìn việc to lớn đang làm chúng tôi bận rộn. Một công việc cảnh sát! Này, ông biết đấy, hoặc là ông cần phải biết rõ là từ khi chúng tôi không còn ở Paris, chúng tôi không còn có cảnh sát nữa.

Arthos cúi mình với vẻ cung kính lạnh lùng nói: -Tôi nghĩ rằng Hoàng thượng không cần hỏi đến cảnh sát để biết các ông d'Artagnan hay Du Vallon hiện giờ ra sao mà nếu như Người hỏi ngài giáo chủ về hai nhà quý tộc đó, ngài giáo chủ có thể trả lời Người mà không cần hỏi ai ngoài những ký ức của bản thân ngài.

Với cái bĩu môi khính thị riêng có, Anne d'Autriche nói: -Xin Chúa khoan dung! Tôi ngờ rằng ông hãy tự hỏi mình.

-Vâng, thưa Lệnh bà, tôi hầu như có quyền làm thế, vì đây là chuyện về ông d'Artagnan, về ông d'Artagnan, Lệnh bà nghe rõ chứ ạ. – Arthos nói khiến vầng trán của hoàng hậu phải cúi xuống dưới những kỷ niệm của người đàn bà.

Mazarin hiểu rằng đến lúc phải đỡ cho Anne d'Autriche, ông nói: -Ông bá tước ạ, tôi muốn nói để ông rõ điều mà Hoàng thượng chưa biết, đó là hai nhà quý tộc ấy hiện nay ra sao. Họ đã bất tuân thượng lệnh và bị bắt giữ rồi.

Arthos vẫn trơ trơ và không đáp lại Mazarin, anh nói: -Vậy thì van xin Hoàng thượng hãy chiếu cố các ông d'Artagnan và Du Vallon mà bãi bỏ lệnh bắt ấy.

-Điều ông yêu cầu tôi là một việc thuộc về kỷ luật và không can hệ gì đến tôi, ông ạ. – Hoàng hậu đáp.

Với vẻ đường hoàng, Arthos thi lễ và nói: -Ông d'Artagnan đã chẳng bao giờ nói điều ấy khi đó là việc phục vụ Hoàng thượng.

Và anh lui lại hai bước để ra cửa, nhưng Mazarin ngăn lại.

-Ông cũng từ nước Anh về phải không? – Ông nói và ra hiệu cho hoàng hậu, bà ta tái mặt đi rõ rệt và sắp sửa ban ra một mệnh lệnh ngặt nghèo.

-Và tôi đã chứng kiến những giây phút cuối cùng của vua Charles đệ nhất – Arthos nói. – Tội nghiệp vua! Nhiều nhất ngài cũng chỉ phạm tội yếu đuối vậy mà quần thần đã trừng trị ngài thật khắt khe. Lúc này đây, các ngai vàng đang lung lay và đối với những tấm lòng trung thành, phục vụ các hoàng thân chẳng phải là hay đâu. Đây là lần thứ hai ông d'Artagnan sang Anh, lần thứ nhất vì danh dự của một hoàng hậu vĩ đại, lần thứ hai vì tính mạng của một ông vua vĩ đại.

-Với một giọng mà thói quen che giấu không xua tan được nét biểu hiện thật sự, Anne d'Autriche nói: -Ông Mazarin, xem có thể làm được gì cho các nhà quý tộc này không?

-Thưa Lệnh bà, – Mazarin đáp, tôi sẽ làm mọi điều gì vừa lòng Hoàng thượng.

-Ông hãy làm cái điều mà bá tước de La Fère thỉnh cầu. Tên ông gọi như vậy có phải không?

-Thưa Lệnh bà, tôi còn một tên khác nữa: Arthos.

Với một nụ cười chứng tỏ rằng chỉ nửa lời ông đã dễ dàng hiểu ra ngay, Mazarin nói: -Thưa Lệnh bà, xin người cứ yên tâm, những ý muốn của người sẽ được thực hiện.

-Ông nghe rõ rồi chứ? – Hoàng hậu nói.

-Vâng thưa Lệnh bà, tôi không chờ đợi gì hơn là công lý của Hoàng thượng. Như vậy là tôi sẽ gặp lại các bạn bè của tôi, có phải không, thưa Lệnh bà? Có phải Hoàng thượng hiểu như vậy không?

-Phải, ông sẽ gặp lại các bạn ông. Nhưng nhân đây xin hỏi, ông thuộc phái La Fronde phải không?

-Thưa Lệnh bà, tôi phục vụ đức vua.

-Phải, theo cách của ông.

-Cách của tôi là cách của tất cả những nhà quý tộc chân chính, và tôi không biết có hai cách, – Arthos kiêu ngạo đáp.

Hoàng hậu khoát tay ra hiệu cho Arthos đi ra và bảo: -Thôi, ông đi đi. Ông đã đạt được điều ông mong muốn, và chúng tôi cũng biết được những điều chúng lôi cần biết.

Khi cửa đã sập lại sau lưng Arthos, hoàng hậu quay lại bảoMazarin: -Giáo chủ cho bắt giữ ngay gã quý tộc hỗn láo kia trước khi hắn ra khỏi sân!

-Tôi đã nghĩ đến điều ấy, – Mazarin nói,

-Và tôi vui mừng rằng Hoàng thượng đã ban cho một mệnh lệnh mà tôi định yêu cầu Người. Những tên hung hăng mang những tập quán của triều cũ vào thời đại hiện nay của ta gây rất nhiều phiền hà cho chúng ta; và đã có hai tên bị bắt rồi, ta hãy cho thêm vào đứa thứ ba.

Chẳng phải Arthos hoàn toàn bị hoàng hậu lừa bịp. Trong giọng nói của bà có cái gì đó đã khiến anh chú ý, nó vừa hứa hẹn lại vừa đe doạ. Nhưng anh không phải người hơi thấy nghi ngờ là lánh xa ngay, nhất là khi người ta đã nói rõ ràng với anh rằng anh sắp gặp lại các bạn anh. Cho nên anh đến một phòng ở gần kề nơi văn phòng anh được tiếp kiến để chờ người ta dẫn d'Artagnan và Porthos đến hoặc đưa anh tới gặp họ.

Trong lúc chờ đợi, anh tới bên cửa sổ và bất giác nhìn ra sân.

Anh trông thấy đoàn đại biểu Paris vào để thu xếp nơi hội đàm dứt khoát và chào hoàng hậu. Có các vị cố vấn của nghị viện, các chủ tịch, luật sư, trong đó lạc lõng vài binh gia. Một đoàn hộ tống hùng hậu chờ đợi họ ở ngoài hàng rào sắt.

Arthos nhìn chăm chú hơn bởi vì giữa đám đông ấy anh tưởng như nhận ra một người quen, thì có người vỗ nhẹ vào vai anh.

Anh quay lạt và thốt lên.

-A! Ông de Comminger!

-Vâng, thưa bá tước chính tôi, và tôi được giao một nhiệm vụ mà để thi hành nó tôi xin ông hãy nhận tất cả những lời xin lỗi của tôi.

-Nhiệm vụ gì vậy, thưa ông? – Arthos hỏi.

-Xin bá tước nộp thanh gươm cho tôi.

Arthos mỉm cười và mở cửa sổ ra anh kêu lên: -Aramis!

Một nhà quý tộc quay lại; đó là người mà Arthos đã ngỡ nhận ra, và chính là Aramis. Anh thân mật chào Arthos.

-Aramis! – Arthos nói. – Người ta bắt giữ tôi.

-Thế à! – Aramis lạnh lùng đáp.

Arthos quay lại phía Comminger và lịch sự trao kiếm đằng chuôi cho hắn ta, anh nói: -Thưa ông, mong ông giữ gìn cẩn thận hộ cho để trả lại tôi khi nào tôi ra tù. Tôi rất quý nó vì nó do vua Françoise đệ nhất ban cho tổ phụ tôi. Trong thời ngài, người ta ban vũ khí cho các nhà quý tộc, chứ không tước vũ khí họ. Bây giờ ông đưa tôi đi đâu?

-À vào phòng tôi trước đã, – Comminger đáp. – Hoàng hậu sẽ quy định chỗ ở của ông sau.

Arthos không nói thêm một lời và đi theo Comminger.

§85. Vương vị của Mazarin

Việc bắt bớ không gây một tiếng động nào, một sự công phẫn nào và gần như không ai biết đến. Do đo nó không ngăn cản diễn biến của các sự kiện, và đoàn đại biểu do Paris cử đến được thông báo long trọng rằng họ sẽ được tiếp kiến Hoàng hậu.

Hoàng hậu tiếp đón họ, im lặng và oai vệ như mọi khi. Bà nghe những điều kêu ca và cầu khẩn của các đại biểu, nhưng đến khi họ dứt lời, gương mặt Anne d'Autriche vẫn thản nhiên, đến nỗi không ai có thể nói chắc được rằng bà có nghe thấy hay không.

Ngược lại Mazarin, có mặt trong buổi tiếp kiến ấy nghe rất rõ ràng điều các đại biểu yêu cầu, đó là sự thải hồi ông ta bằng những từ ngữ rõ ràng và rành mạch, một cách thuần tuý và đơn giản.

Những bài diễn văn kết thúc, hoàng hậu vẫn câm như hến.

-Thưa các ngài, – Mazarin nói,

-Tôi xin theo các ngài mà khẩn cầu hoàng hậu hạn chế những nỗi đau của các quần thần. Tôi đã làm mọi việc có thể làm dịu bớt, song theo các ngài nói, ý kiến chung cho rằng những nỗi đau khổ ấy là do tôi gây ra, một người ngoại quốc khốn khổ đã không làm vừa lòng mỗi người Pháp. Than ôi! Người ta không hiểu tôi, và cũng đúng thôi, tôi kế tục con người tuyệt vời nhất dường như vẫn còn nâng đỡ cái vương trượng của các vua chúa Pháp. Những ký ức của Ngài de Richelieu áp đảo tôi. Nếu như tôi có tham vọng mà chống lại các ký ức đó thì cũng uổng công. Nhưng tôi không thể và tôi muốn đưa ra một bằng chứng. Tôi tuyên bố là chịu thua. Tôi sẽ làm điều mà nhân dân đòi hỏi. Nếu như dân chúng Paris có vài điều sai lầm, mà ai chẳng có, phải không các ngài, thì Paris cũng đã bị trừng phạt đủ rồi, khá nhiều máu đã đổ ra, khá nhiều nỗi thống khổ đang đè nặng lên một thành phố không có vua của mình và nền công lý. Đừng qui cho tôi, một cá nhân tầm thường, cái việc tầy đình là chia rẽ một bà hoàng hậu với vương quốc của mình. Bởi vì các ngài đòi hỏi tôi rút lui, vậy thì tôi rút lui.

Aramis ghé tai người bên cạnh mà nói: -Nếu vậy thì hoà bình được lập lại, và các cuộc đàm phán là vô ích. Chỉ còn có việc cho áp giải cẩn thận và tống khứ ông Mazarin ra tận nơi biên cương xa nhất và không để ông ta trở lại bằng nơi ấy hoặc nơi khác…

Viên pháp quan mà Aramis vừa bảo ấy lên tiếng: -Khoan đã, ông ơi, khoan đã! Ông ra đi như vậy ư? Người ta thấy rõ ông là hạng người giang hồ hiệp khách đấy… Còn có cả một danh mục những khoản tiền lời lãi và những tiền trợ cấp phải sao chép minh bạch.

Đấy là ông Séguier, chỗ quen biết cũ của chúng ta. Hoàng hậu quay về phía ông ta mà bảo: -Này ông chưởng ấn ơi, ông sẽ mở những cuộc hội đàm, mà họp ở Reuil. Ngài giáo chủ đã nói những lời khiến tôi rất xúc động. Đó là lý do vì sao tôi không trả lời ông dài dòng hơn. Còn về chuyện ở lại hay ra đi, tôi hàm ơn Ngài giáo chủ quá nhiều nên không thể không để cho ông ấy tự do hành động về mọi mặt. Ông giáo chủ muốn làm gì thì làm.

Một vẻ tái nhợt thoáng qua trên gương mặt thông minh của tể tướng ông lo âu nhìn hoàng hậu. Mặt bà trơ trơ như đá đến nỗi ông cũng giống như những người khác, chẳng đọc nổi những gì đang diễn ra trong lòng bà: -Nhưng, thưa các ngài, – hoàng hậu nói thêm, – Trong khi chờ đợi sự quyết định của ngài Mazarin tôi mong rằng chỉ còn có vấn đề của nhà vua thôi.

Các đại biểu cúi chào và đi ra. Khi người cuối cùng đã ra khỏi phòng, hoàng hậu bảo Mazarin: -Thế nào, ông nhượng bộ bọn quan toà và thầy cãi à?

Mazarin đưa con mắt sắc nhìn hoàng hậu chằm chằm và nói: -Thưa Lệnh bà vì hạnh phúc của Hoàng thượng, không có sự hy sinh nào mà tôi không sẵn sàng chịu đựng.

Anne cúi đầu và Reuil vào trong những mơ mộng vẫn thường có ở bà. Kỷ niệm về Arthos trở lại tâm trí bà. Cái phong độ táo bạo của người quý tộc, lời lẽ vừa kiên quyết và đường hoàng, những ảo ảnh mà anh gợi lại chỉ bằng một lời, khiến bà nhớ lại cả một quá khứ đầy thơ mộng mê say: thuở thanh xuân, nhan sắc, hào quang những mối tình của tuổi hai mươi, và những cuộc chiến đấu khốc liệt của những người phù trợ bà, và cái chết đẫm máu của Buckingham, người đàn ông duy nhất bà thực sự yêu thương, và sự anh hùng của những kẻ vô danh bảo vệ bà đã cứu bà thoát khỏi nỗi thù hằn của cả Richelieu và vua.

Lúc này bà tưởng như ngồi một mình và không còn có cả một thế giới thù địch rình mò bà, thì Mazarin theo dõi những suy nghĩ của bà qua gương mặt, giống như người ta nhìn vào mặt hồ trong suốt những ánh mây trôi qua, những ánh phản quang của bầu trời cũng như những nét suy tưởng.

-Như vậy là, – Anne d'Autriche lẩm bẩm,

-Phải nhượng bộ cơn bão táp, mua lấy hoà bình, chờ đợi kiên nhẫn và sùng kính những thời cơ tốt hơn ư?

Mazarin mỉm cười chua chát trước kiến nghị ấy nó bảo rằng hoàng hậu đã nhìn nhận lời đề nghị của ông tể tướng một cách nghiêm túc.

Anne cúi đầu và không nhìn thấy nụ cười ấy, nhưng nhận thấy câu hỏi của mình không được đáp lại, bà ngẩng đầu lên, nói: -Này, ông giáo chủ, ông không trả lời tôi à? Ông nghĩ gì thế?

-Thưa bà, tôi nghĩ rằng cái gã quý tộc hỗn xược mà ta sai Comminger bắt giữ ấy đã nói bóng gió đến ông de Buckingham mà bà để bị ám sát, đến bà de Chevreuse mà bà để bị lưu đày, đến ông de Beaufort mà bà để bị giam cầm.

Nhưng nếu như hắn ta nói bóng gió đến tôi thì đó là hắn không biết rằng tôi là cái gì đối với bà.

Anne d'Autriche rùng mình như mỗi khi người ta đánh vào lòng kiêu hãnh của bà. Bà đỏ mặt lên và để khỏi phải trả lời, bà ẩn những móng tay sắc nhọn vào lòng bàn tay mình.

Mazarin nói tiếp: -Đó là một người có ý kiến hay, trọng danh dự và sáng trí chưa kể đó là người quả quyết. Bà cũng biết rõ về ông ta chứ? Do đó tôi muốn nói với hắn rằng, đó là một ân huệ riêng mà tôi ban cho, vậy mà hắn đã ngộ nhận về tôi. Đó là, cái điều mà người ta đề nghị với tôi thật sự hầu như là một sự thoái vị, mà một sự thoái vị thì cần phải được suy nghĩ.

-Một sứ thoái vị ư? – Anne nói, – Ông ơi, tôi tưởng rằng chỉ có vua mới thoái vị?

-Này bà, – Mazarin đáp, – Tôi chẳng hầu như một ông vua, vua Pháp quốc đó sao? Thưa Lệnh bà, tôi xin bảo đảm rằng cái áo tể tướng của tôi ném lên chiếc giường ngự ban đêm trông rất giống một tấm ngự bào.

Đó là một trong những điều sỉ nhục mà Mazarin thường hay bắt bà phải chịu, và bà luôn luôn cúi đầu khuất phục. Chỉ có Elizabeth và Catherine II là những người giữ được mình vừa là tình nhân vừa là nữ hoàng đối với tình lang của họ[281]. Cho nên Anne d'Autriche hoảng sợ nhìn bộ mặt hâm doạ của ông giáo chủ trong những lúc như vậy cũng có một vẻ uy nghi nào đó.

-Thưa ông, – bà nói, – Chẳng phải tôi đã nói và ông cũng đã nghe thấy tôi nói với những người kia rằng tuỳ ý ông muốn làm gì thì làm đó sao.

-Trong trường hợp ấy, – Mazarin nói, – Tôi thích ở lại. Đó không những là lợi ích của tôi mà còn dám nói rằng đó là lợi ích của bà nữa.

-Vậy thì ông cứ ở lại, tôi không mong gì hơn; nhưng như vậy chớ có để tôi bị lăng nhục.

-Bà muốn nói đến yêu sách của bọn nổi loạn và những giọng điệu của chúng phải không? Hãy nhẫn nại! Chúng đã chọn một trận địa, và tôi là vị tướng khôn khéo hơn chúng: những cuộc đàm phán. Chúng ta sẽ đánh bại chúng chỉ bằng cách chờ thời. Chúng đói lắm rồi, tám ngày nữa thì còn tồi tệ hơn nữa.

-Ôi, lạy Chúa! Đúng thế ông ạ, tôi biết rằng chúng ta sẽ kết thúc ở đó. Nhưng tôi không nói về bọn ấy, không phải chúng là những kẻ nói với tôi những lời chửi rủa đau đớn nhất.

-A, tôi hiểu rồi! Bà muốn nói đến những kỷ niệm ba bốn gã quý tộc kia thường xuyên gợi lại cho bà. Nhưng chúng ta đã bắt giam chúng, và tội trạng của chúng khá đủ để chúng ta giam cầm chúng bao lâu tuỳ ý ta. Chỉ còn một tên vẫn ở ngoài và coi thường chúng ta. Nhưng, mẹ kiếp! Rồi chúng ta sẽ tống được hắn vào cùng với đồng bọn. Dường như chúng ta làm được những việc còn khó khăn gấp mấy. Trước tiên và để cẩn thận hơn, tôi đã cho giam chúng ở Reuil, nghĩa là

bên cạnh tôi, nghĩa là dưới con mắt của tôi, trong tầm tay của tôi hai tên bất trị nhất. Hôm nay đây, tên thứ ba lại dẫn xác vào đó.

-Khi nào họ còn bị tù thì tốt rồi, – Anne d'Autriche nói, – Nhưng một ngày kia họ sẽ ra.

-Vâng, nếu như Hoàng thượng thả họ ra.

Anne d'Autriche nói tiếp như đáp lại chính ý của mình.

-A! Chính ở đây mà người ta luyến tiếc Paris.

-Tại sao thế?

-Vì nhà ngục Bastille, ông ạ, nó vững chắc và kín đáo.

-Thưa Lệnh bà, với những cuộc đàm phán chúng ta có hoà bình, với hoà bình chúng ta có Paris, với Paris chúng ta có Bastille. Bốn vị anh hùng rơm của ta sẽ chết mục ở trong đó.

Anne d'Autriche khẽ chau mày, trong khi Mazarin hôn tay bà để cáo lui sau cái hành động nửa cung kính nửa tán tỉnh ấy Mazarin đi ra. Anne d'Autriche nhìn theo và khi ông ta xa dần, người ta có thể trông thấy nụ cười khinh thị hiện trên môi bà. Bà lẩm bẩm: -Trước kia ta đã coi khinh tình yêu của một ông giáo chủ không bao giờ nói "Ta sẽ làm", mà nói "Ta làm": ông ta biết những chỗ ẩn náu còn chắc chắn hơn Reuil, tối tăm và âm thầm hơn cả Bastille. Ôi, thế giới bây giờ suy vi rồi!

§86. Đề phòng

Sau khi rời Anne d'Autriche, Mazarin đi về nhà mình ở Reuil. Ông đi với đoàn hộ tống hùng mạnh vì thời loạn, và thường hay cải trang. Như chúng tôi đã nói, trong bộ quần áo hiệp khách trông ông là một nhà quý tộc rất bảnh bao.

Trong sân toà nhà lâu đài cổ ông lên xe ngựa và đi đến sông Seine ở quãng Chatou. Ngài Hoàng thân đã cấp cho ông năm mươi khinh kỵ binh đi hộ tống, nhiều như vậy không phải chỉ để bảo vệ ông mà còn để phô trương cho các kỵ sĩ thấy rằng các tướng lĩnh của hoàng hậu bố trí các toán quân thật dễ dàng biết bao và có thể phân tán tuỳ hứng.

Bị Comminger canh gác chặt chẽ. Arthos cưỡi ngựa, không có gươm, đi theo giáo chủ, mà chẳng nói nửa lời, Grimaud lúc đứng ở cổng toà lâu đài đã nghe tin chủ mình bị bắt khi anh kêu lên với Aramis, và theo hiệu lệnh của chủ, bác chẳng nói chẳng rằng đứng vào sát cạnh Aramis làm như không có chuyện gì xảy ra.

Từ hai mươi năm nay đi hầu chủ thực ra Grimaud đã thấy chủ đã thoát khỏi biết bao nhiêu cuộc phiêu lưu, nên cũng chẳng có gì khiến bác phải lo lắng.

Các đại biểu nghị viện ngay sau cuộc tiếp kiến lên đường trở về Paris, nghĩa là đi trước tể tướng chừng năm trăm bước. Cho nên Arthos có thể trông thấy phía sau lưng Aramis mà chiếc thắt lưng mạ vàng và dáng đi kiêu hãnh khiến anh cứ dán chặt mắt vào đấy giữa các đám đông đen nghịt cũng như hướng vào đó niềm hy vọng được giải thoát, thói quen giao du và lòng quyến luyến nó nảy ra từ mọi tình bằng hữu.

Aramis trái lại chẳng tỏ ra băn khoăn một chút nào rằng Arthos có đi theo anh hay không. Đúng là có một lần anh quay lại khi đến lâu đài. Anh giả thiết rằng có lẽ Mazarin để người tù mới trong cái thành quách nhỏ có lính canh gác cầu và do một đại uý cai quản cho Hoàng hậu. Nhưng không phải như vậy. Arthos đi theo giáo chủ sang Chatou.

Tới chỗ chẽ đường Paris đi Reuil, Aramis quay lại. Lần này dự đoán của anh không lầm, Mazarin rẽ bên phải và Aramis trông thấy người tù khuất ở chỗ rẽ có cây cối. Cùng lúc ấy do một ý nghĩ giống nhau. Arthos cũng quay lại. Đôi bạn trao đổi một cái gật đầu và Aramis đưa ngón tay lên mũi như để chào. Riêng Arthos hiểu rằng bạn mình ra hiệu là anh ta đã có một suy nghĩ.

Mười phút sau, Mazarin đi vào sân toà lâu đài mà vị giáo chủ tiền bối của ông ta đã sai dọn cho mình ở Reuil.

-Thưa Đức ông, chúng tôi cho ông De La Fère ở đâu để vừa ý Các hạ.

-Ở khu nhà vườn cam phía trước có cái cái nhà giam đấy.

-Ta muốn rằng người ta trọng vọng bá tước De La Fère mặc dầu ông ta là tù nhân của Hoàng hậu.

-Trình đức ông – Comminger đánh liều nói, – Ông ta xin được chiếu cố đến chỗ ông d'Artagnan, ông này đang ở khu nhà săn phía trước mặt vườn cam theo như Các hạ đã truyền lệnh.

Mazarin ngẫm nghĩ một lát.

Comminger thấy rõ ông ta đang cân nhắc. Hắn nói thêm: -Đó là một cái nhà giam rất chắc, có bốn chục người chắc chắn, những binh sĩ đã được thử thách hầu hết là người Đức và do đó không có chút liên hệ nào với bọn Fronde và cũng chẳng có quyền lợi gì ở đó cả.

-Ông Comminger này, – Mazarin nói, – Nếu chúng ta để ba người ở cùng nhau thì phải tăng gấp đôi quân số bốt này mà chúng ta chẳng có sẵn nhiều người bảo vệ để làm những chuyện phung phí ấy.

Comminger mỉm cười. Mazarin trông thấy và hiểu rõ nụ cười ấy.

-Ông Comminger ạ, ông không hiểu đâu, nhưng tôi tôi hiểu họ lắm trước hết do chính họ, rồi do tục truyền. Tôi đã phái họ sang giúp vua Charles, và họ đã làm những chuyện thần kỳ để cứu ông ta. Hẳn là số mệnh đã phải can thiệp vào để cho vua Charles thân mến ấy giờ đây không được sống an toàn ở giữa chúng ta.

-Nhưng nếu họ đã hết lòng phục vụ Các hạ thì vì sao Các hạ lại cho họ vào tù?

-Vào tù ư? Mazarin nói, – thế Reuil là nhà tù từ bao giờ?

-Từ khi có các tù nhân, – Comminger đáp.

Với nụ cười quỷ quyệt, Mazarin nói: -Các ông ấy không phải là tù nhân của tôi, đó là các vị khách của tôi đấy; khách quý đến nỗi tôi phải cho làm thêm song sắt ở cửa sổ, làm thêm khoá ở gian phòng họ ở, tôi sợ các ông ấy chán bầu bạn với tôi biết chừng nào. Nhưng dù sơ kiến, các ông ấy có vẻ là tù nhân, tôi vẫn rất kính trọng họ. Chứng cớ là tôi muốn đến thăm ông de La Fère và nói chuyện riêng với ông ấy. Do đó, để chúng tôi khỏi bị quấy rầy trong khi trò chuyện, như tôi đã dặn, ông hãy dẫn ông ta đến khu vườn cam, ông biết rằng đó là nơi tôi thường đi dạo tôi sẽ vào phòng ông ta và nói chuyện. Người ta cho rằng ông ta là kẻ thù của tôi, nhưng tôi có cảm tình với ông ta, và nếu như ông ta là người biết phải, thì có lẽ có thể dùng ông ta vào việc gì đó.

Comminger cúi chào và trở lại chỗ Arthos. Anh đang chờ đợi kết quả cuộc hội đàm với vẻ ngoài bình thản, nhưng trong lòng thật sự lo âu.

-Thế nào? – Anh hỏi viên trung uý thị vệ.

-Thưa ông, – Comminger đáp, – Dường như không thể được.

-Ông Comminger ơi, – Arthos nói, – Suốt đời tôi là lính, tôi hiểu thế nào là mệnh lệnh, nhưng ngoài mệnh lệnh đó ra, ông có thể giúp tôi một việc.

-Thưa ông, tôi rất vui lòng – Comminger đáp,

-Kể từ khi tôi biết ông là ai, và ngày xưa đã giúp những việc gì cho Hoàng thượng, từ khi tôi biết ông thân cận biết chừng nào với người thanh niên đã hết lòng dũng cảm đến cứu trợ tôi cái hôm bắt giữ lão già Broussel của nợ ấy, tôi xin tuyên bố là hết lòng vì ông, tất nhiên trừ điều lệnh.

-Xin cảm ơn ông, tôi không mong muốn gì hơn và tôi sẽ yêu cầu ông một điều chẳng làm lụy gì đến ông đâu.

-Nếu điều đó có làm lụy đến tôi một chút thì xin ông cứ nói, – Comminger mỉm cười đáp, – Tôi thích ông Mazarini. cũng chẳng hơn gì ông đâu, tôi phục vụ hoàng hậu và điều đó tất nhiên dẫn tôi đến phục vụ giáo chủ. Nhưng tôi phục vụ bà này với niềm vui và ông kia một cách miễn cưỡng. Vậy xin ông cứ nói đi, tôi chờ nghe đây.

-Bởi vì không có điều gì phương hại, – Arthos nói, – Khi tôi biết rằng ông d'Artagnan ở đây, thì tôi chắc rằng cũng sẽ chẳng có gì tai hại hơn nếu ông ấy biết rằng chính tôi cũng ở đây.

-Tôi không được mệnh lệnh gì về vấn đề này cả.

-Thế thì xin ông vui lòng, chuyển lời thăm hỏi của tôi tới ông ấy và nói rằng tôi là người láng giềng của ông ấy. Đồng thời xin ông bảo cho ông ấy biết điều mà ông nói với tôi ban nãy, tức là ngài Mazarin đã để tôi ở khu vườn cam để tới thăm tôi, và tôi sẽ lợi dụng điều vinh hạnh mà ngài đã ban cho ấy để xoa dịu phần nào cảnh tù đầy của chúng tôi…

-Mà cảnh ấy không thể kéo dài, – Comminger tiếp lời – Chính ngài Mazarin đã nói với ông rằng ở đây không có nhà tù.

-Mà có những hầm sâu nhốt người – Arthos mỉm cười nói.

-Ồ! Đó lại là chuyện khác, – Comminger đáp.

-Phải rồi, tôi có nghe những lời đồn về vấn đề ấy: nhưng một người dòng dõi tầm thường như ông giáo chủ, một người Ý sang Pháp để tìm vận hội, sẽ chẳng dám đi đến những điều quá quắt như vậy, đó sẽ là một sự quái đản. Thời giáo chủ trước thật là hay, ông ta là một bậc đại thần, nhưng còn ông Mazarin! Những hầm kín là những thứ trả thù vương giả mà một kẻ ti tiện như ông ta không nên đụng vào. Người ta biết việc bắt giữ ông, người ta cũng sẽ biết việc bắt giam các bạn ông, và tất cả giới quý tộc Pháp sẽ đòi ông ta phải báo cáo về sự mất tích của các ông. Không, không, xin ông hãy yên tâm, những hầm nhốt người ở Reuil từ mười năm nay đã thành những chuyện tục truyền dùng cho trẻ con. Ông cứ ở đây không phải băn khoăn gì về chuyện đó. Về phần tôi, tôi sẽ báo cho ông d'Artagnan biết việc ông đến đây. Biết đâu trong mười lăm ngày nữa ông sẽ chẳng giúp tôi một việc tương tự!

-Tôi ư, thưa ông?

-Hẳn đi chứ! Tôi chẳng thể đến lượt làm tù nhân của ông chủ giáo hay sao?

Trong trường hợp ấy, – Arthos nghiêng mình thi lễ, – Xin ông hãy tin chắc rằng, tôi sẽ hết sức làm vừa lòng ông.

-Thưa bá tước, ông có chiếu cố dùng bữa tối với tôi không? – Comminger hỏi.

-Xin cảm ơn ông, tôi khó ở, e rằng sẽ làm bữa tối mất vui.

Comminger bèn đưa bá tước đến một phòng sát đất tại một khu nhà nối tiếp vườn cam và nằm ngang bằng với vườn. Đi tới vườn cam phải qua một sân lớn đầy lính tráng và cận thần. Cái sân ấy hình móng ngựa; ở trung tâm là các gian nhà Mazarin ở, mỗi bên cánh là khu nhà săn nơi giam d'Artagnan và khu vườn cam nơi Arthos vừa mới vào. Ở sau hai đầu cánh là khu vườn trải dài.

Vào trong căn phòng mình sẽ ở, qua ô cửa sổ ken sắt cẩn thận. Arthos trông thấy các tường và mái nhà.

-Toà nhà này làm gì? – anh hỏi.

Comminger đáp: -Đó là phía sau khu nhà săn nơi các bạn ông bị giam giữ. Tiếc thay những cửa sổ trông ra phía này bị bịt lại từ thời ông giáo chủ trước, vì rằng các toà nhà đã nhiều lần được dùng làm nhà tù, và ông Mazarin khi nhốt các ông vào đây, chỉ là đưa các toà nhà trở lại mục đích sử dụng ban đầu. Nếu như các cửa sổ kia không bị bịt kín thì ông sẽ có niềm an ủi là liên hệ với các bạn bằng những dấu hiệu.

-Ông Comminger ơi, – Arthos nói, – Ông có chắc rằng giáo chủ sẽ hạ cố đến thăm tôi không?

-Ít ra thì ông ấy cũng nói chắc với tôi như vậy.

Arthos nhìn những chấn song cửa sổ mà thở dài.

Comminger nói: -Đúng thật, hầu như là một nhà tù, ở đây chẳng thiếu gì, kể cả những chấn song. Mà cũng lạ thay chẳng biết ý nghĩ kỳ cục nào đã khiến ông, một đoá hoa quyền quý đi xoè nở tinh thần dũng cảm và lòng trung thực của mình ở giữa đám nấm dại La Fronde. Thật đấy, bá tước ạ, nếu như có bao giờ tôi có ý nghĩ kiếm một người bạn trong hàng ngũ quân đội hoàng gia, thì chính là ông mà tôi nghĩ đến đó. Ông bá tước de La Fère, một người Fronde, thuộc phe đảng của một Broussel, một Blancmensnil, một Viole! Chán thật, điều đó khiến người ta tưởng rằng bà mẹ ông là một bà pháp quan nhỏ mọn nào. Ông mà là một Fronde?

-Ông bạn thân mến ơi, – Arthos nói, – thực tình bây giờ phải là Mazarin hoặc Fronde. Tôi đã cho hai cái tên ấy vang lên thật lâu bên tai tôi, và rồi tôi tuyên bố theo cái tên sau, ít ra nó cũng là một tên Pháp. Với lại tôi là Fronde không phải với ông Broussel, ông Blancmensnil, và ông Viole, mà với ông de Beaufort, ông de Buinng, ông d'd'Elbeuf, với những hoàng thân, chứ không phải với những chủ tịch, tham nghị, pháp quan. Vả chăng, phục vụ ông Mazarin mang lại kết quả

là thú vị! Ông de Comminger hãy nhìn bức tường không có cửa sổ kia nó sẽ kể cho ông nghe khối chuyện hay ho về lòng biết ơn Mazarin.

-Thật vậy, – Comminger cười nói, – Nhất là nếu bức tường ấy vọng lại những điều mà ông d'Artagnan đã văng ra cho ông ta từ tám ngày rủi ro vận hạn.

-Tội nghiệp d'Artagnan? – Arthos thốt lên với cái vẻ ưu sầu tuyệt đẹp, nó là một mặt trong tính cách của anh, một con người thật là tử tế thật là dũng cảm, nhưng thật là khủng khiếp đối với những kẻ không yêu mến những người mà anh yêu mến.

Anh nói tiếp: -Ông có hai tù nhân rất ghê gớm, ông Comminger ạ, và tôi lấy làm ái ngại cho ông là người ta đã giao cho ông chịu trách nhiệm hai con người bất trị ấy.

-Bất trị à! – Comminger mỉm cười, nói. – Chà! Ông muốn làm tôi kinh hãi ư? Ngày đầu bị giam giữ, ông d'Artagnan khiêu khích tất cả lính trang và hạ sĩ quan, chắc hẳn để có được một thanh kiếm. Tình trạng ấy tiếp diễn ngày hôm sau và cả ngày hôm sau nữa, nhưng rồi ông ta trở nên bình thản và hiền lành như con cừu non. Bây giờ thì ông ta hát những bài ca Gascogne khiến chúng tôi chết cười.

-Thế còn ông Du Vallon? – Arthos hỏi.

-À ông ấy lại là chuyện khác. Thú thật rằng đó là một nhà quý tộc đáng sợ. Ngày đầu tiên ông ta hích vai một cái là đổ tất cả các cửa và tôi đã trù liệu là sẽ đem ông ta ra khỏi Reuil, giống như Samson ra khỏi Gada. Nhưng thái độ ông ra cũng theo nhịp ông d'Artagnan. Bây giờ không những ông ta quen đi với cảnh giam cầm mà còn pha trò nữa.

-Càng hay, – Arthos nói, – Càng hay.

Đem khớp những điều Mazarin nói về mấy người tù với những điều bá tước de La Fère vừa nói, Comminger bắt đầu thấy đôi chút lo ngại, nên hỏi: -Ông liệu xem còn có điều gì khác nữa?

Arthos nghĩ rằng tình trạng tinh thần của các bạn khá hơn lên chắc chắn do d'Artagnan đã nghĩ ra một kế hoạch nào đó. Do đó anh không muốn làm hại các bạn bằng cách tán dương họ quá. Anh nói: -Các ông ấy à? Đó là những cái đầu dễ cháy. Một người là dân Gascon, một người là dân Picardi. Cả hai đều bốc lửa dễ dàng, nhưng tắt ngóm cũng nhanh chóng. Ông đã có bằng cớ, và điều mà ông kể tôi nghe lúc này chứng thực cho điều mà tôi nói với ông bây giờ.

Đó cũng là ý kiến của Comminger. Cho nên hắn ta cáo lui, yên tâm hơn. Còn lại một mình Arthos trong căn phòng rộng rãi nơi theo lệnh giáo chủ, anh được đối xử như một nhà quý tộc.

Hơn nữa, để có một ý niệm chính xác về tình thế của mình, anh đợi chờ một cuộc viếng thăm trứ danh mà chính Mazarin đã hứa hẹn.

§87. Trí óc và cánh tay

Bây giờ ta hãy từ vườn cam sang khu nhà săn.

Ở phía cuối sân nơi qua một cái cổng đông hàng cột kiểu ioniennes, người ta phát hiện những túp lều tồi tàn, có một toà nhà hình như vương dài ra như một cánh tay đón một cánh tay khác, khu nhà vườn cam, hợp thành một vành bán nguyệt bao bọc lấy cái sân danh dự.

Chính trong tầng dưới toà nhà đó. Porthos và d'Artagnan bị nhốt, chia sẻ với nhau những chuỗi giờ phút dài dằng đặc của một sự giam cầm chăng thú vị gì đối với hai tính khí ấy.

Như một con hổ, mắt trân trân, đôi khi gầm gừ, d'Artagnan đi đi lại lại dọc theo những chấn song một cửa sổ rộng trông ra sân.

Porthos yên lặng nhai lại một bữa ăn tuyệt diệu mà người ta vừa mới đem thức ăn thừa đi. Một người như là mất trí và suy ngẫm người kia có suy ngẫm sâu xa và ngủ. Song giấc ngủ của anh là một cơn ác mộng, điều đó có thể đoán ra do cách anh ta ngáy ngắt quãng và chẳng ăn nhập gì với nhau cả.

-Kìa, trời đã xế chiều rồi, – D'Artagnan nói, – Bây giờ cũng phải gần bốn giờ. Thế mà đã một trăm tám mươi ba giờ ta nằm ở đây rồi.

-Hừm! – Porthos như có vẻ đáp lại.

-Cậu có nghe thấy không, hởi tên ngủ muôn thuở kia? – D'Artagnan nói, bực bội vì một người khác có thể ngủ cả ban ngày trong khi bản thân anh trằn trọc cả đêm mà không ngủ được.

-Gì đó? – Porthos hỏi.

-Điều tôi nói ư?

-Cậu nói gì thế?

-Tôi nói rằng, – D'Artagnan đáp, – Chúng ta vào đây thế mà đã một trăm tám mươi ba tiếng đồng hồ rồi.

-Đó là lỗi của cậu, – Porthos nói.

-Thế nào, đó là lỗi của tôi à?

-Phải, tôi đã bàn với cậu ta chuồn đi mà.

-Bằng cách bê một chấn song hoặc phá một cảnh cửa.

-Tất nhiên.

-Porthos ơi, những người như cảnh ta không ra đi thuần tuý và đơn giản thế đâu.

-Thực tình, – Porthos, – Tôi ra đi với sự thuần tuý và đơn giản ấy mà hình như cậu rất coi khinh.

D'Artagnan nhún vai nói: -Với lại không phải cứ ra khỏi căn phòng này là xong cả đâu.

-Bạn thân mến ơi, – Porthos nói – Hình như hôm nay thái độ của cậu có khá hơn hôm qua đấy. Cậu hãy cắt nghĩa cho mình xem thế nào mà ra khỏi phòng chưa phải là đã hết.

-Chưa phải là hết, vì rằng không có vũ khí, không có mật khẩu, chúng ta sẽ không đi nổi năm mươi bước mà không vấp phải một lính canh.

-Khó gì! – Porthos nói. – Chúng ta đập chết tên lính canh và sẽ có vũ khí.

-Phải, nhưng trước khi chết hắn – mà một tên lính Thụy Sĩ sống dai lắm – hắn sẽ kêu lên hoặc ít ra cũng rên rỉ khiến cả nhà giam đổ ra ngoài; chúng ta sẽ bị dồn đuổi và tóm gọn như những con cáo, trong khi chúng ta là những con hổ và người ta sẽ quăng chúng ta vào một cái hầm sâu nào đó, ở đấy chúng ta sẽ không có cả niềm an ủi là được xem mảnh trời xám ghê gớm của Reuil so với bầu trời ở Tarbes nó cũng chẳng giống gì hơn mặt trăng với mặt trời. Mẹ kiếp! Nếu chúng ta có một người nào đó ở bên ngoài có thể cho ta những tin tức về tình hình địa lý, hình thể và tinh thần của cái lâu đài này, về cái mà César gọi là tập quán và xứ sở tôi nghe người ta nói như thế… Này! Khi nghĩ rằng suốt hai mươi năm qua, trong thời gian ấy mình chẳng biết làm gì, thì mình chẳng có ý nghĩ lấy một tiếng đồng hồ thôi để đến nghiên cứu Reuil.

-Để làm gì kia chứ? – Porthos nói – Chúng ta cứ trốn đi thôi.

-Bạn thân mến ơi, – D'Artagnan nói, – cậu có biết vì sao các bác thợ cả làm bánh ngọt không bao giờ tự tay mình làm không?

-Không, – Porthos đáp – Nhưng tôi cũng thích được biết.

-Ấy là vì trước mặt các học trò mình, họ sợ làm phải mấy cái bánh nước bị chảy hoặc mấy chiếc kem chua.

-Thì sao?

-Thì người ta sẽ cười họ, mà đừng bao giờ để người ta cười chê những thày dạy làm bánh ngọt.

-Thế những ông thấy làm bánh có liên quan gì đến chúng ta.

-Ấy là trong cái nghề phiêu lưu, chúng ta chớ có bao giờ thất bại, chớ làm trò cười cho thiên hạ. Vừa rồi ở nước Anh chúng ta đã thất bại, đã bị thua; và đó là một vết nhơ cho danh tiếng của chúng ta.

-Chúng ta bị ai đánh bại? – Porthos hỏi.

-Mordaunt.

-Phải, nhưng chúng ta đã dìm chết Mordaunt rồi.

-Tôi biết chứ, và điều đó phục hồi chúng ta một chút trong tâm trí của hậu thế, nếu như hậu thế quan tâm đến chúng ta. Nhưng này, cậu hãy nghe đây: Dù rằng ông Mazarin chẳng thể để ta coi thường, tôi thấy ông Mazarin còn mạnh một cách khác hơn ông Mordaunt nữa kia, và chúng ta sẽ chẳng dễ dàng dìm chết ông ta đâu. Ta hãy tự xét mình cẩn thận và chơi thật chặt chẽ; vì rằng, –

D'Artagnan thở dài và nói thêm, – chỉ riêng hai chúng ta, chúng ta có thể bằng tám người khác, song chúng ta không bằng bốn người mà cậu biết đấy.

Porthos cũng thở dài theo và nói: -Đúng thế.

-Vậy thì cậu hãy làm như tôi. Hãy đi đi lại lại cho đến khi nào một tin tức của các bạn đến với chúng ta, hoặc một ý nghĩ nào hay ho nảy ra; chứ đừng có ngủ triền miên như mọi khi, vì chẳng có gì làm nặng đầu óc như giấc ngủ. Còn về điều gì đang như ta, có lẽ không đến nỗi nghiêm trọng chờ đợi chúng ta đang nghĩ lúc đầu. Tôi không tin rằng ông Mazarin nghĩ đến việc chặt đầu chúng ta, vì người ta sẽ không chặt đầu mà không xử án, mà xử án thì gây tiếng tăm, tiếng tăm sẽ thu hút bạn bè chúng ta, và khi ấy họ sẽ chẳng để cho Mazarin yên đâu.

Porthos tỏ vẻ khâm phục: -Cậu biện luận hay lắm.

-Phải, không đến nỗi tệ, – D'Artagnan nói. – Và rồi cậu xem, nếu họ không xử án chúng ta, nếu họ không chém đầu chúng ta, họ sẽ phải để chúng ta ở đây hoặc chuyển đi nơi khác: -Ừ tất nhiên phải như thế, – Porthos nói.

-Mà này, không thế nào mà tiên sinh Aramis, nhà thám tử cừ khôi ấy, và Arthos nhà quý tộc khôn ngoan ấy lại không khám phá ra chỗ ẩn náu của chúng ta; tôi tin là sẽ đến lúc.

-Phải đấy, nhất là ở đây người ta không phải hoàn toàn tồi tệ; song le trừ một điều.

-Điều gì?

-Cậu có nhận thấy không, họ đã cho chúng ta ăn thịt cừu hầm ba ngày liên tiếp.

-Không, – D'Artagnan đáp, – Nhưng nếu lần thứ tư lại thế, thì tôi sẽ kêu, cứ yên trí.

-Và đôi lần tôi thấy nhớ nhà, đã lâu lắm rồi, tôi chưa về thăm các lâu đài của tôi.

-Ô hay! Hãy tạm quên đi chứ; chúng ta sẽ thăm lại trừ phi ông Mazarin cho san bằng.

-Cậu bảo rằng lão ta dám làm việc bạo hành đó ư? – Porthos băn khoăn hỏi.

-Không, những quyết định như vậy ông giáo chủ cũ dám chơi lắm. Nhưng ông giáo chủ này rất biển lận nên chẳng dám liều đâu.

-Cậu làm tôi yên tâm, d'Artagnan ạ.

-Vậy thì cậu hãy tươi tỉnh lên như tôi nào. Hãy bông đùa với lính gác, hãy gây cảm tình với bọn lính tráng vì ta không thể mua chuộc chúng, hãy tán tỉnh chúng hơn nữa khi chúng đến bên song cửa. Cho đến nay cậu mới chỉ giơ nắm đấm ra với họ thôi, mà Porthos ạ, nắm đấm của cậu càng to lớn bao nhiêu thì nó càng kém thu hút bấy nhiêu.

-À! Tôi muốn cho đi rất nhiều chỉ để đổi lấy năm trăm louis thôi.

Chẳng chịu thua bạn về lòng hào hiệp, Porthos nói chêm: -Tôi cũng vậy, tôi sẽ cho đi hẳn một trăm pistol.

Hai tù nhân chuyện trò vừa tới đây thì Comminger vào, đi sau viên đội là hai người mang bữa ăn tối đến đựng trong một cái giỏ đầy những bát đĩa.

§88. Trí óc và cánh tay (tiếp theo)

Hay thật! – Porthos nói. – Lại thịt cừu!

-Ông de Comminger thân mến ơi, – D'Artagnan tiếp lời – Xin ông biết cho rằng, ông bạn du Vallon của tôi định sẽ làm những chuyện cực đoan ghê gớm, nếu như ông Mazarin cứ khăng khăng nuôi nấng chúng tôi bằng cái thứ thịt này.

-Tôi cũng tuyên bố rằng, – Porthos nói, – tôi sẽ không ăn gì cả nếu họ không mang thứ này đi.

-Mang thịt cừu đi, – Comminger bảo, – tôi muốn rằng ông du Vallon ăn bữa tối khoan khoái, nhất là tôi sẽ báo cho ông một tin tức mà tôi chắc rằng sẽ làm cho ông thấy ngon miệng.

-Ông Mazarin qua đời chăng? – Porthos hỏi.

-Không, tôi cũng lấy làm tiếc phải báo với ông rằng ông ta vẫn khỏe như vâm.

-Mặc kệ, – Porthos nói.

-Tin tức gì vậy, – D'Artagnan hỏi. – Ngồi tù thì tin tức là thú hoa trái thật hiếm hoi, cho nên mong ông de Comminger sẽ miễn thứ cho nỗi sốt ruột của tôi, nhất là nếu ông cho biết rằng đó là một tin lành.

Comminger đáp: -Liệu ông có vui mừng khi biết bá tước de La Fère vẫn mạnh khỏe không?

D'Artagnan trợn tròn mắt ra và reo lên: -Tôi vui mừng chứ! Mà còn hơn nữa kia, tôi rất sung sướng.

-Thế thì, tôi đã được chính ông ta ủy nhiệm gửi tới ông những lời chúc mừng và nói với ông rằng ông ta khỏe mạnh.

D'Artagnan suýt nhảy hỏng lên vì mừng rỡ. Anh liếc nhanh nhìn Porthos như muốn bảo: "Nếu Arthos biết chúng ta ở đâu, nếu anh ta nhắn bảo chúng ta, thì Arthos sẽ hành động ngay đấy".

Porthos vốn ít khôn ngoan để hiểu những cái nhìn, nhưng lần này, nghe tên Arthos, anh cũng có cảm tưởng như d'Artagnan và anh hiểu ra.

Chàng Gascon rụt rè hỏi lại: -Thế ông nói rằng bá tước de La Fère đã nhờ ông chuyển lời chúc mừng đến ông Du Vallon và tôi ư?

-Vâng, thưa ông.

-Ông đã gặp ông ấy à?

-Tất nhiên.

-Ở đâu cơ? Tôi hỏi không có ý tọc mạch.

-Ngay gần đây, – Comminger mỉm cười đáp.

-Ngay gần đây? – D'Artagnan nhắc lại, mắt sáng long lanh.

-Gần đến mức nếu như các cửa sổ phòng này trông ra vườn cam không bị bịt kín thì đứng đây các ông sẽ nhìn thấy ông ta.

"Anh ta rình mò quanh lâu đài", d'Artagnan nghĩ vậy và nói.

-Có lẽ ông đi săn trong khu vườn và gặp ông ta chăng?

-Không đâu, gần hơn, gần hơn nữa. Ngay, ngay sau bức tường này, – Comminger vừa nói vừa gõ vào tường.

Sau bức tường này? Có gì sau bức tường này cơ chứ? Người ta dẫn tôi đến đây ban đêm, thành thử tôi mà biết mình đang ở đâu thì quỷ bắt tôi đi.

-Thế thì, ông hãy giả định một điều, – Comminger bảo.

-Tôi sẽ giả định đủ mọi thứ.

-Giả định rằng có một cửa sổ ở bức tường này.

-Thì sao?

-Thì từ cửa sổ này, ông sẽ trông thấy ông de La Fère đứng ở cửa sổ phòng ông ấy.

Vậy ông de La Fère đang ở trong lâu đài à?

-Phải.

-Với tư cách gì?

-Với tư cách như ông.

-Arthos là tù nhân ư?

Comminger cười đáp: -Ông biết rằng không có tù nhân ở Reuil, vì đây không có nhà tù.

-Ta không nên chơi chữ, ông ạ. Arthos bị bắt à?

-Phải, ngày hôm qua, ở Saint-Germain, khi ra khỏi chỗ hoàng hậu.

Hai cánh tay d'Artagnan Reuil thõng xuống bên sườn. Anh như bị sét đánh.

Một đám mây trắng nhợt nhạt lướt trên khuôn mặt sạm nâu của anh, rồi vụt tan ngay.

-Tù nhân? – anh nhắc lại.

-Tù nhân? – Porthos nhắc lại theo, chán nản.

Bỗng nhiên d'Artagnan ngẩng đầu lên, và cặp mắt lóe lên một tia sáng mà ngay Porthos cũng không nhận thấy. Rồi vẫn nỗi thất vọng chán chường ban nãy lại nối tiếp ngay tia sáng thoáng qua ấy.

Comminger vốn có tình cảm quý mến thật sự với d'Artagnan từ cái hôm bắt bớ Broussel, khi anh giúp kéo hắn ta ra khỏi tay đám dân chúng Paris, bèn nói: -Thôi, thôi, đừng vội buồn phiền, ông ạ. Tôi không ngờ là mang đến cho ông một tin buồn đâu? Do đang có chiến tranh, tất cả chúng ta đều là những sinh vật bấp bênh vô định. Hãy vui lên vì sự tình cờ đã khiến bạn ông gần lại với các ông, chứ đừng có thất vọng.

Những lời khuyên giải ấy chẳng có tác dụng gì đến d'Artagnan, anh vẫn giữ vẻ buồn thảm.

Thấy d'Artagnan bỏ Reuil cuộc chuyện trò, Porthos thừa dịp nói chen vào: -Thế vẻ mặt ông ấy thế nào?

-Ô rất tươi tỉnh, – Comminger đáp. – Lúc đầu ông ta cũng có vẻ chán nản như các ông; nhưng khi biết rằng ngài giáo chủ sẽ đến thăm ông ta ngay tối nay…

-A! – D'Artagnan thốt lên, – ngài giáo chủ sẽ đến thăm bá tước de La Fère à?

-Phải, giáo chủ đã cho báo trước, và bá tước de La Fère khi biết tin ấy đã nhờ tôi nói với các ông rằng ông ta sẽ thừa dịp ân huệ ấy để khiếu nại về vụ của các ông và của ông ta.

-Ôi cái ông bá tước thân mến ấy.

-Việc khá hay nhỉ, – Porthos càu nhàu, – Ân huệ quá lớn lao! Mẹ kiếp!

-Ông bá tước de La Fère mà gia đình liên kết với những dòng Montmorency và Rohan lại bề vai phải lứa với lão Mazarin ấy.

-Không sao, – D'Artagnan nói với giọng thật vồn vã – Ông Du Vallon thân mến ơi, thế là vinh dự cho bá tước de La Fère lắm đấy, nhất là cuộc viếng thăm đầy hy vọng. Mà theo lời tôi là một vinh dự quá lớn lao đối với một người tù, nên tôi ngỡ rằng ông Comminger nhầm.

-Sao, tôi nhầm ư?

-Có lẽ không phải ngài Mazarin sẽ đến thăm bá tước de La Fère, mà là bá tước de La Fère sẽ được ngài Mazarin gọi đến chăng?

Cố sắp xếp lại mọi việc cho thật chính xác, Comminger cãi: -Không, không, không! Tôi nghe đầy đủ điều mà giáo chủ nói với tôi Chính giáo chủ sẽ đến thăm bá tước de la Fère.

D'Artagnan thử bắt chợt một cái nhìn của Porthos xem anh ta có hiểu tầm quan trọng của cuộc viếng thăm ấy không, nhưng Porthos chẳng buồn nhìn gì hết.

-Ngài giáo chủ vẫn quen đi dạo ở vườn cam à? – D'Artagnan hỏi.

Tối nào ông ấy cũng vào đó. Hình như ông ta đến đấy để suy nghĩ về công việc quốc gia.

-Thế thì tôi bắt đầu tin rằng ông de La Fère được Các hạ đến thăm – D'Artagnan nói. – Chắc hẳn ngài cũng đi cùng với ai chứ?

-Cùng hai tên lính.

-Ngài bàn việc như vậy trước hai người lính ư?

Bọn lính là những dân Thụy Sĩ ở các làng xóm nhỏ và chỉ nói tiếng Đức. Vả lại rất có khả năng là chúng đợi ở ngoài cửa.

D'Artagnan bấm chặt ngón tay vào lòng bàn tay, để cho nét mặt của mình chỉ lộ ra những gì mà anh cho phép biểu hiện. Anh nói: -Ngài Mazarin tránh đi một mình vào nhà bá tước de La Fère như vậy, chắc là vì bá tước điên khùng lắm nhỉ.

Comminger bật cười nói: -Ai chà! Chẳng trách người ta bảo các ông là những kẻ ăn thịt người! Còn ông bá tước de La Fère thì lịch thiệp, lại không có vũ khí.

Vả chăng Các hạ chỉ kêu một tiếng thôi là hai lính tùy tùng sẽ chạy đến ngay.

Có vẻ đang nhớ lại những kỷ niệm d'Artagnan nói: -Hai tên lính! Phải rồi, thì ra đó là hai người mà tôi nào tôi cũng nghe thấy gọi họ và tôi trông thấy đi dạo có khi đến nửa giờ ở ngoài cửa sổ.

-Đúng đấy: họ đợi giáo chủ hay đúng hơn là đợi Bernouin đến gọi họ khi giáo chủ đi ra.

-Thực tình, – D'Artagnan nói, – trông họ đẹp mã lắm.

-Họ thuộc trung đoàn trước ở Lens và ngài hoàng thân đem tặng giáo chủ cho oai.

Như để tóm tất cả cuộc chuyện trò kéo dài ấy vào một câu, d'Artagnan nói: -A, ông ơi, miễn là Các hạ nguôi đi và ban lại tự do cho ông de La Fère.

-Tôi hết lòng mong mỏi điều đó, – Comminger nói.

-Thế nếu như giáo chủ quên mất cuộc viếng thăm ấy, ông sẽ chẳng ngần ngại gì mà không nhắc ngài cho.

-Đúng thế.

-A, như vậy tôi yên tâm một chút.

Cách lái câu chuyện khéo léo ấy dường như là một mưu chước tuyệt vời của anh đối với những ai có thể đọc thấu trong tâm hồn chàng Gascon.

-Bây giờ, – anh nói tiếp, xin ông án huệ cuối cùng, ông de Comminger ạ.

-Sẵn sàng phục vụ ông.

-Ông sẽ gặp lại bá tước de La Fère chứ?

-Sáng mai.

-Chúng tôi xin gửi lời chào ông ấy và nhờ ông ấy cũng cầu xin cho tôi một ân huệ như ông ấy đã được hưởng.

-Ông muốn rằng ngài giáo chủ đến đây ư?

-Không đâu, tôi tự biết mình và không đến nỗi đòi hỏi nhiều như thế đâu. Chỉ xin Các hạ ban cho tôi vinh dự là nghe tôi trình bày thôi, đó là tất cả điều tôi mong muốn.

Porthos lắc đầu lẩm bẩm: "Ôi, ta không bao giờ ngờ cậu ấy lại như vậy. Sự bất hạnh đã đánh quỵ ở anh một con người?"

-Điều ấy sẽ thực hiện thôi, – Comminger đáp.

-Ông cũng nói để bá tước yên tâm là tôi rất khỏe mạnh và ông trông thấy tôi buồn rầu nhưng nhẫn nại.

-Ông nói như vậy cũng làm vui lòng tôi đấy.

-Ông cũng nói điều ấy hộ ông Du Vallon.

-Không nói hộ tôi đâu! – Porthos la lên. – Tôi ấy à, tôi chẳng nhẫn nại gì hết.

-Nhưng bạn ơi, cậu sẽ nhẫn nại.

-Không bao giờ.

-Ông ta sẽ nhẫn nại đấy, ông de Comminger ạ. Tôi hiểu rõ ông ấy hơn là ông ấy tự hiểu mình. Và tôi còn biết hàng nghìn đức tính tốt của ông ấy mà ông ấy không ngờ đến nữa kia. Thôi, đừng nói nữa, Du Vallon thân mến, và hãy nhẫn nại.

-Xin tạm biệt các ông, – Comminger nói. – Chúc ngủ ngon!

-Chúng tôi sẽ cố gắng.

Comminger chào và đi ra. D'Artagnan nhìn theo và vẫn đứng trong tư thế nhún nhường với vẻ mặt nhẫn nhục. Nhưng khi cánh cửa vừa mới đóng lại sau lưng viên đại uý thì d'Artagnan nhảy bổ lại phía Porthos, ôm chầm lấy bạn với một vẻ vui mừng rõ rệt.

-Ô, ô! – Porthos nói. – Có chuyện gì đấy! Cậu phát điên đấy à, anh bạn khốn khổ của tôi?

-Có chuyện là, – D'Artagnan đáp, – Chúng ta được cứu thoát rồi.

-Tôi chẳng thấy mảy may chút nào, – Porthos nói. – Trái lại, tôi thấy rằng chúng ta bị tóm cả, trừ Aramis, và khả năng đi ra giảm đi từ khi có thêm một người chui vào cái bẫy chuột của Mazarin.

-Không đâu, Porthos ạ. Cái bẫy chuột này chỉ đủ cho hai người với ba người nó trở thành yếu quá.

-Tôi chẳng hiểu gì cả, – Porthos nói.

-Chẳng cần thiết, – D'Artagnan nói, – Ta hãy ngồi vào ăn và lấy sức vì sẽ cần đến nó đêm nay.

-Đêm nay chúng ta làm gì? – Porthos ngày càng tò mò hỏi.

-Có khả năng ta sẽ du hành.

-Nhưng mà…

-Ngồi vào bàn đi, bạn thân mến. ý nghĩ thường đến với tôi khi ăn. Sau bữa ăn, khi ý nghĩ của tôi đầy đủ rồi, tôi sẽ nói với cậu.

Dù rất mong muốn được biết về kế hoạch của d'Artagnan, do biết cách bạn tiến hành công việc như thế nào, Porthos ngồi vào bàn mà không nài thêm câu nào, và ăn với một vẻ ngon lành và nó làm rạng rỡ cho niềm tin cậy mà sức tưởng tượng phong phú của d'Artagnan đã gây cho anh.

§89. Cánh tay và trí óc

Bữa ăn lặng lẽ nhưng không buồn tẻ. Vì rằng nụ cười ranh mãnh quen thuộc với d'Artagnan trong những lúc vui vẻ chốc chốc lại rạng rỡ trên khuôn mặt anh. Porthos không để lọt một nụ cười nào cửa bạn, và mỗi lần như vậy, anh lại thốt ra một lời cảm thán nó chỉ rõ cho bạn rằng, mặc dầu không hiểu nhưng anh vẫn theo dõi điều suy nghĩ đang sục sôi trong đầu óc bạn.

Đến lúc tráng miệng, d'Artagnan nằm kềnh ra ghế, ghếch chân nọ lên chân kia và rung đùi ra vẻ một người hoàn toàn hài lòng về mình.

Porthos chống khuỷu tay lên bàn tì cằm lên hai bàn tay và nhìn, d'Artagnan với vẻ tin cậy nó khiến cho anh chàng khổng lồ ấy có một vẻ chất phác tuyệt vời.

Một lát sau d'Artagnan nói: -Thế nào?

-Thế nào? – Porthos lập lại.

-Bạn thân mến, cậu nói rằng…

-Tôi có nói gì đâu?

-Có chứ? Cậu nói rằng cậu muốn đi khỏi đây.

-À về điều đó thì có, chẳng phải tôi thiếu lòng mong muốn đâu.

-Và cậu nói thêm rằng, để đi khỏi đây, chỉ cần tháo một cánh cửa, hoặc hích đổ một bức tường.

-Đúng đấy, tôi đã nói và tôi còn nói điều đó.

-Còn tôi, Porthos ơi, tôi đã trả lời cậu rằng đó là một cách dở và chúng ta chẳng đi nổi một trăm bước mà không bị bắt lại và đập chết, trừ phi chúng ta có quần áo cải trang và vũ khí để tự vệ.

-Đúng rồi, chúng ta phải có quần áo và vũ khí.

D'Artagnan nhổm dậy nói: -Thế thì chúng ta có đấy, Porthos ạ, và còn có cả cái gì hơn thế nữa kia.

-Lạ chưa, – Porthos nói và ngơ ngác nhìn quanh.

-Đừng có tìm kiếm, vô ích, tất cả những thứ đó sẽ đến tìm chúng ta vào lúc ta muốn. Hôm qua chúng ta thấy những tên lính gác Thụy Sĩ đi dạo vào khoảng mấy giờ nhỉ?

-Khoảng một giờ, sau lúc nửa đêm.

-Nếu như hôm nay chúng lại ra như hôm qua, chúng ta sẽ chẳng đợi mười lăm phút để được ngắm nhìn chúng.

-Chắc chắn là chúng ta đợi mười lăm phút là cùng.

-Cậu vẫn có cánh tay khá tốt đấy chứ, Porthos?

Porthos cởi cúc tay áo, vén áo sơ-mi lên và khoái trá ngắm nhìn đôi cánh tay gân guốc của mình nó to bằng bắp đùi một người bình thường.

-Có chứ! – anh đáp – Khá tốt.

-Thành thử cậu có thể biến cái kẹp than này thành một cái vòng và cái xẻng này thành một cái mở nút chai, mà không khó nhọc lắm phải không?

-Tất nhiên rồi, – Porthos đáp.

-Xem nào, – D'Artagnan bảo.

Chàng khổng lồ cầm lấy hai vật kia và với thao tác dễ àng như không tỏ ra phải gắng sức chút nào, biến chúng thành hai vật mới mà bạn mình mong muốn.

-Đây này? – anh nói.

-Tuyệt điệu! Và thật sự là cậu có tài đấy.

Porthos nói: -Tôi có nghe kể về một chàng khổng lồ Milon de Crotone[282] nào đó đã làm những điều phi thường, như cuộn dây thlừng vào quanh trán, rồi làm đứt dây ra, đấm một cái chết con bò, rồi vác nó lên vai, tóm hai chân sau một con ngựa đang chạy, v v… Tôi bảo người ta kể cho tôi nghe tất cả những kỳ tích của anh ta hồi ở Pierrefonds ấy và tôi đều làm được cả, trừ cái trò phùng thái dương ra làm đứt dây thừng.

-Ấy là vì sức lực của cậu không nằm trong đầu cậu, – D'Artagnan nói.

-Không, nó nằm ở cánh tay và bắp vai tôi chứ! – Porthos ngây thơ đáp.

-Bạn ơi, bây giờ ta lại chỗ cửa sổ và cậu dùng sức bẻ một thanh chấn song. Đợi tôi tắt đèn đã.

§90. Cánh tay và trí óc (tiếp theo)

Porthos đến cửa sổ, dùng hai tay nắm chặt một thanh chắn kéo mạnh về phía mình khiến nó cong lại như cánh cung và hai đầu thanh sắt bật ra khỏi bậc nơi nó đã được gắn chặt bằng xi-măng từ ba chục năm rồi.

-Này bạn ơi, – D'Artagnan nói, – đó là điều mà ngài giáo chủ không bao giờ làm được dù ngài thật là một thiên tài.

-Có cần bẻ những thanh khác nữa không? – Porthos hỏi.

-Không cần một thanh là đủ, một người có thể chui qua được rồi.

Porthos thử và chui lọt cả mình.

-Được đấy – anh nói.

-Quả thật đó là một cái cửa ra vào khá đẹp. Bây giờ cậu thò tay ra.

-Qua đâu?

-Qua lỗ cửa ấy.

-Để làm gì?

-Lát nữa cậu sẽ biết. Làm đi.

Porthos tuân lệnh, dễ bảo như một người lính, và thò cả cánh tay ra khỏi chấn song.

-Tuyệt lắm? – D'Artagnan nói.

-Hình như việc đó tiến hành thuận lợi phải không?

-Như chạy trên bánh xe ấy.

-Bây giờ tôi phải làm gì?

-Không có gì đâu.

-Thế là xong hết rồi à?

-Chưa đâu.

-Nhưng tôi cũng muốn hiểu rõ một chút, – Porthos nói.

-Cậu hãy nghe đây, chỉ hai câu là cậu rõ. Cửa cái phòng giam đang mở như cậu thấy đấy.

-Tôi có trông thấy.

-Ông Mazarin sẽ đi qua sân này để đến vườn cam, và người ta sẽ cử hai tên lính gác đi theo ông ta.

-Chúng đang đi ra kìa…

-Miễn là chúng đóng cửa lại! Tốt rồi, chúng đã đóng lại.

-Rồi sao?

-Im nào, khéo chúng nghe thấy.

-Tôi chẳng hiểu tí gì cả, – Porthos nói.

-Có chứ, vừa làm cậu sẽ vừa hiểu.

-Tuy nhiên tôi thích…

-Cậu sẽ thích thú về sự bất ngờ.

-Đúng thế, – Porthos nói.

-Sụyt!

Porthos im lặng và không động đậy.

Quả nhiên hai tên lính tiến về phía cửa sổ vừa đi vừa xoa xoa bàn tay, vì đang là tháng Hai, trời rét.

Vừa lúc ấy cửa phòng canh mở và người ta gọi một tên lính lại. Tên này rời bạn và trở vào đơn vị.

-Thế vẫn tiến hành chứ, – Porthos hỏi.

-Tốt hơn là khác, – D'Artagnan đáp. – Bây giờ cậu nghe đây.

-Tôi sẽ gọi tên lính này đến và nói chuyện với nó, như hôm qua tôi đã làm với một đứa, cậu có nhớ không?

-Có, nhưng tôi chẳng hiểu nó nói gì.

-Đó là vì giọng nó hơi nặng. Nhưng cậu phải chú ý nghe rõ từng lời tôi sắp nói với cậu; tất cả là ở sự thực hiện, Porthos ạ.

-Được rồi. Thực hiện đó là mặt mạnh của tôi.

-Tôi biết quá đi chứ, cho nên tôi trông cậy vào cậu – Nói đi.

-Tôi sẽ gọi tên lính vào và nói chuyện với nó.

-Cậu vừa nói rồi.

-Tôi sẽ quay lại bên trái, thành ra khi nó bước lên chiếc ghế dài nó sẽ ở bên phải cậu.

-Nhưng nếu nó không bước lên thì sao?

-Nó sẽ lên, cứ yên trí. Lúc nó bước lên ghế cậu sẽ thò cánh tay ghê gớm của cậu ra và tóm lấy cổ nó. Rồi nhắc lên như Tôby bắt con cá bằng mang, cậu lôi nó vào phòng này, và chú ý siết cổ nó khá chặt để nó khỏi kêu.

-Được rồi, – Porthos đáp, – Nhưng nếu tôi bóp chết nó thì sao?

-Thì cũng chỉ là bớt đi một tên gác Thuỵ Sĩ. Nhưng tôi mong rằng cậu đừng bóp chết nó. Cậu nhẹ nhàng đặt nó xuống đây; ta sẽ nhét giẻ vào miệng nó và trói nó lại. Nhưng thế trước hết ta sẽ có một bộ quân phục và một thanh gươm.

-Tuyệt diệu! – Porthos reo lên và nhìn d'Artagnan với vẻ khâm phục vô cùng.

-Hèm? – chàng Gascon nói.

-Ừ nhưng mà, – Porthos thay đổi ý kiến nói, – một bộ quân phục và một thanh gươm chẳng đủ cho hai người.

-Ơ! Thế nó không còn thằng bạn nữa à?

-Đúng rồi!

-Vậy thì khi tôi ho thì cậu lại vươn tay ra, sẽ đến lúc đấy.

-Được!

Đôi bạn đứng vào vị trí đã định. Porthos đứng khuất hẳn vào góc cửa sổ.

-Xin chào anh bạn? – D'Artagnan cất cao giọng ngọt ngào nhất và ôn hoà nhất nói.

-Xin chào ông? – Tên lính đáp.

-Đi dạo thế chẳng ấm lên được lắm đâu, – D'Artagnan nói.

-Brrun… – tên lính ậm ừ.

-Tôi chắc rằng một cốc rượu vang sẽ chẳng làm ông khó chịu đâu nhỉ

-Một côôc lượu phang à, nó sẽ tược hoan nghêng.

-Cá cắn câu, cá cắn câu! – D'Artagnan lẩm bẩm bảo Porthos.

-Tôi hiểu rồi – Porthos đáp.

-Tôi có một chai rượu đây, – D'Artagnan nói.

-Mộc chai tầy à?

-Đầy nguyên, và nó sẽ thuộc về ông nếu ông vui lòng uống mừng sức khỏe cho tôi.

-Hê hê! Tôi phui loòng lắm, – tên lính vừa nói vừa bước gần lại.

-Nào, anh bạn, – chàng Gascon bảo, – lại đây mà lấy.

-Lất phui loòng! Tôi ngô là có mộc cái ghế.

-Ô lạy Chúa, có một cái ghế đặt ở ngay đây này.

-Trèo lên đi… Thế, thế, được rồi, anh bạn ạ.

Và d'Artagnan ho lên.

Cùng lúc ấy cánh tay của Porthos hạ xuống nhanh như tia chớp, chắc như gọng kìm, bàn tay sắt của anh tóm lấy cổ tên lính bóp chặt lại và kéo nó vào qua lỗ trống chỉ sợ nó xước da, và đặt nó xuống sàn. Để nó vừa đủ thời gian lấy lại hơi thở, d'Artagnan nhét giẻ vào mồm nó, rồi cởi bỏ quần áo nói với sự nhanh nhẹn và khéo léo của một người đã từng học nghề ấy trên chiến trường.

Rồi tên lính bị bịt miệng và trói chặt được mang đến lòng lò sưởi mà các anh đã tắt lửa từ trước.

-Vẫn chỉ là một thanh gươm và một bộ quân phục, – Porthos nói.

-Tôi sẽ lấy dùng, – D'Artagnan nói. – Nếu cậu muốn một bộ y phục và một thanh kiếm khác, thì lại phải làm lại trò này. Chú ý, tôi thấy rõ tên lính kia đi ra và đang đến đây.

Porthos nói: -Tôi cho rằng làm lại mưu chước ấy là không khôn ngoan. Một cách mà làm đến hai lần chắc chắn là không thành công. Nếu tôi tóm hụt nó thì hỏng bét cả. Tôi sẽ ra và tóm nó vào lúc không ngờ nhất, và tôi sẽ nộp cậu thằng lính bịt miệng sẵn rồi.

-Thế thì tốt hơn, – chàng Gascon nói.

-Cậu hãy sẵn sàng. – Porthos vừa nói vừa trườn qua lỗ hổng.

Công việc tiến hành đúng như Porthos đã hẹn. Chàng khổng lồ nấp ở trên đường, khi tên lính đi qua, anh tóm lấy cổ nó, bịt miệng và đẩy nó như một xác ướp qua những song cửa đã bẻ doãng ra và chui vào theo.

Các anh lột quần áo nó cũng nhanh như lột thằng trước. Các anh đặt nó lên giường và lấy dây đai cột chặt nó lại. Do giường bằng gỗ sến cả tấm, dây đai lại chập đôi, cho nên các anh có thể yên tâm về nó như về tên trước.

D'Artagnan nói: -Công việc tiến hành tuyệt diệu. Bây giờ cậu hãy mặc thử bộ quần áo của thằng kia, chắc không vừa.

-Nhưng nếu có chật thì cũng không lo, cái dải đeo gươm là đủ, nhất là cái mũ có lông chim đó.

May sao thằng lính thứ hai là một tên Thụy Sĩ to lớn, thành thử trừ một vài chỗ bị bật chỉ, có thể nói là bộ quần áo mặc rất vừa.

Trong một lúc, có (tiếng vải sột soạt) Porthos và d'Artagnan mặc vội vàng.

-Xong rồi! – cả hai người cùng nói. Rồi quay lại phía hai tên lính anh bảo – Nếu các anh ngoan ngoãn thì sẽ chẳng có chuyện gì ra đâu, nhưng nếu động đậy thì toi mạng đấy.

Hai tên lính câm như hến. Chúng đã nếm bàn tay Porthos và hiểu rằng đây là chuyện hết sức nghiêm túc và chẳng nên kêu ca phàn nàn gì cả.

Bây giờ, – D'Artagnan nói – chắc là cậu chẳng bực mình vì đã hiểu ra có phải không?

-Phải lắm.

-Nào, ta ra sân.

-Chúng ta thay thế hai thằng cha kia.

-Được – Chúng ta đi lại dọc ngang.

-Và trông thật là hay, vì trời không nóng.

-Lát nữa tên hầu phòng sẽ đến gọi như hôm qua và hôm kia.

-Chúng ta trả lời chứ?

-Không, trái lại.

-Tùy cậu thôi… Tôi chẳng thiết trả lời.

-Chúng ta không trả lời. Chúng ta chỉ chụp mũ lên đầu và đi hộ tống Các hạ.

-Đi đâu?

-Đi theo ông ta, đến chỗ Arthos. Cậu tưởng rằng anh ta sẽ bực mình phải gặp chúng ta hay sao?

-Ồ, ồ -Porthos kêu lên, – tôi hiểu rồi.

-Hãy đợi mà kêu, Porthos ạ, vì tôi xin thề với cậu là chưa đến chỗ kết thúc đâu, – Chàng Gascon nói giễu cợt.

-Có chuyện gì sẽ xảy ra? – Porthos hỏi.

-Hãy theo tôi, – D'Artagnan đáp, – Ai sống thì sẽ thấy.

Rồi chui lại qua lỗ hổng anh nhẹ nhàng rườn xuống sân. Porthos ra cũng bằng lối ấy mặc dầu khó khăn hơn và chậm chạp hơn.

Người ta nghe thấy hai tên lính bị trói ở trong phòng run lên vì sợ hãi.

D'Artagnan và Porthos vừa chạm chân tới đất thì một cánh cửa mở ra và tiếng tên hầu phòng vang lên: -Lính hầu đâu?

Cùng lúc ấy phòng giam mở ra và có tiếng kêu: -La Bruye và Bactoa, ơi!

D'Artagnan nói nhỏ: -Hình như tôi tên là La Bruye.

-Còn tôi là Bactoa, – Porthos nói.

Tên hầu phòng mắt quáng vì ánh sáng chắc hắn không nhận ra hai nhân vật của chúng ta đứng trong bóng tối, nên hỏi: -Các ông ở đâu?

-Chúng tôi đây, – D'Artagnan đáp. Rồi anh quay lại hỏi Porthos.

-Ông Du Vallon, thấy việc này thế nào?

-Thực tình, miễn là cứ như cái đà này, tôi cho là tốt đẹp.

Hai ngươi lính bất ưng trịnh trọng bước sau tên hầu phòng; hắn mở một cửa gian tiền sảnh, rồi mở một của khác như cửa phòng đợi, trỏ hai cái ghế đẩu và bảo: -Mệnh lệnh thật đơn giản. Các ông chỉ cho một người vào đây thôi, một người duy nhất, các ông nghe rõ chưa? Không có gì hơn.

-Các ông phải tuyệt đối phục tùng người ấy. Còn lúc trở về, dĩ nhiên là các ông phải đợi tôi cho người thay.

D'Artagnan thì tên hầu phòng biết rõ quá, hắn chẳng phải ai khác là Bernouin, từ bảy tảm tháng nay đã chục lần đưa anh vào chỗ tể tướng. Cho nên anh không trả lời mà chỉ, làu bàu tiếng ia là tiếng giống tiếng Gascogne ít nhất và giống tiếng Đức nhiều nhất.

Còn về Porthos thì d'Artagnan đòi hỏi và được anh hứa hẹn là bất cứ trường hợp nào cũng không được mở miệng. Cùng bất đắc dĩ thì anh ta chỉ được phép thốt ra tiếng tacteflơ phổ biến và trang trọng.

Bernouin đóng cửa và đi ra.

Nghe tiếng khoá cửa lách cách, Porthos nói: -Ô ô! Dường như ở đây nhốt người là cái mốt hay sao ấy. Hình như chúng ta chỉ có đổi phòng giam mà thôi, đang lẽ bị giam đằng kia, chúng ta bị giam ở vườn cam. Tôi chẳng biết rằng mình đã thắng hay chưa?

-Bạn thân mến ơi, – D'Artagnan khẽ bảo, – Đừng có nghi ngờ Thượng đế và hãy để tôi suy nghĩ.

-Thì cậu cứ suy nghĩ đi? – Porthos bực dọc nói khi thấy sự việc lại xoay chuyển như vậy.

D'Artagnan lẩm bẩm: -Chúng ta đã bước tám mươi bước, đã leo lên sáu bậc, vậy thì như ông bạn de Comminger trứ danh của ta nói ban nãy, đây là khu nhà song song với khu nhà ở và người ta gọi là khu vườn cam. Bá tước de La Fère ở không xa đây đâu, song các cửa đều đóng kín.

-Khó cái gì! – Porthos nói, – chỉ hích vai một cái…

-Ấy chết, Porthos thân mến ơi, hãy giữ gìn sức lực của cậu kẻo đến lúc cần nó chẳng còn giá trị nữa. Cậu không nghe tiếng người nào đó đang đến ư?

-Có chứ.

-Thế thì, cái người nào ấy sẽ mở cửa cho chúng ta.

-Nhưng bạn thân mến ơi nếu cái người nào ấy nhận ra chúng ta, và nếu khi nhận ra, hắn kêu lên thì chúng ta bỏ đời; vì tôi chắc rằng cuối cùng cậu không có ý định cho tôi đập chết hoặc bóp cổ cái người nhà thờ ấy đâu. Những kiểu cách ấy rất tốt đối với bọn Anh và bọn Đức.

-Ôi nhờ Trời che chở cho tôi và cho cậu! – D'Artagnan nói.

-Ông vua trẻ có lẽ sẽ biết ơn chúng ta đấy; nhưng hoàng hậu sẽ chẳng tha tội cho ta đâu, và chính là phải vì nể bà ấy. Với lại, đổ máu vô ích. Không, không bao giờ! Tôi có kế hoạch rồi. Hãy để tôi làm và chúng ta sẽ được cười thoả thích.

-Tốt thôi, – Porthos nói, – tôi đang muốn được cười đấy.

-Sụyt! – D'Artagnan bảo, – người ấy đến đấy.

Lúc ấy ở phòng phía trước, tức là ở tiền sảnh, có tiếng chân bước nhè nhẹ. Bản lề cửa rít lên và một người vận kiểu kỵ sĩ trùm áo choàng nâu, đội mũ rộng vành sụp xuống mắt, tay cầm đèn xuất hiện.

Porthos đứng nép vào góc tường, nhưng anh không thể nào tránh khỏi người mới vào trông thấy. Ông ta đưa đèn cho anh và bảo.

-Châm đèn ở trần lên.

Rồi quay lại d'Artagnan và hỏi: -Ông biết mệnh lệnh chứ?

Và chàng Gascon đáp, anh cố tự giới hạn ở cái mẫu tiếng Đức ấy.

Người kỵ sĩ nói: -Teđescô, va bene.

Rồi đến phía cửa trước mặt nơi đã vào, ông mở ra và biến mất sau khi khép cửa lại.

-Thế bây giờ chúng ta làm gì? – Porthos hỏi.

Bây giờ chúng ta sẽ dùng đến cái vai của cậu nếu cái cửa này đóng, Porthos ạ. Giờ nào việc ấy, và mọi việc đều đến đúng lúc đối với ai biết chờ đợi. Nhưng trước hết chúng ta hãy chặn cái cửa trước một cách thích đáng, sau đó chúng ta sẽ đi theo người kỵ sĩ.

Đôi bạn lập tức bắt tay vào việc và khuân hết đồ đạc trong phòng ra chèn vào cửa, cửa lại mở vào phía trong nên càng khó mà đi qua được.

-Đấy – D'Artagnan nói. – Thế là chúng ta yên tâm không bị đột kích từ phía sau. Nào, tiến lên!

§91. Những hầm nhốt người của Mazarin

Đôi bạn tới cái cửa mà Mazarin đã đi ra. Cửa đóng chặt, d'Artagnan thử mở mà không được. Anh nói: -Porthos, đây là chỗ mà cậu cần đặt vai vào. Đẩy đi, nhưng từ từ đừng gây tiếng động. Đừng phá, mà làm bật cánh cửa ra thôi.

Porthos tì bắp vai lực luỡng vào một bên cánh cửa khiến nó ưỡn ra. D'Artagnan lách mũi gươm vào giữa cái chốt và ổ khoá. Cái chốt bị vạt chéo bật ra và cửa mở.

Porthos ơi, khi nào tôi nói với cậu rằng cứ nhẹ nhàng là đạt được tất cả ở đàn bà và các cánh cửa nhỉ?

-Chắc chắn rằng cậu là một nhà đạo lý học lớn rồi, – Porthos đáp.

-Ta vào đi, – D'Artagnan bảo.

Họ vào. Phía sau một tấm kính, nhờ ánh sáng ngọn đèn của giáo chủ đặt ở giữa hành lang, họ trông thấy những cây cam và cây lựu của lâu đài Reuil xếp thẳng hàng thành một lối đi lớn và hai lối ngang nhỏ hơn.

-Không thấy giáo chủ, – D'Artagnan nói, – mà chỉ có mỗi cái đèn. Lão ta biến đâu nhỉ?

Anh bảo Porthos tìm kiếm một bên đường ngang và anh một bên thì bỗng nhiên trông thấy ở phía trái một cái bồn cây để trệch sang bên cạnh và ở chỗ cũ của nó là một cái hố mở toang hoác.

Mười người có xoay cái bồn ấy cũng gay go, nhưng nhờ một bộ máy nào đó, nó đã xoay ra cùng phiến đá. D'Artagnan nhìn xuống hố thấy có những bậc thang đi xuống của chiếc cầu thang xoay.

Anh vẫy Porthos lại và chỉ cho xem cái hố và những bậc thang.

Hai người nhìn nhau với vẻ kinh hãi.

D'Artagnan nói thầm: -Nếu chúng ta chỉ muốn có vàng thôi, thì chúng ta đã toại nguyện và sẽ giàu có suốt đời.

-Sao vậy?

-Cậu không hiểu à, Porthos Dưới chân cầu thang này chắc chắn là kho vàng trứ danh của giáo chủ mà người ta đồn mãi. Chúng ta chỉ có việc đi xuống, vét rỗng một két, nhốt ông giáo chủ vào đó và khoá hai vòng lại, rồi chúng ta có sức mang được bao nhiêu vàng đi thì cứ việc lấy, xong chúng ta để lại bồn cam vào chỗ cũ. Chẳng có ai trên đời này, kể cả ông giáo chủ sẽ đến tra hỏi chúng tra xem của cải của chúng ta ở đâu mà ra.

-Đối với bọn tiện dân. – Porthos đáp – thì đó là một vố chơi rất hay, nhưng tôi thấy nó như không xứng đáng với hai nhà quý tộc.

-Tôi cũng nghĩ vậy, – D'Artagnan nói, – cho nên tôi mới nói. "Nếu chúng ta chỉ muốn có vàng… ", nhưng chúng ta muốn cái khác.

Cùng lúc đó, do d'Artagnan cúi đầu xuống hầm để nghe ngóng, thì thấy có tiếng kim loại như một túi vàng lóc xóc đập vào tai, anh giật mình. Sau đó có tiếng khép cửa và ánh đèn le lói ở chân cầu thang.

Mazarin đã để đèn lại ở vườn cam để người ta tưởng rằng ông vẫn đi dạo. Nhưng ông đã dùng một cây nến để tìm kiếm két vàng bí mật của mình.

Vừa trèo lên cầu thang, vừa ngắm nghía cái túi căng phồng những đồng tiền vàng Tây Ban Nha, ông ta hỉ hửng nói: -Hê hê! Đây là để trả cho năm ông tham nghị và hai ông tướng ở Paris. Ta cũng vậy, ta là một vị chỉ huy lớn song ta làm chiến tranh theo kiểu của ta…

D'Artagnan và Porthos mỗi người nấp sau một bồn cây ở một đường ngang và chờ đợi.

Mazarin đến cách d'Artagnan ba bước và ấn vào một chiếc lò-xo ẩn trong tường. Phiến đá xoay lại và đưa bồn cam trở lại chỗ cũ.

Rồi giáo chủ tắt nến bỏ vào túi, xách cái đèn lồng và nói: -Ta đến thăm lão de La Fère nào.

D'Artagnan nghĩ thầm: "Tốt! Đó là đường của ta, chúng ta sẽ cùng đi".

Cả ba người cất bước. Mazarin đi ở đường giữa, Porthos và d'Artagnan đi lối hai bên. Hai anh cẩn thận tránh những vệt sáng dài do cái đèn của giáo chủ chiếu ra những khoảng trống giữa các bồn cây.

Các anh bước rất êm trên cát mềm nên giáo chủ đến cửa kính thứ hai mà vẫn không biết mình bị theo dõi.

Ông ta quay sang bên trái đi vào một hành lang mà hai anh chưa nhìn thấy. Nhưng lúc sắp mở cửa thì ông ta dừng lại, đăm chiêu: -A! Quỷ thần ạ! – Ông nói, – ta quên mất lời dặn của de Comminger rồi. Cần phải lấy mấy tên lính đặt ở cửa này để ta khỏi bị rơi vào tay tên thiên lôi quỉ sứ ấy. Nào đi.

Và với vẻ sốt ruột ông ta quay lại định trở lui.

D'Artagnan bước lên, mũ cầm tay, vẻ mặt nhã nhặn nói: -Chẳng phải mất công đâu, thưa Đức ông, chúng tôi đi theo ngài từng bước, và có chúng tôi đây rồi.

Và anh lại cúi chào rất nhã nhặn.

-Vậy có chúng tôi đây, – Porthos nói theo.

Mazarin đưa mắt kinh hãi nhìn từ người này sang người kia, nhận ra cả hai và vừa để tuột cái đèn vừa thốt lên một tiếng rên rỉ hết hồn.

D'Artagnan nhặt đèn lên, may thay nó rơi mà không bị tắt.

-Ồ! Đức ông thật là khinh suất, – D'Artagnan nói.

-Đi ở đây mà không có đèn thì chẳng tốt đâu Các hạ có thể vấp vào một bồn cây nào đó và rơi xuống một cái hố nào đó.

-Ông d'Artagnan, – Mazarin lẩm bẩm, chưa hết kinh ngạc.

-Vâng, thưa Đức ông, chính tôi đây, và tôi rất vinh hạnh được giới thiệu ông Du Vallon, người bạn quý của tôi mà hồi trước Đức ông đã hạ cố quan tâm thật là sốt sắng.

Và d'Artagnan chiếu đèn lên bộ mặt hớn hở của Porthos lúc ấy mới hiểu ra và rất lấy làm tự hào.

-Ngài đi đến chỗ ông de La Fère, – D'Artagnan nói tiếp.

Chúng tôi sẽ chẳng làm phiền Đức ông đâu. Xin ngài hãy dẫn đường và chúng tôi sẽ đi theo.

Mazarin dần dần lấy lại bình tĩnh. Ông nghĩ đến việc thăm kho vàng của mình vừa rồi và hỏi bằng một giọng run run: -Các ông đến vườn cam lâu chưa?

Porthos mở miệng toan nói, nhưng d'Artagnan ra hiệu, anh đành im và miệng anh từ từ ngậm lại.

-Chúng tôi vừa mới đến xong, – D'Artagnan đáp.

Mazarin thở phào một cái: ông không lo cho kho vàng nữa, chỉ còn phải lo cho bản thân mình. Một nụ cười lớn nở trên môi ông.

-Nào, – Ông nói, – các ông đã đánh bẫy được tôi rồi, tôi xin chịu thua. Các ông yêu cầu được tự do phải không? Tôi xin trả lại tự do cho các ông.

-Ồ, thưa Đức ông, – D'Artagnan nói, – Ngài thật tử tế quá nhưng chúng tôi đã có tự do rồi, và chúng tôi còn thích yêu cầu ngài cái khác cơ.

-Các ông tự do rồi ư? – Mazarin hoảng hốt hỏi.

-Tất nhiên rồi, và trái lại Đức ông mới mất tự do và biết làm thế nào, thưa Đức ông, luật lệ chiến tranh mà, phải chuộc lại tự do thôi.

Mazarin thấy ớn lạnh đến tận xương tuỷ. Con mắt sắc như dao của ông nhìn thẳng chằm chằm vào khuôn mặt giễu cợt của d'Artagnan và bộ mặt lạnh lùng của Porthos. Cả hai khuôn mặt đều khuất trong bóng tối, và cả đến cô đồng bói toán ở động Quymơ[283] cũng đành chịu chẳng đoán được gì ở đó.

-Chuộc lại tự do của tôi ư? – Mazarin đáp.

-Phải, Đức ông ạ.

-Thế tôi phải trả bao nhiêu tiền hả, ông d'Artagnan?

-Ấy chết, thưa Đức ông, tôi chưa biết được đâu. – Nếu Các hạ cho phép, chúng tôi sẽ đến hỏi bá tước de La Fère. Vậy xin ngài chiếu cố mở cái cửa đến chỗ ông ấy, và trong mười phút ta sẽ ngã giá.

Mazarin rùng mình.

-Thưa Đức ông, – D'Artagnan nói, – ngài xem chúng tôi nhã nhặn biết chừng nào; tuy nhiên chúng tôi buộc lòng phải báo trước với ngài là chúng tôi không có thì giờ để mất đâu. Vậy xin Đức ông hãy mở cửa ra, và một lần cho mãi mãi, xin ngài nhớ cho rằng nếu ngài chỉ kêu lên một tiếng hoặc toan chạy trốn, thì vì tình thế của chúng tôi là rất ngoại lệ, xin ngài chớ oán giận nếu như chúng tôi phải làm một việc bạo hành.

-Các ông cứ yên trí, – Mazarin nói, – Tôi không mưu toan gì đâu, xin lấy danh dự mà thề.

D'Artagnan ra hiệu bảo Porthos giám sát cẩn thận, rồi quay lại bảo Mazarin: -Bây giờ, thưa Đức ông chúng ta đi vào nào.

§92. Đàm phán

Mazarin mở khoá của cái cửa đôi. Arthos đứng ở ngưỡng cửa sẵn sàng nghênh tiếp vị khách trứ danh theo như Comminger đã báo trước.

Nhìn thấy Mazarin anh cúi chào và nói: -Xin Đức ông miễn khỏi phải có người đi theo; vinh dự mà tôi được ban quá lớn lao, nên tôi không thể quên điều ấy.

-Bá tước thân mến ơi, – D'Artagnan nói, – Cho nên Các hạ dứt khoát không muốn cho chúng tôi theo. Chính Du Vallon và tôi nài nỉ, bằng một cách có thể là khiếm nhã đấy, vì chúng tôi rất tha thiết gặp lại anh.

Nghe tiếng nói và giọng giễu cợt ấy, trông cử chỉ rất quen thuộc ấy kèm theo tiếng nói và cái giọng ấy, Arthos nẩy bật lên vì kinh ngạc.

-D'Artagnan! Porthos! anh reo lên.

-Chính tôi đây, bạn thân mến ạ.

-Chính tôi đây, – Porthos nhắc lại.

-Thế này là thế nào? – Bá tước hỏi.

Mazarin gượng cười, vừa cắn môi vừa mỉm cười và nói: -Thế này nghĩa là bây giờ đã thay bậc đổi ngôi. Đáng lẽ các ông này là tù binh của tôi thì chính tôi lại là tù binh của các ông ấy. Đến nỗi ông thấy đấy, tôi bị buộc phải chấp nhận luật lệ lẽ ra chính tôi mới là người đặt ra luật lệ. Nhưng này các ông, tôi xin báo trước là trừ phi các ông giết chết tôi, thắng lợi của các ông mong manh lắm: sẽ đến lượt tôi, người ta sẽ đến.

-A a, Đức ông ơi, – D'Artagnan nói, – Chớ có doạ nạt tôi, đó là gương xấu đấy. Chúng tôi hiền lành và nhã nhặn với Các hạ đến thế cơ mà! Nào, ta hãy gác mọi nỗi bực dọc ra một bên, hãy xếp hằn thù lại và ta nói chuyện lịch sự.

-Tôi không đòi hỏi gì hơn, – Mazarin nói. – Nhưng khi bàn bạc về tiền chuộc tôi? Tôi không muốn các ông coi cái thế của các ông cao hơn thực tế, vì khi dùng bẫy bắt tôi thì các ông cũng bị mắc luôn vào đó. Làm thế nào mà các ông ra khỏi đây? Hãy nhìn các song sắt các cửa, hãy nhìn hay đúng hơn là đoán xem các lính canh đang gác ở sau các cánh cửa và song sắt, các lính tráng ngổn ngang ở các sân, và ta điều đình. Đây, tôi sắp chứng tỏ với các ông rằng tôi thành thực.

-Được rồi, – D'Artagnan ngẫm nghĩ, – ta hãy vững vàng, lão sắp chơi chúng ta một vố đây!

Tể tướng nói tiếp: -Tôi đã đề nghị trả lại tự do cho các ông và tôi còn đề nghị như thế nữa. Các ông có nhận không? Trước một giờ nữa, các ông sẽ bị phát hiện, bị bắt giữ, bị buộc phải giết tôi; nhưng như vậy sẽ là một tội ác ghê gớm và hoàn toàn không xứng đáng với những người quý tộc trung hậu như các ông.

"Ông ta nói có lý", Arthos nghĩ.

Và giống như mọi lý lẽ diễn ra trong cái tâm hồn chỉ có toàn những ý tưởng cao quý ấy, ý nghĩ của Arthos phản ảnh ngay trên mặt anh.

Để sửa lại niềm hy vọng mà sự đồng tình thầm lặng của Arthos đã tạo ra cho Mazarin, d'Artagnan nói: -Cho nên chúng ta chỉ đi tới sự bạo hành đó vào lúc cùng kế mà thôi.

-Nếu trái lại, – Mazarin nói – Các ông nhận lấy tự do của mình và để cho tôi đi…

-Thế nào, – D'Artagnan ngắt lời, – phải chăng ngài muốn chúng tôi nhận tự do của mình bởi vì ngài có thể lấy nó lại à – chính ngài nói điều đó – năm phút sau khi ngài ban cho chúng tôi? Và thưa Đức ông, – D'Artagnan nói thêm – đúng như tôi hiểu về ngài, ngài sẽ lấy lại nó ngay thôi.

-Không, lời thề của giáo chủ… ông không tin tôi!

-Thưa Đức ông, tôi không tin ở những giáo chủ không phải là tu sĩ. Ngài không còn là tể tướng nữa, thưa Đức ông, ngài là tù binh của chúng tôi.

-Thế thì, lời thề của Mazarin? Tôi là Mazarin và tôi mãi mãi là Mazarin, tôi hy vọng như vậy.

-Hừm! – D'Artagnan nói, – tôi có nghe nói một Mazarin ít có lòng thành kính đối với những lời thề, và tôi e rằng đó là một vị tổ tiên của Các hạ chăng?"

-Ông d'Artagnan ơi, – Mazarin nói, ông là người trí xảo lắm, và tôi hết sức bực mình là đã đi cãi cọ với ông.

-Thưa Đức ông, chúng ta dàn hoà với nhau vậy, tôi không mong gì hơn.

-Thế này nhé, – Mazarin nói, nếu tôi cho các ông được an toàn một cách minh bạch, hiển nhiên thì sao?

-A! Thế lại là một chuyện khác, – Porthos nói. – Xem nào!

-Xem nào? – D'Artagnan lập lại.

Trước hết hãy trình bày kế hoạch của ngài, và chúng tôi sẽ xem xét.

-Hãy chú ý là các ông vẫn đang bị giam giữ, bị cầm tù.

-Đức ông nên biết rõ rằng, chúng tôi vẫn còn một kế hoạch cuối cùng, – D'Artagnan nói.

-Kế sách gì?

-Cùng chết với nhau.

Mazarin rùng mình.

-Này. – Mazarin nói, – Ở cuối hành lang là một cái cửa mà tôi có chìa khoá, cửa ấy thông ra vườn. Hãy dùng chìa khoá ấy mà đi. Các ông cường tráng và nhanh nhẹn, lại có vũ khí. Đi một trăm bước rẽ sang trái, các ông sẽ gặp bức tường của khu vườn. Các ông trèo qua và nhảy ba cái là các ông sẽ ra đường cái và tự do. Bây giờ tôi đã hiểu các ông khá rõ để biết rằng nếu như người ta công kích các ông thì đó sẽ chẳng là điều trở ngại cho việc chạy trốn của các ông.

-A, mẹ kiếp, – D'Artagnan nói. – Tốt lắm, điều ấy đã nói ra.

-Cái chìa khoá ấy đâu?

-Nó đây.

-Đức ông này, – D'Artagnan nói, – ngài sẽ thân hành dẫn chúng tôi đến cái cửa ấy.

-Rất sẵn lòng, – Tể tướng nói, – Nếu như các ông cần như vậy để được yên tâm.

Mazarin không hy vọng được thoát kiếp một cách dễ dãi như vậy, nên mặt mày tươi tỉnh hẳn lên và đi ra hành lang để mở cửa.

Cửa ấy thông ra khu vườn và ba kẻ đi trốn nhận ra điều ấy do gió ban đêm lùa vào hành lang và thổi cả tuyết bay vào mặt họ.

-Ghê thật, ghê thật? – D'Artagnan nói. – Thật là một đêm kinh khủng. Đức ông ạ! Chúng tôi không thuộc nơi này và chẳng bao giờ tìm được đường đi đâu. Vì Các hạ đã ra công ra đến tận đây, xin ngài cố thêm vài bước nữa… dẫn chúng tôi đến bức tường.

-Được thôi, – giáo chủ đáp.

Và cắt một đường thẳng, ông bước nhanh đến bức tường, và chỉ một loáng bốn người đã tới chân tường.

-Các ông đã hài lòng chứ? – Mazarin hỏi.

-Chắc thế! Chúng tôi khó tính thật! Vinh dự chưa! Ba gã quý tộc khốn khổ được một ông hoàng của Nhà thờ đi hộ tông! A, nhân tiện xin hỏi có phải lúc nãy Đức ông có nói rằng chúng tôi dũng cảm, nhanh nhẹn và được vũ trang không?

-Phải…

-Thế thì ngài nhầm rồi. Chỉ có ông Du Vallon và tôi được vũ trang thôi, còn ông bá tước thì không. Và nếu gặp một đội tuần tra thì chúng tôi phải có thể tự vệ được chứ?

-Đúng quá đi rồi.

Nhưng chúng ta kiếm đâu được thanh gươm, – Porthos hỏi.

D'Artagnan nói: -Đức ông sẽ cho bá tước mượn thanh gươm của ngài, vì đối với ngài nó cũng vô ích.

-Rất sẵn lòng, – giáo chủ nói, – Tôi còn mong ông bá tước hãy vui lòng giữ nó đề nhớ đến tôi.

-Điều ấy lịch sự đấy chứ bá tước! – D'Artagnan nói.

-Cho nên, – Arthosđáp, – Tôi xin hứa với Đức ông là sẽ chẳng bao giờ rời nó.

-Hay – D'Artagnan nói, – Đối đãi cư xử với nhau, thật là cảm động! Porthos, cậu có rưng rưng nước mắt không nhỉ?.

-Có – Porthos đáp, – nhưng không hiểu là do thế hay do gió nó làm tôi chảy nước mắt. Tôi chắc là tại gió đấy.

-Bây giờ, Arthos trèo lên đi, – D'Artagnan bảo, – và nhanh lên.

Arthos được Porthos nhấc lên như một chiếc lông chim, đặt chân lên bờ tường.

-Bây giờ nhảy xuống đi, Arthos.

Arthos nhảy xuống và biến sau bức tường.

-Anh đã tới đất chứ – D'Artagnan hỏi.

-Rồi.

-Không xảy ra điều gì chứ?

-Hoàn toàn bình yên.

-Porthos, – D'Artagnan bảo – hãy theo dõi ngài giảo chủ, trong khi tôi leo lên. Không, tôi không cần cậu giúp, tôi trèo lên một mình.

-Hãy theo dõi ngài giáo chủ, thế thôi.

-Tôi theo dõi đây, – Porthos đáp. – Ơ kìa!…

-Cậu nói phải đấy, thật khó leo hơn mình tưởng. Hãy giơ lưng ra cho mình, nhưng chớ có buông ngài giáo chủ.

-Tôi không buông đâu.

Porthos giơ lưng cho d'Artagnan bám, anh leo lên và ngồi ngự trên bờ tường.

Mazarin làm bộ cười.

-Xong chưa? – Porthos hỏi.

-Được rồi, nhưng bây giờ…

-Bây giờ làm sao?

-Bây giờ cậu đưa ông giáo chủ lên đây cho tôi và nếu ông ta kêu lên một tiếng thì cậu cứ bóp nghẹt ông ta.

Mazarin toan kêu lên, thì Porthos đã lấy tay siết chặt lấy ông và nhấc lên, d'Artagnan tóm lấy cổ áo ông và đặt ông ngồi cạnh mình. Rồi bằng một giọng hăm doạ, anh bảo: -Ông hãy nhảy ngay xuống bên cạnh ông De La Fère, nếu không tôi kết liễu đời ông sớm hơn, lời thề nhà quý tộc.

-Ông ơi, ông ơi, – Mazarin kêu – Ông không giữ lời hứa.

-Tôi ấy à? Tôi đã hứa với ông điều gì nào?

Mazarin rên rỉ nói.

-Nhờ tôi mà các ông được tự do, tự do của các ông là tiền chuộc của tôi rồi.

-Đồng ý, nhưng mà tiền chuộc của cái kho vàng kếch sù chôn ở trong hầm và người ta xuống đó bằng cách bấm một nút lò-so ẩn ở trong tường để nó xay ở bốn cây và làm hở ra một cầu thang, thì có phải bàn đến nó một chút không, nói đi, Đức ông!

-Giêsu! – Mazarin thốt lên, hầu như ngạt thở và chắp hai bàn tay lại – Giêsu, lạy Chúa tôi. Thế là tôi mất hết cả rồi.

Nhưng không dừng trước những lời than vãn, d'Artagnan nắm lấy cánh tay ông và đẩy nhẹ ông xuống tay Arthos, anh đang đứng thản nhiên ở chân tường.

Rồi quay lại phía Porthos, d'Artagnan bảo: -Tôi ngồi chắc ở bờ tường, cậu bám lấy tay tôi mà leo lên.

Porthos ráng sức làm lung lay cả bức tường và trèo lên. Anh nói: -Trước tôi hiểu chưa đầy đủ đâu, nhưng bây giờ thì rõ rồi, thật là kỳ khôi lắm…

-Cậu thấy như thế à? – D'Artagnan đáp. – Càng tốt! Nhưng để cho nó kỳ khôi đến cùng, ta đừng để mất thì giờ.

Và anh nhảy xuống chân tường.

Porthos nhẩy xuống theo.

-Các ông đi hộ tống ngài giáo chủ – D'Artagnan bảo, – Tôi đi dò đường.

Chàng tuốt gươm ra và đi tiên phong.

-Thưa Đức ông, – anh nói, – phải rẽ lối nào để đi ra đường cái? Cần suy nghĩ kỹ trước khi trả lời, bởi vì nếu Đức ông có một sự nhầm lẫn thì có thể xảy ra những tai hại nghiêm trọng không chỉ với chúng tôi mà cả với ngài nữa đấy.

-Ông cứ men theo tường, – Mazarin nói, – và không sợ lạc đâu.

Ba người bạn gấp bước lên và sau một lát họ buộc phải đi chậm lại, vì giáo chủ đã hết sức cố gắng mà cũng không theo kịp họ.

Bỗng nhiên, d'Artagnan vấp phải một vật gì âm ấm và động đậy.

-Này, một con ngựa! – anh nói, – các ông ạ, tôi vừa mới thấy một con ngựa.

-Tôi cũng thấy một con – Arthos nói.

-Tôi cũng vậy! – Porthos reo lên; tuân theo mệnh lệnh, anh vẫn nắm lấy tay giáo chủ.

-Thưa Đức ông, – D'Artagnan nói – Đây là cái mà người ta nói là vận may, đúng vào lúc ngài than phiền là buộc phải cuốc bộ.

Nhưng anh vừa nói xong thì một nòng súng ngắn hạ xuống ngực anh và một tiếng nói trang nghiêm vang lên.

-Chớ có đụng vào.

-A! Grimaud, – D'Artagnan reo lên. – Grimaud! Bác làm gì ở đây thế? Có phải trời đã kêu bác đến đây chăng?

-Không đâu, ông ạ, – Người đầy tớ thật thà đáp, – Ông Aramis sai tôi canh những con ngựa.

-Aramis ở đây à?

-Vâng, từ hôm qua.

-Thế các anh làm, gì?

-Chúng tôi rình.

-Sao? Aramis ở đây à? – Arthos hỏi.

-Ở chỗ cài cổng nhỏ của lâu đài. Vị trí của ông ấy ở đó.

-Các bạn có đông không?

-Chúng tôi có sáu mươi người.

-Báo cho họ biết đi.

-Thưa ông, tôi sẽ đi ngay bây giờ đây.

Nghĩ rằng không có ai, làm nhiệm vụ đó tốt hơn mình. Grimaud co cẳng lên mà chạy, trong khi ba người vừa tập hợp xong, đang đứng chờ.

Trong cả đám ấy, chỉ có ngài Mazarin là tỏ ra hết sức bực bội.

§93. Do đâu mà người ta bắt đầu tin rằng cuối cùng Porthos sẽ là nam tước và d'Artagnan sẽ là đại uý

Mười phút sau Aramis đến, có Grimaud và chín mươi nhà quý tộc đi cùng. Anh hớn hở ôm chầm lấy các bạn và nói: -Thế là các anh đều được tự do rồi! Tự do không cần sự giúp đỡ của tôi? Thế là mặc dầu tôi đã hết sức cố găng mà chẳng làm được gì.

-Bạn thân mến ơi, chớ phiền lòng. Cái gì hoãn lại không phải là mất đâu. Nếu anh chưa làm được thì rồi anh sẽ làm.

-Tuy nhiên, tôi đã dùng nhiều biện pháp, – Aramis nói. – Ông chủ giáo cho tôi sáu mươi người; hai mươi người gác các bức tường từ Rueil đi Saint-Germain; hai mươi người phân tán trong rừng. Nhờ bài binh bố trận như vậy, tôi đã chặn được hai người mang thư của Mazarin gửi hoàng hậu.

Mazarin vểnh tai lên.

-Nhưng – D'Artagnan nói, – Tôi chắc rằng anh đã hành động một cách đứng đắn là gửi trả lại ngài giáo chủ những bức thư đó.

-À vâng, – Aramis đáp. – Đối với ông ấy mà tôi phải sốt sắng làm cái điều lịch sự như vậy ư? Trong một bức thư, giáo chủ tuyên bố rằng két vàng bạc đều rỗng và Hoàng thượng không còn tiền.

Trong bức thư kia, ông ta bảo rằng sẽ cho chuyển các tù nhân của mình đến Melun, vì Rueil không tỏ ra là một nơi khá an toàn. Bạn thân mến ơi, anh có biết không, bức thư sau này cho tôi nhiều hy vọng. Tôi cùng sáu chục người đã mai phục bao vây toà lâu dài, chuẩn bị ngựa và giao cho Grimaud thông minh này trông coi; và tôi chờ người đưa các anh ra. Tôi tính là phải đến sáng mai, và không mong giải thoát cho các anh mà không có đánh nhau. Thế mà tối nay các anh đã được tự do, tự do không có chiến đấu, càng tốt? Các anh làm thế nào mà thoát khỏi cái lão Mazarin đê tiện ấy? Các anh chắc oán lão ấy lắm nhỉ?

-Ít thôi – D'Artagnan nói.

-Thật ư?

-Có thể nói chúng tôi phải hài lòng về ông ấy.

-Vô lý!

-Thật đấy! Nhờ ông ấy mà chúng tôi được tự do.

-Nhờ ông ta?

-Phải. Ông ấy đã cho Bernouin, người hầu phòng của ông, dẫn chúng tôi ra vườn cam, rồi từ đó chúng tôi theo ông đến chỗ bá tước De La Fère. Rồi ông ta đề nghị trả tự do cho chúng tôi, chúng tôi chấp nhận, và ông ta còn tỏ ra ân cần đến mức chỉ đường và đưa chúng tôi đến tận bức tường của khu vườn mà chúng tôi vừa mới trèo qua với nỗi sung sướng nhất đời và đã gặp Grimaud.

-A, hay lắm, – Aramis nói, – việc này giúp tôi dàn hoà với ông ấy và tôi mong ông ấy có mặt ở đây để nói với ông ấy rằng tôi không tin rằng ông ta lại có khả năng làm một việc đẹp đẽ như thế.

-Không thể nhịn được lâu, d'Artagnan nói: -Thưa Đức ông, tôi xin giới thiệu với ngài ông hiệp sĩ D'Herblay, ông ta đang muốn – Như ngài vừa nghe đấy – Dâng những lời chúc tụng cung kính lên Các hạ.

Và anh tránh ra để lộ Mazarin đang bối rối trước cái nhìn kinh hãi của Aramis.

-Ô ô! Aramis kêu lên, – giáo chủ à? Chiến lợi phẩm tuyệt quá? Ơ này, các bạn ơi, ngựa đâu, ngựa đâu?

Mấy kị sĩ chạy đến.

-Mẹ kiếp! – Aramis nói. – Có lẽ tôi cũng đã có ích cho một việc gì đó. Thưa Đức ông, xin ngài hãy hạ cố nhận cho tất cả những kính lễ của tôi. Tôi cuộc rằng ông thánh Christophe de Porthos[284] đây đã làm cái việc này! À, tôi còn quên…

Và anh khẽ ra lệnh cho một kỵ sĩ.

D'Artagnan nói: -Tôi nghĩ rằng, ta nên thận trọng đi ngay thôi.

-Ừ, nhưng tôi còn đợi một người…, một người bạn của Arthos.

-Một người bạn à? – Bá tước hỏi.

-Kia rồi, anh ta đang phóng ngựa đến qua các bụi rậm.

-Ông bá tước ơi ông bá tước ơi! -Một giọng thơ trẻ vang lên khiến Arthos rùng mình.

-Raoul, Raoul! – Bá tước de La Fère reo lên.

Trong giây lát, chàng thanh niên quên bẵng sự kính lễ thông thường; anh nhẩy lên bá lấy cổ cha.

-Ngài giáo chủ xem đấy, – Aramis nói, – Thật là tai hại khi chia rẽ những con người yêu thương nhau như chúng tôi.

Rồi quay lại phía các kỵ sĩ đến tập hợp mỗi lúc một đông thêm, anh nói tiếp: -Xin các ông hãy vây quanh Các hạ để tỏ lòng tôn kính ngài. Ngài rất muốn chiếu cố đánh bạn với chúng ta; tôi mong rằng các ông sẽ biết ơn ngài. Này, Porthos, chớ có rời mắt khỏi Các hạ nhé.

D'Artagnan và Arthos đang bàn bạc với nhau Aramis cũng đến bàn với họ.

-Nào, – D'Artagnan nói, – Sau năm phút bàn luận, chúng ta sẽ lên đường!

-Chúng ta đi đâu? – Porthos hỏi.

-Đến chỗ cậu ở Pierrefonds, bạn thân mến ạ. Toà lâu đài tráng lệ của cậu xứng đáng là nơi trú ngụ vương giả để mời Các hạ đến. Vả lại ở nó ở cách Paris chẳng gần quá mà cũng chẳng xa quá, người ta có thể thiết lập những việc liên lạc dễ dàng giữa đấy và Paris. Đến đấy, Đức ông sẽ như một ông hoàng, vì ngài cũng là một ông hoàng hẳn hoi.

-Một ông hoàng sa cơ, – Mazarin nói một cách thảm hại.

-Chiến tranh có những may rủi, Đức ông ạ, – Arthos nói – nhưng xin ngài hãy yên tâm là chúng tôi sẽ không lợi dụng nó đâu.

-Không, nhưng chúng tôi sẽ sử dụng nó, – D'Artagnan nói.

Suốt đêm những kẻ cưỡng đoạt phóng với nhịp độ nhanh không biết mệt xưa kia, Mazarin ủ rũ và đăm chiêu, phó mặc cho người ta lôi cuốn mình đi giữa cuộc chạy đua của những bóng ma. Đoàn người phóng liền một mạch mười hai dặm thì trời vừa rạng đông. Một nửa đoàn mệt lử, mấy con ngựa ngã quỵ.

Porthos nói: -Những con ngựa ngày nay không bằng những con ngựa ngày xưa. Mọi thứ suy vi cả.

Tôi đã phái Grimaud đến Dammartin, – Aramis nói, – Hắn ta phải mang đến năm con ngựa khỏe, một cho Các hạ và bốn cho chúng ta.

Điều cốt yếu là chúng ta không rời Đức ông; số người còn lại trong đoàn sẽ đuổi kịp chúng ta sau, đi qua khỏi Saint-Denis thì là chẳng còn sợ gì nữa.

Vừa đúng lúc Grimaud dẫn đến năm con ngựa. Vị lãnh chúa mà bác đến hỏi là một người bạn của Porthos. Ông vội vã không phải để bán như người ta yêu cầu, mà ông rất vui lòng đem biếu những con ngựa khoẻ mạnh hất của ông.

Mười phút sau, đoàn người đến Ermenonville, nhưng bốn người bạn với niềm hăng hái mới, phóng nhanh hộ tống Mazarin.

Giữa trưa họ đi vào con đường của lâu đài Porthos. Mousqueton đi bên d'Artagnan suốt dọc đường chẳng nói câu nào bây giờ mới thốt lên.

-A! Xin ông hãy tin rằng, từ khi ở Pierrefonds ra đi, đây là lần đầu tiên tôi mới thở được.

Và anh ta cho ngựa phi nhanh về để báo cho các gia nhân tin ông Du Vallon và các bạn bè ông sắp về.

D'Artagnan nói với các bạn: -Chúng ta có bốn người, ta sẽ thay phiên nhau canh giữ Đức ông mỗi người canh ba giờ, Arthos đi thăm lâu đài cốt làm cho nó có thể cố thủ trong trường hợp bị bao vây. Porthos lo việc cung cấp, và Aramis lo việc đóng quân. Nghĩa là Arthos sẽ là kỹ sư trưởng, Porthos là tổng chỉ huy hậu cần, và Aramis là quan tổng trấn địa phương.

Trong khi chờ đợi, người ta đặt Mazarin tại gian phòng đẹp nhất của lâu đài. Khi đã yên vị, Mazarin nói: -Thưa các ông, tôi đoán rằng các ông không giữ tôi ở đây lâu một cách bí mật chứ?

-Không đâu, – D'Artagnan đáp, – Trái lại chúng tôi tính sẽ sớm công bố việc chúng tôi giữ ngài.

-Thế thì các ông sẽ bị bao vây.

-Chúng tôi có tính đến chuyện ấy.

-Thế các ông sẽ làm gì?

-Chúng tôi sẽ tự vệ. Nếu như giáo chủ de Richelieu còn sống, ông ta sẽ kể cho ngài nghe một câu chuyện về pháo đài Saint-Gervais mà chỉ có bốn chúng tôi

cùng với bốn đầy tớ đã chiếm giữ được, chống lại cả một đạo quân và còn diệt mười hai tên địch.

-Ông ơi, nhưng chiến tích ấy chỉ làm có một lần và không tái diễn nữa đâu.

-Cho nên ngày nay chúng tôi không cần phải anh dũng đến thế, ngày mai quân đội Paris sẽ được báo tin và ngày kia sẽ ở đấy rồi. Chiến sự đáng lẽ xảy ra ở Saint-Denis hoặc Charenton, sẽ diễn ra ở phía Compiègne hoặc Villers Cotterêts.

-Ngài Hoàng thân sẽ đánh bại các ông như đã luôn luôn đánh bại các ông.

-Cũng có thể, Đức ông ạ. Nhưng trước khi đánh nhau, chúng tôi sẽ đưa Các hạ đến một lâu đài khác của ông bạn Du Vallon chúng tôi, ông ta có ba lâu đài như cái này. Chúng tôi không muốn phơi bày Các hạ ra trước những sự may rủi của chiến tranh.

-Này ông, – Mazarin nói, – Tôi thấy là cần phải đầu hàng.

-Trước khi có cuộc bao vây ư?

-Phải, điều kiện có lẽ sẽ lợi hơn.

-A! Thưa Đức ông, về chuyện điều kiện, ngài sẽ thấy chúng tôi là rất biết điều.

-Thử xem những điều kiện của các ông là gì.

-Xin ngài hãy nghỉ ngơi đã; chúng tôi sẽ suy nghĩ…

-Tôi không cần nghỉ ngơi, tôi cần được biết tôi ở trong tay bạn bè hay thù địch.

-Bạn bè, Đức ông ạ.

-Vậy thì, hãy nói ngay điều mà các ông muốn để tôi xem có thể àn xếp giữa chúng ta được không? Bá tước de La Fére hãy nói đi.

-Thưa Đức ông, – Arthos nói, – tôi chẳng có gì để đòi hỏi cho riêng tôi, nhưng lại có quá nhiều để đòi hỏi cho nước Pháp. Cho nên tôi xin khước từ và nhường lời cho ông hiệp sĩ D'Herblay.

Arthos nghiêng mình và lùi lại một bước, rồi đứng tựa vào lò sưởi, như một khán giả bình thường của cuộc đàm phán.

-Ông hiệp sĩ D'Herblay nói đi, – giáo chủ bảo. – Các ông muốn gì? Đừng quanh co, mơ hồ. Xin nói rõ ràng ngắn gọn và rành mạch.

-Đức ông ạ, tôi sẽ chơi đường hoàng, bài đặt trên bàn.

-Vậy ông hãy ngả bài ra.

-Tôi có sẵn trong túi, – Aramis nói, – bản dự thảo các điều kiện mà phái đoàn đã đề ra cho ngài ngày hôm kia ở Saint-Germain, tôi là thành viên phái đoàn đó. Ta hãy tôn trọng những quyền lợi cũ, những yêu Pont-Neuf đưa thêm vào chương trình sẽ được chấp thuận.

-Chúng ta hầu như đã đồng ỷ về những điều kiện đó, Mazarin nói, – Ta hãy chuyển sang những điều kiện đặc biệt.

-Ngài tưởng rằng có những điều kiện đặc biệt ư? – Aramis mỉm cười hỏi.

-Tôi cho rằng tất cả các ông chẳng phải đều có tính vô tư giống như bá tước de La Fère đâu – Mazarin nói và quay chào Arthos.

-A! Thưa Đức ông, ngài nói đúng đấy, – Porthos đáp, – và tôi sung sướng là cuối cùng đã thấy ngài thừa nhận điều đó cho bá tước.

Bá tước de La Fère là một linh hồn thượng đẳng bay lượn lờ ở trên những ham muốn tầm thường và những dục vọng trần tục của con người. Đó là một tâm hồn cổ kính và cao thượng. Bá tước là một con người riêng biệt. Thưa Đức ông, ngài nói đúng, chúng ta không sánh được với bá tước, và chúng tôi là những người đầu tiên thú nhận với ngài điều đó.

-Porthos, – Arthos nói, – anh chế giễu đấy à?

-Không đâu, bá tước thân mến ơi, tôi nói điều mà chúng tôi nghĩ. Nhưng mà anh nói phải đấy, cái chính không phải là bàn về anh, mà về Đức ông và kẻ tôi tớ không xứng đáng của ngài là hiệp sĩ D'Herblay.

-Thế nào, – giáo chủ nói, – Ông mong muốn gì ngoài những điều kiện chung mà chúng ta sẽ bàn lại.

-Thưa Đức ông, tôi muốn rằng người ta ban xứ Normandie cho bà De Longueville, với sự xá tội hoàn toàn và đầy đủ, và năm trăm nghìn livres. Tôi muốn rằng Đức vua chiếu cố làm người đỡ đầu cho đứa con trai mà bà ta mới sinh hạ; Đức ông sẽ dự lễ rửa tội cho nó và sau đó sẽ đi dâng kinh lễ lên đức Thánh Cha giáo hoàng.

-Nghĩa là ông muốn tôi rút lui khỏi chức vụ tể tướng, tôi rời bỏ nước Pháp, tôi tự đi lưu đầy.

-Ấy tôi muốn rằng Đức ông sẽ là Giáo hoàng ngay kỳ khuyết vị đầu tiên, và tôi chờ dịp để khẩn cầu sự xá tội hoàn toàn cho tôi và các bạn tôi.

Mazarin nhăn nhó một cái thật khó tả.

-Thế còn ông? – Giáo chủ hỏi d'Artagnan.

-Thưa Đức ông, – Chàng Gascon nói, – Tôi đồng ý về mọi điểm với hiệp sĩ D'Herblay, trừ điều khoản cuối cùng mà tôi hoàn toàn khác với ông ấy. Tôi chẳng mong Đức ông từ giã nước Pháp mà muốn ngài ở lại Paris. Tôi chẳng mong ngài trở thành giáo hoàng mà muốn ngài vẫn làm tể tướng, bởi vì Đức ông là một nhà chính trị lớn. Nếu như vấn đề tuỳ thuộc tôi, thì tôi còn cố gắng để ngài cầm đầu cả phải La Fronde nữa; nhưng với điều kiện là ngài sẽ nhớ một chút đến những bầy tôi trung thành của đức vua và ngài sẽ trao đại đội ngự lâm quân đầu tiên cho một người nào đó mà tôi sẽ chỉ định. Thế còn ông, ông Du Vallon?

-Phải, – Mazarin nói, – đến lượt ông, nói đi.

-Tôi ư? – Porthos nói. – Tôi muốn rằng để làm vẻ vang cho ngôi nhà của tôi mà giáo chủ đã trú ngụ và để ghi nhớ cuộc phiêu lưu này, ngài sẽ phong tước Nam tước cho mảnh đất của tôi với lời hứa hẹn là thưởng huân chương cho một người bạn của tôi trong kỳ thăng nhiệm đầu tiên mà Hoàng thượng sẽ làm.

-Ông biết rằng muốn được thưởng huân chương phải tỏ rõ tài năng.

-Người bạn ấy sẽ tỏ rátrõ. Vả lại nếu nhất thiết cần như vậy. Đức ông sẽ bảo cho ông ta biết làm thế nào để tránh thủ tục ấy.

Đòn đánh thực là trực tiếp. Mazarin cắn môi để dằn cơn tức giận và trả lời với giọng cộc lốc.

-Tất cả những điều đó hình như dung hoà với nhau rất khó, các ông ạ. Vì nếu tôi thoả mãn người này thì tất nhiên sẽ làm mất lòng người khác. Nếu tôi ở lại Paris, tôi không thể đến Rome: nếu tôi trở thành Giáo hoàng, tôi không thể còn là tể tướng, và nếu tôi không làm tể tướng thì tôi không thể phong đại uý cho ông d'Artagnan và phong Nam tước cho ông Porthos.

-Đúng thế, – Porthos nói, – Ý kiến của tôi là một số ít, tôi xin rút kiến nghị của tôi về chuyện đi Rome và việc từ chức của Đức ông.

-Thế tôi vẫn là tể tướng à? – Mazarin hỏi.

-Ngài vẫn là tể tướng thoả thuận rồi Đức ông ạ, – D'Artagnan nói, – Nước Pháp cần đến ngài.

-Còn tôi, – Aramis nói, – Tôi xin từ bỏ những yêu sách của mình, Đức ông vẫn là tể tướng và là sủng thần của hoàng hậu nữa, nếu như bà vui lòng ban cho tôi và các bạn của những điều mà chúng tôi đòi hỏi cho nước Pháp và chúng tôi.

-Xin các ông hãy lo cho các ông và để nước Pháp dàn xếp với tôi như nó muốn, – Mazarin đáp.

-Không được, không được – Aramis nói, – Cần phải có một hiệp nghị với những người Fronde và xin các hạ vui lòng thảo ra và ký trước mặt chúng tôi và trong đó còn cam kết là sẽ được hoàng hậu phê chuẩn.

-Tôi chỉ có thể bảo đảm cho mình tôi, – Mazarin nói, – và không thể bảo đảm về hoàng hậu. Nếu như hoàng thượng từ chối thì sao?

-Ồ, d'Artagnan dap, Đức ông thừa biết rằng Hoàng hậu chẳng từ chối ngài cái gì.

-Này – Aramis hỏi, – Đây là bản hiệp nghị do phái đoàn Fronde đề xuất, xin Các hạ hãy đọc và xem xét.

-Tôi biết rồi, – Mazarin đáp.

-Vậy xin ngài ký đi.

-Các ông cần suy nghĩ rằng một chữ ký hạ bút trong hoàn cảnh của chúng ta hiện nay có thể bị coi là bị giật lấy bằng bạo lực.

-Đức ông sẽ có đó để nói rằng đây là tự nguyện ký.

-Nhưng cuối cùng, nếu tôi từ chối thì sao?

-Thế thì, thưa Đức ông, – D'Artagnan nói, – Các hạ sẽ hứng chịu những hậu quả sự từ chối ấy.

-Các ông dám đụng chạm đến một giáo chủ ư?

-Thì Đức ông đã từng đụng chạm mãi đến những ngự lâm quân của Hoàng thượng rồi còn gì.

-Hoàng hậu sẽ trả thù cho tôi!

-Tôi không tin đâu, Đức ông ạ, mặc dầu tôi không nghĩ rằng Hoàng hậu chẳng thiếu lòng mong muốn ấy. Nhưng tôi sẽ đến Paris cùng với Các hạ, và dân chúng Paris là người bảo vệ chúng tôi.

Aramis nói chêm vào: -Lúc này ở Rueil và Saint-Germain, người ta lo lắng lắm đấy! Người ta hỏi nhau là giáo chủ ở đâu, tể tướng ra sao rồi, sủng thần đi đâu? Hắn là người ta đang nhao nhác tìm kiếm Đức ông ở khắp các hang cùng ngõ hẻm? Hắn là người phải bình luận ghê lắm, và nếu La Fronde biết tin Đức ông mất tích thì hẳn là La Fronde rất đắc chí

-Thật là ghê gớm, – Mazarin lẩm bẩm.

-Đức ông hãy ký bản hiệp nghị đi! – Aramis bảo.

-Nhưng nếu tôi ký mà Hoàng hậu không phê chuẩn thì làm thế nào?

-Tôi đảm nhận đến gặp Hoàng thượng, – D'Artagnan nói, – Và xin chữ ký của bà.

-Hãy coi chừng – Mazarin nhắc nhở: Tại Saint-Germain ông sẽ chẳng nhận được sự đón tiếp mà ông cho là có quyền chờ đợi đâu.

-Lo gì! – D'Artagnan nói, – Tôi sẽ thu xếp làm sao để mình là người được hoan nghênh, tôi có một kế.

-Kế gì?

-Tôi sẽ đưa Hoàng hậu bức thư mà Đức ông bảo với bà rằng tài chính đã hoàn toàn bị kiệt quệ.

-Rồi sao nữa. – Mazarin hỏi.

Rồi khi thấy Hoàng hậu bối rối đến cực điểm, tôi sẽ đưa bà đến Rueil, tôi sẽ dẫn bà vào vườn cam và tôi sẽ trỏ cho bà xem một cái lò-xo nào đẩy nó làm xoay chuyển một bồn cây.

-Thôi thôi, ông ơi! – giáo chủ lẩm bẩm. – Bản hiệp nghị đâu?

-Đây – Porthos đáp.

-Ngài, thấy rằng chúng tôi đại lượng lắm đấy chứ, – D'Artagnan nói, – Vì rằng với một bí mật như vậy, chúng tôi có thể làm được khối chuyện.

Aramis đưa bút cho giáo chủ và nói: -Vậy thì xin ngài ký đi.

Mazarin đứng lên, đi đi lại lại một với vẻ mặt trầm ngâm hơn là thất vọng. Rồi đột nhiên ông dừng bước và hỏi: -Các ông ơi, khí tôi ký rồi, thì có gì đảm bảo cho tôi?

-Lời thề danh dự của tôi, ông ạ, – Arthos nói.

Mazarin rùng mình, quay lại phía bá tước de La Fère, ngắm nghía một gương mặt thật cao quý và trung thực ấy rồi cầm lấy bút và nói: -Thế là đủ cho tôi rồi ông bá tước ạ.

Và ông ta hạ bút ký.

-Và bây giờ, – Ông nói thêm, – Ông d'Artagnan hãy sửa soạn đi Saint-German và mang một bức thư của tôi tới Hoàng hậu.

§94. Thế nào mà với một cây bút và lời doạ nạt, người ta làm nhanh hơn, tốt hơn là đối với một thanh gươm hoặc lòng tận tụy

D'Artagnan hiểu biết thần thoại. Anh biết rằng cơ hội chỉ có một chỏm tóc mà nắm lấy nó thì người ta mới bắt được cơ hội và anh không phải loại người để cho cơ hội chạy qua mà không tóm nó lại bằng chỏm tóc. Anh bèn tổ chức một hệ thống giao thông nhanh chóng và chắc chắn bằng cách gửi trước những ngựa thay thế đến Chantilly, để anh có thể đi tới Paris trong khoảng năm sáu tiếng đồng hồ. Nhưng trước khi đi, anh ngẫm nghĩ rằng đối với một chàng trai có trí xảo và kinh nghiệm, thì nếu dấn bước tới cái bấp bênh và để cái chắc chắn lại phía sau mình thì thật là một tư thế kỳ cục.

Cho nên lúc lên ngựa để thực hiện cái sứ mệnh nguy hiểm của mình, anh tự nhủ thầm.

Arthos là một nhân vật tiểu thuyết điển hình về lòng hào hiệp và độ lượng. Porthos là một bản chất tuyệt diệu nhưng rất dễ bị tác động. Aramis là một bộ mặt tượng hình, nghĩa là luôn luôn khó hiểu.

Ba cái phần tử ấy sẽ gây ra điều gì nếu ta không có ở đây để liên kết chúng lại với nhau?… Sự giải thoát cho giáo chủ chăng? Giải thoát giáo chủ là sự đổ vỡ tan tành những kỳ vọng của chúng ta, mà những kỳ vọng của chúng ta cho đến nay là phần thưởng duy nhất của hai mươi năm lập những kỳ công mà so với chúng thì những kỳ công của Hecquyn chỉ là những công trình của đám người chim chích.

Anh tìm đến Aramis và nói: -Hiệp sĩ D'Herblay thân mến ơi, anh là phái La Fronde hiện thân. Vậy anh hãy coi chừng Arthos, anh ấy không muốn làm những việc thuộc về cá nhân, ngay cả những công việc riêng tư của mình nữa. Nhất là hãy coi chừng Porthos, vì để làm vừa lòng bá tước mà anh ta coi như thần thánh ở dưới trần này, anh ta sẽ giúp Arthos giải thoát cho Mazarin, nếu Mazarin chỉ cần khóc lóc hoặc làm ra bộ hiệp khách.

Aramis mỉm một nụ cười vừa ranh mãnh vừa quả. Anh nói.

-Đừng sợ gì cả: tôi đặt ra những điều kiện. Tôi không làm cho tôi mà làm cho những người khác. Cái tham vọng nhỏ bé của tôi cũng phải thành đạt có lợi cho kẻ có quyền được hưởng chứ?

Tốt, – D'Artagnan nghĩ, – Về mặt đó ta yên tâm.

Anh bắt tay Aramis và đến gặp Porthos: -Bạn thân mến ơi, – anh nói. – Cậu đã cùng với tôi đổ bao nhiêu công sức ra để xây dựng cơ đồ của mình. Cho nên vào lúc chúng ta sắp sửa thu hoạch thành quả của công việc của mình, sẽ là một sự mắc lỡm kỳ cục đối với cậu nếu để cho Aramis lấn át mình. Aramis là một người tinh ranh, nhưng ta nói riêng với nhau thôi, sự tinh ranh ấy không phải lúc

nào cũng không mang tính ích kỷ đâu. Hoặc chớ để Arthos lấn át, anh ấy là người cao thượng và vô tư, nhưng cũng là người chán đời, chẳng còn mong muốn gì cho riêng mình, nhưng không hiểu rằng người khác có những ao ước. Cậu sẽ nói thế nào nếu Arthos hoặc Aramis đề nghị cậu để Mazarin đi?

-Tôi sẽ nói rằng chúng tôi quá cực nhọc đề bắt lão ta, nên không thể thả lão ra như vậy được.

-Hoan hô Portho! Và cậu nói đúng đấy. Vì rằng thả lão ra là cậu buông thả luôn cả cái tước hiệu Nam tước của mình. Ấy là chưa kể ra khỏi đây Mazarin sẽ treo cổ cậu.

-Được! Cậu cho là thế à?

-Tôi chắc chắn như vậy.

-Thể thì tôi thà giết chết lão hơn là để cho lão thoát.

-Có lẽ cậu nói đúng. Cậu biết rằng khi chúng ta làm những công việc của mình thì không phải là cốt làm những việc của những người Fronde, họ hiểu những vấn đề chính trị không giống như chúng ta là những người lính cựu đâu.

-Bạn thân mến ơi, – Porthos nói. – Đừng sợ. Qua cửa sổ tôi nhìn cậu lên ngựa và dõi theo cậu cho đến lúc khuất, rồi tôi sẽ vào ngồi ở cái cửa kính trông sang phòng giáo chủ. Tại đấy, tôi sẽ nhìn thấy hết, và chỉ cần thấy một cử chỉ khả nghi thôi là tôi sẽ tiêu diệt.

-Hoan hô! – D'Artagnan nghĩ bụng. – Về mặt ấy, ta tin rằng giáo chủ sẽ bị canh gác cẩn thận.

Và anh bắt tay vị lãnh chúa Pierrefonds, rồi đến tìm Arthos. Anh nói: -Arthos thân mến ơi, tôi đi đây. Tôi chỉ có một điẽu nói với anh thôi. Anh biết rõ Anne d'Autriche rồi đấy. Điều bảo đảm duy nhất cho tính mạng của tôi là sự giam giữ Mazarin; nếu các anh thả hắn ra là tôi chết đấy.

-D'Artagnan thân mến ơi, – Arthos nói, – chỉ cần một duyên cớ ấy thôi cũng để tôi làm cái nghề gác ngục. Tôi xin hứa là cậu để giáo chủ ở đâu thì cậu sẽ tìm thấy lại ông ta ở đấy.

D'Artagnan thầm nghĩ:

"Điều ấy làm ta yên tâm hơn tất cả mọi chữ ký của vua, chúa. Bây giờ, đã có lời hứa của Arthos rồi, ta có thể ra đi".

Thực sự, d'Artagnan ra đi một mạch không có hộ tống nào khác ngoài thanh gươm và tờ thông hành đơn giản của Mazarin để đến chỗ Hoàng hậu.

Sau khi rời Pierrefonds sáu tiếng đồng hồ, anh tới Saint-Germain.

Việc Mazarin mất tích vẫn chưa ai biết. Chỉ riêng Anne d'Autriche biết tin và giấu giếm đi nỗi lo ngại của mình với cả những người thân. Người ta đã tìm thấy ở trong phòng d'Artagnan và Porthos hai tên lính bị trói và bịt miệng. Người ta cứu cho chúng ngay, nhưng chúng chẳng biết nói gì hơn ngoài điều chúng biết, nghĩa là chúng đã bị tóm, bị trói và bị lột quần áo như thế nào.

Nhưng còn sau khỉ d'Artagnan và Porthos đã ra ngoài bằng lối chúng vào, tình hình ra sao thì chúng cũng mù tịt như mọi người khác ở trong lâu đài.

Chỉ có Bernouin là có biết hơn những người khác chút ít.

Chuông điểm nửa đêm rồi mà không thấy chủ mình trở về, hắn bèn đi vào khu vườn cam xem. Cửa đầu tiên bị chặn bằng các đồ đạc đã gây cho hắn đôi điều nghi ngờ, nhưng hắn không nói cho ai biết và kiên nhẫn dọn đường đi qua đống lộn xộn ấy. Rồi khi đến hành lang hắn thấy các cánh cửa đều mở tung. Cửa phòng Arthos và cửa đi ra vườn cũng mở. Ra vườn thì dễ nhận ra những dấu chân trên tuyết nối nhau ra đến tận bức tường. Sang bên kia tường lại vẫn thấy những dấu chân ấy, rồi vết chân ngựa giẫm tại chỗ, rồi dấu tích của cả một toán kỵ binh đi xa về phía d'Enghien.

Từ lúc ấy hắn không còn nghi ngờ gì nữa rằng ông giáo chủ đã bị ba người tù bắt cóc mang đi, và hẳn vội chạy về Saint-Germain để báo cho hoàng hậu về sự mất tích ấy.

Anne d'Autriche dặn Bernouin phải giữ kín việc đó và hắn nghiêm chính tuân theo. Tuy nhiên bà có nói cho ngài Hoàng thân Condé biết và ông ta đã lập tức tung ra năm sáu trăm kỵ binh với mệnh lệnh sục sạo tất cả những vùng xung quanh và dẫn về Saint-Germain mọi toán người dời Rueil đi ra bất cứ hướng nào.

Do d'Artagnan không đi thành toán mà đi một mình lại đi tới Saint-Germain, cho nên chẳng ai chú ý tới anh và chuyến đi của anh chẳng bị trở ngại gì.

Khi vào đến sân của toà lâu đài cổ, người đầu tiên trông thấy vị sứ giả lại chính là Bernouin, hắn ta đang đứng một mình ở ngưỡng của chờ đợi tin tức của ông chủ mất tích.

Nhìn thấy d'Artagnan cưỡi ngựa nghễu nghện đi vào trong sân danh dự, Bernouin dụi mắt ngỡ mình trông lầm. Nhưng d'Artagnan gật đầu chào thân thiện, xuống ngựa và ném dây cương vào tay một tên hầu đi ngang qua. Anh mỉm cười tiến đến chỗ Bernouin.

Giống như một kẻ đang mơ một cơn ác mộng vừa ngủ vừa nói, hắn kêu lên:
-Ông d'Artagnan! Ông d'Artagnan!

-Tôi đây, ông Bernouin ạ!

-Thế ông đến đây làm gì?

-Mang đến đây tin tức của ngài Mazarin, mà tin tức mới nhất cơ đấy!

-Thế ngài ấy ra sao rồi?

-Vẫn khỏe như ông và tôi.

-Không có chuyện gì tai hại xảy đến với ngài chứ?

-Tuyệt đối không. Ngài chỉ cảm thấy cần phải làm một chuyến đi ra khỏi Ile de France và đã yêu cầu bá tước de La Fère, ông Du Vallon và tôi cùng đi. Là tôi tớ của ngài, chúng tôi chẳng thể nào từ chối một yêu cầu như vậy. Chúng tôi ra đi tối hôm qua và chúng tôi đây rồi.

-Các ông đây rồi?

Các hạ có chuyện cần nói với Hoàng hậu, một chuyện riêng tư và bí mật, một sứ mệnh chỉ có thể uỷ thác cho một người chắc chắn, cho nên ngài đã phải tôi về Saint-Germain. Vậy thì, ông Bernouin thân mến ơi, nếu ông muốn làm một điều gì đó vui lòng chủ của ông, thì hãy trình báo với Hoàng thượng rằng tôi đến và đến vì mục đích gì.

Dù anh nói nghiêm chính hay là nói bông đùa, thì trong tình huống hiện giờ, rành rành chỉ có d'Artagnan là người duy nhất có thể gỡ mối băn khoăn lo lắng cho Anne d'Autriche, cho nên Bernouin chẳng gây khó khăn gì và vào trình với Hoàng hậu cái chức đại sứ kỳ quặc kia và như hắn đã dự đoán, Hoàng hậu ra lệnh đưa d'Artagnan vào ngay.

D'Artagnan tiến lại phía nữ chúa của mình với tất cả biểu hiện của niềm cung kính sâu xa nhất.

Đến cách Hoàng hậu ba bước, anh quỳ một chân xuống và trình bức thư.

Như chúng tôi đã nói, đó là một bức thư đơn giản, nửa là thư giới thiệu nửa là thư uỷ nhiệm. Hoàng hậu đọc, nhận thấy đúng là chữ của giáo chủ, mặc dầu chữ viết hơi run. Do bức thư không kể gì chuyện đã xảy ra, bà hỏi anh những chi tiết.

D'Artagnan kể lại với cái vẻ chất phác và giản dị mà anh rất khéo biểu lộ trong một số trường hợp…

Càng nghe kể Hoàng hậu càng nhìn anh với nỗi kinh ngạc tăng dần. Bà không hiểu sao một người dám âm mưu làm một việc ghê gớm như vậy và nhất là hắn ta lại cả gan kể nó ra với một bà hoàng đầy quyền uy và hầu như nghĩa vụ là phải trừng phạt hắn.

D'Artagnan kể chuyện xong, Hoàng hậu tức đỏ mặt kêu lên: -Ông dám thú nhận tội ác của ông và kể lại cho tôi nghe việc phản bội của ông à?

-Xin Lệnh bà xá lỗi, nhưng hình như tôi đã diễn đạt tồi hoặc Hoàng thượng hiểu sai tôi, chứ trong chuyện này không hề có tội ác hoặc phản bội. Ngài Mazarin bắt giam ông duy Vallon và tôi, bởi vì chúng tôi không thể ngờ rằng ngài phải chúng tôi sang nước Anh cốt chỉ để yên lặng xem người ta chém đầu vua Charles đệ nhất, anh rể của cựu vương đã khuất là chồng Lệnh bà, vua Charles là chồng của bà Henriette em chồng Lệnh bà và hiện là khách của Lệnh bà, và chúng tôi đã làm hết sức mình để cứu tính mạng của ông vua tuẫn tiết. Cho nên chúng tôi tin chắc rằng trong chuyện này có điều gì lầm lẫn mà chúng tôi là nạn nhân, và một sự biện giải giữa chúng tôi với Các hạ là cần thiết. Muốn cuộc biện giải có kết quả, nọ phải tiến hành một cách lặng lẽ, xa những kẻ quấy nhiễu. Vì vậy chúng tôi đã đưa ngài giáo chủ đến lâu dài của một bạn tôi, và ở đó chúng tôi biện giải với nhau. Thế đấy, thưa Lệnh bà, điều chúng tôi dự đoán đã đến, đúng là có sự nhầm lẫn. Ngài Mazarin đã tưởng rằng chúng tôi phục vụ tướng Cromwell, chứ không phục vụ vua Charles vì như vậy sẽ là một điều hổ nhục từ

chúng tôi lan sang ngài, và từ ngài sang Hoàng thượng, một điều hèn nhát có thể làm hoen ố đến tận nguồn gốc vương vị của quý hoàng tử vẻ vang. Do chúng tôi đã nêu ra chứng cớ trái ngược lại, và chứng cớ ấy chúng tôi sẵn sàng trình bày với đích thân Hoàng thượng bằng cách kêu với bà quả phụ tôn nghiêm đang than khóc trong vùng Louvre mà lòng đại độ cao quý của Hoàng thượng đã dung nạp. Chứng cớ ấy đã hoàn toàn thoả mãn ngài giáo chủ đến mức để chứng tỏ sự hài lòng ấy, ngài đã phái tôi đến đây như Hoàng thượng thấy đấy để thưa với Lệnh bà về những điều sửa chữa cần thiết đối với những người quí tộc đã bị đánh giá sai và ngược đãi một cách sai lầm.

-Tôi đã nghe và khâm phục ông đấy, – Anne d'Autriche nói. – Kể ra, tôi chưa thấy một sự trâng tráo thái quá đến như vậy.

-Ấy, thưa Hoàng thượng, – D'Artagnan nói, – Đến lượt Lệnh bà lại lầm lẫn về ý đồ của chúng tôi như ngài Mazarin đã mắc.

-Chính ông đang sai lầm đấy, – Hoàng hậu nói,

-Và tôi sai lầm rất ít đến nỗi trong mươi phút nữa ông sẽ bị bắt giữ và trong một giờ nữa, tôi sẽ dẫn đầu quân đội của tôi đi giải thoát cho tể tướng của tôi.

-Tôi chắc rằng, – D'Artagnan đáp, – Hoàng thượng sẽ không khi nào phạm điều khinh suất như thế đâu. Trước hết vì việc làm ấy không những là vô ích và nó sẽ dẫn đến những hậu quả thật nghiêm trọng. Trước khi được giải thoát, ngài giáo chủ sẽ chết, và Đức ông, rất tin tưởng sự thật của điều mà tôi nói với ngài, đến nỗi trái lại, ngài đã van tôi là nếu thấy Hoàng thượng ở trong những trạng thái như thế này thì tôi phải làm mọi điều có thể để Lệnh bà thay đổi chủ trương.

-Thế thì tôi đành bằng lòng với việc cho bắt giữ ông vậy.

-Tôi không mong gì hơn, thưa Lệnh bà, vì rằng trường hợp bắi giữ tôi cũng được tiên liệu như trường hợp giải thoát ngài giáo chủ. Nếu ngày mai tới giờ đã định mà tôi chưa trở về thì ngày kia, ngài giáo chủ sẽ được đưa tới Paris.

-Này ông, người ta thấy rõ ràng, do địa vị của ông, ông sống xa mọi người và mọi sự, vì nếu không thì ông đã biết rằng ngài giáo chủ đã năm sáu lần về Paris kể từ khi chúng tôi rời khỏi đó, và ngài đã gặp các ông de Beaufort, de Bouillon, d'Elbeuf, ông chủ giáo và chẳng một ông nào có ý định bắt giữ ngài.

-Xin lỗi Lệnh bà, tôi biết tất cả những điều đó. Cho nên bạn bè tôi sẽ chẳng đưa ngài Mazarin đến chỗ các vị ấy đâu. Các vị ấy làm chiến tranh là vì lợi ích của chính họ, và nếu ban cho họ cái mà họ yêu cầu thì ngài giáo chủ sẽ mua được rất lợi. Trái lại các bạn của tôi sẽ dẫn ngài Mazarin đến Nghị viện mà chắc chắn người tà có thể mua lẻ, còn bản thân ngài Mazarin thì chẳng khá giàu để có thể mua cả mớ.

Với cái nhìn khinh thị ở một người đàn bà và trở thành khủng khiếp ở một nữ hoàng, Anne d'Autriche nói: -Tôi ngỡ rằng ông doạ nạt người mẹ Đức vua của ông.

-Thưa Lệnh bà, – D'Artagnan nói:

- Tôi doạ nạt bởi vì người ta cưỡng bách tôi làm thế. Tôi lớn lên bởi vì tôi cần phải đứng ở tầm cao của các sự kiện và con người. Nhưng xin Lệnh bà hãy tin một điều cũng đúng như có một trái tim đang đập vì Lệnh bà trong lồng ngực này, hãy tin rằng Lệnh bà là một thần tượng vĩnh hằng của cuộc đời chúng tôi mà Lệnh bà biết đấy, lạy Chúa, chúng tôi đã đem mạo hiểm hàng chục lần vì Hoàng thượng. Nào, thưa Lệnh bà, phải chăng Lệnh bà sẽ không đoái thương những bầy tôi của mình từ hai chục năm trời nay sống vất vưởng trong bóng tối, dù trong một tiếng thở dải cũng không thể lọt ra một điều bí mật thiêng liêng và trân trọng mà họ đã có vinh dự được chia sẻ với Lệnh bả. Xin Lệnh bà hãy nhìn tôi kẻ đang nói với Lệnh bà đây, kẻ mà Lệnh bà cáo buộc là lớn tiếng và buông giọng doạ nạt. Tôi là cái thá gì kia chứ? Một sĩ quan khốn khổ không có tài sản, không có nơi nương tựa, không có tương lai, nếu như con mắt nữ hoàng của tôi mà tôi tìm kiếm khá lâu rồi, không nhòm ngó đến tôi một lát. Xin hãy nhìn bá tước de La Fère, một điển hình của lòng cao thượng, một đoá hoa của tinh thần nghĩa hiệp. Ông ta đã vào phe chống lại Hoàng hậu, không, đúng ra là chống lại tể tướng, và tôi tin là ông ta chẳng có đòi hỏi gì hết. Cuối cùng, xin hãy xem ông Du Vallon, tấm lòng trung thành ấy, cánh tay sắt thép ấy ông ta đợi chờ từ hai mươi năm nay từ miệng Lệnh bà một tiếng thôi có thể bằng tấm huy hiệu khiến ông ta trở thành cái mà ông ta rất xứng đáng về tinh thần và tài năng. Cuối cùng xin hãy xem đám dân chúng kia, họ quan trọng đối với một nữ hoàng lắm chứ, đám dân chúng ấy yêu quí Lệnh bà, tuy nhiên họ đau khổ. Lệnh bà yêu quý họ, tuy nhiên họ đói rách, họ không đòi hỏi gì hơn là cầu phúc cho Lệnh bà, tuy nhiên họ… không, tôi nói nhầm, không bao giờ dân chúng oán trách Lệnh bà. Vậy thì xin Lệnh bà nói một lời và mọi việc xong xuôi, hoà bình thay thế chiến tranh niềm vui thay thế nước mắt, hạnh phúc thay thế thảm hoạ.

Với vẻ ngạc nhiên. Anne d'Autriche ngắm nhìn gương mặt võ thượng của d'Artagnan, trên đó có thể đọc được một biểu hiện xúc động lạ lùng.

-Sao ông không nói ra tất cả điều đó trước khi hành động? – bà hỏi.

-Thưa Lệnh bà, vì cốt để chứng minh với Hoàng thượng một điều mà Người còn nghi ngờ, hình như vậy. Ấy là chúng tôi hãy còn một giá trị nào đó, và người ta có coi trọng chúng tôi chừng nào thì cũng là đúng đắn thôi.

-Thế cái giá trị ấy. – Anne d'Autriche hỏi – Tôi xem chừng nó chẳng lùi bước trước cái gì cả, có phải không?

D'Artagnan đáp: -Trong quá khứ nó đã không lùi bước trước bất cứ cái gì, tại sao trong tương lai nó lại không như vậy?

-Trong trường hợp bị từ chối, và do đó trong trường hợp chiến đấu, liệu cái giá trị ấy có đi đến bắt cóc cả tôi ngay giữa triều đìth để nộp tôi cho La Fronde, như ông định nộp tể tướng của tôi không?

D'Artagnan đáp với vẻ hợm mình kiểu Gascon mà ở anh chỉ là sự chất phác: -Thưa Lệnh bà, chúng tôi không bao giờ nghĩ đến điều ấy, nhưng nếu giữa bốn người chúng tôi đã quyết định, thì chắc chắn là chúng tôi sẽ làm.

-Ta cần biết điều ấy, – Anne d'Autriche lẩm bẩm, – Đó là những con người thép.

-Chao ôi! Thưa Lệnh bà, – D'Artagnan nói, điều này chứng tỏ với tôi rằng chỉ đến hôm nay Hoàng thượng mới có một ý nghĩ đứng đắn về chúng tôi.

-Được, Anne noi, – nhưng nếu cuối cùng tôi đã có được ý nghĩ ấy.

-Thì Hoàng thượng sẽ thừa nhận sự công bằng cho chúng tôi. Thừa nhận cho chúng tôi, Lệnh bà sẽ không còn đối đãi với chúng tôi như những kẻ tầm thường. Lệnh bà sẽ thấy ở tôi một vị đại sứ xứng đáng với những lợi ích cao cả mà ông ta đã được giao phó để thảo luận với Lệnh bà.

-Bản hiệp ước đâu?

§95. Thế nào mà với một cây bút và lời doạ nạt, người ta làm nhanh hơn, tốt hơn là đối với một thanh gươm hoặc lòng tận tụy (tiếp theo)

Anne d'Autriche xem qua bản hiệp ước mà d'Artagnan đưa trình. Bà nói:

Tôi chỉ thấy những điều kiện chung thôi. Những quyền lợi của các ông de Conti, de Beaufort, de Bouillon, d'd'Elbeuf, và ông chủ giáo đều có ghi. Nhưng còn điều kiện của các ông đâu?

-Thưa Lệnh bà, chúng tôi thừa nhận mình trong khi đặt mình vào tầm cao của mình. Chúng tôi nghĩ rằng tên tuổi của chúng t ô không đáng ghi vào bên cạnh những đại danh ấy.

-Nhưng tôi đoán rằng ông chẳng từ chối trình bày với tôi nhưng yêu sách của ông bằng lời.

-Thưa Lệnh bà, tôi nghĩ rằng Lệnh bà là một nữ hoàng vĩ đại và quyền thế, và chắc là sẽ chẳng xứng đảng với sự vĩ đại và quyền thế ấy, nếu không khen thưởng xứng đáng những cánh tay sẽ đưa Các hạ về Saint-Germain.

-Đó là ý định của tôi, nói đi.

-Xin lỗi Lệnh bà, tôi bắt đầu bằng tôi, nhưng cần phải nêu rõ tầm quan trọng của tôi, tôi không vơ lấy nó nhưng người ta đã ban cho tôi. Đối với con người đã thương lượng việc chuộc lại ngài giáo chủ thì việc khen thưởng không thể dưới tầm của Hoàng thượng và người đó phải được phong làm chỉ huy thị vệ, đại khái như là đại uý ngự lâm quân.

-Đó là chức vị của ông de Treville mà ông yêu cầu đấy.

-Chức vị ấy hiện nay khuyết, thưa Lệnh bà, từ một năm nay ông de Treville rời bỏ nó và chưa có ai thay thế.

-Nhưng đó là một trong những chức vụ quân sự hàng đầu của hoàng gia.

-Ngài de Treville xưa cũng chỉ là một thiếu sinh bình thường ở xứ Gascogne như tôi thôi, và cũng giữ chức vụ đó hai mươi năm.

-Cái gì ông cũng đối đáp được cả, – Anne d'Autriche nói.

Và cầm một tấm bằng ở trên bàn giấy bà điền vào rồi ký.

D'Artagnan đỡ lấy tấm bằng, cúi mình thi lễ và nói: -Thưa Lệnh bà, tất nhiên đây là một phần thưởng đẹp đẽ và cao quí; nhưng mọi việc ở trên đời này đều đầy bất trắc, và một người khi Reuil vào sự thất sủng của Hoàng thượng thì hôm sau mất luôn cái chức vụ đó.

Đỏ mặt lên vì cái trí não kia cũng tinh tế như trí não của bà và thấy suốt tâm địa bà, bà nói: -Vậy thì ông muốn gì nào?

-Một trăm nghìn livrơ cho cái gã đại uý ngự lâm quân khốn khổ này, được trả ngay mà công việc phục vụ của hắn không vừa lòng Hoàng thượng nữa.

Anne ngập ngừng, d'Artagnan nói tiếp: -Tôi xin phép Lệnh bà hãy lưu ý rằng, hôm nọ theo phán quyết của nghị viện dân chúng Paris treo giải thưởng sáu trăm nghìn livres cho ai đem nộp ngài giáo chủ còn sống hay chết sống thì đem treo cổ, chết thì kéo ra bãi đổ rác?

-Thôi được, thế cũng là phải chăng, – Anne d'Autriche nói,

-Vì rằng ông chỉ đòi ở một hoàng hậu có một phần sáu số tiền mà nghị viện đề ra.

Và bà ký một điều ước cấp một trăm nghìn livres.

-Rồi sao nữa, – bà hỏi.

-Thưa Lệnh bà, ông bạn Du Vallon của tôi giàu, có do đó không ao ước của cải, nhưng tôi nhớ rằng giữa ông ấy và ngài Mazarin có bàn vấn đề phong Nam tước cho lãnh địa của ông ấy. Tôi còn nhớ rõ đó là một điều đã hứa hẹn.

-Một tên nông dân thô lỗ ấy à? – Anne d'Autriche nói, – Người ta sẽ cười cho.

-Được – D'Artagnan nói. – Nhưng tôi tin chắc một điều, ấy là kẻ nào cười trước mặt ông ấy sẽ không cười được hai lần đâu.

-Thôi được, cho cái tước vị ấy, – Anne d'Autriche nói và ký luôn.

-Bây giờ còn hiệp sĩ hoặc tu viện trưởng D'Herblay, xin tuỳ Thánh thượng gọi.

-Ông ta muốn làm giám mục à?

-Không ạ, ông ta mong muốn một điều dễ dãi hơn.

-Điều gì?

-Ấy là Đức vua hạ cố làm cha đỡ đầu cho con trai bà de Longueville.

Hoàng hậu tủm tỉm cười.

-Thưa Lệnh bà, – D'Artagnan nói, – Ông de Longueville là dòng dõi hoàng gia.

-Phải, nhưng con ông ta?

-Thưa Lệnh bà, đứa con trai ấy… cũng thế chứ ạ, bởi vì chồng của mẹ nó đã như vậy.

-Thế bạn của ông không yêu cầu thêm gì cho bà de Longueville à?

-Thưa Lệnh bà, không ạ, bởi vì ông ấy đoán rằng Đức vua khi nhận làm cha đỡ đầu cho đứa trẻ, không thể không tặng cho mẹ nó nhân lễ mừng giải cữ một món quà dưới năm trăm nghìn livres, và tất nhiên vẫn giữ cho cha nó quyền cai trị xứ Normandie.

-Về quyền cai trị xứ Normandie, tôi nghĩ có thể cam kết, – Hoàng hậu đáp, – Nhưng về khoản năm trăm nghìn livrơ, thì ngài giáo chủ không ngớt nhắc nhở tôi rằng không còn tiền bạc trong các quỹ của Nhà nước nữa.

-Thưa Lệnh bà, nếu Người cho phép, chúng ta sẽ cùng đi tìm kiếm và chúng ta sẽ tìm thấy.

-Còn gì nữa.
-Dạ, hết rồi ạ.
-Ông chẳng có một người bạn đồng đội thứ tư nào?
-Có chứ ạ; bá tước de La Fère.
-Ông ta xin gì.
-Không xin gì cả.
-Không xin gì ư?
-Không.
-Trên đời này có một người có thể đòi hỏi mà không đòi hỏi gì ư?
-Thưa Lệnh bà, có bá tước De La Fère; ông ta không phải là một con người.
-Vậy là gì?
-Bá tước de La Fère là một nữa của Thánh.
-Ông ta chẳng có một con trai, một cậu thiếu niên, một người họ hàng, một đứa cháu đấy ư? Ông Comminger đã nói với tôi về cậu ta như một chàng trai dũng cảm, cậu ta đã cùng ông de Châtillon mang về những lá cờ ở mặt trận Lens mà.
-Như Hoàng thượng nói, ông ta có một đứa con nuôi tên là tử tước de Bragelonne.
-Nếu người ta ban cho cậu ta một trung đoàn, thì người cha đỡ đầu sẽ nói gì?
-Có thể ông ấy sẽ đồng ý.
-Có thể à?
-Vâng, nếu như đích thân Hoàng thượng yêu cầu ông ấy nhận.
-Đúng như ông nói, đấy là một con người kỳ lạ. Được rồi, chúng tôi sẽ suy nghĩ thêm và chúng tôi có thể nói với ông ta. Ông hài lòng chứ?
-Vâng, thưa Hoàng thượng. Nhưng có một điều mà Người chưa ký.
-Điều gì?
-Mà điều ấy lại là quan trọng nhất.
-Việc chấp thuận bản hoà ước?
-Vâng.
-Để làm quái gì? Ngày mai tôi sẽ ký.
-Có một điều mà tôi ngỡ có thể khẳng định với Hoàng thượng, – D'Artagnan nói,
-Đó là nếu như Hoàng thượng không ký phê chuẩn bản hiệp ước hôm nay thì sau này sẽ không có dịp để ký nữa. Vậy tôi van xin Lệnh bà ký, ở dưới bản hiệp ước đó có câu hoàn toàn do ngài Mazarin viết, như Lệnh bà thấy đấy.
"Tôi bằng lòng phê chuẩn bản hiệp ước do nhân dân Paris đề nghị".
Anne bị tiến tới rồi không thể lùi, đành phải ký.
Nhưng vừa ký xong, thì lòng kiêu hãnh nổ ra ở bà như một cơn giông tố, và bà bưng mặt khóc nức nở.

Nhìn những giọt nước mắt ấy, d'Artagnan rùng mình. Ngay từ thời ấy các bà hoàng khóc lóc như những người đàn bà tầm thường.

Chàng Gascon lắc đầu. Những giọt lệ vương hầu ấy thiếu đốt lòng anh. Anh quỳ xuống và nói: -Xin Lệnh bà hãy nhìn gã quý tộc khốn khổ đang quỳ dưới chân Người, hắn xin Người hãy tin rằng chỉ một cử chỉ của Hoàng thượng thôi là hắn có thể làm tất cả để vui lòng Người! Hắn tự tin ở mình, hắn tin ở bè bạn, hắn cũng muốn tin ở nữ hoàng của mình và chứng cớ là hắn không sợ hãi gì hết, hắn không lợi dụng gì hết, hắn sẽ dẫn ngài Mazarin trở về với Hoàng thượng không điều kiện gì hết. Đây, thưa Lệnh bà, đây là những chữ ký thiêng liêng của Hoàng thượng, nếu như Lệnh bà thấy cần phải đưa cho tôi thì Lệnh bà sẽ làm. Nhưng từ giờ phút này trở đi: những chữ ký ấy không ràng buộc gì Lệnh bà nữa.

Và d'Artagnan vẫn quỳ, với cái nhìn rừng rực niềm kiêu hãnh và lòng táo tợn nam nhi, anh đưa lại cho Anne d'Autriche cả mớ giấy tờ mà anh mất bao công sức mới giành giật được từng tờ một.

Nếu như ở trên đời này tất cả không phải đều tốt, và tất cả không phải đều xấu, thì có những lúc, trong những trái tim khô cằn và lạnh giá nhất, nhờ được tưới bằng những giọt lệ của một nỗi xúc động cao độ sẽ nảy mầm một tình cảm khoan dung hào hiệp, mà sự tính toán và lòng kiêu ngạo sẽ bóp nghẹt ngay, nếu một tình cảm khác không chiếm lấy nó ngay khi mới ra đời.

Anne đang ở trong một lúc như thế, d'Artagnan nhượng bộ trước nỗi xúc động của bản thân mình, hoà nhịp với nỗi xúc động của Hoàng hậu, anh đã hoàn tất công trình của một thuật ngoại giao sâu sắc Anh lập tức được đền bù về tài khéo léo hoặc lòng tận tụy của mình, tuỳ theo người ta muốn làm vinh dự cho trí não hoặc con tim anh về cái động cơ nó khiến anh hành động.

Anne nói: -Ông nói đúng. Tôi đã không biết đến ông. Đây là những văn bản đã ký mà tôi trao lại cho ông một cách tự do. Hãy đi đi và nhanh chóng đưa ông giáo chủ trở về.

-Thưa Lệnh bà, – D'Artagnan nói, – Tôi có trí nhớ và nhớ rằng cách đây hai mươi năm, đứng sau tấm thảm ở Toà Đô sảnh, tôi đã có vinh dự được hôn lên một trong hai bàn tay tuyệt mỹ kia.

-Vậy thì bàn tay kia đây, – Hoàng hậu nói, và để bàn tay trái không kém rộng rãi như bàn tay phải (bà tháo ở ngón tay một chiếc nhẫn kim cương gần giống chiếc nhẫn ngày xưa đã ban cho d'Artagnan), – Xin ông hãy cầm lấy và giữ chiếc nhẫn này để nhớ đến tôi.

D'Artagnan vừa đứng lên vừa nói: -Thưa Lệnh bà, bây giờ tôi chỉ còn một ao ước, ấy tôi điều đầu tiên Lệnh bà đòi hỏi ở tôi sẽ là tính mạng tôi.

Và với cái phong thái chỉ có ở riêng anh, anh đứng dậy và đi ra.

Nhìn d'Artagnan rời chân, Anne d'Autriche lẩm bẩm: -Ta đã quên những con người này, nhưng bây giờ ta dùng họ thì quá muộn rồi, trong một năm nhà vua sẽ

thành niên.

Mười lăm tiếng đồng hồ sau, d'Artagnan và Porthos đưa Mazarin trở về với Hoàng hậu và một người lĩnh tấm bằng đại uý ngự lâm quân, một người nhận tờ sắc phong Nam tước.

-Thế nào, các ông hài lòng chứ? – Anne d'Autriche hỏi.

D'Artagnan nghiêng mình, Porthos tay mân mê tờ sắc phong của mình, mắt nhìn Mazarin.

-Còn điều gì nữa. – Mazarin hỏi.

-Thưa Đức ông, còn điều hứa hẹn tặng huân chương trong kỳ thăng thưởng đầu tiên.

-Ông Nam tước ơi, – Mazarin đáp,

-Ông biết rằng không thể được tặng huân chương, nếu không có những bằng chứng về tài năng.

-Ồ! Thưa Đức ông, – Porthos nói. – Tôi xin cái dải huân chương màu xanh, có phải cho tôi đâu?

-Thế cho ai? – Mazarin hỏi.

-Cho bạn tôi, bá tước De La Fère.

-Ô! – Hoàng hậu nói, – Ông ấy lại là chuyện khác. Những bằng chứng đã có rồi.

-Ông ấy sẽ có?

-Ông ấy đã có.

Cùng ngày hôm ấy, hiệp ước Paris được ký kết và khắp nơi người ta đồn rằng tể tướng đã ở lỳ trong nhà ba hôm để thảo bản hiệp ước cho thật kỹ.

Hiệp ước ấy đã mang lại quyền lợi cho mỗi người như sau: -Ông de Conti được hưởng xứ Damvilliers, và do chứng tỏ tài năng như một vị tướng, ông được ở lại làm quân nhân và không trở thành giáo chủ. Hơn nữa, người ta đã buông vài lời về sự kết hôn với một người cháu gái của Mazarin. Vài lời ấy được Hoàng thân rất hoan nghênh, đối với ông thì cười ai cũng không can hệ, miễn là người ta cưới vợ cho ông[285].

-Ông de Beaufort trở về triều đình với tất cả những sự bồi thường về việc người ta đã lăng nhục ông và những quyền cao chức trọng mà thử vị của ông có quyền đòi hỏi. Người ta cũng miễn xá hoàn toàn và đầy đủ cho những người đã giúp ông vượt ngục, để cho ông thừa hưởng tước vị đô đốc mà quận công de Vendôme cha ông đã giữ, và một khoản tiền bù cho những ngôi nhà và lâu đài của ông mà nghị viện xứ Bretagne đã cho phá huỷ.

-Quận công de Bouillon được nhận những lãnh địa ngang giá với thái ấp của ông ở Sedan; một khoản bồi thường những lợi tức của thái ấp ấy mà ông không được hưởng trong tám năm, và danh hiệu hoàng thân được ban cho ông và những người trong gia đình.

-Quận công de Longueville được hưởng quyền cai trị Pont de L'Arche, năm trăm nghìn livres cho vợ và có vinh dự thấy con trai mình được ông vua trẻ và cô công chúa trẻ Henriette Anh quốc đỡ trên những tấm gấm trong buổi lễ rửa tội.

Aramis chỉ định Bazin sẽ hành lễ trong buổi lễ long trọng và Planchet sẽ cung cấp bánh kẹo.

-Quận công d'Elbeuf được người ta cấp một số tiền cho vợ, một trăm nghìn livrơ cho con trai cả, còn ba đứa sau mỗi đứa được hai mươi lăm nghìn livrơ.

Chỉ có ông chủ giáo chẳng được gì cả. Người ta hứa với ông sẽ thương lượng với giáo hoàng về chiếc mũ giáo chủ cho ông, nhưng ông hiểu rõ mình sẽ xây dựng được cái gì trên những lời hứa hẹn của hoàng hậu và giáo chủ. Trái hẳn lại ông de Conti, không thể trở thành giáo chủ, ông buộc vẫn là người kiếm cung.

Cho nên trong khi toàn thể Paris vui mừng về việc Đức vua trở về ấn định vào ngày hôm sau nữa, thì giữa niềm hoan lạc chung ấy, ông chủ giáo de Gondy hết sức bực bội, đến nỗi ông sai đi tìm ngay tức khắc hai người mà ông thường có thói quen cho gọi đến khi ông ở trong những trạng thái tinh thần như vậy.

Hai người ấy, một là bá tước dờ Rochefort, người kia là gã ăn mày ở nhà thờ Saint- Eustache.

Họ đến rất đúng giờ như thường lệ, và ông chủ giáo đàm đạo vơi họ trong đêm hôm ấy.

§96. Do đâu mà chứng minh rằng đối với các ông vua trở lại kinh đô vương quốc đôi khi lại còn khó khăn hơn là ra khỏi kinh đô

Trong khi d'Artagnan và Porthos đưa tể tướng đến Saint-Germain, thì Arthos và Aramis chia tay họ ở Saint-Denis và trở về Paris.

Mỗi người có việc đi viếng thăm riêng của mình.

Vừa tới Paris là Aramis chạy ngay đến Toà đô sảnh nơi bà de Longueville ở. Nghe tin tức đầu tiên về hoà bình, bà quận công xinh đẹp kêu toáng lên. Chiến tranh đã khiến bà trở thành nữ hoàng, hoà bình dẫn đến sự thoái vị của bà, bà tuyên bố rằng chẳng bao giờ bà ký vào bản hiệp ước và bà muốn một cuộc chiến tranh muôn thuở.

Nhưng khi Aramis trình bày nền hoà bình ấy dưới ánh sáng thật sự của nó nghĩa là với tất cả những lợi lộc; khi anh chỉ rõ rằng đánh đổi cái vương vị bấp bênh kia mà Paris không thừa nhận lấy cái phó vương vị Pont de l'Arche, tức là toàn bộ xứ Normandie; khi anh làm vang lên bên tai bà năm trăm nghìn đồng livres mà tể tướng hứa; khi anh làm lấp lánh trước mặt bà niềm vinh dự được thấy vua đỡ đứa con bà trong lễ rửa tội, thì bà de Longueville chỉ còn phản đối theo thói quen của những người đàn bà xinh đẹp thường hay phản đối và chỉ còn chống cự chiếu lệ để rồi đầu hàng.

Aramis giả vờ tin rằng sự phản đối ấy là có thực và không muốn trước mắt bà tức bỏ đi cái công trạng đã thuyết phục được bà.

-Thưa bà, – anh nói, – bà muốn một lần nữa đánh lại ngài hoàng thân anh bà, nghĩa là người chỉ huy tài giỏi nhất của thời đại, và khi mà những người phụ nữ tài năng muốn, họ vẫn thành công. Bà đã thành công, ngài Hoàng thân bị thua vì rằng ngài không thể làm chiến tranh được nữa. Bây giờ hãy kéo ông ấy về phe đảng của ta. Cứ nhẹ nhàng tách ông ra khỏi hoàng hậu mà ông không thích và khỏi Mazarin mà ông khinh rẻ. La Fronde là một vở hài kịch mà chúng ta mới diễn có màn đầu. Ta hãy chờ ông Mazarin ở đoạn kết, tức là ngày mà ngài hoàng thân, nhờ ở bà, sẽ quay ra chống lại triều đình.

Bà de Longueville bị thuyết phục. Cái bà quận công Fronde ấy rất tin tưởng ở quyền lực của đôi mắt tuyệt đẹp của mình đến nỗi không hoài nghi về tác động của nó ngay đến cả ông de Condé anh bà, và sử sách châm biếm của thời ấy cho rằng bà đã không quá tự phụ.

Chia tay Aramis ở Hoàng trường, Arthos đến ngay bà de Chevreuse. Đây lại là một nữ Fronde phải thuyết phục, nhưng bà này khó thuyết phục hơn đối thủ trẻ của bà. Hiệp ước không qui định một điều kiện nào có lợi cho bà cả. Ông de Chevreuse chẳng được cử làm tổng đốc một tỉnh thành nào. Và nếu như hoàng hậu nhận làm mẹ nuôi thì chỉ là đối với cháu trai hoặc cháu gái của ông mà thôi.

Cho nên vừa mới nghe đến tiếng hoà bình, bà de Chevreuse chau mày và mặc dầu mọi luận lý của Arthos để chứng minh rằng một cuộc chiến tranh lâu dài hơn là không thể được bà vẫn khăng khăng ủng hộ chiến tranh.

-Bà bạn xinh đẹp ơi – Arthos nói, – Tôi xin phép nói rằng trong khi tất cả thiên hạ chán nản chiến tranh, có lẽ trừ có bà và ngài chủ giáo, còn tất cả mọi người mong muốn hoà bình. Bà sẽ lại bị lưu đày như thời vua Louis XIII. Xin hãy tin tôi, chúng ta đã qua cái tuổi những thành công về âm mưu, và cặp mắt huyền diệu của bà không phải sinh ra để lại tan trong nước mắt than khóc Paris, ở Paris bao giờ cũng sẽ có hai hoàng hậu chừng nào bà còn ở đó.

-Ôi – Bà quận công nói, – Tôi không thể làm chiến tranh một mình, nhưng tôi có thể trả thù cái bà hoàng hậu bội bạc ấy và cái lão sủng thần tham lam kia, và… Xin lấy danh dự nữ quận công mà thề rằng tôi sẽ trả thù.

-Thưa bà, – Arthos nói,

-Tôi van xin bà, đừng tạo một tương lai xấu cho de Bragelonne, anh ta đã được tiến cử, ngài hoàng thân muốn điều tốt lành cho anh ta, anh ta còn trẻ, hãy để cho một ông vua trẻ gây dựng. Chao ôi! Xin lỗi bà về sự yếu đuối của tôi; đến một lúc nào đó con người ta hồi sinh và trẻ lại trong con cái mình.

Bà quận công mỉm cười nửa thân thương, nửa giễu cợt và nói:

Arthos nói thật, anh không biết điều yêu cầu của Porthos và không biết rằng anh sẽ có một dải huân chương khác nữa.

-Ôi ta trở thành bà già mất? – Bà công tước mơ màng nói Arthos cầm lấy tay bà và hôn lên. Bà nắm anh mà thở dài nói: -Bá tước ơi, Bragelonne chắc là một nơi ở rất đẹp. Ông là người phong nhã, ắt là ở đấy có nước non hùng vĩ, có rừng núi hữu tình,

Bà lại thở dài và tì cái đầu tuyệt mỹ lên bàn tay uốn cong lại một cách duyên dáng vẫn thon thả và nuột nà.

-Thưa bà, – bá tước nói, – Lúc nãy bà nói gì vậy? Chưa bao giờ tôi thấy bà trẻ đẹp đến thế.

Bà công tước lắc đầu.

-De Bragelonne có ở lại Paris không? – bà hỏi.

-Bà nghĩ thế nào về nó? – Arthos hỏi.

-Hãy để nó cho tôi, – Bà bảo.

-Không được đâu. Nếu bà quên câu chuyện về Ơđíp (Oedipe)[286] thì tôi vẫn nhớ.

-Sự thật là ông rất dễ thương, bá tước ạ, và tôi muốn ở chơi Bragelonne một tháng.

-Bà không sợ là sẽ làm cho khối người ghen tỵ với tôi hay sao? – Arthos đáp một cách phong nhã.

-Không, tôi sẽ đi kiểu vi hành, dưới cái tên Marie Michon.

-Bà thật đáng quý.

-Nhưng ông đừng cho Raoul về ở với ông.

-Tại sao vậy?

-Vì nó yêu đương.

-Nó ấy à, một đứa trẻ con.

-Cho nên nó cũng yêu một đứa bé gái đấy thôi.

Arthos trở nên đăm chiểu. Anh nói: -Bà nói đúng, bà công tước ạ. Mối tình lạ lùng đối với một con bé bảy tuổi có thể một ngày kia làm cho nó khốn khổ. Sắp có đánh nhau ở Flandre, nó sẽ đi đấy.

-Khi nó trở về, ông gửi nó đến tôi, tôi sẽ bọc áo giáp cho nó để chống lại ái tình.

-Chao ôi, thưa bà, ngày nay ái tình cũng giống như chiến tranh và áo giáp trở thành vô ích.

Vừa lúc ấy Raoul vào. Anh đến báo với bá tước và bà công tước rằng bá tước de Guise bạn anh đã cho anh biết rằng cuộc lễ long trọng đón vua, hoàng hậu và tể tướng sẽ cử hành vào ngày hôm sau.

Quả thật, hôm sau, từ mờ sáng, triều đình đã tấp nập sửa soạn rời Saint-Germain.

Từ chiều hôm trước Hoàng hậu đã cho mời d'Artagnan đến và bảo: -Này ông, người ta nói với tôi là Paris không yên tĩnh. Tôi lo ngại cho vua. Vậy ông hãy đi kèm ở cửa xe bên phải nhé.

-Xin Lệnh bà hãy yên trí, – D'Artagnan đáp, – Tôi xin đảm nhận việc bảo vệ Đức vua.

Anh chào hoàng hậu, và đi ra.

Vừa ra khỏi cửa, anh gặp Bernouin đến báo cho anh biết rằng tể tướng đang đợi anh vì có những việc quan trọng. Anh lập tức đến đấy.

-Này ông, – giáo chủ nói, – người ta đang đồn về chuyện nổi loạn ở Paris. Tôi sẽ ngồi ở bên trái Đức vua. Do tôi là người chủ yếu bị đe doạ, ông sẽ đi ở cửa xe bên trái nhé.

-Xin Đức ông cứ yên tâm, – D'Artagnan đáp, – Người ta sẽ không dụng đến một sợi tóc của ngài đâu.

Ra ngoài tiền sảnh, d'Artagnan tự nhủ thầm.

-Chết thật? Mình làm sao gỡ ra được đây. Mình không thể vừa ở cửa xe bên trái lại vừa ở cửa xe bên phải. À, được rồi, mình sẽ canh vua, còn Porthos canh giáo chủ.

Sự thu xếp ấy vừa lòng mọi người, kể cũng là hiếm có. Hoàng hậu tin cậy ở lòng dũng cảm của d'Artagnan mà bà đã biết rõ; còn tể tướng tin cậy ở sức mạnh của Porthos mà ông đã được thử thách.

Đoàn ngự giá lên đường về Paris theo thứ tự định sẵn. Gitaud và Comminger dẫn đầu đội thị vệ đi trước. Rồi đến xe nhà vua, hai bên cửa xe có d'Artagnan và Porthos. Rồi đến ngự lâm quân, những người bạn cũ của d'Artagnan từ hai mươi năm nay, mà anh là trung uý từ hai mươi năm và là đại uý từ hôm qua.

Tới cửa ô, cỗ xe được chào bằng những tiếng hô lớn: "Đức vua muôn năm!"; "Hoàng hậu muôn năm". Vài tiếng hô "Mazarin muôn năm!" xen lẫn, nhưng không có tiếng vang.

Đoàn xe đi đến nhà thờ Đức Bà nơi sẽ tổ chức lễ Tạ ơn

Tất cả dân chúng Paris đổ ra đường phố. Người ta đã bố trí lính Thuỵ Sĩ suốt dọc dường đi, nhưng vì đường rất dài, nên chỉ có thể đặt cách bảy, tám bước một người. Hàng rào ấy rõ ràng là không đủ, và thỉnh thoảng lại bị một đợt sóng dân chúng xô vỡ, rất khó khăn mới dựng lại được.

Từ một năm nay vắng mặt Nhà vua và Hoàng hậu, cho nên nhân dân Paris ao ước gặp lại và có xô đổ hàng rào bảo vệ cũng là do thiện ý thôi; nhưng mỗi lần như vậy Anne d'Autriche lại nhìn d'Artagnan với vẻ lo lắng, nhưng anh làm yên tâm bà bằng một nụ cười.

Mazarin đã chi tiêu một nghìn louis để vận động người ta hô "Mazarin muôn năm!" và đánh giá những tiếng hô đã nghe thấy không đáng hai mươi pistol, cũng lo sợ nhìn Porthos. Nhưng anh chàng vệ sĩ khổng lồ đáp lại bằng một giọng trầm rất tuyệt: "Đức ông yên trí", nên Mazarin mỗi lúc một vững dạ hơn.

Đến Hoàng cung người ta thấy dân chúng càng đông hơn nhiều.

Họ từ các phố tiếp giáp đổ vào quảng trường, và như con sông rộng nổi sóng, tất cả làn sóng người ấy đi đón xe vua, và chảy ầm ầm vào phố Saint-Honoré.

Khi xe tới quảng trường nhiều tiếng hô lớn: "Các đức Hoàng thượng muôn năm!" vang lên. Mazarin cúi xuống cửa xe. Vài ba tiếng hô: "Tể tướng muôn năm!" chào ông, nhưng lập tức bị dập tắt một cách thảm hại bởi những tiếng huýt sáo và la ó. Mazarin tái mặt đi và vội lùi lại phía sau.

-Đồ súc sinh! – Porthos lẩm bẩm.

D'Artagnan không nói năng gì, nhưng vân vê ria mép với một cử chỉ đặc biệt nó chứng tỏ rằng cái khí chất vui vẻ Gascon của anh bắt đầu bốc nóng.

Anne d'Autriche ghé tai ông vua trẻ và nói thầm: -Con hãy tỏ ra nhã nhặn và nói vài lời với ông d'Artagnan.

Ông vua trẻ quay ra phía cửa và nói: -Ông d'Artagnan ơi, tôi chưa chào ông, nhưng tôi vẫn nhận ra ông đấy. Chính ông đã đứng sau rèm màn giường tôi cái đêm mà dân Paris muốn đến xem tôi ngủ ấy mà.

-Và tiểu đức vua cho phép, – D'Artagnan đáp, – Chính tôi sẽ gần Người tất cả nhưng khi nào có một mối nguy hiểm đe doạ.

Mazarin bảo Porthos: -Này ông ơi, nếu tất cả cả cái đám đông kia ùa đến chúng ta thì ông sẽ làm gì?

-Thưa Đức ông, – Porthos đáp, – Tôi sẽ giết họ đến mức nhiều nhất.

-Hừm! – Mazarin nói, – dù thật dũng cảm và lực lưỡng như ông, ông cũng không thể giết hết tất cả.

Porthos đứng lên bàn đạp để xem cho rõ dân chúng đông chừng nào và nói.

-Đúng đấy, họ đông vô kể.

-Có lẽ ta thích ông kia hơn, – Mazarin nói.

Và ông ngồi thụt vào lòng xe.

Hoàng hậu và nhất là tể tướng cảm thấy lo ngại cũng đúng thôi.

Đám dân chúng vẫn giữ bề ngoài cung kính và quý mến nhà vua và bà nhiếp chính, bắt đầu nhốn nháo ồn ào. Người ta nghe thấy những tiếng rì rào ầm ĩ khi lướt trên mặt sóng nó báo hiệu một cơn giông tố, và khi lướt trên đám dân chúng nó báo hiệu một cuộc bạo loạn.

D'Artagnan quay lại phía ngự lâm và nháy mắt làm hiệu: đám đông không nhận ra, nhưng cái đội ngũ ưu tú kia thì hiểu rõ quá đi.

Các hàng ngựa siết chặt lại và một cơn rùng mình nhè nhẹ chạy qua khắp mọi người.

Đến cửa ô Sergents đoàn hộ giá buộc phải dừng lại.

Comminger rời khúc đầu của đoàn hộ giá mà anh ta phụ trách và đến cỗ xe Hoàng hậu. Bà đưa mắt hỏi d'Artagnan, anh cũng đáp lại bằng mắt.

-Cứ tiến lên, – Hoàng hậu đáp.

Comminger trở lại vị trí của mình. Người ta xô đẩy và rào chắn cửa ô đổ sập.

Mấy tiếng xì xào từ đám đông nổi lên và lần này nhằm cả vua lẫn tể tướng.

-Tiến lên! – D'Artagnan cất tiếng hô.

-Tiến lên! – Porthos đáp lại.

Đám đông chỉ chờ đợi có sự thị uy ấy để bùng nổ, nên tất cả những tình cảm chứa chất trong họ cũng nổ ra đồng thời. Từ khắp phía vang lên những tiếng hô "Đả đảo lão Mazarin?", "Giết chết giáo chủ đi?".

Cùng lúc ấy từ phía Grenelle Saint-Honoré và phố du Coq, hai dòng thác người ùa đến và bẻ gẫy cái hàng rào lính Thụy Sĩ mỏng manh và cuồn cuộn đến tận chân ngựa của d'Artagnan và Porthos.

Sự xô tràn lần này nguy hiểm hơn mấy lần trước và nó bao gồm những người vũ trang và còn vũ trang tốt hơn cả những người dân thường mọi khi báo động.

Người ta thấy phong trào này không phải là tác dụng của sự tình cờ đã tụ tập một số kẻ bất mãn trên cùng một điểm, mà là sự phối hợp của tinh thần thù nghịch đã tổ chức một cuộc tấn công.

Hai khối dân chúng ấy do thủ lĩnh chỉ huy, một người không có vẻ thuộc dân chúng mà thuộc đoàn thể danh giá của các vị hành khất; người kia thì mặc dầu cố bắt chước điệu bộ của dân chúng, người ta vẫn dễ dàng nhận ra một nhà quý tộc.

Hiển nhiên là cùng một xung lực đã thúc đẩy hai người hành động.

Có một chấn động rất mạnh truyền đến cả cỗ xe vua; rồi hàng nghìn tiếng la hét hợp thành một tiếng ồn ào xao động xen lẫn vài ba tiếng súng nổ.

-Ngự lâm quân đến đây? – D'Artagnan hô to.

Đoàn hộ giá tách ra làm hai hàng, một sang phía bên phải cỗ xe và một sang phía bên trái, chạy đến hỗ trợ d'Artagnan và Porthos.

-Thế là cuộc chiến nổ ra, càng khủng khiếp hơn do nó không có mục đích, càng thê thảm hơn do người ta không biết mình chiến đấu làm gì và cho ai.

§97. Do đâu mà chứng minh rằng đối với các ông vua trở lại kinh đô vương quốc đôi khi lại còn khó khăn hơn là ra khỏi kinh đô (tiếp theo)

Giống như mọi chuyển động của đám tiện dân, sự va chạm của đám đông này thật ghê gớm. Ngự lâm quân ít người, không thẳng hàng ở giữa đám đông ấy, không thể cho ngựa đi lại, bắt đầu bị tổn thương.

D'Artagnan muốn hạ những tấm rèm ở xe, nhưng ông vua trẻ đã giơ tay ra và bảo: -Không, ông d'Artagnan, tôi muốn xem.

-Nếu Hoàng thượng muốn xem – D'Artagnan nói, – thì xin Người cứ nhìn.

Và với nỗi tức giận khiến anh trở thành rất khủng khiếp, d'Artagnan quay lại và nhảy vọt đến người thủ lĩnh của đám dân nổi loạn, ông ta một tay cầm súng ngắn, một tay cầm thanh gươm rộng bản đang đánh nhau với hai lính ngự lâm để mở một đường đến tận cửa xe.

-Tránh ra, mẹ kiếp! – D'Artagnan hét lên, – tránh ra!

Nghe tiếng kêu người thủ lĩnh kia ngẩng đầu lên, nhưng muộn quá rồi; d'Artagnan đã đâm trúng và lưỡi gươm của anh xuyên qua ngực ông ta.

-A! Thôi chết rồi! – D'Artagnan cố ghìm tay kiếm nhưng quá muộn – Bá tước đến đây để làm quái gì thế này!

-Để hoàn tất số phận của tôi, – Rochefort nói và khụyu chân xuống. – Tôi đã hồi phục sau ba nhát kiếm của ông, nhưng sẽ không hồi phục được sau nhát kiếm thứ tư này.

-Bá tước ơi, – D'Artagnan xúc động nói. – Tôi đã đâm mà không biết là ông. Nếu như ông chết mà chết với nỗi thù hằn tôi thì tôi ân hận vô cùng.

Rochefort giơ tay cho d'Artagnan. Anh cầm lấy.

Bá tước muốn nói, nhưng một bụm máu trào lên làm nghẹn lời ông. Sau một cơn co giật cuối cùng ông cứng người lại và tắt thở.

-Lùi lại, đồ súc sinh? Thủ lĩnh của chúng bay chết rồi, chúng bay chẳng còn gì để làm ở đây nữa.

Thật vậy, bá tước Rochefort là linh hồn của cuộc tiến công vào phía bên này sườn xe vua, tất cả đám dân chúng đã đi theo ông và phục tùng ông, bây giờ trông thấy ông ngã bèn bỏ chạy. Cùng với hai chục lính ngự lâm, d'Artagnan truy kích đến phố Con gà trống, thì cái bộ phận này của cuộc nổi loạn tan như mây khói, tản mát trên quảng trường Saint-Germain và chạy ra phía bờ sông.

D'Artagnan trở lại để hỗ trợ cho Porthos nếu bạn thấy cần, nhưng về phía mình Porthos đã làm xong công việc của anh với cùng một ý thức như d'Artagnan.

Phía trái của cỗ xe được dọn quang không kém phía phải và người ta đang vén tấm rèm cửa mà Mazarin kém hiếu chiến hơn vua đã thận trọng hạ xuống.

Porthos có vé rầu rĩ lắm.

-Làm sao mặt cậu ìu xìu thế kia, Porthos? – D'Artagnan hỏi.

-Thật lạ lùng đối với một kẻ chiến thắng.

-Thì cậu cũng thế thôi, – Porthos đáp. – Trông cậu có vẻ xúc động lắm!

-Mẹ kiếp! Tôi vừa giết một người bạn cũ.

-Thật à. Ai thế?

-Cái ông bá tước Rochefort tội nghiệp ấy?

-Thế thì cũng giống tôi, tôi vừa giết một người mà khuôn mặt không phải xa lạ với tôi. Tiếc thay tôi đã đập vào đầu và trong giây lát mặt hắn đầm đìa máu…

-Thế khi ngã xuống hắn không nói gì à?

-Có chứ hắn đã kêu… ối?

D'Artagnan không nhịn được cười, nói: -Tôi hiểu rằng, nếu hắn không nói điều gì khác thì điều ấy ắt không làm sáng tỏ điều gì hơn cho cậu.

-Thế nào ông? – Hoàng hậu hỏi.

-Thưa Lệnh bà – D'Artagnan đáp, – Đường đã hoàn toàn khai thông và hoàng thượng có thể tiếp tục đi.

Quả thật, cả đoàn hộ giá đến Nhà thờ Đức Bà mà không gặp trở ngại gì. Dưới cổng nhà thờ, tất cả giới giáo sĩ đứng đầu là ông chủ giáo đứng đợi nhà vua, hoàng hậu và tể tướng, và sắp hát Tạ ân mừng sự trở về may mắn của họ.

Trong khi hành lễ vào lúc sắp kết thúc, một thằng nhóc, mặt mũi nhớn nhác chạy vào Nhà thờ. Nhờ mặc bộ quân phục thùng thình, hắn rẽ đám đông đầy ngộn sân đến kho đồ thánh. Hắn thay quần áo mặc bộ lễ sinh và đến gần Bazin: Bác mặc chiếc áo dài màu xanh dương nhạt, tay cầm chiếc que bịt bạc, đứng trịnh trọng trước mặt tên lính Thụy Sĩ ở lối vào chỗ hát kinh.

Bazin cảm thấy có người kéo tay áo mình. Cặp mắt bác đang khoái lạc ngước lên trời bèn hạ xuống và nhận ra Friquet…

-Ơ kìa, thằng nhãi? – Bác phụ thủ nói. – Có gì mà mày quấy rầy tao lúc tao đang làm phận sự.

-Ông Bazin ơi – Friquet. đáp. – Ông biết ông Maillard, người dâng nước thánh ở nhà thờ Saint Eustache…

-Có, thế sao?

Trong cuộc xô xát, ông ta đã xơi một nhát chuôi gươm vào đầu. Chính ông hộ pháp quần áo thêu ren mà ông trông thấy kia, đã nện đấy.

-Thật à! – Bazin nói. – Thế thì lão ta phải đau lắm đấy.

-Đau đến nỗi gần chết, và lão ta muốn rằng trước khi chết được xưng tội với ngài chủ giáo. Theo người ta nói thì ngài có quyền xá miễn cả những đại tội.

-Và lão hình dung rằng ngài chủ giáo sẽ bận lòng vì lão ư?

-Vâng, tất nhiên rồi, vì hình như ngài chủ giáo đã hứa hẹn với lão ta.

-Ai bảo mày thế?

-Chính lão Maillard.

-Mày gặp lão ấy?

-Tất nhiên, khi lão ngã thì tôi ở đấy mà.

-Mày làm gì ở đấy?

-Này nhé, tôi hô "Đả đảo Mazarin! Giết chết lão giáo chủ? Treo cổ tên người Ý!" Chẳng phải ông đã bảo tôi hô như thế ư?

-Có câm đi không, thằng nhãi! – Bazin vừa nói vừa lo ngại nhìn quanh mình.

-Thành thử cái lão Maillard tội nghiệp ấy bảo tôi: "Friquet., mày hãy đi tìm ông chủ giáo, và nếu mày dẫn ông ấy đến đây, tao sẽ cho mày là người thừa kế của tao". Cha Bazin ơi, hãy nói đi, kẻ thừa kế của ông Maillard, người dâng nước thánh ở nhà thờ Saint- Eustache, hèm! Tôi đành chịu khoanh tay! Mặc kệ, tốt muốn giúp cho lão ta việc ấy, ông bảo sao?

-Tao sẽ bảo với ông chủ giáo, – Bazin nói.

Thật vậy, bác bước thong thả và cung kính đến chỗ chủ giáo, khẽ nói vào tai ông mấy lời; ông đáp lại bằng một cái gật đầu. Rồi bước trở lại giống như lúc bước đi bác bảo Friquet…

-Mày về bảo với kẻ sắp chết rằng cứ kiên tâm, trong một, giờ nữa, Đức ông sẽ tới.

Vui mừng vì sứ mệnh của mình thành công, Friquet. chẳng cởi bỏ y phục lễ sinh – vả chăng với bộ y phục này nó có vẻ dễ dàng hơn – nó ra khỏi đại thánh đường và mở hết tốc lực nó chạy vào con đường đi tới Tháp Saint-Jacques – la-Boucherie.

Quả nhiên ngày lễ hát Tạ ân vừa xong, như đã hứa, ông chủ giáo chẳng cởi bỏ y phục giáo chức, cũng đi tới ngọn tháp cổ mà ông rất quen thuộc, ông đến kịp thời. Mặc dầu mỗi lúc một yếu sức đi, kẻ bị thương vẫn chưa chết…

Cửa căn phòng gã ăn mày hấp hối được mở ra.

Một lát sau. Friquet. đi ra, tay cầm một túi da lớn mà hắn mở ra xem ngay khi ra khỏi phòng, và hắn hết sức ngạc nhiên thấy đựng đầy vàng.

Gã ăn mày đã giữ lời hứa và cho hắn thừa kế.

-A! Mẹ Nanette ơi. – Friquet. nghẹn ngào kêu – A! Mẹ Nanette ơi!

Nó không thể nói gì hơn. Nhưng không đủ sức nói năng, nó lại có sức hành động. Nó ra phố chạy một cách tuyệt vọng. Và giống như người lính Hy Lạp chạy từ làng Marathon khi đến quảng trường Aten thì ngã gục xuống, cành nguyệt quế cầm trong tay, Friquet. chạy đến cửa, nhà ông tham nghị Broussel cũng ngã gục xuống làm vung vãi khắp sàn nhưng đồng louis vàng óng từ trong túi rơi ra.

-Bà mẹ Nanette nhặt những đồng louis trước, rồi sau mới đở Friquet. vào.

Trong thời gian ấy, đoàn hộ, giá đi vào hoàng cung. Ông vua trẻ nói: -Mẹ ơi, ông d'Artagnan thật là một người anh dũng.

-Đúng đấy con ạ. Ông ta đã từng làm nhiều việc lớn giúp cha con. Hãy giữ gìn ông ấy trong tương lai.

Khi bước xuống xe, ông vua nhỏ nói với d'Artagnan: -Ông đại uý, Hoàng hậu muốn tôi mời ông và Nam tước Du Vallon bạn ông đến ăn bữa trưa nay.

Đó là một vinh dự lớn cho d'Artagnan và Porthos, cho nên Porthos mừng quýnh lên. Tuy nhiên trong suốt bữa ăn vị quý tộc danh giá ấy tỏ ra rất bận tâm.

Lúc xuống thang ở Hoàng cung, d'Artagnan hỏi nhỏ: -Nam tước ơi, có chuyện gì thế, cậu có vẻ băn khoăn suốt cả bữa ăn.

-Tôi cố nhớ xem, – Porthos đáp, – Kẻ ăn mày mà tôi chắc đã giết ấy, không biết tôi đã gặp ở đâu rồi thì phải.

-Thế cậu không nhớ ra nổi à?

-Không.

-Vậy thì cậu cứ nhớ xem, bạn ạ. Khi nào nhớ ra thì cậu sẽ nói cho tôi biết nhé.

-Mẹ kiếp! Bực thật! – Porthos nói.

Đoạn kết

Khi trở về nhà, đôi bạn thấy một bức thư của Arthos hẹn gặp nhau ở khách sạn Grand-Roi-Charlemagne. vào sáng hôm sau. Hôm sau vào giờ đã định, họ đến chỗ Arthos và thấy anh cùng Aramis vận quần áo du hành.

-Này, Porthos nói, – chúng ta đi tất cả à? Tôi cũng vậy, tôi đã sửa soạn từ sáng nay rồi.

-Phải rồi, ôi lạy Chúa? – Aramis nói, – chẳng có việc gì phải làm ở Paris cả, khi mà phong trào La Fronde không còn nữa. Bà de Longueville có mời tôi qua chơi Normandie mấy ngày và nhờ tôi sửa soạn chỗ ở cho bà ở Rouen trong khi người ta làm lễ rửa tội cho con trai bà. Tôi đi làm xong mấy việc ấy; rồi sau đó nếu không có gì mới, tôi sẽ trở lại tu viện của tôi ở Noisy le Sec.

-Còn tôi, – Arthos nói, – tôi trở về Bragelonne. D'Artagnan vẫn biết đấy, tôi chỉ còn là một gã nhà quê thật thà chất phác mà thôi. Raoul chẳng có tài sản nào khác ngoài tài sản của tôi, tội nghiệp thằng bé. Và tôi phải trông nom tài sản ấy, bởi vì tôi chỉ như là một kẻ cho mượn tên họ.

-Còn Raoul thì anh định cho nó làm gì? – D'Artagnan hỏi.

-Tôi để nó cho cậu đấy, bạn ạ. Sắp sửa có chiến tranh ở Flandre, cậu sẽ mang nó đi theo. Tôi e rằng những ngày nghỉ ở Blois sẽ nguy hiểm cho cái đầu xanh non trẻ của nó. Cậu hãy đem nó đi và dạy dỗ cho nó thành dũng cảm và trung thực như cậu ấy.

-Còn tôi, – D'Artagnan nói, – Tôi không có anh nữa, Arthos ơi, nhưng ít ra tôi sẽ có cái đầu tóc hoe thân yêu ấy. Và Arthos ạ; dù nó chỉ là một đứa bé, nhưng linh hồn anh hoàn toàn sống lại ở nó, và tôi luôn luôn tưởng tượng rằng anh vẫn luôn ở bên tôi, dẫn dắt tôi, nâng đỡ tôi.

Bốn người bạn ôm nhau, nước mắt rưng rưng.

Rồi họ chia tay không biết bao giờ mới lại gặp nhau.

D'Artagnan trở lại phố Tiquetonne cùng với Porthos, Porthos vẫn băn khoăn cố nhớ xem kẻ bị anh giết là ai.

Khi về đến khách sạn "La Chevrette thì thấy xe ngựa của vị nam tước đã sẵn sàng và Mousqueton ngồi trên yên.

-Này, d'Artagnan ơi, – Porthos bảo, – cậu hãy giải ngũ và về ở với tôi ở Pierrefonds, Bracieux hoặc Vallon: chúng ta sẽ cùng nhau sống đến già và nói chuyện về các bạn đồng đội của chúng ta.

-Không đâu! – D'Artagnan đáp. – Gớm thật! Người ta sắp mở chiến dịch và tôi muốn tham dự, biết đâu chẳng kiếm chác được cái gì.

-Thế cậu mong trở thành gì đấy?

-Thống chế Pháp quốc, mẹ kiếp!

-Ái chà! – Porthos vừa nói vừa nhìn d'Artagnan và những chuyện huênh hoang của chàng Gascon anh chẳng bao giờ bắt chước được hoàn toàn.

-Cậu cứ ở với tôi Porthos ạ, tôi sẽ cho cậu làm quận công.

-Không được – Porthos nói – Mousqueton không muốn đi đánh nhau nữa, với lại người ta đã sửa soạn cho tôi một lễ vinh qui long trọng, nó sẽ khiến cho bọn hàng xóm của tôi phải tức hộc máu ra.

Biết rõ sự tự phụ của nam tước mới, d'Artagnan nói: -Về điều này thì tôi chẳng có ý kiến gì nữa. Tạm biệt anh bạn.

-Tạm biệt đại uý thân mến, – Porthos nói, – cậu nhớ rằng khi nào cậu muốn đến thăm tôi, bao giờ cậu cũng sẽ là khách quí ở lãnh ấp nam tước của tôi.

-Được – D'Artagnan đáp – đi trận về, tôi sẽ đến cậu.

-Ngựa xe của ngài Nam tước đang đợi ạ, – Mousqueton thưa.

Đôi bạn siết chặt tay nhau và từ giã nhau, d'Artagnan đứng trước cửa mặt rầu rầu nhìn theo.

Porthos ra đi. Nhưng đi được hai chục bước, Porthos dừng phắt lại, vỗ lên trán và quay trở lại.

-Tôi nhớ ra rồi, – anh nói.

-Cái gì cơ? – D'Artagnan hỏi.

-Gã ăn mày, mà tôi giết là ai nào? Đó là cái thằng súc sinh Bonacieux[287].

Và vui mừng vì đầu óc mình đã thanh thản, Porthos đuổi theo Mousqueton và cùng khuất ở góc phố. D'Artagnan đứng yên lặng và trầm ngâm một lát. Rồi quay vào anh trông thấy mỹ nhân Madeleine đang đứng trước ngưỡng cửa, lo lắng về vinh quang mới của d'Artagnan.

-Nàng Madeleine ơi, – chàng Gascon nói, – hãy dành cho tôi gian phòng ở lầu một; bây giờ tôi là đại uý ngự lâm quân rồi tôi cũng phải tỏ thế nào cho xứng đáng chứ. Nhưng vẫn cứ giữ cho tôi phòng ở lầu năm nhé, ai mà biết được điều gì có thể xảy ra.

HẾT.

CÁI CHẾT CỦA BA NGƯỜI LÍNH NGỰ LÂM

Lời giới thiệu

Alexandre Dumas-Cha và cái chết của Ba người lính ngự lâm.

Độc giả Pháp có câu đùa. "Ba chàng ngự lâm… mà là bốn" vì bốn nhân vật trong Ba chàng ngự lâm pháo thủ là Aramis, Athos, Porthos và d'Artagnan đều là lính ngự lâm, có điều d'Artagnan về sau mới gia nhập vào bộ ba có trước. Ở hai bộ truyện tiếp theo: Hai mươi năm sau. Tử tước de Bragelonne. Cái chết của ba người lính ngư lâm cùng bốn nhân vật ấy tung hoành trên nước Pháp lan qua nước Anh) của thế kỷ XVII và được độc giả mến mộ không khác gì thời họ còn trai trẻ. A. Dulmas được các nhà phê bình văn học lưu tâm đến các kịch bản còn người bình thường lại hoan nghênh các tiểu thuyết lịch sử của ông, loại "làm vui cho số đông". Người ta vẫn còn nhớ câu trả lời lý thú của ông để đối lại câu trách: A. Dumas đã đẻ ra những đứa con hoang khoẻ mạnh hơn đứa con thực của lịch sử:

"Lịch sử là gì? Đó chỉ là cái đinh để tôi treo các bức họa của tôi thôi".

Cho nên ta cũng lại gặp trong Hai mươi năm sau bốn chàng lính ngự lâm được tác giả cho tiếp tục tham dự vào biến cố ở nước Pháp dưới thời Nhiếp chính với Hoàng thái hậu Anne d'Autriche, Tể tướng Hồng y Mazarin, và thời thành lập nền cộng hòa ở Anh.

Ở Pháp, Louis XIV còn nhỏ. Tể tướng Mazarin phải đương đầu với Nghị viện và các ông hoàng dấy động loạn là Fronde (1648-1953) theo chiều hướng lịch sử thời đại là sự tập trung vào vương quyền sẽ lên đến cao độ khi Louis XIV thực sự nắm chính quyền. Ở Anh, Olivier Cromwell đánh tan quân của nhà vua Charles I và bắt ông đem xử tử. Trên tất cả những biến cố làm nền dó, A. Dumas cho bốn chàng ngự lâm quân cũ của chúng ta tang hoành. D'Artagnan vẫn là ngự lâm quân, Porthos đã là bá tước du Vallon, Arthos – bá tước de la Fère, Aramis làm giám mục, hai người đầu phục vụ Mazarin, hai người sau giúp loạn quân cầm đầu bởi giáo chủ de Retz, công tước de Beaufort, phu nhân Longlleville. Thế mà tình bạn không sứt mẻ, bốn người gặp nhau ở nước Anh cứu Charles I không được lại có dịp thanh toán một kẻ cựu thù, con của Milady bị giết trong "Ba người lính ngự lâm".

Ở Cái chết của ba người lính ngự lâm ta gặp nước Pháp với Louis XIV thời thanh niên, Hồng y Mazarin, các ông Fouquet, Cobert, ta gặp khung cảnh cllính trị nước Anh có thể gọi là thời hậu: Cromwell, và d'Artagnan, Arthos được tác giả cho đóng vai trò quyết định trong hậu trường để Charles II trở lại ngôi vua nước Anh, Aramis chen vào chuyện nội cung, triều đình, bắt Louis XIV bỏ vào ngục Bastille kinh khiếp.

Trong "Cái chết của ba người lính ngự lâm" các ông vua cao vòi vọi trở thành những người tầm thường, bất lực, kêu khóc, ông Hồng y Mazarin vẫn bủn xỉn, keo kiệt đến tức cười – hơn cả sự thật. Ngôi giáo hoàng tôn kính đối với các tín đồ là thế mà có một anh cựu ngự lâm quân sau khi chui vào hàng ngũ làm giám mục, liền bày ra một âm mưu chính trị để toan tính cướp về mình.

Đọc "Cái chết của ba người lính ngự lâm" – cũng như các tiểu thuyết lịch sử khác của A. Dumas, chúng ta bị cuốn hút theo câu chuyện với những màn đối thoại hênh hoang một cách dễ dung thứ, dáng tinh ranh thật ý nhị, với những tình tiết có vẻ vô lí mà không xa sự thực từ những con người ở địa vị thấp mà tầm vóc cao, tất cả khiến chúng ta như đang bước trên đường lịch sử có bạn đường là ông A. Dumas sức khoẻ tràn trề, tâm tính xuề xòa vui vẻ đã làm vui hàng triệu người trên thế giới cả gần một thế kỷ rưỡi nay.

§1. Người đưa tin

Giữa tháng tư năm 1660, vào lúc chín giờ sáng, khi mặt trời đã đủ ấm để làm khô những giọt sương trên các cây đinh hương và tại lâu đài thành Blois, một đoàn kỵ sĩ gồm ba người cùng hai người hầu tiến lên cây cầu dẫn vào thành phố mà không gây một sự chú ý nào cho những người đang dạo mát, ngoại trừ động tác đầu tiên là giơ tay lên đầu chào và động tác thứ hai là uốn lưỡi để diễn tả bằng giọng văn trong sáng nhất nước Pháp:

"Đó là Đức ông đi săn về".

Có vậy thôi.

Tuy nhiên khi đoàn người ngựa leo lên con dốc dẫn từ bờ sông vào lâu đài thì một vài gã bán hàng mập ú mon men tiến lại gần con ngựa đi cuối có treo lủng lẳng nhiều loại chim trên cốt yên.

Thấy kết quả chuyến đi săn nghèo nàn như vậy, các gã hiếu kỳ tỏ ra khinh khi, và sau khi bàn tán hồi lâu về sự bất lợi của việc săn chim, ai nấy lại quay trở về với công việc của mình. Chỉ còn một gã có thân hình béo tròn với cặp má phúng phính, tính tình vui vẻ là còn thắc mắc tại sao Đức ông có nhiều lợi tức, do đó không thiếu gì cách vui chơi lại đi chọn cái trò giải trí thảm hại này.

Có người đã trả lời hắn: -Ủa, bộ mày không biết trò giải trí chính của Đức ông là sự ưu phiền sao?

Gã mập ú nhún vai, vẻ dứt khoát.

-Nếu vậy thì thà tớ làm Jean phì lũ còn hơn làm ông Hoàng.

Rồi mọi người lại tiếp tục công việc. Còn Đức ông thì tiếp tục đoạn cuối cuộc hành trình với vẻ mặt vừa buồn rười rượi vừa oai nghi. Chắc sẽ có người ngắm nhìn ngài một cách thán phục, – nếu có khán giả. Nhưng các trưởng giả thành Blois đã không tha thứ cho Đức ông cái tội đã chọn thành phố tươi vui của họ để mặc sức ưu phiền. Cho nên, mỗi khi phải trông thấy con người vừa oai nghiêm vừa u sầu đó, họ quay mặt đi chỗ khác hoặc thụt đầu vào trong để tránh bị ảnh hưởng bởi vẻ buồn ngủ của khuôn mặt dài tái xanh, của đôi mắt lúc nào cũng đẫm ướt và của cả cái dáng dấp uể oải chán chường. Thành thử, ông hoàng đáng kính của chúng ta mỗi khi phi ngựa tới đâu đều cũng chỉ thấy toàn đường phố vắng ngắt.

Như vậy là dân thành Blois quả có tội bởi vì, sau Đức vua, và có khi trên cả vua nữa là đằng khác, Đức ông là một nhà quý tộc lớn nhất trong triều.

Thật vậy, nếu Thượng đế đã cho Louis XIV – đang trị vì – cái diễm phúc được là con của Louis XIII thì ngài cũng ban cho Đức ông cái vinh hạnh được nhận Henri IV là cha.

Thành thử, dân chúng ở đây ít ra cũng phải coi là có được một vinh dự không nhỏ khi Gaston d'Orléans – Tôn Đức ông. (Đoạn tiếp theo ám chỉ các biến cố xảy ra về trước) tập hợp đám tuỳ tùng của ông trong toà lâu đài. "Các đẳng cấp" cổ kính nơi thành phố Blois này. Nhưng cái nghiệp của ông hoàng vĩ đại này là không hấp dẫn được quần chúng. Cho nên Đức ông lâu dần cũng thành quen!

Có lẽ vì thế mà ngài ưu phiền một cách trầm lặng. Cuộc đời Đức ông rất bận rộn. Chẳng ai chịu để hàng chục người bạn thân nhất của mình bị cứa cổ mà không thấy lo âu chút nào! Mà Mazarin khi nắm quyền bính trong tay thì chẳng thích cắt đầu ai cả. Vì thế Đức ông không còn bận rộn nữa và tinh thần của ngài cũng chịu ảnh hưởng lây.

Vậy nên cuộc sống của vị hoàng thân khốn khổ này thật là đáng buồn. Sau cuộc săn nhỏ vào buổi sáng bên bờ sông Beuvron (Bơ-vrông) hoặc trong rừng Chiverny, Đức ông vượt sông Loire, đến dùng cơm trưa tại Chamberd, bữa ngon bữa không, và cả thành Blois sẽ không còn nghe nhắc nhở gì đến vị thủ lãnh của mình nữa cho đến buổi săn bắn sau.

Đó là những ưu phiền phơi bên ngoài, còn những nỗi buồn sâu kín chúng tôi sẽ cống hiến cho độc giả nếu quý vị chịu khó cùng với chúng tôi theo đoàn người ngựa tiến đến chiếc cổng uy nghiêm của lâu đài "Các đẳng cấp".

Đức ông cưỡi một con ngựa vóc dáng bé nhỏ, ngồi trên chiếc yên rộng bọc bằng nhung đỏ xứ Flandre có bàn đạp giống như một chiếc hia. Con ngựa màu hung hung; bộ quần áo bó chẽn bằng nhung đỏ thẫm, hoà lẫn với chiếc khăn choàng cùng một màu với những thứ trang bị trên con ngựa, và nhờ toàn bộ cái gì cũng đỏ này mà người la có thể phân biệt được Đức ông với hai bạn đồng hành của Ngài, một người thì toàn tím trong khi người kia toàn lục. Người phi ngựa bên trái ăn vận màu tím là người hầu ngựa, bên phải có người vận màu lục coi bầy chó săn.

Một người hầu mang theo đôi chim ưng đong đưa trên cái đu người kia cầm chiếc còi săn, phùng má thổi một cách uể oải rời rạc khi đoàn kỵ sĩ chỉ còn cách toà lâu đài vài chục bước.

Mọi kẻ bao quanh ông hoàng uể oải này đều uể oải làm những gì cần phải làm.

Sau hiệu còi, tám gã lính gác cổng đang rong chơi trên chiếc sân vuông vức của toà lâu đài vội chạy đi tìm vũ khí. Thế là Đức ông oai vệ tiến vào toà lâu đài.

Khung cảnh thật vắng vẻ.

Đức ông lặng lẽ nhảy xuống ngựa, rảo bước vào phòng để người hầu thay quần áo; và vì Bà lớn chưa ra hiệu ăn trưa nên ngài nằm duỗi dài trên ghế đánh một giấc ngon lành như giấc ngủ buổi tối vậy.

Còn tám gã lính hầu thì hiểu rằng nhiệm vụ trong ngày của chúng đến đây là chấm dứt, chúng bèn rủ nhau nằm ườn trên ghế đá dưới ánh nắng mặt trời ấm áp.

Gã mã phu (người trông nom, chăm sóc ngựa) dẫn đoàn ngựa vào trong truồng và ngoại trừ mấy chú chim đang chíu chít chòng ghẹo nhau trong các bụi cây đinh tử hoa, người ta có cảm tưởng như vạn vật đều ngủ say như Đức ông vậy.

Khi hồi chuông rung báo hiệu Bà lớn đã trang điểm xong và đang chờ Đức ông cùng bước vào phòng ăn thì có tiếng vó câu lộp cộp trước cổng vào.

Kìa! Một chàng kỵ sĩ điển trai.

Đó là một trang thanh niên trông khoảng tuổi hai mươi bốn, hai mươi lăm, thân hình dong dỏng, cường tráng, khoác trên mình bộ quân phục đẹp đẽ của thời đó. Bằng đôi tay thon chàng kềm ngựa dừng giữa sân rộng, tháo chiếc mũ lông dài che gương mặt vừa cương nghị vừa ngây thơ của chàng.

Tiếng ngựa làm bọn lính choàng tỉnh và mau lẹ đứng lên.

Chàng trai trẻ chờ cho tên lính gác lại gần mới nghiêng mình nói bằng giọng trong trẻo và rõ ràng khiến hai cô gái trẻ đẹp núp sau cánh cửa nghe rõ mồn một.

-Có tin cho Điện hạ.

-À ra thế? – người lính gác kêu lên – Ngài sĩ quan đâu rồi? Có người đưa tin!

Những gã lính này thừa biết sẽ chẳng có ngài sĩ quan nào ra cả vì viên sĩ quan duy nhất đang ở mãi cuối toà lâu đài, trong một căn phòng nhỏ giữa vườn hoa.

Bởi vậy gã vội vàng tiếp: -Thưa ngài, viên sĩ quan đang đi tuần tra; nhưng chúng tôi sẽ báo cáo cho ngài quản gia De Saint Remy (De Xanh Rơ-mi) hay.

-ông De Saint Remy à! – Người kỵ sĩ đỏ mặt lẩm bẩm nhắc lại.

-Ngài có quen biết ông ta?

-Vâng, xin nhờ anh báo cho ông ta biết là tôi muốn gặp Điện hạ gấp.

-Việc có gấp gáp lắm không?- Gã lính gác lẩm bẩm như muốn nói với chính mình nhưng lại mong đợi câu trả lời của người đối diện.

Người đưa tin gật đầu. Gã lính lại nói: -Trong trường hợp này thì chính tôi sẽ đi kiếm ngài quản gia.

Chàng trai nhảy xuống ngựa và trong khi đám lính đang tò mò ngắm nghía từng cử động của con ngựa đẹp đẽ đã mang chàng tới thì gã lính ban nãy đã quay lại nói: -Xin lỗi tôi chưa biết quý danh?

-Tử tước Bragelonne đến đây theo lệnh của Hoàng thân De Condé.

Gã lính vái dài và như thể tên người chiến thắng trận Rocroi và Lenz làm cho gã mọc thêm cánh, gã chạy như bay qua các bậc thềm.

Tử tước De Bragelonne chưa kịp cột ngựa vào khung sắt bên thềm thì ông Saint Remy đã hớt hải chạy ra, một tay đỡ cái bụng phê, tay kia thì quậy quậy như mái chèo rẽ nước vậy.

-Ồ, ngài tử tước cũng đến Blois à? Thật tuyệt diệu? Xin kính chào ngài, ngài Raoul.

-Rất hân hạnh được gặp ngài, ngài De Saint Remy.

-Phu nhân De La Vall, xin lỗi, tôi muốn nói phu nhân De Saint Remy sẽ thật sung sướng khi được gặp lại ngài? Nhưng xin mời lại đây. Điện hạ đang dùng bữa, tôi có cần làm rộn ngài không? Vấn đề có nghiêm trọng lắm không?

-Có và không, thưa ngài De Saint Remy. Tuy nhiên, theo tôi nghĩ, nếu để trễ có thể Điện hạ sẽ bực lắm đấy!

-Nếu vậy thì phải phá lệ thôi, thưa tử tước. Lại đây, vả lại hôm nay Đức ông rất vui vẻ. Mà, ngài có tin lạ cho chúng tôi không?

-Tin quan trọng, thưa ngài De Saint Remy.

-Chắc là lành chứ?

-Tuyệt vời.

-Thế thì lại đây. Lại đây nhanh lên? – Người quản gia vừa nói vừa vuốt lại quần áo.

Raoul cầm mũ đi theo, hơi giật mình khi nghe chính tiếng gót giầy của mình nện vang trên sàn nhà thênh thang.

Chàng trai vừa khuất trong lâu đài thì nơi khung cửa sổ ban nãy lại thấp thoáng bóng người, tiếng xì xào chứng tỏ hai cô gái đang bị kích động mạnh. Họ nhanh chóng quyết định vì một trong hai khuôn mặt biến đi. Cô gái còn lại, núp sau những đoá hoa trên bệ cửa sổ, quan sát qua kẽ lá những bậc thềm mà ngài De Bragelonne đã đi qua.

Trong khi đó, nhân vật đã khiến cho mọi người chú ý vẫn tiếp tục nối gót người quản gia. Tiếng chân bước nhộn nhịp, mùi rượu, mùi thịt nồng đậm, tiếng lích kích của chén đĩa thuỷ tinh cho biết rằng chàng sắp tới nơi.

Các người hầu, các sĩ quan đang tụ tập nơi một căn phòng trước phòng ăn tiếp đón Raoul với sự lễ phép đã trở thành huyền thoại của xứ này. Có người biết Raoul và tất cả đều biết chàng vừa từ Paris tới. Có thể nói, sự xuất hiện của chàng trai trẻ đã làm mọi hoạt động ngưng lại trong chốc lát. Chứng cớ là một người hầu đang tiếp rượu cho Đức ông, nghe tiếng giầy đinh khua vang bên thềm sảnh đã tò mò quay đầu lại xem, như một đứa trẻ, quên bẵng đi rằng anh ta không còn rót rượu vào ly của Đức ông nữa mà là rót lênh láng ra bàn.

Bà lớn vì không bận bịu như đức lang quân oai vệ của mình nên thấy rõ sự lơ đễnh của người hầu. Bà nói: -Kìa.

Đức ông lặp lại: “Kìa”, rồi ngạc nhiên.

-Cái gì thế?

Cùng lúc ông De Saint Remy ló đầu vào, gặp ngay cơ hội thuận tiện.

-Sao lại quấy rầy tôi? – Vừa nói Caston vừa gắp bỏ vào đĩa một khúc cá thật to, phần thịt của một con cá hồi ngược sông Loire lớn chưa từng thấy, chưa từng bị đánh bắt giữa Paimboeuf và Saint-Nazaire

-Thưa có một người đưa tin từ Paris tới. Nhưng mà, xin Điện hạ cứ tiếp tục dùng bữa, để sau vẫn còn thừa thì giờ.

Đức ông la lên và để rơi cái đĩa xuống bàn.

-Từ Paris à? Một người đưa tin từ Paris, đúng không? Ai sai hắn tới?

-Theo lệnh của ngài Hoàng thân. – Người quản gia hấp tấp trả lời.

Ai cũng biết đó là biệt danh của ngài De Condé (De Công- đê)

-Một người đưa tin của ngài Hoàng thân à? – Gaston lẩm bẩm. Vẻ lo âu thoáng hiện trong ánh mắt càng gợi thêm trí lò mò của mọi người.

Đức ông như sống lại những giây phút sung sướng của thời kỳ mưu đồ chính trị và mỗi tiếng động khẽ ngoài cửa cũng khiến ngài hồi hộp, mỗi bức thư có thể chứa đựng một bí mật quốc gia, mỗi tin loan báo đều là để dùng vào những âm mưu đen tối, phức tạp. Cũng có thể cái tên lừng danh của Hoàng thân đã lan truyền dưới vòm lâu đài thành Blois như bóng dáng của một con ma.

Đức ông đẩy đĩa ăn ra. Ông De Saint Remy hỏi: -Thưa, hay là xin để người đưa tin chờ?

Cái liếc của Đức bà làm Gaston dạn dĩ hẳn lên, ông ta nói: -Đừng cho hắn vào đây ngay. Mà này ai vậy?

-Một nhà quý tộc, sinh trưởng tại vùng này, tử tước De Bragelonne.

-À nếu vậy thì tốt lắm, kêu hắn vào đi, De Saint Remy.

Sau khi thết ra những lời lẽ trang trọng như thông lệ, ngài đưa mắt nhìn đám thuộc hạ của mình khiến cả bọn cận thần, sĩ quan lính hầu rời bộ khăn, dao, muỗng, nĩa mà bước nhanh ra ngoài, gần như hỗn độn.

Đạo quân nhỏ bé này tự động tách thành hai khi Raoul De Bragelonne theo ông De Saint Remy bước vào phòng ăn.

Khoảng thời gian yên tĩnh ngắn ngủi do sự rút lui của đám quân hầu để lại đủ khiến cho Đức ông lấy được phong độ của một nhà ngoại giao. Ông không quay đầu lại, chờ cho người quản gia dẫn người đưa tin đến trước mặt mình.

Raoul dừng ở phía cuối bàn ăn để được đứng giữa Đức ông và Đức bà. Chàng lễ phép cúi đầu chào rồi thẳng lưng chờ Đức ông lên tiến trước.

Còn Đức ông thì chờ cho cửa ra vào được khép kín. Ngài không muốn quay đầu lại vì như vậy không xứng đáng với địa vị của mình, nhưng ngài hết sức lắng đợi tiếng khoá cửa lách cách để thấy ít ra cũng là có giữ bí mật.

Cửa đã đóng kín Đức ông mới ngước mắt nhìn Tử tước De Bragelonne và nói: -Hình như ông từ Paris lại?

-Thưa Đức ông tôi vừa mới tới.

-Hoàng thượng có được an khang không?

-Thưa Đức ông, ngài rất khoẻ.

-Còn chị dâu tôi?

-Hoàng thái hậu vẫn còn hay đau ngực. Tuy nhiên, cách đây một tháng, sức khỏe của ngài có phần đỡ hơn.

-Người ta bảo ông được Hoàng thân phái đến đây. Họ không lầm chứ?

-Thưa vâng, chính Hoàng thân đã phái tôi đến đây trình lên ngài một bức thư, và tôi chờ phúc đáp.

Raoul hơi xúc động trước lối tiếp đón lạnh lùng và tỉ mỉ này. Giọng chàng trầm hẳn xuống.

Đức ông như chợt nhớ lại câu chuyện và nỗi lo sợ lại đến với ngài. Ngài nhìn bức thư của Hoàng thân bằng cặp mắt hung dữ và cẩn thận bóc nó như bóc một món đồ khả nghi. Và để cho không ai biết sự thay đổi diện mạo của mình vì bức thư, ngài xây lưng lại đọc.

Đức bà lo âu theo dõi từng cử chỉ của bậc trượng phu.

Còn Raoul thì thản nhiên và hơi thoải mái vì mình không còn bị chú ý nữa. Từ chỗ đứng, chàng đưa mắt nhìn, qua khung cửa rộng, các khu vườn và các bức tường dựng lên trong ấy.

Đức ông chợt kêu lên với nụ cười rạng rỡ nở trên môi.

-A! Thật là một nỗi bất ngờ đầy thú vị và một bức thư thật khả ái của Hoàng thân. Đây, bà xem đi.

Bàn quá rộng không đủ để Đức ông trao thư tận tay cho bà lớn Raoul hấp tấp chuyển giúp. Chàng thực hiện công việc này một cách hết sức duyên dáng và khéo léo khiến Đức bà hết sức đẹp ý.

Gaston quay hỏi Raoul: -Chắc ông biết nội dung lá thư này.

-Thưa ông, Hoàng thân tính nhắn miệng với tôi, nhưng sau đó ngài suy nghĩ lại và lấy giấy bút thảo ra.

-Chữ đẹp quá, nhưng tôi không đọc được. – Đức bà nói.

Hầu tước (tức Gaston) lên tiếng.

-Ông có thể đọc giùm Bà lớn được không, ông De Bragelonne?

Raoul bắt đầu đọc trong khi Đức ông, một lần nữa lại chăm chú nghe.

Thư như sau:

"Kính thưa Ngài,

Hoàng thượng đang đi ra biên giới; hẳn ngài cũng biết hôn lễ của Người sắp được tiến hành. Hoàng thượng đã phong cho tôi làm trưởng đội kỵ binh trong chuyến đi này, và tôi biết Người thích dừng chân tại thành Blois, vậy xin ngài cho phép tôi được đánh dấu trước nơi nghỉ lại của Hoàng thượng.

Nếu yêu cầu của tôi quá đột ngột gây phiền toái cho ngài, xin ngài làm ơn báo cho biết qua tử tước De Bragelonne một nhà quý tộc làm việc với tôi đây. Chương trình của chúng tôi sẽ tuỳ thuộc vào quyết định của Điện hạ và nếu không có ghé Blois, tôi sẽ đổi lộ trình về Veldôme hay Romorantin. Tôi hy vọng Điện hạ sẽ cứu xét lời thỉnh cầu đầy thành tâm nhiệt ý của tôi biểu lộ lòng trung thành không giới hạn của tôi đối với ngài và lòng mong muốn được ngài đẹp dạ mãi mãi".

-Thật chẳng có gì sung sướng cho chúng ta hơn, – Đức bà nói sau khi đã hơn một thăm dò ý tứ qua ánh mắt của chồng trong lúc bức thư được đọc lên. "Hoàng thượng tới đây!" – Bà kêu lên, có lẽ hơi lớn khó mà bảo toàn được bí mật. Đến lượt Đức ông nói: -Thưa ông, xin ông làm ơn trình Hoàng thân lòng chân thành biết ơn của tôi đối với sự ưu ái mà ngài đã dành cho tôi.

Raoul nghiêng mình đáp lễ.

-Ngày nào Hoàng thượng giá lâm? – Đức ông tiếp tục hỏi.

-Thưa ngài, nếu tôi không lầm thì Hoàng thượng sẽ tới ngay tối nay.

-Như vậy thì làm sao người ta hay được câu trả lời của tôi trong trường hợp tôi từ chối?

-Tôi có nhiệm vụ, thưa ngài, là phải lập tức quay về Beaugency (Bô-giăng-xi) để thông báo cho người đưa tin và anh này quay trở lại phía sau trình cho Hoàng thân. Hoàng thượng ở Orléans. Hiện giờ có lẽ ngài đã ở Meung.

-Cả triều thần cùng đi với ngài à?

-Thưa vâng.

-Còn điều này nữa, tôi quên hỏi thăm tin tức về Đức Hồng Đức ngài có vẻ tràn đầy sức khoẻ, thưa ngài. Chắc các cháu gái ngài cũng đi theo phải không?

-Thưa ngài không, Đức ngài đã ra lệnh cho tiểu thư Marie De Mancini đi Brouage. Tiểu thư đi bên mặt sông Loire trong khi triều thần từ bên trái tới.

-Sao? Tiểu thư De Mancini cũng rời triều đình à? Đức ông lên tiếng hỏi và sự dè dặt gần như không còn nữa.

-Vâng, trước tiên tiểu thư De Mancini, – Raoul tế nhị trả lời.

Một nụ cười thoáng qua gợi lại dấu vết của một bộ óc chứa đầy những âm mưu rối rắm, làm sáng lên đôi má nhợt nhạt của Đức ông.

-Xin cảm ơn ông De Bragelonne. Có lẽ ông sẽ từ chối không muốn nhận nhiệm vụ mà tôi muốn giao cho ông là trình lên Hoàng thân biết rằng tôi rất cảm mến người đưa tin của ngài. Nhưng tôi sẽ tự làm lấy công việc này.

Raoul lại nghiêng mình cảm tạ vinh hạnh mà Đức ông đã dành cho mình. Đức ông ra dấu cho Đức bà gõ vào chiếc chuông bên mặt.

Ông De Saint Remy bước vào ngay lập tức và phòng ăn lại đông nghẹt người.

Đức ông nói: -Thưa quý vị, chúng ta sẽ được hân hạnh tiếp đón Hoàng thượng tại Blois, tôi hy vọng rằng Hoàng thượng, cháu tôi, sẽ không hối tiếc về đặc ân mà ngài đã ban cho tôi.

-Hoàng thượng vạn tuế!- Các sĩ quan hầu cận la lên đầy nhiệt tình, đặc biệt nhất là ông De Saint Remy.

Gaston khẽ cúi đầu, buồn u uẩn: cả đời ngài đã từng được nghe hay đúng hơn là phải nghe tiếng kêu "Hoàng thượng vạn tuế" này lướt qua đầu mình. Từ lâu, không còn phải nghe như thế nữa, đôi tai ngài tưởng đã được nghỉ ngơi. Thế rồi,

một vương quyền mới, trẻ trung hơn, sinh động hơn, xán lạn hơn bỗng xuất hiện trước mặt ngài, như một sự khiêu khích mới, đau đớn hơn.

Đức bà hiểu rõ nỗi đau đớn mà trái tim nhút nhát và u uất kia phải chịu đựng, bà rời bàn ăn, Đức ông cũng làm theo một cách máy móc, và các tuỳ tùng như một bầy ong vỡ tổ, bao quanh lấy Raoul hỏi han rối rít.

Đức bà thấy lộn xộn liền kêu ông De Saint Remy và bảo với giọng của một chủ nhân đang cáu giận: -Bây giờ không phải lúc bép xép, làm việc đi!

Ông De Saint Remy hối hả giải tán đám đông bu quanh Raoul do đó chàng mới bước được ra tiền sảnh.

Đức bà quay về phía ông De Saint Remy nói tiếp.

-Tôi mong ông lo liệu cho nhà quý tộc đó.

Ông này lập tức chạy theo Raoul, nói: -Đức bà giao cho tôi nhiệm vụ chiêu đãi ngài tại đây, ngài sẽ nghỉ ngơi ở một căn phòng dành riêng trong lâu đài này.

-Xin cảm ơn ngài De Saint Remy, – De Bragelonne trả lời – chắc ngài biết tôi nóng ruột muốn gặp ngài bá tước cha tôi tới mức nào.

-Đúng thế, đúng thế. Nhân tiện xin ngài chuyển giùm lời kính thăm của tôi đối với cha ngài.

Raoul thoát được nhà quý tộc già và đi tiếp tục.

Khi chàng còn nắm cương ngựa đi dưới cổng thì một giọng nói êm ái vang lên phía cuối hành lang tối tăm: -Thưa ngài Raoul!

-Chàng trai giật mình quay lại thấy một cô gái trẻ, tóc nâu đen, một ngón tay đặt lên môi và tay kia đưa về phía chàng.

§2. Hai cha con

Raoul theo con đường rất quen thuộc, và luôn khơi gợi chàng tình thương mến, – con đường dẫn từ thành Blois đến ngôi nhà của Bá tước De La Fère (De La Fe-rơ).

Chàng thấy từ xa tầng mái nhà nhọn, hai khung tháp nhỏ, chiếc chuồng chim nấp trong lá cây du, và từng đàn bồ câu bay quanh khối chọp nón xây bằng gạch. Chúng không ngưng nghỉ mà cứ quấn quít lấy nhau tựa như những kỷ niệm êm đềm liệng quanh một tâm hồn thanh thản.

Hơn một năm nay Raoul chưa về thăm cha. Trong suốt thời gian đó chàng sống bên Hoàng thân.

Thật vậy, sau tất cả những xáo động gây ra bởi cuộc loạn La Fronde, Louis De Condé và triều đình đã làm hoà một cách công khai, long trọng và thẳng thắn.

Trong suốt thời gian ly khai với triều đình, Hoàng thân vốn từ lâu có thiện cảm với De Bragelonne – đã tìm đủ mọi cách để chiêu dụ chàng nhưng hoài công, Bá tước De La Fère, luôn luôn thay mặt con chối từ vì vẫn tin tưởng vào những nguyên lắc về sự trung thành và về vương quyền.

Hơn thế nữa, thay vì theo ông De Condé trong vụ phản loạn, Tử tước lại phục vụ De Turenne (De Tuya-ren), chiến đấu vì Đức vua. Rồi sau đó, khi thấy ông De Turenne có vẻ đi ngược lại lý tưởng hoàng gia, chàng lại lìa bỏ ông này như đã từng từ chối đề nghị của De Condé. Vì cả Condé lẫn Turenne chỉ có thể chiến thắng khi phục vụ dưới lá cờ hoàng gia, nên kết quả là Bragelonne, tuy còn rất trẻ đã có mười chiến công lừng lẫy để ghi vào lý lịch và không có một vụ chiến bại nào khiến lương tâm và lòng can đảm của chàng bị tổn thương.

Như vậy là Raoul theo ý nguyện của cha mình, đã phục vụ một cách tích cực và chịu đựng cho cơ nghiệp của vua Louis XIV, mặc cho những chuyện trở gió xoay, cờ liên miên mà ta có thể nói là không tránh khỏi vào thời đó.

Ngài De Condé khi được sủng ái lại đã dùng tất cả những đặc quyền để đòi hỏi rất nhiều thứ ông được hưởng trước đó, gồm cả việc đòi Raoul. Ngay lập tức, bá tước De La Fère, với lòng tin không lay chuyển vào lẽ phải đã gửi Raoul cho ông hoàng De Condé.

Một năm trôi qua kể từ khi hai cha con chia tay nhau, vài bức thư đã làm dịu bớt nhưng không xoá hẳn nỗi đau buồn phải xa người con.

Raoul cũng để lại Blois một mối tình khác ngoài tình phụ tử. Nhưng cũng phải công bằng mà nói rằng Raoul vẫn phi ngựa về nhà cha chàng – Có thể ngoái cổ nhìn lại đôi chút, nhưng không hề dừng ngựa, dẫu có thấy De La Vallière (De La Va-li-e) đưa tay cho chàng.

Nhận thấy cổng vào vườn mở, chàng cho ngựa phi thẳng vào mà không chú ý tới nắm tay giận dữ của một ông lão mặc áo len tím, đầu đội chiếc mũ nhung rách.

Ông lão đang nhổ cỏ trên một bãi trồng hoa hồng lùn và hoa cúc, rất lấy làm tức giận khi thấy một con ngựa cả gan giẫm lên lối đi trải cát đã được sàn cào cẩn thận.

Ông ta còn phát ra một tiếng nạt giận dữ, khiến chàng kỵ sĩ phải quay đầu lại. Và tình thế bỗng nhiên thay đổi hẳn: ngay khi vừa trông thấy Raoul, ông lão đã vụt đứng dậy, chạy ù vào nhà, miệng phát ra những tiếng lằm bằm mà có lẽ đối với ông là một cách biểu lộ niềm vui mãnh liệt đã lên đến cực điểm. Raoul tới chuồng giao ngựa cho một gã hầu và bước dài lên bậc thềm một cách mạnh mẽ, hẳn là có thể khiến cho cha chàng hãnh diện.

Chàng bước vào tiền sảnh, phòng ăn và phòng khách mà chẳng gặp một ai: sau cùng, tới trước cửa phòng bá tước De La Fère, chàng nóng nảy nhào tới và bước vào mà chẳng cần chờ nghe tiếng "Mời vào!" cất lên bằng một giọng nói vừa trịnh trọng vừa dịu dàng.

Bá tước đang ngồi trước cái bàn chứa đầy giấy tờ và sách vở. Cũng vẫn con người đẹp đẽ và quý phái thời trước, nhưng thời gian đã khiến vẻ đẹp, vẻ quý phái này trở nên trịnh trọng rõ rệt hơn. Một vầng trán cao không một nếp nhăn dưới mái tóc bạc nhiều hơn đen, đôi mắt sắc và dịu dàng dưới cặp lông mày của một người trẻ tuổi, bộ râu mảnh và hơi bạc trên cặp môi thanh tao như không bao giờ mím chặt trước những đam mê chết người, một thân hình vươn thẳng và dẻo dai, đôi bàn tay không chê vào đâu được nhưng hơi gầy. Đó là tất cả những gì còn lại của một nhà quý tộc lừng danh mà biết bao cửa miệng đã không tiếc lời khen ngợi. Đó chính là Athos.

Ông đang sửa những trang bản thảo do chính tay mình viết. Raoul nắm lấy vai, ôm lấy cổ cha hôn một cách trìu mến và nhanh đến nỗi bá tước không đủ sức cũng như thời gian để gỡ ra, để trấn áp những cảm xúc của tình phụ tử.

-A con đây, con đấy phải không Raoul, có thể như vậy được không nhỉ?

-Ô, thật vô cùng sung sướng được gặp lại phụ thân!

-Ông chưa trả lời tôi, Tử tước ạ. Ông được phép về Blois hay là lại có chuyện gì không may xảy ra tại Paris?

-Nhờ ơn trên, thưa ngài, – Raoul trả lời, chàng dần lấy lại được bình tĩnh, – Chỉ có toàn chuyện vui; Hoàng thượng sắp cưới vợ, như con đã có dịp kể cho cha trong bức thư gần đây nhất, và ngài đi Tây Ban Nha sẽ ghé qua Blois.

-Để viếng Đức ông?

-Vâng, thành thử vì ngại Đức ông bị bất ngờ hoặc muốn tỏ tình thân ái đặc biệt, ngài Hoàng thân đã phái con tới đây để chuẩn bị trước.

-Con đã gặp Đức ông chưa? – Bá tước đột ngột hỏi con.

-Con đã được vinh dự đó.

-Tại lâu đài à?

-Thưa vâng – Raoul cúi mặt khi trả lời vì chàng nhận thấy những câu hỏi của bá tước hàm chứa một điều gì khác hơn là sự tò mò.

-Ồ thật vậy sao, Tử tước? Ta có lời ngợi khen.

Raoul nghiêng mình đáp lễ.

-Nhưng con còn gặp ai tại Blois nữu không?

-Thưa cha, con còn gặp Đức bà phu nhân.

-Rất tốt. Nhưng không phải ta muốn đề cập tới Đức bà.

Mặt mũi Raoul đỏ gay, chàng không nói được câu nào.

-Hình như ông không nghe thấy lời tôi, thưa ông Tử tước? – Bá tước De La Fère nhấn mạnh câu hỏi của mình nhưng không lớn tiếng, ông chỉ làm tình hình nghiêm trọng hơn bằng ánh mắt của mình.

-Thưa, con nghe rất rõ, nếu con chuẩn bị câu trả lời của mình thì chẳng phải để nói dối, chắc ngài cũng rõ rồi.

-Tôi biết ông không bao giờ nói dối. Tôi lấy làm ngạc nhiên là vì sao ông mất thời giờ quá lâu để trả lời "có" hoặc "không" thôi.

-Con chỉ trả lời được khi con hiểu rõ câu hỏi của cha, và con hiểu rõ cha sẽ buồn khi nghe những câu đầu tiên của con. Chắc cha không vui, nếu con thưa rằng con đã gặp…

-Tiểu thư De La Vallière phải không?

-Con biết rõ là cha chỉ muốn ám chỉ tới nàng, thưa Bá tước, – Raoul nói bằng giọng êm dịu không thể tả nổi.

-Còn tôi thì tôi muốn hỏi rằng ông đã gặp cô ta chưa?

-Thưa ngài, con hoàn toàn không hay biết khi tới lâu đài sẽ gặp tiểu thư De La Vallière, chỉ lúc quay về, khi hoàn thành nhiệm vụ tốt, một sự tình cờ đã khiến con hội ngộ với nàng. Con mong được bày tỏ cùng nàng lòng kính trọng của mình.

-Sự tình cờ nào đã xui khiến con gặp tiểu thư De La Vallière?

-Thưa tiểu thư De Montalais (De Mông-ta-le).

-Cô ta là ai?

-Một nhân vật trẻ tuổi mà con không hề quen biết, chưa hề gặp mặt lần nào. Cô ta là thị nữ của Đức bà.

-Ông Tử tước, tôi lấy làm ân hận không muốn để cuộc đối đáp này kéo dài quá lâu và đi xa hơn nữa. Tôi đã yêu cầu ông lánh mặt tiểu thư De La Vallière và chỉ nên gặp cô ta khi được phép của tôi thôi. Ô, tôi biết là ông không nói dối, là ông không hề có ý đồ tìm cách gần gũi cô ta. Sự tình cờ này đã làm tôi rất phật ý, nhưng tôi không trách ông. Thành thử tôi chỉ xin ông nhớ tới những gì tôi đã nói về cô ta. Tôi không trách gì cô ta, có thượng đế làm chứng. Tuy nhiên tôi không

hề muốn ông lân la đến nhà cô ta. Một lần nữa, tôi yêu cầu ông nghe kỹ điều này, Raoul thân mến ạ.

Đôi mắt trong trẻo tinh anh của Raoul như mờ đi vì những lời này. Bá tước nói tiếp với nụ cười hiền dịu và giọng nói bình thường.

-Thôi bây giờ ta hãy nói chuyện khác, có lẽ ông quay về nhiệm sở chớ?

-Thưa ngài không, hôm nay chỉ còn có việc ở lại bên ngài. Rất may là Hoàng thân không giao phó cho con nhiệm vụ nào khác ngoài nhiệm vụ này, rất phù hợp với nguyện vọng của con.

-Hoàng thượng có được an khang không?

-Thưa cha, tuyệt vời.

-Và cả Hoàng thân nữa chứ?

-Như bình thường, thưa ngài.

Bá tước theo một thói quen đã có từ lâu, quên bẵng tể tướng Mazarin.

-Này Raoul, vì bây giờ con chỉ là của cha, cha sẽ dành trọn ngày hôm nay cho con. Con hãy hôn cha đi nữa, nữa. Đây là nhà của con, Tử tước ạ. À, Grimaud thân mến? Lại đây, Grimaud, ông Tử tước cũng muốn hôn nhân nhà ngươi nữa đấy!

Ông lão cao lớn không để nhắc nhở, lão chạy lại, hai tay dang rộng. Raoul dỡ hộ lão một đoạn đường.

Bây giờ con có muốn chúng ta cùng ra vườn không? Cha sẽ chỉ gian phòng mới mà cha cho xây để dành lúc con về phép và vừa xem các cây trồng mùa đông vừa qua cũng như đôi ngựa cha mới đánh đổi xong, con sẽ vừa cho cha biết tin tức bạn bè chúng ta tại Paris.

Bá tước đóng tập bản thảo lại, khoác tay Raoul cùng đi ra vườn Grimaud buồn rầu ngắm nhìn Raoul bước đi, và khi đầu chàng suýt đụng khung cửa, lão vừa vuốt ve chòm râu bạc vừa buột miệng: “Chóng lớn quá!”.

§3. Người lạ mặt

Trong khi bá tước De La Fère dẫn Raoul đi thăm dãy nhà mới xây, những con ngựa mới sắm, xin độc giả hãy cùng chúng tôi trở lại thành Blois để chứng kiến những biến đổi bất thường đang làm náo động thành phố này.

Chính các khách sạn là nơi đã chịu tác động nhiều nhất vì những tin tức Raoul mang lại.

Thật vậy Đức vua và triều thần đến Blois có nghĩa là hàng trăm kỵ sĩ, hàng chục cỗ xe và không biết bao nhiêu là kẻ hầu người hạ, cái tập thể đó sẽ tá túc nơi đâu? Còn các nhà quý tộc các vùng lân cận, họ sẽ đến đây trong vòng hai hoặc ba tiếng đồng hồ nữa, sẽ ăn ở ra sao?

Tin tức lan truyền nhanh như những gợn sóng toả ra khi một hòn gạch được ném vào giữa mặt nước ao tù phẳng lặng.

Như chúng ta đã thấy, thành Blois, vào buổi sáng còn êm ả như mặt hồ êm ả nhất, khi có tin tức loan truyền về sự có mặt của Hoàng gia bỗng trở nên ồn ào náo nhiệt.

Tất cả các lính hầu trong lâu đài, dưới sự giám sát của các sĩ quan, được huy động lên thành phố mua thực phẩm và hàng chục người đi ngựa về những kho tồn trữ lương thực tại Chamberd để kiếm thịt rừng, về khu ngư nghiệp Beuvron để kiếm cá, các khu vườn ở Chavemy để lấy hoa và trái cây.

Người ta lôi ra từ các hộc tủ những tấm thảm quý những bộ giá đèn mạ vàng. Một đạo quân nghèo khổ quét dọn các sân và lau chùi các mặt tiền xây bằng đá trong khi vợ con họ sục sạo trong các vùng tận bên kia sông Loire để dọn cỏ và hoa đồng nội. Cả đến thành phố cũng không chịu kém phần sạch sẽ và thế là chổi, bàn chải, các chậu đựng nước được huy động ráo riết. Dòng suối tại phố Trên là nơi hứng chịu những luồng nước dơ bẩn này nhiều nhất, đến nỗi khi chảy tới phố Dưới nó đã biến thành sông.

Sau cùng, âm nhạc cũng được chuẩn bị. Các hộc tủ hàng vơi dần: người ta mang về các tiệm buôn nào là sáp, mơ, ruy-băng để cột vào đốc kiếm: các bà nội trợ thì tích trữ thêm thịt, bánh mì và đồ gia vị. Ngay cả một số lớn các vị trưởng giả, mà nhà cửa đã tích trữ lương thực đầy đủ giống như để chống lại một cuộc bao vây lâu dài, nghĩa là chẳng còn phải bận tâm gì nữa, thế mà cũng khoác lên mình những bộ y phục đại lễ và tiến về phía cổng thành để được là người đầu tiên báo hiệu hoặc trông thấy phái đoàn Hoàng gia. Họ thừa biết rằng Đức vua chỉ tới kịp vào lúc đêm hay sáng hôm sau. Nhưng chờ đợi là gì nếu không phải là một trạng thái điên loạn và điên loạn phải chăng là do tràn trề hy vọng?

Tại phố Dưới cách lâu đài "Các đẳng cấp" chưa tới trăm bước, giữa lối đi dạo và lâu đài, trên con đường khá đẹp tục gọi là đường Già nua – mà có lẽ là già nua

thật, – có một toà nhà cổ kính, chóp nhọn, dáng thấp lùn nhưng rộng rãi. Tầng thứ nhất của ngôi nhà có ba cửa sổ trông ra đường, tầng thứ hai thì có hai cửa sổ và tầng thứ ba chỉ có một lỗ tò vò để quan sát.

Bên cạnh của khu vực tam giác này, người ta vừa xây xong một khu hình bình hành khá rộng và lấn cả ra đường theo tập quán rất quen thuộc của hội đồng thị xã lúc đó. Con đường bớt rộng đi một phần tư nhưng ngôi nhà rộng thêm ra một nửa, đó chẳng phải là một sự bù trừ thoả đáng là gì?

Theo truyền thống vào thời vua Henri III, ngôi nhà có chóp nhọn này do một vị cố vấn "Các đẳng cấp" trú ngụ và Nữ hoàng Catherine đã đến đây để thăm viếng – có người nói rằng để bóp cổ ông ta. Dù sao đi nữa thì bậc mệnh phụ tốt bụng này chắc cũng đã có lần kín đáo đặt gót ngọc lên thềm nhà.

Thế rồi sau khi vị cố vấn chết – chết vì bị bóp cổ hay chết một cách tự nhiên, điều đó không có gì quan hệ cả, – ngôi nhà này đã được bán đi, bị bỏ hoang phế, để rồi sau cùng được cách ly với các ngôi nhà khác trong phố. Vào giữa thời vua Luois XIII, một người Ý tên là Cropople (Crô-pôn-lơ) Sau khi bếp núc cho ngài thống chế d'Acre (Đăng-crơ), tới lập nghiệp tại ngôi nhà này. Ông ta lập nên một khách sạn nhỏ có món macaroni nổi tiếng đến nỗi các khách thập phương đổ xô đến để mua hay để thưởng thức.

Nhờ danh tiếng bảng hiệu Aux Médicis (Ô Mê-đi-xti) khách sạn ngày càng làm ăn phát đạt.

Cropole con rất ham lợi nhuận: tin vua Louis XIV đến khiến hắn mừng như hoá điên.

Hắn, vợ hắn và hai phụ bếp hạng bét đi thâu mua tất cả các "cư dân" trong những chuồng chim bồ câu, các sân nuôi gà vịt, các chuồng thỏ. Thành thử phía sau nhà bếp khách sạn bọn Médicis cũng tràn đầy những tiếng kêu rên.

Hiện tại Croppople chỉ có một người khách duy nhất.

Đó là một người đàn ông chưa tới 30 tuổi, đẹp trai cao lớn, khắc khổ, đúng hơn là hơi buồn rầu trong mỗi cử chỉ, ánh mắt.

Chàng mặc bộ đồ nhung đen với những đường viền đen nhánh, cổ áo trắng, giản dị như một tu sĩ khắc khổ nhất, làm lộ chiếc cổ tràn đầy nhựa sống, tái và thanh. Bộ ria vàng mảnh che lấp phần nào đôi môi mấp máy đầy vẻ kiêu ngạo.

Chàng nhìn thẳng vào mặt người đối thoại khi nói chuyện, có lẽ đúng là không đằm thắm, nhưng cũng không mặc cảm, khiến người ta khó có thể chịu đựng nổi ánh mắt xanh biếc của chàng.

Vào thời buổi mà nhân loại tuy cùng được Thượng đế tạo nên nhưng vì thành kiến lại phân chia thành hai đẳng cấp rõ rệt là quý tộc và thường dân, như họ đã phân biệt hai giống da đen và da trắng, con người mà chúng ta vừa mô tả đó phải được coi như một nhà quý tộc thuộc dòng dõi thanh cao nhất. Chỉ việc ngắm nhìn bàn tay thon dài và trắng của chàng mà, ứng với mỗi cử động, mỗi bắp thịt, mỗi

sợi gân đều hiện rõ dưới làn da, mỗi cái siết dù cho nhỏ bé đến đâu cũng làm các đốt ngón tay đỏ hồng.

Nhà quý tộc này đã đến chỗ Cropole có một mình. Chàng không chút do dự, có thể nói là không chút suy nghĩ khi chọn dãy phòng quan trọng nhất mà chủ nhân đã đề nghị với mình.

Có người bảo là Cropole có ý đồ tham lam đáng chê trách, cũng có người bảo hành động đó là đáng ca ngợi vì cho rằng Cropole đúng là có tài xét đoán con người qua cử chỉ, diện mạo. Dãy phòng này bao gồm toàn bộ phía trước của gian nhà cổ hình tam giác này: một phòng khách được chiếu sáng bằng hai cửa sổ ở tầng thứ nhất, một phòng nhỏ ở kế bên, một phòng nữa phía trên.

Từ khi đến khách sạn, nhà quý tộc không hề đụng tới bữa ăn mà người ta đã dọn riêng trong phòng. Ông ta chỉ dặn Cropole rằng sẽ có người khách tên là Parry tới tìm ông và nên để cho ông ta vào.

Sau đó ông ta lặng lẽ đến nỗi Cropole phải bất mãn vì gã là người khoái có bầu bạn.

Sau cùng, vào hôm bắt đầu câu chuyện này, nhà quý tộc thức dậy sớm, ra cửa sổ phòng khách, ngồi trên bệ gạch, tì tay vào thành ban công, buồn bã ngó đăm đăm hai bên hè phố để ngóng người khách mới mà ông ta đã loan báo với chủ nhà.

Nhờ vậy, ông đã chứng kiến cảnh đoàn kỵ sĩ của Đức ông đi săn về, sau đó lại mòn mỏi đợi chờ, tâm trí chìm đắm trong cái yên lặng sâu thẳm của thành phố.

Thế rồi, bất thần nổi lên những náo động gây ra bởi những người nghèo đi ra đồng, những người đưa tin qua lại, những người lau chùi hè phố, những người đem đồ ăn thức uống về lâu đài, những người bán hàng béo mập hung dữ lắm điều, những cỗ xe phóng đi, những người làm đến sở và những đám lính hầu đi dọn cỏ. Sự ồn ào náo nhiệt này làm ông ta ngạc nhiên nhưng không hề làm mất đi vẻ uy nghiêm bình thản và thanh cao chỉ thấy có trong ánh mắt lạnh lùng và khinh khi của con chim đại bàng hay sư tử sa cơ trước bọn thợ săn cùng những kẻ hiếu kỳ đứng hò reo giậm chân, giậm cẳng.

Rồi tiếng kêu la của những con vật bị cắt tiết ở sau bếp, tiếng chân hối hả của bà Cropole bước lên chiếc thanh gỗ rấp hẹp và cũng rất âm vang, tất cả những thứ này khiến người khách lạ bắt đầu ngạc nhiên và sốt ruột.

Khi ông ta đứng dậy để tìm hiểu thì cửa phòng bật mở.

Ông ngỡ người ta dẫn lại người khách rất được mong đợi. Ông hấp tấp bước nhanh về phía cửa.

Nhưng thay vì gương mặt mà ông vẫn trông đợi, gã Cropole lại hiện ra, và sau lưng lão, trong vùng tranh sáng tranh tối là gương mặt của bà Cropole khá duyên dáng nhưng bần tiện vì tò mò. Bà ta nhìn nhà quý tộc đẹp trai rồi biến đi.

Cropole, tay cầm chóp mũ nghiêng mình đến độ gần như cúi gập, vẻ mặt tươi tắn.

Người khách lạ ra hiệu muốn hỏi anh ta mà không thốt một lời nào.

-Thưa ngài, tôi xin không biết tôi phải kêu thế nào cho tiện: thưa quý nhân hay là thưa bá tước, hầu tước?

-Cứ gọi thưa ngài, và nhanh lên, – người khách lạ trả lời bằng thứ giọng đài các và không hề có ý định bàn cãi lôi thôi.

-Tôi định hỏi thăm ngài tối qua có ngủ ngon không và còn có ý định giữ lại phòng này không?

-Có

-Thưa ngài, chúng tôi không tiên liệu việc vừa xảy ra.

-Việc gì?

-Đức Hoàng thượng Louis XIV sẽ tới thành phố của chúng tôi và có thể nghỉ tại đây trong một hoặc hai ngày.

Vẻ sửng sốt hiện rõ trên nét mặt người khách lạ.

-Vua nước Pháp đến Blois à.

-Thưa, Hoàng thượng đang lên đường.

-Như vậy là tôi có thêm lý do để ở lại. – Người khách lạ trả lời.

-Rất tốt, thưa ngài, nhưng ngài vẫn giữ toàn bộ dãy phòng?

-Tôi không hiểu ông muốn nói gì. Tại sao bây giờ tôi lại cần ít hơn hôm qua?

-Bởi vì, thưa ngài, xin quý nhân cho phép tôi được nói, hôm qua khi ngài chọn chỗ ở, đáng lẽ tôi không nên đặt một cái giá nào đó khiến quý nhân nghĩ rằng tôi có thành kiến với khả năng của quý nhân còn bây giờ thì…

Người khách lạ đỏ mặt. Ông ta đột ngột nghĩ rằng người ta cho mình là nghèo khổ và bây giờ đến sỉ nhục mình. Ông ta lạnh lùng nói: -Còn bây giờ thì, bây giờ thì ông có thành kiến phải không?

-Thưa ngài, tôi là một người tao nhã, xin cám ơn Thượng đế! Tuy là chủ quán trọ nhưng trong người tôi có dòng máu quý tộc, cha tôi là sĩ quan hầu cận của cố Thống chế D'Ancre, xin Thượng đế che chở linh hồn ông ta!

-Thưa ông, tôi không dám phủ nhận điều này, nhưng xin ông cho tôi biết rõ ngay ý đồ của ông.

-Thưa ngài, ngài quá khiêm tốn nên không hiểu rằng thành phố của chúng tôi rất nhỏ bé, rằng cả triều đình sẽ tràn ngập nơi này, rằng các nhà cửa sẽ tràn ngập người thuê bao và do vậy các quán trọ sẽ có giá trị đáng kể.

Mặt người khách lạ càng đỏ thêm. Ông ta nói: -Ông hãy ra điều kiện đi.

-Tôi rất thận trọng, thưa ngài, bởi vì tôi tìm cách làm ăn lương thiện, tôi muốn kinh doanh thẳng thắn và không tỏ ý đồ thô bỉ. Mà dãy phòng ngài đang trú ngụ lại quá rộng rãi, và ngài thì chỉ có một mình.

-Mặc kệ tôi.

-Ồ, rất đúng, vì vậy tôi không muốn xua đuổi ngài.

Máu như dồn lên hai thái dương người khách lạ, ông ta quắc mắt nhìn anh chàng Cropole đáng thương, con cưng một sĩ quan của Thống chế D'Ancre, cái nhìn khiến anh ta có lẽ đã bị bắn lọt vào dưới tảng đá hoa lót lò sưởi nếu vấn đề lợi lộc không vít cứng anh ta tại chỗ.

-Ông muốn tôi ra đi phải không? – ông ta nói – Hãy giải thích đi, nhưng lẹ lên.

-Thưa ngài, thưa ngài, ngài không hiểu tôi. Điều tôi làm thật quá tế nhị, nhưng có lẽ tôi phát biểu dở quá hoặc có lẽ vì ngài là người ngoại quốc, như tôi đã nhận ra trong giọng nói của ngài.

Thật vậy người khách lạ nói tiếng Pháp hơi đớt theo cách phát âm của người Anh cho dù người Anh nói tiếng Pháp giỏi nhất cũng thế thôi.

Có lẽ vì ngài là người ngoại quốc nên ngài không hiểu thấu đáo tất cả những gì tôi đã nói. Tôi chỉ muốn nói ngài có thể từ bỏ một hoặc hai trong ba căn phòng mà ngài đã thuê, khiến tiền thuê có thể hạ đi nhiều và lương tâm tôi cũng bớt day dứt. Thật vậy, thật là khổ công khi phải tăng một cách không hợp lý giá phòng mà chúng tôi đã có hân hạnh định giá phải chăng rồi.

-Tiền thuê hôm qua là bao nhiêu?

-Thưa ngài một đồng louis, gồm cả thức ăn và tiền săn sóc ngựa.

-Được rồi. Thế còn bây giờ?

-À đây mới là nỗi khó khăn của tôi. Hôm nay là ngày Hoàng thượng tới, nếu triều đình đến vào lúc chập tối, vấn đề sẽ được đặt ra. Giá thuê hai louis mỗi phòng thì ba phòng vị chi là sáu louis Hai louis thì không đáng kể, nhưng tới sáu luois thì hơi nhiều.

Sắc mặt người khách lạ đang từ đỏ bỗng trở nên tái xanh.

Ông ta lấy hết can đảm rút từ túi ra một ví tiền có thêu huy hiệu mà ông ta giấu kín trong lòng bàn tay. Ví tiền lép kẹp, nhão nhẹt, trống trơn này không thoát khỏi đôi mắt soi mói của Cropole.

Người khách lạ dốc hết túi ra tay. Tất cả là ba louis – kép nghĩa là có giá trị bằng sáu louis.

Tuy nhiên, Cropole đòi tới bảy.

Gã nhìn người khách lạ như để hỏi: sao nữa?

-Thiếu một louis phải không, chủ quán?

-Thưa vâng, nhưng…

Người lạ mặt lục lọi trong túi quần nịt và kéo hết ra: một cái bóp nhỏ, một chìa khoá bằng vàng và vài đồng bạc trắng.

Chỗ tiền đó tổng cộng bằng một louis. Cropole nói: -Cám ơn ngài. Bây giờ thì tôi còn muốn biết ngài còn muốn ở dãy nhà cho tới mai nữa không? Để tôi giữ

lại cho ngài; còn ngược lại, nếu ngài không muốn nữa tôi sẽ cho những người đi theo Hoàng thượng thuê.

Người khách lạ trả lời sau một hồi suy nghĩ.

-Ông nói phải. Tôi thì đã hết tiền như ông đã thấy, nhưng lại muốn tiếp tục giữ dãy phòng này, thành thử tôi yêu cầu ông bán dùm tôi viên kim cương này trong thành phố hoặc cầm thế cho tôi vậy.

Cropole ngắm nghía viên kim cương khá lâu khiến người khách lạ phải vội nói: -Tôi muốn ông bán nó vì nó đáng giá ba trăm pistoles (Tiền vàng xưa của nước Pháp, giá bằng nửa đồng louis). Một tên Do Thái, thành Blois có người Do Thái nào không? Hắn sẽ trả cho ông từ hai trăm, đến hai trăm năm mươi nữa là khác, giữ lấy hết đi, coi như là tiền phòng thôi cũng được. Đi đi!

-Ồ! thưa ngài, – Cropole kêu lên, xấu hổ vì sự thấp kém đột ngột của mình trước hành động vừa quý phái vừa vô vị lợi, cũng như trước sự nhẫn nại bền bỉ để đối phó với biết bao sự nghi ngờ kỳ kèo của mình.

-Ồ! Thưa ngài, tôi nghĩ rằng ở Blois người ta sẽ không ăn cắp như ngài tưởng và viên kim cương sẽ được định giá đúng như ngài nói.

Người lạ mặt lại quắc ánh mắt xanh biết nhìn Cropole. Gã kêu lên: -Thưa ngài, tôi không biết thật mà!

Người lạ nói: -Nhưng những người buôn bán kim hoàn thì biết đấy, hỏi họ đi. Bây giờ thì hết nợ với ông rồi phải không, ông chủ quán?

-Thưa ngài đúng, tôi xin lỗi, vì tôi ngại rằng đã xúc phạm tới ngài!

-Chẳng sao cả, – người khách lạ trả lời với vẻ uy nghiêm của người có quyền chức tối cao.

-Hoặc có vẻ như làm thịt một vị khách quý phái. Thưa, đó chỉ là vì tình thế bắt buộc thôi.

-Thôi, bỏ qua vấn đề ấy đi và hãy để tôi yên.

Cropole kính cẩn cúi chào và di ra với dáng vẻ lạc lõng của một người có trái tim tuyệt vời và đang thành thật hối hận.

Người khách lạ tự đóng lấy cửa. Khi chỉ còn một mình, ông nhìn tận đáy túi đựng tiền của mình, nơi ông đã lấy ra bọc lụa chứa viên hột xoàn, gia tài duy nhất còn lại.

Ông ta cũng lọc túi quần, ngắm mớ giấy tờ trong bóp để nhận ra sự trơ trụi tàn mạt của mình.

Thế là ông ngước mắt nhìn lên trời với thái độ trầm tĩnh và tuyệt vọng sâu xa, rồi đưa bàn tay run rẩy lên quyệt những giọt mồ hôi lấm tấm trên trán và cúi nhìn xuống đất bằng ánh mắt mà ngày xưa đã chan chứa vẻ uy nghiêm vòi vọi.

Ông ta đến bên cửa sổ, ngồi lại chỗ cũ trên gác thượng và yên lặng cho tới khi trời bắt đầu tối, khi những bó đuốc đầu tiên đi qua đường phố thơm tho để chuẩn bị thắp sáng tất cả các cửa sổ trong thành phố.

Trong khi người khách lạ chăm chú ngắm những ánh đuốc và lắng nghe mọi tiếng động trên hè phố, thì người chủ quán và hai tên hầu phòng bước vào dọn bàn ăn. Người lạ không mảy may chú ý đến họ. Cropole phải lại gần người khách, kính cẩn nói nhỏ vào tai ông ta: -Thưa ngài, viên kim cương đã được định giá xong.

-Thế à! Bao nhiêu? – Người khách lạ hỏi.

-Bẩm ngài, người thợ kim hoàn của Đức ông đòi trả hai trăm tám mươi pistoles.

-Ông lấy tiền chưa?

-Tôi nghĩ là phải nên lấy, thưa ngài; tuy nhiên tôi cũng ra điều kiện là viên kim cương sẽ được trao lại ngài khi nào ngài có tiền chuộc nó.

-Đâu có, tôi đã bảo ông bán đi mà.

-Và tôi đã chấp thuận hoặc gần như vậy, vì tuy không bán hẳn đi, tôi cũng đã nhận tiền rồi.

-Ông lấy tiền phòng đi, người lạ tiếp.

-Thưa ngài, tôi sẽ giữ lại vì đó là điều ngài bắt buộc.

Một nụ cười buồn thoáng hiện trên môi nhà quý tộc. Ông vừa quay mặt đi vừa nói, tay chỉ cái tủ: -Nhờ ông để giùm số tiền còn lại lên trên đó.

Cropole đặt xuống một cái túi khá lớn mà trong đó ông ta đã trích ra một ít tiền thuê phòng rồi. Ông ta nói: -Bây giờ thì xin ngài đừng làm chúng tôi buồn khi từ chối bữa ăn này. Bữa trưa đã không được đụng tới rồi, thật là một điều sỉ nhục đối với nhà hàng dòng Médices này. Đó, ngài thấy không, cơm đã dọn sẵn và xin mạn phép nói rằng nó không dở lắm đâu.

Người khách lạ hỏi lấy một ly rượu, miếng bánh mì và đứng ăn uống, vẫn không rời cửa sổ.

Chẳng mấy chốc, người ta nghe thấy tiếng quân nhạc và kèn thổi, những tiếng la cất lên từ đằng xa, những tiếng ồn ào tràn ngập khu phố dưới, và tiếng động rõ ràng đầu tiên đập vào tai người khách lạ là tiếng vó ngựa đang tiến lại gần. Một đám đông ồn ào và hối hả nhắc đi nhắc lại: -Đức vua! Đức vua!

"Đức vua!", Cropole cũng nhắc lại và rời bỏ vị khách quý cũng như những ý tưởng tế nhị để thoả mãn tính hiếu kỳ của mình.

Rồi Cropole, bà Cropole, những người phụ bếp, những người hầu va chạm chen vai thúc cánh nhau trên thang gác chật hẹp.

Đám rước đi chầm chậm, tiến lên dưới ngàn ánh đuốc chiếu từ hai bên đường và từ trên các cửa sổ.

Theo sau toán ngự lâm pháo thủ và đoàn quý tộc rất đông là chiếc xe của Đức Hồng y giáo chủ Mazarin có bốn con ngựa ô kéo.

Những gia nhân của Đức Hồng y giáo chủ đi phía sau.

Rồi đến cỗ xe của Thái hậu, các nàng hầu bám bên khung cửa, các tuỳ tùng của bà phi ngựa phò hai bên.

Sau đó là Đức vua, ngài ngồi lên lưng con tuấn mã bờm dài dòng saxe; khuôn mặt quý phái, thanh nhã của ngài sáng rõ bên những bó đuốc của đám lính hầu khi ngài giơ tay đáp lại tiếng hoan hô nồng nhiệt phát ra lừ một vài cửa sổ.

Bên Đức vua, nhưng hơi tụt về phía sau một chút là Hoàng thân De Condé. Ông Dangeau (Đăng-giô) và hai mươi triều thần cùng với các lính hầu và hành lý. Họ kếl thúc cuộc diễu hành đầy long trọng theo nghi thức quân sự.

Chỉ một vài triều thần luống tuổi là mặc y phục đi đường; hầu như tất cả đều mặc quân phục. Người ta thấy nhiều người mang cổ cao và miếng da trâu y như thời Henri IV và Louis XIII.

Người khách lạ nghiêng mình ra phía trước bao lơn để trông cho rõ. Ông chống tay lên cằm để che bớt khuôn mặt mình và cảm thấy con tim đau nhói khi nhà vua đi ngang qua.

Tiếng kèn đồng làm ông ta như mê mẩn, những tiếng hoan hô làm tai ông ta như ù đi, và trong chốc lát ông không nghĩ được gì cả giữa những luồng ánh sáng chói chang, giữa những tiếng ồn ào và những hình ảnh rực rỡ. “Hắn là vua đấy?”, ông ta lẩm bẩm thứ giọng tuyệt vọng và đầy nỗi lo âu.

Rồi trước khi ông ta kịp quay về với thực tại thì mọi hoạt động, mọi tiếng ồn, tất cả những vẻ hào nhoáng đều đã tan biến đi.

Phía góc phố, dưới chân người khách lạ, chỉ còn lại vài tiếng hô lạc lõng, khản đặc: “Hoàng thượng vạn tuế”.

Cũng còn lại sáu bó đuốc mà các cư dân ở quán trọ Médices đang cầm: hai bó của vợ chồng Cropole và mỗi người phụ bếp một bó.

Cropole không ngừng nhắc đi nhắc lại: -Trông Đức vua thật là đàng hoàng, ngài thật giống người cha trứ danh đã quá cố!

-Và gương mặt ngài đầy kiêu hãnh? Bà Cropole thêm vào và bắt đầu lân la con cà con kê với các ông các bà lối xóm.

Cropole tiếp tục đưa ra những nhận xét riêng của mình mà không để ý tới một ông già đi bộ, dắt theo một con ngựa Ireland, đang cố gắng len lỏi trong đám đông nam phụ lão ấu tụ tập trước thềm quán Médicis.

Nhưng đúng lúc ấy, giọng nói của người khách lạ từ cửa sổ vọng xuống.

-Xin ông chủ quán tránh để cho người ta vào nhà!

Cropole quay lại, thấy ông già và né một bên. Cánh cửa sổ khép lại Người đến bước vào mà không nói một câu nào.

Người khách lạ đón ông già tại bậc thềm, giang tay ôm lấy ông và dẫn ông tới ghế ngồi. Nhưng ông già co mình lại, nói: -Ồ, không, không được, thưa ngài. Ai lại ngồi trước mặt ngài bao giờ.

Nhà quý tộc kêu lên: -Parry ơi, tôi van ông, ông từ nước Anh tới xa xôi quá! Hãy nghỉ mệt một chút đi.

-Tôi cần phải phúc đáp ngài gấp, kính thưa ngài.

-Parry tôi xin ông, đừng nói gì bây giờ cả. Vì nếu tin có vui thì ông đã chẳng mở đầu như thế. Ông nói vòng vo, thì chỉ có tin buồn thôi.

-Bẩm ngài, xin ngài đừng vội bi quan như vậy. Tôi hy vọng tình thế không hoàn toàn tuyệt vọng đâu, cần phải có nghị lực, kiên trì, nhất là lòng nhẫn nại.

-Parry ơi, – người trẻ tuổi trả lời, – ta đã tới đây một mình, trải qua trăm nghìn cạm bẫy và hiểm nguy: ngươi có tin nghị lực của ta không? Ta đã chuẩn bị chuyến đi này từ mười năm nay, mặc những lời cản ngăn và những chướng ngại: ngươi có tin ở lòng kiên nhẫn của ta không? Ta đã bán đi hồi chiều viên hột xoàn cuối cùng của cha ta, vì ta chẳng còn gì để trả tiền thuê phòng cả và chủ nhà đã định đuổi ta đi.

Parry phác một cử chỉ phẫn uất mà người trẻ tuổi đáp lại bằng một cái siết tay và nụ cười.

-Ta hãy còn hai trăm bảy mươi tư đồng vàng pistole, và ta đang giàu đấy, ta không bi quan đâu Parry, ngươi có tin ở lòng nhẫn lại của ta không?

Ông già đưa đôi bàn tay run rẩy lên trời. Người khách lạ nói: -Thôi đừng giấu ta chi hết, chuyện gì thế?

-Tôi xin rất ngắn gọn, nhưng lạy Chúa, xin ngài đừng run như vậy nữa!

-Tại ta nóng lòng quá đấy thôi. Parry à. Nào, xem Đại tướng đã nói gì với ông?

-Đầu tiên, Đại tướng không chịu tiếp tôi.

-Ông ta tưởng ông là gián điệp đấy.

-Thưa ngài đúng như vậy, nhưng tôi đã viết cho ông ta một bức thư.

-Thế rồi sao?

-Ông ta đã nhận được và đã đọc, thưa ngài.

-Bức thư này có nói rõ thế đứng và ước muốn của ta không?

-Thưa có chứ, – Parry buồn rầu trả lời.- Nó diễn tả hết sức trung thực ý tưởng của ngài.

-Thế rồi sao, Parry?

-Thế rồi Đại tướng sai người tuỳ tùng trả lại bức thư cho tôi và dặn rằng nếu hôm sau mà tôi còn lẩn quẩn tại vùng thuộc quyền ông ta, ông ta sẽ cho bắt tôi.

-Bắt à? – Người trẻ tuổi lẩm bẩm, – bắt ngươi, người hầu cận trung thành nhất của ta!

-Thưa ngài vâng.

-Mà ông đã ký đúng tên Parry chứ?

-Thưa rõ từng chữ một; và người sĩ quan tuỳ tùng đã từng biết tôi trước ở Saint- James (Xanh Giêm), – ông già vừa thở dài vừa thêm, từng ở Whitehall?

Người trẻ tuổi khẽ nghiêng mình, vẻ tư lự, ủ dột.

Đó là điều mà ông ta phải làm khi có mặt người của ông ta tại đó.

Vừa nói chàng vừa cố đổi thế ngồi: -Nhưng còn riêng tư, lúc chỉ còn ông với ông ta, ông ta làm gì? Trả lời đi!

-Than ôi, thưa ngài, ông ta đã phái bốn kỵ sĩ đem lại cho tôi con ngựa mà ngài đã thấy. Các kỵ sĩ này đã hối hả dẫn tôi tới một cảng nhỏ ở Tenby (Ten-bi), ném tôi hơn là đưa tôi xuống chiếc tàu đánh cá đi Bretagne (Brơ-ta-nhơ) và bây giờ thì tôi ở đây, trước mặt ngài.

Người trẻ tuổi "ồ" lên một tiếng rồi vừa thở dài vừa dùng đôi bàn tay co giật nắm lấy chiếc cổ để vọng lên một tiếng nấc.

-Hết rồi à, hết thật rồi à. Parry?

-Vâng thưa ngài, hết thật rồi!

Sau câu trả lời ngắn ngủi của Parry là một khoảng thời gian im lặng thật dài; người ta chỉ còn nghe tiếng giày của người trẻ tuổi giận dữ nện dọc ngang trên sàn gác.

Ông già muốn đổi sang chuyện khác vì câu chuyện cũ đã dẫn tới những ý tưởng qua đen tối.

-Thưa ngài, vừa rồi sao lại ồn ào náo nhiệt thế? Những người la hét "Hoàng thượng vạn tuế", là ai vậy? Đức vua nào vậy, và vì sao lại có đèn đuốc sáng trưng như thế này?

-Ồ! Parry, bộ ông không hay sao, – Người trẻ tuổi chua chát trả lời.- Đó là vua nước Pháp đi thăm viếng thành Blois đẹp đẽ của ông ta. Tất cả những kèn đồng đó là để dành cho ông ta, tất cả những áo choàng lóng lánh là của ông ta, tất cả những nhà quý tộc, tất cả những thanh gươm sáng loáng đó là của ông ta hết. Mẹ ông ta đi trước trên một cỗ xe tuyệt vời cẩn vàng bạc!

-Thật là một người mẹ sung sướng! Vị tể tướng thu về cho ông ta hàng triệu bạc và dẫn ông ta kết hôn với một người thật giàu.

-Thế là cả dân tộc này đều sung sướng, họ yêu mến Đức vua của họ, vuốt ve ngài bằng những tiếng vạn tuế và họ kêu lên "Hoàng thượng vạn tuế, Hoàng thượng vạn tuế".

-Dạ, dạ, đúng vậy, thưa ngài – Parry nói, trong lòng lo lắng vì những đột biến của đề tài mới này hơn là vì câu chuyện cũ.

Người trẻ tuổi tiếp lời.

-Ông có biết không, trong khi mẹ ruột ta, chị ta không còn tiền, không còn cơm ăn thì tất cả vinh dự đều dồn cả vào vua Louis XIV; ông ấy có biết ta sẽ trở thành kẻ nghèo khổ và sẽ bị đuổi ra khỏi nơi đây trong vòng mười lăm ngày khi cả châu Âu hay được những điều nhà ngươi vừa tiết lộ! Parry có trường hợp nào mà một người ở địa vị như ta.

-Ôi, tôi van ngài!

-Ông có lý, Parry, tôi quả là một thằng hèn, và nếu chính ta chẳng chịu lo gì cho mình cả thì Chúa làm được gì? Không không, Parry ôi, ta có đôi tay, ta có thanh gươm.

Và ông ta vỗ mạnh vào cánh tay của mình rồi đến tháo thanh gươm treo trên tường.

-Ngài định làm gì, thưa ngài?

-Ta sẽ làm gì à, Parry? Đó là điều mà cả gia đình ta đã làm. Mẹ ta là ăn mày, chị ta ăn xin hộ mẹ ta, ta cũng có đâu đó vài người anh em đang ăn xin, ta là anh cả, ta cũng sẽ làm như tất cả bọn họ, ta sẽ đi ăn xin!.

Giọng nói tới đây bị đứt quãng bởi tiếng cười dữ dội và nóng nảy, người trẻ tuổi thắt thanh gươm ngang mình, nhặt chiếc nón trên nóc tủ, khoác tấm áo choàng rộng màu đen mà ông ta đã đem theo trong suốt cuộc hành trình, rồi nắm chặt tay ông già đang lo lắng nhìn mình.

-Parry yêu quý của ta ơi, hãy đốt lửa lên, ăn uống rồi nghỉ ngơi đi, hãy sung sướng lên đi chúng ta hãy sung sướng lên, hỡi người bạn trung thành của ta ơi, người bạn duy nhất của ta, chúng ta giàu lắm như vua chúa vậy đó.

Ông ta đấm mạnh vào túi tiền khiến nó rớt mạnh xuống đất và cất lên tiếng cười thê thảm làm Parry vô cùng hoảng sợ.

Thế là trong lúc cả quán đang gọi nhau ơi ới, ca hát và chuẩn bị tiếp rước các khách trọ có người hầu tới trước thì người trẻ tuổi lặng lẽ, qua ngả phòng lớn, bước ra đường, trong khi ông già bước ra cửa sổ ngó xuống nhìn bóng chủ mất hút trong một phút sau đó.

§4. Nơi người lạ lộ danh tính

Qua câu chuyện ta biết rằng Louis XIV vào thành phố Blois đã dấy lên một cảnh tượng ồn ào, nổi bật khiến nhà vua trẻ thật thoả mãn.

Khi qua cổng lâu đài "Các đẳng cấp", nhà vua thấy ông Hoàng Quận công Gaston d'Orléans giữa đám vệ binh và các nhà quý tộc thuộc hạ. Nét mặt Đức vua vốn ngày thường cũng đã khá trang nghiêm, quan trọng nay lại toát thêm một dáng vẻ sáng rực và nghiêm chỉnh mới mẻ.

Đức bà vận lễ phục uy nghi đứng trên một bao lơn lui vào trong để đón chào người cháu mình. Mọi cửa sổ của toà lâu đài xưa cũ lúc thường vắng vẻ và đìu hiu nay sáng rực dưới ánh đuốc với các bà ăn mặc lộng lẫy.

Tiếng trống, tiếng kèn, tiếng hoan hô nổi lên khi nhà vua trẻ bước qua ngưỡng cửa toà lâu đài bảy mươi hai năm về trước Henri III phải vận dụng đến cả phản bội, mưu sát để giữ được chiếc vương miện trên đầu mình và cho gia đình mình – chiếc vương miện đã có lần trượt sang một gia đình khác.

Mọi con mắt sau khi ngắm nhìn nhà vua trẻ của nước Pháp, trông thật là đẹp trai, duyên dáng, sang trọng, lại quay sang phía ông vua Pháp thứ hai, thật khác với ông vua đầu, thật già nua, xanh xao, còm cõi mà người ta vẫn gọi là Hồng y Mazarin.

Đương thời, Louis XIV có đầy đủ những tính cách trời cho của một người quý phái hoàn toàn: mắt sáng và hiện một màu xanh biếc. Những nhà tướng số giỏi giang nhất, khó đi sâu vào tâm hồn người nhất,nhưng khi nhìn được vào mắt nhà vua cũng không thể dò được đến tận đáy của cái nhìn dịu dàng sâu thẳm ấy. Đó chỉ vì đôi mắt nhà vua giống như màu xanh của trời cao thăm thẳm, hay hơn nữa như là màu xanh ghê rợn, thu hút của biển Địa Trung Hải phía dưới lườn các chiếc tàu lướt sóng trong một ngày mùa hạ đẹp, trải ra như một tấm gương vĩ đại kht thì lấp lánh ánh sao, khi thì dập dồn giông bão.

Nhà vua thấp người, chỉ vừa chừng năm bộ hai tấc nhưng sự tươi trẻ đã xoá bớt khuyết điểm ấy nhờ cung cách khéo léo toát lên một vẻ quý phái sang cả khi ngài đi đứng, nói năng.

Đúng vậy, lúc bấy giờ ngài đã xứng đáng là ông vua rồi, có lẽ còn vượt trên cả ý tưởng về vua trong thời đại của kính trọng, tôn sùng theo truyền thống này nữa, nhưng chỉ vì từ lâu người ta ít để cho dân chúng chiêm ngưỡng ngài, còn với những người được thấy thì lại thấy ngài bên cạnh người mẹ cao lớn, cạnh Đức hồng y oai nghi nên trông như ngài ít đáng bậc vua và thường nói "Đức vua không cao bằng Đức hồng y".

Dù ở Kinh đô người ta có bàn tán ít nhiều về thân xác của nhà vua như thế, dân chúng thành phố Blois cũng đón vua như một vị thần và được Đức ông, Đức

bà – cô chú vua, chủ nhân toà lâu đài đón rước ngài gần đúng bậc vua chúa.

Dù sao phải nói rằng, khi nhìn thấy trong phòng khách có những chiếc ghế bằng nhau dành cho ngài, cho Thái hậu, cho Đức hồng y, cho cô chú ngài, kín đáo khéo léo xếp bao nửa vòng tròn của chỗ hội, Louis XIV thấy tức giận đỏ mặt và nhìn quanh dò xét dáng mặt của những người tham dự xem sự xếp đặt có vẻ hạ nhục ấy có phải là cố ý không, nhưng rốt lại Đức hồng y, Thái hậu và những người khác không ai tỏ thái độ gì hết, nên ngài phải nén giận ngồi xuống và cố ý ngồi trước cả mọi người.

Các nhà quý tộc và phu nhân được lần lượt giới thiệu với nhà vua và Đức hồng y.

Nhà vua nhận ra rằng Thái hậu và ngài thật ít biết tên những người được giới thiệu trong khi trái lại Đức hồng y lại tỏ ra có trí nhớ và lanh trí lạ lùng để tiếp chuyện họ, nói về lãnh địa, ông bà và con cái họ, có khi kể ra cả tên một vài người, khiến những viên thuộc hạ đáng kính đó rất đỗi vui mừng và vững tin rằng chính vị này mới thật là vua của họ, người biết hết thần dân: mà cũng vì một lẽ khác, là mặt trời chỉ có một và đang soi sáng rờ rỡ, sưởi ấm cả thế gian.

Mọi người không ai nghi ngờ rằng nhà vua đang quan sát kỹ càng, đang tiếp tục xem thử trên những khuôn mặt ban đầu đối với ngài thật vô nghĩa, thật tầm thường bây giờ có gì thay đổi không.

Một bữa ăn nhẹ được dọn ra. Nhà vua đang nóng ruột đợi nó vì không dám đòi hỏi nơi Hoàng thúc. Cho nên, lần này, vinh dự tiếp đón dù không đúng với thứ bậc của ngài ít ra cũng thoả mãn được cái bụng thích ăn ngon của ngài.

Còn về phía Đức hồng y, ngài chỉ đưa đôi môi héo hắt lướt qua món cháo đựng trong cái chén vàng thôi. Vị đại thần có toàn quyền cực kỳ tuyệt đối này vốn từng lấy quyền nhiếp chính từ khi Thái hậu và hiện nắm vương quyền qua nhà vua, thế nhưng lại tỏ ra có cái bụng không tốt lắm.

Thái hậu, Anne d'Autriche cũng không ăn được nhiều như Hồng y vì đau ung thư, căn bệnh khiến bà phải chết vào sáu bảy năm sau.

Đức ông chẳng ăn được gì cả vì đang cuống cuồng lên với sự kiện vĩ đại này chưa từng có trong cuộc sống nơi tỉnh lẻ.

Chỉ có Đức bà đại diện dân Lorraine (Lo-ren) là ngồi đối đầu với nhà vua. Thế nên Louis XIV không người tranh chấp thành ra kẻ độc nhất phải ăn gần hết bữa tiệc, làm thoả dạ cho bà cô trước tiên và sau nữa là ông De Saint Remy, người quản gia rất độc đáo.

Bữa ăn xong, thấy Đức hồng y gật đầu đồng ý, nhà vua đứng dậy và theo lời mời của bà cô, ngài đi vòng quanh khắp những người đến hội hôm nay.

Các bà vẫn là những người có nhận xét tốt nhất, dù ở Paris hay ở Blois cũng vậy. Các bà nhận xét rằng Luois XIV hôm nay có cái nhìn bất thần, táo bạo, hứa hẹn giá trị của một người biết xét đoán sâu sắc. Còn các ông thì thấy rằng Nhà

vua có dáng kiêu hãnh, cao kỳ, thích ai nhìn vào mắt ngài lâu và thẳng, đều phải cúi xuống tránh, điều đó báo hiệu ở ngài dáng dấp của một vị chủ nhân.

Louis XIV thăm vừa khoảng một phần ba số người thì thoáng nghe một tiếng từ miệng Đức hồng y đang nói chuyện với Đức ông.

Tiếng đó là tên một người phụ nữ. Louis nghe lọt tên đó là không thèm nghe gì nữa cả và ngài chẳng kể đến phần vòng cung tiếp theo đang chờ đón, ngài cứ mong bước thẳng về phía đầu bên kia.

Đức ông lúc bấy giờ tỏ dáng lịch sự đang hỏi thăm Hồng y về sức khỏe các cháu gái của ngài. Năm sáu năm về trước ba cô cháu gái từ Ý đến thăm Hồng y. Đó là các tiểu thư Hortense (Oóc tăng-xơ), Olympe (ô-lim-pơ) và Marie De Mancini. Vậy thì, bây giờ Đức ông đang hỏi thăm sức khỏe của các cháu gái Hồng y, ngài nói rằng thật tiếc là đã không được tiếp các tiểu thư vào trường hợp này, bây giờ chắc các cô đã lớn đẹp và duyên dáng lắm rồi như vóc người các cô đã từng hứa hẹn ở lần gặp gỡ trước.

Điều làm nhà vua chú ý là quan điểm trái ngược giữa hai người đang tán chuyện. Giọng của Đức ông thì bình tĩnh như thường ngày khi nói như trên, còn giọng của ngài Mazarin thì vụt tăng lên một bực rưỡi so với thường ngày để trả lời lại.

Người ta cứ tưởng rằng ngài nói như thế cốt để cho người đang còn ở cuối phòng xa có thể nghe được.

-Thưa Đức ông, tiểu thư De Mancini còn phải được giáo huấn cho xong đã, còn phải làm bổn phận và phải học hỏi đúng với vị thế của mình. Cuộc sống ở một triều đình son trẻ và hào nhoáng sẽ làm mờ nhạt một ít những điều ấy đi.

Louis nghe mà cười buồn. Triều đình đúng là son trẻ, nhưng vị Hồng y keo kiệt đã thu xếp tất cả để không thể nào gọi là hào nhoáng được. Lúc đấy, Đức ông trả lời: -Chắc là ngài không có ý cấm cung các tiểu thư ấy hay là làm cho họ quê mùa đi chứ gì?

-Không đời nào. -Vị Hồng y tiếp lời mà nhấn mạnh cái ý của ngài khiến cho từ giọng êm như nhung bỗng trở nên gắt gỏng chối tai. Không đời nào, tôi vẫn có ý gả chồng cho nó và càng cao càng tốt.

Đức ông trả lời độ lượng theo kiểu lái buôn dụ khách hàng.

-Khách đông sàng không thiếu người chầu chực đâu?

-Tôi cũng mong như thế vì cháu nó vừa đẹp đẽ, vừa duyên dáng mà cũng vừa hiền thục nữa.

Trong khi họ nói chuyện, Louis XIV được Đức bà tháp tùng, đi dọc hàng người chào đón. Bà hoàng chỉ một người con gái 22 tuổi tóc hoe, to lớn có dáng như một thôn nữ đi dự hội làng.

-Đây là tiểu thư Amoux (Ac-nu), con gái bà thầy âm nhạc của tôi.

Nhà vua mỉm cười và Đức bà chẳng làm cho ngài mở lời nhiều hơn nên tiếp tục: -Tiểu thư Anne De Montalais, cô gái đức hạnh và làm việc nhà giỏi.

Lần này thì chẳng phải vua cười mà chính là cô gái được giới thiệu, vì đây là lần đầu tiên trong đời cô nghe Đức bà nói về một đức tính đáng kính như thế.

Cùng lúc ấy, Nhà vua thoáng giật mình vì nghe lọt một tiếng.

-Tiểu thư thứ ba tên là gì ạ? – Đức ông hỏi.

Hồng y trả lời: -Marie.

Chắc trong tiếng này có một sức mạnh thần bí nào đó vì như ta đã nói, Nhà vua giật nẩy mình và lôi Đức bà đến giữa vòng người như là để tâm sự, nhưng thật ra là để đến gần Hồng y hơn. Ngài cười nói nho nhỏ: -Cô ơi, thầy giáo địa lý không chịu dạy tôi rằng Blois xa Paris quá chừng.

-Gì thế, cháu – Bởi vì phải đi xa như thế vài năm mới đuổi kịp thời trang.

-Cô trông các tiểu thư kia kìa – mấy cô đẹp quá.

-Nói khe khẽ một chút cháu à. Họ nghe thấy thì điên lên mất.

Nhà vua mỉm cười nói: -Khoan đã, thưa cô. Câu thứ hai của tôi sẽ chữa cho câu thứ nhất. Thế này, có một vài tiểu thư hình như đã già và một vài cô xấu đi vì thời trang mười năm trước đây.

-Ồ, Hoàng thượng, Blois chỉ cách Paris có năm ngày đường thôi mà.

Nhà vua nói: -Như thế thì tính ra mỗi ngày trễ hai năm.

-Hoàng thượng thấy thật thế sao? Lạ thật, tôi không nhận ra?

Louis XIV tiến về phía Mazarin lấy cớ tìm điểm ngắm, và nói: -Cô trông những thứ trang sức xưa rích với cái đầu tóc kiểu cách kia, rồi nhìn cái áo dài trắng nọ. Chắc đó là của một thị nữ của Thái hậu, chắc như vậy, dù rằng tôi không nhận ra cô ta: Hãy xem cái dáng hình giản dị, cái cung cách duyên dáng đó! Một phụ nữ là như thế đó, còn các cô kia chỉ là áo quần mà thôi.

Đức bà cười trả lời: -Cháu thân mến của tôi ơi, lần này thì cái khoa tướng số của ngài sai bét rồi. Người mà Hoàng thượng chỉ không phải dân Paris mà là một cô gái ở Blois.

Louis ngờ vực: -Ô, thực sao, thưa cô?

-Louise lại đây!

Và cô gái bước tới, thẹn thùng, đỏ mặt, gần như cúi gập mình vì bắt gặp cái nhìn vương giả.

Đức bà long trọng nói: -Đây là tiểu thư Louis – Francoise De La Baume – Leblanc con gái của hầu tước De La Vallière.

Cô gái uyển chuyển cúi mình chào trong dáng điệu bối rối thẹn thùng cùng cực trước Nhà vua khiến cho ngài vì nhìn nàng mà mất một vài tiếng trong câu chuyện giữa Hồng y và Đức ông. Tiếng Đức bà tiếp tục: -Đây là dâu của ông De Saint Remy, quản gia của tôi, người chủ trì công việc sửa soạn cho món gà tây nhồi nấm mà Hoàng thượng hết sức khen đó.

Lời giới thiệu đó thật có tác dụng hơn bất cứ sự duyên dáng, đẹp đẽ, tươi trẻ nào. Nhà vua mỉm cười. Dù lời nói của Đức bà chỉ là một lời nói đùa hay khờ khạo thì nó là ngọn lửa tàn nhẫn đốt cháy hết tất cả những gì Louis vừa thấy là duyên dáng, thơ mộng nơi cô gái kia. Tiểu thư De La Vallière, qua ý tưởng của Đức bà, rồi chuyển qua Nhà vua, chỉ còn là dâu của một người có tài hơn người về việc nấu cơm gà tây nhồi nấm thôi.

May mắn là Louis cúi xuống quá thấp nên không nghe được lời của Đức bà và cũng không thấy được cả cái cười mỉm của Nhà vua. Cô bé khốn khổ kia vì có khiếu hay vì may mắn chỉ có mình là chọn màu trắng giữa các phụ nữ nơi đây, cô bé ngây thơ như chim câu dễ dàng xúc động đó, nếu cô nghe được những lời ác độc của Đức bà, nếu cô thấy được nụ cười lạnh nhạt ích kỷ của Nhà vua, hẳn là cô phải ngã xỉu đi ma chết mất thôi. Nhưng như chúng ta đã nói, Louis đang ù tai, quáng mắt không nghe, không thấy gì hết, trong khi Nhà vua vội vã quay về lắng nghe câu chuyện giữa Hồng y và Đức ông. Đúng vào lúc đó, Mazarin chấm dứt câu chuyện.

-Marie và các chị em nó lúc này đang đi Brouage. Tôi bảo chúng đi dọc sông Loire phía bờ đối diện với đường chúng tôi đã đi, cho nên nếu chúng theo lời tôi thì chỉ ngày mai là tới Blois rồi.

Những lời ấy đưa ra với một kiểu cách tế nhị, mực thước, một giọng đầy tự tin, cố ý và có tầm mức sâu xa khiến cho ngài Giulio Mazarin đúng là người kịch sĩ đứng bậc nhất trên thế giới. Những lời ấy thẳng vào trái tim của Louis XIV.

Hồng y chỉ cần quay lại khi nghe tiếng chân của Nhà vua bước tới là thấy ngay hiệu quả trên mặt của đồ vệ mình, nơi đôi mắt ngượng ngùng long lanh. Nhưng mà con cáo già trong hai mươi năm nay đã lừa mọi nhà ngoại giao châu Âu, bây giờ đang giương cái bẫy gì đó?

Hình như là từ khi nghe những lời sau cùng đó, ông vua trẻ đã bị ghim một gai độc. Ngài không đứng yên được và đưa mắt nhìn khắp mọi người trong phòng. Có đến hai mươi lần ngài dò hỏi nơi Thái hậu, nhưng vị quốc mẫu này đang vui chuyện với cô em dâu và cũng bị cái liếc của Mazarin hấp dẫn nên không thể nhận ra cái nhìn cầu khẩn của người con.

Tù đó thì âm nhạc, hoa, ánh sáng, các nàng, tất cả đều trở nên xấu xí, vô nghĩa đối với Louis XIV. Sau khi cắn môi cả hàng trăm lần, duỗi tay chân kiểu như một đứa bé có giáo dục không muốn ngáp trước mặt mọi người, nhưng là để bầy tỏ hết mọi sự chán nản cùng cực, ngài bèn đưa cặp mắt tuyệt vọng nhìn về phía cửa, nghĩa là phía của giải thoát.

Ngài bỗng thấy trên khung cửa nổi lên một khuôn mặt nâu sạm và chứng tỏ một dáng đẹp hùng dũng với chiếc cổ áo cao lấp loáng phản chiếu mọi ánh sáng rọi vào đó. Người sĩ quan này đội chiếc mũ màu tro có giắt bông đỏ chứng tỏ rằng ông tới đây là vì công việc chứ không phải vì vui chơi. Nếu là ham vui mà

tới, nếu ông là triều thần chứ không phải lính tráng, thì ông phải cầm mũ nơi tay theo lẽ thường là có hưởng thụ thì phải chịu luỵ một chút.

Điều khác chứng tỏ rằng ông đến vì công việc và đang thi hành phận sự quen thuộc, đó là ông khoanh tay, dáng điệu thản nhiên đến mức lạnh lùng đứng nhìn cuộc lễ hội có vui vẻ xen lẫn buồn chán này.

Người lính lâu năm nào thì cũng thành triết nhân và người này, có vẻ hiểu rất rõ những nỗi chán nản hơn là sự vui tươi, biết ngày vui bao giờ cũng chóng tàn và chỉ còn nỗi chán chường ở lại thôi.

Ông đứng đó, dựa vào khung cửa chạm trổ và tình cờ bắt gặp cái nhìn buồn bã, mệt mỏi của Nhà vua.

Có vẻ không phải đây là lần đầu người sĩ quan bắt gặp đôi mắt ấy để hiểu đầy đủ ý nghĩa những gì chúng biểu lộ, cho nên ngay sau khi lướt qua dáng hình của Louis XIV, thấy rõ tâm trạng của Nhà vua, ông hiểu là đến lúc phải phục vụ và mạnh dạn kêu to như khi đứng giữa một đoàn kỵ binh nơi chiến trường: -Ngự lâm quân đâu?

Tiếng kêu vang như sấm chuyển qua suốt cả ban nhạc, đoàn ca, cả những tiếng rì rầm, những người đang đi dạo qua lại khiến cho Thái hậu và Hồng y phải ngạc nhiên nhìn Nhà vua.

Louis XIV, xanh mặt nhưng quyết tâm vì thấy người sĩ quan ngự lâm đã đoán được ý mình và thay mình ra lệnh nên đứng dậy và bước ra cửa. Thái hậu hỏi: -Con đi đấy à?

Trong khi đó Hồng y chỉ đưa mắt nhìn dò hỏi, đôi mắt xuyên suốt nên không thể nào làm dáng dìu dàng được. Nhà vua trả lời: -Thưa mẹ, vâng. Con thấy mệt và cũng muốn ghi chép ít việc tối nay.

Trên môi của viên đại thần thoáng một nụ cười và hình như ông gật đầu chào vua. Đức ông và Đức bà vội vã gọi các nhân viên đến trình lời tiễn biệt.

Nhà vua chào xong, bước qua phòng và ra đến cửa.

Trước cửa có hàng rào hai mươi lính ngự lâm đợi chờ. Nơi đầu hàng quân là viên sĩ quan cứng cỏi nọ, tay cầm kiếm. Nhà vua đi qua, mọi người cố kiễng gót để được nhìn rõ mặt. Mười ngự lâm quân dẹp đám đông ở phòng ngoài và nơi các bậc thềm để nhường lối cho Nhà vua. Còn mười người khác thì tháp tùng Nhà vua và Đức ông đi tiễn.

Những người phục vụ sau rốt.

Đoàn hộ vệ nhỏ bé này theo Nhà vua đến tận căn phòng dành sẵn. Gaston nói: -Căn phòng thật không làm sao xứng đáng được với ngài, nhưng xin Hoàng thượng vui lòng cho.

Ông hoàng trẻ trả lời: -Xin chúc điều tốt lành cho chú khi đã tiếp đón tôi như thế này.

Gaston chào, được hôn từ giã, rồi bước đi.

Trong hai mươi người lính ngự lâm đi theo Nhà vua, mười người lại đưa đức ông trở về phòng tiếp tân vẫn còn dày đặc người tuy rằng Nhà vua không còn ở đấy nữa. Mười người còn lại được chia các vị trí canh gác và người sĩ quan cứ mỗi năm phút lại đi tuần tra các vọng gác với đôi mắt lạnh lùng thành thạo. Khi xếp đặt xong, ông đặt bản doanh nơi tiền phòng có sẵn một chiếc ghế dựa lớn, một cây đèn, có rượu, có nước và bánh mì khô. Ông vặn đèn cao lên, uống nửa ly rượu vang, ngồi trong chiếc ghế bành và cố sức dỗ giấc ngủ.

Người sĩ quan đang ngủ hay đang cố ngủ ấy trông có dáng không ưu tư, nhưng thật ra là mang một trọng trách lớn. Làm phó quan tổ chức ngự lâm quân, ông điều khiển cả đại đội ngự lâm mang từ Paris đến gồm một trăm hai mươi người. Hai mươi người đang theo nhà vua, còn trăm người khác là lo bảo vệ cho Thái hậu và Hồng y. Ngài Giulio Mazarin hà tiện bớt số tiền phải chi tiêu cho toán hộ vệ riêng của ngài bằng cách sử dụng các ngự lâm quân và sử dụng rộng rãi là khác, vì ngài dùng đến năm mươi người theo một mức độ đặc biệt quá lộ liễu, quá khiếm nhã đối với một người ngoại quốc được ân huệ của triều đình này.

Chuyện càng khiếm nhã thêm, nếu không nói là quá lạ lùng đối với người ngoại quốc này, là phía lâu đài dành riêng cho ngài Hồng y lại sáng choang, nhộn nhịp. Lính ngự lâm gác từng tốp trước các cửa và chặn lại không cho ai vào hết, trừ những người truyền tin lúc nào cũng đi theo Hồng y để chuyển lệnh, cả những khi nghe ngài đi dạo.

Hai mươi người làm việc phía Thái hậu, còn ba mươi người thì để ngày mai thay phiên các bạn mình.

Trái lại, phía lầu Nhà vua thì tối tăm lặng lẽ và cô tịch.

Cửa đóng lại rồi thì chẳng còn có dáng gì là của Hoàng đế cả.

Người hầu cận cứ từ từ rút đi hết. Ông hoàng Gaston có sai người đến hỏi xem Nhà vua có cần gì ông không, và sau tiếng không nhạt nhẽo của người sĩ quan ngự lâm vốn từng quen những câu hỏi đáp như thế rồi, tất cả căn lều đều ngập chìm vào trong giấc ngủ như ở nhà một bậc trưởng lão tốt bụng vậy.

Nhưng từ phần lầu vua ở này, có thể dễ dàng nghe được tiếng nhạc của lễ hội, và nhìn được các cửa sổ sáng choang đủ màu sắc của phòng hội. Mười phút sau khi về, Louis XIV có thể nhận thấy Hồng y ra về, vì ngài có cái lối ra đi náo nhiệt riêng biệt, mang theo một số rất lớn các nhà quý tộc, các bà tiễn đưa.

Với lại chuyện đó thì cũng chỉ cần nhìn qua cánh cửa sổ không khép là đã thấy hết.

Bậc tôn quý đi qua sân có Đức ông cầm đuốc dẫn rồi sau đó là Thái hậu có Đức bà thân mật cầm tay, cả hai thì thầm tâm sự trên suốt đoạn đường. Phía sau hai cặp này là các mệnh phụ, cận thần, quan chức kéo dài đoàn diễn, các cây đuốc bập bùng sáng rực như trong một đám cháy, thế rồi những bước chân, tiếng

nói cười tắt dần trong các tầng lầu trên cao, chẳng ai còn nghĩ đến ông vua chống khuỷu tay trên cửa sổ đang buồn bã ngồi nhìn cả làn sóng ấy trôi qua, nghe những tiếng ồn ấy xa dần. Chẳng ai cả, chỉ trừ người khách lạ trong quán trọ Médices mặc chiếc áo choàng đen vừa bước ra.

Nét mặt buồn bã, ông ta tiến thẳng đến toà lâu đài, đi rảo quanh cung điện vẫn còn người. Thấy không ai giữ cửa, giữ cổng, – chắc vì tên lính của Đức ông đang tán tỉnh làm quen với lính nhà vua, nghĩa là đang nhậu lén – mà chẳng lén gì cả, người lạ len lỏi qua đám đông, vượt khoảng sân, tiến đến tận bậc thềm đẫn lên lầu mà Hồng y đang ngủ.

Ông ta hướng về đấy có lẽ vì đèn đuốc sáng choang, vì các cận thần và quan chức tụ tập ồn ào. Nhưng một loạt tiếng các khẩu súng lắc cắc chuyền dài và tiếng người lính canh la lên khiến ông ta phải đứng sững lại.

-Đi đâu đấy ông bạn?

Người lạ bình tĩnh trả lời: -Tôi đến gặp Hoàng thượng.

Người lính báo với một sĩ quan của bậc quý nhân; người này nói với giọng của người tuỳ phái văn phòng Bộ đưa ra khi có ai đến cầu việc: -Qua thang lầu đối diện bên kia kìa.

Thế rồi, chẳng cần quan tâm đến khách lạ nữa, ông ta quay về tiếp tục câu chuyện đang bỏ dở.

Người khách lạ cũng chẳng buồn mở miệng, cứ bước theo lời chỉ dẫn. Phía này chẳng có ai cười nói, chẳng có đèn đuốc. Chỉ có cảnh tối mò, trong đó một người lính gác đi lại như chiếc bóng. Sự yên tĩnh tới mức người ta có thể nghe tiếng bước chân qua lại và tiếng miếng sắt thúc ngựa vang lên trên lớp gạch lát nhà.

Người lính gác này thuộc số hai mươi ngự lâm quân phục vụ vua đang lên phiên theo kiểu một bức tượng cứng nhắc và vô tình. Hắn hỏi: -Ai đấy?

-Bạn – Người lạ trả lời.

-Muốn gì?

-Nói chuyện với Hoàng thượng.

-Ồ, ồ, không thể được nữa rồi, ông khách thân mến ạ.

-Sao thế?

-Vì Hoàng thượng ngủ rồi.

-Ngủ rồi?

-Ừ

-Kệ, làm sao tôi cũng cần gặp.

-Nhưng tôi đã nói là không thể được mà.

-Nhưng…

-Thôi đi đi!

-Lệnh như thế à?

-Tôi chẳng phải cần báo cáo với anh. Đi đi!

Và lần này người lính gác tỏ cử chỉ đe doạ theo với lời nói, nhưng người lạ vẫn không nhúc nhích như thể là chân đã mọc rễ rồi. Ông ta nói: -Thưa ngài ngự lâm, có phải ngài thuộc hàng quý tộc không?

-Rất hân hạnh.

-Thế thì, tôi cũng vậy, và giữa những nhà quý tộc với nhau thì phải nể mặt nhau chút ít.

Người lính gác hạ súng xuống trước những lời thuyết phục đáng nể vì ấy. Anh ta nói: -Thưa ông, cứ nói đi, nếu sức tôi có thể làm được thì…

-Cám ơn. Có sĩ quan ở đây không?

-Thưa ông có.

-Thế thì cho tôi nói chuyện với ông ấy.

-Dễ thôi. Mời ông bước lên.

Người khách lạ trịnh trọng chào người lính gác và bước lên thềm trong khi tiếng kêu: "Phó quan có khách" chuyển từ người gác này qua người khác đi trước kẻ lạ và làm xáo động nhóm người của viên sĩ quan.

Ông ta kéo lê đôi bết, dụi mắt và gài vội cái áo choàng để tiến tới đón người lạ, hỏi: -Có việc gì cần đến tôi đây, thưa ông?

-Ông là sĩ quan trực, phó quan ngự lâm!

-Rất hân hạnh.

-Thưa ông, tôi rất cần được gặp Hoàng thượng.

Người phó quan nhìn kỹ kẻ lạ mặt và dù chỉ mới thoáng qua ông cũng vẫn thấy rõ điều ông muốn biết, đó là một dáng vẻ đặc biệt ẩn sâu bên trong bộ áo ngoài bình thường. Ông nói: -Không thể cho là ông điên khùng được, nhưng chắc là ông phải có lý do vào hầu chuyện Hoàng thượng mà chưa có sự đồng ý chứ?

-Thưa ông, rồi Hoàng thượng sẽ đồng ý.

-Thưa ông, chưa chắc. Hoàng thượng vừa mới trở về phòng một khắc trước đây và bây giờ chắc đang thay áo. Vả lại, lệnh đã ra rồi.

Người khách lạ ngẩng đầu lên trả lời: -Khi Hoàng thượng biết tôi là ai thì ngài sẽ rút lệnh ấy lại.

Viên sĩ quan càng lúc càng ngạc nhiên, càng lúc càng bị thuyết phục.

-Nếu tôi vào báo thì chắc tôi cũng phải được biết quý danh tính?

-Ông vào báo tôi là Hoàng đế Charles II, vua nước Anh, Scotland và Ireland.

Viên sĩ quan thốt lên một tiếng kêu kinh ngạc lùi lại và trên khuôn mặt nâu sạm hiện rõ những nét xúc động sâu sắc của những con người có nghị lực thường cố gắng che giấu tận trong tâm hồn.

-Ồ, vâng, thưa ngài; đáng lẽ tôi phải nhận ngay là ngài đấy ông đã thấy hình tôi rồi à?

-Thưa chưa.

-Hay là ông đã thấy tôi ở triều đình, trước khi người ta đuổi tôi qua Pháp?

-Thưa ngài, cũng không phải vậy.

-Thế thì làm sao ông biết được tôi?

-Thưa ngài, tôi đã gặp Hoàng đế cha ngài vào một thời điểm kinh khiếp. Ngày mà…

-Thưa vâng.

Một áng mây mờ thoáng qua. Trên trán ông hoàng, rồi ông ta khoát tay, nói: -Sao còn có gì trở ngại nữa không?

Người sĩ quan đáp: -Thưa ngài, xin lỗi, tôi không thể tưởng được một ông vua đưới hình dạng đơn sơ như thế này. Với lại, lúc nãy tôi đã nói là tôi có dịp trông thấy Hoàng đế Charles I… À mà xin lỗi, để tôi vào báo.

Rồi ông lại quay lui, hỏi: -Chắc Hoàng thượng muốn giữ kín buổi hội kiến này phải không ạ?

-Tôi không đòi hỏi, nhưng nếu có thể được thì.

-Được chứ ạ, vì tôi có thể vào thẳng nơi vua ở, không phải qua viên cận thần túc trực. Nhưng xin Hoàng thượng để tôi giữ thanh kiếm.

-Đúng vậy. Tôi quên là không ai được mang kiếm trong cung vua Pháp.

-Hoàng thượng là ngoại lệ, nhưng như vậy thì tôi phải chia bớt trách nhiệm cho viên nội thần.

-Kiếm tôi đây, thưa ông. Bây giờ thì ông vui lòng vào báo rồi chứ?

-Chỉ một lát thôi, thưa ngài.

Thế rồi viên sĩ quan chạy vào gõ cánh cửa và người hầu phòng ra mở. Ông hô lớn: -Hoàng đế nước Anh đến!

Người hầu phòng lập lại: -Hoàng đế nước Anh đến!

Nghe tiếng hô, một cận thần ra mở toang hai cánh cửa và người ta thấy Louis XIV, không mũ, không gươm, áo chưa kịp cài, hấp tấp bước tới, dáng điệu ngạc nhiên hết sức.

-Kìa, người anh em của tôi! Không ngờ người lại có mặt ở Blois này, – Louis XIV kêu lên, vừa khoát tay đuổi viên cận thần qua phòng bên cạnh.

Charles II trả lời: -Thưa ngài, tôi đi Paris hy vọng gặp Hoàng thượng, không ngờ tiếng đồn rằng ngài sắp tới đây, nên tôi nán ở lại vì có chuyện muốn thưa cùng ngài.

-Căn phòng này có vừa ý ngài không, hỡi người anh em của tôi!

-Thưa ngài, rất hợp, tôi chỉ sợ có ai nghe thấy.

Tôi đã đuổi người cận thần và người gác đêm qua phòng bên rồi. Sau bức vách này là một phòng trống có lớp tiền phòng, ngài đã thấy chỉ có một người sĩ quan thôi. Đúng không?

-Thưa ngài, vâng.

-Thế thì, người anh em hãy nói đi, tôi nghe đây.

-Thưa Hoàng thượng, tôi bắt đầu đây và mong ngài xót thương đến gia đình điêu linh của chúng tôi.

Nhà vua nước Pháp đỏ mặt và kéo chiếc ghế ngồi đến bên ông vua nước Anh. Charles II nói: -Thưa Hoàng thượng, tôi không rõ ngài có biết những chi tiết về cuộc đời khốn khổ của tôi không?

Louis XIV đỏ mặt hơn lần trước rồi nắm lấy tay vua Anh, nói: -Người anh em ạ, nói ra thì xấu hổ, nhưng quả thực Hồng y rất ít khi nói chuyện chính trị với tôi. Tệ hơn nữa là ngày xưa tôi có nhờ gã hầu phòng Laporte đọc cho nghe chuyện lịch sử, nhưng ông ta lấy Laporte của tôi đi, không cho đọc nữa, vì thế tôi phải xin phép người anh em kể lại hết cho tôi nghe cứ như nói với một người chẳng biết gì hết.

-Thế thì, thưa Hoàng thượng, phải kể lại từ đầu, chắc là tôi lại có may mắn gợi thêm lòng thông cảm của ngài.

-Nói đi, người anh em cứ nói đi.

-Thưa ngài, hẳn ngài biết rằng năm 1650, trong khi Cromwell cầm quân ở Irlande, tôi được mời về Edimbourg và lên ngồi ở Stone. Một năm sau, Cromwell tấn công vào chúng tôi sau khi bị thương ở một tỉnh thành đã chiếm. Mục đích của tôi là đối đầu với hắn ta và tôi cũng muốn đi khỏi xứ Scotland.

-Scotland hầu như là nơi chôn nhau cắt rốn của ngài vậy người anh em ạ.

-Vâng, nhưng dân Scotland đúng là những đồng bào hung tợn. Thưa ngài, họ bắt tôi từ bỏ tôn giáo của cha mẹ tôi, họ treo cổ Lord Montrose, người giúp việc trung thành nhất của tôi chỉ vì người này không phải là người cùng bọn. Người tử vì đạo đó, theo ân huệ được ban trước khi chết, đã mong rằng thân xác của ông được chia đều cho khắp các thành phố của Scotland để ai cũng thấy lòng trung thành của ông và do đó đi đâu tôi cũng gặp một mảnh xương thịt của con người đã hành động, chiến đấu từng hơi thở của chính tôi.

Theo một cuộc hành quân táo bạo, tôi đi xuyên qua đạo quân của Cromwell và tiến thẳng về Anh. Người Bảo trợ (Cromwell được tôn là Người bảo trợ nền cộng hoà) rượt đuổi theo, cố theo kịp bước đường trốn chạy lạ lùng của chúng tôi nhắm vào ngai vàng là chính. Nếu tôi tới London trước hắn thì chắc chắn phần thưởng của cuộc chạy đua ấy sẽ về tôi, nhưng hắn chặn tôi được ở Worcester.

Thần thánh nước Anh không ở về phía chúng tôi nữa mà ở phía hắn. Thưa ngài, ngày 3-9-1651, đúng ngày kỷ niệm trận chiến Dumbar khốn khổ cho dân Scotland, tôi lại bị thất bại nữa. Hai ngàn người đổ gục quanh tôi trong lúc tôi quyết chiến không chịu lùi bước. Cuối cùng phải chạy thôi. Từ đó thì chuyện tôi trở thành tiểu thuyết. Tôi bị truy đuổi đến cùng cực, tôi phải cắt tóc ngắn, cải trang thành người tiều phu. Có bữa tôi phải leo lên một cây sồi trốn cả ngày và do đó có tên Cây sồi của vua còn đến bây giờ. Chuyện phiêu lưu phong hầu quốc De Stafford tôi mang trên yên ngựa người con gái của hầu tước, chuyện ấy người

ta vẫn loan truyền lại trong một đêm không ngủ. Thưa ngài, đến một ngày nào đó tôi sẽ viết lại mọi chuyện, để dạy dỗ những vị vua anh em của tôi.

Chẳng hạn, tôi sẽ kể lại rằng, khi đến nhà ông Norton tôi gặp một ông mục sư của triều đình mải mê xem trò chơi ném chai, gặp một người hầu cận cũ kêu tên tôi mà nước mắt chảy ròng ròng và vì lòng trung thành mà suýt giết tôi như là một kẻ khác mang lòng phản bội hại tôi. Sau rốt, tôi sẽ nói về những nỗi kinh hoàng của tôi.

-Thưa ngài, vâng, nhưng nỗi kinh hoàng khi tôi đang ở nhà đại tá Windham thì một tay thợ bịt móng đến quan sát ngựa của chúng tôi, tuyên bố rằng đã được đóng móng tận miền Bắc.

Louis XIV lẩm bẩm: -Thật lạ là tôi không biết gì hết. Tôi chỉ biết là ngài đổ bộ ở Brighelmsted và ở Normandie thôi.

Charles II kêu lên: -Ôi lạy chúa, nếu vua không biết chuyện của nhau thì làm sao cứu nhau được?

Louis XIV tiếp tục: -Nhưng người anh em ơi, như ngài đã bị đối xử tàn nhẫn ở xứ Anh như thế thì vì lẽ gì ngài hy vọng vào cái xứ khốn khổ này với đám dân chúng ham chống đối này?

-Ồ, thưa ngài, đó là vì từ trận chiến Worcester, mọi việc đã đổi thay nhiều. Cromwell chết đi sau khi ký một hiệp ước với nước Pháp và trong đó hắn ký tên ngay phía trên ngài. Hắn chết ngày 3-9-1658, lại một ngày kỷ niệm nữa của các trận chiến Worcester và Dunbar.

-Con hắn ta lên thay rồi.

-Nhưng thưa ngài, nhiều người có gia đình con cái mà không có vẻ như được nối nghiệp. Gia tài của Olivier quá nặng nề đối với Richard. Richard không phải thuộc phe Dân chủ mà cũng không phải là Bảo hoàng. Richard để mặc cho những người hộ vệ ăn chặn bữa cơm của hắn ta, và để các phụ tá chia nhau cai trị đất nước. Richard đã từ chức hôm 22-4-1659, hơn một năm rồi đấy, thưa ngài. Từ lúc ấy, nước Anh chỉ là cái sòng bạc mà người ta lấy chiếc vương miện của cha tôi đem ra làm giải. Hai tay chơi lâu nhất là Lambert và Monck. Thưa ngài, bây giờ đến lượt tôi, tôi cũng muốn chen vào hội, để tranh áo bào.

-Thưa ngài, cần một triệu để làm sa đoạ các tay đánh bạc này, để tôi có đồng minh hay có thể là cần hai trăm nhà quý tộc của ngài để đuổi họ ra khỏi cung White-Hall của tôi, như xưa kia Jesus đã đuổi các tay buôn thần, bán thánh.

Louis XIVgiật mình: -Thế nghĩa là ngài đến để hỏi tôi…

-Nhờ ngài giúp đỡ, nghĩa là không phải như bổn phận của các ông vua với nhau mà còn như những người Thiên chúa giáo bình thường nữa. Thưa ngài, giúp đỡ hoặc bằng liền bạc, hoặc bằng nhân lực. Ngài giúp, chỉ khoảng chừng một tháng, tôi sẽ dùng Lambert chống Monck hay dùng Monck chống Lambert và tôi chiếm lại được tài sản ông cha của tôi mà không tốn thêm một guinée (ghi-nê)

của đất nước tôi, một giọt máu của thần dân tôi, bởi vì bọn kia đang say sưa với cách mạng, với bảo hộ và dân chủ và không muốn gì hơn là ngất ngưởng, ngủ say trên ngai vàng. Hoàng thượng giúp thì tôi sẽ hàm ơn hơn cả cha tôi. Người cha khốn khổ đã phải trả giá đắt vì sự tàn tạ của gia đình! Ngài thấy đây, tôi khốn khổ như thế này, tôi tuyệt vọng hết mực, vì thế mà tôi phải nặng lời với cha tôi?

Charles II ấp mặt vào hai bàn tay nhưng khuôn mặt tái nhợt ấy bỗng đỏ lên, lựa như xấu hổ vì những lời bất hiếu ấy.

Ông vua trẻ Louis XIV cũng khổ sở không kém. Ông cựa quậy trong chiếc ghế bành mà không nói lên được tiếng nào, cuối cùng, Charles II, vì lớn hơn 10 tuổi, đè nén được cảm xúc dễ hơn, nên lên tiếng trước: -Thưa ngài, ngài trả lời thế nào? Tôi chờ ngài như một người tử tội chờ ngưng xử. Tôi đành chịu chết chăng?

Ông hoàng Pháp trả lời Charles II: -Người anh em ơi, ngài hỏi tôi vay một triệu, mà lại hỏi nơi tôi đấy? Nhưng một phần tư số đó tôi cũng chẳng có nữa là! Tôi chẳng có gì hết. Tôi chẳng phải vua nước Pháp cũng như ngài chẳng phải là vua nước Anh vậy. Tôi chỉ là một cái tên, một con số mặc áo quần thêu hoa gấm, chỉ có thế thôi. Tôi ngồi trên một cái ngai ai cũng thấy, đó là điểm tôi hơn ngài còn tiền, tôi không có gì hết, tôi không làm được gì hết.

Charles II kêu lên: -Đúng thế sao?

Louis hạ thấp giọng: -Người anh em của tôi ơi, tôi chịu đựng nghèo khổ còn hơn quần thần nghèo nhất của tôi nữa. Nếu Laporte đáng thương của tôi còn ở đây, hắn sẽ kể cho ngài nghe rằng tôi ngủ, chân tôi thọc qua tấm nệm rách. Hắn sẽ kể cho ngài nghe rằng, sau này, khi tôi cầm chiếc long xa, thì người ta sẽ đem lại cho tôi mấy cái xe ngựa bị chuột gặm hết một nửa rồi. Hắn sẽ kể cho ngài nghe, khi tôi bảo dọn bữa, người ta sẽ đến nhà bếp của Hồng y để hỏi còn có gì cho vua ăn không. Và ngài hãy xem kìa, ngay ngày hôm nay, ngày tôi được hai mươi tuổi, ngày tôi đủ tuổi trưởng thành với địa vị chúa tể, đáng lẽ tôi phải nắm được chìa khoá kho tàng, điều khiển được guồng máy chính trị, quyết định được hoà hay chiến, thế mà chung quanh tôi đây có cái gì không: chỉ có sự bỏ rơi, sự khinh miệt, sự im lặng trong khi ngài xem đằng kia, bao nhiêu là nhộn nhịp, bao nhiêu là ánh sáng, bao nhiêu là tung hô! Ngài thấy đó, đó mới chính thực là ông vua nước Pháp, người anh em của tôi ạ.

-Đằng điện của Hồng y?

-Vâng, đằng điện Hồng y?

-Thưa ngài, thế thì tôi chịu chết rồi.

Louis XIV không trả lời.

-Đúng là chịu chết bởi vì chẳng bao giờ tôi đi cầu xin những người đã để cho mẹ tôi, em tôi, nghĩa là con cháu của Henri IV phải chịu chết vì đói và lạnh nếu ngài De Retz và nghị viện không chịu gởi cho họ củi và bánh mì.

Louis XIV khẽ thốt lên.

-Chết.

Ông vua Anh tiếp tục: -Còn kẻ khốn khổ là Charles II, cháu của Henri IV như ngài, vì không có nghị viện cũng không có Hồng y De Retz, cũng sẽ chết như mẹ và em hắn suýt bị như vậy.

Louis nhíu mày, vân vê mãi, chiếc cổ tay áo ren. Dáng điệu lặng yên, không nói lên lời ấy rõ ràng là dấu hiệu của một cơn xúc động đè nén từ bên trong, khiến cho Charles II phải động lòng đưa ra nắm tay ông vua trẻ, nói: -Cảm ơn người anh em của tôi. Ngài thông cảm giùm tôi, đối với tôi thế cũng là đủ trong hoàn cảnh như thế này của ngài.

Louis XIV bỗng ngửng đầu lên nói: -Thưa, có phải ngài cần một triệu bạc hay hai trăm người như ngài nói không ạ?

-Thưa ngài, một triệu là đủ.

-Ít quá!

-Đưa cho một người như thế là đã quá nhiều. Thường thì lòng tin không đắt đến thế đâu, lâu nay tôi chỉ tiếp xúc với toàn những kẻ vụ lợi thôi.

-Ngài nghĩ xem, hai trăm người chỉ là hơn một đại đội thôi.

-Thưa ngài, trong gia đình chúng ta đã có truyền thống, đó là chuyện bốn người, bốn nhà quý tộc Pháp trung thành với cha tôi, suýt nữa đã cứu được cha tôi, người bị một nghị viện kết án, chung quanh có cả quân đội canh gác, cả một chính quyền bao vây.

Thế là nếu tôi có thể đưa một triệu hay hai trăm người, thì ngài sẽ thoả mãn và sẽ coi tôi là người anh em xứng đáng phải không?

-Sẽ coi ngài là người cứu vớt tôi, và nếu tôi lấy lại ngôi được, thì chừng nào tôi còn làm vua, nước Anh sẽ là anh em của nước Pháp như ngài với tôi vậy.

Louis đứng dậy, nói: -Việc nhà tôi không muốn làm cho mình, không làm được cho mình, tôi sẽ cố làm cho ngài. Tôi sẽ tìm ông vua nước Pháp kia, con người giàu có, con người đầy quyền uy đó, để tìm một triệu đồng hai hai trăm người cần thiết.

Charles kêu lên: -Ôi ngài đúng là một người bạn tốt, một người có tấm lòng của Chúa ban! Ngài đã cứu tôi và lúc nào ngài cần đến cái mạng sống này thì cứ bảo tôi.

Louis nói thật nhỏ: -Suỵt! Suỵt người anh em ạ. Coi chừng người ta nghe được. Chưa xong việc đâu! Đi hỏi tiền ở Mazarin còn khó hơn đi qua được một khu rừng yêu tinh mà mỗi một cái cây là có một con trấn giữ; còn hơn là đi chinh phục cả thế giới kia!

-Nhưng, thưa ngài, nếu như chính ngài hỏi xin!

-Tôi đã nói với ngài là chẳng bao giờ tôi hỏi xin cả!

Louis trả lời với một giọng kiêu hãnh làm xanh mặt ông vua nước Anh. Và khi thấy Charles II muốn rút lui có lẽ vì bị chạm tự ái, ông vội tiếp: -Xin lỗi người anh em, tôi không có một người mẹ, người em gái đang phải chịu khốn khổ, chiếc ngai của tôi không êm và trống trơn, nhưng tôi đang thật sự ngồi trên ngai. Xin lỗi, người anh em chớ chấp, vừa rồi chỉ là lời nói của một kẻ ích kỷ. Tôi sẽ tìm cách đền bù lại. Tôi sẽ đi gặp ông Hồng y. Xin đợi một lát rồi tôi trở về.

§5. Các con số và đường lối chính trị của ngài De Mazarin

Trong khi Nhà vua vội vã đi về phía toà lâu đài Hồng y đang ở, đi theo chỉ có người hầu phòng, thì viên sĩ quan ngự lâm bước ra, hít thở như một người bị nín lâu trong căn phòng mà Louis đã tưởng là không người. Căn phòng nhỏ này lúc trước là một với phòng vua ở, chỉ cách nhau bằng một vách ngăn mỏng, che được mắt nhưng không ngăn được tiếng nói lọt qua.

Thế thì chắc chắn là người phó quan ngự lâm ấy đã nghe hết tất cả những gì phía bên Nhà vua. Những lời nói sau cùng của ông vua trẻ báo trước câu chuyện đã hết, nên viên này ra kịp lúc đón Nhà vua đi qua, và đưa mắt nhìn đến khi ngài khuất về phía hành lang.

Viên sĩ quan lắc đầu theo cách riêng ông mới có và nói theo một giọng mà bốn mươi năm xa cách xứ Gascon vẫn còn để cho người ta nhận ra ông là dân Gascon: -Công việc chán quá! Ông chủ chán quá!

Nói xong, người phó quan trở về ghế ngồi, duỗi chân, nhắm mắt lại như người đang ngủ hay đang trầm tư.

Trong khi ấy thì một cảnh khác lại xảy ra bên phòng Hồng y, lúc Nhà vua đang len lỏi trong các hành lang của toà lâu đài cổ.

Mazarin đã lên giường, hơi bị cảm cúm nhưng vì là một người ngăn nắp, dù đau bệnh vẫn làm việc, nên ông định lúc còn thức thì cứ tiếp tục. Cho nên ông sai Bernouin, người hầu phòng, mang lên cái hộp đi đường để làm chỗ tựa mà viết ngay trên giường nằm.

Nhưng bệnh cúm không phải là một địch thủ dễ trị nên càng làm việc, bệnh từ âm ỉ càng trở nên nặng nề hơn. Ông hỏi Bemouin: -Brienne có ở đây không?

-Thưa Đức ông, không. Ông De Brienne đã đi nghỉ khi ngài cho phép rồi, nhưng nếu Bậc tôn quý muốn thì tôi đánh thức ông ta ngay.

-Không, không cần lắm. Này ông hãy xem đây? Các con số thật đáng buồn!

Rồi Đức Hồng y thử bấm đếm trên các ngón tay mà trí óc để tận đâu đâu. Bernouin nói: -Ồ! Mấy con số! Nếu Bậc tôn quý mà lo mấy con tính thì sáng mai ngài sẽ nhức đầu dữ đội cho mà xem. Ông Guénaud (Ghê-nô) lại chẳng có ở đây!

-Phải đấy, Bemouin ạ. Này ông sắp thay thế Brienne đấy.

Thật ra, đáng lẽ ta phải đem theo ông Colbert. Người trai trẻ ấy khá lắm, Bemouin ạ, khá lắm. Một tay ngăn nắp.

Người hầu phòng trả lời: -Tôi không biết gì cả. Nhưng tôi không ưa cái bản mặt hắn, cái người trẻ tuổi "khá lắm" của ngài đó.

-Thôi đi, Bernouin. Ta không cần ông góp ý. Lại đây, cầm bút và viết đi.

-Thưa Đức ông xong rồi. Tôi viết gì đây?

Này, đúng rồi, chỗ tiếp theo hai dòng đã viết rồi đó.

-Viết đi Bảy trăm sáu mươi ngàn đồng louis.

-Xong.

-Lấy ở Lyon.

Mazarin hình như do dự. Bernouin lặp lại.

-Ba triệu chín trăm ngàn đồng louis.

-Thưa Đức ông, xong.

-Lấy ở Bordeaux bảy triệu.

-Bảy, Bernouin lặp lại.

Giáo chủ vui vẻ nói: -Ờ, bảy.

Rồi như giật mình, tiếp: -Bemouin, ông biết rồi. Đây là tiền phải tiêu về sau.

-Thưa Đức ông, tiêu hay chất vào kho thì chẳng quan hệ gì đến tôi vì tất cả số triệu đồng này chẳng đồng nào là của tôi hết.

-Tiền của Nhà vua đó. Ta phải tính toán tiền bạc cho vua.

-Này, chúng ta đến đâu rồi. Ông cứ ngắt quãng hoài.

-Bảy triệu, lấy từ Bordeaux.

-Ờ, vâng, đúng đấy, lấy từ Madrid bốn. Ta sẽ giải thích cho ông tiền ấy thuộc về ai, vì một người ngu ngốc cứ tưởng ta là tỷ phú. Ta, ta ghê tởm sự ngu ngốc ấy. Một đại thần chẳng có cái gì là của mình cả. Này, thôi tiếp tục. Tổng thu nhập bảy triệu. Tài sản, chín triệu. Ông có viết không đấy, ông Bernouin?

-Thưa Đức ông có ạ.

-Chứng khoán, sáu trăm ngàn louis; tổng giá khác, hai triệu. À ta quên: còn tiền động sản ở các lâu đài.

Bemouin hỏi: -Có cần phải viết thêm là của Hoàng gia không?

-Không, vô ích, ngầm hiểu là đủ. Ông có viết không đấy?

-Thưa có ạ.

-Các con số thế nào?

-Trên, dưới thứ tự lắm ạ.

-Cộng lại đi, Bernouin.

-Thưa, ba mươi chín triệu hai trăm sáu mươi ngàn louis.

-Ô! Chưa đến bốn mươi triệu?

Bemouin cộng lại lần nữa.

-Chưa ạ, còn thiếu, bảy trăm bốn mươi ngàn.

Mazarin bảo đưa xem và chăm chú tính. Bernouin nói: -Dù sao thì ba mươi chín triệu hai trăm sáu mươi ngàn cũng là khá lắm đấy.

-Bernouin ạ, đó là điều ta muốn cho vua đấy.

-Bậc tôn quý vừa nói với tôi rằng tiền đó là của Hoàng thượng.

-Nhất định rồi, nhưng mà phải là rành rẽ, chắc chắn. Ba mươi chín triệu này đều đã đem đầu tư và rồi còn tăng hơn nữa!

Bemouin cười nụ theo cách của kẻ chỉ tin những gì mình muốn tin thôi, và đi pha cốc nước uống buổi tối cho giáo chủ rồi trải gối ra. Khi người hầu phòng bước đi khuất, Mazarin lẩm bẩm: -Ôi, chưa tới bốn mươi triệu. Nhưng nhất định ta phải tới con số dự tính là bốn mươi lăm triệu. Chẳng biết có kịp nữa hay không. Ta suy nhược, ta qua đời thì không bao giờ được. Nhưng mà biết đâu ta sẽ moi được hai hay ba triệu nơi các ông bạn Tây Ban Nha tốt bụng. Họ tìm ra được xứ Pérou rồi, chắc phải còn cho họ một ít gì đó.

Trong khi Giáo chủ nói và đang bận tâm với những con số quên cả cảm cúm đã bị đẩy lui vì một thứ lo toan bám sát nhất, thì Bemouin chạy ùa vào phòng, hoảng hốt.

Giáo chủ hỏi: -Gì đấy?

-Hoàng thượng, thưa ngài, Hoàng thượng.

Mazarin giấu vội lập giấy.

-Sao, nhà vua à! Chỗ này, giờ này mà còn vua! Ta tưởng ngài đã ngủ lâu rồi chứ. Có việc gì thế không biết?

Louis XIV hẳn nghe được các lời cuối và thấy được vẻ hoảng hốt bất chợt của Giáo chủ, vì lúc đó ngài đã bước vào phòng.

-Chẳng có gì đâu ngài Hồng y ạ, chẳng có gì phải rối lên. Tôi chỉ thông báo với ngài một việc quan trọng tối nay, thế thôi.

Mazarin nghĩ ngay đến sự lưu tâm đặc biệt của Nhà vua lúc nghe những lời dính dáng đến tiểu thư De Mancini, và chuyện thông báo tối nay chắc là bắt nguồn từ ấy. Ông yên lâm lại ngay và lấy dáng thật thanh nhã, đổi thay, đến mức ông vua trẻ thấy vui khôn cùng. Khi Louis XIV ngồi xong, ông nói: -Thưa đáng lẽ tôi phải đứng hầu chuyện Hoàng thượng, nhưng tôi phải cảm.

Louis XIV nói giọng tình cảm: -Thôi giữa chúng ta thì khỏi cần lễ nghi gì hết. Bây giờ tôi là học trò của ngài chứ không phải ông vua, ngài biết đấy, và nhất là tối nay tôi tới với tính cách một người yêu cầu một người, lời thỉnh ý rất mong được chấp thuận tốt đẹp.

Mazarin thấy Nhà vua đỏ mặt lại càng tin rằng mình đã đoán đúng, nghĩa là các lời nói của Nhà vua vừa đưa ra chắc là do một mối tình thúc đẩy. Lần này thì tay chính khách ranh ma, tài tình cho mấy cũng đã lầm. Sự ngượng ngùng này không phải do một xúc cảm trẻ dại thúc đẩy mà chỉ là sự kiêu hãnh của một ông vua bị ép uổng đau đớn mà thôi.

Mazarin vỗ về để mở đường tâm sự.

-Ngài nói đi. Hoàng thượng muốn trong một lúc quên tôi là thuộc hạ đã gọi tôi là thầy, là người hướng dẫn thì tôi xin được tỏ hết lòng trung thành và ưu ái.

-Cám ơn ngài Hồng y. Chuyện của tôi cầu nơi Bậc tôn quý thì chẳng xứng đáng mấy để mong được đền đáp lại.

Giáo chủ vội vã trả lời: -Đâu có chi, thưa ngài. Tôi mong được Hoàng thượng đòi hỏi tôi làm một việc quan trọng và dù phải hy sinh đi nữa Hoàng thượng yêu cầu điều gì, tôi cũng sẵn sàng làm đẹp lòng ngài.

Nhà vua nói: -Thế thì chuyện thế này. Tôi vừa mới tiếp người anh em của tôi, vua nước Anh đấy.

Mazarin nhảy nhổm trên giường như là mới vừa chạm phải chai điện Leyte hay bình pin Vonta. Sự kinh ngạc và thất vọng rõ rệt hiện ra nơi nét mặt giận dữ của ông khiến Louis XIV dù chẳng quen giao tiếp lắm cũng thấy rõ rằng viên đại thần mong nghe một thứ gì khác.

Mazarin trầm giọng, môi bĩu ra: -Charles II! Ngài vừa tiếp Charles II.

-Vua CharlesII, – Louis trả lời, thêm cho người cháu của Henri IV cái chức mà Mazarin cố tình bỏ quên – Vâng ngài Hồng y ạ, ông hoàng khốn khổ ấy làm tôi cảm động khi kể cho tôi nghe những nỗi lao đao mà ông ta phải chịu. Nỗi đau thương của ông ta thật lớn lao, vì thế tôi thật khó dửng dưng, tôi, người đã từng bị tranh ngôi, đã từng trải qua những ngày dồn dập, bị buộc phải bỏ Kinh thành. Tôi đã từng chịu khốn đốn, thật khó mà bỏ rơi một người anh em mất cơ nghiệp, phải trốn chui trốn nhủi như thế.

Giáo chủ trả lời với giọng khinh miệt: -Nếu ông ta được như ngài, có một Jule Mazarin bên cạnh thì hẳn là đã vững vàng trên ngai rồi.

Nhà vua kiêu hãnh trả lời: -Tôi biết cả gia đình tôi chịu ơn Bậc tôn quý như thế nào rồi và về phần tôi chẳng bao giờ tôi quên. Đúng vậy, chỉ vì ông vua anh em với tôi không có bên cạnh một thiên tài tuyệt vời đã cứu tôi, chính vì thế mà tôi muốn ông ta nhờ thiên tài ấy giúp đỡ và xin cánh tay ngài hãy vươn tới nơi hắn. Ngài Hồng y ơi, chắc rằng khi hai cánh tay ngài chỉ chạm vào ông ta thì chiếc vương miện nằm dưới chân chiếc máy chém đã giết người cha sẽ đặt lại lên đầu của người con đấy.

Mazarin trả lời: -Xin cám ơn ngài có ý niệm tốt về tôi, nhưng chúng ta không có gì phải làm ở bên kia được hết: họ là thứ điên đã chối từ Thượng đế và cắt đầu vua. Họ nguy hiểm lắm, ngài thấy đó, dơ bẩn lắm, từ khi họ tắm mình trong máu vua và trong vũng bùn Ước thệ (Tập hợp những người Scotland năm 1638 thời chiến đấu bảo vệ phái Calvin và lập Giáo hội Scotland). Thứ chính trị đó không hợp với tôi, tởm lắm.

-Như thế là ngài đồng ý giúp chúng tôi thay thế bằng một nền chính trị khác?

-Cái nào?

-Ví dụ như phục hưng cho Charles chẳng hạn.

Mazarin kêu lên: -Chúa ơi, ngài Hoàng thượng khốn khổ của tôi đang có ảo tưởng gì thế?

Louis trả lời, tuy vẫn thoáng thấy những khó khăn, trở ngại cho kế hoạch dự tính trước sự vững vàng của viên đại thần: -Có thật đấy. Ông ta nói chỉ cần một

triệu thôi.

-Chỉ bấy nhiêu thôi. Chỉ một triệu thôi mà – Giáo chủ trả lời một cách mỉa mai và nhấn mạnh cái giọng Ý của ông ta- Người anh em cho một triệu thôi. Đúng là cả một gia đình ăn mày!

Louis ngửng đầu lên;

-Hồng y à, cái gia đình ăn mày đó là một nhánh của gia đình tôi đấy?

-Thưa ngài, ngài có tiền để đưa cả triệu bạc cho người khác không? Ngài có tiền triệu không?

Louis XIV kêu lên một tiếng "ôi" đầy đau khổ nhưng lại cố nén cho khỏi hiện trên nét mặt.

-Ôi thưa ngài Hồng y, tôi tiếc rằng tôi nghèo, nhưng chiếc ngai vàng nước Pháp cũng đáng một triệu và vì muốn làm một hành động xứng đáng, tôi có thể cầm thế chiếc ngai ấy. Tôi sẽ đi tìm một tên Do Thái thì chắc là được.

Mazarin hỏi: -Như thế là ngài rất cần một triệu?

-Vâng, tôi đã nói rồi.

-Ngài lầm lạc quá nhiều, ngài còn cần đến nhiều triệu hơn nữa. Đây này, tôi sẽ cho biết là ngài còn cần bao nhiêu. Bemouin?

Nhà vua nói: -Này Giáo chủ, sao ngài lại hỏi ý kiến của tên hầu cận về công việc của tôi?

Giáo chủ vẫn gọi "Bernouin" mà không tỏ vẻ gì chú ý đến nỗi ngượng ngùng của ông vua trẻ.

-Lại đây, nói cho ta biết con số ta cần lúc nãy.

Louis tức giận tái mặt: -Giáo chủ, Giáo chủ không nghe ta nói gì sao?

-Xin Hoàng thượng bớt giận. Tôi đưa ra công khai các việc kinh doanh của Hoàng thượng. Mọi người Pháp đều biết, sổ sách tôi rõ ràng cập nhật hoá đầy đủ. Bemouin, lúc nãy ta bảo ông làm cái gì?

-Thưa, ngài bản làm bài tính cộng.

-Ông làm rồi phải không?

-Thưa Đức ông vâng.

-Cộng sổ để biết Hoàng thượng cần bao nhiêu lúc này phải không? Ta đã nói với ông như thế phải không?

-Đức ông nói với tôi như vậy.

-Thế thì số tiền ấy là bao nhiêu.

-Hình như là bốn mươi lăm triệu.

-Thế mà gom hết tài sản của chúng ta thì được bao nhiêu?

-Ba mươi chín triệu hai trăm sáu mươi ngàn quan.

-Bemouin, đúng đấy. Ta chỉ muốn biết thế thôi, anh lui ra.

Giáo chủ quắc mắt nhìn ông vua trẻ đang sững sờ. Louis lắp bắp: -Nhưng mà ồ, ngài vẫn còn nghi ngờ đấy ư? Thế thì ngài hãy xem chứng cớ đây này.

Rồi Mazarin rút dưới gối ra tờ giấy đầy những con số đưa cho vua, nhưng ông ngoảnh mặt đi, lòng đau xé.

-Thưa ngài, nếu như lính cả một triệu ngài muốn nữa thì Hoàng thượng cần tất cả là bốn mươi sáu triệu. Vậy thì trên đời này chẳng có tên Do Thái nào cho ngài mượn số tiền ấy cả, dù là ngài đem cầm chiếc ngài vàng nước Pháp đi nữa cũng vậy.

Nhà vua, nắm chặt tay giấu kín trong lần vải áo, đẩy chiếc ghế đứng dậy: -Thôi được, người anh em vua nước Anh của tôi chắc sẽ chết đói rồi.

Mazarin trả lời một giọng như cũ: -Thưa, xin ngài nhớ câu thành ngữ tôi nói ra đây để chỉ hướng cho một hành động đúng đắn: nên an phận thủ thường.

Louis trầm ngâm trong một lúc, đồng thời tò mò, liếc vào tấm giấy ló một góc ra ngoài chiếc gối dài. Ông nói: -Vậy là tôi không hỏi được số tiền ấy phải không ngài Hồng y?

-Hoàn toàn không.

-Ngài có nghĩ rằng nếu sau này hắn lên ngôi thì tôi có một kẻ thù không?

Giáo chủ vội vã noi: -Xin Hoàng thượng cứ an tâm không phải lo sợ gì cả.

-Được tôi không hỏi nữa.

Giáo chủ đặt tay lên nhà vua: -Thưa ngài, ngài nghe theo tôi chứ?

-Vâng chịu hết.

-Nếu ngài hỏi chuyện khác thì tôi mong sẽ làm Hoàng thượng vui lòng để đền bù lời từ chối lúc nãy.

-Chuyện gì khác hở ngài?

-À chẳng phải là tôi đã tận tuy phục vụ Hoàng thượng đấy ư?. Ê! Bemouin, gọi hộ vệ mang đuốc đưa Hoàng thượng về nghỉ!

-Khoan đã, vì ngài sẵn lòng với tôi, tôi cũng muốn chiều lòng ngài để xin một việc.

-Cho ngài chăng? – Giáo chủ hỏi mà lòng thì nghĩ rằng câu chuyện sẽ trở lại về đứa cháu của ông.

Louis trả lời: -Không phải cho tôi, nhưng để dành cho người anh em Charles của tôi.

Gương mặt Mazarin tối sầm lại, ông càu nhàu vài tiếng, Nhà vua nghe không rõ.

Một khắc trước, lúc đến gặp Hồng y, Nhà vua còn tỏ vẻ do dự, và tuy bị chống lại, bị bẻ gãy, nhưng trong đôi mắt ông vẫn còn lưu giữ nỗi đau đớn vì thất bại, như một vết thương trong tâm khảm. Nhưng bây giờ thì người ta thấy trong đôi mắt ông hiện ra sự quyết tâm.

-Thưa ngài Hồng y, lần này thì dễ dàng hơn là chuyện kiếm một triệu bạc.

-Hoàng thượng chắc thế à?

-Chắc, khi ngài biết tôi xin cái gì

-Ngài chắc là tôi không biết chứ gì?

-Ngài đã biết tôi sắp nói điều gì à?

-Đúng vậy, những lời của chính ông vua Charles là…

-Ơ kìa!

-Thế này. Ông ta nói: "Nếu tên hà tiện đó, nếu thằng Ý khiếp nhược đó …"

-Giáo chủ?

-Nếu lời không như thế, thì ý cũng thế thôi. Chúa ơi! Tôi không muốn gọi ông ta như thế, ai cũng có quan điểm riêng của họ. Vậy thì chắc ông ta đã nói…

-… "và nếu thằng Ý khiếp nhược đó từ chối không cho tôi mượn triệu bạc, nếu vì không có tiền để đeo đuổi mặt trận ngoại giao, thì chúng ta hãy hỏi hắn giúp cho năm trăm nhà quý tộc… ".

Nhà vua giật nẩy mình, vì giáo chủ chỉ nói sai con số mà thôi. Viên tể tướng cao giọng đắc thắng: -Có phải thế không?

Rồi ông ta sẽ thêm ít lời vuốt ve và tiếp: – "Tôi có nhiều bạn ở bên kia eo biển, các bạn bè đó chỉ thiếu một người cầm đầu và cây cờ chính nghĩa. Một khi họ thấy tôi, thấy lá cờ nước Pháp, họ sẽ theo tôi vì biết tôi được ngài giúp đỡ. Sắc màu chiến binh Pháp đáng giá ngang với triệu bạc mà ông Mazarin chắc chắn sẽ từ chối (vì ông ta biết trước sau gì tôi cũng không cho mượn triệu bạc ấy). Có năm trăm nhà quý tộc ấy tôi sẽ thắng và vinh quang sẽ về ngài, Hoàng đế ạ".

-Ông ta nói như thế, gần gần như thế phải không? Nói có thêm những hình ảnh hoa hòe hoa sói kèm theo nữa phải không?

Gia đình ấy ba hoa nổi tiếng! ông vua cha đến trước máy chém mà còn nói mà!

Louis toát mồ hôi vì hổ thẹn. Ông cố gượng nói: -Giáo chủ ạ, có điều không phải năm trăm mà hắn chỉ xin có hai trăm thôi.

-Tôi đoán đúng quá rồi.

-Thưa ngài, chẳng bao giờ tôi phủ nhận cái nhìn sắc sảo của ngài. Chính vì thế mà tôi chắc ngài không từ chối một lời cầu xin giản dị, dễ giải quyết như thế. Nhân anh ông ta, hay đúng hơn, nhân danh tôi, tôi mong ngài chấp nhận.

Mazarin nói: -Thưa ngài, tôi làm chính trị đã ba mươi năm rồi. Tôi làm việc với Ngài Hồng y De Richelieu, rồi làm một mình. Phải nhận rằng cái chính trị ấy chẳng sạch sẽ gì lắm, nhưng chẳng bao giờ lầm lỡ. Thế mà điều người ta vừa đề nghị với Hoàng thượng thì vừa nhơ bẩn, vừa sai lầm.

-Nhơ bẩn sao, thưa ngài!

-Thưa, ngài vừa ký một hiệp ước với ngài Cromwell

-Vâng, và trong ấy Cromwell ký phía trên tôi.

-Ai bảo ngài ký tận phía dưới làm gì? Ngài Cromwell có được chỗ tốt thì chiếm ngay theo thói quen của ông ta. Vâng, tôi trở lại với Cromwell. Ngài ký

một hiệp ước với ông ta, nghĩa là với nước Anh, vì khi hiệp ước ký, Cromwell là nước Anh.

-Ngài Cromwell chết rồi.

-Ngài tưởng thế?

-Đúng, vì người con Richard thay thế ông ta và cũng đã từ chức rồi.

-Điểm này đúng. Richard nối nghiệp Cromwell đã chết và nước Anh nối tiếp sau khi Richard từ vị. Hiệp ước thuộc về tài sản thừa kế dù là ở trong tay ngài Richard hay trong tay nước Anh đi nữa cũng vậy. Hiệp ước vẫn còn có giá trị, mãi mãi.

-Tại sao ngài lại lẩn tránh vấn đề? Có gì thay đổi đâu? Điều chúng ta không muốn mười năm trước, bây giờ Charles II lại đòi hỏi. Nhưng đây là trường hợp đã được dự tính. Ngài là đồng minh của nước Anh chứ không phải của Charles II. Ở quan điểm dòng họ, đúng là bất lương khi ký một hiệp ước với người chặt đầu dượng của ngài, lập liên minh với một nghị viện mà bây giờ ở bên kia người ta gọi là nghị viện xương cụt.

-Tôi đồng ý là bất lương, nhưng về mặt chính trị thì không vụng về, sai lầm vì nhờ hiệp ước ấy mà tôi đã giúp Hoàng thượng, lúc bấy giờ còn nhỏ tuổi, tránh phải đương đầu với một cuộc chiến với bên ngoài, trong khi bên trong ngài còn phải mệt với cuộc nổi loạn Fronde, ngài còn nhớ cuộc loạn đó chớ (ông vua trẻ cúi đầu xuống). Và vì thế tôi mới chứng minh cho Hoàng thượng thấy rằng bây giờ thay đổi đường lối mà không báo cho bạn đồng minh biết thì vừa bất lương vừa sai lầm một cách ấu trĩ. Chiến tranh sẽ xảy ra mà lỗi ở ta, chúng ta đáng cho người ta đánh lắm, chúng ta gây chiến mà lại sợ chiến tranh, bởi vì cho phép năm trăm người đánh, hai trăm người, năm mươi người, mười người đi nữa thì cũng vẫn là gây chiến. Một người Pháp là cả đất nước, một bộ đồng phục là cả quân đội. Thưa ngài, giả dụ rằng, ngài đánh nhau với Hà Lan, chuyện trước sau gì cũng đến đó hay đánh nhau với Tây Ban Nha nếu hôn ước không thành (Mazarin nhìn lâu vào nhà vua) – có cả hàng ngàn lý do để hôn ước không thành – thế thì ngài có chịu cho nước Anh gởi đến Hà Lan hay Tây Ban Nha một trung đoàn, một đại đội hay chỉ một tiểu đội những nhà quý tộc không? Ngài có thấy họ thành thật chịu ép mình trong khuôn khổ hiệp ước không?

Louis ngồi lắng nghe. Lạ có điều là Mazarin, con người của chính trị ma giáo, lại nói chuyện với sự thành thật. Ông nói: -Nhưng dù không có lệnh chính thức thì tôi cũng không thể ngăn những nhà quý tộc của ta đi qua bên Anh theo ý thích của họ được.

-Lúc đó thì ngài phải ngăn không cho họ trở về hay ít ra là phản đối họ đã cư xử thù địch với nước đồng minh của ta.

-Nhưng, ngài Hồng y ạ, ngài là một thiên tài vượt chúng, xin ngài hãy tìm cách nào giúp ông vua khốn khổ ấy mà không làm chúng ta mang tiếng.

Mazarin nói: -Chính đó là điều tôi không muốn. Hoàng thượng kính yêu ạ Nước Anh mà hành động theo như ý tôi muốn thì cũng chẳng hơn gì. Ngồi ở đây tôi cũng không có cách nào khác hơn để điều khiển nước Anh. Theo cách cai trị ở đó, nước Anh bây giờ đối với châu Âu là một cái ổ luôn luôn bị lên án. Hà Lan đang che chở Charles II, thây kệ Hà Lan. Chúng sẽ nổi giận, chúng sẽ choảng nhau. Bây giờ, chúng là hai cường quốc trên mặt biển, để chúng tiêu diệt lẫn nhau, rồi chúng ta sẽ đóng tàu bằng các xác tàu của chúng, với điều kiện là chúng ta có đủ tiền để mua đinh kia?

-Ồ ngài Hồng y, mọi chuyện ngài nói sao mà tồi tàn tủn mủn quá.

-Nhưng thưa Hoàng thượng, phải nhận điều đó là đúng.

-Còn hơn là đúng nữa: tôi nhận là có lúc ta có thể thất hứa và lãng quên hiệp ước. Chuyện đó thường quá rồi, nhưng chỉ là khi ta có điều gì lợi hơn hay khi bị hiệp ước ràng buộc ta quá thôi.

-Ngài cứ cho phép các nhà quý tộc của ta đi. Cây cờ nước Pháp, hay nước Pháp thì cũng thế thôi, sẽ vượt eo biển để chiến đấu.

-Rồi nước Pháp sẽ thất trận.

-Tại sao thế?

-Tại sao à? Tại Hoàng đế Charles II là một viên tướng cừ khôi! Trận Worcester là bằng chứng hùng hồn đấy?

-Ông ta không phải chống với Cromwell nữa, Giáo chủ ạ.

-Đúng, nhưng ông ta phải đương đầu với Monck thì cũng thế thôi. Cái anh chàng buôn rượu bia dũng cảm ấy là một tay hiếu thắng có những lúc khích động, rạng rỡ, căng phồng lên và nứt như cái thùng bia quá đầy. Từ các kẽ nứt, rượu nhỉ ra cho chúng ta biết vài giọt tư tưởng của hắn, rồi nếu cứ để dồn lại thì chúng ta sẽ biết hết toàn bộ ý nghĩ của hắn. Chúng ta cũng biết Cromwell bằng cách ấy, Cromwell mà người ta tưởng là mang đến ba bộ giáp đồng, nói theo kiểu nhà thơ Horace. Nhưng chớ hòng với Monck. Thưa Hoàng thượng, tôi mong ngài đừng chơi trò chính trị với ngài Mock! Cả năm nay tôi bạc đầu vì hắn đây. Monck không phải là một kẻ khùng vì hiếu thắng, hắn là một nhà chính trị, thật là điều khốn khổ cho chúng ta. Hắn không vỡ toang ra mà sau đó khép lại. Từ mười năm nay, hắn theo đuổi một mục đích chưa ai đoán ra được hết.

Cứ mỗi sáng, theo kiểu Louis Xl dặn dò, hắn lại đốt cái mũ trùm đầu đêm trước. Thế là những điều hắn suy nghĩ dự tính cẩn thận, vững chãi một ngày nào đó sẽ bung ra, đầy đủ điều kiện thành công mà không ai lường trước được.

-Thưa ngài, đó là anh chàng Monck, con người mà ngài chắc chưa nghe, chắc chưa biết đến cả tên tuổi, trước khi người anh em Charles II của ngài biết rõ mà nhắc ra. Người đó là cả một sự kỳ diệu phối hợp cả sâu sắc lẫn ngoan cường, hai đức tính mà nếu đem trí tuệ và nhiệt thành ra đối phó thì chỉ có nước cùn nhụt thôi. Thưa ngài, tôi cũng có lòng nhiệt thành lúc còn trẻ, còn trí tuệ thì bây giờ

vẫn còn. Tôi xác nhận tôi hãnh diện với điều này và người ta lại chê trách tôi cũng vì nó. Với hai đức tính ấy, tôi đã mở đường thênh thang mà đi, vì nhờ chúng, tôi đã từ con một người đánh cá ở Piscanna trở thành tể lướng của vua nước Pháp và cũng nhờ đó, tôi đã làm được một vài việc cho Hoàng thượng. Thế mà, thưa ngài, nếu tôi gặp phải Monck thay vì gặp ngài De Beaufort, ngài De Retz, ngài Hoàng thân, thì chúng ta thua là cái chắc. Ngờ nghệch tấn công vào, ngài sẽ bị người lính chính khách ấy quắp chặt. Cái đói rách của Monck, thưa ngài, là cái hòm sắt giấu kín những ý nghĩ của hắn ta, không ai có được chìa khoá hết. Cho nên, bên hắn ta, hay đúng hơn, trước mặt hắn ta, tôi chỉ xin nghiêng mình bái phục, tôi ngài biết rồi, tôi chỉ có cái mũ nhung tôn giáo trên đầu thôi.

-Theo ý ngài thì Monck muốn gì?

-Ôi, nếu tôi biết được thì tôi đã không bảo ngài phải tránh xa hắn, bởi vì tôi hơn hẳn rồi. Nhưng với hắn ta thì tôi lại càng sợ phải đoán ra. Ngài hiểu chữ "đoán ra" chứ? Hễ cứ tưởng là đoán ra được là tôi sẽ dừng lại ở một ý tưởng rồi chứ thế mà tuột theo dòng ý tưởng ấy. Từ lúc con người ấy lên nắm quyền ở bên kia, tôi cứ như là những hồn ma dưới địa ngục của thi sĩ (ám chỉ Đăng-tơ) đang bị quỷ Satan vặn cổ, đi thì liến về trước mà mặt thì quay lại đằng sau: Tôi hướng về Madrid, mà cứ ròm chừng London. Đoán định nơi con người ấy là lầm lạc, mà lầm lạc thì thua rồi.

Nhờ ơn Chúa ngăn không cho tôi tìm cách đoán xem hắn nghĩ gì, tôi chỉ tìm cách dò xem hắn làm gì, thế cũng vừa đủ. Theo cách đó, tôi chắc rằng hắn đang rất muốn thay thế Cromwell. Charles II của ngài đã từng nhờ mười người đến đưa đề nghị cho hắn. Hắn không làm gì khác hơn là đuổi mười tay môi giới ấy kèm theo một câu "Cút đi, không thì tao treo cổ bây giờ?". Con người này là cả một mộ phần. Lúc này đây, Monck đang tận tân phục vụ cái nghị viện xương cụt. Cái chuyện tận tâm này thì không đánh lừa được tôi đâu. Monck chẳng muốn bị ám sát tí nào. Bị ám sát tức là bỏ dở sự nghiệp nửa chừng mà hắn ta thì muốn hoàn thành sự nghiệp. Cho nên, thưa ngài, tôi tin rằng – mà, thưa ngài, chớ tin điều tôi tin, tôi chỉ nói theo thói quen thôi – tôi tin rằng Monck đang o bế nghị viện để rồi sẽ đập nát nó ra. Người ta mượn gươm của ngài là gặp phải Monck đấy – xin Chúa ngăn ta đừng đánh nhau với Monck vì như thế thì Monck sẽ thắng ta mà Monck thắng ta thì thưa ngài, tôi hận suốt đời. Tôi chắc rằng Monck chờ đợi chiến thắng đó đã mười năm rồi. Thưa ngài, xin Charles II hãy vì Chúa, vì tình bạn với ngài, nếu không nói là vì kính nể ngài, mà đừng gây sự gì hết! Hoàng thượng hãy kiếm cho hắn một ít lợi tức ở đây, cho hắn một lâu đài của ngài chẳng hạn. Ờ! Mà không được? Tôi vừa nhắc đến hiệp ước xong, một toà lâu đài Hoàng thượng cũng không được phép cho hắn?

-Sao thế?

-Đúng, đúng Hoàng thượng đã cam kết không cho vua Charles II trú ngụ, sẽ đuổi ông ta ra khỏi nước Pháp. Vì thế chúng ta đã mời đi và nay ông ta lại trở về. Thưa, mong rằng ngài sẽ cho người anh em ngài biết, ông ta không thể ở lại đây, rằng chúng ta không thể dây vào chuyện đó được. Hay là để tôi…

Louis XIV đứng dậy: -Thôi, đủ rồi ông? Ông không cho tôi một triệu là quyền của ông, tiền của ông đấy. Ông không cho tôi hai trăm nhà quý tộc cũng là quyền của ông vì ông là tể tướng phải chịu trách nhiệm về hoà hay chiến của nước Pháp. Nhưng nếu ông có ý ngăn vua là tôi đây, không được để chỗ trú cho cháu của Henri IV, người anh em họ của tôi, người bạn thời thơ ấu của tôi, thì ông đã đi quá quyền hạn của ông rồi đó. Đây là quyền của tôi!

Mazarin mừng rỡ vì ông lý luận dài dòng là chỉ mong được có thế: -Thưa ngài, lúc nào tôi cũng gập mình tuân theo ý chỉ Đức vua của tôi, xin ngài giữ ông vua nước Anh ở trong một toà lâu đài của ngài. Mazarin biết điều đó, nhưng vị tể tướng không biết đâu!

Louis XIV nói: -Thôi chúc ngài ngủ ngon. Tôi thật lấy làm thất vọng.

Mazarin trả lời: -Thất vọng nhưng mà phải chịu là đúng. Thưa ngài, tôi chỉ mong được thế thôi.

Nhà vua không đáp lại, ra về mà lòng đầy ưu tư. Ông bị thuyết phục không phải bởi những lời của Mazarin vừa nói mà ở những điều ông ta không nói ra. Louis XIV tin rằng phải tìm hiểu kỹ về tài sản của mình và tình hình cả châu Âu, vì ông thấy chúng thật tối mò mò.

Louis gặp ông vua Anh vẫn ngồi chỗ cũ. Ông hoàng Anh vụt đứng dậy nhưng chỉ thoáng qua ông đã thấy sự thất vọng in hằn lên trán của người anh em họ. Ông vội lên tiếng trước như là để tránh cho Louis bớt khó khăn khi phải thú nhận: -Dù thế nào đi nữa thì tôi cũng không bao giờ quên tất cả lòng tốt, tình thân mà ngài dành cho tôi.

Louis XIV trả lời nặng nề: -Than ôi, lòng tốt chẳng đi đến đâu hết người anh em ạ

Charles II mặt tái xanh, đưa bàn tay lạnh ngắt lên trán và cố gượng chống cự cơn choáng váng đang dâng lên. Ông nói: -Tôi hiểu. Không còn hy vọng gì nữa.

Louis nắm tay Charles nói: -Người anh em hãy chờ đợi, đừng hấp tấp, rồi tình hình sẽ thay đổi. Thường thì nôn nóng là hỏng việc. Hãy đợi thêm một năm cực nhọc nữa trong số những năm tháng mà ngài đã chịu đựng. Vì chưa cần ngay, thay vì bây giờ, ngài hãy hành động vào một dịp khác. Vậy hãy ở lại với tôi trong một nơi nào đó của tôi mà ngài thích. Chúng ta sẽ cùng nhau theo dõi tình hình, cùng nhau chuẩn bị hành động về sau. Thôi, hãy can đảm lên đi, người anh em ạ!

Charles Il rút tay ra khỏi tay Louis XIV và lùi lại để có thể chào thật trịnh trọng.

-Xin cảm ơn ngài hết mực. Tôi đã cầu khẩn mà không được việc ở ông vua lớn nhất thế gian này thì bây giờ chỉ còn trông nơi phép lạ mà thôi.

Rồi không muốn nghe một lời nào nữa, ông bước ra, đầu ngước cao, tay run rẩy, mặt ro rúm lại vì đau đớn và mắt âm u như muốn đưa lời cầu xin đến nơi thế giới vô hình sau khi thất bại ở cõi đời này.

Viên sĩ quan ngự lâm trông thấy ông vua bước qua mặt xanh mướt, vội vã nghiêng mình chào một cách lễ phép đến mức gần như quỳ xuống vậy. Ông cầm cây đuốc, gọi hai người lính ngự lâm rồi đi xuống thang gác vắng vẻ với ông vua khốn khổ tay cầm chiếc mũ kéo lê các lông chim trên những bậc cấp.

Khi đến cửa, người sĩ quan hỏi ông vua đi hướng nào để bảo lính ngự lâm dẫn đường. Charles II nói nhỏ: -Thưa ông, ông nói rằng ông có biết cha tôi, vậy có khi nào ông cầu nguyện cho Người không? Nếu có, thì hãy thêm tên tôi vào các lời cầu nguyện ấy. Bây giờ tôi đi một mình, xin chớ theo và chớ cho người hộ tống thêm nữa.

Người sĩ quan nghiêng mình tuân lệnh và bảo hai người lính ngự lâm lui vào cung. Nhưng ông vẫn đứng một lúc dưới cổng để nhìn theo Charles II đi khuất vào bóng tối ở một khúc quanh. Ông lẩm bẩm: -Tất cả dành cho người này, cũng như đối với người cha xưa kia. Athos mà ở đây chắc cũng sẽ nói "Kính chào vị Hoàng đế mất ngôi!".

Ông quay lên thang gác, vừa đi vừa lẩm bẩm: "Ôi! Phục vụ cái gì mà thật là tồi tệ! Cái ông chủ thật đáng thương! Sống như thế này thì không thể chịu được nữa rồi, ta dứt khoát phải quyết định ngay đi! Chẳng còn gì là lòng độ lượng, chẳng còn gì là nghị lực nữa cả. Đúng là ông thầy đã thành công còn người học trò cứ quặt quẹo suốt đời Chán quá! Ta không chịu đựng được nữa!".

Rồi tiếp tục khi bước vào phòng: -Các anh kia, các anh làm gì mà nhìn tôi thế? Tắt đuốc về chỗ đi. À! Các anh bảo vệ tôi? Các anh trông coi tôi? Mấy anh khờ tốt bụng! Thôi đi đi, tôi chẳng phải là hầu tước De Guise, chẳng ai giám ám sát tôi trong cái xó hành lang này đâu.

Rồi hạ giọng: -Với lại đây là một quyết định. Từ khi Đức Hồng y De Richelieu chết đi thì chẳng ai giám quyết định hết. Ôi đó mới thật đúng như là một con người đấy. Xong rồi, ngày mai là ta ném áo ngự lâm lên cây!

Rồi đổi ý, ông nói: -Ồ chưa được. Tôi còn một thử thách cuối cùng phải làm, phải làm – nhất định là thử thách cuối cùng, nhất định, chán quá!

Ông dứt, lời thì có tiếng gọi từ trong căn phòng của Nhà vua: -Thưa ngài phó quan! Hoàng thượng có chuyện muốn nói với ngài.

§6. Nhà vua và viên phó quan

Khi Nhà vua thấy viên sĩ quan đến gần, ông cho người hầu phòng và viên cận thần rút lui.

-Ông phó quan!

-Thưa tôi đây! Sao hồi tối trong phòng hội ông kêu to: "Người hầu cận của vua, ngự lâm quân của Hoàng đế!".

-Thưa, bởi vì Hoàng thượng ra lệnh cho tôi.

-Ta?

-Vâng chính ngài.

-Ta thực không có nói lời nào hết.

-Thưa ngài, lệnh ban ra có thể là một dấu hiệu, một cử chỉ, một nháy mắt vẫn rõ ràng, chính xác như là một lời nói.

Người phục vụ mà chỉ có con mắt thì chỉ phân nửa người làm việc tốt thôi.

-Thế thì đôi mắt ông sáng lắm!

-Thưa ngài, sao ạ?

-Vì ông đã thấy cái chẳng có gì hết.

-Thưa ngài, đúng cậy, mắt tôi vẫn tốt mặc dù đã phục vụ các ông chủ đã lâu, cho nên khi có dịp thấy gì là tôi sẵn sàng ngay. Lúc tối này, mắt tôi thấy Hoàng thượng đỏ mặt vì cố nín ngáp dài, thấy ngài rõ ràng có vẻ cầu khẩn, nhìn Bậc tôn quý trước tiên, rồi đến Thái hậu rồi nhìn các cửa bước ra. Mắt tôi thấy hết, thấy cả đôi môi Hoàng thượng mấp máy: "Ai đem ta ra khỏi chỗ này?"

-Ông này!

-Thưa ngài, hay ít ra cũng là những lời này: "Ngự lâm quân đâu!" cho nên tôi không ngần ngại nữa. Cái nhìn đó dành cho tôi, lời nói đó hướng vào tôi, tôi kêu lên ngay: "Ngự lâm quân của Hoàng thượng!", với lại chuyện rõ rệt là Hoàng thượng không cho tôi là trái mà còn bước ra ngay, chứng tỏ tôi làm đúng.

Nhà vua quay mặt đi để giấu nụ cười, rồi vài giây sau lại nhìn gương mặt thông minh làm sao, táo bạo và cương quyết làm sao, giống như là dáng vẻ cương nghị, kiêu hãnh của con đại bàng nhìn thẳng vào mặt trời. Đôi mắt sáng ấy vẫn không chớp, một lúc sau, Nhà vua đành nói: "Tốt lắm!".

Viên sĩ quan nghiêng mình, hỏi: -Hoàng thượng không còn gì để hỏi nữa?

-Không, ông ạ, thôi ông về chỗ đi.

-Ngài cho phép tôi thưa một chuyện trước khi đi ra?

-Ông có chuyện gì nói thế? Cứ nói đi.

-Thưa ngài, một chuyện không quan trọng đối với ngài, nhưng tôi thì tôi lưu ý đến nó lắm. Xin ngài bỏ lỗi về chuyện này. Nếu không khẩn cấp, không cần

thiết thì tôi không thưa và tôi sẽ lẳng lặng thu mình nhỏ lại rồi biến đi, theo thói quen của tôi.

-Cái gì mà biến đi? Ta không hiểu.

-Thưa ngài nói gọn lại là tôi xin Hoàng thượng cho được nghỉ.

Nhà vua hơi giật mình, còn viên sĩ quan lại vẫn đứng yên như một pho tượng.

-Ông xin nghỉ? Thế trong bao lâu?

-Thưa, nghỉ luôn ạ.

Louis nói với một cử chỉ không phải chỉ là ngạc nhiên: -Sao, ông không giúp ta nữa à?

-Thưa ngài, tôi lấy làm tiếc.

-Không thể được.

-Thưa ngài, tôi thấy mình đã già rồi, tôi kéo cày đã ba mươi bốn, ba mươi lăm năm rồi, lưng mỏi gối chùn, phải nhường cho lớp trẻ thôi. Tôi không phải là người của thế kỷ mới, tôi vướng vào thời đại cũ, cho nên tôi thấy cái gì cũng lạ hết, tôi bị quay tít đến chóng mặt. Nói gọn, là tôi muốn xin Hoàng thượng cho nghỉ.

Nhà vua nhìn viên sĩ quan khoác trang phục ngự lâm thung dung như một chàng trai trẻ.

-Thưa ông, ông còn mạnh mẽ, khoẻ khoắn hơn là ta đấy!

Viên sĩ quan mỉm cười cố ra vẻ khiêm nhượng.

-Ồ, Hoàng thượng nói thế là vì mắt tôi còn sáng, chân tôi còn vững, còn cỡi ngựa được, hàm râu còn đen. Nhưng thưa ngài, tất cả đó chỉ là sự huênh hoang vô lối, chỉ là ảo tưởng, là bề ngoài, là khói mây mà thôi. Thưa ngài, tôi có dáng trẻ, nhưng đã già trong tận cùng con người rồi, chắc chỉ sáu tháng nữa thôi là tôi sẽ rã rời, đau nhức xương cốt, sẽ lê lết què quặt. Cho nên, xin ngài.

Nhà vua lộ cử chỉ vừa ưu ái và oai nghiêm, nói: -Thưa ông, ông chưa cho ta biết sự thật. Ông muốn nghỉ, đúng rồi, nhưng ông giấu lý do của quyết định đó.

-Thưa ngài, thật mà.

-Không, thấy thì biết ông ạ. Ta thấy một con người cương nghị, mạnh khoẻ, nhanh nhẹn, người lính ưu tú nhất của nước Pháp, thế mà định thuyết phục ta để xin được nghỉ ngơi thì đừng hòng.

Viên phó quan chua chát nói: -Ôi! Thưa ngài tán tụng tôi quá. Thực ra, Hoàng thượng lầm rồi! Cương nghị, mạnh khỏeẻ minh mẫn, can đảm, lính ưu tú nhất của nước Pháp! Hoàng thượng khen quá làm tôi không dám nhận dù tôi muốn nói tốt về tôi thế nào đi nữa cũng vậy. Nếu tôi tệ đến nỗi chỉ nghe theo lời Hoàng thượng có một nửa thì tôi cũng đủ coi mình là một con người quý báu, không thể thiếu được, tôi sẽ nói rằng một người giúp việc gồm thâu trong mình được bấy nhiêu đức tính ấy thì sẽ là cả một kho tàng vô giá. Thế mà, thưa ngài chỉ trừ bữa

nay thôi, còn suốt cả cuộc đời, tôi thấy là mình bị đánh giá rất thấp. Xin phép nói lại là Hoàng thượng đã nâng cao tôi quá đáng.

Nhà vua nhíu mày vì thấy trong lời của viên sĩ quan như có một nét cười nhạo báng chua cay. Ông nói: -Thôi thì nói thật vấn đề đi ông ạ. Có phải là công việc ở đây không thích hợp với ông không? Thôi đừng nói quanh, ta muốn ông trả lời mạnh dạn, thành thực đấy.

Nghe thế, người sĩ quan từ nãy giờ đang xoay xoay cái nón với điệu bộ khá lúng túng, liền ngẩng đầu lên nói: -Thưa ngài, ngài làm cho tôi thấy thật thoải mái. Câu hỏi đưa ra đã thành thực thì tôi cũng xin đáp lại thành thực. Nói thật bao giờ cũng tốt, phần thì người ta trút bớt được những gì đè nặng trong lòng, phần khác thì vì chuyện nói thật rất hiếm xảy ra. Tôi sẽ xin nói thật với Hoàng đế của tôi, chỉ xin ngài bỏ qua cho sự thành thật của một người lính già.

Louis XIV nhìn viên sĩ quan của mình mà cử chỉ thì bộc lộ một sự băn khoăn đến cực điểm, ông nói: -Thế thì ông nói đi. Ta rất nôn nóng nghe những điều mà ông bảo là thành thật đấy.

Viên sĩ quan bỏ chiếc mũ lên bàn và khuôn mặt lúc trước đầy vẻ thông minh và cứng rắn bây giờ bỗng trở lên nghiêm trang, đầy quyền uy lạ thường. Ông nói: -Thưa ngài, tôi rời bỏ nhiệm vụ vì tôi bất mãn. Vào lúc như thế này, người đày tớ có thể kính cẩn đến bên ông chủ như tôi bây giờ và đưa cho ông chủ tờ giấy ghi những gì anh ta đã làm, tính số tiền đã ghi, trả lại dụng cụ và nói: "Ông chủ, tôi hết làm rồi, trả tiền tôi cho tôi đi?".

Nhà vua kêu lên giọng tức giận: -Ông! Ông…

Viên sĩ quan hơi hạ đầu gối xuống, trả lời: -Ồ, chẳng có tên đầy tớ nào kính tọng chủ hơn tôi, đối với Hoàng thượng, nhưng ngài vừa bảo tôi nói sự thực. Tôi nói ra thì ngài nổi giận dù là ngài đã bảo như vậy.

Những bắp thịt trên mặt ông co lại tỏ vẻ cương quyết khiến Nhà vua thấy không cần bảo ông nói tiếp. Ông nói tiếp thực, trong khi Nhà vua đứng nhìn với vẻ tò mò pha lẫn vì nể.

-Thưa ngài, như tôi đã nói, tôi phục vụ Hoàng gia nước Pháp đến đây là ba mươi lăm năm rồi. Ít ai đã phải mòn gươm trong công việc như tôi, tuy gươm tôi là thuộc loại tốt.

-Thưa ngài, vua cha ngài thấy tôi đã xứng làm người lớn trong khi tôi còn là một đứa trẻ, không biết gì hết, ngoài việc bộc lộ lòng can đảm. Khi tôi thành người lớn thì Hồng y De Richelieu thấy tôi là một kẻ thù của ông ta – ông ta cũng xác nhận điều đó. Câu chuyện lịch sử về mối hiềm khích đó giữa con kiến và con sư tử, ngài có thể đọc từ trang đầu đến trang cuối trong đống giấy tờ của gia đình ngài. Nếu có, lúc nào ngài muốn biết thì cứ lục ra. Ngài sẽ thấy rằng con sư tử cuối cùng mệt mỏi, rã rời, thở dốc xin tha, và cũng nên công bằng mà nói,

con sư tử ấy cũng tha thứ cho kẻ khác (những chuyện được kể ở Ba chàng lính ngự lâm).

Ôi, cái thời xưa tươi đẹp ấy, cái thời thỉnh thoảng lại có đánh nhau trong chuyện của Le Tasse hay của L'Arioste! Chuyện kỳ diệu vào thời ấy bây giờ đối với chúng ta thật khó tin, nhưng là chuyện thường ngày của chúng tôi. Suốt cả năm năm ngày nào tôi cũng được coi là anh hùng, ít ra theo lời một số nhân vật đáng tin cậy nói. Thưa ngài hãy tin đi, làm người anh hùng căng ra trong năm năm, thật dài làm sao! Tôi tin ở xác nhận đó vì những người nói là những nhân vật danh tiếng: Ngài De Richelieu, ngài De Buckingham, ngài De Beaufort, ngài De Retz, ngài này cũng là một tay chiến đấu trên đường phố rất cừ. Xác nhận như thế có cả Louis XIII và Hoàng hậu, đấng thân mâu của ngài, có một hôm đã nói với tôi: "Cám ơn?". Tôi chẳng biết là đã được hân hạnh phục vụ Thái hậu bao nhiêu lần rồi. Xin lỗi, nếu tôi đã nói quá bạo; nhưng thưa ngài, chuyện kể như tôi đã nói với Hoàng thượng, đó là lịch sử, chuyện của dĩ vãng.

Nhà vua cắn môi và ngồi phịch xuống ghế. Viên phó quan nói tiếp: -Tôi quấy quả Hoàng thượng rồi. Nhưng sự thực là như thế đấy. Nó như một người bạn đường cứng cỏi, tua tủa mũi nhọn, chạm ai thì làm bị thương người nấy, ngay cả đến kẻ nói ra.

Nhà vua trả lời: -Không sao đâu, thưa ông, ta đã mời ông nói, xin cứ nói đi.

-Thưa ngài, sau khi phục vụ Nhà vua và Giáo chủ, lại đến lúc phục vụ thời Nhiếp chính (Chuyện ở Hai mươi năm sau). Tôi cũng đã chiến đấu dữ dội trong thời loạn Fronde, tuy là ít hơn. Con người đã bắt đầu kém cỏi hơn. Nhưng mà tôi cũng đã cùng với ngự lâm quân của Hoàng thượng trải qua một ít hiểm nguy, hẳn là có ghi trong nhật ký của binh đội. Tôi có số thật may vì tôi được làm người thân cận của ngài De Mazarin: ông phó quan ở phía này, ông phó quan về phía kia, ông phó quan bên phải? Ông phó quan bên trái? Ông ta chẳng đưa ra cú đấm nào trên nước Pháp mà không chia cho tôi. Thế rồi Hồng y lại không bằng lòng với chuyện chỉ dùng tôi ở nước Pháp. Ông ta gửi tôi qua Anh tính sổ với ngài Cromwell. Lại thêm một tay chẳng nhu tí nào, và tôi đã làm thoả mãn ngài rồi. Tôi đã có hân hạnh biết ông ta nên đánh giá đúng ông ta. Cho nên khi tôi được việc hơn cả những sĩ quan người ta sai phái, tôi được tưởng thưởng xứng đáng, vì người ta phong cho tôi là chưởng quan ngự lâm quân, chức vụ ở triều đình được mọi người thèm muốn nhất, chức vụ hơn cả thống soái nước Pháp vì đúng như thế, chưởng quan ngự lâm quân là tinh hoa của quân đội, ông hoàng của những bậc dũng cảm!

Nhà vua đáp lời: -Thưa ông, chưởng quan à, chắc ông lầm rồi, ông muốn nói phó quan chứ gì?

-Không thưa ngài, tôi không lầm đâu. Xin Hoàng thượng nhớ cho tôi ở điểm đó: Ngài De Mazarin đã cấp hàm chức cho tôi rõ ràng.

-Thế sao?

-Nhưng ngài thừa biết hơn ai hết là ngài Mazarin không phải lúc nào cũng cho, đã cho rồi vẫn còn đòi lại. Lúc hòa bình trở lại, ông ấy lấy hàm chức của tôi và không dùng tôi nữa. Tất nhiên là tôi không xứng đáng thay thế ông De Tréville, nhưng mà dù sao ông ta cũng đã hứa với tôi, đã cho tôi thì phải giữ lời chứ!

-Chính vì chuyện ấy mà ông bất mãn phải không? Thế thì để ta hỏi lại. Ta thích cái gì cũng phải công bằng và lời khiếu nại của ông tuy gay gắt nhưng ta không phiền lòng đâu.

Viên sĩ quan nói: -Ồ, Hoàng thượng hiểu lầm rồi, bây giờ tôi không khiếu nại chuyện đó đâu.

-Ông tế nhị quá, rồi đây ta sẽ lưu ý đến công việc của ông và sẽ…

-Ôi thưa ngài, sẽ…? Ba mươi năm nay tôi thấy nơi chữ ấy những điều thật tốt lành, nghe được từ miệng của những nhân vật tai to mặt lớn và rồi lại đến ngài vừa thốt ra xong. Chỉ vì chữ sẽ ấy mà tôi mang hai mươi vết thương và đến tuổi năm mươi bốn tôi chẳng có một đồng xu dính túi, chẳng có ai che chở trên đường đời trong khi tôi đã che chở cho biết bao nhiêu người rồi. Thưa ngài, khi người ta nói với tôi sẽ tôi muốn trả lời: Ngay tức khắc. Bây giờ tôi chỉ xin nghỉ ngơi. Thưa ngài có thể nhận lời rất dễ dàng, không tốn hao gì hết.

-Thưa ông, ta tưởng không phải nghe được những lời như thế, nhất là từ miệng một người luôn luôn sống gần các bậc quyền quý. Ông quên rằng ông đang nói chuyện với vua, với một nhà quý tộc có lẽ cũng thuộc dòng họ đáng giá như ông, khi ta nói sẽ, tức là có thật đấy.

-Thưa ngài, tôi không dám nghi ngờ gì hết. Và đây là điềm kết của cái sự thực kinh khiếp mà tôi tỏ bày: Khi tôi thấy trên bàn này có chiếc gậy thống chế, lưỡi gươm nguyên soái, chiếc vương miện xứ Ba Lan thì xin thề với ngài, thay vì tôi sẽ, thì tôi cả quyết ngay tức khắc. Ô, xin lỗi ngài, tôi là thần dân của ông Henri IV của ngài: tôi không thường hay nói nhưng nói gì thì phải nói cho hết.

Louis nghiêm nghị hỏi: -Hình như trong tương lai, triều đình của ta đối với ông không có vẻ hứa hẹn gì lắm phải không?

Viên sĩ quan kiêu hãnh kêu lên: -Khắp nơi, khắp chốn, người người đều quên nhau. Ông chủ quên người giúp việc và do đó người giúp việc phải quên ông chủ. Thưa ngài, tôi phải sống trong một thời đại khốn khổ. Tôi thấy thanh niên đầy chán nản và sợ hãi, tôi thấy họ rụt rè, trần trụi trong lúc đáng lẽ họ phải giàu có và có quyền uy. Ví dụ mới rồi đây tôi mở cửa cho ông vua nước Pháp đón ông vua nước Anh. Tôi, kém cỏi như thế này, mà suýt cứu được ông vua cha, nếu Chúa không chống lại tôi, Nếu Chúa không nâng đỡ cho Cromwell. Tôi nói gì nhỉ, tôi mở cánh cửa này, nghĩa là mở cửa lâu đài của một người anh em đón một người anh em và cái tôi thấy, thưa ngài, thật là đau lòng. Tôi thấy viên tể tướng

của ông vua này đuổi kẻ lưu đày ra và làm nhục đấng chúa tể của ông ta bằng cách để cho một ông vua khác, bằng vai với ông vua ta, phải lâm vào cảnh bần cùng. Rồi tôi thấy ông hoàng trẻ, đẹp, dũng cảm đầy lòng nhân đạo và cương quyết của tôi run lên trước một lão già cười nhạo ông sau bức màn the, nằm trên giường tiêu phí bao nhiêu là vàng bạc của nước Pháp, trút chúng vào những hòm xiểng không biết chôn giấn nơi đâu. Thưa ngài, tôi hiểu cái nhìn của ngài. Tôi đã táo gan đến bất kính, tôi đã nói với vị chúa tể của tôi những lời mà nếu có kẻ nào nói như thế với tôi thì tôi tống hết vào họng hắn. Nhưng ngài đã muốn tôi đưa ra hết những gì nằm tận đáy lòng thì tôi phải phơi bày gan ruột tôi ra cũng như nếu Hoàng thượng muốn thì tôi sẽ sẵn sàng chịu đổ máu vì ngài.

Nhà vua không nói một lời, chỉ chùi dòng mồ hôi lạnh chảy ròng ròng trên thái dương.

Phút giây im lặng sau những lời giãi bày nồng nhiệt đó là cả thế kỷ đau lòng cho người nói lẫn kẻ nghe. Cuối cùng Nhà vua nói: -Thưa ông, ông đã thốt ra chữ quên và ta chỉ nhớ có mỗi một chữ ấy, và sẽ trả lời chừng ấy mà thôi. Nhiều người dễ quên, nhưng ta không quên. Chứng cớ là ta nhớ lại một ngày bạo loạn, dân chúng nổi giận gầm thét như sóng biển, tràn ngập cung điện ta, ta phải giả vờ ngủ thì một người, chỉ một người, gươm tuốt trần, núp phía chân giường, trông chừng cho ta dù phải nguy hiểm đến tính mạng vì ta, như bao lần ông đã liều mình cho những người của gia đình ta. Thưa ông, có phải nhà quý tộc ấy tên là d'Artagnan không, ông nói đi?

Viên sĩ quan lạnh lùng: -Hoàng thượng có trí nhớ tốt lắm.

Nhà vua tiếp tục: -Ông thấy không, nếu lúc nhỏ ta còn có trí nhớ tốt như thế thì khi lớn lên ta còn có thể nhớ nhiều hơn nữa.

Viên sĩ quan vẫn cùng một giọng: -Hoàng thượng đúng là người được ơn Chúa.

Louis tiếp tục, nét mặt xúc động: -Này ông d'Artagnan, ông không kiên nhẫn bằng ta sao? Ông không chịu làm như ta sao?

-Thưa, ngài làm gì?

-Ta chờ đợi.

-Hoàng thượng có thể làm như thế vì ngài còn trẻ. Nhưng tôi không chờ đợi được: tuổi già đang đứng trước cửa nhà tôi, theo sau là thần chết đang đứng nhìn xuyên suốt căn nhà tôi rồi. Hoàng thượng đang bắt đầu cuộc đời, đầy hy vọng và tương lai xán lạn, nhưng tôi, tôi đã ở tận chân trời phía bên kia. Chúng ta cách nhau xa quá cho nên chẳng bao giờ tôi chờ Hoàng thượng đến với tôi được nữa.

Louis đi vòng khắp phòng, luôn luôn mồ hôi trám chảy ròng ròng – những giọt mồ hôi có thể khiến viên ngự y phải giật mình nếu được chứng kiến. Thế rồi Louis XIV lên tiếng dứt khoát: -Thôi được rồi, ông muốn về hưu phải không? Ông muốn từ chức phó quan ngự lâm quân phải không?

-Tôi xin thành khẩn để chiếc áo ngự lâm dưới chân Hoàng thượng.

-Đủ rồi. Ta sẽ ra lệnh tính tiền hưu cho ông.

-Muôn nghìn đội ơn Hoàng thượng.

Louis cố gắng một lần chót: -Thưa ông, chắc ông sẽ mất một chủ nhân tốt.

-Thưa, tôi tin chắc như thế.

-Ông có chắc tìm được người như thế để phục vụ không?

-Ồ tôi biết rằng Hoàng thượng là kẻ độc nhất trên đời này cho nên tôi sẽ không phục vụ ông vua nào khác và chẳng có chủ nhân nào khác ngoài Hoàng thượng ra.

-Thế à?

-Xin thề với Hoàng thượng như thế.

-Ta ghi nhớ lời ông.

D'Artagnan nghiêng mình cảm tạ. Nhà vua nói tiếp: -Và ông cũng nên nhớ rằng ta có trí nhớ tốt.

-Vâng. Nhưng tôi cũng xin Hoàng thượng quên những phút giây này đi, quên những điều khốn khổ tôi vừa trình bày xong với ngài. Hoàng thượng cao cả trên mọi kẻ khốn cùng, hèn mọn, cho nên.

-Ta đây, như mặt trời, thấy hết cả lớn lẫn nhỏ, cả giàu lẫn nghèo, chiếu sáng người này, sưởi ấm người khác, mãi mãi trên đời này. Thôi, ông được tự do rồi đấy. Ông d'Artagnan ạ.

Nhà vua nấc nghẹn một tiếng trong cổ họng, bước nhanh vào phòng bên cạnh.

Và d'Artagnan nhặt chiếc nón mà ông vừa ném lên bàn bước ra ngoài.

§7. Kẻ lưu đày

Chúng ta sẽ biết ngay rằng d'Artagnan sử dụng thời gian tự do của ông ta như thế nào.

Còn bây giờ thì nếu độc giả cho phép, chúng ta hãy quay trở về nơi quán trọ Medicis có một cánh cửa sổ mở ra khi ở toà lâu đài kia vừa phát lệnh báo Nhà vua ra đi.

Cánh cửa sở mở ra đó là cửa phòng ông hoàng Charles. Cả đêm, ông hoàng khốn khổ này ôm đầu chống tay lên bàn ngồi trầm mặc trong khi Parry ngủ mê mệt trong một góc phòng.

Cuộc đời của người hầu cận trung thành này thật lạ lỳ, anh ta vừa thấy cả chuỗi biến động kinh khủng đã xảy ra ở thế hệ thứ nhất nay lại bắt đầu cho thế hệ thứ hai.

Lúc Charles II suy nghĩ về chuyến thất bại thứ hai của mình, lúc ông thấy rõ nỗi cô đơn hoàn toàn một khi cả mối hy vọng mới nhóm lên đã lùi mãi về phía sau, ông thấy choáng váng cả người và từ trên thành ghế ngã vật xuống chỗ ngồi.

Thế rồi, Thượng đế thương tình cho ông hoàng khốn khổ bèn đưa ông vào giấc ngủ – người anh em vô tội của cái chết đấy. Đến sáu giờ rưỡi ông mới tỉnh dậy, căn phòng đã rực nắng ban mai, còn Parry thì không dám đứng dậy sợ ông tỉnh giấc và đang đau khổ ngắm kỹ chàng thanh niên có đôi mắt đỏ chạch vì thiếu ngủ, đôi gò má xanh xao vì sầu muộn và thiếu ăn.

Tiếng động của những chiếc xe nặng nề lọc cọc đi xuống bến sông Loire đánh thức Charles dậy. Ông đứng lên, nhìn quanh quất như một người đã quên hết mọi sự ở đời. Thế rồi ông nhận ra Parry, bắt tay ông ta và bảo đi thanh toán tiền nong với chủ quán. Cropole bị bắt buộc phải làm việc với Parry nên tính toán một cách thật sòng phẳng. Ông ta chỉ lưu ý Parry, theo thông lệ của ông ta, rằng hai người lữ khách không ăn ở đây thật là uống tới hai lần, một là khiến cho nhà bếp ông phải tủi hổ và hai là khiến ông bắt buộc phải tính thêm một bữa ăn không dùng đến. Parry chẳng biết nói sao và cứ tính toán cho xong.

Ông hoàng nói: -Ta hy vọng rằng mấy con ngựa sẽ không phải chịu thiệt như thế. Ngựa không thuộc vào phần người phải trả. Những người khách đi đường dài như chúng ta mà phải leo lên mấy con ngựa gầy còm thì thật là khốn khổ.

Nhưng Cropole lấy vẻ nghiêm trang để xoá tan mối nghi ngờ đó và trả lời rằng chuồng ngựa nhà Medicis cũng chiều khách như nhà ăn vậy.

Ông Hoàng nhảy lên ngựa, người hầu cũng làm theo rồi cả hai lên đường hướng về Paris. Cả trên các lộ cũng như trong các khu phố đều vắng ngắt.

Đối với ông hoàng thì chuyện vừa xảy ra càng khắc nghiệt vì đây cũng là một cuộc lưu đày mới. Những người bất hạnh thường cố bám lấy bất cứ một tia hy

vọng nào đó giống như người sung sướng bám lấy hạnh phúc to lớn và khi phải rời nơi có nhiều hy vọng nuôi dưỡng họ thì họ cảm thấy nuối tiếc cùng cực như người bị ám khi đặt chân lên chuyến tàu đưa họ đến nơi lưu đày. Một tâm hồn nhiều lần chịu đau thương rõ ràng chỉ bị một vết chích nhỏ cũng thấy đau đớn, và khi hắn ta thấy chỉ một lúc nào đó hết khốn khổ thì đã coi như là được hạnh phúc rồi. Rõ ràng là trong những lúc cùng cực nhất, Thượng đế đã lại ban cho chút hy vọng như giọt nước nhỏ mà tên nhà giàu xấu bụng ở địa ngục đã cầu khẩn nơi Lazarre[288].

Có lúc sự hy vọng của Charles tưởng đã là một niềm vui không phải chỉ thoáng qua. Đó là khi ông thấy người anh em Louis tiếp đón nồng hậu. Hy vọng thành rồi ngỡ sắp thành sự thật. Thế nhưng sự chối từ của Mazarin khiến cho điều sắp trở thành hiện thực đó chỉ còn là mơ mộng. Lời hứa của Louis XIV lại trở thành trò giễu cợt, như ngai vàng, vương trượng, như bạn bè của ông, như tất cả những gì vây quanh thời niên thiếu vương giả của ông mà nay đã rời bỏ ông trong quãng đời thanh xuân chịu bị lưu đày này.

Thật là khôi hài! Tất cả đối với Charles II đều là khôi hài trừ nơi yên nghỉ lạnh lẽo, đen tối của cái chết hứa hẹn đem đến cho mà thôi.

Đó là điều của ông hoàng khốn khổ nghĩ suy trong khi ông buông lỏng dây cương, nằm trên mình ngựa, đi dưới ánh mặt trời ấm áp tháng năm mà trong đầu óc thì lại chán ghét nhân loại.

Một kỵ sĩ phóng nhanh trên con đường ngược lên Blois mà chàng vừa rời khỏi nửa tiếng đồng hồ trước đó, đi ngược tới giáp mặt hai lữ khách và dù đang hấp tấp, chàng cũng giở nón chào họ. Ông hoàng không chú ý lắm đến chàng tuổi trẻ nọ vì chàng kỵ sĩ chỉ độ hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi. Chàng thỉnh thoảng quay lại ra dấu với một người đàn ông đứng trước cổng một ngôi nhà thấp sơn màu trắng và đỏ, xây bằng gạch, đá, lợp ngói đen nằm phía trái trên con đường ông hoàng đi.

Người đàn ông nọ đã già, cao to ốm yếu, tóc bạc trắng, đáp lại cái chào của chàng tuổi trẻ bằng những cử chỉ giã từ âu yếm như của một người cha. Chàng tuổi trẻ vừa khuất sau một khúc quanh có hàng cây xanh đẹp che khuất, ông già sửa soạn đóng cổng vào nhà thì chợt lưu ý đến hai người khách đi đường vừa kịp đến trước cổng.

Chúng ta đã nói là ông hoàng trong khi đi đầu cúi gầm, tay buông thõng dây cương để mặc cho con ngựa tự ý thong thả từng bước một. Còn Parry đi sau thì để đầu trần cho nắng ấm chiếu trên mình, và đưa mắt nhìn ngang ngửa hai bên đường.

Mắt lão bắt gặp cái nhìn của ông già đứng tựa vào cổng và ông già như thấy một chuyện kỳ lạ, bỗng thốt lên một tiếng kêu ngạc nhiên rồi bước tới gần hai người khách.

Đôi mắt ông nhìn lướt qua Parry rồi dừng lại nơi ông hoàng. Vẻ dò xét đó, dù chỉ một thoáng thôi cũng biểu lộ trên khuôn mặt của ông già. Vì ông vừa nhận ra người trẻ hơn trong hai lữ khách. Chúng tôi nói nhận ra vì phải nhận biết rõ mới có thể dẫn đến một cử chỉ: ông già giật mình chắp hai tay lại một cách thành kính, rồi giở nón ra cúi chào sát xuống như sắp quỳ lạy vậy. Dù ông hoàng đang phải trầm tư đến mức lơ đãng cũng nhận thấy cái chào đó nên ông đừng ngựa lại và quay sang Parry.

-Chúa ơi, Parry, người chào ta như thế là ai vậy? Chẳng lẽ hắn nhận ra ta?

Parry hốt hoảng đến xanh mặt vội thúc ngựa bước về phía cổng; lão dừng ngựa cách ông già vẫn còn quỳ chừng năm, sáu bước.

-Thưa ngài, ngài thấy tôi cũng ngạc nhiên đấy, vì tôi hình như đã thấy ông cụ này ở đâu rồi. À đúng, đúng là ông ta. Xin Hoàng thượng cho phép tôi nói với ông ta vài lời.

-Nói đi.

Parry hỏi: -Có phải là ông không, ông Grimaud?

-Vâng, tôi đây. – Ông già đứng dậy nhanh vẫn không bỏ vẻ cung kính.

-Tâu Hoàng thượng, – Parry nói, – tôi không lầm đâu, ông là người hầu của Bá tước De La Fère là nhà quý tộc tôi thường hay nói với Hoàng thượng. Chắc Hoàng thượng còn nhớ không phải chỉ trong trí mà là cả trong tâm khảm đấy.

-Có phải là người chứng kiến giờ phút cuối cùng của cha ta đấy không? – Charles hỏi và giật mình nhớ tới chuyện ấy.

-Tâu Hoàng thượng đúng thế.

-Ôi!

Rồi ông quay sang Grimaud đang nhìn như dò xét ý nghĩ của ông với đôi mắt sáng láng thông minh.

-Ông bạn ơi, chủ ông, Bá tước De La Fère ở gần đâu đây phải không?

-Thưa ở đây, – Grimaud trả lời, tay đưa về phía sau chỉ cánh cổng ngôi nhà màu trắng và đỏ.

-Ngài Bá tước có nhà không?

-Thưa ở phía sau, dưới mấy cây dẻ.

-Parry, – Ông hoàng nói, – ta không muốn bỏ lỡ cơ hội vàng ngọc này cám ơn nhà quý tộc mà gia đình ta phải chịu ơn phục vụ tận tuỵ của ông ta. Giữ giùm ngựa cho ta, ông bạn?

Ông hoàng ném dây cương vào tay Grimaud, một mình bước vào nhà Athos bình dị như vào nhà người bằng vai. Charles đã biết chỗ qua mấy lời vắn tắt của Grimaud nên bỏ qua căn nhà trên mà bước thẳng vào nơi đã chỉ. Chuyện thật dễ dàng vì cách cây dẻ to lớn có ngọn vươn lên trên các cây khác và đầy hoa lá.

Hai bên lối đi xen kẽ những vạt đất hình thoi màu sáng hoặc sẫm ứng với phần tán lá thưa hoặc dày. Ông hoàng trẻ nhận ra nhà quý tộc đang chắp tay sau

lưng đi dạo với dáng bộ trầm tư tỉnh táo. Charles II bước thẳng đến nơi. Nghe tiếng bước chân. De La Fère ngẩng đầu lên, thấy một người lạ dáng vẻ thanh tú, quý phái bước lại, bèn giở nón ra, đứng đợi. Charles II đến cách ông vài bước, cũng lấy nón cầm tay và nói, như để trả lời cho câu hỏi trong im lặng của Bá tước: -Chào Bá tước, tôi đến để làm tròn bổn phận với ông. Từ lâu tôi muốn bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc đối với ông. Tôi là Charles II, con của ông Charles Stuart, người cai trị nước Anh và đã chết trên đoạn đầu đài.

Nghe cái tên danh tiếng ấy, Athos như cảm thấy cả tim mạch run rẩy, như khi nhìn thấy ông hoàng trẻ đứng đầu trần và giơ tay ra với ông, đôi mắt đẹp của ông mờ đi vì hai giọt nước mắt ứa ra.

Ông kính cẩn nghiêng mình, nhưng ông hoàng đã nắm lấy tay ông và nói: -Bá tước xem, tôi khốn khổ đến chừng nào. Chỉ nhờ sự tình cờ tôi mới gặp được Bá tước, than ôi! Sao tôi không thể ở gần những người tôi yêu mến, kính trọng mà lại chỉ giữ được tên tuổi họ trong đầu óc và công lao của họ trong trái tim của tôi thôi? Nếu như không có người hầu của ông nhận ra tôi thì tôi đi qua trước cửa nhà ông như đối với một người xa lạ rồi.

-Đúng vậy, – Athos lên tiếng xác nhận tình cảnh của ông hoàng rồi cúi chào.

-Đúng vậy, Hoàng thượng đã trải qua những ngày thật gian khổ.

Charles nói tiếp: -Than ôi, chắc sẽ lại còn những ngày gian khổ hơn đến tiếp theo đấy?

-Thưa ngài, chúng ta nên ráng hy vọng.

Charles lắc đầu: -Bá tước ơi, cho tới chiều hôm qua tôi vẫn còn mang hy vọng. Tôi thề với Bá tước như vậy, đúng với tư cách một con chiên ngoan đạo.

Athos nhìn ông hoàng như dò hỏi. Charles nói: -Ôi chuyện giản dị lắm: tôi là người bị lưu đày, không còn chút gì cả, bị mọi người coi thường, cho nên dù ghê tởm mình đến đâu đi nữa, tôi vẫn cố gắng một lần cuối để xây dựng lại cơ đồ của tôi. Có phải chăng Thượng đế đã phán quyết tất cả gia đình tôi, tất cả hạnh phúc cũng như nỗi đau khổ của tôi đều từ nước Pháp đưa đến? Bá tước ôi, chắc ông có biết một vài điều gì đó vì ông là một trong những người Pháp mà người cha khốn khổ của tôi đã gặp dưới chân máy chém. Sau những năm tháng trên chiến trường có các ông bên cạnh.

-Thưa ngài, – Athos nhũn nhặn trả lời, – chẳng phải chỉ một mình tôi mà cả các bạn tôi, trong trường hợp đó chúng tôi chỉ làm tròn bổn phận của người quý tộc thôi. Nhưng nếu như Hoàng thượng muốn nghe lại thì.

-Đúng vậy, tôi được sự che chở. Xin Bá tước tha lỗi vì tôi phải ngập ngừng, vì Bá tước đã hiểu đủ chuyện. Bá tước biết rằng đối với một người trong dòng họ chúng tôi, nói lên lời đó thật là một điều khổ tâm. Vâng tôi được sự che chở của tổng trấn nước Hà Lan, người anh em họ của tôi. Nhưng nếu không có sự can

thiệp hay ít ra, không có sự cho phép của nước Pháp thì viên tổng trấn không thể có sáng kiến gì cả. Tôi đành phải đi tìm vua Pháp xin phép và tôi bị từ chối?

-Nhà vua đã từ chối, thưa ngài?

-Ôi chẳng phải ông ta đâu, phải nói một cách công bằng cho người anh em họ trẻ tuổi của tôi. Nhưng ông Mazarin…

Athos cắn chặt môi. Charles nhận ra ngay ý nghĩa của cử chỉ đó.

-Chắc ông nghĩ là tôi đáng lẽ phải thấy trước như vậy?

Bá tước kính cẩn trả lời: -Đúng như ý tôi nghĩ, thưa ngài. Tôi biết kỹ tên tuổi người đó lắm.

-Thế rồi tôi quyết định giải quyết cho xong và để xem rõ số phận tôi như thế nào. Tôi nói với Louis rằng muốn nước Pháp, nước Hà Lan khỏi dính dấp đến, thì để tôi xin tự lo liệu như tôi đã từng làm, với hai trăm nhà quý tộc ông ta giúp tôi và với một triệu đồng ông ta cho tôi vay.

-Thế rồi sao, thưa ngài?

-Thưa ông, lúc bấy giờ tôi cảm thấy một điều lạ, tôi thấy sự thoả mãn trong tuyệt vọng. Tôi cũng như một số người khác, tôi thấy có sự thoả mãn thực sự khi biết chắc rằng tôi sẽ mất tất cả và đã đến lúc phải tàn tạ rồi.

-Ôi, Athos kêu lên, – tôi mong rằng Hoàng thượng chưa đến lúc phải bi quan quá vậy.

-Thưa Bá tước, khi ông nói với tôi như thế là để tôi giữ lại chút hy vọng, nhưng ông không biết rõ những điều tôi vừa nói với ông, Bá tước ơi, tôi vừa đến Blois để xin vay của người anh em tên là Louis của tôi một triệu đồng làm nguồn hy vọng thu xếp công việc, và người anh em Louis đã từ chối. Bá tước đã rõ là chẳng còn gì nữa cả rồi!

-Hoàng thượng có cho phép tôi bày tỏ một ý ngược lại không?

-Sao, Bá tước cho là đầu óc tôi tầm thường đến mức không thể nhận ra hoàn cảnh của mình chăng?

-Thưa ngài, theo tôi thì ngược lại, bao giờ trong các hoàn cảnh tuyệt vọng cũng nảy ra những bước chuyển biến đem đến may mắn cho con người.

-Cám ơn Bá tước. Thật là hân hạnh được gặp người như ông, được gặp những người đủ tin vào Thượng đế và vào nền quân chủ để khỏi phải tuyệt vọng dù là tình cảnh của Hoàng gia bị sa sút đến đâu cũng vậy. Nhưng than ôi, những lời của ông giống như các thang thuốc gọi là thần diệu mà thực ra chỉ chữa được các vết thương có thể lành, còn bây giờ chẳng có gì cứu được tôi ông bạn ôi, chắc chắn rằng tôi phải lên đường lưu đày với ông bạn già Parry của tôi, tôi sẽ quay về nghiền ngẫm nỗi đau thương trong một tu viện nào đó ở Hòa Lan. Bá tước ơi, rồi ở đó mọi sự sẽ tới hồi kết cuộc và cái chết sẽ đến rất nhanh với cái thân xác mỏi mòn này và tâm hồn này vẫn mong đợi ngày về thiên đường.

-Hoàng thượng có mẹ, có em trai, em gái, Hoàng thượng là trưởng gia đình, ngài phải cầu xin Thượng đế cho sống lâu hơn là mong chóng chết. Hoàng thượng bị lưu đày, trốn chạy, nhưng gia đình ngài có quyền đòi hỏi được chiến đấu, được lăn vào nguy hiểm, vào công việc chứ không phải là yên nghỉ trên thiên đường.

Charles đáp bằng một nụ cười buồn khôn xiết: -Bá tước ơi, có bao giờ ông thấy một vị vua lấy lại vương quốc của mình bằng sức của một người già như Parry và với số tiền ba trăm đồng écus mà người hầu này mang trong túi hay không?

-Không, thưa ngài. Nhưng tôi đã hơn một lần có nghe nói rằng một ông vua bị mất ngôi đã lấy lại đất nước bằng một tấm lòng cương quyết, bằng sự bền bỉ, nhờ bạn bè và nhờ một triệu đồng francs khéo sử dụng.

-Nhưng ông chưa hiểu tôi nói gì sao? Người anh em Louis của tôi đã từ chối không giúp đỡ một triệu đồng mà?

Athos nói: -Thưa, Hoàng thượng có cho phép tôi trình bày trong vài phút một đôi điều không?

Charles II chăm chú nhìn Athos và nói: -Sẵn sàng ông ạ.

-Thế thì tôi sẽ chỉ đường cho Hoàng thượng.

Bá tước vừa nói vừa đi về phía ngôi nhà, hướng dẫn ông hoàng vào văn phòng và mời ngồi: -Thưa Hoàng thượng, ngài vừa mới nói rằng với tình trạng hiện nay ở nước Anh thì một triệu quan là vừa đủ để chiếm lại ngai vàng phải không ạ?

-Đó là để thử làm thôi và cũng để chết như một ông vua, nếu tôi không thành công.

-Thế thì, thưa Hoàng thượng, xin ngài hãy nghe tôi nói đây!

Charles gật đầu đồng ý. Athos đi thẳng ra vửa, nhìn quanh quất bên ngoài xem có ai ở gần đó không rồi khoá chết cửa và trở về chỗ.

-Thưa Hoàng thượng, hẳn ngài còn nhớ rằng tôi đã giúp một tay cho vua Charles I rất cao cả và rất khốn khổ, khi bọn đao phủ dẫn ngài từ St. James đến White Hall?

-Vâng tôi còn nhớ và chắc chắn sẽ còn nhớ suốt đời việc đó

-Thưa ngài, làm thân người con mà phải nghe lại câu chuyện thảm thương đó thì thật là khổ tâm tuy ngài chắc đã được nghe nhiều lần rồi. Nhưng tôi bắt buộc phải thuật lại lần nữa mà không để quên chi tiết nào.

-Cứ nói đi, thưa ông.

-Khi vua cha ngài bước lên máy chém, hay đúng hơn, khi ngài bước qua căn phòng để bị đưa vào máy chém đặt bên ngoài cửa sổ, thì chúng tôi đã sẵn sàng tất cả để giải thoát Người. Gã đao phủ bị loại rồi, miếng ván dưới căn phòng đã được khoét một lỗ và tôi ngồi phía dưới đã nghe tiếng răng rắc dưới chân Người.

-Parry đã kể cho tôi nghe mọi chi tiết kinh hoàng đó.

Athos nghiêng mình và tiếp tục: -Đây là đoạn mà ông ta không biết được. Thưa ngài, vì đây là chuyện chỉ xảy ra giữa Thượng đế, cha ngài và tôi mà thôi. Chuyện này chưa được kể với ai hết ngay cả với các bạn thân của tôi. Ông khổ chủ thượng thặng nói với gã đao phủ bịt mặt: "Tránh ra một chút đi. Một chút thôi vì ta biết rằng ta thuộc về người rồi. Nhưng nên nhớ khi ta làm dấu thì hãy ra tay. Để ta đọc kinh một mình".

-Xin lỗi, – Charles xanh mặt nói, – xin lỗi Bá tước, ông đã biết thật nhiều chi tiết của sự việc thê thảm, những chi tiết như ông vừa nói là chưa hề kể cho ai nghe hết, thế thì ông có biết tên của gã đao phủ hiểm độc đó không, tên của kẻ hèn mạt đã giấu mặt để chém ông vua mà khỏi bị trừng phạt đó không?

Athos hơi tái mặt đáp: -Tên hắn ta? Vâng, tôi biết nhưng không thể nói ra được.

-Bây giờ hắn ra sao?

-Ở Anh không ai biết số phận hắn sau này như thế nào cả. Hắn đã chết rồi.

-Có ai là không chết trên giường, không chết bình thường, yên ổn, không chết như một người lương thiện?

-Riêng về phần hắn phải chịu cái chết thê thảm trong một đêm kinh hoàng, giữa sự tức giận của người và bão tố của trời đất. Thân xác hắn bị đâm nhiều nhát rồi bị dìm dưới biển sâu.

-Cầu thượng đế tha thứ cho kẻ giết hắn!

-Thôi, chúng ta hãy quên chuyện đó đi. – Charles II nói sau khi thấy Bá tước không chịu nói thêm nữa.

-Vua nước Anh, sau khi nói như tôi đã kể, liền tiếp: "Nhà ngươi chỉ chém khi ta giơ tay lên nói "Remember", nhớ không?"

-Đúng thế, – Charles nói với giọng khàn khàn.

-Đúng, đó là lời nói cuối cùng của người cha khốn khổ của tôi. Nhưng để làm gì, nói cho ai?

-Nói với nhà quý tộc Pháp đang ở phía dưới.

-Cho ông à?

-Vâng, thưa ngài. Và cả những lời nói của ngài qua các tấm ván có phủ vải đen, cho tới bây giờ vẫn âm vang trong tai tôi. Nhà vua quỳ một gối xuống đất nói: "Bá tước De La Fère ông có ở đó không?" – "Thưa ngài có". Tôi trả lời như thế. Rồi nhà vua cúi xuống.

Charles II tuy hết sức đau khổ nhưng do nôn nóng cũng nghiêng mình về phía Athos để nhận lấy từng tiếng một những lời đầu tiên Bá tước nói ra. Đầu ông kề sát Athos trong khi Athos đang tiếp tục: -Thế rồi Nhà vua cúi xuống: "Bá tước De La Fère, tôi không thể để cho ông cứu. Tôi không chịu như thế. Để

chống đỡ cho một chính nghĩa tôi cho là không xâm phạm được, tôi đã làm mất ngai vàng của cha ông tôi để lại và làm tản lạc gia sản của các con tôi rồi".

Charles II giấu mặt trong lòng bàn tay và dòng nước mắt xé lòng chảy qua các ngón tay trắng trẻo, gầy guộc của ông.

-"Tôi còn một triệu đồng vàng. – Nhà vua nói tiếp. – Tôi đã chôn trong hầm dưới lâu đài Newcastle vào lúc tôi rời thành phố đó".

Charles II ngẩng đầu lên, lẩm bẩm: -Một triệu! Ôi, Bá tước ơi!

-"Số tiền đó, chỉ mình ông được biết, ông hãy sử dụng nó khi ông thấy rằng đã đến lúc cần sử dụng một cách phải phép nhất cho người con trưởng của tôi". Thôi Bá tước De La Fère, hãy nói lời vĩnh biệt với tôi đi – "Vĩnh biệt, xin chào vĩnh biệt ngài", tôi kêu lên.

Charles II đứng dậy áp vầng trán nóng hổi vào cạnh cửa sổ Athos tiếp tục: -Chính vào lúc đó, ông vua đã thốt lên tiếng "Remember" dành cho tôi. Thưa ngài, ngài thấy rõ là tôi đã nhớ mãi.

Charles không kiềm chế được xúc động. Athos thấy hai vai của ông hoàng rung lên bần bật. Ông nghe tiếng thổn thức trong lồng ngực kia. Ông nín lặng vì cũng xúc động bởi cả những kỷ niệm chua xót mà ông vừa gợi nên cho ông hoàng trẻ tuổi Charles II gắng gượng tột bực để rời khung cửa sổ, nuốt nước mắt đến ngồi cạnh Athos. Bá tước nói: -Thưa ngài, cho đến nay tôi vẫn tưởng là chưa đến lúc dùng tới số tiền đó, nhưng khi tôi đăm đăm nhìn vào đất Anh, tôi đoán lúc đó đến gần rồi. Mai đây, tôi định cho người tìm xem Hoàng thượng ở đâu và đi tìm ngài. Nay ngài lại đến tôi thì đúng là Thượng đế đã ở về phía ta rồi.

Charles nói với một giọng ngắt quãng bởi cảm động: -Thưa ông, ông như một thiên thần của Thượng đế gởi đến tôi, ông là người cứu tôi do thân phụ tôi sống từ mồ trỗi dậy nhưng ông thấy không, từ mười năm nay, xứ sở tôi đã lại chịu nội chiến tàn phá, đảo lộn lòng người, xáo trộn đất đai. Chắc không còn chút vàng nào trong đất của tôi cũng như cllẳng còn tình yêu thương nào trong lòng người dân của tôi đâu.

-Thưa ngài, nơi Hoàng thượng chôn một triệu đó tôi biết rất rõ và chắc chắn rằng chẳng ai có thể tìm ra được hết. Vả lại, chắc gì lâu đài Newcastle đã sập hết rồi không? Có phải người ta đã triệt hạ từng viên đá và đào xới từng tấc đất không?

-Không, nó còn ở đó và là chỗ đóng quân của tướng Monck. Ông thấy không, nơi duy nhất mà tôi chờ đợi, nơi tôi có nguồn lợi thì lại bị kẻ thù của tôi chiếm mất rồi.

-Thưa ngài, tướng Monck không thể khám phá ra kho vàng tôi nói đó.

-Đúng vậy, nhưng chẳng lẽ tôi lại đi nạp mình cho Monck để có được kho vàng? Bá tước ơi, ông thấy đó, thôi thì hãy bằng lòng với số phận bởi vì cứ mỗi lần tôi ngẩng đầu lên thì nó lại đạp tôi xuống. Chỉ với Parry là người giúp việc,

với Parry mà có lần Monck đã đuổi đi thì làm cách nào? Thôi, thôi, Bá tước ơi, đành phải nhận cú giáng cuối cùng này vậy thôi.

-Điều mà Hoàng thượng không làm được, Parry không làm được, tôi có làm được không?

-Ông, ông Bá tước.

Athos ngả nón chào.

-Tôi sẽ đi, nếu Hoàng thượng cho phép, vâng tôi sẽ đi.

-Nhưng ở đây Bá tước đang sống hạnh phúc.

-Thưa ngài, tôi sẽ không bao giờ thấy được hạnh phúc nếu còn chưa làm tròn bổn phận, thế mà việc vua cha của ngài giao cho tôi trông coi tài sản lại là một bổn phận tối thượng. Cho nên, bây giờ ngài chỉ ra lệnh là tôi đi ngay với ngài.

Ông hoàng quên cả lễ nghi cách biệt, nhảy lại choàng cổ Athos: -Bá tước! Ông làm tôi thấy rằng còn có Thượng đế ở trên trời và đôi khi ngài cũng đưa thiên sứ xuống với những con người khốn khổ ở trần thế này.

Athos xúc động trước sự nồng nhiệt của chàng trẻ tuổi nên tỏ dấu cảm ơn, rồi bước đến cửa sổ gọi ra: -Grimaud, thắng ngựa đi.

Ông hoàng thốt lên: -Sao, ngay bây giờ ư? Đúng ông là một con người kỳ diệu?

-Thưa ngài, – Athos trả lời,

-Đối với tôi, việc gấp nhất là phục vụ Hoàng thượng. – Rồi ông mỉm cười nói tiếp – Vả lại tôi đã tập theo thói quen từ lâu, từ lúc làm việc cho Hoàng hậu. cô của ngài và Hoàng thượng cha ngài rồi. Thế thì làm sao tôi lại mất thói quen vào lúc phải phục vụ ngài?

Ông hoàng lẩm bẩm: -Con người thật đáng vị nể!

Rồi sau một lúc suy nghĩ, ông nói: -Nhưng không, thưa Bá tước, tôi không thể để ông lăn lưng vào gian khổ thiếu thốn như vậy. Tôi chẳng có gì để đền ơn công cán cao cả của ông.

Athos cười: -Ôi Hoàng thượng nhạo tôi, ngài có một triệu đồng mà.

-Nếu tôi chỉ được một nửa như thế là tôi có thể lập cả một trung đoàn. Nhưng cảm ơn Thượng đế, tôi vẫn còn vài vòng vàng và một ít kim cương của gia đình.

-Mong rằng Hoàng thượng xài chung với người tớ trung thành này.

-Chung với một người bạn. Vâng, thưa Bá tước, với điều kiện là ông bạn đó sau này phải chịu chia phần với tôi.

Athos kéo một ngăn tủ rút ra tiền vàng và đồ trang sức.

-Thưa ngài, bây giờ chúng ta giàu rồi. May là chúng ta có tới bốn người để chống với kẻ trộm.

Nỗi vui mừng làm đôi má Charles hồng lên. Ông thấy Grimaud mang giày ủng đi đường, dắt hai con ngựa đến hàng cột hành lang.

-Này Blaisois, mang thư này cho tử tước De Bragelonne. Ai có hỏi thì nói ta đi Paris. Anh trông nhà, Blaisois ạ.

§8. D'Artagnan đi tìm Aramis và Porthos ở đâu?

Chưa đầy hai giờ đồng hồ kể từ khi chủ nhân rời nhà lên đường đi Paris trong cái nhìn hút theo của Blaisois, thì một kỵ sĩ cưỡi ngựa khoang béo tốt đến dừng trước cánh cổng sắt và thét lên tiếng "hê!" vang dội.

Các mã phu, những người làm vườn còn đang vây quanh Blaisois, anh chàng "sử gia" quen thuộc của bọn tôi tớ trong nhà. Tiếng "hê" rất quen với Blaisois nên anh ta ngoảnh lại, kêu: -Ô! Ngài d'Artagnan. Các anh kia mau mở cửa ra!

Cả một tốp tám người lao đến cánh cổng mở ra, nhẹ nhàng như lôi một chiếc lông vũ và ai nấy cũng đều tíu tít chào thưa vì họ đã từng thấy chủ nhân tiếp đón người bạn thân này nồng nhiệt như thế nào rồi.

Ngài d'Artagnan nhún mình trên bàn đạp rồi bước xuống đất, mỉm cười hòa nhã: -Thế nào? Ông Bá tước thân yêu đâu rồi?

-Ô, ngài thấy đó, thật rủi ro cho ngài, – Blaisois nói, – ngài Bá tước chủ tôi cũng thật rủi ro không được tiếp ngài. Ngài Bá tước vừa ra đi không quá hai tiếng đồng hồ rồi.

D'Artagnan không ngạc nhiên lắm, nói: -Tốt, ta thấy là anh nói giọng Pháp thuần nhã nhất thế giới, anh phải dạy ta học văn phạm và lối nói quý phái để ta chờ chủ anh về.

-Không được đâu, thưa ngài, – Blaisois nói, – ngài phải chờ lâu lắm.

-Ông ta không trở về trong ngày sao?

-Thưa ngài, ngày mai, ngày kia cũng không. Ngài Bá tước đi du lịch.

-Du lịch!- D'Artagnan nói. – Anh kể chuyện nằm mơ đấy

-Thưa ngài, đúng đấy ạ. Bá tước cho phép tôi trông coi nhà cửa và còn nói thêm với giọng oai nghi và êm ái – đối với tôi thì đó cũng chỉ là một: "Ai hỏi thì ngươi nói ta đi Paris".

D'Artagnan kêu lên: -Thế thì ta chỉ cần biết ông ta đi Paris là đủ rồi, ta bắt đầu từ đó ông ta đi hai giờ trước ta phải không?

-Thưa ngài, vâng.

-Chắc ta bắt kịp được. Ông ta đi một mình?

-Không, thưa ngài.

-Ai đi với ông ta?

-Có một nhà quý tộc tôi không biết tên, một ông già và ông Grimaud.

-Bấy nhiêu người đó không thể chạy nhanh hơn ta được. Ta đi!

Blaisois áp nhẹ mình vào cương ngựa: -Ngài nghe tôi một chút được không?

-Được, miễn là anh nói nhanh lên, đừng dài dòng.

-Thế thì, thưa ngài, cái chữ Paris đó chỉ là để đánh lừa.

D'Artagnan nghiêm nét mặt lại: -Ô? Đánh lừa?

-Thưa vâng, và ngài Bá tước không đi Paris đâu, tôi chắc là như thế.

-Ai cho anh biết?

Thế này này. Ông Gimaud luôn luôn biết ông chủ đi đâu và đã hứa với tôi là ngay lần đi Paris đầu tiên, ông sẽ mang giùm một ít tiền gởi cho vợ tôi.

-À? Thế ra anh có vợ rồi?

Vợ tôi người ở đây nhưng Bá tước thấy nó rộng miệng quá nên tôi gửi nó đi Paris. Có lúc thì bất tiện đấy nhưng cũng có lúc dễ chịu.

-Ta hiểu rồi, nhưng nói nốt đi. Anh nói là không tin Bá tước đi Paris à?

-Vâng, thưa ngài, vì như thế thì Grimaud đã thất hứa. Ông ta đã thề thốt rồi, không thể được?

-Không thể được, – D'Artagnan lặp lại, vẻ mơ màng vì ông cũng tin như thế,

-Thôi được, anh Blaisois thân mến, cảm ơn anh.

Blaisois nghiêng mình cảm tạ.

-Này, anh biết rằng anh ta không có tính tò mò. Ta rất cần gặp ông chủ anh. Anh vốn rất khéo nói, anh nên nói một chút gì đó để ta có thể hiểu được. Một chút xíu thôi còn lại thì để ta đoán.

-Thưa xin thề với ngài là tôi không làm được. Tôi hoàn toàn không biết về mục đích chuyến đi của Bá tước. Còn nói chuyện nghe lén nơi cửa sổ thì xấu hổ quá, vả lại điều này ở đây bị cấm.

D'Artagnan nói: -Anh bạn, điều gì cũng được, ít ra anh cũng biết ngày Bá tước về chứ?

-Chẳng hơn là biết ông ta đi đâu chút nào.

-Cứ tiếp tục đi! Blaisois lục trí nhớ thử coi!

-Như vậy là ngài nghi ngờ sự thành thật của tôi! Ôi ngài làm tôi buồn phiền lắm đó.

-Quỷ tha ma bắt cái lưỡi dẻo quẹo của anh ta, – D'Artagnan lẩm bẩm. – Thôi từ giã.

D'Artagnan ném cái nhìn về phía ngôi nhà, quay ngựa đi, vẻ thản nhiên như chẳng có gì phải bận tâm hay tức giận cả.

Khi đến đầu tường thành và ngoài tầm mắt của mọi người ông mới bật thở ra.

-Hãy xét lại coi. Athos có ở nhà không? Không. Mấy tên chó chết khoanh tay chơi trong sân nếu bị chủ bắt gặp thì ha hồ no đòn. Athos đi du lịch? Khó tin được. Chuyện này thật kỳ bí. Mà này, không, đây không phải là người ta muốn tìm. Ta cần một tay ranh ma, kiên trì, phải đi tìm ở Melun, nơi các xứ đạo ta quen. Bốn mươi lăm dặm đường. Bốn ngày rưỡi!

Thôi, trời đẹp còn ta thì muốn làm gì cũng được. Thôi rút lẹ đường Thế rồi ông quất ngựa phi về phía Paris. Ngày thứ tư ông đến Melun đúng như ý ông muốn.

D'Artagnan có thói quen là không bao giờ hỏi đường một người nào hay hỏi một việc gì tầm thường. Đối với mấy chi tiết ấy, trừ khi có sai quá còn, thì ông tin ở khả năng nhạy cảm của mình, ở kinh nghiệm ba mươi năm sống, và ở thói quen phân biệt được dáng dấp của các mái nhà cũng như trên các khuôn mặt người một cách chuẩn xác.

Ở Melun, d'Artagnan tìm ra ngay nhà thờ đạo – là một ngôi nhà duyên dáng quét vôi trắng trên lớp gạch đỏ, với các dây nho leo dọc theo ống máng và cây thập tự giá cắm trên đỉnh gác chuông.

Từ căn phòng thấp của ngôi nhà ấy, có một tiếng động, hay nói đúng hơn một loại âm thanh tuôn ra như tiếng chim con vừa nở kêu ríu rít. Rõ ra là trong ấy có tiếng đánh vần chữ cái.

Một giọng vừa trầm vừa cao lên tiếng la rầy những kẻ chuyện trò ồn ào và sửa lại giọng đọc của người kia.

D'Artagnan nhận ra giọng nói ấy, và vì cửa sổ căn phòng thấp được mở ra, nên ông ngồi trên mình ngựa, nghiêng mình dưới tàn nhò và kêu to lên: -Bazin, Bazin thân mến, mạnh giỏi không?

Một người thấp, béo, khuôn mặt dẹt, đầu tóc hoa râm hớt kiểu thầy tu và đội mũ dạ đen đứng lên khi nghe tiếng d'Artagnan. Nói đứng lên thì không đúng, phải nói là nhảy dựng lên. Bazin nhảy lên làm cái ghế ngồi đổ xuống và lũ trẻ giành nhau dựng dậy tựa như lính Hy Lạp giành thây Patrocle với lính thành Troie vậy. Không phải chỉ nhảy lên mà Bazin còn đánh rơi quyển sách vần và cây roi cầm nơi tay khi nghe tiếng d'Artagnan. Ông nói: -Ơ ngài, ngài d'Artagnan?

-Vâng, tôi đây, Aramis ở đâu. Không phải, ngài hiệp sĩ D'Herblay, không tôi lại lộn nữa, ngài trợ tế, ở đâu?

Bazin trả lời nghiêm chỉnh: -Ồ! Thưa ngài, Đức ông ở Giáo phận của ngài.

-Ông ta vui không? – D'Artagnan hỏi.

Bazin lập lại câu nói trước: -Ái chà? Aramis có giáo phận rồi à?

-Thưa ngài, vâng. Tại sao lại không?

-Vậy thì ông ta đã làm giám mục rồi sao?

-Nhưng ngài ở đâu mà không biết mấy chuyện này? – Bazin trả lời với giọng hơi bất nhã.

-Anh Bazin thân mến ơi, bọn ta là dân võ biền, bọn ta có thể biết rõ ai là đại tá hay tư lệnh mặt trận, thống chế, nhưng nếu ai đó là Giám mục, Hồng y hay Giáo hoàng, thì ta đếch biết, cho dù tin tức đã đi hết ba phần tư trái đất cũng vậy.

Bazin trợn tròn mắt: -Suỵt! Suỵt! Chớ làm hư mấy đứa bé, tôi đang dạy chúng những lời của thánh hiền.

Bọn trẻ quả đang đi vòng quanh d'Artagnan ngắm nghía con ngựa, thanh gươm to tướng, giải tua và dáng hùng dũng của ông. Chúng ngưỡng mộ giọng nói sang sảng của ông đến nỗi khi ông nhấn mạnh tiếng chửi thề thì cả trường

đều la lớn "Đếch biết", cùng lúc với tiếng cười vui vẻ ầm ĩ, tiếng giậm chân ồn ào khiến cho người lính ngự lâm rất hả dạ còn ông giáo già thì lại muốn điên cả đầu. Ông ta la lên: -Im đi, lũ nhỏ này! Này, ngài d'Artagnan ơi, ngài tới đây, thế là các nguyên tắc tốt đẹp của tôi đã dạy bị tiêu ma hết rồi. Ôi trời đất ơi! Đồ khùng, đồ điên!

Thế là bậc thầy đáng kính Bazin lập tức nhập vào đám học trò để dạy chúng đổi tánh, nhưng chỉ càng làm chúng la ồn hơn lên. Ông nói: -Thôi ngài hết người để làm hư hỏng ở đây nữa rồi.

D'Artagnan mỉm cười khiến Bazin thấy rùng mình: -Có chắc không? Giáo phận của chủ anh ở đâu?

-Đức ông René làm giáo mục ở Vannes.

-Ai phong cho ông ta?

-Thì ngài tổng giám, bạn láng giềng của chúng tôi đấy.

-Ông Fouquet à?

-Đích thị.

-Armis thân với ông ta sao?

-Đức ông chủ nhật nào cũng làm lễ ở nhà ngài tổng giám ở Vaux (Vô), rồi sau đó hai người đi săn với nhau.

-À hèn chi.

-Và Đức ông thường viết bài giảng không, bài thuyết giáo với ngài tổng giám.

-Và rồi do dó mà Aramis được ở Vannes.

-Ở Vannes, thuộc sứ Bretagne đấy.

-Anh láu lắm Bazin à. Không đúng vậy đâu.

-Ngài coi, các phòng trong nhà thờ đều trống trơn kìa?

D'Artagnan nhận ra căn phòng vắng ngắt.

-Anh nói đúng thật.

-Nhưng Đức ông có báo tin được phong chức cho ngài mà!

-Báo bao lâu rồi?

-Một tháng.

-Thế thì, chẳng cần phải mất thì giờ làm gì nữa,Aramis không còn cần tới ta nữa. Nhưng này, Bazin, sao anh không làm giáo sĩ?

-Thưa ngài, không được, tôi bận việc.

D'Artagnan tự nhủ: "Đúng như thế rồi. Chẳng nên cho những người này lạc lõng" – Rồi nói to: -Bazin kiếm cái gì cho ta ăn đi.

-Vâng, tôi làm ngay đây, thưa ngài.

-Con gà giò, tô xúp, và chai rượu là đủ.

Bazin nói: -Hôm nay thứ bảy, ngày chay.

-Ta được miễn mà, – D'Artagnan nói.

Bazin quay vào bảo đứa học trò lớn nhất đi báo với nhà bếp. Trong khi đó, d'Artagnan nhìn vào nhà thờ và nói một cách khinh thường.

-Trời ơi chỗ Đức ông ăn ở tồi tàn quá.

-Chúng tôi có lâu đài Vaux[289] rồi.

D'Artagnan càu nhàu: -Chắc là lớn như Bảo tàng viện Le Louvre.

Bazin cũng ngang nhiên trả lời: -Còn lớn hơn nữa.

-Úi chà!

Có lẽ d'Artagnan còn kéo dài cuộc tranh luận và nhất quyết cho rằng Le Louvre còn to hơn, nhưng ông chợt thấy con ngựa mình cỡi đang cột ở ngoài cửa nên la lên: -Trời! Cho ngựa ta ăn đi. Ông giám mục chủ anh chắc không có con ngựa nào như thế đâu.

-Ngài tổng giám có cho Đức ông bốn con trong chuồng của ngài và chỉ một trong bốn con đó cũng bằng bốn con của ngài rồi.

D'Artagnan tức đến đỏ mặt. Tay chân ngứa ngáy, ông nhìn xem trên đầu Bazin có chỗ nào tiện đặt quả đấm của mình không. Nhưng thoáng chốc ông quên đi và chỉ nói: -Ôi trời, ta nghĩ rằng thôi không phục vụ Nhà vua nữa là đúng đấy. Ông Bazin đáng trọng nể ơi, ngài tổng giám có bao nhiêu lính ngự lâm?

Bazin khép sách lại và huơ roi ra hiệu cho bọn trẻ giải tán: -Ngài có đủ tiền để thu nhận tất cả lính ngự lâm của vương quốc.

-Trời! Trời! – D'Artagnan hết ý kiến rồi.

Người ta báo cơm đã dọn, d'Artagnan theo bà đầu bếp vào phòng ăn đã sẵn sàng. Ông ngồi vào bàn, chộp nhai ngay con gà giò người ta quên vỗ béo.

-Hình như là ta đã sai lầm khi không đi phục vụ cho ông chủ này. Ngài tổng giám có vẻ đúng là một lãnh chúa đầy quyền uy. Thế mà bọn ta ở triều đình, bọn ta không biết gì hết. Ánh nắng mặt trời đã ngăn chúng ta không thấy mấy ngôi sao lớn vốn cũng là những mặt trời nhưng phải cái tội là cách xa chúng ta đấy thôi.

D'Artagnan vốn khoái theo nguyên tắc là bắt mọi người nói chuyện về điều ông ta ưa nên ông chĩa mũi dùi vào Bazin.

Nhưng thật vô ích. Anh chàng này, ngoài những lời tâng bốc tán tụng ông tổng giám tài chính còn thì lo giữ mồm giữ miệng chỉ đáp lại sự tò mò của d'Artagnan bằng những lời nhạt phèo khiến ông bực mình và ăn xong liền đòi đi nghỉ ngay.

D'Artagnan được Bazin dẫn vào một căn phòng hơi bê bối có giường chiếu khá tồi tàn. Nhưng ông không phải là người khó tính. Bazin nói Aramis đã mang chìa khoá phòng riêng đi rồi và vì d'Artagnan biết rằng Aramis là một con người ngăn nắp, trong phòng thường cất giữ rất nhiều đồ đạc, nên ông chẳng ngạc nhiên tí nào. Cái giường tương đối cứng hơn con gà giò nhưng ông nhào tới nó cũng

hăng hái như khi chộp con kia và vì dễ ăn dễ ngủ nên ông thiếp ngay, nhanh như khi ông mút đến cái xương rô ti cuối cùng.

Từ khi không phải phục vụ cho ai hết, ông đã định rằng nếu ngày xưa ngủ tỉnh bao nhiêu thì nay phải say bấy nhiêu.

Nhưng dù dùng đủ cách, đến nửa đêm, ông vẫn bật tỉnh dậy vì tiếng xe ngựa và tiếng mã phu ngoài đường. Vách phòng ông đột nhiên sáng chói lên, ông vụt nhảy ra khỏi giường và chạy ra cửa sổ ông dụi mắt: "Nhà vua trở về chăng? Cả đoàn người và xe kia chỉ có thể là của Hoàng gia thôi".

-Ngài tổng giám muôn năm?

Có tiếng kêu, hay đúng hơn là tiếng gào từ cửa sổ tầng dưới vang ra mà d'Artagnan nhận ra ngay là của Bazin đang đứng ở đấy, vừa la hét vừa cầm khăn vẫy vẫy và tay kia cầm cây đen cầy to tướng.

Thế rồi d'Artagnan thấy cái gì như một bóng người nghiêng ra ngoài cánh cửa sổ chính; đồng thời trong khi đó có cả tràng tiếng cười dài – có lẽ do khuôn mặt kỳ quặc của Bazin tạo nên – tung ra từ cỗ xe ấy và như một nỗi vui kéo dài theo đoàn người ngựa vụt qua d'Artagnan nói: -Đáng lẽ ta phải thấy ngay là không phải vua đấy. Không ai cười như thế khi Nhà vua đi qua đâu.

Rồi ông gọi Bazin lúc này đang chồm đến ba phần tư thân mình qua cửa sổ để ngóng theo đoàn xe.

-Cái gì thế, Bazin?

-Ông Fouquet đấy. – Bazin nói với giọng kể cả.

-Còn mấy người kia?

-Triều đình ngài Fouquet đấy.

-Úi dà, – D'Artagnan kêu lên, – ngài Mazarin mà nghe thấy thế thì anh ăn nói làm sao với ngài?

Và ông quay lại giường ngủ tiếp trong mơ màng, với ý nghĩ không biết bằng cách nào mà Aramis được hưởng sự che chở mãi mãi của con người quyền uy nhất của vương quốc.

"Hắn may hơn ta hay ta ngu hơn hắn? Lạ thật".

Đây là những chữ dùng để kết thúc câu và ý từ khi d'Artagnan trở nên biết chuyện hơn. Ngày xưa, ông nói "chán quá như một tiếng gây khích động, bây giờ già rồi, ông chỉ lẩm bẩm "lạ thật", như một triết gia cam phận dùng để chặn nỗi ham muốn của mình lại.

Khi d'Artagnan biết chắc rằng ông D'Herblay thực không có ở đây thì ông giã từ Bazin không hối tiếc và thâm trầm liếc nhìn toà lâu đài Vaux đang sáng lên rực rỡ đến độ tàn tạ. Ông thúc con ngựa trong khi cắn chặt môi như một con người đầy hoài nghi, bi quan và nói: -Thôi đi đi ta sẽ tìm được con người và cái tủ sắt khá lớn ở Pierrefonds. Ta chỉ cần thế thôi, vì ta đã có sẵn phương hướng rồi.

Xin các độc giả bỏ qua cho những chuyện lặt vặt dọc đường của d'Artagnan cho đến sáng thứ ba, lúc ông tới Pierrefonds. Từ xa ông đã thấy toà lâu đài của Porthos đứng trên bờ một hồ lớn kế bên một khu rừng xinh đẹp.

Sau khi nhìn thấy những hàng cây cối sum sê, thấy ánh mặt trời tháng Năm chiếu vàng trên các ngọnn đồi xanh tươi, và những cánh rừng kéo dài đến mãi tận Compiègne, d'Artagnan chợt nhận ra trên một chiếc xe là một cái nhà hộp khá lớn có hai gia nhân đẩy và hai người kéo đi. Trong hộp ấy có hai vật to tướng màu xanh lá và vàng chói lắc qua lắc lại theo sức đẩy và kéo trên các lối đi tươi mát của công viên. Cái vật đó nếu ta đứng đằng xa thì không thể thấy rõ và chẳng hiểu gì cả; đến gần, mới biết đó là một cái thùng phuy phủ dạ màu xanh lá cây có viền kim tuyến, gần hơn nữa thì rõ là một con người hay nói đúng hơn, một con lật đật, phần dưới choáng đầy cái nhà hộp; lại gần nữa thì chính là Mousqueton.

Mousqueton tóc bạc trắng và mặt đỏ gay như chú rối Polichinell.

D'Artagnan kêu lên: -Kìa! Đích thị ông Mousqueton thân mến rồi.

-A! – Con người to tròn kia hét lên.

-Ô! Hạnh phúc thay! Sung sướng thay! Đúng là ngài d'Artagnan! Dừng lại… bọn ranh – Cái từ cuối là để dành cho những gia nhân đang kéo và đẩy xe.

Cái hộp dừng lại. Bốn người hầu, nhanh nhẹn hết sức như lính nhà nghề, đồng loạt giở nón viền kim tuyến ra và đứng xếp hàng phía sau hộp.

Mousqueton nói: -Ôi ngài d'Artagnan, tiếc rằng tôi không thể ôm hôn gối ngài được, ngài thấy đấy, tôi bị què rồi.

-Tội nghiệp không, anh Mousqueton thân mến ơi, tại tuổi già đấy.

-Không phải đâu thưa ngài, không phải tại tuổi già. Tại tật bệnh, tại buồn khổ.

D'Artagnan làm một vòng quanh cái hộp: -Mousqueton, anh mà buồn à? Ơn Chúa, anh khỏe mạnh như một cây sồi ba trăm năm đấy.

Người hầu cận trung thành nói: -Cái chân, thưa ngài, đôi chân của tôi.

-Sao, đôi chân làm sao?

-Điều này thì chúng không có gì phiền trách tôi hết. Chúng không muốn cõng cái thân tôi nữa rồi.

-Đồ bội ơn bạc nghĩa. Nhưng theo ta thì tại anh đã nuôi nấng chúng quá kỹ càng đấy.

Mousqueton thở dài: -Vâng, đối với thân xác bao giờ tôi cũng hết lòng. Tôi không ích kỷ được.

Rồi Mousqueton lại thở dài. D'Artagnan nhủ thầm: "Hay là Mousqueton muốn làm Nam tước?"

Mousqueton nói sau khi dứt mình ra khỏi cơn mơ mộng nặng nề: -Chúa ơi. Chắc là Đức ông vui sướng được ngài nghĩ tới đây!

-Bạn Porthos tốt bụng,- D'Artagnan kêu lên – Tôi muốn được ôm hôn hắn ngay.

Mousqueton mủi lòng: -Ồ để tôi viết thư cho.

D"Artagran kêu lên.

-Anh phải viết thư cho ông ta?

-Ngay ngày hôm nay, không chậm trễ chút nào.

-Anh ta không ở đây à?

-Không, thưa ngài.

-Ở gần hay ở xa?

-Làm sao tôi biết được?

-Là sao? – Người lính ngự lâm giận chân la lớn – Chán quá, rủi cho ta rồi. Porthos trụ mình mãi, thế mà…

-Thưa ngài, không ai ở một chỗ như Đức ông tôi, nhưng mà…

-Mà sao?

-Khi một người bạn thúc giục.

-Bạn?

-Đúng rồi? Ngài D'Herblay kính mến đấy.

-Aramis hối thúc Porthos?

-Chuyện thế này này, thưa ngài d'Artagnan. Ngài D'Herblay viết thư cho Đức ông.

-Thực không?

-Một bức thư được đưa tới như lửa cháy mày!

D'Artagnan nói: -Kể ta nghe đi. Nhưng trước hết hãy bảo bọn này lánh đi!

Mousqueton la lên một tiếng "Cút đi, đồ ăn lại" từ trong lồng ngực vụt ra, to đến mức chỉ cần hơi thở, không cần lời nói cũng đủ làm bay tuốt bốn người gia nhân. D'Artagnan ngồi trên đòn khiêng và lắng tai nghe Mousqueton nói: -Thưa ngài, Đức ông có nhận một bức thư từ ngài tổng giám mục cách nay tám hay chín ngày gì đó. Đó là ngày vui chơi nơi thôn dã, vâng, đúng là thứ tư.

D'Artagnan ngạc nhiên.

-Cái gì thế? Ngày vui thôn dã là cái gì?

-Thưa ngài, chúng tôi ở đây có nhiều thú vui lắm, dồn dập chồng chất đến nỗi chúng tôi phải phân ra để tuần tự hưởng thụ.

-Ôi, đúng là tính ngăn nắp của Porthos. Ta không nghĩ được như thế đâu. Ta không bao giờ có điều hưởng thụ nhiều đến bị tràn ngập.

-Ây! Chúng tôi bị như thế đấy – Mousqueton nói.

D'Artagnan hỏi: -Thế thì các anh thu xếp làm sao?

-Kể ra thì hơi dài.

-Chẳng sao đâu, chúng ta còn thừa thì giờ. Vả lại anh bạn Mousqueton thân mến ơi, anh nói hay lắm nên ta rất thích nghe.

Mousqueton tỏ vẻ bằng lòng với lời khen đúng ấy.

-Thật ra là tôi đã được học hỏi nhiều trong khi đi chung với Đức ông.

-Ta đang đợi các trò vui được sắp đặt đó, Mousqueton ạ.

-Mà nôn nóng lắm. Để coi thử có phải ta đến nhằm ngày tốt không?

Mousqueton buồn bã trả lời: -Ôi, thưa ngài d'Artagnan, từ hôm Đức ông ra đi trò vui bay mất hết rồi.

-Thôi thì, anh Mousqueton thân mến ơi, hãy kể lại đi cũng được.

-Ngài muốn tôi bắt đầu từ ngày nào?

-Trời ạ! Thôi bắt đầu ngày chủ nhật, ngày của Chúa đấy.

-Chủ nhật, thú vui tôn giáo. Đức ông đi lễ, nhận bánh Thánh, nghe diễn từ và giáo huấn của vị linh mục. Chẳng vui gì lắm, nhưng chúng tôi đang đợi bổ về một tu sĩ dòng Carmes[290] nghe đồn ăn nói giỏi lắm để đánh thức chúng tôi dậy chứ còn cái ông linh mục hiện tại cứ khiến chúng tôi ngủ đứng ngủ ngồi mãi. Vậy thì ngày chủ nhật là hưởng thú vui tôn giáo. Thứ hai, hưởng thú vui trần tục.

D'Artagnan kêu lên: -À! à! Mousqueton, anh hiểu thế là thế nào. Cho ta biết vài thú vui trần tục đi.

-Thưa ngài, thứ hai, chúng tôi gặp nhau, tiếp nhau, đi thăm nhau, thổi kèn sáo, nhảy, đi thơ thẩn rồi đốt một ít hương thơm để…

Người lính ngự lâm phải hết sức lên gân nơi bắp thịt quai hàm để bặm miệng khỏi cười bung ra.

-Đồ mắc dịch! Đó là thói ga lăng quá quắt.

-Thứ ba, thú vui trí thức.

-Ồ! Tốt – D'Artagnan nói, – vui cái gì? Mousqueton thân mến, nói cụ thể cho ta nghe đi.

-Đức ông mua một quả cầu. Chốc nữa, tôi sẽ chỉ cho ngài xem, – quả cầu choáng cả cái tháp lớn trừ ra chỗ của cái hành lang nằm phía trên quả cầu. Mặt trăng, mặt trời thì được treo gần đấy bằng các sợi chỉ hay các sợi đồng thau. Quả cầu xoay. Đẹp lắm. Đức ông chỉ cho tôi các vùng biển, vùng đất nơi xa xôi. Chúng tôi đã hứa là chẳng bao giờ đến đó cả. Thật là đầy thích thú.

-Đầy thích thú, dùng từ đúng thật – D'Artagnan lặp lại.

-Còn thứ tư?

-Thú vui đồng quê. Tôi có hân hạnh được trình với ngài hiệp sĩ rồi. Chúng tôi ngắm đàn cừu và dê của Đức ông. Chúng tôi cho các cô chăn cừu nhảy với các ống sáo và kèn da dê, giống như trong một quyển sách Đức ông có trong thư viện của ngài, tên là Mục ca. Tác giả vừa mới chết, cách đây một tháng thôi.

-Hình như là ông Racan phải không? – D'Artagnan hỏi.

-Vâng đúng thế, ông Racan. Nhưng chưa hết đâu. Chúng tôi còn đi câu cá trên một con lạch nhỏ, sau đó chúng tôi cùng ngồi quây quần ăn uống, cổ quàng đầy vòng hoa. Ngày thứ tư như thế đó.

D'Artagnan nói: -Đồ mắc dịch? Sắp đặt cho thứ tư như thế là khá lắm đấy.

-Còn thứ năm? Còn có gì cho ngày thứ năm tồi tàn này không?

Mousqueton mỉm cười: -Thưa ngài, thứ năm chẳng kém đâu. Thứ năm là ngày hội điền kinh. Ô! Thưa ngài, thật là vĩ đại. Chúng tôi gọi về tất cả những người thuộc hạ trẻ tuổi của Đức ông rồi bắt họ thi ném đĩa hoặc chạy bộ. Đức ông ném đĩa không thua một ai hết. Và khi ngài tung ra một cú đấm thì ôi, thật bất hạnh?

-Sao mà bất hạnh?

-Đúng, thưa ngài. Trận đấu không được phép mang găng nên Đức ông đánh bể đầu, đạp gãy xương quai hàm, thủng cả xương sườn, vào thấu phổi người ta. Cuộc thi tài thật là thú, nhưng từ đó không ai dám đọ sức với Đức ông nữa.

-Thế thì cái cổ tay?

-Ồ thưa ngài, cổ tay Đức ông vẫn rắn chắc như từ hồi nào. Đức ông có thú nhận là chân ngài hơi yếu, nhưng sức đó chạy vào cánh tay, cho nên.

-Cho nên ngài đánh gục được bò như hồi xưa.

-Thưa ngài, hơn thế nữa kia. Đức ông đấm thủng cả tường. Và rồi, sau khi ăn nhẹ bữa nơi nhà một tá điền, – ngài cũng biết. Đức ông bình dân và tốt lắm, – sau bữa ăn ngài đùa bỡn và đấm vào tường, tường sập xuống tôi theo mái ngói đè nghẹt ba người đàn ông và một bà già.

-Trời ơi, Mousqueton. Thế còn chủ anh thì sao?

-Ồ, không sao, Đức ông chỉ hơi bị trầy da đầu thôi. Chúng tôi chỉ phải rửa cho ngài bằng thứ nước của các bà dì đem tới thôi. Còn nắm tay thì không sao hết.

-Không sao hết?

-Không sao hết, thưa ngài.

-Thú vui điền kinh tởm quá! Chắc phải tốn nhiều tiền lắm vì có các bà góa, các đứa trẻ mồ côi?

-Chu cấp cho họ chỉ tốn có một phần mười lợi tức của Đức ông thôi.

-Thôi qua thứ sáu đi, – D'Artagnan nói.

-Thứ sáu là những thứ vui của người quý phái và chiến sĩ. Chúng tôi đi săn, chúng tôi rèn vũ khí, nuôi dạy chim ưng, luyện ngựa cho thuần. Và thứ bảy là các thú vui tinh thần. Chúng tôi lo phần hồn, ngắm hình và tượng của Đức ông, chúng tôi viết sách và lập hoạ đồ, cuối cùng là chúng tôi bắn súng đại bác của Đức ông.

-Anh lập họa đồ, anh bắn súng?

-Vâng, đúng vậy, thưa ngài.

-Ông bạn của ta ơi. – D'Artagnan nói, – Ngài Du Vallon đúng là có khối óc tinh tế và đáng yêu nhất như ta được biết, nhưng theo ta, anh kể còn thiếu một thú vui nữa.

Mousqueton lo lắng hỏi dồn.

-Thứ gì, thưa ngài.

-Các thú vui vật chất.

Mousqueton đỏ mặt cúi xuống.

-Ngài có ý nói gì thế?

-Ta muốn nói là mâm cỗ, rượu ngon, cả buổi tối bận rộn với mấy cái chai.

-Ồ, thưa ngài, chuyện đó không đáng kể vì chúng tôi hưởng hằng ngày mà?

D'Artagnan tiếp lời: -Bạn Mousqueton ơi, xin lỗi, ta mải nghe anh bạn nói chuyện hay quá mà quên mất điểm chính của chúng ta là không biết ngài tổng giám mục D'Herblay đã viết gì cho chủ anh thế?

-Thưa ngài, đúng vậy. Các thú vui khiến chúng ta trở thành đãng trí rồi. Thế này, thưa ngài, cả câu chuyện là đây.

-Ta nghe đây, anh bạn Mousqueton thân mến ạ.

-Hôm thứ tư, một bức thư gửi tới, ông nhận ra là chữ của ai và cầm tận tay đưa cho Đức ông. Ngài đọc và la lên: "Mang ngựa, kiếm! Mau lên!".

D'Artagnan nói: -Ồ chắc là có đánh nhau rồi.

-Thưa ngài, không. Chỉ có mấy lời này thôi: "Bạn Porthos thân mến ơi, nếu bạn muốn đến trước thu phân thì lên đường mau lên. Tôi đợi bạn đấy".

D'Artagnan nói giọng mơ màng: -Chán quá, hình như là gấp lắm.

Mousqueton tiếp tục: -Chắc vậy Vì Đức ông đi ngay trong ngày với người giúp việc.

-Kịp không?

-Chắc kịp. Đức ông nói luôn mồm: "Trời ơi, thu phân là thế nào? Thây kệ, cái gã kỳ quặc ấy phải có ngựa tốt mới đến trước ta được?".

D'Artagnan hỏi: -Như thế anh tin rằng Posthos đến trước?

Chắc chắn lắm. Cái tiên "thu phân" ấy dù cho giàu đến đâu đi nữa cũng không thể có ngựa chạy hay như của Đức ông đâu.

D'Artagnan cố sức nín cười, vì còn phải bận tâm đến bức thư ngắn ngủi của Aramis. Ông đi theo Mousqueton, đến tận toà lâu đài. Ông ngồi bên một chiếc bàn sang trọng, được tiếp đãi như ông hoàng, nhưng không thể hỏi được gì ở Mousqueton để biết thêm hết: người tớ trung thành chỉ biết khóc mà thôi.

D'Artagnan qua một đêm trên chiếc giường êm ấm, nghĩ mãi đến bức thư của Aramis, băn khoăn về mối liên hệ giữa ngày phân điểm và công việc của Porthos. Thế rồi ông lại rời bỏ Pierrefonds như đã rời Melun, đã từ giã lâu đài của bá tước De La Fère chẳng vì lẽ gì hết, ngoài việc đi tìm những thú tuần tự qua đường để cho ngày cũng khuây koả như đêm. Tuy nhiên, đây thật là một trong những lúc buồn nhất trong đời của d'Artagnan. Ông bỏ thõng chân, đầu cúi xuống, mắt thẫn thờ đăm đăm, và sôi nổi nói với mình trong lúc tâm trí mơ màng dâng lên ý nghĩ từ trong sâu kín tâm hồn.

Không bạn bè, không tương lai, không còn gì nữa cả. Sức lực ta đã gẫy đổ cũng như sự đoàn kết ngày xưa nay đã tan vỡ.

Ôi tuổi già đến rồi một cách lạnh lùng, không cưỡng nổi, tuổi già cả như cái áo quan bọc kín những gì ngày xưa là tuổi trẻ sáng loáng ướp hương thơm, rồi xốc tất cả lên vai mang đi nhận chìm vào đáy hang thăm thẳm của cái chết.

Người con xứ Gascon rùng mình, lòng se lại, con người vẫn còn đầy can đảm, đầy sức mạnh để chống chọi lại những bất hạnh của cuộc đời, thế mà có lúc vẫn thấy mây trời đen hơn, thấy đất trơn trợt và nhão nhẹt như đất của nghĩa trang.

Ông tự nhủ: "Mình đi đâu, muốn gì? Cô đơn một mình, không gia đình, không bè bạn. Ôi!".

Ông kêu lên một tiếng rồi thúc mạnh hai chân. Con ngựa chẳng thấy gì buồn với mớ kiều mạch ngon ở Pierrefonds nên nhân chủ cho phép, bèn phấn chấn phóng một hơi đến hai dặm đường.

Ngày hôm sau d'Artagnan đến Paris. Chuyến đi này dài tới mười ngày.

§9. Công việc d'Artagnan ở Paris

D'Artagnan bước xuống ngựa trước một cửa hàng ở phố Lombards có bảng hiệu "Đùi gà vàng". Một người dáng dễ coi mang tấm tạp dề trắng, bàn tay to lớn xoa hàm ria xám, vội vàng kêu lên khi trông thấy con ngựa khoang: -Ngài hiệp sĩ, a! Đúng ngài rồi!

D'Artagnan khom lưng xuống để đi vào cửa hiệu, trả lời: -Chào Planchet!

Planchet kêu to: -Nhanh lên, một đứa lo cho con ngựa của ngài d'Artagnan, một đứa lo dọn phòng đi, một đứa dọn ăn!

-Cảm ơn Planchet, chào các con. – D'Artagnan nói với lũ trẻ đang lăng xăng.

Planchet nói: -Xin ngài cho phép tôi mang cà phê, mật đường và mứt nho này đi. Cho văn phòng ngài Tổng giám đấy!

-Gởi đi! Gởi đi!

-Chỉ chốc lát thôi, rồi chúng ta sẽ ăn nhẹ.

D'Artagnan nói: -Sắp xếp sao cho chúng ta có bữa riêng một mình, ta có việc muốn nói với anh.

Planchet nhìn ông chủ cũ với đôi mắt dò hỏi.

D'Artagnan vội nói: -Ồ! chẳng có gì đâu, chuyện thú vị đấy.

-Càng hay, càng hay.

Planchet thở hắt ra nhẹ nhõm trong khi d'Artagnan giản dị ngồi xuống đống nút chai và quan sát chung quanh. Tiệm đầy hàng, có mùi gừng thơm, mùi quế và mùi bột tiêu nồng gắt mũi d'Artagnan.

Bọn trẻ cảm thấy sung sướng được ở gần một người lính danh tiếng, được ở gần một sĩ quan ngự lâm từng sống sát bên mình vua. Chúng hăng hái làm việc như điên và khi được sai việc gì thì hấp tấp làm việc nấy, bất kể, chẳng cần ai hết.

Planchet thu và đếm tiền, thỉnh thoảng lại tỏ vài cử chỉ lễ phép với ông chủ cũ. Đối với khách hàng, Planchet nói cộc lốc và tỏ dáng kẻ cả của một nhà buôn giàu có quen thói phục vụ tất cả mọi người chứ không kiêng gì ai. D'Artagnan nhận xét sắc thái ấy mà lòng nảy ra niềm vui sẽ được giải thích sau. Đêm dần dần đến. Cuối cùng Planchet dẫn ông lên căn phòng chứa đầy thùng trên tầng một, có dọn đặt sẵn bữa ăn trên một cái bàn sạch sẽ chờ đợi hai người.

D'Artagnan lợi dụng một lúc rảnh để nhìn lại khuôn mặt Planchet xa cách đã một năm nay. Planchet lanh lợi nay đã hơi có bụng, nhưng mặt chưa phì nộn. Tia nhìn vẫn tinh sáng long lanh trong hốc mắt sâu, và chất mỡ thường san bằng tất cả những chỗ lồi trên mặt người, vẫn chưa lấp gò má, – cái dấu hiệu của sự phỉnh phờ, tham lam, chưa lấp cái cằm nhọn, – dấu hiệu của sự tinh thế và kiên nhẫn.

Planchet ngồi chủ toạ bên bàn ăn cũng đĩnh đạc như khi ngồi ngoài cửa hàng. Ông dọn cho chủ một bữa ăn đơn giản, nhưng tất cả đều theo kiểu Paris: Gia cầm rô ti trong lò bánh mì, có dưa cải và đồ tráng miệng lấy ngay trong cửa hiệu.

D'Artagnan thích thú khi thấy Planchet rút ra từ sau đống củi một chai rượu vang xứ Anjou mà ông thích nhất trên đời.

Planchet hiền hậu mỉm cười nói: -Thưa ngài, ngày xưa thì tôi uống rượu nhờ của ngài, bây giờ tôi được hân hạnh mời lại.

-Cám ơn Chúa, bạn Planchet ạ, tôi mong còn uống lâu hơn nữa vì lúc này tôi còn rảnh rang.

-Rảnh? Ngài được nghỉ phép?

-Vô thời hạn?

Planchet sững sờ.

-Ngài được giải ngũ à?

-Ừ ta nghỉ rồi.

-Còn vua thì sao? – Planchet la lên như vậy vì không thể tưởng tượng được Nhà vua lại có thể bỏ qua không dùng một người như d'Artagnan.

-Thì ông vua tìm người khác. Nhưng thôi bây giờ chúng ta đã ăn ngon xong, anh đang có hứng, anh muốn ta nói chuyện tâm tình thì được, ngóng lỗ tai lên nghe đi.

-Tôi đang mở ra đây.

Rồi Planchet cười thật thà mà không giấu chút ranh ma, với tay mở nút chai vang trắng.

-Thôi hãy để cho ta tỉnh.

-Ồ, khi ngài quên thì…

-Lúc này đầu óc ta còn tỉnh thì ta phải sử dụng hết mức.

Trước hết nói chuyện tài chính đã. Tiền của ta ra làm sao?

-Khá lắm, thưa ngài. Số hai mươi ngàn lúc tôi nhận được của ngài đã đem làm vốn buôn bán, lời được chín phần trăm, chia cho ngài bảy phần, còn thì tôi được nhờ cậy ngài.

-Anh không thắc mắc phải không?

-Được lắm. Ngài có đem thêm cho tôi không?

-Nhiều hơn thế nữa. Nhưng anh có cần không đã?

-Ồ không. Bây giờ ai cũng muốn gởi tiền cho tôi. Tôi đang làm ăn khấm khá.

-Thì đúng với dự định ngày xưa của anh đó.

-Tôi chơi trò nhà băng. Tôi mua hàng của các đồng nghiệp cần bán, tôi ứng tiền cho những người gặp khó khi thu vào.

-Không cắt cổ?

-Ồ, thưa ngài, tuần qua tôi hai lần hẹn ở đại lộ chỉ vì ba chữ mà ngài vừa nói ra đấy?

-Chuyện gì thế?

-Thế này. Chuyện cho mượn người mượn tiền đem thế bằng đường đen, nếu đến kỳ không trả thì tôi được tôi bán. Tôi cho mượn một ngàn louis. Hắn không trả, tôi bán đường được một ngàn ba trăm louis. Hắn hay được và đòi lại ba trăm louis. Tất nhiên tôi từ chối viện lẽ rằng nếu tôi bán chỉ có chín trăm louis thì sao?

Hắn bảo là tôi cho vay cắt cổ. Tôi mời hắn lập lại lời này ở chỗ dịch sâu vào phía trong đường cái. Tay này là dân vệ binh cũ nên hắn nhận lời liền và tôi lấy kiếm của ngài cho hắn một mũi xuyên qua đùi trái!

D'Artagnan kêu lên: -Úi? Cái nhà băng gì lạ vậy?

Planchet trả lời: -Hễ cứ trên mười ba phần trăm là tôi phải đánh nhau, tính tôi là thế.

D'Artagnan nói: -Thôi cứ lấy mười hai phần trăm đi, một phần trăm còn lại để dành cho lãi suất và môi giới.

-Thưa ngài, đúng đấy. Còn công việc làm ăn của ngài ra sao?

-Ồ! Planchet, chuyện dài lắm và cũng hơi khó nói.

D'Artagnan gãi cằm như một người đang lúng túng vừa muốn thổ lộ vừa muốn giữ kín chuyện mình.

Planchet hỏi: -Chuyện đầu tư à?

-Ờ đúng.

-Có sinh lời khá không?

-Khá lắm, bốn trăm phần trăm, Planchet ạ.

-Planchet đập mạnh xuống bàn làm cái chai nảy lên như cũng phải sợ hãi.

-Có thực không?

D'Artagnan lạnh lùng nói: -Hình như là còn hơn, mà ta chỉ muốn nói bớt đi.

Planchet xích lại gần: -Lạ thế nhưng thưa ngài, tuyệt đấy! Có cần phải nhiều tiền lắm không?

-Mỗi người hai chục ngàn louis, Planchet ạ.

-Đó là cả số tiền ngài có. Phải đưa trong bao lâu?

-Một tháng thôi.

-Và như thế thì sẽ sinh ra – Năm chục ngàn louis mỗi phần. Cứ tính đi thì biết.

-Thật phi thường. Chuyện này thì phải đánh nhau ra trò mới được.

D'Artagnan vẫn điềm tĩnh nói: -Thì ta cũng biết là phải có đánh khá lắm, nhưng Planchet ạ, lần này thì tuy có cả hai chúng ta, nhưng để ta chịu đòn một mình thôi.

-Thưa ngài, tôi chịu được.

-Không được đâu Planchet ơi, anh không thể rời công việc buôn bán này được.

-Mối hàng không ở Paris sao?

-Ở Anh.

-Xứ của đầu cơ, đúng rồi. Tôi biết nó lắm. Nếu không cho là tôi tò mò thì ngài cho biết là công việc gì thế?

-Phục hồi, Planchet ạ.

-Đền đài cung điện?

-Vâng, chúng ta phục hồi điện White Hall.

-Thật là quan trọng. Mà một tháng có xong không?

-Chuyện đó có ta lo.

-Đó là chuyện của ngài. Cứ mỗi lần ngài nhúng tay vào thì…

-Đúng của ta, ta biết rõ lắm. Nhưng ta muốn hỏi ý kiến anh.

-Rất hân hạnh. Có điều tôi không biết nhiều về kiến trúc.

-Planchet anh lầm rồi, anh là một kiến trúc sư đại tài, về chuyện này thì anh cũng giỏi như ta vậy.

-Cảm ơn.

-Phải thú nhận là ta định bàn với các ngài kia, nhưng họ đi vắng hết. Đáng tiếc quá, ta chẳng biết ai can đảm và lanh lẹ hơn họ cả.

-Úi dà! Chắc là phải có tranh giành mới được.

-Ừ, Planchet nói đúng đấy.

-Thưa ngài, tôi nóng muốn biết chi tiết quá chừng.

-Thế này, Planchet ạ. Anh đi đóng cửa lớn lại và mở cửa sổ ra, tiếng động của người đi ngoài đường và của xe cộ sẽ che lấp tiếng của chúng ta và không ai nghe thấy được hết.

Planchet nghe lời lại mở cửa sổ. Cả loạt tiếng la hét, tiếng xe cộ, chó sủa, tiếng bước chân xô ùa vào phòng làm điếc tai d'Artagnan theo ý ông muốn.

Thế rồi ông nốc một ly vang trắng và bắt đầu.

-Planchet, ta có ý kiến này.

Người chủ tiệm tạp hoá hồi hộp xúc động.

-Ô! Thưa ngài, tôi biết ý kiến của ngài thế nào cũng rất là hay rồi.

Sau một lúc im lặng để suy nghĩ lại không phải một ý mà toàn bộ ý nghĩ. D'Artagnan lên tiếng: -Anh bạn Planchet thân mến ạ, chắc anh có nghe nói về ông hoàng nước Anh, Charles I, phải không?

-Than ôi, có nhớ đấy, vì chính ngài đã rời nước Pháp để đi cứu ông vua đó mà không dược, suýt nữa còn bị vạ lây.

-Đúng thế, anh Planchet có trí nhớ tốt lắm.

-Mà! Thưa ngài. Trí nhớ tôi dù kém cỏi đến đâu cũng phải giữ lại. Mất nó thì mới là chuyện tai hại đấy! Khi nghe anh chàng Grimaud vốn ít nói mà kể chuyện cái đầu ông vua Charles rơi xuống như thế nào, chuyện ngài đây phải đi suốt cả nửa đêm trong một chuyến xe tồi tàn như thế nào và rồi thấy cái thây gã

Mordaunt[291] khả ái nổi lên thế nào với lưỡi dao găm cán vàng còn ngập vào ngực, nghe kể những chuyện như thế thì không thể nào quên được cả.

-Thế mà có những kẻ đã quên đấy Planchet ạ!

-Vâng, đó là những kẻ không chứng kiến câu chuyện hay không được nghe Grimaud kể chuyện.

-Ồ thây kệ họ, miễn anh đã nhớ là được. Ta chỉ cần nhắc nhở anh một điều: đó là, vua Charles có một người con trai.

Planchet nói: -Có tới hai người kia! Tôi đã thấy người thứ hai ở Paris, thấy ngài hầu tước York hôm ông ấy đi đến Paris – Royal và người ta đã cam quyết với tôi rằng đó là người con thứ hai của Charles I. Còn người con trưởng thì tôi chỉ biết tên mà không được hân hạnh biết mặt.

-Planchet đúng, ta đang nói về chuyện người ấy đó. Đúng là người con trưởng đó, xưa gọi là Hoàng thái tử Galles[292], nay là Charles II, vua nước Anh.

-Vua không ngai, thưa ngài. – Planchet trả lời nghiêm chỉnh.

-Đúng đấy Planchet ạ. Và anh có thể nói thêm là ông hoàng đó khốn khổ, khốn khổ còn hơn một người dân lăn lộn trong các vùng tồi tàn nhất của Paris này.

Planchet tỏ vẻ thương cảm theo lỗi thông thường như người ta vẫn bày tỏ đối với những người lạ tưởng không bao giờ có thể gặp lại được. Với lại, anh ta không thấy trong các câu chuyện chính trị xen tình cảm này có chút gì là dính dấp đến vấn đề buôn bán của d'Artagnan trong lúc đầu óc của anh lại đang tập trung hết vào đó. D'Artagnan vốn quen biết việc và hiểu người, nên hiểu rõ Planchet. Ông nói: -Chuyện tới rồi đây. Ông hoàng xứ Gallas ấy, ông vua không ngai đúng như người ta gọi, là người ta lưu tâm đấy, Planchet. Ta thấy ông ta cầu khẩn tên hợm hĩnh Mazarin, xin ông vua Louis trẻ con cứu giúp. Con người ấy, theo ta hiểu qua đôi mắt thông minh của một ông vua bị hạ bệ, trong cái dáng cao quý vượt lên tất cả mọi sự khốn cùng, rõ ra một con người có lòng và thật đáng vì vua.

Planchet lặng lẽ đồng ý: mấy chuyện này cũng chẳng có chuyện gì làm sáng tỏ ý định của d'Artagnan. Ông tiếp: -Đây là lý lẽ của ta, Planchet hãy nghe cho rõ, chúng ta sắp đến hồi kết cuộc rồi đó.

-Tôi nghe kỹ đây.

-Vua chúa trên trái đất này không lúc nhúc như là dân chúng đâu. Thế mà ông vua mất ngai này, ta thấy đúng là một hạt cây chờ nảy mầm nở hoa vào một mùa nào đó miễn là có một bàn tay khéo léo, cẩn thận và mạnh bạo biết đem gieo vào đất, đúng chỗ đúng lúc.

Planchet luôn luôn gật đầu, chứng tỏ rằng anh ta vẫn không hiểu gì hết.

-Tội nghiệp cho cái hạt giống sẽ lên làm vua đó! Ta tự nghĩ và ta đau buồn thực sự, cho nên Planchet ạ, ta nghĩ rằng ta đã dính líu vào một chuyện bơ vơ nên

mới phải hỏi ý kiến anh, anh bạn ạ.

Planchet đỏ mặt vì sung sướng hãnh diện.

-Tội nghiệp cho cái hạt giống sẽ làm vua đó! Ta sẽ nhặt nó lên và sẽ kiếm đất tốt gieo xuống.

-Chúa ơi? – Planchet vừa nói vừa nhìn đăm đăm vào người chủ cũ, không biết ông ta có mất trí không.

D'Artagnan hỏi: -Này? Chuyện gì mất lòng anh đó?

-Không có chuyện gì đâu, thưa ngài.

-Anh vừa nói "Chúa ơi" đó mà!

-Ngài nghĩ thế à?

-Chắc lắm. Anh đã hiểu rồi chứ?

-Thưa ngài d'Artagnan, phải nhận là tôi sợ.

-Sợ hiểu?

-Vâng.

-Hiểu rằng ra sẽ đem ông hoàng Charles không ngai nên bệ rồng? Đúng chứ?

Planchet từ trên ghế nhảy dựng lên, hốt hoảng la lớn: -À! à! Thế là cái mà gọi là "phục hồi" đấy ư? Thì đúng nhưng ngài suy nghĩ kỹ rồi chăng?

-Nghĩ cái gì?

-Nghĩ phía bên kia?

-Có cái gì ở đó, Planchet?

-Trước hết xin lỗi ngài đã xem vào câu chuyện này. Nó chẳng phải là việc của tôi nhưng tại vì ngài bàn bạc với tôi. Bàn bạc chuyện làm ăn phải không ạ?

-Khá lắm, Planchet.

-Ngài bàn chuyện làm ăn thì tôi phải tranh luận.

-Cứ tranh luận đi – cãi cho ra lẽ mà!

-Thế thì, vì ngài cho phép, tôi có ý kiến là ở bên kia còn có quốc hội là chuyện đầu tiên.

-Thế rồi sao?

-Và quân đội nữa.

-Còn nhà nước.

-Hết chưa?

-Nhà nước đó đã đồng ý lật đổ và giết ông vua cũ, cha người kia, và họ sẽ không muốn cải chính lại điều đó.

D'Artagnan nói: -Anh bạn Planchet ạ, anh lý luận một chiều thôi. Nhà nước đó bây giờ đang chán mấy ngài mang tên ngoại quốc mọi rợ và hát những bài thánh ca. Tôi thấy nếu ca để mà ca thì Nhà nước muốn có những câu cà chía hơn là bài hát trơn. Anh hãy nhớ lại cuộc nổi loạn Fronde, thời ấy người ta cũng "ca" lắm đấy chứ! Thế mà, thời thịnh vượng đó?

-Chớ nói, chớ nói nữa, lúc ấy tôi suýt bị treo cổ đấy.

-Và anh đã bắt đầu sự nghiệp giữa mấy bài ca đó.

-Đúng thế.

-Còn gì nữa không?

-Thôi. Tôi trở lại vấn đề quân đội và nghị viện.

-Ta đã nói rằng ta mượn hai chục ngàn louis của ông Planchet và thêm hai chục ngàn louis của ta nữa là thành lập một đạo quân.

Planchet chắp hai tay lại. Anh ta thấy d'Artagnan nói chuyện quan trọng quá, nên tin chắc rằng ông chủ đúng là điên rồi. Anh ráng cười cho thật hấp dẫn để khỏi làm cho lão điên này bị kích thích, nổi cơn giận lên: -Cả một đạo quân! Đạo quân. Đông không?

-Bốn mươi người, – D'Artagnan nói.

-Bốn mươi chống bốn mươi ngàn, chưa đủ đâu. Một mình ngài bằng cả ngàn người, đúng vậy. Nhưng tìm đâu ra chín người nữa như ngài? Còn nếu tìm ra thì tiền đâu để trả cho họ?

-Khá lắm, Planchet ạ. Mẹ kiếp! Anh lại nịnh ta rồi.

-Thưa ngài, không, tôi nói điều tôi nghĩ thôi. Tôi nghĩ là lần đầu dàn quân bốn mươi người của ngài, tôi chỉ sợ…

Anh chàng Gascon cười: -Ta không dàn quân đâu. Thời xa xưa, chúng ta có những chuyện hay về việc rút lui và tiến quân khéo léo nhằm tránh địch hơn là chạm trán với chúng. Planchet, anh phải biết điều đó, anh đã từng điều khiển người Paris ngày mà họ chống lại bọn ngự lâm quân và đã từng tấn công và rút lui hay tới lỗi anh không rời được quảng trường Royale đấy mà.

Planchet cũng cười, trả lời: -Thực ra nếu bốn mươi của ngài lẩn lút giỏi, không vụng về lắm thì khỏi thua là cái chắc, nhưng rồi kết quả sẽ ra sao?

-Nhất định phải có. Theo ý ta thì cách thức đem Charles II lên ngôi tức khắc là thế này.

Planchet hết sức chú ý, la lên: -Tốt, xem thử cách đó ra sao. Nhưng hình như chúng ta đã quên một điều.

-Gì thế?

-Chúng ta đã gạt sang một bên hệ thống nhà nước ưa hát lảm nhảm hơn là tấu thánh ca; bỏ đi quân đội chúng ta không thèm đánh, thế còn Quốc hội, cái thứ không hát hò gì đó cả thì sao?

-Thứ này cũng chẳng đánh đấm gì hết. Tại sao một người như anh, thông minh như thế, lại bận tâm với cả đám la ó gọi nhau là bọn phao câu, bọn xương cụt đó? Quốc hội chẳng làm ta bận tâm chút nào, Planchet ạ.

Nếu họ không làm ngài bận tâm thì cho qua đi.

-Ừ, bây giờ thì nói đến kết quả. Anh nhớ tới Cromwell không? Tay này chiến đấu cừ đấy.

-Còn là tay ăn nhậu ra trò.

-Thế nghĩa là gì?

-Chỉ một thoáng ông ta đã nuốt cả nước Anh.

-Planchet nghĩ xem, nếu ngay bữa sau lúc Cromwell nuốt nước Anh có người nuốt Cromwell thì sao?

-Ô, thưa ngài. Đó là nguyên lý toán học đầu tiên cái chứa phải lớn hơn vật bị chứa.

-Tốt lắm! Đó là công việc của chúng ta phải làm đấy, Planchet ạ.

-Nhưng ông Cromwell đã chết mất rồi và bây giờ chỉ còn cái nấm mồ là vật chứa ông ta thôi.

-Planchet thân mến ơi, ta khoái là thấy anh không những đã trở thành nhà toán học mà còn là triết gia nữa đấy.

-Thưa ngài, trong khi bán tạp hoá, tôi dùng giấy in bọc giấy hàng nên học hỏi được nhiều điều.

-Hoan hô! Anh học được toán, triết lý rồi thì chắc cũng phải có một ít sử. Vậy thì anh biết sau lưng anh chàng Cromwell tài ba như thế là một anh chàng tầm thường, kém cỏi chứ gì?

-Vâng, hắn tên là Richard và hắn cũng làm như ngài, ngài d'Artagnan ạ, nghĩa là hắn đã từ chức rồi.

-Đúng, rất đúng. Sau khi người hùng chết đi, người hèn từ chức thì phải có một người thứ ba. Hắn tên là Monck. Đó là một viên tướng rất khéo cư xử, có nghĩa là hắn chẳng bao giờ đánh đấm gì cả. Đó là một tay ngoại giao giỏi vì chẳng bao giờ há miệng ra; nếu buổi sáng phải nói lời chào đón một người thì hắn suy nghĩ đúng mười hai giờ đồng hồ để vừa kịp chúc người ta lên giường thôi. Có trời mà cứu, với điều kiện là trời cũng phải xuống đúng lúc mới kịp.

-Đúng đấy, hắn giỏi thật. Nhưng tôi biết cũng có một chính khách cũng rất giống như người này.

-Ngài De Mazarin phải không?

-Đích thị.

-Planchet anh có lý đấy. Nhưng có điều khác là ngài De Mazarin không thèm ngôi vua nước Pháp và như vậy thì khác hẳn. Thế là anh chàng Monck nọ, vốn có cả nước Anh rô ti sẵn trên bàn và chỉ có việc há miệng lùa vào, anh chàng Monck ấy đã nói với những người của phe Charles II và cả chính Charles II rằng: "Nescio vos"

Planchet vội nói: -Tôi không biết tiếng Anh.

-Ta biết. Nescio vos nghĩa là: tôi không biết ông. Anh chàng Monck đó, tay quan trọng của nước Anh đó, khi hắn nuốt nước Anh xong rồi.

-Thì sao? – Planchet hỏi.

-Thì, anh bạn ạ, thì ta qua bên ấy, đem bốn mươi người, bắt cóc hắn, mang về Pháp cho hai phe đối diện nhau dưới cặp mắt khoái trá của ta.

Planchet lấy làm thích thú kêu lên: -Cả của tôi nữa. Chúng ta sẽ nhốt hắn vào lồng, đem trưng bày cho công chúng xem để lấy tiền vào cửa.

-Ô! Planchet, đó là phe thứ ba ta chưa nghĩ tới mà anh đã tìm ra rồi.

-Dự định của ta ra sao?

-Thứ nhất, ta bắt chuộc.

-Bao nhiêu?

-Chúa ơi! Tay sừng sỏ như thế thì phải đến một trăm ngàn louis.

-Hay?

-Hay tốt hơn là ta đem đưa cho vua Charles. Ông này chẳng còn sợ viên tư lệnh nào hết, chẳng còn có nhà ngoại giao nào để lừa lọc hết thì tự lên ngôi và khi leo lên ngai vàng xong, ông ta sẽ trả cho ta trăm ngàn louis đó. Ý kiến của ta là thế, Planchet xem có được không?

-Thưa ngài, ý tưởng thật tuyệt vời. Nhưng…

-Ôi, còn nhưng gì nữa?

-Xin lỗi. Nhưng điều này giống như chuyện cái da con gấu đẹp mà ngài đã biết, muốn bán da gấu cần phải bắt được gấu đã. Còn muốn bắt ngài Monck thì phải ẩu đả.

-Nhất định rồi, ta mang cả đạo quân đi.

-Đúng, đúng, tôi biết đi bắt cóc. Ô! Thế là ngài thắng vì chẳng ai hơn ngài về việc này cả.

D'Artagnan nói, hơi nhũn nhặn để giấu lòng tự kiêu: -Đúng là về việc này ta đã thành công nhiều. Anh hiểu là nếu ta có mấy ông bạn: Athos thân mến. Porthos gan dạ và Aramis láu lỉnh thì chuyện dễ thôi. Nhưng họ đã mất hút, biết tìm họ ở phương trời nào? Thôi thì đành làm một mình vậy. Nào, anh thấy đầu tư trong vụ kinh doanh này có lời không?

-Lời quá đi mất!

-Sao?

-Cái gì quá thì cũng không thể nào xảy ra.

-Nhất định xảy ra, chứng cớ là ta đã nhúng tay vào, Planchet ạ.

Planchet kêu lên: -Thưa ngài, khi tôi nghĩ là chuyện dự tính vĩ đại như thế mà bàn bạc giữa mấy thùng đường, giữa mấy quả ô mai, mấy khúc quế ở đây thì chắc cái cửa hiệu tôi là một toà lâu đài mất thôi!

-Coi chừng! Đề phòng kỹ, Planchet ạ. Chuyện này mà lộ ra thì cả hai cùng vào ngục Bastille nằm đấy, vì đây là một âm mưu phản loạn. Ngài Monck là đồng minh với ngài De Mazarin. Coi chừng đấy.

-Thưa ngài, khi người ta có hân hạnh thuộc về ngài thì không sợ gì hết và khi có ai chia xẻ lợi lộc với ngài thì người đó phải biết nín thinh.

-Tốt lắm, cho rằng tám ngày nữa ta đã ở Anh thì phải coi đó là công việc kinh doanh của anh hơn là của ta đấy.

-Đi đi ngài đi ngay càng sớm càng tốt.

-Sao, tiền bạc sẵn chưa?

-Ngày mai sẽ có. Ngày mai chính tôi sẽ đưa cho ngài. Ngài muốn lấy vàng hay bạc?

-Vàng tiện nhất. Nhưng ta tính với nhau làm sao đây?

-Ồ, giản dị lắm? Ngài cho tôi một biên nhận, hết.

D'Artagnan phản đối: -Không được, không được. Cái gì cũng phải theo quy tắc, luật lệ.

-Thì tôi cũng nghĩ như vậy. Nhưng với ngài d'Artagnan.

-Nếu như ta chết ở bên kia, nếu ta bị một phát đạn tử thương, nếu ta uống bia đến vỡ bụng, thì sao?

-Thưa ngài, ngài hãy tin rằng lúc đó tôi tiếc thương ngài đến độ không nghĩ gì đến tiền bạc nữa cả.

-Cảm ơn Planchet. Nhưng chuyện này không ngăn chúng ta làm việc liếp. Chúng ta làm như hai tay thư ký của người nhận uỷ nhiệm, chúng ta cùng làm một chứng từ tạm, gọi là giấy hợp đồng làm ăn.

-Đồng ý.

Planchet đi tìm cây viết, mực và giấy đem lại d'Artagnan viết:

"Một bên là ngài d'Artagnan, cựu sĩ quan ngự lâm quân, hiện nay ở đường Tiquetonne, khách sạn "Dê cái con".

Một bên là ông Planchet, bán tạp lloá, ở đường Lombard, bảng hiệu Đùi gà vàng.

Hai bên thoả thuận như sau: -Một tổ hợp có vốn bốn mươi ngàn louis được thành lập để khai thác một ý kiến của ngài d'Artagnan đề ra.

Ông Planchet được biết rõ ý kiến này và đồng ý mọi điềm, sẽ góp vào hai mươi ngàn louis cho ngài d'Artagnan.

-Ông sẽ không đòi hỏi hoàn vốn lại, hay đòi tiền lời gì cả trước khi ngài d'Artagnan đi Anh trở về.

Về phía mình, ngài d'Artagnan cĩng sẽ góp hai mươi ngàn louis chung với hai mươi ngàn louis của ông Planchet.

Ngài d'Artagnan tạm quyền sử dụng số tiền bốn mươi ngàn louis ấy theo lý do ghi sau đây.

Ngày nào ngài d'Artagnan lập được ngôi vua cho ông hoàng Charles II ở nước Anh, thì sẽ giao tận tay ông Planchet một số tiền lớn là… ".

D'Artagnan hơi ngừng tay, Planchet chất phác vội vã đọc.

-Số tiền một trăm năm mươi ngàn louis.

-Khốn khổ thay! Không được, chia đôi không được.

Planchet phản đối yếu ớt: -Nhưng chúng ta mỗi người góp một nửa mà.

-Đúng, nhưng anh Planchet thân mến ơi, hãy nghe các điều khoản và nếu anh thấy điểm nào không đúng thì cứ xoá bỏ.

Và d'Artagnan viết:

"Nhưng vì ngài d'Artagnan ngoài số vốn hai mươi ngàn louis còn góp vào đó thì giờ ý kiến, sự khéo léo và cả thân xác là những thứ ngài đánh giá cao, nhất là thứ sau cùng này, nên ngài d'Artagnan sẽ lấy hai trăm ngàn louis trên tổng số ba trăm ngàn louis, nghĩa là lấy hai phần ba".

-Đúng lắm, Planchet nói.

-Một trăm ngàn louis là đủ cho anh bằng lòng phải không?

-Mẹ kiếp! Tốt! Trăm ngàn louis từ hai mươi ngàn louis mà! Nhưng nên nhớ là chỉ trong một tháng đấy!

-Sao? Một tháng sao?

-Đúng ta chỉ cần trong một tháng.

Planchet ra vẻ hào hiệp: -Thưa ngài, tôi cho ngài sáu tuần để hành động.

Người lính ngự lâm lịch sự nói: -Cám ơn!

Rồi cả hai lý vào giấy, d'Artagnan nói: -Theo cách này thì ta không sợ ai hết.

-Nhưng tôi thì sợ ngài, – Planchet nói.

-Không, Planchet à, dù có muốn giữ gìn đến mấy đi nữa ta cũng có thể chết mất xác ở bên kia và anh thì trắng tay. À! Thật khổ chuyện này khiến ta phải nghĩ đến một điều khoản chính, không thể thiếu được, để ta ghi tiếp:

"Trong trường hợp ngài d'Artagnan bị chết coi như đã thanh toán xong nợ và ngay từ bây giờ ông Planchet giữ số số tiền hai mươi ngàn đã góp vào tổ hợp này".

Planchet nhíu mày khi đọc điều khoản cuối cùng này.

Nhưng khi nhìn thấy người hợp tác mắt long lanh, tay nổi thịt bắp, xương sống dẻo dai và vững chắc, thì ông lấy lại can đảm và quệt một nét ký nhận ngay điều khoản này. D'Artagnan cũng làm được như vậy. Rồi Planchet, trút chai rượu vang Anjou vào ly d'Artagnan.

-Bây giờ thì thôi, thầy đi ngủ đi.

D'Artagnan trả lời: -Không được đâu, chuyện khó nhất còn chưa làm thì chưa ngủ được.

-Ồ tôi tin tưởng ở ngài lắm, đến nỗi tôi có thể đưa một trăm ngàn louis mà chỉ đòi về chín chục ngàn thôi.

-Thôi, thây kệ! Anh có lý đấy.

Nói xong, d'Artagnan cầm cây đèn, bước lên phòng và đặt lưng xuống ngủ ngay.

§10. Chuyến đi của d'Artagnan

D'Artagnan thao thức suốt đêm để phác kế hoạch cho tới hừng sáng hôm sau.

-Thế là xong! – ông vừa nói vừa bật dậy ngồi trên giường, bàn tay đỡ cằm, cùi chỏ chống gối, – Thế là xong! Mình sẽ tìm bốn mươi người đàn ông tín cẩn, khỏe mạnh, tuyển mộ trong đám người gây phiền nhiễu chút ít nhưng có kỷ luật. Mình sẽ hứa trả cho họ năm trăm louis một tháng, nếu họ trở về được, còn nếu không, không trả gì hết, hoặc sẽ trả phân nửa cho bà con họ. Về phần nơi ăn chốn ở thì đó là việc của bọn Anh. Họ có bò đầy đồng, thịt muối đầy thùng, gà đầy chuồng và thóc đầy vựa. Mình sẽ đưa đội quân này đến ra mắt đại tướng Monck. Ngài sẽ rất bằng lòng với mình. Mình sẽ được ngài tin cẩn và mình sẽ chụp lấy thời cơ sớm nhất.

Nhưng nghĩ tới đó d'Artagnan lắc đầu và ngưng lại.

-Không, – ông lại nói, – mình sẽ không bàn kế này với Athos bởi nó không mấy cao thượng. Phải dùng bạo lực, – ông nói tiếp,- chắc chắn như thế để khỏi dính dấp gì đến lòng trung tín của mình. Với bốn mươi người, mình sẽ tung hoành khắp chốn theo lối du kích. Phải, đúng đấy! Nhưng nếu mình đụng đầu không phải với bốn chục ngàn quân Anh như Planchet đã nói, mà là bốn trăm ngàn thì sao? Mình sẽ bị đánh bại, vì lý do trong bốn mươi chiến sĩ của mình có ít ra là mười tên ăn hại hoặc mười lên khác lập tức bị giết chết chỉ vì ngu ngốc.

Không! Đúng vậy, khó mà có bốn mươi người đàn ông tin cậy được. Thôi, phải bằng lòng với con số ba mươi vậy.

Bớt đi mười người, quân số ít ỏi chắc mình tránh được đụng độ, và cho dù có đụng độ đi nữa, thì ba mươi người được chọn lựa kỹ hẳn bảo đảm hơn bốn mươi. Ngoài ra, mình còn tiết kiệm được năm ngàn louis – nghĩa là một phần tám số vốn của mình, như vậy cũng đáng công đấy chứ? Vậy là đã quyết định mình sẽ chỉ có ba mươi người. Mình sẽ chia họ ra làm ba nhóm, bọn mình sẽ rải ra khắp xứ, và sẽ có lệnh tụ tập lại vào một lúc nào đó. Với cách đó, với từng nhóm mười người, bọn mình sẽ không bị nghi ngờ và đi trót lọt. Phải rồi, phải rồi, ba mươi, con số tuyệt vời. Ba lần mười. Con số ba đúng là con số kỳ diệu.

Đúng vậy, một đội quân ba mươi người tập họp lại sẽ rất khá.

-Nhưng hỡi ôi? Thật khổ cho thân tôi! – D'Artagnan lại tiếp tục nói, – còn cần phải có ba chục con ngựa. Thế thì vỡ nợ? Rõ khỉ, cái đầu mình để đâu mà quên bẵng đi mất mấy chục con ngựa? Ai mà có thể tưởng tượng nổi rằng làm một cú như vậy mà không có ngựa? Thôi, thây kệ, đành chịu vậy, khỏi phải dùng ngựa ở xứ đó tuy chúng chẳng tồi lắm đâu. A, còn quên!

Ba nhóm, vậy là cần phải có ba nhóm trưởng. Đó mới là điều ngặt nghèo. Trong ba người, mình có sẵn một rồi, đó chính là mình. Phải. Nhưng còn hai

nhóm trưởng kia thì chỉ tốn cho riêng họ thôi cũng mất gần bằng số tiền của cả đội. Không được, dứt khoát là không được. Chỉ cần mỗi một nhóm trưởng thôi.

Vậy thì trong trường hợp này, mình bớt quân số trong đoàn đi còn hai mươi người thôi. Mình biết hai mươi người thì ít thật đấy, nhưng mà bởi vì với ba mươi người mình đã quyết định không kiếm chuyện với ai thì với con số hai mươi, tình hình chác sẽ khác hẳn hơn nữa. Hai mươi, số tính thật tròn. Ta bớt đi được mười con ngựa, chuyện đáng xem xét đấy. Và thế là với một chàng nhóm trưởng giỏi.

Chán quá! Thế mà cũng phải mất bao nhiêu là kiên trì và tính toán! Có phải là mình đổ bộ với quân số bốn mươi và bây giờ đây mình bớt xuống còn hai mươi mà kết quả thì cũng y như nhau không? Tiết kiệm được những mười ngàn louis và lại còn chắc ăn hơn! Tốt lắm? Giờ thì thử tính coi: chỉ còn có mỗi một việc là kiếm cho ra anh chàng nhóm trưởng đó. Phải kiếm cho ra anh ta và rồi tôi, đâu có dễ gì? Mình cần anh ta phải giỏi, phải gan dạ như mình đây. Phải, nhưng mà anh ta lại phải biết điều bí mật của mình và vì cái điều bí mật này đáng giá bạc triệu, và trong khi mình chỉ trả cho anh ta có một ngàn hoặc một ngàn rưởi louis hơn, anh ta sẽ bán cái bí mật này cho tên Monck.

Chán quá, không được, không có nhóm trưởng gì cả?

Thêm nữa, dù anh chàng câm như hến, hắn cũng sẽ chọn một tên lính mà hắn ưa thích nhất trong nhóm để làm phụ tá.

Tên phụ tá này sẽ biết được điều bí mật của viên nhóm trưởng, trong trường hợp anh này này ngay thẳng, không muốn bán nó đi. Thế là tên phụ tá, íl liêm khiết, ít tham vọng hơn này sẽ bán tuốt luốt với giá năm chục ngàn louis. Thôi, thôi, không thể được. Nhất định là không có đội trưởng! Nhưng như vậy thì làm sao mình có thể chia đôi quân của mình ra làm hai được, làm sao mình có thể hành động ở hai nơi cùng một lúc? Nhưng có ích gì mà mình phải hành động ở hai ba nơi trong lúc mình chỉ cần tóm cổ có một người? Ích lợi gì mà mình phải làm suy yếu một đội quân bằng cách phân tán một ít đằng này và một ít đằng kia? Một đội quân duy nhất thôi.

Chán quá! Chỉ một đội thôi, và do d'Artagnan chỉ huy.

Hay lắm! Nhưng mà một nhóm hai mươi người thì dễ bị mọi người người dòm ngó. Không nên để người ta nhìn thấy một nhóm hai mươi kỵ sĩ đi chung một chỗ, người ta sẽ phái một đại đội lính tới để hỏi mật khẩu, rồi nếu như thấy ta lúng túng, họ sẽ nổ súng bắn ông d'Artagnan và đội quân của ông ta như bắn thỏ. Vậy thì mình bớt đi mười người, bằng cách đó mình hành động một cách đơn giản hơn mà lại chặt chẽ hơn. Mình sẽ bị bắt buộc phải thận trọng và đó là một nửa sự thành công trong các loại công việc mà mình đang thi hành đây.

Quân đông thì dễ có hành động rồ dại. Lại khỏi phải đi mua, đi bắt mười con ngựa. Ô! Ý kiến tuyệt diệu! Lòng mình yên ổn biết bao! Hết sợ bị nghi kỵ, hết sợ

mật khẩu, hết sợ nguy hiểm nữa. Mười người: đó là bọn dầy tớ hay kẻ thừa hành. Mười người cỡi mười con ngựa chở đầy hàng hoá linh tinh đi đâu cũng sẽ được người ta chấp nhận và tiếp đãi tử tế. Mười người đi cho tổ hợp Planchet và Công ty từ nước Pháp.

Không có gì phải bàn. Mười người đàn ông này được ăn mặc như những công nhân, với một con dao săn bắn sắc bén, một súng ngắn tốt giấu sau đôi ngựa, một súng lục trong bao yên ngựa. Họ không để ai phải lo sợ vì họ không có ý đồ xấu.

Có lẽ họ cũng có chút máu buôn bán, nhưng mà có hại gì đâu, người buôn lậu cũng như kẻ đa thê đâu có phải bị treo cổ. Cái điều tệ có thể xảy ra cho bọn mình là người ta sẽ tịch thu hàng hoá của mình, mà một khi hàng hoá đã bị tịch thu rồi, ôi thôi, đúng là trúng mánh. Ờ! ờ! Đó là diệu kế! Chỉ có mười người thôi, mười người mà mình tuyển chọn làm việc cho mình, mười người sẽ giải quyết công việc như bốn mươi người thế mà mình sẽ chỉ tốn tiền như cho bốn mươi, và để cho thật bảo đảm an toàn, với họ mình sẽ không hé môi về ý định của mình và với họ mình sẽ chỉ nói gọn lỏn: "Này các bạn, chúng ta sắp đi làm một cú". Bằng cách đó, quỷ Satan có ma mãnh mấy đi nữa cũng chẳng giở trò gì được. Tiết kiệm được mười lăm ngàn louis. Thật tuyệt vời!

Thế là d'Artagnan được khích lệ bởi sự tính toán khôn khéo của ông, bèn thôi không tiếp tục nghĩ thêm và quyết định không thay đổi gì nữa cả. Ông đã có xong trong trí nhớ minh mẫn một danh sách tên của mười người có tiếng trong giới giang hồ đã từng bị số mệnh bạc đãi hay pháp luật quan tâm. Sau đó, d'Artagnan đứng lên và đi tìm họ tức khắc, không quên dặn Planchet đừng chờ cơm trưa và cũng có thể cả cơm chiều. Sau một ngày và một buổi lặn lội trong hang cùng ngõ hẻm của thành phố Paris, d'Artagnan thấy kết quả thu được đã tạm đủ.

Ông không cho ai biết được ai hết.

Thế là không đầy ba mươi tiếng đồng hồ ông đã chọn lựa, lấy người này bỏ người kia và tập trung được một bộ sưu tập khả ái những bộ mặt bất hảo nói tiếng Pháp còn dở hơn thứ tiếng Anh mà họ sắp sửa phải dùng đến. Phần lớn trong số họ là những vệ binh mà d'Artagnan có thể công nhận tài năng trong những cuộc đụng độ khác nhau hoặc vì say rượu, hoặc do những nhát kiếm rủi ro, những lần được bạc to lớn bất ngờ, những cuộc chỉnh lý kinh tế của ngài Mazarin mà họ buộc lòng phải đi tìm bóng tối và sự cô đơn – hai kẻ an ủi thấu hiểu. Diện mạo của họ đều mang những dấu vết ưu tư sầu muộn mà họ đã lừng trải qua và quần áo của họ đều rách rưới.

D'Artagnan cấp bách giải thoát những nỗi khốn cùng này bằng cách phân chia khôn khéo những đồng écus của xã hội cho họ, và sau khi đã trông chừng họ dùng tiền này sắm sửa quần áo để làm đẹp bộ mã bên ngoài của đội quân,

d'Artagnan mới hẹn gặp đám tân binh này ở phía Bắc nước Pháp, giữa Berghe và Saint-Omer. Thời hạn hẹn là sáu ngày, và d'Artagnan vốn biết khá rõ về lòng nhiệt thành, tính khí dễ chịu, sự chân thật tương đối của đám tân binh nổi tiếng này, nên chắc chắn rằng sẽ không có một người nào trong bọn sai hẹn cả.

Xong xuôi rồi, d'Artagnan đi gặp Planchet để từ biệt và còn phải trả lời câu hỏi về đám binh sĩ của ông. D'Artagnan không nói gì với Planchet về vấn đề cắt giảm bớt quân số mà ông đã giải quyết xong.

Ông ngại làm thương tổn đến lòng tin tưởng của người góp vốn. Planchet thật vui mừng khi được biết rằng đội quân đã được tuyển đủ, và rằng chính lão, Planchet đây, sẽ được kể như một ông vua một nửa ngồi trên ngai vàng – bàn giấy tuyển mộ một đạo quân đặc biệt dành riêng đi gây chiến với cái xứ Anh xảo trá kia.

Planchet giao cho d'Artagnan phần của gã hai mươi ngàn louis bằng đồng louis "kép" xinh đẹp, và thêm hai mười ngàn louis trả cho d'Artagnan, cũng vẫn những đồng louis "kép" xinh đẹp.

D'Artagnan chia đều số tiền bỏ vào túi xách và thử nhấc mỗi túi trong tay nói: -Mấy cái đồng tiền này, coi bộ rắc rối dữ hả anh bạn Planchet thân mến? Hơn ba chục ký lô đấy chứ?

-Gì! Con ngựa của ngài sẽ mang nó đi như mang một cọng lông gà thôi!

D'Artagnan lắc đầu: -Chớ nói thế, Planchet ạ. Một con ngựa mà chở nặng thêm ba chục kí lô nữa ngoài cái áo khoác và người kĩ sĩ thì không dễ gì qua nổi một con sông, không thể phóng một cách nhẹ nhàng qua một bức tường hay một cái hố, và thế là không còn ngựa, không còn kỵ sĩ gì ráo. Đúng là anh không biết mấy thứ đó, Planchet ạ, vì anh suốt đời chỉ là lính bộ.

-Vậy thì, thưa ngài làm sao bây giờ?

D'Artagnan nói: -Nghe đây, ta sẽ trả lương cho đội quân khi họ trở về gia đình. Hãy cất giữ dùm số tiền hai mươi ngàn louis của ta để sinh lợi trong lúc ta đi vắng.

-Còn phân nửa của tôi? – Planchet hỏi.

-Thì ta mang theo.

-Thật vinh dự được lòng tin của ngài, nhưng nếu ngài không trở về thì sao?

-Cũng có thể, mà cũng không đúng hẳn như thế. Vậy thì Planchet ạ, để đề phòng trường hợp ta không quay về, hãy đưa giấy bút đây ta viết chúc thư cho anh.

Nói xong d'Artagnan cầm bút viết trên một tờ giấy thường:

"Tôi, d'Artagnan, sở hữu của hai mươi ngàn louis, là tiền dành dụm từng đồng xu từ ba mươi năm qua mà tôi đã phụng sự Đức Hoàng thượng vua nước Pháp. Trong số tiền này, tôi biếu Arthos năm ngàn, Porthos năm ngàn, Armis năm ngàn để họ mang biếu cho bạn tôi là Raoul, Tử tước De Bragelonne. Còn năm

ngàn còn lại tôi biếu Planchet để anh ta không cảm thấy hối tiếc khi mang mười năm ngàn louis kia cho bạn của tôi.

Tôi chứng ký dưới đây làm bằng

D'Artagnan"

Planchet tỏ vẻ rất tò mò muốn biết d'Artagnan đã viết những gì. Người lính ngự lâm bảo Planchet: -Đây, đọc đi!

Đọc xong, Planchet rơi nước mắt.

-Bộ ông tưởng không có mấy chữ đó rồi tôi không đưa tiền ra sao? Nếu vậy thì tôi không nhận năm ngàn louis của ông đâu

D'Artagnan mỉm cười: -Cứ nhận đi Planchet, nhận đi, và như vậy thì anh sẽ chỉ mất có mười năm ngàn louis thôi thay vì mất hai chục ngàn, và anh cũng sẽ phải khỏi mang cái tội cố ý nhục mạ chữ ký của chủ anh mà cũng là bạn anh, khi anh tìm cách không để mất đồng nào hết.

Để khởi sự, d'Artagnan bắt đầu lên đường vào một ngày rất đẹp: trời không mây, đầu óc không vẩn đục, vui vẻ khỏe khoắn, tâm trí bình yên và cương quyết. Phần chủ yếu đã giải quyết xong, đương nhiên ông cảm thấy như được uống một nguồn năng lực mạnh gấp mười lần và nguồn sức mạnh đó, qua dây thần kinh toả lan đi khắp cơ thể.

Một lần nữa ông lại lên yên như trong thời xa xưa, cũng trên con đường này, con đường đầy kỷ niệm về những phiêu lưu đã đưa ông đến Boulogne. Lần này là lần thứ tư, đi trên đường, ông ngỡ như có thể nhận ra những dấu chân cũ trên vỉa hè và dấu vết của những cú đấm mà mình đã để lại trên các cửa lữ quán.

Ký ức của ông, luôn luôn sôi động và tỉnh táo, đã làm sống lại cái thời thanh xuân đó mà dù đã ba mươi năm qua, vẫn còn trong tấm lòng hào hiệp và cú đấm thép của ông.

Ôi, bản chất của con người này thuần hậu biết bao! Ông có tất cả mọi đam mê, sôi nổi, cả thói hư tật xấu lẫn mọi sự yếu mềm, và cái tính khí tương phản quen thuộc trong đầu óc đã đổi tất cả những khuyết điểm đó thành những ưu điểm tương xứng.

D'Artagnan, nhờ trí tưởng tượng không ngừng lang thang đó đây của ông, như cảm thấy lo sợ nên bước tới chỗ bóng đen đó và thế là ông trở nên hết sức gan dạ nếu sự nguy hiểm trở thành thực tế. Lại nữa, tất cả trong ông đều là do xúc động và từ đó là lạc thú nảy sinh. Ông yên mọi người nhưng không bao giờ chán nản về mình, và đôi lần, nếu có ai quan sát lúc ông một mình, người ta sẽ thấy ông kể lể, giễu cợt mình hoặc là cười với những trò hề tưởng tượng chừng năm phút trước lúc gặp sự phiền nhiễu.

Lần này, d'Artagnan có lẽ không cảm thấy vui vẻ như trước kia, như với viễn ảnh sẽ gặp được vài người bạn tốt ở Calais, mà thay vào đó lại là mười tên vô lại khoác lác. Những lúc này nỗi buồn không đến viếng ông quá một lần mỗi ngày,

và hình như có năm lần thăm viếng ngắn ngủi của vị thần ảm đạm này trước khi ông nhận ra bờ biển dẫn đến Boulogne.

Lúc này d'Artagnan có linh cảm đã gần kề trận chiến; mọi tình cảm nào khác ngoài lòng tự tin đều tan biến hết.

Từ Boulogne ông đi dọc theo bờ biển Calais, Calais là điểm hẹn chung, ông đã ra lệnh cho mỗi tên lính của ông đến quán trọ Grand Monarque là nơi giá sinh hoạt không quá đắt đỏ, nơi bọn thuỷ thủ cũng như những gã trai tráng mang kiếm trong bao da ùn ùn lui tới. Tất nhiên họ sẽ tạm dừng bước ăn uống và sau cùng là hưởng thú vui êm ái của cuộc đời chỉ có ba mươi xu một ngày.

D'Artagnan dự định sẽ bất chợt bắt gặp họ trong cảnh sống phiêu bạt để xét đoán họ từ dáng vẻ bên ngoài xem họ có thể là những người bạn đồng hành tốt hay không.

Quán trọ Grand Monarque nằm trên một con đường nhỏ song song với bến cảng mà không trông thẳng ra đó. Vài ngõ hẻm chạy băng qua như những bậc ngang của chiếc thang mà hai đường song song là đường cái và con lộ lớn trước bến cảng.

Theo các ngỏ hẻm, người ta đổ xô ra bến cảng và ngược lại, vào đường cái.

D'Artagnan đến bến cảng, đi vào một con đường hẻm đó và bất thình lình xuất hiện trước cửa quán trọ Grand Monarque.

D'Artagnan đến thật đúng lúc và điều đó làm ông nhớ lại thuở trước tại quán trọ Franc-Maunier ở Meung. Bọn thuỷ thủ đang cãi nhau và hầm hè nhau một cách kịch liệt. Ông chủ quán, bà chủ quán và hai chú hầu bàn đang lo ngại trông chừng cái đám cờ bạc xấu máu có vẻ như sẵn sàng dao búa xông vào nhau trong trận sống mái.

Tuy nhiên sòng bài vẫn tiếp tục.

Hai người đàn ông ngồi trên băng đá có vẻ như trông chừng cửa ra vào, tám gã khác thì chiếm bốn cái bàn đặt ở cuối phòng. Cả người ngồi trên băng đá lẫn người ngồi ở bàn không ai tham gia vào trận gây gổ lẫn cuộc đỏ đen cả. D'Artagnan nhận ra ngay đám thuộc hạ của ông dưới lớp vỏ khán giả lạnh lùng và thờ ơ đó.

Trận gây gổ sắp bùng lên. Mọi đam mê đều như biển cả, có thủy triều lúc lên lúc xuống. Một thủy thủ hăng tiết hất cái bàn mà trên đó có cả tiền. Bàn đổ, tiền lăn tung tóe. Lập tức nhiều ông khách trong quán đổ xô ra lượm tiền, "thủ" một số lớn những đồng bạc trắng rồi chuồn đi mất trong khi bọn thuỷ thủ mắc lo xâu xé nhau.

Hai người ở băng đá và tám người ở trong phòng, mặc dù tỏ vẻ xa lạ với nhau, nhưng hình như đã ra hiệu giữ thái độ thản nhiên giữa những tiếng kêu la inh ỏi đầy thịnh nộ cùng với tiếng các đồng tiền va nhau leng xẻng. Riêng có hai người chợt dùng chân đẩy mấy tên ẩu đả bị té lăn dưới gầm bàn của họ ra.

Sau đó hai người nữa đành rút tay ra khỏi túi còn hơn là nhào vô tham gia với đám huyên náo. Rồi thêm hai người nữa leo lên bàn họ đang ngồi như những người sợ bị tạt nước bất ngờ nên phải tránh.

D'Artagnan tự nhủ, mắt không bỏ sót bất cứ một chi tiết nào mà chúng ta vừa kể qua: -Ồ, khá lắm: họ kín đáo trầm tĩnh, quá quen thuộc với cảnh ồn ào, đánh đá. Khỉ gió! Mình được tay bài đỏ thật.

Thình lình, ông chú ý đến một góc trong căn phòng.

Bọn thủy thủ vừa giảng hoà với nhau xong liền quay sang chửi mắng hai người đã dùng chân đẩy mấy người bạn họ.

Một gã nửa say vì giận nhưng say khướt vì bia, bằng một giọng hăm doạ, đến hỏi người nhỏ con trong hai người đó rằng anh ta lấy quyền gì mà dám dùng chân đụng vào đám môn hạ của Chúa Trời như đạp chó vậy. Vừa chất vấn, gã vừa cố ý đưa thẳng quả đấm gân guốc của gã đến ngay trước mũi chàng lính mộ của ngài d'Artagnan.

Anh chàng này tái mặt đi không rõ là vì sợ hay vì giận.

Thấy vậy gã thủy thủ kết luận là vì sợ, nên gã giơ quả đấm lên với ý định rõ rệt là sẽ cho rớt xuống đầu người lạ mặt. Nhưng mặc dầu không ai thấy người bị hăm doạ nhúc nhích gì cả, bất thình lình anh ta phóng một quả đấm dữ dội vào bụng gã thủy thủ làm gã lăn cù đến tận cuối phòng và kêu la thảm thiết. Lúc ấy, những bạn bè của kẻ chiến bại theo tinh thần đồng đội liền đổ xô vào người chiến thắng.

Anh này, cũng phớt tỉnh, thản nhiên như trước đó, không dại dột dùng đến khí giới mà lại tóm lấy một bình bia có nắp thiếc rồi đập gục hai hay ba kẻ đang xông vào. Thế rồi, thấy anh ta có vẻ sắp bị đè bẹp vì số đông bảy người ở trong phòng vẫn lặng thinh kia giờ hiểu ra rằng chính nghĩa của họ đang bị đe doạ nên lập tức xông vào cứu bạn.

Đồng thời hai con người thờ ơ với thế sự ngồi ngoài cửa kia cũng quay vào, nhíu mày chứng tỏ có ý định rõ ràng là sẽ đánh úp đối phương nếu chúng không chịu ngưng chiến.

Ông chủ quán, mấy chú hầu bàn và hai cảnh sát trực đêm đi ngang qua vì tò mò đã bước sâu vào quán và tất cả cũng bị bao vây trong trận chiến, và bị ăn đòn nhừ tử.

Đám người Paris đánh nhau thật dữ dội theo những lối đánh rất đẹp mắt. Sau đó, khi bắt buộc phải tháo lui trước số người quá đông, họ đứng thủ thế phía sau cái bàn lớn mà bốn người hất dựng lên, trong khi đó hai người còn lại mỗi người cầm một con ngựa gỗ và sử dụng chúng như thứ dụng cụ của một lò sát sinh khổng lồ. Chỉ một lần đập cái máy bắn đá gớm ghiếc đó, họ đã làm tám gã thủy thủ cùng lúc té sóng ngoài.

Trên bàn, người bị thương nằm la liệt và trong căn phòng thì đầy bụi, đầy tiếng la ó. D'Artagnan thấy thoả mãn với bằng chứng trước mắt bèn bước tới khẽ đập đốc kiếm vào những ai còn ngẩng đầu lên và ông quát lên một tiếng, làm trận chiến ngưng tức khắc.

Ông dồn hết mọi người lại để mình đứng tách riêng ra, làm chủ tình hình.

-Cái gì thế? Ông cất giọng hỏi đám người bu quanh, oai nghiêm như Thần Biển khi truyền Quos cgo[293].

Sau đó, như kiểu ẩn dụ của Virgile đã viết, ngay từ lúc nghe tiếng quát mỗi người lính mộ đều biết ông chủ tối cao của họ, liền thu lại cả cơn nóng giận lẫn con ngựa gỗ.

Về phía bọn thủy thủ, khi thấy thanh gươm tuốt trần cùng khí phách hùng dũng và cánh tay lanh lẹ qua vóc dáng một người có vẻ quen chỉ huy đến tiếp cứu kẻ thù, họ liền thu nhặt đám bị thương cùng mớ nồi niêu song chảo của họ và mang đi.

Đám người Paris lau mồ hôi trán và kính cẩn cúi thủ lãnh.

D'Artagnan được chủ quán trầm trồ khen ngợi. Ông đón nhận theo cách thức của người biết rằng "chuyện ấy cũng thường thôi", xong ông tuyên bố rằng ông đi dạo một vòng trên bến để chờ bữa ăn tối.

Mỗi người trong đám lính mộ hiểu ngay hiệu lệnh, liền phủi bụi trên áo quần, đi theo d'Artagnan.

D'Artagnan trong khi lững thững đi dạo tuy để ý đến mọi chuyện xung quanh nhưng vẫn không dừng bước. Ông tiến về phía đồi cát, còn mười người kia hoang mang nhận thấy cùng đi chung một đường, bên trái, bên phải sau lưng đều có người đồng hành không ngờ đang nối gót nhau và cùng hằm hè nhìn nhau đầy giận dữ.

Chỉ khi đến chỗ trũng nhất của đụn cát thấp nhất, khi đã bỏ xa họ, d'Artagnan mới mỉm cười quay lại vẫy tay ra hiệu hoà giải.

-Ô kìa, các ông! Đừng cấu xé nhau. Các ông được sinh ra để sống với nhau, để thông cảm nhau về mọi phương diện chứ không phải để ăn tươi nuốt sống lẫn nhau.

Thế là chấm dứt mọi ngại ngùng. Họ thở phào như vừa được tôi ra khỏi quan tài và họ thích thú nhìn ngắm nhau. Xong họ đưa mắt nhìn sang chủ tướng của họ. Người mà từ lâu đã biết rõ cái nghệ thuật vĩ đại về cách ăn nói với những người đàn ông được tôi luyện đến mức này, liền ứng khẩu một bài diễn văn ngắn như sau, giọng đầy nhiệt tình đặc biệt của xứ Gascon: -Này, tất cả các ông đều biết tôi là ai rồi. Tôi đã thu nhận các ông, biết rõ các ông là những con người dũng cảm và mong muốn các ông hợp tác với tôi trong một cuộc viễn hành đầy vinh quang. Hãy nghĩ rằng các ông làm việc với tôi tức là các ông phụng sự cho Đức vua. Tôi chỉ báo cho các ông biết rằng nếu các ông để lộ ra chút gì về điều

đó thì tôi sẽ tức khắc đập vỡ đầu các ông ra bằng cách nào tôi thấy thích hợp nhất. Các ông ạ, các ông thừa hiểu rằng bí mật quốc gia thì cũng như thuốc độc vậy, chừng nào thuốc độc này còn nằm trong hộp và hộp được đậy kín thì nó không hại gì cả. Còn ra khỏi hộp nó làm chết người ngay. Bây giờ xin các ông hãy lại gần đây và các ông sẽ được biết điều bí mật mà tôi có thể nói ra được.

Tất cả tò mò tiến gại gần d'Artagnan. Ông nói tiếp: -Các ông lại gần dây. Chúng ta cần phải biết và báo cáo về cho ngài Tổng giám tài chánh rõ bọn buôn lậu Anh đang làm hại các nhà buôn Pháp như thế nào. Ta sẽ đột nhập nhiều nơi và nhìn thấy mọi thứ.

Chúng ta là những người dân nghèo xứ Picard bị bão tố thảy lên bờ. Khỏi phải nói rằng chúng ta sẽ bán cá rành rẽ không thua gì ngư dân thật sự. Chỉ một điều là khi mà người ta đoán ra chúng ta là ai và làm chúng ta lo ngại, thì lúc đó chúng ta lập tức sẵn sàng ứng chiến để tự vệ. Đó là lý do tại sao tôi đã chọn các ông, những người nhạy bén và can đảm, chúng ta sẽ sống bình thường và không lo nguy hiểm gì lắm, vì rằng đằng sau chúng ta là một vị đỡ đầu có thế lực nhờ đó mà chúng ta không sợ bị rắc rối. Tôi chỉ không bằng lòng có một điều, nhưng tôi mong rằng sau một lời giải thích ngắn ngủi, các ông sẽ gỡ rối cho tôi. Cái điều làm tôi phật lòng đó là đã mang theo một đoàn ngư dân ngu ngốc. Một đoàn người như vậy sẽ gây khó khăn khá lớn cho chúng ta. Trừ phi, ngẫu nhiên ở đây có ai đã từng thấy mặt biển ra sao.

-Ồ! Cái đó không hề chi! – Một tay lính mộ la lên. – Tôi đây đã từng là tù binh của bọn hải tặc ở Tunis trong ba năm và tôi biết cách lái tàu như một đô đốc vậy.

-Đấy, thấy chưa? – D'Artagnan nói, – sự ngẫu nhiên thật là tuyệt diệu?

D'Artagnan thốt lên với một giọng hiền khô vì ông thừa biết rằng cái tên nạn nhân của hải tặc này là một tên cướp biển cũ và ông đã thuê hắn ta chỉ vì biết rõ gốc gác đó. Nhưng d'Artagnan chẳng nói gì hơn điều cần phải nói để người ta khỏi nghi ngờ. Ông không cần giải thích và tiếp nhận kết quả mà không tỏ vẻ bận tâm gì về lý do. Một người thứ hai nói: -Còn tôi, tôi may mắn có một người chú điều hành quảng trường ở bến cảng La Rocchelle. Từ thuở nhỏ tôi dã đùa bỡn với thuyền bè rồi. Chèo và căng buồm thì tôi dám cá ăn thua với bất cứ tay thủy thủ lành nghề nào.

Tên này nói dóc cũng chẳng kém gì tên trước, hắn đã sống kiếp tù khổ sai trên chiến thuyền của Đức vua trong sáu năm ở La Ciolat.

Hai người kế tiếp thì thành thật hơn. Họ thú nhận ngay rằng họ đã phục vụ trên một chiến thuyền như những tù khổ sai, họ không thấy phải xấu hổ về điều đó, d'Artagnan thấy rằng mình giờ đây là chủ tướng của mười chiến binh và bốn thuỷ thủ, cả bộ lẫn thuỷ, đó là điều chắc sẽ đưa Planchet lên tận mây xanh nếu như Planchet biết được chi tiết này.

Bây giờ thì không còn là lệnh chung nữa mà rành rẽ, cụ thể hơn. Ông bảo họ chuẩn bị sẵn sàng lên đường đi La Have, một số theo đường biển đến Breskens, còn số kia đi bằng đường bộ tới Anvers.

Tính theo đường bộ thì ngày giờ hẹn là mười lăm ngày sau đó, nơi quảng trường chính của La Haye.

D'Artagnan dặn họ phải thi hành từng cặp, từng cặp hai người. Riêng ông, ông chọn từ những gương mặt ít gớm ghiếc nhất lấy ra hai người ông đã quen biết trước kia, hai người này chỉ có cái tội cờ bạc và nhậu. Họ tuy vậy cũng không đến nỗi mất cả tư cách, và dưới lớp áo sạch sẽ, trái tim của họ sẽ bắt đầu đập đều lại d'Artagnan cho đám người kia đi trước để tránh gây đố kị.

D'Artagnan tỏ vẻ tuyệt đối tôn trọng lòng tin cẩn đối với hai người này, nên tiết lộ một sự bí mật giả để bảo đảm cho sự thành công của chuyến viễn hành. Ông thú nhận với họ rằng thực ra không phải là để tìm hiểu xem bọn buôn bán lậu Anh làm thiệt hại như thế nào cho giới thương mại Pháp mà trái lại xem bọn buôn lậu Pháp làm thiệt hại thế nào cho giới thương mại Anh. Hai người này có vẻ bị thuyết phục thật sự.

D'Artagnan tin chắc rằng khi gặp độ ăn nhậu đầu tiên và lúc họ đã say bí tỉ rồi thì một trong hai người sẽ tiết lộ điều bí mật cốt yếu này ra cho cả bọn tiết. Trò đùa này có vẻ rất hiệu nghiệm.

Mười lăm ngày sau những gì chúng ta đã thấy diễn ra ở Calais cả đội quân đều tập trung lại La Haye.

D'Artagnan nhận ngay ra rằng cả đám thuộc hạ khá thông minh của ông đã cải trang thành những thuỷ thủ ít nhiều cũng có dáng xơ xác vì biển cả.

D'Artagnan để họ nghỉ ngơi trong một căn phòng tồi tàn ở Newkerkestret còn ông thì trú nơi sạch sẽ đứng đắn hơn ở mạn kênh lớn.

D'Artagnan hay tin ông hoàng nước Anh đã trở về Hòa Lan với đồng minh Guillaume. Ông cũng biết thêm rằng việc Louis XIV từ chối giúp đỡ khiến Charles II cũng không được bảo trợ đúng mức nữa nên phải ru rú trong một ngôi nhà nhỏ trong làng Scheveningen, giữa vùng đụn cát bên bờ biển, cách La Haye khoảng một dặm.

Con người bị lưu đày khốn khổ kia tự an ủi bằng cách nhìn về biển Bắc mênh mông, nơi đã chia cách ông với nước Anh của ông, cũng như xưa kia nó đã từng chia cách Marie Stuart với nước Pháp khiến cho nỗi buồn của ông đã trở thành truyền thống đặc biệt trong dòng họ ông. Ở đó, đằng sau các thân cây trong cánh rừng Scheveningen xinh đẹp, trên mặt các đụn cát mịn màng có những cây thạch thảo chói vàng ánh nắng, Charles II cũng sống vật vờ như chúng, vì ông luôn luôn hy vọng rồi lại bị thất vọng. Có một lần d'Artagnan đến tận Scheveningen để biết chắc chắn những gì người ta nói về ông hoàng đó. Ông thấy đúng là Charles II trở nên trầm mặc và thường đi ra ngoài một mình qua cánh cửa nhỏ

thông ra rừng rồi đi bách bộ dọc theo bờ biển dưới ánh nắng chiều mà không gây nên sự chú ý nào của đám ngư dân vừa đánh cá về đây kéo xuồng lên bãi cát như những thuỷ thủ xưa kia ở vùng quần đảo.

D'Artagnan nhận ra Charles II. Ông thấy ngài đưa ánh mắt buồn bã nhìn đăm đăm trên mặt nước bao la và gương mặt tái nhợt của ngài chìm đắm trong ánh chiều tà vốn đỏ rực bã nhợt nhạt nơi chân trời sẩm tối. Sau đó, Charles II trở về căn nhà cô quạnh, vẫn đơn độc vẫn lừ đừ và buồn thảm, chỉ có niềm vui được nghe tiếng cát mềm chuồi dưới bước chân.

Ngay đêm đó, d'Artagnan thuê một chiếc thuyền đánh cá với giá mười ngàn louis mặc dù đúng ra giá chỉ khoảng bốn ngàn.

Mười ngàn louis đó ông trả bằng tiền mặt và ông ký gởi ba ngàn louis nữa cho ông xã trường. Xong đâu đấy, ông xuống thuyền trong đêm tối mịt mùng cùng với sáu người của toán quân bộ và vào ba giờ sáng – lúc thủy triều lên, ông đã ra khơi, vững tin vào khả năng của người lái nguyên là tù khổ sai trên chiến thuyền cũng như trước đó đã an tâm với người thuỷ thủ đầu tiên gặp trên bến cảng.

§11. Đến lúc tác giả buộc phải vẽ chuyện một chút

Trong khi các ông vua và quần thần đang bận tâm lo cho nước Anh như thế – cái nước Anh tự trị, phải khen quá một chút là chưa từng bị cai trị một cách tồi tệ – thì có một nhân vật mà Chúa đã ghé mắt và đặt bàn tay lên một con người có tên tuổi sẽ sáng chói trong sử sách, trước mắt nhân loại, con người ấy đang theo đuổi một sự nghiệp đầy bí ẩn hiểm và táo bạo.

Người ấy tiến bước mà không một ai biết được hắn muốn đi đâu, mặc dù không chỉ riêng nước Anh mà cả nước Pháp, cả châu Âu sẽ nhìn người ấy bước đi vững vàng, đầu ngẩng cao.

Tất cả những gì thiên hạ biết về người ấy, chúng ta sẽ nói ngay đây Monck vừa tuyên bố đồng ý tán thành "tự do hoạt động" cho Nghị viện đầu thừa đuôi thẹo, hay nếu ta thích thì gọi "Nghị viện xương cụt" như thiên hạ vẫn thường nói thế. Cái nghị viện mà tướng Lambert có thời làm phụ tá cho Cromwell, bắt trước theo ông này, vừa cho phong tỏa chặt cứng để ép theo ý

Ông, phong tỏa chặt đến nỗi không một thành viên nào thoát ra được và chỉ có mỗi Pierre Wenwort mới có thể đột nhập vào thôi.

Lambert và Monck, hai nhân vật đủ tư cách đại diện cho tất cả.

Người thứ nhất là đại diện cho chế độ quân chủ chuyên chế, người thứ hai đại diện cho phe cộng hoà chính thống. Hai con người duy nhất này là đại diện chính trị của cuộc Cách mạng mà Charles I đã bị mất ngôi rồi mất đầu sau đó.

Lambert ít ra cũng không che đậy quan điểm của mình, ông tìm cách thiết lập một chính phủ hoàn toàn quân sự và sẽ tự phong làm thủ lĩ của chế độ đó.

Monck, nhân vật cộng hoà cứng nhắc, theo như một số người nói, đã muốn giữ lại cái Rump Parliamenl[294] để làm đại biểu bề ngoài cho chế độ cộng hoà đã suy thoái này. Nhưng theo một số người khác thì Monck đầy tham vọng kín đáo, chỉ muốn nghị viện mà ông bảo vệ đó là một bậc thang vững vàng để ông leo lên vị trí của Cromwell đã bị bỏ trống và nay thì ông vẫn chưa dám ngồi vào đó

Thế là Lambert, người làm nghị viện khốn đốn, và Monck, kẻ tuyên bố bảo vệ nó, trở thành thù địch và tuyên chiến với nhau. Bởi vậy Lambert và Monck đều cũng nghĩ đến việc lập một đạo quân cho riêng mình.

Monck ở Scotland với nhóm mục sư Thanh giáo và phe bảo hoàng, nghĩa là thành phần bất mãn.

Lambert ở London, nơi mà mãi mãi lúc nào cũng có một phe đối lập mạnh chống lại quyền bính trước mặt.

Monck đã lập quân đội bình định Scotland và biến nơi đó thành căn cứ. Monck biết chưa đến ngày Chúa định để làm sự thay đổi lớn, cho nên thanh kiếm của ông ta có vẻ như còn dính cứng trong bao.

Monck không thể nào bị bứng ra khỏi xứ Scotland dữ dằn và hoang vu. Ông lại là tư lệnh – vua của đạo quân mười một ngàn lính dày dạn chiến trận đã hơn một lần được ông dắt qua chiến thắng. Ông còn biết rõ tình hình London hơn cả Lembert đang đóng đô ở vùng Trung tâm. Chính trong vị thế đó mà ông đã tuyên bố đứng về phe Quốc hội khi ông ở cách London đến cả một trăm dặm. Còn Lambert thì ở kinh đô như chúng ta đã nói.

Nơi đây quy tụ mọi hoạt động của ông, nơi ông tập họp quanh mình các bạn bè thân thiết và đám thuộc hạ lúc nao cũng tán tụng, tâng bốc mình. Chính tại London, Lambert nghe nói đến việc Monck đưa lay cho Nghị viện tận từ biên giới Scotland, ông ta tính rằng không nên mất một giây phút nào cả, vì sông Tweed chỉ cách sông Tamise có một khoảng đủ cho một đạo quân bước sải là tới, nhất là khi đạo quân đó có người chỉ huy giỏi. Ngoài ra ông còn biết thêm rằng một khi bọn lính của Monck dần dần xâm nhập vào Anh quốc rồi thì họ sẽ nắn các cục tuyết – quả cầu thường tượng trưng cho vận hên, còn đối với kẻ có tham vọng thì đó là một bậc thang càng ngày càng lên cao dẫn đi đến đích. Thế là ông gom nhặt quân sĩ lại, một đội quân khủng khiếp về chất lẫn lượng để tiến nhanh đến chặn đầu Monck trong khi ông này, như một tay chèo thận trọng lèo lái giữa chốn đá ngầm, đi từng ngày từng ngày một, đánh hơi theo hướng gió, lắng nghe từng động tĩnh từ London đưa đến.

Hai đạo quân này gặp nhau ở gần Newcastle; Lambert đến trước tiên và cho đóng quân ngay trong thành phố.

Monck, luôn luôn cận mật cũng dừng quân lại và đặt đại bản doanh tại Coldstream, trên sông Tweed.

Nhìn thấy Lambert, cả đội quân của Monck hò reo phấn chấn, trái lại khi thấy Monck, đội quân của Lambert lại bấn loạn cả lên. Người ta phải nghĩ rằng mấy tay chiến đấu gan dạ này, đã từng náo động khắp phố phường London cứ tưởng lên đường hành quân sẽ chẳng đụng độ với ai cả. Giờ đây họ thấy đụng phải cả một đạo quân không phải chỉ trương ra một lá cờ mà cả một chính nghĩa, một tôn chỉ, và các chiến binh lì lợm này hôm nay bắt đầu nghĩ ra rằng họ là thứ cộng hoà thua lính của Monck vì bọn này còn ủng hộ quốc hội, trong khi Lambert chẳng ủng hộ ai, ngay cả với chính ông ta nữa.

Về phần Monck, nếu như ông ta phải suy nghĩ hay đã suy nghĩ đến rồi thì chắc ông buồn lắm, vì như lịch sử đã ghi lại, rằng cái ngày ông đến Coldstream, không tìm đâu ra được một con cừu trong cả thành phố. Nếu như Monck chỉ huy quân đội người Anh thì ông đã làm cho cả đạo quân đào ngũ mất rồi.

Nhưng người Scotland thuộc giống người nghèo khổ và thanh đạm, có thể sống bằng một chút ít lúa mạch nghiền giữa hai hòn đá, quậy với nước rồi nấu chín trên đá nóng đỏ.

Sau khi được phát lúa mạch chín rồi thì lính Scotland sẽ chẳng còn lo đến chuyện có hay không có thịt ở Coldstream.

Monck không quen ăn bánh lúa mạch nên còn thấy đói và cả bộ tham mưu, ruột cồn vào chẳng kém gì ông khi nhìn quanh nhìn quất xem còn món ăn gì nữa không. Monck cho người đi thám thính, lính trinh át đến nơi thấy thành phố bỏ hoang và chạn bếp sạch trơn, không tìm được dù chỉ một miếng bánh mì cỏn con để dọn cho Đại tướng.

Dần dần những chuyện kể cứ tiếp nối nhau, không chuyện nào làm yên tâm hơn chuyện nào, và khi nhìn thấy nỗi kinh hoàng và chán nản trên khắp các gương mặt binh sĩ, Monck phải quả quyết rằng ông không đói, vả lại hôm sau ăn cũng được, bởi vì rất có thể Lambert đã ở sẵn đó để đánh nhau và thế là sẽ nộp lương thực nếu như ông ta bị vây hãm trong Newcastle hoặc giả ông ta sẽ giải phóng cho quân của Monck vĩnh viễn khỏi cái đói nếu như ông ta thắng trận.

Cách an ủi này chỉ có hiệu quả với một số ít người, nhưng điều đó không quan trọng lắm đối với Monck vì Monck là con người rất độc đoán dưới vẻ ngoài dịu ngọt tuyệt vời.

Do đó ai cũng phải bằng lòng, hay ít ra cũng tỏ vẻ bằng lòng Monck – Monck cũng đói khát như quân của ông, tỏ vẻ hoàn toàn dửng dưng với việc không tìm ra được con cừu. Ông liền cắt một khúc thuốc lá vấn dài độ nửa phân, của một anh trung sĩ trong đoàn tuỳ tùng, và ông vừa nhai vừa trấn an phụ tá của ông rằng cái đói là một ảo tưởng, hơn nữu cứ có một cái gì đó để vào miệng là không bao giờ thấy đói.

Sự bông đùa này làm thoả mãn một vài người trước đây đã phản kháng lại việc khấu trừ phần ăn lần đầu mà Monck đã kiếm được từ vùng phụ cận của Lambert; số người ương ngạnh ưa chống đối thế là đã bớt đi một ít. Đội phòng vệ được thiết lập, các toán tuần tiễu bắt đầu làm việc và ngài dại tướng lại tiếp tục bữa cơm đạm bạc của ngài dưới mái lều mở toang.

Khoảng giữa trại của ông và của kẻ địch, có một tu viện: ngày nay chỉ còn lại là một vài di tích nhưng lúc đó vẫn còn và được người ta gọi là tu viện Newcastle. Tu viện này được xây cất trên một khoảng đất rộng cách biệt luôn cả đồng bằng lẫn con sông, bởi vì đất đó gần như là một đầm lầy có suối chảy vào và có nước là nhờ trời mưa.

Tuy nhiên, giữa những đầm nước mọc đầy cỏ dại cao lớn và năng sậy, người ta thấy lấn ra những khoảng đất rộng lớn chắn cứng xưa kia được dùng làm vườn rau quả, công viên, sân giải trí và các cơ ngơi phụ khác của tu viện giống như mấy cái chân của con nhện biển khổng lồ vươn ra từ tấm thân tròn trịa của nó.

Vườn rau, một trong những cái chân dài nhất của tu viện, chạy dài tới tận trại của Monck. Khốn khổ thay, lúc này là vào đầu tháng Sáu như chúng ta đã nói, nên vườn rau chẳng cung cấp được bao nhiêu cả.

Monck đã cho canh giữ nơi đó coi như là chỗ thích hợp nhất cho những cuộc đột kích bất ngờ. Người ta thấy rõ từ phía bên kia tu viện, những ngọn lửa trại của ông đại tướng thù địch, nhưng giữa những ngọn lửa đó và tu viện là con sông Tweed đang trải dài các lớp vảy sáng dưới bóng rợp của vài cây sồi to lớn và xanh rì.

Monck hoàn toàn biết rõ vị trí này – Newcastle và các vùng phụ cận đã có lúc được ông sử dụng làm đại bản doanh.

Ông biết rằng, vào ban ngày, kẻ thù của ông không chừng sẽ có thể cho lính thám thính ở nơi các phế tích đó và tìm cách đột kích, nhưng vào ban đêm, hắn ta sẽ không tò mò đến đó đâu.

Vậy là ông có an toàn thật sự.

Thành thử, sau cái mà ông gọi một cách hoa mỹ là bữa cơm tối của ông, nghĩa là sau buổi tập nhai được chúng ta nhắc đến ở đầu chương này, quân sĩ được thấy ông ngủ ngồi trên một cái ghế có phân nửa dưới ánh sáng đèn dầu, phân nửa dưới ánh trăng. Lúc đó đã gần chín giờ rưỡi tối.

Thình lình Monck bị tôi ra khỏi giấc ngủ mơ mơ màng màng đó vì một toán lính vui mừng la hét chạy ùa tới lấy chân đập vào cột lều ông, lào xào như ong vỡ tổ, đánh thức ông dậy.

Đâu có cần ồn dữ như vậy. Ngài đại tướng mở mắt ra.

-Ê! Các chú, chuyện gì thế?

Nhiều tiếng trả lời: -Thưa Đại tướng, ngài có ăn rồi.

-Ta đã ăn tối rồi, các chú ạ, – ông bình tĩnh trả lời, – và ta đã tiêu hoá bình yên như các chú thấy đấy, nhưng mà, xin mời vào và cho ta biết các chú đến có chuyện gì thế.

-Thưa Đại tướng, tin vui.

-Hừ! Bộ Lambert thông báo cho chúng ta ngày mai đánh nhau à?

-Thưa không ạ, nhưng chúng tôi vừa tóm được một chiếc thuyền chở cá đến trại Newcastle.

-Lầm rồi, các bạn ơi. Các ông London khó tính lắm. Các chú làm họ mất lòng rồi. Đêm nay và ngày mai họ sẽ trở thành tàn nhẫn. Thôi, trả cá và ngư dân cho Lambert đi, trừ khi… – Đại tướng suy nghĩ một lúc rồi tiếp tục – Này, bọn ngư dân đó là ai thế?

-Thuỷ thủ vùng Picardie đánh cá dọc bờ biển Pháp, Hòa Lan và bị một cơn gió lớn thổi tấp vào bờ chúng ta.

-Có người nào trong bọn họ nói tiếng của chúng ta không?

-Gã sếp có nói vài tiếng Anh với chúng tôi.

Ông tướng càng lúc càng nghi ngờ khi theo dõi tin tức.

Ông nói: -Thôi được Ta muốn gặp những người đó. Hãy đem họ đến đây.

Liền đó một sĩ quan tách ra đi tìm họ. Monck hỏi tiếp: -Bao nhiêu người? Họ đi bằng thuyền gì?

-Tất cả là mười hay mười hai gì đó, thưa Đại tướng, họ đi trên chiếc thuyền đánh cá loại nhanh mà họ gọi là thuyền rượt con nước còn chúng tôi thì thấy nó là thứ đóng tại Hòa Lan. Chúng tôi phỏng chừng vậy…

-Và họ mang cá đến cho trại ông Lambert à?

-Thưa Đại tướng vâng ạ. Và hình như là họ đánh được một mẻ cá khá lớn đấy.

-Tốt, để xem sao, Monck nói.

Ngay lúc ấy viên sĩ quan đã trở lại dẫn theo người trưởng toán đánh cá nọ. Anh ta tuổi tác ước từ năm mươi đến năm mươi lăm gì đó, nhưng vẻ mặt còn trẻ. Anh có vóc người trung bình, mặc cái áo nịt đến ngang hông bằng len thô, đầu đội mũ không vành trùm xuống tận mắt, một dáng điệu ngập ngừng đặc biệt của dân thuỷ thủ – lối đi mà chính họ cũng không biết là nhờ chiếc tàu lắc lư, nên dù họ bước trên tấm ván hay ở khoang trống không, chân họ cũng vững vàng như cắm đến tận đáy biển vậy. Monck đưa đôi mắt tinh anh và sắc sảo quan sát anh chàng đánh cá một lúc lâu, người này mỉm cười với ông bằng một nụ cười nửa tinh quái nửa ngây ngô đặc biệt của dân quê.

Monck hỏi anh ta bằng tiếng Pháp rất đúng giọng: -Anh nói tiếng Anh chứ?

-A, tồi lắm, thưa ngài, – người đánh cá trả lời.

Giọng trả lời gấp gáp giật giật là của người dân Miền Nam chứ không phải là của dân miền Tây và miền Bắc nước Pháp, Monck hỏi thêm để có dịp dò xét cái giọng đó lần nữa: -Nhưng mà anh vẫn nói được đấy chứ!

Người đánh cá trả lời: -À, những người đi biển như chúng tôi, thì tiếng gì cũng biết được chút ít.

-Vậy ra anh là thủy thủ đánh cá?

-Vâng, thưa ngài. Trong ngày hôm nay là ngư dân và là ngư dân nổi tiếng nữa. Tôi vừa bắt được một con cá vược nặng ít nhất cũng phải ba chục ký và hơn năm chục ký cá đối. Tôi còn có nhiều cá cơm nhỏ, đem lăn bột chiên thì rất tuyệt.

Monck vừa nói vừa cười: -Tôi thấy là anh đã đi đánh cá trong vịnh Gasconge nhiều hơn là trong biển Manche.

-Đúng vậy, tôi là người miền Nam, điều đó không ngăn tôi thành một người đánh cá giỏi phải không, thưa ngài?

-Không, không. Tôi mua lại hết mẻ lưới của anh. Bây giờ thì hãy nói thật đi: cá này anh định giao cho ai?

-Thưa ngài, tôi không giấu giếm ngài điều chi. Tôi đang đi Newcastle, dọc bờ biển, thì một đám lính cỡi ngựa trên bờ, đi ngược chiều ra dấu cho tôi phải quay ngược trở lại theo đường dẫn đến trại của ngài, nếu không thì sẽ ăn đạn.

Người đánh cá nói thêm vừa cười: -Và vì tôi không được trang bị để đánh nhau nên đành phải vâng lời.

-Thế tại sao anh lại đến Lambert mà không đến tôi!

-À thì, thưa ngài, tôi đến ngài Lambert vì mấy ông ở thành phố xỉa tiền khá sộp, trong khi các ông, dân Scotland, tín đồ Thanh giáo, mục sư phái Calvin, các người trong tập đoàn ước thệ, muốn tên gì gì đó là tuỳ thích các ông, các ông ăn thì ít lắm lại không trả tiền gì cả.

Monck nhún vai nhưng đồng thời cũng không khỏi cười mỉm.

Còn tại sao ở miền Nam, anh lại đến tận bờ biển của chúng tôi mà đánh cá?

-Tại vì tôi đã trót dại sắp cưới vợ ở Picardie.

-Ừ phải rồi, nhưng Picardie đâu phải là nước Anh?

-Thưa ngài, con người đẩy thuyền ra khơi, nhưng Chúa và gió thì làm phần còn lại và muốn đẩy thuyền đi đâu thì đẩy.

-Vậy là anh không có ý định cập bến ở nước chúng tôi?

-Không bao giờ.

-Anh đi bằng đường nào?

-Từ Ostende, nơi thấy có cả song, chúng tôi trở về thì một ngọn gió Nam mạnh đẩy chúng tôi lạc hướng.

Thấy không đi ngược được, chúng tôi phải xuôi theo nó. Chuyến đánh, cá được quá mà, mất thì uổng, đành phải mang đi bán ở hải cảng nước Anh nào gần nhất. Và hải cảng gần nhất là Newcastle. Lại đúng dịp may vì nghe người ta nói rằng đang có sự tăng dân ở trại, tăng dân ở thành phố, dân nơi nào thì cũng đều là người lịch sự, rất giàu, rất đói – cũng người ta nói cả đấy! Cho nên tôi cho thuyền hướng về Newcastle.

-Còn các bạn của anh, họ đâu rồi?

-Ồ! Các bạn của tôi, họ đều có cả trên thuyền, đó là những thủy thủ chẳng có một tí trình độ gì cả.

-Trong khi anh thì? – Monck hỏi.

Người trưởng toán cười: -Ô, tôi ấy à! Tôi đã được đi khắp đó đây với cha tôi. Và tôi biết một xu, một đồng louis, một pistole, một louis, một louis kép, một ngôn ngữ của châu Âu gọi tên chúng là gì, cho nên thủy thủ đoàn của tôi nghe tôi như nghe lời thánh dạy và vâng lời tôi như vâng lời một đô đốc vậy.

-Như vậy thì chính anh là người đã nhắm ông Lambert như là khách hàng tốt nhất?

-Thưa đúng như vậy. Xin ngài hãy nói thật đi: tôi có lầm không?

-Sau này rồi anh sẽ thấy.

-Thưa ngài, dù sao nếu có lỗi gì thì đó là của tôi, chớ nên đổ cho các bạn tôi.

Monck nghĩ thầm.

-Đây nhất định là một tên có đầu óc.

Rồi sau vài phút im lặng để dò xét người đánh cá tỉ mỉ hơn, ông tướng hỏi: -Anh nói anh đến từ Ostende phải không?

-Thưa ngài vâng ạ, tôi đi thẳng một lèo.

-Như vậy anh có nghe nói đến những sự kiện gì mới đây không, vì ta chắc ở Pháp và Hòa Lan người ta đang rộn ràng lên. Cái người tự xưng là vua nước Anh đó hiện giờ làm gì nhỉ?

Người đánh cá kêu lên, ồn ào khoa trương nhưng chân thật: -Đây mới thật là một câu hỏi đúng chỗ, ngài không thể hỏi ai hơn tôi, bởi vì đúng là tôi có thể đáp lại, bằng một câu trả lời hấp dẫn. Thưa ngài, ngài hãy thử tưởng khi thả neo ở Ostende để bán mớ cá sòng vừa bắt được, tôi thấy cựu hoàng đi dạo trên các đồi cát trong khi chờ đợi lên ngựa đi La Haye: đó là một người cao lớn, xanh xao với mớ tóc đen và một gương mặt khá tiều tuỵ. Ngài có vẻ không được khỏe mạnh và chắc khí hậu ở Hòa Lan không tốt cho ngài.

Monck hết sức chăm chú theo dõi câu chuyện của người đánh cá kể vừa nhanh, vừa hoa mỹ lại dài dòng văn tự, bằng một thứ ngôn ngữ không phải của xứ người ấy. May thay ông ta kể thật xuôi. Người đánh cá, khi thì dùng một tiếng Pháp, khi thì xài một tiếng Anh, khi thì một tiếng có vẻ không thuộc quốc tịch nào cả, và đó là tiếng xứ Gascon.

May thay, đôi mắt của ông đã nói thay và nói một cách thật là lưu loát đến nỗi người ta có thể quên không nhìn miệng, nghe tiếng mà không thể rời ý nơi mắt ông được.

Ông tướng càng ngày càng tỏ vẻ bằng lòng với sự sát hạch của mình.

-Anh có nghe nói người có danh vị mà anh muốn gọi là cựu hoàng đó, sẽ đi về hướng La Haye để làm gì không?

-Ồ có, chắc chắn có rồi, tôi có nghe.

-Nhằm mục đích gì?

Người đánh cá trả lời: -Thì luôn luôn cũng vẫn như cũ. Không phải là ông ta vẫn có ý định trở về Anh đó sao?

Monck nói, vẻ trầm ngâm: -Ừ, đúng đấy.

-Nên kể thêm rằng, – người đánh cá nói thêm, – viên Tổng đốc khâm mạng. Ngài biết Guilliaume II đấy chứ, thưa ngài?

-Rồi sao?

-Ông này sẽ hết sức giúp cựu hoàng bằng mọi cách.

-À anh nghe nói như vậy à?

-Thưa không, tôi chỉ nghĩ vậy.

-Hình như anh rất khá về chính trị đấy?

-Ôi thưa ngài, bọn thủy thủ chúng tôi đã có thói quen nghiên cứu trời và nước, nghĩa là hai thứ linh động nhất thế gian, cho nên chẳng còn thứ gì lầm được.

Monck chuyển sang chuyện khác: -À, mà này, hình như anh sắp sửa cho chúng tôi no nê đấy!

-Thưa ngài, tôi sẽ cố gắng hết sức.

-Trước hết, anh bán cho chúng tôi mẻ cá đó bao nhiêu?

-Tôi chưa ngu mà ra giá đâu, thưa ngài.

-Tại sao vậy?

-Tại vì cá của tôi thuộc về ngài.

-Do quyền gì?

-Quyền của kẻ mạnh.

-Nhưng mà ý của tôi thì muốn mua cho anh.

-Tôi không dám xin gì hơn.

-Anh muốn xin gì nữa?

-Tôi chỉ xin được ra đi.

-Đi đâu? Tới tướng Lambert à?

Người đánh cá kêu lên: -Tôi ấy à, tôi đến Newcastle làm gì khi tôi chẳng còn con cá nào?

-Muốn gì thì gì, anh hãy nghe tôi nói đây. Một lời khuyên thôi.

-Sao ạ? Ngài muốn trả tiền cho tôi và lại còn cho thêm một lời khuyên tốt nữa à? Ôi, ngài ban ơn cho tôi nhiều quá.

Monck nhìn đăm đăm hơn bao giờ hết khuôn mặt người đánh cá và thấy trên ấy vẫn còn giữ chút gì hoài nghi.

-Vâng. Tôi muốn trả tiền cho anh và cho anh một lời khuyên, vì cả hai điều có liên quan với nhau. Vậy thì, nếu như anh quay trở lại cho tướng Lambert.

Người đánh cá làm một cử chỉ ở đầu và vai có ý nghĩa là "nếu hắn nhất quyết như vậy thì mình không nên làm phật ý hắn".

Monck nói tiếp: -Anh đừng đi qua phía đầm lầy vì trong mình anh có tiền. Tôi có đặt ở đấy một toán lính Scotland. Họ khó chơi và sẽ không hiểu rõ thứ ngôn ngữ có đến ba thứ tiếng anh dùng. Họ có thể lấy lại những gì tôi vừa cho anh, để rồi khi về xứ, anh lại nói rằng Đại tướng Monck có hai bàn tay, một tay Scotland, một tay Ăng-lê, và ông ta dùng bàn tay Scotland lấy lại những gì mà bàn tay Ăng-lê cho ra.

-Ô! Thưa Đại tướng, tôi sẽ đi bất cứ nơi nào ngài muốn, xin ngài hãy an tâm, – người đánh cá nói với một vẻ sợ hãi lộ liễu đến mức thái quá. – Tôi chỉ xin ngài cho tôi ở lại đây nếu ngài muốn tôi ở lại.

Monck hơi cười nhếch mép nói: -Tôi tin anh mà, nhưng hiện giờ tôi không thể giữ anh lại đây, trong lều của tôi.

-Thưa ngài, tôi không có ý như vậy, tôi chỉ mong ngài chỉ định cho tôi nơi ở nào thôi. Xin ngài đừng phiền vì đối với chúng tôi một đêm dễ trôi qua lắm.

-Nếu vậy thì tôi sẽ cho người dẫn anh về thuyền.

-Xin tuỳ ngài. Chỉ một điều nếu ngài cho một anh thợ mộc đưa tôi về thì tôi sẽ đội ơn lắm.

-Tại sao vậy?

-Thưa tại vì mấy cái ông trong đội quân của ngài đó. Khi cho cột dây cáp và ngựa kéo thuyền lên bờ họ đã va nó vào đá và làm lủng thuyền, nước vào ít nhất là hơn nửa thước, thưa ngài.

Tôi nghĩ rằng đó lại là thêm một lý do nữa để anh phải trở về trông coi thuyền của anh.

-Thưa, tôi xin tuân lệnh ngài. Tôi sẽ mang mấy giỏ cá lên để nơi nào tuỳ ý ngài rồi ngài trả tiền cho tôi, nếu thấy thích. Ngài cho tôi về nếu như thấy thuận lợi cho ngài. Ngài thấy đấy, tôi là một người sống rất dễ dãi.

-Thôi đi nào, anh đúng là quỷ ranh!

Monck nói, cái nhìn xét nét của ông không tài nào tìm ra một vết mờ nào trong ánh mắt trong suốt của người đánh cá.

-Ê! Digby!

Một người cận vệ xuất hiện.

-Anh hãy đưa anh chàng đáng trọng này cùng các bạn của anh ta đến các lều nhỏ trong quán nước trước các bãi đầm. Từ đấy họ dễ về thuyền hơn mà đêm nay cũng khỏi phải nằm ngủ dưới nước. Chuyện gì vậy, Spithead?

Spithead là anh trung sĩ mà Monck đã mượn một khúc thuốc lá để hút thay cơm ăn.

Ông hỏi thế vì Spithead bước vào lều của Đại tướng mà không có lệnh gọi. Anh ta nói: -Thưa ngài, có một nhà quý tộc người Pháp vừa đến trình diện ở tiền đồn và ông ta xin được tiếp chuyện với ngài.

Câu chuyện tất nhiên là được trao đổi bằng tiếng Anh. Dù vậy người đánh cá cũng hơi giật mình, có điều Monck bận với người trung sĩ nên không để ý đến. Ông hỏi: -Ông ta tên gì?

Spithead trả lời: -Thưa ngài, ông ta có nói, nhưng mà mấy cái tên quỷ quái bằng tiếng Pháp đó thật là khó phát âm ra từ cổ họng Scotland. Tôi không nhớ nổi. Hơn nữa, ông này, theo như các lính cận vệ nói lại, thì cũng là người hôm qua đã trình diện ở trạm tiếp tân, mà ngài không muốn tiếp đó.

-Đúng rồi, lúc ấy ta bận họp các sĩ quan.

-Thưa ngài có định cho ông ta như thế nào không ạ?

-Có. Đưa ông ta đến đây.

-Có cần phải đề phòng gì không? Bịt mắt ông ta lại, chẳng hạn.

-Chi vậy? Ông ta sẽ chỉ nhìn thấy những gì ta muốn cho ông ta nhìn thấy, nghĩa là thấy ta có chung quanh hơn mười một ngàn quân gan dạ không cần đòi hỏi gì hơn là được hy sinh cho nước Scotland và nước Anh.

-Còn ông kia, thưa ngài? – Spithead vừa nói vừa chỉ người đánh cá đang đứng yên đó trong suốt câu chuyện, làm như người có thấy nhưng không hiểu gì cả.

Monck kêu lên: -À, phải rồi!

Rồi quay sang người đánh cá, ông nói: -Xin tạm biệt, ông bạn ạ, tôi đã lo chỗ ở tạm cho anh rồi.

-Digby, đưa anh ta đi. Đừng sợ gì cả, tôi sẽ cho gởi tiền đến anh ngay.

-Đa tạ ngài, – người đánh cá nói.

Chào xong, ông ta bước ra, có Digby kèm theo. Cách trại trăm bước, ông gặp lại các bạn đồng hành. Họ thì thầm luôn miệng, thoáng một chút lo lắng, nhưng khi ông ra dấu thì họ có vẻ yên tâm hơn.

-Ô kìa các anh ơi! – Người trưởng toán kêu lên, lại đây các anh! – Ngài Đại tướng Monck đã rộng lượng trả tiền cá cho chúng ta và còn có lòng tốt cho chúng ta ngủ nhờ qua đêm nữa.

Những người đánh cá họp lại với trưởng toán của họ, và do Digby hướng dẫn, họ lên đường về phía các quán nước, là nơi được chỉ định cho họ như đã nói.

Trên đường, những ngư dân này đi ngang qua vùng bóng khuất gần toán cận vệ đang dẫn nhà quý tộc Pháp đến gặp Đại tướng Monck.

Nhà quý tộc này cưỡi ngựa, choàng một áo bành tô rộng lớn cho nên dù rất tò mò muốn biết mặt thì người chủ thuyền cũng không thấy rõ. Còn nhà quý tộc thì không lưu ý đến toán người nhỏ bé ấy, không biết rằng mình đi sát cạnh những người cùng quê hương xứ sở.

Viên sĩ quan cận vệ sắp xếp cho khách ở trong một căn lều khá sạch sẽ của bà chủ quán Ireland vừa phải dọn đi một nơi khác với sáu đứa con của bà, ở đâu được thì ở. Trước lều, một đống lửa to ngọn đốt lên phản chiếu ánh sáng đỏ thẫm trên các vũng nước đầy cỏ dại trong đầm có gió hiu hiu khá mát mẻ thổi gợn sóng lăn tăn. Thu xếp đâu đó xong xuôi, viên sĩ quan cận vệ chúc các thuỷ thủ ngủ ngon và lưu ý rằng từ nơi cửa lều, họ có thể nhìn thấy cột buồm của chuyến thuyền đang lắc lư trên sông Tweed, chứng tỏ nó chưa chìm đến đáy đâu.

Hình như quang cảnh này làm cho người trưởng toán đánh cá rất đỗi vui mừng.

§12. Kho của

Nhà quý tộc Pháp mà Spithead đã báo cáo với Monck đi qua nhiều trạm gác, mắt không liếc nhìn gì chung quanh vì sợ lộ vẻ tò mò. Theo như lệnh ban ra, người ta đưa ông đến căn lều của Đại tướng. Nhà quý tộc được bỏ một mình đợi Monck trong căn phòng nhỏ trước lều, trong thời gian đó, Đại tướng đang lắng nghe nhân viên báo cáo và quan sát gương mặt của người nài xin hội kiến, qua tấm vách ngăn bằng vải.

Hẳn là lời báo cáo của những người hướng dẫn nhà quý tộc Pháp đã tạo cho ông một dáng vẻ bí mật vì cảm giác đầu tiên mà người khách lạ nhận ra là Đại tướng tiếp đón rất cởi mở hơn ông ta tưởng, nhất là vào lúc này và bởi một con người đa nghi như thế. Tuy nhiên, theo thói quen khi Monck đứng trước một người lạ ông đưa đôi mắt sắc sảo, thấu suốt nhìn mãi vào người khách lạ đang đứng yên, không tỏ vẻ khó chịu hay lo lắng gì cả.

Sau vài giây đồng hồ, Đại tướng giơ tay ra, gật đầu ra dấu ông đang chờ đợi. Nhà quý tộc nói bằng tiếng Anh thật giỏi: -Thưa quý ngài, tôi đã xin phép hội kiến với quý ngài về một việc rất quan trọng.

Monck trả lời bằng tiếng Pháp: -Thưa ông, đối với một người dân lục địa thì tiếng Anh của ông rất trôi chảy. Tôi xin ông thứ lỗi cho một câu hỏi hơi sỗ sàng: ông có nói tiếng Pháp cũng trôi chảy như thế không?

-Thưa ngài, đâu có chi đáng ngạc nhiên về việc tôi nói tiếng Anh khá thông thuộc. Thời trẻ, tôi có sống tại nước Anh, và sau đó đã qua chơi hai lần rồi.

Những lời đó được nói bằng tiếng Pháp thuần thục để lộ rõ rằng đây là một người Pháp ở vùng phụ cận Tours.

-Ông đã sống qua ở vùng nào trong nước Anh?

-Trong thời niên thiếu thì ở London, thưa ngài, sau đó khoảng 1635 tôi sang chơi Scotland, cuối cùng năm 1648 tôi sống một lúc ở Newcastle và đặc biệt sống nơi tu viện có các khu vườn mà quân đội ngài đang chiếm đóng.

-Xin lỗi ông, chắc ông hiểu tại sao tôi đặt các câu hỏi đó, phải không?

-Thưa ngài, tôi sẽ ngạc nhiên nếu ngài không hỏi như thế.

-Bây giờ, thưa ông, tôi có thể giúp gì cho ông theo ý muốn?

-Thưa ngài, chuyện thế này, nhưng khoan đã, chỉ có tôi và ngài ở đây phải không?

-Hoàn toàn chỉ có mình chúng ta, ông ạ, ngoài lính gác ra.

Vừa nói xong, Monck lấy tay kéo tấm lều lên và chỉ cho nhà quý tộc thấy lính canh đứng cách không quá mười bước có thể tiếp tay ngay lúc vừa có báo động.

-Thưa như vậy thì, – nhà quý tộc nói bằng một giọng thật bình tĩnh như thể ông ta đã có quan hệ tình cảm bạn bè từ lâu với người đối thoại với ông, – tôi quyết định nói cho ngài bởi vì tôi biết ngài là người ngay thẳng. Hơn nữa, tin tức mà tôi sắp mang lại cho ngài, sẽ chứng tỏ lòng tin cậy của tôi đối với ngài.

Monck thật ngạc nhiên vì lối nói có vẻ đặt ông và nhà quý tộc Pháp ngang hàng nhau. Ông ngước đôi mắt sắc sảo nhìn người lạ và nói với giọng mỉa mái chỉ thấy ở sự thay đổi của âm thanh mà không hiện ra nơi khuôn mặt.

-Xin cảm ơn ông, nhưng trước hết xin ông cho tôi biết ông là ai?

-Thưa ngài, tôi đã nói tên tôi cho viên sĩ quan của ngài rồi mà.

-Xin ông bỏ qua cho hắn. Hắn là người Scotland, nên khó mà nhớ được.

-Tôi là Bá tước De La Fère, thưa ngài, – Athos vừa nói vừa cúi đầu chào.

-Bá tước De La Fère à? Monck cố nhớ lại. – Xin lỗi ông, nhưng hình như đây là lần đầu tiên tôi được nghe đến tên này.

Ông có tham gia chức vụ gì trong triều đình nước Pháp không?

-Chẳng có một cái gì cả. Tôi chỉ là một nhà quý tộc bình thường.

-Tước vị gì

-Đức vua Charles Đệ nhất phong cho tôi chức hiệp sĩ với huân chương La Jarretière và Hoàng hậu Anne d'Autriche thì tặng tôi huân chương Le Saint-Esprit. Đấy là những huân chương, tước vị của tôi, thưa ngài.

-La Jarretière! Le Saint-Esprit! Ông là hiệp sĩ của hai huân chương đó à?

-Vâng.

-Và ông được ban phát đặc ân đó vì lý do gì?

Hoàn thành nhiệm vụ do Ngài ngự và Lệnh bà giao phó.

Monck sửng sốt nhìn người đàn ông này, một con người theo ông nghĩ vừa giản dị vừa cao quý. Thế rồi, vì ông không muốn đi sâu tìm hiểu sự bí ẩn trong vẻ vừa giản dị vừa cao quý đó và vì ông khách lạ cũng không giải thích thêm, ông nói: -Có phải hôm qua ông đến đằng tiền đồn phải không?

-Thưa ngài đúng ạ. Và người ta đã từ chối đưa vào.

-Ông ạ, rất nhiều sĩ quan không để cho bất cứ ai vào trại của họ nhất là vào lúc trận chiến có lẽ sắp xảy ra, nhưng tôi, tôi khác các bạn đồng nghiệp của mình, tôi không thích bỏ qua việc gì mà không giải quyết. Mọi sự góp ý đối với tôi đều tốt cả, mọi hiểm nguy là do Chúa định và tôi dùng hết sức lực Chúa ban để ra tay tính toán, cân nhắc nó. Hôm qua ông bị khước từ chỉ vì tôi bận họp. Hôm nay, tôi được rảnh rang, xin ông cứ nói.

-Thưa ngài, tiếp tôi thì càng hay hơn. Chuyện này chẳng dính dáng gì đến trận chiến mà ngài sắp đánh với tướng Lambert, chẳng liên quan gì đến nơi đóng quân của ngài, chứng cớ là tôi nhắm mắt không nhìn lính của ngài, không đến xem ngài có bao nhiêu lều trại. Thưa ngài, tôi đến chỉ vì việc riêng của tôi thôi.

Monck nói: -Vậy xin ông cứ nói đi.

Athos tiếp tục.

-Vừa rồi tôi có vinh hạnh nói đến ngài biết rằng tôi có cư trú một thời gian lâu tại Newcastle đó là thời của vua Charles Đệ nhất, và lúc mà tiên vương bị người Scotland bắt đem nộp cho ngài Cromwell.

-Tôi biết, – Monck lạnh lùng nói.

-Vào thời điểm đó, tôi có một số tiền lớn bằng vàng, và hôm trước ngày xảy ra chiến tranh, có lẽ do linh cảm thấy trước sự việc sẽ diễn tiến thế nào vào ngày hôm sau, nên tôi đem giấu số vàng đó trong căn hầm chính của tu viện Newcastle, dưới toà tháp mà đứng đây ngài thấy rõ cái đỉnh chóp lóng lánh dưới ánh trăng. Thế là kho vàng của tôi đã được chôn nơi ấy, và hôm nay tôi đến đây yêu cầu ngài cho phép tôi được đào nó lên trước khi xảy ra trận chiến do phía bên kia đem qua. Một quả mìn hay một trò đùa chiến tranh nào đó có thể phá huỷ toà lâu đài làm tứ tán kho vàng của tôi hay làm lộ ra cho đám binh sĩ đến chiếm đoạt hết.

Monck rất am hiểu con người. Nhìn qua tướng mạo, ông thấy người này đủ mọi nghị lực, mọi lý trí, rất là kín đáo, như thế thì điều mà quý tộc Pháp kia tiết lộ là cả một sự tin tưởng hào hiệp, và do đó Monck cảm thấy xúc động thật sự. Ông nói: -Đúng là ông đã nghĩ tốt về tôi. Nhưng mà số tiền đó có đáng cho ông liều thân không? Hơn nữa, ông có nghĩ rằng nó vẫn còn nằm nguyên nơi ông đã chôn đấy không?

-Vẫn còn nguyên tại đó ngài đừng nghi ngờ gì cả.

-Xong một câu hỏi, nhưng còn câu nữa. Tôi đã hỏi ông rằng số tiền đó có thật lớn lắm để ông phải liều mình như vậy không?

-Nó thật sự rất lớn, vâng rất lớn thưa ngài, vì đó là số tiền một triệu cất kín trong hai cái thùng gỗ.

-Một triệu! – Monck kêu lên, lần này thì đến lượt Athos nhìn ông ta chăm chăm và thật lâu.

Monck nhận ra điều đó, và trở lại nghi ngờ. Ông nghĩ thầm: “À thì ra người này muốn giăng bẫy mình”

-Vậy thì, thưa ông, – Monck lại tiếp, – theo như tôi hiểu thì ông muốn lấy về số tiền ấy, phải không?

-Xin ngài giúp cho.

-Ngay hôm nay?

-Ngay đêm nay, vì tình hình mà tôi vừa giải thích cùng ngài xong.

Monck phản đối: -Nhưng mà thưa ông, tướng Lambert ở chỗ tu viện ông cần, còn gần hơn là tôi, vậy tại sao ông lại không hỏi nhờ ông ấy?

-Bởi vì, thưa ngài, khi ta hành động trong những tình huống quan trọng, ta phải hỏi nơi bản năng của ta trước hết. Thế mà tướng Lambert không gây cho tôi một cảm giác tin cẩn nào như đối với ngài.

-Thôi được! Tôi sẽ cho tìm lại số tiền của ông với điều kiện nó còn ở đó, tại vì, cũng có thể nó không còn ở đó nữa. Từ 1648, mười hai năm trôi qua rồi và biết bao biến cố đã xảy ra.

Monck nhấn mạnh đến điểm này để xem nhà quý tộc Pháp này có chụp lấy lối thoát giương ra không, nhưng Athos đến cả nhướng mày cũng không. Ông nói quả quyết.

-Thưa ngài, tôi bảo đảm với ngài, rằng hai thùng đó không đổi chỗ cũng không đổi chủ đâu.

Câu trả lời làm Monck mất một nỗi ngờ nhưng điều ngờ khác lại mới phát sinh, chắc người Pháp này là một mật sứ được gửi đến để xúi người bảo trợ của Quốc hội làm điều sai quấy, vâng chỉ là một miếng mồi quyến rũ, và còn chắc chắn hơn nữa là người ta muốn dùng miếng mồi này làm động lòng tham của ngài Đại tướng.

Nhất định không có vàng, Monck định bắt quả tang nhà quý tộc Pháp về tội nói dối, lừa gạt và sau đó ông sẽ rút ra khỏi bước sơ sẩy mà kẻ thù muốn ông chui vào thế là ông sẽ nổi danh ngay.

Xếp đặt ý trong đầu, Monck nói với Athos: -Thưa ông, ông cho phép tôi được mời ông tối nay chứ?

Athos nghiêng mình trả lời: -Thưa ngài vâng. Tôi rất hân hạnh được ngài dẫn dắt.

-Còn ông thì càng lịch sự hơn khi nhận lời thành thật như thế. Các đầu bếp của tôi không nhiều và cũng không có kinh nghiệm lắm, toán tiếp tế hôm nay đã đi về tay không, đến nỗi là nếu không có một anh đánh cá cùng quê hương với ông đi quẹo vào căn cứ của tôi thì ông Đại tướng Monck hôm nay sẽ đi ngủ không ăn bữa tối. Theo lời người đánh cá nói thì hôm nay tôi có cá tươi.

Sau khi Monck nói lời xã giao mà không mất vẻ thận trọng như thế, người ta dọn ra trên một cái bàn gỗ thông những thứ mà ta có thể nghĩ là một bữa ăn tối. Ông ra hiệu mời Bá tước De La Fère ngồi vào bàn, đối diện với ông. Chỉ có một món cá nấu nhừ dành cho vị thượng khách nổi tiếng, hứa hẹn nhiều cho cái bao tử đang cồn cào hơn là cho vị giác khó tính.

Trong khi húp, nghĩa là trong khi ăn món cá nấu rượu bìa hạng bét đó, Monck hỏi chuyện về những biến cố mới nhất của vụ loạn Fronde, vụ ngài De Condé làm hoà với nhà vua, chuyện cuộc hôn nhân có lẽ sẽ xảy ra giữa nhà vua và công chúa Marie Thérèse. Nhưng ông né tránh, và chính Athos cũng tránh mọi lời có dính dáng xa gần về quyền lợi chính trị ở giữa Anh, Pháp, Hà Lan đang kết hợp, hay nói đúng hơn, đang làm chia rẽ các xứ này.

Trong buổi chuyện vãn này, Monck nhận ra một điều ông thấy ngay từ lúc mở lời trao đổi, đó là ông đã gặp một người rất có tư cách. Chẳng thể nào là một

tên gián điệp, nhưng Monck lại thấy Athos cùng lúc vừa quá tế nhị lại rất cương quyết nên kết luận Bá tước là một tay âm mưu.

Và khi họ rời bàn ăn, Monck hỏi: -Ông thật sự tin vào kho vàng của ông à?

-Thưa ngài vâng.

-Ông tin chắc là sẽ tìm ra đúng nơi ông đã chôn nó không?

-Tôi nghĩ là thấy.

Monck nói: -Vậy thì thưa ông, vì tò mò, tôi sẽ đi cùng với ông. Tôi càng cần phải theo ông vì ông sẽ gặp nhiều khó khăn khi đi trong trại mà không có mặt tôi hay phụ tá của tôi.

-Thưa Đại tướng, tôi không chịu làm phiền ngài, nếu tôi thấy không cần ngài đi theo, nhưng vì việc ngài đi theo đối với tôi không những là vinh dự mà còn cần thiết nữa, nên tôi xin nhận lời.

Monck hỏi Athos: -Có cần đem người theo không?

-Thưa Đại tướng, tôi nghĩ là vô ích, nếu ngài cũng thấy không cần. Hai người và một con ngựa cũng đủ chở hai thùng gỗ xuống chiếc thuyền theo tôi tới đây.

-Nhưng chắc còn phải cuốc, đào, hốt đất, bửa đá, và ông không tính làm một mình phải không?

-Thưa Đại tướng, chẳng cần đào cuốc gì cả. Kho vàng được chôn dưới hầm gian nhà mồ của tu viện, dưới một cục đá được niêm phong bằng một vòng sắt to, khi mở ra thấy có bốn bực cấp thấp. Hai cái thùng nằm trong đó, nối đầu nhau và được trét một lớp thạch cao có hình dáng một quan tài. Ngoài ra còn có một ghi chú cho tôi dễ nhận ra cục đá. Trong công việc tế nhị và cần tin tưởng này, tôi không muốn giữ bí mật gì đối với ngài cả. Đây là lời ghi trên mộ bia:

"Hic jacet venerabilis Petrus Gllillelmlls Scotl, Canon Honorab. Coventlls novi Castelli. Obiit quarlà et decimá die, Feb, ann. Dom. MCCVIII. Requiescal in pace"

(Đại khái: Mộ của một bậc tướng già, chết năm 1028, và lời cầu chúc yên nghỉ).

Monck không thốt lên lời, ông kinh ngạc, phần bởi sự trùng hợp kỳ diệu của thân xác con người này và cách thức cao cả trong vai trò người ấy đóng, phần khác bởi tấm lòng trung thực khi người ấy bày tỏ yêu cầu, trong trường hợp mang một triệu đồng tức là có hi vọng bị ăn dao găm giữa một toán quân coi chuyện cướp bóc như chuyện phục hồi vương quyền vậy.

Ông nói: -Tôi sẽ đi cùng ông, cuộc phiêu lưu này có vẻ thật kỳ diệu. Để tôi cầm đuốc cho.

Nói xong, Monck đeo kiếm ngắn, súng lục và cử động đó cho thấy bên dưới chiếc áo ngoài có một lớp giáp sắt để bảo vệ cho ông tránh khỏi nhát dao của kẻ sát nhân.

Athos thì làm ngược lại. Ông tháo dao găm ra đặt lên bàn cởi đai đeo gươm ra để nằm bên dao và ông tự nhiên mở áo như để tìm kiếm chiếc khăn tay, nhưng để lộ ra dưới áo sơ mi vải ba-tít mỏng bộ ngực trần của ông, không có cả khí giới tấn công lẫn khí giới tự vệ nào hết.

Monck nghĩ: -Thật là một con người kỳ lạ, hắn không mang vũ khí nào hết, vậy thì đàng kia hắn có đặt ổ phục kích không?

Như đoán được ý nghĩ của Monck, Athos nói: -Thưa Đại tướng, chính là ngài muốn chỉ có hai chúng ta cùng đi, thế thì tốt thôi, nhưng mà một người chỉ huy giỏi không bao giờ nên hành động liều lĩnh, trời đã về đêm rồi, đường qua đầm lầy có thể gặp nhiều nguy hiểm, ngài nên cho người cùng đi theo.

-Ông nói có lý, – Monck nói, và gọi – Digby! Năm mươi người với kiếm và súng mút?.

Và ông nhìn Athos.

-Thế thì khá ít, – Athos nói, – nếu có gì nguy hiểm, còn nếu chẳng có gì xảy ra thì quá nhiều.

Monck nói: -Tôi sẽ đi một mình, Digby! Tôi không cần ai hết. Nào chúng ta đi!

Athos và Monck từ trại đi băng tới sông Tweed, trên phần đất mà Digby đã dẫn những người đánh cá từ sông Tweed đến căn cứ. Quang cảnh nơi đây, những sự thay đổi do con người đem lại, đã tác động mạnh mẽ đến óc tưởng tượng tinh tế và sống động của Athos. Athos chỉ chăm chú nhìn những nơi hoang vắng này, Monck lại chỉ nhìn Athos đang đưa mắt khi thì nhìn lên trời khi thì nhìn xuống đất, tìm kiếm, suy tư, thở dài.

Lúc nhận được lệnh sau cùng của ông Đại tướng, và nhất là nghe theo giọng điệu mà ông ra lệnh, Digby lúc mới đầu có hơi xúc động.

Anh ta bước theo các tay đi dạo đêm ấy khoảng hai mươi bước thì thấy Đại tướng quay lại tỏ vẻ như lấy làm lạ tại sao lại không tuân lệnh ông. Người sĩ quan cận vệ hiểu ra anh đã thiếu kín đáo nên trở về lều.

Anh ta cho là Đại tướng muốn kín đáo đi kiểm tra việc bố trí canh phòng như kiểu bất cứ tay chỉ huy có kinh nghiệm nào cũng phải làm trong đêm trước khi xảy ra chiến trận. Anh ta giải thích trường hợp Athos có mặt là để làm nhiệm vụ người cấp dưới cho chủ tướng nghe những gì chưa hiểu. Athos chắc là một tay gián điệp, và dưới mắt Digby, phải là một tay gián điệp đem tin tức đến cho Đại tướng biết rõ tình hình.

Sau gần mười phút đi giữa các căn lều, các chòi gác càng gần bản doanh càng sít nhau, Monck tiến vào một con lộ chia ra làm ba ngả- lối phía trái bên bờ sông, lối giữa đi đến tu viện Newcastle nằm giữa đồng lầy, lối phía phải đi xuyên qua các hàng phòng thủ ngoài của Monck nghĩa là gần với quân của Lambert nhất.

Bên kia sông có một điểm tiền tiêu của Monck canh chừng quân địch, quân số có một trăm năm chục người Scotland.

Khi có động thì họ bơi qua báo cáo ông. Tuy nhiên vì khoảng sông ấy không có cầu và vì lính của Lambert cũng như lính của Monck chẳng ai ham xuống nước, nên Monck chẳng phải lo lắm về phía này.

Bên này sông, cách tu viện khoảng chưa đầy năm trăm bước, dân đánh cá ở lẫn lộn ngay giữa khu lều của đám lính lân cận cùng ở chung với vợ con trong ấy.

Monck đi với Athos xuyên qua khung cảnh mờ mờ chiếu bằng hai nguồn sáng: nguồn sáng bạc của trăng và nguồn sáng đỏ nhạt của các đống lửa trại đang tàn nằm nơi ngã tư. Đến chỗ này, ông dừng lại và hỏi bạn đồng hành.

-Ông nhận ra đường đi chưa?

-Thưa Đại tướng, nếu không lầm, thì con đường phía phải thẳng ngay tới tu viện.

-Đúng đấy, nhưng chúng ta phải cần ánh sáng khi phải chui xuống đường hầm.

Monck quay mặt lại, nói: -Ô hình như Digby vẫn theo ta. Thây kệ, bắt hắn đi tìm lửa cái đã

-Thưa Đại tướng, đúng là đằng xa kia có người theo sau ta từ nãy giờ.

Monck kêu lên: -Digby! Digby! Lại đây ngay đi.

Nhưng thay vì tuân lệnh, bóng đen kia lại có vẻ giật mình, đi thụt lùi mà không tiến tới, rồi khom mình xuống và biến mất phía bờ đê bên trái, theo đường đến chỗ ở của những người đánh Monck nói: -Hình như không phải Digby.

Cả hai đều nhìn theo cái bóng mất đi kia, nhưng Monck và Athos không quan tâm lắm. Chuyện một người mười một giờ đêm rình mò nơi một trại có mười đến mười hai nghìn người ngủ thì không phải là chuyện lạ.

Monck nói: -Chúng ta đang cần một ngọn đèn bão, đèn lồng hay một cây đuốc nào đó cũng được để dò bước chân. Trong khi chờ, thì ta đi tìm vậy.

-Thưa Đại tướng, ta đợi có người lính nào đến.

Monck muốn dò xem có sự đồng loã nào giữa bá tước De La Fère và đám ngư dân nên nói: -Thôi, tôi thích có một ngư dân Pháp trong đám người bán cá cho chúng tôi hồi tối. Ngày mai họ đã đi rồi thì bí mật sẽ được giữ kín hơn. Trong khi đó, nếu tin này lan tràn ra trong đội quân Scotland rằng người ta đã tìm được kho vàng trong tu viện Newcastle thì đám dân hoang dã của tôi sẽ tưởng rằng dưới mỗi miếng gạch đều có một triệu và họ sẽ không để viên đá nào trong toà lâu đài được nằm yên hết.

-Tuỳ Đại tướng, – Athos trả lời bằng một giọng nói rất tự nhiên cho ta thấy rõ ràng rằng dù lính hay ngư dân, tất cả đối với ông cũng như nhau vậy thôi và cũng chẳng tỏ vẻ thích ai hơn Monck đến gần bờ đê nơi người mà Monck tưởng là Digby đã biến mất, ông gặp một toán tuần tiễu sau khi đi rảo quanh các lều bây

giờ đang tiến về chỗ tổng hành dinh. Ông và người bạn đồng hành bị chặn lại, đáp xong mật khẩu rồi tiếp tục lộ trình.

Một người lính nghe tiếng ồn, tốc tấm đắp, ngồi dậy nhìn Monck nói vơi Athos: -Ông hãy hỏi anh ta xem những người đánh cá ở chỗ nào?

-Tôi hỏi thì hắn sẽ nhận ra tôi ngay.

Athos đến gần người lính, được chỉ căn lều, rồi sau Monck và Athos tiến về phía đó.

Ông Đại tướng thấy hình như lúc ông tiến lại gần, có một cái bóng, cũng giống như cái bóng ông đã thấy vừa qua, chui nhanh vào trong căn lều đó. Nhưng lúc đến gần ông nhận ra rằng có thể ông lầm, vì mọi người trong đó đang ngủ lộn xộn, và tay và chân ôm quấn nhau.

Athos, sợ bị nghi ngờ là đồng loã với người đồng hương nên đứng chờ ngoài căn lều. Monck kêu lên bằng tiếng Pháp: -Ô kìa! Ê thức dậy đi!

Hai hay ba người nhổm lên. Monck tiếp: -Tôi cần một người đi theo cầm đèn cho tôi.

Tất cả mọi người đều cựa quậy. Một số nhổm lên, một số khác thì đứng dậy hẳn. Người trưởng toán đầu tiên lên tiếng làm Athos giật mình: -Ngài có thể tin cậy vào chúng tôi. Xin ngài cho biết đi đâu ạ?

-Rồi anh sẽ biết. Cho một ngọn đèn nào nhanh lên?

-Vâng, thưa ngài. Thưa ngài có vui lòng cho phép chính tôi đây được đi hầu ngài không ạ?

-Anh hay người nào khác cũng được, chẳng sao, miễn là có người cầm đèn soi đường cho tôi.

Athos nghĩ thầm: -Lạ chưa! Người đánh cá này có giọng nói thật đặc biệt!

-Thắp đèn lên, các bạn kia ơi! – Người đánh cá kêu to.

Nhanh lên các bạn. Rồi hạ thấp giọng xuống, ông ta nói với một đồng bạn đứng gần nhất: "Cầm đèn cho họ đi. Đốt lửa lên, Mennevillevà hãy sẵn sàng!"

Một ngư dân dùng đá để bật lửa, lấy bùi nhùi đốt rồi dùng một que diêm châm vào đèn. Ánh sáng tràn ngập khắp lều.

-Ông sẵn sàng chưa, thưa ông? – Monck hỏi Athos, đang quay mặt để khỏi lộ diện ra dưới ánh sáng.

Athos trả lời: -Thưa Đại tướng, xong rồi.

-Ồ! Nhà quý tộc Pháp – Người trưởng toán đánh cá lẩm bẩm. – Đồ mắc dịch! Menneville, ý kiến tao giao cho mày cầm đèn thật là hay quá. Không thì hắn ta sẽ nhận ra tao ngay. Thắp lên, thắp lên đi.

Các câu trao đổi ở tận cuối căn lều vừa phát ra quá nhỏ nên Monck không thấy gì cả. Với lại ông ta còn mắc nói chuyện với Athos.

Trong thời gian đó, Menneville đã sẵn sàng, hay đúng hơn, là đã nhận lệnh của ông chủ.

-Xong chưa? – Monck hỏi.

Người đánh cá trả lời: -Xong rồi, thưa Đại tướng.

Monck, Athos và người đánh cá rời khỏi căn lều.

-Kỳ quái thật, – Athos nghĩ thầm, – mình nằm mơ chăng?

Monck bảo người đánh cá: -Anh đi trước, theo đường chính giữa và rảo bước đi.

Họ đi chưa được hai mươi bước thì cũng cái bóng đen hình như đã chui vào lều lúc nãy bây giờ bước ra, bò đến tận các chân cột để núp dưới đó như dưới một bức tường che và dõi theo bước chân ông Đại tướng.

Cả ba người đều mất trong sương mù. Họ đi về hướng Newcastle đã thoáng thấy các tấm đá trắng trông như những nhà mồ.

Sau vài giây dừng chân dưới cánh cổng, họ bước vào bên trong. Cửa ra vào đã bị đập bể bằng búa. Một toán bốn người đang nằm ngủ yên lành trong một phía hốc vì người ta biết chắc chắn rằng không có cuộc tấn công nào hướng về phía này.

Monck hỏi Athos: -Những người này chắc không làm phiền ông đấy chứ?

-Thưa ông, trái lại ạ, nếu ngài cho phép thì chúng ta nhờ họ đẩy thùng đi.

-Ông nói có lý đấy.

Toán lính canh dù đang ngủ say như thế cũng giật mình thức dậy vì tiếng bước chân của hai người. Monck nói mật khẩu và bước vào bên trong tu viện, ngọn đèn vẫn tiến về phía trước.

Ông đi sau cùng, trông chừng nhứt cử nhứt động của Athos, chiếc dao găm tuốt trần nằm trong cánh tay áo lúc nào cũng sẵn sàng cắm phập vào lưng nhà quý tộc nếu thấy có cử chỉ nào đáng nghi ngờ. Nhưng Athos đi ngang qua các phòng, bước chân vững vàng và đầy tự tin.

Không còn một cửa ra vào hay một cửa sổ nào cả trong toà nhà này. Các cửa lớn đều bị cháy, có vài cái còn tại chỗ, nhưng bị lửa đốt cháy thành than khuyết mẻ như răng cưa; ngọn lửa tự tắt chắc là vì bất lực không đốt hết đến những khớp nối khổng lồ bằng gỗ sồi có đinh sắt đóng chặt. Các cửa sổ đều đã bị bể nát nên khi ánh đèn soi tới thì bọn chim ăn đêm kinh hoàng vụt chạy trốn qua các lỗ thủng.

Cùng lúc, những con dơi khổng lồ lặng lẽ lượn vòng quanh hai kẻ vào quấy nhiễu, in bóng lung linh trên các bức tường đá cao.

Chẳng cần phải suy nghĩ gì cả, Monck thấy rõ rằng chẳng có ai ở trong tu viện vì các con vật hoang hung dữ này vẫn sống ở đây và tung bay lên khi ông bước đến gần.

Sau khi bước qua đống gạch vụn và bứt nhổ đi các cây leo đang quấn quanh đó như kẻ bảo vệ sự cô tịch, Athos tới chỗ các hầm mộ dưới căn phòng lớn có cửa ra vào thông qua điện thờ.

Ông dừng lại nói: -Thưa Đại tướng, chúng ta đến nơi rồi.

-Chính là viên đá lót đấy à?

-Vâng.

-Đúng rồi, tôi cũng đã nhận ra chiếc vòng sắt, những chiếc vòng lại được xếp sát vào đá.

-Chúng ta cần một cây đòn.

-Dễ thôi.

Nhìn quanh họ. Athos và Monck nhận thấy một cây trần bì nhỏ đường kính chừng một tấc mọc trong một góc tường, cao đến tận cửa sổ, vươn cành lá che khuất hết.

Monck hỏi người đánh cá: -Anh có dao đấy không?

-Thưa ngài có ạ.

-Chặt cái cây này đi.

Người đánh cá vâng lời, chặt mẻ cả dao găm. Sau khi đốn ngã cây và đẽo thành đòn, ba người mới đi xuống đường hầm.

Monck chỉ vào một góc hầm mộ nói với người đánh cá: -Anh đứng vào phía bên kia kìa. Chúng ta có mang thuốc nổ theo mà anh cầm đèn thì thật nguy hiểm.

Người này thất kinh lùi lại, đứng đúng vào nơi chỉ định trong khi Monck và Athos đi vòng qua phía sau một cây cột.

Ánh sáng trăng xuyên qua cánh cửa nhỏ đến chân cột, phản chiếu ngay trên tấm đá mà bá tước De La Fère đã bỏ công lặn lội từ xa đến tìm. Athos chỉ cho viên Đại tướng hàng chữ La tinh.

-Đúng rồi đây.

-Phải rồi.

Monck trả lời xong, lại tiếp, như để cho người Pháp kia một cơ hội thoái thác: -Ông không để ý là đã có người vào hầm mộ và nhiều bức tượng đã gãy đổ rồi sao?

-Thưa, chắc ngài có nghe dân Scotland sùng tín của ngài ưa để các tượng những người đã khuất đứng canh giữ các của quý mà họ tạo dựng được trong khi còn sống. Vì vậy, bọn lính nghĩ rằng vàng chôn dưới chân tượng và vì thế họ đập tượng, đào đế. Nhưng ngôi mộ của tu viện đáng kính mà chúng ta đến lại không giống với bất cứ công trình nào khác. Nói thật giản dị, và nó còn được đám người Thanh giáo của ngài sợ bị tội phạm thánh nữa. Chẳng có miếng đá nào bị sờn sứt hết.

Monck nói: -Đúng vậy.

Athos cầm lấy cây đòn. Monck hỏi: -Ông có muốn giúp một tay không?

-Xin cảm ơn ngài, tôi không muốn ngài dính tay vào một công việc mà ngài có thể phải chịu trách nhiệm, nếu như ngài biết được hậu quả sau đó.

Monck ngẩng đầu lên, hỏi: -Ông muốn nói gì thế, thưa ông?

-Tôi muốn nói nhưng mà cái người kia…

Monck nói: -Đợi một chút, tôi hiểu ông sợ cái gì và tôi phải đi thử đấy – Monck quay về phía người đánh cá thoáng bóng dưới ánh đèn ông nói bằng giọng ra lệnh: -Come here, friend (Anh bạn lại đây).

Người đánh cá vẫn đứng yên.

-Tốt lắm, hắn không biết tiếng Anh. Xin ông nói bằng tiếng Anh với tôi là được.

Athos trả lời: -Thưa ngài, tôi thì thấy nhiều người trong một vài trường hợp, nghe hiểu mà không chịu trả lời. Người đánh cá này có lẽ giỏi hơn ta tưởng. Tôi xin ngài hãy đuổi hắn đi chỗ khác.

Monck nghĩ thầm: "Nhất định là ông ta muốn giữ lại một mình ta nơi đây. Chẳng sao, thây kệ, một chọi một, chỉ có hai người với nhau thôi"

Rồi nói với người đánh cá: -Ông bạn trở lên thang gác chúng ta vừa bước xuống và trông chừng không cho ai được làm rối chúng ta.

Người đánh cá dợm bước, Monck nói: -Để đèn lại đây. Mang theo, người ta thấy anh và cho anh ăn đạn bây giờ!

Người đánh cá có vẻ chịu lời khuyên nên bỏ đèn xuống đất và biến đi sau vòm thang lầu.

Monck đến cầm cây đèn đặt dưới chân cột và nói: -Có chắc chắn là tiền nằm dưới mộ này không?

-Thưa ngài, năm phút nữa thì ngài sẽ phải tin.

Cùng lúc, Athos đập mạnh vào lớp vữa làm nứt một lằn chỗ đầu cây đòn. Athos lách cây vào, các mảng vữa tách ra từng mảnh tròn. Ông nói: -Thưa ngài, đây là phần vữa trát mà tôi đã nói với ngài.

-Nhưng tôi chẳng thấy thùng gỗ đâu hết!

Athos nhìn chung quanh, nói: -Nếu tôi có cây dao găm thì ngài sẽ thấy ngay. Tiếc là lúc nãy tôi đã bỏ quên nơi lều của ngài rồi.

Monck nói: -Ông hãy dùng con dao của tôi, tôi chỉ sợ là lưỡi nó quá mỏng không đủ kham công việc ông đòi hỏi.

Athos hình như lo tìm chung quanh một thứ gì thay thế cho con dao găm.

Monck không ngừng theo dõi hai bàn tay của Athos và ánh mắt ông.

-Sao ông không hỏi con dao to bản của người đánh cá. Hắn ta có con dao đó.

Athos nói: -Đúng rồi, hắn đã dùng nó để chặt cây được mà.

Ông chạy đến bên thang lầu nói với người đánh cá.

-Ném cho tôi con dao to bản của anh! Tôi đang cần.

Tiếng con dao vang lên trên bậc cấp. Monck nói: -Ông đến lấy đi. Như lúc nãy tôi thấy đó là một dụng cụ rắn chắc lắm. Có bàn tay vững vàng sử dụng thì làm được nhiều việc đấy!

Athos hình như chỉ hiểu lời Monck theo nghĩa bình thường, đơn giản của nó. Ông cũng không thấy rằng, hay ít ra là ông cũng tỏ vẻ không chú ý rằng, khi ông quay trở lại, Monck tránh bước và đặt bàn tay phải lên báng súc lục, bàn tay trái đã nắm sẵn con dao găm. Athos bắt đầu công việc, lưng quan về phía Monck không đề phòng gì ông ta cả.

Trong chỉ vài giây, ông đập lớp vữa trông thật chính xác khiến cả khối tách làm đôi và do đó Monck nhìn thấy hai cái thùng gỗ đặt nối đầu nhau, cả khối nặng nằm im trong lớp bọc bằng vữa hồ.

Athos nói: -Thưa ngài, ngài thấy không, tôi có linh cảm đúng thật.

Monck trả lời: -Vâng thưa ông, đúng thật. Và nhất định là ông bằng lòng lắm phải không?

-Nhất định là thế. Tôi thật đau đớn hết sức nếu mất số tiền này. Nhưng tôi chắc rằng Chúa thường che chở cho chính nghĩa, Chúa sẽ chẳng bao giờ để cho người ta lấy đồng vàng giúp cho chính nghĩa thành công này.

Monck nói: -Tôi xin lấy danh dự mà nói rằng ông là người bí mật trong lời nói và cả trong hành động. Vừa rồi khi ông nói rằng ông không muốn đổ trách nhiệm công việc làm hôm nay lên đầu tôi, thì tôi hiểu không rõ lắm. Thế rồi bây giờ ông lại nói đến chính nghĩa nữa. Ông hiểu cái từ chính nghĩa đó là thế nào thưa ông? Trong lúc này, ở nước Anh, chúng tôi tranh đấu cho năm hay sáu chính nghĩa thế, mà cũng không ngăn được việc mọi người ai cũng cho chính nghĩa của mình không phải chỉ là chính đáng hơn mà còn là chính đáng nhất nữa. Chính nghĩa của ông là gì? Ông có vẻ thiết tha với nó lắm, xin ông cứ mạnh dạn nói đi xem thử chúng ta có đồng ý với nhau được không?

Athos nhìn Monck thật lâu như thách đố với đối tượng về việc không cần phải giấu giếm ý nghĩ của mình.

Thế rồi, ông giở nón ra, giọng nói trang nghiêm trong khi người đối thoại đặt tay lên mặt, để những ngón tay dài run run xoắn lấy bộ râu trong khi đôi mắt đờ đẫn buồn rầu nhìn lặng lờ dưới tận đáy hầm sâu. Bá tước De La Fère nói: -Thưa ngài, ngài là một nhà quý tộc Anh, một con người trung thực. Ngài đang nói chuyện với một nhà quý tộc Pháp, một con người tình cảm. Đống vàng trong hai thùng gỗ này, tôi đã nói là của tôi, tôi thật có lỗi. Đây là lời nói dối đầu tiên trong đời tôi nói dối trong một lúc thôi, đúng vậy. Nhưng thật ra vàng là của cải vua Charles Đệ nhị, đang bị đày xa xứ. Ông bị đuổi khỏi lâu đài của ông, mồ côi cha và cũng không có ngai vàng, mất cả niềm hạnh phúc đau buồn là quì xuống hôn tấm đá mà sáu gã sát nhân đã khắc lên dòng chữ: “Đây là nơi nằm của Charles I”.

Monck hơi tái mặt, một cảm giác ớn lạnh chạy qua dưới làn da và làm dựng bộ râu xám của ông lên. Athos tiếp tục: -Tôi, Bá tước De La Fère đây là người duy nhất, người trung thành cuối cùng còn lại của ông hoàng khốn khổ bị bỏ rơi. Tôi đã hứa với ông hoàng sẽ đến tìm con người nắm vận mệnh nước Anh hôm

nay và tôi đã đến thật, tôi đang đứng trước mặt người ấy, tôi xin trao trọn vẹn thân xác cho người ấy để nói:

Thưa ngài, đây là tài sản cuối cùng của ông hoàng chủ của ngài theo ý Chúa, vua của ngài theo tộc hệ; cuộc sống, tương lai của ông hoàng đó tuỳ thuộc vào ngài, chỉ mình ngài thôi. Ngài có muốn dùng số tiền này để xoa dịu những nỗi đau khổ của nước Anh sau bao nhiêu năm hoảng loạn không? Nói cách khác, ngài có muốn giúp hay không? Hiện nay ngài là người chủ, là ông vua, chủ và vua toàn năng toàn quyền, vì đôi khi số mệnh đã phá đi công trình của thời gian và của Chúa.

Thưa ngài, bây giờ chỉ có mình tôi với ngài, nếu ngài sợ thành công có người chia xẻ, nếu sự đồng loã của tôi làm ngài nặng lo thì đây, ngài có vũ khí sẵn sàng và một ngôi mộ đã đào xong xuôi.

Còn trái lại, lòng hân hoan vì chính nghĩa của ngài làm ngài ngây ngất, nếu ngài là con người như chính ngài bộc lộ, nếu bàn tay quyết định của ngài vâng lời trí óc của ngài và trí óc của ngài vâng lời trái tim của ngài, thì đây là phương tiện để tiêu diệt tận gốc cái chính nghĩa của kẻ thù Charles Stuart của ngài, xong ngài hãy giết luôn người đang đứng trước mặt ngài bởi vì hắn sẽ không quay trở về với người đã cử hắn ta đi nếu không mang lại cho người ấy số hàng được cất giữ mà Charles Đệ nhất, cha người ấy, đã uỷ nhiệm và, ngài hãy giữ số vàng này, nó sẽ có thể hữu ích cho việc duy trì cuộc nội chiến.

Than ôi! Thưa ngài, đó là tình trạng ác nghiệt của vị hoàng tử đau khổ đó. Hoặc ông phải chịu tàn tạ hoặc ông phải là sát nhân bởi vì tất cả đều chống lại ông, tất cả đều xua đuổi ông, tất cả đều thù nghịch với ông trong lúc đó ông lại là người có dấu ấn thiên định, cho nên để khỏi dối gạt dòng giống, ông hoặc phải lấy lại ngai vàng, hoặc chịu chết trên đất nước nhà thiêng liêng.

Thưa ngài, ngài đã nghe tôi nói xong. Bất cứ ai khác ngoài con người danh tiếng đang nghe lời tôi đây, chắc tôi phải nói:

Thưa ngài, ngài là người nghèo. Đức vua biếu ngài một triệu đó như là tiền đặt cọc một món hàng kếch sù; ngài hãy cầm lấy đi và phụng sự vua Charles Đệ nhị như tôi đã phụng sự Charles Đệ nhất, và tôi tin chắc rằng Chúa đang nghe chúng ta, thấy chúng ta, chỉ riêng Chúa là nhìn thấy ở ngài trái tim khép kín đối với nhân loại dung thường. Tôi tin chắc rằng Chúa sẽ ban cho ngài một cuộc sống hạnh phúc vĩnh cửu sau một cái chết an lành.

Nhưng với Đại tướng Monck, con người tiếng tăm mà tôi nghĩ có tấm lòng cao thượng, thì tôi nói: Thưa ngài, trong lịch sử các dân tộc và các vua, có dành cho ngài một chỗ đứng sáng chói, một vinh quang đời đời bất diệt, thật đặc biệt, không để đổi lại quyền lợi nào khác hơn là sự an lành cho quê hương của ngài và ích lợi của công lý, ngài phải là cột trụ của Đức vua của ngài. Đã có rất nhiều kẻ là người đi chinh phục, những người tiếm vị quang vinh. Riêng ngài, ngài sẽ

bằng lòng làm người đạo đức nhất, liêm khiết nhất và anh minh nhất trong các con người: ngài đã cầm trong tay một vương miện và thay vì đặt nó ngay ngắn trên đầu ngài, ngài sẽ đặt nó lên đầu của người chủ nó. Ôi! Thưa ngài, hãy hành động như thế đi và ngài sẽ truyền lại cho hậu thế một tên tuổi ai cũng thèm muốn mà không ai xứng danh như thế cả.

Athos ngưng lại. Trong suốt thời gian nhà quý tộc danh giá thao thao bất tuyệt, Monck không tỏ dấu tán thành hay phản đối gì cả, dù là suốt bài diễn thuyết hăng say đó, người ta thấy mắt ông hơi sáng lên ánh khích động chứng tỏ ông có hiểu biết.

Bá tước De La Fère buồn bã nhìn ông và khi thấy gương mặt ảm đạm, Bá tước cảm thấy một nỗi chán chường xâm chiếm tận đáy lòng. Sau cùng Monck có vẻ như khích động và lên giọng dịu dàng trang trọng phá tan sự im lặng: -Ông ạ, để trả lời ông, tôi sẽ sử dụng chính ngay lời nói của ông. Nếu ai khác ngoài ông, tôi sẽ trả lời bằng sự tống khứ, bằng nhà tù hay một cái gì lệ hơn nữa. Bởi vì rõ ràng ông vừa cám dỗ vừa trấn áp tôi. Nhưng chỉ vì ông là một trong những người mà người ta không thể không chú ý đến và không thể nào không tôn trọng đúng mực. Ông là một nhà quý tộc dũng cảm, tôi nói và biết rõ như vậy, vừa rồi, ông cho tôi biết về số hàng cất giữ mà tiên vương để lại cho ông ta, vậy ra có phải ông là một trong những người Pháp mà tôi nghe nói, đã muốn giải thoát Charles Đệ nhất lúc ở White-Hall không?

-Thưa ngài vâng ạ, chính tôi là người đã núp dưới đài lúc sắp hành quyết, chính tôi đã nhận lên trán tôi một giọt máu của vị vua chịu khổ hình, vì không thể chuộc ngài lại được. Đồng thời cũng chính tôi nhận được lời nói cuối cùng của Charles Đệ nhất: "Remember", là để dành cho tôi, lời nói ám chỉ số tiền đang nằm dưới chân ngài đây.

Monck nói: -Tôi đã nghe nói rất nhiều về ông, nhưng tôi rất lấy là sung sướng rằng tôi đã mến phục ông trước nhờ chính linh cảm của tôi chớ không phải bởi ký ức của tôi. Cho nên, tôi sẽ nói với ông những điều tôi chưa hề nói với ai và ông sẽ thấy rõ tôi coi ông khác với những người đưa tôi đến đây là thế nào.

Athos khẽ gật đầu, sẵn sàng vội vã tiếp nhận từng lời một thoát ra từ cửa miệng Monck, những lời nói hiếm có và quý giá như giọt sương trong sa mạc.

-Ông đã kể cho tôi nghe về vua Charles Đệ nhị, nhưng xin hỏi ông: cái ông vua ma đó có quan hệ gì với tôi? Tôi đã già đầu trong chiến tranh và trong chính trị, hai thứ hoạt động này đang liên hệ khăng khít với nhau, cho nên mọi tay kiếm đều phải biết chiến đấu cho quyền lợi của mình hay cho tham vọng của mình chứ không phải chỉ mù quáng núp sau sĩ quan như các cuộc chiến bình thường. Tôi đây, hiện nay có lẽ không ham muốn gì hết nhưng lại lo sợ rất nhiều. Trong cuộc chiến hiện nay có đặt cả tự do của nước Anh và có lẽ cả tự do của từng người Anh nữa. Tại sao ngài muốn tôi đang hưởng tự do như thế này lại giơ tay đón

chào bàn tay xiềng xích của một người ngoại quốc. Charles đối với tôi chỉ là thế đó thôi, ở đây ông ta đã thua trận, vậy ông ta là một chỉ huy tồi. Ông ta chẳng thành công trong một cuộc thương thuyết nào, vậy ông ta là một nhà ngoại giao dở. Ông ta mang sự cùng khốn của ông đi khắp châu Âu, vậy ông là một con người yếu đuối, nhu nhược. Chẳng có gì là cao sang, vĩ đại, chẳng có gì là dũng mãnh trong con người kỳ tài đó đang muốn cai trị một nước hùng mạnh nhất trên trái đất này. Tôi chỉ biết ông Charles đó dưới khía cạnh xấu thôi, thế thì làm sao tôi, một con người có trình độ như ông nói, làm sao tôi lại tự nguyện làm nô lệ cho một người thua kém tôi đủ mặt về quân sự, về chính trị và về tư cách nữa? Thưa ông, không được. Khi nào tôi thấy được Charles chứng tỏ được một hành động cao cả nào, có lẽ tôi sẽ công nhận ông xứng đáng được hưởng chiếc ngai mà chúng tôi đã truất khỏi người cha vì người ấy đã không có những đức tính ngay đến người con bây giờ cũng không có. Cho đến lúc này, tôi chỉ nhận có quyền lực của tôi thôi. Cách mạng đã phong cho tôi làm Đại tướng, nếu tôi muốn thì thanh gươm của tôi sẽ để lôi làm kẻ bảo trợ nền dân chủ.

Hãy để Charles tự chứng tỏ đi, hãy xuất hiện để chịu đựng một cuộc khảo hạch công khai chứng tỏ mình có tài năng – mà còn phải nhớ rằng ông ta thuộc một dòng giống mà tài năng phải cao hơn người khác mới được. Cho nên, thưa ông, chúng ta chấm dứt đi, tôi không bác bỏ cũng không chấp nhận. Tôi dè dặt chờ đợi.

Athos biết Monck đã được thông báo quá rõ về tất cả tình hình gì liên quan đến Charles II nên không đưa câu chuyện xa hơn nữa được. Không phải lúc, không phải chỗ. Ông nói: -Thưa ngài, thế thì tôi chỉ còn có việc cám ơn ngài thôi.

-Về việc gì, thưa ông?

-Về điều ông đã nhận xét đúng về tôi và về điều tôi hành động theo đúng như ông nghĩ?

Ô! Thật là phiền phải không? Số vàng này mà ông sắp đem đến cho vua Charles tôi sẽ lấy đó làm sự thử thách ông ta: Khi nào thấy ông ta biết dùng nó làm gì, tôi chắc sẽ có một quan điểm mà trước kia tôi chưa từng có.

-Trong lúc đó ngài không sợ tôi để lọt số tiền này vào tay kẻ thù à?

-Kẻ thù? Ồ, tôi không có kẻ thù ông ạ. Tôi phục vụ Nghị viện, Nghị viện ra lệnh tôi đi chiến đấu chống lại tướng Lambert và vua Charles là kẻ thù của Nghị viện chứ không phải của tôi. Vậy là tôi chiến đấu. Nếu trái lại Nghị viện ra lệnh cho tôi treo cờ ở hải cảng London, tụ họp binh sĩ tại bến, tiếp rước Charles Đệ nhị.

-Ngài vâng lệnh chứ? Athos sung sướng kêu lên.

-Xin ông thứ lỗi cho. – Monck vừa cười, vừa nói, – tôi tôi sẽ đi, đầu óc quay cuồng giống như thời trai trẻ làm việc khùng điên.

-Vậy là ngài không vâng lệnh? – Athos hỏi.

-Cũng không hẳn như vậy nữa. Phải đặt tổ quốc trên hết. Chúa đã cho tôi sức lực thì Chúa chắc cũng sẽ muốn rằng tôi dùng sức có ích cho tất cả mọi người, đồng thời, người cũng ban cho tôi luôn cả sự biết phân biệt phải trái. Nếu Nghị viện ra lệnh cho tôi hành động như thế thì tôi sẽ suy nghĩ lại.

Athos sa sầm nét mặt: -Thôi, tôi hiểu rồi, nhất định là ngài không muốn ủng hộ vua Charles Đệ nhị rồi.

-Nãy giờ ông Bá tước luôn luôn chất vấn tôi, giờ xin đến phiên tôi đây.

-Vâng, xin mời ngài, và mong rằng Chúa khởi ý cho ngài đáp ứng thành thật như tôi đáp ứng cho ngài vậy.

-Khi mang cho ông hoàng của ông số tiền một triệu này, ông sẽ khuyên ông ta như thế nào?

Athos nhìn thẳng vào mặt Monck, dáng ngạo nghễ và dứt khoát.

-Thưa ngài, với một triệu đó nhiều người khác có lẽ sẽ dùng để thuyết thuyết, tôi thì muốn xin Đức vua nên thành lập hai trung đoàn rồi tiến vào ngả Scotland, nơi ngài vừa bình định xong, nơi ngài vừa cho dân chúng sự chân thành mà cách mạng đã hứa mang lại cho họ nhưng đã không hoàn toàn giữ lời.

Tôi sẽ khuyên Đức vua đích thân chỉ huy đạo quân bé nhỏ rồi nó sẽ lớn dần lên đó, ngài cứ tin thế đi. Tôi sẽ khuyên Đức vua chết trong tư thế tay cầm cờ, kiếm nằm trong bao và kêu lên: "Hỡi người Anh, đây là vị vua thứ ba của giống dòng nhà ta mà các người đã giết chết. Các người hãy coi chừng sự phán xét của Chúa".

Monck cúi đầu xuống dáng đăm chiêu rồi nói: -Nếu ông la thành công, điều này thật khó tin, nhưng không phải là không thể xảy ra được, bởi vì mọi thứ đều có thể có được trên thế gian này, nếu thế thì ông sẽ khuyên ông ta những gì?

-Khuyên ông ta nghĩ rằng mất ngai vàng là do ý trời, nhưng lấy lại được là do lòng dân.

Mặt Monck thoáng hiện một nụ cười mỉa mai.

-Thưa ông, khổ thay những kẻ làm vua không bao giờ biết nghe theo một lời khuyên phải.

Đến lượt Athos cười, sắc diện khác hẳn với Monck.

-Charles Đệ nhị không phải là ông vua như thế.

-Thôi ta nói gọn đi Bá tước ạ, ông muốn như thế phải không?

Athos nghiêng mình xác nhận.

Tôi sẽ cho người đem hai thùng này đến nơi nào ông muốn. Ông trú nơi nào?

-Thưa ngài, nơi một xóm nhỏ ở cửa sông.

-Ồ tôi biết rồi. Ở đó có năm hay sáu ngôi nhà gì đó phải không?

-Đúng vậy. Tôi trú ở ngôi nhà thứ nhất chung với hai người đan lưới. Tôi đã lên bờ bằng thuyền của họ đấy.

-Thế còn thuyền của ông đâu?

-Thuyền của tôi thả neo cách biển một phần tư hải lý và chờ đấy.

-Ông có vẻ như chưa muốn đi ngay phải không?

-Thưa, tôi còn muốn thử thuyết phục ngài một lần nữa ạ.

Monck trả lời: -Ông sẽ không đạt được mục đích đâu. Điều quan trọng là ông phải rời Newcastle sao cho không để lại dấu vết, khỏi có hại cho ông cũng như cho tôi nữa. Các sĩ quan của tôi tin rằng ngày mai thì Lambert sẽ tấn công. Tôi thì trái lại, tôi bảo đảm là hắn ta không nhúc nhích gì hết. Chuyện đó không thể nào xảy ra được Lambert trông coi một đạo quân không thuần nhất, một mớ tạp nhạp như thế không thể gọi là một đạo quân được. Tôi đã dạy cho lính đặt quyền bính của tôi dưới một quyền bính cao hơn. Điều này khiến cho họ còn kỳ vọng ở một cái gì sau tôi, chung quanh tôi, dưới bậc tôi. Cho nên, nếu tôi chết đi, chuyện cũng thường thôi, đội quân tôi sẽ không mất tinh thần ngay. Cho nên, ví dụ khi tôi đi như tôi đã làm chơi vài lần, thì trong binh trại của tôi sẽ không có lo âu hay rối loạn chút nào. Lambert đang chỉ huy mười tám ngàn tên đào ngũ. Thế mà ông biết rõ là tôi không nói điều đó với sĩ quan của tôi. Phải để cho một đạo quân luôn luôn có ý nghĩ là chiến trận sắp xảy ra ngay, ai lấy cũng đều tỉnh táo, trông chừng hết. Còn tôi nói với ông điều này là để cho ông thật an tâm. Ông chớ nên vội vượt biển về ngay: tám ngày nữa chắc có sự kiện mới, hoặc là đánh nhau, hoặc là có sự dàn xếp. Lúc bấy giờ, vì để cám ơn ông đã nhận xét tốt về tôi và tin cậy mà thổ lộ bí mật với tôi, chừng ấy tôi sẽ mời ông đi thăm nơi nào ông muốn. Vậy xin ông chớ đi chừng nào tôi chưa có ý kiến, tôi xin nhấn mạnh lời mời đó một lần nữa.

-Tôi xin hứa, thưa Đại tướng – Athos kêu lên, trong lòng vui sướng nên dù bản tính thận trọng, ông vẫn để lộ ánh mắt mừng rỡ.

Monck bắt gặp ánh mắt sáng rực ấy và ông dập tắt nó bằng một cái nhếch mép mà ông thường dùng để chặn những người đối thoại cứ tưởng là hiểu thấu được ông. Athos nói: -Như vậy, ngài cho tôi cái hẹn là tám ngày.

-Vâng, thưa ông, đúng tám ngày.

-Thế tôi làm gì trong tám ngày đó?

-Nếu có đánh nhau thì xin ông tránh xa đi. Tôi biết rằng người Pháp tò mò muốn xem cái trò giải trí này lắm. Ông muốn biết chúng tôi đánh nhau thế nào và rồi ông sẽ lãnh vài viên đạn lạc lính Scotland chúng tôi bắn dở lắm, còn tôi thì không muốn một nhà quý tộc danh giá như ông lại trở về đất Pháp mà có mang vết thương trong mình. Tôi cũng không muốn buộc phải thay thế ông mang triệu bạc cho ông hoàng của ông vì người ta có thể nói một cách có lý là tôi trả công cho ông hoàng muốn giành ngôi bằng số tiền ông ta dùng gây chiến với Quốc hội. Thôi ông ạ, cứ như chúng ta đã thoả thuận là được.

Athos kêu lên: -Ôi thưa ngài, tôi thật sung sướng làm người đầu tiên được ghé vào trái tim cao quý đang đập dưới tấm áo choàng này!

Monck đáp, không thay đổi nét mặt hơi vui của mình: -Ông lại cứ quả quyết rằng tôi có nhiều điều bí mật lắm! Này, ông nghĩ xem có điều bí mật gì lại ở trong cái đầu rỗng tuếch của dân võ biền? Nhưng thôi khuya rồi đèn sắp tắt, để gọi người đi theo chúng ta đến đây. Này anh đánh cá?

Người đánh cá đã cóng vì đêm lạnh đáp lại bằng một giọng khàn khàn để hỏi các ông muốn ông ta làm gì. Monck nói: -Anh lại trạm gác, nói thừa lệnh tướng Monck bảo viên hạ sĩ quan đến đây ngay.

Nhiệm vụ đó thật dễ thực hiện vì người hạ sĩ quan tò mò muốn biết ông Đại tướng làm gì trong cái tu viện hoang vắng này nên đã từ từ nhích tới và lúc đó chỉ cách người đánh cá có vài bước.

Monck bảo: -Kiếm một con ngựa và hai người.

Viên trung sĩ lặp lại: -Thưa một con ngựa và hai người?

-Ừ! Anh có cách nào kiếm được ngựa có giá thồ không?

-Thưa được, ở khu người Scotland cách đây một trăm bước thôi.

-Tốt.

-Thưa Đại tướng, tôi lấy ngựa rồi làm gì nữa.

-Lại đây.

Người trung sĩ bước xuống ba bốn bậc cấp và xuất hiện dưới vòm đá.

-Anh thấy hai thùng gỗ này không?

-Thưa thấy rõ ạ.

-Hai thùng này, một đựng thuốc súng, một dựng đạn. Anh đem chuyển hai thùng gỗ này đến cái xóm nhỏ bên bờ sông và phải có hai trăm tay súng gác. Việc này phải thật kín, nó quan trọng đến sự thành bại của chúng ta đấy.

Anh trung sĩ lẩm bẩm: -Ồ, thưa Đại tướng, vâng ạ.

-Tốt lắm. Anh cho cột hai thùng trên mình ngựa và anh với hai người nữa đi theo bảo vệ chúng đến nhà ông quý tộc này, bạn thân ta đó. Nhớ nhé. Không ai được biết hết.

Người trung sĩ nói: -Nếu có đường thì tôi đi xuyên qua vùng đầm lầy.

Athos nói: -Tôi biết đường không rộng mà chắc chắn nó làm trên sàn gỗ cứ cẩn thận là được.

Monck nói: -Anh cứ theo lời ông này.

Người trung sĩ thử nhất một thùng lên.

-Ối cha, thùng nặng quá! Mỗi thùng chừng bốn trăm ký. Nếu đúng là thứ đó phải không ông?

Athos trả lời: -Cỡ chừng đó.

Người trung sĩ đi tìm ngựa, người. Monck đứng một mình với Athos cố tình chỉ nói chuyện không đâu, mắt lơ đãng quan sát khu hầm mộ. Rồi khi nghe tiếng chân ngựa, ông bắt tay Athos và nói: -Thôi tôi trở về để ông đi với họ, ông cứ an tâm.

Athos nói nhỏ: -Ôi, giá như ngài muốn!

-Suỵt! Chúng ta đã giao hẹn là không nói nữa mà.

Chào Athos xong, ông bước lên đến khoảng giữa bậc đá thì gặp những người lính đang bước xuống.

Chưa đi khỏi tu viện hai mươi bước, ông đã nghe thấy tiếng còi nhỏ và kéo dài vọng từ đằng xa. Ông dừng chân nghe ngóng, nhưng không thấy gì, ông lại bước đi. Thế rồi chợt nhớ tới người đánh cá, ông nhìn quanh quất tìm kiếm nhưng anh ta đã biến mất. Nhưng nếu chú ý kỹ thì chắc ông sẽ thấy người đó đang khom người trườn mình như con rắn len lỏi giữa các hòn đá rồi lạng trên mặt đầm, mất hút sau màn sương mù. Nếu chú ý hơn nữa, qua tấm màn sương mù đó ông sẽ thấy chuyện lạ: chiếc thuyền của những người đánh cá đã rời chỗ và tiến đậu gần bờ sông hơn trước.

Nhưng Monck không thấy gì và nghĩ rằng không phải lo sợ gì nên ông cứ tiến bước trên con đường vắng lặng hướng về bản doanh.

Lúc ấy, nghĩ lại ông thấy lạ về việc người đánh cá biến đâu mất và trong tâm trí bắt đầu nổi lên sự nghi ngờ. Ông vừa trao cho Athos tốp lính độc nhất bảo vệ ông. Và bây giờ đi về bản doanh thì phải qua cả một dặm đường.

Sương mù bốc lên dày đặc nên khó có thể thấy rõ vật gì cách xa mười bước. Monck cảm thấy có tiếng mái chèo khua trong đầm phía bên phải ông. Ông la lên: “Ai đấy?”

Nhưng không ai trả lời cả. Ông vội lên đạn, rút gươm cầm tay, bước gấp nhưng vẫn không muốn gọi người tới. Gọi trong trường hợp chẳng cần quá như thế thật là không xứng với ông chút nào.

§13. Ngày hôm sau

Bảy giờ sáng. Những tia nắng mai đầu tiên rơi xuống các ao đầm, phản chiếu hình ảnh của mặt trời như một quả cầu đỏ ối.

Athos thức dậy, mở chiếc cửa sổ phòng ngủ nhìn ra hướng bờ sông. Bỗng ông thấy cách đó khoảng mười lăm bước, viên trung sĩ và những người lính đã theo ông về nhà đêm qua, và đã trở về trại theo lề đường bên phải – sau khi cất kỹ những cái thùng trong nhà ông.

Vì sao, sau khi trở về trại rồi, những người này lại quay trở lại? Câu hỏi đó đột ngột nảy ra trong đầu Athos.

Viên trung sĩ, đầu ngẩng cao, có vẻ đang ngóng đợi ông xuất hiện để hỏi han điều gì. Athos không giấu được sự ngạc nhiên khi gặp lại họ. Viên trung sĩ nói: -Thưa ngài, điều này không có gì đáng ngạc nhiên, bởi vì hôm qua Đại tướng đã căn dặn tôi bảo vệ an toàn cho ngài, và tôi phải thi hành lệnh này.

-Đại tướng hiện đang ở trong trại phải không? – Athos hỏi.

-Thưa ngài, hẳn là thế, bởi vì hôm qua ngài đã từ giã ông ấy ngay tại đó.

-Vậy, anh hãy đợi tôi một chút, tôi sẽ đi đến đó để báo cáo rằng anh đã sốt sắng làm tròn nhiệm vụ, và để lấy lại thanh gươm mà tôi đã bỏ quên trên bàn hôm qua. viên trung sĩ nói: -Ý định của ngài đến thật đúng lúc, vì chúng tôi cũng sắp yêu cầu ngài điều này.

Athos thoáng nhận thấy một vẻ ân cần hơi lạ trên gương mặt người trung sĩ, nhưng có lẽ cuộc phiêu lưu dưới đường hầm vừa qua đã tác động đến anh ta, và như thế không có gì đáng ngạc nhiên nếu anh ta do xáo động tâm trí mà bộc lộ một ít cảm xúc. Thế là Athos cẩn thận đóng các cửa ra vào và gởi chìa khoá cho Grimaud- ông này đã chọn chỗ ở của mình ngay trong căn chái dẫn đến căn hầm chứa các thùng tiền. Viên trung sĩ đi kèm sát bên Bá tước De La Fère đến tận đại bản doanh. Nơi đó, một toán lính khác đang chờ sẵn để thay thế bốn người.

Toán lính mới này do người sĩ quan tuỳ tùng tên là Digby chỉ huy, và trên đường đi, anh chàng này nhìn Athos phải tự hỏi do đâu có sự canh chừng nghiêm ngặt này – trong khi hôm qua ông đã được hoàn toàn tự do.

Tuy nhiên, ông vẫn tiếp tục đi về phía bản doanh, giữ kín không để lộ ra ngoài những nhận xét và ý nghĩ của mình. Trong căn lều của Đại tướng, nơi ông đã được đưa đến hôm qua, Athos gặp ba sĩ quan cao cấp: Người phụ tá của Monck và hai viên đại tá ông cũng nhận ra thanh gươm của mình, vẫn còn nằm ngay chỗ cũ ở trên bàn của Đại tướng.

Không một sĩ quan nào biết chuyện xảy ra ở đây vào ngày hôm trước, do đó không người nào biết mặt ông. Người phụ tá của Monck hỏi đây có phải đúng là nhà quý tộc đã cùng đi ra khỏi lều với Đại tướng không.

Viên trung sĩ đáp: -Thưa ngài, phải. Đúng là ông ta đấy.

Athos nói với giọng cao ngạo: -Này tôi có chối đâu. Còn bây giờ đến phiên tôi: xin quý vị cho tôi được biết tất cả những câu hỏi vừa rồi của quý vị có mục đích gì, và nhất là xin quý vị giải thích vì sao quý vị đặt những câu hỏi đó với một cái giọng như thế.

Người phụ tá của Monck nói: -Thưa ông, chúng tôi hỏi là vì chúng tôi có quyền, và nếu chúng tôi hỏi ông với cái giọng như thế, là vì cái giọng này, xin ông hãy tin tôi, nói thích hợp với tình thế này.

Athos nói: -Thưa quý vị, quý vị không biết tôi là ai, nhưng tôi phải cho quý vị biết điều này: tại đây tôi chỉ nhìn nhận có Đại tướng Monck ngang hàng với tôi thôi. Ông ấy ở đâu? Yêu cầu hãy đưa tôi đến gặp, và nếu chính ông ấy có điều gì muốn hỏi, tôi sẽ trả lời.

-Kìa? – Người phụ tá thốt lên, – tôi nghĩ là ông biết rành hơn chúng tôi rằng ông ấy hiện đang ở đâu chứ.

-Dĩ nhiên là ông.

Athos nói: -Thưa ông, tôi không hiểu ông muốn nói gì.

-Thưa ông, rồi ông sẽ hiểu, và trước hết, yêu cầu ông thấp giọng hơn. Hôm qua Đại tướng đã nói gì với ông?

Athos mỉm một nụ cười khinh thị. Một trong hai viên đại tá giận dữ kêu lên: -Chúng tôi không muốn ông cười, chúng tôi muốn ông trả lời.

-Và tôi, thưa quý vị, tôi khẳng định rằng tôi sẽ không trả lời cho quý vị một điều gì cả nếu không có mặt Đại tướng.

Viên đại tá vừa nói khi nãy lặp lại: -Nhưng ông biết rõ là ông đòi hỏi một điều không thể có được.

Athos tiếp lời: -Đây là lần thứ nhì người ta trả lời một cách kỳ quặc về ý tôi nêu lên. Có phải Đại tướng đi vắng không?

Câu hỏi của Athos có vẻ quá thành thật, và nhà quý tộc lộ một vẻ ngạc nhiên không chút dối trá khiến ba người sĩ quan phải đưa mắt nhìn nhau. Như có một sự thoả thuận mặc nhiên của hai sĩ quan kia, người phụ tá lên tiếng hỏi: -Thưa ông, hôm qua Đại tướng đã từ giã ông ngay tại ranh giới của tu viện phải không ạ?

-Thưa ông, phải.

-Và ông đã đi!

-Xin để những người lính đã đi theo tôi trả lời câu hỏi đó. Họ là lính của ông, ông hãy hỏi họ xem.

-Nhưng nếu chúng tôi thích hỏi ông thì sao?

-Thế thì, thưa ông, tôi muốn trả lời rằng tôi không thuộc quyền của bất cứ ai đây, rằng ở đây tôi chỉ biết có Đại tướng, và tôi sẽ chỉ trả lời với ông ấy thôi.

-Thưa ông, cũng được. Nhưng vì bây giờ chúng tôi là chủ nhân ở đây, chúng tôi sẽ họp thành toà án quân sự, và khi ông đứng trước các quan toà, ông sẽ bắt buộc phải trả lời họ.

Gương mặt của Athos chỉ biểu lộ sự ngạc nhiên và sự khinh thường thay vì sợ hãi như các sĩ quan muốn gây ra khi họ lên giọng đe doạ như thế. Ông nhún vai nói: -Những quan toà người Scotland hay người Anh, để xử tôi một thần dân của nước Pháp, tôi là kẻ được danh dự của nước Anh bảo vệ! Các ông điên rồi!

Các sĩ quan nhìn nhau rồi nói: -Vậy thưa ông, ông bảo rằng ông không biết Đại tướng ở đâu à?

-Thưa ông, về điều này tôi đã trả lời ông rồi.

-Phải, nhưng câu trả lời của ông không thể tin được.

-Tuy nhiên, thưa quý vị, nó là sự thật. Những người thuộc hạng như tôi thường không thể nói dối. Tôi đã nói với các ông: tôi là một người quý tộc, và khi tôi mang gươm bên mình, lưỡi gươm mà hôm qua, do một sự tế nhị quá độ, tôi đã để lại trên cái bàn này, và nó hãy còn nằm kia, thì các ông hãy tin đi, không kẻ nào có thể nói với tôi những điều mà tôi không muốn nghe. Ngày hôm nay, tôi không có vũ khí, nếu các ông tự cho mình là những quan toà thì hãy xét xử tôi đi, nếu các ông chỉ là những đao phủ thì hãy giết tôi đi! Hôm qua tôi đã đến đây để nói chuyện riêng với Đại tướng của các ông về những vấn đề quan trọng. Và ông ấy đã dành cho tôi một sự tiếp đãi không phải bình thường. Những báo cáo của binh sĩ các ông có thể chứng tỏ điều này. Vậy nếu Đại tướng của các ông đã tiếp tôi như thế, hẳn các ông phải biết rõ tôi đáng được tôn trọng đến mức nào. Bây giờ chắc các ông không đòi hỏi tôi sẽ tiết lộ những bí mật của tôi, và lại càng không thể tiết lộ những bí mật của ông ấy nữa.

-Nhưng những cái thùng đó, chúng đựng thứ gì vậy?

-Ông không hỏi binh sĩ của ông sao? Họ đã trả lời các ông thế nào?

-Rằng chúng đựng thuốc súng và đạn.

-Ai cho họ những tin tức này? Chắc họ đã nói cho các ông biết rồi!

-Chính Đại tướng, nhưng chúng tôi không bị lừa đâu.

-Xin ông hãy thận trọng, đây không phải là ông bác bỏ lời khẳng định của tôi nữa, mà là của người chỉ huy các ông đấy.

Các sĩ quan nhìn nhau. Athos tiếp tục: -Trước binh sĩ, Đại tướng đã bảo tôi chờ trong tám ngày, trong tám ngày nữa tôi sẽ nhận câu trả lời của ông. Tôi có bỏ trốn không? Không, tôi vẫn ở lại đợi.

Người phụ tá kêu lên: -Đại tướng bảo ông chờ ông ấy tám ngày?

-Thưa ông, ông ấy đã nói với tôi điều đó thật rõ ràng. Tôi có một chiếc tàu nhỏ đang bỏ neo ở cửa sông, và hôm qua tôi đã có thể lên tàu ra đi một cách dễ dàng. Thế nhưng tôi vẫn ở lại, duy nhất chỉ vì muốn làm theo ý muốn của Đại tướng. Ngài đã căn dặn tôi đừng bỏ ra đi trước khi có buổi hội kiến cuối cùng mà

chính ngài đã ấn định vào tám ngày sau. Vì thế tôi xin lập lại với ông, tôi đang chờ đợi.

Người phụ tá quay qua hai sĩ quan kia, và hạ thấp giọng: -Nếu nhà quý tộc này nói thật, chúng ta hãy còn hy vọng. Chắc Đại tướng đang thực hiện vài cuộc thương lượng bí mật đến độ ông nghĩ rằng tiết lộ cho người khác – kể cả chúng ta cũng vậy – là một việc làm thiếu thận trọng. Vậy ông chỉ vắng mặt tối đa là tám ngày thôi.

Đoạn quay về phía Athos, ông ta nói: -Thưa ông, lời phát biểu của ông có một tầm quan trọng vô cùng lớn lao, vậy ông có vui lòng chịu thề không?

Athos trả lời: -Thưa ông, tôi vẫn sống trong một thế giới mà mỗi lời nói của tôi dầu là giản dị nhất, đều được xem như lời thề thiêng liêng nhất.

-Thưa ông, tuy nhiên trường hợp này lại trầm trọng hơn bất cứ trường hợp nào ông đã trải qua. Đây là vấn đề sống chết của cả một đạo quân. Xin ông hãy nghĩ kỹ đến điều này: Đại tướng đã mất tích, chúng tôi đang tìm kiếm ông ấy. Sự mất tích này có phải bình thường không? Hay đã có một tội ác xảy ra? Chúng tôi có phải thúc đẩy những cuộc điều tra cho đến cùng không? Hay là chúng tôi phải kiên nhẫn chờ đợi? Trong lúc này, thưa ông, tất cả đều tuỳ thuộc vào lời ông thôi.

-Thưa ông, nếu ông đặt câu hỏi như thế, tôi không còn ngần ngại gì nữa. Phải, tôi đến đây nói chuyện riêng với Đại tướng Monck và yêu cầu ông ấy trả lời về một số vấn đề quan trọng, phải có lẽ vì Đại tướng không thể quyết định được trong khi phải chờ trận đánh sắp tới, nên ông ấy đã yêu cầu tôi nán lại thêm tám ngày nữa trong ngôi nhà tôi đang ở, với lời hứa rằng trong tám ngày nữa tôi sẽ gặp lại ông ấy. Phải, tất cả những điều đó đều đúng sự thật, và tôi xin thề trước Thượng đế, chúa tể tuyệt đối của đời tôi và đời các ông.

Lời Athos thật trang trọng và nghiêm túc khiến ba sĩ quan hầu như không còn nghi ngờ gì nữa. Tuy vậy, một viên đại tá vẫn cố nói thêm: -Thưa ông, mặc dầu bây giờ chúng tôi đã tin chắc về sự thật của những điều ông vừa nói, nhưng vẫn thấy còn chưa hiểu một điều thật lạ. Đại tướng là một người rất thận trọng, ông ấy không thể rời bỏ đạo quân của ông ấy trước lúc sắp xảy ra một trận đánh mà không báo trước ít nhất cho một người trong chúng tôi biết. Riêng tôi, tôi thú thật không thể tin rằng không có một sự kiện kỳ lạ nào đó đã gây ra sự mất tích của ông ấy. Ngày hôm qua, có những ngư dân ngoại quốc đến đây bán cá, chúng tôi đã cho họ ngủ trong nhà những người Scotland ở đằng kia, nghĩa là trên con đường mà Đại tướng đã đi để đến tu viện với ông và trở về. Chính một trong những ngư dân này đã cầm một chiếc đèn bão đi theo Đại tướng. Và sáng nay, chiếc thuyền cùng với đám ngư dân đều biến mất, theo dòng thuỷ triều đưa ra khơi trong đêm tối.

Người phụ tá nói: -Riêng tôi, tôi thấy đó chỉ là chuyện tự nhiên, bởi vì, nói cho cùng, những người đó không phải là tù nhân.

-Dĩ nhiên là không, nhưng tôi lặp lại, chính một trong những người đó đã soi đường cho Đại tướng và ông đây trong đường hầm của tu viện, và Digby đã quả quyết với chúng ta rằng Đại tướng đã có rất nhiều nghi ngờ đối với những người đó. Nhưng ai có thể bảo chúng ta rằng những ngư dân này không thông đồng với ông đây, và khi đã thi hành xong thủ đoạn, ông đây, chắc chắn là người rất can đảm, đã ở lại để trấn an chúng ta bằng sự hiện diện của mình, và ngăn cản không cho những cuộc tìm kiếm của chúng ta đi đúng hướng.

Những lời lẽ này đã có ảnh hưởng mạnh đối với hai sĩ quan kia. Athos nói: -Thưa ông, xin phép nói với ông rằng những ý suy luận của ông tuy bề ngoài nghe có vẻ hợp lý, nhưng thiếu sự vững chắc về những gì liên hệ đến tôi. Ông cho là tôi đã ở lại để đánh lạc hướng các ông. Thế nhưng, ngược lại, tôi cũng có những điều nghi ngờ như ông, và tôi xin thưa với ông: không thể nào, trước lúc trận đánh sắp diễn ra và Đại tướng có thể bỏ đi không nói gì cho ai biết hết. Phải, có chuyện thật khó hiểu, phải, thay vì ngồi khoanh tay chờ đợi, các ông phải hoạt động mạnh lên, phải làm tất cả những điều gì cần thiết và có thể làm được. Thưa các ông bây giờ tôi là tù nhân của các ông, tù nhân bằng lời hứa hay bằng gì cũng được. Vì danh dự của tôi, tôi rất chú trọng đến những gì đã xảy đến cho Đại tướng Monck, đến độ nếu các ông bảo tôi: Hãy đi đi! Tôi sẽ trả lời: Không, tôi ở lại. Và nếu các ông muốn hỏi ý kiến tôi, tôi sẽ nói thêm: Phải, Đại tướng đang là nạn nhân của một cuộc âm mưu nào đó, bởi vì nếu ông ấy có việc rời trại chắc ông ấy đã báo cho tôi biết. Vậy các ông hãy tìm kiếm, hãy lục soát khắp nơi, trên đất liền, trên mặt biển. Đại tướng đã không hề ra đi, hay ít nhất đã không ra đi theo ý muốn của chính ông ấy.

Người phụ tá ra dấu hiệu với các sĩ quan và nói: -Không, thưa ông, không, bây giờ lại đến lượt ông đi quá xa. Đại tướng không phải chịu ràng buộc vào những biến cố nào hết, và có lẽ ngược lại, chính ông ấy đã điều khiển chúng. Những gì Monck đang làm hiện nay, ông ấy vẫn đã thường làm. Vậy chúng ta đã sai lầm khi chúng ta hoảng hốt. Chắc chắn ông ấy vắng mặt không lâu đâu, do đó không nên vì một sự mềm yếu mà để Đại tướng sẽ coi như là một trọng tội, không nên tiết lộ sự vắng mặt của ông ấy để khỏi làm mất tinh thần quân đội. Đại tướng đã chứng tỏ sự tin cậy lớn lao của ông ấy nơi chúng ta, chúng ta hãy chứng tỏ mình xứng đáng với lòng tin tưởng đó. Thưa quý vị xin hãy để cho sự im lặng tuyệt đối bao phủ tất cả chuyện này bằng một bức màn dày đặc, chúng ta sẽ giữ ông này lại không phải vì nghi ngờ ông dính dáng đến tội ác nhưng là để bảo đảm một cách hữu hiệu hơn sự bí mật về sự vắng mặt của Đại tướng bằng cách chỉ để nó ở lại giữá chúng ta thôi. Do đó, ông đây sẽ cư ngụ ngay tại đại bản doanh cho đến khi có lệnh mới.

Athos nói: -Thưa quý vị, quý vị quên rằng đêm qua Đại tướng đã giao cho tôi canh giữ một kho hàng. Quý vị hãy cho bao nhiêu lính để canh giữ tôi cũng

được, hãy xiềng tôi lại nếu quý vị thích, nhưng hãy để tôi ở trong căn nhà đó thay cho cái nhà tù. Tôi xin lấy danh dự của người quý tộc thề với quý vị rằng khi Đại tướng trở về, ông ấy sẽ quở trách quý vị, nếu quý vị làm trái ý ông ấy về vấn đề này.

Các sĩ quan hội ý với nhau trong một lúc, sau đó người phụ tá nói: -Thưa ông, như vậy cũng được, ông hãy trở về nhà ông đi.

Kế đó, họ cho Athos một toán hộ vệ năm mươi người đến giữ ông trong nhà và không rời ông nửa bước. Bí mật đã được giữ kín nhưng từng giờ rồi từng ngày trôi qua mà không thấy Đại tướng trở về và cũng không có tin tức gì về ông ấy cả.

§14. Hàng lậu

Hai ngày sau những biến cố chúng tôi vừa kể trên, và trong khi từng giờ từng phút ở đại bản doanh người ta chờ đợi Đại tướng Monck trở về thì một chiếc thuyền nhỏ của Hoà Lan, gồm có mười thủy thủ, đến bỏ neo ngoài bờ biển Schevenigen, cách đất liền khoảng một tầm đại bác. Lúc đó đang giữa đêm và nước thủy triều dâng lên trong bóng tối dày đặc – đây là lúc tốt nhất để đưa hành khách và hàng hoá lên đất liền.

Vịnh Scheveningen làm thành một vòng cung rộng lớn, nó không sâu lắm, và nhất là không được an toàn mấy cho nên người ta chỉ thấy có những chiếc thuyền Flamand và các thuyền Hoà Lan được thủy thủ kéo lên bờ trên các cây lăn – như ngày xưa Virgile đã nói. Khi nước triều lên, đổ dồn vào đất liền, tàu bè không dám đi sát vào bờ, vì dễ bị sa lầy rất khó kéo ra.

Có lẽ vì lý do này mà chiếc xuồng tách ra ngay khi thuyền bỏ neo, và tiến vào bờ với tám thuỷ thủ, ở giữa họ người ta nhận thấy một vật hình thuôn đài như một thùng lớn hay một thứ bành hàng.

Bờ biển vắng vẻ không một bóng người, vài ngư dân nhà ở trên cồn cát đã yên giấc. Người lính canh duy nhất gác bờ biển (một bờ biển không được canh gác kỹ lắm, vì lẽ tàu lớn không thể vào được nơi đây), tuy không thể hoàn toàn noi gương những ngư dân để lên giường nằm, nhưng cũng bắt chước họ đánh một giấc ngay trong chòi canh, cũng ngon lành như những kẻ ngủ trên giường. Vì thế tiếng động duy nhất người ta có thể nghe được là tiếng rít của từng cơn gió đêm lạnh lẽo qua những đám cỏ hoang mọc trên đồi cát. Nhưng những kẻ đang tiến vào bờ hẳn là những con người đầy nghi kỵ, vì cảnh im lặng thật sự và cái vẻ hoang vắng này không hề làm họ yên tâm chút nào; do đó chiếc xuồng của họ, trông chỉ như một điểm đen trên đại dương, lướt sóng không một tiếng động- họ tránh không dùng mái chèo và cặp sát vào đất liền ở nơi gần nhất.

Vừa nghe đáy xuồng chạm đất, một người nhảy ra sau khi đã cho một hiệu lệnh ngắn ngọn, chứng tỏ ông ta thường quen chỉ huy. Tuân theo lệnh này, nhiều người mang những khẩu sung "mút" lấp lánh dưới ánh sáng yếu ớt của mặt biển phản chiếu lên và cẩn thận khiêng lên bờ cái vật hình thuôn dài đã nói mà trong đó chắc đựng thứ hàng lậu gì. Tiếp đó người đã phóng lên bờ trước nhất kia, liền chạy xéo về phía làng Scheveningen, tiến đến chỗ khu rừng nhô ra xa nhất. Đến nơi, ông ta tìm ngôi nhà mà đã một lần chúng ta thoáng thấy sau lùm cây và đã được giới thiệu như là một nơi tạm trú, một chỗ ở rất khiêm tốn của kẻ được người ta lịch sự gọi là "Vua nước Anh".

Tất cả đều đang yên ngủ cũng như ở những nơi khác, ngoại trừ một con chó lớn – thuộc giống chó mà các ngư dân làng Scheveningen thường dùng để kéo

những chiếc xe chở cá của họ đến La Haye – con chó sủa lên dữ dội ngay lúc nó nghe thấy tiếng những bước chân của người lạ mặt vang lên trước các cửa sổ Nhưng những tiếng sủa báo động này thay vì làm cho người mới đến sợ hãi thì trái lại có vẻ làm cho ông ta vui mừng, vì chúng có thể thay tiếng gọi vô hiệu của ông để đánh thức những người ở trong nhà. Vì thế người lạ mặt chờ đợi cho đến khi những tiếng sủa vang rền và kéo dài của con chó đủ để gây hiệu quả, lúc đó ông ta mới cất tiếng gọi. Nghe tiếng ông, con chó càng sủa mạnh hơn. Liền đó bên trong nhà có tiếng người bảo con chó im. Rồi khi nó đã ngưng sủa thì có một giọng yếu ớt khàn khàn và lễ phép đưa ra: -Ông muốn hỏi ai?

-Tôi muốn gặp Hoàng đế Charles Đệ nhị. – người lạ mặt đáp.

-Để làm gì?

Tôi muốn nói chuyện với ông ấy.

-Ông là ai?

-Ồ! Chán quá, ông hỏi quá nhiều, tôi không thích nói chuyện qua cánh cửa.

-Ông chỉ cần cho tôi biết tên ông là được rồi.

-Tôi cũng không thích xưng tên của mình ngay ngoài đường, hơn nữa, xin ông yên tâm, tôi sẽ không ăn thịt con chó của ông đâu, và tôi cũng cầu nguyện Chúa cho nó đừng ăn thịt tôi.

Người bên trong hỏi tiếp bằng một giọng kiên nhẫn và tò mò, như giọng của một ông già: -Có lẽ ông mang tin tức đến?

-Tôi mang đến những tin tức rất bất ngờ? Tôi xin trả lời là tôi mang tin tức đến và tin thật bất ngờ nữa. Này, mở cửa đi chứ?

Người già lên tiếng tiếp: -Thưa ông, ông có thật tin rằng những tin tức đó đáng để đánh thức Nhà vua dậy không?

-Chúa ơi! Ông bạn thân mến của tôi. Hãy kéo then cài cửa ra, tôi bảo đảm rằng ông sẽ không phải hối tiếc đâu. Tôi không phải là kẻ tầm thường, đây là lời nói danh dự của tôi?

-Thưa ông, dầu vậy tôi cũng không mở cửa nếu ông không xưng tên ra.

-Điều này cần lắm sao?

-Đó là lệnh của chủ tôi, thưa ông.

-Thế thì, đây là tên của tôi nhưng tôi xin báo trước rằng tên của tôi sẽ chẳng cho ông biết thêm được điều gì hết.

-Mặc kệ cứ nói đi.

-Được! Tôi là hiệp sĩ d'Artagnan.

Ông già ở bên cánh cửa kêu lên: -Ôi! Chúa ơi, ông D Arlagnan! Còn sung sướng nào bằng! Nãy giờ, tôi vẫn tự bảo rằng giọng nói của ông sao nghe quen thuộc quá.

-Lạ! Người ta biết cả giọng nói của tôi ở đây! Thật hân hạnh quá.

-Ô vâng! Chúng tôi biết chứ, – ông già vừa nói vừa rút then cài cửa ra.

-Và bằng chứng là đây.

D'Artagnan bước vào, và trong ánh sáng của chiếc đèn lồng trên tay ông già, ông nhận ra ngay kẻ đối thoại cứng đầu của mình. Ông kêu lên: -Chúa ơi! Parry đây mà? Đáng lẽ tôi phải biết chứ!

-Vâng, Parry đây, ông d'Artagnan thân mến, chính tôi đây! Được gặp lại ông, thật mừng quá!

D'Artagnan siết chặt tay ông già: -Ông đã nói rất đúng: thật mừng quá! Ông sẽ báo cho Nhà vua hay chứ!

-Nhưng thưa ông thân mến, Nhà vua đang ngủ.

-Chán quá! Đánh thức ông ấy dậy, tôi bảo đảm với ông là Nhà vua sẽ không rầy ông đâu.

-Ông bá tước bảo ông đến đây, phải không?

-Bá tước nào?

-Bá tước De La Fère.

-Athos? Không, tôi đến đây là tự ý tôi. Nào, Parry, đánh thức Nhà vua nhanh lên! Tôi cần gặp Nhà vua?

Parry nghĩ không phải chần chừ lâu hơn nữa, ông ta đã biết d'Artagnan từ lâu, ông biết, mặc dầu là dân Gascon, ông này không bao giờ hứa quá những gì có thể làm được. Ông băng qua một cái sân và một khu vườn nhỏ, xoa dịu con chó cứ muốn xông vào cắn người hiệp sĩ, rồi đến gõ cửa căn phòng trệt của một biệt thự nhỏ.

Liền đó một con chó nhỏ trong phòng cất tiếng sủa phụ hoạ với con chó lớn ở ngoài sân.

D'Artagnan tự nhủ: "Vì vua tội nghiệp! Cận vệ của ông chỉ có bấy nhiêu đó; sự thật là ông đã được chúng bảo vệ rất sốt sắng.

-Có chuyện gì vậy? – ông hoàng hỏi từ cuối căn phòng.

-Thưa ngài, có hiệp sĩ d'Artagnan đem tin tức đến.

Liền đó, có tiếng động trong căn phòng, một cánh cửa mở ra và ánh đèn sáng khắp dẫy hành lang cùng khu vườn.

Ông hoàng đang làm việc dưới ánh sáng đèn. Những giấy tờ để rải rác trên bàn giấy, và ông đang thảo một lá thơ. Rất nhiều chữ bị gạch bỏ chứng tỏ ông đã bỏ công rất nhiều khi viết.

Ông quay mặt ra nói: -Xin mời hiệp sĩ vào. – Rồi trông thấy người ngư dân, ông hỏi, – Parry, anh nói hiệp sĩ d'Artagnan ở đâu?

D'Artagnan đáp: -Thưa Hoàng thượng, ông ta đang ở trước mặt ngài đây.

-Ăn mặc thế này à?

-Vâng. Xin Hoàng thượng hãy nhìn tôi: Hoàng thượng không nhận ra tôi là kẻ mà Hoàng thượng đã trông thấy ở Blois, trong phòng ngoài của vua Louis XIV sao?

-Thưa ông có chứ, và tôi cũng còn nhớ đã khen ngợi ông rất nhiều.

D'Artagnan nghiêng mình rất lịch sự: -Đó chỉ là bổn phận của tôi khi biết là công việc có dính dáng đến Hoàng thượng.

-Ông nói là ông đem tin tức đến cho tôi, phải không?

-Thưa Hoàng thượng, phải.

-Chắc là của vua nước Pháp?

D'Artagnan đáp: -Ồ! Thưa Hoàng thượng không, chắc Hoàng thượng cũng đã nhận thấy vua nước Pháp chỉ nghĩ đến mình ông ấy thôi.

Charles II ngước nhìn trời. D'Artagnan nói tiếp: -Không, thưa Hoàng thượng, không. Tôi đem đến những tin tức, sự kiện của cá nhân. Tuy nhiên tôi mong rằng Hoàng thượng sẽ chịu nghe những sự kiện và tin tức này với ít nhiều hảo ý.

Xin ông cứ nói.

-Thưa Hoàng thượng, nếu tôi không lầm thì lúc ở Blois, Hoàng thượng đã nói đến những khó khăn của Hoàng thượng về vấn đề nước Anh.

Charles II đỏ mặt, ông nói: -Thưa ông, tôi chỉ kể điều đó với một mình vua nước Pháp thôi.

Người ngự lâm lạnh lùng nói: -Ô! Hoàng thượng hiểu lầm rồi, tôi biết cách nói chuyện với vua chúa khi họ gặp khốn cùng; còn họ, chỉ khi nào bị rơi vào cảnh hoạn nạn họ mới nói chuyện với tôi, và khi được sung sướng rồi, họ không nhìn đến tôi nữa. Vì vậy, tôi với Hoàng thượng bây giờ không những tôi chỉ biểu lộ sự tôn kính lớn nhất mà còn sự tận tâm tuyệt đối nữa, và Hoàng thượng cứ tin tưởng theo tôi, điều này mang một ý nghĩa không phải nhỏ. Và khi nghe Hoàng thượng là một người cao quý, rộng lượng và đang giỏi chịu đựng khốn khổ đấy.

Charles II ngạc nhiên nói: -Tôi thật không biết nên thích sự tôn kính của ông hay những lời nhận xét quá táo bạo của ông.

D'Artagnan nói: -Lát nữa Hoàng thượng sẽ lựa chọn. Lúc đó Hoàng thượng than thở với người anh em Louis XIV của mình về những khó khăn của Hoàng thượng khi muốn trở về nước Anh để lấy lại ngôi vua mà không có quân đội hay tiền bạc gì cả.

Charles II không kềm chế được một cử chỉ nóng nảy.

D'Artagnan nói tiếp: -Và chướng ngại chính ngăn chặn con đường Hoàng thượng là một viên tướng nào đó chỉ huy các đạo quân của Nghị viện và đóng vai trò của một Cromwell ở tại đó. Có phải Hoàng thượng đã nói như thế không?

-Phải, nhưng tôi xin lặp lại với ông lần nữa rằng những lời đó chỉ giành cho một mình Nhà vua thôi.

-Rồi Hoàng thượng sẽ thấy là một điều may mắn khi những lời đó đã rơi vào tai của viên phó quan ngự lâm quân Pháp. Con người gây nhiều khó khăn cho Hoàng thượng đó là Đại tướng Monck; phải đúng là tên của ông ấy không, thưa Hoàng thượng?

-Phải, nhưng xin nhắc lại một lần nữa, là hỏi như thế có ích gì không?

-Ồ! Thưa. Hoàng thượng tôi biết rằng lễ nghi không cho phép đặt những câu hỏi với vua chúa. Tôi hy vọng lát nữa Hoàng thượng sẽ tha thứ cho tôi về tội vô lễ này. Hoàng thượng đã nói thêm với vua nước Pháp rằng nếu Hoàng thượng có thể gặp được viên tướng ấy và thảo luận mặt đối mặt với ông ta, thì Hoàng thượng có thể thắng được ông ta hoặc bàng sức mạnh hoặc bằng sự thuyết phục, thắng được chướng ngại thật sự, duy nhất quan trọng, duy nhất khó vượt qua trên con đường của ngài.

-Thưa ông, tất cả những điều đó đều đã là sự thật; số phận của tôi, tương lai của tôi tối tăm hay rực rỡ, đều tuỳ thuộc vào con người đó. Nhưng ông muốn đưa câu chuyện đến đâu?

Đến một điều duy nhất: nếu Đại tướng Monck là trở ngại lớn lao cho Hoàng thượng như thế thì phương cách hay nhất là trừ khử ông ta hoặc biến ông ta thành một đồng minh.

-Thưa ông, một ông vua không quân đội cũng không tiền bạc, như ông đã biết cuộc nói chuyện với người anh em của tôi, thì không thể làm được gì một người như Monck hết.

-Thưa Hoàng thượng, đúng đó là ý kiến của Hoàng thượng nhưng thật may mắn cho Hoàng thượng, nó không phải là ý kiến của tôi.

-Sao? Ông nói sao?

-Tôi nói rằng, không cần quân đội và bạc triệu, tôi, chính tôi đã làm được điều mà Hoàng thượng tưởng chỉ có thể làm với quân đội và bạc triệu trong tay.

-Sao? Ông nói gì? Ông đã làm gì thế?

-Tôi đã làm gì à? Thế này, thưa Hoàng thượng tôi đã qua bên kia bắt con người ấy gây khó chịu cho Hoàng thượng đó.

-Ông đã sang Anh bắt Monck?

-Tôi có làm điều gì sai quấy không?

-Ông đã bắt được Monck?

-Thưa Hoàng thượng vâng.

-Ở đâu vậy?

Ngay tại trại quân của ông ấy, ở Newcastle, và tôi mang ông ấy đến đây cho Hoàng thượng, – D'Artagnan đáp một cách giản dị.

-Ông mang hắn đến đây xem! – ông hoàng kêu lên hơi bất bình, vì ông tưởng đây là chuyện bịp thôi?

D'Artagnan trả lời giọng vẫn bình thường: -Thưa Hoàng thượng, phải. Tôi sẽ mang đến ngay, ông ấy đang ở ngoài kia trong một cái thùng lớn có khoét lỗ để thở.

-Chúa ơi!

Hoàng thượng cứ yên tâm? Chúng tôi đã săn sóc ông ấy thật chu đáo, Hoàng thượng muốn gặp ông ấy để nói chuyện hay thích ném ông ấy xuống biển?

-Ôl! Chúa ơi! – Charles II lặp lại. – Ôi! Chúa ơi! Thưa ông, ông nói thật đấy chứ? Ông không nói đùa để làm nhục tôi đấy chứ? Ông đã có thể làm được một việc tài tình và táo bạo chưa từng thấy như vậy sao? Không thể được!

D'Artagnan nói: -Hoàng thượng cho phép tôi mở cánh cửa sổ ra nhé?

Nhà vua chưa kịp nói một tiếng, "ừ", thì d'Artagnan đã thổi hồi còi kéo dài lanh lảnh, và liên tiếp ba lần trong đêm tối vắng lặng.

-Xong rồi! – ông nói, người ta sẽ đem ông ấy đến cho Hoàng thượng.

§15. Những cổ phần của tổ hợp Planchet và công ty

Ông hoàng chưa hết ngạc nhiên, đứng nhìn từ gương mặt tươi cười của người lính ngự lâm đến chiếc cửa sổ mở ra trong đêm tối. Trước khi ông định thần được, thì tám người của d'Artagnan – vì có hai người phải ở lại giữ tàu – đã mang vào nhà trao cho Parry cái vật hình thuôn dài chứa đựng cả vận mệnh nước Anh.

Trước khi rời Calais, d'Artagnan đã cho đóng một loại hòm khá rộng và khá sâu đủ cho một người có thể day trở dễ dàng trong đó. Đáy và hai thành được lót nệm kỹ, làm thành một cái giường khá êm để cho người nằm trong đó không bị ảnh hưởng của sóng biển. Cái lỗ nhỏ được bịt bằng một miếng vỉ sắt thưa mà d'Artagnan đã nói với ông hoàng giống như thứ đã che mắt của một chiếc nón sắt, được khoét ngang tầm với gương mặt của người nằm ở bên trong. Nếu người tù thốt lên một tiếng thì chỉ một cái ấn mạnh qua cái lỗ có thể bóp nghẹt tiếng la, và nếu cần, cả người la.

D'Artagnan biết rất rõ các thuộc hạ của ông và ông biết rất rõ người tù nên trong một cuộc hành trình ông chỉ sợ có hai điều: Hoặc viên Đại tướng thích cái chết hơn là bị giam giữ một cách kỳ quặc như vậy nên có thể la hét lên để bị bóp cổ hoặc là những kẻ canh gác có thể bị Monck mua chuộc để thả ông ta ra và bắt d'Artagnan nhốt vào chỗ đó.

Do đó, suốt hai ngày và hai đêm, d'Artagnan đã ở bên cạnh cái hòm, một mình với viên đại tướng, đưa cho ông ta rượu nho và thức ăn – nhưng ông ta từ chối – và lúc nào cũng tìm cách trấn an ông ta về số phận đang chờ đợi ông ta sau chuyện giam cầm lạ lùng này. Hai khẩu súng lục đặt trên bàn và thanh kiếm tuốt trần đủ cho d'Artagnan yên tâm không sợ những người rình rập bên ngoài.

Đến Scheveningen, ông mới hoàn toàn yên tâm. Đám thuộc hạ của ông rất ngại mọi cuộc xung đột với nhà chức trách trên đất liền. Hơn nữa, trong số những người này, ông đã tìm được một gã rất trung thành một phụ tá rất đắc lực mà chúng ta đã nghe gọi tên Menneville. Người này đầu óc không kém cỏi nên phải chịu nhiều rủi ro hơn vì có nhiều lương tâm hơn những người kia. Anh tin rằng phục vụ d'Artagnan sẽ được một tương lai tốt đẹp, và do đó anh ta thà chịu bị chém ra từng mảnh hơn là phản bội kẻ chỉ huy mình. Vì thế, sau khi lên đất liền, d'Artagnan đã giao cho anh ta trông coi cái thùng chứa viên Đại tướng. Và ông cũng dặn anh ta cùng bảy người khác mang cái thùng lên, ngay sau khi nghe ba hồi còi liên tiếp. Và anh ta đã thi hành lệnh này một cách trọn vẹn.

Sau khi cái thùng được đem vào, d'Artagnan mỉm cười nhã nhặn cho đám thuộc hạ lui ra, và bảo họ: -Các bạn đã giúp được một việc rất lớn cho vua Charles II.

Người sẽ lên ngôi vua nước Anh trong sáu tuần lễ nữa. Tiền thưởng của các bạn sẽ được tăng gấp đôi; bây giờ cac bạn hãy trở về tàu chờ tôi.

Thế là tất cả đều lui ra với những tràng la hét vui mừng làm cho cả con chó cũng phải hoảng hốt.

D'Artagnan cho khiêng cái thùng vào tận tiền phòng của Nhà vua. Ông cẩn thận đóng tất cả các cửa phòng rồi mở thùng ra và nói với viên đại tướng: -Thưa Đại tướng, tôi phải xin lỗi Đại tướng đến cả ngàn lần. Tôi mới được biết những cách thức hành động của tôi thật không xứng đáng với một người như ông. Nhưng tôi cần được ông xem là một chủ thuyền và Anh quốc lại là một xứ mà việc chuyên chở khá bất tiện. Cho nên, tôi hy vọng ông nghĩ đến tất cả những điều đó để tha lỗi cho tôi. Nhưng ở nơi đây thì thưa Đại tướng- D'Artagnan nói tiếp, – ông được tự do đứng dậy và đi lại.

Nói xong ông cắt đứt những sợi dây trói hai cánh tay và hai cổ tay của viên đại tướng. Ông này ngồi dậy mang vẻ mặt của một người đang chờ chết.

D'Artagnan bèn mở cánh cửa văn phòng Charles II ra và nói với ông hoàng: -Thưa Hoàng thượng, đây là kẻ thù của Hoàng thượng, ông Monck, tôi đã làm xong việc này để giúp Hoàng thượng, bây giờ xin Hoàng thượng hãy ra lệnh. Ông Monck, – D'Artagnan quay về phía người tù nói tiếp, – ông đang đứng trước vua Charles II, vị chúa tể của nước Anh.

Monck lạnh lùng ngước nhìn ông hoàng trẻ tuổi rồi trả lời cứng cỏi: -Tôi không biết một nhà vua nào của nước Anh hết, tôi cũng không biết một kẻ nào ở đây xứng đáng được gọi là nhà quý tộc, bởi vì nhân danh vua Charles II, một kẻ mà tôi đã lầm tưởng là một người có danh dự đã hèn hạ giăng bẫy bắt tôi. Tôi đã mắc bẫy, tôi đành chịu thôi. Bây giờ, ông, kẻ đã xúi giục.

Ông ta nói với ông hoàng và D'Artagran: -Các ông hãy nhớ những lời tôi sắp nói với các ông: các ông đã bắt được thân xác tôi, các ông có thể giết chết nó, tôi khuyên các ông nên làm điều đó, bởi vì các ông sẽ không bao giờ điều khiển được linh hồn tôi cũng như ý chí của tôi. Và bây giờ, đừng hỏi tôi một lời nào hết, bởi vì kể từ lúc này, tôi sẽ không hề mở miệng ra nữa, dẫu là để la thôi. Tôi nói xong rồi.

Ông ta nói những lời này với vẻ quả quyết mạnh mẽ, không gì lay chuyển nổi của người tín đồ Thanh giáo sùng đạo nhất. D'Artagnan nhìn tù nhân của mình với cặp mắt của một người biết rõ giá trị của mỗi lời nói và biết ấn định giá trị tuỳ theo giọng nói. Ông nói nhỏ với ông hoàng: -Đại tướng thật đúng là một con người cương quyết: đã hai ngày rồi ông ta không chịu ăn một miếng bánh mì nào, cũng chẳng chịu uống một giọt rượu nào, nhưng vì kể từ lúc này chính Hoàng thượng đã quyết định số phận của ông ta, tôi không còn xen gì vào chuyện này nữa, như Pilate[295] nói vậy.

Monck khoanh tay đứng chờ, vẻ mặt tái xanh và chấp nhận, đôi mắt bất động. D'Artagnan quay sang ông ta: -Ông cũng thừa hiểu là lời nói của ông, mặc dầu rất đẹp đấy vẫn không thể có ích lợi gì cho ai, ngay cả cho ông. Khi xưa, Nhà vua muốn nói chuyện với ông, nhưng ông đã từ chối gặp Nhà vua, bây giờ, do một sức mạnh không tuỳ thuộc vào ý muốn của ông, ông bị bắt buộc phải đối diện với Nhà vua, tại sao ông lại khiến chúng tôi phải buộc lòng áp dụng những biện pháp cứng rắn vô lý và không có ích lợi gì? Nói đi, đồ quỷ sứ! Dầu là chỉ để nói một tiếng "không"!

Monck không hé môi. Monck không quay sang chỗ khác.

Monck bận mân mê hàm râu. Tất cả báo hiệu sự việc sắp biến chuyển đến chỗ tồi tệ rồi.

Trong lúc đó, Charles II đang trầm ngâm suy nghĩ. Lần đầu tiên, ông đứng trước mặt người mà ông hằng muốn được gặp, và với cái nhìn tinh tế đặc biệt của Chúa đã dành cho chim ưng và các vì vua, ông đã thấy rõ tâm hồn Monck.

Ông thấy rõ Monck thà chịu chết còn hơn là nói, điều này không có gì lạ đối với một người có giá trị như Monck, huống chi trong lúc này lòng tự ái đang bị tổn thương nặng nề.

Charles II bèn chọn ngay một quyết định, một quyết định thuộc loại có thể làm cho một người thường phải mất mạng, một vị Đại tướng mất hết sự nghiệp, và một nhà vua mất cả vương quốc của mình. Ông nói với Monck: -Thưa ông, ông hoàn toàn có lý ở một vài điểm nào đó. Vì vậy, tôi sẽ không bắt buộc ông phải trả lời, tôi chỉ yêu cầu ông nghe tôi nói thôi.

Ông hoàng im lặng nhìn Monck một lúc trong khi ông này vẫn giữ vẻ thản nhiên. Ông hoàng nói tiếp: -Thưa ông, lúc nãy ông đã trách móc tôi một cách thậm tệ ông nói tôi đã phải một người đến Newcastle để gài bẫy bắt ông. Chính ông d'Artagnan hiện đang có mặt ở đây cũng không hiểu gì hết về điều ông vừa nói, ông d'Artagnan mà trước hết tôi phải chân thành biết ơn vì lòng tận tâm của ông ấy.

D'Artagnan kính cẩn nghiêng mình ra dấu cảm tạ. Nét mặt của Monck vẫn không một chút xao động.

-Tôi nói rõ điều này không phải để bào chữa cho tôi: ông d'Artagnan đã tự ý sang nước Anh, không do lệnh của tôi, không vì một quyền lợi riêng tư nào, cũng chẳng có một chút hy vọng nào, hành động như một người quý tộc thật sự, chỉ để giúp đỡ một ông vua khốn khổ và chỉ để thêm một hành động đẹp đẽ vào vô số những hành động đẹp đẽ khác của ông trước đây trong cuộc đời D'Artagnan hơi đỏ mặt cất tiếng ho để giữ vẻ tự nhiên.

Monck vẫn không hề nhúc nhích. Ông hoàng tiếp lời: -Ông không tin những điều tôi vừa nói phải không, ông Monck? Tôi hiểu: những tấm gương tận tâm như vậy rất hiếm thấy.

D'Artagnan kêu lên: -Thưa Hoàng thượng, ông Monck sẽ lầm lẫn rất lớn nếu không tin Hoàng thượng. Bởi vì những điều Hoàng thượng vừa nói là tất cả sự thật, và sự thật này chính xác đến độ việc tôi đi tìm đưa Đại tướng về đây có vẻ như là một hành động trái ngược với tất cả những điểm vừa nói trên. Nếu đúng như vậy, tôi thật vô cùng hối tiếc.

-Ông d'Artagnan, – ông hoàng kêu lên, vừa nắm lấy tay ông, – Xin hãy tin rằng ông đã giúp tôi một việc lớn như là lấy lại ngôi báu cho tôi vậy, bởi vì ông cho tôi thấy nơi ông một người bạn mà tôi sẽ mãi mãi nhớ ơn và thương mến.

Ông hoàng thân ái siết chặt bàn tay người lính ngự lâm rồi quay sang chào Monck, nói tiếp: -Và một kẻ thù mà giá trị sẽ được tôi luôn luôn kính phục kể từ đây.

Đôi mắt của người tín đồ Thanh giáo sáng lên một chút, rồi gương mặt sau một thoáng tươi lên lại trở về với vẻ lặng lẽ tối, Charles II nói tiếp: -Này ông d'Artagnan, câu chuyện đã xảy ra như sau: ông Bá tước De La Fère, mà tôi chắc là ông có biết, đã đi Newcastle.

-Athos? – D'Artagnan kêu lên.

-Phải, chắc đó là tên ông ấy dùng trong chiến trận. Vậy, Bá tước De La Fère đã đi Newcastle, và có lẽ ông sắp đưa ông lên gặp tôi hay những người thuộc phe tôi để thảo luận, thì ông đã can thiệp vào cuộc điều đình bằng một cách nhìn như không được êm ái lắm.

D'Artagnan đáp: -Chán quá? Có lẽ đúng là Athos vào trong trại, cùng một buổi tối với tôi và các ngư dân của tôi.

Một cái nhíu mày thoáng qua của Monck cho d'Artagnan biết ông đã đoán đúng. Ông lẩm bẩm: -Phải, đúng rồi, lúc ấy hình như tôi có nhận ra hình dáng và tiếng nói của ông ta. Tôi thật đáng bị nguyền rủa? Ôi? Xin Hoàng thượng hãy tha lỗi cho tôi, thế mà tôi tưởng mình đã sắp xếp chương trình hành động một cách thật hoàn hảo rồi.

Ông hoàng nói: -Thưa ông, chẳng có điều gì sai cả, chỉ có trừ có việc Đại tướng tố cáo tôi đã giăng bẫy để bắt ông ấy. Không, Đại tướng, đó không phải là vũ khí mà tôi có ý định sử dụng để chống lại ông, rồi chốc nữa ông sẽ thấy. Trong khi chờ đợi, xin ông hãy tin ở danh dự quý tộc của tôi, tin đi! Bây giờ, xin ông d'Artagnan một câu. Là ông sẵn sàng theo ý tôi phải không?

-Hoàng thượng đã thấy rõ điều đó. Quá rõ!

-Tốt lắm. Một người như ông nói một lời là đủ. Hơn nữa, bên cạnh lời nói còn có những hành động. Đại tướng hãy đi theo tôi, cả ông d'Artagnan nữa.

D'Artagnan tuân lệnh, hơi ngạc nhiên. Charles II bước ra, Monck đi theo, d'Artagnan đi sau Monck. Charles đi theo con đường mà d'Artagnan đã đến.

Chẳng bao lâu gió biển mát lạnh đập vào mặt của ba người đi trong đêm. Charles mở một cánh cửa nhỏ và đi được năm mươi bước, họ lên đến đồi cát, lúc

nước triều đã rút trông như một con quái vật mệt mỏi đang nằm nghỉ. Charles II bước đi, đầu cúi xuống, vẻ suy tư, tay giữ bên trong chiếc áo choàng.

Monck theo sau, tay buông thõng, dáng mắt lo âu. D'Artagnan đi sau rốt bàn tay đặt trên đầu cán gươm.

Charles hỏi người lính ngự lâm: -Chiếc tàu đã đưa các ông đến đây ở đâu?

-Thưa Hoàng thượng, ở đằng kia, tôi có bảy thuỷ thủ và một sĩ quan đang đợi ngoài chiếc xuồng nhỏ chỉ có một ánh đèn duy nhất soi sáng.

-À! Phải rồi, tôi thấy rồi, chiếc xuồng đã được kéo lên bãi cát, nhưng chắc chắn các ông không đi từ Newcastle đến đây bằng chiếc xuồng đó phải không?

-Thưa Hoàng thượng không, tôi thuê một chiếc tàu nhỏ, hiện đang bỏ neo cách bờ một tầm đại bác. Chúng tôi đã làm cuộc hành trình trên chiếc tàu đó.

Ông hoàng nói với Monck: -Thưa ông, ông được tự do.

Monck, dầu có ý chí mạnh mẽ đến mấy, cũng không kềm được một tiếng kêu kinh ngạc. Ông hoàng tiếp tục: -Chúng ta sẽ đánh thức một ngư dân trong làng đem tàu của ông ta chở ông đến nơi nào ông muốn ngay đêm nay. Ông d'Artagnan đây sẽ theo hộ tống ông. Ông Monck, tôi đặt ông d'Artagnan dưới sự bảo vệ của danh dự ông.

Monck buộc miệng thốt ra một tiếng kêu nhỏ ngạc nhiên và d'Artagnan cũng thở dài. Ông hoàng nhìn như không hề chú ý đến điều này, đến gõ cánh cửa gỗ thông của căn nhà gặp đầu tiên trên đồi cát và ông kêu lên: -Keyser! Thức dậy đi!

-À! Thưa ngài, – Keyser đứng dậy và kêu lên, người hãy còn quấn nguyên chiếc buồm trong đó anh đã ngủ như người ta ngủ trong một chiêc võng, – ngài cần việc gì?

Charles II nói: -Chủ tàu Keyser, anh cho ra khơi ngay lập tức. Đây là ông khách mướn tàu của anh và sẽ trả tiền cho anh rất hậu, anh hãy phục vụ ông ta thật đàng hoàng.

Rồi ông hoàng lùi ra sau vài bước để Monck được tự do nói chuyện với người ngư dân.

Monck ráng nói tiếng Hòa Lan để người ngư dân có thể hiểu được ông: -Tôi muốn qua Anh.

-Ngay bây giờ, nếu ông muốn.

Monck hỏi: -Nhưng có lâu lắm không?

-Thưa ngài, không tới nửa giờ đâu. Con trai lớn của tôi hiện đang chuẩn bị tàu vì lẽ chúng tôi phải đi đánh cá vào lúc ba giờ sáng.

Charles II tiến đến gần hỏi: -Thế nào việc xong rồi chớ?

Người ngư dân nói: -Còn vấn đề giá cả?

Charles II nói: -Vấn đề đó để tôi lo, ông đây là bạn của tôi.

Câu nói này khiến Monck giật nẩy mình nhìn Charles II.

-Được rồi, thưa ngài – Keyser đáp.

Đúng lúc đó, người ta nghe tiếng tù và do con trai lớn của Keyser thổi từ ngoài bờ biển.

Ông hoàng nói: -Thôi bây giờ các ông hãy lên đường đi.

D'Artagnan nói: -Xin Hoàng thượng vui lòng cho tôi vài phút. Tôi có thuê một số người đi theo, bây giờ đi một mình, thì tôi cần phải báo cho họ biết.

Charles cười: -Ông hãy huýt sáo kêu họ đến đây.

D'Artagnan huýt sáo thật, trong khi ông chủ Keyser lên tiếng trả lời cho người con trai, và bốn thuỷ thủ chạy lại dưới sự hướng dẫn của Menneville.

D'Artagnan vừa nói, vừa trao cho họ một cái túi đựng hai ngàn trăm trăm đồng louis vàng.

Đây một số tiền lớn đưa trước cho các anh. Hãy đến Calais chờ tôi, ở nơi mà các anh biết rồi đó.

Rồi d'Artagnan thở ra một hơi dài, đặt túi tiền vào tay của Menneville. Các thuỷ thủ kêu lên: -Sao! Ông rời bỏ chúng tôi sao?

D'Artagnan nói: -Chậm hay nhanh làm sao biết được? Nhưng với hai ngàn năm trăm đồng này và hai ngàn năm trăm đồng các anh đã lãnh trước, tiền thế là đủ rồi, theo như chúng ta đã thoả thuận với nhau. Vậy chúng ta từ giã nhau thôi.

-Nhưng còn chiếc tàu?

-Các bạn đừng lo.

-Đồ đạc của chúng tôi đang để ở trên tàu.

-Hãy lên tàu lấy đi, rồi lên đường ngay.

D'Artagnan tiến về phía Monck.

-Thưa ông, tôi đang chờ lệnh của ông, bởi vì chúng ta sẽ đi chung với nhau, trừ phi sự hiện diện của tôi bên cạnh ông không làm ông thích lắm.

Monck nói: -Trái lại, thưa ông.

Charles II chào viên đại tướng một cách rất trịnh trọng đàng hoàng.

-Ông sẽ tha thứ cho tôi về sự bực mình và sự thô bạo mà ông đã phải chịu đựng, một khi ông biết rõ tôi không phải là kẻ đã gây ra chúng.

Monck nghiêng mình chào, không trả lời. Về phần mình, Charles II làm bộ không nói riêng một lời nào với d'Artagnan nhưng lại cao giọng: -Xin cảm ơn hiệp sĩ một lần nữa, cảm ơn những sự giúp đỡ của ông. Chúa đã đền đáp cho ông, và dành riêng cho tôi những thử thách và đau khổ.

Monck đi theo Keyser và con trai ông ta bước lên tàu.

D'Artagnan theo sau họ, nói lẩm bẩm: -Ôi! Ông bạn Planchet đáng thương của tôi, tôi sợ cú áp phe của chúng ta thất bại quá!

Suốt thời gian vượt biển. Monck chỉ nói chuyện với d'Artagnan trong những trường hợp thật cần thiết. Thí dụ, khi d'Artagnan trễ giờ ăn, một bữa ăn nghèo nàn chỉ có cá muối mặn và bánh bích quy, thì Monck gọi ông và nói: "Mời ông dùng bữa!"

Chỉ bấy nhiêu đó thôi. Chính vì ông rất ít nói trong những trường hợp quan trọng. D'Artagnan không rút ra từ sự kiện đó một ước đoán nào về kết quả của sứ mệnh được giao. Thế rồi, vì có quá nhiều thì giờ nhàn rỗi, ông liền loay hoay tìm hiểu xem bằng cách nào Athos đã gặp Charles II, đã bàn định với ông hoàng như thế nào và bằng cách nào đã vào được đại bản doanh của Monck.

Cuối cùng, sau hai đêm và hai ngày vượt biển, chiếc tàu của Keyser chạm đất liền, ở một nơi theo lệnh Monck – kẻ chỉ huy chiếc tàu suốt thời gian vượt biển.

Nơi này ngay một cửa con sông nhỏ, gần nhà Athos đang ở Trời đã gần tối. Chiếc tàu vẫn tiếp tục chạy ngược lên dòng sông. Nhưng Monck vì quá nôn nóng, nên ra lệnh đổ bộ lên bờ, và chiếc xuồng của Keyser đưa ông và d'Artagnan cặp vào bờ sông đầy bùn. d'Artagnan, nhẫn nhịn tuân lệnh, đi theo Monck như một con gấu bị xiềng phải đi theo chủ.

Nhưng cảnh ngộ này không khỏi làm ông cảm thấy nhục nhã, và ông càu nhàu nho nhỏ rằng làm việc cho các vua chúa thật là một điều cay đắng.

Monck đi từng bước dài. Trông ông ta có vẻ như chưa hoàn toàn chắc chán đã đặt chân trở lại nước Anh. Chẳng bao lâu người đã trông thấy rõ ràng những ngôi nhà của thủy thủ và ngư dân rải rác dọc theo khu bến cảng nhỏ bé. Bỗng d'Artagnan kêu lên: -Kìa! Có một ngôi nhà đang cháy!

Monck ngước mắt lên. Quả thật, một ngôi nhà đang bắt đầu làm mồi cho thần lửa. Ngọn lửa đã phát ra từ một nhà kho nhỏ sát bên và đã bắt đầu liếm lên mái nhà kho. Hai người lữ hành vội vã chạy đến, họ nghe những tiếng la hét, và khi đến gần họ trông thấy những binh sĩ đang vung vũ khí của mình lên và chĩa nắm đấm về phía ngôi nhà đang cháy. Monck đứng sựng lại trong một lúc, và lần đầu tiên nói lên ý nghĩ của mình: -Này! Có lẽ họ không còn phải là binh sĩ của tôi nữa, mà là của Lambert đấy!

Những lời này vừa bao hàm một sự đau khổ, một nỗi lo sợ và một sự trách móc mà d'Artagnan rất thông cảm. Thật vậy, trong lúc Đại tướng vắng mặt. Lambert có thể đã động binh, đã đánh tan tành đạo quân ủng hộ Nghị viện và đã chiếm đóng căn cứ của Monck. Trước ý tưởng này được truyền từ đầu óc của Monck sang đầu óc của mình. D'Artagnan suy luận như sau: "Một trong hai trường hợp sau đây có thể xảy ra: hoặc là Monck nói đúng thì trong vùng bây giờ chỉ còn có những người thuộc phe của Lambert và những kẻ này sẽ tiếp đón tôi một cách nồng hậu bởi vì nhờ tôi mà họ đã chiến thắng, hoặc là tình thế vẫn như cũ, không có gì thay đổi cả và Monck vui mừng thấy trại quân của mình vẫn còn nguyên vẹn, sẽ không tỏ quá cứng rắn trong việc trả thù.

Trong khi suy nghĩ như vậy, hai người lữ hành vẫn tiếp lục đi tới, và tiến đến giữa một toán thuỷ thủ đang đau đớn nhìn ngôi nhà bị cháy nhưng không dám thốt lên một lời nào vì họ sợ những lời đe doạ của đám binh sĩ. Monck hỏi một ngư dân: -Chuyện gì xảy ra thế?

Người này trả lời, mà không nhận ra Monck là một sĩ quan vì chiếc áo khoác ngoài bao phủ cả người ông ta.

-Thưa ông, trong nhà này có một người lạ ở và các binh sĩ thấy người lạ này có vẻ khả nghi. Họ muốn xông vào nhà để bắt ông ta về trại, nhưng ông ta chẳng hề nao núng trước số đông và đe doạ sẽ bắn chết kẻ nào dám vượt qua bậc thềm, một binh sĩ toan xông vào liền bị người Pháp đó hạ ngay bằng một phát súng lục.

D'Artagnan nói, hai bàn tay xoa vào nhau: -À! Đó là một người Pháp? Được lắm.

Người ngư dân hỏi: -Sao, được là sao?

-Không, ý tôi muốn nói. Nhưng sau đó thế nào?

-Thưa ông, sau đó các binh sĩ khác đã nổi điên lên như cọp dữ, họ bắn hơn một trăm phát súng "mút! vào nhà. Nhưng người Pháp đó núp đằng sau bức tường, và mỗi lần một sĩ quan muốn xông vào cửa lớn, anh ta liền lãnh ngay một phát đạn rất chính xác, do người đầy tớ của người Pháp bắn. Mỗi lần binh sĩ muốn áp sát cửa sổ, họ được khẩu súng lục của người chủ tiếp đón. Các ông đến đi, có bảy người bị hạ nằm dưới đất kia!

D'Artagnan kêu lên: -A! Người đồng bào dũng cảm của tôi. Hãy chờ một chút, tôi sẽ đến với bạn, và chúng ta sẽ cho bọn khốn này một bài học?

Monck nói: -Khoan đã thưa ông, hãy chờ tôi một chút.

Đoạn ông day qua người ngư dân hỏi với một sự xúc động mà tất cả nghị lực của ông cũng không thể nào đè nén được: -Ông bạn của tôi ơi, xin ông bạn cho biết những binh sĩ này là của ai?

-Ông muốn họ là của ai nữa nếu không phải là của tên tướng Monck nổi dại lên?

-Vậy là không có trận đánh nhau nào xảy ra cả à?

-Có cần gì đâu? Đạo quân của Lambert tan rã như tuyết tháng tư. Ai cũng đều về với Monck. Trong tám ngày nữa Lambert sẽ không còn đến năm mươi người lính.

Người ngư dân ngưng lại vì một loạt súng khác nã vào nhà và một phát súng lục đáp lại làm một kẻ tấn công liều lĩnh nhất bị hạ. Sự tức giận của toán binh sĩ lên đến tột độ.

Trong khi đó, ngọn lửa vẫn hoành hành, một cụm lửa và khói xoáy tròn trên nóc nhà, d'Artagnan không thể giữ kiên nhẫn được lâu, ông liếc xéo Monck và nói: -Chán quá! Ông là tướng, ông để mặc binh sĩ của ông đốt nhà và sát hại thường dân, và ông vừa nhìn cảnh đó một cách bình thản, vừa sưởi ấm hai bàn tay của ông như thế à?

Monck mỉm cười: -Ông hãy kiên nhẫn, hãy kiên nhẫn!

-Kiên nhẫn? Kiên nhẫn. Cho đến khi nào người quý tộc dũng cảm đó bị "rô-ti" phải không?

Và d'Artagnan lao mình đi.

-Đứng lại! – Monck nói bằng một giọng ra lệnh.

Và ông ta tiến về phía ngôi nhà. Cùng lúc ấy, một sĩ quan cũng đến gần, và nói với kẻ bị vây: -Nhà cháy rồi, trong một tiếng đồng hồ nữa nhà ngươi sẽ bị nướng! Bây giờ hãy còn kịp; nào, hãy nói những gì nhà ngươi biết về Đại tướng Monck, và chúng tao sẽ tha cho mày sống. Trả lời đi nếu không thì.

Kẻ bị vây không trả lời, có lẽ anh ta đang lắp thêm đạn vào khẩu súng lục. Viên sĩ quan nói tiếp: -Bọn tao đang gọi thêm quân tiếp viện, trong một khắc nữa sẽ có một trăm quân chung quanh ngôi nhà này.

-Câu trả lời của tôi là – người Pháp nói, – tôi muốn tất cả các binh sĩ phải rút ra khỏi nơi đây, tôi muốn được tự do đi ra, và một mình đi đến đại bản doanh, nếu không tôi sẽ chiến đấu cho đến chết!

D'Artagnan kêu lên: -Trời ơi! Tiếng của Athos! Đồ quân khốn kiếp! – Và thanh kiếm của d'Artagnan vung lên sáng lóe ngoài vỏ.

Monck ngăn ông lại và chính ông ta cũng dừng lại, đoạn nói bằng một giọng rất vang: -Này! Các người đang làm gì ở đấy? Digby sao lại đốt? Sao lại la hét thế này?

-Đại tướng! – Digby kêu lên. Và buông gươm xuống.

-Đại tướng! – Các binh sĩ lặp lại.

Monck nói: -Sao! Có điều gì đáng ngạc nhiên đâu?

Rồi khi im lặng đã trở lại, ông hỏi tiếp: -Nào, ai đốt nhà?

Các binh sĩ đều cúi đầu. Monck nói: -Kìa? Tôi hỏi sao các anh không trả lời? Ngọn lửa vẫn bốc cháy kìa?

Lập tức, hai mươi binh sĩ xông vào dập tắc ngọn lửa, cũng hăng hái như lúc họ đã đốt nó lên. Nhưng trước đó, và trước hết, d'Artagnan đã dựng một cái thang vào tường nhà và kêu lớn: -Athos! Tôi đây, d'Artagnan đây! Đừng bắn, bạn thân mến!

Vài phút sau, ông ôm siết bị Bá tước trong tay. Trong lúc đó, Grimaud vẫn bình tĩnh như thường, đi phá bỏ những chướng ngại vật đặt ở nhà dưới, và sau khi đã mở cánh cửa lớn ra, đứng khoanh tay bình thản ngay thềm cửa. Chỉ khi nghe tiếng nói của d'Artagnan, ông ta mới thốt lên một tiếng kêu ngạc nhiên. Sau khi ngọn lửa được dập tắt, các binh sĩ, dẫn đầu là Digby, đến trình diện: -Thưa Đại tướng, xin Đại tướng tha lỗi cho chúng tôi. Chúng tôi làm việc này chỉ vì lòng yêu thương đối với Đại tướng vì cứ ngỡ là ngài đã mất tích rồi.

-Các anh điên rồi. Mất tích à? Một con người như ta có thể mất tích được sao? Nếu ta thích, ta không thể vắng mặt được vài ngày mà không cần phải báo trước sao? Hay là các anh xem ta như một tay trưởng giả ở kinh đô. Một nhà quý tộc, bạn ta, khách của ta, sao lại phải bị truy nã, vây hãm và bị đe doạ giết chết vì bị nghi ngờ? Các anh có hiểu nghĩa của chữ nghi ngờ đó như thế nào không?

Chúa hãy trừng phạt ta nếu ta không cho xử bắn hết tất cả những kẻ mà nhà quý tộc dũng cảm đó còn để cho sống sót ở nơi đây!

Digby nói với một vẻ thảm não: -Thưa Đại tướng chúng tôi có tất cả hai mươi tám người, và tám người đã bị hạ.

Monck nói: -Ta cho phép Bá tước De La Fère cho hai mươi người còn lại đó theo tám người kia luôn.

Và ông đưa tay ra bắt tay Athos: -Tất cả về trại đi. Digby, ông sẽ bị phạt giam trong một tháng. Đó là cách dạy cho ông biết từ rày về sau chỉ hành động theo lệnh của ta mà thôi.

-Thưa Đại tướng, tôi làm theo lệnh của ông phó.

-Ông phó không được phép ra cho ông những lệnh như thế, và chính ông ấy sẽ bị phạt giam thay cho ông nếu quả thật là đã ra lệnh cho ông đốt cháy nhà quý tộc này.

-Thưa Đại tướng, ông ấy không phải đã ra lệnh như vậy, ông ấy ra lệnh bắt vị quý tộc này đem về trại; nhưng Bá tước lại không chịu đi theo chúng tôi.

Athos nhìn Monck đầy ý nghĩa: -Tôi đã không chấp nhận để người ta vào cướp phá nhà, và ông đã hành động.

-Về trại đi, ta đã bảo mà!

Các binh sĩ bước đi, đầu cúi gằm. Monck nói với Athos: -Bây giờ chỉ còn có chúng ta, xin ông vui lòng cho biết vì sao ông vẫn cứ ở đây, trong khi có một chiếc tàu.

Athos đáp:.

-Tôi đang chờ Đại tướng. Đại tướng đã chẳng hẹn sẽ gặp lại tôi trong tám ngày sao?

Nhìn ánh mắt đầy ý nghĩa của d'Artagnan, Monck hiểu rằng hai con người dũng cảm và trung thực này không hề toa rập với nhau để bắt cóc ông. Điều này, ông đã biết rồi.

Monck nói với d'Artagnan: -Thưa ông, ông hoàn toàn có lý. Xin ông vui lòng để tôi nói chuyện với Bá tước De La Fère một chút.

D'Artagnan bèn đến chào hỏi Grimaud. Monck yêu cầu Athos dẫn lên phòng. Trong phòng hãy còn đầy khói và những tàn cháy dở. Còn một bàn viết và bình mực. Monck cầm bút lên chỉ viết một hàng chữ đóng dấu lá thư với con dấu được khắc trên chiếc nhẫn của ông, rồi trao cho Athos và nói: -Xin ông vui lòng mang lá thư này về trao cho vua Charles Đệ nhị, và xin ông hãy đi ngay bây giờ nếu không còn việc gì giữ ông lại đây nữa.

Athos hỏi: -Còn mấy cái thùng?

-Những ngư dân đã đưa tôi về đây sẽ giúp ông khiêng chúng lên tàu. Ông hãy đi đi trong vòng một giờ nữa thôi nếu có thể được.

Athos nói: -Thưa Đại tướng, vâng.

Monck thò đầu ra cả sổ gọi: -Ông d'Artagnan!

D'Artagnan vội vã chạy lên: -Ông hãy hôn và nói lời từ giã bạn ông, bởi vì ông ấy sắp trở về Hòa Lan đấy.

D'Artagnan kêu lên: -Về Hòa Lan! Còn tôi?

Monck nói: -Ông muốn theo ông ấy thì đi, nhưng tôi xin ông vui lòng ở lại đây với tôi, ông có từ chối lời cầu xin của tôi không?

D'Artagnan hôn Athos và chỉ kịp nói lời từ giã bạn. Monck đứng nhìn hai người. Đoạn, ông đích thân trông coi việc chuẩn bị cho cuộc khởi hành, việc khiêng những chiếc thùng lên tàu và giúp Athos bước lên tàu. Xong nắm lấy cánh tay của d'Artagnan đầy ngạc nhiên và xúc động, ông cùng đi về hướng Newcastle.

Vừa khoác tay Monck bước đi. D'Artagnan vừa tự nhủ: "Ờ, ờ, hình như là những cổ phần của công ty Planchet lên giá rồi".

§16. Monck lộ rõ ý định

D'Artagnan mặc dầu tự hào đã đặt được thành công tốt đẹp, vẫn không hiểu rõ được tình thế lắm. Chuyến đi của Athos sang nước Anh, sự liên kết giữa ông hoàng Anh với Athos và cả sự trùng hợp kỳ dị giữa ý định của ông với ý định của Athos là một vấn đề quan trọng khiến ông luôn thắc mắc, suy nghĩ. Cách hay nhất là cứ để sự việc diễn biến xem sao. Ông đã phạm phải một điều thất thố, và mặc dầu đã thành công, sự thành công này vẫn không đem đến cho ông một điều lợi nào.

D'Artagnan theo Monck đi vào trại. Sự trở về của Đại tướng đã có tác động đối với các thuộc cấp, vì họ cứ tưởng ông đã tiêu rồi. Nhưng Monck, vẫn giữ gương mặt nghiêm nghị và thái độ lạnh lùng, có vẻ như đang hỏi các sĩ quan và binh sĩ của ông vì sao họ vui mừng như thế. Do đó khi viên phụ tá đến trước mặt ông bầy tỏ sự lo ngại của ông ta trong lúc ông vắng mặt, ông nói: -Tại sao thế? Tôi có bị bắt buộc phải báo cáo cho các ông biết về những hành động của tôi đâu?

-Nhưng, thưa Đại tướng, con chiên mà không có người chăm thì phải run sợ.

Monck trả lời với giọng bình tĩnh và đầy quyền uy: -Run sợ à? Ông nói gì vậy! Nếu những con chiên của tôi không có răng và móng vuốt, thì tôi không chịu chăn giữ chúng đâu à! Vậy là ông đã run sợ!

-Thưa Đại tướng, vì ngài đấy.

-Đừng xen vào chuyện không dính dáng gì đến ông, và nếu Chúa đã không cho tôi một bộ óc như của Olivier Cromwell thì Chúa cũng đã cho tôi, dù nhỏ đến đâu đi nữa, tôi cũng bằng lòng với nó.

Viên sĩ quan không trả lời, và vì Monck đã làm cho các thuộc cấp mình phải giữ im lặng như thế, nên tất cả đều tin rằng ông vắng mặt là để thực hiện một công tác quan trọng, hay để thử thách họ thôi.

Trong khi đó, người lính ngự lâm của chúng ta vẫn không ngừng lặp đi lặp lại: -Lạy Chúa! Ước mong lòng tự ái của ông Monck không lớn bằng của tôi, bởi vì tôi khẳng định, nếu một kẻ nào bắt tôi nhốt trong một cái thùng với một miếng lưới sắt bịt trên miệng và chở tôi qua biển cả như trở một con bê, thì tôi sẽ giữ mãi một kỷ niệm xấu xa về vẻ thảm hại của tôi trong cái thùng, tôi sẽ giữ mãi mối thù hận ghê gớm đối với kẻ đã bắt nhốt tôi. Tôi sợ mấy tên lính ranh đó châm chích rồi bắt chước để nhạo báng dáng tôi nằm trong cái thùng khiến cho tôi chán quá, phải lấy dao thay cho tấm lưới để đâm sâu vào cổ họng hắn, và tôi sẽ đóng đinh hắn trong một cái hòm thật sự để hắn nhớ mãi cái hòm giá tôi nằm đóng mốc trong suốt hai ngày.

D'Artagnan rất thành thật khi nói những lời đó, bởi vì anh chàng Gascon của chúng ta có một tâm hồn rất dễ xúc động.

May mắn thay, Monck có những ý nghĩ khác hẳn. Ông ta không hề nói về những chuyện đã qua với kẻ chiến thắng nhút nhát của ông, nhưng ông cho phép d'Artagnan quan sát thật kỹ những công trình của ông trong trại, dẫn d'Artagnan đi xem xét chỗ này chỗ kia, có lẽ để lấy lại sự kính phục của d'Artagnan, điều mà chắc chắn ông mong muốn nhất. D'Artagnan đã tỏ ra là một kẻ rất khéo nịnh. Ông ngưỡng mộ tất cả chiến pháp của tướng Monck và cách bố trí trong trại quân này. Ông khôi hài một cách rất thú vị về việc Lambert đã nhọc công rào kín một trại quân cho hai mươi ngàn người, trong khi chỉ một sào đất thôi cũng đủ cho viên hạ sĩ và năm mươi quân cận vệ có lẽ hãy còn trung thành với ông ta.

Tướng Monck, ngay khi trở về, đã nhận lời mời hội kiến của Lambert ngày hôm trước, lời mời mà các sĩ quan của Monck đã chối từ, lấy cớ Đại tướng đang bệnh. Cuộc hội kiến này không lâu và cũng không có gì đáng chú ý. Lambert yêu cầu địch thủ xác định một lập trường. Monck trả lời ông không có lập trường nào khác hơn lập trường của đa số. Lambert hỏi có nên chấm dứt cuộc xung đột giữa hai bên bằng một sự liên minh hơn là bằng một trận đánh không. Về vấn đề này, Monck yêu cầu một thời gian tám ngày để suy nghĩ. Thế mà trước kia Lambert đã bảo ông ta sẽ nuốt chửng đạo quân của Monck? Do đó cuộc hội kiến mà những kẻ theo phe Lambert đã nóng lòng trông đợi, đã chẳng quyết định được gì hết, chằng hoà cũng chẳng chiến. Và thế là sau đó như d'Artagnan đã tiên đoán, đạo quân phản loạn của Lambert bắt đầu thích chính nghĩa hơn, và thích Nghị viện dầu là Nghị viện xương cụt hơn là những lời huênh hoang trống rỗng của tướng Lambert.

Hơn nữa, binh sĩ của Lambert nhớ đến những bưa ăn ngon lành có bia và rượu tràn trề mà đám trưởng giả khu Trung tâm đã thết đãi họ, và họ kinh hoàng nghĩ đến, nếu có chiến tranh xảy ra, phải ăn bánh mì đen, dùng nước đục ngầu của sông Tweed, uống thì mặn mà nấu thì quá ít, và họ bảo nhau: "Chúng ta qua phe của tướng Monck không hay hơn sao? Người dân London chẳng dành những miếng rô-ti cho đạo quân của Monck hay sao?"

Từ đó, người ta chỉ nghe nói đến nhửng cuộc đào ngũ trong đạo quân của tướng Lambert. Các binh sĩ tuân theo sức mạnh của những nguyên tắc, cũng giống như kỷ luật, là sợi dây kết hợp chặt chẽ một khối người được thành lập nhằm một mục đích nào đó. Monck bảo vệ Nghị viện, Lambert chống lại.

Monck chẳng ưa ủng hộ Nghị viện hơn Lambert đâu, nhưng vì ông ta đã ghi rõ trên lá cờ của ông, nên những kẻ của phe chống đành chỉ còn có nước viết chữ "phản loạn" trên lá cờ của mình thôi, và điều này khiến dân Thanh giáo nghe chối tai quá.

Vì vậy người ta bỏ Lambert để theo Monck, cũng như những người đánh cá xưa đã bỏ tà thần Baal đến với Chúa vậy.

Monck thử làm một bài tính: cứ một ngàn lính đào ngũ mỗi ngày thì chỉ trong hai mươi ngày, Lambert sẽ không còn một người nào. Nhưng cũng giống như vật rơi càng ngày càng nhanh, cho ngày đầu là một trăm người đi, ngày sau sẽ năm trăm, ngày thứ ba một ngàn. Monck nghĩ là đến mức trung bình rồi. Nhưng từ một ngàn mỗi ngày, số đào ngũ tăng lên hai ngàn, năm ngàn rồi tám ngàn, Lambert thấy mình không còn khả năng chấp nhận một trận đánh, bèn khôn ngoan quyết định bỏ trốn về London giữa đêm tối, bỏ ý định phòng chống Monck bằng sức mạnh của đám tàn quân tập họp lại lần nữa.

Monck không gặp sự cản trở, không có gì phải lo ngại, liền tiến vào London, với tính cách của một kẻ chiến thắng, với một đạo quân nỗi lúc một lớn mạnh lấy từ đám lính lang thang trên đường đi.

Nghị viện cưng quý ông vì tưởng đã trông thấy nơi ông một kẻ bảo vệ trung thành, và dân chúng trông đợi ông vì họ muốn thấy rõ ý định của ông để phán xét. Nhưng Monck biết mình không thể vào London với một ý định thầm kín có sẵn trong đầu mà không gây ra một cuộc nội chiến. Ông định để từ từ rồi tính.

Thế rồi, giữa lúc không ai ngờ, Monck đánh đuổi phe quân nhân ra khỏi London, thừa lệnh của Nghị viện để chiếm đóng khu Trung tâm thành phố giữa đám người trưởng giả. Rồi khi đám trưởng giả kêu gào chống Monck, khi binh lính cũng kêu gào chống chủ tướng, thì Monck thấy mình nắm chắc đa số liền nhường chỗ cho một chính phủ đứng đắn. Monck đưa ra lời yêu cầu này với sự ủng hộ của năm mươi ngàn lưỡi gươm, cộng thêm, ngay chiều hôm đó, với những tiếng hoan hô vui mừng của năm trăm ngàn người dân London. Cuối cùng, giữa lúc dân chúng, sau những bữa tiệc linh đình ăn mừng chiến thắng ngay ngoài đường, đang tìm kiếm xem ai là người chủ mới của họ, thì người ta được tin một chiếc tàu vừa rời khỏi La Haye chở theo vua Charles II và tài sản của ông.

Monck nói với các sĩ quan của ông: -Quý vị, tôi đi tiếp đón vì vua hợp pháp của chúng ta. Ai thương tôi thì hãy theo tôi!

Một tràng tiếng hoan hô vang rền đón nhận khiến d'Artagnan thấy lòng rung động thích thú. Ông nói với Monck: -Chán quá! Ngài thật là bạo.

Monck nói: -Ông có cùng đi với tôi không?

-Dĩ nhiên, thưa Đại tướng! Nhưng, xin ngài hãy cho tôi biết ngài đã viết những gì với Athos, nghĩa là với Bá tước De La Fère. Ngài biết trước ngày chúng ta trở về đây?

Monck trả lời: -Tôi không có điều gì giấu ông, tôi đã viết những chữ này:

"Thưa Hoàng thượng, tôi chờ Hoàng thượng trong sáu tuần lễ nữa ở Douvres".

D'Artagnan kêu lên: -À! Tôi không nói là táo bạo nữa; tôi nói ngài đã sắp xếp thật tài tình. Đây là một cú tuyệt đẹp.

Monck đáp: -Ông biết rành về những việc này!

Và đây là lời nhắc bóng gió duy nhất của Đại tướng về chuyến đi của ông sang Hòa Lan.

§17. Athos và d'Artagnan gặp lại nhau ở khách sạn Sừng Bò

Vua nước Anh tiến vào Douvres, rồi vào London trong sự tiếp đón trọng thể và linh đình; ông đã báo cho các anh em, đem theo mẹ và em gái ông về. Đã từ quá lâu rồi, nước Anh sống trong tình trạng hỗn loạn, dưới một chế độ áp bức, bất lực và vô lý. Do đó, sự trở về của vua Charles II, một ông vua mà người Anh chỉ được biết như là con trai của kẻ họ đã chém đầu, đã được xem như một ngày lễ vui mừng cho cả ba vương quốc. Vì thế tất cả những lời chúc tụng, tất cả những lời hoan hô chào đón sự trở về của vì vua trẻ tuổi đã làm ông xúc động đến độ ông nghiêng đầu nói nhỏ vào tai của Jack d'Yok em trai của ông.

-Sự thật, Jack, anh nghĩ hình như đó là lỗi của chúng ta nếu chúng ta đã rời bỏ quá lâu một xứ mà dân chúng yêu mến chúng ta quá như vậy?

Đám rước Nhà vua thật lộng lẫy. Thời tiết tuyệt đẹp càng làm tăng thêm tính trang trọng của buổi lễ tiếp đón. Vua Charles II đã lấy lại tất cả sự trẻ trung, sự vui vẻ của mình: trông Nhà vua như biến đổi hẳn: mọi tấm lòng đều tươi cười đón ông, cũng như ánh sáng mặt trời.

Giữa đám đông ồn ào gồm những cận thần và những kẻ hâm mộ hình như đã quên rằng trước đây chính họ đã đưa cha của Nhà vua lên đoạn đầu đài ở White Hall, một người đàn ông trong bộ quân phục phó quan ngự lâm quân với nụ cười trên đôi môi mỏng và thanh lịch, đưa mãt nhìn đám dân chúng đang hét to những lời chúc lụng, rồi nhìn Nhà vua đang đóng vai kịch cảm động và chào những người đàn bà ném những bó hoa dưới chân ngựa của ông. Người đàn ông đó nói:
-Làm vua là một nghề thật đẹp!

Mải mê theo đuổi những ý nghĩ của mình; ông ta dừng lại giữa đường để cho đám rước đi qua. Thật vậy, đây là một ông hoàng mang trên người đầy vàng kim cương như một Salomon[296] đầy những bông hoa, như một cánh đồng cỏ về mùa xuân. Những thần dân rất trung thành của ông ngày hôm nay- ngày xưa rất chống lại ông – đã góp lại tặng ông một hay hai chiếc xe chất đầy những thoi vàng. Họ ném cho ông những bó hoa nhiều vô số có thể phủ lấp cả người ông. Và cách đây hai tháng, nếu họ gặp ông, chắc chắn ông đã lãnh của họ những viên đạn cũng nhiều như những bó hoa họ tặng ông ngày hôm nay!

Đám rước vẫn diễu qua, và khi Nhà vua đã đi xa, những tiếng hoan hô cũng bắt đầu xa dần về hướng hoàng cung, mặc dầu vậy, vị sĩ quan của chúng ta cũng vẫn bị xô lấn dữ dội.

-Chán quá! – ông ta vẫn tiếp tục lý luận, – biết bao nhiêu kẻ đã giẫm chân lên tôi và nhìn tôi như thể không có gì hết, vì lẽ họ là người Anh còn tôi là người Pháp. Nếu người ta hỏi họ: "ông d'Artagnan là ai?", họ sẽ trả lời: "Nescio vos". Nhưng nếu người ta bảo họ: "Kìa Nhà vua đi qua, kìa tướng Monck đi qua", họ

sẽ hét lên: "Đức vua vạn tuế! Tướng Monck vạn tuế!" cho tới khi nào phổi của họ đòi đình công mới thôi.

Ông đưa cặp mắt tinh anh và đôi khi kiêu hãnh của mình nhìn làn sóng người trôi qua, và nói tiếp: -Tuy nhiên, các bạn hãy suy nghĩ một chút về những gì vua Charles của các bạn đã làm, những gì ông Monck đã làm rồi các bạn hãy nghĩ đến những gì mà kẻ lạ mặt đáng thương tên là d'Artagnan này đã làm. Sự thật là các bạn không biết, bởi vì ông ta chỉ là một kẻ lạ mặt – có điều này ngăn cản các bạn suy nghĩ. Nhưng có cần gì? Điều này không ngăn cản được Charles II là một ông vua đại tài, mặc dầu ông đã bị lưu đày mười hai năm và cũng không ngăn cản được ông Monck là một tướng tài, mặc dầu ông ấy đã được đi qua nước Pháp trong một cái thùng.

Vậy thì. "Hoan hô vua Charles II! Hoan hô tướng Monck!"

Tiếng hoan hô của ông hoà lẫn với tiếng hoan hô của hàng ngàn công chúng, và để cho mọi người thấy rõ hơn ông là kẻ trung thành với nhà vua. D'Artagnan lột chiếc nón của mình và quơ lên không.

Một kẻ nào đó bỗng nắm tay ông lại giữa cơn say mê bảo hoàng tràn trề. D'Artagnan kêu lên: -Athos! Bạn ở đây sao?

Và hai người bạn ôm nhau. Người lính ngự lâm tiếp: -Bạn ở đây sao! Sao! Người anh hùng của buổi lễ, mà bạn lại không cưỡi ngựa đi bên trái của Nhà vua, như ông Monck cưỡi ngựa đi bên phải! Sự thật, tôi chẳng hiểu gì cả về tính tình của bạn cũng như của ông hoàng đã chịu ơn bạn rất nhiều.

Athos nói: -Vẫn luôn luôn cười nhạo, bạn d'Artagnan thân mến. Bao giờ bạn mới chừa bỏ được cái tật xấu đó.

-Nhưng sao bạn không tham dự vào đoàn tuỳ tùng của Nhà vua?

-Tôi không tham dự vào đoàn tuỳ tùng, bởi vì tôi không muốn.

-Và tại sao bạn không muốn?

-Bởi vì tôi không phải là phái viên, cũng chẳng phải là sứ thần hay người đại diện cho vua nước Pháp, và tôi không thể xuất hiện như vậy bên cạnh một ông vua không phải là vua của tôi.

-Chán quá! bạn đã chẳng xuất hiện bên cạnh vua cha Nhà vua bây giờ sao?

-Đó là việc khác, bạn à: ông vua ấy sắp bị đưa lên đoạn đầu đài.

-Và tuy vậy bạn cũng đã làm cho vua Charles này.

-Tôi đã làm những điều đó bởi vì tôi phải làm. Nhưng, như bạn biết, tôi không thích mọi sự có tính cách trình diễn. Chỉ xin vua Charles II, bây giờ không còn cần đến tôi nữa, hãy để yên cho tôi nghỉ ngơi trong bóng tối, đó là tất cả những gì tôi đòi hỏi ở ông ấy.

D'Artagnan thở dài.

Athos hỏi: -Bạn sao thế? Việc nhà vua sung sướng khi trở về London có vẻ như làm bạn buồn, thế nhưng bạn là người đã giúp Nhà vua ít ra cũng như tôi.

D'Artagnan cười theo kiểu dân Gascon: -Phải chăng tôi cũng giúp cho Nhà vua rất nhiều mà người ta không hay?

Athos kêu lên: -Ồ! Bạn đã giúp Nhà vua rất nhiều và Nhà vua rất biết rõ điều đó, bạn ạ.

Người lính ngự lâm chua chát hỏi: -Ông ấy biết ư? Sự thật, tôi không nghĩ tới điều đó, và trong lúc này tôi lại muốn cố quên nó đi.

-Nhưng Nhà vua, bạn ơi, sẽ chẳng quên đâu, tôi bảo đảm với bạn.

-Bạn nói như vậy để an ủi tôi một chút thôi. Athos.

-An ủi bạn về cái gì?

-Chán quá! Về tất cả những số tiền mà tôi đã tiêu xài. Tôi đã ném hết tất cả tài sản của tôi vào công cuộc phục hồi ngai vàng cho ông hoàng trẻ tuổi vừa mới oai vệ cưỡi ngựa đi qua đấy.

-Nhà vua không biết rằng bạn đã bị khánh kiệt, nhưng ông biết rằng ông đã mang ơn bạn rất nhiều.

-Điều này có đem đến được điều gì khá hơn cho tôi không. Athos? Bạn hãy nói đi! Bởi vì cuối cùng tôi phải công nhận bạn đã làm việc một cách không vị lợi. Nhưng tôi, tuy bề ngoài có vẻ như đã làm hỏng sự sắp xếp của bạn, nhưng thật ra chính nhờ tôi mà sự sắp xếp của bạn, nhưng thật ra chính nhờ tôi mà sự sắp xếp đó mới thành công. Bạn hãy nghe tôi tính đây: Có lẽ bạn đã không thể nào thuyết phục được tướng Monck bằng lý luận và bằng cách đối xử êm dịu, trong khi đó tôi đã đối xử với viên tướng thân mến này một cáh thật thô bạo, và nhờ vậy đã cho ông hoàng của bạn cơ hội để tỏ ra mình là người rộng lượng. Sự rộng lượng này làm cho Monck cảm kích, và Monck đã đền đáp bằng cách ủng hộ vua Charles II trở lại ngai vàng.

Athos trả lời: -Bạn thân mến ơi, tất cả những điều đó đều là sự thật không chối cãi được.

-Nhưng, bạn thân mến, dầu đó là sự thật rành rành đến mấy, tôi cũng vẫn sẽ trở về nước, chỉ mang theo lòng yêu mến của ông Monck – ông này suốt ngày lúc nào cũng gọi là "chưởng quan thân mến", dầu tôi chẳng phải là kẻ thân mến của ông ta và cũng chẳng phải là chưởng quan – và mang theo lòng mến phục của Nhà vua nhưng chắc bây giờ ông ta đã quên mất tên tôi rồi. Tôi cũng vẫn sẽ trở về nước, bị nguyền rủa bởi những binh sĩ mà tôi đã tuyển mộ với lời hứa hẹn sẽ cho họ một số tiền lương thật lớn, và bị nguyền rủa bởi anh chàng Planchet tốt bụng đã cho tôi vay mượn hết một phần gia tài của anh ta.

-Sao vậy? và anh chàng Planchet có dính dấp gì vào những chuyện này?

-À! Có chứ, bạn thân mến: ông vua rất lịch sự, tươi cười và rất được ái mộ này, tướng Monck tưởng chính mình đã gọi ông ta về, bạn tưởng chính bạn đã ủng hộ ông ta, tôi tưởng chính tôi đã đem ông ta về, dân chúng tưởng chính họ đã chiếm lại được cảm tình của ông ta, và chính ông ta tưởng mình đã thương thuyết

để được trở lại ngai vàng. Thế nhưng tất cả những điều đó đều không đúng sự thật: Charles II hoàng đế của nước Anh, Scotland và Ireland, đã được đặt trở lại ngôi vua nhờ một thương gia người Pháp hiện ngụ ở đường Lombards và tên là Planchet.

Athos không thể nhịn cười khi nghe câu nói dí dỏm của bạn mình. Ông thân mật siết tay bạn và nói: -D'Artagnan thân mến, bạn không còn là một triết gia nữa sao? Bạn không còn cảm thấy thoả mãn đã cứu được mạng sống của tôi khi may sao bạn cùng với Monck đến nơi đúng vào lúc những tên chó chết thân Nghị viện toan thiêu sống tôi sao?

D'Artagnan nói: -Nhưng trong chuyện này, chính bạn cũng đáng tội lắm, Bá tước thân mến của tôi ạ.

-Sao? Vì đã cứu được số tiền một triệu đồng của vua Charles II à?

-Một triệu đồng nào?

-À. Phải rồi, bạn đã không bao giờ biết được chuyện này, nhưng xin bạn đừng giận tôi, đó không phải là chuyện riêng của tôi Chữ "Remember" mà vua Charles I đã nói khi bước lên đoạn đầu đài – Và chữ đó có nghĩa là "Xin hãy nhớ". Đúng vậy. Chữ đó có ý nghĩa như sau; "Hãy nhớ rằng có một triệu đồng được chôn dưới hầm của lâu đài Newcastle, và một triệu đồng đó thuộc về con trai của ta".

-À! Phải lắm, tôi hiểu rồi. Nhưng tôi cũng hiểu một điều kinh khủng nữa, ấy là mỗi khi nhà vua Charles II nghĩ đến tôi, ông ta sẽ tự bảo: "Đó là một người đã suýt làm cho ta không lấy lại được ngôi vua! Nhưng may mắn thay, ta đã tỏ ra rộng lượng, cao cả và nhanh trí khôn". Đó là những gì vua Charles II đã nói về tôi và về chính ông ta, vì vua trẻ tuổi mà trong thời gian còn bị lưu đày, một hôm đã đến trước lâu đài Blois với chiếc áo ngoài màu đen sờn rách và chiếc nón cầm trên tay, để yêu cầu tôi vui lòng chấp thuận cho ông ta vào gặp vua nước Pháp.

Athos nói, vừa đặt bàn tay lên vai người ngự lâm pháo thủ: -D'Artagnan! Bạn không công bằng rồi.

-Tôi có quyền đó.

-Không, bởi vì bạn không tính đến tương lai.

D'Artagnan nhìn bạn và phá lên cười. Ông nói: -Bạn Athos thân mến, bạn có những lời thật đẹp, những lời mà tôi chỉ được nghe nơi bạn và nơi Hồng y Mazarin thôi.

Athos muốn mở lời, d'Artagnan cười nói tiếp: -Xin lỗi bạn, xin lỗi bạn nếu tôi chạm tự ái của bạn.

-Tương lai? Ôi! Những chữ thật là đẹp, những chữ mang thật nhiều hứa hẹn khi không có gì để nói khác! Nhưng chán quá.

-Sau khi đã nghe được quá nhiều chữ hứa hẹn, bao giờ tôi mới gặp được một chữ đem đến ngay cho tôi điều ước muốn? Thôi, hãy gác chuyện đó lại. Bây giờ

bạn đang làm gì ở đây. Athos thân mến? Phải chăng bạn làm thủ quỹ cho Nhà vua?

-Sao! Thủ quỹ của Nhà vua?

-Phải, Nhà vua có một triệu đồng thì cần có một thủ quỹ. Vua nước Pháp không có một đồng xu mà cũng có một ông tổng giám tài chánh, ông Fouquet đấy. Nói cho ngay thì bù lại, ông Fouquet có đến hàng triệu đồng, riêng của ông ta.

Đến lượt Athos cười nói: -Ồ! Một triệu đồng của chúng tôi đã tiêu hết từ lâu rồi.

-Tôi hiểu, một triệu đồng đó đã biến thành nhung lụa, châu báu và những chiếc lông đủ loại, đủ màu sắc. Ông hoàng và bà chúa nào cũng đều rất cần có những người thợ may và những người chuyên lo về vải vóc và y phục. Này! Athos bạn có nhớ chúng ta tiêu xài hết bao nhiêu để trang bị cho chúng ta trong chiến dịch La Rochelle không? Chỉ hai hay ba ngàn đồng thôi. Nhưng một chiếc áo chẽn của vua rộng hơn cần phải một triệu đồng tiền vải. Nhưng này Athos, nếu bạn không được làm thủ quỹ của Nhà vua, ít nhất bạn cũng được Nhà vua trọng đãi chứ?

Athos trả lời một cách giản dị: -Tôi cũng không biết nữa. Từ khi đến Douvres tôi không gặp Nhà vua nữa.

-Vậy là ông ta quên bạn rồi, chán quá!

-Nhà vua có rất nhiều công việc phải lo!

D'Artagnan kêu lên với một cái nhăn mặt đầy ý nhị đặc biệt của riêng ông: -Sao? Bạn Athos thân mến, Nhà vua không gặp lại bạn sao? Và bạn không cảm thấy tức giận sao?

-Tôi sao à? D'Artagnan thân mến, phải chăng bạn tưởng tôi đã hành động như vậy là vì Nhà vua? Vậy, d'Artagnan thân mến, xin bạn hãy hiểu rõ điều này: Trước mặt Charles I, tôi đã thề, vào giờ phút chót, sẽ tuyệt đối giữ kín sự bí mật của một kho tàng, phải và sẽ giao lại cho con trai ông ta để giúp đỡ chàng khi cần. Chàng tuổi trẻ đó đã đến tìm tôi, đã kể lại cho tôi nghe nỗi khốn khổ của chàng; và tôi đã làm cho Charles II những gì tôi đã hứa với Charles I, chỉ thế thôi. Như vậy, tôi đâu có cần gì Charles II biết ơn hay không biết ơn tôi!

D'Artagnan thở dài: -Tôi vẫn luôn luôn cho rằng tính không vụ lợi là điều đẹp nhất trên thế gian này.

Athos đáp lại: -Nhưng này, bạn thân mến, chính bạn cũng không phải như tôi sao? Nếu tôi hiểu đúng những lời nói của bạn, tôi đã để lòng mình xúc động trước nỗi khốn khổ của chàng tuổi trẻ đó, hành động này của bạn còn đẹp hơn hành động của tôi nhiều, bởi vì tôi, tôi có một bổn phận phải làm tròn, trong khi bạn tuyệt đối không có bổn phận gì đối với người con của kẻ bị hành hình. Bạn không phải trả cho chàng ta giá của giọt máu quý báu mà ông ấy đã để rơi xuống

trán tôi từ trên đoạn đầu đài. Bạn đã hành động duy nhất theo lệnh của trái tim bạn, trái tim nhân ái và cao quý mà bạn che giấu dưới lớp vỏ ngoài bi quan và dưới những lời giễu cợt chua chát của bạn; bạn đã cống hiến gia tài của một kẻ giúp việc của bạn, và có lẽ luôn cả gia tài của bạn nữa, tôi nghi chắc vậy, và người ta không biết gì đến sự hy sinh của bạn. Nhưng cần gì điều đó. Bạn muốn trả tiền lại cho Planchet phải không? Tôi hiểu điều này lắm, bạn thân mến, bởi vì một người quý tộc không thể mượn tiền kẻ dưới của mình mà không trả lại cho anh ta cả vốn lăn lời. Nếu vậy tôi sẽ bán miếng đất La Fère hay một nông trại nho nhỏ nào đó. Bạn sẽ trả tiền cho Planchet, và bạn hãy tin đi, sẽ vẫn còn đủ thóc lúa trong kho cho hai chúng ta và cho Raoul. Như thế, bạn sẽ không còn gì phải lo lắng nữa, và nếu tôi hiểu rõ bạn, bạn sẽ cảm thấy một sự thoả mãn không phải nhỏ khi bạn tự bảo với mình: "Ta đã đem một ông vua lên ngôi". Tôi nói có đúng không?

-Athos! Athos! – D'Artagnan thì thầm, giọng lâng lâng, – tôi đã nói với bạn một lần, ngày nào bạn thuyết giáo, tôi sẽ là người đầu tiên đi nghe. Bạn tốt hơn tôi nhiều, hay nói đúng hơn, tốt hơn tất cả mọi người, và tôi chỉ nhìn nhận mình có một tính tốt duy nhất, đó là tôi không ganh tị. Ngoại trừ tật xấu này, xin Chúa hãy phạt tôi. Nói như người Anh thường nói, tất cả những tật xấu khác tôi đều có

Athos trả lời: -Tôi chưa được biết một ai đáng giá bằng d'Artagnan. Nhưng này, đến nơi tôi ở rồi. Bạn cũng vào với tôi chứ, bạn thân mến?

-Ồ! Nhưng hình như đây là quán Sừng Bò, phải không? – D'Artagnan hỏi.

-Thú thật với bạn, tôi đã chọn cái quán này một phần vì nó đã thân thuộc với tôi. Tôi thích gặp lại những người quen biết cũ, tôi thích ngồi lại vào cái chỗ mà tôi đã buông mình ngồi trong mệt mỏi và thất vọng, lúc bạn trở về đây vào buổi chiều ngày 31 tháng giêng, sau khi đã tìm ra nơi ở của kẻ đao phủ bịt mặt. Phải, hôm ấy là một ngày thật ghê gớm!

Hai người bạn bước vào gian phòng khi xưa là phòng dành cho khách. Cái quán nói chung, và gian phòng khách nói riêng, đã chịu nhiều thay đổi lớn. Người chủ quán cũ của các chàng lính ngự lâm trở lên khá giàu rồi, ông ta bèn đóng cửa tiệm không làm chủ quán nữa và biến gian phòng mà chúng ta vừa nói thành một cái kho chứa hàng thực phẩm đem từ các xứ thuộc địa về. Phần còn lại của ngôi nhà, ông ta cho các khách ngoại quốc thuê với luôn cả đồ đạc.

Trong lòng vô cùng xúc động. D'Artagnan nhận ra những đồ đạc trong căn phòng ở lầu nhất của bạn bè vẫn y như cũ; những vách gỗ, những tấm thảm và ngay cả tấm bản đồ Porthos đã say mê nghiên cứu trong những lúc nhàn rỗi. Ông kêu lên: -Mười một năm đã trôi qua! Chán quá. Tôi tưởng như cả một thế kỷ đã trôi qua.

Athos nói: -Và đối với tôi chỉ mới có một ngày. Bạn thân mến, bạn có thấy chăng nỗi vui sướng của tôi được có bạn bên cạnh, siết chặt bàn tay bạn, ném

thật xa thanh kiếm và con dao găm của mình và yên tâm cầm trai rượu "kérès" này lên. Ôi! Nỗi vui sướng này sẽ thật trọn vẹn nếu hai người bạn của chúng ta cũng có mặt ở đây, ngồi ở hai góc bàn này, và Roaul, Raoul yêu mến của tôi đang đứng ở thềm cửa nhìn chúng ta với đôi mắt to, thật trong sáng và thật hiền lành!

-Phải, phải, – D'Artagnan cảm động nói, – đúng vậy. Tôi tán thành nhất là phần đầu bạn nghĩ, thật là sung sướng khi nghĩ đến lúc mà chúng ta đã rùng mình lo lắng một cách chính đáng, vì e ngại ông Mordaunt có thể xuất hiện thình lình trước cửa.

Đúng lúc đó, cánh cửa mở ra, và d'Artagnan dầu rất can đảm, cũng không kềm chế được một cử động nhẹ.

Athos nói: -Ông chủ nhà của chúng ta. Chắc ông ấy có thư cho tôi.

-Thưa ngài, phải, quả thật có một lá thư đem đến cho ngài.

Athos vừa lơ đễnh cầm lấy thư, nói: -Cảm ơn ông, này, ông chủ nhà thân mến của tôi, ông không nhận ra ông bạn đây sao?

Ông già ngước lên nhìn d'Artagnan chăm chú.

-Không.

-Đây là một trong những người bạn mà tôi đã nói chuyện với ông, và ông ấy đã ở đây với tôi, cách đây mười một năm.

Ông già đáp: -Ồ! Ở đây thì nhiều khách lắm?

Chúng tôi đã ở đây đúng vào ngày 30 tháng giêng năm 1649, – Athos nói thêm vì nghĩ rằng chi tiết này có thể kích thích trí nhớ lười biếng của ông chủ nhà.

Ông ta chỉ mỉm cười: -Có thể lắm, nhưng chuyện đó đã lâu quá rồi!

Ông ta chào và đi ra. D'Artagnan nói: -Cám ơn bạn, dù bạn có làm lên những kỳ công, thực hiện những cuộc cách mạng, có tìm cách khắc tên bạn trên đá hay trên sắt thép với những thanh gươm cứng cáp mạnh mẽ nhất thì vẫn có một cái gì còn cứng hơn, ngoan cố hơn và dễ quên hơn cả sắt thép và đá, đó là cái sọ già cỗi của một người chủ nhà trọ đã trở nên giàu có. Ông ta không nhìn ra tôi! Nhưng tôi, tôi có thể nhận ra được ông ta đấy.

Athos vừa mỉm cười vừa bóc phong thư ra.

-Ái! Thư của Parry.

D'Artagnan nói: -Ồ! ồ! Đọc đi bạn, chắc lá thư có điều gì mới lạ.

Athos lắc đầu và đọc:

"Thưa Bá tước,

Nhà vua rất lấy làm tiếc đã không có Bá tước ở bên cạnh khi Nhà vua tiến vào London trong ngày hôm nay. Nhà vua ra lệnh cho tôi viết lá thư này để nhắc nhở Bá tước nhớ đến ông.

Nhà vua sẽ chờ đợi ngài ngay tối nay, ở lâu đài Saint James, từ chín giờ đến mười một giờ.

Thưa Bá tước, xin ngài hãy nhận nơi đây lời chào rất tôn kính của tôi.

Parry".

-Bạn thấy đó, d'Artagnan thân mến, – Athos nói,

- Chúng ta không nên bi quan về tấm lòng của vua chúa.

D'Artagnan trả lời: -Bạn nói có lý. Tôi sẽ đưa bạn đến tận lâu đài, dĩ nhiên là đến tận cửa, cũng như tôi làm một cuộc dạo mát vậy.

-Bạn sẽ cùng vào với tôi. Tôi muốn nói với Nhà vua.

D'Artagnan nói với một vẻ kiêu hãnh thật sự và thẳng thắn: -Nào? Nào? Còn xấu hơn chính mình đi ăn mày nữa? Người khác ăn mày cho mình. Thôi, đi đi rồi sẽ thấy cuộc dạo mát thật là thú vị. Nhân tiện, tôi muốn chỉ cho bạn thấy ngôi nhà của ông Monck đã cho tôi về ở: một ngôi nhà thật đẹp, tôi nói thật! Làm một ông tướng của nước Anh được nhiều lợi lộc hơn là một ông thống chế ở nước Pháp, bạn có biết không?

Athos để d'Artagnan đưa đi, buồn bã trước bề ngoài vui vẻ của ông.

Cả thành phố tràn ngập niềm vui, hai người bạn luôn luôn đụng đầu với những kẻ đầy phấn khởi đến mức cuồng nhiệt yêu cầu hai người cùng la to với họ: "Hoan hô vua Charles!"

D'Artagnan đáp lại bằng một tiếng gầm gừ, và Athos thì bằng một nụ cười. Cứ thế, họ đi đến trước ngôi nhà của ông Monck, trên đường đến lâu đài Sanit James, như chúng tôi đã nói.

Trên đường đi, Athos và d'Artagnan rất ít nói chuyện với nhau, chính vì họ có quá nhiều điều để nói với nhau. Athos nghĩ rằng, nếu gợi chuyện, ông sẽ có vẻ như chứng tỏ sự vui mừng của mình, điều này có thể làm tổn thương tới d'Artagnan. Về phần d'Artagnan, ông sợ rằng những lời nói của mình sẽ để lộ ra một vẻ chua chát gây khó chịu cho Athos. Thật là một cuộc đua im lặng kỳ dị giữa sự bằng lòng và sự bực bội: d'Artagnan là kẻ đầu tiên phải nhượng bộ sự ngứa ngáy thèm muốn nói chuyện.

Ông nói: -Athos, bạn có nhớ một đoạn văn trong quyển hồi ký của Đô-bi-nhê[297] trong đó có một kẻ giúp việc trung thành, cũng dân Gascon như tôi, nghèo như tôi, và có thể nói cũng can đảm như tôi, kể lại những chuyện hà tiện của vua Henri IV không? Sao mà tất cả những ông vua thuộc dòng dõi Henri vĩ đại đều giống nhau đến thế!

-Ô! ồ! D'Artagnan – Athos nói. – những ông vua của nước Pháp mà hà tiện sao? Bạn thân mến, bạn điên rồi.

-Ồ! Con người hoàn thiện nhắc lại không bao giờ thấy những tật xấu nơi kẻ khác, nhưng sự thật Henri IV là một người hà tiện, Louis XIV, con trai của ông ta cũng là một kẻ hà tiện, chúng ta biết chút đỉnh về điều này, phải không? Ganson đã đưa tật xấu này đến một mức độ quá lố, và do đó, về phương diện này, đã làm cho mọi người chung quanh ghét ông, Henri, bà hoàng hậu đáng thương cũng hà

tiện: Có những ngày bà đã nhịn ăn và có năm bà không đốt sò sưởi để khỏi tốn củi. Bà đã truyền cái giường này cho con trai của bà, Charles II, cháu của Henri IV, cũng hà tiện như mẹ và ông ngoại. Nào, tôi đã thiết lập đúng gia phả của những kẻ hà tiện chưa? Và tôi còn quên kẻ hà tiện lớn! Người cháu khác của vua Henri IV, vua Louis XIV, chủ cũ của tôi. Ông ta đã hà tiện đến nỗi không cho người anh em Charles của ông ta mượn một triệu đồng! Thôi được! Tôi thấy bạn nổi tức lên rồi. May mắn thay, chúng ta đã đến gần nhà tôi, hay đúng hơn là gần nhà ông Monck của tôi đấy.

-D'Artagnan thân mến, bạn không hề làm tôi tức giận, bạn làm cho tôi cảm thấy buồn. Đúng vậy, thật là đau đớn khi thấy một người có giá trị như bạn không đạt được địa vị mà những công trạng của bạn đáng lẽ phải đem đến cho bạn, bạn có lý, một trăm lần có lý.

D'Artagnan thở dài, và tiến lên trước dẫn đường cho bạn mình qua chiếc cổng của ngôi nhà tướng Monck ở, giữa khu Trung tâm thành phố. Ông nói: -Bạn cho phép tôi bỏ lại túi tiền của tôi ở nhà, bởi vì nếu giữa đám đông, có nhưng kẻ cắp tài tình ở London cuỗm mất những đồng écus đáng thương còn lại của tôi thì tôi sẽ không trở về nước Pháp được. Nhưng nếu trước đây tôi vui lòng rời nước Pháp ra đi, thì bây giờ tôi lại cảm thấy sướng điên lên khi được trở về, vì lẽ tất cả những thành kiến từ ngày xưa của tôi đối với nước Anh đã trở lại với tôi, kèm theo nhiều thành kiến mới khác.

Athos làm thinh.

Khi d'Artagnan vượt qua khỏi phòng ngoài, một người đàn ông, nửa đầy tớ nửa lính, có nhiệm vụ canh cửa và bảo vệ nhà của tướng Monck, chặn người lính ngự lâm của chúng ta lại và nói với ông bằng tiếng Anh: -Xin lỗi ngài d'Artagnan!

-Sao, chuyện gì nữa đây! Phải chăng Đại tướng cũng đuổi tôi? Tôi chỉ còn thiếu có việc bị ông ta tống cổ ra ngoài thôi!

Những lời này, được nói ra bằng tiếng Pháp, không gây một chút ảnh hưởng nào đối với người lính chỉ nói một thứ tiếng Anh pha lẫn với tiếng Scotland khó nghe nhất.

Người Anh trao cho d'Artagnan một lá thư, nói: -From the General (của Đại tướng gửi đến).

-Tốt lắm, đúng rồi, ông ta đuổi tôi, có nên đọc không, Athos?

Athos nói: -Chắc bạn lầm rồi, nếu không, tôi chỉ còn biết có mình bạn và tôi là những người đàng hoàng thôi.

D'Artagnan nhún vai mở phong thư ra, trong khi người lính Anh, vẫn bình thản, đưa một cái đèn lồng lớn đến gần để soi sáng cho ông đọc.

-Thế nào! Bạn sao vậy – Athos hỏi khi trông thấy vẻ mặt của d'Artagnan đổi sắc.

-Này, bạn hãy đọc xem.

-Athos cầm tờ giấy lên:

"Thưa ông d'Artagnan,

Nhà vua rất lấy làm tiếc rằng ông đã không đến Saint Paut với đoàn tuỳ tùng. Nhà vua bảo rằng Nhà vua rất nhớ đến ông, cũng như tôi rất nhớ ông, ông chưởng quan thân mến ạ. Chỉ có một cách để chuộc lại tất cả điều đó. Nhà vua chờ tôi lúc chín giờ, tại lâu đài Saint James.

Ông có vui lòng cùng có mặt ở đó một chút với tôi không?

Nhà vua rất quý mến chúng ta ấn định giờ đó để tiếp ông".

Lá thư do Monck viết.

§18. Buổi triều kiến

-Thế nào? – Athos kêu lên với giọng trách móc nhẹ khi d'Artagnan đã đọc xong lá thư của Monck gởi cho ông.

-Ơ! – D'Artagnan đáp, mặt đỏ lên vì vui và cũng vì hơi xấu hổ do đã quá vội vã chỉ trích Nhà vua và Monck, – đó là một lời xã giao lịch sự không hứa hẹn gì hết, thật vậy nhưng dầu sao cũng là một điều lịch sự.

Athos nói: -Tôi không thể nào tin được ông hoàng trẻ tuổi đó là một người bội bạc.

D'Artagnan trả lời: -Sự thật là hiện nay ông ta hãy còn khá gần với quá khứ của ông ta, nhưng dầu sao, cho đến lúc này, tôi cũng vẫn còn có

-Tôi đồng ý, bạn thân mến, tôi đồng ý. À! Bây giờ bạn lại thấy đời tươi đẹp rồi. Bạn không thể hiểu tôi sung sướng thế nào!

D'Artagnan nói: -Bạn thấy đó. Charles II tiếp ông Monck lúc chín giờ, còn tôi sẽ được tiếp lúc mười giờ; đó là một cuộc triều kiến quan trọng, theo kiểu cuộc triều kiến mà ở điện Louvre chúng ta gọi là sự phân phát nước thánh của triều đình. Nào chúng ta hãy đi ngang để hứng, bạn thân mến, đi đi.

Athos không trả lời, và cả hai rảo bước về phía lâu đài Saint James mà công chúng vẫn còn vây nghẹt chung quanh để được nhìn thấy – qua những khung cửa kính – hình bóng của các cận thần và những hào quang lấp lánh trên người của Nhà vua.

Tám giờ vừa điểm khi hai người bạn ngồi trong gian phòng đầy những kẻ cầu xin ân huệ. Mọi người đều liếc nhìn hai người mới đến trong những bộ y phục giản dị và rất lạ nhưng vẻ mặt thật là cao quý, đầy bản lĩnh và đầy ý nghĩa. Còn Athos và d'Artagnan sau khi đã đánh giá tất cả đám người đó chỉ bằng một cái nhìn, cả hai lại chỉ nói chuyện với nhau.

Một đợt ồn ào bỗng nổi lên ở đầu hành lang: Đại tướng Monck đến, theo sau có hai mươi sĩ quan đang cố tìm cách cầu xin ông ban cho một nụ cười, bởi vì mới hôm trước đây ông hãy còn là chủ nhân của nước Anh, và người ta tiên đoán một lương lai huy hoàng đang chờ đợi kẻ đã phục hồi ngai vàng cho dòng họ Stuart.

Monck quay lại nói: -Thưa quý vị, kể từ đây về sau, yêu cầu quý vị nên nhớ rằng tôi không còn là gì hết. Trước đây, tôi vẫn còn chỉ huy đạo quân chủ lực của chế độ cộng hoà; bây giờ đạo quân này thuộc về Nhà vua, và theo lệnh của Nhà vua, tôi sẽ trao lại vào tay Người tất cả quyền hạn mà tôi có từ những ngày trước đây.

Một sự ngạc nhiên lớn lộ ra trên mọi khuôn mặt, và đám người nịnh bợ, cầu xin bám sát Monck nãy giờ liền từ từ dãn ra xa và cuối cùng lẫn vào đám đông

đang cuồn cuộn di chuyển: Monck đến ngồi chờ đợi ở phòng ngoài cũng như mọi người khác d'Artagnan không thể ngăn được mình nêu lên điều nhận xét đó với Bá tước De La Fère, khiến ông này phải nhíu mày.

Thình lình cánh cửa văn phòng vua Charles mở ra, và ông vua trẻ xuất hiện, với hai sĩ quan tuỳ viên đi trước. Nhà vua nói: -Chào quý vị, Đại tướng Monck có mặt ở đây không?

-Thưa Hoàng thượng, tôi đây, – viên tướng già đáp lời.

Charles II chạy đến bên Monck và ân cần nồng nhiệt nắm lấy tay ông ta và nói lớn: -Đại tướng, tôi vừa mới ký sắc phong xong, bây giờ ông là Công tước Công tước d'Albermale, và ý muốn của tôi là không một kẻ nào có gia sản và quyền lực bằng ông trong vương quốc này nơi mà, ngoại trừ ông Montrose cao quý ra, không một kẻ nào có lòng trung thành, dũng cảm và tài năng bằng ông.

-Thưa quý vị, Công tước là Tổng tư lệnh quân lực thuỷ bộ của chúng ta: yêu cầu quý vị hãy bày tỏ lòng tôn kính của quý vị đối với ông ấy trong chức vụ này.

Trong khi mọi người vồn vã chúc mừng, viên đại tướng vẫn luôn luôn giữ vẻ bình thản thường ngày của ông.

D'Artagnan nói với Athos: -Cứ nghĩ rằng cái tước công này, cái chức tư lệnh quân đội trên bộ và trên mặt biển, tóm lại tất cả những vinh quang này đã từng nằm trong một cái thùng dài sáu tấc Anh và rộng ba tấc?

Athos trả lời: -Bạn thân mến, còn có nhiều vinh quang to lớn hơn nữa mà chỉ được chứa trong những cái thùng còn nhỏ bé hơn và chúng chẳng bao giờ mở ra nữa?

Monck vụt trông thấy hai nhà quý tộc đứng tách riêng đang chờ đợi đám người chúc tụng rút lui. Ông rẽ đám đông tiến lại và bắt gặp hai người đang trao đổi triết lý với nhau, ông mỉm cười nói: -Các ông đang nói chuyện về tôi.

Athos trả lời: -Thưa ngài, chúng tôi cũng đang nói về Chúa đấy!

Monck suy nghĩ một lúc và vui vẻ nói tiếp: -Thưa quý vị, chúng ta cũng nên nói về Nhà vua một chút, bởi vì, theo tôi biết, quý vị sẽ được Nhà vua tiếp kiến đấy.

-Vâng, lúc chín giờ, – Athos nói.

-Lúc mười giờ, – D'Artagnan nói.

-Chúng ta hãy vào ngay trong văn phòng này.

Monck trả lời vừa ra dấu cho hai người bạn của mình đi trước, nhưng không người nào chịu.

Trong lúc đó, Nhà vua đã trở lại.

-Ồ! Những người Pháp của tôi. – ông nói, vẫn nói giọng vui vẻ vô tư mà bao nhiêu đau buồn đã không làm mất được nơi ông. – Những người Pháp của tôi, niềm an ủi của tôi!

Athos và d'Artagnan nghiêng mình chào.

-Xin Công tước hãy đưa hai vị này vào văn phòng của tôi. Tôi xin tiếp quý vị

Và Nhà vua cho giải tán ngay đám cận thần để trở lại với những người Pháp của ông, theo cách ông gọi họ như thế.

Vừa bước vào, Nhà vua đã nói: -Ông d'Artagnan, tôi rất vui mừng được gặp lại ông.

-Thưa Hoàng thượng, tôi vô cùng vui sướng được đón chào Hoàng thượng ngay trong lâu đài Saint James này.

-Thưa ông, ông đã giúp tôi một việc rất lớn, và tôi, và tôi rất nhớ ơn ông. Nếu tôi không ngại giẫm lên quyền hạn của vị tổng thư lệnh của chúng ta, tôi sẽ tặng cho ông một chức vụ thật xứng đáng với ông bên cạnh tôi.

D'Artagnan đáp: -Thưa Hoàng thượng, khi tôi rời vua nước Pháp thì tôi có hứa với vua của tôi là sẽ không phục vụ cho một ông vua nào khác.

Charles II nói: -Ồ, điều này thật khổ cho tôi, tôi muốn thưởng ông rất nhiều, tôi rất yêu quý ông.

-Thưa Hoàng thượng!

Charles mỉm cười nói: -Để tôi xem, tôi có thể làm cho ông thất hứa được không? Công tước, hãy giúp tôi. Nếu người ta tặng cho ông, nghĩa là nếu tôi tặng ông, chức chưởng quan ngự lâm pháo thủ của tôi thì ông nghĩ sao?

D'Artagnan nghiêng mình thấp hơn lần trước: -Tôi rất tiếc phải từ chối những gì mà Hoàng thượng tặng tôi. Một người quý tộc chỉ có một lời, và lời hứa đó, như tôi vừa được vinh hạnh nói với Hoàng thượng là đã được hứa với vua nước Pháp.

-Thôi chúng ta đừng nói đến việc đó nữa.

Nhà vua vừa nói, vừa quay sang phía Athos. Và ông để d'Artagnan chìm đắm trong sự thất vọng đau đớn. Người lính ngự lâm nghĩ thầm: "Tôi đã nói đúng lắm mà, những lời nói! Nước thánh của triều đình? Các ông vua luôn luôn có một tài năng tuyệt vời để tặng chúng ta những gì mà họ biết chúng ta sẽ không nhận được, và tỏ ra thật rộng lượng mà không sợ gặp tổn hại. Ngu dại! Ta quả thật là một kẻ ba lần ngu dại vì đã có một lúc hy vọng nơi ông ta".

Trong lúc đó, Charles nắm lấy Athos. Ông nói: -Bá tước, ông đã đối với tôi như là một người cha thứ nhì, ơn của ông đối với tôi không có tiền của nào đủ để trả được. Mặc dầu vậy tôi vẫn nghĩ đến cách tưởng thưởng ông. Cha tôi đã phong cho ông tước "Hiệp sĩ De La Jarretière", một tước mà tất cả các vì vua ở châu Âu đều không được mang, Hoàng hậu nhiếp chính đã ban cho ông tước "Hiệp sĩ Du Saint Esprit", là một tước không kém vinh dự; tôi tặng thêm cho ông Sợi dây vàng[298] này của vua nước Pháp đã gởi đến tôi, đây là một trong những sợi dây vàng mà vua Tây Ban Nha, nhạc phụ của vua Pháp, đã tặng cho chàng rể. Nhưng đổi lại tôi cũng có một việc nhờ ông giúp. Tôi muốn ông, dầu ở trong xứ ông hay ở bất cứ nơi nào, cũng được ngang hàng với tất cả những kẻ được các vua chúa

tôn trọng ban cho ân huệ, – Charles vừa nói, vừa tháo sợi dây vàng từ cổ ông ra – Và thưa Bá tước, tôi chắc chắn cha tôi dưới mồ cũng đang bằng lòng với tôi đấy.

D'Artagnan tự bảo với mình, trong khi bạn ông đang quì gối nhận phần thưởng cao quý nhất của Nhà vua trao: "Thật là một điều lạ lùng. Thật là khó tin khi ta luôn luôn trông thấy những bổng lộc rơi như mưa xuống những kẻ chung quanh ta, mà chẳng có một giọt nào rơi vào ta cả! Điều này có thể làm bạn phải tức đến bức tóc bức tai nếu bạn có tính ganh tị, thật đấy!"

Athos đứng lên, và Charles II ôm hôn ông một cách âu yếm, Nhà vua nói với Monck: -Đại tướng – ông dừng lại, cười mỉm. – Xin lỗi, tôi muốn nói: Công tước, ông thấy không, sở dĩ tôi gọi lầm, ấy là vì chữ Công tước còn có ý nghĩa quá ít đối với tôi. Tôi vẫn muốn thêm vào một tước hiệu nào đó để cho nó được dài hơn. Tôi rất thích được trông thấy ông thật gần bên mình, có thể gọi ông, cũng như tôi gọi vua Louis XIV – anh của tôi. Ô! Tôi nghĩ ra rồi, và ông sẽ gần như là anh em với tôi, bởi vì tôi phong cho ông làm phó tướng Ireland và Scotland. Công tước thân mến như thế từ rày về sau, tôi sẽ không còn lầm nữa.

Công tước nắm lấy tay vua như ông làm mọi chuyện khác, không có dáng gì là phấn khởi, vui mừng.

Mặc dầu vậy, ân huệ cuối cùng này đã làm cho ông rung động. Charles II bằng cách khéo léo ban bố ân huệ của mình từ từ đã cho viên công tước có thì giờ để ước muốn mặc dầu ông ta không thể ước muốn nhiều hơn những gì người ta không cho ông. D'Artagnan càu nhàu: -Chán quá! Thế là cơn mưa ân huệ lại tiếp tục. Ồ! Ta đến phải điên đầu mất!

Và ông có một vẻ thiểu não quá khôi hài khiến Nhà vua không thể nén được một nụ cười. Monck sửa soạn từ giã Charles II. Nhà vua nói: -Ô kìa! Ông đi sao?

-Nếu Hoàng thượng vui lòng cho phép: tôi cảm thấy quá mệt sự xúc động trong ngày đã làm cho tôi kiệt sức, tôi cần phải nghỉ ngơi.

Nhà vua nói: -Nhưng, tôi mong là ông đi thì sẽ có ông d'Artagnan đi theo.

-Tại sao, thưa Hoàng thượng.

-Ông biết rõ là tại sao rồi.

Monck ngạc nhiên nhìn Charles II nói: -Xin Hoàng thượng vui lòng thứ lỗi cho, tôi không hiểu ý Hoàng thượng muốn nói gì.

-Ồ! Có thể lắm, nhưng dù ông đã quên rồi, ông d'Artagnan cũng không quên đâu.

Vẻ ngạc nhiên hiện ra trên gương mãt của người lính ngự lâm.

Nhà vua nói: -Này Công tước, chẳng phải ông ở chung nhà với ông d'Artagnan sao?

-Phải, thưa Hoàng thượng. Tôi được vinh hạnh cho ông d'Artagnan ở chung nhà.

-Ý kiến này là do ông nghĩ ra và là riêng của ông phải không?

-Thưa Hoàng thượng phải, chính tự mình tôi.

-Đúng rồi! Phải như vậy, không thể nào khác được kẻ tù nhân bao giờ cũng phải ở chung nhà với kẻ đã chiến thắng mình.

Đến phiên Monck đỏ mặt. Ông nói: -À! Thật thế, tôi vẫn là tù nhân của ông d'Artagnan.

-Dĩ nhiên, Monck ạ, bởi vì ông chưa đóng tiền chuộc. Nhưng ông đừng lo: Chính tôi đã đem ông ra khỏi tay ông d'Artagnan, vậy chính tôi sẽ trả tiền chuộc giùm ông.

Đôi mắt của D Arlagnan trở lại vui tươi rạng rỡ; chàng Gascon bắt đầu hiểu. Charles II tiến đến bên ông, nói: -Ông Đại tướng không giàu và sẽ không thể trả cho ông một số tiền xứng với giá trị của ông ấy. Còn tôi, dĩ nhiên là giàu hơn rồi, nhưng bây giờ ông ấy là Công tước, và nếu không phải là vua, ít nhất cũng gần bằng như vua, nên ông ấy đáng giá một số tiền mà có lẽ tôi không thể trả nổi. Nào, ông d'Artagnan ông hãy nhẹ tay cho tôi một chút: Tôi phải trả ông bao nhiêu đây?

D'Artagnan, vui mừng trước diễn tiến của sự việc, nhưng vẫn giữ được hoàn toàn bình tĩnh trả lời: -Thưa Hoàng thượng, Hoàng thượng không có gì phải lo lắng. Khi tôi được may mắn cầm giữ Công tước, ông Monck chỉ là Đại tướng vậy tôi chỉ xin món tiền chuộc của một đại tướng thôi. Nhưng nếu Đại lướng vui lòng trao cho tôi thanh gươm của ông ấy, tôi sẽ xem như số tiền chuộc đã được trả cho tôi rồi, bởi vì chỉ có thanh gươm của Đại tướng mới đáng giá bằng ông ấy thôi.

Charles II kêu lên: -"Odds – fish"[299] – như cha tôi vẫn thường nói. Đây là một lời nói thật lịch sự, phải không Công tước?

Công tước trả lời: -Xin thề trên danh dự của tôi? Thưa Hoàng thượng, đúng vậy.

Và ông rút thanh gươm ra nói: -Thưa ông d'Artagnan, đây là thanh gươm mà ông đòi hỏi. Nhiều kẻ đã nắm trong tay những thanh gươm tốt hơn, nhưng dầu gươm của tôi có tầm thường đến mấy, tôi chưa hề bao giờ trao nó cho ai cả.

D'Artagnan kiêu hãnh đón lấy thanh gươm vừa mới đưa một ông vua lên ngôi báu. Charles II kêu lên: -Sao? Để một thanh gươm đã lấy lại ngôi báu cho tôi bị mang ra khỏi vương quốc của tôi và sẽ không còn xuất hiện một ngày náo đó giữa số những bảo vật của tôi ư? Không, tôi thề là điều này không thể xảy ra được? Chưởng quan d'Artagnan, tôi trả hai trăm ngàn đồng louis để đổi lại thanh gươm này, nếu số tiền đó quá ít thì cho tôi biết.

D'Artagnan trả lời với một vẻ nghiêm trang đặc biệt.

-Thưa Hoàng thượng, thật lá quá ít, và trước hết, tôi không muốn bán nó; nhưng Hoàng thượng muốn thì đó là một cái lệnh, tôi phải tuân. Nhưng lòng tôn kính của tôi đối với một chiến sĩ danh tiếng như Đại tướng buộc tôi phải định giá thanh gươm này mắc hơn một phần ba nữa, phần thưởng của chiến thắng của tôi.

Vậy tôi yêu cầu được ba trăm ngàn đồng, hay là tôi tặng không nó cho Hoàng thượng.

Và, hai tay nắm mũi thanh gươm, ông trao nó cho Nhà vua, Charles II cười lên giòn giã.

-Con người lịch sự và vui vẻ, Odds – fish, phải không. Công tước? Phải không, Bá tước? Tôi rất thích và yêu quý ông ấy.

Và, nhà vua tiến lại bàn cầm bút viết một cái "bông" ba trăm ngàn đồng. D'Artagnan đưa tay nhận và quay về phía Monck với một vẻ trịnh trọng, nói: -Số tiền tôi yêu cầu hãy còn quá ít, tôi biết, nhưng xin Công tước hãy tin tôi, tôi thà chịu chết còn hơn là hành động theo sự dẫn dắt của túi tham.

Nhà vua lại cười lớn như người dân London chính hiệu sung sướng nhất trong vương quốc của ông.

-Này Hiệp sĩ, trước khi về nước, ông hãy trở lại đây thăm tôi! Sự vui vẻ của ông sẽ là một liều thuốc bổ tinh thần dự trữ dành cho tôi trong những ngày xa cách những người Pháp quý mến của tôi.

-À! Thưa Hoàng thượng, sự vui vẻ của tôi sẽ không phải như thanh gươm của Công tước, và tôi rất sẵn lòng biếu không nó cho Hoàng thượng – D'Artagnan trả lời trong một niềm sung sướng khiến ông có cảm giác hai chân mình như lơ lửng trên mặt đất.

Charles II quay sang Athos: -Còn ông cũng vậy, Bá tước ạ, ông hãy trở lại đây thăm tôi, tôi có một thông điệp quan trọng sẽ nhờ ông mang về cho Công tước, chào ông.

Monck siết tay của Nhà vua.

-Xin từ giã quý vị, – Charles II vừa nói vừa đưa tay cho hai người Pháp hôn.

-Sao? – Athos hỏi d'Artagnan sau khi cả hai đã ra khỏi lâu đài – bạn đã bằng lòng chưa?

Suỵt! – D'Artagnan nói, quá xúc động vì vui sướng, – hãy khoan, chờ tôi đến gặp ông thủ quỹ đã.

§19. Những phiền toái của tiền tài

D'Artagnan không để mất thì giờ. Ngay khi thuận tiện và đúng lúc, ông liền đến "thăm" viên thủ quỹ của Nhà vua.

Và ông đã được thoả mãn đổi một miếng giấy viết bằng một thứ chữ rất xấu để lấy vô số những đồng louis vừa mới được đúc mang hình Charles II.

D'Artagnan thường rất bình tĩnh, thế mà, trong dịp này, ông đã không thể ngăn được mình khỏi nỗi vui mừng mà có lẽ bạn đọc sẽ thông cảm cho ông, nếu bạn có chút lượng thứ đối với một người, từ lúc ra đời đến giờ, chưa bao giờ thấy từng chồng, từng xấp tiền quá nhiều như vậy, sắp xếp kề nhau theo một thứ tự xem thật đẹp mắt.

Viên thủ quỹ bỏ tất cả tiền đó vào trong bao, đóng kín mỗi cái bao lại bằng một con niêm có mang huy hiệu nước Anh – ân huệ mà không phải bất cứ ai cũng nhận được.

Rồi, vẫn luôn luôn bình thản và với một vẻ lễ phép vừa đủ dành cho một người được Nhà vua tôn trọng, viên thủ quỹ bảo d'Artagnan: -Xin hãy mang tiền của ông đi.

"Tiền của ta"? – Những chữ này khiến d'Artagnan xúc động. Ông cho chất những cái bao lên một chiếc xe nhỏ và trở về nhà – trong lòng suy nghĩ thật nhiều.

Một kẻ có ba trăm ngàn đồng không thể giữ được vầng trán mình bình lặng nữa: một nét nhăn cho mỗi trăm ngàn đồng, cũng không phải là quá nhiều.

D'Artagnan không rời khỏi phòng một bước, bỏ cả bữa ăn tối, từ chối không tiếp bất cứ ai, và để đèn thắp sáng choang, khẩu súng lục lên đạn đặt sẵn trên bàn, ông thức canh suốt đêm và suy nghĩ đến phương cách nào để ngăn cản không cho những đống tiền vàng xinh đẹp, đã từ trong tủ của Nhà vua bước vào trong tủ của mình không bị rơi vào túi của một tên trộm nào đó.

Cách hay nhất mà chàng Gascon đã tìm ra là tạm thời cất kho tàng của mình trong một cái tủ có một ổ khoá khá chắc chắn không một bàn tay nào có thể bẻ gãy nổi và khá tinh vi không một chìa khoá thường nào có thể mở ra được.

D'Artagnan nhớ lại rằng người Anh được xem như những bậc thầy trong kỹ nghệ chế tạo những tủ sắt có ổ khoá thật tinh xảo, ông quyết định ngay ngày mai sẽ tìm mua một chiếc tủ sắt.

Ông không phải đi xa lắm. Ông Will Jobson, nhà ở khu Piccadilly lắng nghe những đề nghị của ông và hứa sẽ chế tạo một ổ khoá an toàn, nhất định là cho ông không còn phải lo âu gì nữa. Ông ta nói: -Tôi sẽ làm cho ông một ổ khoá với một bộ máy vận hành hoàn toàn mới mẻ, khi có kẻ mưu toan chạm vào ổ khoá của ông, một miếng sắt vô hình sẽ tự động mở ra, và một khẩu súng đại bác nhỏ,

cũng vô hình, sẽ khạc ra một quả đạn đồng xinh xắn, nặng cỡ một kí lô, làm kẻ bất lương vụng về sẽ ngã lăn quay, gây một tiếng động khá lớn. Ông nghĩ thế nào?

D'Artagnan kêu lên: -Tôi nghĩ đó là một bộ máy thật tinh xảo, tôi rất thích viên đạn đồng nhỏ bé đó. Này, ông thợ khoá những điều kiện của ông thế nào?

Mười lăm ngày thì xong và mười lăm ngàn đồng được trả lúc giao hàng.

D'Artagnan nhíu mày. Mười lăm ngày là một thời gian đủ để cho tất cả những tên trộm cắp ở London có thể làm cho ông khỏi cần đến tủ sắt nữa. Còn mười lăm ngàn đồng là một giá quá đắt để đạt được một mục đích mà ông có thể không phải tốn mất đồng nào – chỉ cần chịu khó canh gác kỹ lưỡng một chút thôi. Ông nói: -Để tôi suy nghĩ lại, xin cảm ơn ông.

Và ông chạy nhanh về nhà; chưa có kẻ nào đến gần kho tàng của ông cả.

Cùng ngày hôm đó, Athos đến thăm bạn và ngạc nhiên thấy ông ta quá lo lắng, ông nói: -Sao? Bây giờ bạn đã giàu rồi, thế mà cũng chẳng thấy bạn vui tí nào! Bạn đã ao ước được rất nhiều tiền của kia mà?

-Bạn thân mến, những vui thú mà người ta chưa quen gây khó chịu nhiều hơn những đau buồn mà người ta thường chịu đựng. Xin bạn hãy vui lòng giúp tôi một lời khuyên. Tôi có thể yêu cầu bạn điều này, vì bạn là kẻ lúc nào cũng có tiền: Khi người ta có tiền, người ta làm gì với số tiền đó?

-Điều đó còn tuỳ.

-Bạn đã làm gì với số tiền của bạn, để nó không biến bạn thành một kẻ hà tiện nhưng cũng không phải là một kẻ tiêu xài hoang phí? Bởi vì sự hà tiện làm cho quả tim trở nên khô cằn, và sự hoang phí làm cho gã bị chết chìm phải không?

-Fabricius[300] cũng không nói đúng hơn bạn. Nhưng, thật ra, tiền không gây khó chịu cho tôi.

-Phải chăng bạn đem cho vay?

-Không. Bạn biết rằng tôi có một cái nhà khá đẹp và cái nhà này là tài sản lớn nhất của tôi.

-Tôi biết.

-Nếu bạn làm như tôi, bạn cũng sẽ giàu như tôi, lại hơn cả tôi nếu bạn muốn.

-Nhưng còn tiền lời, bạn có thâu tiền lời không?

-Không.

-Chắc bạn giấu tiền trong vách tường?

-Tôi không bao giờ sử dụng đến cái đó.

-Vậy là bạn có một người thân tín nào đó, một người làm ăn phát đạt, trả tiền cho bạn với một lãi suất phải chăng?

-Không có

-Chúa ơi! Vậy thì bạn làm gì?

-Tôi tiêu xài hết cả những gì tôi có, và tôi chỉ có những gì mà tôi tiêu xài thôi, d'Artagnan thân mến ạ.

-À! Ra vậy. Nhưng bây giờ bạn cũng gần như một ông hoàng, và mười năm hay mười sáu ngàn đồng lợi tức đối với bạn không ăn thua gì. Hơn nữa bạn còn có những chức vụ.

-Nhưng tôi thấy bạn cũng là ông hoàng không kém gì tôi, bạn thân mến ạ. Số tiền của bạn là vừa đủ cho bạn tiêu xài đấy.

-Ba trăm ngàn đồng! Tôi dư đến hai phần ba lận.

-Xin lỗi, nhưng hình như bạn có nói với tôi hình như tôi đã nghe rằng bạn có một người hùn hạp.

D'Artagnan đỏ mặt kêu lên: -À! Chán quá! Đúng vậy, có Planchet. Tôi quên mất anh chàng Planchet! Vậy là đã thấy mất hết một trăm ngàn đồng của tôi rồi! Thật đáng tiếc, một con số tròn, nghe rất êm tai. Đúng vậy Athos tôi không còn giàu có gì nữa cả. Bạn có trí nhớ thật hay?

D'Artagnan càu nhàu: -Anh chàng Planchet dễ thương này không mơ hoảng đâu. Một áp phe thật ngon lành! Đồ mắc dịch? Nhưng dầu sao, những gì tôi đã nói thì tôi phải làm.

-Bạn sẽ cho anh ta bao nhiêu?

D'Artagnan nói: -Ồ! Anh ta không phải là một con người xấu, rồi tôi cũng sẽ dàn xếp với anh ta ổn thoả thôi; tôi đã phải chịu cực khổ, bạn thấy chứ, và chịu những chi phí, tất cả những cái đó phải được tính vào.

Athos thản nhiên nói: -Bạn thân mến, tôi biết rõ bạn, và tôi không sợ bạn sẽ làm cho anh chàng Planchet tốt bụng phải thiệt thòi. Những quyền lợi của anh ta sẽ được bảo đảm vững chắc trong tay của bạn hơn là trong tay của anh ta. Nhưng bây giờ bạn không có gì phải làm ở đây nữa, chúng ta sẽ ra đi, nếu bạn nghe theo lời tôi. Bạn sẽ đến cảm ơn Nhà vua, hỏi Nhà vua có lệnh gì cho bạn không, và trong sáu tháng nữa, chúng ta sẽ có thể trông thấy các đỉnh tháp Nhà thờ Đức Bà.

-Bạn thân mến, quả thật tôi đang nôn nóng được trở về nước, và bây giờ tôi đến chào từ biệt Nhà vua.

Athos nói: -Còn tôi, tôi sẽ đi chào vài người quen trong thành phố, và sau đó tôi sẽ gặp lại bạn.

-Bạn vui lòng cho tôi mượn Grimaud một chút nhé?

-Rất sẵn lòng. Bạn tính nhờ anh ta làm việc gì?

-Một việc rất dễ dàng và không làm cho anh ta mệt gì hết; tôi nhờ anh ta canh giữ giùm những khẩu súng lục đặt trên bàn, bên cạnh mấy cái tủ này.

Athos thản nhiên trả lời: -Được lắm.

-Và anh ta sẽ không được rời khỏi chỗ này một bước, phải không?

-Cũng như những khẩu súng lục này vậy.

-Thế thì bây giờ tôi đến gặp Nhà vua, chào bạn.

D'Artagnan đi đến lâu đài Saint James, trong lúc vua Charles II đang viết thư, để ông đợi suốt một tiếng đồng hồ.

D'Artagnan đi đi lại lại trong khu hành lang từ những chiếc cửa lớn đến những chiếc cửa sổ, lại từ những chiếc cửa sổ đến những chiếc cửa lớn. Bỗng ông trông thấy một người mặc một chiếc áo choàng giống như của Athos băng qua phòng thay áo để vào trong; nhưng đúng lúc ông toan nhìn kỹ lại xem có phải không, thì người giữ cửa ra mời ông vào gặp Nhà vua.

Charles II xoa xoa hai bàn tay trong khi ông bạn của chúng ta tỏ lời cám ơn. Nhà vua nói: -Hiệp sĩ, tôi không xứng đáng nhận những lời cám ơn của ông; tôi trả chưa đến một phần tư cái giá của chuyện ông bỏ vị đại tướng đó đáng mến đó vào trong cái thùng tôi muốn nói đến Công tước d'Albermale.

Và nhà vua bật cười lớn.

D'Artagnan nghĩ không nên ngắt lời Nhà vua, và ông làm ra vẻ khiêm tốn, Charles nói tiếp: -Này, ông Monck thân mến của tôi đã thật sự tha thứ cho ông chưa?

-Tha thứ à! Nhưng thưa Hoàng thượng tôi hy vọng ông ấy đã tha thứ cho tôi rồi.

-À! Vì đây là một cú rất đau, odds fish! Nhốt nhân vật đứng đầu của cuộc cách mạng nước Anh vào thùng như một con cá mòi! Hiệp sĩ, nếu tôi là ông, tôi sẽ không tin vào sự tha thứ của ông ấy đâu.

-Xin thưa Hoàng thượng.

-Tôi biết rằng Monck đã gọi ông là bạn của ông ta. Nhưng ông ta có đôi mắt thật sâu chứng tỏ trí nhớ ông ta rất dai, và đôi mắt thật cao chứng tỏ ông ta rất tự kiêu; ông biết chứ, Grand supercilium.

D'Artagnan tự nhủ: "Mình phải học tiếng La tinh mới được"

Nhà vua hoan hỉ kêu lên: -Này! Để tôi dàn xếp cho các ông giải hoà với nhau: tôi sẽ biết cách làm cho d'Albermale cắn chặt ria mép: -Hoàng thượng có cho phép tôi nói thật không?

-Nói đi, Hiệp sĩ cứ nói đi.

-Thưa Hoàng thượng, Hoàng thượng làm tôi sợ hãi ghê gớm. Nếu Hoàng thượng có ý muốn dàn xếp công việc này của tôi thì tôi sẽ không được toàn mạng, Công tước sẽ cho ám sát tôi.

Nhà vua lại cười lớn, khiến sự sợ hãi của d'Artagnan biến thành sự kinh hoàng.

-Thưa Hoàng thượng, tôi cầu xin Hoàng thượng hãy để tôi tự lo lấy cái việc dàn xếp này; và nếu Hoàng thượng không còn cần đến tôi nữa.

-Không, Hiệp sĩ. Ông muốn ra đi à? – Charles II trả lời và càng lúc càng cười vui đến độ đáng ngại.

-Nếu Hoàng thượng còn điều gì cần đến tôi nữa.

Charles gần như lấy lại được sự nghiêm túc.

-Hiệp sĩ, đấy là buổi tiếp kiến từ giã của ông; ông có thể ra đi khi nào ông thích.

-Xin cảm ơn Hoàng thượng!

-Nhưng ông nên hoà giải với Monck.

-Ồ! Thưa Hoàng thượng.

-Ông biết tôi có dành riêng một chiếc tàu của tôi cho ông sử dụng không?

-Nhưng, thưa Hoàng thượng, Hoàng thượng ban ơn cho tôi quá nhiều, và tôi sẽ không bao giờ muốn làm phiền đến các sĩ quan của Hoàng thượng.

Nhà vua vỗ vai d'Artagnan: -Không ai phải phiền vì Hiệp sĩ hết, nhưng vì một sứ thần của tôi gởi sang Pháp, và tôi tin ông sẽ vui lòng làm người bạn đường của ông ấy, bởi vì ông rất quen với ông ấy một ông Bá tước De La Fère nào đó, người mà ông gọi là Athos đấy, – Nhà vua kết thúc cuộc nói chuyện như ông đã khởi đầu, bằng một chàng cười vui vẻ nữa. – Xin từ giã Hiệp sĩ, từ giã! Hiệp sĩ hãy thương mến tôi cũng như tôi đã thương mến ông?

Liền đó, Nhà vua ra dấu hỏi Parry có ai đang chờ đợi ông trong văn phòng bên cạnh không, và ông biến mất vào văn phòng này, để chàng hiệp sĩ ở lại một mình, hãy còn bàng hoàng vì cuộc tiếp kiến khác thường này.

Những lời của Nhà vua nói về lòng tự ái của Monck đã gây cho d'Artagnan một mối lo ngại không nhỏ.

Trong suốt cuộc đời mình, người phó quan ngự lâm quân đã có một nghệ thuật tuyệt vời để chọn kẻ thù, và khi phải chọn những kẻ thù nguy hiểm và hùng mạnh ấy là vì ông không thể nào làm khác hơn được. Nhưng những quan điểm thường thay đổi rất nhiều trong cuộc đời. Đó là một chiếc đèn kéo quân phơi bày trước mắt con người những hình ảnh thay đổi hằng năm. Do đó, giữa ngày chót của một năm mà bạn trông thấy màu trắng và ngày đầu tiên của năm sau mà bạn trông thấy màu đen, chỉ có khoảng cách của một đêm thôi.

Khi d'Artagnan rời Calais với mười người thuộc hạ, ý nghĩa phải chiến đấu với một Goliath[301] người khổng lồ trong Kinh thánh), Nabu chodonosor[302] hay Holopheme[303] cũng không hề làm ông phải lo lắng gì hơn như khi phải so gươm với một tên lính thường, hay khi cãi nhau với bà chủ nhà trọ. Lúc đó ông như một con chim cắt đói bụng sẵn sàng tấn công ngay cả một con cừu. Cái đòn làm cho người ta mù quáng. Nhưng bây giờ d'Artagnan đã no, đã giàu, đã chiến thắng và hãnh diện vì đã đạt được một chiến thắng rất khó khăn. D'Artagnan sẽ bị mất mát rất nhiều nếu không chịu tính toán thật thận trọng để tránh một sự thất bại có thể xảy ra.

Vì thế, khi triều kiến trở về, d'Artagnan chỉ nghĩ đến một điều, đó là tìm cách xoa dịu lòng tự ái của một người có thế lực lớn như Monck, một người mà chính

Charles II cũng phải nể vì, dầu Charles là vua, bởi vì, vừa mới được Monck đưa lên ngôi.

Nhà vua vẫn còn có thể cần đến kẻ đã ủng hộ, che chở mình, do đó, nếu cần để làm thoả mãn ông Monck, Nhà vua có thể sẽ không từ chối bắt đày d'Artagnan hay bắt nhốt ông trong một cái tháp nào đó của vùng Middlesex hay cho dìm ông xuống biển trong cuộc hành trình từ Douvres về Boulogne.

Những chuyện làm thoả mãn lẫn nhau giữa đám vua và phó vương sẽ không làm cho họ phải e ngại một hậu quả nào hết.

Nhà vua cũng không cần phải tỏ ra chủ động trong việc Monck trả thù. Nhà vua chỉ cần hạn chế vai trò của mình trong việc tha thứ cho vị phó vương Ireland tất cả những gì ông này sẽ làm để chống lại d'Artagnan. Để cho lương tâm của Công tước d'Albermale được yên ổn, Nhà vua chỉ cần vừa cười vừa nói hai chữ "le absolvo" (tha tha tội cho hắn) hay chỉ cần hí hoáy ba chữ: "Charles, the King" (Hoàng đế Charles) dưới một bản sắc lệnh; và thế là d'Artagnan đáng thương sẽ bị vĩnh viễn bị chôn vùi dưới một hầm ngục nào đó.

Và hơn nữa, điều khá đáng ngại, đối với một người biết phòng xa như người lính ngự lâm của chúng ta, là ông cảm thấy mình cô độc, cả tình bạn của Athos cũng không đủ để làm ông yên tâm.

Dĩ nhiên, nếu chỉ là việc so những đường gươm, người lính ngự lâm có thể trông cậy nơi bạn mình; nhưng trong những vấn đề tế nhị với một ông vua, khi một sự tình cờ tai hại nào đó có thể xảy đến để giúp bào chữa cho Monck hay cho Charles II, d'Artagnan biết chắc chắn Athos sẽ nghe theo lòng trung thành với vua, để rồi sau đó đổ rất nhiều nước mắt lên nấm mồ của ông và khắc lên mộ bì những lời tiếc thương và ca tụng thật kêu.

"Nhất định rồi", – chàng Gascon nghĩ, và ý tưởng này là kết quả của những suy nghĩ thầm kín trên – "nhất định là ta phải hoà giải với ông Monck, và nắm chắc bằng cớ là ông ta hoàn toàn không còn nghĩ gì đến chuyện đã qua nữa. Nếu ông ta hãy còn tỏ ra bực tức về chuyện này, ta sẽ trao tiền của mình cho Athos mang theo, ta sẽ ở lại nước Anh vừa đủ thời giờ để khám phá những ý định của ông ta, rồi với cặp mắt lanh lẹ và cặp giò nhẹ nhàng của ta, khi nắm được dấu hiệu thù địch đầu tiên của ông ta, ta sẽ chuồn. Chán quá! Ông Monck sẽ không thắng được ta đâu. À, ta còn một ý nữa!"

Chúng ta biết rằng d'Artagnan không thiếu gì những ý tưởng trong đầu óc. Trong cuộc đối thoại vừa qua d'Artagnan đã "gài nút áo lên tận cằm"; và không có gì kích thích óc tưởng của ông bằng cách thức làm như thế nào theo kiểu người La Mã chuẩn bị đi chiến đấu.

Ông về đến nhà Công tước d'Albermale, đầu óc nóng bừng. Ông được nhanh chóng đưa vào gặp vị phó vương – điều đó chứng tỏ ông được xem như người trong nhà rồi.

Monck đang ở trong phòng làm việc, d'Artagnan nói với vẻ thành thật mà chàng Gason có biệt tài tạo ra trên gương mặt tinh khôn của mình: -Thưa ngài, tôi đến xin ngài ban cho một lời khuyên.

Monck cũng chuẩn bị tinh thần kỹ lưỡng như d'Artagnan đã "gài nút áo" vậy. Ông trả lời: -Cứ nói đi, ông bạn thân mến.

Và gương mặt ông ta cũng không kém cởi mở hơn gương mặt của d'Artagnan.

-Thưa ngài, trước hết, xin ngài hãy hứa giữ bí mật và khoan hồng đối với tôi.

-Tôi xin hứa với ông bất cứ những gì ông muốn. Có chuyện gì? Ông hãy cho tôi biết đi!

-Thưa ngài, có chuyện là tôi không được hoàn toàn hài lòng về Nhà vua.

-Ồ! Thật vậy sao? Và về việc gì đó, ông phó quan thân mến của tôi?

-Về việc đôi khi Nhà vua nói những lời bông đùa rất có hại cho những kẻ phục vụ mình, và sự đùa cợt, thưa ngài, là một vũ khí làm tổn thương rất nặng đến lòng tự ái của những kẻ cầm gươm như chúng ta.

Monck cố gắng không để lộ những ý tưởng của mình, nhưng d'Artagnan đã chăm chú quan sát ông ta rất kỹ nên thoáng thấy đôi má ông ta hơi đỏ lên một chút.

Monck nói với một vẻ rất tự nhiên: -Nhưng về phần tôi, tôi không phải là kẻ thù của sự bông đùa, ông d'Artagnan thân mến ạ. Các binh sĩ của tôi cũng sẽ cho ông hay rằng, nhiều lần, ở trong trại, tôi đã nghe một cách rất bình thản và hơi thích thú nữa, những bài hát châm biếm từ đạo quân của Lambert truyền sang, những bài hát chắc chắn sẽ làm chói tai một ông tướng dễ nổi giận hơn tôi.

D'Artagnan nói: -Ồ! Thưa ngài, tôi biết ngài là một người hoàn toàn, tôi biết từ lâu ngài đã tự đặt mình lên trên mọi sự tồi tệ của con người; nhưng không phải loại bông đùa nào cũng như nhau, và riêng với tôi, có những loại bông đùa làm cho tôi tức giận không thể tả.

-Tôi có thể biết đó là những loại nào không, my dear? (Bạn thân mến).

-Thưa ngài, đó là những câu đùa cợt nhằm vào những bạn thân của tôi hay vào những người mà tôi kính trọng.

D'Artagnan thấy Monck hơi biến sắc. Ông ta hỏi: -Do đâu mà một cú kim găm làm trầy da người khác lại có thể làm ông nhột? Nào, ông hãy kể lại cho tôi nghe.

-Thưa ngài, tôi chỉ xin nói một câu để giải thích thôi: những lời đùa cợt đó là nhằm vào ngài.

Monck bước một bước về phía d'Artagnan.

-Nhắm vào tôi?

-Vâng, và đó là điều mà tôi không thể nào hiểu nổi; nhưng cũng có lẽ vì tôi không hiểu rõ tính của Nhà vua. Sao Nhà vua lại nỡ chế nhạo một người đã có

quá nhiều công trạng lớn lao đối với mình như vậy? Làm cách nào hiểu được sao Nhà vua lại thích làm cho một con sư tử như ngài nổi giận với một con ruồi con như tôi?

Monck nói: -Do đó, tôi không hề cho là Nhà vua có ý định như vậy đâu?

-Có chứ! Nếu phải thưởng tôi, Nhà vua có thể thưởng tôi như đối với một chiến sĩ, mà không cần tưởng tượng ra câu chuyện về số tiền chuộc của ngài.

Monck vừa nói vừa cười: -Không, câu chuyện này không hề làm cho tôi cảm thấy bực tức chút nào, tôi xin thề với ông như vậy.

-Không bực tức tôi, điều này tôi hiểu; ngài biết rõ tôi chứ, tôi kín còn hơn cả miệng bình nữa; nhưng thưa ngài, ngài hiểu chứ?

Monck vẫn một mực: -Không.

-Nếu một kẻ khác rõ được điều bí mật mà tôi biết.

-Điều bí mật gì?

-À! Thưa ngài, điều bí mật tai hại ở Newcastle.

-À! Số tiền một triệu đồng của ông Bá tước De La Fère, phải không?

-Không, thưa ngài, đó là việc tôi đã âm mưu bắt cóc ngài.

-Ông đã hành động rất giỏi, Hiệp sĩ à, chỉ có thế thôi, chứ không có điều gì cần phải nói nữa. Ông là một chiến sĩ vừa dũng cảm vừa mưu trí, phối hợp được cả đức tính của Fabius[304] và Annibal[305], ông đã sử dụng những phương tiện của ông, sức mạnh và mưu trí như thế không có gì phải nói cả. Tôi cam đoan với ông như vậy.

-Ồ! Tôi hiểu điều đó, thưa ngài, và tôi trông đợi rất nhiều nơi lòng công bằng của ngài. Vì thế, sẽ không có sao hết, nếu chỉ có một mình chuyện bắt cóc thôi, nhưng còn có…

-Cái gì?

-Những cảnh ngộ trong cuộc bắt cóc này.

-Cảnh ngộ nào?

-Thưa ngài, ngài thừa biết những gì tôi muốn nói rồi.

-Không, xin Chúa hãy phạt tôi!

-Thưa ngài! Có chuyện cái thùng quỉ quái đó.

Monck đỏ mặt thấy rõ, d'Artagnan nói tiếp: -Cái thùng bất nhân bằng gỗ đó, ngài biết chứ?

-Ờ! Phải! Tôi quên bẵng mất.

D'Artagnan tiếp tục: -Bằng gỗ thông, có khoét lỗ dành cho cái mũi và cái miệng. Thật ra, thưa ngài, tất cả những cái khác đều vô hại; nhưng cái thùng, cái thùng! Quả thật là một trò đùa quái ác!

Monck bực dọc đi đi lại lại trong phòng. D'Artagnan nói: -Tuy nhiên, nếu như tôi, một tay phiêu bạt giang hồ, phải làm điều đó thì lý do cũng dễ hiểu và dễ

hiểu và dễ được tha thứ trong tình thế nghiêm trọng đó, tôi phải đối xử hơi sai quấy đối với ngài; hơn nữa tôi còn là một con người cẩn trọng, dè dặt.

Monck đáp: -Ồ! Ông d'Artagnan, xin ông hãy tin rằng tôi rất hiểu ông và rất cảm phục ông.

Trong khi nói chuyện, d'Artagnan không rời mắt khỏi Monck để theo dõi, quan sát mọi phản ứng xảy ra trong đầu óc của viên đại tướng. Ông nói tiếp: -Nhưng vấn đề không phải là ở nơi tôi.

Monck bắt đầu kiên nhẫn.

-Vậy thì ở đâu?

-Vấn đề là ở chỗ Nhà vua không bao giờ kín miệng.

Monck lắp bắp: -Nhưng, nghĩ cho cùng, nếu Nhà vua có nói đến chuyện đó thì đã sao đâu?

-Thưa ngài, xin ngài đừng giấu những cảm nghĩ của ngài đối với một người nói chuyện thành thật như tôi. Ngài cứ nổi giận lên, dầu chỉ là nhẹ nhàng thôi. Nào, hãy nghĩ xem, ngài một nhân vật quan trọng, một con người đùa với những vương miện, vương trượng như một kẻ lang thang đùa với quả bóng. Tôi phải nói thế nào nhỉ, một nhân vật quan trọng như ngài đâu phải là để bị nhốt trong một cái thùng, như một vật kỳ lạ của môn vạn vật học. Bởi vì, rốt lại ngài hiểu chứ, điều này có thể khiến cho một kẻ thù của ngài cười một trận đến bể bụng, mà một người quyền lớn, quá cao cả, quá rộng lượng như ngài tất phải có rất nhiều kẻ thù. Điều bí mật này có thể làm cho phân nửa nhân loại phải bò lăn ra cười nếu họ tưởng tượng ra cảnh ngài bị nhốt trong cái thùng đó. Thế mà để cho người ta cười một nhân vật thứ nhì trong vương quốc như ngài thật là một điều không tốt đẹp gì cả.

Monck hoàn toàn mất hết tự chủ khi nghĩ đến cảnh mình bị nhốt trong cái thùng. Như d'Artagnan đã đoán rất đúng, sự lố bịch làm tinh thần của ông ta lung lay ghê gớm, điều mà những rủi may của một trận đánh, những tham vọng và cả sự sợ chết nữa, đã không thể nào làm được.

Chàng Gascon nghĩ "Tốt lắm! Ông ta đã biết sợ, thế là ta thoát rồi".

Monck nói: -Ồ! Về phần Nhà vua, ông d'Artagnan thân mến chớ có lo, Nhà vua sẽ không đùa cợt với Monck đâu, tôi xin thề chắc với ông như vậy?

D'Artagnan thấy một tia sáng lóe lên trong đôi mắt của Monck. Nhưng vẻ mặt của Monck lại dịu xuống ngay. Ông ta nói tiếp: -Nhà vua có bản chất quá tốt đẹp, và tấm lòng quá cao cả không thể nào nghĩ đến việc làm hại kẻ đã có công lớn với mình như thế.

D'Artagnan kêu lên: -Ồ! Dĩ nhiên rồi! Tôi hoàn toàn đồng ý với ngài về tấm lòng của Nhà vua. nhưng không đồng ý về đầu óc của Nhà vua; Nhà vua rất tốt bụng nhưng rất hời hợt.

-Nhà vua sẽ không hời hợt đối vối Monck đâu, ông hãy yên tâm.

-Ồ, tôi hiểu ngài, ngài yên tâm về phần Nhà vua. Nhưng chắc ngài không mấy yên tâm về phần tôi?

-Tôi tưởng đã xác nhận với ông rằng tôi tin cậy vào lòng trung trực và sự kín đáo của ông rồi.

-Chắc chắn rồi, chắc chắn rồi, nhưng ngài sẽ nghĩ đến một việc ấy là không phải chỉ có mình tôi, còn những thuộc hạ cùng đi theo tôi trong vụ bắt cóc đó; và họ không phải như tôi?

-Ồ! Phải, tôi biết họ mà.

-Rủi thay, thưa ngài, họ cũng biết ngài nữa.

-Rồi sao nữa?

-Bây giờ họ đang ở tại Boulogne, chờ tôi.

-Và ông sợ?

-Phải, tôi e rằng trong lúc tôi vắng mặt. Dĩ nhiên! Nếu tôi ở bên cạnh họ, tôi bảo đảm với ngài rằng họ sẽ kín miệng. Chẳng biết tôi có lý không khi nói với ông rằng, nếu có nguy hiểm thì nó sẽ không đến từ phía Nhà vua, dầu Nhà vua có tính thích bông đùa đến mấy, nhưng từ phía những người lính của ông, như ông nói. Bị một ông vua chế nhạo, còn chịu đựng được, nhưng bị những tên lính vô lại thì Chúa ơi!

-Vâng, tôi hiểu, không thể chịu đựng được, và thưa ngài đó là lý do tôi đến để thưa với ngài: "Ngài có nghĩ rằng tôi nên trở về Pháp càng sớm càng tốt không?"

-Dĩ nhiên, nếu ông tin rằng sự hiện diện của ông – Làm cho tất cả những tên vô lại đó phải câm mồm?

-Ồ! Thưa ngài về điều này thì bảo đảm lắm.

-Sự hiện diện của ông sẽ không ngăn cản được tiếng đồn loan truyền đi, nếu nó đã được tiết lộ rồi.

-Ồ, chưa bị tiết lộ đâu, thưa ngài, tôi bảo đảm với ngài như vậy. Dầu sao, ngài hãy tin rằng tôi sẽ quyết tâm làm một việc.

-Việc gì.

-Đập bể đầu kẻ trước tiên loan truyền tin này và kẻ trước tiên nghe được tin này. Sau đó, tôi sẽ trở qua nước Anh tìm một chỗ nương thân và có lẽ tìm một việc làm bên cạnh ngài.

-Ô! Ông cứ trở lại đây, cứ trở lại đây đi!

-Nhưng khốn thay, thưa ngài, tôi chỉ biết có một mình ngài ở đây thôi, và có thể tôi sẽ không gặp lại được ngài nữa, hoặc ngài sẽ đã quên mất tôi trong cuộc sống vinh quang của ngài.

Monck trả lời: -Hãy nghe đây, ông d'Artagnan, ông là một người quý tộc nhã nhặn, đầy trí thông minh và lòng cam đảm, ông xứng đáng được hưởng mọi thứ trên thế gian này, hãy đến sống với tôi ở Scotland, và tôi xin thề với ông, tôi sẽ cho ông, trong đất phong của tôi, một địa vị mà bất cứ ai cũng phải thèm muốn.

-Ồ! Thưa ngài, trong lúc này thì không thể được. Trong lúc này tôi có một bổn phận thiêng liêng phải chu toàn, tôi phải lo bảo vệ danh tiếng của ngài, tôi phải ngăn cản không cho bất cứ kẻ vô lại nào làm hoen ố tên luổi ngài trước những người đương thời, và biết đâu, của hậu thế nữa.

-Của cả hậu thế nữa, thưa ông d'Artagnan?

-À nhất định rồi. Đối với hậu thế, mọi chi tiết của câu chuyện này đều cần phải được giữ bí mật, bởi vì ngài phải nhìn nhận rằng nếu câu chuyện tai hại về cái thùng gỗ thông được loan truyền đi, người ta sẽ nói rằng Ngài đã đưa Nhà vua lên ngôi không phải theo ý muốn tự do và chính trực của ngài mà là do một cuộc thương lượng ngầm giữa hai người ở Scheveningen. Dầu tôi có nói lên sự thật đã xảy ra thế nào cũng vô ích, người ta sẽ không tin tôi, người ta sẽ bảo rằng tôi đã nhận được phần bánh của tôi và tôi đang ăn.

Monck nhíu mày nói: -Vậy thì ông hãy về Pháp ngay đi, và để làm cho nước Anh trở nên gần gũi và thú vị hơn đối với ông, tôi xin tặng ông một món quà kỷ niệm. Trên bờ sông Clyde, tôi có một cái nhà nhỏ chung quanh có cây cối, một "cottage"[306] như người ta gọi nó ở đây. Cái nhà này nằm trên một miếng đất rộng năm mươi mẫu, xin ông hãy nhận cho.

-Ô! Thưa ngài – ông sẽ ở nơi đó như ở nhà riêng của ông, và đó sẽ là chỗ trú ẩn mà khi nãy ông đã nói với tôi.

-Thưa ngài, tôi đã chịu ơn của ngài nhiều quá! Sự thật, tôi cảm thấy rất xấu hổ!

-Không đâu, thưa ông, – Monck nói tiếp với một nụ cười tinh quái, – không đâu, chính tôi mới là kẻ chịu ơn ông!

Và ông siết tay người lính ngự lâm, nói: -Tôi sẽ bảo làm giấy tờ tặng ông.

Rồi ông bước ra.

D'Artagnan nhìn theo ông ta, vẻ mặt trầm tư pha lẫn xúc động. Ông nói: "Dầu sao, ông ta cũng có một con người tốt. Chỉ hơi buồn một chút khi nghĩ rằng ông ta đã hành động như thế vì sợ mình hơn là vì cảm mến. Nhưng mình muốn sự cảm mến sẽ đến với ông ta"!

Rồi sau một lúc suy nghĩ càng hơn: "Ồ! Cần gì điều đó? Ông ta là một người Anh mà"!

Bây giờ đến lượt ông bước ra, hơi bàng hoàng vì cuộc đấu trí vừa qua.

"Thế là mình trở thành chủ nhân của một vùng đất, – ông nói – Nhưng làm cách nào để chia nó cho Planchet? Trừ phi ta cho Planchet đất còn ta lấy toà lâu đài, hoặc anh ta lấy toà lâu đài, và ta. Nhưng không được đâu! Ông Monck sẽ không chấp nhận việc chia xẻ một ngôi nhà mà ông ta đã ở cho một chủ hiệu tạp hoá. Ông quá kiêu hãnh nên không thể chịu được điều này!

Hơn nữa, tại sao ta lại nghĩ đến việc này? Ta đã được ngôi nhà này không phải với tiền của công ty mà chỉ với trí thông minh của ta thôi; vậy nó hoàn toàn

là của ta. Thôi, bây giờ đi gặp Athos”.

Và ông đi về hướng nhà của Bá tước De La Fère.

§20. Làm cách nào d'Artagnan tính toán tiêu sản, tích sản của tổ hợp

Quả thật, – D'Artagnan tự nhủ, – vận may đã đến với ta.

Cái ngôi sao chỉ chiếu sáng trong cuộc đời của mỗi người một lần thôi, cái ngôi sao đã chiếu sáng cho Job và cho Trus, người Do Thái khốn khổ nhất và người Hy Lạp nghèo nhất, sau cùng đã vừa chiếu sáng cho ta. Ta sẽ không làm những việc tiêu phí điên rồ, ta sẽ biết lợi dụng vận may này. Nó đã đến với ta khá trễ khiến ta cần phải tỏ ra khôn khéo và thận trọng mới được.

D'Artagnan rất vui khi ăn bữa tối hôm ấy với ông bạn Athos, không tiết lộ gì về ngôi nhà và khu đất được cho, nhưng ông không thể ngăn mình hỏi bạn về những chuyện gieo trồng.

Athos trả lời bạn một cách sốt sắng, như mọi lúc. Ông nghĩ là d'Artagnan muốn trở thành chủ đất; tuy nhiên có lúc ông cảm thấy tiếc rằng không còn thấy tính hoạt bát và những câu nói dí dỏm khôi hài nơi người bạn vui tính trước kia. Quả vậy, khác hẳn với thường ngày, d'Artagnan rất ít nói, chỉ chăm chú lấy chút mỡ thừa còn dính lại trên đĩa vẽ vạch những hàng chữ số và làm những bài toán cộng tròn trịa thật đáng nể.

Tờ sắc, hay nói đúng hơn giấy phép lên tàu được gởi đến hai người vào buổi tối.

Trong khi Bá tước nhận giấy tàu, một người mang thư khác cho d'Artagnan một xấp nhỏ bằng những văn bản đầy những con dấu chứng nhận quyền sở hữu bất động sản trên đất Anh. Athos bắt gặp d'Artagnan đang lật những văn bản xác nhận sự chuyển nhượng quyền sở hữu. Ông Monck thận trọng – những kẻ khác có thể nói là ông Monck hào hiệp, đã biến đổi sự chuyển tặng thành một sự buôn bán, và xác nhận đã nhận số tiền mười lăm ngàn đồng là giá bán bất động sản.

Người mang giấy tờ đến đã về rồi mà d'Artagnan vẫn còn mải đọc và Athos vẫn mỉm cười nhìn ông. D'Artagnan liếc nhìn lên bắt gặp nụ cười của Athos nên vội vã nhét cả xấp giấu vào túi xách. Athos nói: -Xin lỗi.

Người phó quan ngự lâm quân trả lời: -Ô! Không có gì đâu, bạn thân mến, tôi muốn…

-Không, xin bạn đừng nói gì cho tôi biết hết, tờ sắc là thứ thiêng liêng mà kẻ nhận không được tiết lộ một lời nào cho đến cả anh em và cha mình nữa. Vì thế, tôi, kẻ nói với bạn như vậy và kẻ thương yêu bạn còn hơn cả anh em, cha và tất cả mọi người.

-Ngoại trừ Raoul của bạn?

-Tôi sẽ thương yêu Raoul nhiều hơn nữa khi nào nó trở thành một người lớn mang tính nết và hành động giống như tôi đã thấy nơi bạn, người bạn thân mến

của tôi.

-Vậy là bạn cũng nhận được một tờ sắc nữa, và bạn nhất định không cho tôi biết.

-Phải, d'Artagnan thân mến.

Chàng Gascon thở dài nói: -Đã có một thời, bạn sẵn sàng mở tờ sắc đó ra, đặt lên bàn và nói: "d'Artagnan, bạn hãy đọc cái tờ viết nguệch ngoạc này cho cả ba chúng ta, Porthos, Aramis và tôi cùng nghe".

-Đúng vậy. Ô, lúc đó là thời chúng ta còn trẻ, đầy tin tưởng, là thời mà chúng ta tuân theo lệnh của dòng máu hào hiệp bừng sôi tới mức đam mê!

-Này, Athos, bạn có muốn nghe tôi nói điều này không?

-Hãy nói đi, bạn thân mến.

-Cái thời đáng mến đó, cái mùa hào hiệp đó, cái thời ngự trị của máu nóng đó, tất cả những điều chắc chắn là rất đẹp đó, tôi không hề tiếc chúng chút nào: Cũng giống y như cái thời chúng ta còn đi học. Tôi vẫn thường gặp ở một nơi nào đó một anh chàng khờ dại ca tụng với tôi về cái thời của những bài chép phạt, những trận đòn roi, những miếng bánh mì cứng như đá thật kỳ lạ, tôi không bao giờ yêu mến cái thời đó, và mặc dầu rất hiếu động, ăn mặc rất giản dị (bạn biết rõ tôi lúc đó, Athos) tôi cũng vẫn thích những bộ đồ thêu của Porthos không kém hơn là chiếc áo ngài mỏng manh của tôi, chiếc áo để lọt vào da cơn gió lạnh mùa đông và ánh nắng của mùa hè. Bạn thấy không, tôi vẫn luôn luôn nghi ngờ kẻ làm ra vẻ thích sự cực khổ hơn sự sung sướng. Thế mà, thời quá khứ là thời tôi chỉ nếm toàn những nỗi cực khổ, thời mà mỗi tháng tôi thấy chiếc áo của tôi thủng thêm một lỗ, cái túi tiền của tôi mất bớt đi một đồng vàng. Về cái thời đáng ghét của những trò chơi chính trị đu đưa, tôi tuyệt đối chả tiếc cái gì hết, ngoại trừ tình bạn của chúng ta. Chỉ vì trong đó có một quả tim và thật là mầu nhiệm, quả tim tôi đã không bị khô cằn của chiếc áo ngoài, cũng như không bị những mũi gươm đủ loại xuyên qua da thịt, đâm cho tôi tan nát.

Athos nói: -Bạn đừng tiếc tình bạn của chúng ta, nó chỉ chết khi nào chúng ta không còn sống nữa. Tình bạn được hoàn thiện nhất là bởi những kỷ niệm và những thói quen, và nếu lúc nãy bạn có nói một lời chỉ trích nhẹ nhàng về tình bạn của tôi thì chỉ vì tôi đã ngần ngại không tiết lộ về sứ mạng của tôi ở Pháp. Ôi! bạn rất tốt và rất thân mến của tôi, bạn nên biết rằng từ nay về sau tôi chẳng còn thiết gì đến tất cả những sứ mạng trên thế gian này nữa!

Và ông siết chặt chiếc túi rộng lớn chứa các văn bản.

Athos đứng dậy và gọi chủ trọ để trả tiền. D'Artagnan nói: -Từ khi chúng ta là bạn, tôi không bao giờ phải trả một phần tiền ăn nào hết. Thường thường là Porthos, đôi khi là Aramis và bạn, gần như các bạn đã luôn luôn móc tiền túi ra trả. Bây giờ tôi giàu rồi, để tôi thử trả tiền, xem việc trả tiền có là một cử chỉ oai hùng không.

-Bạn trả đi, – Athos nói, và nhét lại túi tiền vào áo.

Sau đó, hai người đi về phía bến cảng, d'Artagnan không quên nhìn lại đằng sau để trông chừng việc chuyên chở những đồng tiền vàng yêu quý của ông.

Đêm tối vừa trải tấm màn dày đặc của nó trên mặt nước sông Tamise. Tiếng động của những thùng hàng hoá và những chiếc ròng rọc báo hiệu tàu đang chuẩn bị rời bến, – những tiếng động đã bao lần làm xao xuyến con tim của những người lính ngự lâm, dù là những nguy hiểm của biển cả không đáng kể gì so với những nguy hiểm mà họ sắp phải đương đầu. Lần này họ sẽ lên một chiếc tàu lớn đang chờ ở Gravescend, và Charles II. – luôn luôn để ý từng việc nhỏ, – đã cho đưa họ ra đấy trên một chiếc du thuyền của ông, cùng với mười hai binh sĩ trong đội cận vệ Scotland của ông, để tạo niềm vinh dự cho vị sứ thần mà Nhà vua phái sang Pháp. Vào lúc nửa đêm, chiếc du thuyền chuyển những hành khách của mình lên chiếc tàu lớn, và đến tám giờ sáng hôm sau, chiếc tàu lớn đã cho vị sứ thần và bạn ông ta lên bờ tại bến cảng Boulogne.

Trong khi Bá tước cùng với Grimaud lo chuẩn bị ngựa để đi thẳng về Paris thì d'Artagnan chạy ngay đến nhà trọ nơi đội quân nhỏ bé của ông đang chờ đợi, theo lệnh của ông.

Những người này đang dùng bữa sáng có sò huyết, cá và rượu mùi. Họ rất vui vẻ, nhưng chưa ai say đến độ vượt qua giới hạn của lý trí. Một tràng tiếng hoan hô vui mừng tiếp đón người chỉ huy. D'Artagnan nói: -Tôi đã về đây, chiến dịch chấm dứt rồi. Tôi đem đến cho mỗi người phần lương bổ túc mà tôi đã hứa.

Những cặp mắt đều sáng lên.

-Tôi cá rằng trong túi của kẻ giàu nhất trong các anh hiện giờ không có đến một trăm đồng louis.

Họ đồng thanh kêu lên: -Đúng vậy!

D'Artagnan nói: -Quý vị, đây là hiệu lệnh chót. Hiệp ước thương mại được ký kết nhờ cuộc tấn công đã giúp chúng ta bắt được nhà tài chính khôn khéo nhất của nước Anh; bởi vì bây giờ tôi phải tiết lộ cho các anh biết, người mà chúng ta bắt cóc đó là viên quản khố của Đại tướng Monck.

Chữ "quản khố" có tác động chút ít đến đội quân của ông.

D'Artagnan nhận thấy chỉ duy có đôi mắt của Menneville là không thấy biểu lộ sự tin tưởng hoàn toàn. Ông nói tiếp: -Tôi đã đem viên quản khố đến một xứ trung lập, xứ Hà Lan. Tôi bắt ông ta ký bản hiệp ước, tôi đích thân đem ông ta trở về Newcastle, và vì ông ta đã rất bằng lòng về những cách đối xử của chúng ta, vì cái thùng bằng gỗ thông được lót nệm và khiêng đi rất êm ái, cho nên tôi đã xin được ông ta cho các bạn một số tiền thưởng đây.

Ông ném một cái bao khá lớn lên tấm vải trải bàn. Tất cả đều tự động đưa tay ra. D'Artagnan nói: -Hãy chờ một chút đã, đám cừu non của tôi ạ, nếu có những lợi lộc được hưởng, cũng như những trách nhiệm phải lo.

-Ô! ô! – Cả toán xì xào – Này các bạn, chúng ta sẽ lâm vào một tình thế mà những kẻ không đầu óc sẽ rất khó đối phó. Tôi nói trắng đây: Chúng ta đang ở giữa cây cột treo cổ và nhà ngục Bastille đấy.

-Ô! ô! đám người lại kêu lên.

-Điều này rất dễ hiểu. – Cần phải giải thích thế nào với Đại tướng Monck về chuyện người quản khố của ông ta biến mất. Tôi phải chờ đợi đúng lúc may mắn sao vua Charles II, vốn là bạn của tôi, được trở lại ngôi báu.

Đoàn người đáp lại ánh mắt kiêu hãnh của d'Artagnan bằng ánh mắt vui mừng.

-Khi nhà vua lấy lại được ngai vàng, tôi trả lại cho ông Monck viên quản khố, hơi bị trầy trụa chút đỉnh, thật vậy, nhưng dầu sao tôi cũng trả lại rồi. Nhưng Đại tướng Monck, trong khi tha thứ cho tôi, đã kèm theo những lời này mà tôi yêu cầu mỗi người trong số các bạn hãy ghi sâu vào trong đầu mình: "Thưa ông, việc đùa này rất hay, nhưng bản tính của tôi không thích đùa cợt; nếu chỉ một lời nào về những điều ông đã làm (Menneville, ông hiểu chứ), thoát ra từ miệng ông hay từ miệng các bạn ông thì tôi có sẵn trong các xứ Scotland và Ireland dưới quyền tôi bảy trăm bốn mươi mốt cây cột treo cổ làm bằng gỗ sồi có lắp chốt sắt và tuần nào cũng được đánh mỡ bóng loáng. Tôi sẽ tặng cho mỗi người trong các ông một cây cột treo cổ đó, và ông hãy nhớ kỹ, ông d'Artagnan thân mến, ông ta nói tiếp, (và cũng xin ông Menneville nhớ kỹ) tôi hãy còn lại bảy trăm ba mươi cây để sử dụng khi nào tôi thích. Ngoài ra …"

-Ô! ô! Còn "ngoài ra" cái gì nữa?

Còn một điều khốn khổ nữa: "Thưa ông d'Artagnan, tôi gởi đến vua nước Pháp bản giao ước này kèm theo lời yêu cầu Nhà vua tạm thời bắt nhốt vào ngục Bastille rồi gởi sang đây cho tôi tất cả những kẻ đã tham dự vào cuộc bắt cóc. Lời yêu cầu này chắc chắn Nhà vua sẽ chấp nhận đấy".

Những tiếng kêu kinh hãi phát ra từ một góc bàn.

D'Artagnan nói: -Ờ! ờ! Nhưng ông bạn Monck đã quên mất một điều là ông ta không biết tên của một ai trong các bạn, chỉ mình tôi biết và tôi không phải là người phản các bạn, các bạn thừa biết điều đó. Về phía các bạn, tôi không nghĩ rằng các bạn không quá dại dột đến độ tự mình tố cáo mình, bởi vì lúc đó, để khỏi tốn tiền nuôi các bạn ăn ở trong tù. Nhà vua sẽ gởi các bạn sang Scotland, đang có bảy trăm bốn mươi mốt cây cột treo cổ chờ đợi sẵn. Đó là tất cả những gì các bạn cần phải biết rõ và nhớ kỹ. Và bây giờ, tôi không còn điều gì phải nói thêm nữa. Tôi chắc là các bạn hiểu đầy đủ, phải không, ông Menneville?

Anh này trả lời: -Rất đầy đủ.

D'Artagnan nói: -Bây giờ đến lượt những đồng louis vàng? Đóng các cửa lại.

Ông mở một cái bao trên bàn ra làm nhiều đồng tiền vàng xinh đẹp lăn xuống đất. Mỗi người vội nhổm dậy, cúi xuống sàn nhà, d'Artagnan kêu lên: -Khoan đã!

Đừng một ai cúi xuống lượm để tôi đếm lại cho đủ.

Và quả thật ông đếm đủ số tiền rồi đưa mỗi người năm mươi đồng louis xinh đẹp, và nhận được những lời cầu chúc cũng bằng với số đồng vàng ông đã cho.

D'Artagnan nói: -Bây giờ, nếu các bạn làm lại cuộc đời để trở thành những nhà trưởng giả tốt bụng và lương thiện.

-Khó quá! – Một kẻ nói.

Một kẻ khác hỏi: -Nhưng tại sao cần phải thế, ông trưởng?

-Ấy là vì tôi có thể sẽ gặp lại các bạn, và biết đâu thỉnh thoảng sẽ tặng thêm các bạn một món quà bất ngờ nào đó.

Ông ra dấu cho Menneville lúc này đang ngồi nghe tất cả những diều ông nói với vẻ mặt không được tự nhiên lắm.

Menneville đi theo ông, trong khi những tiếng chào của dám thuộc hạ hoà lẫn với tiếng kêu êm tai của những dồng tiền vàng chạm vào nhau trong túi họ.

Khi đã ra đến ngoài đường, d'Artagnan nói: -Menneville, vừa rồi anh không bị gạt, tôi thấy anh có vẻ không sợ những cây cột treo cổ của Monck cũng như ngục Bastille của Hoàng đế Louis XlV, nhưng tôi yêu cầu anh hãy sợ tôi. Này! Nghe đây: Chỉ cần một lời tiết lộ của anh thôi, tôi sẽ giết anh như cắt tiết gà. Tôi sẵn có trong túi lời tha tội của Đức Giáo hoàng đây này.

-Tôi bảo đảm với ngài rằng tôi tuyệt đối không biết gì hết, ngài d'Artagnan thân mến ạ.

Người lính ngự lâm nói: -Tôi biết anh là một người thông minh, tôi chú ý nhận xét anh từ hai mươi lăm năm nay rồi. Tôi cho anh thêm năm mươi đồng vàng nữa, điều này chứng tỏ tôi rất trọng anh. Cầm lấy đi.

Menneville nói: -Cám ơn ngài d'Artagnan.

D'Artagnan đáp lại bằng một giọng thật nghiêm trang: -Với số tiền này anh có thể thật sự trở thành một người đàng hoàng. Thật là xấu hổ để cho một đầu óc như của anh và một cái tên mà anh không còn dám mang nữa, phải bị vĩnh viễn xoá bỏ bởi một cuộc sống xấu xa. Hãy trở nên một con người lịch sự. Menneville, và hãy sống an nhàn một năm với số một trăm đồng tiền vàng này, số tiền khá lớn đấy: gấp đôi tiền lương của một sĩ quan cao cấp. Trong một năm nữa, hãy đến tìm tôi, và chán quá, tôi sẽ làm cho anh trở thành một con người đáng giá.

Menneville thề, cũng như các bạn anh ta rằng anh ta sẽ giữ kín miệng.

Tuy nhiên hẳn là phải có một kẻ nào đã nói ra, và vì chắc chắn không phải chín người lính kia, cũng như chắc chắn không phải là Menneville, hẳn phải là chính d'Artagnan, – chàng Gascon vốn có cái lưỡi không bao giờ chịu ở yên. Bởi vì nếu không phải là ông ta thì là ai? Và làm sao có thể giải thích việc câu chuyện bí mật của chiếc thùng gỗ thông có khoét lỗ được chúng tôi biết một cách rất đầy đủ, để có thể kể lại cho bạn đọc nghe đến những chi tiết sâu kín nhất của nó,

những chi tiết rọi một ánh sáng vừa mới mẻ vửa bất ngờ vào tất cả phần này của lịch sử nước Anh mà cho đến nay các sử gia đồng nghiệp của chúng ta vẫn còn bỏ quên nó trong bóng tối?

Sau khi đã thanh toán xong tiền bạc và dặn dò kỹ lưỡng đám binh sĩ thuộc hạ, d'Artagnan chỉ còn nghĩ đến việc trở về Paris càng nhanh càng tốt. Về phần Athos, ông này cũng nôn nóng muốn trở về nhà để nghỉ ngơi một chút. Sau những mệt nhọc của chuyến đi, người lữ khách nào cũng vui mừng nhận thấy sau buổi chiều tàn, mặc đầu ngày đó rất đẹp, đêm tối sẽ đem đến một giấc ngủ ngon lành. Vì thế, từ Boulogne về Paris, hai người bạn cưỡi ngựa đi bên nhau, mỗi người theo đuổi những ý tưởng riêng tư của mình. Họ rất ít nói chuyện với nhau, chỉ lo thu ngắn đoạn đường dài bằng cách thúc ngựa đi thật nhanh. Bốn ngày sau khi họ rời Boulogne, Athos và d'Artagnan về đến Paris. Athos hỏi: -Bạn đi về đâu, bạn thân mến? – Tôi, tôi đi thẳng về nhà trọ.

-Còn tôi, tôi đi thẳng về nhà người hùn vốn với tôi.

-Nhà của Planchet à?

-Phải ở quán Đùi gà vàng.

-Dĩ nhiên là chúng ta sẽ gặp lại nhau chứ?

-Ừ, nếu bạn ở lại Paris; vì tôi ở lại đây.

-Không. Sau khi hôn Raoul theo như đã hẹn gặp tại nhà trọ, tôi sẽ đi ngay về La Fère.

-Vậy thì xin từ giã bạn người bạn thân mến tuyệt vời của tôi – Tôi không hiểu tại sao bạn không đến ở với tôi tại Blois.

Bây giờ bạn được tự do và bạn giàu rồi, nếu bạn muốn, tôi sẽ mua cho bạn một miếng đất rất đẹp trong vùng Chevemy hoặc trong vùng Bracieux. Một bên, bạn sẽ có những rừng cây đẹp nhất thế giới, tiếp giáp với rừng Chamberd; bên kia, những ao đầm tuyệt vời. Bạn là một người thích săn bắn, và dầu muốn dầu không, cũng có tâm hồn thi sĩ, bạn sẽ có chim trĩ, gà nước và le le, không kể những buổi hoàng hôn và những cuộc đi dạo bằng thuyền có thể làm ước mơ cả Nemrod[307] và Apollon[308]. Trong khi chờ đợi, bạn sẽ ở tại La Fère với tôi, và chúng ta sẽ cùng đi bắt chim chích choè trong những vườn nho, như vua Loui XIII đã từng làm. Đó là một thú vui khôn ngoan đối với những kẻ lớn tuổi như chúng mình.

D'Artagnan nắm tay Athos, nói: -Bá tước thân mến, tôi chưa trả lời với bạn rằng ừ hay không. Để cho tôi ở lại Paris một thời gian để giải quyết tất cả công việc của tôi và làm quen dần với ý nghĩ đang chói loà trong đầu óc tôi. Bạn thấy không. Bây giờ tôi giàu rồi, và trong thời gian từ đây cho đến lúc tôi quen thuộc được với sự giàu có, tôi biết tôi sẽ là một con vật rất khó chịu. Thế nhưng, tôi không muốn tỏ ra thiếu tế nhị trước một người bạn như bạn. Athos à, chiếc áo rất

đẹp, chiếc áo được nạm vàng lộng lẫy, nhưng nó còn mới quá và các nếp gấp làm cho tôi khó chịu.

Athos mỉm cười nói: -Tuỳ ý bạn. Nhưng chiếc áo đó, d'Artagnan thân mến, bạn có muốn tôi cho bạn một lời khuyên không?

-Ồ! Rất muốn.

-Bạn sẽ không giận nhé!

-Nào, bạn!

-Khi sự giàu có đến với một người quá trễ và bất ngờ, người đó, vẫn không thay đổi, phải tỏ ra hà tiện, nghĩa là không tiêu xài nhiều hơn số tiền mà trước kia anh ta có, hoặc anh ta lại tiêu xài hoang phí, và mắc nợ quá nhiều khiến anh ta trở lại nghèo như cũ.

-Ồ, nhưng điều mà bạn nói đó nghe như nguỵ biện quá, ông triết gia thân mến của tôi ơi.

-Tôi không nghĩ như thế. Bạn có muốn trở thành kẻ hà tiện không?

-Dĩ nhiên là không? Trước kia tôi đã hà tiện rồi, vì tôi chẳng có gì hết.

-Vậy thì bạn hãy ăn xài lớn đi.

-Tôi lại càng không muốn nữa. Chán quá? Nợ nần làm cho tôi kinh sợ. Nhìn những tay chủ nợ, tôi tưởng tượng họ giống như những tên quỷ sứ đang nướng tội nhân, và vì sự nhẫn nhục không phải là đức tính lớn nhất của tôi nên tôi luôn luôn muốn cho những tên quỷ sứ một trận đòn nên thân.

-Tôi biết bạn là người khôn ngoan nhất và bạn không cần ai khuyên hết. Kẻ nào tưởng họ có thể dạy bạn được điều gì, kẻ đó thật là điên rồ? Nhưng phải chăng chúng ta đến đường Saint-Honoré rồi?

-Phải, Athos thân mến.

-Bạn hãy nhìn, bên tay trái, cái nhà nhỏ, dài và màu trắng kia, đó là nhà tôi ở trọ. Nó chỉ có hai tầng thôi. Tôi ở tầng dưới, tầng kia do một sĩ quan mướn, ông này năm nào cũng vắng mặt từ tám đến chín tháng vì bận công vụ, thành ra tôi ở trong nhà trọ này như ở trong nhà riêng của tôi, trừ việc phải trả tiền nhà thôi.

-Ồ! Athos! Bạn biết sắp xếp chỗ ở của bạn thật hay, thật ngăn nắp rộng rãi? Tôi cũng muốn được như bạn vậy. Nhưng biết làm sao được, đó là tính bẩm sinh, và không phải ai muốn có cũng được.

-Đồ nịnh! Thôi, xin từ giã, bạn thân mến. Nhân tiện, cho tôi gởi lời thăm anh chàng Planchet, anh ta vẫn luôn luôn là một con người đầy khôn ngoan đấy chứ?

-Và đầy lòng tốt nữa, Athos, từ giã bạn!

Họ chia tay nhau.

Trong khi nói chuyện, d'Artagnan vẫn không rời mắt canh chừng một con ngựa thồ mang những chiếc giỏ trong đó có những cái bao giấu dưới cỏ khô.

Chuông nhà thờ ở Saint Merri điểm 9 giờ; những người giúp việc cho Planchet đang đóng cửa tiệm.

D'Artagnan bảo người dẫn con ngựa thồ dừng lại ở góc đường Lombards, dưới một cái chái, và gọi một người giúp việc của Planchet ra canh chừng không những hai con ngựa, mà luôn cả người dẫn ngựa. Ông chủ quán vừa ăn tối xong, và đang lo lăng nhìn tấm lịch trên đó mỗi buổi tối ông ta gạch bỏ một ngày vừa qua. Đúng lúc theo thói quen hàng ngày, Planchet vừa thở dài vừa gạch bỏ thêm một ngày nữa, thì d'Artagnan bước vào va những chiếc đinh thúc ngựa vào ngưỡng cửa. Planchet kêu lên: -Ô! Chúa ơi!

Người thương gia đáng kính không thể nói thêm được gì hơn: anh ta vừa trông thấy bóng dáng người bạn hùn vốn với mình.

D'Artagnan bước vào, lưng khom xuống và đôi mắt buồn bã. Chàng Gascon đang có một ý định đối với Planchet.

"Chúa ơi! Ông ấy có vẻ buồn rầu" – người thương gia nhìn d'Artagnan thầm nghĩ.

Người lính ngự lâm ngồi xuống, Planchet nói, tim đập thình thịch vì lo sợ: -Ngài d'Artagnan thân mến, thế là ngài đã trở về rồi!

-Ngài có mạnh khỏe không?

D'Artagnan thở một hơi dài: -Khá, khá mạnh, Planchet ạ.

-Chắc ngài không bị thương chứ?

-Ờ!

Planchet nói tiếp, nỗi lo lắng càng lúc càng tăng: -À! Tôi hiểu chuyến đi rất gian truân, phải không?

D'Artagnan đáp: -Phải.

Planchet ớn lạnh cả mình. Người lính ngự lâm ngẩng đầu lên, vẻ mặt thiểu não: -Tôi thèm một ly rượu lắm.

Planchet chạy đến tủ rượu và rót cho d'Artagnan một ly lớn, d'Artagnan nhìn chai rượu, hỏi: -Loại rượu nho gì vậy?

Planchet đáp: -Thưa ngài loại mà ngài thích nhất, loại rượu nho Anjou ngon tuyệt.

D'Artagnan cười buồn: -Ồ, bạn Planchet đáng thương của tôi, tôi có còn nên uống rượu ngon nữa không?

-Nào, ông chủ thân mến của tôi – Planchet cố gắng phi thường để thốt lên lời trong khi tất cả những bắp thịt co thắt lại, vẻ tái nhợt và sự run rẩy của anh ta biểu lộ một nỗi lo âu tột độ.

-Nào, tôi đã từng là lính, tôi không thiếu can đảm đâu; vậy xin ngài đừng để tôi phải mỏi mòn chờ đợi. Ngài d'Artagnan thân mến: tiền của chúng ta mất toi hết rồi phải không?

D'Artagnan để một thời gian hoãn trả lời mà người chủ quán đáng thương tưởng chừng như là một thế kỷ. Nhưng anh ta chỉ có cách day trở trên ghế thôi.

D'Artagnan gật gù nói một cách chậm chạp: -Và nếu đúng như vậy thì bạn sẽ nói sao, hỡi người bạn đáng thương của tôi?

Nét mặt của Planchet chuyển từ màu tái nhợt sang màu vàng. Người ta có thể tưởng anh ta sắp nuốt chửng cả cái lưỡi của mình, vì cổ họng anh ta phồng lên và đôi mắt đỏ chạch. Anh ta lẩm bẩm: -Hai mươi ngàn đồng! Hai mươi ngàn đồng…

D'Artagnan vươn cổ ra, chân duỗi dài, tay buông thõng, trông giống như pho tượng của thần Buồn nản. Một tiếng thở dài đau đớn thoát ra từ những hang hốc sâu thẳm nhất trong lồng ngực của Planchet. Anh ta nói: -Thôi, tôi hiểu rồi. Chúng ta hãy tỏ ra dũng cảm. Hết tất cả rồi, phải không? Điều chính yếu, thưa ngài, ngài còn mạng sống là được rồi.

-Dĩ nhiên, dĩ nhiên, mạng sống là cái gì quý giá nhưng trong lúc đó thì tôi đã tiêu tan cả sản nghiệp rồi.

Planchet nói: -Chúa ơi! Thưa ngài, nếu như vậy, xin ngài cũng đừng nên tuyệt vọng. Ngài sẽ buôn tạp hoá chung với tôi, hai chúng ta làm ăn chung với nhau; chúng ta sẽ chia nhau tiền lời, và khi không còn tiền lời nữa thì chúng ta chia nhau hạnh nhân, nho khô, ô mai và chúng ta sẽ cùng gặm chung với nhau miếng pho mát Hà Lan cuối cùng.

D'Artagnan không thể kéo dài vở kịch lâu hơn nữa. Ông cảm động kêu lên: -Chán quá, Planchet, anh thật là một người tốt bụng? Này anh không đóng kịch đấy chứ? Anh không trông thấy con ngựa có mang những cái bao dưới cái chái ngoài đường kia đó sao?

-Con ngựa nào? Những cái bao nào? – Planchet hỏi, tim anh ta thắt lại với ý nghĩ d'Artagnan đã điên rồi.

D'Artagnan đáp, gương mặt rạng rỡ, hoàn toàn khác hẳn với lúc nãy: -Ồ chán quá! Những cái bao đem về từ bên nước Anh đó.

Planchet thụt lùi bước đôi mắt sáng rực như lửa của d'Artagnan và nghẹn ngào thốt lên: -Ô! Lạy Chúa!

D'Artagnan kêu lên: -Đồ khốn, bộ anh tưởng ta điên sao! Chúa ơi! Trái lại, chưa bao giờ đầu óc ta tỉnh táo và lòng ta vui vẻ hơn lúc này. Cho mang những cái bao vào đây. Planchet, những cái bao!

-Nhưng Chúa ơi! Những cái bao nào?

D'Artagnan đẩy Planchet đến cửa sổ và bảo: -Dưới cái chái đàng kia, anh có thấy một con ngựa không? Anh có thấy lưng nó vướng nặng kềnh càng không?

-Thấy thấy.

-Anh có thấy một người giúp việc của anh đang nói chuyện với người dẫn ngựa không?

-Phải, phải, có thấy.

-Này? Anh biết tên của người giúp việc của anh, hãy kêu cậu ta đi.

Planchet hét qua cửa sổ: -Abdon! Abdon!

D'Artagnan nhắc nhở: -Dẫn con ngựa đến dây.

Planchet lại hét lên: -Dẫn con ngựa đến đây?

D'Artagnan nói với giọng như thể đang chỉ huy một cuộc dượt binh: -Bây giờ, cho người dẫn ngựa mười đồng, hai cậu giúp việc mang hai cái bao đầu tiên lên, hai cậu kia mang hai cái bao còn lại, và nhanh lên, chán quá, hăng hái lên!

Planchet lao mình theo các nấc thang giống như là bị quỷ rượt.

Một lát sau, tốp người trẻ tuổi leo lên cầu thang, thân hình khòm xuống dưới sức nặng của những cái bao. D'Artagnan bảo họ đi ngủ, cẩn thận đóng kín cửa lớn lại, và ngỏ lời với Planchet, bây giờ lại đang ngẩn ngơ như người điên: -Nào, bây giờ hai chúng ta vào việc đi.

Và ông trải xuống đất một tấm mềm lớn, dốc cái bao đầu tiên lên đó. Planchet cũng làm như vậy với cái bao thứ nhì; rồi d'Artagnan, run run, dùng dao chọc thủng cái bao thứ ba.

Khi Planchet nghe tiếng động đầy kích thích của vàng và bạc, khi ông ta thấy những đồng tiền vàng lấp lánh tuôn ra khỏi bao như cá ra khỏi lưới, như một cơn nước lớn cứ dâng lên mãi cho đến khi ngập tới bắp chân của mình, anh bỗng cảm thấy đầu óc choáng váng, quay cuồng như một người bị sét đánh và cả thân hình nặng nề rơi đánh ầm lên các đồng tiền bạc.

Planchet bất tỉnh vì vui mừng đến nghẹt thở. D'Artagnan bèn đổ ly rượu trắng lên mặt khiến anh ta tỉnh lại ngay.

Planchet đưa tay chùi hàm râu của mình, kêu lên.

-Ôi! Chúa ơi! Ô! Chúa ơi!

D'Artagnan nói: -Chán quá! Thưa ông bạn hùn vốn với tôi, ông được một trăm ngàn đồng. Ông hãy vui lòng lấy phần của ông ra; còn tôi sẽ lấy phần của tôi.

-Ồ! Số tiền kếch sù, thưa ngài d'Artagnan, một số tiền kếch sù?

D'Artagnan nói: -Cách đây nửa giờ, ta có ý hơi tiếc phải chia cho anh số tiền đó; nhưng bây giờ, ta không còn tiếc nó nữa, vì anh là một chủ tiệm tạp hoá tốt bụng. Planchet ạ. Chúng ta hãy thanh toán tiền bạc một cách sòng phẳng, bởi vì người ta thường nói sòng phẳng với nhau thì sẽ trở thành người bạn tốt của nhau.

-Ồ! Trước hết xin ngài hãy kể cho tôi nghe tất cả câu chuyện, chắc là hấp dẫn hơn tiền bạc nhiều!

D'Artagnan vuốt vuốt hàm ria mép trả lời: -Ta không từ chối đâu, và nếu có nhà viết sử nào đến nhờ ta cung cấp cho ông ta những sự kiện, ông ta có thể nói ràng mình đã không đi lầm chỗ. Vậy Planchet lắng nghe ta kể đây.

Planchet nói: -Và trong khi đó, tôi sắp tiền lại thành từng chồng. Hãy bắt đầu đi, ông chủ thân mến của tôi.

D'Artagnan cố sức lấy hơi nói: -Như vầy!

Và Planchet đưa nắm tiền vàng thứ nhất nói: -Như vầy!

“D’Artagnan bằng lòng đảm nhiệm lại chức vụ phó quan ngự lâm quân, liền được Nhà vua trao cho một nhiệm vụ bí mật mà nếu thành công thì hy vọng sẽ được thăng thưởng làm chưởng quan.

Đó là nhiệm vụ đi đến Belle Isleen Mer, lãnh địa của Tổng giám tài chính Fouquet, để quan sát những thành luỹ mà ông này đã cho xây lên ở đó. Theo lời khuyên của Cobler[309], Louis đâm nghi viên tổng giám tài chính quá giàu mạnh mà Nhà vua ngờ là tham nhĩng và có tham vọng nguy hiểm.

Vừa rồi, hai nhà tài chính, bạn thân của Fouquet, tên Lyodot và d’Eymens, bị Colbert bắt đưa ra toà và bị kết án treo cổ vì tội tham nhĩmg. Anh của Tổng giám Fouquet, cha xứ Fouquet, và Gourville, một kẻ thân tín của viên tổng giám, đang tìm cánh cứu hai tử tội.

§21. Kế hoạch chiến đấu

Khi cha xứ Fouquet đến nhà của em mình thì đêm đã quá khuya. Gourville cùng đi với ông ta. Bà người này, sạm mặt trước những biến cố sắp đến, trông giống như ba kẻ mưu phản cùng chung một ý nghĩ dùng bạo lực hơn là ba nhân vật đầy quyền thế lúc ban ngày.

Tổng giám Fouquet đi đi lại lại rất lâu, mắt nhìn đăm đăm xuống xàn nhà, hai bàn tay xoa vào nhau.

Sau cùng, ông thu hết can đảm nói giữa tiếng thở dài: -Này ông cha xứ, ông vừa nói với tôi về một số người mà ông đang cấp dưỡng phải không?

-Thưa ông phải.

-Những người đó thật ra là những người thế nào?

Người giáo sĩ ngần ngại.

-Này! Đừng có sợ hãi, tôi không đe doạ đâu, nhưng cũng đừng khoác lác vì tôi không đùa đâu.

-Vì ông tổng giám muốn biết sự thật thì đây là sự thật: Tôi có một trăm hai mươi người rất trung thành với tôi.

-Và ông có thể tin tưởng vào họ không?

-Trong tất cả mọi việc.

-Và ông sẽ không bị nghi ngờ vì những việc làm của họ phải không?

-Tôi sẽ không cần phải ra mặt gì hết.

-Họ có cương quyết không?

Họ dám đốt cả thành phố Paris nếu tôi hứa với họ rằng họ sẽ không bị đốt.

Fouquet chùi những giọt mồ hôi trên mặt ông ta, và nói: -Điều mà tôi yêu cầu cha xứ là cho một trăm hai mươi người của ông tấn công vào những kẻ mà tôi sẽ chỉ cho ông biết, vào một lúc nào đó, được không?

-Chẳng phải là lần đầu họ làm một việc như thế đâu!

-Được lắm, nhưng bọn cướp đó có dám tấn công quân đội không?

-Đó là thói quen của họ.

-Vậy thì hãy tập họp một trăm hai mươi người đó lại đi, ông cha xứ ạ.

-Được! Tập họp ở đâu?

-Trên đường đi Vincennes, đúng hai giờ chiều mai.

-Để giải thoát cho Lyodot và d'Eymeris?

-Phải, ông có sợ không?

-Không sợ cho tôi, nhưng cho ông.

-Những người của ông có biết rõ những gì họ làm không?

-Họ quá thông minh, nên đoán biết không mấy khó. Tuy nhiên một tổng giám nổi loạn chống lại Nhà vua của mình, e sẽ gặp nhiều nguy hiểm.

-Điều đó có quan trọng gì đối với ông, nếu tôi trả tiền đủ? Với lại, nếu tôi bị hạ thì ông cũng sẽ bị hạ với tôi.

-Vậy thì có lẽ ta nên thận trọng đừng rục rịch gì hết và cứ để yên cho Nhà vua được chút thoả mãn nhỏ bé đó.

-Ông nên nghĩ đến điều này, rằng Lyodot và Eymeris bị hành hình là mở màn cho sự sụp đổ của gia đình mình. Tôi nhắc lại điều này: Tôi bị bắt là ông sẽ đi ở tù, và tôi bị ở tù là ông sẽ bị lưu đày.

-Ông tổng giám, tôi sẵn sàng theo lệnh của ông. Ông có lệnh nào cho riêng tôi không?

-Tôi đã nói với ông rồi đó! Tôi muốn rằng ngày mai hai nhà tài chính mà người ta muốn xử tội, trong khi có vô số tên tội phạm không bị xử phạt, phải được giải thoát khỏi bàn tay những kẻ thù của tôi. Vậy ông hãy dùng những biện pháp thích hợp. Có thể được không?

-Được – Hãy cho tôi biết kế hoạch của ông.

-Rất giản dị. Thường thường, toán quân có nhiệm vụ bảo vệ những cuộc hành quyết gồm có mười hai cung thủ.

-Ngày mai toán quân này sẽ lên đến một trăm người.

-Tôi đã nghĩ đến điều này; tôi nói còn nhiều hơn nữa, sẽ có đến hai trăm người.

-Như vậy một trăm hai mươi người của ông không đủ phải không?

-Xin lỗi. Trong đám đông gần một trăm ngàn công chúng đi xem, có mười ngàn tên cướp hay tên cắt túi tiền; nhưng họ không dám có ý kiến.

-Vậy thì sao?

-Vậy ngày mai ở quảng trường Grève, nơi tôi chọn làm chỗ tấn công, sẽ có một ngàn người phụ lực cho một trăm hai mươi người của tôi. Cuộc tấn công do những người của tôi khởi đầu sẽ được họ tiếp tay kết thúc.

-Tốt lắm! Nhưng các ông sẽ hành động như thế nào đối với hai tù nhân ở quảng trường?

-Như vầy: Chúng tôi sẽ cho đưa hai tù nhân đó vào một ngôi nhà ở quảng trường; ở nơi đó họ sẽ được bảo vệ kỹ lưỡng.

-À, còn một ý định khác hay hơn nữa: Một số nhà có hai ngõ ra, một ngõ ra quảng trường, ngõ kia ra phố Chí Tử, hay phố Hàng Đan hay phố Hàng Dệt. Các tù nhân, được đưa vào bằng ngõ này, sẽ thoát ra bằng ngõ kia.

-Nhưng ông phải quyết định chi tiết cụ thể chứ!

-Tôi đang tìm.

Fouquet lêu lên: -Còn tôi, tôi đã tìm ra rồi. Ông hãy nghe kỹ điều tôi vừa nghĩ ra đây.

-Tôi xin nghe.

Fouquet ra hiệu cho Gourville; anh ta có vẻ hiểu.

-Một người bạn của tôi thỉnh thoảng cho tôi mượn chìa khoá của một ngôi nhà anh ta mướn ở đường Baoudoyr, nhà có những khu vườn rộng rãi nằm đằng sau một ngôi nhà ở quảng trường.

Cha xứ nói: -Đúng cho công việc của chúng ta rồi. Ngôi nhà nào vậy?

-Một cái quán khá đông khách, mà bảng hiệu có mang hình Đức Bà.

Giáo sĩ nói: -Tôi biết.

-Cái quán đó có cửa sổ nhìn ra phía quảng trường, một lối đi ra sân ăn thông với những khu vườn của bạn tôi qua một cái cửa lớn.

-Tốt lắm!

-Các ông hãy đưa hai người từ vào quán này rồi cho bảo vệ cửa ra vào trong khi đưa họ trốn qua khu vườn ra quảng trường Baudoyer.

-Kế hoạch này thật hay, ông có thể làm một đại tướng xuất sắc như ngài Hoàng thân.

-Ông hiểu chưa?

-Đầy đủ

-Ông cần bao nhiêu tiền để cho những tên cướp của ông nhậu say và thoả mãn lòng tham của họ?

-Ô! Ông tổng giám, ông nói gì vậy! Nếu họ nghe được lời của ông nói, một số người trong bọn họ rất dễ giận đấy.

-Ý tôi muốn nói là ông phải làm sao cho họ không còn phân biệt trời đất gì nữa hết, bởi vì ngày mai tôi sẽ chiến đấu chống lại Nhà vua; và một khi tôi đã chiến đấu là tôi phải chiến thắng, ông hiểu không?

-Tôi sẽ làm theo lời dặn của ông. Xin cho thêm những ý kiến khác.

-Ông tự lo lấy đi.

-Vậy thì xin ông mở hầu bao.

-Gourville, đếm một trăm ngàn cho ông cha xứ.

-Tốt lắm và chúng tôi sẽ hành động không nương tay gì hết, phải không?

-Không nương tay gì hết.

-Tốt lắm!

Gourville dè dặt phản đối: -Thưa ngài, nếu điều này bị tiết lộ thì chúng ta sẽ mất đầu.

Fouquet trả lời, mặt tím đi vì giận: -Ồ! Gourville, anh thật đáng tội nghiệp; nên để dành câu nói đó cho anh. Còn cái đầu của tôi vẫn vững chắc trên cổ. Nào, ông cha xứ đồng ý hết rồi chứ?

-Đồng ý rồi.

-Lúc mười hai giờ trưa, bởi vì bây giờ cần phải bí mật chuẩn bị trước những người phụ lực cho chúng ta.

-Cứ cho họ uống hết rượu của ông chủ quán.

Người giáo sĩ cười nhạo: -Tôi sẽ làm cho ông chủ quán không còn một giọt rượu mà cũng chẳng còn luôn cả cái nhà nữa. Tôi có kế hoạch của tôi, hãy để tôi bắt tay vào việc, rồi ông sẽ thấy.

-Ông sẽ đứng ở đâu?

-Ở khắp nơi, và không ở nơi nào hết.

-Tôi sẽ được thông báo tin tức bằng cách nào?

-Có người liên lạc, anh ta cột ngựa ngay trong khu vườn của người bạn ông. Bây giờ tôi đi báo cho các người lính của tôi hay.

Fouquet nói: -Gourville, anh hãy đi theo ông cha xứ và đếm tiền cho ông ấy. Khoan đã, ông cha xứ. Hãy khoan, Gourville. Chúng ta sẽ làm cuộc giải thoát tù này dưới hình thức nào?

-Rất giản dị, thưa ông. Một cuộc nổi loạn.

-Nổi loạn vì lý do gì? Bởi vì, dân chúng Paris mà ủng hộ Nhà vua, thì chỉ trong trường hợp ông cho treo cổ những nhà tài chính thôi.

Ông cha xứ nói: -Tôi sẽ sắp xếp việc này.

-Phải, nhưng ông sắp xếp không nên thì người ta sẽ đoán ra được.

-Không đâu, không đâu. Tôi hãy còn một ý nữa.

-Nói đi.

-Những người của tôi sẽ hô to lên: "Colbert! Hoan hô Colbert!" và họ sẽ xông vào hai người tù như để chém họ ra từng mảnh và không cho họ chịu hình phạt treo cổ, quá nhẹ đi.

Gourville nói: -À! Đúng là một ý kiến rất hay. Đồ mắc dịch! Cha xứ ạ, ông thật giàu trí tưởng tượng?

Ông cha xứ kiêu hãnh trả lời: -Thưa ông, chúng tôi rất xứng đáng cùng một dòng họ với ông tổng giám.

-Thật là lạ! – Fouquet nhủ thầm.

Rồi ông ta nói tiếp: -Ý kiến hay đấy? Ông hãy làm đi và cố gắng đừng gây đổ máu.

Gourville và ông giáo sĩ cùng hối hả ra đi.

§22. Quán Hình ảnh Đức Bà

Lúc hai giờ chiều ngày hôm sau, năm mươi ngàn khán giả đã dứng đông nghẹt ở quảng trường, chung quanh hai cây cột treo cổ dựng lên giữa bến Grève và bến Pelletier cái này sát bên cái kia, dựa lưng vào thành bờ sông.

Từ sáng sớm, tất cả những người có nhiệm vụ chính thức loan tin trong thành phố Paris đã đi khắp các khu phố, nhất là những khu chợ và khu ngoại ô, thông báo bằng giọng vang rền không mệt mỏi của họ tin Nhà vua cho thi hành công lý đối với hai tên tham nhũng, hai tên ăn cắp của công làm cho dân chúng đói khổ. Và dân chúng, mà quyền lợi được Nhà vua bênh vực một cách nồng nhiệt như vậy, đã rời cửa tiệm, gian hàng và cơ xưởng để đi bày tỏ một chút lòng biết ơn đối với Louis XIV, giống như những người khách được mời sợ mình tỏ ra vô lễ nếu không đi đến nhà của kẻ đã mời mình.

Theo nội dung của sắc lệnh được những người loan tin đọc lớn cho dân chúng nghe thì hai kẻ thâm lạm tiền bạc của Nhà vua, lạm dụng quyền thế và làm bạc giả sẽ bị xử tử hình ở quảng trường Grère, "với tên của chúng dán lên đầu" – sắc lệnh nói như thế.

Nhưng sắc lệnh không hề nhắc đến những cái tên.

Sự tò mò của người dân Paris lên đến tột độ, và như chúng tôi đã nói, một đám công chúng đông nghẹt đang nóng ruột đứng chờ đợi giờ được ấn định cho cuộc hành hình. Có tin lan truyền rằng hai người tù đã được chuyển đến lâu đài Vincennes, sẽ được đưa từ nhà ngục này đến quảng trường Grère. Do đó khu ngoại ô và con đường Saint Antoine tràn ngập những người đi xem, bởi vì dân chúng Paris, trong những ngày có tử tội bị hành hình, được chia thành hai hạng người: những người muốn nhìn thấy tử tội đi qua – đây là những người nhút nhát, hiền lành, nhưng có đầu óc hiếu kỳ, và những người muốn được xem cảnh hành quyết – đây là những kẻ khao khát cảm giác mạnh.

Ngày hôm đó, d'Artagnan, sau khi nhận những mệnh lệnh cuối cùng của Nhà vua và từ giã bạn bè – trong lúc này bạn bè của ông chỉ còn lại có một mình Planchet – ông tự vạch cho mình chương trình hành động trong ngày, như bất cứ kẻ nào bận rộn đều phải làm, bởi vì thời giờ trong trường hợp này rất quý báu đối với họ. Ông nói: -Cuộc khởi hành được ấn định vào lúc ba giờ sáng; vậy là tôi có mười lăm giờ trước mặt mình. Bỏ ra sáu giờ cho giấc ngủ là rất cần thiết đối với mình đấy, với một giờ để ăn, là bảy, một giờ nữa để thăm Athos, là tám, và hai giờ để dành cho những trường hợp bất ngờ. Tổng cộng mười giờ.

Vậy là còn lại năm giờ.

"Một giờ để lãnh lương, nghĩa là để bị ông Fouquet từ chối; một giờ nữa để đi đến ông Colbert lãnh số tiền này và nhận những câu hỏi với những cái nhăn

mặt của ông ta; một giờ để chuẩn bị vũ khí, y phục và đánh bóng đôi giày ống của mình. Vậy mình hãy còn được hai giờ rảnh. Chán quá! Sao mình giàu thế!"

Nói những lời này, d'Artagnan cảm thấy một niềm vui kỳ lạ, niềm vui của tuổi trẻ, một mùi hương của những năm tháng đẹp đẽ và sung sướng trước kia tràn ngập và làm say sưa tâm hồn ông.

Người lính ngự lâm nói:

"Trong hai giờ rảnh này, mình sẽ đi thu tiền cho thuê quán "Hình ảnh Đức Bà". Thật là vui. Ba trăm bảy mươi lăm đồng".

Chán Quá! Thật là dáng ngạc nhiên! Nếu đối với một người nghèo chỉ còn trong túi có một đồng và mười hai xu nữa, đó là điều tuyệt hảo cho anh ta; nhưng chẳng bao giờ một món quà bất ngờ như vậy được rơi vào tay người nghèo. Người giàu trái lại, tự tạo thêm những tiền lời với số tiền của anh ta, mà anh ta không hề đụng đến. Đó là trường hợp ba trăm bảy mươi lăm đồng từ trên trời rơi xuống cho mình.

"Vậy là mình sẽ đến quán "Hình ảnh Đức Bà", và mình sẽ uống với người thuê nhà của mình một ly rượu Tây Ban Nha mà chắc chắn anh ta sẽ mời mình.

"Nhưng phải có thứ tự, ông d'Artagnan ơi, phải có thứ tự.

"Vậy hãy tổ chức lại thời giờ và sử dụng chúng như sau:

Điều 1: Athos.

Điều 2: Quán "Hình ảnh Đức Bà".

Điều 3: ông Fouquet.

Điều 4- ông Colbert.

Điều 5- Ăn tối.

Điều 6- Y phục, giấy ống, ngựa, vali.

Điều 7- Và cuối cùng – Ngủ.

Căn cứ theo sự sắp xếp này, d'Artagnan đi thẳng đến nhà Bá tước De La Fère.

Từ hôm trước, Athos rất lo lắng về việc d'Artagnan viếng thăm Nhà vua; nhưng chỉ bốn chữ của d'Artagnan cũng đủ làm ông yên tâm. Athos đoán rằng Louis đã giao cho d'Artagnan một nhiệm vụ quan trọng nào đó, nhưng ông không tìm cách làm cho bạn tiết lộ điều bí mật của mình. Ông khuyên bạn nên giữ mình cẩn thận, và kín đáo đề nghị để mình cùng đi với bạn nếu có thể được.

D'Artagnan đáp: -Nhưng bạn thân mến, tôi đâu có đi đâu.

-Sao? Bạn đến từ biệt tôi, và bạn bảo không đi đâu hết?

D'Artagnan hơi đỏ mặt trả lời: -Ô! Có chứ, có chứ, tôi đi tậu một miếng đất.

-Đó là chuyện khác. Vậy tôi thay đổi câu nói của tôi. Thay vì nói: "Bạn đừng để mình bị giết", tôi sẽ nói: "Bạn đừng để mình bị lột" – Bạn thân mến, tôi sẽ báo cho bạn hay nếu tôi quyết định chọn một bất động sản nào; rồi xin bạn giúp tôi một lời khuyên.

-Phải, phải – Athos, nói không mỉm cười để giữ ý.

Raoul De Bragelonne bắt chước vẻ dè dặt của cha.

D'Artagnan biết rằng từ biệt bạn mà không cho biết con đường mình sẽ đi là một điều quá khó hiểu.

Ông nói với Athos: -Tôi đã chọn vùng Mans, vùng này có tốt không – Tốt lắm, bạn à.

Bá tước trả lời nhưng không nói cho bạn biết Mans ở cùng hướng với vùng Touraine, và nếu d'Artagnan chờ đợi nhiều lắm là hai ngày nữa thôi, sẽ có bạn đồng hành. Nhưng d'Artagnan, còn bối rối hơn cả Bá tước, càng giải thích chừng nào lại càng lún sâu vào cái hố bùn mà ông tự tạo ra. Sau cùng, ông nói: -Tôi sẽ ra đi vào sáng sớm mai. Từ giờ cho đến đó, Raoul, cháu có muốn đến với ta không?

Chàng tuổi trẻ đáp: -Thưa Hiệp sĩ, vâng, nếu ngài Bá tước không cần đến tôi.

-Không, Raoul; hôm nay ta có cuộc hội kiến với Hoàng đế.

Raoul bảo Grimaud đi lấy ngay thanh gươm cho chàng.

D'Artagnan nói, vừa đưa hai tay ra ôm lấy Athos: -Bây giờ, từ giã bạn thân mến.

Athos hôn ông rất lâu, và người lính ngự lâm, hiểu rõ sự kín đáo của Athos, liền nói nhỏ vào tai bạn: -Chuyện quốc gia đại sự.

Athos chỉ đáp lại bằng một cái siết tay đầy ý nghĩa hơn nữa.

Rồi hai người rời nhau. Raoul nắm cánh tay của người bạn già dẫn chàng đi theo đường Saint Honeré.

D'Artagnan nói với chàng thanh niên.

-Ta sẽ dẫn cháu đến thăm một nhà giàu nứt đố đổ vách, cháu hãy chuẩn bị đi; suốt ngày cháu sẽ được trông thấy những đồng tiền vàng chất đống. Chúa ơi! Quả thật ta thay đổi quá!

Raoul nói: -Ô! ô! Đường đông người quá.

D'Artagnan hỏi một người đi dạo: -Hôm nay có đám rước, phải không?

Người qua đường trả lời: -Thưa ông, đám treo cổ.

D'Artagnan hỏi: -Sao? Treo cổ à, ở Grève, phải không?

-Thưa ông, phải.

D'Artagnan kêu lên: -Quỷ tha ma bắt tên trộm bị treo cổ đúng vào ngày ta cần đi thu tiền nhà. Roaul, cháu có thấy cảnh treo cổ lần nào chưa?

-Chưa bao giờ, thưa bác ơn Chúa!

-Đúng là tuổi trẻ. Nếu cháu đang đứng gác ở hầm như ta đã làm, trong khi có một tên gián điệp. Nhưng, xin lỗi cháu, Raoul, cháu thấy không, ta đang nói lẫn rồi. Cháu có lý, xem treo cổ ghê lắm.

-Người ta sẽ treo cổ lúc mấy giờ vậy, thưa ông?

Người đi dạo trả lời một cách kính cẩn, hân hạnh được tiếp chuyện với hai hiệp sĩ: -Thưa ông, chắc là vào lúc ba giờ.

-Ô, bây giờ mới có một giờ rưỡi, nhanh lên thì mình sẽ đến kịp để lãnh ba trăm bảy mươi lăm đồng và ra đi trước khi tên tử tội đến.

Người đi dạo tiếp lời: -Những tên tử tội, thưa ông, vì chúng có hai người tất cả.

-Thưa ông, cảm ơn ông rất nhiều, – D'Artagnan đáp, bây giờ càng lớn tuổi ông càng lễ độ một cách chí lí hơn.

Và kéo Raoul cùng đi, ông nhanh nhẹn tiến về phía khu phố Grève.

Nếu người lính ngự lâm không quen cách len lỏi giữa đám đông bằng nắm tay cứng rắn và đôi vai luồn lách thì cả hai sẽ không thể nào đến nơi được.

Họ đi dọc theo bến cảng Grève sau khi đã rời đường Saint-Honoré.

D'Artagnan đi trước; cùi chỏ, cổ tay và vai của ông làm thành ba mũi dùi rất lành nghề xuyên vào các nhóm người khiến họ phải tách rời nhau ra như những khúc cây.

Nhiều lần ông còn sử dụng thêm cái cán sắt của thanh gươm, ông thọc nó vào giữa xương sườn của những kẻ quá lì, và cái cán gươm có tác dụng như một chiếc đòn bẩy hay một cái kềm đã tách rời người chồng với người vợ, chú với cháu, anh với em. Ông làm tất cả những động tác này một cách rất tự nhiên và kèm theo những nụ cười thật duyên dáng, khiến cho những nạn nhân của ông hoặc phải có những xương sườn cứng như sắt mới không dãn ra nhường lối, hoặc phải có những quả tim quá vô tình mới thản nhiên được trước nụ cười tươi tắn nở trên đôi môi ông.

Raoul vạch lối theo sau. Chàng nhẹ tay với những phụ nữ say mê nhìn chàng nhưng đẩy mạnh những người đàn ông ra. Và nhờ vậy cả hai mới vượt qua được đám đông dân chúng dày như nêm.

Họ đến trước hai cây cột treo cổ, và Raoul ghê tởm đưa mắt đi chỗ khác. Riêng d'Artagnan không để ý đến chúng, ông đang chăm chú nhìn ngôi nhà của mình đầy những kẻ hiếu kỳ trong cửa sổ. Ông nhận thấy trên quảng trường và chung quanh những ngôi nhà có rất nhiều lính ngự lâm nghỉ phép đang đứng chờ xem cuộc treo cổ. Điều làm ông thích thú nhất là trông thấy ông chủ quán, người thuê nhà của ông, đang bối rối chẳng biết nghe theo ai giữa đám khách uống quá đông.

Ba gã hầu bàn không đủ để phục vụ khách ngồi đầy trong tiệm, đầy trong các phòng, và đầy cả ngoài sân.

D'Artagnan nhận xét điều này với Raoul và nói thêm: -Ông ta sẽ không có lý do gì để không trả tiền nhà cho ta. Cháu hãy nhìn tất cả các khách uống này, Raoul ạ, họ có vẻ là những người đàng hoàng. Chán quá! nhưng ở đây không còn một chỗ nào để ngồi nữa.

Tuy nhiên, d'Artagnan nắm được chéo áo tạp dề của ông chủ quán và ông này nhận ra là ai.

Ông chủ quán gần như muốn phát điên, kêu lên: -À! Thưa Hiệp sĩ, xin Hiệp sĩ vui lòng chờ một phút. Tôi phải lo cho một trăm khách uống đang làm náo loạn cả cái hầm rượu của tôi kia.

-Cái hầm rượu thì được, nhưng cái tủ sắt thì không được.

-Ồ, thưa ông, ba mươi bảy đồng pistole rưỡi tiền nhà của ông đã được đếm đủ sẵn sàng ở trên kia, trong phòng của tôi. Nhưng trong phòng có ba mươi người đang ghé miệng nút nơi lỗ thành thùng rượu porto tôi mới vừa đục hồi sáng đây. Xin ông cho tôi một phút, một phút thôi.

-Được, được!

Raoul nói nhỏ với d'Artagnan: -Cháu đi chỗ khác, cháu không chịu được cảnh thô lỗ này.

D'Artagnan nghiêm nghị nói: -Này cháu, cháu hãy vui lòng ở lại đây. Người lính phải tập làm quen với tất cả mọi cảnh tượng. Khi ta còn trẻ, trong con mắt ta có những sợi dây tình cảm mà ta phải biết làm cho chúng trở nên cứng rắn, và ta chỉ thật sự hào hiệp và tốt bụng khi nào mắt ta đã trở lên rắn rỏi nhưng quả tim ta vẫn dịu mềm. Hơn nữa, cháu Raoul của ta, bộ cháu muốn bỏ ta ở lại đây một mình sao? Nếu vậy cháu sẽ thật là tệ. Này cháu, có cái sân ở ngoài kia, và trong sân có một cái cây; hãy đến ngồi dưới bóng cây, chúng ta sẽ cảm thấy dễ thở hơn trong căn phòng nóng bức, nồng nặc mùi rượu này.

Từ chỗ sân này, d'Artagnan và Raoul nghe rõ tiếng rầm rì mỗi lúc một lớn của làn sóng công chúng, đồng thời họ cũng nghe rõ những tiếng cười nói và không bỏ sót một cử động nào của đám khách uống ngồi trong quán.

Nếu d'Artagnan muốn tìm một nơi lý tưởng để dễ dàng quan sát và điều khiển một trận đánh, ông không thể tìm được nơi nào tốt hơn.

Raoul và ông ngồi dưới bóng một tàng cây rậm rạp bên cạnh một cái bàn bị khách uống chê vì nó bị mục gẫy nhiều chỗ.

Chúng tôi đã nói từ vị trí này d'Artagnan trông thấy được tất cả. Ông đưa mắt quan sát để qua thời giờ, bởi vì ba mươi bảy đồng pistole rưỡi lâu bò tới quá.

Raoul nêu lên nhận xét này: -Thưa bác, nếu bác không hối thúc người thuê nhà của bác, chẳng bao lâu nữa những tử tội sẽ được dẫn đến. Lúc đó, đám công chúng sẽ dày đặc hơn, và chúng ta sẽ không thể đi ra khỏi nơi này.

Người lính ngự lâm đáp: -Cháu nói có lý, Ê này, có ai đó không, chán quá.

Nhưng mặc kệ ông gân cổ kêu, và dùng quả dấm đập mạnh xuống bàn làm nó bể vụn ra, chẳng ai đến cả.

D'Artagnan toan đứng lên đích thân đi tìm người chủ quán, bỗng cánh cửa lớn của cái sân ăn thông với khu vườn phía sau mở ra, và một người đàn ông mặc y phục kỵ sĩ từ khu vườn bước ra, gươm cầm trên tay. Anh ta vẫn để cánh cửa

mở, băng qua sân, và sau khi liếc xéo về phía d'Artagnan và Raoul, tiến về phía quán rượu, nhìn láo liên khắp nơi với đôi mắt như muốn đâm thủng cả những vách tường và cả lòng người.

D'Artagnan nghĩ thầm: "Ồ, chắc lại là một kẻ hiếu kỳ nào đó muốn xem cuộc treo cổ".

Cùng lúc đó, những tiếng la hét ầm ĩ của đám khách uống trong những phòng trên im bặt. Sự im bặt trong trường hợp này gây ngạc nhiên không kém gì một cuộc náo động lớn gấp đôi khi nãy.

D'Artagnan muốn tìm biết nguyên do của sự im lặng đột ngột này.

Ông trông thấy người đàn ông ăn mặc như kị sĩ khi nãy vừa bước vào gian phòng chính của tửu quán đang hô hào với đám khách uống ngồi lắng nghe anh một cách chăm chú.

D'Artagnan có thể nghe rõ lời hô hào của diễn giả nếu nó không bị át hẳn đi bởi những tiếng reo hò của đám công chúng. Nhưng diễn giả đã dứt lời, và tất cả đám khách uống trong quán rượu lần lượt đi ra thành từng nhóm nhỏ, trong phòng chỉ còn lại có sáu người: một trong sáu người này, kẻ mang gươm khi nãy, kéo chủ quán ra nói chuyện riêng, trong khi những người kia đốt lên một ngọn lửa lớn trong lò sưởi, một việc làm khá kỳ lạ giữa lúc tiết trời đang nắng nóng này.

D'Artagnan nói với Raoul: -Thật lạ lùng, nhưng bác biết mấy tay này.

-Bác có ngửi thấy mùi khói ở đây không?

D'Artagnan trả lời: -Bác ngửi thấy mùi của một âm mưu thì đúng hơn.

Ông chưa nói dứt lời thì bốn trong số những người đó đã bước ra sân, dáng thản nhiên, đứng canh chừng ở gần cánh cửa sân; thỉnh thoảng họ ném những cái nhìn thật lạ về phía d'Artagnan.

D'Artagnan nói nhỏ với Raoul: -Chán quá. Chắc có chuyện gì đây. Cháu có tính tò mò không, Raoul?

-Thưa Hiệp sĩ, cái đó còn tuỳ.

-Còn bác, bác tò mò như một bà già vậy. Đi ra phía trước một tí, để nhìn bao quát được hết quảng trường.

-Nhưng thưa Hiệp sĩ, Hiệp sĩ biết rằng cháu không muốn làm một khán giả thụ động và thản nhiên trước cái chết của hai kẻ khốn khổ đó.

-Còn bác, cháu tưởng rằng bác là một con người man rợ sao? Chúng ta sẽ về nhà đúng lúc cần trở về. Đi!

Thế là hai người tiến về phía nhà chính và đến gần chiếc cửa sổ, lạ lùng thay, lúc này không còn ai cả.

Hai người khách uống cuối cùng còn lại, thay vì đứng nhìn ở cửa sổ, đang đốt giữ lửa.

Khi trông thấy d'Artagnan và Roaul bước vào, họ thì thào: -Chúng ta có thêm viện binh.

D'Artagnan hích cùi trỏ vào Raoul, nói: -Phải các bạn, viện binh đây; chán quá! Một ngọn lửa tuyệt vời. Các bạn muốn thiêu kẻ nào vậy?

Hai người đốt lửa phá lên cười vui vẻ, và thay vì trả lời, họ cho thêm củi vào đống lửa.

D'Artagnan nhìn họ mãi không thôi. Một trong hai người kia hỏi: -Này, người ta đưa các bạn đến đây để nói cho chúng tôi biết lúc nào hành động, phải không?

D'Artagnan nói, với dụng ý muốn dò biết sự việc như thế nào: -Di nhiên. Tôi đến đây để làm gì, nếu không phải vì việc đó?

-Vậy các bạn hãy vui lòng đến cửa sổ quan sát đi!

D'Artagnan mìm cười kín đáo, ra hiệu cho Raoul, và vui vẻ đến đứng bên cửa sổ.

§23. Hoan hô Colbert

Quang cảnh của quảng trường Grève lúc này trông thật dữ dội.

Nhìn xa chỉ thấy toàn những đầu người trải dài, dày đặc và chuyển động như những bông lúa trong một cánh đồng bao la.

Thỉnh thoảng, một tiếng động lạ hay tiếng rầm rì xa xa làm tất cả những cái đầu lắc qua lắc lại và làm sáng rực lên hàng ngàn đôi mắt.

Đôi khi đám người dồn lại và biến thành những làn sóng mạnh mẽ xô đẩy nhau vào hàng rào toán quân cung thủ bao quanh hai cây cột treo cổ.

Thế là toán lính vung cán giáo lên gập xuống đầu hay vai của những kẻ táo bạo xông vào họ gần nhất; đôi khi thay vì dùng cán toán kính bảo vệ cũng vung vả lưỡi giáo lên khiến cho làn sóng người vội lùi ra xa, dồn ép những kẻ đứng sau vào sát bờ thành của sông Seine.

Từ trong cửa sổ, nhìn bao quát tất cả quảng trường, d'Artagnan mừng thầm khi trông thấy những người lính ngự lâm và những vệ binh bị mắc kẹt trong đám đông biết sử dụng những quả đấm và những cán gươm của họ để vạch lối ra. Ông còn để ý thấy, nhờ tinh thần đồng đội làm tăng gấp đôi sức mạnh của người lính, họ đã tập hợp lại thành một toán chừng năm mươi người vừa tầm gọi của ông, trừ một số chừng hơn mười người còn bị lạc rải rác trong đám công chúng.

Nhưng d'Artagnan không phải chỉ chú ý đến lính ngự lâm và vệ binh. Chung quanh hai cột treo cổ, có một đám đông đang lăng xăng ồn ào, những gương mặt liều lĩnh và cương quyết xuất hiện rải rác đó đây giữa các gương mặt hiền lành và bình thản, những dấu hiệu được trao đổi với nhau, những bàn tay nắm lấy nhau. Trong những nhóm hoạt động nhất, d'Artagnan nhận ra gương mặt của người kỵ sĩ lúc nãy đã vào quán rượu bằng cánh cửa ăn thông với khu vườn của ông và leo lên lầu nhất để hô hoán đám khách uống. Anh ta đang tập họp các toán người lại và ban bố các mệnh lệnh.

D'Artagnan tự nhủ: "Chán quá, ta đã không lầm đâu, ta biết anh ta, Menneville! Anh ta làm gì ở đây vậy?".

Những tiếng rầm rì mỗi lúc một lớn mạnh làm ông ngưng suy nghĩ và đưa mắt nhìn về một phía khác. Tiếng rầm rì này là đo đám cung thủ đông đúc dẫn hai tử tội xuất hiện. Toàn thể đám công chúng bắt đầu la hét vang rền cả quảng trường rộng lớn. D'Artagnan thấy mặt Raoul tái nhợt; ông đưa tay đập mạnh vào vai chàng ta.

Nghe tiếng la hét, hai người đang đốt lửa quay lại hỏi sự việc đang diễn tiến đến đâu.

D'Artagnan đáp: -Hai tù tội đã đến!

-Tốt lắm, – họ vừa trả lời, vừa đốt lớn thêm ngọn lửa trong lò sưởi d'Artagnan lo ngại nhìn họ: rõ ràng là những người này đang có những ý định kỳ lạ khi họ đốt một ngọn lửa lớn như vậy.

Hai tử tội đã đến giữa quảng trường. Họ đi bộ, người hành quyết đi trước mặt họ, năm mươi cung thủ làm thành hai hàng rào bên phải và bên trái họ, cả hai đều bận đồ đen, vẻ mặt nhợt nhạt nhưng cương quyết.

Từng bước, họ nhón gót và sốt ruột nhìn qua đầu người chung quanh. D'Artagnan chú ý đến cử chỉ này và nói: "Chán quá, họ rất nôn nóng muốn được thấy cây cột treo cổ!".

Raoul thụt lùi lại nhưng không rời được khỏi chiếc cửa sổ.

Sự ghê sợ cũng có sự hấp dẫn của nó.

-Giết! Giết! – Năm mươi ngàn tiếng gào lên.

-Phải, giết! – Một trăm người giận dữ đồng thanh la lên theo đám đông.

-Treo cổ! Treo cổ! – Khối người đồng thanh kêu lên – Đức vua vạn tuế!

D'Artagnan nói thầm: -Lạ kìa? Ta tưởng chính là ông Colbert đã ra lệnh treo cổ họ chứ.

Lúc đó, công chúng xô đẩy nhau khiến hai tử tội phải tạm thời đứng lại. Những người có gương mặt liều lĩnh và quả quyết mà d'Artagnan chú ý lúc nãy đã xô đẩy, chen lấn và tiến sát đến gần đụng toán cung thủ đứng làm hàng rào.

Toán quân áp dẫn tử tội lại bước đi.

Tình hình, những người mà d'Artagnan vẫn theo dõi nãy giờ la lên: "Hoan hô Colbert!" Họ xông vào tấn công toán quân áp giải đang cố gắng chống cự lại một cách vô ích. Đằng sau họ là đám đông công chúng.

Thế là một cuộc hỗn loạn ghê gớm diễn ra giữa những tiếng la hét náo động cả quảng trường. Lần này không phải những tiếng la hét vì nóng ruột chờ đợi hay vì vui mừng mà là những tiếng la hét vì đau đớn.

Thật vậy, những thanh gươm chém xuống, những cây giáo đâm thủng, những khẩu súng "mút" nổ vang.

Trên quảng trường diễn ra một cuộc náo động cực kỳ hỗn loạn, trong đó d'Artagnan không còn phân biệt được gì nữa. Rồi tất cả bỗng nhiên lại im lặng như có ai điều khiển rõ rệt. Hai tử tội được cướp khỏi tay đám vệ binh và được dẫn về phía quán "Hình ảnh Đức Bà".

Những kẻ dẫn họ đi la to: "Hoan hô Colbert"!

Dân chúng ngần ngại, không biết nên xông vào tấn công toán cung thủ hay những kẻ cướp tù.

Điều làm dân chúng ngần ngại ấy, là những kẻ cướp tù đang la to: "Hoan hô Colbert"! cũng đồng thời la lên: "Không treo cổ! Đem đốt! Đem đốt! Đốt chết những tên ăn cắp! Đốt chết những tên làm dân chúng đối khổ!".

Những tiếng la đồng thanh này làm dân chúng hân hoan.

Họ đến là để xem hành quyết, thế mà bây giờ họ được tặng cho cơ hội tự tay hành quyết các tử tội.

Đó là điều chắc chắn làm cho họ thích thú nhất.

Vì thế, họ liền đứng dậy ngay về phe những kẻ cướp tù chống lại các cung thủ, và họ cùng la lên với những kẻ đó, lúc đầu là thiểu số bây giờ đã trở thành đa số dày đặc.

-Phải! Phải đem đốt những tên ăn cắp! Hoan hô Colbert!

D'Artagnan kêu lên: -Chán quá! Ta thấy chuyện này quan trọng đấy!

Một trong hai người đốt lửa tiến đến gần cửa sổ, tay cầm khúc củi đang cháy, nói: -Ồ! ồ! Sự việc bắt đầu gay cấn rồi.

Đoạn quay về phía người kia.

-Dấu hiệu đây!

Rồi thình lình gã dí khúc củi cháy vào một lớp ván.

Quán rượu "Hình ảnh Đức Bà" không phải là một ngôi nhà còn mới lắm, vì thế chẳng cần phải lạy nó mới bắt lửa. Chỉ trong một giây, các lớp ván kêu răng rắc và ngọn lửa bùng lên lách tách. Một tiếng hét lớn từ bên ngoài đáp lại những tiếng la của hai kẻ đốt nhà.

D'Artagnan không trông thấy gì hết và ông đang mải nhìn ra phía quảng trường, bỗng cảm thấy mùi khói làm sặc sụa và hơi nóng của ngọn lửa như muốn nướng ông. Ông quay lại kêu lên: -Kìa! Kìa! Lửa cháy ở đây à? Các anh điên khùng rồi sao?

Hai người kinh ngạc nhìn ông: -Sao? Việc này chẳng phải đã được tính trước rồi sao?

-Tính trước rằng các anh sẽ đốt nhà của tôi à? – D'Artagnan vừa gầm lên vừa giật lấy khúc củi cháy từ gã đốt nhà và dí vào mặt gã.

Tên kia toan xông đến tiếp cứu bạn mình, nhưng Raoul đã túm lấy hắn, giơ bổng lên và ném qua cửa sổ, trong khi d'Artagnan xô bạn hắn lăn xuống cầu thang.

Raoul, được rảnh tay trước tiên, vội vã giật những lớp ván đang cháy bốc khói ném ra khỏi phòng. D'Artagnan liếc thấy nguy cơ cháy nhà không còn nữa ông chạy đến phía cửa sổ.

Sự hỗn loạn lên đến tột độ. Đủ tiếng la hét vang lên cùng một lúc: "Đốt đi! Giết đi! Treo cổ chúng đi! Đốt chết chúng! Hoan hô Colbert! Đức vua vạn tuế!".

Nhóm người cướp hai tử tội khỏi tay các cung thủ tiến đến gần nhà của d'Artagnan, hình như có ý định dẫn vào đây.

Menneville đi đầu, la lớn hơn ai hết: -Đem đốt chúng! Đem đốt chúng? Hoan hô Colbert!

D'Artagnan bắt đầu hiểu. Người ta muốn đốt các tử tội, và ngôi nhà của ông được chọn làm cái giàn hoả. Ông rút gươm ra cầm tay và đặt một bàn chém lên

bờ cửa sổ, la lớn: -Dừng lại! Menneville, anh muốn gì?

-Thưa ngài d'Artagnan, – anh ta la lên, – tránh ra, tránh ra.

-Đem đốt! Đem đốt những tên ăn cắp! Hoan hô Colbert!

Đám đông la lên. Những tiếng la này làm d'Artagnan nổi cơn giận. Ông nói: -Chán quá! Đem thiêu sống những kẻ khốn khổ này trong khi họ chỉ bị xử treo cổ thôi! Đồ hèn!

Trong lúc đó, trước cửa ra vào, đám người hiếu kỳ bị dồn vào vách tường mỗi lúc một đông nghẹt làm nghẽn cả lối đi.

Menneville và nhóm người của anh ta đang lôi hai tử tội đi chỉ còn cách cánh cửa ra vào có mười bước. Menneville tay cầm súng lục, cố sức kêu lên lần cuối: -Tránh chỗ! Tránh chỗ!

-Thiêu sống đi! – Đám đông lập lại. – Quân tay hãy thiêu sống những tên ăn cắp! Hãy thiêu sống cả hai đứa trong quán "Hình ảnh Đức Bà"!

Lần này không còn nghi ngờ gì nữa, đúng là họ muốn hoả thiêu luôn cái nhà của d'Artagnan. D'Artagnan nhớ lại tiếng gọi luôn luôn rất có hiệu quả của ông ngày xưa: -Hãy đến với tôi, các ngự lâm quân! – ông thét lên bằng một giọng của người khổng lồ, một giọng đã từng chế ngự tiếng gầm của đại bác, của biển cả và của bão tố. – Hãy đến với tôi, hỡi các ngự lâm quân!

Và hai tay đánh đu vào lan can, ông buông mình rơi xuống giữa đám đông làm họ vội vã tránh xa.

Liền đó Raoul cũng phóng xuống bên cạnh ông. Cả hai đều lăm lăm thanh gươm trên tay. Tất cả những người lính ngự lâm ở quảng trường đã nghe tiếng gọi của d'Artagnan. Tất cả chạy về phía tiếng gọi và nhận ra ông. Lần này đến lượt họ kêu lên.

-Hãy đến với chưởng quan! Hãy đến với chưởng quan?

Và đám đông dãn ra trước mắt họ như trước mũi của một chiếc tàu. Đúng lúc này, d'Artagnan và Menneville đứng đối diện nhau.

-Tránh chỗ! Tránh chỗ! – Menneville kêu lên khi thấy mình chỉ còn đưa cánh tay ra là đụng được vào cánh cửa.

-Không được vào đây! – D'Artagnan nói.

-Này, Menneville vừa nói vừa chĩa khẩu súng lục vào người d'Artagnan, bấm cò.

Nhưng nhanh như cắt, trước khi viên đạn kịp nổ, d'Artagnan đã lấy cán gươm đánh bật cánh tay của Menneville và đâm lưỡi xuyên qua người gã.

-Tao bảo mày hãy ở yên mà? – D'Artagnan nói với Menneville đang ngã gục dưới chân ông.

-Tránh ra, Tránh ra! – Những người của Menneville kêu lên. Lúc đầu hoảng sợ nhưng họ liền trấn tĩnh lại ngay khi thấy họ chỉ có hai địch thủ thôi.

Nhưng hai địch thủ này là hai ngươi khổng lồ với một trăm cánh tay, thanh gươm vung lên trong bàn tay họ như lưỡi kiếm rực lửa của thiên thần. Gươm đâm bằng mũi, chém ngược, chém xuôi Mỗi nhát là một người gục gã.

-Vì Đức vua! – D'Artagnan kêu lên mỗi khi ông chém một người, nghĩa là mỗi khi một người gục ngã.

-Vì Đức vua! – Raoul lặp lại.

Tiếng kêu này trở thành hiệu lệnh cho những người lính ngự lâm tập họp lại bên cạnh d'Artagnan.

Trong khi đó, các cung thủ lấy lại bình tĩnh, mở cuộc tấn công tập hậu vào các nhóm cướp tù. Cuối cùng chỉ còn nghe những tiếng kêu tuyệt vọng xin tha mạng sống của những kẻ chiến bại.

Hai tử tội lại rơi trở vào tay của những cung thủ.

D'Artagnan tiến đến gần họ, và trông thấy gương mặt họ nhợt nhạt như người sắp chết. Ông nói: -Hỡi những kẻ đáng thương, các anh hãy tự an ủi đi, các anh sẽ không phải chịu cuộc hành hình ghê gớm mà những tên khốn nạn kia đã đe doạ các anh. Nhà vua đã xử các anh bị treo cổ. Các anh sẽ chỉ bị treo cổ thôi. Bây giờ hãy đem họ đi treo cổ đi, chỉ thế thôi!

Không còn chuyện gì nữa ở quán "Hình ảnh Đức Bà". Ngọn lửa được dập tắt bằng hai tấn rượu nho, vì không có nước.

Những kẻ âm mưu bạo loạn đã trốn qua ngả khu vườn. Những cung thủ lôi hai kẻ tử tội đến các cột treo cổ.

Cuộc hành quyết không kéo dài lâu. Người hành quyết, không cần biểu diễn theo nghệ thuật, chỉ thi hành nhiệm vụ của mình và kết liễu đời của hai kẻ khốn khổ trong một phút thôi.

Trong khi đó, mọi người xúm xít chung quanh d'Artagnan, họ khen ngợi, vuốt ve ông. D'Artagnan lau vầng trán đẫm mồ hôi, chùi thanh gươm đầy máu chảy ròng ròng và nhún vai nhìn Menneville đang lăn lộn giẫy chết dưới chân. Và trong khi Raoul đưa mắt đi chỗ khác với một vẻ thương hại, ấy chỉ cho những người lính ngự lâm thấy cây cột treo cổ còn lủng lẳng xác hai tử tội. Ông nói: -Những kẻ đáng thương! Tôi hy vọng họ đã cảm ơn tôi trong khi chết!

Những lời này lọt vào tai Menneville đúng vào lúc chính gã cũng thở hơi thở cuối cùng. Một nụ cười buồn khổ và nhạo báng nở trên môi gã. Gã muốn trả lời, nhưng côd gắng này làm gã kiệt sức thở hơi cuối cùng. Raoul thì thầm: -Ồ, tất cả những điều này thật là ghê gớm, chúng ta hãy đi, thưa Hiệp sĩ.

D'Artagnan hỏi: -Cháu có bị thương không?

-Thưa không, cảm ơn.

-Vậy cháu thật là một tay kiếm dũng cảm, chán quá!

Cháu có cái đầu giống cha cháu và hai cánh tay giống Porthos.

-À! Nếu Porthos có ở đây, ông ta sẽ thấy nhiều cái hay lắm.

-Đi, Hiệp sĩ, đi! – Raoul nằn nì.

D'Artagnan vừa bước vào quán "Hình ảnh Đức Bà" vừa nói: -Một phút chót nữa thôi cháu, để ta lấy xong ba mươi bảy đồng rưỡi, ta sẽ đi với cháu. Ngôi nhà này sinh lợi rất khá, nhưng quả thật, ta thích nó ở trong một khu phố khác hơn, dầu nó có phải sinh lợi ít hơn một chút.

§24. Vì lẽ gì chiếc nhẫn kim cương của ông d'Eymeris lọt vào tay d'Artagnan

Trong khi cảnh náo động đẫm máu này xảy ra ở quảng trường Grève, nhiều người đàn ông núp đằng sau cánh cửa của khu vườn tra gươm vào vỏ, đỡ một người trong bọn họ leo lên một con ngựa yên cương đóng sẵn đang chờ đợi trong vườn, rồi như một bầy chim hoảng sợ họ chạy trốn theo đủ mọi hướng, kẻ trèo qua tường, kẻ lao mình qua những cánh cửa.

Người đã leo lên ngựa khi nãy thúc mạnh hai chân vào hông ngựa cho nó băng qua quảng trường Baudoyer, vượt qua như chớp trước đám đông ở ngoài đường, bất chấp mọi chướng ngại, và mười phút sau đã đến trước cửa nhà ông tổng giám tài chính, thở hổn hển còn hơn cả con ngựa của anh ta.

Cha xứ Fouquet, nghe tiếng vó ngựa vang lên trên mặt sân lát đá xuất hiện ở một cánh cửa sổ, và trước khi người kỵ sĩ kịp đặt chân xuống đất ông nghiêng nửa thân mình ra ngoài hỏi: -Thế nào, Danicamp?

-Hết rồi! – Người kỵ sĩ đáp.

Cha xứ kêu lên: -Xong hết rồi à? Vậy là họ được cứu thoát, phải không?

Người kỵ sĩ trả lời.

-Thưa ông, không. Họ đã bị treo cổ rồi.

-Treo cổ? – Cha xứ lặp lại, mặt tái nhợt.

Một cánh cửa hông bỗng mở toang, cho thấy Fouquet đứng trong phòng, gương mặt nhợt nhạt, thất thần, miệng thốt ra một tiếng kêu đau đớn và tức giận.

-Đồ khốn! – Cha xứ nói, vậy ra các anh không chịu chiến đấu?

-Chúng tôi chiến đấu như những con sư tử.

-Hãy nói là như những kẻ hèn nhát!

-Thưa ông – Một trăm chiến sĩ, gươm cầm tay, đáng giá mười ngàn cung thủ trong một cuộc tấn công bất ngờ. Menneville đâu rồi?

Tên khoe khoang khoác lác đã hứa sẽ chỉ trở về hoặc chiến thắng hoặc chết đâu rồi?

-Thưa ông, anh ta đã giữ lời hứa. Anh ta đã chết.

-Chết? Ai giết hắn?

Một con quỷ mang hình người, một tên khổng lồ vũ trang bằng mười thanh gươm rực lửa, một tên điên chỉ trong nháy mắt dập tắt ngọn lửa, dập tắt cuộc bạo loạn và làm một trăm lính ngự lâm xuất hiện ở quảng trường Grève.

Fouquet đưa tay đỡ chiếc trán đẫm mồ hôi, thì thào: -Ôi! Lyodot và d'Eymeris! Bị giết! Bị giết! Bị giết! Và tôi bị ô nhục?

Cha xứ quay lại và trông thấy người em mình gương mặt nhợt nhạt mất hết tinh thần. Ông ta nói: -Nào! Nào, ông tổng giám, đây chỉ là số mạng, chúng ta

không nên than khóc như vậy. Nếu chúng ta không thành công được ấy là vì Chúa.

Fouquet hét lên: -Im đi, ông cha xứ! Im đi! Những lời bào chữa của ông là những lời thoá mạ. Hãy kêu người đó lên đây và bảo anh ta kể lại chi tiết của sự việc ghê gớm vừa xảy ra.

-Nhưng, ông… Yêu cầu ông hãy làm theo lời tôi?

Cha xứ ra hiệu và nửa phút sau, người ta nghe tiếng bước chân đi lên cầu thang.

Cùng lúc đó, Gourville như thần hộ mạng của viên tổng giám tài chính xuất hiện đằng sau Fouquet, đưa một tay đặt lên môi để khuyên ông ta nên giữ gìn ngay cả trong lúc đau khổ.

Viên tổng giám cố hết sức lấy lại được bình tĩnh luy trong lòng thật tan nát.

Danicamp xuất hiện, Gourville nói.

-Báo cáo đi.

Người liên lạc viên trả lời: -Thưa ông, chúng tôi đã nhận được lệnh cướp hai người tù và kêu lên: "Hoan hô Colbert!".

Gourville ngắt lời: -Để đem họ thiêu sống, phải không, ông cha xứ?

-Phải! Phải! Lệnh đó đã được ra cho Menneville. Menneville biết anh ta làm gì, và Menneville đã chết.

Tin này có vẻ làm cho Gourville yên tâm hơn là làm cho anh ta buồn.

-Để thiêu sống họ sao? – Người liên lạc đáp lại, như thể anh ta nghi ngờ rằng lệnh này – lệnh duy nhất mà anh ta đã nhận được – là không phải thật.

Cha xứ lớn tiếng đáp: -Dĩ nhiên là để thiêu sống họ.

-Dạ phải, thưa ông, dạ phải, – Người liên lạc viên lập lại, và đưa mắt dò xét vẻ mặt của hai kẻ đối thoại để xem nếu anh ta kể theo sự thật thì có lợi hay hại gì cho mình.

Gourville nói: -Bây giờ anh hãy kể đi.

Danicamp nói tiếp: -Như vậy thì hai người tù phải được dẫn đến pháp trường Grève, và dân chúng nổi giận muốn họ phải bị thiêu sống thay vì bị treo cổ.

-Dân chúng có lý do của họ, – Cha xứ nói, anh hãy kể tiếp – Nhưng, vào lúc các cung thủ bị chúng tôi tấn công đẩy lùi vào lúc ngọn lửa bốc lên trong một ngôi nhà ở quảng trường đã được chọn làm giàn hoả thì một tên hung dữ như quỷ sứ, tên khổng lồ mà tôi đã nói với các ông khi nãy – và cũng chính là chủ của ngôi nhà đó – được một gã trẻ tuổi đi theo hắn trợ giúp đã ném những người đốt lửa qua cửa sổ, gọi những người lính ngự lâm đứng trong đám công chúng đến tiếp cứu. Hắn nhảy từ lầu một của ngôi nhà xuống quảng trường, và sử dụng thanh gươm của hắn một cách dữ dội khiến cho chiến thắng về tay các cung thủ, hai người tù bị bắt lại, và Menneville bị giết. Hai tử tội, sau khi bị bắt lại, đã bị hành quyết trong ba phút.

Fouquet, mặc dầu rất cố gắng tự chế ngự, cũng không ngăn được một tiếng rên rỉ nhỏ thoát ra. Cha xứ hỏi: -Người chủ của ngôi nhà đó tên là gì?

-Tôi không trả lời được với ông điều này, vì tôi không trông thấy hắn; vị trí đã được chỉ định cho tôi là ở trong khu vườn, và tôi đã ở lại vị trí của tôi; người ta chỉ đến kể lại sự việc cho tôi nghe thôi. Tôi được lệnh khi sự việc kết thúc thì đến đây báo cho các ông biết nó đã kết thúc như thế nào. Và tôi đã tuân lệnh phi ngựa như bay đến đây.

-Tốt lắm, chúng tôi không còn điều gì nữa để hỏi anh. – Cha xứ nói mà nỗi lo sợ trong ông càng gia tăng khi nghĩ đến lúc phải nói chuyện một mình với người anh em của ông.

Gourville hỏi: -Anh đã được trả tiền chưa?

Danicamp trả lời: -Một phần tiền trước, thưa ông.

-Đây là hai mươi đồng pistole. Thôi, anh đi đi, và cũng như lần này đừng quên luôn luôn bảo vệ những quyền lợi thật sự của Nhà vua.

-Thưa ông, vâng. – Danicamp đáp, vừa nghiêng mình chào, vừa nắm chặt số tiền trong túi.

Sau đó, anh ta bước ra.

Anh ta vừa ra khỏi cửa thì Fouquet, nãy giờ vẫn đứng yên, nhanh nhẹn tiến đến đứng giữa ông cha xứ và Gourville. Cả hai người cùng mở miệng ra một lượt, nhưng Fouquet gạt đi: -Đừng tự bào chữa cho mình, cũng đừng trách cứ ai hết. Nếu tôi không phải là một người bạn giả dối, tôi đã không giao cho ai hết việc giải thoát cho Lyodot và d'Eymeris. Chính tôi là kẻ duy nhất có tội, vậy chính mình tôi phải chịu những lời trách cứ và phải mang lấy nỗi ân hận. Hãy để tôi một mình cha xứ ạ.

Cha xứ trả lời: -Tuy nhiên, thưa ông, ông không nên ngăn cản việc tôi cho truy tầm tên khốn kiếp đã can thiệp giúp ông Colbert trong cuộc đã được chuẩn bị rất chu đáo này; bởi vì, nếu thương yêu bạn bè của mình là một chủ trương tốt, thì việc săn đuổi những kẻ thù của mình một cách quyết liệt không phải là một chủ trương xấu.

-Đừng nói đến chuyện chính trị nữa, yêu cầu cha xứ hãy đi ra, và tôi không muốn nghe nói đến ông nữa cho tới khi nào có lệnh mới; tôi nghĩ rằng chúng ta cần phải im lặng tuyệt đối và cần phải thật thận trọng. Ông đã thấy một tấm gương ghê gớm trước mặt ông đó. Thưa các ông, không có chuyện trả thù, tôi cấm các ông làm chuyện đó.

Cha xứ gầm lên: -Không có lệnh nào có thể ngăn cấm tôi trả thù một kẻ đã xúc phạm đến danh dự của gia đình tôi.

-Và tôi – Fouquet kêu lên bằng một giọng quyết liệt, – Nếu ông có một ý định duy nhất nào không diễn tả được một cách tuyệt đối ý muốn của tôi, tôi sẽ

ném ông vào ngục Bastille hai giờ sau khi ý định đó được biểu lộ ra ngoài. Cứ dựa theo điều tôi vừa nói để định cách hành động của mình.

Cha xứ đỏ mặt nghiêng mình chào.

Fouquet ra hiệu cho Gourville đi theo mình và trong khi ông tiến về phía văn phòng, thì người gác cổng báo bằng một giọng thật lớn: -Ông Hiệp sĩ d'Artagnan.

-Ông ta là ai vậy? – Fouquet hỏi Gourville bằng một giọng thờ ơ.

-Một phó quan ngự lâm quân – Gourville trả lời cũng cùng một giọng.

Fouquet có vẻ không cần suy nghĩ và lại tiếp tục đi, Gourville nói: -Xin lỗi ngài! Nhưng tôi đã suy nghĩ lại; ông này đã không còn giúp việc cho Nhà vua nữa, và có lẽ ông đến để lãnh một món tiền trợ cấp nào đó.

Fouquet nói: -Bảo ông ta đi đi! Tại sao ông ta đến không đúng lúc như vậy?

-Thưa ngài, vậy xin phép ngài để tôi nói lời từ chối với ông ta, bởi vì tôi có quen ông ta, và đó là một người mà trong hoàn cảnh hiện giờ chúng ta nên làm bạn hơn là coi như kẻ thù.

Fouquet nói: -Anh cứ trả lời với ông ta như thế nào cũng được.

-Ồ! Chúa ơi! Cha xứ nói bằng một giọng hằn học,- anh hãy trả lời là không có tiền, nhất là đối với lính ngự lâm.

Nhưng cha xứ vừa mới thốt ra lời nói dại dột này thì cánh cửa đang mở hé được đẩy bật ra và d'Artagnan xuất hiện và nói: -Ô! Thưa ông Fouquet, tôi đã biết được điểm đó, rằng không có tiền cho những người lính ngự lâm. Vì thế tôi đến đây không phải để được lãnh tiền, mà là để được từ chối không lãnh tiền. Xong rồi, cảm ơn ông. Tôi xin chào ông và sẽ đi đến nhà ông Colbert tìm.

Và ông ngạo mạn chào rồi bước ra.

Fouquet nói: -Gourville, chạy theo kêu ông ta trở lại đây.

Gourville vâng lời và chạy theo đuổi kịp d'Artagnan trên cầu thang.

D'Artagnan nghe tiếng chân bước đằng sau, liền quay lại và trông thấy Gourville. Ông nói: -Chán quá! Ông bạn thân mến, dân tài chính các ông có những cung cách thật đáng buồn; tôi đến nhà ông Fouquet để lãnh một số tiền cấp phát cho tôi theo lệnh của Nhà vua, thế mà các ông tiếp đón tôi như một tên ăn mày đến xin bố thí, hay như một tên vô lại đến để ăn cắp một món đồ quý.

-Nhưng ông d'Artagnan thân mến, ông đã nói đến tên của Colbert, ông đã nói ông sẽ đến nhà của ông Colbert?

-Dĩ nhiên là tôi sẽ đi đến đó, dầu chỉ để yêu cầu ông ấy trừng phạt, phạt những kẻ muốn đốt nhà người khác vừa la to "Hoan hô Colbert!".

Gourville chăm chú nghe.

-Ồ! ồ! – Anh ta nói, – ông muốn nhắc đến chuyện vừa xảy ra ở quảng trường Grève? Và chuyện đó có liên hệ gì đến ông?

-Sao! Ông hỏi tôi chuyện ông Colbert muốn biến nhà tôi thành một cái giàn hoả có liên hệ gì hay không đến tôi à?

-Vậy là cái nhà của ông. Cái nhà mà người ta muốn đốt là cái nhà của ông?

-Chúa ơi!

-Quán rượu ““Hình ảnh Đức Bà”“ là của ông?

-Từ tám ngày nay rồi.

-Và ông là vị chưởng quan can đảm, là tay gươm dũng cảm đánh tan những kẻ muốn thiêu sống hai tử tội?

-Ông Gourville thân mến, ông hãy đặt ông vào địa vị của tôi: tôi là người của triều đình và cũng là chủ nhà. Với tư cách chưởng quan, bổn phận của tôi là làm cho lệnh của Nhà vua phải được thi hành. Với tư cách chủ nhà, tôi có quyền bảo vệ không cho người ta đốt nhà tôi. Vậy tôi phải tuân theo những quy luật của quyền lợi và của bổn phận để trao trả lại các ông Lyodot và d'Eymeris vào tay các cung thủ.

-Vậy chính ông đã ném một người qua cửa sổ?

-Chính tôi. – D'Artagnan trả lời một cách nhũn nhặn.

-Chính ông đã giết Menneville?

-Tôi phải đau lòng làm chuyện đó, – D'Artagnan nói vừa chào như một người vừa được khen ngợi.

-Sau cùng, cũng chính ông là nguyên nhân khiến cho hai tử tội bị treo cổ?

-Thay vì bị thiêu sống, phải, thưa ông, và tôi rất hãnh diện về việc này. Tôi đã cứu hai kẻ khốn khổ đáng thương đó thoát khỏi những cực hình ghê gớm. Ông có hiểu không, ông Gourville thân mến của tôi, rằng người ta đã muốn đem thiêu sống họ? Điều này thật vượt quá sức tưởng tượng.

-Thôi, ông đi đi, ông d'Artagnan thân mến, đi đi, – Gourville nói vì muốn tránh cho Fouquet khỏi phải nhìn thấy kẻ đã vừa gây ra cho ông ta một nỗi đau đớn cùng cực.

-Không, không? – Fouquet đã đứng nghe hết từ cánh cửa của phòng ngoài, kêu lên, – Không, đừng đi, ông d'Artagnan, trái lại, mời ông hãy vào đây.

D'Artagnan chùi sạch vết máu cuối cùng còn sót lại trên cán gươm của mình và đi vào.

Và ông lại đối diện với ba người mang trên gương mặt của họ ba tâm trạng rất khác nhau: sự tức giận trên gương mặt của ông cha xứ, sự kinh ngạc trên gương mặt của Gourville và sự đau khổ trên gương mặt của Fouquet.

D'Artagnan nói: -Xin lỗi ngài Tổng giám, thời giờ của tôi có hạn định. Tôi cần phải đến gặp ông Colbert để hỏi chuyện và lãnh tiền của tôi.

Fouquet nói: -Nhưng thưa ông, ở đây có tiền.

D'Artagnan ngạc nhiên nhìn ông tổng giám. Ông này nói: -Người ta đã trả lời cho ông một cách không đúng đắn, tôi biết, tôi đã được nghe, một người có giá

trị như ông phải được tất cả mọi người biết đến.

D'Artagnan nghiêng mình. Fouquet hỏi tiếp: -Ông có lệnh chi tiền của Nhà vua?

-Thưa ngài có.

-Ông đưa đây, tôi sẽ đích thân chi tiền cho ông, mời ông vào.

Ông ra hiệu cho Gourville và ông cha xứ đứng lại rồi dẫn d'Artagnan vào văn phòng.

-Chúng tôi phải trả cho ông bao nhiêu, thưa ông?

-Hình như là năm ngàn đồng louis, thưa ngài.

-Cho những tháng ông chưa lãnh.

-Cho một quý.

Fouquet nhìn thật lâu vào d'Artagnan.

-Một quý năm nghìn đông louis? Vậy là Nhà vua cho ông hai mươi ngàn đồng louis mỗi năm?

-Vâng, thưa ngài, hai mươi ngàn đồng louis; ngài cho số tiền đó là quá nhiều, phải không?

-Tôi! – Fouquet kêu lên, và ông ta cay đắng mỉm cười – Nếu tôi là kẻ biết người, nếu tôi, thay vì là một đầu óc nông cạn, hời hợt và phù phiếm lại là một đầu óc khôn ngoan và biết suy nghĩ nói tóm lại, nếu tôi biết sắp xếp cuộc sống của tôi, như một số người khác, ông sẽ không lãnh hai mươi ngàn louis mỗi năm, mà là một trăm ngàn đồng, và ông sẽ không làm việc cho Nhà vua, nhưng cho tôi!

D'Artagnan hơi mỉm cười.

Trong cách thể hiện lời khen, trong giọng nói đầy thân ái của kẻ khen có một liều độc dược quá êm dịu khiến cho kẻ mạnh nhất đôi khi cũng thấy say sưa.

Ông tổng giám kết thúc lời khen tặng bằng cách mở một ngăn tủ lấy ra bốn gói tiền đặt trước mặt d'Artagnan.

Chàng Gascon vạch một gói, nói: -Vâng!

-Như vậy, ông sẽ khỏi mang nặng, thưa ông.

-Nhưng thưa ngài, như vậy là hai mươi ngàn đồng louis.

-Dĩ nhiên.

-Nhưng người ta chỉ thiếu tôi có năm ngàn.

-Tôi muốn ông khỏi mất công đi lại phòng tài chính đến bốn lần.

-Ngài làm ơn cho tôi rất nhiều, thưa ngài.

-Tôi làm những gì tôi phải làm, thưa ông Hiệp sĩ, và tôi hy vọng ông sẽ không hờn giận tôi vì sự tiếp đón của anh tôi đối với ông vừa rồi. Ông ấy là một con người rất khó chịu và thiếu chín chắn.

D'Artagnan nói: -Thưa ngài, xin ngài tin rằng một lời xin lỗi của ngài sẽ làm cho tôi vô cùng áy náy.

-Vì thế, tôi sẽ chỉ yêu cầu ông ban cho tôi một ân huệ.

-Ô! Thưa ngài.

Fouquet rút trong ngón tay của ông ra một chiếc nhẫn kim cương trị giá khoảng một ngàn đồng pistole, và nói: -Thưa ông, chiếc nhẫn này là của một người bạn rất thân từ thuở còn bé tặng tôi, một người mà ông đã giúp cho một việc rất lớn.

Giọng nói của ông Fouquet lộ vẻ đầy xúc động.

Người lính ngự lâm nói: -Giúp một việc? Tôi đã giúp một việc cho một người bạn của ngài?

-Ông không thể quên điều đó, thưa ông, vì điều đó đã xảy ra trong chính ngày hôm nay.

-Và người bạn đó tên gì?

-Ông d'Eymeris.

-Một trong hai tử tội?

-Phải, một trong hai nạn nhân. Vậy thưa ông d'Artagnan, để đền ơn ông, tôi yêu cầu ông hãy nhận lấy chiếc nhẫn kim cương này. Xin ông hãy nhận nó vì cảm tình đối với tôi.

-Thưa ngài.

-Hãy nhận đi, tôi yêu cầu ông. Ngày hôm nay là một ngày tang tóc đối với tôi, tôi đã mất một người bạn; vậy tôi phải cố gắng kiếm lại một người bạn khác.

-Nhưng, thưa ngài Fouquet.

Fouquet nghẹn ngào kêu lên: -Xin từ giã ông d'Artagnan, xin từ giã! Hay đúng hơn, xin hẹn gặp lại!

Và viên tổng giám ra khỏi văn phòng, để lại trong tay người lính ngự lâm chiếc nhẫn và hai mươi ngàn đồng louis.

-Ô! ô! – D'Artagnan nói sau một lúc suy nghĩ lướng vướng. Làm sao mình hiểu nổi? Chán quá! Nếu mình hiểu được thì ông ta là một con người rất lịch sự! Mình sẽ đi đến yêu cầu ông Colbert giải thích cho mình việc này.

Và ông bước ra.

§25. Bữa ăn nhẹ trong ngục Bastille

Trong triều, nhiều phe âm mưu liên kết nhau. Louis XIV mê tiểu thư De La Vallière và kết cục quyến rũ được nàng.

Ông đưa vị hôn phu của nàng là Raoul De Bagelonne đi qua tận nước Anh. Những nhà lãnh đạo kinh tế tài chính Colbert và Fouquet vẫn trung thành với vua. Aramis được Fouquet cho xứ đạo Vannes nên phải tận tâm với ông tổng giám và lôi Porthos về phe mình. Porthos lại đang điều khiển công trình phòng thủ lãnh địa của Fouquet, vùng Belle-Isleen-Mer.

Còn ông Athos khôn khéo, Bá tước De La Fère thì lùi về điều viên ở Blois, không giao du với ai cả.

Aramis được phong làm trưởng dòng Jesuiters nên có quyền hành to lớn mà kín đáo và nghĩ ra một dự tính táo bạo vừa cứu Fouquet khỏi tán gia bại sản, khỏi thất sủng vừa thoả mãn được tham vọng riêng của ông. Ông được tin mật từ nhà ngục Bastille cho biết rằng ở đây có giam một người mang tên Marchiali, thật ra là anh em song sinh với Louis XIV, bị nhốt từ trẻ vì sợ tranh dành ngai vàng của vua. Ông vận động lấy một lệnh phóng thích cho tù nhân Seldon đưa cho giám đốc ngục Bastille là ngài Baisemeaux và do đó được mời ăn tối với chủ ngục, tất nhiên được chiêu đãi là vì chức Giám mục De Herblay của ông.

Bảy giờ chỉ trên mặt đồng hồ lớn của ngục Bastille, loại mặt đồng hồ có hình người như thứ thường thấy ở thời ấy.

Đó là giờ ăn của các tù nhân khốn khổ. Những tấm bản lề cửa rầm rầm vang lên và cửa mở ra để đưa vào các mâm, các giỏ thúng đầy đồ ăn, chia phần khá hay kèm tuỳ theo thân phận của từng người tù riêng biệt. Giờ đó cũng là giờ ăn nhẹ của giám đốc nhà giam.

Hôm nay ông có khách nên món ăn quay cũng nhiều hơn lệ thường.

Chim đa đa quay kề với chim cút và thịt thỏ thái miếng, gà hầm thịt Jambon chiên xối rượu vang trắng, cải bẹ xứ Guipuzco, cháo tôm, ngoài ra còn có món ăn nhẹ, món ăn chơi; đó là thực đơn của ngài Chúa ngục.

Baisemeaux ngồi vào bàn ăn, xoa tay nhìn ngài giám mục Vannes ăn vận như một hiệp sĩ, mang giầy bết, áo quần xám, đeo gương và luôn luôn kêu đói chứng tỏ thật nôn nóng, sốt ruột. Ngài Baisemeaux chưa từng được thân mật với Đức ông Vannes, còn Aramis tối đó lại hoạt bát, hết nói chuyện tâm tình này đến chuyện tâm tình khác. Viên giám mục ít nhiều cũng trở lại lốt lính ngự lâm. Còn ngài Baisemeaux thì dễ dãi như mọi người thường khác nên thấy khách buông thả một ít cũng phun ra tất cả. Ông nói.

-Thưa ngài, thực ra tối nay tôi không dám gọi là Đức ông, ngài có biết tối nay nhắc tôi nhớ tới chuyện gì không?

Aramis rót đầy một ly rượu và nói.

-Đúng là không, nhưng tôi cũng hy vọng ông nhớ tới một người khách dễ chịu.

-Ngài nhắc tới tôi nhớ tới hai người. Này Francois, đóng cửa lại cho khỏi gió làm đại nhân khó chịu.

Aramis tiếp lời: -Còn hắn thì ra ngoài đi! Bữa ăn dọn đủ rồi, chúng ta khỏi cần người hầu nữa. Lúc ăn uống riêng rẽ, ăn uống với bạn thân, tôi cứ thích tự tiếp món cho mình thôi.

-Francois đi ra – Baisemeaux la lên – Tôi muốn nói là đại nhân nhắc tôi nhớ đến hai người: một rất nổi tiếng đó là Hồng y đã quá cố, ngài Hồng y vĩ đại của chiến thắng La Rochelle – người mang giày giống như ngài đó. Đúng thế không?

-Đúng rồi còn người kia?

-Đó là một ngự lâm quân, rất đẹp trai, rất hào hùng, rất táo bạo, rất hạnh phúc, từ cha xứ đến ngự lâm quân rồi từ ngự lâm quân trở về cha xứ.

Aramis gắng gượng mỉm cười. Baisemeaux tiếp tục vì thấy ông mỉm cười: -Từ cha xứ trở thành giám mục và từ giám mục thành…

Aramis la lên: -Thôi đủ rồi, xin can?

-Thưa ngài, tôi định nói là ngài cho tôi có cảm tưởng như đứng trước một đấng Hồng y.

-Thôi đủ rồi, ông bạn De Baisemeaux thân mến ơi. Ông nói tôi mang lốt hiệp sĩ, nhưng mà ngay cả tối nay, tôi cũng không gây sự với giáo hội đâu.

-Ngài… vẫn sử dụng kiếm đấy chứ.

-Có lẽ đúng, nhưng chỉ khi bị bắt buộc thôi. Thôi hãy gọi Francois vào đi.

-Thưa có rượu rồi kia.

-Không phải để đi lấy rượu đâu, nhưng vì ở đây nóng quá mà cửa sổ lại đóng.

-Tôi cho đóng cửa để khỏi bị người đi tuần và xe cộ làm ồn.

-Ờ! Cửa mở thì thấy họ ồn ào à?

-Vâng ồn lắm, rối lắm.

-Nhưng mà ngột. Francois!

Francois bước vào. Aramis nói.

-Chú mở dùm cửa cho ta. Ông De Baisemeaux cho phép chứ?

-Đức ông cứ tự nhiên như ở nhà.

Chủ ngục trả lời và rót đầy ly lớn.

-Bận uống, ông không thấy được Aramis đang chăm chú lắng nghe các tiếng động từ sân lớn đưa lên. Aramis bỗng la lên: -Đồ quỷ tha ma bắt?

-Cái gì thế? Cái gì thế Baisemeaux hỏi. Mong rằng không phải tại nơi ly rượu ngài uống cũng không phải tại người mang rượu?

-Không. Có một mình con ngựa dưới sân mà làm ồn như có cả tiểu đội dưới đó.

Chủ ngục trả lời: -Đúng thật, có người phu trạm. Đúng cái đồ quỷ tha ma bắt?

-Ông quên tôi rồi, ông Baisemeaux, ly tôi cạn rồi, – Aramis vừa nói vừa đưa ra chiếc ly thuỷ tinh lấp lánh.

-Thật hân hạnh cho tôi, này Francois, rót rượu!

-Được nhưng đó là một người phu trạm.

-Tôi đã la rầy hắn rồi.

-Nhưng mà, thưa ông.

-Hắn cứ để giấy tờ nơi phòng lục sự. Mai hãy hay, mai trời sáng rõ mới là hợp lúc – Baisemeaux nhấn mạnh câu cuối.

-Coi chừng, coi chừng đấy.

Baisemeaux nói giọng hơi say: -Coi chừng cái gì hả ngài De Herblay thân mến?

-Thư trạm đưa đến người giữ thành có khi là một mệnh lệnh đấy.

-Hầu như là thế.

-Lệnh chắc từ các đại thần đến?

-Vâng, chắc thế, nhưng…

-Và chắc các ông đại thần chỉ là ký phó thư theo vua thôi chứ gì?

-Có lẽ ngài nói đúng nhưng thật là chán, trong khi người ta đang ăn ngon, đang đối diện với một người bạn thân? Ô! Xin lỗi, tôi quên là đang chiêu đãi ngài, đang nói chuyện với một Hồng y tương lai.

-Thôi bỏ đi Baisemeaux. Tôi đang nghĩ là phải lưu ý ông về một điều tôi cho là quan trọng đấy.

Baisemeaux lắp bắp: -Ô, ngài có lý. Mệnh lệnh của nhà vua phải được tôn trọng! Nhưng mệnh lệnh gì mà tới vào lúc người ta đang ăn, tôi đã nói rồi, kệ mẹ.

-Hừm, nếu ông nói thế với ngài Hồng y vĩ đại nếu lệnh đó có gì quan trọng thì ông không nên quên rằng tôi đã khoác áo ngự lâm quân và đã có thói quen nhìn ở đâu cũng thấy kỷ luật.

-Ngài thấy sao?

-Tôi muốn ông bạn làm nhiệm vụ đi. Vâng, ít ra thì tôi cũng lấy tư cách quân nhân mà xin ông.

Francois vẫn còn đứng đấy, Baisemeaux đứng lên nói: -Bảo đem lệnh đấy lên đây – Rồi hạ giọng nói tiếp – Ngài biết có gì trong đó không? Có thể tiết lộ cho ngài biết rằng đại khái có những điều thích thú uhư thế này: "Coi chừng lửa ở gần kho thuốc súng", hay là "Coi chừng thằng đó, nó trốn tài lắm".

Ôi! Thưa ngài, biết bao lần tôi phải bị gọi giật ngược lên trong giấc ngủ êm ấm nhất, ngon lành nhất để các thông tư do ngựa trạm chạy bay tới để nói, hay đúng hơn, chỉ để mang miếng giấy xếp ghi như thế này: "Có gì lạ không, ông De Baisemeaux?". Rõ ràng là những người viết các mệnh lệnh ấy chẳng bao giờ ngủ

ở ngục Bastille cả. Ngủ ở đây thì họ sẽ biết rõ hơn mấy bức tường của tôi dày như thế nào, nhân viên của tôi tháo vát ra sao và biết tôi tổ chức tuần tiễu nhiều đến mức nào. Nhưng thưa ngài, công việc của họ là để quấy rầy khi tôi đang yên ổn, để làm rối loạn khi tôi đang ngủ ngon mà. Thôi thì cứ để cho họ làm việc của họ.

-Và cứ để ông làm việc của ông thôi. – Giám mục mỉm cười tiếp lời vuốt ve, nhưng vẫn giữ vững cái nhìn ra lệnh như cũ.

Francois bước vào, Baisemeaux lấy tờ lệnh từ tay hắn. Ông bóc ra chầm chậm và đọc từ từ. Aramis giả bộ nâng ly để nhìn người chủ nhà qua thuỷ tinh. Đọc xong, Baisemeaux thốt lên: -Lúc nãy tôi nói thế nào nhỉ?

-Sao?

-Lệnh khoan hồng, xin lỗi. Tin tốt lành đáng được bận tâm!

-Tốt lành cho người được nói tới và chắc cũng hợp với ông phải không, ông chủ ngục thân mến?

-Tám giờ tối mà còn lệnh!

-Vì lòng bác ái khoan dung đấy!

-Chuyện khoan hồng thì tôi đồng ý lắm, nhưng khoan dung là để cho thằng chó chết đang khốn đốn kia chứ không phải cho tôi đang vui như thế này.

-Có phải ông bị mất mát gì không, có phải tên tù dứt ra khỏi tay ông đang bị trông coi kỹ không?

-Ờ đúng. Một thằng khiếp nhược, một con chuột cống cái, thứ đó đáng giá có năm quan thôi?

Ngài De Herblay hỏi: -Cho tôi xem thử? Có phải mật không?

-Không đâu, ngài đọc đi.

-Có dấu khẩn trên văn thư. Chắc ông thấy phải không?

-Khẩn! Thật đẹp mắt! Thằng kia ở đây đã mười năm, thế rồi người ta khẩn trương thả hắn ra, bắt buộc trong đêm nay, vào lúc tám giờ tối.

Rồi Baisemeaux nhún vai một cách trịnh trọng kiêu kỳ, ném tờ lệnh lên bàn, đến ngồi bàn ăn tiếp, miệng nhồm nhoàm nói: -Họ luôn luôn hành động theo cách đó. Một ngày đẹp trời nào đó người ta túm một kẻ, nuôi hắn trong mười năm và viết cho anh: "Để mắt kỹ đến thằng đó" hay là "Siết chặt hắn đi". Thế rồi khi anh đã có thói quen coi tên tù như một kẻ nguy hiểm, bỗng nhiên người ta lại viết cho anh "Thả hắn ra", mà không cho biết nguyên cớ, không có lời báo trước. Lại còn ghi thêm "Khẩn". Tôi phải thú nhận với ngài rằng, thật chẳng ra cái gì cả.

Aramis nói: -Làm sao bây giờ. Cứ la hét đi nhưng phải thi hành.

-Đúng, đúng, tôi thi hành. Nhưng phải từ từ. Ngài chớ tưởng tôi là một tên nô lệ.

-Nào, ai có dám nói ông Baisemeaux thân mến thế đâu. Ai cũng biết ông cứng cỏi mà.

-Ơn Chúa!

-Và ai cũng nói ông có lòng tốt.

-A! Còn gì nữa?

-Nói ông tuân lệnh người trên. Ông thấy không. Khi đã vào quân đội rồi thì đó là cả cuộc sống đấy.

-Bởi vậy cho nên tôi phải răm rắp nghe theo và sáng mai, sáng sớm mai tôi sẽ thả người ấy.

-Tại sao không là tối nay, vì văn thư có đóng dấu khẩn cả ngoài lẫn trong?

-Tại vì chúng ta đang dùng bữa và cũng đang gấp.

-Ông Baisemeaux thân mến ơi, dù mang giày nhà binh nhưng với tôi tấm lòng khoan dung bác ái cũng quan trọng như cái đói và cái khát. Con người khốn khổ kia đã phải chịu đựng lâu ngày rồi, mười năm như ông nói đó. Thôi thì cho hắn bớt khổ đi thêm một chút. Cho hắn hưởng sự vui sướng sớm giây phút nào hay giây phút ấy. Chúa sẽ đền ơn ông trên chốn thiên đàng vào ngày phán xử đấy!

-Ngài muốn thế à?

-Xin ông.

-Ngài sẽ được như ý muốn. Có điều món ăn sẽ nguội lạnh thôi.

Baisemeaux nghiêng ra sau để bấm chuông gọi François và quay ra phía cửa theo thói quen thường lệ.

Tờ lệnh vẫn còn nằm trên bàn: Aramis lợi dụng một lúc Baisemeaux không để ý, lấy tờ giấy khác giống in thay vào và nhét tờ lệnh vào túi.

-Francois, – chủ ngục nói, – gọi ông trưởng giám thị lên đây với những người coi ngục buổi tối.

François nghiêng mình chào đi ra. Trong phòng chỉ còn Baisemeaux và Aramis.

§26. Viện trưởng dòng tu

Giữa hai người diễn ra một lúc im lặng trong khi Aramis không bỏ qua cử chỉ nào của viên chủ ngục. Còn ông này hình như chỉ chịu quyết định có một nửa để làm rộn bữa ăn giữa chừng thôi và rõ ràng là ông ta quyết tìm một cớ, phải trái gì cũng được, để lùi lại việc xử lý ít ra đến sau lúc tráng miệng.

Hình như ông tìm ra rồi. Ông la lên: -A! Mà không thể được.

-Sao lại không thể được – Aramis nói – ông bạn thân mến ơi nói xem cái gì không thể được?

-Không thể thả người tù vào lúc này được. Hắn không biết gì về Paris, thì hắn biết đi đâu?

-Nó đi đâu kệ nó.

Ngài thấy không, thả như thế này thì cũng như thả một thằng mù.

-Chuyện gì ngài cũng giải quyết được hết. Francois, nói với ngài trưởng giám thị đến mở cửa phòng ông Seldon, số ba khu Bertaudière.

Aramis làm bộ ngạc nhiên và hỏi: -Seldon à? Ông vừa nói Seldon đấy ư?

-Vâng, Seldon. Tên người phóng thích ấy.

-Chắc là ông muốn nói đến Marchiali.

-Marchiali à? Không, không, Seldon chứ?

-E rằng ông lầm đấy, ông Baisemeaux ạ.

-Tôi đọc lệnh rồi.

-Tôi cũng vậy.

-Và tôi thấy tên Seldon viết to bằng thế này.

Ngài De Baisemeaux đưa ngón tay ra. Aramis cũng đưa hai ngón tay ra: -Tôi thì tôi thấy tên Marchiali to thế này.

Baisemeaux nói một cách tin chắc: -Thôi làm cho ra lẽ đi. Tờ giấy còn kia.

Aamis cầm tờ giấy lên.

-Tôi đọc ra: Marchiali, xem đây!

Baisemeaux nhìn thấy, buông tay xuống, hoảng hốt: -Ờ! ờ! Marchiali, đúng là chữ Marchiali. Đúng lắm.

-Hà!

-Thưa ngài, thú thật là tôi chẳng hiểu ra làm sao cả.

-Người ta cũng có lúc hoa mắt nhìn lầm.

-Kì quái thật. Tôi tới bây giờ vẫn thấy tờ lệnh đó và đọc tên là Seldon, người Ireland. Rõ ràng mà. Rõ ràng dưới tên Seldon đó còn có một dấu mực.

-Nhưng dù sao đi nữa thì lệnh bảo thả tên Marchiali, có dấu mực lem hay không cũng vậy thôi.

Baisemeaux lập lại trong lúc cố lấy lại trí nhớ.

-Lệnh bảo thả Marchiali.

-Và ông thả tên tù ấy ra… nếu ông có thả thêm Seldon thì tôi cũng không phản đối đâu.

Aramis chấm dứt câu nói bằng một nụ cười nhạo báng khiến Baisemeaux tỉnh hẳn và lấy lại can đảm nói: -Thưa ngài, tên Marchiali này có một hôm được một linh mục, thuộc dòng chúng ta đến nghe xưng tội, đến một cách trang trọng và thật kín đáo.

-Tôi không biết được điều này, – vị giám mục trả lời.

-Cách đây không lâu lắm, thưa ngài De Herblay thân mến.

-Đúng vậy, nhưng theo chúng tôi quen nghĩ thì con người ngày hôm nay không biết con người ngày hôm qua làm gì là tốt nhất.

Baisemeaux nói: -Dù sao thì ông cha dòng Jesuite đó đến thăm chắc chắn đã mang lại nhiều may mắn cho người này rồi.

Aramis không nói gì và tiếp tục ăn uống.

Về phần Baisemeaux không dùng gì đến trên bàn cả mà lại cầm tờ lệnh lên xoay xoay tứ phía ngắm nghía đủ chiều.

Phải như vào khi khác thấy miếng giấy bị hành hạ như thế thì con người thiếu kiên nhẫn như Aramis chắc là máu lên tận mang tai, nhưng giám mục Vannes không nổi cơn tức lên vì cứ lầm bầm tự nhủ: -Ông sẽ thả Marchiali chứ gì? Ồ! Rượu ceres đã chảy ra và bốc hơi kìa, ông chủ ngục thân mến ạ.

Baisemeaux trả lời: -Tôi sẽ thả hắn ra sau khi tôi gọi người lính trạm mang lệnh đến hỏi cho chắc.

-Lệnh có dấu khẩn, người lính có biết gì đâu. Còn ông muốn chắc cái gì nữa?

-Tôi đồng ý với ngài, nhưng tôi sẽ gửi về bộ để ở đấy ngài De Lyonne sẽ rút lại hay xác nhận lệnh này.

Aramis lạnh lùng nói: -Để làm gì.

-Để nhất định khỏi lầm. Thưa ngài, để khỏi thiếu sự tôn kính của một người dưới đối với người trên, để khỏi sai lầm với nhiệm vụ được giao.

-Khá lắm, ông nói thật hay, tôi xin có lời thán phục. Đúng vậy, một người dưới phải tôn trọng người trên, phải không bao giờ làm sai với bổn phận đã được giao.

Baisemeaux ngạc nhiên nhìn vị giám mục. Aramis tiếp tục nói: -Cho nên bây giờ ông đi hỏi để yên lòng chứ gì?

-Thưa ngài, vâng ạ. và nếu có người trên ra lệnh, ông phải tuân chứ gì?

-Ngài chẳng phải nghi ngờ gì về điều ấy cả.

-Ông biết rõ chữ ký của Hoàng thượng phải không?

-Thưa ngài, vâng.

-Chữ ký đó nằm trên lệnh tha chứ gì?

-Đúng vậy, nhưng có thể là…

-Giả phải không?

-Thưa ngài, điều ấy rõ rồi.

-Ông có lý đấy! Còn chữ ký của ngài De Lyonne?

-Trên lệnh thì có, nhưng người ta có thể giả được chữ ký của Hoàng thượng thì nhất định là có thể giả của ngài De Lyonne được mà.

Aramis nói: -Ông De Baisemeaux ạ, ông lý luận thật không chê vào đâu được Nhưng muốn tin vào việc giả chữ ký thì ông đặt căn cứ vào đâu?

-Trên cái này: người ký không có mặt. Chẳng có ai kiểm tra chữ ký của Hoàng thượng cả và còn ngài De Lyonne thì lại chẳng có ở đây để nói rằng ngài ký trên tờ lệnh này.

Aramis quắc mắt nhìn thẳng vào ông chủ ngục: -Này ông De Baisemeaux, thành thật tán thành những nghi ngờ hữu lý của ông, cho nên xin ông lấy cho một chiếc bút để dùng bây giờ.

Baisemeaux đưa cây bút. Aramis nói thêm: -Xin một tờ giấy.

Baisemeaux đưa tờ giấy ra.

-Bây giờ tôi đây, tôi có hiện diện nơi này đây, đúng chẳng chạy vào đâu được, tôi viết một tờ lệnh này thì chắc dù ông đa nghi đến đâu đi nữa ông cũng tin được phải không?

Baisemeaux xanh mặt trước dáng tự tin lạnh lùng đó.

Hình như lời nói của Aramis lúc nãy vui vẻ đùa cợt bao nhiêu thì giờ trở nên thâm trầm ghê rợn bấy nhiêu.

Aramis cầm bút lên viết. Baisemeaux kinh hoàng đọc từ sau lưng Aramis:

"A.M.D.G:

Rất bằng lòng khi thấy ông De Baisemeaux De Moutlezun, giám đốc phòng coi lâu đài Bastille, đã nhận lệnh ban, thấy đúng và đã thi hành ngay".

Ký tên De Herblay.

Trưởng dòng, nhờ ơn Chúa ban phước lành.

Baisemeaux như bị đánh một cú nặng khiến mặt ông ta co rúm lại, miệng há ra, mắt mở trừng trừng, không nhúc nhích, không nói được tiếng nào.

Aramis chẳng thèm nhìn con người bị đưa vào tình cảnh khốn khó đó, chỉ rút trong túi ra một cái hộp nhỏ đựng sáp đen, ông lấy con dấu riêng đeo trước ngực, đóng vào bức thư rồi lẳng lặng đưa cho ông Baisemeaux.

Ông này đưa đôi tay run rẩy trông đến tội nghiệp, mắt thẫn thờ đến dại khờ nhìn vào dấu đóng. Một thoáng xúc động cuối cùng hiện trên khuôn mặt rồi ông vật ngã xuống ghế. Sau một lúc im lặng để cho viên chủ ngục Bastille tỉnh táo lại, Aramis nói: -Này, này đừng để cho tôi tưởng rằng ông Trưởng dòng tu xuất hiện cũng giống như thấy Chúa vậy chứ. Can đảm lên, đứng dậy đi, nào đưa tay tôi kéo lên và vâng lời đi.

Baisemeaux chưa thoả mãn nhưng đã vững tâm hơn đưa tay cho Aramis và đứng dậy.

Ông thì thào: -Thưa ngay bây giờ?

-Ồ, đừng thái quá như vậy, ông chủ nhà ạ. Về chỗ đi và chúng ta tráng miệng cái đã.

-Thưa ngài, tôi chẳng bao giờ phục hồi được sau chuyện này đâu. Tôi đã cười cợt, đùa bỡn với ngài, đã coi như bằng vai.

-Thôi! Im đi ông bạn, – vị giám mục trả lời khi thấy sợi dây căng ra quá và nếu có đứt thì thật là nguy hiểm, – Im đi. Mỗi người có một cuộc sống riêng. Ông có sự che trở và cảm tình của ta, còn ta thì ông có vâng lời. Nợ bổn phận làm xong, thì cứ thanh thản mà sống.

Baisemeaux suy nghĩ kỹ; ông thoáng nhận ra hậu quả của việc thả một tên tù theo một lệnh giả và nếu có đãt lên cân tờ giấy bảo đảm của viên Trưởng dòng thì cũng chẳng thấy có quân bình chút nào.

Aramis đoán ra và nói: -Ông bạn Baisemeaux thân mến ơi, ông thật ngốc. Hãy bỏ thói quen suy nghĩ đi khi mà tôi phải lo giùm cho cả ông rồi.

Baisemeaux lại khom lưng xuống khi Aramis ra hiệu một lần nữa, ông nói: -Bây giờ tôi phải làm sao đây?

-Tôi có luật lệ đã định – Thì cứ theo đi.

-Tôi theo viên trưởng giám thị đến tận phòng giam và đưa đi nếu là một tù nhân quan trọng.

Aramis nói giọng tỉnh bơ.

-Nhưng tên Marchiali có phải quan trọng đâu?

Viên giám đốc trả lời: -Tôi chẳng biết nữa.

-Nếu chẳng phải tôi có lý rồi. Ông cứ thả Marchiali như thả mấy thằng cắc ké đi.

-Tốt, luật lệ là người coi phòng giam hay một giám thị cấp thấp đem tù đến cho giám đốc ở phòng lục sự.

-Chà, hay đấy. Rồi sao nữa?

-Rồi người ta thả tù, cho tù nhân các vật quý hắn mang lúc vào phòng giam, các quần áo, giấy tờ, nếu lệnh trên không bảo khác di.

-Về phần Marchiali, lệnh thả nói gì?

-Chẳng có gì hết, vì con người khổ đó đến đây chẳng có gì, chẳng có vật trang sức, giấy tờ, cả quần áo cũng không nốt.

-Thật là quá dễ dàng. Baisemeaux ạ, ông coi chuyện gì cũng to tát quá. Cứ ở đây và bảo dẫn tù tới là được rồi.

Nửa giờ sau, người ta nghe tiếng một cánh cửa đóng lại, cánh cửa phòng kín vừa nhả con mồi ra.

Aramis thổi tất cả các cây nến soi sáng căn phòng chỉ chừa một cây phía sau cánh cửa.

Những bước chân đến gần. Aramis nói với Baisemeaux: -Ông đến đón nhân viên đi.

Viên chủ ngục vâng lời. Viên đội và những người coi phòng giam quay gót.

Baisemeaux trở vào, người tù theo sau.

Aramis ngồi trong bóng tối, để thấy người mà người không thấy.

Baisemeaux nói với giọng xúc động cho người trẻ tuổi biết lệnh thả anh.

Người tù lắng nghe, không thốt lên một lời. Viên chủ ngục tiếp: -Theo luật lệ nhà giam thì anh phải thề không được tiết lộ những gì anh đã nghe và thấy ở Bastille.

Người tù thấy một tượng Chúa đưa ra, hắn giơ tay và lầm thầm thề.

-Thưa ông, bây giờ ông đã được tự do ông định đi đâu?

Đến lúc ấy Aramis mới từ bóng tối đi ra, nói: -Tôi đây sẽ giúp ông theo ý muốn.

Người tù hơi đỏ mặt và khoác tay Aramis không chút ngần ngại.

-Chúa sẽ để ông làm người cận nhất của thánh ngài.

Baisemeaux giật mình vì giọng nói cương quyết của người tù mà lại ngạc nhiên về câu chúc nữa.

Aramis bắt tay Baisemeaux nói: -Tờ lệnh của tôi có làm ông ngại không? Nếu người ta tới lục lọi thấy nó nơi đây thì đó là dấu hiệu đến lúc tôi tiêu rồi. Lúc đó ngài sẽ là người giúp đỡ quan trọng và cuối cùng.

Aramis nhún vai trả lời: -Ông muốn nói là người đồng loã? Tạm biệt Baisemeaux.

Aramis đưa người tù ra xe và bước lên sau, chỉ buông lệnh ngắn gọn cho người đánh xe.

-Đi đi!

Chiếc xe lăn ồn ào trên nền đá sân ngục. Một viên chức mang đuốc đi trước ngựa ra lệnh cho các lính canh tránh đường cho xe.

Trong thời gian đi qua tất cả các rào cản, Aramis nín thở, trống ngực đập thình thịch.

Người tù nép mình vào một góc xe, như không có trên đời nữa.

Cuối cùng, xe nẩy lên một cái mạnh hơn những cái khác chứng tỏ là đã đi qua con hào ngoài hết. Phía sau xe, cổng khép lại, không còn tường thành hai bên, chỉ có trời dất, chỉ có tự do.

Mấy con ngựa siết cương mạnh, đi từ từ cho đến giữa phố. Xong chúng bước nhanh.

Dần dần vì có đà hăng, một phần bị thúc hồi, chúng đi nhanh hơn, rồi khi đến Berey chiếc xe như là bay lên.

Chúng chạy như thế đến Villeneuve – St. George thì có ngựa thay. Bây giờ không phải là hai mà là bốn ngựa lôi chiếc xe về hướng Melun rồi dừng một lúc giữa rừng Senart. Có lẽ người đánh xe được lệnh từ trước vì Aramis không phải ra một dấu hiệu nào hết. Người tù như trải qua một cơn mộng dài, lên tiếng hỏi: -Cái gì thế?

Aramis nói: -Có chuyện, thưa ngài. Trước khi đi xa hơn, chúng ta phải nói với nhau câu chuyện. Giữa Điện hạ và tôi, bây giờ đang ở rừng, chúng ta không sợ ai nghe trộm hết.

-Còn người đánh xe?

Người đánh xe đoạn đường này câm điếc, thưa ngài.

-Tôi sẵn sàng nghe, thưa ngài De Herblay.

-Khoan đã. Còn phải đề phòng chuyện nữa. Chúng ta đang ở giữa đường lớn, có thể một kỵ mã hay một chiếc xe nào đi như chúng ta đây và thấy xe dừng, tưởng chúng ta gặp khó khăn liền dừng lại hỏi để giúp đỡ, lại rắc rối cho chúng ta.

Aramis chạm vào người đánh xe câm, ra hiệu. Người này bước xuống đất nắm cương hai con ngựa đầu và lôi chúng vào một lối nhỏ quanh quất giữa bụi rậm, cỏ rêu, cùng với mây mù làm thành một thứ màu đen đặc hơn mực trong đêm trời không trăng này. Xong xuôi hắn nằm trên lề đường, cạnh bầy ngựa.

Vị hoàng tử trẻ nói với Aramis: -Tôi xin nghe ngài; nhưng ngài đang làm gì thế?

-Thưa ngài, tôi tháo đạn trong khẩu súng bây giờ không cần nữa.

§27. Người quyến rũ

Aramis quay lại nói với người bạn đồng hành trong chiếc xe: -Thưa hoàng tử, dù chỉ là một con người kém cỏi, ở thứ hạng thấp trong đám sinh vật biết suy nghĩ nhưng tôi không bao giờ nói chuyện này với một người nào trước khi hiểu thấu những gì nằm bên trong cái mặt nạ sống che dấu người khác. Tuy nhiên, hồi hôm nay, tôi không đọc được những gì trên mặt ngài, phần vì chúng ta ở chỗ tối tăm, phần vì ngài dè dặt. Có một cái gì đó bảo tôi rằng tôi lôi ra được một lời nói thành thật của ngài thật khó khăn. Cho nên bây giờ tôi xin ngài nhớ kỹ từng tiếng tôi nói, từng ý nghĩ quanh quất của tôi vì trong hoàn cảnh chúng ta đang dấu thân lúc này, chúng ta đều có ý nghĩ và giá trị riêng biệt cả. Điều yêu cầu này không phải là vì tôi, do lẽ kẻ thần dân khộng có chút giá trị nào đối với các ông hoàng hết, nhưng chính vì lợi ích của ngài đấy.

Ông hoàng trẻ nói giọng chắc nịch: -Tôi sẵn sàng nghe ông, chẳng vì cao vọng nào cũng chẳng phải vì lo sợ gì đối với các lời ông nói hết.

-Thưa ngài, – Aramis tiếp lời – chắc ngài biết chuyện về chức quyền đang cai trị nước Pháp hôm nay. Đức vua mới vượt khỏi thời gian vị thành mến bị tù hãm như ngài lúc vừa rồi, và cũng có cuộc sống khuất lấp như ngài, chật hẹp như ngài. Chỉ có khác là thay vì như ngài phải chịu cảnh nô lệ trong ngục thất, chịu sự cô tịch tối tăm, chịu hẹp trong cảnh khuất lấp. Nhà vua phải chịu cảnh nghèo nàn, nhục nhằn giữa ban ngày, giữa ánh sáng rực rỡ tàn nhẫn toả ra từ địa vị của người cám đầu thần dân. Nhà vua phải chịu khốn khổ, tất phải thấy cay đắng, nhưng ông ấy sẽ trả thù. Nhất định ông ấy sẽ trở thành một ông vua xấu. Tôi không nói rằng ông ấy sẽ làm máu đổ lan tràn như Louis XI hay Charles IX vì ông không có gì phải nguyền đến chết chóc. Nhưng rồi ông sẽ ngốn hết tiền bạc của quốc dân vì từng phải chịu thiệt thòi về quyền lợi và tiền bạc. Cho nên tôi đem đối chiếu những tật xấu và đức tính của ông hoàng ấy, tôi không phải thắc mắc với lương tâm và lúc kết tội ông ta tôi không có gì phải ân hận.

Aramis nghỉ một chút. Không phải để lắng nghe cảnh vắng lặng vẫn không thay đổi của khu rừng, mà để moi móc lại những ý nghĩ trong tận cùng tâm trí, để cho những lời ấy khắc sâu vào tâm trí người đối diện. Rồi người giám mục xứ Vannes tiếp tục.

-Chúa đã làm hết sức rồi. Chuyện này thì tôi tin chắc đến nỗi tôi đã vui mừng khi được Chúa chọn lựa gởi gắm từ lâu điều bí mật mà tôi giúp ngài khám phá ra. Đức Chúa công bằng và tiên tri cần phải có một công cụ sắc bén, kiên nhẫn, đầy quyết tâm để thực hiện công bình to lớn. Công cụ đó là tôi đây. Tôi nhạy bén, tôi kiên nhẫn, tôi đầy lòng tin, tôi đang quản lý cả một tập hợp người kỳ bí đã mang phương trâm của Chúa: Ptaiens quia oetemis.[310]

Ông hoàng hơi cử động. Aramis nói: -Tôi đoán rằng ngài đang ngẩng đầu lên, ngạc nhiên vì cái tập đoàn mà tôi đang điều khiển nó. Ngài không biết phải bàn tính như thế nào với một ông vua. Ôi, thưa ngài, đây là một vua của một dân tộc thật khiêm nhường, thật bị bạc đãi: trên đời này dân tôi chẳng bao giờ gặt hái được những gì họ gây trồng. Họ làm việc cho sự trìu tượng, họ gom góp từng phần tử quyền uy của họ để tạo thành một con người và từ tinh tuý của con người ấy, họ làm thành một đám mây hào quang toả sáng trên các vương miện của giáo đồ. Con người ấy đang ngồi bên ngài đây.

Nói thế để cho ngài rõ rằng hắn ta lôi ngài từ trong vực thẳm là với một mục đích cao cả. Hắn muốn đưa ngài vượt lên trên tất cả quyền uy của thế gian này, vượt lên cả hắn nữa.

Ông hoàng nắm nhẹ cánh tay Aramis và nói: -Chắc ông đang nói về dòng tu mà ông là người cầm đầu.

Nghe lời ông, tôi hiểu rằng nếu một ngày nào đó ông muốn thì ông sẽ đập xuống con người ông đã nâng lên và ông hiện nay đang nắm trong tay sinh vật ông tạo thành hồi hôm.

Vị giám mục trả lời: -Ngài hiểu lầm rồi. Tôi không mất cái công chơi cái trò kinh khiếp này với Điện hạ nếu tôi không có mối lợi đôi trong việc này. Ngày ngài thành công thì sẽ đứng vững mãi. Khi bước lên, ngài sẽ đạp các bậc cấp dưới chân và tôi sẽ lăn ra xa tít, không thấy được chút gì để nhắc ngài nhớ lại công lao của tôi.

-Ô!

-Thưa Đức ông, hành động đó của ngài cũng chỉ là chuyện thường thôi. Xin cám ơn! Ngài hãy tin rằng tôi còn mong muốn thứ gì hơn là sự biết ơn nữa kia. Tôi tin rằng khi lên đến tột đỉnh vinh quang, ngài sẽ thấy tôi vẫn còn đáng là bạn thân của ngài và lúc bấy giờ, cả hai chúng ta làm nên chuyện vĩ đại để thiên hạ nhớ đời.

-Ông nói rõ đi, nói không che giấu gì cả. Tôi bây giờ là gì và ông muốn nói tôi ngày mai sẽ ra sao?

-Ngài là con của Louis XIII, anh em với Louis XIV, là người kế nghiệp xứng đáng của hoàng gia Pháp. Khi giữ ngài bên cạnh, cũng như Hoàng thân em của ngài đó, là ông vua tự cho mình quyền đúng của bậc Chúa tể. Chỉ có các ông thầy thuốc và Chúa mới có thể bác khước quyền đó thôi. Nhưng đám thầy thuốc bao giờ cũng yêu ông vua ngôi như ngài hơn là cái ông vua tự xưng nào đó. Đức Chúa thì đã muốn ngài bị hành hạ, thế mà nhờ sự hành hạ đó bây giờ ngài thật xứng với vương vị.

Đúng, ngài có quyền lên ngôi, vì người ta đã tranh với ngài. Ngài có quyền công bố vì người ta đã nhốt ngài. Ngài có dòng máu thiêng liêng vì người ta không dám làm đổ máu với ngài như đối với bọn hạ thần. Ngài hãy nhìn xem

những gì Chúa đã cho ngài, vị Chúa mà bao lần ngài đã trách móc là luôn luôn chống lại ngài. Chúa đã cho ngài những dáng mặt, khổ người, tuổi tác và tiếng nói giống như anh em của ngài, như thế là tất những thứ gì làm cho ngài bị khốn đốn nay lại trở thành điều kiện đưa ngài lên buổi phục nghiệp huy hoàng. Ngày mai, ngày mốt, vào một dịp nào đó, ngài vốn có hình bóng sống động của Louis XIV, ngài sẽ leo lên ngai vàng của ông ta, nhờ sức của một người theo ý muốn của Chúa đã đẩy ông ta lăn xuống, mãi mãi không bao giờ trở lại.

-Tôi hiểu – ông hoàng nói – máu người anh em ta sẽ phải đổ ra.

-Sinh mệnh của ông ta thuộc quyền riêng của ngài thôi.

-Còn điều bí mật về sự giống nhau đã làm tôi khốn đốn.

-Thì ngài cứ sử dụng lại. Ông ta đã dấu sự bí mật đó như thế nào? Ông ta đem dấu ngài đi. Thưa Hoàng tử, ngài sẽ được lợi như thế nào khi đem giấu kẻ giống ngài vào ngục còn ngài giống kẻ đó thì cứ làm vua.

-Ông biết điều bí mật này và lợi dụng cho tôi. Thế còn ai biết nữa không?

-Còn Thái hậu và bà De Chevreuse.

-Thế họ phản ứng như thế nào?

-Chẳng biết làm gì hết, nếu ngài muốn.

-Sao vậy?

-Làm sao biết được nếu như ngài hành động cách nào để cho họ không biết đến?

-Đúng vậy, nhưng còn cái cản trở to lớn hơn.

-Xin ngài nói đi.

-Anh tôi có vợ không thể lấy người chị dâu đó được.

-Tôi sẽ làm cách nào cho nước Tây Ban Nha từ hôn. Điều này có lợi cho chính sách ngoại giao mới của ngài.

-Ông vua nằm trong ngục sẽ nói ra thì sao?

-Ông ta nói với ai? Với bốn bước tường à?

-Chắc là ông nói bức tường là những người ông tin cậy giao phó?

-Thưa Điện hạ, nếu cần thì cũng phải vậy. Với lại…

-Sao?

-Tôi muốn nói là ý Chúa không dừng lại nơi con đường tốt đẹp đó Mọi kế hoạch có tầm như thế này phải đạt được kết quả trọn vẹn mới là đúng, như bài toán bình học vậy. Ông vua bị nhốt đối với ngài sẽ không gây rối rắm như ngài hiện giờ đối với ông vua đương quyền. Chúa cho ông ta lòng kiêu ngạo, tính nóng nẩy. Thêm nữa lại mềm yếu, không có sức đề kháng do thói quen từ những năm tháng cầm quyền, hưởng thụ. Khi muốn cái kết quả của bài toán hình học tôi được hân hạnh trình với ngài xong, sẽ dẫn ngay đến việc ngài lên ngôi đồng thời huỷ những gì có hại cho ngài, Chúa cũng quyết định luôn rằng kẻ chiến bại sẽ chấm dứt những nỗi đau khổ của ông ta cùng lúc với của ngài. Người anh em của

ngài bị giam giữ, quên lãng, nhất định sẽ không chịu đựng nổi sự thua thiệt và Chúa sẽ rước linh hồn ông ta đi lúc nào cũng được, nghĩa là ngay tức thì.

Lúc Aramis đang phân tích tình hình một cách lạnh lùng như thế thì trong lùm cây, một con chim ăn đêm vọng ra tiếng rúc buồn thảm kéo dài làm dựng tóc gáy mọi người. Philippe rùng mình nói: -Tôi sẽ cho người ấy đi đày mới đúng lẽ nhân đạo hơn.

Aramis trả lời: -Đó là vì quyết định của Nhà vua sau này. Nhưng bây giờ thử xem tôi đặt vấn đề có đúng không? Tôi có giải quyết như ý muốn và sự tiên liệu của ngài không?

-Đúng, đúng, ông ạ. Ông không bỏ sót gì hết trử hai chuyện.

-Đầu tiên là cái gì?

-Chúng ta hãy nói ngay đến điều này, cũng thành thật như vừa qua, nói về những nguyên cớ có thể làm tan vỡ cả những mối hy vọng ta nhen nhúm, hãy nói về những nguy hiểm mà ta đã trải qua.

Các thứ này thì to lớn vô cùng, ghê gớm không chịu được nhưng tôi đã nói chúng ta sẽ hoá giải nhau hết. Chẳng có nguy hiểm nào xảy đến cho tôi, cho ngài nếu Điện hạ giữ được sự bền vững, cứng cỏi ở mức độ ngang với sự giống nhau thật hoàn hảo giữa ngài và ông vua kia. Tôi xin nhắc lại, không có gì là nguy hiểm, chỉ có những trở ngại thôi. Các chữ này luôn luôn ở trên đầu lưỡi mọi người, nhưng tôi vẫn không hiểu nổi. Nếu tôi là vua, tôi sẽ cho xoá nó đi vì là vô lý và vô ích.

-Được rồi, thưa ông, có một thứ trở ngại rất đáng kể, một mối nguy hiểm mà ông quên đấy.

-Ô – Aramis kêu lên.

-Đó là tiếng kêu gào của lương tâm, đó là sự dằng xé của lòng hối hận.

-Vâng, đúng thế. Ngài vừa nhắc tôi xong, tâm tính con người vốn thật yếu đuối. Ôi, ngài nói đúng, quả là một trở ngại to lớn vô cùng. Con ngựa sợ cái hố trước mặt, nhảy ngay vào đấy mà chết đi; con người thấy kiếm, run sợ để mũi kiếm thù lấp loáng dẫn đường cho thần chết đến rước! Đúng! Đúng thật!

Người trẻ tuổi hỏi Aramis: -Ông có anh em gì không?

Ông này trả lời với giọng khô khốc và mạnh mẽ như một tiếng cò súng đập xuống: -Tôi chỉ có một trên đời.

-Nhưng chắc ông có yêu thương ai chứ?

-Chẳng ai cả. À có, tôi yêu ngài.

Người trẻ tuổi lặng yên thật lâu khiến Aramis nghe cả tiếng hơi thở mạnh của ông ta. Ông nói: -Thưa Đức ông, tôi chưa nói hết những gì cần phải nói với Điện hạ, tôi chưa dâng cho ông hoàng của tôi tất cả những gì tôi nắm để ngài hưởng hết những lời khuyên bổ ích và những phương lược có lợi. Thưa ngài, trong tâm trí của tôi có đủ những thứ ấy cho ngài, một người rất yêu thích trời mây, đồng cỏ

xanh thẳm và không khí trong lành. Tôi biết một nơi đầy thú vị, một cõi thiên đàng không ai biết tới, một góc trời ở đó ngài sẽ sống một mình, tự do, ẩn mình, sống với rừng cây, với hoa lá, giữa suối nước trong lành để quên tất cả những gì khốn khổ mà loại người điên loạn đã trút vào ngài. Ô, xin hãy nghe tôi, tôi không đùa đâu. Ngài thấy, tôi cũng có tâm hồn nên tôi đoán ra nơi tận cùng sâu thẳm của ngài. Tôi thấy ngài hoàn hảo quá nên không muốn ném vào cái vô ý chí của tôi, theo cái sự quay quắt và tham vọng của tôi. Hoặc tất cả hoặc là không có gì hết. Ngài bị xốn xang, đau bệnh, gần như ngút thở ào ạt từ một giờ được tự do đến nay. Đây là dấu hiệu rõ ràng để tôi biết rằng ngài không muốn tiếp tục thở lâu dài hơn, trong hoàn cảnh bao la hơn. Thôi hãy để ngài sống một cuộc đời khiêm nhường hơn, thích hợp với sức lực chúng ta. Có Chúa chứng giám! Tôi chỉ muốn đem lại hạnh phúc cho ngài trong thử thách mà tôi lôi ngài vào đấy thôi.

-Cứ tiếp đi! Nói nữa đi! – ông hoàng vội vã nói khiến Aramis phải suy nghĩ.

-Tôi có biết ở vùng Hạ – Poiton có một tổng mà cả nước Pháp không ai biết đến. Xứ rộng đến hai mươi dặm lớn lắm pjải không? Thưa ngài hai mươi dặm nước, cỏ, lau lách và các hòn đảo đầy cây rừng. Những đầm lầy lớn khoác tấm áo bằng lau lách, nằm ngủ yên lành dưới ông mặt trời cười mỉm. Vài gia đình đánh cá đi khắp vùng trên những tấm bè lớn, mặt sàn lát cây lau và mái thì đan bằng lá cói. Các thuyền này, các ngôi nhà nổi này tha hồ trôi dạt theo làn gió thổi. Chúng chạm vào bờ chỉ là tình cờ và chạm nhẹ đến nỗi người đánh cá đang ngủ không hề bị lay tỉnh. Nếu chủ nhân có ý lấp vào, chính là họ thấy có đàn gà nước hay le le, vịt hay óc cau, mỏ nhát có thể đánh bẫy hay săn bắn bằng súng đạn chì. Những con cá chày vảy bạc, những con lươn to kềnh, bọn cá măng ngu ngơ, lũ cá mang màu hồng hoặc xám, tất cả xô vào lươi của người đánh cá. Chỉ còn có việc lựa ra những con cá béo, thả các con cá khác đi thôi. Không bao giờ có một người dân thành thị, một người lính, không có người nào vào đây. Mặt trời dịu mát. Một ít khu đất nổi ôm lấy các gốc nho và cho màu mỡ nuôi các chùm nho xanh, trắng, mọng nước ngon lành. Mỗi tuần một lần, có một chiếc thuyền đến lò bánh công cộng mua về chiếc bánh mì vàng ấm toát ra mùi thơm hấp dẫn, cuốn hút từ xa. Ngài sẽ sống ở đấy như con người thời cổ xưa. Ngài sẽ là vị lãnh Chúa đầy quyền uy với những con chó tai xù, những chiếc cần câu, những khẩu súng và căn nhà lau sậy. Ngài sẽ sống ở đó với nguồn săn dồi dào, với sự an toàn tuyệt đối. Ngài sẽ sống nhiều năm nơi ấy rồi sau cùng, khi đã đổi thay, không ai nhận ra, ngài sẽ được Chúa cho một đời sống khác. Thưa Đức ông trong túi này có 1000 pistole thừa đủ để mua một khu đầm lầy như tôi vừa nói. Xin ngài chân thành vui vẻ nhận lấy. Chiếc xe này sẽ xẻ ngay ra 2 ngựa cho ngài. Kẻ hầu hạ câm của tôi sẽ dẫn ngài, đêm đi ngày nghỉ cho tới xứ tôi nói, ít ra cũng để tôi tự thấy bằng lòng là đã giúp được việc ông hoàng của tôi mong muốn. Tôi đã giúp cho một người được sung sướng. Chúa sẽ hài lòng hơn là khi tôi giúp một người

trở nên có quyền lực. Thật khó có thể làm khác được? Sao, Đức ông nghĩ thế nào? Tiền đây. Ở đó, ngài không gặp nguy hiểm gì hết, trừ phi bị sốt rét. Không biết chừng nhờ các đồng bạc mà ngài được các phù thuỷ ở đấy chữa lành cho. Chơi cái trò kia thì ngài dễ bị ám sát ngay trên ngai hay bị treo cổ trong ngục tối. Nói thật ra, ngay đến bây giờ mà cân nhắc hai đường phải đi, tôi vẫn còn phân vân không biết chọn bên nào!

Ông hoàng trẻ tuổi tiếp lời: -Thưa ông, trước khi tôi quyết định, xin để tôi bước xuống xe, đi một lát để nghe lời Chúa phán từ trong thiên nhiên rộng mở. Mười phút sau tôi sẽ trả lời ông.

Trước giọng trang trọng, oai vệ đó, Aramis nghiêng mình tỏ dấu kính cẩn: -Xin ngài cứ tự nhiên.

§28. Vương miện và ngôi giáo hoàng

Aramis bước xuống xe trước và để cửa mở. Ông thấy chàng trai trẻ tuổi đặt chân lên đất rêu và đi quanh xe vài vòng, bước chân lúng túng, loạng quạng nữa là khác, rõ ràng người tù khốn khổ vẫn chưa quen bước đi trên mặt đất của con người.

Hôm nay là 15-8, khoảng 11 giờ đêm. Những đám mây lớn nặng bao phủ cả bầu trời, báo hiệu cơn giông bão tới, che hết cả ánh sáng, tầm nhìn. Nhìn kỹ một lúc mới thấy các đầu lối đi tách ra khỏi các lùm cây theo một màu mờ xám đục nổi lên giữa cảnh tối đen dày kịt. Nhưng các hương cỏ thơm, hương tinh dầu cây sồi đượm hơn, mát hơn, bầu không khí ấm và nhờn đã bao nhiêu năm nay mới lại bao quanh ông hoàng, sự tự do được hưởng thụ say mê ngay giữa vùng khoáng đạt, tất cả đều hấp dẫn khiến cho ông dù hết sức dè dặt cũng phải bật lộ ra cảm xúc và để thở một hơi dài sung sướng.

Rồi từ từ và nặng nhọc, ông ta ngẩng đầu lên và hít thở từng không khí phả vào khuôn mặt rực rỡ những làn hương nồng đượm. Ông ta khoanh tay trước ngực như muốn ngăn nó khỏi vỡ ra trước niềm hạnh phúc mới mẻ, và khoái trá hít vào luồng không khí chạy luồn dưới rừng cây, trong đêm. Bầu trời ông ta đang ngắm nhìn, tiếng nước nghe róc rách kia, bầy sinh vật đang khuấy động đó, tất cả có thực hay không? Aramis có điên không khi nói rằng trong thế giới này còn có điều đáng mơ ước hơn?

Ông hoàng trẻ tuổi như mê đi, chân chạm đất mà tâm hồn vút lên đến chân Chúa, để cầu xin ngài ban cho một tia sáng giải quyết phân vân trước sự quyết định sống chết.

Aramis vẫn đứng yên tại chỗ vì khổ tâm hoài nghi, và ngắm nhìn Philippe như đang giãy giụa hấp hối để chống đối lại hai thiên thần kỳ bí. Cực hình đó kéo dài đến mười phút như chàng tuổi trẻ đã yêu cầu. Trong khoảng thời gian dằng dặc ấy, Philippe vẫn mải ngước đôi mắt nhìn trời, còn Aramis không ngừng nhìn Philippe mắt tóe lửa, như muốn nuốt sống ăn tươi ai đấy Đầu người trẻ tuổi bỗng chúc xuống. Tâm tư ông đã trở về trần thế rồi. Đôi mắt ông đanh lại, trán có nếp, miệng hằn lên nét can trường táo bạo. Rồi mắt ông lại sững lại một lần nữa, lần này thì không giống cái nhìn của Satan lúc lên núi, đứng điểm duyệt các vương quốc các quyền uy trần thế để tìm cách quyến rũ được Jesus.

Mắt Aramis u tối lại trở thành hiền dịu. Thế rồi Philippe vội vã nắm chặt tay ông: -Đi, chúng ta đi tìm chiếc ngai vàng của nước Pháp!

Aramis hỏi lại: -Quyết định của ngài đấy phải không?

Philippe nhìn vị giám mục, vẻ kiên quyết như muốn hỏi làm sao, người ta lại có thể thay đổi khi đã định?

-Chúng ta hãy trở lại câu chuyện bỏ dở. Tôi nhớ đã nói với ông là tôi đồng ý với ông về hai điểm: những nỗi nguy hiểm hay những trở ngại thì đã tính xong rồi. Còn lại là những điều kiện của ông đưa ra. Ông De Herblay ạ, bây giờ là đến lượt ông bầy tỏ đó.

-Điều kiện nào, thưa Hoàng tử?

-Nhất định có. Ông không cho xe dừng giữa đường như thế này chỉ vì một chuyện vặt vãnh đâu và tôi cũng không chịu để ông nghĩ rằng tôi tin trong chuyện này ông không có chút quyền lợi nào hết. Cho nên, thôi đừng quanh co, đừng sợ sệt ông giãi bầy hết tâm sự ra đi.

-Thưa Đức ông, như thế này. Một khi làm vua.

-Lúc nào.

-Tối mai. Tôi muốn nói là đêm mai.

-Ông hãy giải thích bước tiến như thế nào?

-Chừng nào tôi hỏi Điện hạ xong. Tôi đã gởi một người tin cẩn đưa cho Điện hạ một quyển vở ghi chữ rất nhỏ, một bản danh sách có sắp xếp kỹ lưỡng để ngài biết rõ những người đảm nhiệm triều chính bây giờ và cả về sau nữa.

-Tôi đã đọc rồi.

-Kỹ không?

-Tôi thuộc lòng rồi.

-Và hiểu không? Xin lỗi, tôi nói được điều đó với con người khốn khổ trong ngục Bastille. Chẳng cần phải nói là trong tám ngày nữa, tôi sẽ không phải đòi hỏi gì nơi một trí óc sáng suốt như của ngài, sau khi đã phát triển hết mực trong cuộc đời tự do.

-Thôi ông cứ hỏi đi. Tôi muốn làm người học trò được ông thầy thông thái bắt lặp lại bài học.

-Đầu tiên là về gia đình ngài.

-Mẹ tôi, Anne d'Autriche?

-Về những nỗi buồn khổ của bà, về căn bệnh đáng buồn của bà?

-Ô, tôi biết, tôi biết hết!

-Người em thứ hai của ngài? – Aramis nghiêng mình nói.

-Ông có gửi kèm theo những bức hình phác hoạ, và vẽ rõ cho nên tôi có thể theo đó mà nhận ra những người ông ghi chép, tả rõ tính tình, lối sống và tiểu sử, ông em tôi là một người đẹp trai, da sậm, mặt xanh xao. Hắn không yêu Henriette vợ hắn như tôi. Louis XIV, đã yêu nàng qua quít và còn yêu làm duyên đến bây giờ mặc dù nàng đã làm tôi khóc nhiều vào ngày nàng muốn đuổi tiểu thư De La Vallière.

Aramis nói: -Ngài phải coi chừng đôi mắt của cô gái này. Nàng yêu thật tình ông vua hiện tại. Người ta khó đánh lừa trước đôi mắt người đàn bà đang yêu đó.

-Nàng có mái tóc nâu, mắt xanh, hơi thọt một chút. Mỗi ngày nàng viết một bức thư và tôi nhờ ông De St. Aignan trả lời.

-Ngài có biết người đó không?

-Biết như là đã thấy vậy. Tôi thuộc những câu thơ ông ta mới làm cho tôi đây, cũng như những câu tôi làm trả lời ông.

-Tốt lắm. Còn các đại thần?

-Colbert mặt mày xấu xí, u buồn nhưng thông minh, tóc phủ trán, đầu to, nặng nề, nhiều ý tưởng, kẻ thù không đội trời chung với ông Fouquet.

-Về phần người này chúng ta không phải lo ngại gì cả.

-Không, bởi vì ông xin tôi cần phải đầy hắn đi phải không?

Aramis đầy thán phục, nhưng chỉ nói: -Đức ông sẽ thật là vĩ đại.

Ông hoàng nói tiếp: -Ông thấy không, tôi thuộc bài kinh khủng và nhờ ơn Chúa, nhờ sự giúp đỡ của ông, tôi sẽ không lầm.

-Ngài còn có một cặp mắt quấy rầy bên cạnh.

-Vâng, viên chưởng quan ngự lâm quân. Ông d'Artagnan bạn ông.

-Tôi phải nhận đó là bạn thân của tôi.

-Còn người bắt Monck dâng cho Charles II, người đã giúp việc đắc lực cho mẹ tôi, con người mà ngai vàng nước Pháp phải chịu ơn thật nhiều. Ông muốn cho tôi đầy hắn đi không?

-Không bao giờ, thưa ngài, d'Artagnan là người tôi quan tâm, tôi sẽ nói cho hắn biết khi có dịp. Nhưng ngài phải coi chừng vì nếu hắn biết trước khi ta nói ra thì cả ngài lẫn tôi đều bị bắt hoặc bị giết hết. Tay sừng sỏ đấy.

-Tôi sẽ nghĩ tới hắn. Ông cho biết về ông Fouquet đi. Ông muốn ta làm gì hắn?

-Xin đợi một chút, xin lỗi, tôi cứ hỏi ngài hoài thành như là vô lễ

-Bổn phận của ông là thế thôi. Mà đó cũng là quyền của ông nữa.

-Trước khi nói về ông Fouquet, tôi muốn dè dặt nói về một người bạn riêng của tôi.

-Ông Du Vallon, dũng sĩ Hercule của nước Pháp chứ gì?

-Tài sản người này sẽ vẫn được giữ nguyên.

-Không, không phải tôi muốn nói về người này đâu.

-Thế thì chắc là Bá tước De La Fère?

-Và con ông ta, con của cả bốn chúng tôi.

-Cậu bé đang yêu say đắm tiểu thư La Vallière bị người em của tôi cướp đoạt! Ông yên lòng đi, tôi sẽ trả nàng lại cho hắn. Thôi bây giờ nói đến ông Fouquet. Ông bảo tôi làm thế nào?

-Làm tổng giám như xưa thôi.

-Được rồi! Bây giờ ông ta đang là tể tướng mà.

-Chẳng phải vậy đâu.

-Phải có một tể tướng cho một ông vua dốt nát và lúng túng như tôi đây. Hoàng thượng cần có một người bạn thân.

-Tôi đã có rồi, ông đây.

Sau này, ngài sẽ có nhiều người khác. Chẳng ai tin cẩn, chẳng ai trung thành cho sự nghiệp của ngài hơn những người ấy nữa.

-Ông sẽ là tể tướng của tôi.

-Thưa Đức ông, chưa ngay đâu. Làm như thế sẽ gây xì xào ngạc nhiên lắm lắm.

-Ngài Richelieu tể tướng của bà tôi là Marie De Medicis chỉ là giám mục Lucon, cũng như ông là giám mục Vannes vậy thôi.

-Đúng là Điện hạ đã sử dụng được hết những lời ghi chép của tôi rồi. Tôi thật vui mừng khi thấy ngài rất sáng suốt.

-Tôi biết rằng ngài De Richelieu nhờ sự che chở của Hoàng hậu nên mau chóng trở thành Hồng y.

Aramis nghiêng mình, nói: -Tốt hơn là Điện hạ đưa tôi lên chức Hồng y rồi hãy phong tôi làm tể tướng.

-Ông sẽ làm Hồng y trong hai tháng nữa, ông De Herblay ạ. Nhưng chuyện chẳng quan trọng gì. Ông đòi xin nữa đi tôi cũng không giận đâu, ông không xin thêm tôi giận đấy.

-Cho nên tôi muốn xin vài điều nữa.

-Nói đi, nói đi!

-Ông Fouquet sẽ không giữ chức vụ lâu vì ông ta già đi mau quá. Ông ta ưu hưởng khoái lạc, điều này hợp với công việc bây giờ của ông ta, nhờ chút thanh xuân còn sót lại để ông hưởng thụ. Nhưng cái tuổi trẻ này phải lưu ý đề phòng nỗi đau buồn hay căn bệnh đầu tiên nào ông ta mắc phải. Chúng ta sẽ tránh cho ông ta nỗi buồn rầu vì ông ta là một con người lịch sự và có tâm hồn cao quý. Chúng ta không cứu được ông ta khỏi bệnh tật đâu. Thế thôi, vấn đề đã giải quyết rồi. Khi ngài trả nợ hết cho ông Fouquet thành vua trong nhóm thi sĩ, hoạ sĩ của ông ta. Chúng ta đem giầu có cho ông ta. Thế thì khi tôi làm tể tướng của Điện hạ, tôi sẽ nghĩ tới quyền lợi của tôi và của ngài. Ngài Richelieu, chúng ta vừa nói, có cái sai lớn là dành quyền cai trị nước Pháp một mình. Ông ta để hai ông vua, vua Louis XIII và ông ta, ngồi chung trên một chiếc ngai. Đáng lẽ là nên để hai người ngồi hai ngai khác nhau.

-Hai chiếc ngai vàng! – ông hoàng bâng khuâng nói.

Aramis thản nhiên tiếp tục: -Đúng vậy, một Hồng y – Tể tướng của nước Pháp được ân sủng và trợ lực của ông vua rất sùng đạo, một Hồng y được bậc nhân chủ sẵn sàng đưa kho tàng, quân đội, lời khuyên bảo cho hắn, con người ấy phải làm một công việc hai nhiệm vụ thật đáng ghét khi đem cả tài sản phục vụ chỉ riêng cho nước Pháp thôi. Còn ngài, – Aramis nói thêm trong khi nhìn sâu

vào mắt Philippe, – ngài sẽ không phải là một ông vua như cha ngài, yếu ớt, chậm chạp, mệt mỏi đủ thứ. Ngài không phải mệt vì các dẳng cấp nữa: tôi ngăn chặn cho ngài. Và chẳng bao giờ tình bạn của chúng ta phải suy chuyển,- tôi muốn nói là chúng ta chẳng có chút nghi kị nào với nhau hết. Tôi chắc sẽ đem lại cho ngài ngôi vua nước Pháp còn ngài sẽ đưa tôi lên ngôi của thánh Pierre. Khi bàn tay trung thực, cương quyết và cầm vũ khí của ngài có bàn tay anh em của tôi là bàn tay của một giáo hoàng tương lai thì dù Charles Quin, người được hai phần ba thế giới dù Charlemagne, người được cả thế gian, cũng không ai có tầm cao được tới thắt lưng của ngài. Tôi không có đồng minh, tôi không có thành kiến, tôi không đẩy ngài vào công việc trừng trị kẻ lạc đạo, tôi chỉ nói: "Cả hai chúng ta cai trị thế giới, ngài lấy phần xác, tôi lấy phần hồn". Và nếu tôi chết trước khi ngài hưởng gia tài. Thế nào, Đức ông nghĩ sao về chương trình của tôi đấy?

-Tôi muốn nói rằng ông đã khiến tôi sung sướng và hãnh diện, ông D'Herblay ạ chỉ nghe lời ông nói thôi thì ông sẽ là Hồng y; từ Hồng y ông sẽ là tể tướng của tôi. Rồi ông sẽ chỉ cho tôi cách nào làm cho ông thành Giáo hoàng, tôi làm ngay. Bây giờ ông hãy đòi tôi bảo đảm đi.

-Vô ích, tôi luôn luôn chỉ hành động vì lợi ích nào đó của ngài thôi: tôi không bao giờ leo lên mà không lôi ngài lên một bậc cấp cao hơn; tôi lúc nào cũng đứng xa xa một chút để ngài khỏi ghen ghét, đứng gần gần một chút để trông nom quyền lợi của ngài và trông chừng tình bạn của ngài. Mọi giao ước trên đời này sở dĩ tan vỡ vì quyền lợi trong đó thường nghiêng về một phía. Không bao giờ giữa chúng ta có chuyện đó. Tôi không cần bảo đảm.

-Như thế nào… người anh của tôi… sẽ biến đi phải không?

-Thật giản dị. Chúng ta bắt cóc ông ta từ trên giường có một tấm ván tụt đi khi ta bấm vào một cái nút. Lúc ngủ thì làm vua, nhưng thức dậy ông ta sẽ là tù nhân. Chỉ còn mình ngài điều khiển, ngài sẽ chẳng có công việc thiết thân nào hơn là giữ tôi ở bên mình.

-Đúng vậy. Bắt tay tôi đi, ông D'Herblay.

-Xin cho phép tôi quỳ trước mặt ngài, thật là kính cẩn, thưa ngài. Chúng ta sẽ hôn nhau ngày mà chúng ta đội trên đầu ngài cái vương miện còn tôi đội chiếc mũ Giáo hoàng.

-Hãy hôn nhau ngay bây giờ đi. Cầu ngài vĩ đại hơn, khéo léo hơn, tinh anh sâu sắc hơn: xin ngài hãy tốt với tôi, hãy là cha của tôi!

Aramis xúc động khi nghe ông ta nói. Ông tưởng chừng trong tim ông đang có một chuyển động chưa hề biết đến.

Nhưng cảm giác này đã mau chóng tan biến đi.

Và rồi họ leo lên xe chạy nhanh trên đường đến lâu đài Vaux le Vicomte.

Lúc bấy giờ Louis XIV đến lâu đài Vaux được Fouquet mở tiệc lớn đón tiếp. Aramis đã tìm cách cho người ta dành căn phòng bên trên của nhà vua, nên đem Philippe vào đấy. Từ chỗ này, qua một bí mật mở nơi trần, hai người theo dò động tĩnh của Louis XIV và nghe nhà vua bảo d'Artagnan đi bắt Fouquet.

Ông này, ngoài các tội danh ghê gớm còn mắc một tội không thể tha thứ được là gửi thư tình cho tiểu thư De La Vallière, bị Colbert chặn lấy được. Nhà vua điên cuồng tuyệt vọng run rẩy ném mình lăn lên giường không buồn thay trang phục.

§29. Phạm thượng

Nỗi tức giận tràn trề của Nhà vua khi thấy và đọc bức thư của Fouquet viết cho La Vallière dần dần tan ra ngấm thành một nỗi mệt mỏi đau nhức.

Tuổi trẻ đầy nhựa sống đang cần phải bù đắp ngay những gì đã mất không bao giờ biết đến câu chuyện lá gan Prométhée[311] phục sinh qua những đêm dài mất ngủ vô tận để lấy lại sức lực. Trong khi người đứng tuổi lấy sức, người già lấy sự kiệt lực để bồi đắp liên miên nuôi dưỡng đau khổ, thì người trẻ tuổi này, thình lình đứng trước nỗi buồn đau, lại điên cuồng kêu khóc, dằn vặt mình và ngã quỵ rất mau trước kẻ thù không lay chuyển mà chàng phải chiến đấu. Mà khi đã ngã vật ra thì không còn thấy đau khổ là gì nữa.

Louis bị chế ngự trong một khắc rồi ông hết nắm chặt hai tay, hết chửi rủa ông Fouquet cùng nàng tiểu thư La Vallière.

Ông đi từ chỗ tức giận này đến chỗ tuyệt vọng rồi từ sự tuyệt vọng đến chỗ liệt nhược.

Sau khi rướn người lăn qua trở lại trên giường một lúc, ông buông xuôi hai cánh tay bất động ra. Đầu óc ông đờ đẫn trên chiếc gối ren, tay chân run rẩy mệt mỏi, bắp thịt giật giật hồi nhẹ, lồng ngực chỉ thỉnh thoảng để cho những cơn thở dài tuôn ra. Morphée[312] ngự trị trong căn phòng lấy tên thần này, liền vung tay ném trái thuốc phiện xuống để cho ông vua nhẹ nhàng khép đôi mắt và chìm vào giấc mơ.

Thế rồi thường như trong mọi giấc ngủ, lúc mới chợp mắt thật nhẹ nhàng và thật êm đềm, thân mình được nâng bổng lên, đưa hồn ra khỏi trần thế, ông thấy như thần Morphée vẽ trên trần đang dịu dàng âu yếm nhìn xuống, hình như có cái gì sáng lên và lung lay trên vòm lá, có những giấc mơ hỗn độn, ghê gớm, khi mất đi một thoáng thì nhường chỗ cho một khuôn mặt người trầm ngâm, một bàn tay đè vào miệng ông. Và lạ lùng thay, con người ấy rất giống vua, đến nỗi Louis tưởng là bóng mình trong gương.

Rồi ông thấy, vòm nhà chạy từ từ mất hút, các hình vẽ của hoạ sĩ Le Brun trôi đi ra xa, tối sầm lại. Một chuyển động nhẹ nhàng, đều đặn như của chiếc tàu lạng vào trong nước, thay cho cái gương bất động. Chắc là ông vua đang nằm mơ, và trong giấc mơ ấy, chiếc vương miện bằng vàng móc vào tấm màn cũng theo vòm nhà đi mất khiến cho vị thần có hai cánh tay đỡ hai chiếc vương miện ấy hình như đã hoài công kêu cầu với vua, nhưng rồi cũng biến đi.

Chiếc giường vẫn tụt xuống. Louis XIV mắt mở to để mặc cho cái ảo giác ấy lôi đi tuyệt vọng. Cuối cùng ánh sáng trong ngự phòng tắt hẳn, không khí như có thứ gì lạnh lẽo, tối tăm, khó tả tràn ngập không còn vàng, không còn màu nhung, mà chỉ có những bức tường màu xám xịt để bóng tối càng lúc càng dày thêm.

Chiếc giường vẫn tụt xuống, sau một phút dài như cả thế kỷ. Nhà vua thấy nó dừng lại giữa một không khí lạnh căm.

Nhà vua chỉ thấy ánh sáng trên phòng như người ngồi tận đáy giếng thấy ánh sáng mặt trời. Ông ngẫm nghĩ: "Ta mơ thật rùng rợn! Thôi đã đến giờ dậy rồi. Nào, thức dậy đi! Mọi người ai cũng cảm thấy điều ta vừa nói. Giữa một cơn ác mộng ngộp người, không ai là lại không nhờ một chiếc đèn thắp lên ở tận cùng óc não trong khi các đèn của nhân thế đều tắt hết, không ai lại không nhờ nó để nói: "Chẳng sao cả, ta mơ mà!"

Louis XIV cũng vừa nói như thế. Nhưng khi thốt lên câu "thức dậy đi" thì ông thấy ngay rằng không những ông đã thức mà mắt cũng đã mở rồi. Cho nên ông nhìn lại chung quanh.

Hai bên chỉ có hai người mang vũ khí, choàng áo rộng và đeo mặt nạ. Một người cầm chiếc đèn nhỏ với làn sáng tỏ chiếu rọi lên một quang cảnh thảm hại mà Nhà vua không ngờ tới.

Louis vẫn nghĩ là mình còn nằm mơ và muốn chấm dứt thì chỉ cần cục cựa cánh lay hay làm sao nghe được tiếng mình nói lên. Ông nhảy xuống giường, chân chạm phải ngay làn đất ẩm.

Tức thì ông hỏi người cầm đèn: -Cái gì thế này? Ai đùa thế này?

Người mang mặt nạ cầm đèn trả lời, giọng khàn khàn: -Không phải chuyện đùa đâu.

Nhà vua hỏi: -Ông là người của ông Fouquet sai tới à?

Bóng đen nói: -Chẳng cần biết chúng tôi thuộc về ai. Chúng tôi là chủ anh, đủ rồi.

Nhà vua sốt ruột hơn là sợ hãi, quay sang người mang mặt nạ thứ hai, nói: -Nếu đây là trò khôi hài thì hãy nói với ông Fouquet là ta thấy không hợp. Bảo hắn dẹp đi.

Người thứ hai mang mặt nạ vóc dáng rất cao lớn, dềnh dàng. Hắn đứng thẳng và lặng lẽ như một khối cẩm thạch.

Nhà vua lại giậm chân nói tiếp: -Sao? Anh không trả lời ta à?

Người cao lớn trả lời giọng oang oang: -Chúng tôi không trả lời anh vì thấy không có gì để nói hết.

Louis nổi giận khoanh lay lại: -Này, các anh muốn gì ta chứ?

Người cầm đèn trả lời: -Rồi anh sẽ biết.

-Tôi đang ở đâu đây?

-Cứ nhìn rồi biết?

Louis nhìn kỹ. Nhưng theo làn sáng của chiếc đèn giơ lên ông chỉ thấy những bức tường ẩm ướt, đây đó có những vệt sáng bạc là dấu vết của những con ốc sên bò đi. Ông kêu lên: -Ô! ô! Ngục tối à?

-Không, đường hầm dưới đất.

-Đi đâu?

-Xin theo tôi.

Nhà vua kêu lên: -Tôi không đi đâu hết.

Người cao lớn hơn hết trả lời: -Anh mà cưỡng lại thì tôi xách anh lên, quấn vào tấm áo choàng thì tha hồ mà ngộp, tuỳ ý anh đấy.

Nhà vua sợ bị làm dữ. Ông hiểu rằng hai người này có quyền động đến tính mạng ông, họ không hành động đến thế này rồi rút lui, nghĩa là phải làm đến nơi đến chốn. Ông lắc đầu nói: -Hình như ta đang ở trong tay hai tên sát nhân. Thôi, đi!

Chẳng ai trả lời cả. Người cầm đèn đi trước, Nhà vua theo sau: người thứ hai nối bước. Họ đi qua một hành lang dài lắt léo.

Quanh queo mãi, họ đến một đường hầm đằng cuối có cổng sắt khép kín. Người cầm đèn lấy chìa đeo nơi thắt lưng mở khoá cổng.

Khi cửa mở, gió lùa vào, Louis XIV nhận ra mùi hương thơm của cây cỏ bốc ra sau một ngày hè nóng nực. Ông ngập ngừng một lúc nhưng người to lớn đi kèm sau đã đẩy ông ra khỏi đường hầm. Nhà vua quay lại nhìn con người vừa cả gan làm một cử chỉ xúc phạm đến đấng quân vương.

-Ta hỏi một lần nữa, các người muốn làm gì với bậc Chúa tể nước Pháp đây?

Người cầm đèn trả lời với một giọng chẳng chịu nghe ai hết: -Anh nên quên các tiếng ấy đi.

Người thứ hai tắt cây đèn của đồng bọn đưa, tiếp lời: -Anh đáng bị đòn vì đã nói lên các tiếng ấy đấy. May là Hoàng thượng lại rất khoan dung.

Louis nghe lời đe doạ đấy, vụt làm một cử động như là muốn chạy trốn, nhưng người to lớn đã nắm lấy vai ông ghì lại.

Nhà vua hỏi: -Nhưng đi đâu đây?

-Anh lại đây, – người thứ nhất nói hơi có vẻ kính nể và dắt người tù đến một chiếc xe giấu thật kín trong lùm cây. Hắn mở cửa xe, hạ tấm bàn đạp xuống.

-Lên đi.

Nhà vua vâng lời, ngồi tận trong góc xe. Cửa đệm có khoá đóng ngay lại nhốt cả ông và người dẫn theo. Còn người to lớn thì leo lên chỗ trống phía trước. Tức thì chiếc xe vụt cất đi như bay, ra đường đi Paris và đổi ngựa trong rừng Sénert, rồi tiếp tục hướng về Paris, đến nơi vào lúc ba giờ sáng. Chiếc xe đi trong vùng Saint Antoine, và sau khi kêu to với người lính gác "Thừa lệnh vua", người đánh xe đưa ngựa vào trong vòng thành ngục Bastille, rồi chạy thẳng đến sân chủ ngục. Ngựa đứng lại thở hồng hộc trước bậc thềm. Một đội trưởng lính gác chạy đến.

Người đánh xe nói như sấm dậy: -Đánh thức ngài chủ ngục đậy.

Ngoài tiếng nói ấy nghe vang đến tận cổng ngoài khu Saint Antoine, còn thì tất cả đều lặng lẽ, trong xe cũng như trong lâu đài. Mười phút sau, ông

Baisemeuax mặc áo ngủ hiện ra nơi cửa, hỏi: -Cái gì nữa đó? Các người đem đến cho ta cái gì đây?

Người cầm đèn mở cửa xe nói một vài tiếng với người đánh xe. Tức thì người này bước xuống, cầm cây súng dưới chân, chĩa nòng vào ngực người tù. Người kia bước xuống nói to: -Hắn há miệng ra thì bắn đi.

Rồi ông ta bước lên bậc thềm có ông chủ ngục chờ sẵn.

Ông này kêu lên: -Kìa ngài D'Herblay?

Aramis suỵt một tiếng: -Chúng ta vào phòng đi.

-Chúa ơi! Có việc gì mà ngài phải đến vào giờ này?

Aramis trả lời thản nhiên: -Có sai lầm, ngài De Baisemeuax thân mến ạ. Hôm qua ngài đúng đấy.

Viên chủ ngục hỏi: -Về chuyện gì vậy?

-Chuyện thả người ấy mà.

-Giải thích giùm đi, thưa ông, ồ quên, thưa Đức ông, – viên giám đốc trả lời, nghẹn lời vì ngạc nhiên xen lẫn sợ hãi.

-Chuyện giản dị lắm. Ông De Baisemeuax thân mến ơi, ông có nhớ là nhận một lệnh thả phải không ạ?

-Vâng, thả Marchiali.

-Chúng ta đã tin là thả Marchiali.

-Nhất định thế. Nhưng ngài nhớ, tôi nghi ngờ lắm, và chính tôi, tôi không muốn thả hắn chút nào, chính ngài ép tôi đấy.

-Ô, ông Baisemeuax thân mến ơi, lúc ấy ông dùng chữ gì vậy à? Cam kết, phải rồi.

-Cam kết, vâng, cam kết đưa hắn cho ngài và ngài đã chở hắn đi.

Nhưng mà ông Baisemeuax thân mến ơi, đó là sự lầm lạc ở Bộ người ta thấy lầm nên cho tôi mang đến một lệnh vua bảo thả Seldon, thằng chó chết người Scotland ấy, ông nhớ Seldon? Lần này ngài chắc chứ?

Aramis đưa lệnh ra: -Trời à! Ông đọc đi.

Baisemeuax ngạc nhiên: -Ồ lệnh này chính là tờ tôi nắm hôm ấy đây.

-Thật không?

-Chính là tờ tôi xác nhận với ngài là đã thấy đêm ấy. Vâng, tôi nhận ra dấu mực đây này.

-Tôi không biết có phải không. Nhưng chắc là tờ tôi mang đi đây.

-Thế thì tên kia đâu?

-Ai?

-Marchiali?

-Tôi mang lại cho ông.

-Không đủ đâu. Phải có lệnh nhốt lại mới được.

-Ông Baisemeuax thân mến ơi, đừng nói thế nữa. Ông nói như trẻ con ấy. Cái lệnh ông nhận để thả Marchiali đâu?

Baisemeuax chạy đến lấy tờ giấy trong hộc ra. Aramis nắm lấy, lạnh lùng xé toạc làm bốn, rồi kê vào lửa đốt.

Baisemeuax kinh hoàng hết mực kêu lên: -Ngài làm gì thế?

-Ông chịu khó xem tình hình này lại một chút, ông chủ ngục thân mến ạ, – Aramis vẫn nói với vẻ bình tĩnh, không bị lay chuyển, – ông sẽ thấy chuyện thật dễ dàng vô cùng. Ông không còn trong tay tờ lệnh xác nhận Marchiali đã được thả rồi.

-Ôi Chúa ơi, tôi tiêu rồi?

-Chẳng sao đâu, vì tôi mang Marchiali lại cho ông mà.

Nhốt hắn lại, tức cũng như hắn chưa bao giờ ra.

Viên chủ ngục hoảng lên một tiếng.

-Nhất định như thế. Ông có thể nhốt hắn lại ngay.

-Nhất định Và ông đưa tên Seldon được thả theo lệnh mới này. Như thế, chẳng có gì xảy ra cả. Ông hiểu chưa?

-Tôi… tôi…

Aramis nói: -Ông hiểu rồi.

-Tốt lắm!

Baisemeuax chắp hai tay lại, rên rỉ: -Nhưng tại sao sau khi ngài mang Marchiali đi rồi lại mang hắn đến trả cho tôi thế?

-Với một người bạn thân như ông, với một người thừa lệnh như ông, thì không có gì phải giữ bí mật cả.

Và Aramis ghé vào tai Baisemeuax nói nhỏ: -Ông chắc biết, kẻ đó rất giống với…

-Với Nhà vua, vâng.

-Thế thì việc đầu tiên Marchiali lúc đó được tự do là đi tìm sự ủng hộ, ông đoán ra chưa?

-Làm sao tôi đoán được?

-Tìm sự ủng hộ để làm vua nước pháp.

Baisemeuax kêu lên: -Ồ! Thằng dại dột!

-Cứ mặc nguyên áo Nhà vua và lên ngai là được.

-Trời còn thương!

-Cho nên tôi mang hắn lại cho ông. Ông bạn thân mến ạ. Hắn điên khùng và gặp ai cũng tự xưng như thế cả.

-Bây giờ phải làm như thế nào đây?

-Dễ lắm, không cho hắn tiếp xúc với ai cả. Ông hiểu rằng nếu chuyện điên khùng của hắn đến tai Nhà vua thì dù Nhà vua có thương hại hắn, mà thấy lòng tốt của ngài bị đền đáp bằng sự vô ơn xấu xa như thế thì hẳn ngại giận lắm. Cho

nên, ông Baisemeuax thân mến ạ, ông nhớ lấy điều này, chuyện quan hệ đến ông đấy, hãy nhớ rằng, có lệnh giết kẻ nào để hắn nói chuyện với ai khác ngoài tôi và Nhà vua đấy. Ông nghe chưa, tử hình?

-Ôi nghe rồi đấy!

-Cho nên, bây giờ ông bước xuống đi, dẫn thằng khốn đó vào hầm tối, hay là để đưa hắn lên đây.

-Để làm gì?

-Ừ, tốt hơn hết là nhốt hắn ngay lập tức.

-Đúng?

-Thế thì, thi hành ngay đi!

Baisemeuax sai đánh trống, và bấm chuông lùa tù vào phòng để tránh mọi sự gặp gỡ bất ngờ. Rồi khi các lối đi đã trống vắng, ông liền đến bên xe bắt người tù trong khi Porthos theo lệnh vẫn chĩa nòng súng vào ngực hắn. Baisemeuax kêu lên khi thấy Nhà vua: -Ôi, anh chàng khốn khổ, lại đây anh. Tốt! Tốt lắm!

Rồi ông gọi Nhà vua xuống xe, dẫn đi luôn luôn có Porthos mang mặt nạ đi theo và Aramis cũng đeo mặt nạ lên lại.

Họ đến trước cánh cửa mà Philippe phải rên rỉ suốt mười năm qua, Nhà vua vào phòng tối không nói một lời, mặt mày xanh xám và ngơ ngác.

Baisemeuax đóng cửa lại tự tay xoay lại hai vòng khoá rồi đến bên Aramis nói nhỏ: -Chà, đúng thật, hắn giống Hoàng thượng quá. Nhưng không đến như ngài nói đâu.

-Như vậy là ông không thể nào lầm được nếu có sự tráo đổi phải không?

-Ô!

Ông Baisemeuax thân mến ơi, ông thật là con người đáng ghét. Thôi bây giờ lo thả Seldon đi.

-Đúng rồi tôi quên… Để tôi ra lệnh.

-Thôi để mai, ông thừa thì giờ mà.

-Mai. Thôi, thôi, liền bây giờ đi. Chúa không để tôi chậm trễ một giây nào hết đâu.

-Thôi thì ông cứ làm việc đi. Tôi có việc tôi. Nhưng ông hiểu rồi chứ?

-Hiểu cái gì?

-Hiểu là ông không được phép vào phòng tên tù trừ phi có lệnh vua, mà lệnh ấy lại do tôi mang đến.

-Đồng ý. Tạm biệt Đức ông.

Aramis trở lại phía bạn.

-Đi Vaux mau lên.

Porthos nói: -Phục vụ trung thành Hoàng thượng xong lại cứu được đất nước nữa thì người nhẹ nhõm lắm. Lũ ngựa khỏi kéo lê cái xe.

Thôi chúng ta đi.

Thế là bỏ lại người tù quả đúng thật nặng nề đối với Aramis, chiếc xe vượt qua cánh cầu sập của nhà ngục Bastille đang từ từ nâng lên sau lưng họ.

§30. Một đêm ở ngục Bastille

Lúc mới đầu, khi ông vua trẻ khù khờ, rã rời thân xác thấy bị dẫn đến nhà ngục Bastille, ông cứ tưởng tượng rằng cái chết giống như một giấc ngủ, cũng có cơn mơ rằng chiếc giường nằm rơi tụt dưới tấm sàn lâu đài Vaux và cái chết đến tiếp theo sau đó Louis XIV tiếp tục cơn mơ, thấy mình đã chết, nằm mơ thấy một chuyện ghê gớm, không thể xảy ra trong đời, chuyện ông vừa mới đầy quyền lực lại bị cướp đoạt ngôi, bị nhốt và bị nhục mạ.

Khi thấy cánh cửa do chính Baisemeuax đẩy khép kín lại, Louis XIV lầm bầm: -Có phải đây là sự vĩnh cửu, là địa ngục mà người ta nói đến không?

Ông không nhìn chung quanh, chỉ dựa lưng vào tường và buông thả mặc cho cái chết xảy tới, không mở mắt vì sợ trông thấy thứ gì còn tệ hại hơn nhiều nữa. Ông hơi ngu ngơ tự nhủ: Người ta bắt ta chết bằng cách nào? Có phải là dùng mẹo mà đẩy tụt cái giường xuống không? Nhưng không ta nhớ là không có lộn xộn, không có va chạm nào hết mà hay là họ cho thuốc độc vào món ăn, xông hương như đã làm như với bà cô ta, Jeanne D'Albret?

Bỗng, khí lạnh của căn phòng chụp xuống hai vai Louis như một chiếc áo choàng bung ra.

"Ta đã thấy cha ta bị bỏ bê chết trên giường, mình còn mặc triều phục. Khuôn mặt tái mét ấy, lặng lờ và suy sụp làm sao, những bàn tay lúc thường thật khéo léo lúc bây giờ trở nên bất động, đôi chân cứng nhắc, tất cả đều không có gì chứng tỏ rằng ông đã chết trong khi đang nằm mơ. Ông vua lúc chết còn là vua, ông còn ngự trị thần dân trên chiếc giường tang như ngồi trên ghế nhung. Ông không bị mất ngôi vị. Chúa đã không trừng phạt ông thì cũng không trừng phạt ta, ta đây chẳng có tội gì hết".

Có một tiếng động lạ khiến ông chú ý nghe. Ông để tâm nhìn và thấy nơi lò sưởi phía trên một bức hình Chúa Jésus, một con chuột cống to lớn gớm ghiếc đang bận nhấm gặm một mẩu bánh mì khô cứng trong khi đôi mắt tinh ranh và tò mò cứ nhìn người khách mới lạ của nơi này.

Nhà vua cảm thấy sợ hãi, nhờm gớm dâng lên. Ông lùi lại phía cửa, hét lên một tiếng lớn. Hình như Louis XIV cần tiếng thét ấy thoát ra từ lồng ngực để nhận ra mình, để thấy mình sống, có lý trí, có ý thức bình thường. Ông kêu lên: -Tù nhân! Ta mà là tù nhân!

Ông đưa mắt tìm một cái chuông để gọi người.

Ông nói: -Ở Bastille không có chuông báo mà ta thì đang bị nhốt ở ngục Bastille. Tại sao ta lại bị nhốt? Chắc hẳn đây là một âm mưu của Fouquet. Ta bị lôi vào một cái bẫy ở Vaux. Trong chuyện này không chỉ có một mình Fouquet. Tay chân của hắn, tiếng nói ấy, ta nhận ra rồi, là ông De Herbalay. Nhưng

Fouquet muốn gì ở ta? Muốn thay ta làm vua ư? Không được đâu! Nhưng biết đâu đấy? – Nhà vua cau mặt nghĩ thầm, – Hầu tước D'Orléans người em của ta, cả đời chống lại ta sao lại chẳng làm việc này, chú ta cũng muốn chống lại ta. Nhưng còn Hoàng hậu? Còn mẫu hậu? Còn tiểu thư La Vallière? Ôi tiểu thừ La Vallière! Anh mãi mãi xa em rồi!

Chỉ nghĩ đến sự phân ly này là ông đâm ra thở dài rồi thổn thức, rên rỉ. Thế rồi ông nổi giận nói: -Ở đây tất có viên chủ ngục. Ta sẽ nói chuyện với hắn. Ta sẽ gọi hắn?

Ông kêu to lên. Nhưng không có ai trả lời cả.

Ông cầm chiếc ghế phang mạnh vào cánh cửa gỗ sồi đồ sộ. Gỗ đập vào gỗ bật ra tiếng vang âm u ghê rợn vào cuối dãy thang lầu, nhưng vẫn không ai trả lời.

Đây cũng là chứng cớ nữa tỏ ra là ở ngục Bastille không ai coi trọng ông nữa. Thế rồi sau cơn tức giận, ông lưu ý đến cánh cửa sổ có ánh sáng rọi qua chấn song giống như bình minh đã đến, ông liền hướng miệng ra ngoài phía ấy kêu lên, ban đầu còn nhỏ tiếng, sau thật lớn. Nhưng cũng không có ai trả lời.

Ông thấy máu bốc lên đầu. Con người này quen sai khiến, nên lúc này thấy giận run vì không có người vâng lời ông. Cơn tức giận càng lúc càng tăng. Thấy chiếc ghế quá nặng không vừa tay, người tù đập gãy ra, lấy một khúc đập rầm rầm nơi cửa. Ông đập thật mạnh, thật nhiều khiến mồ hôi chảy ròng ròng trên trán.

Tiếng rầm rầm liên tiếp dội ra. Vài tiếng kêu nổi lên đây đó.

Nhà vua giật mình, ngưng tay lại lắng nghe. Đó là tiếng nói của những người tù, ngày xưa là nạn nhân nay là đồng bạn của ông. Những tiếng nói đó vang lên qua các trần nhà tường vách dày đặc. Những tiếng nói đó vang lên trách móc người gây tiếng động, cũng như tiếng thở dài, những dòng nước mắt thầm thì trách móc kẻ khiến họ phải chịu giam cầm. Sau khi khiến cho bao người mất tự do, bây giờ Nhà vua làm cho bao nhiêu người mất ngủ.

Nghĩ đến đó, Nhà vua muốn điên lên. Ông đập mạnh gấp bội, mong muốn tìm ra một kết cục, một tin tức gì. Thanh ghế gõ suốt một tiếng đồng hồ thì nghe có tiếng động ngoài hành lang, phía sau cánh cửa, rồi có ai đập mạnh vào cánh cửa trả lời với một giọng ồm ồm, thô lỗ khiến ông ngưng lại.

-Ê, có điên không? Sáng nay anh làm cái trò gì vậy?

"Sáng nay?" – Nhà vua giật mình nghĩ thầm. Rồi lên giọng lễ phép nói: -Thưa có phải ông là chủ ngục Bastille không?

Người kia trả lời: -Ông bạn, đầu óc lệch lạc rồi, nhưng không phải vì lẽ đó mà ông bạn làm ồn quá thế. Im đi, trời ạ!

Nhà vua còn cố gượng hỏi: -Có phải ông là chủ ngục không?

Tiếng một cánh cửa khép lại. Người gác bước đi không thèm trả lời lấy một tiếng.

Khi biết thế, Nhà vua đùng đùng nổi giận. Ông nhảy từ cái bàn tới cửa sổ, lay mạnh các trấn song, đập bể một mặt kính, kêu khàn cổ "Ông chủ ngục! Ông chủ ngục ơi!". Cơn nổi giận sôi sục kéo dài cả tiếng đồng hồ. Nhà vua chỉ ngưng khi kiệt lực để đầu óc rối bù hết vào trán, áo quần rách bươm, trắng xoá những vôi. Lúc bấy giờ ông mới biết được bức tường thật là dày khủng khiếp, xi măng thật vững chắc vô cùng, không gì lay chuyển nổi ngoài thời gian.

Ông gục đầu trên cánh cửa lớn để trái tim từ từ dịu lặng vì chắc rằng nó đập thêm một chút nữa thì nó sẽ vỡ ra mất. Ông tự nhủ: "Sẽ có lúc người ta đem đồ ăn đến cho tù nhân, đến lúc ấy ta sẽ gặp người, ta sẽ nói lên và họ sẽ trả lời cho ta".

Rồi ông lục lọi trong trí nhớ xem người ta cho tù nhân ở ngục Bastille ăn vào lúc nào. Nhưng ông không biết được. Thật như một nhát dao vô tình mà ghê rợn đâm vào tâm hồn khi ông chợt ân hận biết rằng mình làm vua sung sướng trong hai mươi lăm năm mà chẳng bao giờ nghĩ đến nỗi khổ của những kẻ bị mất tự do một cách bất công. Nhà vua xấu hổ đỏ mặt. Ông biết rằng khi Chúa cho một người cảm thấy điều nhục nhằn cay đắng là chỉ để trả lại cho người ấy những nỗi đau đớn mà hắn đã gây ra cho người khác thôi. Ông nghĩ: "Chúa thật có lý. Ta thật hèn khi cầu xin nơi Chúa những điều mà ta từ chối với đồng loại của ta".

Đang suy nghĩ như người đang hấp hối, ông bỗng nghe thấy có tiếng lịch kịch nơi ổ khoá.

Ông nhảy một bước tới trước để định đến gần người sắp bước vào. Nhưng ông chợt nhận ra rằng cử chỉ ấy thật không xứng với một bậc vua chúa nên ông dừng ngay lại, lấy dáng cao cả, bình tĩnh, quay lưng vào phía cửa sổ để che giấu một chút dao động của ông trước mặt người mới tới.

Nhưng mà đó chỉ là một người mở khoá mang thúng đựng đồ ăn. Nhà vua lo lắng nhìn người này, đợi anh ta nói: -Ồ tôi biết mà, anh đập gãy ghế rồi. Chắc anh nổi cơn điên rồi!

Nhà vua nói: -Thưa ông, ông nên cẩn thận lời nói. Ông coi chừng gặp điều không may đấy.

Người gác đặt cái thúng lên bàn rồi nhìn người đối diện: -Này, cậu bé ạ, lâu nay cậu biết điều lắm, nhưng cơn điên làm cậu hung dữ, nên tôi thấy có bổn phận phải báo cho cậu rõ: cậu đập bàn ghế và làm ồn, tội này đáng nhốt vào hầm tối đấy. Bây giờ cậu hứa với tôi là không làm như vậy nữa thì tôi sẽ không báo cho ông chủ ngục biết đâu.

Nhà vua bĩnh tĩnh trả lời: -Tôi muốn gặp ông chủ ngục!

-Coi chừng ông ta nhốt cậu vào hầm tối đấy!

-Tôi muốn, ông có nghe không?

-Ồ! Mắt ông trợn lên rồi. Được! Tôi lấy lại con dao của cậu đây!

Và người gác làm như đã nói, đi ra đóng cửa lại để Nhà vua một mình vừa thấy ngạc nhiên, vừa thấy đau khổ hơn bao giờ hết. Ông lại lấy chân ghế đập vào cửa. Ông ném bát đĩa tung tóe ra ngoài cửa sổ. Vô ích vẫn không có ai trả lời.

Hai giờ sau thì không còn là một ông vua, một nhà quý tộc, một con người, một khối óc nữa. Bây giờ chỉ còn là một thằng điên lấy móng tay cào cấu vào cửa, hì hục cạy đá lát nền phòng, miệng la hét kêu khóc khiến cho cả nhà ngục Bastille xưa cũ như rung rinh đến tận chân móng. Viên chủ ngục ngạc nhiên mà không hề nao núng. Người giữ chìa khoá, người gác đã báo cáo cho ông rồi. Nhưng biết để làm gì? Bọn điên là dân bình thường của nhà ngục này mà!

Nhưng có cái điên nào đủ mạnh để xô được các bức tường này?

Ngài Baisemeuax nghe thấm các lời khuyên của Aramis và hoàn toàn theo lệnh của Nhà vua nên chỉ muốn có mỗi điều là mong cái thằng điên Marchiali đó điên thêm chút nữa, để tự treo cổ trên nóc giường hay trấn song cửa là ông khỏe ru!

Thực vậy tên tù nhân đó không mang lại ích lợi gì cho ông hết mà chỉ thêm phiền bực thôi. Những chuyện rắc rối về sự lầm lẫn giữa Seldon và Marchiali, chuyện thả ra, nhốt lại, chuyện hình dáng giống nhau đến lạ kỳ, tất cả đều cần đến một kết cục thuận lợi. Baisemeuax còn nghĩ rằng kết cục đó chắc chắn không làm mất lòng ngài D'Herblay đâu. Ông đã nói với viên phó: -Thực ra, một tên tù thường đã là khốn khổ với thân phận tù lắm rồi; hắn khổ đến mức người ta thật lòng mong muốn hắn chết đi cho rảnh nợ đời. Thế mà thằng tù đó lại điên lên, có thể táp người, có thể làm ồn ngục! Vậy mong cho nó chết cũng chưa đủ là một nguyện ước tốt đẹp, phải làm một hành động từ thiện là cho nó chết một cách nào thật êm ấm?

Nói xong, ông chủ ngục từ thiện ngồi vào bàn ăn bữa thứ hai.

§31. Cái bóng của ông Fouquet

D'Artagnan vừa được Nhà vua tiếp kiến, đầu óc còn cảm thấy nặng nề vì câu chuyện, đang tự hỏi không biết Nhà vua có tỉnh trí không, không biết mọi sự có xảy ra êm đẹp ở Vaux hay không, không biết mình có đúng là chưởng quan ngự lâm quân không, không biết ông Fouquet có phải là chủ nhân toà lâu đài mà Louis XIV vừa được mời đến không. Chẳng phải đây là ý nghĩ của một người say. Ở Vaux vẫn tiệc tùng đầy đủ, món rượu nho của ông tổng giám vẫn đứng hàng đầu. Nhưng anh chàng Gascon vốn là con người điềm tĩnh khi chạm tay vào lưỡi kiếm thép, ông thấy lưỡi thép lạnh đủ cho ông sẵn sàng lao vào những vụ to lớn. Khi bước ra khỏi điện ông tự bảo: Hừ, phen này là ta nhào vào chuyện dính dáng tới số phận của một ông vua và của ông tổng giám. Lịch sử sẽ ghi rằng một con em của xứ Gascogne là ông d'Artagnan chụp lấy cổ tay ông tổng giám tài chính nước Pháp là ông Nicolas Fouquet. Đây là lệnh của vua sai. Ai cũng biết phải nói với ông Fouquet là: "Ông đưa gươm đây!". Nhưng không ai có thể ngăn được người nào đấy kêu lên. Vậy thì phải hành động làm sao cho ông tổng giám từ chỗ được hưởng ân huệ tối cao qua đến chỗ thất sủng tàn tạ nhất, để cho ông biến lâu đài Vaux thành một "Chuồng cọp", làm sao sau khi biết mùi vinh hoa rồi ông ta chịu đến giá treo cổ?

Tới đây, d'Artagnan cau mặt lại. Nhất định là Louis XIV ghét ông Fouquet thật sự, cho nên buộc con người ông vừa mới phong là mã thượng đi đến chỗ chết, thì đúng là một trường hợp lương tâm vấn vít của Nhà vua.

D'Artagnan ôm đầu, bứt râu nói tiếp: -Vì lẽ gì mà ông Fouquet bị thất sủng? Vì ba lẽ: Thứ nhất, vì ông không được ông Colbert ưa, thứ hai, vì ông muốn yêu tiểu thư La Vallière; thứ ba vì, Nhà vua yêu ông Colbert và tiểu thư La Vallière. Tiêu rồi! Nhưng làm đấng trượng phu như ta mà đạp lên đầu người ngã ngựa vì một người đàn bà, vì kẻ tuỳ phái à? Xì! Nếu hắn là nguy hiểm thì ta hạ, nếu hắn chỉ bị bạc đãi thôi thì để xem. Athos mà có ở đây thì cũng làm như ta thôi. Như vậy, thay vì đi chộp ông Fouquet, tóm ông ta, nhét vào đâu đó thì ta phải cư xử đàng hoàng.

Rồi d'Artagnan xốc lại dây đeo gươm theo cung cách rất đặc biệt của mình và đi thẳng đến nhà ông Fouquet. Ông này sau khi từ giã các bà, đang sửa soạn ngủ yên sau một ngày thành công rực rỡ.

Ông Fouquet vừa được người hầu phòng đưa tay cởi áo thì d'Artagnan xuất hiện trên bực cửa. Cánh tay phải ông Fouquet vừa thoát khỏi thân mình xong.

-Kìa! Ông d'Artagnan?

Người lính ngự lâm trả lời: -Xin đến để phục vụ ngài.

-Sao, ông đến để chỉ trích buổi lễ à? Ông thật là một người khéo!

-Ô không.

-Có phải người ta ngăn trở ông làm việc không?

-Không phải tí nào.

-Hay là chỗ ở của ông không được tiện nghi?

-Ồ tốt lắm!

-Thế thì xin cảm ơn ông đã có lòng ân cần với tôi và chính tôi mới là kẻ chịu ơn ông về tất cả những câu nói giúp tôi vui lòng đấy.

Những lời nói này rõ ràng là có ý nghĩa: ông d'Artagnan thân mến ơi, thôi ông đi ngủ đi vì ông có cái giường rồi, để cho tôi đi ngủ với. Nhưng d'Artagnan làm ra vẻ như không hiểu.

Ông nói với viên tổng giám: -Ông phải đi ngủ rồi à?

-Vâng, ông có điều gì cho tôi biết không?

-Không, không có gì hết. Ngài ngủ ở đây à?

-Thì ông thấy đó!

-Thưa ngài đã tổ chức cho Nhà vua một buổi lễ tiệc thật to – Nhà vua bằng lòng không?

-Thích lắm.

-Và ngài bảo ông đến bảo điều đó cho tôi à?

-Ngài không sai một người đưa tin kém cỏi như tôi đâu, thưa Đức ông.

-Ông d'Artagnan, ông khiêm nhường quá.

-Đây là giường ngủ của ngài?

-Vâng. Sao ông hỏi thế? Ông không bằng lòng chỗ ngủ của tôi à?

-Ờ không.

Fouquet giật mình, nói: -Ông d'Artagnan, xin ông hãy giữ phòng tôi đi.

-Đức ông bỏ à? Không đời nào!

-Thế thì ta làm sao?

-Xin phép cho tôi ngủ chung với ngài.

-Ngài Fouquet nhìn đăm đăm vào người lính ngự lâm: -Ồ, ông từ phòng Nhà vua ra à?

-Thưa Đức ông, vâng.

-Tốt lắm, tốt lắm! D'Artagnan ạ! Ông là chủ ở đây. Mời ông.

-Tôi xin bảo đảm với Đức ông là tôi không muốn lợi dụng tí nào.

Fouquet nói với người hầu phòng: -Ra đi, để chúng ta lại đây.

Người hầu phòng rút lui. Fouquet nói với d'Artagnan: -Ông có điều nói riêng với tôi có phải không? Một người tinh tế như ông không thể đến nói chuyện qua quít với một người như tôi trong giờ phút này nếu không có lý do gì quan trọng thúc đẩy.

-Xin ngài đừng hỏi.

-Trái lại. Ông muốn nói điều gì?

-Chỉ xin đến với ngài cho có bạn thôi.

-Thôi chúng ta ra vườn đi.

Người lính ngự lâm vội vã trả lời: -Không! Không!

-Tại sao?

-Ngoài đó lạnh.

Ông tổng giám nói với người chưởng quan: -Thôi hãy nhận là đến đây để bắt tôi đi!

-Không phải tí nào.

-Thế thì ông canh chừng tôi à?

-Vâng, thưa Đức ông, tôi lấy làm hân hạnh.

-Hân hạnh? Chuyện lạ đấy! Ờ! Tôi bị bắt ngay ở nhà à?

-Xin ngài đừng nói thế!

-Nhưng tôi vẫn la là người ta bắt tôi.

-Nếu ngài la lên thì tôi buộc phải làm cho ngài im tiếng.

-Tốt! Sử dụng bạo lực trong nhà tôi. Tốt lắm!

-Chúng ta không hiểu nhau đấy. Có bàn cờ kia, Đức ông vui lòng chơi với tôi vài ván.

-Ông d'Artagnan à, có phải đúng là tôi bị bỏ rơi không?

-Không phải đâu, nhưng mà…

-Nhưng mà lệnh bắt tôi phải đặt dưới quyền ông à?

-Thưa Đức ông, tôi không hiểu ngài nói gì hết: nếu ngài muốn tôi rút lui thì tôi xin về.

-Ông d'Artagnan thân mến, ông làm tôi điên lên mất. Tôi buồn ngủ muốn chết mà ông cứ bắt tôi thức.

-Tôi không thể nào tha thứ cho tôi về chuyện đó cả. Và nếu ngài muốn cho tôi khỏi trách móc tôi thì…

-Sao?

-Xin ngài đi ngủ đi, trước mặt tôi. Tôi thật sung sướng.

-Ông trông chừng tôi?

-Thế thì tôi xin đi.

Rồi d'Artagnan dợm bước đi ra. Ông Fouquet chạy theo nói: -Tôi không đi ngủ đâu. Vì ông không đối xử với tôi như là con người và vì ông cợt đùa với tôi thái quá nên tôi ép ông phải húc như heo rừng.

-A! – D'Artagnan kêu lên mà cố mỉm cười.

-Tôi sai đóng ngựa và đi Paris ngay.

-Ồ thưa Đức ông, nếu như thế thì vấn đề sẽ khác đi.

-Ông bắt tôi?

-Không, tôi cùng đi với ngài.

Fouquet lạnh lùng nói: -Thôi ông d'Artagnan, đủ rồi. Ông nổi danh là một con người tinh tế, khôn ngoan không phải là không có cớ đâu.

-Nhưng đối với tôi thì tất cả mấy cái đó đều là dư thừa hết.

-Chúng ta đi thẳng vào việc đi. Tại sao ông bắt tôi? Tôi đã làm gì nào?

-Ồ tôi đã không biết ngài đã làm gì. Và tôi cũng không bắt ngài tối nay.

Fouquet xanh mặt kêu lên: -Tối nay! Thế thì mai?

-Ồ, thưa Đức ông, bây giờ thì chưa phải là ngày mai.

-Ngày mai có xảy ra chuyện gì thì làm sao biết được?

-Nhanh lên, ông chưởng quan, xin ông cho tôi nói chuyện với ông D'Herblay!

-Than ôi, đây mới là chuyện không thể được, thưa Đức ông. Tôi được lệnh không cho ngài nói chuyện với ai hết.

-Nhưng mà, ông chưởng quan, với ông D'Herblay bạn của ông đấy!

-Thưa Đức ông, nếu tình cờ mà ông bạn thân D'Herblay của tôi là người duy nhất tôi phải ngăn nói chuyện với ngài thì ngài tính sao?

Fouquet đỏ mặt và lấy vẻ chịu phép, nói: -Ông có lý. Tôi vừa nhận một bài học đáng lẽ tôi không nên gây ra. Một con người ngã ngựa không có quyền đòi hỏi gì hết, cả đến quyền đòi hỏi ở những người mà hắn ta đã gây dựng sự nghiệp cho, càng lại không nên đòi hỏi ở những người hắn không có hân hạnh giúp đỡ gì hết?

-Đức ông?

-Đúng đấy, ông d'Artagnan ạ? Ông luôn luôn đặt mình ở một vị thế phải lý đối với tôi, vị thế hợp của một người sẵn sàng đi bắt tôi. Ông chưa bao giờ hỏi xin tôi điều gì hết.

Chàng Gascon cảm động vì những lời nói đầy ý nghĩa và cao cả ấy, ông nói: -Thưa Đức ông, ngài có lấy tư cách con người lương thiện hứa với tôi là không ra khỏi phòng này không?

-Ông d'Artagnan thân mến ơi, hứa như thế để làm gì, ông đang canh giữ tôi mà! Ông ngại tôi chống với tay kiếm có giá nhất vương quốc ư?

-Không phải thế đâu, đó là vì tôi phải đi tìm ông D'Herblay nên tôi để ngài ở lại một mình.

-Ông D'Herblay ở đâu? Có phải trong phòng màu xanh không?

-Đúng đó, ông bạn ạ.

-Ông bạn, xin cảm ơn về chữ dùng đó.

-Thưa Đức ông, lâu nay ngài chưa hứa cho tôi cái gì bây giờ xin ngài.

-A! Ông cứu tôi!

-Có phải từ đây tới phòng xanh đi và về khoảng mười phút không?

-Gần như thế.

-Và muốn đánh thức Aramis thường là hay ngủ say, muốn báo cho anh ta, tôi cho là phải năm phút. Nghĩa là tất cả phải một khắc. Thưa Đức ông. Bây giờ xin ngài hứa với tôi là ngài không tìm cách trốn chạy và vẫn ở đây đến khi tôi về.

-Thưa ông, tôi xin hứa.

D'Artagnan biến mất.

Fouquet nhìn ông đi xa dần, có vẻ nôn nóng rõ rệt trông mong cánh cửa khép lại. Rồi khi cửa đã khép, ông chạy vội lại lấy chùm chìa khoá mở hộc tủ giấu trong bàn, lục tìm không ra những giấy tờ chắc đã để ở St. Mandé, rồi ông dồn thư từ, khế ước, mọi thứ có chữ viết làm thành đống và đốt.

Rồi khi đã xong việc, như một người vừa mới thoát khỏi cơn nguy biến to lớn, sức lực rã rời khi không còn có gì phải lo lợ nữa, ông nằm vật ra trên ghế ngất đi.

Lúc trở lại, d'Artagnan thấy ông ta vẫn nằm nguyên vị thế đó. Người lính ngự lâm có tư cách không hề nghi ngờ rằng Fouquet khi đã hứa lại không giữ lời. Nhưng ông cũng nghĩ được Fouquet nhân dịp này có thể tìm cách loại bỏ tất cả những giấy tờ, ghi chú, tất cả những khế ước khiến ông ta còn lâm vào tình trạng nguy hiểm hơn. Cho nên d'Artagnan mới ngửng đầu lên như con chó đánh hơi và khi ngửi thấy mùi khói bay trong phòng, ông thấy thoả mãn là đã đoán đúng.

Khi d'Artagnan bước vào, Fouquet đang nằm nghiêng, ngửng đầu lên. Hai cặp mắt gặp nhau, hai người cùng hiểu.

Fouquet hỏi: -Kìa, ông D'Herblay đâu?

-Ồ Thưa Đức ông chắc ông D'Herblay ưa đi dạo ban đêm và làm thơ dưới trăng trong vườn với một vài thi sĩ của ngài, nên tôi không thấy ông ta trong phòng.

-Sao? Không có trong phòng à?

Fouquet kêu lên và thấy mất niềm hy vọng cuối cùng. Ông không rõ D'Herblay làm cách nào để cứu mình nhưng chắc chắn ràng giám mục Vennes sẽ cứu và chỉ cho ông ta mà thôi.

D'Artagnan tiếp tục: -Nếu ông ta ở trong phòng thì chắc có lý do nào đó khiến ông ta không chịu trả lời tôi.

-Chắc là ông không gọi to nên ông ta không nghe thấy chứ gì?

-Đức ông không chịu nghĩ rằng tôi đang vi phạm lệnh cấm rời khỏi ngài một bước, Đức ông tưởng rằng tôi điên lên mới đánh thức mọi người dậy để thấy tôi ở ngoài hành lang của giám mục De Vannes rồi báo cho ông Colbert biết rằng tôi cho phép ngài có dịp đốt giấy tờ ư?

-Ờ đúng xin cảm ơn ông.

-Ngài làm khéo quá. Ai cũng có sự riêng tư mà không người nào được phép dòm ngó vào. Nhưng thôi hãy trở lại chuyện Aramis. Chắc ông gọi nhỏ quá và ông ta không nghe đấy.

-Thưa Đức ông, gọi Aramis mà nhỏ đến đâu đi nữa nếu cần thì ông ta vẫn nghe như thường. Thành thử tôi xin lặp lại là Aramis không có trong phòng, hay là Aramis có những lý do để không nghe tiếng tôi, những lý do mà tôi không hiểu và chắc là ngài cũng không hiểu.

Fouquet thở dài, đứng dậy, bước vài bước rồi lả mình ngồi xuống chiếc giường lộng lẫy giăng thêu rua choáng lộn.

Người lính ngự lâm buồn rầu nói: -Trong đời, tôi đã thấy nhiều người bị bắt. Lúc còn trẻ tôi thấy ông De Cinq-Mars bị bắt, ông De Chalais bị bắt. Tôi đã thấy ông De Condé bị bắt với các ông hoàng khác, tôi cũng thấy ông De Retz, ông Broussel bị bắt. Này, ngài chú ý xem, thật đáng tiếc phải nói lên điều này, là trong số đó, người giống với ngài lúc này nhất là ông bạn Broussel. Cũng như ông ta, ngài đang nhét khăn vào bóp, ngài đang lấy giấy tờ chùi miệng. Chán quá! Ngài Fouquet ạ một người như ngài không thể có cung cách rối loạn như thế được. Nếu bạn bè ngài trông thấy thì còn ra gì nữa?

Viên tổng giám cười buồn: -Thưa ông d'Artagnan, ông không hiểu gì hết. Chính là bởi vì các bạn tôi không có ở đây nên ông mới trông thấy như thế. Tôi không sống lẻ loi, không tồn tại một mình. Ông nên lưu ý là cả cuộc sống của tôi chỉ dành để tìm bạn giúp đỡ khi tôi nguy khốn. Lúc tôi phát đạt, tất cả những giọng điệu vui vẻ ấy – và vui vẻ nhờ tôi, xúm nhau lại ca tụng tôi, xin ân huệ của tôi. Tôi không bao giờ biết đến cô độc. Tôi chịu chấp nhận sự nghèo cực, tiếp đón nó như với một cô em bị bạc đãi, vì nghèo cực không phải là sự cô tịch, sự lưu đày, không phải là nhà ngục? Có bao giờ tôi nghèo khi có những người bạn như Pellisson[313], La Fontaine[314], như Molière[315]? Nhưng ở đây lại là sự cô độc, đối với con người ồn ào, thích hưởng thụ, sống vì người khác, sống như tôi? Ôi, ông đâu có biết hiện nay tôi cảm thấy cô độc như thế nào? Ông là con người thật cách biệt với tôi, ông đối với tôi như là hình ảnh của sự cô tịch, của hư vô, của tử thần!

D'Artagnan thấy xúc động, nói: -Nhưng tôi đã nói với ngài, ngài Fouquet ạ, tôi đã nói là ngài đi quá xa. Hoàng thượng vẫn yêu quý ngài như thường.

-Không? – Fouquet lắc đầu nói, – Không!

-Chính ông Colbert mới ghét ngài.

-Ông Colbert à? Đâu có quan hệ gì đến tôi!

-Ông ta sẽ làm ngài tàn tạ.

-Ồ, về chuyện này tôi không lo, tôi đã tàn tạ rồi.

Khi nghe lời thú nhận của viên tổng giám, d'Artagnan đưa mắt cố ý nhìn khắp chung quanh. Tuy ông không mở miệng nhưng Fouquet đã đoán rõ ý nên ông nói: -Những cảnh tráng lệ này có ích gì khi người ta không còn hào hoa nữa? Thưa ông d'Artagnan, muốn tỏ ra giàu thì phải quá giàu mới được.

D'Artagnan gật đầu, Fouquet vội vã tiếp lời: -Ồ, tôi biết ông nghĩ gì rồi. Nếu ông có lãnh địa Vaux thì ông bán đi để mua miếng đất ở tỉnh. Đất ấy gồm rùng rú, vườn cây đồng ruộng, đất ấy nuôi sống chủ nó. Ông làm nên bốn mươi triệu như chơi.

D'Artagnan chặn lại: -Mười triệu!

-Không có triệu nào hết! Cả nước Pháp không có ai có tiền đủ để mua lãnh địa Vaux với giá hai triệu và chăm sóc sửa sang. Không ai có thể làm được việc đó.

D'Artagnan kêu lên: -Mẹ ơi! Dù sao thì một triệu cũng…

-Sao?

-Cũng không phải là nghèo cực.

-Thật gần nghèo quá mà, thưa ông.

-Cái gì?

-Ồ, ông không hiểu được. Không, tôi không bán ngôi nhà tôi ở Vaux này; nếu ông muốn thì tôi tặng ông.

Fouquet hơi nhún nhẹ đôi vai kèm với lời nói đó.

-Thôi để đem cái ấy tặng Hoàng thượng thì có lợi hơn nhiều.

Fouquet nói: -Nhà vua không cần tôi tặng. Nếu nhà đất hợp với ông ấy thì ông ấy lấy ngay chẳng cần lôi thôi gì cả. Chính vì thế mà tôi cứ muốn nó sụp đổ đi. Này ông d'Artagnan, nếu Nhà vua không phải đang ở dưới mái nhà của tôi thì tôi cầm cây đèn này, đến chỗ mái vòm đốt hai thùng thuốc pháo thăng thiên còn ở đấy và cả toà lâu đài này sẽ thành bụi ngay tức khắc.

Người lính ngự lâm nói thật tình: -Ô nhưng dù sao ông cũng không thể đốt vườn được mà ở đây thì chỉ có các khu vườn mới đáng giá thôi.

Fouquet tiếp lời, giọng khàn đục: -Thế rồi, à tôi nói gì nhỉ? Đốt đất Vaux? Phá huỷ lâu đài của tôi. Nhưng Vaux không phải thuộc về tôi. Đúng là cả cảnh huy hoàng này thì phải thuộc về kẻ trả tiền được hưởng, nhưng tính về thời gian thì nó thuộc về kẻ đã tạo ra nó. Đó là các kiến trúc sư, hoạ sĩ, thi sĩ, sử gia Le Brun[316], Le Notre[317], Pellisson; La Vau[318], La Fontaine. Vaux nơi Molière đã diễn tuồng những kẻ quấy rầy ở đấy. Vuax là của hậu thế, nên ông d'Artagnan thấy đó, không có ngôi nhà nào là của tôi cả.

D'Artagnan nói: -Đúng lắm, tôi thích ý tưởng này lắm. Tôi thấy rõ được ngài Fouquet rồi. Ý tưởng này khiến tôi xa rời anh chàng Broussel và tôi không còn nhận ra những lời kêu khóc của tay chống đối này nữa. Nếu có phải sạt nghiệp thì ngài cứ thản nhiên đón nhận. Chán quá! Cả ngài nữa, ngài thuộc về hậu thế nên ngài không có quyền yếu đuối. Này, hãy nhìn tôi đây, tôi đang như có quyền trên ngài vì tôi đi bắt ngài. Số mệnh phân phối vai trò cho các anh hề trên cõi đời này, đã trao cho tôi một vai không mấy sáng sủa, dễ chịu hơn của ngài. Tôi là hạng người vẫn thường nghĩ rằng vai trò của các ông vua và các người quyền thế

là có giá trị hơn vai trò của những người ăn mày và đám hầu hạ. Dù là đóng trò thì cũng nên sân khấu nào khác hơn sân khấu bình dân. Mặc áo đẹp nói lời hoa mỹ cũng hơn là chà lết đôi dép rách trên sàn gỗ, còn hơn là gãi lưng bằng mấy khúc cây quấn sơ gai. Ngài đã vung phí vàng bạc, đã chỉ huy, đã hưởng thụ. Tôi đã lê tấm thân trên ngựa, tôi đã vâng lời, tôi đã chịu thiệt thòi. Cho nên tôi không ra gì đối với ngài, tôi cũng xin nói. Việc nghĩ lại về tất cả hành động của tôi khiến tôi như có một mũi nhọn kích thích ngăn cái đầu già của tôi không cúi gục xuống sớm. Tôi sẽ mãi mãi là một kỵ sĩ vững vàng, sau khi tìm đúng chỗ thì sẽ chết như đã sống, chết thẳng người nguyên vẹn. Ông Fouquet, xin hãy làm như tôi rồi sẽ thấy chẳng có gì khó khăn lắm đâu. Có một câu tôi quên mất chữ, chỉ còn nhớ nghĩa, vì tôi đã suy nghĩ về nó nhiều lần. Câu ấy nói: "Cái kết cục sẽ tôn vinh cho sự nghiệp".

Fouquet đứng dậy, ôm choàng cổ d'Artagnan, siết vào mình, cong tay kia bắt tay d'Artagnan. Mãi một lúc sau ông mới nói: -Đúng là một bài giảng thật hay.

-Bài giảng cho người lính ngự lâm đấy, Đức ông ạ.

-Ông có yêu mến tôi mới nói thế.

-Có lẽ

Fouquet lại đăm chiêu, rồi một lúc sau lại nói: -Còn ông D'Herblay không biết ở đâu nhỉ?

-Chà! Chà!

-Tôi không dám yêu cầu ông đi tìm ông ấy.

-Ngài có yêu cầu tôi cũng không làm. Vì thật là bất cẩn.

-Người ta sẽ hay biết. Aramis không dính dáng gì đến việc này, có thể bị liên luỵ đến vụ thất sủng của ngài.

Fouquet nói: -Để tôi đợi đến sáng xem.

-Vâng. Đó là cách tốt nhất.

-Sáng ra thì làm gì?

-Tôi cũng không biết. Thưa ngài.

-Xin ông d'Artagnan ban cho tôi một ân huệ. Ông lo giữ tôi, tôi vẫn ở đây, như thế là ông làm đúng lệnh ra chứ gì? Thế thì, ông cứ coi như cái bóng của tôi. Thà là cái bóng này còn hơn là cái bóng khác.

D'Artagnan nghiêng mình cảm tạ: -Nhưng mà hãy quên tôi là d'Artagnan, chưởng quan ngự lâm quân, hãy quên tôi là Fouquet, tổng giám tài chính rồi chúng ta cùng nói về chuyện tôi.

-Chà mắc dịch, khó quá, nhưng với ngài thì tôi gắng hết sức thử xem sao.

-Cảm ơn. Nhà vua nói với ông những gì?

-Không có gì hết.

-Ô! Ông nói gì lạ!

-Hừ!

-Ông nghĩ sao về hoàn cảnh của tôi?

-Khó đấy.

-Khó về cái gì? Khó là hiện nay ngài đang ở nhà.

-Khó đến đâu nữa tôi cũng hiểu được.

-Ồ! Ngài nghĩ rằng nếu với một người khác thì tôi cũng thành thật như thế này sao?

-Sao, thành thật à? Ông không chịu nói với tôi một chút gì mà là nói thành thật với tôi? Nhiều lắm chứ? Này, xin Đức ông xem tôi hành động như thế nào đối với một người khác với ngài; tôi đến trước cửa, mọi người phải đi, nếu không ai đi thì tôi đợi ở cửa, tôi tóm từng người một như tóm thỏ chạy. Tôi nhốt êm thấm. Tôi nằm dài trên tấm thảm ngoài hành lang của ngài rồi đặt tay trên mình ngài khiến ngài không nghi ngờ rồi nữa là tôi dành cho ngài bữa sáng của chủ tôi. Theo cách đó thì không ồn ào rắc rối, không có chống cự, không tai tiếng, nhưng cũng không báo hiệu gì hết cho ông Fouquet, không có vấn đề nhường nhịn tế nhị giữa những người lịch sự phải đối xử vào lúc quyết định. Sao, ngài bằng lòng chương trình này không?

-Chương trình này làm tôi rùng mình.

-Đúng phải không? Thật là đáng buồn nếu có một ngày nào đó, tôi đến bảo thẳng rằng hãy đưa thanh gươm của ngài cho tôi.

-Ồ nếu thế thì tôi đến chết vì xấu hổ hoặc tức giận thôi.

-Thế thì, thưa Đức ông, nếu ngài bằng lòng tôi, nếu ngài hồi tâm không bị xúc động nữa vì thấy tôi đã mềm dịu hết sức thì chúng ta hãy tung hê hết đi, không nghi ngờ gì nữa cả. Ngài bị quấy rầy, ngài phải lo nghĩ nhiều rồi, thôi bây giờ hãy đi ngủ đi.

-Còn tôi thì nằm trên chiếc ghế tựa này, ngủ đến mức súng bắn bên tai cũng không nghe nữa. Trừ phi có trường hợp ai đó mở một cánh cửa, ra hay vào ngay trước mắt, hay nấp đâu đó.

-Hì, đối với mấy chuyện này thì lỗ lai tôi thính lắm; động cựa chút gì là tôi biết liền hà? Ngài cứ đi đi lại lại trong phòng, viết đi xoá đi, xé đi, đốt đi cái gì cũng được, nhưng chớ động tới chìa khoá trong ổ, chớ có động tay tới nắm cửa vì có thể làm tôi giật mình tỉnh dậy và làm đầu óc tôi rối điên lên đó.

Fouquet nói: -Đồng ý rồi ông d'Artagnan ạ, ông là con người tinh tế nhất, lịch sự nhất mà tôi gặp được. Tôi chỉ có điều tiếc là biết ông quá muộn thôi.

D'Artagnan thở dài như có ý muốn nói: "Ôi không biết chừng là ông biết tôi quá sớm đấy". Thế rồi ông chúi vào ghế dựa trong khi Fouquet nửa ngồi nửa nằm trên giường, cùi chỏ chống lên, tâm tư mơ màng suy tính tương lai.

Rồi cả hai cứ để đèn cháy, nằm đợi trời sáng và khi Fouquet thở dài thật lớn thì d'Artagnan ngáy thật to.

Chẳng có ai làm rộn bầu không khí yên tĩnh này, dù cả khi Aramis đến, chẳng có tiếng động nào vang lên trong cả phòng lớn này. Bên ngoài, các chuyến diễu hành nghi lễ, các chuyến tuần tra của lính ngự lâm làm vang lên những tiếng gươm lách cách theo bước chân. Nhưng những thứ đó lại càng du ngủ người ta hơn, thêm vào đó là tiếng gió thổi, tiếng vòi nước chảy đều đều liên tục, chưa kể đến những tiếng động nhỏ bé của cuộc đời của cái chết.

§32. Buổi sáng

Bên cạnh cái định mệnh sầu thảm của ông vua nằm ở Bastille gặm nhấm chấn song, ổ khoá nhà ngục một cách tuyệt vọng, những viên thái sử ngày xưa tha hồ mà vung vít về cuộc sống vương giả đối lập của Philippe. Không phải những lời hùng biện ấy lúc nào cũng có dụng ý xấu xa và gieo rắc lầm lạc về những cái đẹp điểm xuyết vào lịch sử, nhưng ở đây, chúng tôi vẫn xin phép quý vị đánh bóng phía đối lập và vẽ lại bức tranh cốt để ta dễ theo dõi cảnh đầu tiên kia.

Ông Hoàng trẻ vào nhà Aramis trong khi ông vua đi xuống căn phòng của thần Morphée. Dưới sức cách tay của ông D'Herblay ấn mạnh, chiếc vòm nhà xuống từ từ và chiếc long sàng sau khi để người tù dưới hầm sâu lại trở lên đến trước mặt Philippe.

Chỉ khi một mình đứng trước sự xa hoa này, chỉ khi đứng trước quyền lực vô biên đó, chỉ khi đứng trước nhiệm vụ to lớn mà ông ta phải lãnh, lần đầu tiên Philippe cảm thấy cảnh làm vua ngợp người khiến tim đập liên hồi. Nhưng khi nhìn chiếc giường trống trơn, còn dấu nhăn do thân xác người anh để lại, ông ta thấy tái mặt đi.

Sự đồng loã mặc nhiên trở lại sau khi chịu đồng ý để tiến hành công việc vừa qua. Nó trở lại mang dấu vết của tội ác, nó nói lên một cách thẳng thắn thô bạo như những lời đồng loã nói với nhau sự thật. Trong khi cúi xuống để nhìn cho gần hơn, Philippe nhận ra chiếc khăn ướt mồ hôi lạnh chảy trên trán của Louis XIV. Những giọt mồ hôi ấy khiến Philippe kinh khiếp như là những giọt máu của Abel đã làm kinh khiếp Cain[319].

Philippe nói, mắt rực lửa, mặt mày nhợt nhạt: -Thôi bây giờ là ta phải đối mặt với số mệnh rồi. Chẳng biết nó có kinh khiếp như ở ngục thất không. Bây giờ, cứ mỗi lần phải theo sát những sự phỉnh phờ của lí trí, chẳng biết ta có còn nghe theo tiếng gọi ngại ngùng của lòng nữa hay không? Ô, quả đúng như vậy rồi? Ông vua đã nghỉ trên giường này, chiếc gối còn in hằn vết đầu ông, chiếc khăn tay còn mềm đi vì những giọt nước mắt cay đắng của ông, còn ta thì ngần ngại không nằm trên chiếc giường này, tay ta không dám nắm chiếc khăn tay có thêu huy hiệu, tước vị của vua! Nhưng thôi đi, hãy bắt chước ông D'Herblay, con người lúc nào cũng nghĩ đến mình, con người coi người lương thiện chỉ là kẻ bị kẻ thù không bằng lòng và phản bội thôi. Nếu Louis không chiếm đoạt thì nó đã là của ta. Chiếc khăn tay có thêu quốc huy nước Pháp này cũng là của ta như lời ông D'Herblay nói, nếu lúc nhỏ ta được chọn là kẻ kế nghiệp, Philippe của nước Pháp ơi! Leo lên giường này đi! Philippe, vị vương độc nhất của nước Pháp, hãy lấy huy hiệu của mình đi! Philippe, kẻ chỉ định kế nghiệp độc nhất của Louis

XIII, cha ta, đừng thương xót kẻ phản nghịch nữa – hắn ta, đến bây giờ cũng không có chút gì ân hận về tất cả những cay đắng mà ta phải chịu đựng.

Philippe nói xong, mặc dù trong tận cùng thân xác còn thấy nhờn gớm mình, mặc dù ý chí cố đè nén cho khỏi rùng mình, khiếp sợ, nhưng vẫn lên nằm trên chiếc long sàng, ráng gân cốt ép mình trên vùng hơi còn ấm của Louis XIV, chiếc khăn tay đẫm mồ hôi áp lên trán.

Bây giờ, ta hãy nhìn cái ông vua chiếm ngôi run rẩy và ủ rũ này. Trông ông ta giống như một con cọp lạc đường đi vào giữa đám lau sậy, khe nước lạ lùng, và nằm ngủ trong hang ổ của con sư tử vắng nhà – ngủ trên chiếc giường của con sư tử thì cũng hãnh diện thực đấy, nhưng thật khó mà mong được ngủ yên.

Philippe lúc nào cũng lắng tai dò từng tiếng động một chút lo lắng gì cũng làm xao động tâm hồn. Nhưng vốn là người tin tưởng ở sức mạnh của mình ông vẫn vững tâm chờ đợi một chuyện gì xảy ra để đo lường khả năng của mình. Ông mong một mối nguy hiểm to lớn sẽ làm cho êng sáng chói lên. Nhưng không có gì xảy ra hết. Sự im lặng vốn là kẻ thù sống chết của những tấm lòng bất an, của những kẻ đày tham vọng, sự im lặng đó vẫn bao trùm một đêm ông vua tương lai của nước Pháp đang nấp dưới chiếc vương miện đánh cắp.

Vào lúc rạng sáng, một thân mình len vào trong phòng như một chiếc bóng. Philippe không ngạc nhiên vì đang chờ đợi, ông hỏi: -Sao, ông D'Herblay?

-Xong rồi, thưa ngài, xong hết rồi.

-Có kháng cự gì không?

-Thật ghê gớm: khóc lóc, kêu la.

-Rồi sao nữa?

-Thành công hoàn toàn và im lặng tuyệt đối.

-Người chủ ngục Bastille có nghi ngờ gì không?

-Không chút nào.

-Vì chuyện giống nhau phải không?

-Nguyên nhân thành công đấy.

-Nhưng ông cũng nên nghĩ rằng người tù cũng có thể giải thích ra. Tôi từng phải kháng cự với một quyền lực mạnh hơn tôi nhiều mà tôi cũng làm thế rồi đấy.

-Tôi nghĩ tới hết rồi. Vài ngày nữa, và cũng có lẽ sớm hơn, nếu cần thì lôi tên ấy ra khỏi nhà giam cho đi đầy thật xa.

-Nhưng người đi đầy cũng trở về được, ông D'Herblay ạ.

-Xa thật là xa, xa thế nào mà để cho sức lực hắn tàn tạ không thể sống đợi ngày về được.

Lại một lần nữa đôi mắt của ông hoàng trẻ và của Aramis gặp nhau trong sự toan tính thật lạ lùng. Philippe lái câu chuyện sang hướng khác.

-Còn ông Vullon thì sao?

-Ngày hôm nay ông ta sẽ đến triều kiến và sẽ nói riêng cho ngài nghe về những mối nguy hiểm mà tên chiếm đoạt đó đã gây khó khăn cho ngài đến đâu.

-Bây giờ phải phong cho ông ta như thế nào? Một tước công có kèm theo lãnh địa có phải không?

Aramis trả lời với nụ cười khác lạ: -Vâng, một tước công có kèm theo lãnh địa.

-Sao ông D'Herblay lại cười?

-Tôi cười về sự lo xa của Hoàng thượng.

-Lo xa? Ông nói gì thế?

-Hoàng thượng hẳn là sợ lão Porthos trở thành một chứng nhân khó chịu nên phải trừ đi.

-Trừ bằng cách phong quận công à?

-Đúng vậy ngài giết hắn đấy? Hắn vui sướng đến mức chết đi và mang sự bí mật theo hắn. Còn tôi – Aramis lạnh lùng tiếp – tôi mất một người bạn thật là bạn.

Giữa lúc hai tay âm mưu đang nói chuyện tầm phào để che giấu nỗi vui mừng và kiêu ngạo vì sự thành công, thì Aramis vểnh tai nghe ngóng một thứ gì bên ngoài. Philippe hỏi: -Gì thế?

-Thưa ngài, sáng rồi.

-Thế rồi sao?

-Hôm qua, trước khi đi ngủ trên chiếc giường này, chắc ngài có nghĩ rằng hôm sau, sáng ra ngài sẽ làm gì chứ?

-Ta có bảo viên chưởng quan ngự lâm quân đến đây.

-Nếu ngài có nói như vậy thì hắn đến ngay đấy. Hắn là người đúng hẹn.

-Ta nghe có tiếng bước chân bên ngoài phòng rồi.

-Hắn ta đấy.

Ông hoàng lấy dáng kiên quyết trả lời: -Thế thì bắt đầu tấn công đi.

Aramis kêu lên: -Chớ! Tấn công mà bắt đầu với d'Artagnan thì là điên đấy! D'Artagnan bây giờ chẳng biết gì hết, chẳng có gì nghi ngờ chúng ta hết. Nhưng nếu sáng nay hắn ta là người đầu tiên bước vào phòng này, hắn sẽ đánh hơi thấy ngay có chuyện gì hắn phải lo. Ngài ạ, trước khi cho d'Artagnan vào đây, ta phải cho căn phòng này thật nhiều không khí, mời thật nhiều người vào để cho tay thám tử tinh tế nhất nước này cũng bị đánh lạc trên cả hàng tá hướng khác nhau.

Ông hoàng thấy lo lắng trước viễn cảnh phải đối phó với một tay kình địch có hạng như thế: -Làm sao cho hắn lui về được một khi ta đã bảo hắn tới đây rồi?

Vị giám mục trả lời: -Xin để tôi lo, bắt đầu là đập cho hắn tá hoả trước đã.

-Hắn ta cũng đập một cái ngay đây, – ông hoàng vội vã nói.

Quả thực có tiếng đập bên ngoài của d'Artagnan đánh tiếng. Cửa mở ra, người chưởng quan cứ tưởng là ông vua mở cửa. Chuyện khó có thể xảy ra theo

tình trạng của Louis XIV khi d'Artagnan giã từ hôm trước. Nhưng lúc ông sửa soạn kính cẩn chào gương mặt ông vua thì lại thấy khuôn mặt dài thòng và điềm đạm của Aramis. Suýt nữa ông kêu lên vì ngạc nhiên quá.

-Aramis!

-Chào bạn, d'Artagnan thân mến!

Người lính ngự lâm lắp bắp: -Bạn ở đây à?

-Hoàng thượng xin bạn báo cho mọi người biết rằng ngài đang nghỉ ngơi vì suốt đêm qua ngài mệt quá.

D'Artagnan chỉ kịp thốt lên một tiếng "Ồ" ngạc nhiên vì không hiểu tại sao ông giám mục Vannes, thuộc loại trước chẳng được yêu chuộng gì lắm, thế mà sau mới sáu giờ đồng hồ lại được ưu ái len vào đến tận giường ngủ. Đúng vậy, muốn đứng nơi ngạch cửa ngự phòng để truyền ý chỉ của vua, muốn làm người trung gian cho Louis XIV, muốn nhân danh vua để ra lệnh chỉ cách vua hai bước thì đến Richelien thời Louis XIII cũng không được như vậy đâu.

Mắt Aramis trợn tròn lên, miệng há ra, hàng ria vểnh lên, tất cả đều biểu lộ thật rõ ràng điều đó với người sủng thần ưu ái đang giữ dáng đứng thật vững vàng. Giám mục tiếp lời: -Ông chưởng quan cần biết thêm sáng nay không cho ai vào làm ồn ào hết. Hoàng thượng còn nghỉ lâu chút nữa.

-Nhưng mà, – người lính ngự lâm phản đối như muốn cự lại vì nghi ngờ vì thấy vua không lên tiếng, – nhưng Hoàng thượng có hẹn với tôi sáng nay mà.

-Hẹn lại! Hẹn lại đi! – Có tiếng ông hoàng từ cuối phòng vọng ra làm cho người lính ngự lâm rùng mình.

Ông nghiêng mình sửng sốt, bàng hoàng, mụ đi vì nụ cười của Aramis hiện ra khi tiếng nói kia cất lên. Vị giám mục tiếp tục: -Thế này, để trả lời cho điều bạn vừa xin ở Hoàng thượng, bạn hãy xem để biết ngay sắc chỉ mới này về việc ông Fouquet.

D'Artagnan giơ tay nhận lệnh đọc: "Thả! Ồ!". Rồi ông lại thốt lên một tiếng "ồ" thứ hai có ý nghĩa hơn. Đó chính vì tờ lệnh cho ông biết tại sao Aramis có mặt bên cạnh nhà vua.

Aramis muốn xin cho ông Fouquet được ân xá, tất phải có ân sủng lâu lắm và sự sủng ái này lại cắt nghĩa tại sao ông D'Herblay lại nhân danh vua ra lệnh một cách đường hoàng đĩnh đạc như thế.

D'Artagnan cúi chào và lui ra vài bước. Vị giám mục nói: -Để tôi đưa bạn.

-Đi đâu?

-Đi lại nhà ông Fouquet, tôi muốn thấy ông ta bằng lòng ra sao.

D'Artagnan còn nói thêm: -Ồ! Aramis, lúc nãy bạn làm tôi thắc mắc quá đi!

-Nhưng bây giờ thì bạn hiểu rồi chứ gì?

-Ờ? Tôi cũng hiểu, – ông nói to lên.

Rồi thấp giọng, răng nghiến chặt: -Này, không đâu! Tôi không hiểu gì hết. Nhưng chẳng sao, lệnh đây rồi.

Và nói tiếp: -Mời ngài đi trước.

D'Artagnan dẫn Aramis đi về phía nhà Fouquet.

§33. Người bạn chí thiết của Nhà vua

Fouquet chờ đợi trong tâm trạng lo âu. Ông đã cho gia nhân về, từ chối bạn bè đến chầu chực trước cửa theo bữa tiếp đãi thường lệ. Ai cũng thấy có mối nguy hiểm bàng bạc trong bữa lễ và với ai, Fouquet hỏi xem Aramis ở đâu.

Khi ông ta thấy d'Artagnan trở lại và sau lưng ông này là giám mục Vannes, ông vui mừng khôn xiết, không còn lo âu gì nữa. Đối với ông tổng giám, thấy được Aramis là bù được nỗi đau buồn phải bị bắt: -Thế nào, ông chưởng quan đem ngài D'Herblay đến cho tôi đấy à?

-Còn hơn nữa, thưa ngài.

-Cái gì?

-Sự tự do.

-Tôi được tự do?

-Đúng thế. Sắc chỉ của Hoàng thượng đây.

Sau khi liếc mắt nhìn dò hỏi Aramis. Fouquet trở lại tỉnh táo, d'Artagnan tiếp tục: -Ồ, ngài nên cảm ơn giám mục Vannes. Nhờ có giám mục mà Hoàng thượng thay đổi ý kiến đó.

-Fouquet "ồ" lên một tiếng vì thấy sự việc này tủi nhục, không vui mừng trước sự thành công mấy. D'Artagnan quay trở lại rồi nói với Aramis: -Còn bạn, bạn che chở ông Fouquet mà còn làm chút gì cho tôi không?

Giám mục bình tĩnh trả lời: -Ông bạn thích cái gì thì được cái nấy.

-Còn chuyện này nữa là tôi thoả mãn rồi. Tại sao bạn vốn chỉ gặp Hoàng thượng vài lần mà ngày nay bỗng trở thành sủng thần?

Aramis nhẹ nhàng trả lời: -Có bạn chí thiết như bạn thật khó giấu được điều gì.

-À, đúng.

-Thế thì nói đi.

-Thế này, bạn tưởng tôi chỉ gặp Hoàng thượng có hai lần, thực ra tôi gặp cả hàng trăm lần đấy. Chỉ có điều là tôi giấu bạn mà thôi.

Rồi Aramis quay về phía Fouquet cũng đang ngạc nhiên như d'Artagnan. Ông nói: -Hoàng thượng lệnh cho tôi chuyển lời nói với ngài là lúc nào Hoàng thượng cũng là bạn của ngài và bữa tiệc lễ vui vẻ, nồng nhiệt này khiến cho đấng quân vương rất lấy làm cảm động.

Nói xong, ông nghiêng mình chào Fouquet thật trịnh trọng khiến ông này chẳng hiểu gì hết về cái lối ngoại giao gượng ép đó, nên đứng đực ra không nói một lời, không nghĩ được gì cả.

D'Artagnan lại cứ tưởng rằng hai người có chuyện nói riêng với nhau nên quay sang chào Fouquet, Aramis với một dáng kính cẩn hơi khôi hài rồi bước ra.

Fouquet đang bồn chồn chờ đợi như thế này nên vụt nhảy tới khép cửa rồi trở lại phía giám mục. Aramis ngồi xuống và mời Fouquet cùng ngồi: -Để tôi giải thích cho ngài nghe. Chúng ta bắt đầu từ đâu nhỉ?

-Từ đâu trước hết. Tại sao Hoàng thượng cho thả tôi?

-Đáng lẽ ngài nên hỏi tại sao Hoàng thượng sai bắt ngài.

-Từ lúc bị bắt, tôi đã có dịp nghĩ đến điều này và tôi nghĩ là do một chút ganh ghét. Cuộc lễ tiệc của tôi làm phật ý ông Colbert và ông Colberl tìm ra một hoạ đồ nào đó, ví dụ hoạ đồ vùng Belle-Islen sur Mer[320] để tố cáo tôi.

-Chưa phải việc Belle – Isle đâu?

-Thế thì cái gì?

-Ngài có nhớ tới chuyện mười tám triệu tiền thu thuế mà ngài Mazari đã lấy của ngài không?

-Ồ, nhớ rồi. Sao nữa?

-Ngài bị coi là ăn cắp đấy.

-Ô! Trời!

-Chưa hết đâu. Ngài có nhớ bức thư ngài viết cho tiểu thư La Vallière không?

-Than ôi, đúng vậy.

-Ngài bị coi là phản bội và tham nhũng.

-Thế thì tại sao lại được tha?

-Chúng ta chưa đến chỗ nói chuyện lý lẽ. Bây giờ chỉ nói đến cái gì xảy ra thôi. Nên chú ý điều này. Hoàng thượng biết ngài phạm tội thâm lạm công quỹ. Ô, không, tôi biết rằng ngài không thâm lạm chút nào đâu, nhưng mà Hoàng thượng không thấy tiền thuế thu về nên không có cách nào khác hơn là coi ngài phạm tội. Thêm nữa, Hoàng thượng lại bắt được miếng giấy tình tứ gởi cho nàng La Vallière, chắc chắn không nghi ngờ gì hết về thái độ ngài đối với người đẹp. Cho nên đối với Hoàng thượng, ngài là kẻ thù số một, vĩnh viễn không thể quên được.

-Nhưng ngài lại tha cho tôi?

Vị giám mục nhìn dò hỏi: -Ngài tưởng như thế à?

-Tôi không tin ở tấm lòng thành thực, nhưng tôi lại tin ở sự việc thực.

Aramis hơi nhún vai. Fouquet hỏi: -Thế sao Louis XIV lại sai ông nói lại với tôi những điều này?

-Hoàng thượng không sai tôi nói chuyện gì đâu.

Ngài tổng giám sững sờ.

-Không à? Thế còn tờ sắc chỉ này thì sao?

-Ô, vâng, có tờ lệnh, đúng đấy.

Aramis nói mấy lời này với một giọng lạ lùng khiến cho Fouquet giật nảy mình: -Này, ông còn giấu tôi điều gì đó, tôi biết mà, Hoàng thượng cho đầy tôi có phải không?

-Ngài thử đoán xem?

-Ông làm cho tôi sợ hãi đấy.

-Ô!

-Hoàng thượng nói với ông sao? Xin ông hãy vì tình bạn giữ chúng ta mà đừng giấu tôi điều gì.

-Hoàng thượng không nói gì với tôi cả.

-Ông làm cho tôi lo quá mức. Tôi vẫn còn là tổng giám à?

-Còn cho tới lúc ngài không muốn nữa thì thôi.

-Nhưng ông có cách nào mà bỗng dưng lại ảnh hưởng đến Hoàng thượng mạnh thế? Ông bảo Hoàng thượng làm gì cũng được à?

-Hình như thế.

-Khó tin quá.

-Để rồi ông xem.

-Ông D'Herblay ơi, hãy nhớ đến sự liên kết giữa chúng ta, hãy nhớ đến tình bạn giữa chúng ta, đến tất cả những gì thân thiết nhất trên cõi đời này, xin ông nói cho tôi biết đi. Bằng cách nào mà ông vào được phòng Louis XIV. Tôi biết Hoàng thượng không yêu ông mà?

-Bây giờ Hoàng thượng yêu tôi,- Aramis nhấn mạnh hai từ đầu – Chắc ông biết điều gì riêng tư của Hoàng thượng phải không?

-Đúng, chuyện bí mật.

-Một chuyện bí mật làm thay đổi cả tâm tính Hoàng thượng.

-Đức ông thật là một con người ưu việt. Ngài đoán ra rồi.

-Đúng là tôi khám phá ra một điều bí mật có thể làm thay đổi cả vương quyền nước Pháp.

Fouquet "à" lên một tiếng nhưng vẻ mặt của một con người lịch sự không muốn hỏi thêm.

Aramis tiếp: -Chắc ngài muốn cân nhắc, ngài muốn hỏi thử tôi có lầm lạc về tầm mức quan trọng của điều bí mật ấy, phải không ạ?

-Tôi xin lắng nghe chỉ vì ông đã tỏ ra muốn cởi mở với tôi. Có điều ông bạn ạ, nên biết tôi không xúi giục mở lời đâu.

Vị giám mục cúi đầu xuống nói: -Ngài có nhớ chuyện sinh ra Louis XIV không? Ngài có nghe ai nói điều gì về chuyện đó không?

-Không?

-Chuyện bí mật của tôi bắt đầu từ đó. Thái hậu không phải sinh ra một mà là sinh đôi.

Fouquet ngẩng đầu lên hỏi: -Người thứ hai chết à?

-Chuyện đây rồi. Hai người anh em song sinh đó đáng lẽ là niềm kiêu hãnh của người mẹ và là hy vọng của nước Pháp. Nhưng ông vua yếu đuối mê tín lại

cho rằng hai đứa ngang quyền lợi sẽ gây mâu thuẫn cho đất nước. Ông quyết định huỷ đi một đứa.

-Huỷ à?

-Khoan. Hai đứa bé đều lớn lên hết. Nhưng một người làm vua, có ngài làm đại thần, người kia sống trong tăm tối và u tịch. Người ấy là là bạn tôi.

-Chúa ơi! Ông Herblay nói gì thế? Ông Hoàng khốn khổ ấy làm sao?

-Ông ấy được nuôi ở nhà quê và bị nhốt trong lâu đài có tên là La Bastille.

-Sao lại có thể như vậy được? – ông tổng giám chắp tay lại kêu lên.

-Một người là kẻ giàu mạnh nhất thế gian, một người là kẻ khốn khổ nhất trần đời.

-Thái hậu có biết không?

-Anne d'Autriche biết hết.

-Còn Hoàng thượng?

-Hoàng thượng không biết gì hết.

-Càng hay? – Fouquet nói.

Lời này hình như có ảnh hưởng tới Aramis. Lo lắng nhìn lại Fouquet nói: -Xin lỗi ngắt lời ông.

Aramis tiếp lời: -Tôi đang nói chuyện ông hoàng ấy là người khốn khổ nhất trần rồi được Thượng đế vốn lúc nào cũng để tâm đến con cháu của mình nên ra tay cứu vớt.

-Ô sao được?

-Cả hai đều là con người hợp pháp nên đáng lẽ phải làm vua như nhau. Ngài nghĩ xem có đúng không?

-Đúng.

-Chắc chứ?

-Chắc. Hai anh em song sinh ấy chỉ là hai thân xác của một người.

-Tôi muốn có một luật gia có sức mạnh như ngài để làm cố vấn. Vậy thì giữa hai chúng ta đều xác nhận là hai người đó có quyền lợi ngang nhau phải không?

-Đúng rồi, nhưng chuyện đời, sao mà.

-Chúa muốn tạo ra cho kẻ bị ức hiếp một người đứng ra trả thù, một người nâng đỡ, tuỳ ý ngài dùng chữ. Ông vua đang cai trị kẻ chiếm đoạt – ngài đồng ý gọi tên đó chứ – đúng là kẻ chiếm đoạt vì ông ta hưởng thụ một cách bình yên, ích kỷ một gia tài mà ông ta chỉ có một nửa.

-Chiếm đoạt là đúng.

-Tôi nói tiếp đây. Chúa muốn cho kẻ chiếm đoạt có một vị tể tướng là một người có tài, có đức, có đầu óc rộng rãi.

Fouquet kêu lên: -Đúng. Đúng. Tôi hiểu rồi. Ông muốn tôi giúp ông sửa lại lỗi lầm của Louis XIV đối với người anh em khốn khổ kia phải không? Ông nghĩ đúng rồi: Tôi sẽ giúp ông, D'Herblay ạ. Cám ơn, cám ơn!

Aramis thản nhiên nói tiếp: -Chưa hết đâu. Ngài chưa để tôi nói hết. Tôi có nói, ông Fouquet là quan khanh của ông vua đương quyền, bị vua ghét bỏ, bị đe doạ, bị mất tài sản, tự do, có lẽ cả sinh mệnh nữa do vua hay nghe lời những kẻ âm mưu, thù hận nhưng rồi cũng may mắn cho ông hoàng bị hy sinh là ông Fouquet có một người bạn trung thành biết được sự bí mật của quốc gia, và thấy có đủ sức mạnh đem điều bí mật ấy ra ngoài ánh sáng, sau khi đủ sức mang nó trong lòng hai mươi năm ròng.

-Bây giờ tôi hiểu ông và đoán ra rồi. Khi ông nghe tin tôi bị bắt, ông liền đến tìm Hoàng thượng và năn nỉ, cầu khẩn không được, liền dọa Louis XIV sẽ tố giác sự bí mật kia nên Louis XIV chịu nhận thả tôi ra. Tôi hiểu, tôi hiểu là ông đã nắm được Hoàng thượng rồi.

Aramis trả lời: -Ngài không hiểu gì hết và ngài lại ngắt lời tôi lần nữa rồi, ông bạn ạ. Xin phép nói là ngài quá coi thường lý luận và không đủ trí nhớ đấy. Ngài có nhớ lúc bắt đầu nói chuyện tôi đã nhấn mạnh đến điểm gì không?

-Nhớ đó là mối hận của Hoàng thượng đối với tôi, hận khôn nguôi. Nhưng có mối hận nào mà không bỏ được khi bị đe dọa phát giác chuyện bí mật to lớn kia?

-Phát giác chuyện to lớn kia? Ngài lại thiếu lý luận rồi.

-Sao? Ngài nghĩ là tôi nói cho Hoàng thượng biết về chuyện kia, thì tôi còn sống tới bây giờ sao?

-Ông chỉ ở bên vua có mười phút mà.

-Đồng ý. Hoàng thượng có lẽ không có thì giờ giết tôi. – Nhưng chắc ông ta có đủ thì giờ cho trói gô tôi lại và ném vào một xó tối rồi. Này, hãy tìm cách lý luận cho thật chặt đi. Chán quá!

Fouquet vốn là người không dễ quên nên nghe thốt ra cái từ đặc biệt ngự lâm quân ấy, liền hiểu ngay là vị giám mục Vannes bình tĩnh, sâu kín đã đi đến mức độ kích động như thế nào. Ông rùng mình khi nhận ra điều đó. Aramis dằn lại được và nói tiếp: -Và thêm nữa một người như tôi, tôi có còn là một người bạn thật sự nữa không nếu tôi muốn cứu ngài mà lại trình bày cho ông vua đáng ghét bỏ ngài một chuyện khiến ông ta càng hung dữ hơn? Ăn cắp của ông ta, chẳng sao, lừa đảo của ông ta, cũng chẳng nhằm nhò gì, nhưng lại nắm chiếc ngai vàng và danh dự của ông ta thì thôi rồi? Chỉ sợ ông ta lại muốn tự tay móc trái tim ngài ra mà thôi?

-Vậy là tôi uống số thuốc độc mà Mithridtae uống để tự tử trong vòng hai mươi năm còn hơn là nói ra.

Thế thì ông làm sao?

-À! Đến chỗ rồi đây, Đức ông ạ. Tôi chắc là có một vài lợi ích cho ngài đấy.

Aramis đi một vòng quanh phòng, lắng nghe và yên tâm thấy cảnh vắng lặng, rồi trở lại ghế ngồi bên Fouquet đang lo âu tận lực để nghe điều phát giác. Aramis nói tiếp: -Tôi quên nói với ngài, tôi quên một điểm quan trọng về cặp

song sinh này: là hai người giống nhau như hai giọt nước, chỉ có Chúa mới phân biệt được họ vào ngày phán xét thôi. Còn quan thái học cũng không biết.

Fouquet kêu lên: -Sao lại thế được!

-Cùng một nét sang cả, cùng dáng đi, cùng giọng nói.

-Thế còn tư tưởng, sự thông minh, hiểu biết?

-Ồ chỗ này thì không đồng đều Đức ông ạ. Người tù ở ngục Bastille thông minh hơn hẳn người anh em đang làm vua và nếu từ nhà tù, nạn nhân khốn khổ đó lên được ngai vàng thì nước Pháp sẽ có một ông chủ tài ba nhất và đức độ nhất từ lúc thành lập đến nay.

Fouquet úp mặt vào hai bàn tay một lúc, tâm trí nặng nề vì điều vô cùng bí mật ấy, Aramis tiến đến gần ông tiếp tục công trình cám dỗ: -Giữa hai người con song sinh của Louis XIII còn có thêm sự không đồng đều khác, quan trọng đối với ngài, là con người trong ngục không biết đến ông Colbert.

Fouquet vụt đứng lên, tái mặt, và nói với Aramis: -Tôi hiểu rồi, ông đề nghị tôi cùng âm mưu.

-Gần như thế đấy.

-Một thứ âm mưu, như ông lúc đầu, sẽ làm thay đổi số mệnh của nhiều đế quốc.

-Và nhiều ông tổng giám, Đức ông ạ.

-Nói gọn đi là ông đề nghị tôi đem con của Louis XIII đang ở trong ngục thay người con của Louis XIII đang nằm trong phòng Giấc điệp lúc này phải không?

Aramis cười đáp.

-Đúng.

Sau một lúc yên lặng nặng nề, Fouquet tiếp tục: -Nhưng sao ông không nghĩ rằng công trình chính trị này có thể làm đảo lộn cả vương quốc. Công việc này giống như nhổ một cái cây vô vàn rễ mà người ta gọi là ông vua đó để thay thế nó bằng một cây khác, đất chẳng bao giờ cứng cáp lại đủ để cho ông vua mới vững vàng chống lại gió bão ngày xưa còn rơi rớt lại và những sự dao động của chính bản thân mình.

Aramis vẫn tiếp tục mỉm cười, còn ông Fouquet thì thấy mình sôi nổi dần lên. Sau một vài giây đồng hồ suy nghĩ và với tầm nhìn bao quát có thể tiên liệu hết mọi hậu quả xảy ra, ông nói: -Ông hãy suy nghĩ đến việc phải triệu tập hội nghị quý tộc, giáo sĩ, đẳng cấp thứ ba, chuyện truất phế ông vua đang trị vì gây nên một tai tiếng gớm ghiếc động đến ông vua Louis XIII nằm trong mồ, chuyện làm mất mạng sống và danh dự của một người đàn bà là Anne d'Autriche, làm mất mạng sống và sự yên lành của một người đàn bà khác Marie Thérèse, và nếu chúng ta làm xong.

Aramis lạnh lùng nói: -Tôi không hiểu ngài nói gì cả. Không có một câu nào có ích trong những điều ngài vừa phát biểu hết.

Ông tổng giám ngạc nhiên: -Sao, một người như ông mà không bàn bạc cụ thể à? Sao ông lại dừng lại ở niềm sung sướng trẻ con của ảo tưởng chính trị, sao ông lại bỏ lỡ những yếu tố may rủi khi thi hành, nghĩa là bỏ lỡ thực tế đi!

-Ông bạn ạ, – Aramis nói và nhấn mạnh chữ này một cách suồng sã và nhạo cợt, – nếu như muốn thay người này bằng người khác thì Thượng đế làm cách nào?

Fouquet kêu lên: -Thượng đế ra lệnh cho người thừa hành đi nắm lấy tên bị án, lôi hắn đi vào cho kẻ thắng ngồi lên chỗ trống. Nhưng ông quên rằng nhân viên ấy tên là tử thần. Ôi! Chúa ơi, ông D'Herblay có ý định là…

-Không phải thế đâu, Đức ông ạ. Ai nói đến chuyện cho Louis XIV chết đâu? Tôi chỉ muốn nói là Thượng đế làm việc gì cũng không gây nên xáo trộn, không ồn ào tai tiếng, không tốn sức và con người được Thượng đế tiếp sức thì cũng đủ sức làm như vậy đó.

-Ông muốn nói gì thế?

-Tôi muốn nói với ông bạn như thế này, – Aramis tiếp tục một lối nhấn mạnh chữ như trước, – tôi muốn nói với ông bạn rằng nếu có xáo trộn, tai tiếng và cả đến việc cố gắng một chút trong việc thay thế người tu thành ông vua, thì xin ngài hãy chứng minh xem.

-Thật không! – Fouquet la lên, mặt mày trắng bệch còn hơn chiếc khăn tay lau nơi trán.

Aramis bình tĩnh tiếp tục: -Ngài hãy vào căn phòng của vua, ngài là người biết điều bí mật đó rồi, tôi thách ngài biết được có phải là người tù ở ngục Bastille đang nằm trên giường ngủ hay không?

-Thế còn Hoàng thượng? – Fouquet hoảng hồn, lắp bắp.

Aramis dịu dàng hỏi: -Ông vua nào? Ông vua ghét ông hay ông vua yêu ông?

-Ông vua hôm qua?

-Ông vua hôm qua à? Ngài cứ an tâm đi. Ông đó bị đưa đến ngục Bastille, ở vào chỗ nạn nhân của ông ta nằm từ lâu đấy.

-Trời? Thế ai đưa ông ta đi?

-Tôi?

-Ông?

-Vâng, đúng vậy. Dễ mà. Đêm vừa qua tôi bắt cóc ông ta và trong khi ông ta rót vào bóng tối, thì người kia nhô ra ngoài ánh sáng. Làm như thế thì không thể ổn được. Chớp mà không có sấm thì không ai chú ý hết.

Fouquet thốt ra một tiếng kêu nặng nề, như là bị một đòn vô tình, và đưa hai tay bấu lấy đầu, lẩm bẩm: -Ông làm thế ư?

-Làm khá khéo. Ngài nghĩ có được không?

-Ông đã lật đổ vua? Đã giam vua?

-Xong rồi.

-Chuyện xảy ra ở đây, ở Vaux à?

-Ở đây trong căn phòng Giấc Điệp, hình như phòng đó xây cất có tính trước chuyện này có phải không?

-Chuyện đó xảy ra lúc nào?

-Đêm qua.

-Đêm qua? Khoảng nửa đêm và một giờ sáng.

Fouquet như muốn xông vào Aramis nhưng ông kiềm được, tiếng ông như nghẹn lại: -Ở Vaux, ở ngay nhà tôi?

-Hình như là phải đấy. Đúng là ngôi nhà của ông, từ khi ông Colbert không thể sai lấy gì của ông được nữa.

-Vậy thì chính ở đây đã xảy một tội ác đó.

-Tội ác? – Aramis sửng sốt hỏi.

-Fouquet tiếp tục nổi giận: -Tội ác gớm ghiếc như một tội giết người đấy? Tội ác làm bại hoại danh tiếng của tôi, làm cả hậu thế ghê tởm tôi đấy!

-Ngài mê sảng rồi đấy, – Aramis trả lời không còn được vững vàng nữa, – ông nói to quá coi chừng đấy!

-Tôi còn la to hơn nữa, để cả thế giới nghe tôi!

-Ông Foupuet! Coi chừng đấy!

Fouquet quay phắt người lại nhìn vị giám mục: -Phải, ông đã làm cho tôi mất danh dự khi làm điều phản bội như thế đối với khách của tôi, đang yên lành nghỉ ngơi dưới mái nhà của tôi! Ôi thật là khốn khổ cho tôi!

-Khốn khổ cho kẻ nằm dưới mái nhà của ngài mà suy tính để tàn hại cơ nghiệp, để giết ngài? Ngài quên rồi sao?

-Không, đó là khách của tôi, vua của tôi!

Aramis đứng dậy, mắt đỏ ngầu tía máu, miệng mím lại: -Tôi đang nói chuyện với một thằng ngu đần đây sao?

-Với một người lương thiện đấy!

-Đồ điên!

-Người ấy thà là chết, thà là giết ông còn hơn để tiêu tan danh dự của hắn đấy?

Rồi Fouquet quyết nhảy tới nắm thanh gươm mà d'Artagnan để lại nơi đầu giường, quyết liệt vung lên loang loáng ánh thép. Aramis nhíu mày, thọc tay vào ngực như muốn tóm vũ khí. Fouquet không thể để lọt qua cử chỉ ấy. Cho nên, ông tỏ thái độ hào hiệp cao cả, ném thanh gươm lên giường và đến bên Aramis, đặt tay lên vai ông này nói.

-Thưa ông tôi chết ở đây thật thảo dạ hơn là sống ô nhục và nếu ông còn chút tình thân với tôi, xin ông hãy ban cho tôi cái chết ngay đi.

Aramis vẫn đứng yên, không nói một lời nào nhưng trong đôi mắt thoáng hiện lại chút hy vọng ông nói: -Xin Đức ông hãy suy nghĩ lại những gì sắp xảy ra

cho chúng ta. Công lý đã thi hành xong, ông vua vẫn còn sống, và ông ta bị nhốt thì ngài được an toàn tính mạng.

Fouquet trả lời: -Đúng, ông hành động như thế là vì tôi, nhưng tôi không chịu nhận ông giúp tôi như thế. Nhưng tôi cũng không muốn bị nguy. Xin ông hãy ra khỏi nhà này ngay!

Aramis cố nén nỗi đau của tấm lòng tan vỡ. Fouquet vẫn tiếp tục oai nghiêm không thể tả: -Tôi chào đón tất cả mọi người tới đây. Ông sẽ không bị hy sinh, cũng như người mà ông vừa làm hại.

-Nhưng ông, ông sẽ phải chịu hy sinh, – Aramis nói với giọng khàn khàn cảnh cáo.

-Thưa ông D'Herblay, tôi chấp nhận điều tiên đoán, nhưng không có gì ngăn tôi được. Xin ông rời khỏi Vaux, rời khỏi nước Pháp. Tôi cho ông bốn tiếng đồng hồ để thoát khỏi tầm tay Hoàng thượng.

Aramis gầm lên: -Bốn tiếng đồng hồ!

-Bốn tiếng là đủ để ông xuống tàu đến Belle-Isle, để tá túc trong đất của tôi.

-Ồ, – Aramis lẩm bẩm.

-Belle- Isle của tôi đối với ông cũng như Vaux của tôi đối với nhà vua vậy. Đi đi, D'Herblay, đi đi. Chừng nào tôi còn sống thì không một ai có thể động đến một sợi tóc của ông được.

Aramis rút cánh tay trong ngực ra. Bàn tay đỏ những máu.

Những ngón tay đã cào cấu bên trong ngực như để trừng phạt cái thân xác đã suy tính những dự tính vô ích, điên rồ, mong manh như số kiếp con người. Fouquet cảm thấy rùng mình thương hại.

Ông ôm choàng lấy Aramis: -Tôi không có vũ khí nào hết – Aramis lẩm bẩm, vẻ kinh khiếp như bóng bà hoàng Didon[321].

Thế rồi, ông quay mặt đi, lùi lại hai bước, không chịu bắt tay Fouquet. Lời cuối cùng đó là tiếng nguyền rủa, cử chỉ cuối vẽ nơi bàn tay máu đỏ đó là tuyên cáo đoạn tình. Cả hai người đều chạy ra khỏi phòng, theo cầu thang bí mật dẫn đến vùng sân dưới.

Fouquet sai thắng ngựa tốt, còn Aramis dừng lại nơi cầu thang dẫn đến phòng của Porthos. Ông suy nghĩ thật lâu trong khi chiếc xe của Fouquet rời sân chính phi thật mau. Ông tự hỏi: "Đi một mình chăng? Báo ông hoàng biết chăng? Ôi, thật là khủng khiếp! Báo rồi làm gì nữa? Đi với ông ta chăng? Kéo lê khắp nơi cái bằng chứng tố cáo đó chăng? Ôi, thật là khủng khiếp! Hay là đánh nhau? Cuộc chiến triền miên! Ôi! Chẳng đào đâu ra tiền! Không thể được! Không có ta thì ông ấy làm nên chuyện gì được! Ôi không có ta thì ông ấy cũng đổ nhào như ta thôi! Thôi hãy để cho số mệnh hoàn thành! Ông ta đã bị kết án, đã bị loại bỏ thì cứ chịu mãi thế đi! Ôi cái quyền lực ảm đạm, bi hài mà người ta gọi là thiên tài của con người! May chỉ là một làn hơi, bấp bênh, vô ích hơn là cơn gió thổi

trong núi rừng! Mày tên là may rủi, mày không là gì hết! Thua rồi! Ta thua rồi! Bây giờ làm thế nào? Đi Belle- Isle ư? Được, nhưng còn Porthos ở lại đây, nói ra, kể hết cho mọi nhưng nghe!

Porthos chắc lại sẽ đau khổ. Ta không muốn để cho Porthos sẽ đi với ta, đi theo định mệnh của đời ta, nhất định phải thế?"

Rồi Aramis bước lên bậc thang không bóng người.

Porthos vừa đi từ Paris về, đang ngủ yên lành. Thân xác của ông đã quên mệt mỏi cũng như trí óc của ông đã quên suy nghĩ.

Aramis bước vào như chiếc bóng, đặt bàn tay run rẩy lên vai người khổng lồ, kêu to lên: -Dậy, Porthos, dậy, dậy!

Porthos nghe gọi, đứng dậy, mở mắt mà chưa hiểu gì hết, Aramis nói: -Chúng ta đi!

-Chúng ta lên ngựa, chúng ta đi nhanh như chưa từng thấy.

-Ô! – Porthos lặp lại.

Ông giúp người khổng lồ mặc quần áo, nhét vàng, kim cương vào túi. Trong khi đang bận rộn, ông lưu ý đến một tiếng động nhẹ. D'Artagnan đang đứng ngoài cửa sổ nhìn vào. Aramis giật nẩy mình. Người lính ngự lâm nói: -Các ông làm cái quái gì mà hấp tấp thế?

-Chúng tôi đi công vụ đây.

-Các ông thật là sướng?

Porthos trả lời: -Xì! Tôi mệt lử đây? Ngủ còn sướng hơn. Nhưng lệnh vua mà?

Aramis hỏi: -Ông có gặp ông Fouquet không?

-Có trên xe, vừa mới đây thôi.

-Ông ta có nói gì không?

-Ông ta chào tôi.

-Chỉ có thế thôi sao?

-Ông còn muốn ông ta nói với tôi điều gì khác nữa? Có phải là từ khi tất cả các ông được ơn vua thì tôi vẫn không là gì hết không?

Aramis ôm hôn người lính ngự lâm: -Hãy nghe đây bạn, thời của bạn trở lại rồi, bạn sẽ không còn ganh tỵ được với ai nữa đâu.

-Á! à!

-Tôi xin nói trước là ngày mai sẽ có biến chuyển khiến bạn được lên vị thế cao gấp đôi đấy!

-Thực sao!

-Này Porthos xong chưa? Chúng ta đi thôi.

-Đi!

Hai con người chạy trốn nhảy lên yên dưới con mắt của người chưởng quan ngự lâm đang nằm vàm ngựa của Porthos và theo dõi đến khi họ khuất bóng.

Ông nghĩ "Như vào lúc nào khác thì mình sẽ nói là mấy tay này chạy trốn đây, nhưng thời này chlính trường thay đổi quá nhiều nên chuyện này gọi là công vụ. Thôi càng hay. Ta lo việc ta".

Thế rồi ông lặng lẽ đi vào nhà.

§34. Ở ngục La Batislle luật lệ được tôn trọng như thế nào?

Fouquet cho ngựa chạy suốt đường mà trong lòng thì xáo trộn, kinh khiếp vì những điều mà ông ta vừa biết được. Ông nghĩ: "Những con người kỳ diệu kia, còn trẻ trung đến mức độ nào, mà với tuổi gần về chiều lại còn nghĩ ra những mưu đồ như thê và thực hiện lại không chút nhăn mày nào?"

Có lúc, ông tự hỏi có phải những điều Aramis nói ra chỉ là trong giấc mơ không và có phải ông ta, ông Fouquet, một khi đi ngục Bastille lại nhận được một lệnh bắt giam để đi luôn vào một chỗ với ông vua mất ngôi kia. Suy nghĩ như thế nên trong lúc người ta thắng ngựa, ông viết một số lệnh để đóng dấu trên đường đi. Các lệnh này gởi cho d'Artagnan và một số tướng lãnh tin cẩn. Fouquet lại tự nhủ: "Theo cách này thì dù bị nhốt hay không ta cũng đã làm xong việc mà danh dự bắt buộc phải làm. Các lệnh này chỉ đến nơi nhận sau khi ta tự do trở về, do đó sẽ không được mở ra, – ta sẽ thu hồi chúng. Còn nếu ta về trễ thì là gặp nạn và sẽ có người cứu ta và cứu Nhà vua".

Tất cả những gì không bao giờ xảy ra ở ngục Bastille với Aramis lại xảy ra với Fouquet. Ông Fouquet xưng tên, vô ích, ông gọi người nhận diện, vô ích, không bao giờ ông được cho vào. Bằng cách tận lực dụ dỗ, đe doạ, ra lệnh, ông được người lính canh chịu báo một sĩ quan cấp thấp để người này đi báo sĩ quan trực ban. Còn ông chủ ngục thì không ai dám với tới.

Fouquet ngồi trong xe đậu trước toà thành, nôn nóng chờ người sĩ quan cấp thấp trở lại với vẻ mặt cau có.

Fouquet vội vã hỏi: -Sao, ông sĩ quan trực ban nói sao?

-Ồ thưa ông, ông sĩ quan trực ban cười nhạo tôi. Ông ta nói rằng ngài Fouquet đang ở Vaux, và cho dù là ở Paris đi nữa, giờ này ngài Fouquet cũng chưa dậy đâu.

-Chán thật, các người là một lũ ngốc! – Viên đại thần kêu lên và nhào ra khỏi xe.

Và người sĩ quan cấp thấp chưa kịp đóng cửa lại, thì Fouquet vụt len vào chạy thẳng tới trước, mặc cho anh ta la ó kêu báo. Người sĩ quan chạy kịp tới kêu gọi người lính ở cửa thứ hai: "Lính gác! Lính gác! Chặn lại!"

Người lính chĩa mũi giáo về phía ông tổng giám nhưng ông này vốn to lớn và lanh lẹ, lại thêm lúc tức giận nên chụp lấy cây giáo trong tay người lính gác và chà thật mạnh trên vai hắn ta. Người sĩ quan vì đứng quá gần nên cũng được lãnh phần. Cả hai tức giận la lên khiến cho cả toán canh ở phần thành ngoài đổ xô tới Trong nhóm này có một người biết mặt ông tổng giám nên la lên: -Đức ông! Ồ! Đức ông? Các bạn ngừng tay lại!

Các người lính đang muốn trả thù cho bạn phải ngừng lại.

Fouquet ra lệnh mở cổng. Họ bảo không có lệnh.

Ông bảo họ đi báo ông chủ ngục, nhưng ông này nghe báo về chuyện ồn ào ngoài cổng nên đã cùng một toán lính canh hai mươi người chạy tới, theo sau có người sĩ quan trực ban, trong bụng đinh ninh là có cuộc tấn công ngục Bastille. Baisemeuax cũng nhận ra Fouquet nên chúc mũi gươm đang cầm lăm lăm xuống. Ông lắp bắp: -Ồ thưa Đức ông, xin lỗi bội phần.

Ông tổng giám mặt đỏ vì nắng nóng và đầy mồ hôi, trả lời: -Tôi có lời khen ông. Cơ quan này hoạt động thật tuyệt?

Baisemeuax xám mặt, cứ tưởng những lời này là mỉa mai, báo hiệu cho cơn giận khác nổi lên. Những Fouquet đã lấy lại nhịp thở, ngoắc gọi người lính gác và người sĩ quan cấp thấp lúc này đang xoa vai. Ông nói: -Thưởng hai mươi pistole cho người gác, năm mươi cho sĩ quan. Tôi có lời khen ngợi các ông. Để tôi sẽ thưa lại chuyện này với Hoàng thượng. Và bây giờ là chuyện giữa hai chúng ta, ông Baisemeuax ạ.

Ông đi theo ông chủ ngục vào giữa những tiếng xì xào tán thưởng. Baisemeuax, thấy run lên vì lo lắng. Chuyến viếng thăm buổi sớm của Aramis hình như đến lúc này đã có những hậu quả mà một viên chức hoảng hốt lên cũng là phải. Còn phải hoảng hốt lên nữa là khi Fouquet nói với giọng cộc lốc trong lúc nét mặt nghiêm nghị: -Buổi sáng này ông có tiếp ông De Heblay phải không?

-Thưa Đức ông, phải.

-Thế thì ông không thấy ghê tởm vì tội ác mà ông là tòng phạm ư?

-Tội ác nào, thưa Đức ông?

-Ông nên biết đi, có chuyện làm ông tái mặt đấy. Nhưng thôi bây giờ không phải là lúc khích động nữa. Hãy đưa tôi đến chỗ người tù ngay đi.

-Người tù nào ạ? – Baisemeuax run lên, nói.

-Ông giả bộ không biết cũng được? Ông chỉ có thể làm như thế thôi. Vì nếu ông thú nhận tòng phạm thì tiêu đời ông rồi, bây giờ tôi cũng tin là ông không biết thật.

-Xin Đức ông.

-Được rồi. Dẫn tôi đến chỗ người tù đi.

-Đến chỗ Marchiali à?

-Cái gì mà Marchiali?

-Đó là người tù ông D'Herblay mang đến sáng nay.

-Hắn tên là Marchiali à? – ông tổng giám hỏi mà trong lòng thấy hoang mang vì sự bình tĩnh ngây thơ của Baisemeuax.

-Thưa Đức ông, vâng. Đó là tên ghi trong sổ ở đây.

-Đó là tên của người tù mà ông D'Herblay mang đi hôm qua phải không?

-Thưa Đức ông, phải.

-Và ông ta đã mang trả lại sáng nay phải không?

Fouquet vội vã hỏi tiếp vì hiểu ngay ra cách thức tráo đổi của Aramis.

-Đúng như vậy, thưa Đức ông.

-Và bây giờ hắn tên là Marchiali.

-Marchiali. Nếu Đức ông đến đây để mang hắn đi thì càng hay. Vì tôi sắp phải viết báo cáo nữa về hắn đây.

-Hắn làm gì thế?

-Từ sáng hôm nay, hắn không bằng lòng tôi đến cực độ. Hắn nổi cơn điên đến mức tưởng chừng như cả ngục Bastille phải sụp đổ vì hắn đấy.

Fouquet nói: -Để tôi loại hắn dùm cho ông.

-Ô! Càng hay.

-Ông dẫn tôi tới chỗ giam hắn đi.

-Xin Đức ông cho lệnh.

-Lệnh gì?

-Lệnh của Hoàng thượng.

-Đợi tôi viết lệnh cho.

-Thưa Đức ông, không đủ đâu, phải lệnh của Hoàng thượng mới được.

Fouquet tức giận, nói: -Ông có vẻ thận trọng quá mức khi đưa người tù ra vậy thì ông hãy cho tôi xem lệnh thả người vừa rồi đâu?

Baisemeuax đưa ra tờ lệnh thả Seldor. Fouquet nói: -Ô đây là Seldon, không phải là Marchiali.

-Nhưng Marchiali đâu có được thả? Hắn còn đây mà!

-Ông vừa mới nói là ông D'Herblay mang hắn đi rồi mang hắn trở lại trả mà!

-Tôi đâu có nói?

-Ông có nói rõ ràng, bây giờ tôi còn nghe mà!

-Chắc là tôi nói lộn đấy.

-Coi chừng đấy, ông De Baisemeuax ạ.

-Thưa Đức ông, tôi không có gì phải sợ hết, tôi làm đúng nguyên tắc mà.

-Ông dám nói thế ư?

-Ông D'Herblay mang đến đây một tờ lệnh thả Seldon thì tôi sẽ thả Seldon rồi.

-Tôi nói là Marchiali đã ra khỏi ngục rồi.

-Thưa Đức ông, còn phải chứng minh việc đó ạ.

Ông De Baisemeuax, tôi xin lập lại một lần nữa là ông hãy liệu chừng lời nói đấy.

-Giấy tờ rõ ràng mà?

-Ông D'Herblay đã đảo lộn hết rồi.

-Ông D'Herblay đảo lộn? Sao mà được!

-Ông bị ông ấy tác động rồi.

-Cái tác động đến tôi là công việc phục vụ Hoàng thượng thôi. Tôi chỉ làm bổn phận, xin ngài đưa tôi một lệnh từ Hoàng thượng là ngài cứ vào ngay.

-Này, ông chủ ngục ạ, tôi cam kết với ông là nếu ông để tôi vào nhà tù là tôi sẽ đưa tờ lệnh cho ông ngay.

-Xin Đức ông cho tôi tờ lệnh từ bây giờ.

-Và nếu ông từ chối thì tôi cho bắt ông ngay tức khắc cùng với số sĩ quan mà ông có dưới tay.

Baisemeuax tái mặt đi nói: -Thưa Đức ông, trước khi làm giữ như vậy, xin ngài nghĩ rằng tôi chỉ chờ lệnh của Hoàng thượng thôi và nếu có lệnh như thế cho gặp Marchiali thì ngài sẽ được thoả mãn cũng như có lệnh hành hạ tôi vô tội như thế này thì cũng như vậy thôi.

Fouquet nổi giận la lên: -Đúng! Đúng! – Rồi giọng ông vang vang lên, – này ông Baisemeuax, ông có biết tôi hết sức muốn gặp người tù đó không?

-Thưa Đức ông, không. Và tôi cũng xin nói là ngài đã làm tôi sợ quá chừng; tôi run lên và chắc phải ngất xỉu đi.

-Ông Baisemeuax ạ, ông lại sắp phải ngất xỉu đi đấy khi tôi trở lại với 10.000 người và ba mươi khẩu đại bác.

-Chúa ơi! Đức ông điên rồi?

-Tôi đem cả Paris chống với ông và cả cái tháp thành này. Tôi sẽ phá cửa và bắt ông treo cổ trên lỗ châu mai thành đấy.

-Đức ông! Đức ông, xin ngài tha cho tôi.

Fouquet nói thêm giọng bình tĩnh trở lại: -Tôi cho ông mười phút để suy nghĩ. Tôi ngồi trong ghế này đây, tôi đợi. Nếu mười phút qua mà ông vẫn cứ thế thì tôi bước ra và ông muốn gọi tôi là khùng điên gì cũng được, ông sẽ thấy ngay.

Baisemeuax giậm chân cẳng như một người tuyệt vọng, nhưng không trả lời gì hết. Thấy thế, Fouquet lấy mực, viết ra ghi:

"Lệnh cho ông pháp quan thương nhân tập hợp các vệ binh riêng lại tiên về phía La Bastille đểthi hành lệnh vua ban".

Baisemeuax nhún vai, Fouquet lại viết:

"Lệnh cho ngài Công tước De Boltillon và ngài Hoàng thân De Condé chỉ huy lính túc vệ tiến về La Bastille để thi hành lệnh vua giao …"

Baisemeuax nhín vai, Fouquet viết tiếp:

"Lệnh cho tất cả binh sĩ, thị dân, hay quý tộc tóm bắt bất cứ nơi nào khi gặp hiệp sĩ De Heblay – giám mục Vannes và các đồng loã là: 1. ông Baisemellax, chúa ngục Bastille can tội phản bội, nổi loạn và phạm thượng.

Baisemeuax la lên: -Dừng lại, Đức ông. Tôi không hiểu gì hết. Nhưng thôi, rồi Hoàng thượng sẽ phán xét cho tôi, xem tôi có đáng tội không khi tôi chịu trái lệnh trước sự việc đem lại sự lan nát trong hai tiếng đồng hồ nữa ở đây, dù là do

một thứ điên khùng gây ra cũng vậy. Thôi, xin Đức ông vào ngục để gặp Marchiali.

Fouquet chạy vụt ra khỏi phòng, theo sau là Baisemeuax mồ hôi trán chảy ròng ròng: -Buổi sáng gì mà kinh khiếp, bất hạnh làm sao?

Fouquet chỉ trả lời: -Đi nhanh lên!

Baisemeuax ra lệnh cho người giữ chìa khoá đi trước. Ông ta sợ người đồng hành. Nhưng ông này lại thấy cử chỉ đó nên quát lên: -Trò hoãn binh trẻ con! Để người này lại đây! Ông lấy chìa khoá và đưa tôi đi. Ông phải biết, không một người nào nghe được chuyện gì sắp xảy ra đây hết!

Baisemeuax cúi cái đầu lấy khoá, và bước lại bậc thang với viên đại thần. Trong khi họ càng vào sâu trong khúc đường xoắn ốc thì những tiếng rì rầm tắc nghẹn càng rõ ra thành những tiếng kêu van thảm thiết. Fouquet hỏi: -Cái gì thế?

Viên chủ ngục trả đáp: -Tên Marchiali của ông đấy. Bọn điên khùng kêu la như thế đấy?

Ông ta kèm theo câu này bằng một cái liếc mắt về phía Fouquet mang nhiều ý nghĩa ám chỉ hơn là lễ độ. Nhưng Fouquet lại rùng mình. Nghe một tiếng kêu ghê gớm hơn các tiếng kêu khác, ông nhận ra được Nhà vua.

Ông dừng lại nơi bậc cửa, giật lấy chùm chìa khoá trên tay Baisemeuax.

-Đưa đây. Chìa khoá nào là của nơi cần mở đây?

-Chìa này.

Một tiếng kêu ghê rợn tiếp theo một tiếng quát mạnh vào cửa vang trong thang lầu.

-Ông lui ra đi! – Fouquet nói với Baisemeuax với một giọng đe doạ.

Baisemeuax lầm bầm: -Tôi chẳng mong đợi gì hơn. Hai đứa nổi cơn dại gặp nhau, thằng này ăn thằng kia là tôi khỏe!

Fouquet nhắc lại: -Đi đi! Nếu anh bước chân vào cầu thang này trước khi hỏi tôi thì nhất định anh được dành cho một chỗ khốn khổ nhất trong ngục Bastille này đấy!

Baisemeuax lảo đảo bước lui. Tiếng kêu la của người tù càng ngày càng kinh khiếp. Fouquet đợi cho Baisemeuax xuống đến bậc thang cuối cùng rồi mới tra chìa khoá thứ nhất vào. Lúc đó ông nghe rõ tiếng ông vua điên cuồng kêu thét: -Cứu ta với! Ta là vua? Cứu…

Chiếc chìa khoá thứ hai không giống cái thứ nhất, Fouquet phải tìm trong cả chùm. Trong lúc đó, ông vua điên cuồng say máu, kêu la chát chúa: -Chính Fouquet đưa ta tới đây! Cứu ta, chống lại Fouquet… Ta là vua… Cứu vua chống lại Fouquet…

Fouquet mãi mới tìm ra chìa. Ông vua không còn hơi sức nữa, không la chỉ gầm gừ: -Xử tử tên Fouquet? Xử tử tên Fouquet gian ác!

Cửa bật mở ra.

§35. Nhận ra vua

Hai người cùng đổ xô tới nhau và cùng khự lại khi nhìn thấy nhau và kêu lên khinh khiếp. Nhà vua hỏi khi nhận ra Fouquet: -Sao, ông đến đây để giết tôi đấy à?

Viên đại thần lẩm bẩm: -Vua ta như thế này ư?

Thực vậy, chẳng có gì khủng khiếp hơn dáng vẻ của Nhà vua. Áo quần nhiều mảnh tả tơi, chiếc áo cánh hở hang, rách bươm, nhuốm mồ hôi và máu ứa ra từ lồng ngực và những cánh tay trầy sát. Mắt trợn trừng, mặt tái xanh, miệng sủi bọt, tóc bù xù.

Louis XIV đúng là hình ảnh của sự tuyệt vọng, của đói khát của nỗi sợ hãi dồn lại. Fouquet đầy xúc động mắt mờ lệ, giang hai tay. Louis cầm chiếc chân ghế giơ lên về phía Fouquet. Ông này run giọng nói: -Sao, ngài không nhận ra người bạn trung thành nhất của ngài?

-Bạn, ông mà là bạn à? – Louis lặp lại và nghiến răng nghe như tiếng của căm hờn và lòng khát khao mong muốn được trả thù.

Fouquet vội vàng quỳ xuống: -Là một người phục vụ hết mình.

Nhà vua thả vũ khí xuống. Fouquet tiến lại gần, hôn gối và âu yếm ông vào lòng, nói: -Vua của tôi khốn khổ làm sao!

Louis, nhờ sự thay đổi trước mắt, sực nhớ ra và nhìn lại mình, thật xấu hổ vì quần áo xộc xệch, thân xác điên dại, vì sự ôm ấp che chở phải nhận chịu, nên bước lùi lại.

-Xin Hoàng thượng đến đây ngài được tự do rồi.

-Tự do, – Nhà vua lặp lại – Ô! Ông cho ta tự do sau khi bắt ta đấy à?

Fouquet tức giận la lên: -Ngài không tin tôi à? Ngài không tin rằng tôi chẳng tội tình gì hết trong vụ này sao?

Rồi ông thuật lại rất mau cho vua nghe mọi chi tiết của âm mưu mà ta đã biết. Louis XIV phải chịu đựng nỗi lo sợ day dứt suốt cả lúc nghe, và sau đó ông nhận ra sự nguy ngập to lớn ông phải trải qua, thấy nó còn quan trọng hơn việc mình có người anh em song sinh bị nhốt trong ngục. Ông vụt nói với Fouquet: -Này ông, chuyện sinh đôi là chuyện láo toét. Không thể nào có chuyện ông bị lừa. Không thể nào nghi ngờ danh dự, đức hạnh của mẹ ta được. Còn vị tể tướng của ta há chẳng từng xử những tên tội phạm đấy ư?

Fouquet trả lời: -Xin ngài hãy nghĩ cho kỹ rồi mới tức giận sau. Việc sinh ra người anh em song sinh với ngài.

-Ta chỉ có một người em. Đó là Hoàng thân. Và ông biết điều đó cũng như ta vậy. Chuyện này là một âm mưu, bắt đầu từ viên chủ ngục Bastille.

-Xin ngài cẩn thận. Người đó bị lầm lẫn cũng như mọi người chỉ vì có sự giống nhau.

-Giống à?

-Tên Marchiali đó tất phải giống Hoàng thượng đến mức ai cũng phải lẫn. – Fouquet nhấn mạnh.

-Có là chuyện điên?

-Xin ngài đừng nói như thế. Bọn đó muốn đối phó với con mắt của các quan trong triều, của mẹ ngài, các sĩ quan, cả gia đình ngài, bọn đó nhất định phải biết chắc về sự giống nhau.

Nhà vua lẩm bẩm: -Đúng vậy. Bọn đó bây giờ ở đâu?

-Ở Vaux đấy.

-Ở Vaux! Ông chịu để họ ở Vaux à?

Tôi thấy chuyện quan trọng nhất là giải thoát cho Hoàng thượng. Tôi đã làm xong việc đó. Bây giờ ngài hãy ra lệnh đi. Tôi đợi đây.

Louis nghĩ một lúc rồi nói: -Bây giờ ta tụ tập quân đội về Paris.

Fouquet trả lời: -Lệnh này đã ra rồi.

Nhà vua la lên: -Ông ra lệnh à?

-Nếu chỉ như thế thì đúng. Một tiếng đồng hồ nữa Hoàng thượng sẽ có ngay một trăm ngàn người.

Thay cho câu trả lời. Nhà vua nắm lấy tay Fouquet bóp mạnh khiến cho ta có thể thấy rằng đến lúc này, nhà vua vẫn còn biết bao nghi ngờ đối với viên đại thần. Rồi ông nói: -Chúng ta mang quân ấy vây nhà ông bắt bọn phản loạn.

Fouquet trả lời: -Tôi không tin là sẽ bắt được.

-Tại sao?

-Bởi vì tên đầu đảng, linh hồn của âm mưu, đã bị tôi lột mặt nạ thì kế hoạch đó bị sụp đổ hết rồi.

-Ông đã lột mặt nạ ông vua giả chưa?

-Chưa, tôi chưa gặp ông ta.

-Người kia là ai?

-Người chủ mưu không phải là kẻ khốn khổ kia đâu. Tôi thấy người này chỉ là một công cụ chịu đựng khốn khổ suốt đời Đầu dây mối nhợ là ông D'Herblay, giám mục Vannes.

-Bạn thân của ông?

-Thưa ngài, đúng là bạn thân của tôi, – Fouquet trả lời thẳng thắn.

-Thật khốn cho ông – Nhà vua nói với giọng kém khoan dung hơn.

-Thưa ngài, chuyện thân thiết như thế sẽ không làm cho tôi mất danh dự chừng nào tôi còn chưa biết về tội ác xảy ra.

-Nhưng ông phải tiên liệu.

-Nếu tôi phạm tội thì xin tuỳ tay Hoàng thượng xét.

-Ồ, không phải ta nói về điều này đâu, ông Fouquet ạ, – Nhà vua trả lời, hơi giận mình vì đã tỏ bày những ý nghĩ cay đắng. – Tuy tên khốn đó mang mặt nạ, nhưng ta cũng nghi ngờ là ông ta. Nhưng ngoài người chủ mưu còn có tay thuộc hạ thân xác lực lưỡng, đe doạ ta. Hắn là ai?

-Có thể là bạn của y, Nam tước Du Vallon, cựu ngự lâm quân.

-Bạn thân của d'Artagnan? Của Bá tước De La Fère – Louis kêu to cái tên cuối cùng. – Ô, chớ quên mối quan hệ giữa các tay âm mưu đó với ông Bragelone.

-Thưa ngài, thưa ngài, chớ đi quá xa. Ông De La Fère là người lương thiện nhất nước Pháp đấy. Xin ngài hãy tạm bằng lòng với số người mà tôi nói ra thôi.

-Với người ông nói cho ta thôi! Tốt. Ông nói ra những tên tội phạm ấy phải không?

Fouquet hỏi: -Hoàng thượng có ý gì thế?

Nhà vua trả lời: -Ta có ý là sẽ mang quân đến Vaux, chộp lấy cái ổ rắn độc ấy, không cho kẻ nào thoát hết, không ai hết phải không?

Fouquet kêu lên: -Hoàng thượng giết hết họ à.

-Giết tới tên cuối cùng.

-Ô, thưa ngài!

Nhà vua kiêu hãnh nói: -Nên hiểu nhau, ông Fouquet ạ. Ta không còn sống trong thời mà lối ám sát là lý lẽ độc nhất, cuối cùng của các ông vua. Không, thật cảm ơn Chúa! Ta còn nghị viện, nhân danh ta xét xử và ta có máy chém thi hành các lệnh tối thượng của ta!

Fouquet xanh mặt, nói: -Tôi xin cả gan lưu ý Hoàng thượng rằng mọi chi tiết về cả tai tiếng tệ hại cho danh dự hoàng triều. Không nên để cho tiếng tăm của ngài Anne d'Autriche chịu lời đàm tiếu của mọi người.

-Công lý phải được thi hành, ông ạ.

-Thưa ngài, đúng. Nhưng giọt máu của hoàng gia không thể rơi trên đoạn đầu đài được.

Nhà vua giậm chân trên nền gạch kêu lên: -Giọt máu Hoàng gia, ông cũng tin thế à? Chuyện sinh đôi ấy là chuyện bịa! Cứ nhìn vào chuyện bịa ấy là ta thấy tội ác của D'Herblay. Ta phải trừng phạt tội ác đó.

-Và trừng phạt bằng án tử hình?

-Tử hình, đúng đấy ông ạ.

Ông tổng giám hiên ngang ngước khuôn mặt lúc nãy giờ vẫn cúi xuống, nói với giọng kiên quyết: -Thưa Hoàng thượng, nếu muốn thì ngài cho chặt đầu em ngài, Philippe của nước Pháp, đó là tuỳ ý ngài. Điều này chỉ liên quan tới ngài và việc này ngài sẽ phải đi hỏi mẹ ngài, Anne d'Autriche ra lệnh thì sẽ được tuân theo. Tôi không muốn chen vào, dù là vì danh dự của ngài cũng vậy. Tôi chỉ xin ngài một ân huệ mà thôi.

-Ông nói đi! – Nhà vua xúc động trước những lời nói cuối cùng của viên đại thần, – ông cần gì?

-Tôi xin tha cho ông D'Herblay và ông Du Vallon.

-Tha cho các tên định giết ta à?

-Thưa ngài, hai tay chống đối, chỉ có thế thôi.

-Ồ ta biết rằng ông xin tha cho các bạn của ông. Bạn là chuyện của ông, nhưng sự an toàn của quốc gia đòi hỏi ta phải trừng phạt những kẻ phạm tội để làm gương cho kẻ khác.

-Tôi không giám nói với Hoàng thượng là tôi vừa làm cho ngài được tự do, vừa cứu mạng sống cho ngài.

-Ô! Ông?

-Tôi cũng không dám bày tỏ ý kiến là nếu ông D'Herblay muốn làm kẻ sát nhân thì sáng nay ông ta chỉ có việc đơn giản là chỉ việc giết ngài trong rừng Senar và thế là ổn thoả hết.

Nhà vua giật mình, khuôn mặt nhăn lại, mất hết tinh thần trong khi ông Fouquet tiếp tục: -Một phát đạn súng lục vào đầu thế là ông D'Herblay được miễn hết tội. Ông D'Herblay nếu là kẻ sát nhân thì cũng không cần kể lại hết cho tôi mưu kế của ông mới thấy là thành công. Kẻ tranh dành quyền được Anne d'Autriche công nhận sẽ vẫn là con của bà, theo ông D'Herblay nhận định trước lương tâm, kẻ tranh giành quyền vẫn thuộc dòng máu Louis XIII. Hơn nữa, kẻ âm mưu muốn chắc chắn được đảm bảo yên lành bí mật, không bị trừng phạt thì chỉ cần một phát súng là đủ rồi. Xin ngài hãy nhân danh sự cứu rỗi của ngài mà tha cho y?

Nhà vua thay vì xúc động vì được nghe diễn tả thật đúng về sự hào hiệp của Armis lại cảm thấy xấu hổ nhục nhã. Tính kêu ngạo vô chừng của ông khiến ông không chịu nhận là có một kẻ cầm chắc mạng sống của bậc vương giả ở một đầu dây treo cổ. Mỗi lời nói mà Fouquet tưởng là có hiệu quả trong việc xin tha cho người bạn, lại thêm một giọt độc vào trong trái tim của Louis XIV. Không có gì làm ông mềm lòng, nên ông gay gắt nói với Fouquet: -Ta không hiểu tại sao ông lại xin ta tha cho những kẻ đó! Xin làm gì cái điều mà không cần cầu khẩu cũng đã có rồi!

-Thưa ngài, tôi không hiểu.

-Dễ lắm mà. Ta đang ở đâu đây?

-Thưa ngài ở ngục Bastille.

-Ờ, trong một hầm tối. Ta bị coi là một tên điên phải không?

-Thưa ngài, đúng vậy.

Và ở đây ai cũng chỉ biết đến Marchiali phải không? Thế thì, đừng thay đổi gì cả. Để cho thằng điên chết rục trong một xó tối của ngục Bastille và các ông

D'Herblay, De Vallon không cần ta tha tội cho nữa. Để cho ông vua mới của họ xử.

Fouquet bực bội trả lời: -Hoàng thượng, ngài mắng rủa tôi rồi và ngài đã sai đấy. Tôi không phải là trẻ con, ông D'Herblay cũng không phải là người ngu ngốc mà không nghĩ mọi điều như thế. Nếu tôi muốn phò một ông vua mới thì tôi không phải mất công tôi chạy xô vào ngục Bastille để lôi ngài ra, chuyện đó rõ ràng quá rồi. Hoàng thượng không thấy vì ngài đang tức giận thế thôi. Nói khác đi ngài không nên vô cớ mà làm tổn thương người bầy tôi đã giúp ngài công việc hệ trọng nhất.

Louis nhận ra là ông đã đi quá xa, cửa ngục vẫn còn đóng trong khi ông Fouquet khoan nhượng lại đang cố kìm nỗi tức giận sắp tràn ngập và có thể đổ lên đầu ông.

-Ta không muốn làm nhục ông. Chúa phạt ta đi! Có điều là ông hỏi xin ta ân huệ và ta chỉ trả lời theo lương tâm ta thôi.

Thế mà theo ta thì những tội phạm đó không đáng được ân xá, tha lỗi gì hết.

Fouquet không trả lời. Nhà vua tiếp: -Điều ta làm chứng tỏ thật khoan dung như là điều ông làm vậy vì ta đang ở trong tay ông. Có thể nói là còn khoan dung hơn nữa vì ông đang đặt ta trước điều kiện bắt tuỳ thuộc vào đó sự tự do, mạng sống của ta mà nếu không chịu thì là phải hy sinh chúng thôi.

Fouquet trả lời: -Đúng là tôi có lỗi. Tôi có vẻ như đòi hỏi một sự ân xá.

Tôi rất ân hận và xin lỗi Hoàng thượng.

Ông được tha lỗi rồi, ông Fouquet thân mến ạ. Louis mỉm cười nói: -Ta đã được tha thứ rồi, – Fouquet vẫn cứng đầu tiếp tục, – nhưng còn các ông De Heblay và Du Vallon thì sao?

Nhà vua trả lời như cũ: -Ta còn sống thì họ còn không được tha. Ông giúp ta đừng nhắc chuyện ấy nữa?

-Xin tuân lệnh Hoàng thượng.

-Còn ông thì hờn oán gì ta nữa phải không?

-Ờ thưa ngài, không. Vì tôi đã tính trước trường hợp này rồi.

-Ông biết trước rằng ta sẽ từ chối tha cho các ông đó.

-Vâng, đúng thế và tôi đã sắp đặt sẵn hết rồi.

Nhà vua ngạc nhiên kêu lên: -Ông nói gì thế?

-Có thể nói là ông D'Herblay đến dâng mình cho tôi, ông D'Herblay cho tôi có hân hạnh cứu vua tôi và nước tôi. Tôi không thể kết tội tử hình ông D'Herblay. Tôi lại cũng không thể để ông ta chịu cơn thịnh nộ của Hoàng thượng. Vì như thế là cũng như tự tay giết ông ta vậy.

-Thế thì ông làm sao?

-Thưa ngài, tôi đã đưa cho ông D'Herblay con ngựa tốt nhất của tôi. Và Hoàng thượng có sai người đuổi thì cũng chậm hơn bốn tiếng đồng hồ rồi.

Nhà vua lẩm bẩm: -Thôi được Nhưng thế giới thật to rộng đủ để cho những người ta sai đi sẽ đuổi kịp, sẽ lấy lại bốn tiếng đồng hồ mà ông tặng cho ông D'Herblay.

-Thưa ngài, cho ông ta bốn tiếng đồng hồ là tôi biết tôi cho ông ta mạng sống. Nhất định ông ta sống được.

-Tại sao vậy?

-Sau khi lên ngựa chạy đi ông ta sẽ đến lâu đài của tôi ở Belle-Isle.

-Được rồi? Nhưng ông quên là ông đã tặng Belle-Isle cho ta sao? Ta cho lính ngự lâm đi bắt là xong.

Fouquet lạnh lùng nói: -Cả ngự lâm quân, cả quân đội cũng không được. Không thể chiếm được Belle-Isle.

Mặt nhà vua trắng bệch, mắt tóe lửa. Fouquet tưởng là thua rồi. Nhưng vốn là người không chịu lùi bước khi bảo vệ danh dự nên ông nhìn lại, chịu đựng cái nhìn cay độc của Nhà vua. Louis XIV nén giận dữ và nói sau một lúc im lặng.

-Bây giờ chúng ta đi Vaux phải không?

Fouquet nghiêng mình thật thấp, kính cẩn trả lời: -Xin tuân lệnh Hoàng thượng. Nhưng tôi nghĩ là Hoàng thượng nên thay quần áo trước khi ra trước triều đình.

-Chúng ta ghé qua điện Louvre vậy.

Thế rồi hai người đi ra trước mặt ông Baisemeaux đang kinh hoảng bứt râu bứt tóc một lần nữa khi lại nhìn thấy Marchiali đi ra.

Tất nhiên là Fouquet cho ông tấm giấy thả người tù, dưới đó có viết: Đã đọc và đồng ý: Louis.

§36. Ông vua giả

Trong lúc đó ở Vaux ông vua tiếm quyền vẫn gan dạ tiếp tục vai trò của mình.

Philippe ra lệnh mở vào buổi sáng cuộc triều kiến long trọng mà mọi người đã chuẩn bị sẵn sàng. Ông quyết định ra lệnh ấy mặc dù ông D'Herblay vắng mặt, không trở về nữa, vì lý do gì thì độc giả đã biết rồi. Nhưng ông hoàng vì không biết ông D'Herblay đã đi nên cứ theo tinh thần táo bạo của mình, muốn thử thách khả năng, phương tiện của mình, tách ra ngoài mọi sự chở che, bảo trợ.

Một kẻ khác thúc đẩy ông: Anne d'Autriche sắp xuất hiện, người mẹ tội lỗi sắp ra mắt đứa con bị hy sinh. Philippe muốn là dù sao ông cũng không để một dấu hiệu yếu đuối nào chứng tỏ trước con người mà từ nay ông phải cố sức giữ gìn hết mực.

Philippe mở rộng đôi cánh cửa và nhiều người lặng lẽ bước vào. Khi các người hầu phòng mặc áo cho ông, ông đứng yên, không nhúc nhích. Đêm trước ông đã thấy rõ các thói quen của người anh em. Bây giờ ông phải làm vua như thế nào cho không ai có thể nghi ngờ được.

Ông tiếp khách, đầy đủ trong bộ đồ đi săn. Qua trí nhớ và những lời ghi của Aramis, ông biết rằng đến đầu tiên là Anne d'Autriche, có Hoàng thân khoác tay bước vào. Rồi đến Đức bà với ông De St. Aignan. Ông mỉm cười khi nhìn thấy những khuôn mặt đó và rùng mình khi nhận ra mẹ mình.

Khuôn mặt cao cả và oai nghiêm bị nỗi đau khổ tàn phá ấy là chứng tích bênh vực cho bà hoàng nổi danh đã phải hy sinh một đứa con vì đất nước. Ông thấy bà thật đẹp. Ông biết Louis XIV yêu mẹ, ông hứa cũng sẽ yêu bà như thế để tuổi già của bà không phải chịu cực hình ghê gớm. Ông nhìn người em với một tình cảm mến yêu thật dễ hiểu. Người này không bao giờ chiếm đoạt ngôi vị, vẫn sống cuộc đời tốt đẹp. Philippe hứa sẽ là người anh tốt đối với ông hoàng đó, con người chỉ có vàng là đủ làm cho sung sướng.

Ông lấy dáng cảm mến chào ông St. Aignan lúc này đang túi bụi lo mỉm cười và chào lại mọi người. Ông đưa tay bắt Henriette, cô em dâu, và thấy cô ta thật đẹp, nhưng ông thấy đôi mắt vị phu nhân này có một vẻ gì lạnh lùng khiến ông ta có lòng mừng vì khỏi lo đến những giao tiếp về sau.

Ông sợ nhất lúc này là phải tiếp đón Hoàng hậu. Tình cảm, trí óc ông vừa mới trải qua một thử thách to lớn nên mặc dù tính tình thật vững vàng, cương nghị, ông cũng sợ là không đủ sức chịu một sự đụng chạm mới. May thay, Hoàng hậu không tới.

Anne d'Autriche mở đầu một cuộc bàn luận chính trị về việc Fouquet tiếp đón Hoàng gia nước Pháp. Bà chen vào đó những chuyện hiềm khích, những lời ngợi khen Nhà vua, những câu hỏi thăm sức khỏe, những dỗ dành kiểu của người

mẹ và cả những phỉnh phờ xã giao nữa. Rồi bà nói: -Này con, con nghĩ lại đối với ông Fouquet chưa?

Philippe nói: -Saint Aignan, xin ông vui lòng xem thử Hoàng hậu ra sao.

Nghe những lời đầu tiên Philippe nói, người mẹ thấy có một chút khác biệt giữa giọng nói của ông và của Louis XIV. Bà sững sờ nhìn người con.

St. Aignan bước ra. Philippe tiếp tục: -Thưa mẹ, con không muốn người ta nói xấu về ông Fouquet. Mẹ đã hiểu điều đó và chính mẹ đã nói tốt về ông ta rồi.

-Chính vậy, cho nên ta mới hỏi con về ý con đối với ông ta đấy.

Henriette chen vào: -Thưa ngài, tôi thì luôn luôn yêu mến ông Fouquet. Ông ta là con người tinh tế, đàng hoàng.

-Một ông tổng giám không bủn xỉn, tôi có giấy tờ chứng khoán ký với ông thì cũng đều được trả bằng vàng hết, – Hoàng thân nói.

Thái hậu nói: -Ở đây các người tính chuyện ích kỷ quá. Không ai tính việc nước cả. Ông Fouquet làm hại cho đất nước là chuyện thực đấy.

Philippe trả lời, giọng thấp xuống: -Ồ, mẹ, mẹ cũng làm hậu thuẫn cho ông Colbert à?

Thái hậu ngạc nhiên hỏi: -Sao con nói thế?

-Đó là vì mẹ nói như bà De Chevreuse, bà bạn già của mẹ nói vậy mà?

Nghe nhắc đến tên đó, Anne d'Autriche tái mặt, môi mím lại. Philippe đã khích động con sư tử cái rồi.

Bà nói: -Con vừa nói gì về bà De Chevreuse đấy? Hôm nay con làm sao mà gay gắt với mẹ thế?

Philippe tiếp tục: -Có phải bà Chevreuse lúc nào cũng xúi bậy, chống đối người khác không. Có phải bà De Chevreuse chưa bao giờ thăm trả lễ mẹ không?

Thái hậu nói: -Thưa ngài, ngài nói như là hoàng đế cha của ngài vậy.

-Cha con có lý để không ưa bà De Chevreuse. Con cũng không ưa bà ta và nếu bà ta dẫn xác đến như ngày xưa gieo rắc sự chia rẽ, hận thù hòng lấy tiền thì.

-Thì sao? – Anne d'Autriche kiêu hãnh, vụt hỏi gay gắt.

Ông hoàng trẻ nói với giọng cương quyết: -Thì tôi sẽ đuổi bà De Chevreuse ra khỏi xứ này và đi theo bà ta sẽ có các chuyên viên gây chuyện thầm kín, bí mật đấy.

-Ông không tính đến hậu quả của những lời nói ghê gớm vừa xong hay không biết trừng ông muốn dò xem tác động của chúng như thế nào. Thái hậu lẩm bẩm: -Ngài đối xử khắt khe với mẹ ngài quá chừng.

-Sao, về việc gì, thưa bà tôi chỉ có nói về bà De Chevreuse hơn là sự an ninh của đất nước này và sự an toàn của cá nhân tôi ư? Thế thì tôi xin nói là bà Chevreuse chỉ đến nước Pháp là để moi tiền và bán bí mật cho ông Fouquet thôi.

Anne d'Autriche kêu lên: -Bí mật nào?

-Về những chuyện gọi là ăn cắp của ông Fouquet. Chuyện này là sai, – Philippe nói thêm – ông Fouquet đã tức giận đuổi bà ta đi vì cho rằng được Nhà vua tin cậy thì tốt hơn là âm mưu với bọn gây rối. Thế là bà De Chevreuse đem bán bí mật cho ông Colbert và vì lòng tham không đáy, thấy làm việc này không được trăm nghìn écus nên bà ta tính đưa lên cao nhất nếu không tìm được chỗ khác để thoả mãn. Có đúng vậy không, thưa bà?

-Ngài biết hết, – Thái hậu nói mà thấy lòng lo lắng hơn là khó chịu.

Philippe tiếp tục: -Thế thì tôi có quyền can thiệp vào chuyện của mụ đàn bà hung dữ đó trong âm mưu cấu kết ở trong triều tôi và làm mất danh dự của người này, phá hoại sự nghiệp của người khác. Nếu Chúa đã đau khổ vì có những tội ác đã thành hình, và nếu ngài còn khoan dung giấu đi một vài điều khác, thì về phần tôi, tôi không chịu cho bà De Chevreuse có quyền làm trái ý Chúa.

Những lời nói sau cùng của Philippe làm cho Thái hậu xúc động đến mức người con phải thương hại. Ông nắm lấy tay mẹ hôn âu yếm. Nhưng bà cũng không hiểu rằng trong nụ hôn ẩn đầy phản kháng và cay đắng được dằn xuống đó, lại còn có ý nghĩa tha thứ của tám năm đau khổ. Philippe để im lặng một lúc cho thấm đầy những cảm xúc vừa phát ra, rồi nói vui: -Hôm nay chúng ta chưa đi ra ngoài. Tôi có dự định rồi.

Rồi ông quay ra phía cửa, hy vọng thấy được Aramis.

Thái hậu muốn rút lui. Philippe nói: -Xin mẹ hãy ở lại. Con muốn mẹ làm hoà với ông Fouquet.

-Nhưng tôi không ưa ông Fouquet. Tôi chỉ ngại là ông ta hào phóng quá thôi.

-Chuyện đó thì chúng ta sẽ thu xếp lại. Chỉ nên nghĩ ở khía cạnh tốt của ông tổng giám thôi.

-Hoàng thượng tìm gì thế? – Henriette nói khi thấy vua nhìn ra cửa lần nữa, nói để hy vọng đánh trúng tim đen của ông, vì bà tin rằng ông đang đợi tiểu thư La Valliére hay là một bức thư của nàng.

Người trẻ tuổi đoán ngay ý định nhờ khả năng tinh anh kỳ diệu mà hoàn cảnh tốt đẹp lúc này làm cho nó phát triển: -Cô em ạ, tôi đang đợi một con người rất đặc biệt, một con người cố vấn kém nhất mà tôi muốn giới. thiệu với tất cả mọi người để xin các người ở đây giúp đỡ cho. Ô, xin mời vào, ông d'Artagnan.

D'Artagnan hiện ra: -Hoàng thượng muốn điều chi?

-Ông bạn giám mục Vannes của ông đâu?

-Nhưng mà, thưa ngài! Tôi đang đợi ông ta mà không thấy.

-Xin hãy tìm ông ta!

D'Artagnan sững người trong giây lát, nhưng rồi nghĩ rằng Aramis rời Vaux một cách bí mật là do vua sai, chắc rằng vua muốn giữ kín bí mật ấy. Ông trả lời: -Thưa, Hoàng thượng nhất định muốn dẫn ông D'Herblay về sao?

Philippe trả lời: -Không phải là nhất định. Chưa cần đến như vậy nhưng nếu có ai trông thấy ông ta…

"Ta đoán đúng", d'Artagnan nghĩ thầm.

Nhà vua nói: -Đi báo với ông Fouquet là tôi muốn nói chuyện… Ồ! nói trước mặt ông đấy, đừng rút lui…

Ông De Saint Aignan đã trở lại, báo cáo những tin vừa ý về Hoàng hậu: -Bà nằm nghỉ chỉ là phòng hờ thôi chứ bà vẫn đủ sức theo ý của Nhà vua. Trong khi cho tìm ông Fouquet và Aramis khắp nơi, thì ông vua mới vẫn bình yên tiếp tục cuộc thử thách và mọi người trong gia đình, quan chức, nội thần cũng thấy cử chỉ, giọng nôi, thói quen của ông đúng là vua của họ.

Về phía mình, Philippe nhớ những ghi chú và hình vẽ của Aramis để lại, nhìn từng người một, cư xử với họ không để ai nghi ngờ gì hết. Từ nay chẳng còn gì để khiến cho người tiếm quyền lo lắng gì hết. Định mệnh vừa đem một số phận khốn khổ nhất thay thế cho một quyền uy cao nhất, thật dễ dàng đến mức lạ lùng làm sao!

Philippe thán phục lòng tốt của Chúa đối với ông, và sử dụng tất cả những khả năng tốt đẹp của mình để hoàn thành ý Chúa. Nhưng đôi khi ông thấy hình như có một bóng đen bước trên vòng hào quang mới mẻ của ông.

Aramis vẫn chưa xuất hiện. Câu chuyện trong Hoàng gia dần dần trở nên uể oải. Philippe đang bận lo nghĩ nên quên mất việc cho người em và Henriette ra về. Họ ngạc nhiên và dần dần mất kiên nhẫn. Anne d'Autriche nghiêng mình về phía con trai và nói vài tiếng Tây Ban Nha.

Philippe hoàn toàn không biết thứ tiếng này. Ông xanh mặt trước chướng ngại không ngờ đó. Nhưng mà có vẻ hình ảnh vững vàng của Aramis khiến ông tin mình không thất bại, nên thay vì hoảng hốt, Philippe đứng dậy.

-Sao không trả lời đi con? – Anne d'Autriche hỏi.

-Cái gì ngoài kia thế? – Philippe quay về phía cửa cầu thang kín.

Người ta nghe thấy có tiếng kêu: -Phía này! Phía này? Chỉ còn vài bậc nữa thôi, thưa ngài.

-Tiếng của ông Fouquet! – D'Artagnan nói bên cạnh Thái hậu.

Philippe tiếp: -Chắc là ông D'Herblay không đâu xa.

Nhưng ông lại thấy được những gì thật gần không ngờ tới.

Mọi cặp mắt đều quay về phía cửa chờ ông Fouquet, nhưng không phải ông này bước vào.

Một tiếng kêu khiếp hãi phát ra từ khắp phòng, tiếng kêu đau đớn của ông vua và các người phụ tá.

Mọi người, ngay những con người chất chứa những tính cách lạ lùng và đã trải qua những biến cố kỳ diệu nhất cũng không đủ sức để ngắm nhìn khung cảnh hoàng cung lúc này.

Những tấm rèm buông nửa chừng chỉ để xuyên những làn tia sáng qua những nhung kèm lụa dày.

Trong cảnh mờ mờ ảo ảo ấy, những cặp mắt từ từ mở to ra, và mỗi người trong phòng ai nấy đều cho rằng đã nhận được người khác vì lòng tin hơn là vì chính cặp mắt mình thấy. Nhưng dù trong các trường hợp này, cũng phải đến lúc người ta không thể bỏ rơi các chi tiết và đối tượng hiện ra đây đã sáng lên như là có ánh mặt trời[322] chiếu xuống.

Đó là trường hợp của Louis XIV khi ông ta đứng trên ngưỡng cửa thang gác bí mật, mặt tái xanh và đôi mày nhíu lại.

Fouquet đứng phía sau cho thấy khuôn mặt nghiêm khắc và buồn rầu.

Thái hậu thấy Louis XIV trong khi bà cầm tay Philippe, liền thét lên một tiếng như là vừa trông thấy ma hiện. Hoàng thân như choáng người, quay đầu từ phía ông – vua – ông – thấy qua phía ông – vua – đứng – bên cạnh. Đức bà tiến lên một bước, tưởng như nhìn thấy người chồng qua tấm gương.

Và thực vậy, ảo giác là điều có thật.

Hai ông hoàng đều hốc hác – không kể Philippe giật nẩy mình hoảng hốt, cả hai run rẩy, co quắp các ngón tay, nhìn nhau trừng trừng như muốn lấy tia mắt đâm sâu vào tim nhau. Họ lặng câm, thở hổn hển, khom người tới trước như sẵn sàng nhào tới nhau.

Giống nhau không thể tưởng tượng được, những khuôn mặt, cử chỉ, dáng người, giống tất cả, giống tình cờ đến cả áo quần, vì Louis XIV vừa đến điện Louvre lấy bộ áo nhung; sự giống nhau của hai ông hoàng làm đảo lộn tâm hồn Anne d'Autriche. Tuy nhiên, bà chưa thấy rõ sự thật. Trong đời có những điều khốn khổ mà người ta không chịu chấp nhận. Người ta cứ cho là tại thần thánh, tại những gì không thể có được.

Louis không ngờ tới những trở ngại đó. Ông cứ tưởng là hễ cứ một mình bước vào liền được nhận ra ngay là mặt trời chói lọi; ông không chịu được sự ngang hàng với bất cứ ai hết. Ông không chịu nhận là một ngọn đuốc có thể tắt đi ngay lúc nó bật lên luồng ánh sáng chói lọi.

Cho nên, nhìn thấy dáng người của Philippe, ông tỏ ra kinh hoàng hơn tất cả ai khác chung quanh, và sự im lặng, sự bất động, tất cả trong thời gian suy ngẫm, yên tĩnh này là mở đầu cho sự tức giận nổ bùng ra.

Nhưng còn Fouquet, con người có thể ghi nhận sự sững sờ của mình trước hình ảnh sống của chủ ông? Fouquet nghĩ rằng Aramis đã có lý, rằng người mới tới này cũng xứng bậc vương như là kẻ kia và khi từ chối cuộc đảo chính sắp đặt thật khôn khéo này, ông ta đã đi theo một sự cuồng nhiệt điên rồ, không xứng đáng nhúng tay vào chính trị lần nữa. Fouquet đã đem giọt máu của Louis XIII hy sinh cho giọt máu của Louis XIII. Ông đã đem một hoài bão cao cả hy sinh

cho tham vọng ích kỷ. Ông đã đem cái quyền "có-được" hy sinh cho cái quyền "chiếm-giữ".

Tất cả mức độ trầm trọng trong lỗi lầm của ông hiện ra, chỉ cần qua một lần nhìn người chiếm ngôi.

Tất cả những gì thoáng qua trong trí Fouquet, mọi người không ai thấy hết. Ông có cả năm phút để tập trung suy nghĩ về trường hợp lương tâm vướng mắc này. Năm phút là năm thế kỷ.

D'Artagnan đứng đối diện Fouquet, dựa lưng vào tường, nắm tay đưa lên trán mắt đăm đăm, tự hỏi tại sao có sự kỳ diệu này. Đầu óc ông bị những tấm màn dày đặc bao phủ. Những người trong màn kịch này như đang bơi trong sương mù của một lúc tỉnh giấc nặng nề.

Louis XIV vốn dễ mất kiên nhẫn và quen thói chỉ huy hơn, vụt chạy mở cánh cửa, xé toang các bước màn ra. Ánh sáng chói loà đổ xô vào phòng khiến cho Philippe phải lui vào tận lò sưởi.

Louis thấy rõ cử chỉ ấy, chụp lấy cơ hội và nói với Thái hậu: -Mẹ ơi, ở đây không ai nhận ra vua của họ, nhưng mẹ, mẹ có nhận ra con không?

Anne d'Autriche giật nẩy mình, giơ hai tay lên trời, không nói được tiếng nào. Philippe trầm tĩnh hỏi: -Mẹ ơi, mẹ không nhận ra con sao?

Và lần này, chính Louis XIV lùi lại. Còn Anne d'Autriche thì quay cuồng vì sự hối hận tràn ngập trí óc và tâm hồn. Không ai đến giúp bà vì mọi người đều như hoá đá cả, bà rên lên một tiếng yếu ớt và ngã mình xuống ghế. Louis không chịu được cảnh xúc phạm này. Ông nhảy tới phía d'Artagnan cũng đang muốn choáng váng và xiểng liểng ôm cánh cửa làm chỗ dựa.

-Hãy theo ta, ngự lâm quân? Nhìn thẳng vào mặt ta đi, nhìn xem thử mặt ta và hắn, ai tái hơn?

Tiếng kêu gào ấy đánh thức d'Artagnan và làm chuyển động sự tuân lệnh trong tâm hồn ông. Ông lắc lắc cái đầu, rồi không ngần ngại gì cả, ông tiến về phía Philippe, đặt tay trên vai người này và nói: -Thưa ông, ông là tù nhân của tôi.

Philippe không ngửa mặt lên nhìn trời, không xê dịch khỏi nơi ông đứng bám, mắt nhìn đăm đăm vào ông vua anh. Trong nỗi yên lặng mênh mông, ông phiền trách anh về những đau khổ đã qua, về những cơn hành hạ sắp đến. Đối phó với tiếng nói thầm lặng của tâm hồn ấy, ông vua thấy không còn đủ sức nữa.

Ông cúi mặt xuống, lôi vội em trai, em dâu đi ra ngoài quên cả người mẹ nằm dài bất động cách người con trai bà ba bước để chết một lần thứ hai nữa. Philippe bước đến gần Anne d'Autriche, cúi xuống nói với một giọng dịu dàng và cảm động: -Mẹ ơi, nếu con không là con của mẹ thì con sẽ nguyền rủa mẹ đã làm cho con đau khổ thế này?

D'Artagnan thấy rùng mình đến tận tâm can. Ông khom mình kính cẩn chào ông hoàng và nói: -Xin lỗi Đức ông, tôi chỉ là một người lính và tôi đã thề trung thành với người vừa ra khỏi phòng này.

-Xin cảm ơn ông d'Artagnan. Nhưng ông D'Herblay ra sao rồi?

Một tiếng nói trả lời sau lưng.

-Ông D'Herblay ở chỗ rất yên ổn. Tôi mà còn sống, còn tự do thì không ai làm cho ông ta rụng một sợi lông đâu.

-Kìa ông Fouquet? – ông hoàng mỉm nụ cười buồn.

Fouquet quỳ xuống: -Xin Đức ông tha lỗi, nhưng ông mới vừa ra khỏi đây là khách mời của tôi.

Philippe mỉm cười, lẩm bẩm: -Đây là những người bạn tốt và chân thành. Họ làm cho ta tiếc cuộc đời này quá. Ông d'Artagnan đi thôi, tôi theo ông.

Vào lúc người chưởng quan ngự lâm quân sắp bước ra.

Colbert đi vào đưa cho ông một tờ sắc của vua rồi rút lui.

D'Artagnan đọc xong vò nát tờ giấy. Ông hoàng hỏi: -Có gì thế?

-Đức ông đọc đi, – người lính ngự lâm trả lời.

Philippe đọc những dòng chữ Louis XIV viết vội:

"Ông d'Artagnan dẫn người tù đến đảo Sainte Marguerite. Cho hắn mang mặt nạ sắt, không được lấy ra nếu muốn sống".

-Đúng rồi, – Philippe nhẫn nhục nói. – Tôi đã sẵn sàng.

-Aramis có lý. – Fouquet nói nhỏ với người lính ngự lâm, – người này xứng vị vương cũng như kẻ kia vậy.

-Còn hơn nữa – D'Artagnan trả lời. – ông ta chỉ thiếu có ông và tôi thôi.

Trong khi d'Artagnan thi hành lệnh của Louis XIV thì Aramis và Porthos chạy về phía Belle-Isle-en-Mer. Họ dừng lại một lúc gần Blois để giã từ Athos và Raoul De Bragelonne.

Raoul lúc này buồn không nguôi vì bị Louis De La Valliére phụ nên quyết định theo Công tước De Beaufort đi đánh dân Ả-rập ở Phi Châu. Raoul làm phụ tá của Công tước, lo việc chuẩn bị ở Toulon cho đoàn quân đổ bộ. Athos đưa con đến tận thành phố này và định chỉ rời con khi đoàn quân thuỷ rời bến.

§37. Cái mâm bạc

Chuyến đi thật êm đềm. Athos và người con di chuyển suốt nước Pháp mỗi ngày khoảng mười lăm dặm, có khi hơn, tuỳ lúc nỗi buồn của Raoul tăng lên.

Mười lăm ngày sau họ đến Toulon và hoàn toàn mất dấu d'Artagnan ở Antibes. Hình như người chưởng quan ngự lâm muốn giữ kín hành tung trong chuyến đi. Vì Athos nhận ra được tin riêng chắc chắn là người ky sĩ từ Avignon đã thay ngựa bằng một chiếc xe bịt bùng.

Raout thất vọng vì không gặp được d'Artagnan; trong trái tim mềm yếu của chàng có nỗi hối tiếc không được giã từ và được trái tim thép kia an ủi vài lời. Athos theo kinh nghiệm biết rằng d'Artagnan trở nên khó tìm, khó hiểu một khi ông ta bận một việc quan trọng, hoặc là cho riêng mình, hoặc là do phục vụ Nhà vua.

Ông cũng sợ làm mất lòng bạn và làm hại bạn nếu cứ dò la bạn kỹ quá. Tuy nhiên, khi Raoul bắt đầu việc sắp xếp đoàn quân và tập hợp sà lan, xuồng đưa đi Toulon thì có một người đánh cá cho chàng biết rằng một chiếc tàu của người ấy đang nằm ụ sửa chữa sau một chuyến đi chở một nhà quý tộc có vẻ vội lắm.

Athos vặn hỏi chi tiết vì nghĩ rằng người ấy nói dối để khỏi bị điều động và sẽ đi đánh cá kiếm được nhiều tiền trong lúc các bạn đồng nghiệp phải theo đoàn quân.

Người đánh cá cho ông biết rằng cách đây mười ngày, một người đến thuê tàu ông ta vào lúc đêm tối để đi đến đảo Saint Honorta. Giá cả định xong, nhưng nhà quý tộc lại muốn đưa cả cái thùng xe lên tàu, thật là khó thực hiện.

Người chủ tàu hầm hè muốn hủy hợp đồng; nhưng lãnh được một số hèo quất thật mạnh và thật lâu. Người đánh cá lầu bầu đi kiện phường hội Antiibes để phân xử. Nhưng nhà quý tộc đã đưa ra một tấm giấy không biết ghi gì mà phường hội cúi chào sát đất và mắng người đánh cá là cứng đầu cứng cổ và bắt phải tuân lệnh. Thế là ông ta phải ra đi chở theo cỗ xe. Athos hỏi: -Nhưng chuyện như thế thì cũng chưa cho biết làm sao tàu anh bị chìm.

-Thế này. Tôi giương buồm tới St. Honorta như nhà quý tộc bảo, nhưng rồi ông ta lại đổi ý và cho rằng tôi không thể đi qua phía nam tu viện được.

-Tại sao không?

-Thưa ngài tại vì trước mặt ngôi tháp vuông của dòng Bénédictin ở mũi phía nam có dải thầy tu.

-Dải đá ngầm phải không?

-Ở sát dưới mặt nước, là một lối đi nguy hiểm. Nhưng tôi đi qua đấy cả hàng trăm lần rồi. Nhà quý tộc bảo tôi phe cho ông ta ở Sainte Marguerite.

-Rồi sao nữa?

Người đánh cá kêu lên với giọng của người miền Nam: -Thì sao nữa, thưa ngài. Phải rành rẽ, phải là dân đi biển hay là không thế thôi, làm dân biển thì biết lối đi qua đó chỉ là một lạch nước ngọt thôi. Tôi cứ cho tàu qua. Nhà quý tộc nắm lấy cổ tôi và thản nhiên nói rằng ông ta sẽ bóp tôi đến chết. Tôi và người phụ tá mỗi người chụp lấy vũ khí của mình quyết trừng trị mối nhục hồi đêm. Nhưng nhà quý tộc đã rút gươm ra, vung thật lẹ khiến chúng tôi không thể nào tới gần được. Tôi suýt ném cái búa vào đầu ông ta vì tôi có quyền như thế phải không thưa ngài. Vì một tay đi biển trên tàu là chủ cũng như người trưởng giả trong nhà của ông ta vậy. Tôi suýt cắt đôi người ông ta như thế thực, để tự vệ. Thì thình lình, ngài tin hay không tuỳ ý, chiếc thùng xe chẳng hiểu sao bỗng mở tung và nhảy ra là một thứ ma quỷ đầu mang nón sắt đen, mặt nạ đen, một thứ gì ghê gớm giơ nắm tay lên đe doạ chúng tôi.

Athos nói: -Ai thế?

-Thưa ngài đó là con quỷ. Và nhà quý tộc thấy nó thì vui vẻ la lên – Cảm ơn Đức ông.

Vị bá tước nhìn Raoul lẩm bẩm: "Lạ thật!"

Raoul hỏi lại người đánh cá: -Rồi các anh làm sao nữa?

Ngài cũng hiểu, hai thằng chúng tôi đánh với hai nhà quý tộc thì chẳng nghĩa lý gì huống hồ là đánh với con quỷ sứ? Đúng vậy, chẳng cần hỏi ý kiến nhau gì hết, cả hai chúng tôi chỉ có một việc nhảy thật lẹ xuống biển vì chúng tôi chỉ cách bờ có sáu bẩy trăm bộ mà thôi.

-Thế rồi sao nữa?

-Thưa ngài, rồi vì có gió thổi từ hướng tây nam nên chiếc tàu cứ tiếp tục đi và tấp vào bãi cát ở đảo Sainte Marguerite.

-Ô! Còn hai người khách?

-Thôi, ngài đừng có lo! Mà đây cũng chứng tỏ một tên là quỷ đã che chở cho người kia: Khi chúng tôi bơi đến bên tàu, cứ tưởng hai người đó nát như tương vì vụ va chạm thì chẳng thấy ai cả, cả chiếc xe cũng không thấy.

Vị Bá tước lặp đi lặp lại: -Lạ thật! Rồi sau đó anh làm gì?

Ông toàn quyền Sainte Marguerite nghe tôi kiện thì chỉ mũi tôi nói rằng nếu tôi còn đến lảm nhảm những chuyện như thế thì tôi tha hồ ăn ít cái đạp.

-Ông toàn quyền?

-Thưa ngài, vâng. Vậy mà chiếc tàu của tôi lại vỡ, đúng là vỡ, mũi nó ghếch lên trên mỏm đảo Sainte Marguerite và ông thợ mộc đòi tiền sửa chữa tới một trăm hai mươi louis.

Raoul nói: -Được rồi. Tàu anh được miễn trưng dụng.

-Anh muốn chúng ta tới Sainte Marguerite không? – Athos hỏi Bragelonne.

-Thưa ngài, vâng, có vài điểm phải làm sáng tỏ ở đó và hình như người đánh cá không nói hết sự thực cho ta biết.

-Cha cũng thấy vậy, Raoul ạ. Chuyện nhà quý tộc mang mặt nạ và chiếc xe biến mất khiến ta nghĩ rằng người đánh cá đã bịa ra để che giấu chuyện hắn ta làm bậy giữa biển, trả thù người khách đã bắt ép hắn chở đi.

-Con cũng nghĩ như vậy và không biết chừng chiếc xe còn chứa thứ gì có giá trị hơn là người nữa đấy.

-Rồi chúng ta sẽ thấy, Raoul ạ.

Nhà quý tộc ấy gần như chắc là d'Artagnan. Ta nhận ra cung cách hành động của ông ấy. Than ôi! Chúng ta không còn là những người trẻ tuổi không thể chiến bại ngày xưa nữa? Biết đâu cái búa hay thanh gỗ của tên lái tàu dọc biển xấu xa đó lại làm được công việc mà những mũi kiếm tinh anh nhất của châu Âu chưa từng làm được trong bốn mươi năm qua!

Ngay ngày hôm đó họ đi Marguerite trên một chiếc tàu gọi từ Toulon tới.

Khi đến đảo, họ thấy nỗi vui sướng kỳ lạ. Đảo đầy hoa trái. Phần đất có trồng trọt làm thành vườn của ông toàn quyền.

Những cây cam, cây lựu trĩu những trái màu vàng hay xanh lơ.

Quanh vườn, nơi phần đất không trồng trọt, những con chim đa đa đỏ chạy từng bầy giữa các lùm gai, bụi cây đỗ tùng. Mỗi bước chân của Raoul và vị Bá tước cất lên thì có những con thỏ sợ hãi chạy từ trong các bụi cây kinh giới, thạch thảo để trở về hang.

Hòn đảo hạnh phúc này không có xóm làng gì hết. Đảo bằng phẳng, chỉ có một lõm để tàu các tay buôn lậu được ông chúa đảo che chở và chia của, đến đây ẩn núp tạm, miễn là không giết thú rừng và phá cây ăn trái thôi. Nhờ sự dàn xếp ấy nên viên toàn quyền chỉ cần tám người để giữ an toàn toà thành của ông đang có mười hai khẩu súng thần công rỉ sét. Viên toàn quyền này trở thành một chủ trại sung sướng, chỉ lo thu hoạch nho, cam, và phơi chanh, bưởi trên các lô cốt chói nắng.

Tòa thành có một đường hào sâu bao quanh là kẻ gác cổng duy nhất, có ba tháp trồi lên như ba cái đầu và nối nhau bằng các sân thượng đầy rong rêu.

Athos và Raoul đi dọc theo hàng rào một hồi lâu mà không thấy ai dẫn vào, liền đi thẳng vào vườn. Lúc này là lúc nóng nhất trong ngày. Bầu trời trải rộng tấm màn lửa ra như muốn bóp nghẹt mọi tiếng động, muốn ôm trùm hết sự sống.

Những con đa đa đứng dưới cây kim tước, ong, ruồi núp dưới lá, tất cả cũng như sóng biển đều ngủ thiêm thiếp dưới bầu trời.

Athos chỉ thấy một người lính đội một cái thúng đi trên sân thượng, giữa tháp thứ hai và tháp thứ ba. Một lúc sau người đó trở lại không có thúng rồi biến mất trong bóng tối của điếm canh. Athos hiểu là anh ta mang bữa ăn cho ai đó rồi sau khi xong việc lại trở về ăn một mình.

Thình lình ông nghe có tiếng gọi nên ngửng đầu lên, thấy nơi những hàng song cửa sổ có vật gì chói sáng như là một vũ khí phản chiếu ánh mặt trời. Và khi

ông chưa kịp hiểu chuyện gì đã xảy ra, thì một làn sáng kèm theo một tiếng huýt sáo trong gió khiến ông lưu ý nhìn từ toà tháp canh xuống đến đất.

Một tiếng động khô khan từ dưới hào khiến Raoul chạy đến nhặt lên một cái mâm bạc vừa lăn ra đến chỗ cát khô. Bàn tay vừa ném cái mâm đó ra dấu chào hai nhà quý tộc rồi biến đi.

Athos và Raoul châu đầu vào nhau, quan sát cái mâm dính đầy bụi đất và thấy ở dưới có hàng chữ gạch bằng dao:

"Tôi là em vua nước Pháp, ngày hôm qua là tù nhân, ngày mai sẽ thành người điên. Hỡi những nhà quý tộc nước Pháp và tín đồ Cơ Đốc hãy cầu nguyện cho linh hồn và lý trí người con của chủ các người!"

Athos buông rời cái mâm trong khi Raoul tìm cách hiểu sâu ý nghĩa của những dòng chữ sâu thảm này. Cùng lúc ấy, một tiếng la từ trên tháp cao đưa xuống. Nhanh như chớp, Raoul cúi đầu xuống và ép cha mình làm theo. Một nòng súng tay vừa lấp loáng trên đầu tường. Một làn khói trắng vụt ra nơi đầu nòng súng và một mũi dao bắn xuống hòn đá cách hai nhà quý tộc sáu bộ. Một khẩu súng tay khác hiện ra nữa và chúc xuống. Athos kêu lên;

-Này! ở đây là chỗ ám sát người phải không. Xuống đây mấy thằng hèn!

-Ê! Xuống đây!- Raoul tức giận đưa nắm tay lên phía lâu đài. Một trong hai người tấn công – người bắn phát súng vừa rồi – thốt lên một tiếng vì ngạc nhiên, rồi khi thấy người bạn tiếp tục cầm khẩu súng đã nạp đạn nhằm xuống, liền hất súng đi, khiến viên đạn bay vèo vào khoảng không. Athos và Raoul thấy họ biến đi, nghĩ rằng họ sắp xuống đến nơi nên bình tĩnh đứng chờ.

Chưa đầy năm phút sau có tiếng trống gọi tám người lính của toán đồn trú tập trung ở bên kia bào thành, súng ống đầy đủ. Đứng đầu toán quân này là một sĩ quan mà Tử tước De Bragelonne nhận ra là người bắn phát súng đầu tiên. Người này ra lệnh cho lính sửa soạn vũ khí. Raoul la lên: -Chúng ta sắp bị xử bắn rồi. Rút gươm ra nhảy qua hào? Thế nào mỗi một chúng ta cũng giết được một tên vô lại này trước khi chúng bắn hết đạn!

Và khi Raoul cùng Athos sắp phóng mình đi thì một giọng nói quen thuộc vang lên sau lưng họ: -Athos! Raoul!

-D'Artagnan! – Hai nhà quý tộc kêu lên.

-Hạ súng xuống! chán quá! – Người chưởng quan gọi đám lính – Ta biết mà!

Đám pháo thủ cất súng đi. Anh hỏi: -Chuyện gì xảy ra cho chúng tôi thế? Sao? Bắn mà không báo trước à?

D'Artagnan trả lời: -Chính tôi sắp bắn vào các bạn. Ông toàn quyền bắn hụt chớ tôi thì không đâu! May có điều là tôi quen nhắm rất lâu trước khi bóp cò hơn là bắn hú hoạ nên tôi thấy dáng quen quen của các bạn. Ôi thật may thay!

D'Artagnan giơ tay chùi trán vì ông ta đã chạy thật mau, và xúc động chứng tỏ ông không nói dối. Vị Bá tước nói: -Sao? Người bắn chúng tôi là viên toàn

quyền ở thành này.

-Đích thị.

-Thế tại sao ông ta lại bắn chúng tôi. Chúng tôi làm gì nên tội?

-Phải tội rồi? Các bạn đã nhận vật của người tù ném xuống.

-Đúng đấy!

-Cái mâm đó… Người tù có viết gì trên đó phải không?

-Đúng.

-Tôi đã nghi mà! Ôi!

Rồi d'Artagnan với vẻ lo sợ đến chết, chụp lấy cái mâm đọc hàng chữ trên đó. Khi đọc xong, mặt mày ông tái xanh: -Ôi, Chúa ơi! Im đi! Ông toàn quyền đến kìa!

-Bây giờ phải làm sao đây? Đâu phải lỗi chúng tôi! – Athos hạ giọng.

-Đúng vậy không? Có đúng vậy không?

-Im đi! Tôi đã bảo im đi mà? Nếu họ tin rằng bạn biết đọc bạn hiểu chuyện này, thì thà tôi chết thế cho các bạn còn hơn… nhưng mà…

-Mà sao? – Athos và Raoul cùng hỏi.

-Nếu tôi cứu các bạn khỏi chết thì cũng không cứu được các bạn ở tù suốt đời đâu. Im đi! Đừng nói gì hết.

Viên toàn quyền bước qua chiếc cầu ván bắc trên hào hỏi d'Artagnan: -Sao, ông bắt được ai đấy?

D'Artagnan nói nhỏ: -Các bạn là dân Tây Ban Nha, các bạn không hiểu một tiếng Pháp nào hết.

Rồi ông nói với viên toàn quyền: -Tôi nói đúng rồi, đây là hai người sĩ quan Tây Ban Nha tôi quen ở Ypre năm ngoái. Họ không biết một tiếng Pháp nào.

-Ồ! – Viên toàn quyền thận trọng nói.

Rồi ông ta đưa tay với cái mâm để đọc mấy hàng chữ.

D'Artagnan gạt tay ông ra và lấy đầu mũi gươm xoá các dòng chữ đi. Viên toàn quyền kêu lên: -Ông làm gì thế? Tôi không có quyền đọc à?

D'Artagnan trả lời thật rạch ròi: -Đây là bí mật quốc gia. Ông biết, có lệnh Hoàng thượng xử tử những ai biết bí mật đó, nên nếu ông muốn thì cứ đọc và chịu xử bắn tức khắc ngay sau đó.

Trong khi d'Artagnan nói những lời nửa nghiêm túc, nửa đùa cợt đó thì Athos và Raoul vẫn bình tĩnh đứng yên.

Viên toàn quyền nói: -Nhưng mà các ông này chắc gì đã không biết một chữ.

-Bỏ qua đi! Dù họ nghe hiểu được một vài tiếng, họ cũng không đọc được những gì người ta viết đâu. Họ cũng không đọc được tiếng Tây Ban Nha nữa mà! Ông nên nhớ rằng một nhà quý tộc Tây Ban Nha không nên biết đọc.

Viên toàn quyền đành phải bằng lòng với lối giải thích này nhưng ông vẫn còn giữ riêng ý mình. Ông nói: -Xin ông mời các ông này vào thành.

D'Artagnan trả lời: -Tôi cũng có ý định ấy. Tôi vừa định nói với ông xong.

Thực ra người chưởng quan có ý định khác và cho rằng thà các bạn ông ở cách đây trăm dặm còn hơn. Nhưng ông không thể làm sao được. Ông nói vài câu Tây Ban Nha với hai nhà quý tộc rồi ta thấy họ nhận lời.

Mọi người đi qua cổng chính vào đồn. Chuyện xảy ra xong rồi, tám người lại quay trở về sự rảnh rỗi êm đềm sau một lúc rối rắm bất ngờ.

§38. Người tù và cai ngục

Khi vào đồn xong, trong lúc viên toàn quyền đi sửa soạn việc tiếp khách, thì Athos nói: -Giải thích giùm một chút trong lúc chúng ta ngồi riêng với nhau đây.

D'Artagnan trả lời: -Giản dị thế này. Tôi dẫn đến đảo một người tù Hoàng thượng cấm không cho ai nhìn thấy. Thế rồi các bạn đến, người ta ném cho các bạn một vật gì đó qua cửa sổ. Tôi đang dùng bữa với ông toàn quyền, tôi thấy vật ấy ném ra, thấy Raoul nhặt lên. Chẳng cần phải đợi lâu mới hiểu được. Tôi hiểu ngay và cho rằng các bạn thông đồng với người tù của tôi. Thế là.

-Thế là bạn ra lệnh cho người ta xử bắn chúng tôi.

-Tôi xin chịu lỗi. Nhưng nếu tôi là người đầu tiên nhảy đến khẩu súng thì may mắn thay tôi là người cuối cùng hạ các bạn.

-D'Artagnan ạ, nếu bạn giết tôi, thì tôi được may mắn là người chết cho Hoàng gia nước Pháp, tôi được hân hạnh chết dưới tay bạn, người bảo vệ cao quý nhất và trung thành nhất của vua.

D'Artagnan lắp bắp: -Ô Athos! Bạn nói cái gì là Hoàng gia đấy? Sao! Một người khôn ngoan sáng suốt như bạn mà tin ở mấy lời của tên khùng đó à?

-Tôi tin.

Ông hiệp sĩ thân mến, chúng tôi càng tin là vì ông được lệnh giết bất cứ kẻ nào tin thế, – Raoul nói tiếp.

Người chưởng quan ngự lâm quân trả lời: -Chỉ vì mọi lời vu khống, dù là vô lý nhất cũng đều gần như có hi vọng được mọi người loan truyền.

Athos nói nhỏ: -Không, d'Artagnan ạ, chỉ vì Hoàng thượng không muốn chuyện bí mật trong gia đình tiết lộ ra bên ngoài và làm nhục những kẻ hành hạ người con của Louis XIII.

-Ồ, đừng nói chuyện trẻ con như thế, Athos ạ, nếu không thì tôi không nhận anh bạn là người tỉnh táo nữa. Với lại làm sao bạn lại nghĩ Louis XIII lại có một người con ở đảo Sainte Marguerite?

-Một người con mang mặt nạ được bạn đưa đến đây trên một con tàu đánh cá.

D'Artagnan sững người: -Ồ! Do đâu mà bạn biết về chiếc tàu đánh cá đó?

-Nó mang bạn đến Sainte Marguerite với cỗ xe nhốt người tù mà bạn gọi là Đức ông.

D'Artagnan nắm chặt hàm râu mép nói: -Cho dù tôi có mang trên tàu một cỗ xe và một người tù mang mặt nạ, thì cũng chẳng có gì chứng tỏ đó là một hoàng tử, một hoàng tử của vương triều nước Pháp.

Athos lạnh lùng trả lời: -Cái đó thì phải hỏi Aramis.

-Hỏi Aramis, – người lính ngự lâm sững sờ. – Bạn có gặp Aramis?

-Đúng, sau khi anh ta bị lật tẩy ở Vaux. Tôi thấy anh ta chạy trốn, bị đuổi theo, thất vọng, và Aramis nói với tôi những điều đủ cho tôi tin nơi những lời than vãn của con người khốn khổ kia khắc trên cái mâm bạc.

D'Artagnan ôm đầu vật vã: -Đúng là Chúa đã đùa cợt với những thứ mà con người gọi là sự khôn ngoan? Đẹp làm sao sự bí mật mà bây giờ có đến mười lăm, hai mươi người nắm mỗi người mỗi mảnh. Athos!

Thật khốn khổ làm sao khi sự tình cờ bắt tôi đối đầu với bạn trong vụ này! Bởi vì, bây giờ…

Athos nói với dáng dịu dàng mà nghiêm nghị: -Sao? Sự bí mật của bạn không còn nữa chỉ vì tôi biết sao?

Không phải là tôi cũng phải mang nó nặng nề suốt cả đời ư?

D'Artagnan buồn bã nói: -Bạn chưa bao giờ phải mang trong mình một sự việc nguy hiểm như thế đó. Tôi có linh cảm bi đát là tất cả những ai đụng đến điều bí mật này rồi sẽ chết, chết một cách thảm hại.

-Thôi xin cứ để Chúa định đoạt, d'Artagnan, ông toàn quyền đến đây rồi.

D'Artagnan và các bạn trở về với vai trò của mình.

Viên toàn quyền này có tính đa nghi và cứng rắn, nhưng đối với d'Artagnan lễ độ đến gần như khúm núm. Ông ta chịu chiêu đãi và tiếp đón trọng thể các vị khách này. Athos và Raoul nhận thấy ông ta thường bất ngờ gây cho họ bối rối hay là cố bát chộp những lúc họ vô ý. Nhưng cả hai đều không hoảng hốt chút nào. Ông ta không tin d'Artagnan nói là thực, tuy lời có vẻ như gần giống với sự thực.

Ăn xong mọi người đi nghỉ. Athos nói tiếng Tây Ban Nha với d'Artagnan: -Ông này tên là gì? Mặt ông ta khó thương quá.

-Saint Mars. – Người chưởng quan trả lời.

-Đây là cai ngục của ông hoàng phải không?

-Ồ! Làm sao tôi biết được? Không biết, chúng tôi phải ở đây mãn đời thôi.

-Sao, bạn à?

-Ồng bạn ạ, tôi như người tìm được kho vàng trong sa mạc. Muốn lấy đi, không đủ sức; muốn để lại, không dám. Hoàng thượng không muốn cho tôi trở về vì sợ kẻ khác không giữ được bằng tôi. Ngài tiếc là không còn có tôi bên mình nữa vì chẳng ai phục vụ ngài bằng tôi. Thôi tới đâu thì tới.

Saint Mars ngắt lời: -Xin hỏi các ông này xem họ đến Sainte Marguerite làm gì?

-Họ nghe nói có một tu viện ở St. Horora nên mới đến xem và nghe nói thú rừng ở Sainte Marguerite rất nhiều.

St. Mars trả lời: -Xin sẵn sàng. Cứ coi như ở nhà họ.

D'Artagnan cám ơn. Viên toàn quyền lại nói: -Chừng nào họ đi!

-Ngày mai.

Ông De Saint Mars sắp đi tuần nên để d'Artagnan lại một mình với các ông Tây Ban Nha giả. Người lính ngự lâm kêu lên: -Ôi đây là một lối sống, một xứ sở thích hợp với tôi quá. Tôi điều khiển con người này còn hắn thì làm tôi khó chịu, chán quá Này, các bạn muốn chúng ta thử súng với bọn thỏ không? Đi bộ chơi, thú lắm, không mệt đâu. Hòn đảo chỉ dài có một dặm rưỡi và bề ngang chỉ có nửa dặm. Đúng là một lâm viên. Chúng ta vui đùa chút đi.

-Đi đâu cũng được, d'Artagnan ạ, không phải để giải trí mà là để nói chuyện được tự do hơn.

D'Artagnan ra dấu cho một người lính, người này hiểu ý mang súng săn đến cho các nhà quý tộc rồi trở về đồn.

D'Artagnan nói: -Bây giờ các bạn chịu khó trả lời một chút về câu hỏi của anh chàng De St. Mars các bạn đến đảo làm gì?

-Đến giã từ bạn.

-Giã từ tôi à? Sao vậy? Raoul đi chăng?

-Đi với ông De Beaufort.

Trong khi hai người bạn nói chuyện với nhau, thì Raoul đầu óc nặng nề, trái tim chùng xuống, leo lên ngồi trên một tảng đá đầy rong rêu, buông cây súng tựa vào đầu gối, mắt nhìn biển nhìn trời, lắng nghe tiếng lòng, để mặc những người kia đi càng lúc càng xa. D'Artagnan nhận ra sự vắng mặt của Raoul, ông hỏi Athos: -Hắn vẫn bị đòn tình à?

-Bị đến chết?

-Ồ, bạn nói quá đấy, Raoul được tôi luyện kỹ lắm. Bên ngoài các trái tim cao cả như thế thường có một lớp thứ hai như là giáp sắt; khi thứ nhất chảy máu, lớp thứ hai cản lại đòn.

Athos trả lời: -Không, Raoul sẽ chết vì lẽ đó thôi.

-Chán quá, – D'Artagnan ủ rũ.

Rồi một lúc sau, ông tiếp tục hỏi: -Sao bạn lại để cho hắn đi!

-Vì nó muốn.

-Và vì sao bạn không đi với nó.

-Tại vì tôi không muốn thấy nó chết.

D'Artagnan nhìn thẳng vào mặt bạn. Vị Bá tước tiếp tục trong lúc dựa vào tay người chưởng quan: -Bạn từng biết một điều, bạn biết là trong đời tôi ít sợ cái gì hết. Vậy mà tôi luôn luôn có nỗi lo sợ gặm nhấm tim tôi, không cưỡng lại được, đó là sợ một ngày kia sẽ phải ôm trong tay cái xác của đứa bé đó.

-Ôi!

-Tôi biết, nó sẽ chết. Đúng như vậy. Tôi không muốn trông thấy nó chết chút nào.

-Sao, bạn Athos, bạn vừa nói với một người mà bạn cho là can đảm nhất trên đời, d'Artagnan của bạn đó, con người không ai sáng bằng – như bạn nói ngày

xưa thế mà bạn lại vừa bó tay nói với hắn là bạn sợ nhìn thấy con bạn chết đi. Bạn, con người đã từng thấy mọi thứ ở trên đời này, sao thế? Athos, sao bạn lại sợ điều đó? Trên thế gian này, con người lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi, sẵn sàng đương đầu với tất cả mà?

-Bạn nghe đây này. Sau khi tôi sống mòn mỏi trên cuộc đời này rồi, tôi chỉ còn giữ lại có hai tôn giáo: tôn giáo của đời sống về tình bạn hữu, về bổn phận làm cha, và tôn giáo vĩnh cửu về tình yêu và lòng kính Chúa. Hiện nay tôi đang cảm thấy rằng nếu Chúa cho tôi thấy bạn tôi hay con tôi thở hơi cuối cùng thì… Ồ! Không! Tôi cũng không muốn nói điều đó với bạn, d'Artagnan ạ?

-Cứ nói! Cứ nói đi!

-Tôi đủ sức đương đầu với tất cả, trừ việc đương đầu với cái chết của những người tôi yêu thương. Chỉ duy có việc đó là không thuốc nào chữa nổi. Ai chết thì khỏe, nhưng người sống mất mát biết bao! Không! Biết rằng chẳng bao giờ gặp lại được trên cõi đời này con người mình vui sướng khi trông thấy họ, biết rằng chẳng tìm đâu thấy được d'Artagnan, chẳng tìm đâu thấy Raoul ôi, bạn thấy không, tôi đã già rồi, tôi không còn can đảm nữa. Cầu xin Chúa chớ trách tôi yếu đuối. Nhưng nếu Chúa đập vào mặt tôi bằng cách đó thì tôi sẽ nguyền rủa Chúa đấy. Một người quý tộc Cơ Đốc không nên nguyền rủa Chúa của mình. D'Artagnan ạ. Nguyền rủa vua của mình cũng đã là điều không phải rồi.

-Hừ… d'Artagnan choáng người trước cơn bão lòng đó.

Athos chỉ về phía người con, tiếp tục nói: -D'Artagnan, bạn đã yêu thương Raoul, hãy nhìn kia, nhìn nét buồn bã mãi mãi không bao giờ rời khỏi nó. Bạn biết có gì khủng khiếp hơn là chứng kiến từng phút, từng phút cảnh hấp hối không ngừng của trái tim đau khổ đó?

-Athos, để tôi nói chuyện với cháu nó. Biết đâu…

-Bạn cứ thử đi. Nhưng tôi tin rằng bạn không thành công đâu!

Khi họ trở về, nước thuỷ triều dâng lên và với từng đợt, từng đợt ào ạt làm Địa Trung Hải xao động. Trên bờ biển một vật gì chưa rõ hình thù đang hiện ra chao đảo trước mắt hai người. Athos hỏi: -Cái gì thế? Một chiếc tàu bị vỡ chăng?

D'Artagnan nói: -Không phải tàu.

Raoul vừa đến, lên tiếng: -Xin lỗi, đấy là một chiếc tàu đang đi nhanh vào bến.

-Đúng là có một chiếc tàu đi vào vịnh biển, tìm chỗ nấp, nhưng vật mà Athos chỉ thì bị đắm.

-Đúng, đúng, tôi thấy rồi.

-Đó là chiếc xe tôi mang người tù bị vứt ra đấy.

Athos nói: -Thế này, d'Artagnan ạ, nếu bạn tin tôi thì hãy đốt cái xe ấy đi để không còn dấu tích gì hết. Nếu không thì những người đánh cá ở Antibes vốn tin ở chuyện ma quỷ, sẽ tìm ra rằng người tù của bạn là một người thường.

-Ý kiến của bạn hay lắm. Đêm nay tôi sẽ sai làm việc đó hay chính tôi sẽ ra tay. Bây giờ chúng ta về đi vì mưa sắp tới rồi, sấm chớp nhiều ghê quá.

Khi họ bước qua bức luỹ, dọc theo hành lang mà d'Artagnan có chìa khoá riêng, họ thấy ông St. Mars đang đi về phía căn phòng của người tù. D'Artagnan ra dấu cho mọi người lánh nấp vào một góc. Athos hỏi: -Chuyện gì thế?

-Bạn trông kìa. Người tù đi cầu nguyện trở về.

Rồi dưới làn chớp, giữa màn sương mù màu tím do gió đẩy làm mờ bầu trời, người ta trông thấy khoảng sáu bước sau lưng viên toàn quyền, một người bước đi thật sang trọng: một người mặc toàn đồ đen, mặt che mạng nâu dính cứng vai, một cái mũ sắt trùm khắp đầu. Sấm chớp của đất trời ném những lằn sáng man rợ về phía cả thân hình bóng loáng đó và phản chiếu vung ra như là những tia nhìn cuồng nộ thay lời nguyền rủa của con người khốn khổ kia.

Đến giữa lối cầu hành lang, người tù dừng lại một lúc để ngắm đường chân trời xa tít, để hít thở mùi hương cay nồng của bão tố, để thèm thuồng hứng uống những giọt mưa ấm áp rồi thốt ra một tiếng thở đài như tiếng gầm vang động.

"Mời ông đến đây", St. Mars vụt nói với người tù, vì lo ngại thấy người ấy nhìn bên kia bờ tường lũy lâu quá. "Thưa ông, đến đây ngay?".

-Gọi là Đức ông? – Athos la lên với một giọng nghiêm trang đến đáng sợ.

Người tù quay lại. St. Mars hỏi: -Ai nói đó?

-Tôi, – D'Artagnan bước ra trả lời. – Đó là lệnh, ông biết rồi.

-Đừng gọi tôi là ông hay Đức ông gì hết, – Người kia nói với một giọng khiến Raoul thấy rợn người. – Hãy gọi tôi là Đồ trời đày.

Rồi người ấy bước đi.

Cánh cửa sắt khép lại sau lưng ông ta.

D'Artagnan chỉ về phía gian phòng của ông hoàng và khàn khàn nói với Raoul: -Đó là một con người vô phúc.

§39. Những lời hứa hẹn

D'Artagnan vừa cùng các bạn về phòng thì một người lính đến báo viên toàn quyền cho mời.

Chiếc tàu Raoul trông thấy ngoài biển và có vẻ gấp gáp muốn vào bến là chiếc đến Sainte Marguerite với một công văn quan trọng gửi cho người chưởng quan ngự lâm quân của Louis XIV:

"Ta nghĩ là ông đã thi hành lệnh của ta xong rồi, ông d'Artagnan ạ. Vậy thì hãy trở về Paris gấp, đến triều kiến ta ở điện Louvre".

Người ngự lâm quân kêu lên: -Hết lưu đày rồi! Cám ơn Chúa, tôi hết làm cai tù rồi.

Rồi ông đưa thư cho Athos đọc. Ông này buồn rầu nói: -Thế là bạn giã từ chúng ta!

Rồi sẽ gặp lại, bạn thân mến ạ. Vì Raoul đã trưởng thành, đi được một mình với ông De Beaufort, để ông già ở lại đi theo d'Artagnan còn hơn là bắt ông đi một mình hai trăm dặm về La Fère phải không, Raoul?

-Đúng thế – Raoul lắp bắp nói vẻ nuối tiếc.

Athos ngắt lời: -Không bạn ạ, tôi chỉ rời Raoul vào ngày mà cháu nó mất hút ở chân trời thôi. Chừng nào cháu còn ở nước Pháp nó vẫn không rời tôi.

-Tuỳ ý bạn. Nhưng ít ra là chúng ta cũng được cùng rời Sainte Marguerite. Nên lợi dụng chiếc tàu chở tôi về Antibes để cùng đi.

-Rất vui lòng. Cũng nên rời càng sớm càng tốt cái đồn luỹ này và cái quang cảnh não lòng chúng ta vừa chứng kiến kia.

Ba người bạn giã từ hòn đảo sau khi chào viên toàn quyền.

Trong những vạch sáng cuối cùng của cơn bão đang tan đi, họ nhìn thấy lần cuối cùng màu trắng của các bức tường thành trên đảo Ngay đêm đó, d'Artagnan giã từ các bạn sau khi nhìn thấy trên bờ biển ngọn lửa chiếc xe bị đốt cháy theo lệnh của ông St. Mars nghe lời dặn của người chưởng quan. D'Artagnan ôm lấy Athos, bước lên ngựa rồi nói: -Này, các bạn quá giống hai người lính đào ngũ. Tôi có tiên cảm là Raoul phải được bạn nâng lên như bạn. Bạn có muốn tôi xin mang một trăm tay súng sang Phi Châu không? Hoàng thượng không từ chối đâu và tôi sẽ mang bạn theo.

Raoul siết tay d'Artagnan thật nồng nàn: -Thưa ông d'Artagnan, xin cảm ơn về lời đề nghị đó. Ngài Bá tước và tôi không muốn được quá như vậy. Tôi còn trai trẻ phải cần hoạt động cho trí óc và chân tay mệt một chút. Ngài Bá tước cần phải nghỉ ngơi nhiều. Ông là bạn thân của ông ấy, tôi xin gửi gắm ông ấy cho ông. Săn sóc cho ông ấy là ông đã nắm được hai linh hồn chúng tôi trong tay ông rồi.

-Phải đi thôi, con ngựa của tôi nó nôn nóng đây – D'Artagnan nói như thế chứng tỏ ông đang kích động nên cắt đứt câu chuyện nửa chừng, – Này ngài Bá tước, Raoul còn ở đây bao nhiêu ngày nữa?

-Ba ngày là nhiều.

-Và bạn tính về nhà trong mấy ngày?

-Ồ! Lâu lắm. – Athos trả lời.

-Sao thế, ông bạn. Đi chậm thì càng buồn thêm, còn cuộc sống nơi quán trọ lại không thích hợp với một người như bạn.

-Bạn ạ, tôi đến bằng ngựa trạm, nhưng bây giờ tôi lại muốn mua hai con ngựa tốt. Mà bạn biết, muốn để chúng về tới nơi khỏe mạnh thì mỗi ngày chỉ nên cho đi bảy tám dặm là nhiều.

-Grimaud đâu?

-Ông ấy đi theo toán người của Raoul đến sáng hôm qua. Cho nên tôi muốn để ông ấy nghỉ ngơi.

-Thôi chào Athos, và nếu bạn đi xe thì chúng ta còn gặp nhau sớm hơn.

Nói xong ông bước lên bàn đạp có Raoul giữ ngựa.

-Xin chào? – Chàng thanh niên ôm ông, nói.

-Chào! – D'Artagnan nói khi bước lên yên.

Cảnh tiễn biệt này xảy ra trước mái nhà Athos chọn ở trong cảng Antibes, và sau bữa ăn nhẹ d'Artagnan đã cho gọi ngựa đến. Con đường trải dài trắng xoá và uốn lượn trong sương mờ ban đêm. Con ngựa thở phì phì vì mùi nước mặn bốc lên từ các đầm lầy.

D'Artagnan ra roi phóng ngựa còn Athos quay trở về với Raoul.

Thình lình họ nghe tiếng chân ngựa liến lại gần và ban đầu họ tưởng đó là những tiếng dội lại mà thôi. Nhưng đúng là một người kỵ sĩ đã quay trở lại. Cả hai người thốt lên một tiếng kêu vui vẻ ngạc nhiên và d'Artagnan, như một chàng trai, nhảy xuống ngựa ôm choàng lấy hai người bạn thân. Ông ôm họ rất lâu không nói một lời, không thốt lên một tiếng thở dài nào. Rồi nhanh như khi trở lại, ông lại thúc mạnh hai gót chân vào hông ngựa, chạy đi. Vị Bá tước thì thầm:

-Than ôi!

-Điềm xấu! – D'Artagnan nói trong khi vội vã lấy lại thời gian đã mất. – Ta không kịp mỉm cười với họ điềm xấu rồi.

Hôm sau, Grimaud đã khỏe lại. Công việc ông De Beaufort giao được tiến hành hoàn hảo. Đoàn tàu chiến do Raoul dẫn về Toulon đã ra đi, kéo theo sau nó những chiếc thuyền bé tí xíu chở những vợ con, bạn bè các người đánh cá và các tay buôn lậu, được trưng dụng phục vụ cho đoàn tàu.

Athos và Raoul lại trở về Toulon lúc này đang đầy tiếng xe cộ tiếng áo giáp, tiếng ngựa hí, kèn thổi điệu quân hành, trống đánh hồi thúc trận. Đường phố ngợp đầy người, lính tráng, quân hầu, dân buôn.

Hầu tước De Beaufort có mặt khắp nơi để đôn đốc việc xuống tàu với lòng tận tâm và sự vui thú của một người chỉ huy. Ông động viên thuộc hạ, đến tận kẻ thấp kém nhất, ông rày la phụ tá đến cả người đáng nể nhất. Ông muốn tự mình trông coi tất cả; pháo binh, quân nhu, hàng hoá. Ông xem xét trang bị của từng người lính, chú ý xem từng con ngựa có được khỏe mạnh không. Nhà quý tộc này ở nơi khách sạn riêng thì nhẹ dạ, huênh hoang, ích kỷ, trong việc quân lại trở thành một người chỉ huy cao cấp, xứng đáng với trách nhiệm được giao.

Tuy nhiên phải nói rõ là, dù việc khởi hành có được trông coi chu đáo cách mấy đi nữa, thì người lính Pháp nào cũng có tính hấp tấp ơ hờ khiến cho họ trở thành là người lính giỏi nhất trên thế giới vì đó là những người bị bỏ mặc cho thân xác và tinh thần đối phó với chiến trận.

Mọi sự đều làm Đô đốc thoả mãn, – hay có dáng vẻ như thế, nên ông tỏ lời khen Raoul và ra lệnh cuối cùng cho chuyến đi được định là hừng sáng ngày mai.

Ồng mời Bá tước vào và người con ăn tối với ông. Họ lấy cớ bận việc để khỏi tham dự. Ông trở về quán trọ dưới tàn cây nơi quảng trường vội vã ăn tối rồi Athos dẫn Raoul lên các tảng đá nhìn xuống thành phố từ nơi đó trông xa ngoài biển, chân trời hình như cùng một mực ngang với các vùng núi đồi sắc xám này.

Đêm vào mùa này lúc nào cũng đẹp. Trăng lên sau các tảng đá, toả một vừng sáng bạc xuống tấm thảm xanh của mặt biển. Trong bến đậu, những chiếc tàu di chuyển lặng lẽ đến vị trí của mình để dễ việc sắp xếp lên tàu.

Biển đầy chớp lân tinh mở ra dưới lườn các thuyền chuyển vận hàng hoá và đạn dược; mỗi lần giật mạnh, mũi tàu lại chúi vào trong vùng sáng trắng thâm u đó; mỗi mái chèo vung lên lại làm bắn những giọt kim cương nước.

Người ta nghe tiếng các thuỷ thủ dựa vào sự rộng lượng của Đô đốc, hát rì rầm các bài ca chậm nhịp và đơn sơ. Có lúc những tiếng xích sắt nghiến xen lẫn với tiếng trái đạn âm thầm rơi vào hầm. Cảnh trí này, âm điệu này khép lại làm se lòng người như nỗi sợ hãi, rồi dãn ra như niềm hy vọng. Cả cảnh sống này như có mang hơi hám của tử thần.

Athos ngồi với con trên mỏm đá rêu phủ. Chung quanh trên đầu họ, những con rơi to lớn bay vụt qua lại, đầy nhiệt tình trong cuộc săn chộp quay cuồng kinh khiếp. Đôi chân của Raoul thòng ra ngoài cạnh đá, tắm trong khoảng không choáng ngộp, vô cùng.

Khi trăng vươn lên, toả làn ánh sáng vuốt ve các đỉnh gộp đá chung quanh, khi tấm gương nước lấp loáng tràn trề và khi những điểm lửa đỏ thắp lên, soi xuyên qua giữa khối đen ngòm của những chiếc tàu, Athos cố thâu tóm hết ý nghĩ, lấy hết can đảm để nói với con: -Chúa đã tạo nên những gì chúng ta thấy kia, Raoul ạ. Ngài cũng tạo nên chúng ta là những phần tử tội nghiệp chen vào cả vũ trụ bao la này. Chúng ta sáng lên như những ngọn đèn, những ngôi sao kia, chúng ta than thở như những ngọn sóng kia, chúng ta đau khổ như những chiếc

tàu kia mòn mỏi xuyên qua sóng biển theo luồng gió thổi đến một mục đích, như Chúa đã đẩy ta vào một bến bờ, Raoul ạ, tất cả đều đầy tình yêu cuộc sống, mọi thứ gì sống đều đẹp cả.

Người thanh niên trả lời: -Thưa ngài, đúng là chúng ta đang đứng trước một cảnh đẹp!

Athos bỗng ngắt lời: -D'Artagnan thật là người tốt. Thật hiếm có khi ta dược nương tựa suốt đời vào con người như thế. Anh đã nhớ người ấy, còn ta thì không phải bạn của anh, Raoul ạ.

-Sao thế, thưa ngài?

-Tại vì ta chỉ cho anh thấy cuộc đời có một mặt, bởi vì bản chất ta là buồn rầu và nghiêm khắc, than ôi, ta đã chặt khỏi anh mà không tự biết, lạy Chúa, ta đã chặt những mầm sống vui tươi nảy ra không ngừng từ cây đời thanh xuân. Nói tóm lại, tại vì trong lúc này đây ta ân hận là đã không đào tạo anh thành một người sống thật phóng khoáng, thật buông thả, thật ồn ào.

-Ồ, trong quá khứ ngài là hạnh phúc của tôi, trong tương lai ngài là hi vọng của tôi. Không, không bao giờ tôi trách móc ngài đã tạo cho tôì sống như thế nào đó. Tôi cảm tạ và yêu ngài vô cùng.

-Raoul thân mến, những lời của anh làm ta thật vui. Nó chứng tỏ trong những ngày sắp tới anh có sống cũng là vì ta một ít. Từ nay ta sẽ làm cho anh những gì ngày xưa ta chưa từng làm. Ta sẽ là bạn của anh, không phải là cha anh nữa. Khi anh trở về, chúng ta sẽ sống với nhau một cách phóng khoáng thay vì bó buộc lẫn nhau. Chắc cũng không lâu đâu, phải không?

-Thưa ngài, vâng. Một chuyến viễn chinh như thế này không thể nào lâu được.

-Raoul ạ, chẳng bao lâu nữa ta sẽ cho anh cả gia tài điền sản của ta để anh khỏi phải sống tằn tiện nữa. Anh sẽ có đủ phương tiện để lăn vào đời cho đến khi ta chết đi và hi vọng rằng trong khoảng thời gian đó, anh sẽ cho ta niềm vui sướng thấy được ta có người nối dõi.

Raoul xúc động trả lời: -Tôi sẽ làm theo tất cả mọi điều ngài căn dặn.

-Raoul ạ, trong nhiệm vụ làm phụ tá của anh, anh chớ nên liều lĩnh dấn thân thái quá. Anh đã được thử thách, mọi người đều biết anh không sợ lửa đạn. Nhưng anh nên nhớ rằng cuộc chiến chống người A Rập là một cuộc chiến rình mò, lừa lọc để đâm chém nhau.

-Vâng, thưa ngài, tôi nghe người ta nói rồi.

-Bị sa vào ổ phục kích thì không vinh dự gì đâu. Chết như thế làm sao cũng bị chê là vì liều lĩnh, vì không biết tính toán một cách sáng suốt. Thường thì người ta không buồn tiếc thương cho kẻ xa bẫy nữa. Raoul ạ, không được tiếc thương thì đúng là chết vô ích. Hơn nữa, kẻ thắng trận sẽ cười nhạo, còn phần chúng ta thì chúng ta không cho phép để cho những tên rồ dại đó thắng thế vì sự

ngu ngốc của chúng ta. Anh hiểu lời tôi nói chứ, Raoul? Xin Chúa chớ phiền trách tôi khuyên anh trách xa các cuộc đụng độ!

Raoul mỉm một nụ cười khiến Athos thấy lạnh mình: -Thưa ngài, tôi vẫn thận trọng như thường và đã gặp thật nhiều may mắn, – rồi chàng thanh niên vội vàng nói tiếp, – vì trong hai mươi trận tôi tham dự rốt lại chỉ bị có một lần trầy da thôi?

Athos nói: -Anh nên lưu ý đến khí hậu nữa. Bị chết vì sốt rét thì không hay cho lắm. Nhà vua Louis đã từng cầu nguyện cho mình được lãnh một mũi tên hay một trận dịch hạch trước khi bị sốt rét đấy.

-Ôi! Thưa ngài, cứ sống có điều độ, chịu hoạt động thân thể một chút thì…

Athos ngắt lời: -Ta đã được ông Beaufort cho biết cứ nửa tháng ông gửi văn thư về Pháp một lần. Anh là phụ tá ông ấy chắc sẽ được giao nhiệm vụ chuyển các thư đó. Anh chắc sẽ nhớ đến thăm ta chứ gì?

-Vâng, đúng thế, thưa ngài, – Raoul nghẹn ngào nói.

-Sau hết, Raoul ạ, anh là một tín đồ ngoan đạo, ta cũng vậy, nên chúng ta phải tin vào sự che chở của Chúa hay của các vị thần hộ mệnh ta. Anh hứa với ta rằng nếu anh có gặp phải nguy khốn thì hãy nghĩ ngay đến ta nhé.

-Vâng, trước tiên.

-Và phải gọi ta.

-Có, gọi ngay tức khắc!

-Chúng ta yêu thương nhau quá. – Bá tước nói, – nên từ lúc chúng ta xa nhau đây, mỗi một người sẽ mang một phần linh hồn của người kia trên bước đường đời của mình.

Raoul ạ, khi anh buồn, ta cảm thấy tim ta cũng ngập chìm trong buồn khổ và khi anh mỉm cười nghĩ đến ta thì hãy nghĩ rằng ở nơi chân trời đó, anh đã gửi cho ta một tia nắng ấm áp vui tươi của anh.

Người thanh niên trả lời: -Tôi không hứa được là sẽ sống vui nhưng xin ngài hãy tin chắc rằng chẳng có giây phút nào tôi quên được ngài, không giây phút nào hết, tôi xin thề như thế – trừ khi tôi phải chết đi.

Athos không thể nào cầm lòng được nữa, ông ôm quàng lấy cổ con trai, siết chặt rất lâu.

Trăng đã lên cao, một vừng sáng vàng hiện lên ở chân trời báo hiệu một ngày sắp đến. Athos khoác áo mình lên vai Raoul và dắt tay người con đi về phía thành phố đang nhộn nhịp với hàng hoá và người khuân vác, nhung nhúc như bầy kiến.

Cả hai người sắp rời khỏi phần đất cao thì thấy một bóng người ngập ngừng tiến lại có vẻ ngại ngùng. Raoul kêu lên: -Ô! Grimaud, chú làm gì thế? Chú lại báo cho tôi biết giờ khởi hành đã đến rồi phải không?

-Đi một mình à? – Grimaud có vẻ trách móc vừa nói vừa chỉ Raoul cho Athos.

Bá tước kêu lên: -Ô! Grimaud có lý đấy. Raoul không đi một mình đâu.

-Không, chẳng thể nào nó ở lại trên đất lạ xứ người mà không có người bạn thân để an ủi và để nhắc nhở mọi thứ nó yêu mến.

Grimaud nói: -Có tôi!

-Chú đi theo tôi? Phải! Phải rồi! – Raoul kêu lên mà xúc động hết mực.

Athos nói: -Than ôi! Bạn tốt Grimaud ơi, anh già quá rồi!

-Càng hay! – Grimaud trả lời bằng cả tâm tình trầm lắng và sự thản nhiên không chút dao động.

Raoul nói: -Nhưng tàu đã sẵn sàng mà chú thì chưa chuẩn bị gì hết.

-Đâu có, đủ hết rồi, – Grimaud vừa nói vừa đưa ra chùm chìa khoá hòm rương của Raoul có lẫn chìa khoá của ông.

Raoul vẫn phản đối: -Nhưng chú không thể bỏ ngài Bá tước một mình ở lại được. Chú chưa từng rời ngài bao giờ cả.

Grimaud liếc đôi mắt mờ về phía Athos. Bá tước không nói gì hết. Grimaud lên tiếng: -Nhưng ngài Bá tước thích thế hơn.

Athos gật đầu: -Đúng thế!

Vào lúc ấy tiếng trống đồng loạt vang lên và tiếng kèn cũng trỗi vang rộn rã. Từ trong thành phố tiến ra những binh đoàn tham dự cuộc viễn chinh. Họ tiến bước từng năm binh đoàn một, mỗi đoàn có bốn chục đại đội. Hàng vệ binh đầu mặc đồng phục trắng viền xanh, lá cờ hình chữ nhật màu tím và màu lá úa có thêu bó hoa huệ vàng; vươn lên cao là lá cờ chỉ huy màu trắng với chữ thập hình hoa huệ.

Toán pháo thủ đi hai bên, tay cầm gậy có móc, vai mang súng, thêm ngọn giáo dài mười lăm bộ, tất cả hướng về những thuyền vận chuyển sẽ đưa họ lên tàu với đủ trang bị. Các binh đoàn Picardie, Navarre, Normandie và Long thuyền tiếp bước theo sau.

Ông De Beauford thật khéo chọn lựa. Ông đi sau rốt đoàn quân với bộ tham mưu. Phải mất một tiếng đồng hồ ông mới đến được bờ biển.

Raoul từ từ cùng với Athos tiến về phía bờ để đến đúng chỗ đứng đón ông hoàng đi qua. Grimaud trông coi việc chuyển hành lý của Raoul đến chiếc tàu của Đô đốc, với vẻ sôi sục như một người còn trẻ Athos khoác tay người con trai sắp phải xa rời mà tâm trí miên man buồn khổ, đầu óc quay cuồng trong tiếng ồn, nhịp bước quân hành bên ngoài.

Một sĩ quan bỗng đến báo rằng Hầu tước muốn Raoul ở cạnh ngài. Người thanh niên kêu lên: -Xin ông hãy nói với Hoàng thân là tôi xin được chút thì giờ còn lại này để cùng vui với ngài Bá tước.

Athos ngắt lời: -Không, không, một người phụ tá không thể rời viên tư lệnh của mình được. Thưa ông, xin ông thưa lại với Hoàng thân là Tử tước sẽ đến cạnh ngài ngay.

Viên sĩ quan ra roi phóng vụt đi.

Athos phủi bụi kỹ trên áo quần của người con rồi bước đi, tay luồn dưới tóc con. Ông nói: -Này Raoul. Anh cần tiền lắm đấy. Ông De Beauford sống rất huy hoàng, và ta chắc rằng ở nơi kia, anh sẽ thích mua ngựa, mua vũ khí là những thứ quý nơi đó. Thế mà anh lại không ăn lương của Hoàng thượng, hay của ông De Beauford, không được ban thưởng gì, chỉ tiêu tiền thôi. Ta thì lại không muốn anh ở Djidgelli phải thiếu thốn gì hết. Đây, hai trăm pitsole này, anh hãy tiêu đi cho ta vui lòng.

Raoul siết chặt tay cha và cả hai đến một khúc quanh, thấy ông De Beauford cỡi con ngựa trắng oai vệ đang duyên dáng nghiêng mình chào các bà trong thành phố hân hoan chào đón. Ông Hầu tước gọi Raoul đến và bắt tay Bá tước rất lâu, giọng ngọt ngào, khiến cho tâm tình người cha đau khổ vơi bớt được một phần.

Thế nhưng, dù với cả hai cha con, hình như họ đang bước tới nơi hành hình. Có một giờ phút kinh sợ, đó là lúc những người lính và thuỷ thủ rời bãi cát, hôn từ giã gia đình, bạn bè lần cuối.

Giờ phút cùng cực thiêng liêng, vì mặc dù trời trong sáng, nắng chan hoà ấm áp, không khí nồng hương thơm và nhựa sống căng đầy tim mạch, tất cả đều như tối đen, tất cả đều như đầy cay đắng.

Theo lệ thường, Đô đốc lên tàu sau hết với toán hầu cận.

Khẩu đại bác chờ vang lên tiếng gầm khủng khiếp khi người chỉ huy đặt một chân lên tấm ván tàu.

Athos quên cả Đô đốc, quên cả đoàn tàu, cả niềm hãnh diện là con người hùng, ông vươn tay ôm trầm lấy con trai, siết chặt vào người mình, Hầu tước cảm động nói: -Xin lên tàu với tôi, ngài sẽ có được nửa giờ nữa.

Athos từ chối: -Không, tôi đã nói từ giã rồi, tôi không lặp lại lần thứ hai nữa.

-Thế thì, Tử tước hãy lên tàu đi, ngay đi! – ông hoàng tiếp lời giục giã để tránh bớt những giọt lệ rơi của hai con người sầu khổ.

Thế rồi ông ôm lấy Raoul một cách hiền từ âu yếm như người cha, nhấc bổng chàng lên với sức mạnh của Athos ngày xưa, đặt chàng xuống chiếc xuồng đang chờ một hiệu lệnh là khua mái chèo. Ông cũng quên cả nghi thức, nhẩy ngay xuống sàn, vung chân đẩy mạnh xuồng rời bãi. Raoul kêu lên: -Xin từ giã!

Athos chỉ ra dấu đáp lại, nhưng ông thấy tay ông nhận được thứ gì nóng bỏng. Đó là cái hôn kính cẩn của Grimaud, người tớ già trung thành. Hôn xong, Grimaud nhảy từ ụ neo xuống đầu chiếc xuồng đang móc vào chiếc sà lan có mười tay chèo. Athos ngồi lại trên ụ, ngẩn ngơ, câm điếc, rã rời.

Biển cả từ từ mang đi dần dần chiếc xuồng và những bóng hình cho đến khi dáng người chỉ còn là những chấm nhỏ, tình yêu thương chỉ còn là kỷ niệm.

Athos thấy con trai mình leo lên thang tàu Đô đốc, đứng chống khuỷu tay vào bao lơn tàu, cố tình để cho người cha dễ dàng trông thấy, ông thấy Raoul đến lúc chót, đến lúc cái chấm mong manh đó chuyển từ màu đen sang màu nhạt, từ nhạt sang trắng, từ trắng sang không còn gì hết và mất hút – đối với Athos chỉ mất hút thật lâu sau khi mọi người ở đấy thấy mất hút các tàu chiến hùng mạnh, buồm căng gió lộng.

Vào lúc trưa, khi mặt trời thiêu đốt không gian, khi các chỏm cột buồm còn một chút vết trên đường biển chói chang.

Athos thấy một bóng đen hiện lên rồi tan ngay. Đó là đám khói của tiếng súng đại bác mà ông De Beauford vừa cho bắn lên để chào giã từ nước Pháp lần cuối cùng.

Louis XIV, thay vì còn giữ được lòng biết ơn đối với Fouquet lúc này đã sa sút, lại nghe theo lời Colbert chỉ tìm cách ruồng rẫy ông. Các đẳng cấp hội lại ở Nantes, Nhà vua đến dự với trều đình, ra lệnh bắt ông tổng giám. D'Artagnan tìm cách để Fouquet đào thoát mà không được; ông này bị canh giữ gắt gao và dẫn đến lâu đài Angers trong một chiếc xe có chấn song sắt.

§40. Sơn cùng thủy tận

Lúc ấy vào khoảng hai giờ chiều. Nhà vua lòng đầy lo lắng bước ra khỏi phòng đến ngoài hiên và có lúc đến mở cửa phòng hành lang để xem các thuộc hạ làm việc.

Ông Colbert đang nói chuyện nho nhỏ với ông De Brienne.

Nhà vua vụt mở cửa nói với họ: -Các ông nói gì thế?

Ông De Brienne đứng dậy: -Chúng tôi nói về phiên họp đầu của "Các đẳng cấp".

-Tốt lắm!

Vua trả lời và lui về chỗ. Năm phút sau, có tiếng chuông gọi Rose. Nhà vua hỏi: -Cô chép xong chưa?

-Thưa Hoàng thượng chưa.

-Cô đi xem thử ông d'Artagnan về chưa.

-Thưa, chưa ạ.

Nhà vua lẩm bẩm: -Lạ thực. Gọi ông Colbert đến đây.

Colbert bước vào. Ông đã đợi chuyện này từ sáng sớm.

Nhà vua vội vã nói: -Ông Colbert, ông phải xem thử ông d'Artagnan ra thế nào rồi.

Colbert bình tĩnh trá lời: -Hoàng thượng muốn tôi tìm ông ta ở đâu?

-Ồ, ông không biết ta bảo ông ấy đi đâu à? – Nhà vua cau có trả lời.

-Hoàng thượng chưa cho tôi biết.

-Có những chuyện phải đoán ra và nhất là ông, ông phải đoán ra được.

-Thưa Hoàng thượng, tôi có thể đoán, nhưng không thể đoán ra hết được.

Colbert vừa dứt lời thì một giọng ồ ồ còn hơn giọng của Nhà vua cất lên làm ngưng câu chuyện giữa người Chúa tể và kẻ thừa hành. Nhà vua vui mừng kêu lên: -D'Artagnan!

D'Artagnan có sắc thái giận dữ, nói với Nhà vua: -Thưa có phải Hoàng thượng ra lệnh cho ngự lâm quân của tôi không?

-Lệnh gì?

-Lệnh về ngôi nhà của ông Fouquet.

-Không có lệnh nào hết, – Nhà vua trả lời.

-A, phải rồi? – D'Artagnan cắn râu mép, nói – Tôi không lầm đâu: đúng là ông rồi.

Và ông chỉ Colbelt. Nhà vua hỏi: -Lệnh gì?

-Lệnh làm đảo lộn nhà cửa, đánh đập tôi tớ, quan chức của ông Fouquet, lệnh phá hộc tủ, vơ vét một căn nhà đang yên lành. Trời ạ! Lệnh thật dã man!

-Thưa ông? – Colbert tái mặt kêu lên.

D'Artagnan chặn lại: -Thưa ông, ông có nghe không. Chỉ Hoàng thượng, chỉ một mình Hoàng thượng là có quyền sai phái ngự lâm quân của tôi thôi: Nhưng với ông thì tôi cấm. Tôi nói rõ điều này trước mặt Hoàng thượng đây. Người quý tộc mang kiếm không phải như những tên hợm mình giắt bút lông nơi kẽ tai đâu!

-Ồ! d'Artagnan! d'Artagnan! – Nhà vua thì thầm trong khi người lính ngự lâm vẫn tiếp tục.

-Thật là nhục nhã. Binh sĩ của tôi bị mất danh dự rồi. Tôi không chỉ huy mấy tên thô lỗ, tôi không chỉ huy bọn phát lương giữ gạo đâu! Chán quá!

-Nhưng mà có gì thế. Nói lại xem sao? – Nhà vua nghiêm giọng hỏi.

-Thưa Hoàng thượng, ông này, ông này đây không đoán ra được lệnh của ngài, do đó, không biết rằng tôi đi bắt ông Fouquet, ông này đây, người đã sai làm chiếc lồng sắt cho người chủ cũ của ông ấy, vừa sai ông De Rongherta đến nhà ông Fouquet, lấy tiếng là thu lại giấy má của ông tổng giám, nhưng kỳ thực lại gom luôn cả đồ đạc. Lính ngự lâm của tôi đã vây quanh căn nhà từ sáng. Lệnh tôi là vậy. Sao người ta lại cho phép họ vào bên trong? Sao lại biến họ trở thành đồng loã khi bắt họ chứng kiến cuộc phá phách cướp đoạt? Chán quá! Chúng tôi phục vụ Hoàng thượng, đúng rồi, nhưng chúng tôi đâu có phục vụ ông Colbert?

Nhà vua nghiêm khắc nói: -Ông d'Artagnan nên thận trọng lời nói. Những chuyện giải thích như thế không phải được đưa ra với giọng đó trước mặt ta.

Colbert nói lạc giọng hẳn: -Tôi phục vụ hết mình cho Hoàng thượng. Tôi thấy thật là quá quắt khi một quan chức của Hoàng thượng đối xử với tôi như thế này. Nói ra đây thì cũng chỉ là vì lòng tôn trọng Hoàng thượng mà thôi.

-Vì lòng tôn trọng Hoàng thượng! – D'Artagnan mắt tóe lửa, kêu lên, – thì trước tiên ông phải tôn trọng quyền hành của ngài, phải biết tôn quý ngôi vị của ngài. Ông phải đợi cho một người lính đổ máu suốt bốn mươi năm dạy bảo cho điều ấy sao? Sao lòng từ thiện lại có ở nơi tôi, còn sự hung ác lại ở phía ông? Ông đã sai bắt giữ, cột trói, làm tù tội cả những người vô tội?

Colbert nói: -Đó có thể là những kẻ đồng loã của ông Fouquet.

-Ai nói với ông là ông Fouquet có đồng loã, là ông ấy phạm tội? Chỉ có Hoàng thượng biết thôi, công lý của ngài không mờ tối. Khi ngài nói: "Bắt người này, nhốt người nọ" thì ai cũng phải vâng lời. Thôi đừng nói với tôi nữa về chuyện ông tôn trọng Hoàng thượng, phải thận trọng lời nói của ông đấy. Nếu trong lời ông có chút gì đe doạ – và Hoàng thượng thì không để cho kẻ vô tích sự đe doạ người phục vụ tận tâm cho ngài, trong trường hợp mà tôi có một người chủ bội bạc như thế thì mặc Chúa không bằng lòng, tôi sẽ tự tìm cách cho kẻ kia phải tôn trọng tôi.

Nói xong d'Artagnan kiêu hãnh đứng giữa phòng, mắt rực sáng, tay nắm đốc gương, môi run rẩy, cơn tức giận biểu lộ rõ hơn vẻ ngoài của ông. Colbert bị sỉ nhục, thấy tức điên lên, cúi chào Nhà vua như là để xin phép lui về.

Nhà vua tuy thấy trái ý vì chạm đến lòng kiêu ngạo và vì sự tò mò không thoả mãn nhưng cũng không biết phải quyết định ra sao. D'Artagnan thấy ông ta lưỡng lự. Ông thấy ở lâu không lợi. Ông cần phải thắng Colbert một trận và cách thức duy nhất là thọc Nhà vua một cú thật đúng, thật mạnh để ông ta không thể có đường lối nào khác hơn là phải lựa chọn trong hai đối thủ.

Cho nên d'Artagnan cũng nghiêng mình như Colbert, để tỏ ý rút lui. Nhưng Nhà vua thấy cần hơn hết là biết tin tức về việc bắt giữ ông tổng giám tài chính, việc bắt giữ con người có lúc đã khiến ông run sợ, mà vì d'Artagnan hờn rỗi nên ông phải phí mất một phần tư tiếng đồng hồ nôn nóng, ông liền quên ngay Colbert không có gì lạ, để quay sang viên chưởng quan ngự lâm quân. Ông nói: -Ồ, ông làm xong công việc được giao phó đã rồi hãy nghỉ sau.

D'Artagnan sắp bước qua cửa vội ngừng lại khi nghe lời Nhà vua nói và quay trở lại. Colbert bắt buộc phải ra đi, sắc mặt ông ta tím ngắt, đôi mắt đen sáng lên với vẻ thảm hại dưới đôi lông mày dày.

D'Artagnan một mình ở lại với Nhà vua, thấy lòng mình dịu ngay xuống mà lo chỉnh sửa lại vẻ mặt. Ông nói: -Thưa Hoàng thượng, ngài là một vị vua trẻ. Con người ta cứ nhìn buổi sáng thì đoán ra trong ngày sẽ đẹp trời hay là u ám. Thế thì đám dân chúng mà Chúa đặt vào tay ngài sẽ đoán như thế nào về tương lai nếu ngài để cho những bậc đại thần hành động theo lối hung bạo? Nhưng thôi, xin hãy bỏ qua việc tranh luận vô bổ chắc sẽ làm ngài khó xử, thôi xin hãy nói về tôi. Tôi đã bắt giữ ông Fouquet rồi.

Nhà vua cau có: -Ông đã để thì giờ vào đó rồi mà.

D'Artagnan nhìn lại Nhà vua. Sau một lúc im lặng, Louis hỏi: -Bây giờ ông Fouquet ở đâu?

D'Artagnan trả lời: -Thưa Hoàng thượng, ông Fouquet lúc này đang ở trong chiếc lồng sắt mà ông Colbert đã sửa soạn cho ông ta, và đang lăn theo đà của bốn con ngựa hay chạy về phía Angers.

-Sao nửa đường ông lại rời ông ta?

-Vì Hoàng thượng không dặn tôi đến Angers. Chứng cớ, chứng cớ rõ nhất tôi mới thấy dây, là Hoàng thượng vừa sai đi tìm tôi. Với lại, tôi cũng có lý do khác.

-Lý do gì?

-Nếu tôi còn ở đó, thì ông Fouquet khốn khổ kia không bao giờ dám tính chuyện vượt thoát.

-Sao? – Nhà vua sửng sốt kêu lên.

-Hoàng thượng phải hiểu và bây giờ chắc hiểu rất rõ là tôi rất muốn cho ông Fouquet được tự do. Tôi đã trao ông ấy cho một viên đội vụng về nhất dưới trướng của tôi để ông ấy có thể đào thoát được.

Nhà vua khoanh tay trước ngực, nói to: -Ông có điên không, ông d'Artagnan? Nghĩ đến chuyện đó đã là khốn khổ rồi và ông còn có gan tày trời để nói ra sao?

-Ồ! Sau công lao ông Fouquet đã làm cho Hoàng thượng, chắc ngài không mong là tôi sẽ trở nên kẻ thù của ông Fouquet phải không? Không, nếu Hoàng thượng muốn ông ta bị nhốt thì chớ giao ông ta cho tôi, cái lồng đan thật kỹ cho nhốt lại con chim cũng bay mất mà thôi!

Nhà vua nói với giọng nặng nề.

-Ta lấy làm lạ là sao ông không theo ta. Làm như thế ông sẽ nhận được các thứ mà ông cần, đó là lòng thương mến và sự biết ơn. Thưa ông, phục vụ cho ta rồi ông sẽ thấy có được một người chủ xứng đáng.

D'Artagnan nhấn mạnh câu trả lời: -Nếu ông Fouquet không đi tìm Hoàng thượng ở ngục Bastille, thì chỉ có một người khác làm thôi, người đó chắc ngài biết rõ rồi, đó là tôi.

Nhà vua im bặt. Trước lời nói thành thật, chân xác như thế của người chưởng quan ngự lâm quân, không thể nào có điều gì bài bác được. Trong khi nghe d'Artagnan nói, Nhà vua nhớ đến chàng d'Artagnan ngày xưa, con người đứng trong điện Palais Royl, nấp sau tấm màn long sàng khi dân chúng Paris được Hồng y De Retz hướng dẫn chạy tới; ông nhớ đến chàng d'Artagnan ông vẫy tay chào khi xe ông trở lại Paris về Nhà thờ Đức bà, nhớ tới viên phó quan ông đem về gần khi cái chết của Mazarin trả lại quyền hành cho ông; nhớ tới con người luôn luôn trung thực, can đảm và trung thành.

Louis bước tới cửa gọi Colbert. Colbert chưa rời khu hành lang của nhóm cận thần làm việc.

-Colbert, ông đã sai tới lục soát nhà ông Fouquet phải không?

-Thưa ngài, phải?

-Có được gì không?

-Ông De Roncher với các ngự lâm quân đã đem về cho tôi các giấy tờ, văn kiện – Colbert trả lời.

-Được, để rồi ta sẽ xem. Bây giờ ông đưa tay cho ta?

-Tay tôi, thưa ngài?

-Đúng, để ta đặt vào tay ông d'Artagnan. Này, d'Artagnan? – Nhà vua vừa nói vừa quay về phía người lính lúc này thấy Colbert nên lấy lại dáng cao kỳ – ông chưa biết ông này, hãy làm quen đi.

Rồi ông chỉ Colbert: -Đây là một kẻ thư lại tầm thường, nhưng ta đưa lên vị trí thật cao thì hắn trở thành một người vĩ đại đấy.

Colbert ấp úng, hoảng lên vì vừa sung sướng vừa sợ hãi: -Ô! Thưa ngài!

D'Artagnan thầm thì bên tai Nhà vua: -Tôi hiểu tại sao rồi. Ông ta ganh ghét tôi phải không?

-Đúng vậy, nhưng sự ganh ghét sẽ chắp cánh cho hắn.

-Thế là từ nay sẽ có một con rắn độc mọc cánh – Người lính ngự lâm càu nhàu vì còn giữ lại trong mình chút căm thù với kẻ mới đây còn là đối thủ.

Nhưng khi Colbert tiến lại gần ông, ông thấy một dáng người thật lương thiện, thật hiền lành, thật dễ chịu, đôi mắt thật thông minh, thật quý phái khiến cho d'Artagnan rất thạo xem tướng người, phải thấy xúc động và thay đổi thành kiến.

-Thưa ông, nhưng điều mà Hoàng thượng vừa nói với ông chứng tỏ rằng ngài biết rõ người dưới quyền. Cho tới ngày nay, tôi đã chống đối quyết liệt với những sự lạm dụng chứ không phải với những con người, điều đó chứng tỏ là tôi muốn chuẩn bị cho vua ta một triều đại hùng cường, cho đất nước một hạnh phúc to lớn. Thưa ông d'Artagnan, tôi có nhiều ý kiến lắm ông sẽ thấy chúng sáng tỏ, chan hoà trong cảnh thanh bình chung. Nếu tôi không có cái hân hạnh chắc chắn được những người lương thiện thương mến tôi, ít ra tôi cũng được họ chắc chắn tin cậy. Và thưa ông, miễn được họ tin phục là tôi hi sinh cả cuộc đời cho họ.

Sự thay đổi đó, sự vươn lên bất ngờ đó, sự tán đồng trong dáng im lặng của nhà vua khiến cho người lính ngự lâm phải suy nghĩ ông cúi chào Colbert thật trang trọng trong lúc ông này vẫn đăm đăm nhìn lại.

Nhà vua thấy họ làm hoà với nhau rồi liền cho họ lui ra.

Khi ra bên ngoài, viên đại thần mới nói với người chưởng quan: -Thưa ông d'Artagnan, tại làm sao đôi mắt tinh tường của ông không nhận ra tôi là người như thế nào ngay từ lúc đầu?

Người lính ngự lâm nói: -Thưa ông Colbert, khi mắt ta bị mặt trời chiếu vào thì không nhận ra được cả lò than nóng bỏng nhất. Con người có quyền hành thì họ cho cả thiên hạ nhờ cậy tại sao ông ở địa vị này mà tiếp tục cứ hành hạ một người vừa bị thất sủng, mới vừa bị rơi quá nặng?

Colbert trả lời: -Tại sao, thưa ông? Ô, tôi không ngược đãi ông ta đâu. Tôi muốn, quản lý tài chính, và nhất là tôi tin cậy hoàn toàn vào tài năng của tôi; vì tôi biết rằng mọi vàng bạc của xứ sở này sắp rơi xuống trước mắt tôi, tôi muốn trông thấy vàng bạc của Hoàng thượng như thế nào; vì tôi sống được ba chục năm thì qua ba mươi năm sẽ không còn một đồng xu dính túi; vì tôi sẽ xây cất kho tàng, dinh thự, thành phố, tôi sẽ đào vét cửa cảng; vì tôi sẽ thành lập hải quân, tôi sẽ trang bị cho các tàu mang danh nước Pháp đi đến tận các dân tộc ở tận cùng trái đất, tôi sẽ lập ra các thư viện, các viện Hàn lâm, tôi sẽ làm cho nước Pháp trở thành hùng mạnh nhất, giàu có nhất thế giới. Đó là những nguyên cớ khiến tôi thù ghét ông Fouquet vì ông ngăn trở tôi hành động. Rồi khi tôi trở nên vĩ đại, hùng mạnh, khi nước Pháp trở nên vĩ đại, hùng mạnh, lúc đó, tôi sẽ kêu lên "Tội nghiệp cho ông ta!".

-Ông nói tội nghiệp? Thế thì ông xin với Hoàng thượng tha cho ông ta đi. Hiện nay Hoàng thượng bức bách ông ta là vì ông thôi.

Colbert ngẩng đầu lên nói: -Thưa ông, ông biết là không phải thế, ông biết Hoàng thượng ghét ông Fouquet vì lý do riêng tư. Tôi không nói ông cũng biết

mà.

-Rồi Hoàng thượng sẽ chán, sẽ quên.

-Hoàng thượng không quên đâu, ông d'Artagnan ạ. Này, ngài đang gọi và sẽ ra lệnh đấy. Không có tôi can thiệp vào phải không? Ông nghe đi.

-Ông d'Artagnan đâu rồi?

-Thưa Hoàng thượng, tôi đây!

Ông đưa cho ông De St. Aignan hai mươi người để ông ta coi giữ ông Fouquet.

D'Artagnan và Colbert đưa mắt nhìn nhau. Nhà vua nói tiếp: -Từ Auger, người tù sẽ được dẫn đến ngục Bastille.

-Ông nói đúng rồi, – viên chưởng quan nói với viên đại thần.

Nhà vua nói tiếp: -Ông St. Aignan, trên đường đi, nếu có ai nói nhỏ gì với ông Fouquet thì giết chết ngay.

-Nhưng còn tôi thì sao, thưa ngài? – Vị Hầu tước nói.

-Ông thì nói trước mặt các lính ngự lâm thôi.

Hầu tước nghiêng mình chào và bước ra ngoài thi hành lệnh. D'Artagnan cũng sắp lui bước thì Nhà vua ngăn lại nói: -Ông đi ngay đến chiếm đảo và lãnh đại Belle-Isle-en-Mer.

-Thưa ngài vâng. Mà chỉ mình tôi thôi à?

Ông lấy bao nhiêu quân cũng được miễn là khỏi thất bại, nếu thành đó chống lại.

D'Artagnan nói: -Cái đó đã rõ rồi.

Nhà vua nói tiếp: -Lúc nhỏ ta đã thấy điều đó và bây giờ ta không muốn thấy tái diễn nữa. Ông nghe chưa? Thôi ông đi đi và chỉ về khi có mang theo chiếc chìa khoá cổng thành thôi.

Colbert đi đến gần d'Artagnan nói: -Một nhiệm vụ mà nếu thành công thì ông sẽ được chiếc gậy thống chế đấy.

-Tại sao ông nói cái câu: "Nếu thành công?"

-Vì khó đấy.

-Ô! Khó vì cái gì?

-Ông d'Artagnan, ông có bạn thân ở Belle-Isle-en-Mer và những người như ông thì khó chịu thăng tiến bằng cách bước lên xác bạn bè.

D'Artagnan cúi đầu xuống trong khi Colbert đi về phía Nhà vua.

Một khắc sau, d'Artagnan nhận sắc chỉ bảo ông san bằng Belle-Isle nếu gặp kháng cự và có quyền xử trí đối với tất cả dân chúng hay dân di trú ở đó, không được bỏ qua một người nào.

D'Artagnan nghĩ: Colbert thật có lý. Chiếc gậy thống chế Pháp quốc của ta phải mua bằng giá hai người bạn ta. Nhưng người ta quên rằng các bạn ta không ngu hơn mấy con chim, chờ người ta đặt bẫy giơ tay rồi mới bay đi. Cánh tay ấy

sẽ giơ ra cho họ thấy. Porthos, Aramis đáng thương? Không, địa vị của tôi không khiến các bạn mất một sợi lông nào hết!

Quyết định như vậy xong, d'Artagnan tập họp quân sĩ, cho xuống thuyền ở Paimboeuf và trương buồm đi không mất một giây nào.

§41. Lãnh địa Belle-Isle-en-Mer

Nơi đầu bờ đập con nước lên buổi chiều điên cuồng vỗ mạnh, có hai người đàn ông nắm tay nhau nói chuyện thật sôi nổi mà không ai nghe được gì hết vì tiếng họ lần lượt bị xua đuổi bởi những luồng gió mang các cơn sóng bạc đầu thổi vào.

Mặt trời vừa lặn sau bức thảm đại dương to rộng, sáng rực lên như chảy ra từ một lò đúc khổng lồ. Đôi khi, một người quay nhìn về phía đông vẻ lo lắng u buồn dò hỏi mặt biển. Người kia, dò xét trên gương mặt bạn, hình như muốn tìm trong ánh mắt ông ta xem ông nghĩ gì: Thế rồi cả hai đều nín lặng day dứt bởi những ý nghĩ ảm đạm và đều tiếp tục cuộc đi dạo.

Hai người đó là những kẻ lưu đày của chúng ta. Porthos và Aramis đến trú ở Belle-Isle-en-Mer từ khi mưu đồ to lớn của ông D'Herblay bị sụp đổ. Porthos hít mạnh làn không khí ẩm mặn vào lồng ngực to lớn của mình.

-Bạn Aramis thân mến ạ, bạn nói vô ích thôi. Chuyện từ hai ngày nay các thuyền đi đánh cá đều không trở về cả, đó không phải là điều bình thường đâu. Trên biển không có bão tố, gió lộng, không có một chút gợn sóng nào. Và cho có bão đi nữa thì các thuyền của ta lẽ nào đều bị đắm cả sao?

Aramis lẩm bẩm: -Đúng bạn nói có lý, Porthos ạ. Có chuyện lạ đây rồi.

Porthos tiếp theo: -Thêm nữa, bạn không thấy là nếu thuyền đắm sao không có xác nào tấp vào bờ hết.

-Tôi cũng nghĩ như bạn vậy.

Ngoài ra, bạn có lưu ý đến hai chiếc thuyền còn lại trong đảo cả, hai chiếc thuyền tôi cho đi tìm các thuyền khác.

Aramis chặn lời người bạn bằng một tiếng kêu và một động tác bất ngờ khiến Porthos phải sững sờ im bặt: -Bạn nói gì thế, Porthos? Sao? Bạn đã cho hai chiếc thuyền đó đi.

-Đi tìm các thuyền khác, đúng thế – Porthos điềm tĩnh trả lời – Thật là khốn khổ! Chúng ta tiêu cả rồi!

-Sao mà "tiêu"? – Porthos hoảng hốt hỏi – Sao lại là hỏng rồi, hả Aramis?

Aramis cắn chặt môi: -Không sao, không có gì hết. Xin lỗi, tôi muốn nói là nếu chúng ta muốn, nếu chúng ta có ý ngông muốn đi chơi ngoài biển thì không còn thuyền để đi.

-May quá! Thế mà bạn cũng bối rối! Mà cũng thú đấy!

-Riêng tôi thì tôi không tiếc tí nào. Cái mà tôi tiếc, tất không phải là những thú vui ít hay nhiều ở Belle-Isle, cái mà tôi tiếc, Aramis ạ. Đó là xứ Pierrefonds, đó là Bracieux, đó là Vallon, đó là đất Pháp tươi đẹp của ta. Ồ! Tôi thành thật hết

sức nói lên điều đó với bạn đấy, bạn có yêu thương tôi thì thứ lỗi cho tôi. Tôi không thấy sung sướng ở Belle – Isle; không, thật vậy, tôi không sướng chút nào.

Aramis thở dài thật nhẹ nói: -Bạn thân mến ơi, chính vì vậy mà thật đáng buồn là bạn đã cho hai chiếc thuyền còn lại đi tìm các thuyền mất tích từ hai ngày nay. Nếu bạn không cho họ đi tìm thì bây giờ chúng ta đã lên đường rồi.

-Lên đường! Thế còn hiệu lệnh thì sao, Aramis?

-Hiệu lệnh nào?

-Hiệu lệnh mà bạn cứ lặp lại mãi cho tôi trong mọi trường hợp: Phải chống giữ Belle-Isle thoát khỏi tay kẻ tiếm ngôi. Bạn biết rồi mà.

-Đúng vậy – Aramis lại lẩm bẩm.

-Bạn thấy không, chúng ta không thể ra đi được và chuyện đưa các thuyền còn lại đi tìm tàu mất tích không hại gì cho ta hết.

Aramis nín bặt, và đôi mắt mơ màng của ông sáng lên như mắt con hải âu lượn thật sâu trên mặt biển, dò hỏi trong khoảng không và tìm cách xuyên thấu đường chân trời. Porthos vẫn xuôi theo ý của mình, tiếp tục nói: -Làm đủ chuyện như thế cũng không thể giải thích được việc các tàu thuyền bị mất tích. Tôi đi đến bất cứ đâu cũng bị người ta dồn dập kêu khóc, trẻ em khóc khi thấy mẹ chúng buồn, làm như là tôi có thể trả lại cho họ những người cha, người chồng mất đi. Bạn đoán như thế nào, bạn trả lời thế nào cho họ?

-Đoán đủ thứ và không nói năng gì hết, Porthos thân mến ạ.

Câu trả lời này không làm Porthos thoả mãn. Ông quay đi càu nhàu ít tiếng không bằng lòng. Aramis giơ tay chặn người lính dũng cảm, nắm lấy hai bàn tay người khổng lồ một cách thân thiết rồi nói với giọng rầu rĩ: -Bạn có nhớ không, bạn có nhớ những ngày tươi đẹp trong thời trẻ của chúng ta, lúc chúng ta còn mạnh khỏe, còn đầy dũng khí, còn đủ hai người kia và chúng ta? Porthos, bạn có nhớ chăng là vào lúc đó, nếu chúng ta muốn trở về Pháp thì cái mảng nước mặn này không làm ngăn trở chúng ta được?

-Nói thật ra, có phải là ở Belle- Isle đây bạn cũng hơi chán rồi, bạn cũng nhớ cảnh êm ấm ở nhà, ở toà giám mục Vannes?

-Nào nhận đi.

-Không – Aramis trả lời mà không giám nhìn Porthos.

-Thế thì ở lại đi, – Porthos nói kèm theo tiếng thở dài mạnh mẽ không kiềm được – Thôi hãy ở lại đây. Với lại, dù chúng ta có ý định rõ rệt là trở về Pháp thì cũng không còn tàu.

Bạn không thấy một chuyện nữa à? Đó là từ hai ngày nay, từ lúc tàu bè mất tích thì lại cũng không có một chiếc xuồng nào ghé lại đảo hết.

-Ờ đúng Tôi cũng thấy như vậy, thật dễ nhận ra; vì trước hai ngày tang tóc này, thì lúc nào cũng có đến hàng mười chiếc ghe, xuồng đến đảo.

Aramis bỗng nảy ra ý nghĩ mới.

-Ta phải đi hỏi xem. Nếu muốn kết một cái bè gỗ

-Nhưng ta có xuồng rồi bạn có muốn tôi đẩy ra không?

-Xuồng? Bạn nghĩ thế ư, Porthos? Ngồi trên chiếc xuồng để mà chìm à? Không, nghề đi biển không phải là của chúng ta.

-Để xem, để xem!

Rồi Aramis tiếp tục dạo bước mà vẻ nóng nẩy càng lúc càng tăng, Porthos theo dõi các biểu hiện nóng nảy đó của bạn mà thấy mệt. Porthos, tâm trí bình yên, không thể nào hiểu thấu được những giằng xé bên trong của người bạn thể hiện ra ngoài theo từng cơn giật. Ông chặn bạn lại: -Chúng ta ngồi nghỉ trên tảng đá kia, bạn ngồi đó, bên cạnh tôi, Aramis ạ. Rồi xin bạn lần cuối, hãy giải thích cho tôi biết rõ chúng ta bây giờ phải làm gì ở đây.

-Porthos – Aramis lúng túng nói.

Tôi biết rằng ông vua giả muốn lật đổ ông vua thật. Điều đã nói rồi, đã hiểu rồi. Rồi sao nữa?

-Tôi cũng biết rằng ông vua giả tính bán Belle-Isle cho người Anh. Tôi cũng hiểu rồi.

-Tôi biết rằng những người chỉ huy và làm công việc xây dựng thành luỹ như chúng ta phải đến Belle-Isle, trông coi công việc và điều khiển mười đại đội do ông Fouquet chiêu mộ, trả lương và tuân theo ông ấy. Chuyện này thì cũng đã hiểu rồi.

Aramis nóng nảy đứng dậy, cứ như là một con sư tử bị con ruồi quấy rầy. Porthos nắm tay ông kéo lại: -Nhưng có điều tôi không hiểu, dù là đã cố gắng suy nghĩ hết sức, có điều tôi không hiểu được, là tại sao thay vì gửi quân đội đến cho ta, gửi người, đạn súng, lương thực đến trợ giúp ta, thì người ta chẳng cho thuyền bè, chẳng để Belle-Isle có sự giúp đỡ nào, tại sao, thay vì bắt liên lạc với chúng ta, hoặc bằng tín hiệu, hoặc bằng thông tin miệng, hoặc giấy tờ, thì người ta lại cắt đứt hết. Sao, Aramis, bạn trả lời đi, hay là, trước khi trả lời, bạn muốn cho tôi nói trước điều tôi nghĩ? Bạn có biết tôi đã nghĩ, đã tưởng tượng rằng chắc có biến cố gì đã xảy ra ở Pháp. Tôi cả đêm nằm mơ thấy ông Fouquet, tôi thấy cái chết, trứng vỡ, nhà ở tồi tàn, xộc xệch. Điềm xấu, mơ hoảng, bạn Aramis thân mến ơi!

-Porthos, cái gì kia? – Aramis vụt cắt ngang và đứng dậy chỉ cho bạn thấy một chấm đen trên vạch nước đỏ úa.

Porthos kêu lên: -Thuyền, đúng rồi, một chiếc thuyền. Chúng ta sẽ có tin ngay.

-Hai! – Người giám mục kêu lên khi thấy một cánh buồm khác – Hai! Ba! Bốn!

-Năm! Porthos đếm tiếp theo. Sáu? Bảy! Ôi trời, cả một hạm đội.

-Chắc là tàu thuyền của chúng ta trở về. – Aramis nói mà trong lòng lo lắng tuy cố giữ bình tĩnh.

Porthos đưa ra nhận xét: -So với tàu đánh cá thì chúng quá lớn. Vả lại bạn không thấy chúng từ cửa sông Loire đi ra à?

-Từ sông Loire ra. Đúng.

-Và đây này, mọi người đều thấy như chúng ta. Đàn bà, trẻ con leo lên kè đá ngóng ra biển kìa.

Một người đánh cá già đi ngang qua, Aramis hỏi: -Có phải tàu thuyền của chúng ta không?

Ông già nhìn kỹ vào đường chân trời: -Thưa Đức ông, không. Đó là những tàu kéo của quân đội Hoàng gia!

Aramis giật nảy mình: -Tàu của Hoàng gia? Sao lão biết.

Ông già trả lời: -Tôi thấy một tàu có cờ hiệu, tàu của ta và thuyền buôn không bao giờ có cả. Thưa Đức ông, các tàu kéo đang đến đây, thường là dùng để chuyển quân.

-A! Aramis kêu lên.

-Hoan hô! – Porthos kêu lên, – họ tiếp viện cho ta rồi phải không, Aramis?

-Có thể lắm.

-Trừ phi là bọn Anh đến.

-Sao lại qua sông Loire? Porthos, như vậy thì nguy rồi chúng chắc phải đi qua Paris?

-Bạn nói có lý, nhất định là viện binh hay là tiếp tế.

Aramis đưa tay ôm mặt, không trả lời. Rồi thình lình, ông nói: -Porthos, báo động đi!

-Báo động à?

-Ừ bảo các tay súng về khẩu đội, mỗi người giữ súng của mình, nhất là các khẩu đội canh phòng bờ biển.

Porthos mở to mắt nhìn chăm chú như là sợ Aramis trở thành mất trí. Aramis dịu dàng nói tiếp: -Tôi sẽ đi, bạn Porthos ạ, tôi sẽ thi hành lệnh này nếu bạn không chịu làm.

-Không, không, tôi sẽ đến đó ngay, – Porthos trả lời chân bước đi, mắt còn liếc nhìn phía sau giám mục Vannes có lầm lẫn chăng và nếu ông ta bình tĩnh nghĩ lại thì có gọi ông trở về không.

Lệnh báo động ban ra, kèn trống vang lên, gác chuông muốn vỡ ra. Tức thì trên các bờ đập, các kè đá đầy người tò mò, đầy lính tráng. Các bó đuốc châm ngòi cháy rực trong tay những người pháo thủ đang đứng sau những khẩu đại bác nằm trên bệ đá.

Khi ai nấy vào vị trí, khi mọi việc chuẩn bị xong, Porthos rụt rè thì thào: -Xin lỗi, bạn Aramis chớ cho cho tôi tò mò tìm hiểu.

-Cứ nói ra đi bạn ạ, trước sau gì bạn cũng biết, – Aramis thì thầm trả lời người phụ tá.

-Hạm đội đằng kia, hạm đội đang trương buồm đến thẳng Belle- Isle là hạm đội Hoàng gia phải không?

-Nhưng, vì có đến hai vua Pháp nên phải xem thử hạm đội kia là của vua nào.

-Ồ, bạn mở mắt cho tôi rồi? – Người khổng lồ ngưng bặt vì lý lẽ kia.

Rồi Porthos đi thật nhanh đến chỗ các khẩu đội để đốc thúc binh sĩ làm việc.

Trong khi đó Aramis, luôn chăm chú nhìn về phía chân trời thấy các chiếc tàu cứ đến gần mãi.

Lúc trời vừa tối thì một chiếc tàu trong hải đoàn đã làm cho dân Belle- Isle náo động đó tiến vừa vào tầm súng của đảo.

Dù cảnh lúc tối trời. Aramis vẫn thấy có sự náo động trên chiếc tàu đó: nơi sườn tàu tách ra một chiếc xuồng có ba tay trèo rướn mình về phía hải cảng và chỉ một lúc sau thì ghé vào dưới chân thành. Người chủ xuồng nhảy lên kè đá cầm một bức thư vẫy vẫy như muốn nói chuyện.

Nhiều người nhận ra đó là một thuỷ thủ của đảo. Đây là người chủ của một trong hai chiếc thuyền Aramis để lại đảo mà Porthos trong khi lo lắng cho số phận các thuyền mất tích trong hai ngày trước nên bảo họ đi tìm. Người này xin được dẫn đến gặp ông D'Herblay.

Một viên đội ngoắc hai người lính đến dẫn đi.

Aramis lúc này đang ở trên bến cảng. Trời gần như tối mịt mặc dù có các ngọn đuốc của những người đi theo Aramis đứng cách đấy một khoảng.

-Sao, Jonathas, anh từ đâu đến đây?

-Thưa ngài, từ chỗ những người bắt tôi.

-Ai bắt?

-Ngài biết là chúng tôi đi tìm bạn mất tích phải không?

-Biết rồi sao nữa?

-Thưa ngài, đi chưa đầy một dặm thì chúng tôi bị thuyền của vua đuổi bắt.

-Vua nào? – Porthos hỏi.

Jonathas mở to mắt nhìn. Ông giám mục nói: -Cứ tiếp đi!

-Thưa ngài, như vậy là chúng tôi bị đón bắt và bị gom về một chỗ với mấy người bị bắt sáng hôm qua.

-Gom hết các anh để làm quái gì thế? – Porthos ngắt lời.

Jonathas trả lời: -Thưa ngài, để chúng tôi không báo cáo được với các ngài.

Lại đến lượt Porthos không hiểu gì cả.

-Thế rồi hôm nay họ lại thả anh ra?

-Thưa để cho ngài biết rằng họ đã bắt giữ chúng tôi rồi.

-Càng lúc càng rắc rối? – Con người lương thiện Porthos nghĩ thầm.

Trong lúc đó, Aramis suy nghĩ rất kỹ rồi nói: -Thế có nghĩa là hạm đội Hoàng gia bao vây bờ biển rồi?

-Thưa ngài, phải.

-Ai chỉ huy?

-Viên chưởng quan ngự lâm quân.

-D'Artagnan? – Porthos nói.

-Hình như là tên người đó?

-Và có phải là người đưa thư này cho anh phải không?

-Thưa ngài, vâng.

-Đem đuốc lại đây!

-Chữ viết của anh ta! – Porthos nói.

Aramis đọc: -Lệnh vua sai chiếm Belle-Isle;

"Lệnh vua giết tất cả quân đồn trú, nếu kháng cự. Lệnh bắt giam tất cả quân đồn trú.

Ký tên: d'Artagnan, người bắt ông Fouquet hôm kia và đưa giam vào ngục Bastille".

Aramis xám mặt, vò nát tờ giấy trong tay. Porthos hỏi: -Gì thế?

-Không có gì bạn ạ.

-Jonathas, anh có nói chuyện với ngài d'Artagnan không?

-Thưa Đức ông, có.

-Ông ta nói sao?

-Nói là ngài sẽ nói chuyện với Đức ông để bàn nhiều hơn.

-Ở đâu?

-Trên tàu ngoài kia.

-Trên tàu của ông ta?

Jonathas nói tiếp: -Ngài ngự lâm quân bảo tôi đưa cả hai ngài, ngài và ngài kỹ sư, bằng thuyền của tôi đến gặp ngài đó.

Porthos nói: -Đi đi! Đến anh bạn d'Artagnan thân mến.

Aramis ngăn lại, kêu lên: -Bạn có điên không? Biết đâu chẳng là cái bẫy?

Cũng có thể vậy. Bây giờ phải làm sao? Nhưng mà, nếu d'Artagnan gọi ta.

-Ai bảo với bạn đó là d'Artagnan? – Chữ viết kia – Chữ viết có thể giả được. Chữ này run run, rõ là giả.

-Bạn lúc nào cũng có lý, nhưng mà rốt lại ta cũng chẳng biết gì hết.

Aramis im lặng. Porthos dễ mến nói: -Đúng là chúng ta cũng cần biết một tí.

Jonathas hỏi: -Tôi phải làm sao đây?

-Anh quay lại với ông chưởng quan đó.

-Thưa ngài, vâng.

-Anh nói với ông ta là chúng ta mời ông ta đến đảo.

Porthos nói: -Tôi hiểu rồi.

Jonathas trả lời: -Thưa ngài, vâng. Nhưng nếu ông quan đó không chịu tới Belle-Isle thì sao?

-Nếu ông ta từ chối thì ta kháng cự, vì ta có đại bác.

-Chống d'Artagnan à?

-Porthos ạ, nếu là D'Artagnar, anh ấy sẽ tới. Thôi, Jonathas đi đi.

-Trời, tôi không hiểu gì hết, – Porthos lẩm bẩm.

-Tôi sẽ nói cho biết, bạn yêu quý ạ! Đã đến lúc phải nói rồi. Mời bạn ngồi xuống ụ nấp này, lắng tai nghe cho kỹ.

-Ồ! Tôi nghe, tôi nghe, chắc chắn nghe?

Jonathas kêu lên: -Tôi đi được chưa, thưa ngài?

-Đi đi, và mang thư trả lời về đây. Mấy người kia tránh ra cho xuồng đi.

Aramis nắm tay Porthos và bắt đầu giải thích.

§42. Những lời giải thích của Aramis

Bạn Porthos ạ, những lời tôi sắp nói đây, chăc là khiến bạn ngạc nhiên, nhưng cũng làm cho bạn hiểu biết ít nhiều – Tôi thích gặp bất ngờ – Porthos nói – Tôi chịu đựng được cảm xúc mạnh, bạn đừng ngại gì cả, cứ nói đi.

-Thật khó, Porthos, khó thật. Bởi vì thật ra, phải báo cho bạn lần nữa, là tôi phải nói cho bạn biết những chuyện quá lạ lùng, không tưởng tượng nổi.

-Ô, bạn nói khéo quá làm tôi muốn nghe ngày này qua ngày khác cũng được. Thôi cứ nói đi. À tôi vừa nảy ra ý kiến này, để cho câu chuyện được dễ dàng, để giúp bạn nói ra được những chuyện lạ lùng đó, tôi sẽ đặt câu hỏi với bạn.

Tốt lắm.

-Aramis thân mến, tại sao chúng ta lại phải chuẩn bị đánh nhau?

-Nếu bạn hỏi những câu như thế mà gọi là giúp tôi kể dễ dàng thì, Porthos ạ, bạn chẳng giúp tôi được gì hết. Mà trái lại nữa. Này, đánh bạn với một con người tốt, quảng đại và trung thành như bạn, thì khi bắt đầu câu chuyện, vì cả tôi lẫn bạn, tôi phải thú tội một cách hết sức can đảm. Tôi đã đánh lừa bạn, người bạn quý mến ạ.

-Bạn đánh lừa tôi?

-Chúa ơi, phải đấy.

-Aramis đánh lừa vì muốn điều hay cho tôi?

-Tôi đã tưởng thế Porthos ạ. Tôi thật tình nghĩ thế.

Vị lãnh chúa lương thiện ở Bracieux nói: -Thế là bạn đã giúp tôi rồi. Tôi rất cảm ơn vì nếu bạn không đánh lừa tôi thì tôi cũng bị lầm lẫn thôi. Bạn đánh lừa tôi cái gì thế?

-Tôi phục vụ cho kẻ tiếm ngôi, chống lại Louis XIV hiện đang cho quân đến kia.

Porthos đưa tay lên gãi trán: -Kẻ tiếm ngôi là… Tôi hiểu chưa được rõ lắm.

-Đó là một trong hai kẻ đang tranh giành ngôi vua nước Pháp.

-Thế, nghĩa là bạn phục vụ một người không phải là Louis XIV?

-Bạn nói đúng ngay ý rồi.

-Do đó mà – Do đó mà chúng ta bây giờ trở thành những tên phản loạn, ông bạn đáng thương ạ.

-Trời! Trời! – Porthos thất kinh kêu lên.

-Bạn Porthos ơi, ta vẫn còn có hy vọng thoát được, cứ tin tôi đi Porthos trả lời: -Tôi không lo về chuyện đó. Tôi giật mình là vì cái chữ phản loạn tồi tệ kia thôi.

-Ô đúng.

-Và như thế thì cái vùng đất của hầu tước mà người ta hứa cho tôi.

-Đó là của người tiếm ngôi cho.

-Chẳng giống cái gì hết, Aramis ạ.

-Bạn ơi, nếu cho tôi ra tay thì bạn được phong tới ông hoàng.

Porthos buồn bã cắn đầu móng tay và nói: -Chuyện bạn lừa gạt tôi là thế. Lỗi thật, vì tôi đinh ninh được vùng đất đã hứa đó lắm. Ôi! Aramis thân mến ơi, biết bạn là người giữ lời nên tôi rất tin ở lời hứa đó lắm.

-Porthos đáng thương? Xin bạn tha lỗi cho tôi.

Porthos gằn giọng hỏi: -Như thế là tôi đã gây sự với vua Louis XIV phải không?

-Bạn tốt nhất đời của tôi ơi, tôi sẽ thu xếp mọi sự, tôi chịu trách nhiệm tất cả, chỉ mình tôi thôi. Tôi là người độc nhất chủ trương âm mưu. Tôi cần đến người bạn không rời nên tôi gọi bạn đến vì nhớ lại châm ngôn xưa của chúng ta. Tất cả vì một người, một người vì tất cả. Porthos thân mến, tội ác của tôi là tính ích kỷ.

Porthos nói: -Ồ! Tôi thích lời nói đó lắm và khi mà bạn hành động chỉ vì mình bạn thôi, thì tôi không có gì không bằng lòng bạn cả. Chuyện tự nhiên mà!

Nói xong lời thiêng liêng ấy, Porthos liền thân mật siết chặt bàn tay bạn. Aramis thấy mình nhỏ bé trước tâm hồn cao cả thực tình ấy. Đây là lần thứ hai ông thấy phải nghiêng mình trước sự hơn hẳn của tâm hồn, thật mạnh hơn cả năng lực của trí tuệ sáng láng. Ông không nói gì chỉ trả lời bằng cách ép mạnh tay lên bàn tay mơn man vỗ về của bạn. Porthos nói: -Bây giờ chúng ta đã nói rõ với nhau hết rồi, tôi đã biết rõ vị thế của chúng ta đối với vua Louis, tôi tưởng bạn cũng nên cho tôi biết về các âm mưu chính trị đã khiến chúng ta là nạn nhân. Bởi vì tôi thấy rõ là có âm mưu chính trị đằng sau câu chuyện này.

-Bạn Porthos, d'Artagnan sắp tới đây và sẽ cho bạn biết từng chi tiết một. Còn tôi, xin bạn miễn cho, tôi đang vật vã đau khổ, mệt nhọc, tôi cần phải giữ sáng suốt, minh mẫn để tìm cách lôi bạn ra khỏi bước lỡ lầm mà tôi đã lôt bạn vào. Nhưng từ nay thì rõ ràng quá rồi. Vua Louis XIV từ nay chỉ có một kẻ thù. Đó là tôi, chỉ mình tôi thôi. Tôi đã bắt ép bạn theo tôi, bây giờ tôi thả bạn ra, bạn hãy về với ông chúa của bạn. Porthos thấy không, không có gì là khó ở đây cả.

Porthos hỏi: -Bạn tưởng thế ư.

-Chắc lắm rồi.

-Thế thì sao, nếu chúng ta ở vào một vị thế thuận lợi như thế thì sao chúng ta lại chuẩn bị đại bác, súng tay, chiến cụ đủ loại? Tôi nghĩ rằng giản dị hơn cả là nói với chưởng quan d'Artagnan: "Bạn thân ơi, chúng tôi đã lầm, bây giờ phải làm lại, bạn mở cửa cho chúng tôi để chúng tôi đi, xin từ giã bạn".

-Ồ, cứ nói? – Aramis lắc dầu.

-Sao, bạn không đồng ý với kế hoạch đó à.

-Tôi thấy có một điều khó.

-Điều gì?

-Đó là khi d'Artagnan đến đây mang một mệnh lệnh khiến chúng ta bị bắt buộc phải chống cự lại.

-Ồ, chống với d'Artagnan? Điên à! Anh bạn d'Artagnan tốt bụng đó.

Aramis lại lắc đầu lần nữa nói: -Porthos à, nếu tôi cho đốt mồi lửa, cho đại bác nhằm bắn, nếu tôi cho báo động, nếu tôi huy động tất cả mọi người chạy ra luỹ, bức luỹ của Belle-Isle mà chúng ta xây đắp phòng thủ thật vững chắc đó, thì tất cả phải có lý do. Thôi, hãy chờ xem, hay nói đúng hơn, đừng chờ đợi gì hết cả.

-Bây giờ phải làm sao đây?

-Nếu tôi biết phải làm sao thì tôi đã nói ra rồi.

-Nhưng mà có một việc đơn giản hơn việc chống cự. Đó là kiếm một chiếc tàu, đi về Pháp.

Aramis cười buồn: -Bạn thân mến ơi, chớ có lý luận như trẻ con thế. Phải làm người lớn để nghe lời khuyên và để hành động đúng. Này, có ai kêu đằng cảng kìa! Porthos, coi chừng thật kỹ nhé.

Porthos bước lên lan can thành rồi nói như sấm dậy: -D'Artagnan, đúng rồi.

-Vâng, tôi đây, – người chưởng quan ngự lâm trả lời và nhảy lên các bực kè đá.

Rồi ông nhanh nhẹn đi về phía thành luỹ có các bạn chờ đợi Porthos và Aramis nhận ra, phía sau d'Artagnan có một sĩ quan đi theo ông sát từng bước một. Người chưởng quan dừng lại giữa bậc thềm đá thì viên sĩ quan cũng dừng lại theo.

D'Artagnan kêu to với Aramis và Porthos: -Các ông cho người lui ra, lui ra ngoài tầm tiếng nói, không ai được nghe gì hết cả.

Lệnh của Porthos được thi hành ngay. Thế rồi d'Artagnan quay sang người đi theo mình.

-Thưa ông, chúng ta hiện không phải đang ở trên hạm đội của Nhà vua. Ông có quyền thật, nhưng không nên nói lời xấc xược như vừa rồi nữa.

Người sĩ quan trả lời: -Thưa ngài, tôi không nói lời xấc xược với ngài, tôi chỉ tuân theo thật chính xác những điều người ta ra lệnh cho tôi thôi. Lệnh bảo tôi đi theo ngài, tôi đi theo. Lệnh bảo tôi đừng để ngài nói điều gì với ai mà tôi không được biết, tôi phải chen vào những buổi hội kiến của ngài.

D'Artagnan nghiến hàm răng của mình trèo trẹo, chứng tỏ ông đang tức đến mức muốn nổ bùng ra, rồi tiến lại gần viên sĩ quan. Ông nói trầm giọng và nhấn mạnh lừng tiếng chứng tỏ một sự trầm tĩnh sâu xa, ẩn giấu bão táp bên trong: -Thưa ông, khi tôi cho một chiếc xuồng đến đây thì ông muốn biết xem tôi viết gì cho những người bảo vệ Belle-Isle.

Ông đã đưa cho tôi xem lệnh là việc. Cùng lúc đó, tôi đưa cho ông tờ giấy tôi viết. Khi ông chủ xuồng trở lại mang theo thư trả lời của hai ông này (ông chỉ

Aramìs và Porthos) thì ông cũng đã nghe lời chuyển đó từ đầu đến cuối. Tất cả những thứ đó đều đúng theo lệnh ông nhận, tất cả được theo dõi; thi hành đúng tăm tắp, phải thế không?

-Thưa ngài vâng, – viên sĩ quan lắp bắp nói, – đúng như vậy. Nhưng mà…

D'Artagnan tiếp tục, càng nói càng cao giọng: -Thưa ông, khi tôi có ý muốn rời tàu để đến Belle-Isle, ông đã đòi đi theo tôi, tôi nhận lời ngay, tôi đem ông đi theo rồi. Ông hiện đang ở Belle-Isle phải không?

-Thưa ngài vâng, nhưng mà.

-Nhưng mà… đây không phải là tôi nói về ông Colbert, người bắt ông theo lệnh đó, cũng không phải về thằng cha căng chú kiết nào mà ông bị buộc phải nghe theo. Đây chỉ là chuyện của một người đang làm vướng bước chân ông d'Artagnan, đang đứng với ông d'Artagnan, một mình, trên bậc thềm, dưới kia là mười thước nước sâu. Cái vị thế này thấy bất lợi cho người đó, thưa ông, thật là bất lợi, tôi xin báo cho ông biết như vậy.

-Nhưng thưa ngài, nếu tôi làm vướng chân ngài, – người sĩ quan nói với giọng rụt rè gần như sợ sệt, – thì đó chỉ là do nhiệm vụ của tôi.

-Thưa ông, ông và những người gửi ông đến đây đã mắc phải sai lầm là sỉ nhục tôi. Rõ ràng rồi. Tôi không thể làm gì được với những người bảo đảm cho ông, tôi không biết họ và họ cũng quá xa tôi. Nhưng ông lúc này lại đang ở trong tay tôi, tôi xin thề có Chúa làm chứng, là nếu ông bước thêm một bước trong khi tôi nhấc chân để đến với các ông kia, tôi thề là tôi sẽ vung gươm chẻ đầu ông làm hai và ném ông xuống nước. Ô, tới đâu thì tới. Trong đời tôi chỉ có sáu lần nổi giận thôi và năm lần trước kia đều có một người mất mạng đấy.

Viên sĩ quan không nhúc nhích, ông ta xanh mặt trước lời đe doạ và chỉ biết trả lời.

-Thưa ngài, chống lại lệnh ra cho tôi là có lỗi đấy.

Porthos và Aramis, đứng lặng ngắt và rùng mình trên lầu thành, kêu to lên: -D'Artagnan thân mến, hãy cẩn thận?

D'Artagnan giơ tay bảo họ im rồi giơ chân bước lên bậc cấp với một dáng đe doạ rợn người, và quay mặt lại, tay cầm gươm nhìn người sĩ quan đi theo.

Người này giơ tay làm dấu thánh giá và bước lên.

Porthos và Aramis vốn biết tính d'Artagnan nên kêu lên một tiếng và chạy ùa ra định ngăn nhát gươm chém xuống mà họ tưởng chừng nghe thấy rồi. Nhưng d'Artagnan đã chuyển gươm sang tay trái, nói với giọng xúc động: -Ông thật là con người can đảm. Bây giờ chắc ông sẽ hiểu những lời tôi sắp nói đây, hiểu còn hơn những lời tôi vừa nói.

-Ngài d'Artagnan, xin cứ nói đi, nói đi.

-Những người ông thấy kia và ông được lệnh chống họ, những người ấy là bạn thân của tôi đấy.

-Thưa ngài, tôi biết rồi.

-Ông muốn biết là tôi có đối xử với họ đúng như lệnh dặn dò ra cho ông không.

-Tôi hiểu sự dè dặt của ngài rồi.

-Thế thì xin ông hãy để tôi nói chuyện với họ không có ai chứng kiến hết.

-Thưa ngài d'Artagnan, nếu tôi theo lời ngài xin thì tôi đã thất hứa với người trên, nếu tôi không chịu thì tôi phải trái ý ngài. Tôi thấy khó xử quá. Vậy xin ngài hãy cứ nói chuyện với bạn bè, và xin đừng chê trách tôi đã vì lòng trân trọng, mến phục đối với ngài, riêng đối với ngài thôi, mà phải làm một điều xấu xa.

D'Artagnan xúc động, vụt đưa tay ôm cổ người trẻ tuổi rồi bước lên phía các bạn. Người sĩ quan choàng áo ngồi lại trên bậc thềm rêu ẩm. D'Artagnan kêu lên: -Này, các bạn, tình thế rõ rồi đấv, các bạn tỏ thái độ đi.

Cả ba ôm chầm lấy nhau, giữ chặt nhau như thời trai trẻ.

Porthos hỏi: -Lôi thôi như thế này để làm gì?

D'Artagnan trả lời: -Chắc bạn phải thấy là có chuyện rồi.

-Chuyện không to lắm đâu, chắc chắn như vậy, ông chưởng quan thân mến ạ. Bởi vì, đúng là tôi có làm gì đâu, Aramis cũng thế. – Con người tốt tuyệt vời đó vội vã nói thêm.

D'Artagnan nói: -Các bạn thấy không: chặn tất cả những ai từ Belle-Isle ra, từ ngoài vào. Tàu thuyền của các bạn đều bị tịch thu hết. Nếu các bạn muốn trốn chạy thì các bạn sẽ rơi vào những chiếc tàu tuần qua lại trên mặt biển rình mò các bạn. Nhà vua muốn chộp các bạn và chắc chắn là được.

D'Artagnan giận dữ vặt vài sợi râu cằm xám. Aramis mặt tối sầm, còn Porthos thì nổi giận lên. D'Artagnan nói tiếp: -Ý kiến tôi là thế này đây: đem các bạn lên tàu tôi, giữ các bạn bên mình tôi rồi thả các bạn ra. Nhưng bây giờ tôi lại nghĩ rằng lúc tôi trở về tàu biết đâu tôi chẳng nhận được một lệnh cách chức chỉ huy của tôi, chuyển cho người khác, khiến cho cả các bạn lẫn tôi không có cách nào cứu vãn được hết.

Aramis cương quyết nói: -Phải ở lại Belle-Isle. Tôi thì tôi trả lời là tôi chỉ đầu hàng khi biết được những gì dành cho tôi thôi.

D'Artagnan lưu ý thấy Porthos không nói gì hết.

Để tôi ra dò xét thử người sĩ quan can đảm đi theo tôi kia xem sao. Con người đó thật lương thiện, thật là một kẻ thù của chúng ta xứng đáng hơn ngàn vạn người về hùa với chúng ta đấy Để hỏi thử xem hắn biết được những điều gì, lệnh ra cho hắn phải làm gì, bỏ gì…

Aramis nói: -Cứ thử đi.

D'Artagnan đi lại phía lầu, chồm ra ngoài gọi viên sĩ quan lên: -Thưa ông, nếu tôi muốn đem các ông này đi thì ý kiến ông thế nào.

-Tôi không phản đối, nhưng tôi phải giữ họ vì có lệnh trực tiếp, lệnh bằng văn bản buộc tôi phải đích thân giữ họ.

D'Artagnan kêu lên một tiếng "A!". Aramis lẩm bẩm: -Hết rồi.

Porthos không nhúc nhích.

-Bạn đem Porthos đi, anh ấy sẽ chứng tỏ cho Nhà vua biết không có dính dáng gì đến vụ này hết. Tôi sẽ giúp anh ấy nói và bạn d'Artagnan, bọn mình sẽ giúp anh ấy.

D'Artagnan "hừ" một tiếng và hỏi.

-Porthos, bạn muốn đi không, bạn muốn theo tôi không? Nhà vua rộng lượng lắm.

Porthos trả lời một cách cao thượng: -Xin để tôi suy nghĩ đã.

-Thế bạn muốn ở lại đây à?

D'Artagnan tiếp lời: -Ở đến lúc chúng ta tìm ra phương cách hay. Nhưng tôi nghĩ cũng chẳng lâu đâu vì tôi đã có ý rồi.

Aramis nói: -Thôi chúng ta chào nhau, Porthos ạ, bạn nên ra đi.

-Không.

Aramis nghe tiếng trả lời âu sầu của bạn mà hơi chạnh lòng: -Tuỳ ý bạn. Tuy nhiên tôi cũng tin tưởng rằng d'Artagnan đã có ý kiến giải toả mà tôi nghĩ là tôi hiểu rồi đấy.

-Thử xem, – người lính ngự lâm nói xong tiến lại nghiêng tai về phía Aramis.

Người này nói nhanh vài tiếng và thấy d'Artagnan gật đầu: -Đúng thế.

-Không chạy sai vào đâu được, – Aramis vui sướng kêu lên.

-Aramis ạ, ráng thu xếp vì cơn xúc động ban đầu có thể xảy ra đấy.

-Ô đừng sợ.

D'Artagnan quay sang nói với người sĩ quan: -Cám ơn ông nghìn vạn lần. Ông vừa kết bạn chết sống với ba người đấy.

-Đúng, – Aramis nói.

D'Artagnan âu yếm hôn hai người bạn lâu năm, rồi giã từ Belle-Isle, theo chân có người bạn đường không rời của ông Colbert gởi đến.

Như thế là, ngoài chuyện con người đáng quý trọng Porthos tạm bằng lòng chịu cách giải thích như trên, thì rõ ràng là hình như số phận của người này người nọ không có gì thay đổi hết. Aramis tự nhủ:

"Dù sao, cũng có ý kiến giải quyết của d'Artagnan rồi".

D'Artagnan vừa đi về tàu, vừa suy nghĩ kỹ về ý kiến mới phát hiện. Thế mà ai cũng biết, d'Artagnan suy nghĩ thì thế nào cũng ra chuyện. Còn viên sĩ quan thì im lặng trở lại với vẻ trọng nể sự suy nghĩ của người chưởng quan.

Cho nên khi bước chân xuống chiếc tàu đang neo ở cách Belle-Isle một tầm súng, d'Artagnan đã liều liệu được mọi cách tấn công và phòng vệ rồi. Ông gọi mọi người phụ tá đến họp.

Tất cả là tám người, một người trưởng lực lượng hải quân, một thiếu tá trưởng pháo binh, một kỹ sư, người sĩ quan chúng ta đã biết và bốn trung uý.

Hội đồng họp nơi phòng đằng sau lái. D'Artagnan đứng lên, giơ mũ ra và bắt đầu lên tiếng: -Thưa quý vị tôi vừa đến khảo sát Belle-Isle-en-Mer, tôi thấy quân trú phòng rất mạnh và người ta chuẩn bị rất kỹ, có thể làm khó cho ta đấy. Cho nên tôi có ý bảo đi mời hai sĩ quan chính phòng thủ ở đấy đến nói chuyện, để tách họ ra khỏi quân họ. Như thế chúng ta dễ làm việc hơn. Quý vị nghĩ sao?

Người chỉ huy trưởng pháo binh đứng lên nói với giọng cương quyết: -Thưa ngài, tôi vừa nghe ngài nói đảo ngược phòng thủ rất kỹ. Vậy ra họ muốn làm loạn à?

D'Artagnan rõ ràng là bất ngờ trước câu nói đó, nhưng ông không phải là người dễ chịu thua như thế, nên cứ tiếp tục: -Thưa ông, ông nói đúng. Nhưng ông chớ quên rằng Belle-Isle-en Mer là lãnh địa của ông Fouquet. Các vua trước có cho phép các lãnh chúa ở đấy được quyền vũ trang.

Người chỉ huy pháo binh định nói, nhưng d'Artagnan ngăn lại: -Ồ, xin ông chớ ngắt lời tôi. Chắc ông muốn nói rằng quyền được vũ trang là để chống người Anh chứ không phải chống vua ta. Nhưng nên biết rằng hiện nay không phải ông Fouquet nắm quyền ở đảo, ông Fouquet bị tôi bắt hôm kia rồi. Dân chúng và những người phòng vệ không biết gì về chuyện bắt bớ hết. Ông có thông báo cho họ thì cũng vô ích thôi. Đây là chuyện thật lạ lùng, khó tin và bất ngờ. Thường một người dân Breton chịu phục vụ chủ của người ấy, một người thôi, phục vụ cho đến khi chủ chết. Thế mà người Breton này, theo tôi biết, thì chưa hề thấy được xác của ông Fouquet. Cho nên không lấy làm lạ là người ấy chống với bất cứ ai không phải là ông Fouquet hay là có chữ ký ông Fouquet.

Người chỉ huy pháo binh nghiêng mình tỏ vẻ đồng ý.

D'Artagnan tiếp tục: -Vì thế mà tôi mới phải mời hai nhân vật chính của quân đồn trú ấy đến đây với tôi. Họ sẽ gặp quý vị. Họ sẽ thấy được lực lượng của chúng ta. Họ sẽ biết nếu họ chống lại thì số phận họ sẽ phải chịu như thế nào. Chúng ta sẽ lấy danh dự nói với họ là ông Fouquet đã bị bắt rồi và mọi sự chống cự đều có hại cho họ hết. Chúng ta sẽ nói với họ là một khi phát súng đầu tiên bắn ra thì chớ có trông đợi ở sự thương xót của Nhà vua. Tôi chắc rằng, họ sẽ không chống cự nữa. Chúng ta sẽ chiếm được đảo một cách êm thấm khỏi phải tốn một giọt máu nào hết.

Người sĩ quan đi theo d'Artagnan đến Belle-Isle định nói, nhưng d'Artagnan ngăn lại: -Ô, thưa ông, tôi biết ông sắp nói gì rồi. Tôi biết là có lệnh Nhà vua ngăn cấm mọi sự tiếp xúc bí mật với những người phòng thủ Belle-Isle, nhưng chính vì thế mà hôm nay tôi mới họp bộ tham mưu.

Trong khi d'Artagnan vui mừng thấy mọi người chịu gửi một chiếc thuyền đi đón Porthos và Aramis thì người sĩ quan của Nhà vua rút từ trong ngực áo ra một

tờ giấy có đóng dấu, đưa cho d'Artagnan. Tờ giấy này có ghi số 1. Người lính ngự lâm ngạc nhiên hỏi.

-Cái gì thế này?

-Ông cứ dọc đi – Viên sĩ quan lễ độ trả lời mà không giấu được chút buồn bã.

D'Artagnan mở ra và đọc:

"Cấm ông d'Artagnan tập họp bất cứ hội đồng nào hay bàn bạc bất cứ việc gì trước khi chiếm được Belle- Isle, trước khi trị tội hết tù binh.

Ký: Louis"

D'Artagnan cố nén một cử chỉ nóng nảy chạy khắp toàn thân rồi mỉm cười nhã nhặn: -Thưa ông, được, tôi phải tuân theo lệnh vua.

§43. Những ý nghĩ của nhà vua và ý nghĩ của ông d'Artagnan

Ngón đòn đi thẳng vào đích, thật mạnh, chết người được.

D'Artagnan tức giận vì thấy Nhà vua đã đoán trước ý mình, nhưng không tuyệt vọng và nhớ đến những suy tính trên đường từ Belle-Isle về, ông tính ra một cách nữa để cứu các bạn. Ông nói: -Thưa quý vị, vì Hoàng thượng đã sai một người khác mang các mệnh lệnh bí mật, tức là Hoàng thượng đã không tin cậy tôi nữa, tôi lại càng không xứng đáng nếu cứ ôm giữ mãi cái quyền chỉ huy bị nghi ngờ này. Cho nên tôi sẽ đệ đơn xin từ chức ngay. Tôi nói điều này trước mặt quý vị và sẽ đi cùng với quý vị về tới bờ nước Pháp để khỏi làm hại cho lực lượng mà Hoàng thượng đã giao cho tôi, cho nên xin quý vị trở về vị trí mình và cho lệnh quay mũi tàu. Một giờ nữa sẽ có thủy triều lên. Thôi về chỗ đi!

Rồi ông nói thêm khi thấy mọi người đều tuân lệnh, chỉ trừ viên trung sứ: -Tôi chắc là bây giờ quý vị không có phản đối phải không?

D'Artagnan tưởng như đã đắc thắng khi nói lên các lời này.

Kế hoạch này sẽ cứu được các bạn ông. Cuộc bao vây không còn nữa, thì họ có thể lên tàu trương buồm đi Anh hay đi Tây Ban Nha mà không phải lo lắng gì cả. Trong khi họ chạy trốn, d'Artagnan sẽ về đến bên vua, cho biết lý do ông quay mũi tàu là vì ông Colbert quá nghi ngờ ông. Nhà vua chắc sẽ cho ông chỉ huy tiếp với đầy đủ quyền hành để ông chiếm lấy Belle-Isle, nghĩa là chiếm cái lồng mà khỏi phải bắt hai con chim đã bay thoát rồi.

Nhưng, trước kế hoạch đó, người sĩ quan kia lại đưa một lệnh khác của vua:

"Nếu khi ông d'Artagnan tỏ ý muốn từ chức thì ông không còn tư cách chỉ huy; mọi sĩ quan dưới quyền sẽ không nghe lệnh ông nữa. Ông d'Artagnan mất địa vị người chỉ huy trưởng đoàn quân đi đánh Belle-Isle, sẽ về Pháp ngay theo với người sĩ quan cầm tờ điệp này với tư cách là tù nhân".

D'Artagnan dù đầy can đảm và vô tư lự cũng phải tái mặt.

Mọi sự đều được tính toán thật kỹ càng khiến ông thấy đây là lần đầu sau ba mươi năm, ông gặp lại sự trông xa không lầm lẫn và lối suy luận không sai chạy của ngài Hồng y vĩ đại xưa kia.

Ông giơ hai tay ôm lấy đầu, như nghẹt thở, suy nghĩ: "Nếu ta bỏ tờ điệp này vào túi thì ai biết được để mà ngăn trở ta? Trước khi Nhà vua biết tin thì ta đã cứu được các bạn rồi. Nào, hãy táo bạo lên. Cái đầu của ta không thể rơi vì bất tuân thượng lệnh được. Không tuân?".

Nhưng trong khi ông suy tính như thế thì thấy các sĩ quan chung quanh mỗi người đều đang đọc tờ điệp như thế do người nhân viên truyền đạt tâm hồn tinh ranh, quỉ quái của Colbert phân phát cho.

Trường hợp bất tuân thượng lệnh cũng được tính trước rồi.

Viên trung sĩ nói với ông: -Thưa ngài, tôi đợi ngài vui lòng cùng đi.

-Thưa ông, tôi sẵn sàng rồi, – D'Artagnan nói mà nghiến chặt hai hàm răng.

Viên sĩ quan bảo một chiếc thuyền đến đưa d'Artagnan đi.

Thấy thế, d'Artagnan nổi điên lên, lắp bắp: -Thế thì làm sao chỉ huy được các binh chủng ở đây.

-Ông đi thì có tôi được lệnh chỉ huy hạm đội Hoàng gia, – người chỉ huy trưởng đoàn tàu nói.

Người tay chân của Colbert hỏi viên tư lệnh mới: -À thế là cái lệnh cuối cùng tôi nhận được là dành cho ông đấy. Xin cho coi lệnh.

-Đây này, – người lính thủy đưa ra chữ ký của Nhà vua.

Viên trung sứ trả lại tờ giấy và nói: -Đây là những chỉ thị gởi cho ông.

Rồi quay sang d'Artagnan, ông nói với giọng xúc động vì thấy nỗi tuyệt vọng của con người sắt này: -Thưa ông, thôi xin ông vui lòng đi với tôi.

-Ngay tức khắc – D'Artagnan nói giọng yếu ớt, đành chịu khuất phục.

Thế là ông bước lên con thuyền nhỏ mang ông về Pháp theo cơn gió thuận và được thủy triều lên tiếp sức. Toán lính ngự lâm cũng đi theo ông.

Tuy nhiên, người lính ngự lâm vẫn còn có chút hy vọng là sẽ đi nhanh được đến Nantes và sẽ cố sức trình bày bênh vực các bạn trước mặt Nhà vua.

Chiếc thuyền vút đi như tên bắn. D'Artagnan thấy bờ biển hiện rõ bằng đường vạch đen trên nền mây trắng ban đêm.

Đã hơn một giờ ông không nói với người sĩ quan lời nào.

Thế rồi ông nói nhỏ: -Ô tôi thật mong biết được các chỉ thị ban cho người tư lệnh mới như thế nào? Chắc các chỉ thị đó mang tính hoà bình lắm phải không?

Ông nói chưa dứt lời thì có tiếng đại bác gầm vang trên mặt sóng, rồi lại một tiếng khác, hai hay ba tiếng nổ to hơn.

-Đã phát pháo vào Belle-Isle, – người sĩ quan trả lời.

Chiếc thuyền cũng vừa cập bến đất Pháp.

§44. Tổ tông của Porthos

Khi d'Artagnan rời Porthos và Aramis thì cả hai trở về đồn chính để nói chuyện được tự do hơn. Porthos vẫn có dáng trầm tư khiến Aramis thấy khó chịu tuy rằng tâm trí ông cũng không mấy thư thái. Ông bỗng lên tiếng: -Này Porthos, để tôi nói cho bạn nghe sự suy tính của d'Artagnan. – Thế này, d'Artagnan sẽ xin Nhà vua cho từ chức và trong cơn rối loạn vì anh ta vắng mặt thì chúng ta ra đi hay nói đúng hơn là bạn sẽ ra khơi, Porthos ạ, một mình bạn, nếu trường hợp chỉ có thể để cho một người thoát thôi.

Đến đây thì Porthos lắc đầu: -Chúng ta cùng trốn, Aramis ạ, hay là cùng ở lại thôi.

-Bạn thật có lòng tốt, nhưng tôi không vui được khi thấy nét mặt lo lắng của bạn.

Porthos đáp: -Tôi có lo lắng gì đâu?

-Bạn không bằng lòng tôi phải không?

-Tôi không có gì không bằng lòng bạn cả.

-Thế thì, bạn ơi, sao lại có nét mặt sầu thảm thế?

-Để tôi nói cho nghe: tôi đang làm tờ di chúc.

Trong khi nói những lời đó, con người tốt bụng Porthos buồn bã nhìn Aramis.

-Di chúc? Sao? Bạn nghĩ là thất bại rồi ư?

-Tôi cảm thấy mệt mỏi. Lần đầu tiên đấy. Và trong gia đình cũng có chung một sự kiện quen thuộc.

-Gì đấy, bạn?

-Ông nội tôi còn khỏe hơn tôi gấp hai lần.

Aramis kêu lên: -Ồ! ồ! Đúng ông nội bạn là Samson[323] rồi.

-Không, ông tên là Antoine. Lúc ông sống đến tuổi như tôi, có một hôm sắp đi săn, ông cảm thấy đôi chân yếu đi chuyện không bao giờ xảy ra đấy.

-Mệt như thế là làm sao?

-Dấu hiệu chẳng lành đấy. Trong lúc ra đi mà bụng cứ phàn nàn về đôi chân yếu đuối, ông gặp một con heo rừng húc lúc ông giơ súng bắn hụt nên bị tan xác chết ngay.

-Nhưng mà đó không phải là lý do để bạn hoảng hốt, Porthos ạ.

-Không, rồi bạn sẽ thấy. Cha tôi có lúc mạnh như ông. Đó là một chiến sĩ từng xông pha nhiều trận mạc dưới thời Henri III, Henri IV. Ông không phải tên Antoine mà là Gaspard như ông De Coligny. Lúc nào ông cũng xông xáo trên ngựa, không biết mệt là gì. Một buổi tối, khi đứng dậy rời bàn ăn, ông ngã khuỵu xuống.

Aramis nói: -Chắc là tại ăn uống không đầy đủ đấy chứ?

-Ồ không phải đói đâu. Ông lạ lùng vì sự yếu ớt đó và nói với bà nội tôi lúc bà dìu ông. "Không biết chừng tôi sắp gặp một con heo rừng như ông già chứ gì?".

-Thế rồi sao? – Aramis hỏi.

-Thế rồi, mặc cho đôi chân yếu, ông vẫn không chịu đi nằm mà lại muốn xuống dưới vườn. Mới ở bậc cấp đầu ông đã hụt chân. Thang lầu rất dốc, cha tôi ngã lăn đập vào một cạnh đá có gắn một cái bản lề sắt. Miếng bản lề đâm vào thái dương, ông chết ngay tức khắc.

Aramis ngước mắt nhìn bạn nói: -Hai trường hợp thật lạ lùng. Nhưng thôi đừng nghĩ là có trường hợp thứ ba. Một con người sung sức như bạn không thể tin nhảm được, bạn Porthos ạ. Với lại đôi chân bạn đâu có sụn. Bạn vẫn cứng cáp mạnh khỏe vô cùng; bạn đủ sức nhấc cả toà nhà đó ấy.

Porthos nói: -Bây giờ thì tôi chẳng có gì, nhưng lúc nãy có hồi tôi xiểng niểng, tôi muốn sụn xuống và đến bốn lần xảy ra như thế. Chuyện đó không làm cho tôi sợ đâu, nhưng chỉ làm tôi bất mãn thôi, vì được sống thì thật là đẹp. Tôi có tiền, có đất sinh lợi, có ngựa tốt, có bạn thân yêu: d'Artagnan, Athos, Raoul, và bạn.

Con người tuyệt vời Porthos cũng không giấu tình cảm mình dành cho Aramis khi lần lượt kể ra chuyện đó. Aramis nắm tay bạn nói: -Chúng ta còn nhiều năm nữa đấy để cho thế giới còn giữ được những con người hiếm thấy. Bạn cứ tin tôi đi. Chúng ta không có lời đáp của d'Artagnan là điềm tốt đấy. Chắc anh ta đang ra lệnh gom hạm đội và rút khỏi vùng biển này. Lúc nãy tôi vừa ra lệnh đẩy một chiếc thuyền trên các khúc gỗ lăn cho tới chỗ cửa động Locmaria nơi mà bạn biết là chúng ta đã đứng rình chồn cáo nhiều lần đấy.

-Đúng, động ấy thông với vịnh biển hẹp qua một ngách mà có hồi chúng ta đã khám phá ra khi đuổi theo con chồn đó.

-Khi nguy biến, ta giấu một chiếc thuyền trong động mà bây giờ chắc đã có rồi. Chúng ta ở đấy chờ đêm tối thuận tiện để ra đi.

-Ý kiến thật hay, chúng ta được lợi gì mà ở đấy?

Chúng ta được lợi là không ai biết được cái động ấy cả, không biết lối ra, trừ hai hay ba tay săn trên đảo, chúng ta được lợi là nếu đảo bị chiếm, trinh sát địch không thấy thuyền bè bên bờ tưởng rằng không ai có thể thoát được nên không ngó ngàng đến.

-Tôi hiểu rồi.

-Thế còn đôi chân thì sao?

-Ồ lúc này thì tốt lắm.

-Bạn thấy rõ là tất cả mọi sự đều giúp chúng ta yên tâm và đầy hy vọng. D'Artagnan giải toả mặt biển cho chúng ta. Không còn sợ hạm đội Hoàng gia hay cuộc đổ bộ nào cả. Thượng đế muôn năm! Porthos ơi, chúng ta còn có cả nửa

thế kỷ nữa để vùng vẫy và nếu ta đi được Tây Ban Nha thì tôi dám hứa với bạn là tước hầu của bạn nắm chắc trong tay rồi.

-Cứ hy vọng đi – Porthos trả lời, hơi vui lên vì lây cái nhiệt thành của bạn.

Bỗng nhiên có tiếng hô to: -Chiến đấu.

Aramis ra mở cửa sổ, thấy một đám đông cầm đuốc chạy đi. Đàn bà tản ra, đàn ông mang vũ khí về vị trí của mình. Một binh sĩ nhận ra Aramis, kêu lên: -Hạm đội! Hạm đội!

-Hạm đội à?

-Ở cách nửa tầm súng thôi, – người lính tiếp lời.

-Aramis gào to: -Chiến đấu!

Porthos tiếp lời vang dội.

-Chiến đấu!

Rồi cả hai tung người về phía kè đá, nấp sau các khẩu pháo. Người ta thấy có những chiếc xuồng đầy binh sĩ tiến về ba hướng để đổ quân ở ba nơi khác nhau. Một sĩ quan phòng thủ hỏi: -Bây giờ làm thế nào?

Aramis trả lời: -Ngăn họ lại, nếu họ tiếp tục tiến thì bắn?

Năm phút sau từng loạt đại bác nổ vang rền. Đó là những tiếng súng d'Artagnan nghe khi đang về Pháp.

Nhưng các xuồng đã tiến lại quá gần nên súng bắn không trúng. Chúng áp sát bờ và mọi người giáp mặt nhau chiến đấu.

-Porthos, sao thế? – Aramis hỏi bạn.

-Không có gì. Đôi chân thật khó hiểu chúng. Cứ đánh đi rồi chúng sẽ trở lại bình thường.

Quả thật Porthos và Aramis bắt đầu chiến đấu thật hăng, họ thúc đẩy quân lính hăng hái đến mức phe Hoàng gia phải vội vàng rút lui xuống xuồng, chỉ kịp mang người bị thương thôi.

Aramis kêu lên: -Porthos, phải bắt cho được một tù binh, nhanh, nhanh lên.

Porthos cúi xuống bậc cấp kè đá, nắm lấy cổ một sĩ quan Hoàng gia đang đứng chờ mọi người xuống xuồng hết mới bước theo. Cánh tay người khổng lồ chụp lấy con mồi giơ lên làm mộc che trong khi ông bước lên không có một tiếng súng nào đuổi theo.

-Tù binh đây, – Porthos nói với Aramis.

Ông này cười to: -Này, cái chân giỏi quá.

-Tôi không bắt người tù bằng chân đâu, tôi bắt bằng tay, – Porthos buồn bã trả lời.

§45. Người con của Biscarrat

Đám người Breton trên đảo đều hãnh diện vì chiến thắng.

Aramis không khuyến khích họ chút nào. Khi mọi người lui hết, ông mới nói với Porthos: -Chuyện chắc phải xảy ra là khi Nhà vua nghe được chuyện kháng cự này thì tất nổi giận hơn lên và những con người can đảm kia hẳn sẽ bị giết hết hoặc bị thiêu hết khi đảo bị chiếm, mà chắc sẽ không lâu đâu.

Porthos hỏi: -Như thế là chúng ta làm việc đó vô ích à?

-Ngay lúc này thì không vô ích đâu. Vì chúng ta có một tù binh rồi, ta có thể hỏi xem kẻ thù của ta chuẩn bị những gì.

-Phải, ta hỏi hắn, cách làm dễ nhất là chúng ta đi ăn, ta mời hắn, hắn sẽ nói lúc ăn uống.

Họ thực hiện như đã nói. Viên sĩ quan lúc đầu hơi lo lắng, nhưng rồi lại yên tâm khi biết được ông ta tiếp xúc với ai rồi.

Ông không sợ bị vạ lây, kể rõ tất cả những chi tiết và chuyện d'Artagnan từ chức và ra đi. Ông giải thích rằng sau đó, người tư lệnh mới ra lệnh bất ngờ tấn công Belle-Isle. Tới đó thì ông không còn biết gì thêm.

Aramis và Porthos tuyệt vọng đưa mắt nhìn nhau.

Aramis tiếp tục cuộc thẩm vấn tù binh hỏi xem phe Hoàng gia dự định làm gì đối với những thủ lĩnh trên đảo Belle-Isle.

Người này trả lời: -Lệnh là trong lúc đánh nhau thì giết hay bắt rồi treo cổ.

Aramis và Porthos lại nhìn nhau. Mặt hai người đỏ lên.

Aramis nói: -Tôi nhẹ cân lắm, treo không được, thứ người như tôi không để chết treo đâu.

Porthos nói: -Còn tôi thì quá nặng, thứ như tôi thì đứt dây mất.

Người tù lịch sự nói: -Tôi chắc rằng chúng tôi sẽ để cho các ngài tự chọn cái chết.

-Xin cảm ơn ngàn lần, – Aramis nghiêm giọng nói.

Porthos nghiêng mình nâng cốc: -Thêm một ly chúc mừng sức khỏe của ông.

Từ chuyện này sang chuyện khác, bữa ăn kéo dài ra; viên sĩ quan vốn là nhà quý tộc tinh tế nên nghiêng dần dần cảm tình về phía Aramis, con người thông minh đến mức hấp dẫn và Porthos tốt bụng, xuề xoà. Ông nói: -Xin lỗi cho tôi hỏi một câu. Vì rằng ai uống đến chai thứ sáu thì cũng có quyền được quên một ít.

Porthos nói: -Hỏi đi! Hỏi đi!

-Có phải hai người đã từng là lính ngự lâm phải không?

-Thưa ông, phải, và là dân thượng thặng nữa. – Porthos trả lời.

-Đúng vậy: tôi có thể nói các ông là người giỏi nhất trong các chiến sĩ đấy. Nói thế chắc là không động chạm đến vong linh thân phụ của tôi đâu.

Aramis kêu lên: -Thân phụ của ông là ai?

-Ông biết tôi tên là gì không?

-Ồ không, nhưng chắc ông chịu nói.

-Tôi tên là Georges De Biscarrat.

Đến lượt Porthos reo lên: -A! Biscarrat? – Aramis nhớ không?

-Biscarrat à? Hình như Người sĩ quan nói: -Ông chịu khó nhớ xem

Porthos nói: -Đúng rồi. Biscarrat tự Hồng y, một trong bốn người, vào ngày chúng ta kết thân với d'Artagnan đã đến chặn chúng ta lại, tay lăm lăm cây gươm.

-Thưa các ông, đúng lắm rồi.

Aramis hấp tấp nói: -Con người độc nhất mà chúng ta không làm bị thương.

-Vì là một tay kiếm cừ, – người tù binh nói.

Cả hai người bạn reo lên: -Đúng rồi, đúng rồi! Trời. Chúng tôi rất lấy làm hân hạnh được biết một con người đáng kính như ông, ông De Biscarrat ạ.

Họ giơ tay cho Biscarrat nắm chặt. Aramis nhìn Porthos như muốn nói: "Đây là người sẽ giúp chúng ta", rồi nói ngay tức khắc: -Phải công nhận là làm một con người tốt cũng thật thú.

-Phụ thân tôi cũng nói như thế.

-Phải nhận thêm nữa là thật buồn khi phải gặp người nhất định là sẽ bị bắn hay treo cổ, và nhất định khi biết rằng những người đó thuộc hạng quen biết cũ, trúc mai chi mã đấy.

Chàng tuổi trẻ nồng nhiệt nói: -A, các ông, các bạn ơi, không thể nào đến cùng đường như thế đâu.

-Ô, ông nói thế.

-Lúc tôi mới gặp các ông tôi nói thế rồi, bây giờ biết các ông tôi xin nói rõ. Nếu muốn, các ông có thể thoát khỏi tai kiếp này.

-Tại sao là: "Nếu muốn"? – Aramis kêu lên và đưa đôi mắt tinh anh nhìn người tù rồi nhìn Porthos.

Porthos cũng nhìn lại với sự cứng cỏi đáng phục: -Miễn là đừng bắt chúng tôi phải làm chuyện hèn hạ là được!

Nhà quý tộc của quân đội Hoàng gia tiếp: -Không ai đòi các ông điều gì hết. Sao ông lại muốn người ta đòi hỏi ông? Nếu người ta tìm được ông thì hết chuyện nói rồi. Cho nên các ông phải làm sao cho người ta không tìm được các ông.

Porthos nói thật oai vệ: -Tôi chắc không lầm đâu, muốn tìm được chúng tôi thì phải tới tận đây mới được.

-Về chuyện này thì bạn hoàn toàn có lý rồi, – Aramis tiếp lời mà mắt vẫn nhìn dò hỏi nơi nét mặt của Biscarrat lúc này đang im lặng và nén mình, – Thưa ông De Biscarrat, có phải ông muốn nói với chúng tôi điều gì đấy, muốn mở đường nào cho chúng tôi thật đấy không?

-Ồ các ông, các bạn của tôi; nói ra thì tôi lại phải với điều lệnh mất thôi. Nhưng nghe kìa, có tiếng gì khoả lấp tiếng của tôi đây.

-Tiếng súng đại bác. – Porthos nói.

Người ta nghe có tiếng đại bác gầm đằng xa, giữa núi đá, tiếng súng ghê hồn trong một trận chiến ngắn ngủi. Porthos hỏi: -Cái gì thế?

Aramis kêu lên: -Thôi dúng rồi, đúng như tôi nghi rồi.

-Sao?

-Cuộc tấn công của ông chỉ là giả vờ phải không thưa ông? Trong khi các đội của ông bị đẩy lùi thì chắc chắn là sẽ có một toán đổ bộ được phía bên kia đảo.

-Thưa ông, nhiều toán lắm.

-Thế là ta nguy rồi, – viên giám mục Vannes bình tĩnh nói.

Viên lãnh Chúa Pierrefonds trả lời: -Có thể là nguy. Nhưng chúng ta không dễ bị bắt, không dễ bị treo cổ đâu.

Nói xong, ông đứng dậy, tiến lại gần bức vách, lạnh lùng rút gươm, rút súng, đĩnh đạc như một người lính già sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng gởi gắm cả cuộc đời mình vào những vũ khí hoạt động tốt, hiệu quả cao của mình.

Aramis xuất hiện giữa hai cây đuốc nơi cánh cửa sổ ngó ra cái sân lớn lúc này đầy binh sĩ đang đợi lệnh và đám dân chúng đang cầu khẩn mong được cứu giúp. D'Herblay lên giọng nghiêm nghị vang vang.

-Các bạn, ông Fouquet, người bảo vệ các bạn, người bạn thân, người cha các bạn đã bị Nhà vua cho lệnh bắt và ném vào ngục Bastille rồi.

Một tràng tiếng kêu la giận dữ, đe doạ vang lên đến tận khung cửa sổ người giám mục đang đứng khiến không khí quanh đó như rung chuyển lên. Những người quá khích la lên: -Chúng ta hãy trả thù cho ông Fouquet! Giết hết bọn bảo hoàng!

Aramis nghiêm nghị trả lời: -Không các bạn ạ, chớ chống cự? Nhà vua là kẻ mang mệnh trời. Thượng đế và Nhà vua đã đánh ông Fouquet. Các bạn nên chịu trách nhiệm trước bàn tay Thượng đế. Nhưng chớ tìm cách trả thù cho người chủ các bạn; làm thế các bạn sẽ hy sinh vô ích vợ con, tài sản và thân xác các bạn: các bạn hãy buông súng xuống rồi trở về nhà. Chính tôi xin các bạn làm như thế, khẩn cầu các bạn như thế, tôi, người đã thay mặt ông Fouquet để chỉ huy các bạn đây.

Đám đông xúm xít dưới cửa sổ la lên một tràng dài rền vang đầy nỗi tức giận và sợ hãi lẫn lộn, Aramis tiếp: -Binh sĩ của Louis XIV đã vào đảo rồi. Từ nay

giữa họ và các bạn không có đánh nhau nữa, đánh nhau thì phải tàn sát thôi. Thôi đi đi, về đi và quên đi. Lần này là tôi nhân danh Chúa ra lệnh cho các bạn đấy!

Những người bạo loạn chịu khuất phục lẳng lặng rút lui tù từ Porthos nói: -Úi dà, bạn ơi, bạn vừa nói gì thế?

Biscarrat nói: -Thưa ông, ông vừa cứu được dân chúng của ông, nhưng không cứu được bạn ông và ông.

Người giám mục Vannes nói với một giọng cao cả, dịu dàng đến mức lạ lùng: -Thưa ông De Biscarrat, xin ông vui lòng lấy lại tự do của ông.

-Thưa ông, tôi rất sẵn sàng, nhưng mà…

-Nhưng mà ông làm thế là giúp chúng tôi. Vì khi báo cho người giúp Nhà vua biết việc dân chúng trên đảo chịu thần phục thì ông cũng có thể kiếm cách nào đó chen vào lời nói xin tha cho chúng tôi.

Porthos mắt toé lửa: -Xin tha? Xin tha? Cái gì thế?

Aramis thúc cùi chỏ thật mạnh vào người bạn như ông đã làm thời trẻ tuổi xưa, lúc ông muốn báo cho Porthos biết ông đã làm hay sắp làm điều gì đó. Porthos hiểu nên nín bặt, Biscarrat cũng hơi ngạc nhiên vì từ xin tha đó thốt ra từ miệng của người lính ngự lâm kiêu hãnh mới vừa say sưa kể lại những chiến tích trong đời mình.

-Thưa các ông, tôi sẽ đi.

Aramis cúi chào: -Xin ông cứ đi, ông De Biscarrat, ạ, và xin thành thật cảm ơn ông trước.

Người sĩ quan cảm động, nói lời từ giã hai người cựu thù của phụ thân ông.

-Quý ông là những người tôi thật hân hạnh lúc này được gọi là bạn, theo như các ông muốn thế, nhưng rồi các ông sẽ ra sao?

-Chúng tôi chờ đợi ở đây. Tôi là giám mục Vaunes, ông De Biscarrat ạ. Chắc người ta không giết một linh mục đâu, cũng như người ta không treo cổ một nhà quý tộc đâu.

-Ồ thưa ngài, thưa quý ngài, đúng rồi. Đúng, ngài có lý, ngài còn có điều may đó. Thôi tôi đi về với người chỉ huy chiến dịch. Xin vĩnh biệt, ồ, xin tạm biệt.

Aramis nhìn anh ta đi và chỉ còn lại một mình với Porthos.

-Sao? Bạn hiểu chưa?

-Thật tình chưa.

-Biscarrat ở đây vướng chân bạn phải không?

-Không đâu, thằng bé được lắm.

-Nhưng, cái hang Locmaria đâu có cần cho mọi người biết.

-Ồ, đúng, đúng rồi. Tôi hiểu rồi. Ta chui theo đường hầm.

Aramis trả lời: -Xin mời, mời bạn Porthos lên đường. Thuyền đang chờ chúng ta và Nhà vua chưa chộp được chúng ta đâu.

§46. Trong động Locmaria

Động Locmaria ở khá xa kè đá nên hai người bạn của chúng ta phải giữ sức để đi cho tới nơi.

Họ đi qua cánh đầm lầy nằm giữa kè đá và động, tai lắng nghe mọi động tĩnh và cố tránh tất cả những chỗ phục kích. Họ đi thật vội vã, nhưng vẫn nhiều lần phải thận trọng dừng lại và cuối cùng đến cái động mà trong đó ông giám mục Vannes lo xa đã để sẵn một chiếc thuyền trên đà gỗ lăn để có thể ra khơi bất cứ thời tiết nào. Sau khi thở dốc, Porthos nói: -Bạn ạ, hình như đến nơi rồi. Nhưng cũng hình như bạn có nói với tôi rằng có ba người, ba người giúp việc đi theo, thế họ đâu rồi?

Aramis trả lời: -Porthos thân mến ơi, làm sao ta thấy được. Chắc họ đang ở trong hang và không biết chừng lại nằm ngủ đâu đó sau khi làm xong công vlệc mệt nhọc khó khăn này đấy.

Ông giơ tay ngăn khi thấy Porthos muốn đi vào động: -Bạn để cho tôi đi trước được không? Tôi biết tín hiệu đã thỏa thuận với những thuộc hạ của tôi, nếu không họ lại bắn vào anh hay cho anh một nhát dao từ trong bóng tối thì phiền.

-Đi trước đi, Aramis, bạn thì lúc nào cũng khôn ngoan cẩn thận. Tôi cũng đang phải chịu cơn mệt mà tôi đã nói với bạn đấy!

Aramis để Porthos ngồi trước cửa động, rồi cúi đầu đi vào bên trong, miệng kêu giả tiếng cú rúc. Sâu bên trong động, có tiếng cu gù nho nhỏ đáp lại.

Aramis tiếp tục bước thận trọng và dừng ngay lại lúc nghe có tiếng gù như lần đầu, cách ông độ mươi bước.

Ông hỏi: -Yves đấy phải không?

-Thưa Đức ông vâng. Có cả Goerrec và con anh ấy theo ta.

-Tốt, mọi sự êm xuôi cả đấy chứ?

-Thưa Đức ông, vâng.

Anh ra ngoài cửa động gặp nhà quý tộc xứ Pierrends ở đấy đang ngồi nghỉ mệt, đang bước xuống từng bước nặng nề vang động giữa hàng cột đá hoa cương chống trần hang. Aramis nói: -Chúng ta đi thăm chiếc thuyền xem thử chứa gì trong ấy?

Chủ thuyền Yves nói: -Chớ đem đèn gần quá vì như theo lời ngài dặn, nơi phía lái tôi đã để thùng thuốc súng với đạn pháo tay gởi từ đồn tới.

-Được rồi, – Aramis trả lời.

-Thế rồi ông cầm đèn đi soi kỹ lưỡng mọi ngóc ngách trên thuyền với cung cách của một con người đứng trước nguy hiểm không hề nhút nhát, sợ sệt.

Chiếc thuyền dài, nhẹ, nổi nhiều, là loại ở Belle-Isle đóng kỹ, lườn hơi cao, vững vàng dưới nước, rất dễ sử dụng và có trang bị những tấm ván che cho người chèo và ngăn sóng đập vào khi biển động. Trong hai thùng đậy kín, đặt dưới mũi thuyền và sau lái, Aramis thấy có sẵn bánh mì, bánh bích quy, trái cây khô thịt mỡ và các bình đầy nước, tất cả đủ cung cấp cho mọi người ở đấy. Vũ khí gồm có súng trường và súng lục cho người kỵ sĩ, đều ở tình trạng tốt và có lắp đạn sẵn. Có các mái chèo dự bị trong trường hợp hư gãy và một chiếc buồm nhỏ không làm nặng thuyền mấy để phụ cho các tay chèo khi có gió thổi.

Khi Aramis xem xét xong, ông rất bằng lòng và nói với Porthos.

-Bây giờ chúng ta phải xem thử nên kéo thuyền qua phía cửa hang bên kia hay là đem thuyền ra ngoài, kéo trên các cục lăn qua các bụi rậm, qua vách đá cao tới hai mươi bộ, nhưng xuống ngay được chỗ nước sâu.

Chủ thuyền Yves kính cẩn trả lời: -Tôi thấy là theo độ dốc và theo bóng tối đen của động thì con đường chuyển thuyền của ta cũng không tiện bằng lối chuyển ngoài trời đâu. Tôi biết vách đá đó, tôi cam đoan nó bằng phẳng như là bãi cỏ trong vườn thôi. Phía trong động thì gồ ghề chưa kể là phía đầu kia phải qua các ngách chưa chắc thuyền ta đã lọt được đấy.

Người giám mục trả lời: -Tôi đã tính rồi, chắc chắn là lọt qua được.

Người chủ thuyền gắng cản: -Thưa Đức ông, tôi cũng mong như thế. Nhưng ngài cũng biết là muốn qua ngách phải đẩy hòn đá lớn, nơi con chồn luồn qua phía dưới để vào ngách động đấy.

Porthos nói: -Không sao đâu. Đẩy nó đi.

-Ồ, tôi biết Đức ông có sức bằng mười người, nhưng sợ làm Đức ông mệt nhiều.

Aramis nói: -Ông chủ thuyền nói có lý. Thôi, hãy thử đẩy thuyền ra ngoài xem sao.

Người chủ thuyền nói tiếp: -Thêm nữa là vì nếu phải bỏ công nhiều quá thì chúng ta không thể đi trước lúc trời sáng được mà sáng ra thì ta cần phải đặt ngay thuyền nơi cửa động đến canh chừng các tàu tuần tình mò chúng ta.

-Đúng, Yves ạ, anh nói phải đấy. Ta đi về phía bờ đá vậy.

Ba người Breton lực lưỡng đặt đòn lăn dưới thuyền sắp đẩy đi thì có tiếng chó sủa đằng xa vọng qua cánh đồng. Aramis vụt ra khỏi hang. Porthos theo sau.

Trời rạng ra, nhuộm các đảo và cánh đồng một màu hồng nhạt và màu sáng bạc mờ mờ. Trong làn ánh sáng chập choạng, những cây thông nhỏ rũ buồn vặn vẹo trên vách đá và từng đàn quạ lượn đôi cánh đen sà xuống các đồng lúa kiều mạch lưa thưa. Tiếng chó sủa kéo vọng dài trong hẻm núi sâu, cách hang chừng một dặm. Porthos nói: -Chó săn đấy? Chúng được cho đi đánh hơi.

Aramis nghĩ: -Gì thế? Ai mà lại đi săn vào lúc thế này?

Porthos tiếp: -Và lại săn ở đây, ở nơi ta đang sợ bọn lính Hoàng gia đến!

-Tiếng chó gần lại rồi, Porthos, bạn có lý đấy. Chúng đang dò theo vết con mồi.

Rồi ông vụt kêu lên: -Ơ, Yves, Yves đến đây nhanh lên.

Yves đang cầm thanh gỗ định chèn dưới thuyền, nghe tiếng vị giám mục kêu vội bỏ đấy chạy lại.

Porthos hỏi: -Chuyện đi săn như thế này là nghĩa lý gì?

Người Breton trả lời: -Thưa Đức ông, tôi cũng không biết. Nhà quý tộc ở Locmaria đâu có thể đi săn vào lúc này được. Thế mà, bọn chó.

-Chắc là chúng sổng chuồng?

-Không, – Goennec nói, – không phải chó của nhà quý tộc Locmaria.

Aramis tiếp: -Cẩn thận hơn hết là ta đi vào động. Tiếng chó đến gần rồi, chốc nữa, ta sẽ biết là của ai.

Họ đi vào mới được năm bước trong bóng tối thì có tiếng thở ồ ồ của một con vật hoảng hốt nổi lên trong động, rồi một con chồn thở hồng hộc vụt chạy qua trước mặt bọn người trốn nấp, nhảy qua chiếc thuyền rồi biến mất để lại phía sau mùi xạ thỏang vài giây dưới vòm động.

-Con chồn! – Đám người Breton kêu lên theo thói quen của tay săn giật mình.

-Rủi cho chúng ta, – Aramis kêu lên – chỗ chúng ta núp bị lộ rồi.

Porthos hỏi: -Sao thế? Sao chúng ta lại sợ con chồn?

-Ờ, bạn ơi, nói gì thế, ta sợ gì con chồn? Không phải chuyện đó đâu. Bạn không biết là sau con chồn là đến con chó, sau chó là người sao?

Như để xác nhận lời của Aramis, bầy chó săn hung hăng theo vết con vật chạy ào tới như gió lốc. Sáu con chó cùng lúc ló ra từ phía đầm lầy, sủa vang như tiếng kèn thắng trận. Aramis đứng nấp sau kẽ hở của hai hòn đá, nhìn ra và nói: -Có đây rồi, người đâu?

Người chủ thuyền nói: -Nếu là nhà quý tộc ở Locmaria thì ông ta không vào mà để chó tự lùng trong hang, vì ông ta biết chỗ, cứ để chúng đuổi theo và ông ta qua bên cửa kia đón sẵn con chồn.

-Không phải nhà quý tộc ở Locmaria đi săn, – vị giám mục trả lời mà tái mặt.

-Thế thì là ai? – Porthos hỏi.

-Trông kìa!

Porthos nép sát vào lỗ hổng và thấy trên đồi có khoảng mười hai người kỵ sĩ đang thúc ngựa theo sau bầy chó.

-Quân cận vệ.

-Đúng đấy bạn, cận vệ của Nhà vua.

-Thưa Đức ông, cận vệ của Nhà vua à? – Những người Breton xanh mặt nói theo.

Aramis nói tiếp: -Có Biscarrat dẫn đầu, cỡi ngựa xám.

Cùng lúc ấy, bọn chó chạy ùa vào động như nước lũ và cả vách đá vang lên tiếng sủa điếc tai. Aramis lấy lại tất cả bình tĩnh trước mối hiểm nguy không gì tránh được đó.

-Chúng ta nguy rồi. Nhưng ít ra ta cũng còn có một cơ hội may mắn. Nếu bọn lính cận vệ theo chó đến đây thấy có lối vào hang thì hết hy vọng vì vào thì chúng thấy thuyền, thấy chúng ta mất. Cho nên không để cho bọn chó ra, không để cho chủ chúng vào.

Vị giám mục tính toán thật chính xác và nhanh chóng theo lối quen chỉ huy: -Các anh hiểu không? Sáu con chó thế nào cũng phải dừng lại trước tảng đá mà con chồn chui qua được nhưng chó không qua được và phải bị giết.

Những người Breton cầm dao chạy tới. Vài phút sau có những tiếng ư ử xen lẫn tiếng rú, rồi không có gì nữa cả. Aramis lạnh lùng nói: -Tốt. Bây giờ tới phiên chủ chúng.

Porthos hỏi: -Làm gì đây?

-Đợi chúng đến, nấp đi và giết.

-Giết à?

Aramis bảo: -Phải xong trong mười phút. Nào? Yves, Goennec và chú em trai đưa súng cho chúng tôi. Porthos đợi đến đúng tầm tay hắn. Chúng ta sẽ giết ngay tám người trước khi chúng kịp trở tay. Chúng ta sẽ tiễn chúng đi bằng dao găm.

Porthos hỏi: -Còn anh chàng Biscarrat đáng thương thì sao?

Aramis nghĩ ngợi một chút rồi lạnh lùng nói: -Giết Biscarrat trước. Vì hắn biết chúng ta.

Mặc dầu Aramis thật giỏi tính toán, nhưng chuyện xảy ra toàn là tình cờ, nên không diễn ra như ý ông tiên liệu.

Người sĩ quan có ngựa tốt hơn nên đến ở cửa động trước các bạn và biết ngay là chồn; chó đều chui vào đấy. Tuy nhiên, cũng như bất cứ ai vẫn thường sợ các ngách động tối đen, anh ta dừng lại và chờ người đi theo tụ tập. Cả đoàn người thở dốc ngạc nhiên trước sự bất động của bạn.

-Sao?

-Không nghe tiếng chó nữa. Có lẽ chồn và chó đều vào sâu trong hang hết cả rồi.

Một người lính cận vệ nói: -Chúng theo sát lắm, không lạc được mồi đâu. Với lại, chúng ở ngoài thì ta cũng nghe tiếng nơi này hay nơi khác. Vậy chắc như lời Biscarrat, chúng phải ở trong động này.

Một người khác: -Nhưng lạ làm sao là ta không nghe tiếng chó nữa?

Lại một người khác: -Lạ thực.

Một người thứ tư: -Thế thì ta vào động đi. Có lệnh cấm vào không?

Biscarrat trả lời: -Không có. Nhưng mà tối quá, ngã gãy cổ đấy.

Một người lính cận vệ: -Bọn chó không gãy cổ mà! Chúng ra sao hết rồi?

Một người chủ gọi tên chó của mình, huýt gọi theo lối quen thuộc, nhưng không có tiếng nào đáp lại. Biscarrat nói: -Không lẽ động có ma. Để xem sao.

Anh ta xuống ngựa, cất bước vào động.

-Đợi đợi tôi theo với, – một người lính cận vệ kêu với theo khi thấy Biscarrat sắp sửa biến vào vùng tranh tối tranh sáng.

Biscarrat trả lời: -Không, chắc có điều gì lạ đây, đừng liều, nếu trong mười phút nữa không có tin tôi thì các anh hãy vào, mà vào một lượt.

-Được rồi, chúng tôi đợi, – những người trẻ tuổi trả lời vì tin rằng Biscarrat chẳng gặp nguy hiểm gì lớn lắm.

Rồi họ không xuống ngựa mà đứng vây quanh động. Cho nên Biscarrat đi một mình trong hang tối đen, đến tận mũi súng của Porthos. Anh thấy vật lạ cản nơi ngực nên ngạc nhiên vươn tay ra nắm lấy nòng súng lạnh ngắt. Cùng lúc, Yves giơ dao sắp đâm mạnh xuống người trẻ tuổi với tất cả sức lực có trong cánh tay của một người Breton thì cánh tay sắt của Porthos cản lại rồi có tiếng "ồ" gầm lên trong đêm tối: -Tôi không cho ai giết hắn.

Biscarrat như vậy là đang ở giữa một sức bảo vệ và một sự đe doạ, cái nào cũng ghê gớm như nhau. Dù can đảm đến đâu, người trẻ tuổi cũng thốt lên tiếng kêu, bị chặn lại vì chiếc khăn tay của Aramis nhét vào miệng. Ông nói nhỏ với anh ta: -Ông Biscarrat ạ, chúng tôi không muốn làm hại ông, và ông phải biết điều đó vì ông đã nhận ra chúng ta rồi, nếu ông nói lên một tiếng, thở một chút, phì một hơi là chúng tôi giết ông như đã giết chó của ông đó.

Người trẻ tuổi nói nhỏ: -Phải, tôi nhận ra các ông rồi. Nhưng sao các ông lại ở đây? Làm gì ở đây? Thật rủi ro? Tôi cứ tưởng các ông ở trong đồn.

-Còn ông, chắc ông đã giúp chúng tôi được một ít chứ gì?

-Tôi gắng làm hết sức, nhưng thưa các ông có lệnh rõ ràng rồi.

-Lệnh giết chúng tôi?

Biscarrat không trả lời gì cả. Nói về sợi dậy treo cổ với các nhà quý tộc này thì cũng như đem quàng nó vào mình. Aramis hiểu sự im lặng đó của người tù binh: -Ông De Biscarrat ạ, ông đã chết rồi nếu như chúng tôi không tiếc cho tuổi trẻ của ông và sự quen biết với cha ông xưa kia. Còn bây giờ ông cũng có thể thoát chết lần nữa nếu không nói với các bạn những gì ông thấy ở đây.

-Không phải chỉ không nói mà còn cố sức ngăn bạn bè tôi đặt chân vào đây.

-Biscarrat? Biscarrat? – Ở bên ngoài có nhiều tiếng gọi và hút theo ngách động như một luồng gió xoáy.

Aramis nói: -Trả lời đi.

-Tôi đây, – Biscarrat kêu lên.

-Thôi đi đi chúng tôi tin ở lòng trung thực của anh.

Nói rồi, ông thả người trẻ tuổi ra. Biscarrat tiến lại phía ánh sáng.

-Biscarrat! Biscarrat! – Những tiếng kêu càng tiến gần lại.

Thế rồi có các bóng người đổ vào bên trong động.

Biscarrat chạy vụt về phía trước đón các bạn, chặn kịp lúc họ suýt tiến vào trong động. Nhờ ánh sáng bên ngoài, một người kêu lên: -A! Anh xanh dễ sợ?

Một người khác kêu tiếp: -Xanh à? – Phải nói là mét mới đúng?

-Tại sao? – người trẻ tuổi nói mà trong lòng cố gắng hết sức để tự trấn tĩnh.

Cả bọn cùng la lớn: -Ôi trời à, anh gặp chuyện gì đấy?

Một người khác cười vang: -Bạn ơi, anh không còn một giọt máu nào trong người hết.

Lại một người khác: -Các ông ơi, chuyện nghiêm trọng rồi, hắn sắp ngất đi đấy, ai có mang muối trong mình không?

Rất tất cả phá lên cười ầm ĩ.

Mọi câu hỏi vặn, mọi lời giễu cợt đều đan xen chung quanh Biscarrat giống như cơn lửa đạn trong một trận giáp chiến. Anh ta lấy lại được tinh thần và nói: -Có thấy gì đâu. Lúc vào động trời nóng quá, trong ấy tôi lại bị lạnh, có thế thôi.

-Còn chó, anh có thấy mấy con chó không?

Biscarrat nói: -Chắc là chúng đi vào ngả khác rồi.

Một người trẻ tuổi nói: -Này các ông, trong chuyện vừa xảy ra, qua nét mặt xanh mét không chịu nói của bạn ta thì chắc có chuyện lạ mà Biscarrat không muốn hay là chắc không thể nói ra. Nhưng đúng chắc là Biscarrat đã thấy cái gì trong động. Tính tôi hay tò mò, cứ muốn biết xem hắn đã thấy những gì, dù là yêu tinh gì cũng được.

-Hè! Vào động đi các ông ơi! Vào động đi!

Tiếng vọng trong động vang đến tai Aramis và Porthos như một lời hăm doạ "Vào động đi! Vào động đi!" Biscarrat nhảy vụt ra chắn trước mặt các bạn, kêu lên: -Các ông, các ông! Chớ có vào! Trời à!

Nhiều tiếng nói nổi lên: -Có gì ghê gớm trong ấy thế?

-Nói đi, Biscarrat!

Nhất định là hắn gặp yêu tinh, đó là lời của người đầu tiên nêu ra giả thiết ấy.

-Ồ hắn đã thấy yêu tinh thì không thể đứng đây ngăn chúng ta không được thấy.

-Các ông, xin can các ông. – Biscarrat van lơn. Xin các ông đừng vào?

-Nhưng anh, anh đã vào mà?

Thế rồi, một sĩ quan lớn tuổi hơn những người khác từ nãy giờ vẫn đứng phía sau, bây giờ tiến lên nói giọng bình tĩnh khác với giọng sôi nổi của các bạn.

-Thưa các ông, trong đó có người nào hay vật gì không phải là yêu linh nhưng có sức để làm cho lũ chó chúng ta im tiếng. Ta phải tìm biết các người hay vật gì đó.

Biscarrat cố tìm cách ngăn các bạn lần chót nhưng không được. Anh nhảy ra trước mặt những người táo bạo nhất. Vô ích.

Vô ích khi anh bám vào đá để chặn làn sóng người theo chân người sĩ quan lớn tuổi nói sau nhưng làm trước đi vào, tay mang gươm tuốt trần để đề phòng mối hiểm nguy chưa biết.

Biscarrat bị các bạn đẩy lùi, không thể theo họ vào hang được vì sợ Aramis và Porthos coi là kẻ phản bội thất hứa. Anh đứng dựa vào một tảng đá xù xì tai nghe ngóng hai tay chắp lại, cứ mong cho đạn hai bên bắn nhau có một phát trúng vào ngay mình.

Các lính cận vệ đi càng lúc càng sâu với tiếng kêu la càng lúc càng yếu dần trong động. Thình lình, một loạt đạn súng tay vang lên như sấm dưới vòm hang.

Hai ba viên trúng vào tảng tá, Biscarrat đang dựa. Cùng lúc ấy có những tiếng rên rỉ, kêu thét, cầu khẩn vang lên và toán quân nhỏ hiện ra, có người xanh mét, có người máu chảy đầm đìa, giữa một đám khói toả như là bị khí trời bên ngoài hút từ trong đáy động ra. Những người chạy tới la lên: -Biscarrat! Biscarrat! Mày biết trong động có phục binh mà mày không chịu nói với bọn tao.

-Biscarrat, mày làm cho bốn người trong chúng ta bị giết! Khốn cho mày rồi đó, Biscarrat!

-Mày làm cho ta bị tử thương đấy, – một người trẻ tuổi vừa nói vừa vốc máu trong tay ném vào mặt Biscarrat. – Máu tao sẽ làm cho máu mày đổ!

Rồi anh ta lăn ra hấp hối dưới chân người trẻ tuổi. Nhiều tiếng kêu giận dữ la lên: -Nhưng ít ra mày cũng phải nói cho chúng tao biết là ai ở trong kia!

Biscarrat nín lặng.

-Nói đi, không thì chết? – Người bị thương kêu lên và gắng gượng quì một chân, tay chĩa thanh gươm lúc này đã trở thành vô ích vào người trẻ tuổi, Biscarrat vội chạy đến phía hắn, mở ngực ra và sẵn sàng nhận nhát đâm, nhưng người bị thương đã buông mình xuống, không trở dậy nữa và thốt ra tiếng thở hắt cuối cùng.

Biscarrat đầu óc rối bời, mắt ngơ ngác, không nghĩ ngợi gì được hết, cứ đi thẳng vào trong động, tự bảo: “Anh nói đúng, ta phải chết đi, tội ở ta đã để cho các bạn bị ám sát. Ta là thằng hèn”.

Thế rồi anh ném thanh gươm đi xa và vì muốn chết mà không phải tự vệ; anh cúi cầu, chạy vụt vào đường hầm. Mười một người còn lại bắt chước theo.

Họ chưa đi xa được hơn lúc trước thì một loạt đạn thứ hai làm năm người ngã xuống cát. Không thể nào thấy rõ cú sấm sét chết người ấy từ đâu đến, những người còn lại phải hoảng hốt lui ra. Nhưng chỉ mình Biscarrat không lùi, cứ ngồi đợi trên một tảng đá, mà yên lành, không một vết thương. Bây giờ chỉ còn có sáu người cận vệ. Một người nói: -Có phải thực là yêu tinh không?

Một người khác: -Úi, còn hơn nữa kìa?

-Hỏi Biscarrat xem, hắn biết.

-Hắn đâu?

Những người trẻ tuổi nhìn quanh, không thấy Biscarrat trả lời.

Có hai, ba tiếng: -Hắn chết rồi.

-Không, chưa đâu, tôi thấy hắn đứng giữa đám khói, bình tĩnh ngồi trên một hòn đá, bây giờ nhất định hắn đang chờ chúng ta trong động đấy.

-Chắc hắn biết những kẻ trong động.

-Sao mà biết được?

-Hắn bị bọn nổi dậy bắt một lần.

-Đúng rồi. Gọi hắn đi, xem chúng ta gây chuyện với ai đây!

Nhưng Biscarrat không hề trả lời. Người sĩ quan đã tỏ ra điềm tĩnh nói: -Tốt! Bây giờ chúng ta không cần đến hắn nữa, tiếp viện đến kìa.

Đúng vậy, một đại đội cận vệ khoảng 75-80 người bị các sĩ quan hăng hái theo cuộc săn bỏ rơi đằng xa, đang tiến đến có trật tự, dẫn đầu là người đại uý và người phụ tá thử nhất.

Năm cận vệ chạy lại trước toán lính, hấp tấp kể chuyện vừa xảy ra và cầu cứu. Viên đại uý chặn lại hỏi: -Bạn các anh đâu?

-Chết rồi.

-Các anh có mười sáu người mà.

-Mười người chết. Biscarrat trong động, và chúng tôi ở đây năm.

-Biscarrat bị bắt phải không?

-Chắc vậy – Không, hắn ta đấy, trông kìa.

Đúng vậy, Biscarrat đã hiện ra ngoài cửa động. Đám sĩ quan nói: -Anh ta ra dấu cho chúng ta lại kìa! Đi đi!

-Đi đi! – Cả toán đồng thanh rồi cùng đến trước mặt Biscarrat.

Viên đại uý nói với Biscarrat: -Thưa ông, người ta bảo với tôi là ông biết những người trong hang đang chống cự tuyệt vọng. Đó là ai vậy? Nhân danh Hoàng thượng tôi buộc ông phải nói những điều ông biết.

Biscarrat nói: -Thưa đại uý, ông khỏi cần mất công bắt buộc tôi, tôi vừa mới được giải toả lời hứa xong. Những người ấy để tôi đến đây để nói là họ sẽ chống cự đến chết nếu chúng ta không chịu nhận thỏa hiệp.

-Họ có bao nhiêu người?

-Hai – Biscarrat nói.

-Chỉ có hai, mà muốn đặt điều kiện với chúng ta à?

-Họ có hai, mà lại vừa giết ta mười người đấy.

-Họ là ai thế? Những người khổng lồ à?

-Còn hơn thế nữa. Chắc đại uý nhớ câu chuyện pháo đài Saint-Gervais?

-Ờ, ở đó bốn người lính ngự lâm chống lại cả một đạo quân.

-Đúng, hai người trong kia là những người lính ngự lâm đó

-Tên họ là…

-Vào lúc đó, người ta gọi họ là Porthos và Aramis. Bây giờ họ là ngài D'Herblay và ngài Du Vallon. Chính họ chống giữ cho ông Fouquet đấy.

Những người lính xì xầm khi nghe hai tiếng "Porthos và Aramis". Họ lập lại với nhau: "Lính ngự lâm, lính ngự lâm pháo thủ.

Những người trẻ tuổi này khi có ý nghĩ là họ sẽ phải đương đầu với hai con người có tăm tiếng nhất của quân đội, họ rùng mình, vừa sợ hãi vừa đầy hứng khởi. Bốn cái tên d'Artagnan, Athos, Porthos và Aramis được những tay kiếm tôn thờ như các tên Hercule, Thésée, Castor và Pollux được tôn thờ trong thời xa xưa.

Viên đại uý kêu lên: -Hai người mà giết được mười người của ta? Không thể được, ông Biscarrat ạ.

Người này trả lời: -Ô, thưa đại uý, tôi không giấu rằng họ cũng có hai, ba người phụ giúp như hồi các tay lính ngự lâm ở St. Gervais cũng có ba, bốn người giúp việc. Nhưng mà ông cứ tin tôi đi, tôi đã thấy họ, đã bị họ bắt, tôi biết rõ họ. Chỉ có mình họ thôi cũng đủ tiêu diệt cả một quân đoàn.

Viên đại uý nói: -Để xem, chốc nữa thì biết. Các ông chú ý đây!

Nghe nói như thế, mọi người đều im lặng, sẵn sàng tuân lệnh. Chỉ có Biscarrat cố thử lần chót. Anh ta nói nhỏ: -Thưa ông, cứ tin tôi đi. Chúng ta bỏ qua vụ này. Hai con người ấy, hai con sư tử ta sắp tấn công ấy sẽ chiến đấu đến chết.

-Họ đã giết của ta mười người, họ sẽ giết gấp đôi thế và cuối cùng sẽ tự tử hơn là chịu đầu hàng. Ta có lợi gì mà đánh họ?

-Thưa ông, ta có được điều là lương tâm ta không cho phép để cho tám chục lính cận vệ của vua lại chịu rút lui trước hai tên phản loạn. Nếu tôi nghe lời ông, thì tôi sẽ mất danh dự, mất danh dự của tôi là mất danh dự của quân đội. Các bạn hãy tiến lên đi!

Thế rồi ông đi trước đến cửa hang.

Đến đây, ông dừng lại. Dừng để Biscarrat và các bạn trẻ cho ông biết địa thế bên trong hang. Rồi nghĩ rằng đã biết đủ, ông chia đại đội làm ba phân đội, nối nhau tiến vào, bắn tới tấp đủ mọi hướng. Đánh theo kiểu này thì chắc là sẽ chết năm người nữa, mười người không biết chừng, nhưng rồi lại sẽ bắt được hai tên phản loạn vì chúng không có đường rút lui và cũng không thể giết hết tám mươi người, Biscarrat nói: -Xin đại uý cho tôi đi đầu toán tiên phong.

Người đại uý trả lời: -Được ông đáng được vinh dự đó. Đây là món quà tặng của tôi gửi cho ông.

-Cám ơn? Người trẻ tuổi nói giọng cương quyết của con nhà nòi.

-Thế thì cầm kiếm đi.

-Thưa đại uý, tôi đi như thế này thôi, tôi vào không phải để giết mà là để bị giết.

Rồi anh ta đứng trước toán quân, ngẩng đầu lên khoanh tay lại, nói: -Chúng ta đi đi, các ông.

§47. Bài ca chiến đấu

Bây giờ đến lúc ta quay sang phía bên kia trận tuyến và tả ra những người chiến đấu cũng như bãi chiến trường.

Aramis và Porthos dấn mình vào động Locmaria là để lấy chiếc thuyền đã chuẩn bị sẵn sàng, cùng với ba người Breton phụ giúp chuyển thuyền qua đường hầm trốn đi. Nhưng con chồn và bầy chó đến khiến cho họ phải đành ẩn nấp kỹ.

Động rộng gần trăm sải tay, trải dài tới một bờ dốc xuống vịnh. Ngày xưa đây là một cái đền tà thần đã chứng kiến nhiều cuộc hiến tế người bị xô xuống vực sâu.

Qua con đường đi xuống qua một mái vòm đá thấp là tới phần động thứ nhất. Bên trong, mặt đất gồ ghề, phía trên nhũ đá tua tủa chĩa xuống, được chia ra làm nhiều ngăn, nhiều bậc thông nhau, cao thấp, gập ghềnh khác nhau cách nhau bằng những cây cột tự nhiên. Ở ngăn thứ ba, vòm động thấp, hành lang hẹp đến nỗi chiếc thuyền kéo đi vừa sát với hai bờ vách. Tuy nhiên trong hoàn cảnh tuyệt vọng thì ý chí con người cũng bãt gỗ phải mềm đi, đá cũng phải vui lòng nhường bước.

Đó là ý nghĩ của Aramis sau lúc lâm trận, lúc ông quyết định phải trốn đi. Cuộc trốn chạy thật nguy hiểm vì không phải những kẻ tấn công đều bị chết hết và cho rằng nếu đem được thuyền ra biển thì cũng phải chạy giữa ban ngày ngay trước mũi những người chiến bại, trông thấy số người chiến thắng ít tất họ phải đuổi theo.

Khi bắn xong hai loạt súng giết mười người, Aramis theo các ngách quen thuộc, đến đếm từng xác chết một vì khói mù mịt không thể đứng ngoài mà biết được. Rồi ngay tức khắc, ông ra lệnh lăn thuyền đi đến chỗ tảng đá lớn chắn ngang, ngăn con đường giải thoát.

Porthos lấy hết sức lực dùng hai tay nâng thuyền lên và khi ba người Breton chạy theo đẩy các con lăn thật nhanh. Mọi người đi xuống ngăn động thứ ba và đến trước tảng đá chắn.

Porthos ôm chân tảng đá khổng lồ ấy, kê chiếc vai lực lưỡng của mình lên, đẩy một cái làm rung rinh cả khối. Một đám mù bụi bặm rơi từ trên vòm xuống mang theo phân, rác của mười ngàn thế hệ chim biển xây các tổ dính cứng vào tảng đá.

Đẩy đến lần thứ ba thì tảng đá chịu nhúc nhích, đu đưa một chút. Porthos dựa mình vào những tảng đá bên cạnh lấy chân chống lại, đẩy nó ra khỏi mớ đá vôi dính gắn với vách vòm rộng. Tảng đá ngã ra rồi, ánh sáng rực rỡ, chói lọi qua khung cửa hang tràn vào và biển xanh hiện ra trước mắt những người Breton ngây ngất hân hoan.

Mọi người cho thuyền qua vật cản đó và tính chỉ còn hai chục sải lay nữa là ra đến biển. Chính vào lúc ấy đại đội cận vệ ập tới, xếp hàng và sẵn sàng tấn công.

Aramis trông thấy đoàn tiếp viện, đếm người và chỉ thoáng qua là hiểu rõ mối nguy không vượt qua được nếu chiến trận xảy ra lần nữa. Làm sao có thể chạy trốn ra biển trong khi con đường hầm bị tràn ngập! Thật vậy, ánh sáng vừa ùa vào soi rọi các khúc hang phía này tất sẽ chỉ cho toán lính thấy chiếc thuyền đang được đẩy ra biển, thấy được hai người phản loạn ở đúng tầm súng và chỉ một loạt đạn, nếu không giết chết năm người thì cũng làm lủng chiếc thuyền.

Thêm nữa, giả dụ cho cùng là nếu thuyền và người trên đó thoát được xuống biển thì làm sao khỏi có báo động? Làm sao các tàu của Hoàng gia không được tin? Làm sao chiếc thuyền khốn khổ này không tan nát trước khi đêm xuống? Aramis nói nhỏ với Porthos lúc bây giờ đang làm việc có hiệu quả hơn cả con lăn và người lăn: -Bạn ạ, họ vừa có tiếp viện.

Porthos thản nhiên hỏi: -Ồ! Thế là làm gì bây giờ.

Aramis nói: -Lại đánh thôi, nhưng còn tùy ở may rủi.

-Đúng vậy, vì khó có thể nào người ta không giết chết được một trong hai chúng ta, mà nhất định là nếu một người chết thì người kia cũng chết theo.

Aramis nghe như có con dao đâm xuyên qua tim.

-Chúng ta không ai chết cả nếu Porthos nghe lời tôi.

-Nói đi!

-Bọn kia sắp xuống động.

-Đúng rồi!

-Chúng ta có thể giết độ mười lăm người nhưng không thể hơn. Nếu họ bắn một loạt thì chúng ta sẽ như cái mặt rổ.

-Nhất định rồi.

Aramis nói thêm: -Không kể là tiếng nổ làm đá trong động lăn đổ xuống.

-Đúng vậy, vừa rồi một cạnh đá làm tôi rách vai đấy, nhưng không sao đâu.

-Phải quyết định ngay. Để các anh em Breton đẩy chiến thuyền xuống biển.

-Được lắm.

Hai chúng ta ở đây giữ thùng thuốc súng, súng đạn.

-Nhưng, Aramis, hai chúng ta không thể bắn ba phát đạn cùng một lúc được, dùng súng không được.

-Ta hãy tìm cách khác.

Người khổng lồ vụt nói: -Tôi tìm ra rồi. Tôi mang thanh sắt này đứng lấp sau trụ đá không ai thấy, không ai đánh được, chờ đến khi họ ào vào, tôi phang xuống đầu họ, hai giây một cú? Sao? Kế đó được không?

-Tốt quá bạn ạ, tôi rất tán thành. Tuy nhiên bạn khiến bạn phải sợ rồi phân nửa còn lại sẽ cứ đứng ở ngoài chờ chúng ta chết đói. Điều cần cho chúng ta là

phải diệt một lần hết tất cả toán quân, một người mà thoát thì chúng ta cũng tiêu luôn.

-Đúng rồi, nhưng làm sao gom chúng lại?

-Tôi có một ý kiến.

-Nếu được vậy, mà ý kiến bạn lại hay nữa mà nhất định phải hay thì tôi yên lòng rồi.

Porthos nấp đi và đếm tất cả những người bước vào.

-Tôi nghe hình như có tiếng nói.

-Chúng đấy. Vào chỗ đi!

Porthos đến nấp sau gian động thứ hai tối đen. Aramis lẻn vào gian thứ ba; người khổng lồ cầm thanh sắt nặng đến hai mươi ba ký một cách dễ dàng. Thanh sắt vốn là để làm đòn kê cho chiếc thuyền vượt đi.

Trong khi đó, những người Breton đẩy chiếc thuyền đến phía ghềnh đá. Trong gian động sáng. Aramis cúi xuống lén lút làm cái gì đó.

Có tiếng viên đại uý chỉ huy ra lệnh. Hai mươi lăm người nhảy từ trên các mô đá cao xuống gian động thứ nhất rồi bắt đầu nổ súng. Tiếng vọng gầm lên, tiếng rít xuyên qua vòm động, một chùm khói mờ toả ra khắp khoảng không. “Bên trái! Qua bên trái!”. Đó là tiếng kêu của Biscarrat.

Cả toán chạy ù về phía trái. Đường hầm hẹp dần trong khi Biscarrat giang hai tay, tiến tới trước, nhất định sẽ chết: -Đến đây! Có ánh sáng đằng này!

Porthos bật ra tiếng thở dài.

Thanh sắt quất thẳng xuống đầu Biscarrat. Anh ta chết không kịp kêu. Rồi nó được giơ lên, hạ xuống mười lần trong mười giây tạo ra mười xác chết.

Đám lính không thấy gì hết. Họ chỉ nghe tiếng la khóc, tiếng rên rỉ, họ giẫm đạp lên các thân người, cứ xô nhau bước lên. Thanh sắt cứ quật xuống mãi, diệt cả toán quân đầu mà không gây lên một tiếng động nào để báo cho toán sau biết.

Tuy nhiên toán hai này do người đại uý chỉ huy, đã tước các cành cây thông mọc trên nền đá, làm được một cây đuốc.

Khi đến gian động thứ hai, nơi Porthos như một vị thần trừng phạt đã tiêu diệt không chừa ai hết, hàng đầu của họ lui lại vì khiếp đảm. Không có tiếng súng nào phía địch cũng như phía cận vệ, thế mà lại có một đống xác chết, máu chảy tràn lan.

Porthos vẫn nấp sau cột.

Viên đại uý cầm cây đuốc sáng chập chờn, không hiểu nguyên nhân vì sao xảy ra cảnh tàn sát rùng rợn ấy, liền lui dần dần đến bên cột. Một bàn tay khổng lồ từ trong bóng tối hiện ra nắm lấy cổ viên đại uý. Ông ta thở khò khè, đôi tay vươn lên trời vẫy vẫy thả cây đuốc rơi xuống tắt trong vũng máu. Một giây sau thêm viên đại uý ngã xuống bên cạnh cây đuốc tắt, thêm một xác chết vào đống xác chặn ngang đường.

Chuyện xảy ra thật bí hiểm như chuyện yêu ma.

Nghe tiếng thở rền của viên đại uý, những người đi theo quay lại thấy hai cánh tay ông mở ra, mắt lòi ngoài tròng, cây đuốc rơi xuống và tất cả thấy mình ở trong bóng tối hoàn toàn.

Viên trung uý kêu lên theo phản ứng.

-Bắn!

Tức thì, một loạt tiếng súng tay gầm lên trong động làm văng từng mảnh đá lớn trên vòm.

Trong động sáng lên theo loạt súng đó rồi lại tối đen, càng âm u hơn vì khói súng toả ra.

Im lặng tràn ngập dâng lên, chỉ bị dao động bởi tiếng bước chân toán quân thứ ba đang đi vào.

§48. Cái chết của người khổng lồ

Trong lúc Porthos quá quen với bóng tối hơn những người kia từ ngoài sáng vào, đang nhìn xung quanh xem thử Aramis có ra dấu gì không thì thấy ai chạm vào cánh tay và một giọng thì thào bên tai: -Đến đây.

Giữa tiếng ồn ào của toán quân thứ ba tiếp tục tiến bước, giữa tiếng chởi mắng của những người còn đứng được, tiếng người hấp hối rên rỉ. Aramis và Porthos len lén nép mình theo các vách đá đi lần ra trong một hốc vách động.

Đến gian gần cuối động. Aramis chỉ cho Porthos thấy một thùng thuốc súng nặng khoảng ba mươi đến bốn mươi ki-lô vừa mới gắn dây ngòi xong. Ông nói với Porthos: -Bạn ạ, bạn ôm lấy thùng thuốc súng này, tôi đốt mồi lửa rồi bạn sẽ ném nó vào giữ kẻ thù của chúng ta. Được không?

-Được chứ, – Porthos trả lời.

Rồi ông chỉ lấy một tay nhấc thùng thuốc súng lên: -Đốt đi!

-Đợi đã, – Aramis nói, – đợi cho chúng tập hợp đủ rồi néo vào ngay giữa bọn chúng. Còn tôi, tôi sẽ lại phía anh em Breton của chúng ta giúp họ đưa thuyền xuống biển. Tôi đợi bạn trên bờ, bạn ném rồi chạy về phía chúng tôi. Hiểu rồi chứ?

-Hiểu.

Aramis đưa dây mồi nóng cháy cho Porthos nắm, rồi hai tay ôm lấy cánh tay Porthos đưa ra, xong, rút lui về phía lối cửa động có ba người đứng chờ.

Porthos đứng một mình, dạn dĩ dí mồi lửa vào ngòi.

Mồi lửa sáng yếu ớt trong bóng tối như một con đom đóm, chạm vào ngòi thuốc làm cháy bùng lên và Porthos lại còn thổi hơi vào đấy cho cháy mạnh hơn nữa.

Lúc này khói đã hơi tản bớt và chỉ trong một hai giây dưới ánh sáng ngòi lửa bập bùng, mọi vật nổi bật lên. Hình ảnh lờ mờ của người khổng lồ, mình đầy máu và khuôn mặt sáng lên dưới ánh sáng giữa bóng tối vây quanh là một cảnh tượng hiện ra ngắn ngủi nhưng thật hào hùng.

Những người lính thấy được ông. Họ cũng thấy cái thùng ông cầm trên tay. Họ hiểu rõ những gì sắp xảy ra cho họ. Thế là, những con người ấy vốn đã sợ hãi khi thấy những gì đã xảy ra, càng hoảng hốt khi nghĩ đến những gì sắp xảy ra, nên đồng loạt rú lên như đến hồi hấp hối.

Có người tìm cách chạy đi, nhưng họ lại gặp toán thứ ba chặn mất đường lui. Những người khác vụt theo thói quen phản ứng giơ súng lên ngắm bắm cò quên rằng súng không đạn.

Những người khác nữa quì xuống cầu nguyện.

Chúng ta vừa nói rằng làn ánh sáng do Porthos thổi trên mồi lửa và ngòi chỉ bùng lên trong hai giây, nhưng chỉ trong hai giây ấy là đủ rõ những cảnh này: đầu tiên là con người khổng lồ bật lớn trong bóng tối, rồi bên cạnh ông, cách đó mười bước là một đống thây bị giầy đạp, nghiền nát, ở khoảng giữa còn một kẻ rên rỉ hấp hối ưỡn lên như một hơi thở cuối cùng nổi bên sườn của một con quái vật dị hình sắp chết trong đêm đen.

Tất cả dưới ánh lửa lung linh của cái ngòi nối với thùng thuốc súng trông thật như một ngọn đuốc, trong khi soi sáng cái chết đã qua lại chỉ thêm cho thấy cái chết sắp đến.

Trong khoảng thời gian ngắn ngủi ấy, một sĩ quan của toán quân thứ ba tập hợp được tám tay súng, ra lệnh ngắm vào một khoảng trống giữa toán lính thứ hai để bắn bừa vào Porthos.

Nhưng những người được lệnh lại run quá đến nỗi có ba người trúng đạn ngã xuống và năm viên khác vụt lên trần, rơi xuống đất hay bay vào vách động.

Một tràng tiếng cười lớn đáp lại loạt súng đó, rồi cánh tay người khổng lồ đung đưa và trong khoảng không, người ta thấy một vệt lửa dài trông như một ngôi sao băng.

Thùng thuốc súng ném cách ba mươi bước vượt qua bức cản bằng xác chết rồi rơi trên một nhóm lính kia rú lên nằm lăn xuống.

Chỉ một giây đồng hồ thôi, gió lốc quay cuồng giận dữ, tiếng rít của thuốc trộn lưu huỳnh, nitrô, lửa bốc lên tàn phá nuốt chửng, tiếng nổ kinh hồn, tất cả cùng với những gì xảy ra trong hai giây trước đã khiến cho chỗ hang động này thành một nơi ma quái ẩn nấp.

Đá nứt như thân cây bị đập dập. Một vòi lửa, khói, mảnh vụn vụt vào giữa động càng bốc lên càng toả rộng ra. Tường đá nghiêng đổ xuống đất cát, cát đập vào những mặt người hàng ngàn viên nhỏ sát thương. Những tiếng kêu, những tiếng rú, những tiếng cầu khẩn và những cuộc đời, tất cả tắt đi trong một cơn đổ vỡ lớn lao. Ba gian động phía trước thành một vực sâu thăm thẳm hút rơi xuống từng thứ một, từng mảnh vụn của cây cỏ đất đá, xác người. Rồi sau đó là cát bụi nhẹ hơn trải ra như một tấm khăn liệm màu xám phủ lên chiếc áo quan rùng rợn này.

Bây giờ thử tìm đi trong nấm mồ nóng hổi đó, trong hòn núi lửa dưới hang đó, hãy tìm đi những người cận vệ Hoàng gia mặc áo xanh mang lon bạc?

Hãy tìm đi những sĩ quan óng ánh chất vàng, hãy tìm những vũ khí họ tin cậy rằng sẽ tự bảo vệ được, hãy tìm những viên đá giết chết họ, hãy tìm mặt đất mang thân xác họ đi!

Không còn gì của ba gian động phía trước, không còn gì để Chúa nhận ra công trình mình đã tạo dựng, còn Porthos sau khi ném thùng thuốc súng ra giữa kẻ thù liền theo lời Aramis chạy qua gian động cuối nơi không khí ánh sáng mặt

trời theo lỗ hổng ùa vào. Vừa qua khúc quanh ngăn gian thứ ba và gian thứ tư, ông thấy cách đó trăm bước là chiếc thuyền đang bồng bềnh trên sóng. Bạn ông đang ở đó, tự do là ở đó, ở đó là cuộc sống sau chiến thắng.

Chỉ cần sáu bước chân dài buông sải là ông đã ra khỏi vòm. Một khi ra khỏi vòm thì chỉ hai, ba đà bước là ông đến nơi thuyền đậu. Bỗng nhiên, ông thấy đầu gối khuỵu xuống, hai đầu gối trống rỗng, cặp chân mềm oặt dưới thân người. Ông ngạc nhiên lẩm bẩm: -Ôi, ôi, ta lại mệt trở lại rồi, ta không bước đi được nữa rồi. Ta làm sao đây?

Aramis thấy bóng Porthos qua khung cửa động và không hiểu sao ông này bỗng dừng lại.

-Đến đây! Porthos đến đây ngay đi.

-Ôi! – Người khổng lồ ráng hết sức vươn gồng các bắp thịt mà không thể nào cử động được. – Tôi không làm sao.

Nói xong, ông quỵ xuống nhưng hai bàn tay to tướng còn cố bám vách đá và gượng đứng lên.

-Nhanh lên? Nhanh lên? – Aramis vội vã vươn mình về phía bờ như muốn níu Porthos về mình.

-Tôi đến đây! – Porthos gắng hết sức bước thêm một bước.

-Trời ơi! Porthos đến đây! Đến đây!

Nhưng không còn kịp nữa, tiếng nổ vang lên, đất nứt ra, khói mù xuyên qua các khe nứt phủ kín bầu trời, lửa thổi thốc từ trong động như qua một cái miệng của con quái vật khổng lồ đẩy lùi mặt biển, lôi chiếc thuyền ra ngoài hai mươi sải tay.

Đá dưới nền nứt ra như bị chẻ, những tảng đá dài rung rinh rồi nghiêng đi, lần lượt đổ xuống.

Tiếng động kinh khủng ấy hình như làm cho Porthos lấy lại sức lực đã mất. Ông đứng dậy, như người khổng lồ giữa đám khổng lồ đá tảng. Nhưng trong khi ông định lách qua hai hàng âm binh hoa cương thì chúng không còn nối nhau nữa mà lăn quanh ông, giữa đám đá lúc này như trên trời rơi xuống ném vào ông Porthos cảm thấy đất chuyển đi dưới chân ông. Ông vung hai cánh tay to lớn qua phải qua trái để đẩy lùi những tảng đá đang chuồi đi. Hai khối đá khổng lồ áp vào lòng bàn tay ông, ông cúi đầu xuống trong khi một khối hoa cương đập vào hai vai ông.

Hai cánh tay Porthos chùng lại trong một lúc nhưng chàng Hercule tập trung hết lực đẩy hai tấm vách ra từ từ để nhường chỗ ông đi, ông vươn lên như một thiên thần thời cổ đại. Nhưng trong khi gạt hai tấm đá hoa bên thì tấm đá đè lên vai đổ ụp xuống khiến người anh hùng té quỵ. Các tảng đá hai bên bị đẩy ra một lúc lại tiến gần lần nữa, tất cả dồn sức nặng với nhau đủ để đè chết mười người.

Người khổng lồ ngã xuống không kêu lên một tiếng cầu cứu ông ngã xuống trong khi vẫn trả lời Aramis bằng những tiếng khuyến khích mang hy vọng vì có một lúc nhờ hai bàn tay chống lại, ông tưởng có thể di chuyển được ba sức nặng kia.

Nhưng từ từ, Aramis thấy khối đá ép lại, hai cánh tay vươn cứng lên một lần chót, cong xuống, hai vai ưỡn lên dẹt lại, rã nát, và tảng đá tiếp tục hạ xuống.

Aramis bứt đầu, bứt tai: -Porthos! Porthos! Nói đi!

-Kìa! Kìa! Kiên nhẫn đi! Kiên nhẫn đi! – Porthos thì thầm trong cơn tắt tiếng.

Ông vừa nói xong lần cuối đó, thì tảng đá lớn hạ xuống tiếp theo là hai tảng đá kia dập lên, chôn Porthos trong nấm mồ đá vụn.

Nghe tiếng kêu hấp hối của bạn, Aramis nhảy vội lên bờ.

Hai người Breton chạy theo cầm đòn bẩy, để một người ở lại đủ trông coi thuyền.

Aramis nhảy vội đến bên ba tảng đá và dùng hai bàn tay trắng trẻo như của đàn bà giở lên một góc quan tài hoa cương bằng cả sức mạnh như của phép lạ. Qua khe hở tối om, ông thấy được con mắt còn sáng quắc của người bạn mình vừa lấy lại chút hơi thở khi tảng đá được nâng lên một ít. Tức thì hai người kia chạy tới đưa cây sắt ra phụ nhau giữ lại. Tất cả đều vô ích: cả ba người đau đớn kêu lên vì hết sức chịu nổi, còn Porthos thấy họ gắng sức vô ích liền thốt ra tiếng nói cuối cùng theo với hơi thở tận lực, thầm thì ở đầu môi: -Nặng quá!

Sau đó, con mắt mờ dần đi, và mi khép lại, khuôn mặt xanh mướt, và con người khổng lồ nằm xuống thở hơi cuối cùng.

Không còn gì nữa cả.

Người khổng lồ đi vào giấc ngủ muôn đời, dưới nấm mồ trời đã cho xây vừa với tầm vóc ông.

§49. Lời ghi trên rìa mộ Porthos

Aramis đứng dậy lặng lẽ rùng mình, run rẩy như một đứa bé trong cơn sợ hãi. Nhưng ông đứng dậy được mà không thể cất bước nổi. Hình như là có phần nào thân thể Porthos vừa chết đi trong người ông.

Những người Breton quây quanh ông; Aramis mặc cho họ nâng đỡ ông, lôi đến thuyền. Thế rồi khi đặt ông lên ghế gần chỗ lái, họ đỡ mái chèo khua mạnh.

Trên cả phần mặt bằng của động Locmaria bây giờ đã bị san phẳng chỉ còn có một mô đá lưu ý người qua lại. Aramis không rời mắt khỏi nơi đó, và nhìn từ xa trên mặt biển, khối đá gân guốc hiên ngang vươn thẳng lên như ngày xưa Porthos đã từng như thế, như người bạn anh hùng trung thực, con người mạnh nhất trong bốn người mà cũng là người chết đầu tiên.

Những con người dày dạn sương gió có định mệnh thật trớ trêu? Con người chân chất nhất lại gắn bó với người tinh khôn nhất, sức mạnh thân xác được sự tinh tế của khối óc hướng dẫn, thế mà trong thời điểm quyết định, khi chỉ sự cương nghị mới có thể cứu được thân xác và trí óc, thì một hòn cuội, một tảng đá, một sức nặng không ra gì lại thắng cả nghị lực, ập xuống thân xác, đánh đuổi trí tuệ đi.

Porthos cao cả! Con người sinh ra để cứu giúp kẻ khác, luôn luôn sẵn sàng hy sinh cho kẻ yếu, con người hình như được chúa ban cho sức mạnh để làm công việc ấy; lúc chết đi, ông nghĩ là để làm tròn giao kết với Aramis nhưng giao kết ấy Aramis lập nên một mình và Porthos chỉ biết được khi sự gắn bó keo sơn đòi hỏi thực hiện thôi.

Porthos tôn quý! Có ích gì nữa đâu, những lâu đài đầy đủ tiện nghi, những khu rừng đầy đủ mồi săn, những ao hồ tràn đầy cá tôm, và các hang động tràn đầy của cải? Có ích gì nữa đâu, những kẻ hầu cận xênh xang mũ áo trong đó có Mousqueton hãnh diện vì được anh trao quyền nắm giữ? Ôi Porthos cao cả.

Porthos âu lo, tích trữ vàng bạc, anh đâu có cần làm việc đến thế để làm đẹp, làm sang đời sống của anh, để rồi đến nơi bãi đất hoang vắng chỉ có tiếng chim biển kêu gào, chết đi, thân xác tan nát dưới khối đá lạnh lùng! Porthos cao cả ơi, anh đâu có cần thu vén bao nhiêu vàng bạc ấy để rồi chẳng có cả lời tưởng niệm của một thi sĩ nghèo nàn trên nấm mồ của anh!

Porthos dũng cảm ơi! Cho đến ngày nay, chắc anh vẫn còn yên nghỉ dưới tảng đá mà người đời đã lãng quên tên tuổi, không nhớ nơi chốn, khiến cho những người chăn thả cứ tưởng nấm mồ đá đó chỉ là tấm cự thạch của thời hoang sơ nào thôi.

Rồi bao nhiêu rong rêu lạnh lẽo được gió biển mơn man vỗ về sẽ mọc phủ lên, đem đá liền với đất khiến có ai đấy đi qua cũng không bao giờ tưởng được

rằng một tảng đá khổng lồ như thế mà một người trần mắt thịt lại có thể cử nổi lên vai!

Aramis vẫn xanh xao, lạnh lùng nhìn bãi biển mờ dần nơi chân trời, tắt đi trong vệt sáng ban ngày cuối cùng. Không một lời thốt lên, không một tiếng thở dài sâu thẳm thoát ra từ lồng ngực. Những người Breton mê tín nhìn ông mà run rẩy. Con người im lặng này không còn là người mà đã thành tượng đá.

Tuy nhiên, chiếc thuyền có cánh buồm nhỏ giương lên đón gió rời nhanh khỏi bờ, vững vàng hướng về Tây Ban Nha, xuyên qua vịnh Gascogne đầy giông bão.

Nhưng chỉ mới khoảng nửa giờ buồm giương để cho các thủy thủ ngưng tay chèo thì họ phải vội vã khom mình trên ghế, giơ tay che mắt chỉ cho nhau một điểm trắng hiện ra ở chân trời, lặng yên như một con hải âu ru mình trong hơi thở rập rình của sóng.

Mắt người thường thấy vật đó đứng yên nhưng con mãt nhà nghề của người đi biển lại thấy nó đang rẽ sóng lao tới.

Thấy người chủ đắm chìm trong cơn đau khổ, họ không dám đánh thức dậy mà chỉ lo âu thì thầm trao đổi những lời phỏng đoán với nhau thôi. Một thủy thủ, Goennec, bạo lời đánh tiếng: -Thưa Đức ông, ta bị săn đuổi rồi!

Aramis không trả lời gì hết; chiếc tàu vẫn tiến tới.

Thế là tự mình thu xếp, hai người thủy thủ theo lệnh chủ thuyền Yves, hạ cánh buồm xuống để chỉ còn là một điểm trên sóng, khỏi làm đích cho kẻ thù theo dấu.

Phía tàu kia, trái lại, người ta kéo thêm hai buồm mới ở hai bên. Rủi ro, lúc này là vào những ngày đẹp nhất, dài nhất trong năm, và mặt trăng sáng toả tiếp theo buổi ban ngày bất hạnh.

Như một chiếc tàu đang đuổi theo, được gió thuận, lại còn hưởng nửa giờ của buổi chiều và cả một đêm trăng tỏ. Người chủ thuyền gọi to: -Đức ông! Đức ông! Chúng ta nguy mất! Họ thấy ta rồi, dù là chúng ta đã cất buồm đi.

Một thủy thủ thì thầm.

-Không nên lấy làm lạ: người ta nói dân thành phố có ma quỷ yểm trợ đã chế tạo các dụng cụ nhìn xa cũng thấy như nhìn gần, đêm cũng như ngày.

Aramis lấy từ trong thuyền ra một chiếc ống nhòm, vặn nút điều chỉnh rồi đưa cho người thủy thủ, nói: -Này, nhìn đi.

Người thủy thủ đưa lên mắt và kêu lên ngạc nhiên: anh tưởng là do một phép lạ, chiếc tàu đang ở xa một tầm súng bỗng nhiên vụt tới bên cạnh. Nhưng khi lấy lại ống nhòm ra, anh lại thấy rằng tàu vẫn còn ở khoảng xa, tức khoảng cách tàu đã rút ngắn trong giây phút ngắn ngủi ấy. Người thủy thủ lẩm bẩm: -Như thế là họ thấy ta cũng như ta thấy họ, thế phải không?

Aramis trả lời: -Họ đang thấy chúng ta đấy.

Rồi ông trở lại vẻ lạnh lùng thản nhiên như cũ. Chủ thuyền Yves hỏi: -Sao, họ thấy chúng ta à? Không thể được.

Người thủy thủ nói: -Này, thầy cầm thử xem.

Người chủ thuyền đưa ống nhòm lên mắt: -A, thưa Đức ông, phép lạ đây rồi: họ ở kia, tôi tưởng như tôi sắp sờ được họ vậy. Ít ra là hai mươi nhăm người. Tôi thấy thuyền trưởng ở đầu tàu. Ông ta cầm chiếc ống nhòm như cái này và đang nhìn chúng ta. Ô! Ông ta đang quay lại, ra lệnh, bọn kia đẩy một khẩu súng ra, nạp đạn và nhắm vào ta. Trời ơi. Hắn bắn vào chúng ta đấy!

Chiếc tàu vẫn còn cách khoảng một dặm nhưng việc động tĩnh bên đó mà người chủ thuyền đã báo thì rõ ra rồi. Một luồng khói nhỏ xuất hiện phía dưới các cánh buồm, nở ra như một đoá hoa, rồi cách thuyền khoảng một dặm, người ta thấy trái đạn lăn qua hai, ba đợt sóng, làm thành một đường dài trên biển và biến đi vô hại như viên đá của cậu học trò ném thia lia.

Đó vừa là lời đe doạ vừa là lời cảnh báo. Người chủ thuyền hỏi: -Làm sao đây?

-Họ đánh chìm ta mất, – Goennec nói. Xin Đức ông làm phép cứu rỗi cho chúng ta.

Người chủ thuyền: -Nhưng biết đâu nhờ đêm tối, ta có thể thoát tay họ?

-Ô, Aramis nói. Họ có đèn tàu soi theo dấu của ta.

Trong lúc đó như để chứng thực cho lời Aramis, phía trên tàu kia vụt một làn khói thứ hai bốc từ từ lên trời và giữa đó, một vòng sáng như một cây mống trời đi xuống mặt biển, cháy sáng mãi chiếu cả một phần tư dặm chung quanh.

Những người Breton khiếp hãi nhìn nhau. Aramis nói: -Các anh thấy không, tốt hơn là cứ chờ họ đến thôi.

Các thủy thủ không buông mái chèo; thuyền không đi tới nữa, đu đưa trên đầu sóng.

Đêm đến, chiếc tàu kia cứ tiến đến. Có lẽ ban đêm họ tăng tốc độ gấp đôi. Cuối cùng nó đến vừa tầm súng tay.

Một người đã đứng trên boong, tay cầm súng, người xạ thủ đại bác bên khẩu pháo, mồi lửa cháy rực. Người ta cứ tưởng là bên kia sắp tiếp cận một chiếc thuyền chiến và sắp phải đánh nhau với một quân số đông hơn chứ không phải là đi bắt một chiếc thuyền nhỏ với bốn người. Người chỉ huy đứng trên tàu cầm ống loa kêu sang: -Hàng đi. Thủy thủ nhìn Aramis. Aramis gật đầu.

Chủ thuyền Yves treo miếng giẻ trắng nơi đầu sào.

Chiếc tàu tiến đến như con ngựa đua.

Bên đó ném tiếp một hoả tiễn rơi cách thuyền hai mươi bước và chiếu lên sáng hơn cả ánh mặt trời. Người chỉ huy la lên từ phía bên kia: -Ai có biểu hiện chống cự thì bắn ngay.

-Bắt sống, bắt sống, thưa thuyền trưởng! – Vài người lính thủy say sưa gào lên. – Phải bắt sống họ!

-Được rồi, bắt sống, bắt sống. – Viên thuyền trưởng nói.

Rồi ông quay sang những người Breton, kêu lên: -Các anh không phải tội chết, trừ ông hiệp sĩ D'Herblay.

Aramis hơi giật mình.

Trong khoảng khắc, mắt ông nhìn sâu xuống đại đương, trên mặt biển còn sáng lên ngọn lửa chạy dọc bên lượn sóng, toả lên trên đầu ngọn sóng khiến cho phía dưới các vực thẳm trở nên càng đen tối hơn, bí ẩn hơn, ghê gớm hơn. Những người lính thủy: -Đức ông chắc có nghe?

-Rồi.

-Ngài ra lệnh sao?

-Nhận đi.

-Thế còn Đức ông?

Aramis cúi mình hơn về phía trước, đưa các ngón tay trắng nõn vọc trên nước biển xanh và cười như với một người bạn thân. Ông nói: -Các anh nhận đi.

-Chúng tôi nhận hàng. – Các thủy thủ lặp lại. – Nhưng có gì bảo đảm?

-Các ông có lời hứa của một người quý tộc. – Người sĩ quan nói. -Ta thề trên cấp bậc và dòng họ ta rằng trừ ông hiệp sĩ D'Herblay còn tất cả đều được khỏi chết. Ta là Phó đô đốc chiếc vương thuyền La Pomone và ta lên là Louis Constant De Bessigny.

Aramis lúc bấy giờ đang nghiêng mình phân nửa bên ngoài thuyền bỗng vụt ngửng đầu lên, đứng thẳng dậy, mắt sáng quắc môi nở một nụ cười, nói như chính ông là người chỉ huy: -Các ông thả thang xuống đi.

Thế rồi Aramis nắm theo dây thang bước lên đầu tiên và những người thủy thủ tưởng gặp một khuôn mặt nhợt nhạt sợ hãi thì lại rất ngạc nhiên thấy ông tiến thẳng đến chỗ viên chỉ huy, dáng vững vàng, mắt nhìn thẳng, tay ra một dấu hiệu bí mật khiến cho người sĩ quan xanh mặt và phải cúi đầu xuống.

Aramis không nói tiếng nào và giơ bàn tay đến ngay trước mặt người chỉ huy, cho ông thấy chiếc nhẫn nạm đeo nơi ngón tay áp út phía trái. Khi ra dấu như thế, Aramis lấy dáng cao ngạo lành lạnh như là một vị hoàng đế giơ tay cho thần dân hôn.

Người chỉ huy đã ngẩng đầu lên, lại cúi xuống lần nữa thật cung kính. Rồi ông giơ tay hướng về phía lái, tức là phía phòng ông, và nép mình cho Aramis bước đi.

Ba người Breton kinh ngạc nhìn nhau. Cả thủy thủ đoàn đều im lặng.

Năm phút sau, viên chỉ huy gọi người phụ tá lên và ra lệnh quay mũi tàu về hướng Corogne[324].

Trong khi lệnh được thi hành thì Armis lại xuất hiện trên boong tàu, đến ngồi dựa vào lan can.

Đêm đến mà trăng chưa lên, tuy nhiên, Aramis vẫn cứ nhìn về phía Belle-Isle, Yves đi về phía người chỉ huy lúc này đã đến ngồi vào vị trí và hỏi nhỏ ông: -Thưa thuyền trưởng, chúng ta đi về đâu thế?

Viên sĩ quan trả lời: -Ta đi theo đường Đức ông chỉ.

Cả đêm, Aramis vẫn ngồi trên lan can tàu.

Sáng hôm sau, Yves, đến chỗ ông, thấy mặt gỗ nơi vị giám mục tựa vào ướt đẫm như có sương thấm.

-Có lẽ đây là những dòng nước mắt đầu tiên của Aramis?

Porthos tốt bụng ơi, có dòng bi ký nào có giá trị hơn nữa đâu?

§50. Chuyến tuần du của ông de Gesvres

D'Artagnan không quen với những cưỡng ép phải chịu vừa qua. Ông trở lại Nantes mà lòng thấy bứt rứt. Sự bứt rứt nơi con người hùng dũng này chuyển thành một cuộc tấn công ào ạt mà đến lúc này chưa có người nào, dù là bậc vua chúa, có thể đương cự được. D'Artagnan toàn thân run rẩy đi thẳng về phía lâu đài và xin được tiếp kiến vua. Lúc bấy giờ là khoảng bảy giờ sáng và từ lúc biết ông đến Nantes thì Nhà vua thường dậy sớm.

Ông De Gesvres lễ phép chặn d'Artagnan lại và yêu cầu ông đừng nói lớn tiếng để cho vua nghỉ. D'Artagnan nói: -Nhà vua ngủ à? Thôi thì để ngài ngủ. Chừng nào thức dậy?

-Ồ, khoảng chừng hai giờ nữa thôi. Hoàng thượng thức suốt cả đêm.

D'Artagnan chụp lại chiếc mũ lên đầu, chào ông De Gesvres rồi quay về nhà.

Lúc chín giờ ba mươi ông trở lại. Người ta bảo là Nhà vua đang ăn sáng. Ông nói: -Chuyện này là của tôi, để tôi nói chuyện trong lúc ngài ăn.

Ông De Brienne lưu ý d'Artagnan là Nhà vua không muốn tiếp ai trong bữa ăn cả.

D'Artagnan nhìn xéo ông De Brienne: -Thưa ông bí thư, ông không biết là tôi được phép đi khắp nơi và lúc nào cũng được sao?

Brienne dịu dàng cầm tay viên chưởng quan và nói: -Nhưng không được phép đó ở Nantes, ông d'Artagnan thân mến ạ. Hoàng thượng đã xáo trộn hết nếp cũ trong chuyến đi này rồi.

D'Artagnan dịu lại, hỏi xem lúc nào thì Nhà vua ăn xong.

De Brienne nói: -Chẳng biết khi nào.

-Sao không biết à? Tại sao thế? Ngài ăn trong bao lâu mà không biết à? Thường là một tiếng đồng hồ, và nếu khí trời trong mát ở sông Loire làm ngài ăn ngon miệng thì cho là một giờ rưỡi. Như thế là quá đủ, để tôi ở lại chờ.

-Ông d'Artagnan thân mến ơi! Có lệnh không cho ai đứng ở hành lang này hết. Tôi được canh giữ nơi này đây.

D'Artagnan lại thấy nổi cơn giận lên nhưng ông phải vội bước vì sợ cơn tức giận sẽ làm hỏng việc.

Lúc ra ngoài, ông suy nghĩ: "Rõ ràng là Hoàng thhợng không muốn tiếp ta. Chàng thanh niên đó nổi giận rồi. Ông ta sợ người ta rồi. Đúng rồi, nhưng vào lúc này thì người ta đang vây hãm Belle- Isle, đang tấn công và giết hai người bạn thân của ta.

Porthos đáng thương! Còn bậc thầy Aramis thì khôn lanh quá chừng, khỏi lo cho anh ta. Nhưng không, Porthos chưa bị đui què mà Aramis cũng chưa phải là một tên già ngốc nghếch.

Cánh tay khỏe của người này và bộ óc sáng suốt của người kia thế nào cũng chắc là sẽ làm bận rộn cho các binh sĩ của Hoàng thượng lắm. Biết đâu là hai con người dũng cảm ấy sẽ lập một đồn luỹ Saint Gesvies tí xíu cho Hoàng thượng rất sùng đạo này. Ta không nên thất vọng. Họ có đại bác và đồn luỹ mà".

D'Artagnan lại lắc đầu, tiếp tục nói với mình: "Tuy nhiên tốt hơn là ta nên ngăn trận đánh lại, ta thì không chịu nổi cảnh nhà xác và sự phản bội của Hoàng thượng. Nhưng vì các bạn ta thì bị bạc đãi, gì ta cũng gánh chịu hết. Hay là ta lại ông Colbert? Với tay này ta phải làm cho hắn sợ mới được. Thôi đi đến ông Colbert!".

Thế là d'Artagnan hăng hái bước đi. Ông biết rằng Colbert làm việc với Nhà vua ở lâu đài Nantes. Ông kêu lên: -Tốt lắm, bây giờ là trở lại thời kỳ ta bước dài trên đường từ nhà ông Treville đến nhà Hồng y De Richelieu, từ nhà Hồng y đến cung Hoàng hậu, từ cung Hoàng hậu đến điện của Louis XIII, người ta nói già thành con nít, thật là đúng. Thôi đi.

Ông quay lại lâu đài. Ông De Lyonne bước ra, bắt tay và cho ông biết rằng Nhà vua làm việc cả chiều, cả đêm và có lệnh không cho ai vào hết. D'Artagnan kêu lên: -Cả viên chưởng quan đến nhận lệnh cũng không được vào?

-Đúng vậy! – ông De Lyonne trả lời.

D'Artagnan thấy chạm tự ái nhiều, nổi giận lên: -Nếu như thế thì, nếu viên chưởng quan ngự lâm quân vốn thường được vào tận phòng ngủ của vua, bây giờ lại không thể bước vào văn phòng hay phòng ăn của vua, như thế là Hoàng thượng đã chết rồi, hoặc đã cách chức viên chưởng quan rồi. Ông De Lyonne, ông được ân sủng vào thì xin ông vui lòng tâu với Hoàng thượng là tôi xin từ chức.

Ông De Lyonne kêu lên: -Coi chừng đấy, d'Artagnan.

-Ông cứ đi đi, xin vì tình bạn với tôi mà đi đi.

Trong lúc chờ đợi, d'Artagnan đếm bước trên hành lang.

De Lyonne trở lại, d'Artagnan hỏi: -Sao? Hoàng thượng nói sao?

-Hoàng thượng nói là tốt lắm.

Người chưởng quan đùng đùng nổi giận: -Tốt lắm! Được! Bây giờ tôi được tự do rồi. Xin chào ông De Lyonne. Vĩnh biệt lâu đài, hành lang phòng đợi này. Một con người được không ràng buộc, tự do hít thở khí trời xin chào tất cả

Rồi không do dự gì, người chưởng quan nhảy vụt từ thềm xuống cầu thang. Năm phút sau, ông về tới nhà trọ, vào căn phòng ông được sử dụng theo đặc quyền của những đại thần có nhà ở trong lâu đài.

Ông không tháo gươm, rút áo mà lại mang thêm súng, bỏ đầy tiền vào túi lớn, rồi sai người đến lâu đài lấy ngựa, ra lệnh đi về Vannes trong đêm.

Mọi việc tiến hành theo ý muốn của ông. Vào lúc tám giờ tối, khi ông vừa bước chân lên bàn đạp thì ông De Gesvres đến lữ quán với mười hai cận vệ theo

sau.

D'Artagnan liếc nhìn thấy hết mười ba người, mười ba ngựa. Nhưng ông làm như không thấy và cứ tiếp tục nhảy lên yên, Gesvres tới trước mặt ông, nói to: -Ông d'Artagnan.

-Ô! Chào ông De Gesvres!

-Ông đi ngựa đấy à?

-Ông thấy tôi trên yên rồi đấy!

-Tôi gặp ông đây thật là may.

-Ông tìm tôi?

-Đúng rồi?

-Hoàng thượng bảo ông tới phải không?

-Đúng rồi.

-Cũng giống như hai, ba ngày trước tôi đi tìm ông Fouquet chứ gì?

-A?

-Ồ! Ông làm bộ làm tịch với tôi đấy à? Thôi vô ích. Có phải ông đến bắt tôi thật đấy không?

-Bắt ông? Không đâu trời à?

-Thế thì ông mang mười hai người ngựa đến đây làm gì thế?

-Tôi đi tuần.

-Ý kiến hay! Và trong buổi đi tuần, ông chụp được tôi?

-Tôi không chụp ông đâu. Tôi chỉ tìm ra ông và xin ông theo tôi.

-Đi đâu?

-Đến cung vua.

-Tốt! – D'Artagnan nói với giọng chế giễu. – Hoàng thượng hết việc rồi à?

Ông De Gesvres hạ thấp giọng với người lính ngự lâm: -Nhỏ chút đi ông chưởng quan. Đừng làm hư việc, mấy người này họ nghe đấy.

D'Artagnan cười to trả lời: -Thôi đi. Sáu người đi trước, sáu người đi sau tôi. Ôi Hầu tước ơi, thật là một lối hành động rất hay. Cũng phải đấy thôi, nếu tôi có dịp đi tuần về phía phòng của ông thì nhất định là tôi phải tỏ ra lễ độ với ông, đúng điệu dân quý tộc. Thôi, xin ông cho một ân huệ. Hoàng thượng muốn gì tôi đấy?

-À, Hoàng thượng đang nổi giận.

-Hoàng thượng chịu khó nổi giận thì cứ chịu khó nuốt giận đi. Tôi không chết đâu, cam đoan với ông đấy!

-Không, nhưng mà…

-Nhưng mà người ta sẽ cho tôi vào làm bạn với ông Fouquet khốn khổ kia chứ gì? Chán quá! Hắn ta lịch sự lắm. Nhất định là chúng tôi sẽ sống hoà thuận với nhau, thật êm đềm, chắc chắn như thế.

Rồi d'Artagnan nhìn ông De Gesvres: -Ồ! Hầu tước tốt với tôi quá. Người ta nói là ông có ước muốn gộp chung toán cận vệ của ông với toán ngự lâm quân của tôi. Như thế thì đây là một cơ hội hiếm có đấy!

-Xin thề có Chúa chứng giám. Tôi không lãnh quân đâu, ông chưởng quan ạ.

-Tại sao?

-Vì nhiều lý do, mà còn vì lý do này là, nếu tôi thay ông lãnh toán ngự lâm quân sau khi ông bị bắt.

-Ồ, ông nhận là bắt tôi?

-Không! Không?

-Thế thì nói: Sau khi gặp tôi. Ông nói là nếu sau khi gặp tôi ông thay thế tôi thì sao?

-Thì đám ngự lâm quân của ông ngay từ buổi tập ban đầu, làm sao cũng vô tình bắn về phía tôi.

Gesvres để d'Artagnan đi trước, đến ngay phòng Nhà vua đang đợi và đứng sau ông nơi phòng chờ. Trong phòng có tiếng Nhà vua nói to với Colbert trong cùng gian phòng mấy ngày trước Colbert từng nghe Nhà vua nói to với d'Artagnan. Toán cận vệ cầm giáo ngồi trên ngựa, đứng trước cổng chính và dần dần trong thành phố người ta loan truyền cái tin Nhà vua vừa lệnh bắt ngài chưởng quan ngự lâm quân.

Thế là, người ta thấy ùn ùn người như vào thời thanh bình của Louis XIII và của ông De Treville. Từng toán người tụ tập nhau lại, đầy thang gác. Những tiếng thì thầm mơ hồ từ dưới các sân đưa lên các tầng gác trên cao nghe như tiếng rì rầm than thở của thủy triều dâng ông De Gesvres lấy làm lo lắng. Ông nhìn thấy toán cận vệ của ông lúc đầu bị những người ngự lâm đến chen vào hỏi han, sau đó đứng tách ra xa họ và tỏ ra hơi lo lắng.

D'Artagnan thì rõ ràng là ít lo âu hơn ông De Gesvres, người chưởng quan cận vệ. Ngay từ lúc mới vào, ông đã ngồi trên cửa sổ đưa đôi mắt tinh anh nhìn mọi sự diễn ra, không chút nhíu mày.

Ông thấy rõ sự sôi động tiến triển từ lúc tin ông bị bắt loan truyền ra. Ông tiên đoán được lúc nó nổ bùng và rõ là sự tiên đoán ấy đã đúng. Ông nghĩ: "Chuyện khá khôi hài là không biết chừng tối nay các tay pháp quan sẽ tấn phong ta làm vua nước Pháp. Thật là tức cười!"

Nhưng bỗng nhiên tất cả đều ngưng lại. Cận vệ, ngự lâm quân, sĩ quan, binh sĩ, những tiếng thì thầm, những mối lo âu, tất cả tản đi, biến đi, mất hẳn. Không còn giông bão, không còn đe doạ, không còn phiến động nữa.

Chỉ một lời đã làm sóng gió lặng im.

Nhà vua vừa bảo Brienne gọi to: -Suỵt, các ông làm Hoàng thượng phiền lòng!

D’Artagnan thở dài, suy nghĩ: “Hết rồi, lính ngự lâm quân ngày nay không phải là lính ngự lâm quân của Louis XIII ngày xưa nữa. Hết rồi!”

Một nội thần lên tiếng: -Ngài d’Artagnan triều kiến Hoàng thượng.

§51. Vua Louis XIV

Nhà vua ngồi trong văn phòng, quay lưng ra cửa vào.

Trước mặt là một tấm gương nhờ đó trong khi giở giấy tờ, ông có thể liếc mắt nhìn mà biết được là ai sẽ đến.

Khi d'Artagnan vào, ông không ngưng việc, vẫn từ từ đậy các thư từ, các giấy tờ kế hoạch với tấm lụa lớn màu xanh lá cây thường dùng để che những thứ của ông cần giấu kỹ. D'Artagnan biết rành cái trò này nên vẫn đứng yên phía sau cho đến lúc Nhà vua liếc thấy người mà không nghe lên tiếng, phải lên tiếng kêu: -Ông d'Artagnan có đấy không?

-Thưa tôi đây! Người lính ngự lâm tiến lại, trả lời.

Đôi mắt long lanh của Nhà vua nhìn thẳng vào d'Artagnan: -Sao, thưa ông, ông có điều gì nói không?

D'Artagnan dò xét cử chỉ đầu tiên đó của Nhà vua để tìm lối trả đòn: -Thưa ngài, tôi à? Tôi chẳng có gì nói với Hoàng thượng cả nếu không phải là về việc Hoàng thượng sai bắt tôi và bây giờ tôi ở đây rồi.

Nhà vua định trả lời là ông không sai bắt d'Artagnan nhưng thấy câu đó có vẻ như một lời xin lỗi nên lại thôi.

D'Artagnan vẫn bướng bỉnh nín lặng. Nhà vua tiếp lời, mắt nhìn thẳng vào d'Artagnan: -Thưa ông, ta đã bảo ông làm gì ở Belle-Isle? Xin ông nói đi!

D'Artagnan mở cờ trong bụng: Nhà vua gãi đúng vào chỗ ngứa của ông rồi. Ông trả lời: -Hình như Hoàng thượng bận tâm hỏi rằng tôi đã làm gì ở Belle-Isle phải không?

-Thưa ông, đúng.

-Thế thì, thưa ngài, tôi không biết. Không nên hỏi tôi điều đó. Phải. Phải hỏi nơi cái đám vô số, đủ loại sĩ quan đã được ban cho vô số mệnh lệnh, còn về phần tôi, người chỉ huy cuộc hành quân thì không được lệnh gì rõ rệt cả.

Nhà vua thấy động lòng, thốt ra: -Thưa ông, người ta chỉ ra lệnh cho những ai tỏ ra trung thành mà thôi.

Người lính ngự lâm trả miếng: -Vì thế nên tôi không ngạc nhiên là một chưởng quan như tôi, có giá trị như là một thống chế của nước Pháp lại phải chịu dưới quyền của năm hay sáu phụ tá, chỉ giỏi rình mò dò xét thôi chớ không biết cóc gì về việc chỉ huy một cuộc hành binh cả. Vì thế tôi mới đến xin Hoàng thượng trả lời thì cửa đóng ngăn. Do bị xúc phạm đến như thế nên tôi chỉ còn có cách là xin được phép không phục vụ Hoàng thượng nữa mà thôi.

Nhà vua nói: -Thưa ông, ông cứ tưởng là ông vẫn sống trong thời đại mà các ông vua phải chịu quyền định đoạt của các kẻ dưới tay như ông vừa than phiền

đấy. Ông hình như quên rằng một ông vua chỉ chịu trách nhiệm trước Thượng đế về hành động của mình thôi.

Lại đến lượt người lính ngự lâm chạnh lòng: -Thưa ngài, tôi không quên gì cả. Tôi không hiểu sao khi một người lương thiện đến hỏi ông vua xem hắn ta có việc gì lầm lỗi, thì lại bị coi là xúc phạm đến vua.

-Thưa ông, ông có lỗi là đứng về phía những kẻ thù của ta chống lại ta.

-Thưa, ai là kẻ thù của ngài?

-Đó là những người ta sai ông đi đánh.

-Chỉ có hai người mà là kẻ thù của cả quân đội Hoàng gia. Thật là khó tin đó, thưa ngài.

-Ông không được tỏ ý kiến gì về quyết định của ta.

-Tôi phải tỏ ý kiến về tình bạn hữu của tôi.

-Ai phục vụ cho bạn thì không phục vụ cho chủ nhân.

-Thưa ngài, tôi biết rõ điều đó lắm nên tôi mới cung kính xin ngài cho từ chức.

Nhà vua nói: -Và ta đã nhận cho ông rồi, thưa ông. Trước khi giã từ ông, ta muốn chứng tỏ là ta cũng biết giữ lời hứa.

D'Artagnan lạnh lùng nói giọng giễu cợt: -Hoàng thượng giữ lời hứa quá đấy chứ, vì Hoàng thượng đã sai bắt tôi mà không hề hứa hẹn điều đó với tôi.

Nhà vua xem thường câu đùa cợt đó, trở lại nét mặt nghiêm khắc nói: -Nào bây giờ xem thử, sự không vâng lời của ông đã khiến cho ta bắt buộc phải làm sao.

-Tôi không vâng lời? – D'Artagnan đỏ mặt nổi giận.

Nhà vua tiếp tục: -Đó là chữ ta dùng nhẹ nhất đấy. Ý định rõ rệt của ta là bắt và phạt những người chống đối. Ta đâu có quan tâm đến việc những kẻ đó là bạn hay không của ông?

D'Artagnan trả lời: -Nhưng tôi thì tôi phải quan tâm. Hoàng thượng sai tôi đi bắt bạn tôi đem đến giá treo cổ là một hành động tàn ác.

-Thưa ông, đó là một cách ta thử thách những kẻ gọi là phục vụ ta đã ăn cơm ta và phải bảo vệ ta. Sự thử thách không thành rồi ông d'Artagnan ạ.

Người lính ngự lâm chua chát nói: -Hoàng thượng mất một người phục vụ kém thì có ngay cùng ngày, mười người đến xin thử thách. Xin ngài hãy nghe tôi đây. Tôi không quen với các công việc đó. Tôi đau lòng phải truy đuổi đến chết hai con người mà kẻ cứu mạng Hoàng thượng là ông Fouquet đã xin ngài để cho họ sống. Hơn nữa hai người ấy còn là bạn thân của tôi. Họ không tấn công vào Hoàng thượng, họ phải chịu chết vì một cơn giận mù quáng. Tại sao lại không để họ trốn đi! Họ đã phạm vào tội ác gì? Tôi nhận là ngài không cho phép tôi xét tư cách hành động của họ. Nhưng tại sao ngài lại nghi ngờ trước khi tôi thể hiện bằng hành động? Tại sao cho người dò xét tôi? Tại sao sỉ nhục tôi trước quân

đội? Tại sao một người như tôi được ngài tin cậy hết mực, một người như tôi từng mười ba năm qua ở bên cạnh ngài và được tỏ lòng trung thành đến cả ngàn lần, đúng thế, thưa ngài, phải nói thế vì hôm nay tôi bị tố cáo trái lại – tôi như thế mà bắt tôi phải ngồi nhìn ba ngàn lính của vua tấn công tiêu diệt hai con người?

Nhà vua hạ giọng.

-Nghe ông nói người ta tưởng là ông quên những gì các người ấy đã ra tay đối với ta, nghĩa là ông quan tâm tới họ hơn với sự mất còn của ta.

-Thưa, ngài quên rằng còn tôi ở đó!

-Thôi đủ rồi, ông d'Artagnan, không nói đến nữa những chuyện thuộc loại gây áp lực đó làm khuất cả mặt trời quyền lợi của ta. Ta đang lập một quốc gia chỉ có ta là chủ như ngày xưa ta đã hứa với ông. Đây là lúc ta thực hiện lời hứa của ta. Ông muốn chiều theo khuynh hướng và tình cảm của ông mà làm ngăn trở chương trình của ta và cứu thoát các kẻ thù của ta phải không? Ta sẽ bẻ gãy ông hay từ giã ông thôi. Ông hãy đi tìm một chủ nhân khác dễ chịu hơn. Ta biết rõ rằng một ông vua khác sẽ không đối xử như ta và để cho ông lấn át dù là có thể một ngày nào đó sẽ cho ông đi làm bạn với ông Fouquet và những người khác. Nhưng trí nhớ ta tốt lắm, và đối với ta, thành tín là những tước vị thiêng liêng buộc phải ghi ơn, phải không được trừng phạt. Ông d'Artagnan ạ, ta chỉ cho ông bài học này để trừng phạt tội bất tuân của ông thôi, ta không bắt chước người trước hành động như khi họ nổi giận hay họ ban phát ân huệ. Và cũng có nhiều lý lẽ khác khiến ta phải đối xử dễ dãi với ông. Đầu tiên là vì ông là người tính tình cao cả, nhạy bén và với ai trị được ông thì ông sẽ trở thành người phục vụ tốt; thứ nữa, là những lý do bất phục tùng của ông sắp hết rồi. Bạn bè ông đã bị chúng ta diệt đi hay tàn huỷ, những điểm tựa mà ông theo phản ứng tự nhiên dựa vào đó để sống theo ý mình đã bị ta làm tan biến đi rồi. Lúc chúng ta đang nói chuyện với nhau đây thì quân sĩ của ta đã bắt hay giết xong những tên phản loạn ở Belle-Isle.

D'Artagnan tái mặt, kêu lên: -Bắt hay giết xong? A, thưa ngài, nếu ngài nghĩ đến những điều vừa nói, nếu ngài chắc chắn đó là sự thật thì tôi sẽ quên tất cả những gì là đúng, phải. Sự hào hiệp có trong lời nói của ngài? Tôi chỉ có thể gọi ngài là một ông vua dã man, một kẻ mất tính người. Nhưng tôi bỏ qua những lời ngài vừa nói, – D'Artagnan vừa nói vừa kiêu ngạo mỉm cười. – Tôi bỏ qua những lời của ông hoàng trẻ tuổi không biết, không thể hiểu thế nào là những người như ông D'Herblay, như ông Du Vallon, như tôi. Bắt hay giết! Ha, ha, xin ngài hãy tính xem nếu tin đó mà đúng thì ngài phải tốn bao nhiêu nhân mạng và tiền bạc? Rồi sau đó ta sẽ tính lời lãi xem có đáng bỏ công không?

-Ông d'Artagnan trả lời với giọng kẻ phản loạn đấy! Xin ông cho ta biết ai là vua nước Pháp? Ông biết có ai khác không.

Người chưởng quan ngự lâm lạnh lùng trả lời: -Thưa ngài, tôi nhớ vào một buổi sáng ở Vaux, ngài đã hỏi câu ấy với rất nhiều người mà không ai trả lời được, trừ có tôi. Nếu Hoàng thượng ngày hôm đó thấy tôi đã tìm được câu trả lời không dễ ấy, thì ngài cũng không nên đặt lại vấn đề ngày hôm nay, lúc ngài chỉ có một mình trước mặt tôi.

Nghe những lời ấy, Louis XIV cúi mặt xuống. Hình như bóng hình Philippe khốn khổ vừa lướt qua giữa d'Artagnan và ông, để nhắc nhở câu chuyện kinh khiếp kia, cùng lúc ấy, một sĩ quan bước vào, đưa cho Nhà vua một bức điện khiến cho Nhà vua đổi sắc mặt khi đọc xong, d'Artagnan thấy rõ điều đó. Nhà vua vẫn ngồi yên nín lặng sau khi đọc lại lần thứ hai. Rồi ông bỗng quyết định: -Điều ta vừa mới biết, sau này thì ông cũng rõ. Cho nên tốt hơn, để tự miệng ta là đấng quân vương nói ra. Có giao tranh ở Belle- Isle đấy. Ta mất một trăm lẻ sáu người.

Ánh mắt vui sướng, kiêu lãnh của d'Artagnan sáng lên.

Ông hỏi: -Còn phe phản loạn?

Nhà vua nói: -Bọn phản loạn trốn mất.

D'Artagnan kêu lên, tiếng vui mừng hân hoan. Louis XIV tiếp: -Nhưng ta có cả một đội tàu vây siết thật chặt Belle-Isle và nhất định là không có thuyền nào thoát khỏi.

Người lính ngự lâm trở lại ý tưởng ảm đạm cũ: -Như thế là, nếu hai người đó bị bắt?

-Thì người ta đem treo cổ họ lên – Nhà vua nói giọng thật bình tĩnh.

D'Artagnan nén rùng mình rồi nói: -Thưa ngài, tôi có thể cam đoan với ngài là không bao giờ bắt sống họ được đâu.

Nhà vua thản nhiên cầm bức điện lên: -Thế thì, người ta sẽ đem xác họ về, ông d'Artagnan ạ. Cũng thế thôi, vì ta bắt họ chỉ để treo cổ họ thôi.

D'Artagnan giơ tay, chùi mồ hôi chảy ròng ròng trên trán.

Louis XIV nói tiếp: -Ta đã nói với ông, một ngày nào đó ta sẽ là rnột chủ nhân biết chiều chuộng, rộng rãi và thủy chung với ông. Ngày hôm nay, ông là con người độc nhất của ngày xưa xứng đáng được hưởng sự thịnh nộ và tình yêu của ta. tùy theo hạnh kiểm của ông mà ta sẽ không nề hà ban phát cho cả hai thứ. Ông d'Artagnan, ông có thể nào chịu phục vụ một ông vua có hàng trăm ông vua khác, có những người ngang hàng với ông ta trong nước không? Ông thử nói xem có thể nào ta dùng sự yếu ớt ấy để làm công việc vĩ đại mà ta ước ao? Có thể nào một nghệ sĩ sáng tác được những tác phẩm để đời với các dụng cụ chẳng vừa ý không? Chúng ta đã xa rồi thời đại của những thứ mầm cằn cỗi, của những lạm dụng phong kiến. Cuộc nổi loạn Fronde đáng lẽ làm cho vương quyền thất bại thì nó đã tập trung lại được ông d'Artagnan ơi, ta bây giờ là chủ nhà ta, và ta sẽ có những người giúp việc có lẽ không có tài như ông nhưng biết trung thành,

vâng lời đến mức độ cuồng tín. Ta hỏi ông, cần gì việc Thượng đế không cho các tay chân có được thiên tài? Chỉ cần cho thiên tài nơi cái đầu là đủ, và ông cũng biết, mọi thứ khác đều vâng lời cái đầu. Ta, chính ta là cái đầu đây.

D'Artagnan giật nảy mình, Louis tiếp tục như là không thấy gì hết tuy ông không bỏ qua cái giật mình kia.

-Thôi bây giờ, chúng ta làm một giao kết với nhau nhé. Ông hãy nhìn chung quanh xem, các tay tai to mặt lớn đều cúi đầu hết. Ông hãy cúi đầu xuống, hay là chịu đi đày không biết chừng lại hợp với ông hơn. Có lẽ suy nghĩ lại, ông sẽ thấy rằng ông vua này cũng có tấm lòng quảng đại, vẫn chịu tin tưởng vào sự trung thực của ông ngay cả khi ông không bằng lòng, ông, con người đã thấy rõ những bí mật của quốc gia rồi. Ta biết ông là một người ngay thẳng. Tại sao ông lại xét đoán ta khi chưa hết thời hạn cam kết? Ông cứ xét ta bắt đầu ngay từ hôm nay, ông d'Artagnan ạ, và cứ nghiêm khắc xét đoán hết mức độ.

Lần đầu tiên trong đời, d'Artagnan thấy choáng váng, không nói nên lời, tâm trí chơi vơi không định hướng. Ông vừa tìm thấy một địch thủ thật xứng đáng với ông. Không phải là mưu mô lừa phỉnh nữa mà là tính toán cân nhắc, không phải là sự hung bạo nữa mà là sức mạnh; không phải là cuồng nộ nữa mà là ý chí, không phải là sự khoác lác nữa mà là lời chỉ dạy. Con người trẻ tuổi nay vừa đập Fouquet xong và có thể không cần đến d'Artagnan nữa khiến cho những tính toán hơi bướng bỉnh của người lính ngự lâm bị đảo lộn hết. Nhà vua lại dịu dàng nói: -Sao, ông nghĩ gì thế? Ông vừa xin từ chức xong, ông muốn ta từ chối không? Ta đồng ý là một tay chỉ huy già đời mà phải quyết định lại thì thật khổ tâm.

D'Artagnan buồn bã đáp: -Ôi đó không phải là mối bận tâm lớn nhất của tôi. Tôi lưỡng lự không muốn rút đơn từ chức. Tôi thấy mình đã già trước mặt ngài rồi và vì tôi đã có những thói quen khó bỏ. Từ nay trở đi phải có những cận thần biết làm cho ngài vui, phải có những thằng điên biết liều mình vì những thứ ngài gọi là công trình vĩ đại. Vĩ đại thật đấy, tôi biết, nhưng ví như tôi không thấy nó là vĩ đại thì sao? Thưa ngài, tôi đã thấy chiến tranh, tôi đã thấy hoà bình, tôi đã phục vụ Richelieu và Mazarin, tôi lăn lộn với cha ngài trong lửa đạn ở La Rochelle, bị đạn xăm như cái rổ, làm lại da mới đến hơn mười lần như là lũ rắn. Sau những nhục nhằn và bất công, tôi được một chức chỉ huy, đối với ngày xưa thì cũng ra gì đấy vì có được quyền nói thẳng với vua. Nhưng người chưởng quan ngự lâm quân của ngài bây giờ sẽ chỉ là một sĩ quan giữ cửa nhà bếp thôi. Thực đấy, thưa ngài, nếu công việc của tôi từ nay chỉ là chừng ấy thì nhân lúc chúng ta còn thuận thảo ngài rút lại cho tôi nhờ. Ngài đừng nghĩ rằng tôi ấm ức trong lòng, không, ngài đã trị được tôi như ngài đã nói đấy, nhưng phải công nhận là khi trị được tôi ngài đã làm tôi kém cỏi đi, khi bắt tôi khom mình, ngài đã làm tôi yếu đi. Ngài nên biết rằng ngước dầu đi thẳng là tốt đẹp biết bao và bắt

tôi ngửi bụi tấm thảm chân của ngài thật tội nghiệp quá chừng. Ôi, thưa ngài, tôi thành thật luyến tiếc và chắc ngài cũng biết như tôi cái ngày mà ông vua nước Pháp thấy trong phòng chờ có những nhà quý tộc ngạo mạn, gầy ốm, lúc nào cũng càu nhàu, rách rưới, tinh ranh, vừa mới ăn đòn chiến trận trở về. Những người ấy là cận thần tinh anh nhất dưới tay người nuôi dưỡng họ; họ biết lè lưỡi liếm người chủ, nhưng với bàn tay đập họ thì ôi, những vết cắn sẽ gọn gẽ làm sao? Một chút vàng trên lon áo, một chút bụng mỡ bên trong quấn ngắn, một chút màu xám trong mái tóc khô đó, thế là ngài sẽ thấy họ thành những hầu tước, công khanh đẹp đẽ, những thống chế oai hùng của nước Pháp. Nhưng nói như thế để làm gì? Hoàng thượng là chủ nhân của tôi, ngài bắt tôi phải làm thơ, ngài bắt tôi phải mang giầy lụa, chùi bóng nền tiền sảnh của ngài. Chán quá! khó thật, nhưng tôi đã từng làm những việc khó hơn nhiều. Tôi sẽ làm. Tại sao tôi sẽ làm! Vì tôi thích có tiền chăng? Tôi đã có rồi. Vì tôi tham vọng chăng? Chức phận tôi có hạn. Vì tôi yêu triều đình chăng? Không. Tôi ở lại vì tôi đã quen trong ba mươi năm đến chỗ vua lấy lệnh, được nghe nói với tôi "Chào ông d'Artagnan" với nụ cười tôi không phải ăn mày mới có nụ cười ấy, rồi tôi sẽ phải van xin mới có. Thưa Hoàng thượng, ngài bằng lòng rồi chứ?

Thế rồi d'Artagnan từ từ cúi khom cái đầu bạc xuống và nhà vua kiêu ngạo mỉm cười đặt bàn tay trắng trẻo lên đấy: -Cám ơn, người giúp việc lâu năm của tôi, người bạn trung thành của tôi. Từ nay vì ta không còn có kẻ thù trên đất Pháp, ta phải gửi ông đi đến một chiến trường lạ để nhặt về cây gậy thống chế cho ông. Hãy tin vào ta để chờ dịp. Trong lúc chờ đợi cứ ăn thử bánh ngon của ta và ngủ thật yên.

D'Artagnan cảm động nói: -Thật sớm. Nhưng các con người khốn khổ ở Belle-Isle thì sao? Nhất là một người ở đấy, thật tốt, thật dũng cảm.

-Có phải là ông xin ta tha cho họ không?

-Tôi lấy đầu tôi bảo lãnh.

-Thôi đi lãnh họ đi. Mai ta về Paris. Ông nên trở lại vì ta không muốn ông rời ta nữa.

-Xin ngài an lòng. – D'Artagnan nói và cúi xuống hôn tay Nhà vua.

Thế rồi ông vui mừng hớn hở phóng vụt ra khỏi lâu đài hướng về Belle-Isle.

§52. Những người bạn của ông Fouquet

Nhà vua trở về Paris. D'Artagnan đi theo và sau một ngày thì nhận được mọi tin tức về Belle-Isle nhưng không biết được sự tình bí ẩn trong tảng đá nặng nề ở Locmaria là nấm mồ của Porthos anh hùng.

Người chưởng quan ngự lâm quân chỉ biết rằng hai con người dũng cảm ấy, hai người bạn mà ông đã tận lực bênh vực và đã tìm cách cứu mạng đó đã chống chọi được với cả một đạo quân mà chỉ ba người Breton trung thành phụ giúp. Ông cũng biết thêm rằng người ta có thấy từ xa một chiếc thuyền giữa biển và một con tàu Hoàng gia như con chim bé nhỏ khốn khổ đó khi nó đang sải cánh trốn chạy.

Nhưng đến đó là hết. Ngoài ra chỉ là chuyện phỏng đoán thôi.

Đó là những tin tức mơ hồ mà d'Artagnan đã báo cáo lại với Louis XIV khi Nhà vua trở lại Paris cùng với cả triều đình.

Vui mừng vì đã thành công, dịu dàng và khả ái hơn từ lúc thấy mình trở nên có quyền hành hơn, ông Louis đó không lúc nào ngưng lẩn quẩn bên cửa của Tiểu thư De La Vallière.

Louis XIV vừa thức dậy dùng bữa đầu tiên thì người chưởng quan ngự lâm đến trình diện. D'Artagnan mặt hơi xanh xao và có vẻ lúng túng.

Chỉ liếc mắt nhìn qua, nhà vua đã thấy có sự đổi khác trên khuôn mặt thường vui vẻ ấy. Ông hỏi: -Có chuyện gì đấy. d'Artagnan?

-Thưa Hoàng thượng, tôi vừa gặp chuyện buồn lớn lao.

-Trời? Cái gì thế?

-Thưa ngài, tôi mất một người bạn thân, ông Du Vallon, trong biến cố ở Belle-Isle.

Trong khi nói, d'Artagnan liếc đôi mắt chim ưng của ông nhìn vào Louis XIV để đoán ngay ra những dấu hiệu phản ứng đầu tiên của Nhà vua, Loui XIV trả lời: -Ta biết rồi.

D'Artagnan kêu lên: -Ngài đã biết mà ngài không nói gì với tôi hết?

-Có ích gì đâu. Ông bạn ạ, nỗi đau khổ của ông thật đáng trân trọng. Cho nên ta phải tránh né đi, d'Artagnan ạ. Báo cho ông biết chuyện buồn làm cho ông đau khổ đó là tỏ ra thắng thế trước mặt ông đấy. Đúng, ta biết rằng ông Du Vallon đã bị chôn dưới các tảng đá ở Locmaria, ta biết rằng ông D'Herblay đã đoạt của ta với cả thủy thủ đoàn đi Bayonne. Nhưng ta muốn ông trực tiếp tìm hiểu các biến cố ấy để cho ông thấy rằng bạn bè của ta bao giờ cũng được ta vì nể và không cho ai động đến, và đối với ta, quyền lực và cương vị đòi hỏi mọi người phải biết hy sinh.

-Nhưng thưa Hoàng thượng, vì sao ngài biết?

-Thế còn ông, làm sao ông biết?

-Do bức thư này của Aramis bây giờ đã thoát vòng nguy hiểm, viết cho tôi từ Bayonne.

-Xem đây, – Nhà vua rút từ hộc cạnh chỗ d'Artagnan đứng dựa, lấy ra thư chép đúng thư của Aramis – Đây cũng là tờ thư giống như thế do Colbert chuyển cho ta tám giờ trước khi ông nhận thư ông. Ta chắc đã được phục vụ đúng mực đấy.

Người lính ngự lâm lẩm bẩm: -Phải, Hoàng thượng đúng là con người độc nhất có số mệnh có thể thắng được số mệnh và sức mạnh của hai người bạn tốt Ngài đã sử dụng, nhưng chắc là không lạm dụng quyền lực đó phải không?

Nhà vua mỉm cười độ lượng: -D'Artagnan ạ, ta có thể sai bắt ông D'Herblay ngay trên đất vua Tây Ban Nha và đem ông ấy về đây để xử tội. Phải công nhận là lúc đầu ta cũng có ý nghĩ như thế. Đó là lẽ thường thôi, d'Artagnan ạ, ông ấy bây giờ đã được tự do, hãy để cho ông ấy tiếp tục được tự do.

-A, Hoàng thượng sẽ không thể nào mãi mãi độ lượng cao cả, khoan hồng như thế đối với tôi và với cả D'Herblay vì ngài có nhưng cố vấn sẽ chữa cho ngài khỏi sự yếu lòng đó.

-Không d'Artagnan ạ, ông đã lầm khi ông cho rằng, nội các xui ta đi quá đà. Ý kiến khuyên ta nương tay với ông D'Herblay là của Colbert đấy!

-Ồ! – D'Artagnan kêu lên tiếng ngạc nhiên.

Nhà vua tiếp tục tỏ lòng nhân đức lạ thường.

-Còn về phần ông, ta có nhiều tin mừng báo cho ông nhưng thôi, ông chưởng quan thân mến ạ, đến lúc ta tính toán xong thì ông sẽ biết. Ta đã nói là muốn và sẽ đem lại sự nghiệp cho ông. Bây giờ nó đã thành hiện thực rồi đó.

-Muôn vàn cảm tạ Hoàng thượng. Trong khi tôi ngóng đợi. Xin Hoàng thượng lưu ý tới những con người khốn khổ từ lâu đã đứng ngoài tiền phòng mong được cầu xin ân huệ dưới chân ngài.

-Ai thế?

-Đó là những kẻ thù của Hoàng thượng.

Nhà vua ngẩng đầu lên. D'Artagnan vội tiếp.

-Những người bạn thân của ông Fouquet.

-Tên là gì?

-Ông Gourville, ông Pellisson và ông Jean De La Fontaine.

Nhà vua suy nghĩ một lúc: -Họ muốn gì?

-Tôi không biết.

-Dáng họ thế nào?

-Như người đưa đám. Họ khóc lóc.

-Cho họ vào. – Nhà vua nhíu mày nói.

D'Artagnan quay người lại thật mau, giở tấm bình phong che cửa ngự phòng và kêu vọng sang phòng bên: -Đem họ vào!

Tức khắc ba người d'Artagnan nói, xuất hiện nơi cửa phòng. Trên đường đi của họ, mọi người đều lặng ngắt. Những quan chức khi thấy các bạn hữu của viên tổng giám khốn khổ đến gần, liền lùi lại như sợ lây sự thất sủng và nỗi bất hạnh của họ.

D'Artagnan bước nhanh đến nắm tay những con người khốn khổ đó đang đứng lưỡng lự run rẩy trước cửa ngự phòng.

Ông dắt họ đến trước mặt Nhà vua, lúc này đã ngồi trên ghế, trước khung cửa sổ, và lấy vẻ mặt thật khôn khéo để tiếp đón những người đến cầu lụy.

Người bạn của Fouquet tiến lên trước là Pellisson. Ông ta không khóc nữa, nhưng nước mắt ông chỉ cạn là cốt để nói rõ lời khẩn cầu với Nhà vua thôi. Gourville cắn chặt môi ngưng khóc vì kính trọng Nhà vua. La Fontaine úp mặt vào chiếc khăn tay và như người chết rồi nếu người ta thỉnh thoảng không thấy hai vai ông giật lên vì tiếng nấc.

Nhà vua giữ thật đúng vẻ trịnh trọng, nét mặt không đổi sắc vẫn còn nhíu mày sau khi d'Artagnan báo cho ông biết sự có mặt của những kẻ thù. Ông làm một cử chỉ có nghĩa "Nói đi" rồi cứ đứng đấy, lạnh lùng nhìn vào ba con người tuyệt vọng.

Họ lại cứ nín lặng hồi lâu, chỉ có những tiếng thở dài, những tiếng rên đau khổ, điều này khiến cho Nhà vua không phải xúc động vì thương cảm là vì mất kiên nhẫn.

Ông cất tiếng nói cụt ngủn và khô khan: -Ông Pelleson, ông Gourville và ông…

Louis XIV không gọi tên La Fontaine (Louis tỏ ý trọng nể văn sĩ La Fontaine).

-Tôi rất không bằng lòng khi thấy các ông đến để xin tha cho một tên trọng phạm đầu tiên mà ta bắt buộc phải trừng trị. Một vị vua chỉ xót thương khi thấy những giọt nước mắt của người vô tội và những lời hối lỗi của ông Fouquet cũng như những giọt nước mắt của các bạn ông ấy, bởi vì Fouquet thì hư hỏng đến tột độ còn các ông thì phải nên sợ là đã xúc phạm ta ở đây. Cho nên, ông Pellison, ông Gourville, ông, ông… Ta xin các ông chỉ nên nói lời nào chứng tỏ rõ ràng là phải tôn trọng ý muốn của ta.

Pellisson cất tiếng run rẩy trước những lời ghê gớm ấy: -Thưa Hoàng thượng, chúng tôi đến đây là để bày tỏ tấm lòng thành kính sâu xa nhất, thành thật nhất của thần dân đối với ngài. Công lý của Hoàng thượng thật đáng sợ, mọi người ai cũng phải cúi đầu trước các lệnh truyền ra. Con người phải chịu cơn thịnh nộ của ngài, có thể là bạn của chúng tôi, nhưng lại là kẻ thù của Hoàng thượng. Chúng tôi rời bỏ hắn mà kêu khóc trước cơn thịnh nộ của Hoàng thượng.

Louis XIV dịu lòng trước giọng nói cầu khẩn, dễ tin đó, nên ngắt lời: -Nghị viện ta còn xét xử nữa. Ta không bao giờ đánh đập mà không cân nhắc tội trạng. Công lý của ta có gươm bén nhưng cũng có cân công bình.

-Cho nên chúng tôi rất tin tưởng vào sự công bình của Hoàng thượng, và chúng tôi mong rằng khi chúng tôi xin được phép Hoàng thượng nghe những lời nói nhỏ bé của chúng tôi.

Nhà vua nghiêm giọng: -Các ông muốn xin gì vậy?

Pellisson tiếp: -Thưa Hoàng thượng, người bị tội có vợ và con. Chút của cải hắn có chỉ vừa đủ trả nợ nần, thế mà bà Fouquet từ lúc chồng bị bắt thì ai cũng xa lánh bỏ rơi bà. Bàn tay ngài đánh đập xin giống như tay Thượng đế. Khi Thượng đế ban lệnh cùi lở hay dịch hạch cho một gia đình thì ai cũng trốn chạy khỏi nơi đó. Thật là hiếm, nhưng đôi khi chỉ một người thầy thuốc rộng lượng bước đến ngưỡng cửa nhà đó, đi vào và hy sinh chống chọi với thần chết. Người ấy là hy vọng cuối cùng của kẻ đang đợi chết, là công cụ của lòng nhân từ trên cao. Thưa Hoàng thượng, chúng tôi chắp tay van xin ngài. Bà Fouquet không còn bạn bè, không còn người giúp đỡ, bà ta đang khóc trong căn nhà khốn khổ, vắng lặng nơi mà lúc chồng bà còn được ân sủng không biết bao người chen chúc chầu chực. Ít ra thì con người khốn khổ phải chịu cơn thịnh nộ của ngài, dù đáng tội đến đâu nữa, cũng có thể nhận được miếng bánh của ngài, để ăn với nước mắt. Còn bà Fouquet con người đã từng được hân hạnh đón mừng ngài trên bàn ăn; người vợ của viên cựu tổng giám tài chính của Hoàng thượng, bà Fouquet này không còn cả miếng bánh mà ăn!

Nhà vua mặt vẫn nghiêm trang, nhưng đôi gò má hơi đỏ và nét nhìn dần dần đã dịu lại. Ông run giọng hỏi: -Các ông mong muốn những gì?

Pellisson càng nói càng xúc động: -Chúng tôi đến xin Hoàng thượng cho phép chúng tôi cho bà Fouquet vay hai ngàn pistole mà khỏi bị liên lụy gì cả. Số tiền này là của các bạn bè xưa chung góp để cho người vợ goá khỏi thiếu thốn.

Nghe chữ người vợ goá của Pellisson trong lúc Fouquet còn sống, Louis XIV tái mặt đi. Sự kiêu hãnh của ông sụp đổ xuống, lòng thương dâng lên từ trái tim lên đến môi. Ông thông cảm nhìn những con người đang quỳ lụy khóc lóc và nói: -Thượng đế giận vì ta đã lẫn lộn người có tội với kẻ vô can. Nếu nghi ngờ lòng bác ái của ta đối với kẻ yếu là không biết ta. Ta chỉ đập những tên xấc xược thôi. Các ông cứ làm những gì trái tim các ông muốn bảo vệ để cứu giúp bà Fouquet. Thôi đi đi, các ông đi đi.

Chỉ còn một mình d'Artagnan. Ông bước lại phía ông hoàng trẻ đang nhìn ông, mắt dò hỏi: -Tốt, tốt, ông chủ của tôi ạ. Nếu ngài không có cái châm ngôn vẽ trên mặt trời của ngài, thì tôi xin hiến một câu, khỏi cần để cho ông Colbert dịch ra tiếng La-tinh: *"Nên nhẹ tay với kẻ yếu, cứng rắn với kẻ mạnh"*.

Nhà vua mỉm cười bước qua phòng bên sau khi nói với d'Artagnan: -Ta cho ông nghỉ phép để lo thu xếp cho công việc của ông Du Vallon quá cố, bạn của ông đấy.

§53. Bản chúc thư của Porthos

Không khí ở Pienefonds ngập một màu tang chế. Sân bãi vắng người, chuồng trại đóng kín, vườn cảnh hoang tàn. Các vòi nước ngày xưa phun toả rộng, loang loáng ồn ào nay đã ngưng bặt.

Trên các ngả đường quanh lâu đài, vài người nét mặt trầm ngâm cưỡi lừa, cưỡi ngựa quê, kéo nhau đi đến. Đó là những người láng giềng trong vùng quê, các ông giáo sĩ và các pháp quan ở đất bên cạnh.

Tất cả những người đó im lặng đi vào lâu đài, gửi ngựa lại cho một người vẻ mặt ảm đạm trông coi, và theo chân một người thợ săn mặc đồ đen đi về phía phòng hội có Mousqueton đứng ở bậc cửa tiếp khách.

Qua hai ngày, Mousqueton gầy đi, thấy rõ cả áo quần thùng thình như là bao gươm quá rộng để cho lưỡi dao bên trong tha hồi múa may quay cuồng. Gương mặt nổi mụn đỏ trắng của ông có hai dòng nước trắng chảy dài trên gò má ngày xưa thật đầy đặn mà từ lúc chịu tang đã thành nhão nhẹt.

Mỗi một người tới thăm, Mousqueton lại có dịp đổ hàng nước mắt mới, và thật thương tâm khi thấy ông lấy bàn tay to lớn chẹn lấy cổ họng để khỏi nấc lên thành tiếng.

Mọi người đến để nghe đọc bản di chúc của Porthos đã được rao là sẽ phổ biến ngày hôm nay. Người chết không có kẻ kế nghiệp nên đến tham dự là những tay thèm muốn của cải và các bạn bè thân hữu của ông. Họ lần lượt tìm chỗ ngồi và cửa phòng hội đóng lại lúc mười hai giờ trưa, giờ đọc di chúc.

Ông biện lý từ từ mở tấm giấy da ghi những ước muốn cuối cùng của Porthos do bàn tay to lớn của ông viết ra.

Nghe tiếng dấu khằn vỡ ra, lấy đôi mục kính đặt lên mắt và tiếp theo tiếng ho vang lên, mọi người đều vểnh tai chăm chú nghe. Mousqueton chúi vào một góc để ít nghe hơn và khóc nhiều hơn.

Thình lình, đôi cánh cửa phòng hội bỗng mở toang rồi bóng một người đàn ông hiện ra, lấp loáng trong ánh nắng mặt trời chói chang. Đó là d'Artagnan một mình đến tận cửa này, không thấy ai ra đón nên nhảy xuống cột ngựa và tự bước vào.

Ánh sáng tràn ngập phòng và tiếng rì rầm của người tham dự nổi lên và nhất là tiếng sủa mừng của con chó trung thành khiến Mousqueton bị lôi ra khỏi cơn mê. Ông ta ngửng đầu lên, nhận ra người bạn cũ của chủ nên bước đến ôm ông mà nước mắt lã chã rơi trên nền gạch.

D'Artagnan nâng người quản gia khốn khổ lên, ôm hôn như với một người anh em, rồi trịnh trọng chào đám đông nghiêng mình chào lại và thì thầm nhắc

tên ông. Ông đến tận cuối chiếc ghế có chạm khắc, ngồi xuống đấy, tay vẫn nắm lấy bàn tay Mousquelon rũ rượi buông mình trên bậc cấp.

Thế rồi ông biện lý lên tiếng đọc.

Sau một đoạn nhắc nhở đạo lý. Porthos xin kẻ thù tha lỗi cho ông đã gây cho họ.

Nghe đoạn văn ấy, mắt d'Artagnan thoáng hiện lên một niềm kiêu hãnh khó diễn tả rồi. Ông nhớ lại người lính già kia.

Ông tính phỏng ra những kẻ thù bị dập nát clưới cánh tay oai hùng Porthos và nghĩ thầm rằng ông bạn đó thật khôn ngoan khi không chịu kể ra chi tiết về những kẻ thù đó hay về những lỗi lầm ông đã gây ra cho họ, khiến độc giả muốn tìm hiểu thật là khó khăn. Thế rồi đến bảng liệt kê sau đây:

"Nhờ Thượng đế, đến bây giờ tôi có được.

1. Lãnh địa Pierrefonds gồm đất đai, rừng rú, đồng cỏ, sông ngòi, có tường thành chắc chắn cây quanh;

2. Lãnh địa Bracieux gồm lâu đài, rừng, đất canh tác tập trung nơi ba nông trại;

3. Khoảnh đất nhỏ Vallon, được gọi như thế vì ở trong một tiểu thung lũng.

4. Năm mươi miếng đất cho mướn trong vùng Touraine, diện tích được 500 mẫu;

5. Ba nhà cối xay trên sông Cher, mỗi nhà thu hoạch được 600 đồng louis;

6. Ba cái ao trên sông đào Berri, lợi tức mỗi cái 300 louis;

Còn về phần các động sản, theo như lời chỉ dẫn của người bạn bác học của tôi, giám mục Vannes, giải thích tên gọi đó là do chúng không cử động được.

D'Artagnan rùng mình khi nhắc đến tên Aramis. Ông biện lý vẫn tiếp tục đọc:

"Chúng gồm có:

1) Những đồ đạc tôi không kẻ tên ra vì không có chỗ vì chúng đặt trong các lâu đài, nhà cửa của tôi có danh sách do người quản gia lập ra".

Mọi người quay lại nhìn Mousqueton đang chìm đắm trong đau thương.

"2) Hai chục ngựa cưỡi và ngựa kéo nhất riêng trong lâu đài tôi ở Pierrefonds có tên là: Bayard, Rolaud, Charlemagne, Pépin, Dimois, La Hire, Ogier, Samson, Milon, Nemrod, Urgande, Armide, Falstrade, Dahla, R'becca, Yolande, Finnette, Grisette, Lisette và Musette[325]."

Tới đây thì người đọc phải ngừng lại một lúc để lấy hơi. Ai nấy đều thở ra, ho hen và chú ý gấp bội. Ông biện lý đọc tiếp:

"Tôi không có con và có lẽ không bao giờ có, thật là điều day dứt lớn nhất của tôi. Nhưng mà tôi lầm rồi, tôi có một người con chung với các bạn tôi. Đó là ông Raoul Auguste Jules De Bragelonne, con chính của Bá tước De La Fère.

Tôi thấy nhà quý tộc này xứng đáng được làm người kế nghiệp cho ba nhà quý tộc bạn của tôi, những người tôi cúc cung phục vụ".

Đến đây, có tiếng động rổn rảng nổi lên. Đó là tiếng vang của thanh gươm của d'Artagnan rút ra rơi xuống nền gỗ.

Ai nấy đều quay lại nhìn và thấy dòng nước mắt tràn trề từ đôi mi dầy của d'Artagnan lăn xuống chiếc mũi thẳng lấp lánh dưới ánh mặt trời.

Người biện lý đọc tiếp:

"Cho nên, tôi để lại tất cả tài sản, động sản, bất động sản ghi trong danh sách trên cho ông Tử tước De Bregelonne con ông Bá tước De La Fère để an ủi nỗi buồn của ông ấy, chắc là có và để có phương tiện làm sáng danh ông".

"Với điều kiện ông Từ tước De Bregelonne phải nhận là sẽ trích chu cấp cho Hiệp sĩ D'Herblay, bạn tôi, nếu ông ta cần trong cuộc sống lưu đày.

"Với điều kiện ông Tử tước De Bregelonne phải nhận nuôi dưỡng những người giúp việc đã làm trong nhà tôi mười năm và cho những người khác mỗi người 500 quan.

"Tôi để lại cho người quản gia Mousqueton của tôi tất cả áo quần dạo phố, quân phục, mục phục, gồm bốn mươi bảy bộ với tin tưởng rằng ông ta sẽ mặc đến mòn rách để yêu thương và nhớ tiếc tôi.

"Thêm nĩra, tôi nhường cho Tử tước De Bregelonne ông Mousqueton đã nói trên, người giúp việc già và là bạn trung thành của tôi với điều kiện Tử tước De Bregelonne phải nhận là hành động thế nào cho đến khi ông Mollsqueton chết đi lúc nào cĩng thấy được sung sướng".

Mousqueton cúi đầu chào khi nghe những lời này; đôi vai rộng run bần bật, đôi tay lạnh giá của ông buông xuống khỏi mặt và người trong phòng trông thấy ông bước chập choạng ngập ngừng như muốn tìm hướng ra khỏi phòng. D'Artagnan nói: -Ông bạn Mousqueton thân mến, ra ngoài này đi, hãy sửa soạn đồ đạc, ta sẽ đưa ông đến Athos, trên đường từ Pierrefonds về tôi sẽ phải ghé vào đấy.

Mousqueton không nói một lời, chỉ thở nhè nhẹ, coi như cả phòng không có gì đáng phải chú ý hết. Ông mở cửa bước ra và đi mất.

Ông biện lý đọc xong tờ di chúc, sau đó phần lớn những ông đến để nghe ý muốn cuối cùng của Porthos đều ra về, tâm trí thất vọng nhưng đầy lòng kính nể.

D'Artagnan ngồi một mình sau khi được ông biện lý đến chào thật long trọng, liền nghĩ đến người để lại di chúc thật đủ trí tuệ, khôn ngoan nên mới chia gia tài thật công bình cho những người xứng đáng được hưởng, cho những người cần thiết, với sự tế nhị mà không có kẻ quyền thế tinh anh nào, không có con người tốt đẹp nào có thể vượt hơn.

Thật thế, Porthos đã ghi điều khoản buộc Raoul De Bregelonne phải đưa ông d'Artagnan những gì ông đòi hỏi.

Nhưng chàng Porthos đáng kính hiểu rất rõ rằng d'Artagnan sẽ không đòi hỏi gì hết, mà một khi ông đòi hỏi thì không một ai, trừ ông, có thể từ chối được.

Porthos để lại một số tiền trợ cấp giúp cho Aramis, nhưng ông này dù có muốn nhiều cũng nhìn vào d'Artagnan mà chùn tay lại. Còn về chữ lưu đày thì người trối lại nói một cách có vẻ không cố ý, nhưng sao không thấy đó là lời chỉ trích dịu dàng nhất, tinh tế nhất về hành vi của Aramis đã dẫn đến cái chết của Porthos?

Cuối cùng ông không nói gì đến Athos, nhưng Athos chẳng lẽ nghi ngờ rằng người con lại không để phần lớn cho cha mình sao? Tâm trí Porthos chất phác vẫn suy nghĩ được đến mọi lý do, vẫn nắm được những điều tế nhị, hơn cả những gì được đề cập trong luật pháp, trong thói quen, trong sở thích hàng ngày.

D'Artagnan thở dài nghĩ thầm: "Porthos thật là cả một tấm lòng". Và ông nghe hình như có tiếng rền rĩ ở tầng trên. Ông nghĩ ngay đến Mousqueton, con người khốn khổ đang cần được an ủi. Cho nên d'Artagnan vội bước ra đi tìm người quản gia vì thấy ông ta chưa trở lại.

Ông bước lên thang gác vào phòng Porthos trên tầng một và thấy một đống áo quần trang phục đủ màu sắc đủ thứ loại được xếp kỹ lưỡng có Mousqueton nằm dài trên ấy. Đây là phần chia của người bạn trung thành, phần chia thật xứng đáng và thật đúng người được hưởng. Bàn tay Mousqueton giơ lên ôm lấy đặt lên môi hôn, trùm lên mặt, lên toàn thân duỗi dài ra.

D'Artagnan bước gần lại để tìm lời an ủi. Ông giật mình: -Trời à! Ông ta không cử động nữa, chắc ngất đi rồi!

Nhưng d'Artagnan lầm. Mousqueton đã không còn hơi thở.

§54. Tuổi già của Arthos

Trong khi các biến cố đó đã làm chia lìa vĩnh viễn bốn người ngự lâm ngày xưa không bao giờ rời nhau, thì Athos cô đơn sau lúc con ra đi, đã bắt đầu phải trả nợ cho cái chết được báo trước vì lẽ những người thân đã đi xa.

Khi trở về căn nhà ở Blois vắng cả nụ cười héo hắt của Grimaud, mỗi khi bước ra vườn hoa, Athos cảm thấy càng ngày càng suy nhược trong thân xác mạnh mẽ từ lâu tưởng không có gì làm sa sút được.

Trước những đồ vật thân yêu, và với những đau khổ, những sự bối rối lớn dần vì chờ đợi mỏi mòn ông cảm thấy tuổi già đến thật mau. Athos không còn người con ở đây nữa để tập đi cho thẳng, để ngẩng đầu lên, làm gương cho con. Ông không còn thấy đôi mắt sáng của người trẻ tuổi để thấy được cái nhìn rực lửa của mình được nối tiếp, hồi sinh. Con người này vốn bản chất ưa dịu dàng, dè dặt đến mức độ thuần nhã nay vì không có gì để kìm hãm nên tuôn đổ vào nỗi buồn như những con người tầm thường lăn vào sự vui chơi thỏa thích.

Bá tước De La Fère vẫn còn trẻ trung đến năm sáu mươi hai tuổi, con người thừa sức lực chiến đấu dù bao nhiêu cực nhọc – con người vẫn giữ được sự tươi mát của tâm hồn dù gặp nhiều gian khổ, còn giữ được thể xác tinh thần trong sáng dù đã gặp gỡ Mazarin, La Vallière – Athos, con người đó mới tám ngày đã trở thành một ông già khi ông mất sự nương cậy vào tuổi trẻ sau lưng.

Từ lúc Raoul không còn ở đây nữa, ông quên hết những thói quen cứng cỏi học được trong cuộc sống. Những người giúp việc quen thấy ông ngày nào cũng dậy từ sáng sớm, nay phải ngạc nhiên vì đã bảy giờ mà chủ nhân chưa ra khỏi giường.

Athos vẫn nằm đấy, đầu gối trên sách, nằm nhưng không ngủ và không đọc. Nằm chỉ để khỏi nâng tấm thân nặng nề lên, để tinh thần và trí tuệ thoát khỏi xác phàm, bay đến nơi con ông ở hay lên tận trời cao.

Đôi khi người ta sợ hãi thấy cả hàng giờ ông chìm đắm trong cơn mơ mộng, không nói không rằng, như không hề có cảm giác. Ông không còn nghe được cả tiếng chân bước nhẹ của người háu phòng đến dò xem chủ nhân ngủ hay thức. Có khi ông quên bẵng rằng đã nửa ngày trôi qua và hai bữa ăn chưa vào bụng. Khi có người đánh thức, ông ngồi dậy đi xuống con đường buồn thảm rồi quay lại phơi nắng một chút như là để chia xẻ chút hơi ấm với người con vắng mặt. Tiếp theo là cuộc đi dạo âm thầm, không sinh khí cho đến khi ông mệt mỏi trở về căn phòng, chiếc giường, nơi trú ẩn ưa thích.

Nhiều ngày, Bá tước không nói một câu. Ông từ chối tiếp khách và hàng giờ trong đêm, ông thắp đèn lên viết hay lật các giấy tờ. Athos viết thư đến Vannes

cho Aramis, đến Fontainebleau mà không thấy hồi âm. Thật dễ hiểu, Aramis đã rời Pháp, d'Artagnan thì đi từ Nantes đến Paris rồi từ Paris đến Pierrefonds.

Người hầu phòng nhận thấy mỗi ngày ông đi dạo ít đi mấy vòng. Con đường dương liễu trở nên quá dài đối với đôi chân ngày xưa từng vượt cả ngàn dặm mỗi ngày. Người ta thấy vị Bá tước nặng nề đi vào khóm cây ở giữa đường rồi ngồi trên mớ rong rêu đóng tảng, đợi khi hồi sức hay khi đêm về.

Chẳng mấy lúc, việc đi một trăm bước làm ông kiệt lực, Athos không muốn ngồi dậy nữa. Ông không ăn gì hết và dù ông không phàn nàn – vẫn luôn luôn có nụ cười trên môi, vẫn một giọng dịu dàng – nhưng những người chung quanh vẫn hoảng hốt cho người đi Blois rước người thầy thuốc của cố

Hoàng thân về chỗ Bá tước De La Fère. Người ta dặn ông đừng để Bá tước thấy vì sợ chủ nhân rầy la sao lại đi mời thầy thuốc trong khi ông không bảo.

Vị bác sĩ nhận lời, đứng nấp kín theo dõi dáng dấp của căn bệnh lạ kỳ gặm nhấm từng ngày một đến chết con người ngày xưa đầy sức sống, đầy lòng ham sống đó. Ông chú ý thấy trên gò má của Athos dấu đỏ bừng của cơn sốt chầm chậm, tàn nhẫn, phát sinh từ một góc kín của tâm hồn, nấp sau bức tường thành đó rồi lớn dần từ nỗi niềm đau khổ vừa là nguyên nhân vừa là kết quả của một hoàn cảnh nguy cấp.

Vị bác sĩ bỏ nhiều giờ để xem cuộc vận động đau thương giữa ý chí với một sức mạnh cao hơn nó. Ông hoảng hốt nhận ra đôi mắt luôn luôn gắn chặt vào một điểm dừng vô hình nào đó.

Ông hoảng hốt thấy nhịp đập đều đều của trái tim không toát ra một tiếng thở dài nào. Đôi khi thấy sự tinh anh nhạy cảm của cơn đau buồn, vị bác sĩ lại nổi lên hy vọng. Ông chờ nửa ngày qua rồi cứng rắn quyết định. Ông vụt rời bỏ chỗ nấp đi thẳng đến chỗ Athos. Thấy Athos không ngạc nhiên chút nào vì sự có mặt của mình, vị bác sĩ dang hai tay ra nói: -Ngài Bá tước, xin lỗi, tôi phải trách ngài một điều ngài nghe tôi không?

Rồi ông ngồi dưới chân giường Athos. Bá tước thật khó nhọc mới thoát ra được sự trầm tư của mình và nói sau một lúc im lặng: -Có gì thế, bác sĩ?

-Có chuyện là ngài bị bệnh mà không chịu cho chữa.

Athos mỉm cười: -Tôi bệnh à?

-Sốt, kiệt sức, yếu người, tàn tạ dần. Bá tước ạ.

Athos trả lời: -Yếu à? Sao thế được? Tôi không vậy đâu!

-Ồ, ngài Bá tước, chớ gạt tôi! Ngài là người tín đồ thuần thành mà.

-Phải, chắc thế.

-Ngài định tự sát sao?

-Không bao giờ, bác sĩ ạ.

-Thế thì, xin báo rằng ngài đang chết đấy: cứ như thế này là tự tử Ngài Bá tước ơi, hãy chữa bệnh đi!

-Chữa cái gì? Phải cho biết bệnh đã chứ. Tôi thì tôi thấy không có lúc nào bầu trời đẹp hơn lúc này, không lúc nào tôi thấy yêu mến hoa cảnh hơn lúc này.

-Ngài có một nỗi buồn giấu kín.

-Sao lại giấu kín? Bác sĩ ạ, tôi thấy vắng con tôi, nỗi đau tất cả là chỗ đó, tôi có giấu giếm gì đâu?

-Thưa Bá tước, con ngài đang sống, mạnh khỏe và có đủ tương lai trước mắt xứng với con người như thế. Xin ngài hãy sống vì anh ta.

-Nhưng, tôi vẫn sống đấy chứ, bác sĩ? – Rồi ông mỉm cười buồn bã và nói tiếp – Chừng nào Raoul còn sống thì tôi còn sống.

-Ông nói gì thế?

-Chuyện thường đấy thôi bạn ạ. Hiện giờ tôi treo cuộc đời lửng lơ, Bác sĩ không thể bắt cái đèn phải cháy trong khi chưa có lửa châm vào, bác sĩ đừng bảo tôi sống với tiếng động và ánh sáng. Tôi đang sống ngầm, tôi đang đợi đây. Bác sĩ hãy nhớ đến những người lính đã bao lần bác sĩ thấy họ trên các bến cảng chờ lên tàu. Họ nằm dài ra đấy, dửng dưng, nửa ở đây, nửa ở nơi khác, không phải ở nơi họ chờ đưa đi biển mà cũng không ở nơi đất sẽ chôn vùi họ. Hành lý của họ đã sắp sẵn, tinh thần căng thẳng, mắt nhìn đăm đăm, họ cứ ở trạng thái chờ đợi như thế đấy Tôi cũng nằm dài như những người lính đó, lắng nghe mọi tiếng động đưa đến, và sẵn sàng ra đi khi bắt được tiếng kêu gọi đầu tiên. Ai sẽ đưa ra lời kêu gọi ấy? Cái sống hay thần chết? Thượng đế hay Raoul? Hành lý tôi đã chuẩn bị rồi, tinh thần tôi đã sẵn sàng, tôi đang chờ hiệu lệnh. Tôi đang đợi bác sĩ ạ, tôi đang đợi đây.

Vị bác sĩ hiểu rõ sự kiên quyết trong con người này, nên ông suy nghĩ một lúc rồi biết rằng nói lời nào cũng vô ích, thuốc nào cũng không chữa được, ông ra về sau khi bảo các người giúp việc không nên rời Athos một phút nào cả.

Athos không nổi giận cũng không ghét bỏ vì bị quấy rầy.

Ông trở nên ít ngủ. Càng suy tư, Athos càng quên mình thêm một vài giờ trong cơn mơ mộng mỗi lúc một đắm chìm, mỗi lúc một đen tối hơn cả mức độ mà người thường gọi là cơn mê.

Trong chuyến du hành của lý trí đó, Athos như có đến hai cuộc sống. Một đêm kia, ông mơ thấy Raoul đang ở trong một căn lều, sửa soạn đi theo chuyến hành quân do chính ông De Beaufort chỉ huy. Người thanh niên có nét buồn, rất chậm chạp khi mặc bộ áo giáp và đeo gươm. Người cha âu yếm hỏi: -Có gì đấy, con?

Raoul trả lời: -Con buồn vì người bạn thân nhất của chúng ta Porthos đã chết rồi. Ở đây, con đau vì nỗi đau của cha ở nơi kia khi phải nghe tin đó.

Rồi bóng ma biến mất khi Athos thiếp đi.

Lúc trời vừa sáng, một người hầu bước vào đưa cho ông một bức thư viết từ Tây Ban Nha, Bá tước thì thầm: “Chữ viết của Aramis”.

Rồi ông đọc. Mới vào dòng dầu, ông đã kêu lên: -Porthos chết rồi! Ôi Raoul, Raoul, Raoul, con đã giữ lời hứa với ta, con đã báo cho ta biết tin!

Rồi thân mình toát đầy mồ hôi, Athos ngất đi trên giường vì kiệt sức!

§55. Linh cảm trong cơn mê của Athos

Khi tỉnh dậy, vị Bá tước hơi xấu hổ vì sự yếu đuối của mình trước sự kiện lạ lùng đó, liền mặc áo vào, bảo thắng ngựa đi Blois để liên lạc tìm tin rõ hơn, hoặc từ Phi châu, hoặc từ d'Artagnan hay Aramis.

Bức thư của Aramis cho Bá tước De La Fère rõ về sự thất bại của chuyến viễn chinh Belle-Isle. Thư viết về cái chết của Porthos thật rõ, thật nhiều chi tiết khiến cho tấm lòng đa cảm, tận tình của Athos rung chuyển đến tận cùng.

Cho nên Athos muốn viếng Porthos lần cuối cùng. Ông dự tính đi tìm d'Artagnan để cùng làm chuyến du hành đau khổ đến Belle-Isle thăm nơi an nghỉ cuối cùng của người bạn chiến đấu cũ, rồi trở về nhà chịu đựng sự lôi kéo âm thầm dẫn đến cõi vô cùng qua những con đường khuất khúc nào không rõ.

Nhưng trong lúc những người hầu vừa vui vẻ mặc áo cho chủ mà trong lòng sung sướng thấy nỗi buồn của ông trong chuyến đi sẽ được xoá tan, trong lúc con ngựa thuần nhất trong chuồng vừa được thắng yên cương xong, được dắt đến thềm nhà, thì Athos đầu váng mắt hoa, đôi chân khuỵu xuống, không thể nào bước tới một bước.

Ông bảo đưa mình ra chỗ nắng, nằm dài lên tấm thảm rêu thật lâu mới hồi phục được.

Thế rồi khi đã hồi sức, tâm trí đã thảnh thơi, ông liền sai người mang ngựa lại. Nhưng phải có người hầu giúp đỡ, ông mới khó nhọc bước lên yên được. Chưa được một trăm bước, khi đến khúc đường quanh, ông cảm thấy rùng mình. Ông nói với người hầu phòng đi theo: -Lạ thật.

Người giúp việc trung thành kêu lên: -Xin ngài hãy dừng lại. Ngài xanh quá đi.

-Nhưng ta không thể ngừng được. Ta đang trên đường đi.

Rồi ông gò cương, thúc ngựa. Nhưng con vật thay vì nghe theo lời chủ, lại đứng dừng lại. Athos kêu lên: -Có điềm gì bảo ta không nên đi nữa. Đỡ ta một chút, – Ông vươn tay nói thêm. – Nhanh lên! Tay chân ta bải hoải, ta sắp ngã xuống ngựa đây!

Người hầu thấy rõ cử chỉ của chủ cùng với lúc nghe tiếng gọi. Anh ta bước nhanh tới, đỡ Bá tước xuống. Hai người đi chưa xa, những người giúp việc còn đứng trên cửa nhìn ra, tuy chưa thấy tình cảnh rối loạn đó, nhưng nghe được tiếng kêu của bạn nên vội vàng chạy đến thật nhanh.

Athos vừa đi trở về vài bước thì lại cảm thấy đỡ hơn. Sức khỏe hình như hồi phục và ông lại muốn đi Blois. Nhưng vừa quay đầu ngựa, lại cảm thấy cứng mình và lo âu như cũ. Ông lẩm bẩm: "Ô, ta phải ở lại thôi".

Những người giúp việc áp tới, đưa ông xuống ngựa và khiêng ông về nhà, chuyển ngay vào phòng. Trước khi ngủ, ông còn nói với họ: -Các anh nên lưu ý, ngày nay có thư từ Phi Châu gửi về đấy!

Người hầu phòng trả lời: -Ngài chắc bằng lòng khi biết rằng chúng tôi đã cho người lên ngựa đón người đưa thư ở Blois rồi.

-Cảm ơn, – Athos mỉm cười hiền từ nói.

Ngày qua đi. Con trai Blaisois đi đón người đưa thư không được gì cả đã trở về. Bá tước tuyệt vọng tính từng phút, rùng mình vì thấy dài như cả giờ. Có lúc ông nghĩ người ta bỏ rơi ông mà lòng cảm thấy xót xa quặn thắt.

Giờ của người đưa thư phải tới đã quá lâu, nên không ai còn hy vọng gì, Athos biết rằng người ấy chỉ đến một tuần một lần. Như thế, ông phải chờ thêm tám ngày chết người chờ đợi.

Ai bị bệnh và lo âu thắc mắc thì thường hay nghĩ lan man, giả định điều này điều nọ, toàn những điều buồn thảm để đem chồng chất lên những nỗi buồn có sẵn. Trong những giờ đầu của cái đêm chết người này, Athos cũng vậy.

Cơn sốt đến, ngực ông như có lửa đốt. Người ta phải đi mời thầy thuốc ở Blois đến. Cơn sốt bốc lên đầu, vị bác sĩ phải rạch máu hai lần mới bớt, nhưng lại làm ông yếu đi, không hoạt động gì được, trừ bộ não.

Rồi cơn sốt cũng chấm dứt. Nó còn chống cự ở những nơi tận cùng rồi đến nửa đêm mới dứt hẳn.

Vị bác sĩ thấy bệnh tình thuyên giảm rõ rệt, liền ghi vài thứ thuốc và tuyên bố là Bá tước đã thoát nạn rồi quay trở về Blois.

Sau đó, Athos cảm thấy mình ở trong một tình trạng rất lạ, không diễn tả được. Trí óc ông rảnh rang được nghĩ tới Raoul, đứa con yêu quý. Ông đưa trí tưởng tượng về vùng quanh Djidgelli ở Phi Châu, nơi ông De Beaufort phải đổi quân lên.

Nơi đấy, các tảng đá màu xám hơi xanh lại vài chỗ vì sóng biển đập vào trong những ngày mưa bão, gió chướng. Chúng rải ra phía trong bờ như những nấm mồ, xếp thành từng bậc cấp bao quanh một thị trấn nhỏ, giữa những cây nhũ hương, cây xương rồng đầy khói bụi, đầy tiếng ồn ào và người lẫn các con vật hoảng hốt qua lại.

Bỗng nhiên, giữa làn khói vụt bùng lên một ngọn lửa lan khắp thị trấn, toả ra bao trùm cả những tiếng kêu khóc, la hét, những cánh tay đưa lên trời. Trong một khoảnh khắc, các tấm ván đua nhau đổ nhào xuống, những thanh gươm cong vẹo, những hòn đá rã ra, những cây cối bị thiêu cháy, biến đi.

Chuyện lạ thật là trong cảnh hỗn loạn đó, Athos thấy những cánh tay giơ lên, nghe những tiếng kêu khóc than thở mà tuyệt nhiên không có bóng một người nào cả.

Súng đại bác vang rền đằng xa, tiếng đạn, súng tay nổ lép bép, biển cả gầm lên, dê cừu sút chuồng nhảy nhót trên các vệ đường xanh cỏ. Thế mà lại không có một người lính nào cầm mồi lửa dí vào đại bác, không một người lính thủy nào lái tàu, không có một người chăn cừu nào theo đàn.

Sau khi ngôi làng, đồn luỹ sụp đổ mà không thấy có bóng một người nào can thiệp, như là do ma quỷ làm, thì lửa lại tắt, khói lại bốc lên rồi bớt dần, phai nhạt và tan biến đi.

Cảnh này lại được màn đêm bao phủ, đêm mờ mờ trên mặt đất sáng rực rỡ trên bầu trời, những ngôi sao lớn lấp lánh trên bầu trời Châu Phi, sáng lên mà không soi rõ được gì hết.

Một khoảng im lặng dài khiến cho đầu óc xáo trộn của Athos được yên ổn trong một lúc. Nhưng Athos lại biết rằng những cảnh xuất hiện cho ông thấy chưa chấm dút nên ông cố sức chú ý, đặt hết tâm trí vào những gì tưởng tượng ra.

Ông vừa muốn là được thấy ngay.

Mặt trăng dịu mát và nhợt nhạt hiện ra phía sau dãy núi dọc biển rồi soi bóng xuống mặt nước lăn tăn gợn sóng, hình như đã lặng yên sau tiếng gầm mà Athos đã nghe, ánh trăng đó như điểm ngọc, kim cương trên bờ cây, bụi cỏ, núi đồi. Các tảng đá xám như những bóng ma lặng lẽ, đang ngửng chiếc đầu màu xanh lá để nhìn xét bãi chiến trường dưới ánh trăng và Athos nhận ra rằng nơi này, lúc đánh nhau không có người nào, bây giờ lại điểm đầy xác chết.

Ông cảm thấy rùng mình sợ hãi khi nhận ra bộ đồng phục trắng và xanh của binh sĩ vùng Picardie, thanh gươm dài cán xanh và các khẩu súng tay chạm hình hoa huệ nơi báng. Ông rùng mình sợ hãi khi nhìn thấy những vết thương nứt nẻ, xám xịt nhìn lên bầu trời xanh thẳm, như muốn níu đòi lại những linh hồn thoát ra qua đó.

Như khi ông nhìn thấy đàn ngựa bị mổ bụng, lưỡi lè bên mép, nằm yên ngủ giữa vũng máu làm lấm láp cả chóp mao, cả bờm của chúng. Như khi ông thấy con ngựa trắng của ông De Beaufort nằm dài, đầu dập nát ở ngay hàng đầu các tử thi.

Athos đưa bàn tay lạnh ngắt lên trán, ngạc nhiên sao không thấy nó nóng. Nhưng do cử chỉ đó, ông đoán ra là ông chứng kiến cảnh ngày hôm sau một trận chiến xảy ra trên bờ biển Djidgelli của đoàn viễn chinh đã rời bờ biển nước Pháp đi mất hút về phía chân trời mà ông đã đem cả tâm hồn và thể xác vẫy chào khi nghe thấy ánh sáng mờ từ tiếng súng đại bác do Hầu tước sai bắn chào vĩnh biệt Tổ quốc.

Ai lại có thể diễn tả được nỗi dằng xé của tâm hồn khi phải theo dõi những xác chết đó, nhìn hết xác này qua xác khác để tìm ra thử trong ấy có Raoul hay không? Ai lại có thể diễn tả được nỗi vui mừng say sưa khi Athos nghiêng mình

cảm ơn Chúa vì đã không thấy người ông lo sợ tìm kiếm nằm lẫn lộn trong những kẻ đã chết?

Tất cả những người đó nằm xếp hàng, cứng đơ lạnh lẽo, rõ mặt, đồng lòng kính cẩn quay hết về phía Bá tước De La Fère như để ông không lầm lộn được trong chuyến tra xét âm hồn này Nhưng ông ngạc nhiên là tại sao không còn người nào sống ngoài đống xác chết ấy. Đối với linh cảm của ông, toàn cảnh như là một chuyến đi xác thực đến Phi châu của người cha lần tìm tin tức rõ ràng về người con.

Ông định tìm người lính để dẫn đến lều ông De Beaufort.

Trong khi ông đưa mắt qua lại nhìn suốt cánh đồng, ông thấy một vật gì màu trắng phía sau bụi đáo kim nhưỡng.

Bóng người đó mặc quân phục sĩ quan, tay nắm cây gươm gãy tiến lần về phía Athos, Bá tước đăm đăm nhìn vào đấy không nói lên lời, không cử động nổi và muốn dang hai tay ra vì ông nhận ra người sĩ quan lặng lẽ xanh xao ấy là Raoul của ông.

Bá tước muốn thốt kêu lên nhưng bị nghẹn trong cổ họng; Raoul lấy tay đưa lên miệng ra hiệu cho ông im lặng rồi từ từ bước lui nhưng chân không thấy chuyển dịch chút nào, Bá tước người tái nhợt hơn là Raoul, run rẩy hơn, cực nhọc bước theo người con qua chòm cây, bụi cỏ, đất đá, hố hầm, Raoul chân như không chạm đất, đi thật nhẹ nhàng mà không vật gì làm trở ngại cả.

Bá tước phải dừng lại, kiệt lực vì đường đất gập nghềnh.

Raoul vẫn làm dấu cho ông bước theo. Người cha mềm lòng, được tình yêu tiếp sức, cố gắng nhổm dậy, leo lên núi, theo người con đang mỉm cười vẫy gọi.

Cuối cùng ông lên tới đỉnh và thấy hình dạng phiêu diêu, mơ mộng của Raoul vẽ một vệt đen lên trên nền chân trời trắng màu ánh trăng. Athos vươn tay để với tới người con thân yêu đứng trên cao nguyên và Raoul cũng giơ tay ra, nhưng vẫn lùi bước lại. Bỗng nhiên hình như chàng bị một sức mạnh nào lôi đi vụt bay bổng lên và Athos thấy bầu trời sáng lóe giữa khoảng chân của người con và đất trên đồi.

Raoul trườn mình vào khoảng không, miệng vẫn mỉm cười tay vẫn giơ ra vẫy gọi và mất hút trên trời xa. Athos sợ hãi kêu lên một tiếng âu yếm và cúi nhìn xuống phía doanh trại bị tàn phá. Dưới đó là những xác chết trắng lặng yên của cả đạo quân Hoàng gia.

Và khi ngẩng đầu lên, ông vẫn thấy con ông vẫy gọi mời chào ông đi theo, trên cao, trên cao.

§56. Thiên thần của cõi chết

Athos đang chìm đắm trong cơn mơ thì có tiếng động mạnh nơi cửa ngoài làm cắt đứt nguồn cảm xúc.

Có tiếng vó ngựa nện trên đất rắn và tiếng chuyện trò ồn ào đưa lên tận gian phòng Bá tước.

Athos chưa nhích được mình ra khỏi chỗ nằm. Ông chỉ quay đầu về phía cửa để nghe ngóng các tiếng động đưa đến.

Tiếng chân nặng nề bước lên bậc cấp, con ngựa lúc nãy sải nhanh bây giờ bước chầm chậm về phía chuồng. Những bước chân tiến dần về phía phòng Athos.

Cửa mở ra, Athos quay mặt về phía đó, cất giọng yếu ớt hỏi: -Người đưa tin từ Phi Châu về phải không?

-Thưa Bá tước, không, – Một tiếng đáp lại làm người cha của Raoul giật nảy mình.

Ông lẩm bẩm: "Grimaud!". Rồi mồ hôi tuôn chảy trên đôi má gầy của ông.

Grimaud hiện ra trên khuôn cửa.

Không phải một Grimaud trẻ trung vì còn lòng can đảm và tận tâm khi ông nhảy xuống thuyền đưa Raoul De Bragelonne lên hạm đội Hoàng gia. Bây giờ là một ông già khắc khổ, xanh xao, áo quần đầy thuốc súng, với vài sợi tóc bạc của năm tháng đãi dầu. Ông run run đứng dựa vào thành cửa và như muốn ngã ra khi nhìn thấy khuôn mặt của chủ phía xa, dưới ánh sáng đèn.

Hai con người đó, từng thấu hiểu nhau, mắt từng nhìn không nói mà thông cảm nhau. Hai người bạn già đó, tâm tình cao thượng như nhau dù có cách biệt địa vị, họ nhìn nhau trân trối. Chỉ một cái liếc mắt họ đã nhìn thấy tận đáy tâm hồn sâu kín của nhau.

Athos vẫn giữ giọng như đã nói với Raoul trong cơn mê.

-Grimaud, Raoul chết rồi phải không?

Phía sau Grimaud, những người giúp việc hồi hộp lắng nghe, mắt nhìn vào giường người bệnh. Người giúp việc già ấy gắng phát ra một tiếng kèm theo hơi thở dài tuôn từ lồng ngực: -Phải.

Thế rồi, những tiếng rền rĩ than vãn, thương tiếc nổi lên tràn ngập gian phòng trong lúc người cha hấp hối đưa mắt nhìn lên bức hình của con.

Đối với Athos, giây phút này như lúc chuyển tiếp trở về cơn mê. Ông không kêu một tiếng, không khóc, tâm hồn lặng lẽ và nhẫn nhục như một kẻ tử đạo, mắt nhìn lên trời để tìm lại hình bóng người con thân yêu bay cao trên ngọn núi ở Djidgelli đúng vào lúc Grimaud trở về.

Chắc là khi nhìn lên trời, nhớ lại cơn mê kỳ diệu đó, ông đã quay lại con đường cũ mang ảo ảnh vừa ghê gớm vừa lắng dịu làm sao. Cho nên sau khi nhẹ nhàng nhắm mắt lại, ông liền mở ra và mỉm cười: ông vừa thấy Raoul cười với ông.

Athos vẫn chắp hai tay lên ngực, mặt quay về phía cửa sổ mà qua đó hơi lạnh ban đêm lan vào mang theo hương thơm của cây cỏ; ông đang bước vào, không bao giờ trở ra nữa trong cõi thiên đường mà người sống không làm sao thấy được.

Cái chết đến với con người cao cả này thật dễ dãi, thật êm dịu. Không có những cơn dằn vặt giãy giụa lúc hấp hối. Trong giấc ngủ thiên thu ông còn giữ được nụ cười cùng theo ông xuống đáy mồ. Những người giúp việc nhìn nét mặt bình thản đó mà không tin rằng ông đã ra đi rồi.

Họ muốn lôi Grimaud đi. Nhưng dù mệt mỏi, Grimaud vẫn cố nán lại. Ông ngồi trên bực cửa, tỉnh táo như người lính gác, trông chờ cái liếc mắt đầu tiên khi Bá tước tỉnh dậy, hay hơi thở dài cuối cùng của chủ.

Chẳng còn gì cả. Grimaud thấy sợ, đứng hẳn dậy. Cùng lúc, ông nghe có tiếng chân bước lên thang gác; tiếng gươm va vào vỏ, ngang ngạnh, quen thuộc và ngưng lại, trong khi tiến đến giường Athos.

Một tiếng kêu vang lên cách ông ba bước, chuyển qua tiếng khóc: -Athos! Athos! Bạn ơi!

Grimaud lắp bắp nói: -Ngài hiệp sĩ d'Artagnan!

Người lính ngự lâm hỏi: -Ông ấy đâu?

Grimaud vươn cánh tay gầy gò nắm tay ông và chỉ về phía chiếc giường trải ga trắng, nổi lên khuôn mặt nhợt nhạt của xác chết.

D'Artagnan nấc nghẹn trong cổ. Ông nhón gót bước lại rùng mình, nỗi hãi hùng theo với tiếng chân trên nền ván, ruột gan vò xé không diễn tả thành lời. Ông nghiêng tai lên ngực Athos, mặt áp sát môi Bá tước. Không tiếng đập nào, không hơi thở nào phát ra cả. Ông bước lui lại về phía sau.

Grimaud theo dõi từng cử động của d'Artagnan rụt rè đến ngồi phịch dưới chân giường, úp môi lên tấm nệm trắng phủ lên đôi chân cứng nhắc của Bá tước. Trên đôi mắt đỏ, những dòng lệ trào ra, tuôn chảy.

Nhìn ông già tuyệt vọng tuôn nước mắt mà không khóc nên lời, d'Artagnan thấy đó là cảnh xúc động nhất trong cuộc đời trôi nổi của ông. Người chưởng quan vẫn đứng nhìn người chết mỉm cười như cố giữ nét tươi vui đó dành để đón chào người bạn thân nhất, cho người ông yêu nhất sau Raoul. Rồi như để trả lễ cho con người vẫn nhớ đến ông từ bên kia thế giới, d'Artagnan đến cúi hôn lên trán Athos và giơ bàn tay run rẩy vuốt cho đôi mắt người chết khép lại.

Rồi ông đến ngồi xuống nơi chân giường, không hề sợ hãi người chết, – con người hiền hậu, cung thuận trong ba mươi lăm năm qua. Nhìn khuôn mặt cao quý

đó, ông nhớ lại những kỷ niệm xa xưa, có thứ vui tươi, duyên dáng như nụ cười này, có thứ buồn đau, lạnh lẽo như khuôn mặt mãi mãi bất động này.

Rồi cả nỗi chua xót dâng lên lồng ngực, như muốn vỡ ra.

Thấy không đủ sức chịu đựng nữa, ông đứng lên, vụt chạy nhanh ra khỏi gian phòng của người chết, con người ông đến với ý định báo tin Porthos chết. Ông thốt lên một tràng tiếng nấc xé lòng khiến cho những người hầu phải tuôn theo những tiếng than vãn rên rỉ.

Lúc trời hừng sáng, d'Artagnan đi lòng vòng trong phòng dưới, tay dúi vào miệng để nén tiếng thở dài, rồi bước lên thang gác lần nữa ngóng chừng Grimaud chờ ông ta quay đầu nhìn lại, vẫy gọi ông đến bên cùng nhau bước xuống lầu.

Lúc vào phòng thay áo, ông nắm tay ông già, hỏi: -Grimaud ạ, tôi vừa thấy người cha chết, bây giờ anh hãy nói cho tôi biết về cái chết của người con.

Grimaud rút trong ngực áo ra một bao thư lớn có đề địa chỉ của Athos. D'Artagnan nhận ra nét chữ của ông De Beaufort, liền bẻ gãy dấu niêm và lần lượt đọc trong khi chân bước trên con đường sầu thảm trồng cây dương liễu vẫn còn hằn rõ vết chân của vị Bá tước vừa chết kia.

§57. Phúc trình

Nét chữ to của ông hoàng như của một người học trò vụng về:

"Bá tước thân mến,

Một đau thương lớn vừa đến với chúng ta ngay giữa chiến thắng huy hoàng nhất, Hoàng thượng vừa mất một người lính can đảm nhất. Tôi mất một người bạn. Ngài mất ông De Bragelonne.

Ông ấy hy sinh rất vẻ vang, vẻ vang đến mức tôi không đủ sức khóc như ý muốn.

Xin Bá tước thân mến hãy nhận những lời khen ngợi đau buồn của tôi. Trời đã đặt để cho mỗi người một thử thách tùy với giá trị của họ. Thử thách ấy thật to lớn nhưng không quá sức chịu đựng của ngài.

Bạn thân thiết của ngài.

Hầu tước De Beaufort".

Bức thư này có kèm theo một bản ghi chép do người thư ký của Hầu tước viết ra. Đây là lời tường thuật cảm động nhất, chân thật nhất của câu chuyện thê thảm kết thúc hai cuộc đời.

D'Artagnan dù đã quen với những xúc động trên trận địa, dù tâm hồn đã chai cứng, nhưng cũng không khỏi giật nẩy mình khi đọc đến tên Raoul, tên của cậu con yêu quý, như một bóng hình của người cha.

Người thư ký của ông hoàng ghi:

"Vào buổi sáng, Đức ông hầu tước chỉ huy trận tấn công. Quân đoàn Normandie và Picardie đã chiếm lĩnh các vị trí nơi các tảng đá xám dưới triền núi, trên kia là các pháo đài của Djidgelli. Đại bác nổ dồn báo hiệu cuộc tấn công. Các trung đoàn cương quyết tiến lên, những người cầm giáo giơ cao ngọn giáo, những pháo thủ nâng tay súng. Hoàng thân chăm chú nhìn theo quân đi và sẵn sàng cho một đoàn dự bị quan trọng tiếp ứng. Bên cạnh Đức ông là những người chỉ huy dày dạn nhất và những người phụ tá. Ngài Tử tước De Bragelonne được lệnh không rời Điện hạ.

Đại bác địch lúc đầu bắn bừa bãi chống lại, sau đó dược điều chỉnh dần và trái đạn đã giết một số người quanh Hoàng thân. Các trung đoàn xếp thành hàng tấn công thành luỹ hơi bị thiệt hại. Binh sĩ chùn lại, vì thấy pháo binh ta yểm trợ không hiệu nghiệm. Các pháo đội đặt trong đêm trước ở vị trí thất lợi nên bắn ra rời rạc và không trúng đích. Hướng bắn từ dưới lên trên khiến cho tầm bắn và đích nhắm bị sai lạc.

Đức ông thấy hiệu quả kém của pháo binh vây hãm nên ra lệnh cho các tàu nằm trong vịnh bắn tới tấp lên đồn địch. Ngài De Bragelonne là người đầu tiên xin mang lệnh ấy đi, nhưng Đức ông không thuận.

Đức ông hành động có lý vì ngài yêu thương và muốn nâng đỡ nhà quý tộc trẻ tuổi. Ngài có lý vì những biến cố đến sau đó sẽ chứng minh rõ: Người hạ sĩ quan được ngài sai đi vừa đến bờ biển thì hai phát súng vang lên từ phía địch bắn anh ngã xuống, mặt úp vào vũng máu hoà trong cát.

Thấy thế ngài De Bragelonne mỉm cười với Đức ông. Điện hạ nói: "Tử tước thấy không. Ta vừa cứu mạng ông đấy. Sau này về nói với Bá tước De La Fère để ông ta biết cho lòng ta".

Nhà quý tộc trẻ tuổi cười buồn, trả lời Hầu tước: -Đúng là nếu không có lòng tốt của Đức ông thì tôi đã bị giết nơi kia và ngủ yên như người trung sĩ khốn khổ đó rồi!

Giọng ngài De Bragelonne có vẻ gì không vui đến nỗi Đức ông phải vội lên tiếng: -Ôi chàng tuổi trẻ thèm đến chảy nước miếng rồi. Nhưng ta đã hứa với Bá tước là đem anh về yên lành nên nếu Thượng đế đồng ý thì ta phải giữ lời.

Ngài De Bragelonne đỏ mặt, hạ thấp giọng nói: -Xin Đức ông tha lỗi, chẳng qua là lúc nào tôi cũng muốn cống hiến khi gặp dịp. Và thật là hân hạnh biết bao nếu được nổi bật trước mặt viên tư lệnh của mình, nhất là khi tư lệnh đó là ngài Hầu tước De Beallfot.

Đức ông dịu nét mặt lại rồi quay sang các sĩ quan đang vây quanh để ra một số lệnh khác.

Toán mang lựu đạn của hai trung đoàn đã áp sát khá gần các hào thành và vị trí ẩn núp của địch, rồi ném lựu đạn nhưng hiệu quả không là bao.

Tuy nhiên, ngài d'Estrée chỉ huy hạm đội, đã thấy việc viên trung sĩ muốn đến đoàn tàu nên hiểu rõ rằng có thể hắn không cần lệnh. Lính A-rập hoảng hốt la hét vì thấy đạn bắn từ phía hạm đội làm tan nát thành luỹ của họ. Họ cho một toán kỵ binh chuyển sang tấn công bộ tham mưu lúc này không còn ai bảo vệ hết. Mối nguy hiểm thật lớn, Đức ông phải rút gươm ra, những người thư ký, cần vụ cũng bắt chước ngài. Các sĩ quan tùy tùng ra chặn cuộc tấn công dữ dằn kia.

Lúc này mới làm cho ngài De Bragelonne thỏa mãn với nỗi ham muốn từ lúc đầu ra quân. Ngài chiến đấu bên cạnh Đức ông như một tay kiếm La Mã và chỉ với thanh gươm nhỏ ngài giết được ba người A-rập.

Ngài hăng lên đến nỗi Đức ông phải lên tiếng kêu ngài dừng lại.

Chắc là ngài phải nghe thấy tiếng của Đức ông chứ, vì chúng tôi ở bên cạnh ngài, chúng tôi đã nghe. Thế mà ngài không dừng lại và cứ tiếp tục phóng về phía bọn họ cố thủ.

Ngài De Bragelonne vốn là một sĩ quan rất tôn trọng kỷ luật nên trường hợp bất phục tùng lệnh của Đức ông làm mọi người rất lấy làm kinh ngạc. Ngài De Beaufor gọi giật lại: -Blagelonne dừng lại! Anh đi đâu đấy? Ta bảo anh dìrng lại!

Tất cả chúng tôi đều vẫy tay theo cử chỉ của Hầu tước, đợi người kỵ sĩ quay đầu lại, nhưng ngài De Bragelonne vẫn quất ngựa hướng về phía các hàng rào,

Hoàng thân lặp lại tiếng kêu thật to: -Bragelonne dừng lại! Ta thay lời cha ngươi gọi đấy!

Nghe tiếng đó, ngài De Bragelonne quay lại, nét mặt đầy vẻ đau đớn, nhưng ngựa vẫn không dừng, như là lôi ngài đi vậy.

Khi Hầu tước thấy Tử tước không điều khiển nổi con ngựa nữa, để ngựa vượt lên trước những người mang lựu đạn nơi hàng đầu thì ông vội kêu lên: -Pháo thủ bắn ngựa! Ai hạ sẽ được 100 pistole!

Nhưng bắn ngựa mà không được đụng đến người cưỡi thì ai dám làm? Sau cùng một tay súng giỏi của trung đoàn Picardie tên là La Luzeme nhắm bắn trúng vào mông ngựa. Người ta thấy màu đỏ chảy trên nền lông trắng, nhưng con ngựa thay vì ngã ra lại mang người cưỡi chạy nhanh hơn.

Cả trung đoàn Picardie thấy người trẻ tuổi đáng thương ấy chạy đến nơi chết, đều kêu thất thanh: "Nhảy xuống! Ngài Tử tước nhảy xuống! Nhảy xuống đi!"

Lúc bấy giờ Tử tước đã vào tầm súng tay của phía lũy.

Một loạt đạn bắn ra, khói lửa bùng lên che lấp ngài. Khi khói tan, chúng tôi thấy ngài đứng đấy, con ngựa chết rồi.

Lính A-rập bảo ngài đầu hàng, nhưng ngài tỏ dấu từ chối và cứ tiếp tục tiến về phía hàng rào. Thật là cả một sơ suất chết người. Nhưng tất cả mọi người đều biết ngài không lùi bước.

Ngài đi tới vài bước nữa và cả hai trung đoàn vỗ tay vang dậy.

Chính vào lúc ấy, loạt đạn thứ hai nổ ra làm rung chuyển chiến lũy lần nữa và lại lần nữa ngài Tử tước De Bragelonne biến đi trong cơn lốc khói mù. Nhưng lần này dù khói tan, lửa tắt, chúng tôi vẫn không thấy ngài đứng dậy nữa. Ngài nằm đấy, đầu thấp hơn chân, vắt mình lên trên bụi cây. Người A-rập định bước ra khỏi chỗ nấp đến cắt đầu hay lấy thây ngài theo thói quen của họ.

Nhưng Đức ông Hầu tước Beaufort đã theo dõi sự việc từ đầu đến cuối sự việc khiến cho ngài đau lòng lớn tiếng thở than.

Khi thấy người A-rập chạy như lũ ma trắng giữa đám cây nhũ hương, ngài kêu to lên: -Toán tiền quân! Các ngươi chịu để cho chúng cướp được thân xác cao quý kia sao?

Vừa nói, ngài vừa vung gươm lao về phía địch. Cả các trung đoàn chạy theo, la hét vang trời. Trận đánh giành xác Tử tước ghê gớm đến nỗi phía địch phải bỏ lại một trăm sáu mươi xác, còn ta thì thiệt ít ra là năm mươi người.

Một trung uý trong trung đoàn Normandie vác xác Tử tước lên vai và mang về phía sau. Lợi thế vẫn nghiêng về phía ta. Các trung đoàn có đủ quân dự bị tiến lên xô đổ hàng phòng ngự của địch.

Lúc ba giờ, súng phía A-rập ngưng tiếng. Cuộc chiến đấu chuyển thành trận đánh giáp lá cà trong hai giờ đồng hồ. Lúc năm giờ, ta toàn thắng trên tất cả mặt

trận, địch quân phải bỏ vị trí và ngài Hầu tước sai cắm cờ trắng trên đỉnh cao nhất của ngọn đồi.

Lúc bấy giờ mọi người mới kịp nghĩ đến ngài De Bragelonne hãy còn thoi thóp. Điều này khiến Đức ông rất vui mừng khi đến chứng kiến các nhà giải phẫu đến săn sóc, băng bó cho Tử tước.

Có hai bác sĩ nói là Tử tước sống được. Đức ông vui mừng đến mức nhảy lên và hứa sẽ cho họ mỗi người mười ngàn louis nếu họ cứu sống ngài De Bragelonne.

Nhà giải phẫu thứ ba là giáo sư Sulvain De Saint Cosme, nhà bác học nổi danh nhất của chúng ta. Ông xem xét các vết thương và không nói gì cả.

Ngài De Bragelonne mở mắt nhìn đăm đăm như muốn dò theo từng cử chỉ, từng ý nghĩ của nhà bác học. Ông ta trả lời với Đức ông rằng trong tám vết thương có ba vết gây chết người, nhưng do người bị thương quá mạnh, quá sung sức nhờ tuổi trẻ, cho nên nếu Chúa thương thì ngài Tử tước De Bragelonne có thể hồi phục nếu đừng động gì đến ông ta.

Giáo sư Sulvain quay sang các người phụ tá nói thêm: -Nhất là không được nhúc nhích gì hết, nếu không ông ta chết đấy!

Thế là chúng tôi đi ra khỏi lều, mang một chút hy vọng trong lòng. Người thư ký nói trước lúc bước ra tưởng như thấy được một nụ cười xanh xao, buồn bã thoáng trên môi của Tử tước, khi Hầu tước cúi xuống nói lời an ủi: -Ồ Tử tước, ta nhất định sẽ cứu được anh!

Nhưng buổi tối, khi chúng tôi tưởng người bệnh đã nghỉ thì một người phụ tá bước vào, kêu lên hoảng hốt.

Chúng tôi xô nhau chạy vào, người phụ tá chỉ cho Hầu tước thấy cái xác của ngài De Bragelonne nằm trên đất phía dưới giường, máu ướt đẫm thân mình.

Hình như ngài có quằn quại, giãy giụa nên rơi xuống giường và do đó mau chết hơn như lời tiên đoán của giáo sư Sylvain.

Người ta đỡ Tử tước dậy. Ngài đã lạnh ngắt. Tay phải ngài còn nắm một lọn tóc hung, bấu nơi trái tim.

Tiếp sau là những chi tiết về cuộc viễn chinh và chiến thắng trước quân A-rập.

D'Artagnan dừng lại. Ở đoạn Raoul chết. Ông lẩm bẩm: -Tội nghiệp thằng bé, đây là một vụ tự sát!

Rồi ông quay về phía toà lâu đài Athos đang yên nghỉ ngàn thu, và nói nhỏ: "Họ đã giữ lời hứa với nhau. Bây giờ họ đang sung sướng vì đã gặp nhau"

Rồi ông từ từ đi trên con đường hoa viên. Trên mọi đường phố, khắp vùng chung quanh, những người láng giềng khóc sướt mướt kể cho nhau nghe về hai tai nạn tang tóc, và chuẩn bị lễ táng.

§58. Khúc hát cuối của bàl thơ tình

Ngay hôm sau, nhà đám đã thấy ùa tới tất cả giới quý tộc vùng chung quanh trong tỉnh, ở mọi nơi kịp mang tin đến báo.

D'Artagnan lánh mình không tiếp ai cả. Hai cái chết nặng nề trút xuống mình người chưởng quan sau cái chết của Porthos đã dồn dập xô đổ con người đến lúc này chưa hề biết mệt mỏi. Trừ Grimaud mỗi ngày vào phòng ông một lần, còn thì không có người hầu cận, không có thực khách nào hết. Nghe tiếng động bên ngoài, ông hình dung được cảnh ra vào tấp nập để tiễn đưa Bá tước.

Ông xin phép Nhà vua cho được gia hạn phép nghỉ.

Grimaud bước vào, ngồi trên chiếc ghế bành bên cửa, trầm tư xa vắng, rồi đứng lên ra dấu cho d'Artagnan đi theo.

Hai người lẳng lặng đi đến phòng khách, nơi đặt áo quan cho mọi người đến viếng trước khi thân xác Bá tước bị vĩnh viễn chôn vùi, d'Artagnan ngạc nhiên thấy có đến hai cái áo quan và bước tới theo hiệu ngầm của Grimaud. Ông thấy trong một quan tài Athos vẫn đẹp và oai hùng cho đến lúc chết, nơi quan tài kia, Raoul mắt nhắm, gò má trắng nhợt và vẫn còn nụ cười trên đôi môi tím.

Ông rùng mình khi thấy người con và người cha hai linh hồn đã bay bổng mà còn để lại ở trần thế này hai cái xác u buồn, thật gần nhau mà không thể tiến sát bên nhau. Ông lẩm bẩm: "Ô, Raoul ở đây, thế mà Grimaud không cho ta biết!

Grimaud lắc đầu, không đáp nhưng nắm tay d'Artagnan dắt tới chỗ quan tài chỉ cho ông cái vết thương xạm đen chết người.

Người chưởng quan quay mặt không nhìn, không hỏi vì biết Grimaud sẽ không trả lời. Ông nhớ lại những gì người sĩ quan thư ký của ông De Beaufort viết ra mà ông không có can đảm hiểu thêm. Ông nhớ lại câu cuối cùng của bức thư nhắc lại cái chết của Raoul.

"Ngài Hầu tước ướp xác ngài Tử tước theo lối người A-rập thường làm khi họ muốn đem xác về quê hương và ngài Hầu tước cũng cho sắp trạm để một người hầu tin cẩn từng nuôi chàng thanh niên từ nhỏ có thể chuyển quan tài về cho ngài Bá tước De La Fère".

D'Artagnan nghĩ thầm: "Như thế là ta một người già, không có nghĩa gì nữa trên cõi đời này, ta lại đi đưa đám con và ta phải phủ đất lên trên cái trán mà hai tháng trước đây ta còn hôn lên đấy. Chúa đã muốn như thế rồi. Con cũng đã muốn thế. Ta không còn quyền để khóc vì con đã chọn cái chết hơn là cuộc sống này rồi"

Rồi cũng đến lúc hai thân xác lạnh lẽo của hai nhà quý tộc phải trả về cho đất.

Athos, đã chọn nơi yên nghỉ cuối cùng là một góc của nhà nguyện này do ông xây cất nơi tận cùng lãnh địa của ông. Ông đã cho khuân đến đấy những tượng đá chạm năm 1550 lấy từ một nhà xưa kiểu gô-tic nơi ông sống qua thời thanh xuân.

Ngôi nhà nguyện xây lại như thế, chuyển đi như thế bây giờ rạng rỡ dưới đám bạch dương.

Phía sau nhà nguyện là một mảnh đất nhỏ, chung quanh có hàng rào cây phỉ, sơn trà, hương mộc và một vành hố sâu. Khoảng đất không trồng trọt gì, nhưng trong sự cằn cỗi ấy có một vẻ tươi vui vì lớp rong rêu mọc cao lên, vì các cây quỳ hoang, cây đinh hương vàng trộn lẫn mùi hương, vì dưới đám cây lật có một con suối rì rào chảy quanh trong bờ đá cẩm thạch và trên các cây bạch lý hương, đàn ong từ các vùng chung quanh đổ tới trong lúc bầy chim đỏ cổ đến hót líu lo, trên các rào cao đầy hoa, chính nơi này là chỗ hai chiếc quan tài được đưa đến, giữa một đám đông im lặng và trầm ngâm.

Lễ hạ huyệt cử hành xong, mọi người chào vĩnh biệt người chết lần cuối cùng rồi tản ra, vừa đi trên đường vừa bàn tán về những đức hạnh và cái chết êm đềm của người cha, về những triển vọng trong cuộc sống của người con và cái chết buồn thảm trên bờ biển Châu Phi.

Rồi dần dần, các tiếng động tắt đi như những cây đèn trong cánh nhà nguyện. Người hành lễ chào những người mới nằm xuống lần cuối cùng rồi dẫn người phụ tá tay rung chiếc chuông rè trở về tu viện.

D'Artagnan còn lại một mình, nhận ra là đêm đã đến.

Ông nghĩ đến những người nằm kia mà quên cả thời gian.

Ông nhổm mình dậy khỏi chiếc ghế gỗ sồi và cũng muốn như người giáo sĩ đến nói lời vĩnh biệt cái hố đôi chứa hai người bạn thân đã ra đi.

Một phụ nữ đang quỳ trên đất ẩm, cầu nguyện.

D'Artagnan dừng lại nơi bệ cửa nhà thờ để khỏi làm kinh động người đàn bà ấy và cũng muốn để xem mặt người bạn thành tín nào đã đến làm phận sự một cách tận tâm và kiên nhẫn đến thế.

Khách lạ úp mặt trong đôi bàn tay trắng như thạch cao.

Nhìn trang phục đơn giản một cách trang nhã như thế, người ta đoán rằng người đàn bà thuộc lớp thượng lưu. Phía bên ngoài, có nhiều người hầu cận ngồi trên ngựa và một chiếc xe đang đợi bà quý phái nọ.

D'Artagnan nghĩ mãi không ra.

Nàng vẫn cầu nguyện, thường lấy chiếc khăn tay đưa lên mặt.

D'Artagnan hiểu rằng nàng đang khóc. Ông thấy nàng đấm ngực thình thình theo kiểu người có đạo. Nhiều lần ông nghe thấy tiếng kêu phát ra từ trái tim rướm máu: "Xin tha thứ, xin tha thứ cho em!"

Và khi nàng buông thả hết mực mặc cho nỗi đau khổ lôi đi, khi người sắp ngã ra ngất xỉu trong lúc cầu nguyện, thì d'Artagnan thấy cảm động vì tình nàng đối

với những người bạn khuất bóng, liền đi tới vài bước để ngăn nàng thôi than khóc.

Tiếng chân giẫm lên trên cát khiến người ấy ngẩng đầu lên cho d'Artagnan thấy một khuôn mặt đẫm nước mắt.

Đó là Tiểu thư De La Vallière. Nàng lẩm bẩm: -Ông d'Artagnan.

Người lính ngự lâm sa sầm nét mặt: -Ô bà ở đây à? Tôi thà mong thấy bà được nằm khoác đầy hoa trong trang viên của Bá tước De La Fère còn hơn.

-Ôi, thưa ông! – Nàng thổn thức không nên lời.

Người bạn của những người mới chết nói bằng giọng tàn nhẫn: -Bởi vì chính bà đã khiến cho hai người kia chết đi.

-Ôi xin ông tha cho, tránh cho tôi nỗi đau lòng.

-Thưa tiểu thư, Chúa cũng không bằng lòng tôi xúc phạm đến một phụ nữ hay làm cho người ấy phải khóc vô duyên cớ. Nhưng tôi cho rằng, kẻ giết người không nên đến ở trên nấm mồ của nạn nhân!

Nàng chắp hai tay lại nói: -Tôi biết Tử tước De Bragelonne chết vì tôi.

-Bà biết điều đó sao?

-Tin về đến triều ngày hôm qua. Từ hai giờ đêm tôi đã vượt qua bốn mươi dặm đường để xin Bá tước tha lỗi cho tôi, để được đến bên nấm mồ của Raoul, xin Chúa giáng họa cho tôi những gì tôi xứng đáng nhận lãnh, trừ một điều. Nhưng bây giờ tôi biết rằng cái chết của người con đã lôi theo cái chết của người cha. Tôi mắc hai tội ác, tôi phải chịu hai hình phạt của Chúa.

D'Artagnan nói: -Thưa tiểu thư, tôi nhắc lại cho tiểu thư những điều ông De Bragelonne đã nói tới tôi ở Antibes, khi ông đã nghĩ đến cái chết: *"Nếu do lòng kiêu ngạo và sự làm dáng lôi kéo nàng hành động như thế thì tôi tuy khinh miệt nhưng sẽ tha lỗi cho nàng. Nếu do tình yêu gây nên sự phản bội thì tôi cũng tha lỗi cho nàng và thề với nàng rằng trên đời này không ai yêu nàng bằng tôi"*

-Đến hôm nay thì tôi không còn mong ước gì hơn nữa. Cái chết của chàng đã lôi tất cả mọi niềm vui sướng của tôi xuống dưới mộ chàng rồi. Bởi vì từ nay, tôi sẽ không bao giờ dám yêu nữa. Tôi cảm thấy hối hận, người tôi yêu, – ôi, đó là luật vay trả – sẽ bắt tôi chịu đựng những đau khổ mà tôi đã khiến người khác phải chịu lúc trước.

D'Artagnan không đáp lại; ông cảm thấy là nàng nói đúng.

Nàng tiếp: -Thế nên, thưa ông d'Artagnan thân mến, ông chớ hành hạ tôi nữa. Tôi bây giờ như hoa đã lìa cành, tôi không còn bấu víu vào đâu nữa trên cõi đời này, vật vờ trôi giạt không biết ghé vào đâu. Tôi đang yêu điên cuồng, yêu đến mức biết mình là kẻ không xứng đáng mà cũng đến đây kẻ lể với người chết. Có điều, sau này ông sẽ thấy tôi đơn độc, bị quên lãng, bị khinh miệt, bị trừng phạt, nên lúc này đây xin ông cho tôi hưởng một phút hạnh phúc phù du. Để đấy cho tôi trong vài ngày, trong vài phút. Không biết chừng ngay lúc tôi đang nói với

ông, niềm hạnh phúc ấy cũng không còn nữa rồi. Ôi có lẽ cái án giết hai người của tôi đã được Chúa tha xong!

Nàng còn muốn nói thêm thì có tiếng người và bước chân ngựa tiến đến gần. Một quan hầu, ông De St. Aignan theo lệnh Nhà vua đến tìm La Vallière nói rằng Nhà vua đang ghen tức và lo lắng.

De St. Aignan không thấy được d'Artagnan lúc này đang nấp nửa mình sau một cây lật tỏa bóng xuống hai nấm mồ.

Louise cảm ơn ông kia và vẫy tay bảo ông đi. Người chưởng quan chua chát nói: -Thưa bà, bà thấy rồi đó, hạnh phúc của bà vẫn còn đấy.

Người đàn bà trịnh trọng đứng thẳng người nói: -Có một ngày nào đó ông sẽ hối hận là đã xét lầm tôi.

-Thưa ông, ngày hôm đó, chính tôi sẽ cầu xin Chúa quên lỗi ông đã bất công với tôi. Tôi sẽ còn đau khổ cho đến khi ông là người đầu tiên không chịu nổi sự đau khổ của tôi nữa. Thưa ông d'Artagnan xin ông chớ trách, niềm hạnh phúc mà ông nói đó khiến tôi phải trả giá quá đắt, đến bây giờ vẫn chưa trả hết nợ.

Nói xong, nàng lại nhẹ nhàng kính cẩn quỳ xuống: -Xin tha thứ cho em lần cuối, hỡi Raoul của em. Em đã làm đứt mối tình của chúng ta. Hai chúng ta đều bị định mệnh bắt phải chết đau khổ, anh đã là người ra đi đầu tiên, em sẽ theo anh xin anh đừng ngại. Anh phải thấy là em không hèn nhát, em đến đây để nói lời vĩnh biệt thiêng liêng này, Raoul ơi, xin đấng Tối cao chứng giám cho là nếu cần cuộc sống của em để tái sinh cho anh, em sẽ không ngần ngại gì để hy sinh cho anh. Một lần nữa, xin anh tha thứ cho em.

Nàng bẻ một cành cây, cắm chặt trên đất rồi gạt nước mắt chào d'Artagnan, bước đi.

D'Artagnan nhìn theo những người kỵ sĩ, xe cộ đi xa dần rồi khoanh tay ép trên lồng ngực chất chứa đầy thương đau: -Bao giờ thì đến lượt ta đây? Có còn gì cho con người, sau tuổi thanh xuân, sau khi tình yêu đến sau vinh quang, tình bạn, sau lúc khỏe và giàu sang đạt được? Chỉ còn tảng đá kia làm nơi yên nghỉ cho Porthos sau khi đã có những thứ ta vừa nói! Chỉ có lớp rêu phong cho Athos và Raoul, những người còn giàu sang hơn thế nữa."

Ông lưỡng lự một lúc, đôi mắt không còn tinh anh nữa, rồi đứng dậy nói: "Thôi, cứ bước mãi trên đường đời. Đến lúc nào phải dừng thì có Thượng đế báo cho ta hay cũng như ngài đã từng bảo người khác"

Ông chạm đầu ngón tay trên nền đất đẫm sương tối, làm dấu thánh giá rồi lên đường về Paris, một mình, vĩnh viễn còn lại một mình.

§59. Hồi kết cuộc

Bốn năm sau chuyện vừa qua có hai người kỵ sĩ rất sang đi qua Blois vào lúc tảng sáng, thấy rõ mọi sự đã được xếp đặt đầy đủ để đón chào Louis XIV về săn chim trong vùng hai bên sông Loire, ở giữa Meung và Amboise.

Đó là hai viên quan trông coi đoàn chó săn và bầy chim ưng của Nhà vua – hai nhân vật rất được kính nể dưới thời Louis XIV nhưng đã bị người kế tục không đoái hoài tới.

Hai người kỵ sĩ đó sau khi quan sát tình hình khu săn, có ý kiến rõ rệt rồi ra về thì trông thấy nhiều nhóm binh sĩ được các hạ sĩ quan xếp đặt rải rác nơi các lối vào vùng khoanh săn. Đến sau họ và viên chưởng quan ngồi trên ngựa tốt, nổi bật với trang phục thêu kim tuyến. Tóc ông ngả màu xám, râu đã hơi bạc.

Hình như ông hơi khòm mặc dù vẫn còn điều khiển con ngựa thật dễ dàng và vẫn liếc mắt nhìn chung quanh kiểm soát công việc Người chưởng quan trông coi chó săn nói với bạn: -Ông d'Artagnan không bao giờ già cả. Lớn hơn chúng ta mười tuổi mà trông ngài cưỡi ngựa lại còn trẻ hơn ta.

Người chưởng quan trông coi chim ưng đáp: -Đúng đấy Hai mươi năm qua rồi mà tôi thấy ngài vẫn vậy thôi.

Ông quan này đã lầm. Từ bốn năm nay d'Artagnan như đã trải qua mười hai năm. Năm tháng siết nanh vuốt tàn nhẫn lên mắt ông, trán ông nhăn lại, và đôi bàn tay ngày xưa sạm nắng và mạnh mẽ nay trắng ra như là máu đã bắt đầu nguội lạnh đi trên ấy d'Artagnan đến gần hai viên chưởng quan kia với dáng nhã nhặn của người trên. Hai người kính cẩn chào lại ông. Người trông coi chim ưng nói: -Chúng tôi thật may mắn được gặp ngài d'Artagnan ở đây!

Người chưởng quan trả lời: -Chính tôi mới phải nói câu ấy đấy, các ngài ạ. Vì bây giờ thì Nhà vua cần chim săn hơn là cần ngự lâm quân đấy?

Người trông coi chim ưng thở dài: -Cũng chẳng như thời xưa tốt đẹp đâu. Ngài d'Artagnan có nhớ thời mà Đức Hoàng thượng ăn cắp chim ác là trong vườn nho không? Ô! Lúc đó thì ngài chưa là chưởng quan ngự lâm quân!

D'Artagnan vui vẻ tiếp lời: -Và còn ngài lúc đó chỉ là lính chân chì. Chuyện chẳng quan trọng gì, nhưng dù sao cũng là cái thời xưa tốt đẹp ấy, thời tuổi trẻ của chúng tôi. Chào ngài chưởng quan đội chó săn.

-Ngài làm cho tôi hân hạnh quá, ngài Bá tước ạ, – người kia trả lời.

D'Artagnan không trả lời vì chữ Bá tước không làm ông ngạc nhiên, ông đã được phong tước đó từ bốn năm trước rồi.

Người trông coi chim ưng tiếp tục: -Ngài không thấy mệt vì đoạn đường dài vừa trải qua sao?

Từ đây đến Pignerol[326] có dễ đến hai trăm dặm đấy phải không?

-Hai trăm sáu chục vòng đi và chừng ấy trong vòng về, – D'Artagnan thản nhiên trả lời.

-Và ông ta không việc gì chứ, – người trông coi chim hỏi nhỏ.

-Sao? – D'Artagnan hỏi.

Người trông coi chim vẫn tiếp tục thấp giọng.

-Kìa, ông Fouquet khốn khổ đấy mà!

Người chưởng quan trông coi bầy chó thận trọng tránh ra xa. D'Artagnan trả lời: -Không! Con người đó suy sụp đến mức tệ hại rồi. Ông ta không chịu hiểu rằng ở tù còn là một ân huệ. Ông ta cho rằng nghị viện sẽ công nhận ông vô tội bằng hình thức phát vãng và lưu đày, như thế là được tự do. Ông không biết rằng người ta muốn giết ông và nếu muốn dứt ông ra khỏi nanh vuốt của nghị viện thì quả thật thiên nan vạn nan.

-Ờ, đúng, con người khốn khổ đó suýt nữa là lên máy chém rồi. Người ta nói là có lúc ông Colbert đã ra lệnh cho ông giám đốc nhà ngục Bastille thi hành việc đó rồi.

-Bỏ qua đi! – D'Artagnan nét mặt trầm tư, gạt đi.

Lúc ấy người chưởng quan trông coi bầy chó tiến lại gần và nói: -Thế mà bây giờ ông Fouquet lại ở Pignerol. Ông ta đã ăn cắp nhiều của Đức vua, như thế là đáng lắm. Thế mà còn được có hân hạnh là ngài áp giải đi.

D'Artagnan căm ghét nhìn ông chủ chó và nói: -Thưa ông, nếu có ai nói là ông ăn vỏ bánh mì của chó ông thì không những là tôi không tin và về sau nếu ông bị nhốt vì lẽ đó thì tôi phàn nàn cho ông, và không chịu người ta nói xấu ông đâu. Tuy nhiên dù ông có rõ ra là người có tư cách đến mấy đi nữa thì ông cũng không bén gót được ông Fouquet đáng thương kia đâu.

Sau khi phải chịu lời khiển trách nặng nề đó, người chưởng quan trông coi bầy chó của Nhà vua phải cúi đầu và lui ra sau ông trông coi chim hài hước. Ông này nói nhỏ với d'Artagnan: -Hắn ta đang cảm thấy bằng lòng. Lúc này, săn bằng chó là hợp thời trang mà. Nếu hắn ta là người coi chim thì không nói thế đâu.

D'Artagnan cười buồn vì thấy một vấn đề chính trị quan trọng như thế lại được giải quyết nhờ một sự bất mãn quyền lợi nhỏ nhoi đến thế! Ông nghĩ thêm một lúc về cuộc sống huy hoàng của viên tổng giám về cơ nghiệp sụp đổ của ông ta, về cái chết thê thảm đón chờ ông ta, và hỏi cho xong chuyện: -Ông Fouquet có ưa lồng chim không?

-A, thưa ngài, ông ta mê lắm. – Người chủ chim trả lời với một giọng cay đắng và một tiếng thở dài buồn bã như bài điếu tang cho ông Fouquet.

D'Artagnan tiếp tục đi vào trong đồng, bỏ qua chuyện có một người bất mãn và một người buồn rầu.

Phía xa đã thấy bóng những người săn đứng ở các ngả đường vào rừng, các chòm lông vũ của các mũ kỵ sĩ vút qua như sao băng trong các vạt đất thưa cây

và những con ngựa trắng lấp loáng một lúc dưới bóng râm. D'Artagnan lại nói: -Các ông bắt chúng tôi săn lâu phải không? Tôi đang mệt, các ông nên bắt chim cho chúng tôi nhanh đi. Cò hay là thiên nga đấy?

Người chủ chim săn trả lời: -Bắt cả hai, thưa ngài d'Artagnan, nhưng ngài không phải lo ngại. Hoàng thượng không rành săn bắn đâu, Ngài không săn cho mình mà là vì muốn cho các bà mệnh phụ giải trí thôi.

Ông nhấn mạnh các chữ bà mệnh phụ khiến d'Artagnan phải chú ý và ngạc nhiên "A" liền một tiếng, nhìn người chủ chim.

Viên chưởng quan trông coi bầy chó được dịp mỉm cười cầu tài với d'Artagnan. D'Artagnan nói: -À, ông cứ cười đi. Tôi không biết tin gì hết. Tôi đi vắng một tháng, mới về hôm qua thôi. Lúc tôi đi, Hoàng gia đang buồn vì Thái hậu mất, Nhà vua không muốn vui đùa gì từ khi Anne d'Autriche thở hơi cuối cùng. Nhưng ở đời này, chuyện gì rồi cũng phải đến hồi kết cục. Nhà vua bây giờ không còn buồn nữa, càng hay!

Người chưởng quan trông coi chó săn cười lớn: -Rồi tất cả lại bắt đầu.

D'Artagnan kêu lên một tiếng "A!" thứ hai vì nôn nóng muốn biết nhưng vì thể hiện không thể hạ mình hỏi kẻ dưới.

-Chắc là có cái gì bắt đầu đấy, phải không?

Người coi chó nháy mắt cười đầy ý nghĩa, nhưng d'Artagnan không muốn hỏi ông ta mà lại quay về phía người coi chim: -Hoàng thượng có xuất hiện sớm không?

-Tôi sẽ cho chim săn bay lên lúc bảy giờ.

-Hoàng hậu thế nào?

-Thưa, ngài đỡ hơn rồi.

-Ngài buồn gì thế? Đừng ngại cho tôi biết, ông bạn thân mến ạ.

-Hình như là Hoàng hậu phàn nàn Đức vua hờ hững với ngài từ lúc Thái hậu mất đi.

D'Artagnan kêu lên: -Ồ thật tội nghiệp. Chắc bà ghét tiểu thư De La Vallière lắm.

Người coi chim trả lời: -Không phải Tiểu thư De La Vallière đâu!

-Thế thì ai?

Tiếng còi săn gọi chó và chim làm ngắt quãng câu chuyện.

Hai người chưởng quan cắm cổ chạy bỏ d'Artagnan lại một mình. Nhà vua xuất hiện đằng xa, chung quanh có các bà mệnh phụ và các lính kỵ binh.

Cả đoàn người tiến lên từng bước, trật tự và đẹp mắt, có còi săn và kèn thúc chó, ngựa hăng lên, cảnh chuyển động này với tiếng ồn ào trong vùng ánh sáng lấp loáng, ngày nay không thể nào tưởng tượng ra được mà phải nhờ vào các ngón nghề của sân khấu dối trá tô vẽ ra thôi.

Mắt d'Artagnan hơi kém vẫn thấy có ba chiếc xe sau nhóm người đó: Chiếc xe đầu là dành cho Hoàng thượng. Xe không người.

D'Artagnan tìm không ra tiểu thư De La Vallière bên cạnh vua nên nhìn vào xe thứ hai và thấy tiểu thư trong đó. Nàng ngồi một mình với hai phụ nữ có vẻ cũng đang chán nản như nàng.

Phía trái Nhà vua một người phụ nữ đẹp lộng lẫy ngồi trên con ngựa hung hăng, cánh tay điều khiển thật lành nghề. Vua mỉm cười với nàng và nàng cười lại. Khi nàng nói, mọi người đều cười phá lên.

-Ta biết người này rồi, – D'Artagnan nghĩ thầm. – Nhưng nàng là ai nhỉ?

Lúc đó Nhà vua vừa thấy d'Artagnan và kêu lên: -Ồ, Bá tước đã trở về rồi. Sao ông không tới gặp ta?

Người chưởng quan trả lời: -Thưa, khi tôi đến thì Hoàng thượng đã ngủ còn khi tôi đi sáng nay, thì ngài chưa thức.

Louis trả lời vẻ thỏa mãn: -Lại vẫn thế thôi. Bá tước nghỉ đi, ta ra lệnh cho ông đấy. Tối nay đến ăn cơm với ta.

Một tràng tiếng xì xào ngưỡng mộ bao quanh d'Artagnan như vuốt ve ông. Mọi người xúm lại. Ăn tối với Nhà vua không dễ có như với Henri IV đâu. Nhà vua tiến lên vài bước, một toán sau tiếp theo, giữa đó ông Colbert nổi bật lên. Ông này vui vẻ nói: -Xin chào ông d'Artagnan. Chắc ông đi đường suôn sẻ phải không?

-Thưa ông, vâng, – D'Artagnan vừa nói vừa giật cương ngựa và chào.

-Tôi nghe nói Hoàng thượng mời ông dùng cơm tối nay phải không? Chắc là ông sẽ gặp bạn cũ đấy.

-Bạn cũ? – D'Artagnan hỏi mà lòng quặn thắt khi phải ngược dòng thời gian, nơi đã ngập chìm bao nhiêu tình thâm, bao nhiêu hàn thù.

Colbert trả lời: -Đó là ngài hầu tước d'Améda mới từ Tây Ban Nha đến đây sáng nay.

D'Artagnan nhìn quanh: -Hầu tước d'Alaméda?

-Tôi đây!

Một ông già tóc trắng như tuyết khom mình bước qua cửa xe tiến về phía d'Artagnan.

D'Artagnan sững sờ kêu lên: -Aramis!

Ông để mặc cho đôi tay gầy ốm run run choàng lên cổ ông. Colbert lẳng lặng quan sát một lúc rồi thúc ngựa tiến lên, để cho hai người bạn cũ chuyện trò. Người lính ngự lâm nắm tay Aramis: -Thế là bạn ở đây, con người bị lưu đày, tên phản loạn lại ở Pháp rồi.

Giám mục xứ Vannes mỉm cười: -Và tôi lại ăn tối với bạn trong cung. Đúng rồi, chắc bạn sẽ hỏi ở trên đời này, chuyện trung thành là cái quái gì phải không? Này, để cho xe của nàng La Vallirère đáng thương đi qua. Bạn trông, nàng thật có

dáng lo lắng, đôi mắt héo hon vì khóc lóc đang nhìn ông vua đi ngựa đàng xa kia!

-Với ai thế?

-Với tiểu thư De Tonnay Charente bây giờ đã là Bà De Montespan.

Aramis trả lời. Họ vừa theo dõi cuộc săn, vừa nói chuyện với nhau. Người đánh xe của Aramis khéo léo đưa họ đến ngay lúc con chim ưng đuổi theo con mồi bắt nó hạ cánh và sà xuống chộp nó.

Nhà vua bước xuống đi bộ. Bà De Montespan cũng bắt chước theo. Mọi người đến trước một ngôi nhà nguyện đơn độc náp dưới những thân cây lớn bắt đầu rụng lá dưới cơn gió mùa thu. Phía sau nhà nguyện là một khoảng đất có cửa nan đan chặn lại. Con chim ưng đã buộc con mồi rơi trong khoảng đất ấy và Nhà vua đi vào để nhổ sợi lông đầu tiên của nó theo tục lệ.

Ai nấy đều vây quanh nhà nguyện và hàng rào; Aramis muốn bước xuống xe, nhưng d'Artagnan chặn lại: -Bạn có biết sự tình cờ đã đưa chúng ta đến đâu không?

-Không. – Hầu tước trả lời.

D'Artagnan trả lời mà tâm hồn xúc cảm vì kỷ niệm buồn xưa.

-Có những người tôi quen chôn ở đây.

Aramis không đoán ra được gì hết. Nhưng đôi chân ông cũng run run khi bước qua cánh cửa nhà nguyện mở ra theo cánh tay d'Artagnan. Ông hỏi: -Họ được chôn ở đâu?

-Đằng kia, trong khoảng đất rào. Bạn trông thấy cây thập tự giá dưới cây trắc bá nhỏ chứ? Cây trắc bá trồng trên mộ họ.

Bạn đừng vào, Nhà vua sắp đến ngay vì con cò rơi xuống đấy.

Không ai biết họ mà họ thì thấy được khuôn mặt tái xanh cả nàng La Vallière bị lãng quên trong xe, đang đưa mắt buồn bã nhìn nơi cổng vào. Rồi nàng bị lòng ghen tức thúc đẩy liền bước vào nhà nguyện, đứng dựa cây cột nhìn Nhà vua đứng trong khu đất, tươi cười vẫy tay gọi Bà De Montespan đến gần, chớ sợ hãi gì ông.

Bà De Montespan cầm tay Nhà vua. Ngài đưa tay nhổ sợi lông đầu tiên của con cò vừa bị chim ưng hạ, rồi giắt lông lên chiếc mũ của người bạn gái xinh đẹp.

Đến lượt nàng mỉm cười âu yếm hôn bàn tay vừa trao quà tặng, Nhà vua sung sướng hỏi: -Nàng đổi lại cho ta thứ gì?

Nàng bẻ một nhánh trắc bá dâng cho Nhà vua mà lòng tràn đầy hy vọng. Aramis nói nhỏ với d'Artagnan: -Món quà không vui, vì là của cây trắc bá che nấm mồ.

D'Artagnan nói to: -Đúng thế, đó là mồ của Raoul De Bragelonne, Raoul yên nghỉ dưới chiếc thập tự giá bên cạnh người cha Athos.

Có tiếng rên rỉ vọng lại sau lưng họ và một người đàn bà ngã xuống ngất đi. Tiểu thư De La Vallière đã thấy hết và nghe hết. D'Artagnan lẩm bẩm: "Người đàn bà đáng thương! Từ nay nàng sống mãi trong đau khổ."

Tối hôm đó, d'Artagnan ngồi dự tiệc vua thiết bên cạnh ông Colbert và Hầu tước d'Alaméda. Nhà vua rất vui, lễ mực hết độ với Hoàng hậu, rất chiều chuộng Đức bà lúc bấy giờ đang ngồi phía trái ông và rất buồn. Người ta tưởng như vẫn ở thời bình yên xưa cũ vào thời Nhà vua nhìn vào mắt Thái hậu trông chờ một dấu hiệu đồng ý hay không của người mẹ khi ông phát biểu.

Hai hay ba lần. Nhà vua nói chuyện với Aramis, gọi ông là ngài đại sứ khiến cho d'Artagnan càng ngạc nhiên tại sao người bạn loạn thần của ông lại được ung dung tự tại như thế giữa triều đình.

Nhà vua đứng dậy nói chuyện với cô em dâu trong khi Đức ông vẻ mặt lo lắng nói chuyện với Hoàng hậu mà không rời mắt khỏi bà vợ và ông hoàng anh.

Aramis, d'Artagnan và Colbert lại có đề tài vô thưởng vô phạt. Họ nói về các ông tể tướng trước, Colbert kể về Mazarin và kể về Richelieu.

D'Artagnan lúc nào cũng thấy con người có đôi lông mày dày, cái trán, cái trán thấp đó, hiểu biết thật rộng và tính tình thật vui. Còn Aramis ngạc nhiên thấy một con người nghiêm túc như thế sao lại sử dụng một dáng dấp vô tư để chặn lùi một đề tài quan trọng hơn mà cả ba đều thấy sắp phải bàn tới ngay nhưng không ai có ý gợi ra trước cả.

Người ta thấy Đức ông có dáng bối rối vì câu chuyện trao đổi giữa Nhà vua và Đức bà. Mắt Đức bà đỏ hoe; có phải bà sắp than vãn điều gì? Có phải bà sắp gây ra chuyện ồn ào nhỏ ngay giữa triều?

Nhà vua dắt bà ra một chỗ riêng và hỏi với giọng dịu dàng, nhắc nhở bà nhớ lại những ngày được yêu thương.

-Này cô em của ta, tại sao đôi mắt đẹp kia lại khóc?

-Không, thưa ngài – ông em ta lại ghen rồi phải không, cô em ta?

Bà liếc nhìn về phía Đức ông, muốn nhắc Nhà vua nên coi chừng.

-Thưa vâng.

Nhà vua nói: -Em nghe đây, nếu bạn bè của em có làm em phiền thì đó không phải là lỗi ở em trai ta đâu.

Ngài nói thật dịu dàng khiến Đưc bà lâu nay phải đè nén nỗi buồn, lúc này được ân cần chăm sóc, suýt bật khóc.

-Này, này, cô em thân mến, hãy tin nơi người anh này mà kể ra cái gì làm em buồn. Ta sẽ lấy quyền vua mà chấm dứt cho.

Đức bà, ngước đôi mắt đẹp buồn lên nói: -Không phải bạn bè em làm em buồn. Họ không có mặt ở đây hay trốn chạy cả rồi. Những người đó đều hết sức tốt, hết sức trung thành, thế mà người ta lại dèm pha với Hoàng thượng.

-Cô nói tới tên Guiche[327] mà ta cho đầy theo lời yêu cầu của em trai ta đấy ư?

-Từ ngày bị phạt đầy bất công như thế, anh ta lúc nào cũng muốn tự tử cho xong!

-Bất công à. Em nói sao?

-Bất công đến mức mà nếu không có lòng kính trọng, và thêm tình thân đối với Hoàng thượng thì…

-Thì sao?

-Thì em đã xin với anh Charles của em… Nhất định sẽ được.

Nhà vua giật nẩy mình: -Sao?

-Em sẽ xin với anh ấy trình với ngài là đức ông chồng của em và ông hiệp sĩ De Lorraine, người tin cẩn của ông, không phải là không có trách nhiệm trong việc giày vò danh dự và hạnh phúc của em đâu?

Nhà vua nói: -Lại có chuyện gì của ông hiệp sĩ De Lorraine, cái khuôn mặt khó đăm đăm đấy.

-Hắn là kẻ thù không đội trời chung với em đấy! Chừng nào mà hắn còn ở chung nhà với em vì chồng em lưu giữ và cho hắn đủ quyền hành, thì em còn là người thấp giá nhất của vương quốc này.

Nhà vua thong thả nói: -Thế cô cho rằng ông vua nước Anh, người anh em của ta là tốt với cô hơn ta chứ gì? Cho nên cô mới đi cầu cứu với ông.

-Hơn là nhờ cậy ở trong nước, thưa Hoàng thượng, đúng đấy – Nàng lên giọng kiêu hãnh.

Nhà vua trả lời: -Cô là cháu của Henri IV như ta đấy.

Henriette nói: -Thế thì xin ngài hãy ra tay đi.

-Chúng ta phải liên kết với nhau trong việc này.

-Ngài cứ bắt đầu trước.

-Cô nói là ta đã bất công khi cho đày Guiche à?

Nàng đỏ mặt: -Thưa vâng.

-Thế thì Guiche sẽ trở về.

-Tốt lắm.

-Bây giờ là chuyện cô nói rằng ta có lỗi để hiệp sĩ De Lorraine ở trong nhà cô và xúi Đức ông chống lại cô.

-Xin ngài nhớ kỹ câu vừa nói: ông hiệp sĩ De Lorraine là người có thể làm đủ chuyện đồi bại xấu xa đấy.

-Ông hiệp sĩ De Lorraine sẽ không làm phiền cô nữa. Ta hứa như thế.

-À, thế thì bước đầu hợp tác tốt đấy. Em xin ký liên minh. Nhưng đó là phần của ngài, còn em phải đóng góp gì đây?

-Xin cô thay vì để ta bất hoà với anh Charles của cô, phải khiến cho ông ta thành người thân thiện nhất với ta.

-Chuyện đó dễ lắm.

-A, không dễ đâu. Trong tình thân bình thường, người ta ôm nhau, mời tiệc nhau và chỉ tốn có một cái hôn hay một bữa ăn tổn phí chẳng bao nhiêu. Nhưng tình bạn chính trị thì…

-Ồ thế đây là một tình bạn chính trị!

-Đúng đấy cô em ạ. Và như thế là thay vì ngoéo tay, tiệc tùng phải có quân tước phục vụ đầy đủ, trung thành cho bạn, phải có các chiến thuyền trang bị đại bác, lương thực. Như thế thì không phải lúc nào trong kho cũng đủ để tạo nên loại tình bạn ấy đâu.

-Ô! Hoàng thượng nói đúng đấy, tủ sắt của vua nước Anh mấy lúc sau này rủng rỉnh khá lắm.

-Về phần cô em, cô em có thừa sức ảnh hưởng đến vua nước Anh và chắc sẽ thu hoạch được nhiều hơn bất cứ ông đại sứ nào của ta.

-Như thế thì em phải đi London một chuyến, ông anh ạ.

Nhà vua hấp tấp nói: -Ta đã nghĩ đến điều ấy rồi. Chắc là một chuyến viễn du như thế sẽ làm cho cô đỡ bận trí hơn.

Đức bà chặn lại: -Tuy nhiên cũng có thể là em sẽ thất bại. Vua nước Anh có những ông cố vấn sừng sỏ lắm.

-Cô muốn nói các bà cố vấn à?

-Đúng như vậy. Ví dụ như nếu Hoàng thượng bảo em xin vua nước Anh làm đồng minh chiến đấu.

-Chiến đấu à?

-Vâng. Thế là các bà cố vấn của Nhà vua, – bảy người tất cả: Tiểu thư Stewart. Tiểu thư Gwyn, Tiểu thư Wells. Cô nương Orchay, Tiểu thư Zunga, Cô nương Daws và bà Bá tước De Castelmaine sẽ xúm lại nói với vua là chiến tranh tốn nhiều tiền lắm, trang bị tàu chiến ở Portsmouth, ở Greenwich không bằng mở dạ vũ hay bày bữa ăn nhẹ ở Hampton Court đâu.

-Như thế cuộc điều đình thất bại?

-À mấy bà đó sẽ làm thất bại mọi cuộc điều đình nào không phải của họ đề xướng.

-Cô em biết ta có ý định gì không?

-Không. Ngài nói đi.

-Cô tìm quanh cô thế nào cũng ra một bà cố vấn đủ sức hùng biện đánh tan ý xấu của bảy người kia.

-Thưa ngài, được đấy. Để em đi tìm.

-Nhất định phải ra.

-Ta mong thế.

-Phải là một người đẹp, một khuôn mặt dễ ưa bao giờ cũng hơn là một kẻ dị hình phải không?

-Nhất định thế rồi.

-Lanh trí, vui vẻ, táo bạo.

-Nhất định.

Thuộc dòng quý tộc đủ để đến bên vua mà không vụng về lúng túng. Nhưng cũng không quá cao để dòng quý tộc khỏi phải ngượng ngùng.

-Đúng quá rồi.

-Và biết một chút tiếng Anh.

Đức bà hấp lấp kêu lên: -Chúa ơi, một người như thế phải như Tiểu thư De Kéroualle chẳng hạn.

Louis XIV nói: -Đúng rồi. Cô tìm ra rồi. Chính cô tìm ra đấy cô em ạ.

-Em sẽ mang cô ta đi. Chắc là cô ta không phàn nàn chứ gì?

-Không đâu, trước tiên ta sẽ phong cô la là đặc mệnh toàn quyền hấp dẫn. Và sau đó ta sẽ cấp cho quyền hưởng thụ di sản theo chức tước.

-Tốt.

Cô em thân mến ơi, ta thấy như cô đã lên đường rồi và sẽ khuây khoả mọi nỗi buồn đau.

-Em đi với hai điều kiện. Điều kiện thứ nhất là em phải biết đi điều đình chuyện gì.

-Chuyện này. Cô biết bọn Hòa Lan chửi bới ta trên báo hàng ngày và cũng tỏ thái độ dân chủ để làm nhục ta. Ta thì không thích dân chủ.

-Điều đó thấy rõ rồi, thưa ngài.

-Ta không chịu được cảnh các ông vua trên mặt biển như họ tự xưng đấy, lại nắm toàn quyền thương mại của nước Pháp trên đất âu và sẽ chiếm hết các tài sản của châu Âu. Một lực lượng như thế ở quá gần ta, cô em ạ.

-Nhưng họ là đồng minh của ngài mà?

-Chính vì thế mà họ đã sai trái khi cho đánh tấm huy chương tượng trưng nước Hà Lan che cả mặt trời với chú thích “Mặt trời dừng lại trước mặt ta”. Kiểu này không mấy thân thiện phải không?

-Em tưởng là ngài đã quên chuyện khổ tâm ấy rồi chứ?

-Ta không bao giờ quên đâu cô em ạ. Nếu các bạn thực sự của ta, như ông anh Charles của cô, muốn giúp ta thì…

Đức bà có vẻ lo nghĩ, Louis XIV nói: -Cô nghe đây: phải chia nhau vùng biển chiếm lĩnh. Trong việc này, ta không xứng để thay Hà Lan ư?

Đức bà trả lời: -Chuyện này thì để Tiểu thư Kéroualle lo điều đình.

-Thế còn điều kiện thứ hai của cô là gì?

-Phải có sự đồng ý của chồng em.

-Cô sẽ có!

-Thế thì thưa anh, em sẽ đi.

Nghe câu này, Louis XIV quay về phía góc Colbert, Aramis và d'Artagnan đứng, gật đầu làm hiệu.

Thế là Colbert cắt đứt câu chuyện dở chừng và nói với Aramis: -Thưa ngài đại sứ, bây giờ ta nói chuyện công vụ nhé?

D'Artagnan kín đáo rút lui. Ông đi về phía lò sưởi, cách khoảng vừa đủ để nghe những lời Nhà vua sắp nói với Đức ông khi ông này bước gần lại, lòng đầy lo lắng.

Gương mặt Nhà vua thật rạng rỡ và có vẻ cương quyết của con người từ trước đến nay không gặp gì trái ý ở nước Pháp và từ nay trở đi sẽ không gặp gì trái ý trên khắp châu Âu. Nhà vua nói với người em: -Thưa ông, ta không bằng lòng về ông hiệp sĩ De Lorraine. Ông là người che chở ông ta, ông hãy khuyên ông ta đi chơi vài tháng.

Những lời nói đó ào ào đổ xuống đầu Đức ông, khiến ông phải kêu lên: -Ông hiệp sĩ làm gì mà Hoàng thượng không bằng lòng thế?

Ông liếc mắt giận dữ về phía Đức bà. Nhà vua lạnh lùng tiếp: -Khi ông ta đi, ta sẽ nói lý do. Và cũng vào lúc Đức bà đã qua Anh rồi.

-Bà ấy đi Anh? – Đức ông sững sờ, lẩm bẩm.

Nhà vua tiếp tục: -Trong tám ngày nữa; còn hai chúng ta sẽ đi đến một nơi nói sau.

Thế rồi Nhà vua quay gót sau khi mỉm cười để xoa dịu nỗi cay đắng của ông em trước hai tin kia. Trong lúc đó Colbert vẫn nói chuyện với Hầu tước d'Alaméda: -Thưa ngài, đây là lúc chúng ta thỏa thuận với nhau. Tôi đã nối sợi dây liên lạc giữa ngài và Nhà vua, chuyện đó chỉ là bổn phận tôi phải làm cho một người xứng đáng như ngài thôi. Nhưng vì có khi ngài lại đối xử với tôi theo tình bằng hữu nên tôi phải tìm dịp chứng tỏ. Ngài lại là người Pháp hơn người Tây Ban Nha. Cho nên xin ngài trả lời thật tình, lúc chúng tôi chống Hòa Lan thì Tây Ban Nha có đứng trung lập không.

Aramis trả lời: -Thưa ngài, quyền lợi của Tây Ban Nha thật rõ ràng: Dùng Hòa Lan gây rối châu Âu là chủ trương của chúng tôi, nhưng đó là trường hợp nước Pháp liên minh với Hòa Lan. Nhưng nếu chống nhau thì ngài hẳn biết là có chiến tranh trên mặt biển và tôi nghĩ là nước Pháp không thể giữ ưu thế, phải không?

Colbert quay lại thấy d'Artagnan đi tìm một người nói chuyện trong lúc Nhà vua và Đức ông thì thầm. Ông gọi d'Artagnan và nói nhỏ với Aramis.

-Ngài muốn chúng ta nói chuyện với ông d'Artagnan!

-Ồ tất nhiên rồi. – Viên đại sứ trả lời.

Colbert nói với d'Artagnan vừa kịp đến: -Ngài d'Alaméda và tôi vừa nhận định rằng chiến tranh với Hà Lan phải xảy ra trên mặt biển.

-Đúng rồi.

-Ngài nghĩ thế nào.

-Tôi nghĩ rằng muốn đánh nhau trên biển thì phải có một đạo quân bộ thật lớn mạnh.

Colbert tưởng mình nghe lầm: -Thế nào?

-Sao lại phải có quân bộ? – Aramis hỏi.

-Bởi vì Hoàng thượng mà không có quân Anh giúp thì sẽ bị đánh bại và bị đánh bại thì nước Pháp sẽ bị chiếm hoặc là từ các cửa biển do quân Hòa Lan đổ vào, hoặc là từ đất liền của Tây Ban Nha.

Aramis hỏi: -Tây Ban Nha trung lập thì sao?

D'Artagnan trả lời: -Hoàng thượng còn mạnh thì Tây Ban Nha còn trung lập.

Colbert thán phục khối óc thông thái của d'Artagnan, con người suy nghĩ bao giờ cũng thật thấu đáo đủ mọi khía cạnh của vấn đề Còn Aramis thì mỉm cười vì ông biết quá rõ là về phương diện ngoại giao thì không ai hơn d'Artagnan được.

Colbert như tất cả mọi con người kiêu ngạo khác cứ cho rằng mình sẽ thành công, nên nói tiếp: -Ai bảo với ngài d'Artagnan rằng Hoàng thượng không có thủy quân?

Người chưởng quan: -A, tôi không quan tâm đến chi tiết. Tôi là dân đi biển loại tồi. Tôi là dân nóng tính nên ghét biển. Tuy nhiên tôi có ý kiến là vì nước Pháp có hàng trăm cửa biển cho nên nếu có tàu thì sẽ có hải quân.

Colbert rút từ trong túi ra một cuốn sổ tay có chia làm hai cột. Trên cột thứ nhất là tên các tàu, cột thứ nhì ghi tóm số đại bác, số người trang bị cho tàu. Ông nói với d'Artagnan: -Tôi cũng có ý kiến như ngài nên tôi sai liệt kê các con tàu mới đóng thêm và thấy là ba mươi lăm chiếc.

D'Artagnan kêu lên: -Ba mươi lăm chiếc tàu! Vô lý.

-Nghĩa là khoảng hai ngàn cỗ đại bác Hoàng thượng hiện có trong tay. Với ba mươi lăm tàu thì được ba hạm đội, nhưng tôi thì muốn có đến năm hạm đội.

Aramis kêu lên: -Năm!

-Thưa các ngài, cuối năm nay là có đủ năm. Hoàng thượng sẽ có năm chục tàu hoạt động. Phải cật lực mới có phải không?

D'Artagnan nói: -Chế tạo tàu thì khó, nhưng còn có thể được. Nhưng làm sao trang bị được. Ở Pháp không có lò đúc súng, cũng không có nơi làm đạn dược.

Colbert hân hoan trả lời: -D'Artagnan, theo kiểu nói của Nhà vua.

Nhưng người chưởng quan chỉ cười thôi.

-Không, tôi không biết.

-Đây cũng là một người do tôi phát hiện. Một chuyên viên sắm sửa. Ông Florant này mua cho tôi được 350.000 louis sắt để làm trái đạn, 200.000 louis thuốc súng, 12 giàn gỗ phương bắc, cây mồi lửa, lựu đạn; chổi quét, dầu nhựa tiết kiệm được 7% nếu như tôi sản xuất thứ này tại Pháp.

D'Artagnan trả lời: -Ý kiến lấy gậy ông đập lưng ông như thế là hay đấy.

-Không phải sao? Có tính thêm hư hao nữa.

Thế rồi Colbert cười to vì khoái trá với câu nói đùa của mình rồi nói thêm: -Vì thế tôi mới lộ ra với ngài đại sứ để Tây Ban Nha chịu đứng trung lập và nước Anh chịu giúp chúng ta.

Aramis nói: -Nếu nước Anh giúp các ngài thì tôi bảo đảm sự trung lập của Tây Ban Nha.

Colbert vội vã theo với tính xởi lởi bộp chộp của ông: -Cứ làm đi. Về chuyện Tây Ban Nha thì ngài sẽ không có huân chương Sợi giây vàng đâu, ngài d'Alaméda ạ. Tôi nghe Hoàng thượng nói là thích trao cho ngài huân chương St. Michel thì hơn.

Aramis nghiêng mình cảm tạ. D'Artagnan nghĩ thầm: -Ôi tiếc là Porthos không có ở đây. Hoàng thượng rộng rãi như thế này thì anh chàng lương thiện đó sẽ lãnh biết bao nhiêu ân huệ!

Colbert lại nói: -Xin nói riêng với ngài d'Artagnan. Tôi cam đoan là ngài sẽ biết cách dẫn đoàn ngự lâm quân đi Hòa Lan. Ngài biết bơi không?

Rồi ông ta cười như một người quen vui tính. D'Artagnan trả lời: -Như một con lươn đấy.

-Phải đi qua các kênh rạch, qua ao đầm, cực lắm và có nhiều người bơi giỏi đã chết đuối rồi đấy, ngài d'Artagnan ạ.

Người lính ngự lâm trả lời: -Tôi sống chết vì Hoàng thượng. Nhưng ở mặt trận thì nước không nhiều bằng lửa đâu, cho nên tôi báo trước cho ngài biết là tôi chọn lửa trước hết. Tôi già rồi, nước lạnh lắm, trong khi lửa sưởi ấm được tôi, ngài Colbert ạ.

Bây giờ lại đến lượt Colbert thấy thán phục, thấy d'Artagnan còn đầy khí phách hiên ngang của tuổi trẻ khi nói những lời ấy.

D'Artagnan thấy kết quả lời nói của mình và vụt nhớ là người đi buôn bao giờ cũng đòi giá cao cho món hàng của mình khi nó có giá trị trên thị trường. Ông liền chuẩn bị đưa ra tính toán của mình. Lúc ấy, Colbert nói: -Thế là chúng ta đi Hòa Lan phải không?

-Vâng, nhưng mà… nhưng mà trong chuyện này có lẫn lộn lợi ích và lòng tự ái. Làm ông chưởng quan ngự lâm quân được trả lương khá lắm. Nhưng ngài nên nhớ là hiện nay ta có đoàn cận vệ của Hoàng thượng và nhà quân vụ của Hoàng thượng nữa. Như thế thì viên chưởng quan ngự lâm quân phải chỉ huy hết tất cả các đơn vị này và chỉ riêng tiệc tùng, phô diễn, anh ta đã phải tốn cả trăm ngàn louis mỗi tháng rồi?

Colbert nói: -Giả dụ rằng Hoàng thượng sẽ tính toán với ông thì sao?

D'Artagnan thắc mắc về vấn đề tiền nong rồi, nên nói: -Ôi ngài chưa hiểu rõ tôi. Tôi ngày xưa là trưởng toán ngự lâm của Hoàng thượng, bây giờ là chưởng quan già dặn, ngang hàng với Thống chế nước Pháp. Thế mà, có một ngày nào đó

ở chiến hào, lại có mặt đến ba người, người chưởng quan cận vệ người chỉ huy toán lính gác của nhà quân vụ. Ờ, chẳng sao đâu tôi không khổ tâm việc đó đâu. Tôi quen rồi, tôi chịu đựng được hết.

Colbert hiểu ngay. Vả lại, ông cũng đã tiên liệu việc này.

Ông trả lời: -Tôi đã nghĩ đến điều ngài vừa nói xong.

-Điều gì, thưa ngài?

-Chúng ta vừa nói đến kênh rạch, ao đầm có thể dìm chết người.

-Rồi sao?

-Thì ở đó người ta chết là do lỗi của một chiếc tàu, một tấm ván, một cây gậy.

-Vì một cây gậy, dù ngắn đến đâu cũng vậy. – D'Artagnan nói.

-Đúng vậy, – Colbert trả lời. – Chính vì thế mà tôi không thấy ở đâu có chuyện một Thống chế nước Pháp lại chết đuối cả.

D'Artagnan xanh mặt vì sung sướng nói giọng run run: -Nếu tôi là Thống chế của nước Pháp, thì xứ sở sẽ hãnh diện về tôi. Nhưng muốn có gậy thống chế thì phải biết điều khiển cuộc viễn chinh đúng bậc chỉ huy.

Colbert nói với ông: -Thưa ngài, trong quyển sổ này có một kế hoạch chiến dịch dự tính cho ngài chỉ huy cả đoàn quân mà Hoàng thượng sẽ đặt dưới tay ngài vào mùa xuân năm sau. Ngài suy nghĩ tính toán cho kỹ.

D'Artagnan run run cầm quyền sổ, tay chạm tay Colbert.

Viên tể tướng thẳng thắn bắt thật chặt bàn tay của người ngự lâm và nói: -Thưa ngài, cả hai chúng ta đều có thù phải trả với nhau.

-Tôi bắt đầu rồi đó, còn bây giờ thì đến lượt ngài! – D'Artagnan trả lời: -Tôi sẽ đền bù cho ngài. Tôi xin ngài nói với Hoàng thượng là gặp dịp chiến đấu nào đầu tiên thì hoặc sẽ có chiến thắng, hoặc tôi sẽ chết đi.

Colbert nói: -Ngay bây giờ tôi sẽ cho thêu bông huệ vàng trên cây gậy thống chế của ngài.

Hôm sau, Aramis đến khách sạn từ giã d'Artagnan để về lo liệu việc trung lập của Tây Ban Nha, d'Artagnan nói: -Chúng ta bây giờ chỉ còn có hai người để mà yêu thương cho cả bốn đấy!

Aramis nói: -D'Artagnan thân mến ơi, bạn chắc sẽ không còn gặp được tôi nữa. Tôi yêu thương bạn biết chừng nào. Tôi già rồi, lịm tắt, chết đi rồi.

-Bạn ạ, bạn còn sống dai hơn tôi, vì ngành ngoại giao đòi hỏi như thế. Nhưng tôi thì danh dự bắt tôi phải chết.

-Ôi, những người như chúng ta khi chết đi thì chỉ có đầy lòng vui sướng và đầy vinh quang mà thôi.

D'Artagnan cười buồn: -Ô! Lúc này là lúc tôi cảm thấy ham muốn nhất đấy, ngài Hầu tước ạ.

Họ lại ôm nhau lần nữa và hai giờ sau, họ chia tay nhau.

§60. Cái chết của ngài d'Artagnan

Trái ngược với thói thường hoặc trong trường hợp chính trị hoặc trên phương diện tinh thần đạo đức, ở đây mỗi người đều giữ lời hứa của mình và cam kết đặt hết danh dự của mình vào việc thực hiện.

Nhà vua gọi De Guiche về và đuổi hiệp sĩ De Lorraine đi.

Chuyện này làm cho Đức ông phải đau lòng.

Đức bà đi London. Bà để cho ông anh Charles II nghe thấm lời Tiểu thư cố vấn chính trị De Kérouallе khiến cho mối liên minh Anh – Pháp được hoàn thành và khiến tàu chiến Anh-Pháp được hoàn thành và khiến tàu chiến Anh đeo nặng vài triệu đồng tiền vàng Pháp mở một chiến dịch kinh khiếp chống hạm đội Hòa Lan.

Charles II hứa đền ơn những lời khuyên bảo hay ho của Tiểu thư De Kérouallе nên phong nàng làm Nữ hầu tước Pothmouth. Colbert hứa với Nhà vua xây dựng tàu thuyền, làm đạn dược, giành chiến thắng. Ông đã giữ lời hứa như chúng ta thấy rồi.

Cuối cùng là Aramis – Lời hứa của ông này khó tin được thực hiện nhất trong đám, thế mà Aramis đã làm hơn những lời ông hứa. Bây giờ chỉ còn xem Nhà vua, Colbert và d'Artagnan có giữ lời hứa với nhau hay không, Như Colbert tiên đoán, vào mùa xuân quân đội trên bộ bắt đầu vào chiến dịch.

Theo một trật tự thật đẹp, đi sau đoàn quân là cả triều đình của Louis XIV, mang cả tầng lớp ưu tú trong hệ đẫm máu này, hết thảy đều đi ngựa. Chung quanh có các xe song mã chở các bà mệnh phụ, các nội thần.

Tất nhiên các sĩ quan quân đội chỉ có loại âm nhạc là pháo binh từ trong đồn Hòa Lan bắn ra, nhưng bấy nhiêu đó cũng đủ cho một số đông tìm được danh vọng thăng quan tiến chức, tiền bạc, hay cái chết trong cuộc chiến này.

Ngài d'Artagnan cầm đầu một toán quân mười hai ngàn người gồm kỵ binh và bộ binh, được lệnh phải tiến chiếm nhiều địa điểm then chốt trên vùng chiến lược có tên là Frise.

Chưa bao giờ một đoàn quân viễn chinh được điều khiển chu đáo đến như thế. Các sĩ quan đều biết rằng chủ tướng vốn tính cẩn thận, khôn khéo và can đảm sẽ không bao giờ hy sinh vô ích một mạng người, một tấc đất nào cả.

Ông đã quen từ lâu với cung cách xử trí ở tiền tuyến: sống bằng quyền lợi của đất địch, để cho quân ta ca hát và kẻ thù khóc than.

Người chưởng quan ngự lâm quân thích khoe khoang kiểu cách rằng ông ta biết rõ tình hình chiến trận. Chưa bao giờ người ta thấy có những dịp tấn công được chọn lựa khéo đến như thế, chưa có những cuộc đột kích và yểm trợ hoàn hảo như thế, chưa lúc nào lỗi lầm của quân địch được khai thác tốt đẹp như thế.

Cho nên, quân của d'Artagnan trong một tháng đã chiếm được mười hai địa điểm nho nhỏ.

Hiện giờ đang tiến đánh địa điểm thứ mười ba đã được quân đồn trú giữ vững năm ngày rồi. D'Artagnan cho đào chiến Hòao. Trong đội quân của ông, những người đào đắp và các tay thợ đều đầy tinh thần thi đua, tận lực và nhiều sáng kiến vì ông đối xử với họ như chiến binh, làm cho họ hiểu công việc này là vinh quang và chỉ chịu để họ chết đi khi không còn cách nào khác, cho nên ta phải trông thấy họ hùng hục đào lộn vùng đất đầm lầy của xứ Hòa Lan đến thế nào! Theo lời các binh sĩ thì vùng đất than bùn, đất sét này giống như loại bơ trong các chảo lớn của các bà nội trợ vùng Frise.

Ngài d'Artagnan cho một người lính trạm đi báo cho Nhà vua biết những tin chiến thắng gần nhất để ngài ban ý kiến về điều này khiến cho ngài vui mừng gấp bội và ra lệnh đãi tiệc các bà thật là trọng thể.

Các chiến thắng đó của ngài d'Artagnan giúp cho oai vũ của ông hoàng tăng lên khiến bà Montespan từ nay chỉ gọi ông là Louis vô địch. Tướng tinh của tiểu thư De La Vallière chìm sau các đám mây ở chân trời và trong những giọt nước mắt. Còn nỗi vui của bà De Montespan thì tăng gấp bội theo với chiến thắng của nhà vua và giúp ngài quên mọi kẻ bạc đãi khác.

Tất cả cũng đều nhờ d'Artagnan. Nhà vua muốn trả công phục vụ của ông, nên viết thư cho Colbert: -Ông Colbert, chúng ta có lời hứa phải làm tròn với ông d'Artagnan trong khi ông ta đã giữ lời. Ta cho ông biết là đã đến lúc rồi đó. Mọi sự cần thiết đã chuẩn bị sẵn cho việc này, sẽ cung cấp cho ông khi cần đến.

Colbert đưa cho viên sĩ quan liên lạc của d'Artagnan một bức thư riêng và một cái hộp nhỏ bằng gỗ mun, khảm vàng, bên ngoài không có gì to lớn lắm nhưng chắc là nặng vì người ta đã cho đến năm người hộ vệ giúp người đưa tin mang đi.

Những người này đến nơi ngài d'Artagnan đang vây hãm vào lúc tờ mờ sáng và đi thẳng vào đại bản doanh.

Họ được trả lời là ngài d'Artagnan vừa đi ra với khoảng mười đại đội lính mang lựu đạn để trông coi việc sửa chữa lại một đoạn Hòao. Đêm trước, viên quan trấn mất bảy mươi bảy người nhưng phá hoại được một nơi trên phòng tuyến.

Người của Colbert sai phái được lệnh tìm ngài d'Artagnan bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào, dù là ban ngày sáng sủa hay đêm tối đen mò. Cho nên, người ấy thúc ngựa đi về phía chiến hào, theo sau có tất cả toán hộ vệ.

Người ta thấy lồ lộ giữa đồng ngài d'Artagnan đội mũ gắn lon vàng, cầm gậy dài và dải áo thếp vàng. Ông nhai nhai hàm ria trắng, bàn tay trái to phủ đám bụi tung lên từ các trái đạn cày xới chung quanh ông. Trong lửa khói mù trời, đầy tiếng đạn rít, các sĩ quan lo đào xúc, binh sĩ lăn xe đất, mười, hai mươi người

mang vác, lôi kéo các bó cừ to đến gác che trên đầu chiến hào đào sâu xuống theo lệnh thúc hối dồn dập và gay gắt của viên tư lệnh.

Sau ba giờ, mọi hư hỏng đều được sửa chữa xong xuôi, d'Artagnan mới bắt đầu nói chuyện nhẹ nhàng. Ông hoàn toàn trở lại bình tĩnh khi viên đại uý toán quân đào đất, mũ cầm tay, đến báo cáo rằng đường hào đã có thể sử dụng được. Người này vừa nói xong thì một viên đạn bay đến cắt đứt một chân khiến ông ngã vào người d'Artagnan.

Ông đỡ người sĩ quan lên và bình tĩnh vỗ về thuộc hạ, dìu người này xuống đường hào giữa tiếng hoan hô vang dội của cả trung đoàn.

Từ đó, không phải chỉ là tinh thần hăng hái nữa mà là cả sự cuồng nhiệt nổi lên. Hai đại đội chạy tràn lên phía pháo đài liền tiêu, xông vào chiếm ngay trong nháy mắt. D'Artagnan cố sức ghìm những người còn lại nhưng khi họ thấy các bạn nhảy được lên các pháo đài thì họ cũng tiếp tục xông lên theo và tấn công đợt cuối cùng vào toà thành.

D'Artagnan thấy chỉ có mỗi một cách làm cho quân ông dừng lại là để cho họ vào thành, nên xua tất cả quân vào hai khoảng thành vỡ mà bên địch đang cố sửa chữa. Mười tám đại đội tham gia vào đợt tấn công quyết liệt này. D'Artagnan dẫn đoàn quân còn lại đến cách phân nửa tầm súng trong thành để yểm trợ họ từng đợt.

Người ta nghe rõ tiếng kêu la của những pháo thủ Hòa Lan bị quân mang lựu đạn của d'Artagnan đâm chết ngay trên mâm pháo. Cuộc chiến càng dữ dội càng đem lại thất vọng cho viên quan trấn giữ thành đang chống giữ từng tấc đất một.

D'Artagnan muốn kết thúc cho xong nên cho một đạo quân mới đến chiếm các cửa còn có người chống lại. Họ xô vào như một mũi dùi nhọn. Tức thì trên tHòanh thấy có cảnh kẻ vây đuổi đánh người bị vây hốt hoảng chạy giữa đám khói đạn mịt mu.

Chính vào lúc d'Artagnan thở ra một hơi thỏa mãn thì ông nghe một tiếng nói bên cạnh: -Thưa ngài, đây là thư của ngài Colbert.

Ông bóc ra, đọc: "Thưa ngài d'Artagnan,

Hoàng thượng sai tôi báo cho ngài biết rằng ngài được phong làm thống chế nước Pháp để thưởng công lao và vinh dự ngài đã đem lại cho quân đội của Hoàng thượng.

Hoàng thượng rất vui vẻ về những thành quả ngài đem lại và ra lệnh cho ngài hoàn thành cuộc bao vây mà ngài đã hân hoan bắt đầu và sẽ đem lại chiến thắng cho Hoàng thượng".

D'Artagnan đứng thẳng người, mặt nóng bừng, mắt sáng quắc ông nhìn lên thành, theo dõi quân ông tiến giữa vùng khói đạn mịt mù. Ông trả lời người đưa tin.

-Tôi đã thanh toán xong. Độ một khắc nữa là thànhh phố sẽ đầu hàng.

Ông cúi xuống đọc tiếp bức thư: "Thưa ngài d'Artagnan, chiếc còi này là tặng phẩm riêng của tôi. Ngài chắc sẽ không nổi giận khi thấy rằng trong lúc những chiến binh như ngài rút gươm ra bảo vệ ngai vàng, thì tôi đây biết thúc đẩy các nghệ thuật thời thanh bình để trang điểm cho các tưởng lệ xứng đáng với ngài. Tôi tin cậy ở tình bạn của Thống chế, và xin ngài vững tin hơn tình bạn của tôi".

D'Artagnan say sưa, ra hiệu cho người đưa tin mang cái hộp đến. Nhưng vào lúc viên Thống chế nhìn vào đó thì có tiếng nổ to trên thành khiến ông phải quay lại. Ông nói: -Lạ thực, sao chưa thấy cờ vua ta bay trên thành và chưa nghe hiệu trống đầu hàng?

Ông tung ra ba trăm người mạnh khỏe dưới quyền một sĩ quan thật hăng hái đến đánh một nơi vỡ khác trên thành. Rồi ông bình tĩnh tiến về phía cái hộp người đưa tin còn cầm.

Lúc d'Artagnan vươn tay mở hộp thì một trái đạn từ phía toà thành vụt tới nghiền nát cái hộp trong tay rồi đập thẳng vào ngực ông, xô ông nằm trên triền đất, còn chiếc gậy chạm hình hoa huệ văng từ cạnh hông chiếc hộp vỡ, lăn ra dừng lại trên bàn tay rũ liệt của viên Thống chế.

D'Artagnan cố gượng dậy.

Lúc đầu người ta tưởng ông ngã ra không bị thương.

Nhưng phía các sĩ quan có tiếng kêu kinh khiếp.

Viên Thống chế mình đầy máu, thần chết xanh xao hiện rõ dần trên gương mặt cao quý.

Dựa người vào những cánh tay từ mọi phía cố nâng ông lên, ông đưa mắt nhìn lần cuối về phía toà thành và thấy cây cờ trắng bay trên pháo đài chính. Đôi tai ông đã ù đi không nghe thấy được dấu hiệu của cuộc sống nhưng cũng nhận ra tiếng trống vang rền báo tin thắng trận.

Thế là tay ông siết lên cây gậy thêu hoa huệ bằng chỉ vàng, mắt ông cụp xuống, không còn đủ sức ngước lên trời cao.

Ông ngã người xuống đất, miệng lẩm bẩm những tiếng thật đầy ý nghĩa mà trên cõi đời này không ai ngoài người chế hiểu thấu được: "Hẹn gặp lại Athos, Porthos! Vĩnh biệt Aramis mãi mãi".

Bốn con người dũng cảm mà chúng tôi vừa kể lại cuộc đời, nay chỉ còn có một thân xác, Thượng đế đã mang linh hồn họ đi rồi.

HẾT.

BÁ TƯỚC MÔNGTƠ CRIXTÔ

Người dịch: Mai Thế Sang
(Nguyên bản tiếng Pháp:
Le comte de Monte Cristo
NXB Calmann Levy – Paris)
Nguồn: hoi_ls
http://www.sachmoi.net

Phần I. MÁC XÂY

§1. Tàu cập bến

Ngày 24 tháng Hai năm 1815, đài quan sát trên nhà thờ Đức Bà báo tin chiếc tàu Pharaôn ba cột buồm từ Xmiêc, qua Naplơ đang trở về. Theo thường lệ, viên hoa tiêu lập tức rời bến ra đón tàu và cũng như mọi khi, sân thượng của pháo đài Thánh Giăng đã đông nghịt những kẻ hiếu kỳ. Mỗi lần có một chiếc tàu cập bến là y như cảng Mácxây có một sự kiện trọng đại, nhất là chiếc Pharaôn này đã ra đời ở xưởng đóng tàu Phôxê cổ kính và ông chủ tàu lại là công dân của thành phố.

Trong khi đó, chiếc tàu vẫn giương đủ những cánh buồm to nhỏ của mình từ từ tiến vào. Nhưng đám người hiếu kỳ trên bến, nhìn dáng điệu buồn bã của con tàu, đã linh cảm được một sự rủi ro hoặc tai họa nào đó đã xảy ra trên tàu.

Tàu vẫn tiến vào một cách lặng lẽ dưới sự điều khiển khéo léo của một chàng trai có dáng điệu nhanh nhẹn, cặp mắt linh hoạt. Chàng đứng bên cạnh viên hoa tiêu, chăm chú theo dõi từng chuyển động của con tàu.

Nỗi lo âu lan tràn khắp đám dân chúng đến nỗi làm cho một người đang đứng xem không chờ cho tàu kịp cập bến, vội nhảy xuống một chiếc xuồng con ra lệnh chèo tới ngay trước mũi chiếc Pharaôn. Vừa nhìn thấy người đó, chàng thủy thủ trẻ tuổi kia liền rời khỏi đài chỉ huy, bỏ mũ, chạy xuống đứng sát vào thành tàu. Đó là một thanh niên khoảng chừng mười tám đôi mươi, vóc cao, mảnh dẻ, đôi mắt đen đẹp đẽ và mái tóc màu gỗ mun. Con người anh toát ra vẻ điềm tĩnh và quả quyết đặc biệt của những người từng dạn dày với nguy hiểm, gian lao.

-Này anh Đăngtét – người đứng dưới xuồng hỏi vọng lên – có chuyện gì xảy ra vậy? Tại sao trên tàu lại có vẻ buồn thảm thế?

-Thưa ông Moren – chàng thủy thủ trẻ đáp – một tai họa lớn đã xảy ra. Khi tàu tới gần Xivita, ông thuyền trưởng Lơclê dũng cảm của chúng ta đã từ trần.

-Thế còn hàng hóa? – ông chủ tàu hỏi.

-Thưa ông chủ, hàng hóa không suy suyển gì. Nhưng ông thuyền trưởng đáng thương…

-Ông ta làm sao? Rơi xuống biển ư?

-Thưa không ạ, ông thuyền trưởng bị chết vì bệnh sốt viêm não rất đau đớn.

Rồi anh thanh niên lại quay về phía các thủy thủ và ra lệnh cho họ chuẩn bị thả neo. Khi các thủy thủ đã bắt tay vào việc, anh tiếp tục nói chuyện với ông chủ tàu: -Thưa ông, tai họa xảy ra một cách đột ngột: ông thuyền trưởng Lơclê hội đàm rất lâu với vị chỉ huy cảng Naplơ. Ngay sau cuộc chia tay rất xúc động đó ông lại lên cơn sốt. Ba ngày sau ông qua đời… Chúng tôi đã làm lễ mai táng ông

theo tục lệ: khâm liệm thi hài ông trong một cái võng, rồi chôn cất ở đảo Engigliô. Bây giờ chúng tôi đem về trả cho bà vợ góa của ông tấm huy chương danh dự và thanh kiếm. Thật là uổng công chiến đấu trong suốt mười năm trời với quân đội Hoàng gia Anh để rồi chết trên giường bệnh như một kẻ thường dân.

-Biết làm thế nào hơn được hả anh Étmông? Mọi người chúng ta đều rồi sẽ chết và người cũ phải nhường chỗ cho người mới chứ! Vừa rồi anh quả quyết là số hàng hóa…

-Thưa ông Moren, còn nguyên vẹn và chắc chắn chuyến này ông sẽ kiếm được hai vạn rưởi frăng tiền lãi. Bây giờ mời ông lên tàu và ông Đăngla, kế toán viên, sẽ cung cấp cho ông những tin tức cần thiết. Còn tôi, tôi bận phụ trách việc thả neo và treo cờ rủ.

Ông chủ tàu nắm sợi dây cáp của Đăngtét ném cho và trèo lên tàu với động tác lanh lẹ và khéo léo của một thủy thủ lành nghề, rồi đến gần viên kế toán Đăngla vừa ở trong cabin đi ra. Hắn trạc hăm lăm, hăm sáu. Bộ mặt u ám đầy vẻ khúm núm ti tiện đối với cấp trên, hống hách láo xược đối với người dưới và cái chức vụ kế toán của hắn càng làm cho mọi người ghê tởm, trái hẳn với Étmông Đăngtét, người được cả tàu yêu mến.

-Thưa ông Moren – hắn nói – ông đã biết tin dữ rồi chứ ạ?

-Phải, phải, ông Lơclê thật đáng thương. Ông là một thuyền trưởng dũng cảm và lương thiện.

-Và là một thủy thủ xuất sắc, suốt đời sống giữa trời và biển để bảo vệ quyền lợi cho công ty Moren, một hãng đóng tàu quan trọng.

-Nhưng – ông chủ tàu vừa theo dõi Đăngtét điều khiển việc thả neo vừa nói – anh Étmông xem ra cũng thạo nghề không kém người thủy thủ già.

-Vâng – Đăngla nhìn Đăngtét bằng con mắt hằn học – Anh ta hãy còn trẻ và chủ quan lắm. Ông thuyền trưởng vừa tạ thế, anh ta đã tự ý nắm quyền chỉ huy. Chẳng cần hỏi ý kiến ai và làm chúng tôi mất toi một ngày rưỡi ở đảo Enbơ.

-Chỉ huy chiếc tàu là quyền hạn chính thức của anh ta, vì anh ta là thuyền phó.

-Anh ta đã để mất cả một ngày rưỡi chỉ vì thích được lên bộ, có thế thôi.

-Anh Đăngtét – ông Moren quay về phía Étmông gọi – Lại đây tôi bảo.

-Xin ông chờ cho một lát – Đăngtét đáp và ra lệnh thả neo.

-Ông xem đấy, anh ta cứ tự tiện hành động y như mình đã là thuyền trưởng rồi – Đăngla nói.

-Thì đúng phải như thế – ông chủ tàu nói – Tôi biết anh ta còn ít tuổi nhưng rất xứng đáng với chức vụ đó và có nhiều kinh nghiệm trong nghề. Tôi có thể giao phó công việc cho anh ta được.

Nghe câu đó, bộ mặt của Đăngla tối sầm lại và hắn lùi lại sau.

-Xin lỗi ông chủ – Đăngtét lại gần – Công việc đã hoàn tất, ông gọi tôi đến có việc gì ạ?

-Tôi muốn biết tại sao anh lại cho tàu cập vào đảo Enbơ?

-Tôi chỉ thừa hành mệnh lệnh của ông thuyền trưởng. Trước khi qua đời ông ta có nhờ tôi trao cho Thống soái Béctơrăng một cái gói.

-Anh có gặp thống soái không?

-Dạ, có ạ.

Ông Moren nhìn chung quanh rồi kéo Đăngtét ra chỗ khác, khẽ hỏi: -Còn Hoàng đế[328] sức khỏe ra sao?

-Hoàng đế vẫn bình an vô sự. Chính mắt tôi đã nhìn thấy ngài. Lúc tôi đang nói chuyện với Thống soái thì Hoàng đế vào. Ngài hỏi tôi tỉ mỉ về chiếc tàu và có ý định mua lại của công ty ta.

-Này, Đăngtét – ông Moren thân mật vỗ vai Étmông – anh đã hành động rất đúng là tuân lệnh ông thuyền trưởng, nhưng nếu người ta biết anh trao một cái gói cho Thống soái Béctơrăng thì có thể nguy hiểm cho anh đấy.

-Tại sao lại nguy hiểm ạ? Tôi có biết trong gói có gì đâu? Còn Hoàng đế chỉ hỏi tôi những câu thông thường. Xin ông cho tôi rút lui vì nhân viên y tế và hải quan đã đến kia rồi.

Chàng thanh niên vừa đi khỏi thì Đăngla chạy ngay đến hỏi ông Moren: -Chắc anh ta đã cho ông biết lý do tàu ghé vào đảo Enbơ?

-Đăngtét thừa hành theo mệnh lệnh ông Lơclê.

-Nhưng ngoài cái gói đó ra, ông thuyền trưởng còn trao cho anh ta một bức thư.

-Sao anh biết?

-Tôi đi qua cửa buồng hé mở của ông thuyền trưởng và liếc thấy – Đăngla đỏ mặt nói – nhưng xin ông đừng nói cho Đăngtét biết, có lẽ tôi đã trông lầm.

Giữa lúc đó Đăngtét quay lại và Đăngla bỏ đi.

-Thế nào, công việc khai báo xong rồi chứ? Chiều nay anh đến ăn cơm với tôi nhé!

-Thưa ông Moren, xin ông tha lỗi, tôi phải đi thăm cha tôi trước tiên và sau ngài đó đến thăm một người mà tôi luôn luôn nhớ đến…

-A phải rồi, tôi quên mất là ở xóm Catalăng có một người đang mong chờ anh không kém gì cha anh, đó là cô Mécxêđét xinh đẹp.

Đăngtét mỉm cười nói: -Cô ấy là vợ chưa cưới của tôi.

-Vậy thì tôi không dám giữ anh. Anh có cần tiền không?

-Thưa ông chủ, tôi đã được trả ba tháng lương trong cuộc hành trình này rồi và cũng đã có đủ tiền đưa cho người cha nghèo khó của tôi. Bây giờ, trước khi từ biệt xin ông cho tôi nghỉ phép mười lăm ngày để cưới vợ, và sau đó còn phải đi Pari nữa.

-Được lắm, nhưng anh phải sắp xếp công việc làm sao để chuyến đi tới, khi chiếc tàu Pharaôn nhổ neo phải có thuyền trưởng của nó.

-Thuyền trưởng của nó? – Đăngtét kêu lên, mắt sáng long lanh – ông muốn chỉ định tôi là thuyền trưởng như tôi hằng mơ ước ư?

-Đăngtét thân mến! Nếu chỉ có một mình tôi thì việc này coi như xong rồi. Nhưng tôi còn một người hùn vốn nữa. Tôi sẽ cố nói giúp anh, anh có thể tin tưởng vào tôi.

Đăngtét rơm rớm nước mắt nắm chặt lấy tay ông chủ tàu, nói: -Ôi ông Moren! Ông Moren! Tôi xin nhân danh cha tôi và cô Mécxêđét, gửi lời cám ơn ông.

-Thế đấy, Étmông ạ, có Thượng đế cho những người có lòng tốt, và bây giờ anh hãy đi thăm cha anh và cô Mécxêđét đi. Tôi còn ở lại thanh toán với Đănglan. Trong chuyến đi vừa qua, anh có hài lòng về anh ấy không?

-Thưa ông Moren, đứng về tình bạn thì tôi xem chừng anh ta không ưa tôi lắm, nhất là sau một vụ xích mích không đáng kể mà tôi đã cố gắng dàn hòa, nhưng anh ta đã khước từ. Nhưng nói về công việc của một kế toán viên, chắc ông sẽ phải hài lòng về sự chu đáo của anh ấy.

-Anh Đăngtét, nếu anh được làm thuyền trưởng anh có giữ Đăngla ở lại làm việc với anh không?

-Thuyền trưởng hay thuyền phó, tôi cũng đối xử tử tế với những ai được chủ tín nhiệm. Ông cho phép tôi dùng chiếc xuồng của ông để lên bờ chứ?

-Xin cứ tự nhiên. Chúc anh may mắn!

Chàng thủy thủ trẻ tuổi nhảy xuống chiếc xuồng con và bảo hai người giúp việc chèo vào bến Canơbia. Ông chủ tàu mỉm cười nhìn theo chàng thanh niên nhảy lên bờ rồi hòa mình vào đám đông đang đi lại nhộn nhịp. Khi ông quay lại thì thấy Đăngla đã đứng ngay phía sau mình, cũng đang theo dõi chàng thủy thủ trẻ tuổi nhưng với cái nhìn khác hẳn cái nhìn của ông.

§2. Cha và con

Sau khi đi hết đại lộ Canơbia, Đăngtét rẽ sang một con đường hẻm, bước vào một ngôi nhà phía bên trái, trèo lên bốn cầu thang gác tối om rồi dừng lại phía trước một cái cửa hé mở của một căn buồng nhỏ bé. Đó là chỗ ở của cha anh. Ông lão chưa hay tin chiếc tàu Pharaôn đã cập bến. Ông đang đứng trên cái ghế, hai bàn tay run rẩy chữa lại giàn hoa lý. Bỗng có ai ôm ngang lưng ông và một giọng nói quen thuộc cất lên: -Cha! Cha của con!

Ông lão liền quay lại, kêu lên một tiếng rồi ngã vào cánh tay con. Ông run lên cầm cập, mặt tái nhợt làm Đăngtét hốt hoảng: -Cha làm sao thế? Cha ốm đấy ư?

-Étmông con ơi, không đâu, chỉ là do mừng rỡ và xúc động khi bất chợt cha nhìn thấy con đấy thôi… Ôi, lạy Chúa, cha mừng đến chết đi được!

-Xin cha hãy trấn tĩnh lại đi, con đã trở về và chúng ta sắp được sung sướng rồi!

-Nếu vậy thì tốt quá! Con hãy cho cha biết sự sung sướng đó ra sao?

-Thưa cha, ông thuyền trưởng Lơclê đã tạ thế. Được sự nâng đỡ của ông Moren, con có triển vọng thay thế ông ta. Cha nghe rõ chưa? Làm thuyền trưởng khi mới hai mươi tuổi đời với số lương một trăm đồng Lu-y và còn được chia lãi nữa, thật là vượt quá nguyện vọng của một người thủy thủ nghèo xác như con. Khi nào có tiền con sẽ tậu cho cha một ngôi nhà nhỏ có một mảnh vườn để cha tha hồ mà trồng rau… Cha ơi, cha làm sao thế này?

Ông lão hầu như kiệt sức, người ngả hẳn ra phía sau nói: -Không sao đâu!

-Nào cha ơi, cha hãy uống một cốc rượu cho tỉnh người nhé! Rượu để đâu cha?

-Không cần… nhà không còn rượu đâu con ạ!

-Sao cha? Không còn rượu à? – Đăngtét mặt biến sắc nói – Cách đây ba tháng, trước lúc ra đi, con đã để lại cho cha hai trăm frăng kia mà?

-Nhưng con đã quên món nợ anh hàng xóm Cađơrút. Khi anh ta đòi, cha đã trả cho anh ta một trăm bốn mươi frăng.

-Như vậy cha đã sống ba tháng trời chỉ với sáu chục frăng! Ôi, lạy Chúa, xin Người tha lỗi cho con! Cha làm con ân hận quá.

Đăngtét kêu lên và quỳ xuống chân ông lão. Ông mỉm cười nói: -Bây giờ thì con đã về, mọi việc coi như xong xuôi.

-Vâng, con đã về – Đăngtét đáp – Với một tương lai tốt đẹp và có tiền. Đây, cha hãy cầm lấy tiền đi mua một ít thức ăn…

Nói xong Étmông bày ra bàn những đồng tiền vàng óng ánh làm cho ông lão tươi tỉnh hẳn lên.

Giữa lúc đó cái đầu đen sì với bộ râu xồm xoàm của gã hàng xóm Cađơrút xuất hiện ở chân cầu thang. Đó là một gã thợ may, tuổi khoảng hăm lăm, hăm sáu. Với giọng đặc sệt thổ ngữ, gã nhe răng nói chõ vào: -Étmông, cậu đã về đấy à?

-À anh Cađơrút, tôi đã về và sẵn sàng giúp anh bất cứ việc gì để trả cái ơn anh đã cho tôi vay tiền.

-Ơn với huệ quái gì, tôi cho cậu vay, đã được trả sòng phẳng. Chúng ta đã thanh toán với nhau như những người hàng xóm tốt bụng. Lúc nãy tôi ra phố gặp Đăngla, hắn bảo cậu đã về nên tôi đến mừng cậu.

-Anh Cađơrút tốt bụng quá – ông lão nói – Anh quả có lòng yêu chúng tôi.

-Ồ hẳn là thế rồi. Trên đời còn được mấy người lương thiện! – Gã thợ may nói và liếc mắt nhìn đống tiền trên bàn – Này, anh bạn, giờ thì anh giàu sụ rồi đấy nhỉ?

Đăngtét thoáng thấy cặp mắt thèm thuồng của Cađơrút vội nói: -Ồ, đâu có phải là của tôi. Đây là món tiền để dành của cha tôi trong lúc tôi đi vắng. Thôi cha ơi, cha cất tiền đi. Nếu khi nào anh Cađơrút cần đến, chúng ta sẵn sàng cho anh ấy vay. Bây giờ xin phép cha cho con đến xóm Catalăng thăm một người.

-Cô Mécxêđét phải không con? Con đi đi, cầu Chúa phù hộ cho con cũng như cho vợ con.

-Cụ Đăngtét ơi – Cađơrút xen vào – Cụ nhanh nhẩu quá đấy, cô Mécxêđét đã là vợ cậu ta đâu kia chứ.

-Nhưng chắc chắn chỉ là nay mai thôi – Étmông đáp.

-Cậu vội vàng thế cũng phải lắm vì cô ta thật xinh đẹp. Những cô gái đẹp như thế thiếu gì người ngấp nghé. Tôi xem chừng cô ta có lắm đám lắm thì phải. Nhưng cậu nên hiểu rằng cậu sắp được làm thuyền trưởng thì cô ta không từ chối cậu đâu.

-Ồ, tôi rất hiểu phụ nữ nói chung và Mécxêđét nói riêng Étmông đáp – và tôi tin rằng làm thuyền trưởng hay không, cô ấy vẫn trung thành với tôi.

Nói xong anh ôm hôn bố và từ biệt Cađơrút bước ra. Lát sau Cađơrút cũng cáo từ ông già. Hắn gặp Đăngla đang đứng chờ hắn ở đầu phố.

-Thế nào, cậu đã gặp nó chưa? – Đăngla hỏi – Nó có nói gì về chức thuyền trưởng của nó không?

-Mẹ kiếp! Hình như ông Moren đã hứa với hắn rồi thì phải, nên hắn có vẻ chắc mẩm, lại còn có vẻ láo xược. Hắn hứa cho tôi vay tiền cứ y như một ông chủ nhà băng. Bây giờ thì ngài Đăngtét còn đếm xỉa gì đến ai nữa vì sắp trở thành ông thuyền trưởng đến nơi rồi. Kể ra hắn đừng làm thuyền trưởng lại tốt hơn, không thì gặp hắn cũng khó nói chuyện.

-Ồ nếu chúng ta muốn, nó sẽ vẫn cứ ở lại địa vị cũ của nó, có thể còn thấp kém hơn là đằng khác – Đăngla hỏi tiếp – Còn cô nàng Catalăng xinh đẹp thì

sao?

-Hắn yêu cô ta mê mệt và đang chạy bổ đi tìm. Nhưng cũng còn rắc rối đấy.

-Sao vậy? Cậu không ưa Đăngtét lắm phải không?

-Tôi không ưa những thằng huênh hoang. Này, mỗi lần con bé Catalăng ấy xuống phố là có một thằng cao lớn, mắt đen, tóc hung, da đỏ mà cô ta gọi là anh họ, rất nhiệt tình bám riết bên cạnh con bé.

-Thật à? Chắc hắn tán tỉnh con bé chứ gì?

-Dĩ nhiên rồi, một thằng thanh niên hai mươi mốt tuổi còn muốn gì hơn đối với một con bé mười bảy.

-Này, bọn ta đến xóm Catalăng đi, tôi sẽ đãi cậu một chầu rượu.

§3. Xóm Catalăng

Xóm Catalăng nằm phía sau một ngọn đồi trọc nham nhở. Nó được một đoàn người bí mật, không rõ từ đâu tới xây dựng theo một kiểu kỳ dị, nửa Môrơ nửa Tây Ban Nha. Họ nói một thứ tiếng lạ tai. Từ bốn thế kỷ nay con cháu họ vẫn ở nguyên trên mảnh đất mà tổ tiên họ đến sinh cơ lập nghiệp, họ giữ nguyên lề thói tập tục riêng cũng như ngôn ngữ riêng của mình. Họ không hề chung đụng với dân cư thành phố Mácxây. Trong một dãy phố duy nhất của xóm có một ngôi nhà nhỏ được ánh nắng mặt trời nhuộm mặt ngoài thành một màu vàng úa rất đẹp, còn bên trong được quét vôi trắng xóa tựa như những lâu đài Tây Ban Nha.

Đứng dựa vào tường là một cô gái xinh đẹp có mái tóc đen huyền, cặp mắt nhung như mắt sơn dương, đôi cánh tay để trần rám nắng tròn trĩnh như đôi cánh tay của thần Vệ Nữ, đôi chân thuôn thuôn và mềm mại vừa thanh tân vừa khỏe mạnh được bó chặt trong đôi bít tất sợi màu đỏ. Bên cạnh cô là anh chàng thanh niên cao lớn, trạc hai mươi hai tuổi. Anh ta ngồi trên một cái ghế dựa, khuỷu tay chống lên bàn, đang nhìn cô bằng cặp mắt lo âu và tuyệt vọng, dường như van lơn.

-Sao kia em Mécxêđét? – Chàng thanh niên nói. – Sắp đến lễ Phục sinh rồi, chúng ta chuẩn bị lễ cưới chứ!

-Anh Fécnăng, em đã trả lời anh hàng trăm lần rồi sao anh cứ cố tình hỏi mãi thế?

-Nào, em hãy nhắc lại nữa đi, anh van em, em hãy nhắc lại là em khước từ tình yêu của anh mà mẹ em đã ưng thuận, là em đã đùa cợt với hạnh phúc, với cuộc đời anh. Cái chết của anh chắc cũng chẳng có nghĩa lý gì đối với em. Trời ơi! Em Mécxêđét, anh đã mơ ước bao năm ròng được làm chồng của em và thế là bây giờ hy vọng, mục tiêu duy nhất của anh bị tiêu tan.

-Nhưng anh Fécnăng, chẳng phải em đã luôn luôn bảo anh rằng giữa chúng ta chỉ là quan hệ anh em. Anh đừng nên đi quá giới hạn ấy, vì trái tim em đã thuộc về người khác rồi, anh còn nhớ chứ?

-Mécxêđét ạ, em đã nói với anh một sự thật phũ phàng, nhưng em chớ có quên rằng theo phong tục thiêng liêng của người Catalăng là trai gái chỉ kết hôn với người cùng họ tộc.

-Anh Fécnăng, đó chỉ là một thói quen chứ không phải một tục lệ và anh đừng nên viện cái thói quen đó ra làm gì. Em chỉ là một đứa trẻ mồ côi nghèo xác xơ, chỉ có một túp lều với mấy tấm lưới đánh cá của bố mẹ em để lại. Từ một năm nay nếu anh đi nghề chung cùng với em chỉ vì anh là con ông bác, chúng ta đã cùng lớn lên với nhau. Hơn nữa, em sợ nếu em cự tuyệt thì anh sẽ giận.

-Chẳng hề gì. Mécxêđét à, mặc dầu em sống nghèo nàn và cô độc, em cũng còn hơn chán vạn những cô gái giàu có khác. Anh chỉ cần một người vợ lương thiện và một người nội trợ giỏi.

-Anh Fécnăng, em không thể nào là lương thiện được nếu em lại đi lấy một người nào đó không phải là người mà em yêu. Mà một người vợ đã không lương thiện thì không thể nào là người nội trợ giỏi được. Em chỉ có thể coi anh như một người bạn, vậy là đủ rồi.

-Em thật là tàn nhẫn và độc ác đối với anh. Cái thằng thủy thủ mà em mong chờ ấy chả được bền đâu, một ngày kia biển cả sẽ chôn vùi nó.

-Ôi! Anh Fécnăng, em đã lầm vì em cứ tưởng rằng anh là một người tốt bụng. Anh đã nguyền rủa người ta như thế đấy! Nhưng em nói thật, không cần giấu giếm gì nữa: em đã yêu và đang chờ anh ấy, nếu anh ấy không trở về, em cớ thể nói rằng anh ấy đã chết vì yêu em.

Fécnăng đứng lên đi vòng quanh nhà, rồi quay lại với đôi mắt u tối, nắm chặt tay hỏi: -Mécxêđét, em nhất quyết chưa?

-Em yêu Étmông Đăngtét – Cô gái lạnh lùng nói. – Ngoài anh ấy ra, em không ưng thuận ai làm chồng em cả.

Fécnăng cúi đầu thất vọng, trút tiếng thở dài nghe thật não ruột rồi nghiến răng ken két: -Thế nếu nó chết?

-Nếu anh ấy chết, em sẽ chết theo.

-Nếu nó quên em?

Vừa lúc đó bên ngoài có tiếng gọi: -Mécxêđét, Mécxêđét!

Cô gái hai má đỏ ửng thốt lên: -A, anh xem đấy, anh ấy có quên em đâu, anh ấy đã về kia rồi! Anh Étmông, có em đây!

Fécnăng mặt tái nhợt, lùi lại phía sau và ngồi phệt xuống ghế.

Étmông và Mécxêđét ôm chầm lấy nhau. Ánh nắng gay gắt của bầu trời Mácxây xuyên qua cánh cửa bao trùm lấy hai người đang tràn ngập trong hạnh phúc và yêu thương.

Đột nhiên Étmông nom thấy bộ mặt đang nhăn nhó và tái nhợt, đầy đe dọa trong bóng tối của Fécnăng. Tay hắn sờ vào chuôi con dao găm giắt ở thắt lưng. Étmông cau mày nói: -Ồ, xin lỗi, tôi không nhìn thấy anh.

Rồi hỏi Mécxêđét: -Ai thế em?

-Anh Đăngtét, đây là anh họ em, người bạn của em và cũng là người bạn của anh. Anh Fécnăng là người em yêu hơn cả sau anh đấy.

-À phải – Étmông nói và chìa tay thân thiện cho anh chàng Catalăng.

Nhưng Fécnăng vẫn đứng ngây như phỗng với bộ mặt tối tăm và đe dọa. Mécxêđét nhìn thẳng vào mắt hắn và khóe mắt như ra lệnh của cô làm hắn bị mê hoặc. Hắn tiến lại gần Étmông và cũng chìa tay ra. Nhưng khi vừa chạm vào tay

Étmông, hắn đã vội bỏ chạy ra ngoài. Vừa chạy như bay như biến, hắn vừa bứt tóc kêu: -Ôi! Đau khổ cho ta quá! Đau khổ cho ta quá!

-Này anh chàng Catalăng – Có tiếng gọi – này Fécnăng, đi đâu thế?

Fécnăng đứng lại, nhìn quanh quẩn và thấy Cađơrút đang ngồi uống rượu với Đăngla dưới một vòm cây.

-Đi đâu mà vội thế – Cađơrút nói – Quên cả chào anh em. Lại đây tí đã nào.

-Chai rượu vẫn còn gần đầy – Đăngla nói thêm. – Trông anh như người mất hồn, ngồi xuống đây nào!

Fécnăng lấy tay lau mồ hôi đầm đìa trên trán rồi ngồi phịch xuống ghế. Cađơrút nói: -Bọn mình trông cậu như điên dại, như thằng muốn đâm đầu xuống biển nên bọn mình muốn gọi cậu đến làm mấy hớp rượu còn hơn là uống nước mặn. Trông cậu như anh thất tình ấy!

-Úi chà! – Đăngla nói – Một con người khỏe mạnh như cậu ta sao mà có thể thất tình được?

-Đăngla, anh xem đấy – Cađơrút nói và nháy mắt với bạn – Câu chuyện như sau: Fécnăng là một chàng trai Catalăng dũng cảm và tốt bụng, là dân chài có hạng của Mácxây, yêu một cô gái xinh đẹp tên là Mécxêđét, nhưng khốn thay cô này lại đi yêu một anh thuyền phó tàu Pharaôn, và hôm nay chiếc tàu lại vừa cập bến. Thế là anh chàng Fécnăng bị ra rìa, tôi cho là một người Catalăng thì không đời nào để cho kẻ khác phỗng mất người yêu, và khi Fécnăng đã trả thù thì hẳn là ghê gớm lắm.

Đăngla làm ra vẻ ái ngại cho Fécnăng, nói: -Chàng trai đáng thương, cậu ta có ngờ đâu Đăngtét lại bỗng dưng trở về.

-Nhưng dẫu sao – Cađơrút nói và rót thêm rượu cho Fécnăng – Nó sẽ lấy cô Mécxêđét xinh đẹp. Bao giờ thì họ tổ chức lễ cưới thế?

-Chao ôi! Chưa đâu – Fécnăng lẩm bẩm nói.

-Nhưng rồi sẽ cưới – Cađơrút nói – Cũng như nó sẽ làm thuyền trưởng tàu Pharaôn, phải không Đăngla?

Đăngla rùng mình vì câu hỏi nhằm trúng tim đen của hắn.

-Nào chúng ta hãy nâng cốc mừng thuyền trưởng Đăngtét, chồng của cô gái Catalăng xinh đẹp.

Cađơrút đưa cốc rượu lên môi và uống cạn một hơi, còn Fécnăng cầm cốc rượu quẳng xuống đất vỡ tan tành.

-Này, này, cậu Fécnăng – Cađơrút nói – Mắt cậu còn tinh tường, thử nhìn xem có phải là cặp tình nhân đang dắt nhau đi ở đằng kia không?

Đăngla vẫn theo dõi tâm trạng của Fécnăng và bộ mặt nhợt nhạt của hắn.

-Phải đấy, chính là Étmông và Mécxêđét đang đi về phía chúng ta.

Cađơrút hơi men chếnh choáng, đứng dậy nói: -Ồ, Đăngtét! Ồ, cô gái xinh đẹp! Lại đây nói chuyện cho chúng tôi biết bao giờ thì anh chị tổ chức lễ cưới

nào? Bởi cậu Fécnăng này nhất định không chịu nói.

-Câm mồm đi – Đăngla nói – Phải có thái độ nhẫn nhục như Fécnăng đây này, cậu ta biết điều lắm đấy chứ!

Fécnăng bị câu nói của Đăngla kích động, đã muốn nhảy bổ ra gây sự với tình địch, nhưng Mécxêđét đã tươi cười nhìn thẳng vào mặt hắn làm hắn run sợ và ngồi phịch xuống ghế.

-Chào bà Đăngtét! – Cađơrút nói.

-Đó chưa phải là tên của tôi đâu! – Mécxêđét nghiêm trang nói. – Ở xứ sở chúng tôi người ta không gọi tên người con gái bằng tên chồng chưa cưới, vì như thế sẽ đem lại tai họa.

-Xin cô tha lỗi cho anh bạn Cađơrút của tôi – Đăngla nói

-Anh Đăngtét, hôn lễ sắp cử hành chưa?

-Chỉ nội ngày mai hoặc cùng lắm là đến ngày kia, anh Đăngla ạ! Chúng tôi sẽ tổ chức bữa tiệc đính hôn. Anh và anh Cađơrút đều được mời đến dự.

-Sao vội vàng quá thế? – Đăngla nói – Tàu Pharaôn mãi ba tháng nữa mới ra khơi kia mà!

-Để hưởng hạnh phúc, bao giờ người ta cũng vội vàng. Vả lại tôi cũng còn phải đi Pari nữa.

-A, lần đầu tiên anh đi Pari phải không? Anh đi vì việc riêng à?

-Không, tôi thực hiện nhiệm vụ mà thuyền trưởng Lơclê đã giao cho.

-Phải, phải, tôi hiểu rồi! – Đăngla nói, nhưng trong bụng hắn nghĩ thầm – Đi Pari để trao cho người nào đó bức thư mà Thống soái đã ủy thác cho nó. Hay lắm! Bức thư này làm ta nảy ra một ý nghĩ tuyệt vời, A ha! Đăngtét, mi đừng hòng lên được chức thuyền trưởng Pharaôn!

§4. Âm mưu

Đăngla nhìn theo Étmông và Mécxêđét cho đến khi cặp tình nhân đi khuất mới quay lại, thấy Fécnăng vẫn ngồi trên ghế, mặt tái mét và đang run lên vì tức giận, còn Cađơrút thì đang say bí tỉ và nghêu ngao hát.

-Này Fécnăng – Đăngla nói – Đúng là một đám cưới chẳng được lòng ai. Cậu yêu cô ta lắm thì phải. Đáng lẽ đừng ngồi mà vò đầu, bứt tai như thế, tốt hơn là cậu nên tìm một phương kế để cứu chữa thì vẫn hơn chứ!

-Anh bảo tôi còn làm gì được nào? Tôi muốn đâm chết nó nhưng Mécxêđét sẽ chết theo nó và tôi cũng sẽ chẳng sống nổi.

-Tôi muốn chữa bệnh cho cậu, – Đăngla nói tiếp – Nghĩa là ngăn cản không cho Đăngtét cưới được vợ mà không phải khử nó.

-Chỉ có cái chết mới làm được chúng xa nhau. – Fécnăng nói.

-Sống xa nhau cũng chẳng khác gì chết – Đăngla nói – Nếu giữa Đăngtét và Mécxêđét có một nhà tù thì khác nào đó là một nấm mồ.

-Nhưng khi nó ở tù ra – Cađơrút say mềm nhưng hãy còn chưa mất hết lý trí nói – Và một thằng như Étmông Đăngtét tất sẽ tìm cách trả thù. Vả lại nó không cướp của, giết người thì làm sao bỏ tù nó được.

Đăngla không để ý đến câu nói của gã say rượu, quay lại hỏi Fécnăng.

-Thế nào? Không cần phải giết nó, cậu thấy không?

-Tôi biết anh cũng căm thù nó vì một lý do nào đó – Fécnăng nắm chặt tay Đăngla nói – Xin anh cho biết phải làm gì tôi sẽ tuân lệnh.

-Đem giấy bút lại đây. Là kế toán viên, những thứ đó là công cụ của tôi.

-Đem giấy bút lại đây – Fécnăng gọi.

Người hầu bàn đem những thứ đó lại.

-Tôi nghĩ rằng những cái này – Cađơrút nói – lại có thể giết người chắc chắn hơn là đâm trộm ở chỗ vắng, cho nên tôi ghê sợ chúng hơn là gươm giáo.

Nói xong, hắn lại uống thêm một cốc nữa. Đăngla nói tiếp: -Này, tôi cứ giả thử trong chuyến đi vừa qua, Đăngtét đã ghé vào đảo Enbơ, nếu có ai tố cáo nó là tay chân của Bônapác…

-Tôi sẽ đi tố cáo nó – Fécnăng vội vàng nói.

Đăngla dùng tay trái cầm bút viết bằng thứ chữ ngả, khác với lối chữ hắn viết thường ngày rồi đưa cho Fécnăng đọc:

"Là một kẻ trung thành với đức Vua[329] và giáo hội, tôi xin báo để quan chưởng lý biết là tên Étmông Đăngtét-thuyền phó tàu Pharaôn, trước khi trở về Mác Xây, sáng hôm nay đã ghé Naplơ và Poóctôferegiô để chuyển một bức thư của Muyara cho kẻ tiếm ngôi[330] và một mật chỉ của kẻ tiếm ngôi cho Ủy ban Bônapác ở Pari. Tội trạng này sẽ được chứng minh sau khi nó bị bắt. Bức thư nói

trên sẽ được tìm thấy trong người nó, hoặc ở nhà bố nó, hoặc trong cabin trên tàu Pharaôn".

-Tốt lắm! Thế là cậu trả được mối thù mà chả có ai oán trách được cậu, miễn là cậu bỏ bức thư tố cáo này trong phong bì và gửi cho quan Chưởng lý. Thế là xong.

Cađơrút tuy đã say mèm nhưng cũng hiểu rằng bức thư tố cáo đó sẽ đem lại tai họa, bèn nói: -Phải, thế là xong, nhưng thật là xấu xa đê tiện!

Nói xong hắn giơ tay muốn cầm lấy bức thư, nhưng Đăngla gạt tay hắn ra và nói: -Tôi nói và làm đùa đấy thôi, chứ ai lại muốn hại Đăngtét, trông đây này…

Hắn cầm bức thư vò lại rồi ném vào gốc cây. Hắn đứng lên nhưng vẫn nhìn Fécnăng đang ngồi nguyên tại chỗ, mắt không rời bức thư vò tròn nằm ở chỗ đó, rồi bảo Cađơrút: -Cađơrút, cậu mà nốc nữa thì đến phải ngủ lại đây mất. Ta về thôi… Đưa tay đây.

-Nào thì về – Cađơrút nói – Nhưng không ai phải dìu cả. Còn Fécnăng, cậu có về cùng chúng tớ không?

-Không, tôi quay lại xóm Catalăng – Fécnăng đáp.

Đăngla kéo Cađơrút đi về phía Mácxây. Đi được vài chục bước, hắn ngoái cổ lại và trông thấy Fécnăng lấy bức thư, bỏ vào túi và chạy vội ra khỏi quán rượu.

Công việc xếp đặt thế là đâu vào đấy – Hắn nghĩ bụng – Bây giờ mặc cho mọi việc tiếp diễn.

§5. Bữa tiệc đính hôn

Ngày hôm sau, trời rất đẹp. Cảnh vật chan hòa ánh nắng. Bữa tiệc được tổ chức cũng ở ngay quán rượu có vòm cây đó. Mặc dầu đã ấn định vào buổi trưa nhưng từ mười một giờ khách khứa đã kéo đến. Đó là các thủy thủ tàu Pharaôn và mấy người bạn của Đăngtét. Có tin ông chủ tàu cũng sẽ đến dự. Đó là một điều vinh dự cho Đăng tét. Đăngla và Cađơrút được mời cũng xác nhận tin này. Quả nhiên một lát sau ông Moren đến và được các thủy thủ vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt. Sự có mặt của ông như một lời xác nhận chính xác cho tin đồn Đăngtét sẽ được chỉ định làm thuyền trưởng.

Một nhóm người nữa bước vào quán. Đó là bốn cô gái ở xóm Catalăng, bạn của Mécxêđét rồi tới Étmông khoác tay người vợ chưa cưới. Đi phía sau là ông già Đăngtét rồi đến Fécnăng với nụ cười chua chát và hiểm độc. Mécxêđét và Étmông quá say sưa vì hạnh phúc nên không để ý thấy nụ cười của gã. Đăngla và Cađơrút đến bắt tay Étmông rồi một gã đến ngồi cạnh Fécnăng, một gã đến ngồi cạnh ông già Đăngtét. Ông lão mặc một chiếc áo lễ bằng lụa có điểm những chiếc cúc viền kim loại, đội một chiếc mũ có tua trắng, xanh, tay chống chiếc ba toong. Trông ông lão giống như một vị trưởng giả của thế kỷ trước đi dạo trong công viên Lúcxămbua và Tuylơri.

Đăngtét mặc rất đơn giản. Anh làm ở ngành hàng hải dân dụng nên áo của anh nửa nhà binh, nửa dân thường. Bộ mặt anh rạng rỡ vui sướng vì kiêu hãnh có một người yêu xinh đẹp Mécxêđét có vẻ đẹp của một cô gái Hy Lạp trên đảo Síp với đôi môi đỏ mọng, dáng đi thanh thản của người Angđalu và luôn nở nụ cười hồn nhiên, chân thật, dường như muốn nói: "Các bạn hãy chia sẻ nỗi vui sướng với tôi…"

Ông Moren cũng đến chúc mừng hai người và nhắc lại lời hứa của ông với Đăngtét trước mặt các thủy thủ. Mécxêđét mời ông chủ tàu ngồi phía tay phải cô, còn phía tay trái mời Fécnăng. Những câu nói dịu dàng của cô gái càng làm gã anh họ bầm gan tím ruột và gã cứ ngồi thừ ra, mặt tái mét. Còn Đăngtét ngồi cạnh Đăngla và ông Moren. Mọi người vào tiệc.

Những đĩa dồi lợn thơm phức, những con tôm hùm đỏ ối, những đĩa sò tươi rói bắt đầu được chuyền tay nhau cùng với những chai rượu màu vàng nhạt. Giữa lúc đó có tiếng người nói lao xao bên ngoài, có tiếng đi huỳnh huỵch và có tiếng vũ khí chạm vào nhau lách cách, làm cho những khách dự tiệc đang nói chuyện ồn ào phải im bặt. Đồng thời ba tiếng súng nổ vang sau cửa làm mọi người nhìn nhau sửng sốt.

-Nhân danh luật pháp – Một tiếng nói to vang lên như không cho ai trả lời.

Tức thì cánh cửa mở toang, viên quận trưởng đeo băng tam tài[331] tiến vào phòng, theo sau là bốn người lính cầm súng, có viên cai dẫn đầu. Ai nấy đều hoảng sợ. Chỉ có ông chủ tàu tiến đến trước mặt viên quận trưởng mà ông quen biết từ trước hỏi: -Có chuyện gì thế ông quận trưởng? Có thể là một sự nhầm lẫn chăng?

-Thưa ông Moren – Viên quận trưởng đáp – Không thể có sự nhầm lẫn được. Tôi đem theo đây trát truy nã và buộc phải thừa hành công lệnh. Ở đây ai có tên là Ét mông Đăngtét?

Tất cả mọi người đều quay về phía chàng thanh niên, anh tỏ rất ngạc nhiên nhưng vẫn giữ được phong cách, tiến lên một bước, anh nói: -Thưa ông quận trưởng, tôi đây.

-Étmông Đăngtét – Viên quận trưởng nói tiếp – Nhân danh luật pháp, tôi bắt anh.

-Bắt tôi? – Étmông tái mặt nói – Vì lý do gì ạ?

-Tôi không biết. Đến lúc hỏi cung anh sẽ rõ.

Ông Moren hiểu rằng không thể làm gì hơn để cứu vãn tình thế, ông hiểu rằng một viên quận trưởng đeo băng tam tài không còn là một con người nữa, đó là một cái máy thừa hành luật pháp. Ngược lại, bố của Đăng tét nhảy xổ lại phía người đại diện nhà nước mà van lơn, khóc lóc rất thảm thiết khiến viên quận trưởng phải động lòng.

-Ông cụ ơi, hãy bình tĩnh lại, có thể là con cụ chỉ có sơ suất trong việc khai báo và sẽ được thả ra sau khi xác minh.

-Thế này là thế nào? – Cađơrút hỏi Đăngla.

-Nào tôi có biết gì đâu, tôi cũng như cậu thôi – Đăngla làm bộ ngạc nhiên đáp.

Cađơrút đưa cặp mắt tìm Fécnăng nhưng hắn đã biến mất, bèn nói: -Ồ, ồ, Đăngla, cái trò đùa của anh ngày hôm qua thật là tai hại, cái thằng Fécnăng nó chmuồn đâu rồi?

-Nào tôi có biết – Đăngla đáp – Kệ xác nó.

Trong khi đó Đăngtét bắt tay từ biệt tất cả các bạn hữu rồi đi theo viên quận trưởng. Một cỗ xe ngựa mở toang cửa chờ ở trước quán rượu. Anh lên xe, viên quận trưởng và hai người lính lên sau. Cửa xe đóng lại và cỗ xe lên đường đi Mácxây.

-Tạm biệt anh Đăngtét – Mécxêđét chạy theo kêu to. – Tạm biệt anh, Đăngtét.

Étmông nghe thấy tiếng kêu của người yêu liền thò đầu ra khỏi cửa xe, cõi lòng tan nát, nói với lại: -Tạm biệt em, Mécxêđét!

-Bà con hãy chờ ở đây – ông Moren nói – Tôi sẽ lấy xe đi Mácxây xem sự thể ra sao, lát nữa trở về tôi sẽ báo tin cho bà con hay.

-Phải đấy, mời ông đi ngay cho – Mọi người đồng thanh nói và xì xào bàn tán về sự bất hạnh vừa xảy ra. Mỗi người đoán một cách. Bố của Đăngtét và Mécxêđét ôm nhau khóc nức nở vì cùng chung một cảnh ngộ đau thương.

-Tôi cho rằng – Đăngla nói – Đăngtét đã mang đồ quốc cấm về.

-Có lẽ phải đấy – ông già đáng thương nói – Hôm qua cháu nó bảo với tôi là cháu có mua cho tôi một hòm cà phê và một hòm thuốc lá ngoại.

-Thế thì đúng rồi – Đăngla nói – Nhân viên hải quan có lẽ đã tìm ra món hàng lậu, chúng ta hãy chờ xem.

-Bà con ơi! – Một người bạn của Đăngla bỗng dưng kêu lên – ông Moren đã về kia rồi.

Quả nhiên ông chủ tàu vừa đi về, mặt tái nhợt, ông lắc đầu nói: -Bà con ạ, sự việc vô cùng quan trọng chứ không như chúng ta tưởng đâu. Anh ta bị tố cáo là tay chân của Bônapác và trong lúc này đó là một tội trạng rất khủng khiếp.

Mécxêđét kêu rú lên và bố của Đăngtét run cầm cập.

-Có thể là như thế – Đăngla nói – Vì chiếc tàu Pharaôn đã ghé vào đảo Enbơ và anh ta đã lên bộ mất một ngày. Chúng ta hãy chờ xem, nếu anh ta oan thì sẽ được thả ngay. Còn nếu có tội thì không làm cách nào mà gỡ được cả.

-Anh có tin như vậy không, anh Đăngla? – ông Moren hỏi.

-Tôi đã từng nói với ông rằng Đăngtét đã cho tàu đỗ ở đảo Enbơ không có lý do chính đáng và tôi cũng đã nghi hành động của anh ta. Còn đối với ông thì cụ Polica Moren ngày trước cũng từng phục vụ dưới triều đại Napôlêông và người ta cũng sẽ nghi ông còn luyến tiếc kẻ tiếm ngôi, ông không nên dính líu vào việc này.

-Anh Đăngla, anh là một người tốt bụng, tôi sẽ lưu ý tới anh.

-Bây giờ tàu Pharaôn thiếu thuyền trưởng, ông tính sao?

-Ba tháng nữa tàu mới nhổ neo và cho tới ngày ấy Đăngtét có thể được thả.

-Trong khi chờ đợi tôi cũng biết rành rọt về công việc điều khiển tàu, ông có thể cho tôi làm thuyền trưởng tạm thời.

-Bao giờ Đăngtét trở về tôi sẽ trở lại nhiệm vụ cũ, như thế sẽ rất tiện việc cho ông.

-Được để công việc khỏi bị đình trệ tôi chấp nhận lời đề nghị của anh.

-Ông cứ yên tâm, còn Étmông, chúng ta có thể đi thăm anh ta được không?

-Quan phó chưởng lý Đơ Vinlơpho là người tôi quen biết. Tôi sẽ đến lo lót với ngài cho Étmông, mặc dù ngài là một người bảo hoàng rất hăng say, cộng với chức phó chưởng lý, tôi vẫn cho rằng ngài không phải là người độc ác.

-Vâng, nhưng tôi nghe nói ngài là một người có rất nhiều tham vọng.

-Rồi chúng ta sẽ biết, – ông Moren thở dài nói và đi về phía tòa án.

§6. Quan phó biện lý

Cùng ngày hôm đó, cũng vào giờ đó, ở phố Gran Cua, trong một tòa nhà cổ kính kiến trúc kiểu gôtích, người ta cũng tổ chức một bữa tiệc đính hôn, nhưng khách đến dự không phải là những thủy thủ và thường dân, mà toàn là những thẩm phán đã xin từ chức, những sĩ quan cao cấp bỏ hàng ngũ để phục vụ triều đại cộng với những thanh niên gia đình quý tộc còn căm thù kẻ tiếm vị[332]. Tất cả mọi người đều bàn tán về thời thế, những vụ tranh chấp về tôn giáo và chính trị. Vị hoàng đế sau một thời gian trị vì hơn một nửa châu Âu với một trăm hai mươi triệu thần dân nói mười thứ tiếng khác nhau để tung hô: "Napôlêông vạn tuế!", nay là chúa tể đảo Enbơ với năm sáu nghìn dân đang được coi như là một kẻ bị đào thải khỏi nước Pháp và ngôi báu. Các ngài thẩm phán đang công kích ông ta về những sai lầm chính trị. Các nhà quân sự nói về những thất trận ở Mạc Tư Khoa và Lai Xích. Các bà bàn tán về vụ ly dị của ông ta với hoàng hậu Giôdêphin. Và tất cả những vị bảo hoàng đó đều vui mừng trước sự sụp đổ của con người và chế độ chuyên chế, đang hí hửng trước cuộc sống mới, dường như họ mới thoát khỏi một cơn ác mộng.

Hầu tước Đơ Xanh Mêrăng đeo huân chương thánh Lu-i, nâng cốc chúc thọ vua Luis, được cử tọa hoan nghênh nhiệt liệt. Hầu tước phu nhân, một người đàn bà có cặp mắt sắc sảo, đôi môi mỏng dính, cách mặc diêm dúa mặc dù bà tuổi đã trạc năm mươi nói: -Chúng ta rất trung thành và tha thiết với Đức vua kính mến, còn kẻ tiếm vị chỉ là Napôlêông đáng nguyền rủa, có phải không Đơ Vinlơpho?

-Bà lớn bảo sao?… Xin lỗi bà lớn, tôi không theo dõi câu chuyện – Đơ Vinlơpho đang nói chuyện với một thiếu nữ, hỏi lại.

-Thôi – Hầu tước nói – Bà hãy để yên cho hai anh chị chuyện trò với nhau, anh ta còn nhiều chuyện đáng nói hơn là chính trị.

-Con xin lỗi mẹ – một thiếu nữ trẻ đẹp, có bộ tóc vàng và cặp mắt nhung nói. Con xin nhường mẹ nói chuyện với anh Đơ Vinlơpho.

-Rơnê, mẹ tha lỗi cho con… Bây giờ, anh Vinlơpho ạ, chúng ta không thể tin cậy và có cảm tình với phe Bônapác được.

-Ồ thưa bà lớn, họ là những người cuồng tín. Đối với họ, Napôlêông là một Thánh nhân ở phương Tây, có những tham vọng lớn lao, một nhà lập pháp, một bậc thầy, tượng trưng cho bình đẳng. Nhưng thưa bà lớn, ngày mùng 4 tháng Tư năm 1814[333] không phải là một ngày hạnh phúc cho nhân dân Pháp và không đáng ăn mừng. Cái đó chứng tỏ rằng khi ông ta đã ngã gục thì không thể nào còn ngóc đầu lên được nữa.

-Mẹ ơi! Mẹ ơi! – Rơnê nói, – chúng ta đã giao ước với nhau là không nên nhắc tới những kỷ niệm đau khổ kia mà.

-Thưa bà – Vinlơpho nói – tôi cũng đòng ý với cô Đơ Xanh Mêrăng là chúng ta nên quên quá khứ và đừng xen lẫn vào những sự việc mà ý muốn của Chúa đã trở thành bất lực. Bản thân tôi, tôi cũng quên rằng ông Noachiê cha tôi, thuộc phe Bônapác, còn tôi, Đơ Vinlơpho lại thuộc phe bảo hoàng.

-Nhưng này Vinlơpho – Bà hầu tước nói – anh nên nhớ là Đức vua rất tin cậy vào chúng ta, và nếu có một kẻ phiến loạn nào rơi vào tay anh thì anh nên coi chừng vì gia đình anh cũng sẽ bị nghi vấn là có quan hệ với quân phiến loạn.

-Chao ôi! Thưa bà, chức vụ của tôi đã. buộc tôi phải nghiêm khắc. Napôlêông ở đảo Enbơ rất gần đất Pháp chính là niềm hy vọng của họ. Mácxây hàng ngày thiếu gì những kẻ kiếm chuyện gây sự với những người bảo hoàng.

-Phải đó – Bá tước Đờ Xanviơ, bạn của Xanh Mêrăng tiếp lời – Ở Pari người ta đã tính đến chuyện đưa ông ta ra đảo Xanh Hêlen ở xích đạo, cách xa nước Pháp hai nghìn dặm.

-Đúng thế, Liên minh Thần thánh[334] đã đuổi Napôlêông ra khỏi châu Âu, – Hầu tước phu nhân nói, – cũng như Đơ Vinlơpho sẽ đuổi những kẻ phiến loạn ra khỏi Mácxây.

-Thưa bà, – Vinlơpho mỉm cười, – tôi không làm ổn định tình thế, tôi chỉ trả thù, có thế thôi.

-Ồ, anh Vinlơpho, – một người bạn gái của Rơnê nói, – em đang mong được dự một phiên tòa đại hình vì người ta nói rằng nó ly kỳ lắm.

-Vâng thưa cô, ly kỳ lắm, vì đó là một tấn bi kịch thật sự, – Vinlơpho trả lời. – Một người đang sống yên lành ở nhà, ngày hôm sau bị tống vào nhà tù với tên đao phủ. Đối với những người đang tìm những xúc cảm mạnh, cảnh tượng đó rất đáng xem và lần này tôi sẽ không quên mời cô.

-Câu chuyện của anh làm em rùng mình, – Rơnê nói.

-Ngài Vinlơpho thật là một người cần thiết cho chế độ chúng ta. – Một khách dự tiệc lên tiếng.

Giữa lúc đó, một người hầu phòng vào nói nhỏ điều gì đó với Vinlơpho. Viên phó biện lý liền đi ra ngoài một lát rồi trở vào vẻ mặt tươi cười hớn hở.

Rơnê say đắm nhìn người chồng chưa cưới của mình, một thanh niên lịch sự, đẹp trai, có nước da trắng và bộ ria mép đen. Vinlơpho cho biết: -Người ta lại mới đến quấy rầy bữa tiệc đính hôn của tôi. Lần này thật là một trường hợp nghiêm trọng. Người ta vừa phát giác ra một nhóm Bônapác phản động và đây là bức thư tố cáo.

Vinlơpho đọc bức thư tố cáo cho mọi người nghe. Rơnê nói: -Nhưng bức thư gửi cho quan Chưởng lý kia mà và, hơn nữa, lại là một bức thư nặc danh.

-Phải, quan Chưởng lý đang đi vắng, anh được quyền thay. Thủ phạm đã bị bắt.

-Anh Vinlơpho, – Rơnê chắp hai tay vào nhau nói, – anh nên độ lượng vì hôm nay là ngày đính hôn của chúng ta.

-Em đừng lo, anh sẽ cố gắng làm tròn phận sự.

-Ồ, Vinlơpho, – Hầu tước phu nhân nói. – Anh đừng có nghe nó.

-Dạ, thưa bà, tôi sẽ làm tròn phận sự phó biện lý theo đúng lương tâm tôi, nghĩa là rất khắc nghiệt.

Vinlơpho nói xong, nhìn người vợ chưa cưới của mình như muốn nói: "Em Rơnê, em cứ yên trí, anh sẽ độ lượng".

Rơnê âu yếm nhìn người chồng chưa cưới, và Vinlơpho rời khỏi bàn tiệc.

§7. Hỏi cung

Vinlơpho vừa ra khỏi phòng ăn thì lập tức y trút bộ mặt vui vẻ để lấy lại bộ mặt nghiêm nghị mà nghề nghiệp của một kẻ nắm vận mệnh người khác bắt buộc phải n.hư thế. Thật vậy, ngoài cái xu hướng chính trị của người cha khiến y phải suy nghĩ thì Giêra Đơ Vinlơpho là một người sung sướng vì mới hai mươi bảy tuổi, y đã có một địa vị khá cao trong ngành thẩm phán, có nhiều tiền của. Hơn nữa y lại sắp sửa kết hôn với tiểu thư Rơnê Đơ Xanh Mêrăng, dòng dõi một gia đình có lắm quyền thế lúc bấy giờ. Điều đó sẽ đem lại cho ý một món hồi môn gần nửa triệu.

Ra tới cổng, gặp viên quận trưởng cảnh binh đang đứng chờ, y nói: -Tôi đã đọc bức thư tố cáo, xin ông cho biết chi tiết về thủ phạm vụ âm mưu này.

-Những giấy tờ khám thấy trong người nó đã được niêm phong và để trong văn phòng của ngài. Còn thủ phạm tên Étmông Đăngtét, thuyền phó tàu Pharaôn chuyên chở bông từ Ai Cập đến Mácxây cho công ty Moren. Nó hãy còn trẻ lắm, mới độ mười chín, hai mươi tuổi.

Vừa lúc đó một người đang đứng chờ ở đầu phố chạy đến, đó là ông Moren, ông nói: -Thưa ngài Vinlơpho, người ta vừa bắt người thuyền phó của tôi. Có thể là một sự nhầm lẫn. Tôi xin cam đoan với ngài anh ta quả là một người hiền lành, lương thiện nhất, một người làm việc rất đắc lực của công ty chúng tôi, tôi xin thành thực bảo lãnh với ngài.

-Ông nên biết rằng – Vinlơpho lạnh lùng nói – người ta chỉ hiền lành lương thiện trong đời tu, còn về chính trị thì không như thế đâu. Ông cứ yên tâm, tôi sẽ làm việc hết sức vô tư, và nếu quả thật anh ta có tội thì trong giai đoạn khó khăn này tôi buộc phải thừa hành công vụ.

Nói xong, Vinlơpho gật đầu chào ông chủ tàu còn sững sờ đứng đó, rồi bước vào một tòa nhà bên cạnh tòa án. Phòng ngoài đông đặc những sen đầm và cảnh binh vây lấy phạm nhân, còn phạm nhân vẫn đứng yên lặng và bình tĩnh. Vinlơpho đi qua, liếc mắt nhìn Đăngtét và cầm lấy cái gói do một cảnh binh đưa cho. Y bước vào bàn giấy và ra lệnh dẫn phạm nhân vào. Mặc dù mới chỉ nhìn thoáng qua Vinlơpho cũng nhận thấy chàng trai này có vầng trán rộng thông minh, cặp mắt can đảm, cái miệng chân thật để lộ hai hàm răng trắng bóng.

Ngay sau đó, Đăngtét bước vào, mặt anh hơi tái nhưng vẫn bình tĩnh. Anh mỉm cười cúi đầu chào người đại diện cho công lý Vinlơpho hỏi tên tuổi nghề nghiệp rồi hỏi tiếp Đăngtét.

-Anh làm gì trước lúc bị bắt?

-Tôi đang dự bữa tiệc đính hôn của tôi với một cô gái mà tôi yêu từ ba năm nay.

Vinlơpho thường ngày vẫn thản nhiên cũng phải giật mình về sự trùng hợp đó. Giọng nói cảm động của Đăngtét làm thức tỉnh một chút tình cảm trong thâm tâm y, vì bản thân Vinlơpho cũng sắp lấy vợ, cũng sắp được hưởng hạnh phúc như anh ta.

-Trước kia anh có làm việc cho Bônapác không?

-Tôi sắp vào hải quân thì ông ta bị truất ngôi.

-Người ta nói anh có những tư tưởng chính trị quá khích.

-Những tư tưởng quá khích? Chao ôi thưa ngài! Tôi chưa có một chính kiến nào, tôi mới mười chín tuổi, chỉ biết làm việc.

Nhìn bộ mặt hiền lành cởi mở của anh, Vinlơpho chợt nghĩ tới câu nói của Rơnê xin độ lượng cho phạm nhân và Vinlơpho cảm thấy hình như anh ta bị oan uổng. Có lẽ niềm hạnh phúc đã làm cho những kẻ ác trở nên tốt bụng hơn. Bộ mặt Vinlơpho trở nên tươi tỉnh, y tiếp tục: -Anh có ai thù hằn không?

-Thưa ngài, ở địa vị nhỏ bé của tôi, thì còn có ai thèm thù hằn. Tôi có hơn mười thủy thủ dưới quyền, tôi coi họ đều là anh em.

-Nếu không có kẻ thù thì chắc phải có người ghen ghét. Anh mới mười chín tuổi, sắp làm thuyền trưởng và kết hôn với một cô gái đẹp yêu anh, đó là một hạnh phúc hiếm có.

-Ngài hiểu biết lòng người hơn tôi, nhưng tôi tin rằng nếu trong số bạn hữu của tôi có người nào ghen ghét thì tôi cũng không muốn biết để căm thù.

-Anh nghĩ sai rồi, anh phải nhìn xung quanh với con mắt sáng suốt và thấy anh là người thật thà, tôi muốn giúp anh tìm ra ánh sáng của bức thư tố giác này. Anh có nhận ra chữ của ai không?

Nói xong Vinlơpho đưa bức thư tố giác cho Đăngtét. Anh đọc xong, cau mày nói: -Thưa ngài, tôi không nhận ra chữ của ai cả và tôi rất đội ơn sự tận tâm của ngài. Bức thư viết rất khéo léo, chứng tỏ người ghen ghét tôi là một kẻ có tâm địa rất ghê gớm.

-Những lời tố cáo có đúng sự thật không? – Vinlơpho quẳng bức thư xuống bàn hỏi.

-Tôi xin thành thật nói với ngài là khi tàu vừa rời khỏi Naplơ, ông thuyền trưởng bỗng nhiên bị ốm nặng. Ba ngày sau ông biết mình không sống được nữa, ông ra lệnh cho tôi lái tàu đến đảo Enbơ, đổ bộ lên Poóctô Feragiô, trao một bức thư cho Thống soái và có thể được giao một nhiệm vụ khác nữa. Hôm sau ông Lơclê tạ thế. Tôi làm theo lời dặn dò của ông ấy. Tôi đã gặp Thống soái, trao bức thư nói trên và sau đó Thống soái đưa cho tôi một bức thư khác, dặn tôi phải đích thân đi Pari trao cho một người bạn của Thống soái.

-Đúng rồi – Vinlơpho nói – Tôi tin rằng đó là sự thật, và nếu anh có tội chẳng qua vì đã dại dột tuân theo mệnh lệnh của viên thuyền trưởng. Anh đưa bức thư đó cho tôi và sau khi sự việc được xác minh, tôi sẽ ra lệnh thả anh.

-Vậy là tôi sẽ được trả lại tự do, thưa ngài? – Đăngtét vui sướng hỏi lại.

-Phải, nhưng đưa bức thư đây đã.

-Bức thư đó ở ngay trước mặt ngài, lẫn trong số giấy tờ mà người ta đã khám thấy trong người tôi.

-Xem bức thư gửi cho ai nào?

Vinlơpho vừa nói vừa lục trong đám giấy tờ, rút ra bức thư và đọc thấy địa chỉ người nhận: "Gửi ngài Noachiê số 13 phố Cốt Hêrông, Pari".

Giá như sét có đánh trên đầu Vinlơpho thì cũng không làm cho y choáng váng nhanh đến thế. Y đã toan đứng lên, sắp sửa ra đi, bỗng lại ngồi thụp xuống chiếc ghế bành, mặt tái nhợt, nhìn bức thư với đôi mắt hoảng sợ. Đăngtét ngạc nhiên hỏi: -Ngài có biết người đó là ai không?

-Không – Vinlơpho đáp – Một bầy tôi trung thành của Đức vua không thể quen biết những tên phiến loạn được. Anh đã đưa bức thư cho ai xem chưa?

-Tôi không biết nội dung bức thư nói gì và tôi cũng chưa cho ai xem cả.

-Tất cả mọi người đều không biết anh mang bức thư gửi cho Noachiê ở Pari chứ?

-Không một ai biết cả.

-Quá lắm! – Quá lắm! – Vinlơpho lẩm bẩm, vầng trán y nhăn lại làm khuôn mặt càng trở nên tối tăm, đôi môi nhợt nhạt, cặp mắt long lên, đôi bàn tay run rẩy ôm lấy đầu.

-Trời! Ngài làm sao thế? – Đăngtét ngạc nhiên hỏi.

Vinlơpho không đáp, ngẩng khuôn mặt bơ phờ, nhìn bức thư một lần nữa rồi nói tiếp: -Anh nói là không biết nội dung bức thư, có đúng thế không?

-Tôi xin lấy danh dự mà thề rằng tôi hoàn toàn không biết gì cả.

Vinlơpho lấy tay vuốt những giọt mồ hôi chảy đầm đìa trên trán, đọc lại bức thư đến lần thứ ba, rồi nghĩ bụng: "Nếu hắn biết nội dung bức thư, nếu hắn biết Noachiê là bố của ta thì sự nghiệp của ta sẽ đi đời, sẽ mất sạch".

-Không còn nghi ngờ gì nữa! – Y bỗng thốt lên.

-Nhưng trời ơi! – Anh thanh niên đáng thương nói – Nếu ngài ngờ vực tôi, tôi xin sẵn sàng trả lời những câu hỏi của ngài.

-Những lời tố cáo anh vô cùng nghiêm trọng, tôi không có đủ thẩm quyền như tôi đã tưởng để trả lại tự do cho anh, và trước khi có một quyết định, tôi cần phải hỏi ý kiến quan chánh án đã. Anh thấy rõ thái độ của tôi đối với anh chứ?

-Dạ, ngài thật là một người tốt bụng, tôi xin đa tạ ngài.

-Này anh bạn, tôi chỉ giữ anh lại một ít lâu nữa thôi. Còn bức thư đã làm anh mắc tội, anh xem đây này…

Vinlơpho đến gần lò sưởi ném bức thư vào lửa, đợi nó cháy hết rồi nói: -Tôi đã thiêu hủy nó rồi. Bây giờ anh có thể tin tưởng vào tôi.

-Tôi sẵn sàng tuân theo mệnh lệnh của ngài.

-Không phải là mệnh lệnh, mà là những lời khuyên bảo. Chỉ có anh là thấy bức thư đó, bây giờ nó không còn nữa. Sau này có ai hỏi anh, anh phải chối là không hề có nó và thế là anh sẽ thoát nạn. Anh hãy thề đi.

-Thưa ngài, tôi xin thề! Ngài cứ yên tâm.

Vinlơpho kéo chuông, viên quận trưởng cảnh sát đi vào. Vinlơpho rỉ tai hắn vài câu và hắn gật đầu, rồi quay lại bảo Đăngtét.

-Anh cứ yên tâm theo ông quận trưởng.

Đăngtét cúi chào, nhìn Vinlơpho bằng con mắt hàm ơn.

Hai người vừa đi khỏi, Vinlơpho đã ngã gục xuống ghế như người bị kiệt sức, lẩm bẩm: "Trời ơi! Định mệnh thật éo le… Nếu quan Chưởng lý có mặt hôm nay ở Mácxây và quan Chánh án hỏi cung thay ta thì ta hết đời vì bức thư đáng nguyền rủa đó. Ôi! Cha ơi cha! Cha còn cản trở bước đường tiến thân của con đến bao giờ nữa?!"

Rồi đột nhiên, một ý nghĩ thoáng hiện trong đầu óc y. Bộ mặt nhăn nhó của y trở lại tươi tỉnh, một nụ cười nở trên đôi môi đang mím chặt. Y nghĩ thầm: "Đúng rồi, bức thư đáng lẽ làm hại ta, nhưng ngược lại nó sẽ có thể mạng lại giàu sang, vinh hiển cho ta. Phải hành động ngay mới được".

§8. Lâu đài Íp

Viên quận trưởng, ra khỏi phòng, gọi hai cảnh binh kèm Đăngtét, rồi đưa anh đi qua một hành lang tối om, rùng rợn, thông sang tòa án và từ đó ăn thông luôn sang trại giam. Sau khi đi quanh co một lúc, họ dẫn Đăngtét đến một cái cửa có chấn song. Viên quận trưởng cầm một cái dùi sắt gõ ba tiếng. Tiếng vang như dội vào trái tim anh. Đăngtét bước qua khung cửa khủng khiếp, anh hít phải thứ không khí nặng nề, hôi hám. Thế là anh đã vào tù. Người ta dẫn anh vào một buồng giam có cửa sắt rồi khóa trái lại. Tuy nhiên anh vẫn chưa lấy làm sợ hãi lắm vì lời nói của viên phó biện lý còn văng vẳng bên tai. Hôm đó là một ngày đầu tháng Ba. Một lát sau, căn buồng chìm ngập trong đêm tối. Vào khoảng mười giờ, có tiếng chân người đi trong hành lang và dừng lại trước cửa buồng giam. Tiếng mở khóa lách cách và cánh cửa mở ra. Dưới ánh sáng của hai ngọn đuốc, Đăngtét nhìn thấy bốn lưỡi lê sáng loáng của mấy người cảnh binh bồng súng. Anh hỏi: -Ngài phó biện lý cho đòi tôi chăng?

-Hình như thế – Một cảnh binh đáp.

Câu trả lời mang lại cho Đăngtét một tia hy vọng le lói. Anh bình tĩnh đi theo họ. Một cỗ xe đã chờ sẵn ở cửa trại giam. Chẳng chút ngần ngại, Đăngtét bước lên xe. Cỗ xe chuyển bánh. Anh nhìn qua cửa xe có chấn song sắt và thấy xe chạy về phía bến cảng. Một lát sau, xe dừng lại trước hàng rào kiểm soát. Một tiểu đội lính cầm súng, lưỡi lê tuốt trần, dàn thành một hàng rào từ cỗ xe xuống bến tàu. Người ta đưa anh xuống một chiếc xuồng buộc sẵn ở đó và để anh ngồi ở đằng lái với bốn cảnh binh. Chiếc xuồng rời bến, anh được hít thở không khí trong lành của biển cả và đêm tối. Anh cảm thấy khoan khoái bèn chắp hai tay vòng lại, ngửa mặt lên trời cầu nguyện. Chiếc xuồng vẫn từ từ đi xa bờ, rồi vượt qua cây đèn biển.

-Người ta đem tôi đi đâu thế này? – Đăngtét ngạc nhiên hỏi một cảnh binh.

-Lát nữa anh sẽ rõ, chúng tôi không được phép nói cho anh biết.

Đăngtét lặng thinh, nghĩ đến những câu chuyện vẩn vơ, và bằng con mắt từng quen thuộc với đêm tối, anh cố chọc thủng tấm màn bí mật. Xuồng đi qua xóm Catalăng, gần sát bờ, anh nom thấy có ánh đèn le lói và bóng một người con gái dường như đang đứng thẫn thờ chờ anh. Liệu linh tính có báo cho Mécxêđét biết người yêu của cô đang ở cách cô có vài trăm bước không? Anh muốn kêu to lên một tiếng, nhưng rồi kìm lại được vì sợ mấy người lính áp tải cho anh bị hóa điên. Xuồng vẫn tiếp tục lướt sóng. Đăngtét chăm chú nhìn về phía trước mặt cách xa anh vài trăm sải, một hòn núi đá hiểm trở in hình một tòa lâu đài đen ngòm. Anh kêu lên: -Trời ơi! Lâu đài Íp! Tại sao đưa tôi đến đây? Lâu đài Íp là một nhà ngục cho những tù chính trị quan trọng. Tôi chẳng làm chính trị, tôi

chẳng có tội tình gì, người ta bỏ tù tôi không bằng chứng, không có án tù, ngài Vinlơpho đã hứa rồi kia mà…

Một cảnh binh trên ngắt lời: -Tôi chẳng biết ngài Vinlơpho đã hứa hẹn những gì với anh. Nhưng tội trạng đã rành rành ra đây. Bây giờ chúng tôi được lệnh phải đem anh đến lâu đài Íp.

Nhanh như chớp Đăngtét vụt đứng lên, toan lao xuống biển. Nhưng bốn bàn tay khỏe mạnh đã giữ anh lại. Anh kêu lên một tiếng thất vọng rồi nằm vật xuống.

-Không xong đâu – Tên cảnh binh nói và lấy đầu gối đè lên ngực anh – Này anh bạn, chỉ cần anh cử động là tôi sẽ cho anh xơi ngay một viên đạn. – Và hắn chĩa mũi súng vào thái dương anh.

Lời hứa hẹn của Vinlơpho vụt trở lại trong óc Đăngtét và anh thấy ghê tởm rằng mình phải chết trong tay của tên cảnh binh này. Ngay lúc đó xuồng bị lay mạnh và tiếng thừng kéo cọt kẹt cho anh biết xuồng đã cập bến. Mấy tên cảnh binh giữ chặt tay anh và nắm cổ áo anh, lôi anh lên bờ. Đăngtét không kháng cự, anh đi như người say rượu, bước lảo đảo lên những bậc thang, qua một cánh cửa, như một cái máy. Rồi cánh cửa khép ngay lại sau lưng anh. Anh nhìn mọi vật xung quanh như qua một lớp sương mù. Anh thấy mình đứng giữa một cái sân có bốn bức tường cao vút nghe thấy tiếng bước chân chậm chạp, đều đều của bọn lính canh.

Có tiếng người hỏi: -Phạm nhân đâu rồi?

Tên lính canh đẩy Đăngtét lên phía trước. Anh đi theo người dẫn đường tới một cái hầm ẩm ướt và trần trụi. Một ngọn đèn dầu cháy le lói đặt trên một chiếc ghế đẩu chiếu sáng bộ mặt bỉ ổi của tên cai ngục. Hắn bảo Đăngtét: -Đêm nay anh ngủ tạm ở đây. Bây giờ khuya rồi, ông giám thị đã đi ngủ. Sáng mai anh có thể được chuyển đi nơi khác Anh cầm lấy miếng bánh này, còn nước ở trong cái hũ kia, và đống rơm trong góc buồng là nơi anh ngả lưng.

Không để cho Đăngtét có thì giờ nhìn miếng bánh, hũ nước và đống rơm ở đâu, tên cai ngục vội xách đèn đi ra và đóng sập cửa lại. Thế là còn mình anh đứng trơ trọi trong bóng tối, giữa những bức tường ẩm ướt và giá lạnh đến ghê người.

Tờ mờ sáng hôm sau, tên cai ngục vào và nhìn thấy Đăngtét vẫn còn đứng nguyên tại chỗ không nhúc nhích, mắt nhìn xuống đất. Vậy là anh đã đứng suốt đêm không ngủ. Hắn đến vỗ vai làm anh giật mình: -Anh không ngủ à?

-Tôi không biết nữa.

-Anh không đói à?

-Tôi không biết nữa.

-Anh muốn gì?

-Tôi muốn gặp ông giám thị.

Tên cai ngục bước ra và đóng sầm cửa lại.

Đăngtét nhìn theo hắn. Anh nắm chặt tay vào song cửa sắt. Lồng ngực anh như sắp vỡ ra, anh khóc nức nở. Anh quỳ xuống, dập đầu xuống đất và cầu nguyện rất lâu. Anh ôn lại dĩ vãng, tự hỏi không biết vì sao mới mười chín tuổi đầu, anh đã làm gì nên tội mà phải chịu hình phạt này.

Suốt ngày hôm đó, anh chỉ ăn vài mẩu bánh và uống vài ngụm nước. Lúc thì anh trầm ngâm suy nghĩ, lúc thì lòng lộn đi quanh buồng như con thú dữ trong chuồng. Ngày hôm sau nữa, cũng vào giờ đó, tên cai ngục lại trở lại. Hắn nói: -Ngày hôm nay chắc là anh biết điều hơn. Phải can đảm lên một tí chứ! Anh muốn tôi giúp việc gì, nếu có thể, tôi sẽ giúp.

-Tôi muốn gặp ông giám thị.

-Không có lệnh cho anh được chuyển buồng. Nội quy không cho phép anh được gặp ông giám thị.

-Thế người ta cho phép tôi làm gì?

-Anh được phép mua thức ăn, ra sân chơi và đọc sách.

-Tôi chả cần sách vở, chơi bời gì hết. Tôi ăn uống thế nào cũng mặc tôi, chỉ cần gặp ông giám thị thôi.

-Nếu anh cứ bướng bỉnh như vậy, tôi sẽ không cho anh ăn nữa!

-Được tôi sẽ nhịn đói cho đến chết.

Giọng nói cương quyết của Đăngtét làm tên cai ngục giật mình, vì cái chết của một tù nhân làm hắn thiệt mỗi ngày mười xu hắn bèn đấu dịu: -Này anh bạn, không bao giờ một ông giám thị lại bước vào buồng một phạm nhân. Nhưng nếu anh ngoan ngoãn thì tôi sẽ cho anh ra sân chơi, và lúc nào đó, nếu ông giám thị đi ngang qua, anh có thể được gặp mặt và hỏi chuyện.

-Nhưng đến bao giờ tôi mới gặp được sự may mắn ấy?

-Mẹ kiếp! Có thể là một tháng, ba tháng, sáu tháng hoặc một năm không chừng.

-Thế thì lâu quá. Tôi không thể chờ được. Tôi muốn gặp ông ấy ngay bây giờ.

-A ha! Anh đừng nên nghĩ vớ vẩn như vậy. Cứ nghĩ như vậy thì mươi lăm ngày nữa anh sẽ hóa điên mất thôi!

-Chắc không?

-Sao lại không chắc! Lão thầy tu, trước đây ở gian buồng này cứ lải nhải mãi là sẽ tặng một triệu đồng cho ông giám thị nếu lão được trả lại tự do, rồi sau cũng đâm ra mất trí.

-Ông ta rời phòng này bao lâu rồi?

-Hai năm

-Người ta thả ông ta rồi ư?

-Không, người ta nhốt lão vào hầm kín.

-Tôi không phải là thầy tu và cũng không phải là thằng điên để hứa tặng ông một triệu. Tôi có thể cho ông một trăm êquy nếu ông mang cho tôi một bức thư gửi cho cô Mécxêđét, ở Mácxây, xóm Catalăng…

-Nếu bị bại lộ, tôi sẽ mất việc làm với số lương một ngàn êquy mỗi năm. Tôi chả dại gì mà làm việc ấy.

-Vậy thì nghe đây! Nếu ông từ chối không chuyển thư cho tôi thì một ngày kia, ông đi vào đây, tôi sẽ nấp sau cánh cửa và cầm cái ghế này choảng cho ông vỡ sọ ra.

-Anh dọa tôi hả? – Tên cai ngục lùi lại nói: – Đầu óc anh đã bắt đầu quay cuồng rồi. Lão thầy tu lúc đầu cũng đã có hành động như anh. Chỉ ba ngày nữa anh cũng hóa điên. Cũng may trong lâu đài Íp này còn nhiều hầm kín lắm.

Đăngtét liền cầm lấy chiếc ghế đẩu và quay tròn một vòng trên đầu hắn. Hắn nói: -Được lắm, được lắm! Ta sẽ đi báo ông giám thị theo đúng ý của anh.

Một lát sau hắn trở lại với bốn tên lính và một viên đội xếp, hắn nói: -Theo lệnh ông giám thị, các anh đem nhốt tên này vào hầm kín. Cho những thằng điên vào ở với nhau.

Bốn tên lính túm lấy Đăngtét lôi đi. Anh bước xuống mười lăm bậc thang như người mất hồn và bị đẩy vào hầm kín.

Khi cửa hầm đóng lại, anh giơ thẳng tay về phía trước mò mẫm đi và đụng vào tường. Anh ngồi xuống một góc hầm, không nhúc nhích và mở to đôi mắt đã quen nhìn trong bóng tối để cố nhận ra những vật xung quanh.

§9. Tối hôm lễ đính hôn

Vinlơpho quay lại phố Gran Cua vào nhà hầu tước Xanh Mêrăng. Y thấy khách dự tiệc đã sang phòng khách dùng cà phê. Mọi người đang chờ y, nhất là Rơnê. Vinlơpho lại gần bà mẹ vợ tương lai, nói: -Thưa hầu tước phu nhân, xin phu nhân tha lỗi cho tôi đã bỏ dở bữa tiệc, và rồi tôi lại phải đi ngay bây giờ vì một câu chuyện vô cùng hệ trọng… Và xin hầu tước cho phép tôi được nói chuyện riêng với ngài một lát.

-Việc quan trọng đến thế kia ư? – Lão hầu tước hỏi.

-Dạ, quan trọng lắm – Rồi Vinlơpho quay sang Rơnê nói tiếp – Anh sẽ phải xa em một vài ngày.

-Anh đi đâu? – Rơnê xúc động hỏi.

-Anh muốn nói chuyện riêng với tôi phải không? – Lão hầu tước nói – Vậy xin mời anh vào văn phòng tôi. Rồi lão khoác tay Vinlơpho đi vào.

-Thưa hầu tước, tôi phải cấp tốc đi Pari. Xin hầu tước tha lỗi vì một câu hỏi tò mò hơi lỗ mãng của tôi: Hầu tước có lợi tức đồng niên không?

-Tôi có những trái phiếu vào khoảng sáu bảy triệu, đó là cả gia sản của tôi.

-Vậy thì hầu tước phải bán ngay đi, nếu không muốn nay mai sẽ bị phá sản.

-Mẹ kiếp! Tôi biết làm sao bây giờ?

-Hầu tước nên viết ngay một giấy ủy quyền cho tôi, rồi gửi giấy đó cho người quản lý tài sản của hầu tước tại Pari, và viết thêm một bức thư riêng để tôi được bệ kiến Đức vua mà không phải qua các nghi thức ở cung đình, để khỏi làm chậm trễ công việc của tôi.

-Trong lúc chờ đợi, anh hãy tranh thủ chuẩn bị hành trang.

Vinlơpho vội vàng đi ra. Vừa ra khỏi cửa, y đã thấy một cô gái Catalăng xinh đẹp đang đứng yên lặng, chờ đợi. Đó chính là Mécxêđét đang đi dò hỏi tin tức của Đăngtét. Cô rất muốn biết anh bị bắt vì nguyên nhân gì. Vinlơpho đã được Đăngtét nói cho biết về người vợ chưa cưới của mình nên y nhận ra ngay cô gái. Y nói với Mécxêđét: -Này, anh ta đã mắc trọng tội, tôi không thể nào gỡ cho được.

-Thưa ngài, bây giờ anh ấy ở đâu? – Cô gái vừa khóc nấc lên vừa hỏi.

-Tôi không biết. Anh ta không còn thuộc quyền của tôi nữa rồi.

Nói xong, Vinlơpho gạt Mécxêđét ra và đi thẳng. Về đến nhà, y đóng cửa lại, gieo mình xuống ghế bành, thở dài. Một cái ung nhọt hiểm nghèo vừa chớm phát trong trái tim bệnh hoạn của y. Y thấy con người mà y đã đem làm vật hy sinh cho tham vọng của mình, con người vô tội mà y đã đem trả nợ thay cho người cha tội lỗi của y, tay anh ta dắt theo người yêu đang xuất hiện trước mặt y với bộ mặt xanh xao và đe dọa, làm y hối hận và đau nhói trong tim. Trong đầu óc y đã

có một giây phút do dự. Nếu lúc đó mà có tiếng nói dịu dàng của Rơnê xin khoan dung cho Đăngtét, nếu Mécxêđét nói với y: "Nhân danh Thượng đế chí tôn, xin ngài trả lại người chồng chưa cưới cho tôi!" thì có lẽ y đã ký giấy phóng thích cho chàng thanh niên bị oan uổng đó. Nhưng trong căn buồng tĩnh mịch mà y đang ngồi lại không có lấy một tiếng nói nào. Một lát sau cửa mở, một người hầu phòng bước vào và thưa rằng xe đã sẵn sàng. Vinlơpho nhảy chồm lên như một kẻ chiến thắng trong một cuộc giao tranh thầm kín. Y ra mở ngăn kéo bàn, dốc vào túi tất cả số vàng bạc có trong đó, khoác vội chiếc áo choàng lên vai và bước ra. Y nhảy lên xe, ra lệnh quay lại phố Gran Cua.

Mécxêđét thất vọng trở về xóm Catalăng, người rũ rượi. Cô nằm vật xuống giường như sắp chết. Fécnăng quỳ gối dưới chân cô, ôm hôn đôi bàn tay giá lạnh của cô. Mécxêđét mê man suốt một đêm, trời sáng lúc nào không hay. Nỗi đau khổ đã làm cô tê liệt mọi cảm giác.

Ông Moren cũng lo chạy chọt hết người này đến người kia. Nhưng vì Đăngtét bị buộc tội là tay sai của Napôlêông, trong lúc Napôlêông lại đang lăm le trở về cướp lại chính quyền, nên không ai dám dây vào chuyện đó e bị vạ lây.

Còn gã Cađơrút suốt ngày chỉ làm bạn với chai rượu, không dám vác mặt ra ngoài vì lo sợ và bị lương tâm cắn rứt.

Riêng Đăngla, hắn chẳng chút sợ hãi và không hề bị giày vò bởi việc làm của mình. Ngược lại, hắn thấy vui sướng vì đã chiếm được địa vị trên chiếc tàu Pharaôn từ tay địch thủ. Hình như hắn đã sinh ra với cái bút và lọ mực thay thế trái tim, và cuộc sống đối với hắn chỉ là cộng trừ lỗ lãi. Một đối thủ bị loại trừ và số lợi tức của hắn được cộng thêm vào làm cho hắn càng ăn ngon, ngủ kỹ.

Vinlơpho bỏ hai bức thư vào cặp, ôm hôn cô Rơnê, hôn tay hầu tước phu nhân, bắt tay hầu tước Xanh Mêrăng, trèo lên xe ngựa và thẳng đường đến Pari, trong lúc ông già Đăngtét, đang lo sợ và đau đớn khôn cùng.

§10. Phòng nhỏ trong điện Tuylơri

Tại một phòng nhỏ trong điện Tuylơri, nơi trước kia Hoàng đế Napôlêông vẫn làm việc, vua Lu-i XVIII đang ngồi trước một bàn giấy bằng gỗ lúp, nghe một vị cận thần, tuổi quãng năm mươi, tóc đã hoa râm, khuôn mặt quý tộc trang nghiêm, đang trình bày tình thế hiện tại.

-Tâu bệ hạ, sắp có nạn đói. Nhưng với một người ngày đêm chăm lo đến quốc sự như bệ hạ, chúng ta có thể tránh được. Nhưng hạ thần cho rằng việc đáng lo ngại là tình hình mấy tỉnh miền Nam. Hiện ở đó đang ngấm ngầm một mưu toan nổi dậy.

-Bọn nào thế – Lu-i XVIII lơ đễnh hỏi – Quận công Blacát thân mến, ông chỉ hay đem tới cho ta những tin khủng khiếp.

-Chính là Bônapác và phe cánh của y – Quận công Blacát nói – Tôi buộc lòng phải tâu với bệ hạ rằng đó hoàn toàn không phải là tin đồn đại. Tôi có một người thân tín chuyên theo dõi tình hình miền Nam. ông ta vừa tới đây và cho biết rằng bệ hạ có thể bị lâm nguy.

-Này, quận công, mời ông hãy đọc bản báo cáo của ông Bộ trưởng Cảnh sát mới gửi cho tôi hôm qua, nó còn nằm ở ngay phía tay trái tôi đây. À hay quá, nam tước Đăngđrê cũng vừa đến kia rồi.

Nam tước Đăngđrê, vẻ mặt tươi tỉnh, bước vào. Ông ta đứng tì tay lên một cái ghế bành, hỏi: -Bệ hạ đã đọc bản báo cáo của tôi ngày hôm qua chưa?

-Có đấy – Lu-i XVIII mỉm cười trả lời – Bônapác đang buồn chết đi được, suốt ngày chỉ ngắm bọn thợ mỏ làm việc. Có lẽ ông ta ngồi gãi ghẻ để giải buồn đấy – Lu-i XVIII tiếp tục giễu cợt – Con người vĩ đại, vị anh hùng, bậc á thánh ấy có lẽ đã mắc bệnh ngoài da, nó đang hành hạ ông ta.

-Còn hơn thế nữa – ông Bộ trưởng Cảnh sát phụ họa theo – Chỉ ít bữa nữa y sẽ hóa điên. Thỉnh thoảng y khóc nức nở rồi lại cười ha hả và đứng hàng giờ trên bãi biển ném những hòn sỏi xuống nước. Đó là những triệu chứng của bệnh thần kinh.

Quận công Blacát hết sức bực mình trước cái lối bông phèng của hai người, bèn lên tiếng: -Hay hắn ta đang khôn ngoan thêm ra cũng chưa biết chừng!

-Thế ra ngài vẫn chưa tin à? – Nam tước Đăngđrê nói – Mới đây Bônapác đã chịu lễ rửa tội. Và một hôm có hai người lính già vẫn theo hầu hạ y ngỏ ý muốn trở về Pháp, y đã cho phép họ trở về phục vụ Đức vua mới. Sự thể đúng như vậy.

-Thế nào quận công Blacát? – Lu-i XVIII nói với vẻ đắc thắng – ông nghĩ thế nào?

-Tâu bệ hạ, giữa ngài Bộ trưởng Cảnh sát và tôi, có thể có người sai lầm. Nhưng tôi nghĩ rằng để cho nam tước Đăngđrê có nhiệm vụ bảo vệ Đức vua thì

chính tôi đã lầm. Bây giờ xin bệ hạ cho phép tôi gọi người thân tín của tôi ở Mácxây vừa tới đây được vào bệ kiến.

-Tên người đó là gì?

-Đơ Vinlơpho, con của nguyên lão nghị viện Noachiê, có chân trong phe đảng Girôngđanh như bệ hạ đã biết.

-Sao bệ hạ lại dùng con trai lão ta? – Đăngđrê hỏi.

-Ông bạn ơi, ông đừng có lo – Lu-i XVIII trả lời – Vinlơpho là một gã có nhiều tham vọng, hắn sẽ hy sinh tất, kể cả cha hắn. Cho gọi hắn vào.

Vinlơpho bước vào phòng, quần áo hãy còn xộc xệch và bám đầy bụi đường. Tuy như thế là không đúng với nghi thức của triều đình nhưng vì theo lệnh của nhà vua nên không ai chú ý đến điều đó. Lu-i XVIII hỏi: -Ông Đơ Vinlơpho, quận công Blacát vừa cho ta hay là ông sẽ báo cáo một tin quan trọng.

-Tâu bệ hạ, hạ thần đã có hẳn một bản tường trình rành rọt về vấn đề này. Bây giờ hạ thần chỉ có thể tâu vắn tắt với bệ hạ là hạ thần vừa khám phá một âm mưu đảo chính rất nguy hại cho ngôi báu của bệ hạ. Kẻ chiếm ngôi đã trang bị đầy đủ cho ba chiến thuyền, giờ đây đã rời khỏi đảo Enbơ đi Naplơ hoặc trở về Pháp chưa biết chừng, vì bệ hạ lưu ý cho là y còn có phe cánh ở Ý và ở Pháp.

-Ta biết việc đó rồi, Lu-i XVIII nói vẻ xúc động – ông nói tiếp đi.

-Hạ thần vừa hạ lệnh bắt một tên thủy thủ ngỗ ngược thân Bônapác mà hạ thần đã cho theo dõi từ lâu. Tên phản nghịch đó đã bí mật đến đảo Enbơ để trao một bức thư của Thống soái Muyara cho Bônapác và sẽ liên lạc với nhóm phiến loạn ở Pari đang đón chờ một cuộc đổ bộ nay mai lên đất Pháp.

-Một âm mưu đảo chính trong lúc này không phải dễ dàng đâu – Lu-i XVIII mỉm cười – Ta đã cho tăng cường việc canh phòng ở bờ biển Địa Trung Hải từ mấy tháng nay. Nếu Bônapác đổ bộ lên đất Ý, y sẽ phải đụng đầu với quân đội của Liên minh Thần thánh. Nếu y đổ bộ lên đất Pháp với một dúm người, y sẽ bị dân chúng quật chết toi ngay. À, nam tước Đăngđrê đã trở về kia rồi.

§11. Con quỷ đảo Coóc

Viên Bộ trưởng Cảnh sát bước vào, mặt tái mét, cặp mắt lơ láo, người run rẩy. Lu-i XVIII thấy bộ mặt hốt hoảng của ông ta, vội hỏi: -Thế nào? Có đúng như lời nói của quận công Blacát mà Vinlơpho vừa xác nhận không?

-Tâu bệ hạ – Đăngđrê quỳ xuống như muốn ôm lấy chân nhà vua – Quả là bất hạnh cho tôi.

-Ông nói đi! – Lu-i XVIII lùi lại, cau mày.

-Tâu bệ hạ – Đăngđrê tiếp – Kẻ tiếm ngôi đã rời đảo Enbơ ngày 28 tháng Hai và đổ bộ lên đất Pháp ngày 1 tháng Ba ở cảng Ăngtip.

-Ở cảng Ăngtip? Cách Pari hai trăm năm mươi dặm, từ ngày 1 tháng Ba mà mãi đến hôm nay là mồng 3 tháng Ba ông mới biết… Ta không sao tin được. Hoặc ông đã bị người ta báo sai, hoặc ông đã mất trí rồi.

-Chao ôi! Tâu bệ hạ, sự thực quả là như vậy!

Lu-i XVIII vừa phẫn nộ, vừa run sợ, chồm lên như bị đâm trúng tim và kêu lên: -Trên đất Pháp! Kẻ tiếm ngôi đã có mặt trên đất Pháp! Không ai đề phòng y cả à? Người ta đều đồng lõa với y à?

Quận công Blacát tiến đến bên cạnh nhà vua và thốt lên: -Ôi, ông Đăngđrê không phải là kẻ phản bội đâu, tâu bệ hạ! ông ta đã mù quáng, và tất cả chúng ta đều đã mù quáng mất rồi!

-Tâu bệ hạ – Vinlơpho nói – Kẻ tiếm ngôi không được người miền Nam ủng hộ, họ sẽ chống lại y kịch liệt.

-Nhưng y cũng vẫn sẽ tiến, vẫn cứ tiến tới Pari! Còn ở miền Đôphinê thì sao?

-Tôi xin tâu bệ hạ một sự thật đau xót. Cả đám dân miền núi đều ủng hộ Bônapác.

-Y có được bao nhiêu quân tất cả?

-Tâu bệ hạ, tôi không được biết – Bộ trưởng Cảnh sát đáp.

Lu-i XVIIII cười chua chát: -Thế nào? Ông không biết hả ông Bộ trưởng Cảnh sát? Chẳng lẽ cái đó không lấy gì làm quan trọng!

-Bức điện chỉ nói ngày đổ bộ chứ không nói quân số.

Lu-i XVIIII giận tái người: -Thế là quân đội bảy nước liên minh đã đánh đổ con người đó, và nhờ một phép mầu nhiệm của Thượng đế đã đưa ta lên nối lại ngôi của cha ông ta sau hai mươi lăm năm sống lưu vong. Và bây giờ, khi ta vừa đạt tới nguyện vọng của mình thì một sức mạnh mà ta tưởng đã nắm trong tay lại nổ tung ra làm tiêu tan cả sự nghiệp của ta.

-Tâu bệ hạ, đó là định mệnh! – Bộ trưởng Cảnh sát vừa nói vừa cúi rạp người xuống.

Đơ Blacát đưa tay lên vuốt cái trán ướt đẫm mồ hôi. Vinlơpho cười thầm về cái vai trò quan trọng của hắn. Lu-i XVIII nói tiếp: -Ôi! Ngai vàng của ta sẽ sụp đổ. Thà ta bước lên đoạn đầu đài như anh Lu-i XVI của ta còn hơn là bị đuổi ra khỏi cung điện Tuylơri bởi sự lố bịch… Ông Vinlơpho, ông hãy lại gần đây và nói với ông Bộ trưởng Cảnh sát những vấn đề mà ông ta chưa biết. Ông mới chỉ là một anh thẩm phán tầm thường mà còn linh lợi hơn cả một bộ máy cảnh sát và ông có thể bảo vệ được ngôi báu của ta nếu ông có đầy đủ quyền hành như ông ấy.

Vinlơpho nghiêng mình với vẻ đắc thắng, còn Đăngđrê thì nhìn hắn bằng con mắt cay cú.

-Thôi được – Lu-i XVIII tiếp lời – Bây giờ nhiệm vụ chính là của ông Bộ trưởng Quốc phòng. À này, ông nam tước! Ông có tin gì thêm về vụ phố Thánh Jắc không? Hình như vụ này có liên quan đến cái chết của tướng Kênen thì phải.

Nghe nói đến tên tướng Kênen, Vinlơpho giật mình, còn Bộ trưởng cảnh sát thì đáp: -Dạ, tâu bệ hạ, không phải tướng Kênen tự sát mà bị ám sát mới đúng. Một kẻ lạ mặt đến tìm tướng Kênen tại nhà và hẹn gặp ông ta ở phố Thánh]ắc. Người đầy tớ ông ta cho biết kẻ lạ mặt vào khoảng trên năm mươi tuổi, để râu mép, mắt đen và lông mày rậm. Hắn khoác áo choàng màu lơ và ve áo có đeo Bắc đẩu bội tinh. Ngày hôm qua một thám tử của tôi theo dõi một người có đặc điểm nói trên và đến phố Cốt Hêrông thì người đó biến mất.

Vinlơpho phải tựa người vào lưng ghế vì hắn thấy chân đứng không vững nữa. Chỉ nghe nói kẻ lạ mặt đã thoát, hắn mới thở phào nhẹ nhõm. Lu-i XVIII bảo Bộ trưởng cảnh sát: -Ông phải cố tìm cho bằng được kẻ đó. Hắn có phải là tay chân của Bônapác hay không cũng đều phải trừng trị thích đáng vì tội giết người.

Và quay về phía Vinlơpho, nhà vua bảo: -Ông Vinlơpho, ông hãy về nghỉ đã. Đi đường chắc xa ông mệt lắm. Ông về nhà ông Noachiê chứ?

-Dạ, tôi trọ ở khách sạn Mađrit và chưa gặp cha tôi.

-À đúng rồi, tôi quên mất, vì trung thành với Hoàng gia mà ông ta đã lạnh nhạt với cha ông. Và đây, tôi đền công cho ông.

Lu-i XVIII liền tháo chiếc Bắc đẩu bội tinh đang đeo ở cổ áo ra trao cho Vinlơpho. Vinlơpho vội đỡ lấy và đưa lên môi hôn, mắt long lanh vì kiêu hãnh, rồi nói: -Tâu bệ hạ, nửa giờ nữa hạ thần sẽ trở về Mácxây.

-Này, ông Vinlơpho, nếu ta có quên ông, thì ông chớ có ngại nhắc lại cho ta kỷ niệm này nhé.

Nói xong, Lu-i XVIII sai đi mời viên Bộ trưởng Quốc phòng đến.

Vinlơpho ra ngoài, gọi một chiếc xe ngựa về khách sạn.

Hắn vừa ngồi vào bàn ăn thì có tiếng kéo chuông. Một người hầu phòng vào báo rằng có một người lạ mặt muốn gặp nhưng lại không chịu xưng tên.

§12. Cha và con

Noachiê chính là người lạ mặt đã không chịu xưng tên, bước vào. Ông ta đóng cửa phòng rất cẩn thận, bước tới giơ tay cho Vinlơpho bắt, rồi mỉm cười bảo: -A ha, anh Giêra! Hình như gặp tôi, anh không vui thì phải. Anh vừa tổ chức lễ đính hôn ngày 28 tháng Hai ở Mácxây, thế mà hôm nay, mồng 3 tháng Ba, anh đã có mặt ở đây rồi.

-Thưa cha đúng thế – Vinlơpho ghé vào tai lão nói – Vì cha mà con phải lên đây và nhờ cuộc hành trình của con mà có thể cứu nguy cho cha.

-Vậy à? Chuyện nghe ly kỳ quá.

-Cha có nghe thấy nói đến một nhóm thân Bônapác ở phố Thánh Jắc…

-Số nhà 53, chính cha là phó hội trưởng.

-Nhà vua vừa cho con hay là tướng Kênen được mời tới lúc chín giờ tối, và sáng hôm sau người ta đã thấy xác ông nổi trên sông Xen.

-Còn tôi, tôi sẽ kể với anh một câu chuyện không kém phần ly kỳ…

-Cha im đi, chuyện đó con biết rồi. Bônapác đã đổ bộ lên đất Pháp và ông ta có gửi cho cha một bức thư từ đảo Enbơ. Con đã tóm được kẻ đưa thư, và, nếu bức thư ấy lọt vào tay người khác, thì vào giờ này chắc chắn là cha đã bị xử bắn rồi.

-Bức thư đó đâu?

-Con đã đốt đi rồi vì sợ liên quan đến tính mệnh của cha.

-Và cả đến bước đường công danh của anh nữa. Bây giờ tôi không còn lo ngại gì vì đã có anh che chở.

-Nhưng tướng Kênen đã bị mưu sát và cơ quan cảnh sát đang truy nã gắt gao…

-Bị mưu sát? Ai bảo thế?

-Chính nhà vua.

-Nhà vua? Ngài cũng thừa hiểu là trong chính trị con người không còn nữa mà chỉ còn lý tưởng; tình cảm không còn nữa mà chỉ còn quyền lợi; người ta không mưu sát, người ta chỉ trừ bỏ đi một chướng ngại vật, có thế thôi!

-Cha đang trông chờ kẻ tiếm ngôi trở về à?

-Đúng thế đấy. Hoàng đế đang trên con đường đi Grơnốp. Ngày 12 sẽ tới Lyông và ngày 25 sẽ có mặt ở Pari.

-Dân chúng sẽ nổi dậy.

-Để theo Người.

-Quân đội sẽ được điều đến.

-Để hộ giá Người trở về thủ đô.

Sao cha biết tường tận vậy? – Vinlơpho nhìn cha ngạc nhiên hỏi.

-Trời! Dễ hiểu quá thôi. Những người cầm quyền như các anh chỉ biết có tiền bạc, còn chúng tôi chỉ biết có lòng trung thành.

Nói xong, ông già Noachiê chuẩn bị bước ra, Vinlơpho nắm tay cha giữ lại: -Cơ quan cảnh sát của nhà vua có thể là tồi, nhưng họ cũng biết rõ hình dáng con người lạ mặt mặc áo choàng màu lơ và đeo Bắc đẩu bội tinh.

-Thế à? Chúng cũng chỉ là những thằng ngốc như tôi đã nói.

Nói xong, Noachiê cởi áo ra, đến gần bàn rửa mặt, cạo phăng râu mép đi, sửa lại bộ tóc, khoác chiếc áo màu nâu của Vinlơpho, đội chiếc mũ vành cong của viên phó biện lý ngắm nghía mình trước gương rồi quay lại hỏi: -Thế nào? Liệu chúng còn nhận ra tôi nữa không?

Vinlơpho vừa sợ hãi vừa thán phục đáp: -Thưa không đâu ạ.

-Này anh, anh đã cứu mạng tôi, nay mai tôi sẽ đền ơn anh. Bây giờ anh đến nói với nhà vua rằng ông ta bị người ta lừa dối về nội tình nước Pháp, về tinh thần của dân chúng và lính tráng. Người mà ông ta gọi là con quỷ đảo Coocxơ, kẻ tiếm ngôi ở Nevơ đã được gọi là Bônapác ở Lyông, Hoàng đế ở Grơnốp và nay mai sẽ được tung hô vạn tuế ở Pari.

Nói xong ông già điềm tĩnh đi ra. Vinlơpho mặt tái nhợt vì xúc đlộng, chạy lại cửa sổ nhìn theo người cha đang thản nhiên đi giữa mấy tên mật vụ đứng lảng vảng ở đầu phố để đón bắt người lạ mặt có bộ ria mép đen và khoác áo choàng màu lơ. Chờ ông Noachiê đi khuất hẳn, hắn mới trở vào, bỏ mũ và áo của cha vào đáy hòm rồi chuẩn bị trở về Mácxây.

§13. Thời kỳ một trăm ngày

Noachiê đã tiên đoán rất đúng. Sự việc xảy ra dồn dập, mau lẹ lạ kỳ, dường như có phép mầu nhiệm và vô tiền khoáng hậu. Hoàng đế Napôlêông trở lại điện Tuylơri mà vua Lu-i vừa rời bỏ, và ông ta lại ngồi vào cái bàn gỗ lúp trong văn phòng nhỏ ưa thích của ông để thảo ra những sắc lệnh mới nhằm trấn áp bọn bảo hoàng. Viên chánh biện lý bị huyền chức. Vinlơpho đáng lẽ cũng bị cùng chung số phận nếu không nhờ sự che chở của Noachiê. Ông già đã trở thành một người có quyền thế trong triều suốt khoảng thời gian mà người ta gọi là "Một trăm ngày". Viên phó biện lý tạm thời được nắm quyền tư pháp ở Mácxây. Vinlơpho hoãn ngày cưới vợ vì hắn tính nếu hoàng đế đứng vững thì hắn sẽ nhờ cha tìm cho món khác; nếu Lu-i XVIII trở lại ngôi báu thì ảnh hưởng của hầu tước Xanh Mêrăng sẽ nâng cao địa vị cua hắn lên. Trong lúc hắn đang khoái trá tính chuyện bắt cá hai tay, thì có người vào báo ông chủ hãng tàu muốn gặp.

Ông Moren thấy Vinlơpho vẫn bình tĩnh, lạnh lùng kiểu cách như sáu tuần lễ trước đây. Hắn chống khuỷu tay lên bàn giấy nhìn ông bằng con mắt dò xét.

-Xin ông cho biết, ông đến có việc gì?

-Thưa ngài, chắc ngài còn nhớ có một hôm tôi đến yêu cầu ngài khoan dung cho một anh thanh niên đáng thương, thuyền phó chiếc tàu của tôi bị buộc tội liên lạc với đảo Enbơ. Ngày đó ngài phò vua Lu-i XVIII đã thi hành đúng nhiệm vụ của ngài. Nhưng hôm nay ngài làm việc dưới triều đại Napôlêông, bổn phận ngài là che chở cho anh ta, và tôi muốn được biết hiện giờ anh ta ở đâu?

Vinlơpho làm ra bộ sửng sốt hỏi: -Tên anh ta là gì nhỉ?

-Étmông Đăngtét.

-Đăngtét, Étmông Đăngtét, ông không nhầm chứ?

-Không thể nhầm được ạ, tôi biết anh ta từ mười năm nay và anh ta làm việc cho tôi từ bốn năm nay.

Vinlơpho giở một quyển sổ to ở ngăn tủ ra, tìm một lát rồi lại mở một cuốn khác, cuối cùng nói: -A, tôi nhớ ra rồi. Một thanh niên thủy thủ, sắp lấy một cô gái Catalăng, can vào một tội rất nặng. Tôi đã làm một bản báo cáo kèm theo những giấy tờ bắt được trong người anh ta, gửi lên Pari và tám ngày sau người ta đã đem anh ta đi biệt tích.

-Biệt tích – ông Moren thốt lên – Người ta đã làm gì anh ấy?

-Ồ, ông cứ yên tâm, chắc chắn là bị đưa đi an trí ở một nơi nào đó và chắc chỉ ít ngày nữaứ anh ta sẽ được trở về điều khiển con tàu của ông. Hoàng đế mới trở về có mươi lăm hôm, lệnh tha chắc chưa thảo kịp.

-Có cách nào làm những thủ tục nhanh chóng hơn được không?

-Ông Moren thân mến, thời nào cũng thế thôi. Các chính thể nối tiếp nhau và giống hệt nhau: bộ máy nhà tù đặt ra ở từ thời vua Lu-i XII đến nay vẫn còn tồn tại. Tôi muốn mách ông một cách là ông có thể biên thư cho ngài Bộ trưởng Tư pháp để kháng cáo.

-Chao ôi! Mỗi ngày ngài bộ trưởng nhận được hàng trăm đơn trong khi ngài chỉ có thì giờ đọc được vài ba cái?

-Nhưng nếu bức thư đó được chính tay tôi chuyển đi thì nó sẽ được đọc ngay chưa biết chừng.

-Tôi biết viết thế nào bây giờ?

-Được, ông cầm lấy giấy bút, ngồi vào đây viết theo tôi đọc. Chúng ta phải làm khẩn trương vì anh chàng Đăngtét hẳn đang mong chờ.

Vinlơpho đọc cho ông Moren viết xong đơn, cầm lấy đọc to rồi nói: -Bây giờ ông có thể trông cậy vào tôi, tôi sẽ gửi đi ngay hôm nay và sẽ đảm nhiệm mọi công việc.

Lời nói quả quyết của Vinlơpho làm ông Moren chứa chan hy vọng. Ông liền quay về báo tin cho ông già Đăngtét biết là chỉ nay mai sẽ được gặp con trai. Nhưng Vinlơpho đáng lẽ gửi bức thư đi Pari như đã hứa thì hắn lại giấu kín để sau này làm tài liệu buộc tội thêm cho Đăngtét.

Trong thời kỳ một trăm ngày ấy, ông Moren đã hai lần xin tha cho anh thanh niên bất hạnh, nhưng Vinlơpho cứ hứa hẹn hão huyền cho đến ngày cuộc bại trận ở Oatéclô[335] xảy ra. Thế là Đăngtét vẫn cứ bị bỏ rơi trong ngục tối, anh không hay biết gì về việc mất ngôi của Lu-i XVIII, về thời kỳ một trăm ngày Napôlêông nắm lại chính quyền, về sự suy sụp của ông ta sau cuộc bại trận ở Oatéclô, và vua Lu-i XVIII lại trở về điện Tuylơri lần thứ hai.

Còn Đăngla, sau khi tố cáo Đăngtét, rất hí hứng, cho là trời giúp hắn. Nhưng khi Napôlêông trở về Pari, hắn rất lo sợ Đăngtét sẽ trở về, biết được chuyện này và sẽ trả thù. Hắn xin ông Moren cho thôi việc và giới thiệu hắn đến làm công cho một hãng buôn Tây Ban Nha. ít ngày sau hắn đi Mađrít và từ đó không ai thấy tăm hơi hắn đâu nữa.

Còn Fécnăng, từ ngày Đăngtét đi khỏi, hôm nào cũng ra ngồi ở bãi biển xóm Catalăng để rình. Nếu anh thủy thủ trẻ tuổi trở về, hắn sẽ thi hành âm mưu hạ sát. Giữa lúc đó, Hoàng đế Napôlêông tuyển mộ thêm lính để đi xâm chiếm nước ngoài. Fécnăng đau khổ và thất vọng, hắn liền từ giã Mécxêđét ra tòng quân.

Mécxêđét vẫn quý Fécnăng như một người anh, nên ngày hắn ra đi, cô buộc cái ba lô cho hắn và nói: -Anh Fécnăng, em chỉ còn có anh trên đời này, nếu anh chết trận thì em sẽ sống cô độc suốt đời, không còn ai làm bạn nữa.

Câu nói đó làm cho Fécnăng còn nuôi hy vọng. Nếu Đăngtét không về, một ngày kia hắn sẽ lấy được Mécxêđét làm vợ.

Mécxêđét sống âm thầm giữa mảnh đất khô cằn và biển cả. Cô đi lang thang như người điên trong xóm Catalăng, mắt đẫm lệ, thỉnh thoảng ra đứng ở bờ biển nhìn về phía Mácxây, nghe tiếng sóng vỗ rì rầm như nỗi đau khổ vô bờ của cô, với sự chờ đợi vô vọng.

Cađơrút, cũng đăng lính như Fécnăng, nhưng vì nó có vợ nên hắn chỉ bị điều ra biên giới. Ông già Đăngtét, sau ngày hoàng đế thất trận, không còn hy vọng gì nữa. Sau đúng năm tháng xa đứa con thân yêu, ông trút hơi thở cuối cùng trong tay Mécxêđét. Ông Moren lo liệu ma chay cho cụ và trả vài món nợ lặt vặt mà cụ vay trong lúc lâm bệnh. Trong tình thế hiểm nghèo này, việc giúp đỡ người cha của một kẻ được mệnh danh là tay sai của Bônapác không phải chỉ là một việc thiện, mà còn là một hành động dũng cảm đồng thời còn là một tội lỗi đối với nhà cầm quyền.

§14. Người tù nổi giận và người tù mất trí

Một năm sau khi Lu-i XVIII trở lại ngôi báu, lâu đài Íp được viên Tổng thanh tra trại giam đến thăm. Đăngtét ở dưới hầm kín đã nghe thấy ở bên trên người ta chuẩn bị cuộc đón tiếp, vì tai anh đã quen nghe thấy tiếng động trong cái im lặng của đêm tối. Tự coi là đã bị chôn sống trong nấm mồ lạnh lẽo, anh đoán chừng trên thế giới người sống sắp xảy ra một sự kiện gì đó khác thường. Quả thật, viên Tổng thanh tra đã vào từng buồng giam, từng xà lim, hỏi han một số phạm nhân về chế độ ăn uống và nguyện vọng của họ, hết thảy đều trả lời thức ăn rất tồi và yêu cầu được phóng thích vì ngoài cái tụ do, họ không còn đòi hỏi gì hơn.

Viên Tổng thanh tra mỉm cười quay lại bảo lão giám thị: -Không hiểu tại sao chúng ta lại buộc phải làm một nhiệm vụ hoàn toàn vô ích, vì cả trăm nghìn người đều trả lời giống nhau. Còn hạng người nào nữa không?

-Dạ, chúng tôi còn một loại tù nguy hiểm đang bị nhốt trong hầm kín.

-Nào, chúng ta hãy làm cho tròn phận sự – Viên Tổng thanh tra tỏ vẻ chán nản, lắc đầu.

Tức thì lão giám thị gọi thêm hai người lính đi hộ vệ rồi cả nhóm đi xuống khu hầm kín sặc mùi hôi thối, mốc meo đến nỗi viên thanh tra phải kêu lên: -Mẹ ơi! Thằng nào lại có thể sống nổi được ở đây!

-Dạ, một tên phản nghịch vô cùng nguy hiểm bị giam trên một năm nay rồi và có lần nó đã toan giết chết người cai ngục. Bây giờ nó gần như mất trí rồi. Ngoài ra, cách hầm kín này khoảng hai mươi bộ ở mé dưới, còn có một hầm kín nữa giam một tên linh mục già, cựu đảng trưởng người Ý. Bị nhốt từ năm 1811, mất trí năm 1813 và bây giờ không ai nhận ra được hình thù lão ta nữa.

-Được, tôi sẽ lần lượt đến thăm cả hai. Bây giờ vào hầm này trước.

Tiếng khóa vặn, tiếng then sắt cót két, rồi cánh cửa nặng nề mở ra. Đăngtét đang ngồi ở một góc hầm, ngẩng đầu lên thì thấy một người lạ mặt đứng giữa hai tên cai ngục cầm đuốc và hai tên lính cầm súng, anh liền nhảy xổ ra, hai tay chắp vào nhau. Hai tên lính vội vàng chĩa lưỡi lê ra phía trước còn viên thanh tra lùi lại một bước hỏi: -Anh muốn gì?

-Tôi muốn biết tôi mắc tội gì? Tôi yêu cầu được xét xử, nếu tôi có tội thực sự, các ông hãy đem bắn tôi đi; nếu tôi vô tội xin thả tôi ra.

-Anh có được ăn uống đầy đủ không?

-Cái ăn đối với tôi không quan trọng. Tôi chỉ yêu cầu các ông trong ngành tư pháp đừng để cho một người vô tội chết oan trong ngục.

-Anh bị bắt ngày nào?

-Ngày 28 tháng Hai năm 1815, lúc hai giờ chiều.

-Hôm nay là 30 tháng Bảy năm 1816. Anh bị giam mới có mười bảy tháng – Viên thanh tra tính trên ngón tay nói.

-Mới có mười bảy tháng! Ôi, thưa ngài, ngài nên biết rằng mười bảy tháng trong tù tức là mười bảy năm, mười bảy thế kỷ đối với tôi một người sắp được hưởng hạnh phúc với người yêu, đang đứng trước một tương lai tốt đẹp, một người quen vẫy vùng với sóng gió, với biển cả, với đời sống tự do, tự lập.

-Được tôi sẽ nghiên cứu hồ sơ của anh. Ai ra lệnh bắt anh?

-Ông Đơ Vinlơpho.

-Ông Đơ Vinlơpho đổi đi Tuludơ một năm nay rồi.

-Thảo nào! – Đăngtét lẩm bẩm – ông ta là cứu tinh của tôi, ông ta tốt với tôi lắm!

-Tôi sẽ về xem lời phê của ông ta trong tập hồ sơ về anh.

Nói xong, viên Tổng thanh tra đi ra và Đăngtét lại bị khóa chặt lại cùng với niềm hy vọng trong hầm kín. Nhóm người đi đến nơi giam vị linh mục người Ý. Viên thanh tra hỏi giám thị: -Lão bị điên hay sao?

-Một bệnh điên kỳ quặc – Viên giám thị đáp – Lão nói lão có một kho tàng khổng lồ. Năm đầu lão gạ biếu chính phủ một triệu nếu thả lão ra. Năm thứ hai, hai triệu và cứ như thế tăng dần cho đến năm nay là năm thứ năm rồi.

-Hay nhỉ! Nhà triệu phú có tên gì?

-Linh mục Faria, số 27.

Cửa hầm mở, viên Tổng thanh tra đưa cặp mắt tò mò nhìn vào căn hầm kín của vị linh mục mất trí. Giữa hầm, trọng một hình trụ vẽ bằng thạch cao trát rường, một ông già nằm phủ phục gần như trần truồng vì chỉ còn mấy mảnh vải che thân đã rách bươm. Lão đang mê mải vạch những đường hình học rất to và giải một bài toán của Acsimet, nên mặc dù cửa đã mở, lão vẫn không hay biết gì. Mãi đến khi nền đất ẩm ướt mà lão đang nằm được chiếu sáng bởi hai ngọn đuốc, lão mới ngẩng đầu lên, cầm cái chăn quấn vào người. Viên Tổng thanh tra lên tiếng hỏi: -Ông có đòi hỏi gì không?

-Tôi ấy ư? – Vị linh mục ngạc nhiên hỏi – Tôi chả đòi hỏi gì cả.

-Tôi được chính phủ phái đến đây thu lượm những khiếu nại của tù nhân.

-Ôi – Vị linh mục thốt lên – Thế thì lại là chuyện khác. Thưa ngài, tôi là linh mục Faria sinh ở Rôma, thư ký riêng của Đức giáo chủ Xpađa trong hai mươi năm. Tôi bị bắt đầu năm 1811 không biết vì lý h do gì và bị giam cho đến bây giờ. Tôi yêu cầu nhà cầm quyền Pháp thả tôi ra vì tôi bị bắt ở một địa hạt thuộc nước Ý, dưới quyền cai trị của người Pháp. Ngày nay tôi cho rằng Hoàng đế Napôlêông đã thực hiện được giấc mơ của Makiaven và Xêda Boócgia, là thống nhất nước Ý.

-Những hiểu biết về thời cuộc của ông đã quá lỗi thời, vì Thượng đế đã thay cái ý đồ của con người mà ông sùng bái rồi. Tôi đến đây không phải để giải thích

cho ông về tình hình chính trị mà muốn biết ông được ăn ở ra sao?

-Cái ăn thì nhà tù nào chả giống nhà tù nào, nghĩa là rất tồi. Còn ở đây thì ông trông đấy: ẩm ướt và hôi hám. Tôi không đếm xỉa đến những cái đó. Bây giờ tôi muốn phát hiện một việc vô cùng quan trọng và có lợi rất lớn cho chính phủ.

Lão giám thị ghé vào tai viên thanh tra thì thầm: "Sắp đến lúc rồi đấy!" Viên thanh tranh liền trả lời tù nhân: -Ông linh mục ơi! Việc đó không thể được đâu.

-Thế nào? Làm lợi cho chính phủ năm triệu, một số tiền khổng lồ!

Viên thanh tra trả lời lại với giọng châm biếm: -Tôi đã được báo trước rồi. Ông lại muốn nói tới cái kho tàng của ông, có phải không nào?

-Thưa ngài thanh tra – Lão giám thị nói – Từ năm năm nay tôi nghe đã chán tai rồi.

-Nếu tôi không được ra khỏi trại giam – Faria nắm lấy tay viên thanh tra nói – Nếu tôi chết mà không truyền được cho người khác điều bí mật của tôi thì kho tàng đó sẽ trở thành vô dụng. Tôi có thể cho sáu triệu nếu người ta thả tôi ra.

-Ông nói rất đúng – Viên thanh tra bảo nhỏ với lão giám thị – Nếu ông ta không mất trí thì câu chuyện có thể tin được đấy.

-Tôi không mất trí đâu – Vị linh mục rất thính tai nói tiếp

-Tôi nói thật đấy. Tôi sẽ nguyền rủa ngài như đã nguyền rủa những người đã không chịu nghe tôi. Mời ngài đi ra ngay đi, tôi không muốn nói gì nữa.

Nói xong, linh mục Faria ném cái chăn xuống giường, cầm lấy miếng thạch cao rồi lại tiếp tục công việc của ông ta.

Còn về Đăngtét, viên thanh tra giữ lời hứa. Khi lên văn phòng lão giám thị, ông mở sổ giam ra xem thì thấy ghi: "Étmông Đăngtét: Một kẻ theo phái Bônapác cuồng nhiệt, đã tích cực tham gia vào vụ Napôlêông từ đảo Enbơ quay về. Phải giữ hết sức bí mật và canh phòng nghiêm ngặt".

Viên Tổng thanh tra liền ghi xuống bên dưới: "Không thể làm gì khác được".

Đăngtét, từ khi bị giam cầm, không còn biết ngày tháng là gì. Nghe viên thanh tra nói, anh cầm một miếng thạch cao viết lên tường 30-7-1816 và mỗi ngày vạch một nét để đánh dấu thời gian.

Ngày tháng trôi đi, Đăngtét vẫn mong chờ, vẫn hy vọng. Một năm sau, lão giám thị chuyển đi nơi khác và mấy tên cai ngục cũng theo gót. Viên giám thị mới đến không có thì giờ nhớ hết các tù nhân, chỉ gọi họ bằng con số buồng giam. Tòa lâu đài khủng khiếp đó có năm mươi buồng. Anh thủy thủ trẻ tuổi bất hạnh ở buồng số 34 nên được gọi tên bằng con số 34.

§15. Số 34 và số 27

Đăngtét lần lượt phải trải qua biết bao nỗi khổ cực của một người tù bất hạnh bị bỏ quên trong ngục tối. Thoạt tiên anh cầu cứu con người, nhưng sau khi mọi hy vọng đã tiêu tan, anh cầu cứu đến Thượng đế. Anh mong người ta chuyển anh sang một buồng khác dù có sâu hơn và tối tăm hơn, vì dù sao sự di chuyển cũng làm anh khuây khỏa được ít ngày. Anh xin được ra ngoài chơi, được đọc sách, được phát dụng cụ để lao động, nhưng tất cả những điều đó đều bị cự tuyệt. Không nản lòng, anh tiếp tục đề nghị. Nhưng lần nào tên cai ngục cũng cứ làm thinh. Anh thèm được nói chuyện với một người nào khác, ngoài tên cai ngục. Vì được nói chuyện với một người, dù người đó câm, đối với anh lúc này cũng là một điều vui sướng. Trước kia anh rất ghê sợ những tên lưu manh giết người, nhưng bây giờ anh lại cầu mong được giam chung với bọn đó để được nhìn thấy những bộ mặt khác, ngoài bộ mặt lạnh lùng của tên cai ngục. Anh cho những người tù khổ sai còn sướng hơn mình vì mặc dù bị đeo xiềng xích, mặc quần áo đánh số, họ vẫn được nhìn trời, nhìn đất, được hít thở không khí trong lành ngoài trời. Anh yêu cầu được giam chung với vị linh mục mất trí mà anh được nghe nói đến, nhưng viên.giám thị cũng từ chối nốt.

Thất vọng với con người, anh quay về Thượng đế. Anh nhớ lại những câu kinh mà mẹ anh đã dạy anh hồi còn bé, vì đối với một con người đau khổ, sự cầu nguyện là lời tâm tình của mình đối với Thượng đế. Anh đọc kinh rất to, rất hăng say và anh cảm thấy rất khoan khoái. Anh nhìn thấy Thượng đế xuất hiện sáng ngời, là Đấng Toàn Năng trước cuộc sống hèn mọn và bất lực của mình. Và sau mỗi câu kinh, anh nguyện sẽ làm theo lời Chúa, cầu xin Người tha tội cho những người làm nhục anh.

Mặc cho những lời cầu nguyện nhiệt thành, đầy tin tưởng, anh vẫn bị ở tù. Ý nghĩ của anh trở nên âm u, mờ mịt. Anh không tin tưởng vào sức mạnh vô biên của Thượng đế nữa vì bản chất của anh là một con người bình dân, không học thức, chỉ có một niềm tin hời hợt, nên anh để mất nó cũng giống như những người đã làm mất nó sau khi đã thắng lợi và không sử dụng đến nó nữa. Sự điên cuồng lại nối tiếp theo nỗi khổ hạnh. Anh chửi rủa om sòm, húc người vào tường, nổi xung vôi mọi thứ ở xung quanh và ngay cả với chính mình. Bức thư tố cáo mà Vinlơpho đã đưa cho anh đọc lại hiện ra trong óc anh. Anh cho rằng đó là sự trả thù của con người chứ không phải của Thượng đế. Anh mong ước những kẻ đó phải chịu những cực hình khủng khiếp, và sau đó phải chết.

Cứ lẩn quẩn mãi với cái chết của kẻ thù, anh nẩy ra ý định muốn chết. Thật đáng thương cho những kẻ nào trong lúc bất hạnh đã có ý nghĩ đen tối đó. Anh hồi tưởng lại lúc còn là con người tự do, có quyền hành với một nhóm người sẵn

sàng tuân theo mệnh lệnh của mình trong những lúc trời sẫm tối, khi mặt biển dâng lên và gào thét trước dông tố như một con chim khổng lồ giương hai cánh ra hai phía chân trời. Anh cảm thấy chiếc tàu trở thành bất lực, nhẹ như lông hồng và thấy cái chết xuất hiện, khi đó nó lại làm anh run sợ. Anh lấy hết sức mình để chống đỡ, thấy sung sướng được trở lại với cuộc sống hạnh phúc. Nhưng bây giờ thì khác hẳn. Anh đã mất hết mọi thứ làm anh yêu cuộc sống và như đã nhìn thấy cái chết mỉm cười với mình như bà mẹ mỉm cười với đứa con thơ. Anh muốn chết như người đi ngủ sau lúc mệt mỏi rã rời. Khi ý nghĩ đó chớm nở trong đầu, anh lại trở nên hiền lành và tươi tỉnh. Anh ăn ít đi, không ngủ nữa và cảm thấy dễ chịu.

Sau bốn năm bị giam cầm, Đăngtét nói: "Tôi muốn chết" và đang tìm cách để chết. Có một cách đơn giản: buộc khăn mùi soa vào một chấn song sắt và treo cổ, nhưng anh thấy ghê rợn trước cái chết ấy. Anh chọn cách thứ hai: không ăn nữa. Anh phải đấu tranh rất gay go, quyết liệt. Đang ở tuổi thanh xuân, những món ăn dù là kinh tởm trong tù vẫn cứ trở nên thơm ngon trước cái đói đang cào cấu ruột gan. Một đôi khi anh mân mê hàng giờ miếng thịt thiu hoặc khúc cá ươn, mắt dán vào mẩu bánh đen sì. Nhưng cuối cùng anh vẫn giữ được lời hứa. Anh khắc nghiệt với cuộc sống ít ỏi còn sót lại. Rồi đến một ngày anh không còn sức để đứng dậy nữa, không còn nhìn thấy gì nữa, và ốm nặng. Étmông đang đón chờ cái chết.

Một hôm anh cảm thấy hơi dễ chịu. Cái đói, cái khát không còn giày vò anh nữa. Lúc nào anh nhắm mắt, anh nhìn thấy những đốm lửa chập chờn tựa hồ những con ma trơi trong buổi hoàng hôn trên xứ sở của thần chết.

Đột nhiên, vào khoảng nửa đêm, anh thấy có tiếng động âm thầm từ phía sau bức tường anh đang nằm, Étmông đã quen nghe tiếng động của những con vật kinh tởm đến quấy rầy anh, nhưng lần này tiếng động có vẻ khác thường. Anh ngóc đầu lên để nghe cho rõ hơn. Đó là tiếng nạo đều đều của một cái vuốt lớn, một cái răng khỏe, hoặc của một dụng cụ nào đó trên đá. Mặc dù đã đuối sức, một ý nghĩ vẫn luôn luôn lởn vởn trong đầu óc anh: tự do. Tiếng động đó đến vừa đúng lúc khi mà mọi tiếng động không còn đến với anh nữa. Dường như Thượng đế đã đoái thương tới nỗi thống khổ của anh và ngăn anh trước miệng hố mà anh sắp sa vào.

Étmông vẫn lắng tai nghe. Sau gần ba tiếng đồng hồ, tiếng động im bặt, và vài giờ sau lại nghe thấy nó tiếp tục to hơn và gần hơn. Étmông đang chú ý tới tiếng động thì tên cai ngục đem thức ăn vào. Anh giả vờ nói huyên thuyên, cố lấy giọng kêu la ầm ỹ. Hắn tưởng anh mê sảng nên bỏ đi ra ngay, Étmông lại được tự do nghe ngóng. Tiếng động nghe rõ mồn một. Anh thầm nghĩ có lẽ một người tù đáng thương nào đó đang tìm cách thoát thân và anh ao ước được giúp một tay.

Anh quay lại nhìn đĩa xúp mà tên cai ngục vừa đem vào, loạng choạng bước đến gần rồi cầm đưa lên môi và húp hết. Anh cảm thấy vô cùng khoan khoái. Sau đó anh đi nằm. Vậy là anh không muốn chết nữa.

Suốt đêm hôm đó anh không ngủ. Sáng hôm sau tên cai ngục đem thức ăn vào. Étmông ăn ngấu nghiến, ăn cả thức ăn hôm trước còn lại. Anh muốn có sức để giúp người tù nào đó đã làm việc không mệt mỏi.

Anh kéo chiếc giường ra xa bức tường có tiếng động và kiếm một vật gì để cào lớp thạch cao ẩm ướt, rồi sau đó sẽ nậy tảng đá ra. Nhưng anh chẳng tìm thấy gì. Chẳng có một vật gì sắc để có thể sử dụng được. Trong hầm chỉ có một cái giường, một cái bàn, một cái ghế, một cái thùng và một hũ nước. Cái thùng đã bị tháo mất quai. Đăngtét chỉ còn trông cậy vào cái hũ nước. Anh ném hũ xuống đất làm cái hũ vỡ tan ra rồi chọn lấy một mảnh có cạnh sắc đem giấu dưới đệm rơm. Suốt đêm anh làm công việc gay go đó. Đến gần sáng anh kê lại giường, lòng tràn trề hy vọng.

Lúc tên cai ngục vào, Đăngtét báo là hôm trước anh chẳng may làm rơi cái hũ lúc uống nước. Tên cai ngục làu bàu mấy câu rồi đi ra. Một lát sau hắn trở vào với cái hũ mới và nhắc anh phải giữ gìn cẩn thận. Lúc hắn vừa đi khỏi, Đăngtét nhảy bổ tới giường, kéo nó ra chỗ khác rồi tiếp tục công việc. Vì bị ẩm, lớp thạch cao đã có thể cạo được, tuy mỗi giờ chỉ được một năm con.

Một nhà toán học có thể tính được. Nếu không đụng phải đá, trong hai năm có thể đào được một cái hố vuông, mỗi cạnh hai bộ và sâu hai mươi bộ. Anh đã ở trong hầm kín sáu năm rồi thì công việc này dù có chậm và khó nhọc đến mấy anh cũng sẽ làm xong. Ý nghĩ đó tăng thêm cho anh lòng hăng hái.

Sau ba ngày, anh cạo hết lớp thạch cao làm trơ ra bức tường xây bằng đá vụn, có xen những hòn đá tảng. Phải nậy cho được hòn đá đó ra, nhưng vì đá cứng nên những mảnh hũ bị vỡ nát vụn. Sau một tiếng đồng hồ mất công toi, Đăngtét lau mồ hôi trán và lo lắng. Lẽ nào phải ngừng công việc trong lúc mới bắt đầu này?

Hàng ngày tên cai ngục mang xúp đến. Xúp đựng trong một cái xoong cán sắt được đổ vào đĩa cho anh. Anh liền nay ra ý nghĩ và mỉm cười. Tối hôm đó, ăn xúp xong anh đặt cái đĩa xuống ngay trước cửa. Sáng hôm sau tên cai ngục bước vào, vô ý giẫm lên, cái đĩa vỡ tan tành. Lần này do chính hắn làm vỡ đĩa nên hắn chỉ càu nhàu, không biết đổ xúp vào đâu, Đăngtét bảo hắn để cái xoong lại. Tên cai ngục lười không muốn đi lấy cái đĩa khác, liền ưng thuận ngay.

Đăngtét ăn vội ăn vàng rồi bắt tay vào việc. Anh lấy cái cán xoong lách vào kẽ đá và một giờ sau đã nậy được hòn đá ra, tạo được một lỗ thủng khoảng mười lăm phân. Anh dồn những mảnh thạch cao vụn ra một góc hầm, lấy đất phủ lên, tiếp tục đào. Đến gần sáng, anh lại đặt hòn đá vào chỗ cũ, kê lại giường rồi đi nằm. Khi tên cai ngục đem thức ăn vào, anh hỏi: -Thế nào, bác không đem đến cho tôi một cái đĩa khác à?

-Nếu ai cũng đập phá như anh thì còn lấy đâu ra đĩa nữa. Tôi sẽ để cho anh dùng cái xoong thay cho đĩa.

Đăngtét chắp hai tay ngửa mặt lên trời. Anh muốn cảm ơn Thượng đế đã ban cho anh mảnh sắt quý hơn mọi thứ anh đã được hưởng từ trước đến nay. Anh đào suốt ngày đêm, moi ra từng nắm xi măng và đá vụn. Sau ba ngày làm việc, anh nhận thấy cái cán xoong không còn có thể nạo được nữa. Nó vướng phải một mặt phẳng. Anh lấy tay sờ thì thấy đó là một cái rầm chắn ngang. Bây giờ thì đành phải đào một con đường khác ở phía trên hoặc phía dưới. Anh chưa hề nghĩ rằng có lúc lại gặp phải vật chướng ngại đó. Anh thốt lên: -Ôi lạy Chúa! Con đã cầu xin Chúa và con những tưởng rằng Chúa đã thấu lòng con. Ôi, lạy Chúa! Chúa đã tước mất nốt quyền tự do của con. Chúa đã không cho cái quyền được chết yên ổn thì bây giờ Chúa hãy thương con, đừng làm con mất hết hy vọng.

Đột nhiên một tiếng nói như từ trong lòng đất, hay từ một nấm mồ vẳng đến: -Ai nói với Chúa và tuyệt vọng thế?

Đăngtét thấy sởn gai ốc, tóc gáy dựng lên. Anh vội vàng quỳ mọp xuống. Đã từ bốn năm nay anh chỉ nghe tiếng nói của tên cai ngục. Đối với một người tù, tên cai ngục không phải là một con người. Nó là một tấm cửa, một hàng chấn song bằng xương, bằng thịt. Anh thốt lên: -Nhân danh Chúa! Người hãy nói nữa đi, người là ai?

-Còn anh là ai? – Tiếng người đó lại hỏi.

-Là một người tù bất hạnh tên là Étmông Đăngtét, quốc tịch Pháp, thủy thủ, bị bắt ngày 28 tháng Hai năm 1815 về tội giúp Hoàng đế cướp lại chính quyền.

-Thế nào, Hoàng đế đã trở về cướp chính quyền à?

-Hoàng đế đã thoái vị năm 1814 và bị đầy ra đảo Enbơ. Tại sao người lại không biết việc đó?

-Tôi bị bắt từ năm 1811.

Đăngtét giật mình, người đó đã bị tù lâu hơn anh bốn năm trời. Tiếng người lại vọng tới: -Bây giờ anh đừng đào nữa, mà cho tôi biết cái lỗ của anh đào nằm vào chỗ nào?

-Sát mặt đất, sau giường tôi.

-Buồng của anh thông ra đâu?

-Ra một hành lang rồi thông ra sân.

-Chao ôi! Cái compa chết tiệt của tôi chỉ chệch có một ly, thế mà nó làm tôi đã đào nhầm mất mười lăm bộ. Tôi định đào một con đường thông ra biển, tôi sẽ bơi ra đảo Tibulen để trốn thoát. Bây giờ thì hỏng cả rồi!

-Người hãy cho tôi biết người là ai?

-Tôi là… tôi là… số 27.

-Người không tin tôi ư? Ôi, lạy Chúa! Tôi xin nhân danh Chúa thề với người là tôi thà đập đầu vào tường tự sát còn hơn là tố giác việc làm của người. Xin

người đừng bỏ tôi.

-Cứ nghe giọng nói của anh, tôi đoán hình như anh là một thanh niên.

-Lúc bị bắt tôi mới mười chín tuổi.

-Ở cái tuổi ấy chưa có thể phản bội được. Nếu vậy tôi sẽ đặt một kế hoạch khác, anh hãy chờ tôi.

-Thế người không bỏ tôi chứ? Người sẽ giúp tôi và chúng ta sẽ cùng đi trốn. Nếu người còn ít tuổi tôi sẽ là bạn của người, nếu người nhiều tuổi hơn, tôi sẽ là con của người. Tôi có một người cha bảy mươi tuổi. Tôi sẽ kính mến người như cha tôi vậy.

-Được, mai sẽ hay.

Suốt ngày hôm đó Đăngtét đi đi lại lại trong hầm, lòng vô cùng phấn khởi. Anh biết là người ta muốn giết anh, nhưng bây giờ anh sắp có một người bạn để cùng nhau chia sẻ nỗi khổ cực. Chính tiếng nói thần kỳ đó đã đưa anh trở về với cuộc sống. Tối hôm đó anh cứ ngồi lì trên giường để che lỗ thủng đang đào dở. Khi tên cai ngục vào, anh nhìn hắn bằng con mắt trợn trừng. Hắn ngỡ anh sắp lên cơn nên chỉ lắc đầu rồi bước ra. Anh vội vàng chuyển cái giường ra chỗ khác và nghe có ba tiếng gõ đều đặn.

-Nó đi chưa? – tiếng người đó hỏi.

-Đi rồi ạ. Chúng ta có mười hai tiếng đồng hồ để tự do làm việc.

Đăngtét chui vào lỗ hổng, thấy khối đất đá bên trong đổ sụp. Thế rồi từ miệng hố đen ngòm, sâu hoắm một cái đầu người chui ra, rồi đến cái mình và cuối cùng là một người hẳn hoi, nhanh nhẹn lách ra khỏi miệng hố.

§16. Nhà bác học người ý

Đăngtét ôm chầm lấy người bạn mới mà anh đã mỏi mắt mong chờ. Đó là một ông già bé nhỏ, tóc bạc phơ, đôi mắt sắc sảo ẩn dưới hàng lông mày rậm. Bộ râu của ông dài chấm ngực, mặt gày võ vàng, nhưng vẫn có những nét đặc biệt của người trí thức. Người ông nhễ nhại mồ hôi. Ông già khoảng gần bảy mươi tuổi, người còn khỏe, cử chỉ nhanh nhẹn. Ông vui mừng đón tiếp chàng thanh niên, cảm ơn lòng nhiệt tình của anh và chính ông cũng nhận thấy tâm hồn tưởng như đã giá lạnh của mình được sưởi ấm trở lại.

-Trước hết phải tạm thời bịt cái lỗ này lại đã – ông già nói xong liền bê ngay hòn đá ấn vào lỗ hổng – Hòn đá này được nạy ra sơ sài quá, anh không có dụng cụ gì à? Tôi có đầy đủ, trừ một cái giũa. Đây là một cái đục.

Đăngtét ngắm nghía cái đục nhọn rất cứng có chuôi bằng gỗ hỏi: -Bác làm bằng gì thế?

-Bằng cái chốt sắt của cái giường tôi nằm. Tôi đã dùng nó để đào con đường từ buồng tôi đến tận đây, dài vào khoảng năm mươi bộ. Nhưng vì thiếu dụng cụ hình học chính xác, tôi đã đào chệch cái đường huyền mất mười bộ, nên đáng lẽ nó ăn thông ra bức tường trông ra biển thì lại đâm thẳng vào buồng của anh. Công việc thế là hỏng bét cả. Bây giờ muốn đi từ buồng anh ra bức tường trông ra biển thì mười người thợ mỏ với đầy đủ dụng cụ mới đục thủng được bức tường đá. Còn muốn đào xong con đường đó thì phải mất một thời gian là mười năm. Còn có một con đường nữa tới cái hành lang có lính canh. Như vậy khó lòng trốn thoát từ buồng của anh. Thôi, hãy để Thượng đế định đoạt số phận của chúng ta.

-Bây giờ xin bác cho cháu biết bác là ai? – Đăngtét ngạc nhiên trước sự thất vọng của ông già, hỏi.

-Tôi là linh mục Faria bị bắt năm 1811 tại một tỉnh của nước Ý, được chuyển sang Pháp, rồi bị giam giữ ở lâu đài Íp này. Từ năm 1807, tôi đã mơ ước nước Ý đang bị chia năm xẻ bảy thành những vương quốc hèn yếu đâm chém lẫn nhau trở thành một nước Ý thống nhất. Ước mơ này Hoàng đế Napôlêông muốn thực hiện năm 1811. Tôi tưởng ông ta đã nghe theo kế hoạch của tôi, nhưng ông ta lại quá khờ khạo và làm hỏng việc. Thật là tai hại cho nước Ý.

-Tại sao ở đây người ta đồn rằng bác bị mất trí?

-Phải, phải – Linh mục cười chua chát – Tôi đã làm ra vẻ bị mất trí để mua vui cho chúng. Anh nên biết rằng tôi đã tốn công, tốn sức trong bốn năm trời để làm xong những dụng cụ cần thiết và ba năm để đào một con đường trên một địa hình rắn như đá. Tôi đã dùng một cái vòm cầu thang để đổ số đất và đá vụn đào ra. Đến bây giờ cái vòm đó đã đầy ắp không nhét thêm vào đâu được nữa.

Linh mục Faria nói xong, nằm lăn xuống giường của Đăngtét, còn anh thanh niên đứng bên cạnh. Trước đây chưa bao giờ Đăngtét nghĩ đến chuyện vượt ngục. Những sự việc mà vị linh mục vừa nói đã vượt quá sức tưởng tượng của anh. Đào một con đường năm mươi bộ trong ba năm trời để rồi nhảy từ trên cao năm sáu chục bộ xuống biển. Nếu không bị vỡ tan sọ bởi những tảng đá thì cũng dễ bị ăn đạn của bọn lính canh. Nếu may mắn tránh được những rủi ro đó, thì lại còn phải bơi một dặm nữa mới hòng thoát thân. Nghĩ đến những nỗi éo le đó cũng đủ làm người ta phải nản chí. Anh thấy một ông già mà vẫn còn cố bám vào cuộc sống với một nghị lực phi thường như vậy thì cũng đủ nêu cho anh một tấm gương kiên trì và dũng cảm. Rồi anh suy tính: Nếu linh mục Faria đã đào được năm mươi bộ thì anh, một thanh niên khỏe mạnh khéo léo, sẽ phải đào được một trăm bộ. Linh mục đã đào ba năm, anh sẽ đào sau một năm. Một thầy tu già yếu dám bơi từ lâu đài Íp tới một hòn đảo gần đấy thì anh, một thủy thủ bơi giỏi, một thợ lặn, anh chỉ bơi trong một giờ. Được, anh sẽ làm được tất cả.

-Con đường hầm của bác dẫn tới hành lang phải không?

-Phải, vào khoảng mười lăm bước.

-Ở khoảng giữa hành lang chúng ta sẽ đục thẳng lên như hình chữ thập. Chúng ta sẽ nhảy ra ngoài hành lang, giết tên lính canh rồi trốn ra ngoài. Bác có tinh thần dũng cảm và nghị lực cháu có sức khỏe, chúng ta nhất định sẽ thành công.

-Hãy khoan đã anh bạn trẻ ơi. Tôi thừa sức chọc thủng một bức tường và hủy hoại một cái cầu thang, nhưng tôi không dám đâm thủng một bộ ngực và hủy hoại một mạng người.

-Thế nào ạ, để được tự do, bác không dám làm việc đó sao?

-Sao trước kia anh không giết chết tên cai ngục để chạy trốn?

-Cháu chưa nghĩ tới chuyện đó.

-Vì anh thấy ghê tởm trước một tội ác đấy thôi. Một con hổ làm đổ máu vì bản chất, vì thú tính. Nhưng một con người, ngược lại, sợ đổ máu không phải vì luật lệ xã hội ngăn cấm mà vì những quy luật thiên nhiên. Chúng ta hãy chờ một cơ hội khác. Có thể sự may rủi sẽ đem lại cho chúng ta một cơ hội tốt hơn. Anh hãy tin tôi, tôi ở tù đã mười hai năm rồi.

Đăngtét thở dài nói: -Bác chờ đợi lâu thật. Ngoài công việc đào hầm ra, bác còn làm gì để giải sầu không?

-Tôi viết sách và học.

-Người ta cho bác giấy bút và mực à?

-Không, tôi tự chế tạo lấy tất cả. Tôi đã viết xong một cuốn: “Luận cương về một nền quân chủ hợp nhất ở Ý” bằng hai cái áo sơ mi và tôi đã khâu liền lại và phẳng như giấy.

-Ngoài sự hiểu biết về khoa học, triết học, chắc bác còn biết nhiều thứ tiếng nước ngoài?

-Tôi nói được năm thứ tiếng và đang tự học tiếng Hy Lạp mới.

Đăngtét mỗi lúc một thêm ngạc nhiên về khả năng siêu phàm của con người kỳ dị đó.

-Bao giờ bác cho cháu xem những phát minh của bác?

-Ngay bây giờ, nếu anh muốn. Hãy theo tôi.

Nói xong, linh mục chui vào hầm, Đăngtét chui theo sau.

§17. Căn buồng của linh mục

Đăngtét chui theo đường hầm sang buồng linh mục Faria. Anh chăm chú quan sát, nhưng thoạt đầu anh chẳng thấy gì là đặc biệt.

-Tốt lắm – Linh mục nói – Mới mười hai giờ kém 15, chúng ta còn vài tiếng đồng hồ nữa.

Đăngtét không hiểu ông linh mục xem giờ ở đâu mà lại nói một cách chính xác như vậy.

-Anh hãy nhìn tia sáng lọt qua cửa sổ và nhìn những nét tôi vạch trên tường. Nhờ những cái đó tôi biết giờ giấc chính xác như có đồng hồ vậy.

Nói xong, linh mục bước đến cạnh lò sưởi, nạy một viên đá trong lò rồi thò tay vào trong một cái hốc khá sâu, rút ra mấy cuộn băng rộng khoảng mười phân, dài mười tám phân, có đánh số, viết bằng tiếng mẹ đẻ của linh mục.

-Đây là cuốn sách của tôi, gồm sáu mươi tám băng vải. Tôi đã phải dùng hai cái áo và tất cả số khăn mùi soa tôi có. Sau này đem in thành sách chắc có giá trị lắm đây.

Sau đó linh mục cho Đăngtét xem cái quản bút, ngòi bút, mực, một con dao rất sắc được làm toàn bằng những thứ kiếm được trong buồng giam.

-Ban đêm bác làm việc thế nào?

-Tôi lọc mỡ ở thịt trong thức ăn làm thành những cây nến. Còn diêm thì dùng hai hòn sỏi và miếng giẻ rách.

Linh mục xếp những thứ đó vào chỗ cũ rồi đi đến bên giường, dịch nó ra chỗ khác. Đoạn ông nạy một hòn đá đằng sau giường, lôi ra một cái thang dài khoảng ba mươi bộ, rất chắc, được bện bằng sợi vải may quần áo và khăn trải giường.

-Tôi định buộc cái thang này vào cửa sổ mà tôi sẽ cậy hết các chấn song rồi trèo ra bên ngoài. Nhưng khốn nỗi cái cửa sổ này lại trông ra một cái sân có lính canh, nên tôi đành phải bỏ kế hoạch đó và chờ một cơ hội khác.

-Khối óc của bác quả là kỳ lạ. Chắc bác sung sướng lắm vì có được nhiều hiểu biết như vậy.

Linh mục cười, bảo: -Bây giờ đến lượt anh kể cho tôi nghe về cuộc đời của anh.

-Cháu là một người vô cùng bất hạnh và cháu xin thề với bác là cháu hoàn toàn oan uổng.

Rồi anh kể về chuyến đi cuối cùng của anh sang Ai Cập, về cái chết của ông thuyền trưởng Lơclê, về bức thư mà Hoàng đế giao cho anh mang về cho ông Noachiê ở Pari, đến lễ đính hôn của anh với Mécxêđét cho tới khi anh bị bắt.

Nghe xong, linh mục ngồi suy nghĩ khá lâu rồi hỏi anh: -Có ai ghen tức với anh nếu anh được làm thuyền trưởng không?

-Mọi người trên tàu đều yêu mến cháu, trừ viên kế toán Đăngla mà đã có lần giữa cháu và anh ta xảy ra xích mích.

-Hắn có biết anh mang theo bức thư trong người không?

-Có ạ.

-Bức thư tố cáo viết như thế nào?

-Cháu nhớ rất rõ vì đã đọc đi đọc lại ba bốn lần.

Nói xong, Đăngtét đọc bức thư. Linh mục liền nhún vai: -Thật rõ như ban ngày. Anh thật là ngây thơ. Thường ngày chữ của Đăngla viết thế nào?

-Chữ Đăngla viết đứng, còn chữ trong bức thư lại viết ngả.

-Có phải như thế này không?

Linh mục cầm bút chấm vào mực và dùng tay trái viết.

-Ôi! Đúng rồi! Đúng y như chữ viết trong thư tố cáo.

Đăngtét kêu lên như vậy và hoảng sợ nhìn linh mục. Ông lại nói tiếp: -Bây giờ sang câu hỏi thứ hai: Nếu anh lấy cô Mécxêđét có ai ghen tức không?

-Có đấy ạ. Anh họ cô ta, một anh chàng người Catalăng tên là Fécnăng. Có một lần hắn đã dọa đâm cháu.

-Đăngla có quen biết Fécnăng không?

-Có đấy ạ. Trước hôm lễ đính hôn cháu thấy hai đứa ngồi uống rượu với gã thợ may Cađơrút là hàng xóm của cháu. Khi cháu đi qua, cháu nhìn thấy trên mặt bàn có để giấy bút – Rồi Đăngtét ôm đầu kêu lên – Ôi! Những quân khốn kiếp, quân khốn kiếp!

Linh mục lại mỉm cười hỏi tiếp: -Người nào hỏi cung anh?

-Viên phó biện lý, còn trẻ, vào khoảng hăm bảy, hăm tám. Ông ta xử sự với cháu rất lịch sự, ăn nói nhã nhặn và than phiền cho số phận hẩm hiu của cháu. Chính ông ta đã đốt đi bức thư gửi cho ông Noachiê để tiêu hủy tang vật làm cháu mắc tội và sau đó còn bắt cháu thề là không được nói chuyện đó ra.

-Noachiê – Linh mục nhắc lại – Noachiê, tôi biết đó là một đảng viên Girôngđanh trong thời kỳ cách mạng. Thế viên phó biện lý tên gì?

-Đơ Vinlơpho.

Linh mục cười sặc sụa nói: -Cái lão Noachiê ấy là bố đẻ của Vinlơpho.

Như sét đánh ngang tai, Đăngtét ngã quỵ xuống. Hai tay ôm chặt lấy đầu, anh thét lên một tiếng dữ dội loạng choạng bước đến cửa hầm, chui vào và quay trở về buồng giam của mình. Về tới nơi, anh ngã vật xuống giường, suốt cả buổi tối đó anh nằm im lặng như một pho tượng, mắt mở thao láo, không nhúc nhích. Rồi sau đó anh nảy ra một quyết định khủng khiếp và thề những câu rất độc địa.

Sau khi tên cai ngục đi khỏi, Đăngtét thấy linh mục chui sang mời anh ăn chung. Hôm đó là chủ nhật, linh mục được hưởng một cốc rượu do viên giám thị chiếu cố địa vị và sự mất trí của linh mục, đã ban cho đặc ân ấy.

Lúc ngồi vào ăn, Đăngtét lấy lại được vẻ mặt bình thường, nhưng trong lòng anh đã hình thành một quyết định cứng rắn. Linh mục Faria chăm chú nhìn anh rồi lắc đầu buồn bã: -Tôi tự trách mình đã nói cho anh biết rõ sự thật và đã gieo rắc vào lòng anh một ý nghĩ mới mà trước đây anh không có: trả thù.

-Thôi chúng ta nói sang chuyện khác – Đăngtét mỉm cười nói – Cháu là một thanh niên dốt nát chưa mấy hiểu biết về cuộc sống nên cháu rất sung sướng nếu được bác truyền cho cháu những hiểu biết của bác và hẳn vì thế mà bác sẽ được giải trí đôi phần.

-Chao ôi! – Linh mục nói – Những hiểu biết của con người chỉ có hạn. Có lẽ sau vài ba năm tôi dạy anh toán học, lý, hóa, lịch sử và ba, bốn sinh ngữ. Anh sẽ thông thạo những điều tôi dạy. Nhưng đấy mới chỉ là lý thuyết thôi, còn thực hành thì chưa đâu. Vì học chưa phải đã là hiểu biết: học chỉ cần trí nhớ, còn nhận thức thì phải có triết lý. Triết lý không cần phải học, triết lý là thu lượm những khoa học mà các bậc thánh hiền ứng dụng. Triết lý là đám mây rực rỡ mà Chúa Giêxu đã đặt chân vào để bay lên trời.

Từ tối hôm đó, hai bác cháu tù nhân thảo ra một kế hoạch học tập. Đăngtét có một trí nhớ kỳ diệu, một nhận thức tuyệt vời, cho nên chỉ sau sáu tháng anh đã nói được tiếng Tây Ban Nha, tiếng Anh và tiếng Đức. Sau một năm anh đã biến thành một con người khác hẳn.

Còn linh mục Faria, Đăngtét nhận thấy, mặc dù gặp được anh, ông già có phần khuây khỏa bớt, nhưng bộ mặt ông ngày càng trở nên đăm chiêu. Ông có vẻ nghĩ ngợi nhiều, thỉnh thoảng lại thấy ông thở dài và khoanh tay trước ngực đi đi lại lại trong buồng giam. Đột nhiên một hôm ông hỏi: -Đăngtét, anh khỏe lắm phải không?

Đăngtét không trả lời, chỉ cầm cái đục uốn cong lại rồi lại bẻ thẳng ra.

-Anh có dám cam kết là chỉ giết tên lính canh trong trường hợp bất đắc dĩ không?

-Cháu xin lấy danh dự mà thề.

-Vậy thì bây giờ chúng ta đã có thể thực hiện kế hoạch được rồi đấy.

-Cần thời gian bao lâu?

-Một năm, và chúng ta phải bắt tay vào công việc ngay.

Linh mục đưa cho Đăngtét xem một bản sơ đồ vẽ hai cái buồng của ông và Đăngtét. Giữa đường hầm thông sang nhau ông kẻ một đường hầm khác thông ra hành lang có tên lính gác. Tới chỗ đó họ sẽ khoét một cái hố rộng, dỡ một phiến đá lát hành lang. Và đến một lúc nào đó, tên lính canh đi tới thì sẽ trói gô nó lại, nhét giẻ vào mồm. Sau đó hai người trèo qua cửa sổ hành lang dùng chiếc thang trốn ra ngoài.

Đăngtét vỗ tay reo lên, đôi mắt long lanh. Kế hoạch thật đơn giản. Ngay hôm đó, hai thầy trò bắt tay vào công việc với lòng hăng say sau một thời gian dài

nghỉ ngơi, với một ý chí thầm lặng và cương quyết. Số đất đào ra được lần lượt rắc lên cửa sổ từng ít một và được gió cuốn ra xa.

Trong một năm ròng đào bới bằng những dụng cụ do họ tự chế, linh mục vẫn tiếp tục dạy Đăngtét học ngoại ngữ và lịch sử những nước lớn, học về những vĩ nhân, cách đối nhân xử thế, những nghi thức ngoại giao của tầng lớp thượng lưu.

Sau mười lăm tháng, đường hầm đã đào xong. Hai người đã nghe thấy trên đầu tiếng bước chân của tên lính canh. Trong lúc Đăngtét đang dùng một cái xà để chống phiến đá lát hành lang, còn linh mục đang buộc lại cái thang dây ở phía sau thì đột nhiên anh nghe tiếng gọi giật với giọng kêu cứu. Anh chạy vội đến thì thấy linh mục mặt mũi nhợt nhạt, tay co quắp, trán ướt đẫm mồ hôi. Anh vội hỏi:
-Ôi lạy Chúa! Bác làm sao thế này?

-Tôi nguy mất rồi anh ạ. Căn bệnh hiểm nghèo của tôi lại tái phát. Tôi mắc phải nó sau ngày bị bắt giam và bây giờ tôi lại thấy sắp lên cơn rồi. Anh chạy ngay về buồng tôi, nhấc cái giường lên, moi trong một cái chân rỗng, thấy một lọ con đựng một thứ thuốc nước đỏ còn độ một nửa, mang lên đây cho tôi… Hay tốt hơn hết, anh dìu tôi về buồng vì tôi sợ sẽ lên cơn lâu.

Đăngtét vội dìu linh mục về buồng của ông và đặt ông nằm lên giường.

-Cám ơn anh – Linh mục run cầm cập nói – Tôi đang lên cơn đây này. Anh hãy đổ mươi giọt nước trong lọ vào mồm tôi, tôi sẽ qua khỏi thôi. Anh cố gắng giúp tôi… tôi thấy… tôi…

Linh mục chưa nói hết câu, mắt đã trợn ngược, miệng nhăn nhó và rên la thảm thương. Đăngtét phải lấy chăn bịt mồm ông lại, rồi cậy hàm răng cứng nhắc của ông để đổ thuốc. Một giờ sau, bộ mặt linh mục trở lại hồng hào, đôi mắt bình thản, chân tay bắt đầu cử động, và thở đều.

Thấy thế, Đăngtét reo lên: -A! Bác khỏi rồi!

Linh mục còn chưa nói được, chỉ giơ tay chỉ về phía cửa buồng. Đăngtét hiểu là sắp đến giờ tên cai ngục mang thức ăn vào anh vội vã chui về giường mình. Khi tên cai ngục vừa đi khỏi, Đăngtét sốt ruột vội vàng chui sang buồng linh mục. Tuy đã hồi tỉnh nhưng ông vẫn còn nằm nguyên trên giường, lắc đầu.

-Lần trước tôi lên cơn đau nửa giờ, nhưng sau đó tôi đứng dậy được ngay. Lần này tôi bị liệt một chân và một tay, đầu thấy choáng váng. Đến lần thứ ba tôi sẽ tê hệt hẳn và sẽ không sống được nữa đâu.

-Không đâu, bác không thể chết được vì đến lần thứ ba chúng ta đã được tự do rồi và có đủ điều kiện để chữa cho bác khỏi bệnh.

-Nhưng cháu ạ, muốn thoát thân phải đi được và bây giờ bác bị liệt nửa người rồi, làm sao mà bơi được.

-Chúng ta sẽ chờ mười ngày, một tháng, hai tháng nếu cần.

-Cháu ạ, bệnh của bác là một bệnh di truyền. Ông bác, cha bác đều mắc chứng bệnh này và đều bị chết sau lần lên cơn thứ ba. Bác sẽ ở lại đây và cái chết

sẽ là sự giải thoát cho bác. Còn cháu, cháu còn trẻ, còn khỏe, thông minh, cháu hãy trốn đi đừng quan tâm đến bác nữa.

-Không đâu – Đăngtét nói – Cháu xin thề có Chúa là cháu không bỏ bác chết một mình ở đây, cháu sẽ ở lại với bác.

Linh mục nhìn chàng thanh niên hiền hậu, cao quý mà lời nói biểu hiện rõ tấm lòng trung thực. Ông nắm lấy tay anh bảo: -Rồi đây cháu sẽ được đền đáp vì lòng hy sinh không chút vụ lợi và cao cả của cháu.

§18. Kho báu

Sáng hôm sau, Đăngtét trở lại buồng linh mục. Anh thấy ông già cầm trong bàn tay trái còn cử động được một mảnh giấy cuộn tròn. Ông đưa cho anh xem rồi mỉm cười hỏi: -Cháu có biết cái gì đây không? Thử nhìn kỹ xem nào.

-Cháu chỉ thấy nó là một mảnh giấy cháy dở, bên trên viết những chữ kiểu Gôtích và bằng một thứ mực kỳ lạ.

-Bác bảo để cháu biết mảnh giấy này là kho tàng của bác và từ ngày hôm nay một nửa của nó thuộc về cháu.

Đăngtét toát mồ hôi trán. Từ trước tới nay anh đã tránh không muốn nói tới cái kho tàng mà do nó ông linh mục bị người ta cho là mất trí. Hôm nay ông lại nhắc tới. Có thể ông sắp lên cơn điên chăng? Linh mục nói tiếp: -Phải, thấy cháu tái mặt và run run, bác biết là cháu lại cũng cho bác sắp lên cơn điên. Nhưng không đâu, cháu cứ yên tâm. Cháu Đăngtét, kho tàng này có thật đấy, không một ai tin lời nói của bác và đều cho là bác mất trí. Còn cháu, cháu biết là bác không mất trí và cháu sẽ tin bác. Giờ đây bác phải gấp rút nói cho cháu biết. Biết đâu ngày mai hoặc ngày kia cơn thứ ba sẽ xảy đến cho bác, thế là mọi việc đều hỏng cả. Lắm lúc bác cảm thấy chua xót bởi một kho tàng khổng lồ như vậy sẽ trở thành vô dụng vì sự ngu xuẩn và độc ác của những kẻ mà bác căm thù. Và bây giờ, bác đã biến lòng căm thù bọn chúng thành tình thương yêu, bác dành nó cho cháu, vì bác thấy cháu còn trẻ và đầy hứa hẹn. Cháu xứng đáng được hưởng niềm hạnh phúc này.

Étmông quay đầu đi, thở dài. "Ta đành phải chiều theo ý người!" Anh nghĩ bụng và cầm lấy mảnh giấy đã cháy mất một nửa lên đọc:

Người thừa kế duy nhất của tôi…

…một kho tàng trị giá hai…

…tiền La Mã ở cái hố thứ hai

25 tháng Tư năm 1498

-Thế nào? – Linh mục hỏi – Cháu chả hiểu gì cả phải không? Nhưng bác, bác đã tốn rất nhiều đêm mới lần mò tính toán tìm cho ra những dòng chữ đã bị cháy để xây dựng lại tờ di chúc. Trước hết, bác cho cháu biết lịch sử của nó như sau: Cháu phải biết rằng trước đây bác làm thư ký riêng của Hồng Y giáo chủ Xpađa, người cuối cùng của dòng họ Xpađa nổi tiếng giàu có.

Một hôm Giáo chủ đưa cho bác xem cuốn lịch sử thành Rôma. Nhờ đó bác được biết cụ tổ của Giáo chủ bị Giáo hoàng Alêchxăngđrơ VI đầu độc để chiếm đoạt gia sản, lấy tiền xây dựng cơ nghiệp ở Ý và gây chiến với hoàng đế Pháp Lu-i XII. Sau khi chiếm đoạt được gia sản của Xêda Xpađa, Giáo hoàng không tìm thấy kho tàng quý giá mà chỉ thấy một tờ di chúc để lại cho người cháu

những đồ đạc và sách vở trong đó có một cuốn kinh thánh mạ vàng, in rất đẹp được truyền lại cho các con cháu đời sau, cuối cùng là cho vị Hồng y giáo chủ mà bác làm thư ký riêng. Năm 1807 Giáo chủ mất và để lại cho bác toàn bộ sách vở của Người cùng với cuốn kinh thánh.

Bác rời Rôma đi Florenxơ và một đêm bác trở dậy thấy ngọn đèn tắt ngấm. Bác sờ tìm bao diêm, không thấy đâu, nhưng nhớ là trong cuốn kinh thánh có một mảnh giấy vàng khè dùng để đánh dấu trang. Bác liền dùng mảnh giấy đó để châm đèn. Khi gí mảnh giấy vào một ngọn nến sắp tàn, bác nhìn thấy tờ giấy trong khi cháy, có những dòng chữ hiện dần lên ở chân ngọn lửa. Bác hoảng hốt, dập tắt ngay mảnh giấy đã bị cháy mất một nửa và nhận thấy các chữ được viết bằng một thứ mực đặc biệt và chỉ hiện ra khi bị hơ thật nóng.

Mảnh giấy còn lại là mảnh giấy cháu vừa được đọc đấy. Và đây là toàn bộ tờ di chúc mà bác đã xây dựng lại bằng cách đo khoảng cách của các dòng chữ, của các chữ viết và tìm ra được những chữ thiếu. Cháu hãy ghép hai mảnh giấy lại với nhau và đọc tiếp đi.

Đăngtét đọc:

Hôm nay, ngày 25 tháng Tư năm 1498, được tin Giáo hoàng Alêcxăngđrơ VI mời đến dự tiệc, tôi biết là sẽ cùng chung số phận với các Hồng y giáo chủ Gaxpa và Bentivô bị đầu độc. Tôi tuyên bố để lại cho cháu tôi là Guyđô Xpađa, người thừa kế duy nhất của tôi, một kho tàng mà tôi đã chôn giấu trong một cái hang ở đảo Môngtơ Critxtô, gồm vàng nén, tiền vàng, châu báu, đồ trang sức trị giá vào khoảng hai triệu đồng La Mã, ở cái hố thứ hai của tảng đá thứ hai mươi, bắt đầu từ cái vụng nhỏ dọc theo núi đá.

"25 sáng Tư năm 1498 – Xêda Xpada"

Đọc xong, Đăngtét hỏi: -Tìm được kho tàng này bác sẽ dùng làm gì?

-Bác có một ước mơ to lớn là thống nhất nước Ý cho nên đã bị cơ quan cảnh sát của hoàng gia theo dõi. Bác vừa bước chân tới Piômbimô thì bị bắt. Bây giờ cháu đã biết kết cục đó ra sao rồi. Bác cháu ta sẽ chia đôi kho tàng đó, nếu chẳng may bác chết, nó sẽ thuộc về cháu. Một di sản lớn lắm, vào khoảng mười ba triệu tiền bây giờ.

-Thật quá sức tưởng tượng – Đăngtét hoảng sợ nói – Thế không còn người thừa kế nào khác nữa ư?

-Không còn ai cả. Hồng y giáo chủ Xpađa là người cuối cùng của dòng họ Xpađa. Khi để lại cho bác cuốn kinh thánh kỳ diệu đó, bác đã trở thành người thừa kế duy nhất của Người. Ngày nay, nếu chẳng may bác chết, cháu sẽ là đứa con của bác. Vì Thượng đế đã phái cháu xuống để an ủi một người tù không thể vượt ngục được, một con người không thể có con được.

§19. Lên cơn lần thứ ba

Linh mục Faria chưa biết đảo Môngtơ Crixtô ra sao, Đăngtét lại biết rất rõ vì anh đã đi qua đó nhiều lần. Đó là một hòn núi đá hình nón hoàn toàn hoang vắng, nằm ở giữa đảo Coócxơ và đảo Enbơ. Anh bèn vẽ sơ đồ cho linh mục và linh mục hướng dẫn anh cách tìm ra cái kho báu. Đối với hai con người xấu số này, những ngày bàn bạc trở thành những ngày sung sướng nhất và chóng hết nhất. Ngoài ra, tuy bị liệt một tay và một chân, trí óc của linh mục Faria vẫn sáng suốt và ông già vẫn tiếp tục dạy anh thanh niên học. Tuy nhiên những lúc xa nhau, mỗi người lại theo đuổi những ý nghĩ riêng của mình.

Một đêm, Đăngtét đang ngủ bỗng giật mình tỉnh giấc vì anh nghe hình như có tiếng người gọi tên anh kèm theo tiếng rêu rỉ. Như có linh tính báo trước, anh vội vã chui sang buồng linh mục thì thấy ông già mặt tái nhợt, nhăn nhó, đứng chống tay vào thành giường. Gương mặt khủng khiếp của linh mục cho thấy rõ là cơn thứ ba đang đến. Anh kêu lên một tiếng đau đớn và muốn chạy ra cửa để kêu cứu. Nhưng linh mục vẫn còn sức để nắm tay anh lại: -Đừng có dại dột thế cháu. Bọn cai ngục mà khám phá ra bí mật của chúng ta thì chết cả đôi.

-Ôi bác ơi, trong lúc xúc động quá cháu đã quên khuấy đi mất. Cháu còn có thể cứu bác được một lần nữa.

Nói xong, Đăngtét đến chân giường moi ra lọ thuốc rồi ôm lấy ông già đặt nằm lên giường. Ông già thều thào: -Bác thấy người lạnh toát rồi. Chỉ năm phút nữa cơn sẽ lên tới cực độ và sau mười lăm phút bác sẽ không còn nữa.

Đăngtét quì xuống, gục đầu vào thành giường. Ông già nói tiếp: -Nghe đây cháu, đứa con yêu quý mà Thượng đế đã ban cho ta, cái kho tàng của dòng họ Xpađa là có thật. Con hãy trốn ra đảo Môngtơ Crixtô để hưởng lấy kho báu đó. Ta chúc con giàu sang, hạnh phúc mà con xứng đáng được hưởng. Vĩnh biệt!?! Vĩnh biệt con yêu quý?!!

Linh mục phều phào, rồi dùng hết sức tàn nói tiếp: "Môngtơ Crixtô !?!… Đừng quên Môngtơ Crixtô !!!…"

Chân tay ông già co quắp lại, mắt trợn ngược, mép sùi bọt đỏ như máu. Đăngtét vội cạy hàm răng nhỏ đúng mười giọt thuốc vào miệng ông già. Anh chờ năm phút, mười phút, rồi nửa giờ chẳng thấy chuyển biến gì bèn đổ nốt chỗ thuốc còn lại vào miệng ông. Lập tức có phản ứng ngay: người ông linh mục run bắn lên, đôi mắt mở to nom rất ghê sợ. Ông thở dài gần như kêu lên rồi dần dần nằm im không động đậy nữa.

Étmông cúi xuống để tay lên ngực linh mục Faria. Một lát sau thấy người ông già lạnh dần và tim không đập nữa, đôi mắt ông tuy đã hết sinh khí vẫn mở trừng trừng. Ánh sáng chập chờn của cây nến lướt trên khuôn mặt trắng bệch của xác

chết. Một nỗi kinh hoàng ghê gớm không thể kìm hãm được xâm chiếm tâm hồn Đăngtét. Anh lấy tay cố vuốt đôi mắt trắng dã nhiều lần nhưng không được. Anh vội vàng tắt cây nến rồi trở về buồng mình vì đã sắp đến giờ cai ngục mang thức ăn vào. Anh nôn nóng muốn biết sự thể ở buồng linh mục ra sao nên anh chẳng thiết gì ăn uống.

Khi tên cai ngục vừa ra khỏi, anh chui ngay vào đường hầm. Vừa đến cuối hầm đã nghe thấy trong buồng linh mục có tiếng huyên náo. Tên cai ngục đang kêu thất thanh, gọi mấy tên khác tới, và sau đó là viên giám thị. Étmông nghe tiếng chúng lay xác chết trên giường và viên giám thị ra lệnh dội nước lên mặt vị linh mục. Thấy không ăn thua gì, viên giám thị liền cho đi mời bác sĩ.

-Thế là lão già mất trí đã trở về với cái kho tàng của lão – Tiếng một đứa giễu cợt.

-Lão có bao nhiêu triệu mà lúc chết chẳng có lấy một mảnh vải liệm – Tiếng đứa khác tiếp theo.

-Chúng ta sẽ tặng cho lão một cái bao tải chứ sao.

Étmông nghe không sót một câu nào. Anh ngồi không nhúc nhích và hầu như nín thở. Một lát sau, viên giám thị trở lại cùng với một bác sĩ trại giam. Mấy phút im lặng rồi tiếng thịt cháy xèo xèo, mùi khét lẹt bốc lên. Tiếng bác sĩ: -Đốt thịt thế này rồi mà chẳng thấy chuyển, chứng tỏ lão già này chết thật sự rồi.

Sau đó có tiếng người ra vào tấp nập, Đăngtét nghe thấy tiếng chiếc giường kêu cọt kẹt, tiếng một vật được di động và tiếng vải sột soạt. Rồi có tiếng viên giám thị: -Mười giờ đêm nay sẽ khiêng lão đi. Chẳng cần phải canh gác làm gì, cứ khóa cửa để đấy.

Có tiếng chân người bước ra khỏi buồng rồi tiếng chìa khóa nghiến trong ổ khóa. Sự im lặng ghê rợn của cái chết tràn ngập khắp nơi, xâm nhập vào tâm hồn giá lạnh của chàng thanh niên.

Trong buồng không còn ai nữa. Đăngtét chui ra khỏi đường hầm vào buồng giam linh mục mà lúc này chỉ là cái nhà xác.

§20. Nghĩa địa của lâu đài Íp

Một chiếc bao vải thô đặt nằm dài trên giường. Những chỗ lồi lõm hằn lên một hình người, dài và cứng đờ. Đó là linh mục Faria nằm trong tấm vải liệm không mất tiền mua. Thế là hết. Anh phải xa một người thân thiết, một người cùng cảnh mà cuộc sống chung đã đem lại cho anh biết bao sức mạnh, biết bao nghị lực, biết bao hiểu biết. Anh ngồi xuống giường, ngao ngán, cảm thấy mình từ nay vô cùng cô đơn và đau khổ.

Có một lúc anh muốn tự sát để đi theo linh mục Faria vì cái chết sẽ là một sự giải thoát để chấm dứt những nỗi đau thương. Nhưng rồi anh lại từ bỏ cái ý nghĩ xấu xa, hèn nhát đó, và đột nhiên anh thấy khát khao cuộc sống tự do. Không, anh phải sống và chiến đấu đến cùng để chiếm lại niềm hạnh phúc đã bị chiếm đoạt, để trả thù những tên khốn kiếp đã làm hại đời anh, cũng như để đền ơn những người đã xử tốt với mình.

"Ôi, lạy Chúa! Chỉ có chết mới ra khỏi được đây sao?"

Chết mới ra khỏi đây! Câu nói đó tù miệng anh thốt lên lại đập vào tai anh, và như một tiếng vang lặp đi lặp lại trong óc anh, làm anh chợt nảy ra một ý nghĩ táo bạo. Anh kêu lên: "Thì ta hãy đi theo con đường của người chết chứ sao".

Anh vội vàng cầm con dao sắc của linh mục, cắt dây, mở bao tải, kéo xác chết ra ngoài, mang sang buồng anh rồi đặt lên giường. Anh đội cái mũ của anh lên đầu xác chết, để xác bác linh mục Faria quay mặt vào tường, lấy cái chăn đắp lên người. Anh làm như vậy khi để tên cai ngục mang thức ăn vào giường vẫn tưởng là anh đang ngủ như thường lệ. Xong đâu đấy, anh trở lại buồng linh mục, lấy kim chỉ, chui vào bao tải rồi khâu đầu bao ở bên trong lại. Anh định bụng, nếu trong lúc đi đường, những đứa khiêng anh phát hiện thấy sự giả mạo, anh sẽ dùng dao rạch cái bao ra rồi chạy trốn. Nếu chúng đuổi theo, anh sẽ phải dùng dao để khử chúng. Nếu chúng đem ra nghĩa địa chôn, chờ chúng lấp đất xong, anh sẽ bới đất chui lên rồi tẩu thoát.

Anh chỉ còn một mối lo ngại là đến bảy giờ tối tên cai ngục có thể đem thức ăn vào, trái với thường lệ, sẽ đánh thức anh dậy thì kế hoạch bị lộ. Nhưng quá giờ đó không thấy động tĩnh gì, anh biết là mình đã thoát.

Mười giờ đêm, anh nghe có tiếng chân người bước vào buồng. Anh cố nín thở, lấy hết can đảm chờ. Nhìn qua khe hở của bao tải, anh thấy hai đứa tiến đến cạnh giường, còn đứa thứ ba cầm đuốc đứng ở cửa buồng. Một đứa nhấc đầu chiếc bao tải lên, rồi nói một câu làm anh rợn tóc gáy: -Lão già này trông gầy gò thế mà nặng đáo để.

Hai đứa đặt chiếc bao lên cáng rồi khiêng ra khỏi buồng. Tên cầm đuốc đi trước soi đường. Chúng khiêng cái bao lên khỏi cầu thang. Chỉ một lát sau anh

thấy mát lạnh và khoan khoái hít thở bầu không khí trong lành ngoài trời. Đi được vài chục bước, chúng đặt cáng xuống đất. Anh nghe có một vật nặng rơi gần người rồi một sợi dây thừng siết chặt vào chân anh làm anh đau nhói. Chúng lại khiêng cáng đi và một lát sau anh nghe có tiếng sóng vỗ rì rầm đập vào những tảng đá.

-Trời xấu quá – Một đứa nói – Đêm nay mà đi biển thì chả thú vị gì.

-Linh mục sẽ bị ướt như chuột lột mất thôi.

Cả ba đứa cùng phá lên cười. Đăngtét không hiểu câu nói đùa của chúng nhưng cảm thấy sởn gai ốc. Được vài bước đi nữa, Đăngtét thấy một đứa nắm đầu, một đứa nắm chân anh nhấc bổng lên rồi thấy chúng đung đưa anh như đưa võng, đồng thời cùng đếm: Một… hai… ba… này!

Tức thì người anh bị tung lên trong khoảng không vô tận, rơi xuống, rơi xuống mãi, tựa hồ như một con chim bị thương. Một nỗi kinh hoàng khủng khiếp làm toàn thân anh giá lạnh. Một vật rất nặng kéo tuột người anh xuống phía dưới, lao xuống rất nhanh như một mũi tên, xuống nước lạnh ngắt làm anh buột ra một tiếng kêu rùng rợn.

Đăngtét đã bị quẳng xuống biển với một hòn đạn đại bác nặng ba mươi sáu cân buộc vào chân.

Vậy, cái nghĩa địa của lâu đài Íp chính là biển cả!

§21. Đảo Tibulen

Đăngtét bị choáng váng, gần như nghẹt thở. Nhưng anh nhanh trí, cầm con dao sắc đã chuẩn bị từ trước rạch cái bao và chui được ra ngoài. Song anh vẫn thấy một vật gì nặng cứ kéo anh xuống phía dưới. Anh vội co người lại, nắm được sợi dây thừng quấn ở cổ chân, nghiến răng, cố lấy hết sức cầm dao cắt đứt được sợi dây thừng. Tức thì anh dùng chân đạp mạnh một cái, và nhô lên được khỏi mặt nước.

Anh hít một hơi không khí, rồi lại hụp ngay xuống nước để đề phòng có ai nhìn thấy chăng. Một lát sau anh ngoi lên và thấy đã cách xa chỗ bị quẳng xuống khoảng năm mươi bước.

Bầu trời đen như mực, biển động rất mạnh như báo trước một cơn dông tố. Trước mặt anh, trên nền trời đen ngòm, in hình tòa lâu đài khủng khiếp. Anh định được phương hướng. Xung quanh lâu đài Íp có mấy hòn đảo có người ở, riêng đảo Tibulen ở cách xa một dặm là hoang vắng. Giữa lúc đó anh thấy phía xa cây đèn biển le lói như một ngôi sao, và cứ bơi theo phía bên trái là sẽ tới được đảo đó. Những lời dặn dò của linh mục Faria vẫn còn văng vẳng bên tai như tiếp thêm cho anh sức lực và lòng can đảm trong lúc nguy nan.

Anh vẫn bơi, lòng tràn đầy niềm sung sướng vô hạn của một con người tự do. Khoảng một giờ sau, hình bóng tòa lâu đài khủng khiếp đã khuất trong đám sương mù của đêm tối. Anh bơi ngửa để nghỉ một lát, nhưng biển động mỗi lúc một mạnh, bầu trời càng tối đen. Một đám mây dày đặc sa xuống mặt nước và bỗng nhiên anh thấy đau nhói ở đầu gối. Anh lấy tay sờ thì tay chạm phải một hòn đá. Ở cách xa anh chừng hai mươi bước là đảo Tibulen với những tảng đá hình thù cổ quái.

Đăngtét tiến vào bờ, lần đi được vài bước rồi nằm bên một tảng đá. Anh cảm ơn Thượng đế đã dành cho anh một cái giường rất êm, nhất là trong lúc này. Rồi mặc cho bão táp, mặc cho những giọt mưa bắt đâu rơi, mặc cho người mệt nhoài, anh đánh một giấc ngon lành, tâm hồn sảng khoái và đê mê bởi một niềm hạnh phúc mà không bao giờ anh ngờ tới. Một giờ sau, một tiếng sét nổ long trời làm anh choàng dậy. Cơn bão đang điên cuồng lòng lộn, thỉnh thoảng một tia chớp lóe lên chiếu sáng nền trời đầy mây và những ngọn sóng đang dồn dập xô vào bờ.

Bằng con mắt sắc sảo của một thủy thủ lành nghề, Đăngtét nhìn xung quanh tìm một tảng đá cao nhất để trú ẩn. Anh ngồi thu mình trong một cái hốc nhỏ, những đợt sóng bắn tung tóe sát chân anh. Anh có cảm tưởng hòn đảo đang rung lên như một con tàu bị đứt neo quay cuồng trong bão táp bao la, lôi anh xuống đáy biển. Anh sực nhớ ra là từ hai mươi bốn giờ qua anh chưa ăn một chút gì.

Bụng anh đói cồn cào và khát khô cả họng. Anh giơ tay hứng nước mưa uống. Một tia chớp lóe lên làm sáng rực một góc trời giúp anh trông thấy ở phía xa xuất hiện một con thuyền đánh cá tựa hồ một bóng ma nhấp nhô trên làn sóng.

Một tia chớp nữa làm anh nhìn thấy có bốn người đang bấu víu vào cột buồm, và người thứ năm cầm chiếc bánh lái đã bị gãy. Họ đang kêu la thảm thiết và tuyệt vọng. Trên cột buồm, một cánh buồm rách bươm, ngả nghiêng tung bay trước gió, rồi bỗng dưng nó bị tiếng "rắc" rùng rợn kéo theo những tiếng kêu thất thanh vọng tới tai anh.

Một tia chớp khác làm anh thấy chiếc thuyền đã bị vỡ tung và giữa những mảnh thuyền trôi lềnh bềnh trên sóng, những bộ mặt trắng bệch và những cánh tay giơ lên trời. Cảnh tượng khủng khiếp ấy chỉ diễn ra trong giây lát, cảnh vật lại chìm vào trong đêm tối. Đăngtét chú ý nhìn, nghe ngóng. Không còn một tiếng động nào, một tiếng kêu la nào, mà chỉ còn cơn bão hãi hùng đang gào thét trong gió rít và trên những ngọn sóng bọt tung trắng xóa.

Ngày đã rạng, Đăngtét đứng lặng lẽ nhìn cảnh tượng hùng vĩ của đất trời mà đã từ lâu lắm anh không được thấy. Biển đã lặng. Xác chiếc thuyền đánh cá nhô lên khỏi mặt nước lặng như tờ.

Anh nghĩ thầm: "Một vài giờ nữa tên cai ngục sẽ mang thức ăn vào. Nhìn thấy xác linh mục nằm trên giường của ta, hắn sẽ khám phá ra mưu mô của ta và báo động. Chúng sẽ hỏi những đứa đã quẳng ta xuống biển. Bọn này sẽ khai là có nghe thấy tiếng kêu của ta lúc sắp rơi xuống nước. Rồi chúng sẽ bắn súng hiệu và bọn cảnh binh nai nịt đầy đủ vũ khí sẽ chèo thuyền đi tìm. Bọn cảnh binh và đặc vụ ở trên bờ sẽ được lệnh truy nã tên tù vượt ngục, và thế là ta sẽ bị bao vây bởi đất, bởi trời và bởi những con người hung hãn. Tính mạng của ta sẽ nằm trong tay bất cứ kẻ nào bắt được ta đem nộp để lĩnh hai mươi frăng tiền thưởng".

Trong lúc Đăngtét đang lo sợ như thế thì đôi mắt rất tinh tường của anh phát hiện một cánh buồm nhỏ ở phía chân trời. Dần dần hiện ra một chiếc thuyền buồm. Qua hình dáng anh nhận ra được là thuyền của người Ý đi từ cảng Mácxây tới và đang rẽ sóng tiến về phía anh. Đăngtét nghĩ thầm có lẽ chiếc thuyền này là của bọn buôn lậu hoặc cướp biển. Chúng sẽ sẵn sàng bán rẻ anh hơn là làm một việc lương thiện.

Đang phân vân, không biết sẽ đối xử và trả lời chúng ra sao, Đăngtét quay lại nhìn chiếc thuyền đánh cá bị đắm. Anh thấy một chiếc mũ vải của một thủy thủ mất tích mắc vào một mỏm đá. Gần đó, một vài xà gỗ nổi lềnh bềnh trên mặt nước. Anh nẩy ra một ý, bơi ra chỗ đó, vớ lấy một cái xà gỗ, đội chiếc mũ vải lên đầu rồi tiến ra chiếc thuyền buồm lúc này cũng đang tiến gần. Tuy đã kiệt sức nhưng anh vẫn ngồi thẳng trên cái xà, tay cầm mũ vẫy, miệng kêu cứu. Tiếng kêu thất thanh của anh vọng tới tai những người trên thuyền và lập tức có hai người chèo một chiếc xuồng con đến. Giữa lúc đó anh bị luồng sóng rất mạnh lật anh

xuống biển. Chân tay rã rời, người mệt lả anh cố ngoi lên, thét lên một tiếng rùng rợn của một người sắp bị nước cuốn trôi. Một đợt sóng khác lại dìm anh xuống sâu. Anh vừa kịp ngoi lên thì một bàn tay nắm lay tóc anh và cùng lúc đó anh ngất đi.

Lúc mở mắt Đăngtét thấy mình nằm trên sàn thuyền, anh thốt lên một tiếng reo mừng. Một thủy thủ đang cầm một cái chăn dạ xát mạnh vào chân tay và mình mẩy anh. Một thủy thủ khác ấn cái bầu đựng rượu vào miệng anh. Người thứ ba, mà anh đoán là chủ thuyền hoặc hoa tiêu, đang nhìn anh bằng con mắt ái ngại. Sự chăm sóc của hai thủy thủ làm anh hồi tỉnh và mấy ngụm rượu rum sưởi ấm thêm cho anh.

Thấy anh đã có vẻ tỉnh, người chủ thuyền hỏi anh bằng tiếng Pháp lơ lớ: -Anh là ai và ở đâu đến?

-Tôi là một thủy thủ ở đảo Mantơ, làm việc trên một chiếc tàu chở rượu từ Ý về đến đây thì bị đắm. Ông thuyền trưởng bị va đầu vào một mỏm đá chết và ba bạn đồng nghiệp của tôi cũng bị mất tích – Đăngtét đáp bằng tiếng Ý và chỉ về phía chiếc thuyền bị đắm – Cảm ơn các bạn đã cứu tôi sống, nếu không tôi đã nằm trong bụng cá rồi. Lúc nãy bạn nào đã nắm tóc tôi kéo lên?

Một thủy thủ vẻ mặt thật thà, chất phác, có bộ râu quai nón đen đáp: -Tôi đây, chỉ chậm một tí nữa là anh đi đứt. Trông thấy bộ tóc và râu dài của anh, tôi cứ ngỡ anh là quân cướp biển. Bây giờ anh tính sao? – Người chủ thuyền hỏi.

-Chao ôi – Đăngtét đáp – Chiếc thuyền bị đắm rồi, ông thuyền trưởng và bạn tôi không còn nữa. Tôi mong các ông thả tôi xuống một cảng gần nhất và tôi sẽ đi kiếm việc làm.

-Anh hiểu rõ Địa Trung Hải chứ?

-Tôi đi biển từ thuở nhỏ, không một bến nào tôi không biết và nhắm mắt cũng tìm được đường đi, mặc dù khó khăn, hiểm trở đến mấy.

-Thế thì còn đợi gì mà chả cho anh ta gia nhập vào bọn mình – Người thủy thủ đã cứu Đăngtét nói.

-Được – Người chủ thuyền nói – Để còn xem tài anh ta ra sao đã. Anh hãy cầm lái cho thuyền này lên đường đi Livoocnô xem sao.

Đăngtét bước ra điều khiển tay lái và bảo mấy thủy thủ làm theo lệnh của mình với một kinh nghiệm nhà nghề rất thành thạo khiến người chủ thuyền nhìn anh ngạc nhiên và thán phục.

Thuyền buồm len lỏi qua những núi đá rồi vững vàng ra khơi để về phía đảo Fiom dưới sự điều khiển khéo léo của Đăngtét. Mọi người thấy anh có đôi mắt sáng, vóc người khỏe mạnh và nhanh nhẹn đều trầm trồ, khen ngợi.

Jacôpô, tên người thủy thủ đã cứu anh, đưa cho anh mượn một bộ quần áo để mặc, một mẩu bánh mì và một bầu rượu rum. Anh vừa đưa bầu rượu lên môi thì

ở phía lâu đài Íp có một làn khói trắng bay lên bầu trời, rồi một tiếng súng nổ vang. Chủ thuyền và các thủy thủ đều ngạc nhiên nhìn về phía đó.

Đăngtét điềm nhiên tu hết chỗ rượu còn lại rồi chậm rãi nói: -Chắc có một tên tù vượt ngục và người ta bắn súng báo động đấy.

Nói xong, anh lại đàng hoàng ra ngồi bẻ lái. Khi chiếc thuyền buồm đã đi khỏi lâu đài Íp, Đăngtét hỏi Jacôpô: -Hôm nay là ngày bao nhiêu nhỉ? Tôi đi chuyến này lâu quá nên quên cả ngày tháng.

-Ngày 28 tháng Hai năm 1829.

Tính đến hôm nay, Đăngtét bị bắt vừa đúng mười bốn năm. Anh bước vào lâu đài Íp hồi mới mười chín tuổi, bây giờ đã ba mươi ba.

Một nụ cười chua chát và đau khổ nở trên môi anh. Giờ đây, Mécxêđét ra sao sau khi cho là anh đã chết? Anh càng thêm căm thù bọn khốn kiếp đã hãm hại đời anh.

§22. Bọn buôn lậu

Đăngtét mới sống có một ngày với những người bạn mới mà anh đã biết được ông chủ chiếc thuyền buồm Amêli này là ai. Những ngôn ngữ, cử chỉ của họ không thể lọt qua cặp mắt tinh tường của anh. Ngược lại, ông chủ thuyền vẫn chưa hoàn toàn tin cậy vào anh vì nghề buôn lậu của ông bắt buộc phải đề phòng những mánh lới và thủ đoạn của hải quan. Thoạt đầu, ông nghi anh là nhân viên hải quan trá hình. Sau khi nghe phát súng nổ trên lâu đài Íp, ông lại ngờ anh là tù vượt ngục nên thấy vững tâm hơn. Rồi dần dần thấy anh thông thạo nghề đi biển, nói năng dịu dàng và điềm đạm, ông thấy hài lòng có được một người giúp việc nhanh nhẹn và tháo vát như vậy.

Khi thuyền cập bến Livoocnô, Đăngtét tìm đến một hiệu cắt tóc để xem mặt mũi mình ra sao sau mười bốn năm trời. Người thợ rất ngạc nhiên khi thấy khách có bộ tóc dài chấm lưng và bộ râu rậm đen ngòm. Khi bộ tóc đã được sửa sang gọn ghẽ, bộ râu đã được cạo nhẵn, Đăngtét cầm gương lên soi và giật mình trước sự biến đổi của bộ mặt mình.

Bộ mặt tròn trĩnh của chàng thanh niên lúc bước chân vào lâu đài Íp bây giờ đã là bộ mặt gân guốc, cứng rắn của một con người đầy nghị lực. Đôi lông mày uốn cong trên cặp mắt u buồn, sắc sảo, ánh lên những tia chán chường và lòng ckăm thù thầm kín. Da mặt từ lâu không tiếp xúc với ánh nắng trở nên xanh nhợt và mớ tóc đen nhánh làm cho khuôn mặt anh lại có một vẻ đẹp đài các của giới thượng lưu. Những hiểu biết mà anh đã học tập được trong tù phản chiếu thêm lên bộ mặt vẻ thông minh, lanh lợi. Tầm vóc to lớn của anh một phần là do kết quả của những năm tháng lao động đào hầm trong tù, biểu lộ một sức lực phi thường. Giọng nói của anh cũng đã thay đổi, lúc dịu dàng, lúc đanh thép. Nhìn vào mặt mình trong gương anh phải mỉm cười vì mình cũng không nhận ra mình thì còn một ai biết đây là Etmông Đăngtét xưa kia nữa!

Ở hiệu cắt tóc ra, anh đi mua một bộ quần áo thủy thủ mới, mặc vào. Khi trở về thuyền, ai cũng phải kinh ngạc thấy anh chàng râu tóc xồm xoàm sắp chết đuối, đã đổi lốt thành một thủy thủ lịch sự, bảnh bao. Anh báo với mọi người rằng thời hạn để tang của anh đã chấm dứt nên anh có thể cắt tóc và cạo râu được. Người chủ thuyền cũng có cảm tình với anh nên muốn thuê mượn anh lâu dài, nhưng anh chỉ nhận giúp việc trong ba tháng thôi.

Chiếc thuyền cập bến Livoocnô tám ngày, khi trong khoang đã đầy ắp hàng cấm, nó lại lên đường đi đảo Coócxơ. Chiếc Amêli rẽ sóng ra khơi, đưa Étmông đến chân trời xanh thẳm mà anh đã từng sống trong thời niên thiếu và hằng mơ ước trong bao năm bị giam cầm. Sáng hôm sau, anh lên sàn thuyền đứng nhìn về một hòn núi đá lởm chởm mà ánh dương nhuộm đỏ: đó là đảo Môngtơ Crixtô.

Anh muốn nhào xuống để bơi ra hòn đảo thần kỳ ấy, và với tài bơi của anh chỉ mất chừng nửa giờ thôi… Nhưng anh nghĩ không có vũ khí, không có dụng cụ để đào bới thì cũng vô ích và chỉ tổ gây thắc mắc cho những người trên thuyền, nên anh chờ. Một con người như Đăngtét đã chờ đợi tự do trong mười bốn năm trời, bây giờ đây anh đã biết chờ đợi dù là sáu tháng, dù là một năm để chiếm cái kho tàng khổng lồ đó. Anh đã nắm được mọi chi tiết bản sơ đồ và đã học thuộc lòng tờ di chúc của Hồng y giáo chủ Xpađa theo lời chỉ bảo tận tình của linh mục Faria, nên không cần phải vội vã lắm.

Chiếc thuyền buồm vẫn tiến về đảo Coócxơ. Một đêm, người ta nhìn thấy có ánh đèn le lói trên bờ. Trên thuyền một chiếc đèn hiệu được treo lên và một lát sau có bốn chiếc xuồng từ trong bờ chèo ra đậu sát vào chiếc Amêli.

Đến hai giờ sáng, số hàng hóa đã được chuyển hết xuống những chiếc xuồng rồi được đưa lên bờ rất kín đáo và an toàn. Theo luật lệ của những người buôn lậu, số tiền lời được chia ngay ngày hôm sau, và mỗi người được một trăm đồng tiền Ý. Sau đó chiếc Amêli lại chở thuốc lá và rượu vang đến đảo Luýcxơ, nhưng lần này bị chạm trán với nhân viên hải quan. Một cuộc đọ súng đã xảy ra. Kết quả một nhân viên hải quan bị hạ và hai thủy thủ bị thương. Đăngtét là một trong hai thủy thủ đó. Một viên đạn đã xuyên qua vai trái anh.

Đăngtét hầu như lấy làm sung sướng về cuộc đọ súng đó và anh hài lòng về vết thương của mình, vì những cái đó đã dạy cho anh cách đối diện với gian nguy và cách chịu đựng đau đớn. Anh đã nhìn người hải quan chết, nhưng do tình cảm nhân đạo đã nguội lạnh, anh hầu như không thấy xúc động gì. Jacôpô thấy anh ngã xuống, chạy đến nâng anh dậy và sau đó đã săn sóc anh một cách tận tình. Đăngtét lấy làm ngạc nhiên về mối thiện cảm của con người ấy đối với mình. Người ấy mong đợi gì ở ta, ngoài món tiền chia nhau thường kỳ?

Cũng may Đăngtét chỉ bị thương nhẹ. Nhờ có một thứ cỏ mà những người buôn lậu thường dự trữ sẵn, vết thương của anh lành nhanh chóng. Đăngtét muốn thử Jacôpô, biếu anh ta số tiền được chia để đền công lao săn sóc, nhưng đã bị Jacôpô bực tức khước từ.

Sau ba tháng sống chung với những người buôn lậu, Đăngtét đã thu lượm được rất nhiều. Anh trăngở thành một kẻ buôn lậu thành thạo cũng như trước đây anh là một thủy thủ dũng cảm. Anh bắt liên lạc được với tất cả những người buôn lậu ở bờ biển. Anh biết được tất cả các mật hiệu để bọn cướp biển ấy nhận ra nhau. Anh cũng đã đi qua, đi lại vài chục lần đảo Môngtơ Crixtô nhưng chưa lần nào anh tạo được cơ hội để ghé lên đó. Anh quyết định, sau khi hết hạn làm việc với ông chủ thuyền, anh sẽ thôi việc và thuê một chiếc thuyền nhỏ dùng vào việc riêng của anh. Anh có thể làm được việc này vì anh đã dành dụm được một số tiền.

Giữa lúc đó, một sự kiện vô cùng may mắn xảy đến. Anh được ông chủ thuyền tin cậy nên một buổi tối ông chủ cầm tay anh dắt vào quán Ogliô, là nơi thường tụ tập những người buôn lậu để bàn bạc. Lần này có một việc quan trọng: Một chiếc tàu chở tơ lụa từ vùng Cận Đông tới. Cần phải tìm một địa điểm trung gian để chuyển hàng hóa tới đó rồi "đẩy" vào bờ biển nước Pháp. Một món hời lớn, mỗi người ít ra cũng được chia năm, sáu chục bạc.

Ông chủ thuyền gợi ý nơi chuyển hàng là đảo Môngtơ Crixtô, vì đảo này hoang vắng, không có lính canh, không có hải quan. Nghe thấy tên Môngtơ Crixtô, Đăngtét sướng run lên. Anh phải đứng dậy để che giấu niềm xúc động. Cuối cùng, công việc ngã ngũ: Tối mai, nếu biển yên tĩnh họ sẽ gặp nhau trên hòn đảo làm nơi chuyển hàng ấy.

§23. Đảo Môngtơ Crixtô

Đăng tét không thể ngờ rằng, sau một thời gian dài số phận khắc nghiệt đeo đẳng theo anh, thì giờ đây anh đã gặp được dịp may mắn lạ thường. Suốt đêm đó anh nôn nóng vì những ý nghĩ quay cuồng trong óc. Vừa nhắm mắt, tờ di chúc của Hồng y giáo chủ Xpađa đã hiện ra rực rỡ với những hàng chữ sáng ngời. Anh vừa chợp mắt một lát thì những giấc mộng kỳ quái lại đến. Anh thấy mình bước xuống một cái động thần kỳ chất đầy vàng bạc châu báu giống như Alibaba trong truyện "Nghìn lẻ một đêm".

Sáng hôm sau, chiếc Amêli giương tất cả buồm, lướt với một tốc độ lớn, tiến tới đảo Môngtơ Crixtô. Hai giờ sau, nó đã vượt qua đảo Enbơ, và hòn đảo "kho tàng" đã thấy xuất hiện lờ mờ ở phía chân trời. Đến năm giờ chiều, toàn bộ hòn đảo đã nom rõ. Đăngtét chăm chú nhìn hòn đảo nhuốm đỏ ánh dương, lòng vô cùng bồi hộp. Đúng mười giờ đêm chiếc Amêli cập bến, đến chỗ hẹn đầu tiên. Đăngtét nhảy vội lên bờ và nếu không tự kiềm chế được, anh đã quỳ xuống hôn mặt đất như Bruytuyt ngày xưa.

Một giờ sau, trăng lên cao tỏa ánh bạc lên những mỏm đá nhấp nhô. Hòn đảo này rất quen thuộc đối với những thủy thủ của thuyền Amêli, vì đấy là nơi họ thường đậu lại. Riêng có Đăngtét là chưa xuống đấy bao giờ. Anh hỏi Jacôpô:
-Đêm nay chúng ta ngủ ở đâu?

-Ở dưới thuyền chứ còn ở đâu – Anh chàng đảo Coocxơ đáp.

-Sao không tìm một cái hang để trú chân có tốt hơn không?

-Trên đảo này làm gì có cái hang nào.

Câu trả lời làm Đăngtét lạnh gáy. Anh nghĩ có thể những cái hang đã bị chôn vùi sau một biến cố nào đó, hoặc do Hồng y giáo chủ cho lấp đi vì thận trọng. Vậy thì đêm nay không thể tìm ra được, phải chờ đến sáng hôm sau vậy.

Vừa lúc đó ở ngoài có tiếng súng hiệu và chiếc Amêli cũng nổ súng trả lời. Một lát sau, một chiếc tàu chậm rãi, lặng lẽ tiến vào đảo, thả neo ở gần đó. Công việc chuyển hàng bắt đầu. Đăngtét làm việc suốt đêm mà không hề tỏ vẻ mệt nhọc. Đến sáng thì mọi việc xong xuôi. Anh mượn một khẩu súng và xin mấy viên đạn nói là để đi săn con sơn dương đang chạy nhảy trên những mỏm đá. Không ai ngăn cản thú đi săn của anh và để mặc anh đi. Chỉ có Jacôpô là nằng nặc đòi đi theo. Anh không dám từ chối vì sợ có người nghi kỵ điều gì chăng. Vừa đi được mấy trăm bước, anh đã bắn được một con dê rừng đưa giao Jacôpô đem về để mấy thủy thủ làm thịt sớm cho tươi. Anh dặn Jacôpô khi nào nấu nướng xong thì bắn một phát súng báo tin để anh về cùng ăn.

Jacôpô vừa đi khỏi, Đăngtét liền len lỏi giữa hai bức vách của những tảng đá và lần theo một con đường mòn mà nước biển đã bào mòn theo thời gian và chưa

hề có ai đặt chân tới. Anh cứ theo bờ biển, quan sát kỹ lưỡng mọi địa hình. Tới một chỗ nghi vấn là vết tích của những hang đá, anh nhận ra những kẽ hở đó do bàn tay của con người tạo ra. Mặc dù bị rêu phong phủ kín, những kẽ hở đó được vạch đều đặn thành hàng, dường như có ý đánh dấu. Đi thêm mấy chục bước, những kẽ hở đó dẫn đến một tảng đá hình tròn và những kẽ hở đó đến đây cũng chấm dứt. Anh cho là mình đã tìm được mục tiêu rồi, liền quay trở lại.

Trong lúc đó, những người bạn anh đã quay xong con dê, bày bánh mì và hoa quả ra chuẩn bị bữa ăn. Họ bắn một phát súng báo hiệu và thấy ngay Đăngtét đang nhanh nhẹn nhảy trên những mỏm đá tìm đường về. Giữa lúc họ đang thích thú theo dõi những bước nhảy như bay của Đăngtét thì đột nhiên thấy anh bị trượt chân loạng choạng mất một giây và rơi xuống cùng một tiếng kêu to. Mọi người hoảng hốt, đổ xô đến chỗ anh, thấy Đăngtét nằm sóng soài, máu me đầy người, gần như bất tỉnh. Jacôpô vội đổ vào miệng anh một ít rượu rum và thấy có hiệu quả ngay. Một lát sau, Đăngtét mở mắt, kêu đau ở đầu gối và lưng. Họ muốn khiêng anh xuống thuyền, nhưng vừa mới được nâng lên, anh đã kêu la, rên rỉ và yêu cầu tránh cho anh mọi sự di chuyển vì quá đau đớn. Anh bảo mọi người trở về ăn trước, anh không thấy đói và cần nằm yên một lát. Khi họ ăn uống xong trở lại thì thấy Đăngtét kêu đau hơn, thậm chí không thể cử động được. Ông chủ thuyền rất phân vân, không nỡ bỏ anh lại nên muốn hoãn giờ khởi hành. Đăngtét không muốn ông vi phạm luật lệ của phường buôn lậu do tình cảm riêng tư, bèn nói với ông: -Cơ sự này do chính tôi gây ra thì tôi phải gánh chịu hậu quả. Tôi chỉ yêu cầu ông để lại cho tôi một số bánh bích quy, một khẩu súng, một ít đạn và một cái cuốc chim để tôi có thể sống ở đây vài ngày.

-Nhưng chúng tôi còn phải đi những tám hôm – ông chủ thuyền lưỡng lự – Lúc trở về không biết có ghé được vào đây để đón anh không?

-Không hề gì, nay mai nếu ông có gặp được một chiếc thuyền đánh cá nào đó, ông nhắn họ đến đây chở tôi tới Livoocnô, tôi sẽ trả cho họ hai mươi lăm frăng.

-Ông chủ ạ – Jacôpô ngập ngừng – Chỉ có cách này tôi thấy là tiện nhất: Tôi sẽ cùng ở lại đây để chăm nom Đăngtét.

-Jacôpô – Đăngtét nắm tay người bạn thủy thủ – Anh thật là một người bạn tốt bụng. Thượng đế sẽ ban phước lành cho anh. Anh và các bạn cứ yên lòng ra đi và tôi xin cám ơn lòng nhiệt tình của các bạn.

Ông chủ thuyền đành lắc đầu vì biết rằng không thể lay chuyển được ý định của Đăngtét. Ông hứa làm đúng theo các ý muốn của anh. Mọi người lưu luyến chia tay. Khi thuyền đã ra xa, họ vẫn còn quay lại nhìn và vẫy tay. Đăngtét nghĩ thầm: “Lạ lùng thay, từ chính những con người này mà ta tìm thấy được tình bạn chân thành và thắm thiết”.

Thế rồi anh thận trọng lê lên một mỏm đá, từ đấy anh có thể nhìn bao quát ra biển. Anh thấy chiếc thuyền nhổ neo, bập bềnh một cách duyên dáng như con chim hải âu sắp cất cánh bay.

Một giờ sau, con thuyền hoàn toàn biến mất, Đăngtét nhẹ nhàng và nhanh nhẹn đứng lên. Anh cầm khẩu súng và chiếc cuốc chim chạy như bay đến chỗ tảng đá tròn có những kẽ hở. Anh bỗng nhớ đến câu chuyện về một người đánh cá Ai Cập mà linh mục Faria đã kể, anh kêu to: "Vừng ơi! Hãy mở cửa ra".

§24. Lóa mắt

Đăng tét chạy như bay trên những tảng đá được ánh nắng tháng Năm sưởi ấm và càng thêm sinh động giữa tiếng ve kêu inh ỏi và lá cây xào xạc. Anh vừa xúc động vừa lo sợ. Mặc dù đứng trên một hòn đá vắng tanh, chỉ có một mình mà anh vẫn cứ có cảm tưởng như hàng trăm, hàng nghìn con mắt đang nhòm ngó. Cái cảm giác đó mạnh đến nỗi lúc sắp bắt tay vào việc, anh phải ngừng lại, bỏ cuốc xuống, cầm lấy khẩu súng, trèo một lần nữa lên mỏm đá cao nhất của đảo và nhìn ra xung quanh. Anh chẳng thấy một bóng thuyền, một bóng người nào hết, chỉ có mặt biển xanh biếc mênh mông cùng tiếng sóng vỗ ì ầm.

Anh lại chạy nhanh xuống nhưng rất thận trọng. Anh sợ rằng đúng vào lúc này nhỡ lại xảy ra đúng cái tai nạn mà lúc nãy anh đã khôn khéo đóng kịch.

Anh loay hoay không biết dùng cách nào để bẩy được tảng đá tròn khổng lồ ra khỏi bệ của nó. Việc đó đòi hỏi phải có sức khỏe ghê gớm mới làm nổi. Anh bèn trèo lên tảng đá và để ý thấy có một cái rãnh thoai thoải ra phía sau. Anh bèn lần theo cái rãnh đó và tụt xuống. Một tảng đá to, cỡ một người ôm, nằm ở dưới chân như thể để chèn tảng đá lớn, và hình như đã có bàn tay khôn khéo nào phủ đất lên trên. Cỏ và rêu mọc kín, thoạt trông tưởng chừng như nó gắn liền với tảng đá lớn. Anh cạo hết đất và đá vụn quanh tang đá và chỉ mười phút sau đã bẩy được hòn đá chèn ra. Lúc đó hiện ra một cái hốc trống có thể đút lọt tay vào. Anh chặt một cành cây dùng làm đòn để bẩy nhưng vô hiệu. Tảng đá chỉ có thể lay chuyển khi có một sức mạnh thần kỳ. Anh chợt nhớ là Jacôpô có để lại cho anh một cái sừng tê giác chứa đầy thuốc súng. Anh liền nảy ra một ý và mỉm cười. Anh dùng cuốc xẻ một cái rãnh giữa hai tảng đá như của người đánh mìn. Anh đổ đầy thuốc súng vào rồi xé chiếc khăn tay ra cuốn một ít thuốc súng vào làm ngòi. Anh châm ngòi rồi chạy ra xa. Một tiếng nổ dữ dội, làm vỡ tan tảng đá nhỏ và làm bật luôn tảng đá lớn ra xa khỏi bệ. Đăngtét bước lại gần và thấy tảng đá lớn đã nằm nghiêng không còn chỗ tựa. Anh cầm đầu đòn bẩy cố hết gân sức lay chuyển tảng đá, xê dịch nó dần dần. Một lát sau nó đã lăn lông lốc rồi rơi tòm xuống biển để lộ ra một cái bệ hình tròn, ở chính giữa có một cái vòng sắt gắn vào đ một phiến đá hình vuông.

Đăngtét kêu lên một tiếng kinh ngạc. Anh không ngờ đạt được kết quả một cách mau lẹ như vậy. Anh muốn tiếp tục công việc nhưng hai chân anh run bắn lên, tim anh đập dồn dập. Anh như thấy một đám mây nóng bỏng bay qua trước mắt. Anh buộc lòng phải dừng lại.

Nhưng thời gian lưỡng lự ấy chỉ như ánh chớp. Étmông lại đưa đòn bẩy vào trong vòng sắt và từ từ nâng phiến đá lên. Phiến dưới lộ ra một cái nền dốc như kiểu một chiếc cầu thang thoai thoải dẫn xuống một cái hang tối om.

Nếu là một người khác thì đã lao xuống, đã reo lên những tiếng vui mừng, nhưng Đăngtét thì khác. Anh dừng lại, tái mặt vì nghi ngờ. Anh tự nhủ: "Nào, hãy can đảm lên chứ! Ta đã từng quen với bao nỗi bất hạnh, đừng để cho sự thất vọng quật ngã ta. Cũng có thể là bác Faria đã nằm mơ, chứ giáo chủ Xpađa chả chôn cái gì ở đây cả. Có thể là ngay bản thân ông ta cũng chưa bao giờ lai vãng đến đây".

Anh cứ đứng im lặng một lúc như vậy rồi lại nói một mình: "Bây giờ ta chẳng còn trông mong gì nữa cả. Ta đã bao lần tụ nhủ chỉ có điên rồ mới nuôi một hy vọng nào đó. Rút cục cuộc mạo hiểm này chỉ là để thỏa mãn tính tò mò của ta, thế thôi… Nào, ta cứ xuống xem…"

Thế rồi anh bước xuống hang, nụ cười nghi hoặc nở trên môi và lẩm bẩm: "Biết đâu đấy". Anh tưởng tượng sẽ bước vào hang tối với bầu không khí khó thở. Nhưng ngược lại, anh thấy một ánh sáng êm dịu màu xanh và một bầu không khí mát rượi. Không khí và ánh sáng bên trong không phải chỉ do miệng hố mới mở, mà còn do những kẽ hở của những tảng đá, đứng bên ngoài không trông thấy, để lọt vào. Cũng qua những kẽ hở thấy cả những mảng trời xanh và những cành lá run rẩy đùa cợt.

Sau một vài phút đứng trong cái động đó, anh cảm thấy không khí ấm áp hơn, hang vẫn ẩm thấp nhưng đã có mùi thơm của hoa lá. Đã quen với bóng tối nên anh có thể nhìn thấy những góc xa nhất trong hang. Hang toàn bằng những phiến đá có vảy óng ánh như kim cương.

-Than ôi! – Đăngtét nghĩ thầm – Phải chăng đó là cái kho tàng của giáo chủ Xpađa mà linh mục Faria đã nhìn thấy trong giấc mơ và cho đó là những của cải khổng lồ?

Nhưng anh bỗng nhớ lại những đòng chữ trong bản di chúc mà linh mục Faria đã bắt anh phải học thuộc lòng: "Trong góc xa nhất của cái động thứ hai". Vậy đây mới chỉ là động thứ nhất, còn phải tìm động thứ hai nữa. Lối vào của nó Đăngtét định hướng: động thứ hai tất nhiên phải ăn sâu vào phía trong đảo. Anh thăm dò các kẽ đá, anh dùng cuốc gõ vào một vách đá mà anh đoán đấy có thể là cái cửa, do cẩn thận người ta đã lấp đi. Tiếng vang lên khác với tiếng cuốc ở những chỗ khác làm cho Đăngtét giật mình toát mồ hôi. Anh dán mắt vào chỗ đó, và do linh tính đặc biệt của một người tù, anh nhận thấy chỗ đó có thể là một cái cửa. Anh bổ một nhát nữa mạnh hơn, tức thì một lớp vữa như vữa trát tường long ra, rơi xuống và để lộ một viên đá trắng, mềm như những viên đá thường dùng. Người ta đã bít cái cửa ấy lại bằng những viên đá rồi trát lên một lớp vữa, trên mặt lớp vữa đó người ta làm giả màu óng ánh của đá.

Đăngtét lại dùng đầu nhọn của chiếc cuốc bổ thêm một nhát mạnh nữa. Lưỡi cuốc ngập sâu vào cỡ một gang tay. Đó đúng là nơi cần phải đào bới.

Kỳ lạ thay con người. Đáng lẽ điều đó càng chứng tỏ linh mục Faria đã không lầm và càng cổ vũ Đăngtét, thì ngược lại nó làm anh bủn rủn cả chân tay. Cái cuốc rời khỏi bàn tay rơi phịch xuống đất. Anh chùi tay lên trán, tự nhủ phải ra xem có người nào dò la không. Anh chạy ra ngoài, nhưng thực tếnh là anh thấy mình đang thiếu không khí và cảm thấy hình như mình sắp ngất.

Đảo hoàn toàn hoang vắng. Đăngtét chưa có tí gì vào bụng. Nhưng lúc này mà ăn uống thì mất thì giờ quá. Anh tợp một ngụm rượu rum rồi trở vào động, lòng vững tin hơn.

Sau vài nhát cuốc, anh thấy những viên đá không phải là xây dính vào với nhau, mà chỉ là đặt cạnh nhau rồi phủ sơ sài lên bên ngoài một lớp vữa. Anh đưa lưỡi cuốc vào một kẽ đá bẩy lên. Anh vui sướng thấy hòn đá rơi xuống. Bây giờ anh chỉ còn việc dỡ từng viên đá ra.

Cửa đã mở ra một lỗ, Đăngtét đã có thể chui vào được. Nhưng anh chậm lại ít phút như để có thêm thời gian bấu víu vào niềm hy vọng đang tới.

Cái động thứ hai này thấp hơn, tối hơn và có vẻ đáng sợ hơn cái trước. Không khí luồn được vào bên trong chỉ qua cái cửa vừa mở. Bên trái cái cửa là một góc sâu và tối. Nhưng, như ta đã biết, đối với Đăngtét, tối tăm không có nghĩa lý gì. Anh đưa cặp mắt thăm dò. Động thứ hai này cũng rỗng tuếch như cái thứ nhất.

Kho tàng, nếu có, chắc phải được chôn trong góc tối ấy. Giờ phút ghê gớm đã đến. Bới hai tấc đất nữa sẽ là sự sung sướng tột cùng hoặc là nỗi thất vọng hoàn toàn. Anh tiến vào góc đó và cương quyết tấn công mặt đất. Đến nhát cuốc thứ năm hoặc thứ sáu thì có tiếng sắt va vào nhau. Anh thăm dò chỗ bên cạnh. Ở đây cuốc cũng bị vấp phải một vật gì đó nhưng,không có tiếng kim loại như vừa rồi.

Đăngtét tự nhủ: “Chắc là một cái hòm gỗ bịt đai sắt”. Vừa lúc đó, một cái bóng lướt nhanh qua cửa hang. Đăngtét quẳng ngay cuốc xuống, cầm lấy khẩu súng, nhảy qua lỗ, lao vọt ra ngoài. Một con dê rừng chồm qua cái hang thứ nhất đang đứng gặm cỏ cách đấy có mấy bước. Đó thật là một dịp rất tốt để bảo đảm bửa ăn cho anh. Nhưng Đăngtét không dám bắn, anh sợ tiếng nổ làm cho người nào đó chú ý chăng. Suy nghĩ một lát, anh chặt một cành cây có nhựa đốt lên làm đuốc theo kiểu những người buôn lậu vẫn nấu thức ăn. Anh lại trở vào trong hang. Anh không muốn bỏ sót một chi tiết nào về những sự kiện anh sắp thấy.

Anh đưa bó đuốc lại gần chỗ anh mới đào và nhận thấy anh đã không nhầm. Lưỡi cuốc của anh vừa lần lượt chạm vào sắt và gỗ. Anh cắm bó đuốc xuống đất rồi lại tiếp tục đào. Chẳng bao lâu, một khoảng trống, rộng mỗi chiều một bước chân, được,đào xong và để lộ ra trước mắt một chiếc hòm gỗ có đai sắt. Ở giữa nắp hòm nổi bật lên một miếng bằng bạc mà đất chưa làm mờ được. Đó là gia huy của dòng họ Xpađa: một thanh gươm đặt chéo lên trên một cái khiên và phía trên có hình mũ giáo chủ. Đăngtét nhận ra dễ dàng vì linh mục Faria đã bao lần vẽ cái đó cho anh xem.

Kho tàng đây rồi, không còn nghi ngờ gì nữa. Chẳng ai lại đi chôn một cái hòm rỗng một cách cẩn thận đến thế này. Chỉ một loáng sau, tất cả đất xung quanh nắp hòm đã được vét sạch và Đăngtét thấy một ổ khóa, khóa hai đầu đai sắt. Anh nắm cái đai định nhấc hòm lên nhưng không tài nào nhấc nổi. Khóa cũng không tài nào mở ra được vì không có chìa. Anh lách mũi cuốc vào khe giữa nắp và hòm rồi bẩy mạnh lên. Một tiếng "rắc", nắp hòm bật ra khỏi bản lề và nẹp sắt.

Đăngtét cảm thấy như đang lên cơn sốt dữ dội. Anh cầm lấy khẩu súng, nạp đạn vào để xuống bên cạnh. Anh nhắm mắt lại như đứa trẻ thường làm khi không đếm được hết các vì sao trên trời. Rồi anh mở mắt ra, mắt anh hoa lên.

Chiếc hòm có ba ngăn. Ngăn thứ nhất chứa đầy tiền vàng óng ánh. Ngăn thứ hai toàn vàng nén sắp xếp có thứ tự. Ngăn thứ ba đầy kim cương, ngọc trai, ngọc bích sáng ngời.

Đăngtét run rẩy đưa tay thọc sâu xuống hòm. Anh mân mê nắm vuốt số vàng và châu báu hồi lâu rồi mới đứng lên chạy ra khỏi hang như một kẻ sắp lên cơn điên. Anh nhảy lên một hòn đá cao trông ra biển, nhìn quanh đảo, vẫn thấy vắng lặng. Chỉ có anh, một mình anh với cái kho tàng khổng lồ, khủng khiếp, kỳ quái, không sao đếm được, nó thuộc quyền sở hữu của anh. Anh tỉnh hay mê đây? Hai tay ôm đầu, anh chạy như điên như cuồng trên đảo, làm cho những con dê rừng và đàn hải âu phải hoảng sợ vì những tiếng la hét của anh.

Một chốc anh quay trở lại hang mà vẫn còn ngập ngừng chưa tin hẳn vào mắt mình. Anh chạy thẳng vào hang rồi đứng trước cái hòm đầy vàng bạc, châu báu. Anh quỳ xuống, hai tay ôm lấy ngực như sợ tim mình vỡ tung ra, miệng anh lầm rầm cầu nguyện. Dần dần anh bình tĩnh trở lại, và từ giờ phút đó anh cảm thấy sung sướng lạ thường bởi vì anh đã có niềm tin vào hạnh phúc của mình.

Anh bắt đầu đếm kho báu: có một nghìn thỏi vàng. Anh nhặt ra hai mươi nhăm nghìn đồng êquy vàng, trị giá mỗi đồng 80 frăng hiện tại, và nhận thấy ngăn đó mới chỉ vơi có một nửa. Anh chụm hai lòng bàn tay lại để vốc những vốc kim cương, châu báu.

Trời đã ngả về chiều. Sợ bị ai bất chợt thấy mình trong hang, anh cầm lấy khẩu súng, đi ra. Một miếng bánh bích quy và vài ngụm rượu, đó là tất cả bữa ăn của anh. Rồi anh đặt lại viên đá, nằm lên đó, dùng thân mình để bịt cửa vào. Anh ngủ được vài giờ. Đêm hôm đó là một đêm vừa sung sướng vừa hãi hùng. Con người đó đã hai ba lần trong đời gặp phải những nỗi xúc động ghê gớm.

§25. Người lạ mặt

Đến nửa đêm Đăngtét thức giấc, nằm đợi trời sáng. Ánh bình minh đầu tiên vừa hé, anh đã nhổm dậy và trèo lên mỏm đá. Cũng như hôm qua, anh thăm dò xung quanh. Cảnh vật vắng lặng, hoang vu. Anh đi xuống hang, mở hòm ra, vốc một vốc kim cương, ngọc quý nhét vào túi rồi đậy nắp hòm lại, rắc cát lên trên làm mất hết dấu vết đào bới. Xong đâu đấy, anh ra khỏi hang, đặt phiến đá vào chỗ cũ, lấy đất phủ lên miệng hang, trồng mấy cây lau lên trên, xóa những vết chân ở quanh đó rồi đi ra bờ biển.

Giờ đã đến lúc anh phải trở về với cuộc sống, với loài người và dùng tiền tài, vốn là một sức mạnh vô biên để chiếm lấy một địa vị, một ảnh hưởng và một uy quyền trong xã hội.

Ngày thứ sáu, thuyền Amêli quay trở lại. Từ xa, bóng con thuyền lướt trên biển đã được Đăngtét nhận ra. Anh giả vờ lết ra bờ biển. Khi các thủy thủ lên bờ, họ thấy anh hãy còn rên. Anh nói với họ rằng anh đã đỡ nhiều. Jacôpô cho anh biết, đêm qua họ bị chiếc tàu tuần tiễu lùng bắt, may nhờ đêm tối mới chạy thoát nên phải quay về đảo Môngtơ Crixtô nhân thể đón luôn anh. Nói chung chuyến đi đó không đến nỗi xấu và tất cả mọi người, nhất là Jacôpô, đều lấy làm tiếc là Đăngtét không tham gia nên không được chia phần, mỗi phần lên tới năm mươi đồng. Ngay tối hôm đó anh xuống thuyền đi Livoocnô.

Đến Livoocnô, anh bán cho một người Do Thái bốn viên kim cương loại nhỏ nhất, được hai chục vạn frăng. Hôm sau, anh mua một chiếc thuyền nhỏ mới nguyên cho Jacôpô và còn cho thêm một trăm đồng để thành lập nhóm thủy thủ với điều kiện Jacôpô sẽ đi Mácxây để thăm dò tin tức về một ông già tên là Lu-i Đăngtét ở phố Mêlăng và một cô gái tên là Mécxêđét ở xóm Catalăng. Sau đó hai bên hẹn gặp nhau ở đảo Môngtơ Crixtô. Bây giờ đến lượt Jacôpô, anh ta ngạc nhiên tưởng như mình đang ở trong một giấc mơ. Étmông phải giải thích là anh vừa được thừa hưởng gia tài của một ông bác ở Livoocnô và việc anh bỏ nhà ta đi làm nghề thủy thủ là do bất hòa với gia đình.

Sau đó Đăngtét từ biệt ông chủ thuyền vì giao kèo đã hết hạn. Ông chủ rất tiếc vì mất Đăngtét, nhưng thấy anh vừa được thừa hưởng gia tài nên cũng mừng cho anh. Sáng hôm sau, Jacôpô lên đường đi Mácxây, còn Đăngtét đi về Giênôva. Anh đến hải cảng này vốn là nơi nổi tiếng có những thợ đóng tàu giỏi. Anh gặp một ông chủ hãng đóng tàu đang cho hạ thủy một chiếc du thuyền của một người Anh đặt với giá bốn vạn frăng. Đăngtét liền trả sáu vạn để lấy chiếc du thuyền đó, còn ông chủ hãng đóng tàu sẽ đóng chiếc khác cho người Anh. Người chủ hãng thấy được giá hời liền ưng thuận ngay.

Hai giờ sau Đăngtét đã tự mình điều khiển chiếc du thuyền, rời cảng Giênôva ra đảo Môngtơ Crixtô. Chiều hôm sau anh tới nơi và ghé thuyền vào một vũng nhỏ. Anh vào hang và thấy tất cả vẫn còn nguyên vẹn. Anh liền chuyển hết xuống thuyền, xếp tất cả vào một cái tủ bí mật. Hôm sau, anh lái thuyền đi quanh đảo, xem xét rất kỹ tất cả các ngõ ngách để biết rõ từng chi tiết và đặc điểm.

Được mấy hôm, Jacôpô đến chỗ hẹn, báo cho Đăngtét biết là ông già Đăngtét đã chết, còn cô Mécxêđét thì mất tích. Anh nghe tin đó rất bình tĩnh, từ biệt Jacôpô rồi đi Mácxây. Cái chết của cha không làm anh ngạc nhiên vì lúc anh bị bắt ông già đã bảy mươi tuổi. Nhưng còn Mécxêđét? Anh không thể để lộ bí mật của anh được, anh không thể nói hết chi tiết cho Jacôpô được. Vả lại, còn có những điều anh muốn biết mà chỉ có thể đích thân anh đi tìm. Cái gương trong hiệu cắt tóc ở Livoocnô đã cho anh biết không ai có thể nhận được ra anh nữa. Hơn nữa bây giờ anh có đầy đủ các phương tiện để cải trang.

Một buổi sáng, chiếc du thuyền cặp bến Mácxây và Đăngtét thả neo ở chỗ trước đây người ta đã đưa anh xuống thuyền để ra lâu đài Íp. Anh không khỏi hồi hộp khi một tên cảnh sát tiến đến hỏi giấy tờ. Anh xuất trình hộ chiếu người nước Anh mà anh đã mua ở Livoocnô. Với tư cách người nước ngoài, anh sẽ được kính nể hơn.

Người đầu tiên mà anh gặp trên đại lộ Canơbia là một thủy thủ cũ của tàu Pharaôn mà anh đã từng chỉ huy. Chính con người này sẽ cho anh biết người ta có còn nhận ra được anh nữa không. Anh tiến thẳng đến, hỏi người đó vài câu. Người đó trả lời mà không hề có một chút biểu hiện nào quen biết anh. Anh đưa cho người thủy thủ đó một đồng tiền để thưởng công. Một lát sau, thấy người đó chạy theo. Đăngtét quay lại, người thủy thủ nói: -Thưa ông, có lẽ ông nhầm. Đáng lẽ ông thưởng cho tôi một đồng bốn hào thì lại đưa cho tôi một đồng êquy vàng!

-Anh bạn ạ – Đăngtét đáp – Tôi không nhầm đâu. Nhưng lòng thật thà của anh xứng đáng được thưởng nữa. Đây là đồng thứ hai mong anh cầm lấy để uống rượu để chúc sức khỏe cho tôi và cho các bạn anh.

Anh thủy thủ nhìn Đăngtét kinh ngạc đến nỗi quên cả cám ơn. Một lúc sau anh ta tự lẩm bẩm: "Có lẽ là một tay tỉ phú vừa ở Ấn Độ về".

Đăngtét tiếp tục đi. Mỗi bước đi lại làm anh thêm hồi hộp. Những kỷ niệm của thời niên thiếu lại xuất hiện ở mỗi đầu phố. Tới đường Mêlăng, anh cảm thấy đầu gối như muốn quỵ xuống. Anh phải vịn vào một gốc cây, dừng lại một lát để trấn tĩnh. Anh đi vào một ngôi nhà tồi tàn mà trước đây anh đã sống với cha anh. Anh bước qua cửa, vào hỏi xem còn có buồng nào trống để thuê. Nhà đã chật hết, nhưng anh cố nài để được vào thăm tầng thứ năm. Người gác cổng buộc lòng phải đưa anh lên. Buồng này gồm hai ngăn, có một cặp vợ chồng mới cưới được tám ngày đang ở.

Thấy cặp vợ chồng đó, Đăngtét thở dài. Căn buồng đã khác xưa nhiều lắm. Anh không còn nhận ra là căn buồng của cha anh xưa kia nữa. Đâu phải thứ giấy dán tường thuở xưa, tất cả đồ đạc cũ vốn là bạn thời niên thiếu của anh, đã biến hết. Anh quay lại phía chiếc giường, cũng không phải là cái giường hồi xưa mà người cha già của anh đã nằm, và lúc hấp hối còn gọi tên anh.

Cặp vợ chồng trẻ ngạc nhiên nhìn con người có vầng trán nghiêm trang, nhưng trên má đang lăn hai giọt nước mắt long lanh, trong khi đôi mắt anh vẫn mở to, không chớp. Lúc đi xuống tầng dưới anh hỏi thăm người thợ may Cađơrút, thì được người ta cho biết hắn làm ăn thua lỗ và bây giờ đã mở một quán trọ ở đường Bôkê.

Sau đó, Đăngtét tìm đến ông chủ ngôi nhà, tự giới thiệu là hầu tước Uynmô (tên trong hộ chiếu) ngỏ ý muốn mua ngôi nhà nhỏ đó với giá hai mươi lăm nghìn frăng, nghĩa là đắt hơn mười ngàn frăng, với điều kiện là cặp vợ chồng mới cưới sẽ dọn xuống tầng dưới và ở bất cứ tầng nào mà họ thích, nhưng không phải trả thêm tiền nhà. Sự việc lạ lùng này làm xôn xao dư luận những người ở nhà thuê và cả xóm Mêlăng.

Ngay buổi chiều hôm đó, người ta thấy ông khách lạ mặt ấy đi dạo khắp xóm Catalăng, rồi bước vào một cái lều của dân chài lưới hỏi thăm các tin tức khác.

§26. Quán trọ cầu sông Gát

Những người khách, có dịp đi thăm miền Nam nước Pháp, đều nhìn thấy trên đường đi Bôkê một quán trọ có tấm biển bằng tôn trên vẽ hình cái cầu sông Gát, nằm ở mé đường bên trái, quay lưng ra sông Rôn. Bên cạnh quán trọ là một mảnh vườn trồng ôliu và vả dại. Từ tám năm nay người ta thấy quán trọ này do một cặp vợ chồng quản lý và chỉ mướn có một cô hầu phòng và một anh coi chuồng ngựa cho khách mà thôi.

Ông chủ quán là một người trạc bốn mươi lăm tuổi, cao, gầy, cặp mắt sâu hoắm và sáng, mũi khoằm, tóc và râu quai nón rậm, xoăn, điểm vài sợi bạc. Thêm nữa, ông ta còn có nước da rám nắng của những người miền biển và hàm răng trắng khập khiễng trông rất sợ. Người đàn ông đó không phải ai xa lạ, chính là gã thợ may Cađơrút, người hàng xóm trước đây của Đăngtét.

Vợ hắn, ngược lại, là một mụ đàn bà xanh rớt, gầy gò như que củi và ốm yếu luôn. Suốt ngày mụ ngồi thu hình trên giường hoặc trong chiếc ghế bành, người run bần bật. Còn anh chồng thì suất ngày đứng tựa cửa đón khách qua đường, mà khách thì đi lại rất thưa thớt. Quán trọ vắng khách làm mụ vợ luôn mồm mè nheo chồng và anh chồng chỉ còn cách đổ lỗi cho số phận.

Một buổi chiều, Cađơrút đứng ngóng khách trên quãng đường vắng tanh. Hắn chán nản, vừa định quay vào trong nhà thì thấy từ đằng xa một người cưỡi ngựa đi tới rồi dừng lại trước quán trọ. Đó là một vị linh mục, đầu đội mũ ba múi, tay cầm một chiếc gậy ngắn đầu bịt sắt. Vị linh mục xuống ngựa, buộc con vật vào hàng rào. Lập tức chủ quán chạy ra tất tả đón khách. Vị linh mục nhìn hắn một lát bằng cặp mắt kỳ dị và chăm chú dường như muốn tìm xem có sự phản ứng nào ở hắn không. Nhưng khi thấy hắn không có chút gì ngạc nhiên, ông nói bằng một giọng lơ lớ tiếng Ý: -Ông có phải tên là Cađơrút không?

-Thưa ông vâng – Chủ quán ngạc nhiên đáp – Tôi chính là Gaxpa Cađơrút.

-Gaxpa Cađơrút… phải, có lẽ đúng tên, họ. Trước đây ông ở ngõ Mêlăng, tầng thứ tư có phải không?

-Dạ đúng ạ.

-Ông làm nghề thợ may?

-Vâng, nhưng nghề đó không sinh lợi. Trời đất ở cái tỉnh Mácxây ấy nóng quá, chẳng ai còn muốn mặc quần áo nữa. Mà này, trời đang nóng hầm hập, ông có cần phải giải khát không?

-Có chứ. Cho tôi một chai rượu loại ngon nhất và chúng ta sẽ nói chuyện với nhau.

Và không để mất cơ hội có thể tiêu thụ được chai rượu Caho cuối cùng còn lại, Cađơrút vội mở cửa hầm, chui xuống. Năm phút sau trở lên, hắn thấy linh

mục đã ngồi trên chiếc ghế đẩu, chống khuỷu tay lên mặt bàn.

-Ông có một mình thôi à? – Linh mục hỏi.

-Ôi, lạy Chúa! Một mình. Vâng, gần như thế, thưa ông linh mục, vì rằng vợ tôi chẳng giúp gì cho tôi được. Nó lúc nào cũng ốm yếu, khổ thân cho mụ Cáccông nhà tôi!

-À thế ra ông đã lấy vợ – Linh mục nói và nhìn ra xung quanh như muốn đánh giá tài sản đồ đạc của cái gia đình nghèo nàn này.

-Thưa ông linh mục, ông thấy tôi chẳng lấy gì làm sung túc có phải không? Biết làm sao được. Trên đời này những người làm ăn lương thiện khó phát đạt lắm.

Vị linh mục quắc mắt nhìn hắn. Cađơrút lắc đầu quầy quậy nói tiếp: -Vâng, một người lương thiện. Tôi có thể tự khoe với ông như vậy. Trong thời đại này, mọi người không có thể nói vậy được.

-Điều ông vừa tự hào ấy – Linh mục nói – Nếu đúng thì càng tốt, vì tôi tin tưởng rằng sớm hay muộn người lương thiện cũng sẽ được thưởng, còn kẻ gian ác sẽ bị trừng trị.

-Ở địa vị ông có thể nói thế được, sau đó người ta có muốn tin ông hay không là tùy người ta.

-Ông nói như vậy là nhầm đấy. Bây giờ tôi muốn biết một số bằng chứng về việc tôi sắp làm.

-Ông nói thế là thế nào? – Cađơrút ngạc nhiên hỏi lại.

-Tôi muốn cần phải xác minh trước hết xem ông có phải là người tôi đang tìm không.

-Ông muốn tôi có những bằng chứng gì?

-Vào năm 1814 – 1815, ông có biết một người thủy thủ tên là Đăngtét không?

-Đăngtét!… Có chứ, cậu Étmông đáng thương ấy. Đó là một người bạn tốt của tôi trước kia – Cađơrút kêu lên, mặt đỏ bừng, trong khi đó thì cặp mắt sáng và quả quyết của linh mục như mở to ra để chụp lấy con người mà ông đang hỏi.

-Phải, anh ta tên là Étmông thì phải.

-Đúng, tên cậu ta là Étmông mà. Tôi biết lắm chứ. Cũng đúng như tên tôi là Gaxpa Cađơrút. Ông biết cậu Étmông à? Cậu thanh niên đáng thương ấy bây giờ ra sao? Còn sống không? Được tự do rồi chứ? Có được sung sướng không?

-Anh ta đã chết trong tù rồi, thất vọng và khốn khổ hơn bất cứ một người tù khổ sai nào.

Mặt Cađơrút tái đi như cái xác chết. Hắn quay lại và linh mục thấy hắn chùi một giọt nước mắt bằng góc cái khăn quàng cổ.

-Khốn khổ thay cậu bé – Cađơrút lẩm bẩm – Đấy lại là một bằng chứng về câu nói của tôi! Chúa chỉ tốt với những kẻ xấu.

-Ông có vẻ yêu mến cậu ta lắm thì phải? – Linh mục hỏi.

-Vâng, tôi mến cậu ta lắm, mặc dù tôi tự trách mình đã có lúc ghen tị với hạnh phúc của cậu ta. Nhưng từ đó tôi xin thề rằng tôi đã rất đau lòng về số phận hẩm hiu của cậu Étmông.

Im lặng một lúc, trong lúc đó cặp mắt sắc sảo của linh mục không ngớt quan sát nét mặt thay đổi của tên chủ quán.

-Ông cũng biết cậu ta à? – Cađơrút hỏi.

-Tôi đã được mời đến bên giường để làm lễ rửa tội cho anh ta.

-Thế Étmông vì sao mà chết? – Cađơrút nghẹn ngào hỏi.

-Còn vì sao nữa khi người ta chết lúc ba mươi tuổi trong tù – Trong khi Cađơrút lau mồ hôi trán, linh mục nói tiếp – Điều lạ lùng nhất là lúc Đăngtét sắp chết, anh ta đã hôn lên cây thánh giá và thề với tôi là anh ta không hiểu vì nguyên nhân gì mà anh bị bắt.

-Đúng, đúng đấy – Cađơrút thì thào – Cậu ta không biết được đâu. Không, thưa ông linh mục, cậu ta không nói dối đâu.

-Vì vậy anh ta đã trao cho tôi nhiệm vụ làm sáng tỏ vấn đề đó để vong linh anh ta được giải thoát. Trong khi ở tù, Étmông có gặp một nhà tư sản người Anh bị ốm nặng. Anh đã tận tình chăm sóc ông nên lúc được tha ra, nhà tư sản Anh đã biếu Étmông một viên kim cương trị giá năm vạn frăng.

-Năm vạn frăng kia ư? – Cađơrút nói – Chắc là nó phải to bằng quả lê ấy nhỉ?

-Cũng chưa hẳn – Linh mục nói – Rồi ông cũng sẽ thấy vì tôi có mang theo đây.

Nói xong linh mục rút trong túi ra một cái hộp con bọc da lừa và giơ cho Cađơrút xem viên kim cương sáng long lanh nằm trên một cái nhẫn tuyệt đẹp. Xong ông lại đóng hộp lại, cất vào túi Nhưng viên kim cương ấy vẫn còn sáng rực trong đầu óc Cađơrút. Cặp mắt hắn nẩy lửa, hắn hỏi ông linh mục: -Nhưng vì sao ông có hạt kim cương này? Étmông tặng ông chăng?

-Không, tôi chỉ là người thực hiện lời di chúc của anh ta thôi. Anh ta đã nói với tôi như sau: "Tôi có ba người bạn tốt và một người vợ chưa cưới, cả bốn người tôi tin chắc rằng đều tiếc thương tôi lắm. Một trong những người bạn đó là Cađơrút…

Cađơrút run lên. Linh mục làm ra vẻ không để ý nói tiếp: -Người bạn thứ hai tên là Đăngla, người thứ ba, tuy là tình địch của tôi, nhưng cũng yêu tôi lắm…

Một nụ cười quỷ quái nở trên môi Cađơrút, hắn định ngắt lời linh mục nhưng linh mục cứ nói: -Khoan đã, hãy để tôi nói tiếp, nếu ông có ý kiến gì thì sẽ nói sau. Người thứ ba tuy là tình địch của tôi nhưng cũng yêu tôi lắm tên là Fécnăng. Còn người vợ chưa cưới của tôi tên là… tên là gì ấy nhỉ tôi quên mất rồi – Linh mục nói.

-Mécxêđét – Cađơrút nhắc.

-A phải, đúng đấy – Linh mục nói có vẻ nghẹn ngào – Mécxêđét…

-Thế rồi sao nữa? – Cađơrút hỏi.

-"Ông sẽ đến Mácxây" vẫn là lời Đăngtét nói đấy nhé. "Ông bán viên kim cương này và chia làm năm phần, tặng những người bạn tốt của tôi mà tôi đã nói".

-Sao lại năm phần? – Cađơrút nói – ông mới nêu tên có bốn người.

-Bởi vì người thứ năm đã chết rồi, theo như người ta đã nói với tôi… Người thứ năm là cha của Đăngtét.

-Than ôi! Vâng – Cađơrút nói – Vâng, ông già đã chết rồi.

-Tôi đã biết tin ấy ở Mácxây – Linh mục nói cố làm ra vẻ tự nhiên – Chết từ lâu rồi nên tôi chưa hiểu vì sao mà chết.

-Còn ai biết chuyện ấy hơn tôi, lúc ấy tôi đứng ở cửa buồng ông già. Trời ơi! Vâng, một năm sau khi con trai mất tích thì ông già chết.

-Nhưng vì sao mà chết?

-Các thầy thuốc có nói tên bệnh… Những người biết ông thì nói ông già chết vì đau khổ… Còn tôi, chính mắt tôi nom thấy ông chết, tôi nói rằng ông già chết vì…

Cađơrút ngừng lại, linh mục bồn chồn hỏi: -Vì sao?

-Chết vì đói!

-Vì đói! – Linh mục chồm lên khỏi chiếc ghế đẩu – Chết đói! Trời ơi! Những con súc vật khốn khổ nhất cũng không đến nỗi chết đói! Những con chó lang thang trên đường phố cũng tìm được từ bàn tay từ thiện ném cho nó một mẩu bánh. Thế mà một người, một con chiên của Chúa, lại chết đói giữa những con người cùng giáo dân như người đó. Không, không thể thế được! Không thể thế được!

-Tôi nói điều tôi đã nói – Cađơrút nói tiếp.

Một giọng từ cầu thang nói vọng ra: -Anh nhầm rồi đấy, anh Cađơrút. Việc gì anh can thiệp vào chuyện ấy?

Hai người quay đầu lại và thấy cái đầu ốm yếu của mụ Cáccông xuất hiện ở đầu tay vịn của thang gác.

-Thế cô cũng can thiệp vào đây làm gì? Ông linh mục đây hỏi thì tôi đáp, đó là theo phép lịch sự.

-Phải, nhưng sự thận trọng yêu cầu anh phải từ chối. Ai bảo cho anh biết người ta hỏi với ý định gì? Đồ ngốc.

-Thưa bà, với một ý định tốt. Ông chồng của bà không phải lo ngại gì cả, miễn là ông nói đúng sự thật.

-Không phải lo ngại gì cả. Phải, người ta bắt đầu bằng những lời hứa tốt đẹp, nhưng khi bỏ ra đi thì quên hết điều đã nói, để rồi một ngày kia nỗi bất hạnh rơi xuống đầu những kẻ thấp hèn mà chẳng hiểu từ đâu tới cả.

-Cứ yên trí bà ơi! Điều bất hạnh không phải vì tôi mà ra, tôi xin bảo đảm với bà như vậy.

Mụ Cáccông lầu bầu vài câu nữa rồi lại bắt đầu run lên vì sốt rét. Trong khi đó linh mục, sau khi uống vài ngụm nước, đã trở lại bình tĩnh. ông hỏi tiếp: -Nhưng ông già đau khổ ấy đã bị mọi người bỏ rơi đến nỗi phải chết một cái chết như vậy sao?

-Ôi, thưa ông, không phải là cô gái Mécxêđét xóm Catalăng, không phải là ông Moren đã bỏ rơi ông già đâu. Nhưng ông già khốn khổ ấy có một ác cảm sâu sắc với Fécnăng. Tên này mà Đăngtét cũng kể vào số những bạn tốt của cậu ta à?

-Không đúng thế sao? – Linh mục hỏi.

-Gaxpa, Gaxpa – mụ Cáccông lại từ đầu cầu thang nói vọng xuống – Hãy coi chừng lời nói của anh đấy.

Cađơrút phác một cử chỉ sốt ruột, không trả lời vợ mà tiếp tục với vị linh mục: -Người ta có thể là bạn với người cướp vợ mình không? Nếu Đăngtét có một trái tim vàng mới coi người đó là bạn… Khổ thân cậu Étmông!… Cậu ta không nên biết gì thì hơn. Cậu ta đau khổ lắm nên lúc chết mới tha thứ cho chúng. Và người ta muốn nói gì thì nói, tôi rất sợ những lời chửi rủa của người chết hơn là sợ thù hằn của người sống!

-Đồ ngốc! – Mụ Cáccông quát lên.

-Vậy ông có biết Fécnăng đã làm gì đối với Đăngtét không?

-Biết lắm chứ!

-Vậy ông hãy nói đi.

-Gaxpa! – Mụ Cáccông lại lên tiếng. – Anh muốn làm gì thì làm nhưng phải nghe tôi đấy.

-Lần này thì tôi nghe vậy – Cađơrút đáp lời vợ.

-Vậy là ông không muốn nói gì nữa hả? – Linh mục hỏi.

-Để làm gì kia chứ? – Cađơrút đáp – Nếu cậu ta còn sống đến tôi để tìm hiểu sự thật, tôi cũng không nói. Nay theo ông nói, cậu ta đã chết rồi cậu ta không còn có thể trả thù được nữa. Chúng ta hãy dập tắt tất cả cái đó đi là khôn ngoan hơn cả.

-Vậy ông muốn là tôi sẽ chia cho những con người mà ông cho không phải là bạn, một phần thưởng về lòng trung thành?

-Ông nói đúng đấy. Vả lại phần của Đăngtét dành cho họ chỉ như giọt nước bỏ vào biển cả. thôi.

-Ấy là chưa kể họ có thể bóp anh chết bẹp – Mụ Cáccông chen vào.

-Sao kia? Những người đó đã trở nên giàu sang và có thế lực lắm à? – Linh mục vội hỏi.

-Vậy ông chưa biết chuyện à?

-Chưa. Ông hãy kể cho tôi nghe đi.

Cađơrút có vẻ suy nghĩ một lát: -Không được đâu, chuyện dài lắm!

-Tùy ông thôi. Tôi tôn trọng sự thận trọng của ông. Vả lại ông làm như thế là rất đúng. Thôi chúng ta không nói đến nữa. Nhiệm vụ tôi là gì? Một nghi thức bình thường thôi. Vậy tôi sẽ bán viên kim cương này đi.

Linh mục rút trong túi ra và mở nắp hộp. Viên kim cương sáng óng ánh trước cặp mắt đang hoa lên của Cađơrút. Hắn hấp tấp gọi vợ: -Này nhà nó ơi, lại đây mà xem viên kim cương.

-Kim cương à? – Mụ Cáccông bước xuống cầu thang – Kim cương nó thế nào?

-Nhà không nghe thấy gì à? Đó là viên kim cương mà cậu bé đã để lại cho chúng ta theo di chúc: Trước tiên cho bố cậu, rồi cho ba người bạn thân là Đăngla, Fécnăng và tôi cùng với người vợ chưa cưới Mécxêđét nữa. Trị giá năm mươi ngàn frăng đấy!

-Ồ, đẹp quá! – Mụ Cáccông kêu lên.

-Một phần năm của nó thuộc về tôi chứ? – Cađơrút hỏi.

-Phải – Linh mục đáp – Cộng thêm một phần của ông già bố Đăngtét. Vậy là tôi sẽ chia món tiền ra làm bốn phần bằng nhau cho bốn ông.

-Tại sao lại cho bốn chúng tôi? – Mụ Cáccông hỏi.

-Vì là bốn người bạn tốt của Đăngtét.

-Bạn phải là những người không bao giờ phản bội – Mụ Cáccông lầu bầu.

-Phải, phải – Cađơrút nói – Đó là điều tôi đã nói rồi: thưởng cho một sự phản bội là một điều xúc phạm, một điều phạm thánh, có thể nói là một tội lỗi nữa.

Linh mục lại bỏ hộp đựng kim cương vào túi áo rồi điềm nhiên nói: -Chính ông đã muốn như vậy. Bây giờ ông cho tôi địa chỉ của những người bạn của Đăngtét để tôi thực hiện nguyện vọng cuối cùng của anh ta.

Những giọt mồ hôi to tướng chảy từ trên trán Cađơrút xuống. Hắn thấy linh mục đứng lên, đi ra cửa như để xem qua con ngựa rồi lại trở vào. Hai vợ chồng Cađơrút nhìn nhau một cách đầy ý nghĩa. Cađơrút bảo vợ: -Đáng lẽ viên kim cương đó phải thuộc cả về chúng ta.

-Anh tin thế à?

-Lão thầy tu không muốn lừa dối chúng ta đâu.

-Thôi thế tùy anh, tôi không can thiệp vào nữa.

Nói xong, mụ lại rên hừ hừ và leo lên cầu thang, hai hàm răng va vào nhau lập cập mặc dù trời rất nóng.

-Tôi đã quyết định rồi.

-Quyết định thế nào? – Linh mục hỏi.

Nói cho ông biết tất cả.

-Tôi cho như vậy mới đúng. Không phải là tôi muốn biết những điều ông muốn giấu tôi, mà chỉ chia của cho đúng theo nguyện vọng của người quá cố.

-Tôi cũng mong như vậy – Cađơrút đáp lại, mặt nóng lên vì hy vọng và tham lam.

-Nào, bây giờ tôi nghe ông.

-Ông chờ cho một chút, người ta có thể đến quấy rầy chúng ta ở những đoạn quan trọng thì phiền lắm. Vả lại tôi cũng không muốn có ai biết ông đã đến đây.

Cađơrút đứng dậy, ra đóng cửa. Hắn còn cẩn thận chốt thêm một cái then ngang. Linh mục chọn một chỗ thuận tiện để ngồi nghe cho được thoải mái. Ông ngồi vào một góc khuất ánh sáng, trong lúc đó ánh sáng lại dọi vào mắt kẻ nói chuyện. Cađơrút mang một cái ghế đẩu lại và ngồi đối diện với linh mục

§27. Câu chuyện kể

Cađơrút nói: -Trước hết tôi đề nghị Cha phải hứa với tôi một điều.

-Điều gì vậy?

-Là Cha chỉ được sử dụng những chi tiết trong câu chuyện của tôi vào công việc riêng của Cha, chứ không được để lộ ra tôi là người đã nói. Vì những người mà tôi sắp nói đến đây đều giàu và có thế lực cả. Họ chỉ cần búng móng tay là đủ làm tôi tan xác pháo rồi.

-Ông cứ yên tâm ông bạn ạ. Tôi là linh mục, tôi biết giữ bí mật những lời xưng tội. Ông nên nhớ là chúng ta chỉ có một nhiệm vụ duy nhất là làm toại nguyện một cách trọn vẹn ý muốn của người bạn của chúng ta. Vậy xin ông hãy chớ rụt rè, và mong ông vô tư. Ông hãy nói lên sự thật, tất cả sự thật. Tôi không biết và có lẽ cũng không bao giờ biết tới những nhân vật mà ông sắp kể với tôi. Vả lại tôi là người Ý chứ không phải người Pháp. Tôi thuộc về Chúa chứ không thuộc về loài người. Tôi sẽ trở về tu viện và chỉ ra ngoài khi nào phải hoàn thành những nguyện vọng cuối cùng của người chết mà thôi.

-Vậy thì – Cađơrút nói – tôi muốn hơn thế nữa phải có trách nhiệm tố giác những tình bạn mà cậu Étmông đáng thương ấy đã lầm tưởng là trung thành và tận tụy.

-Ta hãy bắt đầu từ người bố đã. Étmông đã nói với tôi rất nhiều về ông già ấy và tỏ ra có một tình thương yêu sâu sắc.

-Câu chuyện thương tâm lắm Cha ạ! – Cađơrút lắc đầu – Có lẽ Cha cũng đã biết bắt đầu ra sao rồi.

-Phải. Étmông đã kể cho tôi nghe sự việc cho đến lúc anh ta bị bắt ở một cái quán nhỏ ở gần Mácxây.

-Vâng, trong bữa tiệc đính hôn. Bữa tiệc bắt đầu thì vui mà kết thúc rất buồn thảm. Ông Moren chạy đi xem tình hình ra sao. Chẳng có gì vui vẻ cả. Còn ông già Đăngtét trở về nhà một mình, vừa khóc vừa gấp bộ quần áo cưới lại. Suốt ngày ông đi đi lại lại trong phòng, buổi tối ông cũng không chịu nằm. Tôi ở buồng dưới, nghe thấy tiếng chân ông bước suốt đêm.

Ngày hôm sau cô Mécxêđét đi Mácxây cầu xin sự che chở của ông Vinlơpho nhưng không kết quả gì. Cô muốn đón bố của Étmông về nhà cô để chăm sóc nhưng ông không chịu, ông cụ bảo: -Không, tôi không rời bỏ ngôi nhà tôi đang ở đi đâu cả, vì con trai tôi nó yêu quý tôi hơn mọi thứ trên đời này. Nếu nó được ra khỏi tù sẽ chạy đến đây tìm tôi trước tiên. Nó sẽ nghĩ sao một khi nó không thấy tôi đợi nó ở đây?

Tôi nghe thấy những câu nói ấy vọng từ trên gác xuống. Trong thâm tâm, tôi cũng muốn cô gái dỗ được ông già đi, vì những tiếng bước chân của ông hàng

ngày trên đầu tôi làm tôi không thể chịu được.

-Nhưng tại sao chính ông không lên tận nơi khuyên nhủ ông già?

-Ôi, lạy Chúa! Người ta chỉ an ủi những ai muốn được an ủi. Ông già này thì không muốn thế. Vả lại, tôi cũng cảm thấy hình như ông già không muốn gặp tôi. Một đêm bỗng nhiên tôi nghe những tiếng khóc nức nở. Không thể đừng được, tôi lên gác xem sao. Nhưng khi tôi tới cửa buồng thì ông già không khóc nữa, ông cầu nguyện. Thật không có lời lẽ nào nói hết được nỗi đau khổ. Tôi tự nhủ thầm: "May mắn làm sao trời đã không cho ta có một đứa con nào" vì nếu tôi làm cha mà phải chịu nỗi thống khổ như của ông già này thì tôi sẽ nhảy luôn xuống biển mà chết quách đi cho rảnh.

-Ông già khốn khổ quá chừng.

-Càng ngày ông già càng sống cô độc và xa lánh mọi người. Thỉnh thoảng ông Moren, tức ông chủ tàu và cô Mécxêđét có đến thăm, nhưng cửa đóng kín mít. Tôi biết là ông già có ở nhà nhưng ông không muốn tiếp. Một hôm, trái với thường lệ, ông già chịu tiếp cô Mécxêđét. Và bản thân cô bé cũng khốn khổ, mặc dù đang ở trong nỗi thất vọng hoàn toàn, cô vẫn cố gắng động viên ông già. Ông bảo cô: -Con ơi, hãy tin lời cha, nó chết rồi. Và đáng lẽ chúng ta đợi nó, thì nó lại đang đợi chúng ta. Cha sung sướng quá vì cha già hơn con nên cha sẽ là người được gặp nó trước tiên.

Dù người ta có lòng tốt đến đâu đi nữa, người ta cũng không thể đến mãi với kẻ không muốn tiếp mình. Vì vậy, chẳng bao lâu ông già hoàn toàn bị cô độc. Chỉ đôi khi tôi thấy có một số người lạ mặt đi lên nhà ông già. Lúc xuống, họ mang theo một số gói gì đó. Tôi hiểu là ông già đang bán dần đồ đạc để sống. Sau cùng, không còn gì để bán nữa. Ông già đã ba lần lỗi hẹn tiền nhà rồi, người ta dọa đuổi ông ra ngoài, ông già xin khất lần cuối cùng là tám ngày nữa. Tôi biết chi tiết việc này vì ông chủ nhà sau khi ra khỏi buồng ông già, lại vào buồng tôi.

Trong ba ngày đầu cuộc hẹn, tôi đều nghe thấy tiếng bước chân ông già như thường lệ. Đến ngày thứ tư, tôi không nghe thấy gì nữa. Tôi đánh liều lên xem sao. Cửa buồng đóng, nhưng qua lỗ khóa tôi nhìn thấy ông già xanh xao, yếu ớt đến độ tôi cho là ông ốm nặng.

Tôi đi báo cho ông Moren và cô Mécxêđét biết. Hai người vội chạy đến, ông Moren còn mang theo một người thầy thuốc. Thầy thuốc chẩn đoán bệnh loét dạ dày và ra lệnh ông phải nhịn ăn. Lúc đó tôi cũng có mặt ở đấy. Tôi không thể nào quên được cái mỉm cười của ông già khi nghe thấy lệnh của thầy thuốc. Từ đó ông già mở cửa, ông đã có lý do để chẳng phải ăn gì.

Mécxêđét đến, thấy ông già thay đổi nhiều quá cho nên, cũng như lần trước, cô muốn mang ông già về nhà cô. Ông Moren cũng muốn như vậy và muốn dùng cả sức mạnh để cưỡng bức ông già. Nhưng ông già la hét ghê quá nên họ lại đành phải thôi.

Cô Mécxêđét ngồi lại bên giường. Ông Moren, lúc về, ra hiệu cho cô gái biết ông để lại một túi tiền trên mặt lò sưởi. Nhưng dựa vào lệnh của thầy thuốc, ông già chẳng chịu ăn gì. Cuối cùng, sau chín ngày tuyệt vọng và tuyệt thực, ông già trút hơi thở cuối cùng. Lúc hấp hối ông trối trăng với cô Mécxêđét: "Nếu con gặp lại được Étmông, con nói với nó rằng cha chết và cầu phúc cho nó!"

Nghe đến đây, vị linh mục đứng lên, đi hai vòng quanh buồng, đưa bàn tay run rẩy lên cổ họng khô bỏng, rồi nói: -Vậy là ông già chết vì…

-Vì đói, thưa Cha, và xin bảo đảm đó là sự thật hiển nhiên như hai chúng ta đây đều là giáo dân cả.

Linh mục vội đưa tay ra cầm lấy cốc nước. Ông uống một hơi cạn, rồi lại ngồi xuống, cặp mắt đỏ ngầu, hai má tái ngắt.

Cađơrút kể tiếp vụ tố cáo Đăngtét, do Đăngla chủ mưu, đã diễn ra như thế nào. Linh mục đột nhiên kêu lên: -Nhưng lúc đó chính ông cũng có mặt ở đấy kia mà.

-Tôi? – Cađơrút ngạc nhiên hỏi – Ai nói cho Cha biết là tôi cũng có mặt ở đấy?

Linh mục thấy mình đã quá đà, vội nói chữa: -Chẳng ai nói cả. Nhưng phải có mặt ở đấy thì mới biết được những chi tiết như thế chứ.

-Đúng đấy – Cađơrút ấp úng nói – Tôi có ở đấy.

Thế tại sao ông không phản đối hành động xấu xa ấy? Vậy thì ông là tòng phạm rồi.

-Thưa Cha – Cađơrút đáp – Chúng chuốc rượu cho tôi say mèm gần như mất cả lý trí. Tôi nhìn thấy như qua một đám mây mờ. Tôi đã nói những gì mà một người trong tình cảnh đó có thể nói được, nhưng chúng trả lời chỉ là một câu chuyện đùa thôi, và chuyện đó chẳng có hậu quả gì đâu.

-Nhưng ngày hôm sau, ngày hôm sau ông thấy rõ hậu quả như thế nào rồi, thế mà không nói gì cả. Lúc Đăngtét bị bắt ông cũng được chứng kiến kia mà!

-Thưa Cha vâng, tôi được chứng kiến và tôi muốn nói, nhưng Đăngla ngăn cản tôi. Hắn bảo: "Nếu chẳng may nó có tội thật, nếu đúng nó có mang bức thư cho nhóm thân Bônapác ở Pari, thì kẻ nào ủng hộ nó cũng sẽ bị ghép vào tội tòng phạm". Tôi rất sợ cái món chính trị nên đành phải câm mồm. Đó là một điều hèn, tôi công nhận, nhưng không phải là một tội lỗi.

-Tôi hiểu rồi, ông đã để mặc cho chúng làm, có thế thôi.

-Thưa Cha vâng. Đó là điều hối hận đêm ngày của tôi. Tôi vẫn thường cầu Chúa xin tha tội. Mặc dù đó là việc độc nhất trong đời tôi đáng phải khiển trách, tôi vẫn cho nó là nguyên nhân của tất cả vận xúi quẩy của tôi. Do đó thỉnh thoảng vợ tôi có phàn nàn, tôi vẫn phải mắng át nó đi rằng: "Hãy im đi! Thượng đế muốn như vậy đó".

-Tốt thôi. – ông đã thành khẩn nhận lỗi như vậy là đáng được Étmông tha thứ.

-Khốn khổ thay, Étmông đã chết rồi và chưa tha thứ cho tôi.

-Étmông chưa biết.

-Nhưng bây giờ cậu ta biết rồi, có thể như vậy. Người ta nói rằng người chết biết hết.

Im lặng một lát, linh mục đứng lên, đi đi lại lại có vẻ suy nghĩ. Cuối cùng ông trở về chỗ ngồi rồi hỏi tiếp: -Tôi thấy ông đã nhiều lần nói đến tên ông Moren, ông đó là ai vậy?

-Đó là ông chủ tàu Pharaôn, ông chủ của Đăngtét.

-Thái độ của ông ta như thế nào trong suốt cả tấn kịch bi thảm ấy?

-Thái độ của một người lương thiện, can đảm và đầy tình nghĩa. Dễ có đến mấy chục lần ông ta can thiệp cho Étmông. Khi Hoàng đế trở về, ông viết đơn lên Người, thỉnh cầu, đe dọa, đến nỗi đến thời kỳ Phục hưng thứ hai ông đã bị ngược đãi, bị coi như là kẻ thân Bônapác. Như tôi đã nói, hàng chục lần ông ta đến nhà ông già Đăngtét để lôi ông già ra khỏi nhà. Và trước hôm ông già mất, tôi xin nói lại rằng ông ta đã để lại một túi tiền trên mặt lò sưởi. Người ta đã dùng số tiền đó để trang trải nợ nần và lo ma chay cho ông già. Tôi còn giữ cái túi đựng tiền đó, một cái túi lưới to, màu đỏ.

-Thế… – Linh mục hỏi – ông Moren còn sống không?

-Còn – Cađơrút đáp.

-Vậy ông ta là người được Chúa che chở. Ông ta hẳn là… giàu có, hạnh phúc lắm?

Cađơrút mỉm cười chua chát: -Vâng, cũng hạnh phúc như tôi đây.

-Ông Moren đang bị khốn khổ ư? – Linh mục kêu lên.

-Ông ta sắp bần cùng rồi, hơn thế nữa, sắp mất cả danh dự.

-Sao thế?

-Vâng, như thế đấy. Sau hai mươi lăm năm làm việc, sau khi đã chiếm được địa vị danh giá nhất trong giới thương nhân ở Mácxây, ông Moren đã bị phá sản từ đầu đến cuối. Trong hai năm ông bị mất liền năm chiếc tàu buôn, bị vỡ nợ ba lần rất kinh khủng và hiện nay chỉ còn hy vọng vào một chiếc tàu, chính là chiếc Pharaôn mà Đăngtét đã chỉ huy trước kia. Nó đang từ Ấn Độ trở về với đầy hàng hóa trong khoang. Nếu chiếc này bị đắm nốt như những chiếc khác thì ông ta sẽ nguy to.

-Ông ta có vợ con gì không?

-Có chứ, bà vợ ông rất hiền lành, tốt bụng. Cô con gái sắp lấy người cô yêu. Cậu con trai làm trung uý trong quân đội. Nhưng ông cũng biết rõ là tất cả các cái đó chỉ làm tăng gấp đôi nỗi thống khổ của ông ta thôi chứ không làm giảm được. Vì nếu ông ta chỉ có một mình thì một viên đạn vào óc là xong tất cả.

-Kinh khủng thật! – Linh mục lẩm bẩm.

-Đấy, Cha xem, Thượng đế ban thưởng cho những người có đạo đức như thế đấy! Như tôi đây, ngoài cái việc tôi vừa kể với ông, suốt đời tôi chưa làm một việc gì xấu, thế mà tôi cứ khốn khổ như thế này đây. Sau khi trông thấy vợ tôi chết vì bệnh sốt rét mà tôi chẳng làm gì được, tôi cũng đến phải chết đói như ông già Đăngtét mất thôi. Trong khi đó Đăngla và Fécnăng nằm trên đống vàng.

-Thế nào?

-Bởi vì bọn chúng gặp đầy may mắn. Còn những người lương thiện thì luôn gặp số phận hẩm hiu.

-Đăngla, tên thủ phạm chính, tên đầu sỏ, hiện giờ thế nào?

-Hắn được ông Moren giới thiệu vào làm trong một ngân hàng Tây Ban Nha. Trong cuộc chiến tranh Tây Ban Nha, hắn có dự phần vào việc cung cấp vũ khí và quân dụng cho quân đội Pháp. Nhờ những mánh khóe tinh vi, hắn trở nên giàu kếch xù và lấy được con gái ông chủ ngân hàng. Sau khi góa vợ, hắn lại lấy một bà góa, bà Nacgon, con gái vị cận thần của đức vua hiện nay, nhờ đó hắn được phong nam tước. Bây giờ hắn là triệu phú nam tước Đăngla… có một tòa biệt thự ở phố Mông Blăng, mười con ngựa trong chuồng, sáu gia nhân trong nhà và không biết bao nhiêu là triệu đồng trong két.

-Thế – Linh mục bỗng nói bằng một giọng lạ lùng – Đăngla có sung sướng không?

-Sung sướng. Bố ai mà biết được. Khổ cực hay hạnh phúc, đó là bí mật của những bức tường. Tường có tai nhưng không có lưỡi. Nếu người ta được sung sướng vì tiền thì Đăngla quả rất sung sướng.

-Còn Fécnăng?

-Fécnăng thì lại còn đặc biệt hơn.

-Nhưng một anh đánh cá nghèo hèn làm thế nào mà trở nên giàu có. Anh ta không mưu lược, không học thức. Thú thực là tin đó vượt quá trí tưởng tượng của tôi.

-Điều đó ai cũng thấy thế. Trong cuộc đời của hắn phải có một sự bí mật nào đó chưa ai khám phá ra được.

-Thế tuần tự, hắn leo thang như thế nào, xin ông cứ nói cho tôi biết.

-Sau khi trở lại ngôi báu, Napôlêông ra lệnh tuyển rất nhiều quân. Fécnăng buộc phải đăng lính. Cả tôi cũng vậy. Nhưng vì tôi nhiều tuổi hơn hắn, lại vừa mới lấy vợ, nên chỉ bị điều ra bờ biển mà thôi. Còn Fécnăng bị phân công vào một đơn vị chiến đấu và có dự chiến trận Liphi. Một đêm, sau chiến trận, hắn gác ở cổng nhà một viên tướng. Viên tướng này có quan hệ bí mật với quân địch. Đêm hôm đó, viên tướng phải đến gặp quân Anh, ông ta dụ dỗ Fécnăng đi theo. Thế là Fécnăng bỏ vọng gác đi theo viên tướng sang hàng ngũ quân địch. Việc làm của Fécnăng, nếu Napôlêông còn ở ngôi, thì thế nào cũng bị đưa ra tòa án

binh. Nhưng ngược lại, được tín nhiệm của dòng họ Buốcbông, hắn trở về Pháp với lon thiếu uý. Nhờ có sự che chở của viên tướng, hắn được phong đại úy năm 1823 trong cuộc chiến tranh với Tây Ban Nha, nên được cử sang Mađrít làm sĩ quan tình báo. Vì quen thuộc địa dư và đường đi lối lại hiểm trở nên hắn giúp được đơn vị một số việc. Do vậy, trong chiến dịch ngắn ngày đó, và sau khi chiếm được Trôcôdôrô hắn được phong thiếu tá và được thưởng Bắc đẩu bội tinh cùng với chức vị bá tước.

-Số phận! Số phận! – Linh mục lẩm bẩm.

-Vâng, nhưng như thế vẫn chưa hết đâu. Chiến tranh Tây Ban Nha kết thúc, tương lai của Fécnăng sẽ mờ mịt nếu có hòa bình lâu dài ở châu Âu. Nhưng Hy Lạp đã nổi lên chống lại Thổ Nhĩ Kỳ để giành độc lập. Tất cả mọi người đều đổ dồn cặp mắt về phía Aten. Đó là phong trào ủng hộ Hy Lạp. Chính phủ Pháp cũng phải ủng hộ Hy Lạp và phái Fécnăng sang phục vụ ở Hy Lạp.

Ít lâu sau người ta nghe tin bá tước Moocxép, tên của Fécnăng, vào làm việc cho quốc vương Alipara với quân hàm thiếu tướng.

Rồi Alipara bị giết như ông đã biết. Nhưng trước khi chết, để đền bù công lao cho người đã giúp mình, Alipara thưởng cho Fécnăng một món tiền lớn và hắn trở về Pháp. Ngày nay ngài bá tước Đơ Moocxép có một biệt thự lộng lẫy ở Pari, phố Henđơ, số nhà 27.

Linh mục lưỡng lự một lát rồi cố gắng hỏi tiếp: -Còn Mécxêđét, người ta nói cô mất tích có phải không?

-Mất tích, vâng. Mất tích như mặt trời về chiều để sáng hôm sau lại mọc lên chói lọi hơn.

-Cô ta cũng trở nên giàu có? – Linh mục hỏi với một nụ cười châm biếm.

-Mécxêđét giờ đây là một trong những bà lớn ở Pari.

-Ông nói tiếp đi, tôi nghe chuyện cứ như trong một giấc mơ.

-Khi Đăngtét bị bắt, trước tiên phải công nhận là Mécxêđét rất thất vọng. Tôi đã kể ông nghe cô ta đến van nài với Vinlơpho và sự tận tâm của cô với ông già Đăngtét. Đang thất vọng thì lại một đau khổ nữa đến với cô: Fécnăng ra trận. Cô không biết tội lỗi của Fécnăng và vẫn coi hắn như một người anh. Fécnăng đi rồi, Mécxêđét sống cô độc. Ba tháng trôi qua, ba tháng đầy nước mắt: không tin tức gì về Étmông, không tin tức gì về Fécnăng, trước mắt cô chỉ còn là một ông già đang chết dần chết mòn vì đau khổ.

Một buổi chiều, sau khi đã ngồi suốt ngày như thường lệ ở góc hai con đường đi Mácxây và về Catalăng, cô rũ rượi trở về nhà. Bỗng nhiên cô nghe thấy tiếng bước chân quen thuộc. Cô quay lại, cánh cửa mở ra và Fécnăng xuất hiện trong bộ quân phục thiếu uý.

Đây không phải là một nửa vấn đề mà cô khóc. Một phần tư thôi! Fécnăng đã trở về với cô. Mécxêđét nắm tay Fécnăng với một niềm vui sướng mà Fécnăng

tưởng lầm là tình yêu. Nhưng đó chỉ là một niềm vui sướng của một người thấy mình không còn bị cô độc nữa, và thấy lại một người bạn sau bao ngày buồn thảm đơn độc. Và cần phải nói thêm là Fécnăng chưa hề bị cô ghét bỏ, mà chỉ không được cô yêu, có thế thôi. Một người khác đã chiếm mất trái tim của Mécxêđét rồi người đó đi vắng… bị mất tích… có thể là chết rồi. Nghĩ đến đây; Mécxêđét nức nở khóc. Trước đây cô không tin như thế, nhưng ông già Đăngtét đã chả nhiều lần nói với cô: "Étmông của chúng ta chết thật rồi, nếu không, nó đã trở về".

Ông già đã chết, như tôi đã nói với ông. Nếu ông già còn sống, Mécxêđét có thể không bao giờ là vợ người khác. Fécnăng hiểu như thế. Khi ông già chết, hắn trở về lần này với lon thiếu uý. Lần đi trước, hắn không nói một câu yêu đương nào với cô. Lần này hắn nhắc lại với cô rằng hắn yêu cô. Mécxêđét xin hắn gia hạn cho sáu tháng nữa để chờ đợi và khóc Étmông.

Nghe đến đây, linh mục mỉm cười chua chát nói: -Thực tế tổng cộng tất cả là mười tám tháng. Còn đòi hỏi gì hơn ở một người tình yêu quý? – Rồi ông lẩm bẩm một câu của một thi sĩ người Anh – "Mong manh yếu đuối, tên của mi là phụ nữ".

Cađơrút nói tiếp: -Sáu tháng sau cuộc hôn lễ diễn ra tại nhà thờ Accun là nơi đáng lẽ làm lễ cưới với Étmông. Vậy là Mécxêđét đã lấy chồng. Trước mắt mọi người, cô có vẻ bình tĩnh, nhưng rất có thể cô ngã ngất khi đi qua cái quán trước đây đã tổ chức lễ đính hôn với Étmông.

Fécnăng sung sướng hơn nhưng không yên tâm.hơn. Thời kỳ đó tôi gặp hắn luôn nên tôi biết, hắn rất lo sợ Étmông sẽ trở về. Hắn vội vã thu xếp đưa vợ ra nước ngoài, vì ở Catalăng nguy hiểm và nhiều kỷ niệm quá. Tám ngày sau lễ cưới, hai vợ chồng ra đi.

-Thế ông có bao giờ gặp lại Mécxêđét không? – linh mục hỏi.

-Có – Cađơrút đáp – Trong thời gian có chiến tranh với Tây Ban Nha, Fécnăng đưa vợ đến Pecpinhăng cùng với đứa con trai. Tôi gặp họ ở đấy.

Linh mục rùng mình hỏi: -Có con rồi à?

-Vâng, con trai lên là Anbe. Cô ta bây giờ giàu sang phú quý rồi nhưng không hạnh phúc đâu, tôi có cảm giác như vậy.

-Còn viên phó biện lý Vinlơpho, ông ta có nhúng tay vào vụ bắt bớ Đăngtét không?

-Ông ta không phải là bạn tôi nên tôi không biết rõ chuyện. Tôi chỉ biết là sau khi làm lễ thành hôn với tiểu thư Xanh Mêrăng, ông ta được chuyển đi nơi khác. Rất có thể là ông ta cũng giàu có như Đăngla, danh vọng như Fécnăng, chỉ còn mình tôi là nghèo khổ và bị Thượng đế bỏ quên.

-Ông bạn ơi, ông lầm đấy. Thượng đế quang minh, chính trực không bỏ quên ai đâu và đây là bằng chứng.

Nói xong, linh mục rút viên kim cương ra trao cho Cađơrút rồi nói tiếp: -Viên kim cương này đáng lẽ chia cho bốn người, nhưng tôi thấy chỉ có mình ông xứng đáng là bạn của Đăngtét nên nó sẽ thuộc quyền sở hữu của riêng ông. Mời ông cầm lấy, nó đáng giá năm chục nghìn frăng đấy.

Cađơrút vừa vuốt mồ hôi trên trán vừa nói: -Ôi thưa ông, ông không nói đùa tôi đấy chứ? Ông đừng nên làm tôi vừa sung sướng vừa thất vọng.

-Tôi đã hiểu thế nào là sung sướng và thất vọng – Linh mục mỉm cười nói – Và tôi không bao giờ nỡ đùa với tình cảm của người khác. Xin ông cứ cầm lấy, và ngược lại, ông cho tôi xin cái túi đựng tiền bằng chỉ đỏ mà ông Moren đã để lại trên mặt lò sưởi buồng ông già Đăngtét, ông đã nói với tôi là ông còn giữ.

Cađơrút càng ngạc nhiên hơn, hắn vội chạy đi mở tủ lấy cái túi ra. Túi bằng tơ đỏ có đính hai cái vòng đồng mạ vàng. Linh mục cầm lấy cái túi và trao viên kim cương cho Cađơrút. Tên chủ quán kêu lên: -Ôi ông thật là người nhà trời, thưa ông! Vì sự thật là không ai biết Étmông đã trao nó cho ông và ông hoàn toàn có thể im đi.

Linh mục nghĩ thầm "Chà, điều đó có nghĩa là mi có thể làm như vậy lắm". Rồi linh mục đứng lên, cầm lấy mũ và găng tay, nói: -Tất cả những điều ông nói với tôi là sự thật cả đấy chứ?

-Tôi xin thề trước cây thánh giá kia và sự thể thế nào, tôi đã nói đúng như thế.

-Vậy thì tốt lắm! Mong ông sử dụng lương thiện số tiền này nhé! Vĩnh biệt ông, tôi phải đi xa khỏi loài người đã tự gây cho nhau biết bao tai họa.

Rồi, không chú ý đến những tình cảm dạt dào của tên chủ quán, vị linh mục đẩy cửa bước ra ngoài, lên ngựa đi thẳng.

Lúc Cađơrút quay lại hắn thấy mụ Cáccông đứng đằng sau hắn tái xanh và run rẩy hơn bao giờ hết. Mụ hỏi: -Những điều tôi vừa nghe thay có đúng là sự thật không?

-Chẳng có gì thật hơn, vì nó đây – Cađơrút sướng như điên đáp, và xòe tay ra.

Mụ vợ ngắm nghía nó một lát rồi nói như gầm lên: -Nó giả thì sao?

Mặt Cađơrút tai mét, người lảo đảo, hắn thì thào: -Giả, giả!… Thế tại sao người ta cho mình kim cương giả để làm gì?

-Đồ ngu! Để moi hết bí mật của anh mà không phải trả tiền chứ sao!

Cađơrút đứng lặng đi một lúc lâu chịu đựng sức nặng của giả thiết đó. Lát sau hắn cầm mũ lên và nói: -Rồi chúng ta sẽ biết.

-Làm sao mà biết được?

-Ở ngoài chợ có những tay thợ kim hoàn ở Pari về, tôi sẽ đưa họ xem.

Rồi hắn lao ra khỏi nhà, ngược chiều với hướng đi của vị linh mục. Còn lại một mình, mụ Cáccông lẩm bẩm: "Năm chục nghìn frăng! Đó là một món tiền…

nhưng chưa hẳn là một gia tài”.

§28. Cuốn sổ nhà tù

Ngày hôm sau, trên đường đi Bôkê, người ta thấy một người đàn ông trạc ngoài ba mươi tuổi, mặc chiếc áo đuôi tôm màu lơ, một chiếc quần bằng lụa Trung Quốc, một áo gilê trắng, giọng nói lơ lớ tiếng Anh, đến ra mắt viên thị trưởng thành phố Mácxây.

-Thưa ngài thị trưởng, tôi là người đại diện của hãng Tômxơn và Fren ở Rôma. Từ mười năm nay hãng chúng tôi giao dịch với công ty Moren ở Mácxây. Vừa qua chúng tôi nghe tin công ty này sắp bị phá sản. Điều đó làm chúng tôi rất lo lắng. Vậy xin ngài cho chúng tôi được biết tình hình công ty Moren hiện nay bởi công ty còn giữ của chúng tôi mười vạn frăng.

-Vâng, tôi biết rõ là trong vòng năm năm nay ông Moren đã gặp rủi ro dồn dập. Ông ta bị đắm luôn năm chiếc tàu và ba bốn lần suýt bị phá sản. Về đạo đức của ông ta, với danh nghĩa thị trưởng, tôi có thể cam đoan với ông, ông ta là một người thật thà, đứng đắn và đáng tin cậy. Còn về tiền nong thì phải hỏi ông Đơ Bôvin, thanh tra các nhà tù. Nghe đâu ông ấy có mua nhiều cổ phần của công ty Moren nên nhất định biết rõ công việc làm ăn của công ty đó.

Người Anh ngỏ lời cám ơn, chào viên thị trưởng và gặp ông Bôvin, thanh tra nhà tù, theo lời giới thiệu của ông thị trưởng. Viên thanh tra đang ngồi ở bàn giấy. Lúc nom thấy ông ta, người Anh có vẻ giật mình như không phải lần đầu tiên gặp ông. Song với vẻ thản nhiên thường có theo bản tính, người Anh đặt vấn đề với ông Bôvin như đã làm với ông thị trưởng. Ông Bôvin nói: -Chao ôi! Những lo âu của ngài không phải là vô căn cứ. Bản thân tôi cũng đang thất vọng. Tôi mua hai trăm nghìn frăng cổ phiếu của công ty Moren, một nửa đến ngày 15 tháng này thì được hoàn lại, còn một nửa sang tháng sau. Nhưng vừa đây ông Moren báo cho tôi biết nếu ngày 15 này tàu Pharaôn không trở về Mácxây thì ông ta không thể thanh toán với tôi được. Như thế có nghĩa là ông ta phá sản, còn tôi thì sẽ mất sạch gia tài.

Người Anh có vẻ suy nghĩ một lát rồi nói: -Ngài lo sợ ư?

-Tôi thì coi như đã mất rồi.

-Nếu vậy tôi sẽ mua lại.

-Ngài mua lại! Chắc với điều kiện là với giá hạ?

-Không đâu – Người Anh mỉm cười đáp – Công ty chúng tôi không làm việc ấy. Hai trăm nghìn là hai trăm nghìn.

-Ngài trả tiền nào?

-Bằng tiền mặt ngay lập tức.

Nói xong, người Anh rút trong túi ra một tập giấy bạc có thể là nhiều gấp đôi số tiền cần cho ông Bôvin. Bộ mặt của viên thanh tra rạng rỡ hẳn lên, nhưng ông

ta cố trấn tĩnh lại và nói: -Thưa ngài, nhưng tôi cần phải báo trước để ngài biết rằng chỉ có năm phần trăm may rủi là thu lại được số tiền đó.

-Điều đó không can gì đến tôi. Tôi chỉ cần biết rằng hãng Tôm xơn và Fren chúng tôi được cái lợi là làm phá sản được một hãng đối địch. Còn tôi, tôi muốn xin ngài một cái lợi khác: món hoa hồng.

-Vâng thưa ngài, như vậy là hợp lý quá rồi! Thông thường là 1,5 phần trăm nhưng ngài yêu cầu hai hay ba? Hay hơn nữa xin ngài cứ nói.

-Thưa ông – Người Anh mỉm cười nói – Tôi cũng như hãng của chúng tôi không làm cái việc đó. Khoản hoa hồng của tôi tính bằng cách khác.

-Xin ngài cứ nói, tôi sẵn sàng nghe.

-Ngài là thanh tra các nhà tù có phải không?

-Từ mười bốn năm nay.

-Ngài giữ các sổ giam tù nhân?

-Vâng, và cả những hồ sơ của từng tù nhân nữa.

-Ngày trước, lúc ở Rôma tôi có một ông thầy học là linh mục bỗng nhiên bị mất tích. Sau này tôi được biết ông ta đã bị bắt và bị giam ở lâu đài Íp, tôi muốn biết một số chi tiết về ông ấy.

-Ông ấy tên là gì?

-Linh mục Faria.

-À, tôi biết rõ lắm, ông ấy bị điên.

-Người ta nói thế! – Người Anh thản nhiên nói.

-Ờ. Chắc chắn là thế mà! – ông Bôvin kêu lên.

-Cũng có thể. Nhưng điên như thế nào?

-Ông ta quả quyết là ông ta biết chỗ chôn cất một kho tàng rất lớn và hứa tặng cho chính phủ những món tiền điên rồ nếu thả ông ấy ra.

-Tội nghiệp ông ấy! Ông ấy chết rồi phải không?

-Vâng, cách đây khoảng năm sáu tháng, vào tháng Hai năm vừa qua.

-Ông có trí nhớ tốt quá nhỉ?

-Tôi nhớ được vụ đó bởi vì cái chết của ông ấy có kèm theo một sự kiện kỳ lạ.

-Tôi có thể biết được không? – Người Anh hỏi với vẻ tò mò.

-Được chứ! Cái hầm giam linh mục cách một cái hầm khác chừng vài ba chục bước, trong hầm này giam một tên thân Bônapác rất nguy hiểm.

-Thật vậy ư? – Người Anh hỏi.

-Vâng – ông Bôvin đáp – Tôi đã có dịp gặp con người đó vào năm 1816 hoặc 1817. Con người này để lại cho tôi một cảm tưởng sâu sắc, không bao giờ tôi quên được bộ mặt anh ta – Người Anh mỉm cười kín đáo, ông Bôvin nói tiếp – Hai cái hầm giam hai người ở cách nhau chừng ba chục bước như tôi đã nói, tên anh ta là Étmông Đăngtét thì phải…

-Con người nguy hiểm đó tên là…

-Étmông Đăngtét… Vâng, thưa ông. Hình như tên Étmông Đăngtét ấy đã tạo ra những dụng cụ, vì người ta khám phá ra một con đường ngầm mà hai tù nhân đã dùng để đi lại với nhau.

-Con đường ngầm đó dùng vào mục đích vượt ngục?

-Đúng thế, nhưng không may cho cả hai là linh mục Faria bị lên cơn bại liệt rồi chết.

-Tôi hiểu rồi, điều đó làm kế hoạch vượt ngục bị phá sản.

-Đối với người chết thì đúng – ông Bôvin đáp – Nhưng không đúng với người sống. Ngược lại, tên Đăngtét đã tìm thấy ở đó một biện pháp để tiến hành vượt ngục nhanh hơn. Có lẽ hắn đã nghĩ rằng những người chết ở lâu đài Íp được chôn ở nghĩa địa như bình thường. Hắn đem xác chết sang hầm của hắn, rồi chui vào bao thay thế xác chết, khâu lại cẩn thận và đợi lúc chôn.

-Đấy là một biện pháp mạo hiểm – Người Anh nói, – chứng tỏ một sự can đảm phi thường

-Ồ, thì tôi chẳng nói với ông rằng hắn là một con người nguy hiểm mà! Nhưng may thay cho nhà cầm quyền, hắn đã tự giết mình.

-Thế nào kia?

-Ông không hiểu à? Lâu đài Íp không có nghĩa địa. Người ta quẳng xác hắn tù trên mỏm đá cao xuống biển, chân lại buộc một viên đạn đại bác. Nếu không bị đập đầu vào đá thì hắn cũng bị nhấn chìm xuống đáy biển rồi.

-Vậy là – Người Anh cố trấn tĩnh nói – kẻ vượt ngục đã bị chết đuối?

-Việc đó đã quá rõ ràng?

-Thế là ông giám thị nhà tù cùng một lúc thoát nợ được một tên điên và một tên tù nguy hiểm!

-Đúng thế. Người ta có thể cấp giấy chứng nhận bất kỳ vào lúc nào là hai tên ấy đều không còn ở trên trần thế này nữa.

– Thôi – Người Anh nói – Ta quay về với quyển sổ tù.

-À vâng, xin ông vào phòng giấy của tôi, tôi sẽ đưa ông xem.

Tất cả đều rất ngăn nắp, trật tự. Mỗi cuốn sổ đều có số của nó. Mỗi hồ sơ đều có ngăn riêng. Viên thanh tra mời người Anh ngồi vào ghế bành và đặt trước mặt ông ta cuốn sổ và hồ sơ có liên quan đến lâu đài Íp. Để khách có thể tự do tra cứu, ông ngồi vào cái ghế ở góc buồng và đọc báo.

Người Anh tìm được một cách dễ dàng hồ sơ về linh mục Faria. Nhưng rồi ông ta chỉ giở lướt qua để tìm đến tập của Étmông Đăngtét. Mọi thứ vẫn còn nguyên vẹn thư tố cáo, khẩu cung can thiệp của ông Moren, chú thích của Vinlơpho. Ông gập bức thư tố cáo lại và nhét vào túi áo của mình. Ông đọc những bức thư của ông Moren kêu nài lên Hoàng đế Napôlêông thời kỳ Hoàng đế mới trở về cầm quyền. Ông hiểu ra rằng tất cả những bức thư này Vinlơpho

không gửi đi mà giữ lại và chúng đã trở thành một thứ vũ khí lợi hại của hắn khi vua Lu-i trở lại ngai vàng.

Ông đọc chú thích của Vinlơpho: "Étmông Đăngtét, kẻ theo phái Bônapác cuồng nhiệt, đã tích cực tham gia vào vụ Napôlêông từ đảo Enbơ quay về. Phải giam giữ hết sức bí mật và canh phòng nghiêm ngặt".

Dưới đó là một dòng chữ khác: "Không thể làm gì khác được", Đó là lời ghi của viên thanh tra hồi đến thăm Đăngtét.

-Xin cảm ơn ngài, tôi thỏa mãn rồi!

Nói xong ông cúi chào và lặng lẽ bước ra.

§29. Ở nhà ông Moren

Cách đây dăm năm, những ai đã từng có dịp đến Mácxây vào thăm hãng tàu Moren, thì giờ đây hẳn phải ngạc nhiên về sự đổi thay bất ngờ. Còn đâu cảnh dư dật, phồn vinh, làm ăn vui vẻ, tấp nập trước kia. Nay trong hãng chỉ còn cảnh vắng vẻ tiêu điều. Chỉ còn lại hai người làm công: Emmanuen, một thanh niên trạc hai mươi ba tuổi, người yêu của cô Juyli Moren, anh nhất quyết ở lại làm việc, mặc dù bị bố mẹ đe ngăn cấm; và lão thủ quỹ Cốclet tận tụy, trung thành với chủ.

Ông Moren đang phải trải qua những giờ phút khắc nghiệt. Để có thể đương đầu được từ nay đến cuối tháng, ông đã phải dồn tất cả những gì còn lại trong gia sản gồm một số bát đĩa bằng bạc và một ít đồ trang sức của vợ để mang đi Bôkê bán. Hy sinh như vậy mới tạm thời cứu vãn được danh dự của hãng Moren. Nhưng rồi quỹ lại rỗng tuếch. Những chủ nợ lo sợ về những lời đồn đại ích kỷ đã đua nhau đến đòi rút vốn.

Để đương đầu với số tiền một trăm nghìn frăng phải trả cho ông Bôvin vào ngày 15 tháng sau, ông Moren chỉ còn hy vọng vào việc tàu Pharaôn trở về. Một chiếc tàu khác cùng trong cảng, cũng nhổ neo với nó đã về rồi, còn tàu Pharaôn vẫn chẳng có tin tức gì.

Chính vào lúc diễn ra tình trạng này thì người Anh, sau hôm từ biệt ông thanh tra Bôvin, đã tìm đến hãng Moren nhân danh đặc phái viên của hãng Tôm xơn và Fren.

Anh thanh niên Emmanuen tiếp ông khách. Cứ mỗi người khách đến là anh thanh niên lại lo sợ. Anh lo lắng hỏi người khách, khách đáp chỉ có thể trả lời được với chính ông Moren. Anh thở dài, gọi người thủ quỹ đưa ông khách vào. Đến cầu thang, ông khách gặp một cô gái trạc mười sáu, mười bảy tuổi. Cô lo lắng nhìn ông khách lạ. Người thủ quỹ hỏi: -Ông nhà có trong buồng làm việc chứ cô Juyli?

-Có, hay ít ra cháu cũng tin như vậy – Cô thiếu nữ do dự đáp – Bác Cốclet, bác hãy lên trước báo tin có ông đây…

-Không phải báo trước đâu cô ạ – Khách đáp – ông Moren không biết tên tôi đâu. Bác đây chỉ cần nói tôi là đặc phái viên của hãng Tôm xơn và Fren từ Rôma đến…

Người khách theo Cốclet vào và trông thấy ông Moren đang ngồi trước bàn giấy, mặt tái xanh, đang đọc những con số khủng khiếp trong cuốn sổ thương mại. Thấy có khách vào, ông Moren đóng cuốn sổ lại, đứng lên kéo ghế mời ngồi. Khi khách đã an tọa, ông cũng ngồi xuống.

Mười bốn năm trôi qua đã làm ông thay đổi quá nhiều, tóc đã bạc, trên trán đã hằn những nếp nhăn vì lo nghĩ. Cặp mắt ông lờ đờ chứ không còn trong sáng và đầy nghị lực như trước kia. Ông lên tiếng trước: -Thưa ông, ông muốn nói chuyện với tôi?

-Thưa ông vâng. Chắc ông đã biết tôi từ đâu đến rồi phải không?

-Ông ở hãng Tôm xơn và Fren như bác thủ quỹ vừa cho tôi biết.

-Đúng ạ. Hãng Tômxơn và Fren trong tháng này và tháng sau phải trả tại Pháp một số tiền là ba, bốn trăm nghìn frăng. Được biết quý hãng rất đúng hẹn nên hãng chúng tôi đến đây để xin lại ông số tiền đó.

Ông Moren thở dài, đưa tay lên trán ướt đẫm mồ hôi và nói: -Vậy ông đã có đủ giấy chứng khoán nhận tiền có chữ ký của tôi?

-Vâng, với một số tiền cũng khá lớn đấy ạ!

-Xin cho biết bao nhiêu tất cả? – ông Moren cố lấy giọng bình tĩnh hỏi.

-Bốn mươi vạn frăng cộng với cổ phần của ông Bôvin thanh tra các nhà tù, đã được chuyển vào tay chúng tôi hai mươi vạn nữa. Giấy tờ đây, mời ông kiểm tra.

-Vâng đúng cả. Thời hạn trả là 15 tháng này và 15 tháng sau.

-Thưa ông Moren, tôi xin thành thực với ông, từ trước đến nay ông rất sòng phẳng. Nhưng dư luận hiện nay ở Mácxây cho chúng tôi biết là ông không còn đủ khả năng trang trải. Như thế là thế nào ạ?

Mặt ông Moren tái đi một cách khủng khiếp, ông đáp: -Thưa ông, đã trên hai mươi bốn năm tôi nhận hãng này từ tay bố tôi, cũng như bố tôi đã quản lý nó ba mươi lăm năm, cho đến nay chưa một cổ phiếu nào có chữ ký của Moren đưa đến quỹ chúng tôi mà không được thanh toán.

-Vâng, điều đó chúng tôi biết – Người Anh nói – Nhưng đứng về danh sự mà nói với nhau, xin ông thành thật cho biết, ông có thể thanh toán được những món này đúng như hạn định không?

Ông Moren rùng mình, nhìn con người đang nói với ông bằng một giọng chắc chắn như vậy, ông đáp: -Đối với những câu hỏi đặt ra một cách thành khẩn như vậy cũng phải có câu trả lời thành khẩn. Thưa ông vâng, tôi sẽ trả lời như tàu Pharaôn của tôi về đến đích an toàn, tôi cầu mong như vậy, còn nếu như vì bất hạnh mà tàu Pharaôn mất…

Giọng ông Moren nghẹn ngào, nước mắt trào ra. Khách liền hỏi: -Nếu chẳng may như vậy thì sao, thưa ông?

-Thì, thưa ông, nói ra đau đớn lắm… nhưng đã quen với đau khổ rồi, tôi cần phải làm quen với sự nhục nhã nữa. Thì tôi cho rằng tôi buộc lòng phải đình chỉ mọi thanh toán của hãng tôi.

-Ông không có bạn bè thân thuộc nào có thể giúp được ông trong cảnh ngộ này ư?

Ông Moren mỉm cười buồn bã đáp: -Thưa ông, trong nghề buôn bán làm gì có bạn bè, chỉ có đối thủ !

-Đúng thế – Vị khách người Anh nói – Vậy ông chỉ còn một nguồn hy vọng ấy thôi ư? Nếu nguồn hy vọng ấy tan vỡ thì ông tính sao?

-Tôi sẽ lỗi hẹn, tôi sẽ nguy mất.

Giữa lúc đó, ngoài cầu thang có tiếng huyên náo và tiếng kêu não ruột: -Trời đất ơi! Lại chuyện gì nữa đây? – ông Moren mặt nhợt nhạt, người run rẩy, muốn đứng lên nhưng không còn sức nữa, lại rơi phịch xuống ghế.

Hai người đối diện nhau. Ông Moren chân tay run rẩy; người khách nhìn ông với nỗi thương hại sâu sắc. Tiếng ồn ào đã hết, nhưng người ta thấy rõ ông Moren đang chờ đợi một cái gì. Tiếng ồn ào đó tất phải có nguyên nhân, vậy ắt phải có một kết quả.

Có tiếng người nhẹ nhàng bước trên cầu thang, có thể là của nhiều người nữa, rồi dừng lại trước cửa phòng. Tiếng chìa khóa lách cách rồi cửa mở. Cô Juyli xuất hiện, mặt đầy nước mắt. Ông Moren run rẩy đứng lên tựa vào thành ghế, cô con gái chạy lại nép đầu vào ngực cha nức nở.

-Cha ơi cha! Cha hãy can đảm lên!

-Vậy là tàu Pharaôn đắm rồi phải không? – ông Moren nghẹn ngào nói – Cô gái không trả lời, chỉ khẽ gật đầu.

-Thế còn anh em thủy thủ? – ông Moren vội hỏi tiếp.

-Thoát hết và đã được một tàu Bồ Đào Nha vớt lên, tàu này vừa cập bến.

Ông Moren giơ hai tay lên trời nói: -Cám ơn Thượng đế! Người chỉ hại có mình tôi!

Dù phớt lạnh như người Anh, vị khách lạ cũng long lanh một giọt nước mắt trên mi.

-Thôi vào cả đi – ông Moren nói tiếp – Tôi biết là mọi người đứng ở ngoài cửa!

Tức thì bà Moren bước vào khóc thút thít, theo sau bà là Emmanuen rồi đến bảy tám thủy thủ. Nom thấy những người đó, khách rùng mình bước lên một bước như muốn chạy lại với họ. Nhưng ông ta tự kìm được và đứng nép vào một góc nhà.

-Bác Pênơlông – Emmanuen nói – Bác hãy kể cho ông chủ biết sự thể ra sao.

Một thủy thủ già, da mặt cháy nắng mặt trời vùng xích đạo, tay xoắn một mảnh mũ còn lại, tiến lên nói: -Xin chào ông Moren. Thưa ông, con tàu ở Ý trở về đi đến mũi Trắng. Tôi đang bẻ lái thì ông thuyền trưởng Gôma đến bảo là trời sắp có dông, rồi ra lệnh cuốn hết những cánh buồm lớn.

Ông Moren liền ngắt lời hỏi: -Ông thuyền trưởng đâu rồi nhỉ?

-Ông Gôma bị ốm phải nằm lại ở Panma. Nhưng không sao, chỉ vài ngày nữa là ông trở về mạnh khỏe như ông chủ và chúng tôi.

-Thế thì tốt – ông Moren nói – Tiếp tục đi, Pênơlông.

-Vâng… sau đó quả nhiên những đám mây đen ngòm từ chân trời ùn ùn kéo đến, gió thổi đùng đùng, mặt biển chuyển động mạnh. Tàu tròng trành dữ dội, mũi chúi ra phía trước. Nước tràn vào ngập đến ba bộ. Ông thuyền trưởng ra lệnh bơm nước và cuốn hết những cánh buồm còn lại.

-Tôi thì tôi không làm thế. – Khách người Anh đứng ở phía sau vẫn theo dõi câu chuyện, buột mồm nói – Vì con tàu đã quá cũ rồi không thể nào chịu được cơn gió thốc.

-Vâng đúng thế, gió càng mạnh, nước tràn vào mỗi lúc một nhiều không tài nào bơm hết ra được. Không còn cách gì cứu nổi, tàu chìm dần, chìm dần. Ông Gôma ra lệnh thả xuồng xuống cho anh em thủy thủ, chỉ còn mình ông đứng trên tàu. Tôi hiểu ý ông muốn hy sinh với tàu. Tôi vội ôm ngang lưng ông và vừa kịp nhảy xuống xuồng thì sàn tàu vỡ toang, làm rung chuyển cả một góc trời, tàu chìm nghỉm. Tàu Pharaôn không còn nữa. Chúng tôi lênh đênh trên mặt biển suốt ba ngày đêm không được ăn uống gì thì may mắn gặp được chiếc tàu bạn cứu thoát và đưa về đây. Đó là tóm tắt những việc đã xảy ra, thưa ông Moren, tôi xin lấy danh dự mà thề là sự việc đã xảy ra đúng như vậy. Có phải không các bạn?ề

Tiếng rì rầm nổi lên tỏ ý tán thành. Ông Moren nói: -Thôi các bạn, các bạn đều là những người dũng cảm và chân thành. Tai nạn này tôi đã biết trước là do số phận của tôi. Đó là ý muốn của Thượng đế chứ đâu có phải lỗi tại con người. Bây giờ tôi nợ các bạn bao nhiêu tiền lương?

-Ôi dào! Nói đến lương lậu làm gì ông Moren!

-Trái lại, cần phải nói đến chứ! – ông chủ thuyền mỉm cười buồn rầu nói.

-Nếu vậy – Pênơlông nói – ông nợ chúng tôi ba tháng…

-Cốclet, trả cho mỗi anh em hai trăm frăng. Ở vào thời buổi khác tôi sẽ nói thêm: trả thêm cho mỗi người hai trăm frăng tiền thưởng nữa. Nhưng thời gian không ủng hộ tôi, số tiền ít ỏi còn lại không thuộc tôi nữa, mong các bạn thông cảm và đừng vì thế mà giảm bớt mất tình cảm giữa chúng ta.

Pênơlông cảm động quá, quay lại các bạn. Họ trao đổi với nhau vài câu rồi nói với ông Moren: -Thưa ông Moren, các bạn tôi nói là trong hoàn cảnh này mỗi người chúng tôi chỉ cần năm chục frăng cũng đủ, số còn lại sau sẽ hay.

-Cám ơn, cám ơn các bạn – ông Moren cảm động nói – Các bạn đều có trái tim dũng cảm. Nhưng xin các bạn cứ cầm lấy cầm lấy và nếu các bạn tìm được nơi nào tốt cho các bạn cứ nhận việc ở đó, tùy các bạn.

Câu nói sau cùng này gây nên một ảnh hưởng kỳ lạ trong đám thủy thủ. Họ ngơ ngác nhìn nhau. Pênơlông thở dốc, nói giọng nghẹn ngào: -Thưa ông chủ, ông chủ giận chúng tôi sao mà nỡ đuổi chúng tôi đi?

-Không đâu các bạn ạ! Tôi không hề giận các bạn mà trái lại. Tôi không đuổi các bạn, nhưng các bạn thử nghĩ xem, tôi làm gì còn tàu nữa, vậy dùng thủy thủ

làm gì?

-Sao, ông chủ không còn tàu nữa à! Vậy ông chủ lại đóng cái khác chớ sao! Chúng tôi sẽ đợi.

-Tôi còn tiền đâu nữa mà đóng tàu. Tôi không thể nhận lời được.

-Nếu ông chủ không còn tiền thì chúng tôi cũng chả dám lấy lương.

-Thôi, thôi đủ rồi, tôi van các bạn. Tôi ước mong chúng ta sẽ gặp lại nhau trong một hoàn cảnh tốt đẹp hơn. Emmanuen đâu, Emma con hãy đưa các bạn ra và thực hiện cho tốt ý muốn vừa rồi của cha.

-Tạm biệt ông Moren, có phải không ạ? Pênơlông nói.

-Phải, phải, các bạn ạ! Tôi cũng cầu mong như vậy.

Nói xong, ông Moren ra hiệu cho Cốclet ra trước. Các thủy thủ theo sau ông thủ quỹ và Emma đi sau cùng. Ông Moren quay lại nói với vợ con: -Tôi cần được nói chuyện riêng một lát với ông khách đây.

Lúc đi ra, cô thiếu nữ nhìn người khách lạ với cái nhìn cầu khẩn. Và lạ lùng thay trên bộ mặt lạnh lùng ấy lạiH nở một nụ cười đáp lại. Khi chỉ còn lại hai người, ông Moren ngồi phịch xuống ghế nói: -Thưa ông, ông đã nghe thấy và nom thấy hết, tôi không còn gì để cho ông biết thêm nữa.

-Thưa ông – khách nói – tôi đã chứng kiến một tai họa mới, không mong đợi, đã xay đến với ông, vì thế tôi muốn giúp ông đôi chút. Tôi là người chủ nợ chính của ông có phải không ạ?

-Ít ra ông cũng là chủ món nợ lớn mà tôi sẽ phải trả sớm nhất.

-Ông có muốn được gia thêm hạn phải trả không?

-Sự gia hạn sẽ bảo tồn được danh dự cũng như cứu sống được đời tôi.

-Ông cần bao lâu?

Ông Moren lưỡng lự một lát rồi nói: -Hai tháng.

-Được – Người Anh nói – Tôi xin tặng ông ba tháng.

-Thế ông tin là hãng Tômxơn và Fren…

-Xin ông cứ yên tâm, tôi có toàn quyền. Hôm nay là ngày mồng 5 tháng Sáu và bây giờ là 11 giờ. Vậy đúng 11 giờ ngày mồng 5 tháng Chín tôi sẽ có mặt tại đây.

-Tôi sẵn lòng đợi ông – ông Moren nói – ông sẽ thu được nợ hoặc tôi sẽ phải chết.

Câu cuối cùng ông Moren nói rất nhỏ, khách không nghe thấy và điềm nhiên nhận sự cám ơn nhiệt liệt của chủ rồi ra đi. Ông Moren tiễn chân khách đến tận cầu thang. Trên cầu thang ông khách gặp Juyli, cô thiếu nữ làm ra vẻ đi xuống, nhưng thực tế cô đợi ông.

-Ôi, thưa ông? – Juyli chắp hai tay lại nói.

-Thưa cô – người khách lạ nói – một ngày kia cô sẽ nhận được một bức thư ký tên là… thủy thủ Ximbat… Cô sẽ hành động đúng như lời bức thư viết dù có

kỳ dị đến đâu đi nữa.

-Thưa ông vâng ạ! – Thiếu nữ đáp.

-Cô hứa với tôi chứ?

-Tôi xin thề.

-Tốt lắm! Xin tù biệt cô. Mong cô mãi mãi sẽ là một cô gái hiền hậu như hiện nay và tôi hy vọng rằng Chúa sẽ ban thưởng Emmanuen cho cô làm chồng.

Juyli khẽ kêu lên một tiếng, thẹn đỏ mặt và phải giữ lấy tay vịn cầu thang cho khỏi ngã.

Người khách lạ tiếp tục đi và đưa tay vẫy từ biệt. Xuống đến sân ông gặp người thủy thủ già Pênơlông mỗi tay cầm một tập giấy bạc hình như còn chưa quyết định mang đi. Người khách lạ gọi: -Này ông bạn, lại đây ta nói chuyện.

§30. Ngày mồng 5 tháng chín

Kỳ hạn mà người đại diện hãng Tômxơn gia thêm đã đem lại cho ông Moren một chút hy vọng và thư thái trong lòng. Nhưng khốn thay, những chủ nợ khác có phả được như ông khách người Anh kia đâu. Trước những tai họa dồn dập của ông chủ tàu, tin chắc rằng ông sẽ bị phá sản, họ lại càng thúc ông tợn.

Ngày 20 tháng Tám người ta thấy ông Moren thuê một cỗ xe ngựa đi Pari. Trong lúc không còn biết xoay xở vào đâu được nữa, ông nghĩ tới Đăngla, nhà triệu phú đang ngồi trên đống vàng ở Pari, người trước kia đã từng đội ơn ông và chỉ cần một chữ ký bảo đảm của y là ông có thể vay được tiền của một ngân hàng.

Ngày đầu tháng Chín, ông Moren trở về Mácxây đầy đau khổ và nhục nhã vì đã bị Đăngla khước từ. Ông không than thở một câu nào, lặng lẽ ôm hôn vợ con, bắt tay Emmanuen rồi vào buồng khóa cửa lại. Nhìn thấy vẻ mặt thảm hại của ông, hai mẹ con lo lắng và bàn nhau viết thư gọi Mắcximiliêng Moren về. Mắc là một thanh niên mới hai mươi tuổi, sau khi tốt nghiệp đại học quân sự, được phong thiếu úy ở lữ đoàn 53 và được ông Moren rất yêu quý vì tâm đầu ý hợp, vì tính cương trực và thẳng thắn.

Lúc xuống phòng ăn, ông Moren rất bình tĩnh, nhưng thái độ bình tĩnh khác thường đã làm cho hai mẹ con bối rối, lo sợ. Đến đêm, hai mẹ con vẫn thức. Hai người rón rén lên buồng ông làm việc, nhìn qua lỗ khóa, thấy ông đang ngồi lúi húi viết lên một tờ giấy đặc biệt. Linh tính báo cho bà biết ông đang viết chúc thư. Hai mẹ con nhìn nhau rụng rời và run bần bật. Hai ngày sau vẫn tình trạng như thế.

Đêm ngày mồng 4 rạng ngày mồng 5, hai mẹ con nghe ngóng ở cửa buồng, thấy ông Moren vẫn đi đi lại lại, đến 3 giờ sáng mới thấy đi nằm.

Tám giờ sáng ngày mồng 5, Juyli đang ngồi trong buồng đợi anh ruột về thì chợt có hai cánh tay ôm chặt lấy vai cô. Cô quay lại và reo lên: -Trời ơi! Anh Mắc!

Nghe tiếng reo, bà mẹ chạy lại và ngã vào cánh tay con trai yêu quý. Anh thanh niên nói: -Nhận được thư của em Juyli con sợ quá. Gia đình ta có chuyện gì thế mẹ?

Bà Moren ra hiệu bảo con trai nói khẽ và bảo con gái chạy lên báo tin cho bố biết. Cô gái lao ra khỏi buồng, nhưng vừa đến đầu cầu thang, cô gặp một người đàn ông tay cầm một phong thư. Trông thấy cô, người đó hỏi, giọng lơ lớ tiếng Ý: -Thưa cô, cô có phải là Juyli Moren không ạ?

-Thưa ông vâng – Cô thiếu nữ ấp úng nói – Nhưng ông cần gì ạ, cháu không biết ông?

-Cô hãy đọc bức thư này – người lạ mặt nói và đưa bức thư ra.

Thấy Juyli còn lưỡng lự, người đó nói tiếp: -Vấn đề quan hệ đến vận mệnh của cha cô đó!

Cô thiếu nữ cầm vội lấy bức thư trong tay người đó rồi vội vàng mở ra đọc:

"Cô đến ngay ngõ Mêlăng, số nhà 15, hỏi người gác cổng chìa khóa cửa buồng tầng 5, vào trong đó cô sẽ thấy phía trên góc lò sưởi có một cái túi lưới bằng lụa đỏ. Cô cầm lấy và mang về cho cha cô.

Cha cô cần có nó trước 11 giờ.

Cô đã hứa sẽ nghe theo lời tôi, tôi xin nhắc lại lời hứa đó".

"Thủy thủ Ximbát".

Cô gái reo lên một tiếng vui mừng, ngẩng mặt lên định hỏi thêm thì người đưa thư đã biến đâu mất. Cô đọc lại bức thư một lần nữa và nhận thấy còn có một dòng tái bút, cô vội đọc tiếp:

"Điều quan trọng là cô phải đến đó một mình, nếu cô đi kèm một người nào khác thì người gác cổng sẽ trả lời không biết gì cả".

Lời tái bút đó làm cô thiếu nữ cụt hứng. Cô do dự rồi quyết định cần phải xin ý kiến. Nhưng do một tình cảm lạ lùng, cô không hỏi anh cô, không hỏi mẹ cô, mà lại đi hỏi người yêu Emma. Cô kể hết chuyện cho Emma nghe. Suy nghĩ một lát ròi anh thanh niên nói: -Phải đi thôi em ạ!

-Cứ đi một mình à?

-Phải, anh phải đi theo em.

-Nhưng anh không thấy điều kiện chỉ được đi một mình thôi sao?

-Thì vẫn chỉ có một mình. Anh sẽ đợi em ở một góc phố, nếu thấy em chậm ra, anh sẽ xông vào và anh dám bảo đảm với em là kẻ nào định hãm hại em sẽ biết tay anh.

-Vậy là anh bằng lòng để em đi, hả anh Emma?

-Phải! Bức thư có nói đến vận mệnh của cha em.

-Vậy anh Emma, cha em có điều gì nguy hiểm thế?

Emma lưỡng lự một lát nhưng vì muốn cho Juyli mạnh dạn đi ngay anh bèn nói hết một cách tóm tắt, rồi kết luận: -Hôm nay đúng là ngày mồng 5 tháng Chín, cha em hẹn đến 11 giờ, nếu không có một vị cứu tinh nào đó thì cha em buộc phải tuyên bố phá sản.

-Ôi – Cô thiếu nữ kêu lên – Vậy ta phải đi ngay, anh!

Trong thời gian đó bà Moren kể hết cho con trai nghe. Chàng thanh niên, chỉ thoáng nhìn qua tình hình chi tiêu trong gia đình cũng đã thấy được cảnh khó khăn về kinh tế, nhưng anh không ngờ vấn đề lại đến nông nỗi này. Anh lặng người đi. Đột nhiên anh lao ra khỏi buồng, lên gác rất nhanh vì anh tưởng cha anh ở trong phòng làm việc. Anh gõ cửa rất mạnh thì lại thấy cửa buồng ngủ mở ra và cha anh xuất hiện. Ông đã ở trong buồng ngủ và bây giờ mới ra.

Ông Moren thốt lên một tiếng ngạc nhiên khi nhìn thấy con trai, ông chưa biết anh đã về. Anh lao đến ôm lấy cổ cha, nhưng bỗng nhiên anh lùi lại, mặt tái xanh như xác chết, anh kêu lên: -Thưa cha, tại sao cha lại giắt khẩu súng ngắn ở cạnh sườn?

Ông Moren nhìn chằm chằm vào con trai nói: -Mắcximiliêng con, con đã là một người và là một người có danh dự. Lại đây cha sẽ nói cho con nghe.

Ông Moren dẫn con trai vào phòng làm việc rồi khóa trái cửa lại. Ông bước đến bàn giấy, đặt hai khẩu súng ngắn lên một góc bàn và đưa cho con cuốn sổ còn để mở trên bàn, rồi nói: -Đây con đọc đi.

Anh thanh niên đọc dòng chữ 287.500 frăng cần phải có trong nửa giờ nữa mà trong quỹ hiện chỉ có tất cả 15.257 frăng. Đọc xong, anh thanh niên điếng người, lặng đi một lát, mãi sau mới hỏi: -Thưa cha, cha đã làm tất cả để đối phó với vấn đề này rồi chứ?

-Phải – ông Moren đáp.

-Cha không trông cậy được vào đâu nữa à?

-Không.

-Và trong nửa giờ nữa – Mắc nói một cách rầu rĩ – Dòng họ của chúng ta sẽ bị nhục.

-Máu sẽ rửa nhục con ạ!

-Cha nói đúng và con rất hiểu cha – Rồi đưa tay về phía khẩu súng Mắc nói tiếp – Một khẩu cho con và một khẩu cho cha. Cám ơn cha!

Ông Moren ngăn bàn tay con trai lại nói: -Còn mẹ con… Còn em gái con… ai nuôi?

Một cái rùng mình chạy khắp người anh con trai: -Thưa cha, cha còn nghĩ đến việc bảo con phải sống à?

-Phải, cha bảo thế đấy, vì đó là nhiệm vụ của con. Con có một tâm hồn trầm tĩnh và mạnh mẽ. Mắc con, con không phải là một người bình thường, cha không bắt buộc con điều gì hết, cha không ra lệnh cho con gì hết. Cha chỉ nói với con rằng: Con hãy tỉnh táo mà nghiên cứu hoàn cảnh và tự con phải giải quyết lấy.

Anh thanh niên suy nghĩ một lát, ròi với một sự nhẫn nhục cao cả biểu hiện trên cặp môi, anh từ từ giật bỏ lon sĩ quan trên cầu vai, chìa tay ra cho cha nói: -Thôi được, thưa cha, con sẽ sống.

Ông Moren định quỳ xuống chân con, anh thanh niên vội kéo cha đứng lên và hai trái tim cao thượng ấy cùng đập bên nhau một lúc. Ông Moren nói: -Con nên biết rằng đó không phải là lỗi tại cha.

-Con biết, con biết! Cha là một người lương thiện nhất trên đời này!

-Thôi được, chúng ta đã nói hết với nhau rồi. Bây giờ con hãy trở lại với mẹ và em gái con.

Mắc quỳ xuống chân cha nói: -Thưa cha, xin cha hãy cầu phúc cho con!

Ông Moren ôm lấy đầu con trai kéo lại, hôn mấy cái rồi nói: -Phải, phải, cha cầu phúc cho con nhân danh cha và nhân danh cả ba đời dòng họ nhà ta làm ăn lương thiện. Con hãy nghe cha nói đây: Sự nghiệp mà tai họa đã tàn phá, bàn tay con người có thể xây dựng lại được. Vậy con hãy bắt tay vào làm việc, làm việc thật hăng say, thật dũng cảm. Mẹ con, em gái con và con hãy nghĩ đến một ngày kia, một ngày vĩ đại, một ngày trọng thể, ngày phục hồi danh dự, một ngày mà cũng trong căn phòng này con sẽ nói: "Cha tôi đã phải chết vì không làm nên sự nghiệp mà tôi đã làm ngày nay. Nhưng cha tôi đã chết yên lành và thanh thản vì trong khi chết Người biết là tôi sẽ làm nên".

-Ôi, thưa cha, thưa cha! Nếu vậy thì cha có thể sống được.

-Nếu cha sống thì mọi việc sẽ thay đổi hết. Nếu cha sống thì lòng thương cảm sẽ trở thành hận thù. Nếu cha sống thì cha sẽ chỉ là con người thất tín không giữ lời hứa, một con người mất hết danh dự. Nếu cha chết đi, con ơi, cái xác của cha là xác của một người lương thiện không gặp may. Nếu cha sống, tất cả các bạn bè thân thuộc sẽ xa lánh nhà ta. Nếu cha chết đi, tất cả thành phố Mácxây sẽ ngậm ngùi đưa cha đến nơi an nghỉ cuối cùng. Cha sống con sẽ nhục vì mang tên cha. Cha chết, con ngẩng đầu lên nói: "Tôi là con một người đã phải tự sát vì lần đầu tiên ông bị buộc không giữ được lời hứa".

Anh thanh niên rên lên một tiếng, như chính anh phải chịu cực hình này, ông Moren lại nói tiếp: -Thôi, con hãy để cha ở lại một mình và cố gắng đưa mẹ và em gái con đi nơi khác.

-Cha không muốn gặp em gái con một lần nữa à?

-Cha đã gặp nó sáng nay rồi. – ông lắc đầu nói – Và đã vĩnh biệt nó rồi.

-Thế cha có còn muốn trối trăng một điều gì nữa cho con không?

-À có, con ạ, một lời dặn dò thiêng liêng.

-Xin cha cứ nói.

-Hãng Tômxơn là hãng độc nhất có lòng thương đến ta, mặc dù là do lòng ích kỷ hay gì chăng nữa. Phái viên của hãng ấy 11 giờ sẽ có mặt ở đây để lĩnh số tiền nợ. Chính ông ta đã không phải là thỏa thuận mà là đã biếu ta một thời hạn khất nợ là ba tháng. Hãng đó phải được trả đầu tiên, và người phái viên đó phải được con kính mến.

-Thưa cha, vâng.

-Thôi bây giờ, một lần nữa vĩnh biệt con, con đi đi! Cha can được một mình. Con sẽ tìm thấy bản di chúc của cha trong ngăn kéo bàn ngủ.

Hai cha con ôm hôn nhau một lần nữa rồi người con lao ra khỏi phòng. Còn lại một mình, ông Moren đứng lặng yên một lúc, mắt nhìn chằm chằm ra cửa phòng, rồi ông giơ tay với lấy dây chuông kéo một cái. Một lát sau người thủ quỹ vào, ông Moren nói: -Anh Cốclet thân mến, anh sẽ đợi ở buồng bên ngoài. Khi

có ông khách mà cách đây ba tháng đã đến, anh biết đấy, phái viên của hãng Tômxơn, anh báo trước cho tôi biết nhé!

Nói xong ông ngồi phịch xuống ghế, đưa mắt nhìn lên đồng hồ, còn bảy phút nữa, chỉ có thế thôi! Chiếc kim đồng hồ chạy với tốc độ nhanh không thể tưởng được.

Những gì đang diễn ra trong óc con người đó, trong những giây phút cuối cùng này, thật là khó tả. Phải trông thấy tận mắt cái trán ông đẫm mồ hôi nhưng đầy nhịn nhục, cặp mắt ông đẫm lệ ngước lên trời, thì mới có thể có khái niệm được.

Kim đồng hồ vẫn nhích lên, súng vẫn nạp đạn sẵn. Ông cầm lấy một khẩu súng và lẩm nhẩm tên con gái ông.

Rồi ông lại bỏ súng xuống, cầm lấy cây bút viết vài chữ, hình như ông nói vĩnh biệt cô con gái còn chưa đủ.

Rồi ông lại nhìn đồng hồ. Không còn đủ một phút nữa mà chỉ còn lại ít giây. Ông lại cầm khẩu súng lên, miệng há ra, mắt dán vào cái kim đồng hồ, rồi tiếng động ông lên cò súng lại làm ông giật mình. Lúc đó trán ông lạnh toát mồ hôi, một nỗi khủng khiếp làm tim ông thắt lại.

Ông nghe thấy tiếng cầu thang mở.

Rồi cửa buồng ông mở ra.

Đồng hồ chuẩn bị điểm 11 giờ.

Ông không quay lại, ông chờ tiếng Cốclet báo cáo "Vị đại diện hãng…"

Ông gí khẩu súng vào miệng…

Đột nhiên ông nghe thấy có tiếng kêu: đúng là tiếng con gái ông. Ông quay lại và trông thấy Juyli. Khẩu súng tuột khỏi tay. Cô con gái thở không ra hơi kêu lên: -Thoát nạn rồi! Thoát nạn rồi cha ơi!

Và cô lao người vào lòng ông, tay cô giơ lên một cái túi lưới màu đỏ.

-Thoát nạn ư! Con ơi, con nói gì thế?

-Vâng, cha xem đây này!

Ông Moren cầm lấy cái túi. Giật mình, ông mang máng nhớ ra đã có thời kỳ cái túi này là của ông. ông mở túi và thấy trong túi có một tập hóa đơn cho biết đã thanh toán đủ số tiền 287.500 frăng. Bên cạnh đấy là một viên kim cương to bằng hạt dẻ, đính theo mẩu giấy có hàng chữ: "Tặng cô Juyli làm của hồi môn".

Ông Moren đưa tay lên trán ngỡ là mình chiêm bao. Đúng lúc ấy đồng hồ điểm 11 giờ. Mỗi tiếng ngân của đồng hồ như dội mạnh vào trái tim ông.

-Con ơi, con lấy cái túi này ở đâu?

-Trong nhà số 15 ngõ Mêlăng, trên mặt lò sưởi, tầng gác thứ năm.

-Nhưng – ông Moren kêu lên – Cái túi này không phải của con!

Juyli liền đưa bức thư cho ông đọc. Đọc xong ông hỏi: -Thế con đã vào đấy một mình à?

-Anh Emma dẫn con tới. Anh ấy phải đợi con ở góc phố, thế mà lạ quá, lúc con ra anh ấy đã biến đi đằng nào mất!

Một tiếng kêu từ ngoài cầu thang vang lên: -Bác Moren! Bác Moren!

-Tiếng anh ấy đấy – Juyli reo lên!

Đồng thời anh thanh niên lao vào, nét mặt vừa xúc động vừa hớn hở, anh reo lên: -Tàu Pharaôn! Tàu Pharaôn!

-Sao? Tàu Pharaôn! Cháu điên đấy à! Cháu Emma, tàu Pharaôn bị đắm rồi kia mà!

-Tàu Pharaôn! Thưa bác, người ta báo tin tàu Pharaôn đang cập bến!

Ông Moren rơi phịch xuống ghế, ông cảm thấy không còn sức lực nữa và tâm thần ông rối loạn vì những sự kiện xảy ra quá bất ngờ, quá thần kỳ, quá vĩ đại.

Nhưng cậu con trai của ông cũng vào và kêu lên: -Cha ơi! Sao cha bảo tàu Pharaôn đã đắm rồi? Nó đang lù lù cập bến kia kìa!

-Các con ơi – ông Moren nói – Nếu quả thực như thế thì đây là một phép kỳ diệu của Thượng đế! Không thể có được!

Nhưng một sự thật rành rành ra là cái túi lưới màu đỏ ông đang cầm trong tay, là tập hóa đơn đã được thanh toán, là viên kim cương tuyệt diệu này. Ông bèn đứng lên nói: -Thôi, nào các con, chúng ta ra tận nơi xem thực hư thế nào!

Một lát sau cả nhà kéo nhau ra bến, lúc bấy giờ đã đông đặc người. Đám đông giãn ra trước ông Moren.

-Tàu Pharaôn! Tàu Pharaôn! – Tất cả mọi người đồng thanh.

Quả là điều kỳ lạ chưa từng có. Một chiếc tàu mang tên Pharaôn (Moren và con trai – Mácxây) kẻ bằng chữ trắng toát ở mũi, y hệt chiếc cũ, cũng chở đầy hàng hóa của chiếc tàu cũ, đang bỏ neo và cuốn buồm. Trên cầu tàu vẫn viên thuyền trưởng Gôma và bác thuỷ thủ già bẻ lái Pênơlông, họ đang giơ tay ra hiệu cho ông Moren.

Không còn nghi ngờ gì nữa, tất cả các giác quan của ông Moren đã chứng kiến và hàng vạn người đã chứng kiến.

Trong !úc hai cha con ông Moren hôn nhau trên bờ biển giữa những tràng vỗ tay của dân chúng trước sự kỳ diệu này, có một người đàn ông nửa mặt bị che lấp dưới bộ râu đen, đứng nép sau cái chòi gác. Người này đang quan sát cảnh tượng đó với một vẻ xúc động rồi lẩm bẩm: “Hãy hưởng hạnh phúc đi, hỡi những tâm hồn cao đẹp! Hãy hưởng phúc lành về những việc từ thiện mà Người đã làm và sẽ làm! Việc trả ơn của ta cũng sẽ được giữ kín như việc làm của Người!”

Và với nụ cười vui vẻ xen lẫn hạnh phúc, người lạ mặt rời khỏi chỗ nấp. Không một ai để ý thấy việc đó vì mọi người còn đang bận rộn về sự kiện đang xảy ra. Người đó xuống một cái thang thường dùng để lên xuống bến thuyền, rồi gọi liền ba tiếng: -Jacôpô! Jacôpô! Jacôpô!

Tức thì có một cái xuồng lớn đến đón người đó, đưa ông ta ra một du thuyền rất lịch sự đậu ở phía xa. Người lạ mặt, một lần nữa quay lại nhìn gia đình ông Moren đang ôm nhau khóc trong niềm vui sướng lạ lùng. Người đó nói một mình: "Và bây giờ xin vĩnh biệt tấm lòng từ thiện, thủy chung, nhân hậu… Vĩnh biệt tất cả những tình cảm đang nở rộ lòng người! Ta đã thay quyền Thượng đế để đền ơn những người tốt… Bây giờ xin Thượng đế hãy trao cho ta cái quyền trừng trị những kẻ xấu!"

Nói xong người lạ mặt ra hiệu, con thuyền từ từ lướt ra khơi.

Phần II. NƯỚC Ý

§31. Thủy thủ Ximbát

Vào khoảng đầu năm 1838, có hai chàng thanh niên quý tộc bậc nhất ở Pari tới thành phố Florenxơ. Đó là tử tước Anbe Đơ Moocxép và nam tước Frăng Đêpinay. Hai chàng tính chuyện sẽ tham dự hội hóa trang tổ chức ở Rôma và viết thư cho một người chủ khách sạn ở quảng trường Tây Ban Nha, giữ cho họ một căn buồng sang trọng nhất. Frăng đã ở Ý bốn năm nên đóng vai người dẫn đường.

Trong lúc chờ đợi ngày khai mạc, Anbe đi Náplơ chơi. Còn Frăng thì xuống một chiếc thuyền đi thăm đảo Enbơ. Sáng hôm sau, thuyền cập bến Pooctô. Frăng lên đảo xem những di tích của vị Hoàng đế Pháp trong thời gian bị đầy ở đây rồi vác súng đi bắn chim đa đa. Thấy anh chỉ bắn được có vài con, người chủ thuyền nói: -Hay là cậu đến đảo Môngtơ Crixtô. Ở đấy hoang vắng, có rất nhiều dê rừng, tha hồ mà săn.

-Ban đêm có chỗ ngủ không?

-Cậu có thể ngủ tạm trong một hang đá hoặc ở dưới thuyền. Nhưng tôi xin báo trước rằng, tuy là hòn đảo hoang vắng nhưng đôi khi cũng có bọn cướp biển và buôn lậu đến đấy trao đổi hàng hóa.

-Nếu vậy, chúng ta nên đi ngay đến đấy – Frăng hăm hở nói.

Tức thì người chủ thuyền cho căng buồm, nhổ neo và con thuyền rẽ sóng ra khơi.

-Này bác Gatanô – Frăng nằm trong thuyền nói – Nghe nói bọn cướp biển đã bị tiêu diệt hết rồi kia mà? Tôi đã đến đảo Xixin và Colap ở hai tháng mà chả thấy bóng một tên nào!

-Thế cậu không nhớ là cách đây sáu tháng, một nhà ngoại giao Pháp đến Tòa Thánh, đi qua đây đã bị bọn chúng lột sạch à? Bọn này ghê gớm lắm, chúng cướp sạch tiền bạc, hàng hóa, trói người lại rồi đánh chìm chiếc tàu bị cướp. Thế là người cũng mất tích luôn.

-Bác Gatanô này, câu chuyện của bác hấp dẫn lắm, chúng ta cứ thử đến Môngtơ Crixtô xem sao.

Gió thổi mạnh, thuyền lướt nhanh trên làn sóng bạc và hòn đảo đã lộ ra phía chân trời với những mỏm đá đen ngòm. Khi thuyền sắp tới bờ, mọi người thấy trên đảo có ánh lửa le lói. Chủ thuyền vội ra lệnh chèo vòng ra phía sau. Frăng soát lại hai khẩu súng của mình, lên đạn để sẵn sàng đối phó. Gatanô cởi hết quần áo, ra hiệu bảo mọi người im lặng rồi lao xuống để bơi vào bờ. Nửa giờ sau chủ thuyền bơi về nói: -Có một bọn buôn lậu Tây Ban Nha với hai tên cướp biển

người Coócxơ. Không có gì đáng lo ngại cả, có thể đổ bộ được. Tôi sống trên biển đã lâu năm nên rất quen với chúng.

-Bác cũng có họ với chúng à? – Frăng hỏi đùa. Gatanô nở một nụ cười bí hiểm đáp: -Thưa cậu, biết làm thế nào được? Đôi khi phải giúp đỡ nhau chứ. Và nếu người ta có đi ăn cướp cũng không phải lỗi tại người ta.

-Liệu bọn chúng có cho chúng ta ngủ qua đêm không? – Frăng hỏi.

-Sao lại không? Cậu cứ làm như Uylixơ thời xưa, tôi sẽ bảo vệ cậu.

Sau đó, người chủ thuyền cho thuyền trở về chỗ bờ có ánh lửa, và khi còn cách hơn chục bước, một người canh trên bờ thét: "Ai?". Gatanô trao đổi với người trên bờ một thứ tiếng mà Frăng không hiểu, rồi quay lại hỏi anh thanh niên.

-Cậu có cần xưng danh không?

-Bác nói hộ, tôi là một du khách người Pháp, có thế thôi.

Khi câu trả lời được chuyển tới người đứng canh, người đó truyền lệnh cho một người đang ngồi trước đống lửa, lập tức hắn đứng lên đi vào khuất sau một mỏm đá. Một lát sau, hắn trở lại nói với người đứng canh bằng tiếng Ý: "Mời vào".

Frăng và Gatanô bước lên bờ, đi theo người dẫn đường cầm đuốc đi trước. Đi được chừng ba chục bước, họ tới một cái sân nhỏ, xung quanh trồng cây phong và có những viên đá đẽo nhẵn làm ghế ngồi. Frăng ngồi chờ ở đó, còn Gatanô đi với người dẫn đường. Một lát sau người chủ thuyền trở lại nói: -Vị thủ lĩnh nghe nói cậu là một người Pháp nên có nhã ý muốn mời cậu dùng bữa tối với ông ta.

-Ông ta hẳn là con người lịch thiệp lắm nhỉ. Chả có lý do gì làm tôi phải từ chối.

-Nhưng trước khi mời khách vào nhà, ông ta ra một điều kiện.

-Nhà ông ta? Ông ta có xây một ngôi nhà ở đây sao?

-Không, nhưng ông ta có một nơi tiếp khách rất lịch sự với đầy đủ tiện nghi.

-Mẹ ơi! Thế điều kiện ra sao?

-Để cho người ta bịt mắt, và chỉ cởi ra khi có lệnh.

-Bác nghĩ sao? – Frăng nhìn thẳng vào mắt chủ thuyền hỏi với vẻ thăm dò.

-Tôi thì tôi bằng lòng – Rồi Gatanô hạ thấp giọng nói thêm – Nghe đâu ông ta có một tòa lâu đài nằm sâu dưới đất mà các vị vua chúa cũng phải ghen tị đấy.

-Thế thì lạ lùng thật. Tôi tưởng chừng như sắp được lạc vào một cái hang của Alibaba!

-Ông ta còn có một chiếc du thuyền tuyệt đẹp để đi ngao du khắp nơi.

-Tên ông ta là gì?

-Ông ta chỉ cho biết bí danh là "Thủy thủ Ximbát".

-Ông ta thuộc quốc tịch nào và ở đâu?

-Tôi không rõ quốc tịch nào và chỉ biết ông ta sống trên biển.

Bỗng phía sau có tiếng người nói: -Đức ông cho mời hai ngài vào.

Frăng quay lại, thấy người đó đứng cạnh hai thủy thủ nữa. Anh lặng lẽ đưa cho họ chiếc khăn mùi soa để bịt mắt lại, và hai thủy thủ cầm tay dắt anh đi. Được vài chục bước anh ngửi thấy mùi thịt nướng thơm phức. Đi một quãng nữa anh lại thấy không khí mát lạnh như ở dưới hầm và phảng phất có mùi trầm hương.

Một lát sau, hai người thủy thủ buông tay anh ra. Một phút im lặng, rồi nghe tiếng một người nói giọng lơ lớ nước ngoài: -Xin kính chào quý khách và mời quý khách bỏ khăn che mắt ra.

Frăng không chờ nhắc lại, vội kéo chiếc mùi soa xuống và trông thấy một người đàn ông trạc hơn bốn mươi tuổi, ăn mặc theo kiểu người Bắc Phi một cái mũ chỏm màu đỏ có đính những tua bằng tơ màu xanh, một chiếc áo ngắn bằng dạ đen thêu kim tuyến, một cái quần màu tiết dê rộng thùng thình thắt chẽn cổ chân, chân đi hài thêu. Bên trong, người đó mặc một cái áo lụa bó chặt lấy thân bằng một sợi dây lưng nạm kim cương. Mặc dù nước da trông có vẻ xanh nhưng ông ta có bộ mặt tuyệt đẹp, đôi mắt trong sáng, mũi dọc dừa, hàm răng trắng bóng dưới hàng ria mép đen. Vóc người không lớn lắm nhưng rất cân đối và màu sắc của làn da có vẻ kỳ dị, dường như da của một người đã sống lâu năm trong hầm kín, chưa kịp trở lại bình thường.

Điều làm Frăng ngạc nhiên hơn cả là những đồ đạc bày biện trong buồng vô cùng lộng lẫy và quý giá. Căn buồng căng toàn bằng vóc Thổ Nhĩ Kỳ đỏ sẫm thêu hoa bằng vàng. Đằng cuối buồng có kê một chiếc tràng kỷ, phía trên treo một phù hiệu cắm nhiều loại vũ khí Ả Rập bóng lộn nạm những hạt châu óng ánh. Trên trần treo một chùm đèn pha lê kiểu Vơnidơ, hình dáng và màu sắc tuyệt đẹp. Các cửa ra vào đều có bình phong, căn buồng sáng trưng.

Chủ nhân ngắm nghía vị khách trẻ tuổi một lát rồi nói: -Tôi rất tiếc đã buộc phải dùng những biện pháp đề phòng quá ngặt nghèo đối với các vị khách. Mong ông thông cảm cho vì hòn đảo này hoang vu nên tôi e rằng trong lúc mình đi vắng, kẻ xấu sẽ đến phá hoại chỗ trú chân của tôi! Không phải tôi tiếc của mà vì lo rằng không có nơi ẩn náu khi tôi muốn xa lánh cuộc đời.

-Tôi đâu dám trách ngài – Frăng vội đáp – Vì tôi đã có diễm phúc được lạc vào một khung cảnh của những chuyện trong "Nghìn lẻ một đêm".

-Chao ôi! Cái hang của kẻ ẩn sĩ này bất ngờ lại được quý ông hạ cố đến thăm nên tôi chưa kịp chuẩn bị cho chu đáo. Ali! Thức ăn dọn ra được chưa?

Lập tức, một người hầu da đen, mặc áo trắng dài, chạy ra đưa tay mời khách vào phòng ăn, không nói một câu nào. Frăng lại càng ngạc nhiên khi thấy phòng ăn cũng trang hoàng lộng lẫy không kém phòng khách và trên bàn bày la liệt những món sơn hào hải vị, những hoa quả miền nhiệt đới rất thơm ngon đặt trên những đĩa bằng bạc và sứ Nhật Bản.

Sau khi im lặng suy nghĩ một lát, Frăng cất tiếng hỏi: -Thưa ngài, như người thủy thủ vinh quang mà ngài đã mang tên, có phải suốt đời ngài chỉ đi chu du khắp nơi không?

-Vâng, đó là ước nguyện từ hồi nhỏ của tôi.

-Hẳn ngài đã đau khổ nhiều lắm?

-Sao ông biết? – Chủ nhân rùng mình hỏi.

-Nghe giọng nói của ngài, nhìn cặp mắt, nước da của ngài và lối sống xa lánh bụi trần của ngài cũng đủ biết. Ngài có một nỗi căm thù nào không?

Chủ nhân nhìn thẳng vào cặp mắt Frăng, dường như xoáy vào tâm hồn anh, rồi cười phá lên để lộ hàm răng trắng bóng, nói: -Sao lại căm thù? Tôi sống cuộc đời một bậc vương giả, muốn gì được nấy, tự do, thanh thản, rất yêu đời. Nay mai tôi có ý định đi Pari chơi để thỏa mãn tính hiếu kỳ. Đây là chuyến đi đầu tiên của tôi đến kinh thành hoa lệ ấy.

-Tôi mong sẽ có dịp được đón tiếp ngài ở nhà tôi, như ngài đã đón tiếp tôi ở đây.

Sau bữa tiệc, Ali mang đến một chiếc bình nhỏ mạ vàng và đặt nó rất thận trọng lên mặt bàn. Frăng mở nắp, thấy một chất gì sền sệt như keo, màu hồ thủy, một thứ nước mà anh chưa nom thấy bao giờ. Anh đậy nắp lại, ngước mắt nhìn chủ nhân. Chủ nhân mỉm cười nói: -Ông trả đoán ra được đâu. Ngày trước nhà du hành Máccôpôlô[336] lạc vào một khu vườn của Hoàng đế Hatxăng, được thưởng thức một thứ cỏ lạ. Sau đó ông thấy đê mê như lạc vào nơi bồng lai tiên cảnh, với hoa lá tốt tươi, thơm ngát, với bầy trinh nữ xinh đẹp như thiên nga. Đó chỉ là một giấc mơ, say sưa huyền ảo và hoan lạc, khiến người hưởng nó dù có bị chết vì đau khổ và cực hình cũng không hề oán trách. Đối với người đó, cái chết chỉ là giai đoạn quá độ để tiến tới một cuộc sống đầy khoái cảm.

-Ồ, đó là chất ma túy! – Frăng kêu lên.

-Đúng rồi! Ali, hãy mời ông ấy nếm thử.

Chủ nhân nói xong mở cái nắp, cầm một thìa con múc rồi đưa lên miệng, nhấm nháp rất chậm rãi, đầu ngả về phía sau, cặp mắt lim dim. Frăng cũng làm theo chủ nhân, nhưng sau khi húp hết một thìa vội kêu lên: -Mẹ ơi! Chả ngon tí nào cả.

-Chưa hợp với khẩu vị của ông đấy thôi, cũng như lần đầu tiên được ăn yến của người Trung Hoa. Nếu ăn quen rồi thì trên thế gian này chẳng có thức ăn nào sánh kịp. Thôi, ta hãy đi uống cà phê và hút thuốc.

Chủ nhân và khách đi sang phòng bên, cũng trang hoàng lịch sự, căng toàn da thú mịn màng và đẹp mắt. Chủ nhân mời khách ngả lưng xuống một cái giường thấp trải nệm gấm có đặt một bộ đồ hút thuốc với những chiếc xe điếu bằng gỗ trầm nạm hổ phách. Thuốc đã được nhồi sẵn, mỗi người kéo một hơi. Sau đó hai người uống cà phê rất đặc, theo kiểu Thổ Nhĩ Kỳ.

Bỗng nhiên Frăng cảm thấy có sự thay đổi đột ngột trong cơ thể. Người anh như nhẹ bỗng, lơ lửng trong không gian. Tất cả những mệt mỏi, những ý nghĩ vớ vẩn trong đầu óc anh, những cảm giác và xúc động đầu tiên tan hết. Anh cảm thấy tỉnh táo, dễ chịu, như đứng trước một chân trời mở rộng sáng ngời, một bầu trời xanh thẳm điểm những ánh hồng và một cơn gió nhẹ đưa lại hương vị ngào ngạt mê hồn. Khắp nơi vang lên tiếng hát, tiếng nhạc du dương, trầm bổng hòa nhịp với cảnh vật thần tiên, huyền bí tựa hồ nàng tiên Lorơlai đang đứng trên một tảng đá cao quyến rũ một chàng trai qua đò. Một con thuyền đưa anh xuôi theo dòng nước biếc, nhẹ nhàng đậu vào bờ, và anh đi vào một cái động hít thở bầu không khí trong lành, thơm ngát, làm kích động những cảm giác của anh. Anh nom thấy ba pho tượng tuyệt đẹp của ba bà hoàng La Mã với những nụ cười say đắm, những mớ tóc mây mê hồn, những đường cong dịu dàng, uyển chuyển của những thân hình cân đối khêu gợi, lả lơi. Anh nhắm mắt lại và cảm thấy khoái lạc vô biên, một tình yêu nồng cháy xâm nhập vào từng thớ thịt của anh. Anh cố xô đẩy những cánh tay, những đôi môi, những bộ ngực nóng hổi, dùng hết sức lực và tâm hồn để chống đỡ. Nhưng cuối cùng anh ngã xuống mệt nhoài, thở hổn hển, kiệt sức vì những hoan lạc của một giấc mơ kỳ lạ.

§32. Tỉnh giấc mơ

Lúc Frăng tỉnh dậy, anh thấy cảnh vật xung quanh không còn như giấc mơ nữa. Anh duỗi tay, sờ thấy đá lạnh ngắt. Anh ngồi nhổm dậy, thấy mình đang nằm trong một cái áo choàng rộng trên một cái đệm bằng lá khô rất êm và thơm ngát. Những hình ảnh trong giấc mơ đã biến mất: những pho tượng mỹ nhân, Ximbát, vị chủ nhân kỳ dị, Ali, người đầy tớ da đen câm như hến. Từ lúc anh đặt chân lên đảo gặp vị thủ lĩnh, dự bữa tiệc chưa từng có trong tòa lâu đài ngầm nguy nga tráng lệ đến giờ, anh tưởng chừng thời gian đã xa lắm. Tuy nhiên anh vẫn còn nhớ rất rõ mọi chi tiết, mọi hình ảnh rất sinh động đã in sâu vào trong óc anh.

Anh đi tìm Gatanô và thấy người chủ thuyền đang ngồi nói chuyện với một thủy thủ.

-Thưa cậu – Người chủ thuyền nói – Ngài Ximbát nhờ tôi chuyển tới cậu lời chào nồng nhiệt và xin cậu thứ lỗi vì ngài có việc gấp phải đi đến đảo Malaga. Cậu có thể dùng ống nhòm nhìn thấy ngài đang đứng trên chiếc du thuyền lộng lẫy đang lướt trên mặt sóng phía trước mặt.

Gatanô vừa nói vừa lấy tay chỉ một con thuyền với những cánh buồm lộng gió đang tiến về hướng nam đảo Coócxơ. Frăng giơ ống nhòm lên, nhìn thấy vị thủ lĩnh bí hiểm đang đứng ở mũi thuyền vẫy vẫy chiếc khăn để từ biệt anh và anh cũng làm theo.

-Bác vừa nói là ông ta đi Malaga, nhưng tôi thấy hình như ông đi về phía đảo Enbơ thì phải.

-Thế cậu không nhớ là ngài Ximbát có đem theo hai tên cướp biển à? Chắc ngài đem trả chúng về đảo cũ. Ngài thật là một con người không kiêng nể gì pháp luật và quyền hành. Chiếc du thuyền của ngài đi như bay, ai mà đuổi kịp được. Ngài không phải là trùm của bọn buôn lậu, nhưng ngài có thể sai khiến được cả bọn buôn lậu lẫn cướp biển ở góc trời Địa Trung Hải này. Quả là một con người kỳ dị!

Khi chiếc du thuyền đã đi khuất, Frăng xuống thuyền trở về Florenxơ và hôm sau anh đi Rôma gặp Anbe đang đợi anh ở đấy.

Chiều thứ bảy, Frăng tới thủ đô Rôma trên chuyến xe trạm, giữa lúc dân chúng đi lại nhộn nhịp trên các đường phố chờ đón ngày hội lớn. Ở Rôma, ngày hội hóa trang được coi là một sự kiện lớn sau tuần lễ Thánh và lễ Giáng sinh. Chiếc xe phải khó khăn lắm mới tới được khách sạn Patini là nơi họ đã đặt thuê trước một căn buồng.

Ông chủ khách sạn và Anbe Đơ Moocxép ra đón. Căn buồng gồm hai phòng ngủ trông được xuống đường. Đó là do sự nể nang đặc biệt của ông chủ khách

sạn – Và còn thêm một phòng khách. Frăng nói với ông chủ: -Tốt quá! Bây giờ ông chuẩn bị cho chúng tôi một bữa ăn và một cỗ xe.

-Thưa hai ông, ăn uống thì lúc nào cũng sẵn, nhưng ngựa xe thì hiếm hoi vô cùng. Ngày mai tôi mới được người ta trả lời.

-Không hề gì, ông cứ trả tiền thuê gấp đôi vào.

-Dạ, nhưng trả gấp đôi cũng chưa chắc có vì tất cả số ngựa trong thành phố đã được đặt thuê trước mười lăm ngày rồi.

-Anh cứ yên tâm – Anbe bảo Frăng – Rồi sẽ có ngựa. Bây giờ ta hãy chén cái đã.

Tử tước Đơ Moocxép lý luận như một triết gia vì cho rằng có tiền mua tiên cũng được nên anh ta cứ ăn no, ngủ kỹ và luôn mơ thấy anh đang đi dự hội hóa trang trên một cỗ xe sáu ngựa.

§33. Những tên cướp thành Rôma

Sáng hôm sau, Frăng thức giấc trước tiên và kéo chuông gọi. Ông chủ khách sạn đích thân vào gặp vị khách sộp, và không chờ được hỏi, ông đã thông báo có vẻ đắc thắng: -Như tôi đã nói mà! Có trả gấp đôi cũng không sao kiếm được một cỗ xe ngựa trong ba ngày hội.

-Khỉ thật – Frăng bực mình nói – Lại đúng ba ngày quan trọng nhất.

Anbe vừa bước vào phòng cũng lên tiếng: -Sao, không có xe à? Cái thành phố cổ kính này của ông thật là kỳ quặc.

Ông chủ khách sạn muốn bào chữa cho thủ đô tôn giáo của thế giới trước con mắt các vị khách nước ngoài, bèn nói: -Dạ, thưa hai ông, tôi nói là chỉ không sao kiếm được ngựa xe trong ba ngày hội lớn, còn từ nay đến lúc đó thì tha hồ. Các ông nên hiểu cho, mỗi ngày có hàng vạn khách từ bốn phương trời đổ về đây.

Hai chàng thanh niên nhìn nhau sửng sốt. Anbe nói châm biếm: -Thế ông định để chúng tôi cuốc bộ trên các đường phố Rôma như những anh mõ tòa ư? Tôi đã nói là chúng tôi đến đây để dự hội hóa trang. Mà đã dự hội thì phải có xe chứ, phải có, nhất thiết phải có!

-Thôi được – Frăng nói – việc đó ta sẽ giải quyết sau. Bây giờ ông hãy thuê cho chúng tôi một cỗ xe để đi thăm nhà thờ Thánh Pie và đến đấu trường Côlidê. Một giờ nữa yêu cầu phải có.

-Các ông đã phác họa cuộc hành trình đi thăm đấu trường đó chưa?

-Rồi – Frăng ra vẻ thông thạo nói – Tôi sẽ bảo người đánh xe đi ra cửa ô Pôpôlô, vòng qua đường thành rồi trở về qua cửa ô Thánh Giôcani.

-Thưa ông, lối đó không đi được đâu, nguy hiểm lắm.

-Sao vậy?

-Vì gã Luji Văm pa khét tiếng.

-Này ông chủ thân mến – Anbe nói – Luji Văm pa chỉ nổi danh ở Rôma các ông, chứ ở Pari có ai biết hắn là cái quái gì đâu.

-Các ông không biết đấy thôi, Văm pa là một tướng cướp mà những tên cừ khôi như Xerani và Caparon cũng chỉ đáng xách dép!

-Tôi chả tin chút nào. Ông lấy gì làm bằng chứng nào?

-Thưa các ông, không ai biết rõ bằng tôi vì tôi biết Văm pa từ thuở nhỏ và một hôm chính tôi lại rơi vào tay hắn. May sao hắn lại nhận ra tôi là chỗ quen biết cũ, hắn liền cho thả tôi ra. Tôi không mất tiền chuộc mà lại còn được tặng một cái đồng hồ bỏ túi sau khi hắn đã kể cho tôi nghe về hắn.

Frăng liền kéo một chiếc ghế bành, ra hiệu cho ông chủ ngồi xuống, rồi bảo: -Chuyện ra sao, ông kể chúng tôi nghe đi!á

Ông chủ khách sạn nhìn Anbe bằng cặp mắt khó tả rồi ngồi xuống ghế, bắt đầu kể: -Hồi nhỏ, Luji Văempa là một thằng bé chăn cừu. Mới năm tuổi, nó đã đi chăn cừu cho một vị bá tước ở Pampirana. Nó là một đứa trẻ có tính tình kỳ lạ. Một hôm, khi vừa tròn bảy tuổi, nó đến nhờ vị linh mục Paletrina dạy nó học. Thật là khó xử vì nó phải đi chăn cừu suốt ngày, còn ông linh mục thì bận đi làm lễ. Nhưng ông linh mục vốn là người hảo tâm nên cũng chiều nó. Ông bảo nó ngồi chờ ở vệ đường. Mỗi lúc ông đi làm lễ về qua, sẽ dạy nó học. Những bài học ngoài trời chỉ rất cô đọng, nó phải cố gắng tận dụng. Thằng bé vui vẻ tuân lời.

Ba tháng sau nữa nó lại biết viết. Ông linh mục nói chuyện đó với ông bá tước chủ của Văempa. Bá tước bảo nó đọc và viết cho ông xem rồi thưởng cho nó bằng cách tăng lương mỗi tháng hai đồng nữa. Với số tiền này nó mua sách để học thêm.

Một cô bé chăn cừu lên sáu tuổi, tên là Têrêxa, vốn là bạn chăn cừu của Văempa. Hàng ngày, hai đứa gặp nhau, chơi đùa với nhau rất vui vẻ. Ngày tháng trôi qua, Văempa càng cần cù chịu khó bao nhiêu thì Têrêxa lại càng hồn nhiên, xinh đẹp thêm bấy nhiêu. Hai đồng bạc bá tước cho thêm Văempa, bây giờ được dùng để mua những đôi hoa tai, vòng cổ và trâm cài đầu cho cô bạn gái. Văempa mơ ước sẽ trở thành một vị chỉ huy chiến hạm hoặc phó tướng cầm quân. Còn Têrêxa muốn trở thành một vị phu nhân giàu có và nhiều quần áo đẹp.

Hai đứa trẻ tiếp tục lớn lên. Hàng ngày chúng vẫn tha thẩn bên nhau. Chính nhờ sự giúp đỡ của người bạn trai đó mà Têrêxa đã trở thành một cô thôn nữ xinh đẹp và siêng năng nhất vùng.

Một hôm, chàng thanh niên chăn cừu nói với người quản lý điền trang của bá tước là anh ta thấy một con sói lảng vảng ở sườn núi Xabin. Người ta liền cấp cho Văempa một khẩu súng săn cũ và anh ta cũng chỉ mong có thế. Anh sửa lại súng, mua thêm đạn và hàng ngày tập bắn. Một buổi chiều, con sói vừa ló đầu ra, liền bị Văempa bắn chết tươi. Chỉ ít lâu sau Văempa đã nổi tiếng là tay thiện xạ nhất vùng.

Cặp thiếu niên tiếp tục lớn lên bên nhau, Văempa mười bảy tuổi và Têrêxa mười sáu. Nhưng cô cậu chưa hề nói với nhau một lời tình tự nào. Họ như hai cái cây bên cạnh nhau, cùng chung rễ dưới đất, cùng chung cành lá quấn lấy nhau trên cành, mùi hương quyện nhau trong không gian, và cùng chung một nguyện vọng: được luôn gặp nhau. Họ hiểu rằng thà chết còn hơn là phải xa nhau, dù chỉ một ngày.

Hồi đó, người ta bắt đầu nói đến một bọn cướp trên dãy núi Lêpini, gần thành Rôma. Tướng cướp trên núi đó tên là Cucumêtô. Hắn đang bị các nhà chức trách truy nã. Hắn nổi tiếng về những hành động liều lĩnh và tàn bạo. Có chuyện kể về hắn như sau:

Một hôm, hắn bắt được một cô gái, con nhà địa chất Frôxinôn. Luật lệ của bọn cướp là người con gái trước hết sẽ thuộc về tên nào bắt được. Sau đó, lần lượt những đứa khác rút thăm cho đến khi hoặc chúng bỏ hoặc cô gái đó chết.

Cô gái con ông địa chất lại có một người yêu là đồng đảng của Cucumêtô tên là Caclini. Trông thấy người yêu, cô gái mừng quá, giơ tay ra, cho là mình thoát nạn. Nhưng khi nhận ra người yêu, Caclini thay tim mình thắt lại vì hắn hiểu rõ luật lệ của bọn cướp. Tuy nhiên hắn cũng có hy vọng vì hắn là tay chân đắc lực của chủ tướng, đã phục vụ chủ tướng ba năm và đã có lần cứu được chủ tướng thoát chết từ tay cảnh binh. Hắn hy vọng chủ tướng sẽ chiếu cố hắn.

Caclini đến gặp chủ tướng, nói hết chuyện tình duyên của mình với cô gái Rita và đề nghị chiếu cố hắn mà không làm nhục cô gái. Bố cô ta lại giàu có, ắt sẽ trả một món tiền chuộc rất hậu. Tên Cucumêtô có vẻ đòng ý và giao nhiệm vụ cho Caclini đến báo tin cho ông bố cô gái Rita mang tiền đến chuộc, hạn cuối cùng là chín giờ sáng hôm sau.

Caclini hớn hở ra đi. Một giờ sau, hắn quay lại thì thấy bọn cướp đang vui vẻ chè chén với nhau. Hắn tìm quanh quẩn không thấy Cucumêtô và cô gái đâu. Hắn hỏi đồng bọn thì chúng rộ lên cười. Vừa lúc ấy, hắn nghe có tiếng phụ nữ thét lên. Thế là hắn đoán ra hết. Hắn lao người về phía có tiếng kêu. Đi được một trăm bước, hắn thấy sau một bụi rậm, Rita nằm chết ngất trong tay Cucumêtô. Thấy Caclini tới, Cucumêtô đứng lên, hai tay cầm hai khẩu súng ngắn. Hai tên cướp nhìn nhau một lúc, một đứa với nụ cười dâm ô trên môi, một đứa với cái trán tái ngắt của tử thần. Người ta tưởng sẽ xảy ra cuộc chiến dữ dội giữa hai đứa. Nhưng dần dần nét mặt Caclini giãn ra, bàn tay hắn đã để ở bao súng của hắn rơi thẳng xuống chân.

Rita nằm ngửa giữa hai đứa. Ánh trăng rọi chiếu cảnh tượng đó. Cucumêtô lên tiếng trước: -Thế nào, mày đã làm xong việc tao giao chưa?

-Thưa chủ tướng, xong rồi – Caclini đáp – Trước chín giờ sáng mai, cha cô Rita sẽ mang tiền đến chuộc.

-Tốt lắm. Trong khi chờ đợi, chúng ta sẽ được qua một đêm thú vị. Con bé này kháu quá, mày tinh lắm Caclini ạ. Tao không ích kỷ đâu, rồi sẽ đến lượt từng đứa một rút thăm.

-Thế chủ tướng vẫn thực hiện luật lệ chung mà không chiếu cố đến tôi ư?

-Mày là cái thá gì mà tao phải chiếu cố. Nhưng thôi, cứ bình tĩnh, rồi cũng sẽ đến lượt mày. – Nói xong, Cucumêtô bỏ về vừa đi vừa đề phòng Caclini bắn lén. Caclini khoanh hai tay lại đứng cạnh Rita.

Một lát sau, Caclini cũng quay về. Thấy hắn, Cucumêtô liền tuyên bố: -Rút thăm đi nào! Rút thăm đi nào!

Mọi người ngạc nhiên thấy Caclini cũng tham gia rút thăm, và ngạc nhiên hơn thấy hắn rút trượt thăm mà vẫn cứ bình tĩnh hơn ai hết, rót rượu uống một

mình.

Tên cướp rút trúng thăm đã hớn hở bước đi. Một lát sau, người ta nghe thấy tiếng những bước chân nặng nề. Hắn đã quay về, tay ôm cô gái. Đầu cô ta ngả sang một bên, tóc xõa ra chấm đất. Hắn bế cô gái vào, đặt cô nằm xuống chân chủ tướng. Bấy giờ bọn chúng mới nhận ra cô gái đã bị một con dao găm cắm sâu vào vú bên trái. Tất cả mọi cặp mắt đều đổ dồn vào Caclini: bao dao của hắn rỗng không.

-Úi chà – Tên chủ tướng nói – Bây giờ ta mới hiểu tại sao thằng Caclini còn nán lại ngoài đó một lúc.

Caclini liền đứng lên, tiến đến bên xác cô gái, tay để vào bao súng, hỏi: -Thế nào? Còn kẻ nào tranh với ta cô gái này nữa không?

-Không – Tên chủ tướng nói – Nó là của mày đấy.

Thế là Caclini bế xác cô gái lên, đem ra ngoài rừng. Cucumêtô bố trí canh phòng như thường lệ, rồi cả bọn cướp nằm ngủ, người chúng cuộn tròn trong những chiếc áo choàng bên cạnh đống lửa. Đến nửa đêm tên lính canh đánh thức bọn chúng dậy. Người cha của Rita bước vào và nói: -Đây, ba trăm pitton đây, hãy cầm lấy và trả con gái cho tôi.

Nhưng tên cướp không cầm tiền, hắn ra hiệu cho ông già đi theo hắn. Một lát sau, hắn chỉ tay vào hai người có mặt dưới gốc cây, bảo: -Đây, ông đòi con gái ông đi. Caclini sẽ cho ông biết sự thật.

Nói xong, hắn quay về với đồng bọn. Ông già tiến đến chỗ hai người, Caclini ngẩng mặt lên. Ông già thấy con gái mình nằm dưới đất, đầu gối vào đầu gối một người mà ông đã nhận ra là Caclini.

-Con đang đợi cha – Caclini nói.

-Thằng khốn nạn – ông già thét lên – Mày đã làm gì con tao?

Ông kinh hãi nhìn. Dưới ánh trăng, Rita xanh xao, bất động, máu me đầy người và một con dao cắm ở ngực.

-Cucumêtô đã hiếp con gái ông – Caclini nói – Con yêu Rita. Con đã giết cô, vì sau tên khốn khiếp ấy, cô sẽ là vật tiêu khiển cho cả bọn. Nếu con có tội… thì đây, xin cha trả thù cho cô ấy đi.

Hắn rút con dao găm ở ngực cô gái, đứng lên đưa cho ông già, rồi phanh ngực ra.

-Con đã làm đúng, hôn ta đi con.

Hai người ôm lấy nhau khóc nức nở. Sau đó, ông già cùng Caclini đào đất chôn xác Rita. Khi hố đã đào xong, người cha ôm hôn xác chết trước, rồi đến Caclini sau. Rồi người cầm chân, người cầm vai đặt cô gái xuống hố. Sau khi lấp đất, ông già nói: -Cám ơn con trai ta, bây giờ ta muốn được một mình.

Caclini tuân theo ý cha, quay trở về chỗ đồng bọn. Một giờ trước khi trời sáng, Cucumêtô đánh thức bọn cướp dậy chuẩn bị đi. Caclini trở lại ngôi mộ để

xem ông già ra sao. Hắn thấy ông đã thắt cổ tự tử ở một cành cây tỏa bóng xuống mộ con gái ông. Hắn thề trước xác chết và ngôi mộ là hắn sẽ báo thù cho cả hai. Nhưng hắn không giữ được lời thề, vì hai ngày sau, hắn đã bị Cucumêtô hạ sát.

Người ta còn kể về tên tướng cướp ghê gớm này hàng chục chuyện đại loại như vậy. Do đó, chỉ nghe thấy tên hắn, dân vung xung quanh đã thấy run sợ.

Những câu chuyện đó thường là đề tài bàn luận của cặp Têrêxa và Văm pa. Cô thiếu nữ rất sợ, nhưng Văm pa an ủi cô hãy tin vào anh và cây súng của anh.

Thời gian trôi đi, đôi bạn trẻ quyết định làm lễ thành hôn khi Văm pa hai mươi và Têrêxa mười chín tuổi. Hai người đều mồ côi, họ chỉ cần xin phép chủ và ông chủ đã đồng ý.

Một hôm, hai anh chị đang bàn tán với nhau về tương lai thì bỗng có hai ba tiếng súng nổ, rồi một người từ trong rừng lao vọt ra, chạy lại chỗ đôi bạn trẻ ngồi chăn cừu, nói: -Tôi đang bị lùng bắt, anh chị có chỗ nào giấu được tôi không?

Cặp thanh niên cũng đoán ngay được đó là một tên cướp, nhưng giữa những người nông dân và bọn cướp, thường không có mối ác cảm. Văm pa không nói câu nào, chạy đến chỗ một viên đá, cậy ra để lộ một cửa hang bí mật, bảo tên cướp nấp vào đó rồi đậy viên đá lại. Vừa lúc đó, bốn cảnh binh phóng ngựa tới. Họ hỏi Văm pa có nom thấy ai không, Văm pa lắc đầu.

-Tiếc quá! – Một cảnh binh nói – Lần này lại để xổng mất thằng Cucumêtô, nếu không bọn ta sẽ được lĩnh món tiền thưởng một nghìn êquy. Hai anh chị mà chỉ cho tôi chỗ hắn nấp thì sẽ được chia năm trăm.

Cặp thanh niên đưa mắt nhìn nhau. Năm trăm đồng êquy bằng ba nghìn frăng, và ba nghìn frăng là cả một gia tài cho cặp mồ côi nghèo khổ sắp cưới nhau, Văm pa liền đáp: -Vâng, đáng tiếc thật! Nhưng chúng tôi chẳng thấy ai cả.

Sau khi bọn cảnh binh đã đi xa, Văm pa đến lôi viên đá lên để Cucumêtô đi ra. Ở trong hang hắn đã nghe thấy hết, hắn rút trong túi ra một bọc tiền vàng để tặng hai người. Nhưng Văm pa kiêu hãnh quay mặt đi, còn Têrêxa vừa thấy, cặp mắt đã sáng lên. Cô nghĩ đến những đồ trang sức và quần áo đẹp mà túi tiền đó có thể mua được.

Cucumêtô là con quỷ Satăng tinh đời, bắt gặp ánh mắt đó. Hắn thấy ngay ở Têrêxa một cô gái xứng đáng là thần Vệ Nữ. Hắn liền chuồn thẳng vào rừng, đôi lúc còn ngoái lại nhìn cô gái.

Ngày tháng trôi qua chẳng có tăm hơi gì của Cucumêtô nữa. Một hôm, trong làng tổ chức một ngày hội khiêu vũ trá hình để mừng sinh nhật cô gái yêu của bá tước, chủ của Văm pa, Têrêxa rất mong ngày hội đó để diện quần áo, chơi bời và nhảy múa. Vì Têrêxa xinh đẹp lại ăn mặc rất diện nên cô được mời vào vị trí danh dự. Cô hỏi ý kiến Văm pa, anh con trai không có lý do gì để từ chối.

Đứng ở vòng ngoài, Văm pa nhìn Têrêxa say sưa khiêu vũ trong tay một thanh niên quý tộc sang trọng, thỉnh thoảng hai người lại thì thầm vào tai nhau những điều thú vị làm cả hai cùng cười rúc rích. Cảnh tượng đó không thể không làm Văm pa đau lòng. Đã đôi ba lần, trong lúc đang nhảy, Têrêxa đưa mắt nhìn anh, thấy anh đặt tay vào chuôi con dao găm. Nét mặt anh nhăn nhó và tái xanh, có lần cô thấy lưỡi dao đã rút ra nửa chừng.

Văm pa đã ghen, sang bài nhảy tiếp theo, anh không thể chịu được nữa. Anh liền nhảy vào giữa đám khiêu vũ lôi tuột người yêu đi. Ra đến ngoài, Văm pa hỏi cô gái: -Têrêxa em, em nghĩ gì lúc em đang nhảy với người thanh niên ấy?

-Em nghĩ đến cái áo đẹp của cô con gái bá tước – Têrêxa đáp với tất cả thành thực của tâm hồn – Được nó em phải mất nửa đời em cũng vui lòng.

-Thế anh thanh niên cùng nhảy nói gì với em?

-Anh ấy nói nếu em muốn cái áo ấy, chỉ cần nói với anh ấy một câu là em sẽ có ngay.

-Hắn nói đúng đấy. Rồi em cũng sẽ có.

Têrêxa ngạc nhiên, ngẩng mặt lên toan hỏi thì thấy bộ mặt anh tối sầm lại rất dễ sợ làm cô không dám hỏi nữa.

Ngay đêm hôm đó nhà bá tước bị cháy, cháy ngay ở trong buồng cô gái yêu con bá tước. Bị lửa bao vây tứ phía, cô gái chạy ra không được, cô ra cửa sổ kêu cứu ầm ĩ. Bỗng nhiên một thanh niên nông dân nhảy qua đám lửa vào bế thốc cô gái lên. Bằng sức mạnh và sự khéo léo phi thường, anh đưa được cô gái, con ông bá tước, ra ngoài để cô nằm ngất trên bãi cỏ. Khi cô được người nhà cứu tỉnh, tìm đến vị cứu tinh thì không thấy đâu và cũng không biết là ai nữa. Ông bá tước vốn giàu có thấy con gái yêu thoát nạn ông mừng lắm và cho là một điều may mắn rồi, nên chẳng còn nghĩ đến của cải bị cháy những gì.

Hôm sau, vào giờ thường lệ, đôi bạn trẻ lại gặp nhau ở bìa rừng. Văm pa đến trước, anh vui vẻ chạy lại đón Têrêxa. Anh có vẻ như quên hẳn câu chuyện ngày hôm qua. Anh nắm tay Têrêxa dẫn đến cửa hang. Anh dừng lại ở ngoài rồi nói với người yêu: -Hôm qua em nói với anh, em sẽ đổi tất cả để lấy cái áo như cái áo của cô con gái ông chủ phải không?

-Vâng, nhưng em chắc là chỉ nói để làm vui lòng em thôi.

-Anh không bao giờ hứa suông với em. Em vào trong hang và mặc thử nó xem!

Nói xong anh cạy hòn đá ra: trong hang đã có hai ngọn nến thắp sáng soi tỏ một cái gương, một cái vòng ngọc, những trâm cài tóc bằng kim cương và một cái áo. Tất cả để trên một cái ghế. Cô gái kêu lên một tiếng, nhảy bổ vào. Văm pa vội lấy hòn đá lấp cửa hang lại, vì anh vừa phát hiện thấy trên một ngọn đồi nhỏ trước mặt, có một kỵ sĩ đang đi tới, thỉnh thoảng lại dừng lại như lạc đường.

Nhìn thấy Văm pa, người kỵ sĩ phóng ng sựa đến. Văm pa đã không nhầm, người đó muốn đi về Tipôli nhưng lại không biết đường. Văm pa liền chỉ đường, nhưng cách đó chừng một phần tư dặm là một ngã ba rất khó phân biệt đường đi, nên ông khách nhờ Văm pa đưa ông ta đi. Văm pa vui vẻ nhận lời.

Mười phút sau, đến chỗ ngã ba, Văm pa giơ tay chỉ vào một con đường bảo: -Thưa ngài, con đường của ngài đây, ngài không còn sợ lạc nữa.

-Còn đây là phần thưởng của anh – Người khách nói và đưa ra mấy đồng bạc lẻ cho Văm pa.

-Xin cám ơn, – Văm pa rụt tay lại – Tôi chỉ đường chứ có bán đường cho ngài đâu!

Người khách như đã quen thuộc các kiểu khác nhau giữa sự giúp đỡ của người thành thị với người nông thôn, ông nói: -Nếu anh từ chối tiền công thì ít ra anh cũng nhận một món quà chứ?

-À vâng, cái đó thì khác.

-Vậy anh hãy cầm lấy hai hòn ngọc này để tặng người yêu làm đôi hoa tai.

-Còn ngài, xin ngài cầm lấy con dao găm này, nó có một cái chuôi chạm trổ kỳ công.

-Tôi xin nhận, nhưng như vậy thì tôi mắc nợ anh mất vì con dao này đáng giá hơn hai viên ngọc kia.

-Đối với một người buôn thì có thể là như thế. Còn tôi, chính tay tôi chạm trổ nên nó, nó chỉ đáng giá một đồng.

-Tên anh là gì?

-Luji Văm pa, thế còn ngài?

-Thủy thủ Ximbát.

Frăng kêu lên một tiếng ngạc nhiên: -Thủy thủ Ximbát!

-Vâng – ông chủ khách sạn nói – Đó là tên của người khách hỏi đường Văm pa.

Frăng không nài thêm. Cái tên thủy thủ Ximbát đã dấy lên trong tâm trí anh cả một chuỗi kỷ niệm hồi anh ở đảo Môngtơ Crixtô. Anh nói với ông chủ khách sạn: -Xin ông tiếp tục nữa đi.

Văm pa bỏ hai viên ngọc vào túi, lững thững đi về. Cách hang đá hai ba trăm bước, anh chợt nghe thấy hình như có tiếng kêu.

Anh dừng lại, lắng nghe xem tiếng kêu từ đâu tới. Một giây đồng hồ sau, anh lại nghe thấy tiếng kêu, lần này rõ là gọi tên anh. Tiếng kêu từ phía hang. Anh chồm lên như một con hươu, vừa chạy vừa nạp đạn vào súng. Chỉ một lát sau anh đã lên đến đỉnh ngọn đồi. Anh nom thấy một người đang vác Têrêxa chạy và sắp vào đến rừng. Anh đưa khẩu súng lên vai, một tiếng nổ, tên gian đứng sững lại, khuỵu hai đầu gối xuống, rồi lăn kềnh ra, kéo theo cả Têrêxa. Nhưng Têrêxa đứng dậy được ngay, còn tên gian đang giẫy chết dưới đất.

Văm pa lao đến, Têrêxa không việc gì. Tên gian chính là Cucumêtô. Văm pa nhìn hắn một lúc lâu không chút xúc động. Anh quay lại nhìn người yêu rồi nói: -Ái chà! Em diện quá nhỉ, đến lượt anh cũng phải diện mới được.

Têrêxa đang mặc bộ quần áo của con gái ông chủ, trông như nàng công chúa. Một lát sau, Văm pa từ trong rừng đi ra, cũng mặc quần áo như một ông hoàng. Anh đã lột quần áo của Cucumêtô mặc vào. Văm pa hỏi: -Bây giờ em có bằng lòng theo anh không?

-Có chứ.

-Bất cứ ở đâu mà anh đến chứ?

-Dù là góc bể chân trời!

-Nếu vậy hãy nắm vào cánh tay của anh đây, và chúng ta phải đi ngay tức khắc.

Cô gái luồn tay mình vào tay người yêu, không cần hỏi đi đâu cả vì lúc này trông anh đẹp, kiêu hãnh và dũng mãnh như một thiên thần. Cả hai tiến sâu vào trong rừng. Đi mãi, đi mãi, cho đến một lúc, bỗng nhiên có một người nhảy xổ ra chĩa khẩu súng vào mặt Văm pa quát: -Tiến thêm một bước nữa, mi sẽ toi mạng.

Văm pa đưa một cánh tay lên và nói một cách khinh bỉ.

-Thôi mày, chó sói có bao giờ thịt nhau đâu!

-Mi là ai? Muốn gì?

-Tao là Luji Văm pa muốn nói chuyện với các người hiện đang ở trong khu rừng Biăngca.

-Được, đi theo tao. À, không, mày biết chỗ rồi thì đi trước đi!

Nửa giờ sau, họ đến Biăngca. Biăngca là đỉnh một ngọn núi, trước đây vốn là núi lửa. Họ gặp đến hai mươi tên cướp. Tên đưa đường đến nói với một tên có vẻ là phó tướng: -Thằng thanh niên này muốn tìm ông đấy.

-Nó muốn gì?

Văm pa tiến lên bảo: -Tôi muốn nói rằng tôi đã chán ngấy cái nghề chăn cừu của tôi rồi.

-À ta đã hiểu – Tên phó tướng dò xét – Muốn xin nhập bọn ta chứ gì?

-Hoan nghênh hắn đi – Nhiều tên cướp đã biết tiếng Văm pa, reo lên.

-Phải – Văm pa nói – Nhưng tôi yêu cầu các anh một việc ngoài việc nhập bọn với các anh.

-Cứ nói đi – Bọn cướp đáp.

-Tôi muốn làm thủ lĩnh các anh.

Bọn cướp phá lên cười rồi hỏi.

-Mi đã có những thành tích gì mà đòi leo cao như vậy?

Ta đã giết chết thủ lĩnh của các ngươi, ta đang mặc quần áo của hắn đây, và ta đã đốt nhà bá tước chủ đồn điền để tặng vợ chưa cưới của ta một cái áo cưới.

Một giờ sau, Luji Văm pa được suy tôn là thủ lĩnh thay Cucumêtô.

Nghe xong câu chuyện kể về Luji Văm pa, Frăng hỏi Anbe: -Thế nào, cậu nghĩ thế nào về Văm pa?

-Chỉ là câu chuyện thần thoại. Có thế thôi!

-Thần thoại hay không thì tôi không biết – ông chủ khách sạn nói – Tôi chỉ biết hiện nay Văm pa là tên cướp can trường nhất ở ngoại thành Rôma và bọn cảnh sát phải bó tay đấy.

-Anbe – Frăng hỏi – cậu vẫn còn ý định đi thăm đấu trường Côlidê đấy chứ?

-Sao lại không? Tôi nghe nói cảnh vật ở đấy đẹp như tranh vẽ.

-Thưa hai ông – Một người hầu phòng đi vào nói – Xe đã đỗ ở trước cửa khách sạn.

-Nào thì đi – Anbe đứng dậy bảo Frăng – Tôi tưởng cậu vẫn là con người can đảm kia đấy.

§34. Lộ diện

Cỗ xe đưa hai chàng thanh niên đến đấu trường Côlidê giữa lúc ánh trăng chập chờn xuyên qua những khung cửa to lớn của tòa lâu đài cổ La Mã đồ sộ và đổ nát dường như từ những mắt ma dọi xuống. Hai chàng mở cửa xe bước xuống, và một người dẫn đường đã chờ ở đây, vì chỉ có người dẫn đường mới được phép cầm đuốc vào đấu trường. Frăng đã đến đây mươi lần rồi, nhưng Anbe mới tới lần đầu nên không khỏi không kinh ngạc và hoa mắt trước cảnh nguy nga, hùng vĩ của tòa lâu đài đổ nát.

Trong lúc Frăng đang đứng mơ màng sau một cây cột thì Anbe đi theo người dẫn đường cầm đuốc. Người dẫn đường chỉ cho anh xem cái hang nhốt sư tử, đấu trường, những phòng riêng của các đấu sĩ và cái bệ ngồi của hoàng đế Xêda. Frăng đang đứng im lặng trong bóng tối nhìn theo Anbe và người dẫn đường đã đi xa, thì đột nhiên anh nghe có tiếng chân người bước tới. Một lát sau, quả nhiên có một người đang lao lên các bậc thang có ánh trăng chiếu lờ mờ. Người đó đi tới sân thượng thì dừng lại, có vẻ như chờ đợi ai. Sự xuất hiện bất ngờ đó làm Frăng phải chú ý và tự nhiên anh đứng nép vào đằng sau một cái cột để ngắm người khách lạ. Người đó mặc một chiếc áo choàng rộng, tà áo vắt qua vai che một nửa mặt, một cái mũ rộng vành sụp xuống mắt, một cái quần màu đen bó trong đôi ủng bằng da láng. Dáng điệu người khách lạ có vẻ thuộc tầng lớp quý tộc. Mười phút sau, một bóng đen nữa xuất hiện, nhanh nhẹn đi tới chỗ người khách lạ. Hai người nói chuyện với nhau bằng thổ ngữ La Mã: -Xin Đức ông tha lỗi, tôi đã làm Đức ông phải chờ lâu.

Chuông nhà thờ Thánh Găng vừa điểm mười giờ.

-Chính ta đến sớm chứ không phải anh đến muộn. Anh đã làm xong việc đó chưa?

-Dạ, tôi đã đút lót cho tên cai ngục ít tiền. Như vậy là đến thứ ba sẽ có hai cuộc hành hình trong ngày khai mạc hội hóa trang ở Rôma: một phạm nhân can tội giết một vị linh mục sẽ bị xử tội bằng cách đập chết, còn phạm nhân kia sẽ bị chặt đầu. Đó là thằng Peppinô đã cung cấp lương thực cho bọn chúng tôi.

-Mọi người tha hồ mà khoái trá. Thế anh tính sao?

-Thưa, tôi sẽ đem hai mươi thủ hạ đến vây quanh pháp trường. Bao giờ họ dẫn phạm nhân ra, chúng tôi sẽ dùng dao găm giết bọn lính canh và cướp Peppinô mang đi.

-Không ổn đâu. Ta sẽ có cách khác để cứu anh ta. Ta sẽ cho một viên chức cao cấp ngành tư pháp số tiền một vạn đồng để hoãn cuộc hành hình lại một năm, sau đó sẽ tìm cách cho anh ta vượt ngục. Anh nên nhớ là tiền bạc của ta có giá trị

hơn những con dao găm của các anh. Bây giờ anh đến báo cho Peppinô biết để anh ta khỏi lo sợ và phải kín chuyện đấy.

-Tôi vô cùng đội ơn Đức ông và khi nào Đức ông cần đến, mặc dù ở tận góc bể chân trời, tôi cũng sẽ…

-Suỵt, có người đến kia kìa, chúng ta hãy chia tay nhau.

Người khách lạ nói xong, kéo áo choàng lên cho kín mặt, đi qua chỗ Frăng đứng rồi lẫn vào trong bóng tối. Người kia cũng vậy.

Frăng vội đi tìm Anbe, và mười phút sau, hai chàng thanh niên quay về đến khách sạn. Trong khi Anbe không ngớt lời ca ngợi tòa lâu đài cổ kính, Frăng không ngừng nghĩ tới người khách lạ. Mặc dù không nhìn được mặt, nhưng nghe giọng nói đanh thép đượm vẻ châm biếm, anh đoán chắc người đó không phải ai khác, ngoài thủy thủ Ximbát, chủ nhân tòa lâu đài ngầm bí mật. Suốt đêm anh trằn trọc không ngủ.

Ngày hôm sau, hai anh thanh niên nhận được giấy mời đi xem một vở nhạc kịch nổi tiếng do những diễn viên ưu tú của nhạc viện thành phố thủ vai. Từ ngày tới Rôma, hai chàng chưa quen được với một người phụ nữ nào, nhất là Anbe, vừa đẹp trai, ăn mặc lịch sự, đang mong được lọt vào cặp mắt xanh của một giai nhân nào để chưng diện trong những ngày hội hóa trang.

Buổi tối, hai chàng tới nhạc viện, ngồi trong lô dành cho những nhà quý tộc, Anbe cầm ống nhòm tìm những người đẹp của thủ đô Ý, nhưng người nào cũng bận nói chuyện riêng.

Không một ai chú ý đến anh. Sau màn thứ nhất, Frăng thấy cửa lô phía trước mở ra và một thiếu nữ trẻ đẹp đi vào. Anh nhận ra là một nữ bá tước người Ý mà anh đã quen biết ở Pari.

-Ồ, nàng có bộ tóc đẹp quá! – Anbe thốt lên – Quen cậu đấy à? Có thân lắm không?

-Khá thân, nếu cậu muốn, hết màn này mình sẽ đưa cậu đến giới thiệu.

Màn vừa hạ, Anbe đã vuốt tóc, nắn lại cavát và cổ áo, theo Frăng đến lô của nữ bá tước. Frăng giới thiệu Anbe là người bạn thân nhất của anh. Nữ bá tước mời hai anh thanh niên ngồi ở hai ghế phía sau còn trống. Anbe nói chuyện về Pari, và trong lúc anh đang trổ tài hùng biện thì Frăng cầm ống nhòm nhìn xung quanh. Ở cách chỗ ngồi của nữ bá tước ba hàng ghế, anh trông thấy một thiếu nữ tuyệt đẹp ăn mặc kiểu Hy Lạp. Phía sau nàng có một người đàn ông ngồi trong bóng tối nên anh nom không rõ mặt. Frăng nhận thấy tất cả mọi người, kể cả giới phụ nữ đều chăm chú nhìn cô thiếu nữ Hy Lạp và trầm trồ khen ngợi.

Frăng vội ngắt câu chuyện của Anbe, hỏi nữ bá tước có quen nàng không?

-Cô ấy đẹp như một nàng tiên – Nữ bá tước mỉm cười nói – Tôi chỉ biết cô ấy mới đến đây từ đầu màn kịch này, cùng đi với một người đàn ông ngồi đằng sau.

Nói xong, nữ bá tước quay lại nói chuyện với Anbe, còn Frăng mắt không rời cô gái Hy Lạp. Anh nhận thấy cô xem biểu diễn có vẻ thích thú, thỉnh thoảng quay lại trao đổi mấy câu với người đàn ông ngồi phía sau, nhưng ông ta vẫn ngồi trong bóng tối, không tài nào nhìn rõ mặt.

Màn từ từ hạ, vở kịch kết thúc. Tất cả khán gia đứng dậy vỗ tay nhiệt liệt. Người đàn ông ngồi sau cô gái Hy Lạp đứng lên, nét mặt lộ ra trước ánh đèn. Frăng giật mình nhận ra là vị chủ nhân bí mật đã tiếp anh ở đảo Môngtơ Crixtô, và cũng là người tối hôm trước đã xuất hiện ở đấu trường Côlidê. Frăng tái mặt và xúc động nói: -Thưa bá tước phu nhân, xin cho biết về người đàn ông ngồi phía sau cô gái Hy Lạp.

-Ông ta có bộ mặt xanh rớt làm tôi rùng mình. Nữ bá tước nói – Và khi đã nhìn thấy thì không sao quên được. Trông như một cái bóng ma trong cuốn truyện của Bairơn.

-Tôi cũng muốn biết ông ta là ai.

Nói xong, Frăng đứng dậy định đi. Nữ bá tước giữ tay anh ta lại, nói: -Không được đâu, cậu phải đưa tôi về nhà, tôi thấy rờn rợn thế nào ấy.

Frăng phải từ giã Anbe để đưa nữ bá tước ra xe. Anh nhận thấy nữ bá tước ngồi trong xe mà vẫn còn run làm anh phải bật cười.

-Này cậu Frăng, cậu chớ cười tôi là nhát gan. Thú thật với cậu là từ lúc nhìn thấy ông ta, tôi cứ phát sốt lên. Cậu phải hứa với tôi là không tìm gặp ông ta và chớ có giới thiệu với tôi, tôi đến chết vì sợ hãi mất.

Sau khi đưa nữ bá tước về nhà, Frăng quay về khách sạn, thấy Anbe đang mặc áo ngủ nằm dài hút thuốc.

-Frăng ạ – Anbe nói – Cái bà bá tước người Ý của cậu thật là kỳ quặc. Mới nom thấy người đàn ông ngồi sau cô gái Hy Lạp đã sợ run lên. Tôi gặp họ ở hành lang lúc ra về, thấy người đàn ông ấy rất đẹp trai, ăn mặc lịch sự theo kiểu Pháp, nước da có xanh nhưng rõ ràng thuộc dòng dõi quý tộc.

-Cậu có nghe thấy tiếng nói của ông ta không?

-Tôi nghe lõm bõm mấy câu thổ ngữ La Mã, có pha tiếng Hy Lạp.

-Thế thì đúng rồi – Frăng lẩm bẩm… – À này, cậu có biết là chúng ta không thuê được xe không?

-Cần quái gì, tôi vừa nghĩ ra một kế kỳ diệu. Nếu không thuê được xe ngựa, chúng mình sẽ thuê một cỗ xe bò, một đôi bò kéo, và sẽ cải trang thành hai nông dân Ý. Còn nữ bá rước sẽ mặc một bộ quần áo của cô thợ gặt, sẽ tạo ra một bức tranh đẹp không kém thời kỳ Phục hưng, làm thiên hạ phải lác mắt. Tôi đã bảo ông Patini lo liệu cho rồi.

Giữa lúc đó, cửa phòng mở và ông chủ khách sạn bước vào.

-Thế nào ông chủ? – Anbe hỏi – Xe và bò đã thuê được chưa?

-Thưa hai ông – ông Patini hí hửng nói – Tôi còn làm vừa lòng hai ông hơn thế nữa. Các ông nên biết là bá tước Môngtơ Crixtô cũng ở trong khu chúng ta và thấy hai ông không thuê được xe, ngài vui lòng dành cho hai ông hai chỗ ngồi trên cỗ xe của ngài và hai chỗ ngồi trên cửa sổ trong tòa biệt thự Rôpôli của ngài.

Frăng và Anbe nhìn nhau kinh ngạc.

-Nhưng chúng tôi có quen bá tước Môngtơ Crixtô đâu Anbe bảo ông Patini – ông ta là người thế nào?

-Tôi chỉ biết ngài bá tước là một nhà đại quý tộc, ở đâu không rõ, và giàu như có mỏ vàng.

Giữa lúc hai chàng thanh niên đang trố mắt nhìn nhau kinh ngạc thì có tiếng gõ cửa. Một người đầy tớ mặc một bộ quần áo rất lịch sự bước vào phòng nói: -Tôi được bá tước Môngtơ Crixtô phái đến báo cho ngài nam tước Frăng Đêpinay và ngài tử tước Anbe Đơ Moocxép biết là ngày mai, ngài bá tước sẽ lấy tư cách là người hàng xóm đến thăm hai ngài và đề nghị hai ngài vui lòng định giờ gặp mặt.

Nói xong, người đầy tớ trao cho mỗi người một tấm danh thiếp. Frăng nói: -Anh về thưa với bá tước, chúng tôi sẽ rất hân hạnh được đến thăm ngài trước, với tư cách là những người đội ơn ngài.

Khi người đầy tớ đã đi khỏi, Anbe bảo Frăng: -Bá tước Môngtơ Crixtô quả là một con người lịch thiệp. Nhưng tôi chỉ tiếc cỗ xe bò và bộ quần áo nông dân Ý.

-Những cái đó không giá trị bằng cửa sổ của tòa lâu đài Rôpôli.

Frăng nói và nghĩ tới câu chuyện mà anh đã nghe lỏm được ở đấu trường Côlidê giữa hai người lạ mặt. Đêm hôm đó, hình bóng hai người lạ mặt cứ luẩn quẩn trong đầu óc Frăng. Anh nóng ruột chờ đến sáng để xem kết quả ra sao.

Tám giờ sáng hôm sau, Frăng thức giấc, cho gọi ông chủ khách sạn tới hỏi.

-Ông Patini, có phải ngày hôm nay có hai cuộc hành hình không?

-Dạ, tôi có được xem bản yết thị ở các đầu phố. Theo lệnh tòa án thành Rôma, hai phạm nhân sẽ bị đem ra hành hình ở quảng trường Pôpôlô, một đứa tên là Angđrê Rônguôlô can tội giết linh mục Teclini và đứa kia tên là Peppinô can tội thông đồng với tên tướng cướp Luji Văempa. Tên thứ nhất sẽ bị đập chết, tên thứ hai bị chặt đầu.

Đúng như câu chuyện giữa hai người lạ mặt ở đấu trường Côlidê, và Frăng đoán chắc người mặc áo choàng là thủy thủ Ximbát, còn người kia là tên tướng cướp nổi danh Văempa.

Đến chín giờ, Anbe đã ăn mặc chỉnh tề, đến phòng Frăng. Hai chàng thanh niên rủ nhau tới lâu đài Rôpôli để ra mắt bá tước Môngtơ Crixtô. Một người đầy tớ ra dẫn hai chàng vào một phòng khách trang hoàng rất lộng lẫy theo kiểu Thổ Nhĩ Kỳ và mời hai chàng ngồi chờ. Frăng và Anbe ngắm nghía những đồ đạc rất quý giá bày trong phòng thì có tiếng cửa mở và chủ nhân xuất hiện.

Anbe tiến lên chào, còn Frăng thì đứng sững như bị đóng đinh tại chỗ. Người mới đi vào phòng không phải ai xa lạ, chính là người mặc áo choàng ở đấu trường Côlidê, người đàn ông lạ mặt ở nhạc viện, và vị chủ nhân bí mật ở đảo Môngtơ Crixtô.

§35. Án hình Madôláta

-Thưa hai ông – Bá tước Môngtơ Crixtô đi vào, nói – Tôi đã tính đến thăm hai ông, không ngờ lại được hai ông quá bộ đến trước, thật rất hân hạnh cho tôi.

-Thưa ngài bá tước – Anbe vội vàng đáp – Anh Frăng và tôi xin chân thành ngỏ lời cảm ơn ngài đã có lòng tốt đưa chúng tôi ra khỏi chỗ bế tắc và nếu không nhờ sự tận tình của ngài, chúng tôi buộc phải nghĩ ra một kiểu xe quái gở.

-Trời ơi, thế à! – Bá tước Môngtơ Crixtô mời hai chàng ngồi và nói – Đó là chỉ tại chủ khách sạn kém thông minh không cho tôi biết sớm. Vì một người sống độc thân như tôi lúc nào cũng mong được giúp đỡ người khác, và đây cũng là dịp tốt để tôi được hân hạnh làm quen với hai ông.

Hai chàng thanh niên nghiêng mình chào. Frăng từ nãy vẫn chưa nói một câu vì anh thấy bá tước không có vẻ gì nhận ra anh nên anh đành phải giữ thái độ kín đáo và tự chủ. Anh bèn lái câu chuyện sang vấn đề khác. Anh nói: -Thưa bá tước, ngài dành cho chúng tôi hai chỗ trên cỗ xe của ngài để xem hội hóa trang nhưng còn hai chỗ trước cửa sổ của ngài để xem gì ạ?

-À có gì đâu – Bá tước nói có vẻ lơ đễnh – Lâu đài của tôi trông ra quảng trường Pôpôlô và nghe đâu hôm nay có một cuộc hành hình thì phải. Hình như tôi đã bảo người quản gia của tôi phải chuẩn bị chu đáo để đón tiếp hai ông.

Nói xong bá tước kéo chuông và một người trạc năm chục tuổi mở cửa vào. Người này giống hệt người đã đưa chàng vào ra mắt chủ nhân bí mật của lâu đài ngầm. Lão ta cũng không tỏ một vẻ gì là nhận ra chàng cả, nên chàng yên chí điều đó đã được bố trí từ trước.

-Ông Bectuyxiô – Bá tước nói – ông đã chuẩn bị xong chưa và có nắm được chương trình cuộc hành hình không?

-Dạ, tôi sẽ đi hỏi ngay bây giờ.

-Cái đó chả cần thiết – Frăng nói – ông chủ khách sạn đã cho chúng tôi biết trước rồi.

-Nếu vậy ông có thể rút lui – Bá tước bảo.

Lão quản gia cúi chào rồi đi ra. Frăng nói: -Thưa bá tước, ngài có vẻ thích xem những cảnh rùng rợn?

-Tôi có ba thứ tình cảm – Bá tước lạnh lùng đáp – Một là sự ghê tởm, hai là sự vô tình và ba là tính hiếu kỳ.

-Hiếu kỳ! – Frăng thốt lên – Ôi, một danh từ khủng khiếp!

-Phải, trên đời này người nào cũng chú trọng đến cái chết, tại sao lại không hiếu kỳ muốn biết linh hồn thoát khỏi xác chết như thế nào? Và con người bất cứ ở đâu, ở địa vị nào cũng chịu đựng quá trình đi từ thực tại đến hư vô ra sao? Và tôi cho rằng càng nhìn thấy nhiều người chết, người ta càng thấy cái chết là dễ

dàng. Như vậy là, theo ý tôi, cái chết là một cực hình nhưng chưa chắc đã là một sự đền tội.

-Thưa bá tước, tôi không hiểu ngài định nói gì?

Giữa lúc đó một người đầy tớ vào báo bữa ăn đã dọn xong. Bữa ăn rất thịnh soạn. Frăng thỉnh thoảng lại liếc nhìn Anbe để xem thái độ của bạn ra sao nhưng vẫn thấy bạn rất hồn nhiên, dường như không để ý đến những câu chuyện của chủ nhân. Còn bá tước Môngtơ Crixtô thì không hề đụng tới các món ăn mà chỉ ngồi đó để làm tròn nhiệm vụ người mời khách.

Ăn uống xong, Frăng rút đồng hồ ra nói: -Xin lỗi ngài bá tước, cho chúng tôi được đi hóa trang.

-Các ông không cần phải quan tâm đến điều đó, tôi đã cho chuẩn bị hai bộ đồ hóa trang cho hai ông rồi. Xem hành hình xong thay quần áo cũng vừa. Xin hai ông chờ cho một lát. Tôi cần đi gặp người nhà có việc riêng, lát sau sẽ trở lại. Mời hai ông hút xì gà.

Khi bá tước vừa đi khỏi, Frăng đột nhiên hỏi Anbe: -Thế nào, cậu thấy bá tước ra sao?

-Một con người lịch thiệp, đáng mến, có nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống, có nhiều hiểu biết và cũng như Bruytuyt, ông ta tôn thờ chủ nghĩa khắc kỷ thì phải.

-Nhưng cậu có nhìn thấy bá tước nhìn cậu một cách kỳ quặc không?

Anbe có vẻ nghĩ ngợi rồi thở dài: -Thế à?

Vừa lúc đó bá tước đi vào, nói: -Xin mời hai ông ra xem cuộc hành hình.

Hai chàng thanh niên liền đi theo bá tước tới một phòng có hai cửa sổ nhìn xuống quảng trường Pôpôlô. Lần đầu tiên trông thấy một cái máy chém kiểu Ý, hai anh thanh niên thấy lạnh gáy và mồ hôi toát ra.

Các phạm nhân đã được đưa đến từ tối hôm trước, được giam trong một nhà thờ nhỏ, cửa có chấn song sắt và được hai vị linh mục đến rửa tội. Có hai hàng rào lính gác từ cửa nhà thờ đến cái máy chém. Công chúng ngồi xung quanh làm thành một vòng tròn rộng vào khoảng một trăm bước, cả những phụ nữ bế con cũng đến xem. Trên sân thượng của nhà thờ có bố trí một lễ đài đành cho các vị quan khách. Quang cảnh vô cùng ồn ào, huyên náo với tiếng nói, tiếng cười, tiếng hò hét vang dậy khắp nơi.

Đột nhiên những tiếng ồn ào im bặt. Cửa nhà thờ mở ra. Một đoàn người khổ hạnh mặc bao gai trùm kín người chỉ để hở đôi mắt, tay cầm những ngọn nến thắp sáng, từ trong nhà thờ đi ra. Sau cùng là một người cao lớn chỉ mặc có cái quần cộc, đeo một con dao bầu và vác trên vai một cái vồ rất nặng: đó là tên đao phủ. Phía sau tên đao phủ là hai phạm nhân có hai vị linh mục đi kèm. Cả hai phạm nhân đều không bị bịt mắt, Peppinô đi có vẻ vững chân, còn Angđrê phải

dựa vào vai vị linh mục. Cả hai thỉnh thoảng lại hôn vào cây thánh giá trong tay các vị linh mục.

Frăng run lập cập nhìn Anbe đang mặt cắt không còn hột máu. Riêng bá tước Môngtơ Crixtô vẫn thấy thản nhiên như thường. Tuy nhiên nếu nhìn kỹ thấy nét mặt bá tước như căng ra, đôi môi mím chặt thể hiện sự quyết tâm, ánh mắt rất cương nghị. Peppinô là một thanh niên đẹp trai, vào quãng hai mươi nhăm tuổi, có nước da rám nắng và đôi mắt phóng đãng. Còn Angđrê thì béo lùn, có bộ mặt ti tiện và độc ác, râu ria xồm xoàm.

Vừa lúc Peppinô bước tới cái máy chém, có một người rẽ đám đông đi vào, đưa cho người cầm đầu đoàn người khổ hạnh một tờ giấy gấp tư. Người trưởng đoàn cầm giấy đọc, rồi giơ lên nói: -Nhờ lượng Chúa và Đức giáo hoàng, một trong hai phạm nhân được giảm tội.

-Được giảm tội? – Công chúng reo lên.

-Peppinô được giảm tội chết chém.

-Giảm tội cho Peppinô – Angđrê hét to như điên dại, – sao không giảm cho tôi nữa? Nó phải cùng chết với tôi chứ! Tôi không muốn chết một mình! Tôi không tán thành đâu!

Hắn lăn lộn điên cuồng, rên xiết, muốn dứt đứt dây trói. Tên đao phủ ra lệnh cho hai tên giúp việc giữ chặt lấy tay chân phạm nhân.

-Nó nói gì thế? – Frăng không biết tiếng La Mã nên không hiểu Angđrê nói gì, phải hỏi Môngtơ Crixtô.

-Các ông hãy xem đấy – Bá tước nắm tay hai anh thanh niên nói – Một con người không cưỡng lại số phận, sẵn sàng bước tới đoạn đầu đài không một lời ca thán, không một hành động phản kháng, đón chờ cái chết một cách cam chịu vì có một sức mạnh thúc đẩy anh ta. Các ông có hiểu tại sao không? Vì hắn ta biết là có một người nữa cùng chết với mình, cùng chia sẻ nỗi đau khổ với mình. Hãy đem hai con bò đến lò sát sinh, làm cách nào nói cho một con biết bạn nó không bị làm thịt, nó sẽ kêu rống lên vì mừng cho bạn. Nhưng con người, con người mà Chúa đã bảo phải thương yêu nhau thì lại sẽ nổi khùng lên, sẽ cắn xé người kia đến chết chứ không muốn để cho người kia sống sót. Ôi, con người! Con người! Toàn là lũ sói lang cả!

Nói xong bá tước cười phá lên, một tiếng cười rùng rợn của một người như đã phải trải qua cảnh đau thương ghê gớm.

Hai tên giúp việc xốc nách Angđrê, kéo tới đoạn đầu đài, giữa những tiếng la thét điên cuồng của đám người xem. Mặc cho phạm nhân giãy giụa, kêu la, chửi bới, hai tên giúp việc buộc hắn phải quỳ xuống. Tên đao phủ vội chạy tới, giơ cao chiếc vồ sắt lên, giáng mạnh xuống thái dương phạm nhân. Hắn ngã chúi, mặt úp xuống đất, giãy mạnh một cái rồi nằm thẳng cẳng. Tên đao phủ rút con

dao bầu ở thắt lưng ra cắm phập vào họng phạm nhân. Những tia máu phọt ra tung tóe.

Frăng ngả người trên ghế gần như ngất đi, còn Anbe nhắm nghiền hai mắt lại, tay bám vào tấm màn cửa. Bá tước Môngtơ Crixtô đứng không nhúc nhích như kẻ thắng trận.

§36. Hội hóa trang thành Rôma

Lúc Frăng đã hoàn hồn, anh thấy Anbe mặt tái mét đang uống một cốc nước đầy, còn bá tước đang điềm nhiên nhìn bộ quần áo hóa trang. Frăng nhìn xuống quảng trường. Cảnh tượng rùng rợn không còn nữa và đám dân chúng đang cười nói oang oang, giữa lúc chuông nhà thờ đổ hồi báo hiệu hội hóa trang khai mạc. Frăng nói với bá tước: -Tôi tưởng như mình vừa qua một cơn ác mộng. Peppinô ra sao?

-Anh chàng hồn nhiên đó đã nhân lúc mọi người chăm chú nhìn người bạn xấu số, chuồn thẳng, quên cả cám ơn vị linh mục rửa tội cho mình. Tất nhiên con người là con vật rất tệ bạc và rất ích kỷ… Nhưng thôi, các ông đóng bộ vào đi chứ.

Hai anh thanh niên vội đi mặc quần áo hóa trang của bá tước cho mượn và đeo hai mặt nạ trắng bệch như nước da của hai chàng.

Ba người đi xuống, trèo lên một cỗ xe hoa đang chờ ở cửa. Cỗ xe đi giữa đám người ăn mặc đủ kiểu, đeo mặt nạ, đứng đông đặc ở quảng trường hoặc ngồi trên những cỗ xe đầy hoa lá, ném vào mặt nhau những nắm hoa, những băng giấy đủ màu sắc và những bó hoa tươi đẹp.

Tất cả những con người đó cười nói như điên loạn và hai anh thanh niên có cảm giác là đang được dẫn tới một cảnh hoan lạc say sưa và huyền ảo. Một lát sau, hai anh đã quên hết cảnh rùng rợn vừa qua và hăng hái lao mình vào cuộc giao tranh giữa những người không thấy mặt nhau và cũng không ai được quyền giận.

Anbe đứng thẳng người bốc những nắm hoa và kẹo ném vào những người ngồi trong xe bên cạnh. Trong khi hai chàng thanh niên đang vui đùa thỏa thích thì bá tước Môngtơ Crixtô vẫn ngồi thản nhiên, không tỏ vẻ gì xúc động trước cảnh tưng bừng, náo nhiệt ấy. Trên những dãy phố xung quanh quảng trường, những tòa nhà cổ kính có những bao lơn và cửa sổ phủ kín thảm và màn cửa các màu sặc sỡ, chen chúc hàng nghìn hàng vạn khách nước ngoài, các nhà quyền quý. Các vị phu nhân, các tiểu thư kiều diễm sang trọng, cúi rạp mình trên bao lơn, ném hoa và kẹo như mưa xuống những cỗ xe hoa và những người hóa trang đeo mặt nạ hoặc những người đội những đầu súc vật kỳ quái, ngộ nghĩnh.

Xe đi quanh quảng trường được hai vòng thì bá tước bảo dừng xe lại trước lâu đài Rôpôli rồi cáo lỗi, xin từ biệt hai chàng thanh niên. Bá tước thoái thác về nhà có việc riêng và xin nhường quyền sử dụng cỗ xe hoa cho hai người suốt ngày hôm đó.

Cỗ xe lại tiếp tục lao vào đám đông. Khi gần tới lâu đài Vơnidơ, họ gặp một cỗ xe có những phụ nữ trẻ và đẹp, quần áo may theo kiểu những cô thợ gặt Ý mà

hai chàng đã chạm trán hai ba lần rồi. Vô tình chiếc mặt nạ của Anbe rơi xuống. Ngay lúc đó một thiếu nữ rất đẹp ngồi trong xe ném cho chàng một bó hoa tím. Anbe cũng cầm một bó hoa ném trả lại, nhưng cỗ xe đã vượt qua. Anh ngây ngất trước vẻ đẹp và cử chỉ thân thiện của thiếu nữ và cầm lấy bó hoa tím gài trên ngực. Một lát sau, cỗ xe của người đẹp lại đi qua và lúc nhìn thấy bó hoa tím của mình tặng nằm trên ngực Anbe, cô thiếu nữ vỗ tay cười hớn hở. Thấy thế Frăng bèn lên tiếng: -Anbe khá lắm, có nhiều triển vọng đấy!

Nhưng ác nỗi, cỗ xe lại đi mất và suốt cả ngày hôm đó không thấy nó xuất hiện nữa. Buổi tối, ăn uống xong, hai chàng đi xem kịch ở nhạc viện để mong được gặp người đẹp, vì Anbe đoán là nàng thuộc dòng dõi quý tộc, thế nào cũng có mặt ở buổi diễn. Nhưng trái với dự đoán, người đẹp không có mặt trong buổi kịch.

Sáng hôm sau, một người đầy tớ của Môngtơ Crixtô đến báo cho hai chàng thanh niên biết là bá tước bận và vui lòng để hai chàng tiếp tục dùng cỗ xe. Khi tiếng chuông báo hiệu giờ diễu hành đã tới, hai chàng lên xe, và Anbe có dụng ý cài lên ngực bông hoa tím của người đẹp tặng. Quả nhiên, đi được hai vòng thì gặp cỗ xe của những thôn nữ, và người đẹp lại ném cho Anbe một bó hoa khác. Anbe vội lấy bông mới thay vào bông hoa trước đã bắt đầu tàn.

Ngày hôm đó, cảnh tượng lại càng tưng bừng, vui vẻ và náo nhiệt hơn hôm trước. Mỗi lần gặp thiếu nữ, những tình cảm thầm kín lại bùng cháy trong lòng Anbe. Tối hôm đó trở về khách sạn, chàng thấy vô cùng sung sướng, vì lúc gặp nhau lần cuối cùng nàng đã gỡ mặt nạ ra làm chàng phải ngây ngất.

Anbe quyết định viết cho người đẹp một bức thư. Sáng hôm sau, anh yêu cầu Frăng để anh được dùng xe một mình. Frăng không muốn làm cản trở mối tình vừa chớm nở trong lòng bạn, nên vui lòng chiều ý bạn. Riêng Frăng cũng thấy cuộc gặp gỡ đó rất thú vị.

Tối hôm ấy Anbe bước vào phòng, mặt mày hớn hở, giơ cho Frăng một mảnh giấy nói: -Nàng đã trả lời, cậu hãy đọc xem này.

Nghe giọng nói khác thường của bạn, Frăng cầm mảnh giấy đọc:

"Đúng bảy giờ tối thứ ba này, anh hãy tới sân trước nhà thờ Xanh Giacômô, một cô gái quê sẽ dẫn đi. Anh nhớ cầm một cây nến và buộc một dải lụa hồng trên vai để làm ám hiệu. Từ giờ cho tới khi đó, anh không được gặp em nữa. Tối mật".

-Thú vị lắm, nhưng cậu phải đề phòng mới được.

-Chả có gì đáng lo ngại! Cô nàng vừa đẹp lại vừa ngoan. Tôi thú thật với cậu tôi đang ngây ngất vì tình.

-Thôi, mặc cho số phận, tôi đang lo sẽ phải ở lại Florenxơ một mình đây!

Ngày thứ ba là ngày cuối cùng đồng thời cũng là ngày trọng thể nhất của hội hóa trang. Từ hai giờ chiều, hai chàng thanh niên đi theo đoàn xe hoa nối đuôi

nhau quanh quảng trường chật ních xe và người, tạo nên một cảnh tượng vô cùng đẹp mắt và huyên náo, làm cho người dân nước Ý lấy làm kiêu hãnh về ngày hội của họ. Càng về chiều, bầu không khí càng rộn ràng, sôi nổi khắp nơi; tiếng pháo ầm vang, tiếng vỗ tay, tiếng cười nói vui vẻ, tiếng hò hát làm rung chuyển cả một góc trời. Những cỗ xe chạy ầm ầm trên các nẻo đường từ bốn phương trời đổ tới. Lúc trời xẩm tối, trò chơi đốt nến bắt đầu. Mỗi người đốt một ngọn nến cầm tay và thi nhau làm tắt nến của người khác và châm lại nến của mình nếu bị tắt. Hàng chục vạn ngọn lửa lập lòe tựa hồ những con ma trơi lao vào một cuộc giao tranh điên cuồng, hỗn loạn.

Anbe xem đồng hồ thấy đã chỉ đúng bảy giờ. Cỗ xe đưa hai anh thanh niên đến trước nhà thở Xanh Giacômô. Anbe xuống xe, bước lên bậc tam cấp. Frăng nhìn theo bạn, thấy một cô gái ăn mặc giống hệt người đã tặng bó hoa tím tiến lại gần Anbe, cầm lấy cây nến của anh. Hai người trao đổi với nhau mấy câu rồi khoác tay nhau đi lẫn vào đám đông và biến mất.

Tiếng chuông nhà thờ ngân vang. Tất cả những ánh lửa đều tắt ngấm cùng với những tiếng ồn ào huyên náo. Cảnh vật chìm trong bóng tối. Hội hóa trang kết thúc.

§37. Những hầm mộ ở nhà thờ thánh Xêbátchiên

Có lẽ chưa bao giờ trong đời mình, Frăng có một ấn tượng sâu sắc bằng lúc này, t từ hân hoan, chuyển sang buồn tẻ, dường như thành phố Rôma dưới ngọn gió huyền ảo của ma quỷ, đã biến thành một nghĩa địa mênh mông. ánh trăng lưỡi liềm le lói chiếu xuống đường phố vắng tanh, chìm đắm trong bóng tối.

Cỗ xe đưa anh trở về khách sạn Patini và lần đầu tiên anh ngồi ăn một mình. Đến mười giờ vẫn chưa thấy Anbe về, anh lấy xe đến nhà Quận công Baxinô chơi. Ông là người hiếu khách nhất Rôma, và nữ bá tước mà anh quen cũng có mặt ở đây. Trông thấy anh đi có một mình, nữ bá tước hỏi: -Anbe đâu, sao không thấy lại?

-Tôi đợi mãi đến bây giờ vẫn chưa thấy anh ta về.

-Tôi thấy đêm nay đẹp lắm và thiên hạ cứ phàn nàn là nó trôi quá nhanh.

Quận công Baxinô nói: -Ở cương vị tôi, tôi không thể để cậu ấy lặn lội một mình trong đêm khuya khoắt, vắng vẻ thế này, cậu ấy có mang theo vũ khí không?

-Anbe chỉ có bộ đo hóa trang trên người – Frăng tự nhiên thấy rùng mình, đáp.

Một lát sau, có một người đầy tớ đến báo cho anh biết là ông chủ khách sạn mời anh về ngay vì có người lạ mặt cần gặp và có mang một bức thư đến cho anh. Frăng liền cáo lỗi chủ nhân, tất tả lên xe trở về khách sạn. Tới nơi, anh thấy một người lạ mặt, mặc một chiếc áo choàng rộng, đang đứng chở anh ở ngoài cửa. Người lạ mặt nói: -Xin lỗi, ngài là nam tước Frăng Đêpinay, bạn của tử tước Anbe Đơ Moocxép?

-Phải.

-Tử tước có gửi cho ngài một bức thư và mong ngài trả lời ngay. Tôi xin đứng đây chờ.

Frăng bước vào khách sạn, gặp ông chủ ra đón với vẻ mặt hoảng hốt. Nóng ruột như điên, anh chạy vội vào buồng mở bức thư ra đọc:

"Bạn thân mến, nhận được thư này, nhờ bạn mở cặp đựng tiền của tôi, lấy cho tôi số tiền bốn nghìn frăng trao cho người đưa thư này, không nên trì hoãn… Tôi rất tin cậy vào bạn".

"Anbe Đơ Moocxép"

Dưới bức thư là mấy dòng chữ viết tắt bằng tiếng Ý, chữ viết khác hẳn: "Nếu sáu giờ sáng mai số tiền bốn nghìn frăng không được giao vào tay tôi thì đến đúng bay giờ tử tước sẽ không còn sống nữa".

"Luji Vămpa".

Nhìn mấy dòng chữ sau cùng, Frăng hiểu hết. Anh mở tủ tìm cái cặp da, nhưng số tiền của Anbe mang theo đã tiêu hết quá nửa, cộng cả số tiền mặt của anh còn, mới được ba nghìn hai trăm, còn thiếu tám trăm nữa. Anh định quay lại nhà Quận công Baxinô, nhưng đột nhiên anh nảy ra một ý nghĩ. Anh nhờ ông chủ khách sạn phái một người sang báo cho bá tước biết là anh đang muốn gặp ông. Một lát sau, có tin báo về là bá tước đang chờ nam tước.

Đích thân bá tước ra đón nam tước vào phòng khách.

-Tôi đến, muốn gặp ngài vì một vấn đề rất nghiêm trọng – Nói xong, Frăng chìa bức thư cho bá tước xem.

Đọc xong bá tước hỏi: -Ông đã có đủ số tiền chưa?

-Còn thiếu tám trăm ạ.

Bá tước đi đến một cái tủ, mở ra một ngăn chứa đầy những đồng tiền vàng, rồi nói: -Cám ơn ông đã dành cho tôi cái vinh dự được giúp ông. Xin mời ông lấy đi.

Frăng nhìn chằm chằm vào bá tước rồi hỏi: -Thưa ngài, có nhất thiết phải gửi số tiền này cho Văm pa không?

-Trời! Xin ông cứ tự suy xét lấy. Mấy dòng cuối bức thư nói rất cụ thể.

-Tôi thấy là, nếu ngài vui lòng suy nghĩ một chút, là ngài sẽ tìm được một biện pháp đơn giản hơn nhiều cho cuộc thương lượng này.

-Biện pháp gì vậy? – Bá tước ngạc nhiên hỏi.

-Ví dụ nếu chúng ta cùng đến thăm Văm pa, hắn sẽ không từ chối mà còn trả lại tự do cho Anbe.

-Tôi ấy à? Tôi có ảnh hưởng gì đến tên tướng cướp ấy?

-Ngài chả vừa làm ơn cho hắn, giúp hắn giải thoát Peppinô?

-Ai nói với ông điều đó?

-Vấn đề đó không quan trọng. Tôi biết như vậy.

Bá tước đứng lặng im một lúc, cặp lông mày nhíu lại rồi nói: -Nếu tôi đi tìm gặp Văm pa, ông đi theo tôi chứ?

-Xin rất vui lòng.

-Nếu vậy thì tốt. Đêm nay đẹp trời, một cuộc đi chơi ra ngoại ô Rôma sẽ rất thú vị.

-Thưa bá tước, có cần đem vũ khí không ạ?

-Để làm gì.

-Thế tiền?

-Cũng vô ích. Tên đưa thư đâu rồi?

-Hắn đứng đợi ngoài đường – Frăng đáp.

-Cần phải biết ta đi tới đâu. Để tôi gọi hắn lên.

-Vô ích, hắn không lên đâu.

-Với ông có thể là như vậy. Với tôi, hắn chả làm khó dễ đâu.

Bá tước bước đến bên cửa sổ, nhìn xuống đường và thổi một hiệu còi. Năm giây đồng hồ sau, tên đưa thư đã xuất hiện. Hắn bước nhanh vào phòng, quỳ xuống hôn tay bá tước. Bá tước hỏi: -Peppinô hả? Hãy đứng lên kể ta nghe việc tử tước Đơ Moocxép bị Văm pa bắt cóc ra sao?

Peppinô có vẻ ngập ngừng nhìn Frăng. Bá tước ra hiệu cứ nói, hắn bèn kể: -Dạ, chàng thanh niên Pháp có vẻ si tình vì nàng Têrêxa đùa cợt đã ném cho chàng một bó hoa tím.

-Sao? Vợ chủ tướng của các người ấy à?

-Vâng. Chàng thanh niên cũng ném cho nàng một bó hoa, nàng đáp lại. Tất cả hành động đó tất nhiên đã được chủ tướng cùng ngồi trong xe ấy cho phép.

-Sao? – Frăng kêu lên, Luji Văm pa cũng có mặt trong xe cùng với các thôn nữ ấy à?

-Chính ông ta cải trang làm người đánh xe – Chàng thanh niên hé mặt nạ ra và Têrêxa cũng làm như vậy. Chàng thanh niên xin một cuộc hẹn hò, Têrêxa ấn định nơi gặp. Chỉ có cái, đến nơi hẹn là một cậu bé 15 tuổi chứ không phải Têrêxa. Hai người đi ra ngoài rồi lên một cỗ xe đã đợi sẵn, đi về phía cửa ô Thánh Pôn. Tới ngoại thành, xe dừng lại. Bốn người ập tới lôi anh chàng si tình xuống, mang đi. Chàng biết là chống cự cũng vô ích, nên ngoan ngoãn đi theo tới hầm mộ nhà thờ Thánh Xêbátchiên mà Têrêxa và chủ tướng đã đứng chờ ở đó…

-Thế nào? – Bá tước hỏi Frăng – ông thấy câu chuyện có thú vị không? Nhưng với ai chứ với Anbe thì chả lo. Tôi sẽ có cách giải nguy. Ông đã tới thăm hầm mộ nhà thờ Thánh Xêbátchiên lần nào chưa?

-Thưa chưa ạ.

-Nếu vậy đây là một dịp tốt để đi thăm một di tích lịch sử vào loại đẹp nhất.

Nói xong, bá tước kéo chuông bảo đầy tớ đóng ngựa vào xe. Bá tước rút đồng hồ xem, đã mười hai giờ đêm.

Hai người bước ra cửa, Peppinô đi theo sau. Một cỗ xe ngựa đã đứng chờ bên vệ đường. Frăng nhận ra người đánh xe chính là Ali, anh đầy tớ da đen ở lâu đài ngầm trên đảo Môngtơ Crixtô. Cỗ xe phóng nước đại đi về vùng cánh đồng nhấp nhô những ngôi mộ nằm im lìm dưới ánh trăng mờ nhạt. Một lát sau, cỗ xe dừng lại. Peppinô nhảy xuống xe, đốt một bó đuốc, đi vào một con đường nhỏ hai bên cỏ mọc cao. Đi được khoảng một trăm bước họ gặp một người đứng gác. Nhìn thấy bá tước, hắn cúi đầu chào một cách rất kính cẩn. Peppinô dẫn hai người vào một cửa hầm hẹp, xuống hai mươi bậc thang, dẫn tới một căn hầm tỏa ra năm ngả như hình ngôi sao, trên vách đá có đào những hố chồng lên nhau bên trong đặt những quan tài. Họ đã tới hầm mộ nhà thờ Thánh Xêbátchiên. Bá tước dẫn Frăng đi qua một hành lang, tới một cái cửa lớn. Phía trong là một buồng rộng, quanh tường xếp đầy những cỗ quan tài, giữa buồng có bốn phiến đá lớn trước kia dùng làm bàn thờ.

Một ngọn đèn sáng leo lét, đặt trên một trụ cột. Một người ngồi chống tay vào cột, đang mải mê đọc sách. Đó là chủ tướng Luji Văempa. Xung quanh đấy có độ hai chục người nằm ngồi ngổn ngang trên những tấm ghế đá, người nào cũng đeo súng.

Một tên đứng canh hô: "Ai?", tức thì Văempa và các thủ hạ của hắn vụt đứng lên, súng lăm lăm trong tay. Bá tước Môngtơ Crixtô điềm tĩnh bước vào nói: -Thế nào Văempa, tôi không làm phiền anh chứ?

Nhìn thấy vị khách, Văempa liền ra lệnh cho đồng bọn hạ súng xuống rồi cúi rạp mình.

-Thưa Đức ông, xin Đức ông tha lỗi. Tôi không ngờ lại có vinh dự được Đức ông tới thăm nên không biết mà chuẩn bị nghênh tiếp.

-Tôi tới gặp anh vì một việc. Một thanh niên Pháp, tử tước Anbe Đơ Moocxép, một người bạn của tôi – Frăng rùng mình khi nghe bá tước nói tiếng "bạn" – Đã bị các anh bắt cóc đưa tới đây và đòi một số tiền chuộc có phải không?

Văempa quay phắt lại bảo các thủ hạ: -Khổ thân tôi chưa! Các anh làm tôi mắc tội với Đức ông đây. Nếu trong bọn các anh có kẻ nào đã biết tử tước Moocxép là bạn của tướng công mà lại không cho tôi biết, tôi sẽ bắn vỡ sọ ra.

-Thôi Văempa – bá tước ngắt lời hắn – đây chẳng qua chỉ là một sự lầm lẫn.

-Văempa này rất ân hận về sự lầm lẫn đó – Văempa vội vàng nói, và quay về phía Frăng nói tiếp – Tôi rất hân hạnh được đón tiếp ngài và xin ngài tha lỗi cho.

Frăng nhìn xung quanh, lo lắng hỏi: -Tù nhân của các ông đâu?

-Mời các ngài đi theo tôi – Văempa nói – Tôi sẽ đi báo cho tử tước Đơ Moocxép biết là ngài đã được tự do.

Bá tước và Frăng theo Văempa bước lên một cầu thang rồi đứng lại trước một cánh cửa bị khóa. Văempa vặn khóa, đẩy cánh cửa. Trong một căn buồng có thắp đèn, Anbe đang ngủ kỹ, một cái áo choàng đắp lên người.

-Khá lắm! Ngài tử tước thật là một con người dũng cảm.

Nói xong câu nói có vẻ khôi hài đó, Văempa tiến lại lay Anbe dậy. Anbe tỉnh giấc hai tay dụi mắt, xem đồng hồ và bảo: -Mới một giờ rưỡi sáng, sao gọi người ta dậy sớm thế? Khỉ quá, mình đang nằm mơ nhảy vanxơ với nữ bá tước. Món tiền chuộc được trả rồi ư?

-Dạ chưa – Văempa trả lời – Nhưng có người đến đòi trả lại tự do cho ngài đây này.

Anbe ngơ ngác nhìn ra xung quanh. Thấy Frăng anh reo lên: -Frăng, xin cám ơn sự tận tâm của bạn.

-Không phải tôi đâu – Frăng chỉ vào bá tước bảo – Đây mới là cứu tinh của bạn.

-Mẹ ơi! – Anbe sửa lại quần áo – Thưa bá tước, ngài thật là người nhà trời, và suốt đời tôi sẽ không quên ơn ngài.

-Này cậu Anbe – Frăng nói tiếp – nếu cậu muốn được tiếp tục giấc mơ của cậu thì phải chuẩn bị nhanh lên, chúng ta sẽ về dự buổi dạ hội ở nhà Quận công Baxinô, còn chán thì giờ.

Văempa tự tay cầm đuốc đưa mấy vị khách quý ra đường cái, và trước lúc chia tay, Văempa cúi rạp mình chào bá tước: -Một lần nữa tôi mong Đức ông tha tội và xin Đức ông đừng để ý đến chuyện nhỏ này.

-Không đâu, anh bạn Văempa thân mến. Vả lại anh đã chuộc lỗi bằng những cử chỉ lịch thiệp thế này rồi còn gì.

Bá tước đi trước rồi đến Anbe. Frăng ra sau cùng. Thấy thế, Văempa mỉm cười hỏi: -Ngài còn cần hỏi tôi điều gì nữa chăng?

-Xin thú thật là có đấy – Frăng đáp – Tôi còn tò mò muốn biết ông đang đọc quyển gì mà có vẻ say mê thế?

-À – Văempa đáp – quyển "Bình luận về Xêda" đấy mà. Tôi mê quyển ấy lắm.

Cỗ xe vẫn ở nguyên chỗ cũ, bá tước nói một câu tiếng Ả Rập với Ali, xe phóng như bay. Kim đồng hồ chỉ đúng hai giờ lúc ba người bước vào phòng khách nhà Quận công Baxinô. Mọi người đều sửng sốt. Anbe chạy đến chào nữ bá tước và nói: -Thưa bá tước phu nhân, tôi xin lỗi phu nhân vì đến muộn. Và bây giờ xin mời phu nhân nhảy với tôi một bài.

Giữa lúc đó, dàn nhạc cử điệu vanxơ, Anbe ôm ngang lưng nữ bá tước. Môngtơ Crixtô, khi bắt tay Anbe lúc anh cảm ơn vị cứu tinh, có vẻ miễn cưỡng phải đưa tay ra.

§38. Nơi gặp gỡ

Sáng hôm sau, công việc đầu tiên của Anbe là rủ Frăng sang thăm bá tước Môngtơ Crixtô.

-Thưa bá tước – Anbe tiến lại phía bá tước nói – xin bá tước cho phép tôi được nhắc lại những điều tôi đã nói với bá tước hôm qua là không bao giờ tôi quên được bá tước đã cứu tôi trong trường hợp này. Và tôi luôn nhớ rằng ngài đã cứu thoát tính mệnh tôi, hay gần như thế. Cha tôi, bá tước Đơ Moocxép, dòng dõi Tây Ban Nha, có một địa vị cao sang ở Pháp và Tây Ban Nha, tôi tin rằng người rất mong có dịp đền đáp lại công ơn của ngài.

-Nếu vậy – Bá tước trả lời – tôi xin thú thật là tôi rất vinh hạnh và vui mừng nhận lời đề nghị của ông nhà. Nay mai tôi muốn đến Pari có chút việc nhưng không quen ai ở đấy cả, hơn nữa tôi lại chưa đến thủ đô lần nào. Tôi vẫn mong được giới thiệu với một gia đình quý tộc nào ở đó.

-Thưa ngài – Anbe hớn hở – xin ngài ban cho tôi cái vinh dự được làm hướng dẫn viên của ngài trong thành phố hoa lệ ấy, và gia đình chúng tôi sẽ rất hân hạnh được quen biết ngài. Tôi cũng vừa nhận được thư nhà gọi về. Như vậy tôi sẽ có đủ thì giờ chuẩn bị cuộc đón tiếp ngài nay mai.

-Tôi xin nhận lời mời của ông – Bá tước mỉm cười – Và đây là một cơ hội để tôi thực hiện một chương trình mà tôi đã ấn định từ lâu.

Nụ cười của bá tước làm Frăng thấy nó bí hiểm thế nào ấy nên anh rất phân vân, nhưng anh làm sao mà đi sâu được vào tâm hồn con người kỳ lạ đó.

-Nhưng, thưa bá tước, đấy có phải là một trong hàng nghìn chương trình mà người ta vẫn thường xây dựng về các chuyến đi và xây dựng nó trên bãi cát để rồi sẽ bị cuốn theo chiều gió?

-Không, thật đấy mà, tôi muốn đến Pari và tôi cần phải đến đấy.

-Vậy bao giờ ngài đến?

-Nhưng thưa ông, bao giờ ông có mặt ở nhà?

-Tôi, tôi chỉ cần thời gian đi về hai ba tuần lễ là cùng.

-Nếu vậy tôi xin hứa với ông ba tháng nữa.

-Vậy đúng ba tháng nữa nhé – Anbe reo lên – Ba tháng nữa ngài bá tước Môngtơ Crixtô sẽ đến gõ cửa nhà tôi.

-Vậy là ông muốn có một cuộc hẹn hò đúng từng ngày, từng giờ chứ? Được thôi, hôm nay là 21 tháng Hai và mười giờ rưỡi sáng. Vậy đúng mười giờ rưỡi sáng ngày 21 tháng Năm tới tôi sẽ gõ cửa nhà ông, ông vui lòng chứ?

-Tuyệt lắm! Bữa ăn trưa sẽ sẵn sàng.

-Địa chỉ ông thế nào nhỉ?

-Phố Henđơ, số nhà 27, trong lâu đài của bố tôi. Nhưng buồng của tôi ở riêng cuối sân.

-Tốt lắm, ông đợi tôi đúng ngày giờ đó – Bá tước nói rồi quay lại hỏi Frăng – Còn ông, chúng ta cũng sẽ gặp nhau ở Pari chứ?

-Rất tiếc là tôi phải đi Vơnidơ trong một hoặc hai hôm nữa. Ngày mai tôi cũng phải đi Naplơ có việc riêng. Vậy hôm nay coi như tôi tạm biệt cả hai ông và chúc hai ông đi đường bình yên.

Bá tước Môngtơ Crixtô bắt tay hai người. Frăng cầm tay bá tước thấy lạnh như chạm phải xác chết làm anh rùng mình.

Hai thanh niên trở về khách sạn. Nhìn thấy vẻ mặt lo âu của Frăng, Anbe hỏi: -Cậu làm sao thế?

-Bá tước là một người kỳ quặc quá làm tôi tự nhiên thấy lo sợ cho cuộc gặp mặt với cậu ở Pari.

-Việc quái gì mà lo. Sao cậu lẩn thẩn thế?

-Tôi muốn nói với cậu chuyện này, nhưng cậu phải giữ kín đấy. Cậu lấy danh dự thề đi nào.

-Xin thề!

Frăng bèn kể cho Anbe nghe cuộc gặp gỡ kỳ lạ của anh với bá tước trong tòa lâu đài ngầm ở đảo Môngtơ Crixtô, câu chuyện giữa bá tước với Luji Văempa ở đấu trường Côlidê, rồi đến vụ bắt cóc Anbe tối hôm qua. Toàn những chuyện xem ra có vẻ bí hiểm thế nào ấy.

Anbe chăm chú nghe rồi nói: -Chả có gì bí hiểm cả. Bá tước là một người có nhiều tiền và những người có tiền lại thích chơi ngông. Việc ông ta quen biết Văempa cũng thế thôi, và nhờ đó đã cứu nguy cho tôi. Bây giờ tôi phải trả ơn ông ta bằng cách giới thiệu ông ta với giới quý tộc ở Pari.

-Thôi được – Frăng thở dài – Cậu có toàn quyền hành động, nhưng tôi vẫn nghĩ rằng bá tước Môngtơ Crixtô là một con người kỳ quặc!

-Và còn rất nhiều người nữa.

Năm giờ chiều hôm sau, hai người bạn trẻ từ biệt nhau. Anbe đi Pari, Frăng đi Vơnidơ và sẽ ở đây độ mươi lăm ngày. Nhưng trước khi lên xe, Anbe còn gửi cho bá tước Môngtơ Crixtô một danh thiếp phía dưới tên của tử tước Anbe Đơ Moocxép còn ghi thêm:

21 tháng Năm, lúc 10 giờ 30 phút

27, phố Henđơ, Pari.

Phần III. CHẠM TRÁN

§39. Những vị khách đến

Sáng ngày 21 tháng Năm, tại tòa nhà 27, phố Henđơ, tử tước Moocxép đã chuẩn bị đầy đủ để đón tiếp bá tước Môngtơ Crixtô. Anbe ở một căn nhà phụ trong tòa nhà rộng lớn của bá tước Đơ Moocxép và phu nhân. Căn nhà riêng của anh cách chỗ ở của cha mẹ anh một cái sân và một mảnh vườn. Xung quanh tòa nhà có hàng rào sắt sơn kim nhũ vây bọc, ở từng quãng có đặt những chậu hoa tươi. Cách sắp đặt trong ngôi nhà cho thấy rõ sự chăm sóc của một người mẹ nuông chiều con, dành cho chàng thanh niên hai mươi tuổi đời một cuộc sống tự do, nhàn hạ của các cậu công tử con nhà quý tộc. Ở tầng dưới có một phòng tiếp khách trông ra vườn và một phòng ăn trông ra sân. Tầng trên là phòng ngủ, phòng đọc sách và phòng giải trí. Ở tầng thượng có một phòng rất rộng để ngồi vẽ và chứa những dụng cụ đi săn cùng đủ thứ nhạc cụ. Bên cạnh là một phòng đấu kiếm và chơi những môn thể thao khác. Như vậy, tủ tước Anbe Đơ Moocxép đã có được một sự giáo dục đầy đủ của một thanh niên quý tộc với sự hiểu biết khá thành thạo về nhạc, hội họa và thể thao.

Sáng hôm đó, Anbe trang trí phòng khách rất lịch sự. Trên bàn không thiếu một thứ gì, từ hộp thuốc lá sợi vàng mua ở nước ngoài đến những cái tẩu hút thuốc đủ kiểu, chạm trổ rất đẹp.

Đến mười giờ kém mười lăm, người hầu phòng vào báo: -Ông Luyxiêng đã tới.

Ông Luyxiêng Đơ Bray, một thanh niên cao lớn, tóc vàng, nước da tái xanh, đôi môi mỏng dính và lạnh lùng, mặc áo lễ màu lơ đính cúc vàng, đeo ca vát trắng, trịnh trọng bước vào phòng khách.

-Chào Luyxiêng… Không ngờ hôm nay cậu lại đến sớm thế. Nội các đổ rồi phải không?

-Chưa đâu, mới chỉ lung lay thôi. Thị trường chứng khoán lên cao vọt và ngài Đăngla vừa vớ được một triệu ngon ơ!

-Còn cậu vớ được một tấm huy chương chứ gì? Trông cậu bảnh trai lắm.

-Mẹ ơi! Mấy ngày bù đầu về công văn giấy tờ, mệt chết đi được và đang đói mềm đây. Tối hôm qua ăn tiệc ở nhà lão Vinlơpho chả ra quái gì cả.

-Cậu hãy uống tạm mấy cốc rượu khai vị để chờ bữa ăn chính. Rượu Tây Ban Nha đấy, ngài bí thư Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hẳn phải vừa lòng. Hình như tôi nghe thấy tiếng nói của Bôsăng thì phải.

Ngay lúc đó người hầu vào báo: ông Bôsăng tới.

-Ồ một nhà báo khủng khiếp, một cây bút lợi hại! – Anbe ra đón khách, reo lên.

-Đúng thế, tôi đả kích chả kiêng nể gì ai. Nhưng nghề làm báo của chúng tôi chẳng sung sướng gì đâu – Bôsăng nói.

-Anh bạn ơi! – Anbe bảo Bôsăng – Các báo chí đang bàn luận xôn xao về cuộc hôn nhân của tôi với tiểu thư Ơgiêni Đăngla có phải không?

-Tôi đang chờ bản thuyết trình của ngài Đăngla, nghị sĩ ở Viện dân biểu. Và mặc dù ông bố vợ tương lai của cậu đã cho cô gái rượu món hồi môn hai triệu, tôi cũng chẳng có cảm tình với cái Hội đồng Lập hiến của ông ta.

-Tôi tưởng hai triệu cũng tươm đấy chứ? – Luyxiêng nói.

-Nhưng với một người như tứ tước Đơ Moocxép thì có nghĩa lý quái gì kia chứ?

-Mặc cho cậu ấy muốn nói gì thì nói – Luyxiêng bảo Anbe – cậu chỉ cần dựa vào tước vị của nam tước Đăngla là người đang được Đức vua tin dùng nhất, và cuộc hôn nhân sẽ đem lại cho cậu rất nhiều danh vọng.

Người hầu phòng vào báo có ông Satô Rơnô và đại úy Mắcximiliêng Moren đến. Ngay lúc đó, người thanh niên quý tộc Satô Rơnô dắt tay đại uý Moren bước vào phòng khách. Đến trước mặt Anbe, anh giới thiệu: -Vị anh hùng trẻ tuổi của đoàn khinh kỵ Bắc Phi, đại úy Mắcximiliêng Moren, người bạn và vị cứu tinh của tôi.

Anbe bắt tay chàng thanh niên cao lớn, nét mặt thông minh và cao quý. Bộ binh phục lộng lẫy làm nổi bật thân hình tráng kiện của chàng sĩ quan trẻ và trên bộ ngực nở nang của anh ta lấp lánh tấm huân chương Bắc đẩu bội tinh.

-Rất hân hạnh được làm quen với đại úy, người bạn thân của Satô Rơnô và cũng là người bạn thân của tôi, nhất là đại úy đã cứu nguy cho bạn tôi.

-Ồ – Mắcximiliêng nói – chuyện đó có gì đáng kể. Anh Satô Rơnô chỉ hay quá lời.

-Ôi, lạy Chúa tôi! Thế mà lại không đáng kể à! Này các cậu ơi, hãy nghe đây, có một lần tôi đi du lịch ở Bắc Phi. Tôi tới thành phố Côngxtăngtin giữa lúc có một cuộc nổi dậy của nhân dân bản xứ. Tôi cùng những người da trắng bỏ chạy. Đến ngày thứ ba, con ngựa của tôi kiệt sức lăn ra chết. Sáu tên Ả Rập chạy đến túm lấy tôi. Một đứa giơ dao định chém tôi thì đại úy Moren chạy tới kịp bắn chết tên đó và giải vây cho tôi, nếu không thì tôi đã hết đời rồi. Và tù ngày đó tôi không dám đặt chân lên đất châu Phi nữa. Cậu Anbe, mấy giờ bắt đầu chén đấy?

-Đúng mười giờ rưỡi, vì tôi cũng đang chờ vị cứu tinh của tôi, câu chuyện cũng khá ly kỳ.

-Vậy thì kể đi – Bôsăng giục – Để xem có thể đăng báo được không.

-Thế này, vừa qua tôi đến thành Rôma dự hội hóa trang và bị tên tướng cướp khét tiếng Luji Vămpa bắt cóc đem nhốt vào trong một hầm mộ và đòi một món

tiền chuộc là bốn nghìn đồng. Tôi viết thư nhờ Frăng đem tiền đến. Cậu ta đến chỗ hẹn, cùng đi với vị tân khách mà hiện giờ chúng ta đang chờ. Ông ta chả có một tấc vũ khí nào cả.

-Á à, vậy Écquyn đã giết Caquýt, một Pécxê đã giải phóng Ăngđrômét[337].

-Không, người chỉ tầm thước như tôi thôi.

-Trang bị vũ khí đến tận răng chứ?

-Đến một cái kim ông ta cũng chẳng có.

-Thế ông ta giải quyết vấn đề chuộc mạng ra sao?

-Rỉ tai tên tướng cướp hai câu thế là tôi được tự do.

-Thật là một người cừ khôi! Tên ông ta là gì?

-Bá tước Môngtơ Crixtô.

-Tôi chưa nghe nói có nhà quý tộc nào mang tên đó cả – Satô Rơnô nói.

-Môngtơ Crixtô là một hòn đảo nhỏ ở Địa Trung Hải. Những người thủy thủ làm việc cho cha tôi thường nói đến hòn đảo đó luôn – Moren cho biết như vậy.

-Đúng rồi – Anbe nói – ông ta đã mua hòn đảo đó được mang tên của hòn đảo và hơn nữa, ông ta giàu như một nhân vật trong "Nghìn lẻ một đêm".

-Làm gì có chuyện ấy! – Bôsăng nói.

-Và làm gì có bá tước Môngtơ Crixtô. Đúng mười giờ rưỡi rồi – Đơ Bray xem đồng hồ, nhắc mọi người.

Nhưng chuông đồng hồ vừa đánh một tiếng thì người hầu phòng vào báo: -Bá tước Môngtơ Crixtô.

Mấy chàng thanh niên giật nẩy mình và Anbe không giấu được vẻ xúc động. Bá tước hiện ra ở cửa phòng, mặc một bộ quần áo rất lịch sự và trang nhã, nở một nụ cười, rồi điềm tĩnh tiến về phía Anbe. Anbe chạy ra đón khách: -Thưa ngài bá tước, tôi vừa mạn phép giới thiệu ngài với các bạn của tôi đây. Bây giờ tôi xin giới thiệu với bá tước các bạn của tôi: Đây là bá tước Satô Rơnô thuộc dòng dõi quý tộc lâu đời nhất ở Pháp; Luyxiêng Đơ Bray, bí thư bộ trưởng; Bôsăng, nhà báo nổi tiếng và đại úy Mắcximiliêng Moren.

Từ nãy, bá tước chỉ hơi nghiêng mình lạnh lùng chào mấy người kia, khi nghe giới thiệu đến tên người cuối cùng, tự nhiên bá tước tiến lên một bước, nắm chặt tay chàng thanh niên quân đội. Mặt bá tước đang bình thường bỗng ửng hồng lên. Ông nói: -Đại úy mang bộ quần áo của người chiến thắng vô cùng đẹp đẽ. Tôi tin rằng, dưới bộ quân phục kia, ẩn náu một tấm lòng dũng cảm và cao quý.

-Ngài bá tước quá khen, tôi đâu có thế.

Mắcximiliêng khiêm tốn đáp lời và chăm chú nhìn bá tước ngạc nhiên về thái độ của bá tước đối với mình.

Người hầu phòng vào báo tiệc đã dọn xong và các vị khách lặng lẽ theo chủ nhân vào phòng ăn.

§40. Bữa ăn

Biết bá tước Môngtơ Crixtô là người rất khảnh ăn cho nên khách vừa ngồi vào bàn, Anbe vội nói: -Thưa bá tước thân mến, tôi đang lo người đầu bếp của tôi làm món ăn không thích hợp với khẩu vị của ngài nên định hỏi xem ngài có định đặt món gì đặc biệt không?

-Tử tước chưa biết rõ tôi đấy thôi – Bá tước mỉm cười đáp lời – Tôi đã tùng ăn mì ống ở Ý, ăn cari ở Ấn Độ và yến ở Trung Quốc thì có món gì mà tôi chẳng ăn được. Chỉ có điều là tôi ăn rất ít. Và hôm nay, tử tước vừa trách tôi là thanh đạm, thì lại chính là ngày tôi sẽ ăn ngon vì từ sáng hôm qua đến giờ tôi chưa ăn gì cả.

-Sao? Từ sáng hôm qua? – Các vị khách kêu lên – Ngài chưa ăn gì từ hai mươi bốn giờ nay?

-Chưa – Bá tước Môngtơ Crixtô đáp – Tôi bị buộc phải đi hỏi thăm đường ở Nimơ, vì thế tôi đến nơi chậm một chút, và tôi không muốn dừng lại.

-Và ngài đã ăn trong xe? – Anbe hỏi.

-Không. Tôi thường hay ngủ khi không có gì để giải trí hoặc khi tôi đói mà không muốn ăn.

-Chắc là ngài có dùng thứ thuốc gì?

-Đúng là như vậy.

-Ngài có thể cho chúng tôi biết thứ thuốc đó được không – Đơ Bray hỏi.

-Trời ơi, được lắm chứ. Tôi giữ bí mật làm gì? Tôi dùng một số chất ma túy ở Trung Quốc và Ấn Độ pha chế thành những viên nhỏ và chỉ cần một viên là công hiệu ngay. Các ông cứ hỏi nam tước Frăng Đêpinay sẽ rõ, ông ta đã được thưởng thức rồi đấy.

-Vâng – Anbe đáp – Cậu ta đã có kể với tôi và cậu ta còn giữ được một kỷ niệm rất thú vị.

-Nhưng – Bôsăng hỏi – vì là nhà báo nên tôi hay ngờ vực. Vậy ngài có đem theo thứ chất đó chứ?

-Lúc nào cũng có.

Bá tước Môngtơ Crixtô bèn lấy trong túi ra một chiếc lọ đưa cho mọi người xem. Chiếc lọ có hình thù giống như viên kẹo, làm bằng ngọc bích, ở giữa có lỗ trống, nút bằng một cái nút bằng vàng. Trong lọ đựng bốn, năm viên bằng hạt tiêu màu ngọc thạch, mùi hắc và cay.

Cái lọ được chuyền đi quanh bàn ăn, nhưng mọi người ngắm nghía cái lọ bằng ngọc bích nhiều hơn là mấy viên thuốc đựng trong lọ.

-Tôi chưa từng được thấy một viên ngọc bích nào mà lại đẹp và to như thế này – Satô Rơnô kêu lên – mặc dù mẹ tôi là người có khá nhiều đồ trang sức

bằng ngọc thật đẹp.

-Tôi có ba viên như thế này – Môngtơ Crixtô nói – Một viên tôi tặng cho một vị Quốc vương để gắn lên chuôi gươm của người. Một, tôi tặng cho Đức giáo hoàng để gắn lên mũ miện của người. Còn viên thứ ba tôi giữ đây. Tôi đã cho nạo ruột nó đi, như vậy mất nửa giá trị của nó nhưng lại nâng cao giá trị sử dụng.

Mọi người kinh ngạc nhìn bá tước Môngtơ Crixtô. Ông ta nói một cách than nhiên đến nỗi người ta cho là hoặc ông nói thật hoặc ông điên.

Đơ Bray hỏi tiếp: -Chắc là ông tặng hai viên kia để đổi lấy một vật gì quý giá lắm phải không?

-Tôi tặng vị Quốc vương để chuộc lại tự do cho một người phụ nữ. Tặng giáo chủ để đổi lấy tính mạng của một người khác. Như vậy là tôi đã có một sức mạnh như là Thượng đế đã đặt tôi lên ngai vàng.

-Thưa ngài – Anbe reo lên – người đó là Peppinô có phải không? Nhân tiện đây, tôi muốn xin ngài giải đáp cho cái thắc mắc của Frăng và tôi là tại sao ngài lại có quan hệ với Luji Văm pa?

-Rất đơn giản – Bá tước mỉm cười – Tôi biết Văm pa đã đến chục năm nay. Hồi cậu ta còn rất trẻ, còn là cậu thanh niên chăn cừu. Một hôm tôi đã cho cậu ta một ít tiền vàng vì cậu ta đã chỉ đường cho tôi. Cậu ta đã tặng lại tôi một con dao găm có chạm trổ cầu kỳ. Về sau này, khi trở thành tướng cướp, cậu ta định bắt cóc tôi vì có lẽ không nhận ra tôi, nhưng trái lại tôi đã tóm được cậu ta cùng với một tá thủ hạ. Tôi có thể giao tất cả cho các nhà chức trách La Mã, nhưng tôi đã thả ra.

-Với điều kiện là chúng không được gây tội ác nữa có phải không? – Chàng nhà báo cười, hỏi lại – tôi sẽ vui sướng thấy hắn giữ được lời hứa.

-Không ông ạ – Bá tước Môngtơ Crixtô đáp – với điều kiện rất đơn giản là phải kính trọng tôi và các bạn hữu của tôi. Có thể là những điều tôi sắp nói với các ông đây, các ông sẽ cho là lạ lùng, vì các ông là những con người xã hội, là những con người cấp tiến, con người nhân đạo. Nhưng tôi không bao giờ chú ý đến nhân loại, không bao giờ tôi thử bảo vệ cái xã hội mà nó không bảo vệ tôi. Và tôi có thể nói thêm là cái xã hội ấy, nếu có chú ý đến tôi, cũng chỉ để hại mà thôi.

-Hay quá! – Satô Rơnô reo lên – Đây là người thứ nhất can đảm thành thật và tàn nhẫn nói lên lòng ích kỷ. Điều đó tuyệt lắm, hoan hô ngài bá tước!

-Thành thật thì có thành thật – Moren tiếp lời Rơnô – nhưng tôi tin là ngài bá tước cũng đã phạm vào cái nguyên tắc mà ngài vừa trình bày với chúng ta một cách tuyệt đối.

-Thưa ông, vì sao ông cho là tôi đã phạm vào nguyên tắc ấy? – Mông tơ Crixtô hỏi, và từ nãy đến giờ vẫn luôn chăm chú nhìn Moren.

-Vì tôi thấy là ngài đã giải thoát cho anh Moocxép là người mà ngài không quen biết, tức là ngài đã phục vụ cho đồng bào và cho xã hội rồi.

-Thôi, thôi, lý thuyết mãi – Anbe nói – Tôi chỉ biết là ngài bá tước có lòng thương người và tôi không bao giờ quên được công ơn ngài đã cứu nguy cho tôi. Nay mai, có dịp tôi sẽ giới thiệu với ngài người vợ chưa cưới của tôi cô: tiểu thư Ơgiêni Đăngla.

-Tiểu thư có phải là cọn gái của nam tước Đăngla không?

-Nam tước Đăngla – Bôsăng nói xen vào – là một nhà đại tư bản đã cho nhà nước vay những món tiền khổng lồ.

-Tôi chưa có hân hạnh quen biết ngài Đăngla – Bá tước nhìn Mắcximiliêng – Nhưng hãng Tômxơn và Fren ở Rôma đã mở cho tôi một tài khoản ở ngân hàng Đăngla.

Quả nhiên, Mắcximiliêng vừa nghe nói đến tên hãng Tômxơn và Fren thì tái mặt lại, hỏi bá tước Môngtơ Crixtô: -Ngài bá tước cũng có giao dịch với hãng Tômxơn à? Có một lần hãng này đã cứu nguy cho cha tôi và cho tới ngày nay chúng tôi vẫn chưa biết vì lý do gì.

-Đại úy có người nhà ở Pari không?

-Dạ, tôi có một cô em gái vừa thuê được một ngôi nhà khá đẹp ở phố Mêlay. Nếu bá tước không chê nhà chật hẹp, tôi sẽ bảo em tôi nhường cho ngài một căn buồng ở đó.

-Em gái đại úy đã lập gia đình riêng chưa?

-Em rể tôi là Emmanuen, người giúp việc rất trung thành của cha tôi. Hai vợ chồng ấy đã sống hạnh phúc với nhau từ chín năm nay.

-Cám ơn đại úy – Bá tước tươi cười – Một ngày kia tôi mong đại úy sẽ giới thiệu em gái và em rể đại úy với tôi. Còn việc nhà cửa thì thú thật là một người sống lang bạt như tôi thì không thể sống chung với ai được. Hơn nữa, tôi đã cho người quản gia của tôi đến đây từ trước để mua cho tôi một tòa nhà mà chính tôi cũng chưa được nhìn thấy.

-Thưa bá tước, quản gia của bá tước cũng là người da đen phải không?

-Không, một người ở đảo Coócxơ, tên là Bectuyxiô mà tử tước đã gặp ở Rôma. Ông Bectuyxiô là một người trung thành và thật thà.

-Nếu vậy – Satô Rơnô nói – ngài có một tòa nhà lộng lẫy với đầy đủ gia nhân, chỉ còn thiếu một cô nhân tình nữa thôi.

Anbe tủm tỉm cười, nhớ lại cô gái Hy Lạp kiều diễm ngồi trước mặt bá tước trong nhạc viện thành Rôma.

-Hơn thế nữa – bá tước cho biết – tôi có một cô gái nô lệ mua ở Thổ Nhĩ Kỳ với một giá rất đắt. Như vậy là tôi không còn phải lo điều gì nữa.

-Chúng tôi ước ao một ngày kia sẽ được gặp cô ấy.

Bữa ăn đã tàn, mọi người bước sang phòng khách uống cà phê và hút thuốc lá. Luyxiêng ghé vào tai Anbe bảo nhỏ: -Ông khách của cậu đáng yêu lắm, nhưng lại rất bí mật. Tôi sẽ nói với ngài bộ trưởng để tìm ra tung tích ông ta. Bây giờ tôi phải đi với Bôsăng về Viện dân biểu có chút việc.

Luyxiêng từ biệt mọi người rồi kéo Bôsăng ra ngoài. Satô Rơnô cũng rủ Moren cùng ra về và nói: -Ngài bá tước thật là một con người kỳ lạ mà tôi chưa từng thấy trên đời này.

Hai người đi ra để lại Anbe đang một mình trong phòng với bá tước.

§41. Giới thiệu

Anbe tiếp tục câu chuyện: -Thưa bá tước, bây giờ xin phép cho tôi được giới thiệu với ngài ngôi nhà của một thanh niên chưa vợ như tôi, và cũng để ngài biết một thanh niên thủ đô sống ra sao.

Bá tước Môngtơ Crixtô theo Anbe lên phòng hội họa, nơi mà chàng thanh niên ưa thích nhất, và sau đó tới phòng ngủ trang trí rất lịch sự và kín đáo. Trên tường có treo một bức chân dung sơn dầu đặt trong một chiếc khung vàng chói, do một họa sĩ nổi danh đương thời vẽ.

Bức chân dung đó rõ ràng làm bá tước phải chú ý, vì bá tước bước nhanh tới và đứng sững trước bức tranh. Đó là chân dung một thiếu nữ có nước da nâu, cặp mắt rực sáng ẩn dưới đôi lông mi mệt mỏi. Cô gái mặc một chiếc áo chẽn kiểu của dân chài lưới vùng Catalăng, sọc đen xen đỏ, và những cái ghim vàng cài trên tóc. Cô nhìn ra biển, và hình dáng kiều diễm của cô nổi bật trên nền màu xanh của bầu trời và của biển cả.

Bá tước đứng trong bóng tối nếu không thì Anbe đã nhìn thấy bộ mặt tái nhợt và bộ ngực phập phồng vì xúc động của ông khách. Sau vài phút im lặng, mắt dán vào bức tranh, bá tước nói một cách điềm nhiên: -Tử tước có một người yêu tuyệt đẹp.

-A! Thật là một sự nhầm lẫn khó mà tha thứ được. Ngài không biết mẹ tôi, chính mẹ tôi trong tranh đấy, và bức tranh vẽ cách đây bảy, tám năm rồi. Mẹ tôi đã nhờ ông họa sĩ vẽ trong bộ quần áo và theo kiểu mà mẹ tôi ưa thích. Nhưng có lẽ vì đã vẽ trong lúc cha tôi đi vắng nên cha tôi không thích. Do đó, mẹ tôi đã cho riêng tôi và thỉnh thoảng vào ngắm để khói làm phật ý cha tôi. Nhưng có điều lạ lùng là hiếm khi mẹ tôi ngắm bức tranh mà không khóc.

Bá tước liếc nhìn Anbe, xem xét mặt anh thanh niên đó biến đổi gì không, nhưng thấy anh vẫn hồn nhiên như thường. Anbe nói tiếp: -Bây giờ, xin ngài cho phép tôi được giới thiệu ngài với cha tôi, bá tước Moocxép. Hồi còn ở Rôma, tôi có viết thư về kể hết câu chuyện tôi được ngài cứu trong trường hợp như thế nào cho cả nhà tôi biết, do đó cha mẹ tôi rất mong được gặp ngài để tạ ơn. Tôi cũng đã cho cha tôi biết tin ngài đến thăm.

Bá tước Môngtơ Crixtô chỉ nghiêng mình mà không nói gì rồi lặng lẽ theo Anbe. Hai người đi qua tiền sảnh rồi bước vào phòng khách. Trên tường cũng treo chân dung một người đàn ông quãng bốn mươi tuổi, mặc áo võ tướng, ngù vai có tua vàng, ngực đeo Bắc đẩu bội tinh. Bá tước đang lơ đễnh nhìn bức tranh ấy thì cánh cửa ngách mở ra, một người đàn ông đứng tuổi bước vào phòng.

Đó là một người đàn ông trạc năm mươi tuổi, tóc cắt ngắn, đã bạc gần hết, nhưng bộ ria mép và đôi lông mày rậm thì còn đen nhánh. ông ta mặc thường

phục, dáng đi bệ vệ và hơi vội vã. Bá tước Môngtơ Crixtô vẫn đứng nguyên tại chỗ, mắt đăm đăm nhìn người mới vào. Anbe vội vàng chạy đến đứng giữa hai người nói: -Thưa cha, con xin hân hạnh giới thiệu với cha: Bá tước Môngtơ Crixtô, một người bạn đại lượng mà con đã có diễm phúc được gặp trong những hoàn cảnh gay go mà cha đã biết.

-Thưa ngài – bá tước Đơ Moocxép cúi đầu mỉm cười chào, – tôi xin kính chào vị ân nhân đã cứu tính mạng người thừa kế duy nhất của nhà tôi, chúng tôi không bao giờ dám quên ơn ấy.

Moocxép mời bá tước Môngtơ Crixtô ngồi xuống một chiếc ghế bành và y cũng ngồi xuống một chiếc khác cạnh cửa sổ. Bá tước Môngtơ Crixtô ngồi vào chiếc ghế được chỉ định, cố thu xếp sao cho thật sát vào tấm màn cửa để bóng tối của nó có thể che lấp bộ mặt của mình, nhưng lại có thể đọc được tùng chi tiết trên bộ mặt nhăn nheo và mệt mỏi, dường như chứa đựng một nỗi lo âu thầm kín của Moocxép.

-Nhà tôi cũng đã được báo cho biết có ngài hạ cố đến chơi. Bà ấy đang sửa soạn và sắp xuống chào ngài.

-Thật là vinh dự lớn cho tôi được tiếp xúc với một gia đình quý tộc có nhiều chiến công hiển hách và nói về tài sản thì đứng vào bậc nhất nhì Pari.

-Dạ thưa ngài – Moocxép hơi đỏ mặt đáp lại – tôi tiếc rằng đã về hưu rồi, chứ nếu được tham gia vài chiến dịch nữa có lẽ cũng sẽ làm nên đến chức thống chế. Nhưng tôi đã cởi bỏ bộ quân phục để khoác cái áo nghị sĩ dân biểu và đấu tranh trên vũ đài chính trị. Ngoài ra, tôi cũng đang ra sức mở mang công nghiệp và len lỏi trên thị trường quốc tế.

-Ngài quả là một đại biểu xứng đáng của một quốc gia oanh liệt và giàu mạnh. Ôi, một con người như ngài thật là tuyệt vời. Thật là hiếm có!

Anbe nhìn bá tước, ngạc nhiên, vì từ lúc biết bá tước, anh chưa bao giờ thấy bá tước tán tụng ai như vậy.

-Chao ôi! – Bá tước Môngtơ Crixtô thở dài nói tiếp – Những người ở nước chúng tôi còn xa lắm mới đuổi kịp dân tộc ngài, vì chúng tôi còn để lãng phí thì giờ nhiều lắm.

-A! Mẹ đây rồi – Anbe reo lên.

Bá tước Môngtơ Crixtô vội quay lại, thấy Moocxép phu nhân đang đứng sững người ở cửa phòng khách, mặt nhợt nhạt, người không nhúc nhích, cánh tay buông thõng. Môngtơ Crixtô đứng lên cúi rạp xuống chào. Phu nhân nghiêng mình đáp lễ không nói một câu.

-Trời, thưa bà – Bá tước nói – Bà làm sao vậy? Phải chăng không khí ngột ngạt trong phòng làm bà khó chịu?

Anbe chạy đến trước mẹ kêu lên: -Mẹ làm sao thế? Mẹ ốm à?

Mécxêđét mỉm cười, cám ơn cả hai người rồi chậm rãi trả lời: -Không, tôi chỉ hơi bị xúc động trong cuộc gặp gỡ đầu tiên với một người, mà nếu người đó không tận tình giúp đỡ, thì gia đình tôi lúc này chưa biết chừng chỉ là tang tóc, đau thương – Nói xong, Mécxêđét bình thản bước lại gần và tiếp tục – Thưa ngài, tôi mắc nợ ngài về việc ngài cứu tính mạng của con tôi. Xin ngài nhận lấy lời cảm ơn cũng như lời cầu phúc từ đáy lòng tôi.

Bá tước Môngtơ Crixtô lại cúi xuống thấp hơn lần trước, bộ mặt còn tái xanh hơn cả bộ mặt của Mécxêđét: -Thưa bà, bà và ngài bá tước đánh giá quá cao hành động bình thường ấy của tôi. Cứu một người, tránh cho người cha một nỗi đau khổ, giảm nhẹ tình cảm thương tiếc của một người mẹ, đó không phải là một điều làm ơn mà chỉ là một hành động nhân đạo.

Đáp lại những lời nói dịu dàng và lịch sự ấy, bà Mécxêđét nói một cách sâu sắc: -Thật là hạnh phúc cho con tôi được ngài làm bạn, tôi cám ơn Thượng đế đã sắp xếp như vậy.

Nói xong, bà Mécxêđét ngước cặp mắt tuyệt đẹp lên trời với một niềm biết ơn vô hạn, trong đó Môngtơ Crixtô thấy có rưng rưng hai giọt lệ.

Bá tước Đơ Moocxép lại gần vợ bảo: -Tôi đã xin lỗi vị khách quý của chúng ta là tôi có việc phải đi ngay bây giờ. Phiên họp khai mạc lúc hai giờ mà bây giờ đã ba giờ rồi. Vậy bà ở nhà tiếp khách, để tôi đi.

-Vâng, ông cứ đi đi – Bà bá tước đáp, rồi quay sang bá tước Môngtơ Crixtô – Thưa ngài, ngài cho chúng tôi cái vinh dự được đón tiếp ngài cho đến hết ngày hôm nay chứ?

-Cám ơn bà. Nhưng như bà biết đấy, tôi vừa ở xa đến là tới ngay đây nên chưa hề biết nhà cửa và chỗ ăn ở của tôi ra sao cả. Đó cũng là chuyện bình thường, nhưng cần phải quan tâm đến.

-Vậy để lần khác, ngài hứa với tôi chứ?

Bá tước Môngtơ Crixtô nghiêng mình không trả lời, nhưng cử chỉ đó cũng có nghĩa là ưng thuận rồi.

-Vậy – bà bá tước nói – tôi không dám giữ ngài ở lại nữa. Tôi không muốn sự biết ơn của tôi biến thành hoặc là sự tò mò hoặc sự quấy rầy.

-Bá tước thân mến – Anbe nói – nếu ngài vui lòng, tôi sẽ để ngài dùng cỗ xe của tôi cho đến khi nào ngài tậu được xe mới.

-Rất cám ơn lòng nhiệt thành của tử tước. Tôi nghĩ là người quản gia của tôi đã có đủ thì giờ sắm một cỗ xe. Lúc này có lẽ ông Bectuyxiô đã mang tới chờ tôi ở ngoài cửa rồi.

Quả nhiên, lúc Anbe tiễn bá tước ra đến cửa, chàng hết sức ngạc nhiên thấy một cỗ xe rất lịch sự của một hãng đóng xe nổi tiếng nhất Pari, đứng chờ ở đó rồi. Sau khi bá tước đã lên xe và những con ngựa đã phóng nước đại trên đường phố, Anbe quay về phòng khách, thấy mẹ đang ngồi thu mình trong chiếc ghế

bành, đầu phủ một chiếc khăn the che lấp bộ mặt nhợt nhạt và trên mặt bàn có để một lọ dầu xoa. Anbe liền bảo: -Mẹ ơi, mẹ ốm thật rồi đấy. Mẹ thấy trong người khó chịu lúc con ra ngoài kia phải không?

-Mẹ ấy à, không đâu con ạ. Chính là tại trong phòng này có nhiều thứ quá, nhất là mẹ lại không quen ngửi mùi hoa cam, nó có mùi rất hắc.

-Nếu vậy để con bảo gia nhân mang hết hoa ra ngoài kia. Nhưng đúng là mẹ có khó ở vì ngay lúc mới bước chân vào đây, mặt mẹ đã tái nhợt rồi.

Vừa lúc đó có một gia nhân vào, Anbe bảo mang hết hoa ra. Sau khi chậu hoa cuối cùng đã được mang đi, bá tước phu nhân hỏi Anbe: -Danh hiệu bá tước Môngtơ Crixtô là thế nào? Đó là tên một dòng họ, tên một mảnh đất hay chỉ là một tước vị bình thường, hả con?

-Thưa mẹ, con cho đó chỉ là một tước vị. Bá tước đã mua một hòn đảo ở quần đảo Tốtcan, có thế thôi. Nhưng dư luận chung ở Rôma coi bá tước là một vị đại chúa tể.

-Con nghĩ về bá tước như thế nào?

-Một con người kỳ dị có những hành vi rất bí mật. Bá tước là một vị chúa đảo, giao dịch với cả bọn cướp biển và buôn lậu. Nhưng dù sao con cũng thấy ông ấy có một phong cách tuyệt vời, làm xiêu lòng mọi người. Các bạn con đều rất khâm phục. Con tin là ông ấy sẽ chiếm được nhiều tình cảm trong những phòng khách và giới thượng lưu ở Pari.

Phu nhân cúi đầu có vẻ tư lự, rồi với giọng run run, hỏi Anbe: -Con… con có… yêu ông ấy không?

-Thưa mẹ, con thấy mê ông ấy, mặc dù Frăng đã kể cho con nghe nhiều chuyện lạ lùng về ông ấy.

Phu nhân có vẻ hãi hùng, nói lạc cả giọng: -Anbe con, mẹ thường luôn dặn con phải đề phòng khi có những giao dịch mới. Bây giờ con đã lớn rồi, con đã có thể khuyên được cả mẹ nữa rồi. Tuy nhiên mẹ thấy vẫn phải nhắc với con: Hãy thận trọng con ạ.

-Mẹ bảo con đề phòng gì bây giờ? Bá tước không bao giờ đánh bạc. Bá tước chỉ uống một thứ nước đỏ nhỏ một giọt rượu Tây Ban Nha. Bá tước giàu đến nỗi chẳng bao giờ cần vay tiền của con cả. Vậy thì mẹ bảo con còn lo ngại gì đối với bá tước?

-Con nói đúng đấy, những nỗi lo ngại của mẹ thật là hão huyền, nhất là đối với người đã cứu tính mạng con. Còn về phần cha con thì thế nào? Cha con thì rất bận, liệu có điều gì sơ suất với bá tước chăng?

-Thái độ của cha con rất là tuyệt. Hơn thế nữa, cha lại rất hài lòng về những lời chúc tụng của bá tước, cứ như là bá tước đã quen biết cha con đến ba mươi năm nay rồi, cho nên lúc từ biệt nhau, hai người cứ như là đôi bạn thân nhất đời.

Phu nhân không trả lời nữa. Bà như đang đắm chìm vào một cơn mơ mộng, từ từ nhắm mắt lại. Chàng thanh niên đứng trước mặt mẹ, nhìn mẹ một cách âu yếm. Khi thấy mẹ đã nhắm mắt, hơi thở đã đều đều, anh nhẹ nhàng bước ra khỏi phòng, vừa đi anh vừa lẩm bẩm một mình:

"Con người kỳ quặc đó, mình đã nói trước là sẽ làm chấn động thế giới. Mẹ ta đã để ý đến thì hẳn phải là con người đáng gờm!"

§42. Ông Bectuyxiô

Tòa nhà ở Pari mà Ali đã chọn tìm cho bá tước Môngtơ Crixtô ở đại lộ Săng Êlidê nằm giữa một cái sân và một khu vườn rộng. Trước mặt nhà có xây một hòn non bộ rất cao, trồng cây rậm rạp, hai bên là đường đi rải sỏi có đặt những chậu sành trồng đủ các thứ hoa, xung quanh nhà có hàng rào sắt kiên cố, có cổng chính và cổng hậu.

Cỗ xe vừa đỗ trước cổng, hai người đã chạy vội ra đón bá tước. Đó là Ali, tươi cười nhìn ông chủ vẻ vui mừng, còn Bectuyxiô cúi rạp xuống chào và giơ tay cho bá tước nắm để xuống xe. Bá tước vừa trèo lên bậc tam cấp vừa hỏi: -Ông Bectuyxiô, viên quản khế đã tới chưa?

-Thưa đã, ông ta đang chờ ngài bá tước trong phòng khách.

-Còn những tấm danh thiếp, ông đã cho in chưa?

-Xong cả rồi ạ, và tôi đã gửi một tấm cho ngài nam tước Đăngla ở đại lộ Đăngtanh.

-Tốt lắm – bá tước nói, ròi đi theo người quản gia vào phòng khách.

Bectuyxiô giới thiệu viên quản khế đang ngồi chờ trên ghế. Bá tước hỏi: -Ông quản khế, ông đã thảo xong bức văn tự bán ngôi nhà nghỉ mát cho tôi chưa? Nó ở đâu?

-Thưa ngài ở Ôtơi, giữa rừng Bôlônhơ, cách đây không xa lắm.

Nghe viên quản khế nói tên địa điểm, Bectuyxiô tái mặt.

-Tôi tưởng một ngôi nhà nghỉ mát phải ở nông thôn – bá tước nói vẻ lơ đễnh – không ngờ lại gần thế. Thôi cũng tạm được ông đưa bản hợp đồng cho tôi xem.

Bá tước nhìn qua bản hợp đồng, cầm bút ký rồi bảo Bectuyxiô: -Ông trả cho ông quản khế năm mươi lăm ngàn frăng.

-Thưa ngài bá tước – viên quản khế thật thà nói – kể cả mọi khoản phí tổn chỉ có năm mươi ngàn frăng thôi ạ.

-Không sao, chỗ tiền thừa là khoản thù lao cho ông và bây giờ mời ông về nhà nghỉ.

Viên quản khế cúi rạp xuống đất chào rồi lùi ra phía cửa. Ông ngạc nhiên vì thấy từ ngày đi làm đến giờ ông chưa gặp một ông khách nào giàu như thế này. Bá tước rút cuốn sổ tay ra ghi địa chỉ ngôi nhà nghỉ mát rồi gọi người quản gia bảo: -Ông Bectuyxiô, ông có biết rõ vùng ngoại ô Pari không? thì

-Thưa ngài không ạ – Lão quản gia có vẻ lúng túng sợ sệt. – Nếu vậy, ông đi Ôtơi với tôi để xem ngôi nhà ra sao – bá tước nói và nhìn thẳng vào mặt lão ra lệnh.

Bectuyxiô mặt mũi tái nhợt, cúi đầu đi theo bá tước.

§43. Ngôi nhà Ôtơi

Môngtơ Crixtô nhận thấy khi đi xuống các bậc thềm, Bectuyxiô đã làm dấu thánh giá theo kiểu người Coócxơ, nghĩa là dùng ngón tay cái chặt vào không khí theo hình chữ thập, và lúc ngồi trong xe lão lâm râm cầu kinh.

Hai mươi phút sau cỗ xe chạy tới Ôtơi và đỗ trước một ngôi nhà ở phố La Phôngten. Sự xúc động của viên quản gia càng tăng. Lão xuống xe đến gõ cửa, người gác cổng chạy ra. Bectuyxiô đưa tờ biên lai giới thiệu: -Đây là vị chủ nhân mới đến xem ngôi nhà.

-Ngôi nhà này bán rồi à? – Lão gác cổng ngạc nhiên hỏi.

-Phải – Bá tước nói – Bán cho tôi rồi.

-Bán đi cũng phải – Lão gác cổng lẩm bẩm – Ngài hầu tước Xanh Mêrăng giữ ngôi nhà này chẳng được lợi gì cả.

-Hầu tước Xanh Mêrăng! – Môngtơ Crixtô nói – Cái tên này nghe quen quá nhỉ! Hầu tước Xanh Mêrăng…

-Một nhà quý tộc già, một người trung thành với Đức vua. Ngài có một cô con gái độc nhất gả cho quan phó biện lý Vinlơpho.

Mông tơ Crixtô liếc nhìn Bectuyxiô thấy lão tái mét mặt phải đứng dựa vào tường mới vững.

-Cô con gái ấy hình như chết rồi phải không? – Môngtơ Crixtô hỏi – Tôi nghe người ta nói thế.

-Thưa ngài vâng, chết cách đây đã hai mươi mốt năm rồi và từ ngày đó tôi không thấy mặt hầu tước quá ba lần.

Trời đã sẩm tối, bá tước nhét vào tay người gác cổng hai đồng tiền vàng và bảo: -Bây giờ lão lấy đèn soi đường đưa tôi vào.

Lão gác cổng tay cầm đèn run run vì món thù lao quá hậu hĩnh, đưa ông khách lên gác trên gồm hai buồng ngủ và một buồng tắm, phía sau có một cầu thang ăn thông ra vườn. Tới đây bá tước cho lão gác cổng trở lui.

Bectuyxiô mặt như gà cắt tiết, chân đi không vững, theo bá tước ra ngoài vườn. Trăng tỏa một ánh sáng mờ nhạt. Qua một con đường nhỏ tới một lùm cây đen ngòm, bá tước dừng lại. Bectuyxiô lau mồ hôi trán, không thể tự kiềm chế được lâu hơn nữa, lão kêu lên thất thanh: -Ôi, thưa bá tước, xin ngài cho phép tôi ra khỏi chốn khủng khiếp này, tôi van ngài!

-Ông Bectuyxiô, ông làm sao thế? Ông mất trí rồi sao?

Lão quản gia lắc đầu và chắp hai tay vào nhau nói có vẻ thảm thiết: -Chao ôi! Xin ngài hãy thương tôi, một con người thật thà, chất phác, và nếu tôi đã gây ra tội ác, chẳng qua chỉ vì mối thù truyền kiếp!

Nói xong, lão quỳ xuống ôm lấy chân bá tước. Bá tước thản nhiên: -Mối thù truyền kiếp. Phải, tôi đã biết rõ cái tập quán bất hủ của dân đảo Coócxơ các ông. Bây giờ ông hãy nhớ lại từng sự việc và kể rành rọt cho tôi nghe.

-Câu chuyện này đã có lần tôi kể cho linh mục Buxôni nghe rồi, và coi đó là lời thú tội của tôi. Ngoài ra tôi không muốn phải nhắc lại nữa.

-Ngài linh mục nghe vì ngài thay quyền Thượng đế rửa tội cho ông. Còn tôi, tôi cần nghe để khỏi bị ông cảnh sát trưởng đến thăm, nếu câu chuyện bị vỡ lở ra.

-Thưa ngài bá tước, thưa ngài! – Bectuyxiô nghe thấy vậy hoảng hốt kêu lên – Tôi xin kể ngài nghe không sót một chi tiết nào. Tôi mong được sự che chở của ngài cũng như sự che chở của linh mục Buxôni. Xin ngài hãy đứng ra chỗ khác vì hắn đã bị ngã gục ở chỗ này.

-Hắn là ai? – Bá tước điềm tĩnh hỏi.

-Đơ Vinlơpho, phó biện lý, con rể hầu tước Xanh Mêrăng.

§44. Mối thù truyền kiếp

Bectuyxiô hỏi: -Thưa ngài bá tước, ngài muốn tôi bắt đầu từ đâu?

-Tùy ông, tôi có biết gì đâu mà muốn với không muốn.

-Tôi tưởng linh mục Buxôni đã nói với ngài…

-Có, một vài chi tiết thôi, nhưng đã bảy tám năm nay rồi, tôi chẳng còn nhớ mấy tý.

-Vậy tôi có thể, không làm nhàm tai ngài chứ?

-Cứ nói đi, ông thay tờ báo buổi tối cho tôi.

Bectuyxiô bắt đầu kể: -Sự việc diễn ra từ năm 1815, trong thời kỳ Hoàng đế Napôlêông trở lại ngôi báu một trăm ngày. Tôi có một người anh cả, thiếu úy trong đạo quân viễn chinh của Hoàng đế, bị thương nhxẹ trong cuộc thất trận ở Oatéclô, theo đơn vị rút lui về miền Nam nước Pháp. Một hôm tôi nhận được thư của anh tôi viết từ Nimơ bảo tôi gửi cho ít tiền. Tôi rất thương anh nên còn một nghìn frăng tôi đưa cho chị dâu tôi một nửa, còn một nửa tôi lên đường đem đi Nimơ. Lúc này ở miền Nam nước Pháp, vì tình hình chính trị hỗn loạn, trộm cướp nổi lên như rươi và những vụ giết người, cướp của thường diễn ra hàng ngày. Tôi tới quán trọ mà anh tôi đã hẹn tới, thì đau đớn quá, anh tôi đã bị người ta giết chết từ hôm trước, và không biết thủ phạm là ai.

Tôi tới yết kiến quan chưởng lý Vinlơpho, trước kia làm phó biện lý ở Mácxây, yêu cầu ngài mở cuộc điều tra để tìm ra thủ phạm. Lúc được biết anh tôi là người đảo Coócxơ và là sĩ quan của Napôlêông, Vinlơpho trắng trợn nói anh tôi chết là đáng đời vì nếu còn sống cũng sẽ bị xử bắn về tội theo kẻ tiếm ngôi. Tôi van nài xin cho chị dâu tôi được hưởng món tiền tủ tuất thì y cũng từ chối nốt. Tôi ra về, căm thù y thâm gan tím ruột, và ngài cũng biết rằng một khi người Coócxơ chúng tôi căm thù ai thì ghê gớm lắm. Tôi quyết trả thù cho anh tôi và, nếu không giết được hung thủ, tôi cũng tìm cách hạ sát được kẻ đã lăng mạ anh tôi. Tôi nói thẳng vào mặt Vinlơpho là kể từ giờ phút này tôi sẽ không đội trời chung với y. Y biết là thế nào tôi cũng giữ lời thề nên đâm hoang phải xin thuyên chuyển đi Vécxây.

Dù xa xôi tới mấy tôi cũng lặn lội tới được chỗ ở của y. Tôi có thể giết được y một cách dễ dàng nhưng phải làm thế nào để khỏi bị bắt. Trong ba tháng trời, tôi theo dõi y từng bước, và một hôm, tôi thấy y bí mật tới Ôtơi, vào ngôi nhà này bằng cửa ngách ở khu vườn. Ngôi nhà này là nhà nghỉ mát của hầu tước Xanh Mêrăng, bố vợ của Vinlơpho. Vì hầu tước ở Mácxây nên ngôi nhà bỏ trống và cho một nữ nam tước góa chồng thuê.

Một buổi tối, tôi đứng nấp ngoài hàng rào, thấy một thiếu phụ trẻ, đẹp đi thơ thẩn một mình trong vườn, thỉnh thoảng lại nhìn ra phía cửa ngách. Khi thiếu phụ

tới gần, tôi nhận ra cô chỉ độ mười tám tuổi, mặc áo choàng ngủ, để lộ một cái bụng to tướng, có lẽ sắp tới ngày ở cữ. Một lát sau cửa mở, một người đàn ông bước ra, hai người ôm nhau đi vào trong nhà. Người đàn ông chính là Vinlơpho, còn thiếu phụ thì tôi không biết tên. Tôi bèn đi quanh nhà quan sát rất kỹ lưỡng, chờ cơ hội thuận tiện.

Ba hôm sau, vào quãng bảy giờ tối, tôi thấy một người đầy tớ trong nhà cưỡi ngựa đi về Vécxây, tôi đoán là đi tìm Vinlơpho. Quả nhiên ba giờ sau y cưỡi ngựa đến vào trong vườn, khóa cửa lại rồi vào nhà. Tôi lẻn vào vườn nấp đằng sau lùm cây vì cho rằng lúc ra về thế nào Vinlơpho cũng đi qua đây.

Đêm hôm đó, vào khoảng cuối tháng Chín, trời tối đen, gió thổi rất mạnh. Đến nửa đêm, tôi nghe trong nhà có tiếng rên rỉ. Đèn cầu thang thắp sáng, một người mặc áo choàng bước ra vườn, tay cầm một vật gì. Khi người ấy tới gần lùm cây tôi nhận ra là Vinlơpho. Tay y cầm một cái cuốc, chưa hiểu y dùng cuốc để làm gì. Tôi rút dao găm ra chờ lúc hành sự. Tôi thấy y bỏ cái bọc giấu trong áo choàng ra và cầm cuốc đào một cái hố. Tôi nhìn kỹ, thấy cái bọc là một cái hòm nhỏ, dài khoảng sáu mươi, rộng hai mươi phân. Y đào xong, bỏ cái hòm xuống, lấp đất lên và lấy cuốc san phẳng mặt đất.

Nhanh như cắt, tôi nhay tới, đâm một nhát trúng ngực y và hét to: "Ta là Bectuyxiô, ta trả thù cho anh ta và mang số tiền bạc mi chôn giấu về cho chị dâu ta". Tôi bới cái hòm lên, lấp đất lại như cũ rồi nhảy qua hàng rào chuồn thẳng.

Tôi chạy một mạch ra bờ sông, ngồi nghỉ một lát rồi lấy dao nạy nắp hòm ra để xem vớ được bao nhiêu tiền. Nhưng lạy Chúa! Trong một cái tã bằng vải rất mịn bọc một hài nhi đỏ hỏn còn thoi thóp thở. Tôi bèn ghé miệng mình vào miệng đứa trẻ để truyền vào ngực nó hơi thở nóng hổi của tôi và một lát sau nó thét lên một tiếng, nhưng là một tiếng vui mừng. "Ôi lạy Chúa! Xin Chúa hãy tha tội cho con, con đã tiêu diệt một mạng người để đổi lấy một cuộc sống của một mạng người!"

Tôi bèn tìm đến một cô nhi viện, nói là nhặt được đứa bé ở dọc đường, và trước khi trao đứa bé cho người ta, tôi đã cắt đôi chiếc tã giữa hai chữ thêu ở góc, và giữ lại một nửa. Trên cái tã có thêu hai chữ H và N.

Mười lăm hôm sau tôi trở về làng nói cho chị dâu tôi biết tôi đã trả thù cho anh tôi rồi và kể chuyện cứu sống được đứa trẻ. Chị tôi ngỏ ý tiếc là tại sao không đem về nuôi để chuộc tội với Chúa. Tôi bèn đưa nửa mảnh tã cho chị dâu tôi và nói bao giờ có tiền sẽ đến chuộc đứa bé về.

Để xua đuổi những hình ảnh quá hãi hùng và cũng để cưu mang người chị dâu tôi quá khổ cực, tôi trở thành một tay buôn lậu ở vùng biển miền Nam nước Pháp. Bọn chúng tôi thường giao dịch với tên chủ quán trọ ở Bôkê mang tên "Quán trọ cầu sông Gát". Công việc làm ăn của tôi khá phát đạt vì có những mánh lới tinh vi, vì tính gan dạ và kiên trì, nhẫn nhục. Một ngày kia, tôi trở về

nhà sau một thời gian khá dài vắng mặt, vừa bước vào cửa đã thấy trong buồng chị Axunta có một cái nôi rất đẹp, bên trong đặt một đứa con trai bảy, tám tháng. Thì ra chị dâu tôi, trong lúc tôi vắng nhà, đã lên tận Pari xin đứa bé về sau khi đưa mảnh tã làm chứng.

Tôi vô cùng sung sướng vớ được thằng bé và cho là Thượng đế đã ban ân cho tôi. Tôi hết lòng yêu quý nó và chị dâu tôi cũng rất nuông chiều nó. Tôi đặt tên cho nó là Bênêđéttô. Ôi thằng bé nom ngộ nghĩnh quá! Đôi mắt xanh biếc. Mớ tóc vàng làm nổi bật nước da trắng mịn và nó có cái miệng cười rất hóm hỉnh. Ngày nào chị dâu tôi đi chợ cũng mua về cho nó rất nhiều quà bánh, và cũng chỉ vì quá nuông chiều nên nó đâm ra hư hỏng. Khi nó lên sáu tuổi, hàng xóm luôn kêu mất những thứ lặt vặt, và có một hôm nó ăn cắp một đồng tiền vàng của một người ở cạnh nhà. Nó biến mất suốt ngày hôm đó và mãi đến chiều tối mới vác mặt về nhà, đem theo một con khỉ nó vừa mua được của một anh làm xiếc rong. Tôi giận tái người định cho nó mấy cái tát tai. Nó kêu ầm lên, bảo tôi không phải là cha nó nên không có quyền đánh nó. Tôi đành nhượng bộ. Được thể nó lại càng làm già, chẳng còn coi ai ra gì.

Càng lớn nó càng hung hãn, ngỗ ngược làm lắm điều xằng bậy. Nó tiêu tiền như rác và chị dâu tôi lại sợ nó một phép. Mới hơn mười tuổi đầu mà nó đã giao du với những thằng ba que xỏ lá lưu manh côn đồ nhất vùng, và nhà chức trách đã nhiều lần phải cảnh cáo nó. Tôi đâm hoảng, định đem nó đi theo tôi, vì tôi nghĩ rằng cuộc đời gian nan, nguy hiểm của nghề buôn lậu sẽ rèn luyện nó trở thành người khôn ngoan, chín chắn. Tôi nói rõ ý định cho nó. Chẳng ngờ nó cười vào mũi tôi, nói là nó chẳng thích làm nghề đó một chút nào, bị vào tù như chơi, vì ở nhà nó cũng kiếm được khối tiền tiêu, bao giờ hết tiền đã có chị dâu tôi cho. Tôi chán nản quá định bụng đi buôn một chuyến nữa, khi nào về sẽ có kế hoạch sau.

Tôi ghé thuyền vào bờ biển miền Nam nước Pháp, tìm đến cái quán trọ trên đường đi Bôkê mà tên chủ quán là người cùng bọn với chúng tôi. Tên hắn là Cađơrút, trước làm thợ may ở Mácxây, sau làm ăn thua lỗ phải bò ra đấy.

-Ông nói lại tên chủ quán là gì? – Môngtơ Crixtô hỏi, hình như bá tước đã bắt đầu quan tâm đến câu chuyện của Bectuyxiô.

-Hắn tên là Cađơrút, Gaxpa Cađơrút. Hắn lấy vợ người làng Cáccông; chúng tôi không biết tên thật của mụ là gì ngoài tên làng của mụ. Mụ ta mắc bệnh sốt rét cứ như người sắp chết, còn anh chồng thì to lớn vào quãng bốn tư, bốn lăm tuổi.

-Việc đó xảy ra vào năm nào? – Môngtơ Crixtô hỏi tiếp.

-Thưa bá tước, năm 1829.

-Vào tháng nào?

-Tháng Sáu.

-Đầu hay cuối tháng?

-Vào buổi chiều ngày mồng ba.

-Á à! – Môngtơ Crixtô nói – Chiều ngày 3 tháng Sáu năm 1829… Tốt! ông nói tiếp đi.

-Chúng tôi có lệ đi vào nhà hắn không cần công khai, chỉ việc lặng lẽ nhảy qua hàng rào của mảnh vườn rồi trèo lên gác xép chỉ cách phòng ăn một tấm liếp mỏng. Tôi ngồi trên đó, thấy Cađơrút dẫn một người lạ mặt vào nhà. Đó là một người mua bán kim hoàn có nhiều vốn liếng ở chợ Bôkê.

Cađơrút bước vào phòng, gọi vợ bảo: -Này nhà nó, lão linh mục tốt bụng không lừa dối cánh mình đâu. Viên kim cương này trị giá đúng năm chục ngàn frăng và ngài đây sẵn sàng trả với giá đó. Bây giờ nhà hãy nói cho ngài biết chúng mình đã có viên kim cương trong trường hợp nào. Hình như trời sắp có dông, oi lắm, để tôi đi lấy thức giải khát cho ngài.

Người khách ngồi xuống ghế, ngắm căn buồng rồi nghe mụ vợ Cađơrút kể chuyện từ lúc gặp vị linh mục người Ý ra sao, sau đó bảo tên chủ quán cho xem lại viên kim cương. Ông ta cầm viên kim cương, rút cái cân tiểu ly trong túi ra cân, ngắm vuốt một lúc rồi nói chỉ trả cho bốn mươi ngàn vì chỉ đem theo có thế.

Vợ chồng Cađơrút đang ngần ngừ thì ông khách rút trong cặp ra một nắm tiền vàng đỏ ối và một thếp giấy bạc làm vợ chồng tên chủ quán hoa cả mắt.

-Được – Cađơrút nói – Tôi bằng lòng để cho ngài với giá đó nhưng ngài phải thêm cho tôi một sợi dây chuyền và một đôi bông tai.

Người khách rút cái hộp đựng đồ nữ trang ra đưa cho vợ Cađơrút một sợi dây chuyền vàng và một đôi hoa tai, rồi xỉa ra bàn đủ số tiền, vừa tiền vàng, vừa tiền giấy.

Riêng tôi, lần đầu tiên trông thấy một món tiền khổng lồ như vậy, tôi cũng phải hoa mắt lên tưởng chừng như mơ ngủ. Trời lúc đó đã xâm xẩm tối. Cađơrút thắp đèn lên, đếm đi đếm lại số tiền, còn vị khách đưa viên kim cương lên ngắm nghía; nó óng ánh dưới ánh đèn. Bên ngoài trời đã bắt đầu nổi gió. Mụ Cáccông đi lại tủ lấy ra một cái cặp da, bỏ tiền và vàng vào đấy rồi hỏi người khách: -Ngài nghỉ lại đây ăn cơm với chúng tôi chứ?

Người khách rút đồng hồ ra xem rồi trả lời: -Cám ơn bà, muộn mất rồi, tôi phải về Bôkê trước đêm nay kẻo nhà tôi mong. Thôi chào ông bà.

Người khách vừa nói xong bỗng có một tiếng sét dữ dội, tiếp theo đó là một tia chớp sáng lòa ngoài trời.

-Ồ – Cađơrút nói – trời như thế này mà ngài cứ ra đi à? Ngài không sợ bọn cướp ư?

-Sợ gì bọn chúng, tôi đã có cái này.

Nói xong, người khách rút trong túi ra một khẩu súng ngắn đã nạp đạn sẵn rồi mở cửa bước ra ngoài. Một luồng gió rất mạnh thổi vào phòng. Cađơrút thấy vậy

chạy ra đóng sập cửa lại. Sau đó hắn mở tủ đem cái cặp da ra và cùng mụ vợ đếm lại số tiền. Tay chúng run lên và bộ mặt chúng tái nhợt. Hai vợ chồng chúng nhìn nhau bằng con mắt thăm dò. Mụ vợ lên tiếng trước: -Anh là một thằng tồi. Nếu không, đời nào lão ta ra khỏi cái nhà này được.

-Trời đất ơi, nhà nói gì vậy? Không sợ quỷ thần à?

Giữa lúc đó lại thêm một tiếng sét khủng khiếp làm rung chuyển cả quán trọ, rồi có tiếng gõ cửa. Mụ Cáccông mỉm cười bảo chồng: -Đấy quỷ thần đưa lão trở về với chúng ta đó.

Mụ ra mở cửa, còn Cađơrút mặt mày xanh xám, thở hổn hển ngồi phịch xuống ghế.

-Xin mời ngài kim hoàn vào – mụ Cáccông nói.

-Hình như quỷ thần không muốn tôi về Bôkê tối nay – Khách nói – ông Cađơrút thân mến, ông đã mời tôi ở lại, tôi xin nhận lời.

§45. Trận mưa máu

Người khách trở vào phòng, đưa mắt nhìn quanh nhưng không thấy gì khả nghi. Cađơrút vẫn khư khư ôm cái cặp tiền trong tay, còn mụ vợ nhìn ông khách mỉm cười. Khách hỏi: -Trong quán có ai lạ mặt không?

-Chỉ có vợ chồng chúng tôi thôi ạ – Mụ Cáccông đon đả – Ngài trở lại là đúng lắm vì sấm chớp đùng đùng và đang mưa rất to. Tôi đi dọn thức ăn để ngài ăn rồi mời ngài đi nghỉ.

Cađơrút ngạc nhiên nhìn vợ về cách đón tiếp vồ vập ấy, khác hẳn thái độ lạnh nhạt ngày thường. Khách ngồi vào bàn ăn. Khi bữa ăn đã xong, Cađơrút ra mở cửa: -Trời có vẻ tạnh rồi!

Nhưng ngay lúc đó, lại một tiếng sét dữ dội làm rung chuyển nhà cửa, một luồng gió mạnh ào vào, mang theo mưa và làm ngọn đèn tắt ngấm. Cađơrút vội vàng đóng cửa lại. Mụ vợ thắp lại ngọn đèn, xong mụ bảo khách: -Ông ạ, ông có vẻ mệt mỏi, tôi đã dọn giường, mời ông đi nghỉ và chúc ông ngủ ngon.

Người khách chào chủ nhà rồi nặng nề bước lên cầu thang. Vợ chồng Cađơrút dọn dẹp xong, đóng cửa lại. Suốt cả ngày đi đường mệt nhọc, tôi buồn ngủ díp cả mắt và ngủ thiếp đi, không còn biết trời đất là gì nữa.

Bỗng một tiếng súng nổ làm tôi giật mình tỉnh giấc. Tôi đang bàng hoàng, chưa hiểu chuyện gì đã xay ra, thì nghe có tiếng bước chân thịch thịch trên sàn gác rồi có một vật gì rơi bịch xuống cầu thang. Tiếp theo là tiếng rên rỉ và vật lộn, rồi một tiếng thét làm tôi hoảng hồn. Tôi mở mắt thấy tối om, lấy tay sờ trán thấy ướt đầm, dường như bị thứ nước gì trên trần rỉ xuống. Sau một phút im lặng, tôi nghe có tiếng bước chân giẫm ở cầu thang, tiếng một người bước xuống cầu thang rồi vào phòng ăn, đánh diêm châm đèn. Đó là Cađơrút, mặt trắng bệch, áo sơ mi bê bết máu. Hắn cầm trong tay một cái hộp con, mở ra. Bên trong là một viên kim cương. Sau đó hắn lấy khăn mùi soa bọc lại quấn vào cổ. Hắn mở tủ lấy tiền và vàng nhét vào đầy túi áo rồi chạy vụt ra ngoài cửa biến mất vào trong đêm tối.

Tôi vội vàng chạy ra cầm đèn, trên cầu thang thấy có xác mụ Cáccông nằm chặn cả lối đi, mụ bị một viên đạn vào cổ họng. Tôi bước qua xác mụ lên gác, thấy người khách nằm sóng soài dưới chân giường giữa một vũng máu lênh láng, một con dao cắm ngập vào ngực. Người khách nhìn tôi bằng con mắt mờ đục, môi mấp máy như muốn nói rồi tắt thở. Tôi giẫm phải khẩu súng bên cạnh xác chết. Mụ Cáccông đã phải đền tội vì khẩu súng này.

Cảnh tượng hãi hùng đó làm cho tôi muốn phát điên. Tôi lao xuống cầu thang, hai tay bứt tóc, miệng gào lên những tiếng hãi hùng. Vừa xuống tới chân cầu thang, tôi đã rơi vào tay mấy viên cảnh binh. Tôi thấy họ chỉ trỏ tôi. Tôi nhìn

xuống thì thấy áo mình đỏ lòm những máu. Thì ra những giọt nước mà tôi đã tưởng là nước mưa giội xuống người tôi là máu của người bất hạnh, tôi hiểu ngay họ cho tôi là thủ phạm, tôi cố giãy giụa, nói không ra hơi, trong khi một cảnh binh giơ súng ra dọa bắn nếu tôi có hành động chống cự hoặc chạy trốn. Tôi bị khóa tay lại và giải đi nhốt vào nhà lao Nimơ.

Tôi ở nhà lao hai tháng, không biết làm cách nào phân trần được trong lúc tôi bị họ hỏi cung và chờ ngày ra tòa. Tôi mất hết hy vọng: chưa bắt được Cađơrút thì lấy gì mà xác minh là mình vô tội?

Một hôm, có một vị linh mục tên là Buxôni vào thăm tôi. Tôi mừng quá, vội kể cho linh mục nghe đầu đuôi câu chuyện. Linh mục có vẻ tin lòng thành thực của tôi, an ủi tôi và hứa sẽ tận tình giúp đỡ. Còn vài ngày nữa đến phiên tòa xét xử thì may cho tôi quá, người ta tóm được cổ tên Cađơrút ở nước ngoài. Hắn đã thú nhận tội lỗi và bị kết án chung thân. Ở tù ra, tôi được linh mục trao cho một bức thư giới thiệu với ngài bá tước đây, một người bạn thân của linh mục. Từ đó tới nay tôi được diễm phúc hầu hạ ngài và được ngài tin cẩn.

-Vậy là ông đến tôi – Môngtơ Crixtô hỏi – ông có mang đến một bức thư giới thiệu của linh mục Buxôni? Ông nói chi tiết hơn nữa đi.

-Thưa ngài vâng, linh mục có vẻ rất quan tâm đến tôi, bảo tôi: "Anh mà cứ đi buôn lậu nữa khi ra khỏi tù, anh lại sẽ nguy mất".

-Thưa cha – tôi hỏi – vậy thì con làm thế nào sống được với chị dâu con và con?

-Một người bạn thân của tôi muốn tìm một người tin cẩn, anh muốn đến ở với người đó không? Tôi sẽ giới thiệu.

-Thưa Cha – tôi reo lên – thế thì phúc đức cho con quá.

-Nhưng anh có dám thề rằng sẽ không để cho ta phải hối hận không?

Tôi liền đưa tay ra thề, linh mục trao cho tôi giấy giới thiệu mà tôi đã nộp ngài. Bây giờ tôi có dám tự hào mà thưa với ngài rằng: ngài có điều gì phải phàn nàn về tôi không ạ?

-Không – Môngtơ Crixtô – Tôi vui lòng trả lời ông như thế, mặc dù ông chưa được hoàn toàn tín nhiệm.

-Tôi ư, thưa ngài bá tước?

-Phải, ông. Tại sao ông có một người chị dâu và một đứa con nuôi, thế mà chẳng thấy ông nói gì với tôi cả.

-Than ôi, thưa ngài bá tước. Đó là điều còn lại, tôi phải nói với ngài về quãng đời sầu thảm nhất của tôi. Trước khi đến với ngài, tôi về qua đảo Coócxơ vì sốt ruột muốn thăm và an ủi bà chị dâu tôi. Nhưng khi về đến nhà, thì ở nhà đã xảy ra một cảnh tượng kinh khủng mà hàng xóm láng giềng còn nhớ mãi. Trong lúc tôi vắng nhà, thằng Bênêđéttô khốn kiếp càng chơi bời lêu lổng và luôn nã tiền chị dâu tôi. Một buổi tối, nó mang theo hai thằng bạn lưu manh về nhà tra khảo

mẹ nuôi nó để lấy tiền. Chúng nó trói chị Axunta lại, nhét giẻ vào mồm rồi lấy lửa đốt chân. Trong lúc chị dâu tôi giãy giụa thì lửa bén vào quần áo cháy bùng lên, cháy lan ra cả phòng. Chúng hoảng hốt bỏ chạy, và khi hàng xóm kéo đến thì chị dâu tôi đã bị thiêu chết. Thằng Bênêđéttô từ ngày đó không thấy mặt đâu nữa.

Thưa ngài, chính vì lẽ đó mà tôi không dám thưa với ngài, vì Bênêđéttô đã mất tích, còn chị dâu tôi thì chết rồi, còn gì đáng kể với ngài nữa.

-Ông nghĩ về chuyện đó thế nào?

-Thưa ngài, đó là một sự trừng phạt đối với tôi, về tội giết chết tên Vinlơpho đáng nguyền rủa ấy.

-Tôi cũng thấy thế – Môngtơ Crixtô lẩm bẩm bằng một giọng khiếp đảm.

-Và bây giờ, có phải không ạ, ngài đã hiểu rằng cái nhà này, mảnh vườn này đã tù lâu tôi không đến, nay bỗng nhiên tôi lại ở đây. Chính trên mảnh đất này tôi đã giết chết một mạng người, đã làm tôi nhớ lại cảnh tượng hãi hùng, đã gây cho tôi những mối xúc động quá sức mà ngài đã muốn biết rõ nguồn gốc. Vì rằng cuối cùng tôi không dám chắc chắn là ở trước mặt tôi đây, dưới chân tôi đây, tên Vinlơpho đã có nằm trong cái hố mà hắn đã đào cho con hắn không?

-Tất cả đều có thể – Môngtơ Crixtô tiếp lời rồi hạ thấp giọng – Ngay cả là Vinlơpho chưa chết. Linh mục giới thiệu ông đến với tôi là đúng. Ông đã kể chuyện về ông cho tôi nghe là đúng, vì tôi sẽ không có những ý nghĩ đen tối về ông. Còn tên Bênêđéttô ấy thì đã có bao giờ ông thăm dò tin tức về nó chưa? Đã bao giờ ông tìm hiểu nó ra sao chưa?

-Không bao giờ cả. Nếu như tôi biết nó ở đâu thì thay vì đến với nó, tôi sẽ chạy trốn nó như trốn một con quỷ dữ. May thay, tôi chưa hề nghe thấy nói nó về. Tôi mong là nó đã chết quách rồi.

-Ông Bectuyxiô ạ, ông đừng có hy vọng những tên bất nhân, bạc ác chết được như vậy đâu. Vì Thượng đế còn giữ chúng lại để làm công cụ cho sự trả thù.

-Có thể như vậy – Bectuyxiô nói – Tôi chỉ cầu trời là sẽ không bao giờ phải thấy nó nữa. Bây giờ, thưa bá tước, ngài đã biết hết cả rồi, ngài là vị quan tòa xét xử tôi ở đây cũng như Thượng đế sau này sẽ xử ở trên kia; ngài có câu gì an ủi tôi không?

-Ông nói đúng, tôi sẽ nói với ông điều mà linh mục Buxôni chắc cũng đã nói: Tên Vinlơpho mà ông đã giết, đáng bị trừng trị về tội đối với ông, lại còn tội đối với người khác nữa. Bênêđéttô, nếu nó còn sống, sẽ là công cụ để trả thù của chúa, rồi đến lượt nó sau này sẽ bị trừng trị. Còn ông, thì hãy còn đáng bị chê trách một điều, hãy tự hỏi lương tâm ông xem. Sau khi đã cứu sống đứa hài nhi, tại sao ông không trả về cho mẹ nó? Tội lỗi của ông là ở chỗ ấy đấy, ông Bectuyxiô ạ.

-Thưa ngài vâng, tội lỗi của tôi chính là ở chỗ ấy đấy, vì trong sự việc này tôi là một tên hèn nhát.

Bectuyxiô úp mặt vào lòng hai bàn tay. Bá tước nhìn lão một lúc rồi an ủi: -Ông Bectuyxiô, ông nên nhớ rằng đối với mọi nỗi đau khổ chỉ có hai món thần dược là thời gian và im lặng. Ông hãy trở về nhà nằm nghỉ, khi nào cần đến người an ủi, tôi sẽ có mặt và sẽ làm giúp ông bất cứ việc gì như linh mục Buxôni đã làm cho ông.

Bectuyxiô kính cẩn nghiêng mình trước bá tước rồi theo bá tước ra xe về Pari. Đến ngôi nhà Săng Êlidê, bá tước xem xét kỹ lưỡng ngôi nhà đó từng buồng, từng lối đi, từng cầu thang. Ali đi theo bá tước. Sau khi đi thăm một lượt, bá tước lấy đồng hồ ra xem rồi bảo Ali: -Bây giờ đã mười giờ rưỡi đêm rồi, cô Hayđê có lẽ cũng sắp về tới đây đấy. Anh đã báo cho các cô hầu phòng biết chưa?

Ali tỏ dấu hiệu đã làm xong cả. Một lát sau, có tiếng xe ngựa đỗ trước cửa. Bá tước bước xuống cánh cửa xe mở ra, bá tước giơ cánh tay ra cho một thiếu nữ choàng một áo lụa màu xanh lá cây thêu bằng vàng. Thiếu nữ cầm lấy bàn tay của bá tước, đưa lên môi hôn với một tình yêu thương pha lẫn kính trọng. Thiếu nữ đó chính là cô gái Hy Lạp xinh đẹp đi cùng với bá tước Môngtơ Crixtô ở Rôma. Bá tước đưa thiếu nữ về phòng riêng dành cho cô rồi từ biệt về phòng mình.

Một lát sau cả tòa nhà chìm trong bóng tối.

§46. Tài khoản vô hạn định

Ngày hôm sau, vào khoảng hai giờ chiều, một cỗ xe ngựa rất đẹp đỗ ở trước cửa tòa nhà của bá tước Môngtơ Crixtô. Trên xe là một người đàn ông mặc lễ phục màu xanh, áo gilê trắng, cổ đeo lủng lẳng một sợi dây bằng vàng và quần màu hạt dẻ. Người đó trạc ngoài năm mươi nhưng cố chải chuốt cho có vẻ trẻ hơn. Mớ tóc đen nhánh rủ xuống đến tận lông mày, không ăn khớp với cặp má đã nhăn nheo, đôi môi mỏng dính, đôi gò má cao, cặp mắt sắc và xảo quyệt nên mặc dù đã khoác bộ quần áo quý tộc có đính cuống huân chương Bắc đẩu bội tinh song trông y vẫn như một kẻ tầm thường. Người đó ngắm nhìn tòa nhà một lúc lâu rồi sai người đánh xe vào gõ cửa: -Đây có phải nhà bá tước Môngtơ Crixtô?

-Đức ngài ở đây – Người gác cổng đáp – Nhưng…

Người gác cổng nhìn Ali, Ali lắc đầu.

-Nhưng sao? – Tên đánh xe hỏi.

-Nhưng bây giờ Đức ngài không tiếp khách được.

-Nếu vậy – tên đánh xe nói – đây là tấm danh thiếp của chủ nhân tôi: Nam tước Đăngla. Bác đưa giùm cho bá tước và báo với bá tước là chủ nhân tôi trên đường đến Viện dân biểu đã tranh thủ ghé thăm bá tước.

-Tôi không nói được với bá tước đâu – Người gác cổng bảo – Đó là nhiệm vụ của người hầu phòng.

Tên đánh xe quay lại thưa với Đăngla, Đăngla hỏi: -Vậy ông này là một hoàng thân hay sao mà người ta gọi là Đức ông và chỉ có hầu phòng mới trực tiếp báo được. Chẳng hề gì, ông ta có tài khoản ở ta, khi nào cần tiền là phải mò đến ta thôi.

Nói xong, Đăngla ra lệnh cho xe đi đến Viện dân biểu.

Qua một tấm mành cửa sổ, bá tước Môngtơ Crixtô đã được báo trước kịp thời, dùng một chiếc ống nhòm nhỏ quan sát Đăngla. Lúc Đăngla đã đi xa, Môngtơ Crixtô ngẫm nghĩ và nói một mình: "Đúng là một kẻ bần tiện, mới gặp lần đầu ai cũng có thể nhận thấy nó là một con rắn độc có cái trán dẹt, cái sọ lồi và cái mõm có mỏ nhọn".

Rồi bá tước gọi "Ali!", lập túc Ali xuất hiện. Bá tước bảo đi tìm quản gia. Một lát sau Bectuyxiô đến, bá tước hỏi: -Ông có nhìn thấy những con ngựa rất đẹp vừa đỗ ở cửa nhà ta không?

-Thưa có ạ, thật những con ngựa tuyệt đẹp!

-Sao ông lại để như thế được? – Bá tước cau mày nói – Tôi đã yêu cầu ông phải có cho tôi những con ngựa đẹp nhất Pari, thế mà những con tuyệt mỹ nhất lại không có ở trong chuồng ngựa của tôi đấy.

-Thưa ngài bá tước, những con ngựa đó người ta không bán ạ.

Môngtơ Crixtô nhún vai: -Ông quản gia của tôi ơi, ông nên biết rằng tất cả đều đem bán được với những ai biết đặt giá mua.

-Ông Đăngla đã mua với giá mười sáu ngàn frăng đấy ạ.

-Nếu vậy, ông cứ việc trả giá ba mươi hai ngàn. Ông ta là chủ ngân hàng và một chủ ngân hàng thì không bao giờ bỏ lỡ cơ hội làm tăng gấp đôi số vốn mình đã bỏ ra.

-Thưa bá tước – Bectuyxiô nói – Ngài nói nghiêm chỉnh đấy chứ ạ?

Môngtơ Crixtô nhìn người quản gia của mình với vẻ ngạc nhiên của một người thấy người khác dám chất vấn mình: -Chiều hôm nay – bá tước nói – đúng năm giờ tôi phải đến thăm một nơi. Tôi muốn rằng những con ngựa đó phải được mắc vào cỗ xe của tôi với bộ cương mới. Ông đi mà chuẩn bị khẩn trương lên và báo cho Ali biết.

Đúng năm giờ chiều, Bectuyxiô vào báo là cỗ xe đã chuẩn bị xong. Bá tước đi xuống, thấy hai con ngựa sáng nay ở xe Đăngla bây giờ đã đóng vào cỗ xe của mình.

-Những con ngựa tuyệt trần – Bá tước khen – Đại lộ Đăngtanh, nhà Đăngla.

Cỗ xe chạy như bay trên đường phố, một lát sau đã đỗ lại trước cửa tòa nhà lộng lẫy của nam tước Đăngla. Đăngla đang họp với một tiểu ban của nghị viện bàn về việc mở rộng hệ thống đường xe lửa thì người hầu vào báo có bá tước Môngtơ Crixtô đến thăm. Nghe tên bá tước, Đăngla đứng dậy trịnh trọng: -Thưa quý vị, tôi vừa được báo là có bá tước Môngtơ Crixtô đến gặp tôi có việc, vậy xin phép quý vị để tôi được ra tiếp ông ta. Nhân tiện, tôi xin nói để quý vị biết là vừa rồi hãng Tômxơn và Fren có mở một tài khoản vô hạn định ở ngân hàng của tôi cho bá tước Môngtơ Crixtô. Đó là một sự kiện chưa bao giờ xảy ra. Vì vậy buổi trưa nay tôi đã đến nhà riêng của ông ta để thỏa mãn tính tò mò và xem cách sống của ông ta ra sao. Ngôi nhà nom có vẻ khá lắm, nhưng con người không biết có được như thế không – Đăngla nở nụ cười hiểm độc, nói tiếp – Một tài khoản không hạn định kể ra cũng rắc rối đấy, nhưng ông ta chưa biết rõ đối thủ đấy thôi, chưa biết mèo nào cắn mỉu nào!

Nói xong Đăngla đi sang phòng khách trắng và vàng. Những phòng khách này vốn đã nổi tiếng trong các giới. Hắn cho mời ngay khách vào đấy để làm khách phải choáng mắt ngay từ phút đầu gặp gỡ.

Bá tước Môngtơ Crixtô đang đứng nhìn một vài bức tranh. Nghe tiếng động bá tước quay lại. Đăngla khẽ gật đầu chào và ra hiệu mời bá tước ngồi vào một chiếc ghế bành bằng gỗ mạ vàng phủ xa tanh trắng, viền vàng.

-Có phải ông là Môngtơ Crixtô mà tôi được hân hạnh tiếp?

-Còn tôi – bá tước đáp – với ông nam tước Đăngla, Bắc đẩu bội tinh nghị Viện dân biểu?

Môngtơ Crixtô đã đọc tất cả chức tước được ghi trên tấm danh thiếp của Đăngla. Thấy cú đầu mình đã bị hố rồi, Đăngla cắn môi chống chế: -Xin ông tha lỗi, tôi đã không nêu chức tước của ông ngay thoạt đầu, nhưng chắc ông cũng thông cảm, chúng ta đang sống dưới một chính thể bình dân, và tôi, tôi lại là một đại biểu cho lợi ích của dân tộc.

-Và nếu nói rằng vẫn duy trì cái cung cách làm cho người ta phải gọi mình là nam tước, ông lại quên mất chức bá tước của người khác.

-Ồ thưa ông – Đăngla đánh trống lảng – tôi cũng chẳng nghĩ về tôi đâu. Người ta đã gọi tôi là nam tước và tặng tôi huân chương Bắc đẩu bội tinh chẳng qua vì tôi lập được một số thành tích, nhưng…

-Nhưng ông đã khước từ các chức tước của ông như kiểu các ông Mông Mêrăngxy và La Phayet đã làm xưa kia. Thật là một tấm gương đẹp đẽ cần phải theo, thưa ông.

-Không hẳn là như thế – Đăngla bối rối – Tuy nhiên đối với những người đầy tớ, ông hiểu cho rằng…

-Vâng, đối với cấp dưới, ông bắt người ta gọi ông là Đức ngài; đối với các vị nhà báo, gọi ông là ông; đối với những ủy thác viên thì gọi ông là đồng bào. Đó là những màu sắc rất thích hợp cho cái chính phủ lập hiến. Tôi hiểu rất rõ điều đó.

Đăngla cắn môi, biết là trong lĩnh vực ấy hắn không địch lại được Môngtơ Crixtô. Hắn liền quay về lĩnh vực mà hắn quen thuộc. Hắn bèn nghiêng mình: -Thưa ông bá tước, tôi mới nhận được một giấy báo của hãng Tômxơn và Fren.

-Tôi rất sung sướng, vì như vậy tôi không cần phải tự giới thiệu nữa, một việc chẳng thú vị chút nào. Vậy là ông đã nhận được một giấy báo?

Đăngla rút trong túi ra một bức thư rồi nói: -Vâng, giấy báo của hãng Tômxơn và Fren ở Rôma yêu cầu tôi mở một tài khoản không hạn định cho ông bá tước Môngtơ Crixtô trong ngân hàng của mình. Vậy xin ông cho biết ông cần dùng một số tiền là bao nhiêu? Ngân hàng chúng tôi lúc nào cũng sẵn sàng cung cấp những món tiền rất lớn. Ông cần một triệu nhé…

-Bao nhiêu? – Môngtơ Crixtô hỏi

-Một triệu – Đăngla ngả người trên ghế, nở một nụ cười kiêu ngạo, nhắc lại.

-Một triệu thì tôi làm gì được – Bá tước bắt đầu – Nếu chỉ là một triệu thì tôi cần gì phải mở cái tài khoản nghèo nàn ấy. Một triệu? Lúc nào trong túi tôi hoặc trong tủ tôi chả có số tiền đó.

Và Môngtơ Crixtô rút trong túi áo ra một quyển sổ nhỏ, trong đó để những tấm danh thiếp và hai tấm ngân phiếu mỗi tấm năm trăm ngàn frăng trả ngay cho người cầm phiếu tại kho bạc.

Bá tước đã giáng một chùy chứ không phải chỉ là chọc nhẹ vào một kẻ như Đăngla. Hắn từ choáng váng đâm ra mê mẩn, hắn trợn tròn cặp mắt đần độn nhìn

Môngtơ Crixtô, con ngươi hắn lồi ra một cách kinh khủng. Môngtơ Crixtô nói tiếp: -Thế nào, ông hãy thú thật là ông đã coi thường hãng Tômxơn và Fren. Cũng thật đơn giản, tôi đã đề phòng trường hợp này. Đây là hai ngân phiếu nữa giống như cái ông vừa xem, một cái của Arettanh ở Áo, một cái của hãng Barinh ở Luân Đôn.

Đăngla, tay run run, đón xem mấy tờ ngân phiếu. Hắn kiểm tra đi kiểm tra lại rất kỹ rồi đứng lên như để chào mãnh lực của vàng trong con người đang đứng trước mặt hắn. Hắn nói: -Thưa ông vâng, đây là ba chữ ký có giá trị mấy triệu. Ba tài khoản không hạn định tại hãng chúng tôi! Xin bá tước tha lỗi cho tôi, tôi không còn dám nghi ngờ gì nữa, nhưng tôi không thể nào hết ngạc nhiên.

-Ồ! Một ngân hàng lớn như của ông thì có gì mà ngạc nhiên. Vậy là ông có thể trao cho tôi một số tiền chứ?

-Vâng, chẳng còn gì làm tôi phải nghi ngờ nữa. Xin ông cứ nói.

-Nếu vậy chúng ta hãy ấn định chung cho năm thứ nhất là sáu triệu chẳng hạn.

-Sáu triệu! – Đăngla nói như bị nghẹt thở.

-Vâng, đủ cho tôi tiêu ở Pháp trong một năm… sau sẽ hay. Ngày mai, yêu cầu ông cho mang tới nhà tôi năm trăm ngàn frăng trước, tôi sẽ để tấm biên lai lại cho người quản gia của tôi trong trường hợp tôi đi vắng.

-Ông muốn tiền vàng hay tiền giấy?

-Nửa nọ, nửa kia.

-Đúng mười giờ sáng mai tôi sẽ cho đem tiền đến hầu ông. Xin thú thật với ông là tôi đã biết rõ tất cả số tài sản của những người giàu có nhất châu Âu, nhưng đối với ông tôi không dám phỏng đoán là bao nhiêu.

-Tài sản của tôi – Môngtơ Crixtô cười nhạt – có từ lâu đời lắm rồi, ông không biết được cũng đúng thôi.

-Với một người có nhiều tiền của và một phong cách lịch thiệp như ông, ông sẽ đánh đổ tất cả những tay triệu phú nhỏ bé như chúng tôi ở thủ đô này. Và để ông hiểu rõ tôi hơn, hôm nay xin phép ông cho tôi được giới thiệu nam tước phu nhân Đăngla. Tôi rất tin rằng nhà tôi sẽ lấy làm hân hạnh được đón tiếp một khách hàng quan trọng như ông.

Nói xong, Đăngla kéo chuông gọi người hầu phòng lên hỏi: -Nam tước phu nhân có nhà không?

-Dạ, bà lớn đang tiếp ngài Luyxiêng Đơ Bray.

Đăngla gật đầu rồi quay sang nói với Môngtơ Crixtô: -Ông Luyiêng Đơ Bray, bạn thân của chúng tôi, là thư ký riêng của ngài Bộ trưởng Ngoại giao. Còn nhà tôi là góa phụ của hầu tước Nacgon.

-Tôi chưa được vinh hạnh biết mặt nam tước phu nhân, nhưng tội đã được gặp ông Luyxiêng ở nhà tử tước Moocxép rồi.

-Ông cũng biết tử tước à? Phải rồi, tôi đã nghe phong phanh ông đã cứu mạng chàng thanh niên quý tộc đó ở Rôma thì phải…

Vừa lúc đó người hầu vào báo: -Nam tước phu nhân đang chờ hai ngài.

§47. Cặp ngựa màu đốm xám

Bá tước Môngtơ Crixtô đi theo nam tước Đăngla qua những gian buồng trang trí theo kiểu cách đã lỗi thời và thiếu thẩm mỹ, dẫn tới phòng tiếp khách của nam tước phu nhân. Căn phòng hình bát giác, tường căng xa tanh màu hồng nha nhủ ren Ấn Độ, ghế bành thếp vàng, trên tường treo mấy bức tranh phấn màu đặt trong những khung bầu dục. Nam tước phu nhân có một sắc đẹp quyến rũ, mặc dù đã ba mươi sáu tuổi. Rà đang ngồi trước một chiếc dương cầm chạm trổ rất công phu, còn Luyxiêng đã kể cho phu nhân nghe những câu chuyện trong bữa tiệc ở nhà bá tước Đơ Moocxép. Phu nhân thấy rất thú vị và nóng lòng muốn biết mặt con người kỳ dị ấy. Vì vậy, khi bá tước vào, phu nhân nghiêng mình chào rất duyên dáng và ban cho Đăngla một nụ cười, Đăngla nói: -Tôi xin giới thiệu với mình: Bá tước Môngtơ Crixtô vừa từ Rôma tới Pari với ý định ở lại Pari chơi một năm và sẽ tiêu hết số tiền sáu triệu frăng vào những buổi dạ hội và tiệc tùng linh đình. Tôi tin rằng chỉ nay mai ngài bá tước sẽ chiếm được hết trái tim của những vị phu nhân và tiểu thư đẹp nhất thủ đô này.

Mặc dù trong lời giới thiệu có những câu khá sỗ sàng, thô lỗ nhưng nó cũng cho nam tước phu nhân biết rằng hiếm có một người nào đến Pari chỉ để tiêu xài trong một năm cho hết cả cái gia sản của một ông hoàng. Điều đó làm Đăngla phu nhân nhìn bá tước bằng cặp mắt có đôi chút vụ lợi. Phu nhân hỏi: -Và thưa ông, ông đã đến?…

-Từ sáng hôm qua, thưa bà.

-Theo thói quen của ông và theo như người ta nói với tôi thì ông đến từ góc biển chân trời?

-Lần này thì chỉ có từ Cađich thôi ạ.

-Ôi ông đã đến Pari không đúng lúc chút nào, vì không có gì chán bằng mùa hè ở thủ đô. Chẳng có vũ hội, trò vè, họp mặt gì cả. Nhạc viện và ca kịch quốc gia đều biến đâu mất hết, chỉ còn mấy cuộc đua ngựa ở quảng trường Thần hỏa. Ông có sành nuôi ngựa thi không?

-Dạ, tôi đã sống lâu năm ở phương Đông, và những người phương Đông chỉ có hai cái thú trên đời là có một con ngựa tốt và một phụ nữ đẹp.

Giữa lúc đó, cô hầu phòng thân cận của phu nhân đi vào và ghé vào tai phu nhân nói nhỏ mấy câu. Phu nhân tái mặt

-Không thể thế được.

-Thưa đúng như vậy đấy – Cô hầu phòng nói.

Phu nhân quay về phía chồng hỏi: -Có đúng như vậy không hả ông?

-Sao kia? – Đăngla bối rối.

-Con hầu phòng vừa nói với tôi rằng lúc người đánh xe vào chuồng để dắt ngựa ra đóng vào xe cho tôi thì không thấy ngựa ở trong chuồng. Thế là thế nào?

-À bà này – Đăngla nói – bà hãy nghe tôi nói đây. Những con ngựa của chúng ta còn non nên chúng hăng lắm, có thể gây cho bà và cho tôi những tai họa bất ngờ, có thể là khủng khiếp nữa.

-Thôi đi ông ạ. Đã từ một tháng nay tôi mượn được một tay đánh xe cừ khôi nhất Pari, tôi mong rằng ông không đem bán hắn cùng với những con ngựa ấy.

-Bà ạ, tôi sẽ tìm được những con ngựa cũng y như vậy nhưng hiền lành hơn. Chúng sẽ không còn làm cho chúng ta phải lo sợ như trước nữa.

Phu nhân nhún vai vẻ khinh bỉ. Đăngla lại gần vợ nói nhỏ: -Bà hãy tưởng tượng mà xem, có người đã đến đây hỏi mua những con ngựa ấy với một cái giá khủng khiếp Tôi không hiểu cái thằng điên rồ nào sắp phá sản hay sao mà phái đến chỗ tôi tên quản gia của hắn. Nhưng thực tế là tôi đã vớ được một món tiền lãi là mười sáu ngàn frăng. Xin bà đừng ngăn tôi nữa, tôi sẽ chia cho bà bốn ngàn và con Ơgiêni hai ngàn.

Đăngla phu nhân trừng cặp mắt khủng khiếp lên nhìn chồng. Lúc đó Luyxiêng Đơ Bray đang đứng ở cửa sổ nhìn ra ngoài, bỗng reo lên: -Ồ này, thưa bà nam tước. Nếu tôi không nhầm thì những con ngựa của bà lại đóng vào xe của bá tước Môngtơ Crixtô.

Phu nhân lao ra cửa sổ, rồi cũng kêu lên: -Đúng chúng nó rồi, những con ngựa màu đốm xám của tôi.

Đăngla sửng sốt, Môngtơ Crixtô làm ra vẻ ngạc nhiên: -Có thể như thế được không?

-Không thể tưởng tượng được – Đăngla lẩm bẩm.

Phu nhân nói vài câu vào tai Đơ Bray. Đơ Bray liền bước lại gần Môngtơ Crixtô hỏi: -Nam tước phu nhân muốn hỏi ngài, ngài đã tậu những con ngựa ấy hết bao nhiêu tiền?

-Nào tôi có biết gì hơn đâu? – Bá tước đáp – Người quản gia của tôi làm tôi phải bất ngờ, và… tôi đã phải trả một cái giá đâu ba trăm ngàn frăng thì phải.

Đăngla mặt mũi tái xanh tái xám và mất hết tinh thần, làm cho Môngtơ Crixtô cũng phải thấy thương hại. Bá tước bảo hắn: -Ông có thấy không, phụ nữ họ đến là bội bạc. Ông lo xa như thế mà cũng chẳng hề làm cho phu nhân mủi lòng. Từ bội bạc dùng ở đây chưa đúng đâu, phải nói là điên rồ mới hết nghĩa. Nhưng làm thế nào được, con người ta vốn ưa thích những cái gì có hại.

Đăngla không nói gì. Hắn thấy trước rằng sắp xảy ra một tấn thảm kịch đây. Đơ Bray lấy cớ bận việc xin rút lui. Môngtơ Crixtô thấy ở lại không có lợi gì hơn, cũng chào Đăngla phu nhân rồi ra về để mặc Đăngla trơ lại trước cơn tam bành của vợ hắn. Vừa đi ra Môngtơ Crixtô vừa nghĩ thầm: "Tốt rồi, thế là ta đã đạt được mục đích. Bây giờ ta nắm trong tay sự hòa thuận của gia đình này và

chỉ một đòn là ta đủ chiếm một trái tim của ông chồng và bà vợ. Hay quá! Nhưng ta còn chưa được biết đứa con gái Ơgiêni Đăngla. Tuy vậy ta còn chán thì giờ sau này sẽ hay".

Nghĩ vậy rồi bá tước bước lên xe về nhà.

Hai giờ sau, Đăngla phu nhân nhận được một bức thư rất tình cảm của bá tước Môngtơ Crixtô. Trong thư bá tước cho biết vì mới bước chân đến Pari nên ông không muốn làm cho một người đẹp phải buồn rầu nên bá tước gửi lại phu nhân cặp ngựa đó. Cũng vẫn bộ cương như ban sáng, chỉ có khác ở mỗi cái nắp che tai có đính thêm một viên kim cương.

Nam tước Đăngla cũng nhận được một bức thư, trong đó bá tước xin phép được tặng phu nhân những thứ đó. Cử chỉ đó hẳn là thói ngông của kẻ triệu phú theo kiểu Á Đông.

Buổi tối hôm đó Môngtơ Crixtô đi Ôtơi, có Ali đi theo hầu. Vào khoảng ba giờ chiều hôm sau, bá tước gọi Ali vào buồng hỏi: -Ali, anh vẫn thường nói với ta là anh có tài quăng thòng lọng phải không?

Ali gật đầu và ưỡn ngực ra một cách kiêu hãnh.

-Tốt! Với thòng lọng, anh có thể tóm được một con bò chứ?

Ali gật đầu.

-Một con hổ?

Ali gật đầu.

-Một con sư tử?

Ali mỉm cười.

-Nhưng với anh, con ngựa đang chạy, anh có bắt được chúng dừng lại không?

Ali kiêu hãnh.

-Thế thì tốt lắm. Bây giờ anh hãy nghe đây: Lát nữa sẽ có một cỗ xe qua đây đóng hai con ngựa đốm xám giống như những con ngựa của ta hôm qua. Dù có bị đè bẹp đi nữa, anh cũng phải làm cho cỗ xe đó dừng lại ở trước cửa nhà ta.

Ali gật đầu, rồi ngồi ở đầu góc tòa nhà, giở thuốc lá cuốn ra hút. Bá tước một mình trong phòng riêng thỉnh thoảng đi đi lại lại có vẻ sốt ruột, thỉnh thoảng lại ra cửa sổ nhìn xuống đường.

Quả nhiên một lát sau, vào quãng năm giờ, có tiếng xe chạy ầm ầm, nhanh như gió, từ đằng xa lại, và một cỗ xe có đóng ngựa đốm xám xuất hiện. Người đánh xe cố kìm dây cương, nhưng hai con ngựa lồng lộn chồm lên, bờm dựng ngược, thở phì phì và phóng như điên dại. Trên xe có một thiếu phụ ôm chặt đứa con trai bảy tám tuổi, nó sợ quá đến nỗi kêu không ra tiếng nữa.

Những người đi đường kinh hãi chạy giạt sang hai bên lề. Cỗ xe kêu răng rắc và chỉ cần vấp phải một hòn đá hoặc một cành cây là chiếc xe sẽ vỡ tan tành. Trước cảnh tượng khủng khiếp đó những người trông thấy đều kêu thất thanh.

Ali vội quẳng điếu thuốc lá đi, rút trong túi ra một cuộn dây thừng tung ra phía trước. Cái thòng lọng quấn chặt lấy chân trước bên trái con ngựa làm con vật ngã khuỵu xuống. Trước khi cỗ xe mất thăng bằng, anh chàng da đen nhanh như cắt, nhảy bổ vào nắm được sợi dây buộc mõm con ngựa bên phải bằng bàn tay cứng như sắt, làm cho con ngựa không thể chồm lên phía trước được nữa.

Giữa lúc đó, một người trong nhà lao nhanh ra mở cửa xe ôm thốc lấy thiếu phụ cùng với đứa bé trong tay lúc đó đã ngất lịm đi, đem họ vào trong nhà, đặt lên chiếc tràng kỷ.

-Xin phu nhân yên tâm – Bá tước Môngtơ Crixtô, người vừa cứu thiếu phụ nói – Phu nhân không việc gì cả.

Thiếu phụ mở mắt nhìn đứa con trai hãy còn nằm bất tỉnh. Bá tước liền nói tiếp: -Cậu bé không làm sao cả, chỉ vì sợ quá mà ngất đi thôi.

-Trời ơi – Thiếu phụ thốt lên – Thằng Êđua, đứa con trai yêu quý của tôi. Sao mặt mũi nó nhợt nhạt thế này? Nó chết mất, trời ạ! Xin ngài cho mời ngay thầy thuốc tới đây. Tôi sẽ biếu cả gia sản của tôi cho ai cứu được con trai tôi.

Môngtơ Crixtô xua tay ra hiệu bảo người mẹ cứ yên tâm và mở một ngăn tủ lấy ra một cái lọ mạ vàng trong đựng một chất nước đỏ như máu rồi rỏ một giọt vào môi đứa trẻ. Đứa trẻ, mặc dù còn tái xanh, lập túc mở mắt ra. Thấy thế, người mẹ mừng quá, cuống quít kêu lên: -Tôi ở đâu thế này? Sau một cơn hãi hùng tôi có được hạnh phúc như thế này là nhờ ơn quý ông nào vậy?

-Thưa bà, – Môngtơ Crixtô đáp – bà đang ở nhà một người đã có diễm phúc tránh được cho bà một cơn sầu muộn.

-Ôi! Cái tính tò mò chết tiệt của tôi – thiếu phụ nói – Tất cả Pari đều bàn tán đến đôi ngựa tuyệt diệu của bà Đăngla và tôi đã có cái điên rồ là muốn đi thử chúng.

-Sao? – Bá tước giả vờ ngạc nhiên rất khéo, reo lên – Những con ngựa này là của bà nam tước à?

-Thưa ông vâng, ông có biết nam tước phu nhân không?

-Bà Đăngla? Tôi đã có được hân hạnh ấy và tôi càng vui mừng là đã cứu thoát được bà khỏi mấy con ngựa này, vì tai biến này cũng là do lỗi ở tôi. Hôm qua, tôi đã mua hai con ngựa ấy của nam tước nhưng tôi thấy nam tước phu nhân tỏ vẻ tiếc rẻ nên tôi đã biếu lại tận tay phu nhân.

-Vậy ông là bá tước Môngtơ Crixtô mà Hecmin đã nói rất nhiều với tôi tối hôm qua?

-Thưa bà, vâng.

-Thưa ông còn tôi, tôi là Hêlôy Đơ Vinlơpho.

Bá tước cúi chào với cái chào của một người đứng trước một cái tên chưa hề quen biết. Bà Hêlôy nói tiếp: -Ôi, ông Vinlơpho nhà tôi sẽ biết ơn ông biết chừng nào. Vì nhà tôi đã mang ơn bá tước cứu hai tính mạng: vợ và con. Một điều chắc

chắn là nếu không có người đầy tớ của ông thì mẹ con tôi đã mất mạng rồi, xin phép ông cho tôi được đền ơn người đó.

-Thưa bà, xin bà đừng làm hư hỏng Ali của tôi, đừng khen, đừng thưởng gì hết. Ali là nô lệ của tôi, cứu tính mạng bà là nghĩa vụ của tôi, và nhiệm vụ của hắn, là phục vụ tôi.

-Nhưng anh ta đã không sợ nguy hiểm đến tính mạng anh ta là gì?

-Tôi đã cứu tính mạng hắn: hắn đã bị người ta đem ra hành hình, nhưng mới bị cắt mất lưỡi và sắp sửa chặt mất đầu thì tôi đã đến kịp cứu sống hắn. Vậy là tính mạng hắn thuộc về tôi.

Bà Vinlơpho im lặng, có lẽ bà đang suy nghĩ đến con người này mới gặp lần đầu mà đã gây cho người khác những ấn tượng sâu sắc.

Trong khoảnh khắc im lặng ấy, Môngtơ Crixtô ngắm nghía đứa bé. Nó gầy nhom, da trắng bủng beo, mớ tóc đen bù xù rủ xuống trán và che kín gáy, cặp mắt tinh quái, đôi môi mỏng dính mím chặt có vẻ vừa độc ác vừa hỗn xược. Nhìn bộ mặt của nó, bá tước cũng biết đứa trẻ được mẹ rất nuông chiều và đã hư hỏng. Cử chỉ đầu tiên của đứa trẻ là tụt xuống khỏi tay mẹ, ra mở cánh cửa cái tủ mà bá tước đã để lọ thuốc.

Chẳng cần xin phép ai, nó cầm lấy một lọ thuốc định mở nút ra. Thấy thế bá tước vội nói: -Cháu ơi, đừng nghịch cái ấy, thuốc nước rất độc đấy, không những chỉ uống mà ngửi cũng không tốt đâu.

Bà Vinlơpho tái mặt, vội ngăn tay đứa bé. Đến khi hết sợ, bà liếc nhìn cái ngăn tủ bằng một cái nhìn thoáng qua nhưng đầy ý nghĩa. Bá tước Môngtơ Crixtô bắt gặp cái nhìn ấy. Vừa lúc đó Ali vào. Bá tước liền nói với bà Vinlơpho: -Thưa bà, tôi đã cho người đóng những con ngựa lúc nãy vào xe của tôi để đưa bà và cháu về nhà. Người đánh xe của bà sẽ ở lại đây chữa xe của bà và Ali sẽ thay anh ta điều khiển xe.

-Nhưng thưa ông – bà Vinlơpho nói – tôi không còn dám đi những con ngựa đó đâu.

-Ồ không, thưa bà đừng ngại. Dưới bàn tay của Ali, những con ngựa ấy sẽ trở thành những con cừu.

Ali lại gần những con ngựa, anh cầm ở tay một miếng vải có thấm một chất nước thơm xoa vào mũi và thái dương hai con ngựa đầy mồ hôi và bọt. Lập tức chúng thở phì phì và rùng mình toàn thân trong vài giây. Ali đóng ngựa vào xe rồi đưa hai mẹ con bà Vinlơpho về nhà.

Buổi tối hôm đó, sự kiện xảy ra ở Ôtơi đã là đề tài trò chuyện khắp mọi nơi. Anbe đơ Moocxép kể cho mẹ nghe, Satô Rơnê tán dương trong câu lạc bộ đua ngựa. Đơ Bray trong phòng khách của bộ trưởng. Ngay cả Bôsăng cũng đăng lên báo tin đó với vài chục dòng tán dương bá tước Môngtơ Crixtô như một vị anh hùng đối với tất cả phụ nữ của giới thượng lưu. Nhiều người đến tận nhà

Vinlơpho để được nghe bà Hêlôy kể trực tiếp những chi tiết về hành động vĩ đại ấy.

Còn ông Vinlơpho, ông mặc bộ lễ phục đen vào, xỏ đôi găng tay trắng nhất trèo lên cỗ xe bóng loáng, ra lệnh cho người đánh xe, mặc áo thêu kim tuyến, đưa ông đến tòa nhà số 30, đại lộ Săng Êlidê.

§48. Tư tưởng

Người hầu vào báo có quan chưởng lý Đơ Vinlơpho tới thăm giữa lúc bá tước Môngtơ Crixtô đang chăm chú nghiên cứu một địa điểm trên tấm bản đồ trải trên một mặt bàn lớn.

Ngài chưởng lý bước vào phòng khách, dáng đi bệ vệ và trang trọng như khi vào phòng xử án. Bá tước rất ngạc nhiên thấy con người trước đây là phó biện lý ở Mácxây sau một thời gian khá dài, đã không thay đổi mấy. Vóc người mảnh khảnh trở thành khô đét, nước da nhợt nhạt chuyển thành màu vàng ệch, cặp mắt trũng sâu hoắm ẩn sâu đôi kính trắng gọng vàng. Còn chiếc cà vạt màu trắng tương phản rõ rệt với bộ quần áo màu đen, màu của tang tóc.

Vinlơpho lên tiếng, giọng lanh lảnh và khô khan mà thói quen nghề nghiệp đã tạo cho y: -Thưa ngài, việc làm tốt đẹp của ngài đối với vợ con tôi đã buộc tôi phải tới đây để bày tỏ với ngài lời cam ơn chân thành của tôi.

-Thưa ngài – Môngtơ Crixtô lạnh lùng đáp lại – tôi rất lấy làm sung sướng đã giành lại được sự sống của một em bé để trả lại cho mẹ nó, vì tôi biết là không có gì cao cả và thiêng liêng bằng tình mẹ con. Cũng vì thế tôi mới có cái vinh dự được ngài Vinlơpho đến thăm hôm nay chứ!

Vinlơpho giật mình vì câu châm chọc rất tế nhị của bá tước. Y bèn nhìn quanh để tìm cách đánh trống lảng. Khi nhìn thấy tấm bản đồ, y vội vàng nói: -Ngài bá tước đang nghiên cứu địa lý đó ư? Thật là một công việc thích hợp với một người đã từng ngao du khắp thế giới như ngài.

-Vâng, thưa ngài, tôi đang chú trọng tới cuộc sống của con người để hiểu biết tâm lý của họ.

Nói xong, Môngtơ Crixtô mời Vinlơpho ngồi xuống ghế. Vinlơpho nói: -À ra ngài muốn đi sâu vào triết học. Tôi xin thú thật với ngài là nếu không có việc gì làm, tôi không bao giờ đi tìm một công việc buồn tẻ như vậy.

-Thế công việc của ngài có gì đặc sắc hơn không? Tôi đã so sánh những luật pháp của tất cả các quốc gia, nhưng tôi nghĩ rằng thứ công lý của những dân tộc cổ xưa, nói trắng ra là quy luật "ác giả ác báo" là hợp lẽ trời hơn cả.

-Nếu quy luật đó được áp dụng thì công việc của những nhà làm luật sẽ được giản đơn đi rất nhiều.

-Điều đó rồi sẽ tới, vì những tìm tòi của con người càng đơn giản bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Những đạo luật của nước Pháp hay của bất cứ một nước nào, theo sự hiểu biết của tôi chỉ là tương đối. Đứng trước những cơ cấu xã hội, ngài mới chỉ nhìn thấy sự chuyển động của bộ máy khổng lồ, chứ chưa thấy được đấng Thiêng liêng cao cả đã phát sinh ra nó.

-Ồ, thưa ngài, – Vinlơpho ngạc nhiên nói – Tôi chưa từng được nghe ai nói như ngài.

-Bởi vì ngài bị kìm hãm trong bộ máy bình thường, chưa vươn tới cái Thiên cầu cao vút của Thượng đế đã cấu tạo ra những vật vô hình và đặc biệt.

-Ngài tin là cái Thiên cầu đó có thật ư? Những nhân vật vô hình và đặc biệt ấy có thật ư?

-Sao lại không? Thế ngài có trông thấy được cái không khí mà ngài hít thở không? Và nếu không có nó thì ngài có thể sống được không?

-Vậy là chúng ta sẽ không trông thấy những nhân vật mà ngài đang nói tới chứ?

-Có chứ, khi mà Thượng đế cho phép họ biến thành vật thể! Ngài sẽ nom thấy, sờ thấy, và nói chuyện với họ, họ sẽ trả lời ngài.

-A ha! – Vinlơpho cười – Tôi mong một ngày kia sẽ được tiếp xúc với một nhân vật đặc biệt như ngài vừa nói. Theo ngài, con người ta chắc ai cũng có khuyết điểm cả?

-Vâng… khuyết điểm và… tội ác, – Môngtơ Crixtô lơ đãng – Và bản thân tôi cũng không phải là một con người hoàn chỉnh.

-Ngài có bà con thân thuộc nào không?

-Tôi sống độc thân.

-Ngài có sợ chết không?

-Tôi không sợ chết, tôi chỉ lo cái chết sẽ làm cản trở công việc của tôi thôi.

-Thế còn tuổi già? Còn bệnh thần kinh?

-Đã có lần tôi suýt mắc phải và tôi cho đó là điều khủng khiếp nhất.

-Nhưng thưa ngài – Vinlơpho buồn rầu – Còn có một bệnh nguy hiểm hơn thế nữa, đó là bệnh trúng phong làm cho người bị bại liệt chứ không chết hẳn, cứ sống ngắc ngoải mãi cho tới khi nhắm mắt. Tôi mong một ngày kia ngài đến chơi nhà tôi, tôi sẽ giới thiệu ngài với cha tôi: ông Noachiê Đơ Vinlơpho, một đảng viên hăng hái trong cuộc cách mạng Pháp, một con người dũng cảm, đầy nghị lực, con người đã làm những công việc kinh thiên động địa, đã từng tham gia lật đổ chiếc ngai vàng, đã coi thường công danh, phú quý, ngày nay chỉ còn là ông già bất động trong chiếc ghế có bánh lăn. Thể xác ông im lìm và giá lạnh dưới sự chăm sóc của đứa cháu gái yếu đuối tên là Valăngtin, và cái thể xác đó cũng đã mất hết cảm giác chỉ còn chờ ngày tiêu tan.

-Thưa ngài – Môngtơ Crixtô nói – cảnh tượng đó đối với tôi không có gì là xa lạ vì tôi cũng đã được học qua nghề làm thuốc, và tôi đã từng chữa những bệnh hiểm nghèo hơn thế. Nếu cảnh tượng đó đối với ngài là quá hãi hùng, thì một ngày kia, nếu ngài yêu cầu, tôi sẽ đến thăm ngài để giải quyết nỗi buồn phiền trong gia đình ngài.

-Cũng may là bên cạnh ông già thống khổ đó, tôi được Thượng đế ban cho hai mụn con: một gái tên là Valăngtin, con riêng người vợ trước của tôi là Rơnê Đơ Xanh Mêrăng và thằng Êđua mà ngài vừa mới cứu mạng, con người vợ kế của tôi.

-Ngài nghĩ về sự bù trừ đó ra sao?

-Tôi nghĩ rằng có thể trước kia cha tôi đã gây ra một tội ác nào đó mà không bị con người trừng phạt thì ngày nay phải chịu cái hình phạt của đấng Thượng đế chí công và chỉ một mình cha tôi phải đền tội.

Môngtơ Crixtô mỉm cười và tiễn Vinlơpho ra về. Khi cỗ xe của quan chưởng lý đã đi xa rồi, Môngtơ Crixtô mới gượng cười, tuy trong lòng vẫn cảm thấy bực bội, khó chịu, ông ta lẩm bẩm: "Thôi, thuốc độc đối với trái tim ta như thế đã đủ rồi, bây giờ ta phải đi tìm thuốc giải độc". Rồi bá tước kéo chuông.

Ali, ta đi lên gặp cô nương, nửa giờ nữa cỗ xe phải sẵn sàng nhé.

§49. Hayđê

Trưa nào bá tước Môngtơ Crixtô cũng dành một giờ để đến thăm Hay đê, người con gái Hy Lạp hiện đang ở một căn buồng lộng lẫy tại tòa nhà ở đại lộ Săng Êlidê. Bá tước muốn tìm ở đây những giây phút êm dịu cho tâm hồn sau những lúc đầu óc bị xúc động và căng thẳng.

Cô thiếu nữ ở một căn buồng cách xa buồng của bá tước, trang trí theo kiểu Á Đông, trên mặt sàn trải thảm Thổ Nhĩ Kỳ, tường căng rèm gấm. Giữa buồng có kê một chiếc giường thấp, xung quanh xếp những chiếc gối bằng sa tanh thêu rất đẹp. Hayđê có ba hầu gái người Pháp và một hầu gái người Hy Lạp để làm phiên dịch, vì cô chỉ nói được tiếng La Mã.

Thiếu nữ đang nằm trên tấm thảm, một tay chống lên cái gối xếp, một tay vòng ra sau đầu. Cô mặc chiếc quần sa tanh màu hồng thêu hoa để lộ đôi bàn chân trắng nõn xỏ đôi hài mũi nhọn thêu kim tuyến có đính những hạt ngọc, mặc một cái áo sọc xanh, trắng tay áo rộng và một cái áo bó ngực có ba khuy bằng ba hạt kim cương, bụng cô quấn một thắt lưng lụa màu sặc sỡ. Đầu cô đội chiếc mũ chỏm thêu chỉ vàng, xung quanh đính hạt trai, một bên cài một bông hồng làm nổi bật mớ tóc đen nhánh và khuôn mặt kiểu Hy Lạp tuyệt đẹp với cặp mắt đen như nhung, mũi dọc dừa thẳng tắp, đôi môi mọng đỏ như son, hàm răng đều và trắng bóng. Cô thiếu nữ hiện thân cho vẻ đẹp kiều diễm mê hồn của người phụ nữ phương Đông ấy mới khoảng mười chín tuổi.

Môngtơ Crixtô bảo một hầu gái vào xin phép để bá tước vào thăm. Để trả lời, Hayđê chỉ ra hiệu cho cô hầu gái vén một tấm thảm ở cửa buồng lên. Bá tước bước vào, Hayđê ngồi dậy, đưa một tay cho bá tước, mỉm cười nói: -Tại sao Đức ông lại xin phép em để vào? Đức ông không còn là chủ, em không còn là nô lệ của Đức ông sao?

Môngtơ Crixtô mỉm cười đáp: -Hayđê, cô nên biết là…

-Tại sao Đức ông lại không gọi em bằng em như mọi khi? Em đã phạm một lỗi lầm nào chăng? Nếu vậy Đức ông cứ phạt em chứ đừng gọi em bằng cô.

-Hayđê – Bá tước nói tiếp – em nên biết là chúng ta đang ở Pháp, tức là em được tự do.

-Tự do làm gì kia? – Thiếu nữ hỏi.

-Tự do xa ta.

-Xa Đức ông… Tại sao em lại xa Đức ông?

-Nói thế nào nhỉ? Ta sẽ phải giao tiếp với thiên hạ.

-Em chẳng muốn tiếp ai cả!

-Và nếu trong đám thanh niên đẹp trai em thấy thích ai, ta không nỡ…

-Em chưa hề gặp một người con trai nào đẹp hơn Đức ông, và trên đời này em chỉ yêu có hai người, cha em và Đức ông.

-Khổ thân em – Môngtơ Crixtô nói – Lúc nào cũng chỉ thấy em nói đến cha em và ta thôi.

-Em còn nói đến ai nữa? Cha em gọi em là nguồn vui của Người, với Đức ông, em là nguồn yêu thương của Đức ông.

-Hayđê, em còn nhớ cha em không?

Cô gái mỉm cười chỉ tay vào mắt và ngực mình nói: -Cha em ở đây này.

-Thế còn ta, ta ở đâu? – Môngtơ Crixtô tủm tỉm cười, hỏi.

-Đức ông ở khắp mọi chỗ.

Môngtơ Crixtô cầm lấy tay cô gái định đưa môi hôn, nhưng cô gái thơ ngây ấy rụt tay lại và chìa trán ra để bá tước hôn.

-Bây giờ, Hayđê ạ! – Bá tước nói – Em nên biết là em được tự do. Em là một nữ chủ nhân, em là một bà hoàng. Em có thể cứ giữ bộ quần áo này hay thay bộ khác là tùy em. Em sẽ ở lại đây nếu em muốn, hay ra khỏi nơi này là tùy em. Luôn luôn lúc nào cũng có một cỗ xe cho riêng em dùng. Ta chỉ yêu cầu em có một điều thôi.

-Xin Đức ông cứ nói?

-Phải giữ kín lý lịch của em, không được nói một câu nào về quá khứ của em. Trong bất cứ trường hợp nào cũng không được nói lên tên người cha lừng danh và mẹ của em.

-Thưa Đức ông, em đã nói với Đức ông rồi, em sẽ chẳng gặp ai cả thì lo gì em nói.

-Hãy nghe đây Hayđê, cái lối sống cách biệt kiểu phương Đông này không thể thích hợp với Pari được. Em cần phải tìm cuộc sống ở đây cũng như em đã từng làm ở Rôma, ở Milăng, ở Mađrít. Hoặc em muốn tiếp tục sống ở đây, hoặc em muốn ở trở về phương Đông…

Cô thiếu nữ ngước cặp mắt to và ướt lên nhìn bá tước: -Hoặc là chúng ta trở về phương Đông? Đức ông nói thế có phải không?

-Phải! – Môngtơ Crixtô đáp – Em nên biết là ta không bao giờ xa em cả. Cây không bao giờ xa rời hoa, mà chỉ có hoa xa rời cây mà thôi.

-Em không bao giờ xa Đức ông cả – Hayđê kêu lên – Em tin chắc rằng em không thể sống thiếu Đức ông được.

-Em ơi, mười năm nữa ta sẽ già và mười năm nữa em vẫn còn trẻ lắm.

-Cha em có một bộ râu bạc dài, cái đó không ngăn cản em yêu cha em. Cha em sáu mươi tuổi, thế mà em thấy cha em đẹp hơn tất cả mọi thanh niên mà em gặp.

-Nhưng này, em hãy nói xem, em có tin rằng em sẽ quen với đây chứ?

-Có được gặp Đức ông không?

-Hàng ngày.

-Nếu vậy em còn đòi hỏi gì hơn nữa, thưa Đức ông?

-Ta e rằng em sẽ buồn.

-Thưa Đức ông, không buồn đâu ạ! Vì cứ mỗi buổi sáng em được nghĩ rằng Đức ông sắp đến và mỗi buổi tối em lại tự nhủ là Đức ông đã đến. Thế rồi, trong trái tim em có ba thứ linh cảm không thể nào buồn đtược: Sự chờ đợi tình yêu và lòng biết ơn.

-Em thật xứng đáng là người con gái xứ Hy Lạp, kiều diễm và thơ mộng. Em cứ yên tâm, ta sẽ hành động sao cho tuổi thanh xuân của em không uổng phí, vì em đã yêu ta như cha em, vậy ta cũng sẽ yêu em như con gái ta.

-Đức ông nhầm rồi đấy. Em không yêu cha em như em yêu Đức ông đâu. Tình yêu của em đối với Đức ông là một tình yêu khác kia! Cha em đã chết nhưng em có chết đâu. Còn nếu Đức ông mà chết, em sẽ chết theo ngay.

Bá tước đưa bàn tay ra và cô gái mỉm cười đỡ lấy. Như thường lệ, cô đặt lên đó một cái hôn nồng thắm.

Môngtơ Crixtô cảm thấy tâm hồn mình nhẹ nhàng, êm ái và sẵn sàng đến thăm Mắcximillêng Moren cùng gia quyến.

Vừa đi, bá tước vừa lẩm nhẩm câu thơ của Panhđa:

"Tuổi trẻ là đóa hoa, tình yêu là trái quả"

"Hạnh phúc thay người hái hoa nào biết hái nó lúc đang hé mở".

Theo lệnh của bá tước, cỗ xe đã sẵn sàng. Bá tước lên xe và như thường lệ, xe phóng nước đại.

§50. Gia đình Moren

Mấy phút sau, cỗ xe đã đưa Môngtơ Crixtô đến căn nhà số 7, phố Mêlay, một ngôi nhà ba tầng, có sân, trông ra một mảnh vườn có hai khóm hoa khá đẹp. Ngôi nhà khá duyên dáng và vui mắt, thuộc vào lịch sự nhất phố.

Vợ chồng cô Juyli ở hai tầng dưới. Mắcximiliêng ở tầng trên cùng. Ngoài ra, hai bên còn có vài căn nhà phụ. Khi bá tước tới người gác cổng chính là bác Cốclét – người thủ quỹ của ông Moren nay đã về hưu, vào báo cho Mắc biết. Anh thanh niên sĩ quan vội chạy xuống đón khách quý. Anh reo lên: -Trời ơi! Bá tước Môngtơ Crixtô, tôi biết ngay là thế nào chúng tôi cũng sẽ được cái hân hạnh này. Ôi, cám ơn, nghìn lần cám ơn bá tước đã không quên lời hứa.

Chàng sĩ quan thân mật bắt tay bá tước. Qua cái bắt tay đó, bá tước thấy cả một tấm lòng thực tâm mong đợi mình.

-Xin mời bá tước vào, em gái tôi hiện ở trong vườn, đang tỉa hoa. Em rể tôi ngồi đọc báo cạnh đấy. Hai vợ chồng họ chẳng bao giờ chịu xa nhau quá sáu bước.

Tiếng những bước chân làm một thiếu phụ ngẩng đầu lên. Thiếu phụ trạc hai mươi lăm tuổi, mặc áo dài lụa. Thiếu phụ đó chính là cô Juyli bé nhỏ của chúng ta trước đây. Trông thấy người lạ, cô kêu lên một tiếng. Mắc cười, bảo: -Em đừng ngại, đây là bá tước Môngtơ Crixtô mới đến Pari ba bốn hôm nay.

-Ôi thưa ông! Anh tôi đưa ông vào đột ngột thế này thực chẳng lịch sự chút nào. Đấy là tội của anh tôi muốn trêu đứa em gái đây mà… Pênơlông! Bác Pênơlông!

Một ông già đang lúi húi xới một luống hoa, tóc cụ đã bạc trắng, nước da bánh mật, cặp mắt cho ta thấy cụ là một thủy thủ già từng trải, đã tùng phơi mình dưới ánh nắng vùng xích đạo, phơi mình trong bao trận phong ba bão táp. Nghe tiếng gọi, cụ ngừng tay xới và ngẩng đầu lên, Juyli bảo: -Bác Pênơlông, bác làm ơn bảo với nhà cháu là nhà có khách đến chơi, và đề nghị anh Mắc mời bá tước lên phòng khách – Rồi quay lại phía bá tước, cô nói – Xin phép cho tôi được rút lui một chút ạ.

Và chẳng đợi ý kiến của khách, cô chạy biến mất. Bá tước có vẻ suy nghĩ rồi hỏi một câu như để trả lời cho chính ý nghĩ của mình: -Gia đình đại úy hẳn là hạnh phúc lắm?

-Thưa bá tước, xin thú thật là quả như thế. Các em tôi không còn đòi hỏi hạnh phúc gì nữa. Chúng còn trẻ, chúng vui vẻ, chúng yêu nhau, chúng có tiền lời hàng năm hai mươi lăm nghìn đồng bảng.

-Tuy nhiên, thế vẫn còn ít lắm đấy – Bá tước mỉm cười nói bằng giọng rất dịu dàng và thắm thiết như một người cha – Chắc là đôi bạn trẻ của chúng ta không

dừng lại ở đây; một ngày kia họ sẽ trở thành triệu phú. Em rể của ông là luật sư… là bác sĩ…

-Thưa ông, em rể tôi là nhà buôn. Em tôi thừa kế hãng buôn của cha tôi. Sau khi cha tôi mất để lại một gia sản là năm trăm nghìn. Tôi một nửa và em gái tôi một nửa. Chồng em gái tôi khi lấy nó không có một gia sản nào khác ngoài sự thông minh, cần cù và một lai lịch trong sạch. Nó quyết định phải kiếm cho được một số tiền bằng số tiền của vợ. Trong sáu năm cần cù, nó đã kiếm đủ số tiền hai trăm năm mươi nghìn.

Giữa lúc đó, Emmanuen ở trong nhà bước ra, chào bá tước rất niềm nở rồi mời bá tước và phòng khách. Juyli đã thay những bông hoa mới đượm mùi hương trong các bình hoa và ăn mặc rất lịch sự để mời khách uống trà.

Môngtơ Crixtô nhìn Juyli: -Thưa bà, bầu không khí yên vui, ấm cúng của gian phòng này và những bộ mặt hân hoan, tươi tỉnh của chủ nhân làm tôi vô cùng xúc động và vui sướng.

-Cảnh gia đình chúng tôi hiện nay rất êm đẹp – Juyli trả lời – Nhưng cũng phải nói rằng trước kia chúng tôi đã từng trải qua những thời kỳ rất khó khăn và gian truân.

-Đúng như vậy đấy ạ – Mắc nói – Gia đình chúng tôi đã từng có những giờ phút nguy nan khủng khiếp. Và giữa lúc con thuyền của chúng tôi bị sóng gió hãi hùng, sắp chìm xuống đáy biển, thì có một bàn tay của Thượng đế đã đến cứu vớt chúng tôi.

Bá tước đứng dậy, đi đi lại lại trong phòng, vẻ mặt rất xúc động. Sau đó dừng lại trước cái tủ kính, có bày một quả bóng bằng thủy tinh, bên trong có để một cái túi lưới bằng lụa đỏ trên một cái hộp bằng nhung đen, bên cạnh có một mẩu giấy gấp làm tư và một viên kim cương rất đẹp. Mắc thấy bá tước nhìn chăm chú một cách khác thường, bèn nói: -Thưa bá tước, đây là những bảo vật quý báu nhất của gia đình chúng tôi.

-Vâng – Juyli tiếp lời – anh tôi muốn nói những vật này do một thiên thần của Thượng đế phái xuống để cứu vớt chúng tôi mà chúng tôi cũng chẳng bao giờ được biết mặt cả.

-Vậy kia à? – Bá tước nói nghẹn ngào

Mắc liền chạy lại, nhấc quả bóng thủy tinh lên, cầm lấy cái túi đưa lên môi hôn, rồi nói: -Thưa bá tước, vật này là của người đã cứu sống cha chúng tôi khỏi một cái chết vì phá sán và mất danh dự. Mảnh giấy này tự tay người viết ra và viên kim cương này người đã tặng em gái tôi làm của hồi môn. Chúng tôi chưa được diễm phúc nhìn thấy mặt người và người chỉ cho biết tên người là "Thủy thủ Ximbát".

-Ôi! – Juyli nói – Tôi luôn luôn hy vọng là vào một ngày kia tôi sẽ được ôm hôn tay người cũng như hôn cái túi này, cái túi mà người đã từng mó tay vào.

Cách đây bốn năm bác Pênơlông, người làm vườn cho chúng tôi hiện nay, có gặp ở Trirét một người Anh giống vị đại diện người Anh đã đến nhà chúng tôi ngày mồng 5 tháng Sáu và ngày mồng 5 tháng Chín năm 1829, là người đã viết cho tôi mảnh giấy này. Bác Pênơlông quả quyết là mình nhìn không nhầm nhưng không dám hỏi.

-Ông khách người Anh – Mắc nói – tự xưng là thay mặt hãng Tômxơn và Fren ở Rôma, cho nên hôm bá tước nhắc đến tên đó trong bữa tiệc ở nhà tử tước Moocxép, làm tôi giật mình. Một điều kỳ lạ nữa là hãng Tômxơn và Fren luôn luôn chối là không hề giúp chúng tôi việc đó.

-Nếu vậy – bá tước nói – người Anh đó có thể là người đã hàm ơn ngài Moren nên đã lấy cớ đó để trả ơn đấy thôi.

-Nhưng cha tôi lại khẳng định vị cứu tinh của cha tôi lại không phải là người Anh đó.

-Thế cha ông là… – bá tước rùng mình hỏi – ông Moren?…

-Thưa bá tước, cha tôi coi việc đó là một câu chuyện thần kỳ. Cha tôi tin vào một vị cứu tinh đã trỗi dậy từ một nấm mồ để đến với chúng tôi. Ôi! Một sự mê tín thật là cảm động. Đã nhiều lần cha tôi cứ lẩm nhẩm như trong một giấc mơ, gọi tên một người bạn rất thân, một người bạn đã mất. Mãi tới khi sắp tắt thở, cái ý nghĩ đó, từ trước đến nay chỉ là sự ngờ vực, thì đã trở thành hiển nhiên. Và, những câu trối trăng cuối cùng của cha tôi trước khi mất là "Mắcximiliêng con người đó là "Étmông Đăngtét".

Bộ mặt của bá tước vốn đã tái xanh, nghe đến câu nói đó lại càng tái đi một cách đáng sợ. Tất cả máu như dồn hết về tim, bá tước không nói được nữa. ông rút đồng hồ ra như quên mất giờ, cầm lấy mũ và chào mọi người.

-Thưa bà, cho phép tôi thỉnh thoảng được đến thăm gia đình nhà ta, tôi thấy ấm cúng quá. Xin cám ơn sự đón tiếp nồng hậu của cả nhà.

Nói xong, bá tước bước nhanh ra ngoài.

-Bá tước Môngtơ Crixtô là một con người kỳ dị. – – Phải – Mắc nói – Nhưng anh còn tin là ông ta còn có một trái tim giàu nhân ái và anh chắc chắn là ông ta quý chúng mình lắm.

-Còn em – Juyli – em thấy là giọng nói của bá tước cứ như đi thẳng vào trái tim em và đã hai ba lần em có cảm giác không phải là lần đầu tiên em nghe thấy giọng nói đó.

§51. Cặp tình nhân bất diệt

Cửa ô thành Ônôrê, bên cạnh một tòa nhà lộng lẫy, trong một khu vườn rộng có nhiều cây dẻ rậm rạp, được bao bọc bằng những bức tường cao vút, như tường thành, và cánh cửa trông ra đường quanh năm đóng im ỉm. Khoảng giữa tòa nhà và khu vườn có một hàng rào để tránh người ngoài nhòm ngó vào nơi ở của một gia đình quý tộc. Phía cuối tòa nhà, sát vườn nơi có nhiều cành lá rậm rạp, có kê một cái bàn đá, xung quanh có ghế dùng làm chỗ ngồi chơi và đọc sách. Nơi ấy xa tòa nhà đến trăm bước, rất vắng vẻ và kín đáo.

Vào một buổi tối ấm áp của mùa xuân, người ta thấy trên bàn đá đặt một cuốn sách, một hộp đồ khâu và ở gần đó, phía hàng rào, một thiếu nữ đang nhìn, qua kẽ hở tấm liếp gỗ. Ngay lúc đó cánh cửa vườn khép lại, một thanh niên cao lớn vạm vỡ, đội chiếc mũ nhung và mặc chiếc áo bằng vải thô của người làm vườn, rón rén đi về phía hàng rào. Trông thấy người thanh niên, thiếu nữ khẽ kêu lên một tiếng rồi lùi lại phía sau.

-Valăngtin, em đừng sợ, anh đây mà!

-Ôi, anh Mắcximiliêng! Sao hôm nay anh đến muộn thế? Nhà sắp ăn cơm, em phải khôn khéo lắm mới tránh được con mắt cú vọ của mẹ ghe em, thằng con quỷ quái của bà ta cứ luôn quấy rầy em. Sao anh lại ăn mặc thế này?

-Valăngtin thân mến. Em nên hiểu rõ mối tình tha thiết của anh và nếu anh đã phải cải trang như thế này cũng chỉ vì em thôi. Vừa đây em có nói với anh, không hiểu tại sao bỗng dưng em đâm ra lo sợ như có một tai họa gì sắp xẩy ra, nên anh đã phải nghĩ cách thuê lại mảnh vườn này, dựng lên một túp lều để thỉnh thoảng được nhìn thấy em, bảo vệ em, bảo vệ tình yêu và hạnh phúc của chúng ta. Để tạ lại tấm lòng hy sinh cao cả của em, để đền đáp lại mối tình chân thật mà em đã dành cho anh, trong khi em đã khước từ ý định của ngài chưởng lý Đơ Vinlơpho, cha em ép phải kết hôn với nam tước Frăng Đêpinay, thì thử hỏi có việc gì mà anh không dám làm. Dù việc đó có gian nan, nguy hiểm đến mấy anh cũng không lùi bước.

-Đúng thế, – Valăngtin nói và thò một ngón tay búp măng của cô qua kẽ hở của hàng rào để anh thanh niên đặt lên đó một cái hôn – Anh quả là một con người lương thiện, một người bạn trung thành, một người yêu chung thủy. Nhưng chao ôi! Còn em, em chỉ là một cô gái bất hạnh, sống lẻ loi trong một gia đình hầu như hoàn toàn xa lạ, giữa một người cha nghiêm khắc khó mà lay chuyển, một người mẹ ghẻ ghen ghét, hiểm độc, chỉ yêu quý đứa con trai của mình.

-Tại sao bà ta lại ghen ghét em như vậy?

-Em phải thú thật với anh câu chuyện riêng trong gia đình. Gia sản của mẹ kế em chẳng có bao nhiêu còn gia sản của mẹ đẻ em để lại cho em rất lớn, cộng với

gia sản của hầu tước Xanh Mêrăng mà một ngày kia em sẽ được thừa hưởng, làm cho bà ta ghen tức lồng lộn lên. Ôi, lạy Chúa! Nếu em có thể cho hẳn bà ta một nửa để đổi lấy sự yên tĩnh trong tâm hồn em, em sẵn sàng cho ngay.

-Valăngtin, em không nên thất vọng và quá buồn phiền như vậy.

-Chao ôi! Nếu mẹ em còn sống, thấy em yêu anh là mẹ em ưng thuận ngay, vì ít ra bà ta là người đồng hương của anh. Nhắc đến Mácxây, em muốn hỏi anh câu chuyện này: trước kia giữa cha anh và cha em có điều xích mích với nhau không?

-Chả có gì va chạm nhau cả. Anh chỉ được biết là ngài Vinlơpho theo phái bảo hoàng, còn cha anh có cảm tình với Napôlêông. Sao em lại hỏi anh câu ấy?

– Thế này nhé, một hôm em đọc báo cho ông nội em nghe, cha em và nam tước Đăngla cũng ngồi gần đó, đang nói chuyện về đám cưới của chị Ơgiêni. Em đọc đến mục đưa tin anh được tặng thưởng Bắc đẩu bội tinh, em mừng quá đọc to lên cho mọi người nghe. Cha em liền hỏi anh có phải là con lão cuồng tín theo Napôlêông không, còn nam tước Đăngla mỉm cười mỉa mai, rồi hai người đứng dậy đi thẳng.

-Còn ông em, ông già Noachiê bị bại liệt bảo sao?

-Từ ngày ông em bị bại liệt, ông em không nói được nữa, chỉ ra hiệu. Em hỏi ông em có hài lòng về việc anh được thưởng Bắc đẩu bội tinh không, ông em tỏ ý bằng lòng ngay. Em hỏi ông em có đồng ý lời nói của cha em không, ông em không đồng ý.

-Lạ lùng quá nhỉ? Cha em lại hằn học với anh, còn ông nội em không quen biết anh thì lại ủng hộ anh.

-Suỵt – Valăngtin đột nhiên hốt hoảng ra hiệu – Em nghe có tiếng người, anh hãy lánh mặt đi.

Mắcximiliêng vội vàng vớ lấy chiếc cuốc, giả vờ bới đất, và nghe phía bên kia có tiếng người nói: -Thưa cô Valăngtin, bà nhà đang cho tìm cô khắp nơi. Mời cô về nhà có khách.

-Có khách à? – Valăngtin ngạc nhiên hỏi – Khách nào thế?

-Thưa cô, một Đức ông, bá tước Môngtơ Crixtô.

-Lạ thật – Mắcximiliêng nghĩ thầm – Bá tước Môngtơ Crixtô cũng biết ngài chưởng lý Vinlơpho à?

§52. Chất độc

Đúng là bá tước Môngtơ Crixtô đến thăm quan chưởng lý Đơ Vinlơpho để đáp lễ. Phu nhân đang ở trong phòng khách với cậu con trai Êđua. Sau những câu chào hỏi xã giao, bá tước hỏi thăm về ông Vinlơpho.

-Ấy, nhà tôi đi dự tiệc ở nhà quan chưởng ấn và rất tiếc không được đón tiếp ngài.

Nói xong, Vinlơpho phu nhân cho người đi gọi Valăngtin.

Một lát sau, thiếu nữ bước vào, vẻ mặt buồn rầu, mắt hãy còn ngấn lệ. Cô gái trạc mười chín tuổi, vóc người cao và mảnh, tóc màu nâu nhạt, cặp mắt xanh thẫm, nước da trắng mịn, có dáng đi nhẹ nhàng uyển chuyển của một cô gái quý tộc.

-Hình như tôi đã gặp cô ở đâu rồi thì phải? – Bá tước hỏi.

-Cháu có tính bẽn lẽn, ít khi ra ngoài lắm ạ – Phu nhân đỡ lời cô gái.

-À tôi nhớ ra rồi – Bá tước bóp trán có vẻ suy nghĩ. – Cách đây hai năm ở Ý tôi đã có dịp được gặp phu nhân và cô nương đây…

-Thưa bá tước – Valăngtin nói – Hồi đó thầy thuốc bảo là tôi yếu phổi, cần phải đi nghỉ ở Naplơ.

-Đúng rồi, ngày đó tôi ở chung với phu nhân trong một khách sạn. Phu nhân có nhớ hôm nói chuyện về thuốc men với một người lạ mặt không?

-Phải đấy, tôi có nhớ nói chuyện về tình trạng bệnh của Valăngtin với một ông thầy thuốc mặc áo choàng rộng.

-Người lạ mặt đó chính là tôi, vì tôi mách thuốc, có mấy người khỏi được bệnh nên họ gọi tôi là thầy thuốc. Nhưng thực ra tôi chỉ nghiên cứu về thuốc men và hóa chất.

Vừa lúc đó đồng hồ điểm sáu giờ, phu nhân bảo Valăngtin đi chuẩn bị bữa ăn cho ông lão Noachiê. Sau khi Valăngtin đi rồi, phu nhân nói: -Chao ôi! Ngài xem đấy, một ông già bất hạnh bị bại liệt, bây giờ chỉ còn là một linh hồn trong một xác chết rất đáng thương, như một ngọn đèn sắp tắt.

-Vâng, ngài Vinlơpho cũng đã nói cho tôi biết về chuyện này rồi.

-Lúc nãy – Phu nhân nói có vẻ ngập ngừng – ngài nói có nghiên cứu về hóa chất có phải không?

-Vâng, vì tôi có ý định muốn sống ở phương Đông nên tôi muốn theo gương vua Mitriaat mỗi ngày trộn một ít thuốc độc vào thức ăn.

Phu nhân bảo Êđua ra ngoài chơi, rồi khóa chặt cửa phòng lại, hỏi: -Thưa ngài, ngài nói thời vua Mitridat của ngày xưa, vậy phương pháp của ông ta có hiệu quả không ạ?

-Tôi tin là có, vì với phương pháp lấy độc trị độc của ông vua quá cảnh giác đó mà tôi đã hai ba lần thoát chết?

-Tôi nghe nói chất độc tác động vào cơ thể con người tùy theo tính tình và địa phương có phải không?

-Đúng đấy, tôi đã từng thấy người Nga ăn một số rau cỏ rất ngon lành, nhưng nếu người Ả Rập ăn vào thì lại chết ngay. Đó chỉ là một thói quen.

-Làm thế nào để thích nghi với các thói quen đó được?

-Dễ lắm, chỉ cần biết thứ thuốc độc nào người ta dùng để khử mình, như nhân ngôn chẳng hạn. Trong tháng đầu, mỗi ngày uống một miligam. Tháng thứ hai tăng lên hai miligam, tháng thứ ba lên ba miligam và liều lượng đó đủ làm chết một người không quen dùng. Những người Á Đông dùng thuốc độc với hai mục đích: một là để chữa bệnh, như thuốc phiện, cà độc dược, hoa nguyệt quế; hai là để trừ khử kẻ thù như lịch sử đã chứng minh.

-Vậy ư? – Vinlơpho phu nhân thốt lên, mắt long lanh – Người phương Đông quả là có nhiều sáng kiến trong cách giết người mà không bị tội. Về mặt tâm lý họ trội hơn hẳn chúng ta.

-Nhưng may mắn thay có lương tâm cứu vớt chúng ta, đồng thời phê phán chúng ta. Risa đệ tam, Hoàng hậu Macbơt, những kẻ giết con, chả đã bị lương tâm cắn rứt là gì?

-Thưa bá tước, ngài đã nhìn nhân loại qua cái nồi chưng cất. Ngài là một nhà hóa học đại tài và nếu không có lọ thuốc của ngài thì thằng con trai tôi đã khó lòng qua nổi tai biến vừa rồi.

-Thứ thuốc đó chỉ cần một giọt là có thể làm hồi sinh một người sắp chết, nhưng với ba giọt thì có thể làm ngất đi và với mười giọt là hồn lìa khỏi xác. Đó là một loại thuốc độc rất khủng khiếp!

-Thưa ngài, tôi dễ bị xúc động và lắm lúc gần như ngất đi. Tôi muốn xin ngài một ít để phòng xa vì những thứ thuốc mà bác sĩ cho tôi, tôi không thấy hiệu nghiệm gì.

-Vâng – Môngtơ Crixtô đứng lên – Tôi vui lòng biếu phu nhân một ít. Nhưng dùng nó phu nhân phải hết sức thận trọng vì khi pha vào rượu nó không làm biến chất rượu.

-Rất đội ơn bá tước, và bây giờ mời ngài ở lại dùng cơm với chúng tôi.

-Cám ơn phu nhân, tôi đã hẹn tối nay đưa một nàng công chúa Hy Lạp đi xem buổi biểu diễn nhạc kịch và công chúa hiện đang chờ tôi.

Nói xong, bá tước cúi chào và đi ra. Vinlơpho phu nhân suy nghĩ mơ màng lẩm bẩm: "Đúng là một con người kỳ dị!"

Còn về phần Môngtơ Crixtô kết quả đã vượt quá mong đợi Bá tước nghĩ thầm: "Đây là một mảnh đất tốt, hạt giống ta gieo xuống sẽ nẩy mầm ngay".

Sáng hôm sau, giữ đúng lời hứa, bá tước gửi cho Vinlơpho phu nhân thứ thuốc bà ta đã yêu cầu.

§53. Vở nhạc kịch

Tối hôm đó ở nhạc viện thành phố có buổi biểu diễn đặc biệt thu hút hầu hết giới thượng lưu của thủ đô. Như các thanh niên quý tộc khác, Anbe Đơ Moocxép có một lô dành riêng cho mình và Satô Rơnô chiếm một lô bên cạnh. Luyxiêng Đơ Bray được ông bộ trưởng nhường cho lô của ông, đã mời vợ chồng nam tước Đăngla và tiểu thư Ơgiêni đi dự. Nhưng Đăngla thuộc phe đối lập với bộ trưởng nên đã từ chối, chỉ để vợ và con gái đi. Bôsăng cũng có một lô dành riêng cho các nhà báo.

Trong màn đầu, khách xem còn vắng, vì hồi đó những người lịch sự có thói quen đến muộn. Đối với họ xem biểu diễn chỉ là phụ, còn để ngắm nghía nhau mới là chính. Anbe hỏi bạn: -Satô Rơnô này, cậu có nhìn thấy bá tước phu nhân người Ý mà tôi đã làm quen được ở Rôma không? Hôm nay cũng thấy bà ta có mặt ở trường đua.

-Đẹp lắm, cậu giới thiệu cho mình nhé.

-Được thôi.

-À, hôm nay ở trường đua có xảy ra một chuyện lạ lắm. Con ngựa về nhất tên là Văm pa, nhưng không ai biết chủ nó tên là gì.

Giữa lúc đó cửa lô của vị bộ trưởng mở ra, và Đăngla phu nhân, cô Ơgiêni và Luyxiêng đi vào. Phu nhân nhìn thấy Anbe khẽ gật đầu chào, còn Ơgiêni nhìn đi chỗ khác, Satô Rơnô thấy thế liền bảo: -Anbe ạ, tiểu thư Đăngla rất đẹp, nhưng hình như cậu có vẻ thờ ơ với cô ta thì phải. Tôi thì tôi không từ chối một vị hôn thê có vẻ đẹp như nữ thần Đian ấy.

-Cô ta đẹp thật đấy, nhưng chính vì giống nữ thần Đian nên tôi đâm sợ. Tôi ưa một vẻ đẹp hiền hậu, cổ điển hơn.

Đúng như Anbe nhận xét, Ơgiêni có một vẻ đẹp khác thường. Mớ tóc đen nhánh bồng lên với những làn sóng tự nhiên, cặp mắt đen lẩn dưới hàng mi cong và đôi lông mày thỉnh thoảng nhíu lại làm cho khóe mắt có vẻ cương quyết và cứng rắn. Cái mũi dọc dừa, cái miệng hơi rộng với đôi môi đỏ chót và hàm răng trắng đều, trên một khuôn mặt tái xanh có một nốt ruồi lớn ở dưới mép bên trái. Tất cả điều đó làm cho Anbe hơi rờn rợn. Vóc người cô cao khỏe vạm vỡ như nam giới và đồng thời cô còn hưởng được một nền giáo dục trọn vẹn. Cô biết hai ba ngoại ngữ, học vẽ, làm thơ và biết âm nhạc. Về nhạc, cô rất say mê và có hẳn một nữ gia sư có tài soạn nhạc tên là Luidơ Đácmêli vừa là người thầy vừa người bạn tâm giao của cô.

Khi màn hai vừa hết, Anbe keo Satô Rơnô đến lô của bá tước phu nhân người Ý, chứ không đến lô của nam tước phu nhân.

-Thưa bá tước phu nhân, tôi không ngờ lại được gặp phu nhân ở Pari này, và tôi xin giới thiệu với phu nhân người thanh niên quý tộc Satô Rơnô đây, hôm nay cũng đã được chiêm ngưỡng sắc đẹp của phu nhân tại trường đua.

-Tôi muốn đề nghị phu nhân cho biết chủ nhân con ngựa đã thắng cuộc hôm nay là ai? – Satô Rơnô hỏi.

-À, lạ lắm! Tôi trông thấy con ngựa đẹp, có cảm tình ngay và đánh cá một số tiền lớn. Lúc tôi về nhà, thấy có người mang đến tặng một cái bình bằng bạc và cho biết đó là giải thưởng của cuộc đua, kèm theo một mảnh giấy ký tên: Bá tước Môngtơ Crixtô.

-Bá tước hiện nay ở Pari – Anbe nói – Vừa mới rồi ông ta đã cứu sống hai mẹ con Vinlơpho phu nhân.

-Nhưng tôi có quen ông ta đâu và định gửi trả lại cái bình bạc.

-Vô ích, vì bá tước đến Pari để tiêu hết số tiền sáu triệu trong một tháng, và ông ta sẽ tặng lại phu nhân một viên ngọc trị giá gấp mấy lần cho mà xem.

Tiếng chuông báo hiệu màn tới sắp bắt đầu, hai chàng thanh niên vội từ biệt phu nhân trở về lô của mình, và thấy mọi người đang chăm chú nhìn vào lô sang trọng nhất dành cho các vị vương giả. Một người đàn ông đã đứng tuổi mặc lễ phục màu đen, vừa đi vào cùng với một thiếu nữ tuyệt đẹp ăn mặc theo kiểu Á Đông. Anbe giật mình: -Này cậu, bá tước Môngtơ Crixtô và cô gái Hy Lạp kia kìa!

Trong nhạc viện, tất cả các con mắt đều đổ dồn về phía cô gái ấy. Các bà, các cô trố mắt nhìn những chuỗi ngọc và kim cương lấp lánh trên người cô thiếu nữ ngoại quốc.

Đến giờ nghỉ, Anbe được báo là nam tước phu nhân Đăngla muốn gặp anh. Anbe vội chạy lại chào phu nhân cùng tiểu thư và bắt tay Luyxiêng. Luyxiêng nói: -Cậu Anbe này, phu nhân cứ căn vặn tôi mãi về bá tước Môngtơ Crixtô nhưng tôi chịu chết, có biết tung tích ông ta đâu mà nói. Cậu làm ơn giải thích dùm. Còn tôi, tôi chỉ biết ngài bá tước tung ra những viên kim cương như người ta rắc trấu ấy.

-Ông ta có một mỏ vàng sao? – Phu nhân nói – Lại còn có một tài khoản không hạn định ở ngân hàng của nam tước Đăngla nữa!

-Chuyện này tôi không rõ – Anbe đáp.

-Ông Luyxiêng – Ơgiêni hỏi – ông thấy cô gái Hy Lạp thế nào?

-Thưa tiểu thư, tuyệt đẹp – Luyxiêng cầm ống nhòm ngắm thiếu nữ, đáp – Cậu Anbe, cậu có biết cô ta là ai không?

-Hôm ăn tiệc ở nhà tôi, ông ta đã chẳng nói đó là một cô gái nô lệ ư?

-Trông cô ta như một công chúa trong truyện "Nghìn lẻ một đêm" – Phu nhân nói – Có phải không ông Luyxiêng?

-Còn bá tước – Luyxiêng nói – trông ông ta đẹp trai đấy chứ.

-Sao mặt ông ta lại tái nhợt một cách đáng sợ vậy – Ơgiêni hỏi.

-Đúng thế – Anbe trả lời – Bá tước phu nhân người Ý bảo ông ta là con quỷ hút máu người.

-Này cậu Anbe – Phu nhân bảo – cậu phải đưa chúng tôi đến giới thiệu với ngài bá tước bí mật của cậu đấy.

-Ồ, ông ta sẽ mò đến đây ngay bây giờ thôi mà. Kìa, ông ta chào phu nhân.

Nam tước phu nhân gật đầu đáp lễ và nở một nụ cười tươi thắm.

Sang màn thứ ba, bá tước Moocxép mới đến và đi vào lô của nam tước phu nhân. Môngtơ Crixtô nhìn thấy lão và mỉm cười. Vừa hết màn, Môngtơ Crixtô đến lô của nam tước phu nhân như Anbe đã đoán trước.

-Ngài bá tước – Phu nhân vui vẻ – tôi không thể quên được món quà mà ngài tặng tôi hôm trước, và mới đây lại cứu sống hai mẹ con Vinlơpho phu nhân, người bạn gái của tôi. Xin chân thành cám ơn ngài.

-Có gì đáng kể đâu – Bá tước đáp lại – Xin phép phu nhân cho được tự giới thiệu với tiểu thư Ơgiêni.

Rồi Môngtơ Crixtô nghiêng mình chào và Ơgiêni cũng cúi đầu đáp lễ.

-Thưa bá tước – Ơgiêni hỏi – thiếu nữ ngồi cạnh bá tước có phải là con gái của ngài không?

-Thưa tiểu thư, đó là một cô gái Hy Lạp mà tôi đỡ đầu.

-Cô gái Hy Lạp à? – Đơ Moocxép lẩm bẩm.

-Nghe nói ngài đã từng ở Hy Lạp và giúp quốc vương Ali Têbêlin thì phải?

-Vâng, tôi đã có thời kỳ làm cố vấn quân sự ở Janipa và khi quốc vương mất, ngài đã tặng tôi một số tiền rất lớn.

-Ngài trông cô gái kia thế nào? – Môngtơ Crixtô hỏi và bá vai Moocxép kéo y ra khỏi lô.

Giữa lúc đó Hayđê nhìn về phía lô của nam tước phu nhân, thấy đầu bá tước Môngtơ Crixtô sát vào đầu Moocxép.

Cô kêu lên một tiếng và ngả người trên ghế, mặt tái nhợt. Môngtơ Crixtô thấy thái độ hoảng sợ của Hayđê, vội từ biệt mọi người trở về lô chính. Hayđê nắm lấy cánh tay bá tước hỏi: -Người đứng cạnh Đức ông mới rồi là ai thế?

-Đó là Bá tước Đơ Moocxép, cố vấn quân sự của cha em đấy!

-Ôi, tên khốn kiếp – Hayđê kêu lên – Chính nó là tên phản bội đã bán rẻ tính mạng của cha em cho quân Thổ Nhĩ Kỳ và nó đã làm giàu trên xương máu của đồng bào em.

-Ta cũng nghe thấy vài câu chuyện về điều đó, nhưng chưa biết hết chi tiết. Ta về đi thôi, em sẽ kể ta nghe, có lẽ có nhiều điều hay.

-Vâng, vâng, ta về đi thôi. Phải ngồi trước mặt tên này em không thể chịu được.

Hayđê vội vã đứng dậy, khoác áo lên vai, mở cửa lô bước ra ngoài.

Nữ bá tước người Ý nói với Anbe: -Con người lạ lùng này đã nghiêm chỉnh ngồi xem tới màn ba, thế mà màn bốn vừa bắt đầu lại bỏ về.

§54. Thị trường lên xuống

Vài ngày sau, Anbe dẫn Luyxiêng đến thăm bá tước Môngtơ Crixtô. Luyxiêng được Đăngla phu nhân giao cho việc đến dò xét cách ăn ở của vị bá tước đã làm giới quý tộc ở Pari phải xôn xao vì có một cô gái Hy Lạp tuyệt đẹp luôn ngồi bên cạnh trong nhạc viện, lại thêm việc cô ta đeo châu báu đầy người làm cho các bà, các cô không tránh khỏi ghen tị.

Bá tước niềm nở tiếp hai chàng thanh niên trong tòa nhà lộng lẫy như một lâu đài. Bá tước hỏi Anbe: -Ông vẫn giao tiếp mật thiết với nam tước Đăngla đấy chứ?

-Như tôi đã có lần thưa với bá tước, tôi phải tuân theo ý muốn của cha tôi, vì cha tôi và nam tước trước đây đã từng có thời kỳ cùng phục vụ triều đình Tây Ban Nha, và cùng làm nên sự nghiệp hiển hách về hai mặt kinh tế và chính trị.

-Phải, tôi đã được nam tước nói cho biết và cô Ơgiêni xinh đẹp như thế thật là xứng với ông.

-Nhưng tôi lại không ưa ve đẹp của cô ta. Hơn nữa, số tài sản của gia đình cô ta làm tôi hoảng sợ.

-Gia đình ông thì cũng chẳng kém gì, lại đứng hàng đầu giới quý tộc.

-Số lợi tức đồng niên mà cha tôi dành cho tôi chẳng có là bao, ngoài ra còn có một cản trở về phía mẹ tôi.

Anbe vừa nói vừa nhìn trộm Luyxiêng, nhưng anh ta còn đang bận giở một tập ảnh ra xem nên có vẻ không chú ý tới câu chuyện. Anbe nói tiếp: -Tôi thực không hiểu tại sao mẹ tôi lại có vẻ không ưa nam tước Đăngla, và còn ghê sợ là khác, nên tôi đã xin hoãn cuộc hôn nhân hai tháng. Tôi rất phân vân về chuyện này và thèm khát cuộc sống tự do, thoải mái của ông.

-Có ai ngăn cản sự tự do của ông đâu – Bá tước mỉm cười nói và lảng sang chuyện khác nên quay lại hỏi Luyxiêng. Luyxiêng đang cầm một cuốn sổ và bút chì trong tay: -Thế nào, ông Luyxiêng đang tính toán gì đấy?

-Tôi đang làm mấy con toán để tính ra rằng nam tước Đăngla vừa kiếm được ở thị trường Tahiti cao vọt, một số tiền lời là ba mươi vạn bảng Anh.

-Có thấm vào đâu – Anbe nói – Đầu năm nay, ông ta kiếm được một triệu về phiếu quốc trái ở Tây Ban Nha.

-Nhưng công việc làm ăn chẳng khác gì đánh bạc. Luyxiêng nhìn bá tước nói – Hôm qua ông ta bán một số cổ phiếu bị sụt một cách tai hại, và chỉ trong một ngày đã lỗ mất hai mươi vạn frăng.

-Tôi không thạo lắm về thị trường hối đoái – Bá tước nói – và chả biết nó lên xuống ra sao.

-Có gì lạ đâu – Luyxiêng mỉm cười trả lời – Nó như nước thủy triều. Nhưng lần này chỉ tại Đăngla phu nhân thôi. Bà ta ham ăn quá!

-Cậu có uy tín lớn với bà ta – Anbe nói – sao không khuyên can bà?

-Ai còn lạ gì tính độc đoán của bà ta nữa? Đến ngài nam tước cũng phải đầu hàng nữa là.

Nói xong Luxiêng lấy cớ thấy khó chịu trong người, thoái thác từ biệt bá tước ra về. Bá tước tiễn anh ta ra cửa rồi quay vào hỏi Anbe: -Lúc nãy ông nói mẹ ông ngăn cản cuộc hôn nhân của ông?

-Tôi thú thật với ông như thế, và cũng vì vậy mẹ tôi rất ít lại chơi đằng nhà nam tước phu nhân; do đó bà ta cũng chỉ mới lại nhà tôi có hai lần.

-Nếu vậy, nay mai tôi dự định mở một cuộc tiếp khách tại ngôi nhà nghỉ mát của tôi ở Ôtơi. Sẽ mời ông bà chưởng lý Vinlơpho, gia đình nam tước Đăngla và gia đình ông, coi như tôi đóng vai hòa giải. Chỉ sợ bá tước phu nhân từ chối. Về phía tôi, ông nói hộ với thân mẫu ông là tôi lúc nào cũng muốn gây được cảm tình với bá tước phu nhân.

-Nếu vậy, tôi có thể thưa thật với bá tước, là bá tước đã chiếm được cảm tình đó rồi.

-Thật vậy ư? – Bá tước có vẻ chăm chú hỏi.

-Chắc chắn là như vậy. Hôm vừa rồi, sau khi bá tước ở nhà tôi về, mẹ tôi có hỏi rất nhiều về bá tước và xem ra mẹ tôi có vẻ chú ý đến bá tước lắm. Bá tước định tổ chức cuộc tiếp khách vào hôm nào?

-Thứ bảy này.

-Hôm nay mới có thứ ba, có lẽ không kịp rồi, vì tối mai tôi phải đưa mẹ tôi đi nghỉ mát ở Trêpô. Hay thế này vậy, tối nay mời bá tước lại ăn cơm với chúng tôi, chỉ có mẹ tôi ở nhà, cha tôi vắng vì đi ăn cơm khách. Bá tước sẽ có nhiều thì giờ kể cho mẹ tôi nghe những chuyện ngao du của bá tước mà mẹ tôi rất thích nghe.

-Cám ơn ông rất nhiều, nhưng tối nay tôi không được rảnh.

-Lần này là lần thứ hai bá tước từ chối không ăn cơm với chúng tôi rồi. Thật lạ quá!

Bá tước rùng mình: -Không có gì đâu! Chả là năm giờ chiều nay tôi có khách: Thiếu tá Cavancăngty và cậu con trai.

-Thiếu tá là bạn cũ của bá tước à?

-Ông ta là một nhà quý tộc lâu đời ở Ý, đến Pari có việc riêng, tôi có nhiệm vụ phải giúp đỡ ông ta.

-Nếu vậy xin tạm biệt bá tước, chủ nhật này chúng tôi sẽ trở về. A! tôi vừa mới nhận được thư của Frăng.

-Ông ấy ở Ý có thú vị không?

-Trái lại, cậu ấy kêu rất buồn vì thiếu ông.

-Tôi thấy ông Frăng thật là đáng mến. Có phải ông ta là con tướng Đêpinay, người bị phe thân Bônapác ám sát năm 1815 không? Và tôi nghe nói ông ta đã đính hôn với tiểu thư Valăngtin Đơ Vinlơpho có đúng không?

-Đúng thế – Anbe mỉm cười – Cũng như tôi với tiểu thư Đăngla. Toàn những chuyện cưới xin. Nếu cậu ấm của ngài Cavancăngty muốn tìm một vị hôn thê thì ông cứ bảo tôi, tôi sẽ giúp một tay.

-Có thể lắm – Bá tước cười rồi tiễn Anbe ra cửa.

Bá tước gọi lão quản gia bảo: -Ông Bectuyxiô, năm giờ chiều nay ông sửa sang ngôi nhà nghỉ mát của tôi ở Ôtơi để đến thú bảy này tôi sẽ mở cuộc tiếp khách. Ông phải thay tất cả rèm cửa, trừ phòng ngủ ra và không đụng chạm gì đến khu vườn cả.

-Tôi sẽ cố gắng làm vừa lòng người.

Nói xong, viên quản gia trung thành cúi đầu chào rồi đi ra.

§55. Thiếu tá Cavancăngty

Chuông đồng hồ vừa điểm bảy tiếng, một cỗ xe ngựa đã đỗ ngay trước cửa nhà bá tước Môngtơ Crixtô. Một người khoảng trên năm mươi tuổi bước xuống xe. Ông ta mặc chiếc áo đuôi tôm màu xanh lá cây, quần màu lơ, chân đi ủng da láng, tay đeo găng tay trắng, đầu đội mũ kiểu nhà binh. Mớ tóc trắng phủ trên bộ mặt xương xương điểm hàng râu rậm và xám xịt.

Người hầu đưa ông vào phòng khách. Bá tước ra đón bằng nụ cười vui vẻ: -Xin kính chào thiếu tá Cavancăngty, tôi đang chờ ngài đây.

-Tôi rất hân hạnh được gặp bá tước. Trước đây tôi làm công ở Áo nay đã về hưu. Vị linh mục Buxôni tốt bụng đã giới thiệu tôi với ngài và bức thư người gửi cho ngài, tôi cầm theo đây.

Bá tước đón bức thư, đọc xong, hỏi khách: -Thiếu tá thuộc dòng dõi đại quý tộc ở Luccơ, có số lợi tức hàng năm là năm mươi vạn đồng và nguyện vọng duy nhất là tìm được đứa con trai bị mất tích?

-Vâng, cháu nó bị bọn Bôhêmiêng bắt cóc từ lúc lên năm tuổi – ông già nhìn bá tước, thở dài, lo âu.

-Và trong thư vị linh mục có nói thêm nhờ tôi tạm ứng cho thiếu tá bốn mươi tám ngàn frăng để chi dùng.

-Dạ, vị linh mục là một người rất chu đáo, sợ tôi không quen biết ai ở Pari, có thể gặp khó khăn chăng?

-Mời thiếu tá uống với tôi cốc rượu cho ấm bụng.

Bá tước kéo chuông gọi đầy tớ. Người hầu bước vào, ghé tai bá tước nói nhỏ: -Thưa bá tước, tôi đã để chàng thanh niên ngồi chờ ở phòng khách nhỏ theo lệnh của bá tước.

-Tốt lắm. Anh đi lấy cho tôi chai rượu quý và bánh bích quy.

Một lát sau, người hầu phòng trở vào, tay bưng một chiếc khay đầy rượu và bánh, đặt lên bàn rồi đi ra.

Ông già nhấm nháp cốc rượu có vẻ thích thú, cắn một miếng bánh rồi nói bằng giọng buồn rầu: -Hạnh phúc của đời tôi lúc này chỉ còn trông vào đứa con trai bất hạnh đó.

-Tôi nghe nói là thiếu tá chưa có vợ kia mà! Đứa con này là thế nào?

-Dạ, đó là một sự lỡ tâm của tôi thời niên thiếu. Tôi đã giấu kín chuyện này với mọi người, tôi xin thú thật với bá tước như vậy.

-Mẹ nó là ai?

-Nữ hầu tước Ôliva, thuộc gia đình quý tộc lâu đời ở Ý. Mặc dù bị gia đình ngăn cản, chúng tôi đã lén lút kết hôn với nhau. Đây là giấy khai sinh của cháu Angđrê và giấy chứng nhận cháu đã được rửa tội.

-Nữ hầu tước, mẹ của cháu, còn sống không?

-Chao ôi, chết đã mười năm nay rồi – ông già lấy khăn chùi nước mắt.

-Tôi cho là cháu không bị bọn Bôhêmiêng bắt cóc đâu, mà bị gia đình nữ hầu tước muốn làm thiếu tá phải tuyệt tự để trả thù đấy thôi.

-Đúng là như vậy, vì cháu là con một.

-Bây giờ tôi muốn dành cho thiếu tá một bất ngờ thú vị. Thiếu tá có biết cháu Angđrê hiện nay ở đâu không? Thiếu tá đoán thử xem.

-Tôi đoán là – ông già nhìn bá tước và thản nhiên đáp – nó ở đây phải không?

-Không thể nào giấu được con mắt của một người cha! Đúng, nó đang ở ngay trong nhà tôi đây. Lúc nãy người hầu phòng đã vào báo cho tôi biết.

-Hay lắm! Hay lắm! – Thiếu tá kêu lên.

– Lát nữa tôi sẽ cho hai cha con gặp nhau. Anh ta là một thanh niên đẹp trai, tóc vàng, vẻ người hào hoa, phong nhã, rồi thiếu tá sẽ thấy… ngài Bây giờ thiếu tá hãy cầm tạm lấy tám nghìn frăng để tiêu vặt.

-Có cần phải viết giấy biên nhận không?

-Chả cần, linh mục Buxôni rất tin tôi. Tôi chỉ mong thiếu tá một việc là thiếu tá nên cởi bỏ chiếc áo lễ đã lỗi thời đang mặc, thay bằng một bộ quân phục và đeo đầy đủ những huân chương và huy chương như một ngày đại lễ. Thiếu tá hãy chuẩn bị để đón tiếp đứa con thân yêu.

Nói xong, bá tước Môngtơ Crixtô cúi đầu chào thiếu tá Cavancăngty rồi tủm tỉm cười, đi ra.

2014

§56. Angđrê Cavancăngty

Bá tước Môngtơ Crixtô bước sang phòng bên cạnh, một phòng khách nhỏ màu xanh. Trước đó nửa giờ, người hầu phòng đã đưa vào đây một thanh niên tóc vàng, mắt đen, da trắng hồng hào, vóc người cao đẹp. Bá tước vào, thấy anh ta đang nằm dài trên tràng kỷ, lơ đễnh cầm cái roi song đập đập vào đôi ủng. Nhìn thấy bá tước, anh ta vội đứng lên, cúi đầu chào: -Ngài là bá tước Môngtơ Crixtô?

-Phải, còn anh là tử tước Angđrê Cavancăngty?

-Vâng, tôi được một người giới thiệu với ngài, và người đó có một cái tên rất kỳ quặc: "thủy thủ Xim bát", như trong câu chuyện "Nghìn lẻ một đêm".

-Người đó là bạn thân của tôi, một người Anh, hơi loạn óc tên thật là hầu tước Uynmo. Bây giờ anh cho tôi biết về anh và gia đình anh.

-Tôi là tử tước Angđrê Cavancăngty – Anh thanh niên trả lời như một cái máy – con thiếu tá Bactôlômô Cavancăngty, thuộc dòng dõi quý tộc Florăngxơ ở Ý. Gia đình chúng tôi giàu có, cha tôi có một số lợi tức hàng năm là nửa triệu đồng. Nhưng chẳng may khi tôi lên năm tuổi thì bị người bắt cóc, thành thử từ mười lăm năm nay, cha con tôi không được gặp nhau. Bản thân tôi, từ lúc lớn lên, cũng gắng đi tìm cha nhưng không kết quả. Rồi một hôm, nhận được thư của thủy thủ Ximbát nói là cha tôi hiện ở Pari, nên tôi đến đây để nhờ ngài giúp đỡ.

-Đúng thế – Bá tước nhìn vẻ mặt thản nhiên của anh thanh niên và bảo – Tôi đã làm đúng yêu cầu của bạn tôi là thủy thủ Ximbát, và xin báo để anh biết là cha anh hiện đang ở đây và đang chờ anh.

Anh thanh niên nhẩy cẫng lên, reo to: -Cha tôi? Cha tôi hiện ở đây?

-Phải, thiếu tá Cavancăngty, cha anh hiện đang ở đây. Ông ta vừa cho tôi biết là ông ta nhận một bức thư báo tin anh đang ở biên giới Ý và đòi phải chuộc với một số tiền khá lớn. Cha anh đã gửi đủ số tiền cho những người bắt anh, kèm theo một tấm hộ chiếu hợp lệ để anh trở về đất Pháp, có phải thế không?

-Vâng, thưa ngài đúng thế. Một cỗ xe ngựa đã đưa tôi từ biên giới Ý về Pháp và tới Pari. Không rõ hầu tước Uynmo có nói gì về tôi không?

-Hầu tước có cho tôi biết là thời niên thiếu của anh cũng sóng gió lắm, nhưng điều đó chẳng liên quan gì đến tôi, anh không cần phải nhắc lại. Chủ yếu là anh sẽ được gặp cha anh, một ông già kiểu cách hơi cứng nhắc, do thói quen của một quân nhân đã phục vụ lâu năm trong quân đội. Nói tóm lại, ông là một người cha khá chu đáo đối với anh.

-Tôi đã phải xa nhà khá lâu năm cho nên chẳng biết tính tình của cha tôi ra sao. Cha tôi có nhiều tiền của không ạ?

-Ông ta sống rất dễ chịu, anh đừng lo. Trong thời gian anh ở Pari anh được hưởng một số lợi tức là năm mươi ngàn frăng mỗi năm, tha hồ tiêu xài.

-Như vậy tôi có thể ở lại đây suốt đời được. Cha tôi ở lại đây có lâu không?

-Chừng năm bảy hôm thôi vì công việc không cho phép.

-Ôi cha thân yêu – Anh thanh niên thốt lên có vẻ thú vị.

-Bây giờ anh đi sang phòng bên cạnh đây. Cha anh đang chờ anh ở đó.

Angđrê cúi rạp người xuống chào bá tước rồi đi sang phòng khách. Bá tước Môngtơ Crixtô nhìn theo Angđrê đang bước ra khỏi phòng giấy, rồi khép cửa lại. Một lát sau bá tước ra đứng trước cửa sổ nhìn xuống sân thì thấy hai người đang bước ra khỏi nhà, khoác vai nhau như cha con thực sự. Bá tước lắc đầu nói một mình. "Đúng là hai tên khốn kiếp, miễn là chúng thực hiện đúng vai trò mà ta đã sắp xếp". Rồi một lúc sau, khi có những ý nghĩ không vui ập đến, bá tước lại nói tiếp một mình: "Thôi ta đến gia đình Moren. Chán chường đã làm ta đau lòng hơn cả hận thù".

§57. Khu vườn trống

Mắcximiliêng đến khu vườn trống cạnh tòa nhà quan chưởng lý Đơ Vinlơpho, đứng sau tấm hàng rào sắt được các cây dẻ che lấp. Lần này anh đến sớm hơn và ghé mắt qua kẽ hở những tấm ván gỗ. Một lát sau, có tiếng động bên trong và anh thấy bóng hai cô gái tới gần. Đó là Valăngtin và Ơgiêni đi theo Đăngla phu nhân đến chơi nhà Vinlơpho phu nhân. Hai cô di qua trước mặt anh. Valăngtin mắt nhìn đăm đăm vào hàng rào dường như muốn nói: "Anh chờ em một lát, đừng có nóng ruột".

Anh thanh niên cũng thông cảm sự chậm trễ của người yêu, chỉ khẽ thở dài rồi ngắm nhìn hai thiếu nữ mỗi cô một vẻ. Một cô thì tóc vàng, cặp mắt mơ mộng, người mảnh dẻ, còn một cô thì tóc đen, cặp mắt cương nghị và thân hình cứng cáp. Hai cô khác nhau về thể xác và cả về tâm hồn. Nếu phải lựa chọn, tất nhiên anh sẽ ngả về Valăngtin.

Hai thiếu nữ đi bách bộ và nói chuyện với nhau vào khoảng nửa giờ, rồi Valăngtin đưa Ơgiêni vào nhà. Một lát sau Valăngtin trở lại một mình và chạy vội đến chỗ hẹn.

-Anh Mắc, em xin lỗi đã làm anh phải chờ lâu quá. Bây giờ họ mới đi cho.

-Em có vẻ thân thiết với Ơgiêni lắm nhỉ?

-Cô ta thường hay tâm sự với em là cuộc hôn nhân của cô ta với tử tước Đơ Moocxép làm cô ta kinh tởm. Còn em cũng thổ lộ với cô ta là cuộc hôn nhân với Frăng Đêpinay làm em hoảng sợ.

-Em đáng yêu quá, và hơn nữa em lại rất có duyên, cái mà Ơgiêni không có, cũng như mùi thơm của bông hoa, vị ngọt của trái cây. Anh thú thật với em là mặc dù Ơgiêni cũng rất đẹp nhưng anh không hiểu tại sao người ta lại có thể mê cô ta được.

-Anh nhận xét người quá khắt khe đấy. Có lẽ tình yêu đã làm anh thiên vị.

-Cô Ơgiêni có người yêu nào khác không?

-Cô ta nói chung chẳng yêu ai cả và không muốn lấy chồng. Cô ta muốn được sống tự do, tự lập và nguyện sẽ trở thành một nghệ sĩ như người bạn gái Luidơ Đácmêli.

-Còn anh, anh sẽ yêu em suốt đời, trong bất cứ hoàn cảnh nào, dù em có của hay nghèo hèn. Ngày nào mà anh còn sống, anh vẫn sẽ là người chồng duy nhất của em… À, anh muốn nói là hôm vừa rồi Anbe có nhận được thư của Frăng báo tin nay mai sẽ trở về Pari.

Valăngtin tái mặt, nhìn vào hàng rào: -Anh ạ, em rất ngạc nhiên là bà mẹ kế của em hình như cũng không tán thành cuộc hôn nhân của em với Frăng.

-Có thể vì bà ta không ưa Frăng.

-Không phải thế, mà vì một lý do khác. Có lần em có ý định vào nhà tu kín, bà ta có vẻ mừng nhưng ông em không ưng ý. Ông em nhìn em bằng con mắt van lơn, và em biết là ông già đáng thương đó yêu quý em nhất đời. Em hối hận quỳ xuống chân ông, em xin lỗi và hứa không bao giờ xa ông em cả. Thế là ông em ngước mắt lên trời như để cám ơn Thượng đế.

-Thế tại sao Vinlơpho phu nhân không muốn em lấy chồng?

-Đã có lần em nói với anh là em thừa hưởng gia tài của mẹ em và của ông bà ngoại em nữa. Cả ông nội em cũng có ý định sẽ cho em là người thừa kế duy nhất. Vì vậy, thằng Êđua, con trai của bà mẹ kế em, chả có của cải gì. Nó được bà ta yêu quý và mong em đi tu để số gia tài của em sẽ chuyển sang tay nó. Em cũng muốn san sẻ cho nó một nửa gia tài của em, nhưng ngoài mặt bà ta vẫn làm ra vẻ hờ hững với ý muốn của em.

-Em có tấm lòng hy sinh cao cả. Mối tình của anh với em hoàn toàn được giấu kín, không ai biết. Ngoài em ra chỉ có một người nữa có thể hiểu được anh, một con người kỳ dị mà mới gặp anh đã có cảm tình ngay.

-Người đó là một ông thánh sao?

-Chính em cũng đã biết ông ta, người cứu mạng hai mẹ con Vinlơpho phu nhân.

-Bá tước Môngtơ Crixtô! Hèn nào Vinlơpho phu nhân không ngớt lại ca ngợi ông ta là một người tài cao, học rộng và cha em cũng phải thừa nhận bá tước là một nhà triết học uyên thâm. Ngay thằng Êđua cũng phải kiêng sợ cặp mắt đen láy của ông ta. Nhưng đối với riêng em, ông ta có vẻ lạnh nhạt thế nào ấy. Nếu quả ông ta là người rộng lượng, sao thấy em buồn phiền, cô đơn, ông ta không rủ lòng thương hại, giúp đỡ em, sưởi ấm lòng em bằng tia nắng kỳ diệu của trái tim mình?

-Em yêu dấu, có lẽ em hiểu lầm về ông ta đấy. Đối với anh thì khác. Từ ngày gặp ông ta, một tiếng nói thầm kín dường như báo trước cho anh là cuộc gặp gỡ với ông không phải ngẫu nhiên, và anh có cảm giác tình bạn đó sẽ mang lại cho anh nhiều điều tốt đẹp. Một bằng chứng là thứ bảy này, ông ta sẽ mở một cuộc tiếp khách, có mời cả ông bà Vinlơpho. Có thể là bá tước đã nhìn sâu vào tư tưởng anh và muốn anh được tiếp xúc với ông Vinlơpho. Một bằng chứng nữa là có một hôm anh trông thấy một con ngựa rất đẹp, nhưng giá lại quá đắt. Anh đang do dự thì tối hôm đó một người bạn đến chơi, rủ anh đánh bạc. Anh không thích chơi bạc nhưng vì nể bạn cũng đành phải ngồi xuống chơi. Được một lát, bá tước Môngtơ Crixtô đến. Anh liền mời ông ta đánh bài. Đến nửa đêm ông ta thua năm ngàn frăng và anh được, thế có sướng không? Anh chạy đến nhà người bán ngựa trả tiền rồi đem ngựa về. Anh cho là ông ta thấy anh đang ao ước có được con ngựa đẹp nên đã cố ý thua để anh có tiền mua ngựa, có phải thế không nào?

-Anh thật là người giàu óc tưởng tượng, đúng ra… Ồ, anh có nghe thấy gì không? Hình như có ai đang gọi em?

-Ôi, Valăngtin của anh! Em đưa cho anh ngón tay nhỏ bé của em nào.

Valăngtin ngoan ngoãn đưa cả bàn tay trắng muốt và mềm mại của cô qua kẽ hở của tấm liếp. Mắcximiliêng sung sướng ngất ngây vội đặt lên đó một cái hôn nồng cháy làm Valăngtin phải hoảng sợ trước tấm lòng cuồng nhiệt này.

§58. Noachiê Đơ Vinlơpho

Hai vợ chồng Vinlơpho bước vào căn buồng của người cha, và sau khi bảo người lão bộc Baroa đi ra, họ ngồi xuống bên cạnh ông già bại liệt. Ông Noachiê ngồi trong một chiếc ghế lăn đặt trước một tấm gương lớn phản chiếu toàn bộ căn buồng, và với tư thế đó, mặc dù không cử động được, ông già cũng có thể nom thấy những người ra vào và làm gì xung quanh. Ông già ngồi cứng đờ như một cái xác chết, nhưng ông vẫn nhìn con trai và con dâu bằng đôi mắt còn rất tinh khôn. Cả hai chào ông một cách rất trang trọng, báo hiệu một sự kiện bất thường sắp xảy ra.

Trong cái thể xác đã bị hủy diệt ba phần tư ấy của ông già chỉ còn có đôi mắt và đôi tai là như hai đốm lửa lóe lên từ cõi xa xăm đen tối, dường như muốn nói với khách bộ hành bị lạc trong sa mạc rằng một con người hãy còn sống sót trong cảnh hoang vu, lặng lẽ.

Trong đôi mắt đen, nằm dưới mớ tóc trắng xóa, dài chấm vai, đã tập trung tất cả cái năng lực, cái minh mẫn, cái tài năng còn lại của thể xác và tâm hồn, dùng để thay thế những giác quan đã mất. Không có gì đáng sợ bằng đôi mắt sinh động trong bộ mặt bất động. Khi đôi mắt ấy ánh lên sự căm héờn hay mừng rỡ, thì chỉ có ba người là: Valăngtin, Vinlơpho và lão bộc Baroa có thể hiểu được tiếng nói kỳ dị đó. Vì Vinlơpho hãn hữu lắm mới đến gặp cha, nên ông già chỉ yêu quý có một mình cháu gái Valăngtin, vì cô tượng trưng cho sự hy sinh, tận tụy, kiên trì và lòng thương yêu. Nhờ đó, cô ta thông hiểu được thứ ngôn ngữ thầm lặng và khó khăn của ông già. Còn người lão bộc đã làm việc hai mươi lăm năm với chủ nên biết rõ những thói quen của ông già Noachiê, chẳng cần ông già phải bảo ban gì.

-Thưa cha – Vinlơpho nói – bây giờ chỉ còn vợ chồng con trong phòng, con muốn thưa với cha một chuyện chắc là cha sẽ đồng tình.

Mặt ông già vẫn không biến sắc và đôi mắt vẫn lờ đờ, bất động. Vinlơpho nói tiếp: -Chúng con muốn gả chồng cho cháu Valăngtin và hôn lễ sẽ cử hành trong ba tháng nữa.

Đôi mắt của ông già vẫn bất động, không biểu lộ một sự hưởng ứng nào. Vinlơpho phu nhân tiếp lời: -Con nghĩ rằng cuộc hôn nhân này sẽ có lợi cho cha vì cha rất yêu quý Valăngtin. Hơn nữa, vị hôn phu của cháu lại là người có của, có danh vọng, có tài ba, đức hạnh là Frăng Kêne, nam tước Đêpinay là người thế nào chắc cha cũng đã biết rõ.

Khi nghe đến tên đó, đôi mắt ông già mở to, mi mắt chớp chớp, dường như cặp môi mấp máy muốn thốt nên lời.

Nhìn thấy sự bối rối và xúc động của cha, Vinlơpho nói thêm: -Cháu Valăngtin vừa đúng mười chín tuổi, đến tuổi lập gia đình rồi. Cháu rất quý mến ông, không muốn sống xa ông nên đã yêu cầu chồng chưa cưới đến sống chung với ông. Nhờ đó, ông không phải chỉ có một, mà là hai người để chăm sóc, hầu hạ ông.

Đôi mắt của ông già như muốn nẩy lửa, rồi một tiếng kêu đau đớn và giận dữ như muốn thoát ra khỏi cuống họng, nhưng vì bị kìm hãm nên làm cho bộ mặt ông đỏ gay, đôi môi tím bầm. Vinlơpho đứng lên thưa tiếp: -Cuộc hôn nhân này sẽ làm vừa lòng Frăng và gia đình anh ta. Vả lại, anh ta chỉ còn một ông chú và một bà thím. Mẹ anh chết sớm, cha anh bị ám sát từ năm 1815 mãi cho đến nay vẫn chưa tìm ra thủ phạm – Vinlơpho hình như đã đoán ra được ý nghĩ của ông già qua cặp mắt hoảng sợ của ông nên y nói tiếp – Những kẻ đã nhúng tay vào vụ án bí mật này chưa bị Thượng đế và con người trừng phạt, có lẽ rất sung sướng khi đứng vào địa vị chúng ta đem con gái gả cho Frăng Đêpinay để đánh lạc hướng mọi nghi vấn.

-Phải, ta cũng hiểu như thế – Đôi mắt miệt thị và tức tối của ông già dường như muốn nói lên điều đó.

Vinlơpho nhún vai, bảo vợ đứng lên. Vinlơpho phu nhân nói: -Bây giờ chúng con xin từ biệt cha, cha có muốn cho cháu Êđua đến chúc sức khỏe cha không?

Ông già nháy mắt, tức là không ưng thuận.

-Vậy con sẽ bảo Valăngtin đến với cha.

Ông già nhắm mắt, tức là ưng thuận.

Hai vợ chồng Vinlơpho cúi đầu chào rồi đi ra và cho người đi gọi Valăngtin. Thiếu nữ chạy vào phòng hãy còn xúc động. Chỉ cần nhìn thấy đôi mắt ông già là cô đoán được ngay tình hình ra sao. Cô hỏi ông: -Ôi, ông thân yêu, có phải cha và mẹ ghẻ cháu vừa nói chuyện với ông về việc hôn nhân của cháu không?

Đôi mắt ông già nói: phải.

Valăngtin quỳ xuống ôm cổ ông già, nũng nịu: -Cháu không ưa anh chàng ấy đâu.

Đôi mắt ông già ánh lên một nét vui mừng và ngước lên trời, tức là muốn gì. Valăngtin bèn dùng cách đối thoại quen thuộc giữa hai người, nghĩa là cầm một tờ giấy có viết những chữ cái rồi chỉ vào từng cho một, chữ nào đúng, ông già liền nhắm mắt lại. Sau một lúc cô đã ghép được chữ quản khế.

-Ông muốn viết chúc thư sao? – Valăngtin hỏi.

-Phải – Đôi mắt trả lời.

Valăngtin kéo chuông gọi người lão bộc bảo đi gọi ông bà Vinlơpho. Khi Vinlơpho bước vào phòng, Valăngtin thưa: -Thưa cha, ông muốn cho mời người quản khế đến.

Vinlơpho ngạc nhiên nhìn cha, nhưng đôi mắt của ông già vẫn bất động, có vẻ cả quyết.

Baroa, người lão bộc trung thành lúc nào cũng muốn làm vui lòng chủ, nói: - Nếu đó là ý muốn của cụ, tôi sẽ đi một người quản khế.

§59. Chúc thư

Nửa giờ sau, người lão bộc trở về, theo sau là ông quản khế.

-Thưa ngài – Vinlơpho nói – cha tôi cho mời ngài đến có việc. Nhưng khốn thay, người bị bại liệt toàn thân, không cử động và cũng không nói được. Ngay chính chúng tôi cũng phải khó khăn lắm mới hiểu nổi một số ý nghĩ của người.

Ông già Noachiê nhìn Valăngtin bằng con mắt cầu cứu, cô hiểu và vội nói ngay: -Riêng tôi, tôi hiểu được ông tôi muốn nói gì.

-Xin ngài và tiểu thư cho phép tôi được phát biểu, với tư cách là một công chức ngành tư pháp, tôi phải thừa hành nhiệm vụ của tôi rất thận trọng và có một trách nhiệm vô cùng nặng nề đối với những văn bản mà tôi thảo ra. Tôi e rằng nếu cụ nhà không biểu lộ được sự đồng ý hoặc không đồng ý thì văn bản của tôi sẽ trở thành bất hợp pháp.

Nói xong, ông quản khế định rút lui. Điều đó làm Vinlơpho mỉm cười đắc thắng. Noachiê lại đưa mắt nhìn cháu gái, Valăngtin liền đứng ra cản đường ông quản khế, rồi cô nói: -Thưa ngài, thứ ngôn ngữ mà tôi trao đổi với ông tôi rất là dễ hiểu, xin ngài đừng ngại, tôi có thể giải thích được.

-Thưa cô – ông quản khế nói – tôi nghĩ rằng một người làm chúc thư có thể không được lành mạnh về thể xác nhưng phải lành mạnh về tinh thần.

-Ngài có cho rằng những người bị thương tổn về thể xác sẽ bị ảnh hưởng đến tinh thần không? – Vinlơpho nói riêng với ông quản khế – Tôi thấy công việc của ngài khó mà đạt kết quả.

-Thưa ngài – Valăngtin nói – chẳng có gì khó khăn cả. Tôi xin bảo đảm với ngài là tôi có thể diễn đạt được mọi ý nghĩ của ông tôi.

-Nếu vậy – ông quản khế trả lời – để cho văn bản của tôi được hợp lệ, tôi phải nhờ một người bạn đồng nghiệp đến chứng kiến việc làm của tôi.

Noachiê nhìn ông quản khế bằng đôi mắt hàm ơn. Trong khi lão Baroa đi tìm ông quản khế thứ hai, Vinlơpho cho mời vợ đến.

Một lát sau mọi người đã đông đủ trong phòng. Ông quản khế hỏi ông già Noachiê: -Yêu cầu cụ cho biết số tài sản của cụ có bao nhiêu?

Valăngtin phiên dịch lại: Chín mươi vạn frăng.

-Số tài sản đó cụ để cho cháu gái Valăngtin phải không? – ông quản khế hỏi.

-Không.

-Cho cậu Êđua?

-Không.

-Cho ngài Đơ Vinlơpho?

-Không.

Vinlơpho phu nhân tỏ vẻ thất vọng. Ngược lại Valăngtin nhìn ông già trìu mến, vì cô đã đoán được ý nghĩ của ông. Cô nghĩ bụng: “Phải rồi, ông không để cho ta vì sợ ta đi lấy chồng”.

-Nếu cháu cụ lấy chồng thì cụ để gia tài cho ai?

-Cho những người nghèo, cho những bệnh viện.

-Ngài thấy việc này thế nào? – ông quản khế hỏi Vinlơpho.

-Đó là ý thích riêng của cha tôi, nhưng sau này tôi sẽ phản kháng trước pháp luật cái ý thích ngông cuồng của một người coi như đã mất trí.

Vinlơpho kéo vợ ra khỏi phòng. Sau đó bản chúc thư được thảo ra, có đủ những người làm chứng được niêm phong lại và cất giữ tại văn phòng ông quản khế Đêsăng.

§60. Trạm điện báo

Vinlơpho vừa trở về buồng thì được tin có bá tước Môngtơ Crixtô đến chơi. Viên chưởng lý liền cho mời bá tước vào phòng khách, còn Vinlơpho phu nhân thì về phòng ngủ của mình.

Bá tước nhìn thấy vẻ mặt xúc động của Vinlơpho liền hỏi: -Trời ơi, ngài vừa gặp phải một vụ án khó xử hay sao thế kia?

-Ôi! Đâu có phải thế. Ông già gàn dở và cố chấp của tôi vừa gây ra cho tôi một việc hết sức bực mình. Tôi vừa mất chín mươi vạn frăng.

-Một số tiền khá lớn đấy chứ, ông tiếc là phải. Tôi tưởng cụ Noachiê nhà ta đã bị bại liệt hoàn toàn kia mà?

Ôi, đâu có phải thế. Cha tôi chỉ bị liệt về thể xác, nhưng vẫn còn suy nghĩ được, sai khiến được và vừa rồi đã cho làm chúc thư.

Vinlơpho phu nhân cũng vừa bước vào phòng, chào bá tước rồi nói luôn: -Ngài xem, thế có tai hại cho chúng tôi không. Thật là khó hiểu.

-Sao lại khó hiểu ạ? – Môngtơ Crixtô làm ra vẻ không để ý.

-Ông cụ chẳng để gia tài cho Valăngtin và cũng chẳng để cho ai cả.

-Tôi cho rằng con Valăngtin đã đồng tình với ông nó. – Vinlơpho nói – Vì trước đây đã có lần nó muốn vào nhà tu kín, nhưng tôi đã kiên quyết bắt nó phải lấy nam tước Frăng Đêpinay.

-Mặc dù ông Noachiê không đồng ý – Vinlơpho phu nhân tiếp lời.

-Thưa bà – Vinlơpho đáp – tôi rất kính trọng cha tôi, nhưng tôi không thể làm theo những ý muốn rồ dại của ông được. Hơn nữa, tôi nhất định giữ vững lập trường của tôi. Tôi muốn gả con gái cho nam tước Đêpinay, vì cuộc hôn nhân này có lợi cho tôi. Và hơn nữa con tôi, tôi muốn gả bán cho ai mà chẳng được.

-Thế nào? – Môngtơ Crixtô thản nhiên – Tại sao cụ Noachiê lại không để gia tài cho Valăngtin?

-Vì lý do tôi vừa nói với ngài – Vinlơpho nhún vai.

-Sao lại có thể thế được? Cụ nhà không ưa nam tước Đêpinay sao? Tôi thấy chàng đáng yêu lắm, và là con của thiếu tướng Kênen có phải không?

-Đúng thế. Cha tôi và tướng Kênen đối lập nhau về chính kiến trong thời kỳ lộn xộn của cuộc cách mạng 1789.

-Cụ nhà thuộc phe Bônapác thì phải.

-Cha tôi là đảng viên Giacôbanh[338] chống lại dòng họ Buốcbông và có nhúng tay vào âm mưu đưa Napôlêông trở lại ngôi báu.

-A, tôi hiểu rồi. Hai ngài đã xung đột nhau trên trường chính trị và nếu tôi không nhầm, thì có một hôm người ta đã thấy tướng Kênen bị mưu sát mà cho đến nay vẫn chưa tìm ra thủ phạm.

Vinlơpho nhìn Môngtơ Crixtô bằng con mắt hoảng sợ.

Bá tước nói tiếp: -Thật là cao kiến, ngài muốn gả con gái cho nam tước để san bằng sự bất đồng giữa hai luồng tư tưởng, và tôi thấy cuộc hôn nhân đó vô cùng tốt đẹp.

Vinlơpho giật mình, chăm chú nhìn bá tước như muốn moi ra những ý nghĩ của ông ta, rồi nói: -Nếu cháu Valăngtin lấy chồng mà không phải là Frăng là một tai họa lớn, nhưng tôi tin rằng không vì thế mà Frăng lùi trước.

-Sao cụ nhà không để gia tài cho cậu Êđua nhỉ? – Bá tước mỉm cười hỏi.

Vinlơpho phu nhân vội vàng nói tiếp: -Ngài thấy chưa? Thật là một sự bất công, vô lý. Cháu Êđua mang tên dòng họ Vinlơpho, sao lại không có quyền được thừa kế nhỉ? Vả lại, nếu Valăngtin có mất món tiền đó, cô ta vẫn giàu gấp ba ra thằng bé kia mà. Để tôi hỏi ý kiến Frăng xem sao.

-Việc đó lại càng không nên vì chàng rể sẽ mang tiếng tham tiền.

-Tôi cũng nghĩ như ngài Vinlơpho – bá tước nói – tôi sẽ đóng vai trung gian trong việc này. Thứ bảy tới tôi sẽ mở cuộc tiếp khách, sẽ mời Frăng Đêpinay và tôi sẽ cố nối lại sợi dây liên lạc giữa hai gia đình.

Bá tước Môngtơ Crixtô chuẩn bị ra về, còn dặn thêm: -Xin phu nhân giữ đúng lời hứa là sẽ đến tham dự buổi tiếp khách đó.

-Tôi quên sao được, và nhà tôi dù có bận đến mấy cũng sẽ có mặt.

-Bây giờ tôi buộc phải tạm biệt ngài chưởng lý và phu nhân để đi thăm một người.

-Ai thế?

-Người đánh điện tín mà tôi vẫn mong gặp.

-Một người đánh điện tín ở Bộ Nội vụ hay ở Đài thiên văn?

-Không, những người đó sẽ làm tôi thất vọng. Tôi sẽ tìm đến một người đánh điện tín ở vùng nông thôn hẻo lánh, một viên chức tầm thường với số lương bổng hàng năm không quá một nghìn hai trăm frăng. Nhiều lúc, đi qua một quãng đường, tôi nhìn thấy những cái cột với những sợi dây vươn lên trời tựa hồ như những cái cẳng của một con nhện khổng lồ, và dưới sự điều khiển của một người ngồi trên cái bàn, những tin tức đã được truyền đi xa đây hàng trăm dặm. Tôi liên tưởng những câu chuyện thần kỳ, nhưng có sức thu hút huyền bí, và tôi muốn nhìn tận mắt con người vĩ đại ấy.

-Ngài quả là một nhà quý tộc kỳ quặc – Vinlơpho mỉm cười.

§61. Một phương pháp trừ sâu

Sáng hôm sau, bá tước Môngtơ Crixtô đi ra cửa ô Óclêăng, rẽ về phía đồi Môngtêry nằm giữa một cánh đồng bát ngát. Đến chân đồi, bá tước men theo một con đường vòng trèo lên ngọn đồi, dừng lại ở trước một mảnh vườn hoa nhỏ có hàng rào bao quanh, bên trong có đường đi rải cát. Bá tước đẩy cửa bước vào, thấy những luống hồng tươi tốt, tỉa xén rất gọn ghẽ, chứng tỏ chủ nhân đã tốn nhiều công chăm sóc. Bá tước đang ngắm nghía mấy khóm xương rồng thì vấp phải một người ngồi sau cái xe cút kít. Đó là một ông già khoảng trên năm chục tuổi, đang hái những quả dâu đỏ ối, đặt lên cái đĩa có trải lá dâu. Ông già đứng dậy, suýt làm đổ đĩa dâu. Ông ta vội giơ tay lên vành mũ, nhìn khách lạ với vẻ sợ hãi rồi lúng túng nói: -Xin lỗi ngài, tôi mới bỏ việc có một lát, tôi tranh thủ hái mấy quả dâu kẻo thằng nhãi con nhà hàng xóm sang hái trộm mất.

-Được tôi không quấy rầy ông đâu.

-Ngài là nhân viên kiểm tra của bộ?

-Không, tôi là khách qua đường, thấy mảnh vườn đẹp ghé vào chơi và làm mất thì giờ của ông.

-Ôi, thì giờ của tôi – ông già buồn rầu – chả được bao nhiêu. Tôi chỉ còn đúng mười phút để hái nốt mấy quả dâu chín… kẻo để đến mai thì sâu ăn mất.

-Những quả bị sâu ăn lại càng ngọt. Hơn nữa, những người La Mã lại thích ăn những con sâu đó giầm với mật ong vì rất bổ.

-Đúng thế đấy, quả nào ngọt thì sâu mới ăn, y như thằng con mụ Ximông. Tôi cố sức trừ sâu, và năm nay thì chúng đừng hòng ăn dâu của tôi. Tôi có thể thức suốt đêm để bắt cho kỳ hết. Ngài đến thăm chiếc máy đánh điện hay sao?

-Vâng, nếu nội quy cho phép.

-Ồ, chả có ai ngăn cấm đâu. Vả lại có gì mà phải giấu giếm. Bản thân tôi đánh những tín hiệu đi mà cũng chẳng hiểu nghĩa của chúng ra sao cả. Tôi giống như một cái máy, mà như thế lại càng đỡ trách nhiệm.

Ông già nói xong, nhìn đồng hồ, rồi mời khách lên nhà trên. Nhà có hai tầng, tầng dưới chứa những dụng cụ làm vườn – công việc trong những giờ nhàn rỗi của người viên chức già. Còn tầng trên là nơi làm việc và phòng ngủ, đồ đạc rất sơ sài.

-Lương bổng hàng năm của ông được bao nhiêu?

-Một nghìn frăng và nhà ở không mất tiền.

-Ông làm việc có thấy chán không?

-Lúc đầu thì buồn lắm, sau cũng quen dần. May là trong những giờ nhàn rỗi tôi có sở thích chăm bón cây cối.

-Năm nay ông bao nhiêu tuổi?

-Năm mươi lăm. Còn mười năm nữa tôi mới về hưu.

-Số lương hưu trí của ông được bao nhiêu?

-Ba trăm frăng.

-Thật là bạc bẽo. Ông rất thích trồng trọt phải không?

-Tôi rất say mê, nhưng mảnh vườn của tôi bé quá và thường bị sâu phá hại.

-Nếu ông có một mảnh vườn rộng gấp mười lần thì ông nghĩ sao?

-Tôi sẽ biến nó thành thiên đường của tôi.

-Số lương một nghìn frăng của ông đáng là bao.

-Thế mà tôi sống được đấy, nếu không bị phạt.

-Nếu ông quên không nhận tín hiệu của trạm bên cạnh, ông bị phạt bao nhiêu?

-Năm trăm frăng.

-Nếu đánh sai tín hiệu?

-Tôi sẽ bị thải hồi và mất lương hưu trí. Thôi xin lỗi ngài, trạm bên cạnh đang gọi, tôi phải chuẩn bị tiếp nhận tín hiệu.

-Thây kệ nó, ông hãy chú ý vào cái này này.

Nói xong, Môngtơ Crixtô liền giúi vào tay ông già mười lăm tờ giấy bạc một nghìn frăng.

-Nhưng thưa ngài, tôi sẽ bị phạt.

-Ông sẽ bị thải hồi vì ông đã làm công việc này cho tôi – Bá tước lại đưa thêm mười nghìn frăng nữa cho ông già – Với số tiền này ông có thể tậu được một ngôi nhà có một khu vườn rất đẹp.

-Lạy chúa! ông già cầm số tiền run cầm cập – Lạy chúa. Tôi phải làm gì đây cho ngài?

-Dễ dàng thôi, ông chỉ việc truyền đi những tín hiệu này.

Môngtơ Crixtô rút trong túi ra một mảnh giấy có ghi những tín hiệu và đưa cho người viên chức đánh điện tín. Ông già run cầm cập, mồ hôi toát ra như tắm, nhưng cứ răm rắp làm theo mệnh lệnh của ông khách lạ.

-Bây giờ ông đã trở nên giàu có và sẽ sống an nhàn suốt đời – Bá tước Môngtơ Crixtô vỗ vai ông già – ông không bị lương tâm cắn rứt đâu vì việc làm của ông hợp với ý Chúa.

Sau đó, bá tước từ biệt người viên chức già, ung dung ra về.

Năm phút sau, bức điện mật đã được truyền về Bộ Ngoại giao.

Luyxiêng Đơ Bray lấy xe ngựa đến ngay nhà nam tước Đăngla, đi thẳng vào phòng phu nhân hỏi: -Ngài nam tước đã mua một số cổ phiếu quốc trái của Chính phủ Tây Ban Nha có phải không?

-Phải đấy, vào khoảng sáu triệu.

-Thế thì phải bán tống, bán tháo ngay đi, nhà vua Đông Cáclốt đã trốn khỏi nơi giam cầm và trở về Tây Ban Nha rồi?

-Ai cho biết tin đó?

-Tôi vừa nhận được điện tín mật.

Nam tước phu nhân không để phải nhắc đến lần thứ hai, chạy vội đến báo tin cho chồng. Ông chồng lại chạy vội đến nhân viên hối đoái ra lệnh cho anh ta bán hết phiếu quốc trái bằng bất cứ giá nào.

Khi người ta thấy nam tước Đăngla bán, lập tức phiếu quốc trái Tây Ban Nha hạ giá ngay tức khắc. Sau khi đã bán hết, Đăngla lỗ vào vụ này năm trăm ngàn frăng. Buổi tối hôm đó, người ta đọc trong báo "Người sứ giả" một tin như sau: "Nhà vua Đông Cáclốt đã thoát khỏi nơi ông bị giam giữ ở Buốcgiơ và đã trở về nước qua biên giới Catalônhơ. Bácxơlona đã nổi dậy để ủng hộ ông".

Nam tước Đăngla mỉm cười vui sướng vì một sự kiện to lớn như vậy mà mình chỉ mất có năm trăm nghìn. Những ai còn giữ phiếu đó mà không kịp bán thì tha hồ mà đau khổ vì không nhìn thấy trước là sẽ bị phá sản.

Hôm sau, người ta đọc trong báo "Người huấn luyện": "Hôm qua báo "Người sứ giả" đưa tin Đông Cáclốt đã trốn thoát là không có cơ sở. Nhà vua Đông Cáclốt không hề rời khỏi Buốcgiơ và tình hình bán đảo vẫn rất yên tĩnh. Do sương mù nên tín hiệu điện tín đã bị sai lạc".

Những tín phiếu lại tăng gấp đôi giá trước. Sự kiện này làm Đăngla bị mất và hỏng ăn một triệu frăng. Bá tước Môngtơ Crixtô nói với Mắcximiliêng Moren lúc đó đang đến chơi: -Tôi vừa bỏ ra hai mươi lăm nghìn frăng để tìm ra một phương pháp rất hiệu nghiệm.

-Phương pháp gì ạ?

-Một phương pháp trừ sâu cho một người làm vườn muốn bảo vệ những quả dâu của ông ta!

Phần IV. TRỪNG PHẠT

§62. Những bóng ma

Mới thoạt trông bề ngoài, ngôi nhà nghỉ mát ở Ôtơi không có vẻ gì là lộng lẫy cả, không xứng đáng chút nào với một chủ nhân huy hoàng như bá tước Môngtơ Crixtô. Nhưng chính ông chủ ấy đã ra lệnh để nguyên vẹn bề ngoài của ngôi nhà. Một khi cửa đã hé mở, cảnh bên trong mới hoàn toàn khác hẳn.

Ông Bectuyxiô đã cố gắng phối hợp lệnh của chủ với đầu óc thẩm mỹ của mình để trang hoàng bên trong. Chỉ có ba ngày mà một cái sân trần trụi đã trồng đầy những cây bạch dương và bạch phong, chúng được đưa tới với cả cụm rễ to tướng, nay đã tỏa bóng mát xuống một bồn cỏ xanh tươi. Những bồn cỏ này mới sáng nay được người ta đưa đến từng mảng như những tấm thảm khổng lồ. Nhờ những thay đổi đó tòa nhà trông đã khác hẳn trước. Duy cái vườn, theo lệnh chủ nhân là phải để y như cũ.

Một điều khéo léo của ông quản gia nữa là các căn buồng không đã từ hai chục năm nay, mới hôm qua đồ đạc lộn xộn, lưu cữu, đầy mùi mốc meo, nay đã được trang hoàng sửa sang lại, trở nên gọn gàng đẹp mắt với những đồ đạc quý giá và lộng lẫy. Duy chỉ có một buồng là lão quản gia không dám mó vào. Trước cửa buồng là một cầu thang lớn, đồng thời còn có một cầu thang xếp nhỏ ẩn kín đáo có thể xuống được vườn. Chính cầu thang này đã làm cho Bectuyxiô mỗi lần đi qua phải rùng mình.

Đúng năm giờ chiều, Ali đánh xe đưa bá tước Môngtơ Crixtô tới. Bectuyxiô ra đón, lòng nơm nớp lo âu, không biết có vừa lòng ông chủ không. Bá tước lặng lẽ bước vào tòa nhà, đi xung quanh một vòng, liếc nhìn mảnh vườn rồi đi vào phòng ngủ đối diện với căn buồng đóng kín, mở ngăn kéo thấy đồ dùng xếp gọn ghẽ, liền khen: -Tốt lắm!

Thế là Bectuyxiô hả dạ rút lui.

Đúng sáu giờ, Mắcximiliêng cưỡi ngựa đến. Bá tước Môngtơ Crixtô ra tận ngoài thềm đón với nụ cười nở trên môi. Mắc hân hoan khoe: -Tôi đến sớm nhất có phải không ạ? Con ngựa này của tôi hay quá, nó bỏ xa các ông Satô Rơnô và Đơ Bray cưỡi các con ngựa Ả Rập và vượt qua cả cỗ xe của nam tước Đăngla nữa.

Quả nhiên một lát sau cỗ xe hai ngựa tuyệt đẹp của nam tước đến, nó lượn một vòng sân, theo sau là hai chàng kỵ sĩ. Đơ Bray vừa đặt chân xuống đất đã chạy vội lại cỗ xe đỡ nam tước phu nhân xuống. Một hành động không thoát khỏi cặp mắt bá tước Môngtơ Crixtô: một mẩu giấy được chuyển từ tay Đơ Bray sang tay nam tước phu nhân.

Đăngla bước xuống xe sau vợ, mặt mũi tái xanh tái xám như vừa chui ở nấm mồ ra. Hắn đưa cặp mắt liếc rất nhanh cái sân, cái vườn và mặt trước của ngôi nhà. Chỉ có Môngtơ Crixtô hiểu được.ý nghĩa của cái nhìn ấy. Bá tước mời mọi người vào trong nhà. Chuyện vừa bắt đầu thì người hầu đã vào thưa: -Thiếu tá Bactôlômec Cavancăngty, tử tước Cavancăngty Angđrê đã đến.

Thiếu tá Cavancăngty xuất hiện với một cái cổ cồn bằng sa tanh vừa mới xuất xưởng, cái cằm mới cạo nhẵn nhụi, bộ ria mép mới tỉa, một bộ quân phục sĩ quan không chê vào đâu được. Bên cạnh ông ta là cậu con Angđrê trong bộ quần áo mới toanh, nụ cười nở trên môi.

Khách khứa nhìn hai bố con, bàn tán: -Người Ý tên thì quá kêu – Satô Rơnô lắc đầu – Nhưng ăn vận thì quá dở.

-Sao cậu khó tính thế – Đơ Bray nhận xét – Những bộ quần áo đó may rất tuyệt, lại còn mới toanh nữa.

-Tôi chê họ ở chỗ ấy đấy! Ông này hôm nay có vẻ là lần đầu tiên được diện quần áo.

-Ông này là ai thế? – Đăngla hỏi Môngtơ Crixtô.

-Ông đã nghe thấy rồi đấy: Cavancăngty.

-Đấy mới chỉ là tên. Còn của cải ra sao?

-À phải, ông chưa hiểu về vị quý tộc người Ý này. Cavancăngty là dòng dõi hoàng thân, rất giàu.

-Họ làm gì? – Đăngla hỏi tiếp.

-Chỉ ăn chơi. Vả lại họ có tài khoản ở ngân hàng của ông theo như họ cho tôi biết ngày hôm qua. Tôi mời họ đến hôm nay có ý giới thiệu họ với ông.

-Sao tôi thấy họ nói tiếng Pháp sõi thế?

-Anh con trai theo học ở trường miền Nam ở Mácxây thì phải. Cậu ta rất có thiện cảm với phụ nữ Pháp và quyết tâm lấy vợ ở Pari.

-Một ý nghĩ đẹp đẽ gớm nhỉ! – Đăngla nhún vai mai mỉa.

Đăngla phu nhân lườm chồng một cái dài, nếu là lúc khác thì có thể xảy ra một trận lôi đình, nhưng ở đây mụ phải ghìm lại. Môngtơ Crixtô nói với Đăngla phu nhân: -Nam tước hôm nay có vẻ rầu rĩ thế nào ấy! Phải chăng là vì người ta muốn đưa ông nhà lên làm bộ trưởng?

-Không, theo tôi nắm được thì chưa đâu, tôi thấy có lẽ vì nhà tôi cay cú về cái món quốc trái thì đúng hơn.

Vừa lúc đó người hầu lại vào báo: -Ngài Vinlơpho và phu nhân!

Hai vợ chồng bước vào. Lúc bắt tay, Môngtơ Crixtô thấy tay của Vinlơpho có vẻ hơi run. Bá tước quay lại nhìn Đăngla phu nhân thấy mụ mỉm cười với ông chưởng lý.

Bá tước nghĩ thầm: "Có lẽ chỉ có phụ nữ mới giấu được tâm trạng thật của mình!"

Khi các thủ tục nghi lễ đã xong, Bá tước Môngtơ Crixtô đi vào phòng bên, thấy Bectuyxiô đang dán mắt vào khe cửa. Thấy bá tước vào, lão kêu lên: -Ôi lạy Chúa tôi!

-Gì vậy? – Bá tước hỏi.

-Người đàn bà kia… người đàn bà kia là… là ai vậy?

-Nam tước Đăngla phu nhân chứ còn ai nữa? – Bá tước thản nhiên đáp.

-Đúng rồi; – Bectuyxiô há hốc mồm, mặt tái mét, nói ấp úng – Đúng là người đàn bà bụng chửa… và đây kia… người đàn ông… hắn là…

-Quan chưởng lý Vinlơpho!

-Tôi giết thế mà hắn không chết à?

-Chưa đâu. Hắn vẫn còn sống sờ sờ ra đấy. Ông đã đâm không đúng chỗ hiểm, và trong lúc quá xúc động ông đã hốt hoảng tưởng lầm là kẻ thù đã chết và có thể câu chuyện ông kể với tôi chỉ là ảo tưởng, do đầu óc hỗn loạn của ông mà thôi. Còn anh chàng thanh niên mặc lễ phục màu đen, đứng phía trái, ông có nhận ra là ai không?

Lần này Bectuyxiô định kêu to lên, nhưng một cái nhìn của bá tước làm ông ta chỉ dám thì thầm: -Bênêđéttô đây! Ôi! Định mệnh sao mà quái ác!…

-Bây giờ là sáu giờ rưỡi rồi – Bá tước nghiêm nghị – đã đến giờ ăn, ông sắp xếp đi thì vừa.

Nói xong, Môngtơ Crixtô bước vào phòng khách, Bectuyxiô vào theo và cố gắng lấy hết can đảm để tuyên bố: -Thưa bá tước, tiệc đã dọn xong!

Bá tước đưa tay cho Vinlơpho phu nhân và bảo với Vinlơpho: -Đề nghị ngài dẫn hộ Đăngla phu nhân vào phòng ăn.

§63. Bữa tiệc

Các vị khách đi vào phòng ăn, mọi người đều có cảm giác là mình bị thu hút bởi căn phòng lộng lẫy của một con người kỳ dị, sống lẻ loi cô độc với một gia tài khổng lồ và bí hiểm. Họ không hiểu được một sức mạnh vô hình nào đã dẫn dắt họ tới đây. Cả hai cha con Cavancăngty, mặc dù đã giữ thái độ thản nhiên cũng không tài nào đoán được mục đích của bữa tiệc này.

Vinlơpho ngồi giữa Đăngla phu nhân và Mắcximiliêng. Môngtơ Crixtô ngồi giữa Vinlơpho phu nhân và Đăngla. Còn Luyxiêng và Rơnô ngồi cạnh hai cha con thiếu tá Cavancăngty.

Bữa tiệc vô cùng sang trọng theo kiểu Á Đông. Những hoa quả thơm ngon nhất từ bơn phương trời đưa tới, được xếp đầy có ngọn trong những cái đĩa bằng sứ Trung Quốc. Những thứ chim quý, những con cá hình thù kỳ dị đặt nằm trên những cái khay bằng bạc, bên cạnh những chai rượu mà mới nhìn màu sắc cũng biết ngay là những loại rượu thượng hảo hạng lâu năm, vô giá.

Trước những cặp mắt kinh ngạc của mọi người, bá tước lấy giọng trịnh trọng:
-Thưa các bạn, tôi cho rằng khi đã đạt tới một mức độ nhất định của sự giàu sang, chỉ còn điều thú vị là thấy một sự việc mà mình không hiểu, một vật mà mình không thể chiếm đoạt được và suốt đời tôi đã để công nghiên cứu sự việc đó. Tôi đã đạt được bằng hai biện pháp: tiền bạc và ý muốn. Cũng như ngài Đăngla đang có ý đồ thiết lập một đường xe lửa, như ngài Vinlơpho xét xử một vụ án ly kỳ, chàng Luyxiêng muốn chiếm được một trái tim của người đẹp, tôi cũng muốn đặt lên trên mặt bàn tiệc này một con cá đưa từ thủ đô Nga tới và một con từ thủ đô Ý về. Các bạn thấy có thú vị không?

-Ngài đưa về bằng cách nào?

-Đơn giản thôi. Người ta làm hai cái thùng gỗ to chứa đầy nước của hai con sông cùng với rêu và cây cỏ của từng nơi và những con cá đã sống trong đó cho đến ngày người đầu bếp của tôi đem ra sử dụng.

-Ngài quả là con người kỳ diệu và có nhiều sáng kiến – Đăngla phu nhân khen.

-Ồ, có gì đâu! Ngày xưa các vị vua chúa La Mã còn bắt những người nô lệ đội trên đầu những con cá thay phiên nhau đi hàng mấy chục dặm đường. Lúc đến nơi cá vẫn sống nguyên.

-Điều đó chả có gì là lạ – Satô Rơnô nói – Tôi chỉ lạ nhất là ngôi nhà này ngài mới tậu mấy hôm mà sao bộ mặt của nó thay đổi nhanh chóng như thế này. Cách sắp xếp vừa cầu kỳ lại vừa ngăn nắp.

-Đúng thế, ngôi nhà này trước đây cũ kỹ và ảm đạm lắm nên hầu tước Xanh Mêrăng đã phải cho bán đi.

-Của hầu tước Xanh Mêrăng ư? – Vinlơpho phu nhân hỏi.

-Dạ, ngôi nhà này đã bị bỏ không đến hàng chục năm, cửa ngõ đóng im lìm, cỏ hoang mọc đầy sân trông có vẻ âm u ảm đạm, dường như nhà có ma! – Satô Rơnô thuyết minh cho Vinlơpho phu nhân.

Vinlơpho cầm cốc rượu nốc cạn một hơi. Môngtơ Crixtô chậm rãi: -Tôi cũng nghĩ như vậy! Lúc tôi mới bước chân vào đây, tôi cũng cảm thấy có gì rùng rợn thê lương. Nhất là căn buồng căng riềm đỏ. Không hiểu tại sao nó có vẻ bí hiểm lắm. Nếu các bạn muốn, tôi sẽ dẫn đi xem. Sau đó chúng ta sẽ ra vườn dùng cà phê.

Vinlơpho phu nhân đứng lên và mọi người làm theo. Đăngla phu nhân và Vinlơpho đưa mắt nhìn nhau ngập ngừng một lát, mặt biến sắc rồi ngại ngùng bước ra ngoài, đi theo mọi người.

Môngtơ Crixtô đưa các vị khách đi qua phòng khách, phòng ngủ, phòng đọc sách rồi tới căn phòng căng riềm đỏ mà mọi người đã có vẻ ghê sợ khi nghe kể. Căn phòng vẫn được giữ nguyên như cũ, ánh sáng chỉ chiếu lờ mờ.

-Trời đất ơi! – Vinlơpho phu nhân thốt lên – Quả thật tôi thấy rờn rợn thế nào ấy!

-Có đúng thế không nào? – Môngtơ Crixtô nói – Cái giường này, những bức tranh treo trên tường này, tất cả như muốn nói: Ta đã chứng kiến!

Bộ mặt Vinlơpho trở nên trắng bệch và Đăngla phu nhân gần như ngã vật xuống một cái ghế bành. Môngtơ Crixtô tiếp tục: -Chưa hết đâu! Tôi sẽ dẫn các bạn ra, qua cái cầu thang nhỏ có bức rèm che khuất, mà tử tước Angđrê Cavancăngty còn thấy lạ hơn lâu đài Pidơ. Các bạn hãy tưởng tượng trong một đêm khuya khoắt gió bão đùng đùng có một chàng Ôtenlô[339] vác trên vai một cái bọc, bước xuống từng bậc của cái cầu thang bi thảm này, tránh được con mắt người đời chứ tránh làm sao được con mắt của Thượng đế!…

Đăngla phu nhân gần như bị ngất trên cánh tay Vinlơpho, và cả y nữa cũng không đứng vững, phải tựa vai vào tường.

-Trời! Phu nhân làm sao thế? – Luyxiêng kêu lên.

-Có lẽ câu chuyện của bá tước rùng rợn quá – Vinlơpho phu nhân sợ hãi nói.

-Phu nhân có muốn xuống vườn cho thoáng khí không? – Luyxiêng hỏi.

-Không, không! Tôi muốn ở lại đây – Đăngla phu nhân đáp và lịm đi.

-Bà bị cảm nặng rồi – Vinlơpho nói – Phải đưa bà ra xe!

-Không cần – Môngtơ Crixtô ngăn lại – Tôi có lọ thuốc đây!

Nói xong, bá tước rỏ một giọt thuốc màu đỏ vào miệng của Đăngla phu nhân, lập tức mụ tỉnh ngay. Môngtơ Crixtô liền khoác tay mụ đưa xuống vườn. Đăngla đang ngồi uống cà phê với thiếu tá Cavancăngty. Hai người đang bàn luận sôi nổi về việc kiến thiết một tuyến đường xe lửa ở Florenxơ.

-Thưa phu nhân – bá tước nói – tôi đã làm phu nhân phải sợ hãi, nhưng tôi tin là tại nơi đây đã xảy ra một vụ giết người ghê gớm.

-Đó chỉ là một sự tưởng tượng thôi! – Vinlơpho gượng cười.

-Ngài bá tước phải thận trọng đấy! – Vinlơpho phu nhân nói tiếp – Ngài chưởng lý cũng đang có mặt tại đây.

-Vì vậy tôi nhân cơ hội này phát giác trước người thay mặt pháp luật một vụ án mạng khủng khiếp.

Nói xong, Môngtơ Crixtô kéo tay Vinlơpho và Đăngla phu nhân tới chỗ có lùm cây, lấy chân giẫm xuống đất nói: -Chính tại nơi đây, những người làm vườn của nhà tôi đã đào thấy một cái hòm con đựng hài cốt của một hài nhi bị chôn sống.

-Ai dám đoán nó bị chôn sống? – Vinlơpho thở hổn hển hỏi.

-Nếu nó chết, tại sao lại chôn ở đây? – Mảnh vườn này có phải là nghĩa địa đâu? Vậy thì phải nói đó là một vụ giết người.

-Ở Pháp – Thiếu tá Cavancăngty ngây ngô hỏi – những kẻ giết con bị xử tội gì?

-Chặt đầu! – Đăngla đáp.

-Đúng thế ! – Môngtơ Crixtô tiếp lời – Ngài Vinlơpho, ngài nghĩ thế nào?

-Phải! – Vinlơpho nói không ra hơi.

Môngtơ Crixtô đưa mắt nhìn, thấy họ không thể chịu đựng được lâu hơn nữa, bèn nói lảng sang chuyện khác: -Thưa các bạn, chúng ta chớ nên lãng quên món cà phê nhé!

Nói xong bá tước dẫn khách ra cái bàn kê giữa bồn cỏ.

-Thưa bá tước – Đăngla phu nhân nói – tôi xấu hổ vì tội yếu bóng vía của mình. Những câu chuyện ghê gớm cũng làm tôi phải xúc động. Đề nghị cho tôi được nghỉ một lát.

Nói xong, mụ ngã phịch xuống một cái ghế. Môngtơ Crixtô lại gần Vinlơpho phu nhân: -Tôi chắc là bà Đăngla cần đến cái lọ thuốc của bà lắm đấy!

Tranh thủ lúc đó, Vinlơpho rỉ tai Đăngla phu nhân nói: -Tôi cần phải nói chuyện với bà.

-Bao giờ và ở đâu?

-Ngày mai, trong văn phòng của tôi: Đó là nơi chắc chắn nhất.

-Được, tôi sẽ đến.

Lúc Vinlơpho phu nhân cầm cái lọ đến, Đăngla phu nhân gượng cười.

-Rất cảm ơn! Không sao đâu, tôi khỏi rồi!

§64. Người ăn mày

Trời đã khuya, Vinlơpho phu nhân ngỏ ý muốn trở về Pari và mời Đăngla phu nhân cùng ngồi lên xe, mặc dù Đăngla phu nhân vẫn còn choáng váng. Đăngla đang say sưa câu chuyện với thiếu tá Cavancăngty nên cũng mời hắn ta lên xe để tiếp tục bàn bạc. Ba chàng thanh niên Luyxiêng, Satô Rơnô, Mắcximiliêng cũng từ biệt bá tước, lên ngựa trở về. Riêng Angđrê Cavancăngty đi ra, cỗ xe độc mã đang chờ hắn ở ngoài cửa.

Suốt bữa tiệc Angđrê cố giữ lời ăn tiếng nói để tỏ ra mình là người khôn ngoan, làm cho nam tước Đăngla phải chú ý tới mình.

Chàng thanh niên này có cái vẻ bẽn lẽn, con của một người cha mà phong cách như một ông hoàng nước ngoài đến Pari để rèn luyện con trong giới xã giao. Khi được biết cả hai bố con đều đã mở một tài khoản khá lớn trong ngân hàng của mình, Đăngla đã có một cảm tình đặc biệt đối với hai người và trong câu chuyện kinh doanh đã gạn hỏi về tình hình sinh hoạt của cả hai, nhất là lại thấy ngài thiếu tá đeo ở ngón tay một chiếc nhẫn có nạm một hạt kim cương to tướng.

Thiếu tá nói cho Đăngla biết là ông ta sống một cách rất xa hoa theo kiểu một nhà đại quý tộc ở Lúccơ và dành cho con trai của mình một số lợi tức hàng năm là năm vạn frăng, điều đó làm cho nam tước càng khâm phục ông già lịch thiệp và hào phóng.

Angđrê từ tốn bước ra xe với dáng điệu của một thanh niên quý tộc, một người đầy tớ một tay nắm mõm ngựa, một tay đưa cho hắn dây cương. Khi hắn vừa đặt chân lên cái bậc lên xuống của cỗ xe thì hắn nhận thấy có một bàn tay đặt lên vai. Hắn giật mình quay lại, thấy phía sau lưng có một bộ mặt rám nắng với đôi mắt ranh mãnh, bộ râu quai nón xồm xoàm quanh một cái miệng cười hềnh hệch để lộ một hàm răng khập khiễng và trắng nhởn. Một cái khăn sọc đỏ trùm lên mái tóc hoa râm và một cái áo bằng vải thô rách nát, đầy bụi, khoác lên một thân hình gầy giơ xương, rất tiều tụy.

Angđrê nhìn bộ mặt đó qua ánh đèn của cỗ xe, đột nhiên hắn hoảng sợ lùi lại phía sau, hỏi: -Bác muốn gì vậy?

-Xin phép nhà quý tộc, tôi có chuyện muốn nói với ngài – Người lạ mặt nói.

Người đầy tớ vội đẩy người đó ra: -Đêm rồi mà còn đi ăn xin à?

-Cậu ơi! – Người lạ mặt mỉa mai – Tôi không phải là kẻ ăn mày, ông chủ của cậu có nhờ tôi một việc nên tôi đến đây nói chuyện với ngài ấy.

Thấy thế Angđrê kéo người đầy tớ ra một chỗ: -Anh đi tìm một cỗ xe đưa anh ta về nhà trước, tôi phải đi việc riêng, lát nữa về sau.

Khi người đầy tớ đi khỏi, người lạ mặt đút tay vào túi quần, giương mắt nhìn Angđrê có vẻ thách thức rồi mỉm cười: -Thế nào Bênêđéttô! Hãy để tao lên xe rồi

đưa tao về Pari. Không phải tao thích ngồi cỗ xe sang trọng này đâu, nhưng vì tao mệt lắm rồi và tao cũng cần nói chuyện này với mày tí chút.

Nói xong, người lạ mặt trèo lên xe, ngồi cạnh Angđrê và anh thanh niên quất ngựa cho xe chạy. Nếu là trời sáng, người ta sẽ ngạc nhiên thấy một người ăn mặc rách rưới ngồi chễm chệ trên một cỗ xe sang trọng bên cạnh một chàng thanh niên ăn mặc rất lịch sự.

Khi cỗ xe đã đi quá cửa ô Ôtơi, Angđrê nhìn quanh không thấy bóng một người qua đường nào, bèn kìm cương ngựa lại, khoanh tay nhìn người lạ mặt mà từ nãy người này vẫn cười tủm tỉm lộ vẻ đắc thắng.

-Sao bác cứ đến quấy rầy tôi mãi thế?

-Nhưng tại sao mày lại định bỏ rơi tao? Tao với mày từ biệt nhau ở cầu sông Va, mày nói là mày đi Ý, chẳng ngờ mày lại đi Pari.

-Vậy thì việc gì đến bác?

-Tao thấy có lợi cho tao chứ sao?

-À, bác muốn lợi dụng tôi hả? Bác đừng nên nghĩ như vậy bác Cađơrút ạ!

-Trời, sao mày nóng nẩy thế? Tao với mày đã cùng chung cánh ngộ, đã từng nếm mùi gian khổ và lúc nào tao cũng coi mày như con tao. Tao không ngờ được gặp mày ở đây, trong bộ quần áo bảnh bao, có người hầu kẻ hạ, có cỗ xe choáng lộn này. Thế mày vừa tìm thấy cái mỏ vàng sao?

-Bác ghen với tôi đấy à?

-Không, không, con ạ! Tao mừng cho con và rất hài lòng thấy con được giàu sang, nhất là lại vẫn không quên tên ta.

Câu nói đã xoa dịu sự bực tức của người thanh niên, hắn lại cho ngựa đi nước kiệu về phía Pari. Một lát sau hắn hỏi Cađơrút: -Bác cần bao nhiêu? Tốt hơn hết là chúng ta nên thẳng thắn với nhau. Nếu tôi cũng ăn mặc tiều tụy như bác thì chắc gì bác đã thèm nhận tôi.

-Sao mày lại nói thế? Trước kia tao đã chẳng cưu mang mày là gì? Có nhiều lúc mày đói mềm tao đã phải xẻ một nửa khẩu phần của tao cho mày, mày còn nhớ không? Tao biết mày tốt bụng và chẳng nỡ để tao phải đói rách.

-Bác cần bao nhiêu để sống?

-Một trăm frăng thì cực lắm, thôi một trăm rưỡi vậy.

-Tôi cho bác cả hai trăm. Này, cầm lấy tiền!

Nói xong, Angđrê dúi vào tay Cađơrút mấy đồng tiền vàng, và nói thêm: -Hàng tháng bác cứ đến nhà tôi, hỏi người gác cổng để lĩnh số tiền tương tự, được chứ?

-Tao đã không lầm khi nói mày là thằng tốt bụng và những thằng tốt bụng bao giờ cũng được Chúa phù hộ. Mày cho tao biết mày đã gặp vận may ra sao?

-Tôi đã tìm thấy cha tôi.

-Một người cha thật sự chứ?

-Chả cần, chỉ biết là ông ta có nhiều tiền của, có danh vọng tên là Cavancăngty, một thiếu tá người Ý. Cho đến nay ông ta có vẻ hài lòng về tôi lắm và cho tôi đủ tiền tiêu xài.

-Ai giúp mày tìm thấy cha?

-Bá tước Môngtơ Crixtô, người vừa mời tôi đến dự tiệc.

-Lão ta có nhiều tiền của và nhân đức lắm phải không? Bữa nào giới thiệu tao nhé.

-Được rồi! Còn bây giờ bác định làm gì?

-À phải… Bây giờ ta sẽ đóng vai một người lương thiện, tao sẽ mua sắm quần áo, thuê một căn phòng và hàng ngày ra quán cà phê đọc báo y như một thương gia bận tâm suy nghĩ về kinh doanh, thỉnh thoảng lại đi xem hát cho đỡ buồn.

-Thế là bác mãn nguyện rồi chứ? Thôi, đến hàng rào chắn rồi, mời bác xuống, chúc bác may mắn!

-Tạm biệt Bênêđéttô!

Cađơrút nhảy xuống xe, đi vào một ngõ hẻm rồi biến mất.

-Chao ôi! – Angđrê thở dài ngao ngán – ở đời này người ta không thể hoàn toàn sung sướng được.

§65. Cảnh vợ chồng

Ba chàng thanh niên cưỡi ngựa trở về Pari, chia tay nhau ở quảng trường Lu-i XV. Luyxiêng rẽ lại nhà Đăngla giữa lúc cỗ xe của Vinlơpho phu nhân đưa Đăngla phu nhân về tới cửa. Luyxiêng xuống ngựa, đến mở cửa xe, đưa Đăngla phu nhân lên nhà. Khi cửa phòng đã khép chặt, Luyxiêng hỏi: -Sao hôm nay nghe chuyện của bá tước em lại ngất đi như vậy?

-Vì em thấy trong người rất khó chịu.

-Em Hécmin, không phải thế đâu. Lúc ăn tiệc em vẫn còn khỏe mạnh kia mà? Anh rất lấy làm khó chịu nếu có người nào đó đã làm phiền em. Em phải nói thật đi.

-Anh Luyxiêng, anh nhầm đấy, thỉnh thoảng em bị kích động thần kinh, một chứng bệnh thông thường của phụ nữ, chả có gì đáng lo ngại cả. Nói xong, Hécmin gọi người hầu hỏi: -Cô Ơgiêni làm gì thế?

-Tiểu thư học đàn suốt buổi tối, bây giờ đã đi ngủ.

-Sao vẫn còn tiếng đàn?

-Đó là Luidơ Đácmêli đang dạo đàn.

Nam tước phu nhân đi theo người hầu gái vào phòng thay áo rồi bước ra trong bộ quần áo ngủ bằng lụa, ngồi xuống bên cạnh Luyxiêng; Luyxiêng đang nằm dài trên tràng kỷ vuốt ve con chó con.

-Sao anh hay than phiền là Ơgiêni không chịu trò chuyện với anh thế?

-Chả phải mình anh, với Anbe cũng vậy.

-Nhưng một ngày kia nó sẽ phải nhờ cậy đến anh để chạy chọt cho nó vào nhạc viện.

-Được lắm – Luyxiêng mỉm cười – Nếu quả Ơgiêni có năng khiếu.

Rồi Luyxiêng đứng lên nhìn phu nhân một lát, nói tiếp: -Em thử nhìn mặt em xem… em có chuyện gì khổ tâm rồi.

Nam tước phu nhân như bị ngạt thở, đến trước cái gương kêu lên: -Trời ơi! Mặt mũi em trông gớm ghiếc quá!

Giữa lúc đó có tiếng vặn khóa cửa, phu nhân quay lại thấy nam tước Đăngla đứng ở cửa buồng. Việc tới thăm bất ngờ của chồng làm thiếu phụ rất ngạc nhiên và để che giấu vẻ bối rối, phu nhân cầm một cuốn sách đưa cho Luyxiêng và giả vờ lên giọng: -Ông Đơ Bray yêu cầu ông đọc giúp cho tôi nghe một đoạn.

Luyxiêng vẻ mặt lo lắng vừa cầm cuốn sách thì Đăngla cất giọng: -Xin bà đừng thức khuya kẻo bị mệt. Đã mười một giờ đêm rồi! Vả lại nhà ông Đơ Bray ở rất xa, về không tiện.

Mặc dù giọng nói của Đăngla rất bình tĩnh và lễ độ. Luyxiêng vẫn cảm thấy rờn rợn và đưa mắt nhìn phu nhân.

-Ông Đơ Bray – phu nhân nói – đêm nay tôi không buồn ngủ tý nào, mời ông ở lại đây, tôi có nhiều chuyện muốn nói với ông.

-Xin tuân lệnh phu nhân – Luyxiêng thản nhiên đáp.

-Ông Đơ Bray thân mến – Đăngla bực mình – ông không nên tốn sức khỏe như vậy và đừng nên cho rằng tôi muốn mời ông ra khỏi cửa, vì đêm nay tôi cũng muốn nói với nhà tôi một vài câu chuyện rất quan trọng.

Trước sự tấn công bất ngờ đó, Luyxiêng và phu nhân nhìn nhau sửng sốt và cuối cùng anh thanh niên phải nhượng bộ trước quyền của đức ông chồng, đành nói ấp úng mấy câu rồi chuồn thẳng.

Đăngla ngồi xuống trường kỷ vuốt ve con chó, nhưng con vật hình như không có cảm tình với ông ta như đối với Luyxiêng nên đã cắn vào tay ông chủ rồi chạy lại nấp sau một cái ghế bành.

-Tôi thấy hôm nay ông ăn nói rất thô lỗ – Phu nhân cau mày nói khó chịu.

-Vì hôm nay tôi rất bực mình thấy tiền bạc mỗi ngày lại đội nón ra đi. Bà có biết rằng vì bà mà tôi thua lỗ một triệu về quốc trái Tây Ban Nha không?

-Sao lại vì tôi nhỉ? Xin ông đừng có nói chuyện tiền bạc với tôi nữa. Tôi không ưa đâu!

-Lạ thật! Tôi tưởng từ trước tới nay bà vẫn quan tâm đến câu chuyện kinh doanh của tôi thì phải. Này nhé! Một lần bà khuyên tôi nên mua những cổ phiếu của một hãng tàu, tôi được lời bốn mươi vạn frăng, chia cho bà một phần tư. Một lần khác bà bảo tôi góp phần vào một công ty làm đường xe lửa, tôi được lãi một triệu cũng chia cho bà một phần tư. Tôi thử hỏi bà, số tiền này bà dùng làm gì?

-Ông muốn kiếm chuyện gì thế? – Đăngla phu nhân tức giận hỏi lại.

-Chưa hết đâu! Bà hãy bình tĩnh. Vừa rồi bà nghe ông Đơ Bray phao một cái tin vịt làm tôi mất toi một triệu. Được lãi thì bà ăn, còn thua lỗ thì bà có chịu với tôi không?

-Sao ông nêu tên của ông Đơ Bray vào câu chuyện này?

-Thưa bà, bà đã buộc tôi phải nói sự thật là Đơ Bray đã cười vào mũi tôi khi hắn nhận của bà một số tiền năm mươi vạn frăng từ đầu năm đến nay. Đó là một canh bạc mà hắn không đánh cũng được.

-Ông chỉ là một tên khốn kiếp! – Đăngla phu nhân quát lên – ông cố tình làm nhục tôi phải không?

-Tôi chỉ nói những chuyện mà tôi biết chắc chắn. Bà thử xem thái độ của tôi đối với bà như thế nào? Từ bốn năm nay tôi không phải là chồng của bà nữa, và tôi đã làm ngơ cho bà rất nhiều chuyện. Nhưng đến nay những tình cảm của bà đã ảnh hưởng tai hại đến két bạc của tôi. Tôi không muốn hắn đặt chân đến đây nữa.

-Tại sao ông không nói thẳng cho Đơ Bray biết có được không?

-Hắn có phải là bạn tôi đâu. Vả lại, có những chuyện mà một người chồng muốn bỏ qua, nhưng không phải vì thế mà tôi không biết, từ mười sáu năm nay bà đã che giấu những tội lỗi của bà, những hành động điên cuồng của bà, từ Vinlơpho đến Đơ Bray, không một tên nào dám xúc phạm đến danh dự của tôi như bà đã làm hôm nay.

Nghe đến Vinlơpho, phu nhân tái mặt, vụt đứng lên nhìn thẳng vào mắt Đăngla như muốn moi móc điều còn bí ẩn bên trong.

-Vinlơpho? Nghĩa là thế nào?

-Thưa bà, có nghĩa là ông Đơ Nacgon, chồng cũ của bà sau khi đi vắng chín tháng, lúc về thấy bà đã có chửa sáu tháng, và ông ta biết sự thật này nhưng… không dám đụng đến quan chưởng lý. Ông ta đã phải chết vì uất hận và tủi nhục. Còn tôi, tôi không ươn hèn như ông ta đâu, tôi phải bảo vệ cái két bạc của tôi đến cùng.

Nam tước phu nhân lảo đảo, không còn sức chống đỡ nữa, nằm vật xuống cái ghế bành, đau đớn nghĩ đến những tai biến vừa qua dồn dập giáng xuống đầu bà ta, làm khuấy động sự yên lặng giả tạo của cảnh gia đình vốn đã thiếu vui vẻ và hạnh phúc.

Đăngla không thèm ngó người vợ nằm chết ngất trên ghế, mở cửa bước ra ngoài. Một lúc sau, Đăngla phu nhân tỉnh dậy, thấy đầu óc choáng váng như mình vừa qua một cơn ác mộng.

§66. Hôn ước

Chiều hôm sau, nam tước Đăngla đến Viện dân biểu dự cuộc thảo luận về ngân sách, lúc trở về ghé qua nhà bá tước Môngtơ Crixtô. Người đầy tớ cho biết bá tước còn bận tiếp khách và yêu cầu nam tước ngồi chờ ở phòng khách.

Vừa lúc đó, một vị linh mục bước vào phòng, đi qua mặt Đăngla, cúi đầu chào rồi đi thẳng vào phía trong. Một lát sau, cánh cửa phòng mà vị linh mục vừa đi vào từ từ mở và bá tước niềm nở đi ra đón khách: -Thưa ngài nam tước thân mến, tôi vừa tiếp linh mục Buxôni, một người bạn rất tốt của tôi vừa có việc đến Pari và vì thế tôi đã để ngài mất công chờ đợi, mong ngài thứ lỗi cho.

-Tôi đâu dám, chính tôi đã đến không đúng lúc và đã làm phiền ngài.

-Trời ạ! Sao trông ngài không được vui thì phải?

-Đúng thế, lúc này những sự không may liên tiếp đến với tôi. Vừa rồi một khách hàng của tôi bị vỡ nợ, đã vỗ trắng của tôi một triệu, cộng với non một triệu tiền bán quốc trái Tây Ban Nha. Chung quy cũng tại nhà tôi và cả cái tờ báo chết tiệt đã đăng một tin vịt về vua Đông Cáclốt.

-Ngài cũng tin báo chí à?

-Thật khó hiểu quá, từ trước đến nay tờ "Người sứ giả" vẫn có tiếng là đúng đắn, thế mà lại cho đăng một bức điện quái gở như thế.

-Tôi cho rằng, đối với ngài, sự mất mát chẳng đáng quan trọng lắm.

-Nhưng nếu với cái đà này thì chỉ sáu tháng nữa tôi bị phá sản.

-Ngài phải thận trọng đấy. Ngài có muốn tôi cho ngài vay tiền không?

-Tôi rất cảm ơn ngài – Đăngla cố làm ra vẻ bình tĩnh – Tôi còn đang hy vọng vào công việc đầu tư ở Ấn Độ và Mễ Tây Cơ của tôi. À nhân tiện nói về vấn đề kinh doanh, ngài có biết gì về thiếu tá Cavancăngty không? Hôm nay ông ta vừa đưa cho tôi một hối phiếu bốn vạn frăng có chữ ký của linh mục Buxôni và ngoài ra ông ta còn mở một tài khoản cho người con trai là tử tước Angđrê.

-Tôi đoán rằng ông ta có vào khoảng mười triệu, và mới thoạt trông ai cũng bảo là một võ quan kiết xác. Ấy, người Ý họ đều như thế cả… Cậu con trai có vẻ phong nhã hơn.

-Nhưng có vẻ hơi bẽn lẽn, tựa hồ tới Pari với một ông thầy quá nghiêm khắc.

-Ông Cavancăngty lại khác hẳn. Nghe đâu ông ta đưa con trai sang Pháp để kiếm cho cậu ta một cô vợ.

-Theo ý kiến ngài thì thế nào?

-Tôi không biết rõ ý định của ông ta lắm, nhưng linh mục Buxôni có cho tôi hay là ông ta có rất nhiều của chìm ở Ý và muốn làm giàu thêm ở Pháp hoặc ở Anh và vì vậy đã đưa con trai sang Pháp.

-Liệu ông ta có cho con nhiều của sính lễ không?

-À cái đó còn tùy theo cuộc hôn nhân có được ông bố ưng thuận hay không. Nếu Angđrê lấy vợ theo hứa hôn của thiếu tá thì ông ta có thể cho hai ba triệu không biết chừng. Nhưng ngài muốn kén cậu ta làm chàng rể hay sao mà lại hỏi thăm về cậu ta kỹ thế. Ngài không sợ Anbe sẽ giết chết Angđrê ư?

-Anbe ấy à? – Đăngla nhún vai – Anh ta không cần phải làm thế đâu.

-Nhưng cậu ta vẫn là vị hôn phu của tiểu thư Ơgiêni kia mà?

-Có nghĩa là bá tước Đơ Moocxép chỉ mới bàn tính với tôi, chứ bá tước phu nhân và Anbe…

-Thế cậu Anbe không xứng đôi với cô Ơgiêni sao?

-Tiểu thư Đăngla có nhiều tiền hơn tử tước Moocxép nhưng không phải chỉ có thế… Á, sao ngài lại không mời Moocxép phu nhân và Anbe đến dự tiệc?

-Tôi có mời, nhưng cậu ta phải đưa bà mẹ ra bờ biển hóng gió. Nếu cậu ta không giàu bằng cô Ơgiêni thì ít nhất cậu ta cũng thuộc dòng dõi quý tộc nổi tiếng đấy chứ!

-Tuy nhiên tôi vẫn ưa Angđrê Cavancăngty hơn. Còn Moocxép thì…

-Sao vậy?

-Tôi xin nói thật với ngài là mặc dù không phải dòng dõi quý tộc nhưng tôi đã mang cái tên của tôi, còn Moocxép có phải là tên của ông ta đâu!

-Lạ quá nhỉ?

-Ngài bá tước ạ, Moocxép là bạn của tôi từ ba chục năm nay và tôi hiểu rõ hắn hơn ai hết. Hồi tôi còn là một kế toán viên thì hắn mới chỉ là một anh dân chài quèn tên là Fécnăng. Hai chúng tôi đều trở nên giàu có, đều có danh vọng nhưng bằng hai con đường khác nhau và thiên hạ đã xì xào về hắn rất nhiều.

-Phải, phải. Hồi ở Hy Lạp tôi có nghe đến tên một sĩ quan Pháp là Fécnăng làm cố vấn quân sự cho quốc vương Alipara.

-Và cái chết của quốc vương hết sức bí mật – Đăngla thì thào.

-Tôi tưởng nếu ngài muốn biết rõ vai trò của Fécnăng trong vụ này thì ngài chỉ cần biên thư cho người đại lý của ngài ở Janina thì sẽ rõ cả chứ sao?

-Đúng đấy, tôi phải điều tra ngay mới được và có tin tức gì tôi sẽ cho ngài biết sau.

Nói xong, Đăngla từ biệt bá tước và tất tả ra xe.

§67. Văn phòng quan chưởng lý

Trong lúc Đăngla đến viện dân biểu thì Đăngla phu nhân cũng sai đóng ngựa vào xe rồi rời khỏi nhà. Khi cỗ xe đến chân cầu Mới, bà ta xuống xe, bảo đánh về nhà, rồi đi bộ qua cầu. Đến phố Giênêgô, bà ta bước chân lên một cỗ xe thuê. Ngồi trong xe bà lấy một cái khăn the trùm kín đầu để không ai nhìn thấy mặt rồi ra lệnh cho xe tiến về phía quảng trường Đôphin, đi vào sân tòa án.

Trả tiền xe xong, bà bước lên cầu thang, đi qua dãy hành lang rồi vào phòng đợi của quan chưởng lý. Một người tùy phái đã chờ ở đó để đưa bà vào văn phòng của Vinlơpho. Viên chưởng lý đang ngồi viết ở bàn giấy, chạy ra khóa trái cửa lại, kéo rèm che cửa cẩn thận để bên ngoài không nghe rõ tiếng động rồi kéo ghế mời thiếu phụ ngồi. Vinlơpho cũng ngồi xuống trước mặt rồi nói: -Xin cám ơn sự đúng hẹn. Đã lâu lắm chúng ta không gặp nhau. Hôm nay mới có dịp nói chuyện riêng với bà, nhưng rất tiếc rằng câu chuyện này lại rất buồn cho cả đôi ta.

-Tuy vậy ông ạ, tôi đã đến do lời kêu gọi đầu tiên của ông, mặc dù tôi biết chắc chắn rằng câu chuyện này đau buồn đối với tôi hơn là đối với ông.

Vinlơpho mỉm cười cay đắng: -Như vậy đúng là những hành động của chúng ta đều có để lại dấu vết, cái thì âm thầm, cái thì quá rõ trong quá khứ. Có thật là những bước chân của chúng ta trên cõi đời này giống như bước đi của loài bò sát trên bãi cát để lại một đường rãnh không?

-Ông ơi! Ông cũng thông cảm cho sự xúc động của tôi chứ! Xin ông hãy dè dặt cho tôi một chút. Trong cái buồng đó biết bao tội lỗi đã xảy ra, cái ghế bành đó tôi đã ngồi vào, run rẩy và xấu xa!… Ôi! Tôi cảm thấy ở tôi một người đàn bà tội lỗi và ông là một vị quan tòa đáng sợ.

Vinlơpho lắc đầu, thở dài: -Còn tôi, tôi nói rằng chỗ của tôi không phải là chiếc ghế bành của quan tòa mà ở cái ghế của ke bị cáo trước vành móng ngựa.

-Tôi tưởng rằng những người đàn bà tội lỗi như tôi mới phải cầu xin Thượng đế khoan dung, còn ông, ông là người nắm pháp luật trong tay thì còn lo sợ nỗi gì!

-Tôi bây giờ không còn là một người nghiêm khắc và giả nhân giả nghĩa như thời ở Mácxây xa xôi nữa. Từ đó cuộc đời của tôi đã có biết bao đổi thay. Tôi đã chạy theo những tham vọng lớn lao, và hoặc vô tình, hoặc hữu ý, đã dẫn dắt tôi đến những việc làm xấu xa bỉ ổi đã làm tôi trở nên mù quáng. Bà chỉ mới nhìn vào quá khứ thôi, nó đã sầu thảm lắm rồi. Nhưng bà hãy hình dung đến tương lai, nó còn sầu thảm hơn, còn ghê gớm hơn,… có thể còn uống máu nữa!…

Nam tước phu nhân rất hiểu sự bình tĩnh của Vinlơpho, bà hãi hùng thấy ông ta nói hăng say như vậy, bà há mồm muốn kêu nhưng tiếng kêu tắc ở cuống

họng. Vinlơpho nói tiếp: -Tại sao cái quá khứ khiếp đảm ấy lại trỗi dậy? Bằng cách nào mà nó lại có thể trỗi dậy từ đáy lòng chúng ta như một cái bóng ma đe dọa bà và tôi?

-Do một sự tình cờ chăng?

-Tình cờ? Không đâu bà ạ, chẳng làm gì có sự tình cờ nào cả.

-Có chứ! Không phải là do tình cờ mà đã xảy ra tất cả sự việc đó à? Có phải là do tình cờ mà bá tước Môngtơ Crixtô đã mua ngôi nhà đó không? Có phải là do tình cờ mà ông ta cho đào chỗ đất đó lên không? Có phải là do tình cờ mà hài nhi xấu số đã bị đào lên không? Hài nhi khốn khổ do tôi sinh ra mà tôi chưa hôn nó được cái nào, nhưng tôi đã đổ cho nó biết bao nước mắt. Ôi! Trái tim tôi đã tan nát khi bá tước nói đến cái xác hài nhi được khai quật lên.

-Không đâu bà ạ! – Vinlơpho nói như gầm lên. – Bà hãy nghe cái điều ghê gớm mà tôi sắp nói ra đây: không, không có cái xác hài nhi nào được khai quật lên cả. Không, ta không được khóc nữa, ta không được than vãn nữa, ta đừng để phải run sợ!

-Ông nói gì kia hả ông? – Phu nhân thổn thức hỏi.

-Tôi muốn nói rằng Môngtơ Crixtô chẳng đào thấy cái quái gì cả, cả xác lẫn hồn, chúng có còn ở đấy nữa đâu mà đào được.

-Thế nào? – Phu nhân nhìn Vinlơpho bằng cặp mắt hãi hùng – Chính tay ông đã chôn nó ở đấy kia mà? Ông đánh lừa tôi làm gì? Xin ông hãy nói đi.

-Phải, ở đấy! Nhưng bà hãy nghe tôi nói đây, bà sẽ thấy thương tôi đã hai mươi năm nay bị đè nặng dưới đau thương mà không hề san sẻ cho bà được.

-Trời ơi! Ông làm cho tôi hãi hùng quá! Nhưng tôi xin ông cứ nói di.

-Bà còn nhớ cái đêm đau khổ đó chứ? Bà thì nằm kiệt sức trong căn phòng căng riềm đỏ, tôi thì hổn hển lo lắng chờ đứa con của chúng ta ra đời. Khi bà trao cho tôi đứa hài nhi không cựa quậy, không khóc, chúng ta tưởng nó chết. Tôi đem bỏ nó vào một cái hòm, đưa xuống vườn chôn. Tôi đang vừa lấp đất thì vụt một cái, thằng cha người Coócxơ nhảy ra đâm tôi một nhát. Tôi thấy đau nhói ở lưng, và ngã xuống bất tỉnh. Một lúc sau, tôi hồi tỉnh, lấy hết sức lực còn lại bò được tới chân cầu thang thì được bà và người vú già chạy ra nâng dậy. Việc này đã được giữ kín, không một ai biết cả, vết thương của tôi được coi là do một cuộc đấu gươm. Tôi được chở đến bệnh viện Vécxây và trong ba tháng tôi phải vật lộn với thần chết. Rồi tôi được đưa đi dưỡng bệnh ở miền Nam nước Pháp. Sáu tháng sau, tôi trở về Pari được tin ông Nacgon đã chết, và bà tái giá với nam tước Đăngla.

Từ ngày đó hình ảnh đứa bé luôn luôn ám ảnh tôi. Mỗi đêm tôi mơ thấy nó trở về nhìn tôi bằng đôi mắt hăm dọa. Tôi nghĩ tới thằng cha người Coócxơ đâm tôi vì thù hằn, nó đã trông thấy tôi chôn đứa bé, chắc chắn là như vậy. Nếu sau này nó biết tôi chưa chết, nó sẽ có cớ để trả thù lại. Tôi quyết định trở lại ngôi

nhà của ông bố vợ cũ của tôi và được biết hầu tước Xanh Mêrăng vừa cho người khác thuê. Tôi phải bồi thường một số tiền cho người đó để lấy lại ngôi nhà.

Một buổi tối, tôi đến ngôi nhà, đi vào căn phòng căng riềm đỏ ngồi đợi. Đến đêm tôi đi xuống cầu thang, ra vườn, hai chân run cầm cập. Trời tối đen như mực, gió lạnh thổi buốt đến xương, mảnh trăng lưỡi liềm le lói trên bầu trời làm cho cảnh tượng thêm hãi hùng bi thảm. Tôi treo chiếc đèn bão vào một cành cây rồi tìm đúng chỗ đã chôn thằng bé để đào. Tôi đào mãi, đào mãi, vẫn chưa thấy gì cả. Tôi đào sang cả xung quanh cũng vẫn không thấy cái hòm đâu. Tôi cho rằng tên giết người thấy tôi chôn cái hòm tưởng hòm tiền và sau khi tôi bị đâm gục xuống, nó bới lên và biết đã bị nhầm.

Tôi đặt giả thiết là thấy xác một hài nhi, nó đã quẳng đi hoặc đem trình nhà chức trách. Tôi chờ đến sáng, tìm kiếm khắp mảnh vườn nhưng không thấy gì. Tôi lại đào, lại xới cả một diện tích hai mươi bộ vuông. Kết quả cũng không hơn gì lần trước.

-Ôi, tôi phát điên lên mất! – Nam tước phu nhân kêu lên.

-Đã có lúc tôi mong như thế mà chẳng được cho. Tuy nhiên tôi cũng cố suy đoán rằng tên đó mang cái xác hài nhi đi để làm gì?

-Thì ông đã chăng nói là để nó có một tang chứng?

-Ồ, không phải như thế đâu bà ạ! Không dưng người ta lại giữ cái xác chết trong một năm mà làm gì. Tên đó sẽ nộp nó cho sở cảnh sát chứ? Thế mà việc đó lại không xảy ra.

-Nếu vậy thì… – Phu nhân thở hổn hển kêu lên.

-Nếu vậy thì có một vấn đề xảy ra cho chúng ta ghê gớm hơn, ác liệt hơn, hãi hùng hơn: đứa bé có thể còn sống và… tên sát nhân đã cứu nó.

Đăngla phu nhân thét lên một tiếng khiếp đảm, nắm chặt lấy tay Vinlơpho: -Con tôi còn sống à? Ông đã chôn sống con tôi rồi! Ông chưa chắc là con tôi đã chết mà ông đã đem chôn nó. Ôi, con tôi… Ôi! Con tôi!

Rồi phu nhân ngã xuống một chiếc ghế, lấy khăn mùi soa cố bịt những tiếng nức nở.

Vinlơpho hiểu rằng muốn chuyển hướng giông tố của người mẹ khỏi giáng xuống đầu mình thì phải chuyển cho bà ta điều mà mình lo sợ: -Bà phải hiểu rằng nếu điều đó xảy ra thì chúng ta nguy mất! Thằng bé còn sống tức là kẻ nào đó đã nắm được bí mật của chúng ta. Chính Môngtơ Crixtô nói với chúng ta đã đào thấy một đứa bé, mà chắc chắn đứa bé không còn chôn ở đấy. Kẻ đó chính là Môngtơ Crixtô!

-Nhưng đứa bé đó… thưa ông?

-Ôi, tôi đã lùng tìm nó bao nhiêu lâu rồi! – Vinlơpho bóp hai bàn tay vào nhau – Đã trăm lần tôi nghĩ rằng tên sát nhân thấy nó còn sống và đã ném nó xuống sông.

-Ôi! Không thể thế được! – Bà Đăngla kêu lên – Vì báo thù mà người ta ám sát một con người chứ bỗng dưng không ai nỡ dìm chết một đứa bé!

-Có thể hắn đã đưa đứa bé vào cô nhi viện.

-Phải, phải! – Bà nam tước reo lên – Con tôi ở đấy ông ạ.

-Tôi vội chạy đến cô nhi viện và tôi được biết rằng cái đêm hôm đó, đêm ngày 20 tháng Chín, một hài nhi được đưa vào đấy. Nó được quấn trong một nửa cái khăn mặt bằng vải mỏng xé ra có dụng ý. Nửa cái khăn mặt đó mang một nửa dấu hiệu bá tước và một chữ H.

-Đúng đấy, đúng đấy! – Bà Đăngla nhắc lại vui sướng – Tất cả quần áo của tôi đều có cái dấu ấy. Chồng trước của tôi là bá tước, tôi là Hécmin. Xin cám ơn Chúa! Con tôi còn sống! Bây giờ nó ở đâu?

-Tôi biết đâu đấy? – Vinlơpho nhún vai – Không, tôi không biết đâu. Sáu tháng sau, một người đàn bà mang nửa chiếc khăn mặt kia đến đòi lại đứa bé và đã mang nó đi rồi.

-Nhưng phải tìm cho ra người đàn bà ấy chứ?

-Bà chả phải bảo tôi việc ấy. Tôi đã giả định đó là vụ án giết người, đã phái những tên đặc vụ, những tên cảnh sát khôn khéo nhất đi lùng tìm, nhưng rồi chẳng thấy tăm hơi đứa bé đâu.

-Thế là hết à? Ông chịu dừng lại ở đấy à?

-Ồ, không – Vinlơpho đáp – Tôi không hề ngừng việc tìm kiếm. Tuy nhiên hai ba năm gần đây công việc này có đình trệ đôi chút. Nhưng bắt đầu từ giờ phút này tôi sẽ tiếp tục hăng say hơn, kiên quyết hơn vì không phải chỉ có lương tâm thúc đẩy mà còn là sự sợ hãi nữa.

-Nhưng – bà Đăngla nói tiếp – bá tước chắc là không biết gì về chuyện này đâu vì nếu không chúng ta đã bị tố cáo rồi.

-Biết đâu đấy? Lòng người nham hiểm ai đo cho tường được Bà có thấy cặp mắt hắn ta khi nói chuyện với chúng ta không?

-Thế bây giờ chúng ta phải làm như thế nào?

-Làm thế nào à? Trong tám hôm nữa tôi phải tìm hiểu cho bằng được Môngtơ Crixtô là ai, hắn ở đâu đến, hắn đi đâu và tại sao hắn lại nói với chúng ta về việc khai quật được đứa trẻ trong cái vườn của hắn?

Vinlơpho nói câu ấy bằng cái giọng mà nếu Môngtơ Crixtô nghe thấy cũng phai sởn gáy. Rồi ông ta bắt tay từ biệt nam tước phu nhân và tiễn bà ta đến cửa.

§68. Buổi khiêu vũ mùa hè

Cũng ngày hôm đó một cỗ xe du lịch đỗ trước cửa tòa nhà phố Henđơ. Cửa xe mở, phu nhân Đơ Moocxép vịn tay người con trai bước xuống. Anbe dẫn mẹ vào nhà rồi đi tắm rửa thay quần áo, sau đó bảo người đánh xe đưa đến nhà bá tước Môngtơ Crixtô.

Bá tước tiếp anh với một nụ cười thường lệ và tử tước Moocxép rất hoan hỷ được gặp lại bá tước.

-Tôi vừa ở Trêpo về vội đến ngay đây để chào ngài, thăm tình hình sức khỏe của ngài ra sao và tin tức có gì mới lạ.

-Cũng thường thôi. Còn về tin tức thì nam tước Đăngla có đến tôi dự tiệc nhưng tiếc rằng tiểu thư Ơgiêni lại không có mặt.

-Tôi xin thú nhận với ngài là tôi không có thiện cảm với cô ta lắm. Nếu bắt buộc phải sống với một người vợ như cô ta thì tôi rất chán.

-Tử tước có vẻ khó tính thế?

-Tôi vẫn thường mơ ước có được một người vợ với đầy đủ tiêu chuẩn như mẹ tôi. Đúng là một thiên thần: đẹp, thông minh và đức hạnh. Được đi theo mẹ tôi, tôi lấy làm kiêu hãnh như đi theo một bà hoàng.Và ngài cũng thông cảm với tôi là khi phải chung sống với một người mà mình không thích thì đau khổ biết chừng nào?

-Vì vậy mà tử tước không muốn lấy vợ có phải không? – Bá tước mỉm cười.

-Ngày nào mà cô Ơgiêni tuyên bố tôi không xứng đáng với cô thì tôi sẽ nhẩy cẫng lên vì sung sướng. Cả anh chàng Frăng nữa, tôi xem ra có vẻ không sốt sắng lắm với cô Valăngtin. Cậu ta đã được gia đình cho triệu về theo yêu cầu của ông Vinlopho. Ông ta đang gấp rút chuẩn bị lễ cưới cho cô Valăngtin, tôi chưa biết ý kiến của Frăng về việc này ra sao.

-Còn ông, ông có định cắt đứt không?

-Tôi có thể mất mười vạn frăng để làm chuyện đó.

-Ông cứ yên tâm, nam tước Đăngla cũng sẽ được trả gấp đôi nếu làm được việc đó như ông muốn.

-Thật không hả ngài?

-Lòng nam tước đang nghiêng về một người… rồi sau này ông sẽ biết thôi.

-Tôi hiểu rồi. À, mẹ tôi sắp tổ chức một cuộc khiêu vũ mùa hè, đó là một cái mốt hiện nay của thủ đô, và muốn nhờ ngài mời hộ thiếu tá Cavancăngty và con trai.

-Bao giờ thì tổ chức?

-Thứ bảy này.

-Thế thì thiếu tá Cavancăngty có lẽ đã rời khỏi Pari rồi.

-Nếu vậy thì con trai của thiếu tá chắc còn ở lại.

-Xin tử tước hãy nghe tôi đây: Tôi không dám nhận lời mời hộ ông con trai thiếu tá đâu, vì ông cũng biết rằng nếu sau này có vấn đề gì xảy ra giữa nam tước Đăngla và Angđrê Cavancăngty thì mọi người lại đổ tại tôi. Xin ông trực tiếp mời lấy thì hơn. Vả lại bản thân tôi cũng chưa biết có đến đấy được không?

-Tại sao ngài không đến?

-Trước hết vì tôi chưa được mời.

-Thì chính tôi đến để mời ngài đây. Sở dĩ tôi chưa nói là vì đối với ngài có vấn đề đặc biệt.

-Đặc biệt! Thật là hân hạnh cho tôi quá?

-Thật đấy mà. Mẹ tôi đích thân mời ngài.

-Bá tước phu nhân Đơ Moocxép ấy à? – Môngtơ Crixtô rùng mình hỏi.

-Thưa bá tước, vâng! Và tôi xin báo để ngài biết rằng ngài đã chiếm được cảm tình của mẹ tôi. Trong bốn ngày nay, ngày nào mẹ con tôi cũng chỉ nói đến ngài.

-A ha! Nếu vậy tôi thành vấn đề đối với bà nhà à?

-Vâng, một vấn đề xin ngài cứ yên tâm, chưa giải quyết được. Mẹ tôi chỉ hỏi rằng làm sao mà ông trẻ thế. Trong khi nữ bá tước cho ngài là nam tước Ruttuen, còn mẹ tôi cho ngài là Caglietrô hoặc bá tước Xanh Giecmanh. Vì vậy ngài cần phải đến thanh minh với mẹ tôi ngay đi.

-Xin cảm ơn ông đã cho tôi biết trước như vậy – Bá tước mỉm cười nói – Tôi sẽ cố gắng giải thích cho mọi người.

-Vậy thứ bảy này ngài sẽ đến chứ?

-Vì nữ bá tước yêu cầu.

-Ngài lịch sự quá! Ngài có khiêu vũ không, thưa bá tước?

-À, cái đó thì khi người ta chưa quá bốn chục… Không, tôi không thích khiêu vũ, nhưng tôi thích xem. Thế còn bà Moocxép, bà có khiêu vũ không?

-Tôi cũng chẳng thấy mẹ tôi khiêu vũ bao giờ. Ngài sẽ nói chuyện với mẹ tôi, mẹ tôi rất muốn nói chuyện với ngài.

-Có thật không?

-Xin thề! và tôi xin nói với ngài rằng ngài là người đàn ông đầu tiên mà mẹ tôi tò mò muốn nói chuyện.

Anbe cầm mũ đứng lên, bá tước đưa anh ra đến tận cổng ngoài rồi nói tiếp: -À quên, xin ông cho tôi biết bao giờ thì ông Frăng về?

-Chậm lắm là năm, sáu hôm nữa.

-Thế bao giờ ông ấy cưới vợ?

-Ngay sau khi ông bà Xanh Mêrăng đến.

-Khi nào ông ấy về, ông nhớ đưa lại tôi chơi ngay nhé. Mặc dù ông cho rằng tôi không mến ông ấy, nhưng tôi xin nói với ông rằng tôi sẽ rất sung sướng được

gặp lại ông ta.

-Xin tuân lệnh. Và chắc chắn thứ bảy nhé.

-Tôi đã hứa rồi.

Bá tước Môngtơ Crixtô đưa mắt nhìn theo cho đến khi Anbe đã đi khuất, ông quay lại thì thấy Bectuyxiô đứng sau lưng.

-Thế nào? Bá tước hỏi.

-Mụ ta đã đi đến tòa án – Người quản gia đáp.

-Ở lại có lâu không?

-Một tiếng rưỡi ạ.

-Thôi được, ông Bectuyxiô ạ, bây giờ tôi khuyên ông nên đi về xứ Noócmăng đi tìm một mảnh đất nhỏ mà tôi đã nói với ông.

Bectuyxiô chào bá tước rồi vào nhà. Buổi tối hôm ấy Bectuyxiô đi ngay vì lệnh của ông chủ rất khớp với nguyện vọng của ông.

§69. Thẩm tra

Để giữ đúng lời hứa với Đăngla phu nhân, ngay hôm đó Vinlơpho viết thư cho viên cảnh sát trưởng yêu cầu mở cuộc thẩm tra lý lịch của bá tước Môngtơ Crixtô. Hai ngày sau, Vinlơpho nhận được một công văn với nội dung như sau:

"Người được gọi là bá tước Môngtơ Crixtô được hai nhân vật biết rất rõ, một là hầu tước Uynmo, một người Anh rất giàu, thỉnh thoảng ông ta có ghé qua Pari và hiện giờ đang có mặt ở thủ đô. Người thứ hai là linh mục Buxôni người Ý, được nhiều người biết tiếng vì những công việc từ thiện mà ông ta đã làm".

Vinlơpho lại ra lệnh điều tra kỹ về hai nhân vật này và những tin tức lượm lặt được tóm tắt như sau:

"Vị linh mục ghé thăm Pari có một tháng, hiện ở ngôi nhà nhỏ hai tầng sau nhà thờ Thánh Xuynpit. Tầng dưới là phòng ăn và phòng tiếp khách. Tầng trên là phòng ngủ và phòng đọc sách. Tất cả đồ đạc đều rất giản dị. Linh mục thường ngồi trong phòng đọc sách và một người đầy tớ lúc nào cũng ngồi trực sau cánh cửa để trả lời những câu hỏi của khách đến chơi hoặc phát tiền bố thí cho người nghèo".

"Còn hầu tước Uynmo ở phố Thánh Gióoc là một du khách người Anh, ăn tiêu rất xa xỉ, thuê một ngôi nhà rất đẹp, thường vắng mặt và ít khi ngủ ở nhà. Ông ta có đặc điểm là. không muốn nói tiếng Pháp mặc dù viết và đọc được".

Ngày hôm sau có một người lạ mặt đến gõ cửa nhà Buxôni. Sau khi được người đầy tớ cho biết linh mục đi vắng, người đó đưa ra một tấm danh thiếp hẹn đến tám giờ tối sẽ quay lại. Quả nhiên đúng giờ đó, người khách đến và được người đầy tớ dẫn vào phòng đọc sách để gặp linh mục Buxôni. Vị linh mục mặc bộ áo thầy tu trùm kín đầu ngồi phía sau cây đèn, chụp đèn quay về phía khách. Linh mục sửa lại đôi kính to tướng, bằng một giọng lơ lớ tiếng Ý hỏi khách:
-Ông là người của sở cảnh sát? Xin cho biết ông đến thăm tôi với yêu cầu gì?

-Thưa ngài, tôi được cảnh sát trưởng giao cho một nhiệm vụ vì lợi ích an ninh của thành phố và mong ngài giúp tôi làm tròn nhiệm vụ.

-Xin sẵn sàng! – Vị linh mục hạ thấp cái chụp đèn xuống – ông cứ nói đi.

-Ngài quen biết bá tước Môngtơ Crixtô?

-Môngtơ Crixtô không phải là tên ông ta, đó là tên đất mà ông ta là chủ. Một hòn đảo nhỏ ở Địa Trung Hải được ông ta mua của quốc vương Ý để được phong tước vị bá tước. Tên thật ông ta là Dacônê, con một nhà đóng tàu rất lớn ở đảo Mantơ. Ông ta là bạn học của tôi từ thuở nhỏ. Lớn lên ông ta sung vào hải quân và đã từng tham chiến.

-Nghe nói ông ta có nhiều tiên của lắm phải không?

-Ông ta có một số lợi tức hàng năm là bốn triệu frăng, tính rất hào phóng, hay làm việc từ thiện và đã từng được Giáo hoàng tặng huân chương.

-Xin ngài cho biết ông ta mua ngôi nhà nghỉ mát ở Ôtơi với mục đích gì?

-À, ông ta có nói với tôi là có ý định mở một nhà thương điên rất quy mô như của nam tước Pidani ở Palecmơ.

Khách không còn gì muốn hỏi nữa bèn cáo biệt linh mục, ra xe bảo đánh đến phố Thánh Gióoc.

Đến nhà hầu tước Uynmo, khách viết thiếp xin gặp vào hồi mười giờ. Đúng giờ đó khách đến và được dẫn vào một phòng khách trang trí trang nhã, ánh đèn tỏa sáng êm dịu trong những quả bóng kính mờ. Hầu tước Uynmo người dong dỏng cao, để râu mép, mái tóc vàng đã điểm hoa râm. Ông ta mặc chiếc áo màu lục đính khuy vàng, cổ cao theo kiểu Anh, áo gilê trắng và quần bằng đũi Trung Quốc chật ống. Khách đưa ra một bức thư giới thiệu. Hầu tước cầm lấy đọc qua rồi nói bằng tiếng Anh: -Tôi rất tiếc là không nói được tiếng Pháp nhưng vẫn hiểu được.

Câu chuyện diễn ra đại khái như với vị linh mục. Hầu tước cho biết hồi còn ít tuổi Môngtơ Crixtô đã giúp một quốc vương Ấn Độ chống lại người Anh, bị bắt về giam ở Anh, sau tìm cách trốn sang Hy Lạp. Trong thời kỳ đó phó vương luôn chống lại đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ, ông ta tìm được một cái mỏ bạc và xin phép được độc quyền khai thác tạo ra một sản nghiệp to lớn. Còn công việc ông ta sang Pháp là nhằm mở một con đường xe lửa và mua ngôi nhà ở Ôtơi vì nghe nói vùng đó có một nguồn nước khoáng dùng để chữa bệnh. Ông ta có ý định lập một công ty nước suối để cạnh tranh với người Đức. Ông ta đã đào xới hai ba lần cái vườn ấy tìm nguồn nước. Đấy rồi ông xem, vì chưa tìm thấy nên ông ta còn sẽ mua tất cả nhà ở quanh. Xin thú thật với ông, tôi cũng không ưa gì ông ta đâu. Tôi mong rằng trong những cuộc kinh doanh này, ông ta sẽ bị phá sản.

-Tại sao ông lại không ưa bá tước Môngtơ Crixtô? – Khách hỏi.

-Vì rằng trong khi đi qua Anh, ông ta đã quyến rũ vợ một người bạn thân của tôi.

-Nếu ông không ưa sao ông không tìm cách trả thù? – Khách hỏi.

-Tôi đã quyết đấu với ông ta ba lần – Uynmo kể – Lần thứ nhất đấu súng, lần thứ hai đấu gươm, lần thứ ba đấu kiếm.

-Thế kết quả ra sao ạ?

-Lần thứ nhất hắn bắn gãy tay tôi, lần thứ hai hắn đâm trúng vào ngực tôi và lần thứ ba hắn đã đem lại cho tôi vết thương này, Uynmo nói xong gập cái cổ áo sơmi xuống để lộ một cái sẹo còn đỏ chứng tỏ cuộc đấu kiếm cũng mới đây thôi.

-Cho nên tôi căm thù hắn ta vô cùng – Uynmo tiếp tục – Hắn chỉ có thể chết về tay tôi mà thôi.

-Nhưng – người khách nói – ông chưa tìm thấy đúng con đường để giết ông ta đấy.

-Ông không thấy rằng ngày nào tôi cũng đến trường bắn à?

Đó là tất cả những điều mà khách muốn biết, hay nói cho đúng hơn đó hình như là tất cả những điều mà Uynmo biết được. Khách liền đứng dậy xin cáo biệt.

Sau khi cửa ra đường đã được đóng lại, hầu tước Uynmo đi vào buồng ngủ của mình, tháo bỏ bộ tóc, quai hàm giả và cái sẹo giả ra, ta thấy hiện ra bộ mặt của bá tước Môngtơ Crixtô.

Còn về khách thì chẳng phải là phái viên của sở cảnh sát mà chính là Vinlơpho đích thân. Ngài chưởng lý đã an tâm sau hai cuộc đến thăm. Tuy chưa được hài lòng lắm nhưng những điều đã thu thập được về bá tước Môngtơ Crixtô đã làm cho ông ta phải bớt lo ngại.

§70. Buổi khiêu vũ

Buổi khiêu vũ của bá tước phu nhân Đơ Moocxép được tổ chức vào một tối thứ bảy của tháng Bảy – tháng nóng nhất.

Lúc bấy giờ là mười giờ tối. Trong vườn, những hàng cây to nằm im lìm dưới bầu trời đầy sao, còn vương những đám sương mù của một cơn dông đe dọa trong ngày.

Trong những căn buồng ở tầng dưới vẳng lên tiếng nhạc quay cuồng và dồn dập. Ở ngoài vườn hoa có những lối đi thắp đèn nến sáng trưng, có kê bàn để sửa soạn bữa ăn tối. Các vị khách đã đến đông đủ trong các phòng khách, được bàn tay khéo léo của Moocxép phu nhân trang trí.

Nam tước phu nhân Đăngla ở trên xe bước xuống, trong bộ áo lộng lẫy làm tăng thêm vẻ đẹp sẵn có của bà. Anbe, được cử ra đón tiếp, đưa tay cho bà ta vịn rồi dẫn vào nhà. Một lát sau hai tiểu thư Ơgiêni và Valăngtin mặc áo trắng, tay cầm hoa, dắt nhau đi tới cùng với Vinlơpho phu nhân.

Anbe vừa đến chào bà ta thì đã bị hỏi ngay: -Bá tước Môngtơ Crixtô có đến không hả cậu?

-Thưa phu nhân, sắp sửa đến, ông ta không bao giờ sai hẹn.

-Cậu Anbe này, tôi vừa được biết tên thật của ông ta là Dacônê, con một ông chủ hãng đóng tàu ở đảo Mantơ, đến Pari để thành lập một công ty khai thác nước suối khoáng. Sở cảnh sát đang cho điều tra về hành vi của ông ta.

-Nếu vậy tôi sẽ báo cho ông ta biết để đề phòng.

Giữa lúc đó, một thanh niên vạm vỡ, đẹp trai có bộ ria mép và mớ tóc đen cúi chào Vinlơpho phu nhân. Anbe nắm lấy tay anh ta quay lại nói với Vinlơpho phu nhân: -Xin giới thiệu với phu nhân, đại úy Mắcximiliêng Moren trong đoàn kỵ binh Bắc Phi, một sĩ quan anh dũng của quân đội ta.

-Có, tôi đã gặp đại úy ở Ôtơi – Phu nhân lạnh lùng nói rồi quay đi.

Anh thanh niên sĩ quan có vẻ hơi buồn về giọng nói và thái độ kiêu kỳ của bà ta. Anh quay lại thấy một cặp mắt xanh, trong sáng nép sau một chậu hoa đang đắm đuối nhìn anh, làm anh đứng ngây người, quên hết mọi canh vật xung quanh.

Bá tước Môngtơ Crixtô bước vào phòng, mặc chiếc áo lễ phục màu đen cắt rất khéo, áo gilê trắng, quần màu xám nhạt làm nổi bật một thân hình cân đối với mớ tóc đen nhánh uốn theo làn sóng. Cặp mắt nâu buồn rầu, miệng cười chua chát, vẻ mặt điềm nhiên và sắc sảo làm mọi người phải chăm chú nhìn. Bá tước có một vẻ đẹp khác thường và mỗi nét, mỗi cử động đều có giá trị của nó, vừa mềm mại, vừa cứng rắn, không thể ai bì kịp.

Bá tước Môngtơ Crixtô ung dung đi về phía Moocxép phu nhân. Bà đang đứng trước cái lò sưởi có đặt những bình hoa, nghiêng mình chào. Có lẽ phu nhân tưởng bá tước sẽ nói, về phần bá tước có lẽ ông cũng tưởng phu nhân sẽ nói, nhưng hai người đều im lặng cả, cái im lặng làm cho hai người nhìn nhau có vẻ ngượng ngập thế nào ấy. Rồi sau khi khẽ gật đầu chào nhau, Môngtơ Crixtô tiến về phía Anbe, Anbe cũng đi lại phía bá tước Môngtơ Crixtô, dáng điệu vui vẻ: -Ngài đã gặp mẹ tôi chưa?

-Có, tôi vừa được hân hạnh chào phu nhân xong – Bá tước nói – Nhưng còn bá tước Đơ Moocxép đâu?

-Cha tôi đang nói chuyện chính trị với mấy ông lớn.

-Chắc hẳn các ngài đó đang bàn những chuyện chí quốc lợi dân phải không?

Bá tước vừa nói xong thì thấy có người vỗ vào vai, quay lại thì ra nam tước Đăngla.

-Chào ngài nam tước, có tin gì vui không?

-Khổ quá, tôi vừa nhận được tin một hãng buôn ở Frăngpho bị vỡ nợ và tôi bị mất không vào đấy hai mươi vạn frăng. Nhưng xin ngài đừng nói gì với cậu Angđrê đấy.

Nói xong, Đăngla tươi cười ra bắt tay người con trai của thiếu tá Cavancăngty. Anbe chạy đi tìm mẹ và Môngtơ Crixtô thấy phu nhân bá tước Đơ Moocxép đang đứng một mình.

Trời bắt đầu nóng. Các gia nhân đi lại tấp nập bưng các khay đựng đầy trái cây và các cốc nước. Môngtơ Crixtô rút khăn mùi soa lau mồ hôi ở mặt nhưng ông ta từ chối mọi thứ giải khát mà các gia nhân bưng đến.

Bà Moocxép trong khi không rời mắt khỏi Môngtơ Crixtô từ nãy đến giờ, thấy thế liền bảo với con trai: -Anbe, con có thấy bá tước Môngtơ Crixtô không bao giờ nhận đến ăn cơm ở nhà ta không?

-Có ạ! Nhưng ông ta đã chả đến dự bữa ăn trưa với con rồi là gì?

-Với con chứ không phải với bá tước Moocxép – Mécxêđét thì thầm – Và từ khi ông ta tới đây, mẹ nhận thấy ông ta chưa hề đụng đến một tí gì cả. Thế là thế nào?

-Bá tước rất khảnh ăn.

Mécxêđét mỉm cười buồn bã: -Con hãy lại gần ông ta và thử nài ông ta một cốc xem.

-Để làm gì hả mẹ?

-Để làm vui lòng mẹ, con ạ.

Anbe vâng lời đến gần bá tước, cầm một cốc rượu trên khay cố mời bá tước nhưng bị từ chối. Anbe trở về chỗ mẹ, mặt bà tái xanh. Bà đến thẳng chỗ nhóm có chồng bà và nói: -Ông không nên lôi cuốn các vị, ở đây ngột ngạt lắm, các vị

không thích khiêu vũ mà được ra ngoài vườn dạo chơi thở hít không khí trong lành chắc hẳn sẽ vừa lòng.

-Ồ, thế thì hay quá – Một vị khách tán thành – Nhưng chúng tôi không ra một mình đâu.

-Vâng, được – Mécxêđét nói – Tôi sẽ xin đi trước. Rồi quay lại Môngtơ Crixtô bà nói tiếp: -Thưa bá tước, xin ông cho tôi cái hân hạnh được vịn vào tay ông.

Môngtơ Crixtô choáng váng vì câu nói bình thường đó, ông nhìn vào mắt Mécxêđét. Cái nhìn đó nhanh như chớp nhưng đối với Mécxêđét như một thế kỷ. Cái nhìn đó lóe lên nhưng mang đủ ý nghĩa.

Môngtơ Crixtô đưa tay cho Mécxêđét. Mécxêđét tỳ tay vào hay đúng hơn, bà lướt bàn tay nhỏ nhắn của mình lên đó. Hai người chậm rãi bước ra. Đằng sau có đến vài chục người khách ầm ĩ theo ra dạo mát.

§71. Bánh mì và muối

Moocxép phu nhân vịn tay Môngtơ Crixtô bước vào một vòm cây sơn trà, qua một lối nhỏ dẫn tới vườn ươm cây.

-Thưa bá tước, trong phòng khách nóng lắm phải không?

-Vâng, ý kiến của bà nên ra ngoài thật là tuyệt – Nói xong Môngtơ Crixtô cảm thấy bàn tay Mécxêđét hơi run run, liền hỏi: -Bà mặc áo mỏng thế này, lại không có khăn quàng cổ nên bị lạnh phải không?

-Ông có biết tôi dẫn ông tới đâu không? – Mécxêđét tránh trả lời thẳng vào câu hỏi.

-Không ạ. – Môngtơ Crixtô đáp.

-Đến vườn ươm cây ở đằng kia, cuối con đường chúng ta đang đi.

Môngtơ Crixtô nhìn Mécxêđét như dò hỏi nhưng thấy Mécxêđét tiếp tục bước mà không nói gì nên cũng lặng thinh. Khi hai người đã bước vào trong nhà kính trồng đầy những cây ăn quả tốt tươi, phu nhân rời khỏi tay bá tước, tới ngắt một chùm nho đỏ mọng rồi bà mỉm cười trong nỗi buồn man mác, hình như trong mắt bà có long lanh giọt lệ, nói: -Thưa bá tước, những cây nho ở xứ sở tôi không bì được với thứ nho ở đảo Xixin và đảo Síp, nhưng cũng mời ông nếm thử.

Môngtơ Crixtô nghiêng đầu, lùi lại một bước.

-Ông từ chối tôi ư? – Mécxêđét nói giọng run run.

-Thưa bà – Môngtơ Crixtô đáp – xin bà thứ lỗi cho, tôi không ăn nho tươi bao giờ cả!

Mécxêđét thở dài thả rơi chùm nho xuống đất. Một quả đào chín đỏ mịn lông tơ treo lơ lửng ở giàn bên. Mécxêđét giơ tay hái quả đó rồi nói: -Ông cầm lấy quả đào này vậy.

Môngtơ Crixtô vẫn có cử chỉ từ chối như trước.

-Ôi lại vẫn thế ạ? – Mécxêđét nói với một giọng đau đớn làm người ta tưởng bà sắp khóc nấc lên – Thật là rủi ro cho tôi quá!

Rồi im lặng một lúc lâu, quả anh đào cũng như chùm nho lăn lóc dưới đất. Mãi sau, Mécxêđét nhìn Môngtơ Crixtô bằng cặp mắt van lơn nói: -Thưa bá tước, tôi biết ở Ả Rập có một phong tục rất cảm động là những người bạn chí thân thường tặng nhau bánh mỳ và muối.

-Thưa bà, tôi biết – Bá tước đáp – Nhưng hiện nay chúng ta ở Pháp chứ có ở Ả Rập đâu. Mà ở Pháp thì làm gì có phong tục đó.

Mécxêđét hồi hộp, nắm chặt lấy cánh tay Môngtơ Crixtô, nhìn thẳng vào mắt của ông: -Nhưng dù sao chúng ta cũng là bạn, phải không ạ?

Dường như máu dồn hết về tim làm cho bộ mặt Môngtơ Crixtô trắng bệch như một xác chết và cặp mắt ông mờ đi như nhìn vào nơi xa xăm trong một vài

giây.

-Tất nhiên chúng ta là bạn rồi – ông đáp – Tại sao chúng ta lại không thể là bạn được?

Giọng nói ấy khác xa với cái giọng mà bà Moocxép mong muốn làm bà phải quay lại thốt ra một tiếng thở dài đau đớn.

-Cám ơn!

Rồi bà lại tiếp tục đi. Hai người lặng lẽ như vậy đi xung quanh vườn. Sau mười phút đi lặng lẽ bên nhau, đột nhiên Mécxêđét nói: -Thưa ông, có thật là ông đã đi nhiều, thấy nhiều, đau khổ nhiều phải không?

-Tôi đã đau khổ nhiều, vâng, thưa bà!

-Nhưng bây giờ ông đã sung sướng rồi chứ?

-Tất nhiên rồi – Bá tước đáp – Vì có ai nghe thấy tôi kêu ca gì đâu. Và hạnh phúc bây giờ của tôi cũng tương đương với nỗi đau khổ đã qua của tôi.

-Ông chưa lấy vợ chứ? – Mécxêđét hỏi.

-Tôi lấy vợ? – Bá tước rùng mình đáp – Ai nói với bà thế?

-Chưa ai nói với tôi cả, nhưng đã nhiều lần người ta thấy ông dẫn đến nhà hát một cô gái rất trẻ và đẹp.

-Đó là một người nô lệ mà tôi đã mua ở Côngxtăngtinốp, một công chúa mà tôi nhận làm con vì tôi chẳng có tình thương yêu nào khác trên đời này.

-Ông cứ sống cô đơn như vậy à?

-Tôi sống cô đơn.

-Ông không có anh em… con… cha, à?

-Tôi không có ai cả.

-Ông làm thế nào mà sống được như vậy, không có gì lưu luyến với cuộc sống.

-Đó không phải là lỗi tại tôi, thưa bà. Ở Mantơ tôi có yêu một thiếu nữ và tôi sắp cưới cô ta thì chiến tranh xảy ra, tôi lại phải ra đi. Tôi nghĩ rằng cô ta đã yêu tôi, tình yêu đó tôi tưởng sẽ trung thành với tôi đến suốt đời. Nhưng khi tôi trở về, cô ta đã lấy chồng. Chuyện đó thường xảy ra khi người ta ở tuổi hai mươi. Có lẽ tim tôi yếu hơn so với nhiều người khác nên tôi đã đau khổ hơn ai hết. Chỉ có thế thôi.

Mécxêđét phải dừng lại một lát để ghìm bớt xúc động: -Vâng – Bà nói – Và cái tình yêu ấy khắc sâu vào trong tim ông… Người chỉ yêu tha thiết có một lần… Thế ông có bao giờ gặp lại người phụ nữ ấy không?

-Chưa bao giờ cả, vì tôi chưa hề trở lại quê hương của cô ta.

-Cô ta ở Mantơ phải không?

-Vâng.

-Và ông đã tha thứ cho cô ta cái tội đã làm ông phải đau khổ rồi chứ?

-Cho cô ta, vâng!

-Cho mình cô ta thôi ư? Ông vẫn còn căm ghét những người đã làm ông phải xa cô ta à?

Mécxêđét lại đứng trước mặt Mông tơ Crixtô, tay cầm một chùm nho thơm phức: -Xin mời ông.

-Thưa bà, không bao giờ tôi ăn nho tươi cả.

-Không thể lay chuyển được! – Mécxêđét lẩm bẩm và ném chùm nho ra xa.

Môngtơ Crixtô vẫn cứ lạnh lùng, coi như lời đó không phải là để trách ông.

Bỗng nhiên Anbe tất tả từ đằng xa chạy đến: -Thưa mẹ, một biến cố lớn vừa xảy ra. Ngài Vinlơpho đến tìm phu nhân và cô Valăngtin để báo tin buồn là hầu tước Đơ Xanh Mêrăng đã chết một cách đột ngột khi rời khỏi Mácxây. Vinlơpho phu nhân khi biết tin này vẫn thản nhiên như thường, còn cô Valăngtin thì ngất lịm đi.

-Hầu tước Xanh Mêrăng đối với cô Valăngtin là thế nào? – Bá tước hỏi.

-Là ông ngoại cô ta và đến Pari để xúc tiến hôn lễ của cô với Frăng Đêpinay. Thành thử cuộc hôn nhân bị hoãn. Giá hầu tước là ông ngoại cô Ơgiêni có phải hay bao nhiêu không?

-Anbe, sao con lại ăn nói thế? – Moocxép phu nhân nhìn con trách móc – Thưa bá tước, ông có danh tiếng như thế xin ông chỉ bảo cho con tôi biết là nó vẫn còn ăn nói dại dột quá.

Nói xong, bà tiến lên mấy bước. Môngtơ Crixtô nhìn bà ngạc nhiên với một vẻ vừa yêu thương vừa thán phục, đến nỗi làm bà phải quay lại. Một tay nắm lấy tay bá tước, một tay nắm lấy tay con trai, bà nói: -Chúng ta là bạn của nhau phải không?

-Thưa bà, tôi không dám có cái cao vọng đó, tôi chỉ là một người đầy tớ trung thành của bà thôi.

Mécxêđét bước đi, lòng thắt lại. Đi được mươi bước, Môngtơ Crixtô thấy bà đưa khăn tay lên lau mắt.

-Mẹ tôi và ngài chưa thống nhất được với nhau à? – Anbe hỏi ngạc nhiên.

-Trái lại – Bá tước đáp – Và bà chả vừa mới nói chúng ta là bạn với nhau là gì!

§72. Bà Hầu tước Xanh Mêrăng

Sau khi Vinlơpho phu nhân và tiểu thư Valăngtin đi dự buổi khiêu vũ ở nhà Moocxép, Vinlơpho ngồi một mình trong phòng, đem tập hồ sơ ra nghiên cứu.

Ông ta lôi ra một tập ghi chép bằng tay mà ông ta sắp xếp và đánh dấu bằng những ký hiệu chì mình ông biết, trong đó có đầy đủ những tên tuổi mà ông đã gặp trong sinh hoạt chính trị trong sinh hoạt kinh tế hoặc trong những cuộc tình ái thầm kín của ông mà nay trở thành kẻ thù của mình.

Sau khi đã lướt qua tất cả các danh sách đó trong trí nhớ, sau khi đã đọc đi đọc lại và nghiên cứu kỹ càng, ông lắc đầu nói một mình: -Không, không có thể có một kẻ thù nào mà lại cần cù kiên nhẫn đợi mãi cho đến ngày nay mới mang cái bí mật ra giáng cho ta một đòn chí tử! Nhiều khi, như Hămlét[340] đã nói, tiếng vang sâu thẳm lại chui ở dưới đất lên và cũng như đốm lửa của lân tinh bay vật vờ trong gió, nhưng đó chỉ là những đốm lửa chỉ soi sáng chốc lát để rồi lại lạc hướng ngay. Có thể tên Coócxơ đã kể lại câu chuyện đó để xưng tội với một cha cố cha cố lại đi kể lại. Môngtơ Crixtô có thể đã biết và lôi ra ánh sáng. Nhưng lôi ra ánh sáng làm gì kia chứ? – Vinlơpho suy nghĩ một lát rồi lại lẩm bẩm tiếp – Có lợi ích gì cho Môngtơ Crixtô, cho cái tên Dacônê, con ông chủ hãng đóng tàu ở Mantơ, một tên khai thác mỏ bạc ở Tecxali, lần đầu tiên đến nước Pháp ấy?

Trong cái mớ tài liệu rời rạc ấy do linh mục Buxôni và hầu tước Uynmo, một người bạn và một kẻ thù đã cung cấp cho ta, thì một vấn đề nổi bật lên rõ ràng và cụ thể là: không hề có một thời gian nào, một hoàn cảnh nào, một trường hợp nào hắn với ta có một quan hệ với nhau…

Nhưng Vinlơpho đã nói câu ấy mà không tin vào chính bản thân mình. Vấn đề tố giác không phải là một điều ghê gớm đối với ông ta, mà cái chính là việc do Vinlơpho gây ra.

Giữa lúc Vinlơpho đang tìm cách tự an ủi mình thì tiếng xe ngựa vang lên dưới sân. Rồi ông nghe thấy tiếng chân bước lên cầu thang, rồi những tiếng khóc than. Ông vội vã ra mở cửa buồng thì một bà già không báo trước đã bước vào, khăn quàng và mũ cầm ở tay. Bộ tóc bạc phơ để lộ nước da ngà vàng, mắt sưng húp.

-Ôi! ông ơi – Bà già nói đau đớn – Thật là khốn khổ cho tôi! Tôi đau khổ đến chết mất. Phải, chắc chắn là tôi cũng chết mất thôi!

Nói xong bà gieo người vào một cái ghế bành và khóc nức nở.

-Trời ơi! Thưa bà – Vinlơpho thảng thốt – Việc gì xảy ra vậy! Hầu tước Xanh Mêrăng không cùng đi với bà à?

-Nhà tôi mất rồi – Bà hầu tước kêu thảm thiết – Không bệnh tật, không sao cả, chết một cách hãi hùng.

-Chết à ! Chết như vậy… bất thình lình?

-Cách đây tám hôm – Bà hầu tước già kể lể – Nhà tôi và tôi lên xe đi Pari, vừa rời khỏi Mácxây một quãng đường, nhà tôi uống mấy viên thuốc thì tự nhiên ngã vật xuống bất tỉnh, mặt đỏ nhừ, tim đập rất mạnh. Một lát sau nhà tôi kêu lên một tiếng khủng khiếp. Tôi cho xe đỗ lại, sờ vào thấy người ông ấy lạnh toát. Tới một thị trấn gần đấy, tôi cho người đi mời thầy thuốc nhưng quá muộn rồi. Thầy thuốc cho biết nhà tôi bị chết đột ngột về chứng trúng phong.

-Thế rồi bà làm thế nào nữa?

-Nhà tôi thường nói với tôi rằng nếu có chết ở Pari thì ước mong được đặt trong hầm mộ của gia đình. Tôi đã để thi hài của ông ấy vào trong một cái quan tài bằng kẽm và sẽ đến sau mấy ngày. Valăngtin đâu? – Bà già mếu máo hỏi – Vì cháu mà chúng tôi đã về đây, tôi muốn gặp cháu gái thân yêu của tôi.

-Vâng, vâng, thưa bà, bà sẽ được gặp cháu ngay bây giờ. Xin mời bà vào đây nghỉ chút đã.

Vinlơpho nắm tay bà để dẫn về phòng mình. Bà già giàn giụa nước mắt muốn gặp ngay Valăngtin vì Valăngtin đã làm sống lại hình ảnh con gái bà mà bà rất thương tiếc. Đưa mẹ vợ về phòng xong, Vinlơpho ra xe thân chinh đi đón con gái.

Khi Valăngtin được tin, cô bước chân vào phòng khách thì thấy cha mình mặt mũi tái xanh, tái xám. Cô chạy lại hỏi: -Ôi, chưa cha, nhà ta xảy ra điều gì bất hạnh lắm phải không?

-Bà ngoại của con tới đấy, con ạ! – Vinlơpho trả lời.

-Thế còn ông ngoại con đâu? – Cô hỏi, mà linh tính như báo một điều gì.

Vinlơpho không trả lời chỉ đưa tay ra nắm lấy tay con gái dẫn ra xe về nhà.

Đến chân cầu thang, Valăngtin gặp lão bộc Baroa, lão nói: -Cụ Noachiê muốn gặp cô.

Cô đáp: -Bác thưa hộ với ông cháu là cháu còn phải vào thăm bà ngoại cháu đã.

Nói xong, cô chạy vào phòng bà ngoại. Hai bà cháu ôm nhau khóc một hồi. Sau đó vì quá xúc động và mệt mỏi sau cuộc hành trình quá dài, bà già ngủ thiếp đi. Vinlơpho phu nhân sai người bưng một cái khay có bình nước cam và một cái cốc, đặt lên bàn bên cạnh giường của lão hầu tước nằm trước đây.

Valăngtin thấy bà ngoại đã ngủ say bèn lên phòng ông Noachiê. Cô ôm hôn ông già, thấy mắt ông có ngấn lệ và có vẻ hài lòng khi nhìn thấy cháu gái mình. Sau khi ông già đã ngủ yên, cô thấy mệt mỏi bèn trở về phòng mình để ngủ.

Sáng hôm sau cô vào phòng bà hầu tước thấy bà nằm trên giường và đang lên cơn sốt. Thấy Valăngtin vào, bà bảo cô đi gọi cha cô. Một lát sau, cô dẫn cha vào.

Bà già hỏi ngay: -Ông chưởng lý, ông vừa viết thư báo cho chúng tôi biết sắp sửa gả chồng cho cháu Valăngtin phải không?

-Vâng, cháu rể tương lai của bà là Frăng Đêpinay, con trai tướng Kênen.

-Nếu vậy ông phải cho tổ chức lễ cưới ngay đi vì hiện nay cháu tôi chỉ có tôi về phía họ nhà mẹ nó.

-Thưa bà, tôi cũng nghĩ thế, và chỉ nay mai cậu Frăng sẽ về đến Pari.

Valăngtin không đồng ý: -Nhưng thưa bà! Cháu tưởng nhà ta đang có tang kia mà?

-Ôi dào! Tao lấy ông mày trong lúc mẹ tao vừa chết cũng chả có làm sao cả. Hơn nữa mấy hôm nay, đêm nào tao cũng trông thấy ông mày hiện hồn về, và có lẽ tao cũng sắp theo ông mày xuống âm phủ.

-Bà chỉ hay tin vào chuyện ma quỷ! – Vinlơpho nói.

-Thật đấy ông ạ! Đêm qua tôi thấy khó ngủ quá, đến gần sáng đang chập chờn thì thấy một bóng ma trắng xóa đi đến gần cái bàn này và sờ vào cái cốc. Tôi sợ quá, cầm dây chuông giật để gọi người hầu gái thì con ma biến mất.

-Bà đang lên cơn sốt thành ra mê sảng đó thôi. Để tôi cho đi mời bác sĩ.

-Mời bác sĩ làm gì? Tôi đang khát nước đây. Valăngtin, cháu rót cho bà cốc nước cam.

Valăngtin vội vàng cầm bình nước cam đổ vào cốc, đưa cho bà ngoại. Bà uống một hơi cạn cốc. Uống xong, trước khi chợp mắt, bà già bảo Vinlơpho đi mời ông quản khế đến. Nửa giờ sau ông quản khế đến, bà già bảo Valăngtin đi ra ngoài để bà nói chuyện riêng với ông quản khế.

Ra đến phòng khách, Valăngtin gặp ông bác sĩ vốn là một người bạn thân của gia đình đồng thời là một thầy thuốc có danh tiếng, ông ta rất yêu mến Valăngtin. Con gái ông cũng trạc tuổi với Valăngtin và cũng là bạn của cô. Thấy Valăngtin, bác sĩ vội hỏi ngay: -Cha cô vừa cho mời tôi, chắc lại có ai bị mệt. Cụ Noachiê sức khỏe ra sao?

-Thưa bác, ông cháu vẫn thế. Nhưng bà ngoại cháu như đang ốm nặng. Bác đã biết tin về ông ngoại cháu chưa?

-Hầu tước Xanh Mêrăng ra sao?

-Ông ngoại cháu vừa mất vì bị trúng phong. Còn bà ngoại cháu thì tâm thần bất định, hay mê sảng và nói gặp ma quỷ làm cháu rất lo sợ, cả cha cháu cũng vậy. Ôi, thưa bác Đavrinhi, xin bác cứu chữa cho bà cháu, cháu thương bà cháu lắm!

-Bà ở đâu?

-Đang ở trong buồng cùng với ông quản khế.

-Được rồi, bác sẽ xem. Nhưng những điều cháu vừa nói, bác thấy rất lạ!

Người quản khế đi xuống, cô nói với bác sĩ: -Mời bác lên.

-Thế còn cháu?

-Cháu không dám đâu vì bà cháu cấm cháu không được mời bác sĩ, với lại cháu cũng thấy trong người khó chịu thế nào ấy. Cháu muốn ra ngoài vườn dạo chơi một lát cho thoáng.

Nói xong, cô cúi chào bác sĩ rồi chạy ra vườn, đến chỗ hàng rào sắt thì nghe có tiếng gọi tên mình. Cô ngạc nhiên đứng sững lại. Tiếng gọi đó nghe càng rõ và cô nhận ra là của Mắcximiliêng.

§73. Hẹn ước

Đúng là Moren. Từ hôm qua đến nay anh như không sống được. Với một linh tính đặc biệt chỉ có ở người tình và người mẹ, anh đã đoán ra sau chuyến về đây của bà hầu tước Xanh Mêrăng và sau cái chết của ông hầu tước sẽ xảy ra một vấn đề gì có quan hệ đến mối tình của anh với Valăngtin.

Nhưng Valăngtin không được báo trước về cuộc gặp gỡ này vì nó trái với thường lệ. Cô ra đây chỉ là vô tình. Thấy cô, Moren gọi. Cô chạy lại hàng rào.

-Anh! Sao lại giờ này?

-Phải, em ạ! Anh đến tìm em để mang lại những tin tức không vui.

-Nhà này là nhà bất hạnh sao? Anh nói đi.

-Em Valăngtin yêu quý – Moren cố gắng trấn tĩnh – Em hãy nghe anh nói đây: Một điều rất nghiêm trọng, bao giờ thì người ta định cưới em?

-Ôi! – Thiếu nữ thở dài – Sáng nay cha em nói chuyện đó với bà ngoại em. Mọi người chờ đến khi nào Frăng về thì sẽ ký giao ước đính hôn.

Anh thanh niên nhìn cô thiếu nữ nét mặt buồn rầu rồi anh nói: -Chao ôi! Nếu vậy ngày mai sẽ là ngày đau khổ nhất đời anh. Cách đây một giờ anh có đến chơi nhà bá tước Môngtơ Crixtô, gặp Anbe dẫn một người bạn lại. Đó là Frăng Đêpinay, người chồng tương lai của em. Bây giờ tính sao?

-Em biết làm thế nào được bây giờ? Em định đề nghị bà ngoại em can thiệp, nhưng chính bà ngoại em lại muốn em lấy chồng ngay – Nói xong, cô thiếu nữ ngước mắt nhìn trời và thở dài.

-Em hãy nghe anh nói đây, không phải là lần đầu tiên chúng ta tính đến tình trạng này, nó nghiêm trọng, nặng nề và thiêng liêng lắm. Anh không nghĩ rằng lúc này ta phải phó mặc cho đau khổ, mà chính trong tình trạng này chúng ta cần phải đấu tranh, vật lộn với số phận đen đủi. Em có nghĩ như anh không? Em hãy nói đi. Đó chính là mục đích anh đến tìm em đây.

Valăngtin rùng mình và nhìn Moren với cặp mắt ngơ ngác. Ý nghĩ chống lại cha, chống lại bà ngoại, chống lại toàn thể gia đình, cô chưa hề nghĩ tới. Cô kêu lên: -Anh nói gì vậy, anh Mắc? Anh bảo thế nào là đấu tranh? Sao kia? Chống lại lệnh của cha? Chống lại ý muốn của bà em đang hấp hối? Không thể được!

-Cô nói có lý đấy! – Moren đổi cách xưng hô và nói một cách thản nhiên – Tôi xin bái phục ý chí của cô!

-Cô! – Valăngtin kêu lên – Ôi sao mà anh ích kỷ thế, anh giả vờ không thấy nỗi thất vọng của em sao?

-Cô lầm rồi! Trái lại đấy, tôi hiểu.cô rất rõ. Cô không muốn làm phật ý ngài Vinlơpho, cô không muốn không tuân lời bà hầu tước và ngay ngày mai, cô sẽ đặt bút ký vào bản hôn ước!

-Nhưng, trời ơi! Em biết làm thế nào khác được?

-Xin cô đừng có cầu cứu ở tôi, vì tôi phán xử việc này không công bằng đâu. Tính ích kỷ của tôi sẽ làm tôi mù quáng.

-Thế anh định bàn với em thế nào hả anh Mắcximiliêng?

-Cô nói nghiêm chỉnh đấy chứ, Valăngtin?

-Tất nhiên rồi, anh Mắc ạ! Anh cũng biết là em hết lòng trung thành với tình yêu của anh.

-Như thế này: anh có tự do, anh có đủ của cải cho hai ta. Anh xin thề rằng em sẽ là vợ anh, trước khi anh đặt một cái hôn lên trán em.

-Anh làm em run quá! – Thiếu nữ sợ hãi.

-Em sẽ đi theo anh, anh sẽ đưa em đến nhà em gái anh, chúng ta sẽ xuống tàu đi Angiê, đi sang Anh, sang Mỹ. Chờ gia đình em tha thứ, chúng ta sẽ trở về.

-Điều ấy điên rồ quá! – Valăngtin lắc đầu – Em sẽ điên rồ hơn anh nếu em không ngăn anh bằng câu này: không thể được! Không thể được!

-Vậy là cô cứ đi theo số phận của cô, muốn nó ra sao thì ra, chẳng cần đấu tranh? – Moren sa sầm mặt xuống, nói.

-Vâng, dù em có phải chết!

-Thưa cô Valăngtin, cô làm như vậy đúng đấy. Chỉ có tôi điên rồ, vì tình yêu đã làm tôi mù quáng. Cứ như vậy nhé! Như vậy là ngày mai cô sẽ ký vào tờ hôn ước công nhận Frăng Đêpinay là hôn phu, không phải do sự ép buộc mà là do sự tình nguyện của cô.

-Lại một lần nữa anh làm em tuyệt vọng rồi, anh Mắc ạ. Lại một lần nữa anh đâm sâu con dao vào vết thương của em. Anh cứ hỏi em gái anh trong trường hợp em, cô ấy sẽ xử trí ra sao?

-Thưa cô – Moren mỉm cười chua chát – tôi chẳng cần phải hỏi ai cả. Tôi chỉ biết là tôi quen cô đã một năm nay, tôi đã đặt tất cả hạnh phúc của tôi vào mối tình với cô. Ngày mà cô nói là cô yêu tôi, tôi đã gửi gắm tất cả cuộc sống của tôi vào đó. Bây giờ tôi chẳng còn phải nghĩ ngợi gì nữa, tôi chỉ biết là mình đã không may mắn. Tôi đã ngỡ rằng mình đã lên tới thiên đường nhưng hóa ra lại mất tất cả. Mất đi những cái đã có và cả những cái chưa có nữa!

Moren nói những lời đó một cách rất bình tĩnh. Valăngtin nhìn không chớp vào mắt anh một lát rồi nói: -Còn anh, anh định sẽ làm gì?

-Tôi sẽ có cái vinh dự được chào vĩnh biệt cô. Tôi chúc cô một cuộc sống hạnh phúc và đầy đủ, không gợn một chút kỷ niệm nào về tôi. Thôi, xin vĩnh biệt cô!

Valăngtin vội vàng thò tay qua hàng rào nắm lấy vạt áo của Mắc và kêu lên: -Thế anh định đi đâu bây giờ? Anh đi đâu bây giờ đã?

-Tôi sẽ đi làm cái việc không quấy rầy gì đến gia đình cô nữa. Tôi sẽ đi làm một tấm gương để cho những người lương thiện và trung thành ở vào trường hợp

của tôi noi theo.

-Trước khi từ biệt, xin anh cho em biết cụ thể anh sẽ làm gì? Anh Mắc, xin anh nói đi, anh nói mau lên, em van anh đấy!

-Cô đã thay đổi quyết định rồi chắăng, cô Valăngtin?

-Không thể thay đổi được, anh cũng biết đấy! – Valăngtin kêu lên.

-Nếu vậy, xin vĩnh biệt Valăngtin!

Valăngtin, hai tay nắm lấy hàng rào lay mạnh với một sức mạnh tưởng cô không thể có được. Thấy Moren đã đi được vài bước, cô đưa cả hai tay sang hàng rào chắp vào nhau van xin thảm thiết.

-Anh sẽ làm gì? Em muốn biết lắm. Anh đi đâu bây giờ?

Cách ba bước nữa tới cổng. Moren quay lại nói bình tĩnh: -Ồ, xin cô cứ yên tâm. Nếu tôi là người khác tôi sẽ tìm đến ông Frăng thách đấu gươm. Tất cả cái đó chỉ là điên cuồng. Ông Frăng có tội gì trong việc này? Sáng hôm nay lần đầu tiên ông ta gặp tôi, bây giờ thì có lẽ ông ta đã quên tôi rồi. Tôi xin thề với cô rằng tôi không hề căm thù ông ta.

-Thế anh căm thù ai? Em chăng?

-Cô ấy ư, Valăngtin! Không đâu! Người phụ nữ là thiêng liêng. Người phụ nữ mà ta yêu là thiên thần!

-Vậy anh căm thù chính bản thân anh à?

-Chính tôi là kẻ có tội, có phải không Valăngtin?

-Anh Mắc – Valăngtin nói vội vã – Anh Mắc, xin anh trở lại đây một chút đã, em muốn vậy!

Mắcximiliêng đi lại, nụ cười lại nở trên môi. Bằng một giọng êm ái nhưng trang nghiêm, anh nói: -Em hãy nghe anh nói đây, em Valăngtin yêu dấu! Những người như chúng ta không bao giờ làm điều gì phải hổ thẹn trước mọi người, trước bố mẹ và trước Chúa nữa. Những người như chúng ta có thể đọc trong trái tim nhau như đọc một cuốn sách mở rộng. Anh không phải là một người hùng trong cuốn tiểu thuyết, nhưng anh nói thẳng với em rằng cuộc sống của anh nằm trong tay em. Thiếu em, cuộc sống của anh không có ý nghĩa nữa. Khi em đã xa anh, em Valăngtin, chỉ còn mình anh trên đời. Em gái của anh sống hạnh phúc với chồng. Em rể anh chỉ ràng buộc với anh bởi sợi dây xã hội. Vậy là trên đời này chẳng còn ai cần đến cuộc sống của anh cả. Anh sẽ làm như thế này: anh sẽ đợi cho đến giây phút cuối cùng em lấy chồng, vì biết đâu từ nay đến lúc đó anh chẳng được một may mắn bất ngờ nào đó, ví dụ ông Frăng bị chết bất ngờ chẳng hạn, làm anh được gần em. Ai biết đâu được sự bất ngờ phải không em? Vậy là anh đợi đến giây phút cuối cùng, nếu chẳng còn hy vọng gì nữa, anh sẽ viết hai bức thư, một cho em rể anh, một cho sở cảnh sát, rồi anh sẽ ra một khúc sông nào đó, tự kết liễu cuộc đời vô vị của anh bằng một phát súng vào đầu.

Valăngtin run lên cầm cập, hai tay rời khỏi hàng rào, hai giọt nước mắt lăn dài trên má. Anh thanh niên đứng trước mặt cô im lặng nhưng cương quyết.

-Ôi, xin hãy thương em! Thương em! Anh đừng chết.

-Không thể được – Moren nói – Nhưng điều đó can hệ gì đến cô. Cô cứ việc làm tròn bổn phận của cô và lương tâm cô sẽ yên ổn.

Valăngtin khuỵu xuống, hai tay ôm lấy ngực, trái tim cô như đang vỡ nát.

-Mắcximiliêng anh! Người bạn của em, người anh của em ở dưới đất này, người chồng của em ở trên trời kia! Em van anh, hãy làm như em: sống trong đau khổ, một ngày kia có thể chúng ta sẽ được đoàn tụ.

-Vĩnh biệt Valăngtin! – Moren nhắc lại.

-Chúa ơi! – Valăngtin giơ hai tay lên trời – Chúa thấy đấy, con đã làm tất cả những gì con có thể làm được: khóc xin, van nài, cầu khẩn, anh ấy chả thèm nghe con. Nếu vậy – Cô lau nước mắt tiếp tục nói vẻ quả quyết hơn – Nếu vậy em không muốn phải chết trong ân hận, em sẽ chết trong tủi nhục. Mấy giờ? Lúc nào? Hoặc ngay bây giờ? Anh nói đi, anh ra lệnh đi, em xin tuân theo.

Moren đã đi được vài bước liền quay ngoắt lại. Anh run lên vì sung sướng, trái tim hồi hộp, đưa cả hai cánh tay qua hàng rào cho Valăngtin: -Em Valăngtin yêu dấu! Không nên nói với anh như thế, nếu không, cứ để anh chết đi còn hơn. Nếu chỉ vì lòng nhân đạo mà em buộc anh phải sống, thì anh chết đi còn hơn!

-Không phải thế, em thấy anh nói có lý! Anh Mắc, em sẽ đi theo anh, em sẽ rời bỏ gia đình em, rời bỏ tất cả. Ôi! Em thật là đứa bội bạc! – Valăngtin nức nở – Tất cả… cả ông nội thân yêu của em, em cũng sẽ quên.

-Không, em sẽ không phải xa rời ông nội đâu. Trước khi đi em sẽ nói cho ông biết hết, rồi chúng ta ở đâu sẽ viết thư về để ông đến.

-Anh Mắc, nếu bằng một cách nào đó mà em chưa biết trước được, em làm trì hoãn được cuộc hôn nhân của em thì anh sẽ đợi chứ?

-Anh xin thề, cũng như em cũng thề với anh rằng, cuộc hôn nhân ấy không thể thành được, dù người ta có lôi em ra tòa, ra đến trước cha cố, em cũng chỉ được nói "Không".

-Em xin thề!

-Tốt, tốt! Xin cám ơn em Valăngtin yêu quý. Nếu điều không may xảy ra, em sẽ biên thư cho anh biết nhé! Anh sẽ mang theo cỗ xe ngựa, em sẽ trèo qua chỗ hàng rào thấp này, lên xe đi đến nhà em gái anh. Như vậy là chúng ta không chịu để cho họ muốn làm gì thì làm.

-Vâng, cứ cho là như thế! Thế bây giờ anh đã bằng lòng với người vợ của anh chưa?

-Nói "rồi" thì vẫn còn quá ít đấy!

Valăngtin liền lại gần hàng rào, ghé sát môi vào tấm liếp. Bên kia Mắcximiliêng cũng đặt cặp môi nóng bỏng của mình vào kẽ hở.

-Valăngtin, vợ yêu quý của anh, tạm biệt nhé!

Moren trở về nhà và đợi trong suốt buổi chiều hôm đó, cả ngày hôm sau cũng không nhận ra được tin gì. Đến ngày hôm sau nữa, anh mới nhận được một bức thư của Valăngtin, nội dung như sau:

"Nước mắt, van nài, cầu khẩn chẳng có tác dụng gì. Hôm qua em đã đến nhà thờ Thánh Philip cầu kinh liền hai giờ. Chúa trời cũng như con người, không chút động lòng. Chín giờ tối nay sẽ ký hôn ước. Em chỉ có một lời nói, cũng như em chỉ có một trái tim, trái tim đó đã thuộc về anh.

Vậy là chín giờ kém mười lăm tối nay anh chờ em ở hàng rào.

Vợ anh: Valăngtin Đơ Vinlơpho"

"Tái bút: Bệnh tình bà em ngày càng trầm trọng, hôm nay đã bắt đầu mê sảng. Em phải từ biệt bà em trong tình trạng đó, anh hiểu cho em. Ông em có lẽ bị người ta giấu không cho biết tin tối nay phải ký hôn ước".

Mắcximiliêng đã chuẩn bị đầy đủ cho cuộc đi trốn. Anh đã giấu trong vườn hai cái thang và thuê một cỗ xe ngựa đứng chờ ở ngoài.

Buổi tối, anh ngồi xe đi đến, nhảy vào trong vườn, nấp sau một bụi cây. Khi đồng hồ điểm chín giờ, anh lại gần hàng rào hồi hộp nhìn vào trong nhà.

Nhưng xung quanh anh cảnh vật vẫn âm thầm lặng lẽ. Mỗi tiếng lá xào xạc, mỗi tiếng gió vi vu thổi làm anh bồn chồn, lo lắng. Đến lúc chuông nhà thờ điểm chín giờ rưỡi, quá giờ hẹn nửa tiếng rồi, anh thấy tim mình đập mạnh, mắt hoa lên và cảm thấy không thể chờ được nữa, anh bèn áp thang vào tường nhảy qua hàng rào, rồi chạy đến nấp đằng sau một hòn non bộ có trồng cây um tùm và nhìn vào tòa nhà, thấy tối om. Ở tầng trên chỉ có hai căn phòng là có ánh sáng. Sự kiện này làm anh rất kinh ngạc, vì nếu nhà có khách thì tất cả các phòng đều phải thắp đèn. Bầu không khí im lìm làm anh hoảng sợ. Anh đã có ý định len vào trong nhà để đi tìm Valăngtin, không kể gì nguy hiểm, thì bỗng nhiên một tiếng động làm anh giật mình dừng lại và lẩn vội vào bụi cây.

Ánh trăng chiếu sáng hai bóng người từ thềm nhà bước xuống và đi lại phía anh. Lúc họ tới gần, anh nhận ra là chưởng lý Vinlơpho và bác sĩ Đavrinhi, người thầy thuốc thân thuộc của gia đình này. Vinlơpho lên tiếng: -Bác sĩ ạ, quả là một tai họa ghê gớm đã giáng xuống nhà tôi. Thật là một cái chết khủng khiếp, như bị sét đánh!

Mồ hôi lạnh toát trán anh thanh niên. Ai chết trong nhà này?

-Ông Vinlơpho thân mến – Tiếng ông bác sĩ – không phải chỉ có cái chết không thôi đâu, mà còn có một tai họa lớn hơn thế nhiều! Chúng ta chỉ có một mình ở đây thôi chứ? Tôi muốn nói một câu chuyện riêng.

Vinlơpho ngồi phịch xuống một chiếc ghế dài, nói bằng giọng run run: -Xin bác sĩ cứ chỉ bảo.

-Hầu tước phu nhân – Bác sĩ đặt tay lên vai Vinlơpho – Phu nhân mặc dù đã có tuổi nhưng vẫn rất khỏe mạnh. Thế mà cái chết đã đến với bà một cách quá nhanh chóng.

Vinlơpho thở dài một tiếng đáp: -Sự đau buồn đã giết chết bà lão, vâng, thưa bác sĩ, sự đau buồn! Bà đã quen sống bốn mươi năm bên cạnh ông chồng, thì nay…

-Thưa ngài Vinlơpho, không phải là sự đau buồn đâu! Sự đau buồn có thể làm chết người, nhưng nó không giết chết trong một ngày, trong một giờ, trong mười phút như vậy đâu!

Vinlơpho không đáp gì cả, ông ta chỉ ngẩng đầu lên nhìn bác sĩ với bộ mặt ghê sợ. Bác sĩ nói tiếp: -Trong lúc bà cụ hấp hối, ông có mặt ở đấy chứ?

-Lẽ tất nhiên là có, ông đã nói nhỏ với tôi là đừng bỏ đi.

-Ông có nhận thấy những triệu chứng đau đớn mà cụ bà đã phải trải qua không?

-Tất nhiên là có. Bà đã bị lên ba cơn giật lần lượt trong mấy phút. Lúc ông đến, cụ đã bị hổn hển từ mấy phút rồi. Thế rồi bà lên một cơn mà tôi tưởng là cơn thần kinh thường thôi, nhưng tôi bắt đầu sợ hãi thấy toàn thân bà rúm ró lại. Nhìn mặt ông, tôi hiểu là vấn đề nghiêm trọng hơn tôi tưởng. Cơn thứ hai tái diễn nhưng ghê gớm hơn, mồm méo đi và tím bầm lại. Đến cơn thứ ba, tôi tưởng là bị bệnh sài uốn ván.

-Phải – Bác sĩ khẳng định – Triệu chứng của bệnh sài uốn ván hay bị thuốc độc thảo mộc cũng giống như nhau.

Vinlơpho đứng phắt lên, sau một lúc im lặng lại ngồi phịch xuống.

-Lạy Chúa tôi, thưa bác sĩ, ông nghĩ kỹ điều ông vừa nói với tôi chưa?

Anh thanh niên Moren nghe trộm điều đó không còn hiểu là mình mê hay tỉnh nữa.

-Thưa ông – bác sĩ nói – tôi biết tầm quan trọng của lời nói của tôi và tôi hiểu đặc điểm của người mà tôi vừa nói tới…

-Đây là ông nói với một người bạn hay nói với quan chưởng lý?

-Với bạn, lúc này với bạn thôi. Trong bốn mươi phút chứng kiến cảnh hấp hối của bà hầu tước, tôi đã nghiên cứu các cơn giật. Không những tôi biết chắc chắn bà lão bị đầu độc, mà còn có thể nói được bằng loại thuốc độc nào.

Vinlơpho nắm lấy tay bác sĩ nói với giọng thảm thiết, cầu xin: -Thưa bác sĩ, bác sĩ hãy thương tôi, mấy ngày nay tôi đã phải chịu đựng biết bao đòn khủng khiếp đến nỗi tôi tưởng là tôi đã phát điên lên rồi.

-Ngoài tôi ra còn có ai khám bệnh cho bà lão nữa không?

-Không.

-Có đơn thuốc nào không thông qua tôi không?

-Không.

-Bà hầu tước Xanh Mêrăng có kẻ thù không?

-Làm sao tôi biết được.

-Có ai sẽ được lợi gì do cái chết của bà ta không?

-Không, lạy Chúa tôi! Nhưng không! Con gái tôi là người thừa kế duy nhất. Chỉ có mình Valăngtin thôi… Ôi! Thà đâm cho tôi một nhát dao vào tim còn hơn là bắt tôi phải có ý nghĩ đó.

-Ồ! – Bác sĩ Đavrinhi cũng kêu lên – Tôi có kết tội ai đâu! Tôi chỉ muốn nêu lên một sự cố, một lầm lẫn thôi. Ông hãy thẩm tra lại xem.

-Thẩm tra ai? Thế nào? Về gì

-Người lão bộc Baroa chẳng hạn. Lão ta có nhầm không khi đưa thuốc cho bà hầu tước, lại lấy nhầm phải thuốc cho cụ Noachiê?

-Làm sao mà thuốc của ông Noachiê lại đầu độc được bà hầu tước?

-Cũng đơn giản thôi. Ông cũng biết thuốc độc có thể là một vị thuốc chữa bệnh, cụ thể là bệnh bại liệt của cụ nhà. Tôi đã pha vào thuốc của cụ ông dần dần từ ít đến nhiều một thứ thuốc thảo mộc. Bây giờ đã tới sáu xăngtigam. Liều thuốc đó đối với cụ ông thì chỉ có tác dụng tốt vì cụ đã quen rồi, nhưng đối với người khác sẽ giết chết ngay.

-Nhưng, thưa bác sĩ, không có lối thông nhau giữa hai phòng của hai cụ. Còn lão bộc Baroa thì không có bao giờ vào buồng bà hầu tước.

-Thưa ông Vinlơpho, ông còn một người đồng nghiệp nào của tôi mà ông tin cẩn hơn tôi không?

-Để làm gì ạ?

-Để tôi sẽ nói cho ông ta biết hết những điều tôi thấy, sau đó chúng tôi sẽ mổ xẻ. Lúc đó ông không còn hoài nghi được nữa.

-Lạy Chúa tôi! – Vinlơpho ủ rũ – Xin ông đừng nên làm thế! Nếu có một người nào khác ngoài ông biết sự bí mật này là lập tức sẽ phải làm biên bản. Một biên bản trong nhà tôi! Không thể được. Nhưng thưa bác sĩ thông cảm cho nỗi đau khổ của tôi: đã xảy ra trong nhà biết bao điều tai tiếng sau biết bao nỗi đau khổ! Ôi! Vợ tôi và con gái tôi mà biết việc này thì đến chết mất. Còn tôi, ông biết đấy, tôi làm chưởng lý hai mươi nhăm năm không thể tránh khỏi có khá nhiều kẻ thù. Việc này mà vỡ lở ra sẽ là một thắng lợi cho chúng. Chúng sẽ reo hò lên sung sướng, còn tôi thì đầy tủi nhục. Thưa bác sĩ, bác sĩ cũng là con người, xin bác sĩ thông cảm với con người.

-Thưa ông Vinlơpho thân mến! – Bác sĩ cảm động – Nhiệm vụ hàng đầu của tôi là nhân đạo. Lẽ ra tôi phải cứu sống bà hầu tước nếu khả năng khoa học của tôi cho phép, nhưng nay bà đã chết rồi nên tôi phải có nhiệm vụ đối với người sống. Điều bí ẩn ghê gớm này, chúng ta hãy chôn sâu xuống tận đáy lòng. Nhưng thưa ông, xin ông cứ phải tích cực tiến hành điều tra vì biết nó có chịu ngừng ở

đây không… Khi nào ông tìm thấy thủ phạm, tôi sẽ là người nói với ông rằng: Ngài là quan chưởng lý, xin mời ngài thực hiện nhiệm vụ!

-Ôi, cám ơn ông bác sĩ! – Vinlơpho nói sung sướng – Tôi chưa hề có người bạn nào tốt như ông!

Và như sợ bác sĩ thay đổi ý kiến, Vinlơpho vội đứng lên và kéo bác sĩ vào trong nhà.

Sau khi hai người đã đi khỏi, Mắcximiliêng cảm thấy lo sợ cho số phận của Valăngtin trong tòa nhà bất hạnh này. Anh nhìn lên hai cửa sổ thấy còn ánh đèn, nhưng đèn phòng đầu cũng tắt phụt và bóng một người thấp thoáng ở ngoài bao lơn. Anh vội nhảy ra khỏi lùm cây, bước nhanh lên thềm nhà, đẩy cửa đi vào. Anh lần tới cầu thang, đi lên tầng trên, thấy một căn phòng cửa hé mở và nghe có tiếng khóc thút thít bên trong. Anh ghé mắt nhìn vào, thấy một người nằm trên giường phủ một chiếc chăn trắng và dưới chân giường, Valăngtin quỳ trên sàn, úp mặt lên cái ghế đẩu, hai tay ôm mặt khóc.

Ánh trăng lọt qua cửa sổ chiếu lờ mờ căn phòng người chết gây nên một bầu không khí lạnh lẽo, thê lương. Mắcximiliêng không kìm nổi xúc động, thốt lên một tiếng thở dài và khẽ gọi tên Valăngtin. Thiếu nữ giật mình ngẩng đầu lên và nhìn anh.

Valăngtin thấy anh nhưng không lộ vẻ gì là ngạc nhiên. Một trái tim đang thổn thức vì đau thương thì không còn một cảm xúc nào khác chen lấn vào được. Moren giơ tay về phía cô. Cô đưa tay chỉ về phía cái thây ma: đó là tất cả điều xin lỗi của cô về sự không đúng hẹn, rồi lại tiếp tục thổn thức khóc. Cuối cùng cô lên tiếng trước: -Anh thân yêu, làm sao anh lại ở đây được?

-Em Valăngtin – Moren nói giọng run run – Anh đã đến đây từ lúc tám giờ rưỡi, không thấy em ra, anh thắc mắc quá phải trèo tường vào trong vườn. Thế là anh nghe thấy một cuộc nói chuyện về tai biến này…

-Những ai nói? – Valăngtin hỏi.

Moren rùng mình nghĩ đến cuộc trò chuyện giữa bác sĩ và Vinlơpho, và qua cái chăn dạ anh tưởng như thấy những bàn tay người chết co quắp, cái cổ cứng đờ, cặp môi tím bầm.

-Của những người hầu, làm cho anh biết hết.

-Nhưng anh đến đây nguy hiểm lắm! – Valăngtin nói.

-Hãy tha lỗi cho anh, anh đi đây!

-Không, người ta sẽ bắt gặp anh, anh hãy ở lại đã.

-Nhưng nếu người ta đến đây?

-Chẳng ai đến đây đâu – Valăngtin lắc đầu – Anh cứ bình tĩnh, đã có người này cứu chúng ta!

Và cô chỉ vào cái xác chết dưới tấm chăn dạ.

-Còn tình hình Frăng Đêpinay thế nào? Em hãy cho anh biết.

-Ông Frăng đã đến đây để ký bản hôn ước đúng vào lúc bà em chết. Nhưng điều làm em lo sợ hơn là bà ngoại thân yêu của em lúc trối trăng, lại yêu cầu cuộc hôn nhân phải xúc tiến gấp càng chóng càng tốt. Lạy Chúa tôi! Bà em tưởng như thế là che chở cho em, có biết đâu chính thế lại làm hại em.

-Có tiếng người – Moren thì thào.

-Tiếng bố em mở cửa ngoài đấy!

Có lẽ ông Vinlơpho đang khóa cửa xuống vườn, xong đâu đấy ông lại lên nhà. Đến phòng ngoài, ông dừng lại một lát lưỡng lự không biết nên về buồng mình hay vào buồng bà hầu tước. Cuối cùng Vinlơpho về buồng mình. Thấy thế Valăngtin nói: -Bây giờ anh không thể đi ra bằng cửa xuống vườn hay cửa ra ngoài đường được nữa rồi, chỉ còn một cách là vào phòng ông em. Anh lại đây!

-Nhưng cụ Noachiê có biết anh đâu!

-Anh đừng lo, em sẽ nói để ông em biết chuyện.

Nói xong cô dẫn người yêu qua dãy hành lang rồi bước vào phòng ông già bại liệt. Ông Noachiê nằm bất động trên chiếc ghế bành đặt bên cửa sổ, lúc thấy cô cháu gái vào, mắt ông sáng lên.

-Thưa ông, cháu xin báo ông một tin buồn: hầu tước phu nhân Xanh Mêrăng vừa tạ thế cách đây một giờ và bây giờ chỉ còn ông là người yêu quý cháu.

Ông già ra hiệu đã hiểu câu nói của cháu gái. Sau đó cô cầm tay Mắcximiliêng dẫn đến trước mặt ông già giới thiệu với ông: -Thưa ông, đây là Mắcximiliêng, con ông Moren, chủ hãng tàu ở Mácxây, mà cháu đã nói chuyện với ông. Chàng hiện nay là đại úy khinh kỵ và là người yêu của cháu. Cháu yêu chàng và chỉ có thể lấy chàng. Nếu người ta ép buộc cháu phải lấy người khác thì cháu chỉ có biết chết mà thôi.

Cặp mắt ông già có vẻ suy nghĩ mông lung. Valăngtin nói tiếp: -Ông cũng yêu chàng chứ hả ông?

-Phải. – ông già tỏ vẻ đồng ý.

-Và ông sẽ che chở cho chứng cháu nhé! Chúng cháu cũng là con cháu của ông. Ông hãy chống lại ý muốn của cha cháu nhé!

Ông già đưa cặp mắt thông minh nhìn anh thanh niên. Mắc hiểu ý bèn nói: -Em Valăngtin, em còn có nhiệm vụ thiêng liêng bên cạnh bà ngoại, em nên sang bên ấy đi, để anh một mình nói chuyện với ông cũng được, anh biết cách rồi.

-Phải, phải – Cặp mắt ông già biểu lộ đồng tình. Sau khi Valăngtin đã đi ra, Mắc kéo một chiếc ghế ngồi trước mặt ông già và kể cho ông nghe về thân thế mình, về cuộc gặp gỡ với Valăngtin, về tình yêu giữa hai người và về dự kiến chàng sẽ đem cô đi trốn, nếu cô buộc phải lấy Frăng.

-Không được – ông già "nói" qua cặp mắt.

-Kế hoạch đó không được ư? Nếu vậy cháu sẽ đi tìm Frăng nói cho anh ta biết mối tình khăng khít của chúng cháu. Nếu anh ta không thuận nhường

Valăngtin cho cháu, cháu sẽ thách đấu gươm, cháu sẽ giết được anh ta hoặc anh ta sẽ giết cháu. Nếu cháu chết, Valăngtin cũng sẽ không lấy anh ta, cháu tin chắc như vậy.

Cặp mắt ông già chớp chớp mấy cái tỏ ý không tán thành.

-Không? – Moren hỏi – Vậy là ông cũng không tán thành ư? – Cặp mắt ông già tươi hẳn lên và nhắm lại một bên. – Vậy thì cháu biết làm thế nào bây giờ? Cháu phải chờ đợi sao?

-Ông muốn cháu phải chờ đợi ư? Nhưng liệu Frăng có lấy mất Valăngtin của cháu không?

-Không!

Mắcximiliêng nhìn thấy vẻ cương quyết không gì lay chuyển nổi trong cặp mắt của ông già bại liệt, anh cảm thấy rất yên tâm. Anh đứng lên, hôn trán ông già rồi đi theo một người hầu đã được Valăngtin dặn trước, ra hành lang, xuống một cầu thang nhỏ dẫn xuống vườn. Anh vượt qua tường, trèo lên cỗ xe ngựa vẫn còn đợi anh ở đấy và đi về nhà, trong lòng vô cùng xúc động.

§74. Hầm mộ gia đình Vinlơpho

Hai ngày sau, một đám người đông nghịt đứng trước cửa tòa nhà quan chưởng lý Vinlơpho. Suốt hai dãy phố, những cỗ xe ngựa nối đuôi nhau đứng sau hai cỗ xe tang đen ngòm. Cỗ xe đi đầu mang thi hài của hầu tước Xanh Mêrăng đặt trong cỗ quan tài bằng kẽm đưa từ miền Nam lên, và cỗ xe sau là thi hài của hầu tước phu nhân. Hầu tước Xanh Mêrăng là người có địa vị lớn trong triều vua Lu-i XVIII nên số quan khách và bạn bè đi đưa đám khá đông. Hai đám tang cùng một lúc làm dân chúng Pari rất đỗi kinh ngạc và bàn tán xôn xao. Họ đứng yên lặng nhìn đoàn xe tiến về nghĩa địa Cha Lase mà Vinlơpho đã có một hầm mộ riêng cho gia đình. Hâm mộ đó được ngăn đôi: Một bên chứa hài cốt của dòng họ Vinlơpho, một bên của dòng họ Xanh Mêrăng. Một giờ sau đám tang dừng trước nghĩa địa. Mọi người xuống xe đi vào.

Mắcximiliêng mặt tái nhợt, im lặng như đang suy nghĩ điều gì, đi cạnh anh là Satô Rơnô. Giữa lúc đó Anbe dẫn Frăng đến nhập bọn. Anbe nói: -Anh Moren, tôi xin giới thiệu Frăng Đêpinay, người bạn thân của tôi đã cùng đi dự hội hóa trang ở Rôma, vừa đi du lịch ở Ý về. Còn đây là Mắcximiliêng Moren, vị đại úy dũng cảm của đoàn khinh kỵ Bắc Phi, bạn thân của Satô Rơnô.

Mắc cố giữ vẻ bình tĩnh cúi đầu chào rồi kéo tay Satô Rơnô bước vào hầm mộ mà người ta đã đặt hai cỗ quan tài vào trong đó. Hầm mộ xây bằng đá trắng, hình vuông, mỗi chiều hai mươi bộ, ngăn đôi và mỗi bên đều có cửa vào riêng.

Sau khi làm lễ xong, mọi người kéo nhau ra về, Vinlơpho mời Frăng cùng ngồi xe để đưa anh về nhà. Viên chưởng lý đi thẳng vào phòng làm việc, mời anh ngồi rồi nói: -Tôi cần phải báo cho anh biết là hầu tước phu nhân trước khi mất đã làm di chúc để lại toàn bộ gia tài cho Valăngtin với ý muốn là phải tổ chức ngay lễ thành hôn cho cháu gái. Vì vậy tôi đã cho mời ông quản khế đến đây để thảo ngay bản giao ước đính hôn của em nó với anh và tám ngày nữa nhà tôi sẽ đưa em nó về điền trang Xanh Mêrăng để tổ chức lễ cưới theo đúng ý muốn của hầu tước Phu nhân.

-Trong khi chờ đợi, xin phép ông cho tôi đi mời hai người bạn thân là Anbe và Satô Rơnô đến chứng kiến việc ký bản hôn ước.

-Được lắm! Độ nửa giờ nữa chúng tôi sẽ chờ trong phòng khách.

Frăng vừa đi khỏi, Vinlơpho cho người đi mời vợ và con gái xuống phòng khách và báo cho vợ, con biết về việc ký hôn ước. Valăngtin rất sửng sốt về cái tin quá đột ngột đó, còn Vinlơpho phu nhân tái mặt, ôm đứa con trai nhỏ trong lòng, dáng điệu mệt mỏi.

Một lát sau có tiếng xe đỗ trước cửa. Ông quản khế, Frăng cùng hai người bạn vào phòng khách. Sau khi mọi người đã ngồi vào chỗ, ông quản khế đặt

những giấy tờ cần thiết lên bàn rồi bảo Frăng: -Tôi xin báo để nam tước biết là cuộc hôn nhân của nam rước với tiểu thư Valăngtin trái với ý muốn của cụ Noachiê, cho nên cụ đã không để lại gia tài cho tiểu thư.

-Thưa ngài – Frăng nói – Vấn đề ấy hoàn toàn không liên can đến tôi, vì tôi chẳng bao giờ quan tâm đến tài sản của tiểu thư Valăngtin!

-Việc làm của cha tôi – Vinlơpho nói chen vào – chứng tỏ đầu óc của cụ không được minh mẫn do tình hình sức khỏe gây nên. Ngoài ra, bây giờ chỉ còn trông cậy vào sự chăm sóc của đứa cháu gái nên cụ không muốn cho nó đi lấy chồng, chứ không phải không ưa nam tước Đêpinay.

Vinlơpho vừa nói xong thì lão bộc Baroa bước vào phòng nói với Vinlơpho: -Thưa ngài, cụ Noachiê sai tôi mời nam tước Frăng Đêpinay đến phòng riêng của cụ để nói chuyện.

Vinlơpho rùng mình, Vinlơpho phu nhân cũng sửng sốt, Valăngtin đứng dậy mặt biến sắc, còn hai chàng thanh niên đưa mắt nhìn nhau. Vinlơpho bảo lão bộc: -Lão về thưa với cụ là nam tước còn đang mắc bận không thể lên hầu cụ được – Rồi quay lại nói với Valăngtin – Con đi với cha lên xem ông muốn gì.

Frăng bèn đứng lên đồng ý với ý muốn của cụ Noachiê: -Nếu cụ Noachiê muốn gặp tôi, tôi thấy có bổn phận phải đến trình diện, vì tôi chưa có hân hạnh được làm quen với cụ.

Nói xong, Frăng đi theo hai cha con Vinlơpho đến phòng ông già bại liệt. Satô Rơnô và Anbe lại đưa mắt nhìn nhau một lần nữa.

§75. Tập biên bản

Ông già bại liệt mặc áo lễ đen, ngồi trong chiếc ghế bành bên cửa sổ. Ba người vừa bước vào phòng thì lão bộc khóa cửa lại. Vinlơpho dẫn Frăng đến trước mặt ông già, nói: -Thưa cha, đây là Frăng Đêpinay người mà cha cho đòi. Tất nhiên là chúng ta mong mỏi cuộc gặp gỡ này từ lâu rồi, con mong cha sẽ không phản đối cuộc hôn nhân này nữa.

Ông già chỉ trả lời bằng một cái nhìn làm Vinlơpho phải sởn gai ốc. Ông già ra hiệu cho Valăngtin lại gần. Nhờ có phương pháp riêng vẫn dùng để nói chuyện, Valăngtin hiểu là ông già bảo tìm cái chìa khóa trong ngăn và dùng chìa khóa đó mở cái ngăn kéo, trong ngăn kéo đó lại có một ngăn bí mật.

Theo lệnh ông già, Valăngtin lại mở cái ngăn bí mật đó và lôi ra một tập giấy cũ đã ố vàng, buộc bằng một sợi dây lụa đen có gắn xi. Valăngtin hỏi: -Thưa ông, cháu phải đưa tập giấy này cho ai?

Ông già đưa mắt nhìn răng làm anh phải sửng sốt. Anh đỡ lấy tập giấy, cắt niêm phong, mở ra đọc to cho mọi người, theo lệnh ông già. "Biên bản cuộc họp ngày 5 tháng Hai năm 1815 tại trụ sở nhóm thân Bônapác ở phố Thánh Jắc".

Mới đọc đến đây Frăng bỗng nhiên thốt lên: -Ngày 5 tháng Hai năm 1815 là ngày cha tôi bị ám sát!

Ông già đưa mắt bảo cứ đọc tiếp. "Chúng tôi, Bôrơpe, thiếu tá pháo binh, Đuysăngpi, thiếu tướng, và Lêsapan, giám đốc nông lâm, tuyên bố rằng: ngày 4 tháng Hai năm 1815 nhóm thân Bônapác ở Pari có nhận được một mật chỉ của Hoàng đế Napôlêông gửi từ đảo Enbơ về nói là phải liên lạc ngay với tướng Kênen Đêpinay là cựu thần của Hoàng đế để chuẩn bị cuộc hồi loan của Người về nắm lại chính quyền ở Pari. Ngay hôm đó ông hội trưởng đã viết giấy mời tướng Kênen đến dự buổi họp bất thường vào ngày hôm sau (tức 5-2) từ chín giờ tối đến nửa đêm. Tối hôm sau, một cỗ xe được phái đến nhà tướng Kênen để đưa ông ta đến trụ sở của hội ở phố Thánh Jắc. Ông hội trưởng dẫn ông ta lên phòng họp.

Phiên họp bất thường bắt đầu. Ông hội trưởng đọc cho tướng Kênen nghe bức mật chỉ của Hoàng đế đang trông mong vào sự ủng hộ của vị cựu thần để trở về chiếm lại chính quyền và hỏi ý kiến ông về việc này.

Tướng Kênen trả lời rằng vua đã thăng chức thiếu tướng cùng với tước hiệu nam tước cho ông ta rồi nên không thể quên ơn nhà vua được. Hơn nữa, ông ta đã thề sẽ trung thành với vua Lu-i XVIII. Câu trả lời của tướng Kênen làm hội nghị sửng sốt và mọi người nhao nhao phản đối ông ta. Ông hội trưởng nói đó là quyền của ông ta nhưng buộc ông phải lấy danh dự thề sẽ không tiết lộ bí mật cuộc họp với ai cả.

Tướng Kênen vung kiếm lên nói rằng ông ta cũng phải bảo vệ danh dự của mình và nhất định không tán thành âm mưu lật đổ nhà vua. Ông hội trưởng cùng hai người nữa đưa tướng Kênen ra xe và dẫn ông ta về nhà. Đến bờ sông, ông hội trưởng bảo xe dừng lại, mấy người xuống xe, đi xuống một cái cầu thang phủ đầy tuyết.

-Tại sao ông lại cho ngừng xe ở đây? – Tướng Kênen hỏi.

-Vì rằng – ông hội trưởng đáp – ông đã thóa mạ một người và bây giờ người đó không có yêu cầu gì khác là được rửa nhục.

-Vậy đây là một cuộc ám sát à? – Tướng Kênen nhún vai hỏi một cách khinh bỉ.

-Xin ông đừng có to tiếng – ông hội trưởng đáp – Nếu ông không muốn tôi coi ông là một tên hèn nhát. Bây giờ ông có một mình thì cũng chỉ có một người giải đáp với ông. Ông có một thanh gươm đeo bên cạnh sườn, tôi cũng có của tôi đây. Ông không có người làm chứng thì một trong mấy ông đây sẽ làm chứng cho ông.

-Được! – Tướng Kênen đáp – Xem tôi được tiếp ai nào?

Cửa xe mở, bốn người bước xuống. Hai đấu thủ đi trước, hài người tìm chứng theo sau. Tới bờ sông, cuộc đấu bắt đầu. Tướng Kênen là một tay gươm cừ khôi trong quân đội, nhưng bị đối phương đánh ép rất mạnh buộc ông phải lùi tránh. Trong khi lùi tránh ông đã ngã xuống.

Các người làm chứng tưởng ông đã chết, nhưng đối thủ của ông biết là chưa đâm trúng nên đưa tay ra để giúp ông đứng lên. Cử chỉ đó làm tướng Kênen bực mình thêm, ông lao vào địch thủ, nhưng địch thủ đã đỡ được những đường gươm của ông. Ông bị đánh ép ba lần, ông phải lùi lại, lùi lần thứ ba ông lại ngã xuống. Nhưng đến lần ngã thứ ba ông không đứng lên được nữa. Hai người làm chứng chạy lại đã thấy ông nằm trên vũng máu. Ông hội trưởng cũng giơ cho hai người làm chứng xem hai vết thương ở cánh tay, và một vết ở cạnh sườn, tuy nhiên ông vẫn thản nhiên như không.

Năm phút sau, tướng Kênen trút hơi thở cuối cùng. Ông hội trưởng tra gươm vào vỏ và bước lên cầu thang. Hai người làm chứng, sau khi xác nbận tướng Kênen đã chết bẳn, họ liền ném xác ông ta xuống sông.

Chúng tôi lập biên bản này để thừa nhận tướng Kênen đã bị chết trong một cuộc đấu gươm công khai, đàng hoàng, thẳng thắn chứ không hề bị mưu sát, để những người có mặt trong buổi đấu đó khỏi bị truy tố sau này”.

“Ký tên: Bôrơpe, Đuysăngpi và Lêsapan”.

Frăng đọc xong tờ biên bản ấy thì vô cùng khiếp đảm. Valăngtin mặt tái xanh, lấy khăn lau nước mắt. Còn Vinlơpho run rẩy ngồi thu mình trong một xó buồng đưa cặp mắt van lơn nhìn ông già. Frăng nói với ông: -Thưa ông, ông đã biết tường tận về câu chuyện khủng khiếp này, về những con người có thẩm quyền

lập biên bản này. Xin ông cho cháu biết tên ông hội trưởng, người đã giết cha cháu.

Vinlơpho đứng dậy loạng choạng đi ra sờ tìm quả đấm cửa. Valăngtin đã biết trước câu trả lời của ông già vì cô vẫn thường nhận thấy hai vết sẹo của hai vết gươm trên cánh tay ông già, cô hoảng hốt lùi lại.

-Thưa cô – Frăng nói với Valăngtin – Đề nghị cô giúp tôi tìm ra người đã làm tôi phải mồ cối từ hai mươi năm nay.

Valăngtin vẫn không nhúc nhích. Ông già đưa mắt nhìn tờ giấy có ghi những chữ cái. Frăng cầm tờ giấy, chỉ vào những chữ ông già muốn dùng, ghép lại thành chữ: TÔI. Frăng thét to lên: -Chính ông à! Ông Noachiê Đơ Vinlơpho, ông đã giết cha tôi à?

Ông già bại liệt nhìn Frăng bằng đôi mắt kiêu hãnh như muốn nói: Phải.

Frăng ngã vật xuống một cái ghế bành. Vinlơpho mở cửa lao ra ngoài như chạy trốn.

§76. Tiến bộ của công tử Cavancăngty

Một buổi tối, bá tước Môngtơ Crixtô đến thăm nam tước Đăngla. Người hầu cho biết nam tước đi vắng và nam tước phu nhân chờ bá tước ở phòng khách. Bá tước vào đấy và được trực tiếp chứng kiến một cảnh tượng rất êm đềm đang diễn ra tại đó. Nam tước phu nhân đang ngồi xem những bức vẽ mà tiểu thư Ơgiêni đưa cho bà. Đúng bên tiểu thư là tử tước Angđrê Cavancăngty. Hắn mặc bộ lễ phục màu đen, đi giày da láng đen, bàn tay trắng muốt đeo chiếc nhẫn kim cương. Hắn vuốt mớ tóc xoăn màu vàng óng, thỉnh thoảng lại nhìn tiểu thư bằng đôi mắt đắm đuối kèm theo những tiếng thở dài khe khẽ.

Từ mười lăm ngày nay, sau khi thiếu tá Cavancăngty trở về Ý với một món tiền thù lao to lớn để tha hồ đắm mình trong các sòng bạc thì thằng con trai đóng vai một cậu công tử bột có ông bố giàu sụ, hào hoa phong nhã ở Pari và đã được giới thiệu vào các phòng khách của giới thượng lưu ở thủ đô.

Ơgiêni thì có vẻ lãnh đạm trước tình cảm vồn vã của hắn, và khi trông thấy bá tước vào, cô gật đầu chào rồi lặng lẽ về phòng riêng. Một lát sau, người ta nghe có tiếng hát vang và tiếng đàn dương cầm đệm theo. Ơgiêni đang học hát dưới sự hướng dẫn của cô giáo Luidơ Đacmêli.

Bá tước ngồi nói chuyện với nam tước phu nhân, nhận thấy Angđrê đứng ngấp nghé ở cửa buồng hai cô gái. Giữa lúc đó Đăngla về. Ông ta chào hỏi bá tước Môngtơ Crixtô và nhìn thấy Angđrê đang đứng thập thò ở cửa phòng bèn chạy đến hỏi: -Sao cậu không vào nghe em nó hát?

-Thưa ngài, tôi chưa được phép.

Đăngla vội mở cửa phòng, dẫn Angđrê vào. Ơgiêni đang ngồi chung ghế với cô Đacmêli trước đàn dương cầm. Nữ nghệ sĩ là một thiếu nữ nhỏ nhắn, xinh đẹp, mớ tóc vàng quấn thành búp rủ xuống vai, dáng người thanh mảnh của một trinh nữ có đôi mắt mơ màng.

Bá tước thấy cửa phòng khép lại và một lát sau nghe tiếng Angđrê cất cao giọng, hát một bài tình ca xứ Coócxơ, đệm theo vẫn tiếng đàn dương cầm ấy.

Phu nhân quay lại nói với bá tước: -Khổ quá, hồi này nhà tôi gặp toàn vận xúi quẩy! Sáng nay lại mất toi bốn chục vạn frăng vì một vụ phá sản.

-Ngài nam tước là một nhà kinh doanh sành sỏi, sẽ gỡ lại ngay đấy mà!… À còn ông Luyxiêng đâu, sao ba hôm nay tôi không thấy mặt?

-Tôi cũng không biết nữa – Phu nhân đáp rồi nói lảng sang chuyện khác – Gia đình Vinlơpho sao mà khốn khổ thế! Trong có mấy ngày mà cả hai ông bà hầu tước Xanh Mêrăng đều rủ nhau qua đời. Lại thêm rắc rối về cuộc hôn nhân của tiểu thư Valăngtin nữa. Không hiểu vì lý do gì mà hôm qua cậu Frăng tuyên

bố bãi bỏ lễ đính hôn của cậu ta với Valăngtin. Ngài thấy đầu óc của Vinlơpho dạo này ra sao?

-Thật là đau xót cho ông ta!

Nam tước Đăngla trở lại phòng khách nói với bá tước Môngtơ Crixtô: -Tử tước Cavancăngty quả là một thanh niên đáng yêu, có phải thế không ngài?

-Nhưng ông ạ! – Đăngla phu nhân nói – Tôi chỉ sợ cậu Anbe chợt đến chạm trán với Angđrê, hẳn cậu ta sẽ nổi cơn ghen đấy!

-Ồ, xin bà đừng lầm, cậu ấy có vẻ thờ ơ với con Ơgiêni thế nào ấy. Bà có nhớ là trong buổi khiêu vũ vừa rồi Anbe chỉ nhảy với Ơgiêni có một bài, còn Angđrê đã nhảy với nó những ba bài!

Giữa lúc đó người hầu vào báo có tử tước Đơ Moocxép đến. Đăngla phu nhân toan chạy đi báo cho con gái biết, nhưng Đăngla lấy tay ngăn lại. Anbe mặt mày hớn hở, quần áo rất lịch sự, bước vào chào mọi người. Đăngla đến bắt tay anh.

-Em Ơgiêni đang ở trong phòng học nhạc với tử tước Cavancăngty.

Anbe thản nhiên như không. Thấy bá tước nhìn mình, anh nói: -Tử tước Angđrê có một giọng nam cao rất tốt, còn tiểu thư lại có giọng trầm và chơi đàn rất giỏi, chắc hai người sẽ hợp nhau lắm!

-Đúng như vậy – Đăngla tiếp lời – Hôm qua trong một cuộc tiếp tân, con gái tôi và tử tước Angđrê đã được mọi người hoan nghênh nhiệt liệt… Ô, nghe đây này: ta, ta, ta, ti, ta… một bản nhạc Ý nghe sao mà tuyệt thế! Hoan hô! Hoan hô!

Nói xong, Đăngla vỗ tay đôm đốp, Anbe cũng phụ họa vỗ theo một cách chiếu lệ, tiếng vỗ tay nghe lẹt đẹt. Vừa lúc đó người hầu phòng ghé tai Đăngla nói nhỏ mấy câu. Đăngla liền xin phép mọi người ra ngoài một lát. Đăngla phu nhân thừa cơ dẫn Anbe vào phòng nhạc. Angđrê đang ngồi cạnh Ơgiêni liền đứng dậy có vẻ lúng túng và lạnh lùng chào Anbe. Đăngla phu nhân mời con gái và cô bạn sang phòng uống trà. Vừa uống được một lúc thì Đăngla về, y đến ngồi cạnh Môngtơ Crixtô rồi ghé vào tai ông nói nhỏ: -Ngài đã cho tôi một lời khuyên thật là tuyệt. Có một câu chuyện rất ghê về Fécnăng ở Janina. Rồi tôi sẽ kể cho ngài biết sau, nhưng xin ngài dẫn cái thằng Anbe kia đi. Có mặt nó, tôi thấy khó chịu lắm!

Bá tước hiểu ý, liền đứng dậy từ biệt mọi người ra về.

Anbe có thái độ hoàn toàn thản nhiên trước cặp mắt miệt thị của Đăngla. Chỉ có Angđrê là sung sướng vì đã loại được một tình địch.

§77. Hayđê

Cỗ xe vừa chuyển bánh, Anbe đã quay sang nhìn bá tước Môngtơ Crixtô, anh cười: -Ngài thấy vai trò của cậu ấm Cavancăngty thế nào? Tôi cho rằng cậu ta không cần ngài phải nâng đỡ nữa.

-Ông cho rằng Angđrê đang tấn công tiểu thư Ơgiêni phải không?

-Tôi cam đoan là như vậy. Ngài không nom thấy cặp mắt cậu ta long lên và giọng nói uốn éo đường mật đầy gợi tình, rõ ràng cậu ta đang tìm cách chiếm đoạt trái tim cô nàng.

-Thế còn ông?

-Đối với tôi, cô ta lạnh nhạt, còn nam tước Đăngla ghét tôi ra mặt và chỉ nay mai là sẽ cấm cửa tôi. Đấy rồi ông xem!

Cỗ xe dừng lại trước cửa nhà bá tước Môngtơ Crixtô. Bá tước dẫn Anbe vào và kéo chuông. Mấy phút sau, Ali bưng vào một khay nước trà và hai chiếc điếu ống. Anbe hút thuốc, khen ngon và lắng tai nghe tiếng đàn lục huyền ở đâu đó, giống như tiếng đàn ghi ta.

-Ông thật là một người có duyên nợ với âm nhạc – Môngtơ Crixtô gật gù – ông vừa thoát tiếng dương cầm của tiểu thư Đăngla thì nay lại vướng vào tiếng lục huyền cầm của Hayđê.

-Hayđê!… Ôi, một cái tên tuyệt vời đẹp giống như một nhân vật của Bairơn! Cô ta có thể đáng giá ngàn vàng.

-Đúng thế! Cô ta đã từng sống trên nhung lụa, vàng bạc như trong câu chuyện "Nghìn lẻ một đêm".

-Cô ta là một nàng công chúa hay sao?

-Phải, ông có nghe nói đến Quốc vương ở Janina không?

-Có chứ! Chính cha tôi đã giúp việc Quốc vương Ali Têbêlin.

-Hayđê là con gái Quốc vương đó. Sau khi đất nước bị loạn lạc, cô ta bị đem ra chợ bán và tôi đã mua được.

-Ngài có thể giới thiệu tôi với cô ta được không?

-Được chứ! Nhưng với hai điều kiện: Một là không được lộ cho ai biết về cuộc gặp mặt này. Hai là không cho cô ta biết là cha ông đã phục vụ cha cô.

Anbe giơ tay xin thề. Bá tước kéo chuông gọi Ali bảo đi báo cho Hayđê chuẩn bị tiếp khách. Một lát sau, Môngtơ Crixtô dẫn Anbe vào phòng cô gái Hy Lạp. Cô đang ngồi xếp bằng tròn trong chiếc giường thấp, trước mặt là cây đàn lục huyền. Khi nhìn thấy khách lạ, cô ngước mắt lên nhìn bá tước. Bá tước đi đến bên cô chìa tay ra. Cô gái cầm lấy hôn rồi hỏi bằng tiếng Hy Lạp: -Đức ông đưa ai đến với em vậy? Một người anh em, một người bạn, một người quen bình thường hay một kẻ thù?

-Bạn tôi – Môngtơ Crixtô đáp bằng tiếng Hy Lạp – Tên ông ta là tử tước Anbe, người mà ta đã cứu thoát khỏi tay bọn cướp ở Rôma ấy mà! Em có thể nói tiếng Ý với ông ấy.

Hayđê mời bá tước và Anbe ngồi xuống ghế xếp rồi bảo Ali mang cà phê lên. Cô uống cà phê không đường theo kiểu Ả Rập. Hai người hầu gái bưng vào hai cái khay đầy bánh ngọt và kem.

-Thưa cô – Anbe nói mà không giấu nổi sự ngạc nhiên – Ngồi trong căn phòng này tôi có cảm tưởng là lạc vào đất nước phương Đông thật sự chứ không phải như tôi hằng mơ ước. Và tất cả đã làm tôi phải kinh ngạc và hoa mắt… Cô phải xa rời Tổ quốc từ năm bao nhiêu tuổi?

-Hồi đó em mới lên năm, nhưng đến ngày nay em vẫn nhớ lại tùng chi tiết quãng đời thơ ấu. Em không thể quên được hình ảnh của một quá khứ đầy đau thương và gian khổ, nó đã khắc sâu vào tâm hồn em không gì có thể phai mờ được.

Nói xong, cô thở dài, cặp mắt cô ngước lên nhìn bá tước, cặp lông mi uốn cong ánh lên một vẻ u buồn thầm lặng. Bá tước nhìn cô dường như muốn nói: Cứ kể tiếp đi.

-Xin cô tiếp tục cho – Anbe giục – Tôi xin thề với cô là tôi rất sung sướng được nghe chuyện của cô.

-Năm em hơn bốn tuổi, một đêm em đang ngủ say trong cung điện Janina thì bỗng nhiên mẹ em gọi em dậy, ôm em trong tay và tất tả đi xuống một cầu thang đá rộng. Phía sau là những nữ tỳ của mẹ em. Họ vác những hòm đựng quần áo và tư trang, tiền bạc và có độ hai chục lính ngự lâm đi hộ vệ, tay cầm vũ khí, tay cầm đuốc. Tất cả mọi người đều có vẻ sợ hãi, cuống quýt. Đi sau cùng là cha em mặc nhung phục, đeo kiếm, tay cầm một khẩu súng ngắn.

Cha em là quốc vương Janina, một người nổi tiếng có tài thao lược, đã từng làm cho đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ phải kiêng nể. Biết rõ âm mưu nổi dậy của cha em, hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ phái một viên tướng đến bắt cha em. Cha em bèn cử một sĩ quan cố vấn Pháp đến điều đình với hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ. Sĩ quan đó là một người rất thân cận, được cha em rất tín nhiệm…

Anbe đột nhiên cắt ngang câu chuyện, hỏi: -Người sĩ quan đó cô còn nhớ tên không?

Môngtơ Crixtô trao đổi với cô gái một ánh mắt rất nhanh, Anbe không nhận thấy được. Hayđê liền trả lời: -Không, em không nhớ, nhưng có thể là sau này em sẽ nhớ, lúc đó em sẽ nói.

Anbe định nói tên bố mình lên thử thì bá tước đã để tay lên môi ra hiệu im, Anbe sực nhớ tới lời thề vội vàng im ngay. Hayđê kể tiếp: -Trong lúc chờ đợi cuộc điều đình, cha em cho gia đình ra ẩn náu ở một tòa lâu đài riêng, xây dựng ở giữa hồ. Cha em dẫn mọi người xuống thuyền đi ra tòa lâu đài riêng ấy. Trong

thuyền, ngoài những người chèo, chỉ có những người hầu gái, cha em, mẹ em, em và Xêlim, một vệ sĩ trung thành của cha em.

-Chúng ta đi đâu mà vội vã thế này hả mẹ – Em nghỏi mẹ em.

Mẹ em đáp: -Chúng ta chạy trốn đấy con ạ.

Đến lâu đài, người ta dẫn mẹ con em xuống một cái hầm, trong hầm đã để sẵn sáu nghìn cái túi trong chứa hai mươi lăm triệu đồng bằng vàng và hai trăm thùng phuy chứa đựng ba nghìn cân thuốc súng.

Bên cạnh những thùng thuốc súng, cha em cắt Xêlim đứng gác ở đấy ngày đêm, tay cầm một cái giáo, đầu giáo là một mồi lửa. Khi nào được lệnh của cha em, Xêlim sẽ châm mồi lửa vào những thùng thuốc súng làm nổ tung tất cả người lẫn của.

Em không còn nhớ mọi người phải ở dưới đó bao nhiêu lâu vì hồi đó em chưa có ý thức về thời gian. Chỉ biết rằng những người nữ tì hiểu vấn đề gì sẽ xẩy đến cho nên ngày đêm họ khóc than và cầu kinh. Thỉnh thoảng, cha em lại cho phép hai mẹ con em ra ngoài hầm chơi. Đó là những giờ phút vui sướng của em vì không phải nhìn thấy cảnh trong hầm, những bóng đen khóc than và mũi giáo cháy sáng của Xêlim.

Cha em ngồi trước một cửa sổ lớn phóng tầm mắt ra tận chân trời xa xăm, mong chờ xuất hiện một bóng thuyền. Trong khi đó mẹ em nằm nghiêng tựa đầu vào vai cha em, còn em thì chơi dưới chân. Đó là những giờ phút hạnh phúc nhất đời em.

Một buổi sáng cha em cho người tìm mẹ em và em đến. Em thấy cha em khá bình tĩnh nhưng nét mặt nghiêm nghị hơn thường lệ. Cha em bảo mẹ em: -Vaxiliki, em cố gắng bình tĩnh, chỉ nội nhật hôm nay là sẽ xong xuôi. Ngày hôm nay sứ thần sẽ về và số phận ta sẽ được định đoạt. Nếu có khoan hồng hoàn toàn, chúng ta sẽ chiến thắng trở về Janina, trái lại, chúng ta sẽ chạy trốn.

-Nhưng nếu họ không để chúng ta chạy trốn thì sao? – Mẹ em hỏi.

-Ồ! Em cứ yên tâm – Cha em mỉm cười – Xêlim và ngọn giáo và bó đuốc sẽ cho chúng biết. Chúng muốn ta phải chết, nhưng lại không muốn chết với ta!

Mẹ em chỉ trả lời bằng những tiếng thở dài. Cha em lại tiếp tục quan sát chốn chân trời xa xăm qua làn khói thuốc lá. Bỗng nhiên cha em giật lấy cái ống nhòm chĩa ra xa.

-Một cái thuyền!… Hai!… Ba!… – Cha em lẩm bẩm – Bốn cái! Em Vaxiliki, giờ phút quyết định, đã đến, em hãy đưa con xuống hầm!

-Em không muốn xa Chúa công – Mẹ em kêu lên – Nếu Chúa công chết, em sẽ chết theo.

-Đi ngay xuống hầm! – Cha em quát.

Thế là mẹ con em lầm lũi xuống hầm. Cha em còn kéo em lại, ông đặt đôi môi nóng bỏng lên trán em. Ôi! Đó là cái hôn cuối cùng, nó hãy còn ở trên trán

em đây, chỗ này này!

Lúc đó có đến hai mươi vệ sĩ ngồi dưới chân cha em hoặc nấp sau những mô đất, tay cầm súng, đạn chất đống rải rác ở dưới đất.

Mẹ con em xuống hầm, Xêlim vẫn đứng ở vị trí. Mẹ em đi lấy mấy cái gối đặt xuống cạnh Xêlim. Chúng em ngồi xuống đấy chờ. Trong những giờ phút nguy hiểm nhất, những trái tim tận tâm nhất thường hay tìm đến nhau và mặc dù em còn bé, em cũng cảm thấy một tai họa lớn đang lơ lửng trên đầu mọi người…

Anbe vẫn thường được nghe kể chuyện, không phải là do cha mẹ anh, cha mẹ anh chẳng kể chuyện đó bao giờ, mà là do người ngoài kể về những giờ phút cuối cùng của quốc vương Janina. Anh cũng đã đọc một số chuyện nói về cái chết của vị Quốc vương đó, nhưng qua giọng nói của cô thiếu nữ, câu chuyện đó như được sống lại. Anh vừa say mê, vừa ghê sợ.

Còn Hayđê, khi nói đến những kỷ niệm ghê gớm ấy, cô dừng lại một lát. Cô như một bông hoa rũ xuống trong cơn bão táp. Cô gục xuống bàn tay và cặp mắt cô nhìn vào cõi xa xăm như còn trông thấy ở chân trời làn nước xanh thẳm của hồ Janina.

Môngtơ Crixtô nhìn cô với một vẻ quan tâm và thương hại đặc biệt. Ông động viên cô: -Thế nào! Con gái ta, cứ tiếp tục di chứ.

Hayđê ngẩng đầu lên như vừa tỉnh một cơn mộng, tiếp tục: -Lúc bấy giờ vào quãng bốn giờ chiều, nhưng vì là ở dưới hầm nên đã tối om, chỉ còn một đốm lửa như ngôi sao nhấp nháy ở trên bầu trời tối đen: đó là bó đuốc của Xêlim. Mẹ em đi ra phía cầu thang nghe ngóng.

-Họ đang lại gần! – Miễn là họ mang lại hòa bình và cuộc sống!

-Hoàng hậu sợ điều gì chứ? – Xêlim nói bằng giọng kiêu hãnh nhưng khoan thai – Nếu họ không đem lại hòa bình thì chúng ta sẽ cho chúng cái chết.

-Xêlim – mẹ em khẽ hỏi – mật lệnh của Chúa công là thế nào?

-Nếu Chúa công gửi cho tôi con dao găm tức là mọi việc hỏng bét, tôi chỉ còn việc châm lửa vào thuốc súng. Nếu Người gửi cho tôi cái nhẫn của người là hòa bình, là cuộc sống.

Bỗng nhiên em nghe thấy như là có tiếng reo hò. Chúng em nghe ngóng: đó là những tiếng reo hò mừng vui. Tên của vị sĩ quan Pháp được hô đến mấy lần. Chắc chắn là ông ta đã mang lại hòa bình rồi!

Những tiếng ồn ào lại càng tăng gấp bội, tiếng những bước chân lại gần, rồi tiếng người bước xuống bậc thang. Chẳng bao lâu một bóng đen xuất hiện.

-Ai? – Xêlim quát – Bất cứ là ai cũng phải đứng lại đã!

-Vinh quang thay Quốc vương, Người đã được khoan hồng rồi! Không những tính mạng người được bảo toàn, mà của cải của Người được giao trả nguyên vẹn.

Mẹ em reo lên một tiếng vui mừng ôm chặt lấy em và định chạy ra. Thấy thế Xêlim quát lên.

-Đứng lại, tôi cần phải thấy cái nhẫn đã.

-Đúng đấy! – Mẹ em nói và quỳ xuống, hai tay nâng em lên cao đồng thời cầu Chúa cho em.

Đến đây Hayđê lại ngừng lại do quá xúc động, mồ hôi đã chảy trên trán tái xanh của cô và giọng cô nghẹn ngào nức nở.

Môngtơ Crixtô đứng lên cầm lấy bình nước lạnh rót vào cốc rồi đưa cho cô, dịu dàng nói: -Con gái ta, hãy can đảm lên chứ!

Hayđê lau nước mắt và mồ hôi trên trán xong lại tiếp tục: -Mắt chúng em đã dần dần quen với bóng tối. Xêlim thét to: -Cho xem mật hiệu!

-Được! – Phái viên nói – Tôi mang cho anh cái nhẫn của Quốc vương đây!

Nói xong, người đó giơ tay lên quá đầu. Nhưng vì ánh sáng không rõ, khoảng cách hơi xa nên Xêlim chẳng nom thấy gì cả.

-Tôi chẳng nom thấy gì hết! – Xêlim nói.

-Nếu vậy anh lại gần đây hoặc để tôi lại gần.

-Hai cách ấy đều không được! Để cái nhẫn xuống đất và lùi xa ra cho đến khi nào ta trông thấy nó thì thôi.

-Được! Phái viên đồng ý.

Rồi hắn để vật làm tin xuống đất và lùi đến chỗ quy định.

Tim mọi người hồi hộp, đúng là cái nhẫn rồi nhưng không biết có phải là của cha em không. Xêlim vẫn cầm bó đuốc cháy, đi đến chỗ để vật, soi ánh đuốc vào rồi nói: -Đúng cái nhẫn của Chúa công, được rồi.

Nói xong, Xêlim vứt cái đuốc xuống đất lấy chân giẫm lên để dập tắt nó. Tên phái viên reo lên một tiếng vui mừng rồi vỗ tay một cái. Lập tức, có bốn tên lính Thổ Nhĩ Kỳ chạy đến và Xêlim bị ngã gục xuống vì năm vết dao găm. Xong chúng lao xuống hầm, xông vào các túi vàng.

Trong khi đó mẹ em bế thốc em nhanh nhẹn luồn vào cái lối ngoằn ngoèo trong hầm. Chạy đến được một cái cầu thang bí mật dẫn lên lầu. Nơi đó đang diễn ra một cuộc hỗn loạn ghê gớm. Lúc mẹ em sắp sửa đẩy cánh cửa nhỏ thì chúng em nghe thấy tiếng nói dữ dội của cha em. Mẹ em vội ghé mắt vào một kẽ hở của cánh cửa, một kẽ hở nữa cũng vừa tầm mắt em, em trông thấy được. Cha em hỏi một người cầm tờ giấy có chữ vàng: -Các ông muốn gì?

-Chúng ta muốn truyền lệnh của Đấng tối cao cho ngươi. Ngươi có nhận ra dấu ấn này không?

-Thấy rồi! – Cha em nói.

-Nếu vậy thì đọc đi! Đấng tối cao muốn lấy đầu ngươi!

Cha em thét lên một tiếng cười rùng rợn hơn cả một lời đe dọa. Cha em chưa dứt tiếng cười thì hai tay Người đã bắn ra hai phát súng ngắn và giết chết hai đứa.

Những vệ sĩ nằm rải rác ở xung quanh cha em liền nhổm cả lên cùng bắn với cha em. Căn buồng lúc ấy tràn ngập lửa và khói. Cùng lúc ấy phía bên kia cũng

nổ súng và những viên đạn đã xuyên thủng lỗ chỗ những tấm ván xung quanh em.

Ôi! Đẹp đẽ thay, vĩ đại thay quốc vương Ali Têbêlin, cha em! Ở giữa nơi khói đạn, thanh gươm lăm lăm trong tay, mặt sạm đen thuốc súng, xông xáo giữa quân thù.

-Xêlim! – Cha em thét lên – Xêlim! Thi hành nhiệm vụ đi!

-Xêlim chết rồi! – Một giọng như từ sâu thẳm đáy lâu đài phát lên – Quốc vương Ali, ngài nguy rồi!

Đồng thời một tiếng nổ dữ dội vang lên và những tấm ván xung quanh chỗ cha em vỡ tung, ba bốn vệ sĩ ngã xuống. Cha em gầm lên, thò tay vào các lỗ đạn và nhổ bật một tấm ván lên. Nhưng cùng lúc đó hai mươi phát súng bắn từ ngoài vào qua cửa vừa mở. Cha em thét lên hai tiếng. Người đã bị trúng đạn. Tuy vậy, người vẫn đứng sững trước cửa sổ. Mẹ em lay cánh cửa định vào cùng chết với cha em, nhưng cửa đã khóa bên trong. Rồi cha em khuỵu một chân xuống. Ngay lúc đó có đến hai mươi cánh tay vươn lên cùng với súng, gươm, dao găm bổ xuống người cha em, với những tiếng hò hét của bầy quỷ sứ. Mẹ em ngã nhào xuống đất, ngất lịm đi, cùng lúc đó em ngã lăn ra…

Hayđê buông thõng hai cánh tay xuống, khẽ rên lên một tiếng và ngước mắt nhìn bá tước như muốn hỏi xem bá tước đã hài lòng về sự chấp hành mệnh lệnh của cô chưa?

Bá tước đứng lên, lại gần đó, cầm lấy tay cô và nói bằng tiếng Hy Lạp: -Em hãy nghỉ một chút đã và hãy can đảm lên với niềm tin vào Thượng đế sẽ trừng trị những tên phản bội.

Anbe kinh hãi nhìn nét mặt tái xanh của Hayđê, nói: -Câu chuyện khiếp đảm quá! Thưa bá tước. Bây giờ tôi thấy hối hận vì đã quá thóc mách.

-Chẳng hề gì đâu!

Nói xong, Môngtơ Crixtô đặt nhẹ tay lên đầu Hayđê rồi nói tiếp: -Hayđê là một cô gái dũng cảm, đôi khi nhìn thấy sự an ủi trong việc kể lại nỗi thống khổ của mình.

-Thưa Đức ông! – Cô thiếu nữ vội vàng nói – Vì rằng những nỗi thống khổ của em nhắc nhở em nhớ đến những công ơn của Đức ông.

Anbe nhìn cô ngạc nhiên vì cô chưa hề đả động đến điều mà anh muốn biết, nhất là cô đã trở thành nô lệ của bá tước như thế nào.

Hayđê thấy cùng một lúc cái nhìn của bá tước và của Anbe có chung một ý nguyện, cô bèn kể tiếp: -Khi mẹ em tỉnh lại, mẹ con em đã bị bắt và dẫn đến trước mặt một tên tướng Thổ.

-Hãy giết tôi đi – Mẹ em nói – Đừng có xúc phạm đến người vợ góa của Ali.

-Ta không giải quyết việc của mụ – Tên tướng Thổ đáp.

-Vậy thì ai?

-Chủ mới của mụ, ông ta kia kìa!

Và tên tướng đó đã chỉ cho mẹ em tên cố vấn sĩ quan Pháp, kẻ đã gây nên cái chết của cha em…

Anbe liền hỏi cắt ngang: -Vậy là bà và cô trở thành nô lệ của con người đó?

-Không – Hayđê đáp – Hắn không dám nhìn mẹ con em, hắn đem bán mẹ con em cho tên lái buôn nô lệ ở Côngxtăngtinốp. Mẹ con em phải đi qua nước Hy Lạp trong trạng thái nửa sống nửa chết. Trước hoàng cung, em thấy đông nghịt người đang vây quanh tò mò đứng xem một vật gì đó. Mẹ em dõi theo cặp mắt của họ rồi đột nhiên hét lên một tiếng, chỉ cho em cái đầu lâu có viết bằng chữ: "Đây là đầu lâu tên Ali Têbêlin, Quốc vương Janina".

Em vừa khóc vừa lay gọi mẹ em. Mẹ em đã chết rồi. Em được đưa ra chợ. Một người Mỹ giàu có đã mua em về. Khi em mười ba tuổi lại bị đem bán cho quốc vương Mamút.

Môngtơ Crixtô nói tiếp: -Tôi đã chuộc cô từ tay quốc vương Mamút, như tôi đã nói với ông, bằng một viên ngọc bích giống như viên ngọc mà tôi đã dùng để đựng những viên thuốc.

Sau khi kể xong, Hayđê cầm tay bá tước nâng lên môi rồi nói: -Ôi Đức ông thật là nhân đạo và cao cả! Em có diễm phúc được làm nô lệ của Đức ông.

Anbe ngồi thẫn thờ như người mơ ngủ. Bá tước bảo anh: -Ông uống nốt tách cà phê đi, câu chuyện kết thúc như vậy đấy.

§78. Tin từ Janina

Frăng như người mất hồn, bước ra khỏi phòng ông già bại liệt, và hai giờ sau anh gửi cho Vinlơpho một bức thư tuyên bố xóa bỏ cuộc hôn nhân của mình với Valăngtin vì hai gia đình Đêpinay và Vinlơpho là kẻ thù, không thể kết thân được.

Vinlơpho từ trước đến nay vẫn cố tình che giấu việc làm của cha, chẳng ngờ bị ông già tự ý phơi bày sự thật, làm cho y điếng người. Y bèn nói dối vợ là sau khi ông Noachiê gặp Frăng, ông già rối loạn thần kinh nên cuộc hôn nhân phải tạm hoãn. Còn Valăngtin thì vô cùng sung sướng đi báo tin mừng cho chàng Mắcximiliêng. Mắc rất mến phục ông già đã giữ lời hứa bảo vệ được tình yêu cho hai người.

Ngày hôm sau, ông Noachiê sai người mời ông quản khế đến hủy bỏ tờ chúc thư cũ và làm một di chúc mới để lại toàn bộ tài sản cho cháu gái với điều kiện không được để hai ông cháu xa nhau. Như vậy là cộng với gia sản của hầu tước Xanh Mêrăng, bây giờ Valăngtin đã có một số lợi tức hàng năm là ba mươi vạn frăng.

Một buổi sáng, sau khi đã tiếp bá tước Môngtơ Crixtô và theo gợi ý của bá tước, bá tước Đơ Moocxép diện bộ quân phục cấp tướng, đeo đầy đủ các huân chương trên ngực, lên xe đi tới nhà Đăngla. Nhà tư bản quý tộc đang ngồi trong phòng tính toán sổ sách, bước ra tiếp ông bạn cũ với bộ mặt lạnh lùng và miệt thị.

-Thưa ngài nam tước – Moocxép nói – Tôi đến đây để nhắc nhở ngài lời hứa hẹn của chúng ta trước đây về cuộc hôn nhân giữa tiểu thư Ơgiêni và con trai tôi là tủ tước Anbe Đơ Moocxép.

-Thưa ngài bá tước – Đăngla cau mày và từ tốn đáp – Vấn đề này tôi cần phải suy nghĩ thêm đã.

-Ô hay! Có điều gì cần suy nghĩ thêm nữa nhỉ, khi mà chúng ta hứa hẹn với nhau từ tám hôm nay rồi! Hay là ngài nam tước đã thay đổi ý kiến?

-Không, tôi chỉ chưa có mộ quyết định rõ rệt đấy thôi!

-Thưa ngài nam tước – Moocxép cố kìm hãm cơn giận – Tôi thiết tưởng chúng ta đã quen biết nhau từ lâu, nếu vì một lý do nào đó, ngài chả nền giấu tôi làm gì.

Đăngla nhìn thẳng vào mặt Moocxép: -Nhưng tiếc rằng tôi không thể cho ngài biết rõ sự thật được?

-Như thế có nghĩa là ngài cự tuyệt?

Moocxép mắt nẩy lửa, nói xong cầm mũ bước ra ngoài.

Đăngla nhận thấy không một lần nào Moocxép dám hỏi thẳng Đăngla như vậy. Hôm nay có phải vì thái độ của Moocxép mà Đăngla khước từ chăng?

Buổi chiều hôm đó, Đăngla có cuộc hội kiến rất lâu với một số bạn, còn Angđrê Cavancăngty cũng có mặt trong phòng khách của các bà, các cô và ra về sau cùng.

Hôm sau ngủ dậy, Đăngla bảo hầu phòng đưa báo vào. Hắn đọc thấy trong tờ "Vô tư", do Bôsăng làm chủ bút, có đăng một bài nhan đề: "Người ta đưa tin từ Janina". Đọc xong bài báo, hắn nghĩ thầm: "Tốt lắm, đây là một bài nói về đại tá Fécnăng, chắc chắn là sẽ thay lời ta giải thích cho Moocxép".

Cùng lúc đó, tức là vào quãng chín giờ sáng, Anbe mặc lễ phục đen, đeo găng tay trắng, trịnh trọng đến gõ cửa nhà bá tước Môngtơ Crixtô. Bá tước tiếp anh trong phòng khách, Anbe nói: -Thưa bá tước, xin lỗi tôi đã làm phiền ngài và báo ngài biết tôi đã có lời thách đấu và hôm nay tôi sẽ đấu gươm để bảo vệ danh dự cho gia đình tôi.

-Ông nói gì mà quái gở thế?

-Vâng, và tôi yêu cầu ngài đi làm chứng cho tôi.

-Lạ thật? Thế ông quyết định đấu với ai?

-Với Bôsăng, chủ bút báo "Vô tư".

Nói xong, Anbe rút tờ báo trong túi ra, đưa cho bá tước đọc bài báo sau:

"Người ta đưa tin từ Janina.

Chúng tôi vừa nhận được một tin đặc biệt mà cho đến nay chưa một ai biết. Quốc vương Janina Ali Têbêlin đã bị một sĩ quan người Pháp phản bội và lâu đài của ông đã bị quân Thổ Nhĩ Kỳ chiếm. Viên sĩ quan đó tên là Fécnăng".

Môngtơ Crixtô liền hỏi: -Thế sao? Việc này có liên quan gì đến ông?

-Có chứ! Tên thật của cha tôi là Fécnăng và người đã tùng làm cố vấn quân sự cho quốc vương Têbêlin.

-Nhưng ai dám đoán rằng bá tước Đơ Moocxép cùng với viên sĩ quan Pháp Fécnăng kia là một. Hơn nữa, sự việc xảy ra đã từ hơn hai chục năm nay rồi.

-Đó chính là bằng chứng của sự vu khống. Bởi vậy tôi sẽ phái hai nhân chứng đến báo cho Bôsăng biết: một là y phải cải chính, hai là y phải cùng tôi quyết đấu. Tôi không thể tha thứ cho người đã bôi nhọ tên tuổi của cha tôi.

-Bôsăng sẽ chẳng phải cất công cải chính gì đâu vì ông ta sẽ trả lời là trong quân đội Hy Lạp có thể có đến năm chục sĩ quan tên là Fécnăng.

-Trả lời như vậy tôi cũng cứ quyết đấu. Ôi! Tôi muốn rằng vấn đề đó phải được tiêu tan hết… Cha tôi, một quân nhân cao cả, một sự nghiệp vinh quang như vậy…

-Hoặc là ông Bôsăng sẽ phải chú thích thêm là: Chúng tôi có cơ sở để tin là tên Fécnăng không có liên quan đến bá tước Đơ Moocxép cũng có tên là Fécnăng.

-Tôi muốn là phải được cải chính hoàn toàn. Tôi không bằng lòng như thế!

-Vậy ông nhất định cử nhân chứng đến?

-Vâng.

-Ông làm như vậy là sai ra đấy! – Môngtơ Crixtô ngăn lại.

-Như vậy có nghĩa là ngài từ chối lời thỉnh cầu của tôi?

-Tôi không nói rằng ông không nên thách đấu, tôi chỉ muốn nói rằng đấu gươm là một vấn đề hệ trọng, ông cần phải suy nghĩ cho kỹ đã.

-Để bảo vệ danh dự cho cha tôi, tôi chẳng cần phải suy nghĩ gì cả.

-Ồ, ông nóng nảy quá đấy! ông hãy nghe tôi đây: Tôi giả sử như… ông đừng giận tôi về điều tôi sắp nói ra nhé!

-Xin ông cứ nói.

-Tôi giả sử như… tin đó đúng sự thật!

-Một người con không thể chấp nhận một giả thiết như thế để có hại đến danh dự người cha mình được.

-Ôi! Sao ông khó tiếp thu ý kiến thế?

-Không phải thế đâu, nếu ý kiến đó là của một người bạn.

-Thế tôi có phải là bạn ông không? – Môngtơ Crixtô hỏi.

-Có chứ! – Anbe đáp.

-Vậy tôi xin khuyên ông thế này: trước khi gửi nhân chứng đến Bôsăng, ông hãy tự mình thẩm tra lại đã. Ví dụ, ông thăm dò Hayđê xem sao.

-Tôi không muốn có một phụ nữ dính dáng vào chuyện này.

-Nếu vậy tôi không thể chiều theo ý muốn của ông được!

-Thôi được, tôi sẽ nhờ Frăng và Satô Rơnô, và bây giờ tôi sẽ đích thân đến báo cho Bôsăng.

Nói xong Anbe từ biệt Môngtơ Crixtô lên xe đến tòa báo. Bôsăng tiếp anh rất niềm nở: -Ồ, cậu đến có việc gì, sao mặt lại hằm hằm thế kia?

-Chỉ vì bài báo "Người ta đưa tin từ Janina" đăng ngày hôm qua. Việc này có hại đến danh dự của cha tôi. Cậu là bạn thân của tôi, mong rằng cậu sẽ cải chính tin này.

-Cũng được, nếu nó không đúng sự thật. Tôi sẽ cho thẩm tra lại.

-Không cần thẩm tra gì cả, cậu phải cải chính ngay, nếu không chúng ta sẽ phải thanh toán với nhau bằng gươm.

-Cậu Anbe ạ! – Bôsăng bình tĩnh – Tôi xin nói để cậu biết là bài báo đó không phải do tự tay tôi viết, nhưng cậu làm tôi phải quan tâm đến nó. Nó sẽ tồn tại cho đến khi nào nó được cải chính hoặc xác nhận.

-Vậy tôi sẽ cử người làm chứng đến – Anbe đứng dậy nói một cách trịnh trọng – ông sẽ thảo luận với họ về địa điểm và vũ khí nhé!

-Hoàn toàn đồng ý.

-Và ngay chiều nay hoặc sáng mai là cùng, chúng ta sẽ quyết đấu

-Chưa đâu! Chưa đâu! Tôi sẽ ra bãi khi nào thấy cần thiết và theo ý tôi. Tôi có quyền cho ý kiến vì là người bị thách. Theo ý kiến tôi thì chưa đến lúc đâu. Tôi biết là cậu đấu kiếm rất cừ, và tôi cũng không đến nỗi kém. Cuộc đấu giữa chúng ta là một cuộc đấu quan trọng vì cậu là một người can đảm và tôi cũng vậy. Tôi không muốn giết cậu hoặc tôi bị giết một cách vô cớ. Do đó bây giờ tôi xin dặt một vấn đề rõ ràng là tôi yêu cầu ba tuần lễ nữa. Ba tuần lễ nữa cậu sẽ lại đây, tôi sẽ nói với cậu: "Vâng, sự việc đó là sai, tôi xin cải chính" hoặc "Sự việc đó có thật!" và tôi sẽ tuốt gươm ra khỏi vỏ, hoặc lấy súng ra khỏi hộp, tùy theo.

Anbe thấy bạn nói có lý, có lẽ, nên mặc dù đang rất giận dữ anh cũng phải nén mình trả lời: -Thôi được! Trong ba tuần nữa chúng ta sẽ gặp nhau. Nhưng không được sai hẹn, trì hoãn, gia hạn gì nữa đấy.

Nói xong, Anbe quay gót ra xe. Đến giữa phố, anh trông thấy Mắcximiliêng Moren đang bước ung dung thanh thản. Anh thở dài lẩm bẩm:

"Ôi, đây mới thật là con người sung sướng!"

May thay Anbe nghĩ không lầm.

§79. Cốc nước chanh

Quả nhiên Moren đang rất sung sướng. Ông già Noachiê vừa cho người đi gọi anh đến. Anh rất phấn khởi và nóng ruột muốn biết ông già muốn nói chuyện gì nên ba chân bốn cẳng đến ngay. Lão bộc Baroa, tuổi già sức yếu, thở hổn hển chạy theo sau.

Mắcximiliêng bước vào phòng. Ông Noachiê ngồi trong chiếc ghế lăn, nhìn anh bằng cặp mắt rất hiền từ và đầy thiện cảm. Valăngtin ngồi cạnh ông rất duyên dáng trong bộ tang phục màu đen. Thấy anh vào, Valăngtin nói: -Anh Mắc, ông em muốn nói cho anh biết là ông em có ý định muốn dọn đi ở nhà khác, và nếu được cha em cho phép, em sẽ đến ở với ông để tiện việc chăm sóc. Mấy tháng nữa đến tuổi trưởng thành em sẽ có khả năng tự quản lý sản nghiệp và lúc đó chúng ta sẽ tổ chức lễ cưới theo ý muốn của ông em.

Moren để tay lên ngực, nói thành khẩn: -Thưa ông, từ giờ phút này cháu tự coi mình là người chồng tương lai của Valăngtin, cháu vô cùng sung sướng được ông ban cho diễm phúc đó.

Ông già ngước đôi mắto trìu mến nhìn đôi trẻ. Lão bộc Baroa cũng vừa lau mồ hôi trán vừa nhìn họ mỉm cười như muốn chia sẻ niềm vui.

-Ồ, bác Baroa – Valăngtin bảo người lão bộc trung thành – Bác làm sao mà toát mồ hôi lắm thế? Trời nóng quá phải không?

-Úi chà! Tôi chạy theo cậu Moren bở cả hơi tai.

Ông Noachiê nhìn bình nước chanh để trên bàn như muốn bảo Valăngtin rót một cốc cho người lão bộc giải khát.

-Bác Baroa, bác uống tạm một cốc nước chanh nhé!

Nói xong Valăngtin rót một cốc đưa cho người lão bộc.

-Vâng, cảm ơn cô, tôi khát quá! Nếu cụ cho phép, tôi không dám từ chối.

Nói xong, Baroa bưng khay nước chanh xuống bếp. Mắcximiliêng từ biệt ông già và cô gái, phấn khởi ra về. Giữa lúc đó ngoài cửa có tiếng kéo chuông rồi tiếng chân người đi ở cầu thang. Mấy phút sau Baroa trở vào phòng, Valăngtin hỏi: -Bác Baroa, ai đến thế?

-Bác sĩ Đavrinhi đến khám sức khỏe thường kỳ – Lão Baroa vừa nói vừa loạng choạng muốn ngã, mặt mày tái xanh. Người lão bộc tiến lên vài bước nữa, người run cầm cập, nói không thành tiếng: -Lạy Chúa! Lạy Chúa! Tôi làm sao thế này? Mắt tôi hoa lên… đầu tôi váng… tôi chết mất thôi!…

Nói xong lão ngã gục xuống dưới chân ông Noachiê, tay ôm bụng, kêu rên thảm thiết.

Nghe tiếng kêu, khi vợ chồng Vinlơpho và bác sĩ Đavrinhi chạy vào. Vinlơpho phu nhân nhìn ngay về phía ông Noachiê thấy ông vẫn ngồi yên trên

cái ghế lăn, mụ quay lại nhìn người lão bộc đang lăn lộn trên sàn, bỗng nhiên mặt mụ tái mét. Bác sĩ và Vinlơpho khiêng lão Baroa đặt lên chiếc tràng kỷ. Sau đó, bác sĩ bảo Vinlơpho phu nhân và Valăngtin đi ra ngoài.

Baroa đã hết lên cơn và không rên nữa. Bác sĩ hỏi: -Từ sáng đến giờ bác đã ăn gì chưa?

-Dạ chưa, tôi chỉ mới uống có cốc nước chanh của cụ cho.

-Bác để bình nước chanh đó ở đâu?

-Dạ, dưới bếp.

Bác sĩ vội chạy ra cửa. Lúc xuống cầu thang gác, suýt vấp phải Vinlơpho phu nhân lúc đó cũng định chạy xuống bếp. Bác sĩ nhanh chân hơn nên tới trước và cầm lấy bình nước chanh hãy còn một phần tư chưa uống hết. Ông đem cái bình trở lên phòng. Vừa lúc đó người lão bộc lại lên cơn, lần này có vẻ nặng hơn. Lão từ trên tràng kỷ lăn xuống sàn và quằn quại kêu la rất thảm thương. Bác sĩ cầm một cái lông chim định ngoáy vào cuống họng lão cho nôn ra, nhưng quai hàm lão đã cứng. Mấy phút sau lão hét lên một tiếng, người cứng đờ, hai mắt trợn ngược. Bác sĩ để tay lên ngực lão thấy tim đã ngừng đập. Bác sĩ bảo với Vinlơpho: -Lão bộc đã tắt thở!

Viên chưởng lý lùi lại phía sau, hai tay ôm đầu, người run cầm cập. Bác sĩ nói tiếp: -Phải, Baroa đã chết rất mau chóng, giống như hầu tước Xanh Mêrăng và phu nhân, do một thứ thuốc độc đặc biệt không để lại dấu vết gì.

Nói xong bác sĩ đổ một tí nước chanh ra cốc, cầm một cái lọ đựng một thứ nước màu hồng rót vào cốc. Tức thì nước chanh sủi bọt lên và biến thành màu ngọc thạch. Bác sĩ giơ lên cho Vinlơpho nhìn thấy: -Ngài xem đây, trong nước chanh có thuốc độc nên nó đã biến màu.

Vinlơpho không nói gì, giơ hai tay lên trời, mắt long lên, ngã vật xuống chiếc ghế bành như bị sét đánh.

§80. Buộc tội

-Chao ôi, những cái chết đang ập vào nhà tôi! – Vinlơpho vừa được bác sĩ cứu, tỉnh dậy kêu lên.

-Thưa ngài chưởng lý – bác sĩ bình tĩnh nói – Đây không phải là cái chết bình thường mà là một vụ ám sát, một tội ác. Ngài là người thay mặt pháp luật, ngài phải nhận định như vậy. Tôi nghĩ rằng đến lúc chúng ta phải hành động. Chúng ta phải chặn ngay cái dòng thác chết người này lại. Còn như tôi, tôi thấy không còn đủ khả năng để giữ lâu hơn nữa điều bí mật này. Phải đem nó ra ánh sáng để xã hội trừng trị thủ phạm, trả thù cho những nạn nhân.

-Trong nhà tôi! Trời đất ơi! – Vinlơpho thều thào – Trong nhà tôi!

-Thưa ngài chưởng lý, hãy can đảm lên! Ngài là người đại diện cho pháp luật, ngài có dám hy sinh không?

-Hy sinh! Bác sĩ làm cho tôi run quá! Hy sinh! Bác sĩ có nghi cho ai không?

-Tôi không nghi cho ai cả! Tử thần đã gõ cửa nhà ngài, đã đi vào trong nhà ngài không phải mù quáng mà lại rất thông minh, lần lượt từng buồng một. Tôi đã theo dõi vết tích nó, tôi áp dụng sự khôn khéo của tổ tiên ta, tôi lần tìm. Tình thân thiện của tôi đối với gia đình ngài, lòng kính trọng của tôi đối với ngài đã là hai mảnh vải bịt mắt tôi lại. Lần này thì tôi có thể khẳng định rằng…

-Xin bác sĩ cứ nói, tôi đủ can đảm để nghe.

-Tôi khẳng định rằng trong nhà ngài, có thể là trong gia đình ngài, có kẻ sát nhân.

Vinlơpho kêu lên một tiếng, chắp hai tay vào nhau, nhìn bác sĩ bằng cặp mắt van lơn. Bác sĩ tiếp tục: -Ngài hãy tìm xem cái chết đó sẽ làm lợi cho ai, và những nạn nhân, tức là những người đã chết hoặc suýt chết, đã mất cái gì? Như hầu tước Xanh Mêrăng, hầu tước phu nhân, cụ Noachiê…

-Cụ Noachiê?

-Vâng, chính cụ Noachiê là người phải uống cốc nước chanh đó và người lão bộc chết thay cụ. Trước đây người ta không giết cụ vì cụ không để gia tài cho ai cả. Nhưng vừa qua, cụ đã làm lại di chúc nên người ta vội tính chuyện giết cụ đi. Khi giết hai ông bà hầu tước Xanh Mêrăng, người ta đã được hưởng hai gia tài. Tôi là một thầy thuốc, tôi phải có nhiệm vụ thiêng liêng phát hiện ra kẻ đã gây nên tội ác để ngăn chặn tội ác mới.

-Người đó là con gái tôi sao?

-Thế là ngài thừa nhận Valăngtin là kẻ giết người rồi đó!

-Chính tay cô ta đã gửi gói thuốc cho hầu tước Xanh Mêrăng, chính tay cô ta đã rót cốc nước chanh cho người lão bộc. Thưa ngài chưởng lý, tôi xin tố cáo

trước ngài, Valăngtin là kẻ đã đầu độc ba người vô tội. Yêu cầu ngài hãy làm tròn nhiệm vụ tư pháp của ngài.

-Xin bác sĩ hãy thương lấy con gái tôi, hãy bảo vệ danh dự cho tôi.

-Không thể được nữa! Ngài nên coi đó là một điều bất hạnh đã đến với ngài. Tôi không thể và lương tâm tôi không cho phép tha thứ cho kẻ đã giết hại ba mạng người vô tội. Phải đưa nó ra pháp luật, giao nó cho một tên đao phủ. Để bảo vệ được danh dự, ngài hãy thi hành việc đó đi.

Vinlơpho nói nghẹn ngào, xiết chặt cánh tay bác sĩ: -Bác sĩ ơi,… con gái tôi không phải là thủ phạm đâu, tôi cam đoan với ngài như vậy… tôi không thể truy tố con gái tôi trước pháp luật được… Một ngày kia tôi sẽ khám phá ra thủ phạm, tôi sẽ vạch mặt nó ra… tôi xin lấy lương tâm nhà nghề hứa với bác sĩ như vậy.

-Vậy thì được – Bác sĩ chậm rãi nói sau một hòi suy nghĩ – Tôi sẽ chờ. Nhưng chỉ có điều là nếu trong nhà ngài mà còn có một người nào khác nữa, ngay cả ngài mà bị ốm, xin đừng có gọi tôi, tôi sẽ không đến nữa đâu. Tôi muốn chia sẻ với ngài điều bí mật ghê gớm này nhưng tôi không muốn phải bị hổ thẹn, bị lương tâm cắn rứt vì cứ để cho tội lỗi phát triển trong nhà này.

Nói xong, bác sĩ hắt cốc nước chanh vào lò sưởi rồi lặng lẽ ra về, quên cả bắt tay Vinlơpho. Tiễn đưa bác sĩ ra về là nước mắt và những tiếng khóc than của mọi người trong nhà.

Ngay buổi tối hôm đó, tất cả gia nhân trong nhà Vinlơpho đều tụ tập trong nhà bếp, bàn tán với nhau rồi đến xin với Vinlơpho phu nhân cho thôi việc. Mặc dù động viên, mặc dù hứa tăng lương nhưng cũng không giữ họ lại được. Họ chỉ đáp có một câu: -Chúng tôi không muốn ở đây nữa chỉ vì thần chết đã đến ở rồi.

Vậy là tất cả ra đi. Họ chỉ luyến tiếc cô chủ Valăngtin hiền lành, phúc hậu và dịu dàng làm sao! Vinlơpho nhìn Valăngtin: cô đang khóc. Điều lạ lùng là khi Vinlơpho nhìn vợ, hình như hắn đã nhìn thấy ở mụ một nụ cười nham hiểm thoáng qua trên cặp môi mỏng dính, tựa hồ như một tia chớp xuất hiện giữa hai đám mây đen ngòm trong cơn giông.

§81. Căn buồng người làm bánh ẩn náu

Ngay buổi tối hôm bá tước Moocxép rời khỏi nhà Đăngla đầy tủi nhục và tức giận về thái độ đón tiếp của chủ nhân thì Angđrê Cavancăngty mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao, kiêu hãnh bước vào nhà Đăngla.

Sau mười phút nói chuyện trong phòng khách, Angđrê tìm cách dẫn được Đăngla ra đứng trước cửa sổ lớn trong phòng để trình bày về sinh hoạt của hắn từ ngày cha hắn về. Từ ngày đó, theo hắn, gia đình Đăngla đã coi hắn như con và hắn cũng đã thấy ở đấy hạnh phúc của hắn sẽ được bảo đảm, hạnh phúc mà con người vẫn thường tìm trong sự ngông cuồng của lửa lòng, mà lửa lòng đó hắn đã có diễm phúc tìm thấy trong cặp mắt của tiểu thư Đăngla.

Đăngla chăm chú nghe hắn nói. Từ ba bốn ngày nay y đã mong đợi lời thú nhận đó. Nay chính Angđrê đã nói ra điều đó làm cho cặp mắt y sáng hẳn lên, ngược lại với đôi mắt tối sầm lại khi nghe Moocxép nói. Tuy nhiên hắn nghĩ rằng chả lẽ mình lại vồ lấy ngay mà không vặn vẹo đôi chút. Đăngla lựa lời: -Cậu Angđrê này, đã nghĩ đến vấn đề hôn nhân, cậu không sợ còn trẻ quá à?

-Thưa ngài không ạ! Ở bên Ý chúng tôi, những bậc đại quý tộc đều lấy vợ sớm, đó là phong tục tập quán. Ở đời này bấp bênh lắm cho nên khi thấy hạnh phúc đi qua cổng là phải chộp lấy ngay.

-Bây giờ cứ coi như nhà tôi và em nó chấp thuận điều vinh dự này, xin cậu cho biết ai là người sẽ có đủ thẩm quyền đứng ra lo liệu việc này trong khi cha cậu không có mặt ở đây?

-Thưa ngài, cha tôi là một người rất khôn ngoan và biết lo xa. Người đã thấy trước ý định của tôi muốn thành lập gia đình ở nước Pháp cho nên trước khi đi đã để lại đủ giấy tờ xác minh lý lịch của tôi và ấn định cho tôi được lĩnh sau khi lấy vợ một trăm năm mươi ngàn livrơ lợi tức hàng năm, tức là bằng khoảng một phần tư của cha tôi.

-Còn tôi – Đăngla nói – Tôi có ý định sẽ cho con gái tôi năm trăm ngàn frăng khi nó lấy chồng.

-Thế thì hay quá – Angđrê reo lên – nếu đề nghị của tôi không bị phu nhân và tiểu thư từ chối thì hai vợ chồng chúng tôi hàng năm sẽ có một món tiền lãi là một trăm bảy mươi lăm ngàn livrơ. Ấy là chưa kể số vốn của tôi gửi vào ngân hàng của ngài khoảng vài ba triệu. Các khoản gia tài của mẹ tôi mà cha tôi chưa chuyển cho tôi đâu cũng được chừng chục triệu là ít.

Đăngla cảm thấy nghẹn ngào vì quá sung sướng. Y hệt kẻ keo kiệt bắt được vàng, mãi y mới lên tiếng được: -Cậu Angđrê, cậu hãy tin là chẳng có gì cản trở đề nghị của cậu đâu, và cậu cứ coi như mọi việc được giải quyết xong rồi. Nhưng

tại sao tôi lại không thấy ngài bá tước Môngtơ Crixtô, vị đỡ đầu của cậu, không cùng đến với cậu để bàn về vấn đề này?

Angđrê mặt đỏ lên vì kiêu hãnh, đáp: -Ấy, chính tôi vừa ở nhà bá tước lại đây. Đó thật là một con người tuyệt diệu. Bá tước đồng ý với tôi lắm và còn nói sẽ dùng ảnh hưởng của ông ta để làm cho cha tôi chóng chuyển giao gia tài cả vốn lẫn lãi cho tôi. Tuy bá tước không công khai đứng ra hỏi vợ cho tôi nhưng người nói rằng người sẵn lòng giải đáp những gì mà ngài cần hỏi.

-Tốt lắm! Bá tước thật là một người hiểu đời và tốt bụng. – Đúng thế! Bá tước thấy tôi tháng này chắc là có nhiều món cần tiêu bất thường nên đã ký cho tôi một ngân phiếu hai vạn frăng lĩnh tại ngân hàng của ngài. Xin ngài trao cho tôi món tiền này.

Nói xong, Angđrê trao cho Đăngla tấm ngân phiếu Đăngla cầm tờ ngân phiếu đút ngay vào túi rồi nói: -Được lắm! Mười giờ sáng mai tôi sẽ cho người đưa tiền đến khách sạn cho cậu.

-Xin đa tạ ngài!

Đúng mười giờ sáng hôm sau, số tiền đã được trao tận tay cho Angđrê ở khách sạn "Ông Hoàng", và lúc chàng thanh niên nhận tiền xong, sắp sửa ra đi thì người gác cổng vào báo: -Người đàn ông mà ngài dặn tôi cứ cuối tháng đưa cho bác ta hai trăm frăng, đã lại đến đây, nhưng không chịu nhận tiền và đòi được gặp ngài để nói chuyện riêng. Tôi nói là ngài đi vắng nên bác ta nhờ tôi đưa cho ngài bức thư đã viết sẵn và cho vào phong bì từ trước.

Angđrê bóc thư ra đọc: "Cháu đã biết chỗ ở của chú rồi, vậy sáng mai chú đợi cháu hồi chín giờ".

Angđrê kiểm tra lại phong bì thấy vẫn dán kín và không có dấu vết gì đáng nghi là bị bóc trộm. Hắn liền sai đóng xe rồi chạy vội lên buồng đốt bức thư và gọi người hầu cho mượn một bộ quần áo lao động. Hắn mặc vào rồi vội vã ra xe đến cửa ô Thánh Ăngtoan, tìm đến phố Mênin Môngtăng. Xe dừng trước ngôi nhà thứ ba bên trái. Hắn đang ngơ ngác thì một mụ đàn bà to béo bán hoa quả đã mau miệng hỏi: -Cậu tìm ai thế?

-Tôi muốn gặp ông Paytin, một người làm bánh đã nghỉ việc.

-Cậu đi qua sân, lên tầng ba, bên trái.

Angđrê đi lên tầng ba và kéo chuông gọi. Một phút sau, bộ mặt của Cađơrút lộ ra sau cánh cửa.

-A ha! Thằng bé đến đúng hẹn quá!

Angđrê bước vào phòng, ngửi thấy mùi tỏi rán thơm phức và nhìn thấy trên bàn đã bày sẵn hai suất ăn.

-Chú mời cháu đến đánh chén đấy à?

-Cháu xem đấy, lúc nào chú cũng chỉ nghĩ đến cháu và hôm nay làm mấy món ăn địa phương, với mấy chai rượu hảo hạng để cháu thưởng thức. Cháu

cũng đã biết tài nấu nướng của chú rồi chứ?

Angđrê đang đói bụng lại nhìn thấy món ăn có vẻ ngon lành nên ngồi ngay vào bàn.

-Ta vừa ăn vừa nói chuyện – Cađơrút khai mào – Cháu tệ lắm! Lúc nào khấm khá lên là quên cả chú. Cháu thì có kẻ hầu người hạ, ở nhà lầu, có xe độc mã, ăn mặc bảnh bao như một ông hoàng còn chú thì phải sống trong cái nhà trọ tồi tàn này, không có ai là bạn bè cả.

-Cháu tưởng đã cung cấp cho chú đầy đủ để sống theo kiểu một tiểu thương về nghỉ kia mà? Sao chú chóng chán thế?

-Chao ôi – Cađơrút nhún vai rồi thở dài – Hàng tháng chú nhận được của cháu mấy trăm frăng thật đấy nhưng chú cảm thấy nhục nhã lắm vì cuộc sống bấp bênh, tương lai bị đe dọa chứ đâu được như cháu, nay mai lại sắp kết hôn với tiểu thư Đăngla, con một nhà tư bản kếch xù.

-Sao! Đăngla nào?

-Thôi đi, tao còn lạ gì nữa! Trước kia tao cũng là bạn thân của nam tước Đăngla. Hồi còn là một kế toán viên quèn, ngài ấy chả kiêu kỳ như bây giờ đâu! Nếu tao cũng gặp may như ngài thì đâu có đến nỗi khổ sở như thế này. À thế nào? Món xúp cá hổ lốn của tao hợp với khẩu vị của mày đấy chứ?

-Chú ăn ngon thế này mà còn kêu ca sao?

-Mẹ kiếp! Nhưng cứ phải sống dựa vào mày, tao cảm thấy khốn nạn lắm, nên tao vừa chợt nảy ra một ý. Tao đang phác họa một kế hoạch và nhờ đó tao sẽ có một số vốn để sống một cách lương thiện, còn mày thì chả cần phải cho tao một đồng xu nào nữa.

-Hay lắm! Kế hoạch đó ra sao?

-Này, cháu vẫn nói người đỡ đầu cháu là một cái kho vô tận phải không?

Angđrê nhìn ngay thấy trong ánh mắt của Cađơrút cái ý nghĩ đen tối của hắn.

-Phải, và ông ta rất rộng rãi đối với cháu, đối xử với cháu như với con đẻ. Cháu thường ngày ra vào nhà ông ta một cách rất tự do, vì thế cháu biết rất rõ rằng hôm vừa rồi một người của ngân hàng mang đến cho ông ta năm chục ngàn frăng để vào trong một cái ví to như cái cặp của chú. Mới hôm qua thôi, người ta lại mang đến cho ông ta một trăm ngàn frăng bằng vàng.

Cađơrút cảm giác như người bị choáng. Đối với hắn, hình như trong tiếng nói của Angđrê có leng keng tiếng ngân của một thác tiền đổ xuống.

-Thế cháu nói là hàng ngày cháu vẫn đi lại trong nhà ấy? – Hắn hỏi một cách ngây ngô.

-Vâng.

-Tao muốn biết cả cái nhà đó ra sao. Ngôi nhà ở đại lộ Săng Êlidê số 30 phải không?

-Vâng, một tòa nhà tuyệt đẹp nằm giữa một khu vườn và một cái sân.

-Hôm nào dẫn chú lại chơi nhé!

-Không được đâu! Lấy tư cách gì kia chứ!

-Ồ nhỉ! Nhưng tao nhất thiết phải được biết ngôi nhà ấy ra sao.

-Có khó gì đâu? Cứ lấy giấy bút ra đây, cháu vẽ sơ đồ cho.

Angđrê nhếch mép cười, cầm bút vẽ địa thế tòa nhà, khu vườn, cái sân và những bức tường bao quanh. Rồi đến cái buồng, cửa ra vào, cửa sổ, cái bàn, cái tủ nào là nơi đựng tiền. Sau đó lại kể về lối sống của bá tước Môngtơ Crixtô.

-Ông ta có hay vắng nhà không?

-Mỗi tuần ông ta đi đến ngôi nhà nghỉ mát ở Ôtơi hai ngày. Ngày mai là ngày ông ta vắng nhà đấy.

-Ông sống sung sướng thật, nhiều tiền có khác.

-Chú còn muốn biết thêm gì nữa không?

-Thôi đủ rồi. Bao giờ lấy vợ nhớ tặng tao một món quà nhé!

-Được, cháu sẽ cho chú biết trước tám hôm.

Hai người từ biệt nhau. Cađơrút nhìn Angđrê đi xuống cầu thang, qua cái sân rồi bước ra ngoài đường. Khi Angđrê đã đi khuất, Cađơrút vội vã quay vào buồng, giở bản sơ đồ ra nghiên cứu rất lâu, mỉm cười một cách đắc ý.

§82. Đột nhập

Đúng như lời Angđrê nói với Cađơrút, ngày hôm sau bá rước Môngtơ Crixtô và Ali đi đến ngôi nhà nghỉ ở Ôtơi. Vừa bước chân vào nhà, người hầu phòng đã bưng một cái khay trên có đặt một bức thư đưa cho chủ nhân. Ngoài phong bì đề "Tối mật và thượng khẩn". Bá tước xé phong bì và mở ra đọc: "Xin báo để bá tước biết là ngay trong đêm nay, một kẻ lạ mặt sẽ đột nhập vào tòa nhà của ngài ở đại lộ Săng Êlidê để lấy cắp những giấy tờ mà hắn cho là để trong phòng ngủ của ngài. Tôi biết là bá tước đủ can đảm để xử lý vấn đề này một mình không cần có sự can thiệp của sở cảnh sát. Thấy bên ngoài có nhiều người và canh phòng cẩn mật sẽ làm cho tên lưu manh không dám hành động nữa. Bá tước chỉ cần nấp ở trong buồng rửa mặt là có thể thấy được nó, một kẻ thù mà do một sự tình cờ tôi được biết".

Ý nghĩ đầu tiên đến với bá tước: Đây là một âm mưu của bọn ăn cắp, một cái bẫy ngu ngốc báo trước một vụ nhỏ để rồi chính mình lại mắc vào một hiểm họa lớn. Bá tước định cứ đi báo cảnh sát mặc dù bức thư có dặn dò. Nhưng rồi bá tước lại chợt nghĩ có thể đây chỉ là kẻ thù cá nhân của mình mà chỉ một mình bá tước mới giải quyết được.

Bá tước nghĩ thầm: "Chúng không muốn ăn cắp tài liệu của ta đâu. Chúng muốn giết ta. Chúng không phải là kẻ trộm mà là những tên giết người. Ta không muốn để ngài cảnh sát trưởng can thiệp vào việc riêng của ta".

Bá tước cho gọi người hầu phòng vừa mang thư vào và dặn: -Anh hãy quay trở lại Pari, đưa tất cả gia nhân ở đó về hết đây cho tôi, trừ người gác cổng. Tôi cần phải có tất cả gia nhân của tôi tập trung ở ngôi nhà mới này. Anh nhớ ngôi nhà đằng ấy thường ngày như thế nào thì cứ để nguyên như thế.

Bữa ăn tối hôm đó bá tước chỉ để l một mình Ali phục vụ. Ăn uống xong, bá tước bảo Ali đi theo mình về Pari. Đến mười giờ họ đã đứng trước ngôi nhà lộng lẫy ở đại lộ Săng Êlidê. Bá tước trèo lên một cái cây, nhìn vào trong thấy tối om và xung quanh đều lặng lẽ. Ngoài đường không một bóng người qua lại. Bá tước cùng người đầy tớ da đen đi vào bằng một cái cửa ngách, trèo lên cầu thang xếp phía sau nhà rồi đi vào phòng ngủ.

Bá tước đi vào phòng rửa mặt, bảo Ali đem đến cho mình một khẩu súng trường và hai khẩu súng ngắn để đề phòng trường hợp bọn trộm đông người và có vũ khí. Sau đó, bá tước bảo Ali nấp ở cầu thang, còn mình nấp trong phòng rửa mặt vì cho rằng tên lạ mặt sẽ trèo vào phòng ngủ qua hai lối này.

Chuông đồng hồ vừa điểm mười giờ đêm thì ở phòng rửa mặt có tiếng động khe khẽ. Bá tước lắng nghe, thấy có tiếng cọ vào kính, một bàn tay lành nghề đang cắt miếng kính ở cửa sổ. Mấy phút sau, miếng kính có giấy dán rời ra mà

không bị vỡ. Một bàn tay thò vào trong, vặn quả đấm và cửa sổ mở tung. Một bóng người xuất hiện trong khung cửa rồi nhảy vào phòng. Hắn chỉ có một mình. Bá tước nghĩ bụng: "Tên này táo tợn thật".

Vừa lúc đó, bá tước thấy Ali sờ vào vai mình, ông quay lại. Ali chỉ xuống đường, bá tước nhìn theo hướng chỉ, thấy một tên nữa đứng trên một cái bục như đang theo dõi tình hình trong nhà. Bá tước nghĩ bụng: "Được! Chúng có hai đứa, một hành động, một gác!" Ông bèn ra hiệu cho Ali theo dõi đứa dưới đường.

Tên cắt cửa kính đã vào trong buồng và đang định hướng, hai tay giơ ra quờ quạng phía trước. Hắn dò dẫm tiến về phía phòng ngủ, khóa cửa lại, rồi rón rén lại gần bàn làm việc, sờ vào ngăn kéo chỗ có ổ khóa. Chìa khóa không cắm ở đấy; hắn liền rút trong túi ra một chùm chìa khóa.

Bá tước mỉm cười thất vọng, nghĩ thầm: A! Không lẽ nó chỉ là một tên ăn trộm thường thôi ư?

Vì tối quá không tìm được chiếc chìa khóa thích hợp, hắn liền bật một que diêm và ánh lửa trong khoảnh khắc đã soi rõ bộ mặt tên trộm. Bá tước lùi lại một bước ngạc nhiên: Ô này! Chính là…

Ali giơ rìu lên, Môngtơ Crixtô ngăn lại và nói nhỏ: -Không được! Để rìu xuống, ta không cần đến vũ khí đâu!

Rồi bá tước nói nhỏ mấy câu với Ali. Mấy giây sau, người đầy tớ da đen mang lại cho bá tước một bộ quần áo thầy tu, một cái mũ ba múi và một cái áo giáp đan bằng những sợi dây xích kim loại nhỏ. Bá rước liền trút bỏ áo ngoài, mặc áo giáp bên trong, áo thầy tu phủ bên ngoài, vén mớ tóc, chụp mũ ba múi lên đầu rồi châm một cây nến đi đến phòng ngủ, khẽ mở cửa ra.

Tên trộm đang loay hoay với chùm chìa khóa, đột nhiên thấy căn phòng sáng lên, hắn sửng sốt ngẩng đầu.

-Chào Cađơrút – Bá tước mỉm cười lên tiếng – Đêm hôm khuya khoắt thế này anh đến đây làm gì?

-Linh mục Buxôni! – Cađơrút kêu lên.

Tại sao lại có sự xuất hiện kỳ lạ này, hắn đã khóa cửa lại rồi kia mà! Hắn đánh rơi chùm chìa khóa xuống sàn và đứng ngây người ra như pho tượng gỗ, nhớn nhác nhìn bá tước. Bá tước đi đến, đứng chắn giữa Cađơrút và cửa sổ, cắt đường rút lui của tên lưu manh.

-Phải, đúng ta là Buxôni đây! Ta rất hài lòng thấy anh vẫn còn nhớ ta. Cađơrút ạ, điều đó chứng tỏ anh có một trí nhớ tốt vì đã mười năm nay rồi bây giờ ta mới lại gặp nhau.

Sự bình tĩnh ấy, sự giễu cợt ấy, sức mạnh ấy gây ấn tượng mạnh đến nỗi làm cho Cađơrút rụng rời. Hắn vừa thều thào, vừa tìm cách tiến đến cửa sổ đang bị linh mục đứng chắn mất.

-Thưa ngài linh mục, tôi không biết… Tôi đề nghị ngài tin cho là… Tôi xin thề với ngài rằng…

-Một miếng cửa kính bị cắt – Linh mục tiếp tục – Một chùm chìa khóa, một cái ngăn kéo đang bị cậy. Thì ra anh vẫn chứng nào tật nấy à, hở ngài sát nhân?

-Thưa linh mục, như ngài đã biết cả, không phải là tôi, mà chính là mụ Cáccông. Điều đó đã được xác nhận trong bản án, vì thế tôi chỉ bị tù khổ sai thôi.

-Thế anh đã hết hạn tù, ra tù rồi lại sắp sửa trở lại?

-Thưa ngài không ạ! Tôi được một người cứu thoát cùng với người bạn tù của tôi. Và tôi đã hứa hẹn rất nhiều.

-Vậy anh đã giữ lời hứa như thế nào?

-Thưa ngài linh mục, tôi bị lôi cuốn…

-Phạm nhân nào mà chả nói thế!

-Nhu cầu thiết yếu…

-Thôi đi! – Linh mục khinh bỉ – Cần tiền thì dẫn đến việc ăn xin, ăn cắp một mẩu bánh ở cửa hàng chứ đâu dẫn đến việc cậy tủ nhà vắng chủ. Và khi người buôn kim hoàn đến cho anh bốn mươi lăm ngàn frăng để đổi lấy viên kim cương mà ta đã cho anh, anh lại giết người ta để vừa có tiền vừa có kim cương, đấy cũng là do nhu cầu thiết yếu à?

-Thưa ngài linh mục, xin tha tội, xin tha tội cho tôi. Ngài đã cứu tôi một lần rồi, xin ngài cứu tôi một lần nữa.

-Tôi chẳng thấy vui lòng chút nào.

-Thưa ngài linh mục, ngài chỉ có một mình hay là còn có cảnh sát sẵn sàng bắt tôi?

-Tôi chỉ có một mình thôi, tôi vẫn còn thương anh và sẵn sàng để anh đi, nếu anh nói cho tôi biết rõ tất cả sự thật.

-Ôi, thưa ngài linh mục! – Cađơrút kêu lên, hắn chắp hai tay lại và tiến lên một bước gần linh mục – Tôi có thể nói với ngài rằng ngài là vị cứu tinh của tôi.

-Anh đã nói rằng người ta đã cứu thoát anh khỏi tù khổ sai?

-Thưa ngài, tôi xin thề là như vậy.

-Ai đấy, ông ta tên là gì?

-Một người Anh tên là hầu tước Uynmo.

-Tôi biết ông ấy. Vậy tôi cũng sẽ biết, nếu anh nói dối.

-Thưa ngài linh mục, tôi nói toàn sự thật. Tôi và một người bạn tù nữa tên là Bênêđéttô, được ông ta cứu bằng cách bí mật gửi cho chúng tôi một lưỡi cưa sắt và một cái giũa để rồi một hôm mọi người ngủ trưa thì chúng tôi cưa xích và nhảy xuống sông trốn thoát.

-Thế còn tên Bênêđéttô?

-Thưa ngài linh mục, thực tôi không biết. Chúng tôi tù giã nhau ở Hiê.

Và để cho lời nói của mình có trọng lượng hơn, Cađơrút lại tiến một bước nữa đến gần linh mục. Linh mục vẫn đúng nguyên tại chỗ, bình tĩnh như thường.

-Anh nói dối! Anh với nó kết bạn với nhau, có thể anh còn đồng lõa với nó. Từ khi anh vượt ngục đến nay anh sinh sống như thế nào? Hãy trả lời đi.

-Như tôi có thể sống!

-Anh nói dối! – Linh mục nhắc lại lần thứ ba bằng một giọng nghiêm khắc hơn – Anh sống bằng số tiền hắn đã cho anh.

Cađơrút hoảng sợ, nhìn linh mục rồi nói: -Thưa đúng đấy ạ! Và Bênêđéttô đã trở thành con trai một Đức ông.

-Làm sao hắn có thể là con trai một Đức ông được?

-Con đẻ chính thức ạ!

-Vị đó tên là gì?

-Bá tước Môngtơ Crixtô mà chúng ta đang ở trong nhà ngài ấy đây.

-Bênêđéttô là con trai của bá tước Môngtơ Crixtô? – Đến lượt Môngtơ Crixtô ra vẻ ngạc nhiên hỏi.

-Thưa vâng! Ta phải tin là như vậy vì bá tước đã tìm cho hắn một người cha giả, vì bá tước làm di chúc để lại cho hắn năm trăm ngàn frăng.

-Á à! – Linh mục đã bắt đầu hiểu, thốt lên – Thế hắn tên gì?

-Angđrê Cavancăngty.

-Vậy là anh thanh niên mà ông bạn tôi là bá tước Môngtơ Crixtô tiếp trong nhà và sắp lấy tiểu thư Đăngla?

-Đúng ạ!

-Vậy anh là đồ khốn nạn. Anh biết nó thế mà cứ để vậy à?

-Tại sao tôi lại ngăn cản một người bạn thành công nhỉ?

-Đúng rồi, anh không làm thì tôi sẽ làm. Tôi sẽ báo cho Đăngla.

-Xin ngài linh mục đừng làm như vậy, chúng tôi sẽ mất miếng bánh ăn.

-Thế anh tưởng là để giữ miếng bánh cho những tên khốn kiếp như các anh, ta sẽ là tòng phạm với những tội lỗi của các anh sao?

-Thưa ngài linh mục – Cađơrút nói và lại tiến gần thêm.

-Tôi sẽ nói hết với ngài Đăngla.

-Mẹ kiếp! Thế này thì còn nói thế nào được nữa hả ngài linh mục?

Vừa nói, Cađơrút vừa nhanh như chớp, rút con dao găm trong người ra, thẳng cánh đâm một nhát vào ngực linh mục. Hắn kinh ngạc biết bao khi tưởng lưỡi dao sẽ ngập sâu vào ngực linh mục, thì nó lại bật ra. Nhanh không kém, linh mục dùng tay trái nắm lấy cổ tay hắn và bóp mạnh đến nỗi hắn phải kêu lên một tiếng đau đớn và thả lưỡi dao rơi xuống bàn. Nhưng linh mục vẫn chưa tha, tiếp tục bóp cho đến khi Cađơrút phải quỳ và úp mặt xuống sàn. Linh mục đặt một chân lên gáy hắn rồi nói: -Quân phản phúc! Ta cho vỡ sọ ra bây giờ!

-Ôi! Xin linh mục làm phúc làm đức, tha tội cho tôi!

Linh mục bỏ chân để trên gáy hắn ra nói: -Đứng lên!

Cađorút vừa đứng lên vừa xoa xoa cổ tay vừa suýt xoa: -Ôi mẹ ơi! Cứng như cái gọng kìm ấy, thưa ngài linh mục! Sức đâu mà ghê gớm thế!

-Im đi! Chúa Trời đã ban cho ta sức mạnh để trị một con thú hung ác như ngươi. Cầm giấy bút ta đọc cho mà viết.

Trước sức mạnh đó, Cađorút phải chịu khuất phục. Hắn ngồi xuống ngoan ngoãn cầm bút viết:

"Thưa ngài, tên thanh niên mà ngài tiếp đón trong nhà và sắp sửa gả con gái ngài cho bắn là một tên tù khổ sai vượt ngục cùng với tôi ở Tulông, hắn số 59 còn tôi số 58. Tên thật hắn là Bênêđéttô, nhưng hắn không hề biết tên thật hắn là gì và bố mẹ đẻ là ai".

-Ký tên đi! – Bá tước giục.

-Vậy là ngài muốn hại tôi sao?

-Đồ khốn kiếp! Nếu ta muốn hại mi thì ta đã lôi mi ra đồn cảnh sát, vả lại khi mà mảnh giấy này đến được địa chỉ của nó thì chắc chắn là mi chẳng còn gì phải lo ngại nữa. Ký đi.

Cađorút ký tên.

-Viết địa chỉ: "Gửi ngài nam tước Đăngla, chủ ngân hàng, Pari".

Linh mục Buxôni cầm lấy bức thư rồi nói: -Thôi, bây giờ thì xéo ngay!

-Bằng đường nào ạ?

-Vào bằng đường nào thì ra bằng đường ấy!

-Sao ngài linh mục không mở cửa cho tôi ra?

-Không nên đánh thức người gác cổng dậy, không có lợi!

-Xin linh mục hãy thề là khi tôi trèo ra cửa sổ này để xuống, linh mục không choảng lên đầu tôi.

-Thật là vừa hèn, vừa ngu!

-Thế ngài linh mục muốn rằng tôi sẽ trở nên con người ra sao? Xin ngài hãy thử một lần cuối cùng nữa.

-Ta cũng định hỏi mi đấy! Ta đã cố gắng làm cho mi trở nên con người sung sướng thì mi đã trở thành một tên giết người. Thôi được, nếu mi trở về đến nhà được yên ổn thì mi sẽ rời khỏi Pari, rời khỏi nước Pháp, và bất cứ ở đâu mi cũng tỏ ra là một người lương thiện thì ta sẽ gửi cho mi một món trợ cấp, vì nếu mi trở về được đến nhà yên ổn tức là Chúa đã tha tội cho mi!

-Thật vậy ư? – Cađorút vừa ấp úng, vừa lùi lại – Ngài làm tôi sợ tưởng chết được!

-Thôi xéo đi! – Linh mục nói và chỉ tay ra cửa sổ.

Cađorút bước chân qua bậc cửa sổ, đặt chân xuống cái thang, bỗng dừng lại run sợ, vì hắn vẫn chưa thật sự an tâm về lời hứa của linh mục.

-Xuống ngay đi! – Linh mục nói và khoanh tay trước ngực nhìn nghiêm nghị.

Cađơrút bắt đầu hiểu không có gì đáng lo ngại nên bước xuống thang. Linh mục tay cầm một cây nến lại gần cửa sổ giơ ra ngoài để từ ngoài phố người ta có thể thấy được một người tụt xuống và một người khác soi đường.

-Thưa ngài linh mục – Cađơrút vội nói – Ngài làm thế nhỡ có bọn tuần tra đi ngoài đường trông thấy thì sao?ờ

Nói xong hắn liền thổi tắt ngọn nến rồi tiếp tục xuống thang, mãi tới khi đặt chân tới đất, hắn mới thật sự yên tâm.

Linh mục trở vào buồng, liếc nhìn từ vườn ra ngoài phố. Trước tiên ông thấy Cađơrút xuống đến đất, vác cái thang qua vườn rồi áp vào tường, không đúng chỗ mà hắn đã trèo vào. Từ trong vườn nhìn ra ngoài đường phố song song với bức tường của vườn, ông thấy một bóng người chạy dọc theo bức tường. Đến chỗ Cađơrút áp cái thang thì kẻ đó nấp vào một chỗ.

Cađơrút từ từ trèo lên thang. Tới bờ tường, hắn ngồi trên đó quan sát ngoài phố. Thấy tất cả đều yên ắng, hắn mới từ từ rút cái thang đặt ra phía ngoài tường rồi tụt xuống. Tụt đến nửa chừng, hắn đột nhiên phát hiện thấy có một người lao đến. Chân vừa chấm đất, hắn chỉ kịp thấy một bàn tay vung lên, hắn định đỡ nhưng không tài nào đỡ được. Bàn tay với lưỡi dao khủng khiếp đó đã đâm một nhát vào lưng hắn làm hắn phải buông rời cái thang ra và rú lên: -Cứu tôi với!

Nhát thứ hai đâm trúng mạng sườn hắn, hắn ngã gục xuống, miệng vẫn còn kêu: -Cứu tôi với nó giết tôi!

Hắn lăn ra đất, hung thủ túm lấy tóc hắn bổ thêm nhát thứ ba vào ngực. Lần này, Cađơrút muốn kêu lên nữa nhưng vừa há mồm, máu từ ba vết thương đã ộc ra lênh láng. Hung thủ thấy hắn không kêu được nữa bèn nắm tóc nâng đầu hắn lên. Cađơrút nhắm nghiền mắt lại, mồm méo xệch. Hung thủ cho là hắn đã chết rồi, buông tóc hắn ra rồi biến mất.

Thấy hung thủ đã đi xa, Cađơrút cố ấn khuỷu tay nhổm người lên dồn hết sức tàn lực kêu lên với giọng của một kẻ sắp chết: -Thằng giết người…! Tôi chết ở đây…! Linh mục ơi, cứu tôi với!

Tiếng kêu khủng khiếp đó xé tan màn đêm. Cánh cửa cầu thang bí mật rồi đến cánh cửa nhỏ thông ra vườn, mở ra. Ali và chủ nhân mang đuốc chạy tới.

§83. Bàn tay thượng đế

Cađơrút tiếp tục kêu rên thảm thiết: -Ngài linh mục… Cứu tôi với! Làm ơn cứu tôi với!…

-Làm sao vậy? – Linh mục hỏi.

-Cứu tôi với! – Cađơrút rên rỉ – Nó giết tôi!

-Chúng tôi đến đây! Hãy gắng chịu một chút!

-Ôi thế là hết! Ngài đến muộn quá rồi. Ngài đến để nhìn thấy tôi chết. Những nhát dao độc ác làm sao! Biết bao là máu thế này! – Nói ròi Cađơrút ngất đi.

Ali và chủ nhân khiêng nạn nhân vào trong một cái buồng. Ali cởi quần áo nạn nhân ra. Môngtơ Crixtô nhận thấy ba vết thương khủng khiếp, ông nói: -Lạy Chúa tôi! Sự phục thù của người thường phải chờ đợi, nhưng một khi nó đến thì tôi tin là quá đầy đủ.

Ali nhìn chủ để xem cần phải làm gì. Bá tước bảo: -Ali, đi tìm ngài chưởng lý Vinlơpho và dẫn ngài đến đây. Khi đi qua, anh đánh thức người gác cổng dậy và bảo anh ta đi tìm thầy thuốc.

Ali tuân lệnh ra đi và chỉ còn lại linh mục với Cađơrút vẫn đang ngất lịm.

Lúc nạn nhân mở mắt ra, linh mục ngồi cách hắn vài bước, nhìn hắn với vẻ thương hại thầm kín và đôi môi ông mấp máy như cầu kinh.

-Thưa ngài linh mục! – Cađơrút bỗng nói – Xin tìm cho một thầy thuốc.

-Có người đi mời rồi – Linh mục đáp.

-Tôi biết, muốn cứu sống tôi chỉ là vô ích, nhưng thầy thuốc đến sẽ tiếp sức cho tôi để tôi có thời gian khai báo.

-Về gì?

-Về thủ phạm giết tôi.

-Anh biết nó à?

-Có chứ! Tôi biết rất rõ nó. Nó tên là Bênêđéttô.

-Tên bạn trẻ cùng vượt ngục với anh phải không?

-Vâng, sau khi đã vẽ cho tôi sơ đồ nhà của bá tước, nó cho rằng nếu tôi giết được bá tước thì nó sẽ được hưởng gia tài của bá tước, hoặc bá tước giết được tôi thì nó sẽ loại trừ được tôi. Hắn đợi tôi ở ngoài đường và đã ám hại tôi.

-Tôi đã cho đi mời thầy thuốc, đồng thời cho đi mời quan chưởng lý nữa.

-Chậm quá rồi – Cađơrút nói – Tôi cảm thấy máu của tôi đang cạn.

-Anh đợi đấy – Môngtơ Crixtô nói.

Bá tước đi ra và mấy phút sau trở lại với cái lọ con, ông đổ vào cặp môi tím bầm của nạn nhân ba, bốn giọt nước đựng trong lọ con. Cađơrút thốt ra một tiếng thở dài nói ngập ngừng: -Ôi! Đúng là sức sống mà ông đã rót cho tôi. Xin cho thêm nữa… thêm chút nữa!

-Chỉ thêm hai giọt nữa là anh sẽ chết ngay.

-Ôi! Ông ta có đến ngay thì tôi mới kịp khai tên khốn nạn.

-Anh có muốn tôi sẽ viết lời khai của anh rồi anh ký vào đấy không?

-Đúng đấy… Đúng đấy… – Cađơrút thều thào với cặp mắt sáng lên khi nghĩ đến sự trả thù sau khi mình chết.

Môngtơ Crixtô viết: "Tôi bị ám sát bởi tên Bênêđéttô người xứ Coócxơ là bạn tù với tôi ở Tulông, số 59".

Viết xong bá tước đưa bút cho Cađơrút, hắn dốc toàn lực còn lại nhổm đầu lên cầm lấy bút và ký vào tờ giấy, xong hắn lại rơi phịch xuống giường nói hổn hển: -Ngài linh mục sẽ kể tiếp cho tôi nhé! Ngài nói rằng hắn lấy tên là Angđrê Cavancăngty ở khách sạn "Ông Hoàng", lạy Chúa!… Tôi chết đây!

Và Cađơrút lại ngất đi lần thứ hai. Bá tước cho hắn ngửi cái lọ, hắn lại mở mắt ra, ý chí phục thù vẫn nung nấu hắn, không rời hắn trong khi ngất: -Ngài nhớ nói tất cả những điều đó nhé, ngài linh mục!

-Phải, tất cả và còn thêm nhiều vấn đề nữa.

-Vấn đề gì nữa ạ?

-Tôi sẽ nói là nó đã vẽ cho anh sơ đồ nhà bá tước với hy vọng bá tước sẽ giết anh. Vì thế nó đã viết thư cho bá tước báo trước. Tôi sẽ nói là bá tước đi vắng, chính tôi đã nhận bức thư đó nên đã thức để đợi anh. Tôi sẽ nói là nó đi theo sau anh và theo dõi mọi hành động của anh, khi nó thấy anh trèo ra, nó đã chạy đến nấp vào một góc tường.

-Ngài linh mục đã trông thấy tất cả à?

-Anh hãy nhớ lại câu ta đã nói với anh: "Nếu anh trở về đến nhà được yên ổn thì ta tin là Chúa đã tha tội cho anh".

-Thế tại sao ngài không báo cho tôi biết trước? – Cađơrút cố gắng ngẩng đầu và kêu lên – Ngài đã biết ra đến ngoài, tôi sẽ bị giết, mà ngài không báo cho tôi biết.

-Không, vì ta thấy ở bàn tay Bênêđéttô có sự trừng trị của đức Chúa Trời, và ta sẽ phạm tội nếu làm trái với ý của Thượng đế.

-Sự trừng trị của Chúa Trời! Xin ngài linh mục đừng nói với tôi điều đó. Nếu Chúa Trời mà công bằng, chính ngài linh mục biết rõ hơn ai hết, thì còn khối kẻ đáng bị trừng trị, thế mà chúng chẳng làm sao hết!

-Anh cứ yên trí! – Linh mục nói bằng một giọng làm Cađơrút phải rùng mình – Anh cứ yên tâm. Vả lại đức Chúa Trời đầy lòng vị tha đối với tất cả cũng như đối với riêng anh. Người là cha trước khi là quan tòa.

-A! – Cađơrút nói – Ngài tin tưởng vào Thượng đế à?

-Nếu ta vô phúc mà không tin tưởng trước đây, thì bây giờ nhìn thấy anh, ta phải tin tưởng.

Cađorút giơ cánh tay lên trời. Linh mục liền giơ tay về phía nạn nhân như ra lệnh cho hắn phải tin, và nói: -Hãy nghe ta nói đây. Đây là những điều mà Thượng đế đã làm cho anh, thế mà đến giờ phút cuối cùng này anh vẫn còn chưa công nhận: Thượng đế đã cho anh sức khỏe, một việc làm bảo đảm, cả những bạn bè thân thích nữa. Tóm lại đã cho anh một cuộc sống êm đềm, lương tâm ổn định với những ham muốn tự nhiên. Đáng lẽ anh phải tận hưởng những lộc trời ban ấy, thì anh đã làm gì? Anh đã lười biếng, rượu chè, và trong một cuộc say sưa anh đã phản bạn anh.

-Ôi ngài là vị linh mục lạ lùng quá, lẽ ra phải an ủi kẻ sắp chết, ngài lại làm cho tôi phải đau đớn thêm!

-Hãy nghe ta nói đã! Lúc anh phản lại bạn anh thì Thượng đế mới cảnh cáo anh chứ chưa trừng trị đâu! Anh đã bị rơi vào cảnh nghèo đói. Khi Thượng đế phái ta đến tìm anh để mang lại cho anh một gia sản trong cảnh anh đang bị đói rách nghèo khổ thì anh lại tham lam vô độ, muốn nó tăng gấp đôi, bằng cách nào? Bằng cách giết người.

-Có phải lỗi tại tôi đâu? Tôi có muốn giết tên Do Thái ấy đâu! Chính con vợ tôi chứ!

-Phải, do đấy Thượng đế đã khoan hồng cho anh, đã tha tội chết cho anh.

-Mẹ kiếp! Để rồi lại đưa tôi vào khổ sai chung thân. Khoan hồng tốt đẹp quá nhỉ!

-Sự khoan hồng đó làm cho cái tâm hồn hèn mạt, tham sống sợ chết của anh đã sướng run lên: Anh đã nghĩ nhà tù nào mà chả có cửa, còn nấm mồ thì không. Anh đã nghĩ đúng. Một người Anh đi tham quan Tulông đã tình cờ cứu anh cùng với bạn đồng nghiệp của anh. Một tài sản thứ hai đã từ trên trời rơi vào tay anh. Anh có thể sống một cuộc sống như mọi người khác. Thế mà, đồ hèn mạt, anh lại còn định cầu may thử Chúa một lần thứ ba nữa, anh lại phạm tội lần thứ ba nữa. Thượng đế đã mệt lắm rồi, Thượng đế đã trừng phạt anh.

-Còn thằng Bênêđéttô khốn kiếp, thế mà nó thoát đấy!

-Lưới trời khôn thoát, ta nói với anh như vậy, Bênêđéttô rồi sẽ bị trừng trị.

-Nếu thế thì bản thân ngài linh mục cũng sẽ bị trừng trị, vì ngài đã không làm tròn nhiệm vụ của một vị cha cố. Lẽ ra ngài đã phải ngăn chặn không để cho Bênêđéttô nó giết tôi!

-Tôi ấy à! – Linh mục nói với một nụ cười làm Cađorút phải lạnh gáy – Ta lại đi ngăn cản không để cho Bênêđéttô nó giết anh đúng vào lúc anh đâm phập mũi dao găm vào ngực ta, may mà nhờ có cái áo giáp… Phải, ta có thể ngăn chặn nó nếu anh biết điều và biết hối hận. Nhưng thấy anh vẫn kiêu ngạo và khát máu quá nên ta đành để mặc cho mọi sự diễn ra theo ý muốn của Thượng đế.

-Không, không! Tôi không tin là có Chúa! Tôi không tin là có Thượng đế! Chỉ có sự may rủi mà thôi.

-Có Thượng đế, có đức Chúa Trời. Chứng cớ là anh nằm ngắc ngoải ở đây, tuyệt vọng, không tin vào Chúa. Còn ta, ta đang đứng trước mặt anh, ta giàu có, sung sướng, khỏe mạnh…

-Vậy ngài là ai đã? – Cađơrút hỏi và giương cặp mắt hấp hối nhìn trừng trừng vào Môngtơ Crixtô.

-Hãy nhìn kỹ ta đây! – Môngtơ Crixtô nói và để sát ngọn nến vào mặt mình.

-Là… linh mục Buxôni…

Môngtơ Crixtô bỏ bộ tóc giả ra và buông xõa mớ tóc đen của ông xuống.

-Ôi! – Cađơrút hãi hùng – Nếu không phải là mớ tóc đen thì không nhận ra ngài là người Anh, hầu tước Uynmo!

-Ta không phải là linh mục Buxôni, cũng không phải là hầu tước Uynmo. Hãy nhìn kỹ ta đây, hãy nhớ lại trong quá khứ xa xưa!

Trong tiếng nói của bá tước như có một sự rung động của lực hút làm cho những giác quan khô cứng của Cađơrút sống lại một lần cuối cùng.

-Ôi! – Cađơrút thều thào – Hình như tôi đã được thấy ngài, được biết ngài từ ngày xưa kia!

-Đúng đấy Cađơrút! Anh đã biết ta, đã quen ta!

-Vậy ngài là ai mới được chứ? Tại sao ngài đã quen biết tôi lại để cho tôi phải chết thế này?

-Vì rằng không có cách gì cứu vãn được anh nữa! Vì rằng những nhát dao đâm vào anh đều là tử thương cả. Nếu tôi có thể cứu được anh tôi xin thề trên nấm mồ cha tôi là tôi cũng đã cố gắng rồi.

-Nấm mồ cha ngài? – Cađơrút dùng hết tàn lực nhổm lên để nhìn gần hơn nữa bộ mặt của người đứng trước mặt hắn – Vậy ngài là ai?

Bá tước vẫn theo dõi bệnh tình của Cađơrút, biết là hắn không thể nào còn sống được nữa, ông liền tiến lại gần hắn và nhìn hắn bằng con mắt vừa buồn, vừa bình tĩnh, rồi ghé sát vào tai hắn nói: -Tôi là… tôi là…

Và cặp môi của bá tước chỉ hé mở một chút vừa đủ để thoát ra một cái tên rất khẽ mà chính bá tước cũng sợ nghe thấy.

Cađơrút để rơi người xuống giường chắp hai tay lại, đem hết tàn lực cố gắng giơ lên trời: -Lạy Chúa tôi! Xin Chúa tha tội cho con đã không tin tưởng ở Chúa! Chúa có thật, Chúa là cha của những vị ở trên trời, là quan tòa của những người ở dưới đất! Lạy Chúa tôi, đức Chúa trời! Đã từ lâu con không tin ở Người. Xin Chúa tha tội!

Và Cađơrút nhắm mắt lại, trút hơi thở cuối cùng. Hắn đã chết. Bá tước nhìn trừng trừng vào cái thây ma đã biến dạng vì cái chết ghê gớm ấy, ông nói một mình một cách âm thầm: "Một thằng!"

Mười phút sau, thầy thuốc và quan chưởng lý đến thì thấy linh mục Buxôni đang cầu nguyện bên xác chết.

§84. Bôsăng

Trong mấy ngày liền, người ta chỉ bàn tán đến vụ trộm táo bạo ở nhà bá tước Môngtơ Crixtô. Tên ăn trộm đã ký vào tờ khai tên hung thủ đã giết hắn là Bênêđéttô. Những dụng cụ ăn trộm của hắn đã được niêm phong để dùng làm tang vật, chỉ trừ có cái áo gilê là không thấy đâu. Xác tên ăn trộm đã được đưa vào nhà xác. Sở cảnh sát đang ráo riết mở cuộc điều tra để tìm hung thủ.

Bá tước Môngtơ Crixtô tuyên bố với mọi người là lúc xảy ra vụ trộm ở tòa nhà trên đại lộ Săng Êlidê, ông đi Ôtơi vắng, và do một sự tình cờ linh mục Buxôni đến ở đây qua đêm để tìm một số tài liệu trong những quyển sách quý ở thư viện.

Chỉ có lão quản gia Bectuyxiô là tái mặt mỗi khi cái tên Bênêđéttô được nêu lên trước mặt ông ta.

Sau ba tuần lễ, thủ phạm vẫn chưa tìm ra và câu chuyện đã nhạt dần. Bây giờ người ta bàn tán về câu chuyện đám cưới của tiểu thư Đăngla với tử tước Angđrê Cavancăngty. Người ta đã viết thư cho thiếu tá Cavancăngty, nhưng ông đang bận nhiều việc quá nên không thể đến Pari dự lễ cưới và ưng thuận cấp cho con trai số vốn ba triệu frăng để kinh doanh. Số tiền này sẽ được gửi tại ngân hàng của nam tước Đăngla nên vì thế nhà đại tư sản có một cảm tình đặc biệt đối với chàng rể tương lai. Ngược lại, cô Ơgiêni vẫn hững hờ với việc cưới xin của mình. Cô tìm cách lẩn tránh Angđrê, cũng như trước kia lẩn tránh Anbe.

Còn về Bôsăng, sau khi gặp mặt Anbe, không ai biết anh ta đã đi đâu mãi mấy tuần lễ sau mới thấy trở về thủ đô. Một buổi sáng, anh đến chơi Anbe, tử tước mời anh vào phòng khách.

-Thế nào Bôsăng, cậu hãy thú nhận sai lầm của cậu đi để giữ cho tôi một người bạn hoặc tôi chỉ phải hỏi một cách đơn giản rằng: “Ta dùng vũ khí gì?”.

Bôsăng liền trả lời với một giọng buồn rầu làm bạn phải ngạc nhiên: -Anbe thân mến, ta hãy ngồi xuống đây đã để nói chuyện.

-Nhưng trái lại, tôi thấy hình như là trước khi ngồi, cậu còn phải trả lời tôi kia mà!

-Anbe ạ, có nhiều trường hợp rất khó trả lời.

-Tôi sẽ làm cho cậu trả lời một cách rất dễ dàng. Cậu có chịu cải chính không?

-Anbe, ta không thể bằng lòng trả lôi có hay không những câu hỏi có quan hệ đến danh dự, đến địa vị xã hội, đến tính mạng của một người như thiếu tướng bá tước Đơ Moocxép.

-Vậy ta phải làm thế nào?

-Ta phải làm như tôi đã làm: tiền tài, thời gian, mệt nhọc, chẳng có nghĩa lý gì đối với tiếng tăm và quyền lợi của cả một gia đình. Hơn nữa, trước khi cầm một thanh gươm hoặc một khẩu súng để quyết đấu với một người bạn chí thân, tôi cần phải đắn đo xem việc làm của tôi có chính đáng hay không, và không để cho lương tâm cắn rứt.

-Như vậy nghĩa là thế nào?

-Nghĩa là tôi vừa đi Janina về, và đây là tấm hộ chiếu của tôi có đóng dấu nhập cảnh vương quốc Hy Lạp. Tôi đã mất rất nhiều thì giờ, tốn rất nhiều công sức và tiền bạc để mang lại một sự thật cho cậu…

-Sao cậu có vẻ do dự thế?

-Phải, tôi sợ…

-Cậu sợ phải thú nhận là bài báo của cậu hoàn toàn sai? Ồ, tự ái với nhau làm gì!

-Không phải thế đâu – Bôsăng khẽ nói – Trái lại…

Mặt Anbe tái đi một cách ghê gớm, anh muốn nói nhưng không nói được. Giọng Bôsăng dịu dàng: -Bạn thân mến! Trước hết tôi phải xin lỗi cậu vì tôi buộc phải nói với cậu rằng cái tin đó… hoàn toàn đúng.

-Sao! Viên sĩ quan tên là Fécnăng…

-Phải, viên sĩ quan cố vấn quân sự đã bán rẻ Quốc vương Ali cho đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ chính là cha cậu.

Anbe nổi giận định lao đến Bôsăng thì Bôsăng đã ngăn anh lại rồi bình tĩnh rút trong túi ra một tờ giấy chứng thực của bốn vị thân sĩ có tên tuổi ở Janina, thừa nhận đại tá Fécnăng, cố vấn quân sự của Quốc vương Ali Têbêlin, đã phản bội Quốc vương để nhận một món tiền thưởng là hai nghìn nén vàng của hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ. Những chữ ký vào giấy chứng thực đều được đại sứ quán xác nhận.

Xem xong, Anbe ngã vật xuống chiếc ghế bành.

Anbe cứ nằm như thế trên ghế bành, hai tay ôm lấy mắt như muốn ngăn cản không để ánh sáng lọt vào người mình.

-Về đến nhà là tôi lập tức lại thăm cậu ngay – Bôsăng tiếp tục – để nói với cậu rằng: Tội lỗi của một người cha trong một tình thế chính trị vô cùng hỗn loạn, không có liên can gì đến con cái cả. Anbe ạ! Chẳng mấy ai đã sống trong những diễn biến lịch sử trọng đại mà không bị vấy máu hoặc vấy bùn lên bộ quân phục của mình. Anbe ạ, không một ai biết được sự thật mà tôi nắm bằng chứng trong tay, nếu cậu muốn, tôi sẽ thủ tiêu nó đi, điều bí mật khủng khiếp này sẽ được giữ kín giữa cậu và tôi. Tôi xin lấy danh dự thề rằng không bao giờ nói cho ai biết cả, cậu có đồng ý thế không, Anbe?

Anbe đứng lên ôm lấy cổ Bôsăng hôn và kêu lên: -Ôi, tấm lòng cậu cao thượng làm sao!

Nói xong Anbe cầm lấy tờ giấy mà Bôsăng đưa cho châm vào ngọn nến. Anh đứng nhìn nó cháy cho đến khi thành than, rồi nói tiếp: -Phải lắm, đây là biểu hiện tình bạn thiêng liêng của chúng ta, tình bạn mà con cháu tôi sẽ truyền lại cho con cháu cậu một tình bạn luôn luôn nhắc nhở tôi rằng dòng máu trong trái tim tôi, cuộc sống trong thân thể tôi, danh dự của tên họ tôi còn giữ được là nhờ có cậu, vì rằng một vấn đề như vậy mà vỡ lở ra, tôi chỉ còn có cách tự sát hoặc đi ra nước ngoài.

Sau một phút im lặng, bộ mặt Anbe vẫn còn buồn bã, anh nắm lấy tay Bôsăng: -Bôsăng thân mến! Tôi là một người đau khổ nhất trên đời này. Với người cha mà trước đây tôi rất kính phục, giờ đây tôi sẽ đối xử ra sao? Và còn người mẹ đáng thương của tôi nữa – Anbe ngước cặp mắt đẫm lệ nhìn bức chân dung mẹ – nếu biết rõ sự thật, mẹ tôi sẽ đau khổ biết chừng nào.

-Anbe, hãy dũng cảm lên! – Bôsăng xiết chặt tay bạn – Hãy dẹp mọi nỗi ưu phiền và chúng ta đi dạo chơi một lát cho tâm hồn được thư thái.

-Phải đấy, chúng ta đi bộ một lát rồi tiện đường rẽ vào thăm bá tước Môngtơ Crixtô. Mỗi khi có chuyện gì không vui, tôi đều tìm đến ông ta.

§85. Cuộc du ngoạn

Bá tước Môngtơ Crixtô reo lên một tiếng vui vẻ khi thấy hai chàng thanh niên dắt tay nhau bước vào nhà.

-A ha! Chuyện giữa hai người đã dàn xếp xong rồi chứ?

-Vâng, thưa ngài! Đó chỉ là một tin đồn nhảm – Bôsăng nói.

-Chúng ta chả cần nhắc đến làm gì nữa.

-Tôi cũng bảo với Anbe như vậy, chuyện đó không đáng kể.

-Sáng nay bá tước có bận việc gì không? – Anbe hỏi

-Tôi đang soạn một ít giấy tờ của tử tước Angđrê Cavancăngty, mệt cả người.

-Bôsăng ạ! – Anbe mỉm cười – anh chàng thanh niên quý tộc người Ý ấy sắp lấy trang tiểu thư Ơgiêni của tôi đấy và tin này làm tôi rất đau buồn!

-Thế nào! Angđrê sắp lấy tiểu thư Đăngla sao? Có phải do bá tước làm mối không?

-Trời đất ơi! Tôi mà lại làm mối cái đám ấy à? Tôi muốn phá đám là đằng khác. Tôi không hề biết rõ anh thanh niên đó, chỉ nghe người ta đồn anh ta dòng dõi quý tộc, có nhiều tiền của và đã từng nói cho nam tước biết như vậy. Nhưng không hiểu sao vớ được anh ta là nam tước vồ lấy ngay. Chỉ có Ơgiêni thấy tôi không bảo đảm tư cách của Angđrê thì cô không mặn mà lắm với cuộc hôn nhân. Cô vẫn có cảm tình với tôi.

-Còn cô Luidơ Đacmêli sắp phải xa người bạn tâm giao có thấy buồn không?

-Nam tước phu nhân nói chuyện với tôi là cô ta có ý định sang Ý và nhờ tôi viết thư giới thiệu với nhà hát Valơ để cô ta chơi đàn.

Nói xong bá tước quay lại nhìn Anbe, thấy mặt anh thanh niên buồn rười rượi, bèn hỏi: -Này ông Anbe, tôi trông ông không được bình thường, ông làm sao thế?

-Tôi đang có chuyện bực mình!

-Thì cũng giống tôi, quan chưởng lý Đơ Vinlơpho đang quấy rầy tôi về cuộc điều tra tên ăn trộm bị giết ở nhà tôi, và ngày nào viên quận trưởng cảnh sát cũng đến điều tra nên tôi có ý định đi chơi xa để khuây khỏa. Nếu ông đồng ý, tôi sẽ mời ông cùng đi luôn thể.

-Ngài định đi đâu?

-Tôi sẽ ra biển, vì hồi nhỏ tôi đã sống lênh đênh giữa trời và nước, hít thở bầu không khí trong lành và nghe tiếng sóng vỗ rì rầm như tiếng của người mẹ hiện đang ôm ấp tôi trong cánh tay trìu mến.

-Vâng, tôi sẽ đi cùng với bá tước.

-Tối nay tôi cho chuẩn bị cỗ xe thật chắc chắn và chúng ta sẽ rủ nhà báo cùng đi cho vui.

-Cám ơn bá tước – Bôsăng nói – Tôi cũng vừa ở miền biển về và hơn nữa tôi còn bận nhiều việc ở tòa báo.

Nói xong Bôsăng từ biệt bá tước và Anbe ra về. Bá tước hỏi Anbe: -Liệu mẹ ông có để ông đi Noócmăngđi không? Nhất là với tôi, bá tước Môngtơ Critxtô.

-Ngài quên rồi sao? – Anbe đáp – Tôi chẳng từng nói với ngài là mẹ tôi rất có cảm tình với ngài hay sao?

-"Người đàn bà là sự thay đổi liên tục", Frăngxoa I đã nói như vậy. "Người đàn bà là làn sóng" Sếchxpia đã nói như vậy. Một người là Hoàng đế vĩ đại, một người là nhà thơ vĩ đại, cả hai đều phải am hiểu về người đàn bà lắm chứ!

-Vâng đàn bà là như thế! – Anbe đáp – Nhưng mẹ tôi không phải là một người đàn bà như những người đàn bà khác. Tôi muốn nói là mẹ tôi rất hà tiện tình cảm, nhưng một khi đã có với ai thì có thể coi là vĩnh viễn.

-Ồ thật vậy ư? – Môngtơ Crixtô thở dài – Thế ông cho là tôi đã có cái vinh dự chiếm được tình cảm của mẹ ông khác với sự thờ ơ lạnh nhạt ra sao?

-Ngài hãy nghe tôi nói đây – Anbe nói – Tôi đã nói rồi, bây giờ chỉ có việc nhắc lại: Ngài phải là con người đặc biệt và rất cao cả nên mẹ tôi mới có thái độ đối với ngài như vậy. Khi có một mình hai mẹ con chúng tôi chỉ có chuyện về ngài. Mẹ tôi thường bảo tôi: "Anbe con, mẹ cho rằng bá tước có một tâm hồn cao cả, con phải làm sao chiếm được tình thương yêu của bá tước". – Nghe vậy Môngtơ Crixtô quay mặt đi nơi khác, Anbe nói tiếp – Vì thế cho nên tôi hoàn toàn tin tưởng rằng mẹ tôi sẽ rất tán thành để tôi cùng đi du lịch với ngài.

-Thôi thế được rồi! Vậy chiều hôm nay, đúng năm giờ, xin mời ông đến đây. Mười hai giờ đêm hoặc một giờ sáng là ta tới nơi.

Anbe trở về nhà để chuẩn bị hành lý. Sau đó bá tước lên phòng báo cho Hayđê biết được cuộc du hành của mình và dặn bảo gia nhân quản lý nhà cửa cho tốt.

Đúng năm giờ chiều, bá tước Môngtơ Crixtô và Anbe bước lên xe. Ali đánh cỗ xe có hai cặp ngựa phi như bay trên đường. Và anh chàng da đen cười phô bộ răng trắng, nắm chặt dây cương, cái áo choàng tung bay trước gió bụi nom tựa hồ như một vị thần chốn sa mạc. Anbe ngồi trên xe cảm thấy say sưa vì tốc độ thần kỳ của bốn con tuấn mã, và dần dần một tình cảm êm dịu xâm chiếm lòng anh.

-Những con ngựa của ngài thật là hiếm có!

-Tôi đã phải mua những con giống tốt nhất ở Hungari. Lúc nào không cần dùng đến nữa, tôi sẽ bán cho một ông hoàng nào đó, Bectuyxiô của tôi thành thạo vấn đề này.

-Người quản gia của ngài chắc là kiếm được nhiều tiền lắm?

-Lão ta chẳng bao giờ lấy của tôi một đồng xu nhỏ. Lão chỉ sống có một mình, chẳng cần tiền làm gì và không bao giờ bỏ tôi cả.

-Tại sao vậy?

-Vì tôi nắm quyền sống của lão trong tay – Bá tước nói xong liền im lặng.

Hai giờ sáng cỗ xe tới nơi. Bá tước đưa vị khách trẻ vào ngôi nhà nghỉ mát của mình mà Bectuyxiô đã tậu từ mấy tháng trước.

Một gia nhân đưa Anbe vào căn buồng rất lịch sự. Sau khi ăn uống qua loa, anh đi ngủ.

Sáng hôm sau, lúc trở dậy, anh mở cửa sổ nhìn ra ngoài, thấy biển cả mênh mông xanh ngắt một màu và ngôi nhà nằm giữa một khu vườn rộng có cây cối um tùm. Phía xa bờ biển, một chiếc tàu buôn có treo cờ hiệu của bá tước đang bỏ neo bên cạnh những chiếc thuyền đánh cá. Bá tước là một người hào phóng nên đi đâu cũng bố trí đầy đủ tiện nghi và có lối sống khác thường. Anbe ở một phòng riêng có những khẩu súng săn đủ kiểu và những dụng cụ đắt tiền để câu cá ở sông ngòi hoặc ở biển.

Suốt ngày hôm sau, bá tước rủ Anbe đi bắn chim hoặc đi câu cá. Bá tước tỏ ra là một tay thiện xạ và câu cá cũng tài nên kiếm được rất nhiều chim và cá làm thức ăn.

Buổi chiều về nhà, Anbe mệt phờ người, còn bá tước vẫn tỉnh táo và khỏe khoắn như thường.

Buổi tối ngày thứ ba, Anbe mệt nhoài, đang nằm thiu thiu trên ghế bành thì bỗng nghe có tiếng vó ngựa đến ngoài cổng và có tiếng kéo chuông. Anh giật mình đứng dậy ra cửa sổ nhìn xuống thấy người hầu phòng của mình đang đi vào sân. Anh hốt hoảng vội chạy xuống nhà dưới. Người đầy tớ đưa cho anh một bức thư nói: -Thưa cậu, ông Bôsăng bắt tôi phải phóng ngựa ngay tới đây để trao cho cậu bức thư khẩn cấp này.

Anbe xé phong bì, thấy một tờ báo, mở ra đọc, rồi bỗng nhiên kêu rú lên, mặt tối sầm lại, chân tay run cầm cập, tưởng chừng như muốn ngã. Anh hỏi người đầy tớ: -Ở nhà ra sao?

-Khi ông Bôsăng ra về, bá tước phu nhân khóc nức nở và cũng đồng ý để cháu đi mời cậu về ngay.

Anbe trở về phòng bá tước, mặt mũi nhợt nhạt và ướt đẫm mồ hôi, nói không thành tiếng: -Thưa bá tước, xin phép ngài cho tôi được trở về Pari ngay vì một biến cố lớn vừa xảy ra cho gia đình tôi.

-Có vấn đề gì quan trọng thế? Để tôi bảo Ali đánh xe đưa ông về.

-Không cần thiết. Ngài cho tôi mượn một con ngựa để đi được nhanh hơn.

Bá tước bảo Ali dắt một con tuấn mã với đầy đủ yên cương. Anbe nhảy lên lưng ngựa, và trước khi ra đi còn quay lại nói với bá tước: -Chắc ngài thấy tôi ra đi thế này đột ngột và bất lịch sự quá! Mong ngài đọc tờ báo này và sẽ thông cảm với tôi.

Nói xong Anbe đưa tờ báo cho Mông tơ Crixtô rồi thúc ngựa lên đường. Bá tước nhìn theo anh thanh niên với cặp mắt ái ngại, và sau khi anh đã đi xa, bá

tước mở tờ báo ra đọc:

"Viên sĩ quan người Pháp làm cố vấn quân sự cho Quốc trưởng Janina đã bán rẻ Quốc trưởng cho đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ, như bạn đồng nghiệp "Vô tư" đã đưa tin, hồi đó tên là Fécnăng, nhưng ngày nay ông ta đã được phong tước hiệu bá tước Đơ Moocxép và có chân trong quốc hội Pháp".

Thế là cái tin mà tờ "Vô tư" của ông Bôsăng đưa ra, và vì tình bạn đã bị ỉm đi thì nay đã bị một tờ báo khác vạch trần.

§86. Xử án

Tám giờ sáng hôm sau, Anbe đã nhảy xổ vào phòng Bôsăng giữa lúc anh đang sửa soạn đi tắm.

-Ô, Anbe! Tôi đang chờ cậu đây.

-Bôsăng ạ, tôi tin cậu là một người chân thực và có lòng tốt để giữ đúng lời hứa. Do đó ta chẳng cần mất thì giờ thanh minh làm gì nữa. Cậu có ý kiến gì về việc bí mật đó lại bị phanh phui ra không?

-Lát nữa tôi sẽ nói cho cậu, chỉ cần hai câu thôi.

-Được, nhưng trước hết xin hãy kể chi tiết cho tôi nghe câu chuyện về sự phản bội nhục nhã ấy.

Và Bôsăng đã kể cho Anbe nghe về những sự kiện sau đây.

"Cách đây hai hôm, một tờ báo của chính phủ đăng tin về vụ Janina. Bôsăng đang ăn sáng thì đột nhiên đọc thấy cái tin ấy. Mặc dù có ác cảm với tờ báo này, nhưng vì là đồng nghiệp nên Bôsăng tới ngay tòa báo gặp viên chủ nhiệm hỏi tại sao cho đăng cái tin có hại đến danh dự của một đại biểu quốc hội. Ông chủ nhiệm tờ báo này trả lời là ông ta đã có trong tay những bằng chứng xác thực và cần phải nêu lên để bảo vệ uy tín cho chính phủ Pháp vì sự việc này hẳn có điều gì vu khống đây.

Bôsăng lại hỏi ai đã cung cấp tài liệu thì được trả lời là hôm trước có một người mang một tập hồ sơ từ Janina và yêu cầu cho đăng ngay, nếu không sẽ đưa cho tờ báo khác.

Hôm sau ở Thượng nghị viện người ta xôn xao bàn tán và chỉ trích bá tước Đơ Moocxép vì từ trước tới nay ông ta vốn không được giới nghị sĩ ưa thích. Riêng bá tước Đơ Moocxép vẫn chưa biết chuyện, vì ông có đọc báo bao giờ đâu, nên ông nghiễm nhiên tới phiên họp với thái độ kiêu căng thường lệ.

Người nào cũng cầm một tờ báo trong tay và chỉ chờ ông ta đến để chất vấn. Một thượng nghị sĩ bước lên diễn đàn với vẻ trang trọng khác thường, tuyên bố thiếu tướng Fécnăng đã gây ra ở Janina một vụ cực kỳ nghiêm trọng làm ảnh hưởng rất lớn đến uy danh của Quốc hội. Cử tọa vô cùng hồi hộp và đổ dồn mọi cặp mắt vào bá tước Đơ Moocxép. Sau đó ông thượng nghị sĩ đọc bài báo và yêu cầu Quốc hội mở ngay cuộc điều tra xem thực hư thế nào để trấn an dư luận quần chúng và lấy lại uy tín cho chính phủ.

Thấy nói đến Janina, Moocxép mặt mày tái mét, run lập cập, ngơ ngác nhìn xung quanh, không nói nên lời. Tình trạng đó có thể là của người vô tội cũng như kẻ có tội, nhưng ở đây lại làm cho một số người có cảm tình. Những người rộng lượng bao giờ cũng động lòng trắc ẩn khi mà sự đau khổ của kẻ thù vượt quá giới hạn căm ghét của họ.

Ông chủ tịch cho lấy biểu quyết, mọi người đều tán thành mở cuộc điều tra. Người ta hỏi bá tước cần bao nhiêu ngày để thu thập tài liệu thanh minh. Lúc đó Moocxép đã trấn tĩnh lại được đáp: -Thưa các ngài nghị sĩ, không cần phải có thời gian mới đẩy lùi được cuộc tấn công tôi của một kẻ thù vô danh ẩn nấp dưới bóng các sự kiện tối tăm của hắn. Ngay lập tức bây giờ cần phải có tiếng sét để đẩy lùi các tia chớp đã làm tôi choáng váng.

Những câu nói đó đã đem lại cảm tình cho mọi người. Moocxép tiếp tục: -Vậy tôi yêu cầu cuộc điều tra được tiến hành càng sớm càng tốt, và tôi sẽ trình bày lên hội nghị tất cả những giấy tờ cần thiết thanh minh cho tôi.

-Ông muốn ấn định vào ngày nào? – Vị chủ tịch hỏi.

-Tôi muốn là ngay ngày hôm nay! – Moocxép đáp.

Hội nghị bầu ra một ban điều tra gồm mười hai người và ấn định phiên họp thứ nhất vào tám giờ tối cùng ngày tại nghị viện.

Anbe run run ngồi nghe bạn tường thuật, lúc thì tức giận lúc thì hy vọng, lúc thì tủi nhục. Qua lời tâm sự của Bôsăng anh biết cha anh có tội nên anh tự hỏi: vậy cha anh làm thế nào để chứng tỏ mình là người vô tội?

"Buổi tối đến, ở Pari hồi hộp chờ đợi. Nhiều người cho là chỉ cần sự có mặt của Moocxép cũng đủ đánh đổ được lời buộc tội. Nhiều người lại nói là Moocxép đã chuồn sang Bỉ rồi. Bôsăng có thẻ nhà báo nên được vào ngồi một chỗ quan sát khá thuận tiện.

Tám giờ đúng, mọi người đã đến đông đủ. Đồng hồ vừa điểm giờ, Moocxép đã đến. ông cầm ở tay một tập giấy tờ và thái độ có vẻ bình tĩnh. Trái với thường lệ, cử chỉ của ông ta có vẻ giản dị, quần áo chải chuốt và nghiêm chỉnh.

Sự có mặt của bá tước Moocxép gây nên một ấn tượng tốt, nhiều người đến bắt tay động viên ông.

Lúc đó một người mõ tòa vào và đưa cho vị chủ tịch một bức thư.

-Xin mời ngài Moocxép phát biểu Ý kiến – vị chủ tịch tuyên bố và xé phong bì lấy thư ra đọc.

Bài diễn văn của Moocxép rất là hùng hồn và khéo léo ông nói về thời gian phục vụ Quốc vương Ali Têbêlin. Ông được ngài rất tin dùng cho đến ngày cuối cùng của ngài. Ngài còn giao cho ông một việc có quan hệ đến sự sống còn của ngài là đi đàm phán với Hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ.

Bá tước Moocxép đưa ra những vật chứng để xác minh lời nói của ông. Ông đưa ra một cái nhẫn mà Quốc vương vẫn dùng để làm ấn tín và đã giao cho ông làm vật tin lúc đàm phán về có thể đi thẳng vào nhà quốc vương bất cứ lúc nào.

-Nhưng chẳng may – Moocxép nói – Cuộc đàm phán thất bại, và khi bá tước trở về để phục vụ Quốc vương thì người đã chết. Nhưng – bá tước nói tiếp – quốc vương vì rất tin cẩn ở ông nên đã ủy thác lại vợ và con gái cho ông".

Anbe rùng mình nghe thấy mấy câu nói ấy, vì Bôsăng kể lại đến đâu anh đều nhớ lại câu chuyện mà Hayđê đã kể anh nghe về sứ giả, về cái nhẫn, về việc cô bị bán làm nô lệ. Anh liền ngắt lời Bôsăng hỏi: -Thế ảnh hưởng của những lời phát biểu của bá tước ra sao?

-Tôi xin thú thật đã làm tôi cảm động và làm toàn thể hội nghị cảm động.

Tuy vậy, vị chủ tịch đã đọc đi đọc lại bức thư mà người ta vừa mang vào. Ông nhìn Moocxép rồi hỏi: -Ngài bá tước, ngài vừa nói rằng Quốc vương Janina đã ủy thác vợ con của Người cho ngài có phải không?

-Thưa chủ tịch vâng, nhưng sự bất hạnh vẫn theo đuổi tôi. Khi tôi trở về nước thì Vaxiliki và Hayđê đã mất tích.

-Ngài biết vợ con Quốc vương à?

-Do sự tín nhiệm và tình thân thiết với Quốc vương, tôi đã được gặp vợ con Người mấy chục lần.

-Thế ngài có được tin tức gì về hai người đó không?

-Có ạ! Tôi nghe thấy nói hiện giờ họ nghèo khổ lắm. Tôi không có nhiều tiền và đang gặp nhiều gian nan nên không thể đi tìm kiếm được, tôi rất lấy làm ân hận.

Vị chủ tịch cau mày lại rồi nói: -Thưa các ngài, các ngài đã nghe và theo dõi những lời giải thích của bá tước. Ngài bá tước, có người nào làm chứng được cho những lời nói của ngài không?

-Than ôi! – Moocxép đáp – Tất cả những người thân cận với Quốc vương đều đã mất tích hoặc đã chết cả rồi. Tôi cho rằng chỉ có mỗi một mình tôi sống sót qua cuộc chiến tranh ghê rợn ấy. Sau cùng tôi có một chứng cớ hùng hồn nhất mà tôi có thể cung cấp được là sau vụ nặc danh này, chẳng có một nhân chứng nào phản kháng những lời nói chân thành và trong sáng của cả một đời quân nhân của tôi.

Tiếng ồn ào nổi lên tán thành trong khắp hội trường. Bây giờ chỉ còn biểu quyết. Đột nhiên vị chủ tịch nói: -Thưa các ngài, thưa bá tước Moocxép, tôi vừa nhận được một bức thư có liên quan đến việc làm trong vụ này. Các ngài có cho phép tôi đọc không?

Toàn thể hội nghị tán thành. Chủ tịch bèn đọc bức thư:

"Thưa ngài chủ tịch.

"Tôi có thể cung cấp cho hội nghị những tài liệu vụ thể để thẩm tra vụ Janina của thiếu tướng bá tước Đơ Moocxép. Tôi là người đã được chứng đến những giờ phút cuối cùng của Ali Têbêlin, tôi biết Vaxilili và Hayđê ra sao. Tôi xin sẵn sàng phục vụ hội nghị đồng thời cũng là điều yêu cầu của tôi. Tôi hiện ngồi đợi ở phòng ngoài của hội nghị".

Nghe đọc xong, Moocxép hỏi lạc cả giọng: -Nhân chứng đó là ai, hay là một kẻ thù?

-Rồi chúng ta sẽ biết.

Chủ tịch nói xong gọi người mõ tòa hỏi: "Có ai đợi chúng tôi ở ngoài phòng không?"

-Có một người đàn bà và một người hầu gái.

-Cho người đàn bà vào – Chủ tịch ra lệnh.

Năm phút sau người ta dẫn vào một người phụ nữ trùm kín đầu trong một chiếc khăn quàng. Tất cả mọi con mắt đều đổ dồn vào người phụ nữ và qua những đường nét thanh tao và cử chỉ nhẹ nhàng, người ta đoán đó là một phụ nữ trẻ và đẹp.

Vị chủ tịch đề nghị bỏ khăn choàng ra. Khăn vừa bỏ xuống, người ta thấy hiện ra thột cô thiếu nữ Hy Lạp trẻ và đẹp mê hồn.

-A! Đúng là Hayđê rồi! – Anbe kêu lên.

-Sao cậu biết? – Bôsăng hỏi.

-Tôi đoán là thế! Thôi cậu kể tiếp đi. Ta sắp đến giai đoạn kết thúc rồi. Cậu thấy không, tôi vẫn rất bình tĩnh!

-… Bá tước Moocxép nhìn cô thiếu nữ, vừa ngạc nhiên vừa hoảng sợ. Đối với bá tước, sự sống còn của ông là ở cái miệng duyên dáng kia. Còn đối với những người khác đây là một câu chuyện hứa hẹn nhiều điều ly kỳ.

Vị chủ tịch giơ tay chỉ một cái ghế mời cô thiếu nữ ngồi, nhưng cô ra hiệu xin được đứng. Còn bá tước Moocxép, người ta thấy ông ngồi phịch xuống một cái ghế bành vì đôi chân ông không còn đứng vững nữa.

Ông chủ tịch bắt đầu: -Thưa cô, cô đã viết thư cho hội nghị chúng tôi, nói là có thể cung cấp tài liệu về Janina, và hơn thế nữa, cô còn được chứng kiến tận mắt nữa.

-Thưa, vâng – Cô thiếu nữ nói với giọng buồn rầu nhưng duyên dáng.

-Tuy nhiên – vị chủ tịch nói – xin phép cô cho tôi được nói là cô còn trẻ lắm!

-Vâng, lúc đó tôi mới hơn bốn tuổi. Nhưng những sự kiện đã diễn ra đối với tôi có một tầm quan trọng thiêng liêng. Tôi không bỏ sót một chi tiết và tôi cũng không quên một chi tiết nào.

-Nhưng những sự kiện đó quan trọng đối với cô như thế nào? Cô là ai mà tai biến đó đã để lại cho cô một cảm tưởng sâu sắc đến như thế?

-Nó quan hệ đến cái sống và cái chết của cha tôi. Tôi tên là Hayđê, con gái Ali Têbêlin, quốc vương Janina.

Má cô gái đỏ lên vừa giản dị vừa kiêu hãnh. ánh mắt và giọng nói nghiêm khắc của cô gây cho toàn thể nghị viên một ảnh hưởng khó tả. Còn bá tước Moocxép, như người bị sét đánh, dưới chân như mở ra một vực thẳm. Vị chủ tịch nghiêng đầu một cách lịch sự rồi nói: -Thưa cô, xin phép cô cho tôi hỏi một câu rất đơn giản, không phải do nghi ngờ, và là câu hỏi cuối cùng, cô có thể chứng minh cho những lời nói của cô là xác thực không?

-Thưa ngài, có thể lắm! – Hay đê lấy trong áo ra một cái túi lụa thơm phức rồi nói tiếp – Đây là giấy khai sinh của tôi do tự tay cha tôi thảo ra có các sĩ quan chính của người làm chứng ký tên. Cùng với giấy khai sinh còn có giấy tẩy lễ của tôi vì cha tôi muốn tôi theo đạo của mẹ tôi, do vị chủ giáo trưởng ở Maxêđoan đóng triện. Còn đây có lẽ là quan trọng nhất, là giấy bán hai mẹ con tôi cho người lái buôn nô lệ Encôbia. Giấy này do tên sĩ quan Pháp, trong một cuộc buôn bán bẩn thỉu đã giành lấy cái mồi ngon là vợ con ân nhân của hắn để bán lấy một số tiền là bốn trăm nghìn frăng.

Mặt bá tước Moocxép tái xanh tái xám, cặp mắt nẩy lửa khi nghe thấy những lời buộc tội ấy.

Hayđê vẫn bình tĩnh, nhưng trong vẻ bình tĩnh ấy trong cô đáng sợ hơn cả những người khác đang cơn giận dữ. Cô đưa cho ông chủ tịch tờ giấy chứng nhận mua bán nô lệ viết bằng tiếng Ả Rập. Lập tức phiên dịch Ả Rập được gọi đến và dịch cho hội nghị nghe như sau:

"Tôi, Encôbia, lái buôn nô lê, nhận thực đã nhận của Đức ông người Pháp là bá tước Môngtơ Crixtô một viên ngọc bích trị giá hai nghìn túi tiền để đổi lấy một em bé nô lê gái mười hai tuổi tên là Hayđê, con gái quốc vương Ali Têbêlin đã quá cố. Em bé này cùng với mẹ em là Vaxiliki, tôi đã mua được ở Côngxtăngtinốp do một sĩ quan người Pháp tên là Fécnăng Môngđêgô bán cho. Viên sĩ quan này là quan cận thần của quốc vương Ali Têbêlin.

Làm ở Côngxtăngtinốp năm 1847.

Ký tên: Encôbia"

Bên cạnh chữ ký người ta thấy đóng dấu triện của Hoàng đế để thị thực.

Sau khi nghe người phiên dịch đọc xong, một sự im lặng ghê rợn trùm lên hội nghị. Moocxép chỉ còn có cặp mắt, cặp mắt đó đầy máu và lửa nhìn trừng trừng vào Hayđê.

-Thưa cô – vị chủ tịch nói – chúng tôi có thể hỏi bá tước Môngtơ Crixtô hiện đang ở Pari cùng với cô không?

-Thưa ngài – Hayđê đáp – Bá tước Môngtơ Crixtô, vị cha đỡ đầu của tôi hiện ở Noócmăngđi đã ba ngày rồi.

-Vậy thì ai đã khuyên cô đến đây làm việc này, một việc mà mọi người phải cám ơn cô, bắt nguồn từ những sự đau khổ của cô?

-Thưa ngài chủ tịch, tôi làm việc này là do sự đau khổ của tôi xúi giục. Mặc dù tôi là người theo đạo giáo, xin Chúa tha tội cho tôi, tôi vẫn luôn luôn nghĩ đến việc báo thù cho cha tôi. Vì vậy khi tôi đặt chân lên nước Pháp, khi tôi biết là tên phản bội ở Pari thì tai và mắt tôi luôn luôn hướng tới đó. Tôi sống biệt lập trong biệt thự của vị cha nuôi tôi. Bá tước Môngtơ Crixtô thương tôi như con đẻ vì vậy tôi vẫn thường có được quan hệ với xã hội. Tôi đã đọc tất cả các sách báo, tạp chí

nên tôi biết điều gì đã xảy ra sáng nay ở nghị viện… và thế là tôi viết bức thư này.

-Vậy là – vị chủ tịch hỏi – ngài bá tước Môngtơ Crixtô không biết gì về việc này?

-Hoàn toàn không biết gì, tôi còn sợ rằng khi Người biết, Người sẽ mắng tôi. Nhưng hôm nay là một ngày rất đẹp của tôi – Hayđê tiếp tục nói và ánh mắt cô như có lửa – vì tôi đã gặp được cơ hội để báo thù cho cha tôi.

-Ngài Moocxép – vị chủ tịch hỏi – ngài có công nhận cô gái này là con gái Ali Têbêlin, Quốc vương Janina không?

-Không! – Moocxép đáp và cố gắng đứng lên – Đây là một âm mưu bỉ ổi của kẻ thù địch làm hại tôi.

Hayđê lúc đó đang nhìn ra ngoài cửa như chờ đợi ai, quay phắt lại phía Moocxép và thốt lên: -Mi không công nhận ta hả? May thay ta còn nhớ mi rất rõ. Mi là Fécnăng Môngđêgô, sĩ quan Pháp huấn luyện viên quân đội cha ta. Chính mi đã bán rẻ những lâu đài của Janina. Chính mi là kẻ đã được cha ta tin tưởng phái đi làm thuyết khách, mi đã trở về với một chiếu chỉ giả. Với chiếu chỉ giả mạo đó, mi đã làm cho cha ta phải đưa cái nhẫn quốc vương cho mi để mi đánh lừa Xalim, người cầm lửa gác kho vàng và kho thuốc súng. Chính mi đã đâm chết Xalim! Chính mi đã bán hai mẹ con ta cho lái buôn nô lệ Encôbia. Tên giết người! Giết người, giết người! Mi hãy còn máu của chủ mi trên trán! Xin các ngài hãy nhìn xem kìa!

Những câu nói đó được thốt lên với tất cả nỗi căm hờn và sự thật làm cho tất cả mọi người đều nhìn vào trán Moocxép và chính bản thân Moocxép cũng đưa tay lên sờ vào trán mình như còn thấy dòng máu nóng hổi của Ali.

-Thế cô công nhận ngài Moocxép đây chính là viên sĩ quan Fécnăng Môngđêgô chứ?

-Tôi công nhận điều đó! – Hayđê kêu lên – Ôi mẹ ơi! Mẹ đã bảo với con rằng: "Con đã là người tự do, con có một người cha mà con rất yêu, con sinh ra để trở nên một nàng công chúa! Con hãy nhìn kỹ con người đó. Chính nó đã làm cho con trở thành nô lệ, chính nó đã cầm ngọn giáo có cắm đầu cha con để đem bêu riếu, chính nó đã bán mẹ con ta! Con hãy nhớ kỹ bàn tay phải của nó có một cái sẹo lớn. Nếu con quên mặt nó, con hãy nhớ tới cái sẹo ở bàn tay đã đếm những đồng tiền của người lái buôn Encôbia!" Tôi nhớ nó lắm chứ! Cho dù nó không thèm công nhận tôi.

Mỗi câu nói của cô gái như một nhát dao chém vào người Moocxép và chặt đứt một phần nghị lực của ông ta. Nghe đến câu cuối cùng ông giấu vội bàn tay phải có cái sẹo vào trong ngực rồi ngã người xuống cái ghế bành như tuyệt vọng.

-Ngài Moocxép – vị chủ tịch nói – ngài có kháng nghị gì nữa không? Ngài có cần đòi hỏi những cuộc điều tra tại chỗ không? Ngài có yêu cầu nghị viện phái

một ủy ban đến tận Janina không? Xin ngài cứ nói.

Moocxép không thể trả lời một câu nào.

Mọi người nhìn nhau sửng sốt. Người ta rất hiểu tính cương nghị của Moocxép, phải có sức mạnh như thế nào mới đè bẹp được ý chí ấy.

Vị chủ tịch nhắc lại: -Thế nào, ngài quyết định thế nào?

-Chẳng gì cả! – Moocxép đứng dậy, gầm lên.

Vị chủ tịch nói nhưng cũng là để kết luận: -Như vậy là con gái Ali Têbêlin đã nói lên đúng sự thật! Cô đúng là một người làm chứng làm cho phạm nhân phải khiếp sợ không dám trả lời "Không" nữa.

Moocxép nhìn xung quanh bằng cặp mắt tuyệt vọng, ông ta hoảng sợ nhìn thấy những cặp mắt giận dữ đang nhìn ông. Ông ngửng mặt lên nhìn vòm nhà, nhưng rồi lại quay ngay đi vì sợ vòm nhà sẽ mở toang ra và xuất hiện một tòa án thứ hai nữa gọi là Thiên đình mà quan chánh án là Thượng đế. Thế rồi ông cảm thấy tức thở, ông giật phăng khuy áo ra, đi ra khỏi phòng như một tên mất trí, âm thầm và ủ rũ rồi lên xe về thẳng nhà.

Sau một hồi im lặng, ông chủ tịch hỏi hội nghị có thừa nhận bá tước Moocxép can tội phản bội và làm ô danh nước Pháp không? Mọi người đồng thanh nhất trí lời tố cáo của Hayđê là hoàn toàn đúng và xác nhận Moocxép là kẻ có tội.

Hayđê đã dự hội nghị cho đến phút cuối cùng. Nghe lời kết luận xong, mặt cô không hề biểu lộ vui sướng hay thương hại. Cô đưa khăn lên che kín mặt, cúi chào hội nghị rồi thản nhiên bước ra ngoài. Nếu chúng ta là một nhà thơ, chúng ta có thể ví những bước chân cô đi như những bước chân của một nàng tiên.

§87. Khiêu khích

Anbe ngồi nghe Bôsăng kể chuyện lại, hai tay anh ôm lấy đầu, lòng tê tái vì ô nhục và đau thương. Anh ngẩng mặt lên, nước mắt giàn giụa nắm lấy tay bạn nói: -Bôsăng thân mến! Đấy không phải là một đòn giáng của định mệnh, mà là một thủ đoạn của kẻ địch nào đó cố tình phá hoại hạnh phúc của gia đình tôi. Tôi phải tìm cho ra kẻ đó. Một là tôi sẽ giết hắn, hai là tôi bị giết. Tôi trông mong vào tình bạn của cậu để giúp tôi trong lúc này.

-Không, Anbe! Cậu phải nên bỏ cái định kiến lỗi thời là con phải có trách nhiệm về những lỗi lầm của cha mẹ. Cậu hãy còn trẻ, có tiền của, cậu nên rời bỏ nước Pháp đi ra nước ngoài để tìm sự lãng quên và trở về khi nào không còn một người nào muốn nhắc tới câu chuyện đó nữa.

-Cám ơn những lời khuyên của cậu, nhưng tôi đã có những quan điểm khác cậu về cuộc sống, và tôi đã cương quyết rửa hết hận thù. Mỗi một giây phút chậm trễ là một thế kỷ đối với tôi, và kẻ thù của tôi nhất định phải bị trừng trị. Lột được mặt nạ nó ra tức là cậu đem lại cuộc sống cho tôi.

-Nếu vậy tôi không giấu giếm cậu nữa. Hôm tôi tới Janina ngẫu nhiên tôi hỏi thăm một ông chủ ngân hàng về hành vi của viên sĩ quan người Pháp tên là Fécnăng. Ông ta nói là cách đây mười lăm ngày, một ông chủ ngân hàng ở Pari cũng đã viết thư hỏi ông ta về vấn đề đó, và ông chủ ngân hàng đó là nam tước Đăngla.

-Đăngla! – Anbe thốt lên – Hắn quả là có tư thù với cha tôi. Thảo nào hắn đã cắt đứt cuộc hôn nhân của tôi với con gái hắn. Được! Hắn phải trả cái hành động đê hèn này của hắn bằng một cái giá rất đắt!

-Cậu nên suy nghĩ kỹ và thận trọng trong hành động này!

-Tôi đã quyết định rồi, cậu hãy theo tôi đi tìm hắn.

Hai người lên xe. Đến nhà nam tước Đăngla thấy có cỗ xe độc mã của Angđrê Cavancăngty đỗ ở cửa. Anbe không cần báo trước, đi xộc vào phòng làm việc của nhà đại tư sản, không thèm chú ý đến anh thanh niên quý tộc người Ý đang đứng tựa vào lò sưởi. Đến trước mặt Đăngla, mà lúc này Anbe coi là một kẻ thù, anh liền nói thẳng vào mặt y: -Thưa ngài, tôi muốn mời ngài đến một quãng rừng vắng và sau đó một trong hai chúng ta sẽ nằm lại trên đống lá vàng.

Đăngla tái mặt, còn Angđrê ngơ ngác nhìn Anbe, Anbe tiếp luôn: -Cả anh nữa, anh sắp sửa là người của gia đình này, cũng có thể dự vào cuộc quyết đấu được đấy. Tôi tiếp nhận tất!

Angđrê sửng sốt nhìn Đăngla. Nhà tư sản đứng lên nói: -Có phải ông đến đây để khiêu khích người mà tôi chọn làm rể không? Đó chẳng phải là lỗi tại anh ta.

-Ngài nhầm rồi, tôi đến đây chủ yếu để thách ngài. Nếu chàng rể tương lai của ngài mà ngăn cản thì tôi cũng sẽ không tha.

-À! – Đăngla máu đã dồn lên mặt – Hành động của ông quả là điên rồ. Tôi không thèm giết một kẻ mất trí đâu!

-Ngài là một tên khốn kiếp, đã có tội làm mất danh dự cha tôi.

-Ông bảo sao? – Đăngla ngạc nhiên – Tôi có biết gì về câu chuyện của Janina đâu!

-Thế ai đã viết thư đến Janina để điều tra về cha tôi?

-Tôi viết, và tôi có quyền tìm hiểu về gia đình của người mà tôi sẽ làm thông gia. Tôi thú thật với ông là tôi có định viết đâu, vì tôi có biết chuyện gì mà viết.

-Thế ai đã xúi giục ngài viết?

-Trời ạ! – Đăngla nói có vẻ ái ngại – Có người hỏi tôi cha ông đã làm gì, ở đâu, tôi trả lời ở Janina. Người đó liền khuyên tôi nên viết thư hỏi thăm tình hình ấy ở một người bạn nào đó ở Janina.

-Người khuyên bảo ngài là ai?

-Bá tpước Môngtơ Crixtô chứ ai! Một người bạn thân của gia đình ông.

Anbe và Bôsăng nhìn nhau sửng sốt. Đăngla nói tiếp: -Rồi đây bá tước sẽ chứng minh lời nói của tôi. Và sau khi tôi đã nắm được về hành động của cha ông, tôi đã khước từ cuộc cầu hôn của ông, mặc dầu sự ô nhục của bá tước Đơ Moocxép chẳng có ảnh hưởng gì đến công việc kinh doanh của tôi.

Anbe cảm thấy hoang mang. Anh biết Đăngla chỉ là một tên hèn nhát, nhưng y đã nói đúng sự thật. Anh ôn lại những lời nói và hành động của bá tước Môngtơ Crixtô và thấy bá tước đã biết tường tận câu chuyện này nên đã mua Hayđê, đã xúi bẩy Đăngla viết thư hỏi dò Janina, đã bố trí cuộc gặp gỡ giữa anh và Hayđê, đã bắt anh không được nói tên thật của cha anh với cô gái, và mới đây lại kéo anh đi Noócmăngđi trong lúc ở nhà nổ ra vụ xét xử. Không còn nghi ngờ gì nữa: Bá tước Môngtơ Crixtô đã thông đồng với kẻ thù của cha anh.

-Thưa ngài – Anbe nói với Đăngla – Tôi xin tạm biệt ngài để đến gặp bá tước Môngtơ Crixtô tìm ra sự thật.

Nói xong Anbe cúi đầu chào rồi kéo Bôsăng bước ra khỏi phòng.

§88. Lăng mạ

Ra đến ngoài cửa, Bôsăng ngăn Anbe lại: -Này cậu, trước khi đi đến bá tước Môngtơ Crixtô, cậu cần phải suy nghĩ kỹ đã. Hồi nãy cậu thách với Đăngla thì chẳng có vấn đề gì vì hắn chỉ là một tên trọc phú, còn bá tước là một nhà quý tộc có đầy đủ khả năng và không thiếu gì can đảm.

-Cậu đừng lo, tôi chỉ sợ người ta không dám quyết đấu thôi. Ngoài ra nếu phải chết để bảo vệ danh dự cho cha tôi, tôi cũng vui lòng.

-Cậu nên nghĩ đến mẹ cậu. Mẹ cậu mà biết chuyện này sẽ chết mất!

-Mẹ thân yêu của con! – Anbe dụi mắt nói lẩm bẩm – Thà như thế còn hơn bị nhục. Chúng ta cứ đi.

Nói xong anh kéo Bôsăng theo mình. Đến nhà Môngtơ Crixtô, người hầu phòng ra cho biết bá tước vừa đi xa về đang mệt không tiếp khách. Ăn bữa tối xong bá tước sẽ đi xem kịch. Thấy thế Anbe bèn nói với Bôsăng: -Nếu tối nay rỗi rãi, anh đi xem kịch với tôi và nhân tiện kéo cả Satô Rơnô đi luôn.

Hai người bạn trẻ chia tay nhau. Về đến nhà, Anbe sai người đi báo cho Frăng, Moren và Luyxiêng đến gặp anh tại nhà hát thành phố. Sau đó anh lên thăm mẹ. Thấy mẹ nằm trên giường, mặt mũi tái nhợt, đôi mắt đẫm lệ, anh hỏi: -Thưa mẹ, mẹ có biết ai hằn thù với cha con không?

-Con ạ, người ở địa vị như cha con thì thiếu gì kẻ ghen ghét, làm sao biết ai là thù địch! Hơn nữa, những kẻ giấu mặt mới đáng sợ.

-Con thấy mẹ là người rất sáng suốt nên mới đến hỏi mẹ. Mẹ thấy thái độ của bá tước Môngtơ Crixtô đối với gia đình ta như thế nào?

Bá tước phu nhân ngồi nhổm ngay dậy, người run lên, hỏi: -Sao ông ấy có liên quan gì đến câu chuyện của con?

-Con thấy mấy lần đến chơi nhà ta, ông ta chẳng ăn uống gì cả. Ông ta sống theo kiểu Á Đông, và những người phương Đông có tục lệ không bao giờ ăn uống chung với kẻ thù.

-Con nói sao? – Phu nhân mặt trắng bệch ra, hỏi giọng run run – Bá tước Môngtơ Crixtô là kẻ thù của chúng ta? Anbe, ai bảo con thế? Con mất trí rồi sao? Bá tước đối với chúng ta rất lịch sự. Bá tước đã cứu con và chính con đã đưa ông ta về đây giới thiệu với gia đình ta. Ôi! Mẹ van con, con trai yêu quý của mẹ, nếu con có một ý nghĩ như thế, con nên xua tan nó đi ngay. Nếu mẹ có điều gì căn dặn con thì mẹ chỉ muốn nói là con hãy ăn ở tốt với ông ấy.

-Thưa mẹ – Anbe nói với cặp mắt buồn bã – đã có lần mẹ chẳng đã dặn con phải coi chừng con người đó là gì?

-Mẹ ấy à! – Mécxêđét kêu lên, nét mặt thoáng đỏ rồi lại tái đi vì sợ hãi.

-Vâng – Anbe nói tiếp – Có phải vì lý do đó mà con người đó không hại ta hay sao?

Mécxêđét rùng mình mở to mắt nhìn con thăm dò, rồi nói với con: -Con nói lạ quá, con lại có những thành kiến thật kỳ quặc! Bá tước đã làm gì con? Mới cách đây có ba hôm con còn đi chơi với ông ấy đến Noócmăngđi. Mới cách đây ba hôm, mẹ con ta còn coi ông ấy là người bạn thân nhất của con kia mà.

Anbe cười châm biếm. Mécxêđét nhìn thấy nụ cười đó và với linh tính của một người phụ nữ và của một người mẹ, bà đã đoán ra được hết, nhưng vì thận trọng bà cố giấu những xúc động của mình.

Anbe bỏ lửng câu chuyện đến đấy. Nhưng một lát sau mẹ anh lại nói tiếp: -Con vừa mới hỏi thăm sức khỏe của mẹ. Mẹ nói thật với con là mẹ cảm thấy mệt mỏi lắm. Con nên ở lại đây với mẹ, đừng đi đâu cả. Tình thế này mẹ rất sợ phải ở một mình.

-Thưa mẹ – Anbe nói – nếu con không bận cả buổi tối nay thì con còn có hạnh phúc nào bằng được ở gần mẹ.

-Thôi được – Mécxêđét thở dài – Con cứ đi đi, mẹ không muốn con là nô lệ của lòng hiếu thảo.

Anbe làm ra vẻ không nghe thấy câu nói đó, từ biệt mẹ ra đi. Anh thanh niên vừa đi khỏi, Mécxêđét gọi một người hầu cận thân tín ra lệnh cho người đó phải theo dõi xem Anbe đi đâu trong suốt buổi tối nay và có gì phải báo ngay cho bà biết. Rồi bà gọi người hầu phòng gái mặc quần áo tề chỉnh cho bà để kịp đối phó với trường hợp cấp thiết.

Đúng tám giờ tối, Anbe và Bôsăng đi xe ngựa tới nhà hát lớn. Hai anh bước vào lô đã thấy Satô Rơnô ngồi đợi sẵn. Anbe không hề chú ý tới vở kịch, thỉnh thoảng lại rút đồng hồ ra xem.

Màn hai bắt đầu, cửa lô trước mặt mở ra: Bá tước Môngtơ Crixtô mặc lễ phục đen cùng với Moren và hai vợ chồng Emmanuen bước vào. Bá tước đưa mắt nhìn quanh rạp, bắt gặp đôi mắt nẩy lửa trên bộ mặt tái nhợt của Anbe đang nhìn chằm chằm về phía mình. Bá tước thản nhiên ngồi xuống, rút ống nhòm ra nhìn xuống sân khấu. Hết màn thứ hai, đột nhiên cửa lô mở, Anbe bước vào, theo sau có Bôsăng và Satô Rơnô. Bá tước ngoảnh mặt lại, vui vẻ reo lên: -A, xin chào tử tước Moocxép, một kỵ sĩ đã đi đến nơi về đến chốn.

Anbe liền trả lời bằng một giọng hơi run run: -Thưa ngài, tôi đến đây không phải để trao đổi những câu xã giao vô vị và giả tạo, mà là để thanh toán với ngài một câu chuyện.

Bá tước bình tĩnh nhìn thẳng vào mặt anh thanh niên, nói một cách rất tự nhiên: -Một vấn đề thanh toán! Tôi nghĩ rằng nhà hát không phải là nơi để thanh toán những câu chuyện riêng, mặc dù tôi chưa quen những tập quán của thủ đô.

-Tại vì người ta lấy cớ là đang tắm, là mệt để không tiếp khách nên buộc lòng tôi phải chọn nơi này.

-Gặp tôi có phải là khó lắm đâu! – Môngtơ Crixtô nói – Nếu tôi không nhầm thì mới ngày hôm qua thôi,ông còn ở nhà tôi.

-Thưa ngài – Anbe đã có vẻ nóng giận – ngày hôm qua tôi ở nhà ngài vì chưa biết ngài là hạng người như thế nào!

Nói câu đó, Anbe cố ý cất cao giọng để cho những người trong lô chung quanh và cả ở ngoài hành lang có thể nghe thấy, do đó mọi người đều ngẩng đầu lên và xúm lại xem. Môngtơ Crixtô thản nhiên nói: -Ông làm sao thế, ông Anbe Đơ Moocxép? Ông có vẻ như không được bình tĩnh thì phải?

-Miễn là tôi hiểu được những ngón xảo quyệt của ngài và tôi có thể làm cho ngài hiểu rằng tôi muốn báo thù – Anbe nổi giận dữ.

-Tôi không hiểu ông định nói gì – Môngtơ Crixtô đáp – Nếu tôi có hiểu thì chỉ thấy ông nói to quá. Đây là chỗ của tôi, chỉ một mình tôi có quyền nói to hơn những người khác. Ông ra ngay khỏi nơi đây!

Và Môngtơ Crixtô chỉ tay ra cửa với cử chỉ của người chỉ huy.

-Thế hả! Tôi sẽ làm cho ngài phải ra khỏi nơi đây – Anbe nói và vo tròn chiếc găng tay.

Bá tước không rời mắt khỏi cử chỉ đó.

-Tốt lắm! – Môngtơ Crixtô vẫn thản nhiên – ông muốn gây chuyện với tôi, tôi biết lắm. Nhưng tôi xin khuyên ông một câu: Khiêu khích người khác mà làm ầm lên như thế này là một tác phong xấu lắm, thưa ông tử tước Đơ Moocxép!

Nghe tới tên đó, tiếng ồn ào ngạc nhiên nổi lên ở những người chung quanh, vì hai ngày nay ở đâu người ta cũng nói đến tên Moocxép.

Hơn ai hết, Anbe hiểu dụng ý của câu nói đó. Anh định ném chiếc găng tay vào mặt Môngtơ Crixtô nhưng Moren đã kịp thời nắm lấy cổ tay. Còn Bôsăng và Satô Rơnô sợ sự việc vượt quá giới hạn của một cuộc khiêu khích nên cũng giữ Anbe lại.

Bá tước không đứng lên, chỉ nghiêng mình trên ghế giơ cánh tay ra nhón bằng hai ngón chiếc găng tay nhàu nát và ướt đẫm mồ hôi, rồi nói bằng một giọng khủng khiếp: -Thưa ông, tôi coi như chiếc găng này đã được ném ra và tôi sẽ gửi trả nó cho ông quấn quanh một viên đạn. Bây giờ thì ông ra khỏi nơi đây ngay, nếu không tôi sẽ cho người hầu tống ông ra ngoài đấy!

Anbe hai mắt đỏ ngầu, loạng choạng lùi lại hai bước, y như người say rượu. Moren lợi dụng cơ hội đó vội đóng cửa lại. Còn bá tước vẫn bình tĩnh, nét mặt không chút thay đổi, lại nâng ống nhòm xem tiếp vở kịch như không có gì đặc biệt xảy ra. Moren ghé vào tai bá tước hỏi: -Ngài đã làm gì hắn thế?

-Tôi ấy à, chẳng hề làm gì cả!

-Tuy nhiên cảnh tượng vừa rồi phải có nguyên nhân chứ?

-Câu chuyện về bá tước Moocxép làm hắn điên đầu đấy!

-Ngài có liên quan chút nào vào đấy không?

-Hayđê đã xác minh cho nghị viện biết tội phản bội của cha hắn.

-Ngài định xử sự thế nào với hắn?

-Trước mười giờ sáng mai tôi sẽ giết hắn. Đó là điều tôi phải làm.

Moren nắm lấy hai tay bá tước, anh phải rùng mình vì thấy hai bàn tay đó vẫn bình tĩnh và lạnh như tiền.

-Thưa bá tước – Moren nói – Cha hắn yêu hắn lắm!

-Xin ông đừng có nói với tôi điều đó – Môngtơ Crixtô gắt lên và đây là lần đầu tiên Moren thấy bá tước tỏ ra tức giận – Tôi sẽ làm cho cha hắn phải đau khổ!

Moren sửng sốt, buông hai bàn tay bá tước ra. Biết là không thể nói gì hơn được nữa, anh đành im lặng và chờ đợi.

Màn vừa buông xuống, có tiếng gõ cửa rồi Bôsăng bước vào: -Thưa bá tước, tôi đến yêu cầu ngài thứ lỗi cho Anbe đã quá nóng nảy và thứ lỗi cho cả tôi nữa vì đã không kịp ngăn cản bạn. Tôi nghĩ rằng một người cao thượng như ngài sẽ không thèm đếm xỉa đến việc đó.

-Thưa ông Bôsăng, tôi chỉ nghe theo mệnh lệnh của tôi thôi và tôi có toàn quyền hành động. ông về nói với tử tước biết là hai chúng tôi chỉ còn có đổ máu, và ngày mai trước mười giờ tôi muốn được thấy máu của ông ta.

-Vậy bây giờ tôi chỉ còn việc ấn định thể thức của cuộc đấu.

-Tôi chẳng cần phải để ý đến điều đó. Bằng gươm hay bằng súng, mặc dù tôi có quyền lựa chọn nhưng tôi để cho đối thủ của tôi quyền đó, vì rằng thứ gì tôi cũng sẽ thắng, tôi sẽ giết chết đối thủ của tôi. Bây giờ xin ông để cho tôi xem nốt vở kịch.

Lúc Bôsăng đi khỏi rồi, Môngtơ Crixtô quay lại bảo Moren: -Mắcximiliêng, ông sẽ làm chứng cho cuộc đấu của tôi nhé!

-Tôi rất vui lòng, nhưng trước hết tôi muốn biết rõ sự thật.

-Sự thật ư? chính Anbe cũng chưa biết sự thật. Chỉ có Thượng đế biết rõ. Và ông Moren ạ, Thượng đế biết nên Thượng đế sẽ ủng hộ chúng ta.

-Thôi thế đủ rồi – Moren nói – Thế còn người làm chứng thứ hai?

-Tôi chẳng quen biết ai ở Pari cả, có thể sẽ nhờ Emmanuen. Thôi, màn mở rồi, chúng ta xem tiếp, vở hay quá!

§89. Trong đêm

Tan kịch, Môngtơ Crixtô từ biệt Moren và hẹn sáng mai Moren sẽ cùng Emmanuen đến vào hồi bảy giờ đúng. Về đến nhà, bá tước bảo Ali: -Ali, đưa những khẩu súng bằng ngà lại đây cho ta!

Ali mang đến cho chủ hộp đựng súng. Đó là những khẩu súng đặc biệt mà Môngtơ Crixtô dùng để bắn bia ở trong nhà. Ông vừa cầm khẩu súng lên tay và đang tìm cái đích là một miếng tôn nhỏ dùng làm bia thì cửa mở và người hầu bước vào. Nhưng trước khi người hầu định nói, bá tước đã nhận thấy qua cánh cửa mở, một người phụ nữ bịt mạng kín đứng đợi trong bóng tối ở buồng bên.

Khi người phụ nữ đó nhìn thấy Môngtơ Crixtô cầm khẩu súng trong tay và hai thanh gươm để trên bàn, bà ta liền lao ngay vào. Người hầu vội đưa mắt xin ý kiến ông chủ, ông chủ liền cho lui ra và đóng cửa lại.

Bá tước liền hỏi người đàn bà trùm mạng: -Bà là ai?

Người phụ nữ đưa mắt nhìn quanh để được đảm bảo không còn ai khác, bà nghiêng mình như muốn quỳ xuống, chắp hai tay lại rồi nói với giọng tuyệt vọng: -Étmông, xin ông đừng giết con tôi!

Bá tước lùi lại đằng sau một bước, kêu khẽ lên một tiếng và bỏ rơi vũ khí xuống, nói: -Thưa bà Moocxép, bà vừa nói đến tên ai vậy?1;

-Tên ông chứ còn tên ai – Bà kêu lên và bỏ mạng ra – Chỉ có tên ông là không bao giờ tôi quên được. Étmông, không phải bà Moocxép đến với ông đâu, mà là Mécxêđét đấy!

-Mécxêđét đã chết rồi, thưa bà! Và tôi không còn biết ai có tên đó nữa.

-Thưa ông, Mécxêđét còn sống và Mécxêđét còn nhớ vì chỉ có Mécxêđét mới vừa gặp ông đã nhận ra ông ngay, không cần nhìn thấy mặt, chỉ cần nghe giọng nói thôi, và từ ngày đó Mécxêđét từng bước, từng bước quan sát ông, cho nên tôi không cần phải tìm cũng biết bàn tay nào đã giáng lên đầu ông Moocxép.

-Fécnăng, bà muốn nói thế có phải không? – Môngtơ Crixtô nói với một nụ cười chua chát – Vì bà đã nhắc đến những tên cũ thì phải nhắc tất cả.

Và Môngtơ Crixtô đã nói đến tên Fécnăng với một vẻ căm hờn làm cho Mécxêđét thấy ớn lạnh.

-Ông thấy không, Étmông, tôi có lầm đâu! Và tôi đã nói rất đúng: Xin ông hãy tha cho con trai tôi!

-Thưa bà, ai đã nói cho bà biết là tôi muốn giết con trai bà?

-Trời ơi! Chẳng ai nói cả, một người mẹ bao giờ cũng được trời phú cho cái nhìn có hai mặt. Tôi đã đoán được tất cả tôi đã theo con trai tôi đến kịch viện và nấp ở một góc. Tôi đã nhìn thấy tất cả.

-Vậy là bà đã trông thấy tất cả, thưa bà! Bà đã trông thấy thằng con trai của Fécnăng đã chửi tôi trước mặt công chúng – Môngtơ Crixtô nói với một vẻ bình tĩnh khủng khiếp.

-Ôi xin ông rủ lòng thương!

-Bà đã trông thấy nó ném cái găng vào mặt tôi, nếu một người bạn tôi không chặn bàn tay nó lại!

-Xin ông hãy nghe tôi, con tôi nó cũng đã đoán ra ông, nó đổ cho ông đã gây ra tai họa cho cha nó.

-Thưa bà, bà lầm rồi! Không phải tai họa mà là đòn trừng trị. Không phải là tôi đã giáng lên đầu ông Moocxép, mà là Thượng đế đã trừng trị ông ta.

-Tại sao ông lại thay Thượng đế! – Mécxêđét kêu lên – Tại sao ông còn nhắc đến khi mà chính Thượng đế đã quên? Vấn đề Janina và quốc vương của nó có quan hệ gì đến Étmông? Fécnăng Môngđêgô phản bội Ali Têbêlin thì có sai lầm gì đối với ông?

-Thưa bà, tất cả những vấn đề ấy đều là chuyện riêng giữa con gái Vaxiliki và viên sĩ quan người Pháp. Bà nói đúng, điều đó không liên can gì đến tôi cả. Nếu tôi đã thề là tôi phải báo thù, không phải tôi nhằm vào viên sĩ quan đó, cũng không phải là vào bá tước Đơ Moocxép, mà là tên đánh cá Fécnăng, chồng cô gái Catalăng Mécxêđét!

-Ôi, thưa ông! – Mécxêđét kêu lên – Cuộc báo thù mới ghê gớm làm sao do một lỗi lầm mà số mệnh đã làm tôi mạc phải! Vì rằng, Étmông ạ! Kẻ có tội là tôi, và nếu ông muốn báo thù ai thì xin ông hãy nhằm vào tôi. Chính tôi đã yếu đuối không chịu nổi sự cô đơn và sự vắng mặt ông!

-Nhưng – Mông tơ Crixtô hỏi lại – Vì sao mà tôi vắng mặt chứ? Vì sao mà bà lại bị cô đơn?

-Étmông, vì ông đã bị bắt, vì ông đã bị cầm tù!

-Vì sao tôi bị bắt? Vì sao tôi bị cầm tù?

-Tôi làm sao mà biết được!

-Vâng thưa bà, bà không biết, tôi cũng mong ít ra là như thế! Vậy tôi xin nói để bà biết. Tôi bị bắt, tôi bị cầm tù chỉ vì cái hôm mà tôi đang tổ chức lễ thành hôn với bà thì một người tên là Đăngla đã viết một bức thư nặc danh mà tên đánh cá Fécnăng đã đích thân đem bỏ vào bưu điện.

Rồi Étmông đi đến một cái tủ, mở một ngăn kéo lấy ra một mảnh giấy đã phai màu và mực viết đã xỉn lại, đưa cho Mécxêđét đọc. Đó là bức thư Đăngla đã viết gửi cho ông chưởng lý. Môngtơ Crixtô đã lấy được nó ở tập hồ sơ nhà tù của ông thanh tra Bôvin, khi bá tước cải trang làm phái viên hãng Tômxơn và Fren.

Mécxêđét hãi hùng đọc bức thư đó, đọc xong bà lau mồ hôi trán, hỏi: -Trời ơi ! Thế bức thư này…

-Thưa bà, tôi đã phải mua nó với giá tiền là hai trăm nghìn frăng. Nhưng giá đó vẫn còn rẻ vì hôm nay nó đã cho phép tôi minh oan được với bà.

-Và kết quả của bức thư này?

-Là vụ bắt bớ tôi như bà đã biết đấy! Nhưng còn những điều mà bà chưa biết là thời gian tôi bị giam cầm. Điều mà bà chưa biết là trong mười bốn năm trường tôi đã bị giam cầm trong một ngục tối trong lâu đài Íp chỉ cách bà có một phần tư dặm đường. Điều mà bà chưa biết là từng ngày một trong mười bốn năm trời đó tôi đều nhắc lại ý chí báo thù mà tôi đã xây dựng ngay từ ngày đầu, đó là tôi chưa biết là bà đã lấy Fécnăng, cái tên đã tố cáo tôi, và cha tôi đã phải chết, chết vì đói khổ.

-Lạy Chúa tôi – Mécxêđét loạng choạng, đau đớn.

-Nhưng đó là điều tôi mới biết khi ra khỏi tù, sau mười bốn năm trời bị giam cầm. Và vì thế mà với Mécxêđét còn sống và trên nấm mồ của cha tôi, tôi đã thề phải báo thù và… và tôi báo thù!

-Vậy ông tin chắc là Fécnăng đã làm việc đó?

-Thưa bà, tôi xin thề rằng hắn đã làm như tôi vừa nói với bà. Vả lại cứ xét thế này thì cũng đủ biết: Hắn quốc tịch Pháp lại chuồn sang bên Anh. Sinh trưởng ở Tây Ban Nha hắn lại đi chiến đấu chống lại Tây Ban Nha, hàm ơn Ali lại phản bội và ám sát Ali. Tâm địa hắn như thế thì việc mang bỏ một bức thư mà bà vừa đọc vào hòm thư thì có nghĩa lý gì? – Một sự lừa gạt phỉnh phờ mà người phụ nữ đã lấy hắn phải tha thứ cho hắn. Nhưng còn người yêu tội nghiệp đáng lẽ lấy người phụ nữ đó thì không bao giờ tha thứ cả. Dân tộc Pháp đã không trả thù tên phản bội, những người Tây Ban Nha đã không xử tử tên phản bội, Ali nằm trong nấm mồ không trả thù được tên phản bội, còn tôi, tôi cũng bị phản bội, bị ám sát, bị ném vào trong một nấm mồ, nhờ trời tôi đã thoát ra được khỏi nấm mồ đó, tôi phải báo thù.

Người phụ nữ đau khổ gục đầu vào lòng hai bàn tay, đôi chân bà khuỵu xuống. Bà quỳ dưới đất thổn thức: -Étmông! Xin anh tha thứ cho em, em vẫn yêu anh!

Môngtơ Crixtô lao đến trước mặt và nâng bà lên. Lúc này bà có thể ngắm nhìn nét mặt cương nghị của Môngtơ Crixtô qua làn nước mắt. Trên nét mặt đó, nỗi đau khổ và lòng căm hờn còn hằn vết càng làm cho bộ mặt đó thật đáng sợ.

-Tôi không bóp cho nát vụn cái nòi giống đáng nguyền rủa ấy à? – Bá tước lẩm bẩm – Tôi không trừng trị hắn theo lệnh Thượng đế à? Thưa bà, không thể được, không thể được!

-Anh Étmông! – Người mẹ đau khổ ấy tìm đủ mọi cách để cứu con trai – Trời ơi! Khi em gọi anh là Étmông, tại sao anh không gọi em là Mécxêđét?

-Mécxêđét! – Môngtơ Crixtô nhắc lại – Mécxêđét! Vâng bà nói đúng, cái tên đó tôi nói lên vẫn thấy dịu dàng làm sao! Và đây là lần đầu tiên đã từ lâu lắm rồi,

nó lại vang lên rất rõ ràng ở cửa miệng tôi. Ôi, Mécxêđét! Tên em, anh đã gọi trong những tiếng thở dài sâu thẳm, trong những khóc than đau đớn, anh đã gọi cái tên đó trong những đêm giá buốt ngồi bó gối trên đống rơm của hầm ngục, anh đã gọi tên ấy trong những lúc bị nóng bức nung nấu, phải lăn lộn trên nền đá lạnh của ngục tù. Em Mécxêđét, anh phải báo thù vì anh đã phải đau khổ mười bốn năm trường, đã phải than khóc nguyền rủa mười bơn năm trường. Bây giờ anh phải nói với em, em Mécxêđét, anh phải trả thù!

Và Môngtơ Crixtô run sợ sẽ phải nhượng bộ trước những van nài của người mà mình đã từng yêu dấu biết bao nhiêu, ông đã phải kêu gọi đến những kỷ niệm xưa để hỗ trợ cho lòng căm thù của mình.

-Anh Étmông, xin anh cứ báo thù đi! Nhưng xin anh hãy báo thù lên đầu những kẻ có tội, báo thù lên Fécnăng, lên em, nhưng xin anh đừng báo thù lên con em!

-Trong quyển sách Thánh đã viết: "Tội của những người cha còn rơi lên đầu con cái đến tận ba bốn đời". Thượng đế đã phán như vậy, tôi làm sao mà hơn Thượng đế được?

-Vì Thượng đế có thời đại và có bất diệt, hai cái đó con người không thể có được.

Môngtơ Crixtô thốt lên một tiếng thở dài như một tiếng gầm, hai tay bứt tóc.

Mécxêđét tiếp tục nói, hai tay giơ về phía Môngtơ Crixtô: -Anh Étmông! Từ ngày em biết anh, em đã yêu mến tên anh, đã kính trọng những kỷ niệm về anh. Étmông anh! Xin anh đừng bắt buộc anh phải làm phai mờ cái hình ảnh cao cả và trong sáng ấy trong tim em. Étmông anh! Em đã cầu nguyện cho anh biết bao nhiêu, chừng nào mà em cho rằng anh còn sống! Và từ ngày em tưởng rằng anh đã chết, vâng, than ôi đã chết! Em cho rằng xác anh đã bị chôn vùi trong một góc nào đó, em tưởng rằng xác anh đã bị ném xuống một vực thẳm nào đó, và em đã khóc!

Étmông anh! Em còn làm gì được cho anh ngoài việc khóc than và cầu nguyện. Anh hãy nghe em đây, trong mười năm trời em đã mơ thấy cùng một giấc mơ. Người ta đã nói rằng anh muốn vượt ngục, rằng anh đã thay một người tù, rằng anh đã chui vào một cái áo quan của người chết và thế là người ta đã ném cái xác của người sống từ trên lâu đài Íp xuống, rằng cái tiếng kêu mà anh đã thốt lên lúc bị đập tan xác vào tảng đá đã phát hiện cho những người khâm liệm biết sự đánh tráo và họ trở thành đao phủ của anh. Étmông anh! Em xin thề trên đầu đứa con trai mà em đang van xin rằng trong mười năm, đêm nào em cũng nhìn thấy hai người đung đưa một bó gì trên một tảng đá trong mười năm đêm đêm em nghe thấy một tiếng kêu rùng rợn làm em bật tỉnh dậy run sợ và tê tái. Étmông anh! Em cũng vậy mặc dù em là kẻ có tội, anh hãy tin em, em rất đau khổ!

-Cô đã thấy cha cô phải chết đói trong khi cô phải vắng mặt không? – Mông tơ Crixtô kêu.lên và đưa bàn tay nắm chặt mái tóc đen của Mécxêđét. – Cô đã thấy người mà cô yêu lấy kẻ thù của cô không, trong khi đó cô chết rũ trong ngục tối?

-Không – Mécxêđét ngắt lời – Nhưng tôi chỉ thấy người mà tôi yêu sắp trở thành kẻ giết con trai tôi!

Mécxêđét thốt ra những câu đó với một nỗi đau khổ mãnh liệt, với một giọng nói tuyệt vọng đến nỗi làm cho Môngtơ Crixtô phải nấc lên một tiếng xé họng.

-Vậy bà yêu cầu gì? Con trai bà được sống có phải không? Được, nó sẽ sống!

Mécxêđét kêu lên một tiếng làm cho nước mắt Môngtơ Crixtô trào ra. Nhưng những giọt nước mắt đó biến ngay tức khắc như Thượng đế đã phái thiên thần xuống để thu lấy.

Mécxêđét nắm chặt bàn tay Môngtơ Crixtô đưa lên môi hôn và nói như reo lên: -Ôi, cám ơn, cám ơn Étmông yêu quý! Anh vẫn đúng là người mà em hằng mơ ước, hằng yêu dấu. Ôi! Bây giờ em có thể nói thế được!

-Vâng! Càng được bà yêu mến bao nhiêu,.cái tên Étmông khốn khổ này càng không được sống bao lâu nữa để tận hưởng tình yêu của bà! Người chết sẽ trở lại nấm mồ, bóng ma sẽ chui vào đêm tối!

-Anh nói gì vậy Étmông?

-Tôi nói rằng Mécxêđét đã ra lệnh, tôi sẽ phải chết!

-Trời ơi! Ai nói vậy? Làm sao anh lại có những ý nghĩ về cái chết?

-Bà không thể tưởng tượng được tôi bị lăng nhục trước bao nhiêu người trong rạp hát. Trước đông đủ bạn bè, tôi bị một đứa trẻ con thách thức. Bà cho rằng tôi còn có thể sống được nữa sao? Cái mà tôi yêu quý nhất sau bà là con người tôi, nghĩa là danh dự tôi, nghĩa là cái sức lực này đã làm tôi hơn hẳn những người khác, cái sức lực ấy là cuộc sống của tôi. Bằng một câu bà đã bẻ gãy nó. Tôi phải chết!

-Étmông, anh đã tha thứ thì cuộc quyết đấu đó sẽ không xay ra chứ!

-Thưa bà – Môngtơ Crixtô nói trịnh trọng – Nó sẽ xảy ra! Chỉ có khác là đáng lẽ máu con bà phải chảy thì máu tôi sẽ tưới xuống đất.

Mécxêđét kêu lên một tiếng rồi lao đến Môngtơ Crixtô. Nhưng đột nhiên bà dừng lại rồi nói: -Étmông anh! Trên đầu chúng ta có Thượng đế, do anh còn sống, do con em được gặp lại anh, em sẽ đem hết tâm hồn dâng lên Thượng đế. Trong khi chờ đợi phúc lành của Người, em tin vào lời hứa của anh. Anh đã nói rằng con em sẽ sống, nó sẽ sống phải không anh?

-Phải, nó sẽ sống.

Vừa nói câu ấy, Môngtơ Crixtô vừa ngạc nhiên thấy Mécxêđét nhận sự hy sinh của mình chỉ đơn giản có thế. Mécxêđét nhìn bá tước với đôi mắt đẫm lệ. Bà chìa tay ra: -Étmông anh! Việc làm của anh thật là cao thượng, thương đến một

người phụ nữ cầu khẩn mình một cách tuyệt vọng. Ôi thiêng liêng thay! Than ôi, em đã bị già đi vì đau khổ chứ không vì thời gian, cho nên em không thể làm cho Étmông của em nhớ lại nụ cười khóe mắt của Mécxêđét mà xưa kia anh đã từng chiêm ngưỡng – Môngtơ Crixtô tì trán lên hai bàn tay nóng bỏng như thể trán ông không còn khả năng mang nổi trọng lượng những ý nghĩ của ông, – Mécxêđét nói tiếp: Étmông anh! Em chỉ còn một câu muốn nói với anh – Mông tơ Crixtô mỉm cười chua chát – Étmông anh! Anh thấy là trán của em đã tái đi, mắt em đã quầng lại, sắc đẹp em đã phai mờ, anh thấy Mécxêđét không còn giống Mécxêđét xưa kia nữa về những nét bề ngoài, nhưng anh cần thấy là vẫn một trái tim ấy! Vĩnh biệt Étmông! Em không còn điều gì phải cầu trời nữa… Em thấy anh vẫn cao thượng, vẫn vĩ đại như xưa kia. Vĩnh biệt Étmông, vĩnh biệt và cám ơn, vô cùng cám ơn anh.

Nhưng Étmông không trả lời câu nào.

Mécxêđét mở cửa phòng và biến ra ngoài trước khi Môngtơ Crixtô tỉnh cơn ác mộng đau đớn vì chí phục thù đã mất.

Chuông đồng hồ điện Anhvalit điểm một giờ sáng khi tiếng cỗ xe đưa bà Moocxép về nhà trên nền đường. Môngtơ Crixtô ngẩng đầu lên, lẩm bẩm một mình: -Sao mình lại có thể ngu ngốc như thế. Khi đã xây dựng ý chí phục thù đừng nghĩ đến trái tim mới phải!

§90. Cuộc đấu súng

Sau khi Mécxêđét đi khỏi, căn phòng của bá tước Môngtơ Crixtô chìm trong bóng tối. Trong bầu không khí âm thầm lặng lẽ, nguồn suy nghĩ của bá tước dường như ngừng lại sau một cơn mệt mỏi ghê gớm.

-Sao lại thế nhỉ – Môngtơ Crixtô tự nhủ – Cái kế hoạch rất tỉ mỉ mà ta đã tốn bao nhiêu công sức để xây dựng lên, đã đổ vỡ tan tành, không một tiếng vang. Và hình hài của ta vô cùng nhỏ bé ti tiện trong cái hầm kín ở lâu đài Íp nay đã được tạo lập để trở thành vĩ đại hiên ngang. Nhưng ác nghiệt thay ngày mai đây sẽ chỉ còn là cát bụi. Chao ôi, ta đâu có tiếc rẻ sự hủy hoại của thể xác, vì cái chết đối với ta có nghĩa lý gì? Ta chỉ tiếc cái dự kiến to lớn của ta không hoàn thành sau mười bốn năm tuyệt vọng và mười năm hy vọng. Và lạy Chúa, chỉ vì trái tim mà ta tưởng đã giá lạnh, đã chết hẳn, nay lại nóng lên, lại thức tỉnh, làm ta phải nhượng bộ trước tiếng nói của một người đàn bà. Tuy nhiên ta vẫn không tin là người phụ nữ đó với tấm lòng cao thượng, chỉ vì ích kỷ, vì tình thương con mà cố tình đẩy ta vào cõi chết! Khi ta hứa với cô ta là sẽ để cho con cô ta sống, tự ta đã làm ta trở thành lố bịch, còn ghê tởm hơn cái chết. Quả là ngu xuẩn, ngu xuẩn! Lòng độ lượng của ta chỉ là một mục tiêu vô ích trước mũi súng của gã thanh niên. Gã không hề tin rằng cái chết của ta chỉ là một cuộc tự sát, điều đó chỉ làm gã kiêu hãnh và ta không thể thanh minh với mọi người rằng ta đã chết vì tự nguyện, vì ý muốn của ta và của Thượng đế mà trong mười năm trời ta đã tưởng ta thay Người để trừng trị những tên khốn kiếp như Đăngla, Vinlơpho và Moocxép, thì nay chúng lại thoát. Mong sao chúng không cho là vì may mắn mà chúng đã thoát khỏi bị trừng trị.

Tiếng chuông điểm năm giờ. Bỗng nhiên Môngtơ Crixtô nghe thấy một tiếng động nhẹ như tiếng thở dài. Bá tước liền đứng dậy rón rén ra ghé mắt nhìn qua khe cửa sang phòng khách, ông thấy Hayđê nằm ngủ gục trên một chiếc ghế bành ngay trước cửa buồng bá tước để khi ra bá tước có thể trông thấy cô. Có lẽ vì đợi quá lâu và sức còn trẻ nên cô đã bị giấc ngủ lôi cuốn. Bá tước mở cửa ra mà cô vẫn còn ngủ say sưa. Bá tước nhìn Hayđê bằng ánh mắt vô cùng hiền từ và tự nhủ với giọng luyến tiếc: -Mécxêđét đã nhớ là có một đứa con trai, còn ta, ta lại quên là ta cũng có một đứa con gái – Rồi bá tước lắc đầu – Hayđê đáng thương biết bao! Em muốn gặp ta, muốn nói chuyện với ta, em đã sợ hoặc đã đoán ra điều gì… Ôi, ta không thể đi mà không nói với em một câu từ biệt, ta không thể chết mà không giao phó em cho ai.

Bá tước nhẹ nhàng bước về phía bàn giấy. Ông lấy giấy bút ra và viết:

"Tôi để lại cho Mắcximiliêng Moren, đại úy kỵ binh, con ông Pie Moren, chủ hãng tàu ở Mácxây một số tiền là hai mươi triệu frăng, trong đó sẽ một phần

được chia cho em gái là Juyli và em rể là Emmanuen. Số tiền này tôi chôn giấu ở đảo Môngtơ Crixtô. Bectuyxiô biết chỗ giấu.

Ý nguyện của tôi là nếu Mắcximiliêng chưa yêu ai thì ông ta sẽ kết hôn với Hayđê, con gái Ali, quốc vương Janina mà tôi coi như con gái nuôi của tôi và tôi để cho Hayđê thừa hưởng tất cả đất đai, nhà cửa, tiền lợi tức trong nước và ngoài nước trị giá khoảng sáu mươi triệu frăng".

Bá tước vừa viết đến đây thì phía sau lưng bỗng có tiếng rú lên làm bá tước rơi cả cây bút đang cầm.

-Hayđê! Em đã đọc rồi à? – Bá tước hỏi.

Cô thiếu nữ, tỉnh giấc do trời sáng, đã rón rén lại sau lưng bá tước và đọc được tất cả.gi

-Ôi, chao ôi! Thưa Đức ông, sao Đức ông lại làm di chúc cho em? Đức ông muốn bỏ em ra đi sao?

-Ta sắp vắng bởi chuyến du hành xa – Bá tước nói bằng giọng buồn rầu và dịu dàng – Và chỉ là đề phòng nếu xảy ra tai nạn thôi!

-Đức ông nghĩ đến cái chết phải không? Nếu Đức ông chết, xin Đức ông để gia tài lại cho người khác… Vì nếu Đức ông chết em cũng chẳng còn cần gì nữa đâu!

Và giật lấy tờ giấy, cô xé nó ra làm bốn mảnh và vứt ra giữa phòng. Vì quá xúc động, cô ngã xuống và ngất đi. Môngtơ Crixtô cúi xuống bế cô lên, thấy khuôn mặt có nước da đẹp bị tái đi, cặp mắt kiều diễm nhắm lại, cái thân hình tuyệt diệu bất động như phó thác. Một ý nghĩ lần đầu tiên đến với bá tước là có lẽ Hayđê yêu mình khác con gái yêu cha. Bá tước tự nhủ thầm, lòng tê tái: "Than ôi, ta còn có thể có hạnh phúc sao?".

Rồi bá tước bế Hayđê vào phòng trao cho những người hầu gái sau đó quay lại phòng giấy chép lại tờ di chúc đã bị Hayđê xé. Vừa viết xong thì có tiếng xe ngựa dưới sân. Bá tước ngó nhìn qua cửa sổ thấy Moren và Emmanuen xuống xe, ông lẩm bẩm: "Được! Thế là đã đến giờ rồi!"

Bá tước đóng dấu vào tờ di chúc. Vừa đóng xong thì Mắcximiliêng khoác tay Emmanuen bước vào. Bá tước bắt tay hai người rồi nói: -Tôi sung sướng được hai bạn quý mến giúp cho, và ngày hôm nay là ngày đẹp nhất của tôi. Chúng ta chuẩn bị để đi chứ!

Nói xong bá tước gọi Ali đến, đưa cho hắn tờ di chúc bảo mang đến nhà ông quản khế rồi quay lại bảo Moren: -Đây là tờ di chúc của tôi, sau khi tôi chết, ông có nhiệm vụ thi hành.

-Sao? – Moren kêu lên – Ngài mà chết à?

-Ta phải đề phòng tất cả, bạn ạ! Tối qua ông làm gì sau khi từ giã tôi?

-Tôi đi tìm Bôsăng và Satô Rơnô để định thay đổi vũ khí, dùng gươm chứ không dùng súng, vì súng may rủi lắm.

-Thế ông có thành công không? – Bá tước vội hỏi với một niềm hy vọng dạt dào.

-Không, bởi vì người ta biết tài đấu gươm của ngài.

-Thôi, thế là có người lại phản tôi rồi!

-Chính là các thầy dạy kiếm đã bị ngài đánh bại đấy!

-Moren, ông có thấy tôi bắn súng bao giờ chưa?

-Chưa ạ!

-Vậy thì mời ông xem, ta còn thì giờ.

Môngtơ Crixtô cầm lên những khẩu súng hôm qua rồi dán một quân bài át nhép vào một tấm ván, bằng bốn phát súng ông ngắt gọn bốn nhánh của hoa nhép. Cứ mỗi phát Moren lại tái người đi. Khi bá tước bắn xong, anh ra cầm lá bài lên rồi nói: -Ông bắn khiếp quá, thưa bá tước. Nhân danh Chúa, tôi xin ông đừng giết Anbe, cậu ta có một người mẹ.

-Ông nói đúng, còn tôi thì không có mẹ.

Câu nói đó được thốt ra bằng một giọng làm Moren phải rùng mình.

-Thưa bá tước – Moren nói – ngài là người bị thách nên có quyền bắn trước. Chỉ cách nhau có hai mươi bước thôi, ngài lại bắn giỏi như thế, tôi xin kêu gọi lòng thương người, lòng độ lượng của ngài mà gượng nhẹ cho Anbe. Chẳng hạn chỉ làm hắn bị thương hoặc bẻ gãy một tay hắn thôi.

-Ông Moren, ông hãy nghe tôi nói điều này: Tôi chẳng cần được động viên cũng sẽ khoan nhượng cho Moocxép. Ông sẽ thấy tôi khoan nhượng cho hắn tới mức mà hắn sẽ được ung dung trở về với hai người bạn!

-Thế còn ngài?

-Người ta sẽ khiêng tôi về.

-Ngài nói gì thế? – Moren sửng sốt hỏi.

-Như tôi đã nói trước với ông, ông Moren thân mến ạ! Moocxép sẽ bắn chết tôi.

Moren nhìn bá tước không hiểu thế nào cả nên vội hỏi thêm: -Từ hôm qua đến giờ, điều gì đã xảy ra với ngài vậy?

-Như Bruytuyt nói trước hôm ra trận Philip: Tôi thấy một con ma, nó nói với tôi rằng tôi sống thế là đủ rồi.

Moren và Emmanuen nhìn nhau. Bá tước rút đồng hồ ra rồi nói: -Ta đi thôi, gần đến giờ rồi. Tám giờ đã phải có mặt, mà bây giờ là bảy giờ năm phút.

Một cỗ xe đã sẵn sàng. Môngtơ Crixtô cùng hai chàng thanh niên lên xe. Đúng tám giờ xe đến chỗ hẹn. Môngtơ Crixtô xuống xe, kéo Moren ra một chỗ vắng, hỏi: -Mắcximiliêng, trái tim ông còn được tự do không?

-Tôi đã yêu một cô gái rồi – Moren đáp và ngạc nhiên.

-Ông có yêu cô ấy lắm không?

-Hơn cả tính mạng tôi!

Bá tước nghĩ thầm: "Thế là ta lại bị thất vọng lần nữa rồi! Thật thương hại cho Hayđê!"

Vừa lúc đó, hai nhân chứng của Anbe và Satô Rơnô cũng tới nơi. Moren chạy lại hỏi: -Tử tước Moocxép đã tới chưa?

-Sáng nay cậu ta bảo chúng tôi cứ đi trước – Satô Rơnô đáp – Kìa, hình như cỗ xe đã đến!

Quả nhiên một cỗ xe đang phóng nước đại tới. Sau khi xe đỗ, Luyxiêng và Frăng trên xe bước xuống chạy đến bắt tay hai thanh niên kia. Frăng hỏi: -Sáng nay Anbe báo cho chúng tôi biết tám giờ có mặt ở bãi đấu. Bây giờ đã quá mười phút rồi mà chưa thấy cậu ta đâu cả.

-Kia rồi, cậu ta đang cưỡi ngựa đến. – Bôsăng chỉ – Sao cậu ta lại ăn mặc trịnh trọng thế kia: áo lễ đen, gilê trắng, đeo cavát?

Anbe tới gần, kìm ngựa lại, nhảy xuống đất, mặt tái nhợt, cặp mắt đỏ hoe và sưng húp, hình như cả đêm qua không ngủ, vẻ người thẫn thờ khác thường. Anh nói: -Thưa các bạn, tôi không ngờ đã được các bạn chiếu cố và rất lấy làm cảm tạ tấm lòng quý hóa của các bạn. Yêu cầu anh Moren báo cho ngài bá tước Môngtơ Crixtô là tử tước Đơ Moocxép đã tới hầu ngài.

Moren đi làm nhiệm vụ và Bôsăng mở hộp lấy mấy khẩu súng ra. Bá tước Môngtơ Crixtô điềm tĩnh cùng hai nhân chứng tới gần Anbe đang đứng bên cạnh bốn người bạn, Anbe run run: -Các bạn thân mến, tôi đề nghị các bạn hãy nghe rõ những câu mà tôi sắp nói với bá tước Mông tơ Crixtô, để sau này có dịp các bạn sẽ nói lại với những người khác, mặc dù tuyên bố của tôi sẽ làm bạn phải kinh ngạc – Rồi quay lại phía bá tước, Anbe nói tiếp – Thưa ngài, tôi đã lăng mạ ngài vì ngài đã vạch trần những hành động tội lỗi của bá tước Moocxép tại vương quốc Janina, và tôi đã cho là ngài không có quyền hành động như vậy. Nhưng hôm nay, thưa ngài, tôi được biết rằng ngài có quyền trừng trị bá tước Moocxép, không phải vì ông ta phản bội quốc vương Ali, mà vì sự phản bội của người dân chài Fécnăng đối với ngài và đã gây cho ngài biết bao đau khổ. Vì lẽ đó, tôi xin lớn tiếng tuyên bố là ngài có quyền trả thù, và tôi, con trai ông ta, tôi phải cám ơn việc làm của ngài.

Những lời nói của Anbe dường như một tiếng sét giáng xuống đầu mọi người có mặt làm mọi người sững sờ đứng lặng đi. Còn bá tước Môngtơ Crixtô ngước mắt lên trời có vẻ muốn thầm kín tạ ơn và nghĩ đến tấm lòng cao cả của Mécxêđét đã không để cho mình phải hy sinh vô ích, và đã thuyết phục được người con trai dũng cảm và cương trực kia.

Anbe nói tiếp: -Bây giờ nếu ngài thấy những lời xin lỗi của tôi đã được đầy đủ thấy tôi đã nhận rõ những sai lầm của tôi, xin ngài hãy đưa tay cho tôi bắt. Còn hành động của tôi chỉ có mình tôi biết. Vì có một vị Thiên thần đã được

Thượng đế phái xuống để cứu sống tôi và làm cho chúng ta trở thành hai người bạn, hoặc ít nhất cũng có thể thông cảm với nhau.

Môngtơ Crixtô hai mắt nhòa lệ, ông thở gấp, giơ tay ra và Anbe liền nắm lấy siết chặt một cách kính cẩn. Xong, Anbe lại nói tiếp.

-Thưa các bạn, ngài Môngtơ Crixtô đã tha lỗi cho tôi. Tôi đã hành động vội vã và hấp tấp đối với ngài nên tôi đã phạm sai lầm. Bây giờ sai lầm của tôi đã được sửa chữa. Tôi mong rằng mọi người sẽ không cho tôi là hèn nhát vì tôi đã làm theo lời chỉ bảo của lương tâm. Còn nếu như người ta vẫn hiểu lầm tôi, tôi sẽ cố gắng uốn nắn lại dư luận.

Bôsăng thì thầm với Satô Rơnô: -Chẳng hiểu đêm qua đã xảy ra vấn đề gì? Hình như chúng ta đang đóng một vai trò không lấy gì làm vui vẻ.

-Đúng thế! – Satô Rơnô đồng tình – Điều mà Anbe vừa làm có thể là hèn mạt mà cũng có thể là cao cả.

Đơ Bray nói với Frăng: -Thế này là thế nào? Bá tước Môngtơ Crixtô, làm mất danh dự ngài Moocxép mà con trai ngài Moocxép lại cho thế là đúng! Nếu như là xảy ra mười vụ Janina trong gia đình tôi, tôi quyết đấu mười lần.

Môngtơ Crixtô, trán cúi xuống, hai tay bất động, ông đang bị đè nặng dưới trọng lượng của hai mươi bốn năm đầy kỷ niệm. Bá tước không nghĩ đến Anbe, không nghĩ đến Bôsăng, đến Satô Rơnô, không nghĩ đến người nào hiện có mặt ở đấy. Ông chỉ nghĩ đến người phụ nữ can đảm đã đến nhà ông xin tha tính mạng cho con bà, ông đã nộp tính mạng ông cho bà, lại được bà cứu tính mạng cho ông bằng cách tâm sự với con toàn bộ bí mật của đời bà. Việc đó có thể thủ tiêu vĩnh viễn lòng hiếu thảo của Anbe đối với bá tước Moocxép.

Bá tước tự nhủ thầm: "Vẫn là nhờ có Thượng đế! Chỉ có ngày hôm nay ta mới thấy chắc chắn ta là phái viên của Thượng đế!"

§91. Mẹ và con

Anbe từ biệt các bạn, nhẩy lên ngựa phóng nước đại trở về Pari và một lát sau về đến nhà phố Henđơ. Lúc xuống ngựa, anh thấy hình như đằng sau tấm rèm cửa phòng ngủ của bá tước Moocxép thấp thoáng bộ mặt tái xanh của cha anh. Anh vội ngoảnh mặt đi, thở dài rồi bước vào nhà.

Anh đưa mắt nhìn những đồ đạc quý giá đã từng chứng kiến những ngày thơ ấu yên vui của mình và những bức tranh treo trên tường hình như đang mỉm cười với anh. Anh hạ bức chân dung của mẹ anh xuống, cuốn lại bỏ vào hòm. Sau đó anh xếp những khẩu súng, đồ tư trang, dụng cụ, quần áo, tiền bạc, bỏ vào ngăn kéo khóa lại, viết thành một bản kiểm kê đặt trên bàn.

Giữa lúc đó, một người hầu của cha anh vào hỏi tin tức về cuộc đấu súng, anh bảo người đó báo cho cha anh biết là anh đã xin lỗi bá tước Môngtơ Crixtô. Một lát sau anh nghe có tiếng xe ngựa lăn trên sân, anh ra mở cửa sổ nhìn xuống thấy ông Moocxép bước lên xe ra đi.

Sắp xếp xong mọi việc, Anbe sang phòng mẹ, vừa tới cửa buồng, anh sửng sốt dừng lại. Cũng như anh, mẹ anh cũng đang thu dọn quần áo tư trang, tiền bạc bỏ vào tủ khóa lại. Anh đã hiểu công việc làm của mẹ, anh vội thốt lên: -Mẹ! – rồi chạy vào ôm lấy cổ mẹ, giọng nấc lên – Mẹ! Mẹ không thể làm như con được! Con đã quyết tâm làm lại cuộc đời, trong gian khổ, trong thiếu thốn, tự kiếm lấy miếng ăn hàng ngày, vì con còn trẻ, có sức lực, và từ ngày hôm qua con đã hiểu thế nào là ý chí. Có những người đã vô cùng đau khổ nhưng họ vẫn chịu đựng, vẫn kiên gan để xây dựng nên sự nghiệp vẻ vang mà Thượng đế đã dành cho họ với niềm hy vọng lớn lao. Con đã nhìn thấy những con người đó ngoi lên khỏi vực thẳm với đầy đủ sức mạnh và dìm xuống đó những kẻ thù đã làm hại họ. Bắt đầu từ giờ phút này, con đoạn tuyệt với quá khứ và con cũng không muốn mang cái tên họ nhơ bẩn này nữa!

-Anbe yêu quý của mẹ, con đã hành động theo tiếng nói của lương tâm con, mẹ chỉ yêu cầu con đừng nản chí. Với tuổi đời của con, cuộc sống còn tốt đẹp, còn nhiều hứa hẹn, và một ngày kia con sẽ trở về trong một tương lai huy hoàng sáng lạn. Con mới hai mươi tuổi đầu, tâm hồn con còn trong trắng, con cần phải có một tên họ trong trắng như thế, con hãy lấy họ của ông ngoại con: Herêra. Mẹ hiểu con, mặc dù con theo đuổi nghề nghiệp gì, chẳng bao lâu nữa con sẽ làm cho tên họ đó sáng chói. Vậy là con sẽ lại xuất hiện với đời sáng lạn hơn những ngày đau khổ đã qua. Nếu không được như vậy, ít ra cũng để cho mẹ có chút hy vọng ấy vì mẹ chỉ còn có ý nghĩ đó thôi, mẹ chẳng còn tương lai gì, chỉ còn con đường tới nấm mồ đã bắt đầu từ ngưỡng cửa nhà này.

-Thưa mẹ, con sẽ làm theo lời mẹ. Vâng, con sẽ chia sẻ niềm hy vọng với mẹ. Cơn giận dữ của Thượng đế sẽ không theo đuổi chúng ta nữa vì mẹ trong sáng như thế, con vô tội thế này. Nếu lòng mẹ con ta đã quyết, chúng ta phải hành động nhanh lên. Ông Moocxép đã đi ra khỏi nhà gần được nửa giờ rồi, nên lợi dụng cơ hội này để tránh phải giải thích phiền phức.

Nói xong Anbe chạy ra phố thuê một cỗ xe ngựa, vừa về đến cổng gặp một người chạy lại đưa cho anh một phong bì thư, Anbe nhận ra người quản gia của Môngtơ Crixtô là Bectuyxiô.

Anbe cầm lấy, xé phong bì lấy thư ra đọc. Sau khi đọc xong anh ngẩng đầu lên tìm người đưa thư, Bectuyxiô dã biến mất. Anh bùi ngùi xúc động, rưng rưng nước mắt, chạy vào đưa cho mẹ xem.

Mécxêđét đọc:

"Ông Anbe! Tôi hiểu ý định của ông, tôi cũng muốn trình bày ý định của tôi. Ông đã được tự do, ông rời bỏ ngôi nhà Moocxép và ông cũng đưa bà mẹ đi theo, bà cũng được tự do như ông, nhưng ông hãy suy nghĩ lại. Ông nợ ơn bà mẹ ông nhiều lắm mà không thể nào trả được. Ông hãy dành cho ông sự phấn đấu, ông hãy đòi về phần ông nỗi thống khổ, nhưng xin ông hãy tránh cho mẹ ông những bước gian truân của buổi ban đầu ấy, vì mẹ ông không đáng chịu khổ và Thượng đế không muốn người vô tội phải trả nợ thay cho kẻ có tội.

Tôi biết là hai mẹ con ông sẽ rời bỏ ngôi nhà ở phố Henđơ mà chẳng mang theo một thứ gì. Tại sao tôi biết? Xin đừng tìm hiểu. Tôi biết, có thế thôi.

Xin ông Anbe hãy nghe tôi. Hai mươi bốn năm về trước, tôi trở về nước vui vẻ và hãnh diện. Tôi có một người yêu, một cô gái xinh đẹp, trong trắng mà tôi rất yêu, ông Anbe ạ! Tôi mang về cho người vợ chưa cưới của tôi một trăm năm mươi đồng Lu-i mà tôi khó nhọc mới nhặt nhạnh được. Số tiền đó là dành cho nàng vì biển cả xảo quyệt lắm! Tôi đã chôn số tiền đó trong cái vườn nho của căn nhà của tôi ở, phố Mêlăng tỉnh Mácxây. Bà mẹ ông biết rõ căn nhà thân yêu ấy.

Vừa qua, đi đến Pari, tôi có tạt vào Mácxây. Tôi có đến thăm ngôi nhà đầy những kỉ niệm đau thương ấy, tôi đã đào cái hòm sắt lên, món tiền vẫn còn nguyên vẹn. Nó ở góc vườn dưới bóng một cây vả mà cha tôi đã trồng.

Ông Anbe ạ! Số tiền đó trước kia là dùng để bảo đảm đời sống yên lặng cho người phụ nữ mà tôi yêu, và ngày nay, vì một sự ngẫu nhiên kỳ lạ và đau đớn, nó lại tìm thấy cùng một tác dụng như xưa kia.

Ôi ông Anbe! Xin ông hãy thông cảm với suy nghĩ của tôi, tôi có thể biếu bà mẹ đáng thương của ông bạc triệu mà nay lại chỉ dám san sẻ một mẩu bánh mì đen bỏ quên trong góc nhà tôi như ngày mà tôi phải xa lìa người mà tôi yêu!

Ông là một người rộng lượng, nhưng có thể bị sự kiêu hãnh và giữ ý che mắt. Nếu ông từ chối một người, người đó sẽ cho ông là hẹp hòi vì đã từ chối cuộc

sống cho mẹ ông mặc dù cha người đó đã bị cha ông làm cho phải chết đau đớn trong đau khổ và tuyệt vọng”.

Đọc xong, Mécxêđét ngước mắt lên trời, lòng thổn thức và xúc động, khẽ nói: -Ta nhận! Ông ấy có quyền tặng ta một số vốn để ta đem vào nhà tu kín!

Rồi ôm bức thư vào ngực, Mécxêđét nắm tay con trai đi nhanh xuống cầu thang.

§92. Tự sát

Môngtơ Crixtô cùng với Mắcximiliêng và Emmanuen lên xe trở về Pari. Dọc đường hai anh thanh niên tỏ vẻ hân hoan về sự kết thúc tốt đẹp của câu chuyện và ca tụng hành động đẹp đẽ của Anbe.

Đi được một quãng bá tước thấy Bectuyxiô đứng ở dọc đường. Bá tước cho xe dừng lại, thò đầu ra ngoài cửa xe ghé vào tai lão quản gia nói nhỏ mấy câu, lão liền biến ngay.

Đến quảng trường Hoàng cung, bá tước từ biệt hai người bạn trẻ và không quên gửi lời hỏi thăm Juyli. Khi cỗ xe dừng ở phía trước tòa nhà ở đại lộ Săng Êlidê thì đã thấy Bectuyxiô đứng chờ ở cửa, lão báo cho chủ biết Anbe cùng bà mẹ đang chuẩn bị rời bỏ ngôi nhà của Moocxép. Bá tước liền vào văn phòng viết một bức thư trao cho người quản gia rồi sai người đi báo cho Hayđê biết. Cô gái Hy Lạp chạy ngay đến, vẻ mặt vui mừng rạng rỡ, dường như đang chờ đợi người yêu trở về bình yên vô sự. Bá tước cũng cảm thấy lòng rung động khác thường, nhìn đôi mắt long lanh và tuyệt đẹp của Hayđê, ông tưởng chừng trên trần gian này lại có thêm một nàng Mécxêđét nữa, và mình còn khả năng được hưởng hạnh phúc.

Lúc mà cái nhìn rực lửa hạnh phúc của bá tước đang đắm đuối trong cặp mắt nhung ướt của Hayđê thì có người vào báo: "Ngài Đơ Moocxép!" Mặt bá tước sáng hẳn lên hỏi: -Moocxép nào? Tử tước hay bá tước?

-Thưa bá tước ạ!

-Trời ơi! – Hayđê kêu lên – Chưa hết nợ với tên khốn kiếp ấy ư?

-Ta chưa biết thế nào cả! – Môngtơ Crixtô nói và nắm lấy tay Hayđê – Con yêu quý của ta, chẳng có gì đáng ngại đâu!

-Nhưng tên đó là… một thằng xảo quyệt!

-Hắn không làm gì ta được đâu, Hayđê! Nhưng nếu hắn với con có vấn đề gì mới đáng ngại.

-Vì điều đó mà em đau khổ. Đức ông chẳng bao giờ biết đến?

Môngtơ Crixtô mỉm cười và giơ tay lên đầu cô gái: -Ta xin thề với vong linh cha em, nếu có điều gì bất hạnh xảy ra thì hắn phải hứng chịu chứ không phải ta.

-Em tin lời Đức ông như Thượng đế nói với em vậy!

Hayđê vừa nói vừa giơ trán ra cho Môngtơ Crixtô, bá tước đặt lên đấy một cái hôn làm cho cả hai trái tim cùng đập rạo rực.

Bá tước tự nhủ thầm: "Ôi, lạy Chúa! Người còn cho phép tôi yêu nữa sao?". Sau khi đã đưa cô gái Hy Lạp ra khỏi phòng, bá tước bảo người hầu cho Moocxép vào. Đến đây ta tạm hoãn để nói về Moocxép.

Trong khi Mécxêđét thu xếp tư trang để cho vào tủ và ngăn kéo thì Moocxép lẻn đến nhìn qua khe cửa và hắn biết rõ sự tình. Hắn lại quay trở về phòng, ra đứng ở cứa sổ nhìn xuống sân. Hắn đứng đấy mười phút, im lặng như tờ, hắn nghe rõ tiếng đập của trái tim hắn. Hắn chờ đợi.

Chính lúc đó Anbe ở bãi đấu súng trở về, nhìn thấy cha nấp sau rèm cửa, anh quay mặt đi. Cặp mắt bá tước Đơ Moocxép như giãn ra. Hắn biết cuộc quyết đấu giữa Anbe và Môngtơ Crixtô là một mất một còn. Bây giờ Anbe trở về tức là Môngtơ Crixtô đã bị giết. Nhưng hắn chờ mãi không thấy con trai đến báo tin về cuộc chiến thắng ấy. Tại sao người con trước khi đi bảo vệ danh dự cho người cha, lại không đến thăm cha? Điều đó hắn có thể hiểu. Còn bây giờ danh dự người cha đã được trả thù, tại sao con trai hắn lại không lao vào vòng tay hắn?

Vì thế hắn cho người hầu đi hỏi và Anbe đã trả lời rõ ràng.

Mười phút sau người ta thấy thiếu tướng Đơ Moocxép bước xuống bậc thềm. ông ta mặc lễ phục đen, cổ cồn nhà binh, quần đen, găng tay đen. Cỗ xe ngựa chạy tới đỗ trước mặt. Người đánh xe cúi xuống đợi lệnh chủ.

-Đến Săng Êlidê! – Thiếu tướng truyền – Nhà bá tước Môngtơ Crixtô, nhanh lên!

Cỗ xe ngựa chòm lên và chỉ dăm phút sau đã đến trước cửa nhà Môngtơ Crixtô. Moocxép tự mở lấy cửa xe, nhảy xuống đường nhẹ nhàng như một thanh niên. Hắn kéo chuông cửa.

Moocxép đi đi lại lại dọc phòng khách, đến lần thứ ba thì gặp Môngtơ Crixtô đứng ở ngưỡng cửa. Chủ nhân bình tĩnh lên tiếng trước: -À, chào ngài Moocxép! Thế mà tôi đã tưởng tôi nghe lầm.

-Phải, tôi đây! – Moocxép mím chặt môi nên nói hơi khó nghe.

-Vậy tôi chỉ còn muốn biết nguyên nhân vì sao tôi được hân hạnh tiếp ngài đến thăm sớm như vậy?

-Sáng nay ngài đã có một cuộc quyết đấu với con trai tôi phải không?

-Ngài cũng biết việc đó? – Môngtơ Crixtô hỏi.

-Tôi còn biết những lý do chính đáng mà con trai tôi cần phải quyết đấu với ngài và quyết giết ngài!

-Vâng, lý do đó của con ngài đúng lắm. Nhưng ngài thấy là mặc dù vậy, con trai ngài đã không giết tôi mà cũng không quyết đấu nữa.

-Tuy nhiên con tôi đã coi ngài là thủ phạm gây ra việc làm mất danh dự cho cha nó và hiện nay gây ra sự đổ nát ghê gớm cho gia đình tôi.

-Đúng như vậy, thưa ngài! – Môngtơ Crixtô nói với vẻ bình tĩnh lạ kỳ – Thủ phạm phụ chứ không phải thủ phạm chính.

-Có lẽ ngài đã phải xin lỗi con tôi hoặc đã thanh minh với nó?

-Tôi không thanh minh một lời nào mà chính con trai ngài đã xin lỗi tôi.

-Thế ngài quy vào đâu cái thái độ đó?

-Vào lòng tin, vào vấn đề là trong tất cả những việc đó còn có một người tội nặng hơn tôi.

-Ai vậy?

-Cha nó!

-Cứ cho là thế! – Moocxép tái mặt – Nhưng ngài nên nhớ là kẻ có tội không muốn nhận tội đâu!

-Tôi biết… Do đó tôi chờ điều đang xảy ra đây.

-Ngài chờ cho đến khi con tôi trở thành một tên hèn nhát! – Moocxép kêu lên.

-Anbe Đơ Moocxép không phải là một tên hèn nhát.

-Một người cầm gươm ở tay đứng trước một kẻ thù mà không dám quyết đấu là một thằng hèn! Sao nó không ở đây để tôi bảo cho nó biết.

-Thưa ngài – Môngtơ Crixtô lạnh lùng – tôi nghĩ rằng ngài đến đây không phải để kể lể cho tôi nghe việc vặt trong gia đình. Ngài cứ tìm đến Anbe mà hỏi, có lẽ cậu ta biết đường trả lời.

-Ồ, không, không! – Moocxép cười nửa miệng đáp – Ngài nói đúng đấy. Tôi đến đây không phải vì thế, tôi đến để nói với ngài rằng tôi cũng coi ngài như kẻ thù của tôi. Tôi đến để nói cho ngài biết rằng tôi căm thù ngài! Cứ như tôi quen biết ngài rồi, luôn luôn thù ghét ngài! Và cuối cùng, nếu như bọn thanh niên ở thời đại này không dám quyết đấu với ngài thì chúng ta quyết đấu với nhau… Ngài có đồng ý thế không?

-Hoàn toàn đồng ý. Do đó khi tôi nói rằng tôi đã biết trước điều gì xảy ra đến cho tôi, đó là cuộc đến thăm của ngài mà tôi muốn nói tới.

-Càng hay! Ngài đã chuẩn bị xong chưa?

-Thưa ngài, tôi luôn luôn sẵn sàng.

-Ngài biết rằng chúng ta sẽ đấu cho đến lúc một mất một còn chứ? – Moocxép hỏi, giọng rít lên.

-Cho đến lúc một trong hai ta phải chết – Môngtơ Crixtô gật đầu.

-Vậy ta đi thôi, chúng ta không cần người làm chứng.

-Đúng! Không cần thiết, chúng ta đã biết nhau quá đi rồi!

-Trái lại – Moocxép phản bác – Chúng ta đã biết nhau đâu?

-Thử xem nào! – Giọng Môngtơ Crixtô lạnh như băng – Ngài chẳng là tên lính Fécnăng đã đào ngũ trước hôm mở màn chiến dịch Oateclô? Ngài chẳng là tên thiếu uý Fécnăng đã làm tình báo cho quân đội Pháp chống lại Tây Ban Nha? Ngài chẳng phải là đại uý Fécnăng đã phản bội, bán rẻ và ám sát ân nhân của mình là Quốc vương Ali? Và những tên Fécnăng đó phải chăng hợp nhất lại thành thiếu tướng bá tước Đơ Moocxép, nghị viên của nước Pháp?

-A, quân khốn kiếp! – Moocxép kêu lên như chạm phải cục sắt nung đỏ – Mi dám động tới những tủi nhục của ta vào lúc có thể là mi sẽ giết ta! Không, ta

không nói là mi không biết ta! Đồ quỷ sứ, mi đi đã sâu vào quá khứ dưới ánh lửa của một bó đuốc nào đó ta không rõ, mi đã đọc được từng trang sử của đời ta! Nhưng như thế có lẽ điều sỉ nhục của ta còn vinh dự hơn mi trong cái bề ngoài hào nhoáng. Không, không, mi biết ta, ta biết thế, nhưng còn mi thì ta chưa biết. Mi, một tên giang hồ đầy vàng bạc và châu báu! Ở Pari mi lấy tên Bá tước Môngtơ Crixtô, ở Ý mi là thủy thủ Ximbát, ở Mantơ là gì nhỉ? Ta quên rồi, nhưng ta yêu cầu tên thật của mi. Ta muốn biết tên họ chính cống của mi giữa hàng trăm thứ tên giả của mi để ta có thể đọc nó lên trong bãi đấu lúc ta xuyên thủng tim mi.

Bá tước Môngtơ Crixtô tái mặt đi một cách ghê gớm. Đôi mắt long lên như muốn nẩy lửa, bá tước nhảy vào phòng rửa mặt, trút bỏ bộ quần áo đang mặc ra, thay vào bộ quần áo thủy thủ, đầu đội mũ vải, xõa mớ tóc dài đen nhánh ra, rồi lại bước ra ngoài, kinh khủng, hằn học, khoanh hai tay trước ngực đi đến trước mặt Moocxép. Moocxép thấy địch thủ của mình biến mất, chưa hiểu sao, đang chờ đợi. Khi nhìn thấy người đó bước ra, răng hắn va vào nhau lập cập, hai chân nhũn ra, lùi lại một bước và phải tựa vào một cái bàn. Môngtơ Crixtô nói: -Fécnăng! Trong một trăm cái tên của ta, ta chỉ cần nói cho mi biết một tên thôi cũng đủ giáng cho mi một đòn sấm sét. Nhưng cái tên đó mi cũng đoán ra được rồi phải không? Hoặc mi cũng nhớ ra được chứ? Vì rằng, mặc dù ta đã phải trải qua biết bao tủi nhục đau đớn, hôm nay ta lại hiện ra trước mặt mi với một bộ mặt trẻ lại vì vui sướng, thù đã được trả, một bộ mặt mà nhiều khi mi đã nằm mơ thấy sau khi cướp mất Mécxêđét, người vợ chưa cưới của ta!

Moocxép đầu ngửa ra phía sau, hai tay giơ lên trời, cặp mắt trố ra nhìn cái cảnh tượng hãi hùng trước mắt, rồi lần theo bức tường hắn lùi dần ra ngoài cửa, vừa đi vừa thét lên một tiếng kêu rên não nùng tuyệt vọng: -Étmông Đăngtét!

Như một người mất hồn, hắn loạng choạng đi ra khỏi nhà, bước lên xe bảo người hầu đưa hắn về nhà. Tới trước cửa nhà, hắn thấy cánh cổng mở toang, một cỗ xe ngựa thuê đang đỗ ở sân. Hắn hoảng hốt nhìn cỗ xe rồi đi thẳng về phòng riêng.

Có hai người đang xuống cầu thang, hắn vội nấp vào một cái buồng nhỏ. Đó là Mécxêđét, bà đang vịn vào vai con trai đi xuống, hai người sắp rời khỏi tòa nhà. Hắn nghe thấy tiếng con trai nói: -Hãy can đảm lên mẹ ạ! Đi đi thôi, nhà này không phải của chúng ta nữa!

Những tiếng bước chân xa dần. Moocxép cố kìm một tiếng đau đớn của một người cha, một người chồng cùng một lúc bị vợ và con trai bỏ rơi.

Một lát sau có tiếng đóng cửa xe, tiếng người đánh xe quất ngựa rồi tiếng bánh xe lăn trên đường sỏi. Hắn vội lao ra cửa sổ của phòng ngủ để hòng nhìn lại một lần nữa tất cả những gì mà hắn yêu quý nhất đời. Nhưng cỗ xe cứ lao đi, Mécxêđét và Anbe không thèm quay lại nhìn lần cuối cùng căn nhà hoang vắng.

Moocxép nhìn theo bóng chiếc xe mờ dần, mong mỏi ở đó có cái nhìn tha thứ cho người chồng, người cha đầy bất hạnh. Nhưng điều đó không bao giờ xảy ra nữa.

Và khi cỗ xe vừa ra khỏi cổng vườn, một phát súng nổ vang làm rung động phòng ngủ. Tấm kính cửa bị tiếng nổ làm vỡ tan. Một làn khói đen lọt qua lỗ hổng do tiếng nổ gây ra, tan biến vào khoảng không.

§93. Valăngtin

Sau khi từ biệt Môngtơ Crixtô, Moren đến nhà Vinlơpho theo đúng giờ Valăngtin đã hẹn anh. Thiếu nữ đưa anh vào phòng ông già bại liệt. Trong gia đình Vinlơpho ai cũng biết tin về cuộc đấu súng giữa Anbe và Môngtơ Crixtô, và Valăngtin đã đoán trước thế nào Moren cũng là nhân chứng của bá tước, nên nôn nóng muốn biết kết quả ra sao. Anh thanh niên, kể lại cho hai ông cháu nghe mọi chi tiết của cuộc gặp gỡ, và thấy người yêu tỏ vẻ vui mừng về sự kết thúc của câu chuyện đáng sợ đó.

-Bây giờ – Valăngtin nói – Hãy bàn đến chuyện riêng của chúng ta. Anh Mắc, em đã nói với anh là ông em muốn rời khỏi ngôi nhà này vì lý do sức khỏe của em.

-Đúng thế! Từ nửa tháng nay anh thấy em sút đi rất nhiều, em làm sao thế, thấy trong người thế nào?

-Em thấy toàn thân mệt mỏi làm sao ấy, ăn không thấy ngon, ngủ không đẫy giấc!

Ông già Noachiê có vẻ chăm chú nghe. Valăngtin nói tiếp: -Mỗi sáng em uống một thìa trong chai thuốc dành cho ông em và cứ tăng dần. Bây giờ đã uống tới bốn thìa. Nhưng phải nói là thứ thuốc đó đắng lắm, thành thử em uống cái gì bây giờ cũng thấy đắng. Mới rồi, trước khi xuống đây, em uống một cốc nước đường thấy đắng quá, em phải bỏ lại một nửa.

Ông già tái mặt và ra hiệu muốn nói. Valăngtin hiểu ý liền đứng dậy đi lấy tờ giấy có ghi những chữ cái. Nhưng bỗng nhiên mặt cô đỏ gay, bước đi loạng choạng phải vịn vào cánh cửa như người bị say nắng. Moren hoảng sợ vội chạy lại đỡ tay cô thiếu nữ.

-Em hết choáng váng rồi, anh cứ yên tâm!

Nói xong cô chạy ra ngoài một lát rồi trở về phòng: -Có Đăngla phu nhân đến chơi, cả Ơgiêni nữa! Em phải xuống tiếp khách, anh chờ em một lát và ở đây với ông nhé!

Lúc Valăngtin đi rồi, ông già Noachiê bảo Moren cầm tờ giấy có chữ cái, anh cũng đã quen với cách nói chuyện này. Một lát sau anh đọc được ý muốn của ông già: "Đi lấy cái bình và cốc nước ở phòng Valăngtin đem lại đây". Anh liền bảo một người hầu thay lão bộc Baroa đi làm nhiệm vụ đó. Một lát sau người hầu trở về nói trong bình và cốc không còn một giọt nước nào. Ông già bảo anh hỏi tại sao tiểu thư đã nói mới uống hết có nửa cốc. Người hầu trả lời: -Lúc tiểu thư trở về phòng mình để đi sang phòng phu nhân, tiểu thư đã uống hết rồi. Còn cái bình cậu Êđua đã đem đổ đi để đựng cá vàng.

Ông già ngửa mặt lên nhìn trời tỏ vẻ thất vọng. Valăngtin vào phòng khách chào Đăng la phu nhân và Ơgiêni. Đăngla phu nhân báo tin cho gia đình Vinlơpho về lễ cưới sắp tổ chức nay mai cửa tiểu thư Ơgiêni lấy tử tước Cavancăngty.

-Thưa bà chị – Vinlơpho phu nhân nói bằng giọng trang trọng – Tử tước Cavancăngty là người có nhiều đức tính tốt rất xứng đôi với tiểu thư Ơgiêni.

-Tử tước là một thanh niên quý tộc người Ý và nhà tôi cho biết gia đình cậu ta rất giàu có và chính tôi cũng có cảm tình với cậu ấy.

Ơgiêni đang xem một tập ảnh nói bằng giọng quả quyết: -Còn cháu, cháu chẳng thấy quan tâm gì đến anh chàng ấy lắm, vì ý nguyện của cháu là sống tự do và theo đuổi xu hướng nghệ thuật. Nhưng dù sao nếu bắt buộc phải lấy chồng, cháu vẫn có điều may mắn là cuộc hôn nhân của cháu với Anbe Moocxép đã không thành. Suýt nữa cháu lấy phải người chồng vừa mất hết danh dự!

Câu nói rắn rỏi và cương trực của Ơgiêni làm Valăngtin phải ngạc nhiên. Đăngla phu nhân nói thản nhiên: -Đúng thế, cậu ta đã lăng mạ bá tước Môngtơ Crixtô ở nhà hát lớn, nhưng đến lúc đọ súng thì lại xin lỗi. Ông Luyxiêng lúc ấy có mặt ở đó đã kể lại cho tôi nghe.

Valăngtin biết rõ câu chuyện hơn nhưng không muốn nói thêm vào, chỉ ngồi có vẻ trầm ngâm. Bỗng nhiên Đăngla phu nhân cầm tay cô hỏi: -Valăngtin làm sao thế? Cháu thử soi gương mà xem, mặt cháu hết đỏ lại trắng bệch ra!

-Tôi thấy mặt cô tái nhợt ra rất đáng sợ! – Ơgiêni nói, cùng một nhận xét ấy.

-Em thấy mấy ngày nay cứ thế, chẳng hiểu ra sao cả! – Valăngtin nói để lấy cớ rút lui rồi ôm hôn Ơgiêni, chào Đăngla phu nhân và bước ra khỏi phòng. Cô bước xuống cầu thang, thấy choáng váng, mắt hoa lên và lúc gần tới chân cầu thang, cô như kiệt sức, nắm tay thang không vững nữa nên buông ra và ngã gục xuống.

Nghe tiếng động, Moren mở cửa chạy ra thấy Valăngtin nằm sõng xoài dưới chân cầu thang. Anh hốt hoảng vội bế cô vào phòng ông già, đặt cô nằm trên ghế bành.

-Trời ơi! Valăngtin, con có bị thương không?

Thiếu nữ ngước mắt nhìn xung quanh, bắt gặp đôi mắt sợ hãi của ông già, cô gượng cười: -Ông đừng sợ, cháu không sao cả… chỉ thấy đầu choáng váng, một lát nữa sẽ khỏi thôi!

-Lại choáng váng nữa! – Moren chắp hai tay lại nói – Valăngtin anh van em, em phải cẩn thận đấy!

-Không việc gì đâu – Valăngtin nói – Mọi việc đã qua rồi mà! Bây giờ em cho anh biết tin này nhé! Tám ngày nữa tiểu thư Ơgiêni Đăngla sẽ làm lễ cưới và ba ngày nữa sẽ tổ chức một bữa tiệc lớn: Lễ ăn hỏi. Cả nhà em đều được mời đến dự.

-Thế còn bao lâu nữa đến lượt chúng ta? Mau lên em ạ, chừng nào em còn chưa thuộc về anh, anh cứ thấy như là sắp mất em!

-Ồ, anh sợ à? Thế cũng đòi là sĩ quan quân đội! Ha, ha, ha! – Valăngtin cười rú lên và đau đớn, hai cánh tay cô cứng lại, đầu ngả ra sau ghế và cô ngất đi.

Một tiếng kêu khủng khiếp như toát ra từ cặp mắt ông già bại liệt. Moren hiểu, cần phải kêu cứu. Anh lao vào dây chuông. Người hầu gái của Valăngtin và người thay thế lão bộc Baroa lần lượt chạy vào. Thấy tình trạng của cô chủ như vậy, không cần phải ai ra lệnh nữa, họ chạy ra hành lang kêu cứu ầm ĩ.

Lúc đó hai mẹ con Đăngla cũng vừa tới, họ có đủ thì giờ để hiểu việc gì đã xảy ra. Vinlơpho phu nhân cũng chạy đến và nói: -Tôi đã nói trước mà! Tội nghiệp con bé.

§94. Thú tội

Đúng lúc đó người ta nghe thấy tiếng của ngài Vinlơpho ở trong buồng làm việc hỏi vọng ra: -Cái gì thế?

Moren thăm dò cặp mắt của ông Noachiê. Ông già dùng cặp mắt hướng về phía buồng con bên cạnh. Anh hiểu ý, vừa kịp chạy vào đấy để ẩn thì tiếng chân người chạy đã vang lên ở ngoài hành lang.

Vinlơpho lao vào trong buồng, bế Valăngtin trên tay và thét lên: -Thầy thuốc! Gọi thầy thuốc, mau lên! Thôi, để ta đi cho!

Nói xong viên chưởng lý lao ra khỏi phòng. Còn Moren cũng lao vào phòng bằng cửa kia.

Moren kinh hãi nhớ lại cuộc nói chuyện giữa Vinlơpho và ông bác sĩ mà tình cờ anh đã nghe được hôm cụ bà hầu tước Xanh Mêrăng chết. Những triệu chứng đó tuy không đáng sợ bằng nhưng cũng giống như triệu chứng trước cái chết của lão bộc Baroa. Đồng thời anh còn văng vẳng nghe thấy bên tai lời của Môngtơ Crixtô nói với anh cách đây mới hai giờ: "Nếu ông cần gì xin cứ nói với tôi, tôi có nhiều khả năng". Thế là lập tức anh lao đến đại lộ Săng Êlidê.

Trong khi đó Vinlơpho lao đến nhà bác sĩ Đavrinhi.

-Ngài chưởng lý đó ư? – Bác sĩ hỏi.

-Vâng – Vinlơpho đáp và đóng cửa lại – Thưa bác sĩ, nhà tôi quả thật là căn nhà đáng nguyền rủa.

-Sao? Nhà ông lại có ai ốm chăng?

-Vâng – Vinlơpho vừa bứt tóc, vừa đáp – Vâng.

-Tôi đã bảo ông rồi mà! Lần này thì ai sắp chết đây?

Một tiếng kêu đau đớn thốt ra từ đáy lòng Vinlơpho: -Valăngtin! Bây giờ đến lượt Valăngtin!

-Con gái ngài à? – Bác sĩ kêu lên đau đớn và kinh ngạc.

-Ngài đã thấy là ngài lầm chưa? – Vinlơpho khẽ nói – Xin mời ngài lại ngay thăm nó và xin lỗi nó trên giường bệnh vì ngài đã nghi oan cho nó.

-Lần nào ngài báo cho tôi cũng đều muộn cả rồi! Thôi cũng được, tôi đến ngay. Nhưng chúng ta phải nhanh lên. Đối với kẻ sát nhân trong nhà ngài thì không thể chậm trễ được!

-Ôi thưa bác sĩ! Làn này ngài khỏi phải trách sự nhu nhược của tôi. Lần này tôi đã biết kẻ sát nhân là ai rồi. Tôi sẽ tóm cổ nó!

-Hãy tìm cách cứu nạn nhân đã rồi nghĩ đến báo thù sau. Nào, ta đi.

Cùng lúc đó Moren đến gõ cửa nhà Môngtơ Crixtô. Bá tước chạy ra cổng đón Moren.

-Có việc gì xảy ra vậy Mắcximiliêng? Làm sao mà mặt ông lại tái nhợt, trán ông đẫm mồ hôi vậy? – Bá tước hỏi.

Moren ngồi phịch xuống chiếc ghế bành rồi nói: -Vâng, tôi vội quá! Tôi cần phải thưa với ngài một điều.

-Gia quyến ông bình an cả chứ? – Giọng bá tước âu yếm và chân thành.

-Vâng – Moren bối rối – Cám ơn, cám ơn! Gia đình tôi khỏe cả.

-Tốt lắm! Nhưng có việc gì làm ông lo lắng lắm thì phải?

-Vâng – Moren đáp – Tôi vừa ra khỏi cái nhà mà thần chết bước vào rồi chạy thẳng đến đây.

-Ông vừa ở nhà Moocxép ra có phải không?

-Không ạ! Có ai chết trong nhà Moocxép chăng?

-Thiếu tướng Moocxép vừa tự bắn vỡ sọ mình – Môngtơ Crixtô thản nhiên đáp.

-Ôi khốn khổ quá!

-Không khốn khổ cho Moocxép phu nhân và cho Anbe đâu. Một người cha và một người chồng chết đi còn hơn là một người cha và một người chồng sống nhục nhã. Máu sẽ rửa hết nhục.

-Bà Moocxép tội nghiệp quá! Tôi thương bà ta nhất, bà ta thật là người phụ nữ cao thượng và đáng mến.

-Ông cũng nên thương cả Anbe nữa, vì ông nên tin là Anbe xứng đáng là con của người phụ nữ ấy. Thôi, ta quay lại vấn đề của ông đi. Ông vừa nói rằng ông cần đến tôi?

-Nhưng tôi không biết tôi có được phép phát hiện với một người nào khác điều bí mật này chăng? Nhưng số phận thúc đẩy tôi, sự cần thiết ép buộc tôi phải nói.

Moren ngùng lại, lưỡng lự. Môngtơ Crixtô liền hỏi và thân ái nắm tay anh thanh niên: -Ông có biết rằng tôi rất mến ông không?

-Ồ, ngài động viên tôi. Vả lại có cái ở đây này – Moren để tay lên trái tim – nói rằng tôi không được giữ điều bí mật với ngài. Câu chuyện xảy ra như sau:

"Có một đêm, tôi đứng trong mảnh vườn, tôi vô tình được nghe ông chủ nhà than thở với ông thầy thuốc về cái chết xảy ra trong gia đình ông ta và cho rằng sự bất hạnh này là do một hung thần mà Thượng đế đã phái xuống để trừng phạt ông ta.

Còn ông thầy thuốc thì cho rằng nguyên nhân của cái chết là do bị đầu độc và còn nói rằng nếu trường hợp đó lại xảy ra nữa thì ông sẽ nhờ pháp luật can thiệp. Nhưng ba cái chết đã xảy ra liên tiếp và cả ông chủ nhà lẫn ông thầy thuốc đều làm ngơ. Nhưng một trường hợp thứ tư nữa có lẽ đang xảy ra. Vì thế tôi đến đây cầu cứu ngài.

-Ông Moren thân mến, nếu đó là sự trừng phạt của Thượng đế thì tôi khuyên ông hãy ngoảnh mặt đi. Còn đối với tôi, việc này chẳng can hệ gì cả. Ông có muốn tôi báo cho ngài chưởng lý Vinlơpho biết không? – Bá tước nói với một giọng như lời buộc tội làm cho chàng thanh niên rợn cả người.

-Thưa bá tước, ngài đã biết rõ tôi muốn nói gì chưa?

-Biết rõ quá đi chứ! Tôi còn biết thêm là ông đã đứng trong mảnh vườn nhà Vinlơpho và nghe thấy ông ta than thở về cái chết của hầu tước Xanh Mêrăng và phu nhân với ông thầy thuốc Đavrinhi. Còn ông, một người lương thiện và nhân đức, ông muốn khám phá ra sự thật, muốn biết rõ trắng đen. Nhưng nếu họ đã muốn im đi thì cứ để mặc xác họ và nếu không có điều gì ám ảnh thì ông cứ việc ăn ngon ngủ yên! – Nhìn thấy vẻ mặt đau khổ của Moren, bá tước liền nói tiếp – Hãy để cho sự việc đó cứ xảy ra. Gia đình đó đã bị trừng phạt, họ phải chịu sự trừng phạt đó vì đó là ý muốn của Thượng đế. Họ sẽ dần dần rơi rụng như lá vàng trước gió, từng người một, và theo tôi, thì chả cần phải quan tâm đến làm gì!

-Nhưng tôi! – Moren thốt lên bằng một giọng van nài – Tôi không thể làm ngơ được vì tôi yêu cô ấy, tôi yêu cô ấy, ông nghe thấy chưa? Tôi yêu cô ấy tha thiết, như điên như dại! Tôi yêu Valăngtin Vinlơpho mà người ta đang hãm hại, ngài có biết không? Tôi đến cầu xin ngài cứu vớt người con gái ấy!

Môngtơ Crixtô gầm lên một tiếng man rợ tựa hồ con sư tử bị thương, ông bóp chặt hai tay vào nhau và kêu lên: -Khốn nạn quá! Khốn nạn thật! Mi yêu Valăngtin à? Mi yêu đứa con gái của cái dòng giống đáng nguyền rủa ấy à!

Chưa bao giờ Moren trông thấy một vẻ mặt như vậy. Chưa bao giờ một cặp mắt ghê gớm như vậy lại rực sáng trên khuôn mặt Mông tơ Crixtô. Moren sợ hãi lùi lại.

Còn Môngtơ Crixtô sau cơn thịnh nộ, mắt nhắm nghiền lại, ngồi ngây người ra, lấy hết nghị lực để tự trấn tĩnh lại và cuối cùng dẹp tan được cơn giông tố đang quay cuồng trong đầu.

Sự im lặng ấy, sự trấn tĩnh ấy, cuộc đấu tranh ấy diễn ra trong khoảnh khắc. Rồi Môngtơ Crixtô ngẩng khuôn mặt tái xanh lên và nói lạc cả giọng: -Ông thấy đấy! Thượng đế trừng phạt những người lạnh nhạt trước những cảnh tượng khiếp đảm. Tôi đã nhìn, lạnh lùng và tò mò, tôi đã nhìn sự phát triển của tấn bi kịch hãi hùng ấy như một hung thần đang núp đằng sau sự bí mật để cười trước sự đau khổ của con người. Thì đây, đến lượt tôi bị con rắn mà tôi nhìn thấy nó uốn khúc quanh co, chính con rắn ấy lại cắn tôi, cắn trúng vào tim – Moren thốt lên một tiếng thở dài não ruột. Bá tước nói tiếp – Này thôi, không phải than thở nữa, hãy cứng rắn lên, hãy hy vọng vì có tôi ở đây, tôi trông nom cho.

Thấy Moren lắc đầu buồn bã, Môngtơ Crixtô kêu lên: -Tôi đã nói với ông rằng phải hy vọng? Ông có hiểu không? Ông phải biết rằng không bao giờ tôi

hứa suông cả, không bao giờ tôi lầm lẫn cả! Ông hãy nghe tôi nói với ông đây: Bây giờ là buổi trưa, nếu Valăngtin không chết vào giờ này thì sẽ không bao giờ chết cả!

-Trời ơi! – Moren kêu lên – Tôi đã để cô ấy chết dần!

Môngtơ Crixtô cúi xuống tỳ một tay lên trán. Sự việc gì đang diễn ra trong bộ óc nặng những bí ẩn khủng khiếp kia? Chỉ có trời mới biết được.

Môngtơ Crixtô lại ngẩng đầu lên, lần này nét mặt đã trở lại bình tĩnh, như mọi việc diễn ra đúng với dự kiến: -Mắcximiliêng, ông cứ yên trí quay về nhà. Tôi dặn ông đừng có bước một bước nào, đừng có hành động gì cả, tôi sẽ cung cấp tin tức cho ông. Thôi ông về!

-Trời ơi. – Moren như không tin vào lời nói đó – Sự bình tĩnh của ngài làm tôi sợ quá! Ngài có thể chặn được bàn tay tử thần ư? Ngài có phải là người không? Là Thiên thần ư? Là Thượng đế ư?

Và người thanh niên đó trước nay chưa hề lùi bước trước một hiểm nguy nào, nay lại hốt hoảng lùi bước trước Môngtơ Crixtô. Nhưng Mông tơ Crixtô lại nhìn anh bằng cặp mắt vừa trìu mến, vừa buồn rầu làm anh không sao ngăn được những giọt nước mắt đang trào ra.

-Tôi có nhiều khả năng lắm! – Môngtơ Crixtô đáp – ông cứ về đi, tôi cần được yên tĩnh trong lúc này.

Moren không dám cưỡng lại ý muốn của Môngtơ Crixtô. Anh cúi chào bá tước rồi đi ra.

Lúc bác sĩ Đavrinhi đến, Valăngtin vẫn còn mê man bất tỉnh. Hình như ông đã đoán được căn bệnh của cô thiếu nữ nên ông xem xét kỹ lắm. Ông già Noachiê bộ mặt tái nhợt cùng Vinlơpho lo lắng chờ đợi kết luận của thầy thuốc. Một lát sau bác sĩ chậm rãi nói: -Tiểu thư hãy còn sống, vấn đề này làm tôi hơi ngạc nhiên.

Giữa lúc đó Vinlơpho phu nhân và một người hầu gái bước vào. Ông Đavrinhi bảo hai người ấy đưa Valăngtin về phòng ngủ. Khi họ đã đưa bệnh nhân đi khỏi, thầy thuốc quay lại bắt gặp đôi mắt sáng ngời của ông già bại liệt ánh lên sự vui mừng vô hạn và ánh mắt đó tỏ ý muốn nói chuyện với ông. Thầy thuốc ngồi xuống bên cạnh ông già, hỏi: -Cụ có biết gì về căn bệnh của Valăngtin không?

-Có – ông già trả lời bằng mắt.

-Cụ có thấy căn bệnh của tiểu thư tương tự như căn bệnh của lão bộc Baroa trước đây và bây giờ chính bàn tay người đó lại muốn giết Valăngtin?

-Phải!

-Liệu tiểu thư có chung số phận với lão bộc không?

-Không!

-Có phải cụ đã cho cô bé mỗi ngày uống một ít độc dược để làm quen dần với thuốc nên đã tránh khỏi bị nhiễm độc không?

-Phải! Mắt ông già ánh lên vẻ chiến thắng.

Giữa lúc đó Vinlơpho bước vào phòng với chai thuốc pha chế theo đơn của thầy thuốc.

Cũng trong ngày hôm đó, một vị linh mục đến hỏi thuê ngôi nhà nhỏ ở sát nách ngôi nhà của Vinlơpho. Ngôi nhà bị hư hỏng rất nhiều và ngay buổi chiều hôm đó, vị linh mục thuê thợ mộc và thợ nề đến cấp tốc sửa chữa. Vị linh mục đó là người Ý, tên là Buxôni.

§95. Cha và con gái

Trước đó một hôm, Đăngla đang đi đi lại trong phòng, bóp trán suy nghĩ thì người hầu vào báo là tiểu thư Ơgiêni muốn gặp cha ở phòng khách. Lúc nhà đại tư sản vào phòng thì thấy con gái mặc một cái áo có đuôi dài bằng sa tanh đen và đeo bao tay như người sắp đi xem hát. Đăngla hỏi: -Sao con lại muốn gặp cha ở đây?

-Thứ nhất là vì gian phòng này có treo ảnh của cha, của mẹ và của con, và ở đây con đã từng chứng kiến một cuộc sống yên vui. Thứ hai là con xin trân trọng tuyên bố với cha rằng con dứt khoát không muốn kết hôn với Angđrê Cavancăngty.

Đăngla nhảy chồm ra khỏi chiếc ghế bành, giơ hai tay lên trời: -Sao nữa?

-Thưa cha – cô gái nói tiếp với nụ cười chua chát – từ trước đến nay con vẫn là đứa con ngoan dễ bảo của cha. Nhưng lúc này con thấy là không thể tuân lệnh cha được nữa!

Đăngla mặc dù bị giáng một đòn khá nặng, vẫn giữ được vẻ bình tĩnh nói: -Ơgiêni! Hãy cho cha biết nguyên nhân.

-Nguyên nhân không phảai vì anh ta là một người xấu trai, ngu đần gì, mà ngược lại anh ta có đầy đủ đức tính để làm xiêu lòng một cô gái. Không phải là con đã có người khác làm chủ trái tim, như cha đã biết, nhưng vì con cho rằng cuộc đời này là một bể trầm luân và trong cơn giông tố con muốn vứt hết hành trang để được nhẹ gánh, để cuộc sống một mình tự do thoải mái. Con là người có nhan sắc, có học vấn, có tài năng, con gái một ông chủ ngân hàng lớn, tội gì mà lại đi giam mình vào trong cảnh chồng con phiền phức!

Đăngla nhìn con gái đang mỉm cười vẻ khinh bạc, cố nén giận, nói rất ôn tồn: -Phải, cô có đủ điều kiện để sống một cuộc đời tự do, tự lập. Nhưng chỉ có một điều mà cô không biết, tôi chưa muốn nói ra vội hãy để cô tự suy luận ra. Và bây giờ đến lượt tôi nói để cô biết tại sao tôi muốn gả chồng cho cô. Thứ nhất, không phải vì tôi muốn cô sinh con đẻ cái. Cô có đủ thông minh để hiểu rõ việc này. Thứ hai là vì quyền lợi kinh doanh của tôi hiện nay. Tôi buộc lòng phải nói chuyện kinh tế với một nghệ sĩ như cô, vì đúng như có lần bá tước Môngtơ Crixtô đã nói với tôi: Tiền bạc là huyết mạch của một ông chủ ngân hàng, là chỗ dựa vật chất và tinh thần của ông ta. Vậy thì một khi tiền bạc không còn nữa, con người tôi chỉ còn là một thây ma và chỉ nay mai thôi là tôi lâm vào tình trạng đó.

-Cha sắp bị phá sản rồi hay sao? – Ơgiêni ngạc nhiên thốt lên.

-Phải, cô nói đúng! Vì thế tôi muốn bảo vệ quyền lợi của cô.

-Con có cần gì nhiều tiền của đâu? Con sẽ mang tài nghệ ra để sống một cuộc đời nghệ sĩ tự do và con tin là con sẽ đạt được nguyện vọng đó.

-Nhưng còn tôi, tôi không có cách nào thoát khỏi cảnh suy sụp, nếu cô cố tình không muốn giúp tôi, vì tử tước Cavancăngty sẽ đem lại cho cô một số của hồi môn là ba triệu. Với số tiền đó tôi đang tính chuyện xây dựng một tuyến đường xe lửa, và sau này sẽ thu lại mười hoặc mười hai triệu!

-Cách đây hai hôm, cha nói trong két còn năm triệu cơ mà?

-Số tiền ấy là của các bệnh viện gửi nên tôi không dám đụng tới. Vì lỡ khi họ rút tiền ra mà mình không có để trả thì buộc tôi phải tuyên bố phá sản, và sự phá sản đối với một ngân hàng là một điều ô nhục rất lớn. Muốn thoát khỏi cảnh này chỉ còn trông vào số tiền của tử tước Cavancăngty, cô hiểu tôi chứ?

-Vâng, con biết là cha đánh đổi con lấy ba triệu. Con chấp nhận lời đề nghị của cha không phải vì con muốn phục hồi công việc kinh doanh của cha, mà vì không muốn để những người khác vì cha mà phải điêu đứng. Nhưng con chỉ yêu cầu cha một điều là sau khi ký giao ước đính hôn với tử tước xong, cha phải để con được hoàn toàn tự do.

-Được và con phải sửa soạn để ba hôm nữa sẽ ký kết bản hôn ước.

Đăngla đứng lên nắm lấy tay con gái, không nói một lời cám ơn nào và người con gái cũng chẳng nhìn cha mà chỉ nói gọn lỏn: -Cuộc hội kiến đến đây là kết thúc!

Nói xong tiểu thư Ơgiêni rút lui về phòng riêng. Năm phút sau người ta nghe thấy tiếng hát trong vắt của cô vang lên trong phòng nhạc, kèm theo tiếng đệm dương cầm của Luidơ Đacmêli.

Sau buổi học hát, người hầu gái: vào báo là nam tước phu nhân đang chờ tiểu thư để sang thăm Vinlơpho phu nhân.

§96. Bản giao ước

Ba ngày sau cái cảnh cha con trao đổi nói trên, vào khoảng năm giờ chiều, tử tước Angđrê Cavancăngty ăn mặc rất lịch sự, mặt mũi hớn hở, đánh chiếc xe độc mã đến đỗ trước cửa nhà bá tước Môngtơ Crixtô. Lúc bước lên thềm, anh ta thấy bá tước sắp sửa đi ra nên vội vã nói: -Thưa bá tước, tôi có câu chuyện muốn thưa với ngài, và để khỏi mất thì giờ, xin mời ngài lên cùng xe với tôi.

-Không nên, tốt hơn hết là ta nên ngồi nói chuyện với nhau trong phòng khách để khỏi lọt vào tai người đánh xe.

Nói xong bá tước đưa anh thanh niên vào trong nhà và sau khi hai người đã an tọa, Angđrê vui vẻ: -Thưa ngài bá tước, lễ ký giao ước đính hôn sẽ được tổ chức vào lúc chín giờ tối nay tại nhà nam tước Đăngla, ngài đã được báo tin chưa?

-Có tôi đã nhận được thiếp mời của nam tước. Cậu là một người vô cùng sung sướng, vì cô Ơgiêni vừa đẹp, lại vừa nhiều tiền của.

-Vâng – Angđrê hai mắt sáng lên – Nam tước cho tôi biết ông ta có vào khoảng mươi, mười lăm triệu gì đó.

-Hơn thế nữa, ông ta lại đang có ý định xây dựng tuyến xe lửa. Nếu trúng thì có thể kiếm thêm được mươi triệu nữa. Tất cả gia sản ông ta sẽ nằm trong tay cậu vì cô Ơgiêni là con một. Cậu vớ được một món thật là bở.

-Cái đó chẳng qua cũng nhờ ngài cả?

-Cậu nhầm rồi, tôi chỉ có mời cậu đến dự tiệc và trong bữa tiệc cậu đã gặp nam tước. Sự thành công của cậu là do sự khôn khéo của cậu và do tiếng tăm của ngài thiếu tá Cavancăngty.

-À tôi đang lo số vốn mà cha tôi hứa cho tôi quản lý, không biết đã gửi tới chưa?

-Tôi đã lĩnh được giấy báo rồi, chỉ nay mai cậu sẽ lĩnh được.

-Bây giờ tôi muốn nhờ ngài một việc: Cha tôi đau ốm luôn, không thể đi lại được, nên tôi muốn nhờ thay thế cha tôi bằng một nhân vật có danh vọng và nhiều tiền của ở thủ đô này, đứng ra làm chủ hôn cho tôi.

-Cậu chưa hiểu ý tôi. Cậu có thể bảo tôi cho cậu vay hàng triệu nhưng đừng nhờ tôi đứng ra làm chủ hôn, vì tôi theo phong tục của người phương Đông chưa có vợ thì không làm nhiệm vụ đó được!

-Ngài lại khước từ rồi! – Angđrê thất vọng – Nhưng ngài đến dự được chứ?

-Vấn đề đó thì nhất định rồi vì tất cả Pari đều có mặt, và tôi cũng sẽ ký vào bản giao ước. Cậu cứ yên tâm, tối nay đúng chín giờ tôi sẽ có mặt tại nhà nam tước Đăngla.

Angđrê bắt tay bá tước rồi lên xe ra về.

Mới hơn tám giờ, phòng khách lớn và những phòng khách phụ ở nhà nam tước Đăngla đã đông nghịt khách khứa thuộc giới quý tộc và tư sản ở Pari. Họ nói chuyện ồn ào dưới những ngọn nến sáng trưng, bên những tấm màn bằng nhung đỏ viền tua vàng. Các bà, các cô đua nhau phô bày những chuỗi hạt trai, những sợi dây chuyền ngọc bích, những chiếc vòng, những nạm kim cương óng ánh.

Tiểu thư Ơgiêni mặc một chiếc áo lụa dài màu trắng rất giản dị, không đeo nữ trang. Cô chỉ gài một bông hồng trắng lên mái tóc đen nhánh của mình. Cách cô mấy bước, nam tước Phu nhân đang nói chuyện với Luyxiêng, Bôsăng và Satô Rơnô. Nam tước Đăngla đang trình bày kế hoạch chấn hưng kinh tế với mấy ngài nghị sĩ và đại tư sản. Còn Angđrê Cavancăngty đang khoác tay một tài tử nổi tiếng của nhạc viện nói về dự kiến xây dựng cuộc sống nay mai và bàn những cách ăn chơi xa hoa phóng túng.

Giữa những tiếng cười nói ồn ào đó, người hầu phòng vào báo bá tước Môngtơ Crixtô đã tới. Bầu không khí lặng hẳn xuống và mọi người quay lại nhìn. Bá tước mặc lễ phục đen, áo gilê trắng và cài ca vát màu đen làm tôn thêm nước da rám nắng của bộ mặt rắn rỏi và điềm tĩnh. Về trang sức, bá tước chỉ đeo một sợi dây bằng vàng rất nhỏ gài ở cúc áo gilê.

Bá tước đưa mắt nhìn quanh phòng, đến chào nam tước Đăngla phu nhân đang nói chuyện với Vinlơpho phu nhân. Đoạn quay sang chúc mừng tiểu thư Ơgiêni, bá tước không quên nhắc lại với cô Luidơ Đácmêli về việc giới thiệu cô với một nhạc viện ở Ý. Thăm hỏi các bà, các cô xong, bá tước quay sang phía các ông. Mọi người xúm lại nghe bá tước nói chuyện.

Hai ông quản khế cũng vừa bước vào phòng ngồi vào bàn làm việc và tuyên bố buổi lễ bắt đầu. Khi bản giao ước đã được đọc xong, một ông quản khế trịnh trọng giơ cái bút lông lên và mời những người liên quan ký tên. Trước hết là nam tước Đăngla, sau đến người ủy quyền của thiếu tá Cavancăngty, rồi đến Đăngla phu nhân và đôi vợ chồng sắp cưới.

Nam tước phu nhân dắt tay Vinlơpho phu nhân tới gần bàn, cầm bút ký rồi nói với bạn: -Thưa bà chị, thật đáng tiếc là hôm nay không có mặt ngài chưởng lý, ngài đang bận điều tra vụ trộm ở nhà bá tước Môngtơ Crixtô.

Bá tước đang đứng cạnh đấy liền tiến lên nói: -Thưa phu nhân, tôi rất tiếc là mình đã vô tình gây ra sự vắng mặt của quan chưởng lý! – Thấy câu chuyện có vẻ hấp dẫn, mọi người xúm lại nghe, bá tước nói tiếp – Tên kẻ trộm đã bị tên đồng lõa đâm chết ngay sau khi bước ra khỏi nhà tôi, chắc các bạn còn nhớ. Trong khi cứu chữa cho kẻ bị nạn, người ta cởi quần áo hắn ra, nhưng khi giao những quần áo và dụng cụ của hắn cho nhà chức trách, người ta đã bỏ quên cái áo gilê có dính máu của người chết.

Angđrê đột nhiên tái mét mặt và lảng ra phía cửa phòng khách. Bá tước nói tiếp: -Mấy ngày sau, một người đầy tớ của tôi tìm thấy cái áo gilê ấy đưa cho tôi, và sau khi đã lục soát các túi, tôi thấy có một mẩu giấy "Gửi ngài nam tước Đăngla".

-Cho tôi à? – Đăngla kêu lên.

-Vâng, gửi cho ngài! Và thấy đó là hai tang vật của vụ án, tôi liền gửi cho ngài chưởng lý Vinlơpho.

Angđrê đã chuồn sang phòng bên cạnh, Đăngla hỏi: -Kẻ bị giết có phải là một tên tù khổ sai cũ không?

-Phải, và tên hắn là Cađơrút.

Đăngla tái mặt, còn Angđrê biến mất.

-Xin mời tử tước Cavancăngty ký vào bản giao ước!

Viên quản khế cầm bút trịnh trọng tuyên bố.

-Angđrê! Angđrê! – Mấy thanh niên kêu to tên của tử tước khắp các phòng nhưng không thấy đâu cả.

Giữa lúc đó, tất cả những người đang đứng trong phòng khách đều sửng sốt đứng dạt sang một bên, dường như có ma quỷ hiện hình. Viên cảnh sát trưởng đeo băng tam tài cùng với một sĩ quan và hai người lính sen đầm bước vào phòng, tiến về phía nam tước Đăngla. Phu nhân hét lên một tiếng rồi ngất đi. Viên cảnh sát trưởng nói: -Thưa các ngài, trong số các ngài đây có ai tên là Angđrê Cavancăngty?

Mọi người nhớn nhác nhìn nhau chẳng hiểu sự thể ra sao.

Đăngla hỏi, giọng run run: -Angđrê Cavancăngty là ai, thưa ngài cảnh sát trưởng?

-Một tên tù khổ sai vượt ngục ở trại giam Tulông!

-Bị bắt về tội gì?

-Về tội giết chết tên đồng phạm Cađơrút lúc tên này đến ăn trộm ở nhà bá tước Môngtơ Crixtô – viên cảnh sát trưởng thản nhiên nói.

Môngtơ Crixtô đưa mắt nhìn quanh, Angđrê đã biến mất.

§97. Trên đường sang Bỉ

Chỉ một lát sau khi xảy ra sự kiện bất ngờ ở nhà nam tước Đăngla, tất cả các vị khách đã vội vã ra về, dường như trong nhà vừa có triệu chứng của bệnh dịch hạch. Chỉ còn lại nam tước ngồi trong văn phòng để trả lời những câu chất vấn của các nhà chức trách. Phu nhân vẫn nằm lịm trong phòng khách, còn Ơgiêni đã cùng cô bạn tâm giao Đacmêli trở về phòng riêng. Nét mặt cô vẫn thản nhiên, kiêu hãnh, còn Đacmêli không sao giấu nổi vẻ xúc động: -Lạy Chúa! Lạy Chúa! Em không ngờ Cavancăngty lại là một tên sát nhân… một tên tù vượt ngục!…

-Đúng thế! – Ơgiêni mỉm cười chua chát – Số kiếp tôi chẳng ra gì. Vừa thoát khỏi tay Moocxép, lại rơi ngay vào vụ Cavancăngty. Bọn đàn ông thật đáng sợ!

-Bây giờ chị định làm gì?

-Lại tiếp tục kế hoạch của tôi, nghĩa là đi khỏi nơi này. Tôi đã chán ngấy cuộc sống phong lưu vô vị và chỉ mơ ước được sống như một nghệ sĩ tự do, tự lập, không phải dựa vào ai cả. Sự việc vừa xảy ra chính là do Thượng đế đã giúp tôi tìm được hướng đi.

-Chị quả là một người giàu nghị lực và can đảm! Chị đã chuẩn bị đầy đủ chưa? Hộ chiếu đã có đây rồi.

Ơgiêni cầm tấm hộ chiếu đọc: -Ông Lêông Đacmêli hai mươi tuổi, nghệ sĩ, tóc đen, mắt đen, đi cùng với em gái. Lạ thật, ai cấp cho Luidơ tấm hộ chiếu này.

-Khi em nhờ bá tước Môngtơ Crixtô giới thiệu em với một nhạc viện ở bên Ý, em nói rằng để tiện việc đi đường em muốn cải trang làm nam giới và ông ta đã giúp em việc đó.

-Hay quá! Chúng ta phải sửa soạn đi ngay. Cô có bao nhiêu tiền?

Luidơ rút ngăn kéo ra đếm được hai mươi ba tờ giấy bạc một ngàn frăng.

-Ôi cộng với số tư trang của tôi, chúng ta có một số vốn khá lớn có thể sống như hai bà hoàng trong hai năm. Nào, ta đi sửa soạn hành trang. – Luidơ nói.

Ơgiêni khóa chặt cửa lại rồi cùng cô bạn đem hết quần áo và đồ dùng cần thiết xếp vào vali. Sau đó Ơgiêni lấy ở tủ ra một bộ quần áo nam giới và một cái áo choàng. Cô xỏ giầy, mặc quần áo rồi ra đứng trước gương cầm kéo cắt hai cái đuôi sam và sửa lại mớ tóc rất đẹp của cô.

-Ôi trông chị đẹp quá – Luidơ kêu lên – trông ra dáng là một cậu công tử phong lưu. Em có cảm tưởng là bị chàng bắt cóc đem đi. Bây giờ ta đi đâu?

-Trước tiên sang Bỉ đã, rồi qua Đức, qua Thụy Sĩ và cuối cùng ta sang Ý.

Ơgiêni tắt phụt đèn, mở cửa, cùng bạn khiêng hành lý xuống cầu thang đi qua cái sân vắng tanh. Chuông nhà thờ vừa điểm mười hai giờ đêm. Ơgiêni đi ra cổng, bảo người gác đêm mở cửa ngoài. Người gác cổng không nhận ra cô, vội

mở cửa cho hai người đi. Ra tới đường hai người thuê một cỗ xe ngựa đi về phía Fôngtennơblô. Mười lăm phút sau, cỗ xe đã vượt qua cửa ô Thánh Máctanh.

§98. Quán trọ Quả Chuông

Vừa thoáng thấy bóng các nhà chức trách, Angđrê đã khôn ngoan trèo qua cửa sổ nhảy xuống sân rồi chuồn ra ngoài. Với sức lực của tuổi thanh niên, hắn chạy một mạch không ngoái cổ lại, chưa biết đến đâu. Tới cửa ô Thánh Đơni gặp một cỗ xe ngựa chở thuê, hắn bảo người đánh xe: -Này anh bạn ơi! Sáng sớm mai tôi cần phải đi săn với một người bạn, nếu ngựa còn tốt, anh cho phóng nước đại đến thị trấn Luvơrơ. Nếu đến đúng giờ, tôi sẽ trọng thưởng.

-Được lắm, mời ông lên xe.

Ngựa chạy được.một quãng, Angđrê thấy một cỗ xe hai ngựa rất khỏe chạy như bay, vượt xe của hắn.

Cỗ xe này chính là chở tiểu thư Đăngla và cô bạn gái trên đường sang Bỉ. Khi cỗ xe Angđrê đến Luvơrơ thì ngựa đã mệt nhoài. Hắn xuống xe trả tiền và đi bộ một lát để nghĩ mưu kế. Nếu dùng xe trạm để vượt biên giới thì không ổn, vì hắn không có hộ chiếu, và nếu cứ lần chần ở đây thì không thoát khỏi con mắt dò xét của cảnh sát. Hắn ngồi xuống vệ đường suy nghĩ một lát rồi nảy ra một kế. Hắn tới một quán trọ hỏi thuê một con ngựa tốt. Ba tiếng đồng hồ sau hắn đã vượt quá chín dặm đường và đến bốn giờ sáng hắn đã tới được Compienhơ.

Ở thị xã này có một quán trọ nổi tiếng mà trước đây đã có lần hắn nghỉ chân, tên là "Quán trọ Quả Chuông". Hắn đến gõ cửa bảo chủ quán dọn cho hắn một con gà quay và một chai rượu. Thấy hắn nói năng đàng hoàng, ăn mặc lịch sự, chủ quán không nghi ngờ gì cả. Ăn xong hắn hỏi thuê phòng số 3, nhưng phòng này đã được một thanh niên cùng đi với cô em gái thuê trước rồi. Người ta dành cho hắn phòng số 7, cũng trông ra sân. Hắn trèo lên giường nằm và ngủ ngay tức khắc. Vào khoảng bảy giờ sáng hắn tỉnh dậy thấy trời ấm áp nắng đẹp. Hắn chạy ra cửa sổ nhìn xuống sân trông thấy ngay một cảnh binh đang đi đi lại lại. Hắn cho chuyện thường tình nên mặc quần áo vào ngồi chờ khi nào cảnh binh đi khỏi hắn sẽ lên đường. Một lát sau hắn mở cửa nhìn xuống dưới nhà thì lại thấy một cảnh binh khác đang đứng ở dưới chân cầu thang, lối thoát độc nhất của hắn, và một người nữa cầm súng đang gác ở cửa ra vào. Hắn chột dạ, tái mặt đi, nghĩ thầm:

"Nguy mất rồi, chúng đến bắt mình!"

Hắn ngơ ngác nhìn quanh phòng, phòng này cũng như tất cả các phòng trên gác, đều chỉ có một cửa đi ra hành lang.

"Ta nguy mất rồi!" Lần thứ hai hắn nghĩ như vậy.

Đối với Angđrê, bây giờ mà bị bắt thì có nghĩa là tòa án, nhà tù, tử hình. Lúc đó hắn tưởng phát điên vì sợ hãi. Nhưng chẳng bao lâu trong cái mớ lo nghĩ hỗn

độn ấy, hắn chợt nảy ra một mưu kế. Hắn vớ lấy một cái bút và một tờ giấy có sẵn ở trên bàn, viết mấy dòng như sau:

"Tôi không có tiền trong túi để trả tiền trọ, nhưng tôi không phải là người bất lương. Tôi để lại cái trâm cài cavát này trị giá gấp mười lần số tiền tôi phải trả. Xin tha thứ cho tôi vì tội ra đi sớm quá".

Hắn vội rút cái trâm cài cavát ra, cài vào tờ giấy. Xong hắn vặn quả đấm cửa sổ hé mở và để hé mở cả cửa ra vào nữa. Xong đâu đấy, hắn chui vào lò sưởi dùng khuỷu tay và chân trườn lên dần. Ngay lúc đó ba cảnh binh đến cửa phòng.

Sáng sớm hôm đó, các điện tín được đánh đi tới tấp khắp các ngả để truy lùng hung thủ đã đâm chết Cađơrút.

Compienhơ là một thành phố lớn, sau khi nhận được điện đã lập tức tiến hành truy lùng ngay. Theo báo cáo của lính gác đêm ở khách sạn thành phố, trong đêm ấy có nhiều khách vào khách sạn. Lúc bốn giờ sáng có một gã thanh niên cưỡi con ngựa trắng đến gọi cửa quán trọ Quả Chuông. Người ta đặt vấn đề ngay về gã thanh niên này cho nên mới có ba cảnh binh đến gõ cửa phòng số 7.

Thấy cửa hé mở, ba người vội đẩy cửa vào, không thấy có ai, chỉ có bức thư và cái trâm cài cavát. Ba người tưởng là tên thanh niên đã chuồn rồi. Nhưng một cảnh sát có vẻ già dặn kinh nghiệm hơn liền dừng lại nhìn xung quanh, nhìn xuống gầm giường, rồi lật các rèm cửa, mở các tủ và cuối cùng đứng trước lò sưởi. Angđrê đã khôn khéo không để lại một dấu vết nào trong lò sưởi. Nhưng lò sưởi cũng là một lối ra vào, nhất là trong tình trạng này lại càng cần phải chú ý. Người cảnh binh cho đi lấy một bó rơm mang đến rồi chất vào lò đốt.

Angđrê đã khôn ngoan chui ra khỏi lò sưởi và lên nằm ép trên mái nhà. Một lát sau hắn hy vọng sẽ thoát vì nghe thấy những người cảnh binh, sau khi đốt xong bó rơm, bảo nhau: -Có lẽ nó chuồn trước thật rồi, chứ khói thế này chịu sao được!

Viên đội cảnh binh vừa định ra lệnh rút quân thì đột nhiên nghe thấy tiếng kêu rú lên, kèm theo là những tiếng kéo chuông inh ỏi ở buồng số 3. Viên đội liền ra lệnh cho mấy cảnh binh súng ống sẵn sàng tới xem.

Thì ra Angđrê biết không thể trốn thoát bằng đường mái nhà vì đã bị cảnh binh bao vây xung quanh, bèn chui vào một ống lò sưởi khác để tìm lối thoát. Chẳng may nửa chừng bị trượt chân rơi tụt xuống. Tiếng động làm hai thiếu nữ đang ngủ trong buồng tỉnh dậy. Hai cô sửng sốt nhìn vào lò sưởi, thấy một thanh niên ở trong chui ra. Thiếu nữ có bộ tóc vàng thét lên một tiếng, còn thiếu nữ có bộ tóc đen nắm lấy cái giây chuông giật lấy, giật để.

Trong lúc hoảng hốt, Angđrê chưa nhận ra hai cô là ai, bèn dùng mọi cách van lơn: -Xin hai tiểu thư rủ lòng thương cứu tôi với! Tôi không có ý định làm hại các tiểu thư.

-Angđrê, tên giết người! – Một cô kêu lên.

-Ơgiêni! Tiểu thư Đăngla! – Angđrê lẩm bẩm và từ sợ hãi biến thành kinh ngạc rồi hắn tiếp tục – Xin các cô cứu tôi với, họ đang lùng bắt tôi – Rồi hắn chắp hai tay vào nhau – Xin hai cô đừng giao tôi cho cảnh binh!

-Muộn rồi còn gì – Ơgiêni đáp – Họ đang đến đấy!

-Nếu vậy xin các cô giấu tôi vào một chỗ nào đó và sẽ nói rằng các cô kêu chẳng có nguyên nhân gì, đánh lạc hướng họ, thế là các cô sẽ cứu được tôi.

-Thôi được! – Ơgiêni nói – Anh vào bằng lối nào thì ra bằng lối đó, chúng tôi sẽ không nói gì.

-Nó đây rồi! Nó đây rồi! Tôi trông thấy nó rồi!

Một cảnh binh ghé mắt qua lỗ khóa nhìn thấy Angđrê và kêu lên. Một báng súng làm vỡ tung khóa cửa, hai cảnh binh lấy vai đẩy mạnh làm cánh cửa bật tung ra.

Angđrê chạy tới một cái cánh cửa khác định leo qua, nhưng đã có hai cảnh binh khác chĩa súng vào người. Hắn sững lại, mặt tái xanh, đầu hơi ngửa ra đằng sau, tay nắm chắc một con dao găm. Ơgiêni liền nói to: -Anh hãy tự kết liễu đời anh đi!

Angđrê rùng mình nhìn cô gái với một nụ cười khinh bỉ: -Tôi mà tự sát à? – Angđrê nói và quẳng con dao đi – Để làm gì kia chứ?

-Chính anh đã chả nói thế sao? Người ta sẽ xử tử anh như một tên tội phạm ghê gớm nhất!

-Chao ôi! – Angđrê khoanh tay lại, bình tĩnh nói – Người ta còn có bè bạn chứ! Xin các ông hạ súng xuống, tôi xin hàng đây!

Nói xong hắn giơ tay ra để người ta khóa lại. Xong hắn quay lại thản nhiên nói với hai cô thiếu nữ: -Cô Ơgiêni có cần gửi thư gì cho nam tước Đăngla không? Vì chắc chắn là tôi sẽ quay lại Pari – Thấy Ơgiêni hai tay ôm lấy mặt, hắn nói tiếp – Thôi thôi, việc gì mà xấu hổ kia chứ? Tôi chẳng thù oán gì, các cô đã chạy đuổi theo tôi… Tôi chả suýt nữa là chồng của cô là gì?

Nhạo báng xong, hắn ra đi giữa hai cảnh binh, để cho hai cô tha hồ mà xấu hổ. Một giờ sau hai cô mặc lại bộ đồ phụ nữ, lên xe: -Ôi! Tại sao thế gian lại không phải là một bãi sa mạc – Ơgiêni kêu lên và gieo mình vào hai cánh tay bạn.

Hôm sau hai cô xuống khách sạn Frăng ở Bruýchxen thủ đô nước Bỉ. Và cũng từ hôm đó Angđrê bị tống giam ở Pari.

§99. Pháp luật

Chín giờ sáng hôm sau, Đăngla phu nhân ăn mặc rất giản dị lẳng lặng rời khỏi nhà đi tới đầu phố, trèo lên một cỗ xe ngựa chở thuê bảo đánh tới nhà ông chưởng lý Vinlơpho. Tử một tháng nay tòa nhà này đượm một vẻ đau thương tang tóc, cánh cổng bao giờ cũng đóng im ỉm và những cửa sổ cửa ra vào đều đóng kín mít. Nhìn cảnh tượng thiểu não đó, Đăngla phu nhân rùng mình, xuống xe đi tới cổng kéo chuông. Người gác cổng hé cánh cửa ra nói: -Thưa bà, xin cho biết tên vì tôi được lệnh chỉ cho vào nhà những người có giấy giới thiệu của bác sĩ Đavrinhi đến gặp mặt quan chưởng lý.

Nam tước phu nhân buộc phải đưa ra tấm danh thiếp, và một lát sau người gác cổng trở lại mời bà vào.

Vinlơpho đang ngồi trong văn phòng ngẩng đầu lên nhìn thiếu phụ bằng cặp mắt buồn thảm rồi mỉm cười chua chát: -Xin bà tha lỗi cho, tôi phải đề ra những biện pháp đề phòng vì những điều bất hạnh vẫn liên tiếp xảy ra trong gia đình tôi. Bây giờ đề nghị bà cho biết lý do đến thăm tôi.

-Trước hết tôi muốn ông tiếp tôi với tư cách một người thân chứ không với tư cách một ông quan tòa! Sau là tôi muốn biết vụ anh chàng giả mạo đó đi đến đâu rồi.

-Giả mạo! Thưa bà, Angđrê Canancăngty, hay Bênêđéttô thì đúng hơn, không phải là một tên giả mạo, hắn đúng là một tên giết người!

-Tôi cũng tin lời nói của ông là đúng, nhưng càng truy tố gắt gao hắn ta, ông càng làm cho gia đình tôi mang tai, mang tiếng. Tốt hơn hết là ông nên để mặc cho hắn ta trốn thoát.

-Bà đến quá muộn rồi, vì tôi đã ra lệnh truy nã hắn khắp nơi. Tôi tin rằng chỉ nay mai là người ta sẽ tóm được cổ hắn.

Nếu hắn bị bắt, xin ông cứ giam hắn trong ngục cho tới ngày con gái tôi đi lấy chồng.

-Không thể được! Pháp luật có những nguyên tắc của nó chứ!

-Cả với tôi ư? – Phu nhân nói giọng châm biếm.

-Với tất cả mọi người, không trừ một ai. Ngay cả với tôi!

-Thế kia à?

Vinlơpho nhìn thiếu phụ bằng cặp mắt xoi mói như muốn hiểu thấu ruột gan con người này.

-Vâng, tôi biết rằng bà đang cho tôi là một người không khoan nhượng với những kẻ gây ra tội ác đang ở ngoài vòng pháp luật phải không?

-Đúng thế! – Phu nhân tái mặt nói.

Vinlơpho nhích ghế lại gần Đăngla phu nhân rồi nói bằng một giọng đay nghiến nhưng rất nhỏ đủ cho hai người nghe: -Được, tôi sẽ nói để bà rõ. Sở dĩ có những việc giết người chưa bị trừng trị vì người ta chưa biết rõ thủ phạm, vì người ta sợ kết án oan một người vô tội. Nhưng một khi kẻ giết người đã được xác nhận thì dứt khoát hắn phải đền tội. Tôi đã thề trước Chúa như vậy.

-Nhưng ông có chắc là hắn ta đã giết người không?

-Đây là tập hồ sơ về hắn: Bênêđéttô, năm mười sáu tuổi can tội giả mạo giấy tờ, bị kết án năm năm khổ sai. Sau đó hắn vượt ngục rồi trở thành tên giết người.

-Tung tích của hắn ta thế nào?

-Một thằng người xứ Coócxơ, sống lang thang, không cha, không mẹ.

-Còn lão thiếu tá người Ý?

-Một tên lưu manh như hắn, và có thể là đồng lõa nữa. Đối với những tên phạm pháp, tôi không thể tha thứ được. Tôi là hiện thân của Pháp luật, và Pháp luật thì không gì lay chuyển được. Khi nó đã ra lệnh là phải thi hành ngay. Bà sẽ nói rằng tôi là một người bằng xương bằng thịt chứ không phải là một bộ luật. Nhưng xung quanh tôi, những người bạn đồng nghiệp của tôi có ai ưa tôi đâu! Có ai ủng hộ tôi đâu, thương hại tôi đâu! Họ chỉ rình chỗ sơ hở để choảng cho tôi một vố. Từ ngày tôi bước vào nghề vạch áo kẻ khác để tìm những ung nhọt, bao giờ tôi cũng tìm ra một cách thích thú, một cách say sưa để đi đến kết luận là mọi người chúng ta đều tàn ác cả.

-Nhưng ông vừa nói hắn ta không bố mẹ, không nơi nương tựa, một con người yếu hèn…

-Nếu yếu hèn mà đi giết người thì cũng bị trừng trị. Cuộc thẩm tra đã bắt đầu, tôi phải tiến hành suốt ngày đêm để năm ngày nữa đưa ra trình trước Hội đồng Tư pháp. Tôi làm việc đến mụ cả người.

Vừa lúc đó một người hầu phòng mang vào một bức điện. Vinlơpho mở ra xem, mặt mũi tươi tỉnh hẳn lên: -Hắn vừa bị bắt ở Compienhơ! Thế là xong.

Đăngla phu nhân mặt tái đi đứng lên nói, giọng lạnh lùng: -Ông không thương người khác thì chẳng ai thương ông đâu! Tôi xin nói với ông như vậy.

-Được lắm! – Vinlơpho giơ hai tay lên trời và tiễn phu nhân ra cửa.

§100. Hiện hình

Valăngtin vẫn nằm liệt giường. Vinlơpho phu nhân cũng báo cho cô biết tin Ơgiêni đã trốn khỏi nhà và Angđrê Cavancăngty can tội giết người đã bị bắt trong lúc chạy trốn. Vì người còn yếu và tâm trí chưa ổn định nên những tin tức này không gây được cho cô những ấn tượng sâu sắc.

Ban ngày cô được ông già Noachiê cho người đẩy cái xe lăn của ông đến phòng cô để được ngồi bên cạnh cháu. Và Vinlơpho mỗi khi đi làm về cũng đến thăm cô gái một lúc. Đến tám giờ tối ông Đavrinhi tới khám bệnh cho cô và cho thuốc uống. Sau đó người ta đưa ông già Noachiê về phòng và một người hộ lý riêng của thầy thuốc được cắt trực chăm nom cô cho tới khi cô đã ngủ say. Lúc đi khỏi, người hộ lý khóa cửa lại và giao chìa khóa cho Vinlơpho phu nhân nên có ai muốn vào phòng cô thì bắt buộc phải đi qua phòng ngủ của Vinlơpho phu nhân.

Suốt bốn ngày như vậy, Valăngtin sống trong tình trạng thần kinh bị kích thích, và ban đêm chỉ ngủ chập chờn. Dưới ánh đèn chong leo lét, lúc đang lên cơn sốt, cô như thấy những bóng ma hiện hình, khi như là Moren đang giơ tay đón cô, khi giống như bá tước Môngtơ Crixtô, và ngay cả đồ đạc trong buồng dường như cũng chuyển động quanh cô.

Một đêm cô đang lên cơn sốt, nằm mệt lả trên giường, đầu óc rối loạn, thì đột nhiên thấy cái tủ sách kê ở góc phòng hình như bị xê dịch ra khỏi chỗ và một người ở phía sau lách ra. Nếu ở lúc khác thì Valăngtin đã kéo chuông gọi người đến cứu, nhưng trong tình trạng thần kinh đang bị kích thích, cô cho rằng đó chỉ làã một bóng ma thường vẫn ám ảnh mình. Cảm thấy khát khô cả cổ họng, cô định giơ tay ra định cầm cốc nước đặt trên bàn ngủ, thì cái bóng ma ấy đã nhanh nhẹn chạy đến ngăn tay cô lại. Lúc này không còn mơ hồ gì nữa và biết mình vẫn tỉnh táo, cô rùng mình.

Cái bóng ma ấy bây giờ là người đàn ông, tay cầm cốc, múc một thìa nước lên miệng uống rồi đưa cho Valăngtin, nói bằng một giọng cảm động: -Mời cô uống đi!

Cô sửng sốt định kêu lên thì người đàn ông đặt một ngón tay lên môi.

-Bá tước Mông tơ Crixtô! – Cô thều thào.

-Cô cứ yên tâm, đừng sợ hãi gì cả. Từ bốn đêm nay tôi luôn luôn ở bên cô để chăm sóc cô, để bảo vệ cô, để giữ gìn cô cho Mắcximiliêng…

-Ô ! Anh Mắcximiliêng?… Anh đã thú thật với ngài cả rồi ư?

-Vâng, tôi đã biết tường tận câu chuyện giữa hai người và tôi đã hứa với anh ấy là tôi sẽ cứu sống cô.

-Ngài cũng là thầy thuốc ư?

-Tôi là người thầy thuốc mà Thượng đế sai xuống để chữa bệnh cho cô. Trong khi làm nhiệm vụ, tôi đã nom rõ những ai đã ra vào phòng cô, đã cho cô ăn gì, đã pha chế những thứ thuốc gì để cho cô uống và nếu trong thuốc có chất độc, tôi thay thế nó bằng thứ thuốc riêng của tôi.

Nói xong bá tước rút trong túi ra một lọ thuốc nước màu hồng rỏ vài giọt vào cốc rồi bảo Valăngtin uống hết.

-Thưa ngài, ngài nói là có người bỏ thuốc độc vào cốc nước của tôi, chắc hẳn ngài biết rõ người đó chứ?

-Phải, và người đó đã từng đầu độc hầu tước Xanh Mêrăng và phu nhân, lão bộc Baroa và suýt nữa cả ông cụ Noachiê nếu cụ không uống một thứ giải độc từ mấy năm nay.

-Trời! Có lẽ vì thế mà ông tôi đã bắt tôi phải dùng chung thuốc với Người?

-Đúng! Chính ông già biết ai là người đã đầu độc và ai sẽ bị đầu độc nên đã cứu sống được cô cháu gái thân yêu!

-Nhưng ai đã muốn đầu độc tôi? Trong nhà này ai muốn giết tôi?

-Nếu cô chú ý thì sẽ nhìn thấy.

Chuông nhà thờ điểm mười hai tiếng chậm rãi và buồn thảm. Bá tước nhìn thiếu nữ bằng cặp mắt hiền từ như của người cha rồi dịu dàng nói: -Cô phải giả vờ ngủ, không được cựa quậy, nếu không người ta sẽ giết cô, tôi muốn cứu cũng không kịp đâu.

Nói xong bá tước rón rén đi đến phía tủ sách, đẩy nó ra rồi lẩn vào phía sau và chỗ đó lại được khép lại như cũ.

§101. Kẻ đầu độc

Phòng ngủ chìm trong bóng tối và im lặng. Valăngtin không ngủ được, không phải vì sợ hãi mà vì ý nghĩ có một người trong nhà này đang tìm cách giết mình. Cô thấy toát mồ hôi, nhưng nghĩ rằng phía sau cái tủ sách có một người đang đứng bảo vệ mình cô lại thấy yên tâm. Đồng hồ trên tường điểm một tiếng. Ở phía phòng ngủ của Vinlơpho phu nhân bỗng có tiếng động trên sàn. Valăngtin nín thở, chú ý nghe, cánh tay để lên trán, người run rẩy, chờ đợi. Có bước chân nhè nhẹ đến bên thường và tiếng gọi khe khẽ: -Valăngtin!

Cô lấy hết can đảm nằm im thin thít, thở đều đều để chứng tỏ mình đang ngủ say.

-Valăngtin! – Tiếng người đó nhắc lại.

Cô rùng mình nhưng vẫn nằm im không nhúc nhích. Sau đó cô nghe có tiếng rót nước vào cốc; cô nhích cánh tay ra hé mắt nhìn. Cô thấy một người đàn bà mặc áo ngủ bằng lụa trắng đang cầm một lọ thuốc rót vào cốc nước của cô. Người đàn bà đó là Vinlơpho phu nhân! Nhận ra người mẹ kế mình, cô thấy đau nhói trong tim.

Vinlơpho phu nhân đứng sau bức màn cửa một lúc để theo dõi Valăngtin, nhưng vẫn thấy cô ngủ say, mụ lặng lẽ trở về phòng.

Tức thì lại thấy tủ sách chuyển động và bá tước Môngtơ Crixtô xuất hiện: -Thế nào, cô đã nhận thấy rõ chưa?

-Ôi, lạy Chúa! – Valăngtin lẩm bẩm – Tôi không sao tin được. Tôi có thể rời bỏ ngôi nhà này ẩn náu ở đâu không?

-Valăngtin, kẻ muốn sát hại cô sẽ theo dõi cô ở bất cứ nơi nào, và sẽ dùng đủ mọi biện pháp để thủ tiêu cô.

-Nhưng tại sao bà ta lại muốn giết tôi? Tôi có làm gì bà ta đâu!

-Vì cô có nhiều tiền của, vì cô có một số lợi tức đồng niên là tám mươi vạn frăng mà đáng lẽ con trai bà ta được hưởng.

-Sao? Nhưng gia tài này cũng là của bà ta và của bố mẹ tôi kia mà!

-Đúng thế đấy! Vì vậy mà hầu tước Xanh Mêrăng cùng phu nhân đã bị chết và phải để lại gia tài cho cô. Hôm cụ Noachiê viết chúc thư định để lại gia tài cho cô, cụ đã suýt chết và một người khác đã phải chết thay cho cụ. Bây giờ đến lượt cô phải chết để cha cô được thừa hưởng gia tài của cô, và sau này con trai bà ta sẽ là người thừa kế duy nhất thừa hưởng gia tài của bố.

-Tội nghiệp thằng Eđua, chỉ vì nó mà người ta gây ra biết bao tội ác! Cầu Chúa tha tội cho nó.

-Valăngtin, cô quả là nàng tiên phúc hậu.

-Trời ơi! Tôi thật không ngờ trong đầu óc một người đàn bà lại nẩy sinh ra những âm mưu thâm độc như thế!

-Cô nên nhớ rằng những âm mưu đó bắt nguồn từ ngày cô đi dưỡng bệnh với mẹ kế cô ở Tây Ban Nha.

-Nếu vậy! – Valăngtin khóc nức nở – Thưa ngài bá tước, tôi không sao tránh khỏi cái chết!

-Không, Valăngtin! Không! Nhất định cô phải sống vì tôi đã nắm được âm mưu của kẻ thù cô. Cô phải sống để yêu và để được yêu, để được hưởng hạnh phúc và đem lại hạnh phúc cho một người có tấm lòng trung hậu. Valăngtin, cô cần phải hoàn toàn tin ở tôi.

-Vâng, tôi xin nghe theo những mệnh lệnh của ngài.

-Cô phải giữ bí mật, không được lộ cho ai biết, kể cả cha cô.

-Cha tôi có dính dáng gì vào âm mưu này không hả ngài?

-Không. Tuy nhiên, là một người có nhiều kinh nghiệm trong nghề, hẳn cha cô phải hiểu rằng những cái chết trong gia đình này là không bình thường, ông ta phải có trách nhiệm bảo vệ cô và giờ này phải có mặt nơi đây để biết rõ ai là thủ phạm. Valăngtin, bây giờ cô hãy nghe tôi, nếu nay mai có sự việc gì xảy ra với cô, xin cô đừng hoảng sợ. Nếu bất chợt trong lúc nào đó, cô bừng tỉnh dậy thấy mình nằm trong cỗ quan tài hoặc trong hầm mộ, thì cô cứ bình tĩnh, tỉnh táo nghĩ rằng giờ phút này có một người bạn và người đó như một người cha đang chăm sóc cô, đang giữ gìn mối tình và hạnh phúc của cô với Mắcximiliêng!…

Valăngtin chắp hai tay vào nhau nhổm dậy và lâm râm cầu nguyện. Mớ tóc dài của cô xõa xuống đôi vai trắng xanh, và bộ ngực cô phập phồng dưới cái áo ngủ bằng vải phin mỏng. Bá tước nhẹ nhàng đặt tay lên cánh tay cô nói âu yếm: -Cô hãy tin vào tôi như tin vào lòng nhân từ của Chúa!

Nói xong bá tước rút trong túi áo gilê ra một cái hộp bằng ngọc bích, lấy ra một viên thuốc to bằng hạt ngô bỏ vào tay Valăngtin.

Valăngtin ngước mắt nhìn bá tước và thấy mặt ông ánh lên một niềm cao cả và một sức mạnh kỳ diệu dường như ra lệnh cho cô uống viên thuốc. Cô không chút ngần ngại bỏ viên thuốc vào miệng rồi nuốt chửng.

-Bây giờ tôi phải tạm biệt cô về nhà nghỉ, và như thế là cô đã được cứu sống.

Môngtơ Crixtô chăm chú nhìn cô một lúc lâu và khi thấy cô đã ngủ say bèn lấy cốc nước đổ vào lò sưởi rồi lặng lẽ tiến lại gần cái tủ sách.

§102. Cái chết của Valăngtin

Ngọn đèn đêm đã bắt đầu tàn lụi, ánh sáng nhợt nhạt còn lại lướt trên những tấm rèm cửa màu trắng đục. Trong phòng và cả bên ngoài không một tiếng động khiến cho bầu không khí đượm vẻ rùng rợn. Cánh cửa thông sang phòng Vinlơpho phu nhân hé mở và người đàn bà đó bước ra, rón rén đi tới cái bàn ngủ của Valăngtin, nhìn vào cốc nước. Thấy cốc nước đã được uống cạn, mụ liền nhúng cốc vào chậu rửa mặt, cọ rửa rất kỹ, lấy khăn lau rồi lại đặt lên mặt bàn. Sau đó mụ đến gần giường vạch tấm rèm lên chăm chú nhìn Valăngtin.

Cô gái không còn thở nữa, hàm răng nghiến chặt đôi môi trắng bệch không mấp máy nữa, cặp mắt đã hết sinh khí và nước da ngả sang màu vàng nhạt. Mụ khẽ lật chăn, lấy tay sờ ngực, thấy đã giá lạnh. Một cánh tay của thiếu nữ buông thõng xuống và mấy ngón tay co quắp còn bám chặt vào mép chăn.

Ngọn đèn đêm đã tắt ngấm, chuông đồng hồ điểm năm tiếng. Mụ thấy việc làm ghê sợ của mình đã thành công, mụ nhìn cô gái lần cuối cùng rồi quay về phòng riêng.

Hai giờ sau người nữ hộ lý đến như thường lệ tưởng cô thiếu nữ vẫn còn ngủ nên không muốn đánh thức. Một giờ sau vẫn không thấy động tĩnh gì, người hộ lý đến cầm cánh tay cô lên thấy cứng đờ và giá lạnh, hốt hoảng chạy ra cửa kêu thất thanh.

Vừa lúc đó bác sĩ Đavrinhi tới. Nghe tiếng kêu, ông vội chạy đến cùng với Vinlơpho. Viên chưởng lý sai đi gọi vợ đến, còn ông thầy thuốc ôm Valăngtin trên tay. Ông lẩm bẩm: -Lại thêm một nạn nhân nữa… Không biết đến bao giờ mới chấm dứt?

Vinlơpho giơ hai tay lên trời, đôi mắt khiếp sợ, nói: -Trời ơi! Bác sĩ nói sao? Bác sĩ nói sao?

Bác sĩ liền trả lời bằng giọng trang nghiêm: -Tôi nói là Valăngtin đã tắt thở!

Nghe thấy thế Vinlơpho ngã quy xuống sàn, úp mặt lên giường của Valăngtin. Vinlơpho phu nhân đang xỏ tay vào áo choàng ngủ mở cửa bước vào phòng, chạy tới bàn kê phía đầu giường, thấy bác sĩ đang cầm cốc nước trong tay. Mụ hoảng hồn khi thấy cốc vẫn còn một phần ba, đúng màu sắc với thứ thuốc mà mụ đã rót vào cốc nước của Valăngtin lúc nửa đêm. Chiếc cốc này chính tay mụ đã cọ rửa sạch sẽ sáng hôm nay, sao bây giờ lại còn một phần ba?

Không còn hiểu ra sao nữa, Vinlơpho phu nhân đứng trơ ra như một pho tượng. Bác sĩ cầm một lọ thuốc rỏ một giọt vào cốc nước, tức thì nước biến thành màu đỏ tươi. Cặp mắt ông thầy thuốc ánh lên nét vui mừng vô hạn dường như ông đã khám phá được một điều bí mật.

Vinlơpho phu nhân mắt nẩy lửa, loạng choạng bước ra khỏi phòng như người mất hồn, đi vào phòng riêng. Ông Đavrinhi đưa mắt nhìn thấy mụ ngã sõng soài trên mặt sàn. Ông bảo cô hộ lý: -Cô sang chăm sóc cho Vinlơpho phu nhân, cô không cần phải ở đây nữa, Valăngtin đã chết rồi!

-Sao? Valăngtin đã chết rồi sao? Ai nói là Valăngtin đã chết rồi?

Tiếng nói từ phía sau thốt lên làm ông thầy thuốc và Vinlơpho quay lại. Họ trông thấy Moren đứng trong khung cửa, mặt tái nhợt như xác chết.

Thì ra anh thanh niên đó, mặc dù đã được bá tước Môngtơ Crixtô giải thích để anh yên tâm về bệnh trạng của Valăngtin, từ mấy ngày nay không thấy động tĩnh gì, hôm nay tự nhiên thấy sốt ruột, bèn mò đến xem tình hình ra sao. Lúc bước chân vào phòng ông Noachiê, anh thấy ông già bại liệt vẫn ngồi trong cái ghế lăn nhưng cặp mắt lộ vẻ hoảng sợ, bộ mặt tái nhợt.

-Cụ có muốn cháu gọi một người hầu để cụ sai bảo không?

Ông già nháy mắt. Anh liền cầm dây chuông giật, nhưng mãi chẳng thấy ai tới. Anh nghĩ thầm: “Hay trong nhà có người nào ốm chăng?”. Quay lại nhìn ông Noachiê, thấy cặp mắt ông già long lên, anh bèn hỏi: -Có phải là Valăngtin không?

-Phải!

Không một phút ngập ngừng, Mắcximiliêng chạy vội ra hành lang, lao xuống cầu thang và trong nháy mắt đã ở trong phòng Valăngtin. Anh sửng sốt dừng lại khi nghe ông thầy thuốc thông báo là Valăngtin đã chết rồi.

§103. Nỗi đau khổ của Mắcximiliêng

Vinlơpho bàng hoàng ngẩng đầu lên khi nhìn thấy Moren, y ngạc nhiên hỏi: -Anh là ai? Sao lại tự nhiên vào phòng người chết? Anh đi ra ngay!

Nhưng Moren vẫn đứng nguyên tại chỗ, mắt không rời cái giường và người thiếu nữ nằm cứng đờ trên đó. Anh nhìn xác chết, nhìn hai người đàn ông và nhìn xung quanh phòng một lát rồi hai tay ôm đầu chạy vọt ra cửa.

-Anh chàng ấy mất trí rồi! – Bác sĩ nói.

Nhưng chỉ mấy chục giây sau đã nghe có tiếng động ở cầu thang và chàng thanh niên ấy, với sức mạnh phi thường đã bê cả cái ghế lăn có ông già bại liệt vào phòng, đặt trước giường Valăngtin.

Vinlơpho có cảm tưởng là một bóng ma vừa xuất hiện vì bộ mặt trắng bệch và cặp mắt nẩy lửa của ông già.

Moren nắm lấy tay ông già nói như nấc lên: -Thưa ông, người ta vừa hỏi cháu là ai, và tại sao có quyền vào căn phòng này. Ông là người biết rõ, xin ông hãy nói đi!

Ông già thở hổn hển, nước mắt trào ra, người run cầm cập, nhắm nghiền mắt lại như sắp chết.

-Ông hãy nói đi, rằng cháu là chồng chưa cưới của Valăngtin, rằng Valăngtin là mối tình duy nhất của cháu, rằng Valăngtin là thuộc về cháu!

Nói xong anh thanh niên quỳ xuống bên giường, nắm chặt lấy tay giá lạnh của xác chết. Trước cảnh thương tâm đó, ông Đavrinhi phải quay mặt đi để giấu nỗi xúc động, còn Vinlơpho cố trấn tĩnh, bảo anh: -Tôi chưa hề biết anh yêu nó và hoàn toàn không hiểu gì về sự hứa hôn của nó với anh, tôi tha thứ cho anh vì chính tôi cũng bị đau khổ rất nhiều. Người mà anh yêu không còn nữa! Nó đã rời bỏ trái đất để trở về với Chúa. Bây giờ tôi cho anh cầm tay từ giã nó lần cuối cùng và nhường chỗ cho vị linh mục đến làm lễ rửa tội.

-Được, ngài cứ việc cho người đi mời linh mục đến lửa tội, còn tôi, tôi sẽ ở lại đây báo thù cho nàng.

-Anh nói sao? – Vinlơpho sửng sốt hỏi.

-Tôi muốn nói rằng trong ngài có hai người: Người cha và ông chưởng lý. Valăngtin đã bị người ta đầu độc. Là người cha, ngài không cần phải than khóc nữa. Là ông chưởng lý, ngài phải tìm ra thủ phạm!

Moren quắc mắt nhìn Vinlơpho. Ông già bại liệt và ông bác sĩ đều tỏ vẻ ủng hộ lời nói của anh. Vinlơpho cố giữ vẻ bình tĩnh: -Nhưng anh nên biết trong nhà tôi không hề có một hành động giết người! Chẳng qua là tại số phận hẩm hiu đang đổ xuống đầu tôi đó thôi. Có Chúa chứng giám lời nói của tôi.

Cặp mắt ông già tỏ vẻ phản ứng. Moren nói như hét lên: -Còn tôi, tôi nói rằng trong nhà này có kẻ giết người, và đến nay nó đã sát hại bốn nhân mạng trong vòng có bốn tháng và chính ngài đã biết rõ sự việc này vì ngài bác sĩ, với tư cách là thầy thuốc và người bạn đã báo trước cho ngài rồi!

-Anh mê sảng đấy à? – Vinlơpho vẫn tìm cách chống đỡ Làm gì có chuyện ấy?

-Tôi không mê sảng đâu, nếu ngài quên thì xin hỏi bác sĩ đây. Có phải cái đêm hầu tước phu nhân mất, chẳng phải ngài đã đứng trong vườn bàn với bác sĩ về cái chết không bình thường và bi đát đó sao? Những câu nói ấy đã vô tình lọt vào tai tôi, và hồi đó nếu tôi kịp thời báo cho các nhà chức trách biết thì ngày nay tôi đã chả liên can gián tiếp đến cái chết của Valăngtin tội nghiệp. Còn ngài, nếu ngài lẩn tránh trách nhiệm đó, tôi sẽ đứng ra tìm thủ phạm, tôi sẽ trả thù cho Valăngtin.

-Tôi cũng vậy! – Đavrinhi tiến lên một bước – Tôi sẽ cùng với ông Moren để tìm ra thủ phạm, vì tôi không thể làm ngơ được nữa.

-Trời ơi, trời! – Vinlơpho lẩm bẩm rồi ngã người xuống cái ghế bành.

Ông Noachiê ngước mắt nhìn Moren như muốn nói.

-Ông muốn bảo gì cháu? – Moren hỏi.

Ông già nhìn chàng rồi nhìn ra phía cửa.

-Ông muốn bảo cháu đi ra khỏi phòng này phải không?

-Phải.

-Còn ai nữa không?

Ông già nhìn bác sĩ.

-Một lát nữa bác sĩ và cháu sẽ trở lại được không?

-Được

Bác sĩ Đavrinhi khoác tay Moren đi sang phòng bên. Vào khoảng mười lăm phút sau, Vinlơpho bước đi loạng choạng, mặt cắt không còn hột máu, đôi mắt lờ đờ, ra mời hai người trở lại phòng.

-Cha tôi đã nói tên kẻ giết người cho tôi biết, nhưng cũng đồng tình với tôi nên giữ kín chuyện này. Còn tôi, tôi xin hứa là nội trong ba ngày nữa sẽ đưa thủ phạm ra trước pháp luật để trừng trị, và vụ án này sẽ làm rùng mình những người vô tình nhất.

Nói xong Vinlơpho trở về văn phòng. Ông Đavrinhi đi mời một bác sĩ khác đến chứng nhận cái chết của Valăngtin. Ông bác sĩ đến khám qua loa, lập biên bản xong đi ra. Ông Đavrinhi tiễn người bạn đồng nghiệp ra cửa thì gặp một ông linh mục đứng trước cửa nhà bên cạnh, ông vội chạy đến nói: -Thưa ngài, ngài có vui lòng sang rửa tội cho cô con gái ngài chưởng lý không?

-À tôi biết rồi – Vị linh mục nói lơ lớ tiếng Ý – Đó là nhiệm vụ của chúng tôi, và tôi còn được các gia nhân cho biết thêm cô gái tên là Valăngtin.

-Vậy xin mời ngài lên ngay cầu nguyện để cả nhà được an tâm.

Thầy thuốc đưa vị linh mục lên phòng của Valăngtin và ông già bại liệt dường như nhìn thấy trong khóe mắt của nhà tu hành một vẻ gì khác thường nên không muốn rời ra nữa.

Sau khi thầy thuốc đi khỏi, vị linh mục khóa cửa lại, và khóa cẩn thận cả cái cửa thông sang phòng Vinlơpho phu nhân.

§104. Chữ ký của Đăngla

Đêm hôm đó những người làm nghề chôn người chết được gọi đến để khâm liệm thi hài Valăngtin và đặt thi hài nằm trên giường với những nghi thức dành cho người quá cố. Ông Noachiê cũng đã được đưa trở về phòng riêng, chung quanh không còn có một phản ứng nào. Linh mục Buxôni cầu kinh suốt đêm, mãi gần sáng mới lặng lẽ ra về.

Tám giờ sáng bác sĩ Đavrinhi sang gặp Vinlơpho và khi hai người đi qua phòng ông Noachiê, thấy ông già nằm trong cái ghế lăn, ngủ một giấc ngon lành, mặt mũi tươi tỉnh hẳn lên.

-Lạ thật! – Bác sĩ bảo Vinlơpho – Sao cụ già thương xót cháu gái là thế, mà bây giờ ngủ được ngon lành thế kia!

-Còn tôi – Vinlơpho nói – Suốt hai đêm nay tôi có chợp được mắt lúc nào đâu… Ngoài ra lại còn vụ án Bênêđéttô chết tiệt kia nữa, làm tôi kiệt sức, có lẽ đến quỵ mất!

-Ngài có muốn tôi giúp ngài việc gì không?

-Không, nhưng trưa nay… trưa nay… sẽ đưa đám đứa con gái đáng thương của tôi. Người em họ tôi sẽ đảm nhận việc này.

Đúng mười một giờ, những cỗ xe tang đã đứng xếp hàng trước tòa nhà viên chưởng lý Vinlơpho. Những người đi đưa đám và những người đến xem đã đứng chật ních mấy phố xung quanh. Trong phòng lớn kê cỗ áo quan, người ta thấy đầy đủ những bạn bè quen thuộc, trong số này có Luyxiêng, Satô Rơnô, Bôsăng.

-Một cô gái đáng thương! – Luyxiêng nói, giọng thương hại – Vừa đẹp, vừa giàu lại đoan trang hiền hậu, nhưng phải cái tội hơi buồn. Còn bà mẹ kế đâu nhỉ?

-Nghe nói bà ta bị mệt đang nằm liệt giường.

-Bôsăng, cậu có đăng tin về cái chết của cô Valăngtin không thế?

-Có và ai cũng phải kinh ngạc thấy trong nhà này mới có bốn tháng mà đã xảy ra bốn đám tang. À này, chẳng thấy bá tước Môngtơ Crixtô đâu cả!

-Trước khi tới đây, tôi gặp ông ta trên đường phố đang ngồi xe đi đến ngân hàng Đăngla. Nhưng ngoài bá tước ra, Moren cũng không thấy đến, anh ta nên đến mới phải, vì tất cả người quen đều có mặt.

Đúng như Bôsăng nói, sáng nay bá tước Môngtơ Crixtô tới đường Đăngtanh để gặp ông chủ ngân hàng Đăngla. Nhà đại tư sản tiếp bá tước với vẻ mặt ảm đạm khác thường.

-Thưa ngài – Đăngla bắt tay bá tước – Ngài đến giữa lúc bao nhiêu bất hạnh đang đè nặng trên đầu tôi. Và ngoài tên khốn kiếp Bênêđéttô đã làm thiên hạ.chê cười tôi, còn… chao ôi! Thật là khổ tâm!

-Có việc gì thế?

-Ngài chưa biết sao? Con gái tôi đã bỏ nhà ra đi rồi!

-Trời ! Cô ta đi với ai?

-Với một người bạn gái, cũng chỉ vì thằng khốn kiếp đó. Ngài thật là sung sướng vì chẳng có con cái gì!

-Ngài nam tước thân mến! Những nỗi buồn trong gia đình rồi sẽ dần dần tiêu tan đi, và đối với một nhà đại tư sản như ngài, đồng tiền là niềm an ủi hiệu nghiệm nhất.

Đăngla đưa mắt nhìn bá tước, không hiểu ông ta nói đùa hay nói thật.

-Phải đó, tôi đang rối tinh, rối mù lên vì những con số và tôi đang ký mấy tờ hối phiếu cho Pháp quốc ngân hàng để rút tiền ra đây.

Nói xong Đăngla giơ cho bá tước xem năm tờ hối phiếu mỗi tờ một triệu frăng trả cho người mang. Bá tước nói: -Năm mảnh giấy này trị giá năm triệu frăng, chỉ ở nước Pháp các ngài mới có nhiều tiền như vậy. Tài khoản của tôi trong ngân hàng ngài là sáu triệu, tôi đã rút ra chín mươi vạn, còn lại năm triệu mười vạn. Tôi cầm năm tờ hối phiếu này và làm biên lai cho ngài, vì tôi đang cần tiền tiêu.

Đăngla hoảng hốt khi nhìn thấy bá tước bỏ năm tấm giấy vào trong túi áo. Hắn cuống quít nói: -Thế nào, ngài bá tước! Ngài lấy số tiền đó thật ư? Nhưng tiền này là của các bệnh viện gửi tôi và tôi không có quyền tiêu đến.

-À! Nếu vậy là chuyện khác. Ngài sẽ trả năm triệu cho tôi bằng những hối phiếu khác, tôi sẽ xin trả lại cho ngài những tờ hối phiếu này.

Nói xong Môngtơ Crixtô đưa lại cho Đăngla năm tờ giấy.

Hắn định vồ lấy nhưng nghĩ thế nào lại thôi, hắn nói: -Thôi được. Tôi sẽ điều đình sau với ông quản lý bệnh viện và tờ biên lai của ngài sẽ bảo đảm cho tôi.

-Phải, nếu ngài đến xuất trình tờ biên lai này ở ngân hàng Tômxơn và Fren ở Rôma, họ sẽ không ngần ngại trả cho ngài năm triệu, cũng như ngài vừa trả cho tôi.

-Vâng, ngài cứ giữ năm tờ hối phiếu đó! – Nói xong Đăngla vuốt mồ hôi trán.

Môngtơ Crixtô lặng lẽ bỏ năm mảnh giấy vào túi áo, sửa soạn đứng lên thì người hầu vào báo có ông quản lý bệnh viện đến.

Đăngla tiễn bá tước ra cửa. Lúc đi ngang phòng khách, bá tước hơi mỉm cười, trang trọng cúi đầu chào ông quản lý và ra cửa lên xe bảo đánh đến Pháp quốc ngân hàng.

§105. Nghĩa địa cha Lase

Trời u ám đầy mây, một cơn gió lạnh làm những chiếc lá vàng rụng xuống quay lông lốc trên đường phố. Đoàn xe tang lặng lẽ đi qua những đại lộ đông đúc nhất của Pari tiến đến nghĩa địa Lase. Ngoài những cỗ xe tang còn có hàng trăm cỗ xe của các giới quý tộc và công chức cao cấp trong chính quyền. Ngoài ra, hai bên lề đường còn có mấy trăm người đi bộ theo đám tang. Phần đông khách là những chàng trai thủ đô mà cái chết của Valăngtin làm họ phải sửng sốt và tiếc thương.

Lúc đám tang vượt khỏi cửa ô Pari, người ta thấy một cỗ xe bốn ngựa từ xa phóng đến và dừng lại. Bá tước Môngtơ Crixtô từ trên xe bước xuống và nhập vào đoàn người đi đưa đám. Satô Rơnô và Bôsăng trông thấy liền chạy đến chào hỏi.

-Các bạn có trông thấy Moren ở đâu không?

-Chính tôi cũng vừa hỏi Bôsăng về cậu ta, chả ai trông thấy đâu cả!

Đám tang đã tới nghĩa địa và tiến vào khu phần mộ dành riêng cho gia đình Vinlơpho. Những người đi đưa đám tang đứng thành những nhóm nhỏ trên các con đường rải sỏi. Tiếng gió thổi hiu hắt qua những cành phi lao, hòa vào tiếng khóc thút thít của các bà, các cô, giữa tiếng hát u buồn của những giáo sĩ làm lễ.

Bằng cặp mắt rất sắc, bá tước Môngtơ Crixtô nhận thấy một bóng người lướt rất nhanh qua những hàng cây tùng rồi đứng nấp sau hầm mộ. Bá tước nhận ngay ra là Moren và không rời mắt theo dõi từng hành động của chàng thanh niên.

Sau mấy bài điếu văn, buổi lễ chấm dứt và mọi người lục tục kéo nhau ra về. Môngtơ Crixtô đứng nấp sau một bụi cây nhìn Moren. Moren với đôi mắt ngơ ngác, bước vào hầm mộ, quỳ trước cái bệ đá có đặt cỗ quan tài của Valăngtin, cúi đầu sát đất hai tay bíu lấy hàng song sắt miệng lẩm bẩm: "Ôi, Valăngtin của anh!"

Xúc động trước nỗi đau khổ của chàng thanh niên, bá tước lẳng lặng đến sau lưng vỗ nhẹ vào vai anh: -Anh bạn trẻ, tôi đang tìm anh!

Bá tước tưởng chừng sẽ gặp những lời trách móc gắt gao, nhưng ngược lại, Moren bình tĩnh nói: -Tôi đang cầu nguyện.

-Anh có muốn tôi đưa anh về Pari không?

Anh thanh niên lắc đầu. Bá tước giả bộ quay ra xe, nhưng thật ra ông vẫn nấp một chỗ để xem anh ta làm gì. Một lát sau Moren đứng lên, lặng lẽ ra xe trở về nhà ở phố Mêlay. Năm phút sau bá tước đã đến ngôi nhà đó. Juyli đang chăm sóc vườn tược cùng với lão Pênêlông. Thấy bá tước vào, thiếu nữ vui vẻ reo lên: -A! Bá tước Môngtơ Crixtô đã đến!

-Ông Mắcximiliêng vừa về có phải không cô Juyli?

-Vâng, hình như thế thì phải, đề nghị ngài gọi Emmanuen.

-Xin lỗi, tôi phải lên chỗ ông Mắc ngay mới được, có việc rất cần.

Bá tước đi rất nhanh lên hai cầu thang gác, dừng lại trước cửa phòng Moren, áp tai nghe bên trong nhưng không nghe thấy tiếng động, ông ghé mắt nhìn qua tấm kính cánh cửa thì lại không trông thấy gì vì bị rèm cửa che mất. Bá tước lo lắng, một trạng thái xúc động hiếm thấy ở con người lạnh lùng ấy. Bá tước nghĩ thầm: "Làm thế nào bây giờ? Gõ cửa ư? Ồ không, nhiều khi tiếng gõ cửa có nghĩa là khách đến, sẽ thúc đẩy ý định chẳng lành của một người đang trong tình trạng như Moren".

Môngtơ Crixtô rùng mình, nghĩ rất nhanh rồi bá tước liền dùng khuỷu tay đập vỡ một miếng kính, rồi ông thò tay vào mở chốt bên trong đẩy cửa mở ra. Moren đang ngồi bên bàn giật mình đứng lên vì tiếng động.

-Không sao đâu – Bá tước nói – Xin lỗi ông bạn thân mến! Tôi chỉ bị trượt chân ngã huých khuỷu tay vào tấm kính. Và vì nó đã vỡ rồi nên nhân cơ hội đó tôi mở cửa. Xin ông bạn đừng bận tâm!

Moren có vẻ khó chịu, tiến đến trước mặt Môngtơ Crixtô không phải để đón mà là để chặn đường. Anh hỏi, giọng lạnh lùng: -Ngài có bị thương không?

-Không sao cả! Nhưng ông đang làm gì đấy, viết thư à?

-Vâng – Moren đáp – Tôi viết thư. Một quân nhân như tôi thường viết như vậy.

Môngtơ Crixtô tiến lên mấy bước đến cái bàn, mặc dù bị Moren cố tình cản lại.

-Ông viết thư à? Thế sao lại có hai khẩu súng ngắn để bên cạnh lọ mực?

-Tôi đang chuẩn bị một chuyến du hành xa.

-Ông bạn trẻ thân mến – Môngtơ Crixtô nói giọng hiền hậu – tôi van ông chớ nên có hành động thái quá!

-Tôi mà lại có những hành động thái quá à? – Moren nhún vai – Một chuyến du hành mà lại là một hành động thái quá sao?

-Mắcximiliêng! – Môngtơ Crixtô nghiêm khắc – Mỗi chúng ta hãy bỏ mặt nạ xuống! Chắc ông cũng biết là những sự việc tôi vừa làm: Đập vỡ kính, xâm phạm vào buồng riêng của một người bạn. ông cũng hiểu là tôi làm việc như vậy do một nguyên nhân chính đáng, hay nói cho đúng hơn, tôi tin là sẽ xảy ra một điều ghê gớm: ông Moren, ông muốn tự sát!

-Ngài lấy chứng cớ đâu, thưa ngài bá tước?

-Tôi nói rằng ông muốn tự sát! Đây là chứng cớ.

Bá tước tiến lại gần cái bàn, nhấc một tờ giấy trắng ra mà Moren đã dùng để đậy một bức thư đang viết dở. Moren lao đến định giằng lấy, nhưng bá tước đã đề phòng trước, lấy tay chặn đứng anh lại như một thanh thép ép chặt xuống một cái

lò xo: -Ông đã thấy rõ ràng là ông muốn tự sát rồi chứ? Ông viết trong thư đây này!

-Nếu như vậy tôi xin nói để ngài biết – Moren kêu lên và từ thái độ bình tĩnh chuyển sang cáu kỉnh – Nếu vậy, khi mà tôi có ý định chĩa mũi súng vào tôi, ai dám ngăn cản? Ai có can đảm để ngăn cản tôi khi tôi nói: Tất cả những niềm hy vọng của tôi đều đổ vỡ tan tành. Xung quanh tôi chỉ còn tang tóc và chán nản. Trái đất này đã trở thành tro bụi, tất cả mọi tiếng nói của loài người đều xé nát tâm can tôi. Khi tôi nói rằng: Nếu thương tôi, hãy để cho tôi chết! Nếu không tôi sẽ mất trí, sẽ trở thành điên dại! Thế nào, thưa ngài. Ngài hãy trả lời đi sau khi đã nghe thấy tôi nói như vậy, khi người ta thấy tôi nói như vậy với nỗi khủng khiếp và với nước mắt của trái tim tôi, người ta có nỡ trả lời tôi rằng: tôi lầm không? Có ai nỡ ngăn cản tôi tránh một nỗi thống khổ lớn nhất không? Thưa ngài, ngài hãy nói đi, ngài có can đảm ấy không?

Môngtơ Crixtô bình thản đáp: -Có chứ, ông Moren! Tôi có cái can đảm ấy.

-Ngài ấy à! – Moren kêu lên, vẻ giận dữ và trách móc – Ngài đã đánh lừa tôi bằng một hy vọng ngu đần. Ngài đã giữ tôi lại để ru ngủ tôi bằng những lời hứa hẹn hão huyền, trong khi bằng một bất ngờ nào đó tôi có thể cứu được nàng hoặc ít nhất nàng cũng được chết trong cánh tay tôi. Ngài đã giả vờ đóng vai phái viên của Thượng đế có một sức mạnh thần kỳ nào đó, thế mà tôi chẳng có lấy một liều thuốc trị độc khi nàng bị trúng độc. Sự thực là ngài đã làm cho tôi phải thương hại ngài nếu không muốn nói là ghê tởm.

-Ông Moren!…

-Phải, ngài đã bảo chúng ta bỏ mặt nạ xuống, được, ngài sẽ hài lòng: Khi ngài theo tôi đến nghĩa địa, tôi còn trả lời ngài vì điều tốt đẹp vẫn còn lại trong tâm hồn tôi. Khi ngài vào đây, tôi đã để ngài vào đến tận đây… Nhưng vì ngài đã lạm dụng, ngài đã dám ngăn cản tôi tận trong cái buồng này mà tôi đã lui vào như lui vào một nấm mồ, vì ngài đã đem lại cho tôi những cực hình mới. Ngài Môngtơ Crixtô, người mà tôi đã tưởng là ân nhân của mình. Bá tước Môngtơ Crixtô, người cứu nhân độ thế, ngài sẽ được hài lòng, ngài sẽ được nhìn thấy tôi chết.

Và Moren với tiếng cười như điên dại, một lần nữa lao về phía hai khẩu súng ngắn. Mông ơ Crixtô mặt tuy tái xanh nhưng cặp mắt lại sáng ngời, dang hai cánh tay thép ra ngăn lại: -Tôi, tôi xin nhắc lại là ông Moren không được tự sát!

-Ngài cứ thử ngăn cản tôi xem nào!

Nói xong, Moren lại dùng hết sức lực lao lên, lại vấp vào cánh tay thép của Môngtơ Crixtô.

-Tôi sẽ ngăn cản! – Bá tước cương quyết.

-Nhưng ông là ai mà lại dám dùng sức mạnh để ngăn cản tôi?

-Tôi là ai ấy à? – Môngtơ Crixtô nhắc lại – ông hãy nghe đây: Tôi là người độc nhất trên đời này có quyền nói với ông rằng: Moren, tôi không muốn người

con trai của ông Moren chết hôm nay!

Môngtơ Crixtô đàng hoàng bước lên một bước, hai tay khoanh trước ngực, đến trước mặt Moren đang thổn thức và chưa chịu khuất phục, Moren lúng túng nói: -Tại sao ngài dám nhắc đến tên bố tôi? Trại sao ngài lại định đem những kỷ niệm về bố tôi ra nói trong việc này?

-Vì rằng tôi là người đã cứu sinh mệnh bố ông vào một ngày mà bố ông cũng định tự sát như ông hôm nay. Vì rằng tôi là người đã gửi cho em gái ông cái túi tiền và cho bố ông chiếc tàu "Pharaôn". Vì rằng tôi là Étmông Đăngtét, người đã để cho ông hồi còn bé ngồi nghịch trên đầu gối tôi.

Moren lùi lại vài bước, lảo đảo, hổn hển rồi kêu lên một tiếng và quỳ xuống ôm lấy chân Môngtơ Crixtô. Rồi bỗng nhiên anh đứng phắt lên, lao ra ngoài buồng, ra cầu thang và kêu thật to: -Juyli! Juyli! Emmanuen! Emmanuen!

Môngtơ Crixtô cũng định lao ra nhưng không kịp nữa.

Nghe tiếng gọi, Juyli, Emmanuen, Pênêlông sợ hãi chạy lên. Moren nắm lấy tay họ kéo họ vào buồng và nói bằng một giọng nghẹn ngào, thổn thức: -Các em hãy.quỳ xuống, quỳ xuống! Đây là ân nhân của chúng ta! Đây là vị cứu tinh của chúng ta! Đây là…

Anh định nói "Étmông Đăng tét!" nhưng bá tước đã nắm lấy tay anh và ngăn lại. Juyli xông đến ôm lấy bàn tay bá tước. Emmanuen ôm hôn ông như hôn một vị thần linh. Moren lại một lần nữa quỳ xuống dưới chân ông, dập trán xuống sàn.

Thế là con người mình đồng da thép ấy cũng cảm thấy tim mình thổn thức, cổ họng nghẹn ngào. Ông cúi đầu xuống khóc! Thế là căn buồng đó trong một lúc lâuứ diễn ra cuộc hội ngộ trong tiếng nấc và nước mắt.

Sau tiếng khóc, Juyli là người đầu tiên thấy mình phải làm gì. Chạy ra khỏi buồng, xuống dưới nhà, chạy đến phòng khách như một đứa trẻ, cô mở quả cầu thủy tinh và lấy cái túi lưới ra.

Trong khi đó Emmanuen nức nở nói với bá tước: -Ôi, thưa ngài bá tước! Ngài vẫn thường thấy chúng tôi luôn nhắc đến vị ân nhân bí mật của chúng tôi, luôn nhắc đến những kỷ niệm của biết bao ơn nghĩa và quý mến! Sao mà ngài để đến tận bây giờ mới ra mắt chúng tôi! ôi! Chúng tôi xin mạn phép ngài mà nói rằng ngài làm như thế là độc ác đấy!

-Anh bạn trẻ, hãy nghe tôi nói đây, điều bí mật ấy đã bị một sự kiện lớn lao phát hiện ra. Chúa Trời chứng giám cho tôi là tôi định chôn vùi nó trong tận đáy lòng tôi và mang theo nó xuống mồ, nhưng Mắcximiliêng đã lôi bật nó ra bằng bạo lực và điều này sẽ làm cho anh ấy phải hối hận.

Rồi nhìn thấy Moren chân vẫn quỳ còn người thì ngả vào chiếc ghế bành, bá tước khẽ bóp tay Emmanuen một cách có ý nghĩa rồi thì thầm với anh: -Anh phải trông nom chu đáo anh ấy!

-Tại sao thế ạ? – Emmanuen ngạc nhiên hỏi.

-Tôi chưa tiện nói, nhưng phải chú ý đấy nhé!

Emma đưa mắt nhìn quanh phòng và trông thấy hai khẩu súng ngắn của Moren để trên bàn, anh hốt hoảng chỉ tay vào và bá tước gật đầu. Emma định đến lấy hai khẩu súng đó nhưng bá tước bảo: -Anh cứ để đấy!

Juyli đi lên, tay cầm cái túi lưới lụa và hai giọt nước mắt long lanh chảy dài trên má, cô nói: -Đây là vật thánh tích, nó vẫn còn rất thiêng đối với tôi, mặc dù ân nhân của chúng tôi đã phát hiện được.

-Juyli thân mến! – Bá tước đỏ mặt, ngượng ngập – Cô cho phép tôi xin lại cái túi này vì cả nhà đã biết mặt tôi rồi. Tôi muốn rằng những kỷ niệm về tôi sẽ là tình nghĩa chứ không còn là vật chất nữa.

-Ôi, không, không, tôi van ngài! – Juyli nói và ghì cái túi vào ngực – Vì có thể là một ngày kia ngài sẽ xa chúng tôi!

-Cô đoán đúng – Môngtơ Crixtô cười như đồng tình – Trong tám ngày nữa tôi sẽ từ biệt đất nước này, nơi mà biết bao kẻ đáng phải bị trừng trị thì lại sống sung sướng, còn cha tôi bị chết vì đói và đau thương!

Khi nói đến câu "tôi sẽ từ biệt đất nước này" bá tước nhìn Moren và nhận thấy cũng không lôi anh ta ra khỏi được cơn hôn mê. Ông hiểu là cần phải đấu tranh nữa với sự đau khổ của Moren, bá tước liền cầm lấy bàn tay Juyli và Emmanuen rồi ân cần: -Các bạn tốt của tôi, tôi muốn được một mình với Mắcximiliêng.

Đó là một cơ hội tốt để Juyli mang cái túi quý báu đi khỏi phải trả lại. Còn lại một mình với Moren, Môngtơ Crixtô để tay lên vai anh, nói: -Thế nào, anh đã trở lại bình thường rồi chứ?

-Vâng, vì tôi đã lại bắt đầu thấy đau khổ.

-Mắcximiliêng! – Bá tước nhíu cặp lông mày lại – Những ý nghĩ ấy không phải là của một người dũng cảm đâu!

-Ôi, xin ngài cứ an tâm, tôi sẽ không đi tìm cái chết đâu!

-Vậy là không được dùng súng và không được thất vọng nữa nhé!

-Không đâu ạ. Tôi có một biện pháp thoát khỏi sự thống khổ này hiệu nghiệm hơn là nòng súng: đó là chính sự đau thương sẽ giết chết tôi.

-Anh bạn ạ! – Môngtơ Crixtô buồn rầu – Anh hãy nghe tôi kể câu chuyện này. Có một lần tôi cũng đã tuyệt vọng như anh và cũng muốn tự sát. Có một hôm cha anh cũng tuyệt vọng như tôi và cũng muốn tự sát. Nếu trong lúc cha anh định gí mũi súng vào thái dương, trong lúc tôi định ném khẩu phần bánh mì trong ngục tối có một người nào đó bảo chúng tôi rằng hãy bám lấy cuộc sống để rồi một ngày kia sẽ có hạnh phúc, có lẽ chúng tôi đã hoài nghi lời nói đó. Thế mà đã bao lần trước khi nhắm mắt, cha anh đã ca ngợi cuộc sống. Ngày nay, nếu tôi nói

rằng: Moren, anh phải sống, tôi tin rằng một ngày kia anh sẽ cám ơn tôi vì tôi đã bảo vệ cuộc sống cho anh.

-Trời ơi! – Moren kêu lên – Ngài nói gì vậy? Ngài nên thận trọng vì có thể là ngài chưa biết yêu là gì đâu?

-Anh trẻ con quá!

-Tôi muốn nói đến tình yêu đấy! Tôi là một người lính. Khi tôi lớn lên, mãi đến năm hai mươi tuổi tôi còn chưa biết yêu là gì, nghĩa là tôi chưa cảm thấy một tình cảm nào đáng gọi là tình yêu cả. Thế rồi năm hai mươi chín tuổi tôi gặp được Valăngtin, gần hai năm nay tôi yêu nàng, gần hai năm nay tôi đã đọc được những đức hạnh cao quý nhất của người phụ nữ trong trái tim nàng, nó mở ra trước mắt tôi như những trang sách. Thưa bá tước, Valăngtin đối với tôi là một niềm hạnh phúc bao la, vô biên, vĩ đại, hoàn hảo, thiêng liêng nhất trên đời này. Trên đời này mà thiếu Valăngtin, đối với tôi chỉ còn lại là tuyệt vọng và đau thương thôi.

-Moren! Tôi đã nói với anh rằng hãy hy vọng kia mà!

-Ngài hãy thận trọng đấy, tôi cũng xin nhắc lại như vậy! Vì nếu ngài tìm cách thuyết phục tôi, ngài sẽ làm cho tôi đến quẫn trí, vì ngài làm cho tôi tin tưởng tôi sẽ được gặp lại Valăngtin đấy!

Bá tước Môngtơ Crixtô mỉm cười. Moren nói tiếp: -Thưa ngài, tôi coi ngài như một người bạn lớn, như một người cha của tôi, xin ngài hãy cẩn thận, tôi xin nhắc lại ra thứ ba. Xin ngài hãy cẩn thận về những lời nói của ngài vì rằng mắt tôi sáng lại đây, tim tôi trỗi dậy đây và lại hoạt động. Ngài hãy cẩn thận vì ngài làm cho tôi phải tin vào những câu chuyện thần kỳ. Tôi sẽ tuân theo ngài dù ngài có bắt tôi phải nậy hòn đá đậy nấm mồ nàng, tôi sẽ cưỡi lên sóng nếu ngài ra lệnh. Xin ngài hãy thận trọng khi nói với tôi, tôi xin tuân lệnh.

-Từ giờ phút này anh sẽ sống cạnh tôi. Anh không được xa tôi, và trong tám ngày nữa chúng ta sẽ từ biệt đất Pháp.

-Và ngài vẫn bảo tôi là cứ hy vọng?

-Tôi nói với anh là cứ hy vọng, vì tôi có cách làm anh thực hiện được hy vọng.

-Thưa bá tước, như vậy ngài chỉ càng làm kéo dài cuộc sống hấp hối của tôi mà thôi!

-Vậy là anh không còn can đảm hứa với tôi, trong một ít ngày để tôi thử thách sao? Anh có biết bá tước Môngtơ Crixtô có khả năng gì không? Anh có biết bá tước chỉ huy nhiều thế lực trên trái đất này không? Anh có biết rằng bá tước có đủ lòng tin vào Chúa để có thể nhấc nổi cả một trái núi lên không? Vậy thì sự việc thần kỳ đó, tôi hy vọng nó sẽ đến, anh hãy đợi chờ nó, nếu không…

-Nếu không…? – Moren nhắc lại.

-Nếu không… Moren, anh phải cẩn thận đấy, tôi sẽ gọi anh là kẻ bội bạc!

-Thưa bá tước, xin hãy thương tôi!

-Tôi thương anh nhiều rồi! Nhiều đến nỗi trong một tháng nữa tôi sẽ chữa khỏi cho anh. Anh nghe rõ rồi chứ? Từng ngày, từng giờ, anh hãy nhớ kỹ lời tôi. Chính tôi sẽ đặt trước mặt anh hai khẩu súng kia nạp đạn sẵn và một cốc nước có chứa thuốc độc, một thứ thuốc độc có hiệu quả ngay tức khắc như thứ đã hãm hại Valăngtin.

-Ngài hứa với tôi như vậy chứ? – Moren như mê đi, hỏi.

-Tôi không hứa, mà tôi thề với anh như vậy đấy!

-Trong một tháng nữa, nếu không gì an ủi được tôi, ngài hứa với tôi là tôi được tự do về số phận của tôi, và mặc dù tôi làm gì ngài cũng không gọi tôi là kẻ bội nghĩa chứ?

-Trong một tháng nữa, từng ngày, từng giờ Moren ạ! Thời hạn rất thiêng liêng. Tôi không hiểu anh có chú ý đến không. Hôm nay là ngày mồng 5 tháng Chín. Đúng cách đây mười năm tôi đã cứu sống cha anh. Vậy là anh hứa với tôi, anh sẽ đợi và sống cho đến một tháng nữa chứ?

Moren cầm lấy tay bá tước nâng lên hôn rồi đáp: -Đến lượt tôi, tôi xin thề với ngài như vậy!

Bá tước kéo Moren lại ôm vào ngực một lúc lâu rồi nói: -Và bây giờ bắt đầu từ ngày hôm nay anh đến nhà tôi và sẽ ở căn phòng của Hayđê.

-Hayđê à! Cô ta ra sao?

-Đêm nay cô ấy sẽ ra đi!

-Vĩnh biệt ngài à?

-Không, để đợi ta…

Moren cúi đầu vâng theo như một đứa trẻ.

§106. Chia của

Tại khách sạn phố Thánh Giécmanh Đơ Prê mà hai mẹ con Anbe đã dọn đến ở, người ta đã dành cả một tầng gác cho một nhân vật vô cùng bí hiểm. Đó là một người đàn ông mà người gác cổng không bao giờ nom rõ mặt vì thường thường hắn quấn một cái khăn quàng lên che gần kín mặt.

Hắn đến rất đúng giờ, bất cứ thời tiết nào, cứ bốn giờ chiều là hắn đến và không bao giờ ngủ lại đêm. Người ta đồn hắn là một nhân vật quan trọng nên không ai theo dõi hắn cả. Sau lúc hắn đến vào khoảng hai mươi phút, một cỗ xe ngựa dừng trước khách sạn. Một người đàn bà mặc toàn đồ đen, đeo mạng che kín mặt trên xe bước xuống, trèo lên cầu thang lặng lẽ như một bóng ma, khẽ gõ cửa phòng. Tức thì cửa phòng hé mở, người đàn bà bước vào và cánh cửa lại khép chặt lại ngay.

Sau hôm bá tước Môngtơ Crixtô đến thăm nam tước Đăngla, tức là sau ngày đưa đám Valăngtin, nhân vật bí hiểm đến khách sạn vào khoảng mười giờ sáng, trái với thường lệ. Ngay sau đó người đàn bà cũng đến. Khi cánh cửa buồng vừa đóng lại, người đàn bà kêu lên: -Anh Luyxiêng thân yêu của em!

-Em làm sao thế! Bức thư của em làm anh sửng sốt.

-Anh Luyxiêng, một sự kiện vô cùng quan trọng vừa xảy ra! Nam tước Đăngla đã đi đâu mất tích từ chiều hôm qua và để lại cho em một lá thư đây.

Nói xong thiếu phụ rút trong người ra một bức thư đưa cho Luyxiêng:

"Thưa bà, sau khi đọc bức thư này thì bà không còn chồng nữa, cũng như tôi không còn con gái nữa. Tôi sẽ đi trên con đường dẫn tôi ra khỏi nước Pháp, và trước lúc ra đi, tôi thấy có trách nhiệm phải để bà biết lý do. Sáng hôm nay tôi đã phải trả một số tiền là năm triệu frăng, và sau đó một món nợ khác cũng tương đương với số tiền đó, nhưng tôi đã phải khất đến ngày mai. Vì vậy hôm nay buộc lòng phải ra đi để tránh cái ngày mai khủng khiếp đó. Bà đã hiểu rõ rồi chứ? Cũng như bà đã hiểu quá rõ về công việc kinh doanh của tôi, và hơn nữa bà có cái may mắn hơn tôi là một phần gia sản của tôi nằm trong tay bà vẫn còn nguyên vẹn. Vì bao giờ đàn bà cũng khôn ngoan tính toán giỏi hơn đàn ông, vì đàn ông là những kẻ chỉ biết vùi đầu vào những con số. Bà có bao giờ ngờ rằng tôi lại xuống dốc nhanh như thế này không? Tôi lấy bà là người không có tiền của, không có tên tuổi, và trong mười lăm năm trời tôi đã xây dựng được một cơ đồ lớn lao cho đến ngày những tai họa bất ngờ và khó hiểu làm sụp đổ cơ nghiệp của tôi, và chính bàn tay bà cũng đóng góp một phần vào sự đổ vỡ đó. Trong lúc này bà vẫn tìm cách tăng thêm số vốn của bà. Vì vậy tôi buộc phải xa bà và đi tìm con đường của tôi. Vĩnh biệt bà".

"Nam tước Đăngla".

-Thế nào? – Nam tước phu nhân hỏi Luyxiêng sau khi thấy hắn đã đọc xong và có vẻ suy nghĩ.

-Anh cho là nam tước ra đi để trốn nợ.

-Và có thể ông ấy sẽ không bao giờ quay trở về nữa! Em biết tính ông ấy mà.

-Bây giờ em định liệu ra sao?

-Em cũng đang định nhờ anh giải quyết.

-Anh cho rằng tốt hơn hết là em hãy tạm lánh đi một ít lâu để thiên hạ cho là em bị ruồng bỏ, bị mất hết cả tình, hết cả tiền và mọi người sẽ thương xót em. Nhưng thật ra chỉ có anh hiểu em. Bây giờ không những em được hoàn toàn tự do mà lại còn có một số vốn kếch xù nữa -Nói xong Luyxiêng rút trong cặp ra một tập giấy tờ để lên mặt bàn rồi nói tiếp – Đây này, từ sáu tháng nay chúng ta cộng tác với nhau để kinh doanh. Em bỏ ra một số vốn mười vạn frăng hồi tháng Tư. Đến tháng Năm chúng ta được lời bốn mươi vạn, tháng Sáu chín mươi vạn và sang tháng Bảy, nhờ số phiếu quốc trái Tây Ban Nha, chúng ta vớ được một triệu bảy. Đến tháng Tám chúng ta bị lỗ ba mươi vạn nhưng chúng ta lại gỡ lại ngay vào dịp cuối tháng. Cộng trừ lỗ lãi, tính đến hết ngày hôm nay số tiền lời của chúng ta lên tới hai triệu bốn mươi vạn, nghĩa là mỗi người chúng ta được gọn một triệu hai.

Là một người buôn bán sòng phẳng nên anh muốn thanh toán sòng phẳng với em để trước khi ra đi em không oán hận gì cả. Đây là tám mươi vạn bằng tiền mặt và bốn mươi vạn bằng hối phiếu. Những hối phiếu này được bảo đảm, em khỏi lo.

Nam tước phu nhân nhận tập giấy bạc và những hối phiếu, lặng lẽ bỏ vào ví, mặt tái nhợt không nói một câu, chờ đón một lời âu yếm của tình nhân. Nhưng Luyxiêng vẫn giữ bộ mặt lạnh lùng giả tạo, liếc mắt nhìn thiếu phụ dường như muốn nói: "Thôi bà đi cho khuất mắt".

Lòng tê tái, thiếu phụ mở cửa đi ra trong khi Luyxiêng cúi đầu chào, không nói một câu. Thiếu phụ chạy vụt xuống cầu thang, không buồn ngó mặt gã "sở khanh" nữa.

Cùng ở trong khách sạn mà Luyxiêng vừa chia tiền với Đăngla phu nhân, nhưng ở tầng gác trên, có hai nhân vật làm người ta chú ý: Đó là Mécxêđét và Anbe. Từ mấy bữa nay bà đã thay đổi hoàn toàn. Với lối sống và cách trang phục giản dị, bà giống như một nàng công chúa đã rời bỏ tòa lâu đài tráng lệ để sống trong một túp lều tranh. Mặc dù cặp mắt không còn long lanh nữa, mặc dù nụ cười trên đôi môi đã phai nhạt, bà vẫn giữ được vẻ thanh cao và dũng cảm chịu đựng những thiếu thốn của cuộc sống thanh đạm. Căn phòng được dán giấy hoa, không có thảm len, và đồ đạc rất đơn sơ cũ kỹ. Thỉnh thoảng Anbe lại nhìn mẹ để dò hỏi tâm trạng người đàn bà đã quen sống trong cảnh nhung lụa lịch sự, nhưng thấy bà vẫn mỉm cười hồn nhiên để làm yên lòng con.

Về phía Anbe, anh cũng làm quen dần với cuộc sống mới. Anh ra ngoài không đeo bao tay nữa để bàn tay đỡ trắng và đi bộ để đỡ tốn tiền xe. Có một hôm Anbe tái mặt bảo Mécxêđét: -Thưa mẹ, chúng ta cạn tiền rồi!

Ngay cả thời kỳ sống ở xóm Catalăng, Mécxêđét cũng chưa bao giờ phải sống trong cảnh thiếu thốn. Nhưng giờ đây phải sống một cách thực tế, đồng tiền đối với bà có một sức mạnh ghê gớm và buộc bà phải lo lắng.

-Mẹ ạ! – Anbe nói tiếp – Con đang tính xem với số tiền ba ngàn frăng mà bá tước Môngtơ Crixtô chôn ở ngôi nhà đường Mêlăng Mácxây, mẹ con ta có thể sống ung dung không, vì đối với chúng ta ngày nay, ba ngàn frăng là một số tiền lớn. Nhưng trước hết chúng ta phải đi Mácxây, tiền tàu xe và phí tổn ăn đường hết hai trăm frăng rồi. Con đã bán chiếc đồng hồ bỏ túi và hai cái nhẫn được bốn trăm frăng và sau khi trả tiền buồng, chúng ta còn hơn một trăm frăng để dự trữ. Như thế là mẹ sẽ về Mácxây ở còn con sẽ sang châu Phi…

-Trời! Sang châu Phi? – Mécxêđét rùng mình, thở dài.

-Vâng, thưa mẹ, hôm qua con đã tình nguyện đăng ký vào đạo quân viễn chinh ở Bắc Phi, và nay mai con sẽ được lĩnh một số tiền là một ngàn frăng.

Mécxêđét ngửa mặt lên trời và mấy giọt lệ từ từ lên trên má: -Thế ra con đã bán rẻ tấm thân con?

-Mẹ đừng lo, con tin rằng một ngày kia con sẽ vinh quang trở về với những chiếc lon vàng trên vai. Và với số tiền bốn ngàn frăng, mẹ sẽ sống ung dung trong hai năm. Mẹ vui lòng để con đi chứ?

-Ôi! Con đã hành động theo tiếng gọi của lòng con, còn mẹ sẽ tuân theo ý muốn của Chúa. Chúng ta cần phải tỏ cho thiên hạ biết là mẹ con ta không lùi bước trước những khó khăn.

-Và con tin rằng mẹ sẽ được sung sướng trong ngôi nhà của Étmông Đăngtét. Con đã mua vé xe trạm cho mẹ rồi, còn con phải ở lại mấy hôm để đi lĩnh giấy tờ ở quân khu. Con sẽ gặp mẹ ở Mácxây.

-Vậy chúng ta lên đường ngay!

Mécxêđét quấn cái khăn quàng bằng xatanh đen lên vai, khoác tay con trai đi xuống cầu thang.

Ra đến bến xe, bà ôm hôn con rất lâu rồi bước lên cỗ xe trạm. Một lát sau người đánh xe quất ngựa và cỗ xe chuyển bánh.

Một người đàn ông mặc áo choàng che kín mặt đứng nấp sau phòng bán vé, khi nhìn thấy Mécxêđét đã đi khỏi và Anbe quay gót trở về, người đó đưa tay lên bóp trán lẩm bẩm:

"Chao ôi! Ta sẽ làm cách gì đây để trả lại hạnh phúc cho hai người vô tội này? Mong Thượng đế sẽ giúp ta".

§107. Chuồng cọp

Ở nhà ngục Lafooc có một khu đặc biệt dành riêng cho những tù nhân nguy hiểm và hung hãn nhất. Khu vực được mệnh danh là "chuồng cọp" vì những người đang ở trong đó phần nhiều có hàm răng nhọn hoắt có thể gặm những chấn song sắt hoặc cắn những tên cai ngục. Xung quanh có tường cao và dày vây kín. Lính gác ở đây được chọn toàn những người cao lớn khỏe mạnh. Trong sân chơi mà ít khi có ánh mặt trời chiếu xuống, từ sáng đến chiều người ta thấy những bóng người đi tha thẩn lang thang, mặt mũi hốc hác và âu sầu lo lắng, lòng nặng trĩu nỗi u buồn của cảnh giam cầm khổ cực. Họ ngồi hoặc đứng tựa vào tường, từng nhóm một, mắt luôn luôn nhìn ra phía cửa để xem có ai được gọi ra ngoài, hoặc thêm một con người bị quẳng vào cái hố sâu này của xã hội.

Trong khu có nhà nói chuyện riêng, nghĩa là một mảnh đất hình chữ nhật có trồng hai hàng rào sắt song song để phạm nhân khi gặp người nhà không thể thò tay qua nhận một vật gì được. Hành lang này lúc nào cũng tối tăm ẩm thấp, và mặc dù cảnh rùng rợn của nó, nó đã được coi như một thiên đường, vì những con người xấu số khi ở chuồng cọp ra đi chỉ là để đem ra trường bắn, hoặc vào trại tù khổ sai, hoặc bị đem đến ngục kín.

Trong cái sân chơi đó, giữa một ngày lạnh lẽo, một gã trẻ tuổi, hai tay đút túi quần, đang đi đi lại lại dưới những cặp mắt ngạc nhiên của bọn đồng phạm. Trông dáng dấp có vẻ một thanh niên lịch sự, vì bộ quần áo mặc dù có vài chỗ rách và bẩn trông vẫn có vẻ đắt tiền và may cắt rất khéo. Cái áo sơ mi bằng phin mỏng màu trắng đã trở thành vàng khè nhưng vẫn được cài khuy cẩn thận, và gã vẫn cố giữ đôi ủng bằng da lúc nào cũng bóng loáng.

Một tù nhân nhận xét: -Này, trông cậu ta có vẻ một ông hoàng kiết xác!

-Và khá đẹp trai nữa – Một tù nhân khác nói mỉa mai – Chỉ thiếu có tí mỡ bôi đầu!

-Trông cách ăn mặc có vẻ ra dáng lắm! Thế mà bọn cảnh sát chó chết chả nhẹ tay chút nào!

Gã thanh niên có vẻ thích thú về những lời bàn tán về mình, và được thể, gã lại gần một tên cai ngục đang đứng cạnh một cái cửa tò vò, nói: -Chú cai ơi! Chú cho cháu mượn vài chục frăng để mua một bộ quần áo ngủ, chứ ông hoàng Cavancăngty mà mặc mãi cái áo lễ rách này coi sao cho tiện?

Câu nói đùa của gã làm bọn phạm nhân cười ồ, nhưng lão cai ngục nghe mãi quen tai rồi, quay đi nói: -Mày đi mà bảo những thằng bạn của mày cho mượn, tao không có.

Angđrê liền ưỡn ngực ra: -Cháu mà thèm đánh bạn với bọn giết người cướp của này à? Cháu là một thanh niên quý tộc trong tầng lớp thượng lưu chứ kém ai!

Bọn phạm nhân liếc mắt bảo nhau rồi đứng vây quanh lấy gã. Lão cai ngục biết là sắp xảy ra chuyện gì, và cũng muốn cho tên láo xược một bài học, bèn lảng xa ra chỗ khác. Một tù nhân kêu lên: -Cho nó nếm một gót giày sắt!

-Nọc nó ra mà nện cho một trận nhừ tử – Một tên khác ủng hộ.

Bọn phạm nhân sắp sửa ra tay thì Angđrê hiên ngang phồng má trợn mắt phát ra một tiếng kêu kỳ lạ làm cả bọn phải kinh ngạc. Tiếng kêu là một ám hiệu mà Cađơrút đã phổ biến cho gã và lập tức bọn lưu manh nhận ra đó là một bọn đồng nghiệp. Tức thì bọn chúng đứng giãn ra, có tên còn đến bắt tay Angđrê làm lão coi ngục phải sửng sốt.

Giữa lúc đó, viên phó giám thị thò đầu qua cửa tò vò gọi: -Bênêđéttô! Ra ngoài có việc.

Angđrê sướng rên lên. Gã biết giờ này không phải là giờ hỏi cung. Có thể là một người nào đó muốn vào gặp gã, vì từ lúc bước chân vào đây gã hy vọng sẽ có một người nào đó sẽ đến thăm để cho tiền gã… Gã được đưa tới phòng nói chuyện và sau tấm hàng rào sắt, gã rất kinh ngạc trông thấy bộ mặt thiểu não của Bectuyxiô.

-A! – Angđrê kêu lên như bị đâm trúng tim.

-Xin chào Bênêđéttô! – Bectuyxiô nói giọng oang oang.

-Chú! Chú! – Gã thanh niên nói vẻ kinh hãi và nhìn xung quanh.

-Mày không nhận ra tao à, thằng khốn kiếp kia!

-Im đi, chú hãy im đi! – Angđrê nói vì sợ ở đây ai đó sẽ nghe thấy – Trời ơi! Chú nói khẽ chứ!

-Mày muốn nói chuyện chỉ với mình tao thôi, phải không?

-Vâng, vâng!

-Được lắm!

Nói xong Bectuyxiô rút trong túi ra một tờ lệnh của tòa án cho phép được nói chuyện riêng với phạm nhân trong một phòng riêng và đưa tờ lệnh cho nhân viên giám thị. Angđrê được dẫn đến một căn buồng ở đầu nhà trông ra vườn. Trong buồng quét vôi trắng, có kê một cái giường, một bộ bàn ghế và một cái bếp lò. Bectuyxiô ngồi ở trên ghế còn Angđrê nằm lăn ra giường.

-Thế nào! Mày lại vẫn chứng nào tật ấy, lại trộm cắp, lại giết người!

-Ô! Nếu chú vào đây chỉ để mắng mỏ cháu thì chú chả nên vào làm gì. Cháu biết tất cả rồi. Còn có nhiều điều mà cháu chưa biết, đề nghị chú cháu ta hướng vào đó. Ai bảo chú đến đây?

-Chẳng ai bảo cả! Tao đã theo dõi mày từ ngày mày đóng vai công tử bột ở đại lộ Săng Êlidê kia…

-Đại lộ Săng Êlidê! Đúng tủ rồi đấy! Ở đại lộ ấy có một ông nhà giàu, rất giàu.

-Có lẽ đấy!

-Ngài bá tước Môngtơ Crixtô?

-Chính chú đã nêu cái tên đó ra đấy nhé! Cháu muốn lao vào lòng ông ấy, muốn ghì chặt ông ta vào ngực và kêu lên: "Cha tôi! Cha tôi!"

-Đừng có nói đùa! – Bectuyxiô nghiêm giọng lại – Một cái tên như vậy mày không được nêu lên ở đây vì rằng người có tên đó được đức Thượng đế ưu đãi chứ đâu có phải là cha một đứa khốn kiếp như mày!

-Ôi, những câu nói mới to tát làm sao!

-Và sẽ có những hậu quả khủng khiếp, nếu mi không thận trọng.

-Những lời đe dọa… Cháu không sợ đâu:… Cháu sẽ nói…

-Mày tưởng đây là những chuyện tẹp nhẹp như bọn chúng mày đấy hẳn! Bênêđéttô, mi đang ở trong một bàn tay ghê gớm, bàn tay đó đang muốn mở rộng ra đối với mi, mi nên tận dụng nó.

-Cha cháu… cháu muốn biết ai là cha cháu? – Angđrê bướng bỉnh kêu lên – Dù có phải chết cháu cũng muốn biết điều đó.

-Tao đến đây chính là vì câu chuyện đó.

-Thật không chú? – Bênêđéttô sướng run người lên.

Giữa lúc đó lão cai ngục mở cửa đi vào nói với Bectuyxiô: -Xin lỗi ông, ngài chánh án đang đợi phạm nhân.

-Thôi được, ngày mai tôi sẽ trở lại.

Angđrê đi theo lão cai ngục, nhưng không quên ngoái đầu lại dặn: -Chú Bectuyxiô! Đi qua văn phòng nhớ để lại mấy chục frăng cho cháu tiêu đấy nhé! Thôi chào chú.

§108. Quan tòa

Phiên tòa đại hình sẽ mở trong ba ngày nữa, và Vinlơpho suốt ngày giam mình trong văn phòng, bù đầu về tập hồ sơ của vụ án. Mặc dù bằng chứng chưa cụ thể lắm, chỉ mới căn cứ vào lời khai của nạn nhân trước khi chết, nhưng Vinlơpho cũng tin chắc Bênêđéttô là thủ phạm và cố làm cho vụ án có tầm quan trọng đặc biệt vì tất cả Pari đang xôn xao.

Một buổi sáng chủ nhật, người mệt lử, Vinlơpho bước xuống vườn, chống gậy đi đi lại lại trên con đường nhỏ hai bên trồng cúc vàng. Bất chợt y nhìn lên tòa nhà và bắt gặp cặp mắt của ông già Noachiê, ông đang ngồi sau một cánh cửa sổ hằn học nhìn xuống một địa điểm trong mảnh vườn. Vinlơpho theo dõi hướng nhìn của ông già bại liệt thì thấy vợ y đang ngồi dưới một vòm cây sơn trà đọc sách, và cạnh đó thằng bé Êđua đang đùa với quả bóng cao su.

Dường như bị thu hút bởi một sức mạnh vô hình, Vinlơpho đi về phía ngôi nhà, nhìn cha như muốn nói: -Được, xin cha chờ cho một ngày nữa, rồi đâu sẽ vào đó!

Đoạn y trở vào văn phòng ngồi vào bàn làm việc cho đến năm giờ sáng. Y lên giường nằm và lúc trở dậy ánh dương đã nhuốm vàng khắp các chòm lá hạt dẻ trong vườn, và một con sơn ca đang cất tiếng hót líu lo trầm bổng. Y nhìn sang phía cửa phòng ông Noachiê. Thấy tấm rèm cửa đã đóng kín mít, y bèn lẩm bẩm "Hôm nay người thay mặt pháp luật, người cầm cán cân công lý sẽ thi thành nhiệm vụ trừng trị những kẻ có tội".

Một lát sau người hầu phòng gõ cửa đi vào mang cho y một cái khay trên để báo chí và một cốc sôcôla. Đến giờ ăn y vẫn ngồi làm việc, chưa xuống phòng ăn. Người hầu vào báo: -Phu nhân muốn nhắc quan chưởng lý bây giờ đã mười một giờ, và phiên tòa bắt đầu lúc mười hai giờ trưa. Phu nhân đã chuẩn bị đầy đủ và sẽ cùng đi với quan chưởng lý ra tòa án.

-À! – Vinlơpho gầm lên, giọng rùng rợn – Phu nhân cũng muốn đi dự phiên tòa à! Được, anh vào nói với phu nhân là đợi ta ở phòng ngủ, ta có câu chuyện muốn nói.

Người hầu đi rồi, Vinlơpho cạo râu, mặc quần áo, xách cái cặp, mở cửa bước sang phòng vợ. Y rút khăn tay lau mồ hôi trán rồi mở cửa bước vào.

Vinlơpho phu nhân đang ngồi trên tràng kỷ đọc báo buổi sáng và Êđua đang cầm kéo cắt những trang họa báo.

Vinlơpho nhìn thằng bé bằng đôi mắt nghiêm nghị rồi bảo nó: -Êđua, con hãy ra vườn chơi một lát, bố có chuyện riêng nói với mẹ!

Thằng bé ngạc nhiên trước câu nói như mệnh lệnh của bố, nó giương mắt lên nhìn, nhưng Vinlơpho quát: -Nghe rõ chưa, Êđua? Ra ngay ngoài kia!

Thằng bé tái mặt, đứng dậy chạy ra khỏi phòng, Vinlơpho khóa chặt cửa buồng lại, lạnh lùng đến trước mặt vợ hỏi dằn từng tiếng một: -Bà để gói thuốc độc mà bà vẫn thường dùng ở đâu?

Vinlơpho phu nhân run lên tựa như con gà con bị sa vào móng diều hâu, thở hổn hển mặt xám ngắt, nấc lên từng tiếng một: -Ông, ông muốn nói gì… tôi không hiểu?

Nói xong, như không còn sức nữa, mụ ngã ngồi xuống cái đệm ghế. Vinlơpho rất bình tĩnh hỏi: -Tôi hỏi bà, bà giấu ở đâu gói thuốc độc mà bà đã dùng để giết chết hầu tước Xanh Mêrăng cùng phu nhân, lão bộc Baroa và con gái Valăngtin của ta?

-Ôi thưa ông! Sao ông lại hỏi tôi như vậy?

-Bà không được quyền hỏi, chỉ được phép trả lời!

-Tôi phải trả lời một người chồng hay một ông quan tòa?

-Quan tòa! Quan tòa!

-Ông ơi!… Ông ơi! – Mụ lẩm bẩm chỉ nói được mấy câu ấy.

-Bà không trả lời hả? Có nghĩa bà thú nhận! Bà đã gây ra những tội ác bằng những hình thức vô cùng khéo léo và tinh vi, nhưng cũng không sao che nổi con mắt của pháp luật. Sau cái chết của hầu tước phu nhân, tôi đã hơi nghi vấn, và tôi đã nói với ông bác sĩ Đavrinhi rằng, sau cái chết Baroa tôi đã biết rõ hơn, nhưng đến cái chết của Valăngtin, tôi đã khẳng định được với ông Đavrinhi chính bà là thủ phạm. Bây giờ đã có hai người biết rõ tội ác của bà thì một ngày kia nó sẽ trở thành công khai.

Mụ đàn bà úp mặt vào hai lòng bàn tay rên rỉ: -Ôi! Thưa ông, tôi van ông, ông đừng nên tin vào bề ngoài!

-Bà hèn nhát đến thế kia à? – Vinlơpho kêu lên với giọng khinh bỉ – Quả nhiên những kẻ đầu độc đều là những kẻ hèn nhát! Bà mà hèn nhát ư? Bà là kẻ đã có dũng khí đến kinh người, nhìn hai người già và một cô gái hấp hối vì bị đầu độc trước mặt bà!

-Ông ơi! Ông ơi!

-Bà hèn nhát đến thế kia ư? – Vinlơpho hăng máu, tiếp tục nói: – Bà là người bình tĩnh đếm từng phút một, bốn vụ hấp hối, đã từng trộn nước uống với chất độc bằng một sự khéo léo và chính xác thần kỳ! Bà đã tính toán khéo léo tất cả nhưng bà lại quên tính đến một điều là nếu bị phát giác ra thì những vụ đó sẽ đưa bà đến đâu? Ôi, chẳng lẽ vì bà đã dành riêng cho bà một thứ thuốc độc công hiệu hơn, nhẹ nhàng hơn để tránh đòn trừng trị đang chờ đón bà? Có lẽ bà đã làm như vậy, tôi mong thế?

Vinlơpho phu nhân bóp hai tay vào nhau và ngã quỵ xuống, Vinlơpho nói tiếp: -Tôi biết mà… Tôi biết mà, bà thú tội hả? Nhưng thú tội với quan tòa, thú

tội vào giây phút cuối cùng, thú tội vào lúc không thể chối cãi được nữa, lời thú tội đó không làm giảm nhẹ được sự trừng phạt đâu!

-Trừng phạt! – Mụ vợ kêu lên – Trừng phạt, ông đã nhắc đến câu ấy hai lần rồi.

-Chứ sao! Có phải vì bà phạm tội bốn lần mà bà cho là thoát được sao? Không đâu bà ạ, không! Mặc dù thế nào, đoạn đầu đài vẫn đang chờ những kẻ đầu độc, nếu kẻ đầu độc đó không giữ lại cho mình một vài giọt của thứ thuốc độc mạnh nhất.

Vinlơpho phu nhân thét lên một tiếng man rợ, nỗi sợ hãi đầy nhục nhã đã làm méo mó cả khuôn mặt của mụ. Vinlơpho nói tiếp: -Ôi, bà đừng sợ phải lên đoạn đầu đài, tôi không muốn làm mất danh dự của bà vì như vậy tôi cũng bị mất danh dự lây. Nếu bà đã nghe rõ được những lời tôi đã nói thì bà cũng phải hiểu là bà sẽ không bị chết trên đoạn đầu đài.

-Không, tôi không hiểu ông muốn nói gì! – Mụ vợ ấp úng.

-Tôi muốn nói rằng vợ của quan chưởng lý bị phạm tội sẽ không làm ô danh cùng một lúc chồng và con.

-Không, không đâu! – Mụ vợ xổ tung tóe ra, sùi bọt mép phản kháng đến cùng.

-Vậy là bà vẫn chưa trả lời câu tôi hỏi lúc mới vào đây, bà để ở đâu thứ thuốc độc mà bà vẫn dùng?

Vinlơpho phu nhân giơ hai tay lên trời, rồi lại nắm chặt vào nhau gào lên: -Không! Không! Không phải ông muốn thế đâu?

-Thưa bà, điều mà tôi không muốn là để bà phải chết trên đoạn đầu đài, bà đã nghe rõ chưa?

-Ôi! Thưa ông, xin ông tha tội!

-Điều mà tôi muốn là Công lý phải được thực hiện. Tôi sinh ra là để trừng phạt – Vinlơpho nói, cặp mắt như nẩy lửa – Bất cứ người đàn bà nào, dù là hoàng hậu đi nữa, tôi cũng cử đao phủ tới. Nhưng đối với bà tôi có khoan nhượng hơn. Với bà, tôi nói: Bà đã giữ lại cho bà vài giọt thuốc độc đậm đặc hơn, nhạy bén hơn nhưng êm dịu hơn rồi chứ?

-Ôi! Thưa ông, ông tha tội cho tôi! Ông hãy để tôi sống! Ông hãy nghĩ lại, tôi là vợ ông.

-Bà chỉ là kẻ bỏ thuốc độc!

-Xin ông hãy nghĩ đến tình yêu của chúng ta!

-Không! Không!

-Xin ông hãy thương đến đứa con của chúng ta và để cho tôi sống!

-Không! Không! Tôi nói là không, bởi vì nếu tôi để cho bà sống thì rồi bà cũng lại sẽ giết nó như đã giết những người khác.

-Tôi! Tôi giết con tôi! – Người mẹ kêu lên một cách man rợ và lao đến chồng – Tôi giết Êđua của tôi!… A ha!

Và một tiếng cười ghê rợn, một tiếng cười của quỷ dữ, một tiếng cười điên rồ kết thúc câu nói đó.

Vinlơpho phu nhân ngã gục xuống chân chồng, Vinlơpho ghé lại gần vợ nói: -Xin bà nhớ cho rằng lúc tôi về nếu bà chưa tự xử lý lấy, thì tôi sẽ tố cáo bà và đích thân tôi sẽ cho bắt giam bà.

Vinlơpho phu nhân thốt lên một tiếng thở dài, tất cả gân cốt mụ nhũn ra và mụ nằm lăn trên sàn. Viên chưởng lý có ý thương hại nhìn vợ bớt nghiêm khắc và khẽ cúi đầu, chậm rãi nói: -Vĩnh biệt bà!

Nói xong, viên chưởng lý đi ra và khóa trái cửa lại.

§109. Phiên tòa đại hình

Vụ án Bênêđéttô đã làm chấn động thủ đô Pari. Trong các quán ăn sang trọng, trong các phòng khách, người ta không ngớt bàn tán tới lai lịch của gã thanh niên quý tộc người Ý. Các báo cũng thi nhau nói tới cuộc sống xa hoa, phóng đãng của hắn trước đây, làm cho nhiều người háo hức muốn xem mặt kẻ đã giết người bạn chung xiềng trong nhà tù khổ sai. Thậm chí cũng còn có người cho rằng Cavancăngty bị bắt oan, vì cách đây ít lâu người ta còn thấy ngài thiếu tá người Ý có mặt tại Pari và hay lui tới nhà bá tước Môngtơ Crixtô. Hơn nữa, đối với một số người, Angđrê là một thanh niên đẹp trai, lịch sự, hào phóng, nên có thể hắn bị người ta ghen ghét vu cho cái tội giết người. Vì thật ra nhà chức trách mới chỉ căn cứ vào giấy tờ khai của nạn nhân trước khi chết.

Mới bảy giờ sáng, từ khắp các ngả đường người ta đổ xô đến tòa án đứng chật ních xung quanh tấm hàng rào sắt để chờ giờ mở cửa. Phòng xử án cũng có một vẻ trang nghiêm khác thường, và số lính sen đầm cầm gươm tuất trần đứng gác cũng rất đông. Một số người có tiếng tăm được mời đến, coi nơi này là một phòng khách để gặp mặt nhau và trao đổi với nhau những câu chuyện bù khú.

Bôsăng, tay cự phách của làng báo đã có mặt ở lô dành riêng cho các ký giả, trông thấy Satô Rơnô khoác tay Luyxiêng bước vào, vội chạy ra bắt tay nói: -Thế nào! Các cậu cũng đến xem xử ông bạn quý tộc của chúng ta đó sao?

-Chao ôi! – Luyxiêng bĩu môi – Tôi đã chán ngấy cái ngài quý tộc người Ý ấy rồi.

-Lão bộ trưởng của cậu có nói gì về hắn không?

-À! Lão bảo thằng Bênêđéttô chỉ là một tên lưu manh hạng bét muốn chơi trội nhưng vẫn còn vụng về lắm. Riêng tôi hôm mới gặp mặt, tôi cũng đã thấy ngay hắn không phải là một nhà quý tộc chính cống!

-Thế ngài chưởng lý, cậu đã nói chuyện chưa?

-Úi chào! Từ bảy tám ngày nay có thấy ông ta thò mặt ra ngoài đường đâu! Các cậu tính, với những đám tang liên tiếp xảy ra trong gia đình và nhất là sau cái chết bí ẩn của cô con gái…

-Thế nào, sao lại bí ẩn?

-Chỉ có cậu là chưa biết rõ điều bí ẩn đó, và còn khá nhiều những câu chuyện bí ẩn khác nữa…

-Cậu muốn nói tới tiểu thư Ơgiêni hẳn? Cô ta đã về chưa?

-Không tôi muốn nói đến Đăngla phu nhân, bà ta cũng chuồn biệt tăm rồi!

-Sao lại thế được nhỉ? – Satô Rơnô nói – vậy là ở nhà đó chả còn một ai.

-Luyxiêng, cậu vừa nói là cái chết của Valăngtin rhất bí ẩn phải không? Mà sao không thấy mặt Vinlơphơ phu nhân nhỉ?

-Có lẽ bà ta đang bận pha chế các loại thuốc cho bệnh viện. Riêng về món này bà ta tốn kém mỗi năm hàng mấy ngàn frăng, thật là một nhà đại từ thiện.

-Tại sao trong gia đình ấy lại có nhiều người chết đột ngột như vậy?

-Ấy. Hôm qua bà bộ trưởng cũng hỏi tôi như vậy, và tôi đã cho bà biết trong nhà đó có kẻ giết người.

Hai chàng thanh niên rùng mình và hăm hở nói: -Tên giết người đó là ai vậy?

-Thằng bé Êđua!

Hai chàng phá lên cười, nhưng Luyxiêng vẫn ra vẻ nghiêm túc nói tiếp: -Hôm qua tôi hỏi một người đầy tớ của Vinlơpho, hắn cho biết là cậu bé Êđua hay tinh nghịch bỏ thuốc độc vào cốc nước của những người mà cậu ta không ưa.

-Vô lý! Nó lấy đâu ra thuốc độc?

-Trong phòng thí nghiệm của mẹ nó chứ đâu. Vì chúng ta biết bà ta có một phòng pha chế thuốc men, và lẽ tất nhiên là có những chất độc. Nhưng thôi, đó chỉ là câu chuyện mà tôi nghe lỏm được, chả hơi đâu mà bình luận. à! Sao không thấy bá tước Môngtơ Crixtô nhỉ?

-Chính ông ta cũng là một nhân vật trong tấn bi kịch ấy thì còn đến xem làm quái gì? Chúng ta còn nhớ là tên Cađơrút muốn đến ám sát bá tước, nhưng thế nào lại bị tên Bênêđéttô giết, và cái áo gilê có để bức thư tố cáo đã được bá tước đem nộp cho nhà chức trách. Bây giờ nó trở thành một tang vật nằm trên bàn kia kìa!

Giữa lúc đó có tiếng ồn ào rồi viên mõ tòa ở trong đi ra trịnh trọng tuyên bố: -Phiên tòa bắt đầu.

§110. Bản cáo trạng

Trong bầu không khí trang nghiêm và im lặng của phòng xử án, các vị thẩm phán đã ngồi vào đúng vị trí của mình. Bên cạnh ông chánh án là những hội thẩm và phía bên kia là ông chưởng lý. Mọi người ngạc nhiên theo dõi bộ mặt nghiêm khắc và thản nhiên của con người đã gạt bỏ những nỗi đau thương của gia đình để đóng vai một người vô tình trước những tình cảm của quần chúng.

-Dẫn bị cáo vào – ông chánh án ra lệnh bằng một giọng sang sảng.

Tất cả mọi người đều đổ dồn nhìn về phía cửa ngách, mấy phút sau Bênêđéttô đi ra giữa hai lính sen đầm. Mọi người ngạc nhiên thấy bộ mặt hắn vẫn bình thản như thường, một tay cầm mũ, một tay đút vào túi áo trắng và cặp mắt hắn long lanh một cách khác thường nhìn quanh phòng rồi cái nhìn của hắn dừng lại trước ông chưởng lý.

Angđrê đến ngồi cạnh vị luật sư bào chữa, một người to béo có bộ mặt đỏ gay. Ông chánh án yêu cầu ông chưởng lý đọc bản cáo trạng.

Vinlơpho đứng lên đọc bản cáo trạng rất dài viết rất công phu, tỉ mỉ, và bằng tài hùng biện đặc biệt, ông trình bày những tình tiết của vụ án, những hành động cụ thể, cái quá khứ đầy tội lỗi của bị cáo, dẫn tới hậu quả tai hại là trộm cắp và giết người.

Công chúng dường như bị thu hút bởi những lời buộc tội đanh thép và dư luận đều cho rằng Angđrê không tài nào thoát khỏi bàn tay của pháp luật. Ngược lại, bị cáo không hề chú ý đến những lời buộc tội của ông Vinlơpho, vẫn cứ giương mắt lên trân trân nhìn vào ông.

Sau khi bản cáo trạng đã được đọc xong ông chánh án hỏi: -Bị cáo, họ tên anh là gì?

Angđrê đứng lên, giọng rắn rỏi và rõ ràng nói: -Xin lỗi ngài chánh án, tôi không thể theo đúng trình tự những câu hỏi của ngài được. Tôi sẽ xác minh lý do sau. Vậy xin phép cho tôi được trả lời theo một trình tự khác. Tôi sẽ xin trả lời hết.

Các vị thẩm phán đều ngạc nhiên nhìn nhau và công chúng càng ngạc nhiên hơn nữa. Angđrê vẫn không hề tỏ ra bối rối.

-Anh bao nhiêu tuổi? – Chánh án hỏi – Anh có thể trả lời câu hỏi này chứ?

-Tôi hai mươi mốt tuổi, hay nói cho đúng hơn, còn kém vài ngày nữa, vì tôi sinh vào đêm 27 rạng ngày 28 tháng Chín năm 1817.

Vinlơpho đang ghi chép nghe thấy thời điểm ấy liền ngẩng đầu lên.

-Nơi sinh?

-Ôtơi, ngoại thành Pari.

Vinlơpho lại ngẩng đầu lên nhìn Angđrê lần thứ hai, mặt tái đi.

-Anh làm nghề gì?

-Đầu tiên giả mạo giấy tờ – Angđrê bình tĩnh đáp – Sau đó lưu manh trộm cắp và mới gần đây lại giết người.

Trong phòng nổi lên một cơn giông tố ồn ào, bàn tán. Ngay cả những viên thẩm phẩm cũng phải nhìn nhau kinh ngạc trước sự trơ trẽn quá mức của bị cáo.

Vinlơpho đặt một tay lên trán, mặt lúc đầu còn tái sau chuyển sang đỏ bừng.

-Bây giờ anh bằng lòng nói tên anh ra rồi chứ? Có thể là anh đã quá hổ thẹn về những hành vi cực kỳ xấu xa của mình nên anh không dám nói họ tên thật của anh chứ gì?

-Tôi không ngờ ngài chánh án lại đọc được tận trong óc tôi những ý nghĩ như thế! – Bênêđéttô nói bằng một giọng mềm mỏng và rất lịch sự – Đúng vì lý do đó mà tôi đã đề nghị đổi lại trình tự câu hỏi.

Sự kinh ngạc bây giờ đã lên đến tột độ: Trong giọng nói của bị cáo không cồn sự khoe khoang và cũng không còn trơ trẽn nữa. Mọi người như cám thấy trước một tiếng sét sắp nổ ra dưới một đám mây đen kịt.

-Thế nào! – Viên chánh án hỏi – Tên anh?

-Tôi không thể nói tên tôi cho ngài được vì tôi không biết. Nhưng tôi biết tên cha tôi và tôi có thể nói cho ngài được.

Vinlơpho như bị quáng mắt không còn trông thấy gì nữa. Những giọt mồ hôi to tướng nhỏ trên má xuống những tờ giấy để trước mặt.

-Vậy thì anh nói tên cha anh đi!

Trong phòng im phăng phắc, không một tiếng động, không một hơi thở. Mọi người hồi hộp chờ đợi. Angđrê chậm rãi tuyên bố: -Cha tôi là ngài chưởng lý!

-Là ngài chưởng lý? – ông chánh án sửng sốt nhắc lại, không kịp để ý đến bộ mặt biến sắc của Vinlơpho – Ngài chưởng lý?

-Vâng và nếu ngài cần biết rõ hơn nữa, tôi xin nói: Cha tôi tên là Vinlơpho!

Câu nói đó tựa hồ như một tiếng sấm làm rung chuyển cả phòng xử án, tiếng sấm nổ tung ra giữa đám đông. Những vị thẩm phán và những lính sen đầm cũng không tài nào ổn định nổi được trật tự.

Khi tiếng ồn ào đã lắng xuống, ông chánh án quát: -Bị cáo! Anh dám đùa giỡn với pháp luật à? Anh dám giở trò vu khống bỉ ổi ra ở đây à?

Hàng chục người đang xúm quanh Vinlơpho để động viên ông ta vì ông ta vừa gục xỉu xuống ghế bành. Quần chúng lại ồn ào ở một góc phòng vì có một thiếu phụ vừa ngất đi, người ta đã cho ngửi thuốc và bà ta đã tỉnh lại.

Trong lúc ồn ào đó, bị cáo đã quay bộ mặt tươi tỉnh về phía khán giả, rồi chống một tay lên vành móng ngựa nói bằng một giọng rất bình tĩnh hơi kiểu cách: -Thưa các ngài! Tôi không hề có ý định phỉ báng pháp luật vì tính chất oai nghiêm của nó. Người ta hỏi tôi tuổi, tôi đã nói. Người ta hỏi tôi nơi sinh, tôi đã nói. Người ta hỏi tên tôi, tôi không nói được vì cha mẹ tôi đã bỏ rơi tôi. Tuy

nhiên tôi có thể nói tên cha tôi được vì tôi biết. Tuy nhiên tôi xin nhắc lại, cha tôi là ngài Đơ Vinlơpho, và nếu cần, tôi xin sẵn sàng chứng minh.

Trong giọng nói của bị cáo có một vẻ chân thật, một sức mạnh thu hút người nghe làm cho họ đang ồn ào phải im lặng. Mọi người mắt đổ dồn về ngài chưởng lý, ngài đang ngồi cứng đờ trên ghế, mặt trắng bệch như xác chết.

Ông chánh án bực tức lên tiếng: -Thế tại sao lúc hỏi cung anh lại khai là Bênêđéttô, mồ côi cha mẹ, sinh trưởng ở đảo Coócxơ?

-Tôi đã khai ở cuộc thẩm vấn theo như tôi muốn khai. Vì tôi không muốn người ta giảm nhẹ đi hoặc người ta ngừng lại, có thể như thế lắm chứ. Còn hôm nay trong mỗi lời nói, tôi muốn có một sức mạnh thuyết phục.

Bây giờ tôi xin nhắc lại: Tôi sinh ở Ôtơi trong đêm 27 rạng ngày 28 tháng Chín năm 1817, và tôi là con ngài chưởng lý Vinlơpho. Nếu các ngài muốn biết chi tiết, tôi xin bổ sung:

Tôi sinh trong căn nhà số 28 trong một gian buồng căng thảm đỏ. Cha tôi bế tôi lên tay và nói với mẹ tôi là tôi đã chết rồi, rồi quấn tôi vào trong một cái khăn mặt có thêu chữ H và N và mang tôi ra vườn chôn sống! – Mọi người ngồi nghe đến đây đều rùng mình trước sự phát hiện ghê gớm đó. Ông chánh án bảo bị cáo cứ nói tiếp – Cũng trong đêm hôm đó, tức là đêm cha tôi định đem chôn sống tôi, một người có mối tử thù với cha tôi đã luồn vào được trong vườn, nấp ở một bụi cây. Thấy cha tôi chôn một cái hòm, người đó liền nhảy ra đâm cha tôi một nhát. Rồi tưởng hòm có chứa của, người đó bới hòm lên và mở ra, thấy tôi hãy còn sống liền mang đến cô nhi viện. Tôi được đánh số 57. Ba tháng sau chị dâu người đó đến xin tôi về làm con nuôi. Đó là vì sao, mặc dù đẻ ở Ôtơi, tôi lại lớn lên ở đảo Coócxơ.

Tôi có thể sống sung sướng ở đó vì hai người cứu tôi rất quý tôi. Nhưng càng lớn lên tôi càng hư hỏng, làm những điều xằng bậy và dẫn tới hành động giết người. Tôi thấy tôi là kẻ có tội tôi oán Chúa trời đã dành cho tôi một số phận xấu xa. Thấy thế cha nuôi bảo tôi: -Đồ khốn kiếp, không được phạm thượng! Vì Thượng đế đã cho mi cuộc sống, còn tội ác là do cha mẹ mi chứ không phải tại mi? Cha mi sẽ làm cho mi phải xuống địa ngục khi mi chết, và phải khổ cực khi mi sống!

Từ đó tôi không oán trách Thượng đế nữa, nhưng tôi oán trách cha tôi. Vì thế tôi đã làm huyên náo phiên tòa. Nếu đó là một tội lỗi nữa thì xin các ngài cứ trừng trị, vì như tôi đã nói với các ngài, tôi sinh ra là để chịu đau khổ, cay đắng, tủi nhục.

Viên chánh án hỏi tiếp: -Nhưng còn mẹ anh nữa chứ?

-Mẹ tôi là người vô tội, vì mẹ tôi tưởng tôi đã chết. Tôi không muốn biết tên mẹ tôi. Tôi không biết mẹ tôi là ai.

Bị cáo vừa nói tới đó bỗng có một tiếng kêu thét lên, tiếp sau là những tiếng nức nở. Người ta xúm quanh một người đàn bà vừa bị ngất đi rồi khiêng bà ta ra ngoài. Lúc đó chiếc mạng bằng the rất dày phủ lên mặt thiếu phụ bị lật ra, và người ta nhận thấy đó chính là Đăngla phu nhân. Vinlơpho mặc dù đầu óc đang bị quay cuồng, thần kinh đang bị rối loạn, cũng nhận ra thiếu phụ đó là ai, y đứng lên.

Viên chánh án lại hỏi bị cáo: -Bằng chứng đâu mà anh dám nói thế?

-Ngài muốn xem bằng chứng ư? – Angđrê mỉm cười – Xin ngài hãy cứ nhìn ngài Vinlơpho kia kìa rồi hỏi bằng chứng tôi sau.

Ai nấy đều quay lại nhìn ông chưởng lý, thấy ông mặt mũi bơ phờ, đầu tóc rối bù, lảo đảo bước ra giữa phòng xử án. Mọi người trố mắt kinh ngạc. Bênêđéttô liền hỏi: -Thưa cha, người ta đòi xem bằng chứng, con có cần đưa ra không?

-Không! – Vinlơpho nói như người nghẹt thở – Không cần!

-Sao lại không cần? – ông chánh án hỏi – Ngài muốn nói gì?

-Thưa các ngài, tôi muốn nói rằng tôi đã bị Thượng đế trừng phạt và không cần phải bằng chứng nữa. Tất cả những điều mà bị cáo vừa khai là đúng hết.

Tất cả mọi người đều bàng hoàng như không thể tin vào sự thật phũ phàng kia, đến nỗi một lúc lâu không ai nói được một lời nào. Ông chánh án lại lên tiếng: -Ngài Vinlơpho! Ngài có bị những lời tố cáo vừa rồi làm mất trí không? Ngài cần phải bình tĩnh lại đã!

Vinlơpho lắc đầu, run cầm cập như đang lên cơn sốt, hai hàm răng đập vào nhau: -Tôi còn đầy đủ trí khôn và xin tiếp nhận hết những tội lỗi mà bị cáo vừa nêu lên. Từ giờ phút này, tôi xin sẵn sàng tuân theo lệnh của tòa án và của vị chưởng lý thay tôi.

Nói xong, Vinlơpho loạng choạng như người say rượu, bước ra khỏi phòng xử án.

Ông chánh án tuyên bố bế mạc phiên tòa và vụ án sẽ được đưa một hội đồng khác để xét xử. Angđrê điềm nhiên bước đi giữa hai người sen đầm trở về trại giam trước những con mắt đầy hiếu kỳ của đám đông.

Luyxiêng hỏi một vị luật sư khi bước ra ngoài: -Thế nào, ngài thấy vụ án này sẽ kết thúc ra sao?

-Bị cáo có thể được hưởng trường hợp giảm tội! – Luật sư điềm nhiên đáp.

§111. Đền tội

Vinlơpho đi qua một hàng rào cảnh binh, nhân viên tòa án và quần chúng đứng lặng nhìn y bằng con mắt ái ngại, vì những nỗi đau khổ quá mức thường được người ta thông cảm. Thật khó mà tả được tâm trạng của Vinlơpho khi y rời khỏi tòa án, vì mỗi thớ thịt, mỗi tiếng động của trái tim đều muốn nổ tung ra để tàn phá cái thể xác không hồn của y. Vinlơpho đi ra sân phía trước, trèo lên cỗ xe vẫn đứng chờ và ra lệnh đưa về nhà. Y nằm vật trong xe như người kiệt sức, miệng lẩm bẩm.

"Trời ơi là trời!"…

Cỗ xe chạy như bay, Vinlơpho sờ thấy có cái gì cồm cộm dưới ghế ngồi, lôi ra thì đó là một cái quạt của vợ y bỏ quên. Và trong bóng tối y chợt nhớ tới vợ. Y kêu lên một tiếng như bị lưỡi dao đâm trúng tim: "Ôi!"

Đối với thiếu phụ đó,y tỏ ra là một quan tòa không khoan nhượng. Y vừa tuyên án tử hình không thương tiếc, giờ đây chắc mụ đang bị lương tâm cắn rứt, đang bị đè nặng bởi tội lỗi và ô nhục, yếu đuối trước sức mạnh vô biên của quyền lực, đang chuẩn bị để kết liễu cuộc đời. Giờ đây có lẽ thiếu phụ đang cầu xin Thượng đế tha tội, đang viết lá thư cuối cùng để xin lỗi chồng?!

"Ôi! Sao ta lại trừng trị người phụ nữ đó? Tại sao ta lại bắt nàng phải chết trong khi chính bản thân ta phải bước lên đoạn đầu đài! Không, không thể được!… Ta phải cùng nàng đi trốn, và ta cũng phải nói thật với nàng là ta cũng có một tội ác khủng khiếp!… Ôi! Nàng thật xứng với ta, một con hổ với một con rắn độc. Nàng sẽ mãi mãi sống bên ta".

Vinlơpho giục người đánh xe cho xe chạy nhanh hơn nữa và những con ngựa chồm lên như những con thần mã.

Vinlơpho lại thầm nghĩ: "Phải, phải, nàng phải sống để nuôi con, đứa con yêu quý của ta. Nàng thương con, vì lòng thương con mà nàng đi vào con đường tội lỗi. Nàng sẽ hối hận và những tội lỗi của nàng không ai biết tới, sẽ được quên đi cùng với thời gian. Nàng sẽ mang con đi trốn, và cùng với tiền của, nàng sẽ tìm thấy hạnh phúc bên đứa con trai yêu quý và ta cũng hài lòng vì đã tìm ra một lối thoát tuyệt diệu".

Vinlơpho thở mạnh ra một cách khoan khoái và cỗ xe dừng trước cửa. Y bước vào nhà đi lên cầu thang nhỏ mà Êđua thường hay nô đùa ở đấy. Cửa phòng bỏ ngỏ, không có ai bên trong. Y sang phòng ngủ của vợ thấy cửa khóa chặt.

-Hêlôizơ! – Y gọi nhưng không có ai thưa.

-Hêlôizơ! – Y lại gọi lần thứ hai và nghe bên trong có tiếng rên rỉ.

-Hêlôizơ! Mở cửa ra, anh đây!

Nhưng cửa vẫn đóng im lìm. Y lấy chân đạp tung cánh cửa ra. Vinlơpho phu nhân đứng sững giữa phòng mặt tái nhợt và hốc hác, giương cặp mắt khủng khiếp nhìn chồng.

-Hêlôizơ! Hêlôizơ! – Y nói – Em làm sao thế? Em nói đi!

Thiếu phụ giơ cặp tay cứng đờ ra phía trước rên rỉ: -Thưa ông, xong rồi! Ông còn muốn gì hơn nữa?

Và mụ ngã quay xuống sàn gác. Vinlơpho chạy tới nắm lấy bàn tay vợ, bàn tay đó còn nắm chặt một cái lọ thủy tinh có cái nút mạ vàng.

Vinlơpho phu nhân đã tắt thở. Vinlơphọ hốt hoảng lùi lại tới bậc cửa và nhìn cái xác chết.

-Con trai ta! – Y thốt nhiên kêu lên – Con trai ta đâu? Êđua! Êđua!

Y lao ra khỏi buồng, vừa chạy vừa kêu: -Êđua! Êđua!

Tiếng kêu khủng khiếp đến nỗi làm các gia nhân phải ùa lại.

-Con trai ta, con trai ta đâu? Phải mang nó đi xa ngay, nó không được nhìn thấy…

-Cậu Êđua không có dưới nhà và cũng không có trong vườn. Cách đây nửa giờ phu nhân cho gọi cậu vào phòng khách và chưa thấy ra – Bọn gia nhân đáp.

-Êđua! Êđua! – Y líu lưỡi gọi.

Qua cánh cửa hé mở, y nhìn vào bên trong thấy chiếc đàn dương cầm kê bên cạnh cái tràng kỷ. Thằng bé đang nằm trên cái tràng kỷ đó và có vẻ như đang ngủ say. Như một con hổ bị thương, Vinlơpho nhảy xổ tới ôm đứa bé trong tay, gọi tên nó, lay nó dậy, nhưng thằng bé vẫn im lặng. Y áp môi vào má thằng bé, má nó lạnh toát. Y nắm chân thằng bé, chân nó đã cứng đờ. Y sờ tay lên ngực: tim nó không đập nữa.

Đứa bé đã tắt thở.

Trên ngực đứa bé có một tờ giấy gấp làm tư. Vinlơpho mở tờ giấy và nhận ra nét chữ của vợ y, y đọc:

"Ông thấy tôi thương con biết chừng nào! Cũng vì nó mà tôi phạm tội ác. Một người mẹ thương con không bao giờ ra đi một mình không có con bên cạnh".

Vinlơpho không còn tin ở mắt mình nữa, không còn tin ở lý trí mình nữa. Y ôm thằng bé lên, ngắm nghía nó rất lâu, tựa hồ một con hổ mẹ ngắm hổ con chết. Y kêu lên một tiếng như xé ngực:

"Trời ơi. Trời!"

Y hoảng sợ trước hai xác chết, ngẩng đầu lên, vuốt mớ tóc ướt sũng rồi chạy xuống phòng ông Noachiê. Ông già bại liệt đang ở bên cạnh linh mục Buxôni và đang chăm chú nghe ông linh mục nói.

Y nhớ lại đã gặp vị linh mục này trước hôm có bữa tiệc ở Ôtơi và hôm Valăngtin chết. Y nói, sợ hãi: -Ngài lại ở đây! Vậy ra ngài xuất hiện để hộ tống

Thần chết?

Vị linh mục đứng lên nhìn bộ mặt hoảng sợ và bơ phờ của Vinlơpho. Linh mục mới chỉ biết tình hình kết thúc phiên tòa đại hình chứ chưa biết chuyện khủng khiếp vừa qua, ông nói chậm rãi: -Hôm trước tôi đến đây là để cầu nguyện cho linh hồn Valăngtin.

-Thế còn hôm nay ngài đến làm gì?

-Đến để báo cho ngài biết món nợ ngài trả tôi thế là đủ rồi và từ giờ phút này tôi cầu xin Thượng đế được hài lòng như tôi.

-Trời ơi! – Vinlơpho sợ hãi lùi lại. – Tiếng nói này không phải là của linh mục Buxôni!

-Không phải!

Nói xong linh mục giật mớ tóc giả, lắc lắc đầu làm xõa bộ tóc dài đen nhánh xuống vai, để lộ ra một khuôn mặt rắn rỏi.

-Đây là bộ mặt của bá tước Mông tơ Crixtô – Vinlơpho trợn mắt kêu lên.

-Cũng vẫn chưa phải! Ngài chưởng lý hãy tìm kỹ nữa và xa hơn nữa đi!

-Cái giọng nói này! Tôi đã nghe ở đâu rồi thì phải!

-Lần đầu tiên ngài đã nghe thấy nó ở Mácxây, cách đây hai mươi ba năm, ngày ngài làm lễ đính hôn với tiểu thư Xanh Mêrăng. Hãy lục trong cặp hồ sơ mà xem.

-Ngài không phải là Buxôni, không phải là Môngtơ Crixtô? Vậy ngài là một kẻ thù bí hiểm, không đội trời chung. Tôi đã làm gì ngài ở Mácxây?

-Phải rồi! – Môngtơ Crixtô khoanh hai tay phía trước ngực – Tìm nữa đi!

Vinlơpho đang ở trong trạng thái thần kinh hỗn loạn và hét lên như người mơ ngủ: -Ta đã làm gì mi? Ta đã làm gì mi? Nói đi!

-Mi đã kết tội ta, để ta chết, một cái chết từ từ và ghê sợ. Mi đã giết cha ta. Mi đã cướp mất của ta tự do, hạnh phúc và tình yêu.

-Mi là ai? Mi là ai mới được chứ?

-Ta là hồn ma của kẻ xấu số mà mi đã chôn vùi vào hầm tối trong lâu đài Íp. Hồn ma đó đã thoát được ra khỏi nấm mồ, được Thượng đế ban cho bộ mặt của Môngtơ Crixtô và phủ lên đó vàng và kim cương làm cho mi ngày nay không nhận được ra.

-A! Ta nhận được ra mi rồi! Mi là…

-Étmông Đăngtét!

-Mi là Étmông Đăngtét! – Vinlơpho kêu lên và nắm lấy cổ áo Étmông – Vậy thì mi hãy lại đây!

Nói xong y kéo Étmông xuống cầu thang đến phòng vợ y, y chỉ vào hai xác chết của vợ con y nói trong trạng thái điên loạn: -Đây Étmông Đăngtét! Mối thù của mi thế này đã thỏa mãn chưa?

Étmông tái mặt trước cảnh tượng rùng rợn đó. Lần đầu tiên Étmông cảm thấy mình đã vượt quá mức độ của cuộc trả thù và hiểu rằng không còn có thể nói: "Thượng đế ủng hộ ta!"

Étmông hãi hùng cúi xuống xác đứa trẻ, cậy mắt nó, bắt mạch nó rồi ôm nó vào phòng Vinlơpho phu nhân và khóa trái cửa lại.

-Con trai ta! – Vinlơpho thét lên – Nó mang xác con ta đi đâu rồi? Đồ khốn kiếp! Quỷ tha ma bắt mi đi!

Y muốn lao theo Étmông, nhưng đầu óc như không điều khiển được nữa, y bật ra một tiếng cười man rợ rồi nhảy bổ xuống cầu thang.

Mười phút sau cánh cửa phòng Vinlơpho phu nhân mở và Étmông bước ra ngoài, mặt mày tái nhợt, cặp mắt dại đi, thở gấp gấp vì ông quá xúc động. Étmông ôm trong tay đứa trẻ mà không còn cách nào cứu chữa nổi. Ông quỳ xuống sàn, đặt nó nằm gối đầu lên ngực mẹ nó, rồi đứng lên đi ra phía cầu thang.

Xuống đến vườn, Étmông trông thấy các gia nhân đang đứng thành vòng tròn, ở giữa là Vinlơpho tay cầm một cái xẻng đang hăm hở đào đất.

-Đây cũng chưa phải – Vinlơpho nói – Đây cũng chưa phải?

Rồi y lại bới ra xa. Étmông bèn lại gần y nói nhỏ: -Thưa ngài! Ngài đã mất một đứa con trai, nhưng…

Vinlơpho ngắt lời, y chẳng nghe thấy gì cả, y nói: -Ồ, tôi sẽ tìm thấy nó. Ngài muốn nói gì thì nói, tôi sẽ tìm thấy nó, dù tôi có phải tìm đến ngày xử án cuối cùng…

Môngtơ Crixtô hoảng hốt lùi lại lẩm bẩm: -Ôi, hắn điên mất rồi!

Và như sợ các bức tường sẽ đổ sập xuống đầu, Môngtơ Crixtô lao ra ngoài phố, nghĩ thầm trong bụng: "Thế là đủ rồi! Quá đủ rồi! Đứa cuối cùng ta cũng nên nhẹ tay!"

Về đến nhà, bá tước gặp Moren đang đi đi, lại lại im lặng như một cái bóng ma đợi ngày Thượng đế gọi anh trở lại nấm mồ. Bá tước mỉm cười hỏi: -Anh đã chuẩn bị xong để chúng ta rời khỏi Pari chưa?

-Ngài không còn việc gì cần làm ở đây nữa à?

-Không, có thể là tôi đã làm quá rồi ấy!

§112. Chia tay

Bốn con tuấn mã lực lưỡng, bờm dựng ngược, kéo cỗ xe chạy như bay trên đường cái tung lên những đám bụi mù trắng xóa. Mắcximiliêng ngồi thu mình trong một góc, không nói một câu. Đi được độ nửa giờ, Môngtơ Crixtô cầm sợi dây giật giật và Ali hãm ngựa dừng lại, xuống mở cửa xe. Bá tước trèo lên một ngọn đồi nhìn về phía thủ đô Pari đang nằm dưới một bầu trời đầy sao, dường như một đại dương lấp lánh muôn ngàn ánh sáng như những đợt sóng không ngừng vỗ lúc rì rầm sinh động, lúc giận dữ gào thét.

Môngtơ Crixtô đứng khoanh tay nhìn Pari trong ánh sáng lung linh huyền ảo, nơi đây đã từng đúc kết biết bao tư tưởng vĩ đại làm chấn động thế giới mà các nhà thơ đã không ngớt lời ca ngợi. Rồi cúi xuống, chắp tay lại, bá tước thầm nghĩ: -Thành phố vĩ đại! Từ sáu tháng nay ta tới cửa ngõ của người do Thượng đế dẫn đường chỉ lối và hôm nay lại đưa ta chiến thắng trở về. Chỉ có Thượng đế biết rõ nỗi bí ẩn trong lòng ta. Ta ra về kiêu hãnh và không còn mảy may hận thù, bây giờ chỉ còn lại rất nhiều nhớ thương. Chỉ có Thượng đế mới thấu rõ lòng ta, ta đã hành động không phải vì riêng ta, không phải vì một lý tưởng viển vông, mà vì cái sức mạnh thần bí mà Người đã giao phó cho ta.

Ôi! Thành phố vĩ đại, trong lòng người, ta đã là một người thợ mỏ kiên trì, đã đào mọi chỗ để tìm ra những tội ác và ta đã thành công. Ta đã làm tròn nhiệm vụ. Bây giờ người không còn đem lại cho ta những niềm vui cũng như những đau khổ nửa. Vĩnh biệt Pari! Vĩnh biệt!

Môngtơ Crixtô đưa mắt nhìn cánh đồng bao la một lần nữa rồi bước lên xe. Cỗ xe lại bon bon chạy trên quãng đường dài với tiếng vó ngựa nện vang. Bá tước nhìn Moren đang mơ màng rồi hỏi: -Anh có thấy luyến tiếc phải rời Pari không?

-Không. Nhưng vì Valăngtin yên nghỉ ở Pari nên tôi cảm thấy như bị mất nàng một lần nữa.

-Những người bạn mà chúng ta đã mất, không phải nằm trong lòng đất mà là nằm sâu trong đáy lòng chúng ta và Thượng đế muốn họ luôn luôn đi bên chúng ta. Tôi cũng có hai người thân luôn luôn đi bên tôi: một người đã ban cho tôi cuộc sống và một người đã ban cho tôi trí tuệ. Tôi luôn luôn xin ý kiến hai người ấy và hai người ấy luôn luôn bảo ban tôi. Còn anh, anh hãy hỏi lương tâm anh và đừng để cho một ý nghĩ đen tối nào làm u ám tâm hồn.

Càng xa Pari, Môngtơ Crixtô càng cảm thấy lòng tràn ngập niềm vui, dường như một kẻ đã bị đi đày được trở về quê hương xứ sở. Cuộc hành trình đã diễn ra với một tốc độ thần kỳ. Những thành phố, những cảnh vật, những bóng cây cối dưới ngọn gió đầu thu đã bắt đầu trụi lá tất cả lướt nhanh trên đường.

Chẳng bao lâu thành phố Mácxây trẻ trung và sinh động đã hiện ra, trắng xóa dưới ánh nắng êm dịu. Cỗ xe dừng lại trước đại lộ Canơbia. Một con tàu sắp rời bến đi Angiê. Tiếng hàng hóa vận chuyển, tiếng còi tàu, tiếng cười, tiếng nói của hành khách náo động cả một góc trời.

Moren kéo tay bá tước, nói: -Ở nơi đây cha tôi đã đứng đón chiếc tàu Pharaôn lúc nó cập bến và Người đã ngã vào cánh tay tôi khóc nức nở. Tôi còn cảm thấy nước mắt của Người trên má tôi, và Người không khóc một mình, có nhiều người cùng khóc khi trông thấy chúng tôi.

Môngtơ Crixtô mỉm cười và chỉ tay ra một góc phố: -Lúc đó tôi ở chỗ kia!

Cũng đúng theo hướng chỉ của bá tước, có một tiếng khóc mà mọi người cùng nghe rõ và người ta trông thấy một người đàn bà đang giơ tay vẫy một hành khách trên tàu. Người đàn bà đó che mạng kín. Môngtơ Crixtô nhìn theo bà ta với một niềm xúc động đến nỗi Moren cũng nhận thấy.

-Ô kìa! – Moren kêu lên – Nếu tôi không nhầm thì chàng thanh niên đang vẫy mũ chào và mặc quân phục đứng trên tàu là Anbe Đơ Moocxép.

-Phải đấy! Tôi cũng nhận ra anh ta.

Tuy nói thế nhưng cặp mắt Môngtơ Crixtô lại nhìn theo hướng ngược lại, hướng người phụ nữ đeo mạng đi khuất sau một góc phố. Rồi ông quay lại hỏi Moren: -Anh có việc gì bận ở phố này không?

-Tôi muốn đến thăm mộ cha tôi.

-Vậy thì anh cứ đi và đợi tôi ở đấy.

Hai người tạm biệt nhau. Môngtơ Crixtô đi về hướng Mêlăng, đến ngôi nhà nhỏ nằm dưới bóng mát của hàng cây sơn trà. Người phụ nữ che mặt mà Môngtơ Crixtô vừa nhìn thấy lúc nãy ở ngoài bến cảng, cũng vừa vào đây và khóa cửa lại. Ngôi nhà đó đối với bá tước đã quá quen rồi, ông biết hơn ai hết. Dùng một cái đinh có thể nậy được khóa cửa, do đó ông vào không cần gõ cửa và chẳng cần phải báo trước, cứ như người nhà thực thụ.

Đến bậc cửa, Môngtơ Crixtô nghe thấy tiếng thở dài giống như một tiếng nấc. Ông nhìn theo hướng tiếng đó thì thấy Mécxêđét ngồi dưới một lùm cây, gục đầu xuống khóc. Môngtơ Crixtô tiến lên vài bước và tiếng cát lạo xạo dưới bước chân làm Mécxêđét giật mình ngẩng lên và kêu lên một tiếng sợ hãi khi nhận ra bóng một người đàn ông đứng trước mặt mình. Môngtơ Crixtô liền nói: -Thưa bà, tôi không có quyền mang lại hạnh phúc cho bà nữa nhưng tôi xin được tặng những lời an ủi của một người bạn, bà vui lòng nhận chứ?

-Tôi đau khổ lắm – Mécxêđét đáp – Cô đơn trong cuộc sống… Tôi chỉ có một đứa con trai thì nó vừa ra đi rồi!

-Thưa bà – bá tước an ủi – anh ấy làm như thế là đúng, quả là một tâm hồn cao cả. Anh ấy đã hiểu rằng tất cả mọi người đều phải đóng góp cho đất nước tùy theo khả năng của mình, còn hơn là sống mòn mỏi bên cạnh một người mẹ đau

khổ. Anh ấy sẽ phấn đấu với cuộc sống, với gian nguy và sẽ biến nó thành hạnh phúc. Bà hãy cứ để anh ấy đi xây dựng lại tương lai cho cả hai mẹ con.

-Ôi! – Mécxêđét nói buồn bã – Cái hạnh phúc đó, cái tương lai mà ông vừa nói đó tôi đã ngày đêm cầu nguyện Thượng đế ban cho nó. Còn tôi, tôi không được hưởng. Biết bao nhiêu điều tan vỡ trong tôi và xung quanh tôi làm cho tôi cảm thấy mình gần đất xa trời. Thưa bá tước, ông đã làm một điều rất nhân đức là để cho tôi được gần cái nơi mà tôi đã được hưởng biết bao sung sướng. Chính nơi nào mà người ta đã được sung sướng, người ta nên đến chết ở đó.

-Chao ôi! – Tất cả những câu nói của bà đốt cháy tâm can tôi và bà có quyền thù ghét tôi vì chính tôi đã gây ra cho mẹ con bà những nỗi đau khổ này. Làm sao mà bà lại nói tốt cho tôi, lẽ ra phải kết tội tôi mới đúng! Như vậy bà càng làm cho tôi đau khổ…

-Kết tội ông! Oán hận ông! Étmông… kết tội, oán hờn người đã cứu sống con trai em, vì chính anh đã có ý định giết chết con trai Moocxép thay cho cha nó! Ôi, xin anh hãy nhìn vào mắt em xem có chút gì là oán hờn không?

Môngtơ Crixtô ngẩng mặt lên nhìn thẳng vào Mécxêđét. Nàng đang giơ tay về phía ông, Mécxêđét tiếp tục: -Ôi! Anh hãy nhìn em đây, ngày nay người ta có chịu đựng được cái nhìn của khóe mắt em, không còn đâu cái thời kỳ mà em mỉm cười chạy đến với Étmông đang đợi em trên gác kia!… Từ thời kỳ đó, biết bao ngày đau khổ đã trôi qua, đã đào một vực thẳm giữa thời gian và em. Kết tội anh, thù ghét anh. Étmông! Không đâu, chính bản thân em là người mà em thù ghét và kết tội! Ôi! Em thật là kẻ khốn nạn! – Mécxêđét kêu lên, chắp tay lại và ngước mắt lên trời – Em bị trừng phạt sao!… Em có đạo, có lòng trinh bạch và tình yêu, ba hạnh phúc đó biến thành thần tiên, thế mà khốn khổ thay cho em, em đã nghi ngờ Thượng đế!

Môngtơ Crixtô tiến lên một bước và giơ tay cho Mécxêđét. Mécxêđét khẽ rụt tay lại: -Không, không, xin anh đừng động vào em. Anh đã trả thù tất cả, thế mà em là kẻ có tội nhất anh lại dung tha! Những người khác đã hành động là do hằn thù, do tội lỗi, do ích kỷ, còn em thì yếu hèn. Họ ham muốn, còn em, em đã sợ. Không! Xin anh đừng có sờ đến tay em. Anh Étmông, anh đang định nói những lời âu yếm, em cảm thấy thế, nhưng xin anh hãy dành cho một người phụ nữ khác, em không xứng đáng đâu! Anh hãy nhìn đây… – Mécxêđét để lộ khuôn mặt ra – Anh sẽ thấy sự đau khổ đã làm tóc em đổi màu, cặp mắt em đã đổ biết bao nhiêu nước mắt làm chúng thâm quầng, trán em đã hằn những nếp nhăn. Còn anh, anh Étmông, anh vẫn trẻ, đẹp và kiêu hãnh như xưa. Vì rằng anh đã có một lòng tin, anh đã có một sức mạnh nên Thượng đế đã phù hộ anh. Còn em, em đã hèn nhát, em đã mất lòng tin. Thượng đế đã bỏ rơi em cho nên em mới như thế này.

Mécxêđét khóc nức nở, trái tim người phụ nữ ấy dường như tan vỡ ra trước những kỷ niệm xưa. Môngtơ Crixtô nhẹ nhàng cầm lấy tay Mécxêđét đưa lên môi kính cẩn hôn, nhưng Mécxêđét cảm thấy cái hôn đó không còn nồng nhiệt như xưa nữa.

-Có những thời kỳ tiền định – Mécxêđét nói tiếp – Mà lỗi lầm đầu tiên làm tan nát tương lai. Em đã tưởng anh chết, đáng lẽ em phải chết theo vì mang mãi một cái tang trong lòng mà làm gì? Chỉ để biến người phụ nữ ba mươi chín tuổi thành năm mươi, có thế thôi. Chỉ để cứu được đứa con trai em vì trong tất cả mọi người chỉ có mình em là nhận được ra anh! Tại sao, tại sao em lại đã không cứu cả con người mà em đã nhận làm chồng? Thế mà em đã để cho con người đó chết, em đã góp phần vào cái chết đó, sự thờ ơ hèn nhát của em, lòng khinh bi của em mà không nhớ rằng chỉ vì em mà con người đó đã trở nên phản bội! Em còn đi theo con trai em đến đây làm gì nữa, về đến đây em đã bỏ nó, em đã để nó đi một mình sang cái xứ sở chết người ở châu Phi? Ôi, em hèn nhát làm sao! Em đã từ chối tình yêu của anh, em đã như kẻ phản trắc, đi đến đâu gieo rắc bất hạnh đến đấy.

-Không, Mécxêđét, không phải như thế đâu! – Môngtơ Crixtô dịu dàng nói – Em không nên nghĩ sai về em như vậy. Em là một phụ nữ có tấm lòng cao cả và đáng kính, và sự đau khổ của em đã làm anh phải nản chí. Nhưng đằng sau anh còn có Thượng đế mà anh chỉ là một tôi tớ trung thành. Anh đã hành động theo ý muốn của Thượng đế. Người đã luôn luôn đứng bên anh để theo dõi việc làm của anh. Anh phải nói một cách kiêu hãnh rằng Người đã cần đến hai bàn tay của anh và để cho anh sống. Cứ nhìn vào quá khứ và hiện tại mới thấy được kế hoạch cao siêu của Người: từ chỗ bị mọi người hắt hủi, từ cuộc sống lầm than khổ cực, anh đã được trở về cuộc sống tự do thoải mái, một cuộc sống huy hoàng và thần bí, với một kho của cải khổng lồ để thực hiện lời dạy của Chúa. Giống như một viên thuyền trưởng chuẩn bị cho một chuyến viễn du, anh cũng chuẩn bị đầy đủ lương thực, vũ khí, kế hoạch phòng thủ và tiến công. Và không chút sợ hãi nản lòng, anh lao vào trận và đã chiến thắng.

-Thôi thế đủ rồi, anh Étmông! Anh nên tin rằng em là người thứ nhất đã nhận ra và chỉ có em mới hiểu anh và ca ngợi anh. Nhưng tiếc rằng giữa chúng ta đã có một hố sâu ngăn cách. Và giữa anh với những người khác cũng đã có một vực thẳm, sự so sánh ấy là điều hành hạ đau đớn nhất cho em, vì trên đời này không có ai bằng anh cả. Bây giờ Étmông! Anh hãy từ biệt em đi, và chúng ta sẽ xa nhau…

-Trước khi từ biệt nhau, em có điều gì mong muốn không?

-Étmông, em chỉ mong có một điều: con em sẽ được sung sướng.

-Em hãy cầu nguyện Thượng đế, vì chỉ có Thượng đế mới bảo vệ được tính mạng cho con em. Còn lại anh sẽ đảm nhiệm.

-Cám ơn Étmông.

-Thế còn em, Mécxêđét?

-Em không cần gì cả, em sống giữa hai nấm mồ: Một là của Étmông Đăngtét chết đã lâu, em đã yêu anh ấy! Câu đó không còn hợp với cặp môi khô héo của em nữa, nhưng trái tim em vẫn còn nồng nhiệt lắm. Còn nấm mồ kia là của một người mà Étmông đã giết chết, em tán thành việc ấy nhưng em phải cầu nguyện cho người chết.

-Con em sẽ được sung sướng! – Môngtơ Crixtô nhắc lại.

-Nếu vậy em cũng sẽ sung sướng.

-Nhưng em… em… sẽ làm gì?

-Em sẽ sống như cô Mécxêđét ngày xưa, nghĩa là lao động. Nói như vậy có lẽ anh không tin. Em chỉ còn biết cầu nguyện, em không cần phải làm việc nữa. Món tiền anh để lại, em đã tìm thấy. Người ta sẽ tìm hiểu xem em là ai, người ta sẽ hỏi nhau em làm gì, người ta sẽ không hiểu em sống như thế nào, em không cần! Đó là công việc giữa Chúa, anh và em.

-Mécxêđét, anh không dám trách em, nhưng em đã phóng đại sự hy sinh của em để mà không nhận một tí gì số của cải mà ông Moocxép đã nhặt nhạnh được. Một nửa số đó em có quyền được hưởng…

-Em biết anh định đề nghị em vấn đề gì rồi, nhưng em không thể nhận được. Con em, nó sẽ cấm em. Em sẽ sống trong tình thương nỗi nhớ và tin tưởng vào sự vĩnh hằng.

Môngtơ Crixtô hơi tái mặt và cúi xuống, dường như đau khổ đang đè nặng trên hai vai, ông đưa tay ra: -Em không muốn nói tạm biệt anh à?

-Trái lại, em xin tạm biệt anh – Mécxêđét nói và trân trọng chỉ tay lên trời – Để tỏ cho anh biết rằng em hãy còn hy vọng!

Sau khi đã chạm vào bàn tay Étmông với bàn tay run run của mình, Mécxêđét chạy vụt lên gác.

Môngtơ Crixtô từ từ bước ra khỏi ngôi nhà và đi ra bến tàu.

Nhưng Mécxêđét mặc dù đứng trên cửa sổ căn buồng nguyên là của bố Đăngtét, cũng không nhìn thấy Étmông đi ra khỏi nhà. Cặp mắt Mécxêđét còn mãi tìm nơi xa xăm, nơi con tàu mang con trai mình ra khơi, nhưng miệng vẫn vô tình thì thầm nho nhỏ:

"Étmông! Étmông! Étmông!"

§113. Quá khứ

Môngtơ Crixtô đi qua một dãy phố xuống bến tàu. Cảnh vật vẫn như xưa, chỉ khác là cách đây hai mươi bốn năm, những ngôi nhà này âm thầm lặng lẽ chìm trong bóng tối mịt mùng, nhưng hôm nay chúng tấp nập vui tươi. Bá tước đi tới hàng rào chắn, nơi mà bọn lính đã áp giải người tù xuống thuyền. Thấy một chiếc thuyền cho thuê đậu gần đấy, bá tước lấy tay vẫy. Người chủ thuyền vội chèo tới đón khách.

Trời rất đẹp. Vầng dương đỏ ối chậm rãi chìm dần xuống chân trời, nhuộm hồng những làn sóng lăn tăn. Xa xa mấy cánh buồm trắng của những chiếc thuyền đánh cá lặng lẽ đi về phía đảo Coócxơ và Macty. Chiếc thuyền vượt qua thôn Catalăng có ánh đèn le lói, tiến về phía lâu đài Íp và Môngtơ Crixtô cảm thấy cõi lòng tê tái.

Thuyền cập bến, người chủ thuyền mời khách lên bờ. Bá tước rùng mình nghĩ tới ở nơi đây bọn lính đã chĩa lưỡi lê vào lưng người tù, bắt trèo lên những hòn đá nhọn hoắt. Sau cuộc cách mạng người ta không nhốt tù chính trị ở lâu đài Íp nữa. Một trạm thuế quan đã được đặt ra để kiểm soát bọn buôn lậu và có một người gác để hướng dẫn những du khách hiếu kỳ muốn đến thăm một nhà tù lịch sử. Những người làm việc cũ trong lâu đài đều đã về hưu, còn người gác vẫn là nhân viên cũ.

Lúc người gác dẫn khách vào khu hầm kín, Môngtơ Crixtô cảm thấy lạnh gáy và mồ hôi lấm tấm trên trán. Bá tước nhìn cái hầm kín của mình chìm ngập trong bóng tối, chỗ kê cái giường và cái cửa đường hầm đã bị lấp kín. Bá tước cảm thấy chân mình không còn đứng vững được nữa, phải ngồi xuống một cái ghế đẩu.

Người gác cầm bó đuốc hỏi: -Ngài có muốn nghe chuyện về những người bị nhốt vào đây không?

Môngtơ Crixtô để tay lên ngực mình để tim khỏi đập mạnh, nói: -Được bác kể đi.

-Ngày trước người ta nhốt trong cái hầm này một anh chàng rất nguy hiểm và tài tình, còn ở hầm bên kia là một ông linh mục điên.

-Ông ta điên ra sao?

-Mỗi năm ông ta xin biếu Chính phủ thêm một triệu để được trả tự do.

-Họ có nói chuyện được với nhau không?

-Điều đó tuyệt đối cấm. Ông linh mục thì già yếu, còn anh chàng này thì khỏe mạnh và có nhiều mưu trí nên anh đã đào được một con đường hầm thông sang nhau, hãy còn vết tích đây này.

Người gác vừa nói xong liền cầm bó đuốc soi vào tường. Bá tước mỉm cười nghĩ thầm: "Người ta nhầm to.". Người gác nói tiếp: -Thế là hai người đã liên lạc được với nhau, trong bao nhiêu lâu? Không ai biết cả. Chỉ biết là một hôm ông linh mục ốm rồi chết. Anh thanh niên liền vác xác ông già về đặt lên giường mình ròi chui vào cái bao tải dùng để liệm xác chết. Ngài xem anh ta có khôn ngoan không?

Môngtơ Crixtô nhắm mắt lại và tưởng chừng cái bao tải xù xì còn vương hơi lạnh của xác chết cọ xát vào da thịt mình.

-Anh ta đặt kế hoạch là người ta sẽ đem chôn anh ta, sau đó sẽ tìm cách vượt ngục, nhưng lại không biết là ở lâu đài Íp này người ta tiết kiệm một cỗ quan tài và có tục lệ quẳng xác xuống biển sau khi đã buộc vào chân một viên đạn trái phá.

Bá tước thở rất khó khăn, mồ hôi toát ra như tắm.

-Anh thanh niên đó sau ra sao?

-Người ta quẳng anh ta xuống biển, nhưng khi cái bao tải sắp rơi xuống nước, người ta có nghe thấy một tiếng thét rùng rợn và chắc anh ta bị chìm nghỉm dưới đáy biển vì hòn đạn buộc dưới chân. Tội nghiệp!

-Tên anh ta là gì?

-Không ai biết, chỉ biết số tù của anh ta là 27 và ông linh mục là 34.

-Bác làm ơn dẫn tôi sang buồng ông linh mục.

-Được, xin mời ngài theo tôi.

Môngtơ Crixtô đi theo người gác qua một hành lang nhỏ rồi tới buồng linh mục. Bá tước rất cảm động khi nhìn thấy những nét vạch trên tường chỉ giờ giấc và cái khung giường mà ông linh mục đã trút hơi thở cuối cùng. Bất chợt hai giọt nước mắt lăn trên má Môngtơ Crixtô.

-Đây là chỗ nằm của ông linh mục, đây là cái cửa hầm mà hai người đã liên lạc được với nhau, và người ta đã đoán rằng thời gian liên lạc trong khoảng mười năm trời. Thật là những con người đáng thương. Trong mười năm đằng đẵng chắc là phải buồn lắm! – Người gác kể tiếp.

Bá tước rút trong túi ra mấy đồng tiền vàng biếu người gác. Bác ta trố mắt nhìn khách, không ngờ được món quà hậu hĩnh như vậy.

-Ngài thật là một người hào phóng và tôi muốn tặng lại ngài mấy thứ này. Ngài nên biết rằng một hôm tôi nhấc cái giường nằm của ông linh mục ra thấy có một phiến đá và bên dưới phiến đá có một cái thang dây và một số dụng cụ. Nhưng có cái này là quý hơn cả: Đó là một cuốn sách viết trên những băng vải xé ở những cái áo sơ mi ra. Để tôi đi lấy và đưa hầu ngài.

Khi người gác đi khỏi, Môngtơ Crixtô quỳ xuống chân giường thổn thức một mình: "Ôi, cha thứ hai của con! Cha đã ban cho con trí tuệ, tự do và tiền của. Là một người siêu phàm, cha đã nắm được những kiến thức khoa học cũng như tâm

lý của con người. Cha đã phân biệt được điều thiện, điều ác và với tấm lòng cao cả quảng đại tuyệt vời, cha đã xóa bỏ mối hoài nghi còn vương vấn trong đầu óc con".

-Thưa ngài đây!

Tiếng người gác ở phía sau làm Môngtơ Crixtô giật mình quay lại, kính cẩn cầm lấy bản di cảo của linh mục Faria về đề cương xây dựng một nền đế chế thống nhất ở Ý. Bá tước chăm chú nhìn câu đề từ mà Chúa đã phán truyền:

"Ngươi hãy vặn răng của con rồng và vùi xuống chân con sư tử".

"A! Câu trả lời đây rồi! Cám ơn cha, cám ơn cha!"

Mông tơ Crixtô bỏ bản di cảo vào trong áo, bước ra khỏi lâu đài xuống thuyền trở về Mácxây. Lúc đi qua thôn Catalăng, bá tước không quay đầu lại nhìn và lẩm bẩm tên một người phụ nữ. Cái tên đó, bá tước thốt lên một cách trìu mến: đó là tên cô gái Hy Lạp.

Môngtơ Crixtô đi về phía nghĩa trang, thấy Moren đang đứng tựa vào một cây thông, thẫn thờ nhìn ngôi mộ của ông bà Moren.

-Mắcximiliêng! Anh hãy dẹp nỗi đau khổ lại. Tôi biết một người còn đau khổ gấp trăm anh.

-Nhưng tôi đã mất người mà tôi yêu quý nhất đời!…

-Moren, anh hãy nghe đây: Tôi biết một người đã đặt hết niềm hạnh phúc vào một người đàn bà. Anh ta trẻ, yêu đời, có cha già và vợ chưa cưới mà anh ta sùng bái. Anh ta sắp sửa cưới cô gái ấy thì một sự éo le của định mệnh đã tước đoạt tự do, tình yêu, sự nghiệp của anh ta và ấn anh ta vào ngục tối trong mười bốn năm trời. Trong khoảng thời gian dài khủng khiếp đó, anh ta đã bao lần tuyệt vọng và định tìm cái chết. Nhưng trong lúc khốn quẫn đó Chúa đã hiện ra và với một phép mầu nhiệm, lôi anh ta ra khỏi nấm mồ sống, hoán cải lại con người anh ta, ban cho anh ta một sức mạnh thần kỳ và một kho tàng vô tận. Câu nói đầu tiên khi anh ta trở về với tự do là gọi tên cha, nhưng cha đã chết đói. Anh ta gọi tên người yêu thì người yêu đã đi lấy chồng và tệ hại hơn nữa là lấy kẻ đã hãm hại anh ta. Anh xem như vậy thì người đó còn đau khổ hơn anh nhiều.

-Thế Chúa có an ủi anh ta không?

-Chúa đã mang lại thư thái trong tâm hồn anh ta và mong rằng một ngày kia anh ta sẽ tìm được hạnh phúc.

-Vâng, tôi cũng cầu mong như vậy! – Moren gục đầu xuống nói.

-Anh Moren, tôi phải xa anh trong ít ngày, và như tôi đã hứa với anh, ngày mồng 5 tháng Mười, tôi sẽ chờ anh ở đảo Môngtơ Crixtô. Ngày mồng bốn tháng Mười anh tới cảng Batista sẽ có một chiếc du thuyền đưa anh tới địa điểm đã quy định. Bây giờ tôi có việc phải sang Ý, và một giờ nữa tôi sẽ xuống tàu. Anh có thích đi với tôi ra bến tàu không?

Moren gật đầu và đi với Môngtơ Crixtô ra tới bến. Anh ôm hôn bá tước. Con tàu phụt khói và từ tù rời bến và một giờ sau chỉ còn là một chấm đen ở chân trời.

§114. Peppinô

Trên đường từ Florenxơ tới thủ đô Rôma, một cỗ xe trạm đang phóng hết tốc độ, dường như muốn đốt cháy các chặng đường. Trên xe là một người đàn ông đã đứng tuổi, mặc áo đuôi tôm, bên ngoài khoác chiếc áo choàng đầy bụi, ở ve áo có gài một cuống huy chương Bắc đẩu bội tinh đỏ tươi. Nghe giọng nói của người đàn ông đó, người ta biết ngay là một người Pháp biết một vài tiếng Ý đủ để bảo người đánh xe chạy nhanh hay chạy chậm.

Lúc gần tới Rôma, người khách chẳng buồn thò đầu ra nhìn nhà thờ Thánh Pie cổ kính và chỉ rút từ trong cặp ra một tờ giấy gấp tư, chăm chú nhìn rồi gật đầu nói một mình: "Tốt lắm, nó hãy còn đây!"

Cỗ xe tới quảng trường Đen Pôlôlô và đứng trước khách sạn Tây Ban Nha. Ông Patini, chủ khách sạn, tay cầm mũ, đứng trước thềm đón khách. Khách bước vào nhà bảo chuẩn bị một bữa ăn thịnh soạn rồi hỏi thăm ngân hàng Tômxơn và Fren. Ngân hàng này mọi người ở Rôma đều biết nó nằm trên đại lộ Biangki gần nhà thờ Thánh Pie. Người khách ăn xong đi ra khỏi khách sạn với lũ trẻ con bán báo bám xung quanh. Một người lạ mặt đi lẩn trong đám đông, bám sát người khách với dáng điệu của một tên đặc vụ.

Khách là người Pháp đi tới ngân hàng Tômxơn và Fren có vẻ hấp tấp. Tới phòng thường trục khách hỏi người thư ký.

-Tôi muốn gặp ông chủ ngân hàng.

-Xin ngài cho biết quý danh – Người thư ký ngừng viết hỏi.

-Nam tước Đăngla.

Người thư ký liền gọi một người tùy phái dẫn khách vào Phòng giám đốc. Trong lúc đó người lạ mặt cũng vào phòng thường trực, lặng lẽ ngồi xuống ghế. Năm phút sau, người thư ký nhìn quanh thấy không có ai liền nói với người lạ mặt: -Chào anh Peppinô, vẫn khỏe chứ?

-Xin chào! Người Pháp ấy đến lĩnh tiền phải không? Bao nhiêu?

-Chưa biết, vì hắn không báo trước. Lát nữa tôi sẽ báo anh.

-Lần này thì phải báo chính xác đấy. Không được như lần trước lão hoàng thân người Nga lĩnh ba mươi vạn mà cậu lại báo nhầm là ba vạn. Chủ tướng Văm pa đã làm ầm lên.

-Được, anh cứ yên trí.

Nói xong, viên thư ký đi vào bên trong và một lát sau hớt hơ, hớt hải chạy ra.

-Thế nào? – Peppinô hỏi.

-Mẹ ơi! Số tiền lớn quá! Những năm triệu, có chữ ký bảo đảm của bá tước Môngtơ Crixtô, một khách có tín nhiệm của ngân hàng.

-Thật ư? Năm triệu… Ái chà chà, số tiền quan trọng đây.

-Im đi, lão ta ra kia kìa!

Viên thư ký lại cặm cụi viết và Peppinô ngồi yên tại chỗ. Đăngla vẻ mặt hớn hở đi ra cùng với chủ ngân hàng. Ông chủ ngân hàng tiễn khách ra đến tận cửa. Peppinô vội vàng bám theo sau. Cỗ xe ngựa đã đậu ở trước cửa ngân hàng. Đăngla bước lên xe, nhẹ nhõm như một chàng trai, cái cặp da ôm chặt trong cánh tay.

-Ngài có muốn đến thăm nhà thờ Thánh Pie không? – Người đánh xe hỏi.

-Tôi đến Rôma có phải để tham quan đâu! Anh đưa tôi tới khách sạn của ông Patini.

Mười phút sau, Đăngla đã trở về tới khách sạn, trèo lên giường ngủ ngay sau khi đã để cặp da xuống dưới gối. Peppinô ngồi ở ngoài cổng đánh bài với mấy chú bé đánh giày.

Sáng hôm sau Đăngla dậy muộn vì từ mấy đêm nay y có ngủ được đâu. Sau bữa ăn trưa thịnh soạn, Đăngla bảo chuẩn bị xe để hai giờ sau khởi hành. Lúc y bước chân ra cửa, một lũ trẻ con xúm lại xin tiền. Y móc túi cho mỗi đứa một hào rồi bảo người đánh xe: -Đi Vơnidơ!

Đăngla có ý định đi Vơnidơ nghỉ ngơi mấy hôm, sau đó đến Viên vì nghe nói ở thủ đô Áo có nhiều thứ ăn chơi. Cỗ xe chuyển bánh và chạy như bay trên đường cái. Đi được vào khoảng ba dặm, những cánh đồng của ngoại thành Rôma đã bắt đầu chìm trong bóng tối. Đăngla cảm thấy khoan khoái vì đêm trước đã ngủ được một giấc ngon lành. Y nằm dài trên cái đệm xe rất êm, một kiểu xe của Anh, có nhiều lò xo và có hai con ngựa kéo rất khỏe. Còn đi bảy dặm nữa thì tới trạm đổi ngựa. Y miên man nghĩ tới người vợ trẻ để lại ở Pari, tới cô con gái Ơgiêni ra đi với Đacmêli, không biết đã đến phương trời nào rồi, tới người khách nợ mà y bỏ rơi, rồi ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Lúc y mở mắt ra, cỗ xe vẫn bon bon chạy giữa cánh đồng bát ngát, trong bầu không khí lạnh lẽo và ẩm ướt. Một lát sau, xe dừng trước một ngôi nhà tồi tàn, thấp thoáng có bóng người. Gã đánh xe tháo ngựa, thay những con khác vào rồi lại cho xe chạy. Đăngla thò đầu qua cửa xe hỏi người đánh xe: -Này anh bạn, xe tới đâu rồi?

Nhưng gã đánh xe nói bằng tiếng Ý giọng nghiêm lại như ra lệnh: -Rụt đầu vào!

Đăngla đột nhiên cảm thấy lo lắng và nỗi lo mỗi lúc một tăng, nhất là trong hoàn cảnh y đang đi trốn. Y nhìn qua cửa xe bên phải thấy một người mặc áo choàng đi kèm cỗ xe. Y nghĩ bụng: "Có thể là một tên sen đầm đang đi lùng mình chăng?". Y quay sang phía cửa bên trái cũng lại thấy một kỵ sĩ nữa đi bên cạnh xe.

-Anh bạn ơi, cho xe chạy đi đâu thế này?

-Rụt đầu vào! – Vẫn câu trả lời bằng tiếng Ý.

Đăngla toát mồ hôi ra, nghĩ bụng: "Thôi hỏng mất rồi! Có lẽ ta bị bắt!" Y ngồi nép mình vào xe run sợ.

Trăng đã lên và hai bên đường đầy những ngôi mộ mà những cây thánh giá vươn dài trong đêm tối trông như những bóng ma đen ngòm. Y hiểu rằng cỗ xe đã quay trở lại thủ đô Rôma. Một giờ sau cỗ xe đã tới những bức tường cổ vây quanh thủ đô và rẽ sang bên trái. Y nghĩ bụng: "Ô, không phải sen đầm, có lẽ là bọn cướp?". Y chợt nhớ đến câu chuyện của Anbe Moocxép đã kể cho Đăngla phu nhân và Ơgiêni nghe về bọn cướp nổi danh ở thành phố Rôma và đột nhiên y thấy dựng tóc gáy. Cỗ xe đã đi vào một con đường đá, và ở hai bên đường y nhìn thấy bóng như những tòa lâu đài cổ quái: đó là thung lũng Caracala.

Người cưỡi ngựa bảo xe dừng lại và lệnh cho Đăngla xuống xe. Bốn người lạ mặt vây quanh lấy y và dẫn đi. Một người từ một con đường hẻm bước ra làm nhiệm vụ dẫn đường. Đăngla đành phải ngoan ngoãn đi theo, không dám nói một câu. Đi được mươi phút, cả bọn dừng lại trước một hòn núi đá cây cối mọc um tùm và có một cái hang tối om.

Người dẫn đường chính là Peppinô. Anh ta châm một ngọn đuốc và dẫn Đăngla đi vào trong hang ở hai bên vách đá có đào những hố sâu chứa những cỗ quan tài tựa hồ những lỗ mắt đen ngòm trên những cái đầu lâu. Một người lính canh vỗ vỗ vào báng súng hỏi: "Ai?"

-Bạn hiền! – Peppinô đáp – Chủ tướng đâu?

Người lính canh chỉ vào một cái hang rộng, trong đó có ánh đèn le lói. Peppinô cầm cổ áo Đăngla đẩy vào phòng, chủ tướng đang ngồi đọc sách.

-Có phải hắn không? – Chủ tướng hỏi.

-Dạ, chính hắn – Peppinô đáp và giơ ánh đuốc lên soi vào bộ mặt nhợt nhạt như xác chết của Đăngla.

-Nom hắn có vẻ mệt – Chủ tướng nói – Hãy cho hắn đi nghỉ đã.

Đăngla đưa mắt nhìn quanh phòng, thấy những bóng người nằm ngồi ngổn ngang trên những tấm đệm cỏ hoặc da thú. Đó là những bộ hạ của Luji Văm pa mà Anbe đã có lần được gặp mặt.

Đăngla thở dài não ruột đi theo người dẫn đường như một người mất hồn. Y đã mất hết nghị lực, ý chí và cảm giác. Y lom khom bước vào một cái hầm kín đào sâu trong núi đá, trong đó có kê một cái giường bằng cỏ khô trên có trải một tấm da cừu. Người dẫn đường đẩy y vào bên trong rồi khóa chặt cửa lại. Như vậy là Đăngla đã bị cầm tù! Y nghĩ tới câu chuyện kể của Anbe, cậu ta cũng đã nằm trong cái hầm này, trên giường cỏ này và Đăngla thấy hơi yên tâm vì biết rằng bọn cướp sẽ không giết y, vì nếu giết thì đã giết rồi, vậy chỉ còn bắt y phải chuộc bằng tiền. Y nhớ lại Anbe chỉ bị yêu cầu có tám nghìn êquy, nghĩa là bằng bốn mươi tám nghìn frăng. Với số tiền đó y làm gì mà chả được!

Thế là y nằm xuống giường trở mình mấy cái rồi đánh một giấc.

§115. Thực đơn của Luji Văm pa

Lúc mở mắt dậy, Đăngla có cảm tưởng như vừa trải qua một cơn ác mộng. Đối với một người quen sống ở Pari, nằm trên giường trải khăn satanh nước hoa thơm phức, có ngọn lửa ấm áp tỏa ra từ một lò sưởi bằng đá hoa cương, thì tấm lông thú quả là có một mùi vị khác thường. ngài

Đăngla lẩm bẩm: "Chao ôi! Ta đã bị sa vào tay bọn cướp thành Rôma mà Anbe đã nói chuyện!" Y sờ khắp người, không thấy có thương tích gì và sờ vào cặp tiền thấy vẫn còn nguyên vẹn, y thở phào khoan khoái. Y rút đồng hồ ra xem thấy kim chỉ sáu giờ. Một ánh đèn le lói xuyên qua khe cửa. Y lần tới, ghé mắt nhìn thấy một tên cướp đứng canh đang tu một bình rượu mạnh, xông ra mùi nồng nặc làm y buồn nôn và lùi lại phía sau. Buổi trưa, một tên cướp khác đến đổi gác. Đăngla tò mò muốn biết mặt mũi tên này ra sao, y lại ghé mắt vào khe cửa nhìn. Tên này cao lớn như một hộ pháp, mắt tròn xoe, môi dày, mũi khoằm, râu tóc xồm xoàm.

"Trời đất ơi! Đúng là một con quỷ dữ, nó có thể ăn thịt mình!"

Tên cướp ngồi xuống, rút trong bị ra một khoanh bánh mỳ đen, một miếng phomát và mấy củ tỏi, hắn nhai rau ráu. Đăng la lộn mửa, quay về giường nằm, miệng nói lẩm bẩm: "Đồ ma bùn! Sao chúng nó lại có thể ăn những thứ kinh tởm như vậy được?".

Nhưng một lát sau, y lại thấy mấy củ tỏi có một mùi vị thơm ngon và khoanh bánh mì không đến nỗi tồi và đen lắm. Y đứng dậy, ra gõ cửa làm tên cướp ngẩng đầu lên: -Này anh bạn, hình như đến giờ ăn trưa rồi thì phải!

Không biết vì không hiểu tiếng nói hay đã nhận được lệnh trên, tên cướp không trả lời, vẫn tiếp tục ngồi nhai. Thất vọng, Đăngla quay về chỗ nằm. Đến năm giờ tên hộ pháp được thay bằng một anh chàng có bộ mặt sáng sủa mà Đăngla nhận ngay ra là người dẫn đường. Quả nhiên là anh bạn Peppinô đã đến thay gác và trịnh trọng đặt xuống cạnh mình một xoong đậu Hà Lan rán bơ thơm phức, một chùm nho tươi và một chai rượu vang loại hảo hạng. Peppinô quả là một anh chàng sành ăn. Đăngla thấy thèm rỏ rãi và bụng đói cồn cào. Y không ngần ngại lấy tay gõ cửa. Peppinô đứng dậy mở cửa hầm. Đăngla nở một nụ cười nịnh, nói: -Xin lỗi anh bạn, hình như người ta quên chưa cho tôi ăn uống gì thì phải?

-Mẹ ơi! Ngài chưa ăn uống gì ư?- Peppinô thốt lên.

-Phải, đã từ hai mươi bốn tiếng đồng hồ rồi, tôi chưa có tý gì vào bụng.

-Lạy Chúa, ngài muốn ăn gì ở đây thứ gì cũng có đầy đủ miễn là trả tiền.

-Trả tiền ư? Tôi tưởng những người tù được nuôi cơm chứ?

-Nhưng ở đây luật lệ lại khác, mong ngài hiểu cho.

-Thôi được, anh bạn cho tôi ăn ngay, tôi đói lắm rồi.

-Xin ngài gọi món ăn. Ở đây chúng tôi có những tay đầu bếp loại cừ khôi và cách nấu nướng không thể chê vào đâu được.

-Vậy thì anh bạn cho tôi một con gà quay, một con cá song bỏ lò và một món thịt cừu.

-Dạ, chúng tôi sẽ xin dọn hầu ngài một con gà quay trước đã – Peppinô nói rồi cất giọng oang oang gọi – Một con gà quay cho ngài nam tước!

Một lát sau, một anh chàng đẹp trai, cao lớn, mặc áo bờ lu trắng bưng vào một cái khay bằng bạc trên có đặt một con gà quay vàng bóng. Đăngla nghĩ bụng: "Thật đúng là kiểu cách ở Pari!"

Peppinô đỡ lấy cái khay, đặt xuống bàn cùng với một cái dĩa, và một con dao. Đăngla một tay cầm dĩa, một tay cầm dao sắp sửa cắt con gà thì Peppinô cúi đầu nói: -Xin lỗi ngài nam tước, ở đây chúng tôi có lệ trả tiền trước.

-A ha! Thế thì không đúng kiểu cách ở Pari rồi! – Đăngla nói – Thôi cũng được, tôi nghe giá thực phẩm ở Ý rẻ lắm. Tôi sẽ cho anh bạn con gà này một đồng.

Nói xong Đăngla ném cho Peppinô một đồng. Peppinô lăng lặng nhặt đồng tiền đút túi. Đăngla lại tiếp tục cầm dao và dĩa lên, Peppinô lại cúi đầu xuống: -Xin lỗi ngài nam tước, ngài còn thiếu tiền ạ!

-Mẹ kiếp! Một đồng một con gà rồi anh định còn đòi bao nhiêu nữa!

-Thưa ngài, ngài mới đưa trước có một đồng. Vậy còn thiếu những chín vạn chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng nữa ạ!

Đăngla trợn tròn xoe đôi mắt kêu lên: -Mười vạn đồng một con gà! Anh không đùa đấy chứ?

-Dạ không, tôi đâu dám đùa! – Peppinô trả lời một cách nghiêm túc – ở trong hang đá này vấn đề nuôi gà, vịt vô cùng khó khăn.

-Ôi chà chà! Tôi thấy câu chuyện khá là khôi hài. Thôi, tôi trả cho anh thêm một đồng nữa, thế là nhiều rồi đấy!

Peppinô cầm lấy số tiền rồi giọng vẫn lạnh lùng: -Như vậy là ngài nam tước còn thiếu chín vạn, chín nghìn, chín trăm chín mươi tám đồng nữa ạ.

-Thôi đi – Đăngla cáu quá gắt lên – Yêu cầu anh đừng có đùa cợt nữa! Quỷ tha ma bắt các anh đi, tôi không ưa cái kiểu đùa đó đâu!

Peppinô liền ra hiệu cho đầu bếp mang cái khay đi rồi đóng cửa lại, điềm nhiên ngồi xuống tiếp tục ăn, miệng nhai rau ráu những quả đậu Hà Lan thơm phức và chậm rãi tợp những ngụm rượu nho.

Cái dạ dày của Đăngla dường như bị kim châm, và nửa giờ sau, dài tựa như một thế kỷ, y lại đứng lên đi ra gõ cửa gọi: -Này anh bạn ơi! Mở cửa cho tôi với.

-Xin ngài ra lệnh – Peppinô mở cửa nói.

-Anh cho tôi một cái bánh mì thôi vậy, gà quay đắt quá!

-Một cái bánh mì cho ngài nam tước – Peppinô hô to.

Anh đầu bếp lúc này lại bưng một cái khay ra trên để một cái bánh.

-Bao nhiêu? – Đăngla hỏi.

-Chín vạn chín nghìn chín trăm chín mươi tám đồng, vì hai đồng ngài đã trả trước rồi.

-Thế nào? Mười vạn một cái bánh mì! Cũng bằng một con gà quay?

-Dạ, ở cửa hiệu chúng tôi giá các món ăn đều đồng loạt.

-Anh lại nói đùa rồi, anh muốn để tôi chết đói à?

-Đó là tại ngài muốn tự sát đấy thôi! Ngài cứ việc trả tiền rồi sẽ được ăn.

-Quân khốn kiếp! – Đăngla nổi xung lên thét – Anh tưởng ai cũng có mười vạn trong túi đấy hả?

-Thưa ngài nam tước, ngài có những năm triệu trong túi, vị chi là những năm mươi con gà quay kia mà!

Đăngla rùng mình. Y nhận ra đây là một trò bỡn cợt, và cũng hiểu rõ ý nghĩa của trò bỡn cợt đó.

-Nếu trả tiền xong, anh có để cho tôi ăn thoải mái không?

-Điều đó là tất nhiên, ngài khỏi phải lo! – Peppinô thản nhiên đáp.

Đăngla móc trong cặp lấy ra tờ ngân phiếu ký tên rồi xỉa lên mặt bàn. Anh đầu bếp liền mang khay đựng gà quay đến.

Đăngla thở dài, cầm cái dĩa thọc vào con gà thấy đau như đâm vào ruột mình.

Peppinô cầm tờ ngân phiếu, lặng lẽ bỏ vào túi rồi lại tiếp tục ngồi ăn.

§116. Dung tha

Ngày hôm sau Đăngla lại thấy đói mèm. Thì ra bầu không khí trong hầm giam đã kích thích cái dạ dày của y. Là một con người vốn tiết kiệm y đã để dành lại một nửa con và một mẩu bánh mì. Nhưng sau khi ăn hết gà và bánh, y lại thấy khát nước, một điều mà y không lường trước được. Y cố nhịn cho đến lúc thấy khát khô cả cổ họng, không thể chịu được nữa, y lại phải gõ cửa gọi Peppinô.

-Thưa ngài, ngài muốn gì ạ? – Peppinô nhanh nhẹn chạy lại hỏi.

-Anh cho tôi uống.

-Thưa ngài, giá rượu vang ở Rôma đắt lắm!

-Anh cho tôi uống nước lã vậy! – Đăngla nói với ý định tiết kiệm tiền.

-Thưa ngài, nước lã cũng hiếm, trời làm đại hạn.

Đăngla toát mồ hôi trán trước vẻ mặt lạnh như tiền của Peppinô.

-Anh cho tôi một cốc rượu thôi vậy.

-Chúng tôi không bán lẻ, bán cả chai!

-Anh cho tôi một chai, thứ rẻ nhất.

-Thưa ngài, giá đồng loạt, hai mươi lăm ngàn đồng một chai.

-Chao ôi! – Đăng la thốt lên vẻ chua chát – thì ra các anh định róc từng miếng thịt của tôi!

-Có thể lắm! Đó là ý định của chủ tướng chúng tôi.

-Chủ tướng các anh là ai?

-Người mà hôm mới tới đây tôi đã dẫn ngài đến trước mặt.

-Tôi có thể nói chuyện với chủ tướng các anh được không?

-Chuyện đó dễ dàng lắm!

Một lát sau Luji Văempa đã đứng trước mặt Đăngla.

-Ngài muốn gặp tôi?

-Ông là chủ tướng của những người đã bắt cóc tôi đến đây?

-Thưa ngài, vâng!

-Tôi muốn biết các ông định đòi tôi bao nhiêu tiền chuộc? Yêu cầu ông nói cho biết.

-Chỉ năm triệu mà ngài mang theo thôi!

Đăngla thấy đau nhói trong tim, y nói: -Tôi chỉ có số tiền đó trên đời này, gia tài tôi đã khánh kiệt cả rồi, nếu ông lấy hết thì thà giết tôi đi còn hơn!

-Thưa ngài, chúng tôi bị cấm không được làm cho ngài phải đổ máu.

-Ai cấm ông?

-Người mà chúng tôi phải tuân lệnh.

-Ông lại còn phải tuân lệnh một người nữa à?

-Vâng, vị thủ lĩnh. Tôi là chủ tướng của những người này – Luji Văm pa chỉ Peppinô và nói tiếp – Còn một người nữa là thủ lĩnh của tôi.

-Vị thủ lĩnh đó còn phải tuân lệnh của ai nữa không?

-Có, của Thượng đế.

-Tôi chẳng hiểu thế là thế nào cả!

-Có thể lắm.

-Vị thủ lĩnh đó ra lệnh cho ông đối xử với tôi như thế này?

-Vâng.

-Mục đích của ông ta là gì?

-Tôi không rõ.

-Nhưng túi tiền của tôi sẽ cạn mất.

-Có thể lắm.

-Thôi thế này, ông lấy tôi một triệu nhé!

-Không ạ!

-Hai triệu.

-Không ạ!

-Ba triệu? Bốn vậy? Thế nào, bốn triệu? Tôi sẽ biếu ông số tiền đó với điều kiện là ông trả tự do cho tôi.

-Tại sao ngài chỉ có bốn triệu trong khi giá trị của nó là năm triệu? Thưa ngài chủ ngân hàng, như vậy thì hao hụt quá đáng đấy!

-Các ông lấy hết đi! Lấy hết đi! – Đăngla gào lên – Rồi giết tôi luôn thể.

-Xin ngài hãy bình tĩnh, cơn nóng giận lại càng làm ngài đói ngấu và phải ăn hết một triệu frăng một ngày mới no. Xin ngài hãy tiết kiệm sức lực một chút.

-Nhưng, rồi đến khi tôi không còn để trả các ông nữa thì sao? – Đăngla lại thét lên.

-Vậy thì ngài sẽ đói! -Văm pa thản nhiên đáp.

-Nhưng ông vừa nói là ông không muốn giết tôi phải không?

-Vâng.

-Thế mà ông lại muốn là tôi phải chết đói sao?

-Hai vấn đề đó không giống nhau.

-Muốn vậy, quân khốn kiếp – Đăngla thét lên – Tao sẽ làm cho cái kế hoạch bỉ ổi của chúng mày phải phá sản cho mà xem! Chết để mà chết, tao muốn chết ngay bây giờ. Cứ hành hạ tao đi, cứ làm tao phải đau khổ đi, giết tao đi! Nhưng chúng mày không bao giờ lấy được chữ ký của tao nữa cả!

-Cái đó tùy ngài.

Nói xong Văm pa thản nhiên đi ra, đóng cửa lại. Đăngla gieo mình xuống chiếc đệm cỏ và gầm lên như con thú bị thương. Bọn người này là ai? Tên thủ lĩnh vô hình đó là ai? Chúng đeo đuổi âm mưu gì đối với y? Tất cả mọi người đều có thể nộp tiền chuộc, riêng y, thì không, tại sao? Ôi, chỉ có cái chết, chết

ngay tức khắc mới là biện pháp tốt nhất để giáng trả lại kẻ thù đang bám sát y để trả một mối thù nào đó mà y không biết.

Phải chết! Lần đầu tiên trong đời Đăngla phải nghĩ tới cái chết, nhưng y lại run sợ trước cái chết.

Y nghĩ đến tìm cách vượt ngục. Nhưng bên ngoài bức tường đá này lúc nào cũng có một chủ tướng và một đám lâu la canh gác với đầy đủ vũ khí.

Cái ý định sẽ không ký thêm nữa vào ngân phiếu kéo dài được hai ngày, sau đó y đòi ăn và xin nộp một triệu. Người ta dọn cho y một bữa ăn thịnh soạn. Và từ đó trở đi, cuộc sống của người tù đáng thương đó là một cuộc sống bị giày vò liên tục. Vì đã quá đau khổ, y muốn chấm dứt đau khổ bằng cách cho thỏa mãn những gì mà dạ dày đòi hỏi.

Sau hơn chục ngày ăn uống thỏa thuê, Đăngla tính toán tiền nong, y giật mình thấy mình chỉ còn có năm vạn đồng. Tức thì trong đầu óc y có một sự phản ứng kỳ lạ. Y đã phải bỏ ra gần năm triệu đồng một cách tương đối dễ dàng, nay muốn cố sống, cố chết giữ lấy số tiền còn lại. Ý có những ý nghĩ viển vông gần như mất trí.

Trước đây không bao giờ y nghĩ đến Thượng đế, thì nay y lại tin vào một phép mầu nhiệm nào đó sẽ xảy ra: cái hang này sẽ sụp đổ, bọn lính sen đầm đến tóm cổ bọn cướp rồi cứu y ra; số tiền năm chục ngàn còn lại cũng đủ cho y một cuộc sống bình thường. Y cầu xin Thượng đế bảo vệ cho y số tiền đó và trong lúc cầu nguyện y đã khóc sướt mướt.

Trong liền ba ngày y sống trong một niềm tin mãnh liệt và lúc y mơ thấy mình như một ông già vì đói ăn đang nằm hấp hối trên giường. Đến ngày thứ tư y không còn là một con người nữa, y đã biến thành một con ma đói. Y đã bốc đất ăn và gặm nốt tấm da cừu. Y van nài Peppinô bố thí cho y một mẩu bánh, nhưng vẫn bị làm ngơ. Ngày thứ năm y cố lê ra cửa, nằm phủ phục dưới đất và kêu lên: -Ông chủ tướng ơi, ông chủ tướng!

-Ngài muốn gì? – Văm pa đã đứng trước mặt y hỏi.

-Ông hãy cầm lấy số tiền còn lại cuối cùng này của tôi! – Đăngla ấp úng nói và chìa cái ví tiền ra – Và ông để cho tôi sống ở trong cái hầm này. Tôi không dám yêu cầu được thả ra ngoài nữa, chỉ yêu cầu được sống thôi.

-Ngài đau khổ lắm à? – Văm pa hỏi.

-Ôi, thưa ông vâng! Tôi đau khổ một cách ghê gớm lắm rồi!

-Thế mà còn có những người đau khổ nhiều hơn ông đấy!

-Tôi không tin.

-Có chứ! Những người bị chết đói.

Đăngla liền nghĩ đến ông già đang rên xiết trên giường mà trong những giờ hoảng loạn y đã nhìn thấy qua cửa sổ. Y đập đầu xuống đất khóc than: -Vâng,

đúng đấy! Còn có người đau khổ hơn tôi nhiều, nhưng ít ra họ cũng được là những người dám chết.

Bỗng nhiên một giọng nói trang nghiêm như từ đâu vọng tới làm Đăngla dựng tóc gáy: -Vậy anh đã hối hận chưa?

Y lờ mờ thấy một bóng người mặc áo choàng đứng đằng sau Văm pa.

-Ngài muốn tôi phải hối hận về việc gì? – Y nói không ra hơi.

-Về tội ác anh đã gây ra! – Cũng vẫn tiếng nói đó.

-Vâng vâng tôi hối hận lắm! – Đăngla đấm ngực nói.

-Nếu vậy tôi sẽ tha tội cho anh! – Người lạ mặt nói rồi tiến lên bỏ áo choàng ra.

-Bá tước Môngtơ Crixtô! – Đăngla kêu lên.

-Anh nhầm rồi, ta không phải là bá tước Môngtơ Crixtô.

-Thế ngài là ai?

-Ta là người mà anh đã vu cáo và làm mất danh dự. Ta là người mà anh đã làm ta phải chia tay với người vợ chưa cưới của ta. Ta là người mà anh đã dùng làm cầu thang để bước lên danh vọng. Ta là người mà anh đã để cho người cha ta phải chết đói. Ta đã kết tội anh phải chết đói, nhưng ta tha tội cho anh vì ta cũng cần được Thượng đế khoan dung. Ta là Étmông Đăng tét.

Đăngla chỉ hét lên được một tiếng rồi đập đầu xuống đất.

-Anh hãy đứng lên, ta tha tội chết cho anh. Hai thằng bạn của anh không được may mắn như anh đâu: một thằng đã hóa điên, một thằng đã tự sát. Anh hãy giữ lấy số tiền năm vạn đồng. Còn số tiền năm triệu là anh ăn cắp của các bệnh viện, ta đã hoàn lại người ta rồi. Văm pa! Hãy cho người này ăn uống no nê rồi thả ra cho tự do!

Đăngla vẫn nằm phủ phục dưới đất. Lúc y ngẩng đầu lên, Môngtơ Crixtô đã quay gót, ung dung đi giữa bọn cướp đang cúi rạp người xuống chào vị thủ lĩnh.

Theo lệnh của Étmông Đăngtét, Văm pa dọn cho Đăngla ăn một bữa rất thịnh soạn, có đủ rượu quý và những trái cây thơm ngon nhất nước ý, sau đó cho đóng ngựa vào xe chở y đi. Dọc đường, người ta bỏ y xuống, cho y ngồi tựa lưng vào một gốc cây.

Đến sáng y tỉnh dậy, không biết mình đang ở chỗ nào. Rồi nhận thấy cạnh đấy có con suối, y thấy khát bèn bò lại. Lúc y cúi đầu xuống mặt nước để uống, y nhận ra tóc mình đã bạc trắng.

§117. Ngày mồng 5 tháng mười

Vào khoảng sáu giờ chiều, vầng dương đỏ rực ném xuống mặt biển xanh lam những tia nắng cuối cùng. Bầu không khí oi ả đã dịu dần và một làn gió nhẹ lướt qua bờ biển Địa Trung Hải, đem theo mùi hương thơm mát của cây cỏ miền Nam. Một chiếc du thuyền đang rẽ sóng ra khơi, tựa hồ như một con thiên nga đang xòe đôi cánh trắng ngần, nhẹ nhàng và uyển chuyển lướt trên những đợt sóng lăn tăn.

Đứng trước mũi thuyền là một chàng thanh niên vạm vỡ, da mặt rám nắng, đang chăm chú nhìn một mảnh đất nhô lên khỏi mặt nước giống như một cái nón khổng lồ.

-Có phải đảo Môngtơ Crixtô đấy không? – Anh thanh niên hỏi giọng trầm tĩnh.

-Vâng, thưa đại úy! – Người chủ thuyền đáp – Chúng ta sắp sửa cập bến và đề nghị ngài bắn súng hiệu.

Anh thanh niên giơ súng lên trời bắn một phát. Tức thì từ trong bờ một chiếc xuồng con chèo ra đón khách. Một lát sau xuồng đã ghé vào bãi cát của một cái vịnh nhỏ. Anh thanh niên nhảy lên bờ và sắp sửa bước đi thì một bàn tay đặt nhẹ lên vai anh: -Anh Moren, anh đến rất đúng hẹn.

-Ồ, bá tước Môngtơ Crixtô – Anh thanh niên reo lên.

-Nom anh rất giống chàng Tôlêmác thủa xưa, người ướt đẫm mồ hôi – Bá tước tươi cười – Anh hãy vào thay quần áo đi đã.

Moren nhìn bá tước và có vẻ ngạc nhiên, anh nói: -Thưa bá tước, ở đây nom ngài vui vẻ hơn ở Pari rất nhiều.

-Phải, vì bây giờ tôi cảm thấy trong lòng thảnh thơi khoan khoái hơn trước.

-Tiếc rằng tôi lại không được như vậy. Ngài đã bảo tôi phải kiên trì và hy vọng. Tôi đã chờ đợi trong suốt cả tháng mà vẫn cảm thấy dường như niềm hy vọng đã tiêu tan. Ngài đã hẹn với tôi ngày mồng 5 tháng Mười, ngày đó đã đến và – Moren rút đồng hồ ra xem nói tiếp – Tôi chỉ còn sống được ba tiếng đồng hồ nữa!

-Được – Môngtơ Crixtô nói – Anh hãy theo tôi.

Hai người đi vào một cái động có trải thảm, đèn đuốc sáng trưng và phảng phất có mùi hương thơm ngát. Môngtơ Crixtô kéo Moren ngồi xuống, mỉm cười nói: -Trong ba tiếng đồng hồ còn lại, chúng ta hãy tận hưởng những khoái lạc của cuộc sống như những người La Mã trước kia.

-Phải lắm, vì cái chết là sự lãng quên, là giấc yên nghỉ, là giải thoát mọi nỗi đau khổ. Có phải ngài đã từng chết một lần phải không Thưa bá tước, tình trạng đó có đau đớn không?

Môngtơ Crixtô nhìn Moren hết sức trìu mến.

-Có, có chứ! Có cái chết rất đau đớn nếu anh thọc mũi dao vào trái tim anh hoặc xuyên một viên đạn qua óc, như vậy, anh sẽ từ giã cõi đời một cách ô nhục. Trước lúc trút hơi thở cuối cùng anh còn nghĩ lại, anh sẽ thấy cuộc sống hơn hẳn cái chết mà anh đã trả giá quá đắt.

-Vâng, tôi hiểu – Moren nói – Chết hay sống đều có những điều bí mật về đau đớn hay là khoái lạc, ta cần phải tìm hiểu chúng.

-Đúng như vậy đấy! Đối với chúng ta, cái chết có thể giống như người mẹ hiền nâng niu, vỗ về đứa con, hoặc là một kẻ tử thù đã thô bạo giật bỏ linh hồn chúng ta ra khỏi thể xác. Một ngày kia, khi mà thế giới của chúng ta còn sống được hàng triệu năm nữa, khi mà con người làm chủ được những lực lượng phá hoại của thiên nhiên, bắt chúng phải phục vụ sinh hoạt của nhân loại, khi mà con người hiểu được như anh vừa nói, những điều bí mật của cái chết, cái chết sẽ đến với chúng ta nhẹ nhàng khoan khoái như một giấc ngủ trong cánh tay người yêu.

-Và, thưa bá tước, nếu ngài muốn chết, ngài sẽ biết cách chết như vậy chứ?

-Phải.

-Bây giờ tôi mới hiểu – Moren đưa tay cho bá tước – tại sao ngài hẹn tôi đến đây, một hòn đảo hoang vu nằm giữa đại dương, trong toà lâu đài ngầm dưới đất này, một nhà mồ làm cho Pharaôn[341] phải thèm muốn! Chính vì yêu tôi mà ngài làm như vậy có phải không, thưa bá tước? Chính vì quá yêu tôi mà ngài muốn dành cho tôi một cái chết, như ngài vừa nói, một cái chết không có hấp hối quằn quại và trước lúc thở hơi cuối cùng, tôi có thể đọc tên Valăngtin và nắm tay ngài?

-Phải, anh đã đoán đúng! – Bá tước thản nhiên – Đúng là tôi có ý định như vậy.

-Cám ơn bá tước. Nghĩ tới ngày mai, tôi không còn phải đau khổ nữa, tôi thấy tim tôi êm ái quá!

-Anh không còn luyến tiếc gì nữa chứ? – Môngtơ Crixtô hỏi.

-Không ạ! – Moren đáp.

-Không ngay cả đối với tôi nữa sao? – Bá tước hỏi với một mối cảm xúc sâu sắc.

Moren ngùng lại, cặp mắt trong sáng của anh bỗng dưng tối sầm lại rồi lại sáng lóe lên một cách bất thường; một giọt nước mắt ứa ra rồi lăn xuống má anh.

-Thế nào? – bá tước nói – Anh còn một luyến tiếc trên trái đất này mà anh nỡ chết sao?

-Ôi, tôi van ngài! – Moren kêu lên, giọng yếu ớt – Xin bá tước đừng nói nữa, đừng kéo dài nỗi đau khổ của tôi.

Bá tước tưởng Moren đã bắt đầu nản chí muốn chết rồi. Ý nghĩ đó bỗng nhiên làm trỗi dậy trong lòng Môngtơ Crixtô sự hoài nghi ghê gớm đã một lần đánh gục ông ở lâu đài Íp. Ông nghĩ thầm: "Ta có trách nhiệm phải làm cho

người này được sung sướng, ta thấy sự xét lại này như một trọng lực bỏ thêm vào cán cân để loại trừ điều không hay. Bây giờ nếu ta lầm, nếu con người này chưa đủ đau khổ để xứng đáng được hưởng hạnh phúc, than ôi! Điều gì sẽ xảy đến cho ta là người chỉ có thể quên được điều xấu xa bằng cách vạch ra những điều tốt?". Bá tước khuyên Moren: -Anh hãy nghe tôi, nỗi đau khổ của anh thật là bao la, tôi hiểu. Tuy nhiên, anh tin tưởng ở Thượng đế mà sao anh lại không thử một phen cứu lấy linh hồn anh?

-Thưa bá tước – Moren mỉm cười, buồn bã – Linh hồn của tôi không còn là của tôi nữa.

-Moren, anh hãy nghe tôi. Tôi không có một người họ hàng nào cả. Anh cũng biết đấy. Tôi đã quen coi anh như con trai tôi. Vậy thì để cứu con trai tôi, tôi sẽ hy sinh cuộc sống của tôi, nghĩa là gia sản của tôi.

-Ngài muốn nói gì vậy?

-Tôi muốn nói rằng: Moren, anh muốn từ giã cõi đời vì anh chưa được biết hết những thú vui mà một gia sản khổng lồ có thể mang đến cho anh. Anh Moren, tôi có khoảng gần một trăm triệu, tôi cho anh đó. Với một gia sản như thế, anh tha hồ mà đạt được những ước vọng của anh. Anh có tham vọng gì không? Tất cả mọi chức tước đều chờ đón anh. Khuấy đảo thế giới lên, thay đổi bộ mặt thế giới đi, lao nhanh vào những thử thách, nếu cần liều mạng, anh cũng phải làm, nhưng trước hết anh phải sống!

-Thưa bá tước – Moren lạnh lùng nói và giơ đồng hồ ra Ngài đã hứa với tôi rồi. Bây giờ là mười một giờ rưỡi đêm!

-Anh Moren, anh cứ giữ ý nghĩ ấy à? Ngay trước mắt tôi? Ngay trong nhà tôi?

-Nếu vậy, xin ngài hãy để cho tôi đi! – Moren âm thầm nói – Nếu không, tôi sẽ cho ngài chỉ mến tôi vì ngài, chứ không phải vì tôi.

Nói xong, Moren đứng lên. Nét mặt bá tước rạng rỡ vì câu nói đó.

-Thôi được, anh đã muốn thế và không gì lay chuyển được. Phải, nỗi đau khổ của anh thật là sâu sắc và anh đã nói là chỉ có một phép thần kỳ nào đó mới cứu chữa được anh. Anh hãy ngồi xuống, Moren, đợi tôi một lát.

Moren vâng lệnh. Môngtơ Crixtô đứng lên bước ra mở một cái tủ khóa rất kỹ bằng một chìa khóa mà ông đeo ở cổ, lấy ra một cái tráp bằng bạc chạm trổ rất đẹp và đặt nó lên bàn.

Ông mở tráp và lấy ra một cái hộp vàng, mở nắp bằng cách ấn một cái lò xo. Cái hộp này hình bầu dục làm bằng một viên ngọc bích tỏa ra những tia sáng óng ánh. Trong hộp chứa một chất sền sệt màu ngọc thạch. Bá tước múc một thìa con đưa cho Moren, nhìn anh thanh niên rất lâu rồi nói: -Đây là thứ anh đang yêu cầu và tôi đã hứa với anh.

Bá tước cầm lấy một cái thìa con nữa và múc lần thứ hai vào chất đựng trong hộp vàng.

-Thưa ngài, ngài định làm gì vậy? – Moren kêu lên và giữ tay bá tước lại.

-Moren ạ! Xint Chúa tha tội cho tôi, tôi cũng cảm thấy chán chường với cuộc sống như anh, nhân cơ hội này…

-Không được! – Moren kêu lên – Ôi! Ngài là người đáng yêu! Ngài là người đáng được người ta yêu! Ngài có lòng tin vào hy vọng! Ôi! Xin ngài đừng bắt chước tôi. Về phần ngài, như vậy là một tội lỗi! Xin vĩnh biệt người bạn cao cả và độ lượng, tôi sẽ nói với Valăngtin tất cả những công ơn của ngài đối với tôi.

Và từ từ, không chút lưỡng lự, tay trái Moren nắm lấy tay Môngtơ Crixtô, tay phải đưa cái thìa lên môi đổ thuốc vào mồm rồi anh ngất đi.

Cả hai người đều lặng yên. Ali lặng lẽ và thận trọng mang những ống điếu và cà phê đặt lên bàn rồi rút lui.

Những ngọn đèn mờ dần rồi cả mùi thơm của lò hương trầm Moren không còn cảm thấy nữa. Ngồi đối diện, Môngtơ Crixtô nhìn anh như nhìn từ đáy vực thẳm, Moren chỉ còn thấy đôi mắt của bá tước.

Một nỗi đau đớn bao la tràn ngập trong lòng người thanh niên, anh cảm thấy cái thìa con tuột khỏi tay anh các đồ đạc dần dần biến dạng và biến màu, cặp mắt mờ đục của anh như nhìn thấy những cánh cửa và những tấm mành mở ra tù trong tường. Moren cố thốt lên mấy lời: -Bạn thân mến, tôi cảm thấy đang chết dần, cám ơn bạn!

Anh cố gắng dồn hết sức để đưa tay ra bắt tay lần cuối cùng nhưng kiệt sức mất rồi nên để rơi thõng xuống. Rồi anh thấy hình như Môngtơ Crixtô mỉm cười, không phải bằng một nụ cười lạ lùng và ghê sợ mà trước kia anh thường thấy ở con người có tâm hồn bí hiểm ấy, mà là của một người cha hiền từ và độ lượng nhìn đứa con lầm lạc.

Đồng thời anh thấy bá tước như to lớn hẳn lên, thân hình bá tước đã lớn gấp đôi vẽ lên nền thảm đỏ. Bá tước đã hất ra đằng sau mớ tóc đen rồi xuất hiện sừng sững và kiêu hãnh như một thiên thần đang chuẩn bị trừng trị những kẻ độc ác.

Moren ngã vật xuống ghế tràng kỷ, thở hổn hển, đầu óc mê đi như bị xô đẩy vào thế giới thần kỳ của cõi chết. Anh cố giơ tay ra một lần nữa để nắm lấy tay bá tước, nhưng tay anh như đã bị tê dại. Anh muốn thất lên một lời nói, nhưng lưỡi anh đã cứng lại.

Qua đôi mi mắt nặng trĩu, anh mơ màng thấy một bóng người chạy ra mở cửa. Tức thì ở phòng bên cạnh tỏa ra một ánh sáng huy hoàng, căn phòng trở nên giống như một tòa lâu đài kỳ diệu và một thiếu nữ như một nàng tiên trong khung cửa hiện ra.

Moren nghĩ thầm: “Cửa nhà Trời đã mở ra cho ta chăng? Nàng tiên này trông giống như người yêu mà ta đã mất quá”.

Môngtơ Crixtô chỉ cho thiếu nữ cái tràng kỷ mà Moren nằm. Thiếu nữ tiến lại gần anh, hai tay chắp vào nhau với nụ cười tươi thắm nở trên môi.

"Valăngtin! Valăngtin!", Moren kêu lên từ trong đáy lòng mình.

Nhưng miệng anh không thốt được nên lời nữa, và như là tất cả sức lực của anh đều tập trung vào mối cảm xúc bên trong ấy anh thở dài một tiếng nhắm mắt lại.

Valăngtin lao đến phía anh. Cặp môi của Moren lại thấy mấp máy. Môngtơ Crixtô nói: -Anh ấy gọi cô đấy! Anh ấy gọi cô từ trong giấc ngủ say sưa. Thần chết đã định chia rẽ hai người, nhưng may thay đã có tôi ở đây, tôi đã chiến thắng Thần chết! Valăngtin, từ nay trở đi hai người không xa nhau trên trần gian này nữa, vì để tìm cô mà anh ấy đã lao vào cõi chết đấy! Không có tôi, hai người đều đã chết cả, tôi xin trao trả hai người cho nhau. Xin Thượng đế chứng giám cho hai con người mà tôi đã cứu sống.

Valăngtin nắm lấy bàn tay Môngtơ Crixtô và trong một niềm hân hoan vô hạn, cô đưa tay lên môi hôn. Bá tước nói tiếp: -Ôi…, hãy cảm ơn tôi nhiều hơn thế nữa đi! Ôi, hãy nhắc đi nhắc lại thật nhiều lần là tôi đã làm cho cô sung sướng! Cô nên biết rằng tôi cần đến điều cám ơn ấy biết bao nhiêu.

-Vâng, vâng, tôi xin cám ơn ngài với tất cả tâm hồn tôi. Và nếu ngài còn nghi ngờ về sự biết ơn của tôi có thành thật hay không xin ngài cứ hỏi Hayđê mà xem, hỏi người chị Hayđê thân yêu của tôi mà xem, suốt từ lúc khởi hành khỏi nước Pháp, chúng tôi không ngớt nói chuyện về ngài, cho tới ngày hôm nay là ngày sung sướng nhất đời tôi.

-Vậy cô yêu Hayđê lắm hả? – Bá tước hỏi với một cảm xúc rõ rệt.

-Vâng, với tất cả tâm hồn tôi.

-Nếu vậy tôi muốn nhờ cô giúp cho một việc.

-Nhờ tôi ấy à? Trời ơi tôi có được cái diễm phúc ấy không?

-Cô đã gọi Hayđê là chị, mong rằng điều đó sẽ là sự thật! Valăngtin ạ! Nếu như cô thấy là cô chịu ơn tôi, hãy trả ơn ấy cho Hayđê. Moren và cô sẽ che chở cho Hayđê vì rằng – giọng bá tước nghẹn ngào: vì rằng từ giờ phút này Hayđê sẽ cô đơn trên đời này…

-Cô đơn trên đời này? – Một tiếng nói đằng sau bá tước nhắc lại – Tại sao thế?

Môngtơ Crixtô quay lại, Hayđê đã đứng ở đằng sau tái nhợt và giá lạnh, nhìn bá tước bằng cặp mắt trợn tròn kinh hãi.

-Con gái ta ạ! Vì rằng ngày mai em sẽ được tự do. Vì rằng từ ngày mai em sẽ chiếm lại vị trí xứng đáng với em. Vì rằng ta không muốn số phận của ta sẽ làm lu mờ tương lai của em. Hỡi nàng công chúa! Ta sẽ trao trả cho nàng của cải và chức tước của cha nàng.

Hayđê tái người đi, xòe hai bàn tay ra và thổn thức: -Vậy là Đức ông sẽ từ bỏ em?

-Hayđê, Hayđê! Em còn trẻ lắm, em đẹp lắm! Hãy quên ta đi và chúc em hạnh phúc.

-Vâng ạ! – Hayđê nói – Lệnh của Đức ông sẽ được thi hành. Em sẽ quên Đức ông và em sẽ sung sướng!

Nói xong cô lùi lại một bước để rút lui.

-Trời! – Valăngtin nói với bá tước – Ngài không thấy là mặt chị ấy tái đi biết chừng nào! Ngài không hiểu nỗi đau khổ của chị ấy sao?

Hayđê nói bằng một giọng não ruột: -Em ơi, làm sao mà Đúc ông hiểu chị được? Đức ông là chủ, chị chỉ là kẻ nô lệ của Người: Đức ông có quyền không thấy gì hết!

Bá tước rùng mình trước giọng nói đó, và lời nói của cô gái làm rung động những tình cảm thầm kín nhất của trái tim mình.

-Trời ơi, trời! – Môngtơ Crixtô xúc động – Điều mà em đã làm ta nghi ngờ nay đã thành sự thật sao? Hayđê, có thật em sẽ sung sướng nếu ở bên ta chứ?

-Em còn trẻ – Hayđê nói nhẹ nhàng – Em yêu cuộc sống của em mà Đức ông đã làm cho nó êm đẹp, và em rất tiếc nếu phải xa lìa nó.

-Em nói thế có nghĩa là nếu ta bỏ em, Hayđê…

-Thưa chúa công, vâng, em sẽ chết.

-Vậy em yêu ta lắm sao?

-Ôi! Valăngtin! Đức ông hỏi chị có yêu chúa công không? Valăngtin, em hãy nói cho chúa công biết em có yêu Mắcximiliêng không?

Môngtơ Crixtô cảm thấy mình như nghẹt thở và trái tim đập nhanh, hồi hộp. Ông mở rộng hai cánh tay ra. Hayđê reo lên một tiếng và lao vào.

-Ôi! Vâng, em yêu Đức ông! Em yêu Đức ông như yêu cuộc sống, như người ta yêu Đức Chúa trời, vì đối với em Đức ông là người đẹp đẽ nhất, cao cả nhất và vĩ đại nhất.

-Nàng tiên yêu quý của ta – Môngtơ Crixtô nói, giọng tha thiết – Cứ cho là như em muốn. Thượng đế đã làm trỗi dậy và chiến thắng kẻ thù. Thượng đế, ta biết rõ lắm, không muốn ta phải hối hận trong chiến thắng, ta muốn trừng phạt ta, Thượng đế lại tha thứ cho ta. Hayđê, em hãy yêu ta đi. Biết đâu đấy tình yêu của em sẽ làm ta quên được cái gì đáng quên.

-Nhưng Đức ông muốn nói gì vậy. Đức ông của em?

-Ta nói rằng ta chỉ có em trên đời này! Vì em mà ta tha thiết với cuộc sống, vì em mà ta có thể đau khổ, vì em mà ta có thể có hạnh phúc.

-Valăngtin, em có nghe thấy không – Hayđê reo lên – Đức ông vừa nói vì chị mà Người có thể đau khổ, vì chị mà Người đã dâng cả cuộc sống!

Môngtơ Crixtô trấn tĩnh lại một lát rồi nói: -Lạy Chúa! Ta đã nhìn thấy chân lý chưa? Dù là thưởng hay phạt, ta xin chấp nhận số phận. Hayđê em! Ta đi đi!…

Nói xong Môngtơ Crixtô ôm ngang lưng Hayđê, bắt tay Valăngtin và cả hai đi nhanh ra ngoài.

Một giờ sau, Valăngtin vẫn ngồi thờ thẫn bên cạnh Mắcximiliêng. Tim anh đã thấy bắt đầu đập mạnh trở lại. Một hơi thở nhẹ thoát ra từ đôi môi và toàn thân anh nhẹ nhàng rung động. Anh từ từ mở mắt rạ. Trước còn nhìn thấy lờ mờ, sau rõ dần. Cùng với thị giác, là cảm giác, cùng với cảm giác là nỗi đau khổ. Moren thất vọng kêu lên: -Ôi! Tôi còn sống à? Bá tước đã đánh lừa tôi.

Anh với bàn tay lên trên mặt bàn, nắm lấy con dao!

-Anh yêu quý – Valăngtin nói với anh mắt cháy bỏng yêu thương – Anh hãy tỉnh dậy và nhìn em đây!

Moren kêu lên một tiếng mê sảng và đầy hoài nghi, choáng váng như trước một hình ảnh thần kỳ, anh ngã khuỵu xuống.

Sáng hôm sau, ánh dương vừa le lói, Valăngtin và Moren khoác tay nhau đi dạo trên bờ biển. Valăngtin kể lại cho người yêu nghe vì sao Môngtơ Crixtô đã xuất hiện trong buồng cô, ông đã phát hiện tất cả với cô ra sao, ông đã cứu cô thoát chết và làm cho cô giả chết như thế nào?

Hai người thấy cửa động đã mở và mọi người đã đi cả. Moren thấy một thủy thủ già từ xa đi lại giữa những tảng đá.

-A! Chú Jacôpô, người chỉ huy thuyền của bá tước đấy mà! – Valăngtin nói.

-Tôi mang lại cho hai anh chị một bức thư của bá tước – Jacôpô nói và đưa bức thư.

Moren mở thư ra đọc:

"Mắcximilêng thân mến! Một chiếc thuyền buồm chờ hai người ở bến. Jacôpô sẽ đưa hai người tới Livoocnô nơi mà ông già Noachiê đang mong đợi người cháu gái thân yêu trước khi hai người sẽ làm lễ thành hôn ở đấy. Tất cả những tài sản của tôi trong động này và tòa nhà ở đại lộ Săng Êlidê sẽ là tặng phẩm của Étmông Đăngtét tặng người con trai ông chủ hãng tàu Moren.

Tôi yêu cầu Valăngtin sẽ cúng vào các viện tế bần ở Pari tất cả gia sản mà cô thừa hưởng của người cha đã hóa điên và của người em trai đã chết theo mẹ.

Còn anh Moren, đây là bí quyết của cuộc sống: Trên đời này không có hạnh phúc mà cũng chẳng có bất hạnh, chỉ là sự chuyển biến từ trạng thái này qua trạng thái khác. Chỉ có những người nào đã trải qua cảnh khổ cực mới hưởng thụ được cảnh sung sướng. Chỉ có vẻ nào sắp chết mới biết cuộc sống là thiên đường.

Hai anh chị hãy sống hạnh phúc lên nhau và nhớ kỹ rằng tất cả sự khôn ngoan của con người chỉ tóm tắt trong mấy chữ mấy chữ: hy vọng và đợi chờ".

"Étmông Đăngtét – Bá tước Môngtơ Crixtô"

Valăngtin nghe đọc thư mà nước mắt tuôn chảy ròng. Nàng đã trả bằng một giá quá đắt cho hạnh phúc.

-Chú Jacôpô, Bá tước Môngtơ Crixtô đâu? Hayđê đâu?

Jacôpô giơ tay chỉ về chân trời xanh thẳm.

-Vĩnh biệt người bạn lớn – Moren kêu lên – Vĩnh biệt cha!

-Vĩnh biệt người bạn – Valăngtin kêu lên – Vĩnh biệt người chị!

-Không biết có bao giờ còn gặp mặt nhau nữa không nhỉ? – Moren vừa lau nước mắt vừa hỏi.

-Anh thân yêu! Bá tước đã chẳng bảo chúng ta rằng: hy vọng và đợi chờ đó sao!

HẾT.

CUỘC QUYẾT ĐẤU CỦA ZODOMIRSKI

Truyện ngắn
Người dịch: Trần San

I

Vào lúc câu chuyện này xảy ra, trung đoàn chúng tôi đang đồn trú tại Valins, một làng nhỏ bẩn thỉu nơi biên phòng nước Áo. Hôm đó là vào ngày 4 tháng 5 năm 182… Tôi với vài sỹ quan khác được Andrew Michaelovitch, vị sỹ quan phụ tá trung đoàn mời dùng bữa để mừng sinh nhật ông. Khi ấy, chúng tôi đang thảo luận những vấn đề khác nhau của đơn vị, bỗng nghe Thiếu úy Stamm hỏi Michaelovitch:

"Anh có thể cho chúng tôi biết Đại Tá đã nói gì với anh sáng hôm nay mà có vẻ hăm hở vậy?"

Michaelovitch trả lời:

"Một tân sỹ quan sẽ được bổ nhiệm vào chức vụ đại úy."

"Tên anh ta là gì?", hai ba giọng cùng hỏi một lúc.

"Trung úy Zodomirski, người đã hứa hôn với nàng con gái xinh đẹp Marina Ravenski."

"Khi nào anh ta đến đây?", Thiếu Tá Belayef hỏi.

"Anh ấy đến rồi. Tôi đã được giới thiệu tại nhà Đại Tá. Anh ấy tỏ ra rất lo ngại trong việc làm quen với các anh, nhưng tôi cũng đã mời anh ấy đến dùng cơm tối với chúng ta."

Quay sang tôi, Michaelovitch tiếp:

"Đại úy ạ, tôi nhớ ra anh cũng biết anh ta. Có phải hai người từng ở chung trung đoàn tại St. Pétersbourg không?"

"Đúng thế", tôi đáp "Chúng tôi học chung với nhau. Anh ta là một chàng tuổi trẻ can đảm, đẹp trai, được bạn hữu yêu mến trọng đãi, nhưng có một chút khí chất kiêu hãnh và khó chịu."

Thiếu úy Stamm nói:

"Cô Ravenski cho tôi hay rằng anh ta là một tay súng tài tình. Để thử xem, ở đây anh ta có phải là một tay súng giỏi không? Đấu súng là việc rất quen thuộc với chúng ta. Vâng, ông sẽ được tiếp đón, ông Zodomirski ạ! Tuy nhiên, với cái khí chất nóng nảy, ông sẽ phải cẩn thận trước mặt tôi, hoặc là tôi sẽ tự đảm nhiệm việc làm cho nguội cái khí chất ấy đi."

Vừa tuyên bố những lời này, Stamm vừa phát ra một cái cười rõ ràng nhạo báng. Cornet Naletoff hỏi:

"Làm sao mà anh ta lại từ bỏ Đội Vệ Binh? Có phải anh ta bị phá sản không?"

Stamm trả lời:

"Tôi được kể là anh ta vừa thừa hưởng của một người cô già 20.000 rúp. Nhưng vô phúc thay! Anh ta đang bị lao."

Vị sỹ quan phụ tá đứng dậy:

"Nào các bạn, hãy dời qua phòng khách chơi bài đi. Trong khi đó, Koloff sẽ lo bữa ăn cho chúng mình."

Chúng tôi đánh vài ván, và Stamm, người không được giàu có gì, lại đang thua 60 rúp. Bỗng tiếng Koloff la to:

"Đại úy Zodomirski đến!

Michaelovitch nhảy ra khỏi ghế:

"A! Sau cùng bạn cũng tới! Xin đón chào!"

Rồi, xoay lại phía chúng tôi, Michaelovitch giới thiệu:

"Đại úy Zodomirski ạ, đây là những người bạn mới của anh. Tất cả đều là các chiến sỹ tốt bụng và can đảm!"

Zodomirski lên tiếng:

"Thưa các bạn, tôi rất hân hạnh được đổi về trung đoàn này. Đó là ước ao lớn nhất của tôi trước nay. Và nếu như tôi được đón chào, như các bạn đã nói một cách lịch sự, tôi sẽ phải là kẻ may mắn nhất đời."

"A Đại úy!" Zodomirski tiếp, quay về phía tôi, giơ cả hai tay "Chúng ta lại gặp nhau ở đây. Hẳn anh không quên người bạn cũ này chứ?"

Trong khi Zodomirski tươi cười thốt ra những lời này thì Stamm, người mà Zodomirski đang đứng xây lưng lại, phóng vào Zodomirski một cái nhìn đầy ghét hận. Stamm không được lòng ai trong trung đoàn; bản chất lạnh lùng đã khiến hắn không tạo được tình bạn với bất cứ kẻ nào trong chúng tôi. Tôi không thể hiểu sự thù ghét lộ liễu phô bày nơi hắn đối với Zodomirski, người mà tôi tin chắc rằng hắn chưa từng bao giờ gặp trước đó.

Có ai đưa mời Zodomirski một điếu xì gà. Chàng nhận lấy, mồi lửa từ một sỹ quan đứng gần và bắt đầu trò chuyện vui vẻ với những người bạn mới. Thiếu tá Belayef hỏi chàng:

"Anh lưu lại đây có lâu không?"

"Vâng, thưa Thiếu Tá", Zodomirski đáp."Tôi ao ước được ở lại với trung đoàn lâu chừng nào, tốt chừng ấy."

Trong khi nói những lời này, chàng cúi chào một vòng tất cả chúng tôi. Và tiếp:

"Tôi vừa tậu được một căn gần nhà người bạn cũ Ravenski tôi quen ở St. Pétersbourg. Tôi có vài con ngựa và một cái bia bắn súng. Tại đây, tôi sẽ được yên tĩnh như một nhà ẩn dật và hạnh phúc như một ông vua. Đó là cuộc sống thích hợp với tôi!"

"Ha! Và ông sẽ thực tập việc bắn súng!" Stamm bật nói bằng giọng rất lạ, kèm theo tiếng cười mỉa mai đến nỗi Zodomirski phải ngạc nhiên quay nhìn hắn.

"Vâng, đó là thói quen của tôi, mỗi buổi sáng tôi phải bắn 12 phát đạn", Zodomirski trả lời.

“Phải chăng ông rất yêu thích việc ấy?” giọng Stamm lạnh băng. Hắn thêm: “Tôi không thấy có gì là hữu ích trong việc thực tập súng, trừ phi để săn thú.”

Khuôn mặt xanh lướt của Zodomirski chợt bừng lên tia đỏ bất ngờ. Chàng quay hẳn người về phía Stamm, đáp bằng một giọng trầm nhưng cương quyết:

“Thưa ông, tôi nghĩ ông đã lầm trong khi cho rằng mất thì giờ với việc thực tập súng bằng một viên đạn. Trong cuộc sống lính tráng của chúng ta, một lời nói khinh xuất thường được dẫn tới một cuộc thanh toán giữa bạn hữu. Trường hợp đó, phải là một tay súng giỏi, người ta mới có thể tạo được sự kính trọng cho những kẻ ưa thích đưa ra những câu hỏi vô ích.”

Stamm kêu lên:

“Ồ! Đó không phải là lý do, Đại úy ạ. Trong các cuộc đấu súng cũng như mọi việc khác, phải có chút ít may rủi. Tôi vẫn duy trì ý nghĩ thứ nhất của tôi, và thêm rằng một người đáng kính phải là người không nên quá cẩn trọng.”

“Lý do?” Zodomirski hỏi.

Stamm đáp:

“Tôi sẽ giải thích cho ông hiểu. Đại úy có đánh bài không?”

“Sao ông hỏi vậy?”

“Tôi sẽ cố giải thích rõ hơn để chúng ta cùng hiểu. Tất cả mọi người đều biết rằng có những tay chơi bài rất giỏi; trong khi xáo bài, với xảo thuật riêng, kẻ ấy có thể tự biến mình thành tinh thông để thắng mọi ván bài. Riêng tôi thì nhận thấy chẳng có gì khác biệt giữa một kẻ cướp tiền người khác với một kẻ cướp chính mạng sống của hắn.”

Rồi như để khuất lấp đi sự xấc láo trong lời bình phẩm của hắn, Stamm thêm:

“Tôi không nói điều này với ông, Đại úy ạ, tôi chỉ nói các trường hợp chung chung.”

Zodomirski kêu lên:

“Thưa ông, thế là quá đủ! Tôi sẽ xin Đại úy Alexis Stephanovitch dàn xếp việc này với ông.” Và chàng quay sang tôi: “Bạn sẽ không từ chối lời yêu cầu này của tôi chứ?”

Stamm tức thì trả lời:

“Đúng như thế, thưa Đại úy. Ông đã nói với chúng tôi rằng ông thực tập bắn súng mỗi ngày, trong khi tôi chỉ thực tập vào trước ngày tôi phải quyết đấu. Chúng ta hãy cùng nhau cân bằng sự may rủi. Tôi sẽ bố trí chi tiết với đại úy Stephanovitch.”

Xong, hắn đứng lên, quay mặt về vị chủ nhân:

“Tạm biệt Michaelovitch, tôi sẽ đến ăn ở nhà đại tá.”

Một sự im lặng nặng nề rơi xuống trong khi cuộc đấu khẩu xảy ra; nhưng ngay sau khi Stamm vừa khuất bóng, đại úy Pravdine, một viên sỹ quan lớn tuổi, nói với tất cả:

“Chúng ta không thể để cho họ đấu súng với nhau.”

Zodomirski thân mật nắm lấy cánh tay ông:

“Đại úy, tôi là một người mới, không ai trong số các anh biết rõ tôi. Nhưng sự việc đã thế, để bảo tồn danh dự, tôi không thể thông qua cuộc cãi nhau này mà không thách đấu với vị sỹ quan kia. Tôi không biết đã làm gì phiền lòng ông ta, nhưng rõ ràng ông ta đã có điều gì đó giận dữ với tôi.”

Cornet Naletoff bày tỏ:

“Sự thật là Stamm ganh tỵ với anh, Zodomirski ạ. Ai cũng biết rằng hắn yêu cô Ravenski.”

“Quả nhiên, điều ấy giải thích tất cả, “ Zodomirski gật.”Thưa các bạn, tận đáy lòng, tôi xin cảm ơn sự tử tế các bạn đã dành cho tôi trong việc này.”

Michaelovitch la lớn:

“Bây giờ hãy dùng bữa đã. Xin ngồi chỗ nào tùy ý. Koloff ơi, mang súp ra đây!”

Tất cả mọi người đều nhộn nhịp. Stamm dường như bị quên lãng ngay; chỉ mỗi Zodomirski vẫn còn vấn vương chút buồn trên mặt. Trông chàng có vẻ say say, cơ hồ cảm động với sự ân cần đặc biệt này, và ngỏ lời cám ơn các vị sỹ quan với giọng nói buồn bã.

Sau bữa ăn, chàng nói với tôi:

“Stephanovitch ạ, bởi lẽ ông Stamm biết bạn được tôi giao phó mọi chuyện, và ông ấy cũng đã thừa nhận như thế, vậy xin bạn hãy đến gặp và sắp xếp mọi thứ với ông ấy; chấp nhận tất cả điều kiện ông ấy đưa ra; rồi trở lại gặp Đại úy Pravdine và tôi tại phòng tôi. Ai đến trước sẽ chờ kẻ đến sau. Bây giờ, tôi phải đi đến nhà cô Ravenski.”

Vài giọng cất lên:

“Nhưng anh phải cho chúng tôi biết giờ quyết đấu chứ?”

“Hẳn nhiên, thưa các bạn. Hãy đến và nói lời vĩnh biệt với một trong hai chúng tôi.”

Mọi người giải tán. Mỗi vị sỹ quan đều bắt tay Zodomirski như thể với một người bạn từ lâu quen biết.

II

Stamm đang đợi khi tôi đến nhà hắn. Điều kiện hắn đưa ra như sau: Hai cây gươm sẽ được cắm ở hai phía riêng rẻ, cách nhau chỉ một bước bằng 6 inches. Mỗi đấu thủ đứng đằng sau một cây gươm, khoảng cách được tính bằng một sải tay duỗi thẳng. Tiếng súng cả hai cùng nổ khi nghe hô chữ "ba". Một viên đạn sẽ được lắp vào nòng một cây súng duy nhất. Cây còn lại chỉ có một đầu đạn.

Tôi cố gắng tìm một phương thức khác cho cuộc đấu, nhưng vô hiệu. Stamm nói:

"Ông Zodomirski không phải nạn nhân mà là đối phương của tôi. Ông ta hoặc phải đấu như tôi đề nghị, hoặc tôi sẽ bỏ cuộc; trong trường hợp đó, tôi sẽ tự chứng minh được rằng ông Zodomirski chỉ tỏ ra can đảm khi ông ấy biết chắc là mình được an toàn."

Bởi vì Zodomirski đã dặn tôi là "hãy chấp nhận tất cả điều kiện ông Stamm đưa ra, " vì thế tôi bằng lòng chuyển giao lời của Stamm cho Zodomirski.

Khi tôi đến nhà Zodomirski thì chàng chưa về. Tôi tò mò nhìn quanh. Cảnh sắc được trang hoàng trong cách thức giàu sang nhưng đơn giản và rất thẩm mỹ. Tôi kéo cái ghế gần hành lang, nhìn ra bãi đất trống. Một cơn giông đang kéo đến; vài giọt mưa rơi xuống, tiếng sấm rền vang.

Vào lúc ấy cánh cửa mở ra. Zodomirski và Pravdine cùng bước vào. Tôi chào họ.

"Chúng tôi về trễ nhưng đó là điều chẳng đặng đừng, đại úy ạ, " Zodomirksi nói. Chàng tiếp: "Ông Stamm bảo sao?"

Tôi kể chàng nghe những điều kiện của Stamm. Khi tôi dứt lời, một nụ cười buồn nở ra trên môi chàng. Chàng đưa tay lên ngang trán, đôi mắt lấp lánh với vẻ bồn chồn, miệng thì thầm:

"Tôi đã đoán trước điều này. Có phải anh cũng chấp nhận?"

"Chẳng phải là anh đã cho tôi cái quyền ấy?"

"Đương nhiên!", chàng đáp.

Zodomirski ném mình vào chiếc ghế cạnh cái bàn, đối diện cửa ra vào. Pravdine ngồi gần cửa sổ, và tôi gần lò sưởi. Một linh cảm đè nặng đầu óc chúng tôi. Sự im lặng chết chóc bao trùm mọi thứ.

Bỗng dưng cánh cửa mở ra. Một phụ nữ quấn mình trong chiếc áo choàng ướt sũng nước mưa, cái mũ trùm che kín mặt, xuất hiện trước mặt chúng tôi. Nàng giở nón và chúng tôi nhận ra cô Ravenski!

Pravdine và tôi đứng bất động trong sự ngạc nhiên cao độ. Zodomirski nhẩy xổ về phía nàng:

"Chúa ơi! Gì vậy? Sao em lại đến đây?"

“Sao em lại đến đây hở George?” nàng la lớn.”Do chính bởi vì anh đã nói ban nãy tại nhà em: ‘Đêm nay có lẽ là đêm cuối cùng của đời anh’. Tại sao em đến đây? Em đến để thốt lời vĩnh biệt anh. Chúng mình vừa thấy nhau hai giờ trước đây mà không một lời nào nói đến ngày mai. Như thế có đúng không, George?”

“Nhưng đâu phải chỉ mình anh ở đây”, Zodomirski đáp.”Em nghĩ xem, tiếng tăm em …”

“Chẳng phải anh là tất cả của em sao, George? Và ngay giây phút như lúc này, còn gì đáng lưu tâm mà giữ gìn hơn nữa?”

Nàng vòng tay quanh cổ chàng, dúi đầu vào ngực chàng. Pravdine và tôi dợm mình bước ra khỏi phòng. Đột nhiên, nàng ngửng đầu la lớn:

“Xin các ông ở lại. Từ khi các ông nhìn thấy tôi ở đây thì tôi chẳng còn gì để phải giấu các ông. Có lẽ các ông sẽ giúp được tôi theo những gì tôi sắp nói ra.”

Bất thần lao mình vào Zodomirski, nàng bật khóc:

“Em van anh, em buộc anh không được đấu súng với ông Stamm. Anh không được kết thúc cuộc đời hai chúng ta bởi một hành động vô nghĩa như thế! Đời anh là của em; không còn của riêng anh nữa. George, anh có nghe em nói không? Anh không thể làm điều ấy!”

“Marina! Marina! Nhân danh Chúa, xin em đừng dày vò anh thêm nữa. Làm sao anh có thể từ chối cuộc quyết đấu? Làm vậy tức là anh đã tự đánh mất danh dự mình. Mất! Em có muốn anh hành xử quá hèn nhát như thế không? Sự nhục nhã sẽ giết anh nhanh hơn viên đạn của Stamm.”

Nàng quay về phía Pravdine:

“Thưa đại úy, tôi nghe rằng trong trung đoàn, ông rất được kính trọng; ông có thể phán xét về việc danh dự này. Xin thương xót tôi mà nói cho anh ấy biết anh ấy có thể từ chối cuộc đấu súng. Xin hãy làm cho anh ấy hiểu đó không phải một cuộc quyết đấu mà chỉ là một vụ ám sát. Xin nói đi, nói đi, đại úy! Nếu như anh ấy không muốn nghe tôi, ít ra cũng sẽ nghe ông.”

Pravdine trông xúc động rõ rệt. Đôi môi anh run lên và đôi mắt rướm lệ. Anh nhổm người đến trước mặt Marina, cúi hôn một cách kính cẩn lên bàn tay nàng, run giọng nói:

“Để gánh hết cho cô bất cứ nỗi đau đớn nào, thưa cô, tôi sẽ không ngần ngại mà hy sinh cuộc đời tôi; nhưng để khuyên răn anh Zodomirski từ chối cuộc đấu súng này, chà đạp lên bộ quân phục của mình, là điều khó thể được. Mỗi đối thủ, vị hôn phu của cô cũng như Stamm, có quyền đưa ra những điều kiện riêng. Nhưng dù điều kiện nào chăng nữa, trong hoàn cảnh đại úy, cuộc đấu súng vẫn tuyệt đối cần thiết. Anh ấy cũng được biết là một người đấu súng tài tình; từ chối điều kiện của Stamm tức là ngụ ý rằng anh ấy chỉ được xem như khéo tay chứ chẳng phải tài tình thật sự.”

Zodomirski la lên:

“Đủ rồi! Marina! Đủ rồi! Tội nghiệp em! Em không biết những gì em đang đòi hỏi. Có phải em muốn anh cúi mình thật thấp để rồi chính em phải bị nhục nhã bởi anh? Anh xin hỏi, em có thể nào yêu được một gã đàn ông mất danh dự không?”

Mới đó, Marina đã ngồi phịch xuống trên một cái ghế; nhưng bấy giờ, nàng đứng bật lên, khuôn mặt tái xanh như một xác chết và bắt đầu khoác áo choàng vào người:

“Anh nói đúng, George ạ. Không phải em không còn yêu anh nữa, mà chính là anh sẽ căm hận em. Chúng ta đành cam chịu số mệnh. Hãy đưa tay cho em; có thể anh và em sẽ không bao giờ còn gặp nhau nữa. Ngày mai! Ngày mai! Anh yêu!”

Nàng dúi đầu vào ngực chàng, đôi mắt khô ráo, không thổn thức, nhưng trên khuôn mặt tỏ lộ một sự tuyệt vọng cùng cực.

Nàng muốn trở về một mình, nhưng Zodomirski vẫn khăng khăng đưa nàng về nhà.

Tiếng chuông đồng hồ nửa đêm gõ lên khi chàng trở lại. Vừa bước vào nhà chàng đã nói ngay:

“Các anh hãy đi nghỉ đi. Còn tôi phải viết vài lá thư trước khi ngủ. Năm giờ sáng, chúng ta phải có mặt ở điểm hẹn.”

Tôi cảm thấy rất mệt nên chẳng đợi nhắc đến hai lần. Pravdine ngủ trong phòng khách, tôi trong phòng Zodomirski, và chủ nhân căn nhà thì trong phòng đọc sách.

Khí lạnh buổi sáng đánh thức tôi dậy. Tôi nhìn lên cửa sổ thấy bình minh bắt đầu ló dạng; nghe tiếng Pravdine cũng đang động đậy. Tôi bước vào phòng khách. Zodomirski có mặt ngay sau đó. Khuôn mặt chàng tái xanh nhưng trầm tĩnh.

“Ngựa các anh đã sẵn sàng rồi chứ?”, chàng hỏi.

Tôi gật đầu.

“Vậy chúng ta khởi hành!”

Chúng tôi leo lên xe và phóng ngựa đi.

III

"À", Pravdine la lên, "xe của Michaelovich kìa! Ồ, cũng có cả Naletoff nữa. Tốt! Những người khác rồi cũng sẽ đến thôi. Thật may khi chúng ta bắt đầu quá sớm!"

Chiếc xe chúng tôi đi ngang qua nhà gia đình Ravenski. Tôi không thể không ngước nhìn lên; nàng con gái đáng thương đang đứng nơi cửa sổ, bất động như một pho tượng. Tôi biết rằng nàng cũng chẳng gật đầu chào chúng tôi nữa.

"Nhanh lên! Nhanh lên!" Zodomirski hét to với người đánh xe. Điều đó cho biết chàng cũng đã nhìn thấy Marina.

Chẳng mấy chốc chúng tôi bỏ xa những xe khác và đến điểm hẹn trước -một vùng đất bằng phẳng trên có dựng hai trụ lớn hình chóp nón được truyền tụng trong quận này bởi cái tên "Nấm Mồ Của Hai Anh Em". Tia sáng mặt trời đầu tiên chiếu rọi suốt qua những cành cây, xua tan lớp sương mù đêm trước.

Michaelovitch đến ngay sau chúng tôi. Chỉ trong vài phút, chúng tôi đã họp thành một nhóm gần 20 người. Sau đó là tiếng lào xào của những bước chân khác đang đạp trên sỏi. Họ là người của phía đối phương. Stamm đi đầu, cầm trên tay một hộp súng. Anh ta cúi chào Zodomirski và đám sĩ quan chung quanh.

"Thưa các ông, ai sẽ là người ban lệnh bắn?", Stamm hỏi.

Hai đối thủ và các viên phụ tá cuộc đấu đồng loạt quay về phía những sĩ quan đang bối rối nhìn họ. Không ai trả lời cả. Chẳng ai muốn nói lên chữ "ba" kinh khủng kia, như một dấu hiệu gây ra cái chết cho một đồng hữu.

Zodomirski nói với Belayef:

"Thưa thiếu tá, có thể nào ông nhận cho tôi việc này?"

Thiếu tá Belayef đành không thể từ chối mà gật đầu.

"Xin các ông hãy định chỗ đứng cho chúng tôi", Zodomirski vừa nói vừa đưa cho tôi cây gươm của chàng và cởi áo ngoài ra, "rồi xin nạp đạn vào súng."

"Vô ích", Stamm lắc đầu, "tôi có mang theo hai cây súng lục; một trong hai đã được lắp, cây kia chỉ có một đầu đạn."

Pravdine hỏi:

"Anh có biết thế là thế nào không?"

Stamm trả lời:

"Sao chứ? Ông Zodomirski có quyền chọn kia mà …"

"Tốt!", Zodomirski gật.

Thiếu tá Belayef phóng mạnh cây gươm của mình xuống trên vùng đất giữa hai cột hình chóp. Rồi ông cầm một cây gươm khác và phóng cắm nó trước cái kia. Ngăn cách giữa hai thanh gươm chỉ là độ dài bằng một bước duy nhất. Mỗi đấu thủ phải đứng đàng sau một cây gươm, tính lùi trở lại một khoảng bằng một

sải tay giang thẳng. Trên vị thế như vậy, trái tim của mỗi đấu thủ cách họng súng đối phương chỉ có 12cm.

Trong khi Belayef thi hành những sửa soạn này thì Stamm mở khóa cây gươm và tự lột áo khoác ngoài. Những phụ tá của hắn mở hộp súng ra. Zodomirski tiến lên, giơ tay cầm ngay lấy cây súng gần nhất với không chút do dự. Rồi chàng đứng vào vị trí đàng sau một thanh gươm.

Stamm nhìn chàng chăm chú; không cơ thịt nào trên mặt Zodomirski cử động. Nơi chàng không biểu lộ chút nhỏ nào của điều "muốn làm ra vẻ hiên ngang", mà thật là sự trầm tĩnh phát sinh từ lòng can đảm.

"Hắn quả đã không sợ hãi", Stamm thì thầm.

Và cầm lên cây súng còn lại trong hộp, hắn đứng vào vị trí đàng sau cây gươm kia, trước mặt đối thủ.

Khuôn mặt hai đấu thủ đều tái xanh, nhưng, trong khi đôi mắt Zodomirski rực lên sự cương quyết thì của Stamm không thoải mái và dường như đang mưu tính điều gì. Trái tim tôi đập nặng nề. Belayef tiến lên phía trước. Tất cả mọi người đều chú mục vào ông. Ông hỏi:

"Các anh sẵn sàng rồi chứ?"

"Chúng tôi đang đợi, thưa Thiếu tá", cả Zodomirski và Stamm cùng trả lời. Mỗi người nhấc súng lên nhắm thẳng vào ngực người kia.

Một sự im lặng chết chóc lan tràn. Chỉ nghe mỗi tiếng chim ca trong bụi cây gần đó. Ngay giữa sự yên tĩnh này, giọng thiếu tá vang to làm mọi người tự nhiên đâm ớn lạnh:

"Một!"

"Hai!"

"Ba!"

Rồi chúng tôi nghe âm thanh của tiếng búa rơi xuống trên cái chỏm của cây súng Zodomirski. Có tia sáng phóng ra nhưng không nghe tiếng nổ theo sau đó.

Phía Stamm không nghe tiếng bắn, nhưng thấy hắn vẫn tiếp tục giữ họng súng chỉa thẳng ngực đối phương.

"Bắn đi!", Zodomirski nói bằng giọng hoàn toàn trầm tĩnh.

Stamm cười khẩy:

"Ông không việc gì phải ra lệnh cho tôi. Chỉ có tôi mới quyết định bắn hoặc không, và điều ấy tùy thuộc trên cái cách trả lời của ông về những gì tôi sắp sửa nói đây."

"Vậy thì nói đi! Nhân danh Chúa, xin nói đi!"

"Đừng sợ, tôi sẽ không hành hạ sự kiên nhẫn của ông đâu!"

Chúng tôi tất cả đều lắng tai.

"Tôi không đến đây để giết ông, thưa ông Zodomirski." Stamm tiếp tục."Tôi đến với sự vô tư của một người mà cuộc sống của hắn chẳng có vật chất nào để

giữ trong tay, cũng chẳng lời hứa nào phải ràng buộc trên hắn. Còn ông, thưa ông, ông giàu có, được yêu, tương lai đầy hứa hẹn đang trải ra trước mặt: cuộc đời phải rất thân ái với ông. Nhưng số phận quyết định chống lại ông: kẻ phải chết là ông chứ chẳng phải tôi. Thưa ông Zodomirski, bây giờ tôi sẽ không bắn ra phát đạn định mệnh này nếu như ông dám hứa lời cùng tôi rằng: Từ rày về sau ông sẽ không còn quá hấp tấp trong việc thách đấu cùng kẻ khác."

"Tôi không hấp tấp thách đấu ông, thưa ông", Zodomirski trả lời bằng giọng rất trầm tĩnh."Ông đã làm tổn thương tôi bởi một sự so sánh đầy sỉ nhục, và tôi buộc lòng phải thách đấu với ông. Bắn đi! Tôi không cần nói gì với ông cả."

"Điều kiện tôi đưa ra vừa rồi không thể làm tổn thương danh dự ông." Stamm khẳng quyết.

Quay sang thiếu tá Belayef, hắn thêm:

"Xin hãy làm quan tòa của chúng tôi, thiếu tá ạ. Tôi sẽ tôn trọng ý kiến ông; có lẽ ông Zodomirski cũng hành xử như tôi. Ông Zodomirski đã tự điều khiển mình rất can đảm, nếu ông ấy không bị giết thì đó không phải là lỗi của tôi."

Rồi, xoay mình về những sĩ quan chung quanh, hắn nói:

"Ông Zodomirski có thể nào chấp nhận điều kiện tôi đưa ra?"

"Anh ấy có thể! Có thể, mà danh dự vẫn không chút nào bị hoen ố." Tất cả đồng loạt la lên.

Zodomirski đứng bất động.

Viên sĩ quan lớn tuổi Pravdine tiến lên một bước, nói:

"Đại úy Zodomirski đồng ý. Vâng, trong tương lai anh ấy sẽ đắn đo hơn trong việc thách đấu."

"Đó là lời của đại úy Pravdine", Stamm nói "chứ không phải ông Zodomirski đã nói."

Pravdine quay sang Zodomirski, vẻ mặt ông tỏ ra rất thiết tha khẩn khoản:

"Bạn có xác nhận lời của tôi không, bạn Zodomirski?"

"Tôi đồng ý", Zodomirski đáp nhẹ một cách vô thức.

"Hoan hô! Hoan hô!" Tất cả các sĩ quan la to, vui mừng với quyết định này. Hai hay ba người hất tung cái nón của họ lên trời.

Stamm nói:

"Tôi còn vui sướng hơn bất cứ ai bởi vì tất cả mọi sự đều kết thúc như ý định của tôi. Bây giờ, thưa đại úy Zodomirski, tôi muốn nói với ông điều này, rằng trong một cuộc đấu súng, tài nghệ chẳng giữ chút phần giá trị nào đối với một con người nóng nảy; và rằng sự may rủi đều có thể xảy ra ngang hàng cho một tay súng giỏi cũng như một tay súng dở. Bất cứ trường hợp nào chăng nữa, tôi cũng không mong giết chết ông. Chỉ mỗi điều là tôi rất ao ước được nhìn thấy trên khuôn mặt ông sự đối diện thế nào với cái chết. Ông là một người can đảm, xin hãy nhận lời ca tụng của tôi. Hai cây súng đã không được lắp đạn."

Trong khi nói những lời sau cùng này, Stamm giơ súng, bóp cò. Không có tiếng nổ!

Zodomirski thét to một tiếng giống như tiếng gầm của một con sư tử đang bị thương nặng:

"Nhân danh linh hồn cha tôi, đây là sự sỉ nhục mới và còn tệ hại hơn lần sỉ nhục kia. A! Ông nói mọi sự chấm dứt rồi ư? Không, thưa ông, chỉ là mới bắt đầu, và lần này hai cây súng phải được lắp đạn. Chính tôi sẽ tự làm điều ấy."

"Không, đại úy ạ", Stamm nói thật nghiêm trang."Tôi đã tha cho ông mạng sống, tôi sẽ không lấy nó lại. Hãy sỉ nhục tôi nếu ông muốn, nhưng tôi sẽ không đấu với ông."

"Nhưng với tôi, ông phải đấu, thưa ông Stamm ạ." Pravdine la lên, cởi áo khoác ngoài ra."Ông đã hành xử như một tên côn đồ; ông đã lừa gạt Zodomirski và các người phụ tá anh ấy. Trong vòng năm phút tới, nếu cái xác của ông không nằm xuống dưới chân tôi thì thật không còn gì là công bằng trên thế gian này nữa."

Stamm rõ ràng bị rối loạn. Hắn không lường điều này.

Naletoff cũng kêu lớn:

"Và nếu không phải đại úy Pravdine giết anh, chính tôi đây sẽ giết."

"Hoặc tôi!" "Hoặc tôi!", hai ba giọng sỹ quan cùng la.

"Quỷ ma! Tôi không thể chống lại với tất cả các người." Stamm trả lời."Hãy chọn một, và tôi sẽ đấu với người đó dù rằng đây không phải cuộc quyết đấu mà chỉ là một sự ám sát."

"Yên lòng đi, ông Stamm", thiếu tá Belayef lên tiếng."Chúng tôi sẽ không làm gì để ông có thể phàn nàn. Tất cả các sỹ quan đều bị sỉ nhục, bởi vì dưới bộ quân phục này, rõ ràng ông đã hành xử như một tên vô lại. Ông không thể đấu với tất cả, và cũng chẳng thể đấu với bất cứ ai. Hãy tự giữ mình sẵn sàng đi, ông sẽ bị đưa ra tòa án quân sự. Các bạn, xin cùng đến đây!"

Chúng tôi vây quanh thiếu tá và sắc lệnh được ban ra mà không bàn luận. Tất cả mọi người đều chung ý kiến.

Thiếu tá, đóng vai trò chỉ huy, đến gần Stamm mà nói:

"Thưa ông, ông bị tước bỏ tất cả luật lệ về danh dự. Tội ác của ông là sự mưu tính trong máu lạnh. Ông đã làm cho ông Zodomirski trải qua suốt các cảm giác của một người bị tử hình, trong khi chính ông lại hoàn toàn thoải mái, bởi ông biết trước rằng cây súng đối phương không được lắp đạn. Cuối cùng, ông đã từ chối để đấu với người đã bị ông hạ nhục đến hai lần."

Stamm la lớn, giọng tức tối:

"Lắp đạn vào súng đi! Lắp đi! Tôi sẽ đấu với bất cứ ai!"

Nhưng thiếu tá lắc đầu với một cái cười khinh bỉ:

“Không, thưa ông thiếu úy, ông sẽ không thể đấu súng được với đồng bạn ông. Ông đã làm ô nhục bộ quân phục của ông. Chúng tôi không thể đứng chung hàng ngũ với ông hơn nữa. Tất cả các sỹ quan kia giao cho tôi nhiệm vụ trình bày cùng ông điều ấy. Họ không mong báo cáo lên cấp trên hành vi tồi tệ của ông, mà chỉ muốn đưa lý do rằng ông bị từ khước khỏi đơn vị vì sức khỏe kém. Vị sỹ quan quân y sẽ phải ký tất cả những chứng nhận cần thiết. Hôm nay là ngày 3 tháng 5. Ông phải rời khỏi trung đoàn kể từ đây cho đến ngày 3 tháng 6.”

“Chắc chắn tôi sẽ bỏ đi, không phải do ước muốn của các ông, mà chính là của tôi.”

Vừa nói, Stamm vừa cúi nhặt cây gươm và mặc áo khoác ngoài vào. Rồi hắn leo lên lưng ngựa, miệng lầu bầu thốt ra một lời nguyền rủa cuối cùng cho tất cả chúng tôi.

Cả bọn còn lại vây chung quanh Zodomirski. Chàng trông có vẻ buồn bã; hơn nữa, ảm đạm. Chàng hỏi:

“Tại sao các bạn lại thúc ép tôi đồng ý điều kiện của gã kia? Không có các bạn, tôi sẽ không bao giờ đồng ý.”

Thiếu tá trả lời:

“Các chiến hữu của tôi và chính tôi đây sẽ nhận tất cả trách nhiệm trong việc này. Bạn đã chứng tỏ là một người cao quý và tôi phải nói với bạn rằng, nhân danh tất cả chúng tôi, bạn là một người rất xứng đáng.”

Quay sang các sỹ quan, ông tiếp:

“Chúng ta hãy cùng về doanh trại. Tôi phải báo cáo lên đại tá những gì đã xảy ra.”

Chúng tôi leo lên các chiếc xe. Trong khi làm thế, chúng tôi nhìn thấy Stamm nơi một quãng xa, đang phóng ngựa lên phía đồi núi hướng về phố thị. Đôi mắt Zodomirski dõi theo hắn. Chàng nói:

“Tôi không biết có cái gì đang dày vò tôi, nhưng ước sao viên đạn được lắp vào súng hắn và hắn bắn vào ngực tôi.”

Chàng buông ra một tiếng thở dài thậm thượt, rồi lắc đầu, như thể với cái lắc đầu ấy, chàng có thể xua tan những ý tưởng u ám.

“Về nhà!” Chàng gọi người đánh xe.

Chúng tôi trở về trên con đường đã đi sáng nay, tất nhiên lần nữa ngang qua cửa sổ nhà cô Ravenski. Ai cũng đều nhìn lên nhưng chẳng thấy bóng Marina nữa.

“Đại úy”, Zodomirski nói, “xin đại úy giúp tôi một việc.”

“Bất cứ điều gì anh muốn”, tôi đáp.

“Anh hãy đến nói với nàng Marina đáng thương của tôi về kết quả của cuộc đấu súng khốn nạn này.”

“Tôi sẽ làm. Nhưng bao giờ?”

"Ngay bây giờ. Càng sớm càng tốt."

"Ngừng lại, chú tài!", Zodomirski la lên với người đánh xe.

Người này dừng lại và tôi nhẩy xuống.

Chiếc xe lao đi.

Zodomirski chỉ vừa mới bước vào khi anh nhìn thấy tôi xuất hiện nơi ngưỡng cửa phòng khách nhà anh. Rõ ràng khuôn mặt tôi tái xanh và mang cái nhìn khủng khiếp đến độ Zodomirski nhẩy xổ ngay về phía tôi:

"Chúa ơi! Cái gì đã xảy ra thế, đại úy?"

Tôi kéo chàng ra khỏi phòng khách:

"Bạn đáng thương ạ, nhanh lên, nếu bạn còn mong gặp Marina. Nàng đứng ở cửa sổ, thấy Stamm đi qua, vẫn sống tươi tỉnh, điều ấy có nghĩa là bạn đã chết. Nàng kêu lên một tiếng và ngã xuống, bất tỉnh. Từ giây phút ấy, nàng không mở mắt ra nữa."

"Ôi, những linh cảm của tôi!", Zodomirski la lớn."Những linh cảm của tôi!" và chàng phóng nhanh ra đường, đầu không đội nón, cũng chẳng mang gươm theo nữa.

Nơi cầu thang nhà cô Ravenski, chàng gặp vị bác sỹ đang đi xuống. Chàng ngừng ông ta lại:

"Bác sĩ! Nàng không sao chứ?"

"Vâng", bác sỹ đáp, "không sao, bởi vì nàng không bao giờ còn phải đau khổ nữa."

"Chết!", Zodomirski thì thầm, khuôn mặt trở nên trắng bệch, rũ người, lưng tựa vào tường."Chết!"

Bác sỹ tiếp: "Tôi luôn luôn bảo nàng, tội nghiệp cô bé, rằng nàng bị đau tim nên cần phải tránh tất cả mọi cảm xúc…"

Nhưng Zodomirski không còn lắng tai nghe nữa. Chàng nhẩy xổ những bước lên cầu thang, băng qua phòng ăn lớn, rồi lại phòng khách, gào to như một gã điên:

"Marina! Marina!"

Ngay cửa phòng Marina, bà vú già đang đứng. Bà cố gắng chặn bước tiến của chàng lại. Chàng đẩy nhẹ bà sang một bên, bước vào phòng.

Marina đang nằm bất động trên giường, khuôn mặt trắng nhợt. Trông nàng bình an như đang ngủ. Zodomirski quỵ hai gối bên cạnh giường, nắm lấy tay nàng. Bàn tay đã lạnh và đang giữ chặt một lọn tóc đen.

"Tóc của tôi!" Zodomirski bật lên tiếng nức nở.

"Vâng, tóc của ngài", người vú già nói, "tóc ngài mà cô ấy đã tự tay cắt trong lần từ giã ở St. Pétersbourg. Tôi thường bảo cô ấy rằng điều này sẽ mang bất hạnh đến cho một trong hai người."

Nếu bất cứ ai muốn biết những gì xảy ra cho Zodomirski, xin hãy tìm đến hỏi sư huynh Vassili ở Tu viện Troitza.

Các sư huynh thánh thiện sẽ chỉ cho các vị khách nấm mồ của chàng. Họ chẳng biết tên thật chàng là gì, cũng không cả nguyên nhân nào mà một chàng trai mới 26 tuổi đã tự ý mặc vào người chiếc áo thầy tu. Họ chỉ nói, một cách mơ hồ, điều ấy xảy ra sau khi chàng vừa trải qua một nỗi thống khổ ghê gớm, nguyên nhân nẩy sinh từ cái chết của một người con gái nào đó mà chàng đã yêu.

HIỆP SĨ SAINTE HERMINE

Người dịch:
Phạm Bích Liễu, Vũ Thu Hà

Giới thiệu

Năm 2005, một cơn sốt dâng lên tại Pháp và trên toàn thế giới như ở các nước Mỹ, Trung Quốc, Nga về sự xuất hiện của bộ tiểu thuyết cuối cùng của Alexandre Dumas với 1230 trang, 118 chương: Hiệp sĩ Sainte-Hermine (Tên nguyên tác là Le chevalier de Saite-Hermine). Cuốn sách đã được lãng quên trong thư viện quốc gia Pháp suốt 135 năm trước khi được đưa ra với công chúng.

Hiệp sĩ Sainte-Hermine lần đầu được đăng nhiều kỳ trên một tờ báo của Pháp nhưng vẫn chưa hoàn tất khi Dumas mất năm 1870. Ông Claude Schoppe, một chuyên gia chuyên nghiên cứu về Alexandre Dumas đã phát hiện ra cuốn sách và ông đã viết thêm ba chương cuối để hoàn tất tác phẩm.

Khi xuất hiện trước công chúng, cuốn sách được đánh giá là "hay đến mức không thể tả nổi". Sở dĩ cuốn sách hấp dẫn như vậy là một phần nhờ vào nguồn tư liệu dồi dào về lịch sử mà Dumas đã dày công sưu tầm.

Trên bối cảnh của cuộc cách mạng Pháp, cuốn tiểu thuyết đề cập đến sự lựa chọn đầy khó khăn của một nhà quí tộc giữa tư tưởng bảo hoàng và sự ngưỡng mộ cá nhân đối với Napoléon.

§1. Khoản nợ của Joséphine

-Thế là chúng ta đã ở trong điện Tuileries – Tổng tài thứ nhất Bonaparte nói với thư ký Boumerine khi họ đi vào cung điện nơi vua Louis XVI từng dừng chân lần cuối trên chặng đường giữa Versailles và giá treo cổ – phải cố mà trụ lại đây.

Những lời định mệnh ấy được thốt ra vào khoảng bốn giờ chiều ngày 30 Pluviose năm thứ VIII theo lịch Cách mạng cũ (tức 19 tháng Giêng năm 1800).

Như chúng ta còn nhớ, đúng ngày này một năm sau là ngày ra đời tiếp phần "Quân Trắng và Quân Xanh" của tôi, câu chuyện kết thúc bằng cuộc chạy trốn của tướng Pichegru de Sinnamary và cuốn tiểu thuyết "Đồng đảng Jéhu" có kết thúc là cuộc hành quyết Ribier, Jahias, Valensolles và Sainte-Hermine.

Trong tác phẩm, khi Bonaparte vẫn còn là tướng quân, chúng ta đã tạm chia tay nhân vật này vào lúc ông ta đặt chân về đất Pháp sau cuộc viễn chinh Ai Cập. Từ ngày 24 Vendémiaire năm thứ VII (tức 16 tháng Mười năm 1799) đến lúc này, nhân vật ấy đã làm nên không ít chuyện.

Trước tiên phải kể đến cuộc đảo chính ngày 18 Boumaire, lúc đầu sự kiện này bị chỉ trích nhiều nhưng cho đến giờ, đây lại là sự kiện đáng lưu lại hậu thế. Kế đến là chuyến vượt dãy Alpes như Annibal và vua Charlemagne, rồi nhờ Desaix và Kellermann giúp, Bonaparte đã chiếm lại được chiến trận Marengo mà ông đã để mất. Sau đó, ông ký hiệp ước hoà bình Lunéville (Hiệp ước Lunéville thừa nhận nước Pháp sở hữu Bỉ, tả ngạn sông Rhin và bảo hộ cho nền độc lập các rước cộng hoà Batave, Helvétique, Cisalpine và Ligurienne). Cuối cùng là lập lại cách gọi phu nhân. Trước chế độ Cộng hoà, phụ nữ quý tộc được gọi là phu nhân. Trong thời kỳ cách mạng đổi cách gọi là nữ công dân. Napoléon khôi phục cách gọi phu nhân như trước vào hôm ông cho David đặt tượng Brutus tại điện Tuileries. Bây giờ những người cứng đầu tuy còn gọi đàn ông là nam công dân, song chỉ còn kẻ thô lỗ và vô giáo dục mới gọi phụ nữ là nữ công dân. Lẽ dĩ nhiên, chỉ những ai xứng đáng mới được đặt chân vào điện Tuileries.

Giờ đây, chúng ta đang ở ngày 30 tháng Pluviôse năm thứ IX (tức ngày 19 tháng Giêng năm 1801) trong cung điện của nhà Tổng tài thứ nhất Bonaparte – Cung điện Tuileries.

Từ căn phòng chứng kiến quá nhiều sự kiện này, tôi sẽ dùng hết khả năng để chuyển tới những ai đã sống ở hai phần ba thế kỷ này chân dung một con người huyền thoại, một người không chỉ mải lo tính cho sự thay đổi của nước Pháp mà còn lo tính đến sự quay đảo của thế giới. Đó là căn phòng rộng màu trắng đan xen những đường kẻ vàng, trong phòng kê hai chiếc bàn.

Một chiếc rất đẹp dành cho ngài Tổng tài thứ nhất. Ông đang ngồi ở đó, quay lưng về phía lò sưởi, cửa sổ phía bên phải. Đứng cạnh ông, cùng phía bên phải là Duroc, người cộng sự tin cẩn trên chiến trường suốt bốn năm qua của ông. Từ phòng này người ta cũng có thể đi thẳng đến phòng của Landoire, người phục vụ khiến ngài Tổng tài rất ưng ý, và các phòng lớn khác nhìn ra sân.

Vị Tổng tài thứ nhất ấy đang ngồi trên một chiếc ghế bành bọc đệm hình sư tử, tay xoay qua xoay lại con dao nhíp mãi không thôi. Trước mặt ông là một giá sách khổng lồ xếp không biết cơ man nào là bản đồ. Chệch về phía bên phải một chút, cạnh giá sách là cánh cửa thứ hai của căn phòng. Qua cánh cửa ấy là một phòng ngủ sang trọng, kế đến là một phòng khách. Trên trần nhà, hoạ sĩ Le Brun đã vẽ hình Louis XIV trong trang phục vô cùng lộng lẫy. Một tay hoạ sĩ khác, chắc chắn kém tài hơn người đầu tiên, nhưng lại tỏ ra thương tình trang trí cho bộ trang phục của nhà vua hình ảnh lá cờ ba màu khiến Bonaparte càng có lý khi nói với những người đến thăm: "Đám người phe Quốc ước này thật ngốc?" Đối diện với lối giao nhau duy nhất đang chiếu sáng cả căn phòng là một phòng thay đồ. Nó chẳng khác gì một phòng nguyện của Marie de Médicis. Căn phòng này có một cầu thang dẫn đến phòng ngủ của quý bà Bonaparte dưới tầng trệt.

Giống như hoàng hậu Marie-Antoinette, vợ vua Louis XVI, Joséphine cũng ghét những căn phòng quá rộng. Chính vì vậy bà đã chọn cho mình một căn phòng nhỏ ở điện Tuileries giống như hoàng hậu Marie-Antoinette đã làm khi ở Versailles.

Hầu như mọi ngày hoặc ít ra cũng ở thời điểm đó, ngài Tổng tài đều đi từ phòng thay đồ sang phòng làm việc của mình vào mỗi buổi sáng. Tôi nói hầu như bởi lẽ chỉ ở điện Tuileries, Bonaparte mới có một phòng tách riêng phòng của phu nhân Joséphine, một nơi ông có thể nghỉ lại mỗi khi xong việc quá muộn hoặc có vài cuộc tranh cãi với bà. Những cuộc tranh cãi tuy chưa liên tục nhưng xuất hiện ngày càng nhiều.

Chiếc bàn thứ hai, khiêm tốn hơn, được đạt gần cửa sổ. Viên thư ký làm việc ở đó với đống giấy tờ lộn xộn chất cao như cây dẻ.

Anh ta quay người về phía ngài Tổng tài cố gắng nghiêng đầu tránh cái nhìn đối diện. Duroc rất hiếm khi có mặt trong phòng, mỗi lần như vậy, viên thư ký chỉ đóng vai trò khán giả.

Viên thư ký ấy là Boumerine.

Các hoạ sĩ và nhà điêu khắc đã sử dụng hết tài năng để khắc hoạ những đường nét của Bonaparte và sau này là Hoàng đế Napoléon. Nhưng những con người ấy phải thừa nhận trong các bức tượng hay tranh, kiểu khuôn mặt của con người phi thường ấy, dù ở cương vị Tổng tài hay hoàng đế, họ không thể tạo được hình ảnh giống ông hoàn toàn.

Khi ông là Tổng tài, người ta có thể vẽ hay tạc cái sọ nhô cao, vầng trán đẹp, mái tóc rủ xuống thái dương chấm cả xuống vai, khuôn mặt ngăm đen, gầy và dài.

Khi ông là hoàng đế, người ta có thể tái hiện cái đầu giống như một tấm mề đay cổ xưa, phủ lên hai gò má nước da tái xanh dự báo sự chết yểu, mái tóc màu đen như gỗ mun càng khiến hai bên má thêm tái. Song, không cây chổi vẽ hay dao tạc nào có thể thổi vào đôi mắt ông ngọn lửa rực cháy hay sự u ám khi ông chám chú nhìn vào một chốn nào đó. Không ai thể hiện được cái nhìn chuyển sang sự đồng thuận nhanh như chớp, không cơn giận dữ nào khủng khiếp hơn hoặc không cái nhìn nào sánh bằng sự đằm thắm dịu dàng.

Người ta nói rằng ông có dung mạo đặc biệt cho mỗi chuỗi suy nghĩ nối tiếp nhau trong tâm hồn mình. Thân hình ông thấp bé chỉ cao gần năm bộ ba tuy nhiên, Kléber cao hơn ông hẳn một cái đầu đã từng đặt tay lên vai ông mà nói: "Thưa tướng quân, ngài vĩ đại bằng cả thế giới."

Quả thực, ông hơn hẳn Kléber một cái đầu.

Bonaparte có đôi tay rất đẹp, ông tự hào về chúng và chăm chuốt chúng như phụ nữ vẫn làm. Ông có thói quen ngắm nhìn chúng nên chỉ đeo găng tay trái, để tay phải trần với cớ còn bắt tay quan khách nhưng thực ra là để ngắm và vuốt ve móng tay bằng chiếc khăn lụa.

Ông Turenne, người chăm lo việc trang phục cho hoàng đế, vì thế mà chỉ cho may găng tay trái. Riêng việc này cũng tiết kiệm được sáu ngàn phăng một năm.

Nghỉ ngơi với Bonaparte là điều không chịu nổi. Ông sẵn sàng đi đi lại lại ngay cả trong phòng mình. Ông đi chúi người ra phía trước như thể sức nặng từ các suy nghĩ khiến ông phải trĩu đầu xuống còn đôi tay chắp phía sau lưng.

Khi đang suy nghĩ khi để tuột mất ý nào đó, ông thường rung rung vai phải, răng nghiến chặt. Đây cũng là một thói quen thường thấy nhưng đôi khi có kẻ lại nói quá lên và cho rằng Bonaparte mắc chứng động kinh.

Bonaparte thích ngâm mình trong bồn tắm. Ông có thể ở đó vài giờ để đọc báo hay xem xét vài giấy tờ ông đã ký. Một khi đã vào phòng tắm, ông thả mình dưới vòi nước ấm mặc cho nước tràn ra khắp Bonaparte cũng thích ngủ. Nhiều lần, viên thư ký đến đánh thức ông dậy lúc bảy giờ sáng, ông còn phàn nàn: "Hãy để tôi ngủ thêm lát nữa? Hãy vào đánh thức tôi muộn nhất khi có thể, nếu có tin vui thì đừng đánh thức tôi, nhưng nếu tin xấu thì phải gọi tôi dậy ngay vì khi đó, không thể để mất một phút nào cả."

Ngay khi Bonaparte thức dậy, người phục vụ Constant lo cạo râu và chải tóc cho ông. Trong lúc được cạo râu, Bonaparte cho người đọc báo. Ông luôn bắt đầu bằng tờ Le Moniteur, ngoài ra, ông cũng chú ý đến một số tờ báo của Anh hoặc của Đức. Nếu Boumerine đọc một trong số chục tờ báo trong nước phát hành

thời đó là y rằng ông gạt đi: "Thôi thôi, họ chỉ nói những gì tôi muốn để họ nói thôi."

Vệ sinh buổi sáng xong, ông cùng Boumerine vào phòng làm việc ở đó, luôn dể sẵn thư từ phải đọc trong ngày, những bản báo cáo phải ký. Ông đọc thư, hướng dẫn trả lời và ký các văn bản.

Đúng mười giờ, cửa mở và người phục vụ nói: "Mời tướng quân dùng bữa?"

Bữa trưa rất đơn giản, chỉ có ba món và đồ tráng miệng. Hầu như luôn có món thịt gà trộn dầu và hành, giống như bữa lần đầu ông ăn hôm đánh trận Marengo và cũng kể từ đó, người ta gọi món này là món gà Marengo.

Bonaparte uống ít rượu vang, chỉ loại vang Bordeaux và Bourgogne. Sau bữa trưa hay bữa tối, ông uống thêm một tách cà phê. Nếu ông làm việc khuya hơn thường lệ, người ta mang thêm cho ông một cốc sô cô la.

Ngay từ sớm, ông đã hút một điếu thuốc nhưng cả ngày ông chỉ hút ba hoặc bốn điếu, hiếm khi hút cùng lúc. Thuốc lá của ông được đặt trong một chiếc hộp rất sang trọng bằng vàng hay san hô.

Hôm ấy, như thường lệ, Boumerine vào phòng làm việc từ sáu rưỡi, phân loại thư từ. Ông đặt thư quan trọng xuống dưới cho Bonaparte đọc sau và sẽ nhớ lâu hơn.

Đồng hồ điểm bảy tiếng là khi phải đi đánh thức tướng quân dậy. Nhưng Boumerine rất ngạc nhiên khi thấy phu nhân Bonaparte ngủ một mình và đang khóc. Cũng không cần nói thêm là Boumerine có một chìa khoá phòng ngủ của Bonaparte. Anh ta có thể ra vào đó bất cứ lúc nào.

Khi thấy Joséphine đang khóc một mình, anh ta định lui ra nhưng phu nhân vốn quý mến và tin tưởng Boumerine đã gọi anh ta lại ngồi gần giường.

Boumerine lại gần, trong lòng rất lo lắng.

-Thưa phu nhân, đã có chuyện gì xảy ra với ngài Tổng tài ư?

-Không, Boumerine, không phải thế – Joséphine đáp – Chuyện xảy ra với tôi…

-Sao cơ thưa phu nhân?

-Ôi, Boumerine thân mến? Tôi thật bất hạnh?

Boumerine bật cười nói: -Thế thì tôi đã đoán được chuyện gì rồi.

-Những người cung ứng… – Joséphine ấp úng.

-Không chịu mang hàng đến cho phu nhân chứ gì?

-Ôi! Nếu chỉ có vậy thì đã tốt!

-Họ đòi được trả tiền chứ gì? – Boumerine vừa nói vừa cười.

-Họ còn doạ truy tôi đến cùng! Thử nghĩ xem tôi sẽ khó xử ngần nào khi một thư đòi nợ rơi vào tay Bonaparte hả Boumerine thân mến!

-Phu nhân nghĩ họ dám ư?

-Tôi chắc chắn.

Không thể!

-Đây này – Và Joséphine lấy từ dưới gối ra một tờ giấy in hình biểu tượng của chế độ Cộng hoà, trong giấy yêu cầu ngài Tổng tài thứ nhất phải trả cho phu nhân Bonaparte một khoản bốn mươi ngàn phăng. Thật may là tờ giấy này rơi vào tay người vợ chứ không phải chồng. Giấy đòi nợ có ký tên phu nhân Giraud.

-Chà chà – Boumerine nói – Chuyện nghiêm trọng đây! Phu nhân đã mua đồ cho cả nhà từ người phụ nữ này sao?

-Không, Boumerine thân mến, khoản này chỉ cho mình tôi.

-Mình phu nhân?

-Phải.

-Nhưng mươi năm qua, chẳng lẽ phu nhân chưa thanh toán sao?

-Tôi đã thanh toán rồi. Tôi đã trả hết nợ vào ngày 1 tháng Giêng năm ngoái. Tất cả là ba trăm ngàn phăng. Chuyện này khiến Bonaparte nổi giận đùng đùng. Nghĩ lại tôi vẫn chưa hết sợ.

-Và phu nhân tiêu hết bốn mươi ngàn phăng từ ngày một tháng Giêng năm ngoái đến nay chỉ để mua găng tay?

-Chắc thế, vì họ đòi tôi ngần ấy mà.

-Vậy phu nhân muốn tôi làm gì bây giờ?

-Tôi muốn, nếu sáng nay Bonaparte vui vẻ, phiền ông nói giúp với chồng tôi một tiếng về chuyện này.

-Nhưng trước hết tôi muốn biết sao tướng quân không ở cạnh phu nhân? Hay trong nhà lại có chuyện? – Boumerine hỏi.

-Không hề. Tối qua, tướng quân rất vui vẻ đi cùng Duroc, như tướng quân nói, là thử tinh thần của người Paris. Chắc tối qua về muốn không muốn làm tôi thức giấc nên tướng quân đã ngủ trong phòng thay đồ.

-Thế nếu tướng quân vui vẻ, khi nói về khoản nợ của phu nhân, nếu tướng quân hỏi bao nhiêu, tôi biết trả lời thế nào?

-Ôi Boumerine! – Joséphine vùi đầu vào gối.

-Chắc một con số đáng sợ phải không?

-Khủng khiếp lắm.

-Thế là bao nhiêu?

-Tôi không dám nói cho ông biết.

-Ba trăm nghìn phăng?

Joséphine thở dài.

-Sáu trăm nghìn…?

Joséphine lại thở dài, lần này còn não nề hơn lần trước.

-Phải thừa nhận là phu nhân làm tôi sợ đấy – Boumerine nói.

-Tôi đã thức suốt đêm tính toán cùng phu nhân Hulot, người bạn của tôi, chị ấy giỏi tính hơn tôi, ông biết đấy, tôi chẳng hiểu gì cả.

-Vậy phu nhân nợ bao nhiêu?

-Hơn một triệu hai trăm nghìn phăng.

Boumerine phải lùi lại một bước.

-Phu nhân nói đúng – Anh ta nói và lần này không cười nữa – Ngài Tổng tài sẽ rất giận dữ.

-Chúng ta sẽ chỉ nói với tướng quân một nửa thôi.

-Cách đó không hay đâu! – Boumerine lắc đầu – Trong lúc này tôi khuyên phu nhân nên thú thực là hơn.

-Không đâu Boumerine, không bao giờ!

-Nhưng phu nhân sẽ xoay sở như thế nào với sáu trăm nghìn còn lại?

-Trước tiên tôi sẽ không nợ nữa, như thế đã là quá khổ sở rồi.

-Nhưng sáu trăm nghìn? – Boumerine nhắc lại.

-Tôi sẽ tiết kiệm để trả dần.

-Phu nhân nhầm rồi, nếu ngài Tổng tài không quan tâm đến chuyện sáu trăm nghìn thì chuyện sáu trăm nghìn hay một triệu hai cũng như nhau. Ngược lại, nếu phu nhân giấu giếm, tướng quân sẽ càng giận hơn. Ngài sẽ chi khoản một triệu hai trăm nghìn phăng rồi phu nhân sẽ mất ngài mãi mãi.

-Không, không – Joséphine kêu lên – Đừng nài thêm nữa Boumerine. Tôi biết tính tướng quân. Tướng quân sẽ giận điên cuồng mà tôi thì không bao giờ trút được cơn thịnh nộ ấy nữa.

Đúng lúc đó, tiếng chuông từ phòng Bonaparte vang lên gọi người phục vụ nhưng thực ra là muốn hỏi xem Boumerine ở đâu.

-Tướng quân đấy – Joséphine nói – Tướng quân đã ở phòng làm việc rồi. Hãy đến đó và nếu tướng quân vui vẻ, ông biết rồi đấy.

-Một triệu hai trăm ngàn phăng đúng không? – Boumerine hỏi.

-Không, sáu trăm nghìn, không hơn một xu!

-Phu nhân chắc chứ?

-Tôi xin ông đấy.

-Đồng ý.

Boumerine lao về phía cầu thang nhỏ dẫn đến phòng làm việc của ngài Tổng tài thứ nhất.

§2. Thành Hambourg tự do đã trả khoản nợ của Joséphine ra sao?

Khi Boumerine bước vào phòng làm việc, anh ta thấy Bonaparte đã ngồi bên bàn làm việc đọc thư từ do mình săp xếp.

Hôm nay, ông mặc quân phục cấp tướng của nền Cộng hoà. Đó là chiếc áo màu xanh không cầu vai chỉ có cành nguyệt quế vàng, chiếc quần da hoẵng, áo gilê đỏ vạt lớn và đôi ủng cao.

Vừa nghe tiếng bước chân thư ký của mình lại gần, Bonaparte khẽ quay người lại.

-Chào Boumerine, tôi nhấn chuông gọi Landoire để cho mời anh.

-Tôi đã xuống phòng phu nhân, tôi tưởng tướng quân ở đó.

-Không, tối qua tôi ngủ trong căn phòng ngủ lớn.

-Ái chà? – Boumerine thốt lên – Trên giường nhà Bourbon?

-Xin thề là đúng như vậy.

-Ngài ngủ ở đó thế nào?

-Tệ lắm. Bằng chứng là tôi đã dậy sớm không cần anh phải gọi. Mọi thứ ở đó đều quá mềm mại đối với tôi.

-Ngài đã đọc ba lá thư tôi xếp riêng ra chưa, thưa tướng quân?

-Rồi, bà goá của một phó tham mưu bị chết trong trận Marengo nhờ tôi làm cha đỡ đầu cho con trai bà ta.

-Tôi phải trả lời sao đây?

-Rằng tôi đồng ý. Dura sẽ thay tôi đi, đứa trẻ sẽ mang tên Napoléon người mẹ sẽ có một khoản 500 phăng có chuyển hồi cho con trai. Anh trả lời theo ý đó.

-Còn một người tin vào vận may của ngài, xin ngài ba con số để chơi lô tô.

-Bà này chắc bị điên, nhưng vì bà ta đã tin vào ngôi sao chiếu mệnh của tôi nên dù không bao giờ trúng, bà ta cũng tin rằng sẽ trúng. Anh hãy trả lời rằng người ta chỉ trúng số khi người ta không chơi. Bằng chứng là bà ta sẽ không bao giờ trúng khi mua vé. Ngày nào bà ta không mua bà ta sẽ trúng ba trăm phăng.

-Vậy là tôi phải gửi cho bà ấy ba trăm phăng?

-Đúng vậy.

-Còn lá thư cuối, thưa tướng quân?

-Tôi vừa bắt đầu đọc thì anh vào.

-Xin tướng quân tiếp tục, nó sẽ làm ngài thích thú đấy ạ.

-Anh đọc nó cho tôi, chữ viết run quá khiến tôi phát mệt.

Boumerine vừa cầm lá thư vừa cười.

-Tôi biết điều gì khiến anh cười rồi – Bonaparte nói.

-Tôi không chắc về điều đó đâu thưa tướng quân – Boumerine đáp.

-Anh tự nhủ rằng khi người ta đọc chữ của tôi, người ta có thể phải đọc từng nét ngay cả quan toà và những nhà biện lý chứ gì?

-Thú thực ngài nói rất đúng.

Boumerine bắt đầu đọc:

Jersey, ngày 26 tháng Giêng năm 1801

Thưa tướng quân, tôi thiệt nghĩ sau chuyến công du lớn trở về của tướng quân, người ta sẽ ý tứ không làm bận lòng ngài thêm để nhắc tên tôi trong tâm trí ngài. Chỉ có điều, có lẽ ngài sẽ ngạc nhiên vì một chuyện cỏn con mà tôi hân hạnh được viết cho ngài sau đây.

Thưa tướng quân, ngài sẽ nhớ lại khi cha ngài đi đón các quý anh trai của ngài ở trường Autun hồi gặp ngài ở Brienne, ngày ấy, ông cụ không có tiền. Ông dã hỏi vay tôi 25 đồng louis, tôi đã rất vui vẻ cho ông vay, khi trở về ông đã không có dịp trả lại tôi. Lúc tôi rời Ajacco, bà cụ mẹ ngài đã xoay sở để đưa cho tôi chút ít nhưng tôi không nhận và nói rằng nếu ở địa vị tôi, bà cũng sẽ làm thế. Tôi trao lại ông Souires tờ ghi nợ và nhờ ông giữ hộ. Tôi thề là lúc thuận tiện, ông ấy cũng sẽ không tìm lại nó vì cuộc cách mạng nổ ra.

Có lẽ ngài sẽ lấy làm lạ khi chỉ vì một khoản ít ỏi ấy mà tôi lại khiến ngài bận tâm; nhưng hoàn cảnh của tôi bây giờ thật éo le, và cái khoản nhỏ nhoi kia giờ đây lại là kếch xù với tôi. Tôi bị lưu đầy trục xuất khỏi quê hương, phải trốn trong hòn đảo nơi cái gì cũng đắt đỏ đến nỗi phải giàu có mới sống được ở đây. Vậy mong ngài hãy đặc ân cho phép tôi lấy khoản tiền mọn mà ngày xưa tôi lại coi không là to tát lắm.

Bonaparte gật gật đầu, Boumerine cũng nhìn thấy cơ chỉ đó

-Ngài còn nhớ người đàn ông này không, thưa tướng quân? – Viên thư ký hỏi.

-Rất rõ – Bonaparte nói – như thể chuyện mới xảy ra hôm qua. Khoản tiền đó được đưa đến ngay cho tôi tại Brienne, chắc ông ta là Durosel.

Boumerine đưa mắt liếc nhìn chữ ký.

-Đúng vậy – Anh ta nói – Nhưng họ của ông ta có thể giúp ta dễ tìm hơn.

-Ông ta tên là gì thế?

-Durosel Beaumanoir

-Phải hỏi xem liệu họ Beaumanoir ấy có phải vùng Bretagne không.

-Tôi tiếp tục chứ?

-Tất nhiên.

Boumerine đọc tiếp:

“Thưa tướng quân, ngài sẽ hiểu ở tuổi 86, sau khi phục vụ tổ quốc gần sáu mươi năm liên tục, thật đau đớn khi bị săn đuổi khắp nơi, bị buộc phải lưu lại Jersey hòng mong sự cứu giúp ít ỏi từ chính phỉ dành cho những người nhập cư Pháp.

Tôi nói người nhập cư Pháp vì người ta bắt tôi phải thế. Tôi không hề muốn vậy mà chỉ mắc tội duy nhất là cựu linh mục lâu đời nhất vùng và là người trang trí cây đại thập tự Saint-Louis.

Một tối, người ta đến để sát hại tôi, họ đạp cửa xông vào may nhờ những tiếng kêu của hàng xóm báo hiệu, tôi chỉ kịp chạy thoát thân không mang theo được gì. Mạng già của tôi phải chịu hiểm nguy trên đất Pháp! Tôi bỏ lại toàn bộ của cải, đồ đạc và chẳng biết đặt chân nơi đâu trên quê hương mình. Rồi ở đây, tôi gặp được một người không nhà còn già nua hơn tôi. Tôi còn người mẹ vợ tám chục tuổi, bà không được một khoản nào từ tài sản của tôi với cớ tài sản của tôi đã bị tịch thu. Tôi trắng tay và đến chết mất nếu mọi chuyện không thay đổi.

Kính chào tướng quân.

Kẻ phục vụ thấp kém, Durosel Beaumanoir”

-Thưa tướng quân, ngài nói gì đây?

-Tôi thấy – vị Tổng tài thứ nhất hơi hạ giọng- thật sự xúc động trước chuyện này. Khoản nợ này rất thiêng liêng Boumerine ạ Hãy viết cho vị linh mục Durosel là tôi đồng ý. Anh hãy gởi mười ngàn phăng trong khi chờ có thể hơn vì tôi muốn làm nhiều hơn cho người đã giúp cha tôi. Tôi sẽ chăm sóc ông ấy… Nhưng, nhân nói đến nợ, Boumerine này, tôi có chuyện nghiêm túc nói với anh đây.

Bonaparte ngồi im nhíu mày và đứng lại gần ông.

-Tôi muốn nói đến khoản nợ của Joséphine.

Boumerine rùng mình.

-Ngài có tin đó từ đâu?

-Từ dư luận.

Boumerine muốn hỏi tên người báo tin nhưng rồi anh ta không dám.

-Cậu hãy thử nghĩ xem (đôi khi Bonaparte vẫn quên và xưng hô với người bạn cũ một cách thân mật) tôi đã đi cùng Duroc và nghe được chuyện người ta nói.

-Thế người ta nói xấu về vị Tổng tài thứ nhất với ngài sao?

-Tôi còn khích để họ nói xấu và không có Duroc có lẽ người ta đã bắt chúng tôi về Château d’ Eau rồi.

-Tôi không hiểu giữa những lời ca ngợi ngài Tổng tài thứ nhất như vậy làm sao ngài lại nghe được khoản nợ của phu nhân Bonaparte?

-Bên cạnh những lời ca ngợi dành cho Tổng tài, người ta cũng xì xào bàn tán về vợ ông ta. Người ta nói rằng phu nhân Bonaparte yêu chồng bằng phục trang khiến bà ta nợ nần khắp nơi, chỉ một cái váy cũng hàng trăm đồng louis, một cái mũ đơn giản cũng tốn hai trăm phăng. Tôi không tin tất cả chuyện đó, cậu biết đấy nhưng không có lửa làm sao có khói. Năm trước tôi đã phải trả khoản nợ ba trăm ngàn phăng. Cô ấy vin cớ là tôi không gửi tiền từ Ai Cập về. Cũng không

sao. Nhưng bây giờ đã khác mỗi tháng tôi chỉ cho cô ấy sáu ngàn phăng tiền trang phục. Tôi nghĩ thế là đủ. Cũng vì lý do ấy mà dân chúng đã thất tín với hoàng hậu Marie-Antoinette đáng thương đấy. Cậu phải đi nói với Joséphine chuyện này và coi đó là lệnh.

-Ngài không biết là tôi mừng nhường nào khi chính tự ngài đề cập đến chuyện này đâu. – Boumerine nói – Sáng nay, đúng lúc ngài sốt ruột chờ tôi là lúc phu nhân Bonaparte xin tôi nói với ngài về tình thế nan giải của bà ấy.

-Tình thế nan giải ư Boumerine? Anh nghe được gì? – Bonaparte hỏi lại không dùng từ thân mật nữa.

-Phu nhân nói bà rất khổ sở.

-Vì ai?

-Vì chủ nợ.

-Vì chủ nợ! Tôi tưởng đã giúp cô ấy thoát khỏi bọn họ rồi.

-Cách đây một năm thì đúng thế.

-Còn bây giờ?

-Bây giờ, vị thế của phu nhân đã thay đổi hoàn toàn. Cách đây một năm, phu nhân mới chỉ là vợ của tướng quân Bonaparte, ngày nay, bà đã là vợ của Tổng tài thứ nhất.

-Thôi đi Boumerine, đừng để tôi nghe những câu tương tự thế nữa.

-Đó chỉ là ý của riêng tôi thôi, thưa tướng quân.

-Lẽ ra, phải anh là người chịu trách nhiệm trả nợ mới đúng.

-Tôi cũng không mong gì hơn. Hãy giao cho tôi một khoản và tôi sẽ thanh toán nhanh chóng, tôi xin đảm bảo như vậy.

-Anh cần bao nhiêu?

-Tôi cần bao nhiêu ư…? à? Vâng… một khoản…

-Bao nhiêu?

-Một khoản mà phu nhân Bonaparte cũng không dám nói với ngài.

-Sao cơ! Không dám ư? Còn anh – Tôi cũng không dám, thưa tướng quân.

-Anh cũng không dám thì chắc là núi tiền rồi!

Boumerine thở dài.

-Thế thì thanh toán bằng năm ngoái vậy, tôi giao cho anh ba trăm nghìn phăng…

Boumerine im bặt, Bonaparte lo lắng nhìn anh ta.

-Nói đi chứ đồ ngốc!

-Vâng, thưa tướng quân, nếu ngài giao cho tôi ba trăm nghìn quan, tôi e ngài mới thanh toán được một nửa số nợ.

-Một nửa? – Bonaparte bật dậy kêu lên – Sáu trăm nghìn phăng. Cô ta nợ… sáu trăm nghìn phăng…

Boumerine gật đầu.

-Cô ta nói với anh như thế à?

-Vâng, thưa tướng quân.

-Dựa vào cái gì mà cô ta muốn tôi trả sáu trăm nghìn phăng này chứ? Bằng thu nhập năm trăm nghìn phăng kiếm được từ chức Tổng tài chắc?

-Chắc phu nhân cho rằng ngài có vài khoản tiết kiệm.

-Sáu trăm nghìn phăng…? Bonaparte nhắc lại – Trong khi tôi chỉ trả một trăm phăng tiền trợ cấp cho người đàn bà goá và đám con của lính trận hi sinh ở Pyramides và ở Marengo thì vợ tôi tiêu hết sáu trăm nghìn phăng cho việc ăn mặc. Tôi còn không thể cho hết chúng được, chúng phải sống cả năm bằng 100 phăng đó vậy mà phu nhân Bonaparte lại mặc chiếc váy đắt hàng trăm đồng louis, những cái mũ tốn hai trăm phăng. Chắc anh nghe nhầm, không phải sáu trăm nghìn đúng không Boumerine?

-Tôi nghe rất rõ thưa tướng quân. Chỉ mới hôm qua, phu nhân còn nhận được hoá đơn bốn mươi nghìn phăng tiền găng tay.

-Anh nói gì…? – Bonaparte kêu lên.

-Bốn mươi nghìn phăng tiền mua găng tay thưa tướng quân. Vậy đấy, tối qua phu nhân tính toán cùng phu nhân Hulot, bà đã khóc suốt đêm, sáng nay tôi vẫn còn thấy bà đám đìa nước mắt.

-Ái chà! Cô ta khóc cơ đấy? Khóc vì hổ thẹn, vì ăn năn đấy!

-Bốn mươi nghìn phăng tiền mua găng tay…! Trong bao lâu?

-Một năm – Boumerine đáp.

-Trong một năm! Số tiền đó nuôi được cả bốn mươi nhà…!

-Boumerine, tôi muốn xem mọi ghi chép ấy.

-Khi nào ạ?

-Ngay lập tức. Đã tám giờ rồi. Chín giờ có cuộc hẹn gặp Cadoudal vẫn còn thời gian, nhanh lên Boumerine, ngay lập tức?

-Ngài nói đúng, thưa tướng quân. Chúng ta hãy giải quyết ngay trong lúc chúng ta còn ở chủ đề này.

-Hãy mang mọi giấy tờ lại đây, tất cả anh nghe rõ chưa, chúng ta sẽ cùng xem.

-Tôi chạy đây, thưa tướng quân.

Boumerine chạy xuống cầu thang dẫn đến phòng của phu nhân Bonaparte.

Còn lại một mình, ngài Tổng tài bắt đầu sải bước, tay chắp sau lưng mặc vai và miệng giật giật, ông lẩm bẩm.

-Lẽ ra mình nên nhớ những gì Junot nói bên suối Messoudia, lẽ ra mình nên nghe Joseph và Lucien, em trai mình khuyên không nên gặp lại cô ta sau khi trở về. Nhưng làm sao không gặp Hortense và Eugène được! Ôi những đứa trẻ đáng yêu dù chúng chỉ là con riêng của cô ta! Chúng làm mình xích lại với cô ta hơn?

"Ôi! Li dị! Mình sẽ làm điều đó tại Pháp, mình sẽ chia tay người đàn bà không đẻ cho mình đứa con nào lại còn khiến mình phá sản nữa."

-Thưa tướng quân – Boumerine vừa nói vừa bước vào – Ngài sẽ không phá sản chỉ với sáu trăm nghìn phăng đâu, vả lại phu nhân Bonaparte còn trẻ, còn ở tuổi sinh cho ngài một quý tử để kế nghiệp Tổng tài sau bốn mươi năm nữa.

-Lúc nào anh cũng bênh cô ta – Bonaparte nói và véo tai Boumerine khiến anh này phải bật kêu lên.

-Biết làm sao, thưa tướng quân, tôi ủng hộ cái đẹp, cái tốt và yếu đuối Bonaparte bực bội nhìn đám chứng từ, ghi chép mà Boumerine vừa mang tới và rút đại một tờ: -Ba mươi tám cái mũ… trong một tháng! Cô ta định đội hai chiếc một ngày chắc? Bonaparte giận dữ ném hoá đơn xuống và nhặt tờ khác – Cửa hàng mỹ phẩm của Tiểu thư Martin. Ba nghìn ba trăm lẻ sáu phăng tiền son: một nghìn bảy trăm bốn mươi chín phăng chỉ trong tháng sáu. Cây son đắt hàng trăm phăng? Hãy nhớ lấy cái tên này nhé Bourrienne, một con mụ đáng bị gửi đến nhà tù dành cho phụ nữ Saint-Lazare. Tiểu thư Martin, anh nghe rõ chưa?

-Vâng, thưa tướng quân.

-A! Lại còn váy nữa này. Ông Leroy… ngày xưa người ta chỉ có thợ may, bây giờ lại đẻ ra nhà thiết kế cho phụ nữ nữa. Một trăm năm mươi cái váy trong năm, bốn trăm nghìn phăng tiền váy?

-Nếu cứ như thế này thì khoản nợ không chỉ là sáu trăm nghìn mà hàng triệu khéo lát nữa lên đến triệu hai cũng nên.

-Ồ thưa tướng quân – Boumerine hồ hởi nói – Còn có giảm giá kèm theo nữa chứ.

-Ba cái váy năm nghìn phăng chứ gì?

-Vâng – Boumerine nói – Nhưng có sáu cái váy chỉ năm trăm phăng thôi.

-Anh cười gì thế – Bonaparte nhíu mày.

-Không, tôi có cười đâu thưa tướng quân, nhưng có điều tôi thiết nghĩ một người như ngài không đáng để mình tức giận vì một chuyện như thế.

-Thử hỏi Louis XVI mà xem, ông ta là vua mà còn nổi giận đùng đùng huống hồ là tôi, thế mà ông ta còn có tiền phụ cấp là 25 triệu cơ đấy?

-Ngài cũng vậy và sẽ như vậy khi ngài muốn, thậm chí còn hơn cả vua Louis XVI thưa tướng quân. Vả lại, Louis là một kẻ đáng thương, ngài biết đấy.

-Một người dũng cảm thì có!

-Tôi thật muốn biết có phải người ta đã nói về lòng can đảm của ngài Tổng tài giống như ông ấy đã nói với tôi hay không.

-Ít ra với đám váy áo năm nghìn phăng mà nhìn đẹp như những chiếc váy đẹp thời Louis XVI, loại chỉ mất năm chục mét vải, thì tôi còn hiểu được, đằng này với những thứ khiến chúng nhìn như dù che mưa thì…

-Thì cũng phải theo mết chứ thưa tướng quân.

-Chính thế, thế mới làm tôi bực thế này. Chúng ta đâu có trả tiền vải? Nếu chỉ vải không thôi thì chỉ đến xưởng vải là xong, chúng ta trả tiền cho đường cắt bác học của tay Leroy thì có: năm trăm tiền vải còn bốn nghìn cho kiểu cách. Mốt đấy! Bây giờ thì kiếm đâu ra sáu trăm nghìn để trả cho "mốt" đây.

-Chẳng phải chúng ta còn bốn triệu đó sao?

-Bốn triệu! Bốn triệu nào?

-Khoản tiền mà nghị viện Hambourg vừa trả cho ngài để được phép chuộc hai người Ai len mà ngài đã cứu mạng họ ấy.

-À phải, Napper – Tandy và Blackwall.

-Tôi nghĩ có khi bốn triệu rưỡi chứ không phải bốn triệu mà người trung gian, ngài Chapeau-Rouge, đã trả cho tướng quân thì đúng hơn.

-Quả thực như vậy – Bonaparte vừa nói vừa cười, trong lòng vui trở lại khi nhớ đến chuyến đi đến thành phố tự do Hambourg – Tôi không biết liệu mình có quyền hành động như thế hay không, tuy nhiên tôi đã trở về từ Ai Cập, chính những nhục nhã lại khiến tôi làm thân với những kẻ xa hoa đấy.

Đúng lúc đó, chuông đồng hồ điểm chín giờ. Cửa phòng bật mở, Rapp, người phục vụ, bước vào thông báo Cadoudal và hai tuỳ tùng đang chờ.

-Được rồi, cứ thế nhé – Bonaparte nói với Boumerine – Hãy lấy sáu trăm ngàn phăng từ khoản đó, nhưng đừng để tôi nghe thấy chuyện này lần nữa đấy.

Rồi Bonaparte đi gặp viên tướng miền Bretagne.

Cửa phòng vừa khép lại, Boumerine đã lại chuông gọi Landoire.

-Hãy đi báo với phu nhân Bonaparte rằng tôi có tin vui muốn cho bà biết. Nhưng vì tôi không dám bỏ phòng làm việc khi chỉ có một mình, tôi chỉ có một mình anh nghe rõ chưa Landoire, nên phiền bà đến gặp tôi.

Thấy Boumerine quả quyết là tin vui, Landoire vội chạy về phía cầu thang.

Tất cả mọi người, bắt đầu bằng Bonaparte, đều yêu quý Joséphine.

§3. Đồng đảng Jéhu

Lần đó, không phải là lần đầu tiên Bonaparte gắng vãn hồi cho phe Cộng hoà và thiết lập mối liên kết mong manh với tướng Cadoudal.

Có một việc đã xảy đến với ông sau chuyến trở về từ Ai Cập. Chuyện ấy đã để lại trong ông một kỷ niệm sâu sắc và còn tiếp diễn mà chúng ta sẽ biết sau đây:

Ngày 17 Vendemieire năm thứ VIII (tức ngày 9/10/1799) như chúng ta đều biết, Bonaparte đã trở về và cập bến ở Frejus chưa đến 40 ngày dù ông vừa về từ Alexandrie.

Ông nhanh chóng lên xe cùng người tuỳ tùng tin cẩn Roland de Montrevel để trở về Paris.

Khoảng bốn giờ chiều hôm đó ông đã đến Avignon, cho dừng xe cách cửa Oulle năm chục bước trước lâu đài Palais-Egalité (vừa đổi lại tên về với tên vốn có từ đầu thế kỷ XVIII là Palais-Royal). Ông vội vã bước xuống trong nhu cầu chung của mọi người phải thoả mãn vào khoảng từ bốn đến sáu giờ chiều hàng ngày, đó là ăn bữa tối dù ngon hay dở.

Ông chủ khách sạn không nhận thấy điểm gì đặc biệt của Bonaparte ngoài bước đi dứt khoát giọng nói trầm, hỏi ông muốn ăn riêng hay ngồi chung ở phòng ăn.

Bonaparte suy nghĩ một lát. Vì vừa đặt chân về Pháp nên ông chưa được mọi người biết nhiều, người ta cứ ngỡ ông còn đang ở Ai Cập. Với bộ quần áo thông dụng thời bấy giờ mà ông và viên sĩ quan tuỳ tùng đang mặc cộng với ý muốn được mắt thấy tai nghe tình hình ở đây nên ông không sợ bị nhận ra. Vả lại, ăn ở phòng ăn chung sẽ nhanh hơn nên ông quyết định ăn tại đây.

Rồi quay sang người đánh xe, dặn dò: -Một tiếng nữa phải thắng ngựa vào xe cho tôi đấy.

Ông chủ khách sạn dẫn đường cho những vị khách mới đến ngồi vào bàn của họ. Hai chàng trai trẻ gồm Bonaparte chỉ độ hai chín hay ba mươi và Roland hai mươi sáu tuổi ngồi xuống chiếc bàn tách biệt với những thực khách khác bằng một lối đi nhỏ.

Bất cứ ai trong số có mặt hôm đó đều có một cảm giác đặc biệt trước hai thanh niên ấy. Mọi con mắt đều đổ dồn về phía họ khiến trong chốc lát, họ trở thành tâm điểm chú ý.

Mọi người ở đây vốn vẫn là khách quen tới ăn hay trọ, một số đi từ Marseille đến Lyon bằng xe ngựa, một thương lái buôn rượu vang từ Bordeaux đến Avignon thì lưu lại với một số lý do mà chúng ta sẽ biết sau này.

Dáng vẻ của hai người mới kia khác hoàn toàn với họ khiến sự tò mò của họ tăng gấp đôi. Tuy quần áo mặc giống nhau, ủng cao, quần chẽn ngắn, đuôi áo dài và mũ rộng vành, dù xuất hiện trước dáng vẻ bình đẳng nhưng người đi sau vẫn có điểm khác biệt không phải bởi tuổi tác mà do vị thế xã hội thấp hơn. Ngoài ra, anh ta gọi người đi trước là công dân trong khi ông gọi người đi cùng chỉ bằng tên Roland.

Cũng giống như các trường hợp tương tự, sau những phút lạ lẫm, tò mò những ánh mắt rời khỏi họ và tiếp tục trở lại câu chuyện đang dở dang.

Họ nói về một chủ đề đáng chú ý đối với hai thanh niên đó là phản ứng của phe cách mạng trước lời đề nghị mới được đưa ra của chế độ quân chủ. Khách hàng tự do nói về một cuộc phục quyền của triều đình Bourbon, một việc không thể trì hoãn thêm sáu tháng. Chuyện này sẽ nằm ngoài tầm tay Bonaparte vì ông vẫn ở Ai Cập. Lyon, một trong những thành phố không thể chịu đựng hơn trong suốt cuộc cách mạng của phe Cộng hoà đã tất yếu trở thành lò mưu phản.

Do đó, sẽ có một chính phủ lâm thời có chính quyền hoàng gia, bộ tham mưu cũng của hoàng gia và quân đội cũng của hoàng gia.

Ai cũng biết, việc trả chi phí cho quân đội để duy trì cuộc chiến liên tục ở Vendée và Morbihan khiến phe Bảo hoàng phái tốn tiền, rất nhiều tiền. Nước Anh có thể chu cấp thêm nhưng không khả quan lắm. Mặt khác một mình phe Cộng hoà cũng phải chiến đấu với không chỉ một kẻ thù. Đã vậy thay vì liến hành thoả hiệp một cách khó khăn với phe Cộng hoà, một việc dễ sẽ bị bác bỏ, phe Bảo hoàng lại tổ chức những băng đảng chuyên đi thúc thuế và tấn công xe tiền ngân khố nhà nước.

Những dư luận đạo đức thời đó coi đây không phải là vụ trộm cắp hay hành động thông thường mà là việc ăn cướp ngân quỹ quốc gia.

Một trong những băng đảng ấy hành động ngay trên tuyến đường Lyon – Marseille. Đúng lúc hai vị khách trẻ ngồi vào bàn ăn, bên ngoài cũng có một vụ chặn xe chở khoảng sáu mươi nghìn phăng của chính phủ, việc bắt bớ diễn ra ngay giữa thanh thiên bạch nhật trên đoạn Marseille – Avignon, giữa phố Lambesc và Pont-Royal. Đám kẻ cướp, nếu người ta có thể gọi các nhà quý tộc như vậy, không hề giấu giếm người đánh xe mang tiền đi đâu. Tiền sẽ được chuyển qua nước Pháp bằng những phương tiện chắc chắn đến Bretagne nơi chiến tuyến của quân đội tướng Cadoudal.

Tất cả những chuyện đó đều mới mẻ, kỳ lạ và hầu như khó tin với Bonaparte và Roland, những người đã xa nước Pháp hai năm. Điều này cũng khiến các tầng lớp xã hội dưới sự lãnh đạo của chế độ Đốc chính không khỏi có sự chấn động. Sự việc xảy ra ngay trên con đường mà hai người vừa đi qua. Người kể lại là nhân chứng sống của cảnh tượng ấy. Ông ta là lái buôn rượu vang từ Bordeaux bị chặn từ hôm qua.

Người lấy làm lạ trước những chi tiết câu chuyện nhất ngoài hai chàng trai đi xe ngựa, Bonaparte và Roland đang mải chăm chú nghe kia còn có những khách qua đường khác. Đám khách là dân địa phương thì quen với những chuyện như vậy đến nỗi họ có thể kể thêm chi tiết khác thay vì lắng nghe.

Thương gia buôn rượu vang trở thành tâm điểm chú ý. Ông ta tỏ vẻ lịch thiệp trả lời hết mọi câu hỏi đưa ra.

-Này công dân – Một người đàn ông to béo ngồi đối diện một phụ nữ cao, gầy, khô đét đang run tái người ngỡ như nghe thấy tiếng xương va vào nhau răng rắc cất tiếng hỏi – Có thật ngài vừa đi qua đoạn đường xảy ra vụ cướp không?

-Đúng vậy, giữa Pont-Royal và Lambesc, ngài có biết chỗ giao nhau của hai quả đồi nơi có nhiều đá nhô lên không?

-Ồ phải rồi – Người phụ nữ nói và níu chặt tay chồng. Tôi biết chỗ đó, em đã bảo anh, chắc anh còn nhớ chứ, chỗ ấy rất khó đi. Tôi thích qua đó vào ban ngày hơn là ban đêm.

-Ôi thưa phu nhân – Một thanh niên như muốn cố tình nhấn đến yếu tố thời đại qua việc dùng từ ngữ của chốn cung đình – Phu nhân biết thừa rằng với Bạn đồng hành của Jéhu thì ngày hay đêm đâu quan trọng gì.

-Đúng vậy – Người buôn rượu nói – Giữa ban ngày ban mặt, khoảng mười giờ sáng thì chúng tôi bị chặn lại.

-Chúng có bao nhiêu tên? – ông béo hỏi.

-Bốn tên.

-Chúng chờ sẵn dưới đường à?

-Không, chúng phi ngựa đuổi theo, vũ khí đầy người và đeo mặt nạ.

-Thói quen của họ đấy – Người thanh niên nói – Có phải sau đó họ nói: Đừng chống lại, vô ích, như thế ngươi sẽ không sao, chúng ta chỉ cần tiền của chính phủ thôi, đúng không?

-Không sai một từ nào, công dân ạ.

-Phải rồi – Người thanh niên nói tiếp ra vẻ biết rất rõ – Hai người nhảy xuống ngựa, nắm dây cương cho đồng bọn rồi buộc lái xe giao tiền.

-Này công dân – ông béo nói đầy ngưỡng mộ – Anh kể chuyện cứ như thật ấy.

-Có thể anh đây có mặt trong số đó cũng nên – Roland nói.

Người thanh niên quay phắt sang phía Roland rồi nói: -Tôi không biết liệu có phải anh cố tình mất lịch sự với tôi hay không, chúng ta sẽ nói với nhau về cái đó sau, nhưng dù sao tôi cũng cho anh hay quan điểm của mình, trừ trường hợp anh cố ý nhục mạ tôi, tôi không coi sự nghi ngờ của anh như sự khiêu khích. Có điều, mười giờ sáng hôm qua, khi sự việc diễn ra, tôi đang ăn trưa gần đó giống như tôi đang ăn cùng quý vị đây.

-Vậy khi đó các vị có bao nhiêu người? – Lần này Roland quay sang hỏi người buôn rượu.

-Chúng tôi có bảy người, ba phụ nữ.

-Không kể người đánh xe à? – Roland hỏi tiếp.

-Dĩ nhiên.

-Với tám người, các vị để bốn tên cướp lột mất va ly? Tôi thật khen ngợi các vị đấy – Roland nói.

-Chúng tôi biết mình tiếp xúc với ai – Người lái buôn nói – Và chúng tôi không có nghĩa vụ chống lại.

-Sao cơ? – Roland kêu lên – Các vị tiếp xúc với bọn vô lại, bọn trộm cướp ngay giữa đường cái quan sao?

-Không hề, vì chúng có xưng tên.

-Chúng xưng tên à?

-Chúng nói: "Bọn ta không phải là quân cướp, chúng ta là những người bạn đồng hành của Jéhu. Các vị phản công vô ích, thưa quý ông, quý bà, xin đừng sợ."

-Đúng thế – Người thanh niên ban nãy lại nói – Họ có thói quen báo trước để không bị khinh rẻ.

-Ái chà – Roland chen vào trong khi Bonaparte vẫn im lặng – không biết công dân Jéhu là ai mà lại có bạn đồng hành lịch sự thế. Hay đó là chỉ huy của chúng?

-Thưa ngài – Một người đàn ông mặc quần áo giống như thầy tu, nhìn giống dân bản địa và là khách quen của khách sạn nói – Nếu ngài chú tâm thì trong kinh thánh đã nói Jéhu đã chết cách đây hai nghìn sáu trăm năm, do vậy, ông ta không thể chặn xe giữa đường cái được.

-Thưa cha – Roland nói – Dù giọng điệu của cha hơi quá nhưng tôi vẫn thấy cha là người hiểu biết vậy dám xin hỏi nếu như Jéhu đã chết cách đây hai nghìn sáu trăm năm thì ai vinh dự có được những người bạn đồng hành cùng người mang tên Jéhu này thế.

-Thưa ngài – Vị cha xứ đáp bằng giọng lảnh lót như cũ – Jéhu là vua Israel được phong thánh vì đã trừng phạt tội phạm tại Achab và Jézabel, và đã khép tội chết những thầy tu dòng Baal.

-Xin cảm ơn lời giải thích của cha – Viên sĩ quan vừa nói vừa cười – Tôi không nghi ngờ điều đó, chỉ có điều tôi không thấy nó liên quan đến chuyện này.

-Cái gì? Anh không hiểu Jéhu chính là S. M. Louis XVIII sẽ được sắc phong vì trừng phạt bọn tội đồ phe Cộng hoà sao? Giết thầy tu dòng Baal nghĩa là quân Girondin, Cordelier, Jacobin, Thermidor, tất cả những ai tham gia vào cái nhà nước tồi tệ trong suốt bảy năm qua, cái mà người ta gọi là cách mạng ấy!

-Úi chà! – Roland thốt lên – Tôi bắt đầu hiểu rồi, nhưng trong số những đồng hành cùng Jéhu chiến đấu, ngài có cho rằng họ là những binh sĩ đã đánh đuổi quân xâm lăng khỏi biên giới nước Pháp và những tướng tá lừng danh đã từng chỉ huy quân đội ở Tyrol, Sambre-Meuse và Italia không?

-Thì chính họ chứ ai và không ai khác cả.

Đôi mắt Roland quắc lên, hàm bành ra, đôi môi mím chặt Anh đứng phắt dậy nhưng người đi cùng đã kéo áo buộc anh ngồi xuống. Từ "nực cười?" suýt nữa buột khỏi miệng Roland.

Bằng một giọng điềm tĩnh, người vừa thể hiện quyền lực với Roland mới cất giọng lần đầu.

-Thưa công dân, hãy thứ lỗi cho hai người vừa từ cùng trời cuối đất trở về, hai người đã rời nước Pháp cách đây hai năm, họ vốn không biết chuyện gì đang diễn ra và muốn được biết một số điều.

-Các vị muốn biết gì? – Người thanh niên ban nãy hỏi và không tỏ vẻ quan tâm về hành động của Roland vừa rồi.

-Tôi cho rằng – Bonaparte nói – Dòng tộc Bourbon đã hoàn toàn chấp nhận bị lưu đầy, tôi nghĩ cảnh sát có cách không để quân trộm cướp hoành hành trên đường cái quan và cuối cùng tôi cho rằng tướng Hoche sẽ mang lại hoà bình trên chiến tuyến Wendée.

-Nhưng ngài từ đâu đến? Từ đâu đến thế? – Người thanh niên phá lên cười.

-Tôi đã nói rồi, từ cùng trời cuối đất.

-Thôi được, ngài sẽ hiểu ngay thôi: Nhà Bourbon không giàu. Họ bị bán hết tài sản và cháy túi. Không thể trả tiền cho hai đội quân ở miền Tây và lập một đội quân vừa ở miền núi Auvergne mà không có tiền. Vậy là họ, những người đồng hành của Jéhu trở thành những người thu thuế cho triều đình bằng cách chặn xe và lấy két. Hãy đi hỏi Charette, Cadoudal và Teyssonnet thì biết.

-Nhưng liệu quân Jéhu có phải chỉ muốn tiền của chính phủ hay không… – Người buôn rượu dè dặt hỏi.

-Chỉ tiền của chính phủ, không lấy tiền của ai.

-Như thế đâu có đúng, mới hôm qua họ còn lấy của tôi hai trăm đồng louis thì sao?

-Thưa quý ông – Chàng trai trê trả lời – Đó là một sự nhầm lẫn một sự nhầm lẫn rõ ràng như tên tôi là Alfred de Barjol, khoản tiền này sẽ được trả lại cho ngài nay mai thôi.

Người đàn ông buôn rượu thở dài và lắc đầu vì dù cho anh thanh niên kia quả quyết, ông vẫn còn nghi ngờ.

Đúng lúc đó, sau khi chàng thanh niên quý tộc vừa cam kết xong, thì một con ngựa phi nước đại dừng trước khách sạn. Người ta nghe thấy tiếng bước chân

trong hành lang rồi cửa phòng ăn bật mở, một người đàn ông bịt mật, vũ khí đầy mình xuất hiện trước ngưỡng cửa.

Tất cả ánh mắt đổ dồn vào anh ta.

-Thưa các quý ông – Người này cất tiếng trong sự im lặng của cả phòng ăn – Trong số các vị có ai tên là Jean Picot đã đi chiếc xe ngựa bị những người đồng hành của Jéhu chặn đoạn giữa Lambesc và Pont-Royal không?

-Có! – Người lái buôn đáp với vẻ ngạc nhiên.

-Chắc đó là ngài? – Người đàn ông bịt mặl hỏi.

-Chính là tôi đây.

-Ngài không mất gì chứ?

-Có, người ta đã lấy hai trăm louis mà tôi đã gửi bác đánh xe.

-Tôi cũng nói thêm rằng ông đây vừa nhắc đến chuyện đó và coi đó là của đã mất – Alfred de Barjol nói xen vào.

-Quý ngài nhầm rồi – Người lạ bịt mặt nói. – Chúng tôi chỉ tuyên chiến với chính phủ chứ không phải với dân thường. Chúng tôi là phe phái chính trị chứ không phải kẻ trộm cướp. Đây là hai trăm đồng louis thưa ngài. Nếu còn chuyện nhầm lẫn này xảy ra, xin hãy hỏi đến cái tên Morgan.

Vừa dứt lời, người bịt mặt đặt túi những đồng vàng phía bên phải người lái buôn, chào theo kiểu quý tộc và đi ra để lại sự sợ hãi cho một số người, số khác sững sờ vì sự trùng hợp kỳ lạ.

Đúng lúc đó, người ta báo cho Bonaparte biết ngựa đã chuẩn bị xong. Ông đứng dậy rồi bảo Roland trả tiền.

Roland đi về phía ông chủ khách sạn trong khi Bonaparte ra xe. Nhưng khi trở lại chỗ Bonaparte, Roland bị Alfred de Barjols chặn lại: -Xin lỗi ngài – Người thanh niên hỏi – Hồi nãy ngài định nói một câu nhưng lại thôi, tôi muốn biết lý do được không?

-À, lý do khiến tôi gọi ngài là kẻ nực cười rất đơn giản. Người di cùng tôi đã kéo áo ra hiệu cho tôi, vì không muốn làm ông ấy phiền lòng nên tôi bỏ ý định.

-Nếu ngài có ý định nói tôi như vậy, liệu tôi có thể thấy nó được thực hiện hay không.

-Nếu điều đó khiến ngài thoải mái.

-Tôi thấy thoải mái khi có cơ hội làm ngài vui lòng.

-Thưa ngài – Roland nói – chúng tôi đang rất vội như ngài thấy đấy nhưng tôi sẵn lòng đi sau một tiếng nếu ngài cho rằng một giờ đủ để dốc hết bầu bất hoà giữa chúng ta.

-Một giờ là đủ, thưa ngài.

Roland ra hiệu chào rồi chạy lại xe.

-Này, cậu đánh nhau đấy à? – Bonaparte hỏi.

-Tôi không thể làm khác, thưa tướng quân – Roland trả lời – Nhưng địch thủ của tôi có vẻ rất dễ tính, chúng tôi chỉ mất khoảng một tiếng thôi. Tôi sẽ đi ngựa đuổi theo sau khi xong việc, chắc chắn tôi sẽ đuổi kịp ngài trước khi đến Lyon.

Bonaparte nhún vai.

-Thật bướng bỉnh – ông nói rồi chìa tay cho Roland – Chí ít cũng đừng để hắn giết cậu, tôi cần cậu ở Paris.

-Xin tướng quân cứ yên tâm, từ Valene đến Viên, tôi sẽ sớm cho ngài biết tin thôi.

Bonaparte lên đường.

Cách Valence nửa dặm, ông đã nghe tiếng vó ngựa. Ông cho xe dừng lại.

-A, Roland đấy à? Hình như mọi việc đều tốt đẹp?

-Vâng tốt đẹp – Roland nói và trả ngựa.

-Các cậu đánh nhau chứ?

-Vâng thưa tướng quân.

-Bằng gì?

-Bằng súng lục.

-Và?

-Tôi đã giết anh ta, thưa tướng quân.

Roland lên xe ngồi gần Bonaparte. Chiếc xe lại liếp tục lên đường.

§4. Con trai ông chủ cối xay

Bonaparte cần Roland ở Paris để giúp ông làm cuộc đảo chính ngày 18 Brumaire. Sau khi cuộc cách mạng hoàn thành, Bonaparte nhớ lại chuyện đã xảy ra trong phòng ăn ở Avignon. Ông quyết định truy diệt đến cùng những kẻ đồng hành cùng Jéhu. Ông giao cho Roland toàn quyền vụ này.

Chúng ta sẽ biết người phụ nữ trả thù và bốn chỉ huy bị rơi vào tay Roland trong trận chiến kinh hoàng ra sao và vì lý do gì họ lại nổi tiếng trong phần sau của cuốn sách này. Còn bây giờ hãy nói đến nhiệm vụ trước mắt Roland. Roland chiến thắng trở về Paris. Nhiệm vụ giờ đây của anh ta không phải đi bắt Cadoudal, người ta biết điều này bất khả thi, mà là hợp tác với ông ta vì nền Cộng hoà.

Roland lại ra đi. Đến Nantes, anh báo tin về. Đi tiếp đường La Roche-Bemard, tại đây, anh báo tin về lần nữa rồi đến làng Muzillac, thủ phủ của Morbihan, cách Vannes 22 km về phía đông, Cadoudal đang ở đó.

Chúng ta hãy thử vào làng trước Roland, lại gần túp lều thứ tư bên phải lối vào, hãy dán mắt qua khe cửa và nhìn thật kỹ.

Trước mặt chúng ta là một người đàn ông mặc quần áo giống như một phú nông ở Morbihan chỉ có điều, nó gắn thêm một dải màu vàng rộng bằng ngón tay thêu hình vòng, nhiều khuy trên áo và chóp mũ. Quần áo làm bằng vải ga màu xám cổ xanh.

Trên ghế có một thanh đòn kiếm, trên bàn có hai khẩu súng.

Cạnh lò sưởi, những khẩu pháo hai, ba nòng hắt ánh lửa đỏ rực.

Ông ta đang ngồi trước cái bàn có hai khẩu súng. Một ngọn đèn soi sáng khuôn mặt và mớ giấy tờ ông đang chăm chú đọc.

Đó là một khuôn mặt của người trạc ba mươi, nét mặt lộ rõ sự thẳng thắn tươi vui, mái tóc vàng bao lấy khuôn mặt, đôi mắt xanh mở to hoạt bát khi ông ta cười, đôi hàm răng trắng muốt lộ ra đều tăm tắp.

Người đàn ông này, giống như Du Guesclin, có cái đầu to và tròn. Chính vì vậy cái. tên tướng đầu tròn nổi tiếng hơn là cái tên Georges Cadoudal.

Georges là con trai của một chủ cối xay hạt Kerléano. Vừa tốt nghiệp xuất sắc ở trường Vannes thì những lời hiệu triệu khởi nghĩa vang khắp miền Vendée. Cadoudal hưởng ứng lời kêu gọi, tập hợp bạn bè, vượt qua sông Loire, lần đầu gia nhập đội quân của Stofflet.

Stofflet trước đây làm nghề canh gác vùng cấm săn của ngài Maulevrier và là người rất có định kiến. Ông ta không thích dân quý tộc lại càng ghét tư sản nên trước khi nhận Cadoudal, ông ta muốn phải mắt thấy tai nghe Cadoudal thể hiện.

Ngay hôm sau, Cadoudal vào cuộc. Khi nhìn ông bắn quân Xanh không nao núng, không trượt mục tiêu, Stofflet nói với ông BonChamps cạnh mình: -Nếu không viên đạn nào mang cái đầu tròn này di thì cái đầu này sẽ tiến xa cho mà xem.

Thế là từ lúc đó biệt hiệu đầu tròn gắn với ông. Georges chiến đấu ở Vendée rồi đến tận cuộc tháo chạy ở Savenay, khi mà một nửa quân sĩ còn trên chiến trận, số còn lại đổ gục như ngả rạ.

Sau ba năm chiến đấu phi thường, nổi tiếng gan dạ, ông trở lại Morbihan. Về đến quê hương, Cadoudal tự xây dựng đội quân của mình. Trở thành tướng quân được quân sĩ yêu mến, tuân lệnh, trung thành. Ông đã chứng minh cho lời tiên đoán của Stofflet, ông kế tiếp các tướng La Roche-Jacquelein, Elbée, BonChamps, Lescure, Charette và ngay cả Stofflet. Ông chiến thắng vinh quang hơn họ, mạnh hơn họ vì ông gần như là người duy nhất còn chống lại chính phủ của ngài Bonaparte, người mới trở thành Tổng tài được hai tháng và đang sẵn sàng đi Marengo.

Cách đây ba ngày, Cadoudal được tin tướng Brune, người thắng trận ở Alkmaar và Castricum, người cứu nước Hà Lan được thăng chức tướng quân. Tổng chỉ huy trưởng quân đội Cộng hoà miền Tây đã về đến Nantes và bằng mọi giá phải hạ ông, và quân Bảo hoàng của ông.

Về phần mình, bằng mọi giá ông cũng phải chứng tỏ mình không sợ hãi và sự gan dạ sẽ là vũ khí cuối cùng sử dụng để chống lại tướng Brune.

Trong lúc đang mải nghĩ xem phản ứng quân Cộng hoà sẽ như thế nào thì ông ngẩng đầu lên: hình như có tiếng ngựa phi nước đại đến. Kỵ sĩ là quân nhà vì anh ta dễ dàng đi qua các trạm gác mọc san sát từ La Roche-Bemard đến Muzillac. Viên kỵ sĩ dừng chân trước lều nơi Georges chờ trước lối vào.

-A! Branche-d Or – Cadoudal hỏi – Cậu từ đâu về thế?

-Từ Nantes, thưa tướng quân.

-Có tin gì không?

-Một sĩ quan tuỳ tùng của tướng Bonaparte đi với tướng Brune được giao nhiệm vụ đặc biệt gặp ngài.

-Gặp tôi?

-Vâng.

-Cậu biết tên anh ta chứ?

Roland de Montrevel.

-Cậu đã thấy anh ta chứ?

-Rõ như tôi thấy ngài vậy.

-Đó là người thế nào.

-Một chàng trai trẻ đẹp khoảng hai sáu hoặc hai bảy tuổi.

-Khi nào anh ta đến?

-Chắc sau tôi một hai tiếng.
-Cậu đã ra lệnh cho lính gác rút lui chưa?
-Rồi, anh ta sẽ đi lại dễ dàng.
-Quân Cộng hoà đang ở đâu?
-Ở La Roche-Bemard.
-Có bao nhiêu?
-Khoảng gần một nghìn.
Đúng lúc đó lại có tiếng vó ngựa vang lên.
-Ồ- Branche-d Or nói – Đã là anh ta ư? Không thể thế được!
-Không đâu, hình như người này đến từ phía Vannes.
Kỵ sĩ thứ hai bước vào như người thứ nhất, Cadoudal nhận ra anh ta.
-Coeur- de-Roi đó ư?
-Vâng, thưa tướng quân.
-Cậu từ đâu đến vậy?
-Từ Vannes nơi tướng quân phái tôi đến để canh chừng quân Xanh.
-Thế à họ sao rồi?
-Họ đang sắp chết đói. Để thu nhiều quân lương hơn, tướng Harty định đêm nay cướp kho Grand-Champ. Đích thân hắn sẽ chỉ huy, đội quân này chỉ có một trăm lính.
-Cậu có mệt không?
-Không bao giờ, thưa tướng quân.
-Còn ngựa của cậu?
-Nó sẽ mệt nhanh nhưng cũng phải bốn dặm nữa, chỉ cần hai tiếng nghỉ ngơi.
-Cho hai tiếng nghỉ và gấp đôi khẩu phần cỏ.
-Sẽ như vậy, thưa tướng quân.
-Trong hai tiếng nữa, anh sẽ xuất phát, hãy truyền lệnh của ta phái người đi cứu Grand-Champ ngay trong ngày.
Cadoudal ngừng lại để nghe ngóng.
-Lần này chắc là hắn. Ta nghe tiếng ngựa từ phía La Roche-Bemard.
-Là anh ta đấy.
-Anh ta là ai?– Coeur-de-Roi hỏi.
-Một người mà tướng quân đang đợi.
-Thôi các bạn, hãy để tôi một mình – Cadoudal nói – Cậu, Coeur-de-Roi, đến Grand-Champ càng nhanh càng tốt. còn cậu Branche-d Or, tập hợp ba mươi người ra sân cùng tôi để sẵn sàng báo tin đến mọi nơi. Nhắc người chuẩn bị đồ ăn tươm tất cho hai người.
-Ngài đi dâu, tướng quân?
-Không, tôi đón một người, nhưng anh ta sắp đến rồi. Nhanh lên đi đi, đừng để anh ta nhìn thấy anh.

Cadoudal vừa bước qua bậc cửa thì kỵ sĩ đã đi vào sân, dừng ngựa và đưa mắt nhìn quanh lưỡng lự.

-Ông ta ở đây, thưa ngài – Georges nói.

-Ngài muốn nói đến ai vậy? – Kỵ sĩ hỏi.

-Người ngài cần tìm.

-Sao ngài đoán là tôi đang tìm một ai đó?

-Chuyện ấy dễ thấy thôi.

-Thế tôi tìm ai?

Georges Cadoudal: -Không khó đoán đâu.

-Thế sao? – Người đàn ông trẻ ngạc nhiên.

Anh ta nhảy xuống ngựa loay hoay từn chỗ buộc dây cương.

-Cứ quàng dây lên cổ nó – Cadoudal nói – Lúc nào cần, ngài sẽ có nó, đừng lo. Ở Bretagne, không mất cái gì đâu vì ngài đang đứng trên đất của hoàng gia – Rồi chỉ tay vào phía cửa, anh ta nói tiếp – Cho phép tôi có vinh dự đón ngài trong tệ xá thanh đạm này, thưa ngài Roland de Montrevel. Đêm nay, chúng tôi chỉ có điện này để đón ngài thôi.

Khi chủ nhà gọi mình là Roland, vị khách không thể giấu nổi sự ngạc nhiên dù đã rất cố gắng tự chủ. Qua Georges, qua ngọn lửa đèn vừa châm, qua những gì quanh phòng, anh ta cố công vô ích đoán xem làm sao Georges đã được biết chuyện này.

Tuy nhiên, Roland cũng không tò mò quá, anh ngồi xuống ghế mà Cadoudal vừa chỉ.

-Đây là tổng hành dinh của các vị sao? – Roland hỏi.

-Đúng thế, thưa ngài.

-Tôi thấy nó có vẻ được canh gác thật đặc biệt – Roland nói và nhìn quanh.

-Ngài nói thế vì dọc dường từ La Roche-Bemard đến đây, ngài không gặp một ai chứ gì?

-Không một con mèo.

-Điều đó không có nghĩa là tuyến đường không có trạm gác – Georges vừa nói vừa cười.

-Thật lòng vẫn có lũ chim cú canh gác và hình như chúng bay từ cây này sang cây khác để dõi theo bước tôi.

-Đúng đấy! – Cadoudal đáp – Đó là những thành luỹ của chúng tôi, những thành luỹ rất tinh mắt vì chúng hơn hẳn con người có thể nhìn thấy ngay cả trong đêm.

-Nếu tôi không cẩn thận hỏi đường trước ở La Roche-Bemard, có lẽ tôi chẳng gặp được ai để chỉ lối cho tôi đến đây.

-Bất cứ nơi nào, ngài chỉ cần cất tiếng hỏi to: “Georges Cadoudal ở đâu?” thì sẽ có một giọng nói cất lên: “Thị trấn Muzillac, ngôi nhà thứ tư bên phải”. Ngài

không gặp một ai nhưng thưa đại tá, đã có hơn một nghìn năm trăm người biết ngài là Roland de Montrevel, sĩ quan tuỳ tùng của ngài Tổng tài thứ nhất.

-Nhưng nếu họ biết tôi là sĩ quan tuỳ tùng của ngài Tổng tài, làm sao hơn một ngàn năm trăm người ấy để tôi đi qua?

-Vì họ được lệnh không chỉ để ngài đi qua mà còn giúp đỡ ngài khi cần.

-Vậy là ngài đã biết tôi sẽ đến?

-Không những vậy, tôi còn biết vì sao ngài đến nữa.

-Vậy thì không cần tôi phải nói ra nữa.

-Có chứ, bởi lẽ điều ngài nói làm tôi rất thích nghe.

-Ngài Tổng tài Bonaparte muốn ngài ký hoà ước, nhưng là hoà bình toàn vẹn không phải nửa vời. Ngài Tổng tài đã ký với Đức cha Bemier, với Autichamp, Châtlllon và Suzannet rồi. Ngài Tổng tài thấy ái ngại cho ngài khi chỉ còn một mình ngài. Trước nay, ngài Tổng tài vẫn coi ngài là đối thủ Bảo hoàng gan dạ và bướng bỉnh. Chính vì thế, ngài Tổng tài phái tôi trực tiếp đến thương lượng. Điều kiện hoà bình của ngài là gì?

-Ồ! Rất đơn giản thôi – Cadoudal cười và nói – Chỉ cần Tổng tài nhường ngai vàng cho đức vua Louis XVIII, chịu làm nguyên soái trung tướng, chỉ huy quân đội, tôi sẽ giải giáp và trở thành lính đầu tiên cho ông ấy.

Roland nhún vai.

-Ngài biết điều đó là không thể. Ngài Tổng tài đã từ chối lời đề nghị này trước đây rồi. Thế thì tôi buộc phải tiếp chiến thôi.

-Bao giờ?

-Đêm nay. Ngài đến đây để dự cảnh này còn gì.

-Nhưng ngài biết rằng tướng Autichamp, Châtillon, Suzannete Và Đức cha Bemier cũng đã giải giáp rồi chứ?

-Họ là người miền Vendée, nhân danh Vendée, họ có thể làm gì mà họ muốn. Còn tôi là người Bretagne và là quân Bảo hoàng nhân danh người Bretagne và phe Bảo hoàng, tôi có thể làm bất cứ điều gì tôi muốn.

-Nhưng cuộc chiến này sẽ kết thúc bằng việc ngài hành hạ xứ sở của mình, phải không tướng quân.

-Đây là một cuộc tử vì dạo, tôi đã kêu gọi người Cơ đốc và người của hoàng gia.

-Tướng Brune đang ở Nantes, với hơn tám ngàn tù binh Pháp do Anh vừa trả về…

-Đó là may mắn của các vị đâu phải của chúng tôi, thưa đại tá. Quân Xanh đã dạy chúng tôi đừng bắt tù nhân. Còn về số lượng chúng tôi không có thói quen sợ đông, đó chỉ là chi tiết mà thôi.

-Nhưng chắc ngài cũng biết rằng nếu tướng Brune có tám nghìn tù binh cộng với hai mươi ngàn lính từ tướng Hédouvllle mà chưa đủ ngài Tổng tài sẽ điều

thêm một trăm nghìn binh lính nếu cần để san phẳng các vị.

-Chúng tôi rất biết ơn về sự đánh giá cao mà các vị dành cho – Cadoudal nói – chúng tôi sẽ cố gắng chứng tỏ mình xứng đáng chiến đấu với các ngài.

-Họ sẽ thiêu rụi các thành phố của ngài.

-Chúng tôi sẽ rút về lều.

-Họ cũng sẽ đốt các làng mạc.

-Vậy thì chúng tôi sẽ sống trong rừng.

-Ngài hãy suy nghĩ kỹ, thưa tướng quân.

-Hãy cho tôi hân hạnh được tiếp ngài hai mươi tư tiếng và ngài sẽ biết suy nghĩ của tôi.

-Nếu tôi chấp thuận?

-Nghĩa là ngài đã tử tế với tôi đó, đại tá. Chỉ có điều mong ngài đừng đòi quá những gì tôi có thể phục vụ ngài: đó là một mái rơm che đầu, một con ngựa và một giấy thông hành cho phép ngài ra đi.

-Tôi đồng ý.

-Hãy hứa đừng làm gì trái lệnh tôi đưa ra, đừng can thiệp vào những quyết định bất ngờ của tôi.

-Tôi rất tò mò muốn biết ngài làm điều đó như thế nào. Tôi hứa với ngài, tướng quân ạ.

-Trong con mắt của ngài, điều gì vừa diễn ra vậy? – Cadoudal hỏi nhấn.

-Điều gì ư, tôi từ bỏ vai trò diễn viên để rút xuống làm khán giả. Tôi muốn mình có thể nói với ngài Tổng tài rằng tôi đã thấy.

Cadoudal cười.

-Được rồi, ngài sẽ thấy.

Đúng lúc này, hai nông dân khiêng bàn ăn đến. Từ đó toả khói các món súp cải, thịt thỏ, một bình rượu chát mới lấy ở thùng, sóng sánh tràn giữa hai cái ly. Trên bàn bày hai bộ đồ ăn chứng tỏ có chủ ý mời khách.

-Ngài thấy chưa, ngài Montrevel – Cadoudal nói – Người của tôi muốn tôi hân hạnh dùng bữa cùng ngài đấy.

-Họ thật sáng suốt – Roland trả lời – Vì tôi đang đói mềm đây. Nếu ngài không mời, có lẽ tôi phải buộc ngài mời tôi mất.

Viên đại tá trẻ vui vẻ ngồi đối diện với vị tướng phe Bảo hoàng.

-Xin lỗi vì bữa ăn đạm bạc – Cadoudal nói – Tôi không có sơn hào hải vị như các tướng quân của ngài, thêm nữa chúng tôi còn đang đói khát do các ngài cắt nguồn sống của chúng tôi bằng việc treo cổ những nhân viên thu ngân đáng thương. Tôi có thể tranh cãi với ngài về chuyện nạy song tôi biết ngài không dùng mánh khoé cũng như không nói dối. Mọi việc đều diễn ra một cách trung thực, tôi không có gì phải phàn nàn. Thêm nữa, tôi còn phải cảm ơn ngài về khoản tiền các ngài gửi đến.

-Một trong những điều kiện mà tiểu thư Fargas đưa ra để giao cho các anh em là một khoản tiền gửi đích danh cho ngài.

-Ngài Tổng tài và tôi đã ký kết và chúng tôi giữ lời, có vậy thôi.

Candoudal khẽ nghiêng mình, ông ta thấy việc đó diễn ra hết sức tự nhiên. Rồi ông ta quay sang hai người Bretagne vừa khiêng bàn vào.

-Các anh cho chúng tôi ăn món gì kèm với những thứ này, Brisebleu?

-Thịt gà quay, thưa tướng quân.

-Thực đơn cho bữa tối đấy, đại tá Montrevel.

-Thế là cả bữa tiệc rồi. Tôi chỉ e một điều…

-Gì vậy?

-Đồ ăn thì không sao nhưng khi uống…

-À ngài không thích rượn chát chứ gì – Cadoudal nói – Nhưng thật tiếc chuyện này khó đấy. Tôi phải thú thực là chúng tôi chỉ có rượn chát và nước lã thôi.

-Không phải chuyện đó mà là chúng ta uống vì điều gì vậy?

-À ra vậy – Cadoudal vẫn nhã nhặn nói – Chúng ta uống vì bà mẹ chung của chúng ta. Nước Pháp! Chúng ta phục vụ nó vì chưng tư tưởng khác nhau nhưng tôi hy vọng là cùng một tình yêu như nhau.

-Vì nước Pháp. – Cadoudal nói và nâng ly lên.

-Vì nước Pháp. – Roland đáp rồi chạm ly rượn của Georges và cả hai hả hê ngồi xuống ăn món súp rau cải dù người già nhất trong số họ mới trạc ba mươi tuổi.

§5. Giăng bẫy

Thiết nghĩ, chúng ta sẽ không thể thoả mãn với ngần ấy miêu tả về con người Georges Cadoudal nếu như ông ta là một nhân vật chính của tác phẩm và chúng ta sẽ không sợ bị lặp chỉ khi chúng ta đã hiểu rõ con người phi thường ấy cũng như biết sự đánh giá cao mà ngài Bonaparte dành cho ông ta.

Chính vì vậy, chỉ qua thực tế, những khả năng của ông ta đối với một kẻ thù mới bộc lộ đó là khả năng ít ỏi biết đến, ngay cả bạn bè của ông ta.

Từ một nhà thờ vang lên tiếng chuông có giai điệu bản thánh ca Ave Manh cũng là lúc Cadoudal sai người dắt ngựa ra.

-Mười một giờ rồi- Cadoudal nói.

-Ngài biết là tôi vẫn nghe theo lệnh ngài – Roland đáp.

-Chúng ta phải đi một đoạn đường sáu dặm. Ngài cần nghỉ không?

-Tôi ư?

-Nếu có, ngài có thể ngủ thêm một tiếng nữa.

-Cảm ơn, tôi không cần.

-Vậy thì chúng ta sẽ đi khi nào anh muốn.

-Người của ông đâu?

-Người của tôi? Họ sẵn sàng rồi.

-Thế họ đâu? – Roland hỏi.

-Ở khắp nơi.

-Lạy Chúa, tôi muốn thấy họ!

-Ngài sẽ thấy họ.

-Nhưng khi nào?

-Khi ngài thấy dễ chịu. Người của tôi là những binh sĩ bí mật, họ chỉ lộ diện khi tôi ra hiệu.

-Tức là khi tôi rất muốn thấy?

-Ngài chỉ việc nói với tôi, tôi sẽ ra hiệu và họ xuất hiện.

Roland mỉm cười.

-Ngài không tin sao? – Cadoudal hỏi.

-Không hề mảy may… Chỉ có điều… Chúng ta đi thôi, tướng quân.

-Ta đi nào!

Hai con người trẻ tuổi khoác áo choàng và bước ra ngoài.

-Lên ngựa thôi – Cadoudal nói.

-Tôi dùng con ngựa nào đây? – Roland hỏi.

-Tôi chắc ngài sẽ yên tâm khi ngày mai trở về bằng con ngựa của mình sau khi nó được chăm sóc và nghỉ ngơi. Chính vậy, hôm nay tôi chọn hai con để

chúng ta đi. Ngài dùng con nào cũng được vì chúng khoẻ như nhau: Mỗi con đều có hai khẩu súng sản xuất từ Anh treo trong túi.

-Đã nạp đạn rồi chứ? – Roland hỏi.

-Rất cẩn thận, đại tá ạ. Đó là công việc tôi không tin tưởng ai và luôn tự làm.

-Vậy thì chúng ta lên ngựa thôi – Roland nói.

Cadoudal và Roland trèo lên yên đi về phía Vannes.

Branche-d Or, tham mưu trưởng quân đội, như cách gọi của Georges, đi sau họ chừng hai chục bước còn đội quân của Cadoudal hoàn toàn vô hình. Con đường thẳng hầu như vắng tanh.

Mới đi được khoảng nửa dặm, Roland sốt ruột hỏi.

-Đội quân quỷ quái của ngài đâu?

-Họ ư? Ở bên phải, bên trái, phía trước, đãng sau… khắp nơi.

-Đùa hay thật đấy? – Roland nói.

-Tôi không đùa đâu, đại tá. Ngài nghĩ tôi lại bất cẩn đi lang thang không đèn đuốc giữa đám người dày dạn kinh nghiệm và cảnh giác như đám lính quân đội Cộng hoà các ngài sao?

Roland in lặng một lát cuối cùng vẫn lắc đầu nghi hoặc.

-Ngài nói thì tôi tin, tướng quân ạ, tuy nhiên phải nói là tôi rất muốn thấy họ.

-Ngài muốn thấy tất cả hay một phần.

-Ngài có bao nhiêu quân đi cùng?

-Ba trăm.

-Vậy tôi muốn thấy một trăm năm mươi quân.

-Dừng lại! – Cadoudal hô.

Rồi đưa hai tay lên miệng, ông ta hú như tiếng mèo hoang, sau đó giả tiếng chim cú. Tiếng mèo hoang phía bên phải, tiếng chim cú phía tay trái.

Tiếng kêu vừa dứt, tức thì hai bên đường có những bóng người xuất hiện, họ vượt qua đường hào giữa con đường và vạt rừng thưa hai bên, đến xếp hàng hai bên Cadoudal.

-Ai chỉ huy cánh hữu? – Cadoudal hỏi.

-Tôi, thưa tướng quân – Một nông dân lại gần báo cáo.

-Anh là ai?

-Moustache.

-Ai chỉ huy cánh tả?

-Tôi, Chante-en-Hiver – Người thứ hai lại gần báo cáo.

-Anh chỉ huy bao nhiêu quân, Moustache?

-Một trăm, thưa tướng quân.

Còn anh, Chante-en-Hiver?

-Năm mươi.

-Vậy tổng cộng là một trăm năm mươi.

-Đúng thế – Cả hai đồng thanh trả lời.

-Đủ số ông yêu cầu chưa, đại tá? – Georges quay sang hỏi Roland.

-Ngài đúng là một phù thuỷ.

-Không phải! Tôi chỉ là một gã Bảo hoàng khốn khổ, một gã Bretagne bất hạnh như những người khác. Tôi chỉ huy một đội quân mà mỗi người trong số họ đều hiểu mình đang làm gì và mỗi trái tim đều đập vì hai lẽ: Tôn giáo và nền quân chủ – Rồi quay sang hai viên chỉ huy hỏi – Ai chỉ huy đội tiên phong?

-Fend-l Air – Cả hai cùng đáp.

-Còn hậu quân?

-La Gibeme.

-Vậy chúng tôi có thể yên tâm đi tiếp được chứ?

-Như ngài đi lễ nhà thờ trong làng, thưa tướng quân – Hai viên chỉ huy đáp…

-Chúng ta đi tiếp thôi – Cadoudal nói với Roland. Rồi quay sang quân sĩ của mình – Các anh có thể lui!

Ngay tức khắc họ nhảy qua đường hào rồi biến mất. Trong vài giây, người ta còn nghe những tiếng lá cây sột soạt, những tiếng bước chân sượt qua bụi rậm sau đó thì không gian lại lặng như tờ.

-Thế nào, – Cadoudal nói – Bây giờ ngài có cho rằng tôi còn sợ đám quân Xanh của ngài nữa chăng?

Roland thở dài. Anh ta thầm đồng tình với Cadoudal.

Họ tiếp tục con đường.

Cách La Trinité một dặm, họ thấy một bóng đen to dần. Đột nhiên bóng đen đứng sững lại.

-Cái gì đấy? – Roland hỏi.

-Đó là một người – Cadoudal nói.

-Tôi biết, nhưng là ai mới được?

-Với dáng vẻ vội vàng thế kìa, chắc ngài cũng đoán được đó là giao liên.

-Sao anh ta dừng lại?

-Vì anh ta nhìn thấy ba người đi ngựa. Anh ta không biết nên tiến hay lùi.

-Anh ta sẽ làm gì?

-Chờ xem sao rồi mới quyết định.

-Chờ cái gì?

-Thì tín hiệu chứ gì nữa.

-Anh ta sẽ đáp lại tín hiệu à?

-Không chỉ đáp lại mà còn tuân lệnh. Ngài muốn anh ta tiến, lùi hay nấp sang bên cạnh?

-Tôi muốn anh ta tiến lên. Tôi muốn biết anh ta truyền tin gì.

Viên tướng Bretagne bắt chước tiếng chim cu giống đến nỗi Roland tưởng tiếng chim thật đưa mắt nhìn quanh.

-Là tôi đấy, đừng tìm nữa – Cadoudal nói.

-Anh lính kia sẽ đến chứ?

-Không phải sẽ mà đã đến rồi.

Quả đúng vậy. Người đưa tin chỉ mất vài giây đã đến gần tướng Cadoudal.

Monte-à-l Assaut đấy ư?

Viên tướng cúi xuống Monte-à-l Assaut nói thầm vài câu vào tai anh.

-Tôi đã được Bénédicité báo rồi. – Georges nói.

Sau vài câu trao đổi với Monte-à-l Assaut, Cadoudal bắt chước tiếng chim cu gáy hai lần và một lần tiếng chim cú. Một lát sau, ba trăm quân đã tập trung quanh ông.

-Chúng ta đang đến gần rồi – ông nói với Roland – Chúng ta phải rời đường lớn.

Họ đi qua cánh đồng phía dưới làng Trédion, sau đó sẽ về phía Treméan để lại vannes phía trái. Nhưng thay vì đi vào làng, họ lại tiến đến bìa cánh rừng nhỏ trải dài từ Grand-Champ đến Larré.

Từ lúc họ rời đường cái, binh sĩ tiến sát Cadoudal hơn. Trước khi đi tiếp, ông có vẻ muốn nghe ngóng tin tức.

Một luồng sáng mờ dọi đến từ phía Treméan và Saint-Nolff.

-Đó là những tia sáng bình minh nhưng làn hơi ẩm bốc từ đất lên quá dầy khiến người ta chỉ nhìn được xa khoảng vài chục bước.

Đột nhiên, một tiếng gà gáy cất lên cách đó khoảng năm trăm bước. Georges vểnh tai nghe, số lính Bảo hoàng vừa cười vừa đưa mắt nhìn nhau. âm thanh lại vang lên lần thứ hai, lần này có vẻ gần hơn.

-Là anh ta đấy, hãy đáp lại đi – Cadoudal nói.

Một tràng tiếng hú giống tiếng chó vang lên cách Roland chỉ ba bước. Tiếng bắt chước hoàn hảo đến mức dù Roland đã biết trước vẫn đưa mắt nhìn quanh xem con vật kêu rợn rợn ấy ở đâu.

Cùng lúc đó, người ta thấy một cái bóng động đậy trong lớp sương mù. Cái bóng tiến nhanh về phía Cadoudal. Cadoudal tiến lên ba bước đưa ngón tay lên môi ra hiệu nói khẽ.

-Thế nào, Fleus-d Epine – Cadoudal hỏi – Chúng ta bắt được chúng chứ?

-Như lũ chuột trong bẫy không tên nào thoát về Vannes được nếu ngài muốn, thưa tướng quân.

-Tôi không mong gì hơn. Chúng có bao nhiêu?

-Một trăm tên, do đích thân tướng Harty chỉ huy.

-Bao nhiêu xe?

-Mười bảy.

-Có xa đây không?

-Gần ba phần tư dặm.

-Họ đi theo đường nào?

-Đoạn từ Grand-Champ đến Vannes.

-Phải thế chứ.

Cadoudal gọi bốn trung uý Branche-d Or, Monte-à-l Assaut, Fend-l Air và Gibeme. Khi họ lại gần, ông giao mỗi người một nhiệm vụ. Họ lần lượt bắt chước tiếng chim cú rồi cùng năm mươi lính xuất phát.

Sương mù ngày càng dày đặc. Những toán lính mới đi được vài mươi bước đã mờ đi như những cái bóng.

Cadoudal còn lại hơn trăm quân cùng Fleur-d Epine.

-Này tướng quân – Roland hỏi khi thấy Cadoudal quay lại – Mọi việc đều diễn ra như ý ngài chứ?

Gần như vậy – Cadoudal đáp – Chỉ nửa giờ nữa. ngài sẽ tự mình chứng kiến.

-Chắc không đâu nếu sương tiếp tục thế này.

Cadoudal nhìn quanh.

-Nửa tiếng nữa, sương sẽ tan hết. Nhân nửa tiếng chờ đợi này ngài ăn chút gì và uống vài ly buổi sáng chứ?

-Thưa tướng quân, kỳ thực phải đi suốt năm, sáu tiếng tôi cũng thấy đói – Roland đáp.

-Còn tôi – Georges nói – Thú thật tôi có thói quen trước khi lâm trận đi xa, tôi phải đánh một bữa thật no nê.

-Ái chà! – Roland kêu lên – Các vị sắp đánh nhau sao?

-Tôi đến đây vì thế mà. Do phải đụng độ quân Cộng hoà của các vị và với đích thân tướng Harty nên tôi chắc họ không thể không kháng cự.

-Người phe Cộng hoà có biết họ sắp đánh nhau với ngài không?

-Họ không biết gì cả.

-Các ông đánh tập kích họ sao?

-Cũng không hẳn vì, như tôi đã nói, trong hai mươi phút nữa sương mù tan, họ cũng nhìn thấy chúng tôi như chúng tôi thấy họ vậy. Này Brise-bleu, anh có gì cho chúng tôi ăn không?

Viên sĩ quan Bảo hoàng này có lẽ chuyên phụ trách quân nhu nên gật đầu rồi lấy rượu và hai giỏ thức ăn. Chỉ trong giây lát, anh này trải chiếc áo khoác xuống đất bày ra một con gà quay, một ít thịt muối, bánh mỹ, bánh đũa, một chai rượu vang cùng một cái ly.

-Ngài thấy chưa – Cadoudal nói với Roland.

Roland không chờ mời mọc thêm. Anh nhảy xuống ngựa, trao dây cương cho một lính Bảo hoàng. Cadoudal cũng làm tương tự.

-Bây giờ – Cadoudal nói với quân sĩ của mình – Các anh có hai mươi phút để làm như chúng tôi. Ai không ăn xong trước hai mươi phút sẽ phải chiến đấu với cái bụng rỗng.

Phải nói rằng mỗi người linh chỉ chờ có thể để lấy từ túi của mình một mẩu bánh mỳ, một cái bánh đũa, một ít thịt gà quay và thịt muối rồi ăn như tướng quân và vị khách nọ.

Vì có một cái ly, nên hai người uống chung. Trời sáng dần trong khi họ ăn uống bên nhau. Nhìn họ giống như những người bạn đang chuẩn bị một chuyến đi săn tập thể.

Như Cadoudal dự báo, càng lúc, sương mù càng tan nhanh, trên đoạn đường từ Grand-Champ đến Plescop, người ta nhìn rõ một dãy xe lương qua vạt rừng thưa. Chúng đứng bất động và ai cũng hiểu đã có vật cản phía trước.

Quả nhiên cách chiếc xe đầu tiên chừng ba phần tư dặm là hai trăm lính Bảo hoàng của Monte-à-l Assaut, Fend-l Air, Chante-en-Hiver và Gibeme đang chặn đón đầu.

Với quân số ít hơn, chỉ chưa đầy một trăm, đội lính phe Cộng hoà đang đứng sát sạt chỉ chờ sương mù tan hẳn để xem quân địch là ai và có bao nhiêu tên.

Vừa nhìn thấy số quân ít ỏi mang quân phục màu xanh da trời bị bao vây bởi lực lượng gấp ba lần, Roland dừng bật dậy trong khi Cadoudal vẫn ung dung ngồi ăn nốt khẩu phần của mình.

Roland chẳng cần nhìn lâu cũng biết quân Xanh thua.

Cadoudal quan sát những sắc thái tình cảm lần lượt thay đổi trên mặt anh ta.

-Thế nào – ông ta hỏi Roland sau một lúc im lặng để cho anh này đánh giá tình hình – Ngài có thấy thế thượng phong của chúng tôi chưa, đại tá?

-Tướng quân, ngài vẫn có thể nói ra sự phòng ngừa của mình cơ mà, việc gì phải thế này – Roland nói kèm theo một nụ cười nhạo.

-Chẳng phải ngài Tổng tài cũng vẫn có thói quen giành lấy ưu thế khi có cơ hội là gì?

Roland cắn môi suy nghĩ.

-Thưa tướng quân – Anh ta nói – Tôi có một diều muốn thỉnh cầu ngài và tôi hy vọng ngài sẽ không từ chối.

-Điều gì vậy?

-Đó là cho phép tôi đi chiến đấu cùng đồng đội của mình.

-Tôi cũng lường trước yêu cầu này – Cadoudal đáp.

-Như vậy là ngài đồng ý? – Roland hỏi mắt sáng lên.

-Đúng, nhưng trước tiên tôi có một yêu cầu – Viên chỉ huy quân Bảo hoàng nói tướng giọng hết sức trịnh trọng.

-Ngài hãy nói đi.

Rồi Roland chờ đợi với phong thái không kém phần nghiêm túc và kiêu hãnh so với Cadoudal.

Một nước Pháp già nua và một nước Pháp trẻ tuổi đang tập trung trong hai con người này.

§6. Cuộc chiến một trăm

Roland đứng im nghe.

-Yêu cầu mà tôi muốn là ngài trở thành sứ giả chuyển lời của tôi đến tướng Harty.

-Với mục đích gì?

-Tôi muốn đề nghị một số điều với ông ta trước khi bắt đầu cuộc chiến.

-Tôi dám hỏi – Roland nói – là trong số những đề nghị mà ngài định nhờ tôi không có đề nghị nào yêu cầu ông ta hạ vũ khí chứ?

-Ngược lại, thưa đại tá. Ngài cũng hiểu tình thế bây giờ rồi đấy.

-Tướng Harty sẽ từ chối – Roland nói và nắm chặt tay lại.

-Có thể – Cadoudal bình thản trả lời.

-Vậy thì sao?

-Thì tôi sẽ cho ông ta lựa chọn hai cách khác để ông ta thoải mái đồng thuận mà không ảnh hưởng đến danh dự và phương hại đến tiếng tăm của mình.

-Tôi có thể biết cách ấy là gì không? – Roland hỏi.

-Ngài sẽ lần lượt biết. Hãy chuyển thật tốt thông điệp đầu tiên đi đã.

-Đó là gì?

-Tướng Harty và một trăm quân của ông ta đang bị bao vây bằng lực lượng đông gấp ba lần, chính ngài cũng biết và có thể nói cho ông ta biết. Tôi sẽ dành cho họ con đường sống nhưng họ phải hạ vũ khí và thề không chống lại miền Vendée hay Bretagne trong vòng 5 năm.

-Thông điệp vô ích – Roland nói.

-Như thế còn hơn bị hạ, cả ông ta và quân của mình.

-Được thôi, nhưng ông ta vẫn thích bị hạ và hạ những người khác cùng với mình hơn.

-Trước tiên, sẽ tốt hơn nếu ngài chuyển lời cho.

-Được thôi, ngựa của tôi đâu?

Người ta dắt ngựa ra Roland lên ngựa phi nhanh về phía đoàn quân bị chặn.

Tướng Harty vô cùng ngạc nhiên khi thấy một sĩ quan mặc quân phục phe Cộng hoà mang lon đại tá đang phi ngựa đến.

Roland đến trước mặt tướng Harty, anh kể vì sao mình lại có mặt trong đám quân Trắng và cuối cùng chuyển lời đề nghị của Cadoudal.

Như Roland tiên đoán, viên tướng từ chối.

Roland lại phi nước đại về phía Cadoudal.

-Ông ấy từ chối – Anh kêu to để Cadoudal nghe được từ xa.

-Nếu thế hãy chuyển lời đề nghị thứ hai của tôi: tướng Harty sẽ cưỡi ngựa ra gặp tôi ở chỗ giữa hai đạo quân. Ông ta có thể mang gươm và súng. Sau đó

chuyện sẽ được hai chúng tôi quyết định. Nếu tôi hạ ông ta, quân của ông ta sẽ phái rút lui và năm năm tới không được chống lại chúng tôi, tôi không muốn bắt ai làm tù binh, ngài biết đấy. Còn nếu ông ta hạ tôi, đội quân của ông ta sẽ được mang quân lương cướp được ra đi. Tôi hy vọng với lời đề nghị này, ngài sẽ chấp nhận chứ, đại tá?

-Không cần bàn nữa, tôi chấp nhận – Roland nói.

-Phải rồi, nhưng ngài không phải là tướng Harty. Hãy đảm nhiệm vai trò sứ giả của mình đi. Còn nếu đề nghị này vẫn chưa làm ông ta hứng thú – Nếu tôi ở vị trí của ông ta tôi sẽ không bỏ lỡ đâu – thì ngài hãy quay lại đây, vì tôi là người hào hiệp, tôi sẽ có lời đề nghị thứ ba.

Roland lại phóng ngựa đi. Tướng Halty và đội quân Xanh đang sốt ruột chờ anh quay lại.

-Đại tá – Viên tướng nói – tôi là người chịu trách nhiệm trước ngài Tổng tài, còn ngài là sĩ quan tuỳ tùng của ông ấy. Tôi phiền ngài làm chứng cho tôi khi ngài về Paris. Ở vị trí của tôi, ngài sẽ làm gì? Ý ngài thế nào, tôi theo thế ấy.

Roland khẽ rùng mình. Một biểu hiện nghiêm túc xuất hiện trên gương mặt anh. Anh đang suy nghĩ. Một lát sau, anh nói: -Thưa tướng quân, tôi từ chối.

-Nói cho tôi biết tại sao. Để tôi xem có trùng với suy nghĩ của tôi không.

-Bởi vì cơ may cho việc đấu súng là năm mươi – năm mươi. Ngài không thể đặt tính mạng của một trăm con người này vào cơ may ấy. Trong trường hợp như thế này, chỉ có chiến đấu hết mình, mọi người đều hết sức để tự cứu mới là thượng sách.

-Đó là ý của anh ư, đại tá?

-Vâng, trên danh dự của tôi.

-Tôi cũng nghĩ như vậy. Hãy mang câu trả lời của tôi đến viên tướng Bảo hoàng đi.

Roland lại nhanh nhẹn trở về phía Cadoudal như lúc trước.

Ông này mỉm cười khi biết câu trả lời của viên tướng phe Cộng hoà.

-Tôi biết mà… – ông ta nói.

-Làm sao ông biết được khi đó là ý của tôi khuyên ông ấy?

-Tuy nhiên ngài cũng đổi ý nhanh đấy chứ, đại tá?

-Đúng vậy. Ngài quả có lý khi nói tôi không phải là tướng Harty. Vậy đề nghị thứ ba là gì? – Roland rốt ruột nói khi nhận ra từ lúc đầu thương lượng đến giờ, Cadoudal luôn chiếm thế chủ động.

-Đó là lệnh của tôi cho rút bớt quân của mình. Tướng Harty có một trăm quân, tôi cũng chỉ giữ lại một trăm. Các nhà quý tộc, những người Bretagne từ cuộc chiến ba mươi năm đến nay luôn quen đấu một chọi một hoặc một chọi bốn chứ không bốn đánh một. Nếu tướng Harty chiến thắng, ông ta sẽ bước qua xác quân đội về Vannes mà không phải lo số quân còn lại nhảy vào ứng chiến. Còn

nếu ông ta thua, ông ta không thể nói chúng tôi ỷ thế đông. Ngài Montrevel, hãy đi đi và ở bên những người bạn của mình. Tôi cho ngài ưu thế hơn chúng tôi về số quân vì chỉ mình ngài cũng bằng mười người của chúng tôi.

Roland ngả mũ.

-Ngài muốn nói điều gì ư? – Cadoudal hỏi.

-Tôi có thói quen chào những ai mà mình cho là vĩ đại, và tôi muốn chào ngài.

-Đại tá – Cadoudal nói – Một ly cuối cùng nhé. Mỗi người trong chúng ta sẽ uống vì điều mình thích, điều mình phải từ giã trên cõi đời này và những gì ta hy vọng tìm lại được trên đời.

Ông cầm chiếc ly duy nhất, rót nửa ly rồi đưa cho Roland.

-Chúng ta chỉ có một chiếc ly. Ngài uống trước đi.

-Tại sao?

-Trước tiên vì ngài là khách của tôi. Sau nữa có một câu châm ngôn nói rằng ai uống sau sẽ đọc được ý nghĩa của người uống trước. Tôi muốn biết ngài nghĩ gì.

Roland uống cạn một hơi rồi trả lại ly cho Cadoudal. Người này cũng uống cạn nửa ly do mình tự rót: -Thế nào, bây giờ ngài biết tôi nghĩ gì chưa? – Roland hỏi.

-Hãy giúp tôi đi? – Cadoudal vừa nói vừa cười.

-Nếu vậy, suy nghĩ của tôi là ngài là một người can đảm, rộng lượng. Tôi sẽ rất vinh dự nếu trong lúc chiến đấu, ngài chìa tay cho tôi.

Quả thật hai người đang bắt tay nhau, họ như những người bạn sắp chia tay chứ không phải hai kẻ thù sắp lao vào cuộc quyết tử. Những gì vừa diễn ra là một sự vĩ đại giản đơn nhưng cũng đầy chất tráng ca. Sau đó họ chào nhau theo kiểu nhà binh.

-Chúc may mắn! – Roland nói với Cadoudal – Nhưng cho phép tôi được tiết lộ, điều tôi vừa nói là câu nói đầu môi không phải xuất phát từ đáy lòng đâu.

-Chúa phù hộ cho ngài, ngài Montrevel – Cadoudal nói – và tôi cũng hy vọng điều may mắn ngài vừa chúc tôi sẽ trở thành hiện thực vì tôi hoàn toàn nghĩ như vậy.

-Khi nào chúng tôi biết các vị đã sẵn sàng? – Roland hỏi.

-Khi có một phát đạn bắn lên.

-Được rồi.

Roland đáp rồi phi ngựa lần thứ ba về phía khoảng không gian giữa quân Bảo hoàng và quân cách mạng. Trong lúc đó, Cadoudal chỉ tay về phía anh.

-Hãy nhớ kỹ người thanh niên kia. – ông ta nói với quân của mình.

-Vâng thưa tướng quân.

-Hãy thề trên linh hồn cha mẹ các anh rằng mạng sống của anh ta phải được đảm bảo. Các anh có thể bắt anh ta nhưng phải còn sống không để mất sợi tóc nào đấy.

-Tuân lệnh, thưa tướng quân – Người Bretagne đáp gọn.

-Còn bây giờ, hỡi các anh em chiến hữu? – ông cất cao giọng – Hãy nhớ các người là con trai của ba mươi anh hùng đánh gục ba mươi quân Anh các đây chỉ mười dặm! Cha ông ta đã trở thành bất tử với trận chiến Ba mươi, giờ đây chúng ta noi gương họ với trận đấu Một trăm này.

-Bất hạnh thay – ông hạ giọng nói thêm – Lần này không phải chúng ta đánh nhau với quân Anh mà đánh với những người anh em của mình.

Sương mù đã tan, những tia nắng mặt trời đầu tiền khoác lên miền đồng bằng Plescơp bộ mặt vàng nhạt. Bây giờ người ta có thể quan sát nhất cử nhất động của hai đội quân.

Khi Roland quay về phe Cộng hoà cũng là lúc Branche-d Or phi nước dại tiến lên và chỉ để lại trước mặt tướng Harty và quân Xanh viên chỉ huy Cadoudal cùng một trăm quân Trắng.

Hai toán quân thừa rút về phía Plumergat và Saint-Avé. Con đường trở nên thông thoáng xong việc, Branche-d Or tiến về phía Cadoudal.

-Xin chờ lệnh tướng quân.

-Hãy lấy tám người và theo tôi. Khi anh thấy người thanh niên ban nãy ngã ngựa, các anh hãy xông vào bắt anh ta trước khi anh ta kịp thoát.

-Xin tuân lệnh.

-Chắc các anh biết tôi muốn anh ta bình yên vô sự chứ?

-Vâng, thưa tướng quân.

-Hãy chọn người đi và tuỳ nghi hành động.

-Thế nếu anh ta không chịu im một chỗ?

-Hãy làm sao đừng để anh ta thoát, giữ anh ta đến cuối trận.

Branche-d Or thở dài: -Như thế thì buồn quá khi phải ngồi một chỗ trong lúc mọi người đang chiến đấu.

-Chúa lòng lành – Cadoudal nói – Hãy đi đi, ai cũng có việc của mình. Nhìn kìa, quân Cộng hoà đã dàn trận rồi. Đưa súng đây!

Cadoudal cầm súng và siết cò từ phía quân Cộng hoà vang lên tiếng trống trận. Cadoudal đứng hẳn trên yên cương nói to: -Hỡi anh em binh sĩ, tất cả mọi người đã cầu nguyện buổi sáng chưa?

Hầu như mọi người đều đáp "Rồi, rồi!"

-Nếu ai chưa kịp hoặc quên thì hãy cầu nguyện đi.

Năm sáu lính quỳ gối xuống và cầu nguyện.

Tiếng trống càng lúc càng đến gần.

-Tướng quân! Tướng quân! – Nhiều giọng nói sốt ruột vang lên – Chúng đến gần rồi!

Viên tướng dang tay chỉ vào những người linh Bảo hoàng đang quỳ.

-Sắp đến rồi – Những người sốt suốt lại nhắc.

Số lính cầu nguyện lần lượt đứng dậy. Quân Cộng hoà đi được một phần ba khoảng cách giữa hai đạo quân thì người cuối cùng đứng lại. Họ dàn thành ba hàng, mỗi hàng khoảng ba mươi người các sĩ quan đi hậu quân. Roland đi đầu hàng thứ nhất.

Tướng Harty đi giữa hàng quân thứ nhất và thứ hai và chỉ mình ông ta cưỡi ngựa.

Bên phe Bảo hoàng cũng chỉ Cadoudal cưỡi ngựa.

Branche-d Or đã buộc ngựa của mình vào gốc cây để cùng tám người lính thực hiện nhiệm vụ bắt sống Roland.

-Thưa tướng quân: Branche-d Or nói – Mọi người đã cầu nguyện xong cả rồi.

Cadoudal nhìn lại xem đúng không, sau đó ông hô to: -Tiến lên, dàn quân ra!

Khẩu lệnh vừa dứt, đội quân Bảo hoàng toả ra kèm theo những tiếng hô vang "Đức vua vạn tuế!" Họ dùng một tay vẫy mũ, tay kia lắc súng trường.

Chỉ có điều thay vì đứng sát nhau như quân Cộng hoà, họ toả rộng ra các phía xung quanh Georges, để ông ở trung tâm…

Chờ quân Cộng hoà đến gần hơn, những loạt đạn bắt đầu vãi ra. Hầu như tất cả lính của Cadoudal đều là thợ săn trộm, tức là những tay bắn tỉa thiện xạ. Thêm vào đó, họ được trang bị những khẩu cạc bin của Anh có phần trữ đạn dài gấp đôi loại súng trường thông thường.

Dù quân Bảo hoàng, người nổ súng trước có vẻ xa ngoài tầm dạn nhưng vẫn có vài người ngã xuống, quân Cộng hoà cũng vậy.

-Tiến lên – Tướng Harty hét to.

Lính của ông ta tiếp tục tiến lên thành hàng nhưng vài giây sau, họ không thấy ai trước mặt nữa.

Một trăm lính của Cadoudal đã biến mất. Họ tản ra hai cánh thành những vị trí bắn tỉa. Tướng Harty cứ mải ra lệnh quay phải, quay trái sau đó người ta chỉ thấy ông hô gọn: -Bắn.

Nhưng không kết quả. Quân Cộng hoà bắn vào những người riêng lẻ trong khi quân Bảo hoàng bắn vào một khối người tập trung.

Roland nhận ngay ra thế bất lợi. Anh nhìn quanh, giữa làn khói anh phát hiện ra Cadoudal đứng im bất động như một pho tượng. Người chỉ huy phe Bảo hoàng đang chờ anh. Roland hét lên rồi lao thẳng về phía Cadoudal.

Về phần mình, để tiết kiệm đoạn đường, Cadoudal phi ngựa đón đầu, song cách Roland năm chục bước, ông ta dừng lại.

-Chú ý đấy! Ông ta nói với Branche-d Or và toán lính.

-Xin tướng quân yên tâm. Chúng tôi đang ở đây – Branche-d Or đáp.

Cadoudal rút súng lục từ hai bên sườn ra nạp đạn còn Roland đưa gươm lên cặp vào nách, cúi thấp người xuống nạp đạn. Khi chỉ còn cách Roland hai chục bước, Cadoudal chầm chậm giang tay chĩa súng về phía anh ta.

Còn chục bước, ông nổ súng.

Con ngựa mà Roland mới trèo lên bị viên đạn găm vào giữa trán. Nó đổ sụp xuống cùng người kỵ sĩ lăn tròn dưới chân Cadoudal. Anh ôm chặt thân ngựa của mình nhảy vượt qua chướng ngại vừa đổ. Branche-d Or và đám lính đã sẵn sàng. Họ chồm lên như bầy báo gấm xông về phía Roland. Roland chưa kịp thả gươm để rút súng thì hai người đàn ông đã ghì chặt tay, người khác kéo chân anh ra khỏi bàn đạp yên cương ngựa. Mọi việc diễn ra nhịp nhàng cứ như đã tập sẵn từ trước.

Roland gào lên giận dữ, Branche-d Or lại gần ngả mũ xuống tay.

-Ta không đầu hàng đâu – Roland kêu to.

-Ngài đầu hàng cũng vô ích, thưa ngài Montrevel – Branche-d Or lịch sự đáp.

-Tại sao? – Roland hỏi lại, mệt mỏi, kiệt sức trong cơn chống trả vô vọng.

-Vì ngài đã bị bắt. Sự thật hiển nhiên không còn gì để nói.

-Thế thì giết ta đi! – Roland kêu lên.

-Chúng tôi không muốn giết ngài.

-Thế các người muốn gì?

-Muốn ngài hứa không tham gia vào cuộc chiến này, như thế chúng tôi sẽ thả ngài ra và ngài được tự do.

-Không đời nào? – Roland cương quyết.

-Xin thứ lỗi thưa ngài Montrevel, Branche-d Or nói – Điều ngài vừa làm là không hợp lẽ.

-Không hợp lẽ! Đồ khốn! Mày chửi tao vì mày biết tao không thể tự vệ cũng không thể trừng trị mày chứ gì?

-Tôi không phải là đồ khốn và tôi cũng không chơi ngài. Chỉ có điều chỉ cần ngài hứa không tham gia trận này, chúng tôi sẽ không phải mất chục người ngồi cạnh ngài trong khi chúng tôi có thể có ích ngoài kia. Đó không phải cách tướng Đầu tròn cư xử với ngài. Ông ấy có ba trăm người hơn các vị nhưng đã cho rút bớt. Bây giờ chúng tôi lại chỉ còn chín mươi mốt chọi một trăm.

Một ngọn lửa bừng bừng trên khuôn mặt Roland nhưng sắc mặt đỏ ấy chuyển ngay sang tái mét.

-Có lý. Dù thế này hay thế khác, tôi đành chịu theo. Hãy đi chiến đấu với bạn của các người đi.

Đám lính Bảo hoàng kêu lên vui sướng thả vội Roland rồi chạy ra đám đông vừa vẫy mũ và súng vừa hô to "Đức vua vạn tuế!"

§7. Quân Trắng và quân Xanh

Roland được thả ra, anh dừng một lúc, tự do nhưng bị tước hết vũ khí: Khí giới bị mất lúc ngã, tinh thần bị lời hứa kìm hãm. Anh đành ngồi xuống gò đất nhỏ vẫn còn trải chiếc áo choàng khi ăn lúc nãy. Từ đây, anh có thể quan sát toàn bộ diễn biến trận chiến. Nếu như đôi mắt anh không cay xè vì uất ức thì có lẽ anh không để mất một chi tiết nào.

Cadoudal vẫn trên lưng ngựa, giữa một vùng lửa khói, giống như một bóng ma, không thể bị thương, kiên trì dai dẳng.

Dần dần, Roland đã nhìn rõ hơn: Ngọn lửa tức giận đã xua tan nước mắt hổ thẹn. Giữa đám lúa mì xanh non mới nhú, anh thấy hơn chục xác lính Bảo hoàng nằm lăn lóc Những quân Cộng hoà đang dồn lại thành khối trên đường còn thiệt hại gấp đôi. Những người bị thương lảo đảo trong không gian trống rỗng lại vùng lên như con rắn bị nghiến. tiếp tục chiến đấu. Lính Cộng hoà dùng lê, quân Bảo hoàng lại dùng dao.

Những kẻ bị thương nặng không đủ sức đánh giáp mặt thì quỳ xuống nạp đạn, siết cò rồi đổ vật xuống.

Từ hai phía, sự chống trả đều quyết liệt, dai dẳng. Người ta cảm nhận rằng cuộc nội chiến tức là thứ nhẫn tâm, vô ơn, vô cảm – đang xới dậy lòng căm thù trên khắp chiến trường.

Cách đó hai chục bộ, Cadoudal xoay người rất lẹ trên lưng ngựa bằng sự linh cảm tài tình và đang nhả đạn. Lúc ông ta dùng súng lục, khi lại bắn hai phát súng trường. Hết đạn, ông quẳng súng cho một quân lính Bảo hoàng để nạp đạn rồi lại tiếp tục.

Mỗi phát đạn lại có một người đổ xuống, lần thứ ba, người lãnh đạn là tướng Harty ông này biến mất trong đám lửa và khói. Người ta thấy ông và con ngựa đổ xuống như thể cả hai đều bị sét đánh. Hơn chục lính Cộng hoà nhào đến nhưng cũng có ngần ấy lính Bảo hoàng chặn đánh.

-Đó là một cuộc chiến kinh hoàng, mặt đối mặt, một chọi một và cuối cùng đám lính Bảo hoàng dùng dao có phần chiếm ưu thế.

Đột nhiên Cadoudal đứng thẳng dậy, mỗi tay cầm một súng lục sẽ có hai mạng người và hai người đổ xuống. Khoảng ba chục lính Bảo hoàng bám theo ông ta tạo thành một góc nhọn mà ông ta ở đỉnh góc. Cadoudal nhận một cây súng trường và sử dụng nó như một cái chuỳ.

Cứ mỗi phát đạn Cadoudal lại hạ một người. Ông ta đã chọc thủng trán dẫn đầu. Rồi sau đó, giống như một con lợn rừng lao vào kẻ thợ săn đã bị ngã nhào, dùng răng nanh của nó chọc thủng một vết thương rồi khiến nó toác ra.

Tướng Harty tập hợp khoảng hai chục quân dùng lưỡi lê chọc thủng một đoạn vây, chạy bộ dẫn đầu tốp lính với bộ quần áo tả tơi máu từ hai vết thương chảy mãi, con ngựa của ông ta cũng bị đâm chết Khoảng mười người trong số họ đã ngã trước khi phá được vòng vây, nhưng những Cadoudal đã kêu to như sấm.

Lẽ ra không để hắn thoát vây, nhưng đã qua được rồi thì để cho hắn qua.

Quân Bảo hoàng tuân theo lệnh chỉ huy của mình, không ai đuổi theo nữa.

-Tất cả dừng bắn – Cadoudal kêu to – Không giết ai, không bắt tù binh! Lập tức cuộc giao tranh chấm dứt.

Quân Bảo hoàng tập hợp lại đi khiêng những người đã chết, một vài người bị thương nằm cạnh những thây ma của cả hai bên.

Thông thường, trong những cuộc đụng độ khủng khiếp thế này, đầu hàng vẫn chưa phải kết thúc. Người ta vẫn giết tiếp những tù binh. Về phía quân Xanh, họ coi quân Bảo hoàng là bọn cướp bóc vô lại nên giết không tha tù binh, còn về phía quân Trắng, họ không biết phải làm gì với quân Cộng hoà nên cũng đành nổ súng vào tù binh.

Nhưng quân Cộng hoà đầu hàng ném súng ra xa. Khi địch thủ lại gần họ giơ túi đạn lên: Mọi túi đạn đều trống rỗng.

Cadoudal tiến về phía Roland.

Trong suốt cuộc giao tranh đẫm máu, chàng trai này vẫn ngồi im một chỗ, mắt nhìn trân trân vào trận chiến, tóc bết mồ hôi, ngực nghẹn ngào chờ đợi. Rồi anh đã thấy kết cục trái với mong muốn.

Anh đưa tay ôm đầu gục xuống đất.

Cadoudal lại gần nhẹ nhàng đến mức Roland không nghe tiếng chân của ông ta. Khi chàng sĩ quan ngẩng đầu lên, hai hàng nước mắt lăn dài trên gò má.

-Tướng quân – Roland nói – Hãy xử tôi đi, tôi là tù binh của ông.

-Được rồi – Cadoudal cười – Chúng tôi không thể bắt làm tù binh đại sứ của ngài Tổng tài, nhưng chúng tôi sẽ nhờ anh ta một việc.

-Việc gì? Ông ra lệnh di!

-Tôi không có thuốc thang để chăm sóc cho thương binh, cũng không có nhà tù để bắt những người kia. Vậy phiền ngài đưa cả thương binh lẫn tù binh phe Cộng hoà về Vannes cho.

-Tại sao lại như vậy? – Roland hỏi.

-Vì tôi tin tưởng ngài – Rất tiếc con ngựa của ngài đã chết, con của tôi cũng vậy. Nhưng vẫn còn ngựa của Branche-d Or. Ngài chấp nhận nhé.

Roland gật đầu.

-Chẳng phải đổi lấy con ngựa của ngài vẫn để ở Muzillac là gì? Cadoudal nói.

Roland hiểu ông ta làm như vậy bởi lẽ đây là một con người cao thượng.

-Tôi sẽ gặp lại tướng quân chứ? – Roland hỏi khi lên ngựa.

-Tôi e hơi khó. Quân của tôi gọi tôi về Port-Louis, còn nhiệm vụ đang đợi ngài ở Luxembourg.

Khi đó, Bonaparte vẫn ở Luxembourg.

-Tôi sẽ nói gì với ngài Tổng tại đây?

-Ngài hãy kể những gì ngài thấy và gửi lời của tôi rằng tôi rất vinh dự về chuyến viếng thăm mà ông ấy đã hứa.

-Sau những gì tôi vừa thấy, tôi cho rằng ngài không bao giờ cần tôi nữa – Roland nói – nhưng dẫu sao, ngài hãy nhớ mình luôn có một người bạn cạnh tướng Bonaparte.

Rồi anh chìa tay cho Cadoudal.

Viên tướng Bảo hoàng nắm chặt tay Roland bằng vẻ thẳng thắn rồi họ chia tay như trước trận đấu lúc nãy.

-Xin từ biệt ngài Montrevel. Tôi không có gì phải trách cứ tướng Harty đúng không? Một trận thua như vậy cũng vẻ vang như một trận thắng.

Roland nhìn khắp chiến trường một lượt, buông tiếng thở dài, nói lời từ biệt với Cadoudal rồi dẫn đám tàn quân về Vannes cho tướng Harty.

Cadoudal đưa cho mỗi người một đồng mười livre. Roland không thể không nghĩ đó là tiền của chính quyền Đốc chính mà Morgan và những người bạn của anh ta mới kiếm được bằng cái đầu của chính họ.

Ngày hôm sau, Roland đến Vannes anh nghỉ lại lối hai hôm sau anh trở về Paris.

Bonaparte vừa được tin anh về đã cho gọi vào phòng làm việc.

-Thế nào – Bonaparte hỏi – Cadoudal là người thế nào? Anh ta có đáng để cậu phải đi chuyến vất vả ấy không?

-Thưa tướng quân – Roland trả lời – Nếu Cadoudal muốn liên minh với chúng ta mà đòi một triệu thì hãy cho ông ta hai triệu, nhưng nếu có ai trả bốn triệu, chúng ta cũng đừng bán ông ta.

Câu trả lời bóng gió đó chưa đủ đối với Bonaparte. Vậy là Roland phải kể lại đầu đuôi sự việc từ lúc gặp Cadoudal, chuyến đi đêm, trận đánh với quân Bảo hoàng và cuối cùng, dù can đảm đến đâu, tướng Harty vẫn bị bại trận.

Bonaparte thấy ghen với một con người như thế. Thỉnh thoảng, ông nói lại chuyện Cadoudal với Roland và luôn chờ đợi sự thất bại của việc tướng Bretagne này để xoá bỏ phe Bảo hoàng.

Nhưng thời điểm bấy giờ đã đến lúc phải vượt dãy Alpes nên ông quên hoặc ra vẻ tạm quên cuộc nội chiến để đem quân đi ra nước ngoài. Ông đã vượt núi Saint-Bemard ngày 20 và 21 tháng Năm.

Ông đi qua Tessin ở Turbigo ngày 31 cùng tháng. Ông vào thành Milan ngày 2; ông thức suốt đêm ngày 11 tháng Sáu ở Montebello để họp bàn cùng tướng Desaix vừa trở về từ Ai Cập.

Ngày 12, quân đội đã chiếm Scrivia và cuối cùng, ngày 14 ông giao chiến tại Marengo nơi mà Roland quá mệt mỏi cho nổ cả một xe chở đạn và anh đã qua đời ở đó.

Tuy không còn ai để nói về Cadoudal nữa nhưng Bonaparte vẫn luôn nghĩ đến chuyện này. Ngày 28 tháng Sáu, ông trở về Lyon. Phần thời gian còn lại trong năm, ông mải lo đến hiệp định hoà bình Lunéville.

Cuối cùng vào những ngày đầu tháng 2 năm 1801 thì Bonaparte nhận được thư của tướng Brune kèm theo thư của Cadoudal như sau:

"Thưa tướng quân,

Nếu tôi phải chiến đấu với 35.000 quân mà ngài đang có ở Morbihan, tôi sẽ không ngần ngại tiếp tục cuộc chiến giống như tôi vẫn làm từ hơn một năm nay và tôi sẽ không để sót một ai. Nhưng có điều, sau đó lại có dàn quân khác thay thế. Cứ như vậy sẽ là thảm hoạ lớn nhất khiến cho cuộc chiến kéo dài mãi là điều không tránh khỏi.

Hãy lấy danh dự ngài để ấn định cuộc gặp giữa chúng ta. Tôi sẽ không sợ mà đến chỗ ngài. Tôi sẽ thương lượng với ngài, điều rất khó khăn đối với chính người của chúng tôi.

GEORGES CADOUDAL"

Bonaparte đã viết dưới chữ ký của Georges như sau:

"Hãy ấn định cuộc hẹn, chấp nhận mọi điều kiện để Georges và người của hắn ta hạ vũ khí.

Yêu cầu hắn ta đến gặp tôi ở Paris với giấy thông hành của hắn. Tôi muốn trực tiếp gặp con người này và xem hắn ta là người thế nào."

Tự tay Bonaparte còn viết địa chỉ gửi thư:

"Gửi đến tướng Brune, Tổng chỉ huy tướng quân đội Miền Tây"

Tướng Brune đã hạ trại trên con đường từ Vannes đến Muzillac, với cuộc chiến Một trăm đã diễn ra có sự chứng kiến của Roland và tướng Harty đã thua.

Georges đích thân đến gặp tướng Brune mà chỉ có hai sĩ quan tuỳ tùng đi theo. Vì cuộc gặp mặt trang trọng này, hai người ấy không mang bí danh mà chỉ gọi tên thật là Soi de Grisolles và Pierre Guillemot.

Tướng Brune bắt tay họ rồi dẫn vào bàn.

Đúng lúc cuộc trao đổi bắt đầu thì Branche-d Or mang tới một lá thư quan trọng đến mức người ta có cảm giác anh ta phải trao nó cho Cadoudal dù Cadoudal ở bất cứ chỗ nào. Quân Xanh đã cho Branche-d Or vào dưới sự đồng ý của tướng Brune.

Sau khi đọc xong, Cadoudal không để lộ biểu hiện gì, gấp thư lại, cất đi rồi quay sang tướng Brune.

-Tôi xin nghe đây – ông ta nói.

Mười phút sau, tất cả đã được thoả thuận: Quân Bảo hoàng sẽ trở về nhà, cả sĩ quan lẫn binh sĩ không phải lo lắng cho hiện tại và tương lai vì hai bên tướng lĩnh đã cam kết quân họ không sử dụng vũ lực khi chưa được lệnh.

Về phần mình, Cadoudal muốn bán một số đất đai, nhà cửa, cối xay mà anh đang sở hữu mà không đòi thêm khoản bồi thường nào. Ông sẽ sang Anh định cư bằng chính tài sản của mình Về chuyện diện kiến Tổng tài Bonaparte, ông ta coi đó là một vinh hạnh lớn lao và sẵn sàng đến Paris sau khi thoả thuận với một công chứng viên ở Vannes để bán tài sản. Ông cũng yêu cầu cho phép hai tuỳ tùng đến Paris chứng kiến cuốc gặp gỡ Bonaparte. óng chỉ đòi hỏi những điều kiện cơ bản như các binh sĩ Bảo hoàng khác: gác lại quá khứ, được bảo đảm an toàn trong tương lai.

Brune cho mang bút mực ra. Họ thảo tờ hiệp định kê trên một chiếc trống sau đó Cadoudal và hai sĩ quan của mình lần lượt ký tên.

Tướng Brune ký sau cùng, trình trọng tuyên bố sẽ thực hiện đúng cam kết.

Trong lúc người ta thảo bản sao thứ hai thì Cadoudal rút bức thư ban nãy ra đưa cho tướng Brune.

-Ngài hãy đọc đi – ông nói – Ngài sẽ thấy tôi ký hoà ước này không phải vì nhu cầu tài chính.

Quả thật như thế. Đó là lá thư từ Anh thông báo đã chuyển một khoản ba trăm nghìn phăng vào một ngân hàng ở Nantes và sẽ chuyển trực tiếp đến tay Georges Cadoudal.

Khi lấy lại bức thư, Georges Cadoudal viết vào phần sau lá thư ấy như sau:

"Thưa ngài, Hãy trả tiền tại London, tôi vừa ký hoà ước với tướng Brune nên không còn lý do gì để nhận tiền phục vụ chiến tranh nữa.

Georges Cadoudal"

Ba ngày sau việc ký hoà ước, Bonaparte chuyển gấp đôi khoản mà Brune vừa cùng độc giả chứng kiến.

Mười lăm ngày sau, Georges Cadoudal bán tài sản của ông được 60.000 phăng.

Ngày 1 tháng Hai, ông báo cho Brune về chuyến đi Paris.

Ngày 18, tờ Le Moniteur thông báo:

"Georges Cadoudal sắp tới Paris để diện kiến chính phủ. Đó là một người ba mươi tuổi, con trai ông chủ cối xay, thích chinh chiến nhưng có giáo dục. Anh ta đã từng cho Brune hay rằng cả nhà anh ta đã bị chặt đầu, rằng anh ta muốn liên kết với chính phủ và xoá bỏ liên minh với quân Anh, đất nước mà ông chỉ dựa vào để chống lại thể chế năm 93 và nhờ đó nền quân chủ suýt chiếm lại cả nước Pháp."[342]

Bonaparte quả có lý khi nói với Boumerine lúc anh này đọc báo cho ông nghe.

-Mất công thôi Bouriienne, họ chỉ nói những gì tôi muốn cho họ nói.

Rất dễ thấy, mẩu tin trên không chỉ xuất phát từ văn phòng làm việc của Bonaparte mà còn được soạn rất khéo. Nó là sự hoà trộn giữa dự báo và hằn học. Trong phần dự báo, Bonaparte muốn phục quyền cho Cadoudal đồng thời áp đặt từ trước cho ông ta ý muốn phục vụ chính phủ, trong phần hằn học, ông buộc tội Cadoudal chống lại thể chế 93.

Vào ngày nói trên, Cadoudal đã lên đường. Ngày 16 tháng Hai, ông ta tới Paris. Ngày 17, sau khi đọc mẩu tin liên quan đến mình trên tờ Le Moniteus, trong giây lát ông định ra đi và không muốn gặp Bonaparte nữa. Song ông nghĩ lại, tốt hơn là đến theo lời mời, bày tỏ thực tâm của mình với Tổng tài đồng thời muốn đến Tuileries như một cuộc thách đấu, tức là có hai nhân chứng kèm theo Sol de Grisolles và Pierre Guillemot[343].

Chính vì vậy, ông cho báo tin mình đã tới Paris đến Bộ chiến tranh và ngay hôm sau được vào gặp Bonaparte lúc chín giờ sáng ngày 19 tháng 2 vì cuộc hẹn này mà Tổng tài Bonaparte mới vội vã và tò mò như vậy.

§8. Cuộc diện kiến

Ba chỉ huy quân Bảo hoàng ngồi chờ trong đại sảnh. Nơi này, nếu chính thức, người ta gọi là Salon de Louis VIV, còn thân mật là Salon de Cocarde. Cả ba đều mặc quân phục Bảo hoàng, chính Cadoudal đã giao hẹn trước điều kiện này.

Kiểu trang phục nói trên gồm một chiếc mũ có phù hiệu trắng, áo xanh, cổ xanh, một dải dây vàng đối với Cadoudal, bạc đối với các hạ sĩ quan. Cả bọn đều mặc quần kiểu Bretagne, áo gối lê trắng và đeo đoản gươm.

Duroc nhìn thấy ba vị khách mang vũ khí liền níu tay Bonaparte.

-Có chuyện gì thế? – Bonaparte hỏi.

-Họ mang gươm – Duroc nói.

-Họ đâu phải là tù binh. Còn gì nữa không?

-Không có gì – Duroc đáp – Tôi để cửa mở nhé.

-Ồ về điều đó thì tuỳ anh. Họ là kẻ thù nhưng là kẻ thù dừng đắn. Anh không nhớ Roland đã kể về họ như thế nào hay sao?

Rồi ông bước nhanh và dứt khoát vào phòng đồng thời ra lệnh cho Rapp và hai sĩ quan khác, được điều đến vì lý do đặc biệt, ra ngoài…

-À ngài đây rồi! – Bonaparte nói và nhận ra Cadoudal đứng giữa hai tuỳ tùng, dựa vào trang phục của ông ta – Một trong những người bạn của chúng ta, đại tá Roland de Montrevel, đã hi sinh trong trận chiến Marengo, đã nói với tôi những lời tốt đẹp nhất về ngài.

-Điều đó không làm tôi ngạc nhiên – Cadoudal nói – Tôi có hân hạnh được quen biết ngài Roland de Montrevel chỉ trong một thời gian ngắn, nhưng tôi thừa nhận ông ấy là một trong những người có tinh thần hiệp sĩ nhất. Nhưng thưa tướng quân, nếu ngài đã biết tôi, xin cho phép tôi giới thiệu hai người đi cùng tôi trong niềm hân hạnh được diện kiến ngài.

Bonaparte khẽ nghiêng đầu như thể muốn nói ông đang lắng nghe. Cadoudal đặt tay lên người nhiều tuổi hơn giới thiệu.

-Được đưa sang nước thuộc địa từ nhỏ, ông Soi de Grisolle đã vượt biển để trở về Pháp. Trong lần đi đó, tàu bị đắm, người ta tìm được anh ấy một mình trên tấm ván giữa mênh mông đại dương. Đã từng là tù nhân trong cuộc Cách mạng, anh ấy đã đào tường vượt ngục. Ngày hôm sau, anh ấy đã đứng trong hàng ngũ của chúng tôi. Lính của ngài đã từng thề giết anh ấy. Trong lúc chờ ký hoà ước, họ bao vây ngôi nhà anh ấy trú ngụ. Chỉ một mình mà anh ấy có thể chống lại 50 quân. Chẳng mấy chốc súng hết đạn, anh ấy chỉ còn hai lựa chọn hoặc dầu hàng, hoặc nhảy xuống đất với độ cao hai mươi bộ. Anh ấy đã không lưỡng lự nhảy qua cửa sổ, rơi vào giữa đội lính Cộng hoà. Vừa nhổm dậy đã giết hai, làm bị thương ba sau đó mới bỏ chạy giữa những làn đạn réo bất lực xung quanh. Còn

về người này – Cadoudal chỉ vào Piene Guillemot – Người này cũng rất tuyệt. Cách đây vài ngày, khi ta không kịp cầm gươm thay súng. Anh ta vớ được cái rìu và bổ đứt cổ người đầu tiên xông vào. Quân Cộng hoà lùi lại, thế là anh ấy lao ra khỏi cửa chỉ bị một lưỡi lê sướt nhẹ qua da. Khi chạy ra cánh đồng, gặp một tên gác, anh ấy giết hắn. Một lính xanh đuổi kịp đã bị anh ấy ném rìu trúng ngực. Cuối cùng anh ấy đã thoát và bắt kịp đội quân Bảo hoàng và tôi.

-Còn tôi… – Cadoudal khẽ nhún người khiêm tốn.

-Về phần anh – Bonaparte cắt lời – Tôi biết về anh nhiều hơn anh có thể tự giới thiệu. Anh đã lập kỳ công như cha anh mình bằng cuộc chiến Một trăm. Một ngày nào đó, biết đâu người ta sẽ gọi đó là trận đánh của những người khổng lồ – Sau đó Bonaparte tiến lên một bước – Georges, lại đây, tôi có chuyện muốn nói với anh.

Cadoudal hơi lưỡng lự nhưng vẫn đi theo. Hiển nhiên, ông ta muốn hai sĩ quan tháp tùng có thể nghe được tất cả những câu trao đổi của mình với người chỉ huy Cộng hoà Pháp.

-Hãy nghe tôi, Georges. Tôi cần những người có nghị lực để giúp mình hoàn thành sự nghiệp đang dang dở. Tôi đã từng có một người rất tin cậy. Anh cũng biết anh ta. Đó là Roland de Montrevel. Nhưng tôi không hiểu nỗi buồn nào đã đẩy anh ấy tự sát. Anh có chấp nhận là người của tôi không? Tôi sẽ phong cho anh hàm đại tá, không, anh xứng đáng hơn thế: Tôi sẽ phong anh cấp tướng.

-Tự đáy lòng, tôi chân thành cảm ơn tướng quân – Georges trả lời – Nhưng nếu tôi chấp nhận, ngài sẽ khinh thường tôi.

-Tại sao? – Bonaparte sốt sắng hỏi.

-Vì tôi đã thề dù thế nào vẫn trung thành với triều đình Bourbon.

-Vậy là không có cách nào khiến anh hợp tác với tôi sao?

Cadoudal lắc đầu.

-Người ta vu khống tôi với anh chăng? – Bonaparte hỏi.

-Thưa tướng quân – Viên sĩ quan Bảo hoàng nói – Ngài cho phép tôi nhắc lại những gì họ nói về ngài chứ?

-Tại sao không? Anh cho rằng tôi không đủ sáng suốt để phân biệt cái tốt, cái xấu khi người ta nói về mình hay sao?

-Xin ngài nhớ cho là tôi không khẳng định gì cả. Tôi chỉ nhắc lại những gì người ta nói với tôi mà thôi.

-Hãy nói đi – Tổng tài nở nụ cười hơi lo lắng.

-Người ta nói rằng, nếu ngài bình an trở về từ Ai Cập mà không gặp sự cản trở của quân Anh là do đã có một thoả ước giữa ngài và thiếu tướng hải quân Anh Sidney Smith. Theo thoả ước này, ngài sẽ được tự do trở về để khôi phục ngai vàng tiên triều của chúng tôi.

-Georges này – Bonaparte nói – anh là một trong số những người có đức cao vọng trọng mà tôi rất quan tâm. Chính vì thế tôi không muốn mình bị vu cáo. Từ Ai Cập trở về, tôi đã nhận được hai lá thư của bá tước xứ Provence. Chắc anh cũng cho rằng, nếu bản hoà ước giữa tôi và ngài Sidney Smith tồn tại, vị hoàng thân này thế nào cũng phải đề cập ít nhiều trong lá thư gửi cho tôi chứ? Được rồi, anh sẽ được đọc những lá thư ấy và tự anh sẽ đánh giá xem lời người ta buộc tôi cho tôi có đúng sự thật hay không.

Sau đó, Bonaparte mở cửa nói với hai nhân viên đi qua di lại ngoài cửa.

-Duroc – ông nói – Hãy chuyển lời của tôi yêu cầu Boumerine mang hai bức thư của bá tước miền Provence và lời hồi đáp của tôi đây. Chúng ở ngăn kéo giữa bàn làm việc của tôi trong tập hồ sơ màu đỏ – và trong khi chờ Duroc di thông báo, Bonaparte nói với Cadoudal – Rồi anh sẽ ngạc nhiên tại sao mình lại tôn thờ các vua xưa thế? Giả dụ tôi khôi phục lại ngai vàng, thứ mà tôi không muốn một tí nào, thử hỏi một người như anh, đổ máu cho các ngài ấy sẽ trở thành thế nào? Chẳng có gì bảo đảm cho chức vụ hiện tại đâu. Một đại tá con trai ông chủ cối xay! Anh đã từng thấy trong quân đội hoàng gia có một đại tá nào lại không có nguồn gốc quý tộc không? Anh đã bao giờ có ví dụ nào về một người ở cạnh bọn bạc bẽo ấy mà được thăng cấp vì chính năng lực cống hiến của anh ta chưa? Trong khi phục vụ cho tôi, Georges, anh có thể đạt đến tất cả vì càng lên cao tôi càng đối tốt với những ai kề vai sát cánh bên mình. A đây, thư đây rồi. Duroc, đưa thư cho anh ta.

Duroc đưa ra ba tờ giấy. Lá thư thứ nhất đề ngày 20 tháng Hai năm 1800 và chúng tôi sao từ tài liệu lưu trữ lá thư của bá tước miền Provence không sai một từ.

"Dù cho biểu hiện bên ngoài của họ thế nào, thưa ngài, những người như ngài xin đừng lo lắng. Ngài đã chấp nhận một vị trí cao cả. Tôi rất biết ơn về điều đó. Hơn ai hết, ngài biết rằng phải có sức mạnh và quyền lực mới khiến một quốc gia có hạnh phúc. Hãy cứu nước Pháp khỏi chính cơn giận dữ của nó tức là ngài đã hoàn thành toàn nguyện đầu tiên của tôi. Hãy cho nước Pháp một vị vua và các thế hệ mai sau sẽ tôn vinh ngài. Ngài luôn cần cho một nhà nước để hoàn tất giùm tổ tiên tôi và tôi, món nợ bấy lâu.

LOUIS"

-Anh có thấy dấu vết hoà ước nào trong đó không? – Bonaparte hỏi.

-Tôi thừa nhận là không, thưa tướng quân. Vậy ngài không hồi âm lá thư này ư?

-Phải thừa nhận rằng tôi không thấy phải vội vàng và tôi chờ lá thư thứ hai – trước khi quyết định. Cũng chẳng phải chờ lâu, vài tháng sau tôi nhận được một lá thư không ghi ngày tháng.

“Thưa tướng quân, từ lâu chắc ngài đã hiểu sự đánh giá cao của tôi dành cho ngài. Nếu ngài nghi ngại tôi là người không giữ lời thì hãy đưa ra yêu cầu chức vị của ngài, ấn định số phận các bạn của ngài. Về phần quan điểm của tôi, tôi là người Pháp: sự khoan hồng không chỉ có trong tính cách, tôi sẽ còn thực hiện nó bây giờ cả lý trí.

Không, người chiến thắng Lodi, Castiglione, Arcole, người chinh phục Italia, và Ai Cập không thể coi trọng sự nổi tiếng tầm phào hơn sự vinh quang. Thế mà ngài đang bỏ phí thời gian quý giá. Chúng ta có thể đảm bảo cho vinh quang của nước Pháp; tôi nói chúng ta bởi lẽ tôi cần Bonaparte vì điều ấy và ông ta cũng không có được điều ấy mà không có tôi.

Thưa tướng quân, cả châu Âu đang quan sát ngài, vinh quang đang chờ đợi ngài còn tôi vô cùng sốt ruột muốn mang lại hoà bình cho dân tộc của tôi.

Louis”

-Anh thấy chưa, trong lá thư thứ hai cũng không hề nhắc đến thoả ước nào cả.

-Dám xin hỏi ngài có hồi âm lá thư này không thưa tướng quân?

-Tôi định cho Boumerine trả lời và ký nhưng thấy bá tước đã tự tay viết cho tôi nên sẽ phù hợp hơn khi tôi cũng tự tay viết cho ông ấy dù chữ của tôi có xấu đến mức nào đi nữa. Vì đây là chuyện hệ trọng nên tôi cố gắng viết dễ dọc, còn đây là bản sao.

Rồi Bonaparte đưa cho Georges Cadoudal một lá thư gửi bá tước xứ Provence do Boumerine chép lại. Đó là lá thư từ chối.

“Thưa ngài, tôi đã nhận thư của ngài, xin cảm ơn về những điều ngài bắt phải buộc phải nói với tôi.

Ngài đừng mong trở lại Pháp. Nếu không ngài phải bước qua xác một trăm nghìn quân.

Hãy hy sinh lợi ích của ngài cho sự nghỉ ngơi và hạnh phúc của nước Pháp, lịch sử sẽ ghi nhận và biết ơn ngài.

Tôi không vô cảm trước những bất hạnh của gia đình ngài và tôi sẽ rất vui khi ngài được tận hưởng tất cả bình yên trong sự nghỉ ngơi.

BONAPARTE”

-Vậy đây có phải là câu trả lời cuối cùng của ngài không?

-Câu trả lời cuối cùng của tôi đấy!

-Tuy nhiên trong lịch sử đã có một tiền sử rằng…

-Đó là lịch sử nước Anh, không phải nước ta – Bonaparte ngắt lời – Tôi đóng vai Monck ư? Ồ không! Nếu được chọn tôi muốn bắt chước khi đó cơ, tôi thích vai Washington hơn, Monck đã sống trong một thế kỷ mà những định kiến đã bị chúng ta bác bỏ từ năm 1789 còn đủ mạnh, Monck đã muốn tự xưng vua những hắn ta đã không thể: một kẻ độc tài, không hơn, hắn ta cần thần đồng Cromwell

cho chuyện ấy – Richard, con trai hắn ta, cũng không cự nổi, hắn quả là đứa con đích thực của vĩ nhân: Một thằng ngốc.

Rồi một kết cục hay ho cho việc khôi phục Charles Đệ nhị chứ! Sự thay thế từ một triều đình sùng đạo sang một triều đình vô thần! Bắt chước vết xe đổ của cha mình, hắn cũng giải tán ba bốn nghị viện, muốn lãnh đạo một mình, tự thành lập một bộ máy tay sai dùng để thoả mãn truỵ lạc bê tha hơn là dành cho công việc Hắn lúc nào cũng ham vui, mọi cơ hội đều để kiếm tiền.

Hắn đã bán cho vua Louis XIV vùng Dunkerque, một chìa khoá quan trọng mở cửa vào Pháp đối với nước Anh. Viện cớ một cuộc mưu phản không có thật để xử tử Algemon Sidney người đã từng là thành viên trong hội đồng xử vua Charles Đệ nhất trong khi đó Cromwell chết năm 1658, tức là ở độ tuổi năm mươi. Trong mười năm cầm quyền, ông đã có thời gian thực hiện nhiều nhưng hoàn tất chẳng được bao nhiên. Bản thân ông ta kể ra cũng là cuộc cải cách hoàn toàn, cải cách chính trị bằng việc thay thế một chính phủ Cộng hoà sang chính phủ quân chủ, cải cách tôn giáo bằng việc chuyển đạo Cơ đốc sang đạo Tin lành. Nếu cho tôi sống lâu bằng Cromwell, năm mươi chín tuổi, cũng không nhiều lắm đúng không, tôi vẫn còn ba mươi năm nữa, gấp ba lần số năm nắm quyền của Cromwell và hãy nhớ cho, tôi không thay đổi gì cả, chỉ có đi tiếp không bị lật nhào, tôi tiến lên.

-Hay lắm – Cadoudal cười – Thế còn chế độ Đốc chính?

-Chế độ Đốc chính không phải là một chính phủ – Bonaparte nói – Liệu có hay không một quyền lực dựa trên cơ sở mục ruỗng như cơ sở của chế độ Đốc chính? Nếu tôi không từ Ai Cập về thì bản thân nó cũng tự sụp đổ. Tôi chỉ là lực thúc đẩy thôi. Nước Pháp đã không ưa nói nữa rồi. Bằng chứng ư? Đó là cách nước Pháp đón tôi trở về. Họ đã làm gì với nước Pháp rực rỡ do tôi để lại Một đất nước nghèo nàn, tứ bề bị đe doạ xâm chiếm bởi những quân thù đã đặt chân lên ba phần biên giới. Ra đi tôi để lại một nước Pháp hoà bình, khi trở về, tôi thấy chiến tranh. Tôi để lại chiến thắng, khi trở về lại thấy nó thất bại. Tôi đã để hàng triệu tiền từ cuộc chiến Italia để rồi thấy khắp nơi những đạo luật cưỡng đoạt và khốn khó. Hàng triệu lính của tôi, những người bạn trong vinh quang tôi gọi được tên tất thảy đều trở thành như thế nào? Họ đã chết trong khi tôi chiếm được Malte, Alexandrie, Caire, dùng lưỡi lê, khắc tên nước Pháp trên những cột tháp thành Thebes, trên Camac. Trong khi tôi sắp trả thù sự thất bại của vua cuối cùng ở Jerusalem dưới chân núi Thabor thì họ làm gì với những tướng tài giỏi nhất của tôi? Họ đẩy Humbert đi Ai Len, họ bắt giữ và cố nhục mạ Championnet ở Naples. Scherer đã xoá những đường cày vinh quàng mà tôi in dấu trên đất Italia. Họ cho phép người Anh tràn vào từ phía Hà Lan. Họ khiến Raimbault phải thiệt mạng ở Trần, David ở Alkmaar, Joubert ở Novi. Và khi tôi đòi họ tăng chi viện để có thể giữ được Ai Cập, súng đạn để bảo vệ nó, lúa mì để có thể giúp nó

sinh sôi thì họ lại gửi những lá thư khen ngợi và tuyên bố rằng quân đội phương Đông rất xứng đáng với Tổ quốc.

-Họ tưởng ngài sẽ tìm thấy tất cả những thứ trên ở Saint-jean-d'Acre, thưa tướng quân.

-Đó là thất bại duy nhất của tôi, Georges ạ – Bonaparte nói – và giá tôi thành công, tôi thề sẽ làm cả châu Âu kinh ngạc! Giá mà tôi thành công tôi sẽ nói cho anh hay mình sẽ làm gì. Tôi sẽ thấy trong thành phố lương thực và súng đạn cho ba trăm ngàn quân. Tôi sẽ trang bị vũ khí cho toàn bộ đất Syrie cho xứng với sự tàn bạo của Djazzar, tôi sẽ bước trên Damas và Alep, tôi sẽ phát triển đội quân của mình, tiến vào bất cứ miền đất chống đối nào.

-Tôi sẽ tuyên bố bãi bỏ những chính quyền của các Tổng trấn chuyên chế. Tôi sẽ đến Constantinople cùng dạo quân hùng hậu, lật đổ đế chế Thổ Nhĩ Kỳ, lập tại Đông phương một để chế mới và hùng mạnh. Nó khẳng định vị thế của tôi cho hậu thế và tôi sẽ qua Andrinople hay Vienne để về Paris sau khi đè bẹp nước Áo.

-Chắc đó là dự định của César khi phát động cuộc chiến Parthes – Cadoudal lạnh lùng đáp.

-Ồ tôi biết chứ – Bonaparte cười hàm ráng nghiến chặt – Rồi chúng ta sẽ trở lại thời César. Tốt thôi! Tôi chấp nhận tranh luận đến cùng về chủ đề này. Giả sử ở tuổi hai mươi chín, tức là tuổi tôi bây giờ, César, thay vì là kẻ truỵ lạc nhất thành Rome, một nhà quý tộc nợ nần nhất thời dại, giả sử ông ta đã là người công dân đầu tiên, giả sử cuộc chinh phạt xứ Gaules hoàn thành, cuộc chinh chiến tại Ai Cập kết thúc thắng lợi, cuộc hành quân sang Tây Ban Nha tốt đẹp, giả sử, tôi xin nhắc lại, khi đó ông ta mới chỉ hai mươi chín tuổi thay vì năm mươi tuổi; lứa tuổi mà thần chiến thắng đã bỏ rơi vì thần chỉ thích những người trẻ, thử hỏi chẳng phải ông ấy sẽ vừa là César vừa là Auguste rồi hay sao?

-Đúng thế – Cadoudal hồ hởi đáp – Chẳng phải ông ta cũng lãnh đủ những cú đấm của Brutus, Cassius và Casca đó sao, thưa tướng quân!

-Vì thế – Bonaparte buồn bã nói – Đó là một vụ mưu sát mà kẻ thù chúng tôi luôn định làm! Trong trường hợp này, mọi chuyện với chúng sẽ đơn giản lắm và anh có thể là người dầu tiên vì anh là kẻ thù của tôi. Lúc này có ai ngăn anh nếu anh đủ can đảm như Brutus đánh tôi như đã đánh César? Tôi dang ở một mình với anh, cửa đóng kín. Anh chỉ có một chút thời gian thôi trước khi người ta làm thế với anh.

-Không – Georges nói – Không, chúng tôi không định thực hiện một vụ ám sát. Tôi nghĩ phải có tình hình đặc biệt nghiêm trọng người của chúng tôi mới tiến hành mưu sát. Nhưng cơ may trong chiến tranh còn đó. Chỉ một mũi tên cũng đủ xoá hết vinh quang của ngài, một quả pháo cũng có thể lấy đầu ngài giống như Berwick, một hòn đạn lạc cũng khiến ngài như Joubert hay Desaix.

Khi đó nước Pháp sẽ như thế nào nhỉ? Ông chẳng có con cái, các anh em của ngài thì…

Bonaparte nhìn Cadoudal chằm chằm. Ông này vừa kết thúc dòng suy nghĩ của mình bằng cái nhún vai. Bonaparte nắm chặt tay lại, Georges đã đánh trúng điểm yếu của ông.

-Phải thừa nhận – Bonaparte nói – về điểm này anh nói đúng. Ngày nào, mạng sống của tôi cũng gặp nguy hiểm và tôi có thể bị hại bất cứ khi nào, nhưng nếu anh không tin vào số mạng thì tôi tin. Tôi tin thượng đế không làm gì chỉ vì ngẫu nhiên. Tôi tin rằng nếu số mạng đã cho ra đời một cậu bé ở Ajaccio ngày 13 tháng 8 năm 1769, một năm sau khi vua Louis XV ra chiếu hợp nhất đảo Corse vào lãnh thổ nước Pháp, một đứa bé làm hai cuộc cách mạng ngày 13 Vendémiaire và ngày 18 Brumaire thì chắc hẳn cũng cho nó tầm nhìn cực rộng và những dự định siêu phàm. Đứa trẻ ấy chính là tôi, sẽ được thần hộ mạng che trở khỏi mọi nguy hiểm nếu tôi có một sứ mệnh tôi không sợ gì hết. Tôi sẵn sàng dùng tính mạng của mình cho sứ mệnh ấy. Còn nếu tôi không có sứ mệnh nào cả nếu tôi nhầm lẫn, nếu thay vì sống thêm ba mươi năm nữa để hoàn tất sự nghiệp của mình mà tôi lại bị đâm hai mươi hai nhát dao như César, hay tôi bị bay đầu như Berwick, nếu tôi bị đạn găm vào ngực như Joubert hay Desaix thì có nghĩa đó là số mệnh có lý do để làm như thế và vì điều đó có lợi cho nước Pháp. Số mệnh. Hãy tin tôi Georges, số mệnh luôn gắn liền với những cường quốc. Vừa rồi chúng ta có nhắc đến César, anh chỉ cho tôi cảnh ông ta lăn dưới chân tượng Pompée khi bị Brutus, Cassius và Casca đâm chết. Trong lúc cả thành Ro me để tang nhà độc tài của họ, cả dân tộc đốt nhà những kẻ sát hại César, trong khi Thành Bất tử run rẩy trong cái nhìn say mềm của Antoine hay kẻ đạo đức giả Lépide, tìm khắp nơi xem ở đâu có được một thiên tài có thể chấm dứt cuộc nội chiến thì mấy ai để ý đến cậu học sinh ở Apollonie, cháu của César. Ai nghĩ đến đứa con trai của ông chủ nhà băng ở Velletri ấy ai đoán một đứa trẻ trắng bệch như phủ đầy bột, yếu ới, sợ hãi tất cả, sợ nóng, sợ lạnh sợ sấm ấy lại là chủ nhân của thế giới. Ai đoán được một đứa trẻ tập tễnh, xanh xao mắt hấp háy như con chim non trong đêm kia lại có thể khôi phục đội quân như của César? Ngay cả nhà tiên tri Ciceron cũng không đoán được. Ông ta nói gì? Ornandum, ét tollendum[344].

-Georges, đừng chống lại thiên mệnh đang ủng hộ tôi, nếu không chính anh sẽ mất mạng.

-Được thôi? – Georges vừa trả lời vừa khẽ nhún người – Ít ra tôi cũng được mất mạng cho con đường và sự sùng bái của cha mẹ mình và có lẽ Chúa sẽ tha thứ cho sự lầm lạc của tôi khi trót là con chiên ngoan đạo và là đứa con hiếu nghĩa.

Bonaparte đặt tay lên vai người chỉ huy trẻ buổi.

-Thôi được! Ông nói – Nhưng ít ra anh cũng nên trung lập.

-Hãy để tự mọi việc diễn ra theo tự nhiên, cứ để cái ngai vàng lung lay, hãy để các vương miện tự rơi xuống. Thông thường, khán giả mới phải trả tiền cho các vở kịch nhưng tôi, tôi sẽ trả tiền cho anh xem tôi hành sự.

-Ngài định trả cho tôi bao nhiêu về điều ấy thưa công dân Tổng tài thứ nhất? – Cadoudal hỏi.

-Một trăm nghìn phăng mỗi năạm – Bonaparte trả lời.

-Nếu ngài trả một trăm nghìn cho một tướng quân như tôi thì ngài sẽ cho các vương tử bao nhiêu?

-Không gì hết – Bonaparte khinh miệt đáp – Tôi trả cho anh vì lòng cam đảm chứ không phải vì quan điểm anh hành động. Tôi muốn chứng minh cho anh thấy rằng với tôi, con người của sự nghiệp thì người ta chỉ tồn tại bằng chiến công của họ. Chấp nhận đi Georges.

-Thế nếu tôi từ chối? – Georges hỏi.

-Anh sẽ mắc sai lầm đấy.

-Tôi luôn được tự do đến đâu mình muốn chứ?

Bonaparte mở cửa phòng gọi Duroc đến.

-Hãy sắp xếp để ông Cadoudal và hai người bạn của ông ta được tự do đi lại ở Paris cũng như ở Muzillac còn nếu họ muốn ra nước ngoài, Fouché phát giấy thông hành cho họ.

-Chỉ lời của ngài là đủ thưa công dân Tổng tài – Cadoudal nói – Tối nay tôi sẽ đi.

-Tôi có thể biết anh đi đâu không?

-Đến London, thưa tướng quân.

-Càng tốt.

-Tại sao càng tốt?

-Vì ở đó anh sẽ gặp những người mình đã chiến đấu vì họ.

-Thế thì sao?

-Thì khi gặp họ.

-Thì…

-Thì anh sẽ so sánh họ với những người ở phe đối đầu. Chỉ có điều một khi đã ra khỏi nước Pháp…

Bonaparte dừng lại.

-Tôi vẫn nghe – Cadoudal nói.

-Thì anh chỉ trở về khi báo trước cho tôi nếu không anh sẽ bị coi là kẻ thù và bị đối đãi như một kẻ thù.

-Đó là vinh hạnh cho tôi thưa tướng quân vì ông đối xử với tôi như kẻ thù nghĩa là tôi là một người đáng sợ.

Georges chào Bonaparte rồi ra về.

Ngày hôm sau, trên các báo đều đưa tin.

"Sau cuộc diện kiến ngài Tổng tài, Georges Cadoudal đã xin phép được tự do sang Anh.

Sự cho phép trên kèm theo một điều kiện ông ta chỉ trở về Pháp khi được chính phủ chấp nhận.

Georges Cadoudal đã cam kết xoá giải lời thề cho các chỉ huy quân nổi dậy. [345]

Thực tế là ngay buổi tối hôm gặp Bonaparte. Georges đã viết cho quân lính của mình:

"Một cuộc chiến lâu dài hơn với tôi, sẽ là bất hạnh cho nước Pháp và xứ sở quê tôi. Tôi tuyên bố xoá giải lời thề mà các anh em đã tuyên thệ và sẽ chỉ lấy lại lời thề ấy khi chính phủ Pháp nuốt lời.

Nếu có sự phản trắc ẩn giấu sau hiệp định hoà bình giả tạo này, tôi sẽ lại kêu gọi lòng trung thành của các anh một lần nữa và tôi chắc chắn lòng thành ấy sẽ đáp lại tôi.

GEORGES CADOUDAL"

Chính tự tay Cadoudal đã viết tên những người mình cần gửi thư.

§9. Hai người bạn chiến đấu

Trong lúc cuộc hội kiến đáng nhớ đang diễn ra tại Salon de Louis XIV, Joséphine, biết chắc Boumerine đang ở một mình, liền thay đồ lau nước mắt trang điểm nhẹ, xỏ chân vào đôi hài Thổ Nhĩ Kỳ bằng nhung màu xanh da trời thêu vàng rồi nhanh nhẹn trèo lên cầu thang dẫn đến phòng nguyên là của Manh de Médicis.

Vừa đến cửa phòng làm việc, bà dừng lại, đưa hai tay ôm ngực rồi liếc đôi mắt điệu đà ra khắp phía và thấy Boumerine đúng là chỉ có một mình mới rón rén vào phòng đặt tay lên vai anh ta.

Boumerine mỉm cười quay lại vì với sự nhẹ nhàng của đôi tay, anh ta cũng nhận ra ai đã đến.

-Thế nào? – Joséphine hỏi – Anh ấy nổi giận chứ?

-Giông tố đùng đùng – Boumerine nói – chỉ thiếu mưa nữa thôi. Có cả sấm chớp.

-Rốt cục – Joséphine hỏi điều khiến nàng quan tâm nhất – Anh ấy có trả tiền không?

-Có – Anh đã có sáu trăm nghìn phăng chứ?

-Có rồi! – Boumerine đáp.

Joséphine vỗ tay như thể một đứa trẻ được gỡ bỏ hình phạt.

-Nhưng – Boumerine nói thêm – vì Chúa, đừng nợ nần nữa hoặc nợ hợp lý vào.

-Anh gọi nợ hợp lý là thế nào, Boumerine? – Joséphine hỏi.

-Phu nhân còn muốn tôi nói gì nữa đây? Tốt nhất đừng nợ nữa.

-Anh biết điều ấy là không thể – Joséphine trả lời thành thực.

-Thế thì nợ nần mười thay vì một trăm nghìn.

-Nhưng Boumerine, khi khoản này đã được thanh toán và anh cố gắng trả nốt sáu trăm nghìn kia…

-Thì sao?

-Thì những nhà cung cấp sẽ không từ chối tiếp tục viết phiếu cho tôi.

-Nhưng còn ngài Tổng tài.

-Anh ấy thì sao?

-Ngài Tổng tài đã thề đây là khoản nợ cuối cùng ông chịu trả.

-Năm ngoái anh ấy cũng nói như thế, Boumerine ạ – Joséphine nói và nở một nụ cười duyên dáng.

Boumerine nhìn Joséphine kinh ngạc.

-Phu nhân khiến tôi nghẹn thở đấy. Thế là đôi ba năm hoà bình với vài triệu mang về từ Italia đã lọt qua tầm tay. Trong khi chờ đợi, nếu được phép khuyên,

tôi mong phu nhân chờ cho cơn thịnh nộ của ngài Tổng tài dịu bớt hãy đến gặp ngài.

-Ôi! Lạy Chúa! Nhưng sáng nay tôi lại có hẹn với người bạn tử miền thuộc địa, nữ bá tước Sourdis và con gái bà ấy, họ là chỗ thân thiết nên tôi không mong gì hơn trong lần gặp đầu tiên tại điện Tuileries, anh ấy dịu dàng môi chút.

-Vậy hay tôi giữ anh ấy ăn trưa ở đấy và chỉ để anh ấy xuống vào bữa tối?

-Anh muốn sao cũng được, Boumerine ạ.

-Bây giờ phu nhân hãy ký giấy bút và tự tay viết những dòng chữ thanh thoát.

-Cái gì?

-Hãy viết đi!

Joséphine lướt bút lông trên giấy:

"Tôi uỷ quyền cho Boumerine thanh toán mọi hoá đơn năm 1800 và anh ta sẽ trả một nửa hay hai phần ba nếu anh ta cho là thích hợp."

-Xong rồi.

-Phu nhân hãy ký đi và ghi ngày vào nữa.

-19/1/1800, Joséphine Bonaparte, đã hợp lệ chưa?

-Hoàn toàn hợp lệ. Còn bây giờ, phu nhân hãy xuống nhà, thay quần áo để tiếp bạn mình. Phu nhân cũng đừng lo bị ngài Tổng tài quấy rầy.

-Tất nhiên rồi, Boumerine, anh thật tốt quá!

Rồi Joséphine, chìa đầu ngón tay ra Boumerine kính cẩn hôn lên đó rồi rung chuông gọi người phục vụ. Khi Landoire xuất hiện trên ngưỡng cửa phòng làm việc, Boumerine nói: -Landoire, hãy đi báo quản gia rằng ngài Tổng tài sẽ ăn trưa tại phòng làm việc. Vì vậy, nói ông ta cho chuẩn bị bàn một chân và hai bộ đồ ăn, khi nào cần, tôi sê báo.

-Ai sẽ ăn cùng ngài Tổng tài, Boumerine?

-Có quan trọng gì đâu, miễn là người đó làm ông ấy vui.

-Nhưng rốt cục, đó là ai?

-Phu nhân muốn ông ấy ăn cùng mình sao?

-Không, không, Boumerine – Joséphine kêu lên – Anh ấy muốn ăn với ai thì tuỳ chỉ cần anh ấy xuống ăn tối với tôi thôi.

Rồi Joséphine đi ra nhẹ nhàng như một làn hơi sương.

Boumerine chỉ còn lại một mình.

Mười phút sau, cửa phòng khách mở ra và Bonaparte trở về phòng làm việc. Ông tiến thẳng đến chỗ viên thư ký của mình.

-Boumerine này, tôi vừa gặp tay Georges lừng danh đấy.

-Ngài thấy ông ta thế nào?

-Đó là một tay gã Bretagne chính gốc, cứng đầu như tổ tiên của gã. Hoặc tôi nhầm hoặc tôi vẫn chưa kết thúc với người này.

-Đó là một kẻ không sợ gì cũng không ham muốn gì. Những người như vậy rất đáng sợ, Boumerine ạ.

-Thật may là họ rất hiếm, – Boumerine vừa nói vừa cười – Ngài hiểu điều đó hơn ai hết, ngài đã từng gặp không ít cây sậy được sơn bằng sắt còn gì.

-Nhân nói đến sậy và đám sậy mềm mại ngả theo gió, cậu có gặp Joséphine không?

-Phu nhân vừa rời khỏi đây xong.

-Nàng hài lòng chứ?

-Phu nhân như trút được cả quả đồi Montmatre khỏi ngựa.

-Tại sao nàng không chờ tôi?

-Phu nhân sợ bị mắng.

-Đúng rồi! Nàng thừa biết là không thể tránh khỏi điều đó.

-Vậy nhưng tạm lánh ngài có thể là tận dụng rất tốt thời gian, vả lại sáng nay phu nhân có hẹn một trong số bạn của mình.

-Ai vậy?

-Một chủ đồn điền ở Martinique.

-Tên là gì?

-Nữ bá tước de Sourdis.

-Người nhà Sourdis là thế nào? Có nổi tiếng không?

-Ngài hỏi tôi điều ấy ư?

-Chứ sao, chẳng phải cậu biết đám quý tộc như trong lòng bàn tay còn gì.

-Đó là một gia tộc vừa sùng đạo vừa giỏi kiếm nổi tiếng từ thế kỷ XIV. Theo như tôi còn nhớ, trong chuyến viễn chinh từ Pháp đến Naples, một bá tước dòng họ Sourdis đã lập kì công trong trận Garigliano.

-Khiến hiệp sĩ Bayard phải chịu thua thê thảm.

-Ngài nghĩ sao về hiệp sĩ không sợ gì và không oán trách ai?

-Họ xứng đáng với tên tuổi của mình và hy sinh như một người lính sẵn sàng chết. Song tôi không hoan nghênh những cuộc đấu kiếm. Đó là những tướng binh đáng thương. François Đệ nhất đã thật ngốc trước Pavie nhưng hãy trở lại với chuyện nhà Sourdis đã.

-Có một nữ tu nhà Sourdis dưới triều vua Henri Đệ tứ đã ôm Gabrielle chết trong vòng tay, bà được kết thân cùng dòng tộc Estrées. Có một bá tước nhà Sourdis khác từng làm trung đoàn trưởng dưới triều vua Loruis XV và rất anh dũng chiến đấu với giới hiệp sĩ Fontenoy. Từ đó, họ vắng bóng trên đất Pháp, có thể họ sang châu Mỹ. Họ để lại một lâu đài ở Paris mang tên Sourdis, nằm trên đại lộ Saint-Germain-l Auxerrois, có một con phố mang tên Sourdis đi từ phố Orléan đến phố Anjou au Marais và một hẻm Sourdis nằm trên đường Fossés-Saint-Gabrielle-l Auxerrois. Nếu tôi không nhầm thì nữ bá tước Sourdis này rất

giàu, bà ta vừa mua và sống ở một lâu đài rất đẹp trên ga Voltaire có lối vào trên phố Bourbon và cửa sổ quay ra khu Marsan.

-Tôi cảm thấy nhà Sourdis này bốc mùi thượng lưu từ khu phố Saint-Germain Cũng phòng hẳn như vậy, họ là bà con gần của giáo su Cabanis người như ngài biết đấy, rất ủng hộ chinh sách của chúng ta. Ông ta còn là cha đỡ đầu của con gái họ.

Chuyện ấy chẳng liên quan mấy. Tất cả đám nữ lưu khu Saint-Germain đều có ảnh hưởng không hay đến Joséphine.

Ngay lúc đó, ông quay sang và nhìn thấy bàn ăn.

-Tôi có nói là mình ăn trưa ở đây không nhỉ?

-Không – Boumerine đáp – nhưng hôm nay, tốt nhất ngài nên ăn trưa trong phòng làm việc.

-Tôi có hân hạnh dùng bữa với ai đây?

-Với một người tôi đã mời.

-Với tâm trạng của tôi bây giờ, tốt hơn hết hãy tìm một người thú vị nhé.

-Chắc chắn như vậy.

-Người này là ai vậy?

-Anh ta đến từ rất xa và vừa tới nơi khi tướng quân đang nói chuyện với Georges.

-Tôi không cho mời ai ngoài Georges.

-Người này không được triệu kiến.

-Anh biết tôi không gặp ai mà không viết thừ mời.

-Ngài sẽ tiếp người này.

Rồi Boumerine đứng dậy sang phòng bên nói: -Ngài Tổng tài về rồi.

Tức thì một thanh niên vội đi sang phòng Bonaparte. Dù người này mới hai mươi lăm hoặc hai mươi sáu tuổi nhưng đã mặc quân phục cấp tướng.

-Junot? – Bonaparte kêu lên sung sướng – Ôi, lạy Chúa! Cậu nói đúng người này thì tôi không cần phải thư mời! Lại đây Junot, lại đây!

Viên tướng trẻ định hôn tay Bonaparte nhưng ngài đã choàng hai tay ôm anh ta vào ngực.

Trong số những sĩ quan phục vụ, Junot là một trong số người được Bonaparte yêu mến nhất. Họ quen nhau trong cuộc vây hãm Toulon.

Hồi đó, Bonaparte chỉ huy pháo binh. Ông cần một người viết chữ đẹp và Junot đã bước ra khỏi hàng.

-Hãy đứng đây – Bonaparte nói và chỉ vào ụ súng – và viết theo lời tôi đọc.

Junot làm theo. Đúng lúc viết xong lá thư, một quả đạn từ phía quân Anh nổ cách họ chừng mười mét khiến cả hai phủ đầy đất.

-Hay quá! – Junot vừa nói vừa cười – Rơi thật đúng chỗ, chúng ta đang không có cát thấm cho mực khô.

Lời nói ấy đã mang lại may mắn cho anh ta.

-Cậu muốn ở bên tôi không? – Bonaparte hỏi – Tôi sẽ giữ cậu lại.

-Rất sẵn lòng – Junot đáp.

Cả hai người rất ăn ý với nhau khi Bonaparte được phong cấp tướng, Junot trở thành sĩ quan tuỳ tùng. Khi Bonaparte gặp khó khăn họ cùng chia sẻ ba trăm phăng. khoản tiền mà gia đình Junot gửi cho mỗi tháng.

Sau cuộc cách mạng ngày 13 Lendémieire, Bonaparte có thêm hai sĩ quan tuỳ tùng khác là Muiron và Marmont, nhưng Junot vẫn là người được ưu ái.

Junot tham gia cuộc viễn chinh trên đất Ai Cập và được phong tướng tại đó. Dù rất tiếc nhưng Bonaparte vẫn phải chia tay Junot, người này đã chứng tỏ lòng can đảm bằng cách bắn chết tướng chỉ huy địch. Khi rời Ai Cập, Bonaparte viết:

"Tôi rời Ai Cập, Junot thân mến ạ. Cậu ở cách bên xuất phát xa quá nên tôi không thể mang cậu đi theo. Nhưng tôi đã ra lệnh cho Kléber cho phép cậu đi trong tháng Mười. Cuối cùng, dù đâu dù ở bất cương vị nào, tôi luôn là bạn hữu của cậu.

Tạm biệt và thân ái!

Bonaparte"

Trên đường trở về, Junot đã bị rơi vào tay quân Anh. Từ đó Bonaparte không nhận được tin gì về người này. Chính vì vậy ông mới vui mừng đến thế khi bất ngờ gặp Junot.

-Ôi chao! Cuối cùng cậu đây rồi! Bonaparte kêu to – Cậu thật ngốc khi để rơi vào tay quân Anh đúng không? Nhưng sao cậu lại chậm khởi hành đến sáu tháng khi tôi viết thư bảo cậu đi càng sớm càng tốt.

-Lạy Chúa! Kléber đã giữ tôi lại. Ngài không hình dung hết, ông ta khiến tôi khốn khổ thế nào đâu – Bề ngoài, ông ta sợ tôi có quá nhiều bạn bên mình. Tôi biết ông ta không ưa tôi, nhưng tôi không tin ông là có thể nhỏ mọn đến thế. Còn lá thư cho chính quyền Đốc chính nữa chứ, ngài có biết không?

-Nhưng cuối cùng – Bonaparte nói và ngước mắt lên trời – kết cục bi thảm của ông ấy cũng khiến chúng ta được an ủi phần nào. Chúng tôi, tôi và nước Pháp đã thiệt hại lớn, nhưng một mất mát không lấy lại được lại là Desaix. Ôi Desaix! Đó là bất hạnh lớn lao cho tổ quốc!

Bonaparte đi đi lại lại một lát trong im lặng như thể hoàn toàn chìm trong nỗi đau, sau đó ông đột ngột dừng lại trước Junot: -Cậu muốn làm gì bây giờ? Tôi đã nói luôn là bạn hữu và chứng tỏ điều đó trong khả năng có thể. Dự định của cậu là gì? Cậu muốn làm tiếp chứ

Rồi nhìn Junot từ dưới lên và vui vẻ hỏi: -Cậu muốn tôi gửi cậu đến quânđội bên sông Rhin chứ?

Mặt Junot đỏ bừng.

-Ngài đã muốn vứt bỏ tôi sao? – Ngừng lại một lát, anh ta nói tiếp – Tuy nhiên, nếu ngài ra lệnh như vậy, tôi sẽ đi gặp tướng Moreau để chứng tỏ các sĩ quan từ quân đội Italia không quên nhiệm vụ lên Ai Cập.

-Được rồi – Tổng tài vừa nói vừa cười – Bình tĩnh đi nào anh bạn! Không Junot, anh sẽ không xa tôi, tuy tôi yêu quý tướng Moreau nhưng chưa đến mức tặng cho ông ta món quà là người bạn tốt nhất của tôi.

Rồi ông nghiêm giọng, lông mày nhíu lại: -Junot này, tôi sẽ bổ nhiệm cậu làm chỉ huy quân ở Paris. Đây là một vị trí thân tín nhất là trong lúc này, tôi không thể chọn ai tốt hơn. – Nhưng ông nhìn quanh như thể bị nghe trộm – Nhưng cần phải suy nghĩ kỹ trước khi nhận lời. Cậu phải già đi chục tuổi, bởi lẽ chỉ huy quân ở Paris phải là người gắn bó với tôi, đồng thời phải hết sức thận trọng, luôn chú ý đến việc bảo đảm an ninh cho tôi.

-Thưa tướng quân – Junot nói to – Dưới quan hệ…

-Khẽ chứ – Bonaparte nói – Đúng, phải chú ý đến sự an toàn của tôi. Tôi đang có nhiều nguy hiểm. Giá như tôi chỉ là tướng Bonaparte thông thường hoặc ngay cả trước cuộc cách mạng 13 Vendémiaire thì không cần làm gì bởi lẽ lúc đó cuộc sống của tôi chỉ là của tôi, tôi biết nó chưa có tầm vóc gì, còn giờ đây, tôi không thuộc về mình nữa. Tôi không chỉ nói điều này với một người bạn, Junot ạ, sứ mạng của tôi đã khác, nó gắn với sứ mạng của cả cường quốc. Chính vì thế mà nó bị đe doạ. Những thế lực khác hy vọng xâm chiếm và xâu xé nước Pháp không muốn có tôi trên con đường của chúng…

Bonaparte nghĩ ngợi một lát, đưa tay lên trán như thể săn đuổi một ý nghĩ nào đó. Rồi đột nhiên, ông ngẩng phắt lên như thể có vài chục việc khác nhau cùng ùa vào bộ óc ấy cùng lúc.

-Như thế này, tôi sẽ bổ nhiệm cậu làm thị trưởng Paris, nhưng cậu phải cưới vợ, chuyện này không chỉ phù hợp với vị trí cậu sắp đảm nhiệm mà còn vì lợi ích của cậu. Nhân đây hãy chú ý chỉ lấy một phụ nữ thật giàu có thôi đấy.

-Được rồi, nhưng tôi muốn cô ấy phải làm tôi thích. Làm sao bây giờ, đám người hưởng thừa kế đều xấu tệ hại.

-Thôi nào, hãy bắt tay vào việc ngay từ hôm nay vì ngay hôm nay cậu đã được phong chức chỉ huy Paris. Hãy tìm một ngôi nhà phù hợp không quá xa Tuileries để tôi có thể cho gọi cậu mỗi khi cần. Sau đó, hãy xem và chọn trong số ai quanh Joséphine hay Hortense. Tôi muốn đề cử Hortense nhưng tôi nghĩ cô ta yêu Duroc mà tôi lại không muốn ép duyên.

-Xin mời ngài dùng bữa – Người quản lý lâu đài mang khay lại.

-Hãy vào bàn nào – Bonaparte nói – trong tám ngày, cậu phải xong chuyện nhà cửa và chọn xong vợ.

-Thưa tướng quân – Junot nói – Tôi đồng ý tám ngày cho ngôi nhà còn lấy vợ, tôi muốn có mười lăm ngày được không?

-Đồng ý – Bonaparte nói.

§10. Tâm tư hai thiếu nữ

Khi hai người bạn chiến đấu bắt đầu ngồi vào bàn cũng là lúc người ta thông báo cho phu nhân Bonaparte có bá tước phu nhân và tiểu thư Claire de Sourdis vào gặp.

Những người phụ nữ ôm hôn nhau, trong giây lát họ tạo thành một nhóm điệu đà duyên dáng và theo thông lệ họ hỏi nhau về sức khoẻ thời tiết, hàng ngàn câu quen thuộc như giới quý tộc vẫn làm sau đó phu nhân Bonaparte mời nữ bá tước ngồi xuống ghế trường kỷ còn Hortense dẫn Claire, một cô gái trạc tuổi Hortense, đi thăm cung điện nơi lần đầu cô đặt chân đến.

Hai cô thiếu nữ tạo thành sự đối lập rất duyên dáng: Hortense có mái tóc vàng, tươi nói như một bông hoa, mơn mởn như trái đào. Mỗi khi cô thả tóc, một suối vàng suôn mượt chảy xuống tận đầu gối, hai cánh tay và đôi bàn tay cô hơi gầy. Giống như các thiếu nữ đang chờ trở thành đàn bà sau cú nháy mắt của tạo hoá; cô hội tụ trong tư thế yểu điệu kia sự mãnh liệt của người Pháp và hoàn toàn Morbidezza[346] của người da trắng. Cuối cùng, để hoàn thiện cho vẻ quyến rũ ấy là đôi mắt xanh lơ dịu hiền vô tận.

Người đi cùng cô cũng có vẻ đẹp và duyên dáng không kém chỉ có điều đó là vẻ đẹp hoàn toàn khác. Claire cao hơn bạn mình, cô có nước da bánh mật mà thiên nhiên ban tặng cho cô gái miền nam, đôi mắt xanh màu ngọc saphir, mái tóc đen như gỗ mun, chân tay mềm và xinh như tay trẻ con.

Cả hai thiếu nữ đều được học hành tử tế. Hortense, sau khi phải đi học nghề và sau khi Joséphine, mẹ cô được ra tù, cô đã được tiếp tục học với sự thông minh và chịu khó không ai sánh kịp. Cô vẽ đẹp, chơi nhạc giỏi và sáng tác những vần thơ lãng mạn, một vài tác phẩm vẫn còn đến ngày nay. Chúng không tồn tại vì vị thế của tóc giả mà bằng chính giá trị hiện thực của mình.

Cả hai đều là hoạ sĩ, nhạc sĩ và nói được vài ba ngoại ngữ. Hortense chỉ cho Claire thấy phòng tranh, phòng chơi nhạc và chuồng nuôi chim của mình.

Sau đó, họ ngồi xuống chiếc ghế do Redouté trang trí cạnh chuồng chim, câu chuyện xoay quanh những buổi vũ hội, như đang thịnh hành hơn bao giờ hết, về những điệu nhảy, những người nhảy đẹp về ngài Trénis, ngài Laffitte, ngài Alvimar, hai anh em nhà Caulaincourt. Các cô phàn nàn về việc cứ phải nhảy điệu gavone hay menuet. Cuối cùng là những cân hỏi xưa như trái đất.

Hortense hỏi: -Bạn có biết công dân Duroc, sĩ quan tuỳ tùng của cha dượng tôi không?

Claire hỏi: -Bạn có bao giờ gặp công dân Hectorde Sainte-Hermine chưa?

Claire không biết Duroc.

Hortense cũng không biết Hector.

Hortense hầu như thừa nhận rằng mình yêu Duroc, cha dượng cô rất mến Duroc nên đã cho phép mối tình ấy.

Trên thực tế Duroc cũng là một trong những tướng triển vọng trong điện Tuileries. Chưa đến tuổi hai mươi tám, cách cư xử hơn người, đôi mắt to, tóc đẹp, cao dong dỏng và rất lịch thiệp.

Tuy nhiên, có một bóng đen bao trùm lên tình yêu ấy.

Bonaparte đồng ý nhưng Joséphine lại thích một đám khác.

Joséphine muốn gả Hortense cho người em thứ của Napoléon, đó là Louis.

Joséphine còn có hai kẻ địch khác trong gia đình chồng: Joseph và Lucien. Họ dò xét hành vi của Joséphine ra mặt, chính họ khuyên Bonaparte sau chuyến viễn chinh từ Ai Cập về không nên đến gặp Joséphine. Chính họ thúc Bonaparte ly dị với lý do Bonaparte cần con trai để xứng với những dự định đầy tham vọng của ông; họ còn tiếp tục như vậy vì chính quyền lợi của mình.

Joseph và Lucien đã lập gia đình. Theo ý nguyện, Joseph đã lấy con gái ông Clary, một nhà thương thuyết giàu có ở Marseille và trở thành anh rể của Bemadotte. Nhà ông này còn có cô em thứ ba xinh hơn hai cô chị: Bonaparte đã từng hỏi cưới nhưng ông bố đã từ chối thẳng: -Không được, tôi có một con rể Bonaparte trong nhà là đã đủ lắm rồi.

Giá ông đồng ý thì có lẽ ông già thương thuyết ở Marseille đã trở thành bố vợ của hoàn g đế và hai vị vua rồi.

Còn Lucien, anh này lấy vợ theo cách gọi hồi đó là không môn đăng hộ đối.

Năm 1794 hay 1795, khi Bonaparte mới chỉ nổi danh qua việc chiếm Toulon, Lucien đã giữ chức trưởng kho cho một làng nhỏ Saint-Maximin. Lucien là một thành viên phái Cộng hoà, được đặt tên thánh là Brutus, nên không thể cho phép có một vị thánh nào khác nơi mình sống. Do vậy, anh ta cho đổi tên làng Saint-Maximin thành làng Marathon.

Lucien Brutus sống tại lâu đài duy nhất có ở Saint-Maximin hay còn gọi là Marathon. Nơi này có một người quản gia không bận tâm đến việc thay tên đổi họ, vẫn được gọi là Constant Boyer.

Ông này có cô con gái Chistine xinh đẹp như hoa. Tạo hoá đôi khi lại để đoá hoa đẹp nở trong đám cỏ dại, ngọc sáng trong đá

Ngày đó ở làng Saint-Maximin-Marathon không có trò tiêu khiển hay hoạt động xã hội nào nhưng Lucien cũng chẳng bận tâm. Christine Boyer là quá đủ với anh ta.

Tuy nhiên, Christine Boyer không những xinh đẹp mà còn khôn ngoan, cô đâu chịu làm cảnh người tình; trong một lúc quá yêu và cũng chán nản, Lucien đã cưới cô làm vợ và Christine Boyer trở thành Christine Bonaparte.

Vị tướng của cuộc cách mạng 13 Vendémiaire đang phất lên như điều gặp gió hay tin em mình cưới liền nổi giận đùng đùng. Ông thề không bao giờ nhìn mặt

em trai cũng không bao giờ nhận em dâu và chỉ cho hai người một vị trí nhỏ ở Đức.

Sau này, khi đã nguôi giận, ông đã gặp em dâu và tha thứ cho em trai Lucien Brutus lúc này đã tới thành Lucien Antoine, đó là ngày 18 Brumaire.

Lucien và Joseph là nỗi kinh hoàng của Joséphine Bonaparte chính vì vậy, bà muốn gả con gái riêng của mình cho Louis vừa đảm bảo gia sản vừa tạo thế dựa đối trọng chống lại Lucien và Joseph.

Hortense cực lực phản đối, không phải vì Louis ngày ấy không đẹp trai, anh này có cái nhìn đắm thắm, nụ cười cởi mở mà vì anh chàng này giống như cô em Caroline của cô vừa lấy Murat, vẫn còn trẻ con. Mới hai mươi tuổi, Louis không yêu Hortense nhưng cũng không ghét cô, anh để mặc mọi chuyện diễn ra.

Còn về Hortense, cô không ghét Louis nhưng vấn đề là cô yêu Duroc, cô tin tưởng Claire de Sourdis nên thổ lộ hết với bạn.

Claire cũng tâm sự chuyện của mình nhưng bất hạnh cho cô là cô không có gì nhiều để kể.

Cô đang yêu, nếu có thể gọi như thế là yêu, có lẽ cô mới nhận ra thì đúng hơn, cô nhận ra một thanh niên đẹp trai khoảng hai mươi tư tuổi. Chàng trai ấy có mái tóc vàng, đôi mắt đen rất đẹp, nhưng được nét rất đàn ông, tuy nhiên tay chân lại mềm như phụ nữ. Thật kỳ lạ là những thứ đó lại tạo thành sự hài hoà hoàn hảo.

Người ta có thể hiểu lớp vỏ bên ngoài mềm yếu kia đang chứa đựng sức mạnh của Héc-quyn bên trong, văn học giai đoạn trước cũng đã từng tạo nên hững hình mẫu tương tự với René và Manfred. Anh ta có vầng trán hơi tái chứng tỏ có rủi ro ập đến.

Đó cũng là thứ từng xảy ra với gia đình anh và trong gia đình có những truyền thuyết khủng khiếp ít ai biết rõ. Nhưng những dấu hiệu ấy ẩn hiện phía sau con người này. Không bao giờ người ta thấy anh để tang cho mẹ vốn là nạn nhân của nền Cộng hoà, không bao giờ anh biểu hiện nỗi đau trong các buổi vũ hội hay những buổi gặp gỡ nhằm xua đi bóng den u ám. Những người bạn của anh, không phải đám ăn chơi mà là những người bạn săn hay đi du lịch cùng, cũng ít khi rủ anh đến chỗ không đứng đắn.

Trước kia, hai nhà Sainte-Hermine và Sourdis đã từng có quan hệ đi lại theo truyền thống của những gia tộc lớn, mối quan hệ ấy rất quý với cả hai nhà. Chính vì vậy mà từ khi phu nhân Sourdis từ miền thuộc địa trở về, chàng trai trẻ Sainte-Hermine tình cờ về Paris, đã đến thăm rất thân tình.

Cũng từ vài tháng qua, hai con người trẻ tuổi ấy đã gặp nhau. Nhưng ngoài câu chào hỏi thông thường họ ít nói chuyện, chủ yếu chỉ có chàng trai ấp úng vài lời. Tuy nhiên, nếu miệng không cất thành lời thì đôi mắt lại nói thay họ. Hector có ánh mắt nhìn cũng mãnh liệt như lời muốn nói. Mỗi khi gặp Claire, cái nhìn

của anh muốn nói với cô rằng chúng thấy cô đẹp biết bao. Trái tim anh đang thổn thức biết chừng nào.

Ngay lần gặp đầu tiên, Claire đã rung động trước ánh mắt khẩn nài của anh. Với cô, Sainte-Hermine là một hiệp sĩ hoàn hảo ở mọi mặt cho nên cô cũng để mình nhìn lại chàng. Cô hy vọng một ngày trong vũ điệu đầu tiên của hai người, chỉ một lời hay một cái xiết tay sẽ là cứu cánh cho ánh mắt đắm đuối kia. Nhưng có một điều kỳ lạ ở thời điểm đó Sainte-Hermine, một hiệp sĩ hào hoa đã gác súng như nhà Junot hay Fourmier, không hề khiêu vũ lần nào.

Cũng là điểm mới đối với những người trong các cuộc vũ hội mà mình tham gia, việc Sainte-Hermine chỉ đứng im, lạnh lùng, ẩn vào cạnh cửa sổ hay một góc nào trong phòng trở thành chủ dề bàn tán của nhiều cô gái. Họ tự hỏi vì sao một người hào hoa như vậy lại không tham gia.

Còn Claire, cô ngạc nhiên về sự thu mình bướng bỉnh của bá tước Sainte-Hermine đối với mình cũng như sự ngạc nhiên về thái độ của mẹ, dù tỏ ra quý mến chàng trai trẻ nhưng bà lại nói nhiều về gia đình bị cách mạng tàn phá của anh. Rào cản hai người cũng không thể là vấn đề tiền bạc, cả hai đều là con một của gia tộc giàu có nên được thừa hưởng tài sản cũng tương đương nhau.

Những băn khoăn trong lòng cô là những cảm xúc hỗn độn về phẩm chất đạo đức cũng như dáng vẻ bề ngoài chàng vẻ bí hiểm khiến cô càng thêm rối bời chỉ chờ có dịp được tháo bỏ.

-Nếu như Hortense có thể thẳng thắn nói lên mong muốn của mình là cưới Duroc người cô yêu thương và không lấy Louis Bonaparte thì Claire không thể nói rõ niềm đam mê trong cô. Cô chỉ có thể vẽ từng nét về Hector, chỉ có thể mô tả phần nào màn đêm đang vây quanh cô. Và khi mẹ gọi hai lần, khi đứng dậy ôm hôn Hortense, cô chợt nhớ ra một điều quan trọng.

-Nhân đây – Cô nói – Hortense thân mến, tôi quên hỏi bạn một chuyện.

-Chuyện gì vậy?

-Hình như phu nhân Permon mở một đại vũ hội phải không?

-Đúng vậy, Loulou mới cùng mẹ đến thăm tôi và đích thân mời chúng tôi.

-Bạn sẽ đi chứ?

-Tất nhiên.

-Hortense thân mến – Claire dịu giọng – Tôi có việc muốn nhờ bạn.

-Việc gì vậy.

-Hãy giúp chúng tôi, cho mẹ và tôi cùng được mời có được không?

-Tôi hy vọng là có thể.

Claire nhảy lên vui sướng.

-Ồ cảm ơn bạn. Bạn định làm thế nào?

-Trước tiên, tôi có thể lấy một thiệp mời của Loulou nhưng tôi thích nhờ Eugène hơn. Eugène rất thân với con trai của phu nhân Permon. Cậu ấy sẽ hỏi

được điều mà bạn muốn.

-Và tôi sẽ được dự vũ hội nhà phu nhân de Permon phải không?– Claire kêu lên thích thú.

-Đúng vậy – Hortense đáp rồi nhìn thẳng vào mặt bạn mình – Anh ấy cũng đến đó à?

Claire đỏ bừng mặt khẽ cúi xuống.

-Tôi mong như thế.

-Bạn sẽ chỉ anh ấy cho tôi chứ?

-Ồ bạn sẽ nhận ra anh ấy mà không cần tôi chỉ, Hortense thân mến ạ. Tôi chẳng nói với bạn rằng anh ấy không thể lẫn vào đâu dù có cả nghìn người hay sao?

-Tôi thật tiếc là anh ấy không khiêu vũ! – Hortense nói.

-Chính tôi cũng vậy – Claire thở dài.

Hai thiếu nữ tạm biệt nhau Claire còn nhắc Hortense đừng quên thiếp mời.

Ba ngày sau, Claire de Sourdis đã nhận được tấm thiệp ấy.

§11. Vũ hội nhà phu nhân Permon

Buổi dạ hội mà cô bạn gái của tiểu thư Hortense de Beauhamais[347] muốn có thiếp mời đã thành tin nóng hổi cho cả Paris hào hoa thời đó. Phu nhân Permon lẽ ra phải có ngôi nhà rộng gấp bốn lần ngôi nhà bà hiện ở bây giờ mới đủ chỗ cho những ai muốn tham dự buổi vũ hội ấy. Bà đã tránh không mời hơn một trăm năm mươi quý ông quý bà nhưng vốn sinh ra tại đảo Corse, từ thơ ấu, bà đã có gắn bó với gia đình Bonaparte cho nên bà mới nể Eugène Beauhamais và dành hai thiếp mời cho mẹ con phu nhân Sourdis. Phu nhân Permon lựa chọn khách mời rất kỹ lưỡng. Dù tên của bà mới nghe có vẻ không cao quý nhưng bà là một trong số những Phụ nữ danh giá nhất thế giới. Vốn tổ tiên là dòng họ Comnène đã từng có sáu người làm vua ở Constantinople, một ở Heracléc và mười người ở Trébizonde.

Tổ tiên của bà, Constantin Comnène, trong lúc chạy trốn những kẻ theo đạo Hồi, ban đầu trú ẩn trong dãy núi Taygète, sau đó đến những dải núi trên đảo Corse đã tập hợp được ba nghìn đồng bào rồi lập nên nhà nước sau khi mua lại từ chính quyền Gênes các vùng đất đai của Paomia, Salogna và Revinda.

Tuy gốc gác đế vương nhưng tiểu thư Comnène lại theo tiếng gọi của tình yêu kết hôn với một chàng trai bình thường là ngài Permon. Ông Permon đã chết cách đây hai năm để lại bà vợ goá, một cậu con trai 28 tuổi và cô con gái 14 tuổi cùng 25 nghìn livre tiền tô tức Mối giao thiệp rộng rãi của phu nhân Permon cộng với quan hệ bình dân đằng chồng đã khiến cho phòng tiếp quý tộc mở ra cho cả giới chính khách nền dân chủ, những sĩ quan, các nhà nghệ thuật, khoa học gia… trong đó có những cái tên có thể sánh với những gương mặt tiêu biểu thời quân chủ.

Trong phòng khách, người ta có thể thấy quý ông Mouchy, Montcalm, hoàng tử Chalais, hai anh em nhà Laigle, Charìes, Just de Noailles, nhà Montaigu, ba người nhà Rasdignac, bá tước de Caulaincourt và hai con trai, Amland và Auguste, nhà Albelt ớ Orsay, nhà Montbreton. Nhà Sainte-Aulaire và Talleyrand kề vai cùng nhà Hoche, Rapp, Duroc, Trénis, Laffitte, Dupaty, Junot, Amsson và Laborde.

Với 25 nghìn livres tiền tô tức, phu nhân Permon sở hữu một trong những ngôi nhà sang trọng và quý phái nhất Paris. Quả thực 25 nghìn livres bấy giờ tương đương với 50 nghìn bây giờ. Ngôi nhà đâu đâu cũng là hoa và cây cảnh. Ngôi nhà như một toà kính: tiền sảnh trang trí bằng cây cảnh và hoa khiến người ta không thể thấy tường nhà, đồng thời những ngọn đèn màu lung linh đủ màu sắc khiến ta như đang lạc vào cõi bồng lai.

Thời đó người ta tụ hội chủ yếu để khiêu vũ và khiêu vũ thực sự cho nên các buổi vũ hội thường bắt đầu sớm. Chín giờ, các phòng khách của phu nhân Permon đã rực rỡ ánh đèn. Bà cùng con trai, con gái đang chờ khách đến.

Phu nhân Permon vẫn còn rất khả ái. Hôm nay, bà mặc chiếc váy dạ hội màu trắng, điểm những lon vải kết hình hoa thuỷ tiên kép. Kiểu dáng váy từ Hy lạp, nó nâng ngực lên và đính hai dải kim cương trên bờ vai chiến váy này cho nhà tạo mốt Leroy trên phố Petits-Champs, thiết kế, kèm theo váy là chiếc mũ không vành, gắn mạng trắng có đính lon vải hình hoa thuỷ tiên như trên váy, được đặt lên mái tóc đen như mun. Trước mặt bà ta là những bó hoa thuỷ tiên và violet rất lớn. Và để hoàn tất trang phục, bà đeo hai bông tai bằng kim cương trì giá mỗi bên là 15 nghìn phăng.

Tiểu thư Permon trang điểm đơn giản hơn. Mẹ nàng cho rằng tuổi mười sáu, không cần quá chú trọng trang điểm mà vẻ đẹp tự nhiên là điều quan trọng hơn. Cô mặc một chiếc váy lụa hồng kiểu giống mẹ, một vành hoa thuỷ tiên trắng trên đầu, một vành hoa vải tương tự dưới chân váy, những khuy móc và bông tai đều bằng ngọc Nhưng người chú trọng sắc đẹp nhất buổi dạ hội đến mức không còn để ý đến sự xuất hiện của gia đình Bonaparte là phu nhân Leclerc[348] bạn thân thiết của phu nhân Laetitia và là cô em gái cưng của Bonaparte. Để không bị ảnh hưởng đến vẻ lộng lẫy của mình, nàng đã nhờ phu nhân Permon cho mình thay trang phục tại đây. Nàng may váy tại nhà phu nhân Germon, cho gọi những tay trang điểm hàng đầu để sẵn sàng có mặt đúng lúc phòng khách đến đông nhưng chưa đủ. Đây là thời điểm thu hút được sự chú ý nhiều nhất.

Một số phụ nữ đẹp nhất như phu nhân Méchin, phu nhân de Pengord, phu nhân Récamier đến lúc chín giờ ba mươi. Ngay lúc đó người ta thông báo phu nhân Bonaparte cùng con trai và con gái tới.

Lập tức phu nhân Permon đứng dậy đi ra tận nửa phòng ăn để đón. Bà không hề ra xa như vậy để đón ai.

Joséphine đội một vành cây mỹ nhân tết bằng vải đính cườm vàng, chiếc váy lụa trắng cũng trang trí như vậy. Hortense mặc váy trắng giống mẹ nhưng trang trí đơn giản bằng cành hoa tím.

Cũng lúc đó nữ bá tước Sourdis và con gái cùng vào. Bà mẹ mặc váy dài gắn những hạt vàng hình hoa păng xê, cô con gái chải tóc kiểu Hy Lạp, mặc váy dài trắng thêu vàng và đỏ tía.

Phải nói Claire rất hợp với trang phục ấy, những dải thêu vàng và đỏ tía càng tôn thêm mái tóc đen của cô.

Vừa nhận ra Claire, và được em gái ra hiệu, Eugène Beauhamais tiến ra chỗ những người mới đến, dắt tay phu nhân Sourdis và đưa bà lại gần phu nhân Permon.

Phu nhân Permon mời bà ngồi phía bên trái, Joséphine ngồi bên phải, Hortense dắt Claire ngồi cách mẹ vài người.

-Thế nào? – Hortense tò mò hỏi.

-Anh ấy kia – Claire vừa nói vừa run rẩy.

-Đâu? – Hortense càng tò mò hơn.

-Kìa, kìa, trong nhóm kia, người mặc đồ nhung màu hồng lựu quần ống chẽn, giày đính kim cương, trên mũ cũng gắn kim cương ấy.

Đôi mắt Hortense dõi theo hướng Claire chỉ.

-Bạn nói đúng – Hortense nói – Chàng trai ấy đẹp như Antinous. Nhưng tôi thấy chàng đâu có buồn như bạn kể. Thậm chí thiên thần của bạn còn khẽ cười với chúng ta kìa.

Quả đúng là bá tước Sainte-Hermine không rời mắt khỏi tiểu thư Sourdis từ khi cô bước vào phòng nét mặt anh ta lủện rõ một niềm vui kín đáo. Khi bắt gặp cái nhìn của Claire và bạn cô, anh tiến lại chào hai người.

-Mong tiểu thư dành cho tôi bản Réelle hay điệu Anh đầu tiên được chăng? – Anh hỏi Claire.

-Bản Réelle đầu tiên, vâng được, thưa ngài – Gaire ấp úng và trở nên tái mét khi thấy bá tước bước quay sang bạn mình, cô này cũng đỏ bừng đôi má.

-Còn tiểu thư Beauhamais – Hector nói và cúi mình trước Hortense – Tôi xin chờ từ miệng tiểu thư mệnh lệnh được xếp hàng sau những người ngưỡng mộ tiểu thư.

-Bản Gavotte đầu tiên nếu ngài muốn – Hortense đáp.

Cô biết Duroc, dù là người khiêu vũ giỏi cũng không nhảy điệu gavotte.

Bá tước Hector cúi chào cảm ơn rồi dửng dưng đi qua những lời tán dương dành cho phu nhân Contades vừa đến.

Cùng lúc đó, những tiếng xì xào ngưỡng mộ rộ lên về những kiểu mốt mới. Cuộc tranh luận cứ tiếp tục mãi và buổi vũ hội chỉ khai mạc khi có sự hiện diện của ngài Tổng tài Bonaparte.

Sự ganh tị giữa các quý bà ngày càng quyết liệt khi có sự xuất hiện của Pauline Bonaparte. Những người thân vẫn gọi bà là Paulette, bà đã lấy tướng Leclerc, người đã giúp Bonaparte rất nhiều trong cuộc cách mạng ngày 18 Brumaire.

Phu nhân Leclerc bước ra khỏi phòng nơi bà vừa thay đồ với vẻ yểu điệu thướt tha hiếm thấy, bà chỉ rút găng tay khi đã vào phòng, để lộ làn da trắng, cổ tay tròn như ngà voi đeo đầy vòng vàng và đá quý chạm nổi. Hôm đó, phu nhân Leclerc chải tóc và kết với những dải da đốm mịn như da báo gấm, trên đó có đính những chùm nho bằng vàng. Đây là kiểu bắt chước hoạ tiết trong chiếc vòng đá màu bà đang đeo. Những đường nét cơ thể thanh thoát của bà sánh với vẻ đẹp cổ đại Một chiếc váy bằng vải mousseline Ấn Độ vô cùng mềm mại, nó như dệt

từ không khí nói như cách nói của Juvénal. Thân váy dưới có đường thêu màu vàng uốn lượn đan xen màu đỏ tía. Chiếc váy dài trùm lên bờ vai có đính đá màu lấp lánh, tay áo ngắn, hơi gấp nếp và đính nhiều đá màu. Một chiếc thắt lưng ôm sát ngay dưới ngực như trong các bức tượng cổ, làm bằng lụa đính vàng và đá khắc.

Tất cả đều vô cùng hài hoà đến nỗi một giọng tán dương vang lên ngay khi phu nhân Leclerc vừa xuất hiện trong phòng mà không sợ làm những phụ nữ khác mếch lòng.

-Incessu patuit dea – Dupaty nói khi bà đi ngang qua.

-Ngài định nhạo báng tôi bằng thứ ngôn ngữ tôi không hiểu hay sao, công dân nhà thơ? – Phu nhân Leclerc nở nụ cười.

-Sao cơ, phu nhân là người La mã mà không hiểu tiếng La tinh sao?

-Tôi đã quên rồi.

-Đó là một nửa câu thơ của Virgile khi Vénus xuất hiện ở Enée. Đức cha Delille đã dịch như sau:

"Nàng bước đi, dáng điệu thanh thoát như một nữ thần"

-Hãy đưa tay cho tôi hỡi quý ngài nịnh hót và hãy nhảy điệu Réelle đầu tiên với tôi, đó sẽ là hình phạt của ngài.

Dupaty chẳng đợi phải nói lần thứ hai, ông ta vòng tay để mặc phu nhân Leclerc dẫn vào một phòng khách. Bà bước vào đây viện cớ phòng tiếp quá rộng nhưng thực chất phòng này có thảm rộng cho phép vị nữ thần điệu đã phô bày đồ trang sức và tuỳ thích thể hiện.

Phu nhân Leclerc liếc ánh mắt thách thức sang phu nhân Contades, người đẹp nhất hay nói đúng hơn là người duyên dáng nhất từ trước Phu nhân Leclerc mãn nguyện khi thấy tất cả đàn ông ngồi quanh ghế bành trước khi mình đến bây giờ đã rời bỏ địch thủ để ngồi quanh ghế trường kỷ của bà.

Phu nhân Contades cắn môi đến bật máu. Nhưng chắc chắn trong những trường hợp thế này, bà đã tìm được cách trả thù nanh nọc và bà gọi quý ông Noailles.

-Charles – Bà nói – Hãy dẫn tôi sang xem kỹ viên ngọc lụa là vừa cuốn hết bầy bướm theo mình nào.

-A? Chàng trai trẻ đáp – Phu nhân sẽ cho bà ấy cảm thấy trong đám bướm kia có một con ong. Hãy đốt đi! Đốt đi hỡi nữ bá tước? Tất cả người nhà Bonaparte cao quý đến mức đôi khi người ta không cho họ hay rằng thật sai lầm khi khiêu khích quá khứ Hãy tháo bỏ lớp vỏ bên ngoài họ, phu nhân sẽ thấy vết tích nguồn gốc tầm thường của nó.

Rồi chàng trai đưa phu nhân Contades đến nơi. Phu nhân Contades đến chỗ nhóm người đang tán dương phu nhân Leclerc xinh đẹp, vượt qua họ rồi đến thẳng trước mặt phu nhân Leclerc.

Phu nhân Leclerc mỉm cười khi nhận ra quý bà Contades, bà cũng nghĩ rằng địch thủ của mình cuối cùng cũng phải chịu đến chào hỏi. Quả nhiên, ban đầu phu nhân Contades cùng hoà vào dòng tán dương ngưỡng mộ nhưng đột nhiên bà ta la lên thất thanh như thể vừa khám phá ra điều gì khủng khiếp.

-Ôi lạy Chúa! Thật bất hạnh! Làm sao lại có hình dạng dị kỳ như vậy để phá huỷ kiệt tác của thiên nhiên cơ chứ! Đúng là trên đời kể không có gì hoàn hảo nữa. Lạy Chúa. Thật đáng buồn biết chừng nào.

Mọi ánh mắt đều đổ dồn vào phu nhân Contades trước lời than vãn kỳ lạ như vậy, sau đó họ ngạc nhiên nhìn hai người không hiểu chuyện gì trong khi phu nhân Contades ra vẻ tiếc mối mãi không thôi.

-Nhưng phu nhân đã nhìn thấy gì? – Hiệp sĩ của bà ta hỏi.

-Thứ tôi nhìn thấy ư? Chẳng lẽ ngài cũng không thấy đôi tai to trên cái đầu xinh đẹp kia sao? Nếu tôi có chúng, ít ra tôi phải uốn vài vòng, như thế sẽ dễ hơn là không có vòng nào.

Phu nhân Contades chưa dút lời, lập tức mọi người đã quay sang ngắm nghía cái đầu của phu nhân Leclerc, lần này không phải để chiêm ngưỡng mà xem đôi tai kỳ lạ. Đôi tai ấy quả thật kỳ lạ. Chúng không có vành mà thẳng như mai sò. Đúng như phu nhân Contades nhận xét, tạo hoá đã quên tạo nếp cho chúng.

Phu nhân Leclerc thậm chí không chống trả sự tố cáo ấy bà hét lên một tiếng rồi thấy khó ở.

Đúng lúc đó, tiếng vó ngựa chậm dần ngoài sân và có tiếng báo "Ngài Tổng tài đến!" vang lên khiến tất cả cảnh tượng vừa diễn ra vội vàng được khép lại.

Trong lúc phu nhân Leclerc nước mắt lã chã rút vào căn phòng mình vừa thay đồ thì phu nhân Contades, cảm thấy chiến thắng của mình có phần tàn nhẫn nên cũng đi ra cửa khác chứ không ở lại nếm thành quả ấy.

§12. Điệu nhảy menuet nữ hoàng

Phu nhân Pennon tiến đến trước Tổng tài Bonaparte, cúi chào cung kính. Nhưng Bonaparte đã kịp cầm tay bà và hôn lên đó hết sức lịch thiệp.

-Người ta nói với tôi rằng phu nhân không chịu khai mạc vũ hội khi tôi chưa đến – Bonaparte nói – Nếu nhỡ tôi không đến được trước một giờ sáng thì đám nam thanh nữ tú đẹp kia vẫn phải chờ tôi sao?

Ông đưa mắt lướt khắp phòng tiếp và nhận ra một vài quý bà khu Saint-Germain không đứng dậy khi mình bước vào. Ông khẽ nhíu mày song không để lộ vẻ không hài lòng.

-Thôi nào, thôi nào, phu nhân Permon, hãy cho khai mạc vũ hội đi thanh niên cần được vui vẻ đúng không, khiêu vũ là thứ chúng thích nhất. Đã có ai nói với tôi là Loulou nhảy đẹp như tiểu thư Chameroi nhỉ? A đúng là con Eugène, đúng không?

Eugène dỏ bừng mặt. Chàng trai này là người tình của tiểu thư Laure de Permon.

Bonaparte tiếp tục: -Nếu phu nhân muốn, thưa phu nhân Permon, chúng ta sẽ cùng nhảy bản Monaco, đó là điệu duy nhất tôi biết đấy.

-Ngài đùa đó ư? – Phu nhân Permon đáp – Tôi đã không khiêu vũ từ ba mươi năm nay rồi.

-Kìa, phu nhân hãy tươi cười lên, nhìn phu nhân tối nay chỉ như chị gái của Loulou thôi.

Đang nói, ông nhận ra nhận ra quý ông Talleyrand, ông liền gọi: -Là ngài ư, Talleyrand, tôi có chuyện muốn nói với ngài.

Rồi Bonaparte cùng ông này sang phòng nhỏ cạnh đó, nơi phu nhân Leclerc vừa giải phiền muộn với ngài Bộ trưởng ngoại giao.

Lập tức dàn nhạc nổi lên, các vũ công nam tìm đến bạn nhảy của mình, buổi vũ hội bắt đầu.

Tiểu thư Beauhamais, nhảy với Duroc. Cô dẫn Duroc tiến đến gần Claire và bá tước Sainte-Hermine. Những gì bạn trai của cô nói khiến Hortense càng thêm chú ý đến con người này.

Điệu Réelle (ngày nay gọi là điệu nhảy đối) bao gồm bốn phần giống bây giờ, chỉ có điều phần cuối đã được ngài vũ công tài ba là Trénis thay bằng kiểu mới. Phần cuối ngày nay được gọi là trénis mang tên ông.

Lại nói đến bá tước Sainte-Hermine, xét về vũ đạo anh không kém tài bất cứ ai, là học trò của Vestris Đệ nhị, tức là con trai của bậc thánh khiêu vũ và vũ sư của anh cũng rất tự hào về anh.

Những ai được thấy số lượng ít ỏi những nhã khiêu vũ tài hoa còn sót lại cuối thế kỷ này có lẽ sẽ nghĩ đến tầm quan trọng của việc một thanh niên hợp mốt cần hoàn thiện môn nghệ thuật đó.

-Tôi còn nhớ những quý ông Montbreton đã từng khiêu vũ tại nhà phu nhân Permon trong buổi tối hôm ấy, đến năm 1812 hay 1813, họ đã bốn mươi tuổi. Hồi đó là buổi lễ hội tại Villers-Cotterêts.

Người ta mở đại nhạc vũ hội tập trung toàn bộ giới quý tộc cũ và mới với vô số các anh hào tài tử. Quý ông Montbreton đến từ lâu đài Corcy, quý ông Laigle đến từ Compiègne, một số cách xa ba dặm, số khác cách bảy dặm. Các bạn đoán xem họ đến bằng cách nào? – Bằng xe độc mã. Có những vũ công sống trong xe và coi đó như nhà của mình; xỏ chân vào đôi giầy rong ruổi khắp nơi để biểu diễn nhiều lần nhưng bước nhảy phức tạp nhất, uyên bác nhất.

Trở lại với vũ hội nhà phu nhân Permon. Tiểu thư Beauhamais vui sướng còn tiểu thư Sourdis hãnh diện khi thấy bá tước Sainte-Hermine có thể vượt trội cả về kỹ thuật khiêu vũ cũng như vẻ duyên dáng với những quý ông đang nhảy đầu tiên.

Tuy nhiên, yên tâm về mặt này, lại có thứ khác làm cô gái trẻ phấp phỏng, đó là sự tò mò. Chàng trai kia đã nói gì với Claire?

Có phải anh ta đã giải thích vì sao anh ta buồn lâu như vậy? Về quá khứ câm lặng và niềm vui hiện tại? Cô chạy lại bên bạn kéo tay ra gần một cửa sổ.

-Thế nào, anh ấy đã nói gì với cậu? – Hortense hỏi.

-Một chuyện quan trọng.

-Bạn có thể kể cho tớ nghe không?

-Tất nhiên rồi.

Sự tò mò cao đến mức tiểu thư Beauhamais xưng hô thân mật, điều mà cô không có thói quen làm.

-Chàng nói có bí mật gia đình muốn kể cho tớ nghe.

-Cho bạn?

-Chỉ mình tớ thôi vì vậy anh chàng muốn tớ xin phép mẹ cho phép tớ nói chuyện với chàng một tiếng, vẫn dưới sự kiểm soát của bà nhưng bà sẽ không nghe thấy gì.

-Mẹ bạn sẽ đồng ý chứ?

-Tớ hy vọng như vậy. Mẹ rất yêu tớ, tớ đã hứa xin phép mẹ ngay tối nay và trả lời chàng vào cuối buổi vũ hội.

Bây giờ bạn biết bá tước của bạn rất tuyệt đúng không, anh ấy nhảy như Gardel vậy.

Tiếng nhạc nổi lên báo hiệu chuẩn bị phần nhảy đối thứ hai, các cặp nam nữ lại vào vị trí, buổi khiêu vũ trở nên sôi nổi hơn bao giờ hết.

Cả hai thiếu nữ đều rất hài lòng về Sainte-Hermine, nhưng điệu Réelle mới chỉ là điệu nhảy thông thường. Hai điệu thở thách nhất thời đó là gavotte và menuet. Tiểu thư Beanhamais và Claire đang chờ chàng bá tước trẻ thể hiện điệu gavotte mà chàng ta đã xin lệnh của tiểu thư Beauhamais.

Điệu gavotte mà ngày nay chúng ta chỉ biết trên sân khấu và coi nó thật kỳ cục thì lại rất quan trọng dưới chế độ Đốc chính, Tổng tài và ngay cả dưới nền Đế chế. Điệu nhảy như những đoạn rắn uốn lượn rất lâu sau khi đã bị cắt đứt. Nó thích hợp biểu diễn trên sân khấu hơn là trong các buổi vũ hội tại nhà với những nhịp và bước phức tạp, những cú xoay rất khó. Người ta phải có sân nhảy thật rộng mới đủ chỗ cho một cặp nhảy và ngay cả những salon lớn, người ta cũng khó thực hiện được bốn cặp liền lúc.

Trong bốn cặp nhảy điệu gavotte trong đại sảnh nhà phu nhân Permon, cặp thu hút được sự chú ý và được cổ vũ nhiều nhất là bá tước Sainte-Hermine và Tiểu thư Beauhamais

Những tràng pháo tay rộn rã đến mức kéo được Bonaparte khỏi câu chuyện với quý ôngTalleyrand và ra khỏi phòng khách.

Ông xuất hiện trên ngưỡng cửa đúng lúc cặp nhảy đang bước những nhịp cuối và chứng kiến thành công rực rỡ của tiểu thư Beauhamais và bạn nhảy.

Điệu gavotte kết thúc, Bonaparte ra hiệu cho cô con riêng của vợ lại gần, hôn lên trán cô rồi nói: -Xin chúc mừng tiểu thư, chúng ta đều thấy con có một người thầy giỏi và học rất thuộc bài nhưng quý ông đẹp trai nhảy cùng con ấy là ai thế?

-Con không quen anh ta, thưa tướng quân – Hortense nói – Con gặp anh ta tối nay là lần đầu tiên. Anh ta đã mời con lúc đến mời tiểu thư Sourdis khi chúng con đang nói chuyện. Đúng ra anh ta không mời con mà chờ con ra lệnh thế là con nói muốn nhảy điệu gavotte.

-Ít ra con cũng phải biết tên anh ta chứ?

-Anh ta tên là bá tước Sainte-Hermine.

-Được rồi! – Bonaparte tỏ vẻ không vui, lại dân thượng lưu Saint-Germain. Mụ Permon này lôi vào nhà bà ta toàn kẻ thù của mình. Vừa vào đây mình đã thấy phu nhân Contades lẩn đi, một loại điên khùng không đáng với tên thiếu uý hạng bét trong đội quân của mình. Thế mà khi nghe nói đến những vinh quang của mình từ Italia và từ Ai Cập mụ lại nói "Tôi dùng ánh mắt cũng làm được như ông ta dùng gươm" thật bực mình. Bonaparte quay sang nhìn người vừa khiêu vũ cùng Hortense.

Sau khi đưa cô gái ra chỗ mẹ ông quay lại hỏi: -Ngài Talleyrand, ngài là người hiểu biết, ngài có biết gì về gia đình Sainte-Hermine không?

-Để xem nào – ông Talleyrand vừa đưa tay lên cằm vừa xoay đầu ra sau, đó là cách ông ta suy nghĩ – Họ nhà Sainte-Hermine ở Jura gần Besaneon. Đúng rồi, tôi có biết ông bố, một người rất ưu tú, đã bị hành quyết vào năm 1793, để lại 3

người con trai. Họ trở thành như thế nào tôi cũng không rõ. Anh chàng kia có thể là con trai hay cháu nội, tôi không biết anh em của anh ta. Ngài có muốn tôi hỏi thăm không?

-Ồ, không cần đâu.

-Chuyện này dễ thôi mà. Tôi thấy anh ta qua lại và vừa nãy còn nói chuyện với tiểu thư Sourdis, không gì dễ hơn khi hỏi mẹ cô ấy.

-Không! Chẳng ích gì! Cảm ơn?! Thế họ nhà Sourdis, họ là ai?

-Những người cực kỳ quý tộc.

-Tôi không có ý hỏi điều đó. Thân thế hiện nay của bà ta cơ.

-Tôi nghĩ họ có hai mẹ con. Cách đây vài ngày Cabanis có nói với tôi về họ. Cô con gái đến tuổi cặp kê và tôi nghĩ phải có tiền triệu của hồi môn. Đó phải chàng cũng là mục tiêu của một sĩ quan tuỳ tùng của ngài?

-Vậy ngài cũng đồng ý là phu nhân Bonaparte có thể đến gặp họ?

-Tôi hoàn toàn đồng ý.

-Boumerine cũng đã từng nói chuyện đó với tôi, xin cảm ơn. Nhưng kìa, Loulou làm sao mà sắp khóc thế kia. Thưa phu nhân Permon đáng kính, bà đã làm gì để cô tiểu thư nhà ta lại buồn đến vậy trong một ngày như hôm nay?

-Tôi muốn cháu nhảy bản menuet nữ hoàng nhưng cháu nó không muốn.

Bonaparte mỉm cười: -Tại sao tiểu thư lại không muốn?

-Tôi cũng không rõ. Chắc đó là một kiểu đỏng dành.

-Loulou, con không ngoan rồi.

-Nhưng thưa mẹ! – Tiểu thư Pennon trả lời – Nhưng con chỉ dám nhảy cùng ngài Trénis, con đã hứa với ông ấy.

-Thế thì tại sao bây giờ ông ta vẫn chưa đến đây, đã quá nửa đêm rồi? – Phu nhân Permon hỏi.

-Ông ấy đã báo trước là sẽ đến rất muộn, ông ấy còn hai vũ hội trước nhà ta.

-Chà chà! – Bonaparte nói – Tôi rất lấy làm thích thú khi biết rằng ở nước Pháp lại có người bận rộn hơn cả tôi – Nhưng đó không phải là lý do thưa tiểu thư Loulou, chẳng lẽ vì ngài Trénis không giữ lời mà chúng ta không được xem tiểu thư nhảy điệu menuet nữ hoàng sao. Ông ta không có ở đây, đó đâu phải lỗi của tiểu thư, hãy chọn một người khác cũng được.

-Con hãy chọn Gardel – Phu nhân Permon nói.

-Ồ thầy dạy của con ấy à? – Loulou nói.

-Thế thì Laffitte vậy. Sau Trénis, đó là người khiêu vũ giỏi nhất Paris.

Laffitte bước vào phòng, phu nhân Rermon gọi to: -Ngài Laffltte! Ngài Laffltte! Hãy lại đây!

Laffitte lịch lãm tiến lại. Người này vô cùng duyên dáng và có ngoại hình đẹp.

-Thưa ngài Laffltte – Phu nhân Permon nói – Mong ngài vui lòng nhảy điệu menuel nữ hoàng với con gái tôi.

-Sao lại thế thưa phu nhân! – Laffitte kêu lên – Xin lấy danh dự mà thề rằng, phu nhân đã quá ưu ái tôi. Đây sẽ là cuộc thách đấu với ngài Trénis – ông ta vừa nói vừa cười – Nhưng tôi xin sẵn lòng mạo hiểm? Chỉ có điều tôi không biết mình có vinh hạnh này nên không chuẩn bị mũ.

Để độc giả có thể hiểu phần cuối câu nói của ông Laffltte, tôi xin giải thích rằng trong kiểu chào điệu menuel phải có một chếc mũ kiểu vua Louis XV và nếu dùng mũ khác thì không có giá trì gì.

Người ta bắt đầu đi tìm mũ và lát sau chiếc mũ đã có. Điệu nhảy vô cùng thành công. Trong khi ông Laffitte dẫn tiểu thư Permon trở về chỗ thì gặp quý ông Trénis vội vã chạy đến để kịp giữ lời với tiểu thư.

Ông Trénis mệt đứt hơi đứng trước hai người, ông tỏ vẻ ngạc nhiên hơn là giận dữ. Bản menuet mà ông phải nhảy, tất cả mọi người đều biết ông sẽ biểu diễn nó thật sự thành công, thế mà người ta đã thực hiện nó không có ông à!

-Ngài đây rồi – Tiểu thư Pemon bối rối nói – Tôi đã chờ ngài đến quá nửa đêm, ngài hãy nhìn đồng hồ đi, trong khi bản này được thông báo sẽ nhảy lúc mười một giờ. Mẹ tôi yêu cầu tôi nhảy cùng ông Laffitte và… – Cô vừa nói vừa cười – Ngài Tổng tài cũng đã ra lệnh.

-Thưa tiểu thư – Trénis nghiêm nghị nói – Phu nhân Permon đã yêu cầu nàng phải hy sinh như vậy, vì bà ấy là chủ nhà nên bà ấy có quyền, thật tiếc là tôi đã đến muộn. Nhưng với ngài Tổng tài ông Trénis cao hơn Bonaparte năm tấc nên đứng trội hơn hẳn – ông ấy lại ra lệnh cô làm việc này khi không có người nhảy giỏi hơn tôi thì ông ấy đã vượt quyền và mắc sai lầm. Tôi không nhúng tay vào những trận chiến của ông ấy thì ông ấy cũng để các phòng nhảy cho tôi. Tôi không hái vòng nguyệt quế của ông ấy thì cũng mong ông ấy đừng động chạm đến cành nguyệt quế của tôi – Rồi ông ta kiêu hãnh đến ngồi gần phu nhân Permon và nói tiếp – Tất nhiên tôi đủ khả năng để tự an ủi mình khi không được nhảy bản này cùng tiểu thư khi lỗi thuộc về tôi. Là kẻ đến muộn, tôi không thể nổi giận trước lời trách cứ của tiểu thư, tuy vậy, bản menuet nữ hoàng này đã có vương miện bị đem đi rồi. Tôi vốn nhảy điệu này rất trang trọng, nghiêm túc nhưng không hề ảm đạm như ngài Laffitte đã làm ít ra điều đó cũng làm tôi khá hơn. Ôi! Xem cái tôi đã xem, không bao giờ tôi quên được cảnh đó.

Quanh quý ông Trénis là cả một đám đông đang lắng nghe nỗi đau của ông. Trong số đó có ngài Tổng tài Bonaparte, với những lời lẽ như thế, ông nghĩ mình đang gặp một kẻ khùng.

-Ngài Trénis, – Tiểu thư Pennon nói – Ngài làm tôi lo lắng quá. Tôi đã làm gì vậy?

Tiểu thư đã làm gì ư? Làm sao tiểu thư khiêu vũ bản nhạc mà tôi rất vinh hạnh được khiêu vũ cùng quý cô thế mà tiểu thư đã khiêu vũ cùng Gardel. Ồ! Điều đó không biết gọi là gì. Tiểu thư sẽ khiêu vũ cùng một người, dù có nhảy giỏi nhưng chỉ nhảy đối thôi, tôi nhắc lại là chỉ nhảy đối, anh ta không bao giờ biết cách ngả mũ cúi chào. Tôi có thể khẳng định là anh ta không bao giờ biết.

Vì ông Trénis nhận ra vài người đang cười nên ông nói tiếp.

-Sao, các ngài thấy lạ ư! Được rồi, tôi sẽ cho các vị thấy tại sảo tôi nói anh ta không biết cúi chào, điều này dùng để đánh giá một vũ công nhảy điệu menuet đấy. Đó là anh ta không biết đặt mũ vào đâu, thưa các quý ngài. Xin hãy hỏi các quý bà ở đây xem ai thiết kế mũ cho họ: ngài Leroy, nhưng ai đội mũ và tạo kiểu tóc? Ngài Charbonnier! Hãy hỏi ngài Gardel xem cách đội mũ phải thế nào xem ông ấy giải thích ra sao. Tất cả ai cũng biết! Là đội mũ lên đầu, dù xấu hay đẹp, ai cũng làm thế. Nhưng sự trang nghiêm thế nào, luật đặt ngón tay và cánh tay ra sao… Ngài cho phép chứ?

Rồi ông ta cầm chiếc mũ tam giác từ tay một người gần đấy tiến ra trước gương, một nửa khách mời đều đi theo ông. Ông Trenis cúi chào với vẻ duyên dáng hoàn hảo cộng với sự trang nghiêm tột đỉnh rồi đặt mũ lên đầu vẫn bằng dáng điệu ấy.

Bonaparte cũng theo Trénis, tựa vào Talleyrand, ông nói: -Thế thử hỏi ông ta xem ông ta đối với ngài Laffitte là thế nào. Sau những gì ông ta vừa công kích tôi – Bonaparte vào cười vừa nói thêm – Tôi không dám hỏi ông ta nữa.

Talleyrand đặt câu hỏi theo ý của vị Tổng tài bằng giọng trịnh trọng không kém gì khi ông ta hỏi cuộc chiến giữa nước Anh và Mỹ như thế nào.

-Cái đó – Trénis đáp – cũng như hai người tài năng như chúng tôi có thể ở cạnh nhau với sự ngang bằng nhạy cảm thông kém. Tuy nhiên tôi phải thú thật, trong cuộc cạnh tranh, ông ấy là người đứng đắn, không bao giờ ghen với thành công của tôi. Quả thực, những thành công của ông ấy khiến ông ấy thêm khoan dung. Bước nhảy của ông ấy linh hoạt và mạnh mẽ. Ông ấy có ưu thế hơn tôi trong tám nhịp đầu của bản gavotte của Panurge. Điều đó thì không cần phải bàn cãi. Nhưng phần sau thì tôi lại trội hơn. Tôi thua ông ấy phần khoẻ khoắn còn ông ấy lại kém tôi phần uyển chuyển.

Bonaparte nghe, nhìn và hết sức ngạc nhiên.

-Thế nào! – Talleyrand nói với ông – Bây giờ ngài yên tâm rồi chứ? Không có cuộc chiến nào giữa ngài Trénis và ngài Laffitte. Tôi cũng mong có thể nói như vậy giữa nước Pháp và nước Anh.

Trong lúc buổi vũ hội đang tạm ngừng để ngài Trénis thuyết giảng về kỹ thuật đặt mũ, Claire đang bàn với mẹ một chuyện mà cô cho là quan trọng như ngài Talleyrand và Tổng tài Bonaparte quan tâm về giữ hoà bình giữa hai vũ công hàng đầu Paris cũng như hoà bình trên thế giới. Chàng bá tước luôn theo

dõi Claire thấy khuôn mặt cô rạng rỡ nên đoán có thể đã đạt được điều mình muốn.

Anh ta đã không nhầm.

Lấy cớ đi sang phòng khác cho thoáng, tiểu thư Sourdis khoác tay tiểu thư Beauhamais và lúc đi ngang qua bá tước Sainte-Hermine, cô nói: -Mẹ em đã cho phép ba giờ chiều mai chàng có mặt ở lâu đài.

§13. Ba hiệp sĩ Sainte-Hermine người cha

Ngày hôm sau, khi đồng hồ điểm ba giờ, Hector de Sainte-Hermine gõ cửa lâu đài phu nhân Sourdis. Bên ngoài toà nhà có một khoảng trống khá rộng trồng cây cảnh và trúc đào. Cánh cửa toà nhà mở ra phố Beaune. Nhưng đó là cửa lớn, còn một cánh cửa nhỏ khác hầu như không lộ rõ được sơn màu tường quay ra hướng nhà ga.

Cửa mở, một người Thuỵ Sĩ hỏi tên khách rồi cho anh vào, một người hầu, chắc do tiểu thư Sourdis sai đã đợi sẵn trong phòng chờ.

-Phu nhân không thể tiếp ngài còn tiểu thư đang chờ ngài ngoài vườn và mong ngài thứ lỗi cho phu nhân mẹ nàng – Người hầu đó nói.

Rồi anh ta đi trước dãn đường cho chàng trai trẻ đến cửa khu vườn.

-Mời ngài đi lối này – Tên hầu nhanh nhảu – Tiểu thư đang ở trong đó.

-Đúng như vậy, dưới ánh nắng của một ngày đẹp trời tháng ba, Claire quấn quanh mình một chiếc khăn lông chồn khiến cô rực rỡ như loài hoa điểm tuyết, một trong những loài hoa đầu xuân. Một tấm thảm Smyme dày trải dưới chân để ngăn vị đất tươi nồng xộc vào đôi giày nhung màu xanh da trời cô đang đi.

Vừa nhìn thấy Saint-Hermine, dù cô đang đợi chàng thậm chí cô còn nghe tiếng chuông đồng hồ điểm giờ, nhưng một làn mây hồng vẫn phủ trên đôi má bánh mật.

Cô gái đứng dậy mỉm cười.

Còn chàng trai rảo bước thật nhanh. Khi đã đến gần, Claire đưa tay chỉ về phía cửa sổ: mẹ nàng đang ngồi ở trong phòng có. cửa sổ quay ra vườn, từ đây bà có thể quan sát hai người nhưng không nghe được gì.

Sainte-Hermine trang trọng cúi chào, điều đó vừa thể hiện sự biết ơn và kính trọng của anh. Claire chỉ ghế cho Sainte-Hermine ngồi.

-Thưa tiểu thư – Sainte-Hermine nói – Tôi biết tả thế nào cho nàng hiểu được niềm hạnh phúc của mình khi có thể trò chuyện một mình với nàng. Đây là khoảnh khắc mà trời rủ lòng thương dành cho tôi và nó cũng quyết định hạnh phúc hay bất hạnh cả cuộc đời tôi tôi đã chờ đợi một năm nhưng hy vọng chỉ có ba ngày. Nàng thật tốt bụng khi ở vũ hội đã cho tôi biết nàng quan tâm đến sự lo lắng của tôi. Gặp nàng, tôi vừa hạnh phúc lại vừa đau khổ, nàng cũng thấy nỗi đau và niềm vui giằng xé tôi khiến tôi luôn âu lo đúng không. Tôi sẽ nói cho nàng biết tại sao, có thể đây là câu chuyện dài nhưng chỉ có như vậy nàng mới hiểu về con người tôi.

-Xin chàng cứ nói mọi điều chàng cho là cần. Em luôn lắng nghe.

-Chúng tôi, hay đúng ra là tôi vì tôi là người cuối cùng trong nhà, xuất thân từ một gia đình có thế lực ở Jura. Cha tôi là võ tướng dưới triều vua Louis XVI, ông

là một trong số những người bảo vệ đức vua trong cuộc nổi dậy 10 tháng Tám, chỉ có điều cha tôi không trốn đi như những quý tộc khác mà ở lại Pháp. Đức vua chết nhưng mọi hy vọng vẫn chưa tắt, ông nghĩ bằng cách nào đó có thể cứu được Hoàng hậu từ nhà ngục Temple. Ông dồn một số tiền lớn cho dò la và được biết một trong số vệ binh thành phố có. một chàng trai người miền nam tên là Toulan. Người này rất yêu hoàng hậu, sẵn sàng hy sinh vì bà. Cha tôi quyết định liên kết với người này hay đúng ra là lợi dụng vị trí của anh ta ở Temple để cứu hoàng hậu.

Sau đó, anh trai cả Léon de Sainte-Hermine của tôi vì mệt mỏi khi thấy mình không làm được gì nên xin phép cha tôi rời Pháp sang phục vụ cho quân đội của Condé. Sau khi cha tôi đồng ý anh ấy ngay lập tức sang với hoàng thân. Câu chuyện ở nhà tiếp diễn như sau: Vẫn còn một bộ phận lớn người hiếu kỳ, trong số đó có số ít người phục vụ trung thành đòi phải được gặp hoàng hậu. Vậy là chính quyền xếp đặt cho những người này đứng dọc đoạn đường hoàng hậu đi ra vườn hai lần mỗi ngày. Nhân lúc quân lính gác không chú ý, người ta có thể nói vài lời với hoàng hậu hoặc đưa giấy tờ cho bà.

Toulan vốn có ân tình cũ với cha tôi, lòng biết ơn và tình yêu đã thúc đẩy anh ta làm việc như sau: Cha mẹ tôi lấy cớ thăm hoàng hậu, ăn mặc giống như những phú hộ ở Jura, nói giọng Besançon đến nhờ Toulan. Anh ta sắp xếp cho cha mẹ tôi đứng dọc lối đi của hoàng hậu.

Giữa những tù nhân của nhà ngục Temple và các nhà quý tộc có một số ký liệu riêng giúp cho họ hiểu nhau như những con tàu trên biển. Hôm qua cha mẹ tôi đến thăm hoàng hậu, vừa bước ra khỏi phòng, hoàng hậu đã thấy một cọng rơm dựng trên tường. Điều này có nghĩa: “Hãy chú ý, chúng tôi lo cho lệnh bà”. Thực ra, lúc đầu hoàng hậu không chú ý nhưng phu nhân Elisabeth nhìn thấy đã ra hiệu cho chị dâu. Hai nữ tù nhân nhận ra hôm đó Toulan đến trực. Toulan còn rất yêu hoàng hậu.

Hoàng hậu cũng biết tình cảm của chàng trai đáng thương này nên cảm thấy ngày anh ta trực đến gần, bà viết sẵn một mẩu giấy “ama po co chetemela morte!” (Hãy yêu ít thôi hỡi kẻ sợ chết) rồi giấu sẵn bên người. Vừa nhìn thấy Toulan, bà đưa luôn mẩu giấy cho anh ta.

Chưa cần biết trong giấy viết gì Toulan đã nhảy lên sung sướng. Ngay từ hôm đó, anh ta sẽ chứng tỏ cho hoàng hậu thấy là mình không sợ chết. Toulan sắp đặt cho cha mẹ tôi đứng trong cầu thang của toà tháp để hoàng hậu được tiếp xúc với họ. Mẹ tôi cầm một bó hoa cẩm chướng tuyệt đẹp. Thấy thế, hoàng hậu thốt lên: “Ôi những bông hoa mới đẹp làm sao, chúng thơm quá!” Mẹ tôi rút bông hoa đẹp nhất đưa cho hoàng hậu. Bà liếc nhìn Toulan xem có nên nhận hay không. Toulan gật đầu.

Trong hoàn cảnh thông thường, chuyện đó không có gì đặc biệt, nhưng trong ngày hôm ấy, họ đã nghẹn thở, những con tim phải gắng mới đập nổi. Ngay lập tức hoàng hậu nhận ra trong đài hoa có kẹp một mảnh giấy nhỏ bèn vội vàng giấu vào trong áo.

Cha tôi đã nhiều lần kể lại rằng mẹ tôi, nữ bá tước Sainte-Hermine hôm đó quá căng thẳng khiến sắc mặt bà nhợt nhạt và khủng khiếp nhưng may là không ai chú ý.

Hoàng hậu rất bình tĩnh, không vội rút ngắn thời gian đi dạo mọi ngày. Bà lên gác theo đúng giờ, chỉ có điều khi còn một mình với em gái và con gái, bà mới xé bông hoa giấu trong áo.

Trong đó có một mảnh giấy lụa ghi nét chữ ly ti nhưng vẫn đọc được. Nó có nội dung như sau:

Thứ tư, ngày kia, hãy yêu cầu được xuống vườn như mọi lần hoàng hậu yêu cầu. Sau khi dạo ba, bốn vòng, hãy giả bị mệt và lại gần quầy ăn giữa vườn, sau đó yêu cầu chị Plumeau cho phép ngồi nghỉ tại đó. Điều quan trọng là lệnh bà phải nghỉ ở đó đúng 11 giờ trưa để những người giải thoát cho lệnh bà phối hợp ăn ý.

Ở đó một lát, lệnh bà giả vờ khó chịu và ngất đi. Người ta sẽ cho đóng cửa để cấp cứu. Hoàng hậu sẽ ở cùng phu nhân Elisabeth và phu nhân Royale. Nắp hầm sẽ mở ra. Hãy nhanh chóng chui xuống đó, cả ba người sẽ được cứu."

Cả ba chi tiết đáng tin cậy đã xuất hiện. Sự xuất hiện của Toulan, cọng rơm trên tường và mảnh giấy này khiến những nữ phạm nhân khá yên tâm, vả lại, họ còn gì dể mất? Vấn đề là làm sao thực hiện được đúng chỉ dẫn trên.

Chín giờ sáng thứ tư, hoàng hậu dọc lại mảnh giấy rồi sang phòng Royale. Nhưng ngay lập tức, bà chạy ra gọi lính gác.

Họ đang ăn trưa nên hoàng hậu phải gọi vài lần. Mãi sau mới có một người lính xuất hiện.

-Công dân cần gì? – Anh ta hỏi.

-Marie-Antoinette giải thích Royale đang bị ốm và cần đi tắm nắng, nhưng người ta chỉ cho họ đi dạo vào giữa trưa, khoảng thời gian nắng chói chang nên bà xin phép hôm đó Royale được đi dạo sớm hơn từ mười giờ đến mười hai giờ thay vì từ mười hai giờ đến hai giờ chiều như mọi khi. Hoàng hậu xin anh ta đi báo cho tướng Santerre, người có quyền quyết định. Bà còn nói thêm là sẽ biết ơn sâu sắc khiến anh này phải ngả mũ: -Thưa bà – Anh ta nói – tướng quân sẽ ở đây trong nửa tiếng nữa và khi ông đến chúng tôi sẽ chuyển yêu cầu của bà – Rồi vừa rút lui vừa tự nhủ mình không sai khi giúp phạm nhân, anh ta lẩm bẩm: Đúng vậy! Đúng vậy!

-Cái gì đúng? – Một người lính khác hỏi.

-Cho bà ấy dẫn cô con gái ốm yếu đi dạo.

-Phải rồi – Người kia nói – Cho bà ta dẫn cô con gái từ Temple đến quảng trường cách mạng, nơi xử các tội phạm. Trước sau gì người ta chẳng dẫn họ ra đó.

Hoàng hậu nghe câu trả lời của người lính mà rùng mình nhưng bà chỉ tập trung đến việc làm sao thực hiện đúng chỉ dẫn.

Chín giờ ba mươi, Santerre đến.

Thật xuất sắc thay một con người như Santerre, một chút thô bạo, một chút tàn nhẫn, người bị buộc tội oan là cho đánh trống cắt lời vua trên giá treo cổ và ông ta chẳng bao giờ khuây khoả vì chuyện đó chỉ có điều ông tỏ ra khó chịu với cả quốc hội lẫn công xã đến nỗi suýt mất đầu ở đó.

Ông ta chấp thuận yêu cầu của hoàng hậu.

Một trong số lính gác đến báo tin cho bà biết tướng Santerre đã đồng ý.

-Cảm ơn ông – Bà nói kèm theo một nụ cười duyên đã từng làm Bamave và Mirabeau thất điên bát đảo, sau đó quay lại con chó nhỏ phía sau: -Black, mày cũng nên vui vì được đi dạo cùng ta – Sau đó lại quay lại người lính – Chúng tôi có thể đi lúc mấy giờ

-Vào lúc mười giờ như bà đã ấn định.

Hoàng hậu nhún mình và người lính ấy lui bước.

Còn lại ba người phụ nữ nhìn nhau vừa lo âu xen lẫn hy vọng và vui mừng. Royale xà vào lòng mẹ, phu nhân Elisabeth lại gần nắm lấy tay Marie-Antoinette.

-Chúng ta hãy cùng cầu nguyện – Hoàng hậu nói, nhưng chỉ cầu nguyện trong thâm tâm thôi để không ai biết chúng ta đang cầu nguyện.

Mười giờ, một tiếng súng vang đến tận tai hoàng hậu.

-Các lính canh thay phiên đấy – Phu nhân Elisabeth nói.

-Thế thì họ sắp tìm chúng ta rồi – Royale nói.

Thấy hai người tái mét, hoàng hậu khuyên: -Can đảm lên! – Nhưng chính bà cũng tái người đi.

-Mười giờ rồi, cho phạm nhân xuống – Tiếng từ dưới vọng lên.

-Chúng tôi đây rồi – Hoàng hậu đáp lại.

Lớp chắn đầu tiên mở, dẫn ra một hành lang tối mờ. Chính nhờ bóng tối ấy mà họ giấu được cảm xúc của mình, con chó nhỏ mừng rỡ chạy phía trước. Nhưng đến một cánh cửa, nó sững lại hít phía dưới rồi sủa lên những tiếng rền rĩ, nghe tiếng rên ri tru tréo đau đớn như thể nó đang kêu trước lúc chết.

Hoàng hậu đi qua nhanh nhưng chỉ được vài bước bà phải dừng lại vịn vào tường, hai người phụ nữ lại gần và trở nên bất động.

-Con chó nhỏ Black đuổi theo họ.

-Thế nào?– Một giọng kêu to – Bà ta có xuống hay không?

-Chúng tôi đây rồi – Lính dẫn đường đáp.

-Đi thôi! Hoàng hậu gắng gượng nói.

Khi bà xuống chân cầu thang, tiếng trống gọi lính gác vang lên không phải để xếp hàng danh dự mà báo hiệu canh phòng cẩn mật và cũng để chứng tỏ sự cẩn trọng, bà sẽ không thể trốn được.

Cánh cửa lớn nặng nề mở ra. Ba phạm nhân bước ra sân. Họ đi nhanh ra vườn tường bao của khu sân vẫn còn đầy những lời tục tĩu và những bức tranh thô lỗ do đám lính nô nghịch vẽ về họ.

Thời tiết hôm ấy rất đẹp, ánh nắng mặt trời còn dịu dàng dễ chịu. Hoàng hậu đi dạo khoảng bốn mươi lăm phút. Mười một giờ kém mười lăm, bà lại gần nhà ăn nơi có một người phụ nữ tên là Plumeau bán thịt lợn, rượu vang và nước cho binh lính.

Hoàng hậu bước đến ngưỡng cửa, chuẩn bị vào ngồi nhờ thì nhận ra tên bán giày Simon đang ngồi ăn trưa. Hắn là một trong số những kẻ thù thô thiển nhất của bà. Hoàng hậu lùi lại một bước, bà gọi con chó nhỏ đã nhảy vào trước để quay ra.

Nhưng Black đã tiến thẳng đến chỗ nắp đậy hầm nơi chị goá Plumeau đựng thức ăn và dỗ uống. Nó dán mũi vào cạnh nắp.

Hoàng hậu run lên, bà đoán được điều gì thu hút nó vào đấy. Bà gọi nó giật giọng nhưng Black như không hề nghe hoặc vờ không nghe. Đột nhiên nó càu nhàu rồi sủa rất giận dữ. Một ý nghĩ loé lên trong đầu tên bán giày khi thấy con chó nhất định không tuân lệnh chủ. Hắn chạy ra cửa và gào to: -Lính đâu! Tạo phản! Lính đâu?

-Black! Black? – Hoàng hậu tuyệt vọng kêu lên và tiến vài bước vào nhà ăn.

Nhưng con chó không nghe mà càng sủa to.

-Lính đâu! – Simon tiếp tục kêu to – Lấy vũ khí! Có bọn quý tộc trong hầm nhà công dân Plumeau. Chúng đến để cứu hoàng hậu! Quân tạo phản! Có kẻ phản nghịch!

-Cầm vũ khí! – Đám lính hô to.

Một vài lính gác mang súng chạy lại chỗ hoàng hậu bao vây ba người và dân họ về toà nhà. Mặc dù chủ đã đi xa nhưng con chó nhỏ vẫn ở đó, nó tưởng có nguy hiểm nhưng lần này bản năng của nó đã nhầm.

Hơn chục lính xông vào nhà ăn. Simon mắt nảy lửa chỉ vào nắp hầm nơi con chó Black vẫn đang sủa.

-Ở đấy kia, dưới nắp hầm! – Simon hô hoán – Tôi đã thấy cái nắp động đậy. Tôi chắc chắn như vậy.

-Lên đạn! – Đám vệ binh bảo nhau.

Người ta nghe tiếng đạn nạp vào súng lách cách.

-Đấy! Đấy! Vẫn tiếng Simon gào to.

Một sĩ quan, nhấc nắp lên, hai người khác nhảy vào giúp anh ta nhưng cái nắp vẫn không nhúc nhích.

-Chúng giữ phía dưới đấy – Simon kêu lên – Bắn qua nắp đi!

-Thế còn rượu của tôi! – Công dân Plumeau kêu lên – Các ông sẽ làm bể hết!

Simon vẫn tiếp tục hét: -Bắn!

-Thôi im đi! – Một sĩ quan mắng hắn – Còn các anh, mang rìu lại đây bổ cái nắp này ra.

Đám lính tuân lệnh.

-Bây giờ – Viên sĩ quan nói – Tất cả hãy sẵn sàng bắn vào trong khi đã mở nắp.

Người ta lấy rìu bổ vào nắp hầm ngay khi có một lỗ thủng, hai chục viên đạn xả liên tiếp vào đó khiến lỗ thủng ngoác ra nhanh chóng. Nhưng dưới đó không có ai.

Viên sĩ quan lấy một cây đuốc và nhảy xuống dưới hầm trống rỗng.

-Theo tôi! – Anh ta ra lệnh rồi vội vã chạy xuống bậc thang.

-Tiến lên! – Đám vệ binh hô hét rồi cùng chạy theo chỉ huy của họ.

-Ái chà! Chị Plumeau! – Simon kêu to và chỉ tay vào chị – Chị cho bọn quý tộc mượn hầm để giải thoát hoàng hậu đúng không?

Nhưng Simon đã đổ oan cho chị. Tường hầm nhà chị ta bị đục thủng dẫn đến một đường hầm khác rộng ba bộ, cao năm bộ dẫn đến phố Corderie.

Viên sĩ quan chạy theo hướng đó nhưng gặp một hàng rào sắt chắn lại.

-Chú ý! – Viên sĩ quan nói với cấp dưới – Chúng không chạy xa được đâu! Bốn người ở lại đây giết hết không để sót một ai. Tôi sẽ đi báo cáo. Quan quý tộc muốn giải thoát hoàng hậu.

Cuộc giải cứu ấy còn có tên là cuộc giải cứu Hoa cẩm chướng mà ba nhân vật chính là cha tôi, hiệp sĩ Maison-Rouge và Toulan trong đó cha tôi và Toulan bị đưa ra pháp trường còn hiệp sĩ Maison-Rouge ẩn được trong nhà người thợ thuộc da phố Saint-Victor nên thoát chết.

Tuy nhiên, trước khi chết, cha tôi vẫn ra lệnh cho anh trai tôi theo gương ông và sẵn sàng hy sinh vì nền quân chủ.

Còn anh trai của chàng – Claire không nén nổi xúc động trước câu chuyện thì thầm hỏi -Anh ấy có tuân theo lệnh cha không”

-Nàng sẽ biết – Hector trả lời – nếu nàng cho phép tôi tiếp tục kể.

-Vâng! Hãy kể đi! Em xin lắng nghe bằng cả trái tim đây! – Claire kêu lên.

§14. Léon de Sainte-Hermine

Ít lâu sau khi cha bị hành quyết, mẹ tôi ngã bệnh và qua đời, tôi không thể báo tin đau đớn này cho anh Léon của tôi.

Từ khi cuộc chiến ở Berchem nổ ra, chúng tôi không biết anh ấy ra sao. Tuy vậy, tôi viết cho anh Charles đang ở Avignon và anh ấy lập tức về Besançon. Sau này chúng tôi mới biết về trận Berchem và số phận của Léon. Tin này từ chính thái tử Condé sai người về viếng mẹ tôi cùng thời điểm anh Charles từ Avignon về.

Ngày mùng bốn tháng Mười hai năm 1793, hoàng tử Condé đã bị chiếm tổng hành dinh ở Berchem. Hai lần Pichegru phản kích nhưng không lấy lại được. Để chiếm lại một làng, Léon dũng cảm đi đầu và mất tích trong đó. Dù anh ấy có đồng đội đi cùng nhưng những người này không có tin tức gì. Người ta lục tìm anh trong số các xác chết những không có. Mọi người cho rằng do quá mải săn đuổi quân Cộng hoà nên anh ấy đã bị bắt. Bị bắt cũng có nghĩ là chết vì bất kể ai rơi vào tay họ đều phải ra toà án binh và đều bị xử bắn. Tin tức dù chưa chính thức ấy đã làm chúng tôi đau đớn, cùng lúc có người báo một lính trẻ Besançon đến từ quân đội sông Rhin muốn gặp chúng tôi. Đó là một thanh niên còn rất trẻ, chỉ khoảng mười bốn tuổi, cậu talàcon trai của bạn cũ của bố tôi. Cậu ta ít hơn tôi một tuổi và chúng tôi đã lớn lên cùng nhau. Cậu ấy tên là Charles N. Tôi chạy ra đón cậu ấy trước tên. Tôi biết từ ba tháng qua cậu ấy ở bên cạnh tướng Pichegru. Tôi chạy đến và khóc.

-Charles đấy ư? Cậu mang tin của anh tôi phải không?

-Tiếc thay là như vậy. Anh Charles của cậu có ở đây không?

-Có – Hãy cho người gọi anh ấy. Điều tôi nói với cậu cần có sự chứng kiến của anh ấy.

-Tôi gọi anh trai xuống.

-Anh Charìes, cậu ấy mang tin của Léon.

-Tin xấu đúng không?

-Em e là như vậy vì nếu không cậu ấy đã nói rồi.

Người bạn của tôi không nói gì, chỉ cười buồn rồi lẳng lặng lấy một chiếc mũ lính từ trong áo đưa cho anh tôi.

-Bây giờ anh là chủ gia đình, vật này thuộc về anh.

-Cái gì vậy? – Anh tôi hỏi.

-Chiếc mũ mà anh ấy đội khi bị bắn – Charles trả lời.

-Như vậy thôi sao? Thế là hết ư? – Anh tôi hỏi lại, mắt ráo hoảnh trong khi nước mắt tôi đã trào khỏi mi.

-Vâng.

-Anh ấy mất thật rồi ư?

-Như một anh hùng.

-Cầu Chúa phù hộ! Cầu cho danh dự anh ấy được bảo toàn!

-Chắc phải có gì trong này chứ?

-Một lá thư.

Anh tôi lật ngược cái mũ lấy dao rạch đường chỉ và rút ra một lá thư, bên ngoài có ghi: "Gửi em Charles của anh, Trước tiên và trước tiên nhất, em hãy giấu mẹ càng lâu càng tốt về cái chết của anh."

-Vậy là anh ấy mất mà không biết mẹ đã đi trước mình? – Anh tôi hỏi.

-Không phải – Charles đáp- Em đã nói cho anh ấy biết.

Anh tôi giở lá thư và đọc:

"Anh bị bắt ở Berchem: ngựa của anh trúng đạn ngã gục khiến anh không tự vệ được. Kiếm của anh bị văng ra xa, thế là bốn tên lính Cộng hoà xông vào.

Chúng dẫn anh ra lâu đài Auenhein để xử bắn anh, trừ có phép màu nếu không anh không thể thoát. Cha đã trao gửi lời thề với đức vua và hy sinh vì nó. Anh đã thề với cha vì mục đích tương tự và sẽ ra đi. Đến lượt em, em hãy tiếp tục lời thề ấy. Nếu em chết, Hector sẽ trả thù cho chúng ta. Hãy cho anh gửi lời cầu nguyện trên bia mộ mẹ và gửi nụ hôn vĩnh hằng đến Hector.

Vĩnh biệt.

Léon de Sainte-Hermine"

Tái bút: Anh không biết làm thế nào để gửi lá thư này đi, chỉ cầu Chúa phù hộ cho nó"

Anh tôi hôn lá thư, đưa cho tôi hôn nó rồi anh ấp lá thư vào lòng.

-Cậu chứng kiến cái chết của anh tôi chứ? – Charles hỏi.

-Vâng – Bạn tôi đáp.

-Vậy thì hãy kể tường tận, đừng bỏ sót một chi tiết nào.

-Được ạ. Hôm đó, em đang trên đường từ Strasbourg đến tổng hành dinh của tướng Pichegru ở Auenheim thì gặp một toán lính bộ binh khoảng hai chục người do một đại uý dẫn đầu đi đến gần Sessenheim. Toán người ấy đi hàng hai. Ở giữa có một người tập tễnh đi mà nhìn qua em cũng biết đó là một kỵ binh. Anh ấy choàng một chiếc áo trắng xuống tận chân chỉ hở cái đầu. Đó là một thanh niên còn trẻ, thông minh và nhìn quen quen. Anh đội một chiếc mũ quân đội kiểu quân Pháp. Em lại gần anh ấy và chắc thấy em còn trẻ anh hỏi.

-Em đi đâu thế, công dân?

-Đến thủ phủ của tướng Pichegru, từ đây đến đấy còn bao xa?

-Khoảng hai trăm bộ nữa thôi. Cuối con đường này, ngôi nhà đầu tiên là làng Auenheim.

Em hơi ngạc nhiên khi anh chỉ đường bằng cái hất cằm chứ không đưa tay ra.

-Cảm ơn!

Em nói rồi rảo bước đi nhanh vì thấy người đi cùng không hài lòng về anh ấy. Nhưng anh ấy gọi em lại.

-Này, nếu em không vội, em hãy đi chậm cùng chúng tôi để tôi hỏi tin nhà được không.

-Tin nhà nào? – Em hỏi lại.

-Thế chẳng phải cậu là người Besançon hay ít ra là người miền France-Conté đó sao?

Em ngạc nhiên nhìn anh ấy; giọng nói, khuôn mặt, quần áo đều gợi cho em ký ức tuổi thơ. Chắc chắn ngày xưa em có quen chàng trai đẹp đẽ này.

-Sau đó, cậu có thể tiếp tục cuộc vi hành của mình. – Anh ấy nói và cười.

-Không đâu – Em trả lời – Tôi chỉ nhớ xưa có vị học giả lấy biệt hiệu Tyrtame sau đó người Athens đạt tên Beau Parleur và sau năm mươi năm sống Athens đã được coi luôn là người Lesbot.

-Ái chà, cậu là học giả cơ đấy. Thời này, điều ấy là xa xỉ đấy – Anh ấy nói.

-Không đâu. Tôi đi gặp tướng Pichegru, ông ấy cũng rất có học thức. Tôi hy vọng với hiểu biết của tôi, ông sẽ đồng ý nhận tôi làm thư ký. Còn anh, tôi tò mò muốn biết liệu anh có phải ra nhập quân đội không?

Không đâu – Anh ấy nói và cười.

-Thế thì anh bị bắt buộc à?

-Bị bắt – Anh ấy lại cười và nói – Phải rồi, cậu tìm đúng từ rồi đấy chỉ có điều tôi không bị họ bắt buộc mà tự tôi đi, thưa quý ngài đáng kính.

-Này, anh nói từ "quý ngài" to thế mà không sợ bị mất chỗ à?

-Này đại uý – anh ấy nói với viên sĩ quan và cười – Anh chàng này sợ tôi bị mất chỗ vì tôi nói chữ "Quý ngài". Ngài có biết ai sẽ thích tôi không? Để tôi còn viếng anh ta.

-Đồ quỷ đáng thương! – Viên đại uý lẩm bẩm và nhún vai.

-Này chàng trai trẻ, có đúng cậu là người Besançon không?

-Tôi gật đầu.

-Chắc cậu phải biết gia đình Sainte-Hermine chứ?

-Có một bà goá và ba con trai.

-Ba con trai, đúng rồi – anh ấy nói kèm theo tiếng thở dài – Bây giờ thì còn ba. Cảm ơn. Cậu rời Besançon bao lâu rồi?

-Bảy ngày.

-Vậy cậu có tin gì mới không?

-Có nhưng buồn lắm.

-Cứ nói đi.

-Trước hôm tôi đi, hai cha con tôi đã dự đám tang của bá tước phu nhân.

-Trời ơi! Anh ấy nói và ngửa mặt lên trời – Bá tước phu nhân đã chết!

-Vâng.

-Càng tốt!

-Sao lại càng tốt! – Em kêu lên – Bà ấy là một bậc thánh nhân!

-Vì như thế là khỏi phải đau lòng khi nghe tin đứa con trai bị xử bắn.

-Cái gì cơ! Bá tước Sainte-Hermine đã bị bắn ư?

-Chưa nhưng sắp rồi.

-Khi nào?

-Khi chúng ta đến lâu đài Auenheim.

-Bá tước đang ở đó ư?

-Chưa người ta đang dẫn anh ta đến.

-Và người ta sẽ bắn anh ấy?

-Ngay khi tôi đến nơi.

-Anh là người hành quyết sao?

-Không, tôi là người chịu hứng đạn.

-Ôi lạy Chúa! Có phải anh là…

Anh ấy phá lên cười: -Chính vì thế nên tôi mới cười khi cậu bảo tôi ăn nói thận trọng, tại sao tôi muốn có người thay chỗ mình đúng như cậu nói: tôi bị bắt buộc!

Rồi anh ấy lắc áo choàng để lộ la hai tay bị trói.

-Anh đúng là…

-Bá tước Sainte-Hermine, chàng trai ạ. Cậu đã thấy tôi nói đúng khi mẹ tôi nên chết trước chưa.

-Ôi lạy Chúa! – Em kêu lên.

-Thật may là các em tôi vẫn còn sống.

-Đúng thế, chúng tôi đã đồng lòng sẽ trả thù cho anh ấy – Hector Sainte-Hermine nói.

-Như vậy là anh trai chàng bị xử bắn? – Tiểu thư Sourdis hỏi.

-Vâng – Hector đáp – Nàng có muốn nghe chi tiết không? Mỗi chi tiết đều làm chúng tôi nghẹn ngào nhưng với nàng có thể chúng bình thường vì nàng chưa biết anh ấy.

-Ngược lại! – Tiểu thư Sourdis thốt lên – Đừng nói như vậy. Dù bá tước Sainte-Hermine không là người thân của em nhưng không lẽ vì thế mà em không có quyền được nghe kể cái chết của anh ấy hay sao?

-Vậy tôi xin kể lại lời Charles đã thuật lại cho chúng tôi nghe.

"… Các anh có thể hình dung em bàng hoàng thế nào khi nhận ra chàng trai ấy là Sainte-Hermine, một người yêu nước, thủ lĩnh các gia tộc quân chủ chúng ta. Em lại gần anh ấy và hỏi: -Không có cách nào cứu anh nữa ư?

-Phải thú thật với cậu là tôi chưa nghĩ ra, nếu có tôi đã thực hiện không để lỡ một giây nào rồi. Tuy nhiên tôi có việc muốn nhờ cậy.

-Anh nói đi.

-Có thể điều này hơi nguy hiểm và anh sợ cậu sẽ phải hoảng hốt.

-Em sẵng sàng làm cho anh bất cứ việc gì.

-Anh muốn em chuyển tin cho em trai của anh.

-Em đồng ý.

-Nhưng đó là một lá thư.

-Em sẽ chuyển.

-Nếu vậy em hãy nghe đây.

Em tiến sát anh ấy.

Thư đã viết rồi và được giấu trong mũ của anh.

-Vâng.

-Em hãy xin viên đại uý cho phép em tham dự buổi hành quyết.

-Em ư – Em đáp mà mồ hôi lạnh toát chân tóc.

-Đừng sợ, hành quyết luôn gây hiếu kỳ. Nhiều người vẫn đến xem cho vui đó thôi.

-Em không bao giờ dám.

-Thôi nào, chuyện đó xảy ra nhanh thôi.

-Ồ không bao giờ! Không bao giờ!

-Đừng nói nữa. Sau này, nếu có cơ hội gặp các em tôi, hãy nói rằng cậu gặp tôi trên đường đưa tôi đi xử bắn:

Rồi anh ấy huýt sáo bài Đức vua Henry Đệ tứ vạn tuế. Em vội lại gần anh ấy và nói: -Em xin lỗi, em sẽ làm như anh muốn.

-Thấy chưa, cậu là chàng trai tốt! Cảm ơn em!

-Chỉ có điều…

-Gì vậy?

-Anh nói với tên đại uý cho em được… Không bao giờ em tự tha thứ cho mình khi để người khác nghĩ rằng em xem xử tử cho vui.

-Được thôi, để anh nói. Anh sẽ yêu cầu để em giữ lại chiếc mũ của anh chuyện này cũng bình thường thôi, vẫn diễn ra thường ngày mà. Một chiếc mũ thì không có gì đáng nghi cả.

-Vâng ạ.

-Lúc chuẩn bị bắn, anh sẽ ném nó ra cạnh. Đừng vội nhặt, chờ anh đi hẳn đã…

-Ôi trời ơi! – Em đã run lẩy bẩy và tái người đi.

-Có ai còn rượu cho cậu em tôi một ngụm không? Cậu ấy bị lạnh.

-Lại đây cậu bé – Viên đại uý gọi và chìa bi đông ra.

Tôi đón lấy và uống một ngụm rồi quay lại phía anh ấy.

-Khi anh chết – Léon nói – Hãy nhặt cái mũ nhưng đừng làm ra vẻ quan trọng quá, kỳ thực nó là tâm nguyện cuối cùng của anh đấy, tâm nguyện của một người sắp ra đi. Nó là một vật thiêng liêng. Em phải trao tận tay em trai anh lá

thư ấy. Nếu cái mũ vương víu, em có thể vứt nó đi nhưng hãy giữ lại lá thư, đừng để mất nó nghe không?

-Vâng ạ – Em nói và cố gắng ngăn hai hàng nước mắt chực ứa ra.

-Em sẽ không làm mất đúng không?

-Không! Không đâu! Anh cứ yên tâm.

-Và em sẽ trao tận tay em trai của anh?

-Vâng, tự em sẽ làm.

-Hãy đưa cho em Charles của anh. Tên cậu ấy cũng giống tên em rất dễ nhớ.

-Cho anh Charles, không ai khác. Em hãy nhớ lấy và khi họ hỏi, em hãy kể anh chết như thế nào, cậu Charles em anh sẽ nói "Phải rồi, tôi có một người anh rất dũng cảm" rồi khi đến lượt cậu ấy, cậu ấy sẽ ra đi như anh.

Chúng em đến đoạn hai đường giao nhau: một dẫn đến tổng hành dinh của tướng Pichegru, một dẫn đến lâu đài. Em muốn nói điều gì đó mà không cất lên lời. Em nhìn anh Léon với vẻ van nài nhưng anh ấy đã cười.

-Đại uý – anh ấy gọi – cho tôi một ân huệ.

-Nếu nó thuộc quyền hạn của tôi…

-Có thể đó là một sự yếu mềm nhưng chỉ chúng ta biết với nhau thôi được không? Khi chết tôi muốn được ôm hôn một người đồng hương. Chúng tôi đều là con của miền Jura, chúng tôi sinh ra và lớn lên trên đất. Một ngày nào đó, nếu tình cờ cậu ấy gặp gia đình tôi, cậu ấy sẽ kể rằng cậu ấy đã ở bên tôi đến lúc tôi trút hơi thở cuối cùng như thế nào.

Viên đại uý nhìn em đang khóc.

-Thôi được nếu điều đó làm hai anh vui lòng.

-Tôi không nghĩ chuyện đó làm em tôi vui lòng – Anh Léon vừa nói vừa cười – Nhưng tôi thì rất vui. Ngài chấp thuận chứ?

-Tôi đồng ý – Viên đại uý nói.

Em lại gần anh ấy. Anh nhìn em cười và nói.

-Cậu thấy chưa, cho đến giờ mọi chuyện đều ổn thoả.

Chúng em tiến lên một quả đồi và nhanh chóng đi qua một chiếc cầu treo. Chúng em đợi một lúc trong sân chờ lệnh hành quyết từ một đại tá, một lát sau, viên đại uý xuất hiện.

-Anh sẵn sàng chưa?

-Bất cứ lúc nào.

-Anh còn muốn nói gì không?

-Không, nhưng tôi muốn nhờ ngài một số điều.

-Tôi sẽ chấp nhận nếu thuộc thẩm quyền của tôi.

-Cảm ơn đại uý.

Viên đại uý lại gần anh trai Léon của các anh.

-Chúng ta có thể phục vụ dưới hai lá cờ – Anh ta nói – Nhưng chúng ta vẫn là người Pháp và những người anh hùng đều hiểu nhau ngay từ cái nhìn đầu tiên, anh muốn gì?

-Trước tiên, tôi muốn tháo sợi dây trói này ra, nó khiến tôi giống như một tên trộm.

-Được rồi, cởi trói cho anh ta! – Viên đại uý ra lệnh.

Em xông vào tháo dây cho bá tước trước khi bất cứ ai lại gần anh ấy.

-Tự do thật là dễ chịu – Anh Léon vươn tay khỏi áo choàng và nói.

-Anh còn muốn gì nữa không?

-Tôi muốn là người ra lệnh khai hoả.

-Anh sẽ được ra lệnh.

-Tôi muốn gửi một món đồ kỷ niệm cho gia đình.

-Anh biết là mọi thứ liên quan đến chính trị đều bị cấm, ngoài ra thì không vấn đề gì.

-Ồ tôi không muốn khiến ngài lo lắng. Đây là người đồng hương Charles của tôi đã được ngài cho phép tham gia vụ hành quyết Tôi nhờ cậu ấy mang về không phải thư từ gì cả mà chỉ một đồ vật của tôi như cái mũ chẳng hạn.

-Có thế thôi ư? – Viên đại uý hỏi.

-Chỉ thế thôi. Đã đến giờ rồi. Tôi bắt đầu thấy lạnh chân, lạnh chân là điều tôi ghét nhất trên đời. Chúng ta đi thôi, tôi nghĩ ngài sẽ đi cùng tôi chứ?

-Đó là nhiệm vụ của tôi.

Bá tước Léon de Sainte-Hermine chào em, bắt tay và cười như một người vui sướng vì đã thành công.

-Đến chỗ nào? – Anh ấy hỏi.

-Vào kia – Viên đại uý nói vàchỉ vào cây cột phía xa xa.

Mọi người đi theo ông ta qua một công sự, qua một chiếc sân rồi đến chân tường thành. Phía đó có dựng một bức tường cao bằng đầu người dính các vết đạn chi chít.

-Đây rồi! – Tù nhân nói.

Và anh ấy tự đi về phía bức tường. Đến nơi anh dừng lại, một tên sĩ quan đọc bản án. Anh Léon gật đầu như thể chấp nhận rồi nói: -Xin lỗi đại uý. Tôi muốn nói thầm với mình vài câu.

Mọi người đều hiểu anh muốn cầu nguyện nên lùi ra xa. Còn lại một mình, anh Léon đứng bất động, môi lẩm bẩm những điều không ai nghe thấy, rồi anh ngẩng đầu lên, khuôn mặt rạng rỡ như đang cười. Anh vừa ôm hôn em vừa nói nhỏ như vua Charles Đệ nhất đã từng nói: -Hãy nhớ lấy.

Em gật đầu và bật khóc, còn anh ra lệnh chắc nịch: -Chuẩn bị!

Đám lính đứng xếp hàng lại. Vì anh Léon muốn là người ra lệnh bắn nên anh chủ động ném chiếc mũ về phía chân em.

-Sẵn sàng chưa? – Anh hỏi lại.

Rồi! – Đám lính đồng thanh nói.

-Chuẩn bị, sẵn sàng, bắn! Đức vua vạn…

-Anh chưa kịp dứt lời một tiếng súng đã vang lên, bảy viên đạn xuyên qua ngực.

Anh ấy ngã xuống. Còn em quỳ xuống đất, khóc nức nở như bây giờ.

Quả thực cậu bé đang kể lại cái chết của anh tôi nấc lên.

Và chúng tôi cũng vậy, thưa tiểu thư, chúng tôi đều bật khóc vì đau xót – Hector nói.

-Ôi! Câu chuyện về gia đình chàng thật bi thảm – Claire nói và chấm nước mắt.

-Tôi tiếp tục chứ! Hector hỏi.

-Vâng ạ, chưa bao giờ em được nghe câu chuyện nào vừa lôi cuốn lại vừa đau đớn đến vậy.

§15. Chales de Sainte-Hermine

Hector de Sainte-Hermine chờ một lát cho tiểu thư Sourdis bình tâm rồi mới tiếp tục kể:

"Tiểu thư thấy câu chuyện này về gia đình tôi thật bi thảm nhưng nó còn bi thảm hơn nữa kia.

Tám ngày sau khi người bạn tôi mang thư của anh Léon đến thì Charles của tôi biến mất. Anh ấy để lại cho tôi một lá thư:

"Anh không cần phải nói cho em biết anh đi đâu và làm gì vì chắc em cũng rõ anh tiếp tục xứ mệnh trả thù và thực hiện lời thề của mình. Vậy là em chỉ còn lại một mình. Chỉ mười sáu tuổi em đã bất hạnh trở thành chủ nhà. Nhưng trong hoàn cảnh này, người ta sẽ mau chóng trưởng thành thôi.

Hãy nghe anh nói như những người đàn ông. Đàn ông, đó là một cây sồi tráng kiện có bộ rễ mọc trong thời cổ đại còn ngọn cây vươn tới tương lai. Nó chống chọi được tất thảy; nóng, mưa, bão, gió, nóng. Lạnh thậm chí cả sắt và cả vàng.

Hãy để cả thể xác và tinh thần em làm việc cật lực. Hãy trở nên khéo léo với những tập luyện cơ bắp. Em không thiếu thầy giỏi cũng như tiền bạc.

Ở tỉnh, em có thể tiêu mười hai nghìn phăng một năm cho ngựa, súng ống, thuật đua ngựa và kiếm thuật. Khi lên Paris, em có thể tiêu gấp hai nhưng chỉ trong mục đích duy nhất: Trưởng thành, thành một người đàn ông thực thụ.

Luôn chuẩn bị sẵn một khoảng mười ngàn phăng bằng vàng để đưa cho một người lạ mặt mong thư có hình con dao găm đến, nhân danh và chữ ký Morgan. Khi Morgan có vấn đề thì duy nhất em biết là anh có vấn đề.

Hãy làm theo lời anh dặn và coi đó là mệnh lệnh. Ít nhất, em hãy đọc lá thư này một tháng một lần.

Hãy luôn sẵn sàng tiếp bước đinh, trả thù cho anh và sẵn sàng hy sinh.

Anh trai của em

CHARLES"

-Bây giờ có lẽ tiểu thư cũng biết Hector de Sainte-Hermine và Morgan chỉ là một – Hector nòi – Tôi không cần phải theo anh ấy từng bước và có lẽ cũng không cần kể anh ấy đã thế nào.

Tiếng tăm của người thủ lĩnh đồng đảng Jéhu lan khắp nước Pháp và thậm chí còn sang cả nước ngoài. Trong vòng hai năm từ Marseille đến Nantua, nước Pháp đã thành vương quốc của anh ấy. Tôi như nhận được thư của anh ấy đôi lần với ký hiệu và chữ ký như anh đã dặn và mỗi lần, tôi đều gửi tiền cho anh.

Cái tên Morgan đã trở thành vừa là nỗi kinh hoàng vừa là tình yêu cho người dân Miền Nam. Toàn thể phe Bảo hoàng coi đồng đảng Jéhu là những hiệp sĩ

chân chính, các từ kẻ cướp, vô lại mà người ta cố gắn cho họ không làm mất đi uy danh của họ.

Nhiều lần, thủ lĩnh Morgan đã chứng tỏ sức mạnh, lòng can đảm và độ lượng trong các cuộc giao tranh chống lại chính phủ, dân miền Nam có thể tự hào rằng đồng đảng Jéhu không sợ bất cứ chính quyền địa phương nào. Dưới chế độ Đốc chính, mọi chuyện đều êm đẹp. Chính phủ quá ươn hèn trước ngoại xâm càng khiến nội chiến có lý do bùng phát.

Nhưng Bonaparte đã trở về từ Ai Cập. Tình cờ, ông ấy chứng kiến sức mạnh của đồng đảng Jéhu và đạo đức của họ. Trong số tiền lấy của chính phủ có hai trăm đồng louis của một thương nhân buôn rượu vang Bordeaux. Ông ấy phàn nàn trong phòng ăn và ngay lập tức được người trang bị vũ khí và che mặt mạng trả khoản tiền lấy nhầm. Bonaparte và sĩ quan tuỳ tùng Roland de Montrevel ăn tối tại đó và chứng kiến cảnh trên, Roland đã xích mích với ông Barjols nên ở lại hạ đối thủ rồi mới lên Paris theo Bonaparte.

Qua sự việc trên, Bonaparte hiểu rằng mình phải đối đầu với những người như thế nào. Chính họ sẽ khôi phục nền quân chủ chứ không phải quân Anh. Do vậy, ông ta quyết định diệt trừ họ và phái Roland toàn quyền về miền Nam.

Nhưng Roland không tìm được người phản bội họ: con người, hang động rừng núi… tất cả đều giúp đỡ, ủng hộ những con người bảo vệ đức vua.

Nhưng rồi điều không mong đợi đã đến khiến cho những người ấy bị thất bại vào tay một người phụ nữ. Chắc tiểu thư còn nhớ cuộc đụng độ chính trị khiến thành phố Avignon chao đảo như một cuộc động đất.

Nó diễn ra trong một nơi mà người ta giết hại nhau không thương tiếc, sẵn sàng đâm bổ vào kẻ thù chừng nào người ta còn sống, còn một chút hơi thở, đánh cho đến lúc không kêu được, không thở được có một nạn nhân trong số đó là bá tước Fargas.

Ông ấy bị giết, bị thiêu cháy, bị quân địch ăn thịt. Ông có hai con, một trai một gái chạy thoát khỏi cuộc tàn sát, tạo hoá đã ban nhầm tính cách cho họ, người anh thì mềm yếu như phụ nữ còn cô em lại gan góc hơn đàn ông. Hai anh em, Lucien và Diana đều thề sẽ trả thù cho cha nên Lucien gia nhập đội quân của Jéhu hay còn gọi là quân đội miền Nam.

Lucien bị bắt, không chịu nổi tra tấn khi bị giam vào ngục tối nên đã khai các anh em của mình. Nhưng sau đó, để tránh bị đội quân của Jéhu trả thù, người ta đưa anh ta đến từ nhà tù Avignon đến Nantua. Tám ngày sau, nhà tù tại Nantua bị tấn công, tù nhân bị bắt đem đến Seillon.

Ngày hôm sau, xác của Lucien de Fargas phơi trước sân tỉnh trưởng đối diện khách sạn Grottes de Ceyzériat nơi Diana đang thuê ở. Xác chết bị lột sạch quần áo, một con dao găm quen thuộc của đội quân Jéhu cắm giữa ngực. Một mảnh giấy treo lủng lẳng trên dao có ghi:

“Tôi chết vì đã phản bội lời thề thiêng liêng và tôi xứng đáng phải chết. Con dao găm trên ngực tôi có nghĩa là tôi không phải là nạn nhân của một vụ ám sát hèn hạ mà nó chứng tó một sự báo thù chính nghĩa”

Mới tờ mờ sáng Diana đã bị tiếng ồn ào đánh thức. Người ta cho cô biết âm thanh ấy mang một niềm bất hạnh sắp đổ xuống, cô vội khoác áo choàng, không kịp buộc tóc chạy vội ra cửa sổ cúi xuống. Vừa nhìn xuống phố, cô đã thét lên kinh hoàng, lảo đảo lùi lại người mê man, tái mét chạy vội xuống gần cái xác và kêu lên: -Anh tôi! Anh tôi!

Trong đám người chứng kiến cảnh tượng ấy có một người lạ. Đó là một phái viên của tướng Cadoudal. Anh ta mang nhiều mật lệnh trong đó có một lá thư liên quan đến gia đình tôi. Tôi đã chép lại lá thư đó.

“Morgan yêu quý,

-Chắc tiểu thư còn nhớ đó là tên anh trai tôi – Hector ngừng lại một lát rồi tiếp tục.

“Morgan yêu quý, chắc hẳn ngài còn nhớ trong cuộc họp ở phố Postes, ngài đã hứa, trong trường hợp tôi tiếp tục cuộc chiến dù không có viện trợ trong nước và nước ngoài thì ngài sẵn sàng là người đầu tiên lo tài chính cho tôi. Các đồng minh của chúng ta hoặc đã bị hy sinh trên chiến trường hoặc bị xử bắn.

Autichamps đã đầu hàng quân Cộng hoà, chỉ còn mình tôi vẫn giữ nguyên đường lối và trụ vững ở Morbihan.

Một đội quân hai, ba nghm người với tôi là đủ để tiếp tục cuộc chiến này, nhưng đội quân ấy cần quân lương, nhu yếu phẩm, súng ống, đạn dược. Từ vụ Quiberon, người Anh không viện trợ gì sang nữa. Hãy gửi cho chúng tôi tiền, chúng tôi không tiếc gì xương máu. Nói như vậy không có nghĩa là chúng tôi đánh đồng mọi chuyện – có Chúa chứng giám – sự hy sinh của người vĩ đại hơn tật thảy và so với nó, sự tận tuy của chúng tôi chưa là gì.

Khi bị bắt, chúng tôi sẽ bị bắn còn các ngài, các ngài phải hy sinh trên đoạn đầu đài. Ngài viết cho tôi rằng có những khoản thu nên tôi muốn chắc chắn mỗi tháng có từ 35 – 40 nghìn phăng.

Tôi phái người bạn hữu của chúng ta, Coster de Saint-Victor, đây là người mà chỉ nghe tên ngài cũng có thể hoàn toàn tin tưởng. Tôi nói cho anh ta một số ám hiệu qua đó có thể tìm đến ngài. Hãy giao bốn mươi nghìn phăng đầu tiên nếu ngài có đủ và giữ giùm tôi phần còn lại. Nếu chỗ ngài không an toàn, hãy đến gặp tôi.

Dù ở xa hay ở gần, tôi luôn quý trọng và cảm ơn ngài.

GEORGE CADOUDAL

Tổng tư lệnh quân đội Bretagne

Tái bút – Tôi được biết, thưa ngài Morgan, rằng ngài có mặt em trai khoảng hai mươi tuổi. Nếu ngài không chê tôi không xứng, hãy gửi cậu ấy đến chỗ tôi

cho quen chiến trận. Cậu ấy sẽ trở thành sĩ quan tuỳ tùng của tôi."

Sau khi bàn bạc với các bạn của mình, anh trai tôi hồi âm như sau:

"Kính thưa tướng quân,

Chúng tôi đã nhận được lá thư từ tay tín viên gan dạ của ngài. Chúng tôi đang có gần 150.000 phăng, do đó chúng tôi có thể đáp ứng yêu cầu của ngài. Với đội ngũ do tôi toàn quyền, tôi nhờ Alcibiade mang bốn mươi nghìn đầu tiên đến chỗ ngài. Hàng tháng, ngài có thể nhận được khoản tương đương tại nhà băng. Trong trường hợp tôi hy sinh, tiền sẽ được chôn ở những địa điểm khác nhau với cũng khoản như trên.

Dưới đây là danh sách những người biết tiền ở vị trí nào. Người anh em Alcibiade cũng vừa chứng kiên một vụ thanh trừng và biết hình phạt cho kẻ phản bội là gì.

Tôi xin đa tạ tướng quân về ưu ái ngài dành cho em trai tôi. Nhưng nghĩa vụ của tôi là phải tránh mọi nguy hiểm cho cậu ấy để cậu ấy còn thay thế tôi. Cha tôi bị xử trảm, trước khi chém, ông đã di nguyện lời thề cho anh trai của tôi. Anh cả của tôi hy sinh truyền mối phục thù ấy cho tôi. Có thể tôi sẽ chết, như ngài nói là trên đoạn đầu đài, khi ấy, em út của tôi sẽ đi tiếp con đường chúng tôi đã đi sẽ cống hiến như chúng tôi từng cống hiến, cho vinh quang của mục đích cao cả hoặc sẽ hy sinh như chúng tôi hy sinh.

Chính vì động cơ đó nên xin phép tướng quân dành quyền quản lý em Hector cho tôi.

Khi nào ngài có thể, hãy gửi lại người anh em Alcibiade cho chúng tôi. Niềm vui sẽ nhân đôi khi tin tức lại được anh ấy tiếp tục gửi tới ngài.

MORGAN"

Đúng như anh tôi đã nói, Coster de Saint-Victor đã tham dự cuộc trừng phạt. Lucien bị tuyên án và hành quyết ngay trước mặt Coster. Sau đó nửa đêm, hai hiệp sĩ ra khỏi tu viện dòng thánh Bruno ở Seillon.

Một người là Coster de Saint-Victor đang mang bốn mươi nghìn phăng của Morgan đến chỗ tướng Cadoudal ở Bretagne.

Người kia là bá tước Ribier mang thi thể của Lucien de Fargas trên lưng ngựa để đặt tại sân tỉnh phủ.

Hector ngừng lại một giây.

-Xin thứ lỗi – Anh nói – nếu câu chuyện của tôi bắt đầu phức tạp như một tiểu thuyết, nhưng tôi buộc phải nói rõ những sự kiện. Để tiểu thư không phải nghe những điều khủng khiếp, tôi xin lược bộ một số điều tôi đã làm để nàng không thấy rối.

-Ngược lại, xin bá tước đừng lược gì cả – Tiểu thư Sourdis nói – Mọi vắn tắt đều phụ thuộc vào chú ý của người nghe. Đằng này tôi luôn quan tâm đến mọi nhân vật của chàng và nhất là tiểu thư Fargas.

-Nếu vậy, tôi xin kể ngay về cô ta.

Ba ngày sau khi thi thể đặt trước dinh Bourg-en-Bresse được xác nhận là của Lucien de Fargas, một phụ nữ còn trẻ đã đến Luxembourg yêu cầu được gặp công dân đốc chính Barras.

Công dân Barras đang bận họp. Viên cận vệ của ông thấy cô gái còn trẻ lại xinh xắn nên mời vào phòng màu hồng, căn phòng tiếp phụ nữ xa hoa của công dân đốc chính.

Khoảng mười lăm phút sau, vẫn người cận vệ ban nãy thông báo công dân đốc chính Barras đã đến. Ông này vào phòng, đặt mũ lên bàn, lại gần vị khách và nói: -Cô muốn gặp tôi, vậy tôi đây!

Người phụ nữ đứng im chờ Barras lại gần và vén mạng che mặt để lộ một vẻ đẹp kiều diễm hiếm thấy.

Barras sững sờ cầm tay cô rồi mời ngồi nhưng cô vẫn đứng im.

-Xin lỗi ngài, tôi xin phép đứng vì tôi có chuyện cầu xin ngài.

-Cầu xin ư! – Barras nói – Một phụ nữ như cô sẽ không cần phải cầu xin mà ra lệnh hoặc ít ra cũng là yêu cầu.

-Vậy thì đúng như thế, nhân danh mảnh đất đã cho hai chúng tôi sinh ra, nhân danh người cha của tôi là đồng niên với cha ngài, nhân danh lòng bác ái bị lãng nhục, nhân danh công lý bị vùi lấp, tôi đến để yêu cầu được trả thù.

-Trả thù ư?

-Trả thù – Diana nhắc lại

-Từ này nghe nặng quá! – Barras nói – nhất là lại được phát ra từ một cô gái trẻ trung và xinh đẹp nhường kia.

-Thưa ngài tôi là con gái của bá tước Fargas đã bị quân Cộng hoà sát hại ở Avignon, và là em của tử tước Fargas, người mới bị ám sát ở Bourg-en-Bresse do đồng đảng của Jéhu ra tay.

-Cô có chắc thế không?

Cô gái trẻ chìa cho Barras một con dao găm và một mảnh giấy.

-Đây là con dao quá quen thuộc của bọn chúng – Cô ta nói và đưa một mảnh giấy chứng tỏ đích danh chủ mưu và động cơ vụ sát hại.

Barras xem xét kỹ con dao.

-Thế con dao này? – ông ta hỏi.

-Nó được cắm trên ngực anh trai tôi.

-Nếu chỉ dựa vào con dao này thì chưa chắc chắn – Barras nói – Nó có thể bị bắt chước để đánh lạc hướng.

Nhưng còn tờ giấy được viết từ chính tay anh trai tôi, còn cả chữ ký mà Barras đọc:

“Tôi chết vì đã phản bội lời thề thiêng liêng và tôi xứng đáng phải chết. Con dao găm trên ngực tôi có nghĩa là tôi không phải là nạn nhân của một vụ ám sát

hèn hạ mà chứng tỏ một sự báo thù chinh nghĩa.

LUCIEN DE FARGAS”

-Có đúng đây là nét chữ của anh trai cò không? – Barras hỏi.

-Đúng vậy.

Câu “tôi không phải là nạn nhân của một vụ ám sát hèn hạ mà chứng tỏ một sự báo thù chinh nghĩa” là gì?

Khi bị người của các ông bắt, tra tấn, anh ấy không giữ lời thề, đã khai các đồng phạm. Lẽ ra phải tôi thay anh ấy mới đúng.

-Sao lại có chuyện ấy. Thế mà tôi không biết gìcả- Barras nói.

-Đó là nhờ đám cảnh binh của ngài đấy – Diana vừa nói vừa cười những kẻ sát hại anh cô, và một khi bị bắt chúng đừng hòng kêu xin.

-Giá mà tôi biết tên chúng – Diana nói – thì tôi đã không đến gặp ông mà đã đâm chết chúng rồi.

-Nếu thế, cô hãy điều tra theo hướng của cô, chúng tôi sẽ điều tra theo hướng của chúng tôi.

-Tôi ư? Tôi điều tra cái gì? Đó là phận sự của tôi à, có phải tôi là chính phủ, có phải tôi là cảnh sát, nhiệm vụ của tôi là chăm lo cho các công dân đấy chắc. Các ông bắt anh tôi, giam giữ anh ấy trong nhà ngục. Nhà tù là nhà của chính phủ và phải trả anh cho tôi, nhà tù mở ra nhưng không giữ nổi mạng của họ; như vậy chính phủ phải thanh toán món nợ này. Vì ông là người đứng đầu chính phủ, tôi đến và yêu cầu ông hãy trả anh cho tôi.

-Cô rất yêu quý anh trai của mình?

-Rất, rất yêu.

-Cô có muốn trả thù cho anh ấy?

-Tôi sẵn sàng hy sinh cả mạng sống của mình để giết chết bọn sát nhân.

-Thế nếu tôi cho cô một cách để biết tên chúng, cô có chấp nhận không.

Diana lưỡng lự một lát rồi quả quyết.

-Bằng giá nào tôi cũng chấp nhận.

-Nếu thế, hãy giúp chúng tôi, chúng tôi sẽ giúp cô.

-Tôi phải làm gì?

-Cô đẹp lắm, thậm chí rất rất đẹp.

-Việc này có liên quan gì đến sắc đẹp của tôi? – Diana nói và cụp mắt xuống.

-Ngược lại – Barras nói – Nó đặc biệt liên quan là đằng khác. Trong cuộc chiến sinh tử này, cái đẹp dành cho phụ nữ không chỉ là món quà đơn thuần của tạo hoá dùng để thoả mãn đôi mắt của tình lang hay các ông chồng mà là một phương tiện tấn công và phòng thủ đấy.

-Vậy ông nói đi.

-Tướng Cadoudal không lạ gì đồng đảng của Jéhu. Hắn ta mới là thủ lĩnh đích thực của họ. Họ làm việc vì hắn nên hắn biết hết tên bọn chúng.

-Thế thì sao?

-Sao ư? Rất đơn giản. Cô hãy đến Bretagne, hãy gặp Cadoudal với tư cách là nạn nhân của lòng tận trung với hoàng gia. Dần dần, chiếm lấy lòng tin của hắn, mọi chuyện với cô sẽ rất đơn giản. Cadoudal không thể không yêu cô, một ngày cô sẽ biết tên thật của những kẻ mà chúng tôi có cố công cũng không thể tìm được. Chỉ cần biết tên chúng mối thù của cô sẽ được báo. Bấy giờ, nếu ảnh hưởng của cô đủ để khiến viên tướng cứng đầu chịu khuất phục như những người khác thì không cần phải nói, chính phủ sẽ…

Diana giơ tay ngăn lại: -Hãy cẩn thận, công dân Đốc chính, thêm một câu nữa là ông thoá mạ tôi đấy.

Rồi cô trầm ngâm một lát: -Tôi cần hai mươi tư giờ để suy nghĩ.

-Hãy quyết định sớm thưa cô, tôi luôn sẵn sàng chờ lệnh.

-Hẹn ông chín giờ tối mai tại đây.

Nói rồi tiểu thư Fargas lấy lại con dao và lá thư trên bàn cho vào túi chào Barras và đi ra.

Ngày hôm sau, đúng giờ hẹn, người ta thông báo cho đốc chính rằng tiểu thư Diana đã đến. Ông ta chạy đến phòng tiếp.

-Thế nào hỡi người đẹp Némésis của tôi?

-Tôi đã quyết định sẽ làm như vậy; chỉ có điều tôi cần một giấy thông hành qua được mọi canh gác của quân Cộng hoà. Trong đoạn đường sau này có thể tôi sẽ bị bắt khi đụng độ quân của các ông, các ông bắn sát hại phụ nữ, trẻ em đó là một cuộc clúến huỷ diệt… nhưng đó là chuyện của ông với Chúa. Tôi có thể bị bắt và tôi không muốn mình bị bắn trước khi rửa mối hận này.

-Tôi đã lường trước chuyện này và để chuyến đi của cô không chậm trễ, tôi đã cho chuẩn bị mọi giấy tờ cần thiết. Bây giờ cô có thể đi đến tận cùng Bretagne và Vendée.

-Vậy thì tốt quá! Xin cảm ơn ông.

-Tôi mạo muội hỏi khi nào cô định khởi hành?

-Tối nay, xe của tôi đang chờ ngoài hàng rào điện Luxembourg.

-Cho phép tôi hỏi một câu hỏi tế nhị nhưng thuộc chức trách của tôi được không?

-Ông cứ hỏi.

-Cô có tiền chưa?

-Tôi có sáu nghìn đồng vàng tương đương với sáu mươi nghìn phăng tiền Cộng hoà của các ông. Ông nghĩ thế đã đủ chưa?

Barras chìa tay ra cho cô gái nhưng cô không để ý đến phép lịch sự ấy mà cúi chào theo cung cách quý tộc rồi đi ra.

-Đúng là một con rắn duyên dáng – Barras nói – Mình không muốn là người thiêu cháy cô ta chút nào.

§16. Tiểu thư Fargas

Số phận run rủi cho tiểu thư Fargas và Coster Saint-Victor gặp nhau gần làng La Guerche, cách chỗ tướng Cadoudal hạ trại khoảng ba dặm.

Coster Saint-Victor là một trong số những người lịch lãm nhất thời bấy giờ. Người này từng là địch thủ của Tổng tài Bonaparte trong việc tiếp cận một trong số những nghệ sĩ khả ái nhất hồi đó. Nhìn thấy một phụ nữ xinh đẹp trên xe thư có mui, nhân đoạn đường lên dốc, xe đi chậm, anh ta thúc ngựa bắt kịp.

Ban đầu Diana tỏ ra lạnh lùng nhưng thấy anh chàng này tỏ ra quý phái trong từng lời chào hay câu khen ngợi khiến cô không thể thờ ơ với anh như những người qua đường. Vả lại, cô gái đang trên miền đất hoàn toàn xa lạ, nơi mỗi bước cô ta qua đều có hiểm nguy rình rập. Người đồng hành đang cố gắng làm quen với cô lại có vẻ biết rất rõ nơi đây cho nên cô có thể nhờ anh ta tìm Cadoudal.

Cả hai đều nói dối về mình. Coster Saint-Victor nói rằng mình tên là Argentan là nhân viên trưng thu ở Dinan; còn Diana xưng tên là tiểu thư Rotrou, chủ trạm ngựa ở Vitre. Từ nói dối này đến nói dối khác cuối cùng cả hai cũng lộ ý định thật của mình là cùng đi gặp Cadoudal.

-Biết ông ấy chứ? – Argentan hỏi.

-Tôi chưa gặp ông ấy bao giờ – Diana trả lời.

-Vậy thì thưa cô, tôi rất vui lòng được giúp cô – Argentan giả nói – Cadoudal là người bạn thân của tôi, chúng ta đang đến rất gần chỗ ông ấy. Nhân đây tôi cũng xin thú thực, tôi không phải là nhân viên trưng thu của chính phủ mà là người của ông ấy. Nếu cô có yêu cầu gì, thưa tiểu thư, tôi niềm sung sướng của tôi sẽ nhân lên gấp đôi khi tình cờ. Chỉ có thể gọi là số trời đã cho tôi gặp cô.

-Ngài nói thật, tôi cũng không dám giấu – Diana nói – Tôi không phải là chủ trạm ngựa ở Vitré mà là người cuối cùng sống sót trong một gia tộc quân chủ đang nhờ ông ấy giúp báo thù bằng cách thu nhận tôi vào đội quân của ông ấy.

-Ở mức độ nào?

-Từ lòng tự nguyện của tôi.

Coster ngạc nhiên nhìn cô gái rồi nói: -Rốt cục điều này cũng có thể lắm chứ, Dumouriez chẳng phải cũng có hai tuỳ tùng là phụ nữ, hai chị em Femig đó sao. Chúng ta đang sống trong thời kỳ thật lạ lùng, phải thích nghi với mọi chuyện dù có những chuyện không thể tin nổi.

Diana không nói gì thêm. Đến La Guerche, họ vượt qua một toán lính Cộng hoà đi ngược về Vitré. Phía dưới La Guerche, họ gặp một thân cây ngáng đường đi.

-Lạy Chúa! – Coster nói – Cadoudal ở sau các ụ công sự này tôi cũng không ngạc nhiên.

-Anh ta dừng lại và ra hiệu cho xe của Diana cũng dừng theo rồi bắt chước tiếng mèo hoang hai lần, một lần tiếng cú mào.

Tiếng đáp lại là tiếng quạ.

-Họ nhận ra chúng ta rồi. Hãy ở đây, tôi sẽ quayl ại ngay.

Hai người đàn ông xuất hiện, nhảy qua các ụ chắn và Diana nhìn thấy người vừa đi cùng mình lao vào vòng tay của một người khác Cô biết đó là Cadoudal.

Cadoudal nhanh chóng vượt qua ụ chắn đến trước mặt cô ngả mũ nói: -Thưa tiểu thư dù cô vừa đi một chặng đường dài, dù rất muốn được tỏ lòng hiếu khách nhưng mong cô hãy đi nhanh cho, gần một tiếng nữa quân Cộng hoà sẽ kéo đến đấy. Tiểu thư thấy đấy chúng tôi đang sẵn sàng tiếp chúng.

Ông ta chỉ vào những ụ đất xung quanh: -Chúng tôi có hơn một nghìn năm trăm quân rải rác khắp trong vạt cây đậu kim, họ sẽ chơi loại nhạc mà tiểu thư chưa từng nghe bao giờ.

-Thưa ngài – Diana nói – Tôi xin đa tạ lòng hiếu khách và ơn trời cho tôi được thấy một trận chiến mà tôi hằng ao ước được tham gia.

Cadoudal ra hiệu cho binh sĩ của mình nâng thanh chắn cho xe của Diana qua. Cô nhìn ra xung quanh, ngoài một nghìn năm trăm quân nấp trong vạt đậu kim mà Cadoudal vừa nói còn có một nghìn lính khác đang nằm dưới đất đặt súng cạc bin bên cạnh, khoảng năm mươi ky binh nấp sau vạt cây bụi.

-Thưa cô – Cadoudal nói với Diana – trong lúc này mong cô đừng bực bội khi tôi phải thực hiện công việc chỉ huy của mình: tôi phải quá lại giữa nhiều toán quân.

-Các vị cứ đi đi và đừng bận tâm về tôi giá các vị có ngựa…

-Tôi có hai con – Argentan nói – Tôi dành cơn nhỏ cho cô. Chỉ có điều nó vẫn quen đánh trận và quen được đàn ông điều khiển.

-Đúng là thứ tôi cần đấy – Diana nói và khi thấy chàng trai trẻ dắt ngựa lại cô kêu to: -Cảm ơn ngài trưng thu!

Rồi đóng cửa xe ngựa của mình lại.

Mười phút sau, có những tiếng súng trường vang lên từ phía trên cách ụ chắn chừng một phần tư dặm: cuộc chiến bắt đầu.

Đúng lúc ấy cửa xe ngựa mở ra, một chàng trai mặc đồ Bảo hoàng, áo nhung, thắt lưng tráng có dát hai khẩu súng ngắn. Người này đội một chiếc mũ phớt cài một túm lông trắng bay bay, dắt một thanh ươm bên cạnh sườn. Đo là Diana.

Anh ta lên ngựa rất nhẹ nhàng chứng tỏ đó là một kỵ sĩ thiện nghệ sau đó đến nhập đội kỵ binh dưới sự chỉ huy của viên tướng Cadoudal.

-Tôi sẽ không kể cho nàng về trận đánh – Hector nói tiếp – mà chỉ nói kết quả là quân Xanh thua thê thảm. Tướng Hulot đành thu quân về làng La Guerche.

Ngày hôm đó chưa phải là thắng lợi lớn với Cadoudal về mặt vật chất nhưng chiến thắng tinh thần thì thật to lớn. Với hai nghìn quân, Cadoudal không chỉ

vượt mặt bốn, năm nghìn quân thiện chiến đã tham gia ít nhất năm năm trận mạc mà còn đánh bật chúng khỏi miền nông thôn, đẩy chúng về thành phố sau khi đã hạ bốn hoặc năm mươi tên. Đó là một sự nổi dậy, sự nổi danh của người Bretagne, tiếp nối sự nổi dậy của miền Vendée và đã giành thắng lợi.

Diana đã chiến đấu ở hàng đầu tiên không ngừng nhả đạn, bên cạnh đó, Coster Saint-Victor đang quay lại, chiếc áo Bảo hoàng vắt qua bên vai, cánh tay anh ta bị đâm một nhát lưỡi lê.

-Thưa ngài! – Cô gái trẻ nói với Cadoudal – Ngài đã cho tôi tham gia trận đánh để tôi bộc lộ chính bản thân mình vì sao tôi lại đến gặp ngài và mong muốn ở ngài điều gì. Trận đánh đã kết thúc, tôi muốn được gia nhập đội quân của ngài.

-Với danh nghĩa gì, thưa cô?

-Là một người tự nguyện chứ sao. Tôi vừa chứng tỏ cho ông thấy khói đạn không hề làm tôi run sợ.

Cadoudal nhíu mày, khuôn mặt tỏ ra hết sức nghiêm túc.

-Thưa cô – ông nói – Lời đề nghị này quan trọng hơn lời đề nghị tham chiến lúc nãy nhiều. Tôi phải nói một điều kỳ cục rằng: Trước hết là một người theo đạo, tôi luôn rộng lòng đón nhận tất cả những ai muốn gia nhập quân của tôi. Bản thân cô, tôi không nghi ngờ gì cả, sẽ là một sĩ quan tuỳ tùng tài giỏi, một người dũng cảm, can trường. Tôi luôn nghĩ phụ nữ cũng giỏi giang không kém đàn ông. Từ Epichans, người sẵn sàng cắn đứt lưỡi để không phải khai đồng đội của mình đến Charloue Corday, người đã trừ khử một con quái vật khiến nhiều đàn ông trên đời phải run sợ trước hắn. Từ thế kỷ này nối tiếp thế kỷ khác, chúng ta đều có những minh chứng cho lòng dũng cảm của họ. Nhưng trong tôn giáo của chúng tôi, nhất là ở miền Bretngne cổ kính này, luôn có những thành kiến khiến Charette cũng phải lu mờ. Những thành kiến ấy đôi khi cản trở rất nhiều mong muốn phục vụ tận tuy Một số anh em chiến hữu của tôi cũng nhận chị em nhưng họ có người thân hoàng gia bị ám sát, với những người ấy chúng tôi phải giúp đỡ và bảo vệ khi họ muốn.

-Thưa ngài, ai nói với ngài tôi không phải là con gái hay con gái có cha, anh bị ám sát và không có quyền được như những người phụ nữ mà ngài nói ở trên?

-Trong trường hợp đó, làm sao cô có một giấy thông hành của Barras và mang danh một chủ trạm ngựa ở Vitré – Argentan vừa nói vừa cười.

-Vậy ngài có vui lòng cho tôi xem giấy của ngài không? – Diana hỏi Argentan giả.

-Hỏi hay lắm – Cadoudal nói khi thấy vẻ lạnh lùng của Diana làm ông quan tâm.

-Ngài thử giải thích xem, làm sao ngài, một người bạn, một cánh tay phải đắc lực của tướng quân Cadoudal lại có quyền tự do đi lại trên đất quân Cộng hoà với giấy chứng thực là người trưng thu ở Dinan?

-Cậu hãy giải thích cho quý cô đây tại sao cậu là người trưng thu ở Dinan, sau đó cô ấy sẽ giải thích danh phận của mình.

-Điều này là một bí mật mà tôi không dám để lộ cho Cadoudal biết. Tuy nhiên, nếu cô ép tôi sẽ nói dù điều đó có thể làm ông ấy không thoải mái. Ở phố Colonnes, Paris gần nhà hát kịch Feydeau có một quý cô Aurélie de Saint-Amour rất được Barras yêu quý và không từ chối điều gì, còn cô ấy cũng không nỡ từ chối lời đề nghị của tôi.

-Do đó cái tên Argentan trên giấy thông hành của bạn tôi – Cadoudal nói – còn chứa đựng một cái tên cho phép anh ta đến mọi nơi thuộc nhóm Bảo hoàng miền Bretagne, Vendée, những hoàng thân quốc thích mang lá cờ trắng ở Pháp cũng như nước ngoài. Người bạn đồng hành của quý cô đã nói rõ mọi điều và cũng không cần phải sợ mà giấu giếm. Anh ấy chính là trung gian giữa tướng Đầu tròn và đồng đảng của Jéhu.

Diana chột dạ khi nghe đến những từ đó.

-Và tôi phải nói thêm – Argentan tiếp lời Cadoudal – rằng tôi mới tham dự vào một cuộc hành quyết khủng khiếp, tử tước Fargas phản bội đã bị đâm chết ngay trước mắt tôi.

Diana cảm giác như máu đang dồn lên mặt. Nếu cô nói thật tên của mình, mục đích của chuyến đi này sẽ bị lộ. Với cô em gái của bá tước Fargas, cô đành im lặng giả đò như chờ nghe phần kết lời nói của Argentan.

Cadoudal hiểu sự im lặng ấy nên nói tiếp: -Anh ấy không phải là Argentan mà là Coster Saint-Victor, chẳng phải bằng chứng là chính vết thương anh ấy sẵn sàng chịu vì sự nghiệp thần thánh của chúng tôi.

-Nếu chỉ một vết thương cũng đủ để chứng tỏ lòng tận trung thì thật đơn giản – Diana lạnh lùng đáp.

-Sao thế? – Cadoudal hỏi.

-Hãy xem đây!

Diana rút con dao đã từng giết anh trai mình đâm mạnh xuyên thủng cánh tay giống vị trí bị thương của Coster rồi chìa cho Cadoudal xem.

-Ngài muốn biết có phải tôi là người xuất thân cao quý không chứ gì? Ngài hãy nhìn đi! Tôi hy vọng máu của tôi không nhạt hơn ngài Coster Saint-Victor. Ngài muốn biết tôi có đáng tin không chứ gì? Con dao này sẽ cho ngài tin tôi là người đã gia nhập đội quân Jéhu. Ngài muốn biết tên tôi chứ gì? Tôi là con cháu dòng La mã? Người đã trấn an chồng và sẵn sàng tự đâm một nhát dao. Tôi tên là Porcia!

Coster Saint-Victor rùng mình, còn Cadoudal ngưỡng mộ nhìn nữ thần báo thù.

-Tôi thừa nhận con dao kia đúng là con dao của đội quân Jéhu, bằng chứng là nó giống với con dao do thủ lĩnh phát hôm gia nhập.

Nói rồi anh ta rút một con dao găm giống hệt con dao vừa xuyên qua cánh ta tiểu thư Fargas.

Cadoudal chìa tay cho Diana.

-Kể từ giây phút này, nếu cô không còn cha, tôi sẽ là cha cô, nếu cô không còn anh, cô sẽ là em gái tôi. Vì chúng ta đang sống trong một thời đại mà mỗi người đều phải giấu tên thật của mình bằng một cái tên khác, cô xứng đáng là người La mã, cô sẽ mang tên Porcia. Từ nay, cô là người của chúng tôi và là cấp chỉ huy.

Khi thầy thuốc xử lý vết thương xong, cô sẽ tham dự một cuộc họp do tôi chủ trì.

-Xin đa tạ tướng quân – Diana nói – Còn về thầy thuốc, xin hãy để họ chăm sóc vết thương cho ngài Coster đã vết thương của ông ấy nặng hơn của tôi nhiều.

Nói xong cô rút mạnh con dao ra, xé toạc tay áo để lộ một cánh tay rất đẹp rồi quay sang Coster Saint-Victor.

-Chiến hữu, làm ơn cho tôi mượn ca vát của anh.

Diana de Fargas ở hai năm trong quân đội Bretagne gần tướng Cadoudal mà không ai biết tên nào khác của cô ta ngoài cái tên Porcia.

Trong hai năm, cô ta tham dự vào tất cả các trận đánh, chia sẽ mọi hiểm nguy gian khổ với thủ lĩnh người mà cô ta tỏ ra trung thành. Cũng trong hai năm, cô ả nén nỗi thù hận đồng đảng Jéhu vào tận tâm khảm vờ ngợi khen những chiến công của họ, tán dương những cái tên Morgan, Assas Adler và Montbar.

Trong hai năm, quý ông đẹp trai Coster Saint-Victor, người chưa bao giờ gặp cô gái nào từ chối mình, đành ngậm ngùi khi những lời bóng gió yêu thương của mình đều bị cự tuyệt và cuối cùng, sau khoảng thời gian ấy, Diana cũng đạt được mục đích.

Cuộc đảo chính ngày 18 Brumaire đột ngột rung chuyển nước Pháp. Tâm điểm được độc tài mới chú ý là miền Vendée và Bretagne. Cadoudal hiểu rằng cuộc chiến thực sự đã bắt đầu. Để nuôi cuộc chiến ấy, ông ta cần tiền, và chỉ đội quân Jéhu mới có thể đảm nhiệm được việc này.

Nhưng Coster Saint-Victor vừa bị thương ở đùi. Anh ta không thể thực hiện chuyến đi để hoàn thành vai trò người trưng thu được Cadoudal quay sang Diana, người bấy lâu vẫn đội lốt Porcia cô ta đã chứng tỏ lòng tận trung và can đảm đến nỗi ngoài Coster Saint-Victor chỉ thấy cô là người thích hợp cho nhiệm vụ đặc biệt này. Với trang phục phụ nữ cô có thể đi dọc nước Pháp mà không lo ngại gì, vả lại đi bằng xe sẽ chỉ được nhiều tiền hơn, ông tham khảo ý kiến của thương binh Coster và dĩ nhiên anh này đồng ý.

Diana được gọi đến bên giường bệnh, ở đó Cadoudal giải thích ông cần gì ở cô ta.

Diana sẽ đi liên lạc với quân Jéhu bằng hai lá thư, một của Cadoudal một của Coster Saint-Victor sau đó mang tiền về trong khi cuộc chiến gấp gáp hơn bao giờ hết.

Diana lặng người vì sung sướng nhưng khuôn mặt vẫn không để lộ những gì đang diễn ra trong lòng.

-Dù nhiệm vụ này rất nặng nề – Cô ta nói – Tôi không mong gì hơn là hoàn thành nó, nhưng ngoài hai lá thư, tôi cần biết những mật hiệu để đến tận chỉ huy của tổ chức này.

Coster Saint-Victor nói cho Diana, cô ta ra đi với nụ cười trên môi và niềm căm hận sục sôi trong lòng.

§17. Động Ceyzenat

Vừa đến Paris, Diana đã xin gặp Tổng tài Bonaparte, khi đó Roland mới xong nhiệm vụ gặp Cadoudal trở về được vài ngày. Mọi người đều biết Roland ít khi chú ý đến phụ nữ.

Anh nhìn thấy Porcia nhưng lướt qua không hề để tâm. Cũng có thể anh không còn nghĩ Diana là một phụ nữ mà là một quân Bảo hoàng. Barras chẳng còn quyền lực gì, cô ta đến nhờ xin gặp Bonaparte với lý do là mình biết cách bắt đồng đảng Jéhu nhưng với điều kiện phải đích thân trao đổi với ngài Tổng tài.

Bonaparte vốn không ưa phụ nữ tham gia vào chính trị, sợ phải rắc rối, ông gửi giấy cho Fouché đích thân đi tiếp Diana de Fargas.

-Nàng có biết Fouché không, thưa tiểu thư – Hector đột ngột dừng lại hỏi.

-Không thưa ngài – Claire đáp.

-Đó là kẻ xấu ma chê quỷ hờn. Hai con mắt gã như bằng sành, mái tóc vàng quạch và cứng đơ, nước da mai mái, cái mũi tẹt môi bóng để lộ hàm răng nanh nọc, cái cằm nhọn hoắt cộng với bộ râu hung hung càng làm khuôn mặt như bị nhọ. Fouché là thế đấy! Mà thường thường cái đẹp lại ghê sợ cái xấu.

Vừa nhìn thấy Fouché bước vào với dáng vẻ nửa ti tiện nửa ngạo đời, Diana ra đón. Nhưng khi thấy con người đáng sợ ấy, theo bản năng, cô ta đã phải lùi lại mà quên không chỉ ghế cho Fouché ngồi.

Ông này tự ngồi xuống. Diana gắng không để lộ cái nhìn ghê sợ biểu hiện ra ngoài.

-Thế nào – Fouché nói – Cô em, chúng ta có gì để khai với cảnh sát nào? Nghe nói cô em muốn mua bán gì đúng không?

Diananhìn quanh đầy ngạc nhiên khiến Fouché phải hỏi: -Cô tìm gì đấy?

-Tôi tìm xem ông vừa nói chuyện với ai, thưa ông?

-Thì với cô chứ ai – Fouché ngạo mạo nói.

-Vậy thì ông nhầm. Tôi không phải là cô em, tôi là đại tiểu thư con gái của bá tước Fargas đã bị ám hại ở Avignon, em gái của tử tước Fargas bị sát hại ở Bourg. Tôi đến không phải để khai báo với cảnh sát cũng như không mua bán gì. Tôi dành cái đó cho kẻ nào bất hạnh đứng đầu cả quan ấy và đám nhân viên của ông ta. Tôi đến để đòi công lý và nếu tôi không nhầm – Diana vừa nói vừa đứng dậy – Thì ông chẳng làm gì được cho cuộc truy tìm thần thánh ấy. Tôi buộc lòng phải nói với ông rằng ông đến nhà tôi là gõ nhầm cửa rồi.

Khi thấy Fouché, hoặc vì kinh ngạc hoặc vì cao ngạo, vẫn không nhúc nhích khỏi ghế, Diana rời phòng khách và đóng cửa lại.

Hai giờ sau, Roland de Montrevel đến tìm cô theo lệnh của Tổng tài. Roland dẫn cô ta đến phòng chờ bằng tất cả những gì cần phải đối xử với phụ nữ theo

phép lịch sự mà mẹ đã dạy anh, sau đó đi báo cho Bonaparte. Chỉ vài phút sau ông đã xuất hiện trong phòng.

-Hình như ông Fouché đã cư xử không phải với cô, hãy thứ lỗi cho ông ấy. Cô có thể mong đợi được gì từ một người như tôi.

-Lẽ ra tôi không nên đòi hỏi, thưa ngài Tổng tài, nhưng tôi đành phải mượn ngài một sứ giả khá hơn.

-Cô nói đúng – Bonaparte đáp – cô đã được hai bài học hay liền lúc đấy. Những tôi đây rồi đúng không? Hình như cô có chuyện quan trọng muốn nói, vậy cô hãy nói đi.

-Ngài không biết ngồi khi nghe tôi nói, trong khi tôi lại cần ngài nghe mình, tại sao chúng ta không vừa đi dạo vừa nói chuyện.

-Vậy chúng ta đi, thông thường khi tiếp phụ nữ tôi không đi như thế này đâu vì họ không thích.

-Được rồi. Nhưng với hai năm làm sĩ quan kề cận tướng Cadoudal thì tôi đi nhiều đấy.

-Cô đã có hai năm là sĩ quan của Cadoudal?

-Vâng.

-Vậy tại sao Roland không biết cô, chưa từng gặp cũng không hề biết tên?

-Vì một lý do mà ở Bretagne, người ta chỉ biết tên tôi là Porcia. Trong lúc Roland ở gần Cadoudal, tôi vẫn phải giả là Porcia.

-À có phải chính cô là người đâm con dao vào tay khi xin nhập đội quân Bảo hoàng không?

-Vết sẹo ấy đây! – Diana nói và vén tay áo lên.

-Một vết thương lạ lùng.

-Nhưng con dao gây ra vết thương ấy còn kỳ lạ hơn nó đấy.

Diana nói xong, rút con dao găm đưa cho vị Tổng tài.

Bonaparte xem xét cẩn thận vũ khí, như thể nó mang trong mình một điều rất tồi tệ.

-Con dao này từ đâu đến? – Bonaparte hỏi.

-Từ chính giữa ngực anh trai tôi!

-Xin cô hãy kể vắn tắt, thời gian với tôi làrất quý báu.

-Không quý hơn thời gian của người phụ nữ mà hai năm qua luôn mong mỏi được báo thù đâu.

-Cô là người đảo Corse?

-Không, nhưng tôi đang nhờ một người từ đảo này, ông ấy sẽ hiểu tôi.

-Cô muốn gì?

-Muốn mạng sống của những kẻ đã lấy đi mạng sống của anh tôi.

-Họ là ai?

-Tôi đã nói với ngài trong thư rồi đó, những đồng đảng Jéhu.

-Trong thư cô nói có cách để bắt họ.

-Tôi có các mật hiệu và hai lá thư, một của Cadoudal, một của Coster Saint-Victor cho thủ lĩnh Morgan.

-Cô chắc chắn sẽ bắt được họ chứ?

-Tôi chắc, miễn là ông cho một người tài giỏi thông minh như ngài Roland de Montrevel chẳng hạn và một sĩ quan tương đối.

-Điều kiện của cô là gì?

-Trước tiên, bọn họ sẽ không được đặc xá.

-Tôi không đặc xá cho bọn kẻ cắp và giết người.

-Tiếp đến, tôi phải hoàn thành nhiệm vụ mà người ta phái tôi đến gặp họ.

-Nhiệm vụ gì?

-Tôi phải có số tiền mà Cadoudal cần.

-Cô muốn tự do sở hữu số tiền đó sao?

-Thưa công dân Tổng tài, đây là một câu nói sẽ mãi phá đi ấn tượng tốt của tôi về cuộc gặp gỡ này.

-Nhưng cô cần số tiền quỷ quái đó làm gì?

-Tôi muốn chúng được gửi đến đúng địa chỉ.

-Tức là cô muốn tôi cho phép chuyển tiền đến cho kẻ đang chiến đấu chống lại tôi sao? Không bao giờ!

-Nếu vậy, thưa tướng quân, xin phép ngài tôi về, giữa chúng ta không có gì phải bàn nữa.

-Thật bướng bỉnh! Thật ấu trĩ! – Bonaparte kêu lên.

-Ngài phải khen là thật hào hiệp, tướng quân ạ.

-Thế nghĩa là gì?

-Nghĩa là không phải sự bướng bỉnh dẫn đến lời đề nghị ông mà chính lòng hào hiệp thúc đẩy nó đấy.

-Tuy vậy tôi không thể nối giáo cho giặc được.

-Thế ngài có tin Roland de Montrevel không?

-Có.

-Ngài cũng biết anh ta sẽ không làm gì tổn hại đến thanh danh của ngài cũng như thương hại đến lợi ích quốc gia chứ?

-Tôi chắc chắn như vậy.

-Được rồi, vậy thì ngài nên giao cho anh ta việc này. Tôi sẽ phối hợp với anh ta và làm thành công sau đó lấy phần của mình.

-Đồng ý – Bonaparte nói.

Giống như mọi lần quyết định nhanh chóng Bonaparte đi ra cửa.

-Roland, lại đây!

Khi Roland vào phòng, ông nói: -Cậu cô toàn quyền phối hợp với cô đây, bằng mọi giá phải đem các quý ông kia về bằng đường cái quan, những kẻ đi

cướp mà lại tự cho mình là các đức ông vĩ đại.

Sau đó, Bonaparte khẽ chào Diana de Fargas: -Nếu cô thắng lợi, xin đừng quên đến gặp tôi.

-Còn nếu tôi thất bại?

-Tôi không quen những người thất bại.

Nói xong, Bonaparte đi ra để lại Roland và Diana trong phòng. Mặc dù không thích thú gì khi một phụ nữ phải rơi vào hoàn cảnh ấy, nhưng Diana đã quên ngay sự thẹn thùng về cách biệt giới tính khi Roland ngay từ đầu đã đối xử với cô ta như một người đồng chí tốt, sự thân thiện của Roland, khiến cô ta càng ghét Fouché bao nhiêu thì càng mến Roland bấy nhiêu. Trong một tiếng, họ đã thoả thuận xong mọi việc. Ngay đêm hôm đó họ sẽ đi bằng hai con đường khác nhau những cùng đến Bourg-en-Bresse, tổng hành dinh của đội quân Jéhu.

Thật dễ hiểu khi với đầy đủ thông tin, các mật hiệu và hai lá thư Diana de Fargas đến thẳng Seillon nơi bốn thủ lĩnh tụ họp không khó khăn gì không một ai nghi ngờ người phụ nữ này lại là tiểu thư Fargas, em gái của người bị họ xử tử do phản bội.

Vì khoản tiền Cadoudal cần là một trăm nghìn phăng không tập trung đủ tại tu viện Seillon nên họ hẹn Diana nửa đêm hôm sau đến động Ceyzeriat để lấy nốt bốn mươi nghìn phăng còn lại.

Ngay khi được tin của Diana, Roland cho gọi đại tá quân cảnh và đại uý đội ky binh thành phố đến. Viên đại uý rất thụ động sẵn sàng cùng số quân cần thiết chỉ đâu đánh đấy nhưng viên đại tá quân cảnh thì ngược lại. Đó là một chỉ huy lão luyện đầy thù hận quân Jéhu, từ ba năm qua, nói theo cách của ông là "không để ông yên". Hơn chục lần ông ta phát hiện ra họ, truy đuổi và lần nào cũng thế, dù điều khiển ngựa cừ khôi, khôn ngoan và có chiến thuật nhưng vẫn để họ thoát. Một lần, tình cờ phát hiện quân Jéhu trong rừng Seillon, họ chấp nhận giao đấu và đã hạ của ông ba người, bắt theo hai tù binh, chính vì thế ông trở nên chán nản, tuyệt vọng và chỉ mong một điều không bao giờ bị chính phủ ép đi đánh quân Jéhu. Lúc Roland tìm đến ông ta là khi ông đang nghỉ tĩnh dưỡng hay nói đúng hơn là chìm trong thất vọng.

Nhưng khi nghe Roland nói rõ địa điểm là động Ceyzeriat thì vị sĩ quan già trở nên trầm ngâm suy nghĩ một lúc rồi nháy mắt.

-Khoan đã thế thì khoan đã! Động Ceyzeriat, động Ceyzeriat… chúng ta bắt chúng nào!

Một nụ cười thoáng hiện trên môi viên đại uý.

-Ông ấy sẽ bắt được chúng – Anh ta nói.

Roland và Diana ngờ vực nhìn nhau, họ không tin tưởng viên đại tá như đại uý nọ.

Để xem – Roland ậm ừ.

-Bọn mị dân muốn phá nhà thờ Brou – Đại tá già nói – Tôi có một cách.

-Tôi chẳng lạ – Roland nói.

-Như thế không chỉ cứu nhà thờ của chúng ta mà còn cứu được cả những lăng mộ tuyệt đẹp.

-Bằng cách nào? – Roland hỏi.

-Gần nhà thờ có một cửa hàng bán cỏ khô cho ngựa.

-Tôi hiểu rồi – Roland nói – cỏ sẽ bảo vệ lớp đá.

-Tôi là người đến nhận tiền ở nhà thờ. Tôi muốn đi xem các chỗ.

-Chúng tôi nghe ngài đây, ngài đại tá.

-Thế này nhé, ở đầu kia hầm mộ có một cửa nhỏ thông vào đường hầm đi một đoạn khoảng một phần tư dặm, đường đó bị một hàng rào sắt chặn lại, nhưng lại có một ngảrẽ sang động Ceyzeriat.

-À tôi bắt đầu hiểu rồi – Roland nói.

-Tôi chẳng hiểu gì cả – Viên đại uý đội kỵ binh nói.

-Rất dễ thôi mà – Tiểu thư Fargas gật gù.

-Diana, cô hãy giải thích cho ngài đại uý đây biết đi, để xem hai năm là sĩ quan của Cadoudal có uổng phí không nào?

-Vâng, hãy giải thích cho tôi – Viên đại uý nói và giang chân chống hai tay lên cạnh sườn mở to mắt lãng nghe.

-Được thôi – Diana nói – Đại tá sẽ đem theo hơn chục người vào nhà thờ Brou, cạnh đường hầm, chúng ta sẽ cùng hai mươi người tấn công trực diện phía trên. Đội quân Jéhu sẽ rút chạy qua đường hầm, như vậy chúng sẽ bị kẹt ở giữa hai làn đạn.

-Đúng rồi đấy? – Viên đại tá gật gù ngưỡng mộ cô gái đã đoán đúng kế hoạch của ông.

-Tôi thật ngốc? Có vậy mà không nghĩ ra – Viên đại uý vỗ tay lên trán.

Roland khẽ phướn mày ra vẻ đồng tình, rồi quay sang phía đại tá: -Thưa đại tá chỉ có điều ngài phải vào nhà thờ sớm hơn chúng. Quân Jéhu sẽ vào đó lúc nửa đêm bằng cửa phụ. Tôi sẽ đi cùng tiểu thư Fargas, chúng tôi sẽ cải trang thành quân Bảo hoàng sau khi lấy được bốn mươi phăng, chúng tôi sẽ quay ra cất một chỗ và cho một cảnh sát canh giữ, sau đó, chúng tôi quay lại tấn công dồn chúng vào động rồi chúng sẽ phải đầu hàng hoặc bị giết từng tên một.

-Sáng nay tôi sẽ về sở chuẩn bị lương thực cho cả ngày, đêm nay trận chiến sẽ bắt đầu – Viên đại tá nói rồi rút gươm ra lướt nhẹ lên tường rồi lại tra vào bao.

Roland để cho hành động quá khích ấy dịu xuống mới vỗ vai ông già.

-Sẽ không thay đổi gì trong kế hoạch. Đúng nửa đêm chúng tôi vào động lấy tiền, mười lăm phút sau sẽ có tiếng súng nổ, nói như ngài là trận chiến đã bắt đầu.

-Trận chiến bắt đầu – Viên đại uý lặp lại như một câu vọng.

Roland dặn dò lại một lần nữa những điều cần làm, mọi người cần chuẩn bị sẵn sàng rồi mới ra về.

Tất cả thực hiện đúng như anh tiên liệu.

Diana de Fargas và Roland giả trang thành Bruyère và Branche-d Or, tiến vào động Ceyzeriat, sau khi đã nói mật hiệu với hai lính canh bên ngoài, một dưới chân núi và một ở lối vào động.

Nhưng họ gặp khó khăn đầu tiên: Morgan không có mặt vì bận. Monbart và hai thủ lĩnh khác, Assas và Adler, thay mặt thực hiện. Họ không nghi ngờ giao đủ bốn mươi nghìn phăng cho Diana và Roland.

-Ai cũng nhận thấy sau khi giao tiền, đội quân Jéhu sẽ nghỉ qua đêm trong động nhưng vị đại thủ lĩnh vẫn chưa có mặt.

Liệu Roland và Diana có được coi là thành công khi không bắt được Morgan cùng những người khác? Morgan có thể sẽ trở về nhưng ai biết vào lúc nào? Mọi thứ đã chuẩn bị sẵn sàng, thà bắt ba chỉ huy còn hơn là để cả bọn thoát. Vả lại, khi đã tóm gọn băng còn một người còn lại sẽ dễ đối phó hơn. Biết đâu khi ba người kia bị bắt, anh ta sẽ ra đầu hàng thì sao?

Ánh mắt của Roland và Diana nhìn nhau đủ để họ quyết định vẫn tiếp tục hành động như kế hoạch.

Roland lại gần một lính canh và nói mật hiệu, chưa dứt câu thứ ba, hắn đã ngã gục xuống đất.

Roland đã đâm chết hắn.

Người thứ hai đổ vật xuống giống như người thứ nhất không kêu được tiếng nào.

Roland ra hiệu cho viên đại uý dẫn quân đến. Tuy không phải là người thông minh những viên đại uý lại là một người thiện chiến. Anh ta rút gươm xông lên dẫn đầu đội quân, Diana và Roland ở hai cánh hai bên.

Họ chưa tiến được chục bước thì hai phát súng vang lên, đó là một trong số quân của Montbar đụng phải đội kỵ binh của Roland.

Một viên đạn trượt, viên kia trúng tay một người. Sau đó là tiếng kêu "Cầm lấy vũ khí!" vang dội trong hang.

Lập tức trong ánh đuốc dọc hang, một người đàn ông chạy thục mạng, tay cầm khẩu súng trường còn bốc khói.

-Cầm lấy vũ khí! – Anh ta hô hoán – Cầm lấy vũ khí! Quân kỵ binh!

-Hãy nghe ta là chỉ huy! – Montbar kêu to – Hãy tắt đuốc, rút xuống dưới nhà thờ!

Như thể nhận ra nguy hiểm, mệnh lệnh của Montbar được thực hiện ngay lập tức. Tất cả theo Montbar xuống sâu dưới động.

Đột nhiên, anh ta nghe thấy tiếng động phía trước rất gần, tiếng thì thào rồi cuối cùng là tiếng nạp đạn lách cách.

-Khoan đã! – Montbar nói và giang tay ra.

-Bắn! – Một giọng nói cất lên.

-Nằm xuống! – Montbar gào lên.

Mệnh lệnh này chưa dứt một loạt đạn nhức óc đã vang lên.

Tất cả những ai kịp nằm xuống đều nghe thấy tiếng đạn rít bên tai, tổng số những ai chưa kịp tuân lệnh hay chưa định hình chuyện gì có ba người ngã gục.

Qua ánh sáng loé lên, Montbar kịp nhận ra quân phía trước là đội hiến binh.

-Bắn! – Lần này đến lượt Montbar ra lệnh.

Hơn chục nòng súng nhả đạn. Đường hầm đang tối đen lại bừng sáng trong chốc lát lại thêm ba lính Jéhu ngã xuống.

-Đường lui bị chặn rồi – Montbar nói – Quay lại thôi, nếu may mắn chúng ta sẽ thoát vào rừng.

Montbar dẫn đầu đội quân quay trở lại. Tiếp một loạt đạn nữa của quân hiến binh dội đến, một vài tiếng kêu, tiếng người ngã xuống đất vang lên.

-Tiến lên các bạn! – Montbar hô to – Chúng ta có thể hy sinh nhưng hãy hy sinh một cách xứng đáng nhất.

-Tiến lên! – Quân Jéhu đồng thanh lặp lại.

Nhưng càng tiến lên, Montbart ngời thấy mùi khói khiến anh lo lắng.

-Hình như bọn bất lương ấy đang hun chúng ta.

-Tôi sợ chuyện đó lắm! – Adler nói.

-Chúng tưởng đang bẫy cáo chắc.

-Chúng sẽ biết móng vuốt của chúng ta bởi lẽ chúng ta là sư tử.

Càng đi khói càng dày, quầng sáng càng to ra chỉ cách lối lên chừng năm chục bước, một ngọn đuốc được đốt lên, không phải để xông khói mà để chiếu sáng.

Qua ánh sáng từ ngọn đuốc, ai cũng nhìn thấy những nòng súng trường và lưới gươm sáng loá của đội kỵ binh.

-Bây giờ, chúng ta sẽ chết nhưng trước khi chết, hãy giết chúng đi! – Montbar hô to rồi lao đầu tiến vào quầng sáng bắn hai phát đạn vào quân địch sau đó quẳng khẩu súng trường hết đạn xuống đất, rút súng lục tiếp tục trận chiến.

-Tôi sẽ không cố kể hết những gì xảy ra – Bá tước nói – Đó là một cuộc hỗn chiến kinh hoàng nằm trong lòng cơn bão thịnh nộ.

Tiếng chửi rủa vang lên, những cây súng lúc càng lên những đường khói và ánh sáng, khi súng hết đạn là đến lượt gươm vào dao găm vào cuộc.

Quân hiến binh ở đầu kia đường hầm cũng chạy đến nhập vào đám hỗn độn đó, đánh trả trong một không gian đỏ bèm và khói mù mịt ngã xuống đứng dậy lại ngã xuống. Người ta nghe đâu đó tiếng hú lên man dại, tiếng kêu đau đớn. Đó là những hơi thở cuối cùng của con người.

Cuộc hỗn chiến ấy kéo dài khoảng hai mươi phút. Sau đó, người ta đếm được khoảng hai mươi hai cái xác nằm trong đất động Ceyzeriat, trong đó mười ba người của quân cảnh, chín người của đội Jéhu. Năm trong số quân Jéhu vẫn chưa chết nhưng đầy thương tích và bị Diana bắt sống. Cô ta nhìn họ với con mắt của Némésis thời cổ đại.

Đám quân cảnh còn lại tay vẫn cầm gươm. Viên đại uý già bị thương vào tay, đại uý bị phát đạn vào đùi. Roland máu me quân địch đầy mình nhưng anh không bị thương.

Hai tù binh phải chuyển bằng cáng vì họ không đi được.

Người ta đốt đuốc và chuẩn bị về thành phố thì có tiếng ngựa phi đến. Roland dừng lại nói:

Mọi người cứ đi trước, tôi sẽ xem đó là ai.

-Ai đó? – Roland hỏi to khi kỵ sĩ còn cách hơn hai chục bước.

-Thêm một tù nhân nữa đây – Kỵ sĩ đáp – Tôi không thể có mặt trong trận đấu nhưng tôi muốn có mặt trên giá treo cổ! Những người bạn của tôi đâu?

-Họ kia – Roland đáp.

-Xin lỗi – Morgan nói – Tôi muốn một chỗ trong số ba người bạn của tôi, tử tước Jahiat, bá tước Valensolles và hầu tước Ribier. Còn tôi là bá tước Charles de Sainte-Hermine.

Ba tù binh thốt lên ngưỡng mộ trong khi Diana đáp lại bằng tiếng reo sung sướng. Thế là cô ta đã bắt gọn cả bốn thủ lĩnh.

Ngay đêm hôm đó, như đã hứa, khoản tiền một trăm nghìn phăng của quân Jéhu được chuyển đến Bretagne. Đội quân Jéhu bị chuyển sang toà án, nhiệm vụ của Roland đã hoàn tất.

Anh trở về với Bonaparte, sau đó Bretagne để thuyết phục Cadoudal liên minh với nền Cộng hoà nhưng vô ích. Sau cuộc chiến Một trăm, anh trở về Paris, lại cùng Tổng tài dong duổi các cuộc chinh chiến tại Italy và qua đời tại Marengo.

Còn về phần Diana de Fargas, đó là một tâm hồn sa quá sâu vào hận thù đến độ không thể thoả mãn khi chưa đạt đến mục đích cuối cùng là chứng kiến việc xử tử của bốn lãnh tụ quân Jéhu.

Ở Besançon, được tin anh trai bị bắt, tôi vội đến Bourg-en-Bress nơi phiên toà xét xử anh tôi diễn ra.

Việc dự thẩm bắt đầu. Phạm nhân có sáu người, năm người bị bắt trong động còn một người là anh trai tôi sẵn sàng sống chết có nhau với họ. Hai người do bị thương nặng nên sau tám ngày bị bắt đã chết.

Trước tiên, họ lẽ ra phải bị đưa ra toà án binh và xử bắn, nhưng toà dân sự, theo luật vẫn có quyền xét xử các vụ án chính trị. Bản án của toà dân sự là tử hình; xử trảm là một điều lăng nhục còn xử bắn cũng thì có vẻ nhẹ nhàng hơn.

Trước toà án binh họ nhận hết nhưng trước toà dân sự họ chối không thừa nhận những cái tên Assas, Adler và Morgan mà khai tên tuổi như sau:

Louis-andré de Jahiat, sinh tại Bâgé-le-Châtel, tỉnh Ain, hai mươi bẩy tuổi.

Raoul-frédenc-Auguste de Valensolles, sinh tại Sainte-Colombe, tỉnh Rhôn, hai mươi chín tuổi.

Pierre-Auguste de Ribier, sinh tại Bellène, tỉnh Vaucluse, hai mươi sáu tuổi và Charles de Sainte-Hermine, sinh tại Besançon, tỉnh Doubs, hai mươi tư tuổi.

§18. Charles de Sainte-Hermine

Các phạm nhân thú nhận đã tham gia việc tập hợp để chuẩn bị gia nhập quân của Teyssonnet, người này có một đội quân trong núi Auvergne, nhưng họ chối thẳng thừng việc có đi lại với những kẻ chặn cướp có tên là Assas, Adler, Montbar và Morgan. Lẽ ra họ đã có thể thừa cơ hội đó để được thoát tội vì những người chưa lấy tiền thuế đều bịt mặt nhưng đã có một người đã bị nhìn thấy, đó là Morgan.

Lần ấy là khi họ chặn xe thuế giữa Léon và Vienne. Trên xe có một cậu bé khoảng mười hai tuổi ngồi trong buồng đánh xe, lấy súng để bắn vào quân Jéhu. Nhưng ông bố đoán trước ý định đó đã tháo hết đạn ra. Bà mẹ không biết chuyện, tưởng con mình bắn chết người nên lăn ra bất tỉnh. Anh trai tôi vội lại gần, cho bà ấy ngửi muối và cố ngăn cơn hoảng loạn. Nhưng trong khi vùng vẫy, bà ta làm rơi tấm che mặt và nhìn thấy Sainte-Hermine. Nhưng cảm kích trước sự tử tế của bị cáo, nhân chứng, tức là người phụ nữ kia không chỉ ai là Morgan cả.

Những người bị chặn khác lại không hoàn toàn nhận được mặt ai. Họ sắp được trắng án thì đột nhiên viên chủ toạ quay sang hỏi người phụ nữ bị ngất.

-Thưa bà, liệu bà có vui lòng cho tôi biết ngài nào đã thật hào hiệp chăm lo cho bà vào lúc đó không?

Người phụ nữ sửng sốt tưởng là trong lúc bà không có mặt những can phạm đã thú tội nên cách tốt nhất là giúp họ trả lời thành khẩn liền chỉ vào anh trai tôi và nói: -Thưa quý toà đó là ngài bá tước Sainte-Hermine.

Lập tức câu nói đó đã trói buộc cả bốn bị cáo vào một và họ đã rơi vào tay đao phủ.

-Ôi lạy Chúa! – Jahiat nói – Bây giờ thì anh hiểu người dạy cho anh lịch sự là ai.

Trong khi đó, Diana reo lên vì sung sướng giữa phiên toà. Cô ta lại là kẻ chiến thắng.

-Thưa bà – Anh trai tôi nói với người phụ nữ vừa nhận ra mình vừa chào bà ta – Bà vừa nói một câu mà khiến cả bốn cái đầu phải rời đấy.

Nhận ra mình vừa phạm sai lầm, người phụ nữ vội quỳ xuống xin tha thứ nhưng tất cả đã quá muộn!

Tôi đang tham dự phiên toà ấy mà chỉ chực ngất xỉu. Nhưng tình cảm với anh tôi cứ trào lên. Ngay hôm đó, những án phạm lấy lại vẻ vui tươi không phản đối nữa và bị kết án tử hình. Ba người từ chối kháng án trong khi người thứ tư, Jahiat, lại cương quyết, kháng án và nói rằng anh có cách. Vì nếu có sự đồng kháng án của cả bốn người, thời hạn sẽ được kéo dài, Jahiat nói mình đang tán

tỉnh cô con gái người cai ngục và trong thời hạn sáu tuần hay hai tháng kháng cáo, anh ta hy vọng có cách vượt qua.

Với tia hy vọng có thể thoát, mỗi người lại thấy yêu cuộc sống hơn. Họ vốn không sợ cái chết, nhưng hình ảnh chết trên giá treo cổ thì chẳng hấp dẫn gì. Ba người để cho Jahiat thoả thê trong công cuộc chinh phục của mình, còn họ cố hưởng thụ những giờ phút vui vẻ của cuộc sống ngắn ngủi.

Thế nhưng việc kháng cáo chỉ đưa luôn đến toà đại hình, không còn hy vọng nào hết. Đích thân Tổng tài tuyên bố, bằng mọi giá cũng phải quét sạch các băng đảng như thế. Vốn rất cảm tình với quân Jéhu, cả thành phố chìm trong thất vọng vì những anh hùng sắp phải chết. Tôi chạy vạy khắp nơi, van nài không biết bao chỗ để xin cho anh trai mà không được.

Các tội phạm quả có nhiều điểm xứng đáng với niềm yêu mến trẻ trung, ngoại hình vô cùng hoàn hảo, rất hợp mốt, luôn nhã nhặn, tươi cười ngay cả với bồi thẩm xử án, dù hơi cao ngạo nhưng nhưng phản biện của họ vẫn rất có phong cách. Chưa kể họ xuất thân trong những gia tộc hàng đầu ở miền quê.

Bốn phạm nhân, người nhiều tuổi nhất cũng chưa quá ba mươi đều phản đối việc xử trảm nhưng chấp thuận bị xử bắn.

Họ muốn được chết như những chiến sĩ càng chứng tỏ họ là một nhóm đầy sức xuân, dũng cảm và vị tha.

Chính quyền nghi ngại việc kháng án có âm mưu nên bác bỏ.

Jahiat đã được Charlotte, cô con gái quản ngục yêu thương nhưng ảnh hưởng của cô con gái đến người cha không đủ để ông giúp cho vượt ngục.

Không phải viên quản ngục không động lòng. Đó là một con người tử tế có tên là Comtois – sùng bái nền quân chủ những nhân cách với ông là điều quan trọng nhất. Ông sẵn sàng đối tốt với bốn thanh niên trong ngục nhưng từ chối thẳng thừng khoản sáu mươi phăng để giúp họ trốn thoát.

Ba phát súng vang lên trong khu nhà giam thông báo cho các tử tù biết đã đến giờ hành quyết.

Ngay đêm hôm trước, cô nàng Charlotte đáng thương cố gắng dùng mọi cách để đưa vào cho mỗi phạm nhân hai khẩu súng ngắn đã nạp đạn và một con dao găm.

Ba phát súng vang lên cũng là khi tù nhân hiểu rằng bản kháng án đã bị bác bỏ. Viên cảnh sát trưởng lo ngại nên cho tập trung toàn bộ lực lượng ông ta có. Sáu giờ sáng, thay vì người tập trung ở giá treo cổ trên quảng trường Bastion, sáu mươi kỵ binh đã tập hợp tại sân nhà lao. Hơn một nghìn người đứng sau hàng rào kỵ binh chật ních cả quãng đường. Giờ hành quyết được ấn định là bảy giờ.

Sáu giờ, cai ngục vào phòng giam, nhưng tù nhân lúc này đều được cởi trói và được trang bị vũ khí. Họ vốn mạnh khoẻ nên sẵn sàng chuẩn bị cho cuộc chiến.

Họ để trần, hai dải quần bắt chéo qua ngực. Dây lưng to bản, bên trong có giấu vũ khí, bó sát cơ thể. Đúng lúc không ai chờ đợi nhất thì tiếng đụng độ vang lên rồi người ta thấy bốn tử tù xông ra ngoài.

Trong đám đông có một tiếng thét lên rồi tất cả im bặt, mọi người đều cảm giác có điều gì đó khủng khiếp sắp xảy ra. Nhìn họ như những đấu sĩ sắp lao vào trận.

Tôi cố len lên hàng đầu tiên. Trong sân có một hàng rào sắt to chặn ngang. Phía bên kia hàng rào là đường phố. Có một đội hiến binh bất động, súng cạc bin đặt trên gối tạo thành một đường thẳng không thể lay chuyển.

Bốn tử tù dừng lại, đứng sát lại nhau như thể định hình không gian. Sau đó, Valensolles, người lớn tuổi nhất, tiến lại phía hàng rào và nở một nụ cười vô cùng độ lượng, cúi chào rất quý tộc.

-Các quý ông hiến binh, rất tốt!

Nói rồi anh quay lại phía ba người đồng đội nói: -Vĩnh biệt các bạn!

Và rút súng bắn vào đầu. Cơ thể anh quay ba vòng rồi đổ vật xuống đất.

Đến lượt Jahiat tách khỏi nhóm, tiến lại hàng rào rút hai khẩu súng chĩa vào quân hiến binh. Anh không bắn nhưng đám quân cảnh tưởng bị tấn công liền giương súng khai hoả. Jahiat bị trúng hai phát đạn.

-Cảm ơn các người – Anh nói – Nhờ các vị mà tôi chết như một chiến sĩ, rồi anh đổ xuống cạnh thi thể Valensolles.

Trong khi đó, Ribber như đang nghĩ xem mình sẽ chọn cách chết như thế nào. Cuối cùng, anh đã quyết định. Gần đó có một cây cột đỡ vòm hiên. Ribbiel đi thẳng đến cây cột, rút dao ra đặt mũi dao vào phía ngực trái, tỳ chuôi dao vào cột, dang hai tay ôm lấy cây cột. Anh chào mọi người lần cuối rồi siết chặt vòng tay vào cột cho đến khi lưỡi dao ngập hoàn toàn vào cơ thể anh.

Ribbier còn đứng im một lát, nhưng ngay sau đó, một làn da tái mét phủ lên khuôn mặt anh, đôi tay anh buông thõng, đầu gối khuỵu xuống và chết dưới chân cột.

Đám đông đứng câm lặng như bị hoá đá vì kinh sợ. Sau đó niềm ngưỡng mộ bao trùm khắp những người tham dự. Họ hiểu những kẻ cướp anh hùng này muốn chết nhưng chết theo cách họ muốn và nhất là rất giống các đấu sĩ thời cổ đại chết nhưng vẫn có lòng bao dung.

Còn lại một mình anh trai của tôi. Anh đứng đó trên bậc tam cấp và chắc chắn chỉ mình anh nhận ra tôi trong đám đông. Anh đặt một ngón tay lên miệng và nhìn tôi. Tôi hiểu anh muốn tôi im lặng. Tôi vâng lời anh nhưng dù cố gắng kìm chế, nước mắt cứ lăn dài trên gò má. Anh tôi ra hiệu muốn nói. Tất cả mọi người đều im lặng, chỉ mình Chúa mới biết tôi sợ hãi như thế nào khi nghe anh nói.

Khi người ta chứng kiến cảnh tượng tự như thế, người ta háo hức được thấy mọi lời nói cũng như hành động, nhất là khi lời nói giải thích cho hành động và

ngược lại. Vả lại, đám đông này còn có gì để đòi hỏi? Họ biết chắc sẽ có bốn người chết, nhưng chết giống nhau thì thật đơn điệu. Nhưng thực tế đã không như thế bốn cái chết không hề giống nhau, bốn cơn hấp hối vừa mỹ lệ vừa đau thương và đầy bất ngờ. Đám đông cũng không nghi ngờ sẽ được chứng kiến một cảnh độc đáo khác.

Anh Charles không rút súng hay dao ra. Chúng vẫn nằm im trong đai quần. Anh bế thi thể của Valensolles đến đặt cạnh Jahiat và Ribier. Sau đó, giống như một nghệ sĩ trước công chúng, anh cúi chào và mỉm cười với khán giả đám đông vừa cười vừa vỗ tay.

Công chúng háo hức muốn xem và tôi dám nói rằng không ai trong số họ đủ can đảm để hy sinh thân mình cứu mạng một thủ lĩnh quân Jéhu.

-Thưa các vị – Anh Charles nói – các vị đến đây để xem chúng tôi chết và các vị đã được chứng kiến ba cái chết của bạn tôi. Bây giờ đến lượt tôi. Tôi không mong gì hơn là làm các vị thoả mãn tính hiếu kỳ nhưng tôi muốn một đề nghị nhỏ.

-Nói đi! Nói đi! Điều anh đề nghị sẽ được đáp ứng – Tiếng kêu vang lên từ tứ phía.

-Ngoại trừ mạng sống!– Một giọng phụ nữ hét lên. Người ta nhận rõ cô ta đã từng reo lên sung sướng khi bản án thi hành.

-Tất nhiên là ngoại trừ mạng sống – Anh trai tôi nhắc lại.

-Các vị đã thấy anh bạn Valensolles tự bắn vào đầu, các vị đã có anh Jahiat bị bắn còn anh Rihier tự đâm, chắc các vị sẽ rất muốn tôi bị chặt đầu chứ? Tôi hiểu.

Anh ấy nói lạnh lùng khiến đám đông như bị rùng mình.

-Thế này – Anh Charles tiếp tục – Tôi là người dễ tính, tôi cũng muốn chết sao cho các vị và tôi cùng thấy thoả mãn. Tôi sẵn sàng để bị chặt đầu nhưng tôi muốn tự đi đến đoạn đầu, giống như khi tôi đi ăn tiệc hay tham dự vũ hội nhưng với một điều kiện không ai được chạm vào người tôi. Nếu ai lại gần, anh chỉ vào hai báng súng – tôi sẽ bắn, ngoại trừ ông – Charles nói và chỉ vào kẻ thực thi bản án.

Điều kiện ấy có lẽ làm đám đông hài lòng nên những tiếng "Đồng ý! Đồng ý!" vang khắp nơi vang lên.

-Ông nghe rõ chứ, hãy thả dây nhanh vào, mọi việc sẽ tốt đẹp thôi.

-Nếu tôi tháo xích tay, chân, anh hứa sẽ không chạy trốn chứ?

-Tôi xin thề danh dự.

-Được rồi! – Viên sĩ quan nói – Tránh ra để chúng tôi gom xác đồng bọn của ạnh.

-Được thôi, thế là phải – Charles nói rồi quay về phía đám đông – Các vị thấy đấy, việc thi hành án với tôi chậm không phải lỗi của tôi mà là của các ông đây đấy nhé?

Ribier vẫn chưa chết hẳn. Anh mở mắt hình như muốn tìm ai.

Charles nắm lấy tay anh.

-Em đây, hãy yên tâm, em sẽ như thế!

Ribier nhắm mắt lại, môi mấp máy nhưng không nói được câu nào. Một dòng máu trào ra khỏi miệng vết thương.

Ông Sainte-Hermine – Một hạ sĩ nói khi ba cái xác được mang đi, ông sẵn sàng chứ?

-Tôi chờ các anh đây.

-Nếu vậy, ông hãy lại đây.

Charles tiến lại đám quân cảnh.

-Ông muốn đi xe ra đoạn đầu đài chứ?

-Tôi muốn đi bộ. Tôi thích mọi người biết rằng việc tôi đi bộ ra đó thật là độc đáo. Nếu tôi đi xe, mọi người sẽ nghĩ tôi sợ chết đến nỗi không bước nổi.

Đoạn đầu đài đã được dựng lên trên quảng trường Bastion.

Mọi người diễu qua quảng trường Lices, đi dọc tường khu vườn lâu đài Monbazon. Đi đầu là một chiếc xe ngựa không mui, tiếp đến là một tá kỵ binh, kẻ tử tội đi sau họ thỉnh thoảng liếc nhìn tôi. Cách anh một khoảng là viên đại tá và quân của ông ta. Đến hết bức tường, đoàn người rẽ trái, lập tức đoạn đường đó mở ra một khoảng không gian và cách đó không xa là đoạn đầu đài.

Đôi chân tôi như muốn khuỵu xuống khi thấy nó.

-Ối trời! – Anh nói – Tôi chưa bao giờ thấy máy chém, tôi không biết nó lại xấu xí đến thế kia.

Rồi bằng một động tác rất nhanh anh rút dao găm đâm phập vào ngực.

Viên đại tá thúc ngựa và chìa tay để ngăn anh nhưng Charles đã rút súng ra.

-Dừng lại, đã thoả thuận là không ai chạm vào tôi. Tôi sẽ chết một mình hay chết cả ba, tuỳ ông chọn.

Viên đại tá dừng lại rồi lùi xuống.

-Chúng ta đi tiếp – Anh tôi nói.

Quả nhiên anh vẫn bước tiếp. Mắt tôi, tai tôi dán vào con người vô cùng yêu mến ấy. Tôi không quên một từ nào, một cơ động nào của anh. Tôi nhớ lại những gì Charles đã viết cho Cadoudal khi anh từ chối để tôi đến chỗ ông ấy vì anh sẽ dành tôi cho việc thay thế anh ấy và báo thù cho anh.

-Tôi thầm thề nguyện sẽ làm tất cả những gì mong đợi tôi.

Thỉnh thoảng một ánh mắt lại hướng về tôi như muốn nhắc nhở điều đó. Anh Charles vẫn bước đi, máu rịn ra từ vết thương loang lổ.

Đến chân máy chém, Charles rút dao ra rồi đâm tiếp lần thứ hai. Nhưng anh vẫn đứng được.

-Sự thật – Anh kêu lên man dại -Tôi phải chịu thể hình như thế.

Đám lính kéo ba cái xác Valensolles, Jahiat và Ribier xuống xe. Hai người đầu đã chết hẳn, hai cái đầu nghẹo xuống không còn chảy giọt máu nào nhưng Ribier vẫn còn rên. Anh ấy còn sống.

Khi đầu Ribier bị chặt, máu chảy ộc ra khiến toàn thể đám đông đều rùng mình.

Đến lượt anh trai đáng thương của tôi. Lúc này, hầu như anh chỉ còn nhìn tôi. Mấy người định đỡ anh lên máy chém nhưng anh nói: -Ồ đã thoả thuận là không ai chạm vào tôi cơ mà.

Nói rồi anh bước lên sáu bậc mà không hề lảo đảo. Lên đến sàn kê máy chém, anh rút con dao đang cắm trong ngực ra và đâm nhát thứ ba.

Một tiếng cười đáng sợ cất lên làm máu từ ba vết thương trào ra.

-Nói thật. – Anh nói với đao phủ. – Thế là đủ. Hãy ra tay tuỳ ý mi.

Sau đó anh quay sang tôi: -Em nhớ chứ Hector?

-Vâng thưa anh.

Tự anh đặt đầu vào bệ.

-Thế đã được chưa? – Anh hỏi đao phủ.

Chỉ có tiếng lưỡi dao phập xuống đáp lời anh. Như thể bù đắp cho sự sống còn đau đầu không thể tự mình quyết định, cái đầu thay vì rơi vào giỏ lại nhảy ra ngoài lăn khỏi bục kê máy chém và rơi xuống đất.

-Tôi xô đổ hàng lính chắn ngăn mọi người lại gần máy chém, chạy vội về phía ấy, tôi bưng đầu anh trong tay và hôn nó. Đôi mắt anh từ từ mở ra và đôi môi anh run lên trong môi tôi.

-Tôi xin thề có Chúa là nó nhận ra tôi.

-Vâng, vâng, vâng… – Tôi nói – Xin anh cứ yên lòng, em sẽ vâng lời anh.

Đám lính định bắt tôi nhưng vài giọng nói đã vang lên: -Đó là em trai anh ấy!

Lập tức không ai nhúc nhích nữa.

§19. Phần kết câu chuyện của Hector

Câu chuyện của Hector đã kéo dài hai tiếng Claire khóc nhiều đến nỗi Hector phải dừng lại không biết có nên tiếp tục hay không.

-Xin cứ tiếp tục xin cứ tiếp tục ạ! – Claire nói.

-Mong tiểu thư thứ lỗi vì tôi vẫn chưa kể gì về mình.

Claire chìa tay nắm lấy tay Hector.

-Chàng đã phải chịu nhiều đau khổ quá – Cô thì thầm.

-Xin hãy khoan, và tiểu thư sẽ thấy chỉ mình nàng làm tôi quên hết phiền muộn trong đời.

-Tôi vốn không thân quen Valensolles, Jahiat và Rihier nhưng qua anh trai tôi, qua việc chứng kiến họ sống chết có nhau, tôi như đã là bạn của họ. Tôi yêu cầu trả mọi chi phí mai táng cho họ rồi mới về Besançon. Tôi sắp xếp lại mọi việc trong nhà và chờ đợi. Tôi chờ gì đây? Tôi cũng không biết nữa. Điều gì sẽ xảy ra? Đành tuỳ số phận của tôi. Tôi không nghĩ mình buộc phải tìm nó mà đành chịu chờ nó đến. Tôi đã sẵn sàng chấp nhận tất cả.

Một buổi sáng, người nhà báo tin có hiệp sĩ Mahalin đến.

Tôi không biết cái tên này, tuy nhiên nó vẫn làm rung lên sợi dây đau đớn trong tim tôi như thể tôi đã biết nó.

Đó là một thanh niên khoảng hai mươi sáu tuổi, trang phục hoàn hảo, phong cách quý tộc không chê vào đâu được.

-Thưa bá tước – Anh ta nói với tôi – Ngài cũng biết đồng đảng Jéhu đã bị thiệt hại nặng nề khi mất đi bốn thủ lĩnh trong đó có anh trai của ngài, bây giờ đang củng cố lại. Thủ lĩnh mới là Laurent lừng danh. Người này vốn là một trong những đại quý tộc nhất vùng Midi. Tôi đến nhân danh chủ tướng để thông báo chúng tôi dành cho ngài một vị trí trang trọng, nếu ngài muốn, như ý nguyện của anh trai ngài.

-Thưa hiệp sĩ – Tôi nói – Sẽ là nói dối nếu tôi tỏ ra nồng nhiệt chào đón một cuộc sống hiệp sĩ nay đây mai đó, nhưng tôi đã thề với anh tôi nên tôi rất sẵn sàng.

-Tôi chỉ cần nói địa chỉ tập hợp hay ngài đi cùng tôi?

-Tôi sẽ đi cùng ngài.

Trong nhà, tôi có một quản gia tin cẩn là Saint-Bris, người này đã từng phục vụ anh tôi. Tôi giao mọi việc trong nhà cho anh ta rồi cầm vũ khí lên đường.

Cuộc hẹn gấp diễn ra ở giữa Vizille và Grenoble. Hai ngày sau, chúng tôi đã đến nơi.

Thủ lĩnh Laurent của chúng tôi quả danh bất hư truyền. Đó là một trong những người may mắn trong lễ rửa tội có các bà tiên đến dự và mỗi người ban

cho anh ta một phẩm chất chỉ trừ một người quên không sửa một đức tính khiến nó chống lại toàn bộ ưu điểm. Ngoại hình của anh ta đẹp theo kiểu người miền Nam và rất nam tính. Vẻ đẹp ấy là sự tổng hoà các nét đẹp của đôi mắt, mái tóc, bộ râu đen cộng với vẻ duyên dáng cởi mở. Là người tuổi xuân đang rộ, anh ta thiếu kinh nghiệm song lại có sự thoải mái, vẻ cao quý của một đức ông mà không gì thay thế được.

-Người ta bị anh cuốn hút mà không lý giải nổi tại sao.

Tuy vậy, đó là một người hay nổi giận. Bình thường trong mọi biểu hiện, anh ta luôn tỏ rõ cung cách của một quý ông đầy giáo dục nhưng đột nhiên Laurent nổi giận lôi đình thì nó không phải tính cách của con người nữa. Thế là tiếng đồn lan trong thành phố rằng "Laurent nổi giận, có người phải chết."

Chính quyền dành sự quan tâm cho băng đảng Laurent giống như họ để mắt đến băng Sainte-Hermine. Những lực lượng khổng lồ được huy động vây bắt Laurent và bảy mươi mốt quân bị bắt và bị chuyển đến Yssingeaux để giải thích về mọi hành động của họ trước một toà án đặc biệt, triệu tập khẩn cấp để xử tại tỉnh Haute-Loire.

Nhưng khi đó Bonaparte vẫn còn ở Ai Cập, quyền lực rơi vào tay những kẻ đớn hèn. Việc xét xử rất dè dặt, nhân chứng lo sợ, phản biện tha hồ, thế là Laurent nhận tất về mình. Bảy mươi mốt quân của anh được trắng án còn một mình Laurent bị kết án tử hình.

Laurent vào nhà giam trong trạng thái vô lo vô nghĩ, thoải mái như thể đang ở ngoài. Vẻ đẹp trời phú như Montaigne gọi là đòi hỏi thể xác, đã có tác dụng đặc biệt: Cô con gái người cai ngục vào hai giờ sáng lén đến phòng giam của Laurent và mở cửa như những cánh cửa đã mở với Piene de Médicis, rồi dịu dàng nói: Non tem nulla, bentivoglio! (Đừng sợ, em yêu chàng!)

Dù chưa thấy mặt ân nhân cứu mạng vì những thanh sắt che mắt nhưng Laurent đã hành động theo tiếng gọi của con tim đang hoà với tiếng gọi hấp dẫn của tự nhiên. Vài lời trao gửi kèm theo nhẫn xong, Laurent thoát ra ngoài. Một con ngựa đang chờ anh ở làng bên và người vừa đính ước cũng sẽ đến cùng anh.

Trời đang dần sáng. Vừa trốn, Laurent đã có thể nhìn thấy đao phủ và đám lâu la đang dựng máy chém. Mười giờ sáng Laurent sẽ bị xử. Hôm đó đúng vào phiên chợ. Chúng muốn xử tử anh ngay trước toàn dân thiên hạ và cả những người làng bên.

Quả nhiên, khi tia nắng đầu tiên chiếu xuống, cái máy giết người đã dựng xong, mọi người không nghĩ đến đi chợ nữa mà xúm vào xem xử trảm.

Laurent bắt đầu lo lắng, không phải cho số phận của mình mà cho người phụ nữ đã cứu anh ta. Chờ mãi ở làng bên nhưng không hiểu có chuyện gì mà cô gái không đến. Laurent sốt ruột phi ngựa quay trở lại Yssingeaux nhưng càng tìm càng mất hút. Cuối cùng anh trở nên mất trí cho rằng người anh chờ đã bị bắt

trong lúc chạy trốn và biết đâu bị coi là tòng phạm và đem xử trảm cũng nên. Anh phi ngựa nước đại vào thành, xuyên qua đám những tiếng la hét, kinh ngạc của mọi người khi thấy một tử tù đang thoải mái trên ngựa. Anh phi qua cả đám hiến binh đang sục tìm anh để đưa lên máy chém. Nhận ra cô gái, anh lao tới ôm cô lên ngựa rồi phóng đi trong tiếng reo hò cổ vũ của cả thành phố.

Đó là chân dung thủ lĩnh mới của chúng tôi, người kế tục anh trai tôi và đó cũng là người chỉ huy tôi tham gia chiến trận lần đầu. Suốt ba năm, tôi đã sống một cuộc sống đầy sương gió, manh áo làm chăn, súng dài trên tay, súng ngắn thắt lưng. Sau đó, tiếng đồn về cuộc đình chiến lan ra khắp nơi, tôi về Paris với lời hứa sẽ quay lại đội ngũ khi họ gọi. Và ở Paris, tôi đã gặp nàng và tôi thấy. Xin thứ lỗi cho tôi nói thẳng, tôi cần gặp lại tiểu thư. Tôi đã được gặp lại và thật tình cờ, đôi mắt nàng nhìn tôi, nàng đã thấy nỗi buồn sâu thẳm trong tôi, sự lo lắng hiện hữu, phải thú thật khi đó tôi chẳng thiết gì đến các lạc thú trên đời.

Trong hoàn cảnh bấp bênh của tôi, tôi không tự quyết định được số mệnh của mình, số phận tôi chịu một quyền lực định mệnh, tuyệt đối và không bàn cãi. Tôi có thể bị giết, bị thương trong một cuộc cướp tiền thậm chí tệ hơn có thể bị bắt. Với hoàn cảnh ấy làm sao tôi dám nói gì với một cô gái lặng lẽ và dịu dàng, một bông hoa đương độ, một người sống đúng quy tắc, làm sao tôi dám thổ lộ: "Tôi yêu em, nàng có muốn một người chồng sóng ngoài vòng pháp luật và hạnh phúc lớn nhất của anh ta là có thể bị giết bằng một viên đạn?"

Không thể tôi đành ngậm ngùi bằng lòng với việc nhìn nàng say đắm trong đôi mắt nàng và cố gắng đến bất cứ chỗ nào có mặt nàng lòng thầm cầu Chúa ban cho phép lạ biến cuộc đình chiến thành hoà bình.

Và cuối cùng, cách đây bốn năm ngày, báo chí thông báo việc tướng Cadoudal đến Paris và diện kiến Tổng tài, ngay tới hôm đó, cũng chính báo chí đưa tin tướng Cadoudal đã cam kết không làm gì chống lại nước Pháp nếu ngài Tổng tài cũng không làm gì phương hại đến mảnh đất Bretagne và chống lại ông ta.

Hector rút một tờ giấy trong túi ra.

Ngày hôm sau, tôi nhận được thông báo từ chính tay Cadoudal viết:

"Một cuộc chiến lâu dài hơn, với tôi, sẽ là bất hạnh cho nước Pháp và đem cảnh lụi tàn cho xứ sở quê tôi. Tôi tuyên bố xoá giải lời thề mà các anh đã tuyên thệ và sẽ chỉ lấy lại lời thề ấy khi chính phủ Pháp nuốt lời.

Nếu có sự phản trắc ẩn giấu sau hiệp định giả tạo này, tôi sẽ lại kêu gọi lòng trung thành của các anh một lần nữa và tôi chắc chắn lòng trung thành ấy sẽ đáp lại tôi.

GEORGES CADOUDAL"

Tôi rất sung sướng khi được giải ngũ. Tôi trở về được sở hữu chính bản thân mình. Cha tôi và hai anh trai đã thề trung thành cho một triều đình mà tôi chỉ biết

đến bằng lòng tận trung của cả gia đình, bằng những bất hạnh liên tiếp dội xuống mái ấm của chúng tôi. Bây giờ tôi hai mươi ba tuổi, có một trăm livre tiền tô tức, tôi đang yêu và giả dụ cũng được yêu thì cánh cửa thiên đường coi như đã mở ra với tôi. Ôi Claire! Claire, đó là lý do tại sao nàng thấy tôi vui sướng đến thế trong vũ hội nhà phu nhân Pennon. Tôi đã có thể xin phép gặp nàng và có thể nói với nàng rằng tôi yêu nàng.

Claire cúi đầu không nói gì. Hành động ấy cũng gần như đồng ý.

-Bây giờ – Hector nói tiếp – tất cả những gì tôi vừa kể với nàng đều đóng khung trong phạm vi ở quê và trên Paris không ai biết. Tôi có thể giấu nàng nhưng tôi không muốn. Tôi muốn cho nàng biết về toàn bộ cuộc đời tôi, muốn cho nàng hay định mệnh đã xúi khiến tôi là một tội đồ đến xưng tội với nàng và mong được xá tội từ chính miệng nàng.

-Ôi Hector yêu quý! – Claire thốt lên – Ồ vâng, em tha thứ, em xá tội cho chàng – và như quên mất mình đang bị sự kiểm soát của mẹ, cô nói – Em yêu chàng!

Rồi vòng tay ôm cổ Hector.

-Claire! – Phu nhân Sourdis kêu lên bằng giọng ngạc nhiên hơn là tức giận.

-Mẹ em đấy – Claire nói và đỏ bừng đôi má, định gỡ tay ra.

-Claire! – Hector vừa nói vừa cầm tay cô – Nàng đừng quên những gì tôi vừa kể chỉ cho một mình nàng biết. Đó là bí mật của riêng hai ta. Vì cần nàng, chỉ yêu mình nàng nên tôi không muốn ai khác tha thứ cho mình. Đừng quên điều đó và nhất là đừng quên rằng tôi chỉ thực sự được sống khi nhận lời đồng ý của mẹ nàng. Claire, nàng nói rằng nàng yêu tôi vậy tôi xin đặt trọn hạnh phúc của chúng ta vào tình yêu ấy.

Nói xong, Hector xin phép ra về, thư thái và vui sướng như một tù nhân mới được ân xá thả tự do.

Phu nhân Sourdis sốt ruột chờ con gái mình. Hành động nông nổi ban nãy chí ít cũng làm bà ngạc nhiên. Bà muốn được nghe lời giải thích.

Lời giải thích đến rất rõ ràng và nhanh chóng. Cô con gái vừa đến gần mẹ đã quỳ xuống và nói: -Con yêu chàng!

Người mẹ đỡ cô dạy, kéo cô ngồi cạnh mình và hỏi han nhưng cô chỉ nói: -Thưa mẹ yêu quý, Hector đã nói cho con nghe một bí mật về gia đình mà chàng không muốn cho bất cữ ai biết trừ người con gái chàng muốn cưới làm vợ, đó là con. Chàng mong được đến nhà mình xin phép mẹ tác thành cho hạnh phúc của cả hai chúng con. Anh ấy là người tự do, có một trăm livre tiền tô tức, chúng con yêu nhau, xin mẹ hãy suy nghĩ nhưng nếu mẹ từ chối tức là mẹ đã khiến cả hai chúng con cùng đau khổ.

Claire nói những lời trên bằng giọng vừa lễ phép vừa cương quyết rồi chào mẹ, lùi lại một bước để lui gót.

-Nhưng nếu mẹ đồng ý thì sao? – Phu nhân Sourdin nói.

-Ôi! Mẹ của con! – Claire reo lên rồi sà vào vòng tay bà – Mẹ thật tốt và yêu con biết bao.

-Bây giờ mẹ muốn con yên tâm. Hãy ngồi xuống đây và chúng ta sẽ nói lý do nhé.

-Con xin nghe mẹ đây – Claire vừa nói vừa cười.

-Trong thời buổi bây giờ, người là buộc phải theo một phe nào đó. Mẹ nghĩ Hector de Sainte-Hermine theo phe Bảo hoàng. Nhưng hôm qua, khi nói chuyện với cha đỡ đầu của con bác sĩ Cabanis, ông ta không chỉ là một nhà khoa học thuần tuý mà còn là một chính trị gia. Ông ấy hoan nghênh mẹ quan hệ với phu nhân Bonaparte và khuyên con cũng nên làm thân với con gái của bà ta. Theo ông ấy, tương lai nằm ở đó. Cabanis là bác sĩ của Tổng tài, ông ấy cho rằng Bonaparte là một đại thiên tài, ông ta sẽ chưa dừng lại ở đó. Cuộc đảo chính ngày 18 Brumaire không chỉ để kiếm một ghế Tổng tài mà còn dành cho một ngai vàng nữa kia. Trước khi mây mù tan hẳn, những ai đứng về phía ông ta sẽ cùng nằm trong vòng quay số phận với ông ta và sẽ thành công. Ông ta thích giao du với những dại gia tộc, những nhà thật giàu có. Điều kiện của Sainte-Hermine cũng được lắm. Cậu ấy có một trăm livre tiền tô tức và còn tăng nữa, gia đình đều hy sinh vì công cuộc khôi phục triều đình nhưng cậu ấy ít tuổi nên chưa phải tham gia vào những sự kiện chính trị. Bố và hai anh trai của cậu ấy đã chết vì nước Pháp cũ, bây giờ cậu ấy chấp nhận một vị trí cạnh Tổng tài tức là sống cho một nước Pháp mới. Con nên nhớ rằng đây không phải là điều kiện để mẹ gả con cho cậu ấy nhưng mẹ sẽ rất vui lòng khi thấy Hector đồng ý liên minh. Còn nếu cậu ấy từ chối tức là thâm tâm cậu ấy mách bảo cần phải từ chối và chỉ mình. Chúa mới có quyền phán xử suy nghĩ của con người. Không phải vì anh ta từ chối mà mẹ ghét bỏ cậu ấy, cậu ấy vẫn sẽ là con rể yêu của mẹ.

-Khi nào con có thể báo tin cho anh ấy?

-Bất cứ lúc nào con muốn, con gái ạ.

Claire viết thư ngay tối hôm đó và trước mười hai giờ trưa ngày hôm sau, tức là lúc gặp mặt thích hợp nhất Hector gõ cửa nhà phu nhân Sourdis. Lần này anh được dẫn thẳng đến phòng phu nhân, bà ra mở cửa và đón chào như một người mẹ đón đứa con trai. Claire mở cửa và thấy mẹ đang ôm Hector vào lòng liền thốt lên: -Ôi con thật sung sướng biết bao!

Phu nhân Sourdis giang tay và ôm cả hai con vào lòng.

Chuyện cưới hỏi có lẽ không cần bàn đến mà họ thảo luận về việc có nên phục vụ cho chính quyền của Tổng tài hay không. Cả ba ngồi trên tấm thảm, Hector vừa nắm tay mẹ và người yêu vừa lắng nghe Claire thuật lại ý kiến của Cabanis về Bonaparte và lời đề nghị của phu nhân Sourdis.

Hector chăm chú nhìn cô gái trong lúc cô lặp lại những lời mẹ nói hôm trước khi Claire nói xong, anh cúi đầu trước phu nhân Sourdis và vẫn nhìn Claire chăm chú như ban nãy.

-Claire – Anh nói – Theo những gì tôi đã thổ lộ cho nàng hôm trước, xin nàng hãy toàn quyền định đoạt và thay tôi trả lời mẹ. Nàng nói sao tôi sẽ làm như vậy.

Cô gái nghĩ một lát rồi sà vào lòng mẹ: -Mẹ ơi, chàng không thể đâu. Máu của các anh chàng đã đổ xuống do họ.

Phu nhân Sourdis cúi đầu, rõ ràng bà đang vô cùng thất vọng. Bà đã mơ đến chàng rể có được phẩm hàm cao trong quân đội còn con gái sẽ có vị trí nổi trội trong giới.

-Thưa phu nhân – Hector nói – xin bác đừng nghĩ con là một trong những kẻ ra sức ngợi ca chế độ cũ mà dửng dưng với chế độ mới, hay là kẻ mù quáng không nhìn ra phẩm cách vĩ đại của ngài Tổng tài. Hôm con gặp ông ấy lần đầu là buổi vũ hội nhà phu nhân Permon, thay vì có cảm giác ghê tởm, con lại rất bị thu hút. Con ngưỡng mộ các chiến dịch năm 1796, 1797, đó là kiệt tác về chiến thuật hiện đại của một thiên tài quân sự. Phải thú thực là con không hào hứng mấy với cuộc viễn chinh Ai Cập vì nó không mang lại kết quả tốt đẹp nào mà chỉ là cái mặt nạ che giấu một tham vọng được nổi danh. Bonaparte đã chiến đấu và giành thắng lợi ở mức mà Manus và Pompée đã làm, song ông ta còn muốn khơi dậy tiếng vang mà không ai làm được sau Alexandre và César. Điều đó thật tham vọng nhưng là sự ngông cuồng đắt giá khiến tổ quốc phải tốn hàng trăm triệu và mất ba mươi nghìn người. Về chiến dịch Marengo, đó là cuộc chiến cho thoả tham vọng cá nhân, nó diễn ra để hỗ trợ cho cuộc đảo chính 18 Brumaire và buộc các nước khác phải thừa nhận chính phủ Pháp: Tuy nhiên, tất cả mọi người đều biết, ở Marengo, Bonaparte đã không chứng tỏ là tướng tài. Ông ấy đã gặp may nhờ hai con át chủ bài, đó là Kellermann và Desaix! Còn về cuộc đảo chính ngày 18 Brumaire, đó là một âm mưu mà thành công của nó chỉ chứng minh sự thành công của tác giả về mặt vật chất.

Giả sử bị thất bại, âm mưu lật đổ chính phủ sẽ trở thành cuộc nổi loạn một cuộc phản nghịch và ít nhất ba cái đầu nhà Bonaparte sẽ rơi. Ngẫu nhiên đã cho ông ta trở về an toàn từ Alexandrie, may mắn giúp ông ta ở Marengo và sự táo bạo đã cứu thoát ông ta ở Saint-Cloud. Tuy nhiên, một người bình thường, không có đam mê thì không coi ba tia chớp trong cơn giông, dù chói lọi đến mấy, để làm bình minh. Nếu con không bị ràng buộc bởi gia đình, nếu nhà con không từng đặt chân vào triều đình thì con sẽ không e dè mà phụ giúp ông ấy dù con chỉ thấy con người này là một kẻ mạo hiểm, chỉ duy nhất một lần gây chiến tranh vì nước Pháp còn hai lần kia là cho chính bản thân ông ta.

Bây giờ, để chứng tỏ con không phải là kẻ mưu mô, con xin hứa sẽ làm một điều lớn lao thật sự cho nước Pháp. Con sẽ một lòng một dạ phục vụ ông ấy dù

ngay cả bản thân con cũng thấy ngạc nhiên, dù ông ấy còn nợ con một mạng. Con ngưỡng mộ con người này mặc các nhược điểm của ông ta và tình yêu ấy là bất khả kháng. Đó là ảnh hưởng của cái vĩ đại tới xung quanh và con là người chịu ảnh hưởng đó.

-Ta hiểu, – phu nhân Sourdis nói – nhưng ít ra cho phép ta làm một điều chứ.

-Xin đừng nói là con cho phép, bác cứ ra lệnh đi ạ.

-Cho phép ta nhờ ngài Tổng tài và phu nhân Bonaparte đứng ra tác thành hạnh phúc cho hai con. Là người có mối thâm giao với phu nhân Bonaparte, ta không thể làm khác, đó cũng là một phép lịch sự.

-Vâng, nhưng với điều kiện, nếu họ từ chối, chúng con vẫn kết hôn.

-Nếu họ từ chối, con hãy mang Claire đi, ta sẽ không trách con nhưng con cứ yên tâm họ không từ chối đâu.

Mọi điều kiện đều đã đủ để cho phép nữ bá tước Sourdis đến nhờ vợ chồng Bonaparte đứng ra chủ trì đám cưới cho tiểu thư Claire de Sourdis với bá tước Hector de Sainte-Hermine.

§20. Fouché

Có một người mà Bonaparte vừa ghét vừa kiềng nể lại vừa phải chịu đựng. Đó là người đã từng xuất hiện một lát tại nhà tiểu thư Fargas khi cô này đưa ra điều kiện bắt quân Jéhu.

Bonaparte vẫn tự nhủ rằng loài súc sinh lúc nào cũng có những điểm gây hại. Joseph Fouché, bộ trưởng cảnh sát. Thực ra, ông ta vừa xấu người lại xấu nết hay nói đúng hơn là sự bất lương ngang bằng với ngoại hình xấu xí của gã.

Bonaparte chỉ nhìn con người theo hai khía cạnh, hoặc là phương tiện hoặc là vật cản. Đối với tướng quân Bonaparte trong cuộc đảo chính ngày 18 Brumaire thì Fouché là một phương tiện.

Nhưng với Bonaparte Tổng tài thì Fouché lại là một vật cản, kẻ nào từng lật đổ chế độ Đốc chính thì cũng có thể lật đổ chế độ.

Tổng tài vì một chính phủ khác. Fouché là một kẻ lẽ ra phải hạ ngay sau khi giúp ta đạt được mục đích, song điều đó lại không dễ dàng. Ông ta thuộc vào tốp người, để ngoi lên, sẵn sàng tung tua móc bám vào mọi ngóc ngách, mọi góc cạnh và luôn tận dụng đó làm chỗ dựa mà một khi có chuyện thì nhờ đó để tồn tại.

Trên thực tế, Fouché đã tham gia vào nền Cộng hoà bằng cái chết của đức vua mà chính hắn đã tôn vinh, hắn đã tham gia vào thời kỳ kinh hoàng với nhiệm vụ chết chóc ở Léon và Nevers: vào phong trào Thermidor với việc tham gia lật đổ Robespiene, vào sự nghiệp của Bonaparte bằng cuộc đảo chính 18 Brumaire, lân la với Joséphine bằng nỗi sợ của bà về Joseph và Lucien cũng là kẻ thù của Fouché, vào quân Bảo hoàng bằng những giúp đỡ cá nhân khi còn là bộ trưởng cảnh sát, là người của ngôn luận, hắn khôn khéo lái dòng chảy theo mình và lực lượng cảnh sát, thay vì là cảnh sát của chính phủ, của Tổng tài, của nhân dân lại trở thành cảnh sát của Fouché. Khắp Paris, khắp nước Pháp, hắn có những nhân viên nịnh hót về mình đủ kiểu, về mọi khéo léo, khôn ngoan ở hắn và đạc điểm nổi nhất trong đó là làm cho người khác tưởng Fouché là người nổi tiếng.

Fouché làm bộ trưởng cảnh sát từ cuộc đảo chính ngày 18 Brumaire. Không ai có ảnh hưởng đến Bonaparte như hắn. Ảnh hưởng này làm Bonaparte tức điên. Ngay khi Fouché không ở đó, khi dòng từ trường kỳ lạ mất tác dụng, toàn bộ con người Bonaparte nổi dậy phá bỏ sự ngự trị của Fouché, những lời lẽ của ông khi nói về hắn đều gay gắt nộ nạt, mất bình tĩnh. Nhưng khi Fouché có mặt thì con sư tử sẽ ngủ hoặc dịu dàng hơn. Một điều đặc biệt khiến Bonaparte không ưa hắn đó là hắn không chấp nhận kế hoạch đế vương trong tương lai của ông.

Trong khi Joseph và Lucien không những không phản đối mà còn thúc giục ông tiến hành. Có lần, hắn đã nói thẳng với Bonaparte: -Ngài hãy cẩn thận, nếu

ngài muốn tái thiết lập ngai vàng, ngài sẽ phải đối mặt với triều đình Bourbon, một ngày nào đó, họ sẽ nổi dậy để giành lại ngai vàng do chính ngài dựng lên. Không ai có thể phồn thịnh, có những chuỗi may mắn được mãi hoặc biết trước mình sẽ thành công ở việc gì gặp tai ương ở đâu, nhưng chỉ cần người thông minh sẽ đoán được vận may ấy sẽ kéo dài với ngài bao lâu. Lập lại chế độ cũ ư? Việc chiếm lại ngai vâng sẽ không còn là vấn đề chính phủ mà là chuyện gia đình. Nếu nước Pháp từ bỏ tự do mà nó giành được để trở lại nên quân chủ thì cớ gì nó lại không thích con cháu của các vị hoàng đế Henri Đệ tứ hay Louis XIV mà lại phải trao quyền cho ngài, một người chỉ cho nó một chủ nghĩa chuyên chế với gươm đạo?

Bonaparte cắn môi lắng nghe nhưng dẫu sao ông đã nghe chỉ có điều kể từ lúc đó, ông quyết định sẽ huỷ bộ chức bộ trưởng cảnh sát. Ngay hôm ấy, ông đến Mortefontaine; qua nhà Joseph vào thứ hai. Với sự nài nỉ của hai người anh em, ông đã ký sắc lệnh huỷ bỏ cho vào túi và hôm sau quay lại Paris trong lòng vui sướng về quyết định của mình. Tuy vậy, ông cũng hiểu Joséphine sẽ bị sốc thế nào. Ông đã tỏ ra dễ thương nhưng với con người lúc đang vui cực độ lại quay sang buồn bực như bà thì chỉ có nước ly dị.

Đang ngồi một mình trong phòng Joséphine do Boumerine đang thực hiện một số việc thì Joséphine nhẹ nhàng lại gần ông, ngồi vào lòng, đưa tay luồn vào mái tóc rồi lướt nhẹ lên đôi môi khiến ông thấy hừng hực trước cái hôn do vợ mời gởi.

-Tại sao anh không cho em đi cùng anh hôm qua?

-Đi đâu? – Bonaparte hỏi.

-Thì chỗ anh tới chứ đâu.

-Anh đã đến Mortefontaine, vì anh biết giữa em và Joseph có xích mích nên…

-Ồ anh có thể thêm vào cả Lucien và em nữa. anh họ xích mích với em chứ còn em, em chẳng xích mích với ai cả. Em còn mong gì hơn là yêu quý anh em chồng nhưng là họ ghét em đấy chứ.

-Chính thế anh nên hiểu em lo như thế nào khi anh ở gần họ. Em yên tâm đi, hôm qua bọn anh chỉ nói chuyện chính trị thôi.

-Vâng, lại chuyện chính trị, như César và Antoine chứ gì, họ chỉ giỏi khuyên anh mặc long bào thôi.

-Ái chà? Em cũng tinh thông lịch sử La mã cơ đấy.

-Trong tất cả lịch sử La mã, em chỉ đọc về César và lần nào em cũng run lên vì sợ.

Joséphine ngừng lại một lát vì thấy Bonaparte nhíu mày nhưng vì đã khơi chuyện bà không muốn dừng lại.

-Em xin anh, Bonaparte. Em cầu xin anh đừng xưng vua.

-Lại Lucien láu cá khuyên anh phải không. Đừng nghe chú ấy nếu không chúng ta sẽ trắng tay.

Boumerine, người đã từng khuyên Bonaparte như thế, nếu dám nói như vậy chắc anh ta phải run lên vì sợ Bonaparte nổi giận. Nhưng với Joséphine thì ngược lại, ông phá lên cười và nói: -Em điên rồi, Joséphine tội nghiệp của tôi, chắc lại những kẻ ngồi lê đôi mách ở Saint-Germain hay lại cô ả La Rochefoucauld của em dựng chuyện chứ gì. Em làm tôi thấy chán, hãy để tôi yên nào?

Đúng lúc đó có người báo cho Joséphine có bộ trưởng cảnh sát đến.

-Em có chuyện gì với hắn à? – Bonaparte hỏi.

-Không. Chắc ông ta đến chỗ anh, tiện đường rẽ vào chào em thôi.

Khi xong nhớ bảo ông ta sang chỗ anh.

Nói rồi Bonaparte đứng dậy gọi: -Boumerine, lại đây.

-Nếu các anh không có chuyện gì bí mật, thì nói chuyện ngay phòng này cũng được. Em càng được ở bên anh thêm chút nữa.

-Anh quên mất là Fouché cũng là một trong những bạn của em.

-Bạn của em ư? Em không cho phép mình có bạn là những bộ trưởng của anh.

-Ồ! Bonaparte nói – ông ta sẽ không còn là bộ trưởng lâu nữa đâu. Không, anh không có gì bí mật cả – cho mời ngài bộ trưởng cảnh sát vào đây – Bonaparte nói với Constant người vừa đến báo tin.

Fouché bước vào tỏ ra ngạc nhiên khi thấy Bonaparte trong phòng vợ: -Thưa phu nhân – Fouché nơi – sáng nay tôi không phải có chuyện cần bàn với ngài Tổng tài mà với chính phu nhân.

-Với riêng tôi? – Joséphine ngạc nhiên nói trong lòng hơi lo lắng.

-À! à! Bonaparte nói – Chúng ta sẽ nói về chuyện này.

Rồi vừa cười vừa kéo tai vợ, một hành động chứng tỏ ông đã vui vẻ trở lại. Mắt Joséphine ngấn nước vì không hiểu tại sao, cử chỉ thân ái mà Bonaparte luôn làm, dù có thể không cố ý, luôn khiến Joséphine rất đau.

Nhưng bà tươi cười trở lại ngay: -Hôm qua, bác sĩ Cabanis đã đến thăm tôi – Fouché nói.

-Lạy Chúa lòng lành! Nhà triết học ấy đến làm gì trong hang của ngài thế? – Bonaparte hỏi.

-Ông ta đến hỏi tôi liệu tôi có cho rằng, trước khi cuộc thăm viếng chính thức hoàn tất, có một cuộc hôn nhân sẽ được phu nhân đứng ra tác thành và liệu phu nhân có đề đạt nó lên ngài Tổng tài được chăng?

-Hay lắm! Em thấy chưa, Joséphine – Bonaparte mỉm cười nói – người ta đã đối đãi với em như với một hoàng hậu rồi đấy.

Nhưng Joséphine gượng cười: -Vậy có hơn ba mươi triệu người dân Pháp quốc có thể cử hành hôn sự mà đâu cần em có vui hay không, ai mà lại cẩn thận

quá thế?

-Bá tước phu nhân Sourdis, người đã có hân hạnh thỉnh thoảng được gặp bà. Bà ấy muốn lấy chồng cho cô con gái Claire của mình.

-Lấy ai?

-Bá tước trẻ tuổi, Sainte-Hermine.

-Ông nói với Cabanis – Joséphine trả lời – rằng về phần mình tôi nhiệt liệt ủng hộ đám cưới của họ, trừ khi Bonaparte có lý do đặc biệt không chấp thuận…

Bonaparte nghĩ ngợi một lát rồi quay sang Fouché: -Ông lên chỗ tôi.

Rồi ông gọi Boumerine: -Đi thôi Boumerine.

Sau đó ông leo lên cầu thang nhỏ như chúng ta đã biết.

Bonaparte và Boumerine vừa đi khuất, Joséphine đã đặt tay lên cánh tay Fouché.

-Hôm qua, anh ấy đã đến Mortefontaine.

-Tôi biết rồi – Fouché đáp.

-Ông có biết anh em họ bàn gì với nhau không?

-Có.

-Có liên quan đến tôi không? Anh ấy có nói đến việc ly dị không?

-Không về điểm nay xin phu nhân cứ yên tâm, họ bàn về chuyện khác cơ.

-Về chuyện lên ngôi à?

-Không.

Joséphine thở phào.

-Thế thì chuyện gì cũng không làm tôi bận tâm!

Fouché cười, một nụ cười ranh mãnh vốn rất quen thuộc của ông ta. này nhiên, vì phu nhân sắp mất một người bạn…

-Tôi ư?

-Vâng.

-…

Và hiển nhiên, những lợi ích của người này cũng là lợi ích của bà.

-Ai vậy nhỉ?

-Tôi không thể nói tên ông ta được, sự thất bại của ông ta vẫn còn nằm trong bí mật. Tôi đến để báo trước bà sắp có một người khác.

-Ông muốn tô kiếm người ấy ở đâu?

Ngay trong gia đình ngài Tổng tài thôi: bà có hai người anh em đằng chồng chống lại mình nhưng người thứ ba sẽ ủng hộ bà.

-Louis?

-Đúng vậy.

-Nhưng Bonaparte lại muốn gả con gái tôi cho Duroc.

-Vâng, nhưng Duroc lại chẳng mặn mà với đám cưới như anh ta phải làm, sự dửng dưng ấy khiến ngài Tổng tài bị tổn thương. Lần nào nói đến chuyện này

Hortense cũng nước mắt ngắn nước mắt dài. Tôi không muốn đem con bé ra làm vật hy sinh, nó nói trái tim nó không thuộc về nó nữa.

-Phải thôi! – Fouché nói – Ai có tim bây giờ nữa?

-Tôi chứ ai – Joséphine nói – và tôi tự hào về điều đó.

-Bà ư? – Fouché nói và cười bằng nụ cười nham nhở của ông ta – Bà không có đâu, bà có…

-Hãy cẩn thận! Ông sắp thốt ra một điều bất nhã đấy.

-Tôi im ngay đây, im như một bộ trưởng cảnh sát, người ta nói rằng tôi giống như cha xứ được nghe mọi bí mật xưng tội đấy. Lúc này, tôi không còn gì để nói với phu nhân nữa, xin phép cho tôi đi gặp thông báo với ngài Tổng tài một tin mà ông ấy không nghĩ sẽ nghe từ miệng tôi.

-Tin gì thế?

-Ông ấy đã kỵ cho tôi từ chức.

-Vậy tôi là người thua thiệt?– Joséphine hỏi.

-Tôi chứ! – Fouché nói.

Joséphine cảm thấy mình mất mát thật sự liền thở dài và đưa tay lên mắt.

-Ồ xin phu nhân cứ yên tâm – Fouché lại gần bà – chuyện này sẽ không kéo dài lâu đâu.

Để không tỏ ra quá thân thiết, Fouché đi ra cửa qua sảnh Horloge rồi lên phòng Bonaparte. Tổng tài đang làm việc với Boumerine. Vừa nhìn thấy Fouché, ông nói: -À ông sẽ nói cho tôi điều đó.

-Điều gì thưa ngài?

-Thì chuyện Sainte-Hermine nhờ ta giúp chuyện hôn nhân với tiểu thư Sourdis.

-Khoan đã thưa công dân Tổng tài, không phải Sainte-Hermine nhờ mà là là tiểu thư Sourdis mong ngài chấp nhận cho cưới quý ông Sainte-Hermine.

-Như thế có khác gì nhau.

-Không hẳn vậy. Nhà Sourdis là một đại quý tộc đã thuần phục còn nhà Sainte-Hermine thì lại là nhà đại quý tộc cần thuần phục.

-Họ hờn dỗi gì tôi chứ.

-Hơn thế nữa, họ còn chống lại ngài.

-Họ theo phe Cộng hoà hay theo quân Bảo hoàng?

-Quân Bảo hoàng, ông bố bị xử trảm năm 1793, con trưởng bị xử bắn, con trai thứ hai, người ngài cũng biết đấy, đã bị xử tử ở Bourg-en-Bresse.

-Tôi biết anh ta ư?

-Ngài còn nhớ một người đàn ông bịt mặt đến trả hai trăm đồng louis lấy nhầm của nhà buôn rượu vang Bordeaux hồi ngài ăn tối tại Avignon không?

-À nhớ rất rõ. Ông Fouché này, đó là những người tôi cần đấy.

-Họ không tận tuỵ cho triều đại đầu tiên của ngài đâu. Họ chỉ lợi dụng thôi.

-Ông có lý, Fouché. Ôi, giá như tôi là cháu của mình! Thế còn người con thứ ba?

-Người đó sẽ là bạn của ngài nếu ngài muốn.

-Sao lại thế?

-Vì lẽ dĩ nhiên phu nhân Sourdis đã cho phép đôi trẻ bà ta mới xin ngài chúc phúc cho đám cưới của con gái như một vị hoàng đế. Nếu ngài đồng ý, thưa đức ngài, dù là kẻ thù, Hector de Sainte-Hermine không thể làm gì khác được nữa ngoài việc trở thành bạn của ngài.

-Được rồi tôi sẽ nghĩ đến chuyện đó – Bonaparte nói và xoa xoa tay đang trong lòng thầm nghĩ vừa hoàn tất một cách coi kẻ này còn có ích đôi chút – Thế nào, Fouché, có tin gì mới không?

-Có một tin khá quan trọng, nhất là với tôi.

-Tin gì thế?

-Chẳng là hôm qua, trong nhà khách ở Mortefontaine, bộ trưởng bộ Nội vụ Lucien đã thảo một văn bản do chính ngài đọc và ký về việc cách chức tôi và quyết định cho tôi một chân ở Thượng viện.

Bonaparte làm một động tác quen thuộc với người ở đảo Corse, động tác gồm hai cử động của ngón tay lên ngực có hình thánh giá và nói.

-Ai kể cho ông nghe câu chuyện hay ho đó, Fouché?

-Là một trong số nhân viên của tôi.

-Anh ta lừa ông rồi.

-Anh ta không lừa tôi, định mệnh của tôi đang ở kìa, trên cái ghế kia trong túi cạnh bộ redingote xám.

-Fouché này – Bonaparte nói – Giá mà ông tập tễnh như Talleyrand thì tôi đã gọi ông là quỷ rồi.

-Ngài không chối nữa chứ gì.

-Nói thật là không. Vả lại, việc thuyên chuyển ông được thể hiện rất long trọng.

-Tôi hiểu, trong đó ghi rằng trong suốt thời gian phục vụ ngài, ngài chưa bao giờ thấy tôi nợ tiền ngài.

-Vấn đề là nước Pháp đã hoà bình và bộ Cảnh sát không còn tác dụng nữa. Tôi nhập bộ này vào nghị viện để khi cần thì lại nhấc ra. Nếu bộ này không bao giờ được lập lại, tôi biết ở thượng viện, ông Fouché thân mến, ông không còn cơ hội kiếm chác nhưng ông đã có cơ sản kếch xù mà không biết dùng làm gì, còn mảnh đất Pontcarré, mảnh đất mà ông cứ lân mốc giới ra mãi, cũng khá lớn cho ông rồi.

-Liệu tôi có thể có được lời hứa của ngài, nếu bộ này được tái lập thì không ai ngoài tôi sẽ trở về chứ?

-Ông có nó rồi – Bonaparte nói.

-Cảm ơn. Bây giờ tôi có thể thông báo cho Cabanis rằng tiểu thư Sourdis đã được chấp thuận gả cho bá tước Sainte-Hermine chứ?

-Ông có thể.

Bonaparte khẽ cúi đầu chào trong khi Fouché đáp lại bằng sự kính cẩn hết mức rồi đi ra.

Tổng tài đi đi lại lại một lúc, im lặng, tay chắp sau lưng, mãi sau ông dừng lại sau ghế của Boumerine.

-Anh có nghe ông ta nói gì không?

-Gì ạ, thưa tướng quân?

-Điều mà con quỷ Fouché nói với tôi ấy.

-Tôi không bao giờ nghe trừ khi ngài ra lệnh tôi phải nghe.

-Hắn biết tôi truất quyền hắn, biết việc ở Mortegontaine và lệnh nằm trong túi áo của tôi.

-A Boumerine nói – Chuyện đó thì khó gì, hắn chỉ việc trả ít tiền cho cận vệ của em ngài là xong.

Bonaparte lắc đầu.

-Thế là hoà, tay Fouché quả là một kẻ nguy hiểm.

-Đúng vậy – Boumerine nói – nhưng phải thừa nhận một con người khiến ngài ngạc nhiên. Sự khôn ngoan của hắn vẫn là người có ích, nhất là trong thời buổi này.

Bonaparte ngẫm nghĩ một lát rồi nói: -Tôi đã hứa với hắn nếu có biến, tôi sẽ lại gọi hắn và có thể tôi sẽ giữ lời.

Ông nhấn chuông, cận vệ Landoire xuất hiện.

-Landoire – Bonaparte nói – Hãy nhìn qua cửa sổ xem dưới đó có xe chưa.

-Có rồi, thưa tướng quân.

Tổng tài mặc áo đội mũ rồi nói: -Tôi đến chỗ Hội đồng nhà nước đây.

Vừa bước được vài bước ra cửa, ông quay lại.

-Nhân đây, cậu hãy xuống chỗ Joséphine và nói rằng, tôi không chỉ chấp thuận cho đám cưới của tiểu thư Sourdis mà phu nhân Bonaparte và tôi còn ký vào giấy hôn thú cho họ nữa kia.

§21. Fouché làm gì trở lại bộ cảnh sát

Fouché giận dữ trở về. Đó là tính khí của ông ta nhưng lần này thì vượt ngoài kiểm soát. Ngoài ngành cảnh sát, Fouché chẳng còn mảy may giá trị.

Một cảm giác lẫn lộn giữa tức giận và lo lắng cùng ùa đến. Có lẽ tạo hoá đã cho ông ta cặp mắt lé để có thể nhìn hai phía cùng lúc và đôi tai to để có thể nghe ngóng từ mọi phía.

Bonaparte đã đánh trúng điểm yếu của hắn, mất chân cảnh sát hắn mất một món hời to, hơn hai trăm ngàn phăng mỗi năm.

Dù đã là người vô cùng giàu có, Fouché vẫn chỉ nghĩ đến chuyện kiếm nhiều hơn nữa mặc cho chẳng biết dùng để làm gì. Hắn còn tham vọng mở rộng mảnh đất Pontcarré giống như Bonaparte muốn nới rộng mãi bờ cõi nước Pháp vậy.

Fouché trở về nhà, lên phòng làm việc và thả mình vào chiếc ghế bành, không nói với ai một câu nào. Các cơ mặt của ông ta run lên như thể mặt biểu trong một cơn bão tố. Một lúc sau, chúng dịu xuống. Fouché đã tìm ra thứ mình cần, một nụ cười xám ngoét hé dần trên môi chứng tỏ chưa phải trời đẹp thì ít ra cũng là sự lặng gió tương đối.

Ông ta giật dây chuông treo trong phòng bằng cử động còn dữ dằn lắm. Người phục vụ chạy đến.

-Ông Dubois! – Fouché gào lên.

Người phục vụ quay một vòng rồi chạy biến đi. Một lát sau, cửa mở, ông Dubois bước vào.

Đó là một người đàn ông có khuôn mặt hiền lành và bình thản, một nụ cười thân thiện, quần áo không cầu kỳ nhưng gọn gàng, sạch sẽ. Ông ta đeo một chiếc cà vạt trắng, ống tay chùm đến cổ tay. Ông nhẹ nhàng lướt đến giống như một đại vũ sư đang lướt giầy trên thảm.

-Ông Dubois – Fouché nói và lại trở lại ngồi vào chiếc ghế – Hôm nay, tôi cần hết trì tuệ và sự khéo léo của ông.

-Tôi chỉ có thể trả lời bộ trưởng rằng sự khéo léo cũng như trí tuệ của tôi chỉ có thể do chính chúng điều khiển mà thôi.

-Được rồi, được rồi, ông Dubois – Fouché sốt ruột nói – Đừng vòng vo nữa. Trong các bộ phận của ông có ai đáng tin tưởng được không?

-Nhưng trước hết tôi phải xem dùng anh ta vào việc gì đã.

-À phải. Anh ta sẽ đi Bretagne và tổ chức ba băng cướp, một quan trọng nhất là trên đoạn đường Vannes đến Muzillac, hai băng khác thì ở đâu cũng được.

-Tôi vẫn nghe – Dubois nói khi thấy Fouché dừng lại.

-Ba băng này sẽ tên là băng Cadoudal và do chính các thủ lĩnh sắm vai Cadoudal luôn.

-Theo những gì ngài Bộ trưởng nói với tôi thì…

-Lần này tôi để ông gọi như vậy, – Fouché nở nụ cười – ông không còn gọi tôi như thế được lâu nữa đâu.

Dubois khẽ nhún người và được Fouché khích lệ, ông tiếp: -Theo những gì ngài Bộ trưởng nói với tôi thì cần phải có một người khốn cùng biết nổ súng.

-Ai khốn cùng cũng làm tất mọi việc.

Ông Dubois suy nghĩ một lúc rồi lắc đầu.

-Tôi không có ai như vậytrong tám nhân viên của mình.

Nhưng thấy Fouché tỏ ra bất nhân, ông nói tiếp: -Nhưng khoan, khoan đã. Hôm qua có một hiệp sĩ Mahalin nào đó đã đến gặp tôi, gã này trước đã từng là đồng đảng Jéhu. Anh ta hỏi tôi có việc gì nguy hiểm nhưng được trả cao hay không. Gã này nhìn khoẻ lắm, sẵn sàng mạo hiểm mạng sống. Đó đúng là người chúng ta cần.

-Ông có địa chỉ của anh ta không?

-Không, nhưng hôm nay anh ta sẽ đến chỗ tôi khoảng một hay hai giờ, chắc là một giờ. Bây giờ, có lẽ anh ta đến rồi cũng nên.

-Vậy thì đi đi và dẫn anh ta đến đây cho tôi.

Dubois đi ra, Fouché đứng dậy, tự đi lấy một hộp các tông, rút ra một tập hồ sơ đặt lên bàn. Đó là hồ sơ của Pichegru.

Fouché chăm chú đọc đến tận khi Dubois dẫn người đàn ông mà ông ta vừa kể.

Đó chính là người đã đến nhắc Hector de Sainte-Hermine lời hứa với anh trai và đã dẫn Hector tham gia vào băng Laurent. Nhận thấy hiện tại không có gì để làm, anh ta quay sang tìm việc khác.

Người này khoảng từ hai lăm đến ba mươi tuổi, khá đẹp trai và có nụ cười đáng mến và người ta có thể cho anh ta là tử tế nếu như trong đôi mắt của anh ta không có chút bối rối và nghi ngại khiến những người đối diện cũng hơi dè chừng. Ngoài ra, anh ăn mặc rất hợp mốt và lịch lãm.

Fouché nhìn từ đầu đến chân con người này bằng ánh mắt xoi mói như thế muốn đọc thấu tâm can anh ta. Hắn nhận thấy trong con người này có niềm đam mê tiềm bạc, có lòng dũng cảm khi phòng vệ cũng như phản công, có ý muốn thành đạt trong sự nghiệp và đó là người Fouché cần.

-Người ta nói với tôi rằng anh muốn phục vụ cho chính phủ đúng không?

-Đó là mong muốn lớn nhất của tôi.

-Mức độ thế nào?

-Thế nào cũng được, miễn là kiếm được tiền dù phải bắn giết.

-Anh có thông thạo miền Bretagne và Vandée không?

-Rất thạo. Tôi đã từng được cử đi gặp tướng Cadoudal vài lần.

-Anh có từng quen biết vài tướng tá của ông ta?

-Có vài người, đặc biệt là một trong những trung uý của Cadoudal mà người ta quen gọi là Georges II vì hình dáng rất giống Cadoudal.

-Tuyệt thật? Người này có thể rất có lợi đấy. Anh có thể lập được ba băng nhóm, mỗi nhóm khoảng hai chục người không?

-Trên mảnh đất còn nóng hổi không khí nội chiến thì việc đó lúc nào cũng làm được. Nếu vì mục đích quang minh, người la có thể cho ngài cả sáu chục người miễn là ngài ra mặt và hứa danh dự. Còn nếu ngài có mục đích mờ ám, họ sẽ nghi ngại và ngài phải trả giá cao.

Fouché liếc nhìn Dubois như muốn nói: ông bạn, ông đã làm tốt đấy, rồi quay sang hiệp sĩ: -Tôi cần ba băng cướp, hai băng ở Morbihan, một ở Vendée. Cả ba đều mang tên Cadoudal, trong đó có một người bịt mặt tự xưng là ông ta và làm mọi điều để chứng tỏ cho người khác thấy đó là ông ta.

-Việc này dễ thôi, nhưng tốn kém lắm.

-50.000 phăng (francs) có đủ không?

-Ồ đủ! Rất đủ.

-Vậy chúng ta thoả thuận như thế nhé và sau khi ba băng này thành lập xong, anh có thể sang Anh không?

-Không gì đơn giản hơn thế vì tôi là người gốc Anh, tôi nói tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ.

-Anh có biết Pichegru không?

-Có nghe tên thôi.

-Anh có cách nào gặp anh ta không?

-Có.

-Nói cho tôi biết được không?

-Tôi sẽ không nói đâu. Tôi cũng phải có bí mật cho mình chứ, nếu không tôi làm gì còn giá trị nữa.

-Anh nói đúng đấy. Anh sẽ sang nước Anh, tìm cách gặp tướng Pichegru nếu người này muốn về Paris hay thiếu tiền, hãy giúp anh ta nhân danh Fauche-Borel, hãy nhớ kỹ cái tên đó.

-Đó là tay bán sách người Thuỵ Sĩ đã từng đề nghị Pichegru nhân danh hoàng tử Condé, tôi biết anh ta. Nếu Pichegru thiếu tiền hay muốn về Paris, tôi phải liên lạc cho ai?

-Cho ngài Fouché, trên mảnh đất Pontcarré của tôi. Anh nhớ đấy, không phải ở bộ Cảnh sát đâu, việc này rất quan trọng.

-Sau đó thì sao?

Sau đó, anh trở lại Paris nhận lệnh mới. Ông Dubois, ông đưa 50.000 phăng cho hiệp sĩ đây. Nhân tiện tôi có chuyện nhờ hiệp sĩ.

Hiệp sĩ quay lại.

-Nếu anh gặp Coster Saint-Victor, hãy khuyên anh ta trở lại Paris nhé.

-Không phải để chịu bị bắt chứ?

-Không đâu, mọi tội lỗi đã được xoá, tôi có thể khẳng định điều này.

-Tôi phải nói gì cho anh ta trở về?

-Rằng tất cả phụ nữ Paris đàng nuối tiếc anh ta và đặc biệt là cô Auréhe de Saint-Amour. Nói thêm rằng sau khi đã từng là tình địch của Barras, anh ta thật phí thời trai trẻ khi không tiếp tục là tình địch của Bonaparte, như thế cũng đủ cho anh ta quyết định trở về nếu không, anh ta đã có mối khăng khít với London rồi.

Khi cánh cửa khép lại, Fouché vội vã gọi người mang lá thư sau đến bác sĩ Cabanis.

"Bác sĩ thân mến,

Tôi đã gặp ngài Tổng tài ở chỗ phu nhân Bonaparte, ông ấy rất vui về chuyện đám cưới con gái phu nhân Sourdis.

Do đó, phu nhân Sourdis có thể tới thăm phu nhân Bonaparte về chuyện này càng sớm càng tốt.

Hãy tin tôi một người bạn chân thành của ngài.

J. FOUCHÉ."

Ngày hôm sau, bá tước phu nhân Sourdis có mặt tại điện Tuleries với mục đích như chúng ta đã biết. Bà gặp Joséphine và Joséphine hết sức phấn khởi, trong khi cô con gái Hortense khóc nức nở. Đám cưới của Hortense với Louis Bonaparte hầu như đã được quyết định. Chính vì thế mà Joséphine mới vui vẻ còn Hortense lại đau khổ như vậy.

Chuyện như sau:

Qua câu nói của Bonaparte, Joséphine hiểu chồng mình phải có bí mật nào đó mới trở nên vui như thế nên bà nài ông sau khi đến Hội đồng nhà nước về thì xuống chỗ bà.

Nhưng lúc về, Tổng tài lại gặp Cambacères đến để giải thích một số điều luật mà đối với Bonaparte là vẫn chưa thấu đáo.

Bonaparte làm việc với người này rất muộn, sau đó Junot lại đến để thông báo mình sẽ lấy tiểu thư Permon.

Đám cưới này không khiến Bonaparte hài lòng như với đám cưới của tiểu thư Sourdis. Trước hết vì trước đây, Bonaparte từng yêu phu nhân Permon. Trước khi lấy Joséphine, ông đã muốn cưới bà nhưng bà từ chối vì thế mà ông vẫn còn ấm ức. Thứ nữa, Bonaparte yêu cầu Junot lấy con một gia đình khá giả nhưng ngược lại, Junot lại lấy con gái của một gia đình đang lụi bại. Vợ của anh ta, về đằng ngoại thì quả là con cháu dòng dõi đế vương miền Đông nhưng chỉ có hai mươi lăm ngàn phăng tiền hồi môn.

Bonaparte đã hứa sẽ cho Junot một khoản một trăm ngàn phăng. Vả lại, với tư cách là thị trưởng Paris, anh ta sẽ được 500.000 phăng tiền lương.

Joséphine sốt ruột chờ Bonaparte suốt cả buổi tối nhưng ông lại ăn tối và đi dạo với Junot, nửa đêm bà mới thấy ông xuất hiện trong bộ đồ ngủ và chiếc khăn chùm đầu, điều đó chứng tỏ ông sẽ ở lại qua đêm cùng vợ. Vậy là Joséphine sung sướng vì rốt cục bà cũng được trả công xứng đáng cho sự chờ đợi đằng đẵng.

Trong những lần ở qua đêm, Joséphine luôn là người có quyền uy với Bonaparte chưa bao giờ bà kiên quyết về hôn nhân giữa Hortense và Louis Bonaparte như lần này.

Khi rời Joséphine để trở về phòng mình, Bonaparte gần như đã đồng ý. Joséphine giữ phu nhân Sourdis lại để tỏ bày niềm vui sướng và cử Claire đi an ủi Hortense. Nhưng Claire cũng không cố gắng làm điều đó. Cô hiểu nếu mình phải bỏ Hector thì cô cũng đau khổ không kém.

Cô khóc cùng Hortense và khuyên Hortense đi cầu cứu ngài Tổng tài, người rất yêu quý cô sẽ không để cô phải đau khổ.

Đột nhiên, một ý nghĩ kỳ lạ nảy trong đầu Hortense và cô nói với bạn mình. Đó là xin phép hai bà mẹ đi xem bói ở nhà chị Lenormand. Joséphine đã từng xem và ta nhớ lại lời phán: Bà đang ở trên con đường của giấc mơ không tưởng lại đang từng ngày trở thành hiện thực.

Tiểu thư Soudis chịu trách nhiệm đi xin phép. Việc thương lượng diễn ra rất lâu, Hortense vừa đứng nghe ngoài cửa vừa nén những cơn nấc. Lát sau, Claire vui vẻ quay ra. Họ được đi nhưng với điều kiện Louise sẽ không rời họ nửa bước.

Louise là người hầu phòng tin cẩn của phu nhân Bonaparte.

Họ cho gọi Louise đến, giao nhiệm vụ nghiêm ngặt, cô này hứa sẽ thực hiện tốt nhiệm vụ, sau đó họ buông mạng che mặt, lên xe của phu nhân Sourdis đến thẳng số 6 phố Toumon.

Louise bước xuống trước, cô này biết địa chỉ, nhà chị Lenomland ở cuối sân phố bên trái. Họ phải trèo ba bậc và gõ cửa bên tay phải. Có người ra mở cửa, với sự yêu cầu của Louise, ba người được đưa vào một phòng riêng không dành cho công chúng.

Hai cô gái phải vào lần lượt, chị Lenormand không bao giờ xem cho hai người liền lúc và gọi theo họ của mỗi người. Do vậy mà Hortense Bonaparte được vào trước.

Louise trở nên bối rối, cô không thể ở cùng hai cô gái một lúc nếu ở bên Claire, cô không để mắt tới Hortense được và ngược lại. Cuối cùng phải nhờ chị Lenormand dàn xếp: Louise sẽ ở với Claire những để cửa phòng hé mở như thế cô vừa quan sát được Hortense lại ở đủ xa để không nghe lời phán thì thầm của chị Lenormand.

Lẽ dĩ nhiên, chị chọn bộ bài lớn. Những gì chị Lenormand thấy trên các quân bài khiến chị rất ấn tượng, cử chỉ và biểu hiện khuôn mặt chứng tỏ chị rất ngạc nhiên.

Cuối cùng, sau khi đã lật hết các quân bài và nhìn kỹ bàn tay của cô gái trẻ, chị đứng dậy nói một câu bằng giọng bà đồng khiến cô gái tỏ rõ sự hoài nghi.

Sau đó, mặc cho Hortense gặng hỏi, chị ta vẫn im lặng và chỉ nói: -Lời phán đã rõ, hãy tin nó!

Rồi chị ra hiệu đã xem xong cho Hortense, đến lượt bạn của cô Claire đi vội vào phòng xem, chỉ có điều cô không nghĩ số phận của mình cũng khiến chị Lenormand ngạc nhiên như số phận của tiểu thư Beauhamais.

Chị Lenomland, dù rất tự tin vẫn lưỡng lự khi phán điều không hay, liền xem lại ba lần, hết nhìn bàn tay phải lại bàn tay trái, thấy hai bên đều có đường tình duyên bị cắt ngang, đường may mắn kéo dài lên đến đường tình duyên rồi rẽ ngang ở gò thổ tinh. Bằng giọng trịnh trọng, chị phán tương lai của tiểu thư Sourdis khiến cô ra gặp Louise và Hortense với khuôn mặt nhợt nhạt và mắt ngấn lệ.

Các cô gái không nói câu nào cũng không hỏi gì, khi còn ở nhà chị Lenormand như thể họ sợ chỉ thốt một từ thôi cũng làm cả mái nhà đổ sụp xuống đầu họ.

Nhưng vừa lên xe, người đánh xe vừa cho ngựa lao đi, những ánh mắt đã tìm nhau.

-Chị ấy nói gì với bạn?

Hortense bị hỏi liền đáp: -Chị ta nói: “Là vợ vua, mẹ hoàng đế, cô sẽ chết trong lưu đầy”. Còn bạn, chị ấy nói gì? – Hortense mò hỏi.

-Chị ấy nói “Cô sẽ là quả phụ của người sống trong mười bốn năm, phần đời còn lại là vợ của kẻ đã chết.”

§22. Tiểu thư Beauharnais trở thành vợ một ông vua không ngai và tiểu thư Sourdis thành quả phụ một ông chồng còn sống

Sáu tuần đã trôi qua kể từ khi hai cô gái đến xem bói ở Phố Toumon. Dù khóc hết nước mắt, tiểu thư Beauhamais vẫn phải lấy Louis Bonaparte (Ngày 4 tháng Giêng năm 1802 tại Tuilenes). Tiểu thư Sourdis, ngay tối hôm đó đã ký vào giấy hôn thú với bá tước Sainte-Hermine.

Tiểu thư Beauhamais ghê tởm sự việc này đến nỗi cô cũng thấy ghét luôn em trai của cha dượng dù con người đó không đáng bị khinh. Nhưng vấn đề ở chỗ cô yêu Duroc. Con tim yêu vốn là con tim mù quáng.

Louis Bonaparte vào thời điểm đó, khoảng hai mươi ba hay hai mươi tư tuổi. Đó là một thanh niên đẹp trai, diện mạo hơi lạnh lùng, hình dáng khá giống với chị gái Caroline, rất có học thức và có năng khiếu về văn học, rất thẳng thắn, tốt bụng trung thực và nhất là không bao giờ tin rằng tước vị vua chúa có thể thay đổi luật lệ và nghĩa vụ trong nhận chức con người. Anh cho rằng ông hoàng duy nhất nếu có thể là người để lại trong lòng dân tộc này lòng biết ơn và tình yêu, giống như Desaix đã để lại miền thượng Ai Cập. Đó là ông hoàng công lý.

Trước khi chúng ta nói đến con người này, hãy cùng xem tại sao đám cưới lại diễn ra chóng vánh như vậy. Hẳn ai cũng biết, không có lý do nào khác ngoài những hối thúc dứt khoát của Joséphine. Chúng ta cũng biết tại sao Joséphine lại phản đối đám cưới của con gái mình với Duroc.

-Ở Duroc – Bà nói với Boumerine – Tôi không tìm được chỗ dựa nào cả. Cậu ta chỉ là bạn của Bonaparte và sẽ không dám chống lại anh em của người bảo vệ cậu ta. Ngược lại, Bonaparte lại rất yêu quý Louis, người không có và sẽ không bao giờ có mảy may tham vọng. Louis sẽ là đối trọng cho tôi chống lại Joseph và Lucien.

Về phần mình, Bonaparte nói: -Duroc và Hortense yêu nhau. Vợ tôi làm gì cũng vô ích, chúng hợp nhau và sẽ lấy nhau. Về phía tôi, tôi yêu quý Duroc. Tôi đã rất đúng đắn khi gả Caroline cho Murat, Pauline cho Leclerc, tòi có thể tiếp tục đúng khi gả Hortense cho Duroc. Đó là người tốt và vượt trội nhiều người. Đó là một thiếu tướng, chẳng có lý do gì chống lại đám cưới ấy cả, vả lại, tôi còn có dự định khác cho Louis.

Ngay tối hôm hai cô gái đi xem bói về, do hối thúc của bạn, Hortense quyết định mở vận động cha dượng một lần nữa. Sau bữa tối, cô gặp riêng Bonaparte, quỳ dưới chân ông và dùng mọi phương pháp có ảnh hưởng đến Tổng tài nhất mà thưa rằng đám cưới ấy sẽ là bất hạnh vĩnh viễn cho cô, rằng hãy trả công bằng cho Louis, rằng cô chỉ yêu Duroc và cũng chỉ Duroc mới mang lại hạnh phúc cho cô.

Cuối cùng Bonaparte quyết định: -Thôi được nếu con nhất quyết muốn lấy cậu ta, con sẽ lấy cậu ta, nhưng cha báo trước là cha có điều kiện. Nếu Duroc chấp nhận điều kiện ấy, mọi việc sẽ ổn, còn nếu cậu ta từ chối, đó sẽ là lần cuối cùng cha chống lại mẹ con về chuyện này và con sẽ là vợ Louis.

Nói rồi ông lên phòng làm việc với thái độ dứt khoát dù quyết định đó khiến ông vui lắm. Ông đi tìm Duroc. Nhưng như tôi đã nói, Duroc lang thang, hiếm khi ở văn phòng.

-Duroc đâu? – ông hỏi bằng giọng bất bình.

-Cậu ấy đi ra ngoài rồi.

-Anh nghĩ cậu ta đi đâu?

-Đến nhà hát kịch.

-Khi nào về, anh bảo cậu ta rằng tôi đã hứa với Hortense cho cậu ta lấy nó nhưng tôi muốn đám cưới diễn ra chậm nhất là 2 ngày. Tôi cho cậu ta năm trăm phăng. Tôi bổ nhiệm cậu ta làm chỉ huy quân đoàn 8. Ngay sau khi cưới, cậu ta sẽ đi Toulon với vợ và chúng tôi sẽ sống riêng. Tôi không muốn có con rể trong nhà. Tôi muốn chuyện này sớm chấm dứt nên nếu cậu ta có ưng thuận thì cưới ngay trong tối nay cũng được.

-Tôi không nghĩ cậu ấy đồng ý đâu – Boumerine nói.

-Tốt thôi, thế thì con bé sẽ lấy Louis.

-Cô ấy có muốn không?

-Không muốn cũng phải muốn.

Mười giờ Duroc mới về, Boumerine chuyển lại lời Tổng tài, nhưng anh lắc đầu.

-Ngài Tổng tài đã dành cho tôi niềm vinh dự lớn, nhưng tôi sẽ không bao giờ lấy vợ trong điều kiện ấy. Tôi thích đi dạo một vòng ở Palais-Royal hơn.

Nói xong, anh đội mũ và đi ra bằng một vẻ dửng dưng mà Boumerine không sao giải thích nổi. Nó chỉ có thể cho thấy Hortense đã nhầm về mức độ tình cảm mà cận vệ của ngài Tổng tài dành cho cô hoặc giả vờ dành cho cô.

Đám cưới của tiểu thư Beauhamais với Louis Bonaparte diễn ra trong một toà nhà nhỏ trên phố Chantereine. Một vị linh mục đến chúc phúc giống Bonaparte từng làm cho đám cưới của phu nhân Murat.

Không giống như hôn lễ chìm trong buồn bã và nước mắt của Hortense mới đây, đám cưới của tiểu thư Sourdis hứa sẽ ngập tràn trong ánh sáng và vui vẻ đôi uyên ương không rời nhau từ mười một giờ đêm đến hai giờ chiều để trù bị mọi việc: mua đồ đắt tiền nhất, vòng vàng nữ trang hợp mốt nhất Paris đã được mang đến để Hector bỏ vào làm cưới cho xứng với vị hôn thê của mình. Người ta nói trong giới Paris, điều ấy như một phép màu và phu nhân Sourdis thậm chí còn nhận được vài lá thư đích thân muốn đến dự đám cưới.

Phu nhân Sourdis, người chỉ mong một điều đơn giản là Tổng tài và phu nhân Bonaparte đồng ý đám cưới, đã lặng người về ân sủng của ông khi ông muốn tự tay ký vào giấy chứng nhận kết hôn. Đây là việc ông chỉ dành cho những người thân thiết nhất bởi lẽ kèm theo chữ ký sẽ là một khoản tiền hay quà không nhỏ. Tuy không hà tiện nhưng Tổng tài cũng khá tiết kiệm, ông không hề ném tiền qua cửa sổ.

Người duy nhất không đón nhận ơn huệ này bằng ánh mắt tự hào và tươi rói là Hector de Sainte-Hermine. Tình cảm của Bonaparte tôn vinh gia đình thông gia khiến anh nghi ngại. Dù chưa dám thân nhiều như các anh trai vào công cuộc của triều đình vì còn trẻ, dù rất ngưỡng mộ thiên tài Bonaparte song vẫn chưa đủ đến mức anh yêu quý ông ta. Anh không thể quên được cái chết đau đớn mà anh trai mình phải chịu diễn ra ngay trước mắt cùng với những chi tiết. Xét cho cùng, cái chết ấy vẫn là do ông ta gây ra, và mặc dù những đề nghị rất nồng nhiệt, anh không muốn nhận chút ơn huệ bổng lộc nào. Do đó, mỗi lần gặp ông ta, anh cảm thấy như có một luồng mồ hôi lạnh túa ra trên mặt, đầu gối run rẩy và dù không muốn, anh vẫn liếc mắt nhìn chỗ khác. Anh chỉ sợ một điều, dù mình có giàu có sang trọng một ngày nào đó vẫn phải hoặc phục vụ trong quân đội hoặc bị đi lưu đầy.

Do đó anh đã báo trước cho Claire rằng mình thà rời nước Pháp còn hơn phải chấp nhận mang hàm quân đội hay bất cứ trách nhiệm dân sự nào. Claire đã đồng ý tuỳ anh định liệu, cô chỉ xin anh hứa một điều dù đi đâu cũng phải mang cô đi theo đó là những gì cần cho con tim dịu dàng và say đắm ấy.

Claude-Antoine Régnier được bổ nhiệm làm thẩm phán Toà tối cao kiêm luôn ngành cảnh sát mà Fouché vừa chia tay. Một tuần hai lần, ông ta làm việc với Bonaparte. Bonaparte rất chú trọng công việc này, ông đã có cảnh sát bảo vệ là Junot đang điều hành Paris. Duroc là sĩ quan tuỳ tùng và Régnier là cảnh sát trưởng.

Ngay hôm ký bản kết hôn của tiểu thư Sourdis, ông đã làm việc một tiếng với Régnier. Tin tức mang đến khá lo ngại, miền Vendée, mà do những băng đảng cướp phá đến hết lâu đài này đến trang trại khác để bắt ép chủ cung cấp tiền bạc cho chúng bằng các hình thức tàn bạo rợn người. Báo chí đã bắt đầu nói đến những thảm cảnh như đốt chân, đốt tay cháy sém đến tận xương.

Bonaparte đã lệnh cho Régnier mang toàn bộ hồ sơ liên quan đến các vụ cướp đó đến gặp ông. Trong tám ngày vừa qua, đã có năm vụ được phát hiện vụ đầu tiên ở Berric, đầu nguồn con sông Sulé nhỏ, vụ thứ hai ở Plescop vụ thứ ba ở Muzillac, vụ thứ tư Saint-Nolff và vụ thứ năm diễn ra tại Saint-Jean-de-Brévelay.

Nhìn bề ngoài có ba thủ lĩnh đứng đầu ba băng nhưng đằng sau phải có một nhân vật khác chỉ huy họ. Theo cảnh sát, nhân vật này là Cadoudal, kẻ không giữ

lời hứa với Bonaparte. Thay vì rút về sống ở Anh lại trở lại Bretagne và chuẩn bị cuộc nổi dậy mới.

Vốn là người có dự tính và biết người, Bonaparte lắc đầu khi đại phán quan cố gắng đổ cho Cadoudal là thủ phạm của các vụ trên. Làm sao như vậy được? Một người cực kỳ thông minh đã tranh luận với ông về lợi ích của dân tộc và của các quân vương, không hề chịu lui một bước, người sẵn sàng sang nước Anh sinh sống chỉ bằng tài sản của chính mình, một tâm hồn không tham vọng đó từng khuất phục được một sĩ quan tuỳ tùng của vị tướng đứng đầu châu Âu, một con người không vụ lợi sản sàng từ chối khoản tiền một trăm ngàn phăng mỗi năm lại nhìn người khác xâu xé, hạ mình làm đạo tặc, kẻ hèn hạ nhất trong các trò lưu manh hay sao?

Không thể như thế được.

Và Bonaparte đã cực lực bác bỏ quan điểm của viên cảnh sát trưởng. Sau đó, ông ra lệnh phái những nhân viên ưu tú nhất, trao quyền thật lớn để đi truy quét những băng đảng ti tiện đó.

Régnier hứa sẽ đi Bretagne ngay trong ngày.

Xong việc, vì đã gần mười giờ tối, ông báo cho Joséphine sẵn sàng đi cùng bà đến dự đám cưới nhà phu nhân Sourdis.

Lâu đài tráng lệ nơi nữ bá tước sống đã ngập tràn trong ánh sáng như thể giữa ban ngày với ánh mặt trời dìu dịu, những đoá hoa như vừa thoát khỏi tù ngục đen tối vươn lên. Những làn gió xuân dịu dàng nô giỡn trên những lớp học định xổ từ cửa sổ xuống thềm hiên, dưới những mái vòm kỳ lạ và thơm ngát ấy là những ngọn đèn màu rực rỡ, những luồng hoà âm và hương thơm toả ra ngoài khung cửa sổ hé mở để lộ những bóng người đi đi lại lại sau bức rèm.

Đó là những vị khách mời sang trọng nhất Paris, các quan chức chính phủ, các tham mưu tài danh của các viên tướng trẻ tuổi người nhiều tuổi nhất mới ba mươi như Murat, Mannont, Junot, Duroc, Lannes, Moncey, Davout, những anh hùng mà ở tuổi của họ người ta mới chỉ làm đến chức đại uý; cái nhà thơ như Lemercier còn đang ngây ngất sau thành công của Agmemnon; Legouvé vừa công diễn vở Etéocle và Kẻ xứng đáng với phụ nữ; Chenier, người từ sau vở Timoléon đã tuyên bố từ bỏ kịch trường để quay sang làm chính trị; Chateaubnand, người vừa tìm được Chúa trong thác Niagara và dưới mái vòm của những cánh rừng nguyên sinh châu Mỹ; các vũ công mốt nhất trong đó phải kể đến Trénis, Laffitte, Dupaty, Garat, Vestris, những tinh tú lộng lẫy xuất hiện thời đẹp nhất của họ như phu nhân Récamier, phu nhân Méchin, phu nhân Contades, phu nhân Regnault de Saint-jean-d Angély và cuối cùng là toàn bộ giới trẻ thời đó. Anh em nhà Caulaincourt, Narbonne, Longchanp, Matthieu de Mont-Morency, Eugène de Beauhamais, Philippe de Ségur, và còn những ai nữa?

Khi người ta biết có Tổng tài và phu nhân Bonaparte không chỉ ký giấy hôn thú mà còn đến dự thì tất cả mọi người đều muốn được mời. Toà nhà đồ sộ nhà phu nhân Sourdis, khi tầng trệt và lầu một bắt đầu mở cửa, một lượng khách lớn buộc phải tràn ra ngoài thềm để hóng không khí mát mẻ thì các phòng khách còn đông hơn nữa.

Mười một giờ kém mười lăm, một đoàn xe ngựa từ Tuileries đi ra, mỗi người đều mang một ngọn đuốc vì phải đi qua cầu.

Chiếc xe phóng rất nhanh lại có đuốc sáng bao quanh khiến nó như một cơn lốc uốn theo tiếng ồn và ánh sáng đến dừng trong sân lâu đài.

Đúng lúc đó, giữa đám đông chặt như nêm tưởng không ai có thể len vào nữa mở ra một lối cho hai mẹ con phu nhân Sourdis ra đón ngài Tổng tài và Joséphine. Hector de Sainte-Hermine đi sau cũng vừa nhìn thấy Bonaparte mặt anh tái đi trông thấy song vẫn bước tiếp.

Phu nhân Bonaparte vừa ôm hôn tiểu thư Sourdis vừa đeo một chuỗi vòng ngọc trị giá năm trăm ngàn phăng vào cổ cô. Ngài Bonaparte chào hai mẹ con rồi tiến thẳng đến Hector.

Hector không nghĩ Bonaparte đến gặp mình nên rẽ sang một bên nhưng ông đã đứng ngay trước mặt anh.

-Chào cậu – ông nói – Tôi cũng mang quà đến, đó là một bằng danh dự trong đội cận vệ Tổng tài, nhưng tôi hiểu có những vết thương cần thời gian mới lành…

-Không gì khéo léo hơn đôi bàn tay ngài trong việc chăm sóc vết thương ấy, thưa tướng quân… tuy vậy…

Hector thở dài rồi đưa khăn lau mắt.

-Cho tôi xin lỗi, thưa tướng quản – Chàng trai nói sau vài giây im lặng – Tôi ước mình xứng với lòng tốt của ngài.

-Đó đã là một trái tim vĩ đại rồi, chàng trai ạ. – Bonaparte nói – và người ta luôn bị thương từ trong tim.

Sau đó, ông quay lại chỗ phu nhân Sourdis, nói vài câu, khen tặng Claire vài lời. Khi nhận ra chàng thanh niên Vestris, ông nói: -A, đây là Vestris con, người mới đây đã chiều lòng tôi, mang lại cho tôi niềm vui khôn tả. Sau khi bị ốm, cậu ấy đã trở về Opera vào đúng ngày đón tiếp tại Tuileries, và cậu ấy đã đổi sang ngày khác để không ảnh hưởng đến ngày trọng đại đó của tôi. Thế nào, Vestris, hãy sử dụng hết phép lịch sự để mời hai người phụ nữ này nhảy cùng chúng ta một điệu gavotte chứ.

-Thưa công dân Tổng tài – Con trai của bậc thánh khiêu vũ nói bằng giọng người Italia không thể sửa được – Chúng ta đã chứng thực có bản gavotte do tôi sáng tác dành cho tiểu thư Coigny. Phu nhân Récamier và tiểu thư Sourdis nhảy đẹp như hai thiên thần, chúng ta chỉ cần một chiếc đàn hạc và một chiếc tù và với

điều kiện tiểu thư Sourdis vừa nhảy vừa gõ trống còn phu nhân Récamier, ngài cũng biết là bà ấy nhảy điệu chale thì không ai bắt chước được.

-Vậy thì thưa các quý bà – Ngài Tổng tài nói – chắc các vị sẽ không từ chối lời thuật cầu mà Vestris vừa đưa ra mà tôi cũng dùng quyền của mình để ủng hộ chứ?

Tiểu thư Sourdis muốn tránh lời mời ấy nhưng do thấy Vestris chỉ đích danh cô với lời thỉnh mời của ngài Tổng tài nên cô thậm chí không dám cất lời chối. Phục trang của cô hôm nay rất thích hợp cho điệu nhảy đó.

Cô gái da bánh mật trong bộ váy trắng, mái tóc cài cành nho có hai trái nho rủ xuống vai, một lớn lá màu vàng nhạt của mùa thu ôm lấy thân váy.

Phu nhân Récamier cũng mặc trang phục trắng như mọi khi bằng vải cachemire của người Ấn Độ. Chính bà đã sáng tác ra điệu nhảy chale trong các salon và gặt hái rất nhiều thành công khiến nó được đưa lên sân khấu.

Thành công của phu nhân Récamier trong vũ điệu này còn lưu lại đến ngày nay. Chúng ta biết là theo thông lệ, không bao giờ vũ nữ lại bỏ qua động tác nửa như hờ hững nửa e thẹn khiến họ trở nên duyên dáng thêm, nhờ những sóng vải mềm mại để lộ ra những nét điệu đà trong ý định giấu nó đi. Vũ điệu đó kéo dài chừng mười lăm phút và thành công trong tiếng vỗ tay vang dội trong đó có phần của Bonaparte. Ông ra hiệu và tất cả phòng nổ những tràng pháo tay ròn rã và vị thánh vũ công bằng những động tác mềm dẻo dựng người lên trên sàn nhà như thể đang bay.

Điệu gavotte kết thúc, một gia nô đến nói thầm vài câu vào tai nữ bá tước Sourdis và bà này đáp lại bằng câu: -Hãy mở phòng ký giấy!

Hai cánh cửa được kéo sang hai bên và người ta thảy trong phòng toát lên sự sang trọng tuyệt đỉnh. Trong ánh đèn sáng trưng, hai luật gia đang ngồi sẵn trước bàn đặt cây đèn cầy, ở giữa là bản hôn ước đang chờ chữ ký chỉ hơn hai mươi người có quyền được vào phòng này. Đó là những ai phải ký vào văn bản và ai muốn nghe nội dung của nó phải lắng tai mới nghe được.

Trong khi người ta đọc nội dung bản hôn ước, một đầy tớ kín đáo lẻn vào đám đông, nhẹ nhàng đến bên bá tước Sainte-Hermine và nói nhỏ: -Hiệp sĩ Mahalin muốn nói chuyện với ngài ngay bây giờ.

-Bảo ông ấy chờ trong phòng nhỏ cạnh đại sảnh – Sainte-Hermine nói.

-Thưa bá tước, ông ấy nói phải gặp ngài ngay lập tức. Nếu ngài đang cầm bút rồi ông ấy xin ngài hãy đặt nó lên bàn và đến gặp ông ấy trước khi ngài ký… Ông ấy đứng ở ngoài cửa.

Bá tước gục đầu xuống đầy đau khổ, nó giống như cơ chỉ thất vọng và đi theo tên gia nhân.

Rất ít người nhận ra sự việc vừa diễn ra còn những ai nhìn thấy lại không để tâm lắm.

Công việc đọc văn bản đã xong. Bonaparte người vốn vội vã kết thúc những gì ông đã bắt đầu, chẳng hạn như vội ra khỏi điện Tuileries rồi vội vã trở về đó… óng cầm bút ngay mà không để ý mình là người ký đầu tiên và cũng vội vã như bốn năm sau, khi đặt vương miện lên đầu Joséphine và kéo tay bà ra khỏi tay linh mục, liền đưa bút cho vợ.

Joséphine ký tên mình.

Cây bút lông ngỗng lần lượt truyền đến tay tiểu thư Sourdis, cô lo lắng nhìn quanh tìm bá tước Sainte-Hermine mà không thấy, cô bỗng bị nỗi sợ hãi xâm chiếm đành ký tên để lấp đi những tiếng xôn xao quanh mình. Sau cô là đến lượt bá tước, mọi người nhìn quanh và gọi nhưng không thấy tiếng trả lời của chàng.

Tất cả khách khứa im bặt nhìn nhau trong lòng tự hỏi tại sao lại có sự biến mất đúng lúc cần có mặt nhất.

Cuối cùng, một người nào đó nói rằng đã thấy trong lúc đọc bản đăng ký, một thanh niên lạ mặt vào nói nhỏ rồi dẫn bá tước đi như một kẻ tội đồ theo kẻ phán xử hơn là một người bạn theo một người bạn.

Nhưng có lẽ bá tước chỉ ra khỏi phòng ký thôi chứ chưa ra khỏi nhà Nghĩ vậy, phu nhân Sourdis gọi một gia nhân đến ra lệnh cùng những người khác đi tìm bá tước.

Anh ta vâng lệnh, vài phút sau, hoà với tiếng đập nghẹn thở vì ngạc nhiên của hơn sáu trăm con tim là những tiếng kêu của gia đình đáp lời nhau từ phòng này đến phòng khác.

Cuối cùng một người nghĩ ra ý định chạy ra bãi để xe ngựa ngoài sân. Nhiều người đã thấy hai thanh niên, dù trời mưa vẫn để đầu trần vội vã nhảy lên xe và nói: -Đến trạm ngựa.

Và cỗ xe lao đi, một trong hai người đầu trần đó là bá tước Sainte-Hermine.

Tất cả quan khách sững sờ nhìn nhau và giữa lúc im lặng, một giọng nói cất lên: -Chuẩn bị xe cho ngài Tổng tài.

Người ta kính cẩn nhường lối cho ông bà Bonaparte đi qua.

Nhưng khi họ vừa rời phòng, lập tức một sự hỗn độn đã diễn ra.

Người ta vội vã rời khỏi nơi đầy như thể sắp có hoả hoạn. Cả phu nhân Sourdis và Claire không dám giữ ai ở lại và chỉ mươi phút sau, họ chỉ còn lại một mình.

Phu nhân Sourdis kêu lên đau đớn nhào đến chỗ Claire run rẩy như sắp ngất.

-Ôi mẹ ơi! Mẹ ơi! – Cô nấc lên rồi để mình lịm dần trong vòng tay của nữ bá tước – vậy là lời tiên đoản của thầy bói đã đúng và quãng đời goá bụa của con bắt đầu rồi!

§23. Những kẻ cướp phá

Tôi sẽ giải thích cho quý vị độc giả việc biến mất khó hiểu của vị hôn phu của tiểu thư Sourdis đúng thời điểm ký giấy kết hôn, điều đã khiến tất cả khách khứa ngạc nhiên và đặt ra mọi dị nghị không tưởng về bá tước và những giọt nước mắt chảy mãi của cô dâu.

Chúng ta đã thấy Fouché cho gọi hiệp sĩ Mahalin đến mấy hôm trước để thoả thuận lập ra ba băng cướp ở miền Tây. Các băng đảng này không những hoạt động muộn mà phải bắt đầu ngay, và sau hơn chục ngày kể từ khi hiệp sĩ nọ rời Paris, người ta đã nghe nói tới hai chủ lâu đài bị đốt phá: một là Buré và người kia là Saulnaye.

Nỗi kinh hoàng ngày càng lan rộng khắp Morbihan. Suốt năm năm nội chiến đã biến vùng đất này kiệt quệ, nhưng trong tất cả những cuộc đấu kinh hoàng diễn ra, không bao giờ ở đây có tệ nạn cướp bóc. Muốn tin dấu vết hành động như thế phải trở lại những ngày đen tối của vua Louis XV và những tác động luật giáo hội thời vua Louis XIV.

Những băng cướp gồm mười, mười lăm, hai mươi người như thể chui từ đất lên, đi lại như những cái bóng, lẩn khuất trong thung lũng, băng qua bờ rào, nấp sau thân cây, sẵn sàng hạ những nông dân đi làm về muộn bất chợt nhìn thấy chúng. Rồi chỉ chờ một cửa sổ để hé, một cánh cửa khép hờ là chúng lẻn vào trang trại hay lâu đài đánh lén hoặc siết cổ đám gia nhân, đốt một đống lửa lớn giữa bếp, dẫn ông bà chủ nhà ra đó, để họ nằm sấp xuống sàn nhà rồi lấy lửa đốt chân họ cho đến khi họ đau đớn khai ra chỗ giấu tiền mới thôi, cũng có khi chúng tha cho họ nhưng những lần khai, sau khi mới khai xong, sợ bị lộ mặt, chúng đâm chết, treo cổ hay đánh bất tỉnh những người vừa mất tiền.

Khi nhà chức trách phát hiện các vụ thứ ba hay thứ tư có hậu quả là đốt phá và giết người thì những tin đồn bắt đầu lan ra, mới đầu còn dè dặt sau đó thì không úp mở nữa mà cho rằng chính Cadoudal cầm đầu bọn đạo tặc đó. Dù thủ lĩnh và bọn cướp đều bịt mặt nhưng những ai từng nhìn thấy đều nhận rõ một người chỉ huy có vóc dáng và đặc biệt là cái đầu to, tròn giống hệt Georges Cadoudal.

Lúc đầu người ta không tin phán đoán ấy, ai cũng biết phẩm chất hiệp sĩ ở Georges và ai mà tin được ông đột nhiên biến thành thủ lĩnh của bọn cướp vô lại bất lương vô liêm sỉ ấy.

Tuy nhiên, tiếng đồn vẫn lan xa nhiều người thừa nhận đã nhận ra Georges và ngay lập tức tờ Thời báo Paris đưa tin chính thức rằng, mặc dù hứa không tập hợp quân lính nhưng Cadoudal vẫn tổ chức gần năm chục tên cướp hoành hành miền nông thôn, chặn đường và tấn công trang trại.

Tờ Thời báo Paris được gửi sang London có thể không tới tay Cadoudal nhưng một người bạn đã cho ông xem. Cadoudal thấy trong đó có lời buộc tội chống lại ông và lời lẽ ấy đá động đến danh dự cũng như lòng ngay thẳng của mình.

-Được lắm! – ông nói – buộc tội tôi tức là họ đã phá bỏ hiệp ước đã có giữa chúng tôi, không giết được tôi bằng gươm bằng súng, chúng quay sang hạ tôi bằng cách đơm đặt. Chúng muốn chiến tranh, chúng sẽ có chiến tranh.

Ngay tối hôm ấy, Cadoudal lên một chiếc tàu đánh cá và năm ngày sau ông đã cập bến giữa Port-Louis và bán đảo Quiberon. Đồng thời, có hai người đàn ông tên là Saint-Régeant và Limoelan cùng rời London về Paris những bằng lối vách đá Biville và đường Normandie. Trước lúc khởi hành, họ đã gặp Georges trong một giờ đồng hồ và nhận chỉ dẫn của ông Limoelan đã từng cắt đứt mọi vấn về cuộc nội chiến, còn Saint-Régeant vốn là cựu sĩ quan hải quân sau đó trở thành cướp biển rồi thành cướp cạn.

Cadoudal dùng những người này cho dự định mới của mình chứ không đá động đến Gtüllemot và anh em Soi de Grisolles.

Rõ ràng họ sẽ trù tính kế hoạch và có những phương tiện chắc chắn để liên lạc với nhau nhưng hiển nhiên họ ra đi cũng vì một mục đích duy nhất, chuyện xảy ra như sau:

Khoảng cuối tháng Tư năm 1804, khoảng năm giờ chiều có một người đàn ông khoác áo măng tô cưỡi ngựa phi nước kiệu vào sân trang trại Plescop do ông chủ giàu có Jacques Doley đứng đầu.

Jacques Doley có bà mẹ vợ sáu mươi tuổi, cô vợ mới ba mươi, hai đứa con của họ một cậu bé mười tuổi và cô con gái bảy tuổi. Trong nhà còn có hơn chục gia nhân, tì nữ giúp họ khai thác điền sản.

Người đàn ông ấy yêu cầu gặp chủ nhà, bàn chuyện riêng khoảng nửa tiếng nhưng không thấy xuất hiện trở lại, chỉ thấy Jacques Doley trở ra một mình.

Trong bữa tối hôm ấy, người ta nhận thấy ông chủ trở nên im lặng và mải suy tính. Nhiều lần vợ ông nói nhưng ông không trả lời. Sau bữa tối, hai đứa con muốn chơi cùng bố nhưng ông nhẹ nhàng đẩy chúng ra.

Như mọi người đều biết ở Bretagne, người làm ăn cùng bàn với chủ. Hôm đó cũng giống như mọi ngày, người ta cùng ăn song ai cũng nhận ra vẻ buồn bã ấy, họ rất ngạc nhiên vì thường ngày ông chủ là người vui tính.

Vì mấy hôm trước, đài Buré bị đốt nên đám người làm thì thầm bàn tán về sự kiện ấy. Doley cũng nghe họ, nhiều lần ông ngẩng đầu lên định hỏi nhưng cuối cùng lại thôi không nói gì để họ tiếp tục kể. Bà mẹ già thỉnh thoảng lại đưa tay làm dấu thánh giá và đến phần cuối câu chuyện, bà Doley không kìm chế được sự sợ hãi, đến ngồi cạnh chồng.

Tám giờ tôi, màn đêm đã hoàn toàn buông xuống, đó là lúc đám gia nhân rút về đi nghỉ, người vào nhà kho, người ra tàu ngựa. Doley như không muốn họ tản đi nên ra lệnh không được ra ngoài. Sau đó thỉnh thoảng, ông lại liếc nhìn mấy khẩu súng treo cạnh lò sưởi với ánh mắt của người cần sử dụng hơn là ngắm nó treo trên tường.

Tuy nhiên, mọi người ai nấy đều vẫn tán ra. Bà lão đưa bọn trẻ đi ngủ trong giường của chúng, kê giữa giường bố mẹ và bức tường, ôm hôn cháu rồi cũng đi nghỉ trong một phòng cạnh bếp.

Doley và vợ rời bếp sang phòng ngủ cạnh đó, phòng này cách bếp bằng một khung cửa kính và quay ra vườn bằng hai cửa sổ có thanh chắn bằng gỗ sồi và hai cánh cửa rất chắc chắn, khi cửa đóng chỉ có hai ô thoáng đủ lớn cho vài khe sáng lọt qua.

Bà Doley thay quần áo rồi lên giường. Trong những trang trại, người tá dậy rất sớm nên đi ngủ cũng sớm, nhưng tối ấy, linh tính báo cho họ điều đó gì khiến họ thấy bất an đến nỗi bà Doley không tự đi thay áo mà khuyên chồng kiểm tra lại tất cả các cánh cửa xem đã chốt chặt chưa rồi mới thay quần áo ngủ.

Ông chủ trang trại nhún vai ra vẻ những đề phòng ấy vô ích rồi mới đi xem từng cửa một: cánh cửa đầu tiên là cửa thông sang phòng ăn. Nhưng vì cửa này không tiếp xúc ra bên ngoài nên bà chủ không nài nỉ thêm khi chồng nói.

-Chúng ta phải vào bằng lối cửa bếp và không đi lối khác sau chiều mai.

Cửa ngoài sân đã được kiểm tra, nó được chặn thanh ngang bằng sắt cẩn thận và có hai ổ khoá. Cửa sổ cũng vậy, cửa phòng làm bánh chỉ có một ổ khoá nhưng cánh cửa bằng gỗ sồi và loại khoá khá tốt chỉ còn cánh cửa ngoài vườn nhưng để vào được lối ấy phải nhảy qua bờ tường cao chục bộ.

Bà Doley trở vào, trong lòng đã yên tâm hơn chút ít nhưng vẫn còn căng thẳng, cuối cùng không kừn chế được, bà run lên lẩy bẩy.

Ông Doley đang ngồi cùng viên thư lại giúp việc, giả vờ xem xét giấy tờ nhưng dù có mạnh mẽ ông còn thể giấu được sự lo lắng đang lấn tới bằng những đợt run rẩy ngoài ý muốn và sự chăm chỉ vào từng tiếng động nhỏ nhất.

Thời điểm hiện tại sự lo lắng về nguy hiểm luôn rình rập ấy không phải là không có cơ sở.

Lúc một giờ, gần làng Plescop, từ trong rừng Meucon có một toán người khoảng hai mươi tên chui ra và đi vào đất trang trại, bốn tên cưỡi ngựa đi đầu như một đội nhóm tiên phong mặc đồng phục cảnh sát, những tên còn lại đi bộ, không mặc đồng phục nhưng khoác súng và đinh ba. Toán người này khéo léo hết mức để không bị phát hiện. Chúng men theo bờ rào, đi xuống dòng nước, men theo quả đồi và lúc nào cũng thẳng đến trang trại, chẳng mấy chốc, chúng chỉ còn cách toà nhà độ trăm bước. Đến đó, cả toán dừng lại, một tên tách ra đi một vòng quanh đó Những tên còn lại đứng tại chỗ chờ đợi. Ánh sáng xuất hiện

trở lại. Tên kia vừa đi một vòng quanh trang trại nhưng không có lối nào vào được: chúng bàn bạc rồi quyết định, không vào được bằng mưu chúng sẽ vào bằng lực. Cả nhóm lại đi tiếp đến chân tường.

Từ lúc trước đã có tiếng chó sủa nhưng chúng không biết đó là tiếng chó trong trang trại hay bên hàng xóm. Đến chân tường, đám ăn đêm mới biết là chó trong vườn. Chúng tiến vài bước về phía cửa, con chó cũng đi theo và sủa hết sức giận dữ. Không còn hy vọng đột nhập được nữa, bọn chúng đã bị lộ. Do đó, bốn tên mặc đồng phục tiến ra trước cửa, còn lại chúng nép mình sát tường. Con chó áp sát cái mũi vào cửa sủa inh ỏi hơn bao giờ hết.

Một giọng đàn ông cất lên: -Có gì thế Blaireau? Chuyện gì vậy, chó ngoan?

-Con chó quay lại phía tiếng nói rồi rên lên ư ừ. Một giọng phụ nữ khác ở xa vọng lại: -Hy vọng là anh sẽ không mở cửa chứ?

-Tại sao không?

-Vì chúng có thể là bọn cướp, anh ngốc ạ?

Hai người trở nên im bặt.

-Nhân danh pháp luật, hãy mở cửa ra! – Giọng nói từ phía kia cánh cửa vang lên.

-Ông là ai mà đòi nhân danh pháp luật! – Người đàn ông hỏi.

-Cảnh sát Vannes đây, chúng tôi đến kiểm tra trang trại của ông chủ Doley do bị buộc tội là nơi chứa chấp quân Bảo hoàng.

-Đừng nghe chúng, Jean – Người vợ nói – Chúng lừa đấy, chúng bảo anh thế cốt để anh mở cửa thôi, anh hiểu không.

Jean có vẻ đồng tình với vợ vì ông khẽ lấy một cái thang bắc lên tường cao rồi khẽ kháng leo lên nhìn qua. Ông thấy bốn người đi ngựa cùng một toán đang đứng sát tường.

Khi đó, đám người mặc đồng phục lấy báng súng phang vào cửa rầm rầm như muốn de doạ phá nó nếu không mở ra. Những tiếng động ấy vang đến tận phòng ngủ của ông chủ trang trại, khiến bà Doley vô cùng hoảng sợ. Thấy vợ như vậy ông Doley lưỡng lự định mở cửa thì người lạ mặt đi ra, nắm tay ông và nói.

-Sao ông còn lưỡng lự? Chẳng phải tôi đã nói là sẽ đảm bảo hết mọi chuyện còn gì.

-Anh nói chuyện với ai đấy? – Bà Doley kêu lên.

-Chẳng ai cả – ông Doley đáp rồi chạy ra vườn.

Cánh cửa trong nhà vừa mở ra thì ông nghe thấy rõ cuộc trao đổi của người làm vườn và vợ ông ta về bọn cướp.

-Này Jean – ông Doley nói – Sao anh cứng đầu không chịu mở cửa cho các nhà luật pháp thế. Anh có biết chúng ta sẽ bị tình nghi khi chống lại họ không. Xin các ông tha thứ cho người đàn ông này, anh ta không nghe lệnh của tôi đâu.

Jean nhận ra ông chủ Doley liền chạy ra chặn ông.

-Ôi ông chủ Doley – Anh ta nói – Tôi không nhầm đâu, ông mới bị nhầm, họ không phải là cảnh sát thật đâu, họ là bọn cướp cải trang đấy. Vì Chúa, đừng mở cửa.

-Tôi biết điều đó và cả điều tôi phải làm – Jacques Doley nói – Hãy về phòng anh và đóng cửa lại, nếu sợ thì cứ nấp với vợ của anh ở vườn liễu ấy, chúng không ra tận đó tìm anh đâu.

-Nhưng ông… Nhưng ông… Nhưng ông…

-Tôi đã có người hứa bảo vệ tôi ở trong nhà rồi.

-Thế nào, các người mở cổng hay tôi phải phá nó đấy? – Tên thủ lĩnh kêu to như sấm rồi lập tức có bốn phát báng súng phang vào bản lề.

-Tôi đã nói là tôi mở mà – Jacques Doley kêu lên và ông ta ra mở thật.

Bọn cướp xông vào Jacques Doley và túm cổ áo ông.

-Này các vị – ông Doley nói – Các vị đừng quên tôi đã tự nguyện mở cửa cho các vị đấy nhé. Các vị nên nhớ tôi cũng có hơn chục gia đình trong nhà và tôi hoàn toàn có thể trang bị vũ khí cho họ, để họ nấp sau tường bảo vệ tôi và các vị sẽ khó mà vào dễ dàng được.

-Mày tưởng có chuyện cảnh sát chứ đâu phải với bọn tao.

Jacques chỉ chiếc thang cạnh tường cao.

-Phải, nếu như từ trên kia Jean không thấy các vị.

-Thế mày mở cửa cho bọn tao làm gì?

-Để hy vọng các ông nương tay cho tôi. Nếu tôi không mở, các ông có thể tức giận và đốt trang trại của tôi thì sao?

-Ai bảo mày bọn tao sẽ không đốt trang trại của mày khi vui vẻ?

-Điều độc ác ấy thật vô nghĩa. Các ông muốn tiền của tôi thế là xong. Chắc các ông cũng không muốn tôi phá sản chứ?

-Thôi được ít ra mày cũng là một kẻ biết điều, thế mày có nhiều tiền không?

-Không, vì tôi mới trả nợ cách đây tám ngày.

-Đồ quỷ? Đó là những lời lẽ xấu xa từ miệng người.

-Nó có thể không hay nhưng là sự thật.

-Chẳng lẽ bọn tao được báo sai ư, người ta nói nhà mi có khoản kếch xù đấy.

-Họ nói dối các ông rồi.

-Họ không nói dối Georges Cadoudal đâu.

Nói xong, bọn chúng tiến vào nhà, đẩy Jacques Doley vào bếp.

Bọn cướp ngạc nhiên hết mức khi chưa thấy ai lạnh lùng như vậy.

-Ôi thưa các ông, – Bà Doley đã kịp mặc quần áo chạy ra nói – Chúng tôi sẽ đưa tất cả những gì chúng tôi có nhưng xin các ông đừng làm hại chúng tôi.

-Được rồi – Một tên trong số bọn cướp nói – Mụ giống như cá Auray ấy, chưa đập đã giãy.

-Nói chuyện thế đủ rồi – Tên thủ lĩnh nói – Tiền đâu?

-Này bà xã, Doley nói – Hãy đưa chìa khoá cho họ. Các ông đây sẽ tự đi lấy nếu không họ lại bảo chúng ta đánh lừa.

Bà vợ ngạc nhiên nhìn chồng chưa vội nghe theo ông.

-Kìa, đưa đi – ông nói – Tôi bảo đưa mà, đưa đi.

Bà vợ đáng thương không hiểu tại sao chồng mình lại cam chịu đến thế, bà đưa chìa khoá và kinh hãi nhìn tên chỉ huy tiến lại một trong số những chiếc tủ lớn theo thói quen các chủ điền nơi cất tài sản quý giá nhất.

Tên cướp dùng cả hai tay nhấc ngăn kéo ra quẳng ra giữa phòng bếp thay vì có tám bộ đồ ăn bằng bạc, chỉ có sáu bộ ăn văng ra. Ngăn tiếp theo đựng một túi tiền và một túi vàng tổng cộng có khoảng mười lăm nghìn phăng, nhưng tên thủ lĩnh khua khoắng mãi mới chỉ lôi ra được một túi tiền trong sự ngạc nhiên càng tăng lên của bà vợ.

Bà đưa mắt nhìn chồng hay đúng ra là tìm ánh mắt chồng nhưng không được, ông đã quay đi chỗ khác.

Một tên cướp bắt gặp ánh mắt ấy.

-Con mẹ này, có đúng chồng mụ cố tình thế không?

-Ồ không, thưa các ngài, tôi thề.

-Nếu không thì mụ hẳn biết nhiều hơn chồng, được rồi, đã thế, hãy bắt đầu bằng mụ.

Bọn cướp xông vào lục tủ nhưng không thấy gì cả, chúng mở tủ khác song tủ này cũng rỗng không, chỉ có vài đồng louis, năm sáu đồng êcu, sáu livre và vài đồng tiền lẻ giấu trong chiếc bát gỗ.

-Tao nghĩ mày nói đúng – Tên thủ lĩnh nói với tên cướp vừa buộc tội bà chủ trang trại.

-Chắc hẳn được báo trước chúng ta sẽ đến nên đem tiền đi chôn rồi.

-Hởi trời đất và sấm sét! – Tên cầm đầu nói – Bọn tao có cách làm cho người chết còn chịu lên khỏi đất cơ huống hồ là tiền.

-Hãy đi mang củi và một bó rơm lại đây.

-Để làm gì? – Người phụ nữ tức tưởi gào lên.

-Mày chưa bao giờ thấy cách quay lợn à?

-Jacques! Jacques! Anh thấy chúng nói gì chưa?

-Chắc chắn là rồi, nhưng em muốn gì đây, họ là chủ phải để họ làm thôi.

-Ôi lạy Chúa! – Người vợ tuyệt vọng kêu lên khi thấy hai tên cướp mang rơm và củi vào – Anh thật là kẻ cam chịu.

-Anh cầu mong Chúa sẽ không để một vụ ám hại ti tiện như việc giết hai sinh linh, hai con người là không mắc tội lỗi nào nhưng chưa hề giết hại ai, xảy ra.

-Làm thế nào thế” – Tên thủ lĩnh hỏi – ông ta sẽ phái một thiên thần xuống đánh lại bọn tao chắc?

-Đây sẽ không phải lần đầu tiên có phép màu đâu.

-Được lắm, thế thì chúng ta sẽ cùng xem và để cho ông ta cơ hội giúp cả hai, bọn ta sẽ thiêu sống hắn và con lợn cái này.

Nhưng tiếng cười phá lên trước câu nhạo báng khiến chúng còn trở lên tục tĩu hơn. Bọn cướp xông vào Jacques Doley, lột giày, tất, quần dài, với bà vợ chúng cũng làm như vậy rồi trói tay họ ra sau đẩy ra hai phía của đống lửa, khi lửa bén chạy bùng lên, chúng đẩy họ chân trần sáp lại đống lửa, chỉ cách vài bước.

Cả hai cùng thét lên đau đớn.

-Khoan đã! – Một tên cướp hét to – Tao vừa tìm được lũ thỏ con cho chúng vào nấu cùng bố mẹ chúng này.

Rồi hắn bước vào, mỗi tay túm một đứa trẻ đang run rẩy khóc nức nở. Đến đây thi Jacques Doley không chịu nổi nữa kêu to: -Nếu ông là người, đã đến lúc ông phải giữ lời hứa với tôi rồi chứ!

Lập tức cánh cửa bật mở, một người đàn ông từ thông phòng để sữa đi ra, hai tay buông thõng nhưng mỗi bên cầm một khẩu súng ngắn hai viên.

-Ai trong số các người được gọi là Georges Cadoudal? – Người lạ hỏi.

-Tao đây – Người bịt mặt cao lớn vừa nói vừa đứng dậy.

Mày nói láo – Người lạ nói rồi đưa súng lên bắn thẳng vào giữa ngực hắn – Tao mới là Cadoudal.

Gã cao lớn đổ vật xuống.

Cả băng cướp lùi lại hai bước, chúng vừa nhận ra Cadoudal thật sự, con người mà chúng tưởng lúc này đang ở nước Anh.

§24. Mệnh lệnh mới

Với Cadoudal thật, không một người nào trong vùng Morbihan dám đưa tay lên đụng vào ông hay không dám tuân lệnh ông.

Tên phó thủ lĩnh cũng nằm trong số đó, hắn đặt hai đứa trẻ xuống đất, lại gần Cadoudal và nói: -Thưa tướng quân, xin ngài ra lệnh.

-Trước tiên, hãy thả những người bất hạnh kia ra.

Bọn cướp vội chạy lại chỗ ông bà chủ trang trại, lát sao họ đã được cởi trói. Người vợ ngồi phịch xuống ghế, dang tay ôm hai đứa con vào lòng còn người chồng đứng dậy ra bắt tay ông Georges Cadoudal.

-Còn bây giờ – Tên phó thủ lĩnh hỏi.

-Bây giờ hả? Người ta nói các anh có ba băng đúng không?

-Vâng, thưa tướng quân.

-Ai cả gan dám tập hợp các anh để làm cái nghề này?

-Có một người từ Paris đến khẳng định rằng cách đây một tháng ngài đã về gặp chúng tôi và đã ra lệnh tập hợp đội quân mang tên ngài

-Để phục vụ cho triều đình thì ta còn hiểu được nhưng để đi ăn cướp thì thật là quấy quá! Liệu ta có phải là một tên đạo tặc không?

-Người ta còn chọn một trong số chúng tôi, đó là Georges II vì anh ta giống ngài, để làm thủ lĩnh. Bây giờ chúng tôi phải làm gì để sửa chữa sai lầm này?

-Sai lầm của các anh là đã nghĩ ta có thể trở thành thủ lĩnh một băng đạo chích như các anh. Điều đó là không thể tha thứ.

-Hãy truyền lệnh của ta đến các nhóm khác là phải giải tán và ngừng ngay tức khắc cái nghề ti tiện này. Sau đó, hãy báo cho tất cả các cựu chỉ huy, đặc biệt là Soi de Grisolles và Guillemot cầm vũ khí và sẵn sàng theo chỉ thị của ta chuẩn bị chiến dịch. Nhưng chưa có lệnh của ta, không ai được manh động hay dùng cờ trắng.

Bọn cướp không nói một lời, không có phản ứng gì khác và rút ra ngoài. Ông bà chủ trang trại đi dọn dẹp lại bãi chiến trường, sắp xếp lại đồ đạc vào từng ngăn tủ, cho tiền vào khay. Nửa giờ sau, tất cả lại như cũ.

Bà Doley đã không nhầm, chồng bà hôm ấy đã có đề phòng.

Ông cất phần lớn số tiền và cái túi vàng tổng cộng khoảng mười hai nghìn phăng đi. Người dân Bretagne cũng như các nông dân khác đều là những người cẩn thận thậm chí còn biết tiền liệu trước. Mặc dù đã có lời hứa của Cadoudal, ông Doley vẫn nghi có thể mọi việc sẽ xấu đi và ít ra trong trường hợp như thế, ông có thể giữ được phần lớn của cải của mình. Nghĩ sao làm vậy, ông đã cất chỗ tài sản đó.

Người ta gọi Jean và vợ ông ta về, đóng cửa lại sau khi cho xác Georges II ra ngoài. Chưa ăn gì từ sáng, Cadoudal bình thản ngồi ăn súp như thể chưa có chuyện gì xảy ra, sau đó từ chối ngủ trên giường của chủ nhà và đi ngủ trên một ổ rơm mới trong nhà kho.

Ngày hôm sau, vừa thức dậy ông đã tiếp Sol de Grisolles, người sĩ quan tuỳ tùng cũ của mình.

Anh này đang sống ở Auray, tức là cách trang trại Plescop hai dặm rưỡi. Một trong số những tên cướp nghĩ rằng mình là người tử tế với Cadoudal nên vội vã báo cho hàng xóm của mình. Thực tế là Sol de Grisolles đã chạy đến. Anh ta cũng hết sức ngạc nhiên vì giống như mọi người, anh ta nghĩ Georges Cadoudal đang ở London.

Cadoudal kể lại toàn bộ sự việc: Vết cháy và máu vẫn còn trên nền nhà. Đây hoàn toàn là sự vu khống của cảnh sát để biến hiệp ước thành vô liệu và rồi, người ta sẽ đổ cho Cadoudal là người phá vỡ hiệp ước đó. Trong trường hợp đó, mọi tự do của Cadoudal trở thành hành động ngông cuồng của ông. Chính vì thế, ông mới cần gặp Sol de Grisolles.

Trước hết, ông có ý định viết trực tiếp cho Bonaparte để thông báo rằng với những gì vừa xảy ra, ông quyết định rút lại lời đã tuyên bố và sau khi đã xử lý không chê trách vào đâu được những băng miền Tây, kẻ huỷ hoại thanh danh của ông, ông tuyên chiến với Bonaparte, không phải cuộc chiến giữa hai chế độ vì ông không thể ủng hộ nó nữa mà là cuộc trả thù kiểu của người đảo Corse.

Sol de Grisolles sẽ chịu trách nhiệm thông báo món nợ ấy. Anh ta chấp nhận ngay không chút băn khoăn, đó là một trong những người không bao giờ chùn bước, nhất là khi đó là nhiệm vụ.

Tiếp theo, Sol de Grisolles sẽ đi gặp Laurent dù anh ta ở bất cứ đâu để thông báo sẽ tập hợp lại đội quân Jéhu vào việc ngay lập tức. Georges sang London sau đó sẽ về Paris để hành sự.

Quả nhiên, sau khi ra lệnh cho Sol de Grisolles, Cadoudal cáo từ chủ nhà, tỏ lời xin lỗi vì đã mượn nhà ông để diễn vở kịch khủng khiếp đó. Hai người lên ngựa, Sol de Grisolles, đi về Vannes còn ông hướng về phía bãi biển Erdeven và Camac nơi một con tàu giả tàu đánh cá đang chờ tàu nhổ neo cũng thuận chèo mát mái như khi cập bến.

Ba ngày sau, Sol de Grigolles đã đến Paris và xin phép gặp Bonaparte vì một chuyện tối quan trọng.

Tổng tài cử Duroc đến khách sạn nơi Sol tạm nghỉ. Nhưng Sol de Grisolles lịch sự từ chối và yêu cầu đích thân được gặp Bonaparte để chuyển lời của Cadoudal. Duroc đành trở về và sau đó tới đón Sol de Grisolles. Anh gặp Bonaparte trong thái độ cực lực phản đối Cadoudal, chưa để cho Sol de Grisolles cất lời ông đã nói: -Tướng quân của anh biết giữ lời. Ông ta giả vờ đi London,

thực ra lại ở lại Morbihan, lập ra những băng đảng hành nghề đạo tặc, đạo chích khắp nơi, nhưng tôi đã ra lệnh cho tất cả chính quyền và nếu ông ta bị bắt, ông ta sẽ bị xử bắn không cần bản án nào như một tên cướp. Đừng nói chuyện này không đúng.

Các thời báo Paris cũng đưa tin, báo đồng tình với những bản báo cáo bên cảnh sát, vả lại người ta cũng đã nhận ra ông ta.

-Liệu ngài Tổng tài có cho phép tôi trả lời thay ông ấy, chứng minh cho sự vô tội của bạn tôi chỉ bằng hai từ thôi hay không?

Bonaparte nhún vai.

-Thế nếu trong năm phút nữa ngài phải thừa nhận báo chí và cảnh sát của ngài sai còn tôi đúng thì sao?

-Thì thì tôi sẽ nói rằng Régnier là đồ ngốc, thế thôi.

-Vậy thì thưa tướng quân, số báo của tờ thời báo Paris có đăng tin Cadoudal không rời Pháp và thành lập ba băng đảng ở Morbihan đã đến tay ông ấy ở London. Lập tức ông ấy lên tàu đánh cá về Pháp và cập bến tại bán đảo Quiberon. Nấp trong một trang trại bị đánh cướp đêm ấy, ông đã bước ra đúng lúc tên đầu sỏ giả danh ông ấy chuẩn bị tra tấn chủ trại. Ông chủ trang trại tên là Jacques Doley. Trang trại tên là Plescop. Ông ấy đã tiến thẳng đến kẻ giả danh, bắn vỡ sọ hắn và nói: “Mày nói láo, tao mới là Cadoudar”. Sau đó, ông ấy giao trọng trách cho tôi đến nói với ngài rằng chính tướng quân hoặc cảnh sát của các vị đã bôi nhọ thanh danh của ông ấy bằng cách gán cho ông ấy tội danh cầm đầu băng cướp và dựng một kẻ có dáng dấp giống ông ấy lên. Ông ấy đã trả thù kẻ này bằng cách giết hắn và đuổi quân ô hợp ấy đi dù chúng có hai mươi tên còn ông chỉ có một.

-Làm sao tôi tin điều anh nói được.

-Tôi đã thấy cái xác, còn đây là chứng nhận của chủ trang trại.

Sol de Grisolles đưa ra bản tường trình sự việc cho ngài Tổng tài có chữ ký của ông bà Doley.

Và Sol nói tiếp: -Kể từ khi đó, ông ấy không giữ cam kết với ngài nữa cũng như không chấp nhận cam kết của ngài và chỉ có thể tuyên chiến với ngài vì ngài đã lấy đi mọi phương cách tự vệ của ông ấy. Ông ấy tuyên bố sẽ có một cuộc trả thù theo phong thức đảo Corse của ngài: ăn miếng trả miếng!

-Này, anh kia – Duroc kêu to – Anh có biết mình đang nói chuyện với ai không?

-Tôi đang nói với một người đã cam kết như chúng tôi đã cam kết và giống như chúng tôi bây giờ, ông ấy không có quyền để giữ lời nữa.

-Anh ta nói có lý đấy, Duroc – Bonaparte nói – để xem anh ta nói đúng không.

-Thưa tướng quân; một khi người Bretagne đã nói? – Sol de Grisolles kêu lên.

-Một người Bretagne cũng có thể nhầm hoặc bị lừa chứ. Duroc, hãy đi tìm Fouché đến đây.

Mười phút sau, Fouché đã có mặt trong phòng Tổng tài. Từ xa, Bonaparte đã nhận ra viên cựu Bộ trưởng cảnh sát.

-Ông Fouché, Cadoudal ở đâu?

Fouché bật cười.

-Tôi không thể trả lời được vì tôi không biết.

-Tại sao như thế?

-Vì tôi không ở bộ Cảnh sát nữa.

-Ồ, ông biết là ông vẫn ở đó cơ mà.

-Chỉ ở dạng sát nhập thôi.

-Đừng đùa nữa, thực ra thì đúng! Ông sát nhập vai đó. Tôi liếp tục công việc cho ông, ông sẽ có cơ quan tương tự và ông sẽ báo cho tôi tất cả như thể ông vẫn ở bộ mang tên đó. Tôi hỏi Cadoudal đang ở đâu?

-Giờ này chắc ông ta đã trở lại London. Như vậy là ông ta đã rời nước Anh?

-Đúng thế.

-Để làm gì?

-Để đi bắn vỡ sọ một tên cầm đầu băng đảng giả danh ông ta.

-Và giết chết hắn chứ?

-Ngay giữa hai mươi người tại trang trại Plescop, nhưng ông đây – Fouché nói và chỉ vào Sol de Grisolles – có thể nói hết cho ngài biết bởi lẽ ông ta hầu như chứng kiến, Plescop, tôi nghĩ chỉ cách Auay hai dặm rưỡi thôi.

-Thế ư! Ông biết tất cả chuyện đó mà không báo cho tôi ư?

-Thì ông Régnier đang là cảnh sát trưởng, ông ta có trách nhiệm báo cho ngài, còn tôi chỉ là một kẻ kỳ cục, một thượng nghị sĩ thôi.

-Thế đấy những người bình thường thì chẳng bao giờ làm được cái nghề đó – Bonaparte thốt lên.

-Cảm ơn tướng quân – Fouché nói.

-Thôi được rồi! Anh chỉ thiếu một thanh xà nữa là sang bến của người chính trực. Ở vị trí của anh, tôi sẽ phải rất thận trọng. Anh được tự do, anh Grisolles. Tôi chấp nhận việc trả nợ như ngài Cadoudal tuyên bố. Cứ bảo ông ta cẩn thận, về phần mình, tôi cũng sẽ phòng vệ, nhưng một khi bị bắt, ông ta đừng mơ được ân xá.

-Đó cũng là điều ông ấy muốn – Anh chàng Bretagne nói và cúi mình chào, sau đó ra khỏi phòng làm việc của ngài Tổng tài để ông ở lại với Fouché.

-Ông nghe rõ chưa Fouché, cuộc trả thù bắt đầu rồi và ông sẽ là người bảo vệ tôi!

-Hãy khôi phục cho tôi Bộ cảnh sát, tôi sẽ bảo vệ ngài.

-Ông là một kẻ ngốc vĩ đại, ông Fouché. Một cơn người tài trí như ông thì cần gì phải có bộ này ông mới bảo vệ được tôi. Vả lại như thế còn dễ dàng hơn cho ông vì sẽ không ai nghi ngại ông cả. Hơn nữa, tôi mới huỷ bộ này hai tháng, tôi không thể thiết lập nó lại ngay như vậy. Hãy giúp tôi loại trừ mối nguy hiểm này rồi tôi sẽ lập lại nó. Trong khi chờ đợi, tôi mở cho ông một tài khoản năm trăm ngàn phăng từ nguồn bí mật. Hãy ngoạm cho đẹp vào, khi nào cạn vốn hãy báo cho tôi. Nhưng trước nhất tôi muốn Cadoudal phải được lành lặn và còn sống.

-Tôi sẽ lo chuyện đó, nhưng muốn vậy thì cũng phải xem ông ta có về Pháp không.

-Ô yên tâm đi, hắn ta sẽ về. Tôi chờ tin của ông đấy.

Fouché chào Tổng tài Bonaparte rồi vội vã hết mức chạy ra xe và kêu to: -Về lâu đài nhanh lên!

Vừa xuống xe, ông ta đã ra lệnh: -Cho người đi gọi ông Dubois, nếu nó dẫn theo cả Victor, một trong số nhân viên cừ nhất đến đây.

Nửa giờ sau, hai con người được gọi đã có mặt trong phòng làm việc của Fouché.

Dù ông Dubois đã chuyển sang làm việc cho cảnh sát trưởng mới nhưng ông này vẫn rất trung thành với Fouché. Không chỉ vì nguyên tắc đạo đức mà cả vì quyền lợi nữa. Ông hiểu rằng sự thất sủng của Fouché chỉ là tạm thời mà ông ta thì không hay phản bội người mà chỉ phản bội khi không có lợi mà thôi. Do đó, ông ta vẫn dành vài nhân viên lanh lợi nhất chuyên phục vụ cho Fouché. Ngay khi được gọi, ông ta đã chạy đến.

Hai chồng vàng đang đặt cạnh lò sưởi thì Dubois dẫn Victor vào. Nhân viên Victor vẫn mặc đồ dân sự do Dubois kéo đi quá vội vã.

-Chúng tôi không muốn làm mất thời gian – Dubois chống chế – chính vì vậy tôi mang theo một trong số những người tin cẩn nhất trong trang phục đang mặc thế này.

Fouché không đáp tiến về phía chàng trai, giương cặp mắt ngạo nghễ nhìn anh ta.

-Quỷ thật? Chết tiệt! Ông Dubois, đây không phải người chúng ta cần.

-Vậy ngài cần gì thưa, công dân Fouché?

-Tôi cần một thủ lĩnh Bretagne để theo dõi có thể ở Đức nhưng chắc chắn sẽ sang Anh. Tôi cần một người văn võ song toàn có thể theo ông ta vào các quán cà phê, các câu lạc bộ và thậm chí trong những phòng tiếp sang trọng. Tôi cần một quý ông thế mà anh lại mang cho tôi một tay cục mịch như thế này sao?

-Điều này thì đúng đấy – Nhân viên của Dubois nói – Quán cà phê, câu lạc bộ, phòng tiếp sang trọng không quen tôi đâu, nhưng nếu thả tôi vào quán trọ,

các sàn nhảy hay quán rượu thì ngài sẽ biết tôi không kiêng đâu.

Dubois ngạc nhiên nhìn nhân viên của mình, anh ta ra hiệu lại cho ông. Dubois đã hiểu.

-Do đó – Fouché nói – ông hãy gởi ngay cho tôi một người tối nay có thể đến nhà nhiếp chính không để chậm một giây nào.

-Tôi sẽ có việc cho anh ta – Sau đó cầm hai đồng vàng trên đống và nói – Này anh bạn, chỗ này cho anh vì đã quấy rầy anh nếu tôi cần ai cho việc giám sát dân chúng tôi sẽ gọi anh. Nhưng hãy ngậm mồm ngậm miệng về chuyến viếng thăm này nhé.

-Ngậm mồm ngậm miệng – Anh chàng nhân viên vui vẻ đáp – Ngài cho gọi tôi nhưng lại không sai bảo gì, cho tôi hai đồng vàng chỉ để tôi ngậm miệng.

-Tốt lắm! Tốt lắm! Cậu bé của ta. Thôi đi đi.

Cả hai người đi ra xe. Fouché sốt ruột nhìn theo sự chậm trễ ấy nhưng hắn hiểu lỗi do mình vì đã không chỉ định tìm người rõ ràng và ông ta chỉ còn nước chờ đợi mà thôi.

Thật ra thì Fouché cũng không phải chờ lâu. Hơn mười lăm phút sau, người ta thông báo có người hắn cần tìm đến gặp.

-Tôi đã bảo là cho vào ngay cơ mà – Fouché mất hết kiên nhẩn kêu lên – Cho vào ngay!

-Tôi đây, tôi đây thưa công dân – Người bước vào hồ hởi giới thiệu, đó là một thanh niên đích thực độ hai mươi sáu tuổi, tóc đen, đôi mắt hoạt bát và sáng láng, cách ăn mặc miễn chê.

-Tôi không để lỡ một phút nào và đã có mặt.

Fouché ngắm nghía chàng trai bằng đôi mắt lé của mình.

-Đến sớm đấy! Đúng người cần đây rồi.

Sau một lát im lặng dò xét, Fouché hỏi: -Anh có biết mình sẽ làm gì không?

-Có, đi theo dõi một người khả nghi, đi cùng anh ta sang Đức cũng nên. Chuyện này không khó khăn gì vì tôi nói tiếng Đức như người Đức và tiếng Anh như người Anh. Tôi sẽ không để kẻ đó lọt khỏi tầm mắt dù chỉ một khoảnh khắc. Chỉ cần chỉ người đó cho tôi hay là tôi đã gặp một lần hoặc nói cho tôi hắn là ai và đang ở đâu.

-Anh ta tên là Soi de Grisolles, vốn là tuỳ tùng của Cadoudal – Anh ta trọ trên phố Loi, khách sạn Unité. Có thể anh ta đã đi rồi, trong trường hợp ấy, anh phải hỏi xem anh ta đi đường nào và nhanh chóng bắt kịp. Tôi muốn biết tất cả những gì anh ta sẽ làm.

-Còn đây – Fouché nói thêm và chỉ vào hai đống vàng cạnh lò sưởi – Đó là thứ giúp anh dò la.

Chàng trai chìa tay đeo găng gạt số tiền vàng vào túi không cần đếm.

-Bây giờ, – Chàng trai lịch lãm nói – Chúng ta có phải trả hai đồng louis cho anh chàng Thợ Nề không?

-Cái gì, hai đồng cho Thợ Nề à? – Fouché hỏi.

-Hai đồng mà lúc nãy ngài đưa cho tôi ấy.

-Thế người lúc nãy là anh đấy ư?

-Thế thì – Fouché chỉ vào đống vàng thứ ba – chỗ này cũng là của anh nhưng đó là tiền thưởng. Thôi, đừng để mất thêm thời gian nữa, tôi muốn có tin tức ngay tối nay.

-Ngài sẽ có.

Chàng trai đi ra hài lòng về Fouché cũng như hắn hài lòng về anh. Ngay tối hôm đó, Fouché đã nhận được tin tức đầu tiên.

"Tôi đã thuê một phòng cạnh phòng công dân Sol de Grisolles trong khách sạn Unité, phố Loi. Qua ban công chung của bơn cửa sổ, tôi có thể biết căn phòng ấy sắp đặt thế nào. Một chiếc bàn kê sát vách phòng của tôi dùng để tiếp khách, tôi đã đục một lỗ cho phép nhìn được tất cả và nghe khá rõ. Công dân Sol de Grisolles đã không gặp được một người mà anh ta đến tận khách sạn Mont-Blanc nên chờ anh này đến tận hai giờ sáng. Anh ta cũng báo trước sẽ đón bạn mình rất muộn. Tôi sẽ là người thứ ba tham dự chuyến viếng thăm ấy mà anh ta không biết.

THỢ NỀ

Tái bút – Sớm ngày mai ngài sẽ có tin thứ hai"

Sớm hôm sau, Fouché bị đánh thức bởi tin thứ hai có nội dung như sau:

"Người bạn mà công dân Sol de Grisolles đợi chính là Laurent lừng danh, hay còn gọi là Laurent bảnh trai, thủ lĩnh quân Jéhu. Sol nhận lệnh từ Cadoudal đến gặp anh này và truyền lệnh kêu gọi những cựu binh tiếp tục lời thề gia nhập chiến dịch của ông ta. Thứ bảy tuần sau, họ phải bắt đầu lại các cuộc chặn xe thu thuế Rouen đến Paris trong rừng Vernon. Những ai không vào vị trí của mình sẽ bị xử tử.

Công dân Sol de Grisolles sẽ đi Đức vào mười giờ sáng. Tôi sẽ đi cùng anh ta, chúng tôi sẽ qua Strasbourg và báo trước anh ta sẽ đến Ettenheim, nơi ở của Công tước Enghien.

Thợ Nề."

Mẩu tin thứ hai này như ánh mặt trời loé lên trên bàn cờ của Fouches. Nhờ nó, viên trưởng Bộ Cảnh sát "sáp nhập" có thể nhìn được nước cờ của Cadoudal. Viên tướng này không hề rung cây doạ khỉ khi đe doạ trả món nợ với Bonaparte. Ông ta đồng thời thiết lập lại các hoạt động của quân Jéhu vừa sai tuỳ tùng đến chỗ ở của công tước Enghien. Chắc chắn ông ta đã mệt mỏi trước những chần chừ do dự của con trai bá tước Artois và thậm chí cả bá tước Artois, những ông hoàng duy nhất Cadoudal còn liên hệ vì họ hứa không chỉ chu cấp nhân lực và tài

chính mà còn cả sự bảo lãnh nhân thân hoàng gia. Tuy nhiên chẳng mấy khi họ giữ lời nên Cadoudal đành viện đến hậu duệ cuối cùng của dòng tộc nhà Condé để xem ông này có giúp gì hơn những lời cam kết và an ủi hay không.

Thế là lưới đã buông sẵn, Fouché chỉ còn nằm im chờ đợi giống như một con nhện nằm chờ ở góc mạng do mình giăng ra.

Duy chỉ có quân miền Andelys và Vemon là nhận lệnh phải luôn ở tư thế sẵn sàng.

§25. Công tước Enghien

Như đã nói ở trên, công tước Enghien sống trong một lâu đài nhỏ ở Ettenheim trong miền lãnh địa của thái công Bade, hữu ngạn sông Rhin cách Strasbourg hai mươi ki lô mét.

Đó là cháu trai của hoàng thân Condé. Hoàng thân Condé lại là con trai của hoàng tử Condé hay còn gọi là Borgne, một tước vị rất cao quý dưới thời trị vì của Đức, quận công Orléans. Chỉ duy nhất một cụ nhà Condé là người đã chia cắt nhà Condé với quận công Orléans. Chiến thắng ở Rocroi, làm sáng tỏ cái chết của vua Louis XII thắng trận Thionville hay Nordlingen đã khiến cụ được phong là nhà vĩ đại. Cụ có thể là con trai của vua Henri Đệ nhị triều Bourbon. Mong muốn có được ngai vàng đã khiến Condé trở thành người đầu tiên tố cáo hai con trai của hoàng hậu Anne d'Autrice tức vua Louis XIV và quận công Orléans không phải là con trai của Vua Louis XIII, điều này kể cũng có thể là sự thật lắm chứ.

Còn về vua Henri Đệ nhị triều Bourbon mà chúng ta vừa nhắc đến đã có kết hợp với đại tộc Condé khiến tính cách của Condé cụ có lai tạp và trở thành người vừa keo kiệt lại hay tư lự.

Dù chuyện xảy ra từ thời của con trai vua Henri Đệ nhất triều Bourbon nhưng dẫu sao Condé cụ vẫn có một người cha khác. Mẹ của cụ Charlotte de la Trémouille có vụng trộm với một gã giúp việc. Sau bốn tháng vắng mặt, chồng bà đột ngột trở về. Gã kia nhanh chóng bị bắt còn người vợ lăng nhăng gần như trên con đường chết. Bà ta mời chồng tham dự vào một buổi tiệc vương giả.

Dù là mùa đông, bà ta vẫn cho lùng những hoa quả ngon nhất rồi ăn chung với chồng một quả lê. Chỉ có điều bà dùng lưỡi dao bằng vàng có tẩm thuốc độc để bổ nửa quả lê cho chồng.

Đức vua chết ngay trong đêm.

Charles Bourbon tưởng mình là người báo tin này cho Henri Đệ tứ ông ta nói: -Thực ra chuyện này giống như việc tiễu trừ giáo hoàng Sixte Đệ ngũ thôi.

-Đúng thế – Henri Đệ tứ đáp.

Bản án rất gay gắt chống lại Charlotte de la Trémeuille nhưng Đức vua Henri Đệ tứ đã tham gia xét xử và quẳng tất cả vào lửa. Khi mọi người hỏi lý do của hành động kỳ quặc đó, ngài trả lời: -Thà để một thằng con hoang thừa hưởng tước danh Condé hơn là phải thấy tên tuổi danh giá ấy bị tan vào hư vô.

Và một đứa con hoang thừa hưởng tên tuổi Condé đã pha tạp vào tên tuổi ấy vài thói hư tật xấu mà một trong số đó lại là sự nổi loạn vì thế chúng tôi chỉ là những tiểu thuyết gia, nếu tôi đi sâu vào những chi tiết như thế, người ta sẽ cho

rằng làm sao chúng tôi thông thái lịch sử bằng các nhà sử học, và nếu tôi cứ đưa ra những chuyện này, người ta sẽ lại nói tôi tầm thường hoá dòng tộc vua chúa.

Trở lại với công tước Enghien đó là một thanh niên ba mươi ba tuổi rất đẹp trai đã đi sống lưu vong cùng cha và bá tước Artois.

Bá tước Artois từng gia nhập đoàn tị nạn năm 1797 và suốt tám năm tuyên chiến chống lại nước Pháp. Sau khi quân đội của hoàng thân Condé bị giải tán, công tước Enghien có thể rút sang Anh như ông nội, cha và các vương tôn công tử khác nhưng vì còn vướng bận tơ lòng nên ông thích ở lại Ettenheim.

Tại đây, ông sống khá thanh đạm bởi lẽ số tài sản kếch xù bao gồm thừa kế của vua Henri Đệ tứ, tài sản của quận công Montmorency và gia sản của Louis le Borgne đã bị cách mạng tịch biên. Những người lưu vong sống quanh Offenbourg thỉnh thoảng vẫn đến thăm hỏi ông. Khi thì có đám thanh niên đến tổ chức buổi đi săn trong rừng Forêt-Noire khi thì chính hoàng thân biến mất trong vài ngày rồi lại đột ngột xuất hiện mà không ai biết ông đi đâu. Sự vắng mặt ấy nhiều lúc cũng tạo ra các tin đồn thị phi, vị thân vương chẳng bận tâm để mặc ai muốn nghĩ gì thì nghĩ chứ không hề đưa ra lời giải thích nào cả.

Một buổi sáng, có một người đàn ông xuất hiện trước nhà công tước và muốn gặp ông. Anh ta đã qua sông Rhin tại Kell, đi theo đường Offenbourg để đến đấy.

Hoàng thân đã đi vắng từ ba hôm. Người thanh niên kiên nhẫn chờ. Ngày thứ năm thì hoàng thân trở về.

Người thanh niên xưng tên và thông báo mình do ai cử đến. Dù anh không nài gặp hoàng thân ngay mà tuỳ ông tiếp lúc nào tiện lợi cũng được, tuy nhiên hoàng tước đã cho vời ngay lập tức.

Người đàn ông lạ ấy chính là Soi de Grisolles.

-Anh đến từ chỗ tướng Cadoudal tài ba đó ư? – Hoàng thân hỏi – Ta vừa đọc một tờ báo Anh đưa tin ông ấy đã rời London, đến Pháp để trả thù một kẻ làm ô danh ông ấy, sau đó ông ấy đã về London rồi.

Viên sĩ quan tuỳ tùng của Cadoudal thuật lại toàn bộ sự việc xảy ra không dám thêm bớt một chi tiết nào sau đó kể cho hoàng thân về nhiệm vụ tới gặp Tổng tài để tuyên chiến, gặp Laurent và ra lệnh tập hợp quân Jéhu chuẩn bị hoạt động trở lại.

-Anh còn điều gì muốn nói với ta phải không? – Hoàng thân trẻ tuổi hỏi.

-Dạ có thưa hoàng thân. Tôi đến để thưa với ngài rằng, mặc dù hoà ước Lunéville đã có nhưng một cuộc chiến khốc liệt chưa từng thấy sắp diễn ra để chống lại Tổng tài, tướng Pichegru đã thoả thuận với phu nhân của ngài bằng tất cả mối căm thù dồn nén bấy lâu để chống lại chính phủ Pháp từ hồi phải đi tị nạn ở Sinnaramry; tướng Moreau đang tức giận vì không được coi trọng khi thắng lợi ở Hchenlinden và mệt mỏi khi phải thấy quân đội và các tướng lĩnh sông Rhin liên tiếp xả thân cho cuộc chiến Italie, nên có thể dựa vào uy tín của ông ta thêm

nữa. Chuyện này mới chỉ là tin đồn thôi nhưng tôi cũng chịu trách nhiệm nhắc ngài, thưa hoàng thân.

-Chuyện gì?

-Đó là một tổ chức xã hội bí mật đang tập hợp quân đội.

-Tổ chức những người Philadelphes?

-Ngài cũng biết nó ư?

-Ta đã nghe nói đến.

-Vậy đức ngài có biết ai là thủ lĩnh không?

-Đại tá Oudet.

-Ngài gặp ông ta rồi chứ?

-Một lần ở Strasbourg nhưng không để ông ta biết ta là ai.

-Đức ngài thấy ông ta thế nào?

-Anh ta tạo cho ta cảm giác đó là con người trẻ trung rất có chí khí cho sự nghiệp đồ sộ mà anh ta đang mơ tưởng.

-Vâng, đức ngài quả không nhầm – Soi de Grisolles nói – Oudet sinh ra trong miền núi Jura và có đủ sức mạnh thể chất cũng như tinh thần của người miền núi.

-Anh ta chỉ độ hai mươi lăm tuổi thôi.

-Bonaparte cũng chỉ hai mươi sáu tuổi khi ông ta đánh chiến dịch Italie đấy thôi.

-Anh ta bắt đầu bằng việc đứng về phe chúng ta.

-Vâng, chúng tôi biết ông ta từ hồi ở Vendée.

-Sau đó lại quay sang bọn Cộng hoà.

-Nghĩa là hồi ấy ông ta mệt mỏi khi cảnh người Pháp nồi da nấu thịt lẫn nhau.

Hoàng thân thở dài và nói: -Ta cũng vậy, ta mệt mỏi lắm rồi.

-Thưa không bao giờ, dù đức ngài cứ tưởng đã đánh giá hết một con người không khoe khoang những thực ra đó là một người chưa có ai từng có đủ các phẩm chất đối lập và tự nhiên như thế. Ông ấy có vẻ ngây thơ của một đứa trẻ và sự dữ dội của một con sư tử vẻ lơi lả của một cô thiếu nữ đồng thời lại có vẻ quyết đoán của một người La Mã lớn tuổi. Đó là người vừa năng động lại vừa trầm tư vừa lười nhác lại mẫn cán hơn hết thảy, tính khí thay đổi rất linh hoạt lúc dịu dàng khi nghiêm khắc, lúc hiền lành khi lại khủng khiếp lúc nhu lúc cương. Tôi chỉ có thể thưa với đức ngài trước danh dự của ông ấy rằng những người như Moreau và Malet đã chấp nhận ông ấy làm thủ lĩnh và chịu sự chỉ huy của ông ấy rồi.

-Kể cả ba thủ lĩnh vừa nói?

-Oudet, Malet và Moreau Philopcemen, Manus và Fabius. Một người nữa sắp gia nhập đó là tướng Pichegru với bí danh Thémistocle.

-Ta thấy trong tổ chức ấy nhiều thành phần quá khác nhau – Hoàng thân nói.

-Nhưng họ rất mạnh. Ban đầu chúng ta sẽ lật đổ Bonaparte đã khi đã có chỗ, ta sẽ tìm được người hoặc nguyên tắc cần thiết để đặt vào vị trí đó.

-Thế các anh định lật đổ Bonaparte bằng cách nào? Ta hy vọng là không bằng một vụ mưu sát chứ?

-Không, những sẽ có trận quyết đấu.

-Anh nghĩ Bonaparte sẽ lại chấp nhận cuộc đấu? Ba mươi người chắc? – Hoàng thân nói và bật cười.

-Không, thưa Hoàng thân, nhưng chúng tôi sẽ buộc ông ta phải chấp nhận. Ít nhất mỗi tuần ông ta sẽ đến La Malmaison ba lần kèm theo một đoàn tuỳ tùng khoảng bốn đến năm mươi người. Cadoudal sẽ tấn công ông ta bằng đội quân đông tương đương và Chúa sẽ phán quyết đâu là lẽ phải.

-Như thế thì quả cũng không phải là cuộc ám sát – Hoàng thân trầm ngâm – đó là một cuộc chiến hẳn hoi.

-Nhưng để kế hoạch này thành công, tâu đức ngài, chúng tôi có sự hậu thuẫn của một hoàng thân, can đảm và nổi tiếng như ngài đây. Các quận công Beng, Angoulême và cha của họ, bá tước Artois đã hứa hẹn với chúng tôi bao nhiêu lần thì bấy nhiên lần nuốt lời nên chúng tôi không thể trông mong gì ở họ. Chính vì thế tôi lặn lội đến đây thay mặt tất cả mọi người mời ngài về Paris để một khi Bonaparte chết, đất nước quay trở lại triều đình và có một trưởng tộc Bourbon lên ngai ngay đúng theo luật.

Hoàng thân nắm tay Sol de Grisolles mà rằng: -Thưa ngài, tôi xin tỏ lòng biết ơn sâu sắc về những gì các ngài dành cho tôi, tôi xin chứng tỏ, chỉ riêng ngài thôi, bằng chứng về tình cảm ấy bằng cách tiết lộ một bí mật mà không ai biết kể cả cha tôi. Với Cadoudal, Oudet, Moreau, Pichegru và Malet tôi nói rằng: "Chín năm tôi giữ chiến tuyến cũng là chín năm ngoài mạng sống luôn bị đe doạ, tôi không mảy may quan tâm, tôi ngậm đắng nuốt cay trước các thế lực cứ nói là đứng về phe chúng tôi nhưng thực chất chỉ coi chúng tôi là công cụ, là tấm bình phong. Một khi các thế lực này có được hoà bình, chúng lại quên chúng tôi ngay. Cũng chẳng sao, tôi không dai dẳng một mình trong trận chiến hoàng tộc, giống như cụ cố Condé vĩ đại ngày xưa chống lại vua nên huỷ hoại một phần vinh quang của mình. Các ông sẽ nói với tôi rằng cụ Condé chống lại vua còn tôi chống lại nước Pháp cơ mà. Xét về quan điểm mà tôi chiến đấu vì nó, cá nhân tôi, tôi không thể tán thành với nó, biết đâu lỗi của tổ tiên tôi chỉ vì cụ chỉ chống lại có một mình vua của cụ thì sao.

-Tôi đã chống lại nước Pháp, nhưng với tư cách là nhân vật thứ hai, tôi đã không tuyên chiến cũng như không tuyên bố chấm dứt chiến tranh, tôi để mặc các thế lực làm gì cũng được. Tôi đã nói với định mệnh "Ngươi gọi ta thì ta đây", bây giờ, khi hiệp ước hoà bình đã ký, tôi sẽ chẳng đổi những gì đã kết thúc.

-Đó là những lời tôi nói với họ đấy. Còn bây giờ, chỉ cho mình ngài thôi đấy. Hãy hứa với tôi ngài sẽ giữ bí mật này không nói cho bất cứ ai.

-Tôi xin thề, thưa đức ông.

-Được rồi mong ngài thứ lỗi cho sự yếu đuối của tôi nhé, tôi đang yêu.

Sol gật đầu.

-Sự yếu đuối đúng thế – Công tước lặp lại – Nhưng đồng thời đó cũng là hạnh phúc, sự yếu đuối thôi thúc tôi mạo hiểm cái đầu của mình ba bốn lần một tháng để vượt sông Rhin đi gặp người phụ nữ tôi yêu. Người ta cứ tưởng tôi chịu xa anh em và ngay cả cha mình ở lại Đức vì lý do gì đó. Nhưng không, điều lưu luyến tôi chính là tình yêu nóng bỏng, cao thượng, khó cưỡng khiến tôi phải gắn tình yêu ấy với nghĩa vụ của mình. Người ta cứ bàn tán xem tôi đi đâu, người ta tưởng tôi đang chuẩn bị mưu phản. Than ôi! Than ôi! Tôi chỉ đang yêu, có thế thôi?

-Ôi! Thật vĩ đại và thần thánh thay thứ gọi là tình yêu vì nó đã khiến một thành viên Bourbon quên hết mọi điều kể cả nghĩa vụ của mình – Sol de Grisolles mỉm cười thì thầm – Tâu hoàng thân, xin người cứ yêu đi, yêu đi và chúc ngài hạnh phúc! Hãy tin một điều đó là sứ mệnh thật sự của đàn ông.

Sol de Grisolles đứng dậy để cáo từ.

-Ồ đừng ra đi như thế chứ? – Công tước nói.

-Tôi còn gì để làm bên ngài nữa ư?

-Anh còn phải nghe tôi nữa. Tôi chưa nói với ai về tình yêu của tôi. Ôi chao! Mối tình này làm tôi nghẹn thở mất tôi đã tin tưởng kể cho anh những như thế chưa đủ. Tôi còn phải nói về nó và còn nói nữa. Anh đã bước vào phần đời hạnh phúc và tươi vui của tôi, tôi cần phải kể cô ấy xinh đẹp thông minh và tận tình thế nào. Hãy ở lại ăn tối cùng tôi và sau đó anh có thể đi. Tôi có thể nói ít nhất hai tiếng về cô ấy. Tôi yêu cô ấy ba năm rồi thế mà không thể nói về cô ấy với bất cứ ai.

Grisolles ở lại ăn tối.

Trong suốt hai tiếng, hoàng thân chỉ nói về người đàn bà của ông, kể toàn bộ tỷ mỉ cuộc tình ấy. Ông ta cười, khóc, ôm người bạn mới, rồi mới cho anh ta đi.

Ngay tối hôm đó, sứ giả của Cadoudal sang nước Anh. Thám tử của Fouché cũng kịp gửi nhất cử nhất động của Sol về.

“Xuất phát một tiếng sau Sol de Grisolles.

Theo chân từng trạm, qua cầu Kell, ăn tối cùng phòng tại Offenburg mà không bị nghi ngờ…

Ngủ lại Offenburg.

Tiếp tục khởi hành lúc tám giờ sáng cách xe đi trước nửa tiếng.

Đến khách sạn La Croix, còn S de G đến khách sạn Rhin ét Moselle.

Vì sự hiện diện của tôi có thể gây chú ý nên tôi kím cớ đến gặp đức giáo hoàng cuối cùng của Strasbourg, ngài Rohan-Gueméné, rất nổi tiếng trong vụ Cái vòng cổ. Tôi giả vờ là dân tị nạn qua Ettenheim mà không thể không đến thăm hỏi ông ta. Vì ông ta khá ưa nịnh nên tôi giở đủ ngón tán dương đến nỗi ông phấn khởi mời tôi ở lại dùng bữa tôi. Nhân cơ hội ấy, tôi đã dò la về công tước Enghien. Vị hoàng thân này và ông ta ít khi gặp nhau nhưng trong cái thành phố chỉ có ba nghìn dân này thì ai chẳng biết người khác làm gì.

Hoàng thân là một thanh niên tuấn tú khoảng ba hai hoặc ba mươi ba tuổi, tóc vàng và thưa, rất hào hiệp, dũng cảm và phong nhã. Cuộc đời ông ta khá bí ẩn vì thỉnh thoảng ông lại biến mất mà không ai biết đi đâu. Đức Giáo hoàng đoán ông này không sang Pháp vì hai lần đã gặp trên đường Strasbourg, một lần ở Offenburg, một lần khác ở Benfeld.

Công dân S de G được công tước Enghien tiếp đón nồng hậu, giữ lại dùng bữa tôi, anh này chấp nhận và cuối cùng công tước đưa anh ta ra tận xe và ôm hôn thắm thiết.

Công dân S de G tiếp tục sang London. Anh ta khởi hành lúc mười một giờ đêm thì mười hai giờ tôi cùng bám sát.

Ngài hãy mở cho tôi một tài khoản chừng một trăm louis gửi chỗ đại sứ quán Pháp, trong trường hợp tôi buộc phải ở lại đây thì cũng không ai nghi ngờ tài khoản ấy.

Tái bút – Mong đức ngài nhớ cho rằng ngày mai quân Jéhu bắt đầu chiến dịch và sẽ phải chặn xe thuế từ Rouen trong rừng Vernon.”

Nhờ những tình tiết vừa sáng tỏ trước mắt chúng ta, hy vọng các bạn hiểu được lý do gì đã khiến bá tước Sainte-Hermine phải vội vã bỏ trốn trong đám cưới như vậy.

Số là trước đây được giải ngũ được cởi bỏ lời thề do Cadoudal tự tay viết thông báo bá tước Sainte-Hermine ngỡ có thể được hành sự theo ý muốn nêu mới ngỏ lời xin cưới tiểu thư Sourdis, và cô gái đã đồng ý.

Khi Hector chuẩn bị ký vào tờ hôn ước thì hiệp sĩ Mahalin vội vã đến lâu đài, ngăn Hector đúng lúc Hector chuẩn bị cầm bút ký ở trong phòng Mahalin đã đọc lệnh của Cadoudal yêu cầu Laurent tiếp tục cầm vũ khí và lệnh tập hợp tất cả quân Jéhu của Laurent để sẵn sàng hành động.

Hector đã kêu lên đau đớn. Tất cả giàn máy chém như đổ sụp xuống hạnh phúc của anh, những giấc mơ êm ái nhất được nuôi dưỡng, kỳ vọng suốt hai tháng qua giờ đã thành mây khói.

Nếu ký vào giấy kết hôn, anh có thể mạo hiểm, vào một ngày nào đó biến tiểu thư Sourdis thành goá phụ của một người đàn ông có cái đầu lăn lông lốc dưới dàn máy chém như một tên cướp có vũ khí. Tất cả những mặt tốt đẹp về chàng hiệp sĩ sẽ biến mất trong mắt nàng. Nó không được nhìn qua lăng kính

màu hồng nữa mà ngược lại qua tấm kính biến dạng khổng lồ. Chỉ chạy trốn mới cứu vãn được tình thế. Hector không lưỡng lự một giây nào nữa, anh như một chiếc ly vỡ vụn chỉ nói được một từ.

-Trốn thôi!

Rồi lao ra khỏi lâu đài cùng hiệp sĩ Mahalin.

§26. Rừng Vernon

Ngày thứ bảy sau đó, khoảng mười một giờ đêm, có hai người đàn ông cưỡi ngựa ra khỏi làng Port-Mort, đi qua Isle và Pressagny, đến con đường chạy từ Andelys đến Vemon, qua những cây cầu gõ cũ kỹ, qua năm cối xay để đến Vemonnet và cuối cùng rẽ vào đường nôi Paris với Rouen.

Đầu cầu bên kia, chỉ cần ngoảnh mặt sang bên trái sẽ thấy cánh rừng Bizy hiện ra như một cánh cung đen sẫm. Dưới cánh cung ấy có bóng hai kỵ sĩ khác không cách xa nhau quá.

Khi hai người bạn này đi qua Pressagny cũng là lúc hai kỵ sĩ đầu tiên xuống tả ngạn sông Seine, đi từ Rolleboise và rẽ vào rừng nơi hai người kia đã biến mất. Họ như bàn bạc một lát rồi quả quyết đi vào rừng. Nhưng vừa đi được hơn chục bước đã có tiếng kêu lên "Ai đó."

-Vemon! – Hai người mới đến đáp.

-Versailles! – Hai người đến đầu tiên trả lời.

Trên một con đường xuyên cánh rừng nối Thilliers-en-Vexin với Bizy cùng lúc ấy cũng có hai kỵ sĩ nữa đến. Thông qua mật hiệu, họ gia nhập vào bốn người kia.

Sáu người đàn ông nói với nhau vài câu để nhận nhau sau đó tất cả họ đều im lặng chờ đợi.

Mười hai giờ đêm.

Mỗi người trong số họ lần lượt đếm mười hai tiếng chuông đổ xa xa. Kèm theo đó là tiếng bánh xe lăn không rõ lắm. Họ đặt tay lên cánh tay bạn mình và nói.

-Hãy nghe nhé!

-Ừ – Tất cả cùng đáp.

Họ hiểu và tiếng động ấy đã vang lên khá gần. Người ta nghe thấy tiếng nạp đạn lách cách. Đột nhiên từ khúc ngoặt xuất hiện hai ánh đèn dẫn đường cho xe thuế. Người ta không còn nghe thấy chính hơi thở của mình mà chỉ còn nhịp đập con tim rộn ràng gấp gáp như những giọt nước chảy trong động.

Chiếc xe vẫn tiến lên phía trước.

Khi nó chỉ còn cách chục bước, hai kỵ sĩ lao ra chặn đầu xe ngựa còn bốn người áp vào cửa xe và hô to: -Quân Jéhu đây, đừng chống cự vô ích!

Chiếc xe dừng lại một lát rồi đột nhiên đạn từ hai cánh cửa bắn ra xối xả và một giọng hét lên "Nước đại" khiến cỗ xe từ mà chồm lên.

Hai lính Jéhu đã nằm lăn ra đất. Một người bị đạn xuyên từ thái dương này sang bên kia. Anh ta vô phương cứu chữa. Người thứ hai bị ngã khỏi ngựa đang

cố với khẩu súng văng ra xa. Nhưng người khác thì lao vào rừng hay nhảy xuống sông và kêu la.

-Có mai phục, mạnh ai nấy chạy thôi!

Bốn cảnh sát chạy đuổi theo rồi họ xuống ngựa lao vào người vừa với được khẩu súng và sắp bắn vào đầu mình.

Người kia đã chết, chân tuột khỏi bàn đạp khiến con ngựa tự do tha hồ chạy theo toán người. Người thứ hai bị bắn vào đầu nhưng hình như không còn chút sức lực nào, anh ta thở dài rồi ngất đi; từ vết thương trên đầu chảy ra vũng máu lênh láng. Người ta chuyển anh vào nhà lao Vemon. Khi tỉnh dậy, anh ta ngỡ mình như vừa thoát khỏi một giấc mơ.

Ánh đèn leo lét rọi sáng cho anh ta biết mình đang ở trong phòng giam. Thế là anh chàng nhớ lại tất cả gục đầu vào đôi bàn tay khóc nức nở một hồi lâu. Tiếng khóc ấy khiến cánh cửa bật mở, cai ngục bước vào hỏi anh có cần gì không. Nhưng nước mắt đang đầm mi, anh chỉ lắc đầu và nói: -Ông có thể đưa tôi một khẩu súng để tôi bắn vỡ sọ mình hay không?

-Công dân ạ, việc đó cùng với việc thả anh là hai điều duy nhất tôi không thể đáp ứng.

-Nếu thế thì tôi chẳng cần gì nữa cả.

Rồi anh ta không nói thêm một câu nào nữa. Chín giờ sáng hôm sau, có người vào phòng giam. Anh chàng đó vẫn ngồi nguyên ở chỗ hôm qua, chỉ có điều máu từ vết thương đã đông lại, đầu ngả vào tường bằng chứng cho cả đêm hôm trước anh ta không cử động một tí nào.

Người vừa đi vào là viên biện lý và thẩm phán dự thẩm nhưng phạm nhân từ chối cung khai.

-Tôi chỉ khai với một mình ngài Fouché – Anh ta nói.

-Anh có bí mật muốn nói riêng với ông ấy?

-Đúng vậy.

-Thề danh dự chứ?

-Tôi thề danh dự.

Tin đồn ta bắt được kẻ cướp xe thuế lan ra rất nhanh và người ta hiểu tầm quan trọng của tù nhân này. Thấy biện lý không chần chừ cho gọi ngay một xe bốn chỗ, cho phạm nhân bị trói lên xe, hai cảnh sát ngồi đối diện, ông ta ngồi cạnh đó và một cảnh sát nữa ngồi gần người đánh xe. Chiếc xe lăn bánh và sau khoảng một tiếng sau, nó dừng lại trước toà nhà của công dân Fouché.

Tù nhân được đưa vào phòng chờ dưới tầng trệt. Công dân Fouché đang ở phòng làm việc. Viên biện lý để tù nhân ở lại với bốn cảnh sát rồi đi báo cho Fouché biết, năm phút sau có người ra đưa tù nhân vào.

-Anh ta được đưa vào phòng làm việc của ông nghị Fouché de Nantes. Người ngoài vẫn không hay biết ông ta mới thật sự là bộ trưởng Bộ Cảnh sát. Dạo này,

ông bắt đầu gắn cả cho mình và cái họ ấy giống như một tước hiệu quý tộc vậy.

Tù nhân chịu đau đớn suốt chặng đường, mặt khác dây trói siết vào tay làm anh ta còn đau đớn hơn nữa. Fouché đã nhận ra điều đó.

-Này công dân – ông ta nói – Nếu anh hứa với ta không tìm cách chạy trốn khi ở đây, ta sẽ cho tháo dây trói đang làm anh đau nhé.

-Đau kinh khủng – Phạm nhân nói.

Fouché rung chuông gọi phục vụ.

-Toutain, hãy cắt hay cởi cái dây kia ra cho anh ta.

-Ngài làm gì thế? – Thầy biện lý hỏi.

-Ông cũng thấy rõ rồi còn gì, tôi cho cởi trói.

-Thế nhỡ hắn tháo chạy thì sao?

-Tôi có lời hứa của anh ta rồi.

-Thế nếu hắn nuốt lời.

-Không, hắn không nuốt lời đâu.

Phạm nhân thở phào hài lòng xoay xoay hai tay bật máu, chiếc dây đã siết quá sâu.

-Bây giờ anh chịu khai chứ?

-Tôi đã nói là chỉ khai với mình ngài. Khi nào có một mình ngài tôi sẽ khai.

-Trước hết mời anh ngồi. Còn ngài, ngài biện lý, ngài nghe thấy rồi đấy, ngài yên tâm biên bản trước sau gì cũng đến tay ngài thôi. Tôi đảm bảo lòng hiếu kỳ của ngài sẽ được thoả.

Nói rồi Fouché chào ông ta. Ông này dù muốn ở lại vẫn đi ra ngay sau đó.

-Bây giờ, thưa ông Fouché…

Những Fouché đã ngắt lời phạm nhân: -Không cần anh khai cái đó, tôi biết hết rồi.

-Ông ư?

-Anh tên là Hector de Sainte-Hermine; anh xuất thân trong một gia đình quý tộc miền Jura, cha anh bị xử trảm, anh trai cả bị bắn chết tại lâu đài Auenheim; anh trai thứ hai của anh bị chém đầu ở Bourg-en-Bresse. Sau đó, đến lượt anh tham gia đội quân Jéhu. Cadoudal đã giải ngũ cho các anh sau khi ông ta đàm đạo cùng Bonaparte. Nhờ đó anh đã xin cưới quý cô Sourdis, người mà anh yêu thương. Trong lúc ký giấy hôn ước, Tổng tài và phu nhân Bonaparte đã ký, một đồng bọn của anh đã đến truyền lệnh của Cadoudal nên anh biến mất. Người ta cho tìm anh khắp nơi mà không thấy. Hôm qua các anh định tấn công xe thuế từ Rouen đến Paris, anh bị bắt trong tình trạng mê man nằm trên con ngựa đã chết. Anh muốn nói với tôi và xin tôi cho anh chết âm thầm bằng cách bắn vào đầu. Nhưng tiếc thay, tôi không thể giúp anh được.

Hector ngỡ ngàng nhìn Fouché và thấy mình thật ngốc. Sau đó đưa mắt nhìn quanh, anh thấy trên bàn có một con dao dọc giấy nhọn anh định nhảy đến nhưng

ông Fouché đã ngăn lại.

-Này, cẩn thật đấy. Anh sắp nuốt lời hứa đấy, nó không xứng đáng với một quý ông.

-Tôi có trốn đâu – Chàng trai trẻ kêu lên và cố gỡ tay Fouché ra.

-Tự sát cũng là một cách trốn.

Sainte-Hermine thả con dao rơi xuống thảm để mặt nó lăn lông lốc vài vòng.

Fouché nhìn anh một lát và thấy nỗi đau đớn đạt đến cực điểm trên khuôn mặt.

-Hãy nghe tôi – Fouché nói – có một người có thể đáp ứng điều anh mong muốn đấy.

Sainte-Hermine đứng phắt dậy.

-Ai vậy?

-Ngài Tổng tài.

-Ôi! Ông hãy xin ông ta ân huệ ấy cho tôi, cho tôi chết sau một bức tượng, không cần đọc bản án, không cần nêu tên tôi, không ai biết tôi là ai.

-Vậy thì hãy hứa chờ tôi ở đây, anh không tìm cách chạy trốn chứ?

-Tôi xin hứa! Tôi xin hứa thưa ông! Nhưng vì Chúa, hãy xin cho tôi được chết.

-Tôi sẽ cố gắng hết sức – Fouché nói kèm theo nụ cười – Anh hứa?

-Tôi thề danh dự! – Sainte-Hermine giơ tay ra thề.

Thầy biện lý vẫn chờ bên ngoài. Thấy Fouché xuất hiện, ông ta hỏi: -Thế nào?

-Ông có thể về Vemon – Fouché đáp – Chúng tôi không cần ông nữa.

-Nhưng còn phạm nhân của tôi?

-Tôi giữ anh ta lại.

Rồi không giải thích gì thêm với vị quan toà, Fouché xuống cầu thang rất nhanh, lên xe và nói: -Đến chỗ ngài Tổng tài.

§27. Vụ tấn công

Lũ ngựa chỉ chờ lệnh ấy bèn tung vó lao đi. Đến Tulileries, chúng tự dừng lại vì đây là điểm đỗ quen thuộc.

Bonaparte đang ở cùng phòng Joséphine, Fouché không muốn xuống vì e lại lôi kéo phụ nữ vào vấn đề chính trị. Hắn nhờ Boumerine đi báo Tổng tài lên ngay sau đó.

-Thế nào, ông Fouché. Có chuyện gì không?

-Thưa công dân Tổng tài, có rất nhiều chuyện để nói, tôi e là không làm rầy ngài chứ.

-Ông làm tốt đấy. Xem nào, ông nói đi.

Trước mặt ngài Boumerine ư? – Fouché hỏi thầm.

-Quý ông Boumerine là một người điếc, một kẻ câm, một kẻ mù. Ông cứ nói đi.

-Tôi đã cho một nhân viên lanh lợi nhất theo dõi người của Cadoudal – Fouché bắt đầu kể – Ngay đêm hôm đó, hắn đã gặp Laurent đẹp mã, thủ lĩnh quân Jéhu và ngay lập tức tổ chức này hoạt động trở lại.

-Thế sau đó?

Hắn đi Strasbourg, qua cầu Kell đi thăm công tước Enghlen ở Enenheim.

Fouché, ông không để ý đúng mức đến công tước trẻ đó rồi. Đó là người duy nhất trong gia tộc còn nghị lực để tiếp tục chiến đấu và còn kiên cường lắm; người ta báo cho tôi hắn đã vài lần đến Strasbourg. Cần phải theo dõi hắn.

-Xin ngài yên tâm, chúng ta sẽ không rời mắt khỏi hắn.

-Thế người của ta có biết họ đã làm gì, nói gì không?

-Làm gì ư? Họ ăn tối. Còn nới gì thì rất khó đoán vì họ ăn cùng nhau.

-Họ chia tay khi nào?

Khoảng mười một giờ đêm. Công dân Sol de Grisolles tiếp tục sang nước Anh. Mười hai giờ đêm, người của tôi cũng đi theo.

-Tất cả có thế thôi à?

-Không, tôi còn một chuyện quan trọng nhất muốn nói với ngài.

-Tôi nghe đây.

-Quân Jéhu đã bắt đầu hành động.

-Khi nào?

-Hôm qua. Chúng chặn một xe chở thuế ban đêm.

-Chúng lấy hết chứ?

-Không. Tôi được báo trước nên cài quân lính bên trong nên khi bị chặn trong xe đã bắn ra. Một tên bị chết, một tên khác bị bắt.

-Một kẻ mạt hạng à?

-Không ngược lại.
-Quý tộc?
-Và là quý tộc nhất.
-Hắn cung khai bí mật chứ?
-Không.
-Hắn sẽ khai?
-Tôi không nghĩ vậy.
-Ít ra cũng phải biết tên hắn chứ?
-Tôi biết.
-Hắn tên là gì?
-Hector de Sainte-Hermine.
-Cái gì? Là kẻ tôi đã ký giấy kết hôn nhưng hắn lại biến mất đúng lúc hắn phải ký sao.
Fouché gật đầu.
-Cho xử hắn đi – Bonaparte kêu to.
-Danh tiếng nước Pháp sẽ bị tổn hại.
-Thế thì cho bắn hắn sau một bức tường, một xó hàng rào hay hố nào đấy.
-Đó cũng là điều tôi thay mặt anh ta đến xin ngài.
-Thế hả! Vậy thì mong muốn của anh ta được chấp thuận rồi đấy.
-Cho phép tôi mang tin tốt này về cho anh ta?
-Hắn ở đâu?
-Ở nhà tôi?
-Sao lại ở nhà ông?
-Vâng, anh ta hứa sẽ không trốn.
-Đó là một kẻ trọng nhân phẩm chứ?
-Vâng.
-Tôi gặp hắn được chứ?
-Tuỳ ngài, thưa Tổng tài.
-Ồ không, tôi sẽ mềm lòng và lại tha cho anh ta mất.
-Trong lúc này, đó sẽ là tấm gương xấu nhất đấy ạ.
-Ông có lý. Thôi ông đi đi, ngày mai chuyện này phải kết thúc đấy.
-Đó là quyết định cuối cùng của ngài?
-Đúng thế. Chào ông.
Fouché chào lại rồi đi ra. Năm phút sau, hắn đã về nhà.
-Thế nào rồi? – Hector nắm tay vào nhau hỏi.
-Đồng ý rồi – Fouché đáp.
-Không bản án, không ồn ào?
-Tên anh sẽ không bị nhắc đến, từ lúc đó, anh không còn tồn tại với bất cứ ai.
-Tôi hy vọng điều ấy được thực hiện bằng súng chứ?

-Đúng.

-Khi nào?

-Ngày mai.

Sainte-Hermine cầm tay Fouché và bắt tay ông ta đầy biết ơn.

-Ôi! Xin cảm ơn, cảm ơn ông!

-Bây giờ thì đi thôi.

Sainte-Hermine ngoan ngoãn đi theo như đứa trẻ. Xe vẫn chờ họ ngoài sân. Fouché lên xe sau đó đến lượt Hector.

-Đến Vincennes – Fouché ra lệnh.

Nếu chàng thanh niên còn chưa tin thì từ Vincennes đã khiến anh ta yên tâm. Vincennes là nơi xử các vụ án quân sự.

Cả hai người xuống xe rồi được đưa vào pháo đài. Ông Herel, quản lý, bước đến trước mặt Fouché. Fouché nói thầm vài câu viên tổng quản gật đầu vâng dạ: -Vĩnh biệt ngài Fouché – Sainte Hermine nói xin ngàn lần đa tạ ngài.

-Tạm biệt.

-Tạm biệt ư? – Sainte-Hermine kêu lên – Ý ông là sao?

-Thì nhờ Chúa! Ai biết cơ chứ?

Trong lúc đó, Saint-Régeant và Limoelan đã đến Paris và ngay ngày đầu đã bắt tay vào việc.

Thợ Nề theo cách gọi của Fouché – đã trở về Paris và thông báo với ông ta rằng Saint-Régeant và Limoelan đã rời London đi Paris. Đây là hai quân bài mà Georges dùng cho kế hoạch của mình nhưng kế hoạch đó vẫn chưa hoàn tất hoặc chỉ thành công khi hai quân bài này ghi điểm.

Nhưng cách thức họ tấn công Tổng tài là gì, không ai biết, thậm chí mọi người còn chưa hay biết gì về sự hiện diện bí mật của họ tại Paris.

Tổng tài không sống khép mình. Buổi tối ông thường đi bộ trên phố Duroc, ban ngày thì đi xe đến La Malmaison hoặc bốn lần trong tuần kèm theo một đoàn tuỳ tùng vài người đến các nơi, như viện Hài kịch hay nhà hát Opera.

Bonaparte không hẳn là người văn chương. Ông đánh giá tổng thể tác phẩm qua các chi tiết, ông yêu thích Corneille không phải vì thơ của ông ta mà vì tư tưởng nằm trong đó. Mỗi khi tình cờ ông đọc vài câu thơ bằng tiếng Pháp, y như rằng chỉ được vài câu. Tuy nhiên ông cũng vẫn yêu văn học lắm.

Về âm nhạc, ông chỉ coi đó là một thứ giải trí với ông, cũng như một người Italie, đó là thú vui như thú vui thể xác.

Ông bị lạc giọng nên không thể hát nổi hai câu thế nhưng ông vẫn đánh giá cao các thiên tài bậc thầy như Gluck, Beethoven, Mozart, Spontini. Tác phẩm mốt nhất thời bấy giờ là bản La Création của Haydn sáng tác cách đó ba năm.

Có một truyền thuyết về câu chuyện của nhà soạn nhạc bậc thầy người Hungary này. Ông ta là con trai một người thợ đóng xe bần hàn, vào mỗi chủ

nhật, vẫn hành nghề chơi nhạc lưu động với cây đàn hạc cùng người vợ và cậu con sáu tuổi. Dong duổi trên một chiếc xe, họ đi từ làng này sang làng khác. Có ông thầy giáo ở Hainbourg nhận ra cậu bé có thiên bẩm về âm nhạc nên nhận về nhà dạy những kiến thức cơ bản về sáng tác và xin cho cậu một chân trong dàn đồng ca Saint-Etienne, giáo đường Vienne. Trong bảy hay tám năm, đám đông đến đi thính ngưỡng giọng nam cao quãng trên tuyệt đẹp cho đến lúc cậu bị vỡ tiếng. Chàng trai không còn nguồn sống nào khác vì giọng của cậu chỉ nuôi cậu đến đó, đành trở về làng và được một nghệ sĩ đồng thời là thợ làm tóc giả nghèo đói đón chào. Ông sung sướng nhận một người hát hay mà trước đây ông vẫn ngưỡng mộ ở nhà thờ. Để không bị chết đói, Haydn đã phải làm việc cật lực mười sáu giờ một ngày để cho ra tác phẩm Opera đầu tay "Quỷ thọt" được công diễn tại Carinthie.

Kể từ lúc đó, ông được cứu sống. Hoàng tử Esterhazy đã cho vời ông vào cung và giữ ông ở lại ba mươi năm. Nhưng khi hoàng tử đến, ông đã nổi tiếng rồi. Các ông hoàng đôi khi cứ muốn hiện diện bên các nhà đại nghệ sĩ song họ lại đến quá muộn.

Những người nghèo sẽ ra sao khi không có những người nghèo khác? Giờ đây, vinh quang đã đến với Haydn và như thể báo ân, ông lấy con gái người làm tóc giả giống như vì biết ơn mà Xanthippe đã thưởng Socrate một ân phúc vậy.

Tác phẩm của Haydn được công diễn ở Pháp và ngài Tổng tài đã tuyên bố trước sẽ tham dự buổi mở màn. Lúc ba giờ chiều, khi đang làm việc với Boumerine, ông nói: -Này Boumerine, tối nay đừng ăn tối với tôi. Tôi sẽ đến nhà hát lớn cho nên không thể dẫn anh đi. Tôi sẽ đi cùng Lannes, Berthier và Launston nhưng anh cũng có thể đến đó, buổi tối là của anh mà.

Tuy nhiên, lúc ra đi, Bonaparte đã lưỡng lự mãi vì hôm đó ông có quá nhiều việc. Sự lưỡng lự ấy kéo dài từ tám giờ đến tám giờ mười lăm phút.

Trong mười lăm phút dùng dằng ấy đã có chuyện xảy ra quanh điện Tuileries như sau:

Có hai người đàn ông đi vào phố Saint-Nicaise, một con phố hẹp mà ngày nay không còn nữa. Đó là con phố ngài Tổng tài sẽ phải đi qua. Họ dẫn một con ngựa kéo xe bò chở một thùng thuốc súng. Khi đến giữa phố, một người rút một đồng hai mươi tư xu đưa cho một cô bé để cô giữ ngựa. Người kia chạy về phía điện Tuileries sau đó đứng ở đấy ra hiệu còn người này sẵn sàng châm lửa vào ngòi nổ.

-Đúng tám giờ mười lăm, người đứng phía điện Tuileries hô "Hắn kia!" thì người bên cỗ máy châm lửa rồi chạy biến. Chiếc xe tứ mã của ngài Tổng tài kèm theo tốp lính tinh nhuệ cưỡi ngựa ra khỏi cửa điện Louvre như một cơn lốc xoáy. Vừa vào đầu con phố trên, người đánh ngựa tên là Germain, nhưng Tổng tài đặt

biệt danh là César, thấy một con ngựa và một chiếc xe bò chặn ngang anh ta liền kêu lên mà không dừng lại cũng không hãm ngựa: -Xe kia, sang phải!

Rồi anh lạng sang phía bên trái. Cô bé liền cho xe nép sang phải. Xe của ngài Tổng tài vượt qua, đoàn người cũng vụt qua nhưng mới chỉ hết con phố, sang ngả rẽ đầu tiên, họ đã nghe một tiếng nổ kinh hồn tương đương với mười quả pháo nổ cùng lúc.

-Chúng định cài pháo chúng ta. Dừng lại, César?

Chiếc xe dừng lại. Bonaparte nhảy xuống.

-Xe của vợ tôi đâu? – ông hỏi.

Thật kỳ diệu là thay vì đi thẳng ngay, bà còn lại phía sau để tranh luận với Rapp về màu một chiếc khăn bằng vải Cachemire.

Ngài Tổng tài đưa mắt nhìn xung quanh. Tất cả chỉ còn là đống đổ nát, ba ngôi nhà bị thủng toác, đều sụp xuống hoàn toàn. Quanh đó, những tiếng rên la của người bị thương vang lên, đã có vài cái xác nằm bất động. Tất cả cửa kính của điện Tuileries đều bị vỡ nát, cửa xe của ngài Tổng tài cũng bay tung ra. Phu nhân Murat sợ đến nỗi không bước tiếp được nữa và người ta phải dìu bà trở lại lâu đài.

Bonaparte biết được không ai trong nhà ông bị thương. Vì vẫn chưa thấy xe của Joséphine xuất hiện nên chắc sẽ không sao. Ông phái hai lính về thông báo ông vẫn bình an vô sự và rằng bà chuẩn bị đến gặp ông tại nhà hát.

Sau đó, ông leo lên xe và ra lệnh: -Đến nhà hát nhanh lên! Không được để ai nghĩ rằng tôi đã chết.

Tiếng đồn về thảm hoạ đã lan đến nhà hát lớn, người ta kháo nhau rằng quân sát nhân làm nổ một phố ở Paris, rằng ngài Tổng tài bị thương nặng, người khác lại bảo ông đã chết. Những đột nhiên, lô ghế của ông mở cửa và ông lại ngồi lên phía trước, bình tĩnh và thản nhiên như mọi khi.

Vừa thấy ông, hầu hết đều reo lên chân thành trừ những kẻ tư thù. Bonaparte đã trở thành trụ cột của nước Pháp. Tất cả đều dựa vào ông, những chiến thắng vẻ vang, hạnh phúc của cả dân tộc dân chúng ấm no, nước Pháp yên bình và cả hoà bình trên thế giới nữa.

Những tiếng reo còn rộ lên khi đến lượt Joséphine xuất hiện nhưng bà không tìm cách che giấu cảm xúc của mình, tuy tái mét và run rẩy nhưng vẫn bao trùm lên ngài Tổng tài một ánh mắt lo lắng và đầy yêu thương.

Bonaparte chỉ xem hơn mười lăm phút rồi ra lệnh trở về Tuileries hiển nhiên vội vàng muốn xả cơn giận đang phồng lên trong mình, vì hoặc đó sự thật hiển nhiên hoặc cơn thịnh nộ ảnh hưởng, mọi căm thù của ông đều nhắm vào quân Jacobin và cần trút xuống đầu chúng.

Có một điều lạ lùng là các cuộc lật đổ của triều đại này với triều đại khác ở Pháp, nhà Napoléon, nhà Bourbon nhánh cả, nhà Bourbon nhánh út và thậm chí

ngay cả chính phủ hiện thời đều do bản năng tàn bạo và huỷ diệt thức đầy, đặc biệt là triều đình hủ bại của vua Louis XVI và phản quốc của Marie-Antoinette. Hình như kẻ thù của hai kẻ bất hạnh, đền tội cho lỗi của vua Louis XIV và Louis XV, đều là kẻ thù từ triều đại mới, dù chúng không liên quan hay là chi nhánh trực tiếp của chế độ cũ. Nếu đó không phải là một trong những lỗi của Bonaparte thì ít nhất sự việc này cũng xuất phát từ một trong những sai lầm của ông.

Vì vụ nổ khủng khiếp ấy đã lan khắp Paris nên phòng tiếp khách dưới tầng trệt điện Tuileries có hướng quay ra thềm đã đầy ắp người. Người ta đến đó đọc ánh mắt của chủ nhân, vì vụ nổ kia nhằm vào ông, để xem ông sẽ buộc tội cho ai.

Mọi người không phải chờ lâu để biết chính kiến của ngài Tổng tài.

Dù đã họp một ngày dài với Fouché để bàn về bộ máy triều đình nhưng lúc này ông đã quên bẵng hắn. Bonaparte bước vào phòng vừa xúc động vừa hăng hái trái với lúc ở nhà hát lớn.

Trong lúc trở về, những dự định chống lại phải Jacobin tràn lên cổ họng và làm ông nghẹn lại.

-Thưa các quý ngài – ông vừa bước vào vừa nói – Chuyện lần này không phải do bàn tay của các quý tộc, tăng lữ, Bảo hoàng hay dân Vendée. Đó là tác phẩm của phái Jacobin, chỉ những kẻ Jacobin mới muốn ám sát tôi. Tôi biết lần này ai nhằm vào tôi và tôi sẽ không thay đổi. Đó là những kẻ tàn sát Tháng Chín những tên ác ôn vấy bùn, chúng lúc nào cũng muốn nổi loạn gây hấn chống lại xã hội và chống lại chế độ sau chúng. Cách đây chưa đầy một tháng, các vị đã thấy Ceracchi, Aréna, Topino-lebrun, Demerville định ám sát tôi. Thế đấy! Vẫn bài cũ mèm, chúng là những tên uống máu Tháng Chín, quân sát nhân ở Versailles, bọn cướp bóc ngày ba mươi mốt tháng Năm, quân mưu phản Frainal, tác giả của tất cả các vụ sát nhân chống lại chính phủ. Nếu bắt được chúng cần phải đập nát chúng để thanh lọc nước Pháp khỏi những thành phần thối nát như thế. Sẽ không có lòng từ bi cho bọn bất lương ấy. Ông Fouché đâu?

Ông dậm chân sốt ruột và nhắc lại: -Fouché đâu?

Fouché xuất hiện, quần áo ông ta phủ đầy bụi và vôi nữa.

-Ông chui ra từ đâu thế? – Bonaparte hỏi.

-Từ chỗ tôi có nghĩa vụ phải chui ra: Những đống đổ nát – Fouché đáp.

-Được lắm. Lần này ông còn đổ cho quân triều đình nữa không?

-Thưa ngài Tổng tài, tôi chỉ đổ lỗi khi tôi biết chắc chắn tôi buộc tội ai, và một khi tôi buộc tội xin ngài yên tâm, tôi sẽ chỉ nêu đích danh thủ phạm chính.

-Không nói, thủ phạm chính không phải là bọn Jacobin?

-Thủ phạm chính là kẻ đã gây ra án mạng. Đó là những kẻ tôi truy tìm.

-Ôi Chúa? Tìm chúng đâu có khó.

-Ngược lại, rất khó là đằng khác.

-Hay lắm! Riêng tôi biết chúng rồi, tôi không dựa vào cảnh sát của ông, tự tôi có cảnh sát của tôi. Tôi biết tác giả, tôi biết bắt chúng ở đâu và dành hình phạt làm gương như thế nào. Hẹn ông ngày mai nhé, ông Fouché, tôi sẽ chờ sự phá án của ông. Hẹn các ngài ngày mai.

Bonaparte lên phòng làm việc. Ông gặp Boumerine ở đó.

-Là anh đó ư! Anh biết chuyện gì xảy ra rồi chứ?

-Tất nhiên, vào giờ này, tất cả Paris đều biết – Boumerine đáp.

-Đúng thế, mà phải cả Paris đều biết ai là thủ phạm.

-Xin ngài cẩn thận: Ngài nêu tên thủ phạm là ai, Paris sẽ buộc tội chúng đấy.

-Ông buộc tội ai ư, lạy Chúa! Tôi chỉ vào quân Jacobin đấy.

-Ông Fouché lại không cho là như vậy. Ông ta đoán đây là vụ nổi loạn chỉ gồm hai hoặc ba. Tổng cộng có năm người là cùng.

-Fouché có lý lẽ của hắn khi không đồng tình với tôi. Fouché có việc của lão; Liệu lão có là một trong số thủ lĩnh của chúng không? Tôi không biết lão làm gì ở Léon và Loe chắc phải rồi!

-Loe và Léon đã giải thích về Fouché cho tôi. Tạm biệt Boumerine.

Rồi Bonaparte bình tĩnh hơn trở về phòng. Ông đã xả được một phần cơn giận dữ.

Trong khi đó, Fouché trở về chỗ của mình, như ông nói, là đống đổ nát. Quanh phố Saint-Nicaise, ông ta cho một đội quân bảo vệ hiện trường trận đánh phá trên bãi chiến trường, ông ta thả Thợ Nề hay còn gọi là Victor Bốn mặt (cảnh sát gọi anh ta như vậy vì anh này dễ dàng cải trang thành bốn dạng người khác nhau: dân thường, quý tộc, người Anh và người Đức)

Lần này anh ta không cần phải cải trang mà chỉ cần để nguyên hình dạng, vận dụng mọi khả năng quý giá trời phú để đoán ra những âm mưu bí hiểm nhất, những toan tính bí mật nhất.

Fouché thấy anh ta ngồi trên một mảng tường đổ và đang suy nghĩ.

-Thế nào rồi Thợ Nề? – Fouché hỏi.

-Thưa ngài người tôi nghĩ cần thẩm vấn người mà đánh xe nhìn thấy vì anh ta là người duy nhất có thể nhìn thấy trên phố có gì. César đã bảo tôi, chắc điều đó là sự thật.

-Anh không sợ tay đánh xe lác mắt vì sợ hay bị say chứ?

Thợ Nề lắc đầu.

Cesar là một người dũng cảm. Tên thật của anh ta là Germain nhưng Tổng tài đã đích thân đặt tên cho anh ấy là César đúng hôm ông ấy nhìn thấy một mình anh ấy hạ ba tên A Rập, giết một, bắt làm tù binh một tên khác hồi ở Ai Cập. Có thể ngài Tổng tài, vì không muốn mang ơn ai nên bảo anh ấy say chứ thực ra anh ấy không say.

-Được rồi, anh ta đã thấy gì – Fouché hỏi.

-Anh ấy đã nhìn thấy một người đàn ông chạy trốn sang phố Saint-Honoré sau khi ném sợi dây dẫn đã đốt cháy và một bé gái giữ con ngựa đã đóng vào xe chở thuốc nổ. Chắc chắn cô bé không biết trên xe có gì. Chính vì xe có thuốc nổ nên tên kia sau khi châm ngòi mới chạy như vậy.

-Cần phải tìm ra và thẩm vấn cô bé đó – Fouché nói.

-Cô ấy ư! Ngài nhìn kìa, đó là chân cô ấy đấy.

Thợ Nề nói và chỉ vào một cái chân đã lìa khỏi thân thể, đi giầy và tất màu xanh lơ.

-Còn con ngựa, có còn vài mẩu chứ?

-Chỉ còn cái đầu và khúc đuôi. Giữa trán có một ngôi sao màu trắng, ngoài ra còn vài vết cháy xém trên da, thế cũng tương đối để lần ra đầu mối.

-Còn cái xe?

-Cái xe thì cần phải chờ, tôi đã cho tìm tất cả các thanh sắt ngày mai tôi sẽ xem xét nó.

-Anh bạn, tôi giao cho anh việc này nhé.

-Vâng, nhưng chỉ mình tôi thôi.

-Tôi không dám cam đoan với đám cảnh sát của ngài Tổng tài đâu.

-Không lo, miễn là người của ngài ủng hộ.

-Người của tôi sẽ để yên nếu không có chuyện gì.

-Thế thì mọi việc sẽ ổn thôi.

-Anh khẳng định chứ?

-Khi tôi bắt đầu một việc gì, tôi phải đi đến cùng.

-Tốt lắm, vậy hãy đi tiếp đi, anh sẽ có một nghìn êcu khi chúng ta đến đích.

Fouché tôi về nhà, trong lòng chắc chắn hơn bao giờ hết rằng không phải quân Jacobin động thủ.

Ngày hôm sau, hai trăm người có liên quan đến việc chống đối cách mạng đã bị bắt. Sau khi đổi ý, Bonaparte đã chuyển họ sang Nghị viện để xét xử.

Trước lúc thả, họ lần lượt phải đi qua bốn người. Một lái ngựa, một người bán gạo, một chủ cho thuê xe và một người đóng thùng.

Nhưng không ai nhận ra trong số người tình nghi hai kẻ được coi là tham gia vụ đánh bom. Phiên xử đã diễn ra như vậy đó.

Thợ Nề, bằng trì thông minh tuyệt vời kèm theo nhận dạng của con ngựa đã soạn lại một bản báo cáo. Do đó, ngay hôm sau diễn ra sự kiện, người ta có thể đọc được trên các mặt báo và áp phích dán ở góc phố như sau:

"Cảnh sát thông báo đến tất cả các công dân rằng chiếc xe chở thùng thuốc nổ đã phát nổ lúc tám giờ mười lăm phút tối qua trên phố Saint-Nicaise đối diện phố Male lúc ngài Tổng tài đi qua do một con ngựa cái kéo có đặc điểm như sau: bộ lông màu hồng, bờm xơ, đuôi hình chổi, mũi cóc, sườn và mông cùng màu, trên đầu có dấu, hai bên lưng có vệt trắng. Phía bên phải dưới bờm có vệt đốm

trắng, quá tuổi và kích thước khoảng một mét rưỡi và bốn bộ rưỡi, béo và khoẻ, không có vệt dưới đùi hay ở cổ để chứng tỏ thuộc trạm thuê nào đó.

Những ai biết chủ con ngựa trên hay từng nhìn thấy nó chở xe kéo nào xin hãy cung cấp các thông tin cho nha cảnh sát hoặc trình bày trực tiếp hoặc gửi giấy. Ngài giám đốc nha cảnh sát sẽ có phần thưởng cho ai nhận được chủ nhân con ngựa trên. Vì lý do bảo quản, hãy đến nhận dạng phần còn lại của con ngựa càng sớm càng tốt."

Với lời thông báo trên tất cả các nhà buôn ngựa ở Paris đều đổ xô đến xem. Ngay ngày đầu, một nhà lái ngựa đã nhận ra đó là con ngựa ông ta đã bán. Ông này muốn báo cảnh sát. Người ta dẫn ông đến chỗ Thợ Nề. Ông cung cấp tên và địa chỉ người buôn gạo đã mua con ngựa ấy. Người buôn gạo cũng nhận ra phần còn lại của con ngựa và khai đã bán nó cho hai người buôn chợ phiên.

Ông buôn gạo nhớ họ khá rõ vì đã vài lần làm ăn với họ. Một người tóc nâu, người kia tóc màu hạt dẻ nhạt, một người cao lớn năm bộ bảy tấc, người kia thấp hơn khoảng ba tấc. Một người có dáng vẻ là cựu binh còn người kia giống nhà tư sản.

Ngày hôm sau nữa lại có một người chuyên cho thuê xe đến và nhận ra con ngựa vì đã cho nó ở trong kho ngựa của mình vài ngày. Ông ta miêu tả hai người đàn ông giống y hệt miêu tả trước.

Cuối cùng, có một người buôn thùng gỗ đến khai đã bán thùng và chính ông ta đóng cái đai sắt.

Điều khiến cho công việc của Thợ Nề dễ dàng hơn rất nhiều đó chính là lòng nhiệt tình của dân chúng với ngài Tổng tài mạnh đến mức các nhân chứng tự đến khai báo. Kể cả những ai nghĩ mình, một ngày nào đó chứng kiến sự vụ kinh khủng đó sẽ tự đến và chỉ có thêm tình tiết chứ không bớt.

Tuy nhiên, tất cả những cái đó chỉ đem lại một kết quả ít ỏi. Nó chỉ giúp Fouché khẳng định không ai trong đám Jacobin bị bắt kia có dính dáng đến vụ này vì bốn nhân chứng đã từng tiếp xúc với thủ phạm nói trên không nhận ra ai trong số hơn hai trăm người kia cả.

Dẫu sao sự bất đồng quan điểm giữa Fouché và Bonaparte cũng được giải quyết phần nào, đó là người ta chấp nhận thả hai trăm hai ba mươi người. Nhưng Bonaparte rất cương quyết với một trăm ba mươi người còn lại.

Chính vì thế mà đã xảy ra những điều lạ lùng trong Hội đồng Nhà nước. Một trong số người tham gia vào đó là Uỷ viên Hội đồng Réal, cựu thẩm phán tại Châtelet. Người từng bị Robespierre cách chức vì theo đường lối chủ nghĩa ôn hoà, người sáng lập tờ thời báo đối lập và tờ Đồng bào yêu nước năm 1789, đồng thời cũng là nhà biên sở nền Cộng hoà. Ông đã hợp tác Regnault de Saint-jean-d Angély và Bonaparte. Theo Réal, bọn tấn công Bonaparte là những kẻ tư thù chứ không phải là những người Bonaparte buộc tội.

-Nhưng tôi muốn động đến bọn tàn sát Tháng Chín – Bonaparte kêu to.

-Bọn tàn sát Tháng Chín ư! – Réal đáp trả – Nếu là chúng, chúng đã huỷ diệt không còn một ai. Nhưng nếu vụ này mà do bọn Tháng Chín làm thì Ngài Roederer ngày mai cũng là một kẻ tàn sát Tháng Chín ở phố Saint-Germain, Ngài Saint-Jean-d Angély cũng đánh dân nhập cư để cướp chính quyền được.

-Chẳng lẽ lại không có danh sách bọn người này ư?

-Có chứ, chắc chắn là có – ông Réal đáp – Đứng đầu danh sách là cái tên Baudrais, người này đã trở thành thẩm phán ở Guadeloupe từ năm năm nay. Tôi cũng thấy trong đó có cái tên Pâris, làm lực sự toà Cách mạng và đã chết cách đây sáu tháng.

Bonaparte quay lại phía Roederer hỏi: -Ai lập danh sách này thế? Ở Paris vẫn còn không ít những phần tử không cải tạo được từ chế độ Babeuf là gì?

-Lạy trời, nếu thế thì tôi cũng ở trong danh sách ấy. Nếu tôi không là uỷ viên Hội đồng: Tôi đã từng bảo vệ cho Babeuf và đồng phạm của ông ta ở Vendôme đấy – Réal nói.

-Tôi thấy ông ấy đã để tình cảm riêng về vấn đề Nhà nước rồi – Bonaparte nói – Ta cần thảo luận vấn đề này một cách công minh chính trực.

Một người khác sẽ không bao giờ tha thứ cho ông Réal vì dám chứng minh ngay giữa Hội đồng Nhà nước rằng Bonaparte sai lầm. Bonaparte, người vẫn tiếp tục theo đuổi những kẻ ông thề sẽ đụng đến, ghi lại tên kẻ nào dám ngáng con đường thù và trả thù của ông.

Sáu tháng sau, Réal bị giáng xuống thành trợ lý cho Tổng bộ Cảnh sát.

-Nhưng Turenne mới thiêu cháy Palatinat cơ mà – Người ta nói với Bonaparte.

-Thế thì quan trọng gì, nếu điều ấy cần thiết cho số mệnh của anh ta.

Và điều cần thiết cho số mệnh của Bonaparte chính là một trăm ba mươi tên Jacobin kia phải được kết án. Ông đâu có quan tâm chúng có thật sự là thủ phạm hay không.

§28. Những thủ phạm thật sự

Như vậy, khi Bonaparte nhân cuộc tấn công này để buộc tội thủ phạm, những kẻ còn giấu mặt tức là ông muốn quy án cho một trăm ba mươi tên Jacobin, khi ông buộc tội oan cho họ vì lòng căm thù tức là ông đã phải nhớ lại cuộc bạo loạn trước đó do Aréna, Topino-Lebrun, Ceracchi và Demerville cầm đầu. Bốn thủ lĩnh này tuy đã bị bắt giam nhưng vẫn chưa được xét xử thì lại xảy ra vụ mưu sát.

Là người muốn công việc của mình phải thông suốt, ông cần thanh toán kẻ từng phạm tội, bản án trước đó phải được thực thi và những thủ phạm của ngày hôm qua phải được xét xử trong dư luận của vụ bạo loạn tiếp tục sau.

Về phần Fouché, khi ông ta đã chắc chắn có trong tay thủ phạm thật sự, nhờ báo cáo của nhân viên, ông ta vẫn đến xin ý kiến bắt giam và chờ xem Bonaparte có chỉ thị gì hay phải lưu ý gì không. Là người nắm giữ luật bắt bớ, là người đại diện của cuộc cách mạng mới diễn ra trên nước Pháp giữa những lời nguyền rủa mù quáng của dân chúng, ngài Tổng tài chỉ đáp gọn: -Hãy lôi ra cho tôi tất cả những con mụ đàng điếm, những đứa con gái hư hỏng làm ô uế quanh điện Tuileries.

Quả thật, ông đã nhận ra rằng đám đàn bà và các xó xỉnh nhơ nhớp của chúng có mặt không chỉ trong hầu hết các cuộc bạo loạn mà trong tất cả các vụ án mạng. Chỉ có điều qua vài từ ngắn gọn với Fouché, ngài Tổng tài tỏ ý muốn đề cập đến vấn đề làm đẹp Paris hơn là sự an toàn cá nhân ông.

-Nhưng vì Chúa – Fouché thốt lên và sở dụng câu cửa miệng mỗi lần xin ai làm gì. – Ngài hãy nghĩ đến an toàn bản thân hơn nữa chứ?

Công dân Fouché – Bonaparte cười nói – Có phải thỉnh thoảng ông cũng tin vào Chúa không? Ông làm tôi ngạc nhiên đấy.

-Nếu tôi không tin vào Chúa – Fouché sốt sắng nói – Ngài bảo tôi phải tin vào quỷ chắc? Thế thì được thôi! Nhân danh quỷ dữ, vài ngày tới, tôi hy vọng sẽ gửi linh hồn bọn phiến loạn cho quỷ đói còn ngài, hãy nghĩ đến sự an toàn của mình đi!

Ngài Tổng tài đáp lại bằng giọng vô tư quen thuộc.

-Thế ông nghĩ lấy mạng tôi dễ lắm à? Tôi không có thói quen cố định nào cả, không có giờ giấc vạch trước, mọi hoạt động của tôi đều bất ngờ, tôi đi đâu hay đi về đều rất ngẫu hứng, về ăn uống cũng vậy, không có đồ ăn cố định, khi món này khi lại món khác ở xa ngoài tay với. Không có hệ thống nào hết, tất cả tuỳ vào sở thích của tôi và tôi làm chúng rất ngẫu hứng. Còn bây giờ, hỡi ông bạn thân mến, vì ông là người khôn khéo, vì lần này lại ông là người tìm ra thủ phạm, mười lăm ngày sau dịp chúng bỏ lỡ cơ hội giết tôi, ông hãy chuẩn bị để bảo vệ tôi, đó sẽ là nhiệm vụ của ông.

Vì Fouché không thể tin không có tính toán nào trong việc đó nên Bonaparte nói tiếp: -Đừng cho rằng vẻ vô tư lự của tôi dựa trên sự cuồng tín mù quáng, càng không phải tôi quá tin vào năng lực cảnh sát các ông. Một âm mưu ám sát sắp được thực hiện, nếu không biết gì về các chi tiết thì cơ may thành công càng ít, không thể đoán mò cách thức thực hiện của chúng được. Vì nó quá mơ hồ cho tính lạc quan tuyệt đối hoá của tôi. Chỉ trong trường hợp khó khăn thật sự tôi mới tìm thấy sự anh minh sáng láng thôi, còn làm sao báo trước một kẻ rình mò nào đấy, một cú đâm trong hành lang Nhà hát lớn, một phát đạn từ cửa sổ nào đó hay một vụ nổ trong góc phố? Cần phải lo tính mọi lúc, mọi nơi, sợ hãi là vô ích? Nghi ngờ tất cả ở khắp nơi là không thể được! Không phải lúc nào tôi cũng cảm thấy nguy hiểm mà chạy cho kịp. Sự nguy hiểm ấy, tôi biết nhưng tôi quên nó đi và khi quên nó tôi tự vượt lên chính mình khỏi phải quay lại nghĩ đến nó nữa. Tôi có quyền có suy nghĩ của mình hoặc ít ra cũng bắt chúng dừng lại theo tình cảm và hành động của tôi; cái gì tôi đã xác định một khi ra khỏi khả năng của mình thì tôi không mảy may quan tâm nữa, tất cả những gì tôi yêu cầu ở ông đó là đừng lấy đi sự bình thản của tôi vì đó là sức mạnh của tôi.

Vì Fouché còn nằn nì yêu cầu ông chấp nhận vài dự phòng, Bonaparte nói: -Thôi nào, ông hãy về đi, cứ bắt người mà ông cho là thủ phạm ấy, cứ lập cáo trạng, cứ treo cổ, bắn chết hay chặt đầu chúng, không phải vì chúng đã muốn giết tôi mà vì chúng là bọn vụng về, đã không giết được tôi lại còn làm chết mười hai dân thường và khiến sáu mươi người khác bị thương.

Fouché nhận rõ trong tình trạng tâm lý của Bonaparte như vậy hắn có làm gì cũng vô ích nên về nhà và gặp Thợ Nề đang chờ mình.

Chàng trai này, bằng sự nhanh nhạy, tự tin đã tìm được thủ phạm gây nổ, đó chính là ba tên Bảo hoàng đến Paris để ám sát ngài Tổng tài. Ba tên này bị cảnh sát tình nghi vì sau vụ nổ chúng bặt tăm. Nếu không sợ chắc chúng đã lộ diện rồi. Thợ Nề biết tên chúng là Limoelan, Saint-Régeant và Carbon.

Với Limoelan và Saint-Régeant, anh ta không tìm được dấu vết nào nhưng anh đã phát hiện trong khu phố Saint-Marcel có bà chị gái của Carbon đang sống cùng hai cô con gái. Thợ Nề hay là Linousin đến thuê một phòng cùng dãy rồi giam mình trong đó rên la cho đến đêm thứ ba ra vẻ kiệt sức, anh ta lết đến cửa nhà họ rung chuông rồi thả mình khuỵu xuống tường. Một trong số các cô con gái chạy ra và bắt gặp Limousin kiệt sức, gần như không nói nổi, cô hét lên: -Ối mẹ ơi! Là ông hàng xóm đáng thương đã kêu rên suốt cả ngày.

Bà mẹ chạy ra xốc anh ta vào hỏi xem ba mẹ con họ, dù nghèo khổ có, thể giúp gì được cho anh không.

-Tôi chết đói mất – Limousin trả lời – Ba ngày qua tôi không ăn uống gì cả. Tôi cũng không dám xuống phố vì đầy cảnh sát chúng ở đó để rình bắt tôi, tôi chắc như vậy.

Bà chị Carbon cho anh uống một ly rượu vang, cho anh ăn một mẩu bánh mì. Anh ngấu nghiến như thể suốt ba ngày qua chưa ăn gì vậy. Sau đó, bà chị của Carbon sợ cảnh sát có thể ập đến vì họ là chị và cháu gái của Carbon nên hỏi anh đã làm gì.

Thế là Thợ Nề giả vờ nhượng bộ, giả vờ thú nhận mình do Gerges Cadoudal phái đến Paris để liên lạc với Saint-Régeant và Limoelan. Nhưng vừa đến Paris thì hôm sau xảy ra vụ tấn công trên phố Saint-Nicaise, anh không thể dò hỏi được ai về họ. Điều này thật không hay vì anh đang có cách chắc chắn đưa họ sang Anh.

Ba mẹ con ban đầu chưa tin ngay, nhưng họ vẫn cho anh bánh mì, một chai rượu vang và hứa sẽ mua cho anh thực phẩm chừng nào anh còn sống ở đấy nhưng với điều kiện anh phải đưa tiền vì họ cũng rất khó khăn.

Ngày thứ hai, anh khai thác được Carbon chính em trai bà chủ và đã náu tại đây đến tận ngày 7 Nivose.

Bà kể có một cô gái tên là Cicé, là người tâm phúc của Limoelan đến tìm Carbon đã dẫn anh vào một giáo đoàn với tư cách là một linh mục vì anh ta không có giấy phép trở về Pháp.

Anh ta đã trú ngụ một cách an toàn tại nhà chị gái. Người chị này lại rất biết ơn ngài Tổng tài về những gì ông vừa làm cho tôn giáo và ngày nào cũng cầu kinh cho ông sống mãi, bài kinh mà Carbon cũng tham dự.

Ngoài ra, người chị này cũng biết rõ cuộc tấn công bằng thuốc nổ. Bà chỉ cho Limousin mười hai hộp thuốc nổ dùng để nhồi vào thùng. Hộp thuốc cuối vẫn còn khoảng mười bốn livre.

Limousin nhận ra đó là loại thuốc của Anh chất lượng hảo hạng, cái hộp khác đã bị đập nát thành củi nhóm lò. Có hôm Limoelan đã bảo: -Chị lấy nó đốt à, loại củi đắt tiền đấy!

Người phụ nữ còn chỉ cho Limousin hai chiếc áo khoác của Limoelan và Carbon. Không biết chiếc áo của Saint-Régeant ra sao.

Vấn đề chỉ còn tìm xem Carbon đang ở nhà thờ nào. Chính ba mẹ con họ cũng không biết địa chỉ, nhưng anh chàng Bảo hoàng giả mạo nài nỉ rằng anh phải trốn cùng Carbon nên họ mới hứa sẽ cho anh biết địa chỉ vào ngày hôm sau.

Quả thật như vậy, vì người chị quen biết cô Cicé nên đã chạy đến nhà cô ta hỏi mọi thông tin cần thiết.

Vì buổi lễ cầu cho ngài Tổng tài có rất đông người nên Thợ Nề vào nhà thờ cùng hai thày đội. Tại một góc điện thờ, anh thấy một thầy tu và đó chỉ có thể là Carbon Anh chờ cho nhà thờ vắng vẻ mới lại gần Carbon, bắt giữ anh ta lẹ đến mức anh này không thể chống cự, cũng không nghĩ mình bị lộ.

Sau khi bị bắt, Carbon khai hết, đó là hy vọng duy nhất của anh ta. Hắn cũng khai chỗ ở của Saint-Régeant. Tên này đang ngụ tại một ngôi nhà trên phố Bac.

Khi Saint-Régeant bị bắt, biết đồng bọn đã khai, hắn không chống cự nữa mà khai toàn bộ sự thật như sau:

"Tất cả những gì cảnh sát Victor đã nói về việc mua ngựa, thuê xe tại nhà ông bán gạo, mua thùng, siết đai sắt đều là sự thật. Chúng tôi chỉ còn chờ ngày và cuối cùng đã chọn buổi tối ngài Tổng tài đến Nhà hát lớn xem vở La Création.

Chúng tôi biết ông ấy sẽ đi qua phố Saint-Nicaise, một trong những phố hẹp nhất nên đã quyết định đặt thuốc nổ ở đó. Chắc chắn tám giờ mười lăm xe của ông ấy sẽ đi qua do đó tám giờ tôi đã đẩy xe đến nơi, Carbon và Limoelan đứng canh ở hai cổng của điện Louvre để ra hiệu. Năm phút sau vẫn chưa thấy tín hiệu nào, tôi rời khỏi cái xe, thuê một cô bé nông dân giữ ngựa và đưa cho cô bé hai mươi tư xu, sau đó tôi đi ngược con phố lại gần điện Tuileries.

Đột nhiên tôi nghe giọng của Limoelan la lên "Hắn kia!" đồng thời có tiếng đoàn người ngựa đang lao đến. Tôi chạy lại xe vừa tự nhủ: "Lạy Chúa, nếu Bonaparte cần thiết cho sự bình yên của nước Pháp, người hãy chuyển vụ nổ sang đầu con" rồi tôi kêu lên với cô bé: "Chạy đi, chạy đi trốn ngay!" Tôi châm ngòi nối với thùng thuốc.

Đoàn người và ngựa đã đến chỗ tôi. Con ngựa của một người lính hất tôi ngã văng vào một ngôi nhà, tôi bật dậy và chạy về phía điện Louvre nhưng chỉ được vài bước. Điều cuối cùng tôi còn nhớ được là khi quay lại, tôi thấy sợi dây cháy sáng lẹt xẹt và bóng cô bé đứng cạnh cái xe, còn lại tôi không nhìn, không nghe, không cảm thấy gì hết.

Không hiểu tại sao tôi được chở đến cổng Louvre. Tôi bị mê man bao lâu? Tôi không biết, làn gió mát khiến tôi tỉnh dần, bấy giờ tôi nhận ra hết, nhớ lại tất cả nhưng có hai điều khiến tôi rất ngạc nhiên: thứ nhất là tôi vẫn còn sống và thứ hai, còn sống mà vẫn không bị bắt. Máu trào ra từ mũi và miệng, chắc người ta tưởng tôi cũng bị thương như các nạn nhân khác, như những người qua đường vô tội chứ không phải tác giả vụ nổ khủng khiếp ấy. Tôi vội vã chạy ra cầu, ném cái túi đựng áo xuống sông. Tôi không biết đi về đâu bởi lẽ tôi cứ nghĩ mình sẽ tan tác thành trăm mảnh nên thậm chí không tính đến chuyện kiếm chỗ ở trong trường hợp sống sót. Tôi gặp Limoelan ở nhà (chúng tôi trọ cùng nhau). Vừa thấy tôi tơi tả anh ấy đã vội đi tìm cha xứ và một bác sĩ. Vì cha cố là chủ của anh ấy, ông Picot de Closrivière còn vị bác sĩ còn trẻ là bạn của anh ấy. Chúng tôi biết kế hoạch đã thất bại.

"Tôi đã không muốn dùng dây dẫn mà – Limoelan nói – Giá như anh nhường chỗ ấy cho tôi như tôi yêu cầu thì tôi đã dùng củi đốt nó. Tôi biết mình sẽ tan tành xác pháo, nhưng tôi sẽ giết được Bonaparte."

Trên đây là tất cả lời khai của Saint-Régeant và thật ra đó cũng là tất cả những điều người ta cần biết.

Hổ thẹn về sự thất bại của mình bởi lẽ điều kiện dành cho một kẻ mưu sát chính trị là được ăn cả ngã về không nên Limoelan không chỉ không quay về với Georges mà còn không đặt chân về Anh nữa. Kẻ sùng đạo cũng giống như người tự trọng, kẻ sùng đạo thì chỉ thấy ý Chúa trong mỗi hành động của mình còn kẻ tự trọng lại không muốn bị người khác chỉ trích, chính vì vậy mà anh ta lên tàu bỏ đi đảo Saint-Malo.

Người ta chỉ thông báo qua quýt là anh ta đã ra nước ngoài và rút khỏi thế giới, người cùng phe cũng không biết anh ta ra sao.

Nhưng Fouché lại không rời mắt khỏi người này và từ lâu ông ta vẫn chú ý đến một tu viện ở xa. Anh ta chỉ liên lạc với cô em gái, trên mỗi lá thư, vì sợ sẽ rơi vào tay quân Anh nên Limoelan để lại đôi dòng mà Desmarets, cảnh sát trưởng, đọc được như sau:

"Ôi những người Anh. Xin hãy để lá thư này qua… nó là của một người đàn ông phải chịu nhiều cơ cực vì chính mục đích của các vị."

Còn hai quân triều đình khác có dính dáng đến vụ này nhưng không được nhắc đến trong lời khai. Họ là Joyaut và Lahaye Saint-Hilaire. Họ đã trốn như Limoelan khi chính phủ có động thái nhằm vào quân Jacobin và đi thông báo cho Georges Cadoudal ở bên nước Anh rằng một âm mưu nữa lại vừa thất bại.

Saint-Régeant và Carbon bị kết án tử hình. Mặc dù đã thành khẩn khai báo và giúp cảnh sát bắt tòng phạm nhưng Carbon cũng không được hưởng khoan hồng. Khi người ta trình cáo trạng lên Bonaparte, ông tỏ ra đã hoàn toàn quên chuyện ấy và chỉ nói gọn: -Vì bản án đã đưa ra rồi thì cứ thực hiện thôi, điều ấy liên quan gì đến tôi.

Ngày 21 tháng Tư, Carbon và Saint-Régeant bị đưa lên máy chém, nơi vẫn chưa khô máu của Aréna và ba tòng phạm của hắn.

Chúng tôi đã gắng công vô ích khi tìm một vài chi tiết về cái chết của hai người này nhưng có lẽ chính phủ muốn rằng không cần phải bận tâm đến cái chết của hai kẻ bất hạnh ấy. Bình luận về cái chết ấy, trên tờ Le Moniteur chỉ đăng một dòng. Ngày ấy giờ ấy Carbon và Saint-Régeant đã bị hành quyết.

Ngày hôm sau vụ xử án, Thợ Nề đi London với nhiệm vụ bí mật.

§29. Vua Louis de Parme

Khi sự tồn tại của một con người có ảnh hưởng tột đỉnh đối với quyền lợi, danh dự và số phận của một quốc gia, khi mọi tư tưởng tập trung vào sự thành công hay thất bại của một vận mệnh tối thượng, thì dù là bạn hay thù người ta đều phải đối mặt với nhau để nhận ra những gì mà họ được, mất từ lòng tận trung, từ lòng thù hận mà họ đã dành cho con người đầy thành đạt đó. Đó là thời điểm của những điềm báo, những dự đoán. Ngay cả các giấc mơ cũng có những ảnh hưởng thầm kín và mọi người đều sẵn sàng bước vào một xứ sở tương lai lạ lẫm. Thế là, có người, hoặc do sự nhút nhát bẩm sinh, hoặc do cái nhìn luôn bi quan nên luôn luôn trong tình trạng báo động trong những dự cảm phi lý hoặc lúc nào cũng phấp phỏng về mối hiểm hoạ tưởng tượng: Ngược lại, những người khác lại nhìn thế giới theo quan điểm của mình nghĩa là mọi việc đều dễ dàng, suông sẻ và đầy sự mù quáng của César hay Bonaparte đến mục đích mà họ muốn, không hề bận tâm đến những nguy hiểm ẩn náu trong khi một thế lực khác thế lực đã sụp đổ, giờ lại đang vùng dậy chống lại con người thiên tài này. Chúng xả sự giận dữ qua những lời cầu nguyện ám muội, những bài đả kích đe doạ kèm theo những lời hứa chết chóc.

Giữa những bộn bề lo toan của thời điểm tồi tệ và ngay cả giữa chính những lo lắng ấy đôi khi cũng nảy ra ý định ám muội, những suy nghĩ yếu và tối tăm. Đó là một định mệnh mà có lẽ người ta chỉ thoát khỏi nó bằng cái chết của chính kẻ tạo ra nó.

Tình cảnh đó cũng giống như César khi ông muốn xưng vua, là hoàn cảnh của Henri Đệ tứ khi quyết định theo đuổi vụ Marie de Médicis và Concino Concini và cũng là của Bonaparte sau cuộc bạo động ngày 18 Brumaire, bập bềnh giữa Auguste và Washington.

Và như vậy con người thiên định đó như đã được ngã giá, con người đó tận tuỵ phục vụ cho sự yên ổn của nền Cộng hoà, và chính con người đó sẵn sàng hứng chịu mũi dao của Brutus hay nhát chém của Ravaillac để lật đổ các chướng ngại vật đang ngăn cản tham vọng, hy vọng của ông.

Và kỳ thực tất cả những năm đầu của chế độ Tổng tài chỉ là một chuỗi những mưu toan chống lại ngài Tổng tài. Đó là kẻ thù từ cuộc bạo loạn ngày 13 Vendémiaire, ngày 18 Fructidor, ngày 18 Brumaire, quân triều đình, quân Cộng hoà, đồng đảng Jéhu, dân Vendée và quân Bảo hoàng tấn công ban đêm, trong rừng, trên đường cái quan, trong các quán cà phê, trong các phòng kịch.

Bị kích động sau ngày Saint-Cloud, chuỗi ngày hoạt động chính trị của Bonaparte lúc nào cũng đặt ở tình trạng báo động, báo động do lá thư của Louis XVIII triều đình và quân Cộng hoà tức quân Trắng và quân Xanh là hai đảng

phái chính trị thật sự còn tồn tại trên đất Pháp đều rộ lên những tiếng gào thét trả thù và giết chóc.

"Làm sao mà các ông muốn tôi không mưu phản cho được? – Aréna đã nói như thế trước các quan toà – Tất cả mọi người đều mưu phản vào một giờ nào đó. Người ta mưu phản trên các con phố, trong phòng khách, ngã tư hay ngay trên những quảng trường công cộng."

"Không khó săn mùi dao găm!" Chính Fouché cũng nói như vậy để miêu tả những kẻ phiến loạn ấy đồng thời cố gắng kéo Bonaparte đồng tình với mình về tình hình nguy hiểm của ngài Tổng tài.

Tất cả chúng ta đều đã biết các chi tiết trong cuộc chiến tranh kinh hoàng ở miền Vendée và Bretagne, một cuộc phản loạn của miền rừng chống lại thành phố qua đó đã gắn với các tên tuổi như La Roche Jacquelein, nhà Bonchamps, nhà Elbée, nhà Charette và Lescure.

Chúng ta hẳn còn nhớ các chi tiết về cuộc mưu phản của quân Jéhu, tấn công ngay giữa đường cái để rồi Valensolles, Jahiat, Rihier và Sainte-Hermine ngã gục trước mắt chúng ta, đó là chúng tôi còn chưa nói đến các vụ trên phố mà Metge, Veycer và Chevalier đã bị Uỷ ban quân sự kết án và xử bắn.

Tôi cũng đã kể vài dòng về vụ mưu phản Nhà hát do Topino-Lebrun, Demerville, Ceracchi và Aréna cầm đầu.

Sau đó là vụ đặt bom trên phố Saint-Nicaise, cuộc mưu phản do Limoelan, Carbon và Saint-Régeant thực hiện.

Và chúng ta sẽ lại sắp thấy dưới đây mưu đồ phản loạn của Pichegru, Cadoudal và Moreau.

Nhất là khi người ta thấy mọi chuyện bắt đầu được củng cố như hiệp ước hoà bình Lunéville với nước Áo, kéo theo hoà ước Amiens với nước Anh, khi người ta thấy François Đệ nhất, người đại diện cho phản ứng chính trị châu Âu, lại được khôi phục dưới con mắt của dân chúng Italie; khi người ta lại thấy vua Georges Đệ tam nước Anh đành chịu để ba bông huệ nước Pháp trên huy hiệu vua Henri Đệ ngũ; khi người ta lại thấy Ferdinand de Naples đóng cửa cảng với nước Anh; khi người ta thấy Bonaparte nghiêm túc đến Tuileries cùng vợ của mình với danh hiệu chỉ còn dưới tước hiệu nữ hoàng và thậm chí còn vượt xa các công chúa, khi Joséphine có bốn tì nữ đi kèm và bốn cận vệ cung điện, khi người ta thấy bà tiếp khách trong các phòng sang trọng gồm đủ những bộ trưởng, ngoại giao đoàn, các quan khách nước ngoài đức cao vọng trọng; khi trước cả bộ trưởng Bộ ngoại giao bà tiếp các đại sứ từ các quốc gia hùng mạnh nhất châu Âu mà hoà bình kéo họ đến Paris; khi người ta thấy cửa phòng làm việc của ngài Tổng tài mở ra, ông chỉ nhấc mũ trong khi các đại sứ quyền lực nhất đều phải nghiêng mình cúi chào ông; khi người ta thấy buổi lễ kỷ niệm ngày 18 Brumaire trở thành buổi lễ kỷ niệm Hoà bình; khi người ta thấy hai nghị viện đã đặt ngoài

can thiệp của Giáo hoàng đại sứ của Chúa, và khi ông đối xử với giáo chủ như với các đại sứ từ các vương triều trên mặt đất khác; khi người ta thấy các nhà thờ lại mở cửa, lại vang bài Te Deum ở nhà thờ Đức Bà; khi người ta thấy Chateaubriand, người trước đây thấy Chúa bị đi đầy khỏi nước Pháp dưới bóng những cánh rừng nguyên sinh châu Mỹ và trong thác Niagara, lại xuất hiện "Thiên tài của Đạo Cơ đốc" ngay chính ở thủ đô này, nơi mà cách đây năm năm, ông thừa nhận và ăn mừng với Robespierre, thực thể tối cao và ra sắc luật thờ cúng vị thần Lý trí; khi người ta thấy Roma chịu thương lượng với phe Cách mạng và đức Giáo hoàng đưa tay ra ký hiệp ước gạt bỏ mình ra khỏi các tỉnh lỵ; cuối cùng, khi người ta thấy kẻ chiến thắng các trận Montebello, Rivoli, các Kim Tự Tháp, Marengo mang lại lợi ích cho hai viện lập pháp, hoà bình trên mặt đất bằng hiệp ước Lunéville, hoà bình trên biển với hiệp ước Amiens, trên không với Concordat (bãi bỏ tất cả các hành vi bài đạo) một đạo luật tuyệt vời, khi người ta thấy nó thì người ta tiếp nhận chế độ Tổng tài như một vương miện! Khi người ta thấy nước Anh không còn gì để hy vọng người ta lại có thể hy vọng rằng nhà độc tài này sẽ khôn ngoan trong tương lại cũng như đã từng vĩ đại trọng quá khứ, sẽ hội đủ những điểm đối lập mà Chúa không bao giờ tụ hội nhưng đức tính ấy trong một con người, sức mạnh của một thiên tài của các thủ lĩnh vĩ đại, sự nhẫn nại làm nên vận mệnh và vinh quang của các nhà sáng lập đếch, khi người ta có thể hy vọng rằng người đàn ông này, sau khi đưa nước Pháp trở nên hùng mạnh, sau khi lấp đầy vinh quang cho nó, sau khi đưa nó thành quốc gia đồng đầu, ông sẽ chuẩn bị cho nó quyền tự do và thái bình, nước Anh sẽ kinh ngạc nhận ra Pháp sẽ là quốc gia chặn mình trong cuộc chạy đua mới với Washington.

Nhưng trước hết đã có ruột cơ hội bất ngờ giúp ngài Tổng tài mang đến sự kinh ngạc và nghi ngại hơn nữa cho châu Âu. Được vua Tây Ban Nha giúp đỡ trong cuộc chiến chống Bồ Đào Nha, ông đã hứa cho hoàng tử Parme làm quốc vương xứ Etrurie. (Xứ Ý)

Hoà ước Lunéville đã thừa nhận lời hứa đó hoàng tử Parme, được chỉ định trị vì miền Toscane, vừa đến biên giới dải Pyrénées và chờ mệnh lệnh của ngài Tổng tài Bonaparte rất muốn cho họ xem nước Pháp, cho họ qua Paris trước khi họ đến Toscane chiếm lại ngai vàng xứ Florence của họ. Tất cả những người phản đối đều cười nhạo tư tưởng của ngài Tổng tài, họ cho rằng ông bây giờ cứ tưởng mình muốn gì được nấy. Thực ra ông rất thích cảnh ấy vừa cổ xưa lại xứng với những ngày vinh quang ở Rome, một ông vua do nền Cộng hoà phong tước. Ông thích chứng tỏ rằng mình không sợ gì hết ngay cả khi có sự xuất hiện nhà Bourbon trên đất Pháp. Phải thừa nhận rằng vinh quang của ông đã đặt ông lên tầm cao trội hẳn so với tất tả các dòng tộc trước đây, ông không chiếm ngai vàng của họ mà chỉ lấy vị trí của họ mà thôi.

Đây cũng là cơ hội lớn đầu tiên giúp ông chứng minh Paris đã lành khỏi tất cả những vết thương trong giai đoạn cách mạng, một chế độ Tổng tài cũng cho thấy sự giàu sang mà ít vua chúa nào cùng thời có thể sánh kịp. Chiến tranh làm nước Pháp lụi tàn nhưng nó đã lại vực dậy và giàu có.

Bonaparte gọi hai đồng minh đến. Cả ba thảo luận rất lâu về buổi lễ diễn ra trong sự chứng kiến của vua và hoàng hậu Etrurie. Họ đã thoả thuận trước hết họ sẽ giữ bí mật và sẽ đón tiếp ông bà hoàng với tư cách là vợ chồng bá tước Livourne. Với danh hiệu này, họ sẽ được đối xử giống như Sa hoàng Paul nước Nga và Joseph Đệ nhị dưới thời vua Louis XVI. Mệnh lệnh đã được ban ra trên khắp đường phố, đến các chính quyền dân sự và quân sự các tỉnh. Trong khi nước Pháp, tự hào được phong vua và sung sướng hơn nữa vì trong nước mình không ai làm vua, để hai vợ chồng hoàng tộc đi qua và vỗ tay hoan nghênh họ thì cả châu Âu ngỡ ngàng nhìn nước Pháp.

Trong nhà hát kịch Bordeaux, người theo triều đình tận dụng sự có mặt của hai người trẻ tuổi để thử phản ứng công chúng hô to: "Đức vua vạn tuế!" Thì lập tức tiếng la hét ầm ầm từ khắp khán phòng đáp lại "Đả đảo các ông vua!"

Hai hoàng thân trẻ đến Paris vào tháng Sáu, họ sẽ ở lại sáu tuần. Người ta nhận thấy Bonaparte, dù ở cương vị Tổng tài, tức là chỉ một vị quan chấp chính đương thời của nền Cộng hoà nhưng lại đại diện cho cả nước Pháp. Trước một con người đầy uy lực như vậy tất cả những ân sủng dành cho giới Bảo hoàng hầu như không còn nữa. Ngay cả hai vợ chồng hoàng thân trẻ tuổi này cũng chủ động đến thăm ông.

Ông sẽ thăm lại họ vào ngày hôm sau.

Chính nhà hát lớn là nơi ngài Tổng tài giới thiệu khách của mình với công chúng Paris. Nhưng đến ngày ấn định, Bonaparte, hoặc có tính toán hoặc bị mệt thật đã không xuất hiện được. Cambacères thay ông dẫn ông hoàng con đến nới. Bước vào lô dành cho ngài Tổng tài, ông nắm tay Bá tước Livourne và giới thiệu với mọi người trong tiếng nồng nhiệt hoan hô có thể là thật lòng.

Sự vắng mặt của ngài Tổng tài khiến người ta đưa ra không biết cơ man nào là giả thiết và cũng biểu lộ những dự đoán mà bình thường có khi không bao giờ ông được nghe. Những người cùng phe với ông thì cho rằng ông không muốn giới thiệu nhà Bourbon trên đất Pháp, quân triều đình lại khẳng định đó là cách chuẩn bị tư tưởng cho việc khôi phục lại nền quân chủ đã thất thế, số ít quân Cộng hoà còn sót lại sau vụ đẫm máu lại đoán rằng ông muốn nước Pháp quen với sự thiết lập lại nền quân chủ.

Các bộ trưởng ai cũng theo gương ngài Tổng tài, đặc biệt là Talleyrand, người có "gu" quý tộc lớn đến mức muốn lập lại hoàn toàn chế độ cũ mà theo cách nói văn vẻ thì ông là một bản mẫu hoàn hảo. Ông Talleyrand mở một buổi tiệc linh đình tại lâu đài Neuilly để chào đón hoàng tử và tất cả giới thượng lưu

Paris đều đổ xô đến. Quả thực, rất nhiều người đã đến nhà vị Bộ trưởng Bộ ngoại giao này chứ không đến điện Tuileries.

Một điều ngạc nhiên đang chờ hai ông bà hoàng vốn còn chưa biết thủ đô tương lai của họ là gì. Giữa ánh sáng lung linh, thành phố Florence hiện ra với những nét đặc trưng nhất như bãi biển Vecchio. Tất cả các nhân vật đều mặc quần áo kiểu Italie, nhảy múa, hát ca trên bãi biển ấy, một đoàn thiếu nữ xinh đẹp đại diện cho các cô gái trẻ đến trao hoa cho tân quốc vương và trao vương miện chiến thắng cho ngài Tổng tài.

Nghe nói buổi lễ tốn mất một triệu của ông Talleyrand, nhưng đó là điều mà không ai ngoài ông có thể làm và nó đã nối được chính phủ với những người đồng thuận với chế độ cũ chỉ bằng một buổi dạ hội mà ông đã có dự định từ hai năm, bởi vì có rất nhiều người vẫn luyến tiếc chế độ cũ ấy vì những thứ họ đã mất, họ hy vọng có thể lấy lại trong nền quân chủ mới.

Cuối cùng, hai vợ chồng bá tước Livourne được bá tước Azara, đại sứ Tây Ban Nha, đưa đến La Malmaison Ngài Tổng tài tiếp ông vua con trong ngôi nhà quân cơ của mình, nhưng ông hoàng này chưa thấy buổi lễ nào như thế, chưa từng thấy các dải thêu và cầu vai nào như thế, nên sung sướng lao vào vòng tay của Tổng tài.

Đến đây thì cũng cần phải nói rằng ông hoàng con đáng thương là một kẻ ngốc hay cũng gần như vậy. Tạo hoá ban cho anh ta một trái tim hoàn hảo nhưng lại từ chối ban cho một bộ óc thông minh.

Thực ra thì nền giáo dục các tu sĩ mà anh ta được hưởng bằng cách nâng cao vai trò của con tim, chỉ càng có tác dụng phá huỷ chút loé sáng của trí tuệ mà thôi.

Louis de Parme để dành toàn bộ thời gian anh ta lưu lại Pháp ở lại La Malmaison. Phu nhân Bonaparte dẫn hoàng hậu trẻ đi xem tất cả các phòng và vì ngài Tổng tài chỉ ra khỏi phòng làm việc vào bữa tối nên các sĩ quan tuỳ tùng của ông buộc phải tháp tùng ông vua, vui chơi cùng anh ta.

"Thực ra – Công tước Rovigo, một trong số những tuỳ tùng của ngài Tổng tài cho biết – phải rất kiên nhẫn mới nghe hết những thứ trẻ con nằm trong đầu anh chàng đó. Nhưng vì chúng tôi biết cách nên đã chọn được những đồ chơi thích hợp mà thông thường người ta vẫn đặt vào tay trẻ con. Từ đó, ông ta không chán nữa.

Chúng tôi khó hiểu trước sự vô dụng của ông ta, chúng tôi phát chán khi thấy một chàng trai cao lớn, đẹp đẽ, người mang sứ mệnh điều khiển người khác lại run lên khi thấy một con ngựa và không dám trèo lên cưỡi. Suốt ngày giết thời gian với trò trốn tìm, nhảy lên vai chúng tôi và tất cả những gì ông ta biết là những bài cầu nguyện, đọc lời ban phước trước món canh hay ban ân trước tách cà phê.

Thế mà đó lại là bàn tay sẽ được giao phó vận mệnh cả một dân tộc khi ông ta đi nhậm chức ở quốc gia của mình, ngài Tổng tài đã nói với chúng tôi sau buổi tiệc tiễn đưa: “Rome có thể được yên ổn, người này sẽ không vượt được Rubicon đâu.

Chúa đã ban ơn cho con dân của Người khi gọi ông vua đó về bên mình chỉ sau một năm cai trị.

Nhưng châu Âu lại không thấy sự vô dụng của ông hoàng con đó họ chỉ thấy việc thành lập một vương triều mới mà thôi.

Và cả châu Âu đã tự hỏi sao lại có dân tộc nào kỳ lạ như dân tộc Pháp, họ chặt đầu các ông vua của họ nhưng lại phong vương cho các dân tộc khác.

§30. Nổi giận

Có lẽ đến đây độc giả cũng thấy được vì sao tôi lại để các nhân vật lịch sử chiếm một vị trí trong cuốn tiểu thuyết này ngoài các phe phái đã nêu. Như vậy, tự họ sẽ xuất hiện vào truyện một cách vô tư, không thiên vị. Tôi không hề để mình bị ảnh hưởng bởi các kỷ niệm cá nhân về những bất hạnh của gia đình, về chiến trận ở Ai Cập mà cha tôi tham gia, cũng như bởi những lời tung hô của những kẻ ngưỡng vọng lúc nào cũng chỉ nghĩ đến ngợi ca, cũng không bởi "mốt" bây giờ là quay lại phản đối Napoléon Đệ tam, gièm pha quá khứ để nặn nên những nền tảng mà vương triều lung lay dựa trên đó. Không, không ai hiểu tại sao nhưng tôi đã rất chân thành và sự chân thành ấy, tôi chắc chắn mọi người sẽ công minh soi xét vào thời điểm thích hợp. Do đó niềm tin của tôi ở thời điểm chúng ta đang nhắc tới, ngài Tổng tài chắc cũng chờ đợi, là đi đến phản kết vận mệnh tối cao, hoà bình và chiến tranh trong đó hoà bình là điều được mong đợi hết sức nghiêm túc. Chúng ta sẽ không khẳng định được với tay chơi gặp may trước trò chơi để náu trên chiến trường, rằng (ông biết rõ và tin chắc) thỉnh thoảng giấc mơ của ông không bị những cái bóng của Arcole và Rivoli ám ảnh; chúng ta cũng không khẳng định được thỉnh thoảng quá khứ của ông lại không bị quấy đảo bởi cái nhìn mềm mại của những cành cọ trên sông Nil hay cái Kim Tự tháp vững trãi Gizeh. Chúng ta cũng không biết ông đã thoát khỏi các giấc mơ đen tối với tuyết ngập tràn ở Saint-Bernard hay khói mù mịt ở trận Marengo hay chưa. Nhmng chúng ta chắc chắn ông đã thấy những quả vàng sáng lên, những vòng cây sồi tượng trưng cho hoà bình trước những ưu đãi của số phận ấy đã đóng cánh cửa đền thờ Janus.

Tuy nhiên, với những gì Bonaparte vừa làm được ở tuổi ba mươi mốt thì cả Manus, Sylla và César đều không thể làm được trong cả cuộc đời họ.

Nhưng liệu ông có còn là chủ nhân giữ được sự bình yên đắt giá ấy không? Và liệu nước Anh, với ba con báo ông vừa nhổ nanh vuốt kia có để cho César đủ thời gian trở thành Auguste?

Tuy vậy, hoà bình lại là điều rất cần thiết cho Bonaparte để chinh phục ngai vàng nước Pháp, cũng giống như chiến tranh là điều tối cần cho ông mở mang nền tảng trước các ngai vàng khác ở châu Âu. Vả lại, Bonaparte không hề ảo tưởng trước dự định của kẻ thù truyền kiếp là nước Anh. Ông thừa biết rằng họ ký hoà ước chỉ vì họ không thể tiếp tục cuộc chiến do bị chia cắt khỏi các đồng minh của họ. Họ sẽ không để nước Pháp có thời gian tái thiết vùng biển, cuộc tái thiết phải mất tới bốn hoặc năm năm.

Bonaparte không lạ các dự định từ văn phòng của Saint-James, nếu ông bàn bạc với ông ta về nhu cầu của dân chúng, về lợi ích của hoà bình, về tiềm lực

trong nước, về nghệ thuật, thương mại, công nghiệp hay bất cứ ngành nào đang phác lên sự trù phú của nền Cộng hoà, thì theo cách nhìn của ông ta, ông sẽ không chối gì hết nhưng ông ta sẽ nói rằng tất cả những thứ đó chỉ có thể có được trong sự hợp tác với nước Anh. Có điều, ông ta sẽ không ký hoà bình cho hai bên trong vòng hai năm mà không đả động đến vùng biển của mình trong cán cân thế giới và dùng vàng của mình tác động đến tất cả các quốc gia khác ở châu Âu. Thế là suy nghĩ của Bonaparte tuôn trào giống như một con sông xô đổ đập chắn của nó và ngay cả nếu ông đang họp bàn với người Anh, ông vẫn cảm thấy hoà bình mới ký đang vụt khỏi tầm tay.

Hoà bình chắc chắn sẽ bị huỷ bỏ – ông kêu lên – chắc chắn Anh quốc sẽ huỷ nó, thế thì tại sao không cẩn thận mà lường trước để chẳng phải sẽ tốt hơn khi không để cho chúng có thời gian lấy lại ưu thế và rồi giáng lại cho chúng ta đòn chí tử khiến cả thế giới phải kinh ngạc ư? điều này khiến ông chìm sâu vào những suy ngẫm sâu xa trong đó nước Pháp thì chờ đợi còn châu Âu lại giương cổ ngắm nhìn.

Quả nhiên, động thái của nước Anh càng chứng tỏ cho những nghi ngờ của Bonaparte là thật hay nói cách khác, giả sử Bonaparte muốn gây chiến thì Anh quốc sẵn lòng chiều theo ý muốn ấy và nếu có trách thì chỉ trách nó đi quá nhanh, điều mà chính Bonaparte cũng không muốn mà thôi.

Vua nước Anh đã chuyển thông điệp đến nghị viện của mình trong đó ông ta phàn nàn về lực lượng vũ trang trên các cảng của Pháp, yêu cầu ngũ viện có các biện pháp phòng bị để chống lại những tấn công mà kẻ khác đang mưu đồ. Ý đồ xấu xa này khiến ngài Tổng tài căm tức cực độ, ông cảm thấy rằng nhờ hoà ước này mà sự hợp lòng dân của ông ta mới tăng gấp đôi ấy thế mà mới ký với Pháp xong, Bonaparte đã thấy nó sắp bị huỷ bỏ.

Trên thực tế. Theo hiệp ước Amiens, Anh quốc phải trả lại đảo Malte nhưng họ đã không trả. Nước Anh phải trả Ai Cập nhưng nó vẫn đó, họ phải trả mũi Hảo Vọng thế nhưng họ vẫn giữ nó.

Cuối cùng, nhận thấy cần phải thoát ra khỏi tình hình khó khăn, không thể dung thứ và tệ hơn chiến tranh này, Bonaparte quyết định đàm phán với đại sứ Anh quốc một cách thẳng thắn nhằm thuyết phục phe của ông ta chấp nhận hai điểm: Trả lại Malte và Ai Cập. Điểm mới mà ông muốn thử là giải thích rõ ràng với kẻ thù và nói cho họ biết điều họ chưa bao giờ làm với nhau, sự thật về vị thế của ông.

Tối ngày 18 tháng Hai năm 1803, ông mời Lord Whitworth đến điện Tuileries, Bonaparte tiếp ông ta trong phòng làm việc, mời ông ta ngồi một đầu bàn lớn đối diện với ông.

-Thưa ngài, – ông nói – tôi muốn gặp riêng ngài để trực tiếp bày tỏ những dự định của tôi mà có lẽ không vị bộ trưởng nào có thể nói rõ bằng tôi.

Thế là ông nhắc lại những quan hệ của mình với nước Anh kể từ khi ông giữ chức Tổng tài, sự quan tâm của ông trong việc gửi điện báo việc nhậm chức của mình đến chính phủ Anh, việc từ chối vô lối từ phía ông Pit rồi ông ta vội vã nhượng bộ liên tiếp để ngồi vào bàn đàm phán và ký hoà ước Amiens. Ông tỏ ra, với vẻ đau đớn hơn là giận dữ, nỗi niềm phiền muộn khi cứ cố gắng mãi mà vẫn không đạt đến việc sống hoà thuận cùng Anh quốc.

Ông nhắc lại cho viên đại sứ nghe những mánh khoé mà ông phải nhường nhịn kể từ sau hiệp ước hoà bình. Ông tham phiền về những bài báo Anh chống lại ông, những lời thoá mạ được đăng tải trên phương tiện truyền thông của đám người tị nạn, về việc đón tiếp các hoàng thân quốc thích Pháp sang Anh những người vẫn chưa chấp nhận thất bại và cuối cùng, ông chỉ ra bàn tay nước Anh nhúng vào các lần mưu phản nhằm vào ông.

-Mỗi lần gió thổi từ Anh quốc đều mang đến cho tôi sự xúc phạm nào đó – ông nói thêm – và bây giờ, ông thấy đấy, chúng ta đang ở tình trạng cần phải thoát ra, đó là các vị có muốn thực hiện hiệp ước Amiens hay không? Về phần mình, tôi đã nghiêm chỉnh thực lên nó. Hoà ước ấy buộc tôi phải rút quân khỏi Naples, Tarente, các nhà nước La Mã trong vòng ba tháng thế mà trong hai tháng, quân Pháp đã không còn ở những nơi nói trên. Cách đây mười tháng, những phê chuẩn đều đã trao đổi thế mà bây giờ quân đội Anh vẫn còn ở Malte và Alexandrie.

Các vị muốn hoà bình? Hay các vị muốn chiến tranh? Mà nếu các vị muốn chiến tranh thì lạy Chúa, các vị chỉ cần nói ra. Còn nếu các vị muốn hoà bình, hãy rút quân của các vị khỏi Malte và Alexandrie. Vì nếu Malte, nơi tập trung nhiều lực lượng quân sự, chiếm một vị trí quan trọng với biển với tôi, nó còn mang ý nghĩa lớn hơn nhiều, đó là danh dự nước Pháp. Thế giới sẽ nghĩ thế nào khi chúng tôi để hiệp ước ấy bị vi phạm? Họ sẽ nghi ngờ sức mạnh của chúng tôi. Về phần mình tôi đã quyết rồi, tôi đã thấy các vị đặt chân lên đồi Montmartre và Chaumont hơn là Malte.

Whitworth đến nước này đành ngồi im bặt. Ông ta không có chỉ thị gì từ chính phủ về vấn đề đó nên chỉ đáp lại cơn xuất thần của ngài Tổng tài bằng vài lời qua quýt.

-Ngài làm sao mà xoa dịu được mối hằn thù của cuộc chiến tranh hai trăm mười lăm hay hai trăm mười tám năm giữa hai dân tộc chỉ trong vài tháng? Ngài cũng biết luật pháp nước tôi là vô hiệu với báo chí nên chúng tôi không có cách gì ngăn được họ thậm chí ngày nào họ cũng đả phá chính chúng tôi đây. Còn về phần tài trợ cho quân Bảo hoàng thì đó là khoản tiền thưởng cho phục vụ của họ trong quá khứ chứ không phải trong tương lai. Về việc tiếp đón các quan quân triều đình thì đó chỉ là truyền thống hiếu khách của quốc gia chúng tôi mà thôi.

Bonaparte bật cười: -Đó không phải là con người của ông rồi. Tôi sẽ gắng chứng tỏ điểm yếu của các lý lẽ ấy. Nhưng chúng ta hãy quay trở lại vấn đề Malte đã.

-Thì đấy – Whitworth ngắt lời – Tôi có thể hứa với ngài rằng giờ này quân của chúng tôi đã rút khỏi Alexandrie, còn về Malte, lẽ ra mọi việc cũng đâu vào đấy nếu như không có các thay đổi chính sách của ngài đối với châu Âu.

-Ông muốn nói đến thay đổi nào thế? – Bonaparte kêu lên.

-Thì chẳng phải chính ngài đã "bổ nhiệm" tổng thống Cộng hoà Italie là gì?

-Vậy thì chính ngài đã nhầm lần lớn về ngày tháng rồi ngài Whitworth – Bonaparte cười nói – Chẳng phải việc bổ nhiệm ấy đã ấn định từ trước khi có hiệp ước Amiens sao?

-Nhưng các triều đình Etrurie mà ngài vừa sáng lập đó, ngài không hề hỏi ý nước Anh tí nào cả.

-Ông nhầm rồi Whitworth. Nước Anh được tham khảo nhiều đến nỗi dù hình thức ấy chẳng để làm gì, nó mong được vương quốc này biết ơn về sau cơ đấy.

-Nước Anh – Whitworth nói – đã yêu cầu ngài đồng ý cho việc lập vua Saldaigne nhưng vẫn phải nhà nước của mình.

-Tôi đã trả lời nước Áo, nước Nga và với ông rằng tôi không chỉ không bao giờ làm chuyện nó mà sẽ không cho nó đặc quyền nào hết. Chắc ông cũng không lạ gì tôi luôn có dự định sát nhập Piémont vào lãnh thổ nước Pháp. Việc thống nhất ấy là cần thiết cho quyền lực của tôi đối với Italie, quyền lực tuyệt đối bất di bất dịch. Bây giờ ông hãy xem bản đồ châu Âu đi, đây, chỉ hai chúng ta thôi. Hãy tìm đi, liệu có xó xỉnh nào, dù rất bé nhỏ, có bóng quân đội của tôi khi họ không có nghĩa vụ ở đấy hay không? Có đất nước nào bị tôi đe doạ hay muốn xâm lăng không? Không hề, ông thấy chưa, ít ra là cho đến khi hoà ước còn được tôn trọng.

-Thưa ngài Tổng tài, nếu là người thẳng thắn ngài đã thừa nhận ngài lúc nào cũng nghĩ đến Ai Cập rồi.

Dĩ nhiên là tôi đã nghĩ đến Ai Cập, đang nghĩ đến nó và sẽ nghĩ đến nó và tôi còn nghĩ khác nữa kia nếu các vị buộc tôi phải tái chiến. Nhưng ơn Chúa bảo vệ tôi không làm tổn hại đến hoà bình vì một vấn đề niên đại đế chế Thổ Nhĩ Kỳ đang lung lay, nó có nguy cơ bị huỷ diệt, vị trí của nó không phải ở châu Âu mà là ở châu Á. Tôi sẽ góp phần cho nó kéo dài càng lâu càng tốt nhưng nếu nó sụp đổ, tôi muốn nước Pháp sẽ thế chỗ ấy. Phải công nhận rằng nếu muốn với tướng quân hùng hậu tiến về Saint-Domingue, thì không gì với tôi dễ hơn việc tiến thẳng tới Alexandrie. Các ông có bốn nghìn quân ở đó, số quân lẽ ra phải rút khỏi Ai Cập từ mười tháng trước, còn xa số đó mới cản nổi tôi. Tôi có thể chiếm Ai Cập chỉ trong hai mươi bốn tiếng và lần này các ông không chiếm lại nó được đâu. Các ông cứ cho rằng quyền lực làm tôi mờ mắt tôi tác động đến chính kiến

của nước Pháp và của châu Âu. Vậy thì tôi nói cho ông hay quyền lực ấy còn chưa đủ để cho tôi gây chiến một cách vô cớ. Nếu tôi điên khùng vô duyên vô cớ tấn công nước Anh thì uy tín chính trị của tôi uy tín đạo đức hơn là ảnh hưởng vật chất, sẽ ngay lập tức bị mất đi dưới con mắt cả châu Âu. Đối với nước Pháp, tôi cần uy tín ấy để chứng tỏ rằng người ta gây chiến với tôi không phải do tôi khơi mào, xúi giục tạo đà để đạt được mục đích. Nếu các ông buộc tôi chiến đấu thì các ông đã nhầm còn tôi, không hề! Giờ đây nếu ông còn nghi ngờ mong muốn gìn giữ hoà bình thì hãy lắng nghe và suy sét tôi chân thành đến mức nào.

Tôi đã ba mươi hai tuổi. Ở tuổi ba mươi hai, tôi đã đạt đến sức mạnh và danh tiếng khó mà hơn được nữa. Sức mạnh ấy, danh tiếng ấy, ngài có thật lòng cho rằng tôi lại mạo hiểm chúng cho một cuộc chiến vô vọng không? Không, phải ở trường hợp bất đắc dĩ mới quyết định như thế. Nhưng ngài hãy nghe rõ điều tôi muốn làm. Nếu xảy ra chiến tranh, sẽ không phải là cuộc đụng độ xoàng đâu, cũng không phải là một vài tàu chiến bốc cháy đầy đồ trên đại dương đâu mà cả đại dương sẽ nhuốm lửa. Tôi sẽ tập hợp hai mươi vạn quân, sẽ huy động hạm đội khổng lồ để vượt eo biển. Cũng có thể giống như Xerces, tôi sẽ dìm vinh quang và của cải của mình xuống đáy đại dương! Thậm chí cả mạng sống của mình nữa! Bởi lẽ đó là cuộc chiến một mất một còn, hoặc thành công hoặc bỏ mạng! – Vì thấy Whitworth nhìn ông ngỡ ngàng, Boraparte nói tiếp – Đó là sự liều lĩnh đúng không, thưa ngài, một cuộc đổ bộ vào đất Anh! Nhưng biết làm sao, đó là nơi César đã thành công tại sao tôi lại không chiến thắng nơi Guillaume, kẻ chinh phục, đã chiến thắng? Sự liều lĩnh này thật táo tợn, nhưng nếu bị ép buộc, tôi quyết định sẽ làm. Tôi sẽ dàn quân của mình. Tôi đã từng vượt qua dãy Alpes vào giữa mùa đông giá và tôi biết biến điều không thể thành có thể. Chỉ có điều nếu tôi thành công, hậu duệ của các vị sẽ khóc ròng trong máu lửa vì quyết định do chính các vị ép tôi. Tôi không thể chứng tỏ khác được sự chân thành khi tôi nói: "Tôi muốn hoà bình". Và tốt nhất cho hai bên là chúng ta tôn trọng hiệp ước, hãy rút quân khỏi Malte, hãy rút quân khỏi Ai Cập, hãy cho báo chí ngậm miệng, đuổi bọn ám sát ra khỏi lãnh thổ của các vị, hãy cư xử hoà hảo với tôi, tôi xin hứa sẽ đối đáp tử tế, hai nước chúng ta hãy cùng xích lại và cùng cai quản thế giới theo cách mà không nước Pháp hay nước Anh riêng lẻ có thể làm được. Các vị sẽ có biển và sử dụng mọi nguồn lực còn tôi có năm mươi vạn quân có thể sẵn sàng tuân lệnh tôi đi bất cứ nơi đâu tôi muốn. Nếu các vị là chủ miền biển, tôi sẽ là chủ mặt đất, hãy nghĩ xem, chúng ta nên hoà bình hơn là xâu xé nhau và chúng ta cùng thoả thuận chia xẻ phần thế giới còn lại!

Whitworth đã thông báo lại cuộc gặp của mình với Bonaparte với chính phủ Anh. Thật không may, một con người cao quý một nhân vật của toàn thế giới lại có bộ óc tầm thường.

Vua Anh đã không thể theo kịp người của Bonaparte. Với bài diễn thuyết dài và xuất thần ấy, vua Anh chỉ đáp lại bằng thông điệp sau đến Nghị viện:

"Ta thấy cần thiết thông báo đến hạ viện rằng, với những chuẩn bị quân sự đáng kể trên các hải cảng của Pháp và Hoà Lan, ta cho rằng nên có những hình thức đề phòng mới vì nền an ninh quốc gia. Dù các chuẩn bị ấy bề ngoài là dành cho các cuộc thôn tính thuộc địa nhưng hiện nay giữa ta và chính phủ Pháp đang có thương thảo quan trọng mà kết quả còn rất mơ hồ, cho nên ta quyết định cho thông báo nên các tổ chức trung thành của mình dù mọi mặt của cơ quan vẫn tiếp tục nhiệm vụ nặng nề và không mệt mỏi là gắng gỏi giữ hoà ước, mặt khác từ nay ta có thể hoàn toàn tin tưởng và trông mong các cơ quan ấy có thể sử dụng tất cả các biện pháp tình thế cần thiết vì vương triều cũng như vì lợi ích căn bản của dân tộc."

Bonaparte biết được nội dung thông điệp trên qua Talleyrand.

Ông nổi giận đùng đùng giống như Alexandre vậy, tuy nhiên bằng sức mạnh thuyết phục của mình, ông Talleyrand đã cũng khuyên được Bonaparte kiềm chế và sẽ để cho nước Anh mắc sai lầm nếu có hành động khiêu khích.

Thật không may, ngày hôm sau lại là chủ nhật, ngày tiếp đón ngoại giao tại điện Tuileries. Tất cả các đại sứ đều đến đó vì tò mò nữa. Người ta muốn xem Bonaparte chịu đựng lời thoá mạ thế nào và ông sẽ đón tiếp đại sứ nước Anh ra sao.

Ngài Tổng tài đợi trong phòng phu nhân Bonaparte đang chơi cùng đứa con đầu lòng của vua Louis và hoàng hậu Hortense thì có thông báo cuộc họp các đại sứ đã chuẩn bị xong. Ông Rémusat, quản lý lâu đài đến thông báo tất cả đã đến dự.

-Ngài Whitworth đến chưa? – Bonaparte sốt sắng hỏi.

-Rồi ạ, thưa ngài – Rémusat đáp.

Bonaparte đang nằm trên thảm vội đặt cháu xuống, nhổm ngay dậy nắm tay phu nhân Bonaparte rồi đi qua cánh cửa thông với phòng tiếp khách, bước qua chỗ các vị đại sứ mà không đáp lại lời chào của họ, không nhìn họ mà thẳng tiến đến chỗ đại diện của liên hiệp Anh.

-Ngài đã có tin tức gì từ nước Anh chưa? – ông nói.

Rồi không để ông này kịp trả lời, Bonaparte tiếp: -Vậy là các ông muốn chiến tranh chứ gì?

-Không, thưa tướng quân – Vị đại sứ nhún mình đáp – Chúng tôi thấy hoà bình mang lại nhiều lợi ích cho tất cả chúng ta.

-Vậy là các ông muốn chiến tranh – Tổng tài vẫn cao giọng vì nếu ông này không nghe, ông muốn tất cả đều nghe thấy – Chúng ta đã đánh nhau suốt mười năm, các ông lại muốn chiến tranh thêm mười năm nữa? Làm sao người ta dám nói chúng tôi chuẩn bị khí giới? Người ta đã nói dối châu Âu, áp đặt thế giới!

Không hề có chiến hạm nào trên cảng của chúng tôi, tất cả các chiến hạm dùng được đều đã đi Saint-Dominique, chỉ có một ở cảng Hà Lan. Người ta bảo giữa nước Pháp và Anh có mối tranh chấp. Tôi chẳng thấy tranh chấp gì cả, tôi chỉ biết rằng đảo Malte đã không được rút quân theo đúng hạn định, tôi không nghĩ các bộ của các ông lại nuốt lời thì không thực hiện một hiệp định trang trọng như thế. Tôi cũng không nghĩ rằng bằng vũ khí của các ông, các ông muốn dân tộc Pháp sợ hãi bị giết thì có thể, còn sợ thì không bao giờ!

-Thưa tướng quân – Viên đại sứ điếng người về sự cáu kỉnh ấy đáp Chúng tôi chỉ yêu cầu một điều, đó là sự thông minh bên nước Pháp mà thôi.

-Thế thì trước hết cần phải tuân thủ các hiệp định? – Tổng tài kêu to – Bất hạnh cho kẻ nào không tôn trọng hiệp định! Bất hạnh cho dân tộc nào lấy màn đen che phủ hiệp định!

Rồi ông dịu giọng và thay đổi nét mặt như thể mấy câu chơi trên không phải do một mình ông mà cả dân tộc ông nói: -Cho phép tôi gửi lời đến bá tước phu nhân Dorset, vợ của ông. Sau khi trải qua một mùa thời tiết xấu ở Pháp, hy vọng bà sẽ khá hơn. Còn lại, tất cả không phụ thuộc vào tôi mà là nước Anh, nếu chúng tôi buộc phải cầm súng thì toàn bộ trách nhiệm cũng thuộc về họ có Chúa và mọi người chứng giám, vì họ không giữ lời cam kết của mình.

Rồi vừa chào Whitworth và các đại sứ khác, ông bước thẳng ra ngoài không nói với ai một lời nào nữa. Ông khiến cho toàn bộ các phái ngoại giao đáng kính sự sững sờ sâu sắc điều mà từ lâu họ cũng đã thấy.

§31. Chiến tranh

Gương đã vỡ, cơn giận dữ của Bonaparte với Whitworth tương đương với một lời tuyên chiến.

Và quả nhiên kể từ lúc đó, nước Anh dù đã cam kết trả Malte, lại quyết giữ lại. Thật bất hạnh là thời đó nước Anh lại có một trong những Bộ trung gian áp đặt những động thái quan trọng nhất không phải vì lợi ích quốc gia mà đại diện cho ý kiến đa số.

Đó là Bộ của Addington và Hawkesbury. Vua Georges Đệ tam nước Anh là một vị trí đặc biệt giữa bộ của ngài Pitte và bộ của ngài Fox. Đức vua thường có chung quan điểm với ngài Pitte nhưng lại không hợp tính ông ta. Ngược lại, đức vua hợp tính ngài Fox nhưng lại bất đồng quan điểm chính trị, chính vì lẽ đó, đức vua không ngả về bên nào trong hai phe đối địch ấy mà giữ lại bộ Addington bên mình.

Ngày 11 tháng Năm, đại sứ Anh quốc đến xin rút về nước.

Chưa từng có cuộc ra đi nào lại gây ấn tượng như sự ra đi của Whitworth. Từ lúc người ta biết tin ông xin lại hộ chiếu, đã có vài trăm người đến đại sứ quán từ sáng tới tối.

Cuối cùng, người ta cũng thấy xe của ông đi ra. Vì ai cũng biết ông đã làm tất cả những gì có thể để như kéo nền hoà bình nên chuyến ra đi ấy được dành những tình cảm nồng hậu.

Về phần Bonaparte, cũng giống như tất cả những con người thiên tài khác, một khi đã quyết định giữ hoà bình tức là ông đã lường trước tất cả những ích lợi mà nước Pháp được hưởng.

Giờ đây, khi đột ngột xoay sang con đường ngược lại, ông tự nhủ rằng, dù không là người làm được điều tốt đẹp cho nước Pháp và thế giới, thì cũng phải làm nên một bất ngờ. Mối ác cảm thường trực với nước Anh giờ đây biến thành cơn giận dữ vượt ngưỡng và đầy dự định lớn lao. Ông tính khoảng cách từ Calais đến Douvres, đó chỉ ít cũng là khoảng cách phải vượt qua khi đi ngang Saint-Bernard và ông tự nhủ nếu giữa mùa đông thì không đi nhanh, mặt nước đóng băng còn những núi tuyết không vượt qua nổi nữa, tất cả chỉ là vấn đề giao thông và nếu ông có nhiều tàu để dẫn qua nước kia eo biển một đội quân khoảng mười lăm vạn quân thì việc chinh phục nước Anh cũng không khó hơn việc chinh phục Italie. Ông đưa mắt ra xung quanh để xem hiện tại, ông có thể trông cậy vào ai và lo ngại ai. Tổ chức Philadelphes còn nằm trong bí mật. Song Concordat đang khơi lên mối thù hằn của những tướng lĩnh Cộng hoà. Tất cả những tông đồ lý tính mà người ta quen gọi là Dupuis, Mong và Berthollet vẫn chưa sẵn sàng, họ đã bắt đầu nhận ra thiên chất của Chúa, và một nửa thiên chúa của Giáo hoàng.

Với phẩm chất của người Italie, Bonaparte dù không sùng đạo những cũng khá mê tín. Ông tin vào các điềm báo, các linh cảm. Ông thường nói đến tôn giáo khi ở phòng Joséphine bởi đôi khi ông sợ có người nghe theo lý thuyết thái quá của mình.

Một buổi tối, Monge bảo ông: -Thưa ngài Tổng tài, tuy vậy cần phải hy vọng rằng chúng ta sẽ không trở lại với những phiếu xưng tội chứ.

-Chẳng cần phải quy kết gì hết – Bonaparte lạnh lùng trả lời.

Và trên thực tế, nếu hiệp ước Concordat đã giúp Bonaparte xích lại với giáo hội thì ông lại có vấn đề khác với một bộ phận quân đội. Ông mang đến cho tổ chức Philadelphes một hy vọng trong khi họ lại tưởng thời điểm hành động đã đến. Do đó mà một cuộc mưu phản được tổ chức chống lại Tổng tài.

Đó là khi ông có khoảng sáu mươi tướng tả bất mãn, họ muốn hất ông xuống ngựa và cho ngựa đạp lên. Hai thủ lĩnh rõ nhất trong dự định này là Benatte, chỉ huy quân đội miền Tây, hiện đang ở Paris và Moreau, người không được thưởng hậu hĩnh sau trận thắng Hohenlinden dẫn đến chấm dứt chiến tranh với nước Áo, đang hờn dỗi ở Grosbois.

Thế là có ba bài đả kích dưới dạng thư nguyện của quân đội Pháp gửi đến Paris, chúng xuất phát từ tổng hành dinh Rennes, tức là từ tướng Bemadotte. Trong những bài đả kích ấy có những lời lẽ lăng lục nhằm vào "tên bạo chúa đảo Corse", "kẻ tiếm quyền", "kẻ đảo ngũ sát hại Kléber" vì tin tức về cái chết của Kléber đã về Paris, người ta quy tội giết người ấy cho người vừa làm điều tốt đẹp cho nước Pháp lại vừa gây ra các tiếng xấu.

Từ sự lo ngại đổ máu, chúng chuyển sang dùng lời lẽ cay độc chống lại luận điệu "dạy đời" của Bonaparte sau đó kêu gọi một âm mưu hòng diệt từ tận gốc cái giống đến từ đảo Corse này.

Việc vận chuyển bài đả kích được bưu điện gửi tới tất cả các tướng, tất cả các chỉ huy quân đoàn, các uỷ viên thời chiến, tất cả đều bị cảnh sát của Fouché giữ lại trừ bản đầu tiên được đặt trong giỏ đựng bơ của xe thuế Rennes đến Rapatel, tuỳ tùng của tướng Moreau ở Paris.

Đúng hôm Bonaparte cho gọi Fouché đến để tổng kết với ông xem ai là bạn, ai là thù thì Fouché cũng mang theo những chứng cứ về vụ bạo loạn quân đội này.

Bonaparte vừa nhắc đến chủ đề này, Fouché hiểu ngay là đã đến lúc, ông ta đã có trong tay ba bản sao của ba lời xúi giục.

Fouché cũng biết chuyện gửi lời kêu gọi đến Rapatel. Như vậy không còn nghi ngờ gì nữa, nếu Moreau không phải là chủ mưu, ít nhất hắn cũng phải là đồng loã trong vụ việc nguy hiểm rộng khắp giới quân sự ấy.

Đó là thời điểm vinh danh bằng gươm và súng danh dự và Bonaparte đã nghĩ ra danh hiệu Bắc đẩu bội tinh.

Do có sự tác động của vợ và bà mẹ vợ vốn có xích mích và thù ghét Joséphine, Moreau đã có hành động giễu cợt danh hiệu ấy. Fouché kể lại sau một bữa tối thịnh soạn ở nhà Moreau, một chiếc xoong bội tinh đã được trao cho anh đầu bếp và sau một buổi đi săn lợn lòi, một con chó dũng cảm bị ba vết thương cũng được trao vòng cổ bội tinh.

Bonaparte cực kỳ nhạy cảm trước kiểu cạnh khoé ấy. Ông ra lệnh cho Fouché đến ngay nhà Moreau và yêu cầu ông này giải thích. Nhưng Moreau chỉ cười vào mệnh lệnh đó và trả lời rằng vì Bonaparte, người đứng đầu nhà nước có thể ban gươm và súng danh dự thì trong nhà ông ta, là chủ nhà, ông cũng có thể ban xoong và vòng cổ danh dự được.

Fouché bẽ mặt ra về dù cho ông ta ít khi bị như thế. Trong khi chờ đợi trở về bộ của mình, (Fouché vẫn chỉ là Bộ trưởng Bộ cảnh sát một mình) Bonaparte đã cho ông ta toàn quyền xả giận.

-Sau tôi, Moreau là người duy nhất có giá trị thật không. Công bằng khi nước Pháp phải chịu đựng, giằng co giữa hai chúng tôi. Nếu tôi ở vị trí của ông ta còn ông ta ở vị trí của tôi thì tôi đã sẵn sàng làm sĩ quan tuỳ tùng cho ông ta rồi. Giá ông ta ở vị trí điều hành! Thật tội nghiệp cho nước Pháp! Thôi được rồi! Ngày mai, lúc bốn giờ sáng bảo ông ta đến rừng Boulogne, hoặc gươm của ông ta hoặc của tôi sẽ quyết định chuyện đó. Tôi sẽ chờ ông ta hãy đi thực hiện lệnh của tôi đi, Fouché, nói y nguyên không thêm bớt gì hết.

Bonaparte chờ đến nửa đêm, Fouché mới trở về, lần này ông đã thấy Moreau dễ xử lý hơn. Moreau hứa sớm hôm sau sẽ đến Tuileries, nơi mà từ lâu rồi ông ta không hề hiện diện.

Bonaparte tiếp đón ông ta rất tử tế, mời ăn trưa và trước khi chia tay còn tặng ông ta một cặp súng lục chạm kim cương và nói: -Tôi những muốn gắn những vinh quang của ông lên hai vũ khí này, tướng quân, nhưng tiếc là không còn chỗ nữa.

Họ bắt tay nhau khi chia tay nhưng con tim thì lạnh nhạt, xa cách.

Về vụ việc này, dù nó chưa yên hoàn toàn nhưng ít ra cũng dịu lại, Bonaparte đã có thể tập trung vào dự định lớn lao của mình: ông đi thăm các cảng ở Phần Lan và Hà Lan để xem xét tình hình, địa thế, dân cư và vật lực. Đại tá Lacuée chịu trách nhiệm về công việc này đã phải trưng dụng tất cả các toà nhà ven bờ cảng và nhà đánh cá từ Le Havre đến tận Texel. Các sĩ quan được cử đến Saint-Malo, Granville, Brest để nhận quân. Các kỹ sư hàng hải trình bày các tàu dẹt có khả năng mang được pháo lớn. Tất cả các cánh rừng ven eo biển Manche được thăm dò chất gỗ tốt nhất để đóng tàu chiến. Được biết người Anh buôn gỗ trong các quốc gia La Mã, ông cử người mang tiền đi mua số gỗ cần thiết ấy.

Ác cảm dấy lên khi quân Anh tạm chiến Bồ Đào Nha và vịnh Tarente. Ý đồ xấu của nước Anh đã quá rõ ràng đến mức không một ai, dù là kẻ thù Bonaparte

buộc tội ông về sự cắt đứt ấy. Nước Pháp thấy chấn động mạnh nhưng họ cũng tin tưởng rằng nếu có đủ thời gian và tiền bạc sẽ đóng được những tàu tốt và sẽ đạt được việc đánh trên bộ, như thế quân Anh sẽ thua.

Ngay khi biết được giá của các con tàu dẹt, Loiret là tỉnh đầu tiên dành ra một khoản ba trăm nghìn phăng. Với ba trăm nghìn phăng người ta có thể xây dựng và trang bị vũ khí cho một tàu chiến ba cột buồm mang được ba mươi khẩu đại bác. Tiếp đến các nơi khác cũng theo gương như Coutance, Be may, Louviers, Valognes, Foix, Verdun và Moissac đóng các con tàu dẹt tốt từ tám nghìn đến hai mươi nghìn phăng.

Paris ủng hộ tàu chiến, trang bị một tàu có một trăm hai mươi đại bác; Léon một trăm; Bordeaux hai mươi tư Marseille, bảy mươi tư tỉnh Gironde đành một khoản một triệu sáu trăm nghìn phăng.

Cuối cùng, nước Cộng hoà Italie góp cho ngài Tổng tài bốn triệu để xây dựng hai hạm đội, một mang tên Tổng thống và một mang tên Cộng hoà Italie.

Với sự chuẩn bị ấy, Bonaparte đã dồn toàn bộ tâm sức mà quên tình hình trong nước. Savary nhận được một lá thư của cựu thủ lĩnh phái Vendée mà trước kia anh từng vài lần phục vụ. Ông này sau khi giải giáp chỉ mong được sống bình yên trên mảnh đất của mình. Ông ta báo cho Savary rằng ông vừa được gặp một nhóm người có vũ trang muốn liên lạc với đám quân mà ông đã từ bỏ sau cuộc đảo chính 18 Brumaire. Ông ta nói thêm rằng, để chứng tỏ những gì đã hứa với chính phủ, ông muốn tự mình xem đằng sau cuộc gặp ấy là gì rồi mới lên Paris nói tường tận trước khi sự việc nổ ra.

Savary biết ngài Tổng tài rất muốn được thông báo tất cả mọi chuyện. Trì tuệ của ông mẫn tiệp và sáng suốt đến nỗi có thể nhìn ra trong từng sự việc nhỏ nhất những mưu tính bí mật nhất. Lá thư ấy khiến ông suy nghĩ một lát, chừng mười lăm phút sau ông nói với Savary.

-Anh sẽ đi một chuyến, hãy lưu lại vài ngày tại nhà chỉ huy của anh. Anh sẽ nghiên cứu miền Vendée và thăm dò xem mọi sự thế nào.

Savary bí mật đi ngay hôm đó.

Đến nhà bạn mình, anh đánh giá tình hình trầm trọng đến nỗi anh cải trang thành nông dân và bắt chủ nhà cũng làm tương tự để theo dõi băng nhóm mà người bạn đã nói trong thư.

Ngày thứ ba, họ gặp vài nhân vật mới tách khỏi nhóm hôm trước. Họ đã thu thập được tất cả những chi tiết muốn biết. Savary trở về Paris khẳng định rằng chỉ cần một mồi lửa cũng đủ đốt cháy cả miền Vendée và Morbihan.

Bonaparte ngạc nhiên nghe anh nói. Ông cứ tưởng mọi chuyện ở đó đã êm đẹp, ông biết Georges đã một lần nữa tuyên chiến nhưng ông tưởng Georges đang ở London, cảnh sát của ông Régnier chắc chắn sẽ để mắt đến Georges nên ông không lo ngại gì cả.

Hồi đó, có rất nhiều tù nhân đang bị giam trong các nhà ngục ở Paris vì lý do chính trị, họ là những can phạm tình báo mà người ta không muốn xử vì ngay bản thân Bonaparte cũng nói đó là thời điểm không cần coi trọng đến những tội phạm như thế, vậy là ngay lập tức người ta gạt những kẻ bất hạnh đó sang một bên.

Lần này, không tham khảo ý kiến của Fouché, Bonaparte sai Savary mang danh sách những người bị bắt, kèm theo ngày tháng bắt và các lý do bắt giữ khác nhau đến.

Trong số đó có các tên như Picot và Lebourgeois, họ bị bắt cách đó một năm vào thời điểm đặt thuốc nổ, khi vừa đặt chân từ Anh về Pont-Audemer, biên bản bắt giữ có ghi: "Đến để ám sát ngài Tổng tài."

Không ai biết vì sao những cái tên này lại đập vào mắt Bonaparte chứ không phải những người khác. Chỉ cần ngài Tổng tài chỉ định, họ cùng ba người khác lập tức được chuyển cho một uỷ ban xét xử.

Dù các chứng cứ đều chống lại họ nhưng Picot và Lebourgeois phản bác lại lời cáo trạng với vẻ lạnh lùng đáng ngưỡng mộ. Tuy vậy, việc đồng loã với Saint-Régeant và Carbon là hiển nhiên cho nên họ bị kết án tử hình. Họ bị xử bắn mà không hề thú tội. Thậm chí họ còn có vẻ muốn thách thức chính quyền khi thông báo rằng chẳng mấy nữa đất nước sẽ lâm vào chiến tranh và Bonaparte sẽ phải nhảy vào đó.

Trong số ba can phạm khác hai người được xử trắng án còn một người bị kết luận có tội. Người bị kết án là Querelle. Đó là một người miền hạ Bretagne đã từng phục vụ trong quân đội Vendée dưới sự chỉ huy của Georges Cadoudal.

Người này bị bắt do sự tố giác của một chủ nợ mà anh ta không may vay tiền mà phải trả góp, không thể thanh toán toàn bộ, chủ nợ đã tố cáo anh ta tội phản loạn.

Việc xét xử Picot và Lebourgeois cách vụ của Querelle khá lâu. Kết quả là họ không bị hành quyết cùng nhau. Lúc chia tay người chiến hào hai tử tù trước khi chết đã nói: -Hãy theo gương chúng tôi, chúng tôi có trái tim trung thành và tinh thần cao thượng, chúng ta chiến đấu cho ngai vàng và điện thờ Chúa, chúng ta sẽ chết vì một mục đích và mục đích ấy sẽ mở cánh cửa cho chúng ta lên thiên đàng, hãy chết như chúng tôi đừng khai gì cả khi anh bị kết tội. Chúa sẽ xếp anh vào số những người tử vì đạo và anh sẽ được tận hưởng cực lạc trên thiên đàng.

Quả nhiên, như hai người bạn tù của mình dự đoán, Querelle đã bị kết án khoảng chín giờ tối, quan toà gửi bản án đến tham mưu trưởng để ông ta ra lệnh hành quyết tù nhân vào sáng sớm hôm sau như thông lệ.

Viên tham mưu trưởng đang vũ hội, mãi ba giờ sáng ông ta mới về mở tờ lệnh ra luồn xuống gối và ngủ gục lên trên.

Giá như mệnh lệnh được thực thi theo đúng thời hạn thì Querelle cùng bước với các chiến hữu của mình trên một con đường có lẽ bằng sự dũng cảm, bằng sự tự ái, anh ta cũng sẽ chết như họ và sẽ mang bí mật xuống mồ giống họ. Nhưng lại có sự chậm trễ bất ngờ kia, một ngày lê thê trong đơn độc đối diện với cái chết, thời gian định mệnh lò dò khiến đầu óc anh ta không chịu nổi, khoảng bảy giờ tối, anh ta bị cơn co giật mạnh đến nỗi người ta cứ tưởng anh này uống thuốc độc. Bác sĩ nhà ngục được gọi đến. Ông hỏi phạm nhân vì sao lại có hành động như vậy, liệu có phải do thuốc độc và đó là loại thuốc gì?

Nhưng Querelle đã vòng tay qua cổ bác sĩ, áp vào tai ông nói thầm.

-Tôi không bị đầu độc đâu. Tôi sợ đấy!

Thế là nhân cơ hội ấy, ông bác sĩ ép kẻ bất hạnh khai báo.

-Anh là người mang một bí mật mà cảnh sát rất muốn biết, hãy nói ra biết đâu anh lại được hưởng khoan hồng thì sao?

-Ồ! Không bao giờ! Không bao giờ! Đã quá muộn rồi.

Cuối cùng, do sự thúc ép của bác sĩ, Querelle đã xin một cây bút lông ngỗng và giấy để viết tới nhà lãnh đạo Paris rằng anh ta muốn khai báo.

Nhà lãnh đạo Paris lúc ấy không còn là Junot nữa mà là Murat. Theo Bonaparte, Junot quá dễ dãi nên ông bổ nhiệm Murat thế chỗ của anh.

Khoảng mười một giờ đêm, khi ngài Tổng tài đang lo lắng bàn bạc với Réal trong phòng làm việc của mình thì cửa phòng bật mở. Sarary thông báo người đứng đầu Paris đến và Murat bước vào.

-À là chú đó ư, Murat – Bonaparte nói và bước lại gần em rể – Chắc phải có tin gì mới nên chú mới đến gặp tôi vào giờ này.

-Vâng, thưa tướng quân, tôi vừa nhận được một lá thư của một tử tù khốn khổ sẽ phải chịu hình án vào sáng mai. Anh ta yêu cầu được khai báo.

-Tốt lắm! – Bonaparte vô tư nói – Hãy gửi thư đó đến toà đã xét xử hắn, họ sẽ xem phải làm gì.

-Lúc đầu tôi cũng nghĩ nên làm như thế – Murat nói – Nhận lời lẽ trong thư rất thẳng thắn và thật thà khiến tôi rất quan tâm. Anh tự đọc đi.

Bonaparte đọc lá thư đã mở sẵn mà Murat đưa cho.

-Đồ quỷ đáng thương! Hắn muốn kéo dài mạng sống thêm một tiếng nữa, có thể thôi. Cứ làm như tôi nói đi.

Rồi ông trả lại lá thư.

-Nhưng thưa tướng quân – Murat nài nỉ – anh không thấy là người này muốn khai điều quan trọng ư?

-Có chứ, tôi đọc rồi, nhưng tôi lạ gì kiểu người này, chính vì thế mà tôi nhắv lại rằng điều phạm nhân nói không đáng bận tâm.

-Ai mà biết được? – Murat nói – hãy để chúng tôi, tôi và ngài Réal theo vụ này.

-Vì chú cứ nhất quyết như vậy – Bonaparte nói – nên tôi không phản đối nữa. Réal, ông cũng đi thẩm vấn hắn đi, Murat, hãy đi cùng vị chánh án này nếu chú cần, nhưng không có án treo đâu nhé tôi không muốn án treo nào hết.

Réal và Murat lui ra Bonaparte mới đi về phòng ngủ.

§32. Cảnh sát của Régnier và cảnh sát của Fouché

Khi Réal và Murat rời khỏi nhà ngài Tổng tài, lúc đó đã quá nửa đêm. Chỉ bảy giờ sáng hôm sau, phạm nhân sẽ bị xử bắn. Để đến gặp anh ta, Murat buộc phải hy sinh buổi tối để xin ngài Tổng tài ra lệnh. Murat để cho Réal đến thăm tù nhân vì nhiệm vụ của ông đã xong, ông đã đến gặp Bonaparte và ngài Tổng tài đã trao quyền thẩm phán cho Réal.

Réal tính sẽ đi gặp phạm nhân hai tiếng trước giờ hành hình.

-Nếu lời khai có giá trị, ông còn đủ thời gian ngồi nghe, còn nếu không thì án sẽ thi hành sau đó.

Vả lại vốn quen với việc xử lý tâm lý con người, ông cho rằng khi nhìn thấy vũ khí quanh nhà tù, tức là nhưng tia sáng ban ngày đầu tiên đó cũng là đòn cuối cùng đánh vào lòng can đảm của tù nhân khiến hắn chỉ còn nước khai sạch sành sanh.

Lúc ta thấy kẻ phiến loạn bất hạnh nhờ bác sĩ gởi yêu cầu được khai báo cho Murat, ta cũng hiểu rằng nếu không có hồi âm, không có tin tức gì từ người đứng đầu Paris tức nghĩa là tình trạng ấy chỉ thêm tồi tệ.

Đến lúc nản nhất của kẻ bất hạnh, anh ta chỉ còn là sinh vật bất động giống như một đứa trẻ, không còn sức để chờ cái chết giữa những nỗi kinh hoàng và mê man tăm tối. Đôi mắt anh ta nhìn trân trân ra ô cửa sổ hướng xuống phố. Anh ta rùng mình khi thấy tia sáng ban ngày đầu tiên rọi vào.

Khoảng năm giờ sáng, anh tưởng mình khi nghe tiếng bánh xe lăn lạo xạo rồi dừng trước cửa nhà tù không một tiếng động nào thoát khỏi sự chú ý của anh ta. Tiếng cửa lớn mở ra rồi khép lại tiếng những bước chân nặng nề ngoài hành lang, đó là tiếng bước chân của hai hoặc ba người dừng lại trước cửa buồng giam anh ta, tiếng chìa tra vào ổ khoá lạch xạch. Cánh cửa đã mở ra, một tia hy vọng cuối cùng dồn lên đôi mắt nhìn vào người bước vào anh ta hy vọng nhìn thấy bộ trang phục lộng lẫy của Murat đính đầy đường thêu và lông chim anh ta lại thấy một người đàn ông mặc đồ đen, dù khuôn mặt dịu dàng và đường nét phúc hậu nhưng anh ta vẫn chết khiếp.

Người ta châm nến trên chiếc đèn gắn vào tường. Réal liếc mắt nhìn xung quanh và thấy mình không ở trong một xà lim.

Vì tù nhân sắp bị hành quyết nên người ta đưa anh này vào buồng lục sự, Réal thấy một chiếc giường trên đó, phạm nhân để nguyên quần áo nằm sõng soài, sau đó ông nhìn vào kẻ bất hạnh đang giơ tay về phía ông.

Réal đưa tay ra hiệu, người ta để ông lại một mình với kẻ ông sắp thẩm vấn.

-Tôi, chánh án Réal – ông nói – Anh đã thông báo muốn khai rõ sự thật tôi đến để nghe anh đây.

Con người ấy run lên cầm cập đến nỗi không trả lời được, hai hàm răng va vào nhau còn khuôn mặt thì co dúm lại vì những cơn co giật.

-Cứ bình tĩnh – ông uỷ viên Hội đồng nhà nước nói, dù đã quen với cảnh người sắp chết nhưng chưa bao giờ thấy ai đón nhận nó một cách hãi hùng như thế – Tôi đến trong ý định làm điều tốt cho anh. Bây giờ anh nghĩ đã có thể trả lời tôi được chưa?

-Tôi sẽ cố, nhưng để làm gì cơ chứ? Hai tiếng nữa thôi, chẳng phải tất cả đều kết thúc với tôi hay sao?

-Tôi không thể hứa gì với anh được – Réal đáp – Tuy nhiên, nếu điều anh nói cực kỳ quan trọng như anh báo…

-À hoá ra ông là người xử – Tù nhân kêu lên – Được rồi, vậy ông muốn biết gì? Ông muốn tôi nói gì hãy hỏi đi, tôi mất phương hướng rồi.

-Cứ bình tĩnh trả lời. Trước hết tên anh là gì?

-Querelle.

-Làm gì?

-Sĩ quan quân y.

-Anh sống ở đâu?

-Biville.

-Được rồi, bây giờ hãy kể điều anh muốn nói.

-Nhân danh đức Chúa mà tôi sắp xuất hiện trước ngài, tôi sẽ nói sự thật nhưng ông sẽ không tin tôi.

-Trước hết tôi phải nghe đã – Réal nói -Anh vô tội, đúng không?

-Vâng, tôi xin thề.

Réal gật đầu.

-Ít ra cũng vô tội về những gì người ta buộc cho tôi – Phạm nhân nói tiếp, – và lẽ ra tôi đã có thể chứng minh sự vô tội của mình.

-Thế tại sao anh không làm?

-Vì nếu thế tôi lại rơi vào tội khác.

-Dù sao anh cũng vẫn mưu phản?

-Vâng, nhưng không phải với Picot và Lebourgeois. Tôi không liên quan đến vụ đặt thuốc nổ, tôi thề đấy. Vào lúc đó, tôi còn đang ở Anh cùng Georges Cadoudal.

-Thế anh về Pháp khi nào?

-Từ hai tháng nay.

-Thế là anh đã rời Georges Cadoudal hai tháng?

-Tôi không rời ông ấy.

-Sao lại thế? Vì anh ở Paris còn ông ta ở Anh, như vậy anh phải chia tay ông ta, tôi không nhầm chứ?

-Georges không còn ở Anh nữa.

-Thế ông ta ở đâu.

-Ở Paris.

Réal nhảy dựng lên.

-Ở Paris ư? Không thể được!

-Thế mà ông ấy đang đây vì chúng tôi về cùng nhau và trước hôm tôi bị bắt, tôi còn nói chuyện với ông ấy.

-Vậy là Georges đã ở Paris từ hai tháng! Vậy là lời khai này không những quan trọng mà còn trên mức người ta có thể tưởng tượng được.

-Thế các anh về Pháp như thế nào? – Réal hỏi.

-Qua vịnh Biville. Đó là chủ nhật, chúng tôi đi bằng thuyền nhỏ suýt nữa chúng tôi đã bị chết đuối vì hôm đó thời tiết rất xấu.

-Được rồi – Réal nói – Tất cả những điều này nghiêm trọng hơn tôi tưởng anh bạn ạ, tôi chưa thể hứa gì cả, nhưng… cứ tiếp tục đã các anh có bao nhiêu người?

-Chuyến đầu tiên, chúng tôi có chín người.

-Từ đó đã có bao nhiêu chuyến?

-Ba.

-Lên bờ, ai ra đón các anh?

-Đó là con trai của người chữa đồng hồ, anh ta dẫn chúng tôi đến một trang trại mà tôi không biết tên. Chúng tôi ở đó ba ngày, sau đó từ trang trại này đến trang trại khác, chúng tôi tới được Paris. Ở đó, những người bạn của Georges đến gặp chúng tôi.

-Anh có biết tên của họ không?

-Tôi chỉ biết tên hai người: một cựu sĩ quan tuỳ tùng của ông ấy là Sol de Grisolles và một người là Charles d'Hozier.

-Anh đã gặp họ bao giờ chưa?

-Rồi, một năm trước ở London.

-Sau đó chuyện gì đã xảy ra.

-Hai ngài ấy đưa Georges vào trong một chiếc xe độc mã còn chúng tôi đi bộ và vào Paris qua những trạm khác nhau.

Suốt hai tháng tôi chỉ gặp Georges ba lần chỉ khi nào ông ấy cho gọi. Có hai lần tôi gặp ông ấy ở cùng địa điểm.

-Thế lần gặp cuối cùng ở đâu?

-Ở nhà một thương nhân rượu vang có cửa hàng ở góc giữa phố Bac và phố Varenne. Tôi chỉ bước ra phố độ ba chục bước thì bị bắt.

-Từ đó, anh có tức gì không?

-Có ông ấy gửi cho tôi một trăm phăng qua Fauconnier, người gác cổng nhà lao.

-Anh có cho rằng ông ta vẫn còn ở Paris không?

-Tôi chắc chắn, ông ấy chờ những chuyến tàu khác, nhưng dù sao sẽ không có chuyện gì xảy ra mà không có sự hiện diện của một hoàng thân của triều đình quân chủ Pháp tại Paris.

-Hoàng thân triều đình Pháp! – Réal kêu lên – Anh có bao giờ nghe nói tên người này chưa?

-Chưa thưa ngài.

-Được rồi – Réal nói và đứng dậy.

-Thưa ngài – Tù nhân nắm lấy tay Réal kêu lên – Tôi đã khai tất cả những gì tôi biết, tôi là kẻ thù phản bội của các chiến hữu của tôi, một kẻ phản bội, hèn nhát, hèn hạ.

-Anh cứ yên tâm, anh chưa chết đâu, ít ra là hôm nay. Tôi sẽ xin ngài Tổng tài giùm anh, nhưng anh không được tiết lộ bất cứ điều gì vừa nói với tôi cho bất cứ ai, nếu không, tôi không thể giúp gì anh được. Hãy cầm số tiền này và nhờ mua những thứ anh cần để hồi sức. Ngày mai có thể tôi sẽ trở lại.

-Ồ thưa ngài – Querelle quỳ xuống nói – Ngài chắc là tôi sẽ không chết chứ?

-Tôi không thể hứa được nhưng cứ bình tĩnh và hy vọng đi.

Tuy nhiên mệnh lệnh của ngài Tổng tài: "Không có án treo!" lại mạnh đến nỗi Réal chỉ nói với cai ngục.

-Đi báo cho quản ngục sở tại rằng không được làm gì trước mười giờ sáng.

Sáu giờ sáng, Réal biết mệnh lệnh của Bonaparte: "Chỉ đánh thức tôi khi có tin xấu đừng bao giờ báo tin vui khi tôi đang ngủ."

Ông biết tin tức mình mang đến có lẽ là không vui nên quyết định đi đánh thức Bonaparte. Ông đi thẳng đến điện Tuileries và sai người gọi Constant dậy. Constant đánh thức cận vệ, canh ngoài cửa phòng Bonaparte từ ngày ông ngủ riêng phòng với Joséphine.

Rustan đi đánh thức ngài Tổng tài. Boumerine bắt đầu thất sủng nên không được đặc quyền như trước nữa. Người cận vệ được nhắc hai lần vào báo với ngài Tổng tài rằng có ngài đại phán quan đang chờ và tất nhiên Rustan không thể quên được.

-Châm đèn lên – Bonaparte nói – và mời ông ta vào.

Người ta châm cây đèn, đặt lên góc lò sưởi chiếu đến giường ngủ ngài Tổng tài.

-Thế nào! Là ông đó ư, Réal, nhưng như vậy chắc chuyện nghiêm trọng hơn chúng ta tưởng lúc đầu đúng không?

-Chuyện hệ trọng lắm, thưa tướng quân.

-Thế nào? Ý ông là gì?

-Là tôi vừa biết những chuyện hết sức kỳ lạ.

-Kể cho tôi nghé xem nào – Bonaparte nói và ngả đầu vào tay sẵn sàng lắng nghe.

-Thưa công dân tướng quân, Georges Cadoudal đang ở Paris cùng với băng đảng của hắn.

-Hả? – Ngài Tổng tài lại tưởng mình nghe không rõ.

Réal nhắc lại.

-Thôi nào! – Bonaparte thốt lên kèm theo cái nhún vai, cử chỉ đặc biệt mỗi lần ông tỏ ra nghi ngờ – Không thể thế được?

-Là sự thật một trăm phần trăm, thưa tướng quân.

-Hoá ra là thế mà gã vô lại Fouché đã viết cho tôi hôm qua: "Xin ngài hãy cẩn thận, không khí sặc mùi dao găm". Này, ông cầm lấy thư của lão, tôi đã để nó lên bàn ngủ và không bận tâm đấy.

Ông rung chuông, Constant bước vào.

-Gọi Boumerine đi – ông nói.

Người ta đánh thức Boumerine dậy, Boumerine xuống và làm theo lệnh ngài Tổng tài.

-Hãy viết cho Fouché và Régnier đến điện Tuileries ngay vì việc Cadoudal, bảo họ mang toàn bộ tài liệu liên quan đến vụ này. Anh sẽ truyền lệnh cho mang hai tin nhanh đi ngay. Trong khi chờ đợi, Réal sẽ giải thích rõ sự việc cho tôi.

Ông Réal ở lại cùng Bonaparte và thuật lại từng câu mà Querelle đã nói với ông: Họ đã trở về từ Anh qua vịnh Biville bằng thuyền ra sao, được con ông chữa đồng hồ mà Querelle không biết tên dẫn qua từng trang trại để đến Paris thế nào nên anh này gặp Cadoudal lần cuối tại ngôi nhà góc phố Bac và Varenne nữa. Sau khi thuật lại đầu đuôi sự việc ông Réal xin phép về gặp tên tù nhân đang hoảng sợ tại Abbaye và xin lệnh cho hưởng án treo vì lời cung khai quan trọng.

Lần này Bonaparte nghe theo Réal và cho phép hắn, nếu không được tha bổng thì cũng bảo toàn được tính mạng. Ông Réal đi ra để lại ngài Tổng tài trong bàn tay của cận vệ để chờ Fouché và Régnier.

Vì Fouché sống trên phố Bac xa nhất nên Régnier là người đến trước. Bonaparte đã vệ sinh buổi sáng xong. Régnier thấy ông đi đi lại lại với cái đầu chúi ra trước, tay chắp sau lưng và vầng trán nhăn lại.

-À Régnier, hôm qua, ông đã nói gì với tôi về Cadoudal nhỉ?

-Thưa ngài Tổng tài, tôi đã nói rằng vừa nhận được thư báo về rằng Cadoudal vẫn đang ở London và cách đấy ba ngày, ông ta còn ăn tối tại nhà thư ký Addington ở Kmgston.

Đúng lúc đó thì Fouché tới.

-Ông Fouché, tôi cho gọi ông đến để phân xử xem giữa ông Régnier và tôi ai đúng, ông Régnier thì cho rằng Cadoudal đang ở London còn tôi lại cho rằng ông ta đang ở Paris. Ai có lý đây?

-Người mà hôm qua tôi đã nói: "Xin ngài hãy cẩn thận, không khí sặc mùi dao găm!" có lý.

-Ông nghe thấy chưa Régnier, tôi là người đã nhận thư của ông Fouché, tôi đúng đấy.

Régnier nhún vai.

-Ngài có muốn đưa cho ông Fouché lá thư nhận từ London cho ngài Fouché không?

Bonaparte đưa thư cho Fouché. Sau khi đọc xong, ông ta nói: -Ngài Tổng tài có cho phép tôi gọi một người đã trở về Paris cùng Cadoudal không?

-Ồ! Lạy Chúa, có chứ! Tôi rất sẵn lòng.

Fouché ra mở cửa phòng chờ và gọi Victor vào. Anh chàng này ăn mặc kiểu quý tộc nhìn giống như một trong số quân triều đình hoặc có chính kiến hoặc theo mốt để đả phá ngài Tổng tài.

Victor kính cẩn cúi chào rồi đứng chờ gần cửa.

-Gì thế này? – Bonaparte hỏi – Nếu anh chàng này thật sự trở về cùng Cadoudal thì làm sao anh ta còn sống sót được?

-Bởi vì – Fouché trả lời – đó là một trong số người của tôi chịu tránh nhiệm theo dõi Cadoudal ở London không rời nửa bước. Chính vì không để rời mắt khỏi ông ta nên đã theo ông ta về tận Paris.

-Chuyện ấy từ bao giờ? – Bonaparte hỏi.

-Cách đấy hai tháng – Fouché trả lời – Nếu ngài Régnier đây muốn tự mình hỏi nhân viên của tôi thì anh ta sẽ vinh hạnh lắm đấy.

Régnier vẫy tay ra hiệu cho chàng trai lại gần trong khi Bonaparte tò mò liếc nhìn anh ta. Anh ta không giống hạng người bông phèng mà ăn mặc vô cùng hợp thời trang. Nhìn anh ta, người ta có thể nói anh vừa đi thăm các phu nhân Rescanier hay Tallies về. Người ta còn cảm thấy anh ta cố gắng nén nụ cười tinh quái vốn quen thuộc của mình.

-Anh làm gì ở London thế anh bạn? – Régnier hỏi.

-Ồ thưa công dân Bộ trưởng, tôi làm như tất cả mọi người, tôi âm mưu chống lại công dân Tổng tài.

-Để làm gì?

-Thì để được các ông hoàng tiến cử với ngài Cadoudal.

-Anh nói về những ông hoàng nào thế?

-Thì những ông hoàng nhà Bourbon chứ ai.

-Anh cũng được giới thiệu với Georges chứ?

-Nhờ Quý ngài công tước Berry, vâng thưa Bộ trưởng, tôi đã được vinh hạnh ấy. Đến nỗi tướng Georges thề danh dự sẽ đưa tôi vào tốp đầu tiên trở lại nước Pháp, tức là trong số chín người đầu tiên về cùng ông ấy.

-Chín người đó là ai?

Là Coster Saint-Victor, Burban, Rivière, tướng Lajolais, một người có tên là Picot nhưng không phải người vừa bị xử bắn, ông Bouvet de Lozier, Demonville,

một người có tên là Querelle chính anh ta đã bị kết án tử hình hôm qua và cuối cùng là Georges Cadoudal.

-Các anh về Pháp bằng cách nào?

-Trên một con tàu do thuyền trưởng Wright chỉ huy.

-À Bonaparte reo lên – Tôi biết anh ta, đó là cựu thư ký của Sidney Smith.

-Chính vậy thưa tướng quân – Fouché nói.

-Thời tiết rất xấu – Chàng trai tiếp tục – Chúng tôi phải vất làm mới nhờ thuỷ triều đưa đến vịnh Biville.

-Chỗ nào ở Biville? – Bonaparte hỏi.

-Gần Diepp thưa tướng quân – Fouché đáp.

Bonaparte nhận thấy người nhân viên không trả lời trực tiếp, ông bằng lòng nghiêng mình trong khi Fouché trả lời thay mình. Vẻ khúm núm ấy khiến ông cảm động.

-Khi tôi hỏi anh có thể trực tiếp trả lời tôi được.

Chàng trai lại nhún mình lần nữa.

-Chúng tôi xuống bãi biển – Anh ta tiếp tục kể – Từ chân vách đá lên đỉnh cao tới bai trăm bộ.

-Thế làm thế nào các anh leo lên được? – Bonaparte hỏi.

-Chúng tôi bám vào sợi dây cáp tàu! Chúng tôi leo lên nhờ lực của dao găm và chống chân vào vách đá. Thỉnh thoảng trên dây có những nút thắt để việc bám vào dễ dàng hơn, thậm chí còn có bậc gắng gỗ để chúng tôi có thể nghỉ một lát giống như con vẹt trên bục đứng của chúng vậy. Tôi leo lên đầu liên, sau đó là tử tước Rivière, tướng Lajolais, Picot, Burban, Querelle, Bouvet, Demonville, Coster Saint-Victor và Georges Cadoudal đi cuối cùng. Đi được nửa đường, nhiều người bắt đầu kêu mệt.

-Tôi báo trước cho các anh biết là tôi vừa cắt đứt dây cáp rồi – Cadoudal nói.

Và quả nhiên tiếng dây rơi xuống chân vách đã vang đến chỗ chúng tôi. Chúng tôi lơ lửng giữa trời và đất, không còn cách nào xuống, tất cả chúng tôi đành phải tiếp tục trèo lên đỉnh vách đá. Cuối cùng mọi người đều đến nơi mà không xảy ra tai nạn nào.

Phải thú nhận vừa lên đến đỉnh tôi thực sự tức thở vì độ cao vừa vượt qua. Tôi nằm sấp xuống đất chỉ sợ nếu đứng dậy tôi sẽ ngã nhào ra sau vì chóng mặt.

Rivière là người yếu nhất trong số chúng tôi đã gần như ngất xỉu Coster Saint-Victor đến nơi và huýt sáo săn, còn Cadoudal thở dốc và nói: -Với một người nặng hai trăm sáu mươi livre thì đoạn đường này quả là khó khăn.

Sau đó, ông ném nốt phần cáp còn lại cho nó móc với nửa kia. Chúng tôi hỏi vì sao ông làm như vậy, ông đáp rằng, thông thường sợi dây ấy dùng cho bọn buôn lậu, nếu để nguyên; kẻ bất hạnh nào cứ thế trèo xuống sẽ không biết nửa kia đã bị cắt và hắn ta phải ở cách mặt đất một trăm bộ.

Xong việc, ông cất tiếng kêu như tiếng quạ lập tức có hai tiếng chùm cú đáp lại và hai người đàn ông xuất hiện. Đó là người dẫn đường của chúng tôi.

-Ông Fouché đã nói Georges đi từ Biville đến Paris qua các trạm nghỉ được chuẩn bị từ trước. Anh có biết các chỗ ấy không?

-Hoàn toàn có, thưa tướng quân. Tôi đã đưa danh sách cho ngài Fouché, nhưng tôi vẫn còn nhớ, nếu có ai chép lại, tôi có thể đọc chính xác như bản kia.

Bonaparte rung chuông.

-Cho gọi Savary đến đây. Đó là cận vệ gần gũi của tôi.

Khi Savary xuống, Bonaparte chỉ vào chiếc bàn bảo anh ta: -Hãy ngồi ở đó và ghi lại những gì anh chàng này đọc!

Savary ngồi xuống cầm bút lông ngỗng viết lại theo lời đọc của Victor.

"Đầu tiên, cách vách đó một trăm bộ có một ngôi nhà dùng làm nơi trú ẩn cho những người gặp thời tiết xấu, những ai muốn cập bến hay đợi chuyến tàu khác. Từ đó chúng tôi đến trạm nghỉ đầu tiên ở Guilmécourt, tại nhà một thanh niên có tên là Pageot de Pauly, trạm thứ hai ở trang trại Potterie, và Saint-Rémy ở nhà vợ chồng Dénmont, trạm thứ ba ở Preuseville, nhà người có tên là Loizel. Thưa đại tá, đến đây cho phép tôi được lưu ý là từ chỗ này có ba lối khác nhau cùng dẫn đến Paris. Theo lối rẽ trái, trạm thứ tư tại nhà Monnier ở Aumale, trạm thứ năm ở Feuquière, nhà Colliaux, trạm thứ sáu ở Monceau nhà Leclerc, trạm thứ bảy ở Auteuil nhà Rigaud, trạm thứ tám ở Saint-Lubin nhà Massignon, trạm thứ chín ở Saint-Leu-Ta-Verny, nhà Lamotte.

Nếu chúng tôi đi đường ở giữa thì trạm thứ tư ở Gaillefontaine, nhà chị goá Le Seur, trạm thứ năm ở Saint-Clair nhà Sachez, trạm thứ sáu ở Goumay, nhà chị goá Cacqueray, còn nếu rẽ phải trạm thứ tư ở Roncherolles nhà Gam u, trạm thứ năm ở Saint-Crespin, nhà Bertengles, trạm thứ sáu ở Etrépagny nhà Demonville trạm thứ bảy ở Lauréal nhà Bouvet de Lozier và trạm thứ tám ở Eaubonne, nhà một người có tên là Hyvonnet. Tất cả có vậy.

-Savary, hãy giữ danh sách này cẩn thận – Ngài Tổng tài nói – Nó sẽ cớ ích cho chúng ta. Được rồi! Ông Régnier, ông nghĩ sao về chuyện này?

-Thật lòng mà nói, hoặc nhân viên của tôi là lũ ngốc hoặc anh chàng này là một kẻ ranh mãnh khéo léo.

-Thưa ngài Bộ trưởng, về phần ngài – Anh chàng nhân viên vừa nói vừa nghiêng mình xuống – những điều ngài vừa nói đã là một lời khen ngợi, nhưng tôi không phải là một kẻ ranh mãnh, tôi chỉ hơn các đồng nghiệp khác ở điểm là có thể cải trang tốt mà thôi.

-Bây giờ hãy nói cho tôi biết Georges đã làm gì từ khi hắn ở Paris?

-Tôi đã theo ông ta đến ba bốn nhà. Đầu tiên, ông ta đến phố Ferme, tiếp đó là phố Bac nơi ông ta gặp Querelle rồi vừa ra khỏi nhà Georges thì anh này bị bắt, bây giờ ông ta đang ở phố Chaillot dưới cái tên Larive.

-Nhưng ông biết tất cả những chuyện này từ đâu… – Régnier nói với Fouché.

-Từ hai tháng – Fouché ngắt lời.

-… vậy tại sao ông không cho bắt hắn?

Fouché bật cười và nói: -Ồ xin lỗi ngài Bộ trưởng Tư pháp, chừng nào tôi chưa bị kết án, tôi sẽ không nói ra bí mật của mình đâu. Vả lại, tôi giữ chúng lại cho tướng quân Bonaparte.

-Ông bạn Régnier thân mến. – Ngài Tổng tài nói và nở một nụ cười – Tôi cho rằng sau những gì chúng ta vừa nghe, ngài có thể thong dong mà gọi nhân viên ở London của ngài về được rồi đấy. Còn bây giờ với tư cách là Bộ trưởng Tư pháp, ngài hãy để mắt đến kẻ tử tù khốn khổ bị kết án hôm qua người đó cung khai tất cả sự thật. Tôi biết rõ điều đó vì lời khai ấy trùng với lời kể của anh đây (Bonaparte chỉ vào nhân viên vừa mang đến tin tức mà chúng ta vừa đọc) – không bị hành quyết. Tôi không tha bổng cho anh ta vì tôi muốn anh ta được đưa đến nhà tù. Hãy theo dõi và trong sáu tháng tới ông hãy báo cáo về thái độ của anh ta. Ông Régnier thân mến, còn lại tôi xin được bày tỏ sự hối tiếc khi buộc ông phải dậy sớm như thế bây giờ ông có thể đi. Còn Fouché, ông ở lại.

Ông này lùi xuống cuối phòng rồi đi ra để lại ngài Tổng tài cùng với Bộ trưởng cảnh sát thật sự.

Bấy giờ Bonaparte mới lại gần Fouché.

-Ông đã nói là sẽ cho tôi hay tại sao ông giấu việc có mặt của Cadoudal ở Paris cho đến tận lúc này đúng không?

-Tôi giấu ngài, thưa ngài Tổng tài, trước hết để ngài không biết chuyện ấy.

-Thôi đừng đùa nữa. – Bonaparte cau mày nói.

-Tôi không hề đùa chút nào, thưa công dân tướng quân, và tôi lấy làm tiếc là hôm nay ngài buộc tôi phải nói ra. Niềm vinh hạnh mà ngài dành cho tôi trở thành chỗ thân tín cho phép tôi được quan sát ngài. Xin ngài đừng chau mày! Đó là tình trạng của tôi mới đúng. Thế này, ngài là một người dễ để lộ bí mật trong lúc giận dữ. Chừng nào ngài còn bình tĩnh, mọi chuyện đều êm đẹp, ngài sẽ giấu mình như một chai Champagne nhưng nếu ngài nóng giận, chai Champagne sẽ bật tung và thế là tất cả thành bọt hết.

-Ông Fouché, – Bonaparte nói – tôi xá cho ông tội so sánh đấy.

-Còn tôi, thưa tướng quân, tôi tự xá cho mình việc giữ bí mật cho nên xin phép ngài cho tôi được lui.

-Thôi nào, chúng ta đừng bực mình nữa – Bonaparte nói – Tôi muốn biết tại sao ông đã không bắt Georges.

-Ngài muốn biết ư?

-Tuyệt đối muốn.

-Thế nhỡ vì lỗi của ngài mà trận đánh Rivoli của tôi bị thất bại, ngài không xử tôi tội chứ?

-Không.

-Thế thì được rồi. Tôi muốn để ngài tóm gọn bọn người ngài muốn chỉ trong một mẻ lưới. Tôi muốn chính ngài là người đầu tiên vui mừng trước mẻ cá hoàn hảo. Tôi đã không cho bắt Cadoudal vì chỉ hôm qua Pichegru mới đến Paris.

-Cái gì?

-Pichegru đã đến Paris hôm qua. Hắn đang ở phố Arcade vì hắn chưa kịp gặp Moreau.

-Gặp Moreau! – Bonaparte kêu lên – Ông điên rồi, ông quên họ là kẻ thù không đội trời chung à?

-À vì Moreau đã tố cáo Pichegru ư! Chính ngài là người biết rõ hơn ai hết rằng Pichegru có người anh trai là tu sĩ, và để trả khoản nợ sáu trăm nghìn phăng cho Cayenne mà anh này để lại, Pichegru đã buộc phải bán thanh kiếm và ve áo với dòng thông báo: "Thanh gươm Marengo và cầu vai của người chiến thắng nước Hà Lan". Ngài cũng biết rõ tướng Pichegru đã không nhận được khoảng tiền một triệu từ hoàng thân Condé. Ngài còn biết rõ hơn cả Pichegru, người không vợ không con, nên không thể nhận khoản hai trăm nghìn phăng cho bà vợ goá và một trăm nghìn cho con của anh ta trong bản cam kết với hoàng thân Condé. Đó là mẹo vặt mà các chính phủ sử dụng để chống lại người nào họ muốn vứt bỏ sau khi anh ta phục vụ nhiều đến mức người ta không còn cách trả nào khác ngoài sự bạc bẽo. Thế là Moreau đã nhận ra sai lầm của mình và Pichegru hôm qua đến để tha thứ cho ông ta.

Trước sự kết hợp của hai người mà Bonaparte ngỡ họ là kẻ thù bây giờ lại chĩa vào ông khiến ông không thể không đưa tay làm dấu trên ngực theo tục lệ của người dân đảo Corse.

-Nhưng – ông nói – khi họ gặp nhau, hoà hảo với nhau, khi những con dao nhọn sặc mùi trong không khí chĩa vào tôi thì ông sẽ loại chúng cho tôi chứ? Ông sẽ cho bắt chúng chứ?

-Chưa đâu!

-Thế ông còn chờ gì nữa?

-Tôi chờ khi nào hoàng tử mà họ đang mong đặt chân đến Paris. Họ đang chờ một ông hoàng của chính nhà Bourbon.

-Họ cần một ông hoàng để ám sát tôi à?

-Trước hết, ai nói với ngài rằng họ muốn ám sát ngài? Cadoudal đã tuyên bố nếu vì thù riêng, hắn sẽ không bao giờ ám sát ngài.

-Thế hắn có ý định gì khi đặt thuốc nổ?

-Hắn tưởng Chúa của hắn nằm trong tác phẩm của quỷ ấy.

-Vậy rốt cục hắn muốn gì?

-Muốn chiến đấu với ngài.

-Tôi sẽ đồng ý sao?

-Tại sao không? Hôm trước ngài đã muốn đấu cùng Moreau còn gì.

-Nhưng Moreau là Moreau, tức là một tướng tài, một người thắng trân. Tôi đã gọi anh ta là Tướng về hưu, nhưng đó là trước trận Hohenlinden. Họ muốn đấu với tôi thế nào?

-Một buổi tối, khi ngài trở về từ La Malmaison hay Saint-Cloud, ngài chi có khoảng ba chục tuỳ tùng thì khoảng ba chục quân Bảo hoàng do Cadoudal cầm đầu tấn công người của ngài. Với số quân tương đương, họ chặn đường ngài, sẽ giao đấu và sẽ giết ngài.

-Thế khi tôi chết rồi, họ sẽ làm gì?

-Ông hoàng kia cũng tham dự trận đấu nhưng dĩ nhiên không trực tiếp, ông ta sẽ tuyên bố lập lại triều đình. Bá tước miền Provence không cần động ngón tay vào tất cả việc này, sẽ nhân danh vua Louis XVIII và ngồi vào ngai vàng của các tiên đế, mọi việc thế là xong. Ngài chỉ còn là một đốm sáng trong lịch sử giống như một tia mặt trời quanh quỹ đạo vàng như Toulon, Montebello, Arcole, Rivali, Louis, Marengo, Pyramides…

-Đừng đùa nữa, ông Fouché. Ông hoàng nào phải đến Pháp để kế vị tôi?

-Về điều này, phải thưa rằng tôi vẫn chữa được rõ. Chúng tôi chờ ở Vedée những ông ta không đến. Chúng tôi lại chờ ở Quiberon ông ta vẫn không đến và có lẽ ông ta cũng không đến Paris như đã không tới Vendée và Quiberon.

-Được rồi, tôi đồng ý – Bonaparte nói – chúng ta hãy chờ hắn, ông đảm bảo tất cả chứ, ông Fouché.

-Tôi bảo đảm tất cả ở Paris miễn là cảnh sát của ngài không can thiệp vào cảnh sát của tôi.

-Được thoả thuận thế nhé. Ông biết là tôi không đề phòng gì hết, chính ông là người bảo vệ tôi. Nhân đây, đừng quên thưởng sáu nghìn phăng cho nhân viên của ông và nếu có thể, bảo anh ta đừng rời mắt khỏi Cadoudal.

-Xin ngài cứ yên tâm, nếu anh ta để mất hắn, chúng tôi còn hai tiêu điểm khác để dò ra hắn.

-Tiêu điểm gì?

-Moreau và Pichegru.

Fouché vừa ra khỏi phòng, Bonaparte đã cho gọi Savery.

-Savery, Bonaparte nói vời sĩ quan tuỳ tùng của mình – Hãy mang cho tôi danh sách những kẻ tình nghi trong các vụ nhận xe thuế hay các trường hợp tương tự đến đây.

Kỳ thực, từ ngày lập lại tình hình trong nước, cảnh sát đã lên danh sách tất cả những ai từng vi phạm tội dân sự hay lập danh sách những phần tử chống đối trong đó có các vụ cướp xe thuế.

Tất cả được chia làm nhiều thành phần như sau: -Những kẻ kích động.

-Thủ phạm.

-Tòng phạm.

-Chứa chấp và giúp những người này tẩu thoát.

Cần phải tìm ra tên chữa đồng hô mà Querelle và nhân viên của Fouché nhắc tới. Qua nhân viên của Fouché, Bonaparte đã có thể biết tên hắn nhưng ông không muốn quá coi trọng cái tên này vì sợ làm lộ kế hoạch của Fouché.

Thực ra Bonaparte hầu như bị thương tổn trước sự sáng suốt của Fouché cũng như trước sự mù quáng của Régnier, ở giữa mối nguy hiểm mà ông không biết gì, được bảo vệ mà lại không phải tấm chắn của cảnh sát. Là một người thiên tài và có tính cách, Bonaparte muốn tận mắt mình xem xét xung quanh. Chính vì vậy ông mới cho Savary mang danh sách những kẻ tình nghi từ phòng Seine Inférieure đến.

Mới nhìn qua danh sách ở Eu và Tréport, họ thấy tên chữa đồng hồ là Troche. Ông bố đã bị bắt vì tội đồng loã trong vụ này, người ta không lấy được lời khai của hắn. Những hắn còn một người con trai khoảng mười chín tuổi chắc chắn biết nhiều như bố về các vụ tàu cập bến và những chuyến còn tiếp tục sau đó.

Bonaparte ra lệnh bằng điện tín cho bắt và dẫn ngay đứa con đó lên Paris, nếu đi bằng xe ngựa, ngay sáng hôm sau, cậu ta có thể đến nơi.

Trong thời gian đó, Réal quay trở lại nhà tù. Ông gặp lại tù nhân trong một tình cảnh đáng thương.

Mới sáng sớm, tức là từ sáu giờ đến bảy giờ, lực lượng quân đội người phải dẫn anh ta ra đồng bằng Grenelle để xử bắn, đã xếp vào vị trí. Chiếc xe dẫn tù nhân đậu trước lối ra với cánh cửa mở sẵn và bục bước lên đã hạ.

Kẻ bất hạnh vẫn ở trong nhà giam có cánh cửa sắt hướng ra phố. Qua cửa sổ, anh ta có thể thấy khung cảnh chuẩn bị vụ xử bắn kinh hoàng ấy, dù không khiếp bằng việc chặt đầu nhưng dẫu sao anh ta vẫn thấy tức thở.

Anh ta thấy người ta vội vã đi lấy lệnh hành quyết, còn tay quản ngục đã yên chỗ trên ngựa đang chờ đợi được tham dự buổi hành hình khi lệnh đến. Đám long kỵ binh áp giải cũng đã xếp hàng chờ sẵn, viên sĩ quan chỉ huy đội này cũng đã lên ngựa ngay sát cửa sổ của anh ta. Tù nhân chờ đợi khoảng thời gian khủng khiếp từ sáu rưỡi đến chín giờ.

Cuối cùng chín giờ cũng đã đến, sau khi đếm những tiếng chuông đổ thêm ba mươi phút, mười lăm phút, anh ta đã nghe thấy tiếng xe giống như tiếng lúc xe lúc năm giờ sáng. Thế là anh ta hướng ánh mắt lo lắng ra phía cửa, tai anh ta căng ra để nghe tiếng bước chân trong hành lang, những cảm xúc ban sáng lại rộn ràng trong lồng ngực.

Réal bước vào với nụ cười trên môi.

-Ôi ngài sẽ không cười nếu như tôi bị kết án tử hình! – Kẻ bất hạnh reo lên rồi sụp xuống ôm chân ông vào lòng.

-Tôi không hứa thả anh – Réal nói – Tôi đã hứa có án treo và tôi mang nó đến đây. Tôi đã gắng sức để cứu anh rồi.

-Thế thì được rồi! – Tù nhân kêu to – Nếu ngài không muốn tôi chết vì sợ hãi thì hãy cho giải tán đám long kỵ binh, chiếc xe và binh lính ngoài kia đi. Họ ở đó vì tôi, và chừng nào họ còn ở đó tôi vẫn chưa tin những gì ngài nói.

Réal cho gọi chỉ huy đội quân đến.

-Việc thi hành án bị bãi bỏ – ông nói – do lệnh của ngài Tổng tài. Hãy giữ người này thật cẩn thận, tối nay sẽ đưa anh ta đến Temple.

Querelle thở phào. Temple là nhà tù dài hạn nhưng ở đó sẽ ít nguy hiểm. Cuối cùng, đó cũng là điều mà ông Réal muốn nói với anh ta. Rồi ngay sau đó, qua cánh cửa, Querelle thấy người ta nhấc bục đi, đóng cửa xe lại, chuyển nó đi. Anh ta còn thấy viên sĩ quan xuống ngựa dẫn đầu đoàn quân của mình rồi anh ta không thấy gì nữa. Trong niềm sung sướng cực độ, anh ta đã ngất xỉu. Bác sĩ được gọi đến. Querelle tỉnh dậy, được đưa vào nhà giam bí mật và theo lệnh, ngay đêm hôm đó được dẫn đến Temple.

Ông Réal ở lại bên cạnh anh ta khi anh này ngất xỉu. Lúc tỉnh dậy, ông đã hứa sẽ xin thêm cho anh ta với ngài Tổng tài.

§33. Rình hụt

Hoàn cảnh đặc biệt đã giúp cảnh sát tìm ra dấu vết của ông Troche. Hai, ba năm trước, một cuộc đụng độ giữa quân Bảo hoàng và dân buôn lậu đã xảy ra nhân một chuyến cập tàu đã có nổ súng và trên một trong số gói hàng cháy dở còn sốt lại trên bãi chiến trường, người ta đọc được dòng chữ; Gửi công dân Troche, thợ đồng hồ ở…

Lúc ấy ai cũng biết ở Dieppe có công dân Troche, do đó không ai không nghi ngờ công dân Troche có dính líu, và chính lá thư ấy đã khiến ông ta trở thành đối tượng quan tâm của chính phủ.

Khoảng sáu ngày trước, người ta đã bắt công dân Troche và dẫn ông ta từ Dieppe về Paris. Đó là một người miền Normand khoảng bốn mươi lăm đến năm mươi tuổi, người này đã được cho gặp Querelle nhưng hôm ấy thấy Querelle không muốn nhận mình nên ông ta cũng không nhận Querelle. Mặc dù chối tội, người ta vẫn cho ông Troche vào nhà giam.

Nhưng vẫn còn Troche con, một chàng trai cao lớn khoảng mười chín, đôi mươi. Nhìn bề ngoài rất ngây thơ nhưng anh ta còn giỏi buôn lậu hơn chữa đồng hồ. Bị bắt đến Paris, anh ta được đưa đến chỗ Savary, cận vệ của ngài Tổng tài. Sau khi nghe nói cha mình đã thú nhận tất cả. Nicolas Troche tin ngay và cũng nhận tội.

Lời khai của anh này không làm hại anh ta nhiều. Anh ta được tin những người buôn lậu muốn cập bến, anh ta ra hiệu cho họ. Nếu biển lặng, anh ta giúp họ, nếu biển động anh ta chờ "lặng sóng" rồi giúp họ đến khi họ lên đỉnh vách đá ấy. Sau đó, anh ta chỉ gặp một người để lấy tiền là ba phăng cho mỗi lượt người được giúp lên đỉnh vách đá. Đó lâ công việc từ thời xa xưa của nhà Troche, con trai cả trong nhà mới được thừa kế hưởng lợi nhuận ấy và nhà Troche kiếm cả ngàn phăng mà không bao giờ nghĩ họ là ai khác ngoài dân buôn lậu.

Qua một cánh cửa hé mở, tướng Bonaparte đã nghe thấy toàn bộ cuộc hỏi cung. Nó hoàn toàn giống như ông ta dự đoán. Savary hỏi liệu sắp có chuyến cập bến nào hay không. Cậu con trai Troche trả lời rằng trong lúc Savary dành hân hạnh cho anh ta thì có một chiếc tàu từ Anh đang neo đậu trước vách đá Biville chỉ chờ lặng sóng là cập vào bờ.

Savary đã có kế hoạch do ngài Tổng tài vạch cho. Nếu Nicolas khai thật điều mà anh ta vừa làm. Savary sẽ đi cùng anh ta để chặn chuyến tàu mới đó.

Chàng trai Troche bị theo dõi suốt cả ngày hôm đó.

Dù viên tuỳ tùng của ngài Tổng tài rất nhanh nhẹn nhưng phải bảy giờ tối anh ta mới khởi hành trên một chiếc xe ca khổ to, trong đó có một tá hiến binh ưu tú.

Ban đầu, người ta định chuyển Nicolas Troche vào trại giam để anh ta gặp lại người cha Jéromé Troche của mình, nhưng anh chàng vốn thích không khí thoải mái hơn là nhà tù đã nói rằng nếu trên bờ không có tín hiệu quen thuộc, tàu sẽ không ghé đậu.

Troche là một thợ săn thực thụ, anh ta chỉ cần săn mà bất cần là săn cho ai. Hơn nữa, anh ta bị kích động với ý nghĩ rằng con đường mình đang đi biết đâu dẫn anh ta đến đoạn đầu đài thì sao, tốt nhất là nên nhiệt tình đi giăng bẫy cho kẻ sắp đến cũng giống như từng giúp những người đã đi trước vậy. Savary đến Dieppe sau khi rời Paris hai mươi tư tiếng. Anh được sự uỷ quyền của Bộ chiến tranh có thể tuỳ ý hành động trước mọi tình huống.

Troche ngay lập tức ra hiệu bên bờ biển. Biển vẫn rất xấu và chiếc tàu hai cột buồm còn ở đó.

Thời tiết xấu khiến cho không tàu nào vào bờ được. Savary đưa Troche ra bờ biển ngay từ sớm. Chiếc tàu nọ vẫn ở đó chừng nào lặng gió, nó có thể tiến lại gần chân vách đá. Nhưng Savary không muốn dừng chân ở Dieppe. Anh cải trang thành thương nhân cùng một tá người của mình đi đến Biville. Họ là những người đã được lựa chọn từ những nhân viên giỏi giang thật sự.

Savary gửi ngựa và theo hướng dẫn của Troche, đi vào một ngôi nhà mà những người trên con tàu nước Anh thường lui đến.

Ngôi nhà này hoàn toàn cách biệt và nằm ngoài tầm kiểm soát của các nhà chức trách, nằm ở tận cùng ngôi làng quay ra biển, nó giúp cho những ai đến đây ẩn náu có lợi là ra vào mà không bị ai phát lủện.

Savary để người của mình ở ngoài vườn rồi bước qua hàng rào tiến về phía ngôi nhà nhỏ. Qua cánh cửa chắn gió hé mở, anh thấy một chiếc bàn chất đầy rượu vang, bánh mì cắt sẵn và những lát bơ.

Savary quay lại phía hàng rào, gọi Troche lại và chỉ cho anh ta sự chuẩn bị ăn uống ấy.

-Đó là bữa ăn nhẹ mà chúng tôi chuẩn bị sẵn cho những ai đến bờ. Điều này chứng tỏ tàu sẽ cập bến vào đêm nay, ngày mai hoặc mấy hôm nữa. Nếu thuỷ triều hạ, họ sẽ có mặt ở đây trong vòng mười lăm phút hoặc không trước ngày mai – Troche đáp.

Savary chờ một cách vô ích, ngày hôm đó và cả những ngày sau vẫn không thấy tàu cập vào bờ. Tuy nhiên, chuyến tàu ấy được chờ đợi một cách nóng lòng nhất. Tin đồn cho rằng vị hoàng tử nọ đang ở trên chuyến tàu ấy.

Ngay từ sớm, Savary đã ra vách đá mặt đất phủ đầy tuyết trắng trên đường đi, anh ngỡ mình đã có kết quả trong giây lát.

Nhưng gió thổi từ bờ biển thổi vào dữ dội, xoáy theo những bông tuyết trắng đến nỗi người ta chỉ nhìn ra xa được vài bộ. Tuy thế, người ta vẫn chờ đợi.

Có tiếng nói vang lên từ đoạn đường gồ ghề ven vách đá, Troche đặt tay lên cánh tay Savary và nói: -Đó là người của chúng tôi, tôi nghe thấy giọng của Pageot de Pauly.

Pageot de Pauly là một chàng thanh niên trạc tuổi Troche đang thay anh ta làm người dẫn đường trong lúc Troche vắng mặt.

Savary sai người chặn đoạn đường gồ ghề còn mình cùng với Troche và hai người nữa tiến về phía có tiếng nói.

Bốn người bất thình lình hiện ra trên đỉnh vách đá, tiếng kêu "Đứng lại!" vang lên khiến những kẻ đi đêm phải khiếp sợ

Nhưng Pageot đã nhận ra Troche và reo to: -Đừng sợ, có Troche ở đó!

Hai toán người tiến lại gần nhau, những người đi cùng Pageot chỉ là dân trong làng đến chờ tàu vào bờ.

Lần này, con tàu đã thử nhưng nó không thể vì sóng quá lớn, trên tàu có tiếng vọng đến: -Hẹn ngày mai!

Gió đã mang câu ấy đến chỗ mấy người dân này. Đây là lần thứ ba con tàu định vào bờ mà không được. Ban ngày, nó thả neo ngoài khơi, đậu tại đó suốt cả ngày, buổi tối, nó sáp vào đất liền và định cập bến.

Savary rình suốt đêm nhưng không chỉ không có gì xảy ra mà sớm ngày hôm sau, người ta đã thấy nó giong buồm rời xa bờ tiến về phía nước Anh.

Savary ở thêm một ngày xem nó có quay lại không. Trong thời gian ấy, anh đi xem sợi dây cáp dùng để leo lên vách đá. Dù là một người không dễ để con tim nao núng, anh vẫn phải thừa nhận thà tham gia vào mười trận chiến còn hơn là phải leo lên vách đá dựng đứng không có mấy chỗ bám với bão tố quay cuồng xung quanh, bóng tối trên đầu và biển dưới chân như vậy.

Ngày nào, anh cũng gửi tin tức về cho Bonaparte. Đến ngày thứ hai mươi tám, anh nhận điện phải trở về Paris. Savary tuân lệnh về Paris vì một số điểm đã rõ nhưng bóng tối còn trùm lên một số điểm khác.

Bonaparte đã nhận được tin chắc chắn rằng con tàu xuất hiện suốt hơn chục ngày do Savary báo không hề có ông hoàng nổi tiếng, người mà nếu không có thì Georges tuyên bố sẽ không hành động.

-Nếu hành động một mình, Georges chỉ là một kẻ phiến loạn tầm thường. Nếu kết hợp với công tước Berry hay bá tước Altois tức là ông ta trở thành đồng minh của hoàng tử.

Một hôm, Bonaparte cho gọi Carnot và Fouché đến bên mình. Chúng ta hãy xem ông tự nói gì về cuộc gặp mặt ấy trong tập bản thảo viết tay do con tàu Le Heron mang về từ đảo Sainte-Helène nơi mà Bonaparte bị lưu đày:

"Tuy nhiên, tôi càng đi lên, phái Jacobin, người không tha thứ cho tôi về việc xử anh em của họ, càng trở nên nguy hiểm. Trong tình hình ấy, tôi cho gọi Carnot và Fouché đến.

-Thưa các ông – Tôi với họ – sau những cơn phong ba bão táp liên miên, tôi những mong nó chứng tỏ cho các vị tin rằng lợi ích của nước Pháp vẫn chưa hoà hợp với các chính phủ khác trong suốt thời kỳ Cách mạng, chưa một ai bằng lòng về vị trí địa lý của nước Pháp, về dân cư và số lượng thuộc địa của nó. Sự bình yên mà nhà nước mang lại hiện nay vẫn còn như trên một núi lửa, phải luôn lường trước một ngày nó sẽ hoạt động với lớp dung nham sôi sục. Cũng giống như bao nhiêu người cao cả khác, tôi thiết nghĩ chỉ có một cách để cứu nước Pháp và bảo đảm cho lợi ích mãi mãi về sau với sự tự do mà nó dành được đó là đặt nó dưới một chế độ quân chủ lập hiến trong đó ngai vàng sẽ được thừa kế.

Carnot và Fouché không hề ngạc nhiên trước đề nghị của tôi; họ đang chờ đợi điều này. Carnot nói thẳng là ông ta thấy rõ tôi đang nhòm nhó ngai vàng.

-Khi điều đó được thực hiện – Tôi trả lời ông ta – thì ông thấy có gì phải tiếc khi mà kết quả sẽ mang lại vinh quang và bình yên cho nước Pháp?

-Tôi tiếc khi chỉ trong một ngày ngài phá huỷ toàn bộ tác phẩm của toàn dân tộc và điều này sẽ có thể làm chính ngài hối hận.

-Tôi thấy rõ mình không còn gì để nói với Carnot nên đã kết thúc buổi nói chuyện tại đó nhưng với Fouché thì khác. Sau vài ngày, tôi lại cho gọi ông ta.

Carnot đã nói toạc bí mật của tôi mà trên thực tế, nó cũng không còn là bí mật nữa, không yêu cầu ông ta im lặng, tôi không cớ gì mà bực mình về sự khiếm nhã của ông ta. Mà dẫu nó cũng phải để mọi người biết kế hoạch của tôi xem phản ứng của họ ra sao.

Các sắc lệnh đều do tôi ban ra, kể từ khi tôi đứng đầu mọi việc Họ có chuẩn bị cho người Pháp thấy một ngày tôi cầm cây vương trượng hay họ có tin sắc lệnh ấy có thể mang cho dân chúng bình yên và hạnh phúc. Đó là điều tôi không biết như có một điều luôn đúng là mọi việc sẽ êm đẹp khi có bàn tay của quỷ, đó là Fouché. Nếu ông ta truyền tin thiện chí, ông ta sẽ có ít lỗi, nếu ông ta gây cho tôi bối rối, đó là một con quái vật.

Vừa có tin tôi chuẩn bị lên ngôi, Fouché, nhờ các tay chân của mình bề ngoài thì không phải do ông ta chủ mưu, đã loan tin đến tất cả các chủ chốt của phái Jacobin rằng tôi muốn lập lại ngai vàng chỉ trong mục đích duy nhất là muốn quyền thừa kế vương miện được hợp pháp. Người ta còn thêm thắt rằng bằng hiệp ước bí mật, tôi sẽ áp đặt việc tái thiết vương triều cho tất cả các cường quốc nước ngoài.

Sự bịa đặt thật quỷ quyệt, nó đặt lên lưng tôi tất cả mọi lá thư trong đó lời kêu gọi của nhà Bourbon có thể làm phương hại đến cả sinh mệnh của tôi.

Nhưng hồi đó tôi chưa hiểu rõ Fouché nên không thể nghi ngờ ông ta trong vụ việc đen tối ấy. Những gì tôi nói đều thật thà đến nỗi tôi còn giao cho ông ta đi thăm dò các ý kiến. Ông ta chẳng cần đi đâu vì tất cả ý kiến đều là sản phẩm của ông ta.

-Phái Jacobin – ông ta nói – sẽ dốc giọt máu cuối cùng trước khi để ngài ngồi lên ngai vàng. Không phải họ nghi ngại chế độ quân chủ, tôi còn nghe biết đâu họ cũng thấy đây là cách tốt nhất để kết thúc mọi việc, những tất cả là do chúng muốn đẩy nhà Bourbon đi vì chúng cho rằng chế độ nào cũng đáng sợ.

Đoạn diễn văn này tuý cỏ dự báo trở ngại nhưng không hề khiến tôi nản lòng, tôi không hề nghĩ đến nhà Bourbon. Tôi tỏ thái độ ấy với Fouché và hỏi ông ta làm thế nào để chỉnh lại những tin đồn nhảm và thuyết phục phái Jacobin rằng tôi chỉ làm việc vì mục đích của mình.

Ông ta xin tôi hai ngày để đưa ra câu trả lời.

Hai ngày sau, như Bonaparte nói, Fouché đã đến. Ông ta nói: -Chiếc tàu mà Savary báo với chúng ta đã biến mất sau ngày thứ mười một. Chiếc tàu ấy chỉ chứa những tay chân phụ tá, cho họ lên bờ biển Bretagne rồi trở lại bằng con đường khác. Ngài còn lạ gì các ông hoàng nhà Bourbon, bá tước Artois và công tước Berry họ lại chịu lộ diện chiến đấu với ngài ở Paris ư. Họ không bao giờ ra mặt (mặc dù trước đây lời kêu gọi khắp nơi) chiến đấu với quân Cộng hoà ở Vendée. Bá tước Artois còn mải dành tình yêu của mình cho các quý cô và quý bà nước Anh xinh đẹp Còn về công tước Barry, ngài cũng biết ông ta đấy, không bao giờ ông ta chứng tỏ lòng can đảm cá nhân trong các cuộc đọ gươm hay đấu súng điều mà các hoàng tử khác sẽ không bỏ qua cơ hội. Tuy nhiên bên bờ sông Rhin, cạnh nước Pháp khoảng bảy tám dặm có một người đàn ông rất dũng cảm, người đã hai mươi lần chứng tỏ lòng can đảm ấy khi chiến đấu với quân Cộng hoà. Đó là con trai của hoàng thân Condé, công tước Enghien.

Bonaparte rùng mình.

-Cẩn thận đấy ông Fouché – Bonaparte nói – Mặc dù tôi không thẳng thắn nôi dự định trong tương lai của mình đối với ông nhưng dần dần tôi thấy ông đang sợ đấy. Ông sợ một ngày tôi hoà hảo với nhà Bourbon và ngày đó, hỡi con người hay diệt trừ các chế độ, ông sẽ ở trong một tình thế bấp bênh. Còn nếu một người nhà Bourbon chống lại tôi, nếu điều đó hiện ra rõ ràng trước mắt tôi, thì cũng không triều đình hay ý kiến xã hội nào ngăn tôi được. Tôi muốn đi đến cùng vận mệnh của mình, dù nó thế nào, tôi cùng vận mệnh ấy được viết lên cuốn sách định mệnh.

Tất cả chướng ngại trên con đường của tôi, tôi sẽ lật đổ hết, nhưng tôi cần phải có quyền lực và lý trí.

-Thưa ngài – Fouché nói – Không phải vô tình hay vì mục đích cá nhân mà tôi nói với ngài về công tước Enghien vì dạo trước sau khi mang thông điệp của Cadoudal tới ngài, Sol de Grisolles, thay vì đến London gặp lại tướng quân của anh ta, đã sang Đức. Tôi dễ dàng biết anh ta làm gì bên bờ kia sông Rhin. Tôi đã sai nhân viên mà anh ta hân hạnh được gặp ngài hôm nọ đi theo dõi Sol. Đó là một người rất khéo léo, ngài cũng thấy đấy. Anh ta theo Sol đến Strasbourg, cũng

vượt sông với anh này, làm quen với Sol dọc đường và cùng đến Ettenheim. Điều đầu tiên cận vệ của Cadoudal làm là đến thăm đức ông Enghien. Ông này còn mời anh ta ở lại ăn tối và giữ anh ta đến tận mười giờ tối.

-Này này – Bonaparte đột ngột nói vì ông đã thấy Fouché muốn đưa ông đi đâu – Nhân viên của ông không ăn tối cùng họ đúng không? Nhưng làm sao anh ta biết họ nói gì và vạch kế hoạch gì?

-Họ nói gì đâu có khó đoán. Những kế hoạch họ đã làm cũng dễ hình dung ra. Nhưng, để không võ đoán chúng ta hãy dừng ở tính xác thực. Thưa ngài, người của tôi vốn làm chủ thời gian nên không thể bỏ lỡ vài tiếng mà không làm gì. Quả vậy! Anh ta đã dùng nó để dò la tin tức, qua đó, anh ta biết công tước Enghien thỉnh thoảng lại rời Ettenheim bảy tám ngày, ngoài ra anh ta còn biết có lần ông ấy qua đêm thậm chí hai đêm ở Strasbourg.

-Chuyện ấy thì có gì lạ – Bonaparte nói – Tôi cũng được báo ông ta đến đó làm gì.

-Ông ta đến đó làm gì vậy? – Fouché hỏi.

-Ông ta đi gặp tình nhân của mình – quận chúa Charlotte de Rohan.

-Bây giờ – Fouché nói – vấn đề là xem việc gặp phu nhân Charlotte de Rohan, người không phải là tình nhân của công tước Enghien mà là vợ ông ta vì ông này đã bí mật cưới bà ấy (lẽ ra bà đã có thể sống cùng chồng ở Ettenheim) có phải là cái cớ để ông ấy đến Strasbourg gặp các đồng loã của mình khi mà Strasbourg chỉ cách Paris hai mươi tiếng.

Bonaparte nhíu mày.

-Chính vì thế mà người ta đã khẳng định với tôi ông ta đến đó để xem kịch. Tôi đã nhún vai mà nói rằng điều ấy không đúng. Dù ông ta đến xem kịch hay không – Fouché nói – tôi cũng mong ngài Tổng tài không nên rời mắt khỏi ông hoàng Enghien.

-Tôi còn làm nhiều hơn thế – Bonaparte nói – Ngày mai, tôi sẽ cử một người tin cẩn sang bên kia sông Rhin. Anh ta sẽ trực tiếp báo cáo cho tôi, ngay khi anh ta trở về, chúng ta sẽ lại đề cập đến vấn đề này.

Nói rồi ông quay lưng lại Fouché, điều đó có nghĩa là ông muốn ở lại một mình.

Fouché đi ra.

Một giờ sau, ngài Tổng tài cho gọi thanh tra sở mật vụ đến văn phòng của mình và hỏi có phải trong cơ quan của anh ta có một người thông minh lanh lợi có thể sang Đức để thực hiện một nhiệm vụ bí mật, kiểm tra lại các tin tức của nhân viên của Fouché.

Người này trả lời rằng ông ta có một người mà ngài Tổng tài cần tên và hỏi xem liệu ngài Tổng tài muốn tự mình giao nhiệm vụ hay chỉ cần ông ta báo lại cho nhân viên ấy.

Bonaparte đáp với một nhiệm vụ quan trọng như vậy, các yêu cầu cần phải rõ ràng. Do đó, tự tay ông thảo các yêu cầu ngay trong buổi tối và giao cho viên thanh tra chuyển đến sĩ quan nọ.

Các yêu cầu đó là:

"Tìm hiểu xem có phải công tước Enghien thường vắng mặt một cách bí hiểm khỏi Ettenheim.

Tìm hiểu những kẻ lưu vong hay lui tới và thường được long trọng đón tiếp.

Tìm hiểu xem ông ta có quan hệ chính trị với người Anh qua kênh của nước Đức hay không?"

Tám giờ sáng hôm sau, viên sĩ quan đi Strasbourg.

§34. Lời khai của kẻ treo cổ

Trong lúc ngài Tổng tài soạn các yêu cầu cho viên sĩ quan của sở mật vụ thì một cảnh thương tâm xảy ra tại nhà lao Temple nơi mới có thêm vài tù nhân được chuyển đến.

Họ là một gia nhân của Georges có tên là Picot và hai đồng loã bị bắt cùng anh ta tại nhà người buôn rượu vang trên phố Bac cùng ngày mà Thợ Nề thấy Georges đi ra khỏi đây. Người ta tên thấy tấm bản đồ trong phòng của Picot đánh dấu địa chỉ trên phố Saintonge, người ta đến đó và bắt được Roger cùng Demonvine, chỉ thiếu chút nữa Coster de Saint-Victor cũng bị tóm.

Ngay đêm vào Temple, Demonville đã tự treo cổ. Người ta phát hiện ra anh ta vì mới có lệnh cai ngục phải xem xét tù nhân hai lần trong đêm. Thông thường, sau khi tống giam tù nhân vào buổi tối, sớm hôm sau quản ngục mới quay lại.

Có một phạm nhân khác tên là Bouvet de Lozier bị bắt tại nhà bà Saint-Léger nào đó trên phố Saint-Sauveur ngày 12 tháng Hai. Bị dẫn đến nhà lao Temple, người ta bí mật giam hắn vào cạnh phòng sưởi công cộng. Ban đầu hắn bị đối đãi khá tệ bạc và bị hỏi cung gay gắt.

Đó là người đàn ông trạc ba mươi sáu tuổi, là quan triều đình giữ chức thượng tướng trong quân đội của Georges, là một trong số sĩ quan tin cẩn nhất, ông ta lúc nào cũng có mặt trong đanh sách của Savary.

Người này là một trong số sĩ quan năng nổ nhất và đã thuê nhà của bà Saint-Léger. Anh hắn còn thuê một nhà số 6 phố Grande-Rue ở Chaillot nơi Georges đã tới gặp hắn với cái tên Larive.

Khi thấy ngay buổi hỏi cung đầu tiên, hắn đã khai quá nhiều và sợ còn khai nữa ở buổi hỏi tiếp theo nên hắn quyết định tự sát giống như Demonville vừa làm.

Quả nhiên, vào khoảng nửa đêm ngày 14 tháng Hai, hắn lấy một sợi dây cà vạt bằng lụa đen mắc vào goòng cửa cao nhất để treo cổ.

Nhưng đúng lúc hắn không còn biết gì nữa thì Savard, người gác ngục đi kiểm tra. Ông này thấy cửa nặng trịch không mở được vội xô mạnh vào, ông nghe thấy một tiếng rên khẽ, quay lại thì thấy tù nhân treo lủng lẳng trên sợi dây cà vạt. Ông la lên thất thanh, người gác thứ hai tưởng có đụng độ vội chạy vào tay cầm con dao găm.

-Cắt đi Elie, cắt đi – Savard kêu lên và chỉ vào cái cà vạt.

Elie không để lỡ một giây phút nào, cắt ngay khiến Bouvet lăn ra đất bất động. Họ ngỡ hắn đã chết nhưng người quản lý nhà tù ông Fauconnier muốn

chắc chắn nên sai người đưa hắn sang phòng lục sự và cho gọi bác sĩ ở Temple, đó là ông Souppé.

Ông bác sĩ thấy phạm nhân còn thở nên tiến hành chích máu, máu chảy ra một lát thì Bouvet de Lozier cũng mở mắt. Sau đó chờ cho hắn tỉnh hẳn, người ta đưa hắn đến chỗ công dân Desmarets, chỉ huy cảnh sát tối cao.

Ở đó hắn gặp ông Réal và hắn không những chịu khai tất cả mà còn tự tay viết văn bản. Bảy giờ sáng ngày hôm sau, đúng lúc sĩ quan mật vụ khởi hành sang Đức thì ông Réal vào gặp ngài Tổng tài. Bonaparte đang được Constant cắt tóc.

-Chào ông Hội đồng, chắc có tin gì mới nên tôi mới được gặp ông sớm như vậy?

-Vâng, thưa tướng quân. Tôi có tin tức tối quan trọng báo chò ngài, nhưng tôi muốn thưa riêng với ngài.

-Ông đừng ngại Constant. Constant không phải là người ngoài.

-Như ngài muốn, thưa tướng quân, chắc ngài cũng biết Pichegru đang ở Paris chứ?

-Tôi biết -Bonaparte trả lời -Fouché đã nói cho tôi nghe.

-Vâng. Nhưng ông ta chưa nói, chắc Fouché chưa biết, là Pichegru và Moreau đã gặp nhau để cùng làm phản.

-Đừng nói gì nữa. – Bonaparte nói.

Rồi ông đưa một ngón tay lên miệng ra hiệu cho Réal im lặng. Ông ra lệnh cho Constant làm nhanh tay rồi dẫn uỷ viên Hội đồng nhà nước vào phòng làm việc của mình.

-Ông nói đúng – Bonaparte nói – nếu những gì ông thông báo với tôi là sự thật thì tin này quả vô cùng quan trọng.

Nói xong, ngài Tổng tài lại làm dấu lên ngực, một cử chỉ mà chúng ta đã thấy đôi lần.

Réal kể lại chuyện xảy ra tại nhà lao Temple.

-Ngài nói là hắn đã tự viết bản lời khai?

-Nó đây – Réal đáp.

Trong cơn vội vã, Bonaparte như giật nó khỏi tay Réal. Thông tin Moreau tham gia vào âm mưu sát hại ông quả là tin động trời. Moreau và Pichegru là hai người duy nhất có thể đặt thế đối trọng với ông trong chiến thuật quân sự. Bị buộc tội chính xác hoặc bị vu oan là kẻ phản bội nước Pháp, Pichegru bị điệu đến Sinnamary sau ngày 18 Fructidor. Mặc dù được cứu thoát nhờ phép màu từ bàn tay của Chúa, con người này cũng không còn đáng sợ đối với Bonaparte nữa.

Nhưng Moreau thì ngược lại, rất nổi tiếng trong trận Hohenlinden bị Bonaparte bạc đãi trong chiến thắng vinh quang và lẫy lừng ấy. Moreau sống một cuộc sống thanh đạm ở Paris nhưng lại có lực lượng ủng hộ rất lớn. Với các cuộc

nổi dậy 18 Fructidor và 13 Vendémaire, Bonaparte nhằm vào phái Jacobin, tức là đảng Cộng hoà cựu hữu. Nhưng tất cả đảng Cộng hoà ôn hoà thấy ngài Tổng tài ngày càng thâu tóm quyền hành và bước dần đến nền đế chế nên toàn bộ đảng này tập hợp lại quanh Moreau, dù không về mặt vật chất, nhưng ít ra là về mặt tinh thần.

Ngoài ra còn có ba bốn tướng khác còn trung thành với các nguyên tắc 89 và thậm chí các nguyên tắc 93 cộng với sự bất mãn ra mặt trong quân đội do Augereau và Bemadotte cảm đầu hay bất mãn dấu mặt như Malet, Oudet và phe Philadelphes, Moreau trở thành một đối thủ tầm cỡ đáng quan ngại. Thế là ngay lập tức, Moreau, một nhà Cộng hoà không chê trách vào đâu được như Fabius lại không chờ thời, cúi đầu tham gia vào một âm mưu của triều đình quân chủ với hai bên là Pichegru cựu quân Condé và Georges, quân Bảo hoàng. Bonaparte chỉ còn nước mỉm cười, ngước mắt lên trời mà rằng: -Rõ ràng tôi bị sao chiếu mệnh!

Sau đó ông quay sang Réal.

-Lời khai này do tự tay hắn viết à?

-Vâng, thưa tướng quân.

-Và ký chứ.

-Ký rõ ràng.

-Xem nào.

Và ông đọc rất nhanh:

"Đó là một con người vừa bước ra khỏi nắp ván từ nấm mồ của mình và vẫn còn mang hình bóng của cái chết, ông ta đã đòi báo thù những kẻ bạc bẽo đã ném ông ta và dáng phái của ông ta vào lỗ huyệt ấy. Được cử về Pháp để khôi phục triều đình Bourbon, ông ta buộc phải hoặc chiến đấu cho Moreau hoặc từ bỏ mục đích duy nhất trong chuyên đi của mình."

Bonaparte dừng lại hỏi: -Sao lại thế này, sao lại chiến đấu cho Moreau?

-Xin ngài đọc tiếp sẽ rõ. – Réal đáp.

"Một ông hoàng của nhà Bourbon phải sang Pháp để tham gia với tư cách đứng đầu phe quân chủ. Moreau đã hứa sẽ tập hợp vì lợi ích của nhà Bourbon nhưng khi các đại diện đến Pháp, Moreau lại thay đổi. Ông ấy đề nghị họ chiến đấu cho ông ấy và sẽ đưa ông ấy vào chiếc ghế độc tài. Sự việc là thế còn ngài đánh giá chúng thế nào là tuỳ.

Một tướng quân từng phục vụ dưới trướng Moreau là Laiolais được cử sang London gặp hoàng tử để trình bày những điểm chính trong kế hoạch đề nghị đưa ra. Ông hoàng đã chuẩn bị khởi hành về Pháp nhưng trong cuộc hội đàm giữ Moreau, Pichegru và Georges ở Paris, Moreau đã tỏ rõ thái độ và tuyên bố chỉ có thể hành động vì một ghế độc tài chứ không cho một ông vua nào hết. Thế là có sự chia rẽ và phe quân chủ thất bại hoàn toàn.

Tôi đã gặp Lajolais ngày 25 tháng giêng tại Paris khi anh ta đến đón Georges và Pichegru trong chiếc xe có tôi ở trong ấy trên đại lộ Madeleine để dẫn họ đến gặp Moreau. Cuộc bàn bạc diễn ra ở Champs – Elysées. Moreau đã tuyên bố không thể lập lại ngôi vua, đề nghị đưa ông ấy đứng đầu chính phủ với chức danh độc tài và chỉ để quân quân chủ là liên minh hoặc là quân của ông ta.

Ông hoàng chỉ phải đến Pháp sau khi biết kết quả cuộc họp giữa ba tướng quân đó, và sau cuộc họp toàn thể đã có một thoả thuận hành động giữa họ.

Georges bác bỏ mọi ý định ám sát hay đặt thuốc nổ. Ngay từ London, ông ấy đã tuyên bố chính thức như vậy, ông ấy chỉ muốn một cuộc tấn công giáp lá cà dù quân của ông có phải bỏ mạng. Mục đích cuộc tấn công ấy là để lấy mạng ngài Tổng tài và chiếm luôn cả chính phủ.

Tôi không rõ lời khẳng định của một người mà hơn một tiếng trước muốn tự sát, người thấy phía trước mình là cái chết của chính phủ đối lập dành cho, có sức mạnh như thế nào đối với các vị, nhưng tôi không thể nén được những cơn tuyệt vọng, không thể không trả đũa con người dẫn tôi đến bước đường ấy vả lại, các vị có thể sẽ thấy sự việc đúng với tất cả những gì tôi khai trong một bản án lớn mà phần nào tôi cũng có hệ luỵ.

ROUVET DE LOZIER”

Bonaparte trở nên câm lặng giây lát sau khi đọc xong lời khai.

Rõ ràng, bằng sự tập trung suy nghĩ cao độ, ông đang tấn ra cách giải quyết vấn đề. Sau đó, ông tự nói với mình: -Người duy nhất có thể khiến ta lo lắng, người duy nhất có cơ hội chống lại ta lại thất bại một cách vụng về đến vậy! Không thể thế được!

-Ngài có muốn tôi cho bắt Moreau ngay tại trận không? – Réal hỏi.

Ngài Tổng tài lắc đầu.

-Moreau là một người vô cùng quan trọng, ông ta đối đầu với tôi quá trực tiếp tôi lại càng tránh để mình lộ liễu, tránh bị phỏng đoán.

-Nhưng nếu Moreau kết hợp với Pichegru âm mưu làm phản? – Réal bác bẻ lại.

-Phải nói với ông rằng, tôi chỉ biết việc Pichegru xuất hiện ở Paris qua Fouché và qua tên treo cổ của ông. Thế mà tất cả báo giới nước Anh đều nói về hắn như thể hắn còn đang ở London. Tôi biết các báo này chống lại tôi và chống lại chính phủ Pháp.

-Trong mọi trường hợp – Réal nói – Tôi đã cho đóng chặt các trạm kiểm soát và theo dõi gắt gao tất cả những ai muốn nhập cảnh.

-Nhất là những người muốn đi – Bonaparte nói.

-Có phải ngày kia ngài có cuộc duyệt binh lớn không thưa ngài Tổng tài?

-Đúng vậy.

-Ngài hãy huỷ nó đi.

-Sao phải thế!

-Vì chúng ta vẫn còn khoảng sáu chục kẻ mưu phản muốn đào tẩu khỏi Paris khi thấy mọi phương cách rời thủ đô đều chặn lại chứng sẽ có những phản ứng liều mạng.

-Chuyện đó liên quan gì đến tôi? Chẳng phải nghĩa vụ của các ông là bảo vệ tôi hay sao?

-Thưa tướng quân, – Réal đáp – chúng tôi chỉ bảo đảm an ninh cho ngài với điều kiện ngài huỷ buổi duyệt binh.

-Thưa ngài uỷ viên Hội đồng, tôi xin nhắc lại với ông – Bonaparte là bắt đầu mất kiên nhẫn nói – rằng chúng ta mỗi người một việc, nhiệm vụ của ông là bảo vệ tôi để chúng không ám sát tôi trong lúc tôi duyệt binh, nhiệm vụ của tôi là duyệt binh trong nguy cơ bị ám sát.

-Thưa tướng quân, như thế thật bất cẩn.

-Ông Réal, ông nói như một uỷ viên Hội đồng Nhà nước, thứ thận trọng nhất ở Pháp, đó chính là lòng dũng cảm đấy.

Rồi ông quay lưng lại nói với Savary: -Truyền mã lệnh báo Fouché đến gặp tôi ngay.

Từ Tuileries đến phố Bac, nơi Fouché sống, không xa. Vì vậy, chỉ mười phút sau, xe của ngài Bộ trưởng cảnh sát thật sự đã đậu trước cửa điện Tuileries. Fouché thấy ông đang sải những bước dài và khá kích động.

-Nhanh lên, ông Fouché. Ông có biết Bouvet de Lozier vừa định thắt cổ trong nhà tù không?

Fouché lạnh lùng đáp: -Tôi còn biết người ta đã kịp cứu anh ta rồi dẫn đến chỗ ông Desmarets, ở đó anh ta được gặp Réal chính anh ta còn viết lời khai khi bị thẩm vấn.

-Trong đó hắn nói Pichegru đang ở Paris.

-Tôi đã báo với ngài trước điều đó rồi còn gì.

-Đúng vậy, nhưng ông đã không nói hắn đến hợp tác làm phản cùng Moreau.

-Tôi chưa rõ điều này, ít ra là chưa chắc chắn, tôi vẫn còn vài nghi ngờ, tôi cũng nói nghi ngờ của mình cho ngài đó thôi.

-Bây giờ ông chắc chắn rồi chứ? – Bonaparte hỏi.

-Ngài là một người đáng sợ. – Fouché nói – Việc gì cũng phải nói trước với ngài để rồi chẳng còn gì để nói nữa. Ngài muốn biết tôi ở đâu trong điều kiện đưa mọi việc kết thúc như tôi mong đợi không?

-Tôi chẳng có điều kiện nào cho ông cả nhưng tôi muốn biết ông có gì rồi?

-Là thế này, chúng ta mỗi người một việc. Réal có Bouvet de Lozier treo cổ tự tử hôm qua thì tôi cũng có Lajolais biết đâu ngày mai cũng tự tử. Tôi đã cho bắt Lajolais và thẩm vấn hắn, ngài có muốn biết cuộc hỏi cung không? Tôi doạ

anh ta là sẽ cho gặp ngài nên để không phải gặp ngài, anh ta đã khai cơ bản như sau:

"Qua một người bạn trung gian, cha David, mà tôi được biết Pichegru và Moreau vốn trước kia xích mích bây giờ đã liên kết với nhau. Mùa hè năm ngoài, tôi có gặp Moreau nhiều lần, ông ấy tỏ ý muốn được gặp mặt Pichegru – để có kết quả ấy, tôi đã sang London gặp Pichegru để bày tỏ ý của Moreau.

Pichegru cho biết ông ta cũng có mong muốn tương tự và chỉ chờ cơ hội để rời Anh quốc.

Khoảng mười làm ngày sau thì cơ hội đã đến. Chúng tôi đã tận dụng thời cơ đó. Pichegru đến trú tạm tại phố Arcade. Buổi gặp gỡ được ấn định ở đại lộ Madeleine, đầu phố Basse-du-Rempart. Moreau đã đi xe đến phố Anjòu-Saint-Hororé.

Ông ấy xuống đại lộ Madeleine còn tôi ở lại trên chiếc xe tiếp tục lăn bánh. Hai vị tướng ấy gặp nhau tại vị trí đã định. Họ đi dạo với nhau khoảng mười lăm phút. Tôi không được rõ trong lần gặp đầu tiên họ đã nói gì. Hai lần gặp nhau khác diễn ra ngay tại nhà Moreau. Lần này, tôi đón Pichegru trên phố Chaillot vì ông ấy mới đổi chỗ ở. Ông ấy ra về với thái độ bất bình với Moreau. Vì tôi hỏi đã có chuyện gì khiến ông không vui nên ông đáp: "Anh có biết Moreau, con người vô tư, khắc khổ lại đề nghị chúng tôi điều gì không? Ông ta yêu cầu chúng tôi dựng ông ấy thành nhà chuyên chế. Ông ấy lại thèm chế độ độc tài cơ đấy! Có lẽ gã này có tham vọng và ông ta cũng thế, cũng muốn cai trị. Được thôi tôi chúc ông ta thành công vang dội, nhưng theo tôi, ông ta không thể lãnh đạo nước Pháp nổi ba tháng"

-Ông đồng ý bắt Moreau chứ? – Bonaparte hỏi.

-Tôi không thấy có bất tiện nào – Fouché đáp bằng thái độ như chúng ta thường thấy ở con người này. – Hắn sẽ không có cơ hội ba tháng ấy đâu và phải bắt luôn Pichegru một chỗ để hai tên ấy được bêu đầu đồng thời và dán áp phích cạnh nhau trên các bức tường Paris.

-Ông có biết hiện giờ Pichegru ở đâu không?

-Tôi có biết chỗ hắn trọ, tại nhà một cận vệ cũ có tên là Leblanc, tôi tốn kém tiền nhưng bù lại, tôi biết tất cả những gì mình muốn.

-Vậy ông chịu trách nhiệm bắt Pichegru.

-Tuyệt lắm, ngài có thể giao cho ngài Réal bắt Moreau, như thế vừa dễ dàng lại vừa cho thấy dấu hiệu tin tưởng cho ngài Hội đồng chỉ cần ông ấy nói cho tôi Moreau sẽ bị đưa đến Temple mấy giờ, nửa giờ sau Pichegru sẽ ở đó.

-Bây giờ – Bonaparte nói tiếp – ông cũng biết tôi có buổi duyệt binh vào chủ nhật. Réal khuyên tôi nên huỷ bỏ.

-Ngược lại, ngài cứ cho duyệt binh, nó sẽ có hiệu quả tốt.

-Lạ thật đấy – Bonaparte nói và nhìn Fouché – Tôi không nghĩ ông là người dũng cảm đâu. Thế mà lúc nào ông cũng đưa ra lời khuyên táo bạo nhất.

Fouché đáp lại bằng vẻ vô sỉ quen thuộc: -Vì khi đưa ra những lời khuyên ấy tôi có không phải là người thực hiện.

Mệnh lệnh bắt giam hai tướng Pichegru và Moreau được ký ngay lúc đó, trên chiếc bàn ấy, bằng chiếc bút lông ngỗng ấy.

Savary mang lệnh bắt Moreau đến cho Réal còn Fouché cầm lệnh bắt Pichegru.

Moncy, một trong những người bạn tốt nhất của Moreau hiện đang làm tổng chỉ huy quân hiến binh, là người cầm lệnh đi bắt Moreau. Tờ lệnh ấy, khi gửi đến ngài chánh án, nó còn kèm theo mệnh lệnh nữa của Bonaparte:

"Ngài Régnier, Trước khi dẫn tướng Moreau đến Temple, nếu hắn muốn nói chuyện với tôi, hãy đưa hắn lên xe và dẫn đến chỗ tôi. Tất cả có thể tự kết thúc giữa hai chúng tôi."

Thế nhưng kèm tờ lệnh của Fouché thì Bonaparte không dặn gì cả dù Pichegru với Bonaparte còn là chỗ quen biết cũ; ông ta từng là giám học ở trường Brienne.

Bonaparte không thích những kỷ niệm thời đi học; ông đã luôn bị xử nhục vì xuất thân thuộc tầng lớp tiểu quý tộc, và ông luôn ở tình trạng thiếu thốn tiền bạc.

§35. Bắt giam

Hôm sau là ngày ấn định cuộc vây bắt Moreau và Pichegru. Bonaparte không khỏi không lo ngại về ảnh hưởng của việc bắt Moreau trên địa bàn Paris. Cũng có thể sự bất công ông dành cho Moreau khiến ông nghĩ như vậy. Do đó, Bonaparte mong nếu có thể, tốt nhất là Moreau bị bắt trên đất Grosbois của ông ta.

Đã mười giờ sáng mà vẫn chưa có tin tức gì trong khi Bonaparte lại nóng lòng muốn biết sự thể. Do đó, ông gọi Constant, ra lệnh cho anh này đi một vòng quanh khu thương mại Saint-Honoré xem xét tình hình. Trong lúc lượn lờ quanh nhà của Moreau nằm trên phố Anjou, anh này có thể sẽ biết chuyện gì đã xảy ra nếu nó đã xảy ra.

Constant tuân lệnh đi ngay, nhưng ở khu Saint-Honoré, trên phố Anjou, anh này chỉ thấy vài nhân viên mà mọi người qua đường không ai biết, riêng Constant thì nhận ra họ vì thỉnh thoảng họ đi tuần quanh điện Tuileries, anh hỏi một người mà thấy quen nhất. Người ta nói có lẽ Moreau đang ở quê vì không thấy ông này trong nhà trên Paris.

Constant chực quay về thì người lính nọ nhận ra cận vệ của ngài Tổng tài nên chạy đuổi theo và thông báo Moreau vừa bị bắt trên cầu Charenton và đã được dẫn đến Temple. Ông ta không hề kháng cự, ra khỏi xe của mình để lên xe độc mã của sở Hiến binh. Khi về đến Temple, ngài chánh án Régnier hỏi ông có muốn gặp Bonaparte không thì ông này đáp rằng mình không có gì mà phải đến gặp ngài Tổng tài.

Trong mối hằn thù của Bonaparte với Moreau có sự bất công còn trong mối thù của Moreau với Bonaparte lại pha chút nhỏ mọn chỉ có điều lòng căm thù của Moreau không xuất phát từ bản thân ông ta mà từ hai người đàn bà: vợ và mẹ vợ của ông. Phu nhân Bonaparte đã tác hợp cho đám cưới của Moreau với tiểu thư Hulot, bạn gái của bà, cũng là dân da trắng trên đảo Martinique. Đó là một thiếu nữ dịu dàng, đáng yêu và được trời phú cho những phẩm chất tốt đẹp để trở thành một người vợ thảo, một người mẹ hiền cực kỳ yêu chồng và hãnh diện trước cái họ vinh quang của chồng mà mình đang mang. Thật không may, tiểu thư lại có bà mẹ bảo thủ, ham hố và tham lam. Phu nhân Hulot rất tham vọng, lúc nào cũng muốn con rể phải như Bonaparte, bà muốn con gái mình phải có vị thế như Joséphine. Tình mẫu tử của bà đã biến thành những câu than vãn liên miên của người vợ đè lên đầu chồng. Moreau không còn được thanh thản nữa. Ông trở nên khó tính, chua chát, ngôi nhà của ông biến thành điểm đối đầu tất cả những ai bất mãn đều tụ tập đến đó, nhất cử nhất động của ngài Tổng tài đều biến thành chủ đề châm biếm đàm tiếu cay độc. Từ một người mơ mộng, Moreau trở nên rầu

rĩ, từ người vô tư biến thành kẻ thù hận, từ không hài lòng biến thành một kẻ phản loạn.

Về phần Bonaparte, ông hy vọng sau khi bị bắt Moreau sẽ nghĩ lại thoát khỏi ảnh hưởng của vợ và mẹ vợ để quay về với ông.

-Thế nào – Bonaparte hỏi Régnier sau khi thấy ông này về sau cuộc vây bắt – ông dẫn hắn về cho tôi chứ?

-Không, thưa tướng quân, hắn nói không có lý do gì để muốn gặp ngài.

Bonaparte dọi một cái nhìn xuyên thấu viên chánh án rồi nhún vai.

-Làm việc với một kẻ ngốc có kết quả thế đấy.

Chỉ có điều kẻ ngốc là ai? Viên Chánh án cho rằng Bonaparte muốn ám chỉ Moreau. Và chúng tôi, chúng tôi lại nghĩ Bonaparte muốn ám chỉ Régnier.

Pichegru cũng bị bắt nhưng mọi việc với ông ta không thuận buồm xuôi gió như đã xảy ra với Moreau.

Chúng ta nhớ lại rằng Fouché đã nói ông ta biết chỗ ở của Pichegru. Quả thực, nhờ tài lanh lợi của Thợ Nề, từ khi đặt chân đến Paris, anh đã không rời mắt khỏi hắn ta. Từ phố Arcade, anh theo hắn đến phố Chaillot, buộc phải rời phố Chaillót, Coster de Saint-Victor đã giấu hắn tại nhà một cô bạn gái cũ, cô nàng Aurélie de Saint-Amour xinh đẹp, nơi có vẻ an toàn nhất. Nhưng chỗ này không thích hợp với tính khắc khổ của Pichegru nên hắn chấp nhận lời mời của một cận vệ cũ. Có người nói đó là cựu sĩ quan tuỳ tùng (chúng tôi hy vọng đó là một cận vệ) và hắn rời phố Colonnes nơi cô nàng xinh đẹp sống để đến phố Chabanais. Hắn ở lại đó hai ngày. Và đó là quãng thời gian duy nhất Fouché để mất dấu của hắn.

Pichegru ở lại mười lăm ngày tại trú ngụ mới mà không phải băn khoăn gì. Nhưng thật ra từ mười hai ngày trước, Fouché đã lại tìm ra hắn và theo dõi sát sao.

Trước hôm Moreau bị bắt, một người có tên là Leblanc nài nỉ để được gặp tướng Murat.

Murat là em rể của Bonaparte, người đã giúp ông nhiều trong cuộc đảo chính ngày 18 Brumaire, và như các bạn còn nhớ, Murat đã được bổ nhiệm làm thị trưởng Paris thay chỗ Junot.

Lúc đầu vì quá nhiều việc, Murat từ chối cuộc gặp nhưng khi nghe đến tên Pichegru, mọi cánh cửa đều mở ra đón tiếp hắn.

-Thưa ngài thị trưởng – Người đàn ông trạc năm mươi tuổi nói – Tôi đến để tặng ngài món quà là giao Pichegru cho ngài.

-Giao hắn cho tôi hay là bán cho tôi?

Người đàn ông cúi đầu nín lặng một lát rồi lẩm bẩm: -Bán hắn cho ngài.

-Bao nhiêu?

-Một trăm nghìn phăng.

-Đồ dịch hạch, đắt quá!

-Thưa tướng quân, – Người đàn ông ấy ngẩng đầu lên – khi người ta làm một điều ô nhục như thế thì cũng phải được giá hời chứ!

-Liệu tối nay tôi có địa chỉ của hắn và có thể bắt hắn khi nào tôi muốn chứ?

-Khi tiền đã trao, ngài là ông chủ, muốn làm gì cũng được, thậm chí có thể bán linh hồn tôi cho quỷ dữ nếu điều đó làm ngài vui lòng.

-Chúng tôi sẽ đưa anh tiền ngay – Murat nói – Pichegru ở đâu?

-Ở nhà tôi số 5 phố Chabanais.

-Hãy tả bên trong căn phòng.

-Đó là phòng thứ tư, một phòng ngủ và một phòng làm việc, hai cửa sổ mở ra ngoài phố, một cửa lớn dẫn sang bếp. Tôi sẽ đưa cho các ngài chìa khoá cánh cửa thông sang bếp. Tôi đã đánh thêm một chìa, sau đó người hầu của tôi sẽ dẫn quân của các ngài. Tôi chỉ cảnh báo các ngài rằng lúc nào Pichegru cũng đi ngủ cùng hai khẩu súng ngắn và một con dao găm dưới gối.

Murat đọc lại lời khai báo, đặt nó trước mặt kẻ phản bội.

-Bây giờ thì hãy ký đi.

Hắn cầm bút và ký "Leblanc."

-Tôi có thể bắt anh trả giá nếu anh giở mánh khoé để lấy một trăm nghìn phăng đấy – Murat nhắc nhở – Anh biết luật chống kẻ lừa đảo thế nào rồi. Làm sao phải đợi Pichegru ở nhà anh mười lăm ngày, anh mới đi tố cáo?

-Tôi không biết ông ấy bị truy nã, ông ấy đến gặp tôi như một người lưu vong muốn tá túc ít bữa. Chỉ mới hôm qua tôi mới biết ông ấy về Paris vì một mục đích khác. Tôi nghĩ phải giúp chính phủ bắt ông ấy, vả lại… – Lần thứ hai kẻ phản bội cụp mặt xuống – Tôi đã nói với ngài là tôi cần tiền.

-Bây giờ anh có nó – Murat nói và đẩy một xấp tiền ra trước mặt hắn. – Cầu mong số tiền này mang đến cho anh hạnh phúc nhưng ta nghi ngờ điều đó.

Leblanc vừa đi khỏi nửa tiếng thì người ta thông báo có Fouché đến. Murat vốn là chỗ thân tín của Bonaparte và ông biết Fouché mới thật sự là Bộ trưởng bộ Cảnh sát.

-Thưa tướng quân – Fouché nói với ông – Ngài vừa ném một trăm nghìn phăng xuống sông vô ích rồi.

-Sao lại thế? – Murat hỏi.

-Thì ngài chẳng vừa đưa cho Leblanc khoản tiền ấy vì hắn tố cáo chỗ ở của Pichegru là gì.

-Thực tình tôi cũng thấy quá đắt vì bí mật đó.

-Đúng là quá đắt vì tôi đã biết chỗ ấy và còn có lệnh bắt ngay hắn nữa.

-Nhưng ngài có biết bên trong căn phòng để không bị mắc sai lầm chưa?

Fouché nhún vai.

-Phòng thứ tư, hai cánh cửa sổ quay ra phố, một cửa lớn thông vào bếp, một cửa khác thông ra ngoài thềm, hai khẩu súng lục và một con dao găm dưới gối. Pichegru ở Temple bất cứ khi nào ngài muốn.

-Chắc là ngày mai. Ngày mai người ta cũng bắt Moreau.

-Được rồi – Fouché nói – Bốn giờ sáng ngày mai, hắn sẽ bị bắt. Chỉ có điều, tôi chịu trách nhiệm việc này với ngài Tổng tài nên tôi muốn mình hoàn tất nó.

-Được thôi! – Murat đáp.

Từ ba giờ đến bốn giờ sáng hôm sau, được cung cấp thông tin đầy đủ cảnh sát trưởng Comninges, hai thanh tra và bốn hiến binh đến số 5 phố Chabanais. Người ta đã chọn những người gan dạ và mạnh mẽ nhất vì người ta biết Pichegru có sức khoẻ phi thường không dễ để bị bắt mà không chống trả quyết liệt.

Người ta đánh thức anh gác cổng thật nhẹ nhàng và cho biết mục đích đến toà nhà, họ muốn nói chuyện với chị nấu bếp nhà ông Leblanc. Chị này, được báo trước từ hôm qua đã mặc quần áo sẵn sàng xuống mở cửa bếp bằng chiếc chìa khoá giả do ông chủ mới đánh dẫn sáu cảnh sát và viên cảnh sát trưởng vào phòng Pichegru.

Pichegru đang ngủ.

Sáu cảnh sát xông vào giường. Vừa bật thức dậy, Pichegru quật đổ hai người và lục tìm súng với dao nhưng chúng đã bị lấy mất từ trước.

Bốn cảnh sát còn lại tiếp tục đồng loạt tấn công, Pichegru đá lại ba người nhưng người thứ tư đã dùng gươm chém vào chân hắn khiến hắn đổ vật xuống. Một cảnh sát gí giầy lên mặt hắn song ngay lập tức anh này hét lên vì Pichegru đã dùng răng cắn xuyên ủng vào một phần chân. Người khác dùng con quay xiết chặt hắn bằng sợi dây chắc chắn.

-Tôi đầu hàng! Thả tôi ra – Pichegru kêu lên.

Người ta lấy chăn trùm lên hắn rồi tống lên xe. Đến trạm gác Sergent, cảnh sát trưởng và hai cảnh sát lên xe với hắn và nhận ra hắn không thở nữa. Họ nới dây trói ra vừa kịp, suýt nữa hắn đã chết mất.

Trong lúc đó, một cảnh sát mang những giấy tờ thu được ở nhà Pichegru đến cho ngài Tổng tài. Còn về hắn, người ta dẫn hắn đến phòng làm việc của ngài Réal.

Ngài Réal cố gắng thẩm vấn hắn. Marco Saint-Hilaire đã giữ lại biên bản hỏi cung đầu tiên ấy. Nó thể hiện rõ tình trạng của Pichegru khi đó.

-Ông tên gì? – Ngài Hội đồng hỏi.

-Nếu ông không biết tên tôi – Pichegru nói – Tôi cũng không phải là người nói nó cho ông.

-Ông có biết Georges Cadoudal không?

-Không.

-Ông từ đâu đến?

-Từ nước Anh.
-Ông rời bến ở đâu?
-Ở nơi tôi có thể.
-Ông đến Paris bằng gì?
-Bằng xe.
-Với ai.
-Với tôi – ông biết Moreau chứ?
-Có, đó là người đã tố cáo tôi lên chính quyền Đốc chính.
-Các ông gặp nhau ở Paris phải không?
-Nếu chúng tôi gặp nhau đó sẽ là một cuộc đọ gươm.
-Còn tôi, ông biết tôi chứ?
-Tất nhiên.
-Tôi thường nghe nói về ông và tôi đánh giá công bằng tài năng quân sự của ông.
-Đó là lời nịnh hót – Pichegru nói.
-Chúng tôi sẽ cho băng bó vết thương của ông.
-Ích gì chứ, hãy mau mau bắn chết tôi đi.
-Ông có bí danh không?
-Người ta đặt cho tôi từ lâu rồi, tôi không nhớ nữa.
-Chẳng phải thỉnh thoảng người ta vẫn gọi ông là Charles hay sao?
-Đó là cái tên ông đặt cho tôi. Thế đủ rồi, tôi sẽ không trả lời những câu hỏi lỗ mãng của ông đâu.

Và quả thật, Pichegru không nói gì nữa. Người ta mang đến văn phòng của ngài Réal quần áo tư trang lấy từ nhà hắn. Một mõ toà chịu trách nhiệm chăm sóc cho hắn.

Khi Pichegru đến Temple, hắn khoác một áo dài màu nâu, một chiếc cà vạt bằng lụa đen, đi đôi ủng ống vểnh, chiếc quần chẽn bó lấy lớp vải băng chân và đùi, một chiếc khăn mùi xoa rớm máu quấn quanh tay.

Sau khi hỏi cung xong, ông Réal chạy vội đến Tuileries như tôi đã nói, người ta đã mang giấy tờ của Pichegru đến chỗ Bonaparte. Ông Réal gặp ngài Tổng tài đang mải đọc, không phải giấy tờ cá nhân mà là một bản ghi chép chi tiết những việc chỉnh đốn đảo thuộc địa Guyane. Hồi còn ở Sinnamary, Pichegru ghi chép lại những đặc điểm khí hậu còn khi ở Anh, hắn đã soạn thảo lại cuốn hồi ký đó thật xúc tích. Theo Pichegru, phải đổ vào đó từ mười hai đến mười bốn triệu mới thu được kết quả mỹ mãn.

Bản báo cáo ấy khiến ngài Bonaparte thực sự bị chấn động. Ông mơ hồ nghe Réal thuật lại cuộc hỏi cung cũng như việc bắt Pichegru khi đọc xong, ông chìa bản báo cáo vừa đọc cho Réal và nói: -Ông đọc nó đi.

-Đây là cái gì?

-Đó là công việc của một kẻ vô tội bị vạ lây từ những kẻ phạm tội khác. Đôi khi với những người ở xa nước Pháp, thay vì lập kế hoạch chống lại tổ quốc, họ đã tìm cách khiến nó thêm vinh quang và phồn thịnh.

Réal lượt qua tập tài liệu mà Bonaparte vừa đưa.

-Đây là bản báo cáo về đảo Guyane và những cách thức có thêm thuộc địa.

-Ông có biết nó của ai không?

-Tôi không thấy đề tên – Réal đáp.

-Là của Pichegru đấy. Hãy tỏ ra tử tế với ông ta, hãy nói chuyện với ông ta cho xứng tầm. Thử lấy lòng tin của ông ta rồi nói đến Cayene và Sinnamary, có thể tôi sẽ cử ông ta đến lãnh đạo kèm theo một tài khoản từ mười đến mười hai triệu để thực hiện kế hoạch của ông ta.

Sau đó Bonaparte trở về phòng mình để cho ông Réal sững sờ với kết luận xanh rờn đó thay vì đưa ra phán quyết tử hình.

Trong số hai kẻ thù của mình, dù Pichegru có thể có tội nặng hơn nhưng Bonaparte vẫn ghét ông ta ít hơn bởi lẽ Pichegru không còn danh tiếng nữa còn Moreau thì ngược lại, uy tín của ông ta còn mạnh lắm. Mong muốn của ông, để đánh vào suy nghĩ của dân chúng, ông định ân xá cho Moreau và thưởng cho Pichegru, với hai động tác cao thượng đó, ông có thể cho chặt đầu kẻ còn lại trong hội mà không sợ bị điều tiếng gì.

§36. Georges Cadoudal

Thế là chỉ còn mình Georges Cadoudal.

Liệu có phải người ta giữ nhân vật này đến cuối cùng để hai kẻ khác là Moreau và Pichegru tự hại lẫn nhau hay vì khéo léo hơn, mãnh liệt hơn, được thông tin nhiều hơn và giàu có hơn nên Georges có những cách mà hai người kia không có. Dù thế nào, khi Moreau và Pichegru đã bị bắt thì không còn lý do gì để trì hoãn thêm việc bắt Georges. Cũng chính vì lẽ đó, Fouché bắt đầu tập trung toàn lực để truy lùng người này. Một tay kiến trúc sư khéo léo đã chuẩn bị trước. Trong một tá các ngôi nhà những chỗ ẩn nấp mà người ta không tài nào phát hiện ra trừ khi có sơ đồ. Rất nhiều lần, Fouché tưởng tự mình đã lần ra dấu vết của Georges những rồi ông ta lại thấy người đó trượt khỏi tầm tay.

Lúc nào cũng mang vũ khí bên mình, trang bị đến tận răng, khi đi ngủ mặc sẵn quần áo, túi vàng dắt lưng, Georges có thể, biến mất ngay trước cửa lớn từ ngôi nhà đầu tiên. Vừa thuyết phục, vừa dùng vàng cộng với những lời đe doạ ông ta dễ dàng tìm được chỗ ẩn nấp. Đôi ba lần ông ta biến mất một cách thần kỳ. Một trong những lần trốn thoát kỳ diệu ấy như sau:

Một đêm cuối tháng Hai, bị xua khỏi nơi trú ẩn, lại bị một toán cảnh sát đuổi theo, cộng với tiếng chó sủa dồn dập, Georges lao vào đại lộ khu Saint-Denis. Vừa thấy tấm biển sáng có ghi "Guilbart, nhà phẫu thuật răng" ông ta rung chuông tới tấp, ông ta lọt vào trong khi cổng vừa mở và nói muốn gặp ông Guilbalt.

Đi được một nửa cầu thang ông ta gặp một chị phụ nữ đang đi xuống. Nhìn thấy một người đàn ông chùm áo măng tô đang cố đi lên, chị ta suýt hô hoán lên là có trộm.

Georges vội rút khăn tay ra áp lên má.

-Ngài bác sĩ còn tiếp khách chứ thưa bà? – Georges hỏi và khẽ rên.

-Không, thưa ông – Người phụ nữ đáp.

-Thế ông ấy ở đâu?

-Ông ấy đã ngủ rồi! Đã nửa đêm, đến giờ ngủ rồi. Chết tiệt thật!

-Nếu là một nhà y đức, ông ấy sẽ dậy vì tôi.

-Y đức thì cũng phải ngủ như người khác chứ.

-Vâng, nhưng họ sẽ dậy khi được đánh thức lương tâm.

-Ông bị đau răng sao?

-Phải nói là tôi đau phát điên lên.

-Ông định nhổ nhiều răng không?

-Nếu cần nhổ cả hàm cũng được.

-À nếu thế thì lải khác, chỉ có điều ngài bác sĩ sẽ không nhổ dưới một đồng louis một chiếc răng đâu.

-Nếu cần, hai louis cũng được.

Người phụ nữ quay lên cầu thang đưa Georges vào một phòng, châm hai cây nến rồi đi vào phòng ngủ của ông bác sĩ. Lát sau, chị ta đi ra và nói: -Mời ngài theo tôi.

Một lát sau, ông bác sĩ bước vào.

-Ôi bác sĩ thân mến? – Georges kêu lên – Tôi chờ bác sĩ sốt ruột quá

-Tôi đây, tôi đây. – ông bác sĩ nói – Hãy nằm xuống cái ghế này…

-Được rồi, bây giờ hãy chỉ cho tôi cái răng đau của ông.

-Đồ quỷ làm tôi đau chứ gì!

-Đúng thế.

-Ông xem đi.

Nói rồi Georges há miệng ra để lộ hàm răng chắc với ba mươi hai hạt ngọc đều tám táp.

-Ối trời? Ông bác sĩ thốt lên – Ít khi tôi thấy hàm răng nào như thế nhưng cái răng đau ở đâu?

-Đó là cái chạm dây thần kinh bác sĩ ạ, ông tìm xem cái nào.

-Phía nào?

-Bên phải.

-Ông đùa đấy à, tôi nhìn mãi mà có thấy răng nào bị lỏng đâu.

-Vậy ông tưởng tôi xin ông nhổ cái răng của tôi cho vui sao? Trò đùa hay thật!

-Nhưng rốt cục tôi phải nhổ cái nào đây?

-Cái này – Georges nói và chỉ vào chiếc răng hàm đầu tiên – ông hãy nhổ cái này.

-Ông chắc chứ?

-Rất chắc, hãy nhanh tay lên.

-Tuy vậy, tôi khẳng định với ông là…

-Nhưng chắc tôi được phép cho nhổ cái răng phiền phức của mình chứ.

Georges nhíu mày định đứng dậy cố ý để lộ ra hai báng súng và cán dao ở thắt lưng.

Ông bác sĩ hiểu không có lý do gì để cự lại một con người vũ khí đầy mình như vậy nên lấy kìm kẹp chiếc răng lại rồi nhổ ra.

Georges không kêu một tí nào. Ông ta cầm một chiếc cốc, rót nước vào, nhỏ vài giọt thuốc mê rồi lịch sự nói: -Thưa ngài, thật khó có đôi tay nào vừa nhẹ nhàng lại rắn rỏi hơn đôi tay của ngài này. Vậy cũng xin nói thật tôi thích cách nhổ răng của người Anh hơn là cách của người Pháp.

Ông ta xúc miệng và nhổ vào ống nhổ.

-Ngài có được kinh nghiệm ấy từ đâu vậy, thưa ngài?

-Từ cách người Anh dùng kẹp nhổ răng và nhẹ nhàng từ thấp đến cao khiến chiếc răng đứng theo chiều của nó, trong khi người Pháp các vị lại dùng lực vặn mạnh buộc chân răng phải xoay một nửa vòng nên rất đau.

-Nhưng tôi có thấy ngài tỏ ra đau chút nào đâu.

-Đó là vì tôi có sức mạnh phi thường.

-Ngài là người Pháp?

-Không tôi là người Bretagne.

Nói xong, ông đặt hai đồng louis lên bục lò sưởi. Georges vẫn chưa nghe thấy ám hiệu an toàn nên còn muốn nấn ná ở lại.

Bên cạnh đó, ông Guilbalt cũng không ngại vị khách đầy vũ khí này, ông ta còn thấy có sự duyên dáng trong những vũ khí ấy nữa.

Cuối cùng có tiếng huýt sáo vang lên. Đó là tín hiệu mà có lẽ Georges đang đợi. Ông ta vội đứng dậy, bắt tay ông bác sĩ rồi nhanh chóng xuống cầu thang.

-Ông bác sĩ còn lại một mình không hiểu chuyện gì vừa xảy ra chỉ ngờ ngợ mình vừa dính dáng đến một kẻ khùng hay một tên kẻ trộm. Chỉ ngày hôm sau, một nhân viên cảnh sát đến nhà ông này để thông báo có Georges mới mất tích đêm qua quanh khu nhà của ông, ông ta mới nhận ra.

Nhưng trước chi tiết mô tả "Có ba mươi hai răng" thì ông bác sĩ phản đối: -Nhầm rồi! Ông ta không còn ba mươi hai răng nữa.

-Từ khi nào? – Viên cảnh sát hỏi.

-Từ tối hôm qua. Tôi đã nhổ một chiếc của ông ta.

Hai ngày sau sự việc ấy, sự việc như chúng tôi đã nói ở trên, đã trở thành một chuyện thần kỳ trong ngành cảnh sát, hai kẻ tòng phạm quan trọng khác cũng bị bắt. Chuyện mà các bạn sắp đọc sau đây không phải là truyền thuyết của cảnh sát cũng không phải giai thoại của các lục sự.

Chuyện bắt hai tòng phạm ấy là thế này.

Trên chuyến tàu hơi nước đầu tiên tôi đi từ Gênes đến Marseille, tôi đã gặp hầu tước Rivière. Cách nói chuyện hấp dẫn của ông ta khiến tôi bị cuốn hút. Nhưng đúng đến lúc ông ta kể đến đoạn mình bị bắt ra sao thì tôi lại chóng mặt vì say sóng. Có một điều đặc biệt là giọng nói âm vang của ông ta như thấu vào từng cơn khó chịu của tôi, ăn vào tâm trí của tôi và chỉ chấm dứt khi ông ta nhận thấy, tôi đang cố gắng lắng nghe ông ta để che giấu nỗi khổ sở của mình. Kết quả là những gì ông ta kể cho tôi dường như còn sống mãi trong tôi sau bốn mươi năm và những cơn nôn nao ấy như mới xảy ra hôm qua.

Rivière và Jules de Polignac là chỗ thâm giao, chỉ có cái chết mới chia lìa họ được. Họ cùng nhau âm mưu làm phản, cùng nhau đến Paris và dự tính sẽ chết cùng nhau.

Sau khi Moreau và Pichegru bị bắt, đến lượt họ bị săn đuổi. Không biết phải trốn ở đâu, họ đến nhà bá tước Alexandre de Laborde xin trú nhờ. Đó là một thanh niên trạc tuổi họ vốn là quý tộc nhà băng có liên hệ với chính quyền của ngài Tổng tài.

Ông Laborde có một lâu đài nằm trên phố Artois, quận Chaussée-d'Antin.

Vừa đến đại lộ Italiens, hầu tước Rivière dừng lại trước một cột thềm Hanovre và đọc lệnh của cảnh sát sẽ kết tội tử hình những ai chứa chấp tội phạm. Ông này quay ra nói với người bạn Jules de Polignac đang chờ mình dưới đại lộ.

-Bạn của tôi, chúng ta sắp làm một việc xấu, khi xin bá tước Laborde cho ở tức là chúng ta buộc anh ấy và cả gia đình vào tội đồng loã. Chúng ta có tiền, chúng ta sẽ thuê được chỗ chắc chắn như ở nhà anh ấy.

Jules de Polignac cũng là người bộc trực, nhận thấy lý lẽ của bạn mình có lý nên chia tay bạn, đi tìm chỗ ẩn của người ấy.

Ngay tối hôm đó, hầu tước Rivière gặp một cận vệ cũ có tên là Labruyère, người mà ông ta từng từ chối đến ở vì sợ liên luỵ đến họ lần này, người phục vụ nài nỉ nhiều quá cho nên ông ta đành ưng thuận.

Hầu tước Rivière ở lai đó mười tám ngày không xảy ra huyện gì và có lẽ cũng không bị phát hiện nếu không có sự bất cẩn của người bạn Jules của ông ta. Một hôm, Jules chạy đến chỗ ở của ông Rivière thông báo người em trai Amland của ông ta vừa bị bắt. Quá bàng hoàng nên không giấu giếm gì, ông ta kể hết bất hạnh của mình cho ông Rivière nghe. Hầu tước Rivière liền đề nghị từ khi đó ông này nên náu cùng mình.

-Không ai thấy anh vào đây chứ? – Hầu tước Rivière hỏi.

-Không ai kể cả người gác cổng.

-Thế thì anh thoát rồi.

Họ ở cạnh nhau được sáu ngày thì một buổi tối, dù bạn đã hết sức can ngăn, Jules vẫn ra ngoài như ông ta nói là để đến cuộc hẹn rất quan trọng.

Bị một cảnh sát theo dõi và phát hiện ông ta trở về ngôi nhà đó qua đêm tại đây nên cả hầu tước Rivière cũng bị bắt chung.

Người bắt họ chính là cảnh sát trưởng Commiges đã từng bắt tướng Pichegru sáu ngày trước. Việc đầu tiên của anh ta là nói với anh chàng Labruyère đáng thương rằng luật pháp cấm công dân cho người lạ đến ở. Nhưng Labruyère đã vặn lại rằng ông Rivière không phải là người lạ với anh ta, và còn bạn của ông ấy chắc thấy dao kề cổ nên mới vào đó lánh tạm.

Cuối cùng, cả ba vẫn bị bắt và bị hỏi cung tại dinh của ngài Hội đồng Réal.

-Thưa ngài Hội đồng – Hầu tước là người bắt đầu nói – Tôi xin báo trước là bạn tôi và tôi sẽ không trả lời bất cứ câu hỏi nào của ông trừ khi ông hứa đảm bảo không làm hại gì đến người đã chứa chấp chúng tôi. Anh ta không biết gì về động cơ việc chúng tôi có mặt ở Paris.

Ông Réal hứa hẹn. Hầu tước Rivière ôm người hầu của mình và nói: -Vĩnh biệt bạn của ta, ta đã xin cho anh được bình yên.

Thứ sáu ngày 9 tháng Ba, vào khoảng sáu giờ tối, một nhân viên tuần tra tên là Caniolle nhận lệnh đi tuần tại cuối đường Montagne Sainte-Geneviève để rình một chiếc xe cho thuê mang số 53 xem nó có đi qua không.

-Đó là chiếc xe đi đón Georges. Ông này vừa đổi chỗ đến ở tại một căn nhà mà bạn ông thuê tám nghìn phăng một tháng.

Chiếc xe đi qua rất nhanh nhưng Caniolle vẫn đuổi theo. Dọc đường có nhiều cảnh sát, Caniolle đã được lệnh báo cho họ thế là họ bám theo chiếc xe. Nó đi chầm chậm đến quảng trường Sainte-Etienne-de-mont, rẽ vào phố Sainte-Geneviève rồi dừng lại đối diện một lối vào một cửa hàng bán hoa quả. Cổng vào để hé mở, chiếc mui xe hạ xuống, người đánh xe đi vào trong cửa hàng và châm đèn măng xông. Đúng lúc người này châm chiếc đèn cuối cùng thì Georges và hai người bạn, Le Ridant và Burban cùng một người thứ tư nhanh nhẹn đi ra. Georges là người đầu tiên lên xe. Ba người bạn của ông ta định lên theo thì Caniolle xông vào giữa và xô họ.

-Chuyện gì thế này? – Burban vừa cằn nhằn vừa đến lượt mình đẩy Caniolle ra – trên đường không còn chỗ hay sao mà anh phải sán lại cửa xe thế?

-Tôi thấy hình như tôi đi đường tôi chẳng hại ai cả – Viên cảnh sát cũng dùng cái giọng ấy để nói lại.

Nhưng Georges thấy lo ngại trước sự việc xảy ra liền kéo Le Ridant lên xe với mình rồi không chờ những người khác, ông ta cho ngựa lao đi. Người ta không muốn bắt Georges trên phố vì sợ khi chống cự sẽ có máu chảy trên đường. Do đó, mệnh lệnh là các nhân viên chỉ đuổi theo chiếc xe. Trong một lúc ngỡ ngàng, Caniolle đã để họ chạy khá xa, mới vội đuổi theo.

-Theo tôi! – Caniolle kêu to.

Có hai cảnh sát đi theo. Một người tên là Buffet.

Chiếc xe tiếp tục dẫn trước họ trong phố Saint-Syacinthe dù con phố này hơi dốc. Nó đi qua đại quảng trường Saint-Michel và vẫn giữ nguyên khoảng cách. Chiếc xe tiếp tục qua các phố Fosses-Monsieur-le-Prince và phố Uberté khi Georges hạ mui xe. Ông ta thấy có người hổn hển đuổi theo liền nói với Le Ridant đang cầm cương.

-Fouette, chúng ta đang bị bám theo, chúng ta bị bắt mất, hãy thấp người xuống! Thấp xuống!

Chiếc xe lao đi như một cơn lốc. Ra đến ngã tư Odéon thì Caniolle bắt kịp. Anh ta gắng hết sức tung người bám vào giây cương trước cổ ngựa và hét lên: -Dừng lại! Nhân danh pháp luật hãy dừng lại!

Tiếng ồn ào trong cuộc truy đuổi trên phố khiến mọi người đổ xô ra cửa. Con ngựa bị nắm cương cổ được thêm vài bước thì dừng lại khi Caniolle vẫn trông

người phía trước.

Buffet nhảy lên bậc xe, thò đầu vào xem ai ở trong xe nhưng ngay lập tức hai phát súng đã vang lên khiến Buffet ngã nhào ra sau với một viên đạn giữa trán còn Caniolle thấy tay mình khuỵu xuống anh ta vừa bị gãy cánh tay.

Georges và Le Ridant nhảy ra hai bên. Le Ridant vừa chạy được mười bước thì bị bắt, anh ta không hề kháng cự nhưng Georges thì ngược lại, ông ta rút dao gâm lao vào hai nhân viên khác Mũi dao sắp chạm vào một người thì một thanh niên làm mũ tên là Thomas lao vào ông ta, ôm chặt cánh tay. Hai người xem gần đấy, một người là Lamotte bán vé số ở phố Théatre-Frangais, người khác là Vignal cũng xông vào tước được con dao.

Georges bị trói chặt, tống lên xe độc mã đưa về sở cảnh sát quận nơi cảnh sát trưởng Dubois hỏi cung có sự hiện diện của Desmarets. Nhìn thấy Georges bị bắt, hai viên cảnh sát không khỏi ngạc nhiên. Desmarets đã thổ lộ ấn tượng của mình khi gặp lại ông này như sau: "Từ lần đầu lên tôi gặp Georges đến giờ, ấn tượng của tôi với ông ta luôn là một ông già miền núi không có chút gì là kẻ sát nhân giống bọn ám sát các nhân vật thế lực. Tôi thấy một khuôn mặt đầy đặn, đôi mắt sáng, nước da sáng sủa, cái nhìn vừa nghiêm túc lại rất dịu dàng như giọng nói của ông ta vậy. Dù thân hình bệ vệ nhưng mọi cử động của ông ta đều linh hoạt. Một cất đầu thật tròn tóc thành lọn ngắn, không có vẻ gì giống thủ lĩnh phản loạn mà trước kia ông từng chỉ huy miền đất Bretagne.

-Ôi ông là kẻ bất nhân! – Bá tước Dubois kêu lên khi thấy Georges – ông có biết mình vừa làm gì không? Ông vừa giết chết một người cha trong gia đình và làm bị thương một ông bố khác.

Georges bật cười, nói: -Đó là lỗi của ông chứ!

-Sao lại là lỗi của tôi?

-Tất nhiên rồi, vì lẽ ra ông chỉ nên cho những người độc thân đi bắt tôi thôi.

§37. Công tước Enghien

Chúng ta sẽ nói đến lợi lộc của Fouché, khi công tước Enghien chết, vị công tước này bấy lâu vẫn khiến Bonaparte ăn không ngon ngủ không yên với mối hiểm hoạ từ nhà Bourbon cũng như với các ngai vàng khác ở châu Âu.

Trong những lời khai của mình, Georges, Moreau và Pichegru có mơ hồ nói đến điều mà Fouché từng dự đoán, đó là có một hoàng thân triều đình Bourbon sẽ đến Paris để cầm đầu âm mưu phản nghịch.

Chắc các bạn còn nhớ, vì sợ trong mối tị hiềm giữa Fouché với mình, ngài Bonaparte đã bí mật cử một người đi xác minh tin tức của viên Bộ trưởng cảnh sát tạm quyền, một Bộ trưởng không bộ nhưng thực chất lại là Bộ trưởng thực sự. Ông Régnier, Chánh án toà tối cao, ông Réal, Uỷ viên Hội đồng nhà nước, nói cho cùng họ vẫn là những người thụ động và không hay biết gì.

Và viên cảnh sát ấy đã đi, khi anh ta được một quyền lực vô hình ra lệnh thì việc đó là may hay rủi đều phụ thuộc vào ý chí trong con người và thúc đẩy anh ta đến đích đặc trưng của các sự kiện lớn của thời đại, không có ngoại lệ, đó là có ảnh hưởng của những cá nhân làm nên sự kiện ấy. Những nhân vật nổi tiếng mạnh mẽ nhất và khôn khéo nhất sẽ không bị thế lực nào chế ngự hay dắt lối. Họ bị chính các sự kiện cuốn đi. Họ có sức mạnh khi thuận theo xu thế và sẽ bị thất bại nếu chống lại xu thế ấy. Bằng chứng chính là ngôi sao chiếu mệnh của Bonaparte bừng sáng khi ông đại diện cho lợi ích của dân chúng và bị lu mờ trong tán sao chổi năm 1811. Khi liên minh với những César của người La Mã, ông muốn thống nhất tiêu chí của cách mạng với tiêu chí của nền quân chủ lỗi thời, đó là chuyện bất khả thi. Có một triết lý để thấy ở đây đó là sức mạnh nằm trong chính xã hội và trong hành động của nó chứ không phải do đi tin các phương thức lãnh đạo trong đẳng cấp hay thiên tài: Người ta rất có thể nghe theo phương thức ấy vì lợi ích của họ chứ không phải vì công lao của người thực hiện phương thức đó.

Tạo hoá đã muốn rằng con người ấy, chính là anh chàng cảnh sát, chỉ là một kẻ lặp lại trong mọi hoàn cảnh kia, phải có ý liền giống ông chủ. Rời Paris với lòng tin chắc công tước Enghien là ông hoàng được Georges chờ đợi nên anh chàng cảnh sát cứ tưởng mình là thứ ánh sáng chiếu rọi âm mưu động trời nên từ lúc đó chỉ nhất nhất nhìn nhận mọi việc theo quan điểm của mình.

Trước tiên, anh ta bảo vệ cuộc sống của công tước Enghien quả đúng bí hiểm, ông ta thỉnh thoảng hay đi đâu đó bảy, tám ngày mà săn bắn chỉ là cái cớ còn âm mưu phản loạn mới là thật.

Còn về những lần vắng mặt ấy ngay chính cha của ông ta từ Anh cũng viết cho con trai:

"Từ sáu tháng qua, người ta khẳng định với chúng ta là đứa con yêu quý của cha đã về Paris, người khác lại nói các vị chỉ cần đến Strasbourg. Cho nên, thật phí công khi con phải mạo hiểm mạng sống và tự do của mình. Những đường lối của con sắm sâu trong trái tim của con như trong tim của chúng ta vậy, nên ta rất yên tâm về mặt đó."

Ông hoàng con cũng hồi âm lại như sau:

"Thưa cha yêu quý, có lẽ cha hiểu con quá ít nên mới nói con đặt chân về mảnh đất của phe Cộng hoà, nơi chiến tuyến không phải ông trời cho con sinh vào đó. Con là người quá tự cao để có thể cúi đầu. Ông Tổng tài có thể đạt được mục đích tiêu diệt con nhưng ông ta không làm con hạ mình được đâu."

Tuy nhiên, còn một chuyện khác nghiêm trọng hơn tất cả những điều trên, một trong những điều khủng khiếp của định mệnh. Đó là việc anh chàng mưu sát nọ phát hiện những cái tên thường xuyên lui đến chỗ hoàng thân, những người có vẻ thân thiết nhất đô là hai bộ trưởng nước Anh: Ngài Francis Drake ở Munich và ngài Spencer Smith ở Stuttgart. Hai người này dù ở rất xa nhưng vẫn thường xuyên tới lui Ettenheim, thêm vào đó còn có đại tá Schmidt, cảnh sát trưởng bên nước Anh, và tướng Thumery. Theo lời một người Đức thì cách phát âm Thumenez với Dumouriez chỉ khác hai nét chữ. Trong lúc vội, tên của tướng Dumouriez thường được viết theo tiếng Pháp thay cho tên Thumery. Nếu như thế, tình hình có vẻ rất nghiêm trọng vì lực lượng phản nghịch có ở Pháp dồn nước Pháp vào giữa các thế lực: Moreau ở Paris, tướng Georges ở trung tâm và Pichegru ở phía tây, Dumouries ở phía đông. Như vậy, nước Pháp chỉ còn nước xâu xé nhau trong cuộc nội chiến với vành đai siết chặt ấy mà thôi.

Còn một chi tiết khác cũng cần nói ở đây. Đó là vào thời ấy, tôi không biết bây giờ có giống như thế nữa hay không, cảnh sát khi đi làm nhiệm vụ bao giờ cũng phải gởi hai bản báo cáo cho thanh tra. Lần này hai bản báo cáo được gởi từ một nơi, một bản đến tướng Moncey, bản kia đến chỗ ngài Réal. Vì ngài Réal còn bận làm việc với Bonaparte nên tướng Moncey nhận được bản báo cáo ấy trước ông lập tức mang nó đến chỗ ngài Bonaparte. Bản báo cáo này có tác động mạnh đến ngài Bonaparte, ông như thấy một tay Bourbon đang lăm le vũ khí ở Strasbourg chỉ chực xông vào đất Pháp để tiến hành vụ ám sát mới. Bất cứ một tham mưu sống lưu vong quanh ông hoàng này cũng có thể sẵn sàng rút gươm ra bảo vệ lợi ích của ngai vàng, Bộ trưởng Anh, cảnh sát Anh và cuối cùng là Dumouriez một kẻ Ăng lê hơn bất cứ người Anh nào. Ông ra lệnh cho tướng Moncey ra về nhưng giữ lại bản báo cáo. Ông tướng này phải đi báo cho ông Fouché, cho hai Tổng tài khác và cho ông Réal đúng bảy giờ phải đến điện Tuileries.

Hôm ấy, lúc bảy giờ ngài Tổng tài thứ nhất đã có hẹn với Chateaubriand. Ông liền sai thư ký là Méneval viết một lá thư gửi đến tác giả cuốn Thần đồng đạo Cơ

đốc để lui lại buổi hẹn ấy đến chín giờ.

Số phận của hai thiên tài vĩ đại này kể ra cũng thật lạ lùng. Họ cùng sinh năm 1769 nên cùng đến tuổi ba mươi hai. Họ sinh ra cách nhau ba trăm dặm nhưng lại gặp nhau, quen nhau, chia tay rồi lại hội ngộ, trưởng thành không giống nhau. Một người lớn lên trong bóng của bức tường trường quân bị ảm đạm, chịu các kỷ luật quân đội hà khắc đã tạo nên các tướng rinh và chính sách. Người kia lại lang thang bên những bãi biển, đồng hành cùng sóng và gió, không có quyển sách nào ngoài cuốn sách thiên nhiên, không có ông thầy nào ngoài Đức Chúa. Sách và Chúa, hai vị thầy vĩ đại làm nên những người mơ mộng và các nhà thơ.

Một người luôn theo đuổi một mục đích, dù cái đích đó rất cao, người kia chỉ có những dục vọng, dục vọng không bao giờ thành hiện thực, một người muốn làm chủ không gian, người kia lại muốn chinh phục hư vô.

Năm 1791, khi Bonaparte về nhà vài tháng để nghe ngóng tình hình thì cũng là năm Chateaubriand lên tàu từ Saint-Malo để thở khám phá con đường đến châu Mỹ theo hướng Tây Bắc.

Chúng ta hãy cùng theo chân nhà thơ Chateaubriand rời Saint-Malo ngày 6 tháng Năm vào khoảng sáu giờ sáu. Ông đến đảo Acores sau đó đến Chactas. Những ngọn gió đưa ông đến thềm của miền đất mới. Ông qua eo biển, thả neo ở đảo Saint-Piene, ở lại đó mười lăm ngày, bị lạc giữa sương mù quanh năm bao phủ hòn đảo, lang thang trong những đám mây và các cơn gió mạnh, nghe những tiếng gầm gào của một đại dương vô hình, lạc lõng trên một bãi thạch thảo mềm mại và chết chóc, chỉ có con thuyền độc mộc lướt trên những mỏm đá dẫn đường.

Sau mười lăm ngày buông neo, kẻ lữ thứ rời Saint-Piene mệt lả bên vịnh Maryland. Ở đây sự yên tĩnh choán lấy ông. Đó những buổi đêm mỹ lệ, bình minh rạng rỡ và những buổi hoàng hôn diệu kỳ. Ngồi trên một cây cầu, ông dõi theo khối cầu mặt trời sẵn sàng lao mình xuống các lớp sóng trập trùng hiện ra trước, ông qua các cột buồm giữa không gian vô tận của đại dương. Cuối cùng, vào một ngày người ta nhìn thấy trên đầu ngọn sóng có những vệt xanh như ngọn cây bất động. Đó là châu Mỹ!

Một chủ đề rất rộng để chàng trai hai mươi hai tuổi suy ngẫm. Đây là một thế giới của những loài hoang dã, của những thiên sử chưa từng biết đến mà Colomb đã phát hiện ra, Vespuce đã đặt tên nhưng chưa có ai viết lên lịch sử cho nó.

Đã đến giờ phút hạnh phúc đi thăm nước Mỹ! Một nước Mỹ qua đại dương vừa gửi cho nước Pháp một cuộc Cách mạng do chính nó tạo ra, tự do mà nó có được chính là nhờ những thanh gươm Pháp.

Tham dự vào công cuộc xây dựng một thành phố phồn thịnh nơi mà một trăm năm trước Guillaume Penn đã mua đất của vài người Anh điêng lang thang đây đó thật là một điều kỳ thú. Một cảnh tượng tuyệt vời mở ra khi thấy một đất nước

sinh ra trên bãi chiến trường giống như vài chàng Cadmus gieo trồng con người trên những luống cây đạn pháo.

Chateaubriand dừng lại ở Philadelphie không phải để thăm thú thành phố mà để thăm Washington. Washington đã chìa cho ông xem một chiếc chìa khoá của nhà ngục Bastille mà một vài người Paris thắng trận gởi cho ông. Lúc ấy, Chateaubriand chưa có gì để cho ông ta xem, nếu trở lại, ông đã có thể khoe tập "Thần đồng cơ đốc giáo" rồi.

Nhà thơ đã giữ lại kỷ niệm chuyến viếng thăm ấy suốt cả cuộc đời trong khi ngay tối hôm đón ông xong, Washington có lẽ quên ông luôn. Washington đang trong hào quang của mình, lãnh đạo một dân tộc do chính ông vừa là tướng quân vừa là người sáng lập. Còn Chateaubriand vẫn còn chìm trong bóng đêm thời trai trẻ, tiếng tăm trong tương lai của ông chưa hề ghé thăm quá khứ mà toả cho quá khứ vài tia lấp lánh. Washington đã chết mà không hề ngờ rằng con người này về sau đã nói về ông và về Napoléon như sau:

"Những ai như tôi đã từng được thấy người chinh phục châu Âu và người lập ra Hiến pháp nước Mỹ, bây giờ quay lại nhìn toàn cảnh thế giới chỉ thấy vài tên hề cười cười khóc khóc chẳng đáng nhìn chút nào?"

Washington là tất cả những gì Chateaubriand thấy tò mò khi qua khắp các thành phố trên đất Mỹ. Ông không muốn gặp con người bởi lẽ đâu đâu họ cũng na ná như nhau, đều là các du khách vượt Đại Tây Dương tìm đến tận thế giới. Chủ yếu ông đi tìm những cánh rừng nguyên sinh, đến bên bờ hồ lớn như những đại dương, xông vào giữa thảo nguyên bao la vô tận, nhtlng sa mạc, tìm một giọng nói vọng lên từ cõi lòng đơn độc.

Chúng ta hãy cùng nghe kẻ lãng du bộc bạch cảm xúc thực của bản thân. Phải nói rằng vào thời đó dù đã được nghe kể và được viết thành những vần thơ, nhưng xứ sở này vẫn còn lạ lẫm lắm. Gabriel Ferry dù đã theo dấu vết ấy cũng không làm được các tác phẩm "Những người tận vàng" hay "Bờ biển những người Anh điêng". Gustave Aimard cũng không thấy hết được các truyền thuyết tạo nên cuộc sống từ thẳm sâu những cánh rừng nguyên sinh của mình không, tất cả đều trinh nguyên trong rừng và trên thảo nguyên như chính bản thân chúng vậy. Và chính con người này đã lật bức màn đầu tiên lên khỏi chúng, ông đã thấy sự duyên dáng và thanh thiết như thuở ban sơ của ngày sáng thế.

"Sau khi đi qua Mohawk, thì tôi đặt chân vào những cánh rừng không những chưa bị chặt phá bao giờ mà còn chưa được ai ghé thăm, tôi như chao đảo trong men say, tôi đi từ cây này đến cây khác từ phải sang trái và tự nhủ với mình rằng; ở đây, chẳng phải lựa chọn đường nào, không còn thành phố, không còn những ngôi nhà chật hẹp, chẳng còn tổng thống, chẳng còn nền Cộng hoà, chẳng còn vua chúa… và để thở xem mình có tự lập được quyền tự do của mình không, tôi

tha hồ làm hàng nghìn động tác mình thích khiến cho anh chàng người Hà Lan làm hướng dẫn viên phát sợ, chắc anh ta tưởng tôi bị điên."

Ngay lập tức, kẻ lãng du nói lời từ biệt với nền văn minh, không có chỗ trú ẩn nào ngoài rừng xanh, giường là mặt đất, lấy yên ngựa làm gối, lấy áo choàng làm chăn và bầu trời chính là màn che êm ái. Còn về lũ ngựa, chúng tự do đi lại với chiếc chuông nhỏ trên cổ và bằng bản năng giao tiếp kỳ diệu, chúng không bao giờ để quá xa đống lửa do ông chủ đốt lên để xua đuổi con trùng và rắn rết.

Một chuyến du hành theo kiểu Steme đã bắt đầu như thế, chỉ có điều thay vì cày xới nền văn minh, kẻ lữ thứ lại cày xới nỗi lòng cô đơn. Thỉnh thoảng, một làng da đỏ lại đột ngột hiện ra trong tầm mắt, hoặc một bộ tộc du mục xuất hiện. Thế là con người văn minh ra hiệu cho con người hoang sơ những cơ chỉ thân thiện mà khắp nơi ai cũng hiểu được các vị chủ nhà bắt đầu cất giọng hát về người lạ.

"Đây là người xa lạ, người được phái từ Chúa trời"

Sau khúc hát đó, một em bé dắt tay ông và đưa vào lều nói: -Đây là người mới?

Và tộc trưởng đáp: -Hãy dẫn người đó vào lều của ta, cậu bé!

Người du khách đi vào dưới sự che trở của đứa bé rồi giống như người Hy Lạp, ngồi xuống lớp than nguội. Người ta đưa một chiếc ống điếu dài, ông hút ba hơi và phụ nữ hát lời hát an ủi rằng:

"Người xa lạ đã thấy mẹ và vợ, mặt trời lại thức và ngủ vì anh ta, như trước đây."

Sau đó người ta rốt nước vào một chiếc cốc, đó là chiếc cốc thánh, khách uống một nửa sau đó đưa lại cho chủ nhà uống hết.

Giữa khung cảnh của cuộc sống hoang sơ này, người ta muốn màn đêm, sự yên tĩnh, đón tiếp hay nỗi buồn man mác? Khách lãng du đã vẽ lại, chúng ta cùng nhìn xem:

"Những suy nghĩ trong đầu tôi nóng lên, tôi đứng dậy đi ra ngồi xuống một cái rễ cây rượu ra tận bờ suối. Đó là một trong những đêm châu Mỹ mà cây cọ vẽ của con người không bao giờ diễn tả được. Tôi còn nhớ lại những ấn tượng ấy với cả niềm thú vị thích thú."

"Ánh trăng treo lơ lửng trên đỉnh bầu trời, đó đây, qua khoảng không bao la tinh khiết, hàng ngàn những vì tinh tú nhấp nháy. Ngay sau đó vầng trăng ngả mình xuống một đám mây giống như tuyệt ôm ấp quanh năm các đỉnh núi cao vậy. Dần dần, những đám mây tản ra, vấn vít, tạo thành một vùng trong suốt và mềm mại như lụa sa tanh trắng hoặc biến thành những cuộc tròn, những hình thù của vô vàn các con vật đang lang thang trên đồng bằng xanh lơ của nền trời. Có lúc, chúng lại biến thành những lớp sóng đều đặn xô trên một biển. Một luồng gió lại đến xé toang tôm mòn ấy. Thế là chúng vỡ oà thành vô số cuộn bông lấp

lánh trắng mịn nhìn mềm mại như ta đang sờ được vào cái êm ái của chúng. Khung cảnh dưới mặt đất cũng hấp dẫn không kém. Thứ ánh sáng bàng bạc tuyệt diệu của chị Hằng tràn lặng lẽ tràn lên khắp ngọn cây, xuyên xuống các khe trông, luồn lách vào lớp bóng tối dày đặc nhất. Con suối nhỏ đang chảy dưới chân tôi, uốn lượn dưới lớp rễ của các cây sồi, cây dương liễu và cây thân ngọt chạy ra mãi xa xa, nhuốm những tia lập loá và bừng lên như một dải ruy băng bằng vải nhiễu dát những hạt kim cương lóng lánh rồi bị một dải đen cắt ngang. Dải đen ấy là một con sông, phía bên kia con sông, trên thảm cỏ thiên nhiên rộng lớn, ánh trăng lặng lẽ nằm ngủ trên những ngọn cỏ. Những cây bulô đứng tản mạn trên các thảo nguyên khi thì điệu đà lả lướt theo ngọn gió lẩn mình vào mặt đất khi lại điểm xuyết trên những tảng đá phấn lững lững, tự tạo ra bóng tối cho mình, chúng giống như những hòn đảo tối om lang thang trên một đại dương ánh sáng bất động. Tất cả đều yên tĩnh tuyệt đối, lặng yên và thư thái chỉ trừ vài tiếng lá rơi, tiếng gió vi vu, tiếng rên rỉ rất hi hữu của loài chim hù. Tuy thế, xa xa đâu đó, người ta vẫn nghe thấy tiếng ầm trang trọng của thác nước Niagara. Trong vẻ tịnh mịch ban đêm, nó vẫn lao từ miền hoang vắng này đến vầng cô quạnh khác và thở hắt qua những cánh rừng xa tít."

"Vẻ hùng vĩ và vẻ tịch liệu của bức tranh này không sao có thể diễn tả hết bằng lời. Những đêm đẹp nhất châu Âu không tài nào sánh nổi. Giữa những cánh đồng cấy trồng của chúng ta, làm sao sức tưởng tượng được thảnh thơi bay bổng đâu đâu, nó cứng vếp phải sự sống của con người. Còn ở nơi đây, giữa xứ sở hoang vắng này, tâm hồn thoả sức tràn ra, mất hút vào một đại dương rừng già bất tử. Tâm hồn thích được đi lang thang dưới ánh sáng của các vì sao, đến bên bờ những hồ nước kẻng lồ, lượn lờ trên miệng vực trong tiếng thác rú gào, rồi buông mình xuống những cơn sóng rào, hay có thể nói là nhập vào, tan ra với tất cả thiên nhiên hoang dã và tuyệt vời này."

"Cuối cùng, kẻ lữ khách cũng đến được thác Niagara mà tiếng ồn của nó biến mất trong hàng ngàn âm thanh buổi bình minh khi thiên nhiên thức giấc nhưng trong đêm thanh thi lại rạo rực hừng hực nghe như rất gần, nghe như muốn lôi kéo người ta đến với nó."

Một hôm, ông đã gặp nó, vẻ tráng lệ này, Chateaubriand đã đi tìm từ nơi rất xa, trên đoạn đường hai lần ông suýt mất mạng, chúng ta sẽ không kể lại nguy hiểm ấy nhưng khi Chateaubriand kể, chúng ta hãy nghe ông nói:

"Đến nơi, tôi tiến lại gần thác, yên cương ngựa được quấn vào cánh tay. Trong lúc tôi cúi xuống nhìn thác thì một con rắn chuông động đậy ở bụi cây gần dấy, con ngựa sợ hãi chạy lên phía trước lôi tôi theo nó. Cánh tay bị vướng, tôi không thể, dừng được cứ phải theo nó đến gần bờ vực. Đột nhiên con ngựa cũng cảm nhận được mối hiểm hoạ mới, nó vội phi ngược lên cách bờ thác chục bộ."

Như thế chưa phải đã hết thoát khỏi nguy hiểm chết người ấy, lãng tử lại tiếp tục một mối nguy hiểm khác. Lần này là hiểm hoạ có báo trước nhưng có một số người vẫn cảm thấy trong thâm tâm họ có thể nhớ lòng khoan dung của Chúa, chúng ta hãy nghe nhà du ngoại kể lại:

"Ngày trước có dây leo xuống thác nhưng nó đã bị đứt. Mặc những lời khuyên can của người dẫn đường, tôi vẫn trèo xuống phía dưới thác bằng các vách đá dựng đứng cao hai trăm bộ. Tôi lao vào cuộc mạo hiểm. Mặc tiếng gào rú của thác nước mặt lỗ xoáy rơi người hun hút phía dưới tôi cứng đâu leo xuống được hơn bốn chục bước thì đá ở đây trở nên trơn và dốc đứng hơn, không có chỗ bám cũng như chỗ cho tôi đặt chân. Tôi bị treo lơ lửng trong tình trạng tiến thoái lưỡng nan và các ngón tay tôi bắt đầu rã rời trước sức nặng của cơ thể. Tôi thấy cái chết là khó tránh khỏi. Ít người có được hai phút trong đời giống như tôi đã trải qua, lủng lẳng trên miệng vực Niagara. Hai bàn tay tôi oải ra và tôi rơi xuống thật may là tôi rơi ngay xuống một mỏm đá chìa ra, tôi đã tan thành trăm mảnh nhưng tôi không cảm thấy đau mấy. Tôi chỉ cách mép tảng đá chừng nửa tấc, may mà không bị lộn xuống khi nước lạnh bắn vào người, tôi mới nhận ra mình không may như đã tượng. Một cơn đau bên tay trái ùa đến. Tôi đã làm gẫy nó, người dẫn đường của tôi nhìn thấy tôi ra hiệu liền chạy đi tìm được vài người cứu. Họ khó khăn lắm mới kéo tôi lên bằng dây cây bu-Lô và cáng tôi về nhà họ."

Chuyện này xảy ra đúng lúc mà chàng trung uý trẻ tuổi có tên là Napoléon Bonaparte suýt chết đuối khi tắm trên sông Saône.

Lữ khách lại tiếp tục con đường của mình qua những sông hồ lớn. Hồ đầu tiên ông ta tới là Ené. Từ trên bờ, ông bàng hoàng thấy cảnh người Anh điếng mạo hiểm trên những con thuyền gỗ trước mặt nước cuồn cuộn của cơn bão kinh hoàng. Việc trước nhất là họ treo đồ của mình vào đuôi thuyền rồi đưa nó qua những cơn xoáy tuyết, giữa các lớp sóng dâng tràn. Các lớp sóng ấy lao vào mạn thuyền như thể muốn nuốt sống nó. Đám chó săn bám chặt chân xuống sàn kêu lên ư ứ trong khi chủ nhân của chúng rất bình tĩnh, lặng lẽ điều khiển con thuyền chèo theo con sóng. Các thuyền đi theo hàng dọc, ở cuối mỗi thuyền có một người can đảm nhất chỉ huy, động viên vừa khích lệ bằng từ "Oha" với mỗi lần chèo.

Trên chiếc thuyền cuối cùng, một người thủ lĩnh vẫn đứng và lái bằng một cây sào dài. Qua làn sương mù, tuyệt và sóng, người ta chỉ nhận ra họ bởi những túm lông trang trí trên đầu những cái cổ gân lên trong mỗi đợt hú và những cây đuốc trên tay hai tộc trưởng. Họ là người hoa tiêu và người dự đoán."

"Người ta bảo rằng vị thần ẩn trong các lớp nước rất sâu và khó lường ấy."

"Bây giờ, chúng ta cũng chuyển đến xem các mặt hồ và bờ của chúng.

Trong một khoảng không hơn hai mươi dặm tôi thay toàn những cây súng xen nhau trải ra ngút ngát, mùa hè dưới đám lá của chúng chứa toàn rắn. Mỗi lần loài bò sát này chuyển động dưới ánh nắng mặt trời, người ta thấy cuộn lên những vòng vàng, đỏ tía, đen nhánh. Trong các vòng cuộn khiếp người ấy, người ta chỉ nhận ra những đôi mắt lấp lánh, những cái lưỡi thè ra cái nhọn, cái đỏ lòm, những cái đuôi ngó ngoáy trong không trung như những mũi lao. Tiếng phì phì vang lên không ngớt âm thanh ấy giống như tiếng xào xạc của đám lá rụng vang lên từ mặt hồ Cocyte đáng sợ này."

Trong một năm, ông cứ đi lang thang như vậy, xuống các thác nước, qua hồ, vượt rừng và chỉ dừng lại giữa đống đổ nát Ohio để càng thêm nghi ngờ về vực thẳm đen tối trong quá khứ, theo các dòng sông, hoà giọng mình vào giọng của bình minh và chiều tà của thiên nhiên mà Chúa đã tạo ra, mơ màng những vần thơ trong tập "Natchez", quên châu Âu mà sống với tự do, cô liêu và thơ.

Lang thang mãi từ rừng này sang rừng khác, từ hồ này đến hồ khác từ thảo nguyên này đến thảo nguyên khác mà không biết mình sắp đến mảnh đất nước Mỹ phì nhiêu. Một buổi tối, ông đặt chân đến một trang trại nhỏ cạnh con nước. Ông đã xin vào trú nhờ.

Đêm xuống, ngôi nhà sáng lên qua ánh đèn. Ông ngồi vào một góc nhà và trong khi chủ nhà đi nấu súp, ông khoan khoái đọc một tờ báo Anh qua ánh lửa hắt ra từ ngọn đèn vừa liếc nhìn, bốn chữ "Flight of the King" (Đức vua chạy trốn) đã đập vào mắt ông. Đó là bài báo nói về cuộc chạy trốn của vua Louis XVI và bị bắt ở Vareune. Bài báo cũng kể đến cuộc sống lưu vong của giới quý tộc và một số quý tộc hợp lại dưới ngọn cờ Bảo hoàng lời kêu gọi "Hãy cầm vũ khí!" như một tiếng gọi định mệnh với ông.

Chateaubriand trở lại Philadelphie, vượt biển, gặp cơn bão khiến ông lênh đênh mười tám ngày bên bờ biển nước Pháp.

Tháng Bảy năm 1792, ông cập cảng Havre và kêu vang "Bệ hạ gọi thần, thần có mặt!"

Đúng lúc Chateaubriand đặt chân lên tàu về cứu nhà vua một viên thiếu tá pháo binh tựa lưng vào cây trước thềm nhìn vua Louis XVI đội chiếc mũ nồi đỏ xuất hiện bên cửa sổ điện Tuileries. Bằng một giọng miệt thị rõ ràng, ông khẽ nói: Người này vô dụng rồi!

"Bởi thế – Nhà thơ bộc bạch – có lẽ điều thay đổi những mục đích ban đầu của tôi và đưa tôi vào biến cố đầu tiên đã đánh dấu sự nghiệp của tôi.

Rõ ràng nhà Bourbon chẳng cần đứa con út ít miền Bretagne vừa từ đáy sâu châu Mỹ trở về để phục vụ họ. Nếu tôi không đọc bài báo đã khiến tôi thay đổi cuộc đời tôi thì có lẽ chẳng ai nhận ra sự vắng mặt của tôi vì có ai biết tôi tồn tại đâu, một sự nhầm lẫn giữa tôi và nhận thức của mình đã cho tôi thấy tấm kịch cuộc đời. Tôi đã có thể làm gì mình muốn vì tôi là nhân chứng duy nhất của trận

chiến nhưng trong số tất cả các nhân chứng, đó lại là người sợ phải đổ máu nhiều nhất.”

Chateaubriand đã kể trong tập Atala và Natchez như thế.

§38. Chateaubriand

Nước Pháp đã thay đổi rất nhiều kể từ khi kẻ lữ khách rời xa nó, có rất nhiều sự kiện mới và nhất là rất nhiều nhân vật mới. Họ là Bamave, Danton, Robespiene còn cả Marat nữa nhưng kẻ này không phải là người mà là một con thú hung tợn. Mirabeau cũng đã qua đời.

Bất cứ ai, nhà quý tộc của chúng ta cũng đều tiếp tục, ông lần lượt gặp những con người tuy thuộc về các đảng khác nhau nhưng cuối cùng đều thuộc về cùng một cỗ máy chém.

Ông đã đến thăm phái Jacobin, câu lạc bộ quý tộc, câu lạc bộ các nhà văn, nhà nghệ thuật những con người đúng kiểu đều phần lớn ở đó, thậm chí cả các đại quý ông như La Fayette, hai anh em Lameth, Laharpe, Chamfort, Andrieux, Sedaine, Chémer đến đọc thơ tại đó đó là nhưng vần thơ đương thời. Nhưng rốt cuộc, họ cũng chẳng thể cắt nghĩa được mình ở thời nào. David tiến hành một cuộc cách mạng trong hội hoạ, Talma lại làm cách mạng hí kịch: Có một người suốt ngày giam mình trong phòng làm việc cách thức của ông vô cùng hào hiệp nhưng tính khí lại hơi u uất, đó là tác giả của Những mối quan hệ nguy hiểm, hiệp sĩ Laclos.

-Tại sao Crébilon con lại chết? Ông ta sẽ là tổng thống hoặc chí ít cũng phải là phó tổng thống. Một con người thuộc về bục diễn thuyết với giọng nói nhẹ nhàng, thân hình gầy guộc, nét mặt buồn bã, mặc đồ đơn giản mất tóc muối tiêu. Đó là Rosbespiene, vào một ngày bất cẩn đã trượt vào vết máu của Danton.

Chateaubriand còn đi thăm câu lạc bộ chính trị Cordeliers được thành lập vào thời cách mạng Pháp năm 1790 tại Paris. Ông ngạc nhiên trước kiểu nhà thờ trở thành câu lạc bộ chính trị ấy!

Saint-Louis (cũng thuộc phe Cordeliers) đã xây dựng nhà thờ sau một cuộc đảo chính. Có một đại đức ông ngài Coucy đã mắc một tội toà án Vincenns bắt ông ta nộp phạt và khoản tiền này dùng để xây trường học và nhà thờ cho phái ấy.

Khi Đức vua Jean bị tống giam ở Poitiers, tầng lớp quý tộc mất đầu bị đánh bại và bị cầm tù cùng nhà vua. Một con người nhân danh cả dân tộc chiếm quyền từ tay triều đình và đặt tổng hành dinh trong lòng Cordeliers. Đó là Etienne Marcel, thái thú Paris.

"Nếu các đức ông gây chiến – Etienne Marcel nói – những con người của lẽ phải sẽ tấn công lại họ. Dẫu sao các nhà tu phe Cordeliers cũng là những nhà tiền nhiệm xứng đáng với nhau người cách mạng đi sau tiếp quản nhà thờ của họ. Từ lâu, trước Babey, họ đã nói "Tư hữu là tội trước toàn dân". Trước Proudhon, họ

nói "Tư hữu là ăn cắp". Họ ủng hộ châm ngôn của mình bởi lẽ họ thà đốt cháy bộ quần áo rách hơn là để nó cứ mãi như vậy không thay đổi gì.

Nếu như phái Jacobin là quý tộc thì những người Cordelies là nhân dân, nhân đần Paris năng nổ, bạo lực, quậy phá, nhân dân được đại diện bởi các nhà văn yêu thích của họ, bởi Marat với xưởng in trong hầm giáo đường, bởi Desmoulins, Fréron, Fabre-d Eglantine, Anacharsis? Goots, bởi các nhà diễn giả Danton và Legendre, hai tay đồ tể mà một trong hai đã biến các nhà ngục Paris thành lò mổ.

Cordeliers là tổ ong và đám ong mật bu đầy xung quanh: Marat ngay đối diện Desmoulins, Fréron trên phố Vieille Commédie, Danton ở cách đó năm chục bước, Cloots trên phố Jacob, Legendre trên phố Boachenes, Saint-Germain.

Chateaubriand nhìn và nghe tất cả những con người này. Họ làm ông thấy sợ ông quyết định đi thăm các nhà quý tộc ở nước ngoài những thật không may lại có hai từ cản trở quyết định ấy: thiếu tiền. Phu nhân Chateaubriand có của hồi môn chỉ là những tín phiếu mà tín phiếu lại đang mất giá trước cả tiền mặt. Cuối cùng ông cũng tìm được một công chứng viên còn tiền. Ông này cho nhà thơ vay mười hai nghìn phăng, quý ngài Chateaubriand cho tiền vào ví rồi nhét vào túi. Mười hai nghìn này là cuộc sống của ông và anh trai ông.

Nhưng hành sự tại nhân, thành sự tại thiên, kẻ chuẩn bị di trú lại gặp một người bạn và khoe mình có mười hai nghìn phăng.

Người bạn này lại là tay bài bạc, thế là ngài Chateaubriand bị rủ vào sòng bạc ở Palais Royal rồi để thua mười nghìn năm trăm phăng trong số mười hai nghìn ấy.

Thật may ông còn nghĩ lại. Ông cho một nghìn rưởi còn lại vào ví vội vã rời khỏi toà nhà nguyền rủa, trèo lên một chiếc xe đến hẻm Ferou, trở về nhà tìm ví nhưng không thấy đâu. Nó đã rơi ra xe, ông vội vã chạy xuống phố thì chiếc xe đã đi khuất.

Ông chạy đuổi theo đám trẻ nhìn thấy xe đón thêm khách thật may có một cảnh sát giết người đánh xe nên cho ông địa chỉ nhà ông này.

Ngài Chateaubriand chờ ở cửa nhà ông ta đến hai giờ sáng người đánh xe mới về. Người ta tìm trong xe nhưng chiếc ví đã không còn. Từ lúc ngài Chateaubriand xuống xe, ông đánh xe đã đón thêm ba lính và một tu sĩ. Ông ta không biết ba người lính ở đâu nhưng biết chỗ tu sĩ.

Ba giờ sáng, người ta không thể đánh thức con người đáng kính ấy Ngài Chateaubriand đành trở về nhà mệt rã rời.

Ngày hôm sau, vị tu sĩ đánh thức ông dậy và trả chiếc ví cùng một nghìn năm trăm phăng. Ngày hôm sau nữa, ngài Chateaubriand đi Bruxelles với anh trai cả và một lính hầu. Anh chàng hầu này ăn mặc như họ và cư xử với họ như bạn bè.

Tên lính hầu khốn kiếp ấy có ba tật, thứ nhất là quá tôn kính chủ nhân, thứ hai lại quá thô tục và thứ ba là lúc nào cũng tưởng tượng chính vì hay tưởng

tượng mà lúc nào hắn cũng sợ bị bắt và lúc nào cũng chỉ muốn nhảy ra khỏi xe. Đêm đầu tiên, hai anh em phải khó nhọc mới giữ nổi hắn. Nhưng đêm thứ hai thì họ mở tung cửa cho tên hầu khốn kiếp nhảy ra, tiếp tục giấc mơ. Khi thức, hắn chạy một mạch ra cánh đồng. Hai anh em Chateaubriand tưởng thoát được hắn nhưng một năm sau, do sự tố cáo của hắn mà người anh cả của Chateaubriand phải mất mạng.

Cuối cùng, hai anh em cũng đến được Bruxelles. Bruxelles là nơi gặp mặt của các nhà vua chúa. Từ Bruxelles đến Paris chỉ mất năm ngày. Người ta vô cùng ngạc nhiên khi thấy hai anh em họ đến đây thay vì đợi ở Paris. Bởi lẽ không cần rời Paris vì người ta cũng sắp tiến về đó: Chính vì thế mà chẳng còn chỗ cho người mới đế, thậm chí với Navane nơi trước kia ông từng làm trung uý.

Các chiến hữu Bretagne, nhưng người Franche ít kênh kiệu hơn ngài Navane. Họ dành cho ông một chỗ trong hàng ngũ của họ. Chúng ta cũng có thể thấy, ngài Chateaubriand không phải dành cho con đường binh nghiệp từng được thăng cấp thiếu tá, được đi xe tứ mã vào cung bây giờ ông lại đi bộ đến Thionville như một anh lính quèn.

Rời Bruxelles, ngài Chateaubriand gặp ngài Montrond. Hai con người này vốn cũng chung cảnh ngộ với nhau.

-Ngài từ đâu đến? – Chàng lính thành thị hỏi.

-Từ Niagara, thưa ngài.

-Ngài đi đến đâu?

-Đến nơi người ta đánh nhau.

Cả hai chào nhau rồi ai đi đường người ấy, đi tiếp được hai dặm, ngài Chateaubriand gặp một người cưỡi ngựa.

-Anh đi đâu? – Kỵ sĩ hỏi.

-Tôi đi đánh nhau. – Kẻ đi bộ đáp.

-Người ta gọi anh là gì?

-Ngài Chateaubriand. Còn ngài?

-Ngài Frédenc-Guillaume.

Người đàn ông cưỡi ngựa chính là vua nước Phổ, ông đi ra xa và nói: -Tôi nhận ra ngay ai là quý tộc nước Pháp mà.

Ngài Chateaubriand đi đến Thionville như thể ông đi tìm hành lang Tây Bắc, không thấy hành lang, ông không thể đến Thionville, chỉ có điều ngay cuộc đụng độ đầu tiên, ông đã bị gãy tay, lần thứ hai bị thương ở chân do một thanh xà bốc cháy.

Cùng lúc Chateaubriand bị thương ở chân, một chỉ huy tiểu đoàn trẻ tuổi có tên là Napoléon Bonaparte cũng bị một lưỡi lê đâm vào đùi trong trận Toulon.

Một viên đạn cũng có thể đã sát hại nhà quý tộc của chúng ta nhưng nó lại vấp phải tập bản thảo viết tay Atala nên bị chặn bớt.

Hoạ vô đơn chí, ngoài các xúi quẩy trên ông còn bị tai hoạ nghiêm trọng hơn là bị lạc đường.

Đến Namur, chàng trai lưu vong đi qua đường trong cơn sốt run lẩy bẩy, một phụ nữ nghèo quàng cho chàng một chiếc chăn thủng lỗ chỗ. Đó là chiếc chăn duy nhất chị ta có. Nhà thờ Saint-Martin bị đại pháo phá hỏng cũng chỉ góp cho Chateaubriand nửa chiếc áo măng tô.

Ra khỏi thành phố Namur, ngài Chateaubriand rơi vào một cái hố. Một toán tháp tùng hoàng tử Ligne đi ngang qua. Người ta thấy cái thi thể còn run rẩy nên thương tình đặt lên xe đưa về Bruxelles.

Người Bỉ rất giỏi phân tích quá khứ nhưng lại không được trời phú cho khả năng bói tương lai. Họ không dự đoán được một ngày việc đọc lại tác phẩm của chàng trai trẻ này cũng khiến khối kẻ giàu có. Người Bỉ đã đóng sập cửa trước một kẻ thương tật khốn cùng ấy. Kiệt sức, ông ngủ ngay ngưỡng cửa một nhà trọ và chờ đợi. Đoàn người của hoàng tử Ligne đã đi qua thì ông chỉ hy vọng vào vận may mà thôi. Hy vọng khi chết cũng tốt chứ sao. Và trời không triệt đường sống của ai, người đã gởi anh trai của ông đến.

Hai anh em nhận ra nhau ngay và ôm chặt lấy nhau, ngài Chateaubriand anh đã giàu có. Ông có một nghìn hai trăm phăng trong người. Ông cho em sáu trăm. Ông muốn mang em đi theo nhưng thật may, nhà thơ của chúng ta quá yếu không theo nổi.

Ông đến một nhà thờ cao ở nhờ cho lại sức còn anh trai của ông lên đường về Pháp nơi cỗ máy chém đang đợi ông.

Sau một thời gian dài chữa trị, Chateaubriand đi Jersey. Từ Jersey, ông định sang Anh. Mệt mỏi với cuộc sống di cư, ông muốn tham gia vào cuộc nổi dậy của miền Vendée ông thuê một chiếc tàu nhỏ, khoảng hai chục người cùng đi cho đỡ tốn kém, gặp sóng lớn, họ phải chui xuống khoang chịu cảnh ngột ngạt đến nghẹn thở. Tàu chao đảo khiến họ lắc lư, người nọ đè vào người kia. Đến Guemesey, khi được thả, ta thấy ông ngất đi, gần như tắt thở.

Họ cho ông xuống, đặt dựa vào bức tường quay về phía mặt trời cho òng trút hơi thở cuối cùng. Vợ một thuỷ thủ đi ngang qua, gọi chồng đến cứu. Nhờ ba bốn người, ông được đặt trên một chiếc giường êm ái. Ngày hôm sau, ông lên tàu đánh cá Ostende.

Đến Jersey, ông ngất ngây sung sướng.

Phải đến mùa xuân năm 1793, bệnh nhân mới thấy mình khoẻ trở lại để tiếp tục con đường của mình. Ông sang nước Anh với hy vọng gia nhập vào một đội cờ trắng nào đó. Nhưng đến nơi, thay vì tiếp tục đánh trận, ngực của ông lại có vấn đề các bác sĩ ra lệnh cho ông phải nghỉ ngơi tuyệt đối và tuyên bố rằng nếu cẩn thận giữ gìn ông cũng không sống qua hai hay ba năm. Chuẩn đoán này

giống với chuẩn đoán về tác giả của tập La Pucelle. Có lẽ Đức Chúa lại một lần nữa để các bác sĩ nhầm với tác giả của tập Thần đồng đạo Cơ đốc.

Bác sĩ cấm Chateaubriand cầm súng thì ông cầm bút. Ông viết tác phẩm Essais và bắt đầu phác thảo tập Thần đồng đạo Cơ đốc. Sau đó, vì hai kiệt tác này quá đối lập về tư tưởng, dù ông không phải chết đói, song vào những khoảng thời gian rỗi rãi, ông vẫn dịch sách lấy tiền, cuộc chiến đấu ấy kéo dài trong nhưng năm 1794 và 1795.

Thời điểm ấy cũng có một người nằm chờ. Đó là chỉ huy trẻ đã chiếm được Toulon, ngài chủ tịch uỷ ban chiến tranh đã truất quyền chỉ huy đội pháo binh của ông ta về Paris, ông cũng từ chối chỉ huy một đội quân ở Vendée. Và trong lúc Chateaubriand dịch sách, chàng trai cũng cầm bút ghi lại cách thức giúp Thổ Nhĩ Kỳ có thêm sức mạnh chống lại sự xâm lăng của các nền quân chủ châu Âu.

Đầu tháng chín, chàng chỉ huy trẻ tuổi đến đường cùng, quyết định đi trẫm mình xuống dòng sông Seme. Khi đi đến một cây cầu anh chàng đó gặp một người bạn.

-Anh đi đâu vậy? – Người bạn hỏi.

-Tôi đi trẫm mình.

-Tại sao?

-Vì tôi không còn xu nào?

-Tôi có đang hai mươi nghìn phăng. Chúng ta hãy chia đôi nhé.

Và người bạn đưa cho chàng sĩ quan trẻ tuổi mười ngàn khiến anh ta không tự tử nữa. Ngày 4 tháng Mười, chàng sĩ quan đến nhà hát kịch Feydo và được biết quân đội Lepeller đã đẩy lùi quân của Phe quốc ước do tướng Menou chỉ huy, người ta đang tìm một tướng khác để sửa chữa thất bại đó.

Năm giờ sáng hôm sau, tướng Alexandre Dumas nhận lệnh từ chinh quyền Quốc ước đi chỉ huy lực lượng vũ trang đó. Nhưng tướng Alexandre Dumas không có mặt tại Paris nên Marat thay thế ông, nhận lệnh đến thay cựu chỉ huy tiểu đoàn của Bonaparte.

Ngày tháng Mười cũng là cuộ cnổi dậy 13 Vendémiaire.

Napoléon Bonaparte ra khỏi bóng tối bằng một chiến thắng lẫy lừng còn Chateaubriand sắp thoát khỏi bóng đen của ông bằng một kiệt tác. Hẳn là ngày diễn ra cuộc nổi dậy 13 Vendémiaire đã thu hút sự chú ý của nhà văn tới ông tướng. Đến lượt sự xuất hiện tập Thần đồng đạo Cơ đốc cũng khiến ông tưởng Bonaparte để mắt đến nhà thơ.

Bonaparte bắt đầu có dự cảm chống lại ngài Chateaubriand. Một hôm thư ký Boumerine ngạc nhiên trước việc một cái tên nổi tiếng và xứng đáng như vậy lại không có trong danh sách đề bạt.

-Anh không phải là người đầu tiên nói với tôi điều này, Boumerine ạ – Bonaparte trả lời – Nhưng tôi đã giải thích khiến họ không cãi vào đâu được.

Con người này có những tư tưởng độc lập và tự do không bao giờ đồng điệu với tư tưởng của tôi. Tôi thà coi ông ta là kẻ thù ra mặt hơn là một người bạn bị ép buộc, vả lại, tôi còn xem xét, ban đầu, tôi sẽ cố dành cho ông ta một vị trí tạm thời nếu ông ta thích hợp, tôi sẽ cất nhắc.

Với những lời lẽ ấy, rõ ràng tướng quân Bonaparte chưa hề nghĩ đến giá trị đích thực của Chateaubriand. Nhưng ngay sau đó, việc xuất bản tập Atala khiến tên tuổi của ông nổi đình nổi đám và ngay lập tức khiến ngài Tổng tài thứ nhất phát ghen vì mọi chú ý dồn về ông.

Tập Thần đồng đạo Cơ đốc ra đời ngay sau tập Atala mà ngài Bonaparte tìm được chỗ dựa lớn. Cuốn sách tạo nhiều cảm giác mạnh đồng thời giá trị cao cả của nó khiến các nhà tư tưởng thêm quan tâm đến các triết lý tôn giáo.

Một hôm, phu nhân Baciocchi đến gặp anh mình và cầm một tập sách nhỏ trên tay.

-Anh đọc cái này đi, anh Napoléon. Em chắc anh sẽ hài lòng.

Tướng quân Bonaparte lơ đễnh liếc nhìn nó. Đó là tập Atala.

-Lại một tiểu thuyết toàn chữ "A" đây. Tôi không có nhiều thời gian để đọc những thứ ngớ ngẩn này.

Tuy nhiên, ông vẫn cầm cuốn sách từ tay em gái đặt lên bàn.

Thế là phu nhân Baciocchi yêu cầu ông gạch tên Chateaubriand ra khỏi danh sách những kẻ đảo vong.

-Thì ra Atala của ngài Chateaubriand đó sao!

-Vâng, thưa anh.

-Được rồi, tôi sẽ đọc nổ để giết thời gian nếu có – Rồi ông quay sang phía thư ký của mình – Báo cho Fouché gạch tên Chateaubriand ra khỏi danh sách những người đảo vong nhé.

Tôi đã nói là ngài Bonaparte ít văn vẻ và ít quan tâm đến văn chương. Người ta có thể thấy rõ điều đó vì ông không biết chính Chateaubriand là tác giả tập Atala.

Ngài Tổng tài thứ nhất đọc cuốn Atala và hài lòng. Ít lâu sau, ngài Chateaubriand lại xuất bản tập Thần đồng đạo Cơ đốc, khi ấy Bonaparte lại lấy lại toàn bộ ác cảm chống lại nhà thơ.

Lần ngài Bonaparte gặp Chateaubriand đầu tiên là lễ ký hôn ước giữa tiểu thư Sourdis với Hector de Sainte-Hermine. Tối hôm ấy ngài Bonaparte định nói chuyện với ông những buổi tối chấm dứt quá chóng vánh nên ông trở về Tuileries ngay mà chẳng hề nghĩ đến Chateaubriand nữa.

Lần thứ hai là buổi dạ hội tráng lệ nhà ngài Talleyrand đón chào hoàng tử Parne trong chặng đường ông hoàng này đi lấy lại ngai vàng xứ Etruine, chúng ta hãy để tự ngài Chateaubriand cho hay cuộc tiếp xúc đó và cảm giác của ông.

“Tôi đang ở ngoài hành lang thì ngài Napoléon bước vào. Ngài vỗ vào tôi nhẹ nhàng. Tôi đã từng nhìn thấy ông ấy một lần nhưng chưa nói chuyện lần nào. Nụ cười của ông thật dịu dàng và đẹp, mắt ông thật đặc biệt nhất là dưới vầng trán và đôi lông mày ấy không hề có chút giả tạo, đóng kịch trong cái nhìn của ông. Tác phẩm Thần đồng đạo Cơ đốc đang nổi như cồn vào thời đó cũng có tác động đến ngài Bonaparte. Sức tưởng tượng bay bổng đã làm nền chính trị lạnh lùng như sống động hơn. Tất cả những con người vĩ đại luôn ẩn giấu chứa trong mình hai phần đó là khả năng cảm hứng và khả năng hành động. Một nửa để phôi thai kế hoạch còn nửa kia dùng để hoàn tất kế hoạch ấy.”

Ngài Bonaparte nhìn thấy và nhận ra tôi, còn tôi thì chưa biết chuyện gì cả. Khi ông ấy đi về phía tôi, mọi người không biết ông đi tìm ai nên dẹp lối sang hai bên một cách chậm chạp, ai cũng muốn ngài dừng lại với mình, ông có vẻ hơi sốt ruột về sự lề mề ấy. Tôi lẩn vào sau mấy người bạn thì đột nhiên ông cất giọng gọi tôi: -Ngài Chateaubriand!

Vậy là tôi trở ra, đám đông đã lui hết phía sau nhưng họ cũng nhanh chóng quây lấy chúng tôi. Ngài Bonaparte tiếp tôi một cách bình thường không khen ngợi, không hỏi han tào lao, không vòng vo nói với tôi về các trận chiến ở Ai Cập và A Rập như thể tôi là chỗ thân thiết và nhừ thể ông nói tiếp một câu chuyện còn dang dở giữa chúng tôi vậy.

-Lúc nào tôi cũng bị sốc – ông ấy kể – Khi thấy những đoàn người quỳ gối xuống giữa sa mạc, quay đầu về phương Đông và đưa cát lên trán. Tôi không hiểu có gì trong hành động lạ lùng ấy khiến cho họ phải quay về phía Đông? Bonaparte dừng lại rồi chuyển sang ý khác không cần câu chuyện tiếp theo.

-Đạo Cơ đốc! Những kẻ không tưởng chẳng phải đã muốn lấy đó lập ra một hệ chiêm tinh đó ư? Nếu làm được, họ nghĩ có thuyết phục tôi cho rằng đạo Cơ đốc là bé nhỏ? Nếu đạo Cơ đốc là minh hoạ cho sự di chuyển của các hành tinh, hình ảnh các vì sao thì các bộ óc tầm cỡ cũng mất công vô ích, dù không muốn nhưng xem ra họ còn phải mất nhiều tâm huyết cho sự bêu riêu ấy.

Ngài Bonaparte rời đi ngay tức khác. Giống như Job, trong màn đêm của mình, một suy nghĩ vụt qua trước mắt tôi, tôi sởn gai ốc rợn người, ông vừa đang ở đó mà tôi không nhận ra khuôn mặt ông nữa, giọng nói của ông cũng như một cơn gió thoảng qua.

Những ngây tháng tiếp theo của tôi là những hình ảnh nối tiếp nhau, địa ngục và bầu trời luân chuyển, hiện hữu trước mỗi bước chân hay ngay trong đầu mà tôi không kịp nhận ra bóng tối và ánh sáng của chúng nữa. Tôi chỉ một lần gặp trên đường ranh giới của hai thế giới, con người của thế kỷ trước và con người của thế kỷ mới, Washington và Napoléon. Tôi chỉ gặp họ trong chốc lát nhưng cả hai đều khiến tôi thấy lạc lõng, người thứ nhất bằng một lời Chúa nhân từ và người thứ hai bằng một tội ác.

Tôi nhận ra trong lúc khuất dần trong đám đông, ngài Bonaparte còn xoáy vào tôi cái nhìn sâu hơn hết thảy những ánh mắt khác nhìn vào tôi. Tôi nhìn theo ông ấy và như Dante đã nói với tôi: Chi è quel grande, che non per che curi. L'incendio?[349]

Cái nhìn xoáy vào Chateaubriand của Napoléon Bonaparte cũng không có gì lạ vì vào thời điểm ấy chỉ có hai người ấy có tên tuổi đạt đến độ cao tột đỉnh: Chateaubriand với tư cách là thi sĩ, Bonaparte là nhà chính khách.

Người ta đã bước qua không biết cơ man nào là những đống đổ nát song cái bị huỷ hoại nhất, giẫm đạp nhiều nhất, bị nghiền nát thành tro bụi trong số những thứ bị phá huỷ lại là tôn giáo.

Các phong trào cách mạng, trước cho ta cắt dây chuông, hất đổ các điện thờ, đập phá tượng xiết cổ những tu sĩ. Những kẻ vô lại mạo danh thần thánh mọc lên nhan nhản, những tên dị giáo lan nhanh như đất cỏ khô dưới chân. Người ta biến nhà thờ Saint-Sulpice thành đền Chiến Thắng và nhà thờ Notre Dam thành đền Lý Trí. Ngoài ra, không có điện thờ nào ngoài máy chém, chẳng có bục thờ nào ngoài roi sắt. Ngay cả những nhà tư tưởng lớn cũng phải lắc đầu, chẳng còn tâm hồn lớn nào còn manh nha hy vọng.

Chính vì thế, người ta khao khát phần đầu của tác phẩm Thần đồng đạo Cơ đốc như thể khát khao làn gió trong lành đầu tiên thổi đến miền bệnh dịch, như thể hương nồng sự sống xộc đến vùng chướng khí chết chóc.

Thật ra, đó không phải là một thứ an ủi. Trong thời điểm mà một dân tộc đang gào thét trước cánh cửa nhà tù đẫm máu, nhảy múa trên quảng trường cách mạng, quanh cỗ máy chém hoạt động liên tục và hét lên: "Không còn tôn giáo nữa, không còn chúa nữa!" thì liệu đó có phải là một điều an ủi được không khi có một người đàn ông lạc giữa đêm thanh khiết giữa những cánh rừng nguyên sinh châu Mỹ, ngủ trên tấm thảm rêu, gối đầu lên thân cây cổ thụ vòng tay lên ngực, mắt hướng về mặt trăng nơi đang chiếu thứ ánh sáng làm cho mặt đất tiếp xúc với bầu trời, mà thì thầm những câu sau:

"Chúa vẫn còn đó! Cỏ cây trong thung lũng và những cây thông hương Liban đang ban phúc cho người, côn trùng ngợi ca người, khi mặt trời thức dậy, voi hổ cúi chào người, chim chóc hát trong lá, gió thì thào trong cánh rừng sấm sét rền vang trước sự hiện diện của người.

Chỉ có con người mới nói: Không còn Chúa nữa!

Vậy là sẽ chẳng còn ai khi gặp bất hạnh của mình ngước mắt nhìn trời ư? Chắc hẳn ánh mắt của họ chưa bao giờ được lang thang trong những miền còn bị che phủ ấy. Với tôi, tôi đã thấyn nhiều, tôi đã thấy mặt trời treo lơ lửng trước cửa buồng ngủ trên tấm thảm đỏ tía loang sắc vàng, thấy ánh trăng ở chân trời đối diện đang nhô lên như một cái đến bạc trên nền trời xanh lơ phương Đông.

Hai tinh tú ấy hoà vào bầu trời trắng chói loà và đỏ như son, và vì thế biển nhuốm màu bằng những cuộn sóng kim cương phía đông và sóng hồng phía tây. Những con sóng yên ả, mềm mại xô nhẹ vào chân tôi sự tĩnh lặng đầu tiên của bóng đêm và tiếng xì xào cuối cùng của ban ngày như đang rượt đuổi nhau trên sườn đồi, bên bờ sông lớn và trong các thung lũng.

Ôi Chúa, người mà con không quen, không biết tên tuổi, một người vô hình một kiên trúc sư của vũ trụ này, người đã cho con một bản năng để cảm nhận, người đã từ chối lý lẽ để hiểu tất cả.

Liệu người có phải là một nhân vật tưởng tượng? Tâm hồn của con có tan ra cùng phần tro tàn thi thể của con? Nấm mồ chôn con là một vực thẳm không lối thoát hay là cánh cửa mở ra một thế giới khác? Liệu có phải thiên nhiên bằng lòng thương ác độc đã đặt vào tim con nguồn hy vọng về một cuộc sống tốt đẹp hơn bên cành những kẻ khốn khổ?

Xin Người thứ tha cho con về sự yếu đuối của con. Không, con không hề nghi ngờ sự tồn tại của Người và dù người có ban cho con một số phận bất tử hay còn phải sống rồi thác, con vẫn tôn thờ mệnh lệnh im lặng của Người."

Người ta có thể hiểu dòng văn ấy có ảnh hưởng như thế nào, sau những lời nguyền rủa của Diderot, sau bản diễn văn của La Revellière-Lépeux và những trang viết sùi bọt mép và máu me của Marat.

Chính Bonaparte, người từng cúi nhìn vực thẳm cách mạng, nơi ông chưa dám quay đi, đã dừng lại trước trang viết của thiên thần cứu rỗi ấy, nó như vẽ ra trong đêm hư vô hồn mang một vệt sáng, và nếu ông đã cho chuyện đức giáo hoàng Fesch đến Rome, ông lại cho vời đại thi hào đến bên người, con đại bàng đã thay thế con chim bồ câu và giống như chim bồ câu, con đại bàng này lãnh trách nhiệm tìm cành ô liu cho Đức Thánh Cha.

Nhưng bổ nhiệm Chateaubriand làm thư ký đại sứ quán thì chưa đủ còn phải chờ xem ông ta có chấp nhận hay không đã.

§39. Đại sứ thành Rome

Ngài Bonaparte rất tán dương buổi gặp Chateaubriand.

Về phần mình, nhà thơ kể lại trong tập Hồi ký rằng những câu hỏi của Bonaparte nối tiếp nhau nhanh đến mức ông không kịp trả lời.

Đó là những lần gặp mà ngài Bonaparte thích thú, những cuộc gặp mà chỉ có mình ông chủ trì không cần biết Chateaubriand có đồng ý hay không. Trong nháy mắt, ông xác định ngay địa điểm ở đâu và người này có thể có lợi cho ông ra sao. Ông cho rằng một cái đầu luôn "biết thì không cần phải học."

Thật vĩ đại thay một nhà phát hiện con người như Bonaparte. Nhưng ông muốn tài năng của những con người do ông tìm ra chỉ thuộc về một mình ông mà thôi. Một con ruồi bay không có sự cho phép của ông đi yêu một kẻ khác thì đó là con ruồi phản nghịch.

Nhưng Chateaubriand luôn chỉ tâm niệm trở thành một ai đó và trở thành một người vĩ đại chứ không nghĩ đến việc trở thành cái gì đó nên ông từ chối thẳng thừng.

Đức giám mục Émery có nghe nói đến việc từ chối này. Cha Émery là giám mục bề trên toà thành Saint-Sulpice vốn có tư tưởng thân Bonaparte. Ông đến khuyên Chateaubriand chấp nhận chức bí thư đại sứ quán mà Bonaparte mời vì lợi ích của tôn giáo.

Ban đầu, cha Émery cũng thất bại, nhưng do thuyết phục nhiều, cuối cùng Chateaubriand cũng chấp nhận.

Mọi chuẩn bị của ông đã hoàn tất, Chateaubriand chuẩn bị lên đường đi làm thư ký đại sứ quán tại Rome. Theo thông lệ, những đại sứ thường bắt đầu con đường sự nghiệp của mình, từ những thành phố lâu đời nhưng Chateaubriand lại bắt đầu sự nghiệp của ông từ những rừng già châu Mỹ, lịch trường cho các nền văn minh tương lai.

Không có gì mỹ lệ hơn chuyến đi được kể lại bằng giọng văn về đạo Cơ đốc mà chỉ tác giả mới có. Một văn phong vừa tráng lệ lẫn lạ lùng tạo thành một trường phái mà sau này Arlincourt là học trò và đã sáng tác nhiều tác phẩm. Song điều làm lên sức mạnh lớn lao của Chateaubriand mà những người bắt chước ông không có được đó chính là sự hoà quyện giữa các đơn giản và cái vĩ đại.

Lần đi qua đồng bằng Lombardie, ông đã tạo nên một nguyên mẫu về phong cách mà không đâu có được ấy. Đó là một bức tranh về những người lính Pháp ở nước ngoài. Người nước ngoài vừa yêu vừa ghét chúng ta khi những người lính này đi qua.

"Quân đội Pháp được dựng lên ở Lombardie như một doanh trại quân sự. Đây đó có vài người lính canh đi lại, những con người này đội một chiếc mũ

quân cảnh, lưng đeo gươm có hình như lược hai bên ngoài áo khoác khiến họ có vẻ là những thợ gặt bận rộn và vui vẻ. Họ ném đá, đẩy đại bác, lái xe thồ, nâng các thùng hàng. Những con ngựa nhảy choi choi, lồng lên trong bầy hoặc thủng thẳng như những con chó dụi người vào chủ của chúng. Những người Italie bán hoa quả trên sạp hàng của mình ở chỗ giữa đám lính. Những người lính mang đến tẩu, quẹt lựa làm quà tặng cho họ và nói với người thương của họ giống như những người Barbare đã từng nói: Anh là Fotlad, con trai ông Eupe, dân tộc France, nghiêng mình bên sắc đẹp của em, anh trân trọng trao cho em ngôi nhà anh ở phố Pins.

Quân nhân của chúng ta là những kẻ thù đặc biệt: ban đầu người ta thấy chúng ta hơi cao ngạo rồi hơi vui tính rồi quá vui nhộn. Những người lính năng nổ, thông minh, trí tuệ dần dần trở thành chỗ thân quen nơi dân cư họ sống. Họ múc nước từ giếng lên, đi săn, lùa cừu vào chuồng, bế các em bé hay ru chúng ngủ trong nôi. Tính khí hoà nhã và các công việc thường ngày giúp họ thêm gần gũi, người ta quen dần việc nhìn nhận họ như thành viên trong gia đình. Trống hành quân vang lên ư? Họ lại rời các mái tranh để các thiếu nữ chủ nhà khóc thút thít bên cánh cửa và họ không nghiên các mái nhà ấy cho đến khi họ bước vào Viện Quân Nhân danh dự đến Milan, một thành phố đông dân cư đang thức giấc, nước Italie vừa ra khỏi cơn mê và đang nhớ lại về lãnh tụ thiên tài của mình như một giấc mơ thần thánh. Nước Áo đã từng đến, nó khoác lên người Italie tâm áo chì, buộc họ trở vào quan tài, thành Rome rơi vào đổ nát còn Venice chìm dưới biển. Venice đã tô điểm bầu trời bằng nụ cười hắt hiu cuối cùng của nó. Nó đã ngủ một giấc êm ái dưới các lớp sóng như một vì tinh tú không bao giờ thức dậy."

Tối ngày 27 tháng Sáu, Chateaubriand đến Rome. Đó là hai hôm trước ngày lễ thánh Saint-Pierre, một trong tứ đại lễ của thành Bất tử.

Ngày 28, ông đi thăm thú khắp cả ngày như mọi du khách khác ném cái nhìn đầu tiên vào Colisée, điện Panthéon, cột Trajane, lâu đài Saint-Ange. Buổi tối, ông Artaut, người tiền nhiệm của ông, đưa người mới đến tới một ngôi nhà gần quảng trường Saint-Pierre. Họ nhìn thấy một đống lửa lớn trước vòm Michel-Ange ở giữa những vòng vây điệu vai, những quầng pháo hoa từ nóc Adnen, lụi tắt ở Saint-Onuphre hay trên lăng mộ Tasse. Sự im lặng, sự quên lãng và bóng đêm đã bị lùi lại.

Ngày hôm sau, ông tham dự buổi lễ thánh Saint-Pierre có Đức Giáo hoàng Pie VII đọc kinh cầu nguyện. Hai ngày sau, ông đến trình diện, giáo hoàng Pie VII mời ông ngồi cạnh. Đây là một vinh hạnh hiếm hoi vì các giáo hoàng thường để khách đứng, chắc chắn cuốn Thần đồng đạo Cơ đốc đã được mở trên một chiếc bàn nào đó của giáo hoàng.

Giáo chủ Fesch thuê lâu đài Lancelotti cạnh lâu đài Tibre làm trụ sở. Người ta dành cho chàng trai thư ký đại sứ tầng cao nhất trong lâu dài. Vừa vào đến nơi, một số lượng không ít bọ chét nhảy lên quần, lên chân biến nó thành toàn một màu đen kìn kịt. Ông cho giặt chiếc quần ngay tại phòng ngoại giao và bắt đầu công việc tối quan trọng của mình.

Ngược với tôi, người luôn tự tin với chữ viết của mình, nét chữ của Chateaubriand trở thành thứ cản trở tài năng của ông. Giáo chủ Fesch nhún vai khi nhìn chữ ký ấy và giống như chưa từng đọc Atala cũng như Thần đồng đạo Cơ đốc, ông ta tự hỏi tại sao một người tài năng lại phải có chữ ký rộng hết một trang như thế.

Hầu như chẳng có việc gì cho cái vị trí thư ký cao quý ấy làm ông đành ngắm nhìn từ trên cao các mái nhà xung quanh một mái nhà bên cạnh có những người phụ nữ giặt quần áo ra hiệu cho ông, một nữ ca sĩ tương lai cất giọng hát những hợp âm vĩnh hằng ấy cứ đeo đẳng ông mãi, khi nhớ đến cái chết, thật sung sướng thay khi có vài đám tang đi qua khiến ông khuây khoả. Thế là từ trên cao, ông thấy dưới phố cao hun hút có một đám tang một người mẹ trẻ, người ta khiêng chị ta và cả đứa bé mới chào đời đầu đội một vành hoa nằm cạnh mẹ.

Trong những ngày đầu mới đến, Chateaubriand đã mắc một lỗi lớn Cựu hoàng đế Sardaigne đã bị Bonaparte truất ngôi đang ở Rome. Chateaubriand đã đến thăm và bày tỏ lòng tôn kính của mình, những trái tim lớn thường vẫn hay hướng về những thứ đổ nát rất tự nhiên. Nhưng cuộc viếng thăm đó đã biến thành cơn bão ngoại giao nổ ra trong toà Đại sứ. Tất cả các nhà ngoại giao đều tránh ông và họ vừa kéo cúc áo cổ vừa thì thào.

-Hắn thua rồi!

"Không một kẻ ngu ngốc trong ngoại giao đoàn nào lại không cho là hơn tôi – Chateaubriand nói – Người ta rất hy vọng tôi sẽ đổ dù tôi chẳng làm gì cả và cũng không tính toán gì. Mà thế cũng có sao, khi có ai đổ chẳng phải điều ấy rất vui đó ư? Tôi vốn đơn giản, tôi không nghĩ mình phạm tội gì cả. Với tôi, những ông vua, những người mà người ta tưởng tôi đặc biệt quan tâm, chỉ đơn thuần là những người bất hạnh. Thế mà khắp từ Rome đến Paris, người ta viết những câu châm chọc đáng sợ, thật may là tôi làm việc với Bonaparte, người đáng dìm chết tôi đã lại cứu tôi."

Chateaubriand buồn đến chết đi được. Cái vị trí mà người ta cứ tưởng giết chết tài năng và trí tuệ của ông lại khiến bút của ông trở nên sắc sảo qua những lá thư văn học. Cuối cùng, nhiệm vụ quan trọng do ông đảm nhiệm cũng được trao lại cho Borghèse. Chateaubriand đã quyết định rời bỏ công việc nhàm chán và vô vị ấy. Khi trở về, ông được phu nhân Beaumont đón tiếp. Đó là con gái bá tước Montmorin, đại sứ nước Pháp tại Madrid, một tướng Bretagne từng làm trưởng

sứ dưới triều vua Louis XVI. Dưới đây là bức chân dung người bạn gái của ông qua ngòi bút của mình:

"Phu nhân Beaumont, có khuôn mặt xấu hơn là đẹp, rất giống với một bức hoạ của phu nhôn Lebrun. Khuôn mặt bà gầy gò và tái xanh, đôi mắt hạnh đào như một tia sáng dịu lại qua lớp nước pha lê. Tính cách của bà hơi cứng nhắc và nóng nẩy cho thấy sức mạnh tình cảm và nỗi đau nội tâm của bà. Một tâm hồn cao thượng, trí tuệ vĩ đại, bà sinh ra trong một thế giới mà trí tuệ của bà đành rút lui trong sự lựa chọn và bất hạnh. Nhưng khi một giọng nói thân tình vọng lên kêu gọi từ phía bên ngoài trí tuệ đơn độc ấy thì bà đến và sẽ nói vài lời từ chốn cao xanh."

Các bác sĩ khuyên phu nhân Beaumont nên đi nghỉ ở miền nam. Sự có mặt của Chateaubriand ở Rome khiến bà quyết định đến đó. Ngay những ngày đầu, họ đã cảm nhận điều tuyệt vời.

Ngài Chateaubriand lấy xe ngựa đưa bà đi thăm thành Rome mỹ lệ nhưng phải mất cả cuộc đời mới thấy hết, yêu và đam mê nó được. Một hôm, thi sĩ đưa bà đến Colisé. Đó là một ngày tháng Mười chỉ có thể thấy được ở Rome.

Người phụ nữ ngồi lên một tảng đá đối diện với một trong số điện thờ đặt xung quanh công trình. Bà ngước mắt chầm chậm nhìn theo những hàng hiên từng chứng kiến nhiều người và vật chết đi và ngay bản thân chúng cũng chết từ lâu rồi. Đống hoang tàn được trang trí bằng những cây ngấy, cây cỏ bồ câu đẫm sương thu và ánh sáng. Người phụ nữ thở dài đi xuống từng bậc thang đến sân. Bà dừng trước cây thập tự và nói: -Chúng ta đi thôi, tôi thấy lạnh!

Ngài Chateaubriand đưa bà về nhà, bà đi ngủ và không bao giờ dậy nữa. Dưới đây, tác giả cuốn Thần đồng đạo Cơ đốc kể lại cái chết của người phụ nữ ấy:

"Nàng bảo tôi mở cửa sổ ra và nàng thấy khó thở. Một tia nắng mặt trời chiếu đến giường hình như làm nàng rất vui. Nàng nhắc tôi dự định đi nghỉ ở nông thôn mà chúng tôi thỉnh thoảng bàn bạc rồi nàng khóc.

Từ hai đến ba giờ chiều, phu nhân Beaumont đòi chuyển sang giường của ba phục vụ người Tây Ban Nha tận tuy là Saint-Germain, nhưng các bác sĩ không đồng ý vì sợ nàng tắt thở trong lúc di chuyển thế là nàng nói với tôi nàng thấy gần đến lúc hấp hối. Đột nhiên, nàng hắt chăn ra, nắm lấy tay tôi siết thật chặt, đôi mắt mơ màng. Nàng ra hiệu với một ai đó ở cuối chân giường rồi đặt tay tôi lên ngực và nói: -Đó! Đó!

Tôi rụng rời, hỏi nàng có nhận ra tôi không: một nụ cười thoáng hiện trên môi giữa lúc mê man, nàng khẽ gật đầu vì nàng không còn nói được nữa. Các cơn co giật kéo dài vài phút. Chúng tôi lôi bác sĩ và bà hầu ôm nàng vào lòng, một tay tôi đặt lên trái tim nàng, nó rung rung thật nhanh như một chiếc đồng hồ tháo tung cuộn dây cót.

Đột nhiên, tôi thấy nó dừng lại. Đầu nàng ngục trên gối, vài lọn tóc xoà ra trán, đôi mắt khép lại, bóng đêm vĩnh hằng đã buông xuống. Bác sĩ đưa gương và ngọn nến lại gần miệng nàng. Gương không bị hơi thở làm xỉn mờ, và ngọn nến vẫn cháy nguyên. Tất cả đã kết thúc.

Trên một bia mộ bằng tiếng Hy Lạp có ghi: Ta sẽ yêu nàng mãi mãi, nhưng nàng ở nhà thần Chết, nàng đang uống nước của nữ thần Léthé, nó sẽ khiến nàng quên tất cả những tình yêu đã có."

Ít lâu sau, ngài Chateaubriand nhận được tin rằng ngài Tổng tài thứ nhất bổ nhiệm cho ông làm đại sứ ở Valais. Bonaparte đã hiểu rằng tác giả của Thần đồng đạo Cơ đốc cũng thể hiện tài năng trong chính trường cũng như trên văn đàn.

Chateaubriand trở về Paris, biết ơn ngài Bonaparte về sự đánh giá cao tài năng của mình. Ông viết đề tặng tác phẩm Thần đồng đạo Cơ đốc cho ngài. Chúng ta sẽ thấy lời đề tặng đó khá hiếm thấy như sau:

"Kính gửi ngài Đệ Nhất Tổng tài, tướng quân Bonaparte,

Thưa tướng quân, Ngài đã rất muốn đặt ấn phẩm Thần đồng đạo Cơ đốc dưới sự bảo trợ của ngài. Đó là một minh chứng cho ân huệ ngài dành cho sự nghiệp tôn nghiêm được vinh quang nhờ sức mạnh của ngài. Chúng ta không thể không nhận ra định mệnh của ngài trong tay Thượng đế, Người đã phái một người để hoàn tất mong muốn phi thường của mình. Cả dân tộc ngắm nhìn ngài, nước Pháp thêm mở mang nhờ những chiến thắng mà Người đặt vào tay ngài từ khi ngài dựa vào giáo lý mà xây dựng đất nước.

Hãy tiếp tục giang tay đến ba mươi triệu con chiên dang cầu nguyện cho ngài dưới chân điện thờ mà ngài trả về cho họ. Từ tận đáy lòng tôi vô cùng kính trọng tướng quân.

Kẻ phục vụ thấp kém và rất tuân lệnh của ngài.

CHATEAUBRIAND"

Đó là buổi ngài Tổng tài đón tiếp tác giả cuốn Thần đồng đạo Cơ đốc Buổi gặp gỡ này đã bị lui lại hai tiếng đồng hồ vì ông còn mải làm về công tước Enghien. Trong lần gặp mặt ấy, ngài Bonaparte đã bổ nhiệm cho Chateaubriand làm bộ trưởng ở Valais.

§40. Hội đồng biểu quyết

Trước khi mở ra lời giới thiệu rất dài về tác giả tập Thần đồng đạo Cơ đốc này, tôi đã nhắc đến việc ngài Bonaparte ra lệnh để ông yên một mình. Đó là lệnh đưa ra khi cơn giận của ông có thể lên đến đỉnh điểm. Trái với những người khác khi ông một mình im lặng, khi các suy ngẫm dịu xuống thì chỉ còn sức tưởng tượng còn sôi sục, một cơn bão tố đang hình thành trong ông và khi nó bùng phát, sấm sét sẽ phải giáng vào ai đó.

Ông ăn tối một mình, khi ngài Réal đến cùng với bản báo cáo rộng như bản ông nhận được ban sáng nhưng phản ứng của ông rất khác, khi thấy ngài Tổng tài đang dài người trên bàn trước tấm bản đồ rộng. Ông đang nghiên cứu đoạn đường từ Rhin đến Ettenheim, đo khoảng cách, tính thời gian đi lại.

Thấy ông Réal vào, ngài đệ nhất Tổng tài chủ ngón tay xuống bàn và nói: -Ông Réal, ông chịu trách nhiệm về bộ Cảnh sát của tôi, ngày nào ông cũng đến gặp tôi mà lại quên nói với tôi công tước Enghien cách biên giới của chứng ta có bốn dặm và đang tổ chức một cuộc âm mưu quân sự?

-Tôi đến chính là để báo cho ngài mọi chuyện đây – ông Réal bình tĩnh đáp – Công tước Enghien không cách biên giới của ngài bốn dặm mà đang ở Ettenheim, ông ta không rời khỏi đó, tức là còn cách mười hai dặm.

-Mười hai dặm đã là gì? – Bonaparte hỏi – Chẳng phải Georges còn cách sáu mươi dặm, Pichegru cách tám mươi dặm đó ư? Còn Moreau, hắn ở đâu? Có cách bốn dặm không? Hắn ở ngay phố Anjou-Saint-Hororé, cách điện Tuileries có bốn trăm bước thôi, hắn chỉ cần phẩy tay ra hiệu cho đồng đảng đang ở sát hắn tại Paris thì… giả dụ hắn thành công thì một tên Bourbon đã ở thủ đô lên kế vị tôi rồi. Thế đấy, thế là tôi thành con chó mà người ta có thể tóm ngoài đường trong khi bọn ám sát tôi thành những thánh nhân!

Ngài Talleyrand cùng với ngài đệ tam Tổng tài cùng bước vào.

Bonaparte tiến thẳng đến ngài Bộ trưởng ngoại giao.

-Bộ của ngài làm cái quái gì mà để quân kẻ thù của tôi tập hợp ở Ettenheim thế?

-Tôi không biết gì về chuyện này – ông Talleyrand bình tĩnh như mọi khi đáp -và Massias cũng không báo cáo gì về vấn đề này.

Cách trả lời và cách bao biện ấy càng khiến ngài Bonaparte tức điên: -Thật may là những tin tức trong tay tôi cũng đủ rồi, tôi biết cách trừng trị âm mưu của chúng, đầu của kẻ phạm tội sẽ là lẽ công bằng.

Nói xong ông sải những bước dài trong phòng khách theo thói quen của mình.

Đệ nhị Tổng tài, ông Cambacères phải cố gắng mới theo kịp ông nhưng khi nghe đến câu "Đầu của kẻ phạm tội sẽ là lẽ công bằng" thì ông này dừng lại.

-Tôi nghĩ giả dụ có nhân vật như vậy thì tình hình cũng không nghiêm trọng đến vậy chứ.

-Ngài nói gì thế thưa ngài? – Bonaparte nhìn ông này từ đầu đến chân – Ngài biết tôi không muốn đụng vào kẻ định ám sát tôi à. Tôi sẽ xử lý việc này theo ý của tôi và không nghe lời khuyên nào hết, nhất là từ ngài. Tôi thấy dường như chính ngài đã dính dáng đến máu nhà Burbon từ khi ngài bỏ phiếu tử hình vua Louis XVI. Nếu tôi không có được trong tay luật pháp cho phép chống lại hung thủ, tôi sẽ dùng luật tự nhiên, dùng quyền tự vệ hợp lẽ của mình.

Hắn và người của hắn không có mục đích nào khác là muốn cái mạng của tôi. Tôi bị tấn công từ mọi phía, khi thì có dao găm, khi thì lửa, bọn chúng còn tạo ra súng gió, thuốc nổ, chúng dồn tồi bằng các cuộc phản loạn. Thế nào ngày lại ngày, xa hay gần bọn chúng sẵn sàng ra tay giết người! Thế mà không lực lượng nào, không toà án nào trên mặt đất này mang công lý đến cho tôi, tôi cũng không được như người bình thường khác là lấy chiến tranh đáp trả chiến tranh hay sao! Ai có thể dửng dưng kết tội tôi đây? Máu phải trả bằng máu đó là phản ứng tự nhiên không thể tránh được kẻ nào gieo gió ắt phải gặt bão!

Khi ta chịu khuất phục vì sợ có nội chiến và gây xôn xao chính trị thì chỉ có nước làm mồi làm nạn nhân mà thôi! Phải thế nào mới tưởng tượng được một gia đình lưu vong có đặc quyền liên tục tấn công, động đến sự tồn tại của tôi mà tôi lại không có quyền làm ngược lại. Nó chỉ biết biết hạ người khác rồi dùng luật pháp khoác lên mình để bảo vệ mình hay sao, cơ hội phải được chia đều chứ.

Về mặt cá nhân tôi, tôi chưa làm gì động đến một ai nhà Bourbon. Cả dân tộc lớn đã đặt tôi lên lãnh đạo nó, hầu như toàn bộ châu Âu đã nhượng bộ trước lựa chọn này, và sau cùng, máu của tôi đâu phải là bùn, đã đến lúc tôi đặt nó ngang với máu của bọn chúng rồi. Chuyện gì xảy ra nếu tôi thúc đẩy việc trả thù của mình? Tôi có thể làm điều đó! Tôi có hơn một lần cơ hội nắm lấy số mạng của chúng, hơn chục lần có người đề nghị tôi lấy đầu chúng và lần nào tôi cũng từ chối thẳng thừng, không phải tôi thấy bất công trong vị thế mà chúng hại tôi mà tôi thấy mình còn rất mạnh. Tôi cứ tưởng không nguy hiểm gì và coi việc chấp nhận giết chúng như một sự hèn hạ. Châm ngôn của tôi trong chính trường cũng như trong chiến tranh đó là tất cả những cái xấu xa chỉ tha thứ được chừng nào nó tuyệt đối cần thiết ngoài ra chúng là tội ác.

Fouché vẫn chưa nói gì, ngài Bonaparte quay sang phía ông ta và cảm thấy có một chỗ dựa. Để đáp lại câu hỏi im lặng của ngài Đệ nhất Tổng tài, Fouché quay sang hỏi ông Réal: -Thưa ngài Hội đồng, chẳng phải mọi chuyện sẽ sáng tỏ hơn khi ngài đưa ra lời khai của Le Ridant, người bị bắt cùng thời gian với Georges hay sao? Chắc là ngài uỷ viên Hội đồng nhà nước của chúng ta còn chưa đọc nó

vì ngài Dubois mới chuyển cho ngài lúc hai giờ, và từ hai giờ đến lúc này vì quá bận nên ngài không có thời gian đọc nó đúng không?

Ông Réal đỏ mặt đến tận mang tai. Quả thật ông ta có nhận được văn bản mà người ta nói rất quan trọng nhưng ông ta lại không đọc, cũng không cho vào tập hồ sơ của Georges. Trong lòng tự nhủ sẽ liếc mắt đến đầu tiên ngay khi ông có thời gian rỗi. Nhưng ông ta đã không có khoảng thời gian rỗi đó, cho nên ông chỉ biết là biên bản hỏi cung chứ không rõ nội dung là gì.

Không nói được lời nào, ông mở cặp và lục tìm nó trong số các giấy tờ khác. Fouché cúi đầu xuống chỉ vào một tờ giấy và nói: -Nó đây này.

Ngài Bonaparte hơi lấy làm lạ về con người này. Ông ta biết rõ trong cặp của uỷ viên Hội đồng có gì.

Bản cung khai này rất quan trọng. Le Ridant thú nhận có cuộc âm mưu làm phản, tuyên bố có một hoàng thân cầm đầu, người này đã từng đến Paris và có thể sắp quay trở lại. Hắn còn nói thêm đã từng thấy ở chỗ Georges Cadoudal một thanh niên khoảng ba mươi hai tuổi, rất cao quý, lịch lãm được tất cả đều kính trọng kể cả Pichegru.

Bonaparte ngắt lời ông Réal đang đọc.

-Thôi đủ rồi? – Ông nói – Thế là đủ rồi! Rõ ràng người thanh niên đó, cái kẻ được tôn kính ấy, không ai khác ngoài một hoàng tử đến từ London. Kẻ được chờ bên vách đá Biville suốt một tháng, đó chỉ có thể là công tước Enghien. Hắn vừa mất bốn mươi tám tiếng rời Ettenheim đến Paris và trở về từ Paris đến Ettenheim bằng ấy thời gian, sau một hồi bàn bạc với đồng phạm của hắn. Kế hoạch đã vạch rõ không bàn cãi vào đâu được.

Napoléon nói tiếp: -Bá tước Altois phải đến Normande với Pichegru, còng tước Enghien tới Alsace cùng Dumounez. Nhà Bourbon muốn trở lại Pháp phải mượn đến hai tướng Cộng hoà giỏi nhất này làm tiền trạm.

Mọi người đều hiểu sau khi nghe ngài Tổng tài bày tỏ ý của mình lên quyết như vậy thì không ai dám phản đối dù là trực tiếp hay gián tiếp dự định của ông nữa.

Lebrun đưa ra vài nhận xét mơ hồ, ông ta sợ một hành động tấn công như thế từ phía Bonaparte sẽ gây ra tác động tới châu Âu.

Tổng tài thứ hai, ông Cambacères mặc dù thường ngày cũng mạnh mồm nhưng giờ đây im bặt chỉ gợi đến lòng khoan hồng, nhưng Bonaparte chỉ đáp: -Tôi biết động cơ nào khiến ngài khuyên tôi như vậy. Đó là lòng tận tuỵ của ngài với tôi, tòi xin cảm ơn về điều đó nhưng tôi không thể để mình bị giết mà không tự vệ. Tôi sẽ cho tất cả đám người này phải run lên và dạy cho chúng biết giữ sự yên ổn là gì.

Lúc này, tình cảm bao trùm toàn bộ con người Bonaparte không phải là sợ hãi hay lòng hận thù mà là ý muốn cho toàn nước Pháp biết rằng dòng máu nhà

Bourbon vốn là thứ thiêng liêng với đồng bọn của chúng nhưng chẳng có nghĩa lý gì với ông cũng như với nhưng con người của chế độ Cộng hoà.

-Nhưng rốt cuộc, ngài dùng giải pháp gì? – Cambacèrer hỏi.

-Rất đơn giản để bắt sống công tước Enghien và chấm dứt chuyện này.

Mọi người biểu quyết chỉ riêng Cambacèrer còn dám bảo vệ sự phản đối của mình đến cùng. Vậy là quyết định đã được thông qua trong hội đồng và ngài Bonaparte không phải chịu trách nhiệm một mình về chuyện này. Ông cho gọi hai đại tá Ordener và Caulaincourt vào.

Đại tá Ordener sẽ đến bên bờ sông Rhin mang theo ba trăm lính long kỵ binh, nhiều binh sĩ, quân hiến binh và vài lính bắc cầu.

Vì những người này mang lương thực chỉ trong bốn ngày nên họ được mang một khoảng ba mươi nghìn phăng nữa để khi cần thì mua lương thực trong dân. Họ sẽ qua sông Rheinau, tiến thẳng đến Ettenheim, bao vây khu phố và sẽ bắt công tước Enghien cùng tất cả những người sống lưu vong quanh ông ta đặc biệt là Dumoanel. Trong khi đó, một cánh quân khác bao gồm ít quân pháo binh đó, Kerhl ở Offenburg chờ đợi cho đến khi công tước được mang về lãnh thổ Pháp. Ngay khi mọi việc hoàn tất, đại tá Caulaincourt sẽ đến chỗ công tước Badi để trình lời giải thích về hành động họ vừa làm.

Lúc ngài Bonaparte chủ trì phiên họp Hội đồng là tám giờ vì ông sợ mình hối hận mà thay đổi quyết định nên cho hai đại tá đi ngay trong đêm. Chỉ còn lại một mình, cảm giác chiến thắng lộ rõ trên khuôn mặt Bonaparte. Sự kiện này một khi thành công có lẽ sẽ là điều ân hận suốt đời nhưng vào lúc vừa quyết định xong, ông chỉ có cảm giác mãn nguyện, dòng máu của ông cũng ngang với của các vua chúa và ngay cả một ông vua trên ngai cũng không có quyền buộc nó phải đổ.

Ông liếc nhìn đồng hồ, đã tám giờ mười lăm. Ông Méneval, thư ký mới thay thế cho Boumerine cũng tham dự vào cuộc họp kỳ lạ ấy, vẫn ngồi tại chỗ để chờ xem ngài Tổng tài có ra lệnh gì không.

Bonaparte đi đến bàn, chỉ tay vào bàn đó rồi nói: -Ông viết đi!

"Ngài Đệ nhất Tổng tài gửi đến Bộ trưởng Chiến tranh

Paris ngày 19 Ventose năm XII (10/3/1804)

Công dân tướng quân, mong ngài ra lệnh cho tướng Ordeler, người mà tôi mới trao cho ngài, lệnh cho anh ta đi đến Strasbourg đêm nay anh ta sẽ mang bí danh khác và đi gặp một sư trưởng.

Nhiệm vụ của anh ta liên quan đến Ettenheim, bao vây thành phố và bắt công tước Enghien, Dumounez, đại tá Anh và tất cả những người khác có liên quan. Sư đoàn trưởng, hạ sĩ quân cảnh cũng như cảnh sát trưởng sẽ cung cấp tất cả các thông tin cần thiết cho anh ta.

Ngài lệnh cho tướng Ordener lấy ba trăm quân long kỵ binh ở đội 26 phải đến Rhemau vào tám giờ tối.

Sư trưởng sẽ cử mười một lính bắc cầu đến Rheinau cũng vào tám giờ tối. Quân pháo binh hạng nhẹ có thể đi xe hoặc ngựa độc lập. Phải chuẩn bị từ bốn hoặc năm chiếc tàu lớn đủ để đưa ba trăm người và ngựa qua sông chỉ trong một chuyến.

Quân số chỉ có bánh mỳ trong vòng bốn ngày và mang đủ đạn dược. Sư trưởng sẽ gặp ở đó một đại uý hay một sĩ quan, một trung uý cảnh sát và ba bốn quân hiến binh. Ngay khi tướng Ordener vượt qua sông Rhin, anh ta sẽ tiến về Ettenheim, đến nhà công tước và nhà Dumouriez. Công việc này hoàn tất, anh ta sẽ trở lại Strasbourg.

Khi qua Lunéville, tướng Ordener sẽ lệnh cho một sĩ quan đi xe đến Strasbonrg trước để chờ lệnh. Đến Strasbourg, tướng Ordenerr sẽ bí mật sai hai mật vụ đi báo tin. Cùng ngày giờ ấy, ngài lệnh cho hai trăm long kỵ bmh đội 26 dưới sự chỉ huy của tướng Caulamcourt đến bao vây Offemburg và bắt bà nam tước Reich, nếu bà ta không bị bắt ở Strasbourg vì có thể một người anh đang sống ở Strasbourg có thể báo tin trước cho bà ta.

Từ Offemburg, tướng Caulamcourt sẽ chỉ huy quân tiến lại gần Ettenheim, khi anh ta biết tướng Ordener đã đến đó. Họ sẽ chuẩn bị trợ thủ cho nhau đồng thời, sư trưởng cũng sẽ cho ba trăm quân đến Kerlh cùng bốn pháo hạng nhẹ để chiếm một trạm ngựa nhỏ ở Wilstardt để không còn chỗ trung gian giữa hai đường nữa.

Hai tướng Caulamconrt và Ordener phải lưu ý không được để quân lính làm ảnh hưởng đến dân chúng, ngài sẽ cấp cho họ khoảng mười hai nghìn phăng. Nếu họ không thể hoàn thành nhiệm vụ mà muốn lưu lại ba bốn ngày để hoàn tất công việc thì họ được phép. Còn nếu lâu hơn trên lãnh thổ nước ngoài, họ sẽ gặp bất hạnh lớn.

Ngài ra lệnh cho chỉ huy Neufbrissac để một trăm người qua tả ngạn con sông cùng hai đại bác. Trạm ngựa sẽ được giải phóng ngay khi hai cánh quân trở về. Tướng Caulaincourt chỉ đem theo khoảng ba chục quân hiến binh bên mình, còn lại tướng Ordener, sư đoàn trưởng sẽ tuỳ tình hình di chuyển.

Nếu xảy ra trường hợp ở Euenheim không có công tước Enghien, Mourieg và những người khác thì phải gửi mật báo đặc biệt về khi ấy ngài ra lệnh bắt chủ trạm ngựa ở Kerlh và những người khác để có thể có tin tức về chuyện đó.

BONAPARTE.”

Lúc ông đang ký tài liệu quý hoá ấy thì có người vào báo công dân Chateaubriand đến.

Như tôi đã nói ở trên, ông Chateaubriand cùng tuổi với ngài Bonapalte tức là vào thời điểm ấy, họ cùng ba mươi lăm tuổi. Cả hai đều có vóc dáng nhỏ nhắn. Tất cả những ai từng có hân hạnh quen biết Chateaubriand đều đồng ý với tôi là họ chưa từng thấy ai cao ngạo như ông trừ sự kiêu căng của ngài Bonaparte.

Vẻ kiêu căng của tác giả Thần đồng đạo Cơ đốc là thứ còn sống sót sau tất thảy, khi tài sản tiêu tan, mất nghiệp chính trị hay khi có thành công trong văn chương. Vào lúc vinh quang này, vẻ kiêu căng ấy còn lớn hơn nữa.

Về phần mình, ngài Bonaparte chỉ cần một bước nữa là bước đến bậc cao tột đỉnh mà con người có thể đạt đến cho nên sự kiêu ngạo của ông không chấp nhận bị đem ra so sánh với bất cứ ai, trong quá khứ cũng như ở hiện tại.

-Chào ngài Chateaubriand – Bonaparte nói và tiến về phía ông – Ngài thấy đấy tôi vẫn chưa hề quên ngài.

-Xin cảm ơn công dân Tổng tài. Cuối cùng ngài đã hiểu là có những người chỉ có giá trị ở vị trí của họ.

-Tôi nhớ lại lời của César: "Thà là người đứng đầu ở quê còn hơn làm người thứ hai ở Rome". Sự thật là lẽ ra ngài không phải giải khuây ở nhà ông chú quý hoá của tôi, giữa những phiền nhiễu vụn vặt của giáo chủ, giữa thói khoác lác của các quý ông giám mục Châlons và những lời dối trá không ngớt của giám mục Maroc trong tương lai.

-Cha Guillon – Chateaubriand nói.

-Ngài cũng biết chuyện của ông ta đó – Bonaparte nói tiếp – Lợi dụng có tên giống nhau, ông ta cho rằng sau khi thoát được một cách kỳ diệu khỏi vụ thảm sát Cannes, ông ta đã rửa tội cho phu nhân Lamballe ở Force. Chẳng câu nào trong chuyện này là sự thật cả… thế ngài đã làm gì ở đó để giải khuây?

-Tôi sống ở mức có thể nhất giữa những kẻ đã chết. Tôi làm tất cả những gì người nước ngoài đến Rome muốn làm, đó là mơ mộng. Chính bản thân Rome cũng là một giấc mơ rồi, phải thấy ánh trạng từ trên cao Trinité-du-Mot, những công trình xa xa như những nét phác thảo của hoạ sĩ hay như những bờ biển chìm hơi sương nhìn từ một mạn tàu. Vầng trăng, cái khối cầu mà người ta ngỡ ở một thế giới đã chết ấy lại toả thứ ánh sáng tái nhợt lên trên thành Rome hoang tàn. Nó chiếu đến các khu phố không dân cư, những quảng trường công viên tịnh không có bóng người, những tu viện và hành lang của nó cũng vắng lặng như hành lang ở Colisée. Tôi tự hỏi chuyện gì xảy ra nơi đây cách đây mười tám thế kỷ cũng vào giờ này. Những ai ở đây đã xuyên qua bóng tốt những toà tháp này. Không chỉ nước Ý cổ đại đã chết mà nước Ý thời trung cổ cũng không còn. Trong khi tất cả dấu vết của hai nước ấy còn in trong thành phố vĩnh hằng. Nếu thành phố Rome hiện đại trưng ra nhà thờ Saint-Pietre và những kiệt tác của nó thì thành Rome xa xưa chống lại bằng đền thờ Panthéon và những mảnh vụn của nó. Nếu một thành phố dẫn nhưng nhà tài phiệt của mình xuống từ Capitol thì thành phố xưa đưa các giáo chủ từ Vatican đến. Dòng sòng Tibre chia hai vinh quang ngơi nghỉ trong cùng lớp bụi ấy. Rome vô thần ngày càng chìm sâu vào nấm mồ của nó và Rome Cơ đốc cũng lún xuống hầm mộ của mình.

Bonaparte thả mình mơ màng trong cách miêu tả thú vị thành Rome, tai ông lắng nghe nhà thơ nhưng mắt ông lại nhìn xa xăm. Mãi sau, ông nói: -Thưa ngài nếu như tôi đến Rome, nhất là với cương vị của một tham tán đại sứ Pháp, tôi sẽ thấy trong Rome thứ khác với Rome của César, của Dioclétien và của Grégorie VII, tôi sẽ thấy ở đấy không chỉ di sản sau ngàn năm mà còn thấy bà mẹ của thế giới La Mã tức là từ một đại đế chế chưa từng đâu có; nhất là tôi sẽ thấy bà hoàng Địa Trung Hải với bình lưu tuyệt vời, độc nhất thiên hạ, được các nền văn minh cày xới cộng với sự thống nhất các dân tộc châu Âu. Một tấm gương lần lượt phản chiếu Marseille, Venice, Corinthe, Athenes, Constantinople, Smyrne, Alexandrie, Cyrène, Calthage và Cadix; quanh nó, ba phần của thế giới cũ là châu Âu, châu Phi và châu Á chỉ cách có vài ngày đường.

Nhờ nó, người nào làm chủ Rome và Italie có thể đi đến khắp nơi, theo dòng Rhône, trái tim nước Pháp, theo dòng Eridan, trái tim nước Ý, qua eo Gibraltar đến Senégal, đến mũi Hảo Vọng đến hai miền châu Mỹ, qua eo Dardanelles đến biển Marmara, đến Bosphore, Pont-Euxin tức là Tartare, qua biển Đỏ đến Ấn Độ, Thibet, đến châu Phi, Thái Bình Dương tức là đến miền cực kỳ rộng lớn, qua sông Nil đến đi Ai Cập, đến Thèbes, Memphis, Eléphantine, Ethiopie, đến sa mạc tức là đến miền mới lạ. Để chuẩn bị cho sự nghiệp lớn lao sau này của mình, có thể còn vượt cả César và Charlemagne, thế giới vô thần đã lớn mạnh quanh biển này. Cộng đồng Cơ đốc giáo cũng ôm nó trong tay được ít lâu. Những Alexandre, Anmbal, César đều được sinh ra bên bờ của nổ. Và biết đâu, một ngày người ta lại nói Bonaparte được sinh ra từ trong lòng nó! Thành Milan cũng mang một câu vọng "Charlemagne", Tunis cũng hoà theo "thánh Louis". Quân A Rập xâm lăng cũng túa ra bên bờ của nó; các cuộc thập tự chinh lần lượt trèo lên, suốt ba nghìn năm qua, nền văn minh soi sáng nó, từ mười tám thế kỷ qua, Calvaire ngự trị nó!

Mà nếu số phận đưa ngài quay trở lại Rome, tôi cũng bạo gan mà nói với ngài rằng: "Ngài Chateaubriand, khá thi sĩ, khá mơ mộng và khá thông thái đã nhìn Rome bằng quan điểm của mình đã đến lúc một con người thực tế, thay vì chìm mình trong những giấc mơ trên chính thành phố hãy lao mình vào chân trời sâu rộng hơn. Chẳng còn gì để làm với thành phố đã hai lần là thủ đô của nhân loại; phải để cánh đồng ấy tự cày lấy thôi". Nếu một ngày tôi là chủ Tây Ban Nha cũng như đứng đầu Italie, tôi sẽ cho lấp eo biển Gibraltar đến nước Anh, tôi sẽ phải xây chân tường thành trong lòng đại dương. Như vậy, thưa ngài Chateaubriand, Địa Trung Hải không còn là biển nữa mà sẽ là một cái hồ của nước Pháp.

Nếu một con người thiên tài như ngài không báo giờ quay trở lại Rome nữa, điều này có thể lắm, và nếu tôi còn cầm quyền thì tôi sẽ cử ngài đến đó không phải với tư cách một chân thư ký quèn mà là đại sứ thật sự. Tôi sẽ nói với ngài: "Đừng lưu luyến cái thư viện nữa, hãy để nó cho Paris Ovide, Tacite hay Slléton,

ngài hãy chỉ mang một tấm bản đồ thôi, bản đồ Địa Trung Hải, và đừng bao giờ để rời mắt khỏi nó dù là giây lát. Dù ở đâu trên thế giới, hứa với ngài ngày nào tôi cũng sẽ giữ nó."

Xin từ biệt ngài Chateaubriand.

Chateaubriand cúi đầu đi ra, ông vừa có cảm giác một bàn tay mạnh mẽ đặt lên trán mình làm vỡ vụn ý chí và khiến thói tự cao phải oằn xuống.

§41. Chặng đường đau khổ

Lúc ngài Bonaparte và Chateaubriand chia tay sau khi cân đo cao thấp giống như hai vận động viên điền kinh gặp mặt để thách đấu hơn là một người đến nhận lệnh từ chỉ huy, thì tướng Ordener lên xe đi Strasbourg, vừa đến nơi, anh đến gặp sư trưởng đóng quân ở đây. Sư trưởng đã nhận lệnh đáp ứng mọi yêu cầu không cần hỏi lý do. Ông ta giao cho viên tướng tạm quyền bấy giờ gọi là tướng Frion, ba trăm long kỵ binh của đội số 26, những lính làm cầu kèm theo mọi thứ mà tướng Ordener cần thiết.

Tướng Ordener đến Schelestadt, cử một đội trưởng quân hiến binh cải trang đến Ettenheim dò la xem hoàng thân và tướng Dumounez có ở đó hay không. Người này về báo cả hai đều ở Ettenheim.

Ngày sau đó, tướng quân Ordener đi đến Rheinau. Nhờ phà và năm tàu lớn hợp lại, họ qua sông Rhin chỉ trong một chuyến.

Khoảng năm giờ sáng, lâu đài của hoàng thân đã bị bao vây hoàn toàn. Nghe thấy tiếng ngựa và tiếng mở cửa, hoàng thân nhảy xuống giường vớ lấy khẩu súng trường hai viên, mở cửa sổ và nhìn thấy công dân Charlot, đại đội trưởng, đội hiến binh quốc gia số 38 đang hét với những người mà anh ta nhìn thấy trên cửa sổ lâu đài: -Nhân danh nhà nước Cộng hoà, hãy mở cửa ra.

Ông hoàng định nổ súng (và nếu thế chắc chắn công dân Charlot cũng nhả đạn) thì đại tá Grunstein ngủ trong phòng cạnh đó vội vã chạy ra cửa sổ đặt tay lên khẩu súng và nói: -Tâu đức ông, ngài cũng đồng loã trong vụ này ư?

-Không hề mảy may, Grunstein thân mến ạ.

-Nếu vậy – Grunstein nói – mọi kháng cự đều vô ích, chúng ta đã bị bao vây, đức ông cũng thấy đấy, tôi còn thấy nhiều lưỡi lê ách lên. Đối với kẻ khiêu khích, đó là tên cầm đầu, nếu ngài giết chúng thì ngài sẽ thua và chúng tôi cũng vậy.

-Đúng thế! – Hoàng thân ném súng xuống và nói – Cứ để chúng vào nhưng phá cửa mà vào. Tôi không quen bọn Cộng hoà nên không mở cửa cho chúng được.

Trong lúc quân lính phá cửa, hoàng thân vội vã mặc quần áo.

Nhiều tiếng kêu "Đốt lửa lên!" vang lên nhưng nhanh chóng câm bặt. Một người chạy đến nhà thờ để rung chuông bị bắt ngay và kẻ đi báo tin cho tướng Dumounez, bị tóm không kịp kháng cự (chứng ta biết rằng đó không phải là Dumounez mà là Thumery).

Ông hoàng bị dẫn ra khỏi phòng trong lúc người ta lục lọi tất cả giấy tờ của ông. Ông ta được đưa đến một cái cối xay gần điện Tulleries. Phần còn lại, người ta không cần phải phá cửa. Hôm trước một đội trưởng hiến binh Pferdsdorff đã được cử đến để chỉ dẫn tất cả những nơi ông hoàng ở. Pferdsdorff cùng vài hiến

binh và hơn chục long kỵ binh trung đoàn hai hai đã vào nhà bằng cách nhảy qua tường bao quanh sân.

Khi tập hợp các tù nhân, người ta không tên thấy Dumounez trong số họ. Khi được hỏi, ông hoàng nói Dumounez chưa bao giờ ở Ettenheim và ông thậm chí chưa từng gặp người này. Những người bị bắt là: Hoàng thân, hầu tước Thumer, nam tước Grunstein, trung uý Schmidt.

Cha Weinbom, cựu sáng tập toà giám mục Strasbourg, cha Michel, thư ký toàn giám mục Strasbourg, Jacques thư ký tin cẩn của công tước Englủen, Simon Fenand, cận vệ và hai người hầu có tên là Pierre Poulain và Joseph Canone.

Ban đầu công tước tỏ ra sợ khi bị dẫn độ về Paris.

-Ông ta bắt được tôi rồi – Công tước nói – ông Đệ nhất Tổng tài sẽ cho giam giữ tôi. Ta thấy bực khi không bắn vào ông, chỉ huy ạ. Nếu thế người của ông đã bắn ta và thế là bây giờ mọi chuyện đã chấm dứt.

Một chiếc xe bò chở rơm đã sẵn sàng. Người ta tống tù nhân lên xe và dẫn đi giữa hai hàng súng đến tận sông Rhin. Sau đó họ qua sông Rhin, đi đến Plobsheim dừng lại ăn trưa. Sau bữa trưa, công tước lên xe cùng chỉ huy Charlot và đội trưởng hiến binh. Một hiến binh khác lên cạnh đại tá Grunstein.

Họ đến Strasbourg khoảng năm giờ chiều. Mọi người đến lâu đài bản doanh của đại tá Charlot. Nửa giờ sau, công tước bị đưa lên xe ngựa ba bánh để đưa vào thành còn những người khác đi xe bò hoặc cưỡi ngựa của nông dân. Đại tá Charlot cho tập trung tất cả ở phòng khách. Đệm ngủ trải luôn ở đó, bên ngoài cửa có một toán lính và bên trong có hai toán khác liên tục túc trực suốt đêm.

Hoàng thân ngủ không ngon giấc. Ông không thể yên tâm trước cái cách diễn ra mọi việc. Những lời cảnh báo trước đây như sống dậy trong tâm trí của ông và ông tự trách mình đã không cảnh giác.

Thứ sáu ngày 16 tháng Ba, công tước được thông báo sẽ đổi chỗ ở. Tướng quân Leval, chỉ huy trưởng tại Strasbourg và trưởng Friron đến thăm ông. Cuộc viếng thăm lạnh lùng và tẻ ngắt. Công tước được đưa đến phòng cạnh thềm, bên phải ngôi nhà, nối với phòng của quý ông Thumery, Schmidt và Jacques, nhưng ông cũng như người của mình không thể đi qua đi lại gặp nhau.

Dẫu sao, người ta cũng để ông được phép đi dạo trong một khu vườn nhỏ phía sau am. Một tốp lính hơn mười người cùng một sĩ quan canh gác cạnh đó, bá tước Grunstein bị chia cách với ông bằng cách được sắp xếp ở phòng đầu sân bên kia. Công tước rất buồn trước sự chia cắt này. Ông bắt đầu viết cho nữ công tước vợ mình, trao cho tướng Leval và nhờ ông này chuyển giúp nhưng không nhận được lời hồi âm nào, điều này càng khiến ông đau buồn gấp bội. Tất cả mọi giao tiếp đều bị cấm.

Bốn giờ chiều, người ta đến xem xét giấy tờ của ông. Người ta đọc qua loa, phân chia thành từng tập rồi gửi về Paris.

Mười một giờ đêm, công tước lên giường đi ngủ, dù rất mệt mỏi, nhưng ông không sao chợp mắt được. Ông Machine, phụ trách khu này đến thăm ông trên giường, an ủi vài câu gượng ép.

Thứ bảy, ngày 17, công tước Enghien không nhận được hồi âm nào cho lá thư ông viết tới nữ công tước Rohan. Ông đang ở trong tình trạng gần như tuyệt vọng. Người ta đến cho ông ký vào biên bản. Buổi tối, họ thông báo ông được phép đi dạo trong vườn với sĩ quan canh gác và các bạn tù của mình. Sau đó, ông ăn tối và ngủ ngon hơn.

Chủ nhật ngày 18, lúc một giờ rưỡi sáng, người ta đến đưa công tước đi ông chỉ kịp mắc quần áo và ôm hôn các bạn của mình.

Ông đi một mình giữa hai sĩ quan hiến binh và hai hiến binh. Đến quảng trường Eglise, trung uý Petermann và một hiến binh trèo lên xe, ngồi cạnh ông trong khi Blitersdorff và một liến binh khác trèo lên ghế đánh xe.

Chiếc xe dẫn công tước đến quận 20 vào lúc mười một giờ hôm sau, đó cũng là trạm gác. Họ ở lại đó năm tiếng trong khi đó chắc chắn những chi tiết của thảm cảnh hãi hùng đang diễn ra sắp kết thúc. Lúc bốn giờ chiều, chiếc xe đi về phía lâu đài Vincennes và đến nơi vào quãng nửa đêm. Đã đến lúc các nhà Tổng tài của nhà nước Cộng hoà ra lệnh bắt như sau:

"Paris ngày 29 Ventôse năm thứ XII

của nền Cộng hoà Duy nhất và Bậc khả chia cắt

Chính phủ Cộng hoà lệnh bắt:

Công tước Enghien, về tội cầm vũ khí chống lại nhà nước Cộng hoà, cấu kết với quân Anh tham gia vào vụ phản loạn làm nguy hại đến an ninh nội bộ và an ninh ngoài nước. Công tước sẽ bị đưa ra xét xử tại Uỷ ban Quân sự bao gồm bảy thành viên do chỉ huy trưởng Paris chỉ định và tập hợp tại Vincennes.

Chánh án, ngài Bộ trưởng Chiến tranh, chỉ huy trưởng Paris chịu trách nhiệm về sự có mặt của bị cáo.

BONAPARTE

HUGUES MARET

CHỈ HUY TRƯỞNG PARIS

MURAT"

Chiều theo luật quân sự, sư đoàn trưởng phải thành lập uỷ ban xét xử và ra lệnh xét xử. Murat vừa là chỉ huy trưởng Paris vừa là sư trưởng. Lệnh bắt của các vị Tổng tài nói trên có chữ ký của Murat là vì ông buộc phải ký vào đó. Biết mình lỡ tay, ông thấy vô cùng đau xót. Ông là một người dũng khí, xốc nổi nhưng cũng tốt bụng. Ông có được thông báo hội đồng Tổng tài ra quyết định bắt công tước Enghien, trong lúc sốt ruột thấy anh vợ luôn bị những âm mưu lật đổ mới mọc lên đe doạ, ông đã vỗ tay tán đồng quyết định ấy. Nhưng khi công tước

Enghien đã bị bắt, ông lại chịu trách nhiệm giải quyết hậu quả đáng sợ trong cuộc bắt bớ này thì ông chột dạ.

-Chà! – Ông thất vọng ném cái mũ ra xa – Ngài Đệ nhất Tổng tài lại muốn dìm bộ quân phục của mình trong máu đây!

Sau đó ông chạy ra cửa sổ hét to: -Đóng ngựa vào xe!

Xe vừa chuẩn bị xong, ông lao lên và ra lệnh: "Đến Saint-Clou!"

Ông không muốn nhượng bộ ngay lập tức một mệnh lệnh mà theo ông là một vết nhơ cho Bonaparte và cho bản thân ông. Murat đến gặp anh vợ, giải thích về nỗi lòng của mình, về sự lo lắng và đau xót trước sự việc. Nhưng Bonaparte đã giấu trong chiếc mặt nạ bằng đồng chính những cảm xúc như thế của ông. Ông tỏ ra mạnh mẽ, không thể lay chuyển, coi đó là sự yếu đuối hèn kém và nói: -Được rồi, nếu chú sợ, tôi sẽ chỉ định ai sẽ là người ký lệnh xét xử ngay trong ngày.

Chắc hẳn chúng ta còn nhớ chuyện ngài Tổng tài Bonaparte đã ra lệnh cho Savary đến rình bên vách đá Biville hồi họ đợi chuyến tàu của các ông hoàng cập bến. Savary là một trong chúng con người hiếm thấy, khi anh ta hiến dâng là hiến dâng toàn bộ cả thể xác lẫn tâm hồn không hề kêu ca. Anh ta yêu quý Bonaparte, không có quan điểm chính trị nào cả, anh ta chỉ đơn thuần tôn thờ ngài Đệ nhất Tổng tài.

Ngài Tổng tài đã cho thảo lệnh, tự tay ký rồi sai Savary mang chúng đến cho Murat chủ trì việc xét xử. Mệnh lệnh đó rất đầy đủ và rõ ràng. Do vậy Murat bị ngài Tổng tài thúc đẩy mạnh quá trong lòng vừa rủa thầm vừa vò đầu bứt tai, ông tự tay viết mệnh lệnh sau:

"Chinh quyền Paris

Ngày 29 Ventôse, Nhà nước Cộng hoà năm thứ XII

Tổng chỉ huy trưởng Paris

Căn cứ thi hành lệnh của chính phủ, uỷ ban quân sự bảy thành viên sẽ do Tổng chỉ huy trưởng Paris bổ nhiệm và đã bổ nhiệm những người sau:

Tướng quân Hulin, chỉ huy đội Hồng vệ binh bảo vệ các Tổng tài chủ toạ.

Đại tá Guiton, chỉ huy Trung đoàn thiết giáp số 1.

Đại tá Bazancourt, chỉ huy Trung đoàn bộ binh số 4

Đại tá Ravier, chỉ huy Trung đoàn bộ binh số 18

Đại tá Banois, chỉ huy Trung đoàn bộ binh số 96

Đại tá Rabbe, chỉ huy Trung đoàn bảo vệ thủ đô số 2

Công dân Autancourt, tham mưu đội Hiến binh ưu tú giữ nhiệm vụ báo cáo viên uỷ ban này được thành lập ngay tại lâu đài Vincennes để xét xử nghi phạm như chính phủ quy định, mọi văn bản sẽ được trao lại cho chủ toạ.

J. MURAT"

Tù nhân vừa bước vào Vincennes.

Quản lý lâu đài này có tên là Harel. Ông ta được thăng chức điều hành sau vụ Ceracchi và Aréna. Thật trùng hợp khi vợ ông ta lại là chị em cùng vú nuôi với công tước Enghien.

Ông Harel không nhận được mệnh lệnh nào. Người ta hỏi ông có chỗ nào cho tù nhân không, ông đáp là không, chỉ có phòng của chính ông và phòng họp. Lập tức ông Harel được lệnh đi chuẩn bị một chỗ để tù nhân có thể ngủ trong khi chờ phán quyết. Lệnh này kèm theo việc đào trước cái hố trong sân.

Harel đáp điều này rất khó vì sân lát gạch. Người ta tìm chỗ để đào và họ tìm thấy một cái hố có sẵn ở lâu đài.

Bảy giờ tối, công tước bước vào lâu đài. Ông lả đi vì đói và lạnh, không có vẻ buồn nhưng hơi lo lắng. Vì phòng của ông chưa được sưởi ấm nên ông chủ toà lâu đài cho công tước ở phòng của mình. Sau đó, người ta cho tìm đồ ăn trong làng.

Hoàng thân ngồi vào bàn và mời chủ toà lâu đài cùng ăn. Ông Harel từ chối và muốn phục vụ hoàng thân. Thế là ông hoàng đưa ra hàng lố câu hỏi về phòng thủ của toà lâu đài Vincennes và về các sự kiện đã xảy ra. Rồi đột nhiên ông hoàng quay lại hoàn cảnh của mình: -Này, ông chủ thân mến, ông có biết người ta định làm gì tôi không?

Ông Harel không biết và không thể nói gì về chủ đề này. Nhưng vợ ông nấp sau tấm bình phong che rèm nghe rõ mọi việc đang xảy ra. Khi có lệnh đào hố, bà hình dung ra ngay tương lai thế nào nên khóc nấc lên. Tôi đã nói bà là chị em cùng vú nuôi với công tước Enghien.

Công tước vội vàng đi ngủ do chuyến đi quá mệt mỏi. Nhưng chưa kịp chợp mắt, trung uý Noirot, trung uý Jacquin, đại uý Autancourt và hiến binh Nerva, Tharsis vào phòng của ông.

Với sự tham dự của công dân Molin, đại uý trung đoàn 18, là lục sự do báo cáo viên chỉ định, tất cả tham dự buổi thẩm vấn: -Họ, tên, tuổi, phẩm vị của ông là gì? – đại uý Autancourt hỏi.

-Tôi tên là Louis-Antoine-Henri de Bourbon, công tước Enghien, sinh ngày 2 tháng 8 năm 1772 tại Chantilly – Hoàng thân đáp.

-Ông rời Pháp từ bao giờ?

-Tôi không thể nói chính xác nhưng tôi nghĩ đó là ngày 16 tháng 7 năm 1789, tôi đi cùng Hoàng thân Condé là ông của tôi, cha tôi là công tước Bourbon, bá tước Artois và các con ông ấy.

-Ông sống ở đâu sau khi rời Pháp?

-Khi rời Pháp, tôi luôn đi cùng cha mẹ từ Monge đến Bruxelles. Ở đó, chúng tôi ở nhờ chỗ vua Sardaigne khoảng mười sáu tháng. Tôi đã ở Worn và vùng lân cận đó, bên bờ sông Rhin.

Khi quân đội Condé được thành lập, tôi tham gia chiến đấu. Tôi lập chiến dịch năm 1792 ở Brabant cùng quân của công tước Bourbon và quân đội của công tước Albert.

-Ông sống ở đâu sau khi hoà bình lập lại giữa Cộng hoà Pháp và đế chế Áo?

-Chúng tôi chấm dứt chiến dịch cuối cùng ở gần Gratz. Đến khi đó quân đội được bán cho nước Anh và hội giải ngũ. Tôi ở lại Gratz và khu gần đó khoảng tám, chín tháng vừa để chờ tin của ông nội tôi đang ở bên Anh để đòi khoản trợ cấp cho tôi. Trong khoảng thời gian ấy, tôi được giáo chủ Rohan cho phép đến xứ của ông. Tôi ở lại đó hai năm. Khi Giáo chủ qua đời, tôi chính thức yêu cầu nghị viện Ba de cho tôi tiếp tục chiến đấu tại đó và ông đã đồng ý.

-Ông chưa bao giờ sang Anh và chính quyền này cũng không gửi tiền cho ông chứ?

-Tôi chưa bao giờ sang Anh nhưng tôi vẫn nhận được một khoản và chỉ dựa vào đó để sống.

-Ông có liên lạc với giới quý tộc Pháp sống lưu vong ở London và gặp họ từ bao giờ

Tất nhiên, tôi vẫn liên lạc với ông và cha tôi nhưng từ lâu rồi không gặp họ, từ 1794 hay 95 gì đó.

-Ông giữ chức vụ gì trong quân đội Condé?

-Chỉ huy quân Tiên phong, trước năm 1796, tôi tự nguyện phục vụ tại tổng hành dinh của ông tôi.

-Ông biết tướng Pichegru chứ?

-Tôi cho là mình chưa bao giờ gặp ông ta, tôi không hề có quan hệ gì với người này. Tôi biết ông ta muốn gặp tôi những tôi tảng lờ không biết ông ấy.

-Ông biết tướng Dumouriez chứ? Ông có quan hệ với ông này không?

-Không, tôi chưa bao giờ thấy ông ta.

-Từ ngày hoà bình lập lại, ông chưa bao giờ liên lạc với nội bộ phe Cộng hoà chứ?

-Tôi có viết cho vài người bạn nhưng chỉ là thư thường không ảnh hưởng gì đến chính phủ.

Đại uý Autancourt chấm dứt cuộc hỏi cung, cho công tước Jacquin, trung uý Noirot hai viên hiến binh và chính Autancourt ký vào biên bản. Nhưng khi ký, công tước viết mấy dòng sau:

“Trước khi ký vào biên bản, tôi tha thiết yêu cầu được đặc cách gặp ngài Đệ nhất Tổng tài. Tên tuổi, địa vị cách nghĩ của tôi cũng như tình hình tệ hại của tôi cho tôi hy vọng ông sẽ không từ chối lời đề nghị này.

“LOUIS-A-H-DE BOURBON

Lúc đó Bonaparte đã lui về La Malmaison nơi ông cấm ai đến quấy rầy mình. Đó là địa điểm ẩn náu khi ông tuyệt đối muốn được ở một mình để suy nghĩ.

Phu nhân Bonaparte, hoàng hậu trẻ Hortense và toàn thể phụ nữ trong nhà đều tuyệt vọng. Nhiều lần Joséphine mạnh dạn đi vào phòng và trực tiếp đặt vấn đề. Nhưng ngài Bonaparte đã đáp lại bằng giọng dứt khoát.

-Cô im đi, để tôi yên. Các người là đàn bà thì đừng tham gia vào chính trị.

Về phần mình, tối ngày 20 tháng Ba, ông thư giãn chút ít, bình tĩnh sải bước rộng, hai tay chắp sau lưng và đầu chúi về phía trước như mọi khi. Cuối cùng, ông ngồi xuống một chiếc bàn và thấy có bộ bài liền nói to.

-Xem nào, ai trong số các phu nhân cho tôi chơi bài với?

Phu nhân Rémusat đứng dậy ngồi đối diện với ông nhưng chỉ vài phút, ông đã ném bộ bài xuống, không xin lỗi và đi ra.

Để hoàn toàn thoát khỏi vụ việc này, chúng ta cũng thấy ông rất tuyệt vọng, Bonaparte đã trút toàn bộ nhiệm vụ cho Murat.

Cuộc thẩm vấn kết thúc, hoàng thân mệt đến nỗi đi ngủ ngay lập tức Nhưng chỉ được một tiếng người ta lại vào phòng của ông, đánh thức ông dậy, bắt ông mặc quần áo rồi đưa xuống phòng hội đồng.

Chủ toạ hội đồng xét xử, tướng Hulin, có sự nghiệp may mắn hiếm thấy. Ông là người Thuỵ Sĩ, sinh tại Genève năm 1758. Giống như phần lớn người Genève khác, ông ta làm nghề sửa đồng hồ. Hầu tước Congflans thấy ông cao ráo và đẹp trai đã cho ông đi săn cùng. Khi tiếng súng đầu tiên từ nhà ngục Bastille vang lên là lúc ông ta đang chạy trong bộ trang phục tuyệt đẹp và thế là được phong làm tướng quân. Ông không hề cải chính sự nhầm lẫn đó, đứng đầu một đoàn người anh dũng nhất xông vào sân nhà tù của triều đình. Sau đó, ông mang quân hàm đại tá mà không ai phản đối cả. Chỉ mới vài tuần trước ông mới được phong hàm tướng quân. Lòng can đảm mà ông chứng tỏ cũng đáng nể lắm. Số là, trận đấu với Launay vừa kết thúc, ông đã chiến đấu rất kiên cường, chỉ dừng lại khi kiệt sức nằm vật xuống đất, tuy vậy vẫn không ngăn được ông hạ một sĩ quan nữa và cho hắn nát như tương.

Có thể vì nhớ lại lòng nhân ái ấy mà ông được bổ nhiệm làm chủ toạ uỷ ban xét xử công tước Enghien. Hoàng thân được xét hỏi lần thứ hai về đủ mọi chuyện. Nhưng trong một hội đồng chiến tranh thì chỉ có một việc phải làm là nếu hoàng thân nhận tội thì cho thi hành bản án. Và bản án đó như sau:

…

"1) Uỷ ban tuyên bố người có tên Louis-Antoine-Henri de Bourbon, tức công tước Enghien, thừa nhận là thủ phạm đã cầm vũ khí chống lại nước cộng hoà Pháp.

2) Thừa nhận là thủ phạm phục vụ cho chính phủ Anh, kẻ thù của dân tộc Pháp.

3) Thừa nhận là thủ phạm đã tiếp nhận lính từ chính phủ Anh, giúp họ mưu mô trên đất Pháp và cùng họ làm phản gây mất an ninh trong và ngoài nước.

4) Thừa nhận là thủ phạm đứng đầu một tổ chức lưu vong và những người khác do nước Anh hậu thuẫn đóng bên biên giới nước Pháp và ở các xứ Fribóurg và Baden.

5) Thừa nhận là thủ phạm liên lạc với người Strasbourg định gây tình hình có lợi cho nước Anh.

6) Thừa nhận là thủ phạm đồng loã trong cuộc mưu phản do người Anh giật dây nhằm vào tính mạng của ngài Đệ nhất Tổng tài và nếu âm mưu này thành công sẽ về Pháp nắm quyền"

Đọc xong phần khép tội trên, chủ toạ đọc nốt phần cuối liên quan đến áp dụng hình phạt. Phần này cũng được rành mạch như phần trên và uỷ ban thống nhất tuyên án tử hình cho người có tên Louis-Antoine-Henri de Bourbon tức công tước Enghien vì tội làm gián điệp, cấu kết với kẻ thù nước cộng hoà, âm mưu làm mất an ninh quốc gia.

Có một điều kỳ lạ khiến chính các thành viên của uỷ ban không nhận ra đó là không ai được báo trước mục đích họ được triệu tập làm gì. Một trong số thành viên uỷ ban còn phải đứng hàng tiếng trong hành lang mà không làm sao cho người ta nhận ra mình. Một người khác, vừa nhận lệnh vội đến thẳng Vincennes cứ tưởng mình bị bắt nên hỏi mãi phải làm gì để vào nhà giam.

Về lời yêu cầu mà công tước xin gặp ngài Bonaparte, một thành viên uỷ ban đề nghị nên chuyển nó đến chính phủ. Cả uỷ ban đều đồng ý nhưng có một tướng quân đứng sau ghế của ngài chủ toạ, người này hình như đại diện cho ngài Tổng tài, tuyên bố lời đề nghị này chưa đúng lúc, uỷ ban nên chuyển sang việc khác và dành việc làm thoả mãn phạm nhân sau.

Khi bản án đã xong, tướng Hulin với cây bút định viết cho ngài Bonaparte mong muốn của công tước Enghien thì người ban nãy bảo yêu cầu chưa phải lúc hỏi: -Ngài làm gì thế?

-Tôi viết cho ngài Tổng tài – Hulin đáp – Tôi chuyển mong muốn của hội đồng xét xử và của phạm nhân đến ông ấy.

-Công việc của ngài thế là xong rồi – Người đàn ông ấy nói và cất bút đi – Bây giờ chuyện này không liên quan đến tôi nữa.

Sau khi tham dự buổi xét xử, Savary đi ra gặp đội hiến binh ưu tú và đứng ngoài bãi đất gần lâu đài. Viên sĩ quan chỉ huy toán quân nước mắt vòng quanh đến trình bày người ta xin anh ta cái cọc để thi hành bản án của uỷ ban quân sự.

-Đưa nó cho họ. – Savary nói.

-Nhưng tôi biết đặt nó ở đâu bây giờ?

-Ở chỗ nào mà anh không thể làm ai bị thương ấy.

Cái anh chàng đáng thương đi tìm khắp nơi. Sau khi xem xét mãi, anh ta quyết định chọn chỗ cái hố là chắc ăn nhất vì không thể làm ai bị thương được.

Cuộc họp hội đồng đã xong, công tước lại lên phòng mình đi ngủ. Đang ngủ ngon người ta lại đến gọi ông dậy để đọc bản án và thi hành nó. Vì bản án phải được đọc ở chỗ hành quyết nên người ta bắt ông ra khỏi giường và mặc quần áo. Ông hoàng không nghĩ người ta dẫn mình đi bắn đến nỗi khi xuống cầu thang dẫn đến hố của pháo đài ông hỏi: -Chúng ta đi đâu thế này?

Cảm thấy hai cánh tay bị lạnh, ông xiết tay người quản lý lâu đài đang xách đèn hỏi nhỏ: -Người ta cho giam tôi vào một xà lim à?

Chỉ một lát sau ông sẽ được giải thích hết nên chẳng ai cần trả lời. Dưới ánh sáng của ngọn đèn từ tay Harel, người ta đọc bản án của ông. Công tước thản nhiên nghe đọc. Sau đó ông rút một lá thư từ trong túi, chắc ông đã phòng sẵn cho tình huống này.

Lá thư có kèm một lọn tóc và một chiếc nhẫn vàng. Ông trao nó cho trung uý Noriot, người ông cảm thấy gần gũi và thân thiện nhất từ khi về Vincennes. Viên chỉ huy chịu trách nhiệm xử bắn hỏi ông: -Ngài có muốn quỳ không?

-Sao phải làm thế? – ông hoàng hỏi.

-Để đón nhận cái chết.

-Một người Bourbon chỉ quỳ gối trước Chúa mà thôi!

Đám lính lùi lại vài bước. Đúng lúc ấy một con chó nhỏ vốn theo chân công tước từ Ettenheim chạy ra khỏi phòng đến dụi vào chân ông và sủa lên vui vẻ. Hoàng thân cúi xuống để vuốt ve nó, khi thấy đám lính chuẩn bị vũ khí, ông nói: -Hãy chăm sóc cho con Fidèle đáng thương của tôi, đó là tất cả những gì tôi yêu cầu các vị – Rồi đứng thẳng dậy, ông nói – Tôi thuộc về các anh, hãy làm đi!

Bốn khẩu lệnh lần lượt: "Chuẩn bị vũ khí!", "Lên đạn!", "Ngắm!", "Bắn!", tiếng nổ chát chúa vang lên và hoàng thân đổ vật xuống. Ông nằm sấp và còn nguyên quần áo trong cái hố đào từ trước. Chỉ một lát sau, thi thể đã bị lấp đầy đất. Đám lính lấy chân dậm đất để cố gắng xoá đi dấu vết họ để lại trên cỏ.

Mới đọc xong bản án, tất cả các thành viên của uỷ ban quân sự đã muốn rời khỏi Vincennes. Ai cũng gọi xe nhưng họ bối rối trước cổng lâu đài vì chẳng có chiếc xe nào của những người vừa tham gia vào cái chết của một ông hoàng bất hạnh trước khi tiếng súng vang báo hiệu mọi việc đã kết thúc cả.

Mãi sau cửa mới mở và người nào người nấy vội lên xe, ra lệnh cho người đánh xe rời khỏi cái lâu đài đáng nguyền rủa này càng nhanh càng tốt. Có thể nói rằng tất cả những con người anh hùng này có thể trên chiến trường, đối diện với cái chết họ sẽ không lùi một bước nhưng bây giờ đang hấp tấp chạy chốn trước một thây ma.

Savary có lẽ là người bị ấn tượng hơn những người khác cũng lên đường về Paris. Đến trạm gác, anh gặp ngài Réal đi đến Vincennes trong bộ quần áo hội đồng. Anh chặn ông lại hỏi: -Ngài đi đâu đấy?

-Đến Vincennes – ông Réal đáp.

-Ngài đến đó làm gì? – Savary hỏi.

-Thì đến thẩm vấn công tước Enghien theo lệnh của ngài Đệ nhất Tổng tài chứ là gì nữa.

Công tước Enghien đã chết cách đây mười lăm phút rồi – Savary nói.

Ông Réal kêu lên ngạc nhiên gần như khiếp hãi và tái mét người.

-Ôi tại sao lại vội vàng làm hại ông hoàng bất hạnh ấy thế?

"Câu trả lời cho câu hỏi đó, tôi bắt đầu nghi ngờ cái chết của công tước Enghien là tác phẩm của ngài Đệ nhất Tổng tài" – Savary đã nói như vậy trong tập Hồi ức của mình.

Ông Réal quay trở lại Paris còn Savary thẳng đến Malmaison để báo cáo cho ngài Đệ nhất Tổng tài biết mình thấy gì. Lúc đó là mười một giờ. Ngài Tổng tài cũng ngạc nhiên như ngài Réal khi nghe thông báo về cái chết này. Làm sao họ lại thẳng thừng với phạm nhân khi ông hoàng muốn gặp ông?

-Theo những gì tôi biết về tính cách của ông ta, tất cả có thể dàn xếp được giữa chúng tôi – Ngài Bonaparte nói rồi lại bước những bước dài – Trong chuyện này có điều gì đó khiến ta không hiểu! Việc uỷ ban đồng ý thỉnh cầu của công tước Enghien thì có gì phức tạp. Mà mong muốn ấy có ngay từ lúc đầu vụ xét xử! Việc tiến hành bản án chỉ diễn ra sau khi ngài Réal thẩm vấn một điểm quan trọng cần làm sáng tỏ cơ mà.

Ông nhắc lại: -Ở đây có cái gì đó đang xảy ra với tôi? Vụ này chẳng đi đến đâu và chỉ nhằm mục đích khiến tôi trở nên bỉ ổi!

Cũng khoảng mười một giờ, đô đốc Truguet hoàn toàn chưa biết sự kiện định mệnh này xảy ra, đến La Malmaison để báo cáo với ngài Đệ nhất Tổng tài công việc do ông chịu trách nhiệm tổ chức tàu thuyền ở Brest. Không thể vào phòng làm việc của ngài Tổng tài vì ông đang tiếp Savary, viên đô đốc hải quân đành chờ ở phòng khách. Ông ngạc nhiên khi thấy phu nhân Bonaparte nước mắt lã chã và ở tình trạng rất tuyệt vọng. Bà vừa được tin vụ hành quyết hoàng thân, bà không thể dấu được nỗi sợ hãi cho tương lai sau thảm hoạ kinh khủng này.

Chính bản thân đô đốc khi được tin bất ngờ này cũng phải rùng mình và nỗi lo lắng càng tăng lên khi ngài Tổng tài cho gọi ông. Đến phòng làm việc của ngài Bonaparte, ông cố gắng trình bày: -Thưa công dân Tổng tài, tôi đến báo cáo công việc ngài giao cho tôi về hạm đội Brest.

-Cảm ơn – Bonaparte nói và tiếp tục đi đi lại lại, sau đó ông đột ngột dừng lại – Này Truguet, lại bớt được một tên Bourbon.

-Ái chà! – Truguet nói – Có phải Louis XVIII không may chết rồi không?

-Không. Thế đã tốt! – Bonaparte giận dữ nói – Tôi đã cho bắt công tước Enghien ở Enenheim; tôi cho giải hắn về Paris và sáu giờ sáng nay hắn đã bị bắn ở Vincennes.

-Nhưng mục đích của hành động nghiêm khắc này là gì vậy?

-Thực tình, đã đến lúc phải chấm dứt bọn sát nhân nhắm vào tôi Bây giờ, người ta sẽ không nói tôi muốn sắm vai Monck nữa – Bonaparte đáp.

Hai ngày sau thảm hoạ đó, Boumerine lo ngại trước tình trạng của phu nhân Bonaparte liền gởi thư hỏi xem bà có thể tiếp anh ta không. Lá thư khẩn được chấp nhận, Boumerine chạy vội đến La Malmaison và được đưa ngay vào phòng nơi chỉ có Joséphine, phu nhân Louis Bonaparte và Rémusat. Cả ba đều rất buồn.

-Boumerine đây rồi – Phu nhân Bonaparte kêu lên khi nhìn thấy anh chàng này – Ôi thật là bất hạnh khủng khiếp! Giá ngài biết ông ta từ trước đến giờ! Ông ấy lánh mặt, sợ tiếp xúc với tất cả mọi người, thế mà ai lại đổ cho ông ta có hành động như thế chứ?

Boumerine biết mọi chi tiết về cuộc hành án qua Harel nên kể lại.

-Thật là ác độc! – Joséphine kêu lên. Ít ra người ta cũng không bảo đó là lỗi của tôi vì tôi đã cố gắng ngăn cản dự định thảm thiết này. Ông ấy không nói cho tôi biết nhưng tôi đã đoán được. Ôi giá ngài biết ông đã từ chối lời thỉnh cầu của tôi thế nào? Tôi đến quỳ gối trước ông ấy thế mà ông ấy giận dữ nói "Hãy đi mà lo chuyện của cô. Đây không phải là chuyện của đàn bà, hãy để tôi yên?" Rồi ông ấy đẩy mạnh tôi như lần ông ấy về Ai Cập. Rồi dư luận Paris sẽ thế nào? Tôi chắc là đâu đâu cũng có lời nguyền rủa bởi vì ở đây ngay cả những kẻ nịnh bợ cũng có vẻ e dè trước sự có mặt của ông ấy. Ngài cũng biết khì không hài lòng về mình ông ấy cũng tỏ ra như vậy với tất cả mọi người rồi đấy; không ai dám nói với ông ấy nửa lời. Còn đây là tóc và chiếc nhẫn vàng ông hoàng tội nghiệp xin tới gửi cho một người yêu dấu của ông ta. Viên đại tá mà ông ấy tin tưởng đã đưa cho Savary và Savary trao lại cho tôi. Savary cũng nước mắt lưng tròng khi kể với tôi về giây phút cuối cùng của công tước đến nỗi chính cậu ta cũng phải xấu hổ."Ôi, kể ra thì không sao thưa phu nhân – Anh ta vừa nói vừa gạt nước mắt – nhưng người ta không thể nhìn một con người như thế ra đi mà không thấy xót xa."

Ngài Chateaubriand chưa đi đến đại sứ quán Valais, lúc ngang qua vườn Tuileries tình cờ nghe được một nam một nữ đang rao tin chính thức. Những người qua đường vội dừng lại, sững sờ trước những lời sau:

"Bản án của uỷ ban quân sự đặc biệt triệu tập tại Vincennes đã tuyên án tử hình cho người có tên là Louis-Antoine-Henri de Bourbon tức công tước Enghien, sinh ngày 2 tháng 8 năm 1772 ở Chantilly."

Lời rao ấy giáng xuống ông như tiếng sét nổ ngang tai, trong giây lát, ông cũng sững sờ như những người khác. Sau đó, ông trở về nhà ngồi vào bàn viết đơn xin từ chức rồi ngay ngày hôm đó gửi cho Bonaparte.

Ngài Bonaparte nhận ngay ra nét chữ của Chateaubriand, ông xoay xoay lá thư trong tay mấy lần rồi mới bóc niêm phong và đọc. Đọc xong ông giận giữ

ném nó xuống bàn: -Càng tốt! – Chúng tôi không bao giờ có thể hoà hợp được, ông ta chỉ là quá khứ, tôi mới là tương lai!

Phu nhân Bonaparte quả không nhầm khi lo ngại ảnh hưởng của cái chết của công tước Enghien. Qua những người rao tin, Paris hồi âm lại bằng những lời bàn tán xôn xao, không chỗ nào nói đến từ "xét xử" công tước Enghien mà đâu đâu cũng nói "ám hại" công tước Enghien. Không ai tin công tước là thủ phạm và đã có một cuộc hành hương thật sự kéo đến xem hố chôn ông ta.

Nhưng người ta đã cho lấp cỏ lên đó khiến không ai có thể nhận ra chỗ nào là chỗ chàng trai trẻ bị chôn nếu không có một con chó chỉ cho họ vì lúc nào nó cũng nằm lên chỗ ấy. Đám người nhìn trân trân vào cái hố cho đến khi trước mắt khiến hình ảnh ấy nhào đi, thế là họ thì thầm gọi: -Fidèle! Fidèle! Fidèle!

Con chó đáng thương đáp lại những tiếng gọi trìu mến ấy bằng những tiếng rên dài và buồn bã.

Một buổi sáng, người ta tìm mãi mà không thấy con Fidèle đâu, chỗ của nó vẫn còn hiển hiện với những ai nhìn thấy bằng tấm lòng, còn Fidèle lo ngại cảnh sát đã biến mất.

§42. Tự sát

Chúng ta trở lại với Pichegru, ban đầu ông ta chối bỏ tất cả mọi việc nhưng một cận vệ của Moreau đã nhận ra ông ta là người bí mật đến nhà ông chủ của hắn thì Pichegru không chối cãi nữa và chịu chung số phận như Georges.

Khi đến nhà ngục Temple, người ta dành cho Pichegru một phòng tầng trệt. Đầu giường của ông quay ra cửa sổ nên chiếc bàn nhỏ bên cạnh giường được ánh sáng từ cửa sổ chiếu vào rất rõ, nhờ đó ông có thể đọc trên giường. Bên ngoài cửa sổ có một nhóm canh gác có thể quan sát nhất cử nhất động của ông ta trong phòng.

Giữa Georges và Pichegru chỉ có một phòng chờ nho nhỏ ngăn cách. Có một cảnh sát bị nhốt vào phòng này, chìa khoá do người gác cổng giữ. Anh ta chỉ có thể báo động bằng cách gọi ngoài cửa sổ, khi đó lính gác ngoài hành lang sẽ chạy đi báo tin cho người gác cổng.

Như vậy Pichegru hầu như có hai cảnh sát kè kè không rời mắt nửa giây, thêm nữa phòng của ông ta chỉ cách có một bức vách với phòng của ngài Bouvet de Lozier, chúng ta chắc còn nhớ ông này đã từng có tự tử bằng dây cà vạt. Cách đó ba bốn bước về phía tiền sảnh phía bên phải là phòng của Georges mở cửa suốt ngày đêm. Có hai cảnh sát hiến binh và một cảnh sát hình sự theo dõi ông ta.

Sau buổi gặp ngài Réal, Pichegru giống như Georges trước đây từng bị hai hiến binh ở trong phòng, đã yêu cầu điều hai lính gác phiền toái này đi. Lời đề nghị được chuyển đến ngài Bonaparte. Ông nhún vai nói: -Việc gì phải làm hắn ta mệt mỏi một cách vô ích? Đám lính ấy ở trong phòng không phải để ngăn hắn ta chạy trốn mà để ngăn hắn tự tử. Và một khi ai đó muốn chết thật sự thì thế nào cũng đạt được mục đích.

Người ta để cho Pichegru một lọ mực và cây bút lông ngỗng cho ông ta làm việc. Đó là những dự định liên quan đến việc chỉnh đốn kinh tế đảo Guyane, thứ làm ông rất thích. Rõ ràng với khả năng hoạch định chiến lược gấp đôi ngày thường, là con người giỏi tính toán số liệu cộng với những ký niệm đi săn trên mảnh đất trên biển này ông bắt tay vào việc ngay với niềm hân hoan thích thú.

Việc Bonaparte ám chỉ Pichegru có ý định tự vẫn không phải là vô căn cứ. Hầu tước Rivière đã kể có đôi lần đi lang thang cùng Pichegru ở Paris vì sợ về nhà dễ bị bắt, viên tướng đã đột ngột dừng lại, gí họng súng vào đầu mình và nói: -Kỳ thực, không cần phải trốn đi đâu nữa, chúng ta dừng lại ở đây thôi!

Ông Rivière đã xông vào gỡ khẩu súng ra. Pichegru ít ra là lúc đó đã nghĩ lại và bỏ ý định tự tử. Sau đó ông dẫn Rivière đến nhà một phụ nữ đồng ý cho họ ẩn nhờ trên phố Noyers. Đến đó, Pichegru đặt con dao găm lên bàn và nói: -Còn một tối như hôm nay nữa thôi rồi tất cả sẽ chấm hết.

Charles Nodiers, trong những hồi ức về thời kỳ cách mạng đã kể một chuyện khá kỳ lạ, nó giống như một điềm báo cho người mười một năm sau phải vào Temple: "Giống như tất cả bộ tham mưu, Pichegru thắt cà vạt bằng lụa đen khít quanh cổ. Không như mốt thời đó đeo cà vạt kiểu Saint-Just, anh chàng này chỉ quấn một nút. Theo lệnh của Saint-Just, mọi người đều để nguyên trang phục khi đi ngủ, Pichegru và hai thư ký của mình ngủ cùng một phòng, mỗi người có một tấm nệm trải xuống sàn nhà. Pichegru rất ít ngủ, chỉ ba bốn tiếng gần sáng mà thôi."

Một đêm, Nodiers đang chìm trong giấc ngủ nặng nề, ông ta gặp một cơn ác mộng trong đó các thổ dân da đỏ xiết cổ mình thì ông ta cảm thấy có một bàn tay luồn xuống cổ nới nút cà vạt ra. Ông bật thức giấc, mở mắt và nhận ra tướng quân đang quỳ gối cạnh mình.

-Là tướng quân ư?

-Ngài cần tôi sao?

-Không – Pichegru đáp – Ngược lại, chính ông mới cần tôi.

-Ông bị đau và kêu la, tôi nhìn qua cũng biết ngay lí do. Khi đeo cà vạt chặt, cần phải cho chúng nghỉ ngơi khi ta đi ngủ nếu không chỉ cần quên đi là gây ra nghẽn máu và sẽ chết tức thì. Đó là một cách tự tử đấy.

Trong những lần ngài Réal đến thăm và hỏi han về cách thuộc địa hoá đảo Guyane, ông hỏi xem liệu Pichegru có cần gì không.

-Có sách, mang cho tôi sách – Pichegru đã yêu cầu.

-Sách lịch sử ư? – ông Réal hỏi.

-Không! Sách lịch sở ư, tôi đội trên đầu quá nhiều rồi, hãy gửi cho tôi sách của Sénèque: Tôi giống như một con bạc.

-Tướng quân – Ngài Réal vừa nói vừa cười – Một con bạc chỉ đọc Sénèque khi nó đã thất bại hoàn toàn. Ngài đâu đến mức như vậy!

Đồng thời, Pichegru cũng muốn được gửi bức chân đung người ta vẽ ông mà ông gắn bó nhất. Sách của Sénèque được gửi đến và ngài Desmaret đi lấy bức hoạ nhưng thấy nó bị thay đổi nên lại thôi không gửi nữa.

Khi đấy chỉ có mỗi sách, Pichegru hỏi bức hoạ đâu, người ta đưa ra lý do từ chối: nó quá xấu.

-Thế đấy! – Pichegru nói với người gác cổng – Tôi nghĩ ngài Réal đã chế giễu tôi khi ông ấy nói về Cayenne với tôi.

Và ông ta sốt ruột chờ ngài Réal đến thăm lần thứ hai.

Nhưng vào thời điểm ấy, vụ việc của Công tước Enghien xảy ra khiến cho ngài Réal bận tối tăm mặt mũi, không có thời gian đến thăm Pichegru lần nữa. Chính thế mà người này quyết định tự tử. Ban đầu ông ta kêu lạnh nhưng vì trong phòng có một lò sưởi nên người ta cho đốt lửa. Muốn vậy, người ta phải mang đến những thanh củi khô cho dễ cháy.

Ngày hôm sau nữa, khi vào phòng ban sáng, người ta đã thấy ông nằm trên giường thanh thản, bất động. Họ lay gọi.

Ông đã chết!

Một giờ sau khi nhận được tin dữ, tức là khoảng tám giờ sáng, Savary đang gác ở Tuileries thì nhận được một tờ giấy của một hiến binh ưu tú, hôm ấy chỉ huy trạm gác ở Temple. Anh ta báo vài phút trước, tướng Pichegru đã được phát hiện chết trên giường và mọi người đang chờ ai đó đến xem xét sự việc. Ngay lập tức Savary chuyển tờ giấy đến cho ngài Tổng tài thứ nhất. Ông cho gọi anh ta đến, tưởng Savary biết nhiều hơn. Thấy anh này không biết gì, ông bảo:

Nhanh lên, đến đó xem có tin tức gì không. Một cái chết cho kẻ chinh phục Hà Lan mới hay hớm làm sao!

Savary không để lỡ một phút nào vội chạy đến Temple, đúng lúc ngài Réal cũng vừa tới nơi theo chức danh chánh án đến xem xét tình hình. Chưa một ai vào phòng ngoài người gác đã phát hiện tai nạn trước tiên. Ngài Réal và Savary được đưa lại gần chiếc giường của nạn nhân và nhận ra ông ta rất rõ dù khuôn mặt đã trở nên đỏ bầm do hậu quả của chứng ứ máu.

Ông tướng ấy nằm nghiêng bên phải, quanh cổ, chiếc cà vạt bị xoắn như một sợi dây cáp. Hình như ông ta đã quấn nó ở mức chặt nhất có thể, sau đó lấy một đoạn củi dài mười lăm centimet luồn vào rồi vặn cho đến khi sợi dây siết mạnh cho đến lúc không còn tỉnh táo nữa, đổ vật xuống gối, do sức nặng của cái cổ đè xuống, đoạn củi không níu chặt không để đây nới ra. Trong trường hợp này, việc ứ máu chưa thể xảy ra nên tay ông ta còn luồn lên cổ và chạm vào cái tay quay.

Bên cạnh đó là chiếc bàn nhỏ, trên bàn, một quyển sách mở sẵn như ai đó vừa đọc dở dang. Đó là cuốn sách Sénèque mà ngài Réal đã gửi cho ông ta. Nó vừa mở đúng trang mà Sénèque nói: "Kẻ nào muốn làm phản trước hết phải đừng sợ chết."

Rất có thể, đây là đoạn cuối cùng Pichegru đã đọc. Ông ta tưởng, nhất là sau tin đồn về cái chết của công tước Enghien, trước sau viễn cảnh ông cũng không hơn gì ngoài bản án của ngài Tổng tài hoặc phải chết.

Người ta cho thẩm vấn tất cả những ai có thể biết các chi tiết về cái chết bất ngờ và kỳ lạ ấy bởi lẽ, suy nghĩ đầu tiên nảy ra trong đầu Savary là ngài Bonaparte sẽ bị đổ lỗi đầu tiên về cái chết ấy.

Trước tiên, anh thẩm vấn viên hiến binh gác trong phòng chờ ngăn giữa Georges và Pichegru. Suốt đêm, người này không nghe thấy gì ngoài lúc một giờ sáng có tiếng tướng Pichegru ho nhưng ông ta đã nén lại ngay chắc vì sợ làm mọi người xung quanh thức giấc. Tiếp đó, Savary thẩm vấn viên hiến binh gác ngoài cửa sổ, người thấy tất cả mọi việc trong phòng nhưng anh này cũng khẳng định không thấy gì cả. Thế là ngài Réal đâm ra tuyệt vọng.

Dù không có gì chứng tỏ rõ hơn là vụ tự tử nhưng dù nói gì người ta vẫn cho là ông ta bị siết cổ.

Quả nhiên, người ta nói như vậy, nhưng sự thất lại không đúng. Kể ra cũng chẳng có lý do gì để Pichegru phải nghĩ quẩn vì ngài Tổng tài đã giao ông ta một dự án mà ông ta dành cả đời theo đuổi cơ mà, dự án sử dụng đến tiếng tăm của chính ông.

Ngài Bonaparte không chỉ đặc ân cho Pichegru, người thầy cũ của mình ở Brienne mà còn giao cho ông một nhiệm vụ vinh dự ở Cayenne, nhiệm vụ sẽ xoá bớt tiếng xấu của ông dù bản án của Moreau có như thế nào.

Vả lại sau sức ép dư luận về vụ hành quyết công tước Enghien, dại gì ông lại phải nhân lên lời bàn tán xì xào của công chúng chống lại ông bằng cách ám hại Pichegru trong đêm.

Tiếc thay, – Ngài Bonaparte nói với Réal khi thấy ông này quay lại – Chúng ta cứ ngỡ đã giải quyết vấn đề Guyane theo cách của ông ấy chỉ với 6 triệu người da đen và 6 triệu đồng!

§43. Biên bản hỏi cung

Nếu như cảnh sát dùng mọi biện pháp để bắt Georges thì từ lúc rời London đến Paris và từ ngày đặt chân lên đất Pháp cho đến ngày thứ sáu, mồng 9 tháng Ba; vừa có người không rời mắt nửa bước khỏi ông ta, đó là nhân viên tinh nhuệ nhất trong số quân của công dân Fouché, anh chàng Thợ Nề.

Cũng chính ông Fouché biết rằng Georges là người không thể không dùng vũ khí khi bị tấn công nên ông ta không muốn anh chàng Limousine ra mặt vì nhỡ tay Bretagne nổi giận thì Thợ Nề nguy mất.

Fouché trù tính bắt Georges tại dinh của mình. Mãi chín rưỡi tối nó mới đến chỗ ông ta. Ông ta cho gọi Limousine đang ở phòng bên cạnh.

-Anh cũng nghe rồi đấy – Fouché nói – Bây giờ chúng ta chỉ còn phải bắt Villeneuve và Burban nữa.

-Khi nào cần, chúng ta sẽ bắt họ. Tôi biết họ đang ở đâu.

-Đối với những người này thì chưa vội, chúng ta còn thời gian. Chỉ có điều đừng để mất dấu của họ.

-Thế tôi đã để mất dấu của Georges chưa?

-Chưa. Nhưng ngài lại để sót mất một thứ, chính ngài ấy.

-Tôi?

-Đúng vậy.

-Thứ gì?

Tiền của Georges. Khi chúng tôi rời London, ông ta có hơn một trăm nghìn phăng bên mình.

-Anh sẽ chịu trách nhiệm tìm thấy số tiền ấy chứ?

-Tôi sẽ gắng hết sức, chỉ có điều không có gì dễ biến mất như tiền.

-Anh sẽ bắt đầu truy lùng nó ngay tối nay.

-Tôi có được nghỉ ngơi đến tối mai không?

-Bằng giờ này ngày mai, tôi có cuộc hẹn với ngài Tổng tài thứ nhất. Tôi sẽ rất vui nếu cổ thể trả lời tất cả các câu hỏi của ông ấy.

Ngày hôm sau, đúng chín rưỡi, Fouché đã có mặt tại Tuileries. Đó là thời điểm trước khi có quyết định bắt công tước Enghien. Khi đến cuộc bắt Georges, là chúng ta vừa lui lại một bước.

Fouché thấy ngài Tổng tài thứ nhất đang bình tĩnh và khá vui vẻ.

-Tại sao ông không đến báo việc bắt Goerges chotôi? – Ngài hỏi.

Bởi vì cũng phải để việc gì đó cho người khác làm chứ – Fouché đáp.

-Ông biết tình tiết vụ bắt đó không?

-Hắn đã giết một cảnh sát có tên là Buffet và làm bị thương Caniolle.

-Hình như cả hai đều đã có vợ.

-Vâng.

-Cần phải dành một khoản cho vợ của hai con người đáng thương đó.

-Tôi đã nghĩ đến rồi: một khoản trợ cấp cho người phụ nữ goá và một khoản tiền thưởng cho vợ người bị thương.

-Lẽ ra nước Anh phải trả khoản này mới đúng.

-Thì chính họ chứ ai.

-Sao lại thế?

-Nếu không cũng là Cadoudal. Nhưng vì tiền cửa Cadoudal cũng là tiền của nước Anh thì tóm lại vẫn là nước Anh thanh toán tiền thôi.

-Nhưng người ta nói với tôi hắn chỉ có một nghìn hay một nghìn hai trăm phăng bên người, khi khám xét chỗ ở của hắn, người ta có thấy gì nữa đâu.

-Hắn rời London với một trăm nghìn phăng. Hắn đã tiêu mất ba mươi nghìn từ khi về Paris. Hắn chỉ còn bảy mươi nghìn, khoản này thừa để trả cho hai người phụ nữ kia.

-Nhưng bảy mươi nghìn ấy ở đâu? – Ngài Bonaparte hỏi.

-Chúng đây – Fouché nói.

Rồi đặt lên bàn một túi vàng nhỏ và cái ngân phiếu.

Bonaparte tò mò dốc xuống bàn. Có bốn mươi nghìn phăng bằng tiền vàng Hà Lan còn lại là ngân phiếu.

-Kỳ lạ! Bây giờ người Hà Lan lại trả tiền cho những kẻ ám sát tôi sao?

-Không, chắc chúng sợ tiền Anh sẽ gây nghi ngờ đó thôi.

-Làm sao ông tìm được khoản này?

-Ngài cũng biết câu tiên đề của giới cảnh sát rồi đấy: "Anh hãy tìm đàn bà là ra tất"

-Tốt lắm! Rồi sao?

-Tôi đã cho tìm phụ nữ và tôi đã thấy.

-Hãy nói rõ xem nào, tôi thấy tò mò quá.

-Được thưa ngài, tôi biết có một nàng Izai nào đó, một người có quan hệ với chúng và thuê một phòng nhà chị bán hoa quả để thỉnh thoảng bọn làm phản tụ tập. Cô ta vừa đến gần đó thì Georges lên xe, hắn đoán đã bị theo dõi nên chỉ kịp ném cái túi nhỏ vào tạp dề của cô ta và kêu "Đến nhà Carob bán nước hoa!" Chỉ Camolle nghe thấy những lời này và cũng chỉ kịp nói với một nhân viên: -Bám theo ả!

-Thế có nghĩa là gì? – Bonaparte hỏi.

Nghĩa là đuổi theo và không rời mắt khỏi cô ta.

Georges đã lao xe đi, cô ta đi lang thang trên phố, nhưng khi đến ngã tư Odéon khi đó Georges vừa bị bắt, cô ta thấy có đám đông nên không dám đi qua. Bấy giờ cô ta mới biết Georges đã bị bắt. Không dám về nhà, cô ta trốn tại nhà một cô bạn và nhờ người này giữ hộ cái túi. Tôi đã cho khám xét nhà người bạn

của cô ta và tìm thấy cái túi. Chuyện chỉ có thế. Lạy Chúa! Quả không có gì dễ hơn.

-Thế ông không cho bắt Izai sao?

-Có chứ, nhưng chúng tôi không cần cô ta nữa. Đó là một cô bé ngoan đạo đáng được Chúa phù hộ.

-Sao lại thế? – Bonaparte nhíu mày hỏi – Ông biết thừa là tôi không thích những hành động phản nghịch.

-Ngài có biết gì đeo trên cổ cô ta không?

-Sao ông lại muốn tôi biết nó? – Bonaparte hỏi và dù không muốn ông vẫn bị sự tò mò lôi cuốn trong câu chuyện với Fouché, một ưu thế mà Bonaparte không có so với Fouché đó là biết lắng nghe.

-Là vì cô ta có một chiếc phù hiệu có ghi dòng chữ như sau: "Mảnh vỡ của cây thánh giá chính gộc. Tín đồ sùng đạo ở Sainte-Chapelle Paris và giáo đoàn Saint-Pierre ở Lille."

-Thôi được rồi – Bonaparte nói – Một cô nàng Saint-Lazare. Đám trẻ của anh chàng Buffet bất hạnh và Camolle sẽ được nuôi dưỡng bằng ngân sách Nhà nước. Ông mang năm mươi nghìn phăng tiền tìm thấy tại nhà cô bạn Izai cho chị goá Buffet, còn lại cho Caniolle. Tôi thêm vào khoản trợ cấp một nghìn phăng cho chị gái Buffet.

-Chắc ngài muốn cô ta chết vì sung sướng hay sao?

-Tại sao vậy?

-Vì chị ta thấy rằng việc chồng mình chết đã là may mắn lắm rồi.

-Tôi không hiểu – Bonaparte sốt ruột nói.

-Sao ngài không hiểu cơ chứ! Tay chồng là một tên vô lại, ngày nào cũng say xỉn và đánh đập vợ. Kể ra tội đồ Georges của chúng ta ném một viên đá cũng trúng hai đích đấy.

-Bây giờ, khi mọi việc bắt Georges đã hoàn tất, ông hãy chuyển dần các biên bản hỏi cung cho tôi chừng nào chúng đến tay ông. Tôi muốn theo dõi vụ này từng bước và thật cẩn thận.

-Tôi sẽ mang bản đầu tiên ngay đây – Fouché nói – Nguyên bản từ chính miệng Georges và ngài Réal đấy.

-Thỉnh thoảng, các ông cũng thay đổi lời cung của tội phạm chứ?

-Chắc ngài cũng biết các bài diễn văn không bao giờ ở trên báo Le Moniteur như ở trên trục đúng không? Việc các lời cung cũng vậy, chúng tôi không thay đổi, chúng tôi chỉ cho chúng chau chuốt hơn thôi.

-Hãy xem bản khẩu cung của Georges nào.

§44. Nhà ngục Temple

Fouché chuyển một tập giấy cho ngài Tổng tài thứ nhất.

Ông vội vã cầm nó lên, lật qua một số câu hỏi thủ tục, chuyển ngay sang trang thứ tư.

Hỏi: Ông ở Paris từ bao giờ?

Đáp: Cách đây năm, sáu tháng. Tôi không nhớ rõ thời điểm.

Hỏi: Ông đã trọ đâu?

Đáp: Không đâu cả.

Hỏi: Mục đích đến Paris của ông là gì?

Đáp: Tấn công ngài Tổng tài thứ nhất.

Hỏi: Dùng dao găm à?

Đáp: Không, dùng vũ khí như đội cận vệ của hắn.

Hỏi: Ông giải thích xem nào.

Đáp: Tôi dùng sĩ quan của tôi đã đếm kỹ các cận vệ của Bonaparte, họ có ba mươi người. Tôi cùng hai mươi chín người của mình sẽ chiến đấu giáp lá cà với họ sau khi chăng dây cản đường ở Champs-Élysées. Cuối cùng, bằng quyền lợi chính đáng và sức mạnh từ lòng can đảm của chúng tôi, Chúa sẽ phán xét phần còn lại.

Hỏi: Ai là người đến Pháp cùng làm nhiệm vụ này với ông?

Đáp: Các hoàng thân. Một trong số họ lẽ ra phải đến gặp chúng tôi ngay khi tôi thông báo các điều kiện đủ để đạt đến mục đích của mình.

Hỏi: Những người nào thường gặp ông ở Paris?

Đáp: Cho phép tôi không trả lời ông. Tôi không muốn tăng thêm số nạn nhân nữa.

Hỏi: Pichegru có vị trí gì trong kế hoạch tấn công ngài Tổng tài thứ nhất không?

Đáp: Không. Ông ta không khi nào muốn nhắc đến chuyện này.

Hỏi: Nhưng nếu việc tấn công của ông thành công, ông ta có thuận hành động vì lợi ích cái chết của ngài Tổng tài chứ?

Đáp: Đó là bí mật của ông ta chứ không phải là của tôi.

Hỏi: Giả sử vụ tấn công của ông thành công, dự định của ông và của các đồng phạm khác là gì?

Đáp: Đưa nhà Bourbon thay vị trí ông Tổng tài.

Hỏi: Thế người nào nhà Bourbon đã được chỉ định?

Đáp: Louis-Xavier-Starnilas, chúng ta vẫn biết ngài là Louis XVIII.

Hỏi: Như vậy, kế hoạch đã được thoả thuận và được thực thi trong sự đồng thuận với các ông hoàng nước Pháp phải không?

Đáp: Đúng thế, thưa công dân thẩm phán.

Hỏi: Như vậy, ông đã đồng loã với những cựu hoàng tộc?

Đáp: Đúng, thưa công dân thẩm phán.

Hỏi: Ai cung cấp tiền và vũ khí cho các ông?

Đáp: Tôi có tiền để dành từ lâu, còn vũ khí thì chưa có.

Bonaparte giở sang trang khác nhưng không thấy gì. Bản hỏi cung kết thúc ở đấy.

-Dự định của Georges thật là phi lý hết sức – ông nói – Định ám sát tôi bằng số người như đoàn tuỳ tùng của tôi ư?

-Ngài đùa à! – Fouché nói với nụ cười chế nhạo – Người ta đâu có muốn ám sát ngài. Người ta chỉ muốn giết ngài. Đó là trận chiến Ba Mươi, một kiểu đọ gươm thời trung cổ có thêm quân hộ tống.

-Đấu gươm với Georges à?

-Ngài chẳng cũng muốn đấu với Moreau không cần ai chứng kiến đó thôi.

-Moreau là Moreau, ông Fouché ạ. Đó là một đại tướng quân, một người đánh chiếm các thành trì, một kẻ thắng trận với cách làm biên giới nước Pháp rộng ra, việc nghỉ hưu của ông ta được coi như Xénophone. Trận Hohenlinden đã đưa ông ta ngang tầm với những tướng Hoche hay Pichegru, trong khi đó Georges chỉ là thủ lĩnh của bọn kẻ cướp một dạng Spartacus của Bảo hoàng mà thôi, một kẻ mà để chống lại hắn, người ta chỉ cần tự vệ chứ không chiến đấu, đừng quên điều đó, ông Fouché ạ.

Nói xong, ngài Bonaparte đứng dậy để ám chỉ cho Fouché biết công việc của ông ta đã xong.

Hai tin kinh hoàng về việc hành quyết công tước Enghien và vụ tự sát của Pichegru vừa khiến Paris xôn xao cách nhau chỉ vài ngày. Cũng phải nói việc hành quyết tàn bạo một người khiến người ta khó tin người kia tự tử được. Nhất là trong nhà ngục Temple, nơi giam giữ hầu hết các phạm nhân, tin này còn gây ra những ảnh hưởng đáng sợ hơn và lời dự đoán của ngài Réal với Savary lúc Pichegru chết đã trở thành sự thật: "Chúng ta có chứng minh việc tự tử của ông tướng này cũng vô ích, chúng ta không thể ngăn mọi người cho rằng chính chúng ta đã xiết cổ ông ấy."

Tôi đã đưa ra ý kiến của mình, một ý kiến hoàn toàn chủ quan về cái chết của vị tướng đó, bây giờ sẽ chính đáng hơn khi đưa ra ý kiến của những người sống trong cùng nhà tù với kẻ chiến thắng Hà Lan. Họ đã xét ở một góc độ nào đó, tham dự vào một cuộc đời rất đỗi vinh quang nhưng cũng không ít chông gai của ông ta.

Chúng ta sẽ lần lượt nghe những tù nhân sống gần phạm vi ấy nói về sự việc này. Đó là một người mà chúng ta chưa nhắc đến tên lần nào, một người có ảnh hưởng đen tối lên cuộc đời Pichegru, kẻ bán sách người Thuỵ Sĩ tên là Fauche-

Borel, người đã chuyển lời mới đầu tiên từ hoàng thân Condé đến ông và đã bị bắt và đưa vào Temple ngày 1 tháng Bảy năm ngoái.

Nhà tù này lần lượt đón các tội phạm: Moreau, Pichegru, Georges và tất cả tòng phạm trong vụ đại phản loạn như Joyaut, bí danh Villeneuve, Roger tức L'oiseau, và cuối cùng là Coster-Saint-Victor. Coster-Saint-Victor được các cô nàng xinh đẹp lẳng lơ che giấu nên thoát được sự truy lùng của cảnh sát khi mỗi tối đổi một chỗ ở. Khi được hỏi, Fouché đã nói: Các ông hãy cho một người biết mặt hắn theo dõi ngoài cửa tụ điểm vui chơi Frascati và các ông sẽ không mất ba ngày là tóm được hắn ra vào nơi này.

Quả nhiên ngày thứ hai, Coster đã bị bắt.

Vào thời điểm công tước Enghien bị bắt, tại Temple đã có 107 phạm nhân và nhà tù không còn chỗ cho công tước nữa. Từ đó đến trạm gác cách 5 giờ đồng hồ, người ta đành tìm tạm một chỗ để ông chờ cho đến khi có bản án cuối cùng. Tôi đã kể lại cái chết của công tước Enghien. Bây giờ, tôi xin nhắc lại là có không chỉ một người ở Temple, về tinh thần, cho là Pichegru bị ám sát.

Fauche-Borel không những khẳng định Pichegru bị siết cổ mà còn chỉ ra kẻ đã làm chuyện ấy. Ông ta đã viết năm 1807 như sau:

"Tôi khẳng định vụ ám sát do người có tên là Spon, quân nhân đội quân tinh nhuệ, thực hiện cùng hai kẻ gác cửa khác, một đã chết hai tháng sau vụ việc đó, người kia tên là Savard bị nhận diện là một kẻ tàn sát tháng Chín năm 1792."

Các tù nhân khác càng chịu tác động trong niềm tin Pichegru bị sát hại và bị tiêm nhiễm suy nghĩ người ta siết cổ Pichegru khi thấy tướng Savary mặc quân phục đại lễ kèm theo bộ tham mưu đông đảo kéo đến gặp Georges Cadoudal. Trong khi ấy, Georges vừa cạo râu xong, đang nằm trên giường, hai tay bị xích đặt lên bụng. Hai nhân viên hiến binh gác ông ta đã hoàn tất cái việc tra tấn nho nhỏ mà người ta quy định ấy. Tất cả bộ tham mưu vội vã vào phòng Georges. Nhìn họ đều gấp gáp tận hưởng cái hoàn cảnh ủ dột của viên tướng Bảo hoàng, con người mà về phần mình đang gắng chịu đựng sự hiện diện của họ. Cuối cùng, sau mười phút kiểm tra và thì thào to nhỏ, tất cả lại cuốn gói đi ra y như lúc họ vội vã đi vào vậy.

-Thế cái đám quần áo diêm dúa ấy là gì thế? – Georges hỏi một vệ binh.

-Đó là em của ngài Tổng tài thứ nhất – Một trong số tháp tùng tướng Savary và đám tham mưu của ông ta đáp.

-Hẳn rồi- Georges nói – Các vị còng tay tôi là tốt lắm.

Tuy thế, biên bản cũng dần dần hoàn thiện và việc dự thẩm đang ở những bước cuối cùng. Nội quy trong Temple cũng có phần lơi lỏng hơn. Người ta để cho các phạm nhân được ra khỏi phòng và tụ tập trong vườn. Nhưng như thế không có nghĩa việc vượt ngục là dễ dàng. Savary là người có quyết định cao

nhất trong nhà tù Temple, và dù có ghét các phạm nhân điều đó không ngăn việc anh ta thường xuyên đến đây nhiều hơn mức cần thiết.

Một hôm, vừa ra khỏi phòng giam, Moreau giáp mặt anh ta nhưng tự ông ta đã quay lưng và đóng cửa lại.

Với tướng Moreau, không có điều gì lạ và cảm động hơn là các cử chỉ tôn kính sâu sắc của tất cả lực lượng phục vụ trong nhà tù: mọi người đều ngả mũ và chào ông theo kiểu nhà binh. Nếu ông ngồi xuống, mọi người nhanh chóng vây quanh và chờ xem ông muốn với gì, họ yêu cầu ông kể lại những trận đánh khiến ông thành đối thủ của Bonaparte và đặt ông lên trên các tướng lĩnh khác. Mọi người đều biết, chỉ cần ông ra lệnh, họ sẽ mở cửa Temple thay vì đóng chặt. Ông có được một ân huệ trong đời đó là được phép gặp vợ con. Ngày nào người mẹ trẻ cũng đem con đến thăm ông. Thỉnh thoảng, người ta còn mang đến cho Moreau loại rượu vang Clos-Vougeot hảo hạng. Ông chia cho tất cả những người bị ốm thậm chí cả những người khoẻ mạnh. Cũng cần kể thêm rằng những tù nhân chơi bóng, khi đã nóng lên cũng được coi như bệnh nhân, nhận những ly rượu Clos-Vougeot. Điều phân biệt Georges và các phạm nhân khác là vẻ tươi vui và vô tư của họ. Họ chơi hết mình, ầm ĩ như đám học trò trong giờ ra chơi, trong số đó phải kể đến hai thanh niên đẹp trai và hào hoa phong nhã nhất Paris là Coster de Saint-Victor và Roger tức Oiseau.

Một hôm Roger đang nóng khi chơi bóng bỏ chiếc khăn quấn cổ ra, Saint-Victor nói với anh ta: -Cậu có biết là mình cócái cổ đẹp như Antinous không?

-Thực ra – Roger đáp – Cùng đáng để khen nó lắm, chỉ tám ngày nữa là nó bị chặt rồi.

Chẳng bao lâu, tất cả đã sẵn sàng cho việc đưa phạm nhân ra trước toà trình điều tra đã lên tới năm mười bảy người, họ đã nhận lệnh chuẩn bị để đưa sang Conciergene.

Cả nhà tù đã mang một sắc thái hoàn toàn mới. Phấn khởi khi thoát khỏi thời kỳ cầm tù, đối với một số người sẽ là thoát khỏi phần cuối cuộc sống, tất cả đều hát rống lên khi chuẩn bị cất hòm rương, buộc tay lại, tư trang lại, người thì hát hò, người thì huýt sáo, ai có thể làm ồn thế nào thì ra sức làm thế ấy, nỗi buồn và nghĩ ngợi chỉ dành cho những ai ở lại Temple.

§45. Tòa án

Trước đây Georges Cadoudul là người không chỉ vui nhất mà tôi còn có thể nói là kẻ điên khùng nhất trong số các phạm nhân. Ông đã không chỉ tham gia tất cả các trò chơi mà còn nghĩ ra các trò mới khi các trò cũ đã chán ngắt. Ông đã từng kể những chuyện ngông cuồng nhất, hăng say mỉa mai cay độc đế chế mới dựng lên sau những mảnh vụn của ngai vàng vua Louis XVI đã sung sướng chào từ biệt điệp khúc tan rã của nền Cộng hoà, còn bây giờ ông ta không chơi nữa, không cười nói hát ca nữa khi thấy giờ định mệnh đã điểm, thời khắc ông ta thực sự phải trả giá bằng mạng sống của mình. Ông ngồi ở một góc vườn, gọi các sĩ quan tuỳ tùng đến, bằng giọng vừa chắc nịch vừa thân ái nói: -Những người bạn anh dũng của tôi, những chàng trai thân yêu tôi đã cố gắng làm gương cho các cậu thấy sự vui vẻ và vô tư đến đây thôi. Hãy để tôi chỉ huy các bạn trước pháp trường với tất cả bình thản, tất cả lạnh lùng, tất cả phẩm chất mà các bạn có thể; các bạn sẽ xuất hiện trước những kẻ cứ nghĩ chúng có quyền phân phát tự do, danh dự hay bố thí mạng sống cho các bạn. Tôi ra lệnh cho các anh nhất là không bao giờ được trả lời hấp tấp, xun xoe hay xấc xược trước các câu hỏi của thẩm phán, khi các anh thấy không đủ mạnh mẽ, hãy nghĩ tôi vẫn đang ở bên các anh và rằng số phận tôi không khác gì các anh, nếu các anh sống, tôi cũng sống, các anh chết, tôi cũng chết.

Hãy tỏ ra mềm mỏng, nhã chặn và nhân từ với người khác, hãy yêu thương gấp đôi, đừng tự trách mình đã đi đến nguy hiểm này, trong đời ai mà không phải chết, hãy chết sao cho xứng đáng!

Trước khi rời nhà tù này, các anh đã phải chịu cách đối xử khác nhau, có người được ưu ái, có người không, người được gọi là bạn, người bị xem là đồ cướp bóc. Hãy cứ cảm ơn tất cả những người tốt lẫn kẻ ác, hãy ra khỏi đây bằng lòng biết ơn những người này, không căm giận những người kia, hãy nghĩ rằng vị vua nhân từ của chúng ta, vua Louis XVI đã từng chịu khổ như chúng ta, từng bị gọi là kẻ phản bội và bạo chúa; Đức Chúa Jésus-Christ cũng vậy (nhân danh Chúa, tất cả ngả mũ và làm dấu thánh giá).

Đức Chúa Jésus-Christ cũng từng bị đối xử là kẻ phản loạn, bịp bợm bị la ó, xua đuổi, bị đánh bằng gậy vì nhất là khi con người có hành động xấu, họ hay đánh đồng giá trị lời nói và dùng lời chửi rủa để che giấu tội lỗi của mình.

Thế là khi đứng dậy, ông nói "Amen" thật to và làm dấu thánh giá, tất cả những người khác cũng làm như vậy. Ông để từng người đi qua sau khi gọi họ bằng tên thật.

Cũng ngày hôm đó, ngoài năm mươi bảy phạm nhân có dính dáng đến vụ phản loạn Moleau, Cadoudal và Pichegru bị đưa đi, còn các tòng phạm phụ khác

lại. Đó là nhưng người cho họ trú trên đường, dẫn đường cho họ vào ban đêm. Khi các thủ phạm chính ra đi những người khác không chỉ được phép đi dạo trong sân và vườn mà còn đi thăm các phòng giam hay xà lim ở Temple.

Trong vài ngày ấy, nhà ngục trở lên rất huyên náo. Cuối cùng, ngày chủ nhật phục sinh, người ta cho phép họ mở vũ hội tại phòng lớn. Họ thu dọn giường lại, tất cả mọi người, chủ yếu là dân nông thôn đều nhảy múa và hò hát.

Buổi vũ hội đó diễn ra đúng vào hôm các bị cáo bị dẫn ra trước toà điều mà những người khiêu vũ không hề biết. Một trong số họ, người có cái tên Leclire được tin từ một người gác ngực cho hay phiên xử khiến mười hai người chết đã bắt đầu, liền chạy vội vào chỗ các bạn, ra hiệu cho họ im lặng bằng cách giậm mạnh chân xuống sàn. Khi tất cả im bặt, anh ta nói: -Các người là đồ súc sinh! Có đáng sống như thế giữa cái chốn đáng nguyền rủa này khi mà các người biết những ai sống cùng với chúng ta đang sắp mất mạng không? Đây là lúc cầu nguyện và ca bài thánh ca De Profondis chứ không phải nhảy múa ca hát. Ông này có một cuốn kinh thánh, ông ấy sẽ đọc cho chúng ta vài đoạn nói về cái chết.

Người mà Leclère chỉ là cháu của Fauche-Borel, một chàng thanh niên tên là Vittel, cuốn sách anh ta cầm trong tay là cuốn của Bourdaloue không liên quan đến De Profondis nhưng có nói đến lời cầu cho cái chết. Vittel trèo lên một cái bàn và đọc lời cầu nguyện, tất cả những kẻ yêng hùng đều quỳ gối lắng nghe.

Ở trên, tôi có nhắc đến phiên xử đã bắt đầu. Cho đến khi đó, có lẽ chưa bao giờ, ngay cả vụ đảo chính 18 Brumaise, Bonaparte lại ở tình thế nghiêm trọng như vậy. Ông chưa mất gì về uy tín của thiên tài trên chiến trường song cái chết của công tước Enghien đã giáng một đòn sấm sét đến đạo đức của nhà chính sách, sau đó ông lại trở thành đầu đề bàn tán về vụ tự tử của Pichegru. Ít người chịu chấp nhận về cái chết này như ý kiến của tướng Savary. Chính phủ càng tập hợp những bằng chứng về vụ tự tử và khó nhọc chứng minh nó bao nhiêu thì nghi ngờ đó là vụ tự sát càng tăng lên bấy nhiêu, hầu như ngay cả công tước vụ ám sát bị chối phắt của Pichegru là đến việc buộc tội thiếu thuyết phục đối với Moreau.

Qua lời buộc tội ấy, chẳng có ai bị lừa hết, ai cũng thấy rõ lòng thù hận của ngài Tổng tài thứ nhất đối với đối thủ của ông ta. Ngay cả Bonaparte cũng phải thừa nhận, dù ngồi trong hàng ghế bị cáo, Moreau vẫn giữ được phong thái của mình và khiến người ta phải tranh luận mãi về số lượng lính canh gác, bởi họ chỉ đủ để dẫn giải ông nhưng trong trường hợp đụng độ thì không đủ.

Sự lo lắng của Bonaparte nhiều đến nỗi ông quên cả mối bực tức với Boumerine, cho gọi người này về, chịu trách nhiệm tham dự các phiên xét xử và báo cáo lại mọi việc cho ông vào các tối.

Điều ngài Bonaparte mong muốn nhất đó là sau khi công tước Enghien bị xử bắn, Pichegru bị siết cổ, Moreau cũng bị tuyên là có tội, chịu một hình phạt nào

đấy mà ông có thể ân xá.

Do đó, ông thử vài vị thẩm phán mà họ chỉ muốn kết tội Moreau ở mức có thể giảm án được. Nhưng những dự định đó không đi xa hơn khi thẩm phán Clavier hỏi nếu Napoléon ân xá cho Moreau: -Thế còn chúng ta, ai sẽ ân xá cho chúng ta?

Chính vì thế mà người ta không thể ngăn cản được dòng người đổ xuống những đại lộ Palais de Justice ngay ngày đầu mở phiên xử công khai. Những cư dân thành phố đều cố tìm cách tham dự vào đó việc thay đổi bồi thẩm chứng tỏ kết quả bản án này vô cùng quan trọng đối với người đứng đầu chính phủ. Mười giờ sáng, đám đông đã dràn ra nhường chỗ cho mười hai vị quan toà của toà đại hình trong bộ áo choàng đỏ tiến vào. Phòng lớn của điện Palais được dành cho họ tất cả lặng lẽ ngồi vào ghế của mình. Họ là Himard, chủ toạ; Martineau, phó án; Thuriot, người phe Bảo hoàng gọi là kẻ Giết Vua; Lecourbe; Cavier, người có cậu nói nổi tiếng trên, Bourguignon, Dameu, Laguillaumie, Rigault, Selves, Grangeret-Desmaisons. Công tố viên là Gérard còn lục sự là Frémyn.

Tám mõ toà khác cũng tham dự, bác sĩ Souppé, bác sĩ phẫu thuật của Conciergerie không thể vắng mặt.

Chủ toạ cho dẫn các phạm nhân vào. Họ, từng người một, đi giữa hai cảnh sát áp giải. Bouvet de Lozier cúi đầu bước vào, hắn không dám ngẩng đầu lên nhìn vào mắt những người mà vụ tự tử hụt của hắn đã khiến hắn phản bội họ. Việc áp giải những người khác rất nghiêm túc và bảo đảm.

Moreau ngồi trên ghế trọng tội như những người khác có vẻ bình tĩnh hay đúng ra là đang mơ màng. Ông ta mặc bộ quần áo chẽn màu xanh lơ cắt theo kiểu nhà binh nhưng không đeo phẩm hàm. Gần ông, chỉ cách lính áp giải, là Lajolais, cựu sĩ quan iuỳ tùng, chàng trai tuấn tú Charles d'Hozier, rất chỉn chu trong bộ đồ như đi dự khiêu vũ trong cung đình. Về phần Georges, rất dễ nhận thấy cái đầu lớn bự, đôi vai mạnh mẽ, đôi mắt nhìn thẳng lần lượt dừng lại trước mỗi vị phán quan như thể thách thức sống chết với họ. Bên cạnh ông ta là Burban, người có mặt trong các trận đánh cùng ông ta với cái tên Malabry và Barco. Cuối cùng là Pierre Cadoudal, người từng hạ một con bò bằng cú đấm sấm sét khiến cả vùng Morbihan biết đến với biệt danh Cánh tay thép.

Hai anh em nhà Polignac và hầu tước Rivière ngồi ở hàng thứ hai thu hút mọi ánh mắt bởi vẻ trẻ trung và phong nhã của họ. Tuy nhiên, tất cả đều bị vẻ đẹp trai của Coster-Saint-Victor xoá mờ.

Với Coster Saint-Victor còn có một truyện truyền kỳ liên quan đến phụ nữ. Người ta kháo nhau rằng Bonaparte căm tức anh chàng này, cũng bởi một vụ tranh đua. Không phải tranh chấp trên phương diện quân sự như với Moreau mà là tranh chấp trong phòng tiếp của các quý bà; người ta đồn cả hai đã chạm trán nhau trong phòng ngủ của một trong những nàng nghệ sĩ xinh đẹp và nổi tiếng

nhất thời đó, Coster Saint-Victor đã vờ như không nhận ra ngài Tổng tài thứ nhất và không nhường chỗ, anh chàng này đã trở thành bậc thầy không phải trên chiến trường mà là trong tình trường.

Ngay tại đó, Coster Saint-Victor có thể hạ ngài Tổng tài nhưng vì đã hứa với Georges Cadoudal chỉ đánh nhau khi có lực lượng hai bên tương đương nên anh ta đành giữ lời.

Cuối cùng, trên hàng ghế thứ ba là những anh hùng Bảo hoàng bị cuốn vào vụ này bằng lòng tận trung thuần tuý. Trong số bốn mươi sáu bị cáo – Năm mươi bảy người đã được rút xuống còn bốn mươi sáu – có năm phụ nữ. Đó là vợ của Denaud, Dubuisson, Gallois, Momer và cuối cùng là cô nàng Izai.

Cuộc tranh tụng bắt đầu bằng những câu hỏi của ngài chánh án dành cho các nhân chứng, các nhân viên lực lượng Cộng hoà và những người đặc biệt đã tham gia vào wệc bắt Georges. Sau đó, chủ toạ quay sang hỏi Georges: -Ông Georges, ông có gì để nói không?

-Không. – Georges Cadoudal đáp mà mắt không rời khỏi tờ giấy đang đọc.

-Ông thừa nhận những tội của mình chứ?

-Tôi thừa nhận. – Georges đáp lại vẫn bằng giọng tỉnh bơ như trước.

-Yêu cầu bị cáo Georges không đọc trong khi bị hỏi – Thuriot nói.

-Nhưng cái tôi đọc lại rất hay – Georges đáp – Đó là phiên họp ngày 17 tháng Giêng năm 1793 khi ngài bỏ phiếu đồng ý xử tử nhà vua đấy.

Thuriot cắn môi. Tiếng ồn ào rộ lên khắp nơi. Chủ toạ phiên toà vội cắt đứt âm thanh ấy bằng cách tiếp tục hỏi.

-Ông có thừa nhận đã bị bắt tại nơi mà nhân chứng vừa nêu không?

-Tôi không biết chỗ đó tên là gì.

-Ông đã bắn hai phát súng ngắn đúng không?

-Tôi không nhớ điều đó.

-Ông đã giết một người phải không?

-Thực tình, tôi chẳng biết gì cả.

-Ông có dắt dao găm?

-Có thể.

Còn khẩu súng?

-Điều này cũng có thể.

-Ông ở trong xe với ai?

-Tôi quên người đó rồi.

-Ông trọ ở đâu trên đất Paris?

-Chẳng đâu cả.

Lúc bị bắt, ông không còn ở phố Montagne-Sainte-Gèneviève, tại nhà chị bán hoa quả phải không?

-Lúc bị bắt, tôi trọ trong cái xe.

-Ông ngủ ở đâu trước hôm bị bắt?

-Trước hôm bị bắt, tôi không ngủ.

-Ông làm gì ở Paris?

-Tôi đi dạo.

-Có ai thấy ông không?

-Vô số lũ ruồi bám theo tôi.

-Ngài cũng thấy phạm nhân không muốn trả lời rồi đấy, hay chuyển sang người khác đi – Thuriot nói.

-Cảm ơn ông Thuriot… Cảnh sát, mang cho tôi cốc nước, tôi có thói quen phải xúc miệng khi nhắc đến cái tên này -. Georges nói.

Không ai tham dự buổi dự thẩm đó đều thấy vẻ bất cần của Georges, người ta có cảm giác ông ta sẵn sàng hy sinh mạng sống của mình. Mọi người đều dành cho ông vẻ tôn trọng như với một người đã chết.

Ai cũng sốt ruột chờ đến phiên tướng Moreau trả lời, nhưng phải đến ngày thứ tư, tức là ngày thứ năm, 31 tháng Năm, thẩm phán Thuriot mới hỏi ông.

Người ta cũng bắt đầu như với Cadoudal! bằng cách hỏi các nhân chứng liên quan. Nhưng trong số đó, không ai nhận ra Moreau. Ông ngạo nghễ cười và nói: -Các quý ông, không chỉ không nhân chứng chỉ định nào nhận ra tôi mà tất cả các bị cáo ở đây cũng chưa từng thấy tôi trước khi bị tống giam vào Temple.

Bên toà án đọc bản lời của một người tên là Roland, quân của tướng Pichegru, người này đã khai trong lần hỏi cung rằng anh ta đau lòng khi thấy tướng Pichegru giao cho mình thực hiện nhiệm vụ với tướng Moreau.

Moreau đứng dậy nói với chủ toạ: -Hoặc Roland là cảnh sát hoặc anh ta khai như thế vì sợ. Để tôi nói cho các người hay chuyện giữa quan toà dự thẩm và anh ta đã diễn ra như thế nào. Người ta không hỏi anh ta. Không, người ta chẳng thu được lời khai nào hết. Thế là trong lúc hỏi cung, họ đã nói: "Anh đang trong hoàn cảnh cực kỳ tồi tệ, anh là tòng phạm của một vụ phản loạn: nếu anh không khai báo anh sẽ chịu án còn nếu thú nhận anh sẽ được cứu và để được cứu, con người đó đã dựng lên câu chuyện trào phúng mà các người vừa đọc đó. Tôi xin hỏi anh ta thật lòng, tôi làm phản để làm gì?

-Thì để đưa ông lên làm độc tài chứ sao – Hémard nói.

-Tôi ư? Nhà độc tài ư? – Moreau kêu lên – Người của tôi là ai? Là tất cả binh lính nước Pháp vì tôi chỉ huy chín phần mười trong số họ, tôi đã cứu sống năm mươi nghìn người. Đó là những đồng minh của tôi. Người ta đã bắt các sĩ quan tuỳ tùng của tất cả những người tôi biết, tuy thế họ chẳng tìm được chứng cớ nào. Họ nói đến sản nghiệp của tôi; tôi đã bắt đầu từ con số không và đã có thể có năm mươi triệu thế mà cuối cùng, tôi chỉ được mỗi một ngôi nhà ở Paris và phần đất Grosbois. Họ đối xử với tôi như một tổng tư lệnh mà chỉ có bốn mươi nghìn phăng, hy vọng họ phải biết đánh giá những cống hiến của tôi chứ.

Đúng lúc ấy có một chuyện kỳ lạ đã xảy ra, nó như được bàn tính trước giữa viên tướng và tuỳ tùng Lecourbe của ông ta để chứng tỏ sức mạnh của người chiến thắng Hohenlinden.

Lecourbe vào phòng xử án cùng với đứa bé trên tay. Đó là con trai của Moreau. Lecourbe bế đến cho ông ôm hôn con nhưng hàng lính gác không biết đứa trẻ nên nhất định không cho vào thế là Lecourbe nâng bổng đứa bé lên hét to: -Các anh em binh lính, hãy để con trai tướng quân của các anh vào.

Những lời nói đó vừa dứt, tất cả binh lính trong phòng đều rớm nước mắt còn những người tham dự vỗ tay rào rạt. Nhiều giọng còn hô to: -Moreau muôn năm!

Nếu trong lúc ấy, chỉ cần Moreau nói một tiếng, sự cuồng nhiệt sẽ lật đổ cả toà án và tù nhân sẽ thắng lợi. Nhưng Moreau im lặng không tham gia vào làn sóng đó.

-Thưa tướng quân – Cadoudal nói thầm với Moreau – chỉ còn một phiên xử như thế này nữa thôi và ngài sẽ lại ngủ ở Tuileries.

§46. Kết án

Tại phiên toà ngày 2 tháng Sáu, có một nhân chứng khiến mọi người đều tò mò khi không ai ngờ đến nhất, thuyền trưởng Wright chỉ huy con tàu đánh cá nhỏ đã đưa các bị cáo đến chân vách đá, Biville xuất hiện.

Anh này bị phục kích ở gần Saint-Malo rồi sau một cuộc giao chiến anh ta bị thương vào cánh tay nên bị bắt.

Việc xuất hiện của con người này khiến cả phòng xử án xôn xao bàn tán. Người ta đứng dậy, kiễng chân để cố nhìn một người đàn ông thấp bé, mặc triều phục Hải quân Anh quốc. Anh ta khai mình ba mươi lăm tuổi, thiếu tá thuỷ quân sống ở London tại nhà bạn mình là thiếu tướng hải quân Sidney Smith. Vì nhân chứng đứng trả lời rất khó nhọc người ta mang đến cho anh này một chiếc ghế. Viên thiếu tá cảm ơn rồi ngồi xuống. Anh ta tái xanh đến độ mọi người tưởng như anh ta sắp ngất đi. Coster Saint-Victor nhanh nhẹn chuyển cho anh ta một lọ dầu. Viên thiếu tá đang ngồi trên ghế, đứng dậy chào mọi người theo phép quý tộc rồi mới quay lại phía toà. Viên chủ toạ muốn tiếp tục hỏi nhưng anh này đã lắc đầu nói: -Tôi bị bắt trong khi giao chiến nên tôi là tù binh chiến tranh, tôi đòi có quyền đối xử cho đúng với vị thế của mình.

Thế là người ta phải đọc lại bản thẩm vấn của toà ngày 21 tháng Năm từ phiên trước. Chăm chú nghe xong, nhân chứng nói: -Thưa ngài thẩm phán, xin thứ lỗi cho tôi nhưng tôi không hề thấy ở đây nguy cơ nào để các ngài có thể đưa tôi ra uỷ ban quân sự và xử tử tôi nếu tôi tiết lộ bí mật quốc gia của đất nước tôi.

-Georges, ông có biết nhân chứng này không? – Chủ toạ hỏi.

Georges nhìn thuyền trưởng Wright rồi nhún vai: -Tôi chưa bao giờ thấy ông ta.

-Còn ông, ông Wright, rốt cuộc, ông có muốn trả lời câu hỏi của tôi không?

-Không – Viên thiếu tá đáp – Tôi là tù bình, tôi đòi hỏi mọi quyền tương xứng và đối xử theo luật nhà binh.

-Muốn đòi gì thì đòi – Chủ toạ nói – Buổi xét xử tiếp tục vào ngày mai.

Lúc đó đã gần mười hai giờ trưa. Mọi người ra về trong lòng thầm nguyền rủa cái tính bất nhẫn của chủ toạ Hémard.

Ngay từ bảy giờ sáng hôm sau, đám đông đã kéo đến chật ních phòng xử án: có tin đồn tướng Moreau sẽ phải trình bày ngay phần mở đầu. Nhưng điều mong đợi đã không xảy ra, bù lại mọi người lại được chứng kiến một cảnh hết sức cảm động. Hai anh em Armand và Jules de Polignac ngồi cạnh nhau và không có cảnh sát xen giữa. Lúc nào họ cũng nắm chặt tay nhau như muốn thách thức toà và sau phiên xử, cái thế đã chia rẽ họ. Hôm ấy, toà đưa ra vài câu hỏi liên quan đến Jules và những câu hỏi đó như buộc tội cho Jules, nên Annand đứng dậy nói: -Thưa

các ông, tôi xin các ông hãy nhìn đứa bé này, nó mới chưa đầy mười chín tuổi, hãy cứu nó. Khi về Pháp là nó đi theo tôi. Chỉ tôi mới là thủ phạm thôi vì mình tôi mới biết nội dung việc mình làm. Tôi biết các ông muốn lấy đầu thế thì hãy lấy cái của tôi, tôi cho các ông đấy những đừng động đến đầu chàng trai trẻ này, trước khi tước đi cuộc sống một cách thô bạo các ông hãy cho nó có thời gian để biết nó mất cái gì đã.

Nhưng Jules đã đứng dậy quàng tay vào cổ Armand.

-Ôi! Các ông đừng nghe anh ấy. Đúng là tôi chỉ mới mười chín tuổi nhưng tôi là kẻ độc thân, tôi không có vợ con, nếu kết án thì kết án tôi đây này. Armand thì ngược lại, anh ấy là trụ cột trong gia đình, anh ấy còn vợ con. Dù còn trẻ nhưng trước khi biết đến đất nước của mình, tôi đã ăn bánh mỳ lưu vong, cuộc đời bên ngoài nước Pháp của tôi chẳng có ích gì cho nước Pháp và cũng là gánh nặng cho tôi. Hãy lấy đầu tôi đây, tôi dâng cho các ông đấy và miễn cho anh tôi.

Đến đó, mọi quan tâm dành cho tướng Georges và Moreau đã quay sang hai chàng trai trẻ đẹp, những đại diện cuối cùng cho lớp người trung thành tận tuỵ cho một chiếc ngai đã đổ. Cả nhóm người trên đây đều là thành phần tiêu biểu không những trong giới quý tộc mà cho toàn bộ Paris. Khán giả nồng nhiệt chào đón họ và sự nồng nhiệt ấy không phải xấu hổ, mỗi lời nói thốt ra từ miệng họ, mỗi sự kiện đều khiến đôi mắt họ đẫm lệ: Chủ toạ Hémald đưa ra trước hầu tước Rivière một bức chân dung của bá tước Artois và hỏi: -Bị cáo Rivière, ông có nhận ra bức hoạ này không?

-Từ đây, tôi không trông rõ thưa ông chủ toạ, hãy làm ơn mang nó lại gần đây.

Chủ toạ cho người mõ toà mang bức chân dung lại gần bị cáo. Vừa nhìn thấy nó, hầu tước Rivière đã đưa nó lên môi rồi áp vào ngực nghẹn ngào nói.

-Các ông tưởng tôi không biết sao? Tôi những muốn được ôm nó một lần trước lúc nhắm mắt. Bây giờ, các vị bồi thẩm hãy tuyên án đi và tôi sẽ đi thẳng đến đoạn đầu đài trong lúc rửa tội cho các người.

Hai cảnh khác cũng khiến mọi người có cảm xúc sâu sắc:

Chủ toạ hỏi Coster Saint-Victor xem anh ta có thêm gì vào lời tự bào chữa của mình hay không.

-Có chứ – Coster Saint-Victor nói – Tôi cần nói thêm rằng những nhân chứng giúp gỡ tội mà tôi yêu cầu đã không được nhắc đến; tôi còn phải nói thêm rằng tôi vô cùng ngạc nhiên khi người ta đánh lạc hướng dư luận, đổ tiếng xấu và sự hổ thẹn không chủ lên đầu chúng tôi mà còn cả những người bảo vệ chúng tôi. Sáng nay tôi đã đọc nhật báo, thật đau lòng khi thấy nhân bản báo cáo về chúng tôi hoàn toàn bịa đặt.

-Bị cáo – Chủ toạ nói – Những việc này không liên quan đến lý tưởng của các ông.

-Không đâu – Coster nói tiếp – Những gì tôi có hân hạnh tuyên bố trước toà đều vì lý tưởng của tôi và của nhưng người bạn không may của tôi, thế nhưng bản báo cáo lại xuyên tạc lời biện hộ của nhiều trong số người bào chữa cho chúng tôi, về phần mình, tôi nghĩ mình không được thừa nhận như mức tôi được hưởng do công tố viên chỉ định nhân viên của ông ta ra bào chữa cho tôi. Tôi phản đối những trò sắp đặt của chính phủ và những lời lẽ điên khùng phát ra từ miệng các công dân danh giá ấy, tôi mong được ngài Gautier, luật sư của tôi được hân hạnh đến đây để nhận lòng tin tưởng tôi trao gởi cho ông ấy cho đến giờ phút cuối cùng.

Lời của Coster gây được cảm tình mạnh mẽ, không những thế nó còn nhận được những tràng pháo tay ròn rã. Ngay phía sau Coster Saint-Victor, trên hàng ghế thứ ba là chỗ của bảy người Bretagne và miền Morbihan. Trong số đó người ta có thể nhận ra một gia nhân của Georges có tên là Pícot, người định trả thù binh lính của chúng ta những thật không may việc rửa hận ấy chỉ là cách nhỏ mọn. Người này còn có biệt danh là Bourreau des "Bleus" (Đao phủ quân Xanh), đó là một người chân tay ngắn, vai lực lưỡng, mặt rỗ, tóc đen ngắn cắt vuông trước trán. Điều này khiến khuôn mặt hắn khá đặc biệt nhất là lại cộng với đôi mắt ti hí ẩn dưới đôi lông mày hung hung rậm rịt.

Coster Saint-Victor vừa dứt lời thì Picot đứng dậy, không tỏ ra lịch sự theo lối quý tộc nói trên.

-Còn tôi, tôi không phàn nàn mà hơn thế, tôi muốn tố cáo.

-Tố cáo ư? – Chủ toạ hỏi.

-Đúng thế, tôi tố cáo rằng, khi đến sở cảnh sát, đúng hôm bắt tôi, người ta đã bắt đầu bằng cách cho tôi hai trăm đồng louis bằng vàng và hứa thả tự do cho tôi nếu tôi khai chỗ ở của ông chủ, tức tướng quân Georges. Tôi đáp là mình không biết vì quả thực tướng quân ẩn hiện rất tài tình. Thế là công dân Bertrand đã bảo lính gác mang súng hoả mai và một cái tô vít đến để siết ngón tay tôi sau đó họ trói tôi lại bẻ gãy ngón tay.

-Đó là cách người ta dạy cho ông một bài học đấy – Chủ toạ Hermard nói – ông đã che giấu sự thật.

-Điều tôi nói là sự thật của Chúa, sự thật hoàn toàn – Picot đáp lại, lính canh có thể làm chứng, tôi đã bị tra tấn bằng lửa và bẻ gẩy các ngón tay.

-Thưa các ngài, – Thuriot nói – Các ngài sẽ nhận thấy đây là lần đầu tiên bị cáo đưa ra điều này.

-Hay lắm – Picot đáp – Chính ông đã biết chuyện này vì tôi đã nói với ông ở Temple. Nhưng khi ấy ông đã bảo: "Im đi, chúng ta sẽ lo mọi chuyện."

-Ông không nói nửa lời về tất cả những thứ đó trong bản lời khai của mình.

-Nếu tôi nói, tôi e là người ta lại tiếp tục làm tôi cụt tay và đốt tôi!

-Bị cáo – Tổng kiểm sát trưởng kêu to – ông có thể nói dối, nhưng lúc nói dối hãy tỏ ra nghiêm túc khi có mặt trước công lý.

-Công lý ư, nó hay lắm, nó muốn tôi phải lịch sự với nó thế mà nó có công minh với tôi đâu.

-Thôi đủ rồi đấy, ông im đi – Hemlard gạt đi rồi quay sang Georges – ông có bào chữa thêm gì không?

Georges trả lời: -Ngài Tổng tài thứ nhất đã cho tôi cái vinh dự được ra trước buổi xử công khai, chúng tôi thừa nhận có một số điểm theo tôi là hợp lẽ nhưng xét từ phía nhà nước là vi phạm. Tuy nhiên, chính các người đã tổ chức các băng đảng cướp phá ở Vendée và Morbihan mượn danh tôi để thực hiện. Những trò ghê tởm khiến tôi buộc phải rời London, trở về Bretage bắn vỡ sọ một trong số đầu lĩnh các băng đảng ấy, chứng minh ai mới thật sự là Cadoudal. Sau đó, tôi phái trung uý Sol de Grisolles của mình tới gặp ngài Bonaparte và tuyên bố kể từ đó giữa chúng tôi có một món nợ phải trả. Ông ấy là người đảo Corse, ông ấy phải hiểu điều đó có nghĩa là gì và bắt đầu hành động. Chính thế tôi mới quyết định về Pháp. Tôi không biết liệu điều tôi làm có biến những người bạn của tôi trở thành kẻ phiến loạn hay không, các ông biết luật hơn tôi, các ông thử nói xem nào.

Trong số những bị cáo ở đó có cả cha David, người mà tôi đã nhắc đến hai lần, đó là một người bạn của Pichegru và cũng vì tình bạn ông mới ngồi trên hàng ghế bị cáo. Đó cũng là một linh mục điềm đạm, lạnh lùng và không sợ chết. Ông đứng dậy nói bằng giọng chắc nịch: -Pélison đã không bỏ Tổng giám Fouquet trong lúc khó khăn và hậu vận đã chứng minh lòng trung thành của ông ấy. Tôi hy vọng việc quan hệ với tướng Pichegru trong thời gian ông ấy sống lưu vong không để tôi nhầm lẫn như Pélison với Fouquet trong lúc ông ta ở tù. Ngài Tổng tài thứ nhất cũng phải có bạn chứ, thậm chí có nhiều là khác. Giả sử trong cuộc đảo chính 18 Brumaire, ông ấy bị thất bại thì có thể ông ấy cùng bị kết án tử hình, nếu không chắc chắc bị lưu đày biệt xứ.

-Điều ông nói không có cơ sở nào cả – Chủ toạ kêu toáng lên.

-Chắc chắn bị lưu đày – Cha xứ David lặp lại.

-Ông im đi – Thuriot cũng hét lên.

-Tôi vẫn tiếp tục, tôi yêu cầu được tiếp tục – Vị linh mục cố nói – các ông định trừng phạt những người bạn của ông ấy vẫn liên hệ và làm cho ông ấy nhớ khi ông ấy đang bị tù đày sao.

Thẩm phán Thuriot không ngừng nhích trên ghế của ông ta giận dữ nói và nhìn vào những đồng nghiệp và hội thẩm khác: -Thưa các ngài, những lời mà chúng ta vừa nghe xuất phát từ một sự bất mãn…

Nhưng cha David đã xen ngang: -Thưa các vị quan toà mạng sống của tôi đang nằm trong tay các ông, tôi không sợ chết, tôi biết, khi người ta làm cách

mạng người ta muốn trở thành một con người vĩ đại, muốn vậy phải đón nhận tất cả và tự giải quyết tất cả.

Vài lời diễn thuyết của các bị cáo mà tôi vừa nêu thỉnh thoảng lại bị xen ngang bởi những bị cáo khác. Cuối cùng phiên xử khép lại bằng cảnh hai anh em nhà Polignac: -Thưa các ngài – Jules nói và nghiêng hẳn người về phía các bồi thẩm, hai tay chắp lại – Vì tôi quá xúc động sau lời nói của anh tôi và đã xin một lưu ý tầm thường cho lời biện hộ của tôi, bây giờ tôi đã bình tĩnh hơn, tôi dám hy vọng các ngài đừng để tâm đến những gì Armand nói. Hãy cứu anh ấy, trả anh ấy về bù đắp cho những giọt nước mắt của vợ anh ấy. Còn tôi, tôi không vướng bận vợ con, tôi không sợ cái chết, tôi còn quá trẻ, chưa tận hưởng cuộc sống nên không cần phải tiếc nó làm gì.

-Không, không! – Armand gào lên, kéo em trai lại ôm vào lòng – Không, em sẽ không chết. Anh xin em đấy Jules, hãy để chỗ đó cho anh.

Cảnh đó khiến cả đoàn hội thẩm đều như bị thương tổn.

-Toà tạm nghỉ. – Chủ toạ tuyên bố.

Mọi người lục tục đi ra. Khi đoàn hội thẩm ra khỏi phòng cũng là lúc mười một giờ trưa. Càng ngày, người kéo đến xem xử án càng đông, họ biết sẽ có hai bản án trong một phiên toà, bản án của Moreau và của Bonaparte và dù mọi người biết quyết định cuối cùng sẽ có rất muộn nhưng họ vẫn chờ.

Điều khiến cho sự cân nhắc thêm lâu là do ông Réal lại vừa đến để thông báo quan toà sẽ khép Moreau ở mức hình phạt nào sao cho giảm nhẹ nhất có thể.

Cuối cùng, bốn giờ sáng hôm sau, ngày 10 tháng Sáu, một tiếng chuông rung lên làm tất cả đám người đang ở phòng xử án phải rùng mình, tiếng chuông ấy báo hiệu các vị quan toà chuẩn bị xử tiếp. Những tia nắng đầu tiên của một ngày u ám rọi xuống, xuyên qua các ô cửa sổ quyện với những ánh nến trong phòng; không còn gì buồn bã hơn là cuộc tranh giành ban sáng giữa ngày và đêm ấy.

Giữa nỗi sợ hãi ấy, lực lượng quân đội đột ngột tiến vào phòng. Tiếng chuông thứ hai mạnh hơn tiếng chuông thứ nhất vang lên, cánh cửa bật mở và một mõ toà tuyên bố: -Thượng toà!

Thế là chủ toạ Hémard, theo sau là đoàn phán quan trịnh trọng đi vào, ngồi lên ghế. Ông ta cầm trong tay một tờ giấy rất dài, đó là quyết định của toà án cấp cao. Tiếp đến là các bị cáo bị dẫn vào.

Chủ toạ sau khi đọc phần dẫn nhập, trùng giọng đọc bản án dài kết tội tử hình các bị cáo: Georges Cadoudal, Bouvet de Loziet, Rugulion, Rochelle, Lajolais, Roger, Coster Saint-Victor, Deville, Armand de Polignac, Charles d'Hozier, Louis Ducorps, Picot, Armand Gaillard, Léhan. Pierre Cadoudal, Joyaut, Lemercier, Burban và Ménlle.

Ai cũng hiểu, trong lời đọc chậm rãi, sau mỗi cái tên lại dừng lại một chút kia là nỗi lo lắng cực độ. Ai đến dự đều căng tai, thở đứt quãng, tim đập thình thịch

để xem trong số những cái tên ấy có ai là bà con hay bạn bè của mình không.

Dù số lượng người bị tử hình rất đông và lên đến hai mươi mốt người, phòng xử vẫn thấy được an ủi phần nào khi chủ toạ đọc phần còn lại: -Xét thấy Jean-Victor Moreau, Jules Polignac, Le Ridant, Roland và cô Izai là đồng phạm bị lôi cuốn vào vụ mưu phản nhưng trong quá trình tranh tụng, dựa vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, toà giảm án cho những người trên còn hai năm tù giam.

Toà tuyên bố vô tội cho những người khác.

Những người bị kết án bình tĩnh lắng nghe lời phán xử không ba hoa hay mai mỉa. Chỉ mình Georges Cadoudal đứng cạnh hầu tước Rivière nghiêng người sang phía ông ta và nói: -Bây giờ chúng ta đã xong với vua dưới mặt đất, chúng ta còn phải bắt đầu với vua trên trời nữa.

§47. Hành quyết

Tuy vậy, nỗi lo lắng nhất có thể vẫn chưa nằm trong phòng xử án ấy, nơi người ta đang quyết định số phận các phạm nhân. Joséphine, phu nhân Murat, và phu nhân Louis vốn còn rất xúc động trước cái chết của công tước Enghien và vụ tự tử đáng ngờ của tướng Pichegru giờ đây không khỏi não nề trước vụ hành quyết hai mươi mốt con người, số người gợi đến những kẻ xấu số vào ngày đẹp trời thời kỳ Kinh Hoàng.

Một cái lò mổ xử hai mươi mốt mạng người trên đại lộ Grève quả thực là một điều thật khủng khiếp. Câu nói của Fouché: "Không khí sặc mùi dao găm" lúc nào cũng ám ảnh Joséphine như lời đe doạ thường trực. Bà nghĩ đến mối thù hận mới lại sắp đẻ ra hai mươi con dao găm của kẻ thù cả mới lẫn cũ rình rập trước ngực chồng. Bà cũng là người bị hướng tới những giọt nước mắt của phu nhân Polignac là những giọt nước mắt đầu tiên rơi trên vạt áo choàng đế chế của bà. Joséphine chạy đến phòng làm việc của ngài Bonaparte để cầu xin lòng độ lượng của con người cao quý trẻ tuổi vốn coi đầu người là thứ rẻ tiền để cứu cái đầu của anh em mình.

Nhưng một khi Bonaparte đã từ chối thì không lời van xin hay nước mắt có thể lay chuyển.

Lúc nào phu nhân cũng quan tâm đến kẻ thù của ta thế? – Bonaparte nghiêm nghị nói – Người Bảo hoảng hay Cộng hoà, họ đều khó thay đổi như nhau, nếu ta tha thứ cho họ, họ lại tiếp tục chống lại, như thế phu nhân sẽ buộc tôi tạo thêm nhiều nạn nhân mới nữa đấy.

Than ôi! Càng ngày cộng với việc can ngăn Bonaparte hướng đến ước vọng đế chế, Jeséphine càng mất dần ảnh hưởng của mình. Bà đành sắp đặt cho phu nhân Polignac chờ trên lối đi của Napoléon. Phu nhân Polignac quỳ xuống xưng tên và xin ân xá cho chồng mình là Armand de Polignac.

-Armand de Polignac ư! – Bonaparte thốt lên – Người bạn học của tôi từ khi từ trường quân bị ư! Có thể là anh ta mưu phản chống lại tôi hay sao? Thưa phu nhân, họ là những thủ phạm cùng hành động với các ông hoàng thì sao giảm nhẹ được.

Phu nhân Polignac ra khỏi điện Tuileries cũng giống như Murat và vợ mình ra về khi đến xin ân xá cho hầu tước Rivière.

Murat là người có trái tim nhân hậu đã vô cùng ân hận về vai trò bất đắc dĩ mà mình đã đảm nhiệm trong vụ công tước Enghien. Ông muốn, như ông nói, là xoá đi vết nhơ mà Bonaparte đã vấy lên bộ quân phục của mình. Ân chuẩn cho hầu tước Rivière là kết quả nối tiếp với ân huệ bản cho ngài Polignac. Chính ngài

Réal đích thân đến thông báo cho hầu tước Rivière ân huệ mình được hưởng. Tuy thế Réal không thể lôi kéo con người này đứng về phe của mình.

-Hoàng đánh giá rất cao về lòng trung thành và lòng can đảm nên sẵn sàng mở lượng khoa hồng cho ông. – Ngài Réal nói – Ngoài ra, ngài sẽ rất vui khi thấy ông phục vụ cho ngài và giữ lời hứa. Ông có muốn một trung đoàn không?

-Tôi rất vui sướng và tự hào được cầm quân chỉ huy quân đội Pháp – Hầu tước Rivière đáp – Nhưng tôi không thể chấp nhận phục vụ dưới một lá cờ khác được.

-Ban đầu ông có thể theo ngành ngoại giao cũng được. Ông có vui lòng làm đại sứ tại Đức không?

-Trước đây tôi đã được thay mặt nhà vua đến làm đại sứ tại vài nơi trên đất nước Đức. Khi làm việt đó tôi là kẻ thù của các vị. Giờ đây, các quốc gia ấy sẽ nghĩ gì về tôi khi tôi lại đi thương lượng vì lợi ích trái ngược với lợi ích tôi từng chiến đấu vì nó cho đến giờ phút này? Tôi sẽ mất hết danh dự nên tôi không thể chấp nhận.

-Nếu vậy ông hãy tham gia vào chính quyền? Ông có muốn làm tỉnh trưởng không?

-Tôi là dân binh nghiệp nên sẽ trở thành một tỉnh trưởng tồi.

-Thế ông muốn gì?

-Một điều cực kỳ đơn giản. Tôi đã bị kết án, tôi muốn chịu hình phạt của mình.

-Ông là người chính trực đấy – Ngài Réal cười khi đi ra – nếu tôi giúp được gì hãy nói với tôi nhé.

Sau đó, ngài Réal cho gọi Georges.

-Ông Georges, tôi sẽ xin ân xá cho ông đến hoàng đế. Chắc chắn ngài sẽ chấp nhận và điều này phụ thuộc vào ông, chỉ một lời hứa ông không làm phản nữa. Hãy chấp nhận phục vụ trong quân đội.

Nhưng Georges đã lắc đầu.

-Những người bạn của tôi đã theo tôi về Pháp, bây giờ đến lượt tôi cũng phải theo họ lên đoạn đầu đài chứ.

Tất cả những trái tim vĩ đại đều quan tâm đến tướng Georges, chính vì vậy nên sau khi có được ân huệ cho hầu tước Rivière, Murat lại tiếp tục nài nỉ xin cho Georges.

-Nếu như hệ hạ đã ân chuẩn cho anh em Polignac và những người khác thì tại sao lại không đại xá cho Georges? Ông ta là một con người có tính cách lớn. Nếu bệ hạ muốn ban mạng sống cho ông ta, thần sẽ nhận ông ta làm tuỳ tùng.

-Kỳ thực, ta cũng tin như vậy – Napoléon nói – Nhưng kẻ quỷ quyệt ấy còn muốn ta ân xá cho tất cả chiến hữu của hắn cơ. Điều này không thể được. Trong

số đó có những kẻ mắc tội sát nhân ngay giữa thanh thiên bạch nhật. Còn lại, ông muốn làm gì thì tuỳ. Việc của ông là sẽ làm sẽ phải làm tốt.

Quả nhiên Murat đến ngục giam Georges cùng các chiến hữu của ông ta. Ngày hôm sau sẽ là buổi hành hình. Murat thấy tất cả đang cầu nguyện, không ai quay đầu lại khi ông xuất hiện.

Về phần mình, Murat cũng chờ cho mọi người cầu nguyện xong mới nói riêng với Georges.

-Nhân danh Hoàng đế, tôi đến để dành cho ông một việc trong quân đội.

-Thưa ngài – Georges trả lời – Điều này người ta tặng cho tôi sáng nay và tôi đã từ chối.

-Tôi sẽ thêm vào những gì ngài Réal đã nói là ân xá tương tự cũng sẽ dành cho chiến hữu của ngài, những ai muốn phục vụ cho Hoàng đế sẵn sàng quên mình vì nghiệp lớn.

-Nếu vậy, cho phép tôi bàn bạc với các bạn hữu của mình vì đây không chỉ liên quan đến mình tôi – Georges đáp.

Rồi ông ta quay lại nhắc lại rõ ràng những gì ông Murat vừa thì thầm với mình, sau đó ông ta im lặng chờ đợi, không gắng tác động để họ đồng ý hay phản đối lời đề nghị.

Burban là người đầu tiên đứng dậy, ngả mũ và hô to: -Đức vua vạn tuế.

Lập tức hơn chục giọng nói đồng thanh hô vang như vậy.

Thế là Georges quay lại nói với Murat: -Ngài cũng thấy rồi đấy, chúng tôi chỉ có một suy nghĩ chung và một lời tung hô "Đức vua vạn tuế". Làm ơn hãy chuyển ý của chúng tôi đến người đã phái ngài đến đây.

Hôm sau, ngày 25 tháng Sáu năm 1804, chiếc xe đưa các phạm nhân ra pháp trường đã dừng lại dưới chân đoạn đầu đài.

Đã có một ngoại lệ hầu như là duy nhất trọng lịch sở hành quyết đẫm máu của ngành tư pháp, đó là dù Georges là thủ lĩnh cuộc mưu phản này ông ta vẫn bị xử trước tiên. Chắc đây là yêu cầu của ông ta vì sợ rằng nếu sống sót sau khi các bạn của ông ta đã chết, họ sẽ chết với ý nghĩ người ta dành cho ông ta chết sau cùng để nhờ có chịu ân xá cũng không phải xấu hổ với họ.

Có một sự việc bất ngờ khiến cho cảnh máu chảy đầu rơi trước bàn dân thiên hạ bị kéo dài. Số là Louis Ducorps, người số sáu và Lemercier, tử tội số bảy đến lượt lên máy chém trước Coster Saint-Victor. Nhưng họ nói có điều muốn khai nên được đưa đến chỗ thị trưởng Paris. Trong một tiếng rưỡi, họ khai lan man toàn những điều vô nghĩa và trong một tiếng rưỡi ấy, lưỡi dao của máy chém nằm im. Coster Saint-Victor, cái anh chàng lịch sự liền hỏi liệu có nhân sự chậm trễ này để mời một thợ cạo râu đến hay không "Vì – Anh ta nói với đao phủ – ông cũng thấy cả đám phụ nữ đến đây chỉ vì tôi, tôi biết gần hết họ, bốn ngày trước

tôi đã yêu cầu mời thợ cạo đến nhà tù thế mà cả bốn ngày họ đều chối: bây giờ nhìn tôi xấu xí quá."

Lần này nữa, việc mời thợ cạo râu lại bị từ chối khiến quý ông đẹp trai đành ôm thất vọng trong lòng. Cuối cùng Ducorps và Lemener cũng đến, họ không đạt được sự ân xá nào và thế là cỗ máy tàn bạo lần lượt ngốn ngấu đến người cuối cùng.

Chuông đồng hồ trên Toà Thị chánh điểm hai giờ, đó cũng là thời điểm đánh dấu tất cả sức mạnh thật sự của Napoléon. Năm 1799, ông đã vượt qua những phản kháng chính trị bằng các lật đổ chế độ Đốc chính. Năm 1802, ông vượt qua phản kháng dân sự khi bãi bỏ viện dự luật. Năm 1804, ông đã chiến thắng sự kháng cự quân sự trong âm mưu làm phản do quân lưu vong liên kết với giới tướng lĩnh cộng hoà thực hiện, Pichegru, đối thủ duy nhất bị siết cổ, Moreau bị đi đày biệt xứ. Sau mười hai năm chiến đấu khủng bố, âm mưu lật đổ, các đảng phái liên tiếp thay đổi, kế vị lẫn nhau, đã kết thúc phong trào cách mạng: Nó dần dần được thành lập qua con người ông và thực tế trên đồng tiền năm 1804 đã mang dòng chữ: Nước Cộng hoà Pháp, Hoàng đế Napoléon.

Cũng chính tối hôm đó, tối ngày 25 tháng Sáu năm 1804, Fouché đến thăm vị tân Hoàng đế. Để thưởng cho những phục vụ tận tuy trong vụ việc mới đây, hoàng đế đã khôi phục cho ông ta chức cũ ở Bộ Cảnh sát. Trong buổi tối hôm ấy, khi nói chuyện với Napoléon bên cửa sổ, nhận thấy đã đến thời điểm thích hợp, Fouché nói: -Tâu bệ hạ, chúng ta nên làm gì với chàng trai đáng thương đã chờ quyết định của Ngài suốt ba năm trong xà lim Abbaye?

-Chàng trai trẻ đáng thương nào?

-Bá tước Sainte-Hermine.

-Bá tước Sainte-Hermine à? Là ai thế?

-Là người đã cưới tiểu thư Sourdis và mất tích trong đêm ký giấy hôn ước đó.

-Anh chàng cướp xe ngựa chứ gì?

-Vâng.

-Anh ta chưa bị xử bắn sao?

-Chưa!

-Ta đã ra lệnh rồi cơ mà?

-Ngược lại, đây là động thái sai lầm nhất đấy ạ.

-Nếu thế thì…

-Thần cũng chờ giây phút này. Thực ra, ba năm tù cho một lỗi như thế theo thần có lẽ là hơi nặng.

-Được rồi, hãy cho anh ta làm lính bình thường trong quân đội.

-Anh ta được tự do chọn đội nào chứ? – Fouché hỏi.

-Cho hắn chọn – Bonaparte đáp – Nhưng đừng bao giờ mong trở thành sĩ quan.

-Tâu được thưa bệ hạ… Chính anh ta sẽ là cánh tay đắc lực cho ngài.

§48. Sau ba năm tù

Chưa đến một tiếng kể từ lúc diễn ra cuộc gặp giữa ngài Bộ trưởng cảnh sát với hoàng đế thì một tên mõ toà gác cửa của ngài Fouché đã thông báo: -Phạm nhân đã đến.

Fouché quay đầu lại phía cửa mở và thấy đúng là Sainte-Hermine đi giữa hai cảnh sát. Ngài Bộ trưởng ra hiệu cho Sainte-Hermine lại gần.

Từ hôm bị bắt, từ lúc anh hy vọng Fouché cho xử bắn không cần kết án, ngài Bộ trưởng này không hề quay lại. Tám ngày, mười lăm ngày, thậm chí một tháng trôi đi, mỗi lần tiếng chìa khoá xoay lách cách bên cánh cửa phòng giam mình, Sainte-Hermine đều lao về đó hy vọng người ta mang anh đi hành hình. Rồi lập tức anh hiểu rằng, mình lại phải tiếp tục nhẫn nhục sống. Một nỗi sợ đã từng xâm chiếm lấy anh, đó là người ta sẽ giữ anh để làm chứng cho những vụ xử án tiếp theo thì sao. Anh trải qua hai tháng lo sợ như vậy, rồi nó cũng tan đi như chính hy vọng của anh tan thành mây khói. Với anh, đó là thời điểm mà thời gian như ngừng trôi, quấy đảo anh bằng hai thứ tình cảm khác nhau, nối tiếp nhau trong tâm hồn. Buồn quá, anh yêu cầu sách, người ta đáp ứng cho anh. Anh lại yêu cầu bút chì, giấy vẽ, dụng cụ toán học, người ta cũng đáp ứng đầy đủ. Anh lại đòi mực, giấy viết, bút lông ngỗng tất cả đều được manh đến.

Rồi những đêm đông đằng đẵng đến, khi mà bốn giờ chiều trong khám đã tối đen như mực thì Hector yêu cầu một ngọn đèn.

Dù hơi khó nhưng cuối cùng người ta cũng cho anh. Anh lại xin phép được đi dạo hai tiếng một ngày trong vườn. Cứ như thế cuộc sống của anh đã qua ba năm trong tù.

Trong thời điểm rực rỡ, có những độ tuổi mà bất hạnh chỉ càng tôn thêm cho người ta về đẹp hình thể và phẩm hạnh đạo đức.

Hector đã hơn hai mươi lăm tuổi và có hoàn cảnh đặc biệt. Trong chuỗi ngày dài bị giam cầm, khuôn mặt anh mất dần vẻ thơ ngây nét tươi hồng trên đôi má nhường chỗ cho nước da bánh mật, vài vết nâu xám, đôi mắt to ra do phải gắng nhìn trong bóng tối râu mọc nhiều và nét đàn ông lộ rõ trên khuôn mặt. Trên đó còn hiện ra ba sắc thái khác nhau khó phân biệt khi chúng hoà tan vào nhau, đó là trầm tư, mơ mộng và đượm buồn.

Với nhu cầu tiêu tán năng lượng thể chất, anh tự giải toả bằng những bài tập thể dục, anh đã xin các quả tạ tập nâng. Anh còn leo dây bằng tay trần. Tóm lại, tất cả những bài tập hiện đại giúp thanh niên hiện đại ngày nay hoàn thiện giáo dục thể chất anh đã phải tự nghĩ ra, không phải để hoàn thiện giáo dục thể chất mà để giải trí.

Như vậy, sau ba năm tù, Sainte-Hermine đã nghiên cứu rất sâu sắc tất cả những gì người ta có thể học được một mình: địa lý, toán học, lịch sử. Thời trẻ đam mê du lịch, anh đã học tiếng Đức, tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha và nói giỏi như tiếng mẹ đẻ. Không được đi đâu, dựa vào sự cho phép gởi sách vở, anh đã đi du lịch trên các bản đồ Ấn Độ nơi vừa trải qua cuộc tranh chấp nảy lửa với những người Anh: Haider – Ali và con trai của mình ngài Tippoo, ngài pháp quan Suffren, Bussy và Dupleix đặc biệt thu hút sự chú ý của anh và trở thành đối tượng nghiên cứu.

Anh đã quen với cuộc sống như vậy cho nên mệnh lệnh đến gặp ngài Bộ trưởng cảnh sát là một sự kiện lớn với anh, và cũng phải nói thật, khi nhận lệnh không khỏi không có nỗi sợ mơ hồ thoáng hiện ra trong lòng anh.

Hector nhận ra ngay Fouché. Ông này không thay đổi gì mấy có chăng cũng chỉ là bộ quần áo thêu thùa cộng với cách gọi Đức ông mà thôi. Nhưng với Sainte-Hermine thì khác, Fouché đã phải nhìn hai lần mới nhận ra anh.

Vừa đứng trước ông Bộ trưởng, mọi kỷ niệm cũ lại ùa về đánh thức Sainte-Hermine.

-A, ngài đây rồi – Anh nói để phá vỡ sự im lặng – Đó là cách ngài giữ lời với tôi đấy!

-Chắc anh trách tôi nhiều lắm vì tôi buộc anh phải sống đúng không? – Fouché nói.

Sainte-Hermine cười buồn.

-Liệu đó có phải là cuộc sống khi ở trong một phòng mười hai bộ vuông với khung cửa song sắt và hai ổ khoá chăng?

-Dẫu sao người ta vẫn thoải mái trong một phòng mười hai bộ vuông hơn là trong cái quan tài dài sáu bộ, rộng hai bộ.

-Dù cỗ quan tài có chật chội đến đâu người ta vẫn thoải mái hơn trong cái chết.

-Thế hôm nay anh có cố chết như lần trước không?

Sainte-Hermine nhún vai.

-Không. Ngày trước tôi ghét cuộc sống, giờ đây, với tôi nó đã khác vả lại nếu ông muốn chẳng phải đến lượt tôi đó sao?

-Sao lại đến lượt anh? – Fouché hỏi.

-Thì các ông đã xong việc với công tước Enghien, tướng Pichegru, Moreau và Cadoudal và ba năm, bây giờ đến lượt tôi thì phải.

-Anh bạn thân mến của tôi – Fouché đáp – Khi Tar quin muốn Sextus biết mệnh lệnh của mình, ông ta đâu phải lật hết gạch trong vườn nhà mình lên mà chỉ cần những cái đầu quan trọng thôi.

-Tôi phải trả lời cho ngài sao đây thưa ngài? – Hector đỏ mặt nói – Chẳng lẽ cất đầu của tôi chẳng đáng một xu để đốn đi chăng?

-Tôi không có ý làm anh bị tổn thương nhưng ngay bản thân anh cũng tự nhận ra rằng anh chẳng thuộc hàng vương tôn dòng dõi như công tước Enghien, chẳng phải kẻ thắng trận lẫy lừng như tướng Pichegru, không phải đại vĩ nhân thao lược như Moreau hay một tay chân nổi tiếng như Georges.

-Ngài nói đúng – Hector cúi đầu nói – tôi chẳng là gì so với những cái tên ngài vừa kể.

-Tuy nhiên, – Fouché nói tiếp – Ngoại trừ dòng máu hoàng tộc anh có thể trở thành người như tất cả bọn họ.

-Tôi ư?

-Tất nhiên. Anh có bị đối xử trong nhà giam như một người sau khi ra tù phải tìm cái chết không? Người ta có làm trí óc anh bị điêu đứng, dày xéo tâm hồn hay trà đạp tim anh không? Anh có muốn điều gì mà lại không được đáp ứng không? Điều đó không chứng tỏ cho anh thấy mối thiện cảm chúng tôi dành cho anh sao? Ba năm qua của anh hoàn toàn không phải là sự trừng phạt mà là hoàn thiện việc học hành cho anh.

-Nhưng tôi cũng phải chịu hình phạt gì chứ? – Sainte-Hermine sốt ruột kêu lên.

-Bị phạt vào quân đội với tư cách là một lính bình thường.

-Thế thì chẳng có tước hiệu gì.

-Thế khi đi cướp anh có quân hàm gì không?

-Sao cơ?

-Tôi hỏi anh lúc làm đồng đảng Jéhu anh có được phong cấp bậc gì không.

Hector cúi đầu.

-Ông nói đúng, tôi sẽ chỉ là một lính quèn.

-Này, hãy tự hào về điều đó, Marceau, Hoche, Klébet cũng bắt đầu sự nghiệp của mình chỉ là không binh lính thường thế mà họ đã trở thành các đại tướng. Jourdan, Masséna, Lannes, Berthier, Augereau, Brune, Murat, Bessières, Moncey, Mortier, Soult Davout, Bemadotte ngày nay là thống soái trước đây cũng chỉ là lính quèn. Hãy bắt đầu như họ và cũng kết thúc như họ.

-Thế là tôi sẽ bị buộc phải phục vụ cho một nhà nước ác cảm với gia đình tôi và không chấp nhận họ.

-Anh phải thừa nhận rằng lúc anh đi tấn công xe thuế trong rừng Vemon, anh không có thời gian để có thiện cảm hay ác cảm. Anh chỉ tuân lệnh theo truyền thống của gia đình chứ không theo lý lẽ sai bảo. Từ khi ở tù, từ khi anh để mắt đến không chuyện đã qua và khả năng tương lai sẽ đến anh cũng nhận ra rằng thế giới cũ đã sụp đổ và mọc trên những đống đổ nát là một thế giới mới. Tất cả những gì liên quan, hiện thân hay dính dáng đến thế giới cũ đã chết một cách tàn khốc, dữ dằn và định mệnh. Từ ngai vàng đến hàng lính áp chót, từ những quan niệm hàng đầu đến xã trưởng trong làng, anh đều thấy họ đã thay đổi, cha anh,

hai anh trai của anh đều đã lui vào quá khứ còn anh thuộc về thế giới tương lai, tôi chắc trong đầu anh cũng có lý lẽ như tôi vậy.

-Tôi phải thừa nhận với ngài rằng có rất nhiều điều ngài vừa nói là sự thật, ngay cả đức vua Louis XVI và hoàng hậu Marie-Antoinette cũng là đại diện cho thế hệ cũ còn ngài Bonaparte và hoàng hậu Joséphine thuộc thế hệ thứ hai, đại diện cho thời đại mới.

-Quả nhiên tôi đã không nhầm và tôi rất vui về điều đó, anh là một người thông minh như tôi dự đoán.

-Liệu tôi có thể xoá đi vết tích quá khứ và bắt đầu bằng cái tên khác không?

-Được chứ, không chỉ anh có thể mang tên khác mà anh còn có quyền lựa chọn đội quân nào mà anh bị kết án phải phục vụ.

-Xin cảm ơn ông.

-Anh còn muốn gì không?

-Không, trên con đường tôi đi, tôi sẽ là hạt bụi cho gió cuốn.

-Tại sao lại để cuốn theo chiều gió khi mà người ta có thể chống lại nó? Anh có muốn lời khuyên của tôi không, về việc chọn quân đội ấy?

-Xin ông cứ nói.

-Chúng ta sắp có một cuộc chiến nảy lửa với quân Anh, một cuộc chiến trên biển, nếu chọn, hãy chọn làm thuỷ thủ.

-Tôi cũng nghĩ đến điều đó – Hector đáp.

Trong gia đình anh đã có các bậc tiền bối như vậy: năm trong số các ông của anh mang tên như anh từng chỉ huy hạm đội năm 1734 và giữ cấp bậc danh giá. Chú ruột của anh cũng từng là thiếu tá hải quân, anh rõ điều này hơn ai hết vì đến năm 14 tuổi anh còn phục vụ dưới quyền ông ấy như một hoa tiêu nhỏ. Hiểu biết về hàng hải của anh gần như hoàn tất một nửa khi anh trèo lên cầu tàu.

-Ngài biết rõ về quá khứ gia đình tôi từ hơn một thế kỷ nay vậy ngài có thể cho tôi biết hiện giờ chú của tôi ra sao không? Vì ba năm trong tù tôi như bị tách biệt hẳn khỏi thế giới.

-Chú của anh là một người phục vụ trung thành cho nhà vua đã xin từ chức sau cái chết của công tước Enghien, ông đã cùng hai em họ của anh sang sống ở nước Anh.

-Bao giờ thì tôi bắt đầu công việc?

-Anh mất bao nhiêu lâu để về nhà xếp sắp công việc của mình?

-Mọi việc của tôi sẽ nhanh chóng ổn thoả thôi vì tôi đoán chắc tài sản của mình đã bị xung công rồi.

-Tài sản của anh vẫn còn nguyên nếu quản gia nhà anh không lấy trộm. Anh sẽ thấy ba năm tiền tô tức trong ngăn kéo, ba trăm nghìn phăng, một khoản lớn ở nông thôn cho một anh thuỷ thủ đấy.

-Thưa ngài, sau những gì ngài nói, tôi mang ơn ngài rất nhiều. Tuy thế, tôi vẫn chưa nghĩ đến việc cảm ơn ngài. Xin hãy đặt địa vị của ngài vào hoàn cảnh đặc biệt bối rối của tôi đây và đừng cho tôi là kẻ bạc bẽo.

-Tôi không nghĩ anh sẽ là kẻ bạc bẽo khi nghe lời khuyên quý báu mà tôi để đến cuối cùng vì nó cực kỳ quan trọng.

-Xin ngài cứ nói.

-Anh đừng tòng quân vào hải quân Đế chế.

-Thế ngài muốn tôi đầu quân vào đâu?

-Hãy xin vào một tàu chặn đánh trên biển. Luật pháp vừa trưng dụng tất cả các tàu chặn biển thành tài sản quốc gia, nếu phục vụ như một thuỷ thủ bình thường, anh sẽ không phải theo kỷ luật của chiến hạm. Trên tàu, khoảng cách cấp bậc cũng không rõ ràng lắm, anh có thể nhanh chóng làm thân với thuyền trưởng, tham gia chiến đấu cùng ông ta và nhanh chóng có được cấp bậc.

Khi trở thành bộ phận hải quân không thường trực trong hệ thống hải quân Quốc gia, thâm niên của anh sẽ được tính từ ngày đầu anh phục vụ cho bác của mình.

-Thưa ngài Fouché – Hector ngạc nhiên trước ưu ái lớn từ một con người có bề ngoài không mấy thân thiện này – Tôi phải làm gì cho xứng với sự quan tâm đặc biệt của ngài như vậy?

-Thú thật tôi cũng chẳng hiểu, bản thân tôi cũng không nhận ra mình nữa – Ngài Bộ trưởng cảnh sát đáp – Chỉ có điều tôi hay quan tâm đến những người thực sự thông minh, biết bộc lộ điều đó trong những hoàn cảnh khó khăn. Tôi không biết chuyện gì sẽ xảy ra với anh nhưng anh sẽ thấy một ngày nào đó, anh sẽ cảm ơn tôi với cương vị cao hơn hôm nay.

-Thưa ngài – Sainte-Hermine cúi mình nói – Ngay từ hôm nay, tôi sẵn sàng phục vụ ngài, ngay cả khi phải dùng mạng sống của tôi.

-Hôm nào tòng quân, đừng quên gửi cho tôi tên con tàu và số hiệu của anh trong thuỷ thủ đoàn, cả bí danh của anh nữa đấy, anh đã nói sẽ phục vụ dưới một cái tên khác, đúng không?

-Vâng, thưa ngài, cái tên Sainte-Hermine đã chết rồi.

-Với tất cả mọi người chứ?

-Với tất cả nhất là với người phải mang nó.

-Cho tận đến khi anh ta phục sinh với tước hiệu Tư lệnh hay Tướng quân, đúng không?

-Nhưng trước khi đến lúc đó, tôi hy vọng con người mà ngài kỳ vọng ấy được sung sướng và quên tôi đi.

-Tuy nhiên nếu con ông ấy hỏi tôi, với cương vị là Bộ trưởng cảnh sát, tôi phải biết tất cả mọi chuyện, anh đã chết như thế nào thì tôi biết ăn nói sao đây?

-Ngài hãy đáp rằng tôi đã chết bằng tất cả niềm tôn kính mà tôi mang nợ ông ấy và bằng tất cả tình yêu của tôi.

-Anh được tự do – Fouché nói và mở cửa kèm theo hai tiếng vỗ tay.

Đám cảnh binh lui gót còn bá tước Sainte-Hermine cúi chào đi ra.

§49. Thành Saint-Malo

Nằm giữa một trong số những vịnh hằng hà vô số vịnh tô điểm dải bờ biển nước Pháp, từ Calais đến Brest, giữa vùng Normandie và Bretagne, giữa núi La Hague và mũi Tréguier, đối diện với những hòn đảo lâu đời như Jercey, Guemesey và Aungny, nổi lên trên một đảo đá, giống như cái tổ chim trên biển, là thành phố Saint-Malo nhỏ bé.

Ngày xưa, từ thời nguyên thuỷ khi mà Bretagne còn gọi là Armonque, nơi đây bị chia cắt bằng những cánh rừng và thảo nguyên trong đó có các đảo nhỏ bao quanh Saint-Malo và những hòn đảo kể trên cũng có thể thuộc vào số đó. Nhưng một trận địa chấn năm 709 trước công nguyên đã nhấn chìm một phần mũi này, kéo dài đến tận thượng miền mũi La Hague và Tréguier biến Saint-Malo thành một hòn đảo.

Những lần xâm chiếm của đám cướp biển Normand khiến vua Charlemagne phải nhỏ lệ trên linh sàng của mình. Chúng buộc dân cư quanh đó phải đi di trú đến đảo Saint-Malo. Từ năm 1143 đến năm 1152, giáo chủ Jean de Châtillon biến nơi này thành trụ sở giám mục sau khi truất quyền các linh mục từ Mannoutier.

Kể từ thời kỳ đó, một cuộc sống mới được hình thành: cô con gái của biển hoang này đã phát triển nhanh chóng dưới bàn tay của các thuỷ thủ tài ba và dưới sự lãnh đạo của đức giám mục cùng tập đoàn tu sĩ. Tổ chức này ưu tiên nguyên tắc cộng đồng và quyền dân tộc, phát triển dân cư bằng cách biến nơi đây thành miền đất tị nạn. Nó tạo thành một vùng Cộng hoà độc lập giữa miền Bretagne.

Quyền bất khả xâm phạm trên mảnh đất tị nạn đã cứu được mạng sống của bá tước Richemont trẻ tuổi khỏi nhà Lancastre, sau này trở thành vua dưới cái tên Henri VII. Ngoài ra còn có Edouard Đệ tứ vua đầu tiên của nhà York cũng đến cư trú trong nhà thờ Saint-Malo năm 1475.

Có một điều lạ lùng là ban đêm, khi thuỷ triều hạ, các con thuyền được một toán khoảng hai mươi tư con chó nhập từ nước Anh canh giữ.

Tập quán này được hình thành từ năm 1145 theo sự nhất trí của tập đoàn giáo sĩ và cả cộng đồng. Đội quân Anh này phục vụ liên tục đến năm 1770 vào thời điểm này, có một sĩ quan trẻ coi thường đội quân bốn chân vẫn nghênh ngang khi đã có lệnh giới nghiêm nên bị lũ chó xâu xé. Từ đó, hội đồng quyết định đầu độc chúng.

Về tường thành, người đảo Saint-Malo chỉ tin vào sự bảo vệ của chính mình. Đây là một câu chuyện dài đầy vinh quang được truyền tụng trên khắp các con tàu lướt trên sóng trước mũi tàu để vượt qua các chiến hạm Anh, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha.

Không một quốc gia nào lại có những cuộc chiến oanh liệt như cái dân tộc nhỏ bé mà người ta đi hết tường bao quanh thành chỉ trong vòng một tiếng đồng hồ này.

Ngay từ năm 1234, người dân đảo Saint-Malo đã cày những lớp sóng bạc trên đại dương. Chính Matthiew Paris đã phải gọi họ là những đội quân tinh lẹ trên biển.

Saint Louis tiếp tục mở mang chiến công của những tay đua táo bạo này. Ông tập hợp họ, chiến đấu với tàu chiến Anh do đô đốc Dubourg chỉ huy. Viên Đô đốc Anh quốc bị đánh bại phải kéo quân về cầu cảng quân sự của mình.

Ngày tháng Tư năm 1270, Saint Louis lại tiếp tục cuộc thập tự chinh cuối cùng đội chiến thuyền Saint-Malo trung thành với lời kêu gọi đã đến nơi đúng hẹn ở Aigues-Mortes.

Chiến hạm Saint-Malo được vinh hiển cho đến trận Écluse thì chịu thua trước liên quân Anh và người Flamand. Người Malo thoả thuận với kẻ thù, nhưng khi công tước Jean de Montfort bị đuổi khỏi chính quyền và đi sống lưu vong tại Anh thì đảo Saint-Malo chịu sự cai trị dưới tay vua Charles Đệ ngũ. Thế là công tước Lancastre muốn chiếm toàn bộ Saint-Malo. Ông ta hy vọng có thể dựa vào lực lượng pháo binh của mình nhưng người dân Malo đã tập kích ban đêm hạ thủ những binh lính ẩn dưới hầm. Froissart cho rằng cuộc tấn công này khiến cho Lancastre và toàn bộ quân đội của ông ta phải hổ thẹn.

Công tước Jean, sau khi lấy lại đất phong của mình cũng muốn chinh phạt Saint-Malo. Nhưng người dân Malo đâu dễ để bị chiếm. Giống như đã đồng ý để vua Charles Đệ ngũ cai quản, họ tiếp tục đứng về phía vua Charles VI và bắt đầu dưới sự trị vì mới này bằng việc đưa thuyền tiến sang bờ biển nước Anh.

Ngày 25 tháng Mười năm 1415, giờ định mệnh trận Azincourt đã điểm. Nước Pháp thất bại. Công tước nước Anh chiếm lại Saint-Malo, dân chúng nơi đây đón nhận điều đó bằng việc treo cờ đốm lông chồn và mặc váy trắng.

Nước Anh thắng trận mở rộng việc cai trị trên toàn lãnh thổ Pháp. Cờ hiệu bay phấp phới trên đỉnh nhà thờ Notre-Dame và trên tất cả các pháo đài miền Normand. Chỉ duy nhất trên đỉnh đồi Saint-Michel, lá cờ ba bông huệ còn chống lại sự thất bại của chúng ta. Một con tàu đã cập bến đến nơi anh hùng ấy, giáo chủ Guillame de Montfort đã dội vũ khí lên đội hải quân Anh. Dù ít hơn về số lượng và tầm cỡ, những con tàu cột buồm đảo Saint-Malo vẫn đánh giáp mặt với tàu chiến Anh. Cuộc chiến đấu ấy vô cùng ác liệt và vô vọng. Cuối cùng chiến hạm Anh bị thua, hạm đội bị tiêu diệt. Trước lời reo hò chiến thắng của người Malo, nước Pháp thua cuộc đã phải ngẩng đầu ngạc nhiên và thở phào.

Người ta cứ tưởng tất cả phần lãnh thổ ấy của mình đã bị tuyệt diệt, còn Saint-Michel được cứu trợ nhân lực và thực phẩm kịp thời.

Ngày 6 tháng Tám năm 1425, vua Charles VII tuyên bố tàu thuyền Saint-Malo được miễn mọi áp đặt cữ trong vòng ba năm.

Quyền độc lập này lại được nhân lên gấp đôi nhờ vua François Đệ nhất của Bretagne.

Năm 1466, với ý định khôi phục lại dân số ở Paris đã bị giảm trong cuộc chiến tranh công ích, vua Louis XI đã lấy mô hình tự do và miễn phạt của thành phố Saint-Malo để áp dụng cho Paris.

Vào năm 1492, cùng thời điểm Christophe Colomb tìm ra châu Mỹ, người dân Saint-Malo cùng với người Dieppois và Biscaiens đã tìm ra đảo Đất Mới và vài vùng biển hạ lưu Canada.

Năm 1505, công chúa Anne, con gái của vua François Đệ nhị là vị hôn thê của ông hoàng xứ Gall (từng treo cổ chú mình là Gloucester) là người liên tiếp kết hôn với hai ông vua nước Pháp là Charles VIII và Louis XII đã đến Saint-Malo. Bà cho tiếp tục xây lâu đài đang dang dở mặc cho hội đồng linh mục phản đối. Để chứng tỏ ít khi phải chịu sự chống đối như vậy, bà ta cho khắc lên tháp pháo đài hướng vào thành lời thách thức "Bất kỳ ai phàn nàn! Việc sẽ là vậy! Đó là ý thích của ta!"

Cùng năm mà người dân Saint-Malo có được toà thị sảnh trên tức là có quyền tự trị của mình thì Jacques Cartier, tức Christophe Colomb của Canada ra đời. Đó là người đầu tiên mang về cho Saint-Malo loài cá quý hiếm tạo thành một nền thương mại làm giàu cho một phần ba châu Âu.

Kể từ đó, người dân Malo đi thám hiểm khắp nơi, họ theo chân Charles Quint đến châu Phi khi ông sắp lập ngai vàng Moulay Hassan, tức vua Tunis và trang bị vũ khí đi đến Đại Ấn sau người Bồ Đào Nha.

Một người Saint-Malo khác là phó giám mục Ébard đã dám mang gửi trả lại vua Henri VIII bản án ly khai mà Paul Đệ tam đã chống lại ông.

Cuộc chiến Anh – Pháp năm 1512 lại nổ ra rất ác liệt. Người Saint-Malo lại cầm vũ khí chống lại quân Anh đang đổ bộ trên đảo Cézembre, làm tiêu hao một số và buộc số khác phải lên tàu quay về.

Đến đời vua François Đệ nhất, trong cuộc chiến với Tây Ban Nha, ai là người ông kêu gọi giúp cho đô đốc Arinebaut? Chính là người Saint-Malo.

Cuộc thảm sát Saint-Barthélemy diễn ra nhưng người Saint-Malo từ chối tham gia nên không một giáo đồ Calvin nào bị sát hại ở Saint-Malo. Nhưng năm sau, khi xảy ra vụ Bell-Isle họ lại cầm vũ khí, chuẩn bị lực lượng đuổi Montgomery với cái giá sáu mươi mạng người trong số họ.

Người Saint-Malo trở thành liên minh cũng nồng nhiệt như cách họ làm những việc khác. Chẳng hạn khi họ được tin vua Henri Đệ tam bị sát hại và vua nước Pháp hiện tại là Henri Đệ tứ, cả thành phố tiếp nhận cả hai sự kiện bằng sự im lặng ủ ê. Chỉ riêng ngài Fontaine, người đứng đầu là bày tỏ mong muốn được

đặt dưới quyền một ông vua thừa kế. Ngay lập tức, người Malo cầm khí giới thề rằng thành phố và nhân dân chỉ chịu sự quản lý khi "Chúa ban cho nước Pháp một ông vua theo đạo Cơ đốc" mà thôi.

Nhưng khi đến vua Henri Đệ tứ sớm bị truất ngôi. Không có tiền, đức vua không thể đến Bretagne đành chịu khuất phục công tước Mercoeur. Được tin, dân Saint-Malo lại giúp cho vua số đại bác, thuốc súng, tiền bạc như ngài yêu cầu. Họ góp 12 nghìn êcu vào khoản đó.

Thế mà cũng chính họ đã giết chết người đứng đầu toà lâu đài ông Fontaine, vì ông này phản bội lại lợi ích của họ, phản bội lại những gì họ dự đoán, ông ta nói rằng nếu vua Henri Đệ tứ muốn vào thành, ông ta sẽ tiếp ngài ở lâu đài. Nhưng như chúng tôi đã nói ở trên, chỉ khi vua Henri Đệ tứ bị truất ngôi, dân Malo lại trở thành người ủng hộ tin cẩn nhất của ngài, sẵn sàng bắt đầu một cuộc chiến chống lại quân đồng minh.

Cũng chính vua Henri Đệ tứ đã viết về họ rằng họ là "Những người trung gian thân cận, thẳng thắn và đứng đắn nhất mà người ta có thể mong đợi" và ngài cũng can thiệp với nữ hoàng Elisabeth chống lại bọn cướp biển Anh.

Khi bắt đầu thế kỷ XVII, Saint-Malo đã trở thành một miền biển phồn thịnh và lớn mạnh. Năm 1601, hai trong số tàu của họ là Le Croissant và Le Corbin đã đáp đến mũi Hảo Vọng. Năm 1603, ba tàu khác khởi hành "đi thông thương và phát hiện ra miền đất Canada và các xứ lân cận". Năm 1607, bá tước Choisy, cháu của công tước Montmorency được giao nhiệm vụ đi thám hiểm hàng hải với một đội gồm năm tàu lớn là L'archange, Le Choisy L'affection, L'espnt và L'ange. Ông đã nhắm Saint-Malo và coi những người ở đây là các thuỷ thủ giỏi nhất.

Sau khi vua Henri Đệ tứ bị sát hại, vua Louis XIII lên ngôi đã lập tức khẳng định bảo đảm cho người dân Saint-Malo được hưởng mọi đặc quyền như họ đã được hưởng từ cha mình. Ngài còn bảo vệ tàu của người Saint-Malo trong kỳ đánh bắt đến tận đảo Đất Mới.

Ngay cả giáo chủ Richelieu cũng coi trọng Malo trung thành khi ông quyết định đặt trụ sở tại La Rochelle. Lúc ông cần một đội thuỷ quân tương xứng với hạm đội của Buckingham thì ông chỉ có ba mươi tư tàu đánh cá voi. Thế là đảo Malo mang đến cho ông thêm hai mươi hai tàu nữa. Với số dân khoảng tám nghìn người, một thành phố nhỏ bé, một cảng khiêm tốn thế mà cảng Saint-Malo lại được chọn làm trụ sở của Bộ tư lệnh hải quân. Khi Richelieu qua đời, Mazarin lên thay ông ta. Năm 1649, chính quyền đã chọn tàu Saint-Malo để chuyển đến Canada một lượng lớn gái nhà chứa đến miền thuộc địa mới. Đến nơi, cô nào cũng tìm được chồng. Sau mười lăm ngày, không cô nào còn độc thân. Họ mang của hồi môn cho chồng là những con bò, lợn, gà, thịt muối, súng hay mười một đồng êcu.

Giá trị của người Saint-Malo là hiển nhiên đến nỗi các đô đốc có thông lệ chọn thuỷ thủ đoàn cho mình là người Saint-Malo. Ngay cả vua Louis XVL cũng đưa điều đó vào luật.

Lực lượng hàng hải của Saint-Malo bao gồm một trăm năm mươi thuyền buồm, sáu mươi chiếc dưới một trăm tấn, chín mươi chiếc từ một trăm đến bốn trăm tấn. Vào thời điểm đó, các tên tuổi lớn lần lượt xuất hiện. Từ năm 1672 đến 1700 phải kể đến Duffresse des Saudrais, Le Fer de La Bellière, Goin de Beauchesne (người đầu tiên đến mũi Horn), Alain Porée Legoux… Rất nhiều trong số các ngôi sao này đã tắt hoặc mờ đi, chỉ duy nhất còn một vì sao như thần Zeus đó là Duguay-Trouin.

Năm 1704, trong giai đoạn chiến tranh liên miên quá tàn khốc với nước Pháp, Saint-Malo đi chiếm 81 lần trong đó mua đi bán lại kiếm được 2.422.652 livre. Nó mở rộng thông thương đến Moka, chinh phục Rio-Janeiro, chiếm đảo Maurice, khiến đảo này mang tên đảo Pháp, mở mang thành trì, xây dựng tường thành Khi Duguay-Trouin qua đời, Mahé de la Bourdonais tiếp tục quản lý các đảo Pháp.

Trong thời kỳ chiến tranh dưới sự trị vì của vua Louis XV, cuộc chiến kết thúc bằng hiệp ước đáng hổ thẹn năm 1763, Saint-Malo đã chịu tổn thất nặng nề về thương mại. Mặc dù những hy vọng dưới triều vua Louis XVI dành cho nó, sự tăng trưởng luôn đi xuống. Trong cơn bão cách mạng từ 1794 đến 795 thì sự tăng trưởng trở về số không: Cuối năm 1793 nó chỉ còn đôi ba thuyền chở hàng và không có thuyền chặn địch nào.

Cuối tháng Sáu năm 1793, sự ra đi của thái thú Le Carpentier mới khiến Saint-Malo thở phào. Người ta lại có năm tàu chặn nhỏ, từ 1796 đến 1797, con số này đã tăng lên 30. Nhưng nhiều trong số đó chỉ được trang bị súng loe nòng và súng hoả mai. Năm sau, người Saint-Malo đã trang bị được 28 tàu chặn mới. Con số này duy trì đến tận hoà ước năm 1801 với nước Anh.

Nhưng như chúng ta thấy, hoà bình đó chẳng kéo dài được bao lâu. Ngay từ năm 1803, hiềm khích đã bắt đầu gay gắt.

Những anh hùng trong giai đoạn này phải kể đến Le Même, nhà Lejolif, nhà Tréhouart và Surcouf.

Cái tên cuối cùng ấy lại đưa chúng ta về với câu chuyện trong cuốn sách này.

§50. Quán trọ của chị Leroux

Ngày 8 tháng Bảy năm 1804, khoảng mười một giờ trưa, mặc những đám mây nặng nề u ám kéo xuống rất thấp, gần như sát mái nhà như thể chúng vừa chui từ biển lên chứ không phải đáp từ trời cao xuống, một chàng trai trẻ khoảng 25 hay 26 tuổi ra khỏi làng Saint-Servan với một vẻ mặt dửng dưng trước thời tiết ấy rất rõ. Anh ta vừa đi tới đường Châteauneuf.

Suốt chặng đường ấy anh ta chỉ dừng lại để ăn trưa qua loa rồi lại đi qua những mỏm đá hoa cương tiếp tục con đường Boisouze, con đường ngày này đã biến mất nhường chỗ cho đường cái lớn.

Mưa bắt đầu xối xuống chảy thành dòng trên chiếc mũ da và chiếc áo thuỷ thủ cũng không làm anh chàng này rảo bước đi nhanh hơn. Anh ta đi với dáng vẻ nhẹ nhàng với một chiếc túi trên lưng. Biển hú gào đằng sau và cả phía trước nhưng anh không để ý đến biển; tiếng sấm lồng lộn trên đầu nhưng cũng không làm anh e ngại. Khi đến công trường xây dựng, quang cảnh mở ra trước mặt anh, dù rất đáng sợ, cũng không thu hút sự chú ý của anh.

Anh chàng ấy đã đi đến cuối con đường Sillon giao với trại Rocabey. Sillon chỉ là một con đê chắn sóng hẹp được dựng lên chặn giữa eo Manche và vịnh nội địa, nó nối Saint-Malo với Saint-Servan.

Con đê chắn sóng này cao khoảng ba mươi bộ và rộng gần tám bộ. Mỗi lần những con sóng dồn đến đều va vào nó rất mạnh, những đợt sóng chùm lên nó như một mái vòm để ụp vào bãi biển đằng sau với tiếng động ghê sợ trong vịnh. Mỗi khi gió và biển quay cuồng trên eo biển Manche rất đỗi nổi loạn này thì hiếm có người nào dám mạo hiểm đi trên con đường hẹp đó. Người ta đã kể không chỉ người mà cả ngựa cả xe ngựa đã từng bị hất vào vịnh. Cho nên tốt nhất, mọi người chờ đến khi trời đẹp mới đi qua Sillon Thế nhưng anh chàng này vẫn đều bước chân trên con đường ấy. Hai lần trước khi anh kịp đi qua, biển như một con quái vật hai đầu há cái miệng rộng như muốn ngốn ngấu anh ta, đập những đợt sóng khổng lồ như muốn nuốt chàng nhưng anh chàng đó vẫn không vội vàng hơn và khi đến lâu đài anh ta mới đi nép vào tường bao, bức tường dù không ngăn được mưa nhưng cũng chắn bớt sóng và gió.

Chỉ khi nước ngập đến đầu gối, kẻ lữ hành của chúng ta mới đến chân cầu cất để đi vào thành phố. Đến nơi, anh ta dừng lại để xác định hướng rồi đột ngột rẽ trái và nhanh chóng đi đến một quảng trường nhỏ nơi ngày nay là quán cà phê Franklin. Đến đây, anh chàng này như thể nhận ra liền rẽ vào phố nối quảng trường Beune với phố Traversière sau đó thì bị lạc trước các phố chằng chịt, phố rộng nhất chỉ hơn hai mét. Nhìn thấy một thuỷ thủ đang trú mưa cạnh một cánh

cổng, anh vào hỏi: -Này anh bạn, anh có thể chỉ cho tôi quán trọ của chị Leroux ở đâu không?

-Quán Chiến thắng chứ gì? – Người thuỷ thủ hỏi.

-Quán Chiến thắng – Kẻ lữ hành đáp.

-Anh có biết in tiền không anh bạn? – Người thuỷ thủ hỏi.

-Chỉ nghe tên thôi.

-Quỷ tha ma bắt? – Người thuỷ thủ nói.

-Có điều gì không chắc sao?

-Ồ có chứ, chỗ đấy thì dễ lắm nhưng để đến đó phải có cái túi đầy!

-Cứ chỉ chỗ cho tôi, nếu anh muốn ăn tối với tôi, chúng ta sẽ cùng uống chai vang hảo hạng ở đó và sẽ ăn món đùi cừu nuôi ở đồng cỏ mặn.

-Sẵn sàng thôi – Người thuỷ thủ nói – Chẳng tội gì phải từ chối một người bạn. Tôi gọi anh ta là ai nhỉ?

-René – kẻ lữ hành đáp.

-Hay lắm. Mấy giờ?

-Bảy đến tám giờ tối nếu anh muốn. Nhưng tôi thấy anh vẫn chưa trả lời câu hỏi của tôi.

-Câu hỏi gì?

-Tôi hỏi anh đường đến quá trọ của chị Leroux.

-Cách đây hai chục bước thôi – Người thuỷ thủ nói – trên phố Traversière anh sẽ thấy biển hiệu, nhưng đừng quên để được chào đón ở quán. Chiến thắng, trước tiên phải dốc túi vàng lên quầy và nói: "mang đồ ăn và đồ uống cho tôi, có tiền trả đàng hoàng."

-Cảm ơn lời khuyên bổ ích – Kẻ lữ hành đáp rồi tiếp tục lên đường.

Lần này nhờ có sự chỉ dẫn, anh chàng của chúng ta đi hai chục bước đã thấy một ngôi nhà rất lớn trên cửa có sẵn một biển hiệu có hình con thuyền ba cột buồm và dòng chữ "THUYỀN CHIẾN THẮNG."

Kẻ lữ hành lưỡng lự một lát mới bước vào, chưa bao giờ có tiếng ồn ào lại làm anh e dè đến thế. Đó là sự hoà quyện của những tiếng la ó, tiếng chửi rủa, mắng nhiếc, bông đùa. Những âm thanh mà chỉ trực tiếp thấy người ta mới có cảm nghĩ được.

Chiếc thuyền chặn thuyền buôn của địch vơ vét được hai thuyền có tên là Niquet, đối thủ của Surcouf, vừa về cách đó vài ngày và mới chia chác cho các thành viên hôm qua. Chưa ai kịp tiêu hết những tất cả số họ đang thực hiện công việc đó với lòng nhiệt tình giống như cả thành Paris xuất hiện trước những ai sắp kiệt sức. Trận mưa gớm ghiếc mới đây càng khiến họ tụ tập đông đủ trong quán. Tất cả các xe ngựa treo ruy băng đi dạo, đàn ca, sáo nhị hay những bữa tiệc phù phiếm bị dang dở đều tập trung vào hết tám khách sạn lớn trong thành phố Saint-

Malo. Những ai chưa tìm được chỗ trú mưa sang trọng thì nép tạm ngoài hiên các mái nhà trên phố nhỏ hay trong các quán hạng xoàng nơi thuỷ thủ hay lui tới.

Anh chàng lữ hành thật sai lầm khi lưỡng lự vào quán vì chẳng có ai để ý đến anh. Ai cũng mãi bận rộn với việc riêng của mình chẳng hơi đâu mà nghĩ đến việc của người khác. Kẻ uống người hút, kẻ chơi thò lò, người chơi bài lá. Hai bàn bi a lôi kéo không chỉ hai mươi lăm hay ba mươi người chơi mà còn năm sáu chục khán giả trèo lên ghế, lên bàn, lên quầy để xem. Giữa cái cảnh xô bồ, nơi tiếng bạc loảng xoảng trên mặt bàn đá cẩm thạch ngự trị ấy, người nào cũng mải với suy nghĩ của mình. Những giữa một đám ồn ào như vậy, người ta khó lòng theo đuổi suy nghĩ của mình được đến cùng, nhất là trong tình trạng nửa tỉnh nửa say, họ nói bô bô những gì mình nghĩ cho những người xung quanh dù họ chẳng bận tâm và ngay cả người nói cũng không cố gắng bắt người khác nghe làm gì.

Anh chàng thuỷ thủ của chúng ta len lỏi trong đám sương mù mờ mờ ảo ảo trong các phòng rộng nhà chị Leroux, trong đó có cả lớp khói phả ra từ những lồng ngực quá chén và làn hơi bốc lên từ những bộ quần áo đẫm nước mưa. Anh hỏi nhưng không ai trả lời anh, anh đi tìm chị Leroux mà không có ai chỉ cho anh.

Cuối cùng anh cũng nhận ra và tiến lại phía chị ta. Về phần mình, bà chủ quán cũng thấy một khuôn mặt mới không để lộ nụ cười say ngất ngưởng nên cố gắng len lại phía anh.

Chị Leroux là một phụ nữ thấp béo khoảng ba mươi tuổi. Chị có nụ cười khêu gợi, ngôn từ khá lả lơi và cử chỉ quyến rũ. Nhưng trong trường hợp cần thiết, chị hoàn toàn biết cách cởi bỏ vẻ bề ngoài ấy mà khước từ những ham muốn của khách hàng với chị.

Khi ấy, chị vòng hai cánh tay tròn lẳn, bàn tay chống nạnh vào hai bên hông, chị mở to đôi mắt cất giọng vang như sấm và hai bàn tay vỗ vào nhau nhanh như tia chớp. Tuy thế khỏi cần phải nói, chị tiến đến chỗ vị khách mới bằng vẻ mặt của những ngày đẹp trời.

-Thưa bà, – Chàng lữ khách cất giọng dịu dàng và có cử chỉ lịch lãm như đang đứng trước một quý bà ở Saint-Germain – Cách đây ba ngày, bà có nhận được hai chiếc rương và một két bằng gỗ có địa chỉ của công dân René, thuỷ thủ kèm theo một lá thư đặt trước một phòng không?

-Có có chứ – Chị Leroux đáp – Phòng đã sẵn sàng nếu ngài muốn đi theo tôi, tôi sẽ rất vui sướng được tự mình đưa ngài đi.

René gật đầu đồng ý rồi đi theo chị Leroux lên cầu thang đến phòng số 11. Đến đây, anh nhận ra hai chiếc rương và cái thùng gỗ quen thuộc đang chờ mình. Đối diện lối giao nhau, bà chủ thông lịnh đã chuẩn bị sẵn một cái bàn, giấy và mực. Một người có hai chiếc rương và thùng gỗ loại tốt thế kia hẳn phải viết lách gì đó chứ.

-Công dân sẽ ăn dưới nhà hay cho dọn trong phòng này? – Chị Leroux hỏi.

René nhớ lại lời khuyên của người thuỷ thủ nọ liền thọc tay vào túi lôi ra một nắm đồng louis đặt lên bàn.

-Tôi muốn được dọn ăn trên này, và chuẩn bị thật chu đáo – Anh nói.

-Ngài sẽ được như vậy, sẽ như vậy – Chị Leroux ngoác miệng nở nụ cười yêu kiều nhất có thể.

-Tốt hơn, nhân đây hãy đốt cho tôi một đống lửa lớn vì tôi đang lạnh đến tận xương đây. Bữa ăn tối dọn lúc năm giờ, hai bộ đồ ăn, một anh chàng sẽ đến hỏi người có tên là René, đó là tôi, bà hãy chỉ phòng tôi cho anh ta. Nhất là phải chuẩn bị rượu vang ngon đấy!

Năm phút sau, ngọn lửa ấm áp đã cháy bùng trên phòng số 11.

Vừa được ở một mình, René đã trút bộ quần áo sũng nước, lấy trong túi một bộ quần áo giống hệt như cũ rồi làm vệ sinh cẩn thận, nhưng chỉ trong khuôn khổ trang điểm của một anh chàng thuỷ thủ mà thôi.

Một lúc sau, cơn giông đã tan rất nhanh như cơn bão mùa hè. Nền gạch khô nhanh, bầu trời lại lấp ló những mảng xanh lơ.

Ngoài mấy giọt nước còn lã chã rơi từ các mái nhà xuống, cô nàng thiên nhiên lại tươi cười sẵn sàng ve vuốt đám con của mình như một bà mẹ vừa nổi cơn tức giận. Đây đó, người ta lại nghe những tiếng thét lanh lảnh rất khó xác định nguồn gốc. Lúc thì là tiếng rền rĩ đau đớn khi lại là tiếng cười ré lên sung sướng tột độ.

René mở cửa sổ và nhìn thấy một khung cảnh mà anh không thể tưởng tượng. Một thuỷ thủ mới kiếm được hai nghìn đồng bạc cho lần chặn tàu vừa rồi đã đến đây để tiêu xài. Những không biết làm gì với chỗ còn lại, anh ta tìm cách cho các đồng bạc vào chảo đun nóng đỏ lên rồi ném vào đám người hiếu kỳ đứng ngoài cửa.

Họ đổ xô lại nhặt, nhưng những người đầu tiên chạm vào đều giãy nảy, kêu lên đau đớn. Một vài người chờ đồng bạc nguội đi mới đến nhặt cho vào túi nên cười ré lên sung sướng.

Trong đám người hiếu kỳ ấy, René nhận ra người thuỷ thủ ban sáng. Cũng chỉ một tiếng nữa là đến bữa tối. Ban đầu, anh tưởng mình còn thời gian để đến thăm Surcouf ngay trong ngày nhưng sợ không được bình tĩnh nên anh lui chuyến thăm ấy lại đến sáng hôm sau. Vả lại, hà cớ gì anh phải cáu giận khi được một thuỷ thủ thuộc tầng lớp dưới cho anh thông tin về con người dị kỳ anh sắp đến gặp? Thế là anh ra hiệu cho người bạn kia đến gặp mình. Vì người khách còn phải len qua đám đông chật ních dưới nhà nên René kịp rung chuông cho mang xì gà, thuốc lá và một bình rượu lên.

Các đồ vật ấy vừa được đặt lên bàn thì người thuỷ thủ nọ cũng bước vào. René tiến đến, chìa nắm tay ra bắt rồi chỉ cho anh ta chiếc ghế cạnh bàn.

Con người này bắt đầu biết nhìn căn phòng mà anh ta thấy khá sang trọng cho một thuỷ thủ quèn: một chai rượu, xì gà và thuốc ngon đủ khẳng định cho anh ta biết vẫn còn bữa tối nữa đang chờ.

-Chà chà? – Người thuỷ thủ nói – Có vẻ ở quê cũng không tệ lắm nhỉ. Hai bộ đồ thuỷ thủ, sang thật đấy! Tôi ấy à, trong suốt mười năm chạy thuyền, mỗi lần quần áo ướt tôi đều để nó tự khô trên lưng, tôi chưa bao giờ đủ giàu có để mua hai bộ liền.

-À điều khiến anh nhầm lẫn đó là nơi tôi ra khỏi nhà tôi và vùng quê tôi làm việc sẽ là vùng quê đầu tiên của tôi. Chỉ có điều tôi có thành ý muốn học hỏi: tôi không sợ nguy hiểm, tôi sẵn sàng hoặc hy sinh hoặc đi tiếp. Người ta đã nói với tôi có hai, ba tàu trang bị vũ khí chuẩn bị cuộc đua là Leth, Saint-Aaron và Revenant. Leth có Niquet chỉ huy, Saint-Aaron có Angenard còn Revenant có Surcouf, anh sẽ chọn tàu nào?

-Lạy Chúa! Mánh hay đấy! Đã chọn rồi.

-À thì đi biển tiếp vậy.

-Tôi ghi tên từ hôm qua.

-Cái nào trong số ba thuyền trên?

-Revenant.

-Đó là cái chạy hay nhất chứ?

-Sao mà biết được vì nó còn chưa hạ thuỷ. Với Surcouf, hoặc là thuyền phải chạy hoặc nó phải nói lý do. Xà lan Surcouf cũng cho chạy được nữa là.

-Anh có vẻ tin tưởng Surcouf nhỉ?

-À hẳn rồi. Đây không phải là lần đầu tôi đi biển cùng ông ta. Chúng tôi đã từng cho quân Anh một vố trên chiếc Confiance, chúng tôi còn cho tay John Bull vào đó nữa chứ!

-Anh bạn có thể kể cho tôi vài vòng hay ho đó không?

-Nhiều lắm, phải chọn xem cái nào.

-Tôi nghe đây.

-Chờ tôi nhớ lại đã! – Chàng thuỷ thủ nọ nói.

Rồi anh ta hành động cho xứng với sự chú ý cần thiết bằng cách rót một tý rượu vào ly, uống cạn một hơi, ho hai lần rồi mới bắt đầu kể:

Lần ấy, chúng tôi theo đòng ở gần đảo Ceylan. Mùa làm ăn mở đầu không mấy suôn sẻ. Mới đến nhổ neo ở Saint-Anne, một chiếc thuyền độc mộc đã bị lật úp và ba người trèo xuống đó đã bị cá mập nuốt chửng. Ở khu vực ấy, chỉ cần ở lâu dưới nước là thành mồi cho chúng ngay lập tức.

Chúng tôi đang ở phía đông đảo Ceylan. Khi tiến đến vịnh Belgale thì vận may liên tiếp mỉm cười với chúng tôi: Chưa đầy một tháng, chúng tôi chặn được sáu tàu tuyệt vời, chất đầy hàng quan trọng. Với một tàu buồm như Confiance,

với thuyền trưởng như Surcouf, chúng tôi được phép lại vọng thành công không chỉ dừng lại ở đó.

Thỉnh thoảng chúng tôi cũng gặp những tàu tuần tra lớn của Anh và chúng tôi phải bỏ chạy, điều này cũng ảnh hưởng đến lòng tự ái dân tộc của chúng tôi chút ít. Nhưng buồm căng mạnh và tàu chạy nhanh quá. Ngay cả khi rút chạy chúng tôi vẫn có cảm giác kiêu hãnh khi thoát được bọn Anh một cách dễ dàng. Chúng tôi đi như vậy gần một tuần mà không gặp đối tượng nào nữa, thì vào một buổi sáng đẹp trời, người đứng gác kêu to: "Có tàu!"

-Đâu? – Surcouf nghe thấy từ khoang của mình liền nhảy lên boong. – Nó có to không?

-Khá to, đến độ Confiance không thể nuốt ngay nó trong miếng đầu tiên.

-Chẳng sao! Nó đi hướng nào?

-Không thể xác định được vì nó đứng im.

Lập tức tất cả ống nhòm và mọi con mắt đều đổ dồn về phía mục tiêu. Quả nhiên người ta nhìn thấy một hình kim tự tháp hiện lên trắng mờ qua lớp sương mù dày đặc. Sương ở đây rơi từ đêm và cho đến sáng hôm sau vẫn còn ôm ấp các con tàu.

Chiếc tàu kia có thể là một tàu tuần tra. Nếu nó là tàu chiến, không sao, chúng tôi sẽ được nghỉ ngơi, còn nếu là tàu buôn, chúng tôi sẽ tiếp cận nó.

Chúng tôi chỉ cách nó gần hai dặm. Dù khó xác định tiềm lực của một con tàu với dáng vẻ bề ngoài nhưng dù sao chúng tôi cũng bắt đầu nhận định…

Đúng lúc đó thì nhà trọ báo đã chuẩn bị xong bàn ăn và bữa tối đang đợi hai thực khách. Hai người đồng hành mới rất vui khi được hàn huyên với nhau, nghe nhau kể chuyện. Lời thông báo có hiệu quả thần kỳ và cả hai đứng dậy, lát sau lại tiếp tục câu chuyện.

§51. Những người Anh giả mạo

Gã chủ quán trọ Leroux bị mê hoặc trước nắm tiền vàng lấp lánh giữa những ngón tay của ông khách, vì không muốn quấy rầy anh ta, nên chị ta cho chuẩn bị bữa tối ở phòng bên cạnh. Bàn ăn chất đầy sò huyết, ba loại ly có hình dạng khác nhau được đặt cạnh bò đồ ăn bằng bạc lộng lẫy, kèm theo hai chai rượu vang Chabli. Tất cả đều toát lên vẻ tiện nghi bậc nhất. Anh chàng thủy thủ lâu năm dừng lại trước cửa vừa ngắm nhìn vừa nở nụ cười mãn nguyện trước khung cảnh bày ra trước mắt.

-Ái chà – Anh ta nói – Nếu anh lên thuyền với hy vọng trên boong ngày nào cũng thế này thì anh nhầm to rồi anh bạn trẻ ạ. Dù ở với Surcouf cũng sang lắm nhưng thông thường ở đó người ta chỉ ăn hạt đậu khô nhiều hơn món gà rô ti.

-Có sao đâu, khi có hạt đậu, ta ăn hạt đậu nhưng trong khi chờ đến lúc đó, vì ở đây có sò huyết, ta cứ ăn sò huyết thôi. Mà còn điều này nữa, anh đã biết tên tôi mà tôi lại chưa biết gọi anh là gì. Điều này làm tôi khó xưng hô trong lúc nói chuyện. Anh tên là gì thế?

-Saint-Jean. Trên tàu người tạ gọi tôi là Grand-Hune vì tôi là người lo đài cột buồm. Đó cũng là vị trí chiến đấu của tôi.

-Hay lắm, Saint-Jean. Một ly Chabli chứ?

-Cái này không làm chệch đường đâu, tôi đảm bảo đấy.

Saint-Jean chìa ly ra rồi uống cạn.

-Quỷ tha ma bắt – Anh ta nói sau khi uống xong – Tôi coi loại này chỉ nhẹ như rượu táo thôi. Rót cho tôi ly nữa, anh bạn để tôi tạ lỗi với ly thứ nhất vì không khách sáo với nó.

René không từ chối, anh muốn Saint-Jean nói càng nhiều càng tốt còn mình thì ngược lại. Chuyện này kể ra cũng không khó.

Sau rượu vang Chabli là đến vang Bordeaux, vang Bourgogne và cuối cùng là Champagne. Về phần mình, Saint-Jean tỏ ra thoải mái và tự nhiên, điều đó chứng tỏ anh ta là người bộc trực. Khi đến món tráng miệng, René nói;

-Tôi nghĩ đã đến lúc kể nốt câu chuyện của chúng ta. Làm thế nào mà Surcouf…

-Hồi nãy, trước khi vào bàn ăn, chúng ta đang dừng ở chỗ hai tàu cách nhau chỉ hai dặm. Tôi đứng ở vị trí của mình trên cột buồm, nhìn qua ống nhòm, tôi đoán viên thuyền trưởng của tàu chúng tôi tiếp cận có một dàn pháo ngầm, cánh buồm làm theo kiểu Anh. Vấn đề chỉ là xem thực lực của nó thế nào. Trong lúc tôi và thuyền trưởng đang bàn bạc thì vị trí của Confiance thay đổi do gió ban đầu thì thổi nhẹ nhưng chỉ một lát nó đã đẩy thuyền đi đến bốn hải lý một giờ. Để xác định cụ thể đối thủ là ai, chúng tôi hạ cánh buồm nhỏ xuống. Lần này con tàu

kia cũng làm theo y như chúng tôi. Giá nó không to hơn tàu của tôi có lẽ có thể coi nó là cái bóng của chúng tôi vậy. Tuy nhiên, vì khoảng cách nên hai tàu không thể đánh giá nhau được. Sau khi chạy được một lát ở vận tốc cũ, Confiance dừng ba phần tư mạn trái: chiếc tàu bí hiểm kia cũng lặp lại y hệt hành động ấy. Chúng tôi lại ở vị trí nghiêng, điều khiến chúng tôi hoàn toàn không đoán chắc được gì vì có rất nhiều bao và thùng chắn bệ pháo từ đầu này đến đầu kia.

-Anh bạn có biết không – Saint-Jean nói tiếp – Đã có bà tiên mà người ta quên không mời tới dự lễ rửa tội cho Surcouf, đó là bà tiên Kiên Nhẫn. Vả lại, cả đội ai cũng bực tức như thuyền trưởng. Chiếc tàu lạ kia sẽ gặp bất hạnh nếu nó cùng cỡ như chúng tôi và để chúng tôi áp sát.

Càng đến gần, Confiance càng tận dụng được lợi thế chế tạo tuyệt hảo của nó. Tuy nhiên, vì hành động này vô cùng nguy hiểm cho việc mở đầu một cuộc chiến nên cuối cùng chúng tôi vẫn chạy sao cho có thể thoát hiểm trong trường hợp cực kỳ cần thiết.

Surcouf đến ngồi cạnh tôi và nói: -Nhờ trời chỉ một lát nữa chúng ta sẽ biết liệu con tàu buồm này chơi ngay hay gian. Tối là con sói biển đây, đừng hòng ai dễ dàng qua mặt tôi. Tôi biết mọi mánh khoé gian xảo của lũ cướp tàu buôn. Tôi lại chẳng thấy chúng với cái mẽ bề ngoài ấy à, cả những thuyền trưởng trong nghề đang cố doạ kẻ nào săn đuổi chúng bằng cách giả vờ cũng muốn tham chiến!

Surcouf mải mê với những suy nghĩ ấy đến mức không hề lưỡng lự cho Confiance chạy vượt lẳn lên. Chuyện này chẳng đáng cười tí nào vì nếu nhầm, chúng tôi sẽ có nguy cơ ăn đạn và gặp nguy to.

Surcouf hạ một cột buồm cho vải buồm trượt xuống boong sau đó tiến nhanh về phía thuyền phó.

-Mẹ kiếp – ông ta nói và giậm chân xuống sàn – Tôi vừa mắc sai lầm lớn, lẽ ra tôi phải chờ xem cho rõ sức mạnh và bước đi của bọn Anh đã.

Rồi Surcouf vỗ bồm bộp vào đầu, ném mẩu xì gà ra xa, lát sau ông ta mới bình tĩnh trở lại.

-Đây là một bài học, tôi sẽ tận dụng nó.

Sau đó ông ta với ống nhòm theo dõi con tàu nọ đến năm phút rồi ẩn các ống đồng lại và gọi đoàn thủy thủ.

-Tất cả lên boong nhận lệnh!

-Chúng tôi vội vã quây quanh ông ta.

-Nhờ Chúa? Đến giờ mọi nghi ngờ của tôi đã sáng tỏ. Các anh là những người đàn ông chứ không phải con nít nên việc gì phải nhận dấu phát hiện của tôi? Hãy nhìn rõ cái tàu Anh kia, nó đúng là một thuyền chiến ba cột buồm.

-Một thuyền chiến, quỷ tha ma bắt!

-Các anh có biết thuyền chiến đó là gì không? Đó là thuyền Sibylle, một cái tên thần thánh? Chúng ta phải cố hết sức mới thoát được khỏi ả điệu đà này. Dẫu sao tôi cũng không là một kẻ ngốc tôi chỉ cho Confiance áp sát, tôi tò mò muốn biết nó bắt kịp chúng ta như thế nào? Chà chà! – Ông ta nói tiếp tay nắm chặt lại còn hàm răng nghiến vào nhau ken két – Giá mà tôi có thể chia đôi cơ thể của mình, lạy Chúa! Dù điều này chẳng mang lại cho tôi điều gì, tôi vẫn sẽ ngông nghênh nói vài câu chuyện cười trong vài phút với bọn Anh, nhưng còn mọi người trong đoàn, tôi không thể mạo hiểm, như thế sẽ hy sinh Confiance mà không hy vọng lợi lộc gì; tốt nhất là phải lừa bọn Anh. Thấy không, mẹo này có hay không?

Surcouf ngồi lùi lại đuôi tàu, ngả đầu mình vào hai bàn tay, ông ta suy nghĩ mông lung một hồi. Năm phút sau, ông ta đã tìm ra điều mình cần. Lúc này chúng tôi chỉ cách nửa tầm đạn đại bác.

-Mang quân phục Anh ra đây! – ông ra lệnh.

Trong mấy lần cướp gần đây, chúng tôi kiếm được mười hai thùng quân phục người Anh vận chuyển sang Ấn Độ. Linh cảm số đồ này có thể sẽ được dùng đến một lúc nào đó nên Surcouf cho giữ lại.

Vừa nghe Surcouf nói mang quân phục Anh ra, mọi người đã hiểu và nụ cười lần lượt thay thế nỗi lo âu trên tất cả các khuôn mặt. Người ta lôi thùng quần áo ra, năm phút sau trên tàu toàn là người Anh.

Mỗi người mạnh ai nấy mặc, anh chàng người Anh thật sự vốn là thông ngôn cho chúng tôi thì mặc bộ đồ thuyền trưởng, Surcouf chỉ mặc bộ đồ thủy thủ bình thường đứng cạnh anh ta sẵn sàng thì thầm những câu phải dịch.

Một trung uý của chúng tôi, một người rất can đảm tên là Bléas, đội chiếc mũ sĩ quan đứng cạnh Surcouf.

-Tôi xin chờ lệnh thuyền trưởng – Anh ta nói – Tôi hy vọng ngài đồng ý cho tôi vượt cấp một tí.

-Nhìn cậu đẹp trai lắm – Surcouf vừa nói vừa cười – Chỉ có điều giờ không phải lúc đùa. Hãy thật chú ý, Bléas. Vì nhiệm vụ tôi giao cho cậu cực kỳ quan trọng. Có hai lý do để cậu làm việc này, thứ nhất cậu là cháu của chủ tàu Confiance, thứ hai cậu nói tiếng Anh thông thạo vả lại tôi hoàn toàn tin tưởng vào sự gan dạ, trí thông minh và bình tĩnh của cậu.

-Thưa thuyền trưởng, tôi chỉ có thể nhắc lại điều tôi vừa nói, tôi xin chờ lệnh ngài.

-Cảm ơn Bléas. Cậu sẽ lên một chiếc xuồng và bơi lại gần thuyền Sibylle.

Chỉ mười phút ngài sẽ thấy tôi lên boong của nó.

-Ồ chúng ta không lên đó – Surcouf nói – Không đơn giản thế đâu Trong năm phút tôi muốn thấy xuồng của cậu bị thủng đầy nước.

-Tôi cũng muốn thấy nó đầy nước, tôi muốn tôi cùng nó, tôi muốn thấy mình bị cá mập đớp trong lúc tôi đang bơi. Nhưng trước hết tôi muốn biết làm sao tất cả những điều ấy có thể cứu được Confiance.

-Cậu tin là tôi không muốn làm hại cậu chứ, Bléas?

-Ồ hoàn toàn tin thưa thuyền trưởng.

-Nếu thế thì đừng yêu cầu tôi giải thích.

-Với tôi thế thì xong nhưng còn những người đi cùng tôi thì sao?

-Cậu cứ yên tâm, họ sẽ đóng vai tốt hơn khi không biết trước gì cả. Sẽ không ai bị nguy hiểm, cả cậu và họ: Đừng sợ bị bắt làm tù binh, tôi sẽ chuộc cậu về bằng cả năm chục tên người Anh. Khi thành công, tôi sẽ thưởng lớn cho cậu và người của cậu.

-Ồ về điều đó thì thưa thuyền trưởng…

-Thôi nào, vàng sẽ mang lại may mắn, cậu hiểu chưa?

-Hoàn toàn hiểu.

-Đừng nhảy xuống nước.

-Nhưng nếu không thì chúng tôi sẽ chết đuối à? – Bléas sững sờ kêu lên.

-Không đâu, nhưng ngay khi nước ngập đến mắt cá, hãy quay về phía tàu Sibylle mà kêu cứu bằng tiếng Anh, thoả thuận thế nhé?

-Vâng, thoả thuận như vậy, thưa thuyền trưởng.

-Nào, bắt tay nào rồi chúng tôi sẽ chuyển ca nô đến.

Sau đó ông quay sang người giữ xuồng.

-Kernoch, cậu tin tôi đúng không?

-Dù sét đánh ngang tai! Tôi tin ngài chứ, tôi biết điều đó mà.

-Tốt lắm, đừng ngại gì cả, hãy uống ly rượu vang này vì sức khoẻ của tôi rồi cầm lấy mũi dao xoắn này, khi đi được nửa đường hãy đâm hai, ba nhát vào đáy xuồng để nó ngập nước vào.

Sau đó Surcouf ghé vào tai Kernoch còn tay luồn vào túi anh ta nói thì thầm vài câu và thả cuộn giấy vào trong túi.

-Không cần đâu – Kernoch nói – Chẳng để làm gì thuyền trưởng ạ!

-Thế cậu không ôm hôn tôi à?

-Sao lại thế, rất vui là đằng khác. – Người thủy thủ ấy đáp.

Rồi anh ta tống vào miệng mình một miếng thuốc nhai to như quả trứng gà, ghé vào hai má Surcouf hôn chùn chụt, kiểu hôn mà người dân quen gọi là nụ hôn vú nuôi.

Một lát sau, chiếc xuồng do Bléas chỉ huy đã được đưa xuống nước. Vì đến gần, Confiance hạ tất cả buồm trừ các cánh buồm ngang trên đài sau đó hãm mạn trái lại giả như bị hỏng. Về phần mình tàu Sibylle cũng làm tương tự áp sát lại. Chúng tôi đã phát hiện ra những ổ nòng súng được nguỵ trang rất khéo.

Vừa thấy chúng tôi sáp lại, viên thuyền trưởng tàu Anh hỏi chúng tôi từ đâu đến và tại sao lại sáp lại gần với nhiều buồm như vậy.

Người thông ngôn dịch lại lời thì thào của Surcouf đáp rằng chúng tôi vừa nhận ra Sibylle vì sự cải trang của nó rằng chúng tôi vội vã lại gần như vậy là có tin tốt lành báo cho thuyền trưởng.

-Tin gì thế – Thuyền trưởng tàu Anh cho người hỏi lại.

-Tin này có thể giúp ngài thăng thêm cấp bậc cao hơn – Viên thông ngôn lạnh lùng đáp.

Khi nói câu nói này, Surcouf đã chứng tỏ ông hiểu rõ tâm lý con người. Người nào được báo tin vui hiếm khi nghi ngờ tính xác thực của người thông báo nó. Người ta có thể nhìn thấy vẻ nghi ngờ biến mất trên nét mặt của thuyền trưởng tàu Anh. Tuy thế hắn vẫn lắc đầu.

-Lạ thật, nhìn thuyền của các anh sao giống thuyền cướp biển của Pháp thế.

-Quả là có một chiếc như vậy – Viên thông ngôn nói lại – Một chiếc nổi tiếng nữa là khác – Chúng tôi gặp nó ven Gascogne. Nhưng vì các tàu chặn Bordeaux là những kẻ chạy nhanh nhất thế giới nên chúng tôi đành đuổi theo, nhờ Chúa, hy vọng chúng tôi đuổi được và bắt sống Surcouf.

Trong lúc cuộc nói chuyện giữa người thông ngôn và thuyền trưởng tàu Anh đang diễn ra thì những người trên xuồng bắt đầu kêu cứu rất tuyệt vọng mà quả thực nó đang ngập chìm trong nước.

Lập tức chúng tôi hô hoán, xin chiếc tàu chiến kia gửi người cứu thủy thủ của chúng tôi vì thuyền cứu hộ của chúng tôi bị hỏng nên không thể xuống nước được. Theo luật hàng hải cao nhất, nhiệm vụ đầu tiên của thủy thủ là phải cứu chữa người không may đang gặp nguy hiểm dù là bạn hay thù. Thế là những chiếc ca nô lớn được tàu Sibylle thả xuống để cứu Bléas và thủy thủ của anh ta.

-Hãy chỉ cứu thủy thủ của chúng tôi thôi – Viên thông ngôn hét lên – Về chúng tôi, chúng tôi sẽ lên bộ rồi sẽ quay lại đón họ và cả ca nô.

Để thực hiện lời nói đó, Confiance hạ cột buồm mũi, giương cánh buồm vẹt và vượt thẳng lên trước chiếc thuyền chiến.

Surcouf quả là thiên tài. Khi không có gì hại được thuyền của mình nữa ông để cơn vui sướng bộc lộc hả hê.

-Hãy nhìn đám người Anh kia, chúng ta sai lầm làm sao khi không yêu mến họ! Họ đang giúp người của chúng ta lên boong đấy? Kernoch bị chấn động thần kinh còn Bléas thề danh dự là cậu ấy đang ngất đi. Đám cá mập mới đáng yêu làm sao. Tôi sẽ nhớ đến chúng. Chúng đóng vai cũng hay lắm. Những người bạn của chúng ta đã được cứu và chúng ta cũng vậy. Bây giờ hãy chú ý đến hướng tàu! Giương tất cả buồm lên! Ngắm hướng cho kỹ! Căng dây lên. Còn cậu hãy mang cho tôi một điếu xì gà châm sẵn đến đây.

Gió ngoài khơi nổi lên rất mạnh. Chưa bao giờ Confiance lại chạy nhanh như lúc này. Khi thấy nó băng băng, chúng tôi nói chắc nó cũng nhận thức được mối nguy vừa rồi.

Tự hào khi được lên một con tàu như thế, tất cả chúng tôi nhìn nước cuồn cuộn dọc hai bên mạn với lòng ngưỡng mộ lắm.

Chẳng mấy chốc, Sibylle đã nhận ra mánh khoé của chúng tôi khi nó thấy chúng tôi lướt đi. Nó cất ca nô lên rồi hướng theo chúng tôi nhưng chúng tôi đã ra ngoài tầm đạn pháo của nó.

Cuộc rượt đuổi diễn ra ngay lập tức và kéo dài đến tận tối. Màn đêm buông xuống, chúng tôi đánh lạc hướng và thoát khỏi nó.

Trong suốt câu chuyện ấy, René không ngừng rót rượu cho người bạn của mình, khi thì rượu rhum, tafia khi lại cognac cho đến khi những câu cuối cùng thốt ra cũng là lúc cái đầu của người thủy thủ kể chuyện gục hẳn xuống bàn, những tiếng ngáy vang lên chứng tỏ anh ta đã cho những chuyện có thực của ngày trước vào vương quốc giấc ngủ đỏng mất rồi.

§52. Thuyền trưởng Surcouf

René đã tìm hiểu và được biết từ tám giờ đến mười giờ sáng là thời điểm Surcouf tuyển người. Chính vì vậy, bảy rưỡi, anh đã mặc lại bộ đồ của ngày hôm trước, bộ đồ trải qua một chặng đường dài đã khô lại trong đêm. Anh nghĩ xuất hiện trước Surcouf với bộ ấy còn hơn bộ đồ thủy thủ mới lấy từ tiệm cắt may. Tám giờ sáng, anh đã đến phố Porcon de la Barbinais, đi tiếp sang phố Bouchène. Cuối phố Dinan là bức tường thành, đối diện với cổng thành cùng tên là nhà Surcouf, một ngôi nhà lớn nằm giữa sân và vườn sau.

Đã có hơn chục thủy thủ đến sớm hơn René đang chờ trong phòng. Họ lần lượt đi vào, để không chen lấn, một thủy thủ ngồi trước cửa phát số thứ tự cho họ. René cũng phải chờ đến lượt mình. Đó là số 6. Trong lúc chờ đợi, anh giải khuây bằng cách ngắm nhìn tường nhà treo đầy các loại vũ khí từ khắp các nước.

Một tấm da báo đen Java tô điểm thêm cho bộ sưu tập, những mũi tên tẩm những chất độc, những lưỡi gươm chết người, nếu nó đâm thì chỉ để một đường rất nét. Một tấm da sư tử Atlas bày dưới bộ sưu tập Tunis, những con dao kiểu Algerie, những khẩu súng lục khảm bạc, những con dao quắm như bánh sừng bò

Một tấm da bò rừng lót cho bộ sưu tập cung tên, dao lột da và giũa. Cuối cùng là tấm da hổ Belgale đệm dưới bố sưu tập gươm lưỡi mạ vàng tay cầm dát ngọc, những con dao găm mạ có cán bằng ngà voi hay mã não đính nhẫn và vàng bạc. Quả nhiên bốn phần thế giới được đại diện bằng những vũ khí treo trên bốn bức tường trong phòng chờ ấy. Trong lúc René xem xét những thứ ấy thì có thêm chực người khác vào lấy số và chờ đợi.

Thỉnh thoảng có tiếng súng vang lên gần đó. Thực ra, Surcouf đang ngồi trên ghế cạnh cửa sổ, trước mặt là khẩu súng lục vài sĩ quan khác đang đùa bằng cách bắn vào bia trong vườn rộng. Những tấm biển đặt cách xa bị trúng đạn để lại dấu vết lỗ chỗ. Một phòng nữa dùng làm phòng chứa vũ khí. Ba bốn người đang tập đấu kiếm hoặc gươm.

Dù René chỉ mặc bộ đồ thủy thủ bình thường nhưng ngay cái nhìn đầu tiên Surcouf đã để ý đến anh và nhận ra mình đang gặp một người trên mức bề ngoài của bộ đồ. Ông nhìn René từ đầu đến chân và dừng lại ở ánh mắt quyết đoán của chàng trai trẻ. Ông ta ngắm nhìn vóc dáng tuyệt vời, bộ râu đẹp được cắt tỉa tinh tế và nhìn xuống đôi bàn tay để hoàn chỉnh nốt nhận xét của mình, nhưng đôi bàn tay đã đeo găng cẩn thận, đôi găng ấy đã cũ những còn súng sính trong lớp gôm. Qua đó, người ta nhận ra cơn người này dù không thuộc hàng xa hoa thì cũng có khát vọng sống xa hoa.

Do đó, đáp lại cái chào kiểu nhà binh của René, Surcouf đã ngả mũ ra, điều mà ông không quen làm trước các thủy thủ bình thường. Về phần mình, René bao

quát toàn bộ Surcouf trong cái nhìn duy nhất. Anh nhận ra trong con người thủy thủ quang vinh một người đàn ông trạc ba mốt tuổi, mái tóc vàng cắt ngắn, râu cắt tròn, một cái cổ khoẻ nối với đôi vai tráng kiện, dù cái cổ hơi bé nhưng có thể thừa đựng sức mạnh của Héc-quyn.

-Anh muốn gì ở tôi? – Surcouf hỏi kèm theo cái hất đầu nhẹ.

-Tôi biết ngài sắp đi biển trở lại, tòi muốn được tuyển để đi cùng ngài.

-Tôi đoán không phải như một thủy thủ chứ? – Surcouf hỏi.

-Chỉ như một thủy thủ bình thường thôi – René nghiêng người đáp lại.

Surcouf nhìn lại anh đầy ngạc nhiên.

-Cho phép tôi nói thẳng – Surcouf nói tiếp – Anh không có dáng làm thủy thủ mà giống một cậu bé đánh giầy hơn.

-Thưa ngài, có lẽ vậy nhưng dù nghề khó nhọc nhường nào cũng không khó khi người ta có ý chí quyết tâm học nó.

-Nhưng cần phải có sức nữa.

-Bù cho sức mạnh, người ta có thể làm nhiều việc khác. Hình như tôi thấy một người canh cánh buồm ngang hay thả dây buồm xuống cũng không cần nhiều sức lắm.

-Trong nghề của chúng tôi có những việc nặng đòi hỏi phải có sức mạnh. Giả sử anh phải nạp đạn, anh có tin mình nâng được quả đạn cỡ bốn mươi tám lên đến miệng nòng đại bác không?

Rồi ông ta lấy chân đẩy quả đạn cỡ bốn muơi tám đến cạnh René.

-Tôi nghĩ chuyện ấy dễ ợt! – René đáp.

-Hãy thử xem nào!

René cúi xuống, nhấc nó chỉ bằng một tay như thể nhấc hòn bóng bi rồi ném qua đầu Surcouf ra vườn. Nó chỉ dừng lại sau khi lăn chừng hai mươi bước. Surcouf đứng lên nhìn theo nó rồi lại ngồi xuống.

-Thế là tôi yên tâm rồi. Trên tàu Revenant, cả tôi nữa mới có năm hay sáu người có khả năng làm được như anh. Cho phép tôi xem tay anh được không?

René mỉm cười tháo găng ra chìa đôi tay thon mềm cho Surcouf xem. Ông ta ngắm nghía mãi rồi kêu lên gọi các sĩ quan ở cửa sổ bên cạnh.

-Lạy Chúa! Các anh lại đây mà xem chuyện lạ này.

Các sĩ quan lại gần.

-Đây là bàn tay con gái. – Surcouf nói tiếp – Thế mà nó vừa ném quả đạn cỡ bốn mươi tám qua đầu tôi và xa như các anh thấy đấy.

Bàn tay của René chỉ như bàn tay phụ nữ trong đôi tay vạm vỡ của Surcouf nhưng với anh chàng khổng lồ Kernoch thì chúng chỉ giống như tay trẻ con.

-Thôi nào thuyền trưởng, ngài giễu chúng tôi đấy à? Đây mà gọi là tay sao? – Kernoch nói.

Và kèm theo một hành động coi thường hất mạnh cánh tay ấy ra xa. Surcouf vội ngăn Kernoch lại nhưng chính René lại cản Surcouf.

-Thưa thuyền trưởng, ngài cho phép chứ?

-Làm đi anh bạn, làm đi – Surcouf hồ hởi nói và chờ điều bất ngờ giống như mọi cái đầu bề trên.

Thế là René lấy đà nhảy không những qua cửa sổ lao ra vườn mà còn vượt qua cả thanh ngang. Cách quả tạ René ném vài bước có một quả nữa giống như vậy, chắc là để cho ngài Surcouf tập luyện mà người ta chưa đem vào. René đặt một quả lên lòng bàn tay, quả kia lên phần giữa khuỷu tay và bàn tay, cánh tay của anh gần như duỗi thẳng rồi mang cả hai đi vào đến cửa sổ, anh chia ra mỗi tay một quả, nhảy chụm chân qua cửa sổ, luồn mình dưới thanh chắn ngang rồi vào phòng khách đưa một trái cho Kernoch.

-Một ly rượu táo cho cả đoàn và cho người ném xa nhất – René nói.

Anh vừa thực hiện các động tác nhẹ nhàng và uyển chuyển đến nỗi những người chứng kiến ở đó phải sờ vào hai viên đạn để chắc chắn xem chúng có phải làm bằng gang hay không.

-Này Kernoch, anh bạn của tôi, đây là lời đề nghị mà anh không thể từ chối đâu.

-Tôi cũng có từ chối đâu – Kernoch nói – Miễn là ông chủ Saint-Jacques không bỏ tôi…

-Vì danh dự của ngài – René nói theo kiểu người Bretagne.

Kernoch cúi người tự nhặt quả đạn lên, tập trung toàn bộ sức mạnh vào chân và cánh tay phải, cả hai thứ căng ra như một cây cung, chỉ một động tác quả đạn đã bay qua cửa sổ rơi cách đó mười bước và lăn thêm ba bốn bước nữa thì dừng lại.

-Đó là tất cả những gì con người có thể làm được – Kernoch nói – Chỉ có quỷ mới làm được hơn.

-Tôi không phải là quỷ thưa ngài Kernoch – René nói – Nhưng tôi cho rằng chính ngài sẽ đãi cả đội.

Rồi chỉ cần đung đưa cánh tay, với lần đung đưa thứ ba anh đã ném xa hơn quả của Kernoch ba bốn bước và nó lăn thêm hơn chục bước nữa. Surcouf kêu to vui sướng còn Kernoch gầm lên vì tức giận. Tất cả những người khác thì im bặt vì sững sờ. Rõ ràng vừa ném xong René tái mét và buộc phải tựa vào thành lò sưởi.

Surcouf lo lắng nhìn anh, chồm về phía cái tủ nhỏ, lấy một bi đông rượu đưa cho René.

-Cảm ơn – René nói – Tôi không bao giờ uống rượu.

Rồi anh đi lại phía bình nước đặt trên khay có một cái ly và đường. Anh rót ít nước vào ly rồi uống cạn. Lát sau, nụ cười đã xuất hiện trên môi còn đôi má anh

hồng trở lại.

-Anh muốn phục thù không, Kernoch? – Một trung uý hải quân ở cạnh đó hỏi.

-Thật lòng là không – Kernoch đáp.

-Vậy tôi có thể làm gì cho anh thoải mái không? – René hỏi.

-Có! Kernoch đáp – Hãy làm dấu thánh giá đi.

René mỉm cười và làm dấu thánh giá kèm theo lời cầu nguyện: "Con tin vào Chúa trời, đức cha toàn năng, người tạo ra trời và đất."

-Thưa các ngài – Surcouf nói – Làm ơn hãy để tôi nói chuyện riêng với chàng trai trẻ này.

Tất cả lui ra, Kernoch vẫn còn càu nhàu còn những người khác thì bụm miệng cười.

Khi còn lại một mình với Surcouf, René lại trở lên điềm tĩnh và giản dị như trước. Một người khác có lẽ đã nói vài lời tâng bốc chiến thắng vừa rồi nhưng anh chỉ im lặng chờ Surcouf lên tiếng.

-Anh bạn – Surcouf tươi cười nói – tôi không biết anh còn biết làm gì khác ngoài việc anh vừa làm trước mặt tôi, nhưng một người biết nhảy cao bốn bộ và ném được quả đạn bằng gang cỡ bốn tám thì luôn là người có ích trong con tàu của tôi. Điều kiện của anh là gì?

-Một chỗ ngủ, đồ ăn trên tàu và quyền được hy sinh vì nước Pháp, đó là tất cả những gì tôi muốn, thưa ngài.

-Anh bạn thân mến – Surcouf nói – tôi có thói quen trả công cho những gì người ta phục vụ.

-Nhưng một thủy thủ chưa đi biển bao giờ, một thủy thủ không biết mình có ích gì không thì ngược lại chính ngài lại là người mất công dạy nghề cho anh ta.

-Một phần ba thủy thủ đoàn là người của tôi. Cậu thích hợp được hưởng điều kiện tốt nhất nhưng ở mức thủy thủ kém nhất, cậu đồng ý chứ?

-Không, thưa thuyền trưởng, vì người của ngài thấy tôi chẳng biết làm gì cả, cái gì cũng phải học, họ sẽ tố cáo tôi lấy cắp tiền của ngài chứ không phải kiếm được. Nếu ngài muốn, sau sáu tháng chúng ta sẽ bàn lại chuyện này, hôm nay thì cứ để nó đấy đã.

-Có chuyện này, anh bạn thân mến, anh không chỉ biết nhảy như Milon de Crotone mà còn có đôi tay khoẻ như Remus. Chẳng hay anh là thợ săn à?

-Săn bắn là một trong những sở thích của thời trẻ của tôi – René đáp.

-Này thợ săn, anh bắn được súng ngắn chứ?

-Như tất cả mọi người.

-Các loại vũ khí khác?

-Đủ để khiến tôi mất mạng.

-Được lắm! Chúng tôi có trên tàu những tay súng rất giỏi và một phòng vũ khí mà ai trong đoàn cũng thích tập gươm hoặc đao hàng giờ. Anh sẽ làm như những người khác và sau ba tháng, anh sẽ có sức mạnh như họ.

-Tôi hy vọng như vậy. – René đáp.

-Như vậy chúng ta chỉ còn vấn đề tiền lương nữa thôi.

-Chúng ta sẽ thoả thuận nó không phải trong sáu tháng nữa mà ngay bữa tối nay vì tôi hy vọng anh vui lòng dùng bữa với tôi chứ?

-Ồ về chuyện này, thưa thuyền trưởng, tôi xin cảm ơn ngài đã dành vinh hạnh ấy cho tôi.

-Trong lúc chờ đợi, anh có muốn xem các tay súng của chúng tôi không?

Kernoch và Bléas đang thi với nhau, họ là hai người ngang tài ngang sức nên mỗi khi tranh lài cao thấp họ khó mà bỏ đi dễ dàng.

Surcouf dẫn René đến cánh cửa khác. Cửa sổ này hướng ra một tấm biển bằng gang đặt cách đó khoảng hai mươi lăm bước.

Một đường kẻ dọc màu trắng ngăn đôi tấm biển dùng làm điểm ngắm. Hai thủy thủ đang tiếp tục cuộc thi tài không để ý đến hai người mới đến. Mỗi phát súng bắn ra, hai bên lại rộ lên những tiếng vỗ tay. Chưa phải tài cao bậc nhất nhưng hai người này quả có sức mạnh đáng nể.

René cũng vỗ tay như những người khác. Kernoch bắn một phát trúng đường kẻ.

-Hoan hô! – René lên tiếng.

Kernoch hằm hằm nhìn không nói gì, lẳng lặng lấy khẩu súng thứ hai từ tay Bléas đưa cho René.

-Ngài muốn tôi làm gì với nó? – René hỏi.

-Vừa nãy anh đã chứng tỏ cho chúng tôi thấy sức mạnh của mình – Kernoch nói – Tôi hy vọng anh không từ chối chứng tỏ sự khéo léo của mình chứ.

-Rất sẵn lòng thưa ngài. Ngài để cho tôi cơ may ít quá khi đã bắn trúng đường kẻ, nhưng chắc có lẽ ngài cũng nhận ra viên đạn của mình hơi lệch phải.

-Thế thì sao? – Kernoch hỏi.

-Thế thì tôi sẽ chỉnh cho nó trúng giữa!

Rồi nhanh như cắt, đến nỗi người ta tưởng anh chàng này chưa kịp ngắm anh đã siết cò. Viên đạn lao đúng vào đường kẻ và người ta ngỡ phải dùng com pa mới đo vết đạn hằn trên tấm bia.

Các thủy thủ sững sờ nhìn nhau còn Surcouf phá lên cười: -Thế nào Kernoch, cậu nói sao về lần này nhỉ?

-Tôi nói rằng đó chỉ là một lần ăn may, nếu phải bắt đầu lại…

-Được rồi, René nói – Chúng ta sẽ không bắt đầu lại trò trẻ con ấy nữa mà tôi đề nghị ngài một trò khác.

Anh liếc mắt nhìn ra xung quanh và nhận ra trên một cái bàn có những chiếc bánh đóng dấu đỏ. Anh lấy năm chiếc, nhảy vào vườn dính nó lên tấm bia sao cho chúng thành một phần năm hình vuông rồi nhảy qua cửa sổ nhẹ nhàng như trước với lấy súng bắn nát lần lượt năm mẩu bánh không để lại vết nào trên bia. Sau đó quay lại đưa súng cho Kernoch: -Đến lượt ngài.

Kernoch lắc đầu.

-Cảm ơn, tôi là người Bretagne và là con chiên ngoan đạo, trò này là trò của quỷ, tôi không dây vào.

-Cậu nói có lý đấy Kernoch- Surcouf cất lời – Và để cho quỷ không chơi xấu chúng ta, chúng ta sẽ mang anh ta lên tàu Revenant.

Rồi ông mở cửa phòng bên cạnh nơi ông có một vị thầy dạy sử dụng các loại vũ khí đi biển. Surcouf vốn tinh thông các bài luyện cơ thể nên ông muốn mọi thủy thủ cũng như ông nên ông cho mời một người thầy dạy kiếm và đại kiếm:

Tất cả nhảy vào tấn công. Surcouf và René ngắm nhìn một lát sau đó Surcouf hỏi René một cú đâm mà ông thấy khó tránh.

-Nếu là tôi – Chàng trai nói – Tôi sẽ chống lại bằng cú bật góc tư rồi bồi một nhát đâm thẳng.

-Thưa ngài – ông thày dạy kiếm vuốt râu nói – Đó là cách khiến cậu thành ẻo lả như vậy.

-Có thể thưa thầy – René đáp – Chính vì vậy mà tôi rất chậm trong các cú đỡ và ra đòn.

-Anh này đến để xin học à? – ông thầy vừa cười vừa hỏi Surcouf.

-Cẩn thận đấy ông Bras-d Acier thân mến – Surcouf nói – không khéo anh ta đến để dạy ngài cũng nên. Anh ta đã từng hai lần như vậy trước khi đến đây rồi đấy. Tôi nghĩ nếu học sinh của ngài chịu cho anh ta mượn kiếm tập của anh ta, chẳng mấy chốc ngài sẽ là bài học thứ ba.

-Chasse-Boeuf- ông thầy nói – Hãy đưa kiếm tập của anh cho ngài đây, anh ta sẽ cố thực hiện lời khuyên vừa rồi với ngài.

-Ngài sẽ không thấy được điều đó đâu ngài Chasse-Boeuf – René nói – Sẽ là một hành động vô lễ khi chạm vào một người thầy. Tôi chỉ đỡ thôi.

Và vừa nhận thanh kiếm tập từ tay người học trò, René bằng vẻ duyên dáng tuyệt vời thực hiện động tác chào và vào vị trí thủ thế. Vậy là bắt đầu một trận đấu lạ lùng đối với thầy Bras-d Acier.

Mọi đợt tấn công của ông ta đều bị René cản được thậm chí ông ta sử dụng những cú tấn công phức tạp nhất vẫn đều vô ích, mọi lưỡi của ông ta đều bị gạt sang hai bên.

Nhận thấy ông thầy Bras-d Acier không chịu nhượng bộ, các thủ kiếm lại chào rất quý tộc như lúc ban đầu rồi dược.

Surcouf dẫn ra cổng hẹn anh nhớ đến đúng giờ bữa tối tức là lúc năm giờ.

§53. Ban tham mưu trên tàu Revenant

Ba giờ chiều hôm ấy, René được đưa vào phòng khách của thuyền trưởng. Chờ anh là phu nhân Surcouf đang chơi cùng đứa con hai tuổi.

-Xin lỗi ngài – Bà nói – Anh Surcouf mắc bận một việc bất ngờ nên không thể ở đây đúng ba giờ để trò chuyện lâu hơn với anh như dự định. Anh ấy giao cho tôi vinh hạnh chờ ngài, mong ngài thứ lỗi cho một kẻ quê kệch như tôi.

-Thưa phu nhân – René đáp – Tôi biết rằng từ ba năm nay ngài Surcouf có được niềm hạnh phúc khi cưới một người vợ duyên dáng. Cho đến giờ phút này tôi vẫn chưa dám chắc được xuất hiện với tư cách là một thủy thủ quèn trước ông ấy và cho đến giờ, tôi vẫn ngưỡng mộ lòng can đảm và tận trung của ông ấy. Không ai trả món nợ của mình cho tổ quốc như ngài Surcouf. Dù trông đợi nhiều ở ông ấy, nước Pháp cũng không thể đòi hỏi ở ông ấy điều gì. Tôi xin nhắc lại, phải xa đứa bé xinh xắn mà tôi xin phép được ôm hôn nó, và nhất là xa người mẹ của bé thì phải có trên cả lòng can đảm, phải có lòng tận trung mới làm được.

-Đúng đấy!

Thuyền trưởng Surcouf nói sau khi nghe được phần cuối câu nói và hãnh diện với tư cách là một người chồng, một người cha khi thấy chàng thủy thủ tương lai chào vợ và ôm hôn con mình.

-Thưa chỉ huy – René nói tiếp – Trước khi được gặp phu nhân và em bé đáng yêu này, tôi nghĩ ngài có thể hy sinh mọi thứ, nhưng từ khi thấy họ trừ khi ngài không khẳng định với tôi, tôi thấy nghi ngờ tình yêu tổ quốc có thể khiến một người có thể tách một phần trái tim của mình.

-Thế nào phu nhân, nàng nói sao? – Surcouf hỏi vợ – Từ khi làm vợ của một thuyền trưởng tàu chặn cướp biển, nàng đã thấy thiều thủy thủ khen ngợi mình như cách chàng mới được tuyển này chưa?

-Ngài đùa gì vậy! – Phu nhân Surcouf thốt lên – Hy vọng ngài không tuyển anh ấy vào làm chân thủy thủ thường chứ?

-Tôi hẹn anh ba giờ đến đây vì tôi muốn anh làm quen dần với những vị khách mời bữa tối đồng thời tất cả là bộ tham mưu trên tàu Revenant. Lại đây…

Cánh cửa mở ra.

-Trước hết đây là thuyền phó của chúng ta, ngài Bléas.

-Rất hân hạnh được biết tiếng tăm của ngài – René nói – Đây chính là người đã chịu hy sinh cùng ông chủ Kernoch để lên tàu Sibylle để chúng nhận ra kẻ thù khi đã quá muộn. Sự tận tụy như vậy mang lại tự hào hai lần: cho người hy sinh và người được người khác hy sinh vì mình.

-Thưa chỉ huy – Bras-d Acier nói – Tôi cũng hy vọng được ngài giới thiệu người này, một người mà cho đến lúc này tôi chỉ biết với tư cách là tay bắn súng

cự phách nhất tôi từng gặp.

-Than ôi! Thưa ngài – René nói – Tôi không được may mắn có quá khứ oanh liệt như ngài. Đơn giản, tôi chỉ tên là René và đang mong được ngài Surcouf đây nhận mình vào làm thủy thủ trên tàu Revenant.

-Không phải xin tôi điều đó – Surcouf cười đáp – mà tôi phải xin ông mới đúng.

Nói xong ông chỉ vào Kernoch đang tiến đến.

-Lại đây Kernoch! Tôi phát bực khi ban nãy cậu không ở đây để nghe ngài René hăng say nói về một ông chủ xuồng trên tàu Confiance đã sẵn sàng chịu hy sinh với một chàng trai mà tôi quên mất tên để đánh lừa tàu chiến của Anh và còn giả bộ bị choáng nữa chứ. Trong khi ấy thuyền trưởng tàu Confiance đang như con thỏ dưới móng vuốt của con báo lại có thể giong buồm lao vút đi.

-Thực ra – Kernoch chủ vào René nói – Nếu ngài có mặt ở đó thì ngài cũng làm như tôi thôi. Ngài cũng rút một trong những khẩu súng Lepage tốt nhất đưa cho anh ta và nói: "Hãy hạ cái đầu ngốc kia đi". À, sáng nay anh không ở đây, đại uý Blaise, ngài René đây đã dạy cho chúng tôi một bài học bắn súng. Lúc đó tôi tức lắm nhưng nếu ông ấy là người của chúng ta như chúng ta hy vọng, thì anh còn có cơ hội được xem ngài René sử dụng cái đồ bé nhỏ ấy như thế nào. Còn cách ông ta dùng kiếm thì ông bạn Bras-d Acier sẽ nói cho anh hay mọi chuyện.

-Anh nhầm rồi, Kernoch – ông thầy dạy kiếm nói – ông đây đã tránh mọi đòn của tôi mà không thèm tấn công tôi lấy một lần.

-Đúng thế, quả là ngài đã đoán được điểm yếu của tôi thưa ngài Bras-d Acier – René lên tiếng – Tôi đã tập cách phòng thủ quá nhiều mà ít tập tấn công. Tôi đã có một ông thầy nhiều tuổi người Ý tên là Belloni người thích đánh giá đối thủ bằng cách đỡ ba chiêu liên tiếp hơn là chạm vào kẻ địch một lần. Tuy nhiên, nếu trường hợp tương tự như vừa rồi thì hà cớ gì phải đâm trúng khi người ta có thể đỡ được?

-Bây giờ, – Surcouf cao giọng – Tôi chỉ còn việc giới thiệu cho các vị biết hai người này, theo tôi là hai người căng buồm cừ nhất trên đời, tôi đảm bảo họ không muốn phải chờ bữa tối nữa, họ cũng không phải là người đợi nước đến chân mới nhảy, địch xông vào mới về vị trí: một người giong buồm cột hậu, người kia giương buồm cột chính. Còn bây giờ, anh René, nếu anh muốn đưa tay cho phu nhân Surcouf, chúng ta sẽ vào phòng ăn.

Một chị hầu phòng nghe thấy lời mời ấy của ông chủ liền bế cậu Surcouf con đi sang phòng khác.

Mọi người ai cũng biết bữa tối ở miền này vô cùng thịnh soạn. Surcouf cũng không phải là ông chủ ngoại lệ, bàn ăn nhà ông ta có thể thoả mãn được những

anh hùng trong trường ca của Homère, những anh hùng ăn như Diomède, uống như Ajax.

Ngoài ra, cũng phải nói thêm rằng các bữa tối đều rất vui vẻ và ầm ỹ. René chỉ uống nước trắng, điều này khiến anh trở thành chủ đề châm chọc của mọi người nhiều đến nỗi chàng ta phải xin tha, tất cả mọi người đều miễn cho anh, trừ Bras-d Acier. Mệt mỏi trước lời mời dai dẳng ấy, René bèn xin phu nhân Surcouf thứ lỗi cho sự khiếm nhã của mình và xin phép được uống vì sức khoẻ của bà.

-Bây giờ, thưa phu nhân – René nói – Bà có cái cốc nào xứng với một tay uống rượu đích thực không, tức là đựng được hai hoặc ba chai rượu không?

Phu nhân Surcouf ra lệnh cho người nhà mang một chiếc cốc bạc, một loại vũ khí trang trí chế tác theo kiểu Anh đến. René đổ ba chai vang Champagne vào.

-Thưa ngài – Anh bảo ông thầy dạy kiếm – Tôi sẽ rất hân hạnh được uống cạn chỗ này vì sức khoẻ của phu nhân Surcouf. Nên nhớ là chính ngài đã buộc tôi như vậy, ngay từ đầu bữa, tôi đã nói thật là tôi chỉ uống nước nhưng ngài không chịu. Bây giờ, một khi cái cốc này cạn, tôi hy vọng đến lượt ngài sẽ rót đầy và uống cạn như tôi không phải vì sức khoẻ của phu nhân Surcouf nữa là là vì vinh quang của chung bà ấy.

Tiếng vỗ tay vang lên như sấm dậy chào đón bài diễn văn ấy.

Ông thày không nói chẳng rằng chỉ có điều đôi mắt ông ta mở to hết cỡ.

René đứng dậy để kính phu nhân Surcouf rồi lạnh lùng và buồn bã đưa chiếc ly quá khổ lên đôi môi đang khẽ mỉm cười khỉnh miệt cái hành động mình đang làm. Tất cả im bặt, ai cũng dõi theo chàng thủy thủ trẻ tuổi để xem cái mà những tay bợm rượu bậc nhất gọi là trò điên cuồng này sẽ đi đến đâu.

Nhưng René, vẫn bằng vẻ điềm tĩnh và chậm chạp, tiếp tục uống và nâng dần đuôi cốc lên cao. Đôi môi anh bám vào miệng cốc bạc cho đến khi không còn một giọt chất lỏng sủi bọt nào nữa.

Anh dốc ngược chiếc cốc xuống và không thấy chảy ra giọt chất lỏng đượm hương nào rồi ngồi lại vào bàn, đặt chiếc cốc trước mặt ông thầy dạy kiếm.

-Bây giờ đến lượt ngài – René nói.

-Ha ha! Chơi hay lắm – Kernoch trầm trồ – Đến lượt thầy đấy thầy Bras-d Acier.

Ông này thấy mình không đủ sức để tham gia vụ thách đấu định xin lỗi nhưng khi Kernoch đứng dậy tuyên bố nếu ông ta không bằng lòng tự uống cạn, Kernoch sẽ buộc ông ta bằng sức mạnh thì Bras-d Acier tự tay bóp vỡ miệng một chai Champagne rồi rót vào cốc. Điều ông ta muốn là được uống ba chai nhưng lần lượt từng chai một. Yêu cầu của ông được mọi người chấp nhận. Nhưng sau chai thứ nhất, ông ta cáo không thể uống thêm một ly nào nữa và xin tha, quả nhiên năm phút sau, ông đã đổ sụp xuống ghế.

-Để tôi mang ông thánh Georges đi – Kernoch nói – Khi trở lại để giúp ngài bỏ qua sự lạnh nhạt của chúng tôi trong vụ này tôi sẽ hát một bài.

Đó là thời kỳ mà không một bữa tối nào, ngay cả ở trên tỉnh lại không kết thúc mà khách lại không hát vài bài, đôi khi có cả ông chủ hoặc bà chủ nhà. Lời đề nghị của Kernoch khiến mọi người nhiệt liệt hưởng ứng. Trong lúc anh ta vắng mặt những tiếng kêu "Kernoch! Hát đi! Hát đi!" vang lên, khi quay trở lại, những tiếng la ấy còn nhiều gấp đôi. Kernoch vốn không phải là người phải mời nhiều nên sau khi ra liệu mình sắp bắt đầu, anh ta thoải mái rống lên bài hát bằng chất giọng ồm ồm cùng với toàn bộ sức nhăn của khuôn mặt mình:

Biển lặng gió êm,
Thời tiết ủng hộ
Màn đêm xuống đây
Hãy!
Nếu gió
Lướt qua
Nước
Tích tắc.
Tích tắc
Và xong ngay
Tàu lướt như bay

-Hát đồng thanh đi! – Kernoch hô to.

Quả thật tất cả khách mời, trừ Bras-d Acier đang ngáy bên trong, đều đồng thanh hát vang

Nếu gió
Lướt qua
Nước
Tích tắc.
Tích tắc
Và xong ngay

Bài hát này như một bài thơ của một anh chàng trên mũi tàu đã mang lại thành công lớn cho một bữa tối của thủy thủ thêm nhiều đoạn như thế nữa và tiếng vỗ tay như không ngớt. Điều khiến cho niềm phấn khích thêm lớn là vẻ điềm tĩnh của René, sau khi uống cạn cốc đầy rượu trong lần thách thức với Bras-d Acier, khuôn mặt anh không hề đỏ hay tái, những lời nói của anh vẫn rành mạch như một người mới chỉ uống một cốc nước.

Mọi ánh mắt lại quay sang Surcouf, một bài hát từ ông sẽ tăng thêm giá trị cho lòng hiếu khách của ông. Surcouf hiểu rõ mọi người đang chờ mình làm gì, ông mỉm cười và nói: -Thôi được rồi, tôi đồng ý! Tôi sẽ hát cho các bạn nghe bài hát thủy thủ của tôi khi tôi dạy các thủy thủ trẻ.

Một tiếng xì xào nổi lên, tập tức những tiếng "Suýt, im lặng?" ngăn nó lại. Surcouf cất giọng:

Cậu bé thủy thủ, dưới chân cột buồm nhặt một sợi dây
Để bắt đầu, hãy thắt nút cho ta
Một, hai! Xông rồi!
Thưa thầy, con không phải là lính cũng không phải con nhà giàu
Con biết thắt nút và cởi nút chỉ một sợi dây, con biết mình là ai.

Surcouf hát hết cả bài và thành công cũng không kém phần vang dội như Kernoch, nhưng rồi những ánh mắt tò mò lại bắt đầu từ bà chủ nhà xinh đẹp, bà muốn biết René lạnh lùng như thế là do tính cách hay anh tự ép mình phải thế. Không nhịn được, bà quay sang hỏi: -Còn ngài, René, chỉ mình ngài là chưa cho chúng tôi nghe khúc hát miền quê của ngài.

-Than ôi! Thưa phu nhân, tôi chẳng có quê nào cả, tất cả những gì tôi còn nhớ là mình sinh ra trên đất Pháp. Tôi không biết liệu lục lọi trong trí nhớ của mình tôi có thấy một bài hát hẳn hoi nào hay không bởi lẽ tất cả mềm vui thời trẻ, tất cả những đoá hoa thời thơ ấu đều bị ba năm buồn tủi đông tàn bóp nát cả rồi. Tuy nhiên, tôi sẽ tìm trong đầu, nếu có thấy vài bông điểm tuyết, tôi sẽ hái chúng. Xin phu nhân và các vị thứ lội cho tôi vì không thuộc một bài hát xuất xứ từ vinh quang nào, tôi hy vọng là người miền quê không phải là có lỗi. Rồi anh cất giọng trong và tươi trẻ như giọng một thiếu nữ:

Giá tôi là ánh bình minh
Tôi sẽ lấp lánh trong tình đôi ta
Tôi sẽ ôm em bằng ánh sáng diệu kỳ
Rồi tái nhợt dần quanh bờ mi em khép lại.
Giá như tôi được làm một tấm gương may mắn
Được em soi khi em trong lòng
Em sẽ thấy hình em trong tôi đẹp lắm
Trong cả trái tim tôi cũng lấp lánh bóng hình em.

Bốn đoạn tiếp theo cũng thành công như đoạn đầu. Thấy vậy, phu nhân Surcouf nói: -Thưa các quý ông, khi con hoạ mi cất tiếng hót, có lẽ những con chim khác đều lặng thinh. Chúng ta sang phòng khách thôi bên đó cà phê đang đợi chúng ta.

René đứng dậy, chìa tay cho phu nhân. Surcouf rồi cùng bà sang phòng khách theo đúng cung cách của người bề dưới đối với người bề trên.

-Anh bạn René thân mến – Surcouf nói – Tôi nghĩ đã đến lúc trò đùa này chấm dứt được rồi. Hãy nói anh muốn gì ở tôi, mục đích nào khiến anh đến tìm tôi, anh là người đồng hành quá duyên dáng đến độ tôi không thể không làm anh hài lòng.

-Tôi chưa bao giờ mong muốn gì khác là được tuyển mộ lên thuyền như một thủy thủ bình thường và được tham gia vào thủy thủ đoàn của ngài.

-Nhưng kẻ nào mà gây cho anh ý muốn đỏng đảnh như thế? Anh cố cũng không giấu được xuất thân từ một gia đình dòng dõi của mình đâu, học vấn của anh xứng với một người có khát vọng giữ trọng trách cao của Nhà nước. Anh có hình dung ra anh sẽ phục vụ trong tầng lớp nào và phải làm những việc gì hay không?

-Thưa ngài Surcouf, một kẻ như tôi đây đã lụi tàn mọi kiêu hãnh rồi; không thể tàn được một tầng lớp cho xứng với mình nữa. Về công việc sắp làm, tôi biết sẽ rất cực nhọc nhưng ngài cũng thấy là tôi rất khoẻ lại khéo léo, tôi chỉ uống nước, nhưng nếu buộc phải uống rượu tôi vẫn uống được lượng có thể làm những kẻ khác mất trí. Ngài đã thấy rượu không ảnh hưởng gì được tôi. Về nguy hiểm, đây là tôi nói chứ không phải rượu nói đâu, từ lâu tôi đã mong mỏi cái chết từng ngày mà không sao thân với nó được. Khi lựa chọn phục vụ trong quân đội tức là tôi đã muốn quên thân và xả thân cho ông chủ mà tôi muốn dâng hiến; tôi đã học làm thủy thủ rồi, vì ngài là một trong những sĩ quan gan dạ và chính trực nhất mà tôi biết nên tôi đã chọn ngài làm chỉ huy của mình.

-Tôi phải báo trước cho anh hay rằng một thủy thủ, ngay cả thủy thủ bình thường khi đầu quân vào chỗ chúng tôi đều là lính dự bị, một khi đã cam kết, cam kết sẽ phải thực thi.

-Tôi muốn chia sẻ công việc và mạng sống cùng các chiến hữu của mình. Tôi không xứng được hưởng bất cứ ân huệ nào trong khi làm việc với tư cách là thủy thủ, chỉ có điều duy nhất khiến tôi không thoải mái là không có được một cái võng cho riêng mình.

Yêu cầu này quá đơn giản, tôi còn muốn cho anh nhiều hơn kia, anh có muốn làm thư ký cho tôi không? Như thế, anh không chỉ có cái võng riêng mà còn có một phòng riêng.

-Tôi biết ơn ngài về điều này miễn là vị trí ấy vẫn cho phép tôi tự do làm công việc của một thủy thủ và được giao chiến khi có dịp.

-Tôi sẵn sàng miễn công việc thủy thủ cho anh – Surcouf cười đáp – Nhưng tôi không từ chối sự giúp đỡ của anh khi có đụng độ đâu.

-Tôi có thể xin một đặc ân khác không? Đó là được chiến đấu bằng chính vũ khí của tôi, thứ tôi quen dùng.

Lúc đánh nhau, chúng tôi mang vũ khí lên boong, ai quen dùng loại nào thì dùng loại đó, anh có thể giữ vũ khí ở phòng của mình, đặc ân ấy chẳng có gì to tát cả.

-Một điều cuối cùng này nữa: nếu chúng ta neo đậu lên những bờ biển Coromandel hay Belgale, khi đi săn ngài có thể cho tôi tham dự vào cuộc săn hổ hay báo gấm không? Tôi nghe kể rất nhiều mà chưa được tham gia lần nào, ngay

cả khi ngài phái ai đi đâu nhưng lo ảnh hưởng đến tính mạng của các sĩ quan của mình, mong ngài hãy giao nhiệm vụ đó cho tôi. Tôi không phải lo cho người thân nào nên sẽ không làm ai đau đớn tiếc thương.

-Cho phép tôi – Surcouf nói – vào ngày có giao tranh, đối xử với anh như một sĩ quan. Trong cuộc giao đấu, lực lượng được chia như sau: một phần ba do tôi chỉ huy, một phần ba thuộc các sĩ quan và một phần ba thuộc lính chuyên nghiệp.

-Như vậy tôi được phép tham gia ở góc độ mà tôi cho là thích hợp nhất? – René hỏi.

-Quá chính xác – Surcouf đáp.

-Bây giờ, thưa chỉ huy, cho phép tôi hỏi ngài một câu, ngài đã có loại vũ khí phù hợp chưa?

-Dĩ nhiên là có. Tôi có một khẩu cạc bin, một khẩu súng trường hai viên mà tôi đặt tên nó là Sấm sét và những khẩu bắn – chai mà anh biết đấy.

-Sao lại gọi là bắn – chai?

-Đó là những súng ngắn của tôi. Trên biển, để cho mọi người tập luyện, tôi cho treo những cái chai lên ngoài cội buồm phụ, tất cả các thủy thủ đều có quyền tham gia bài tập. Ai bắn vỡ chai, mặc cho tàu chòng trành trao đảo đều được một đồng êcu nếu dùng súng dài và năm phăng nếu dùng súng ngắn.

-Tôi sẽ xin được tham gia buổi tập với quyền được thưởng như vậy

-Lúc nào cũng được. Còn bây giờ, mặc dù điều kiện khiêm tốn của anh, tôi khuyên anh, anh bạn René thân mến ạ, hãy xem xét kỹ lại hoàn cảnh mà anh chấp nhận, dù anh chấp nhận nó bằng lòng tự nguyện hoặc do một quyền lực mạnh hơn ý muốn của anh sai khiến. Dù anh không thích nhưng tôi vẫn muốn làm điều gì đó cho anh. Bây giờ mọi thoả thuận của chúng ta đã xong rồi chứ? Anh còn muốn tôi làm gì nữa không?

-Không, thưa chỉ huy, xin cảm ơn ngài.

Kernoch, người anh vừa kết bạn sẽ hướng dẫn cho anh về các công việc, còn tôi, nếu muốn tôi sẽ chịu trách nhiệm dạy những phần khó hơn. Nhìn kìa, đây là phu nhân Surcouf đích thân mang một tay cà phê tay kia là rượu mùi cho anh đấy.

René lại gần phu nhân Surcouf lịch lãm chào: -Mong phu nhân thứ lỗi nhưng tôi không bao giờ uống cà phê hay rượu mùi.

-Chắc lại rượu vang Champagne chứ gì? – Kernoch buông một câu đùa thô tục giữa phép lịch sự của chàng thủy thủ trẻ – Chắc uống ít anh ta khó chịu đấy mà?

-Tôi rất giận mình đã để phu nhân Surcouf thấy chiến thắng kệch cỡm khi tôi đấu với thầy Bras-d Acier chỉ trong ước muốn chấm dứt lời châm chọc của ông

ấy điều đó khiến tôi làm hỏng một bữa tối tuyệt vời mà tôi từng được dự trong đời.

-Vì bây giờ đang ở trong phần tráng miệng nên anh việc gì phải đợi bữa tối của mình bị hỏng nữa – Một giọng nói cất lên.

-À đây rồi, thầy Bras-d Acier – René nhận ra giọng nói đó – Thầy vừa tỉnh xong, hãy để tôi có lời khen ngợi vì tôi tưởng phải đến mai thầy mới tỉnh.

-Trước thanh gươm của thánh Georges, thưa chỉ huy, ngài không thể để một trong những sĩ quan của mình buông lời sỉ nhục như thế mà không phân bua ngay trước ngài và ngay lập tức! Gươm đâu! Gươm đâu!

Rồi vừa chạy vào phòng chứa vũ khí nơi ông ta vừa nằm ngủ, ông thầy dạy kiếm chạy ra ngay tức thì, hai tay lăm lăm hai thanh gươm. Phu nhân Surcouf hét lên, còn đám đàn ông vội vã chặn thầy Bras-d Acíer lại.

-Này này, – Surcouf lớn giọng nói – tôi ra lệnh cho ông quay về nhà ngay tức khắc và ở yên đó cho đến khi chúng tôi lên đường.

-Xin ngài chỉ huy thứ lỗi – René nói – Bây giờ ngài không phải ở trên tàu của mình mà đang ở nhà, với những khách mời của ngài, ít ra ngài cũng phải đối xử công bằng. Nếu ngài đuổi ông ấy ra khỏi cửa tức là vô tình chúng tôi cũng buộc phải như vậy và chỉ một lát sau thôi, ngay trước cột đèn đầu tiên ngoài kia, chúng tôi sẽ giết nhau mất. Ngược lại, nếu ngài cho phép, cái gì bắt đầu bằng hài kịch thì nên kết thúc bằng hài kịch, chúng tôi sẽ dành cho thần hiếu kỳ một cảnh so gươm tử chiến mà trong đó không có ai chết cả.

Nhưng Surcouf vẫn do dự.

-Hãy để tôi làm, thưa chỉ huy – René đáp – Tôi xin hứa danh dự với ngài sẽ không đổ một giọt máu nào cả.

-Thôi được nếu các người muốn, hãy đi mà thực hiện trò ngông cuồng của mình.

Sau lời cho phép ấy, tất cả mọi người dẹp sang hai bên nhường khoảng trống ở giữa cho họ.

Thầy Bras-d Acier, vốn là người coi cuộc đọ gươm là thiêng liêng nên bắt đầu cởi áo khoác và áo gi lê ra, giương mũi gươm về phía René: René nhận thấy trong lúc vội đi lấy vũ khí, thầy Bras-d Acier tưởng đã lấy hai thanh gươm thật cuối cùng hoá ra lại vớ được một thanh gươm thật và một thanh gươm dùng để tập. Chỉ mình René nhận ra điều đó nên anh rất nhanh thu lấy thanh gươm tập, thấy lưỡi kiếm cùn trong tay chàng trai trẻ, ai cũng phải bật cười.

Thầy Bras-d Acier nhìn quanh xem tại sao mọi người lại cười và ông ta nhanh chóng nhìn thấy mình cầm kiếm thật còn anh chàng kia cầm thanh kiếm cùn.

-Tôi phải nói là ngài vẫn chưa tỉnh hẳn – René nói – Nhưng ngài đã cho tôi thoả nguyện được phòng thủ, làm ơn đừng có nương tay với tôi.

Rồi chàng trai đứng vào thế phòng thủ.

-Nhưng anh không thể phòng thủ bằng thanh kiếm cùn ấy còn thầy lại tấn công bằng thanh gươm thật – Mọi người tham dự đồng loạt kêu lên.

-Tuy nhiên sẽ là như thế hoặc là các vị buộc chúng tôi phải đấu vào ngày mai với vũ khí ngang nhau và để không bị coi là kẻ khoác lác tôi sẽ buộc phải giết ông ta mất, điều này sẽ khiến tôi không bao giờ tha thứ cho mình. Thôi nào, thầy Bras-d Acier, thầy thấy rõ là tôi đang chờ ngài. Để cho mọi người thấy tôi không gian lận và được sự đồng ý của phu nhân tôi cũng làm như ngài.

Nói rồi anh cởi áo khoác thủy thủ và áo gi lê ném xuống ghế. Trên mình, René chỉ còn một chiếc áo sơ mi trắng tinh, màu trắng hoàn toàn tương phản với màu cháo lòng của chiếc áo sơ mi Bras-d Acier đang mặc.

Sau đó, bằng động tác rất nhanh nhẹn, René lại về thủ thế, đầu gươm chúc xuống, tư thế đứng vô cùng lịch lãm khiến khán giả không thể ngưng vỗ tay. Tiếng vỗ tay ấy như kích thích ông thầy dạy kiếm, ông ta vội vã lao vào đối phương.

Thế là lại một cảnh tương tự buổi sáng diễn ra chỉ có điều buổi sáng các đường gươm vang lên trong nắng còn buổi tối nó lấp loá trong ánh lửa. Thầy Bras-d Acier lại tung ra các đòn tấn công hoặc trực diện hoặc thọc hai bên khe nhưng tất cả đều bị René đỡ được bằng vẻ bình tĩnh lạnh lùng, bình tĩnh và đơn giản vô cùng. Cuối cùng, bằng một cú đánh lừa nhanh hơn đường gươm rất nhiều, tuy không chạm vào da nhưng nó cũng khiến áo của René bật cúc để lộ một mảng ngực. René mỉm cười.

-Hãy đi nhặt gươm của ngài đi – Anh nói với đối thủ.

Đồng thời lưỡi gươm của anh lia một đường vừa khéo léo vừa mạnh đến mức vũ khí của thầy Bras-d Acier văng ra về phía sau chục bước.

Và trong lúc ông thầy đi lượm vũ khí lên, René nhúng mũi gươm cùn của mình vào nghiên mực.

-Bây giờ – Anh nói – Tôi sẽ tấn công ba đường, mỗi đường sẽ tạo thành đỉnh một tam giác trên ngực ngài. Nếu trong một cuộc đọ gươm thật sự, mỗi đường gươm này sẽ là đòn chí mạng. Nhưng khi chúng ta sẽ là bạn tốt, tôi hy vọng điều này sớm đến, tôi sẽ dạy ngài cách đỡ.

Quả như lời anh nói, người ta thấy ba ánh sáng loé lên sau đó René nhảy một bước lui lại phía sau: mũi gươm cùn của anh đã in ba dấu trên ngực của ông thầy dậy kiếm và ba điểm này tạo thành một hình tam giác đều hoàn hảo nếu người ta đo bằng compa.

Sau đó, René đặt thanh gươm cùn lên ghế, mặc lại áo, đội mũ bắt tay đối thủ song ông này không thèm đưa tay ra. Anh siết tay ngài Surcouf, hôn tay vợ ông, xin lỗi bà về hai lần vi phạm vào phép lịch sự lần đầu là uống liền ba chai rượu

và lần sau lại đấu kiếm, chào tất cả mọi người trong cái nhìn trìu mến của họ rồi ra về.

Cánh cửa vừa khép lại sau lưng anh thì ông thầy Bras-d Acier lùi vào phòng vũ khí để thay áo, còn những người khác đều tán dương anh chàng mới đầu quân của thuyền trưởng tàu Revenant.

-Nhưng sao lại có người như thế mà chỉ xin làm thủy thủ quèn nhỉ? – Ngài Surcouf hỏi rất to.

-Em biết lý do – Phu nhân Surcouf thì thầm vào tai chồng.

-Em biết à?

-Vì thất tình đấy!

-Sao em đoán được điều đó?

Lúc chiếc áo bật cúc, em thấy trên ngực anh ta có một sợi dây chuyền vàng đeo một mề đay có gắn kim cương.

-Có thể em đoán đúng – Surcouf nói khi nghe đến chuyện tình yêu Nhưng người nào mà có thể khiến anh ta tài ba thế mà chịu làm thủy thủ nhỉ?

-Về điều này thì em chẳng biết gì cả – Bà nói.

-Đây đúng là một bí mật – Surcouf gật gù.

Ngày hôm sau, René lại bị Surcouf và thầy Bras-d Acier đánh thức Đêm qua và nhất là do Surcouf khuyên nhủ, thầy Bras-d Acier đã đến xin lỗi René.

§54. Nhổ neo

Tám ngày sau sự việc chúng ta vừa chứng kiến tức là khoảng cuối tháng Bảy, trên tường thành Saint-Malo đầy ắp những khán giả đang háo hức được chứng kiến một cảnh tượng lặp đi lặp lại mỗi ngày trên các hải cảng nhưng không bao giờ khiến họ chán mắt. Tất cả các con thuyền buồm trên cảng đều kéo cờ, tất cả các ngôi nhà quay ra cảng đều treo quốc kỳ. Phía cuối cảng nội địa, một con tàu lớn bốn trăm tấn đang tiến ra sau bốn tàu kéo, mỗi tàu có người hai tay chèo. Tất cả họ đều hát vang tạo thành hoà âm át cả tiếng đám đông:

Tàu cướp hàng của kẻ thù chạy nhanh mải miết
Mang lại vinh quang hay cõi chết
Tiến lên! Nước Pháp muôn năm!
Ngập tràn khắp Saint-Malo
Những con tàu đường trường đạp sóng xô
Tiến lên, thượng lộ bình an!
Hỡi các chàng thủy thủ, ngoài khơi hãy mởto đôi mắt
Tàu tuyệt nhất cũng là tàu lớn nhất.
Hỡi các chàng thủy thủ, ngoài khơi, hay mở to đôi mắt!
Tàu tuyệt nhất cũng là tàu lớn nhất.
Tiến lên tàu của chúng ta!
Tàu của chúng ta sẽ ra khơi
Nhanh hơn đường lao của cá bơi.

Trong lúc các con thuyền kéo chiếc tàu qua eo hẹp chia đảo Saint-Serran và đảo Saint-Malo, người ta có thể thấy bên dưới cột buồm mũi hình một bộ xương tuyệt vời như vừa chui từ quan tài ra.

Đó là chiếc tàu Revenant vừa được đóng bằng tiền của thuyền trưởng Surcouf dùng để thám thính đại dương, chốn kịch trường của những chiến công oai hùng của thuyền trưởng anh dũng ấy. Nó sắp xuất hiện trong Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương như một Kẻ trở về.

Vừa nhìn thấy nó, dân chúng đứng trên các mỏm đá, ghé qua tường thành hay tụ tập bên những ô cửa sổ đồng thanh hô vang

"Revenant muôn năm!

Đoàn thủy thủ muôn năm!"

Những tay chèo đứng dậy và cũng hô vang: "Surcouf muôn năm! Nước Pháp muôn năm!"

Tất cả cửa sổ trên tàu cướp biển đều có vợ con, anh em và bạn bè của họ. Những người này có vẻ sốt ruột và đã chau mày vì chuyến tàu phải ra khơi đúng mười hai giờ trưa. Mười một giờ đã điểm mà không thấy một người đàn ông nào

trong thủy thủ đoàn của Surcouf lên boong. Ông cữ thuyền phó Bléas đi xem người của mình làm gì ở quán nhà chị Leroux hay trên phố Traversière. Lát sau, Bléas trở lại nói nhỏ với ông rằng, giống César chuẩn bị đi Tây Ban Nha và bị chủ nợ chặn lại, đoàn thủy thủ của ông cũng bị người Do Thái cho vay tiền hiện đang chặn lại không cho họ đi chừng nào chưa trả nợ. René đứng cạnh Surcouf nhận thấy có khả năng can thiệp vào việc này nên anh xin phép đi thay ông và xem có cách nào giải quyết êm thấm giữa con nợ và chủ nợ hay không.

Những ai không được thấy con tàu ra khơi trong điều kiện như con tàu của Surcouf có lẽ cũng không hình dung ra quang cảnh đặc biệt và tò mò nhất có thể tưởng tượng.

Khi các khoản tạm ứng mới được phát cho các thủy thủ, tức thì cả những bà vợ và chủ nợ xông vào họ để giành lấy nhiều tiền nhất có thể. Nói chung, trong những hoàn cảnh như thế thì phụ nữ đáng sợ hơn các chủ nợ: những cơn tru tréo, khóc lóc, than vãn của các bà vợ hoà với lời đe nẹt của dân Do Thái như xiết họ tức thở. Tuy thế, phụ nữ bao giờ cũng giành ưu thế. Những con chim mồi đáng thương biết rằng sau lực lượng cộng đồng thậm chí sau các quan toà thì phụ nữ luôn có đủ lý lẽ để chống lại họ. Họ vừa để cho các bà vợ giật từng sợi tóc vừa hiểu rằng chi tiêu trong gia đình phải được ưu tiên. Thế nhưng, khi người phụ nữ cuối cùng cứu được đồng tiền của các ông chồng thì các quý ông này lại phải chịu cơn thịnh nộ khác. Họ đành đưa nốt những đồng bạc cuối cùng cho chủ nợ nhưng nếu các chủ nợ không chấp nhận một nửa khoản họ đòi, nếu con nợ đầu tiên tỏ ra ngoan cố, sẵn sàng nổi đoá lên nếu việc can thiệp bằng vũ lực trở nên cần thiết thì thủy thủ giận dữ với chủ nợ cương quyết sẽ bắt đầu lao vào cuộc đấu khẩu xứng với những lời khiêu khích của các anh hùng trong trường ca của Homère.

Thế mà đó đã là chuyện vừa xảy ra. René đứng giữa một cuộc hỗn loạn thật sự. Vừa nhận ra anh, đám thủy thủ hiểu ngay vị cứu tinh của mình đã đến, những tiếng reo la "Thư ký của chỉ huy!" đón chào anh kèm với những tràng pháo tay ròn rã. Chiếc túi anh cầm trên tay có vẻ đầy vàng phần nào làm yên lòng các chủ nợ. Anh trèo lên bàn và ra hiệu muốn nói. Tất cả lập tức im bặt. Sự im lặng mới tuyệt đối làm sao! Người ta ngỡ như sắp có sấm của Decade.

-Thưa các bạn – René cất giọng – Ngài chỉ huy không muốn ngay lần đầu ông ra quân trên thành phố quê hương mình lại xảy ra xích mích giữa các thủy thủ, dù quê ở đâu, với đồng bào của ông ấy.

Nói đến đây, René nhận ra giữa những cất đầu đang hướng về mình có đầu của Saint-Jean, tức là người thủy thủ đã đến ăn tối theo lời mời của anh và kể mọi chuyện về Surcouf.

-Lại đây anh Saint-Jean – René nói rồi quay sang các thủy thủ và chủ nợ hỏi – Tất cả mọi người đều biết Saint-Jean?

-Chúng tôi biết anh ấy – Cả chủ nợ và các thủy thủ đáp.

-Đó là một người đứng đắn đúng không?

-Đúng! Các thủy thủ đồng thanh đáp – Đúng! Đúng! Đúng!

-Đúng! – Đám người Do Thái đáp không mấy hăng hái.

-Tôi giao nhiệm vụ cho anh ấy trả tiền cho các người. Anh ấy sẽ trả mỗi chủ nợ năm phần trăm khoản lãi dù vay ở thời điểm nào. Những ai vay một tháng, mười lăm ngày hay tám ngày đều nhận lãi từ tiền của mình, như thể cho vay từ một năm.

Đám chủ nợ xì xào.

-Nào, nhận hoặc là không – René nói – Đây là tiền (anh chỉ vào chiếc túi) còn đây là túi của tôi, một khi nó đã vào trong túi tôi thì các vị đừng mong thấy nó và những gì trong túi nữa, một, hai, ba…

-Chúng tôi đồng ý! – Đám chủ nợ ầm lên.

-Saint-Jean, hãy thanh toán nhanh lên, thuyền trưởng đang rất sốt ruột.

Saint-Jean là một người tính toán nhanh nhẹn, chỉ trong vòng mười lăm phút, tất cả đã kết thúc. Khoản tiền ban đầu đám chủ nợ đòi lên đến 52 nghìn phăng đã được thanh toán hết 20 nghìn. Bọn Do Thái cười thầm vừa thú nhận chúng không mong gì hơn tất cả các khoản nợ còn lại cũng được trả như thế.

René nhận từ tay Saint-Jean bản cam kết tập thể đã nhận 20 nghìn phăng đổi lại họ thả con nợ ra. Thế là những cánh cửa mở toang, rào chắn bị dỡ bỏ và các thủy thủ ầm ĩ, nhanh nhẹn như một vòi rồng lao về cổng Dinan, nơi hẹn xuất phát.

Tàu sẽ ra khơi đúng 12 giờ trưa. Người ta chỉ còn mười lăm phút nữa. Trán thuyền trưởng Surcouf dãn ra khi thấy đoàn thủy thủ cùng đến.

-Thật lòng – ông nói với René – Tôi đã biết rõ anh có thể đánh với Héc-quyn, bắn súng như Junot, đấu gươm với Saint-Georges, uống như tướng Bisson, nhưng tôi còn chưa biết anh cũng có tài ngoại giao giỏi như ngài Talayrand đâu đấy, anh làm thế quái nào vậy?

-Tôi đã trả tiền cho họ – René đáp gọn.

-Anh đã trả cho họ ư?

-Đúng thế!

-Anh trả bao nhiêu?

-20 nghìn phảng, thật quá rẻ. Ban đầu họ đòi 50 nghìn.

-Hai mươi nghìn phăng! – Surcouf nhắc lại.

-Ở đây không có thói quen người mới đến trả khoản "ra mắt" à? – René cười và hỏi.

"Rõ ràng đây là cháu của Sa hoàng Pierre Đại đế muốn, như tổ tiên của mình, học nghề thủy thủ đây – Surcouf nghĩ thầm trong bụng."

Rồi ông quay sang lớn giọng nói với đám thủy thủ: -Này, hỡi quân chó má các người – ông nói – có thể các người cho rằng nhờ ta mà các người lành lặn thoát khỏi tay bọn chủ nợ thì các người nhầm to: Một khi đã trả trước, ta có thói quen với đội quân của mình là họ đừng mong nhận thêm một xu. Chính người bạn mới René của các ngài đã trả khoản ra mắt đấy. Kể ra hai mươi nghìn phăng cũng hơi đắt, nhưng các anh còn mong gì hơn? Đó là thói hoang của anh ta. Ta hy vọng các anh biết ơn anh ấy về điều này và nếu anh ấy gặp bất cứ nguy hiểm gì cần phải làm sao cho anh ấy thoát khỏi nó, đó là việc các anh phải làm. Còn bây giờ, chúng ta lên đường thôi.

Surcouf đã cho làm một lối đi xuống bến khi thủy triều hạ, nhưng vì lúc đó, thủy triều lên cao nên những con sóng đã xô lên những bước chân đầu tiên. Tiếng trống gọi lên boong vang lên giục thủy thủ xuống xà lan, mỗi chiếc chở 12 người ra tàu. Một tiếng sau, 140 thủy thủ đã lên đến nơi và René là một trong số đầu tiên, sau khi đã nhận những lời cảm ơn của bạn bè. Tiếp sau là tham mưu lên boong với tiếng trống và tiếng sáo chào đón.

Trong giây lát, ai vào vị trí người đó: thuyền trương trước bệ lái các thủy thủ điều phối trên bực buồm, sĩ quan gần bảng báo hiệu. Thủy thủ đoàn bao gồm tất thảy 145 người, Surcouf còn định mang 180 người trong cảng đầu tiên nơi ông thả neo.

Bras-d Acier là người duy nhất vắng mặt. Ông ta đã nói với Surcouf rằng một khi René ở trên tàu thì ông không cần thêm thầy dạy kiếm nào nữa. Những chiếc thuyền được buộc lên tàu theo hình chiếc nỏ và một phát đạn đại bác vang lên, lá cờ ba màu cũng giương lên trên nóc cột buồm chính báo liệu đã đến giờ xuất phát. Vì gió không vào đến nơi nên các tay chèo phải đưa con tàu ra xa hơn. Các thủy thủ tiếp tục chèo trong khi Surcouf hoa tiêu thuộc nhất thông thổ đó đang chi đường cho người lái. Các thủy thủ lại cất giọng hát vang.

Đến Roche-Aux-Anglais, con tàu dừng lại, người ta nghe thấy giọng của Surcouf nói với thủy thủ đoàn của mình nhưng đồng thời cũng cho tất cả khán giả đến từ biệt nghe thấy: -Trời yên, biển lặng, gió thuận! Chuẩn bị giương buồm ra khơi! Hãy căng buồm, hãy kéo buồm lên!

Cánh buồm xổ xuống dọc theo ba cột rồi phồng lên rất điệu đà con tàu đi sâu vào trong lạch Petite Conchéc chỉ hai giờ sau, tàu Revenant chỉ còn là cái chấm trắng nhỏ xa dần cho đến khi không còn nhìn thấy gì nữa.

§55. Ténériffe

Cách bờ biển Maroc vài dặm, đối diện với dãy núi Atlas, giữa các đảo Acores và đảo Cap-Vert mọc lên hòn đảo Cananes nữ hoàng với đỉnh núi hút vào tầm cao 7500 mét ẩn khuất trong mây quanh năm bao phủ.

Không khí nơi đây thật mát mẻ và trong lành đến độ người ta ngờ đỉnh của nó chỉ cách 30 dặm và từ các đỉnh đồi trên đảo người ta có thể quan sát được một con tàu cách đó 12 dặm trong khi thông thường chỉ 7 dặm là không nhìn thấy được gì.

Tại đây, dưới cái bóng của núi lửa khổng lồ, giữa những hòn đảo mà người xưa gọi là Đảo May Mắn, người ta có thể quan sát được eo Gibraltar, đoạn đường hai châu Mỹ sang Tây Ban Nha và con đường từ Ân Độ sang châu Âu và ngược lại. Surcouf đã cho tàu dừng tại đó lấy nước, thực phẩm tươi và mua một trăm chai vang hiệu Madère còn phổ biến ở thời đó nhưng ngày nay đã hoàn toàn biến mất nhường chỗ cho loại rượu nhạt mà người ta gọi là vang Marsala.

Từ Saint-Malo đến Ténériffe, ngoài luồng gió không thể tránh khỏi từ vịnh Gascogne thì thời tiết rất đẹp và đường thông với tàu cướp biển, loại tàu chuyên cướp hàng từ tàu buôn nước ngoài, thì đường thông tức là họ không gặp một tàu tuần tra nào săn đuổi, ngoài ra, để tránh tàu chiến Anh, người ta có thể dựa vào đường chạy xuất thần của tàu Revenant, đang áp sát, nó có thể đạt đến tốc độ 12 nơ một giờ. Trời đẹp cho phép Surcouf có thể cho tập bắn như thường lệ. Một

lượng chai lớn treo lủng lẳng đã bị ông và nhất là René hầu như không bắn trượt cái nào.

Các thủy thủ khác không bao giờ đạt đến trình độ như thuyền trường vỗ tay rào rạt cho anh chàng thủy thủ trẻ. Nhưng điều khiến các sĩ quan đặc biệt ngưỡng mộ đó là những khẩu súng đẹp nhờ vào chúng anh thực hiện các kỳ công cực kỳ khéo léo.

Các vũ khí ấy gồm một khẩu súng trường nòng đơn giản dùng để săn các loại động vật nhỏ bằng đạn chì và một khẩu cạc bin cùng cỡ nòng có rãnh dùng để săn thú lớn hay bắn người ở những nơi con người đạt ngang hàng với loài thú hại. Hai hộp nhỏ hơn mỗi hộp đựng một cặp súng ngắn, trong đó, một cặp loại thường dùng đấu tay đôi, cặp kia dùng trong chiến đấu có nòng kép.

Ngoài ra, René còn tự tay làm một lưỡi rìu tấn công cho mình nhìn đơn giản như một mẩu sắt nâu không trang trí hoạ tiết nhưng được rèn cẩn thận và rất sắc, nó được tra vào một cái cán nhỏ chỉ bằng ngón tay. Tuy nhiên, vũ khí bất ly thân anh đặc biệt chăm chút luôn đeo trên cổ bằng sợi dây chuyền bạc lại là một con dao găm nhỏ có hình giống dao Thổ Nhĩ Kỳ tức là hơi cong và giống như những người A rập ở Dams vẫn làm, với lưỡi dao đã cất kỹ, nó có thể chém đứt một chiếc khăn mỏng đang bay.

Thuyền trưởng Surcouf hả lòng hả dạ khi được René lên tàu của mình, nhất là sau khi phong cho anh ta làm thư ký riêng, điều cho phép ông được liên tục nói chuyện với anh. Thuyền trưởng Surcouf là người đăm chiêu và độc đoán vốn ít khi tán chuyện, tuy nhiên để giữ được sự phục tùng của đám quân tứ xứ và từng làm nhiều nghề khác nhau, ông rất quan tâm đến việc vui chơi và giải trí cho họ. Ông cho đựng trên tàu Revenant hai phòng tập, một ở đuôi thuyền dành cho các sĩ quan và một ở phía trước mũi dành cho các thủy thủ. Ông cũng dạy họ tập bắn, chỉ có điều các sĩ quan bắt buộc bắn lên mạn phải còn hạ sĩ quan và thủy thủ ở bên mạn trái.

Chỉ thuyền phổ, ngài Bléas mới được vào phòng của ông bất cứ lúc nào vì bất cứ chuyện gì. Nhưng đối với các sĩ quan khác, thậm chí cả trung uý, muốn vào trong ấy phải có lý do nghiêm chỉnh. René được miễn mọi thủ tục đó, nhưng e những chiến hữu khác ghen tị, anh ít khi tận dụng đặc quyền ấy và thay vì đến phòng Surcouf, anh để cho ông ta đến tìm mình.

Căn phòng của viên chỉ huy vô cùng sang trọng theo kiểu nhà binh: hai khẩu đại bác cỡ 24 ly được ngụy trang hoàn toàn, làm bằng đồng nhưng nhìn như bằng vàng chừng nào chúng còn được anh chàng da đen Bambou chăm sóc vì anh này có sở thích đặc biệt là soi mình vào đó. Trướng phủ tường toàn là vải Cachemire mang từ Ấn Độ, các loại vũ khí lấy từ khắp nơi được dùng làm đồ trang trí. Một chiếc võng đơn giản mắc giữa hai khẩu đại bác dùng làm giường. Ngoài ra phía dưới chiếc võng là một tấm thảm nơi Surcouf hay nằm ngủ thay vì nằm võng.

Khi chuẩn bị chiến đấu, đồ đạc trong phòng có thể bị xộc xệch do va chạm với những đồ bị lấy đi và phòng này dành chỗ cho các pháo thủ.

Khi Surcouf đi dạo trên boong, ông ít khi nói chuyện với viên phó. Khi ấy mọi người đều vội nép sang một bên nhường lối cho ông. Bản thân ông, để tránh làm phiền họ, ông cũng thích đứng dựa vào một cây cột trên cao.

Cách ông gọi anh chàng da đen Bambou là gõ vào một chiếc trống mà âm thanh của nó vang dội khắp con tàu. Dựa vào âm lượng to hay nhỏ, người ta có thể đoán được tâm trạng của ông.

Tại chốn địa đàng ấy, từ tám ngày qua ông cho người của mình đổ bộ xuống chân ngọn Ténériffe, thoả chí săn bắn và câu cá. Ngoài ra, Surcouf còn bổ sung thêm trò vui mới là khiêu vũ.

Tất cả các buổi tối, dưới nền trời đính đầy những vì sao chưa từng biết đến ở châu Âu, đến giờ các loại cây thơm toả hương dìu dịu, gió biển thổi vào mát rượi, trên lớp cỏ mềm và mịn như một tấm thảm là các cô thôn nữ trong trang phục tuyệt đẹp lại xuống từ các làng Chasna, Vilafior và Anco. Ngày đầu tiên, họ rất bối rối không biết tìm đâu ra nhạc xứng với các vũ công nam minh hoạ và các vũ nữ xinh đẹp. Nhưng René đã nói: -Hãy tìm cho tôi một cây đàn ghi ta hay vĩ cầm, để xem tôi còn nhớ nghề cũ không.

Để tìm cây đàn ghi ta ở một làng Tây Ban Nha thì chỉ việc với tay là được. Ngày hôm sau, René chỉ việc chọn trong mười cây vĩ cầm và rất nhiều đàn ghi ta lấy một thứ, anh cầm đại một chiếc và ngay âm thanh đầu tiên, người ta đã nhận ra đôi tay bậc thầy. Ngày hôm sau dàn nhạc đã nổi lên giữa tiếng sáo, trống và tiếng nhạc cụ Tây Ban Nha dưới sự chỉ huy của René.

Đôi khi René bị những kỷ niệm xưa cuốn đi khiến anh quên cả điệu nhảy lẫn các vũ công để chìm vào một nỗi buồn bất thần. Thế là điệu nhảy dừng lại, người ta đặt tay lên môi ra hiệu im lặng tiến lại gần anh. Cơn muộn phiền kéo dài lâu hay chóng và mỗi lần như thế xong, Surcouf lại tự nhủ: Vợ mình nói đúng, quả nhiên có nỗi thất tình lẩn khuất đâu đây.

Một buổi sáng, René bị một cuộc chuẩn bị tấn công đánh thức dậy. Họ nhận ra phía thượng miền đảo Cap-Vert cách đó ba dặm trên biển có một chiếc tàu mà qua hình dạng cánh buồm cho thấy đó là tàu Anh. Khi nghe tiếng kêu "Một thuyền buồm!", lập tức Surcouf chồm lên boong và ra lệnh chuẩn bị tấn công. Mười phút sau, trong lớp vải buồm dày lên, trong tiếng va chạm chuẩn bị cuộc chiến, con tàu quay ra biển tiến về phía chiếc tàu Anh.

Năm phút sau, đến lượt René lên boong tay sách súng cạc bin, súng ngắn hai viên đeo trên thắt lưng.

-Có lẽ chúng ta sắp vui đùa một chuyến – Surcouf nói.

-Cuối cùng cũng đến lúc – René nói.

-Cậu muốn tham gia không?

-Có chỉ có điều tôi muốn ngài dành cho tôi một chỗ để không ảnh hưởng đến ai.

-Được thôi! Hãy đứng cạnh tôi và hạ bất cứ tên nào chĩa súng về phía chúng ta.

-Bambou đâu? – Surcouf gào lên.

Tên da đen lại gần ông.

-Đi tìm cho ta Sấm sét lại đây.

Sấm sét là tên khẩu súng trường của Surcouf, còn một khẩu vừa tên là Badin.

-Và mang cả súng cho ngài René nữa – Surcouf nói thêm.

-Không cần đâu – René chen vào – tôi có sinh mạng bốn kẻ trong đai lưng và một tên nữa trên tay đây rồi. Với một kẻ nghiệp dư, tôi nghĩ thế cũng là quá nhiều.

-Quân Anh làm gì thế, Bléas? – Vừa hỏi Surcouf vừa trao súng cho viên thuyền phó, với ống nhòm theo dõi quân Anh.

-Chúng thay neo và tìm cách tránh chúng ta, thưa chỉ huy.

-Chúng ta có theo kịp bọn chúng không?

-Đuổi được tôi thấy điều này rất hiển nhiên.

-Ê này – Surcouf nói to – hãy giương buồm vẹt và buồm phụ lên để trên.

Revenant vừa lượn điệu đà vừa cảm nhận được lệnh tăng tốc của ông chủ. Về phần mình, quân Anh cũng căng hết buồm song như thế chỉ càng tạo thuận lợi cho thuyền của ngài Surcouf.

Thuyền trưởng Surcouf ra lệnh bắn một quả đạn để nhận dạng quốc gia rồi giương cao lá cờ ba màu để chứng tỏ mình thuộc nước nào. Tàu Anh cũng làm như vậy và chẳng mấy chốc hai tàu đã rơi vào tầm đạn của nhau, tàu Anh khai hoả bằng hai phát đại bác trong hy vọng hạ cột buồm tàu cướp biển hay làm hư hỏng chỗ nào đó để bắt nó giảm tốc độ. Nhưng phát đạn đó gây ra ít thiệt hại và chỉ làm bị thương hai người. Quả đạn thứ ba vọt đến trong tiếng hú kinh hãi và không tả được của René, anh chàng này còn chưa quen với sự phá huỷ nên không biết đó là chuyện gì.

-Cái quỷ gì vừa bay qua đầu chúng ta thế? – René hỏi.

-Anh bạn trẻ của tôi – Thái độ của người đáp cũng thản nhiên như người hỏi – Đó là hai quả đạn bay. Cậu biết cuốn tiểu thuyết của ngài Laclos chứ?

-Cuốn nào?

-"Những mối liên hệ nguy hiểm."

-Không.

-Đó là kẻ phát minh ra hai quả đạn rỗng vừa bay qua đầu anh đấy. Nó có làm anh khó chịu không?

-Thật tình là không, nhưng khi khiêu vũ, tôi muốn biết tên các nhạc cụ trong dàn nhạc nữa cơ.

Surcouf trèo lên ghế trực và nhận thấy họ chỉ cách nửa tầm đại bác.

-Các anh đã chuẩn bị cỡ 36 chưa?

-Rồi thưa chỉ huy. – Lính pháo binh đáp.

-Các anh phóng thế nào?

-Ba loạt đạn.

-Chuẩn bị châm lửa.

Và khi nhìn thấy bên tàu địch cũng làm tương tự ông hô: -Bắn!

Quân Anh đổ vật ra boong, con tàu bị hư hại nặng.

Sau đó ông chống tay lên thanh chắn mạn phải nói: -Cứ để chúng đến gần hơn!

Khi hai bên ở trong tầm súng, Surcouf nhả lại phát đạn từ khẩu Sấm sét và đã có hai kẻ đổ từ bục của cột buồm lớn xuống sàn tàu. Nhưng ông đã để rơi súng, René nhìn thấy vội chìa súng của mình ra: -Súng của ngài, nhanh lên!

Surcouf nhún vai nhanh rồi nhả đạn. Ông vừa nhìn thấy trong buồng thuyền trưởng quân Anh có một tên bắn pháo chuẩn bị châm lửa cho khẩu cỡ 12 dội sang thuyền của ông. Những trước khi châm lửa, hắn đã tử vong. – Bằng hành động ấy, Surcouf đã vừa cứu mạng mình và cả ban tham mưu của ông. Đứng cạnh ông, René hạ một tên pháo binh vừa chạy đến thay cho kẻ bạc mệnh trước đó bằng súng ngắn vì hai tàu đã sát nhau. Rồi anh hạ ba tên khác trên cột buồm lớn và cột phụ. Hai tàu chỉ cách nhau chưa đầy chục bước thì Surcouf hét to: -Bắn mạn trái!

Một cơn mưa đạn vãi từ tàu Revenant lên boong tàu Anh.

Lúc quân Anh chuẩn bị khai hoả giàn pháo bên mạn phải thì nó nhận một cú bồi khủng khiếp nữa từ tàu Revenant làm vỡ vụn một bên thành. Cột buồm chính đổ gục khiến các chân gác trên đó vội nhảy xuống biển.

Giữa tiếng động long trời lở đất ấy, người ta nghe rõ giọng của Surcouf ra lệnh: -Tấn công lên tàu!

Tiếng hét ấy được 150 giọng nhắc lại rồi họ tràn lên cho đến khi có tiếng hét khác từ trên tàu Anh.

Cờ đầu hàng đã hạ!

Trận chiến kết thúc. Tàu chặn có hai người chết và ba người bị thương trong khi tàu Anh đếm được 12 người thiệt mạng và 20 người khác bị thương.

Thuyền trưởng Surcouf cho dẫn thuyền trưởng tàu Anh đến.

Kẻ này khai con tàu ông vừa chiếm tên là Ngôi Sao Liverpool được trang bị mười sáu khẩu pháo cỡ 12 ly. Nhận thấy nó ít giá trị, Surcouf bằng lòng chỉ lấy tiền.

Khoản tiền lấy được là 600 đồng bảng Anh. Surcouf chia toàn bộ cho thủy thủ đoàn làm tiền thưởng để khích lệ tinh thần đã hăng hái của họ còn ông không giữ lại gì cho mình. Nhận thấy con tàu kia có thể gặp một tàu Pháp khác nhỏ hơn

và nó sẽ trả thù vì vụ thua vừa rồi nên ông ra lệnh cho Bléas sang tàu bên đó, ném hết pháo và thuốc nổ xuống biển.

Sau đó, tàu Revenant lại tiếp tục lên đường đi về phía mũi Hảo Vọng trong mềm tự hào trước trận chiến vừa rồi, với con tim sung sức sau tám ngày nghỉ ngơi ở Ténériffe và sung sướng có được một con người rộng lượng như René, người mà có ngày sẽ trả khoản hạ thủy của con tàu một cách trung thực.

Tuy nhiên, trong khi đến cái ngày hôm ấy, cả thủy đoàn còn việc khác phải làm hơn là dâng cho Hải Vương một cuộc diễu hành vĩ đại trước các vị hải thần.

§56. Tàu chiến

Quả nhiên, trước hôm Surcouf định vượt qua xích đạo, đúng hơn là chính ngày hôm ấy, khoảng ba giờ sáng một sớm bình minh đẹp trời tháng Chín, thủy thủ đứng gác thông báo: -Có một cánh buồm!

Hầu như Surcouf lao ra khỏi phòng ngay lập tức.

-Nó đi theo đường nào? – ông ta hỏi.

-Nó đến từ phía tây bắc và hình như đi xuống hướng đông nam, điều này có nghĩa là nó đi cùng đường với chúng ta.

Những câu nói trên vừa thốt ra, Surcouf đã leo lên boong đuôi tàu rồi qua bục, leo đến nấc buồm đầu tiên trên cột lớn. Từ "có tàu" đã trở thành từ ma thuật đối với toàn đội, một phần tư trong số họ đã tràn đến các trục ngang dùng để căng buồm để ước lượng sức mạnh của con tàu họ sắp đụng độ: Nó có vẻ đi cùng đường với tàu Revenant, chỉ có điều khác là có lẽ nó đến từ vịnh Mehico. Tàu Revenant chạy chậm lại và lái tránh tầm đạn của tàu Anh. Thuyền trưởng Surcouf muốn thận trọng trước quyết định tấn công hay bỏ qua của mình. Cả hai con tàu đều dò xét lẫn nhau và vì khoảng cách giữa chúng khá xa nên việc quan sát ấy kéo dài gần hai tiếng. Ngày mới đã đến, nền trời loang ra nhờ ánh sáng trắng cũng là khi người Anh nhận ra thế thượng phong trong nước chạy của tàu Revenant. Qua hình dạng cánh buồm và các cột buồm giương cao họ cũng mơ hồ đoán được đây là tàu cướp biển. Tàu Anh nhanh chóng khẳng định mình bằng cách kéo cờ và bắn một phát súng đại bác, màu cờ nước Anh giống như một ngọn lửa thảm hoạ phất phới đậu trên đỉnh cột buồm. Tiếng đạn rít trên mặt biển, lướt trên đầu con sóng phóng lên cao dần rồi lao qua đầu tàu cướp biển rơi xuống màn bên kia làm nước bắn trung toé.

Thuyền trưởng Surcouf khinh miệt để viên đạn bay quanh như thể với ông nó chẳng có nghĩa lý gì. Tuy thế, ông vẫn không cho đây là thuyền buồm đơn thuần và huýt sáo ra hiệu im lặng rồi ra lệnh: -Tất cả lui lại phía sau!

Thủy thủ đoàn bao gồm gần một trăm năm mươi người rút lại xung quanh vào phía trên bậc lên xuống cầu thang ướt đẫm vẫn dùng làm bàn chỉ huy trong trường hợp trang trọng. Surcouf muốn tách người của mình ra, không muốn tham khảo ý kiến các sĩ quan về việc tấn công con tàu lạ kia vì họ sẽ khuyên ông từ bỏ dự định quá mạo hiểm. Họ không biết trên tàu có đông thủy thủ và khách hay chỉ biết trên boong có đầy người mặc quân phục.

-Anh em! – Surcouf lên tiếng trong một bài diễn văn ngắn – Dù vẻ bề ngoài của con tàu rất oai vệ nhưng đây không phải là một tàu chiến, tôi xác định đây là một tàu trong Hiệp hội Anh.

-Đúng là chúng ta không đủ mạnh để hạ nó bằng đại bác nhưng chúng ta sẽ tấn công tàu ấy, mọi người đến cầm vũ khí. Vì cuộc chiến sẽ rất khốc liệt, tôi cho mỗi người một tiếng chuẩn bị.

Nghe xong, thủy thủ nào cũng reo lên sung sướng và trở về vị trí lấy vũ khí dưới chân mũi. Chỉ huy phát vũ khí cho mọi người: gươm, rìu, súng, dao găm dùng trong trường hợp đánh giáp lá cà nguy hiểm. Những thủy thủ phụ trách dây rợ trang bị cho mình súng hai lòng, các thùng đạn trong khi các hạ sĩ lại chuẩn bị những cái móc rất đáng sợ. Hai bác sĩ phẫu thuật trên tàu cùng các y tá chuẩn bị một phòng để đón các thương binh, những khay đựng cồn, thuốc bày la liệt.

Một tiếng còi rít lên ra hiệu cho mọi người về vị trí chuẩn bị chiến đấu. Thuyền trưởng tàu Anh tin tưởng vào sức mạnh của mình, cho đổi hướng tàu để sẵn sàng nghênh chiến, đồng thời cử một sĩ quan đại diện mình đi mời các hành khách kể cả các quý bà. Họ vẫn chưa đứng dậy lên khoang thượng ở đuôi tàu để chứng kiến cảnh bắt sống hay nhấn chìm một tàu cướp biển của Pháp.

Thuyền trưởng Surcouf nhận ra cơ động của đối phương cũng cho chuyển hướng tàu ra nghênh địch, như vậy tàu của ông sẽ tấn công từ mạn trái còn tàu Anh từ mạn phải. Hai bên đã giáp lại gần nhau đến độ ông có thể đọc được tàu địch mang tên Standard. Nó đã giương tất cả các cánh buồm còn Surcouf thì không thèm trả miếng. Khi Surcouf nhìn thấy trên boong tàu địch lố nhố quân, ông phát cho chục thủy thủ hai giáo dài, cho họ xếp hàng ở giữa boong và tấn công bất kể là quân ta hay quân địch.

Các đài cánh buồm cũng đã có người gác, đạn được trang bị nhiều các khẩu đại bác bằng đồng ánh lên dưới nắng mặt trời.

Cuối cùng các tay súng giỏi nhất tàu Revenant phục kích ở các bè gỗ hay xà lan để từ đó bất ngờ nhắm bắn sĩ quan Anh.

Trên khoang thượng của đuôi tàu đối phương, các quý bà xinh đẹp và các quý ông sang trọng đang lơ đễnh ngắm nghía, kẻ bằng mắt thường, người dùng ống ngắm. Bléas nói với Surcouf.

-Ngài có thấy rõ tất cả đám váy áo và các công tử bột trên khoang thượng kia đang có vẻ như chế giễu chúng ta không? Chúng vẫy tay chào và ra hiệu như muốn nói: Chúc lên đường may mắn, bọn ta sẽ cho các người chìm nghỉm, đừng quá buồn ở dưới đáy đại dương nhé?

-Đó là trò trẻ con! – Surcouf đáp – Đừng bực mình về mấy con rối xinh đẹp ấy làm gì, chưa đầy một tiếng nữa anh sẽ thấy chúng phải khom lưng cúi đầu trước cái nhìn của chúng ta, nhất là hãy nhìn tên bắn pháo bất cẩn kia.

Đó là một thanh niên trẻ đẹp, đầu trần, tóc vàng bay lơ phơ trong gió. Hắn vừa rời thành tàu để nạp đạn vào cỗ pháo. Surcouf nhả đạn viên đạn sượt qua tóc hắn nhưng chưa chạm vào người, hắn giơ tay vẫy vẫy và làm động tác giễu cợt, hắn tưởng còn thời gian rút vào trong trước khi Surcouf kịp nạp đạn nhưng hắn

đâu biết khẩu Sấm sét của ông là khẩu hai viên, ông bắn tiếp và lần này kẻ đẹp trai gục xuống như một cái cây đổ, hai tay ôm lấy khẩu pháo, chân thõng ra, tay còn bám vào nòng pháo nhưng chỉ lát sau hai tay oải dần rồi cả người rơi tõm xuống biển mất tăm.

Không một chi tiết nào của cái chết vừa rồi lọt qua tầm nhìn của Surcouf và nó để lại cho ông một cảm xúc rất sâu sắc.

-Tất cả nằm xuống chờ lệnh mới! – ông ra lệnh sau khi im lặng một lát chờ cho cơn xúc động của mình dịu xuống.

Ông vừa dứt lời, tàu Anh vãi đạn ra từ tứ phía, nhưng đó là ngày may mắn của thuyền trưởng Surcouf. Nhờ lệnh vừa đưa ra, không một người nào của ông bị trúng đạn. Ngay khi Surcouf bị lộ ông cho tàu quay ra sau địch tiếp cận mạn trái. Để tránh cú áp sát đó tàu Standard giống như một chú bò mộng cũng không ngừng quay để chìa cái trán có cặp sừng đổi hướng buộc tàu Revenant đột ngột trở lại mạn tàu có gió bên trái để vượt lên đối thủ lần thứ ba.

Trước thái độ cương quyết của địch, người Anh hiểu rằng họ phải giải quyết bằng cuộc đấu giáp mặt. Thuyền trưởng tàu Anh quay cần bánh lái để rẽ. Tàu Standard, có ưu thế hơn về kích thước cánh buồm nhưng giờ đã hạ bớt để khai hoả nên không thể vượt lên, nó chậm hơn và lùi dần ngang hàng với Revenant. Trong nỗi sợ bị nó vượt và mong muốn bắt tàu địch giảm tốc độ, Surcouf hét: "Bắn!" và vừa cho tàu ghé sát vào vừa ra hiệu bắn hai quả đạn đại bác kèm các loạt đạn. Đúng lúc hai con tàu va vào nhau, một tiếng va chạm ghê gớm vang lên, hai cột buồm quấn sát vào nhau. Chúng sát nhau đến nỗi các nòng đại bác có thể chạm nhau được.

Cả hai bên cùng ra lệnh "Bắn!" và cả hai cái họng đều nhả đạn chỉ có điều các ụ pháo của tàu Revenant ở dưới dàn pháo của Standard và trong khi đạn của tàu Revenant bắn thủng thành tàu cách boong một bộ về phía trên và phá mọi thứ nó gặp phải thì cũng là lúc tàu Anh hỗn loạn thật sự. Surcouf đã tấn công ác liệt đến nỗi quân địch chưa kịp hoàn hồn xem chuyện gì vừa xảy ra.

Người trên tàu thì cứ nghĩ sau loạt đạn vừa rồi, tàu cướp với lực lượng kém hơn ba lần, thì không đời nào Surcouf dám cho áp sát.

Thế là họ túng tụm lên thành để tận hưởng sự thất bại của Revenant. Nhưng họ đã ngạc nhiên và phải nói là kinh hoàng khi thấy các móc tung ra níu lấy Standard từ tứ phía rồi mỏ neo nặng bên mạn phải của tàu cướp thả xuống khiến nó đứng im tạo thành cây cầu chắc chắn nối hai con tàu với nhau. Rồi kinh hãi của người Anh không thể tả nổi khi thấy mưa đạn xối đến xuyên qua Standard, khiến hai mươi đến hai mươi lăm người bị thương hoặc bị chết nằm trong vũng máu loang.

-Đến lượt cậu tràn sang, Bléas! – Surcouf hét lên bằng một giọng gần như là gào thét.

-Tấn công! – Cả đoàn đồng thanh reo lên và lao sang tàu địch với đà dũng mãnh.

Surcouf ra lệnh cho hai tay trống đứng gần mình đánh liên hồi. Được tiếng trống thúc giục, những thủy thủ từ tàu cướp biển trong tay cầm rìu, gươm, dao găm, môi mím chặt giận dữ, mắt đỏ vằn, dùng mọi thứ có thể để leo sang mạn tàu thủng của địch.

Trong khi đó, trên các cánh buồm của tàu Revenant, Guide và Avriot cũng vãi đạn sang boong tàu địch để yểm trợ. Một lát sau, khi thấy họ có vẻ dừng lại, Surcouf ra lệnh: -Nào, Avriot! Bắn đi, Guide! Bắn đi, bắn liên tục vào!

-Chờ đã, thưa thuyền trưởng – Chàng thủy thủ chịu trách nhiệm chăng dây tên là Guide từ trên xà ngang cánh buồm nói – Có hai người ném đạn dưới trục vừa bị giết.

-Thế thì hãy ném hai cái xác ấy sang quân Anh. Họ có vinh dự, dù đã chết, vẫn là người đầu tiên đặt chân lên tàu địch!

Ngay lập tức, hai cái xác được tung mạnh từ những cánh tay rắn rỏi, tạo thành một đường vòng cung và rơi vào giữa đám sĩ quan. Một dàn trống vội giãn ra quanh xác họ.

-Tiến lên các bạn! – Bléas hô to – Chúng ta hãy tận dụng lúc chúng lùi xuống đi nào?

Tất cả nhóm leo lên cây cầu nối hai mạn tàu, ba người đi đầu là anh chàng da đen Bambou, anh này cá cược khi cập mạn anh ta sẽ là người đầu tiên lên boong tàu Anh, hai người khác là René và Bléas. Bambou cầm một cây lao và sử dụng vô cùng linh hoạt, mỗi nhát phi lại giết chết một tên Anh. Chiếc rìu của René cũng vung lên đôi ba lần, kẻ nào bị nó đón đều nằm gục ngay.

Nhưng bỗng nhiên René sững lại, đứng im ngạc nhiên nhìn trân trân trước cảnh hãi hùng diễn ra khi thấy một hành khách bị thương giữa ngực đang được đưa đi. Hai cô con gái đi sát qua anh và xông vào giữa cảnh tàn sát chết chóc ấy mà không nghĩ đến nguy hiểm có thể xảy ra với mình: Một cô đỡ đầu, người kia hôn tay. Cho đến khi nhóm người ấy chạy khuất vào cửa boong, René vẫn chưa thể rời mắt khỏi khuôn mặt tái nhợt của kẻ bị thương nơi đang diễn ra những đợt co giật cuối cùng trong cơn hấp hối.

Đoàn người đã khuất hẳn, René vẫn nhìn theo. Phải đến khi Bléas đẩy mạnh anh sang bên và bắn chết một tên Anh đang bổ rìu xuống đầu anh, bấy giờ René mới tỉnh hẳn và lao vào giữa quân Anh.

Thuyền trưởng Surcouf lên mạn tàu Standard và lướt mắt nhìn toàn bộ quang cảnh trên boong chứa đầy trang phục màu đỏ những ông ta ngạc nhiên khi thấy các chỗ trống không thể ngờ lại được lấp đầy nhanh đến vậy dù người của ông vô cùng anh dũng.

Kernoch tay cầm que thông nòng trong tay và sử dụng nó như một cái chuỳ. Mỗi cú đánh của anh chàng Héc-quyn xứ Bretagne lại lấy một mạng, nhưng dù can đảm đến mấy các thủy thủy tàu của Surcouf vẫn chưa đến được chân cột buồm lớn.

Thuyền trưởng Surcouf nhìn bao quát trận chiến đẫm máu dự định cho bắn hai quả đạn cỡ mời sáu xuống đuổi tàu nhằm đánh lạc hướng để người của mình chuyển đạn nhỏ sang tàu địch.

-Hãy xếp hàng bên cầu tàu! – Surcouf ra lệnh.

Những ai đoán được ý định của ông đều nhanh chóng xếp hàng lên mạn để thùng đạn sắt qua dễ dàng. Cùng lúc đó, một tiếng nổ rền rĩ vang lên hai khẩu đại bác khạc đạn của chúng lên khoang thượng của tàu Standard. Thảm cảnh đó đã tưởng như triệt tiêu lòng can đảm của quân Anh thì lại năm mươi người mới lao ra. Nhưng thật bất hạnh cho Standard, Avriot và Guide vừa chuyển hai hòm đựng đầy đạn sang và đang xả đạn trên boong, một viên nổ ngay dưới chân bục chỉ huy và viên thuyền trưởng đổ soài ra đất.

-Chỉ huy đã chết! – Surcouf reo lên – Chỉ huy đã chết rồi.

-Nói bằng tiếng Anh đi, ai biết tiếng Anh thì nói đi.

René nhảy hai bước lên phía trước, giơ mũi rìu be bét máu và kêu to: -The capitain of the Standard is dead, lower the flag!

(Thuyền trưởng tàu Standard đã chết, hạ cờ xuống!)

Mệnh lệnh bằng tiếng Anh này chuẩn đến nỗi kẻ giữ cờ cứ ngỡ thuyền trưởng đã chết và thuyền phó của Standard ra lệnh hạ cờ liền tuân theo tức thì. Tuy nhiên, trận chiến trên boong vẫn tiếp diễn, viên thuyền phó tàu Standard thấy chỉ huy không còn nữa bèn lao ra boong để chỉ huy và kêu gọi những quân Anh còn lành lặn. Mặc dù cái lò mổ khủng khiếp diễn ra trên tàu Standard những vì con tàu này chỉ quen đi Calcutta nên nó còn nhiều người có khả năng cầm vũ khí hơn là quân của Surcouf. Thật may là trên boong đã thuộc quyền kiểm soát của tàu tấn công. Họ dồn thuyền trưởng mới và vài tên khác vào boong và khép chặt cửa. Viên thuyền trưởng mới vẫn ngoan cố, ra lệnh bắn hai quả đại bác cỡ mười tám ở giàn pháo lộ thiên nhằm phá thủng cánh buồm và chôn vùi Surcouf cùng ban tham mưu của ông dưới các mảnh vụn.

Vừa nghe lệnh bắn đại bác, Surcouf vội mở cánh cửa lao vào giàn pháo. Tại đây, suýt nữa Surcouf đã bị mất mạng khi định cứu một chuẩn uý hải quân Anh trẻ tuổi, người này đã kháng cự rất anh dũng nhưng đã bị nhiều vết thương và máu chảy nhiều.

Surcouf vội lao về phía anh ta để lấy thân mình che cho anh ta, song kẻ này không hiểu ý định nhân từ của vị chỉ huy người Bretagne liền lao lên gắng sức đâm dao găm vào ông. Anh chàng da đen Bambou nhận ra mạng sống của ông chủ mình bị đe doạ liền phóng mũi lao vào tên chuẩn uý bất hạnh khiến hắn chết

ngay tức thì. Surcouf sẽ chết nếu không có mũi lao ấy. Lần này, đám người trong giàn pháo cũng lại đầu hàng như quân trên boong.

-Không chém giết nữa! – Surcouf ra lệnh – Tàu Standard đã thuộc về chúng ta, nước Pháp muôn năm! Tổ quốc muôn năm!

Tiếng hò reo vang vội vã cuộc tương tàn chấm dứt, một tiếng hét lớn khác vang lên: -Hai tiếng quỷ tha ma bắt!

-Tôi đã hứa thì tôi phải giữ lời chứ – Surcouf nói và quay sang René – nhưng chúng ta chớ quên hành khách được miễn khỏi vụ cướp. Tôi sẽ để ý để bảo đảm quyền lợi của họ. René, hãy nhân danh tôi đi che chở danh dự cho phụ nữ đi.

-Cảm ơn ngài Surcouf – René nói và vội vàng chạy vào các phòng hành khách dọc đường đi, anh ta gặp một bác sĩ trên tàu.

-Thưa ngài – Anh chặn ông ta lại hỏi – Có một hành khách bị thương rất nặng, ngài có thể chỉ phòng ông ta cho tôi không?

-Người ta đã đưa ông ấy sang phòng các con gái của ông ấy.

-Thế phòng đó ở đâu?

-Đi vài bước nữa anh sẽ nghe thấy tiếng khóc nức nở của những đứa trẻ tội nghiệp.

-Không còn hy vọng cứu ông ấy nữa à?

-Ông ấy vừa mới tắt thở.

René dựa người vào cửa cabin, đưa tay lên mặt và thở dài.

Đúng lúc đó, một toán người đang ngất ngây trong rượu và máu toả lên boong vừa hú gào vừa hát hò, họ đụng vào mọi thứ, hắt đổ tất cả. Các cánh cửa cabin bị họ đập tung khiến René chợt nhớ đến hai cô gái xinh đẹp đang khóc. Hình như có một tiếng hét tuyệt vọng thốt ra từ miệng phụ nữ vọng đến. René lao lại phía cánh cửa, lần này anh nghe rõ tiếng kêu bị tắc lại và còn những tiếng kêu cứu to. Cánh cửa đã bị khoá, song René, tay vẫn cầm rìu bổ tan nó ra. Đây đúng là phòng của kẻ bị thương hay đúng hơn là kẻ đã chết.

Một tên thủy thủ đang ôm một trong hai cô gái trong tay và muốn cưỡng đoạt. Một cô gái khác đang quỳ bên thi thể người cha, giơ hai tay lên trời cầu xin Chúa, người vừa biến họ thành trẻ mồ côi, đừng bỏ rơi họ trong cơn nhơ nhuốc sau khi để họ phải chịu bất hạnh.

Tên thủy thủ đã nghe tiếng phá cửa liền quay lại.

-Tên khốn kiếp! – René mắng hắn – Nhân danh chỉ huy, hãy thả ngay cô gái đó ra.

-Thả con này sao? Đây là một phần chiến lợi phẩm, tôi giữ nó lại, nó là của tôi.

René tái người hơn cả người chết nằm trên giường.

-Phụ nữ không thuộc vào chiến lợi phẩm. Đừng ép tôi một lần nữa phải nhắc lại là thả cô ấy ra.

-Yên chí – Tên thủy thủ nghiến răng nói và rút súng ngắn từ thắt lưng ra và bóp cò.

Nhưng cánh tay trái của René đã vung lên nhanh như cắt, người ta thấy lửa toé ra bay lên trời còn tên thủy thủ ngã vật xuống đất chết thẳng cẳng. René vừa phi lưỡi dao anh vẫn đeo bên cổ, cắm giữa tim hắn. Trước khi hai cô gái kịp hoàn hồn, để họ khỏi sợ khi nhìn thấy máu, anh đẩy tên thủy thủ ra ngoài. Sau đó quay lại dịu dàng như một phụ nữ anh nói với họ: -Các cô yên tâm, không ai vào đây nữa đâu.

Hai cô gái chạy lại ôm chặt lấy nhau. Cô chỉ nói: -Thưa ông, tiếc là cha tôi không còn để cảm ơn ông!

-Không cần cảm ơn, thưa cô – René đáp – Tôi chỉ làm cái việc vừa là nghĩa vụ vừa theo con tim mách bảo thôi.

-Ông đã tuyên bố là người bảo vệ chúng tôi, tôi mong ông sẽ làm như thế cho đến cùng.

-Than ôi! – Thưa quý cô René đáp – Tôi chỉ là một thủy thủ tầm thường giống như cái kẻ vừa thoá mạ các cô mà thôi, mọi quyền lực cao hơn đều vượt quá giới hạn khả năng của tôi. Tuy nhiên, – René nói thêm và cúi người – nếu các cô muốn được sự che chở của chỉ huy của chúng tôi, tôi hứa sẽ không có gì làm tổn hại đến con người và tài sản của các cô.

-Vậy ông hãy chỉ cho chúng tôi bằng cách nào và bao giờ chúng tôi phải gặp ông ta.

Đúng lúc đó có giọng Surcouf vang lên.

-Ông ta đấy- René nói.

-Các anh khẳng định người này là do René giết chết – Giọng Surcouf vẫn oang oang bên ngoài.

-Đúng thế thưa chỉ huy, là tôi làm – René đẩy cánh cửa vỡ toang đi ra và đáp.

-Hắn đã làm gì để anh phải hành động như thế?

-Hãy nhìn tình cảnh của cô gái kia – René chỉ vào chỗ quần áo rách tả tơi của cô em.

-Ôi thưa ngài – Cô em kêu lên và quỳ xuống chân Surcouf – ông đây đã cứu danh dự cho chúng tôi và còn hơn thế nữa!

Surcouf chìa tay cho René, anh này lùi lại sau một bước.

-Cô là người Pháp à? – Surcouf hỏi.

-Vâng, thưa chỉ huy – Đây là chị tôi… và… – Giọng cô nấc lên – đây là người cha đã mất của chúng tôi.

-Làm sao mà cha cô lại chết? Ông ta đánh lại chúng tôi à?

-Ôi lạy Chúa vĩ đại? Cha tôi sao lại chiến đấu chống lại người Pháp!

-Nhưng sao lại thế, bất hạnh ấy xảy ra thế nào?

-Chúng tôi lên tàu này từ Portsmouth, chúng tôi đến Rangoon ở Ấn Độ. Tại đó chúng tôi có một ngôi nhà. Chỉ huy tàu Standard đã mời chúng tôi lên boong để xem cảnh tàu cướp biển bị ông ta đánh chìm, ông ta bảo thế. Một viên đạn lạc trúng vào cha tôi và khiến ông qua đời dù ông chỉ là khán giả bình thường.

-Xin lỗi cô – Surcouf nói – vì đã hỏi dồn dập như vậy. Không phải vì tôi tò mò mà tôi muốn giúp đỡ cô. Nếu cha cô còn sống chắc tôi cũng không cho phép mình bước vào phòng của cô đâu.

Hai thiếu nữ nhìn nhau, chẳng lẽ đây là những tên hải tặc khốn kiếp mà thuyền trưởng Revigston hứa sẽ treo cổ để cho hành khách giải trí sao. Hai cô gái không hiểu gì cả. Chưa bao giờ họ lại gặp ai hào hiệp hơn hai con người đi cướp này. Surcouf có con mắt quá tinh tường và bộ óc cực kỳ nhạy cảm nên hiểu ngay nguyên do vì sao hai chị em đồng bào của ông lại ngạc nhiên đến thế.

-Thưa các cô ông nói – Lúc này không phải lúc để đặt ra các câu hỏi cho các cô, nhưng tôi hứa sẽ nhanh chóng đảm bảo an toàn cho các cô với tư cách là người chiến thắng buộc các vị chấp nhận sự bảo vệ này.

-Thưa ngài – Cô chị nói – chính chúng tôi đã mắc sai lầm khi không trả lời các ông ngay. Bây giờ, chúng tôi tha thiết mong được hỏi chừng nào các ông thấy đủ.

-Thưa tiểu thư một lời của các cô đã khiến chúng tôi thấy xa lạ, nhưng một lời vừa rồi sẽ kéo chúng tôi xích lại gần. Các cô nói mình đi đến Rangoon, tôi không thể đưa các cô đến đó, nhưng tôi đảm bảo sẽ đưa hai chị em cô lên đảo Pháp nơi đó, các cô có nhiều cơ hội đến vương quốc Miến Điện. Nếu các cô gặp khó khăn về tiền bạc, tôi hy vọng các cô cho tôi vinh dự được các cô nhờ đến.

-Cảm ơn ông, nhưng cha tôi đã chuẩn bị một khoản khá chu đáo rồi.

-Liệu các cô có thể cho chúng tôi biết tên của ông ấy không, nếu như đó không phải là bí mật?

-Tử tước Sainte-Hermine.

-Có phải đó là người đã phục vụ cho triều đình Pháp đến năm 1792 rồi xin từ chức không?

-Đúng vậy, thưa ngài. Ông không muốn phục vụ tiếp cho chính phủ cộng hoà.

-Ông ấy còn một người anh là bá tước Sainte-Hermine, ông này là chủ một gia đình nhưng đã bị xử trảm năm 1793 và hai người con trai cùng chết vì lý tưởng quân chủ, đúng không.

-Ngài biết chuyện nhà tôi rõ như chúng tôi, vậy ngài có thể cho tôi biết người con trai thứ ba của bác ấy ra sao hay không?

-Ông ấy còn con thứ ba sao? – Surcouf hỏi.

-Vâng, nhưng anh ấy đã biến mất một cách kỳ lạ. Ngay tối hôm ký giấy hôn thú của anh ấy với tiểu thư Claire de Sourdis, đúng lúc vào ký thì không tìm thấy anh ấy đâu. Từ đó, không ai gặp hay nghe nói đến anh ấy nữa.

-Quả là tôi hoàn toàn không biết người này.

-Chúng tôi được nuôi lớn bên nhau đến tám tuổi. Đúng tám tuổi anh ấy lên tàu cùng cha tôi đến năm 1792. Sau đó gia đình anh ấy gọi về và anh ấy chia tay chúng tôi. Chúng tôi chưa bao giờ gặp lại nhau. Nếu không có cuộc cách mạng chắc anh ấy đã thành thủy thủ như cha chúng tôi.

Cô gái trẻ cố gắng dằn cơn nấc nghẹn ngào tràn đến.

-Hãy cứ khóc cho thoả đi, thưa cô – Thuyền trưởng Surcouf nói – tôi lấy làm tiếc khi xen vào giữa các cô với nỗi đau của mình. Tôi lái Standard hay đúng ra sẽ cử một thuyền trưởng đưa tàu Standard đến đảo Pháp. Đến đó, nó sẽ bị bán nhưng từ đảo Pháp đến Rangoon, các cô sẽ có nghìn cơ hội thực hiện nết chuyến đi.

Surcouf cúi chào với tất cả lòng tôn trọng sâu sắc rồi đi ra.

René cũng đi theo nhưng lúc đi qua cửa hình như cô em gái nhìn anh như thể muốn nói với anh điều gì đó. René dừng lại chìa tay về phía cô bằng một cử chỉ không suy nghĩ, cô gái trẻ cầm lấy bàn tay ấy đưa lên môi rồi nói: -Ôi thưa ngài, vì Chúa, hãy hỏi ông chỉ huy và xin ông ấy đừng ném thi thể của cha chúng tôi xuống biển được không.

-Tôi sẽ hỏi, thưa cô – René đáp – Nhưng xin hãy cho tôi một ân huệ.

-Ân huệ gì, ngài hãy nói đi, nói đi. – Cả hai cùng thốt lên.

-Cha của các cô giống như một trong số người thân của tôi mà tôi vô cùng yêu mến nhưng không bao giờ gặp lại nữa. Hãy cho phép tôi được hôn ông ấy.

-Ôi từ tận đáy lòng, chúng tôi cho phép anh. – Hai cô gái nói.

René lại gần cái xác, quỳ một chân xuống đất, cúi đầu xuống trang trọng hôn lên trán rồi vội ra đi cố nén tiếng nấc. Hai cô gái ngạc nhiên nhìn theo anh. Lời từ biệt của con trai với cha mình cũng không tha thiết và tôn kính như lời từ biệt của René đối với tử tước Sainte-Hermine.

§57. Tàu buôn nô lệ da đen

Dù Surcouf và René lên boong, dấu vết của trận chiến hầu như đã được xoá sạch. Những thương binh được đưa xuống phòng cấp cứu, các xác chết đã bị ném xuống biển, vết máu cũng được lau sạch.

René truyền đạt lại sự mong muốn của hai cô gái muốn thi thể cha mình không bị ném xuống biển mà được chôn cất ngay bên mảnh đất đầu tiên họ gặp. Điều này trái với mọi quy định hàng hải, tuy nhiên trong một số trường hợp, ưu tiên như vậy vẫn được áp dụng, chẳng hạn như trường hợp của phu nhân Leclerc tức Pauline Bonaparte đã mang thi thể chồng mình từ đảo Saint-Domingue trở về.

-Được rồi, Surcouf đáp – vì thuyền trưởng tàu Standard đã chết, Bléas sẽ chỉ huy nó và ở phòng của ông ta. Nếu còn một phòng sĩ quan nào trống thì cho hai chị em tiểu thư Sainte-Hermine ở đó cùng thi thể của cha mình nhưng phải để thi thể ấy kín trong quan tài bằng gỗ sồi.

René báo lại quyết định ấy cho hai cô gái trẻ, lập tức hai chị em muốn đến cảm ơn thuyền trưởng Surcouf. Họ xưng tên, cô chị là Hélène và cô út là Jane. Hélène hai mươi tuổi còn Jane mười bảy tuổi. Cả hai cùng đẹp nhưng mỗi người một vẻ.

Hélène là một cô gái trẻ có làn da trắng chỉ có thể so sánh với màu trắng của một loại hoa được Camelli mang về từ Nhật Bản từ ba năm nay và đang phát triển mạnh trong những nhà kính dưới cái tên hoa trà mi. Nàng có mái tóc vàng óng ả, mỗi khi mặt trời định khiến nó nhạt đi thì nó lại rực rỡ tạo thành một vành hào quang ôm lấy trán như thể mùi hương bao lấy bông hoa vậy. Đôi bàn tay nàng trắng trẻo, mũm mũn, các móng tay hồng tươi, dáng nàng như một nữ thần còn đôi chân nàng thì như chân trẻ em.

Có thể Jane không quốc sắc thiên hương như chị mình song lại có nét quyết rũ hơn: miệng nàng chúm chím tươi như một bông hồng mới hé, chiếc mũi với hai cánh phập phồng không Hy Lạp cũng chẳng La Mã mà đặc người Pháp; đôi mắt sáng như những vì sao màu ngọc saphie, làn da không nâu mà giống như đá cẩm thạch phơi lâu dưới nắng mặt trời Ten.

Hai chị em đều nhận ra mối quan tâm đặc biệt mà thuyền trưởng Surcouf dành cho họ và đặc biệt là cảm xúc của René khi thấy thi thể cha họ, cả những giọt nước mắt của chàng thanh niên khi anh hôn lên trán cái xác cũng không qua được mắt họ. Hai cô nói với thuyền trưởng Surcouf rằng trong hoàn cảnh của mình, các cô không có quyền đưa ra ý muốn mà tuỳ ông làm điều mà ông cho là tốt nhất.

Thuyền trưởng Surcouf đã cho lau dọn phòng của thuyền phó tàu Standard, mời hai cô gái vào vĩnh biệt cha. Dưới thời tiết ấy việc đưa thi thể vào quan tài vĩnh viễn là điều rất cần thiết.

Quan tài sẽ đặt trong phòng nơi có cái xác còn hai cô sẽ sang ở trong phòng thuyền phó. René được Surcouf giao việc đưa hai chị em và phục vụ bất cứ những gì trong quyền hạn của anh.

Hélènevà Jane đi vào phòng nơi cha họ nằm, René đứng ngoài, anh không muốn quấy rầy họ trong giờ phút đau đớn ấy.

Một tiếng sau, hai cô gái đi ra, ngực cuộn lên các cơn nấc nức nở, nước mắt đầm đìa. Jane không thể bước tiếp được, cô phải vịn vào tay René, chị của cô bé mạnh mẽ hơn, tay cầm hộp nữ trang và chiếc ví của cha. Cả hai đều hiểu sự tế nhị của René khi anh để hai cô một mình không quấy rầy họ trong cơn đau dâng trào ấy. Nhưng chỉ mình Hélène còn có thể nói lời biết ơn anh, những cơn thổn thức không để Jane thốt được lời nào.

René đưa hai chị em vào phòng dành cho họ rồi để họ một mình, anh muốn tự tay chăm sóc những phần việc cuối cho cha họ. Hai tiếng sau, người thợ mộc đã đóng xong cỗ quan tài bằng gỗ sồi, họ cho thi thể tử tước Sainte-Hermine vào trong.

Khi nghe những tiếng búa đầu tiên vang lên các cô gái muốn chạy sang phòng cũ để nhìn mặt cha lần cuối nhưng René đã ở ngưỡng cửa ngăn họ lại, anh đã lường trước nỗi đau thương ấy và muốn tránh cho họ cảm xúc đó. Họ ôm lấy nhau khóc nức nở trên thảm. René cầm lấy tay Jane và Hélène trân trọng đưa lên môi rồi đi ra.

Trong mọi cử chỉ của hai cô gái đều toát lên vẻ trong sáng và lòng biết ơn. Hoàn cảnh khủng khiếp ấy khiến Hélène, Jane và René đều không nhận ra giữa họ đã nhanh chóng nảy sinh tình cảm thân thiết gắn bó như anh em.

Ngày hôm sau, hai con tàu lại cưỡi sóng tiến về đảo Pháp. Bốn mươi thủy thủ tàu Revenant đã sang tàu Standard. Bléas nhận lệnh của thuyền trưởng Surcouf chỉ huy con tàu vừa chiếm được ông cho rằng sự hiện diện của một người bạn hay ít ra là một người có trái tim nhân hậu rất cần thiết cho hai thiếu nữ nên ông ra lệnh René được phép theo Bléas.

Ngày hôm sau nữa, tàu Revenant phát hiện một tàu Slúp một cột buồm và lập tức họ đuổi theo. Ban đầu, chiếc tàu đó định chạy trốn nhưng khi có tiếng hét "Hãy đầu hàng tàu Revenant" kèm theo một phát đại bác thì tàu Slúp dừng lại.

Vừa áp tàu đó vào mạn trái, René đứng cùng hai chị em trên khoang thượng đã chứng kiến vào một cảnh hãi hùng: Hai kẻ xấu số đang mê man gần như sắp chết mặc dù có một anh chàng da đen đang cho họ uống một thứ thuốc do mấy phù thủy da đen làm ra. Cách đó một chút là năm phụ nữ da đen gần như mình trần đang phơi dưới cái nắng như thêu như đốt có thể giết chết người phụ nữ

châu Âu còn họ lại rất khoan khoái đón nhận. Một trong số họ gắng sức chìa bầu vú cạn sữa cho đứa con trên tay và đứa bé ra sức mút vô ích vào chiếc vú quắt queo ấy.

Vừa nhìn thấy các thủy thủ tàu Revenant nhảy lên, bốn trong số năm phụ nữ vội đứng dậy chạy trốn, người thứ năm cũng muốn làm như vậy nhưng không đủ sức nằm vật xuống ngất xỉu trên boong, hai tay rời đứa bé ra. Một sĩ quan bế nó đưa lại gần mẹ. Anh ta đi tìm thuyền trưởng của con tàu này. Ngay từ cái nhìn đầu tiên, nhất là qua cột buồm của nó, anh ta đoán ngay đây là tàu buôn nô lệ da đen.

Quả nhiên, dưới khoang, người ta phát hiện ra hai mươi tư kẻ bất hạnh da đen bị xích lại với nhau nằm trong một tư thế hầu như không thể. Qua tấm nắp đậy, từ dưới xộc lên một mùi khó chịu muốn ói, khi chiếc ca nô rời con tàu có lá cờ chứng tỏ nó là tàu Mỹ, Surcouf từ trên boong tàu Revenant ra hiệu cho Bléas và René lên đó. Hai cô gái lo lắng hỏi dấu hiệu đó là gì và tại sao phải gọi như thế, René giải thích thuyền trưởng Surcouf muốn xử lý kẻ buôn người da đen ông không muốn có quyết định riêng nên sẽ mở một hội đồng xét xử trên tàu Revenant.

-Thế nếu bắt được thủ phạm – Jane run run hỏi – anh ta sẽ chịu hình phạt gì?

-Hắn sẽ có nguy cơ bị treo cổ.

Jane kêu lên kinh hãi nhưng vì chiếc ca nô chờ Bléas và René đã ở dưới và Bléas đã leo xuống nên René cũng chỉ kịp vịn vào lan can đi theo các sĩ quan đã tụ tập đủ trong phòng vuông khi Bléas và René bước vào. Họ dẫn tên thuyền trưởng Mỹ vào phòng: đó là một người đàn ông cao lớn, có sức khoẻ vô địch và chỉ nói được tiếng Anh. Có lẽ vì lý do này mà Surcouf cho gọi René vào làm phiên dịch. Với câu nói "Thuyền trưởng đã chết, hãy hạ cờ xuống bằng tiếng Anh" thì ông ta đã biết René có thể nói tiếng Anh thành thạo như tiếng mẹ đẻ.

Việc thuyền trưởng người Mỹ mang theo giấy tờ chứng nhận ông ta là người Mỹ và là thương nhân, nhưng khi hỏi giấy cho phép hành nghề đưa người vượt biển sang châu Âu, một trong tám con tàu nước Mỹ được châu Âu cho phép, thì ông ta lại không có. Mãi sau ông ta mới thừa nhận mình không được cấp loại giấy đó. Thế là họ buộc ông ta nhận tội. Khi nhận tội xong, ông ta bị kết án tử hình.

Cái chết dành cho kẻ buôn nô lệ da đen vừa tàn bạo vừa ô nhục. Họ bị treo lên lên xà buồm trên tàu của mình hoặc tàu chiếm. Bản án đã tuyên. Họ dành cho thuyền trưởng Mỹ một tiếng để chuẩn bị cho cái chết. Ông ta nghe hình phạt mà không mảy may xúc động. Người ta cho ông ở phòng bốn cửa, mỗi cửa đều chẹn chặt vì sợ phải chịu hành phạt ô danh ông ta sẽ lao xuống biển.

Ông ta xin giấy, bút lông ngỗng và mực để viết thư cho vợ con Trong mười dòng đầu tiên, khuôn mặt ông ta vẫn bình thản nhưng dần dần vẻ bối rối hiện lên,

nó như một đám mây mù cho đi các đường nét rồi ông ta cắm cúi viết, vài giọt nước mắt nhỏ lã chã xuống lá thư vĩnh biệt. Sau đó, ông ta xin được gặp thuyền trưởng Surcouf.

Thuyền trưởng Surcouf vội vã đến cùng René, người làm nhiệm vụ thông ngôn cho ông.

-Thưa ngài, tôi vừa định viết thư cho vợ và con tôi để nói lời từ biệt nhưng vì họ không biết công việc xấu hổ tôi đang làm vì tình yêu với họ nên tôi đã viết lá thư khác kể về cái chết của tôi và nhất là nguyên nhân dẫn đến cái chết ấy, giúp họ đỡ đau buồn.

-Tôi cầu xin ngài một điều. Ngài sẽ thấy trong phòng tôi một khoản năm nghìn phăng bằng vàng. Tôi hy vọng bán được những nô lệ kia với giá năm mươi nghìn nữa. Đó là một khoản đủ để bắt đầu ở đó một cơ nghiệp cho một người lương thiện giúp tôi quên đi vết nhơ do chính bản thân vấy lên cuộc đời mình. Chúa đã không muốn điều ấy trở thành sự thật. Giờ đây cả con tàu và nô lệ của tôi thuộc về ngài nhưng năm nghìn kia là của tôi. Tôi van xin ngài hãy chuyển số tiền ấy cho vợ và con tôi theo địa chỉ ghi trên thư này với vài chữ "Gửi từ thuyền trưởng Harding, chết vì tai nạn trên biển". Hy vọng cách ứng xử này của tôi sẽ là lời xin tha thứ đến những con tim đồng cảm vì hành động đó chỉ xuất phát từ ý muốn cứu một gia đình đông con rất đáng yêu. Ít ra từ nay tôi sẽ không thấy nó phải chịu đựng nữa. Chưa bao giờ tôi có ý định nộp mình cho cái chết nhưng vì người ta ban cái chết cho tôi tôi sẽ chấp nhận nó không phải như một hình phạt mà như một ân huệ.

-Ông sẵn sàng chưa?

-Tôi sẵn sàng rồi.

-Ông ta đứng dậy lắc lắc đầu cho những giọt nước mắt cuối cùng rứt khỏi mi và ghi địa chỉ của vợ: "Bà Harding ở Charlestoron" rồi trao lại lá thư đó cho thuyền trưởng Surcouf.

-Tôi muốn được nghe lời hứa của ngài, liệu ngài có thể hứa với tôi không.

-Tôi xin hứa trước danh dự của một thủy thủ – Surcouf đáp – điều ông muốn sẽ được thực hiện.

Surcouf vẫy tay ra hiệu: một hồi trống vang lên, giờ hành quyết đã điểm, đối diện với cái chết, viên thuyền trưởng Mỹ lại lấy lại vẻ bình tĩnh. Không để lộ cảm xúc nào, ông ta cởi cà vạt, thả ống tay áo xuống rồi vững vàng bước ra hành quyết.

Một sự im lặng chế ngự khắp boong tàu, không khí chuẩn bị cho cái chết đè nặng lên khắp các thủy thủ ngay cả với các thủy thủ tàu cướp biển: Một sợi dây thắt thòng lọng lủng lẳng, đầu lúa có bốn người nắm giữ, đang chờ ở xà buồm và không chỉ tất cả thủy thủ đoàn của tàn Revenant đã lên boong mà cả hai con tàu khác cũng neo lại, trên boong, khoang thượng hay các xà buồm đều đầy người.

Viên thuyền trưởng Mỹ tự chui đầu qua nút thòng lọng rồi quay sang phía Surcouf nói: -Đừng bắt tôi phải chờ thưa ngài, với tôi chờ đợi là sự tra tấn.

Surcouf đi lại phía ông ta, tháo đầu dây thòng lọng ra khỏi đầu: -Ông đã thật sự ăn năn. – Surcouf nói – Đó là điều tôi muốn, hãy bình tĩnh lại đi, ông đã chịu đủ hình phạt rồi.

Viên thuyền trưởng Mỹ đặt bàn tay run rẩy lên vai Surcouf, ngước cặp mắt dại đi nhìn ông rồi gần như ngất xỉu. Cái điều đôi khi xảy ra với những con người kiên cường đã xảy ra với ông ta: mạnh mẽ trước nỗi buồn ông lại trở nên yếu đuối trước mềm vùi.

§58. Viên thuyền trưởng Mỹ làm thế nào để có 45 nghìn phăng thay vì 5 nghìn phăng như ông ta yêu cầu

Cơn mê man của thuyền trưởng Mỹ không kéo dài lâu. Chưa bao giờ thuyền trưởng Surcouf có ý định tha thứ bản án tử hình cả. Nhận ra trong con người này cũng có phẩm chất cao thượng mà những quân nhân rất coi trọng, ông đã muốn để lại ấn tượng mạnh mẽ trong tâm trí người da đen và ông ta đã hiển nhiên đã đạt được mục đích. Lập tức ông quyết định không chỉ cứu mạng sống của kẻ đó mà còn không muốn để ông ta khuynh gia bại sản hoàn toàn. Chính vì lẽ đó, thuyền trưởng Surcouf ra lệnh cập bến mũi gần Rio-Janeno góc tám mươi hay chín mươi dặm về hướng Tây Nam.

Rio-Janeiro vốn là một chợ nô lệ tiếng tăm nhất nền Nam Mỹ. Chắc chắn thuyền trưởng Harding phải biết vài thương lái buôn người da đen ở đó. Surcouf vừa cho hạ neo xuống vịnh đã cho mời ông ta đến.

-Thưa ông, trong lúc gần mất mạng, ông chỉ xin một ân huệ là chuyển cho người vợ goá năm nghìn phăng trong tủ của ông, hôm nay tôi muốn làm nhiều hơn thế nữa cho ông. Ông đang ở một cảng nơi có thể bán được giá hai tư nô lệ còn lại của mình.

-Tôi cho phép ông bán họ và giữ tiền lại.

Harding ngạc nhiên nhìn ông.

-Ông cứ bình tĩnh – Thuyền trưởng Surcouf nói tiếp – Đổi lại tôi còn yêu cầu ông một chuyện. Một người của tôi, cậu thư ký đúng ra là một người bạn, tôi không hiểu vì sao cậu ấy lại muốn mua lại chiếc tàu nhỏ của ông.

-Ngài có thể giao nó cho cậu ấy – Harding trả lời – vì nó thuộc về ngài giống như mọi thứ tôi từng có.

-Đúng thế, nhưng René là một chàng trai rất có lòng tự trọng, anh ta không muốn nhận không từ tôi cũng như từ ông bất cứ cái gì. Cậu ấy muốn mua lại con tàu của ông. Ông sẽ phải chú ý đến những gì ông vừa nói lúc nãy, đó là con tàu này không thuộc về ông nữa. Tuy nhiên, ông nên đưa giá hợp lý cho một người, lẽ ra được lấy nó, nhưng lại muốn mua nó.

-Thưa ngài – Harding đáp – ý của ngài sẽ là mệnh lệnh với tôi: Ngài cứ định giá và tôi sẽ bán cho anh ấy một nửa giá ngài đưa ra.

-Tàu của ông đáng hai tám đến ba mươi nghìn phăng, René sẽ trả ông mười lăm nghìn phăng ông phải chuyển tất cả giấy tờ chứng nhận quốc tịch con tàu của ông ở Mỹ và giấy thông hành dưới màu cờ Mỹ cho anh ấy.

-Nhưng việc nhận ra chủ tàu là người Pháp đâu có phải là chuyện khó khăn, thưa ông.

-Nhưng ai sẽ nhận ra điều đó? – René hỏi, anh vẫn đang là thông ngôn cho Surcouf.

-Thật khó có thể nói tiếng Anh thông thạo để người ta không nhận ra nhất là khi một người Pháp nói tiếng nước ngoài. Tôi chỉ gặp người này – ông Harding chỉ vào René – là có thể làm được điều đó mà thôi.

-Thưa ngài, – bấy giờ René mới nói thật – chính tôi là người muốn mua con tàu. Ngài cũng thấy là không còn gì cản trở mong muốn của tôi nữa nên ngài hãy cho viên thẩm vấn chuẩn bị khế ước bán tàu, sau đó ngài cho mang tiền và đồ đạc của mình lên bờ.

Đây là ngân phiếu trị giá mười lăm nghìn phăng rút được từ nhà ông David và con trai trong thành phố mới. Hãy mang hoá đơn về cho tôi.

-Nhưng ngài đưa nó cho tôi khi ký giấy bán cũng được mà – ông Harding nói.

-Ngài cần thời gian để yên tâm rằng hợp đồng được trả khi xuất trình giấy rút tiền. Ngài Surcouf và tôi muốn khởi hành đi ngay tối nay, chậm nhất là sáng mai.

-Vậy tên người chủ sở hữu tàu sẽ là gì? – Harding hỏi.

-Ngài muốn ghi là gì cũng được – René cười đáp – Fielding du Kentucky nếu điều đó làm ngài thoải mái.

Harding đứng dậy hỏi René rỗi lúc mấy giờ.

-Ngài cứ nói giờ nào ngài cho là tôi thích hợp có mặt tại chỗ chưởng khế của ngài, tôi sẽ đến đó.

Surcouf thông báo họ sẽ rời vịnh vào sớm hôm sau do đó cuộc hẹn ấn định vào lúc bốn giờ chiều. Vào lúc năm giờ, con tàu Tay đua New York đã được bán cho chủ sở hữu mang cái tên John Fielding du Kentucky. Sáu giờ chiều thuyền trưởng Harding đã lấy đủ mười lăm nghìn phăng và đến bảy giờ chiều, hai trăm thủy thủ và binh lính hải quân Anh thích ở lại Rio-Janeiro đã được trao cho lãnh sự Anh để cùng lời hứa sẽ đổi lấy số tù binh Pháp tương tự.

Ngày hôm sau, ngay từ sớm ba con tàu mang quốc kỳ riêng lại cởi sóng thẳng tiến về mũi Hảo Vọng.

Nhưng thuyền trưởng Surcouf đã quyết định, để hai cô gái có một người bảo vệ, các cô đã chuyển từ tàu Revenant sang tàu Standard hai cô đều vui vẻ lên đó. Trong tình trạng bị bỏ rơi, các cô chưa biết làm sao đến được Rangoon nơi các cô có một ngôi nhà bên dòng sông Pégou. Không ai trong hai cô biết về Ấn Độ nhưng cô chị Hélène đã từng gặp ở London một sĩ quan quân đội đóng ở Calcutta. Trước lúc họ khởi hành sang Ấn Độ, họ đã thoả thuận đám cưới giữa Hélène de Sainte-Hermine và ngài James Asplay sẽ diễn ra tại đó. Jane và cha mình sẽ tiếp tục sống trong nhà của họ cho đến khi Jane kết hôn. Đến đó, tuỳ tình hình các chàng rể trẻ muốn sống cùng cha vợ hay không, hoặc ông sẽ sống ở nhà mỗi cô sáu tháng hoặc họ vẫn giữ lại ngôi nhà Rangoon.

Toàn bộ kế hoạch của gia đình đã tan vỡ sau cái chết của tử tước Sainte-Hermine. Họ đành phải chấp nhận một kế hoạch khác.

Cả hai đang vô cùng đau khổ trước biến cố bất ngờ vừa xảy đến nên họ không thể quyết định phải thực hiện dự định nào. Chính vì lẽ đó họ thấy hạnh phúc khi gặp được một chàng trai trẻ mang đến cho họ thứ tình cảm anh em đúng lúc họ thiếu tình cảm của người cha.

Nhờ thời tiết thuận lợi, nên tàu của thuyền trưởng Surcouf đi từ Rio -Janeiro đến Mũi Hảo Vọng, một chặng đường vượt đại dương từ châu lục này sang châu lục khác có lẽ chỉ như một chuyến đi dạo. Dần dần, một tình cảm thân thiết đã hình thành giữa ba con người trẻ tuổi trong sự mãn nguyện của Hélène. Cô thấy René thật duyên dáng, cô hy vọng sau khi hội ngộ cùng vị hôn phu của mình, Jane sẽ nhanh chóng tìm được ý trung nhân của cô.

Cả hai chị em đều giỏi âm nhạc nhưng từ lúc cha họ qua đời, không ai dám động đến phần dương cầm. Các cô thường nghe những khúc hát của các thủy thủ cất lên lan toả trên tàu và dường như nhờ cánh gió để đưa đến một cái đích nào đó.

Một đêm, không phải là một đêm như Chateaubriand đã tả về bóng tối mịt mùng mà chỉ là một đêm thiếu vắng ánh sáng, một giọng hát tươi rói cất lên từ khoang đuôi hát một bài hát miền Bretagne rất bi ai. Ngay khi thanh âm đầu tiên cất lên, Hélène đã đặt tay mình lên cánh tay René ra hiệu cho anh im lặng đó là câu chuyện về một thiếu nữ, dưới thời kỳ kinh hoàng, đã cứu một đức ông trong làng bằng cách dẫn anh ta lên tàu Anh, nhưng cô chưa kịp nói "hãy trốn đi …" thì quân lính đã đuổi kịp. Cô bị trúng một phát đạn rồi chết ngay trên tay người yêu khi bản tình ca buồn bã ấy kết thúc, hai cô gái nước mắt lưng tròng xin René đi hỏi xem người nào vừa hát. Nhưng chàng trai đáp không cần. Anh cho là đã biết lời, và phần nhạc anh chỉ cần một cây dương cầm, một tờ giấy có dòng kẻ và một cây bút là có thể chép lại Thế là họ đi vào phòng Hélène. René ôm đầu trong hai bàn tay nhớ lại những kỷ niệm của mình giây lát và bắt đầu viết. Rất nhanh, anh ghi lại bài hát từ đầu đến cuối rồi đặt nó lên bục đàn dương cầm và bắt đầu cất giọng biểu cảm hơn người thủy thủ nọ và ca từ còn có hiệu quả hay hơn nữa.

Trong phần điệp khúc đoạn đầu tiên, René đã rất tâm trạng thể hiện câu:

Tôi yêu nàng!
Tôi yêu nàng!
Dẫu sao tôi vẫn yêu nàng.

khiến người ta có cảm giác như anh đang nói về câu chuyện của chính mình và vẻ đượm buồn quen thuộc lại xuất hiện như thế chính người tình của anh đã rất hay không bao giờ gặp lại nữa.

Giọng anh đau đớn vang lên làm rung động con tim hai thiếu nữ, đánh thức những sợi dây tình cảm dịu dàng nhất, sâu sắc nhất nối họ với cảm xúc của anh.

Đồng hồ trên tàu chỉ hai giờ đêm, René mới trở về phòng.

§59. Đảo Pháp

Năm giờ sáng hôm đó, thủy thủ đứng gác thông báo: "Đất liền!" Người ta đã nhìn thấy đỉnh núi Table.

Suốt ngày hôm đó, gió thuận khiến các con tàu chạy với vận tốc mười hai mười ba dặm một giờ. Người ta vượt qua mũi Hải Vọng. Đến mũi Anguilles đuôi tàu bị một cơn gió mạnh đẩy nhanh đến về phía đông và ngay hôm đó, họ đã nhận ra đỉnh núi tuyết.

Đảo Maurice, thời đó vẫn mang tên là đảo Pháp là nơi duy nhất các tàu Pháp có thể lưu trú trên Ấn Độ Dương.

Vào năm 1505, Emmanuel, vua Bồ Đào Nha quyết định lập một phó vương quản lý vùng bở biển Ấn Độ. Vị trí này về sau giao cho François d'Almeida, người này bị sát hại năm năm sau gần mũi Hảo Vọng do bàn tay của những người Hottentots lúc ông muốn qua châu Âu.

Ngay những năm đầu cai trị của Almeida, khi Pedro Mascarenhas phát hiện ra đảo Pháp và đảo Bourbon (Đảo Réunion), người ta không nhớ ra rằng người Bồ Đào Nha không hề đặt cơ sở nào trên các đảo này. Trong suốt thời kỳ họ làm chủ, tức là trong suốt thế kỷ XVI nguồn lợi duy nhất thiên nhiên ban tặng cho

đảo thu hút các khách lạ đến thăm là vài bầy dê, khỉ và lợn mà những người này thả trên đảo. Đến năm 1598, hòn đảo bị bỏ hoang rơi vào tay người Hà Lan.

Nước Bồ Đào Nha chuyển sang thời trị vì của vua Philippe Đệ nhị, những người Bồ Đào Nha sống lưu vong ồ ạt di cư sang Ấn Độ. Bị coi như bị tước mất tổ quốc mẹ hiền, một số trở thành người tự do, số khác làm nghề cướp biển và không có liên hệ hay phục vụ gì cho triều đình.

Hồi năm 1595, Comélius Houtman đã từng đặt nền móng cho sự phát triển nơi đây. Dần dần, người Hà Lan tiến hành chinh phục các khu đảo trên Ấn Độ Dương trong đó có đảo Cerné và Mascaret.

Đô đốc Van Nock là người đầu tiên đến đảo Cerné năm 1598, khi đó nơi này vẫn chưa có dân cư sinh sống. Chuyến tàu buồm cũng đã rời Texel ngày 1 tháng Năm năm 1600 dưới sự chỉ huy của đô đốc hải quân Jacques-Comélius và kỳ hạn đó mang tên ông. Đô đốc còn được gọi là Maurice và sau này ông đặt tên đó cho đảo Cerné. Người Hà Lan chỉ biết tên đảo chứ chưa đến. Sau đó, họ hạ hai xà lan vào bờ để xem xét. Một chiếc vào rất sâu và phát hiện được một cảng lớn có độ sâu tuyệt vời, nó có thể chứa năm mươi kỳ hạm. Buổi tối, các thủy thủ trở lại tàu độ đốc mang về rất nhiều chìm lớn và vô số chim nhỏ. Ngoài ra họ còn phát hiện một dòng sông chứa nước ngọt chảy từ đỉnh núi xuống.

Tuy thế, đô đốc còn không biết đảo này có người sinh sống hay chưa, mặt khác, ông cũng không có thời gian đi thám thính bởi lẽ trên tàu đang có rất nhiều bệnh nhân. Ông đành cho tàu cập vào một vị trí thuận lợi để tránh bị tấn công bất ngờ.

Trong nhiều ngày liên tiếp, ông cho các xà lan vào thăm dò các phần khác nhau trên đảo và xem trên đó có ai sống hay không, những các tốp người đi về đều kể lại chỉ gặp những con thú tứ chi chạy trốn trước họ, những con chim vốn biết quá ít nguy hiểm nên đứng in chẳng sợ bị bắt. Tuy nhiên, có một mảnh ván cầu, một cột buồm phụ trên đó minh chứng cho vài thảm hoạ thiên nhiên đã ập xuống khu vực quanh đảo Cerné.

Điều khiến hòn đảo này trở thành một trong những nơi kỳ thú đẹp đẽ nhất mà người ta có thể thấy là sự hiện diện các đỉnh núi quanh tất cả các bờ biển. Núi nào cũng dày đặc các loại cây xanh chằng chịt, có cây tuyết phủ quanh năm trên các cành. Mặt đất sỏi đá cũng phủ lớp rừng rậm đến độ không tạo được đường đi. Người ta nhận ra ở đó có nhiều loại cây đen giống như các cây gỗ mun đẹp nhất, nhiều loại cây có màu đỏ sặc sỡ, nhiều loại có màu vàng sậm như màu xi, những cây cọ nhiều vô kể đang xoè bóng mát gọi mời, lõi của nó ăn ngon như củ cải và có thể ăn cùng với nước sốt mà người ta ăn với loại rau đó. Chất gỗ mọc trên đảo cũng rất tốt nên các thủy thủ có thể dựng lều thuận tiện cộng với không khí trong lành đã khiến các bệnh nhân mau khoẻ trở lại. Mặt khác, biển ở đây có rất nhiều

cá. Chỉ một mẻ lưới người ta có thể thu về hàng ngàn con. Một hôm, người ta bắt được con cá đuối lớn đến mức có thể làm thức ăn cho cả thủy thủ đoàn.

Những con rùa ở đây to đến độ, vào một ngày giông, người ta tìm được sáu người đàn ông nấp dưới một cái mai.

Chỉ huy tàu ra lệnh đóng một tấm ván lên trên một cái cây, trên đó ông cho khắc tên quân đội Hà Lan, Zélande và Amsterdam, kèm dòng chữ bằng tiếng Bồ Đào Nha Christianos Refomlados. Sau đó, ông còn cho dựng một hàng rào, cho trồng các loại rau khác nhau để thử đất cũng để lại đó một số gia cầm để các tàu dừng chân trên hòn đảo xinh đẹp này về sau có được những thực phẩm phong phú ngài nguồn thực phẩm bản địa.

Ngày 12 tháng Tám năm 1601, Hermansen cho người lên đảo Maurice để lấy nước và thực phẩm đang thiếu trên tàu.

Có lẽ vào năm 1606, người Hà Lan đã đến thăm đảo Pháp nhưng trước năm 1644, họ chưa xây dựng gì ở đây. Thật khó xác định ai là người đặt cơ sở đầu tiên trên đảo, có lẽ đó là những cướp biển hoành hành trên Ấn Độ Dương vào thế kỷ thứ XVI.

Tất cả những gì chúng ta biết, đó là vào năm 1648, Van der Master trở thành đảo trưởng đảo Maurice. Tiếp đó là Leguat và ngài Lameocius trở thành chúa đảo khi ông Leguat đến đảo Rodngues. Cuối cùng vào năm 1690, Rodolphe Déodoti từ Genève chiếm vị trí này nhân chuyến trở về từ đảo Rodngues

Từ năm 1693 đến năm 1696, một vài người Pháp mệt mỏi với không khí Madagascar đã dẫn vợ là người da vàng và da đen đến Mascarenhas. Flacourt đã chiếm hòn đảo này nhân danh đức vua và treo cờ Pháp lên đúng vị trí lá cờ Bồ Đào Nha từng bay trước đó. Flacourt đặt tên cho đảo là đảo Bourbon mà nó còn giữ đến ngày nay. Ông ta để trên chốn đất mới này vài cặp vợ chồng và tiếp tục chỉ huy họ dưới cái tên Payen. Những cư dân mới tìm thấy ở đây một mảnh đất màu mỡ và họ cấy trồng rất hăng say.

Ban đầu họ sống bằng cá, gạo, rùa, các loại rau nhưng về sau biết nuôi các loại gia súc gia cầm nên cuộc sống của họ bình yên và địu ngọt như trên mảnh thiên đàng rớt xuống trái đất.

Có bốn gã cướp biển người Anh là Avery, England, Condon và Patisson, sau khi kiếm được vô số tài sản trên biển đó, bờ biển A Rập và Ba Tư, họ lập tại đây một phần đoàn thủy thủ của mình.

Vua Pháp không kết tội họ và một trong số những kẻ thám hiểm đó còn sống đến năm 1763 trong khi triều đình Bourbon hãnh diện về lần đặt tên mới cho đảo Bourbon đã thúc đẩy nó phát triển thì Maurice trong tay người Hà Lan lại dậm chân tại chỗ.

Ngày 15 tháng Giêng năm 1715, thuyền trưởng tàu Dufresne nhân lúc người Hà Lan sẵn sàng bỏ một đảo Maurice, đã cho khoảng ba mươi người Pháp lên

đây và đặt lại tên cho đảo này là đảo Pháp. Trước vẻ thịnh vượng của hai hòn đảo, sự tiện lợi của cảng biển, đất đai phì nhiêu, không khí trong lành đã nảy ra trong ông ý tưởng biến nơi này thành thuộc địa thật sự. Ngài Bauvillier, vào năm 1721 đã có hiệp sĩ Gamier de Fougeray, tức thuyền trưởng tàu Triton đến đó, người này lãnh đạo nó từ ngày 23 tháng Chín nhân danh Vua nước Pháp và cho chôn một cột buồm cao bốn mươi dặm trên đó treo một lá cờ trắng cùng dòng chữ la tinh.

Ngày 28 tháng Tám năm 1726 ông Dumas đang sống trên đảo Bourbon được bổ nhiệm quản lý cả hai đảo. Sau này, việc quản lý lại bị chia cắt và ông Maupin được giao quản lý đảo Pháp.

Nhưng người thành lập và thực thi luật trên đảo lại là ngài Mahé de La Bourdonnais. Vừa đến miền đất mới, ông nhận ra toà án bên đảo Pháp phụ thuộc vào đảo Bourbon, ông bèn gửi chứng thư tuyên bố quyền tương đương trên đảo Pháp với đảo lân cận về tất cả những gì liên quan đến luật tội phạm.

Dẫu vậy trong suốt mời một năm cầm quyền của ngài Bourdonnais, cái quyền bình đẳng ấy chẳng được sử dụng đến bởi lẽ trên đảo Pháp chẳng hề có vụ án nào. Thảm hoạ duy nhất làm Maurice tổn thất là việc ra đi của người lai da đen vàng. Ngài Bourdonnais cho thành lập một đội quản hạt bao gồm những người da đen thực thi những gì áp đặt đối với những người da đen bướng bỉnh. Ông cho trồng mía trên đảo Pháp và thành lập tại đây những xưởng bông và công việc sản xuất này có đầu tiêu thụ là Surate, Moka, Ba Tư và châu Âu.

Những cơ sở sản xuất đường do ngài Bourdonnais thành lập khoảng năm 1735, sau mười lăm năm đã tạo ra một khoản sáu nghìn phăng mỗi năm. Ông cho nhập cây sắn từ Braxin và Santiago về nhưng người dân nơi đây tỏ ra có ác cảm với loại sản phẩm mới này. Thế là ông buộc phải ra đạo luật buộc mỗi người dân, mỗi nô lệ đều phải trồng sắn trong ba trăm bộ vuông. Ngài Bourdonnais đã bắt đầu tất cả ở đảo Pháp, chính ông là người xây dựng những con đường giao thông, cho chở đá trải đến tận cảng, cho xây dựng nhà cửa ven cảng, chính ông cho xây các xưởng chế tạo vũ khí, các ụ pháo, lâu đài, cối xay, nhà ga, văn phòng, cửa hàng và một chiếc cầu máng dài ba trăm toa dẫn nước ngọt đến cảng đến những bệnh viện bên bờ biển. Trước khi có ông, dân chúng đảo Pháp hoàn toàn không biết gì về đóng tàu đến nỗi có vài kẻ giàu có đến đảo bằng tàu đánh cá, đều bị buộc để lại trên cảng. Ông đã khuyến khích người dân giúp mình tạo ra một ngành hàng hải trong đó, đảo sẽ cung cấp gỗ. Người ta cho chặt một lượng gỗ lớn trong rừng, đẽo gọt thành hình cần thiết, ngay tại chỗ. Trong vòng hai năm, người ta đã có một lượng gỗ đáng kể chuẩn bị bắt đầu công việc.

Vào năm 1737, ngài Bourdonnais đã cho người thực hiện việc đóng tàu ông cho làm những ca nô và xà lan lớn để vận chuyển vật liệu. Cuối cùng, ông đã

dựng được một tàu đánh cá lớn rất tuyệt vời. Năm sau, ông cho đóng hai con tàu khác và thực hiện trong xưởng một con tàu 500 tấn.

Những việc ông làm thuận lợi đến nỗi những kẻ ghen ghét không để ông yên. Thế là ông trở về Paris với dự định tự bào chữa.

Sự việc trở nên thật dễ dàng, ông đã xua tan bóng mây đen đè lên tiếng tăm của mình. Vì đã chuẩn bị tinh thần cắt đứt với người Anh và Hà Lan trong tương lai, ông lập kế hoạch trang bị vũ khí cho lượng tàu nhất định để tấn công việc buôn bán của hai kẻ thù hùng mạnh này. Tuy nhiên, dù đã được chuẩn y nhưng kế hoạch đó không được thực hiện và ông phải trở về Paris năm 1741 với một nhiệm vụ đặc biệt để chỉ huy chiến hạm Mars, một chiến hạm của nhà vua.

Hoà bình lập lại năm 1742, ngài Bourdonnais tiếp tục trở về đảo Pháp một lần nữa, những lời tố cáo buộc ông quay về Paris.

Lần này ông gặp ngài Poivre ở Pondichery. Con người này đã mang về Pháp hạt tiêu, quế và nhiều loại cây gỗ có vân. Chính ngài Poivre này vào năm 1766 đã được công tước Choiseul bổ nhiệm quản lý cả hai đảo đảo Pháp và đảo Bourbon. Ông cho trồng tại đây cây rima hay còn gọi là cây bánh mỳ trên đảo Société ông còn thành công trong việc đưa vào trồng tại hai đảo các loại cây quế hạt tiêu và cây đinh hương. Ngày nay, đảo Bourbon còn thu hoạch bốn trăm nghìn đinh hương được châu Á thừa nhận có chất lượng hơn ở Moluques.

Sau những chuỗi thành công của các quản hạt người đã đặt tảng đá xây dựng nền móng chốn thuộc địa mỹ lệ này, đến lượt tướng Decaen đã tiếp nhận hòn đảo từ tay ngài Magallon-Lamorìière trong thời kỳ đảo đang mức hưng thịnh nhất.

Chỉ có điều song song với việc nhận hòn đảo ấy, cuộc chiến với nước Anh lại bùng nổ. Từ khi cuộc chiến bắt đầu, như chúng tôi đã nói ở trên, đảo Réunion và đảo Pháp là nơi cư trú duy nhất cho các tàu Pháp trong Ấn Độ Dương. Đó cũng là nơi các thuyền trưởng Surcouf, nhà Hermitte, Dutertre đến bán chiếm lợi phẩm hay sửa chữa tàu thuyền. Do đó, hiếm khi người ta không thấy vài tàu Anh đi ngang qua đây chờ tàu cướp biển để lấy lại tài sản của họ.

Thuyền trưởng Surcouf ngạc nhiên chạy lên boong tàu Revenant khi nghe tiếng hô "Đất liền" ông leo hẳn lên thanh buồm vẹt và thấy mặt biển thông từ cảng Savanne đến mũi Quatre-Cocos.

Chỉ có điều ông không biết liệu có tàu Anh nào nấp trong đất liền lao ra từ bờ vịnh Tortue và vịnh Tamarin hay không.

Thuyền trưởng Surcouf đã từng đặt chân đến Địa đàng Ấn Độ này, nói theo cách của pháp quan Suffren, đã nhận ra đảo Pháp ngay qua làn hơi nước bao phủ quanh năm trên hòn đảo xanh tươi, rặng núi Créoles (Créole là tên của những người sanh trưởng ở tại các quần đảo Maurice hay đảo Réunion) và chúng con kênh từ cảng lớn kéo đến dãy núi Bambous.

Khi người ta đến đảo Pháp chỉ để neo đậu, lấy lương thực, nước ngọt đôi khi người ta lưỡng lự không biết chọn cảng Lớn hay cảng Louis. Còn nếu người ta đến đây với mục đích như Surcouf tức là sửa chữa tàu hay bán chiến lợi phẩm thì không cần phải băn khoăn. Lối vào cảng lớn rất dễ dàng do có luồng gió mạch uốn cong các cây trên đảo, từ đông sang tây giống như gió mùa Mistral (Ở các đảo này thường hay bị bảo Mistral tàn phá hằng năm) bẻ cây cối của chúng ta ở miền nam. Loại gió này ngự trị suốt chín tháng trong năm và các tàu thuyền vào cảng thì dễ còn khi đi ra nếu có gió thì không thể ra được.

Thuyền trưởng Surcouf sau khi nhận thấy biển thông thoáng, ông định hướng mũi Pointe-Du-Diable, quay đầu lên đông bắc để tránh bãi ngầm, bỏ lại sau lưng những đồng cỏ xa van, bên trái là dãy núi Blanches, mỏm núi Faience và toàn bộ tảng Flacq.

Các con tàu đều buông neo tại Pavillon để nhận sự chào đón và kiểm tra y tế theo tín hiệu. Việc cho phép vào cảng được chuẩn bị theo thủ tục tự do, thông thường sẽ có nhiều thuyền nhỏ mang hoa quả và đủ loại sản phẩm tươi. Sau các thủ tục, Surcouf được chào đón, cho phép đi tiếp để buông neo ở Chien-Au-Plomb, nhưng trước khi đến đó, tên của ông được những người chèo thuyền truyền từ thuyền này sang thuyền khác, nó đánh thức trong họ những hồi ức đẹp nhất về tổ quốc, thế là những tiếng hò reo vui sướng và những tràng pháo tay rộ lên chào đón tàu Standard, Revenant và Tay đua New York.

§60. Những ngày trên đảo

Việc neo đậu trở nên rất dễ dàng trên đảo Pháp. Phía cuối cảng sâu một dặm, người ta có thể cho tàu vào, dễ như bước trên một dòng nước nhỏ, bãi đậu Chien-Australia-Plomb bên bờ, đi được chục bước, người ta sẽ gặp quảng trường Gouvemement. Qua những cánh cửa cung điện, bỏ lại phía bên phải toà nhà Quản lý cùng những hàng cây tuyệt đẹp, duy nhất có trên đảo là ta đang tiến về phía phố Champs de Mars, con phố chính, trước khi đến nhà thờ, đối diện với nhà hát, người ta sẽ gặp khách sạn dành cho người nước ngoài.

Đoàn người đứng trước cửa khách sạn bao gồm thuyền trưởng Surcouf khoác tay tiểu thư Hélène de Sainte-Hermine, René đi tiếp sau khoác tay Jane và cuối cùng là Bléas và vài sĩ quan: Phân hạng nhất trong khách sạn được chọn cho hai cô gái, sau đó hai cô đến một tiệm may để cắt trang phục. Cảm giác mất mát trong hai cô luôn hiện hữu. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh hiện tại sự hiện diện của anh chàng René đáng mến, câu chuyện rất bổ ích và lý thú của anh khiến vết thương lòng của các cô dù không khỏi được nhưng cũng bớt phần đau đớn.

Khi René hỏi họ định sẽ làm gì các cô gái trả lời họ sẽ không đi đâu trong tang phục. Chừng nào còn ở trên tàu, việc để tang đối với họ không hẳn là tối cần thiết nhưng trong một thành phố, họ thấy xấu hổ khi ra ngoài trong bộ quần áo không thể diễn tả được sự tiếc thương và đau buồn của họ. Tuy thế, các cô vẫn tuyên bố cuộc đi chơi đầu tiên của họ sẽ là Pamplemousses.

Có lẽ khi nghe đến cái tên Pamplemousses, người ta cũng đoán được đó là chuyến hành hương đến những túp lều của Paul và Virginie. Cuốn tiểu thuyết của Bemardin de Saint – Pierre, mối diễm tình thi vị giống như trong Daphnis và Chloé dịch sang tiếng Hy Lạp, dù vào thời đó nó đã được xuất bản từ mười lăm năm song vẫn còn in đậm trong tâm trí hai cô gái trẻ.

Đó là một tác phẩm để lại dấu ấn trong toàn xã hội. Người yêu mê cuồng, kẻ ghét thậm tệ. Đó là một trong những vấn đề tình cảm khiến người ta sẵn sàng tranh cãi cũng giống như một vấn đề về quyền lợi. Như ta biết, sau ấn tượng của tác phẩm Paul và Virginie để lại trong phòng tiếp của phu nhân Necker, Bemardin de Saint-Pierre đã nghi ngờ chính tài năng của mình đến độ ông không cho in cuốn sách của ông. Ngài Buffon thấy tẻ ngắt, ngài Necker ngáp dài còn ngài Thomas thì thiu thiu ngủ khi đọc nó.

Vậy là ông quyết định không cho in cuốn Paul và Virginie nữa. Hai đứa con tinh thần của mình bị bỏ rơi là điều rất đau khổ với ông nhưng vào một ngày ông đã quyết định đốt cuốn bản thảo viết tay mà sự hiện diện của nó chỉ gợi lên nỗi thất vọng cay đắng nhấn chìm ông một cách tàn bạo nhất.

Đang lưỡng lự khi đưa bản thảo bị kết án bởi những bộ óc siêu phàm thời kỳ ấy thì Joseph Vernet, một hoạ sĩ chuyên vẽ biển đến thăm ông, thấy ông có vẻ ủ ê mới hỏi căn nguyên nỗi buồn là gì.

Bemardin kể lại chuyện cho bạn nghe và trước lời nài nỉ của bạn, ông quyết định đọc một lần cuối cho bạn nghe.

Vernet chăm chú lắng nghe không biểu lộ sự đồng tình hay phản đối. Ông giữ sự im lặng đáng lo ngại ấy đến phút cuối. Về phần mình, càng đọc, Bemardin càng thấy trái tim xốn xang, giọng nói run lên. Sau lời cuối cùng, ông ngước mắt lên nhìn vị phán quan chờ đợi.

-Thế nào? Bemardin hỏi.

-Thế đấy bạn của tôi – Vernet ôm ông vào lòng – Đơn giản là bạn đã tạo nên một kiệt tác!

Vernet đã đánh giá tác phẩm không phải bằng các kỹ thuật viết lách, bằng tầm suy nghĩ mà cảm nhận bằng trái tim. Ông đã đoán đúng và đồng ý với phần kết thúc.

Từ đó có hai tiểu thuyết khác, với phong cách loè loẹt hơn, và bằng trường phái ồn ào hơn muốn lấn lướt thành công lớn lao của Paul và Virginie đó là một tài năng khác nhưng đó là thứ tài năng khác với tác phẩm của Bemardin, đó là René và Atala.

René và Atala cũng tạo được chỗ đứng nhưng chỗ đứng của Paul và Virginie thì không hề bị đánh đổ.

Thế đó! Chính mảnh đất diễn ra câu chuyện đơn giản ấy lại là nơi các tiểu thư Sainte-Hermine muốn đi thăm đầu tiên. Chị thợ may hứa đồ tang sẽ xong vào ngày mai nên ngày kia có lẽ hai chị em mới hoàn thành chuyến hành hương thiêng liêng ấy được.

Anh chàng René dùng mọi cách mời hai thiếu nữ tham gia vào một chuyến dã ngoại ở nông thôn, nó không khác gì những chuyến đi dạo thanh lãm nhất ở rừng Fontainebleau hay ở Marly.

René mua cho mình một con ngựa, thuê cho Bléas và Surcouf hai con đẹp nhất, sau đó, anh nhờ ông chủ khách sạn thuê hai mươi nô lệ da đen, tám người chèo thuyền, mười hai người mang thực phẩm họ phải ăn tối bên bờ sông Latanlers và ngay từ hôm trước, René đã cho chuẩn bị bàn, đồ vải và ghế.

Một chiếc thuyền đánh cá rất đẹp dùng để chuyên chở tất cả vật dụng sẽ chở những ai thích đi câu hơn đi săn. Về phần René, vì anh chưa biết mình sẽ tham gia hoạt động nào nên chỉ mang một cây súng vắt chéo qua vai và chờ xem hai thiếu nữ làm gì mình sẽ làm theo.

Ngày đi dạo đã đến, hôm ấy trời đẹp như mọi ngày, sáu giờ sáng để không bị nắng, mọi người đã tập trung tại phòng dưới của khách sạn Khách sạn cho người nước ngoài.

Kiệu và phu khuân vác đã chờ sẵn họ dưới phố, cạnh đó còn có ba con ngựa, bốn người da đen đội những chiến giỏ lớn đựng đầy thực phẩm, tám người khác sẵn sàng thay phiên họ. René để cho ngài Surcouf và Bléas chọn ngựa. Vốn là những ky sĩ tầm thường giống như phần lớn các thủy thủ, họ chỉ chú ý chọn con nào thuần mà thôi. Bléas vốn cũng khá về đua ngựa muốn trả thù René về vẻ vượt trội của anh trên mọi phương diện nhưng con ngựa của René, một khi đã để ông chủ trèo lên yên, nó đâu dễ để ai qua mặt.

Những chuyến đi dạo như vậy, vốn thường thấy trên đảo Pháp, nhưng lần này nó có vẻ rất đặc biệt vì thời đó, đường rất khó đi nên phụ nữ luôn ngồi trên kiệu và đàn ông đi ngựa. Về những người da đen, họ hầu như ở trần, với những ngày đại lễ, họ mặc một thứ dạng áo dài xanh lơ giống như chiếc quần tắm trùm xuống tận đầu gối. Tám người khiêng kiệu bằng những đòn vai, tay cầm một chiếc gậy lớn để giữ thăng bằng. Bốn người vừa mang thực phẩm bước theo sau vừa ngâm nga nhịp một bài hát của người da trắng có giai điệu buồn buồn hơn là vui.

Hai bên đường, khung cảnh rất đẹp. Bên phải là dãy núi Polt chạy theo hướng đông bắc và giảm dần độ cao, ban đầu là đỉnh Pouce mà không ai dám leo lên, rồi đến đỉnh Pretres với quang cảnh đẹp như một cao nguyên gồ ghề treo lơ lửng trong không trung Vẻ xanh ngút ngàn nhìn mát mắt lắm. Suốt dọc đường đi, người ta gặp những người da màu. Qua sông Lataniers là đến miền đất đỏ. Đâu đâu cũng có những bụi tre rậm rịt, những dải rừng đen kịt và những cây lý thơm.

Mộ của Paul và Virginie do một tu sĩ già trông coi, ông đã biến nó thành một thiên đường của hoa và cây xanh.

Chỗ nào trên đường cũng có những đàn vẹt màu sác sặc sỡ, những con khỉ đu từ cành này sang cành khác, những con thỏ rừng nhiều vô kể trên đảo mà muốn bắt người ta chỉ cần lấy một cây gậy kều xuống là được, những con chim ngói bay lượn và những mảnh sò bé tí xíu.

Cuối cùng, mọi người cũng đến được mảnh đất có bàn tay người cấy trồng ngày xưa, nơi còn có hai túp lều nhỏ tí lụp xụp.

Giữa cánh đồng lúa mì, ngô, khoai lang mà người ta trồng trước đây giờ chỉ thấy một thảm hoa rộng lớn, thỉnh thoảng có những gò nhỏ nhô lên đội những mảng hoa màu sắc rực rỡ giống như những hương án và những điện thờ.

Chỉ một lối mở lên hướng bắc cho thấy bên trái là đỉnh núi Découverte, từ đó người ta báo hiệu cho các tàu cập vào đảo. Nhà thờ Pamplemousse có gác chuông thấp thoáng giữa những răng tre mọc so le một cách tuyệt đẹp ở giữa một cánh đồng lớn. Xa xa là một cánh rừng trải rộng đến đầu kia của đảo. Trước mặt trên bờ biển, người ta cũng nhận ra vịnh Hầm Mộ, chếch một chút về bên phải là mũi Bất Hạnh. Từ chỗ đó ra giữa biển thỉnh thoảng có một vài đảo nhỏ không có người sống. Mũi Ngắm nhô lên như một thành trì nằm giữa quần đảo nhỏ. Nơi đầu tiên khiến mọi người vội vã đi thăm là tảng đá nằm trên mộ Paul và Virginie.

Mỗi người thầm cầu nguyện một điều trước bức điêu khắc ấy, riêng hai cô gái cứ lưu luyến mãi không quyết định rời đi được. Những người đàn ông ít sùng bái những ký ức thi vị hơn lại chú ý đến lượm những con mồi trên đảo và chuẩn bị đi săn. Một vài người khuân vác làm nhiệm vụ dẫn đường cho họ và cũng thoả thuận sau một giờ tất cả sẽ tập trung về gần sông Lataniers để ăn trưa.

Riêng René ở lại để chăm sóc hai thiếu nữ. Jane đã mang cuốn sách của Bemardin de Saint -Pierre và trên chính nấm mộ nhân vật René đã đọc ba bốn chương trong quyển sách đó.

Mặt trời bắt đầu toả sức nóng buộc hai thiếu nữ và kỵ sĩ của họ rời vịnh, không có bóng cây nào giúp họ thấy mát cả.

Do quá bận tâm về mục đích của chuyến đi nên khi đến các du khách của chúng ta ít chú ý đến việc ngắm nhìn cảnh trí. Một người từng chu du đó đây ở Arménie, đột nhiên nhận ra thiên đường đánh mất cũng không ngạc nhiên một cách ngọt ngào như việc lần đầu lang thang trong chốn tuyệt diệu của Pamplemousse. Tất cả đều gợi lên niềm hứng khởi cho ba con người trẻ tuổi. Lần đầu tiên họ được thấy những cánh đồng mía với những thân cây nhiều đốt cao đến chức mười bộ, những chiếc lá dài hẹp khua trong gió.

Gần những cánh đồng mía là những cánh đồng cà phê mà hạt của chúng, theo phu nhân Sévigné, như những tác phẩm của Racine, thứ đã từng làm nên từ một trăm bảy mươi hai năm cái vị thèm muốn cho châu Âu, như từ hai trăm năm trước Racine làm nên cái vị trí tuệ cho tất cả các tài tử thi ca vậy. Điều khiến ba người ngưỡng mộ nhất có lẽ là món quà thiên nhiên ban tặng treo lơ lửng trên các cây ăn quả. Quả thật, họ chỉ cần với tay là hái được những trái hạnh, lê và roi. Từ xa, họ đã thấy một toán người bên bờ sông Lataniers, đó là những người đang bày đồ ăn. Chưa bao giờ đồ uống lại ngon như ba ly nước múc từ dòng sông Lataniers.

Các thợ săn vẫn chưa trở lại, nhưng mười phút sau, mấy tiếng súng vang lên gần đó báo hiệu họ đang trở về. Dù vẫn chưa đến mười giờ sáng nhưng trong không khí mát mẻ và trong lành ấy, các du khách của chúng ta đã ai nấy đều đói.

Bàn ăn được bày ra vô cùng hấp dẫn. Các thủy thủ trên tàu đã lặn xuống biển và bắt được rất nhiều loại có mai trong đó có loại sò huyết bày biện rất bắt mắt. Những cành cây trìu quả cũng được xếp bên cạnh bàn ăn.

Ông chủ khách sạn dành cho người nước ngoài chịu trách nhiệm chuẩn bị bữa ăn tối đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thiêng liêng của mình. Ông ta cho mang đến một nửa con cừu, một phần tư con nai con… những con tôm hùm tươi rói.

Nhưng chai rượu vang hảo hạng nhất trên đảo tươi mát như lấy từ hố sâu nhất trong dòng sông Lataniers vậy.

Những tay thợ săn trở về mang theo một con hơn non, đôi ba con thỏ rừng và gà lôi cùng những con chim cực ngon. Đám đầu bếp để dành chỗ thực phẩm tươi đó cho bữa tối vì tất cả du khách thấy ở đây thoải mái quá nên đã đồng thanh bảo nhau Chúng ta hãy ở lại đây cả ngày thôi! “

Lời đề nghị ấy không vấp phải sự phản đối nào, họ đã quyết định nghỉ ngơi dưới bóng mát của cây cối và bên dòng sông đến hai giờ sau đó sẽ lên ngựa đi thăm bờ biển nơi Saint-Geran đã từng lẩn trốn. Như vậy, chuyến hành hương của họ đã trọn vẹn. Họ đã thăm một nơi ra đời, một nơi lẩn trốn và một nơi yên nghỉ. Chưa bao giờ René và những người bạn đồng hành lại được nếm các loại trái cây vừa nhiều vừa đa dạng mà ở châu Âu chưa từng có như vậy. Sự tò mò cộng với sự ngon miệng đã níu họ ở lại bên bàn ăn đến tận hai giờ chiều.

Vì họ để những người da đen cùng ăn thoả thê nên những người này hy vọng trong sự rộng rãi ấy sẽ được thưởng hậu vào buổi tối nên ai nấy đều có mặt đúng giờ để tiếp tục công việc của mình.

Tất cả lên đường để lại đằng sau mô đất và những cây đu đủ. Khi đi qua khu rừng rậm nhỏ, ở một số chỗ, những người da đen phải lấy rìu để dọn một lối đi.

Những người đội hàng bước đi rất chuyển theo nhịp, trên con đường xấu như vậy mà kiệu hai cô gái không hề lắc lư. Gần ba giờ chiều, họ đến vùng đối diện với đảo Long Diên Hương, hay đúng hơn là đối diện với lối mà Saint-Geran vào ẩn nấu trên đảo.

Mặc dù không có gì chứng tỏ có vụ thảm hoạ như Bemardin de Saint-Pierre dùng để cởi nút cao trào tác phẩm nhưng sự xúc động vẫn trào lên trong các du khách y như lúc họ ở gần ngôi mộ.

Ai cũng đang nhìn chăm chú, tim đập rộn ràng như muốn hỏi các sĩ quan hải quân bằng cách nào đã thực hiện được nhiệm vụ thì đột nhiên con tàu biến mất ở vị trí đó thì người ta nghe tiếng động lớn mặt biển bỗng rung động rất kỳ lạ.

Chỉ một lát sau, mọi chuyện đã được giải thích. Có hai con vật khổng lồ đang đánh nhau giữa muôn trùng sóng. Đó là một con cá voi vừa chiến đấu với kẻ thù chết người của nó là con cá kiếm. Có thể nói hai đấu sĩ khổng lồ này đã đợi đúng thời điểm đoàn người đến để xung trận.

Cuộc đấu kéo dài, ngoan cường và ác liệt từ cả hai phía. Con thủy quất to lớn như lao bổng người lên tạo thành một khối giống như một quả chuông đâm xuống. Nó phụt từ hai lỗ mũi hai cột nước rất cao nhưng dần dần nó phun nước yếu hơn và vắt lên với một quầng máu loang. Hai cột nước biến thành màu hồng chứng tỏ chiến thắng sắp đến với con nhỏ hơn. Với lợi thế gọn nhẹ, con cá kiếm liên tiếp tấn công xung quanh con cá voi, chọc cái lưỡi kiếm vào hai bên sườn và không để đối thủ nghỉ ngơi tí nào. Cuối cùng, bằng một nỗ lực dốc toàn sức, con cá voi lao lên và thả mình rơi mạnh vào địch thủ, có lẽ nó làm con cá kiếm chết

bẹp vì không thấy con này đâu nữa. Về phần con cá voi, sau vài cơn co giật nó dần cứng đờ và thở hắt ra kèm theo một tiếng kêu giống như tiếng kêu của người.

§61. Trở về

Có một người tên là Leconte de Lisle mà nghe nói Viện Hàn Lâm cũng không biết ông sống ở đảo Bourbon, đảo Pháp hay ở Ấn Độ, đã vẽ trong những vần thơ chuyến đi dài của một thiếu phụ trong kiệu dưới nhan đề "La Manchi" như sau:

Nàng đi như thế trong buổi sáng rất dịu,
Từ miền sơn cước đến buổi đại lễ.
Trong dáng điệu ngây thơ và tươi xuân hồng của nàng.
Có bước chân đánh nhịp của những người Hindu.

Cho dù độc giả tin những câu hát cùng bước chân đánh nhịp của phu kiệu này có liên quan đến những vần thơ của ngài Leconte de Lisle thì vẫn không gì chán bằng những khúc hát dân dã ấy, không gì kém êm ái hơn không khí họ đang tận hưởng.

Trong khung cảnh như ở thời nguyên thủy khi con người tập trung chỉ vào vài từ và thấy trong những từ ấy có vần điệu là họ nhắc đi nhắc lại mãi. Nó thoả mãn nhu cầu của trì não và nhu cầu của cơ quan cảm thụ âm nhạc. Chính vì lẽ đó, các phu kiệu của Hélène và Jane thay vì sáng tác những câu ca ngợi vẻ đẹp của các cô gái trẻ nước ngoài, thay vì khen mắt và mái tóc đen của Hélène, tóc vàng, mắt xanh của Jane lại chỉ hát khúc hát trên và kết thúc bằng một lời than vãn giống như tiếng rên rỉ thốt ra từ kẻ làm bánh mỳ phải bóp nát chiếc bánh của mình. Khi đoạn đường sắp lên dốc họ hát:

Người tình đã đến
Khi lên dốc… ha!!!

Còn nếu sắp xuống dốc, họ chỉ cần thay đổi lời điệp khúc:

Người tình đã đến
Khi xuống dốc… ha!!!

Thỉnh thoảng, bốn phu kiệu khác lại thay thế cho những người đã mệt những người này lại hát bài hát đơn điệu và não ruột ấy cho đến khi họ đến nơi.

Đôi khi có vài thi sĩ thất tình phải chia xa người yêu dấu của minh đã gắng vượt qua ngưỡng thông thường của bài hát. Anh ta thêm vài bốn câu đầu bốn câu thơ khác nữa. Một thi sĩ khác vẫn ở tình trạng thất tình như vậy lại nghĩ ra đoạn thơ thứ ba rồi thứ tư.

Cứ như thế khúc rền rĩ của kẻ đang yêu đầu tiên trở thành sản phẩm chung mà mọi người đều có thể thêm vào như thường ca của Homère. Thế là bài thơ ấy thay đổi trước đoạn, khi vui khi buồn, nó trở thành một bài hát để nhảy và nhất nhất đều quay về điệu Bamboula, một vũ điệu can can của người da đen.

Thông thường khi chủ ăn thì đám nô lệ đến nhảy quanh bàn, thường thì bàn ăn có những thiếu nữ tuổi từ mười hai đến mười lăm, lứa tuổi này ở xứ thuộc địa

tương đương với tuổi mười tám, đôi mươi ở châu Âu. Những cô gái thích thú các điệu nhảy ấy: chúng hiện ra trước mắt như trước trái tim các cô nhưng không khẩy động gì trong trí tưởng tượng của các cô cả.

Đó cũng là điều xảy ra cho đoàn người của chúng ta khi họ trở lại bờ sông Lataniers để ăn tối, một dàn nhạc, một vòng tròn vây quanh bàn ăn, mỗi người da đen trở thành một cây đàn với cành dây leo rậm rạp, gần giống như cây nho, chúng cháy càng mạnh khi còn tươi, chiếu sáng một quầng rộng ba mươi bộ đủ chỗ cho việc hát hò và nhảy múa. Sau đó, một phụ nữ da đen tiến vào giữa khoảng không trống rỗng và bắt đầu hát rất ngây thơ, thậm chí quá ngây thơ bài hát:

Nhảy điệu Callada
Zizim boum boum
Nhảy điệu Bamboula
Luôn luôn như thế a!

Tất cả đàn ông, phụ nữ da đen đều đồng thanh vừa hát vừa nhảy theo lời người đồng hành của họ vùa hát đơn ca khi chị ta ra hiệu, mọi người im lặng, chị ta lại hát một mình tiếp đến đoạn điệp khúc thì tất cả lại đồng thanh:

Nhảy điệu Callada
Zizim boum boum
Nhảy điệu Bamboula
Luôn luôn như thế a!

Rồi họ vào khoảng ông hoà lẫn vào nhau trong điệu nhảy.

Đám đông trở nên nhốn nháo đến nỗi người ta phải giơ tay ra hiệu dừng lại thế là ai về vị trí người nấy, còn Bambou, người phục vụ của Surcouf tiếp tục hát bằng giọng của người đảo Martinique của anh ta:

Zizim, trala la la la
Zizim, trala la la
Zizim, trala la la
Bạn ơi, hãy đến nhảy điệu Bamboula
Chúng cần làm việc
Chẳng cần cuốc đất
Chẳng cần đóng cọc
Vì chồng bạn đâu nhìn được xa thế?

Dù các đoạn lời do Bambou hát có người đặc ngữ Martinique thì dân da đen ở đảo Pháp cũng không cần hiểu. Họ chỉ càng thêm hưng phấn, nhảy và hát nhiệt tình gấp đôi. Vài lần, René hiểu những lời đó và các cơ chỉ của họ, đã hỏi hai cô gái xem họ có muốn đi nghỉ hay không, nhưng các cô thấy cảnh vui vẻ và lạ mắt nên muốn ở lại. Tuy nhiên, màn đêm đã buông nên René ra liệu cho người dắt ngựa và khiêng kiệu lại. Phụ nữ lên kiệu còn đàn ông lên ngựa trở về.

Thế là một cảnh tượng không ai ngờ đến đã xảy ra kết thúc cho một ngày tuyệt vời. Có hai, ba trăm người da đen cả đàn ông lẫn đàn bà, sau khi được thưởng con mồi do các tay thợ săn mang về để tỏ lòng biết ơn, họ đồng ý dẫn đường cho đoàn người. Họ chất những đoạn cây cháy đi quanh đoàn người trở về cảng Louis.

Không còn gì tráng lệ hơn cái cảnh rừng rực chuyển động ấy, nó càng tiến lên càng chiếu rọi những mảng khung cảnh đẹp nhất trên đời. Những khung cảnh ấy thay đổi liên tục. Lúc là một vùng đồng bằng điểm các lùm cây, khi lại là một dãy núi che khuất tầm mắt, khi thì núi và rừng đột ngột giãn ra những chỗ cho mặt biển trải rộng vô tận, tĩnh lặng như một tấm gương soi hắt lên ánh trăng bạc. Trước mặt những người cầm đuốc, đủ loại con mồi xuất hiện như lươn, heo rừng, thỏ rừng, … thế là những tiếng hò reo vui sướng vang lên, những ánh đuốc tán ra quây lấy con vật nhưng con vật gấp gáp chạy luồn đi khiến các ánh đuốc nối nhau chạy theo như một dòng suối lửa nhấp nhô. Khi con vật chạy mất hút thì các đốm lửa tập hợp lại trở về vị trí dân đầu đoàn người.

Điều đáng tò mò nhất có lẽ là khi họ đi ngang qua khu cấm trại Malabar. Đảo Pháp là nơi hẹn gặp của tất cả các chủng người Ấn Độ nên không thể thiếu người Malabar. Những cư dân sống lưu vong bên bờ biển Ấn Độ nằm trên vùng biển Oman tụ tập lại thành một khu độc lập, sinh ra và chết đi ở đây chỉ có họ mà thôi, Một vài ngôi nhà của họ còn sáng ánh đèn nhưng tất cả các cửa lớn và cửa sổ đều mở toang, những khuôn mặt tựa màu ô liu rất đẹp của những người phụ nữ thấp thoáng hiện ra bên ô cửa sổ. Tất cả họ đều mặc áo dài bằng lụa hay vải phin lanh, tay đeo vòng vàng hay bạc, ngón chân đeo nhẫn họ có dáng vẻ gợi đến những người phụ nữ La Mã và Hy Lạp với đường nét hài hoà trên khuôn mặt và chiếc áo dài trắng.

Từ trại Malabar, người ta vào phố Paris từ phố Paris có thể thông sang phố Gouvemement nơi ông chủ khách sạn đang kính cẩn chào đón các vị khách của mình từ ngoài cửa.

Hai thiếu nữ đang rất cần đi nghỉ, dù nhìn dáng điệu của kiệu rất nhẹ nhàng nhưng với ai không quen vẫn bị mệt. Hélène và Jane vội cáo từ René và cảm ơn anh về một ngày tuyệt vời anh dành cho họ khi đã lên phòng, nét mặt của Hélène lại đượm buồn như cũ và quay sang Jane, cô nói với giọng buồn hơn là trách.

-Jane này, chị nghĩ đã đến lúc cầu nguyện cho cha rồi.

Nước mắt lại lăn xuống gò má Jane, cô lao vào vòng tay của chị rồi quỳ xuống cạnh giường, làm dấu thánh giá và thì thầm.

-Ôi cha ơi, hãy tha thứ cho con!

-Tại sao cô lại làm như vậy?

Chắc chắn vì có một tình cảm mới lạ vừa nảy sinh trong tim cô đã khiến cô tạm không nghĩ đến cha mình.

§62. Con tàu "Tay đua New York"

Hôm sau, khi trời vừa sáng René đã vào phòng thuyền trưởng Surcouf, khi ông này tuy đã thức những còn nằm trên giường.

-Này anh bạn René thân mến của tôi – ông nói khi nhận ra anh – Anh đã mời chúng tôi bữa ăn trên thảm cỏ và đó thật sự là một bữa tiệc. Tôi đã nhận lời mời tham dự bữa tiệc đó nhưng chúng tôi, tôi và Bléas đã quyết định sẽ cùng chia sẻ khoản chi phí với anh về chuyện đi dạo đó.

-Thưa chỉ huy đáng mến – René đáp – Vừa hay tôi đến để xin ngài một chuyện đây.

-Nói đi René thân mến, trừ khi chuyện này ngoài khả năng của tôi nếu không tôi sẽ đồng ý trước cho cậu.

-Vì lý do đặc biệt, tôi xin ngài cho phép tôi đi thám hiểm bờ biển Pégou. Ngài còn ở lại đảo Pháp nhiều tháng nên cho phép tôi nghỉ phép sáu tuần sau đó, tôi sẽ bắt kịp ngài dù ngài ở bất cứ nơi đâu.

-Tôi hiểu rồi – Surcouf nói và cười – Tôi cho anh làm người bảo trợ cho hai cô gái xinh đẹp mà chúng ta đã chẳng may sát hại cha của họ, cậu muốn hoàn thành nhiệm vụ bảo trợ ấy đến cùng chứ gì.

-Những điều ngài nói không phải không đúng, chỉ có điều, tôi đọc được ý nghĩ của ngài đã đi xa quá. Thưa ngài, thứ tình cảm tôi dành cho họ hoàn toàn không phải là tình yêu dẫn tôi thực hiện chuyến đi này. Thưa chỉ huy, tôi đã quyết định việc ấy khi tôi mua con tàu kia. Tôi cũng không biết chuyện gì sẽ xảy ra với tôi. Tôi không muốn đến gần bờ biển Ấn Độ đến thế mà không làm một chuyện đi săn hổ hay voi thứ khiến con người ta có cảm giác tối cao trong đợi vì phải đối diện với cái chết: Tương tự như thế tôi đưa hai kẻ mồ côi về nhà của họ, tôi quan tâm đến họ mà sẽ không ai hiểu lý do. Ngài nói đến tình yêu thưa chỉ huy đáng mến, tuy tôi chưa đầy hai mươi sáu tuổi nhưng con tim tôi đã chết như thể tôi đã tám mươi tư tuổi rồi. Tôi bị kết tội phải giết chết thời gian, thuyền trưởng Surcouf ạ. Cho nên tôi muốn ít ra cũng phải giết thời gian cho những chuyện ra hồn. Con tim tôi đã chết trong tình yêu, tôi muốn nó sống trong cảm xúc khác. Hãy để tôi đi tìm cảm giác ấy và hãy giúp tôi tìm thấy nó khi cho tôi nghỉ phép khoảng sáu tuần đến hai tháng.

-Nhưng anh đi bằng gì? Bằng cái vỏ dừa của anh à?

-Phải đó – René đáp – Ngài cũng thấy tôi mua tàu với tư cách là một người Mỹ, tôi có giấy tờ đăng ký xuất xứ cho tàu, tôi nói tiếng Anh giỏi đến nỗi không người Anh và người Mỹ nào không nghĩ tôi ở London hay New York, người Mỹ thì giữ hoà bình với cả thế giới. Tôi đi dưới lá cờ Mỹ, người ta sẽ để tôi qua, hoặc nếu bị giữ lại, tôi chứng minh được thì sẽ lại đi tiếp. Ngài nghĩ sao?

-Nhưng anh không định đưa hai hành khách xinh đẹp của anh lên con tàu từng chở nô lệ da đen chứ?

-Thưa chỉ huy, trong mười lăm ngày nữa, ngài sẽ không nhận ra Tay đua New York bên ngoài thì không thay đổi gì, nó chỉ thêm một lớp sơn tốt. Nhưng bên trong, nhờ chất gỗ và loại vải tuyệt hảo mà tôi gặp hôm qua thì, nội thất sẽ tuyệt vời nếu ngài chấp thuận cho tôi nghỉ.

-Lời đề nghị của anh được chấp nhận ngay từ đầu đó thôi – Surcouf đáp.

-Nếu vậy, bây giờ chỉ xin ngài chỉ cho tôi ai là người tân trang tàu giỏi nhất mà ngài biết ở cảng Louis nữa thôi.

-Việc của anh cũng là việc của tôi anh bạn trẻ ạ – Surcouf nói – nếu khoản chi phí cao hơn anh tưởng thì anh có thể sở dụng khoản tín dụng vô hạn của tôi.

-Xin cảm ơn ý định tốt của ngài. Thưa chỉ huy, nếu ngài chỉ địa chỉ cho tôi, tôi sẽ dùng tiền của tôi cho tài khoản của ngài đầy tràn.

-Ái chà, chắc anh là triệu phú – Surcouf thốt lên không thể cưỡng lại được sự tò mò.

-Hơn thế một chút – René thủng thẳng đáp – còn bây giờ, nếu ngài nói khi nào ngài rảnh rỗi – René nói thêm và đứng dậy – Ngài muốn xem khoản tiền của tôi thì…

-Tôi muốn chứ, khẳng định với anh đấy, để xem nó nhiều đến chừng nào.

-Vậy lúc nào thì ngài đi được?

-Ngay bây giờ nếu anh muốn – Surcouf nói và nhảy xuống giường.

Mười phút sau, hai người đã xuống phố lớn theo đường Chien & Plomb và vào nhà đóng tàu đầu tiên trên cảng Louis. Thuyền trường Surcouf thuộc cảng Louis cũng gần như ở Saint-Malo.

-Ngài Surcouf thân mến đây mà! – Người đóng tàu reo lên.

-Đúng thế ông Raimbaut ạ, tôi nghĩ tôi còn mang đến cho ông một tin hữu dụng nữa kia.

Nói rồi ngài Surcouf chỉ cho người đóng tàu chiếc tàu của René đang đung đưa đối diện với Trou- Fanfaron.

-Ông nhìn kìa, đó là một chiếc tàu nhỏ của một người bạn của tôi. Anh ta muốn tân trang lại nó, bên ngoài sơn lại cho mới còn bên trong sửa lại thật đẹp, tôi đã nghĩ đến ông và đưa cậu ấy đến cho ông.

Người đóng tàu cảm ơn thuyền trưởng Surcouf, đi ra đưa tay che mắt ngắm con tàu.

-Phải đến xem tận nơi mới rõ – ông ta nói.

-Chuyện ấy không gì đơn giản hơn – René trả lời, rồi anh vẫy một thủy thủ trên boong.

-Này, mang ca nô lại đây Chiếc ca nô được thả xuống, hai thủy thủ tụt xuống theo và bơi đến chân Surcouf. Chỉ một lát sau ba người đã lên chiếc ca nô ấy đi

đến chỗ con tàu. Như thể đang ở tàu của mình, ngài Surcouf leo lên đầu tiên, sau ông là René và cuối cùng là ông Raimbaut, người đóng tàu.

Ông Raimbaut xem xét cẩn thận, đo các chiều và hỏi René muốn thay đổi phần nào. Anh không muốn thay đổi gì chỉ muốn sửa sang cho đẹp hơn, chia phòng của mình thành hai phòng nhỏ hơn ở phía trước, gần cửa boong nơi lên xuống tiếp đến là một phòng ăn cuối cùng là một phòng ngủ rộng có hai giường có thể dùng rèm che ở giữa hai giường ấy.

-Ông Raimbaut này – René nói – phải ốp hai phòng này bằng gỗ tếch hai phòng phía trước bằng gỗ xà cừ cũng được. Tôi muốn phòng ăn bằng gỗ mun chỉ vàng, tất cả trang trí bằng đồng không mạ vàng để ngày nào cũng được lau chùi. Ông cứ nghĩ đi rồi thoả thuận giá cả với ngài Surcouf. Tôi muốn tàu này sẵn sàng ra khơi trong vòng mười lăm ngày nữa, trả trước hôm nay một nửa, khi nào bàn giao tôi sẽ trả nốt.

-Tôi hy vọng nói như thế là đủ, bố Raimbaut nhỉ – Surcouf nói.

-Thế là quá đủ ông Raimbaut đáp – chỉ có điều việc này phải mất một tháng.

-Chuyện đó không liên quan đến tôi – René nói – tôi muốn tàu của mình trong mười lăm ngày nữa. Về giá cả, ông cứ tính toán đi, chúng ta lên boong nào.

Họ vừa lên boong con tàu nhỏ thì thấy một chiếc xe ngựa dừng lại đối diện chỗ tàu Standard, hai thiếu nữ ra khỏi xe gọi ca nô đưa họ lên tàu của Surcouf.

-Chà chà, hai bà nào mà lại đến thăm chúng ta sớm thế nhỉ? – Surcouf hỏi.

-Ngài không nhận ra họ sao? – René hỏi ông.

-Không.

-Đó là hai tiểu thư Sainte-Hermine đến cầu nguyện cạnh quan tài của cha họ. Chúng ta đừng quấy rầy họ trong nghĩa vụ thiêng liêng ấy khi nào họ lên boong, chúng ta sẽ đến chào.

Họ chờ vài phút vì cầu cảng sát con tàu của René nên họ nhảy khẽ là sang được con đê chắn sóng. Họ ra hiệu cho người vừa đưa hai cô gái lên tàu lại gần đón họ và lên cầu thang mạn trái.

-Đúng lúc mọi người lên đến boong thì một thủy thủ đang bơi thét lên: -Cứu tôi với anh em ơi? Một con cá mập!

Mọi ánh mắt đều đổ dồn về phía đó. Người thủy thủ đang bơi lại tàu phía sau anh ta người ta thấy một luồng nước rẽ ra và cái lưng của con cá mập. Những tiếng hô "Cố lên, cứ chờ đấy? Chúng tôi đến đây!" vang lên nhưng bằng cớ chỉ quả quyết, René hét to: -Không ai được động đậy, để tôi!

Lúc đó, hai tiểu thư Sainte-Hermine nghe tiếng hò hét vội trèo lên boong. Các cô thấy René đưa tay lên ngực để kiểm tra con dao găm còn ở đó không rồi ném áo khoác và áo gối lê xuống, nhảy lên bờ thành tàu và nhảy xuống biển kêu to: -Can đảm lên anh bạn, cứ bơi mạnh vào!

Jane thét lên rồi tái mét người. Hélène dìu cô lên khoang thượng nơi có Surcouf giúp cô một tay. Các cô vừa kịp đến nơi để thấy René nhô lên mặt nước, răng cắn con dao găm. Anh lặn xuống lần thứ hai rồi lại nhô lên ở khoảng cách giữa người thủy thủ và con cá mập, chỉ cách con quái vật ba mét. Cuối cùng, anh lại lặn xuống lần thứ ba lao về hướng con vật. Đột nhiên, con cá quẫy mạnh, cái đuôi đập mạnh xuống nước như thể nó bị đau khủng khiếp, quanh nó, máu đỏ loang ra. Tiếng kêu vui sướng rộ lên trong khắp thủy thủ đoàn. René xuất hiện cách con cá mập một mét nhưng lần này anh ngoi lên chỉ để lấy hơi rồi vừa lặn xuống con cá mập lại quẫy mạnh đuôi một lần nữa, quận mình trong cơn đau đớn co giật rồi phơi cái bụng trắng hếu dài đến một mét.

Trong khi đó, các thủy thủ không chờ lệnh hay ý kiến của thuyền trưởng đã thả ca nô xuống biển chèo mạnh tay về phía René đang tra con dao vào vỏ để mặc con cá mập trong cơn đau đớn của nó và bơi về phía tàu. Trên đường bơi, anh gặp ca nô, hai thủy thủ chìa tay kéo anh lên rồi ôm chầm lấy anh huơ huơ mũ của họ mà reo lên "René muôn năm!"

Lập tức tiếng reo ấy lan toả khắp nơi, những thủy thủ của tàu Standard và cả hai cô gái trẻ đang vẫy vẫy khăn tay.

Còn về anh chàng thủy thủ bất cẩn cứ xuống tắm mặc lời khuyên của các bạn cũng lên được tàu nhờ bám vào sợi dây người ta ném xuống. René lên tàu Standard trong tiếng hô reo chiến thắng.

Cho đến trước thời điểm đó vẫn còn không ít người tỏ ra ghen tị với anh chàng giàu có đẹp trai, có học thức mà sự nội trội vượt lên ở mọi mặt và ở mọi nơi. Thế nhưng khi họ thấy anh sẵn sàng mạo hiểm mạng sống của mình cho một kẻ đáng thương như họ thì lòng nhiệt thành không còn giới hạn nữa và sự ghen tuông nhường chỗ cho lòng thán phục và biết ơn.

Về phần mình, René nhanh chóng chia tay việc tán tụng vội leo lên khoang thượng nơi anh thấy Hélène nước mắt ngấn mi đang cho Jane ngửi muối vì cô suýt ngất còn Surcouf thì vỗ tay hoan nghênh anh.

Thấy anh lại gần, Jane cầm tay anh, đưa lên môi và reo lên áp mặt vào ngực chị gái.

-Ái chà! – Surcouf nói với anh – Chắc phải có con quỷ trong người cậu nếu không thì cậu chán sống rồi nên lúc nào cũng làm những chuyện như vậy!

-Thưa ngài chỉ huy đáng mến – René trả lời ông – Tôi đã được nghe kể rằng những người da đen ở Gondar khi bị cá mập tấn công đã lặn sâu xuống phía dưới nó dùng dao găm rạch bụng nó ra. Tôi muốn xem chuyện đó có thật không thôi mà.

Khi đó ông Raimbaut sau khi đã tính toán xong xuôi, ông này là một tay buôn bán có hạng nhưng không được chứng kiến cảnh vừa rồi trèo lên khoang thượng đưa một mảnh giấy cho René.

Tổng số khoản tiền là tám ngàn năm trăm phăng. Ông René đưa giấy cho ngài Surcouf trong lúc hai cô gái, đặc biệt là Jane ngạc nhiên không hiểu chuyện gì thì ngài Surcouf sau khi nghiên cứu mảnh giấy trao lại cho René.

-Bớt năm trăm phăng thì hợp lý hơn. Nhưng con tàu sẽ sẵn sàng trong mười lăm ngày nữa chứ? – René hỏi.

-Tôi đảm bảo như vậy – ông Raimbaut đáp.

-Vậy thì cho tôi mượn cây bút chì của ngài.

Ông Raimbaut đưa bút cho anh, René viết thêm vào sau hoá đơn.

"Trước mắt ông Surcouf sẽ trả cho ngài Raimbaut khoản tiền bốn ngàn phăng, mười lăm ngày sau tính từ ngày này, nếu con tàu hoàn thiện, bốn ngàn năm trăm phăng còn lại sẽ được trả nốt."

Ngài Surcouf giang tay ngăn anh nhưng René không để ý viết tiếp:

"Năm trăm phăng sẽ trao cho anh em thợ như một khoản tiền thưởng

René

Thủy thủ tàu Standard."

§63. Người giám hộ

Chiếc xe ngựa đưa thuyền trưởng Surcouf, thủy thủ René và hai chị em trở lại khách sạn "Khách sạn cho người nước ngoài". Hai tiếng sau, người phục vụ khách sạn đến hỏi René xem anh có đồng ý tiếp hai chị em tiểu thư Sainte-Hermine hay anh lên phòng gặp họ.

René cho rằng mình lên phòng hai cô gái có lẽ thích hợp hơn là để họ xuống. Người phục vụ lên thông báo ngài René đã đến.

Hai chị em đón tiếp anh với vẻ bối rối hiện rõ.

-Tôi nghĩ với tư cách là chị gái, tôi nói sẽ thích hợp hơn.

-Cho phép tôi bày tỏ sự ngạc nhiên về sự bắt đầu trịnh trọng nay được chăng.

-Lẽ ra ngài phải nói là sự đau khổ hơn là trịnh trọng, với tình cảnh của hai đứa con côi cút cách nhà ba ngàn dặm, dong duỗi với thi thể của cha mình và còn phải đi một nghìn đến một nghìn hai trăm dặm nữa thì chắc ngài cũng đồng ý rằng chẳng có gì để vui vẻ cả.

-Đúng là các cô là những đứa con mồ côi – René nói – các cô còn phải đi hơn một ngàn dặm nữa, điều này lại đúng, nhưng các cô còn có một người anh em trung thành và đáng kính đã hứa quan tâm chăm sóc cho các cô và nhất định sẽ giữ lời. Tôi nghĩ như thế các cô không cần lo lắng gì cả và chỉ cần để tôi lo mọi an toàn cho hai chị em.

-Cho đến lúc này, đó là điều ngài vẫn làm – Hélène nói – nhưng chúng tôi không thể lạm dụng lòng tốt mà ngài dành cho chúng tôi từ trước đến giờ nữa.

-Tôi thiết tưởng đã có niềm may mắn được chăm lo đến các cô đến tận Rangoon, tức là cho đến khi các cô về nhà mình, tôi đã làm tất cả vì mục đích ấy nhưng nếu việc bãi miễn chức giám hộ do ngài Surcouf chỉ định làm các cô vui lòng thì tôi sẵn sàng xin từ chức vụ vinh quang này. Tôi đã rất sung sướng được lựa chọn nhưng tôi sẽ rất thất vọng nếu phải làm nó một cách miễn cưỡng.

-Ôi thưa ngài René… – Jane thốt lên.

-Tất nhiên là chúng tôi rất vui – Chị gái của Jane ngắt lời em – khi được trở về trong sự chăm lo của một người đàn ông tốt bụng, cao thượng và dũng cảm, những chúng tôi không có quyền đòi hỏi ngài vì quyền lợi của mình. Tất cả những gì chúng tôi mong muốn là ngài tìm cho chúng tôi một thuyền trưởng có thể đưa chúng tôi đến Miến Điện, ông ấy sẽ để chúng tôi ở một điểm nào đó và chúng tôi có thể đi nhờ một tàu đến sông Pégou.

-Nếu quả thật cô thích như vậy hơn lời tôi đề nghị thì tôi không có quyền nài nỉ và ngay lúc này, tôi rất lấy làm tiếc vì phải từ bỏ dự định mà tôi ấp ủ từ ngày gặp hai cô. Mong hai cô cứ suy nghĩ, tôi chờ mệnh lệnh và sẽ làm theo mệnh lệnh của hai cô.

René đứng dậy đội mũ và chuẩn bị đi ra. Nhưng bằng một động tác theo bản năng và không suy nghĩ, Jane lao ra chặn giữa anh và cánh cửa.

-Ôi thưa ông – Cô nói – Chúa tha tội cho chúng tôi nếu ngài nghĩ chúng tôi bạc bẽo không nhận thành ý của ngài. Nhưng chị tôi và tôi rất ngại vì để một người lạ như ngài đây phải vất vả.

-Một người lạ! – René nhắc lại – Cô còn độc ác hơn cả chị mình, thưa cô, cô ấy không dám nói từ này bao giờ.

Jane chữa lại: -Lạy Chúa! Quả thật, một người trẻ tuổi như tôi, lại quen được nuông chiều nên đã quá vụng về trong việc bày tỏ ý nghĩ của mình. Có lẽ chủ tôi sẽ mắng tôi mất nếu như vì câu nói của tôi mà ngài ra đi.

-Thôi Jane – Hélène nói – Ngài đây biết rõ mà.

-Không đâu, chị Hélène – Jane ngắt lời – Em đã nghe giọng ông ấy lạc đi khi chúng ta nói muốn nhờ người khác giúp.

-Jane! Jane! – Hélène lặp lại.

-Cứ để cho ông đây nghĩ gì ông ấy muốn – Jane kêu lên – miễn là ông ấy đừng cho chúng ta là những kẻ vô ơn! – Rồi quay sang phía René cô nói tiếp – Thưa ngài, chúng tôi đã nhiều lần tranh luận với nhau. Sự thật là chị tôi sợ ngài vắng mặt hai tháng sẽ làm ảnh hưởng đến vị trí của ngài bên ông Surcouf, chị ấy sợ lợi ích của ngài không được đảm bảo, chị ấy muốn thà chúng tôi mất hết của cải hơn là thấy ngài mất hết sự thăng tiến ngài đáng được nhận.

-Trước hết hãy để tôi giải đáp nỗi lo sợ của tiểu thư Hélène. Chính ngài Surcouf đã giao cho tôi giám hộ các cô và tôi cũng thực lòng muốn được là người anh trai chăm sóc cho hai cô. Nhờ sự động viên, giúp đỡ của ông ấy, tôi mua con tàu nhỏ để đưa các cô đến Rangoon, con tàu mang quốc tịch một nước trung lập nên không gây nguy hiểm cho các cô như trên tàu Standard. Sáng nay, các cô cũng thấy ngài Surcouf mặc cả giá sửa chữa con tàu đó. Không có tàu nào, dù có lớn đến đâu, khiến các cô thoải mái như trên tàu Tay đua New York.

-Nhưng… – Hélène ngập ngừng – chúng tôi không thể để ngài thanh toán khoản tiền tám nghìn đến mười nghìn phăng trong khi chúng tôi mới là người đáng phải trả tiền.

-Các cô nhầm rồi; không phải các cô đến Ấn Độ mà là tôi sẽ đến đó cơ mà. Thăm thú đảo Pháp hay đảo Réunion chưa phải là thăm Ấn Độ. Tôi là người đam mê săn bắn, tôi tự hứa với mình sẽ đi săn báo, hổ hay voi. Dù hai chị em các cô có đi đến đó hay không tôi cũng vẫn đi đến đó một mình. Theo những gì người ta nói với tôi, hai bên bờ sông Pégou là nơi có nhiều hổ báo nhất. Vả lại tôi thấy mình phải có trọng trách đưa hai cô đến nơi đó như thế tôi mới hoàn thành nghĩa vụ cuối cùng của mình. Chẳng lẽ hai người lại không muốn để tôi hoàn thành hay sao?

Trong khi René nói, Jane chắp tay vào nhau, nước mắt lưng tròng. Hélène không thể cưỡng lại thêm nữa chìa tay ra, Jane ôm lấy bàn tay chị chìa cho René mà hôn tới tấp.

-Jane! Kìa Jane! – Hélène thì thào.

Jane cụp mắt xuống, ngồi trở lại ghế.

-Cứ từ chối mãi lời đề nghị chân thành ấy e sẽ xúc phạm đến tình bạn của chúng ta do vậy chúng tôi chấp chân và xin hứa trọn đời chúng tôi sẽ nhờ đến sự che chở của người anh trai này.

Hélène đứng dậy và khẽ nghiêng mình trước René, điều này cũng muốn nói chuyến viếng thăm của anh cũng khá lâu. René chào rồi đi ra.

Kể từ đó, René chỉ còn mối bận tâm duy nhất là làm sao cho con tàu Tay đua New York ở tình trạng chạy tốt. Để thế chỗ cho hai khẩu đại bác cũ của nó, ngài Surcouf đã tặng năm khẩu đại bác bằng đồng từ tàu Standard.

Mười lăm ngày là đủ để chỉnh trang con tàu nhỏ, hai thủy thủ đoàn của tàu Standard và Revenant, dưới sự cho phép của thuyền trưởng Surcouf sang đầu quân cho những thủy thủ trên tàu Tay đua New York còn thiếu. Song thật không may, René không thể để người Pháp làm thủy thủ trên tàu Mỹ, do đó anh đành tuyển mười người Mỹ làm thủy thủ và lấy của thuyền trưởng Surcouf năm người nói thạo tiếng Anh. Hơn thế nữa, ngài Surcouf còn cử hoa tiêu hàng đầu của mình là Kernoch, người từng ra vào cửa sông Hằng nên biết rõ luồng lạch chuyến đi ấy. Ngoài ra các thủy thủ còn muốn chứng tỏ lòng biết ơn của họ, trước tiên vì lòng độ lượng của anh đã trả tiền cho họ trước lúc họ xuất phát, thứ nữa là lòng can đảm của anh khi giết con cá mập. Họ tìm được một khẩu súng trường nòng có rãnh sản xuất từ Anh. Họ biết René muốn đi săn, hổ báo nhưng anh chỉ có một cây súng cạc bin một viên nên họ mua khẩu súng nọ và đích thân đến tặng trước hôm anh lên đường. Họ cho khắc lên nòng súng dòng chữ: “Quà tặng của các thủy thủ của ngài Surcouf cho người bạn dũng cảm René.”

Với một thủy thủ trẻ, không có gì dễ chịu hơn một món quà như thế. Đã nhiều lần anh đã bị trách là không cẩn thận trang bị vũ khí đầy đủ nhưng khi rời đảo Pháp, khẩu súng trên đã bổ sung chỗ vũ khí còn thiếu và thoả mãn lòng tự kiêu của anh.

Đến ngày hẹn, Raimbaut trao cho René con tàu được trang trí theo gu thẩm mỹ hoàn hảo. Gỗ trên đảo Pháp đẹp đến nỗi không cần phải tô vẽ nhiều. Hai phòng của hai cô gái rất lộng lẫy cô quan tài của cha hai cô gái được đưa từ tàu Standard sang tàu Tay đua New York và đặt trong một nơi quan tài bốn phía phủ vải đen. Đến lúc đó, René mới lên phòng Hélène và Jane để thông báo anh chỉ chờ lệnh của hai cô để xuất phát. Về phần mình, các cô cũng đã sẵn sàng lên đường. Họ muốn làm một lễ long trọng cho người chết, sau đó họ sẽ lên tàu Tay đua New York để ăn trưa.

Sau bữa trưa, họ sẽ giong buồm ra khơi.

Mười giờ sáng ngày hôm sau, hai thiếu nữ được ngài Surcouf dẫn vào nhà thờ. Vì mọi người đều biết buổi lễ đặc biệt dành cho một cảnh thuyền trưởng chiến hạm quân đội Pháp nên các quan chức trên đảo Pháp, tất cả các thuyền trưởng sĩ quan, thủy thủ trên tàu tạm trú hay ghé qua cảng Louis đều tham dự buổi lễ mang tính quân sự hơn là dân sự này.

Một tiếng sau, hai cô gái do ngài Surcouf và René hộ tống đã đi bộ xuống cảng. Thay mặt hai hành khách, René đã mời ngài Surcouf, Bleats và Kernoch cùng ăn trưa. Tất cả các tàu neo tại đó đều treo cờ như một ngày lễ. Tàu Tay đua New York, nhỏ nhất, sang trọng nhất đã treo lên cột buồm duy nhất, hai trục buồm và đỉnh của nó tất cả các cờ đuôi én có trên tàu.

Bữa trưa diễn ra rất buồn dù ai cũng gắng tỏ ra vui vẻ theo lệnh của Decaen, đảo trưởng, dàn quân nhạc đã đến chơi bên cảng tất cả những bản nhạc hiện quốc gia.

Cuối cùng, giờ xuất phát cũng đến, người ta nâng cốc chúc mừng René. Một phát đạn đại bác vang lên báo hiệu xuất phát.

Thế là tàu Tay đua New York chuyển động dưới sức kéo của hai xà lan từ tàu Standard và Revenant. Các thủy thủ muốn giúp bạn mình đến phút cuối. Mọi người ra cảng đứa tiễn chạy theo mãi cho đến khi hết đường. Khi tàu của René thu cáp về, các thủy thủ trên hai xà lan chào anh và chúc anh lần cuối, họ hô to: - Chúc chuyến đi của thuyền trưởng René và hai tiểu thư Sainle Hemine thượng lộ bình an!

Con tàu đi vào vịnh Tom be rồi khuất sau mũi Canonmes.

Đường rẽ nước của nó cứng đã nhoà dần.

§64. Những tên cướp biển Mã Lai

Sau sáu ngày đầu thuận buồm xuôi gió, tàu của René không gặp một tàu nào, họ rẽ qua một hướng khác. Điều khiến hai cô gái khó chịu nhất là cái nóng như đổ lửa trong tàu. Nhưng René đã đặt hai bồn tắm trong phòng nên nhờ sự tiên liệu ấy, hai cô không phải quá khổ cực vào những giờ nóng nhất trong ngày.

Đêm xuống, họ lên boong, gió mát và những giờ dễ chịu đến thay thế cho những giờ nắng như thiêu như đốt. Người ta kê một chiếc bàn lên boong. Do có cách nên họ luôn giữ được hoa quả và thực phẩm tươi.

Vậy là những cảnh tượng tuyệt vời của chiều hoàng hôn và đêm tối diễn ra. Cảnh mặt trời đi ngủ trên Ấn Độ Dương thật đẹp, khi khối cầu lửa dần dần lặn vào đại dương, nhìn như có lớp bụi hay lớp cát vàng toé ra trên nền trời xanh lơ.

Biển, đến lượt mình cũng thu hút sự chú ý bằng cách tặng cho con người những vẻ đẹp nhất của tạo hoá.

Quãng thời gian trên tàu lênh đênh giữa đại dương cũng không buồn tẻ như người ta tưởng. Thói quen nhìn qua nước thấy những kỳ quan đã cuốn hút những ánh mắt chưa từng được thấy bao giờ. Họ ngắm nhìn vô số những sinh vật khác nhau, với hình dạng lớn nhỏ. Số lượng nhiều vô kể và các chủng loại đa dạng khiến các du khách như được mở. rộng tầm mắt. Rồi khi họ thủng thẳng đi dạo trong làn gió nhẹ mát rượi.

Vào tám giờ tối, ánh trăng lên cao và sáng tỏ ngời ngợi trong nền trời trong lành và thanh thản. Những đám mây bỗng ùa đến từ những luồng gió thổi từ cuối chân trời lại, đột ngột leo lên đỉnh không trung cao ngất lập tức bầu trời giống như một cái đã đen và sâu thẳm khôn cùng, mặt trăng bị những đám mây đáng sợ che lấp và nó gắng sức chống lại chúng. Thỉnh thoảng, một phần của tấm màn tối sầm ấy rách toạc để lọt vài ánh sáng yếu ớt xuống trần gian. Những lớp mây khác màu đồng bạc lại bị ánh sáng cày xới. Thỉnh thoảng có vài giọt nước to như đồng năm phăng rơi xuống tàu, tiếng sấm rền rĩ xa xa, bầu trời bị che phủ hoàn toàn, bóng tối trở nên mịt mùng, gió thổi mạnh kinh khủng, con tàu chòng chành đi nhanh như chưa bao giờ như thế.

Đột nhiên người ta nhận ra phía trước con tàu có một tấm khăn bạc toả rộng trên mặt biển. Khi lại gần người ta nhận ra đó là một đàn cá, chủ yếu là những con sứa, bị sóng xô mạnh, những con khác vốn bơi ở các tầng nông sâu khác nhau và cũng có hình dạng khác nhau thậm chí là đối lập nhau. Người ta thấy những con cá bơi trên mặt nước cuộn xoáy lại như những cột xi lanh lửa, những con khác bơi sâu hơn giống như những con rắn dài đến sáu bộ. Mỗi động tác quẫy mình chúng làm nước bắn lên lấp loá. Chúng có những màu sắc khác nhau

như đỏ, hồng, da cam, xanh lục, xanh lơ, khiến tập hợp ấy giống như màu đảo biển tuyệt đẹp.

Nhận thấy lợi ích của bầy cá ấy, René đã cho bắt rất nhiều. Anh thả chúng vào một thùng đựng đầy nước biển, có một loài toả sáng đến mức có thể đọc và viết được trong ánh sáng ấy.

Mỗi tối khi ngồi lên khoang thượng hay bên cửa sổ phòng của hai cô gái, René ngắm những khối màu vàng và bạc ấy chuyển động dưới đáy biển hàng giờ liền. Ánh sáng của chúng càng mạnh khi biển động hay trong màn đêm đen quánh. Người ta nhận ra những cơ thể động đậy với kích thước to kỳ lạ, có con có đường kính không dưới mười lăm, hai mươi bộ.

Nhờ ánh sáng của đám cá này toả ra, người ta có thể nhìn thấy những loại cá khác, đặc biệt là những con cá tráp và cá ngừ bụng sọc. Bị tước khỏi luồng sáng là chúng bơi tụm lại thành khối giữa biển.

Con tàu Slúp không phải là một con tàu rẽ sóng lớn tạo thành hai lớp sóng hai bên mạn mà nó chỉ như một cái cày đang cày trên mặt đất bằng phẳng có dung nham và từ mỗi cánh của lưỡi cày bắn lên những con cá lửa.

Sau mười một ngày đi tàu, họ đến miền thượng Maldive, khoảng sáu giờ sáng người ta nghe thủy thủ canh gác kêu to: "Có một chiếc thuyền!"

Nghe tiếng kêu ấy, Kernoch chạy lên boong và thấy René đang đứng ở đó tay cầm ống ngắm.

-Nó đâu? – Kernoch hỏi người thủy thủ

-Phía sau.

-Có ván thăng bằng hay không có?

-Có ván thăng bằng.

-Tất cả sẵn sàng chứ? – Kernoch quay sang chủ tàu hỏi.

-Sẵn sàng, thưa chỉ huy.

-Đại bác đã nạp đạn chưa?

-Rồi, ba quả, ba khẩu.

-Các thứ khác?

-Chỉ chờ lệnh của ngài.

-Một phần ba đạn thường, hai mươi tư livre đạn, cho mang súng lên boong.

-Kernoch – René hỏi – con ruồi quỷ quái nào trêu tức ngài thế

-Ngài có thể cho tôi mượn ống ngắm không, ngài René?

-Rất sẵn lòng – René nói và chìa ra – đó là một cái sản xuất từ Anh, rất tuyệt đấy!

Kernoch ngắm con thuyền.

-Đúng thế! Nó phải có bảy, tám người trên đó.

-Đồ chơi ấy làm ngài lo lắng, ngài Kernoch?

-Không hẳn thế, những khi tôi thấy con cá ép thì không phải tôi sợ con cá ép mà tôi sợ con cá mập.

-Thế con cá ép này làm hoa tiêu cho con cá mập nào?

-Một thuyền Mã Lai nào đấy sẽ không bực mình khi chiếm một tàu xinh xắn như Tay đua New York rồi bắt trả vài nghìn roupi.

-Nhưng kìa – René nói – Chúa tha tội, tôi nghĩ hình như con thuyền độc mộc kia đang quay mũi về phía chúng ta rồi kia.

-Ngài nói đúng.

-Nó đến làm gì?

Để nhận xét chúng ta, đếm xem chúng ta có bao nhiêu đại bác, có bao nhiêu người, cuối cùng để xem chúng ta có là miếng mồi dễ nuốt hay không.

-Quỷ tha ma bắt! Nhưng ngài biết trong năm phút nữa con thuyền kia rời khỏi tầm ngắm hay sao?

-Đúng thế, tôi cho rằng nếu ngài muốn nói lời chào với nó thì đừng để lỡ thời gian mà đi tìm súng của ngài đi.

René gọi một thủy thủ người Paris. Anh này là người rất đặc biệt nên trên tàu, mọi người chỉ gọi anh ta là anh chàng Paris.

Giống như mọi cậu bé của thành Paris, François cũng giỏi mọi ngón, cái gì cũng biết ít nhiều và không sợ gì cả. Anh ta nhảy điệu gi guc đến nỗi làm người Mỹ cười lộn ruột, anh ta biết bắn súng đọ gươm.

-François – René nói – mang khẩu cạc bin, khẩu súng trường hai viên và súng ngắn hai viên trong phòng tôi lại đây, mang thuốc súng và đạn cho tất cả các cỡ súng nữa.

-Chúng ta sắp bắt chuyện với bọn da màu, thưa chỉ huy? – François hỏi.

-Tôi e là vậy – René đáp – cậu biết mọi thứ tiếng, thế cậu có biết tiếng Mã Lai không?

-Tiếng Mã Lai à, không.

Rồi anh ta chạy xuống cửa khoang trước và huýt sáo bài Hãy thức dậy chào đế chế.

François là người sùng bái chính thể của Bonaparte và điều sỉ nhục lớn của anh ta là liên kết với quân Anh. Năm phút sau anh ta đã mang đầy đủ các vật dụng yêu cầu.

Vì chiếc thuyền độc mộc vẫn lại gần với tốc độ nhanh nên René nạp đạn luôn cả mấy loại vũ khí. Anh đeo hai khẩu súng ngắn vào thắt lưng, tay cầm khẩu cạc bin và đưa khẩu súng trường cho François chiếc thuyền vẫn tiến đến. Nó chỉ cách đuôi tàu hai trăm bộ, René với chiếc loa từ tay Kernoch: -Thuyền kia! Anh hét to bằng tiếng Anh – hãy đầu hàng tàu Tay đua New York.

Để trả lời, một người đàn ông trên thuyền trèo lên thành làm một động tác lỗ mãng, René giương khẩu cạc bin bắn luôn hầu như không ngắm. Kẻ nọ nhảy

dựng lên rồi ngã xuống biển. Đoàn người trên thuyền hét lên giận dữ và đe doạ giết anh.

-Ngài Kernoch này – René nói – Ngài có biết Romulus không?

-Không. Ông ta là người Saint-Malo à? – Kernoch hỏi.

-Không đâu, ngài Kernoch đáng mến, người nào không muốn trở thành một vĩ nhân và giống như mọi vĩ nhân, kẻ đó đừng nương tay. Một hôm trong lúc tức giận, ông ta đã giết em mình. Việc giết em mình là một trọng tội mà không thể không bị trừng phạt. Một hôm khi duyệt binh, một cơn giông tố nổi lên và ông ta biến mất trong cơn bão! Hãy nhắm lấy cô nàng kia, ngắm nó như một con mồi đừng để nó biến mất như Romulus.

-Tay súng đại bác, các anh đã sẵn sàng chưa? Kernoch hỏi.

-Rồi! – Họ đáp – Khi nào con thuyền kia đến thì nổ súng!

René kêu lên: -François, chạy đi báo cho hai cô gái khỏi sợ, cứ nói chúng ta đùa một chút, đang cho bắn thử đại bác nhé.

François chạy biến đi, một phút sau đã chạy trở lại.

-Các cô ấy nói tốt lắm, đi với ngài, họ chẳng sợ gì cả.

Khẩu đại bác hai mươi tư ly đã dựng lên dõi theo hướng chiếc thuyền rồi khai hoả ở khoảng cách gần hai trăm bộ. Một lát sau, người ta chỉ còn thấy những mảnh gỗ nổi lềnh bềnh, những cái xác đã hấp hối chìm dần, nhưng cá mập đã kéo họ xuống.

Đúng lúc đó, thủy thủ gác lại thông báo.

-Có thuyền Mã Lai!

-Nó đâu? – Kernoch hỏi.

-Phía trước chúng ta.

Quả nhiên, giống như một con rắn, người ta thấy một chiếc thuyền rất lớn dài sáu mươi bộ, rộng bốn, năm bộ. Trên đó có khoảng ba mươi tay chèo và năm mươi chiến thủ chưa kể đến những người còn núp dưới đáy vừa ra khỏi eo hẹp, chiếc thuyền Mã Lai hướng mũi về chiếc tàu Slúp.

-Các anh sẵn sàng chưa? – Kernoch hỏi.

-Chúng tôi sẵn sàng chờ lệnh chỉ huy.

-Một phần ba lượng đạn nữa, cỡ hai tư ly.

Vì gió nổi lên giúp việc bắn thuận lợi hơn nên Kernoch nói: -Hãy chuẩn bị sẵn sàng rẽ khi tôi ra lệnh.

-Vẫn đi theo đường cũ à? – Người lái tàu hỏi.

-Đúng thế nhưng giảm tốc độ, chúng ta không phải tỏ ra đang chạy trốn trước những kẻ thù khốn kiếp này.

Lệnh được thi hành ngay. Tàu của René giảm một phần ba tốc độ

-Ngài đảm bảo sẽ làm đội trưởng thuyền đó chứ? – Kernoch hỏi to.

-Nó sẽ quay như một con quay, ông cứ yên tâm.

Họ bắt đầu nhìn rõ người trên thuyền Mã Lai. Tên chỉ huy đứng trước mũi cong và giơ súng lên với những cử chỉ đe doạ.

-Ngài có muốn nói vài lời không, ngài René – Kernoch hỏi – Gã này có điệu bộ mà tôi thấy không ai đáng ghét hơn.

Cứ để nó tiến lên thêm chút nữa, Kernoch thân mến, để chúng ta khỏi mất uy, với những kẻ này, cần phải mỗi tên một phát.

-François, cho mang giáo lên đây, không cho chúng cập vào mạn.

François chạy xuống rồi lại chạy lên cùng hai thủy thủ nữa ôm các ngọn giáo trong tay. Người ta cắm chúng bên mạn trái tàu tức là bên quân cướp biển sẽ áp sát.

-Cử hai người lên xả buồm mang theo súng loe lòng, ngài Kernoch ạ – René nói.

Mệnh lệnh được thực thi ngay lập tức.

-Ngài Kernoch, hãy nhìn tên kia nhé.

René nói và bắn một phát súng các bin. Gã đàn ông nọ đang đứng có lẽ gã là tên đầu sỏ, lập tức giang tay, buông súng rồi ngã nhào ra đằng sau. Hắn đã trúng một phát đạn giữa ngực.

-Hoan hô ngài René. Về phần mình, tôi cũng sẽ dành cho chúng một sự ngạc nhiên mà chúng không thể ngờ đến.

René trao súng cho François để anh này nạp đạn. Kernoch thì thầm vài câu vào những người can đảm nhất trên tàu rồi nói to với tất cả: -Chuẩn bị đổi hướng!

Rồi ông ta rời bàn điều khiển đi gặp đội trưởng pháo binh.

-Hãy nghe và hãy hiểu ý tôi, Valter, chúng ta sẽ đổi hướng tàu.

-Vâng, thưa chỉ huy.

-Hãy tận dụng chỉ một giây thôi và khai hoả.

-Vâng, tôi hiểu.

Tên thứ ba nhảy lên mũi thuyền và phát súng thứ ba đã kết liễu hắn gửi xác hắn xuống đáy biển sâu. Đúng lúc đó thì tàu của René xoay hướng.

Đột nhiên, lần nạp đạn pháo thứ hai vang lên và người ta thấy đám người trên thuyền nằm rạp xuống như một tấm thảm.

-Hoan hô – René reo lên – một phát như thế nữa mọi chuyện sẽ xong, Kernoch ạ.

Chiếc thuyền Ma Lai hỗn loạn thật sự. Hơn ba mươi người đã đổ xuống đáy thuyền. Chúng vội vã ném những người chết xuống biển và lập lại trật tự để chuẩn bị tiếp tục chiến đấu.

Một lát sau, một cơn mưa đạn và mũi tên bắn vào tay của René nhưng không gây tổn thất lớn. Hai mươi tay chèo bắt đầu vào ghế và chiếc thuyền Mã Lai tiếp tục tiến lên.

Trong khi đó, Kernoch đã chuẩn bị cỗ máy của mình. Sự ngạc nhiên ông dành cho quân kẻ cướp Mã Lai đã sẵn sàng. Đó là bốn quả pháo 24 ly cuộn trong một tấm lưới treo ở đầu xà buồm bên mạn trái.

Chiếc thuyền cướp biển chỉ cách tàu Slúp gần một trăm bộ và đến rất gần.

Ba khẩu đại bác cỡ 16 được nạp đạn nổ đồng loạt tạo thành ba lỗ hổng chỗ các tay chèo và chỗ những ai còn sống sót.

Kernoch nghĩ đã đến lúc kết thúc mọi việc liền hô to với người chỉ huy đội pháo: -Để cho nó đến.

Khoảng cách giữa thuyền Mã Lai và tàu Slúp xoá đi rất nhanh trong làn lửa kinh khủng. Rồi tiếng còi vang lên, những quả đạn lướt xuống thuyền Mã Lai khiến chúng vỡ tan. Bốn, năm mươi người sống sốt đều rơi xuống biển bám vào tất cả những gì có thể để leo lên tàu của René.

Một cuộc chiến thật sự, kinh hoàng, mặt đối mặt đã bắt đầu.

Những ngọn giáo tảo ra khắp tàu và bao nó bằng một vành máu. Đột nhiên, giữa tiếng hỗn độn, René nghe thấy tiếng hét của phụ nữ. Hai cô gái Hélène và Jane vừa sợ tái xanh mặt vừa lao lên boong. Hai tên Mã Lai đã phá cửa sổ nhảy vào trong phòng tay lăm lăm con gao găm. Jane lao vào vòng tay của René và hét lên: -Cứu tôi René! Cứu tôi!

Cô chưa dứt lời, hai tên cướp biển đã lăn xuống, một tên trên boong tên kia ngay cầu thang.

René trao Jane vào vòng tay cô chị Hélène rồi bắn hai phát đạn bằng súng lục vào hai cái đầu xuất hiện phía trên thành tàu, vớ lấy một ngọn giáo trao hai cô gái cho François bảo vệ rồi lao vào trận chiến.

§65. Đến đích

Trận đấu bước vào hồi kết. Hàng trăm tên cướp biển tấn công tàu Slúp chỉ còn chưa đấy chục tên sống sót và phần lớn đều bị thương, chúng kết thúc bằng việc giết lẫn nhau và biển hoàn tất nốt công việc của nó.

-Giương tất cả buồm lên, – Kernoch hô to – hướng mũi tàu về phía bắc.

Cánh buồm ngoan ngoãn hứng gió rồi lao đi theo hướng đã định. Vài người còn sống lềnh bềnh trên mặt biển, bám vào những mảnh vụn của thuyền Mã Lai. Vài kẻ khác đánh lẫn nhau mà không còn sức để bơi đến thanh gỗ dài, những kẻ khác nữa thì biến mất do cá mập kéo xuống đáy biển sâu. Đoàn người của René chỉ còn cách bờ họ phải đến khoảng hơn hai trăm dặm nữa.

Kernoch đã có một ngày vẻ vang. Nhờ sáng tạo của ông ta mà chiếc thuyền Mã Lai đã bị hạ, toàn bộ quân cướp trên tàu bị rớt xuống biển. Ai mà biết được nếu hơn sau mươi tên đó có thể lên tàu thì chiếc tàu Slúp của René sẽ ra sao.

René đến cạnh hai cô gái đang ngồi trên chiếc cầu thang nhỏ dẫn lên khoang thượng. Tóc bay phất phơ trong gió, chiếc áo sơ mi rách bươm bởi những đường dao, tay cầm cây giáo đẫm máu, nhìn anh đẹp như tráng sĩ trong trường ca Homère. Vừa nhìn thấy anh, Jane sung sướng reo lên, tiếng kêu ấy pha lẫn cả lòng ngưỡng mộ nữa. Cô giang tay về phía anh nói: -Lần thứ hai, anh lại là người cứu chúng tôi!

René cầm tay cô và đưa lên môi. Hélène ngước mắt nhìn anh bày tỏ lòng biết ơn vì đã bảo vệ em mình.

-Lòng biết ơn của tôi – Hélène nói – với anh, tuy không vồn vã bằng tình cảm của Jane nhưng không phải thế mà không lớn lao, xin anh hiểu cho. Chúa đã trở thành người tốt trong nỗi đau. Người dành cho chúng tôi. Người lấy đi một người cha của chúng tôi nhưng lại cho chúng tôi một người anh, một người bảo vệ, một người bạn, tôi biết nói sao đây để bày tỏ lòng biết ơn vô hạn của chúng tôi. Chúng tôi sẽ ra sao khi không có anh?

-Một người khác sẽ thay thế cho tôi – René nói – Chúa không thể không gửi người giúp đỡ các cô. Không có tôi, một thiên thần sẽ xuống mặt đất để bảo vệ các cô.

Trong khi đó, François đã thu lượm tất cả vũ khí của René mang đến cho anh.

-Cho tất cả những thứ đó vào phòng của tôi đi François – René nói – thật may là lúc phải dùng đến những vũ khí giết người này cũng đã qua.

-Thưa ngài, – Chàng trai Paris nói – ngài đừng coi thường chúng thế. Hai tên khốn kia, – François chỉ vào hai tên Mã Lai đã nhảy vào phòng tấn công hai chị em Hélène – chúng cũng không phải những tên vừa đâu.

-Nhanh lên các bạn – René nói với các thủy thủ đang lau boong – Hãy làm nhanh tay lên và đừng để sót giọt máu nào trên boong này. Thuyền trưởng Kernoch cho phép tôi thưởng các bạn ba chai arack uống vì sức khoẻ các quý cô đây và trả gấp đôi thù lao hôm nay. Thôi các quý cô, chúng ta hãy về phòng đã, để mấy người thợ sửa sang lại đã. Có lẽ các cô nên nán lại bên mạn hoặc vào phòng tôi cho đến khi các vị có thể về phòng.

-Vậy chúng ta lên khoang thượng – Hélène nói.

Cả ba cùng lên khoang thượng ngồi nghỉ, mắt hướng ra biển.

Kiệt tác của Chúa luôn an ủi những việc làm của con người. Cả ba đều bất giác nhìn lại phía chiến trường khuất dần.

-Khi nghĩ lại – René nói và vỗ tay lên trán – ai mà ngờ được chỗ ấy cách đây không lâu lại có những con người xâu xé nhau bằng dao găm lưỡi lê, và với tên cuối cùng suýt nữa tôi mất mạng.

Hélène thở dài lại ngồi cùng Jane và René trên một chiếc ghế.

-Cô không có bà con nào ở Pháp? – René hỏi – Vậy tôi có thể chuyển tin tức của các cô cho ai khi tôi trở về đó và nhờ ai bảo vệ các cô?

-Chuyện về gia đình tôi là một câu chuyện dài và rất buồn. Cái chết đến thật đột ngột. Bác tôi qua đời sau khi chồng bà mất. Tiếp đến là ba đứa con trai, người đầu bị xử bắn, người thứ hai bị xử trảm trong hoàn cảnh cực kỳ đáng sợ. Còn người con thứ ba thì biến mất một cách đầy bí hiểm khiến cha tôi mất rất nhiều công sức để đi tìm nhưng vẫn không thấy.

-Thế các cô chưa từng gặp chàng trai ấy à? – René hỏi.

-Có chứ. Tôi còn hình dung ra anh ấy nữa kia, khi chúng tôi còn nhỏ. Anh ấy từng làm việc cho cha tôi hồi ông ấy làm thuyền trưởng. Đó là một cậu bé rất đáng yêu khi mặc bộ đồ thủy thủy tí hon con dao đeo bên cạnh và chiếc mũ hải quân trên đầu. Hồi ấy anh ấy chỉ mười hai mười ba còn tôi lên sáu hay bảy tuổi. Em gái tôi nhỏ hơn nên không nhớ. Cha tôi thậm chí đã muốn gắn bỏ hai gia đình lại hơn nữa vì chúng tôi bị mất liên lạc khá lâu. Tôi còn nhớ hồi bé, chúng tôi không chỉ gọi nhau là anh yêu quý, em gái yêu quý mà còn gọi là chồng yêu quý của em, vợ yêu quý của anh nữa cơ. Đó là những ký ức trẻ con xa xưa mà đáng lẽ phải quên khi mà nhớ lại chẳng được gì. Nhưng khi được tin bất hạnh đến với anh ấy, chúng tôi tìm đủ mọi cách nhưng anh ấy vẫn bặt vô âm tín và cha tôi coi anh ấy như một đứa con tội nghiệp bị mất tích. Rồi đến thảm hoạ khi tướng Cadoudal, Pichegru và công tước Enghien chết, cha tôi chán cảnh nước Pháp quyết định chỉ chăm lo đến mảnh đất xa xôi tận cùng trái đất. Tại London, chúng tôi có quen ông James Asplay, ông ấy cũng sống ở Ấn Độ từ bảy, tám năm và đang đóng quân ở Calcutta. Ông ấy trở thành hàng xóm của chúng tôi. Ông ấy đã nghiên cứu đạo Hindu và biết có thể thu lợi được gì. Ông ấy là tay săn giỏi. Ông ấy mơ được có một xứ sở cho mình với chu vi khoảng 60 dặm. Tôi chỉ như

Hamlet, ít tham vọng, xứ của tôi dù chỉ nhỏ bằng cái bánh tôi cũng hạnh phúc rồi miễn là em tôi cũng được sung sướng.

Hélène nghiêng đầu về phía em và choàng tay ôm lấy Jane rất dịu dàng.

René lắng nghe lời kể ấy rất chăm chú, thỉnh thoảng từ lồng ngực anh lại nén tiếng thở dài như thể chính anh cũng có vài kỷ niệm gắn với những kỷ niệm của các cô gái.

Rồi anh đứng dậy đi vài vòng ngang dọc trên khoang thượng rồi lại ngồi xuống cạnh hai cô gái lẩm bẩm hát một đoạn bài hát của Chateaubriand rất mốt vào thời đó:

Tôi có kỷ niệm dịu dàng rất đỗi
Từ chốn ấu thơ sáng đẹp ngời ngời
Ôi những ngày vàng son chị hỡi
Trên đất Pháp
Ôi đất nước tôi, là tình yêu của tôi
Mãi muôn đời

Mỗi người lại chìm vào im lặng theo dòng suy tư của mình và có Chúa mới biết sự im lặng ấy sẽ kéo dài bao lâu nếu François không đến báo bữa trưa đã sẵn sàng. Vì trong lúc giao chiến, phòng ăn bị tổn thất khá nhiều nên lần này họ ăn trong phòng của René.

Chưa bao giờ hai tiểu thư Sainte-Hermine đặt chân vào càn phòng này. Họ ngạc nhiên khi thấy dáng vẻ nghệ thuật của nó.

Như một nhà hoạ sĩ tài hoa, René đã phải vẽ tất cả những cảnh đẹp, những hình ảnh đáng nhớ mà anh thích thú. Giữa những bức hoạ ấy là một sưu tập những chiến lợi phẩm quý giá nhất. Đối diện với các chiến lợi phẩm là một số nhạc cụ. Hai chị em vốn là những nhạc sĩ, tò mò lại gần. Trong số các nhạc cụ ấy có một cây đàn ghi ta mà Jane rất thích chơi. Hélène cũng rất giỏi dương cầm nhưng từ khi cha cô qua đời ngay cả ý định lại gần cây đàn cô cũng không dám dù trong phòng hai chị em cũng có một cây đàn.

Một mối liên hệ mới lại giúp họ thêm gần gũi với nhau hơn, đó là âm nhạc. Trong phòng René có đàn dương cầm nhưng anh có cách chơi rất khác không bao giờ anh dạo những khúc vui tươi ồn ã của các tác giả bậc thầy đương đại mà chỉ chơi vài đoạn nhẹ êm dịu, du dương buồn bã hợp với tâm trạng của anh như Một cơn sốt nóng của Gretry, hay Suy nghĩ cuối cùng của Weber. Thông thường ây đàn chỉ là một vật vọng lại những kỷ niệm xa ngái lạ lẫm với tất cả mọi người trừ anh chính vì thế mà bàn tay anh hoà quyện thật nhịp nhàng với âm điệu đến mức không phải chỉ để cất lên những âm thanh mà nó còn như một thứ ngôn ngữ nữa.

Buổi tối, các cô gái thường nghe thấy tiếng nhạc xuất phát từ phòng của René, một thứ âm nhạc run rẩy hài hoà như tiếng sột soạt của gió trong các sợi

dây căng hay sự tụ hội của những âm thanh trong đêm tối mà các du khách cổ đại dành cho những lời thánh ca trên biển. Chưa bao giờ các cô lại được thưởng thức những tiếng thở than của sóng biển với nỗi buồn bất tận vang lên từ tay một người đàn ông và những phím dương cầm lạnh lùng.

Nhưng sau bữa trưa, để không phải lên boong dưới những tia nắng hừng hực của mặt trời xích đạo, họ ở lại trong phòng René.

Thế là anh chỉ cho hai cô gái cây dương cầm và các nhạc cụ treo trên tường. Song thấy mắt hai thiếu nữ đang ngấn lệ, anh nghĩ đến thi thể của cha họ, đến cuộc hành trình anh đi cùng họ vào một xứ sở lạ lẫm đầy nguy hiểm. Thế là trên cây đàn, những ngón tay của chàng trai đánh thức dậy tâm trạng man mác mà Vienne Weber mới sáng tác. Bản nhạc này như một bài thơ buồn của André Chéner và Miuevoye vừa mới xuất hiện và bắt đầu nổi tiếng trên những miền đất mới bị các cuộc cách mạng các cuộc chiến tranh xô đẩy, gây ra bao nhiêu điều phải rơi lệ. Dù không muốn nhưng anh vẫn bị tình cảm cuốn đi khúc nhạc toả ra trên những ngón tay anh và rút gọn trong những hợp âm đơn giản khiến nó chỉ càng thêm thống thiết.

Khúc nhạc buồn của Weber kết thúc, theo bản năng, những ngón tay của René vẫn trải rộng trên phím đàn và những hồi ức của tác giả như bày ra trước mặt anh. Đó là trong những lúc bất ngờ không thể cắt nghĩa nổi, tâm hồn của chàng trai trẻ bùng phát hoàn toàn. Những ai cô khả năng đọc trong âm nhạc như trong một cuốn sách sẽ thấy qua một áng mây mờ, một thung lũng đẹp, một đồng bằng trù phú sẽ sinh ra, thế giới cô tịch nơi những dòng suối thay những thì thầm lại rền rĩ rền rĩ, những bông hoa thay vì toả hương lại khóc thút tha. Thứ âm nhạc này thật mới và lạ đến độ các cô không nhận ra những giọt nước mắt vẫn lặng lẽ chảy trên má họ. Khi các ngón tay của René đã dừng lại thì Jane đứng dậy đến quỳ trước Hélène nói: -Chị ơi một khúc nhạc êm dịu và thành kính như một lời cầu nguyện.

Hélène chỉ đáp lại bằng tiếng thở dài và ôm chặt em vào lòng. Rõ ràng từ vài ngày qua, hai thiếu nữ đang sống trong một cuộc sống mới và những ấn tượng hoàn toàn khác mà chính các cô cũng nhận ra.

Một buổi sáng, thủ gác thông báo: "Đất liền!" Theo tính toán của René, nơi này hẳn là đất Miến Điện. Anh tính lại một lần nữa và khẳng định niềm tin ấy.

Kernoch nhìn anh tính toán mà không hiểu gì cả. Anh ta tự hỏi làm sao một người chưa từng đi đến đây như René lại có thể thực hiện một công việc mà chính anh ta không bao giờ có thể hiểu nổi.

Họ hướng mũi tàu về cửa sông Pégou. Bờ biển thấp đến mức chúng bị lẫn vào nhưng con sóng biển.

Khi nghe tiếng kêu "Đất liền", hai chị em chạy vội lên boong. Các cô gái gặp René trên đó tay cầm ống nhòm. Anh đưa nó cho hai cô xem nhưng tầm nhìn của

họ chưa quen với chân biển nên ban đầu không thấy gì cả. Tuy thế, khi tiến lại gần bờ hơn họ cũng thấy hiện ra những đỉnh núi, như những hòn đảo.

Con tàu treo chiếc cờ mới lên cột buồm lớn, bắn mười hai phát đại bác và nhận được tiếng đại bác từ cảng, đáp lại. Sau đó Kernoch báo hiệu mình cần một hoa tiêu. Lát sau người ta thấy một chiếc tàu nhỏ đi ra từ sông Rangoon mang theo người mà Kernoch yêu cầu. Anh ta lên tàu và khi được hỏi nói tiếng gì anh ta đáp mình không phải là người Pégou hay Malacca mà là người Junchseylon. Để tránh bị làm phu cho vua Xiêm, anh ta trốn ở Rangoon và làm nghề hoa tiêu. Anh ta nói được một chút tiếng Anh và Réne có thể trực tiếp xen vào. René hỏi liệu sông Pégou có thể cho tàu của anh chạy vào được hay không khi nó có độ mớm nước từ chín đến mười bộ.

Người hoa tiêu tên là Baca đáp họ có thể ngược con sông khoảng hai mươi dặm, tức là đến tận một vùng đất thuộc về một Đức ông người Pháp. Vùng này có tên gọi là Pangoon House, chỉ có vài ngôi nhà lụp xụp. Không nghi ngờ gì nữa, đó là đất của tử tước Sainte-Hermine.

Dù con tàu nhỏ mang quốc tịch Mỹ nhưng vẫn bị kiểm tra rất gắt gao. Nó hầu như không giống với những con tàu buôn hay qua lại nơi này và phải mất ba lần xem xét, con tàu mới được phép đi vào trong sông.

Trong ngày, họ cũng đến được đất Rangoon, qua sông Rangoon, họ sẽ sang một nhánh Irrawaddy để vào sông Pégou.

Họ dừng lại ở Siriam, thành phố đầu tiên họ gặp ven sông để mua thực phẩm tươi. Ở đây, người ta có thể thấy gà, chim bồ câu, hải sản rau và cá. Nếu tiếp tục có gió nam, con tàu nhỏ có thể ngược lên tận sông Pégou trong hai ngày, còn nếu gió đổi hướng ngược lại thì họ sẽ phải nhờ tàu kéo lên sông Pégou. Điều này sẽ mất gấp đôi thời gian đi bằng buồm.

Không một người nào có ý định dừng lại để thăm thú thành Rangoon nghèo nàn dù trước đây nó từng là kinh thành, từng có một trăm ngàn dân. Ngày nay nó chỉ còn bảy nghìn, kỳ quan sót lại chỉ còn đền Gautama theo tiếng địa phương người ta gọi là Schuredagon có nghĩa là Điện vàng.

Sông Pégou rộng gần một dặm, nhưng rừng già ngày càng bồi ra khiến khiến nó không rộng hơn sông Seine đoạn từ điện Louvre đến Viện chính. Người ta cảm giác rất rõ tất cả phần không nhìn thấy của cánh rừng rậm, cao khoảng mười đến mười hai bộ – tức là đạt đến độ cao của khoang thượng, đều ẩn chứa đủ loại dã thú. Từ xà buồm, người ta có thể thấy đầu kia của cánh rừng và hai bên tả ngạn và hữu ngạn đều có cánh đồng một đầu trải dài đến ven sa mạc Sittang, đầu nữa đến tận vùng khác của các thành trì trù phú

René hiểu rất rõ việc đi trên con sông bị che phủ như vậy không phải không có nguy hiểm. Anh quyết định đích thân mình sẽ gác trên boong và mang theo súng trường và khẩu cạc bin hai viên. Đêm xuống, hai thiếu nữ lên ngồi cùng anh

trên khoang thượng tò mò muốn biết trong chốn tịch mịch ấy tiếng kèn liệu đi săn sẽ có hiệu ứng gì. René cho mang chiếc tù và của mình đến nịnh thoảng, họ lại nghe thấy những tiếng động dữ dội trong rừng rậm, chắc chắn đang có cuộc hỗn chiến long trời lở đất của những cư dân trong rừng. Nhưng cư dân ấy là ai? Có thể là những con hổ, những con cá sấu, hay những con trăn khổng lồ đang quấn chặt một con bò để rồi nuốt chửng.

Có cái gì đó vừa kinh hãi vừa trịnh trọng trong sự im lặng bị quấy rầy ấy. Từ giờ khắc này sang giờ khắc khác, do những tiếng rú gào như thể sinh ra không phải dành cho tai người nghe nên rất nhiều lần hai thiếu nữ giang tay ngăn René đưa chiếc tù và lên miệng. Đột nhiên tiếng kèn hiệu vàng lên, rền rĩ, rung động và khiêu khích người ta nghe nó như một thứ gì đó vượt qua ngọn rừng già, lan toả, yếu dần rồi biến mất trong những miền hoang vắng mà ngay Chúa lẫn con người còn chưa đạt tên. Sau những âm thanh lạ lẫm, tất cả đều câm bặt quanh họ. Người ta tưởng như dám thú hoang dã im lặng để nhận định tiếng động lạ và mới ấy.

Gió thuận chiều và họ giọng buồn không cần thuyền kéo. Đột nhiên, thủy thủ gác kêu to:" Có thuyền phía trước"

Ở chốn này, cái gì cũng đều nguy hiểm. René trấn an hai cô gái, xách súng, tiến lên lan can khoang thượng để tận mắt xem chuyện gì. Hai cô gái đứng dậy sẵn sàng trở về phòng mình khi René ra hiệu. Đêm hôm ấy trời không tối, trăng tròn chiếu sáng hình thù giống một chiếc thuyền phía trước.

Vật đó có vẻ đi thẳng. Càng lại gần hình dạng của nó càng rõ và René nhận ra đó là một thân cây đang trôi. Nhận thấy không có gì đáng sợ từ cái vật ấy, anh gọi hai cô gái lại gần ban công khoang thượng. Khi thân cây cách con tàu khoảng hai chục bước thì René nhận ra có hai luồng sáng như hai hòn than chiếu đến.

Anh chưa thấy báo gấm bao giờ nhưng anh dễ nhận ra một con vật như thế đang đến gần. Chắc là nó đang nấp trên cây nào đó thì các cây bị cơn gió mạnh làm bật rễ đẩy nó xuống sông. Ban đầu sợ quá nó đành bám vào đó, khi bị nước đẩy đi, nó không biết làm sao để lên bờ.

-Hélène, cô muốn có một tấm thảm bằng lông thú không? – René vừa nói vừa chỉ vào con vật.

-Con thú cũng bắt đầu nhận ra các hành khách, nó dựng đứng lông, nhe nanh gầm gừ đe doạ dữ dằn.

René đưa súng lên vai nhưng Hélène đã ngăn anh lại.

-Đừng giết nó, tội nghiệp con vật.

Phụ nữ bao giờ cũng có những cử chỉ độ lượng.

-Vấn đề là – René thì thầm – đó là một kẻ sát nhân.

Cái cây và con tàu va vào nhau, người ta nghe rõ tiếng cành cây chạm vào mạn tàu đột nhiên tiếng người lái tàu hét lên khiếp đảm.

-Nằm xuống! – René ra lệnh vừa dõng dạc vừa thúc bách.

Khẩu súng trên vai anh được hạ ngay xuống tay trái và viên đạn lao đi rồi viên thứ hai cũng phát nổ cách đó chỉ một giây.

Hai chị em ôm chặt lấy nhau vì họ đã đoán được chuyện gì vừa xảy ra. Con báo bị đói trong những ngày buộc phải ở trên thân cây đã lùi lại, lấy đà và nhảy lên thành tàu. Nghe thấy tiếng động, người lái tàu quay lại và thấy con vật đang bám trên thành tàu và chỉ một cú nhảy là tới chỗ ông ta. Vậy là ông ta hét lên hoảng hốt thu hút sự chú ý của René. Anh đã ban hai phát đạn vào con vật.

Chỉ một cú chảy, René đã cầm tiếp khẩu súng thứ hai, chạy đến giữa vị trí con báo và người lấy tàu những nó đã chết, một viên đạn đã găm giữa ngực nó.

§66. Thành Pégou

Nghe thấy tiếng súng, toàn đội tàu chạy lên boong. Họ tưởng lại bị người Mã Lai tấn công. Kernoch đang đi nghỉ là người chạy lên boong đầu tiên. Anh ta nhìn thấy người lái tàu và con báo đang nằm cạnh nhau không xa và cả hai đều bất động như đã chết.

Họ sợ cứu người lái tàu vì khi đánh lộn ông ta có thể bị vài vết cào nhưng thật may là ông ta bình an vô sự, con báo đã bị chết ngay sau phát đạn thứ hai.

Đầu bếp trên tàu lột da con báo rất cẩn thận. Da của nó ban đầu định dành cho Hélène nhưng Jane đã nài nỉ nên Hélène nhường lại cho em.

Con tàu vẫn tiếp tục đi. Vì gió khá thuận nên dù đi chậm, nó vẫn ngược lên dòng sông. Hai cô gái về phòng mình mà vẫn chưa hết run. Các cô bắt đầu thấy ít hứng thú với mảnh đất tuyệt đẹp mình sắp định cư. René ở lại bên họ đến tận ba giờ sáng. Các cô luôn tưởng tượng sau mỗi ô cửa sổ là những khuôn mặt khủng khiếp của con thú hoang khát máu nào đó.

Đêm qua đi trong những nỗi sợ nối tiếp. Ngay khi trời sáng, hai cô đã lên boong hy vọng gặp chàng trai bảo vệ họ. Vừa thấy họ, anh chàng René đã gọi: - Lại đây! Tôi đang định đi gọi các cô dậy để xem hai ngôi chùa trong cảnh bình minh đẹp như thế nào. Chùa gần hơn là Dagoung. Các cô sẽ nhận ra nó qua mũi tên vàng và mái của nó. Đêm qua, chúng ta đã đến rất gần nó.

Hai cô gái nhìn thấy hai công trình đầy cuốn hút ấy nhất là ngôi chùa. Dagoung rất cao khắp các khu nông thôn lân cận đều nhìn thấy. Nền của nó vốn đã được xây dựng trên những gò: Cầu thang duy nhất đẫnlên thềm cũng phải đến một trăm bậc bằng đá.

Như René đã nói, các kim tự tháp mạ vàng này đẹp tuyệt vời hơn nhiều khi mặt trời dìm nó trong những chùm nắng. Xung quanh đều là miền đồng bằng rồi đến những cánh rừng nơi suốt đêm phát ra những tiếng rú kinh hồn bạt vía. Rừng rậm bao lấy dòng sông cũng không có vẻ an toàn nào cả. Suốt đêm, người ta nghe thấy tiếng cá sấu giống như tiếng trẻ con bị bóp cổ. Cánh rừng này thỉnh thoảng bị xen vào các cánh đồng rộng bát ngát do một tầng lớp dân cư đặc biệt cấy trồng. Những người đó được gọi là carainers. Họ có phong tục rất đơn sơ, nói thứ tiếng khác với tiếng Miến Điện. Họ cày bừa, cấy trồng và có một cuộc sống thuần nông. Họ không sống ở các thành thị mà ở quê trong những mái nhà sàn. Họ không bao giờ đánh lẫn nhau và cũng không tham gia vào các cuộc chinh phạt của triều đình.

Con sông mà đoàn người của chúng ta đi qua có rất nhiều cá, đến nỗi các thủy thủ chỉ cần thả vài mảnh lưới là thu được đủ cả ăn cho cả đoàn. Vài người muốn ăn thịt báo. Con báo này chỉ một tuổi rưỡi hoặc hai tuổi là cùng, người đầu

bếp làm vài món thịt sườn nhưng những hàm răng khoẻ nhất cũng không xé nổi thịt ra khỏi xương nó Ngày hôm sau nữa trôi qua không có đụng độ nào ngoài một cuộc quyết đấu giữa một con cá sấu châu Á và một con cá sấu châu Mỹ. Một phát đạn đại bác đủ để kết thúc cuộc chiến ấy và cho hai đấu sĩ tan thành từng mảnh. Hôm ấy, họ đã đến thành Pégou.

Pégou còn mang vết tích của các cuộc khởi nghĩa và nơi này từng là kịch trường. Những thành quách của nó phần lớn đã bị đổ nát, chúng chỉ còn cao khoảng ba mươi bộ tính từ dưới mặt nước sông nơi mà khi triều cường có thể dâng lên cao chục bộ.

Các con tàu có độ mớn nước từ mười đến mười hai bộ buộc phải dừng lại ở đây vì khi thủy triều hạ đi thêm một dặm nữa sẽ bị mắc cạn. Con tàu lại buộc ở trạm kiểm soát sẽ đặt dưới sự giám sát của một Chékey, tức một quan trực thuộc Bộ binh.

Du khách được vào một nơi như cung điện mà người ta gọi là phủ ngoại quốc vì nó dành cho những người nước ngoài hiếm hoi đặt chân đến Pégou.

Nhưng khi René nhìn kỹ các phòng thì anh nói mình muốn ở trên tàu hơn, rằng như thế sẽ chuẩn bị tốt cho việc đến mảnh đất của tử tước Sainte-Hermine mà theo cách gọi của dân bản địa là Đất Trầu vì trên đó loại cây này có rất nhiều. Người ta trồng nó và đó là khoản thu nhập chủ yếu. Việc một con tàu Slúp với mười sáu khẩu pháo đại bác của nước Mỹ hùng mạnh xuất hiện, bắt đầu chiếm được sự trân trọng trên Ấn Độ Dương, trở thành điều tò mò cho dân Pégou. Chính vì thế khi con tàu vừa đến, người đầu tiên đến thăm con tàu là người thông ngôn của hoàng đế. Ông ta chịu trách nhiệm mang hoa quả vật phẩm của Shabunder[350] của Pégou đồng thời thông báo ngài Nak-kan và ngài Serédogée hôm sau sẽ đến thăm họ.

René vốn lường trước các cuộc viếng thăm này nên đã mua sẵn vải vóc và vũ khí trên đảo Pháp. Anh gởi tặng một khẩu súng trường hai viên cho ngài Shabunder. Thấy ông ta thích thú với món quà, nhân cơ hội ấy, anh xin nhập cảnh cho con tàu Slúp và nhờ ông ta, với chức danh như một cảnh sát trưởng hải quân ở Anh, để mắt giùm.

Trong suốt thời gian viên cảnh sát trưởng hải quân đến thăm, ông này mang theo hai tên hầu cắp theo tráp bạc, ông ta chỉ ăn trầu và mời anh ăn.

René nhai thứ lá thơm thơm ấy như một người theo đạo Phật thật sự nhưng khi khách vừa đi để giữ cho bộ răng trắng của mình anh đã vội xúc miệng bằng nước trắng thêm vài giọt rượu Arack.

Hôm sau, như đã được ông Shabunder báo, anh đón hai người nak-kan và Serédogée đến thăm. Nak-kan tương đương với chức hộ vệ có nghĩa là tai của vua còn Serédogée tương đương với chức thư lại.

Cả hai người này đều có tên hầu cắp tráp đi theo. Họ nhai trầu liên tục và nhổ nước trong lúc nhai nhưng câu chuyện với họ khá thú vị René được cung cấp nhiều tin tức quan trọng để đến mảnh đất của hai tiểu thư xinh đẹp. Anh được biết rằng không gì bằng trồng trầu vì người ta có thể thu được ít nhất là năm mươi nghìn phăng, gần bằng trồng lúa hay mía. Mảnh đất ấy rộng năm mươi dặm Anh, tức là gần bằng thành Pégou. Chỉ có điều, để đến được đó phải qua những khu rừng đầy hổ báo, ngoài ra nghe nói còn có những băng cướp người Xiêm và người Miến Điện ẩn nấp trong những khu rừng ấy và chúng còn hung bạo hơn đám dã thú.

Hai vị khách đều ăn mặc gần giống nhau, một người áo tím và người kia áo xanh. Cả hai đều mặc một loại áo dài như váy ngủ có thêu các đường chỉ vàng ở các chỗ khoét và hai đầu ống tay.

René gởi cho vị thượng thư một tấm thảm Ba Tư thêu vàng và cho hộ vệ hoàng thượng một cặp súng lục sản xuất ở Versailles.

Trong suốt cuộc nói chuyện ấy, cả hai vị khách đều ngồi xổm, viên thư lại biết nói tiếng Anh, làm thông ngôn cho người còn lại.

Trầu ở vùng này là một loại cây leo như cây thường xuân. Lá của chúng gần giống như lá chanh nhưng to và dài hơn, một đầu thót lại. Quả trầu gần giống như quả nho dại nhưng người ta thích lá hơn. Dân ở đây trồng trầu như trồng nho, người ta bắc giàn cho chúng leo. Thỉnh thoảng họ nhai cùng với miếng cau. Cây trầu sinh trưởng khắp Đông Ấn và nhất là vùng ven biển.

Người Ấn nhai trầu suốt ngày thậm chí cả ban đêm, nhưng nếu nhai không thì lá rất đắng nên người ta nhai cùng cau và một chút vôi quệt vào trong phiến lá. Những ai giàu có hơn thì nhai cùng nước long não Bornéo, vỏ quạch hương nhu.

Khi nhai đủ các vị trên ta sẽ thấy một vị và mùi dễ chịu vô cùng khiến người Ấn trở nên nghiện. Tất cả những ai khá giả đều coi đó là món khoái khẩu của họ. Cũng có người còn nhai cau với quế và cây đinh hương những vị không bằng cau với lá trầu thêm chút vôi.

Người Ấn nhổ nước tiết ra đầu tiên, đó là một thứ nước đỏ nhờn nhợt họ có hơi thở dịu và dễ chịu lan khắp phòng. Nhưng lại làm răng của họ đen lại, bị hỏng rồi rụng. Có chăng người Ấn Độ chỉ còn mỗi một cái răng khi mới ở tuổi hai mươi lăm, nguyên do là nhai quá nhiều trầu.

Thỉnh thoảng, khi từ biệt nhau, người ta trao cho nhau vài miếng trầu bọc trong một mảnh vải lụa và sẽ không về nếu chưa được người thân thiết mời trầu. Người ta cũng không dám nói chuyện với người có địa vị sang trọng trong xã hội mà không có cái miệng phảng phất hơi trầu. Với người ngang hàng khi nói chuyện việc không nhai trầu cũng coi là phép thiếu lịch sự.

Lại nói hai kẻ nhai trầu nọ đi vừa chưa được lâu thì tiếng đồn về con tàu Slúp của một người Mỹ giàu có tặng súng ngắn, thảm và súng trường hai viên đã lan xa và người ta đã nghe thấy tiếng nhạc vọng đến.

René gọi ngay hai cô gái đến để hai cô thưởng thức âm nhạc cho đỡ buồn. Hai cô gái lên khoang thượng, họ thấy ba chiếc thuyền chở các nhạc công, mỗi thuyền có một bó gồm hai sáo, hai chũm chọe và một cái có dạng như cái trống. Tiếng sáo nghe giống như tiếng kêu ô-boa. Thứ âm nhạc đó dù không bác học nhưng rất thú vị. René yêu cầu họ chơi vài ba khúc để ghi lại những giai điệu chính: Mỗi tấu được thưởng mười hai talks (mỗi talks tương đương với ba phăng rưỡi)

Ngay từ ngày đầu, René luôn lo lắng làm cách nào đến được mảnh đất của tử tước Sainte-Hermine. Nhưng cách thức duy nhất đến đó là đi ngựa hoặc voi. Ngoài ra viên cảnh sát trưởng hải quân Anh khẳng định anh còn cần ít nhất hơn chục người đàn ông tháp tùng. Trong vùng sắp có lễ hội nên không người đàn ông nào muốn rời Pégou trước khi dâng lễ xong. Buổi lễ ấy kết thúc, ngài Shabunder sẽ thuê ngựa hoặc voi cho René kèm theo một bộ đồ nghề săn hổ. Anh có thể giữ một tháng, hai tháng hoặc ba tháng tuỳ thích. Giá thuê ngựa và người đánh ngựa là hai mươi talks, giá voi và quản tượng là ba mươi talks.

Vì René hứa sẽ chỉ thuê ngựa hoặc voi qua ngài Shabunder nên ông này tặng cho anh một khung cửa sổ trong một ngôi nhà trên lối chính vào chùa. René đã chấp nhận, lúc anh cùng hai cô gái đến đó, anh đã rất ngạc nhiên khi thấy ngài võ quan có ý trải thảm và kê ghế ở đó.

Dòng người tham dự vào buổi lễ ấy rất đông. Từ lúc mặt trời mọc đến mười giờ sáng, phải có ba mươi nghìn người trèo lên, môi người mang một khay đồ lễ tuỳ lòng thành và điều kiện của họ. Vài người còn ôm ngang lưng một cái cây rủ xuống dưới sức nặng của những món quà dành cho sư sãi. Đó là cây trầu, mứt, bánh trái, có người lại vác những con cá sấu và các con thú lớn bằng giấy trên những cái khay đựng đủ loại đồ lễ. Cuối cùng là những con voi giấy, hoàn tất cho đoàn cúng tiến lên chùa.

Tất cả mọi người đều mặc bộ quần áo hội đẹp nhất, phần lớn dệt từ lụa trong cùng giống với các xưởng dệt ở phương Tây và thường có chất lượng tốt hơn. Phụ nữ Miến Điện cũng được tự do như phụ nữ Châu Âu, họ không phải bịt mặt. Thật buồn là đàn ông lại ít khi dành cho họ đặc quyền như thế. Đàn ông coi họ như kẻ dưới và đặt họ ở khoảng cách giữa con vật và con người.

Người Miến Điện bán vợ mình cho người nước ngoài. Trong những trường hợp như thế, vì chăng người vợ chỉ phục tùng lệnh của chồng nên họ không thấy bị hổ thẹn. Họ có hai lý do để thanh minh cho thái độ của mình, thứ nhất là do luật phục tùng và thứ hai họ phải hy sinh để giúp đỡ gia đình.

Ở Rangoon và ở Pégou cũng có các kỹ nữ. Có thể là do lười lao động hay hư hỏng hay sa đoạ mà các cô gái trẻ bán thân vào cái nghề nhơ nhớp ấy, ngay ở các thành phố văn minh cũng vậy.

Luật nợ tiền ở người Miến Điện cũng không khác ở Rome thời đạo luật Mười Hai Bàn, đó là: tất cả các chủ nô trở thành ông chủ của con nợ hay gia đình con nợ, khi con nợ không trả nổi tiền, chủ nợ bán con nợ như một nô lệ và khi vợ hay con của họ xinh đẹp và các chủ thanh lâu trả giá cao thì các chủ nợ sẽ bán những kẻ bất hạnh ấy. Người ta có thể gọi đó là gái vỡ nợ. Ngày trước còn đồn đại có một tầng lớp kỹ nữ quý phái có xuất thân khác, người ta gọi các ả đó là gái hạng sang.

Nếu một phụ nữ cầu mong sinh con trai nhưng lại đẻ ra con gái, chị ta mang nó đến gửi ở chỗ gái hạng sang và các cô nàng này sẽ trả khoản tiền người mẹ yêu cầu. Người ta sử dụng cô gái dưới chức danh hạng sang cho những người nước ngoài qua đây với dân bản địa, các cô gái đó được gọi là valasi (nô lệ của gái sang), người nước ngoài lại gọi là bayadère với những vũ công và kỹ nữ.

§67. Cuộc hành trình

Buổi lễ hội kết thúc, René nhắc ngài Shabunder lời ông ta đã hứa. Ngay hôm sau ngày René nói anh cần ba con voi.

Ngay lập tức, ba con vật cùng người quản tượng đã đến chỗ con tàu Slúp. René rất tin tưởng vào đoàn thủy thủ Anh-Mỹ nên để họ lại trông tàu. Đồng thời anh cũng để lại Kernoch và sáu người Bretaglle vì anh tin tưởng vào lòng tự tôn dân tộc và lòng thủy chung của họ một trong việc bảo vệ tàu nếu có xung đột xảy ra.

René chỉ mang theo anh chàng người Paris, tức là người phục vụ trung thành François. Chỉ cần hai con voi có là có thể chở được bốn người đủ chỗ cho hai cô gái và anh. Ngoài ra, để yên tâm, anh đã thuê mười hộ vệ mà ngài Shabunder tuyển hộ.

Mỗi người và mỗi con ngựa mất năm talks mỗi ngày trong suốt chặng đường. Hai con ngựa do anh và François dắt, hoặc cưỡi khi nào họ không muốn đi voi. Trưởng đoàn dự định chuyến đi sẽ kéo dài ba ngày.

Hai con ngựa được chất đầy thực phẩm vì họ lo là sẽ không gặp được làng nào trên đường đi. Ngoài ra họ hy vọng sẽ kiếm thêm các con thú săn được trên đường.

Buổi tối, đoàn người dựng lều ngoài bìa rừng, và không rời xa nguồn nước. Họ lấy nước dự trữ vì sợ dọc đường sẽ không tìm được nước sạch.

Đêm đầu tiên qua đi không có gì đặc biệt, như đã nói ở trên, vì họ chưa vào rừng và họ còn nhìn thấy thành Pégou, chiếc ghế có tán che có thể đặt lên lưng voi hoặc tháo xuống đất. Họ hạ nó xuống dùng làm giường tránh muỗi cho hai cô gái.

Họ đốt một đống lửa to để xua đuổi các loài bò sát và ác thú. René cho rằng đi bằng voi, họ sẽ dễ dàng qua những đoạn đường khó và con vật thông minh này, với bản năng tự nhiên sẽ biết cảnh báo khi có kẻ thù sắp lại gần. Tuy thế, anh vẫn không hoàn toàn tin tưởng và tự mình gác. Nửa đêm, gần sáng anh giao cho François.

René vẫn chưa thấy dấu hiệu nguy hiểm của lũ voi. Tuy nhiên, ngay từ đầu anh bắt đầu làm thân với chúng bằng cách mang cành cây tươi và mấy quả táo mà chúng ưa thích. Để chúng không ghen tị lẫn nhau, anh mang cho chúng hai khẩu phần bằng nhau. Ban đầu chúng nhìn anh hơi nghi ngại, không hiểu kẻ lạ mặt này quan tâm đặc biệt đến chúng vì mục đích gì. Nhưng dẫu sao chúng cũng không từ chối món quà ấy. Sau đó, René dẫn hai cô gái lại gần, mang cho chúng ba đoạn mía tươi và ngọt. Chúng khoái chí lấy vòi quấn từ tay hai cô gái rồi đưa

lên miệng. Như vậy trước lúc lên đường, René đã làm bạn với hai con voi và cho chúng trở thành bạn của hai cô gái.

Đêm qua đi bình yên trừ vài con báo đi uống nước và vài con cá sấu châu Mỹ ra khỏi rừng tìm mồi được con voi gác báo trước.

Chính bản thân hai con voi cũng thấy cả hai cùng thức đêm thật là vô ích nên chúng chia nhau canh gác như René và François vậy. Quả nhiên, đến nửa đêm, con voi đầu khụy gối đi ngủ nhường chỗ cho con voi thứ hai mới thức dậy gác tiếp.

Trời vừa sáng, con voi đã hú lên đách thức mọi người trở dậy. Hai cô gái hiểu có René canh gác họ không thể gặp bất trắc gì nên yên tâm làm một giấc ngon lành như ngủ trong phòng. Các cô dậy ngay và tận hưởng không khí trong lành của buổi ban mai.

René lại gần chỗ hai cô gái mang theo một ôm cành cây mà ngày hôm trước lũ voi rất thích. Hélène và Jane vẫn có chút e sợ khi đi lại gần hai con thú khổng lồ ấy. Nhưng với ánh mắt dịu dàng của chúng, các cô cũng hiểu là sẽ không có chuyện gì. Các cô cầm những cành cây từ tay René đưa cho chúng. Chúng quấn lấy kèm theo những tiếng cục cực khoái chí. Ăn hết cả ôm cành cây lũ voi nhìn sang trái lại nhìn sang phải như còn thiếu một cái gì đó. Chúng chưa được ăn mía, loại thức ăn không thể thiếu của chúng René chạy đi lấy và chuyển qua tay Hélène và Jane. Lũ voi ngốn ngấu đám mía với sự ưng ý như hôm trước.

Đoàn người chỉ ăn nhẹ, họ chia quãng đường làm hai chặng, chặng thứ nhất đến mười một giờ trưa rồi nghỉ bên hồ để tránh ánh nắng gay gắt trong ngày, chặng thứ hai đến bảy giờ tối, nghỉ đêm tại một nơi quang đãng.

Hai thiếu nữ lại leo lên lưng voi, chúng tỏ ra vui thích được cái vinh dự đưa họ đi. René và François, cậu ta đi phía sau anh vài bước, song song với con voi chở hai cô gái. Người dẫn đường đi đầu mười người nữa đi ngựa tiếp theo, con voi không ai cưỡi ngoài người quản tượng của nó đi kế đó. Cánh rừng này thật u ám và đầy vẻ đe doạ đến nỗi René không khỏi lo ngại cho hai người bạn gái của mình. Anh gọi người dẫn đường nói được chút ít tiếng Anh lại gần.

-Đoạn rừng này có sợ bị cướp tấn công không? – René hỏi.

-Không- Người dẫn đường đáp – bọn cướp ở cánh rừng khác.

-Thế ở đây có gì đáng sợ không?

-Các loại ác thú

-Là những loại nào?

-Hổ, báo và những con trăn khổng lồ.

-Được rồi, chúng ta đi tiếp, – René nói rồi quay lại François nói – cậu đi lấy cho tôi hai miếng bánh mì ngon lại đây!

François mang lại một chiếc bánh mì cắt làm hai. Lũ voi vừa nhìn thấy bánh mì, chúng nghĩ người ta mang đến cho mình nên con voi không cho ai lùi lại gần

René khiến cho anh này trở thành đi giữa hai con vật to lớn.

Hai cô gái hốt hoảng cúi ra khỏi kiệu, chỉ thêm một bước nữa, René và con ngựa của anh đã bị nghiến nát giữa hai con vật khổng lồ rồi. René trấn an hai con voi bằng một nụ cười rồi đưa bánh mì cho chúng. Hai cái vòi của chúng thay vì doạ nạt hình như lại tỏ ra âu yếm chàng trai. René để lũ voi tận hưởng món bánh yêu thích của chúng. Đó là một viên gạch nữa anh dựng lên lâu đài tình bạn giữa mình và hai con quái vật bốn chân.

-Vừa nãy người dẫn đường nói gì với ngài đấy? – Hélène hỏi.

-Nếu người khác, tôi sẽ bảo anh ta nói rừng này đây con mồi và chúng ta không phải lo về đồ ăn. Nhưng cô là một người đồng hành can đảm nên tôi có thể nói thật. Anh ta bảo chúng ta khi ngủ chỉ nên nhắm một mắt thôi còn mắt kia phải mở to để mà canh gác. Nhưng các cô cứ yên tâm ngủ, tôi sẽ là người gác cho các cô.

Từ lúc đoàn người đi vào rừng, họ thấy hình như mình đang vào một nhà thờ, giọng nói của họ trở nên nhỏ nhẹ hơn mức bình thường. Đang giữa ban ngày mà cứ như đang sáu giờ tối, vòm cây dày đến nỗi họ không nghe thấy một tiếng chim nào. Khi màn đêm kéo đến, bản hợp xướng của các loài vật mới thức giấc. Đêm tối mới là ban ngày của chúng. Đêm tối là lúc chúng săn mồi, yêu đương còn ban ngày là khi chúng ngủ.

Họ thấy sợ cái sức mạnh thiên nhiên ấy, khi mà một cơn giông cũng khiến tất cả bụi mù như một sa mạc cát, khi một cái cây to lớn cũng đủ làm rừng, khi trong những vùng tối sâu thẳm nhất của cánh rừng này, nơi người ta tưởng không có ban ngày hay một tia nắng mặt trời nào xuyên vào lại phô ra những bông hoa sặc sỡ và toả mùi ngây ngất trong khi những cây khác ngạt thở trước bóng tối và chỉ toả hương sác trước ánh mặt trời. Chúng bám lên những cành cây đầu tiên, trượt sang các cành cây khác leo đến đỉnh ngọn rồi nở hoa như những viên đá rubi hay sa phia nằm trong ngọc bích. Người ta nhìn nó ngay khi gặp, chúng lan thật rộng nhưng khi người ta tìm thân của chúng, người ta chi thấy một thân mảnh khảnh như dây điều. Trong những cánh rừng này tất cả đều bí hiểm nhưng sự bí hiểm ấy còn cho người ta những suy nghĩ đen tối nhất thậm chí đến cả cái chết.

Quả thật, cái chết rình rập khắp nơi. Trong bụi rậm kia, con hổ đang chờ bạn. Trên cành cây này, con báo đang rình bạn. Rồi cái thân cây mềm mại uốn lượn giống như một cái cây bị chặt cách mặt đất từ sáu đến tám bộ kia nữa lại là cái đầu con rắn mà phần thân của nó trải dài như một con suối có thể quấn lấy bạn ở khoảng cách mười lăm bộ. Cái hồ nước rộng phẳng lặng như một tấm gương kia đang hội tụ đủ loại thứ nguy hiểm như cá sấu châu Mỹ, châu Á, khi nó há miệng, nó có thể nuốt cả một con ngựa và một ky sĩ một lúc. Đó là Ấn Độ, nơi phần sinh sôi nhất và cũng chết chóc nhất vũ trụ.

René đã có những suy nghĩ như thế khi đi dưới cái vòm cây câm lặng và tối tăm ấy, thỉnh thoảng mặt trời phải khó nhọc lắm mới xuyên qua được một tán lá. Đột nhiên, như thể một tấm màn được vén lên, người ta chuyển từ vùng hoàng hôn chạng vạng tối sang chỗ ánh sáng chói loà. Đó là một cái hồ. Để đến chỗ đó, người ta chỉ phải qua một đồng cỏ đẹp như mơ, một mảnh thiên đường rơi xuống mặt đất, những khối hoa loả hương ngát đến người ta sắp chết ngạt. Mảnh đất đó bị những con chim cày xới bằng những tiếng kêu lạ tai, người bộ lông màu ngọc bích, màu đá ruổi và saphia. Phía chân trời là hồ nước đang trải rộng như một tấm thảm màu xanh lơ. Ai cũng hít thở thật sâu, lồng ngực giãn ra.

Họ đi qua đồng cỏ, một vài tiếng rên rỉ thoát ra chứng tỏ họ vừa giẫm chết vài con bò sát. Người dẫn đường luôn thận trọng, dùng một cái gậy để giết con rắn khoang vàng đen nhỏ dài gần một bộ. Con này cắn có thể chết người, trong tiếng Miến Điện, người ta gọi nó là rắn "ca rô". Người dẫn đường giải thích rằng vết cắn đặc biệt của con vật đó là tuỳ vào thời điểm bị cắn, người ta sẽ chết vào cái buổi tối, hoàng hôn, sáng hay bình minh.

Cuối cùng, đoàn người cũng đến được chỗ hồ nước. Đó là nơi dừng chân đầu tiên của họ trong ngày.

Lúc qua đồng cỏ, René đã bắn được vài con chim giống như gà lôi và một con giống như con linh dương gazelle, một con thỏ. François với bản tính của người Paris đã học được cách chế biến nên xử lý khá hợp lý chỗ con mồi ấy.

Cũng cần nói thêm là René vẫn chăm sóc cẩn thận lũ voi như thường lệ. Khi thấy chúng hướng vòi về một thứ cây hoa màu đỏ lớn những không với tới. René hỏi François xem bằng tài trí của cậu bé Paris, anh ta có trèo lên cây ấy được không. François khẳng định là được nên René trao cho cậu ta một con dao quắm nhỏ và yêu cầu cậu ta chặt nhiều cành nhất có thể. Những con voi nhìn hành động ấy một cách thích thú ra mặt, chúng vuốt ve tay René như thể muốn hôn lên đó.

René để hai cô gái xuống kiệu. Các cô vừa xuống đất, lũ voi đã vội tiến lại đống cành cây và bắt đầu bữa trưa kèm theo những tiếng kêu nho nhỏ sung sướng và những ánh mắt bao lấy René và hai người bạn của anh đầy vẻ biết ơn.

Mọi người ăn bữa trưa và đi ngủ tuỳ ý thích. Họ đã quên hết mọi nỗi sợ và hầu như không tin rằng trong một ngày đẹp trời đến thế trong một khung cảnh diễm lệ đến vậy lại có thể bị nguy hiểm rình rập.

§68. Cuộc chiến với con trăn (rắn chúa)

Cạnh hồ nước; có một rừng cây bụi kề sát rừng rậm. François phát hiện ra có hai, ba con công ở trong rừng rậm đó. Anh ta liền nảy ra ý định giết hai con, lấy lông đuôi kết thành hai cái quạt cho hai cô gái. Anh ta đến xin phép René, sau bữa ăn sẽ bắt đầu cuộc vui ấy.

René biết rằng trong rừng rậm nơi lũ công ở có thể có hổ. Anh nhắc François phải cẩn thận. François xách một thanh gươm và khẩu súng hai viên của René rồi đi.

Anh ta chưa đi được chục bước, René đã thấy hối hận vì để một thợ săn ít kinh nghiệm như thế đi một mình. Anh nhìn quanh, thấy tất cả đều yên tĩnh nên ra hiệu cho François chờ mình. Anh muốn trước khi đi săn phải có vài dự phòng cho chỗ nghỉ của hai cô gái.

Các cô đang ngồi bên nhau, duyên dáng giữa những bộ trang phục bình dân. Anh mang bánh mì cho hai con voi, dẫn chúng đến cạnh cây cành lá xúm xuê cao đến hai chục bộ rồi chỉ cho chúng thấy hai cô gái và anh nói: -Hãy gác cho các cô ấy!

Hai thiếu nữ bật cười về sự đề phòng ấy mà các cô cho là vô ích ấy. Họ không nghĩ mình sẽ gặp nguy hiểm nào.

Trước lúc đi, René còn yêu cầu họ nếu bị con vật hoang dã nào tấn công hãy đến nấp giữa những cái chân voi như trong một pháo đài bất khả tấn công.

Ngay bản thân René cũng hy vọng là sẽ không chỉ gặp vài con công. Anh đã từng va chạm với một số con quái vật ở Ấn Độ. Nhưng chưa khi nào được giáp mặt với một con hổ. Anh nắm chặt tay hai cô gái rồi tiến lại phía François. Cả hai khuất dần vào cánh rừng.

Sau đoạn rừng cây bụi là đến rừng rậm. Nó chằng chịt đến nỗi không thể nào đi được nếu không lấy dao phát một lối đi.

François rút gươm toan chặt cây thì René nhận ra một lối đi trên đó có những mẩu xương vẫn còn rất tươi chứng tỏ một con thú ăn thịt lớn đi qua chưa lâu. Anh tiến vào đó và gọi François đi theo.

Đi được vài vòng trong rừng rậm nơi những ngọn cây trên đầu đan vào nhau như một cái nôi thì René bắt gặp một cặp hổ.

Nhưng đó là hai con hổ con, không có con bố hay con mẹ nào ở nhà. Hai con hổ con chỉ to bằng con mèo béo đang nô đùa.

Vừa nhận ra những sinh vật khác nòi giống của mình, dù bé tí nhưng chúng cũng vào thế tự vệ. Song René đã luồn tay vào túm lấy cổ chúng nhấc bổng lên và đưa cho François một con.

-Cầm lấy, cầm lấy chạy đi!

Hai con hổ con bắt đầu gầm gừ, kêu ré lên như thể báo cho mẹ chúng biết chuyện gì vừa xảy ra với chúng. Lập tức người ta nghe được cánh đó bốn năm trăm bước một tiếng gầm khủng khiếp vang lên đó là tiếng hổ mẹ đáp lại tiếng gọi của lũ con.

-Chạy khỏi rừng rậm, chạy khỏi rừng rậm! – René kêu lớn – Nếu không chúng ta sẽ nguy to.

François không cần phải giục. Tiếng gầm vừa rồi đủ để anh ta cảm thấy nguy hiểm đang đến gần. François rảo bước mà vẫn không thả con hổ con. Anh ta định mang về Pháp và tặng cho vườn thú

François đã chạy ra khỏi rừng rậm vào vành đai rừng cây bụi bao quanh rừng rậm.

Một tiếng gầm thứ hai vang lên nhưng chắc chắn phải cách thợ săn hàng trăm bước.

Một cái cây và một bụi rậm hiện ra cách họ hai chục bước.

-Thả con hổ con ra – René hét lên và tự tay thả con vật mình đang ôm – Cậu nhảy lên cây, còn tôi vào chỗ cây bụi.

François tuân lệnh ngay lập tức khi hai người tìm được chỗ nấp của mình cũng là lúc tiếng gầm thứ ba vang lên nhưng lần này nó như một tiếng sấm rền trên đầu họ rồi một con hổ cái đột ngột xuất hiện, nó như bay hơn là chạy đến cách họ chúng hai mươi bước.

Nó lưỡng lự giữa một bên là kẻ thù một bên là tình mẫu tử, nhưng cuối cùng tình mẫu tử đã thắng Nó tiến lại chỗ lũ con và gầm gừ như con mèo cái nhưng tiếng gầm nghe kinh rợn lắm.

Đúng lúc ấy nó quay ngoắt lại phía François vì anh ta vừa bắn vào vai nó. Con hổ bị tấn công đột ngột nhảy dựng lên rồi ngã khuỵu xuống, François đã bắn trúngvai con hổ.

Con hổ cái nhanh chóng nhận ra hai kẻ vừa bắn mình vẫn còn ở đó, nó chồm lên lấy đà rồi lao lên cao đến bảy, tám bộ.

François nhận thấy không thể để nó lại gần hơn nữa. Anh ta bắn phát súng thứ hai, con hổ lăn ngửa ra hú lên kinh hoàng rồi dùng toàn bộ sức mạnh lật mình dậy, lấy bàn chân còn lại bắt đầu bấu vào đất còn hàm răng cắn ngoạm vào đám cỏ đầm máu chảy từ cái mồm của nó.

-Nó chết rồi! Nó chết rồi ngài René ạ! – François reo lên như một đứa trẻ bắn được con thỏ đầu tiên của mình.

Và anh ta định lại gần định dùng báng súng kết liễu con hổ cái nhưng René đã hét lên: -Đừng lại gần, đồ ngốc! Hãy nạp tiếp đạn đi.

-Sao phải thế? Nó chết rồi cơ mà?

-Thế con đực đã chết chưa hả, đồ ngu? Nhanh lên, nghe thấy chưa.

Chưa bao giờ lại có tiếng hú ghê rợn như vậy.

-Nạp đạn đi, nạp đạn đi và đứng ra phía sau tôi. – René nói.

Nhưng khi thấy François vừa run lên vì sung sướng lẫn sợ hãi đến nỗi đổ thuốc súng xuống đất thay vì vào nòng súng, anh đưa súng của mình cho anh ta cầm rồi nạp đạn thay cho François, chỉ một phút sau, hai nòng đã có thuốc và đạn. Anh trao lại súng cho người săn cùng.

-Nó không gầm nữa. – François thì thào vào tai René.

-Và nó sẽ không gầm nữa đâu. – René nói – Khi không nghe thấy tiếng vợ đáp lại nó hiểu hoặc vợ nó đã chết hoặc bị mắc bẫy. Cho nên thay vì lộ diện như vợ nó, nó sẽ đi tìm. Chú ý đấy, phải nhìn ở mọi phía.

-Suỵt! – François lại thì thầm vào tai René – Tôi nghe thấy tiếng cành cây gãy.

Khi ấy René đặt tay lên vai François rồi chỉ cái đầu con hổ đực đang chúi xuống đất xuất hiện ở lối vào rừng rậm. Nó đã chạy lại phía bầy con nhưng không thấy nên mới mò ra đây.

François gật đầu ra điều đã nhìn thấy.

-Vào mắt phải, Philippe! – René nói thật to rồi siết cò.

Trong vài giây, khói toả ra khiến họ chưa nhìn rõ.

-Tôi chưa chết thì nó phải chết. – René thản nhiên nói.

Và quả thật họ nhanh chóng nhìn thấy con hổ đực đang giãy giụa trong cơn gầm gừ hấp hối.

-Vì sao lúc ngài bắn ngài lại nói "Vào mắt phải, Philippe?". Chẳng hay con hổ đực này tên là Philippe à?

-Không- René đáp- Nó tên là hổ, nhưng vì thế mà phải cẩn thận với nó.

Tuy thế, họ không cần phải thận trọng, dù chỉ bị bắn một phát nhưng con hổ đực lại chết trước con hổ cái bị bắn hai phát.

Thật ra phát đạn của René đã bắn trúng mắt phải của con đực đúng như tay súng thiện xạ thông báo và xuyên vào não khiến con vật chết ngay tức thì trong khi con hổ cái phải chờ thêm mười lăm phút nữa mới trút hơi thở cuối cùng.

Hai thợ săn chờ ít lâu, hy vọng khi nghe ba phát súng những người trong đoàn sẽ tò mò muốn biết xảy ra chuyện gì và kéo đến.

Nhưng họ chờ mãi mà không thấy ai. Mãn nguyện về chuyến đi săn của mình, họ quyết định quay về đoàn người và mang ngựa lại kéo hai con hổ.

Nhưng François lại không muốn rời xa tác phẩm của mình. Anh ta khoác súng lên vai, chạy lại túm gáy hai con hổ con, chờ cho René nạp đạn rồi mới cùng anh đi về phía hồ nước nơi cách họ chưa đầy một cây số.

Họ mới bước được một trăm bước thì một tiếng kêu ré lên, giống như tiếng kèn trom-pét vang đến rồi tiếng thứ hai tương tự như vậy cũng cất lên.

Hai chàng trai nhìn nhau: tiếng kêu này rất lạ. Con vật nào kêu thế nhỉ? Đột nhiên René vỗ lên trán.

-Thôi rồi! – Anh kêu lên- đó là lũ voi của chúng ta đang kêu cứu!

Rồi anh tức tốc lao về phía tiếng kêu, François chạy được một trăm bước nữa đành bỏ cuộc không theo kịp René.

Vừa đến nơi, René dừng lại sững sờ trước cảnh tượng trước mặt đoàn người bị tản mác và đứng cách xa nhau. Hai cô gái vẫn ngồi dưới gốc cây ôm chặt lấy nhau và như đang cứng đờ vì kinh khiếp chỉ hai con voi còn đứng vững, huơ huơ cái vòi trong không khí trước một con trăn cuộn quanh một trong những cành cây thấp nhất trên đầu hai cô gái, đung đưa cách mặt đất khoảng mười lăm bộ, cái đầu quái vật khiến hai cô gái không rời mắt khỏi nó như bị thôi miên.

Hai con voi đã quyết định hoàn thành nhiệm vụ được giao đã sẵn sàng nghênh chiến:

Đoạn người đi cùng đã chạy trốn tán loạn. Họ chỉ được trang bị gươm và giáo nên không có cách nào chống lại một địch thủ như thế.

Lũ voi nhận ra René trở về liền phát ra những tiếng kêu vui sướng. Người chúng vừa gọi đã hiểu và chạy đến.

René chỉ trong nháy mắt đã hiểu mình cần phải làm gì. Anh đặt súng xuống đất, lao về phía hai cô gái, bế họ như bế hai đứa trẻ. François cũng vừa về đến nơi. René giao hai cô gái cho anh ta canh chừng.

-Bây giờ – René nói kèm theo tiếng thở dài và nhặt súng lên – chỉ còn hai chúng ta thấy Python[351]! Chúng ta sẽ xem liệu đạn của khẩu súng Lepage có như mũi tên của thần Apollon hay không.

Con trăn nhìn theo hai cô gái người ta mang đi, hai người mà nó đã chọn làm con mồi. Khi thấy hai con voi đứng cạnh, nó còn dè chừng chưa lao vào họ. Nó phun ra những tiếng phì phì như tiếng gió trong trận bão vậy. Một làn hơi hôi thối bốc ra từ cái miệng của nó, cặp mắt lửa của nó hằn lên những tia đáng sợ, mỗi khi nó nhấc cái cổ lên. Cái cổ của nó, phần hẹp nhất cơ thể cũng phải to như một cái thùng. Người ta không thể nhìn theo hết những uốn khúc của nó trên cành lá cây.

René dồn trọng lượng xuống hai chân. Đây là một đối thủ anh không thể để trượt ngay từ phát đầu tiên. Anh ngắm vào cái lưỡi của nó và bắn hai phát liền. Cái cây rung lên do con quái vật cuộn mình. Nó trèo lên cành cao hơn rồi mất hút một lát trong tán lá dày nơi đang rung tít như trong một cơn bão. François chạy lại, chìa khẩu súng đã nạp đạn cho René, còn René đưa lại khẩu súng hết đạn của mình.

-Hãy đưa hai cô ấy ra càng xa càng tốt – René bảo anh ta – và để lại thanh gươm của cậu cho tôi.

François tuân lệnh và đưa hai cô gái rời xa bãi chiến trường.

Những con voi vẫn huơ vòi trong không trung, đôi mắt ti hí của chúng nhìn chăm chú không để mất dấu vết của loài bò sát. Tất cả mọi người đều vừa nhìn

cảnh đó vừa rùng mình, trừ René. Bởi lẽ René không phải là khán giả, anh là tác giả. Hai con voi giậm giậm chân xuống đất như muốn khiêu khích con trăn. Cuối cùng nó cũng xuất hiện, cái đầu gớm ghiếc, dị dạng, máu me be bét từ thân cây hướng xuống mặt đất. Hai phát súng nữa chặn nó trên chặng đường ấy.

Hoặc vì kiệt sức, hoặc bị mù do bốn vết thương, hình như nó đã mất cảm giác chuyển động nên đổ sầm một đống xuống thân cây. Chúa Rangoon có đổ từ nền đá granite xuống cũng không ầm ĩ và chấn động mặt đất mạnh hơn thế.

Con trăn đã mất cảm giác nhưng vẫn còn sức mạnh. Vừa tới mặt đất liền nhanh chóng cuộn thân lại. Nhưng vì không nhìn thấy gì nó trườn đến đúng tầm của một con voi. Voi liền giậm chân vào cái đầu nát bét của con trăn. Dưới sức nặng khủng khiếp, con trăn oằn lại như một con sâu. Một khối cơ thể lớn quấn xung quanh chú voi thứ nhất.

Con voi thứ hai nhận ra nguy hiểm của bạn mình, nó lao lại phía con trăn dùng vòi gỡ thân con trăn ra khỏi bạn của nó nhưng con trăn mới quấn một phần ba cơ thể nó vào con voi thứ nhất lại quấn nốt hai phần ba thân còn lại vào con voi thứ hai. Trong giây lát một khối dị dạng khổng lồ như bức tượng Lacoon hiện ra.

Hai con voi kêu lên đau đớn. René khi ấy như một chú lùn đứng trước ba con vật khổng lồ thời tiền sử. Nhưng anh là con người, anh có suy nghĩ, anh phải chiến thắng.

René nhặt thanh gươm mà François vừa ném dưới chân lên.

Trong lúc gắng hết sức, hai con voi đã kéo căng cơ thể con trăn ra khiến nó có một đoạn thẳng không quấn vào con voi nào. Anh vung gươm chém mạnh vào khúc đó như những chàng khổng lồ trong trường ca của Homère hay các anh hùng trong "Giải phóng Jerusalem". Anh đã chém con trăn đứt thành hai. Cột sống của nó đứt đôi hai khúc dù còn quằn quại nhưng cũng mất sức dần rồi rơi xuống.

René chạy lại phía hồ, múc nước vào mũ rồi đổ ít một vào miệng của con voi đang đứng, còn con kia đang khuỵu xuống, phải chờ cho nó thở bình thường đã. René gọi hai quản tượng lại rồi chạy về phía hai thiếu nữ đang tái mét vì sợ hãi. Anh ôm cả hai vào lòng như hai em gái. Trong lần ôm chặt ấy, đôi môi Jane bắt gặp môi René nhưng anh nhanh chóng rời ra. Cô gái trẻ thở dài buồn bã.

§69. Đụng độ với kẻ cướp

Tất cả mọi người đều bị chấn động sau sự việc vừa rồi. René vừa dìu hai cô gái vừa đến ngồi cùng họ trên một mảng cỏ. Vốn thận trọng anh vẫn cầm khẩu súng đã nạp đạn từ tay François. Khẩu súng và thanh gươm mà François để lại vẫn còn nằm ở bãi chiến trường.

Dịu dàng như một tiểu thư đài các, René lôi từ trong túi ra một lọ nhỏ màu vàng và cho hai cô gái ngửi. Ngay khi họ có thể nói được, Hélène là người đầu tiên cất lời, René hỏi đầu đuôi câu chuyện đã xảy ra như thế nào và tại sao hai cô lại để con trăn tới gần đến thế mà không chạy đi.

Hélène kể lại: Sau bữa trưa, yên tâm vì có hai kẻ bảo vệ khổng lồ, hai cô đi ngủ. Được một lát, trong giấc ngủ Hélène thấy khó chịu kỳ lạ. Một mùi hôi thối bóc lên đâu đó. Cô đã nghe thấy những tiếng kêu hoảng hốt nhưng chỉ đủ sức mở mắt khi có nhiều tiếng voi giậm chân xuống đất. Bấy giờ cô mới nhận ra cách cô hai chục bước là cái đầu xấu xí của con quái vật với cái miệng há to và đôi mắt vào cô. Hơi thở bốc lên mùi từ chính miệng của nó.

Hélène đánh thức em dậy và muốn chạy trốn nhưng họ không sao đứng dậy nổi, cô hoảng hốt nhớ lại sức mạnh thôi miên của nó, dù không động đậy nhưng nó làm những con chim từ trên cây phải rơi xuống và thu hút được con vật mà nó muốn.

Cô nhớ lại đã đọc những chuyến thám hiểm của Levaillant người từng là nạn nhân của sự thôi miên tương tự và chỉ thoát được khi có phát súng. Cô muốn hét lên kêu cứu nhưng như thể rơi vào cơn bóng đè, cô không sao cất lời được. Cô đưa mắt tìm René nhưng không thấy anh đâu. Cô thấy mình ngất đi rồi hình như có người đỡ ngang lưng bế mình đi và khi mở mắt cô thấy mình đang ở trong vòng tay của René.

Khi được đưa ra xa khỏi con rắn và ngoài tầm ánh mắt thôi miên của nó, cô dần dần lại sức nhưng vì vẫn còn sợ nên cô không dám mở mắt theo dõi cuộc chiến.

Giờ đây, khi đã được bình an vô sự bên người tận tụy bảo vệ mình, cô gái không còn lời nào để diễn tả những gì mình cảm thấy Jane lắng nghe chị kể mà không nói gì. Chỉ René mới hiểu cô trong cái siết tay của anh và anh cũng hiểu những giọt lệ lặng lẽ đang chảy từ hàng mi xuống má cô.

Khi cơn bàng hoàng về trận chiến Héc-quyn qua đi, François mới sực nhớ ra hai con hổ con. Thế là anh ta thao thao kể mình chỉ bắn hai phát là giết chết con hổ cái còn ngài René chỉ một phát súng đã giết chết con hổ đực.

Vấn đề là không nên để lỡ hai bộ lông tuyệt đẹp ấy. René đưa mười đồng talks cho những ai muốn đi kéo xác chúng về hoặc bằng ngựa hoặc dùng cáng.

Mấy người trong đoàn thích dùng cáng hơn, và vì tất cả đều muốn đi nên René đành chia cả tiền thưởng cho những ai ở lại giữ. François chuẩn bị đi lấy súng và gươm thì đã thấy hai con voi cặp chúng lại và đặt dưới chân René. René nhặt vũ khí lên và dẫn đầu đoàn đi lấy xác hổ khi đến lượt anh kể lại cuộc chiến với con hổ anh chỉ khiêm tốn coi đó như một việc săn cơn thỏ trong rừng Vésinet.

Họ tìm thấy hai cái xác nằm trơ ở chỗ chúng bị giết, tất cả sung sướng khiêng chúng về.

Trong khi ấy, đoàn người ở nhà vui đùa bằng cách đo cái xác con trăn. Nó dài bốn mươi sáu bộ[352] và vòng bụng rộng một mét.

Lũ voi cũng tò mò xem, chúng hiểu chính René đã cứu chúng bằng tất cả khả năng của anh. Khi anh về, chúng lấy vòi vuốt nhẹ nhàng anh và Hélène đã thân thiện với chúng đến mức cô có thể để cho chúng tháo găng tay của mình và chúng thực hiện vô cùng khéo léo. Đã đến giờ xuất phát, mọi người rời khung cảnh tuyệt đẹp nơi từng diễn ra cảnh tượng hãi hùng mà có lẽ chỉ có Chúa mới có thể thấy một cảnh tương tự.

Hai cô gái lại lên kiệu. René và François lên con voi của mình. Những người dẫn đường dắt dây cương ngựa. Đi tiếp được ba giờ, họ lại vào rừng và mất hút trong đó đến mười một giờ trưa.

Vẫn bóng tối, vẫn những nỗi hãi hùng như buổi sáng nhưng bây giờ còn khiếp đảm hơn vì họ từng thấy sự nguy hiểm không phải chỉ ở trong chuyện kể mà là sự thật phơi bày ngay trước mắt.

Họ chuẩn bị kỹ càng cho trại nghỉ đêm. Người ta chặt những cây nhỏ đóng cọc cao đến sáu bộ tạo thành một hàng rào có đường kính mười lăm bộ. Như thường lệ, họ hạ kiệu xuống đất và hai cô gái sẽ ngủ trong đó. Họ ăn tối bằng thịt hai con linh dương mà René bắn được dọc đường, lấy máu cho lũ hổ con uống thay sữa. Cuối cùng, để xua đuổi những con thú hoang người ta đốt những đống lửa to và ăn tối bên trong. Ai cũng biết hàng rào cao sáu bảy bộ chưa thấm tháp gì trước cuộc tấn công của lũ hổ báo nhưng lửa có thể xua đuổi chúng ra xa.

So với ban ngày, đêm ấy yên tĩnh hơn: người ta vẫn thấy qua khe hàng rào những ánh mắt như không hòn than lửa ánh lên, người ta vẫn nghe ở chỗ nào đó những tiếng gầm khiến tim họ dựng đứng nhưng so với những gì họ thấy ban ngày thì đêm ấy vẫn bình yên. François và René lại chia nhau canh gác còn hai con voi cũng can đảm chia phần canh của chúng.

Sáu giờ sáng hôm sau, mới người đã sẵn sàng lên đường. Hôm ấy là ngày họ phải đến chỗ ở của hai thiếu nữ. Họ chỉ còn phải trải qua một đoạn rừng không nhiều thú nguy hiểm nhưng lại có bọn sơn tặc rình rập. Sào huyệt của chúng ở trong núi thậm chí tận nơi con sông Pégou bắt nguồn. Chỗ trú ngụ của chúng khi bị săn đuổi khỏi đó là làng Tougoo. Mảnh đất của hai thiếu nữ ở phía những dãy

núi đó và bên bờ sông Sittang, điều này mang lại giá trị cho mạch đất cửa sông Sittang, tức là nơi thông ra biển.

Sáu giờ sáng, sau bữa ăn nhẹ, mọi người tiếp tục lên đường. Lần này François và René trèo lên voi của họ. Dự tính có thể gặp lại cướp và phải chiến đấu để bảo vệ hai thiếu nữ khiến René lập một kế hoạch trong đó có phần tham gia của cả hai chú voi. René chắc chắn hai đồng minh này sẽ không bỏ rơi anh.

Đến mười một giờ, họ tìm được một chỗ thích hợp để nghỉ cho chặng thứ nhất. Đó là một chốn đổ nát của một cái làng từng bị bọn cướp tàn phá. Bọn này khi tấn công thương tập trung thành nhóm mười đến mười hai người rồi ò ạt xông từ vùng này đến vùng khác.

Vì đoàn người đã đến gần chỗ mà người ta e sẽ gặp cướp nên René chuẩn bị mọi phương tiện về vũ khí, anh là người ra lệnh khi có đụng độ. Tuy nhiên, một sự việc không ngờ tới đã xảy ra làm đảo lộn mọi tính toán.

Trong lúc mọi người đang ngồi nghỉ và mải ăn trưa thì họ nghe thấy tiếng súng cách đó chỉ nửa cây số: Hình như tiếng súng vang đến từ bên bờ sông Sittang. Hiển nhiên là đang có một đoàn người khác đang đánh nhau với bọn cướp. Ngay lập tức, René cho sáu người lên lưng voi, còn anh nhảy lên ngựa ra lệnh cho François trèo lên con ngựa kia và lao thẳng về phía cuộc đọ súng.

Anh đến bên bờ sông và thấy một chiếc thuyền đang bị ba thuyền khác tấn công. Trên chiếc thuyền bị tấn công có hai người Anh, dấu hiệu nhận ra họ qua bộ trang phục màu đỏ và cầu vai màu vàng. Cùng họ còn có một nhóm mười đến mười hai người đàn ông nhưng cũng giống người của René, số này chỉ trang bị những cây giáo.

Ngược lại, bọn cướp đều có vài khẩu súng, trên mỗi thuyền có một tá người. Hai trong số ba thuyền ấy có nhiệm vụ áp sát con thuyền của người Anh, chiếc thứ ba đang ném hai cái xác chết xuống sông.

Sự thật là vũ khí của quân Anh tối tân hơn vũ khí cửa bọn cướp nhưng nếu không có cứu trợ, hai sĩ quan và đoàn người của họ sẽ bị thua về số lượng.

-Can đảm lên thuyền trưởng! – René kêu to bằng tiếng Anh rất chuẩn. – Tìm cách tiến lại phía chúng tôi. Kẻ nào gây chiến với ngài sẽ phải biến thành thây ma.

Lập tức hai phát súng vang lên, hai tên cướp gục xuống.

René chuyển súng hết đạn cho François rồi lấy khẩu khác. Lại hai tên cướp nữa ngã ra.

-Nạp đạn nữa đi – René nói với François và rút súng ngắn ở thắt lưng ra.

Một chiếc thuyền đã áp mạn được vào thuyền của sĩ quan Anh. Một tên cướp chuẩn bị nhảy sang thì phát súng lục của René đã buộc hắn phải ngã xuống sông.

Hai sĩ quan Anh thấy được cứu một cách lạ kỳ như vậy cũng vội nhả đạn bằng súng dài hai viên, ba tên cướp lại gục xuống.

Trong lúc ấy, một con voi cũng hiểu chuyện gì đang diễn ra. Nó xuống dòng sông mặc cho chúng đang chở hai người quản tượng và sáu người nữa. Vì đoạn sông không sâu nên nó dẫm chân lên một cái thuyền làm cái thuyền ấy chìm nghỉm. Những người trên đó ngã nhào xuống nước, voi còn lấy vòi phun nước, còn người thuộc đoàn của René dùng dao găm phi như phi ngọn giáo.

Có tiếp tế hai sĩ quan Anh như lấy lại sức mạnh mà họ gần như để mất. Họ lại tiếp tục nổ súng, có tự tin, họ bắn phát nào trúng phát đó. Chưa đầy mười phút, bọn cướp đã bị René, François, sĩ quan Anh, cả phần của chú voi, quân của René đánh cho thiệt hại hơn nửa. Chúng buộc phải vừa đánh vừa tháo lui.

Tên thủ lĩnh ra lệnh lui nhưng vừa dứt lời hắn đã lăn ra chết. Lập tức quân địch chạy toán loạn. Ba bốn phát đạn nữa đuổi theo chúng cũng hạ thêm ba bốn nạn nhân nữa. Thuyền Anh cập vào bờ, viên sĩ quan nhảy xuống đất được René kéo tay lên, anh nói: -Thưa ngài, tôi lấy làm tiếc là không có ai giới thiệu mình và đành phải tự giới thiệu.

-Ngài ra mắt trong một hoàn cảnh mà ngài có thể được miễn mọi thủ tục – Người Anh nói với René và xiết tay anh. – Bây giờ, tôi có thể hỏi chúng ta đang ở đâu? Từ đây đến Rangoon House còn bao xa?

-Chỉ hai, ba dặm nữa là đến đất của tử tước Sainte-Hermine, và chưa đầy một phần tư dặm nữa là đến đoàn xe của tôi. Nếu ngài muốn đi cùng chúng tôi và kết thúc chuyến đi của mình bằng đường bộ, chúng ta sẽ cùng đến chỗ ngài tử tước. Tôi có thể để ngài chọn đi bằng voi hay bằng ngựa.

-Tôi sẽ đi ngựa – Viên sĩ quan đáp – Như thế không đòi hỏi quá nhiều. Tôi cũng cần nói thêm là tôi rất sung sướng được gặp một người đồng hương dũng cảm và bắn giỏi như vậy ở một nơi cách Tổ quốc năm nghìn dặm.

René cười thầm về đánh giá của viên sĩ quan, đưa ngựa của mình cho anh ta và gọi François: -François, hãy thu súng và vũ khí rồi đi cùng voi đến chỗ chúng tôi.

Rồi René nhảy lên con ngựa thứ hai, chỉ đường cho người Anh rồi lao đi. Chưa đầy 5 phút, họ đã đến chỗ đoàn nghỉ vẫn bình an vô sự. Chỉ có điều Jane lo lắng quá đến nỗi cô không thể ngồi yên trên kiệu. Cô cùng chị gái xuống đất, khi nghe tiếng ngựa, các cô đã tiến vài bước về phía kỵ sĩ.

Cả hai kỵ sĩ đều xuống ngựa, René dắt tay viên sĩ quan Anh đến chào tiểu thư Sainte-Hermine.

-Cô Hélène, – Anh nói – Hân hạnh giới thiệu với cô đây là ngài James Asplay.

Rồi anh quay lại phía người Anh: -Ngài James Asplay, hân hạnh giới thiệu với ngài cô Hélène de Sainte-Hermine và cô Jane, em gái cô ấy.

Sau đó, anh bước đi vì không muốn quấy rầy những giây phút hội ngộ đầu tiên của họ.

Jane chào René bằng cái nhìn không thể diễn tả được, một chút sợ sệt lẫn biểu lộ dịu dàng của tình yêu rồi mới bước theo chị gái. Cô còn điều khiển được lời nói nhưng con tim và ánh mắt cô thì không tuân lệnh cô nữa. Mười phút sau, trong lúc René đang lau súng và nòng súng bằng chiếc khăn mùi xoa bằng vải lạnh thì James đến bên anh, nghiêng mình nói: -Thưa ngài tôi không biết phải biết ơn ngài thế nào. Tiểu thư Hélène vừa kể tất cả cho tôi nghe, cô ấy còn nói thêm rằng cô ấy mong không phải sớm rời xa ngài.

René đến chỗ hai cô gái trẻ và hai tiếng sau, khi màn đêm bắt đầu buông xuống thì những tiếng chó sủa chào đón đoàn người đến lãnh địa của tử tước Sainte-Hermine cũng vang lên.

René hiểu nỗi đau buồn của hai thiếu nữ khi không có cỗ quan tài của cha họ. Trong ba ngày dài đến đây, cỗ quan tài ấy đã được một đoàn khác mang đi và sẽ đến Đất Trầu ba ngày sau khi người sống đến nơi.

§70. Gia đình người quản gia

Một tiếng rưỡi trôi qua, mọi người đã nhận ra họ sắp đến chỗ có nhiều người ở. Bằng cách quan sát những dấu vết để lại trên đường, người ta biết đó là dấu chân voi, trâu và ngựa.

Con đường này dẫn đến một cái rào chắn vừa làm cổng vừa dựa trên một cây cầu. Qua những thanh rào chắn, mọi người có thể thấy bóng dáng của nhiều mái nhà hai bên đường dẫn đến một căn nhà xây giống như nhà lãnh chúa trong một thành phố thu nhỏ. Điều gây ra tiếng ồn của bầy chó là René đã rút chiếc tù và đi sàn ra, ngồi trên kiệu và thổi điệu trở về giống như một người đi săn thực thụ.

Ngài James rùng mình. Từ khi xa nước Anh, chưa khi nào anh ta được nghe liệu lệnh mạnh mẽ như thế.

Không chỉ lũ chó chưa nghe tiếng động ấy bao giờ mà cả những dân cư ở đó, trừ những người từ nơi khác đến cũng không hiểu được khí nhạc gì vừa khuấy động màn đêm yên tĩnh, khuấy động không chỉ thói quen gầm rú của ác thú mà còn khiến lũ chó chạy khỏi chuồng khi mà chúng được tự do tháo khỏi xích trong lúc chủ chúng ăn tối tập trung vào thời điểm kết thúc một ngày.

Ngôi nhà như giật mình tỉnh giấc. Những cánh cửa mở ra, kêu kèn kẹt; một tá gia nhân đủ gốc gác: da đen, người Indu, người Trung Quốc xuất hiện, trong tay ai cũng cầm một cầy đuốc tẩm nhựa cây.

Một ông già tiến lên. Qua ánh sáng từ cây đuốc ông cầm trên tay, người ta có thể nhận ra đó là một ông lão khoảng 68 đến 70 tuổi ông ta có mái tóc bạc dài, chòm râu cũng bạc và có lẽ từ khi đến Ấn Độ, chúng chưa phải chạm đến kéo hay bàn cạo lần nào.

Đôi mắt to đen còn lanh lợi nấp dưới cặp lòng mày điểm bạc và rậm; dáng ông thẳng, đầu gối săn chắc. Ông dừng lại cách cửa mươi bước.

-Xin chào những người lạ muốn đến xin trú nhờ – ông ta nói – Nhưng trước khi mở cửa ngôi nhà không phải của tôi, xin được hỏi các vị là ai.

-Lẽ ra sẽ là cha tôi trả lời câu hỏi ấy của bác – Hélène đáp – Cầu chúa ban phước cho bác, bác Rémi Guillaume và cả gia đình bác.

-Ôi lạy Chúa! – ông già thốt lên – Có phải là các cô chủ trẻ mà tôi chưa từng được gặp đấy không? Tôi cứ sợ không được gặp các cô trước lúc nhắm mắt.

-Vâng, chúng tôi đây – Cả hai chị em đồng thanh nói.

Rồi Hélène nói tiếp: -Bác hãy mở cửa nhanh lên. Chúng tôi quá mệt mỏi sau ba ngày dài trên đường. Chúng tôi mang đến những vị khách, họ còn mệt mỏi hơn chúng tôi nhiều.

Ông già chạy lại phía cổng kêu to.

-Lại đây giúp cha, Jules! Lại đây giúp cha, Bernard! Chúng ta hãy nhanh tay mở cửa cho các vị chủ nhân đáng kính của chúng ta.

Hai thanh niên trạc hai mươi hai đến hai mươi bốn tuổi, rất lực lưỡng chạy vội về phía cổng trong khi ông già tiếp tục kêu to: -Adda, đi bảo Thứ sáu đốt cái lò lên, bảo Domigo cắt tiết những con gia cầm lớn nhất. Con cầm móc chưa, Bernard? Con xong chưa, Jules?

-Ồ! Bố cứ yên tâm – Hai chàng trai đáp – Chúng con xong rồi đây.

Hai chàng trai nhảy xuống ngựa đỡ Hélène và Jane xuống voi.

-Lạy chúa Jésus! – Rémi thốt lên khi nhìn thấy hai thiếu nữ – Những đứa trẻ mới xinh đẹp làm sao! Tên các cô là gì, hỡi những thiên thần đáng yêu của Chúa?

-Jane và Hélène xưng tên.

-Tiểu thư Hélène – ông già nòi – Cô thật giống ngài tử tước, cha mình, còn tiểu thư Jane, cô lại mang dáng vẻ của mẹ! Ôi những ông bà chủ kính mến – ông già nói tiếp với cái cúi đầu giấu đi giọt nước mắt trên mi – Tôi sẽ không bao giờ gặp các vị nữa! Tôi không bao giờ gặp lại các vị nữa rồi? Tôi không gặp các vị nữa? Nhưng mọi việc vẫn phải tiếp tục. Một ngày nọ, một người đưa tin ở Pégou mang đến một lá thư của cha các cô, những đứa trẻ yêu quý của tôi ạ? Cha các cô thông báo ông cùng các cô sắp đến. Trên thư có ghi "100 phăng cho người mang thư đến" và tôi đã đưa cho anh ta 200 phăng, 100 phăng của cha cô và 100 phăng nữa là tiền của tôi vì tôi hài lòng biết bao trước tin vui mà anh ta mang tới. Các cô sẽ thấy phòng của mình được chuẩn bị từ gần sáu tháng qua. Khi chưa có ai, những căn phòng đó trở nên trống vắng và trái tim tôi cũng trống rỗng. Lạy Chúa phù hộ! Các cô đây rồi, khoảng trống đã được lấp đầy rồi.

Ông già ngả mũ ra tay, dẫn đầu đoàn người đi về phía ngôi nhà lớn có những cánh cửa sổ vừa mở rộng. Mọi người vào một phòng ăn rộng được lót bằng gỗ mun và một loại gỗ keo vân vàng. Những tấm chiếu tinh xảo được dệt từ tay những phụ nữ da đen trong nhà trải trên sàn nhà. Một chiếc bàn kê sẵn đã phủ khăn trải bàn và khăn ăn dệt từ sợi cây lô hội. Đồ ăn bằng sứ màu sắc sặc sỡ mua ở đất Xiêm sáng lấp lánh trên bàn. Thìa và dĩa làm bằng gỗ cứng thay cho đô kim loại. Những con dao ăn kiểu Anh mua ở Calcutta hoàn tất cho bộ đồ ăn ấy. Phải có lòng kiên nhẫn cộng với niềm đam mê mới tập hợp được những đồ vật khác nhau ở cái nơi thâm sơn cùng cốc này.

Phần đồ đạc còn lại trong nhà như giường, tủ, gương, đồ phủ tường đều sản xuất từ Anh và mua ở Calcutta. Họ sang Ấn Độ và qua sông Hằng bằng thuyền để mang những thứ vật dụng cần thiết thậm chí là xa xỉ về ngôi nhà lớn ấy.

Ông Rémi Guillaumelàm nghề thợ mộc. Bác cho các con mình mỗi đứa học một nghề. Một người cũng làm nghề mộc, một người làm nghề sắt còn cậu con trưởng làm nghề nông. Cậu con trai cuối cùng mà chúng ta chưa gặp có tên là Justin. Cậu này đang đi rình hổ: một con trâu của cậu đã bị một con hổ tha đi mất

nhưng chưa kịp ăn. Cậu đang đi rình gần chỗ thịt còn lại của con trâu. Là một nông dân đồng thời cũng là một thợ săn, cậu là người cung cấp thực phẩm trong nhà. Trong trường hợp cần thiết, cả ba người con trai ấy nếu không là thợ săn cũng là lính phòng vệ nên họ bắn rất giỏi.

Từ khi nhận được lá thư thông báo cho ông Rémi biết tử tước và hai con gái sắp đến, chiếc bàn đã được kê và để nguyên như vậy phòng khi đoàn người có thể về bất cứ ngày hay đêm. Ngày nào người ta cũng cho lau đồ thủy tinh và đồ sứ.

Adda đưa hai cô gái về phòng của họ. Hai cô đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Các cô nghĩ sẽ thấy vài mái nhà tranh tre vách đất hay mấy túp mái rạ nhưng ngược lại, họ lại thấy một ngôi nhà đầy đủ tiện nghi cần thiết.

Hai con trai của ông Rémi là Jules và Bernard đưa hai chàng trai trẻ về phòng của họ. Jules đã từng đi học ở Calcutta và biết nói tiếng Anh, được đặc cách chăm sóc bên thiếu uý. Còn Bernard chỉ biết tiếng Pháp, vài đặc ngữ Sumatra và bán đảo Mã Lai nên phục vụ René.

Cũng cần nói thêm rằng những từ như "chăm sóc" hay "phục vụ" ở đấy không mang hàm ý giống như hầu hạ. Trong những thanh niên có nhận thức về giá trị của họ này, có đôi chút lòng tự trọng bẩm sinh khiến họ mang dáng vẻ lịch sự với khách hơn là kiểu cách của gia đình. Ngay từ tối đầu tiên René và Bernard đã trở nên thân thiện. Chàng trai người Anh kia hơi kiêu căng một chút nên phải ít lâu mới hoà hợp với Jules.

Khoảng nửa tiếng sau, người ta thông báo cho những người mới đến bữa tối đã chuẩn bị xong.

Những người mới đến vào phòng ăn và nhận ra chỉ có bốn bộ đồ ăn được bày ra. Ông già hai con trai và cô con gái của ông đứng sát tường.

-Adda này – Hélène dịu dàng nói – Trừ anh trai cô đang đi săn, chúng ta còn thiếu bốn bộ đồ ăn nữa trên bàn.

Cô bé ngạc nhiên nhìn Hélène đáp: -Thưa tiểu thư, tôi không hiểu.

-Một bộ cho cha cô – Hélène nói gần như ra lệnh – Đặt giữa bộ đồ ăn của tôi và em gái tôi, một bộ đặt giữa hai quý ông đây, một bên phải tôi và một bên trái em Jane cho hai anh trai có mặt của cô và bộ thứ năm cho người anh vắng mặt. Tôi chắc chắn rằng ngài René sẽ không phản đối khi để người bạn François cùng ăn với mình. Hôm nay, François đã giết chết một con hổ mà không hề sợ hãi, anh ấy xứng đáng tự hào như một tay thợ săn lão luyện. Theo ý tôi, một người đã giết được một con hổ đáng được ngồi vào mọi loại bàn, thậm chí là bàn của một bậc đế vương.

-Nhưng thưa tiểu thư, – ông già tiến lên nói – tại sao tiểu thư muốn xoá khoảng cách vẫn có giữa kẻ hầu và chủ nhân thế này? Cô muốn nói gì thì nói, chúng tôi sẽ không tuân lệnh đâu.

-Hỡi các bạn của tôi – Hélène nói – Giữa chúng ta làm gì có ai là chủ ai là đày tớ. Ít nhất cha tôi đã nhắc hai mươi lần như vậy. Khi chúng tôi đến trú nhờ ở chỗ bác, bác đã sẵn sàng đón tiếp. Chúng tôi không có ý định thay đổi giờ giấc hay thói quen của bác, nhưng tối nay hãy dành cho chúng tôi niềm vinh hạnh được ăn tối cùng mọi người.

-Vì tiểu thư đã nói như vậy, Adda, chúng ta vâng lệnh thôi – Rémi nói.

Rồi ông gõ một cái trống dùng để gọi người hầu: bốn người da đen xuất hiện.

-Tiểu thư hãy ra lệnh đi – ông Rémi nói với Hélène.

Hélène sai mang năm bộ đồ ăn và chỉ từng chỗ phải đặt chúng. Hai chị em Hélène dịch ghế để ông già ngồi vào giữa họ, hai con trai ông cũng lần lượt ngồi bên phải Hélène và bên trái Jane. Hai chàng trai cũng ngồi dịch ra, René lịch sự như một chàng trai Pháp thực thụ nhường ghế cho Adda.

Cuối cùng, họ cho gọi François. Sau vài câu từ chối cho phải phép, anh chàng này không chối nữa, can đảm ngồi vào chỗ dành cho người đi vắng.

Từ đó, người ta chuyển sang chú ý đến Adda vì sắc đẹp của cô chính hai chị em gái người Pháp cũng phải ngưỡng mộ.

Adda đẹp như thần vệ nữ người Indu với đôi mắt to đen láy, nước da bánh mật, mái tóc lượn sóng và đen như lông một con quạ đôi môi đỏ như màu đỏ của trái sơ-ri, hàm răng đều đẹp như ngọc, cánh tay và bàn tay đáng làm mẫu để tạc tượng. Cô mặc một bộ san bằng vải miền Belgale với những nếp gấp nhẹ nhàng khác xa với nếp giả tạo của các bộ váy châu Âu. Chiếc váy áo ấy như các nhà điêu khắc hay khoác lên những bức tượng cẩm thạch của họ. Trong cô có sự duyên dáng không chỉ thuộc về phụ nữ mà của cả thú hoang nữa. Ở cô vừa có cái vẻ của con thiên nga lại đượm chút dáng vẻ của con linh dương, kèm với nó là một dòng máu và tinh thần hoàn toàn Pháp. Tuy vậy chẳng có ai có ý định khen ngợi vẻ đẹp của Adda. Người ta chỉ ngắm nhìn cô vậy thôi.

Bốn người đày tớ da đen vừa dọn đi món thứ nhất thì những tiếng chó sủa rộ lên báo hiệu có người. Tất cả đều dừng lại.

Mọi người không cần để ý – ông Rémi nói – đó là Justin về đấy.

Tiếng chó sủa càng mạnh hơn. Hai em trai họ gật đầu với nhau.

-Cậu ấy đã giết chết con hổ à? – René hỏi.

-Đúng vậy – ông Rémi trả lời – Nó mang da con hổ về nên lũ chó mới sủa hăng đến thế.

Đúng lúc ấy, cửa phòng ăn mở ra, người anh cả trong số ba anh em trai, một thanh niên đẹp trai, vóc dáng như lực sĩ Héc-quyn, tóc và râu màu vàng xuất hiện trước ngưỡng cửa với chiếc áo choàng, một kiểu trang phục người Gô-Loa cổ dài đến đầu gối, ngang lưng thắt chiếc đai. Với tấm da hổ vắt ngang vai, nhìn anh ta giống quân giữ cờ thời cổ đại do Le Brun vẽ.

Sự xuất hiện thật lạ lùng và bất ngờ. Cảnh tượng ấy càng thêm hoang dã khi trên trán anh ta còn những giọt máu của con vật khiến ai cũng đứng dậy.

Còn anh chàng ấy chào mọi người từ ngoài cửa rồi tiến thẳng đến chỗ Hélène quỳ một gối xuống và nói với cô: -Thưa tiểu thư hãy ưng thuận đặt tấm thảm này dưới chân của mình, tôi mong nó xứng đáng với tiểu thư.

§71. Thiên đường chốn trần gian

Vào năm 1780, tức là trước thời điểm đang nói đến 25 năm, tử tước Sainte-Hermine, thuyền trưởng tàu "Chiến thắng" đã được giao một nhiệm vụ đặc biệt giúp vua Pégou, người vừa giành được độc lập khỏi đế chế Ava. Mục đích của nhiệm vụ này là nhận trong vịnh Belgale, trên bờ biển phía tây của nhà nước quân chủ mới, bảy hay tám dặm đất giữa sông Métra và biển để xây dựng ở đây thành một vùng thuộc địa Pháp.

Vua Louis XVI đưa ra lời đề nghị này đổi lại sẽ cung cấp vũ khí, tiền bạc, thậm chí các kỹ sư Pháp để giúp nhà nước quân chủ mới này củng cố lực lượng.

Vua mới nắm quyền có hiệu là Mendéragée-Praune. Là một người thông minh, ông ta chấp nhận cắt đất đổi lấy một số tài sản trên, đồng thời muốn chứng tỏ lòng tận tụy của mình cho nước Pháp và dành sự mến mộ cho tử tước, đức vua cho ông chọn trong số phần đất đai rộng lớn chưa có dân cư sinh sống, một mảnh đất để xây dựng một khu buôn bán.

Tử tước Sainte-Hermine có một thợ mộc rất thông minh trên con tàu Chiến thắng, ông ta là con trai của người đầy tớ của cha ông.

Người thợ mộc ấy tên là Rémi. Có một cuốn sách ông đọc suốt đó là Robinson Crusoé. Ảnh hưởng của cuốn sách ấy mạnh đến nỗi mỗi khi họ ghé vào một hòn đảo hoang là Rémi lại xin tử tước Sainte-Hermine cho phép ông ta lên bờ mang súng hoả mai và thuốc súng rồi đi thám thính.

Tử tước Sainte-Hermine không hề có tài sản riêng, ông hiểu mảnh đất người ta tặng mình quý giá như thế nào nên đã quyết định nhận lời và đi một vòng tìm hiểu xem nên chọn chỗ nào cho thích hợp. Đây cũng là ý nguyện thoả tham vọng của Rémi.

Có lẽ họ cũng đã đi theo con đường tương tự chúng ta vừa thấy hai cô gái của tử tước mà một trong số hai cô có lẽ chưa ra đời hồi tử tước đi thăm dò, đã đi và họ đã đến mảnh đất mà vào năm 1805, nó có cái tên Đất Trầu.

Địa thế nơi đây rất đẹp. Tử tước đã đánh giá hết những lợi thế của nó. Qua dòng sông Pégou, họ có thể đi sang Rangoon và Xiêm, qua dòng Sittang đến đảo Mergui, qua dòng Tabaluayn có thể đến Maltaban và tất cả bờ biển phía tây Xiêm. Mảnh đất này có lẽ được thiên nhiên ưu đãi lắm. Đó là một bán đảo hầu như được các hợp nhánh sông bao quanh. Đất này cũng từng được trồng thử một thứ cây nông nghiệp mà ở Ấn Độ vốn không mọc tự nhiên, đó là cây trầu. Ở đây, với những hạt cũ rụng, chỗ nào cũng thấy chúng mọc xanh tốt.

Tử tước Sainte-Hermine đã chọn chỗ đất này. Bán đảo ấy phải dài hai dặm, rộng một nửa hoặc một phần tư dặm. Tử tước vẽ một sơ đồ rất chính xác rồi nói

với vua Pégou rằng nếu ông ta thật sự muốn thực hiện lời đã nói thì hãy hoàn thành tâm nguyện của tử tước theo bản vẽ ấy.

Tấm sơ đồ chiếm vị trí quá nhỏ trên giấy cũng như trên lãnh thổ đất nước nên nhà vua đồng ý ngay. Nhà vua triện giấy chuyển quyền sở hữu cho tử tước mảnh đất rộng ba dặm của mình.

Rémi đã theo sát cuộc thương lượng ấy với niềm thèm muốn cực độ. Khi giấy tờ được ký, tử tước gọi ông ta đến nhìn thẳng vào ông và nói: -Này Rémi, tôi hy vọng bây giờ thì anh được hạnh phúc!

-Tôi vui sướng làm sao khi chỗ tài sản ấy đã đến tay ngài, thưa chỉ huy – Rémi đáp.

-Nhưng lúc này thì chỗ tài sản ấy chưa về tay tôi đâu.

-Sao lại như vậy?

Nói rồi Rémi bắt đầu hiểu, mặt đỏ bừng và người run lên.

-Ôi lạy Chúa? Thưa chỉ huy, sao có thể thế được? – ông ta kêu lên.

-Lạy Chúa, đúng thế, cậu sẽ chủ duy nhất của mảnh đất rộng lớn này vì cậu sẽ là đại diện của tôi. Tôi không thể nói trước khi nào mình sẽ trở lại hay liệu có trở lại đây không. Nếu tôi không đến đây, mảnh đất này sẽ không thuộc quyền con tôi, nó thuộc tất về cậu. Nếu tôi trở lại hay con tôi đến đây, chúng ta sẽ chia đôi lợi tức trước đó và lợi tức về sau. Tôi để lại cho cậu 5000 phăng, hai khẩu súng, ba thùng thuốc súng, ba trăm livre chì và tất cả đồ đạc của cậu. Cậu muốn mấy nô lệ, một, hai, hay bốn tôi sẽ để lại.

-Tôi không muốn ai cả – Rémi đáp – nhưng ngài cũng biết là dù bất cứ lúc nào ngài trở lại đây, không phải một phần tư hay một nửa thuộc về ngài mà toàn bộ là của ngài.

-Được rồi! – Tử tước nói – Chuyện đó sẽ tính sau.

Rồi ông bắt tay Rémi, để ông lại giữa lại cánh đồng nơi người thợ mộc định bụng sẽ chặt gỗ làm nhà. Khoảng 10 giờ sáng là lúc Rémi còn lại một mình trước Chúa, đối diện với thiên nhiên trù phú và đầy khắc nghiệt này. Ông nhìn quanh, cao ngạo tự nhủ: "Mình là vua của tất cả những thứ này!" Như thể đáp lại lời ông, một tiếng gầm vang dậy. Đó là tiếng con hổ muốn nói: "Được thôi, nếu ngươi là vua, ta sẽ là ông chủ xứ này."

Khi sở hữu đế chế mới của mình, Rémi đã lường trước những khó khăn như thế nên ông không sợ hãi lắm. Ông chọn một cành cây rà sát mặt đất và trước khi đêm xuống ông đã dựng quanh thân cây ấy một dạng như túp lều có thể tránh được những đợt tấn công đầu tiên của các loài ác thú. Dẫu sao ông vẫn dành một lỗ hổng phía trên cho phép mình có thể trèo lên cành cây cao hơn; trèo những cành cao, ông treo hai tấm ván rồi cài bẫy, gần đó ông đặt những khẩu súng đã nạp đạn dằn. Sau đó, ông cất chỗ thực phẩm mà tử tước đã để lại cho mình.

Rémi đang vô cùng sung sướng, đây là lần đầu ông được làm chủ chính mình. Giống như hoàng đế Auguste, ông cứ ngỡ mình đang làm chủ cả vũ trụ. Rémi đã quên bẵng tiếng gầm buổi sáng. Có cái gì động đậy cách chỗ ông sáu chục bước làm ông nhớ lại nó. Lập tức, vừa tiếp tục ăn, ánh mắt ông không rời đám cỏ lớn đang xao động.

Đó là một con báo không có may mắn được ăn trưa như ông, nó đang đi kiếm bữa trưa. Rémi không quen lắm với thói của loài thú này nên cứ yên tâm đứng ở cành đầu tiên còn tay bám vào cành thứ ba, mãi sau ông mới leo lên cao hơn. Khi đã đến chiếc ghế của mình, tức là cách mặt đất gần 25 bước thì ông ngồi lại yên tâm trong pháo đài kiên cố của mình.

Con báo đã đánh hơi thấy ông. Nó tiến lên, bụng trườn sát đất như một con mèo và giống một con mèo đang rình một chú chim. Cách cái cây khoảng hai chục bước, con báo lấy đà rồi nhảy phắt lên cây dưới Rémi chỉ hai mét.

Rémi dắt sẵn một cái rìu thợ mộc ở thắt lưng. Ông tận dụng lúc con báo đang với chân để bám vào thân cây. Ông chém mạnh và khéo léo lưỡi rìu cắt đứt một chân khiến cái chân rơi từ cành này sang cành khác rồi rơi xuống đất.

Con báo gầm rú vì đau đớn và tức giận, nó tiếp tục choài cái chân thứ hai, Rémi lại chém nhát nữa, không kém phần mạnh và khéo léo như lần đầu, gửi cái chân thứ hai xuống nằm cạnh cái chân thứ nhất.

Con báo lại gầm lên lần nữa và trong lúc mất thăng bằng, nó rơi bịch xuống mặt đất cách đó hai mươi bộ.

Ông Rémi cầm một trong năm khẩu súng của mình, không chờ cho con báo kịp chồm dậy sau cú ngã, ông bắn vỡ sọ nó. Sau đó ông nhảy xuống, dùng dao găm lột da treo lên một cái cây, đóng hai chân nó vào cửa như ông từng thấy những cái chân sói treo ở cửa rồi lại tiếp tục bữa ăn trưa của mình, bụng bảo dạ: - Người ta cứ thổi phồng mọi chuyện bí hiểm. Khi chỉ đứng nhìn từ xa, còn khi lại gần thì đâu có chuyện gì?

Những con báo khác không dám bén mảng đến gần cái lều nữa. Chính lẽ đó mà cái lều dần dần được thay đổi hình dạng. Ban đầu nó chỉ là một đống bởi những cành cây cài buộc lại, những gần một tháng sau đã trở thành một pháo đài nhỏ kiên cố với những thân cây đẽo vuông khớp mộng với nhau. Một lớp ván xà rầm chắc chắn tạo thành cái kho có thể trèo lên bằng thang. Sáu tấm ván khớp với nhau tạo thành một chiếc giường dã chiến và một cái bàn có bốn chân chắc chắn.

Một buổi sáng, Rémi thấy một đoàn ngựa đến gần lều của mình. Ngài tử tước Sainte-Hermine đã đoán trước khi đến Pégou anh chàng đơn độc đáng thương của ông thiếu những gì. Ngài gửi ông ta thóc, lúa mì, ngô, một con ngựa đực, một con ngựa cái, một con bò mẹ và một con bò con, một đôi lợn, một con gà trống và sáu con gà mái, một chú chó canh gác to lớn cùng ả bạn gái của nó và

cuối cùng là đôi mèo. Tất cả đàn lũ ấy nhìn như đang đến cối xay để xay lúa mì vậy. Ban đầu Rémi đã hoảng hốt trước chỗ của cải ấy. Ông biết nhốt chúng ở đâu bây giờ? Thật may là ngài tử tước còn gửi thêm một chiếc cũi lớn có khoá và một lô những thứ Rémi không thể tìm ra ở nơi khỉ ho cò gáy ấy.

Tuy thế vẫn phải nghĩ đến chuyện dựng chuồng cho chúng. Ngay hôm đầu, lũ gà mái mới đến đã đẻ trứng.

Đoàn người chở hàng cho Rémi đã được tử tước trả tiền trước nhưng Rémi cũng đưa thêm cho họ vài talks gọi là tiền thưởng.

Sau ngày đoàn người ấy đi, Rémi thả các con vật vào đồng cỏ. Lũ chó, mèo nhanh chóng chấp nhận nghĩa vụ của loài vật nuôi trong nhà. Lũ chó nằm ngoài cửa còn đôi mèo leo lên nhà kho.

Cái kho ấy có dáng một pháo đài lắm, nào là chục khẩu súng thường nạp đạn sẵn, đặt ngay tầm với, nào là năm chục viên đạn sẵn sàng chờ đến lượt chúng hạ thủ đối phương. Từ nhà kho này, người ta có thể quan sát xung quanh, bắn từ mọi phía mà không bị lộ.

Những con vật còn lại nhảnh nha ra đồng cỏ, gà thì quanh quẩn gần nhà. Đến tối, theo bản năng, chúng lũ lượt kéo nhau về chuồng. Qua những tiếng gà kêu, tiếng chó sủa, người ta có thể đoán vài con hổ hay báo vẫn quanh quẩn đâu đó. Nhưng ngày cũng như đêm mọi việc vẫn bình yên.

Tuy thế, Rémi ly bắt đầu cảm thấy ngần ấy con vật, ngần ấy công việc là khá nhiều cho người đàn ông sống một mình: Đôi khi ông nghĩ rằng một người phụ nữ sẽ không phải là quá thừa cho mảnh đất sinh sôi này.

Một đêm, sau khi mải quay cuồng với những ám ảnh quen thuộc mà ông coi như những ám ảnh của quỷ thì Rémi chợt thức giấc trước lúc trời sáng một tiếng vì có tiếng gà, tiếng chó sủa và cả những phát súng vang lên từ phía bờ sông.

Ông xách súng, nhét đầy đạn vào túi rồi theo lũ chó lao về phía bờ sông nơi có lẽ xảy ra cuộc đụng độ.

Vài xác chết nằm xõng soài bên bờ sông. Ba người đã tắt thở, chắc chắn họ bị bọn cướp theo dòng Sittang từ bờ biển nước Xiêm tấn công. Ông tìm quanh, cất tiếng gọi nhưng không có tiếng trả lời. Khi trời sáng hình như ông thấy một người đang quỳ gối, câm bặt, cứng đờ như một pho tượng.

Ông tiến lại gần, đó là một cô bé người Indu khoảng mười hai, mười ba tuổi đang quỳ bên một người đàn ông quãng bốn nhăm tuổi đã chết. Một viên đạn đã găm đúng ngực ông ta.

Từ hai tháng ở một mình chốn đèo heo hút gió này, Rémi với bộ râu ria xồm xoàm trông cũng không khác gì một tên cướp. Tuy nhiên, cô bé nhìn ông mà không tỏ ra sợ sệt. Cô chỉ vào người đàn ông đã chết, cúi xuống hôn lên đầu ông ta rồi bật khóc.

Rémi để vài phút cho cô bé trấn tĩnh qua đi rồi ra liệu cho cô bé đứng dậy đi theo mình. Cô bé đứng lên, kêu to ba tiếng nhưng không có ai đáp lại. Thế là với sự duyên dáng trẻ trung cộng với vẻ tự nhiên hoang dã, cô ngả đầu vào vai Rémi bước đi cùng nhịp với ông. Khoảng mười lăm phút sau, họ đã đến bờ dậu.

Từ xa, lũ vật đã chạy ra cổng bày tỏ những cơ chỉ thân thiện rồi rẽ ra cho họ đi qua. Chó sủa, lợn ủn ỉn, bò rống, ngựa hí, mèo kêu meo meo, gà trống gáy vang. Cô bé bước vào chốn thiên đường cõi trần trong sự chào đón của loài vật mỗi con một kiểu.

Chỉ duy nhất người đàn ông là không nói gì, nhưng khi mở cửa nhà mình, trái tim của ông đã đập rộn ràng như chưa bao giờ được đập.

§72. Mảnh đất khai hoang

Rémi ôm vài bó cây giống như cây dương xỉ, thứ cây mọc rất nhiều quanh nhà, mang tên nhà kho căng lên phía trên tấm da báo, làm thêm cầu thang và nhà kho trở thành phòng của cô Ève mới đến.

Rémi ngắm nhìn cô gái Miến Điện như thể ông chưa từng nhìn bao giờ và ông thấy cô thật duyên dáng: Cô mặc một chiếc váy dài màu thiên thạch, thắt ngang bụng bằng một dải thêu bằng lụa, cổ áo và cổ tay áo đều thêu viền, đôi giày tết bằng rơm ôm lấy đôi chân trẻ con, hai bàn tay để trần và nước da sẫm hơn da trên mặt. Đôi mắt thông minh nhìn Rémi đầy biết ơn và như muốn nói "Bất hạnh đã đưa tôi đến với ông, tôi có thể làm gì cho ông đây?"

Về phần mình, Rémi làm mọi thứ để giúp cô bé khuây khoả nỗi đau, họ nhanh chóng học được những từ cần thiết trong giao tiếp hàng ngày hoặc sang tiếng Pháp hoặc sang tiếng Miến.

Có lẽ cô bé này sống trong một bộ tộc làm nghề nông vì cô biết chăm sóc lũ vật rất khéo. Cô nói con lợn đực và vợ nó phải được nhốt riêng, thế là ngay hôm đó, một chuồng mới được dựng riêng. Con bò con đã lớn, không cần bú mẹ nữa nhưng vì háu ăn hoặc vì lười biếng mà nó vẫn quấn lấy mẹ. Cô bé dùng một loại cỏ đan thành chiếc sọt chắc chắn đến độ có thể đựng được sữa giống như cấp vại bằng gỗ hay bằng sành. Cô thu trứng gà, chia ra thành gà đẻ và gà ấp giúp cho trong nhà luôn có trứng ăn lại có gà con ra bới thức ăn quanh nhà.

Tuy nhiên, một phát hiện quan trọng mà cô bé tìm ra đó là loại cây trầu, một thứ cây, một thứ cây leo mọc khắp nơi. Cô cũng biết trồng ngô và lúa mì. Cô hướng dẫn Rémi cách tra ngô và gieo hạt lúa mì.

Rémi rất yêu thích những công việc mới ấy. Ông cũng đóng một chiếc cối xay và dạy cô làm bánh. Nhờ bơ và pho mát cô thu được từ lượng sữa khá nhiều, cuộc sống ngày càng sung túc hơn.

Ngoài ra cô gái còn biết đan lưới bằng sợi cây lô hội, làm thành một loài công cụ bắt cá cung cấp thêm thực phẩm cho họ. Cuối cùng, một hôm Rémi nhận ra công việc trang trại không thể phát triển thêm mà không có người làm. Vậy là ông quyết định đi Toungoo, nơi cách đó mười lăm dặm, để xem có thể mua ở đó vài nô lệ hay thuê mấy người làm hay không. Mặt khác ông cũng muốn biết liệu có thu lợi gì từ chỗ trầu mà Ève chuẩn bị cộng với số lượng đáng kể ông có thể cung cấp như mong muốn hàng năm.

Một buổi sáng, thay vì thả ngựa, họ buộc yên cương và Rémi trèo lên. Lập tức con ngựa cái cứ đòi đi theo. Họ cũng buộc yên cương cho nó rồi mở cổng hàng rào. Nhưng Ève đứng chặn ở đó, giang tay ra chực khóc, trong số những từ bằng tiếng Pháp cô biết cô nhắc đi nhắc lại: -Với ông, với ông, với ông.

Rémi cũng rất phiền lòng khi phải để Ève ở lại một mình trong hai ba ngày. Ông sợ trong lúc ông vắng mặt sẽ có điều không may xảy ra cho cô bé. Nếu bị tấn công, Ève không thể tự bảo vệ trong một túp lều đơn sơ. Vả lại nếu phải mất một trong hai, ông thà để mất ngôi nhà và lũ vật nuôi hơn là để mất Ève.

Thế là họ giấu súng và thuốc súng, những thứ mà Rémi cho là quý nhất vào một cái hố. Còn về đám vật nuôi thì không phải lo, chúng có thói quen tự kiếm được đồ ăn vì phần số đều là thú ăn cỏ ông cũng mang theo hai mươi lăm đồng louis vàng trong kho của cải của mình.

Cuối cùng, không còn vướng bận gì nữa, ông giao lại điền sản nho nhỏ của mình vào bàn tay canh gác của Chúa. Rémi có một cái la bàn, nhờ nó ông có thể định hướng về Toungoo. Họ chủ phải vượt qua một nhánh của dòng sông Sittang. Rémi muốn tìm chỗ nông để lội qua nhưng cô bạn gái của ông ra hiệu không cần vì cô biết bơi. Hai người tiến lại gần bờ nắm tay nhau rồi thúc ngựa lội xuống nước.

Ngay tối hôm ấy, họ đã đến Toungoo.

Đến đây, Ève càng thấy rõ tầm quan trọng với ông. Cô biết nói tiếng Miến nên làm phiên dịch cho ông rồi nhắc ông mua nhiều thứ vật dụng mà trong chốc lát ông quên mất.

Nhưng thứ có giá trị lại là cây trầu, nó giúp ông trao đổi đủ loại thực phẩm. Người mua còn cam đoan sẽ mua hết số hàng cô bé chuẩn bị trong ba tháng tới. Lần sau, họ không cần phải đến chợ vì người buôn sẽ tự đến trang trại, nơi mà từ đó mang cái tên Đất Trầu.

Họ mua thêm hai người đàn ông và hai phụ nữ da đen, thuê hai thanh niên quen việc trồng lúa, hai phụ nữ để giúp Ève chăm sóc súc vật và trồng trọt cây trầu.

Cuối cùng, họ mua hai con trâu đực và dĩ nhiên cả một con trâu cái để kéo một công cụ giống cái cày do Rémi chế tạo gồm một mảnh gỗ tếch có gắn với một lưỡi bằng sắt.

Chặng đường về nhà mất ba ngày vì đoàn người và vật không theo kịp bước hai con ngựa. Lần vượt sông thật may mắn là không gặp rủi ro nào. Cuối cùng, họ cũng về đến túp lều bé xíu.

Vừa nhận ra chủ, hai con chó đực và chó cái đã lao ra dẫn đầu cả đoàn súc vật ngoại trừ con gà trống đang đứng trên hàng rào, lũ gà mái mải đưa con đi tìm mồi và hai con mèo canh hai bên cửa uy nghiêm như những vị thần.

Trong lúc chủ vắng nhà, trong ngoài vẫn bình yên vô sự. Rémi nhận thấy mọi chuyện suôn sẻ trong chuyến đi quá nên giang tay định tạ ơn trời thì Ève lại tưởng ông giang tay vì mình nên sà vào đó rất vô tư. Rémi ôm cô vào lòng, và lần đầu tiên đôi môi họ trao cho nhau một nụ hôn.

Kể từ đó, thói ghét người của Rémi biến mất, ông không đọc cuốn sách Robinson nữa và dấu tích duy nhất còn lại trong nhà là một trong hai người đàn ông da đen mua về mang cái tên Thứ Sáu.

Cũng kể từ đó, công việc được phân công rõ ràng, ai vào việc nấy và ngày tháng đều đặn trôi đi.

Bằng tài khéo léo của mình, Rémi đã hoàn tất việc cày đất, ông cho mấy con trâu cày hơn chục mẫu đất để gieo hạt. Cày xong thì bừa cũng không khó, chẳng bao lâu lúa mì đã nảy mầm.

Một trong hai thanh niên mà ông thuê về để giúp ông làm đất đã tìm được một khoảng đất sình lầy, anh ta khơi một con lạch dẫn nước để cấy lúa ở đó.

Người thanh niên thứ hai chuyên săn bắn và đánh cá chịu trách nhiệm lo thực phẩm trong nhà nhưng vì thú săn và cá nhiều và dễ bắt nên phần lớn thời gian anh ta giúp các chị da đen trồng và chăm sóc cây trầu làm chúng lớn nhanh hơn mức Rémi tưởng tượng.

Chỉ một chị da đen và Ève là đủ cho việc chăn nuôi và làm việc nhà. Nhờ sự trợ giúp nhân lực mới này, cái mảnh đất vỡ hoang đã mang một dáng dấp mới. Những công nhân xong việc không phải làm gì cả vì sau công việc họ được nuôi ăn và đối xử như những người phục vụ chứ không phải như những nô lệ. Từ sớm tới tối, khuôn mặt ai cũng tươi rói rạng rỡ chỉ trừ ông chủ Rémi. Ông ta không còn ghét người nữa, và ông còn mắc căn bệnh tệ hơn, ông đang yêu.

Về phần Ève, cô cũng yêu ông bằng cả trái tim và trọn lòng thơ ngây trinh bạch. Nhưng chính sự vội vã ấy lại là nhát dao xuyên vào trái tim ông: Giá Ève đừng yêu ông, giá cô đừng nói với ông thì ông còn đủ sức một mình cưỡng lại tình yêu của mình nhưng cả tình yêu của hai người cộng lại thì tình cảm ấy vượt quá sức của ông.

Có lẽ một câu hỏi sẽ xuất hiện trên đôi môi độc giả của tôi: "Tại sao?"

Tôi sẽ đáp ngay trước khi câu hỏi ấy dứt: bởi vì Rémi, một người đàn ông đứng đắn, một con chiên ngoan đạo, con trai hợp pháp của Mathunn Rémi và Claudine Perrot không bao giờ muốn sinh một cậu con trai đầu lòng lại có nguồn gốc lạc đạo.

Đây là cuộc chiến giằng co giữa ý muốn và ý thức, nhưng rồi một buổi tối, lũ chó sủa không phải vì giận dữ như khi báo có nguy hiểm mà nhẹ nhàng như thông báo có một người bạn đến nhà. Rémi ra mở cửa. Người gõ cửa đúng là một người anh em.

-Đó là một thày tu người Pháp đang đi truyền đạo Thiên chúa ở Trung Quốc.

-Xin chào mừng cha hai lần, cha của con! – ông Rémi sung sướng – Vì chắc chắn cha sẽ mang đến cho chúng con nhiều hơn thứ mà không bao giờ chúng con có thể mang lại cho cha.

-Ta có thể mang được điều kỳ diệu nào đến với các con của ta thế? – Người của Chúa hỏi.

-Cha sẽ mang đến cho cô gái này sự giải thoát và mang hạnh phúc đến với con. Cô ấy là người ngoại đạo, tối nay cha sẽ rửa tội cho cô ấy, con yêu cô ấy và ngày mai, cha sẽ làm lễ thành hôn cho chúng con.

Các nghi thức nhập đạo cũng không lâu. Người ta hỏi liệu cô gái có thừa nhận Chúa nào khác ngoài Chúa của Rémi không, cô trả lời là không. Người ta lại hỏi cô có muốn sống và chết trong cùng đạo với Rémi không, cô đáp là có.

Ngay tối hôm ấy, Rémi thông báo hôm sau là ngày lễ, không ai phải làm việc.

Cuối cùng, ông đưa cha xứ đến một quả đồi, trên đỉnh có dựng một cây thánh giá nơi sớm tối Rémi vẫn đến cầu nguyện.

-Thưa cha – ông nói với người của Chúa – Đây là nơi ngày mai cho sẽ ban phúc cho chúng con, và con xin hứa trước một năm kể từ ngày cha ban phúc, nơi đây sẽ được dựng một nhà thờ.

Ngày hôm sau, trước sự chứng kiến của hai phụ nữ và hai người đàn ông da đen cùng với hai chàng trai Pégou, Rémi và Ève tổ chức hôn lễ.

Như vậy lễ rửa tội diễn ra trước lễ cưới quá nhanh, đến nỗi được hiểu quá ít về tôn giáo của chúng ta, về không kịp xưng tội thậm chí không suy nghĩ gì. Cũng ngay hôm cưới, cha cố theo tục lệ xưa sau khi ban phúc cho ông chủ, bà chủ, những người phục vụ các con vật nuôi và ngôi nhà, đã lên đường.

Loài vật trong nhà chẳng cần phải đợi lời ban phúc mới sinh đàn đẻ đống. Con bê con đã thành một anh chàng bò mộng một tuổi con trâu cái cũng sinh một con nghé con, con ngựa cái đẻ một con ngựa con, gia đình nhà mèo đã có sáu thành viên, nhà chó cũng mau mắn với mười con, còn nhà lợn thì đông không đếm nổi, thậm chí những con lợn con thả rông còn có nguy cơ trở thành lợn rừng.

Thời điểm lái buôn phải đến đã tới: ông ta đến cùng đôi ba người cùng hội, những người yên tâm về sản lượng hàng năm mà mảnh Đất Trầu mang lại. Họ đưa ra giá hợp lý, nhưng vì mảnh đất cho thu hoạch gấp ba lần sản lượng người ta mong đợi nên kết quả là Rémi không chỉ kiếm được chín nghìn talks từ dinh cơ nho nhỏ của mình vì các thương lái khác biết trước đây là vụ làm ăn lớn nên cũng mang theo đầy những thỏi vàng nhỏ dùng để trao đổi ở Miến Điện.

Những người buôn đề nghị Rémi: họ cam kết trả mỗi năm một khoảng 15 nghìn talks trong đó 12 nghìn cho trầu và phần còn lại cho ngô, lúa và lúa mì. Nếu mùa màng thất bát, Rémi sẽ dùng trầu thế cho những thứ thiếu. Họ còn hứa sẽ gửi thêm hai con trâu, bốn đàn ông, hai phụ nữ da đen và hai người Pégou trong đó hai người Pégou một là thợ sắt, một là thợ mộc.

Chín tháng vài ngày sau hôm vị cha cố dòng Tên nọ ra đi, Ève sinh được một cậu con trai tên là Justin. Một chị da đen làm bà đỡ đã hoàn thành xuất sắc công việc ấy.

Chính trong giáo đường dựng trên đồi nơi Rémi từng kết hôn ông đã tự tay làm lễ rửa tội cho đứa con đầu lòng của mình, có lẽ việc giữ lời hứa đã mang lại hạnh phúc cho ông, hai năm sau, hai cậu con trai khác lần lượt ra đời với cái tên Jules và Bernard.

Ba năm sau nữa là cô con gái đến lượt mình mang tên Adda.

Đồng thời mảnh đất tiếp tục được khai hoang, hơn một dặm đất đã được trồng trọt. Số người phục vụ và số nô lệ trong nhà đã lên đến mười tám người, chưa kể hơn một chục trẻ lai đủ độ tuổi, đứa bé nhất còn chưa đầy năm, suốt ngày chơi cùng bày chó con, mèo con hay chạy theo lũ gà.

Cậu con trưởng của ông Rémi chuyên về trồng trọt, đánh cá và săn bắn. Cậu thứ hai, Bernard học tại nhà ông thầy làm khoá còn cậu thứ ba, Jules, học thợ nề.

Có lẽ không cần phải tiếp tục kể về mảnh đất không ngừng sinh sôi này, tuy vậy còn một điều đáng nói đó là những túp lều ấy đã trở thành quá bé nhỏ nên ông Rémi quyết định thay bằng việc xây một ngôi nhà lớn sau này sẽ là nhà của ngài tử tước, xung quanh đó là những ngôi nhà nhỏ hơn sẽ là nhà của ông Rémi và tất cả các nhân công, đày tớ trong nhà.

Ông Rémi vẽ sơ đồ ngôi nhà của ngài tử tước và như thế đó là người mọi người mong chờ nhất nên ai cũng bắt tay tham gia xây dựng: hai cậu con trai của ông Rémi đã đủ khéo léo để làm việc cùng như người thợ nề và thợ cơ khí ông Rémi cũng trổ tài dựng cột, xà, những trạm khắc xà, mái hiên. Rồi trong khi Ève dệt những tấm thảm trang trí nội thất bằng sợi mua từ Prome, Pégou và thậm chí ở Calcutta thì mọi người lo xây nốt phần làng còn lại gồm không dưới mười tám ngôi nhà.

Phải mất hai năm mới hoàn thành công việc, nhưng vì trang trại luôn phát triển nên người ta thu về từ 15 đến 18 nghìn talks tương đương với 60 nghìn phăng. Bằng số tiền ấy, công việc tiến triển nhanh hơn mức mọi người mong đợi.

Ba người con lớn của ông Rémi đã trở thành những chàng trai trẻ đẹp cường tráng, cả ba đều là những thiện xạ. Hai lần mảnh đất khai hoang của họ bị bọn cướp tấn công nhưng nhờ bốn lô cốt bốn góc làng nên bọn cướp đành ra về với bàn tay trắng.

Đặc biệt Justin trở thành mối kinh hoàng cho bọn cướp và cả các loài ác thú nữa. Nếu nghe nói ở hai ba dặm quanh đó có một con hổ hay báo là y như rằng Justin vác súng lên vai, dắt chiếc rìu của cho lên đường và chỉ trở về khi con hổ hay con báo ấy đã chết.

Khi anh bước vào phòng ăn với tấm da hổ trên đầu và vai, gặp những người mà anh chờ rất lâu đó là con hổ thứ 11 bị anh hạ.

Một năm trước, đã có sự bất hạnh lớn đổ xuống ngôi nhà xinh đẹp, một mất mát cho tất cả người làm và nô lệ trong trang trại, đó là vợ của ông Rémi, mẹ của ba chàng trai trẻ đẹp và cô gái xinh xắn đã qua đời.

§73. Lễ tang của tử tước Sainte-Hermine

Bây giờ chúng ta đã biết điền sản của tử tước Sainte-Hermine đã sinh sôi, phát triển như thế nào trên Đất Trầu, chúng ta có thể quay trở lại với câu chuyện hiện tại.

Có lẽ tôi không cần giải thích với các bạn độc giả tác động đến hai cô gái trẻ người Pháp, ngài James Asplay và René về một gia đình phục quyền đã thay đổi những phong tục của người A Rập từ thời Kinh thánh hồi đầu thế kỷ XX như thế nào.

Thánh Abraham có lẽ cũng không sùng đạo hơn Rémi, Rébécca có lẽ cũng không đẹp hơn Adda, thánh David và Jonathan có lẽ cũng không tự hào hơn Bernard và Jules, cuối cùng Samson, người xé con hổ bằng cách cầm hai hàm của nó e cũng không gan dạ và dũng cảm hơn Justin.

Khi hai cô gái trở lại phòng mình, hai chàng trai trẻ về phòng của họ, tất cả đều ngạc nhiên trước những gì họ thấy và đều nghiêng mình trước sự vĩ đại khiêm nhường ấy.

Ngày hôm sau, khi Adda đến hỏi hai cô ngủ có thoải mái không và liệu họ có cho phép cha cô đến gặp hai cô chủ trẻ không thì các cô đều trả lời đồng ý. Ông già bước những bước chậm rãi, chắc chắn vào phòng hai cô, tay cầm một cuốn sổ nhỏ để báo cáo.

-Thưa hai tiểu thư, – ông nói – Việc đầu tiên phải làm giữa chủ nợ và người nợ sau hai mươi năm không gặp, đó là người nợ đến nộp tiền nợ của mình.

Hai cô gái ngạc nhiên nhìn nhau.

-Cha chúng tôi chưa bao giờ nhắc đến chuyện này – Hélène nói – Nếu có thì bác là chủ nợ chứ không phải cha tôi, trong trường hợp ấy, việc chúng tôi phải làm là bán chỗ ở này và chia đôi với bác.

Ông Rémi bật cười.

-Tôi không thể chấp nhận điều kiện như thế thưa tiểu thư, như thế là bán sự phục vụ thấp kém của tôi cho ông chủ với giá cắt cổ rồi. Không, thưa tiểu thư, nếu các cô không mệt, hãy đi cùng tôi để tận mắt nhìn chỗ của cải của mình. Nếu các cô cho là sự hiện diện của hai người kia cần thiết tôi sẽ rất vui lòng báo cáo trước càng đông nhân chứng càng tốt.

Hai chị em nhìn nhau và đồng ý là chuyện này chỉ nên biết giữa họ.

-Chúng tôi sẽ đi một mình. – Hélène đáp – Xin bác hãy dẫn đường.

Ông già tiến lên trước họ vài bước, mở một cánh cửa nhỏ và ra hiệu cho hai cô gái bước vào. Đây là căn phòng nhỏ duy nhất trong nhà được xây bằng đá có thanh chấn sỏng bằng sắt ngoài của sổ. Đồ đạc bên trong chỉ có hai chiếc thùng sắt, một cái cao một bộ, một cái cao ba bộ, mỗi thùng được gắn vào tường bằng

hai cái xích sắt bao bằng đầu người dựa trên hai thanh sắt gắn vào tường bằng hai vòng tròn sắt.

Ông già rút chìa mở một khoá cho phép mở nắp thùng. Chiếc nắp mở ra trước con mắt kinh ngạc của Hélène và cô em gái với một lượng vô số những thoi vàng nhỏ bằng ngón tay út. Hai chị em ôm nhau vừa nhìn nhau ngạc nhiên.

-Thưa các cô ông già nói – Trong thùng này phải có hơn một triệu.

Hai cô gái rùng mình.

-Nhưng chúng là của ai? Không thể là của chúng tôi được – Hélène nói.

-Tuy nhiên đây hoàn toàn là sự thật – ông già đáp – Gần hai mươi năm qua tôi đã điều hành số tài sản này cho nó sinh lời, đến 50 hay 55 nghìn phăng thì tôi không đếm nữa, lẽ ra phải cân đong đo đếm cẩn thận nhưng trừ những chi phí ăn ở chắc phải còn gần 900 nghìn phăng.

Hai cô thiếu nữ lại nhìn nhau.

Ông già rút chìa thứ hai trong túi mở một chiếc thùng nhỏ hơn được cất giữ không kém phần chắc chắn so với chiếc thùng trước. Chiếc thùng này đựng một nửa đầy đá rubi, hồng ngọc, saphia, ngọc bích, vàng thoi, đá quý, những thứ dùng làm tiền tệ ở Miến Điện. Ông già thọc tay đến đáy hòm rồi thò xuống một dòng vàng bạc sáng lấp loá.

-Đây là cái gì? – Hélène hỏi – Bác tìm thấy kho báu của Haroun Al-Rachid à?

-Không – ông già đáp – Nhưng tôi nghĩ rằng vàng có giá trị khắp nơi chỉ dựa vào trọng lượng của nó trong khi số đá quý này dù thế nào cũng đắt gấp đôi nếu bán ở Pháp. Ở đây, chỗ này giá gần 300 nghìn phăng.

-Bác định đưa chuyện này đến đâu? – Hélène mỉm cười hỏi.

-Tôi muốn thông báo cho các cô chủ yêu mến của mình rằng không những mảnh đất này, những con người này, súc vật, mùa màng thuộc về các cô mà ngay cả số vàng và đá quý này cũng thuộc về các cô.

-Người bạn tốt của tôi – Hélène nói – Tôi có nghe nói đến thoả thuận giữa bác và cha tôi: "Rémi vì anh muốn ở lại đây, tôi sẽ để anh ở lại, hãy xây dựng một nơi chốn để giữ liên lạc giữa điều kiện ít ỏi tôi có thể để cho anh, chừng nào tôi hay ai đó trong gia đình trở lại đây, anh sẽ chia đôi anh và tôi". Tôi thật bất hạnh là người thừa kế đến nhân danh cha để đòi phần chia ấy với bác, bác Rémi yêu quý ạ: một nửa của tất cả những gì của bác sẽ là của tôi và em Jane nhưng nửa kia sẽ phải là của bác.

Những giọt nước mắt lăn dài trên má ông già.

-Không! – ông nói – Không, có thể ý ông chủ không nói như thế hoặc khi nói như thế với tôi, ông không nghĩ mảnh đất này lại thịnh vượng như vậy. Hãy nghĩ chúng tôi chỉ là những trang phục nghèo khó, quá sung sướng khi được các cô giữ lại tiếp tục cho kiếp sống và phục vụ mọi người nếu các cô đảm bảo cho con cháu tôi cũng được như cha ông chúng.

Hélène nhìn thẳng vào ông Rémi bằng ánh mắt nghiêm nghị.

-Bác Rémi, bác quên là mình đã quá rộng rãi với chúng tôi và tỏ ra bất công với con của mình hay sao. Các con bác đã làm việc như bác, thành quả chưa lâu bằng bác nhưng đã làm hết sức vì số tài sản chung của chúng ta, như vậy tôi phải là người chịu trách nhiệm bảo vệ và giữ gìn quyền của họ chứ!

Ông Rémi định nài nỉ nữa nhưng lúc đó đã có báo hiệu đến giờ ăn trưa, đó là ba tiếng kẻng Trung Quốc thông báo bàn ăn đã dọn sẵn.

Hélène đưa Jane ra trước rồi khoác tay ông Rémi. Ông Rémi khoá cửa lại và cả ba đi xuống.

Chưa bao giờ bàn ăn của bậc vua chúa cũng được thịnh soạn hơn thế: nào là những con công Ấn Độ, những con gà lôi vàng Trung Quốc hay những con gà Miến Điện bày la liệt trên bàn. Về món tráng miệng, mọi loại quả ngon nhất đều có: Xoài, ổi, chuối ngự, dứa, sầu riêng, mít. Đồ uống thì không có gì khác ngoài vang đỏ và rượu bưởi. Những thức uống này được chôn rất sâu trong lòng đất nên tươi và mát như đồ uống có đá vậy.

Vì trong khu dân cư không có vườn cây ăn quả nên tối hôm trước ba anh em đã đi hái quả ven vùng đất hoang. Justin đi ngược dòng sông đến hai dặm để tìm vải, thứ chỉ mọc ở ven sông và nhận ra trong rừng rậm bên bờ dòng Sittang có dấu vết của nhiều hổ.

Tin tức này làm năm chàng trai hưng phấn lên, họ quyết định vài ngày tới sẽ tổ chức một cuộc đi săn cùng với để các cô gái cũng có thể đi cùng các thợ săn.

Chính Jane là người đưa ra đề xuất ấy và được đa số ủng hộ. Chỉ duy Hélène nhìn em buồn bã lầm bẩm: -Tội nghiệp em gái.

Thật ra Jane đâu có bạo gan đến thế, nhưng không có gì đáng sợ hơn là để René đi một mình trong chuyến săn khủng khiếp ấy giữa những rình rập đáng sợ ba bốn ngày không gặp anh.

René cố gắng thuyết phục cô những anh chỉ làm cô gái thêm buồn mà không thay đổi được. Thế là Hélène quyết định rời cuộc đi săn ấy vào một thời điểm khác. Mọi người đang từng ngày chờ thi thể của tử tước và tang lễ phải được cờ hành trước khi người nào nghĩ đến chuyện vui chơi.

Khi rời bàn, Hélène gọi ngài James và René đến, kể cho họ nghe chuyện gì vừa xảy ra giữa họ và ông già và mặc dù ông già nài nỉ nhưng cô vẫn yêu cầu điều kiện giữa ông và cha cô phải được thực hiện ra sao. Cả hai cùng đồng tình với quyết định của cô gái trẻ.

-Như vậy – Hélène tươi cười nói – bây giờ nhân lúc em tôi không nghe được chúng ta nói gì, vậy là Jane cũng trở thành người thừa kế thì dù ở nơi vắng vẻ này cô ấy cũng không khó tìm được một đấng phu quân.

-Nhưng cô ấy cũng cần thận trọng như nàng, Hélène yêu quý của tôi. – James nói – và nên dẫn cho cô ấy một anh chàng người châu Âu.

Những con mắt đổ dồn về René nhưng chàng trai trẻ không lay động, chỉ một nụ cười buồn thoáng hiện trên môi.

Đúng lúc đó, sự chú ý của họ bị cuốn đi bởi một công việc do ba anh em con ông Rémi thực hiện: Dưới bóng một cây bao báp tuyệt đẹp, họ đào một chiếc bể với ý định sẽ dẫn nước từ sông vào. Dòng nước cuộn lại trong bể sâu sẽ làm thành một phòng tắm tuyệt vời cho các cô gái. Họ chỉ cần đi ra khỏi nhà một trăm bước là có thể đến bồn tắm. Vậy là mọi công việc của gia đình đều vì mục đích tốt đẹp cho những vị khách của họ.

Lúc trở lại ngôi nhà, ba chàng trai bắt gặp Jane đang ngồi bên bậc cửa mắt lơ đãng nhìn Adda chải lông cho hai con ngựa nòi Miến Điện. Chúng được dành cho Hélène và Jane đi dạo.

Ở Pégou có hai giống ngựa rất khác nhau. Ngựa ở miền hạ lưu Pégou, sinh ra trong miền đất ngập nước và sình lầy trải dài từ Arakan đến tận Tenassenm. Chừng nào người ta còn ở miền châu thổ này chừng đó người ta chỉ thấy những con ngựa nhỏ thô kệch và yếu nhưng khi lên miền đất khô Henzad, người ta sẽ thấy nòi ngựa nhỏ nhưng dáng đẹp và dai sức.

Vả lại ở Miến Điện, ngựa là phương tiện di chuyển của các bậc chức cao vọng trọng, xe có lọng che là loại dùng cho quãng đường ngắn do trâu hoặc bò kéo. Do đó, ngựa trở thành thứ đồ xa xỉ ở khu dân này có năm hay sáu con ngựa thuộc nòi này nhưng chỉ những chàng trai và Adda con ông Rémi mới trèo lên chúng, không người nào khác được phép sử dụng hay nói đúng hơn là không ai dám trèo lên chúng.

Adda như có trong mình một dòng máu hoang dã không hề nghĩ đến chuyện thắng yên như các cô gái châu Âu, cô trèo lên lưng ngựa như cách của đàn ông, chiếc váy của cô bó và xẻ ra hai bên, cô còn mặc một chiếc quần chẽn dài đến mắt cá chân. Cơ thể mềm mại không mặc áo lót ngả người theo cử động của con ngựa mái tóc cô lượn theo gió, nhìn cô như gợi lại những người phụ nữ Tét xa ly của Hy Lạp mà Phèdre đã nói tới.

Hai chị em Hélène thừa nhận vẻ duyên dáng của cô gái chủ nhà song họ không bao giờ lên ngựa theo cách đó.

Adda cho rằng chuyện ấy không ngại, chỉ cần René hay James vẽ bộ yên kiểu Pháp là anh trai làm thợ sắt của cô sẽ chế tạo được ngay.

Nhưng khi ấy người ra nhìn thấy một đoàn người bao gồm một con voi, bốn con ngựa và hơn chục người đi ra khỏi rừng. Con voi phủ một tấm vải đen.

Nghe tin ấy và nhất là khi trèo lên chòi gác cao hơn mái nhà, hai cô gái không nghi ngờ gì nữa, đó chính là thi thể của cha họ đã đến.

Người ta khua chiêng để tập hợp mọi người rồi mở cổng chờ đoàn đưa linh cữu ấy. Khi con voi mang cỗ quan vào trong sân, hai chị em Hélène quỳ gối xuống và tất cả đều làm theo.

Vị Shabunder ở Pégou vốn muốn lo mọi việc mai táng đã nảy ra ý định gửi hai cha cố đi nhờ theo đoàn người này qua miền đất rừng hiểm nguy đầy thú dữ. Đổi lại hai cha cố sẽ đọc lời cầu nguyện trên linh cữu của tử tước Sainte-Hermine.

Cỗ quan tài được chuyển đến tiểu giáo đường. Vì không có nến, những đoạn gỗ nhựa đã cháy suốt hai mươi bốn tiếng cho thật giống nơi quàn quan tài. Rồi những bài kinh cầu siêu cho người chết vang lên long trọng nhất. Cuối cùng, thi thể của tử tước được đặt trong hầm mộ gần thi thể của Ève.

Trong suốt vài ngày, toàn bộ trang trại đều đau buồn do nhớ lại những kỷ niệm về cái chết bất ngờ và tàn khốc ấy. Cũng trong suốt vài ngày ấy, Jane có thể khóc thoải mái mà không ai hỏi cô lý do tại sao.

Ngày hôm sau nữa, hai vị linh mục tiếp tục con đường của họ sang Trung Quốc.

§74. Hổ và voi

Trong những ngày mới xong lễ tang của tử tước Sainte-Hermine, đám thanh niên tỏ lòng thành kính nên không ai nghĩ ra trò giải trí mới hay nhắc lại kế hoạch đã bàn trước đó. Kế hoạch ấy, như ta cũng biết là cuộc săn hổ bên dòng sông Sittang, ở một nơi mà Justin phát hiện có nhiều vết chân khi anh đi tìm vải, nhưng để thực hiện chuyến đi có sự tham gia của mấy con voi, họ phải có những chuẩn bị thiết yếu.

Vậy là anh chàng thợ mộc Jules phải làm cái khung nôi bằng gỗ cao một mét để có thể mang được bốn đến năm người còn anh chàng thợ sắt Bernard đã chế ra năm, sáu cây giáo, loại mà ở Belgale người ta dùng để săn lợn rừng.

Còn René, anh lúc nào cũng giữ quan hệ tốt với lũ voi. Ngày nào anh cũng tự mình đi đến chuồng của Omar và Ali – đó là cái tên người ta đặt cho hai con vật da dày ấy. Anh đến bên chúng để chúng dùng vòi cuộn mình lên, ra lệnh cho chúng quỳ gối nhờ đó leo lên cái lưng đồ sộ của chúng sau đó lại để chúng đưa anh xuống đất. Khi anh gọi tên con nào, con ấy đến ngay. Cuối cùng, anh chọc tức chúng hoặc xoa dịu chúng bằng cách tấn công hay vờ chịu thua và không con nào làm sai mệnh lệnh anh đưa ra.

Tám ngày sau, cái khung gỗ đã sẵn sàng, những ngọn giáo cũng đã làm xong. Họ vẫn chờ vài ngày nữa.

Cuối cùng, Jane là người đầu tiên nhắc đến chuyện ấy.

-Ngài René, việc săn hổ sao rồi?

René nghiêng người trước Jane và nói: -Chuyện này chỉ còn tuỳ thuộc vào các quý bà ra lệnh.

Thế là họ ấn định ngày chủ nhật tiếp đó. Để đến chỗ săn phải mất gần hai giờ đi đường, như vậy chủ có thể xuất phát từ bốn giờ sáng mới đến nơi lúc trời sáng rõ.

Bốn giờ sáng chủ nhật tiếp đó, tất cả mọi người đã sẵn sàng.

Người ta bắt đầu bằng việc lắp khung gỗ bằng những dây xích chắc chắn như người ta vẫn làm nhiều lần trên lưng voi và bụng voi. Người ta còn buộc quanh những khung ấy các túi đựng đạn, lương thực và các túi da đựng nước. Sau đó, họ chuyển sang việc chuẩn bị vũ khí.

Justin và các em trai của anh chỉ có súng hoả mai gắn lưỡi lê. René bèn đưa cho Justin khẩu cạc bin một viên của mình. Mọi người chia ra như sau: Justin đi ngựa, James, Jules, Hélène lên lưng con voi Omar, Jane, Bemanl và René lên lưng con voi Ali. Ngoài ra trên mỗi khung gỗ còn có một người che lọng, James cũng cho Jules mượn một trong hai khẩu súng dài Mantor của mình.

Jane, René và Bernard ngồi vào vị trí, dắt hai ngọn giáo vào thành của khung gỗ. Ngoài ra, René còn dắt hai khẩu súng ngắn 2 viên ở thắt lưng. Anh muốn cho Bernard mượn một khẩu nhưng anh chàng này chưa từng sử dụng nó bao giờ.

Những người quản tượng, ở Pháp gọi là "cornac" và ở Ấn Độ gọi là "mahout", ngồi lên đầu voi, dùng tai chúng làm lá chắn.

Người ta đưa cho họ không phải chiếc búa sắt mà họ quen sử dụng để điều khiển con vật mà lần này là một cây giáo không chỉ dùng cho việc trên mà còn để tự vệ nữa.

Mười hai người chăn thả súc vật mà người ta không muốn chỉ định vì sợ tai nạn song chính họ lại tự nguyện tham gia do François chỉ huy. Anh này không muốn thứ vũ khí nào khác ngoài khẩu súng dài có gắn lưỡi lê và thanh gươm trứ danh từng một phát chặt đôi con trăn.

Một đoàn hơn chục con chó chờ sẵn ngoài hàng rào tự do chạy theo ngài James từng nhiều lần tham gia các cuộc đi săn như vậy ở Calcutta nên được phong làm trưởng đoàn.

Họ đã đi hai dặm đường mà chưa thấy gì. Cuối cùng, người ta cũng đến cánh rừng già nơi Justin phát hiện dấu vết của hổ.

Những con chó tỏ ra căng thẳng, những con voi bước đi với cái vòi dựng cao, con ngựa của Justin đi chậm để thăm dò, tai dựng đứng mũi ngửi ngửi không khí. François động viên người của mình nhưng họ lại ngập ngừng vào rừng rậm dù anh ta đã nêu gương đi trước. Anh ra gọi lũ chó hùng dũng xông lên.

-Chú ý! – James hét lên – con hổ không ở xa đâu.

Anh chưa dứt lời, một con chó đã kêu lên thất đảm.

Ngay lập tức có tiếng gầm quàu quạu và vang xa cất lên. Những ai chưa được nghe ở gần tiếng sư tử và tiếng hổ gầm tức là chưa được nghe những âm thanh đáng sợ nhất của tự nhiên. Đó là một thứ tiếng động thâm nhập vào cơ thể ta không phải qua cơ quan thính âm mà qua tất cả các lỗ chân lông trên da.

Lập tức hai, ba tiếng gầm khác từ những vị trí khác vang lên chứng tỏ con hổ không phải chỉ có một mình.

Người ta đã nghe thấy tiếng nạp đạn lách cách rồi tiếng sủa của tất cả bầy chó như thể chúng không chỉ ngửi thấy mà còn nhìn thấy con hổ rồi vậy.

-Con hổ của các vị kìa – François hét.

Tức thì người ta thấy lao từ rừng rậm ra nhanh như một tên lửa, một con hổ chúa tuyệt đẹp đã to hết tầm của nó. Ngay cú nhảy đầu tiên, nó đã vượt qua một quãng đường hai mươi mét và rơi ra khỏi rừng bảy hoặc tám bộ, nhưng như thể nó chỉ cần chạm đất để lấy đà nên ngay khi chạm xuống nó lại nhảy lên và trở lại chỗ cây rậm rạp che kín.

Tất cả các con vật đều sợ hãi ra mặt, chỉ duy con ngựa của Justin là tỏ ra tức giận hơn là sợ. Nó rướn cái mũi phì phò và ném cái nhìn sáng quắc về phía con

hổ. Có thể nói nếu không bị ghìm cương, nó đã lăn xả vào cuộc chiến rồi.

Ngoài ra, quả không gì đẹp như kỵ sĩ lên ngựa không cần bàn đạp, yên cương hay tấm nệm lót này, con ngựa tuân lệnh theo giọng nói, theo đầu gối của chủ nó hơn là dây cương.

Mọi ánh mắt đổ dồn về phía Justin, chàng trai đầu trần, ngực phanh ra một nửa, tay áo sắn cao đến khuỷu, một tay cầm cương ngựa tay kia nắm cây giáo, nhìn anh giống như một kỹ sĩ xứ Numide vậy.

Đột nhiên, do những tiếng kêu của những người chăn thú, tiếng sừng trâu, tiếng chó sủa, con hổ thứ hai ra mặt khỏi rừng. Nó không nhảy chồm chồm như con đầu tiên mà nhẹ nhàng trườn sát cái bụng xuống đất như một con vật đang chạy chốn. Ra khỏi rừng mươi bước, nó đứng đối diện với lũ voi và theo thói quen của loài hổ khi muốn lấy đà nó nằm sát sạt xuống đất Hai cô gái hốt hoảng kêu lên: "Hổ! Hổ!" Lũ voi đứng vào tư thế tự vệ, các tay thợ săn định nổ súng thì họ thấy Justin và ngựa của anh vụt qua như một tia chớp. Đến cách con hổ hai bước, tất cả đều lặng người, Justin hét lớn một tiếng, cho ngựa chồm lên cao bốn bộ vượt lên trên đầu con thú dữ, dùng hết sức phóng cây giáo ghìm nó xuống đất. Rồi dừng ngựa lại sau ba bốn bước và nói: -Phần các vị những con hổ khác đấy, tôi đã có một con rồi, với tôi thế là đủ.

Và anh cho ngựa đi vòng ra sau lũ voi.

Con hổ gầm lên một tiếng rùng rợn, dùng hết sức đứng dậy trên bốn cái chân của nó nhưng ngọn giáo đã phập xuống như trời giáng không chỉ xuyên từ phía này xuống phía kia mà còn cắm sâu vào đất năm, sáu tấc đến nỗi nó đứng trên chân của mình với phần cán gỗ cũng xuyên vào thịt. Thế là nó rú lên điên dại, quay tròn quanh mình, dùng răng ngoạm vào cán ngọn giáo và bẻ gãy cán. Tuy nhiên, đó là cố gắng cuối cùng, nó thở một hơi dài, máu tràn khỏi miệng thở hắt ra. Tiếng rên rú cuối cùng của nó như thể là một lời kêu gọi nếu không trả thù thì cũng kêu gọi những con khác chiến đấu, thế là con hổ ban đầu xuất hiện cách đó khoảng sáu chục bước, nó chỉ cần nhảy lần thứ ba là tới chỗ lũ voi. Tuy nhiên, nó không có thời gian để làm như thế. Vừa chạm đất sau cú nhảy thứ hai, hai phát đạn đã đồng loạt vang lên. Con hổ lăn ra. Ngài James ở vị trí nghiêng bắn sượt qua vai còn René đối diện đã bắn giữa trán nó. Con hổ nằm chết thẳng cẳng.

Cùng lúc, như thể bị cuốn hút bởi những âm thanh vừa rồi, ba con hổ khác lại lao từ rừng ra, phát ra những tiếng gầm gào khủng khiếp. Nhưng như thể chúng đã chứng kiến chuyện vừa xảy ra nên chúng sợ nếu dừng lại một giây, các thợ săn sẽ nhân cơ hội ấy để nã đạn vào chúng nên chúng sắp đối đầu.

Các thợ săn đủ kinh nghiệm để không nhả đạn khi đó. Họ chờ cho bọn hổ dừng trò lượn lờ ấy đã. Sau vài giây, một trong hai con lao vào con voi của René, lập tức voi ta dù chậm chạp cũng né sang một bên để tránh bị tấn công. Trong khi đó René rút súng ngắn nhả đạn nhưng viên đạn chỉ găm vào đùi con hổ gây ra

một vết thương nhẹ càng khiến nó tức điên. Với ánh mắt rừng rực, cái miệng đỏ lòm, nó xoải móng vượt lên sườn voi định trèo lên tận khung gỗ. Nhưng bằng động tác đột ngột, con voi hất nó văng ra xa vài bước, nhân đà đó, René bắn phát súng ngắn thứ hai trúng cổ. Chú voi tiến về phía con hổ, dùng vòi vần nó định dùng cái chân khổng lồ đè bẹp nó nhưng con hổ đã tránh được nguy hiểm bằng cách lao vào ngực voi. Bernard đứng ở cạnh đối diện nên dù cố gắng vẫn không nhìn thấy gì. Jane lo sợ cho sự nguy hiểm của René hơn cả của mình nên ló ra ngoài khung gỗ. May thay đúng lúc con hổ ở vị trí khuất tầm nhìn của các thợ săn, người quản tượng phóng ngọn giáo vào giữa ngực nó. Con hổ rời tay bám và ngã xuống. Nó vừa chạm đất thì chú voi đã dẫm chân đè nát nó.

Cùng lúc đó, James, Hélène và Jules còn gặp một nguy hiểm lớn hơn nguy hiểm mà Jane, Bernard và René vừa trải qua. Trong khi một con hổ tấn công họ trực diện thì con khác lại vòng ra sau, nhảy lên mông voi để trèo lên. Khốn thay cho nó là René ở cạnh đó không xa phía bên trái. Anh ngắm bắn, bóp cò và viên đạn xuyên vào trúng tim. Con hổ bỏ cuộc, thẳng đơ người và rơi xuống.

Cái đầu con hổ phía trước chỉ cách cô gái lớn nhà tử tước một, hai bước chân thì James giương hai nòng súng không cần đưa lên vai và nhả đạn. Cả đạn và thuốc súng tạo thành hai vết thương. Con hổ choáng váng rơi bịch xuống.

Mọi người thở phào. Vậy là đã có năm con hổ bị giết.

François, đám người hầu và lũ chó cùng ra khỏi rừng. Trong số những người khua chiêng gõ mõ xua hổ ra có hai người bị hại: một người bị nát đầu, người kia bị rách ngực do lũ hổ vừa bị hạ gây ra. Số là họ đã bắt gặp chúng trên đường, trước khi chúng lao ra khỏi rừng. Cái chết đến quá nhanh và bất ngờ khiến họ không kêu lên được tiếng nào hoặc có chăng cũng bị át đi trong những tiếng kèn, chiêng trống, tiếng voi rú, tiếng chó sủa và tiếng la hét của những người xua hổ ra khác. Nhưng khi nhận thấy 5 con hổ nằm sõng soài trên mặt đất cách bốn năm chục bước thì họ quên hai người đã bị sát hại. Máu hăng săn hổ ở người Belgale và người Miến Điện cao đến mức họ thấy năm con hổ chết cũng an ủi được hai người của họ bị chết.

Cả hai con voi đều bị thương nhưng vết thương không nặng lắm. Người ta khiêng hai người xấu số lên cáng về nhà.

Trên con ngựa nòi Miến Điện của mình, Adda đến chỗ đoàn người rồi lại phóng về nhà để báo tin bốn người khách và các anh trai mình bình an vô sự. Hai chú voi lại có chủ mới: Nguyên do là Hélène bày tỏ ý muốn mua lại chúng, vốn thông minh như chúng, họ sẽ dùng chúng để canh giữ và bảo vệ ngôi nhà. René tuyên bố với hai chị em rằng kể từ lúc đó, các cô có thể giữ chúng lại làm tài sản cho mình. Anh sẽ nhờ ngài Shabunder làm trung gian thương lượng việc mua bán với ông chủ voi.

Tối hôm ấy, Jane lên cơn sốt. Người ta cho là cô bị mệt vì chuyến đi trong ngày. Chị cô ở bên cô còn René và James nói chuyện ở bên ngoài.

Họ nhờ Adda vào xem tình hình của Jane ra sao. Cô kể rằng khi lại gần phòng họ, cô nghe thấy có tiếng khóc, e là thiếu tế nhị nên cô không vào mà rút lui.

James nhận thấy René rất quan tâm đến tình cảm của hai cô gái, đặc biệt là của Jane vì Adda khẳng định là chỉ cô em khóc thôi nên anh ta hứa hôm sau sẽ không nói với René vì sao cô bé lại buồn như vậy.

Ở miền đất nóng như đổ lửa này, ban đêm rất mát. Chính vì thế hai anh chàng đi dạo rất muộn, đến tận một giờ sáng. Họ nhìn qua tấm rèm bằng vải mousseline thấy ánh nến vẫn run rẩy trong phòng Jane như một ánh sao lạc loài trong màn hơi sương.

René vốn từng học nhiều môn khoa học nên anh cũng có nhiều cơ hội hoặc sau các cuộc giao đấu hoặc ở hoàn cảnh đặc biệt bộc lộ khả năng y thuật của mình. Có lẽ vì vậy mà anh thấy buồn hơn là ngạc nhiên khi thấy ngày hôm sau James đến thay mặt Hélène cầu xin anh đến thăm Jane, cô bé ngày càng đau đớn.

Thâm tình bấy lâu giữa họ khiến anh thấy thật kỳ cục khi từ chối lời mời ấy. Có lẽ Jane đã muốn gặp riêng René vì khi René muốn Hélène đưa mình sang phòng cô em, Hélène bảo sự hiện diện của cô có khi làm hỏng sự ý tứ của cuộc nói chuyện.

Vậy là René vào phòng một mình, khẽ gõ cửa. Một giọng run run cất lên: - Mời vào.

§75. Căn bệnh của Jane

Jane nằm trên chiếc ghế trường kỷ, tất cả các cánh cửa trong phòng cô đều khép lại để giữ bóng tối và sự mát mẻ chỉ để vài làn gió lùa qua kẽ song.

Vừa thấy René vào, Jane ngồi dậy, chìa tay cho anh.

-Cô muốn gặp tôi phải không, em gái thân mến. Tôi đây! – René nói.

Jane chỉ cho anh chiếc ghế gần chỗ mình rồi lại nằm xuống thở khó nhọc: -Hôm qua – Jane nói – trong lúc trở về đây, khi mà chị tôi tỏ ý muốn mua hai con voi, ngài đã nói rõ là muốn từ biệt chúng tôi trong vài ngày tới.

-Đúng vậy – René đáp – Tôi phải khởi hành sớm. – Tôi chỉ xin ngài chỉ huy một khoảng thời gian vừa đủ đưa các cô về nhà. Bây giờ thì mọi chuyện đã đâu vào đấy, ơn Chúa! Các cô về đây bình an vô sự. Chị cô cũng tìm được người bảo vệ mà cô ấy mong đợi. Vị cha cố đầu tiên đến Trung Quốc hay Tây Tạng sẽ qua đây và sẽ làm lễ cưới cho họ.

-Chính vì thế mà chị tôi muốn ngài ở lại để tham dự buổi lễ ấy.

René buồn bã nhìn Jane, cầm tay cô và nói: -Cô là một thiên thần, Jane ạ, tôi phải có lý do thật đặc biệt để không thể đáp ứng lời đề nghị của cô.

-Vậy là anh từ chối tôi? – Jane thở dài hỏi.

-Phải như thế.

-Hãy thú nhận là anh không nói thật với tôi về lý do thật sự khiến anh ra đi.

René nhìn thẳng vào Jane.

-Cô muốn tôi nói cho dù nó như thế nào chứ?

-Vâng, cho dù nó có thế nào đi chăng nữa – Jane đáp – Tôi muốn thế, sự thật đôi khi làm ta đau đớn hơn song hầu như lại là phương thuốc hiệu quả. Tôi đang nghe đây!

-Jane ạ – René nói bằng tất cả sự chắc chắn của mình – Thật bất hạnh là cô yêu tôi.

Jane hét lên.

-Nhưng về phần mình, tôi không thể thuộc về cô.

Jane gục đầu vào đôi bàn tay, khóc nức lên.

-Tôi những mong không phải nói ra điều cô vừa nghe Jane ạ – René nói tiếp – Nhưng tôi nghĩ một người đàn ông đứng đắn nên hành động như vậy.

-Đủ rồi, để tôi yên.

-Không, tôi sẽ không để cô như vậy, cô nên biết lý do khiến chúng ta không đến với nhau và cô sẽ là người phán xử cho tình cảm của tôi và cả của cô nữa.

-Ngài René – Jane nói – Hãy nhìn sự yếu đuối của tôi đây, tôi không còn sức để từ chối nữa. Ngài nói giữa chúng ra, giữa mối quan hệ của chúng ta có một

rào cản không thể vượt qua nổi. Hãy kết thúc đi! Ngài gây ra vết thương ngài hãy chữa nó đi.

-Hãy để tôi chạm vào vết thương như bàn tay dịu dàng của một người anh Jane ạ, chứ không phải như bàn tay khô khan của bác sĩ. Đừng quên là một tấm màn đã rách và qua chỗ rách ấy, tôi đã thoáng thấy điều cô muốn giấu tôi. Hãy đặt tay vào tay tôi, ngả đầu vào vai tôi vì có Chúa, tôi không muốn cô không yêu tôi nữa! Chỉ có điều đó là một tình yêu theo cách khác. Cô bạn yêu mến, cô đã sinh ra năm 1788, cô lên hai tuổi thì có một cậu bé tên là Hector de Sainte-Hermine đến gia đình cô để học làm thủy thủ trên tàu của cha cô: đó là cậu con trai thứ ba của anh cả cha cô, bá tước Sainte-Hermine. Nếu cô không nhớ về cậu ấy thì chị gái Hélène của cô chắc chắn sẽ nhớ.

-Tôi cũng nhớ anh ấy – Jane nói – nhưng có gì liên quan giữa người đàn ông ấy với trở ngại không thể vượt qua đang ngăn chúng ta?

-Hãy để tôi nói hết đã Jane, vì khi tôi nói xong, cô phải hết nghi ngờ về lòng chân thật của tôi. Đứa trẻ đi cùng cha cô ba chuyến trên biển và bắt đầu thích làm thủy thủ thì cách mạng nổ ra, và vào cuối năm 1792, cha cậu ấy đã gọi cậu ấy về. Chắc cô còn nhớ hôm cậu ấy ra đi vì cậu ta rất buồn, dù khóc bao nhiêu nước mắt cậu ấy vẫn phải chia tay và đã gọi cô là vợ yêu.

Một tia chớp rạch qua trong đầu Jane.

-Không thể thế được! – Cô kêu lên và sợ hãi nhìn René.

-Hector – René nói tiếp không dừng lại, không tỏ ra nhận thấy sự ngạc nhiên của Jane – trở về nhà để thấy cha mình bị xử trảm, anh trai cả bị xử bắn còn anh trai thứ hai bị chặt đầu. Trung thành với lời thề sẽ nguyện theo con đường ấy, cậu ta đã gia nhập lực lượng của họ. Rồi hòa bình được ký kết, tưởng mọi chuyện đã chấm dứt, Hector có thể mở mắt nhìn quanh mình, yêu đương và hy vọng.

-Và anh ấy đã yêu tiểu thư Sourdis – Jane lạc giọng đi.

-Và anh ấy đã yêu tiểu thư Sourdis – René nhắc lại.

-Thế rồi chuyện gì đã xảy ra? Sao anh ấy lại biến mất hôm ký giấy kết hôn mà không ai hiểu tại sao và như thế nào? Anh ấy ra sao? Ở đâu?

-Đúng lúc chuẩn bị ký, một người bạn của anh ta đến tìm anh ta về tham gia trở lại lực lượng ngày trước. Anh ta thích đánh mất hạnh phúc và mạo hiểm mạng sống của anh hơn là nắm giữ nó. Anh ta ném bút đi, bí mật rời căn phòng, chạy theo tiếng gọi của người cha và các anh trai đã chết đang gọi. Rồi anh ta bị bắt, nhờ có sự bảo vệ, anh ta không bị xử bắn như anh ta yêu cầu mà bị tù ba năm ở Temple. Sau ba năm, hoàng đế ngỡ anh ta đã chết nay lại hay tin anh ta còn sống. Nhưng ba năm tù vẫn chưa đủ là hình phạt thích đáng cho một kẻ nổi dậy chống lại ông ta ông ta đã kết án anh chàng ấy phải vào lính phục vụ như một lính bộ binh hay một thủy thủ, không có hy vọng thăng tiến nào.

Hector đã từng đi biển với cha của cô, nên xin làm thủy thủ. Anh ta không muốn vào lực lượng của nhà nước nên đến Saint-Malo để xin tuyển lên tàu Revenant của ngài Surcouf. Cô cũng biết run rủi thế nào tàu Standard đụng độ với tàu Revenant rồi đấy. Các vị đứng xem cuộc đấu và cha cô đã chết. Hector ở trong thủy thủ đoàn của Surcouf có nghe đến cái tên ngài tử tước Sainte-Hermine. Anh ta thấy ông đã qua đời, đã nghe các cô, xin ngài Surcouf không thả xác ông xuống biển và được ngài Surcouf cho phép đưa các cô bất cứ nơi đâu các cô muốn, chỉ rời các cô khi đã thấy các cô về nhà. Bây giờ thì Jane thân mến, cô đã biết tất cả. Tôi không cần phải nói phần còn lại nhưng tôi cần cô giữ bí mật ấy thật tuyệt đối với ngay cả chị gái cô. Đứa bé đã học những bài học đầu tiên làm thủy thủ, bị gia đình gọi về năm 1792, đã rất đau khổ khi chia tay hai chị em cô, đã thấy cha bị chặt đầu, anh trai cả bị bắn, anh trai thứ hai bị xử chém, chàng trai đã đi theo con đường của họ mặc những tấm gương khủng khiếp, kẻ những tưởng chiến tranh chấm dứt đã ngỏ lời yêu tiểu thư Sourdis, dù đám cưới bị lỡ đầy tai tiếng vẫn giữ lời không bao giờ có người vợ nào khác ngoài cô ấy, kẻ từng cầm vũ khí, bị bắt, bị phạt tù ba năm thay vì bị xử bắn, kẻ đầu quân làm thủy thủ, chàng trai ấy, Jane thân yêu, đó là bá tước Sainte-Hermine, anh họ của cô và cũng chính là tôi đây!

Rồi anh quỳ xuống cạnh chiếc ghế của Jane, ôm cô vào lòng phủ lên cô những nụ hôn tới tấp và cả nước mắt.

-Bây giờ -René nói tiếp – Em tự quyết định đi, anh có thể rũ bỏ mọi trách nhiệm của một người đứng đắn đi, làm chồng một người khác ngoài tiểu thư Sourdis được không?

Jane nghẹn ngào nấc lên, choàng tay qua cổ người anh họ đặt đôi môi băng giá lên trán anh rồi ngất đi.

§76. Thời hạn

Hành động đầu tiên của René khi thấy Jane ngất đi là rút lọ muối ngửi từ trong túi ra định cho cô thở nhưng anh nghĩ nếu cho cô tỉnh lại chỉ càng khiến cô thêm đau đớn. Cứ để cô mê man, khả năng hồi phục sẽ mang lại cho cô sức lực cô cần khi tỉnh dậy cũng giống như ban ngày tích tụ sức mạnh của nó từ bóng đêm và từ những giọt nước mắt của ban mai.

Quả nhiên, Jane nhanh chóng thở dần chứng tỏ cô đang tỉnh dần. René có thể đếm được bao nhiêu nhịp đập của con tim chia cách cái chết và sự sống do cô dựa vào ngực anh. Cuối cùng, cô gái cũng mở mắt vẫn chưa biết mình đang ở đâu.

-Tôi thật khỏe! – Cô thì thào.

René không nói. Chưa đến lúc để anh tắt đi những ánh sáng đầu tiên và mơ hồ về sự trở lại của cô. Anh tiếp tục để kéo dài tình trạng nửa tỉnh nửa mê ấy để tâm hồn cô được thảnh thơi hơn.

Cuối cùng, Jane cũng tỉnh hẳn. Sau những chuỗi suy nghĩ nối nhau nhận thức của cô cũng tìm thấy mình đang ở hoàn cảnh nào.

Sự thất vọng, giống như một người không biết làm sao để thấy nó bất hạnh, trở thành buồn bã rồi nhanh chóng chuyển sang sự chịu đựng Những giọt nước mắt còn lã chã tuôn rơi nhưng không còn bạo lực và không còn những tiếng nấc giống như một cái cây non bị nhát rìu không cố tình chạm vào đang lên lớp da non vào mùa xuân. Khi mở hẳn mắt, khi cô thấy chàng trai vẫn ở cạnh mình, cô nói: -Ôi René, anh đã ở gần em, anh thật tốt. Nhưng anh nói đúng, tình hình này không thể kéo dài lâu hơn cho anh và cả cho em. Hãy ở đây thêm một lát nữa, hãy cho em chút sức lực. Về bí mật của anh, anh đừng lo, nó sẽ được chôn chặt trong lòng em như những người chết nằm trong mồ, và anh René, hãy tin chắc rằng mặc cho tất cả những nỗi đau của em, mặc những khổ hạnh đã qua của em, mặc những đau đớn sắp tới em vẫn muốn không được gặp anh. Khi em so sánh tất cả những đau khổ hiện tại của em với những gì của cuộc sống trước lúc gặp anh và với cuộc sống khi không có anh nữa, em thích cuộc sống hiện tại được thấy anh hơn là cuộc sống không sắc màu đã qua và cuộc sống vô định sắp tới. Em sẽ chỉ ở trong phòng một mình mà hồi tưởng những kỷ niệm về anh. Anh xuống dưới nhà đi và nói rằng em sẽ không xuống, hãy nói rằng bệnh của em nhẹ thôi, rằng anh đã ra lệnh cho em nằm trong phòng. Hãy gửi cho em vài bông hoa, lên thăm em nếu anh có thời gian, em sẽ biết ơn anh về tất cả những gì anh làm cho em.

-Anh phải nghe lời em à? – René hỏi – hay anh phải ở đây dù em không đồng ý để cho em hồi phục sức khỏe?

-Đừng anh hãy nghe em. Khi nào em nói "đừng đi" thì anh mới không nghe lời em.

René dừng dậy. Ôm hôn đôi bàn tay cô em họ trìu mến thật lòng, buồn bã nhìn cô một lát, tiến ra cửa, lại dừng lại một chút rồi mới đi ra.

Chỉ mình Hélène mới nhận ra tình hình trầm trọng của Jane. Cô biết không phải em mình bị mệt vì sự nguy hiểm của cuộc đi săn mà còn vì lý do khác.

Hélène là người có tính cách dịu dàng và duyên dáng nhưng lại có cái đầu lạnh hơn là bốc đồng. Cô không kết hôn vì yêu. Cô đã gặp James trên đời này, thấy ở anh ta ba thứ quý giá: trí tuệ, xuất thân và con tim. James thích cô nhưng thực ra, cô không yêu anh ta đến mức đặt cả bất hạnh hay hạnh phúc của cuộc đời vào mối quan hệ của họ. Về phần mình, anh ta cũng có một thứ tình cảm tương tự như thế. Anh ta đến Calcutta vào một giờ đã định nhưng đúng hơn là như một con người đứng đắn giữ lời, giống một ông chồng đến gặp người vợ mà anh ta yêu mà thôi. Anh ta đi vòng quanh thế giới cũng ngâu nhiên như việc anh ta đi vài dặm từ Calcutta đến Đất Trầu. Nhưng nếu anh ta không gặp Hélène ở chỗ hẹn, anh ta sẽ rất ngạc nhiên vì theo anh ta, tất cả mọi phụ nữ đều là nô lệ của đời mình nó giống như một quý ông, nhưng anh ta đã không thất vọng, hai con tim ấy sinh ra để cho nhau, hai con người ấy sinh ra là để được hạnh phúc.

Với Jane lại không như vậy. Cô gái Jane với tính cách ngược lại cô có cái đầu nóng bỏng và con tim bốc lửa, cô cần yêu và được yêu. Cô không dừng lại ở dáng vẻ bề ngoài, không quan tâm đến bộ đồ thủy thủ tầm thường mà René đang mặc, cô cũng không tự hỏi xem anh giàu hay nghèo, quý tộc hay bình dân. Anh xuất hiện trước mặt cô như một vị cứu tinh khi cô rơi vào tay tàu cướp biển cô đã thấy anh lao mình xuống biển chỉ vì một thủy thủ bình thường đã bị các bạn của anh ta bỏ rơi và bị cá mập đuổi sát phía sau. Cô đã thấy anh chiến đấu và chiến thắng con quái vật là nỗi kinh hoàng của mọi thủy thủ. Cô cũng thấy anh đến bảo vệ hai chị em cô đã dấn thân vào một chuyến đi hơn một nghìn năm trăm dặm, phải chống chọi với quân cướp biển Mã Lai, chống lại hổ, trăn, bọn cướp… Cô thấy lòng tốt của anh trải rộng như bóng cây cổ thụ. Liệu người ta có thể làm gì hơn thế. Mặt khác anh lại trẻ trung, đẹp trai và có nhân phẩm. Cô đã tự nhủ rằng số mệnh đã cho họ gặp nhau chứ không phải do tình cờ. Cô đã yêu anh như yêu mối tình đầu say đắm và đã yêu bằng trọn sức mạnh của trái tim mình. Giờ đây phải dứt bỏ cái hy vọng được yêu mà cô ấp ủ ngay từ ngày đầu gặp gỡ cho đến lúc thổ lộ mọi tâm tư, làm sáng rõ mọi chuyện với René và cô, thử hỏi cô sẽ ra sao ở cái chốn nước Pháp bốn nghìn dặm, trong cái nơi hoang vu nơi mà sự ra đi của René càng khiến cô thêm đơn độc gấp đôi này? Ôi, chị gái cô mới thật hạnh phúc làm sao! Chị ấy yêu và được yêu. Thật ra, một tình yêu như của ngài James Asplay là không đủ cho một tình yêu như của cô bé. Những con tim yêu nồng

cháy hà cớ gì mà phải sống trong sự cô lẻ và để nó tắt đi trong mùa đông của một cuộc đời không có ánh mặt trời?

Một phụ nữ không đẹp thì không có tuổi trẻ nhưng một phụ nữ không được yêu thì chưa từng sống.

Và trong cơn tuyệt vọng, Jane cắn nát chiếc khăn tay đẫm nước mắt, chiếc khăn từng là nơi cô mơ mộng một ngày thấy số của mình và René.

Ngày đã qua đi như thế tình trạng của mình cho phép Jane lấy cớ không xuống nhà. Hélène thấy rõ nguồn cơn bệnh của em không phải do mệt mỏi nên đã xin phép liệu mình có vào được không, điều mà từ trước đến nay cô không quen làm.

Jane trả lời là đồng ý và ngay lập tức cô đã nghe thấy tiếng bước chân của chị gái ngoài hành lang. Cô lau nước mắt, gượng cười nhưng vừa thấy bóng chị gái thân yêu là cô không sao kìm được những tiếng nức nở và kêu lên khi giang vòng tay đón chị.

-Ôi chị gái của em ơi, em bất hạnh quá! Anh ấy không yêu em và anh ấy sẽ ra đi.

Hélène khép cánh cửa, vặn khoá rồi đến bên em.

-Ôi sao em lại thổ lộ anh yêu ấy khi vẫn còn thời gian nghĩ thêm?

-Nhưng than ôi! Em đã yêu anh ấy ngay lúc gặp đầu tiên.

-Thế mà chị lại ích kỷ, chị chỉ nghĩ đến tình cảm của mình thay vì chăm lo đến em, là người có nghĩa vụ như một chị gái và như người mẹ thứ hai, chị đã tin tưởng vào sự tử tế của con người này!

-Đừng buộc tội anh ấy – Jane kêu lên – Có trời làm chứng, anh ấy không bao giờ làm gì tỏ ra là anh ấy yêu em, chỉ có em đơn phương yêu anh ấy vì thấy anh ấy là người đẹp trai nhất, có tinh thần hiệp sĩ nhất, anh dũng nhất trong số tất cả những người đàn ông.

-Và anh ta đã nói là anh ta không yêu em? – Hélène hỏi.

-Không, không, anh ấy hiểu nếu làm như thế sẽ là xấu xa.

-Anh ta có vợ rồi à?

Jane lắc đầu và nói: -Chưa.

-Thế thì là vấn đề tế nhị à? Em có nghĩ mình quá cao quý và quá giàu có để trở thành vợ của một trung uý trên tàu cướp biển không?

-Hơn cả một bí mật mà là một uẩn khúc! – Jane đáp.

-Em có thể nói cho chị không?

-Em đã thề rồi.

-Tội nghiệp em tôi, bây giờ chỉ còn chờ em hãy nói xem chị có thể làm gì cho em.

-Làm sao cho anh ấy ở lạt càng lâu càng tốt, anh ấy ở thêm ngày nào, em như sống thêm được ngày ấy.

-Em định gặp gỡ anh ta cho đến khi anh ta ra đi ư?

-Ở mức nhiều nhất em có thể.

-Em có chắc việc mình làm không?

-Không, nhưng em chắc việc anh ấy làm!

Cửa sổ chợt hé mở, Hélène lại gần để khép lại. Nhìn ra sân, cô thấy James đang nói chuyện với bốn, năm người mình đầy bụi đường, chắc chắn họ vừa trải qua một quãng đường dài. Họ nói rất sôi nổi và cỏ vẻ rất vui. Anh chàng James nhận ra Hélène.

-À Hélène tốt bụng, em hãy xuống đây, tôi có tin vui muốn báo cho em biết.

-Xuống nhanh lên chị Hélène – Jane bảo – và cũng lên đây ngay để báo cho em tin đó. Than ôi! – Cô lẩm bẩm – Chẳng ai có tin vui nào báo cho mình và không có người nào gọi mình để thông báo tin gì vui vui cả!

-Em cũng đoán lại sao chúng ta lại để các thày tu đã đọc kinh cầu siêu cho cha chúng ta ra đi mà không để họ ở lại làm lễ cưới cho bọn chị đường không? – Hélène hỏi.

-Vâng – Jane trả lời – Vì chị thấy không hay khi để một người vừa làm lễ cho người chết đồng thời lại làm lễ cưới.

-Đúng vậy. Nhưng Chúa đã thưởng cho chúng ta một món quà. Một cha cố người Italie mà mọi người gọi là cho Louis đang sống ở Rangoon. Cứ ba năm. Ông lại đi quyên tiến khắp cả nước. Ngài James Asplay vừa thông báo trong ba bốn ngày nữa, cha Louis sẽ đến đây. Ôi, Jane yêu của chị, một ngày đẹp trời làm sao nếu ông ta có thể làm cả bốn người hạnh phúc.

§77. Đêm Ấn Độ

Kể từ lúc đó cuộc sống đối với Jane chỉ là một chuỗi ngày cảm xúc đối lập. Khi René ở bên cô thấy cuộc sống tràn trề sức lực, khi anh xa cô, cô thấy con tim mình như không còn đủ sức để đập.

René, con người yêu cô bằng tình cảm trìu mến của một người anh họ và một người bạn không nhận ra hoàn cảnh của mình. Trẻ trung và đầy sức quyến rũ, anh cũng không thoát khỏi sự ảnh hưởng mê hoặc của một cô gái trẻ đẹp, yêu anh đến điên cuồng. Qua ánh mắt, những cái siết tay, những tiếng thở dài, cô gái như thổi cuộc sống khốn khổ của mình vào những động mạch của người đàn ông mà cô yêu. Với anh, trong những cuộc nói chuyện say sưa ấy có một sự quyến rũ đau đớn đồng thời cũng đầy hấp dẫn. Phải phản kháng lại tình yêu ở tuổi hai mươi sáu, tức là ở độ tuổi xuân nồng nhất thời trai trẻ khi mà trời, đất, hương, hoa, trăng, gió đều ngất ngây men say kích thích của phương Đông, chúng nói với bạn "Hãy yêu đi", tức là anh đang một mình chống lại tất cả sức mạnh của tự nhiên.

Phải nói René đã đặt mình vào một vấn đề không thể, tuy nhiên đã chiến thắng cuộc chiến không ngơi nghỉ này. Anh phải có sức mạnh mới đối diện trước mối nguy hiểm khủng khiếp nhất.

Ở tầng trên của toà nhà có một phòng lớn có hai ban công quay ra hướng đông và tây. Đó là nơi Jane và René thường cùng nhau trải qua những phần đêm đẹp nhất. Jane rất yêu các loại hoa thay vì ngọc trai, đá quý hay kim cương bị bỏ quên trong các hộp nữ trang, cô kết những chiếc vòng cổ bằng loài hoa rực rỡ và thơm dịu gọi là mhogry. Loài hoa này vừa giống hoa nhài và hoa đinh về hình dạng nhưng lại có mùi thơm giống như cây sương mai và hoa huệ. Nó thay đổi sắc khi trắng, khi hồng khi lại vàng trên các đài hoa dài. Người ta xâu sợi dây qua các đài hoa ấy tạo thành chiếc vòng cổ thơm ngây ngất.

Ấn Độ có những đêm tuyệt diệu, thời điểm nào cũng có nét đẹp mê hồn, trong đó cảnh bình minh và hoàng hôn là lộng lẫy nhất: bầu trời chuyển đủ màu như người làm pháo hoa tài tình nhất tạo ra các loại sản phẩm của mình. Vào những ngày đẹp trời của mùa xuân và mùa thu cảnh trăng lên đầy đặn giống như cảnh mặt trời lên trong những ngày yếu nắng ở phương Tây. Nếu mặt trời là lửa thì mặt trăng là vàng. Những hôm trăng sáng, người ta có thể đọc viết hay đi săn như giữa ban ngày. Điều làm nên vẻ kỳ diệu của đêm, đó là sự thay đổi của chính chúng: có những đêm trời tối mịt mùng đến nỗi người ta không nhìn thấy gì cách mình hai bước chân, có những đêm trăng lại sáng vằng vặc như ban ngày. Những hôm nhiều sao, các vì sao trên bầu trời như gần hơn, đông đúc hơn và lóng lánh hơn. Mặt trăng không vì thế mà bị át đi nó càng rót thêm ánh sáng của mình vào.

Có những đêm khác, tôi băn khoăn khi nói đêm khác vì từ nay ít xuất hiện trong suy nghĩ của tôi, có những đêm khác, thật sự có một vầng hào quang bắc cực ôm lấy trọn bán cầu. Khi những mảnh mây hiếm hoi dạt về chân trời, những tia nắng đỏ tía còn vương vất sót lại lúc mặt trời đi ngủ, khi hoàng hôn vừa buông như tấm rèm sân khấu khép lại giữa hai màn kịch thì một vùng sáng nhô lên khỏi mặt đất, choán lấy khung cảnh phía chân trời và ban phát cho đêm trắng tuyệt đẹp như Puskin, đại thi hào Nga, từng ca ngợi. Ngày sắp lên? Đêm sắp xuống? Không ai biết phải nói thế nào: cơ thể không mang theo cái bóng của chúng nữa, một kẻ lạ khó hình dung bước vào con người bạn, sức tưởng tượng tràn ra và như chạm đến đỉnh vòm trời cao ngất; con tim cảm thấy những tình cảm thánh thiện đang ùa vào bạn, tâm hồn lấy đà bật lên cao bất tận khiến bạn tin là có hạnh phúc.

Trong khi đó, những cành cây lay động và toả ra những mùi thơm dìu dịu, những tiếng lao xao truyền từ ngọn cao nhất đến từng cọng cỏ trên cánh đồng, hoa trao hương của mình cho gió còn gió lại mang cho bạn mùi thơm ngào ngạt của cả triệu bông cộng lại như nén hương mà thiên nhiên đốt trước bàn thờ Chúa toàn năng.

Hai con người trẻ tuổi ở đó, họ ngồi cạnh nhau, bàn tay Jane đặt lên bàn tay René, có khi họ còn im lặng cả giờ đồng hồ: Jane đang ngây ngất còn René đang mơ màng.

-Anh René này – Jane nói, đôi mắt ngước lên trời đắm chìm trong cơn mơ màng – Em đang hạnh phúc. Tại sao Chúa không cho em hạnh phúc ấy. Chỉ thế này cũng đủ mà.

-Jane ạ – René đáp – Đó chính là điểm yếu của chúng ta cũng như những người khác, những tạo hoá thấp kém đáng thương. Thay vì tạo một vị Chúa từ con người, lập nên sự hài hoà của vũ trụ bằng sự cân đối các yếu tố vũ trụ chúng ta lại tạo ra một vị Chúa trong trì tưởng tượng, một vị Chúa của cá nhân, người mà ai cũng đòi hỏi yêu cầu của mình không phải từ những biến cố lớn lao mà từ những bất hạnh cá nhân. Chúng ta cầu xin Chúa, vị Chúa mà ta không mắt thấy tai nghe, tuy nhiên ngài lại tồn tại khắp nơi. Chúng ta cầu nguyện ngài giống như tổ tiên cầu nguyện vị thần tại gia, một pho tượng cao bằng nửa cánh tay, giống như người Ấn Độ cầu linh vật của họ, giống như người da đen cầu thờ bùa của mình. Chúng ta yêu cầu ngài theo hoàn cảnh chúng ta thấy thoải mái hoặc đau khổ: "Tại sao Người đã làm thế này? Tại sao Người đã làm thế kia?" Chúa của chúng ta không trả lời Ngài ở quá xa chúng ta vả lại Ngài đâu có lo cho những đam mê nhỏ nhen của chúng ta. Vậy là chúng ta trở nên bất công với ngài, chúng ta trách cứ ngài về những bất hạnh xảy ra với chúng ta như thể chính Ngài gởi chúng đến vậy, và từ những bất hạnh chúng ta xúc phạm hay vô lễ với ngài.

Jane yêu quý, em hỏi Chúa tại sao Ngài không để chúng ta ở bên nhau như thế này, thế em có chú ý đến đại cục không. Chúng ta là những phần tử bất hạnh bị cuốn vào cơn đại hoạ của cả dân tộc bị nghiền nát giữa một thế giới đã chấm dứt và một thế giới mới bắt đầu, bị lôi kéo bởi một vương triều mục nát và bởi sự xuất hiện của một đế chế mới. Hãy hỏi Chúa tại sao đức vua Louis XVI lại nồi da xáo thịt thần dân của mình khiến nước Pháp kiệt quệ bằng những cuộc chiến của ông ta, tiêu tán ngân khố vì thói đỏng đảnh bằng đá cẩm thạch và bằng đồng. Hãy hỏi Ngài tại sao ông ta lại theo một chính sách huỷ hoại để dẫn đến kết cục phải nói một câu không có thật: "Không có dãy Pyréneés nữa". Hãy hỏi Chúa tại sao chỉ vì chịu đựng thói nhõng nhẽo của một người đàn bà và uốn mình dưới ánh trăng lữ mà để vua huỷ bỏ sắc chỉ Nantes khiến Hà Lan và Anh quốc giàu có trên sự lụi tàn của nước Pháp? Hãy hỏi Ngài tại sao vua Louis XV lại tiếp tục sự nghiệp định mệnh của cha mình khi phong tước cho nữ công tước Châteauroux, các hầu tước nhà Etioles và các nữ bá tước Du Barry. Hãy hỏi Ngài vì sao, ông ta chống lại ý kiến của lịch sử mà nghe theo một tên bộ trưởng bán nước và tại sao không nhớ đến liên minh Áo luôn mang lại bất hạnh, cho ba bông huệ mà đặt lên ngôi nước Pháp một công chúa nước Áo. Hãy hỏi Ngài tại sao Ngài lại trao cho vua Louis XVI thay vì đức hạnh hoàng gia lại là bản năng tư sản. Hãy hỏi Ngài tại sao Ngài cho phép ông tay cầu cứu ngoại bang vì mục đích của cá nhân và tại sao Ngài lại hạ một cái đầu tôn nghiêm trên đoạn đầu đài như thế, nơi vẫn dành cho các vụ phạm tội tầm thường.

Em thấy chưa Jane tội nghiệp của tôi, từ đó em sẽ thấy sự bắt đầu câu chuyện của chúng ta. Từ đó, em sẽ thấy tại sao tôi không ở lại gia đình em lâu hơn nơi tôi đã có một người cha và hai em gái. Ở đó, em sẽ thấy tại sao cha tôi đã chết trên đoạn đầu đài nơi thấm máu đỏ của nhà vua, tại sao anh trai cả của tôi bị xử bắn, anh trai thứ hai bị chặt đầu, tại sao tôi, đến lượt mình tiếp tục hoàn thành lời thề ấy. Tôi đã tham gia, không nhiệt tình, không có niềm tin vào một con đường mà đúng đến lúc chạm tay vào hạnh phúc lại bị tước đi mọi hy vọng để chôn thân trong ba năm tù ở Temple rồi lại rơi vào sự khoan hồng giả tạo của một kẻ vừa ân xá vừa kết án tôi phải sống trong bất hạnh. Nếu Chúa trả lời em và nếu Chúa trả lời được câu hỏi "Tại sao em không thể sống như thế này chỉ cần thế cũng đủ rồi" thì Ngài sẽ trả lời em rằng: "Tội nghiệp cô gái, ta không thể giúp gì trong sự việc quá nhỏ bé của cuộc đời hai con, cuộc đời giúp hai con gặp trong tình cờ và phải chia tay vì cần thiết."

-Anh không tin vào Chúa sao, anh René? – Jane kêu lên.

-Có chứ, Jane. Anh tin vào Chúa, nhưng vào một vị Chúa đã tạo ra con người, vạch đường cho họ trong không trung nhưng không có thời gian để lo cho bất hạnh hay sung sướng của những phần tử bám trên bề mặt trái đất ấy. Ôi Jane, người bạn tội nghiệp của tôi, tôi đã qua ba năm để nghiền ngẫm tất cả những bí

mật ấy. Tôi đã đi xuống phần tối tăm nhất từ một phía của cuộc đời và đã đi ra phía kia trong lòng tự hỏi tại sao chúng ta đang sống, như thế nào và tại sao chúng ta chết đi rồi tự nhủ Chúa là một từ cho tôi dùng để gọi tên người tôi tìm; từ này, cái chết sẽ nói với tôi, trừ phi cái chết còn câm lặng hơn cái sống.

-Ôi René – Jane ngả đầu vào vai anh thì thầm – Cái triết lý ấy quá nặng nề so với lòng yếu đuối của em. Em muốn tin tưởng là có Chúa hơn, như vậy dễ dàng hơn và cũng đỡ tuyệt vọng hơn.

§78. Chuẩn bị ngày hôn lễ

René đã từng chịu rất nhiều đau khổ. Vì lẽ đó mà anh thấy dửng dưng với cuộc sống và bất cần trước nguy hiểm. Ở tuổi hai mươi sáu, độ tuổi mà cuộc sống mở ra trước mắt con người ta một vườn hoa đầy hương sắc những với anh cuộc sống đã khép lại rồi. Đột nhiên anh đã bị rơi vào một nhà ngục nơi có các tù nhân lần lượt tự tử và hầu hết những ai đặt chân vào đó đều có kết cục là bước lên đoạn đầu đài. Từ quan điểm của mình, anh thấy Chúa thật bất công vì Chúa đã trừng phạt anh, ý anh muốn theo tấm gương và truyền thống gia đình, tức là tận trung với triều đình. Anh phải đọc rất nhiều, suy nghĩ rất nhiều mới nhận ra rằng trong lòng tận tụy bất hợp pháp đôi khi dẫn đến tội ác và chỉ có lòng tận tụy vì lẽ Chúa và vì Tổ quốc là đúng. Anh cũng ngộ ra một điều rằng phải tận tụy với Chúa – và vì Chúa người tạo ra vạn vật chứ không phải vị Chúa của cá nhân, người viết giấy khai sinh cho mỗi con người đồng thời viết luôn số phận của anh ta.

Nếu anh nhầm lẫn, nếu ngược lại với tất cả khả năng đưa ra. Vị Chúa ấy vẫn bất công và mù quáng, nếu sinh mạng của nhân loại không bao gồm những tai ương vật chất, bị bỏ mặc cho cơn đỏng đảnh của ngẫu nhiên thì vị Chúa dẫu chẳng có gì phải phàn nàn khi anh chống lại Chúa và anh vẫn là con người trung nghĩa dù Chúa có phản đối đi chăng nữa.

Thử thách đã rất nhiều và anh vẫn vượt qua nó như lưỡi thép mới đúc xong: cứng cáp và thuần khiết. Đức tin con trẻ lần lượt rụng từng mảng dưới chân anh giống như những mảng lá chắn lỏng lẻo rơi dần trong một cuộc đấu. Nhưng cũng gương như Asin, anh không cần vào dòng sông Stich rồi. Anh ghê tởm cái ác vì anh hiểu bản chất của nó, và làm điều tốt, anh không mong một ân huệ khoản đãi nào. Vì anh không tin vào sự bảo vệ trực tiếp của Chúa với con người trong những mối hiểm nguy mà họ phản đối diện, anh tin vào sức mạnh của chính bản thân vào sự khéo léo và sự tỉnh táo lạnh lùng của mình. Anh chưa ra những phẩm chất bên ngoài, thứ người ta nhận được từ tạo hoá với nền giáo dục đạo đức cũng như thể chất của trí não và cơ thể do chính người ta tu dưỡng học tập mà thành. Một khi nghĩ thấu đáo như thế, anh không đổ lỗi cho Chúa phải chịu trách nhiệm về những bất hạnh vụn vặt đời mình nữa, anh không làm điều ác vì anh ghê tởm cái ác. Anh làm điều tốt vì cái tốt là nghĩa vụ xã hội giao cho con người.

Trước một con người như thế, Jane đã có lý khi nói với chỉ mình "Em không tin vào mình nhưng em tin anh ấy". Và để tận dụng quãng thời gian ngắn ngủi René còn ở bên mình, Jane ít rời xa anh nếu có thể. Họ đi dạo bằng ngựa bên nhau ở những nơi có người ở và chỉ trở về khi tiếng kẻng gọi họ về ăn trưa hay cái nóng như thiêu như đốt bắt buộc. Buổi chiều, họ lại đi chơi lang thang đây

đó, đôi khi tình cờ đi xa hơn mức bình thường. Nhưng khi René có cây súng khoác ngang vai và súng ngắn đeo bên ngựa thì Jane chẳng sợ gì hết.

Vả lại từ ít lâu nay, Jane có vẻ hoàn toàn thờ ơ trước nguy hiểm, thậm chí cô còn mong gặp nó hơn là tránh nó. Buổi tối, hai con người trẻ tuổi ngồi dưới mái hiên. Họ cùng nhau nói về những triết lý mà một tháng trước Jane không hiểu nên không bàn luận gì. Bây giờ cô thường xuyên trăn trở trước cái bí hiểm vĩ đại của cái chết, trăn trở mà không được sáng tỏ với Hamlet. Những suy nghĩ của cô đã rõ ràng, chắc chắn và quyết đoán đáng kể. Vốn chưa bao giờ từng nghĩ đến những vấn đề tương tự, đầu óc cô vốn có trực giác còn trong sáng nó cho phép cô nếu không nhận ra sự thật chí ít cũng nhận ra khả năng lý luận trong những lý lẽ của René.

Còn lại, có lẽ bề ngoài Jane không có gì thay đổi ngoài việc cô vẫn xanh xao hơn, buồn bã hơn và ánh mắt đắm đuối hơn. Hầu như kết thúc buổi tối nào, cô cũng gục đầu vào vai René và ngủ thiếp đi. René trở nên bất động nhìn cô mà lòng se thắt. Qua ánh trăng vằng vạc, cô bé trẻ đẹp này đã chứng tỏ nỗi buồn và nỗi bất hạnh của mình. Và rồi khi cơn buồn ngủ khiếm nhã muốn cặp mi để rơi một hạt lệ, anh lại dùng lý trí giữ nó lại. Anh thở dài, nhìn trời trong lòng thầm hỏi liệu những đau khổ ở thế giới này có được bù đắp bằng hạnh phúc ở thế giới khác hay không. Ngày và đêm nối tiếp nhau qua đi như thế. Chỉ có Jane ngày càng buồn hơn, xanh xao hơn.

Một buổi sáng, cha Louis, đang được sốt ruột mong đợi với người này và là mối sợ của người kia, cuối cùng cũng đến. Lần này, Jane không thể giấu nổi cảm xúc của mình, cô chạy vào phòng, vùi mình vào giường khóc nức nở.

Chỉ mình René nhận ra sự vắng mặt ấy. Anh vốn vẫn dành cho Jane một tình cảm bạn bè nhưng tình cảm ấy vừa dịu dàng, có dự báo và lo lắng hơn là một thứ tình yêu tầm thường.

Cha Louis biết mình đang được chờ đợi. Một người đàn ông thông báo sự hiện diện của cha đã từng được gửi đến Pégou để báo tin và dẫn đường cho ông. Vị linh mục đã đi một mình cùng người đàn ông ấy dưới sự che chở của Chúa mà không lo sợ chút nào.

Họ đang ở ngày thứ ba. Lễ cưới được ấn định vào ngày chủ nhật tới và mỗi ngày từ thứ ba đến chủ nhật đều là ngày chuẩn bị cho hôn lễ.

Chúng ta đã nhắc đến ở trên là chỉ có René nhận ra sự vắng mặt của Jane. Anh lên phòng cô, mở cửa thân mật như một người anh và bắt gặp cô đang khóc thổn thức. Cô biết ngày đánh dấu hạnh phúc của Hélène cũng là ngày đánh dấu bất hạnh của cô bởi lẽ một khi xong đám cưới, James Asplay và Hélène không có lý do gì để giữ René lại, còn René cũng không có lý do gì để ở lại.

Anh đỡ cô dậy dìu ra gần cửa sổ, mở cửa, rẽ tóc cô rồi hôn nhẹ lên trán.

-Can đảm lên Jane thân yêu của tôi, can đảm lên!

-Can đảm ư, nói thì dễ lắm – Jane vừa đáp vừa nức nở – Anh xa em để đi tìm người anh yêu, không trước thì sau, còn em xa anh để không bao giờ gặp lại anh nữa.

René ôm chặt cô vào lòng không trả lời. Anh biết nói sao đây? Cô ấy hoàn toàn nói đúng! Anh nghẹn thở, con tim thổn thức những giọt nước mắt trào ra.

-Anh thật tốt bụng – Cô gái nói và đưa tay lên môi anh rồi chạm vào môi mình như thể cô muốn uống những giọt nước mắt ấy.

Jane chắc chắn là rất đau khổ, nhưng René có lẽ còn đau khổ hơn vì nghĩ rằng anh là người gây ra bất hạnh này mà không thể làm gì để an ủi cô bạn được, đầu óc căng ra tìm lời trợ cứu nhưng trí óc chỉ cho anh vài câu nói đơn điệu mà con tim không muốn. Có những lúc trí tuệ chẳng thể làm gì, người ta cảm nhận là đủ và chỉ có con tim mới an ủi được con tim.

Thế là cả hai cùng im lặng mỗi người chìm đi trong dòng suy nghĩ của mình, Vì dòng suy nghĩ ấy giống nhau cùng là một thứ tình yêu bất hạnh nên tốt nhất họ im lặng để khỏi phải nói những câu vô nghĩa.

Dù không yêu Jane, René vẫn thấy một tình cảm buồn bã khi cảm nhận tình yêu của cô dành cho anh. Nếu không thể sống cùng Claire người phụ nữ duy nhất anh sẵn lòng muốn sống cùng là Jane. Trong sự chờ đợi, giờ phút trôi qua, ngày trôi qua và càng ngày Jane càng thêm buồn và đáng yêu.

Có một thứ nhân đôi nỗi đau của Jane đó là những chuẩn bị cho thứ mà người ta gọi là ngày lễ.

Bernard, bằng cách rạch thân cây đã tìm được một cây gọi là tsy-tchou, một loại cây sơn chắc chắn và trong suốt như cây thanh thạch trên núi cao.

Đám nô lệ cũng tìm được loại sáp gọi là pélatchong làm ra tứê nên vừa thanh khiết vừa trong như nến của ta.

Người ta còn đi hái hoa quả trong rừng cho vào giỏ lớn để làm rượu. Thứ rượu này làm những người da đen và người Indu rất mê.

Không ai giấu giếm những chuẩn bị ấy trước mặt Jane và ai ai cũng tham gia chuẩn bị hứa hẹn một hạnh phúc trọn vẹn cho cô chị và dù chị cô có dịu dàng với cô bao nhiêu. Jane vẫn tan nát cõi lòng.

Buổi tối thứ bảy, Jane càng trở nên đau đớn là René không để cô một mình. Thấy cô đứng dậy ra ngoài, anh chờ vài giây rồi cũng đi theo. Cô gái không thể rời xa phòng của mình. Anh xuống cầu thang, bước được bốn bước đã thấy cô ngất xỉu bên bậc. Anh bế cô về phòng. Thông thường khi bị như thế, Jane chỉ cần ngửi muối là hồi phục song lần này cơn mê sảng vẫn dai dẳng.

Jane nằm ngang gối René, ngực áp vào ngực anh bàn tay lạnh như đá, tim cô như ngừng đập chỉ đôi môi cách môi anh vài centimét là còn chút hơi ấm yếu ớt phả ra từ lồng ngực cô gái trẻ.

Anh sẽ truyền sự sống cho cô. Anh tin rằng chỉ áp môi mình vào môi cô, cô gái sẽ dựng người lên như bị cơn sốt điện. Tuy nhiên, anh không dám thử cách này hay cách kia. Có lẽ anh không tự tin vào mình như Jane từng tin vào anh. Khi nhìn cô gái trẻ trung đến thế, xanh xao đến thế, đang héo hon bất động đến thế con tim chàng trai như tan ra những giọt nước mắt rơi xuống khuôn mặt anh. Thế là như bông hoa bị héo nước bừng dậy khi có giọt sương mai, Jane ngẩng đầu mở mắt ra.

-Khi anh không ở đây nữa! Em sẽ ra sao? Em thà chết đi còn hơn!

Sau câu than vãn đau đớn ấy là cơn chấn động thần kinh mạnh. René muốn đi gọi người tới giúp nhưng Jane đã níu chặt lấy anh và nói: -Đừng bỏ em một mình. Em muốn chết lắm nhưng em muốn anh ở lại đây cơ.

René quay lại ôm cô vào lòng vỗ về nhẹ nhàng cho đến khi cô tỉnh hoàn toàn. Hélène và James đang quá sung sướng nên không thể nghĩ đến những người khác nhất là những người khác không có mặt ở đó.

Cho đến hai giờ sáng, René và Jane ở trên ban công. Mọi người trong nhà đều thức chuẩn bị cho lễ cưới. Ba anh em Justin đã cất những cành cây đầy hoa định trồng thành một hàng đi từ nhà đến giáo đường. Vì đây là món quà bất ngời cho Hélène và James nên họ bí mật làm việc từ mười giờ đêm đến ba giờ sáng. Khi trở về, tay vịn vào tay René, nhìn thấy cành cây cuối cùng. René nói: -Tội nghiệp những bông hoa sống trọn mùa xuân của chúng chỉ trong ba ngày rồi sẽ chết!

-Em còn biết một loại hoa không sống đến mùa xuân mà chết trước chúng cơ – Jane lẩm bẩm.

§79. Đám cưới

Sớm ngày hôm sau, khi René đi xem tình hình sức khỏe của Jane, anh gặp Hélène vào phòng cô. Cô chị tốt bụng chợt nhớ ra hôm qua không chú ý đến em đã đến xin lỗi. Lúc ấy trời còn sớm nên chưa ai trong nhà thức dậy. Hai chị em ở trong vòng tay nhau nửa tiếng mới chia tay.

René chờ cho Hélène về phòng mới tiến đến cánh cửa của Jane. Khi nghe tiếng nức nở gọi tên anh nhiều lần anh mới hỏi qua cửa: -Em có cần gì anh chàng? Anh vào được chứ?

-Vâng, em cần anh, anh vào đi.

Anh bước vào.

Jane đang ngồi trên giường, cô mặc bộ đồ ngủ bằng vải lanh rộng, bên cạnh cô có một chiếc túi lớn đựng đá rubi, saphia, ngọc bích đã dốc một nửa ra tấm trải giường. Cô đang chọn những viên to nhất đẹp nhất cho vào một chiếc túi da Tây Ban Nha nhỏ thơm ngát và thêu hai chữ.

Hai chữ đó là C và S.

-Lại đây – Cô nói với René – Anh đến ngồi cạnh em đi.

René kéo chiếc góc lại gần giường Jane.

-Chị em vừa ra khỏi đây. Chị ấy rất hạnh phúc. Điều duy nhất khiến chị ấy buồn là em không thể giấu được nước mắt của mình. Chị ấy hỏi bao giờ anh đi, em nói là ngày mai thì mai anh sẽ đi, đúng không? – Cô gái hạ giọng và cố giữ cho giọng khỏi run.

-Em đã yêu cầu anh ở đến hôm sau ngày cưới còn gì.

-Và anh thật tốt bụng đã đồng ý. Hãy tin rằng em rất biết ơn anh, anh René ạ. Chị ấy hỏi em có muốn giữ anh ở lại vài ngày không nhưng em nói đây là quyết định của anh, vả lại cũng cần chấm dứt thôi.

-Chấm dứt ư, Jane yêu quý của tôi! Em định nói gì?

-Em định nói là mình đau khổ, rằng em cũng làm anh đau khổ tình trạng của chúng ta không lối thoát, rằng dù anh có ở lại thêm một ngày, hai ngày hay năm ngày đi chăng nữa thì sau năm ngày anh vẫn rời xa chúng em. Người ta chỉ sợ cái chết khi người ta sống hạnh phúc thôi.

René thở dài và không nói gì. Suy nghĩ của anh giống hệt ý của Jane, chỉ có điều anh thấy ngạc nhiên khi cô còn đủ can đảm để nói rành mạch như thế.

Jane dốc nốt túi đá quý xuống giường và tiếp tục chọn. Trong công việc ấy buồn bã biết nhường nào. Cô chăm chút chọn những viên to nhất, đẹp nhất mà René không dám hỏi cô định làm gì với những viên mà cô tách ra khỏi những viên khác ấy.

Trời sáng ùa vào căn phòng. Người trong nhà lục tục kéo nhau dậy và gây tiếng động. Jane chìa tay ra cho René ra hiệu đã đến lúc anh về phòng mình. René hôn tay cô rồi đi ra. Chắc chắn lòng anh cũng phiền muộn như cô gái. Anh thay bộ quần áo ngủ bằng bộ veste buổi sáng và đi xuống nhà.

Con ngựa mà Justin quen dùng không yên được thả tự do trên đồng cỏ cạnh nhà. Anh lại gần, chìa cho nó một nắm cỏ và huýt sáo khe khẽ. Con ngựa đến ăn cỏ trong tay anh, nhân lúc đó anh nhảy lên lưng nó.

Con ngựa nhảy chồm lên nhưng lúc René đã kẹp chặt nó giữa hai chân mình thì nó không thể hất anh xuống được. Chỉ Justin mới có thể làm được như thế. Có lẽ vì vậy mà con ngựa ấy mang tên Bất Khả Thuần Phục. Cánh cửa mở ra và một giọng nói vang lên.

-Vì Chúa, René! Không ai dám cưỡi con ngựa ấy đâu. Nó sẽ giết ngài mất.

Nhưng chưa đầy năm phút, con Bất Khả Thuần Phục đã bị khuất phục. Nó trở nên ngoan ngoãn như một con cừu.

René lồng tay túm bờm nó và dùng nó làm dây cương. Anh dẫn nó đến bên cửa sổ của Jane và mặc cho nó kháng cự, anh ép nó quỳ gối xuống. Nhưng tay anh vừa mới khỏi cổ là nó đã dựng lên chạy một vòng đưa anh vào một con đường quanh co qua một góc nhọn. Ở góc quanh ấy anh gặp một bà già da đen. Dù đã ép con vật dẹp sang bên phải nó vẫn không biết mình sắp làm gì tuy tuân lệnh nhưng đã nhanh chóng va vào vai bà già rồi hất bà ngã.

Người phụ nữ ấy hét lên nhưng René đã nhanh chóng nhảy xuống đất và giúp bà đứng dậy.

Tai nạn thì không có gì thậm chí người khác còn không bận tâm. Nhất là ở Ấn Độ chuyện ấy thật vặt vãnh vì người da trắng đầu tiên đến đây cũng đều nghĩ mình có quyền cán nát một bà da đen. Nhưng René rất tốt bụng. Anh rút một thỏi vàng trong túi ra đưa cho bà. Nó tương đương với mười lăm, hai mươi phăng. Bà già muốn hôn tay anh.

Thấy bà ta đi bình thường và tai nạn không có gì nghiêm trọng, anh huýt sáo gọi con Bất Khả Thuần Phục lại, nhảy lên lưng nó lên đường về nhà. Justin đã chờ sẵn để khen ngợi anh.

Chưa người nào có thể trèo lên lưng ngựa của anh ta, thế mà anh ta đã thấy René không chần chừ nhảy lên lưng nó, thuần phục nó rất nhanh.

René chuyện trò với Justin một lát thì bà già bị anh hất ngã ở góc đường đi vào sân hỏi vài câu với người trong nhà. Hỏi xong, bà ta vào khu nhà rồi mất hút.

-Đó là ai thế? – René hỏi.

Justin nhún vai đáp: -Đó là một mụ phù thủy. Quỷ mới biết con mụ bất lương đến đây làm gì – Rồi nhận ra René vẫn mặc áo veste trắng và quần dài trong khi James đã mặc đại lễ đi xuống anh ta nói – Tôi nghĩ ngài đã muộn rồi đấy. Buổi lễ bắt đầu lúc mười giờ sáng.

René rút đồng hồ đeo dây ra xem, đã chín giờ kém mười lăm.

-Đúng rồi. Nhưng tôi còn thừa thời gian.

Tuy vậy anh vẫn lên phòng. Nhưng khi đi qua phòng khách, anh ngạc nhiên khi thấy bà già da đen đi ra từ phòng Jane. Mụ ta đến đây làm gì?

Anh tiến lại gần hỏi vài câu nhưng bà ta lắc đầu ra hiệu không hiểu rồi đi tiếp.

René muốn vào phòng Jane để hỏi nhưng phòng bị khoá bên trong. Anh hỏi có vào được không, Jane đáp: -Không được, em đang thay quần áo.

René trở lại phòng mình. Vài phút sau anh đã thay bộ đồ đại uý hải quân lịch sự. Anh xuống nhà và gặp vị cha cố đang ở phòng ăn.

Từ hôm người ta biết ông sẽ đến, Adda đã nghĩ đến việc may cho ông một bộ áo choàng lễ. Ý nghĩ để ông hành lễ trong chiếc áo đen khiến cô không vui suốt cả ngày. Thế là dựa vào một cây thủy cư mà dân Ấn Độ dùng để trang trí màu vàng trên quần áo các nhà sư, cô đã nghĩ ra cách kết hợp với đường chỉ thêu tạo thành một chiếc áo choàng mà ngay ở châu Âu cũng phải coi đó là một kiệt tác.

Cha Louis chưa bao giờ thấy một cái áo đẹp thế nên nét mặt vô cùng rạng rỡ.

Mười giờ, những cây nến trên điện thờ đã cháy. Tất cả mọi người đều sẵn sàng.

Jane yếu đến mức chính cha cố mời cô dựa vào tay ai đó để đến nhà thờ. Cô đã tựa vào tay René. Vì ở Đất Trầu không có toà thị chính nên hôn lễ không tổ chức theo phương thức dân sự mà theo nghi thức tôn giáo.

Lối đi trồng toàn cây nở hoa trải từ nhà đến nhà thờ làm tất cả mọi người đều ngạc nhiên, trừ những ai trồng nó. Nhìn cây giống như mọc bởi phép thuật vậy.

Sau những câu hỏi quen thuộc với sự trả lời đồng ý của cặp vợ chồng, lúc cha cố trao nhẫn cho Hélène, Jane thở mạnh và sụp xuống chiếc ghế đối diện.

René vội đưa lọ muối ngửi. Jane hiểu mọi người sẽ đau lòng thế nào khi có biểu hiện buồn bã như vậy. Cô tập trung tất cả can đảm của mình giả cho mọi người thấy cô chỉ quỳ gối cầu nguyện thôi.

Chỉ có Hélène và René nhận ra chuyện vừa xảy ra.

Jane muốn dự bữa trưa nhưng sức khỏe không chiều theo ý muốn của cô. Cô rời bàn và lên nhà.

René đưa mắt nhìn Hélène ra hiệu anh ở lại, nhưng năm phút sau cô nói với anh: -Ngài René, phiền ngài lên xem Jane thế nào. Ngài là bác sĩ của tất cả chúng tôi. Em tôi dạo này yếu quá và chỉ ngài mới có cách chữa thực sự.

René đứng dậy nhảy lên phòng Jane. Anh thấy cô đổ vật xuống sàn. Cô không kịp nằm lên ghế hay lên giường. Anh đỡ dưới vai cô dìu cô ngồi lên chiếc ghế bành cạnh cửa sổ. Cô chuyển từ cơn mệt sang mê man. Khi dứt cơn sốt, cô rơi vào tình trạng đờ đẫn, còn đáng sợ hơn bị sốt.

Người ta cảm thấy có điều bất ổn đang xảy ra trong cỗ máy người đẹp đẽ này. Cô không theo quy luật cuộc sống thông thường nữa mà sẽ theo những cơn biến động lộn xộn của bất ổn ấy.

-Ôi, Jane – René tuyệt vọng nói – Em định tự sát đấy à?

-Ôi! – Jane đáp lại – Nếu em có thời gian, em sẽ không tự sát đâu em sẽ chết một mình cơ.

§80. Eurydice[353]

Nghe câu trả lời ấy có lẽ người ta không còn gì để nói. Người ta cảm thấy cơn tuyệt vọng ghê gớm trong trái tim trẻ trung đã buông xuôi mặc cho mọi chuyện đến đâu thì đến.

Jane đã ở cung bậc đau khổ cao nhất khiến René quyết định không rời cô suốt hôm ấy.

Đến giờ ăn tối, Hélène giấu đi tất cả nét vui tươi đang tràn ngập trong lòng lên phòng Jane xem cô có xuống không nhưng cô em đang ở tình trạng đờ đẫn đến nỗi cô thấy không gì vui thú có thể giúp ích cho tâm thần bị tổn thương sâu sắc đến thế. Cô là người đầu tiên xin René ở lại bên em mình. Hélène hiểu chỉ có nguyên do đau khổ mới có thể khiến em mình đờ đẫn như vậy.

René, về phần mình cũng rụng rời. Anh không còn lời nào để nói với Jane. Anh thở dài, nhìn cô, chìa tay cho cô. Giữa họ, những cơ chỉ ấy còn là ngôn ngữ biểu cảm hơn mọi lời họ có thể nói với nhau. Nếu René nghĩ vài ngày ở thêm có thể chữa khỏi bệnh cho Jane thì chắc chắn anh sẽ ở lại. Nhưng sự đòi hỏi về đạo đức buộc anh ra đi và với một số người, đòi hỏi ấy đôi khi là mạnh nhất. Vả lại, Jane cũng có vẻ đồng tình với sự ra đi đó, từ bảy tám ngày qua cô chỉ tính đến thứ hai. Sau ngày thứ hai, không có gì còn tồn tại với cô nữa và như một chiếc đồng hồ đã lên giây cót cho 8 ngày, sau tám ngày ấy mọi chuyển động của nó sẽ dừng lại.

Tiếng đồn về căn bệnh của Jane đã lan ra khắp khu dân cư và vì mọi người đều yêu quý cô nên ai cũng buồn. Đồng thời, người ta cũng đồn căn bệnh này là số phận do bàn tay của bà trò làm rắn.

Người ta gọi bà già da đen mà René va ngựa vào người đi ra khỏi phòng Jane như thế. René đã nghe tiếng xì xào bàn tán của các nô bộc trong nhà nhưng anh cũng không quên lời than vãn thốt ra từ miệng Justin khi anh này nhận ra bà ta.

-Liệu một phát súng có giúp chúng ta thoát khỏi ả vô lại đó không?

Trong lúc đi xuống dưới nhà để ăn tối, Jane cũng nhờ anh xuống xin lỗi vì cô không xuống được, René hình như cũng đồng tình với thái độ của Justin với bà già da đen dù anh hiểu rõ hơn ai hết căn bệnh của Jane do đâu mà có. Anh hỏi Justin về người phụ nữ nọ.

Người ta gọi bà là kẻ làm trò rắn vì bà ta có khả năng đặc biệt là ru ngủ và chạm được vào những loài bò sát độc nhất. Nhưng tài năng của bà ta không dừng lại ở đó, người ta đoán bà ta còn biết về những loại cỏ độc, loại có thể giết người chỉ trong vài phút.

-Sao Jane lại có quan hệ với một người đàn bà như thế?

Khi đến gần Jane, René định hỏi cô nhưng đứng trước một thiên thần ngây thơ trong trắng ấy, từ ngữ không dám phát ra khỏi miệng anh. Tuy thế anh vẫn mơ hồ cảm nhận một điều đặc biệt kinh khủng. Anh thấy run rẩy như một cơn dự báo rồi đột nhiên tim anh se thắt lại buộc anh kêu lên một tiếng nghẹn thở khiến Jane cũng phải rùng mình.

Sau đó anh tiến lại phía cô như một người cha tiến lại gần đứa con mà ông ta sợ mất nó. Anh áp cô vào lòng, hôn lên trán, lên tay nhưng cử chỉ ấy chỉ dịu dàng ở mức độ nào đó nằm ngoài tình cảm lứa đôi mà chính Jane cũng không thể nhầm.

Đêm xuống, hai thanh niên ấy lại đến ngồi chỗ quen thuộc của họ ngoài mái hiên. Như thể tất cả đều đồng tình trả cho Jane tội nghiệp sự bình yên nên chưa bao giờ đêm đẹp như thế, chưa bao giờ trời có nhiều ánh sáng xua tan bóng đêm đến thế. Dù trăng không rõ và những vì sao bị một màn mây che khuất nhưng đâu đâu cũng bừng sáng: Một mùi thơm hãng hạc, nồng nàn xộc vào các động mạch, vào phổi, khơi dậy một cuộc sống lạ lẫm mà người ta chỉ có thể hiểu được toàn bộ sức mạnh khi sống trong không khí rừng rực như khi người ta hít thở ở châu Á và đặc biệt ở Ấn Độ.

René ngỡ đã thổ lộ với Jane ngọn nguồn mọi câu hỏi và câu trả lời về khả năng một cuộc sống tương lai và sự thật bất tử của linh hồn. René là người theo thuyết vô thần, anh tin vào sự vĩnh hằng của vật chất vì anh nhận ra rằng một hạt cát có thể bị nghiền thành nghìn hạt cát chứ không mất đi, anh không tin vào linh hồn vì dưới mọi góc độ linh hồn chưa bao giờ xuất hiện và anh cũng không tin vào thuyết vô hình hay siêu hình.

Bichat mới vừa chết, ông ta đã xử lý và giải quyết vấn đề ấy. Cuốn sách hay của ông về cái chết và sự sống đã được René đọc trong tù. Anh còn nghiên cứu rất kỹ phần mở rộng của Gall và Spurzheim. Anh càng phát triển thuyết vật chất của mình những giọt nước mắt càng chảy trên khuôn mặt Jane.

-Anh René, như vậy anh tin rằng một khi chúng ta xa nhau là xa nhau vĩnh viễn chúng ta sẽ không gặp nhau nữa đúng không?

-Anh không nói như vậy – René đáp – Sự tình cờ đã khiến chúng ra gặp nhau lần đầu, em có thể trở lại Paris, anh cũng có thể trở lại Ấn Độ, sự tình cờ sẽ có thể khiến chúng ta gặp nhau.

-Em sẽ không đến Pháp – Jane buồn bã nói – Anh cũng không trở lại Ấn Độ. Con tim chúng ta đã xa cách hoàn toàn vì tình yêu anh dành cho người phụ nữ khác, cơ thể chúng ta chia cách mãi mãi vì khoảng cách mặt đất. Vừa nãy anh nói với em rằng anh không tin vào những điều vô hình và không tưởng tuy nhiên em lại tin vào tình yêu của anh với Claire de Sourdis, dù nó vô hình và không tưởng đến đâu.

-Đúng vậy, nhưng mục đích của tình yêu ấy là không tưởng và vô hình. Anh cũng tin vào anh yêu em dành cho anh, Jane ạ.

Dù anh không nhìn thấy nó nhưng nó vẫn bao bọc anh như đám mây của thần Énéide che giấu các vị thần ấy.

-Anh có lý, René ạ – Jane nói và lau nước mắt, cô tiếp tục nói và đứng dậy – Em thật tàn nhẫn và ích kỷ. Em bắt anh bất hạnh theo sự đau khổ của em: Hẹn anh ngày mai, anh René. Ngày mai chúng ta sẽ xa nhau. Đừng làm tâm hồn em thêm yêu đuối vào thời điểm cực độ này. Em cần tất cả sức mạnh của mình và có thể anh cũng cần tất cả sức mạnh của anh.

-Em về phòng ư, Jane?

-Vâng. Em cần cầu nguyện. Em biết lời nguyện cầu không chữa khỏi bệnh nhưng nó như một thứ cần sa giúp ta mê muội đi. Chỉ xin anh hứa với em một chuyện.

-Chuyện gì hả Jane?

-Đó là đừng đột ngột bỏ đi mà không nói với em một lời từ biệt. Em cần một lời từ biệt dài và an ủi. Em cần ngủ trên vai anh như mọi khi nhưng lần này phải tin là em sẽ không bao giờ dậy nữa.

René lưỡng lự không muốn rời Jane. Anh cảm thấy một thứ tình cảm không sao cắt nghĩa được. Anh dìu cô đến phòng, ôm cô trong lòng thật lâu rồi mới về phòng mình sau khi dừng lại ba bốn lần vì tưởng Jane gọi anh. Khi về phòng, anh không sao chợp mắt nổi. Anh có cảm giác sắp có bất hạnh lớn xảy ra.

René lại gần cửa sổ phòng mình gắng hít thở không khí trong lành từ vài cơn gió đêm. Thật ra những làn gió ban mai đã bắt đầu lướt trên mặt đất rồi. Cái màu trắng nhợt nhạt khiến đêm có màu sáng trong suốt bắt đầu lụi dần và một luồng hơi nước xám nhạt bắt đầu thay thế nó. Đúng lúc đó, hình như anh nghe thấy tiếng mở cửa phòng Jane. Anh chạy ra khỏi phòng mình xem cô có cần gì không nhưng anh có cảm giác mình như một tên rình mò giấc ngủ của cô thiếu nữ nên đừng lại trước cánh cửa khép chặt ở phòng mình. Sau đó không nghe động tĩnh gì nữa, anh trở lại cửa sổ. Khi ấy dù trời còn tờ mờ, anh vẫn nhận ra Jane trong bộ áo choàng đêm ra khỏi nhà lưỡng lự đi về phía đồng cỏ như thể cô đang bước đi bằng đôi bàn chân trần. Ý nghĩ đầu tiên xuất hiện trong đầu anh là Jane đang bị mộng du. Nhưng anh nhanh chóng nhận ra không phải như vậy. Cô không bước đi với dáng vẻ cứng nhắc như những bóng ma hay những người bị mộng du mà ngược lại rất rụt rè, thỉnh thoảng còn rùng mình đau đớn khi giẫm phải vài hòn sỏi sắc nhọn. Có một lát cô ngẩng đầu lên nhìn về phía cửa sổ của René nhưng anh đã kịp nép vào trong nên cô không thấy anh.

Jane đi ra ngoài một mình và hầu như ăn mặc đơn giản, điều này không những bất bình thường mà còn bất cẩn nữa. Mùi thịt thơm mà mọi người rán

trong buổi tiệc cưới có thể thu hút loài thú dữ đến quanh nhà và nấp trong bụi rậm hay vài đám cỏ um tùm. Chúng có thể bất thình lình xông ra tấn công cô.

Anh với tay tìm khẩu cạc bin nạp đạn sẵn trong bóng tối và đi lại gần cửa sổ.

Đúng lúc đó, anh thấy một khối đen đang di chuyển lại gần Jane nhưng không xác định được hình dạng vì trời còn tối. Nhưng Jane, thay vì chạy trốn lại tiến về phía đó. Đó là một người đàn ông? Hay một người đàn bà? René chưa kịp phân biệt thì nghe tiếng Jane hét lên đau đớn ngã khuỵu xuống rồi lăn cuộn tròn ra đất như vừa chịu một cơn đau khủng khiếp. René nghĩ cô bị sát hại khi thấy bóng đen cố chạy về phía rừng gần đó. Nhưng bóng đen chỉ chạy được chục bước, René đã đưa súng lên vai và nhả đạn.

Tiếng hét thứ hai không kém phần chói tai và đau đớn vang lên. Kẻ sát nhân, đàn ông hoặc đàn bà, lăn xuống cỏ, giãy vài cái rồi nằm thẳng đơ, bất động.

René ném cây súng ở lại trong phòng, vội chạy xuống cầu thang và thấy tất cả những cánh cửa Jane đã mở để ra ngoài. Thoảng thấy bóng Jane nằm trên cỏ, anh chạy thẳng về phía đó, bế cô chạy trở lại nhà.

Tiếng súng đã khuấy động toàn bộ khu nhà. Người ta tưởng bị tấn công ban đêm nên ai nấy cầm ngay vũ khí đầu tiên tìm được và chạy ra. Justin là người đầu tiên dẫn hai, ba nô lệ chờ sẵn ngoài cửa với đèn đuốc sáng rực.

René ôm Jane trong tay, bế cô vào mà không để ý con rắn cắn chân cô còn lủng lẳng bám vào chân qua cái răng móc đầy nọc độc.

-Con rắn khoang kìa? – Justin hét lên rồi dùng tay trần túm lấy nó quật đầu vào tường – Ai đó mút vết thương!

-Tôi sẽ làm điều đó – René nói và bế cô lên phòng – Đi tìm và hỏi xem thông thường người da đen có cách trị độc rắn.

-Ngài ấy nói đúng đấy – Justin nói – Ba bốn anh đi ngựa tìm mụ phủ thủy rắn lại đây bất kể mụ còn sống hay chết!

Trong khi ấy, René đã mang Jane lên phòng đặt cô xuống giường. Khi nhìn chân cô trắng muốt, lạnh như đá có hai vết cắn như hai vết kim đâm có hai giọt máu rịn ra thì anh áp môi vào bắt đầu hút máu độc.

Mọi người bắt đầu tụ tập quanh Jane, người đang nhắm mắt, tay để trên ngực như sắp chết. Tuy nhiên René đã thấy chân cô rung rung dưới đôi môi anh. Jane đang đau và đau khủng khiếp.

Quanh anh có rất nhiều người. René mệt mỏi ngước mắt lên nhìn thấy ở hàng đầu tiên có Hélène đang mặt mày tái mét vịn vào tay James mặt cắt không còn giọt máu như cô.

-James – René nói – Hãy đi ngay sang tủ thuốc săn của tôi lấy một lọ amoniac và một con dao.

James chạy ngay sang phòng René và mang hai dụng cụ được yêu cầu mang lại. Một quầng thâm nhạt to bằng đồng năm phăng tụ quanh vết cắn. René lấy

một ly nước, nhỏ vài giọt alcali rồi cầm lấy dao rạch một đường cho máu đen chảy ra. Anh tiếp tục mút, ép cho đến khi máu đỏ chảy trở lại. Anh để vài giọt dung dịch ăn mòn vào vết rạch. Jane co chân lại vì đau.

-Chúa phù hộ! – Hélène reo lên – Cô ấy không chết.

-Cô ấy chỉ chết vào ngày mai, đúng giờ cô ấy bị rắn cắn sáng nay – Justin nói khẽ.

René nhân lúc Jane tỉnh lại ép cô uống ly nước nhỏ alcali. Mấy người bị sai đi tìm bà điều khiển rắn da đen trở về thông báo họ tìm thấy xác mụ phù thủy cách chỗ Jane ngã hai chục bước.

-À – René thốt lên – Khi nghe Jane kêu và thấy cô ấy ngã xuống, tôi tưởng đó là người giết hại cô ấy nên đã bắn chết bà ta.

-Thật khốn thay – Justin nói nhỏ – Ngài giết chính con người duy nhất có thể cứu cô ấy rồi.

-Tội nghiệp cô gái thân yêu của tôi! – René ôm Jane vào lòng và khóc nấc lên.

-Đừng lo cho em – Jane nói nhỏ để không ai nghe thấy – Anh không nghe Justin nói là em còn sống được hai mươi tư giờ nữa hay sao?

-Thế thì sao chứ? – René hỏi.

-Thì em còn hai mươi tư giờ được tự do nói là em yêu anh tình yêu của đời em ạ! Dù cái chết được chào đón, em tin tưởng vào nó nhưng em cũng không mong nó lại độ lượng đến thế.

Đúng lúc đó vị cha cố bước vào. Không ai nghĩ đến chuyện đi báo ông. Ông chỉ nghe tai nạn và đến thăm. Qua rèm mi hé mở, Jane nhận ra ông.

-Hãy để tôi một mình với con người thánh này – Cô nói, sau đó quay sang René thì thào – Hãy vào đây ngay khi ông ấy đi ra, em không muốn để lỡ bất cứ phút giây nào trọng quý hai mươi tư tiếng của mình.

Tất cả mọi người đi ra.

Đến cửa những tiếng nức nở rộ lên.

Hélène, hầu như đã ngất đi trong tay chồng, được đưa về phòng. Không ai ngờ đến sự việc như vậy xảy ra, ai cũng sững sờ thậm chí còn rớm lệ.

René ngồi lại ngoài mái hiên nơi vẫn còn hai chiếc ghế cạnh nhau. Anh ngồi xuống chiếc ghế của mình, tựa đầu vào ghế nơi Jane vẫn ngồi, mặc nỗi đau sâu thẳm, những giọt nước mắt anh chưa từng thấy trào ra. René để cho tâm trí đi trên con đường quá khứ và thấy Jane đã chuẩn bị cái chết của mình đúng hôm anh ra đi. Cô đã cho gọi người đàn bà da đen đến. Liệu đó có phải là ả nô tì xứ Naybi được Cléopâtre giao cho việc mang con rắn trong làn đến để cắn mình chết?

Cái chết này đã được xác định giờ hẳn hoi. Vì hôm trước Jane đã bắt anh hứa không thể ra đi mà không nói gì vì cô muốn nói lời từ biệt với anh. Lời từ biệt ấy

không phải là tiếng giã từ thông thường mà là lời vĩnh biệt. Cô đã sắp sẵn mọi chuyện. Cô biết tất cả người trong nhà đều ghê tởm bà phù thủy, cả người lẫn vật nuôi nên cô không nghĩ bà ta sẽ đến sân vào ban đêm. Tiếng chó sủa và tiếng nguyền rủa của gia nhân sẽ ngăn bà ta đến được chỗ cô. Do vậy, cô quyết định đi đến chỗ bà ta với đôi chân trần để con rắn dễ dàng cắn và tiêm chất độc vào người.

Cuối cùng, thay vì than trời cho mình ít thời gian với René, cô lại sung sướng có được hai mươi tư tiếng để có thể bộc bạch tất cả sức mạnh tình yêu của mình với anh. Sau hai mươi tư tiếng, cái chết sẽ gội sạch những lời lẽ quá dạn dĩ ấy. Lời thú tội của cô rất ngắn gọn, cô chỉ nói "Con yêu René" và xưng tội của một mình cô. Vị cha cố đi ra khi trời vừa sáng, ông ta ở bên cô nửa giờ.

Lúc ra ngoài, ông tiến đến bên René bảo: -Hãy đến bên cô bé thánh thiện đang yêu con đi. Con đừng bận tâm, hãy an ủi cô bé ra đi.

Khi bước vào phòng Jane, René thấy cô đang giang tay chờ mình.

-Hãy ngồi xuống cạnh em hỡi người yêu dấu của em – Cô nói – Trước hết anh phải biết là anh sẽ không rời xa em cho đến lúc cái chết đón em đi.

-Trước hết cho anh xem chân em thế nào rồi.

-Để làm gì cơ chứ? Bản án của em chẳng phải đã tuyên rồi hay sao? Bây giờ em chỉ còn sống thêm hai mươi ba giờ nữa. Em không cần giảm án, không cần giúp đỡ, em đang hạnh phúc.

-Cha đã nói gì với em thế?

-Một lô những điều hay ho mà em không nhập tâm được. Cha đã làm em hy vọng. Ông nói với em rằng chúng ta có những tinh thần vô hình bay bổng trong không trung bao bọc, rằng chúng ta không thể phân biệt được chúng vì chúng tan trong không khí và trôi nổi trong gió. Những tinh thần này là linh hồn của người yêu mến chúng ta. Họ lượn lờ quanh chúng ta, lướt vào chúng ta, thì thầm những từ ta không hiểu được khi ta thức và nói chuyện với ta khi ta ngủ. Họ biết điều chúng ta không biết vì họ ở trong bí mật của định mệnh: Vài lời thú nhận, vài linh cảm mà những linh hồn yêu mến chúng ta quá đã để chúng ta cảm thấy. Chúng ta không tin vào điều chúng ta thấy, đó là sự thật nhưng có vô số bằng chứng buộc chúng ta phải nghi ngờ sự yếu đuối và bất lực của cảm giác. Trước khi người ta phát minh ra kính hiển vi, tức là trong gần sáu nghìn năm, một nửa những sinh thể ngày nay phát hiện được đã không được biết đến. Người đầu tiên nhìn vào thế giới vô cùng nhỏ bé ấy đã cho rằng thế giới này là vô hạn và đã bị coi là điên. Thế thì biết đâu một ngày – Cha nói với em – Một ngày người ta sẽ chế tạo ra một công cụ cho phép nhìn được những vật thể vô cùng trong suốt như người ta đã từng thấy các siêu vi. Vậy cho nên, bằng cách nào đó ngoài ngôn ngữ, người ta sẽ liên hệ với các thiên tinh ấy, thứ mà chỉ thi ca đã nghi ngờ sự tồn tại của chúng. Anh René yêu quý, cái ý nghĩ rằng linh hồn em sẽ không rời xa

anh, một khi chết đi em vẫn có thể theo anh bất cứ đâu, hoà vào không khí anh thở, ở trong làn gió ve vuốt mái tóc anh cái hy vọng ấy dù rất phi lý vẫn làm em vui khôn xiết. Shakespeare chẳng đã từng nói: "Còn biết bao điều trong trời đất này mà triết học loài người không tưởng tượng được" đó sao?

Giọng nói của Jane nhỏ dần và với những từ cuối cùng cô gục đầu vào vai anh.

-Em đau à? – Chàng trai hỏi.

-Không, không hẳn như vậy, em chỉ yếu đi, chỗ chân bị cắn đang đông lại. Đó là nơi em bước vào hầm mộ. Cái lạnh sẽ lên dần dần như thế, khi nó đến tìm em sẽ chuyển từ giường ngủ sang chiếc giường vĩnh hằng.

Vì René thấy cô dang thiu thiu nên không nói gì nữa để cô tìm trong giấc ngủ chút sức lực cho cuộc chiến cuối cùng. Giấc ngủ của cô bất an, đầy những cơn giật mình và nói mê sảng.

Hélène lên phòng anh. Cửa phòng hé mở và cô ló đầu đưa mắt hỏi em mình ra sao. René chỉ cô trên vai mình. Hélène bước vào lại gần và hôn lên trán em.

-Lạy Chúa! Hélène, cô hỏi mọi người nhà xem có làm gì, dù không chữa khỏi cũng an ủi cô bé tội nghiệp này không?

-Ồ ngài nghĩ tôi chưa hỏi ai, kể cả người không biết gì nhất hay sao? Tất cả đều nói cái chết không đau đớn nhưng không thể tránh khỏi. Hãy nói với cô ấy rằng tôi để cô ấy một mình với ngài không phải vì tôi dửng dưng mà vì tôi không muốn tước đi niềm vui cuối cùng của em tôi.

Rồi cúi xuống lần thứ hai. Hélène hôn em lần nữa và lại nhón gót chân đi ra.

Hélène vừa đi khỏi, đôi mắt Jane lại mở ra chúng trân trân bất động một lát rồi cô thở dài.

-Anh René yêu quý! Em vừa mơ một giấc mơ đẹp làm sao! Em thấy rõ, như đang thấy anh vậy này, một thiên thần lộng lẫy rực rỡ trong ánh sáng xuống gần giường em, hôn lên trán em và nói: "Đến với chúng ta, em gái chúng ta chờ em!" Rồi thiên thần hôn em lần nữa và bay đi.

Nếu nói thật, René sẽ tước đi ảo tưởng đẹp nên anh im lặng.

-Bây giờ người yêu dấu của em – Jane nói tiếp – Hãy để em nói đến một chuyện. Hôm nọ khi em quyết định không đi theo anh. Anh đã thấy em chọn những viên đá quý và cho vào một túi riêng đúng không?

-Đúng vậy Jane ạ. Anh định hỏi em muốn làm gì nhưng nghĩ như vậy thật khiếm nhã nên lại thôi.

-Em cũng đoán được ý định của anh. Nhưng vì chưa đến lúc nên em không nói gì cả.

-Chiếc túi ấy thêu hai chữ C và S bằng tay – René nói.

-Hai chữ ấy làm anh tò mò đúng không?

-Đó là chữ viết tắt của Claire de Sourdis.

-Đúng thế. Đó là chiếc túi dành cho Claire de Sourdis của em. Một ngày nào đó khi anh làm Napoléon quên đi lỗi anh mắc phải khi anh có được vị trí xứng đáng, tiểu thư Claire de Sourdis sẽ trở thành vợ anh. Khi đó anh sẽ nói với chị ấy rằng: "Anh đã gặp, ở xứ sở nhiệt đới với những đam mê cháy bỏng, hai cô gái, hai người em họ. Ban đầu, anh đã cứu danh dự của họ rồi cuộc sống của họ. Khi xa em, dù luôn nghĩ đến em, anh vẫn dành mạng sống của mình cho họ. Cô em bất hạnh qua đời: Anh yêu cô ấy bằng một tình bạn đằm thắm nhưng trái tim anh không thuộc về cô ấy, nó thuộc về em. Cô ấy chết vì tình yêu đó là một trong những tình yêu chỉ gây tử biệt khi nó không sống được. Nhưng trước khi chết cô ấy đã chuẩn bị cái túi này từ tài sản riêng của mình nó bao gồm ba món quà hoàn chỉnh, một viên hồng ngọc, một viên ngọc saphia và một viên ngọc bích. Tự tay cô ấy chọn chúng trong số lượng đá lớn gấp mười lần. Tự tay cô ấy cũng thêu tên viết tắt của em trân chiếc túi này. Cuối cùng, trước khi qua đời, cô ấy nhờ anh trao lại nó cho em, đây là món quà cưới. Em không được quyền từ chối nó vì nó được tặng cho em từ bàn tay của người dưới mộ. Em đừng ghen, anh không bao giờ yêu cô ấy vả lại người ta không cần ghen với người đã chết.

René khóc nức nở.

-Thôi em đừng nói, Jane, em đừng nói nữa.

-Lần nào anh nhìn thấy ba đồ trang sức này, anh sẽ buộc phải nghĩ đến em.

-Ôi Jane, Jane? – René lêu lên – Em có thể nghĩ anh có lúc nào lại quên em ư?

-Em khát nước – René, cho em uống nước.

Nhu cầu uống nước là điều duy nhất cô đòi ba lần từ sáng.

René đưa ly nước và Jane uống lấy uống để. Trán cô sẫm lại, cô có vẻ ngày càng yếu.

-Không ai đến hỏi han em à? – Jane hỏi – Hình như chị gái em thực hiện lời em yêu cầu được ở riêng với anh.

René thấy tiếc vì trong thâm tâm Jane đã đổ lỗi thờ ơ cho Hélène. Anh tự trách mình giấu chuyện thăm ban nãy.

-Đừng trách Hélène – Anh nói – Cô ấy đã đến đây trong khi em ngủ.

-À – Jane cười – Em không nhầm mà, chính chị ấy là người em đã thấy trong giấc mơ, em lại tưởng chị ấy là thiên thần từ trên trời. Chị Hélène yêu quý, chị ấy chẳng khác gì các thiên thần, chỉ cần thêm đôi cánh nữa thôi.

-Jane này – René nói – Anh không rời em một giây phút nào cả, nhưng em cũng đừng khiến những ai yêu quý em đau lòng vì không được em gặp không lo nghĩ đến họ khi em sắp xa họ mãi mãi.

-Anh nói đúng René, hãy gọi mọi người lại đây.

René nhẹ nhàng đặt đầu cô xuống gối và đi gọi Hélène.

-Đến ngồi lại bên em đi – Jane bảo anh – Không ai được quyền như anh, ở bên em cho đến khi em chết. Đêm nay, em không muốn ngủ. Khi mọi người trở về, anh sẽ bế em ra ngoài hiên nơi chúng ta từng trải qua những giờ phút hạnh phúc. Em sẽ vĩnh biệt bầu trời, các vì sao, tất cả và anh.

Họ nghe tiếng bước chân những người đến cầu nguyện bên Jane, đầu tiên là chị gái Hélène của cô, James Asplay và vị cha cố.

Sau những người đó là ông già Rémi, ba con trai của ông, Adda và François. Sau François đến lượt người làm, gia nô người Miến và đám người da đen. Tất cả đều quỳ gối. René đứng ở đầu giường. Cha có đứng giữa phòng, tất cả những người khác quỳ quanh ông.

Thật xứng đáng thay một người như cha Louis. Ở bất cứ hoàn cảnh nào, ông cũng tìm được ngôn từ thích hợp. Bản diễn ca của ông là một lời từ biệt cảm động của cô thiếu nữ đến những điều mới lạ, đến những bí ẩn của tình yêu, đến sự dịu dàng của việc kết hôn, niềm vui làm mẹ. Ông đối lập những thứ trên với hạnh phúc vĩnh hằng, thần thánh dành cho những người con được Chúa lựa chọn.

Jane lại ngất đi lần thứ hai. Cha cố là người đầu tiên nói: -Ta nghĩ không ai thánh thiện hơn đứa con ngoan đạo này, cô ấy không cần phải cầu nguyện cũng về được trời.

Ở lại bên Jane chỉ còn René, Hélène và James. René cho Jane ngửi muối. Cô rùng mình, làm vài động tác theo bản năng, mở mắt trở lại và mỉm cười. Cô thấy quanh mình có tất cả những người yêu quý cô và những người còn yêu cô mãi, cả người cha đang chờ cô trong giáo đường. Cô đưa tay cho Hélène và Hélène một lần nữa sà vào vòng tay em gái.

-Chị biết là em không thể sống được nữa, chị Hélène yêu quý của em – Jane nói – Em đã hỏi bà già khốn khổ người cho em cái chết nhẹ nhàng nhất, bà ta đã hướng dẫn cho em để rắn khoang cắn. Nếu em chết đó là em muốn như vậy và đừng trách em nếu René rời xa em hôm nay, em sẽ chết từ từ trong đau đớn và buồn khổ. Chính em phải là người bỏ anh ấy em không muốn thế nhưng bất hạnh mà người ta tự chuốc cho mình lúc nào cũng không thể chịu nổi. Đó là thứ số phận áp đặt mà người ta không thể cam chịu. Hãy xem em bình tĩnh và hạnh phúc biết bao. Nhìn chị thế kia người ta lại nhầm tưởng chúng ta đổi vai thì sao? Chị khóc còn em lại cười. Chị Hélène yêu quý của em, để cái chết đến với em như em mong muốn, cứ để em ra đi trên vai anh ấy, bàn tay yêu dấu của anh phải mãi mãi ấp tay em trên ngực em. Chị còn nhiều tháng ngày hạnh phúc phía trước, em chỉ còn vài phút nữa thôi. Hãy để em với anh ấy. Anh ấy sẽ là người đi báo cho chị biết.

Hélène ôm hôn em lần cuối, James nắm chặt tay cô. Người ta nhận thấy trong nét bình thản trên khuôn mặt cô có một cơn run run đau đớn và một giọt nước mắt chảy ra qua đôi rèm mi khép lại rồi cả thân hình cô được bóng dáng của

Hélène chùm lên ôm chặt lấy cô như thể Hélène sợ cái chết giằng mất người em của mình.

Thời gian vẫn trôi, đêm đến và dù trong phòng không có ánh sáng đêm ấy vẫn là đêm sáng tỏ, người ta có thể nhìn rõ như trong một buổi chiều tà.

-Thời điểm ấy đến gần quá rồi – Jane nói – Em thấy cái lạnh đang dần ngấm dần, em không đau nữa, em chỉ thấy không thể sống được. – Cô chỉ vào thắt lưng nói.

-Từ đây em không nhìn thấy gì nữa. Hãy mang em ra chỗ ban công của chúng ta. Em muốn nói lời vĩnh biệt anh ở đó, đó là nơi em sẽ ra đi.

René ôm Jane, bế cô ra ngoài ban công đặt cô ngồi vào lòng. Đến đó, cô gái như thở được và tươi hơn. Đêm trong suốt như đêm hôm trước. René nhìn qua bãi cỏ con đường mà Jane đã đi. Anh thấy mụ da đen đến bên cô. Anh nghe tiếng cô hét lên rồi ngã xuống, anh thấy mụ da đen lăn ra sau phát súng của mình. Tất cả cảnh tượng ấy bày ra trước mắt khiến anh khóc nức nở. Anh áp Jane vào lòng mà rên siết.

-Ôi! Jane, Jane yêu quý!

Jane mỉm cười.

-Anh làm tốt thật vì không nói câu ấy với em từ hôm kia, nếu không em đã không thể quyết định ra đi nổi.

Cô im lặng một lát, mắt cô mở to như muốn nhìn cá René và bầu trời.

-Ôm em chặt trong vòng tay anh nữa đi, anh René – cô nói – Hình như anh đang để em tuột khỏi anh.

-Ồ không – René kêu lên – không, ngược lại, anh đang ôm em chặt có thể đây.

-Nếu thế, là cái chết đang kéo em về phía nó rồi. Bảo vệ em, René! Hãy bảo vệ em!

Đôi tay quàng lên quanh cổ René cứng đờ và cô ngả đầu vào ngực anh. René cũng gục đầu mình vào đầu cô.

Một lát sau, anh cảm thấy cô run lên. René ngẩng đầu và nhìn thấy khuôn mặt cô co giật vì đau đớn.

-Ôi! Cô hét lên – Nó cắn vào tim nó cắn vào tim.

Bằng một động tác kéo đầu René xuống cô áp đôi môi mình vào môi chàng trai: "Vĩnh biệt! Vĩnh biệt" – Rồi bằng giọng lí nhí không rõ ràng cô nói thêm: Tạm biệt! Có thể…

Rồi cô thả lỏng toàn bộ sức nặng của cơ thể lên tay René.

Anh nhìn cô: mắt cô vẫn mở, nhìn như cô vẫn thấy. Anh áp tay lên ngực, tim cô ngừng đập. Anh áp má lên môi cô: hơi thở đã tắt, hơi thở cuối cùng chạm vào mặt anh đã mang linh hồn cô ra đi.

Anh im lặng nhìn cô vài phút. Anh cứ luôn nghĩ chỉ một từ hay một cử động nào đấy sẽ cho cô tỉnh lại lần cuối.

Nhưng không cô đã ra đi, ra đi mãi mãi.

René đưa cô trở lại phòng, đặt cô lên giường bắt chéo hai tay trước ngực và gõ chiêng. Tất cả mọi người chạy đến. Hélène và James là người đến đầu tiên.

-Tất cả đã chấm dứt – René nói.

Tiếng khóc vang lên từ tứ phía. Hélène lại gần. Giang tay định vuốt đôi mắt còn mở.

-Ồ không – René nói và nhẹ nhàng đẩy tay Hélène ra – cô biết rõ tôi là người phải làm việc này.

Anh đưa tay vuốt mắt cho Jana. Đôi mắt ấy bây giờ chỉ mở trước ánh sáng của ngọn lửa xa lạ dẫn dắt linh hồn đến miền vĩnh hằng. Làm xong động tác thành kính ấy, René lao ra ngoài phòng và nói: -Hãy ở lại với thi thể, nếu thi thể này có một linh hồn tôi sẽ mang linh hồn ấy đi cùng tôi.

Thật ra, chỉ có một trong hai người vào lúc ấy biết được cái bí mật sâu xa mà họ thường nói với nhau trước những vì sao đêm.

René không yêu Jane như một người tình mà như một người bạn trai dịu dàng nhất, một người anh tận tụy nhất. Con người sắt thép này cần được ở một mình để khóc.

Jane đã chết. Khí hậu quá nóng bắt buộc tang lễ phải được cử hành ngay. Chỉ còn mình cha cố ở bên cô. Hélène đã trở về phòng mình và kết thúc đêm tân hôn bằng cách khóc em như mưa như gió trong vòng tay chồng. Cuối cùng, ông già Rémi và ba con trai lo mọi chuyện hậu sự, trong khi Justin trang trí toàn bộ giáo đường bằng hoa thì Adda lo khâm liệm thi thể, đặt Jane giữa những cành tươi trên đệm và một cái gối dệt từ sợi cây lô hội, vào cỗ quan tài bằng gỗ tếch do Jules và Bernard chuẩn bị.

Năm giờ ngày hôm đó, tiếng chiêng buồn bã vang lên báo hiệu lễ tang sắp diễn ra. Tất cả mọi người trong khu nhà tập trung trước sân, trên bậc thềm cỗ quan tài đã đặt sẵn: Mọi người cầu nguyện lần nữa và bốn thiếu nữ đưa cỗ quan tài vào giáo đường.

René đã thả hai con voi. Như thể chúng hiểu nỗi bất hạnh ấy nên cũng đi theo đoàn người và hoặc vì thấy thiếu cô gái hoặc hiểu mọi người đang đau buồn mà chúng cũng buồn thiu đứng cạnh hai bên cửa giáo đường bất động và câm lặng.

René được đưa vào hầm mộ nơi Ève và tử tước Sainte-Hermine đã yên nghỉ. Theo thông lệ từ thời nguyên thủy, sau khi nghi lễ tôn giáo là một bữa ăn lớn trong đó cả nô lệ thấp kém cũng được tham dự.

Jane chết, René càng quyết tâm rời khỏi khu nhà và ngay hôm sau tang lễ. Anh thông báo mình sẽ ra đi. Dù mang ơn anh với những gì anh đã làm cho hai chị em họ song sự hiện diện của anh vẫn khiến Hélène thêm buồn. Hélène là

người hiểu quá rõ tình yêu của Jane với người đàn ông này đã giết chết cô. Nhưng vì Hélène không biết tên thật và xuất thân của René nên cô không thể ngăn mình nghĩ rằng chính anh là nguyên nhân gây ra cái chết của em gái mình. Thay vì những lời cảm ơn nồng nhiệt cô lại dè dặt nhắc đến khoản chi phí của René trong chuyến đến Miến Điện. René chỉ mỉm cười nhìn cô hôn tay cô rất lịch lãm và Hélène hiểu mình không nên nói thêm về chuyện này. Như thể cũng đoán trước sự từ chối đó, cô tặng cho René một hộp nhỏ do Jules chế tác đựng đầy đá quý nhưng René rầu rầu rút từ ngực ra chiếc túi cho chính tay Jane thêu mở ra cho Hélène xem.

Tuy thế anh vẫn để chiếc hộp Jules làm xuống bàn chọn một viên đá saphia đẹp nhất trong số những viên đá quý Hélène tặng và nói.

-Viên đá quý này, tôi sẽ làm một chiếc nhẫn và sẽ đeo mãi không rời.

Hélène chìa hai má cho René và nói: -Ồ đó lại là chuyện khác, đó là món quà của một cô em gái cho anh trai.

Và René ôm hôn cô.

Ngày hôm sau, tất cả đã sẵn sàng cho chuyến ra đi. Đoàn người vẫn như khi họ đến, chỉ riêng hai con voi là Jane muốn giữ lại ở khu nhà nên được René để lại. Khi James, đến lượt mình và trong hy vọng may mắn hơn Hélène hỏi anh định giá lũ voi bao nhiêu thì René trả lời.

-Jane đã ngỏ lời và tôi trao chúng cho cô ấy. Chúng là của cô ấy.

Ngày hôm sau trời mới hửng sáng đoàn người đã sẵn sàng và chờ trong sân.

Trong giây lát, người ta thấy lo cho René. Anh không xuống khỏi phòng, khi người ta lên xem, anh không ở đó. Mọi người bổ đi tìm thấy anh đang ở cạnh Jane.

Còn một chuyến viếng thăm cuối cùng nữa, đó là thăm Omar và Ali. Ban đầu, hai con voi này tưởng người ta mang nó đi với anh, nhưng chúng nhanh chóng nhận ra mình không tham gia vào cuộc hành trình và vốn không đủ lịch sự để che giấu nỗi buồn, chứng tỏ những cử chỉ rõ ràng nhất và ấn tượng nhất với anh.

Họ chia tay nhau ở nơi họ đã gặp nhau lần đầu trên Đất Trầu.

James khăng khăng muốn tặng khẩu Manton tuyệt đẹp của mình cho René và René cũng tặng lại khẩu súng của anh. Hélène có thể tặng nhiều hơn, đó là chìa cặp má cho anh hôn tạm biệt.

Lần trở về này vì không có phụ nữ đi theo làm chậm trễ cuộc hành trình nên quãng đường từ Đất Trầu đến Pégou chỉ phải nghỉ một chặng.

Như vậy, họ phải ngủ lại bên hồ để ngày hôm sau đi thẳng một mạch tới Pégou.

René và François trèo lên hai con ngựa Miến dáng đẹp và khoẻ không biết mệt. Những người còn lại đi bộ, nhưng kỳ lạ thay là họ còn khoẻ hơn cả ngựa.

Đoàn người nghỉ một lát lúc buổi trưa để tránh cái nóng nung người dưới bóng mát của rừng rậm. Được ba anh em Justin cho rất nhiều trầu. René chia cho mọi người và hứa với họ chỉ một lần nghỉ tối và nghỉ trưa mai là về nhà.

Khoảng năm giờ chiều, họ đã đến hồ nước.

Vừa đến nơi, dù từ xa họ nhìn thấy bập bềnh trên mặt nước những hình thù như thân cây bị bật rễ, những con cá sấu thân rất dài nhưng vài người da đen và người Indu không thể cưỡng lại ý muốn lội xuống tắm. Họ chỉ cần cởi một loại áo chùm giống như váy dài đến đầu gối là đã ở trong trang phục của người tắm. Họ cởi áo và nhảy xuống nước. Trong khi đó René và François đứng canh súng lăm lăm trong tay, lúc nhìn xuống hồ lúc nhìn vào mảng rừng rậm chằng chịt.

§81. Trở về

Đột nhiên một người đang bơi kêu ré lên rồi biến mất dưới làn nước. Chắc chắn là một con cá sấu đã lặng lẽ lại gần anh ta ngoạm vào chân và lôi xuống đáy hồ.

Với tiếng hét hoảng hốt và kinh hãi như thế, tất cả những người khác vội bơi vào bờ. Nhưng phía sau họ vài bước người ta đã thấy một con quái vật rẽ nước bơi lại. Người bị đuổi vội tăng tốc bơi lại gần bờ gấp hai lần.

Anh ta vừa đứng trên mặt đất cũng là lúc con cá sấu nhô cái đầu lên khỏi mặt nước. Nó bám chân bò lên đất. Người da đen chỉ cách nó chục bước vội chạy hết sức về phía René.

-Này, có chuyện gì thế – René cười hỏi.

-Một con cá sấu, nó muốn dùng tôi làm bữa trưa – Người da đen đáp.

Trong lúc ấy, con cá sấu đã lên hẳn trên bờ chuẩn bị đuổi theo người da đen mà nó nghĩ anh ta vừa chạy trốn.

-Này, – René hỏi – cá sấu có tấn công người trên cạn không?

-Tôi nghĩ chắc như thế thưa ông chủ, nhất là khi nó đã được nếm mùi thịt người rồi. Nhưng kìa nó đang lại gần phía tôi, bây giờ tôi sẽ săn nó.

-Nhưng cậu không có vũ khí? – René nói.

-Không cần – Người da đen nói rồi quay sang các bạn của mình – Ồ tui không cần, lại đây các anh tui chỉ cần một cái cây.

Và thay vì chạy trốn, con cá sấu dừng lại. Thấy con mồi có đồng loại giúp đỡ, nó ngại không tiến thêm.

Nhưng người da đen chạy lại thật gần nó khiến nó tưởng đớp được anh ta, há miệng ngoác vái miệng ra, song cái mõm nó khép lại như tiếng hai thanh ván va vào nhau. Con vật chỉ đớp được không khí.

Nó bắt đầu đuổi theo. Nhưng anh chàng châu Phi nhanh chóng leo lên cái cây gần đó vừa chỉ cho các bạn để kết thúc trò đùa với con cá sấu.

Anh ta vừa kịp lấy đà nhẹ nhàng leo lên cây như một con khỉ thì con cá sấu cũng trườn cách anh ta mươi bước. René nghĩ anh chàng da đen đã qua khỏi cơn nguy hiểm thì thấy con cá sấu nặng nề trườn lên cây như một loài bò sát quỷ quái nhích lên sau anh chàng da đen.

Anh ta bèn đu vào một cành nằm song song với mặt đất. Con cá sấu mải theo mồi cũng leo ra cành đó. Đến đây ai cũng lo cho anh chàng da đen vì đoán anh chắc thua. Nhưng anh ta leo ra đầu cành và nhẹ nhàng đu xuống đất.

Lập tức, các bạn của anh ta chạy lại giúp đỡ, họ túm đầu cành cây cùng nhau lắc thật mạnh khiến cành cây rung tít, đột ngột nên dù cứng đến mấy, con cá sấu bắt đầu hiểu nó đã rơi vào bẫy.

Bấy giờ nó có những cử chỉ sợ hãi chứng tỏ đã nhận ra mình sinh ra không phải để leo lên cây, nó thẳng đơ người, dùng hết sức của bốn chân bám chặt vào cành, mặc cơn rung lắc mạnh, cố giữ thăng bằng. Nhưng cuối cùng nó phải lăn xuống mạn dưới thân cành cây như chiếc yên lăn xuống bụng con ngựa rồi rơi bịch xuống.

Thấy nó bất động, mấy người da đen chạy lạy. Nó đập đầu xuống đất trước nên bị gẫy cổ.

Một tiếng sau, đoàn người ngồi quây quần bên một đống lửa lớn ăn thịt cá sấu chứ không phải bị nó ăn thịt.

Đêm xuống rất nhanh. René ra lệnh cho tất cả mọi người đi nhặt củi cạnh rừng để đốt một đống lửa lớn xua các oải rắn rết, thú dữ và cá sấu.

Mười phút sau, người ta đã lượm đủ củi đốt cho cả đêm. René dùng củi dựng thành đống sao cho họ có thể chất thêm khi lửa lụi dần.

Cuối cùng anh mời trầu cho mọi người khiến họ rất vui rồi để mọi người đi ngủ. Anh tuyên bố mình cùng François sẽ canh cho tất cả bọn họ.

Đống lửa đã cháy. Đêm xuống cùng với bản hoà nhạc tang tóc của tiếng hổ gầm gào, tiếng báo rên gừ gừ và tiếng cá sấu rền rỉ giống tiếng khóc của trẻ con. Hình như tất cả đều lên tiếng để doạ nạt con người: rừng, nước như chiến trường cho đội quân của quỷ sẵn sàng xông vào xâu xé nhau. Không khí là kẻ cuối cùng xung vào chiến trường ấy. Vào khoảng mười một giờ những con dơi to như chim cú đến lượn trên đống lửa vừa thêm những nốt chói tai vào bản hoà ca kinh sợ ấy vừa bay trên lớp khói như thể đám khói ấy bốc lên từ cửa địa ngục.

Phải có trái tim ba lần bọc thép như Horace nói mới không run sợ trước âm thanh ấy. Dù là người vô cùng gan dạ, François trong giây lát vẫn thấy lòng can đảm chạy đi đâu mất. Anh ta đặt một bàn tay lên cánh tay của René, tay kia chỉ cho anh hai đốm sáng nhấp nháy trong rừng cách họ khoảng ba chục bước chân.

-Im lặng nào – René nói – Tôi thấy chúng rồi.

Rồi điềm tĩnh đặt báng súng lên vai ngắm mục tiêu, anh bóp cò.

Một tiếng rú lồng lộn đáp lại phát súng của anh. Sau đó, như thể tiếng rú ấy là dấu hiệu đánh thức vô số những tiếng hú khác quanh cái trại nhỏ, cả chốn rừng hoang đang đe doạ.

-Chất thêm củi vào đống lửa đi – René bình tĩnh nói.

François tuân theo.

Bị giật mình tỉnh dậy, những người Miến và người lndu kẻ quỳ người đứng.

-Ai trong số các anh trèo lên một cái cây kia và chặt cành xuống được? – René hỏi bằng tiếng Anh.

Một người Miến đứng ra mượn François thanh gươm và nhanh nhẹn leo lên cây gần trại nhất. Cành cây đổ rào rào xuống tứ phía. May thay, đó là cây có nhựa cháy, những cành đầu tiên vừa ném thành một vòng tròn, lập tức một vòng

lửa dựng lên như bức thành ngăn khu trại với cánh rừng. Tuy thế, tại nơi René vừa nhả đạn những tiếng rên rĩ vẫn vang lên: hoặc con hổ bị thương chưa chết hoặc theo thông lệ, kẻ bạn tình của nó vẫn quẩn quanh.

René bắt đầu nạp đạn và đưa cho François giữ bốn khẩu súng trường tạo thành một dàn pháo của anh. Sau đó, anh lượm những hòn than hồng ném lên cây vừa bị chặt. Thân cây bắt lửa. Chỉ trong chốc lát, ngọn lửa quấn lên thân, lên ngọn tạo thành một đống lửa khổng lồ chiếu sáng cả vùng năm chục bước quanh đó. Nhờ thế người ta thấy bên hồ những con cá sấu đang cố bò lên bờ trườn nhẹ đến chỗ đoàn người.

René tiến về phía hai con bò sát khổng lồ trong giây lát đang lưỡng lự bò tiếp vì sợ lửa. Người ta quan sát cặp mắt to ngây dại của chúng đang ngỡ ngàng, cơ thể chúng bị chạm phải lửa quá nóng đang rúm người lại. Mỗi mắt chúng phải to như đồng năm phăng, một con đang tiến về phía René. Anh bắn một phát đạn vào mắt con gần nhất đang cách anh khoảng chục bước. Con này quằn quại rồi lăn nhào trở lại phía hồ nước vài bước.

Thế là anh chàng da đen vừa săn cá sấu ban nãy vớ lấy cành cây có một đầu đang cháy dùng nó như một mũi lao phóng thẳng vào họng con quái vật. Con này kêu rú lên ghê người, đi dập lửa bằng cách lao xuống hồ. Con thứ hai thấy sợ trước những gì xảy ra với bạn nó liền lùi lại và cũng trườn xuống nước.

Trong khi đó, cái cây vẫn cháy đùng đùng. Từ ngọn cây rụng xuống những cành cháy đỏ đổ lửa xuống vạt cỏ lan sang những cây lân cận. Chẳng mấy chốc lửa lan ra thành vòng rất rộng. Gió từ mặt hồ thổi lên đẩy mạnh đám lửa trước mặt nó đi xa. Lửa lan đến đâu người ta nghe những tiếng các con vật đến đấy. Giữa những tiếng kêu tán loạn có tiếng phun phì phì của lũ rắn vừa chạy vừa trườn cái đuôi của chúng lên cành cây nơi chúng đang quấn đậu.

-Thôi nào các bạn của tôi, – René nói – Tôi nghĩ bây giờ chúng ta có thể yên tâm ngủ được rồi.

Và khi nằm giữa vòng trong lửa, năm phút sau quả nhiên anh đã ngủ ngon lành như đang ở khoang tàu của mình vậy.

§82. Hai chiến lợi phẩm

Sáng sớm hôm sau, René thức dậy, còn François, anh ta không thể làm như vậy. Là lính canh cần mẫn, anh ta đã gác cả đêm. Không một con thú nào, ngay cả cá sấu, đến quấy quả nữa.

Khi thức giấc, René ra hiệu xuất phát và không quên cho mọi người uống chút rượu arack và nhai trầu. May thay lũ ngựa đã bị buộc níu vào nhau, nếu vì sợ đám lửa bị mặt hồ phản chiếu như một tấm gương khổng lồ mà chúng chạy trốn, e là chúng không thành công.

Tất nhiên đã có một lúc tất cả loài vật sống ở chốn đáy sâu của cái mặt nước này không hiểu chuyện gì xảy ra. Rừng đã cháy rộng đến nửa dặm và ngay cả hồ nước cũng giống như một hồ lửa.

Hôm sau, khi trời sáng rõ, tất cả đã chạy trốn. Người ta không nghe thấy tiếng hổ gầm, tiếng rắn phun phì phì, tiếng cá sấu xì xoạt. Tất cả đều im lặng, tất cả đều đã chạy trốn đám cháy đến nỗi người ta còn nghe tiếng bước chân bên rừng rậm.

Mọi người nhìn René đầy ngưỡng mộ. Ban ngày một người có thể đối diện với nguy hiểm mà không nao núng nhưng ban đêm vẫn người ấy có thể lại run lên trước mối lo hoặc trước sự việc mà ban ngày anh ta cho là quá dễ. Nhưng tâm hồn của René là nước thép đặc biệt nên nỗi sợ không thể xâm nhập được.

Đoàn người tiếp tục đi bộ. Không ai thú nhận nỗi sợ đang đè trĩu trong người họ nhưng những bước chân của họ cho thấy ai cũng muốn mau chóng thoát khỏi cánh rừng nguyền rủa ấy.

Khoảng hai giờ chiều người ta đã nhìn thấy bìa rừng và ai nấy đều thở phào. Họ nói đến chặng nghỉ và ăn tối nhưng phải đến lúc ra khỏi rừng người ta mới dám thực hiện dự định ấy, cái dự định mà nếu thực hiện trong rừng có lẽ được coi là khá táo bạo với cả những người dũng cảm nhất.

Khi ra đến đồng bằng lúc trời còn sáng mọi người mới bắt đầu nhận ra rằng họ đã đi từ sáng mà chưa ăn gì. Họ vui vẻ ngồi xuống, lấy đồ ăn đeo hai bên sườn ngựa gồm một chiếc đùi linh dương quay và hun khói, mỗi người cắt một miếng, vừa ăn vừa uống một ly rượu arack.

Sau đó, chỉ mất hai ba tiếng đi bộ trong địa hình bằng phẳng và họ không gặp tai nạn nào cho đến khi về thành Pégou.

Con tàu của René không hề di chuyển. Nó vẫn bập bềnh bên mỏ neo.

René ra hiệu, lập tức chiếc xuồng nhỏ được tháo khỏi mang tàu Tay đua New York đến bờ đón anh. Người đến chờ René thanh toán tiền thuê người, ngựa và voi đang đợi anh trên tàu.

Ngay tối hôm ấy, họ thanh toán mọi khoản trước sự chứng kiến của ông chủ cảng. Riêng hai con voi mà René làm quà tặng cho Hélène không có trong hợp đồng nên chuyện sẽ được bàn với ngài Shabunder. Như đã nói ở trên, chức danh Shabunder tương đương với chức cảnh sát trưởng hải quân ở Anh.

Không gì có thể níu giữ René ở lại Miến Điện nữa, chỉ ngẫu nhiên đã dẫn anh đến đây. Nghĩa vụ gia đình anh đã hoàn tất, không còn lý do gì mà lưu luyến chốn này. Vì vậy, ngay hôm sau họ thuê người hoa tiêu dạo trước đi xuôi dòng Pégou.

Đó là ngày 22 tháng Năm năm 1805.

René hoàn toàn không biết chuyện gì xảy ra ở Pháp từ ngày anh rời Saint-Malo lên tàu Revenant một năm trước.

Cũng không phải có quá ít lý do để người ta tiếc thương tổ quốc nơi sinh ra ta. Vả lại, René đã rời nước Pháp ở thời điểm có nhiều sự kiện trọng đại đang phôi thai. Ngài Bonaparte đã quyết định sinh tử với nước Anh. Liệu ông ta có theo đuổi dự định ấy hay đã từ bỏ nó rồi? Đây là điều không ai có thể nói với anh từ khi anh đến An Độ.

Có lẽ khi về đến đảo Pháp, gặp lại thuyền trưởng Surcouf, ông ta có thể cung cấp cho anh vài tin tức gì đó chăng. Nhờ dòng sông mang tàu Tay đua New York ra biển, họ chỉ mất ba ngày là vượt đoạn đường từ Pégou đến Rangoon. Ngày thứ tư, họ vào biển.

René chỉ đạo nước chạy con tàu về mũi đảo Sumatra. Mười ngày sau anh nhận ra mũi Achem. Ngay tối hôm ấy anh vượt qua nó đi vào một khoảng không mênh mông vô tận trải dài không có mỏm đá nào từ Achem đến Chagos.

Sớm hôm sau, thủy thủ canh gác hô to "Có tàu!", lập tức René chạy lên boong tay cầm ống ngắm.

Quả thật từ phía trên múi Jouzou, người ta nhận ra ba con tàu, hai chạy về phía quần đảo Chagos và một tiến đến chỗ họ. Qua vẻ bề ngoài René đoán hai tàu đều là tàu buôn. Nhưng ở thời điểm ấy tàu buôn cũng trang bị vũ khí như tàu của chính quyền. Tuy nhiên, René lại tập trung toàn bộ sự chú ý của mình vào con tàu đang tiến đến gặp họ. Qua dáng vẻ nhẹ nhàng và lướt nhanh của nó, anh dễ dàng nhận ra đây là một tàu có vũ khí dùng để săn đuổi.

René chuyển ống ngắm cho François chỉ nói gọn "Nhìn kìa!" nhưng toàn bộ sức nặng đó đè lên câu nói ấy.

François cầm ống ngắm nhìn một hồi rồi không thể kìm được cơn run lên vui sướng. Thấy René mỉm cười, François trả anh ống ngắm và thì thầm: -Tôi xin thề đúng là nó.

Một phát đạn pháo của con tàu đang ấy tách biệt vang lên, cờ hiệu của nó cuộn quanh một lớp khói.

-Cậu thấy chưa, cờ Cộng hoà đấy – René bảo François.

Hai con tàu đang chạy cầm chừng lập tức cũng đáp trả bằng một phát đạn đại bác và giương cờ Anh lên.

-Giương tất cả buồm lên! – René ra lệnh – Quay mũi tàu về phía có đụng độ!

Tàu của René cách đó độ hai dặm biển nhưng trời ít gió lên chẳng mấy chốc tàu của anh cũng nằm giữa đám mây khói. Việc ít gió không quan trọng đối với con tàu có thể chạy năm đến sáu dặm một giờ như Tay đua New York.

Càng đến gần, lớp khói càng dày vấn vít lấy ba chiếc tàu. Tiếng đạn pháo không ngớt từ những cái miệng lửa tạo thành những tiếng vang rền rĩ đến từ phía Mã Lai giống như tiếng sấm dai dẳng không dứt. Ba chiếc thuyền buồm đã vờn nhau gần một tiếng thì René ra lệnh chuẩn bị lao vào lớp khói mù mịt bao quanh họ. Các pháo thủ vào vị trí, qua ánh mồi lửa René thấy tên một trong hai tàu là Louisa.

Bất cần nó thuộc quốc gia nào và thủy thủ đoàn của nó là ai! Anh chỉ biết con tàu buôn này đang chiến đấu với một tàu Pháp. Anh chỉ cần có thế!

-Khai hoả mạn trái! – Anh ra lệnh.

Sáu khẩu đại bác từ mạn trái đồng loạt nhả đạn. Rồi vượt lên trước con tàu đang ngỡ ngàng không biết mình gặp phải địch thủ nào, anh bắn hai phát dọc từ mũi xuống đuôi con tàu Anh. Một tiếng gãy răng rắc vang lên: cột buồm mũi đổ gục xuống boong tàu Louisa.

Qua làn khói ngày càng dày đặc, René nghe thấy giọng nói quen thuộc át mọi âm thanh: “Tấn công lên tàu!”

Lúc này cột buồm mũi của René vướng vào dây neo của con tàu trước mũi nó mà anh chưa biết tên. Mặc kệ, anh hoà theo tiếng hô ban nãy bằng một tiếng hô tương tự: “Tấn công lên tàu!”

Dứt lời qua một tia sáng, anh nhận ra một viên sĩ quan Anh trên bàn điều khiển con tàu anh vừa áp sát, René chuyển súng trường từ tay phải sang tay trái, vai rung mạnh nhả đạn và thấy tên người Anh lăn tròn xuống boong.

-Tấn công! – Các bạn ơi tấn công! Anh hét lên một lần nữa rồi lao đầu tiên lên cột buồm mũi trong khi chục người khác do François dẫn đầu cũng leo lên dây neo đu sang cột buồm theo sau chỉ huy của họ.

Người Anh còn đang ngỡ ngàng không hiểu những người này ở đâu ra hay từ trên trời rơi xuống thì giọng nói như sấm của René bằng tiếng Anh vang lên: -Hạ cờ xuống cho tàu Tay đua New York?

Viên trợ lý trên tàu Anh giơ tay định ngăn lại lệnh nhưng tay hắn đã thõng xuống theo cơ thể, giọng nói của hắn nghẹn lại trong cuống họng, một viên đạn từ súng lục vừa xuyên qua thái dương hắn. Lần này tàu Anh hạ cờ và René nói bằng tiếng Pháp.

-Các bạn, dừng chiến, tàu Anh đã hàng rồi.

Nói xong anh lắng nghe. Tất cả đã im lặng.

Người ta cảm thấy một cơn gió thổi đến làm căng hai cánh buồm che phủ trận đấu và hai con tàu. Khói vẫn chầm chậm quấn lấy các cột buồm. Hai con tàu Anh đều đã đầu hàng vài phút sau, René nhận ra viên thuyền trưởng trên con tàu cộng hoà Pháp cũng làm chủ boong tàu địch thủ của mình giẫm chân lên cờ Anh.

René không nhầm: đó chính là thuyền trưởng Surcouf.

Cả hai đồng thời kêu lên vì sung sướng và vì chiến thắng.

Nếu như hai tay họ không với tới nhau được thì hai cái tên thốt ra từ miệng họ cho thấy hai người bạn đã nhận ra nhau.

§83. Trở lại cảng Chien-De-Plomb

Trong thời gian đầu, cả Surcouf và René không dám rời con tàu họ vừa chiếm được. Nhưng khi mời thủ tục vừa hoàn tất, các sĩ quan vừa chấp nhận đầu hàng, François được tuyên bố trở thành chỉ huy tàu Louisa và Èdeux, trợ lý của Surcouf trở thành chỉ huy con tàu ba cột buồm Le Triton thì hai chỉ huy René và Surcouf sai thả xuồng lòng biển để đi thăm nhau.

Đi được nửa đường, hai chiếc xuồng gặp nhau, René nhảy lên chỗ Surcouf và lao vào vòng tay của ông.

Hiển nhiên, họ bên nhau suốt ngày và ăn tối cùng nhau. Ai cũng tán dương tài nấu bếp của tàu mình để lôi kéo bạn nhưng cuối cùng họ đồng ý ăn tối trên tàu Tay đua New York. Kết quả là hai người bạn cùng trở lại con tàu của người buôn nô lệ da đen trước kia.

René kể vắn tắt chuyến đi của mình tới Miến Điện cho ngài Surcouf nào là những cuộc đi săn, những cuộc tấn công ngày đêm, trận quyết đấu với hải tặc Mã Lai, ầán đọ gươm với con trăn và không quên nhắc đến cái chết của Jane nhưng không nói gì đến hoàn cảnh vì sao cô qua đời. Cuối cùng, anh kể về Đất Trầu, vụ đốt rừng sau hai lần cá sấu tấn công và hổ tấn công.

Ngài Surcouf giậm chân thích thú. Ông nói: -Đó là cái gọi đi một ngày đàng học một sàng… vui. Tôi cũng ba bốn bận đụng độ với quân Anh, bọn họ đều để bị bắt như một lũ ngốc. Hôm nay tôi đang ngỡ đụng phải miệng sói thì thật may cậu đã đến bắt nó phải ngậm mồm. Cậu tưởng quá mải lo đến hai tàu vừa rồi mà không thấy cậu đến ư, tôi có những con mắt tinh tường của các thuyền trưởng người Malo, Bretagne và Normand đấy! Tôi làm sao có thể ngạc nhiên khi nghe tiếng nhạc của những khẩu đại bác cỡ 16 ly lẫn vào tiếng đạn của chúng tôi nhé: Ngay khi anh bạn cất giọng, dù bằng tiếng Anh, tôi nhận ra ngay. Bấy giờ, cậu biết là chúng ta đã chiếm được chúng chưa?

-Thực tình là không! Tôi không chiến đấu để cướp tàu, tôi đến để trợ chiến cho ông.

-Được rồi anh bạn thân mến của tôi – Surcouf nói – Chúng ta vừa kiếm được lượng hạt tiêu có thể rải khắp đại dương từ Mũi Hảo vọng đến mũi Horn. Ba triệu tiền hạt tiêu anh bạn ạ, một triệu cho cậu và người của cậu.

-Một triệu cho tôi, để làm gì? Ông biết rõ là tôi không chiến đấu cho số hạt tiêu của ông.

Đành rằng là vậy, nhưng còn người của cậu? Người ta có thể từ chối một triệu cho mình nhưng cũng phải nghĩ đến mười tám hai mươi con người đáng thương trông mong có gì cho vào bát súp trong phần đời còn lại của họ chứ. Cậu

có thể không lấy phần của mình thì tuỳ, khoản đó gần năm trăm nghìn phăng đấy! Nhưng cậu có thể phân chia cho họ.

-Tức là ông là người sẽ đưa cho họ.

-Cậu hay tôi thì cũng thế. Thôi nào, có quan trọng gì nửa triệu ấy đến từ ta, miễn là nó đến tay người cần đến. Bây giờ tới câu hỏi đầu tiên của cậu muốn biết người ta đã làm gì ở Pháp.

-Người ta có đánh nhau trên biển hay đánh nhau trên bộ. Tôi tuyệt nhiên không hay biết gì cả, tiếng đại bác sao đến được Ấn Độ Dương. Tất cả những gì tôi biết là Đức Giám mục Thánh – Cha đã đến Paris để tấn phong hoàng đế cho ngài Napoléon. Nhưng có xảy ra chiến tranh với nước Anh hay không thì tôi không rõ. Nếu được khuyên hoàng đế bệ hạ một câu thì tôi khuyên ông ta cứ hành nghề chiến binh của ông ta và để chúng ta làm nghề thủy thủ của chúng ta.

René mới rời đất liền chưa lâu nên trên tàu của anh có lượng thực phẩm tươi và hoa quả ngon khiến các sĩ quan trên tàu Revenant tỏ ra rất khoái chí.

Về phía Surcouf, ông cũng đã trải qua vài sự kiện đặc biệt và chủ yếu là một lần quần nhau giáp lá cà với một con cá mập. Câu chuyện về cuộc đụng độ này sẽ chứng tỏ rằng không khác gì René, ông cũng bình tĩnh dù ở bất cứ hoàn cảnh nào.

Số là vài ngày sau khi Revenant lên đường, Surcouf cũng bắt đầu đi săn. Trong lần thả neo ở đảo Mahé, một chiếc thuyền độc mộc tình cờ gặp phải một con cá mập khổng lồ trong lúc nó đang ngủ. Con này dùng một phát quật đuôi đã cho chiếc thuyền nát tan tành. Những ai trên thuyền đều trở thành mồi cho con quái vật biển trừ ông chủ.

Những người thiệt mạng đều là thủy thủ trên tàu của Surcouf. Ban đầu sự việc này khiến ai trên tàu cướp biển cũng kinh hoàng đặc biệt là ông chủ, người duy nhất thoát khỏi hàm răng của con cá mập. Thậm chí ông còn tạ ơn nữ thần Madone. Nhưng rồi giữa mệt mỏi, công việc nặng nhọc, các thủy thủ cũng nguôi ngoai dần. Họ lại vô tư tiếp tục cuộc hành trình từ đảo này sang đảo khác để mua đồ giải khái từ những người dân di cư.

Lại một lần neo tàu khác, một ngươi dân ở Mahé, bạn cũ của ngài Surcouf mời ông đến ăn tối cùng vài sĩ quan bản địa mới được phong chức được vài năm ở phía tây đảo. Họ rời bây giờ những ca nô của tàu Revenant và đi mất rất ít thời gian dù quãng đường khá dài.

Ngày hôm ấy qua đi vui vẻ cho đến lúc họ phải trở lại tàu. Ca nô của Surcouf đi đầu tiên chất đầy thực phẩm tươi của miền nông thôn. Một sĩ quan và Bambou: anh chàng da đen của thuyền trưởng cũng nhân cơ hội ấy vào bờ trước. Surcouf đưa cho anh ta khẩu súng trường và túi săn hai vật bất ly thân của ông trong mỗi lần đi đâu đó.

Dân bản địa dùng một chiếc thuyền gỗ đưa khách về tàu do ông chủ tiệc cầm lái chở ngài Surcouf, bác sỹ phẫu thuật Millian và trung uý Joachim Vieiliard.

Thuyền gỗ vượt qua mũi bắc đảo Mahé, gió dịu dần vào thời điểm cuối ngày nên mặt biển chỉ khẽ xao động. Người ta đã nhận ra giàn pháo của tàu Revenant mới được sơn lại đang hắt ánh nắng hoàng hôn. Con thuyền gỗ đi được là nhờ bốn người da đen lực lưỡng chèo lái trên mặt nước trong suốt nơi ẩn chứa nhiều cá mập đáng gờm về kích thước cũng như tính hung bạo của chúng.

Đột nhiên trong lớp xoáy nước của con thuyền xuất hiện một trong những con thủy quái có cái đầu khổng lồ đã ngửi thấy mùi thịt người mà anh chàng hoa tiêu, không phải ai khác chính là ông chủ bữa tiệc, đập cho nó một mái dầm chèo đầy giận dữ.

Con vật bản tính hung bạo còn lâu mới chịu từ bỏ, nó áp sát vào mạn thuyền và xét về chiều dài, nó trội hơn hẳn. Sau đó, nó vòng ra sau tìm mọi cách để nhấn chìm con thuyền thứ mà chắc chắn sẽ thoả mãn cơn đói cồn cào của nó. Con quái vật quật đuôi suýt làm con thuyền vỡ tan đó là điều làm mọi người lo sợ biết làm sao để kết thúc cuộc đua tài với một cú đạp chèo do chủ tàu thưởng cho.

Trong cơn tấn công đáng sợ, nó há cái miệng cao đến mạn thuyền, Surcouf tiện tay ném chỗ trứng tươi trong làn. Vật ném ra là quà tặng của ông chủ hiếu khách, bay thẳng vào họng con cá như một miếng bánh nhúng ngon lành mà nó có vẻ khoái khẩu. Nó khép cái hàm ba hàng răng lại, cuộn mình rồi biết mất.

Khi nguy hiểm đã qua, mọi người bật cười về cuộc tấn công và quả đạn dùng để hạ con goulu[354]. Chủ nhà hứa sẽ mời họ món trứng rán vào dịp gặp khác.

Đó là những lần ngài Surcouf bị tấn công sau khi rời đảo Pháp. Thủy thủ đoàn của ông chỉ còn bảy mươi người. Do đó, ông quyết định, trừ phi René phản đối, sẽ trở về đảo Pháp.

René không mong gì hơn thế.

Ngày 26 tháng Năm, tàu Rèvenant và tàu Tay đua New York cùng hai tàu chiến lợi phẩm của họ vượt qua xích đạo trở về.

Ngày 20 tháng Sáu, khi bình minh mới ló rạng, thủy thủ gác báo: “Đất liền!” Các dãy núi dần dần hiện ra khi mặt trời tiến sát chân trời. Bằng giờ ấy ngày hôm sau, họ đã ở giữa đảo Flacq và quần đảo Ambre.

Phía trên vịnh Tombeau có tàu hoa tiêu neo đậu thông báo rằng vì cuộc chiến Anh – Pháp sắp bùng nổ nên không tàu nào được đậu trước đảo Do đó, Surcouf, René và hai chiến lợi phẩm dễ dàng vào cảng Louis rồi thả neo trên cảng Chien-De-Plomb.

§84. Cuộc viếng thăm ngài đảo trưởng

Surcouf và René trở về, sau mỗi tàu của họ còn kéo thêm chiến lợi phẩm quan trọng khiến cả đảo Pháp vui mừng.

Trong số tất cả các đảo thuộc địa của Pháp, có lẽ đảo Pháp là nơi gắn bó với tổ quốc mẹ hiền nhất. Một nhà thơ Pháp đã mang lại cho nó cuốn Paul và Virginie một tác phẩm văn học có giá trị khiến nó đáng là đứa con của mảnh đất lục địa gấp hai lần.

Những cư dân anh dũng, phiêu lưu, vừa phóng túng song cũng rất dịu dàng ngưỡng mộ những sự kiện trọng đại hay các cuộc chiến lớn của Pháp. Họ yêu quý mẫu quốc không chỉ vì lợi ích theo một qui luật tự nhiên là ngưỡng mộ và yêu quý những cái gì vĩ đại.

Từ gần sáu mươi năm qua, đảo Pháp đổi tên là đảo Maurice và thuộc về nước Anh cũng là sáu mươi năm, ba thế hệ thay nhau nối tiếp và ngày nay, đảo Pháp vẫn đậm chất Pháp từ tận đáy lòng mỗi khi có lá cờ trắng hay cờ ba màu bay phấp phới trên cảng Louis và cảng Bourbon.

Và quả thật, ngày nay, những cái tên người anh hùng Bretagne hay người Normand thời trước vẫn còn nguyên vẹn trọng tâm trí người Pháp. Khi nhớ lại quá khứ của những người thời ấy như Surcouf, Cousinène, Hermite, Hénon và Le Gonidec, thì không một trẻ em nào trên cảng Louis lại không biết tên họ và sẵn sàng kể về những chiến công của họ, những chiến công khiến bọn bất lương trên vịnh Mexique phải tái mặt. Khi họ gặp hoạn nạn, những thủy thủ của chúng ta vẫn tìm thấy trên đảo Pháp sự đồng chào nồng nhiệt như khi họ thành công. Không biết bao lần, chỉ bằng chữ ký của mình họ đã nhận từ tay ngân quỹ của nhà băng của ngài Rondeau nổi tiếng khoản tiền đến 200 thậm chí 250 nghìn phăng để sửa chữa hay dựng lại tàu của họ.

Quả thật, những thủy thủ Pháp rất đoàn kết tương thân tương ái nếu một người không thể thực hiện cam kết của mình, hàng chục người khác sẵn sàng chung tay giúp đỡ anh ta.

René, người một lòng một dạ vào nghề giống như anh từng học làm thủy thủ trước kia, người không suy chuyển trước bất cứ cam go nào, người hiểu lời khuyên tuyệt vời mà ngài Fouché dành cho anh, cũng hiểu rằng nếu anh làm trợ thủ trên tàu của nhà nước như ngài Surcouf hoặc làm chủ tàu Slúp của mình, anh cũng sẽ có quyền đạt được vinh quang như các quan chức cao cấp và có quyền như trên chiến thuyền Hải quân hoàng gia.

Nhưng những gì anh đã làm, anh lại thực hiện nó trong tâm trạng của một người không thiết tha gì nữa. Ngài Surcouf từng được phong làm chỉ huy một chiến thuyền vốn được tất cả những sĩ quan hải quân của Pháp biết đến và đề

cao. Một lời đề bạt của ông có thể giúp René làm chuẩn uý trên con tàu đầu tên họ gặp, một chìa khoá cho anh trở lại châu Âu và phục vụ cho những thuyền trưởng danh giá chỉ huy các tàu như Le Tonnant, Redoutable, Le Bucenlaure, Le Fouguellx, L'Achille, Le Témérmne và nhiều tàu khác.

Muốn vậy, chỉ cần một lời đề cử của Surcouf và chắc chắn ông ta cũng không từ chối điều đó.

Ngài Surcouf vốn quen biết đảo trưởng đảo Pháp, tướng Decaen. Ông sắp đi thăm viên tướng ấy và ngỏ muốn một trong những sĩ quan dũng cảm của mình, người đang mong trở lại Pháp được tham gia vào cuộc chiến. Ông hăng hái kể nhưng chuyện đã qua, cách René thể hiện khi chiếm tàu Standard và anh đã cống hiến ra sao để đưa hai cô gái Pháp trở lại Miến Điện khi cha các cô, hành khách trên tàu Standard bị tử nạn. Tướng Decaen tỏ ra rất vui được tiếp anh chàng dũng cảm mà ngài Surcouf nhắc đến.

Ngày hôm sau, vào giờ đã định, René đến nhà đảo trưởng, nhưng người lục sự lưỡng lự không muốn cho anh vào. René nhận ngay ra thái độ của ông ta và anh hỏi tại sao.

-Ông có đúng là trợ lý của ngài Surcouf và là chỉ huy tàu Tay đua New York không? – Viên lục sự hỏi.

-Đúng vậy. – René trả lời.

Ông ta càng lưỡng lự khi thấy cách ăn mặc của René. Vì thủy thủ tàu cướp biển không nhất thiết phải mặc quân phục nên anh mặc theo mốt thời đó và với vẻ lịch sự bẩm sinh anh không thể mặc khác đi ngay cả khi anh muốn che giấu thân phận của mình. Ở đảo Pháp anh không nghĩ nó quan trọng nên mặc như thể đến thăm tiểu thư Sourdis hay phu nhân Récamier vậy.

Tướng Decaen khi được thông báo có ông René, trợ lý của thuyền trưởng Surcouf đến, những mong sẽ gặp một con sói biển, một thủy thủ râu tóc xồm xoàm cộng với bộ quần áo loè loẹt nhưng trước mặt ông là một chàng trai trẻ đẹp, nước da hơi tái, đôi mắt dịu dàng, mái tóc uốn thành lọn, bàn tay trong đôi găng không chê vào đâu được và một bộ ria chớm xoà lên môi trên.

Ông định đứng dậy khi nghe cái tên René đến nhưng vừa thấy anh, ông như bị chôn chân tại chỗ.

Ngược lại, René rất đàng hoàng, thoải mái tiến lên trong tư thế của người quen với chốn sang trọng nhất trên đời, anh chào viên tướng bằng vẻ lịch thiệp hoàn hảo.

-Sao, anh là người mà ông bạn cướp biển Surcouf của tôi đã nói đến hôm qua ư? – Viên tướng ngạc nhiên hỏi.

-Lạy Chúa! Ngài làm tôi sợ, thưa tướng quân – René đáp – Nếu ông ấy hứa hẹn một ai khác thì tôi sẵn sàng xin rút lui và thú thật tôi không xứng với sự quan

tâm mà ngài có lòng tốt dành cho tôi. Tôi chỉ là một chàng trai hai mươi sáu tuổi tội nghiệp, không biết chuyện gì xảy ra vì đã lênh đênh sóng nước hàng năm nay.

-Không đâu – Viên tướng nói – Tôi ngạc nhiên trước phong cách của anh thôi chứ không có ý không tôn trọng anh. Cho đến giờ tôi vẫn nghĩ người ta chỉ có thể làm cướp biển khi câu nào cũng chửi đổng, đội mũ lệch và bước chân khuỳnh ra như một người đi trên đất bồng bềnh như trên biển. Xin thứ lỗi, tôi đã nhầm và cho tôi hân hạnh được nói rằng mình may mắn được anh đến thăm.

-Thưa tướng quân – René nói với ông ta – Ngài có thể giúp tôi một việc được chăng, đó là để tôi được chết một cách hợp lẽ và trong danh dự.

Nói rồi René ngồi xuống mân mê một đoạn gậy bịt đầu bằng ngọc bích.

-Để anh chết à? – Viên tướng nói và một nét cười khó nhọc hiện ra – ở tuổi anh, tài sản, vẻ lịch thiệp, thành công anh đã có và chắc chắn còn nhiều hơn nữa sao! Anh đùa…

-Ngài hãy hỏi ngài Surcouf xem đối diện với kẻ thù, tôi có làm tất cả những gì có thể vì điều ấy hay không.

-Ông Surcouf có nói với tôi những chuyện không thể tin được về lòng dừng cảm, về tài khéo cũng như sức mạnh của anh. Chính vì thế mà khi nhìn thấy anh tôi thấy khó tin anh là người mà ông ấy đã nói vơi tôi, và không chỉ ông ấy đã nói về lòng can đảm của anh đối với con người mà còn nhiều lần thể hiện trước các loài ác thú. Có thể nói ở tuổi anh, anh đã hoàn thành mười hai kỳ công của Héc-quyn vậy.

-Thật không xứng đến vậy đâu, thưa tướng quân. Một người không những không sợ cái chết thậm chí còn coi là hạnh phúc khi được đón nhận nó thì ngoài viên đạn lạc ra anh ta sẽ lần như thất bại. Vả lại tôi mới chỉ đương đầu với lũ hổ mà hổ lại là một loài vật tàn bạo nhưng bạc nhược. Lần nào đối diện với một trong những con vật ấy, tôi đều nhìn thẳng vào mắt chúng và khiến chúng phải cụp mắt xuống. Người hay vật, một khi đã cụp mắt tức là đã thất bại.

-Thật ra anh làm tôi rất vui. Nếu anh vui lòng ăn tối cùng tôi, tôi sẽ giới thiệu với phu nhân Decaen, mời anh làm quen với con trai tôi và kể cho nó nghe vài cuộc đi săn của anh.

-Tôi rất vui lòng thưa tướng quân, thật hiếm khi một thủy thủ thấp kém nào lại có vinh hạnh gặp một người cao quý như ngài.

-Thủy thủ thấp kém ư? – Vị tướng quân mỉm cười – người sắp có một khoản 500 nghìn phăng ư? Cho phép tôi nói rằng về phía tài sản anh đã không phải là người thấp kém rồi.

-Thưa tướng quân, đến đây tôi mới nhớ một việc mà thiếu chút nữa tôi quên mất. Đó là khi làm nghề cướp biển nghiệp dư, tôi có thói quen chia sẻ phần của mình, như vậy với khoản 500 nghìn phăng, tôi sẽ dành 400 nghìn cho các bạn của tôi, còn 100 nghìn còn lại cho phép tôi trao lại cho ngài để phân phát cho

những người Pháp nghèo khổ đang cần hồi hương hay những người vợ goá bất hạnh của các thủy thù. Ngài cho phép chứ?

Và trước khi vị tướng quân kịp trả lời, anh cúi xuống bàn rút một tờ giấy viết dòng chữ quý tộc nhất trên đời:

"Thưa ngài, mong ngài vui lòng chuyển theo xuất trình giấy này khoản tiền 100 nghìn phăng cho ngài tướng quân Decaen, đảo trưởng đảo Pháp. Ông ấy biết sử dụng khoản ấy ra sao.

Cảng Louis ngày 23 tháng 6 năm 1805

Gửi ngài Rondeau,

Chủ nhà băng, phố Gonverment, cảng Louis."

Ông tướng Decaen cầm tờ giấy và đọc.

-Nhưng – ông ngạc nhiên nói – Trước khi sử dụng khoản này, tôi phải chờ bán được chiến lợi phẩm của ngài đã chứ.

-Không cần thưa tướng quân, tôi có khoản tín dụng nhiều gấp ba lần khoản tôi xin đưa cho ngài ở chỗ ngài Rondeau.

-Vậy ít nhất anh cũng phải nói với ông ấy chứ.

-Có lẽ không cần. Ngài sẽ thấy khoản tiền thanh toán khi xuất trình giấy. Vả lại ông ấy còn hai chữ ký của tôi được gửi từ Paris bởi ông chủ ngân hàng của tôi, ngài Penégeau.

-Vậy từ khi về đảo anh đã đến thăm ông Rondeau hay báo cho ông ấy là anh đã về chưa?

-Tôi chưa có hân hạnh diện kiến ông ta, thưa tướng quân.

-Anh có muốn làm quen với ông ta chăng?

-Rất sẵn lòng thưa tướng quân. Tôi không thảy có bất tiện nào cả.

Vừa lúc đó, phu nhân Decaen bước vào, René đứng dậy.

-Phu nhân – Viên tướng nói – Bà có cho phép tôi giới thiệu anh René, trợ lý của thuyền trưởng Surcouf, người vừa có một trận đấu tuyệt mỹ, nhờ đó anh ta mang lại tự do và mạng sống của anh bạn người đảo Malo của chúng ta. Anh ấy dành cho chúng ta vinh sự đến ăn tối cùng chúng ta và ngài Rondeau người mà anh ấy chuyển 100 nghìn phăng cứu tế cho những người Pháp bần hàn và các goá phụ của thủy thủ. Đến lượt phu nhân có trọng trách thiêng liêng làm tiếp đấy. Hãy cảm ơn anh René và tôi mong bà đưa tay cho anh ấy hôn.

Phu nhân Decaen ngỡ ngàng chìa tay về phía René. Anh này nghiêng mình trước bàn tay ấy khẽ chạm môi lên đầu ngón tay, lùi lại một bước đồng thời cáo từ ra về.

-Nhưng anh quên là có điều định nói với tôi sao.

-Ồ tôi có vinh dự được gặp lại tướng quân trong ngày cho nên tôi xin phép không dám quấy rầy ngài thêm vì chuyện viếng thăm này nữa.

Nói rồi vừa chào vị tướng đang sửng sốt rồi đến phu nhân Decaen còn ngạc nhiên hơn chồng, anh đi ra để cho họ nhìn nhau cố tìm lời giải thích cho hành động cực kỳ khó hiểu ấy.

Sau đó, tướng Decaen đến chỗ ông Surcouf vừa mời ông này ăn tối cùng trợ lý của ông và ông chủ nhà băng Rondeau và thông báo giờ ăn vì ban nãy quên mất. Đó là từ ba rưỡi đến bốn giờ chiều.

Tướng quân Decaen vừa ra về, ngài Surcouf đã lao vào phòng René.

-Có chuyện gì xảy ra thế bạn hữu của tôi? Ngài đảo trưởng vừa đến mời tôi tới ăn cùng anh và ông Rondeau.

-Đã xảy ra một chuyện hợp theo lẽ tự nhiên thôi. Đó là ngài đảo trưởng là người rất đúng mực, ông ta biết rằng việc mời thêm ông khiến tôi rất vui mà.

§85. Một cuộc quyên tiền cho người nghèo

Đúng ba rưỡi, với sự đúng giờ như quân lệnh, ông Surcouf và René đến nhà ngài đảo trưởng.

René muốn bốn giờ kém mười lăm mới đến nhưng ông Surcouf nhận thấy mọi lần ăn tối nhà mình đều vào lúc ba rưỡi và ông cũng biết phải chờ đợi thật khó chịu.

René dự đoán thường khách mời hay đến trễ một chút nhưng ông Surcouf gạt đi. Thế nên kim đồng hồ của ông Surcouf chỉ đúng ba rưỡi, họ gõ cửa nhà ngài đảo trưởng.

Người ta dẫn hai vị khách đến phòng khách nơi chưa có ai cả.

Phu nhân Decaen đang hoàn tất việc điểm trang, viên tướng đang kết thúc công việc, còn Alfred Decaen đi ngựa cùng gia nô vẫn chưa thấy về.

-Ông thấy chưa, – René nói và huých tay vào ông.

Một cánh cửa mở ra, viên tướng bước vào nói: -Xin lỗi các quý ông, nhưng ông Rondeau, đã ngỏ ý lui lại đến bốn giờ. Đó là giờ ông ta đóng cửa nhiệm sở. Từ mười năm qua, ông ấy luôn là người cuối cùng trong số nhân viên rời công sở. Bây giờ thì tuỳ các vị lựa chọn trong khi chờ đợi, hoặc ở đây hoặc đi dạo một vòng quanh vườn. Cậu con trai tôi cũng vừa xuống ngựa. Nó cũng cần chuẩn bị một chút trước khi có thể ngồi vào bàn.

Vị tướng mở cửa gọi con trai.

-Presto! Presto! Chúng ta chờ con ngoài bãi biển.

Mọi người đi ra vườn, qua các lối phủ cỏ họ đi đến bậc thềm bên bờ biển.

Nơi đây có tầm ngắm rất đẹp, một bên người ta có thể quan sát từ Bête-à-Mille-Pieds đến tận vịnh Grande-Rivière. Hai mái dài ở hai đầu thềm dẫn đến một phòng tập vũ khí có trang trí mặt nạ, kiếm, phòng kia là phòng tập bắn có bia, hình nộm búp bê đạn và đủ thứ liên quan cho người tập những động tác phức tạp nhất. Họ đi vào phòng vũ khí.

-Đây là sở trường của anh phải không anh René – Vị tướng nói – Vì ngài Surcouf khẳng định với tôi anh là người không chỉ am hiểu mà còn siêu phàm nữa.

René thoáng hiện một nụ cười trên môi.

-Thưa tướng quân – Anh nói – Ngài chỉ huy Surcouf của tôi luôn nhìn tôi với ánh mắt ưu ái như người cha nhìn con mình. Nếu ngài nghe ông ấy, tôi sẽ là kỵ sĩ giỏi nhất, sĩ quan giỏi nhất người bắn súng thiện xạ nhất từ thời thánh Georges. Tôi bắn cũng như mọi người, có hơn cũng chỉ hơn kẻ tầm thường trong đám tuần đạo, sự siêu phàm của tôi cũng chỉ đến vậy. Vả lại với kiếm thuật chắc tôi đã sa sút nhiều vì từ ngày đi biển, tôi không đụng vào thanh gươm nào.

-Vì cậu không tìm được người cân xứng đó thôi – Surcouf nói – Đừng khiêm tốn.

-Sao! Ngay cả với ngài ư, ngài Surcouf? – Viên tướng hỏi – Ngài vốn là tay gươm giỏi cơ mà.

-Ở Saint-Malo thì quả có vậy! Tôi chỉ nhìn cậu ấy cầm gươm một lần cũng đủ biết là mình mất uy rồi.

Đúng lúc đó, con trai của ông Decaen bước vào.

-Lại đây Alfred – Cha cậu ta nói – Hãy lĩnh giáo vài đường từ ngài Surcouf đi. Con vốn có triển vọng về gươm thuật, ngài Surcouf lại rất nổi tiếng. Cha hy vọng ông ấy chứng tỏ cho con thấy rằng con là một kẻ kiêu căng.

Chàng thanh niên mỉm cười và bằng vẻ tự tin của tuổi trẻ, anh ta đi lấy hai thanh kiếm và hai mặt nạ đưa cho ngài Surcouf một cái.

-Thưa ngài – Anh ta nói – Nếu ngài muốn giúp cha tôi và tôi như ông ấy yêu cầu thì tôi sẽ vô cùng biết ơn.

Surcouf bị đặt vào tình thế ấy không thể làm gì khác ngoài việc chấp nhận lời thách đấu. Ông ngả mũ, và cởi bớt áo, đeo mặt nạ và cúi chào vị tướng.

-Xin tuân lệnh tướng quân cũng như quý công tử.

-Thưa các ngài… – Viên tướng cười và nói – Hãy chờ xem cuộc đọ gươm sánh cùng Entelle và Darès. Ngài Rondeau đây rồi.

-Ngài đến đúng lúc lắm! Thưa các quý ngài, tôi xin giới thiệu ngài Rondeau, được mệnh danh là tay súng cự phách của chúng tôi. Ở đây ai cũng biết sử dụng vũ khí ngay cả ông chủ nhà băng. Thưa ngài Rondeau thân mến, đây là ngài Surcouf mà ngài đã biết từ lâu còn đây là anh René mà ngài chưa biết nhưng tôi nghĩ có liên quan về tài chính với ngài…

-À có phải với ngài René…

-René… vô danh thưa ngài. – René đáp.

-Sao lại thế được – ông Rondeau nói và đưa tay lên dây đồng hồ – Tôi mới là người phục vụ ngài với khoản 300 nghìn phăng tiền mặt và còn hơn thế.

René cúi chào.

-Nhưng chúng ta đang cản trở hai quý ông này. – ông ta nói – Nào, các vị chạm gươm thôi.

Surcouf và Alfred Decaen vào tư thế chuẩn bị, một người bất động như pho tượng – không cần nói cũng biết đó là Surcouf người kia rất tự tin và mang vẻ duyên dáng của tuổi trẻ.

Giữa hai kiếm thủ có vài khác biệt, một người điềm tĩnh, hơi cứng nhắc, đệm vào bằng những đường đơn giản; người kia lại khiến thanh kiếm chết mệt vì những đợt tấn công lại đệm vào bằng những đường trực diện. Người ta khó nhận ra ai làm người cao tay hơn.

Chàng trai chạm vào Surcouf một lần còn Surcouf hai lần sau mười phút xung trận. Alfred chào Surcouf, chấp nhận thua và chuyển gươm cho ông chủ ngân hàng.

Như ngài Decaen đã nói, mọi người đều biết sử dụng khí giới, hoặc ít ra là đã biết sử dụng khí giới từ hồi đảo còn mang tên đảo Pháp, ngay cả những người trong nhà băng. Ông Rondeau cởi bớt áo rút ví chuyển nó từ túi áo sang túi quần và vào thủ thế.

Giữa ông ra và Surcouf có một thế cân bằng hoàn toàn. Mỗi người đều chạm vào nhau hai lần và lần này đến lượt Surcouf tháo mũ che mặt đưa cho René.

-Thưa ngài Surcouf thân mến – René nói – ông biết là tôi không có thói quen thi đấu trước các khán giả và nhất là trước các cử toạ chuyên gia như thế này. Do vậy hãy miễn cho tôi.

-Thưa các ngài, – Surcouf nói – là một người bạn thân của René, tôi mới chỉ thấy anh ấy đấu một lần và lần ấy cũng chống chế như hôm nay. Vậy thì ta nên tuỳ anh ấy và không nên ép buộc anh ta. Vả lại, tôi nghĩ chuông báo bữa tối đang gọi chúng ta rồi.

Một nụ cười đắc thắng hiện ra trên khuôn mặt béo phị của ông Rondeau, nó sáng lên như một bông mẫu đơn nở: -Vì ngài đây không muốn cho tôi cái vinh dự đấu kiếm với mình, chúng ta sẽ tính lại chuyện này sau đã.

René cúi chào còn Surcouf đi treo lại mặt nạ và gươm về chỗ cũ. Tiếng chuông báo bữa tối đã vang lên và người ta nhận ra phu nhân Decaen đã bước xuống bậc thềm đầu tiên đi lại phía các quý ông.

Mọi người vào nhà, chàng trai trẻ chạy như một cậu bé học trò sau một ngày không gặp mẹ, đến quàng tay qua cổ và ôm hôn bà.

Người ta chào nhau, nói vài câu khen tặng rồi chờ đợi xem ai sẽ là hiệp sĩ của bà Decaen.

-Anh René, hãy chìa tay cho phu nhân Decaen đi! – Viên tướng nói.

René cúi chào, chìa khuỷu tay và đưa phu nhân Decaen vào tận phòng ăn.

Giống như mọi khi bữa ăn diễn ra trong những tiếng dao nĩa, thìa va vào bát đĩa lách cách. Sau đó, ông Rondeau thở phào khoan khoái rồi quay sang René.

-Ngài René này – ông ta nói – Hôm qua, khi nghỉ trưa, tôi có đi uống một ly ở quán cà phê La Comédie, ở đó có một nhóm người quây quanh một thanh niên. Tôi nghe anh thanh niên nói chuyện, hình như anh ta là một thủy thủ vừa ở Miến Điện về. Anh ta kể hàng lô chuyện về thuyền trưởng của mình tôi nghe mà không thể nhịn cười.

-Anh ta kể những gì thế ngài Rondeau? – René hỏi.

-Anh ta bảo chỉ một nhát gươm mà thuyền trưởng của anh ta chặt đôi con trăn đang siết nghẹn thở hai con voi.

-Chuyện ấy làm ngài buồn cười sao, ngài Rondeau?

-Dĩ nhiên rồi!

-Tôi xin quả quyết rằng nếu ngài có mặt ở đó ngài sẽ không cười nổi.

-Vậy ngài cho tôi là kẻ nhát gan sao, ngài René.

-Tôi không nói như vậy, nhưng vẫn có những cảnh làm người dũng cảm nhất cũng phải chột dạ. Con người kể chuyện đó hôm qua cũng từng giết một con hổ cái và túm cổ hai con hổ con thế mà đứng trước loài bò sát khủng khiếp ấy cũng phải run lên như một đứa trẻ, mà tôi khẳng định anh ta không phải nhát đâu.

-Nhưng ít ra anh ta cũng là tay ba hoa – ông Rondeau nói – Anh ta bảo con trăn dài 57 bộ.

-Thì chính anh ta đo nó chứ có phải tôi đâu. – René thản nhiên đáp.

-Thì ra chính ngài là thuyền trưởng ấy à?

-Phải, nếu đúng anh ta tên là François.

-Đúng rồi. Thế con trăn siết chặt hai con voi làm chúng nghẹt thở à?

-Tôi không biết chúng có nghẹt thở hay không thưa ngài, tôi chỉ biết xương chúng kêu răng rắc. Tuy nhiên chỉ khi con trăn hấp hối tôi mới bắn bể đầu nó bằng hai phát đạn.

Phu nhân Decaen nhìn vị khách của mình vô cùng sửng sốt còn Alfred thì hết sức tò mò.

-Nhưng nếu ngài đã tin chuyện anh bạn René của tôi, – Surcouf nói – chính ở bến Chien-De-Plomb, anh ấy đã lao vào cuộc chiến với con cá mập ngay trước mắt mọi người, chuyện cũng khó tin bằng giao chiến với con trăn ấy chứ.

-Sao cơ, chính ngài đã đâm thủng bụng con cá mập đuổi theo một thủy thủ đó sao?

-Vâng, nhưng ngài biết dấy chuyện đó dễ nhất trên đời. Chỉ là sự khéo léo cộng với một con dao sắc thôi.

-Anh ta còn kể một chuyện khác nữa – ông Rondeau tiếp tục – Anh ta kể rằng cách họ gần hai chục bước, một con hổ vừa ra khỏi rừng rậm, vị thuyền trưởng ngắm và trước khi bắn còn nói: “Nhằm trúng mắt phải của Philippe?”. Tôi không nhớ rõ là mắt phải hay mắt trái nhưng chuyện đó không hề gì song anh chàng kể chuyện không hiểu gì và tôi cũng không hiểu nốt.

Tướng Decaen bật cười.

-Thưa tướng quân – René nói với ông – Xin ngài vui lòng kể lại giai thoại về Aster cho ngài Rondeau đây nghe. Nếu tôi kể e là ông ấy vẫn không muốn tin tôi.

-Ngài Rondeau thân mến của tôi – Vị tướng quân nói – Aster là một cung thủ rất giỏi của thành Amphipolis, bị Philippe ngược đãi anh ta rời triều đình và lui về Méthone. Chẳng mấy chốc Philippe lên trị vì nơi đây. Thế là Aster muốn trả thù và để cho Philippe biết sự trả thù này đến từ ai, anh ta viết lên mũi tên: “Aster nhằm vào mắt phải của Philippe”. Quả nhiên, Philippe không chỉ bị hỏng mắt phải mà còn tưởng chết vì vết thương ấy. Thế là anh ta gửi tiếp mũi tên thứ hai

trên đó có ghi: "Thành Méthone bị hạ, Aster sẽ bị treo cổ". Vua Macédome chiếm được Méthone và giữ lời với Astea. Giai thoại là thế và tôi xin báo nếu chuyện ấy không có thật ít ra nó cũng là lịch sử.

-Quỷ quái! Quỷ quái! Nhưng đó cũng là mục tiêu lẽ ra có thể xứng với điểm bắn của ngài, ngài René ạ.

-Được rồi! – René nói – Tôi thấy rõ là ngài muốn dồn tôi đến cùng thưa ngài Rondeau và ngài không thể tha thứ cho tôi cái việc từ chối giao đâu. Vậy thì sau bữa tối tôi xin được chiều theo ý ngài và nếu ngài chấp nhận lời đề nghị của tôi, tôi cam đoan ngài bỏ cuộc trước mặt tôi.

Kể từ lúc đó câu chuyện trở nên đại khái. Phu nhân Decaen và Alfred nhanh chóng thấy cuộc đấu khẩu nghiêng về ông Rondeau nên ngay khi bữa tối chấm dứt. Đềnghị mọi người sang uống cà phê và rượu mùi bên phòng tập vũ khí.

Mọi người làm theo và thật ra ông Rondeau, với cái bụng bắt đầu nở to hơn mức vẻ điệu đà của ông ta muốn, bị thúc đẩy bởi lòng tự tin quá độ nên không phải là người cuối cùng sang đến nơi.

-Xem lời đề nghị của anh thế nào, anh René. – ông tướng nói.

-Có phải ngài từng nói với tôi phu nhân nhà ta là chủ hội quyên góp vì người nghèo không? – René hỏi.

Rồi anh nghiêng mình trước phu nhân Decaen.

-Vậy được với năm lần xuất chiêu, hoặc ngài Rondeau, hoặc tôi người nào bị nhận năm vết mà không đáp lại sẽ phải trả một ngàn quan.

-Ồ! – Ông Rondeau cười thô lỗ – Tôi nghĩ có thể chấp nhận lời thách cược này, thưa ngài.

Nói rồi ông ta nhặt thanh kiếm chấm mũi xuống đế giày sau đó khua khua trong không trung, uốn nó cong lại rồi vào thủ thế.

Đến lượt René với ngay thanh kiếm đầu tiên anh gặp, cúi chào và cũng vào thế.

-Hân hạnh tiếp chiêu ngài trước. – Anh nói.

Ông Rondeau xuất liền ba chiêu liên tiếp và nhanh chứng tỏ ông ta rất tinh mắt và dẻo tay, nhưng ba đường gươm ấy đều lần lượt bị gạt ra bằng những cử động đơn giản.

-Đến lượt tôi! – René nói.

Mọi người quan sát đường gươm hoa lên.

-Một, hai, ba… – René đếm.

Mỗi người đều đã xuất ba chiêu và ông Rondeau là người bị chạm. René quay lại phía khán giả nói bằng giọng điềm nhiên: -Ba vết.

-Đến lượt ngài, thưa ngài. – René nói – Nhưng tôi xin báo trước với hai đường gươm đầu ngài sắp tấn công, tôi sẽ đỡ được, dĩ nhiên, nhưng tôi sẽ phản

lại hai chiêu luôn. Tôi báo trước vì ngài có thể cho rằng tôi tinh quái hơn bản chất thật và ngài sẽ lúng túng trong đường gươm của mình.

Ông Rondeau mím môi.

-Được rồi, tôi đồng ý.

Quả thật ông ta xuất hai chiêu và René vừa đỡ vừa tấn công luôn bằng hai lần đỡ ấy. Chiêu thứ hai không cãi vào đâu được vì lưỡi gươm dừng ngay trước ngực ông chủ nhà băng.

-Thưa phu nhân – René nói và nghiêng người trước bà Decaen – Ngài đây nợ phu nhân 1000 phăng cho người nghèo.

-Tôi đợi được phục thù – ông Rondeau nói.

-Rất sẵn lòng, mời ông vào thế!

-Không đấu kiếm nữa. Tôi thừa nhận ngài là thầy tôi nhưng về bắn súng thì phải xem đã.

Alfred nhanh nhảu đi mở hai hộp đựng súng ngắn.

-Chỉ bắn một viên thôi đúng không? – René hỏi ông Rondeau – Không cần phải khiến cảng Port-Louis tin rằng đảo bị chiếm.

-Đồng ý, chỉ một viên, thưa ngài. – ông Rondeau đáp – Nhưng chúng ta bắn vào đâu.

-Ngài cứ chờ đã, chuyện này dễ thôi.

Alfred vừa nạp bốn khẩu súng.

-Như thế đủ rồi? – René nói.

-Và không cần ngắm anh nhặt một khẩu bắn một phát đạn trúng giữa thân cây to cách đó hai mươi lăm bước hoặc gần như vậy.

-Ngài có nhìn thấy lỗ viên đạn găm không? – Anh hỏi.

-Rất rõ. – ông Rondeau đáp.

Ông ta cầm vũ khí lên.

-Thoả thuận là viên đạn nào gần lỗ hơn sẽ thắng. – René nói.

-Đồng ý. – ông Rondeau đáp.

Rồi ông ta vô cùng chăm chú chứng tỏ việc trả thù này vô cùng hệ trọng. Cuối cùng phát đạn của ông găm vào thân cây cách viên đạn đầu tiên một pút.

-Chà chà! – ông ta khoái chí nói – Thế cũng không tồi với một viên đạn của ông chủ nhà băng.

Đến lượt René cầm súng lên ngắm và bắn.

-Nào, các ngài hãy đến xem và xác định hai xạ thủ.

Ông tướng, Surcouf, Alfred và nhất là ông Rondeau mạnh ai nấy chạy nhanh nhất có thể đến chỗ thân cây dùng làm bia đạn.

-Ái chà chà! – ông Rondeau nói – Tôi hoa mắt hay là ngài thậm chí còn bắn không trúng thân cây.

-Ngài hoa mắt thưa ngài – René nói.

-Sao tôi hoa mắt được?

-Đúng thế đấy! Ngài không tìm chỗ phải tìm. Hãy moi ở lỗ thứ nhất.

-Sau đó thì sao?

-Ngài sẽ thấy viên đạn đầu tiên.

-Tôi thấy rồi.

-Lôi nó ra.

-Nó đây.

-Được lắm! Hãy lôi tiếp đi.

-Lôi tiếp gì?

-Phải, lôi tiếp, lôi tiếp.

-Ông Rondeau sững người vì kinh ngạc.

-Ngài không thấy viên đạn nữa à? – René hỏi.

-Có thấy, thưa ngài.

-Tôi đã bắn viên đạn thứ hai chồng lên viên thứ nhất. Tôi nghĩ mình không thể bắn gần nó hơn ngoài việc cho chúng vào cùng một lỗ.

Tất cả im bặt trong giây lát. Ngay cả Surcouf cũng ngạc nhiên về tài năng thần kỳ ấy.

-Ngài có muốn trả thù một lần thứ ba không ngài Rondeau? – René hỏi.

-Ồ thật tình là không.

-Tôi sẽ đề nghị ngài một việc dễ thôi.

-Việc gì?

-Bắn chết một trong những con dơi dang bay trên đầu chúng ta.

-Ngài dùng súng để giết dơi à? – ông Rondeau hỏi.

-Tại sao không? – René nói – Tôi giết chúng bằng súng lục giỏi lắm.

Và anh cầm nốt khẩu súng thứ tư hạ ngay một con dơi xấu số đang chập choạng bay trong phòng tập vũ khí.

Tối hôm ấy René vẫn chưa kịp nói với ngài đảo trưởng đảo Pháp việc anh muốn nhờ ông ta.

§86. Ra đi

Ngày hôm sau, vào lúc 11 giờ sáng, René xuất hiện lần thứ ba tại dinh ngài chúa đảo. Lần này anh không được đón tiếp như một vị khách mà như một người bạn. Phong cách thẳng thắn, cởi mở và hào hiệp đã khiến ngài đảo trưởng đảo Pháp vui lòng. Ông đến giang tay đón anh không cần lục sự phải dẫn vào như thường lệ dù bất kỳ là người nào.

-Anh bạn René thân mến, lần này chúng ta không bị quấy rầy nữa. Tòi quên là mình phải giúp anh một việc và cả khoản nợ phải trả cho anh nữa. Anh muốn gì tôi nào?

-Tôi đã thưa ngài rồi, thưa tướng quân: Tôi muốn có cơ hội được chết.

-Anh vẫn còn nhắc lại câu đùa ấy à, anh René thân mến – Viên tướng nhún vai nói.

-Tôi không hề đùa một chút nào – René nói tiếp – Tôi đang buồn đến chết. Nếu cứ sống chán chường thế này, có ngày tôi cong tự bắn vào đầu mất. Nhưng mà như thế tôi sẽ khiến cái chết ấy trở nên vô ích và kỳ cục, tôi sẽ là một kẻ điên. Khi chết cho nước Pháp, tôi sẽ có một cái chết có ích, và vinh quang và người ta sẽ gọi tôi là một anh hùng. Hãy cho tôi làm một anh hùng thưa tướng quân, chuyện ấy không khó khăn gì.

-Phải làm sao cho chuyện này?

-Trước hết ngài hãy cho tôi hay tin tức về nước Pháp. Người ta đang nói về một liên quân chống lại Pháp. Ở Calcutta, đó là tin tức nóng hổi. Ngài có biết chúng ta đang ở tình thế nào và có thể nói cho tôi nghe không?

-Tôi nghĩ chúng ta vẫn đang ở Boulogne, đang đóng tàu chiến và nhìn London qua sương mù trên eo biển Manche.

-Nhưng ngài nghĩ đến chiến tranh đúng không tướng quân?

-Tôi còn hơn cả nghĩ đến điều đó, tôi chắc như vậy.

-Vậy thì tốt! Thưa tướng quân, không phải tôi tự khoe nhưng ngài có tin một người như tôi, người không hề sợ chết, người có thể nói được bốn thứ tiếng, người sẵn sàng chỉ cần hiệu lệnh là lao vào nước sôi lửa bỏng, liệu tôi có thể có ích cho đất nước không?

-Nếu tôi tin! Lạy Chúa, có, tôi tin và nếu vì thế mà anh muốn tôi giúp anh được chết thì hãy ở bên tôi.

-Nếu tôi ở lại đây, thưa tướng quân với chiếc thuyền buồm mười hai pháo đại bác chẳng là gì cả. Tôi sẽ chết trong vô danh và như tôi nói ban nãy là vô ích. Nếu tôi sở dụng điều mà Chúa trao cho tôi, tôi có thể cho mình một cái tên, đi đến một vị thế và đạt đến mục tiêu vốn là mục đích tham vọng của tôi.

-Vậy tôi có thể làm gì cho điều đó? – Đảo trưởng hỏi.

-Ngài có thể viết những điều tốt đẹp nghe nói về tôi về lòng can đảm của tôi trong chuyến đi Ấn Độ, gửi tôi về Pháp bằng cách tiến cử tôi…

-Đến một bộ nào đó? – Viên tướng ngắt lời.

-Ồ không! Xin ngài lưu ý, ngược lại đến vị thuyền trưởng cao cấp đầu tiên tôi gặp. Với lời tiến cử của ngài, chắc sẽ không có thuyền trưởng nào lại không nhận tôi như một chuẩn uý hàng đầu. Tôi có quyền được cấp hàm này vì đã từng là trợ lý cho ngài Surcouf và từng tự mình đến Ấn Độ trên thuyền chiến Slúp với tư cách là chỉ huy.

-Điều anh yêu cầu tôi quá đơn giản, René thân mến ạ – Vị tướng nói – Tôi muốn làm nhiều hơn thế cho anh. Trước hết, tôi ra lệnh, dựa trên những gì anh có thể làm cho nước Pháp, để anh quay về châu Âu. Sau đó là những lá thư đặc biệt gửi tới ba chỉ huy tàu chiến hạng nặng, những người bạn thân thiết của tôi đó là Lucas chỉ huy tàu Redoutable, Cosmao chỉ huy tàu Le Pluton và Internet chỉ huy L'Intrépide. Bất kể gặp họ ở đâu anh cũng có thể lên tàu và mười phút sau, anh sẽ có vị trí ở hàng sĩ quan. Tôi có thể làm gì khác giúp anh nữa không?

-Xin đa tạ ngài, những gì ngài làm đó cũng quá đủ rồi.

-Anh định về Pháp thế nào?

-Tôi không cần ai giúp việc này. Chiếc Slúp nhỏ có thể chấp mọi tàu tuần tiễu của Anh là tài sản riêng của tôi. Nó là tàu Mỹ nên thuộc phe trung gian. Tôi nói được tiếng Anh như một người Mỹ. Tôi sẽ đi trong vài ngày để lại chiến lợi phẩm của tôi cho mười tám người từng theo tôi đến Miến Điện. Ngài cũng sẽ có khoản đó. Khi thủy thủ đoàn trở lại đảo Pháp, họ sẽ lĩnh khoản của mình. Chỉ riêng một người được ưu đãi đó là François người đã theo tôi đến Pégou. Anh ta sẽ được lĩnh hai phần.

-Anh sẽ đến chào từ biệt chúng tôi đúng không anh René?

-Tôi sẽ hân hạnh khi tự tay mang bản tính toán phần của mọi người đến cho ngài. Tôi cũng sẽ rất tiếc nếu phải ra đi mà không thăm hỏi phu nhân Decaen và gửi lời ái hữu đến công tử Alfred.

-Anh có muốn gặp họ ngay không? – Tướng quân Decaen hỏi.

-Tôi không muốn quấy rầy họ. – René đáp.

Rồi anh chào ngài đảo trưởng ra về.

Khi trở về, René gặp ông chủ nhà băng Rondeau đang đợi anh. Bên cạnh những tỵ hiềm hôm trước, ông ta cũng không quên nhiệm vụ của mình là kiếm tiền. Ông ta đến thương lượng với René mua lại phần chiến lợi phẩm của anh, điều này giúp anh trước khi đi đến cảng Louis có thể phân phát tiền cho anh em thủy thủ sớm.

René suy nghĩ quả như vậy sẽ dễ dàng đưa người đi khỏi phải trở lại cảng Louis để lấy khoản tiền bán chiến lợi phẩm.

Trước hết, anh thoả thuận với ông Rondeau thủy thủ đoàn của anh sẽ được một nửa phần chiến lợi phẩm tức 500 nghìn phăng. Khoản này sẽ trích 100 nghìn cho người nghèo, bốn trăm nghìn còn lại sẽ chia đều cho mười tám người của anh, trong đó François được gấp đôi.

Ông Rondeau đòi một khoản triết khấu 20 nghìn và sẽ trả một triệu ngay lập tức.

René chấp nhận, sau khi cho ông chủ nhà băng nhận 20 nghìn từ khoản 300 nghìn riêng của anh, cho gửi ngay đến phu nhân Decaen 100 nghìn phăng cho người nghèo khó, để ông Rondeau hoàn tất khoản nợ phu nhân như ông đã hứa rồi mới hẹn người của mình đến gặp anh ngày hôm sau.

Trưa hôm sau, mười tám thủy thủ của anh đã đến. Trước hết anh thông báo họ sẽ được chia trước khoản tiền bán chiến lợi phẩm. Phần của họ được 500 nghìn phăng. Anh nói thêm đã dành cho ngài đảo trưởng 100 nghìn giúp các thủy thủ tàn phế, các goá phụ và trẻ mồ côi của các thủy thủ. Còn lại, anh dành tất cho họ 400 nghìn còn lại để cảm ơn lòng tận tụy và trung thành của họ. Riêng François được phần gấp đôi vì đã theo anh đến tận Đất Trâu và đã ở lại đó cùng anh.

Sau đó, anh thông báo họ sẽ đi cùng anh về Pháp vào ngày kia.

Do đó mọi người nên mang hết tiền về cho vợ con. Nếu tính các chiến lợi phẩm lần trước, mỗi người phải được hơn 60 nghìn phăng.

Mọi người được nhận tiền hoặc bằng vàng, bằng tiền Pháp hay ngân phiếu Anh. Họ đi ra mà hai tay vẫn để trong túi quần như thể sợ vì một lý do nào đó, vàng hay ngân phiếu không theo cùng họ được.

Khi đi vào yên lặng nhưng lúc đi ra họ lại vô cùng ầm ĩ. Có 60 nghìn phăng trong tay lại trở về dưới lá cờ của một nước trung lập cho phép họ hy vọng về nhà bình an vô sự. Đó là điều khiến niềm vui sướng nổ tung và nó trở thành ồn ào nhất trên đời.

Cơn lốc chạy từ quảng trường nhà hát kịch đến biển tạo thành một trong những kỷ niệm náo nhiệt trong nhiều năm sau của thành phố cảng Louis, và còn nhiều sự việc nữa xảy ra hôm thủy thủ đoàn của tàu Tay đua New York nhận được tiền chia.

Như đã hứa, ngày hôm sau nữa, René đến tổng dinh đảo Pháp từ biệt trong nỗi niềm bịn rịn chân thành của gia đình của ngài tướng quân. Họ đón tiếp anh như người con trong nhà và cũng đoán ra ẩn dưới sự hào hiệp hoàn hảo, dưới cái tên đơn giản của René thế nào cũng có những bí mật mà René không thể nói ra.

Họ mang tặng chàng trai trẻ, trong ý mong anh nhớ đến họ, hai khẩu súng ngắn hai viên đạn, độ chính xác của chúng khiến anh nghĩ ngợi nếu có cách hai chục bước anh cũng có thể bắn trúng một lưỡi dao.

Thư giới thiệu của ngài đảo trưởng đã sẵn sàng. Đó là lời ca tụng hàm chứa điều René hy vọng. Đó cũng là thứ anh có quyền được hưởng theo lệnh của

tướng Decaen, người có vị thế lãnh đạo khu hải phận quan trọng, thuyền trưởng trẻ tuổi tàu Tay đua New York được lên tàu nào anh muốn.

Đảo trưởng hỏi thời gian nhổ neo và hứa sẽ đến tạm biệt thủy thủ đoàn Tay đua New York và chỉ huy của nó. Họ nhổ neo vào đúng ba giờ chiều. Từ trưa, bãi neo đậu Chien-De-Plomb đã có đông người tò mò đến xem. René không ra lệnh cho thủy thủ của mình mà xin họ có mặt trên tàu đúng hai giờ và tỉnh táo thực hiện chính xác mọi thao tác. Anh muốn có một cảnh tượng chưa từng thấy trong cảng biển, đó là một thủy thủ đoàn mà mỗi người có sáu mươi nghìn phăng trong túi nhưng không ai say rượu. Điều này khó thực hiện được bằng mệnh lệnh dù khắt khe nhất nhưng một lời xin thân ái của anh lại thành công.

René báo trước cho họ vinh dự ngài đảo trưởng dành cho khi ông đến tham dự buổi ra đi của họ. Về phía các thủy thủ, không báo cho René biết, họ đã thuê sáu thuyền kéo, trên mỗi thuyền ngoài các tay chèo còn có các tay trống và nhạc công.

Ngài đảo trưởng cũng cho neo ca nô của mình vào tàu của René. Khi xuất phát, một loạt súng vang lên và giàn nhạc cất vang bài Khởi hành khúc. Ngài đảo trưởng ra hiệu, mười sáu phát đại bác từ phía đài trắng cũng vang lên đáp lại loạt súng và con tàu nhẹ nhàng chuyển động. Đi được một phần tư dặm, gặp gió bấy giờ chiếc ca nô của ngài đảo trưởng mới đưa gia đình của vị tướng quân quả cảm Decaen trở lại bến Chien-De-Plomb cùng sáu thuyền nhạc công.

Còn tàu Tay đua New York tiếp tục cuộc hành trình của mình về phía nam và nhanh chóng biến mất sau màn sương chiều đầu tiên.

§87. Chuyện xảy ra ở châu Âu

Bây giờ, có lẽ đã đến lúc độc giả hướng về những chuyện xảy ra ở Châu Âu, điều mà ngài đảo trưởng không thể kể cho René có lẽ cũng do khoảng cách xa xôi mà chính ông cũng không được hay biết.

Chúng ta nhớ lại thời điểm chúng ta chia tay Napoléon. Sau chiến thắng Pyramides khiến Ai Cập choáng ngợp, chiến thắng Marengo buộc nước Ý khuất phục, nước Đức kinh ngạc Tây Ban Nha may một bộ hoàng bào và lồng Hà Lan vào đế chế Pháp, ngài Napoléon mang giấc mơ đế chế toàn cầu các mỏm đá thành Douvres mà không nghĩ đến người từng giáng sấm sét xuống chiến hạm Aboukir của ông, sẽ còn gây bối rối nữa trên eo Manche như đã từng gây khó khăn trên bờ biển Syrie. Người đàn ông ấy là Nelson!

Tôi xin chuyển tới độc giả, theo quan điểm đích thực, số mệnh được ưu ái đặc biệt đến kỳ lạ của nhân vật mà những chiến thắng của con người này đã nâng ông ta trong một chốc lát lên ngang tầm với con người thiên tài đối đầu với ông ta.

Quả thật con người này phải sống đúng thời điểm lịch sử mới hoàn thành sứ mệnh cứu nước Anh khỏi một trong những cơn nguy khốn nhất từng có kể từ thời hoàng đế Guillaume Người chinh phục.

Tôi sẽ nói Nelson là ai và qua những sự kiện định mệnh ở thời điểm hiện tại, trong một lúc nào đó, ông ta được coi có thể thay chỗ của Pompée chống lại César thời trước.

Nelson sinh ngày 20 tháng Chín năm 1758. Do đó, vào thời điểm đang nói đến, ông ta 47 tuổi.

Con người này được sinh ra tại Burnham-Thorpe, một làng nhỏ thuộc quận Norfolk. Cha ông ta là một mục sư ở đó, mẹ chết trẻ để lại mười một người con. Một người bác làm trong ngành hàng hải, người bà con với Walpole, đã đưa ông ta làm chuẩn uý trên chiến hạm sáu mươi tư khẩu đại bác, tàu Redoutable. Có một điều kỳ lạ trong số vô vàn điều kỳ lạ của cuộc đời con người này đó là ông ta bị một viên đạn bắn vào từ tàu chiến Pháp mang cùng tên với con tàu đầu tiên ông ta đi biển và cũng có sáu tư khẩu đại bác.

Ông ta khởi nghiệp bằng chuyến lên cực bắc và tàu bị mắc băng trong suốt sáu tháng. Trong một lần thăm dò khu vực xung quanh tàu, ông ta đụng độ với một con gấu trắng và đã đánh giáp lá cà với nó. Con quái vật đang siết ông nghẹt thở trong các chi của nó thì một người bạn thấy cuộc chiến bất cân bằng liền với khẩu súng gí vào tai con vật siết cò bắn vỡ đầu nó.

Ông ta từng xuống xích đạo, bị lạc trong một cánh rừng ở Pérou, ngủ dưới gốc cây to, bị một con rắn độc cắn suýt chết và phải mang những vết thương

giống như vết trên người con rắn suốt đời.

Ở Canada, ông ta có mối tình đầu và định làm trò dại dột nhất đời. Vì không thể xa người vợ yêu, ông ta muốn từ chức thuyền trưởng tàu chiến. Thế là các sĩ quan của ông ta lừa thời cơ trói ông ta lại như một kẻ bất lương hay như một tên khùng, chất lên ngựa cho lên tàu và chỉ cởi trói cho ông khi đã ở giữa dại dương:

Giả dụ Nelson đã từ chức và lời từ chức được chấp thuận, Bonaparte đã chiếm được Saint-Jean – d'Acre, đã không có Aboukir, Trafalgar nữa, hải quân của Pháp sẽ bị hải quân Anh ức hiếp. Nước Pháp đã vững bước chinh phục thế giới nếu không có bàn tay của người đàn ông này.

Khi trở về London, ông ta cưới một goá phụ trẻ tuổi là phu nhân Nisbelt. Ông yêu bà ta bằng thứ đam mê bốc cháy dễ dàng và cũng nhanh chóng ăn vào tâm hồn. Khi trở lại hải quân ông ta mang theo cậu con trai riêng của vợ tên là Josuah.

Lúc Toulon bị trao cho quân Anh, Horatio Nelson đang làm thuyền trưởng trên tàu Agmemnon. Ông ta được cử đến Naples để báo cho đức vua Ferdinand và hoàng hậu Caroline việc chiếm cảng quân sự đầu tiên của Pháp.

Ngài William Hamilton, đại sứ tại Ý, gặp ông ta ở chỗ nhà vua, dẫn về nhà mời ông ta ở phòng khách rồi qua phòng ngủ của vợ nói: -Tôi dẫn về cho phu nhân một con người bé nhỏ, tuy không đẹp nhưng một ngày ông ta sẽ là vinh quang của nước Anh và là nỗi kinh hoàng của kẻ thù.

-Sao ngài dự đoán như thế? – Phu nhân Hamilton hỏi.

-Qua vài lần ít ỏi chúng tôi nói với nhau ông ta đang ở phòng khách, hãy đến chào mừng ông ta đi em yêu. Tôi chưa từng đón một sĩ quan Anh nào đến nhà song tôi không muốn người này ở trọ chỗ nào khác ngoài lâu đài của ta.

Thế là Nelson ở lại đại sứ quán Anh nằm giữa góc sông và phố Chiaia.

Đó là vào năm 1793. Khi đó Nelson là một anh chàng ba mươi nhăm tuổi, vóc dáng khiêm tốn như ngài William nói, khuôn mặt mai mái với cặp mắt xanh, cái mũi khoằm phân biệt con người tham chiến với người biến César và Condé thành những con chim mồi, cái cằm nhô ra mạnh cho thấy tính quả quyết đến cứng đầu. Râu tóc của ông có màu vàng nhạt, thưa và mọc lung tung.

Qua cái nhìn đầu tiên, Emma Lyonna đánh giá về diện mạo của ông ta không khác gì chồng mình. Nhưng vẻ đẹp lộng lẫy của bà đại sứ này đã để lại ấn tượng mạnh cho ông. Nelson rời Naples mang theo sự trợ giúp mà ông ta đến xin triều đình Hai đảo Sicile[355] và tình yêu điên cuồng với phu nhân Hamilton. Tình yêu này đã khiến Nelson phải chịu xấu hổ.

Còn về Emma Lyonna, thời điểm ấy, bà ta đã hết sạch cả hổ thẹn rồi.

Không biết có phải để chữa tình yêu ấy hay vì tham vọng, vì đeo đuổi khát khao vinh quang mà Nelson muốn hy sinh trong cuộc chiến Calvi nơi ông ta mất một mắt và cuộc chinh phạt Ténériffe nơi ông ta mất một cánh tay chăng? Chẳng

ai biết rõ, nhưng trong hai cơ hội ấy, ông ta đã mạo hiểm mạng sống của mình mà vẫn tỏ ra dửng dưng không bận tâm.

Ngày 16 tháng Sáu năm 1798, ông ta trở lại Naples lần thứ hai và lần này lại có sự xuất hiện của phu nhân Hamilton.

Lần ấy Nelson lẽ ra đã bị chỉ trích. Chịu trách nhiệm chặn chiến hạm Pháp ở cảng Toulon và hạ nó nếu nó ra khỏi cảng, ông ta lại để chiến hạm ấy tuột khỏi tay và nó đã chiếm Malte khi đi ngang qua đó rồi có thể đổ bộ 30 nghìn quân lên Alexandrie.

Thế vẫn chưa hết: bị một cơn bão quần tơi tả, thiếu nước và thực phẩm do chuẩn bị ít, không thể tiếp tục truy đuổi, Nelson buộc phải quay lại sửa sang ở Gibraltar.

Ông ta đã thất bại: Người ta có thể buộc tội phản bội cho ông.

Suốt một tháng ròng mà không tìm ra chiến hạm mười ba tàu chiến hạng nặng và tám mươi bảy tàu chuyên chở, không những không đuổi kịp mà còn không phát hiện ra dấu vết nào của nó ở Địa Trung Hải. Mặt khác, lẽ ra ông ta nhận được sự trợ giúp từ triều đình Hai đảo Sicile vào lấy lương thực trong cảng Messine và Syracuse, vào Calabre để lấy gỗ sửa cột buồm, xà buồm bị gãy.

Nhưng triều đình Hai đảo Sicile đã ký hoà ước với nước Pháp. Hiệp ước này yêu cầu triều đình giữ thế trung lập tuyệt đối, nếu cho Nelson những thứ ông ta cần tức là vi phạm thoả ước.

Tuy nhiên, vua Ferdinand và hoàng hậu Caroline rất ghét người Pháp nên những thứ Nelson cần đều được ngang nhiên đáp ứng. Còn Nelson, ông ta hiểu chỉ chiến thắng vang dội mới có thể tự cứu mình nên rời Naples với tâm trạng điên cuồng, yêu mãnh liệt và kỳ cục hơn bao giờ hết, thề phải chiến thắng hoặc mất mạng ngay từ cơ hội đầu tiên.

Ông ta đã thắng và suýt mất mạng.

Chưa bao giờ kể từ khi phát minh ra thuốc súng và cách sử dụng đạn đại bác lại có trận thủy chiến kinh thiên động hải đến thế. Trong số mười ba chiến thuyền của hạm đội nói trên chỉ hai chiếc thoát khỏi tầm đạn và không rơi vào tay kẻ thù.

Một tàu bị nát là L'Orient, một tàu chiến và một tàu ba cột buồm khác bị chìm, chín tàu bị chiếm. Nelson đã tỏ ra như một vị anh hùng. Trong suốt thời gian diễn ra trận chiến, ông ta sẵn sàng xả thân nhưng tử thần không muốn ông ta. Tuy thế, ông ta vẫn bị một vết thương nặng: một quả đạn của tàu Guillaume Tell đã bắn nát xà buồm tàu Vanguard có ông ta trên boong. Nó rơi vào trán khi ông ta ngẩng lên xem vết gãy răng rắc làm toạc một mảng da đầu với con mắt duy nhất còn lại. Giống như cả một con bò mộng đè vào người, ông ta đổ vật ra boong đầm đìa máu. Nelson tưởng vết thương ấy sẽ khiến ông ta mất mạng nên cho gọi linh mục lên rửa tội và nhận lời trăng trối của ông chuyển về gia đình.

Nhưng đi cùng cha xứ còn có một bác sĩ. Người này xem xét hộp sọ, nó không sao cả, lớp da được níu lại vào trán bằng lớp băng đen.

Nelson lại vớ lấy chiếc loa vừa rời khỏi tay và tiếp tục công cuộc phá huỷ bằng cách thét lên: "Bắn!"

Chắc phải có hơi thở của một thần tiên trong lòng hận thù chống lại nước Pháp của con người này.

Ngày 2 tháng Tám, khoảng tám giờ tối, chiến hạm Pháp chỉ còn hai tàu chiến thoát được chạy trốn sang đảo Malte.

Một chiếc tàu hạng nhẹ mang tin chiến thắng của Nelson và chiến hạm của ta bị huỷ diệt về bộ tư lệnh hải quân Anh và triều đình Hai đảo Sicile.

Lập tức toàn châu Âu reo hò sung sướng tột độ lan sang cả châu Á, người Pháp lo ngại bao nhiêu thì cách mạng Pháp ghê tởm sự kiện này bấy nhiêu.

Còn triều đình Naples, sau cơn sung sướng tột độ, trở nên hạnh phúc điên cuồng. Hiển nhiên phu nhân Hamilton là người đầu nhận được lá thư báo tiệp của Nelson. Chiến thắng ấy khép lại vĩnh viễn chuyện 30 nghìn lính Pháp sang Ai Cập gặp Bonaparte.

Bonaparte, con người làm nên trận Toulon, cuộc đảo chính 13 Vendénnaire, trận Montenotte, Dego, Arcole và Rivoli, người chiến thắng Beaulieu, Wurmser, Alvinzi và hoàng tử Charles, người trong vòng hai năm đã thắng lớn, bắt được 150 nghìn tù binh, chinh phục 170 quốc kỳ, chiếm 150 pháo đại bác hạng nặng, 600 làng, năm đội cầu, con người tham vọng đã tuyên bố châu Âu chỉ là cái hang chuột và chỉ Đông Phương mới có các đại đế chế cũng như các đại cách mạng mà thôi, một đại uý ưa phiêu lưu ở tuổi hai mươi chín đã vượt cả Annibal và còn muốn chinh phục Ai Cập để cũng vĩ đại như Alexandre và César, con người đã tịch biên, loại khỏi danh sách nhiều chiến binh; với trò chơi chiến tranh vĩ đại này, cuối cùng con người ấy cũng tìm được đấu thủ may mắn và khéo léo hơn mình. Trên bàn cờ khổng lồ của dòng sông Nil ấy nơi mà quân tốt là những cột tháp, quân mã là các nhân sư, quân pháo là những kim tự tháp, quân sĩ có tên là Cambyse, vua Sésostris, hoàng hậu Cléopâtre, ông đã từng bị thất bại và xa xẩm mặt mày.

Thật ngạc nhiên khi đong đo nỗi sợ hãi của các vị quốc vương ở châu Âu khi nghe hai cái tên nước Pháp và Bonaparte cộng lại qua những món quà họ tặng cho Nelson, họ trở nên mừng vui khôn xiết khi thấy nước Pháp bị hạ gục và tin là Bonaparte sẽ thất bại.

Phần liệt kê những quà mừng ấy không khó, chúng tôi xin chép lại từ chính bản viết tay của Nelson.

Vua Geoges Đệ tam, trao tặng phẩm hàm danh dự Anh Quốc và một mề đay vàng.

Công viện dành cho người thừa kế gần nhất và cho ông ta tước hiệu Nam tước Nil và Burnham-Thorpe cùng một khoản tô tức hai nghìn livre sterling bắt đầu lĩnh từ mồng 1 tháng Tám năm 1798, tức ngày diễn ra trận đánh.

Viện công khanh cũng dành một khoản tương tự, trong điều kiện tương tự.

Nghị viện Ai xơ len tặng một khoản trợ cấp một nghìn livre sterling.

Liên đoàn người Án Đông phương tặng mười nghìn livre trả một lần.

Quốc vương Thổ Nhĩ Kỳ[356] tặng một vòng kim cương đính cây bút chiến thắng trị giá 2000 livre sterling, một chiếc áo lông sang trọng trị giá một nghìn livre sterling. Thái hậu Thổ Nhĩ Kỳ cũng tặng một hộp kim cương trị giá 1200 livre.

Vua Sardaigne[357] tặng một gạt tàn nạm kim cương trị giá 1200 livre.

Đảo Zante tặng một thanh gươm có nắm tay bằng vàng, một trái táo vàng.

Thành Palerme tặng một gạt tàu và một dây chuyền vàng trên một đĩa bạc.

Cuối cùng là người bạn Benjamin Hallowell, thuyền trưởng tàu Swiftsure, tặng một món quà đặc Anh mà sẽ là rất thiếu nếu không liệt kê. Như tôi đã nói, con tàu L'Orient của Pháp đã bị nát tan tành, Hallowell vớt được cột buồm lớn của nó. Ông ta cho thợ trên tàu đóng một cỗ quan tài có trang trí một tấm biển ghi lời chứng thực sau:

"Tôi chứng nhận cỗ quan tài này đóng hoàn toàn bằng gỗ và sắt từ chiến thuyền L'Orient mà tàu của nhà vua, theo lệnh tôi, đã vớt được trong vịnh Aboukir.

BEN HALLOWELL"

Kèm theo cỗ quan tài có xác nhận như thế là một lá thư.

"Gửi tới ngài Nelson C. B đáng kính, đức ông của tôi,

Tôi gửi cho ngài cỗ quan tài đóng tứ chính cây cội buồm của tàu chiến L'Orient của Pháp để ngài dùng khi từ bỏ cõi đời này đi an nghỉ chốn của riêng mình. Hy vọng ngày ấy là ý muốn chân thành của kẻ phục tùng và thân ái này.

BEN HALLOWELL."

Trong số tất cả những món quà nhận được, đây là thứ khiến Nelson cảm động nhất. Ông ta nhận nó bằng vẻ mãn nguyện ra mặt. Ông ta cho đặt nó vào ca bin của mình sát tường ngay sau chiếc ghế nơi ông ta ngồi ăn. Một nô bộc già thấy đồ vật này buồn quá nên theo lệnh của đô đốc đã chuyển nó lên boong phụ.

Khi Nelson rời tàu Vanguard sang Fulminan, cỗ quan tài ấy chưa tìm được vị trí thích hợp nên ở khoang trước trong vài tháng. Một hôm, các sĩ quan tàu Fulminan khen ngợi món quà của thuyền trưởng Hallowell, Nelson hét lên với họ từ ca bin: -Cứ ngắm thoả thích chừng nào các quý ông muốn, nhưng nó không phải làm để cho các vị đâu.

Cuối cùng, ngay khi có dịp, Nelson cho bọc nó trong một tấm thảm và quấn vải nhung để, với nghề của mình, ông ta muốn có nó sẵn sàng khi cần.

Khỏi phải nói, bảy năm sau, khi bị chết ở Trafalgar, Nelson đã được khâm liệm trong cỗ quan tài ấy.

§88. Emma Lyonna

Để trừng phạt kẻ thắng trận Aboukir và Trafalgar, công lý của đức Chúa đã muốn cái tên Emma Lyonna phải gắn với cái tên Nelson mãi mãi.

Như tôi vừa nhắc ở trên, Nelson đã cho con thuyền hoả tốc về báo tin chiến thắng trận Aboukir đến Naples và London.

Ngay khi nhận được thư của Nelson, Emma Lyonna chạy ngay đến chỗ hoàng hậu Caroline và chìa lá thư ra trước mắt hoàng hậu. Bà hoàng liếc mắt xem qua rồi kêu lên và đúng hơn là rú lên vì sung sướng.

Sau đó, không cần biết đến đại sứ Pháp Garat, người đã đọc bản án tử hình vua Louis XVI và người được chính quyền Đốc chinh cử đến Naples như một lời cảnh báo cho nền quân chủ Bourbon, hoàng hậu ra lệnh chuẩn bị chu đáo để thết đãi Nelson đến Naples như người ta nghênh đón một người chiến thắng trở về.

Và để không đứng sau các quốc vương khác, bà ta muốn tỏ lòng biết ơn trội hơn hẳn người nước khác mà không nghĩ đến nguy cơ cao gấp hai lần khi có sự hiện diện quân đội Pháp ở Rome cộng với sự tuyên bố chế độ Cộng hoà La Mã. Hoàng hậu thúc người tình của mình, ngài bộ trưởng Acton thuyết phục vua phong cho Nelson tước Quận công Bronte với ba nghìn livre tiền tô tức mỗi năm. Mặt khác, bên cạnh việc trao sắc phong nhà vua còn đích thân tặng cho Nelson thanh kiếm được vua Louis XIV trao cho con trai ngài là vua Philippe Đệ ngũ khi ông ta đi trị vì Tây Ban Nha rồi vua Philippe Đệ ngũ lại trao lại cho con trai Carlos của ngài khi người con này đi chinh phục Naples.

Ngoài giá trị lịch sử, tức là giá trị không định giá được thanh gươm này (theo lời di huấn của vua Charles Đệ tam chỉ có thể trao cho người bảo vệ và cứu tinh nền quân chủ của Hai đảo Sicile) còn có thể xác định giá trị vật chất, dựa vào các viên kim cương khảm nạm trên đó, là năm nghìn livre tức 125 nghìn phăng.

Riêng hoàng hậu, bà ta dành cho Nelson một món quà mà không một tước hiệu hay đặc ân vua chúa nào trên đời có thể sánh nổi đó là trao cho ông ta Emma Lyonna, mục đích năm năm mơ mộng mãnh liệt nhất của Nelson.

Kết quả là vào buổi sáng hôm Nelson đến Naples, khi Emma Lyonna vén mái tóc hạt dẻ để hôn lên cái trán dối trá nhưng bề ngoài lại thánh thiện như một thiên thần của hoàng hậu thì hoàng hậu nói: -Emma yêu dấu của ta, để ta còn là vua và em là hoàng hậu, con người ấy phải thuộc về chúng ta và để con người ấy thuộc về chúng ta thì em phải thuộc về ông ấy.

Emma cụp mắt xuống không nói gì, cô ta nắm lấy hai tay hoàng hậu mà ra sức hôn lên đó.

Hãy xem tại sao hoàng hậu Marie-Caroline lại có thể cầu xin hay nói đúng hơn là ra lệnh như vậy với phu nhân Hamilton, bà đại sứ phu nhân Anh quốc.

Emma là con gái của một nông dân nghèo xứ Galles. Cô ta không biết mình bao nhiêu tuổi và được sinh ra ở đâu. Những gì cô ta còn nhớ là hình ảnh một đứa trẻ ba, bốn tuổi mặc chiếc váy xoàng xĩnh đi chân trần trên con đường miền sơn cước giữa sương mù và mưa bay tháng Chín, níu đôi bàn tay lạnh cóng vào bộ quần áo của mẹ, một phụ nữ đáng thương bế cô bé trong tay mỗi khi cô mệt hay phải lội qua một con suối chặn qua đường.

Emma nhớ đến cái đói và lạnh trong chuyến đi ấy. Cô ta còn nhớ khi họ đi qua một thành phố, mẹ cô đã phải dừng lại trước ngôi nhà giàu có hay trước cửa hàng bánh mì để van xin vài đồng tiền lẻ hay một cái bánh mỳ nhưng luôn bị từ chối.

Cuối cùng, hai mẹ con cũng đến thành phố nhỏ Flint, nơi họ cần đến. Đó là nơi đã sinh ra mẹ của Emma và John Lyon, cha của cô. Cha cô khi đi tìm việc đã rời mảnh đất Flint để đến Chester. Công việc chẳng đem lại kết quả gì, John Lyon đã qua đời khi còn trẻ và trong nghèo khổ, bà vợ goá đành mang con về quê xem mảnh đất này còn đón nhận họ không.

Thế là như trong giấc mơ, Emma thấy mình trên một sườn đồi chăn vài con cừu. Chúng đến uống nước bên dòng suối nhỏ nơi cô bé hay soi xuống xem khuôn mặt mình ra sao khi đội lên đầu một vành hoa dại.

Sau đó, gia đình cô được nhận một khoản tiền từ bá tước Halifax, một phần dành cho mẹ và một phần dành cho cô ăn học.

Thế là người ta đưa cô vào trường nội trú dành cho các bé gái, tại đó cô bé được mặc đồng phục là một chiếc mũ rơm, chiếc váy màu thiên thanh và một tạp dề đen.

Cô bé ở đó hai năm. Sau hai năm, bà mẹ đến đón cô về vì không còn tiền trả tiền học. Bá tước Halifax đã chết và bỏ quên hai người phụ nữ ấy trong di chúc của mình.

Cô buộc phải làm hầu gái trong gia đình của một ông Thomas Hawarden nào đó có cô con gái goá qua đời để lại ba đứa cháu côi cút.

Một buổi đưa lũ trẻ đi dạo đã xui khiến nên một cuộc gặp định mệnh quyết định số phận cuộc đời cô ta. Một ả gái lầu xanh nổi tiếng tên là Miss Arabell và một hoạ sĩ tài danh, người tình qua đường của ả có tên là Romney, đã dừng chân để cho hoạ sĩ ký hoạ khung cảnh làng quê xứ Galles. Miss Arabell đi theo xem hoạ sĩ vẽ.

Đám trẻ do Emma dẫn đi chơi nhón chân lại gần xem hoạ sĩ làm gì. Emma đi theo chúng. Khi quay lại, hoạ sĩ nhìn thấy cô ta và kêu lên kinh ngạc. Emma mới mười ba tuổi và chưa bao giờ người hoạ sĩ thấy ai đẹp như thế.

Ông ta hỏi cô ta là ai và làm gì. Vốn có chút học hành nên cô bé trả lời câu hỏi ấy khá lịch sự. Cô nói mình kiếm được bao nhiêu khi chăm sóc lũ trẻ nhà ông

Hawarden: Cô nói mình được nuôi ăn, mặc, ở và kèm theo mười schelling mỗi tháng.

-Hãy đến London – Hoạ sĩ bảo cô – Tôi sẽ trả cô năm đồng guinée cho mỗi bức ký hoạ nếu cô đồng ý làm người mẫu.

Rồi ông ta chìa tấm thiệp có ghi: "Edward Romney, số 8 Quảng trường Cawendish", đồng thời Miss Arabell cũng rút vài đồng vàng đưa cho cô.

Cô bé cầm tấm các, cần thận cất vào ngực nhưng không nhận khoản tiền. Khi Miss Arabell nài ai nói rằng khoản tiền ấy để cô tới London, Emma nói: -Cảm ơn bà. Nếu tôi đến London, tôi sẽ đi bằng khoản tiết kiệm nhỏ tôi vẫn dành dụm và sẽ tiếp tục để dành.

-Với mười schelling một tháng ư? – Miss Arabell cười hỏi.

-Vâng thưa bà. – Cô bé đáp gọn.

Và mọi chuyện kết thúc ở đó.

Không, mọi chuyện chưa kết thúc ở đó vì ngày hôm ấy còn có chuỗi hệ quả khác. Sáu tháng sau, Emma đến London, nhưng hoạ sĩ Romney đi vắng. Không gặp được ông cô bé đến gặp Miss Arabell, người này coi cô như kẻ cùng hội cùng thuyền.

Miss Arabell là người tình của ông hoàng nhiếp chính nên ả đạt đến tột đỉnh giàu sang của một kỹ nữ. Trong hai tháng Emma ở nhà ả, cô bé đọc đủ loại tiểu thuyết đến tay, lui tới tất cả các nhà hát kịch, trở về phòng mình bắt chước mọi vai kịch nghe được, tập tành đủ các loại vở ba lê được xem. Những gì người khác chỉ xem là trò giải trí, cô lại coi là mối bận tâm duy nhất. Vừa đến độ mươi lăm, cô bé bước vào tuổi thanh xuân rực rỡ nhất vẻ đẹp lộng lẫy nhất. Thân hình mềm mại cân đối cho phép cô bé thực hiện được mọi tư thế, mọi uốn éo và đã đạt đến độ khéo léo nhất của một vũ nữ. Về khuôn mặt, dù những vất vả cực nhọc khuôn mặt ấy vẫn giữ được vẻ trong sáng thơ ngây trinh trắng. Được trời phú cho khả năng biểu hiện cảm xúc vô cùng tinh tế, khuôn mặt ấy có thể biểu lộ, nỗi đau đớn qua vẻ đượm buồn hay một cơn bột phát sung sướng. Người ta bảo rằng vẻ thanh khiết của tâm hồn toát ra dưới những đường nét ngây thơ tuy nhiên một đại thi hào thời đại chúng ta ngần ngại làm lu mờ tấm gương tuyệt mỹ ấy khi nói đến các tật nhỏ của cô rằng: "Sa ngã của nàng không nằm ở thói hư mà vì bất cẩn và lòng tốt."

Cuộc chiến nước Anh phát động chống lại thuộc địa Mỹ đang ở đỉnh điểm. Anh trai một cô bạn của Emma tên là Richard bị ép phải xung vào hải quân. Cô em gái chàng trai tên là Fanny đã chạy đến chỗ Emma nhờ giúp. Fanny thấy Emma quá đẹp nên nghĩ nếu cô cầu xin hộ thì chắc không ai nỡ từ chối.

Emma vui vẻ mặc chiếc váy đẹp nhất cùng bạn đi tìm ngài đô đốc. Emma đã nhận được điều cô muốn song John Payne cũng có điều kiện của ông ta đó là

Emma sẽ đổi tự do cho Richard nếu không bằng tình yêu thì cũng bằng lòng biết ơn của cô.

Emma Lyonna trở thành người tình của đô đốc Payne, có một ngôi nhà riêng, có xe ngựa, đầy tớ riêng cho mình. Tuy nhiên đống của cải phù du ấy đến và đi nhanh hơn thời tiết. Hạm đội ra đi. Emma Lyonna lại thấy chiến thuyền của người tình trong lúc khuất dần chốn chân trời cũng đồng thời cuốn đi mọi giấc mộng vàng son của cô.

Tuy thế Emma đâu phải là người phụ nữ dễ gục ngã như Didon sau lần cất cánh của Enée. Một trong những người bạn của đô đốc Payne, Sir Harry Fatherson, giàu có và lịch lãm, muốn cô tiếp tục làm cái việc đã làm, tức là trở thành người tình cho ông ta.

Emma đã bước những bước đầu tiên trên con đường sa ngã. Cô ta chấp nhận và trong suốt một mùa trở thành nữ hoàng trong các buổi săn bắn, hội hè và vũ tiệc. Nhưng than ôi, khi mùa qua đi, bị người tình thứ hai lãng quên, bị coi rẻ trong mối tình thứ hai, cô ta dần rơi vào thế cùng quẫn đến độ không còn nguồn nào khác ngoài vỉa hè Heymarket, vỉa hè nhơ nhớp nhất cho những sinh linh bất hạnh đi ăn mày tình ái của những kẻ qua đường.

May thay, người mối lái mà cô ta nhờ dẫn dắt vào ngành bán phấn buôn hương ấy bị ấn tượng trước vẻ tao nhã và chỗ ở mới thanh đạm của ả nên thay vì đưa cô ta làm gái điếm như những người khác, lại dẫn đến chỗ một bác sĩ nổi tiếng quen lui tới chỗ bà ta.

Đó là bác sĩ nổi danh Graham, một tay lang băm ưa thần bí và thích nhục dục, người hành nghề thứ tôn giáo vật chất sắc đẹp trước các cô gái trẻ London.

Khi Emma xuất hiện trước mắt hắn tức là thần vệ nữ Astarté của hắn đã được tìm thấy dưới những đường nét của Vệ nữ trinh bạch. Hắn ta trả giá cao cho kho báu ấy. Nhưng với hắn, kho báu này thật vô giá. Hắn đặt cô ta ngủ trên giường thần Apollon, đắp lên cô ta tấm voan trong suốt hơn cả của thần Vulcain đã đắp lên nữ thần Vệ nữ khiến mọi con mắt của đỉnh Olympia phải hút vào, rồi hắn phô trương ầm ĩ trong báo giới rằng cuối cùng mình cũng sở hữu một nguyên bản duy nhất và tột đỉnh về sắc đẹp còn thiếu cho đến giờ để hoàn tất học thuyết của mình.

Trước lời kêu gọi vừa nhắm vào sa hoa và khoa học ấy, mọi tông đồ trong cái tôn giáo tình ái, thứ tôn giáo khoả rộng trên toàn cầu đều đổ dồn đến phòng của bác sĩ Graham.

Thành công thật trọn vẹn: không hoạ sĩ hay nhà điêu khắc nào từng tạo được một kiệt tác tương tự, đến Apelle và Phidias cũng phải chịu thua cuộc.

Các nhà hoạ sĩ và điêu khắc kéo đến rất đông. Romney khi trở về London cũng đến như không người khác và nhận ra cô bé ở Flint dạo nào. Ông ta thể hiện cô dưới nhiều hình dạng, thành Ariane, cô đồng, Léda, hay nữ thần Armide và

chúng ta có ở Thư viện hoàng gia một bộ sưu tập điêu khắc thể hiện sự quyến rũ trong mọi thái độ khoái cảm từ thời cổ đại dâm đãng nghĩ ra.

Thế là vì tò mò, chàng trai Charles Grenville xuất thân trong gia đình danh giá Warwich mà người ta gọi là Người lập vua và là cháu họ của Sir William Hamilton cũng tìm đến. Thấy Emma hoàn hảo nên đã đem lòng yêu dấu. Những lời hứa hẹn bay bướm nhất đã được chàng trai quý tộc này chuyển đến Emma. Nhưng cô ta còn vướng bận với bác sĩ Graham một mối liên hệ ơn nghĩa nên đã cự lại mọi lời quyến rũ, tuyên bố lần này chỉ chia tay nhân tình để theo chồng.

Sir Charles hứa lời hứa danh dự của một quý ông sẽ lấy Emma Lyonna ngay khi cô đủ tuổi trưởng thành. Trong khi chờ đợi Emma đồng ý để anh ta làm một cuộc bắt cóc.

Thực ra hai kẻ yêu đương ấy đã sống với nhau như vợ chồng và theo lời ông bố, ba đứa trẻ sinh ra phải được hôn thú chứng nhận hợp pháp.

Tuy nhiên trong quãng thời gian sống chung ấy, một thay đổi bộ ngành đã khiến Grenville mất công việc mang lại thu nhập chính cho anh ta. Thật may là sự việc này xảy ra khi họ ở với nhau đã được ba năm do đó Emma Lyonna đã kịp nhờ các ông thầy giỏi nhất London, học và tiến bộ vượt bậc trong âm nhạc và hội hoạ, ngoài ra cô ta còn hoàn thiện học vấn, học thêm tiếng Pháp và tiếng Ý, làm thơ như phu nhân Siddons.

Dù mất việc, Grenville vẫn không thể giảm bớt chi tiêu, vậy là anh chàng viết thư cho chú mình để xin tiền. Ban đầu, lần nào yêu cầu của anh ta cũng được đáp ứng nhưng lần cuối, ngài William Hamilton trả lời rằng ông định đến London ít ngày và nhân cơ hội ấy để xem xét công việc của cháu.

Cái từ xem xét này làm đôi trẻ lo sốt vó. Họ vừa muốn lại vừa sợ sự xuất hiện của ngài William. Rồi ông đột ngột xuất hiện tại nhà họ mà không báo trước. Ông đã ở London từ tám ngày rồi.

Trong tám ngày ấy, Sir William đã tìm hiểu tin tức về cháu mình. Những người cung cấp tin cho ông không quên nói đến nguyên nhân sự đảo lộn và khốn khó của cháu ông là do một con điếm cháu ông đã ăn ở và đẻ được ba đứa con gây ra.

Emma lui vào phòng để người tình của mình ở lại với ông chú. Ông chú không đưa ra điều kiện nào ngoài việc lựa chọn hoặc ngay lập tức bỏ Emma hoặc từ bỏ quyền kế nghiệp thứ mà từ nay là nguồn tài sản duy nhất của anh ta.

Nói xong ông chỉ ra đi để cho cháu mình ba ngày suy nghĩ.

Mọi hy vọng của hai người từ giờ chỉ còn trông đợi ở Emma. Cô ta phải là người đi xin Sir William Hamilton tha thứ cho tình nhân của mình và chứng tỏ anh ta đáng được tha thứ bao nhiêu.

Thế là thay vì mặc bộ đồ sang trọng trong hoàn cảnh mới, Emma mặc lại bộ quần áo thời thiếu nữ: chiếc mũ rơm và chiếc váy cà tàng. Những giọt nước mắt,

nụ cười, trò điệu bộ trên khuôn mặt, những cái ve vuốt và giọng nói sẽ làm nốt phần còn lại.

Khi được đưa đến chỗ Sir William, Emma phủ phục dưới chân ông; và hoặc khéo léo buộc hờ hoặc do tình cờ dải quai mũ tung ra khiến mái tóc hạt dẻ xổ tung trên vai.

Kẻ quyến rũ đang trong sự đau đớn vô bờ.

Ông già cổ hủ, kẻ từng yêu say đắm bức tượng cẩm thạch ở thành Athènes và những tượng Hy Lạp cổ đại, lần đầu liên thấy sắc đẹp sống động át cả vẻ đẹp lạnh lùng và tái nhợt của những nữ thần do Praxitèle và Phidias tạc nên. Tình yêu, cái thứ ông không muốn hiểu ở đứa cháu, đã xộc thẳng vào tim ông rồi chiếm vị trí trọn vẹn mà ông không kịp phản ứng.

Khoản nợ của cháu, xuất thân thấp hèn của Emma, những tai tiếng, tiền quảng cáo cho mỗi tiếng, tất cả, thậm chí những đứa con của cô, Sir William chấp nhận hết chỉ với một điều kiện duy nhất là Emma phải dứt bỏ hoàn toàn cách sống cũ.

Thế cũng là thành công lớn thoả ước ao bấy lâu của Emma, nhưng lần này cô ta ra điều kiện cụ thể không như lời hứa suông làm đám cưới với cháu ông lần trước. Cô ta tuyên bố chỉ đến Naples với tư cách là vợ chính thức của ngài William Hamilton.

Sir William chấp nhận hết.

Sắc đẹp của Emma mang đến thành Naples tác động chưa từng có, cô ả không chỉ khiến mọi người ngạc nhiên mà còn khiến họ loá mắt.

Vốn là nhà khảo cổ học và khoáng vật học có uy tín, ngôi nhà của đại sứ Anh quốc, là anh em cùng vú nuôi và bạn thân của vua Georges Đệ tam, Sir William hội tụ tại nhà mình giới thị thành hàng đầu của Hai đảo Sicile gồm những nhà khoa học, chính khách và giới văn nghệ sĩ. Chỉ ít ngày cũng đủ cho Emma dù rất nghệ sĩ, muốn hiểu về chính trị và khoa học, biết mình còn biết gì và rất nhanh sau đó những lời đánh giá của Emma đã thành luật đối với những ai hay lui tới phòng tiếp của Sir William.

Thành công của ả chưa dừng lại ở đó. Vừa mới được giới thiệu đến triều đình, hoàng hậu Marie-Caroline đã tuyên bố ả là bạn thân thiết và từ đó trở thành người yêu mến không những xuất hiện trước công chúng với ả gái điếm phố Haymarket mà còn đi suốt phố Tolède, đi dạo ở Chiaia trong cùng cỗ xe và trang điểm cùng kiểu với ả. Hơn thế, sau những buổi tối bắt chước những tư thế gợi cảm và bốc lửa nhất thời cổ đại, bà hoàng sai người nói với Sir William, kẻ sung sướng lặng người trước ân huệ ấy, rằng bà chỉ trả lại ông ta cô bạn gái của mình vào ngày hôm sau.

Người ta đã thấy, bên cạnh những chuyện gây xôn xao triều đình Naples ấy, xuất hiện và lớn mạnh một Nelson, nhà quán quân trong các thế lực triều đình cũ.

Chiến thắng Aboukir mang lại hy vọng cho tất cả các ông vua từng đặt tay lên vương miện chao đảo của họ. Bằng mọi giá, Marie-Caroline người đàn bà hám của, quyền lực và đầy tham vọng, cũng phải bảo vệ vị thế của mình; cho nên không có gì lạ khi bà ta lại nhờ đến sức cuốn hút của cô bạn gái khi vào buổi sáng hôm dẫn Emma đến trước.

Nelson người đã trở thành chìa khoá cho nền chuyên chế, bà đã nói với ả: "Người đàn ông này phải thuộc về chúng ta và để con người ấy thuộc về chúng ta, em phải thuộc về ông ấy."

Liệu việc giúp người bạn gái Marie-Caroline về chuyện đô đốc hải quân Horace Nelson có khó như việc Emma Lyonna từng làm giúp cô bạn Fanny trong về chuyện đô đốc Payen không?

Vả lại phải có phần thưởng vẻ vang cho những què cụt của Nelson, cho đứa con người linh mục nghèo làng Burnham-Thorpe, cho con người gây dựng vĩ đại cho mình bằng chính dũng khí bản thân, gây dựng tiếng tăm bằng tài năng của mình, phải có phần thưởng xứng đáng cho những vết thương để thấy ông vua, bà hoàng, cái triều đình này và phần thưởng cho chiến thắng của ông, cái con người ông đam mê tiến đến trước mặt chứ.

§89. Do đâu Napoléon thấy đôi khi buộc con người tuân lệnh còn khó hơn số mệnh

Ai cũng biết hậu quả sau buổi lễ đón chào Nelson.

Đại sứ Pháp đùng đùng nổi giận trước động thái ngang ngược ấy đã lấy lại hộ chiếu và về nước. Nhà vua không muốn cho nước Pháp cái mãn nguyện là người tấn công trước. Ông ta cầm 65 nghìn quân đối đầu với Championnet chỉ có 12 nghìn và ngày lần gặp đầu tiên đức vua đã thất bại thảm hại, chạy trốn và chỉ dừng lại ở Naples.

Championnet đuổi theo với lòng nhiệt tình mà các tướng lĩnh Cộng hoà vẫn hay phô ra. Chỉ năm, sáu nghìn người cùng khổ, thành Naples cũng làm được điều mà 65 nghìn quân của vua Naples không thể. Họ đối đầu với quân Pháp, bảo vệ thành suốt ba ngày thậm chí còn bảo đảm an toàn cho nhà vua, hoàng hậu, hoàng gia Naples, ông bà đại sứ anh xuống thuyền an toàn.

Những người này trốn sang đảo Sicile.

Một ngày, giáo chủ Ruffo được lệnh của nhà vua trở về từ Messine để chiếm lại Naples.

Trong khi ấy Bonaparte vẫn đang ở Ai Cập, bị chôn chân một chỗ do chiến hạm Aboukir bị phá huỷ.

Quân đội Pháp ở nhà thất thủ tại Italie cũng mất luôn uy danh bất khả chiến bại của mình.

Giáo chủ Ruffo lấy lại Calabres rồi Naples và chỉ dừng lại khi đã đến biên giới Rome.

Vua Ferdinand trở lại Naples với danh sách một trăm người bị ông ta tuyên phạt tử hình trước khi đưa ra toà án.

Caracciolo, người từng từ chức đô đốc hải quân như một công dân Naples đã bị buộc đứng vào hàng ngũ ấy. Không một toà án nào dám kết án ông ta nhưng Nelson đã chấp nhận làm đao phủ để đổi lấy nụ hôn của người đẹp Emma và một nụ cười của hoàng hậu.

Nelson cho bắt Caracciolo tại nhà ông này ẩn náu, đưa ông ta lên tàu Foudroyant và chống lại luật nhân quyền, một đô đốc Naples bị một đô đốc Anh kết án và treo cổ như một tên cướp biển hèn hạ trên đầu xà buồm.

Người ta cứ nghĩ rằng khi trở lại London, sau những trò hổ thẹn ông ta làm cho triều đình Naples, Nelson ít nhất cũng sẽ nhận sự quở trách công khai. Thế nhưng ông ta chẳng làm sao cả.

Ngược lại, trở về Anh cùng Lady Hamilton ông ta còn được tôn vinh về chiến thắng Aboukir và chiến công tại Naples: mọi tàu chiến ở Tamise đều trưng cờ hoa, chính phủ và tổng bộ London ca tụng ông ta như một vị cứu tinh cho tổ

quốc: dân chúng cuồng nhiệt sau mỗi bước chân và đi sau thành đoàn người vào thành.

Ông ta mua một toà nhà ưng ý tên là Merton gần London, cất giữ tình yêu, vinh quang và những hối hận của mình trong đó. Ông ta có với Emma Lyonna một cô con gái đặt tên thánh là Horatia.

Cuộc chiến trên biển Baltique gọi con người này trở lại Đại dương. Nelson chỉ huy hạm đội buộc cảng Copenhague, khuất phục và thiêu cháy hạm đội Đan Mạch. Lần ấy khi nhận được tín hiệu của đô đốc đối phương, Nelson đưa ống ngắm lên cái mắt bị chột và khi người ta bảo ông ta ngừng bắn ông lại cứng đầu nói "Tôi chẳng thấy gì cả."

Câu trả lời ấy từng là câu nói của Alanc hay Allila và sẽ bị xử phạt tại tất cả các dân tộc văn minh, lại vinh danh ông ta tại London cũng đồng thời là nỗi ghê sợ cho phần còn lại của châu Âu.

Nelson trở về Anh quốc như một người chiến thắng và được nhà vua phong tước quý tộc.

Nước Anh chỉ có ông ta làm đối trọng có thể chống lại Napoléon.

Tuy thế Napoléon vẫn đeo đuổi cuộc đọ gươm với nước Anh.

Từ mười tám tháng qua, trên khắp các cảng nước Pháp hay Hà Lan, ông cho tập trung mối đe doạ tấn công sang Anh. Năm sáu trăm xà lan cỡ lớn chở đại bác được tập hợp từ Dunkerque đến Abbeville sẵn sàng chở quân từ Boulogne cắm trại bên bờ biển và có thể một ngày nào đó sẽ đưa sang bờ biển Anh đội quân bất khả khuất phục như đội quân của hoàng đế Guillaume Người chinh phục.

Nước Anh trong lúc chế nhạo những vỏ dừa của ngài Bonaparte, như cách gọi của họ, không hề bỏ sót hành động tập hợp quân đội đáng sợ trước mặt. Các hạm đội của họ cũng toả khắp eo biển Manche và tức thời có thể chặn các xà lan chuyên chở của Pháp sang London.

Ngài Napoléon chỉ muốn tấn công sau khi tập hợp đủ một hạm đội với 60 hoặc 80 tàu chiến toả ra eo biển Manche để đương đầu với hạm đội Anh. Với ông, bất kể thắng hay bại, miễn là ông cầm chân địch trong một ngày để đưa 50 hay 60 nghìn quân đổ bộ lên bờ biển Anh. Nhưng các tàu chiến Pháp nằm rải rác ở Escaut, Brest, Toulon hay Cadix nên chỉ có thể tập hợp nhanh khi có sức mạnh huyền bí, có sự phối hợp và có cả sự táo bạo nữa. Tuy nhiên, không đô đốc nào ở Pháp, Hà Lan hay ở Tây Ban Nha có đủ khả năng thực hiện công cuộc anh hùng và vô vọng ấy. Dù có lòng dũng cảm nhưng trì tuệ hạn chế, tất cả bọn họ đều suy nghĩ và làm theo áp lực trách nhiệm. Họ không hiểu điều gì nằm ở sau mệnh lệnh: "Hãy biết phòng ngự nếu các ông không thể tấn công, những dù thế nào vẫn cứ tiếp tục chiến đấu."

Họ cũng không hiểu rằng bằng mọi giá phải ngăn các chiến hạm Anh cách Manche 500 dặm tức là đã giúp Napoléon trong kế hoạch xâm chiếm nước Anh.

Vấn đề là chiến đấu trên bộ chỉ cần dũng khí nhưng khi chiến đấu trên biển thì nhất thiết phải có khí chất anh hùng và khoa học. Một đội quân trên cạn bị thua, chỉ huy mất hay chạy trốn thì vẫn có thể tập hợp lại, chỉnh đốn và hồi phục. Nhưng một hạm đội bị thất bại hay bị bốc cháy sẽ nuốt chửng theo những ai trên nó và chỉ để lại trên sóng những mảnh vỡ cháy đỏ.

Điều này người Anh cũng rõ chẳng khác gì Napoléon.

Trong cơn tuyệt vọng khi tập hợp các chiến hạm tản mác, ngài Bonaparte mang hai chiến hạm ở Toulon và ở Brest đồng thời xuất phát mang theo 40 – 50 nghìn quân chia ra làm hai cánh đi vào Ấn Độ Dương. Hai chiến hạm này chắc chắn sẽ buộc các chiến hạm Anh đuổi theo và trong khi lực lượng hải quân Anh còn mải chạy đến cứu Ấn Độ thì có thể ông còn thời gian đưa các boong di động qua eo biển Manche và làm điều mà hai người, César và hoàng đế Guillaume Người chinh phục, đã từng làm trước mình.

Nhưng phạm vi đồ sộ của kế hoạch này nhanh chóng khiến ông nản lòng. Ông nghĩ đến phương án khác có vẻ đơn giản và chắc chắn hơn. Ông sẽ kéo đám chiến hạm Anh dày đặc ra xa eo biển Manche. Theo lệnh của ông, đô đốc Villeneuve, chỉ huy tối cao chiến hạm Tây Ban Nha và Pháp hợp lại, đã rời Toulon cùng mười ba tàu chiến và vài chiến thuyền ba cột buồm.

Ông tập hợp hạm đội Tây Ban Nha tại Cadix dưới sự chủ huy của đô đốc Gravina. Từ đây Gravina vượt Đại Tây Dương đến gặp chiến hạm của đô đốc Missiessey với sáu tàu chiến tại Antilles; còn đô đốc Ganteaume, chỉ huy hạm đội Brest, nhận lệnh nhân cơn bão đầu tiên đẩy đội tuần dương của đô đốc Comwallis của Anh ra xa Brest, đến gặp Villeneuve, Gravina và Missiessey ở đảo Martinique.

Toàn bộ hạm đội này sẽ tức tốc về Pháp sau khi khiến người Anh lo ngại mất quần đảo Antilles mà chia ra đuổi theo. Họ tiếp tục giao chiến với lực lượng hải quân Anh ở lại bên bờ châu Âu tạo điều kiện cho các xà lan cỡ lớn đưa quân đổ bộ sang Anh.

Nhưng thật không may, trời yên biển lặng và không có cơn bão nào nên hạm đội của đô đốc Ganteaume không rời được Brest. Thế là Đô đốc Villeneuve trở lại biển châu Âu nhận lệnh giao chiến với Comwallis để giúp hạm đội của đô đốc Ganteaume rồi tập hợp toàn bộ lực lượng hải quân quốc gia với 60 tàu chiến hợp lại chiến đấu với lực lượng hải quân Anh ngay lối vào eo biển Manche bất kể lực lượng Anh nhiều ít ra sao.

Ngài Napoléon giương nắm đấm như Ajax và kêu to: -Người Anh không biết cái gì đang treo lơ lửng trên đầu họ: nếu tôi làm chủ trên eo biển Manche 12 tiếng, nước Anh chỉ còn là quá khứ!

Lúc Napoléon kêu lên vui sướng như vậy, ông đang ở Boulogne, đứng trước đội quân 80 nghìn người từng thắng trận trên các lục địa và ánh mắt đang khao

khát cuộc chinh phạt cuối cùng.

Napoléon có cảm giác rất tốt về giá trị của thời gian. Ông biết mình chỉ cần vài ngày sẽ chuẩn bị tiếp việc tuyên chiến với áo và thôn tính toàn bộ nước Đức. Nhưng ông đâu có hay Villeneuve không ở trước Brest trong khi tệ hơn thế, sau một cuộc chiến ban đêm giữa bóng tối và sương mù, ông ta còn vừa để mất hai tàu chiến Tây Ban Nha vào tay quân Anh và mặc dù đã nhận lệnh phá phong toả Brest, liên kết với Ganteaume rồi giương buồm ra phía cổng vào Manche, ông ta lại tiến vào cảng Ferrol để tiếp tế cho tàu một cách không cần thiết.

Napoléon nổi giận đùng đùng. Ông cảm thấy cơ hội đang tuột khỏi tầm tay."Hãy xuất phát – ông viết cho Ganteaume đang bị kẹt trong cảng Brest – Hãy xuất phát và chỉ trong một ngày chúng ta sẽ báo thù được sáu thế kỷ yếu thế và hổ thẹn. Hãy xuất phát đi. Vì một kết cục quan trọng nhất, không bao giờ bộ binh và hải quân của tôi tiếc mạng sống của họ."

"Hãy xuất phát đi – ông viết cho Villeneuve – Hãy xuất phát ngay và đừng để lỡ một phút nào, hãy xuất phát và cùng các chiến hạm khác của tôi vào eo biển Manche. Tất cả chúng tôi đã sẵn sàng, tất cả đã lên tàu để đổ bộ, chỉ trong vòng 24 giờ thôi mọi chuyện sẽ chấm dứt."

Qua những lá thư này người ta có thể cảm nhận Napoléon sốt ruột như thế nào. Khi ông sững sờ được biết Villeneuve vẫn im ắng ở cảng Cadix và điều này bắt buộc Ganteaume bị kẹt lại trong cảng Brest thì ông coi Villeneuve là kẻ ngu si và hèn nhát. Ông tuyên bố người này không thể chỉ huy nổi một thuyền ba cột buồm.

-Đó là người bị nỗi sợ làm cho mù quáng – ông nói.

Ngài bộ trưởng Hải Quân Decrès vốn là bạn của Villeneuve. Không thể giáng một đòn cho Villeneuve thế là ngài Napoléon giận cá chém thớt quay sang Decrès.

"Ông bạn Villeneuve của ông chắc quá hèn nhát nên không dám rời cảng Cadix – Napoléon viết gởi Decrès – Hãy cử đô đốc Rosily đi chỉ huy hạm đội nếu nó chưa xuất phát. Ngài ra lệnh cho đô đốc Villeneuve đến Paris giải trình cho tôi động thái của ông ta."

Bộ trưởng Decrès không đủ sức thông báo cho Villeneuve cái bất hạnh sẽ tước đi của con người này mọi cách khôi phục ấy, ông ta chỉ báo cho bạn mình rằng Rosily đã khởi hành mà không nói rõ lý do. Ông ta cũng không khuyên Villeneuve ra khơi trước khi Rosily đến Cadix dù ông hy vọng sẽ là như vậy, và, trong cơn bối rối của người bạn mà ông biết lỗi của bạn cũng như cơn giận chính đáng của hoàng đế, thật sai lầm khi không tham gia và để mác mọi chuyện cho số phận.

Nhưng khi nhận được thư từ ngài Bộ trưởng, Villeneuve đã đoán ra tất cả những gì ông bạn không dám nói. Điều tổn thương ông ta nhất đó là tiếng xấu về

sự hèn nhát mà ông không đáng phải chịu. Nhưng vào thời điểm ấy, hải quân Pháp trong tình trạng suy sút ghê gớm và ai cũng biết yếu thế của nó. Mặt khác, Nelson lại tiếng nổi như cồn đặc biệt là dũng khí kỳ cục, cho nên chiến hạm nào đối diện với Nelson cũng coi như đã thất bại.

Villeneuve quyết định tìm một lối thoát. Ông ta đưa quân lên bờ để cho họ nghỉ ngơi và chữa bệnh cho người ốm yếu. Đô đốc Gravina bỏ lại một nửa số tàu không thể ra khơi đổi lấy những chiếc tốt hơn trong xưởng tàu Cadix.

Toàn bộ tháng chín dành cho những công việc ấy. Chiến hạm củng cố nhiều về vật lực nhưng nhân lực vẫn y như cũ.

Từ tám tháng hoạt động, các thủy thủ đoàn cũng thu được ít nhiều kinh nghiệm. Một vài thuyền trưởng rất giỏi nhưng trong số các sĩ quan phần lớn đều chuyển từ ngành thương mại sang nên thiếu hiểu biết cũng như óc quân sự trên biển. Các thủy thủ đặc biệt thiếu hệ thống chiến thuật hải quân tương thích với cách đánh mới của người Anh: Thay vì hình thành hai chiến tuyến, như người ta vẫn làm trước kia, và tiến lên có phương pháp họ lại xếp hàng đối đầu với từng tàu chiến, Nelson đã bỏ thói quen tấn công ồ ạt, không cần biết gì khác ngoài vận tốc. Ông ta tấn công vào chiến hạm địch, tách nó làm hai, chia nhỏ mà không sợ bị rối loạn và có nguy cơ tự bắn vào mình, sau đó khai hoả cho đến khi địch thủ đầu hàng hoặc chìm nghỉm.

Khi đó, dù chưa chắc chắn nhưng cũng bắt đầu e rằng chuyến chuyển quân sang Anh thất bại, Napoléon viết cho ngài Talleyrand một lá thư chỉ cho ông này biết những kế hoạch mới của mình, kế hoạch còn mơ hồ trong lớp sương mù chưa có gì sáng tỏ.

"Thực tế là các chiến hạm của tôi đã mất hút trên Đại dương – ông viết – Nếu chúng trở lại Manche thì thời gian vẫn còn, tôi sẽ lên thuyền và đổ bộ sang Anh, sẽ cắt đứt phe liên minh ở London. Tôi chiếm Vienne, săn bọn Bourbon khỏi Naples và khi lục địa đã bình yên, tôi sẽ trở lại Đại dương và chinh phục hoà bình trên biển."

Cuối cùng, ngày 18 tháng Chín, Napoléon thông báo cho La Malmaison biểu hiện chống đối của hoàng đế Áo với nước Pháp.

Nước Pháp đáp trả Áo tương đương với những khiêu khích của Áo.

Với hành động khẩn trương, thứ chủ đạo làm nên con người ông, Napoléon chuyển phần quân đội Boulogne đã bị bại thay vì thành công và quay sang kế hoạch chiến đấu trên bộ mà ông mới chỉ ấp ủ có hơn chục ngày qua.

Chưa bao giờ ông có nguồn lực mạnh thế. Chưa bao giờ ông lại thấy phạm vi hành động rộng mở đến vậy. Đây là lần đầu tiên ông tự do như Alexandre và César. Những kẻ đồng hành ghen ghét đố kỵ một cách lỗi thời với ông như Moreau, Pichegru, Bernadotte vv… đều đã tự loại mình khỏi trường đấu bằng cách cư xử phạm pháp hay bất cẩn. Ông chỉ còn trong tay những sĩ quan phục

tùng và tập hợp những phẩm chất ở cấp độ nào thích hợp nhất cho việc thực hiện mục đích của ông.

Sáu bốn năm mệt mỏi vì nằm yên, quân đội của ông chỉ khao khát chiến thắng, chỉ muốn được chiến đấu, qua mười năm chinh chiến và ba năm hạ trại, nó đã sẵn sàng cho những bước đi đầy khó khăn như đối với lần xông pha quan trọng nhất.

Chỉ có điều quân đội này được chuẩn bị vô cùng kỹ lưỡng, có thể nói chưa thời kỳ nào nước Pháp có được một đội quân như thế lại phải đột ngột chuyển về đánh ở lục địa đó là vấn đề.

§90. Cảng Cadix

Ngày 17 tháng Mười năm 1805, sau khi chuyển về thành Paris hai khẩu đại bác và tám lá cờ chiếm được trong trận Gunzbourg, hoàng đế đã đến Munich, vây hãm Ulm, vào trận Elchingen cuộc chiến khiến thống soái Ney đáng với tước hiệu công tước của mình. Cùng ngày diễn ra trận chiến ấy tức là trước hôm hoàng đế gửi tiếp 40 cờ đến Nghị viện, một chiếc tàu Slúp một cột buồm mang cờ Mỹ đã vào cảng Cadix nơi neo đậu toàn bộ chiến hạm của đô đốc Villeneuve.

Khi đã vào trong cảng, nó xác định hướng và tên xem tàu Redoutable đậu ở đâu. Được biết nó ở chân pháo đài và vì không để đến tận nơi, nó thả thuyền danh dự xuống biển rồi thuyền trưởng ra lệnh các tay chèo bơi về phía tàu Redoutable.

Cách con tàu chiến hạng nặng Redoutable một đoạn, bị sĩ quan canh gác hỏi, viên thuyền trưởng đáp con thuyền đó tên là Tay đua New York và rằng thuyền trưởng mang tin từ Ấn Độ và thư của đảo trưởng đảo Pháp đến ngài chỉ huy Lucas.

Ngay khi thuyền trưởng Lucas được báo, ông chạy đến boong và ra hiệu cho người sĩ quan dưới thuyền con trèo lên tàu lớn.

Người sĩ quan ấy không phải ai khác chính là René. Và chỉ trong nháy mắt, anh leo lên cầu thang và đến boong.

Thuyền trưởng Lucas nhã nhặn tiếp anh. Ông ta hỏi người khách xem có phải anh ta muốn nói chuyện riêng với mình hay không, khi người này đáp đúng thì ông ta mời anh vào phòng riêng.

Hai người đàn ông vừa vào trong và cánh cửa cũng vừa khép lại phía sau họ, René trao cho Lucas lá thư của ngài đảo trưởng.

Lucas chỉ liếc qua lá thư ấy rồi hỏi: -Ông bạn tướng quân Decaen của tôi giới thiệu anh với tôi bằng những lời lẽ mà tôi chỉ có thể hỏi xem tôi làm gì giúp anh vui lòng đây?

-Thưa ngài chỉ huy, trong ba bốn ngày tới ngài sẽ có một trận đại chiến trên biển. Từ trước đến giờ tôi chỉ từng thấy cuộc chiến nhỏ lẻ và xin thú thật với ngài tôi muốn tham gia vào một đại sự châu Âu nào đó nơi mà tôi có thể góp phần tên tuổi của mình, thứ mà chỉ được biết đến trong Ấn Độ Dương.

-Phải, phải – Lucas đáp – Đúng là chúng tôi sắp tham gia một cuộc đại thủy chiến nơi chắc chắn bằng cách này hay cách khác người ta sẽ góp tên của mình vào cuộc chiến một mất một còn đó. Tôi có thể hỏi, không phải kiểu thẩm vấn đâu mà như một cuộc nói chuyện bạn bè, anh phục vụ trong ngành hải quân thế nào?

-Thưa ngài chỉ huy, tôi mới thật sự tham gia gần hai năm vào ngành này. Tôi đã phục vụ bên ngài Surcouf, cùng con người nổi tiếng ấy trên chiếc tàu 16 đại bác và 100 thủy thủ đoàn đánh chiếm con tàu Standard có 48 đại bác và 450 người trên boong. Sau đó, tôi chỉ huy chiếc Slúp nhỏ này để sang Miến Điện thám hiểm. Cuối cùng, khi trở về đảo Pháp tôi may mắn cùng phối hợp với ngài Surcouf chiến đấu với hai tàu Anh và tôi chiếm được một tàu có 16 đại bác và 60 thủy thủ dù tôi chỉ có 18 người.

-Tôi biết rõ ông Surcouf. – Lucas nói – Đó là một trong số những tay chiếm tàu táo bạo nhất của chúng ta.

-Đây là thư của ông ấy phòng khi tôi có gặp ngài.

Rồi René đưa cho chỉ huy tàu Redoutable lá thư Surcouf đã viết cho Lucas. Ông này chăm chú đọc từ đầu đến cuối.

-Anh bạn ạ – ông ta nói với René – để ngài Surcouf ca ngợi anh như vậy thì anh quả là một người kỳ lạ. Ông ta nói với tôi rằng với số tiền 500 nghìn phăng đầu của anh chiếm được, anh đã để 400 nghìn cho các thủy thủ của mình còn 100 nghìn cho người nghèo trên đảo Pháp. Điều này cho thấy anh là người rất giàu có nhưng do khuynh hướng lớn về hải quân nên mới đầu quân vào đó – ông ấy nói với tôi – như một kẻ cướp biển bình thường với tham vọng nhanh chóng xây dựng con đường của mình đến lực lượng hải quân đế chế. Tiếc thay tôi chỉ dành được một vị trí làm đại uý thứ ba trên tàu Redoutable thôi.

-Thưa chỉ huy, như vậy cũng vượt quá điều tôi mong đợi rồi và tôi chấp nhận với lòng biết ơn ngài lắm. Khi nào tôi có thể bắt tay vào việc?

-Bất cứ lúc nào anh muốn!

-Nhanh nhất có thể thưa chỉ huy. Mùi khói đạn đã sực lên rồi và tôi chắc chỉ ba bốn hôm nữa tôi sẽ thấy trận đại chiến mà mình tìm kiếm từ tận bán cầu bên kia. Con tàu của tôi có trọng tải quá nhỏ để giúp ích được gì cho ngài, tôi xin trở lại boong và gửi nó về Pháp rồi sẽ quay trở lại.

Lucas đứng dậy nở nụ cười duyên dáng nói: -Tôi chờ anh, đại uý.

René đưa cả hai tay bắt tay ông ta trong dạt dào tình cảm, lao xuống cầu thang trở lại chiếc thuyền Slúp của mình.

Đến nơi, anh gọi François vào phòng.

-François này, – Anh nói với anh ta – tôi sẽ ở lại đây, tôi tin tưởng giao chiếc Slúp của tôi cho cậu để cậu đưa nó về Saint-Malo. Đây là chiếc ví có di chúc của tôi. Nếu tôi chết, cậu sẽ thấy phần của mình trong di chúc ấy. Ngoài chiếc ví ra, đây là một chiếc túi đá quý. Nếu tôi chết chính cậu sẽ mang chiếc túi này đến tiểu thư Claire de Sourdis. Cô ấy sống cùng mẹ cô là nữ bá tước Sourdis tại lâu đài nhà Sourdis một hướng quay ra bến một hướng quay ra phố Beaune.

Trong chiếc túi này có lá thư nói rõ chỗ đá quý ấy từ đâu ra nhưng cậu chỉ mở di chúc và trao đá quý này khi chắc chắn tôi đã chết. Dưới giấy sở hữu tôi có ghi

tên cậu làm chủ tạm thời con tàu. Hãy là người giữ tàu trong vòng một năm. Trong ngăn kéo bàn làm việc cậu sẽ thấy mười hai xâu tiền vàng mỗi xâu một nghìn phăng. Số tiền này dành cho cậu chi tiêu trong năm ấy.

-Nếu cậu bị quân Anh bắt, cậu chứng minh xuất xứ con tàu của cậu và nếu chúng hỏi tôi đâu cậu đáp là khi gặp chiến hạm của Nelson tôi bị bắt lên tàu chiến của ông ta. Tạm biệt François yêu quý hãy ôm hôn tôi, mang giùm vũ khí của tôi và đến Saint-Malo đừng hà tiện. Ngay khi đến nơi hãy đến báo tin về Robert cho bà Surcouf và gia đình.

-Thế có nghĩa là – François đưa mu bàn tay to tướng lên lau mắt – thế có nghĩa là ngài không yêu tôi đến mức có thể cho tôi đi cùng ngài, tôi sẽ theo ngài đến cùng trời cuối đất thậm chí còn đi xa hơn nữa. Tim tôi tan nát khi phải xa ngài!

Rồi anh chàng ấy khóc rống lên.

-Không phải thế mà là khi xa cậu, tôi coi cậu là người bạn duy nhất, vì cậu là người duy nhất tôi có thể tin tưởng vì cái ví này đựng nửa triệu, vì túi đá quý này đựng hơn 300 nghìn phăng và cuối cùng là vì khi tất cả những đồ vật này nằm trong tay cậu tôi cũng cảm thấy yên tâm như chúng ở trong tay tôi. Nào, chúng ta hãy bắt tay nhau như hai người đàn ông rắn rỏi. Chúng ta hãy yêu thương nhau như hai con tim trung hậu. Hãy ôm nhau như hai người bạn tốt! Cậu sẽ đưa tôi lên tàu Redoutable, cậu sẽ là người cuối cùng tôi chào từ biệt.

François nhận thấy René đã cương quyết và thậm chí rất cương quyết. René đi gom vũ khí gồm một khẩu cạc bin, một khẩu súng trường hai viên và chiếc rìu chiến. Xong xuôi, anh thông báo tình hình mới cho thủy thủ đoàn mong mọi người công nhận người bạn François của họ là chỉ huy mới.

Nghe xong ai nấy đều buồn thiu nhưng René cho phép họ giữ nguyên các điều kiện hiện tại một năm trên cảng Saint-Malo với khoản lương bình thường trên tàu Tay đua New York. Giữa những lời hứa tuyệt đối trung thành của họ, anh xuống chiếc thuyền nhỏ cùng François và sáu tay chèo.

Mười phút sau anh đã ở trước mặt thuyền trưởng Lucas.

Họ từ biệt nhau trước mặt ông này.

Sự tiến cử tốt nhất đối với một con người chính là tình cảm quyến luyến cấp dưới dành cho anh ta. Trong mối quan hệ ấy, vì René rất được yêu mến, những giọt nước mắt của François và vẻ nuối tiếc trên khuôn mặt các thủy thủ khác cũng đủ để ông thuyền trưởng thấy cảm mến viên đại uý của mình. Lúc ra về, thuyền trưởng Lucas còn tặng cho François một chiếc tẩu đá bọt tuyệt đẹp.

-Thế là không biết bày tỏ lòng biết ơn ra sao!

François càng khóc nấc lên gấp hai lần rồi ra đi mà không thể cất lên dù chỉ một lời.

-Tôi thích cách bày tỏ ý kiến ấy với mọi người – Lucas nói – và chắc anh phải là một người nhân nghĩa vì anh được quý trọng nhường ấy. Nào, hãy ngồi xuống và chúng ta nói chuyện.

Và như để làm gương, ông ta ngồi xuống trước trong khi xem xét vũ khí của René, lúc này chỉ có một khẩu súng trường hai viên nòng trơn, khẩu cạc bin nòng rãnh và chiếc rìu tấn công.

-Tôi tiếc là đã chia vũ khí của mình cho các bạn trên đảo Pháp. – René nói – Lẽ ra tôi phải tặng ngài cái gì xứng với ngài nhưng hiện giờ tôi chỉ còn ba thứ…

-Người ta bảo tôi anh bắn xuất sắc lắm – Lucas nói – nên hãy giữ súng lại, tôi lấy cái rìu, tôi hy vọng sẽ khiến nó vẻ vang trong trận đánh tới.

-Trận đánh tới, nếu không có gì bí mật, sẽ diễn ra khi nào? – René hỏi.

-Thực lòng mà nói nó không thể chậm trễ hơn nữa – Lucas nói – Hoàng đế đã cử đô đốc Villeneuve chuẩn bị cho chiến hạm Pháp–Tây Ban Nha ra khơi, tiến về Carthagène để liên kết với chuẩn đô đốc Salceco và từ Carthagène đến Naples để tiếp quân thêm cho hạm đội ở đó rồi kết hợp với tướng Saint-Cyr.”Ý định của chúng ta – Hoàng đế chỉ rõ – là dù bất cứ chỗ nào hễ thấy quân địch dù có lực lượng mạnh hơn cũng tấn công không chần chừ. Hãy giáng đòn quyết định. Thành hay bại phụ thuộc chủ yếu vào sự xuất phát ngay lập tức của ông khỏi Cadix. Chúng tôi mong và tin ông sẽ không trễ hạn định và yêu cầu dốc toàn lực trong lần xuất quân táo bạo quan trọng và có ảnh hưởng lớn nhất này”. Với đô đốc Villeneuve, Hoàng đế không sợ phải nói quá ý nghĩ của mình. Dưới con mắt của ngài, vị đô đốc này là một trong những người cần khăn khố hơn là dây cương. Đồng thời ngài cũng phái phó đô đốc Rosily rời Paris và sẽ chỉ huy hạm đội liên quân Pháp–Tây Ban Nha nếu hạm đội còn ở Cadix, giương cờ thách đấu trên cột buồm lớn của tàu Bucenlaure và yêu cầu đô đốc Villeneuve về Pháp để báo cáo chiến dịch vừa rồi của ông ta.

-Chúa ơi! – René kêu lên – Tình hình nghiêm trọng thật.

-Chính vì vậy – Lucas nói tiếp – hội đồng trực chiến đã được triệu tập ở chỗ đô đốc Villeneuve. Các đô đốc và các sư trưởng, các chuẩn đô đốc Dlamanoir và Magon, các thuyền trưởng Cosmao, Maistral, Devillegris và Piglly đại diện cho hạm đội Pháp. Họ sẽ được tham khảo ý kiến về tình mỗi chiến thuyền với mong muốn và lo ngại của họ.

Lucas đi đi lại lại khi đang nói đột ngột dừng lại hỏi René.

-Anh có biết Hoàng đế nói như thế nào không?

-Không thưa chỉ huy, tôi chẳng biết gì cả. Tôi rời nước Pháp đã hai năm rồi.

-Quân Anh – Hoàng đế nói – sẽ trở nên bé xíu khi ở Pháp có hai hay ba đô đốc muốn hy sinh”. Tuy nhiên – Lucas nói tiếp – dù chúng ta không phải là những đô đốc, chúng ta vẫn chứng tỏ cho Hoàng đế thấy trong vài ba ngày tới, thay vì các đô đốc muốn hy sinh, sẽ có những thuyền trưởng biết hy sinh.

Lucas đang nói chuyện đến đó với René thì một sĩ quan bước vào.

-Thưa thuyền trưởng – Anh ta nói với Lucas – có tín hiệu thông báo tất cả các thuyền trưởng tập trung về tàu ngài đô đốc.

-Tốt lắm, hãy cho thả xuồng xuống – Lucas đáp.

Chiếc xuồng đã sẵn sàng, ông ta bước xuống và giống như năm sáu con tàu có các thuyền trưởng được triệu tập khác, nó hướng mũi về phía tàu Bucenlaure.

Trong lúc đó, René đi xem phòng cho mình. Đó là một phòng rất đẹp, lớn hơn và tiện nghi hơn phòng thuyền trưởng trên tàu Tay đua New York.

Vừa đặt xong mấy chiếc rương mang theo thì chỉ huy Lucas cũng trở lại. René không dám xuất hiện trước mặt ông ta khi không được gọi nhưng sau buổi nói chuyện vừa rồi anh chắc thế nào người này cũng cho mình cái vinh hạnh được tiếp kiến lần nữa.

René đã không nhầm: năm phút sau, viên thuyền trưởng đã cho gọi anh. René kính cẩn lắng nghe vị chỉ huy nói: -Thế này, sẽ là ngày mai hoặc ngày kia. Đô đốc đã trả lời: "Nếu gió thuận, tôi sẽ nhổ neo ngay ngày mai". Lúc nãy cũng có tin báo Nelson vừa cho sáu tàu rời đi Gibraltar; vậy là đô đốc Villeneuve cho gọi đô đốc Gravina lên tàu và sau khi bàn bạc, ông lại cho triệu tập các thuyền trưởng không nằm trong hội đồng để ra lệnh chuẩn bị căng buồm. Đó là tín hiệu tôi vừa biết.

-Vậy tôi có thích hợp cho công việc gì chăng? – René hỏi.

-Hãy nghe đây – Lucas nói – Anh chưa biết gì về tàu cũng như mọi người của tôi. Hãy bắt đầu bằng việc làm quen với họ và chờ đợi. Được biết anh bắn giỏi, hãy chọn một chỗ cao để có thể nhìn rõ boong tàu địch. Hãy hạ càng nhiều quân có cầu vai màu vàng càng tốt. Còn khi đã áp sát hãy chỉ hành động theo cảm húng của anh. Tôi giữ cái rìu của anh, nó làm tôi thích lắm. Tôi đã bảo người mang thanh kiếm của tôi sang phòng anh rồi. Nó quá to so với tôi! – Lucas nói thêm và cười rung cả thân hình bé nhỏ của ông ta – Đúng ra nó phải là của anh.

Hai người chào nhau và René lui về phòng.

Anh thấy trong phòng có một thanh kiếm thép Đa-mát kiểu Tunis bản rộng và hơi cong. Đó là một thứ binh khí lưỡi rất bén chỉ cần huơ tay cũng cắt đứt tấm khăn Ấn Độ bay trong gió làm 2 phần.

Tuy nhiên lúc xuất phát, người ta phát hiện ra một điều, đó là từ hai tháng rưỡi lưu lại cảng Cadix và những vùng lân cận, hàng ngũ lính sĩ đã vơi đi khá nhiều, nhất là thủy thủ đoàn Tây Ban Nha vắng đến một phần mười.

Người ta dành cả ngày để thu lượm nhiều người đảo ngũ nhất có thể trên các phố ở Cadix nhưng phần đông đã chạy về nông thôn này thế, bảy giờ sáng ngày 19, liên quân vẫn bắt đầu xuất phát.

Nelson cũng biết chuyện này. Thế là hắn tập trung phần lớn hạm đội Anh chặn phía Tây Bắc cách Cadix chừng 16 dặm. Biết rằng nếu ra eo biển trước,

Villeneuve có thể sẽ thoát được nên ông ta cho tiến về đoạn hẹp để chặn đường.

Tuy nhiên việc phối hợp ra khỏi cảng Cadix không dễ. Sáu năm trước đô đốc Villeneuve, đô đốc Bruix đã mất ba ngày mới ra khỏi đây. Biển động và luồng ngược nhanh chóng cản trở đường đi của đội quân. Suốt ngày 19, chỉ có tám đến mười tàu chiến ra khỏi lối vào.

Hôm sau, ngày 20, một làn gió đông nam nhẹ giúp chiến hạm ra khỏi cảng dễ dàng hơn. Hôm trước thời tiết đẹp nhưng đêm đó lại đầy mây và dự báo có gió tây nam. Nhưng vài giờ sau có gió thuận đưa chiến hạm liên quân về phía mũi Trafalgar và cơn bão thổi từ đông đến tây nam chỉ càng thuận lợi cho kế hoạch của đô đốc Villeneuve.

Mười giờ sáng, những chiến tàu Pháp và Tây Ban Nha cuối cùng đã ra khỏi cảng Cadix. Hạm đội Anh đã cách mũi Spartel vài dặm và trực gác ở eo biển.

-Thế là đô đốc Villeneuve, quyết định không lùi nữa, viết thư cho đô đốc Decrès bức điện nhanh cuối cùng sau:

"Tất cả chiến hạm đã giong buồm… Gió nam – Tây nam, nhưng tôi nghĩ đó chỉ là gió buổi sáng. Người ta thông báo cho tôi có mười tám buồm. Như vậy rất có thể dân Cadix sẽ là người báo tin tiếp cho ngài… Thưa đức ông, trong chuyến đi này tôi chỉ có ước muốn mãnh liệt là làm theo ý của Hoàng đế và cố gắng hết sức phá đi sự bất bình mà Bệ hạ thấy qua chiến dịch vừa rồi. Nếu nó thành công – tôi thấy khó tin mọi việc sẽ tiến triển như vậy thì tất cả đều vì điều tốt đẹp nhất cho Đấng chí tôn của chúng ta."

§91. Con chim nhỏ

Hai tháng trước lúc chúng ta đang nhắc đến, Nelson những tưởng đã dứt bỏ hoàn toàn và mãi mãi con đường binh nghiệp. Ông ta lui về ở trong khu làng Merton tuyệt đẹp cùng phu nhân Hamilton. Quý ông Hamilton cha đã qua đời và chỉ còn trở ngại duy nhất ngăn đôi kẻ yêu đương thách vợ chồng: đó là sự tồn tại của bà Nisbeu người mà Nelson đã kết hôn vài năm trước.

Nelson định không đi biển nữa. Mệt mỏi trước các chiến thắng, chán chường vinh quang, danh dự nặng nề, cơ thể què cụt, ông ta khát khao sống trong hạnh phúc và bình yên. Trong cơn hy vọng ấy, ông ta cho chuyển toàn bộ đồ đạc quý giá từ London về Melton.

Cô nàng Emma Lyonna xinh đẹp đang chắc mẩm mười mươi về tương lai ổn định thì một cú sét đã giáng xuống đánh thức ả giữa những cơn mơ màng êm dịu.

Ngày 2 tháng Chín, tức là chỉ 12 ngày sau khi Nelson trở về, năm giờ sáng người ta gõ cửa ngôi nhà ở Merton. Dự đoán có thông điệp từ Bộ tư lệnh hải quan, Nelson nhảy xuống giường đi gặp vị khách sớm mai.

Đó là thuyền trưởng Blackwood. Quả nhiên anh ta đến từ Bộ tư lệnh hải quân mang tin các chiến hạm liên quân Pháp–Tây Ban Nha, sau nhiều lần bị Nelson đuổi đang đậu trong cảng Cadix.

Vừa nhận ra Blackwood, Nelson kêu lên: -Blackwood này, tôi cá là anh mang tin về chiến hạm liên quân và tôi phải chịu trách nhiệm huỷ diệt chúng.

Đó đúng là điều Blackwood đến thông báo. Người ta đang chờ Nelson sự huỷ diệt đó.

Vậy là mọi dự định êm đềm của Nelson đều tan thành mây khói, ông ta chỉ còn thấy cái góc đất liền hay đúng hơn là góc biển nơi chiến hạm liên quân đang neo đậu. Ông ta nhắc đi nhắc lại với Blackwood bằng vẻ chắc chắn từ nhiều chiến công trong quá khứ rằng: -Blackwood, hãy tin chắc là tôi sẽ dạy cho Villeneuve một bài học mà hắn phải nhớ mãi.

Ban đầu, ông ta định đi London và chuẩn bị mọi việc cho chiến dịch mà không nói gì về nhiệm vụ mới. Chỉ đến giờ phút cuối ông ta mới thú thật toàn bộ. Nhưng vì Emma thức dậy cùng ông ta nên ả nhận ra vẻ tư lự của ông sau khi gặp Blackwood. Cô nàng đưa chồng ra góc vườn nơi ông ta thích hơn những chỗ khác và gọi là bàn tiêu khiển của mình.

-Ngài có chuyện gì vậy, bạn của em? – Cô ta hỏi – Có gì khiến ngài bận tâm mà không muốn nói cho em biết?

Nelson gượng cười đáp: -Tôi là người hạnh phúc nhất trần gian. Ở giữa tình yêu dạt dào của em tôi còn mong gì hơn là ở nhà? Thật ra, tôi sẽ không bỏ tiền mua trăng đâu.

Emma ngắt lời: -Em hiểu ngài, Nelson, và ngài không cần dối em làm gì. Ngài biết chiến hạm địch ở đâu, ngài coi chúng như con mồi và ngài sẽ là người đau khổ nhất nếu có ai khác ngài đi huỷ diệt chúng.

Nelson nhìn Emma dò xét.

-Được rồi người bạn đời của em, hãy đi đập tan các chiến hạm ấy, hãy kết thúc công việc mà ngài bắt đầu rất hoàn hảo. Lần huỷ diệt này sẽ là phần thưởng cho hai năm nhọc lòng mà ngài vừa phải chịu đựng.

Nelson vẫn nhìn tình nương của mình, dù im lặng, khuôn mặt của ông ta vẫn toát lên vẻ biết ơn khó tả.

Emma nói tiếp: -Dù vắng ngài lòng em đau khôn xiết nhưng hãy cống hiến cho tổ quốc như ngài vẫn làm và hãy đi ngay đến Cadix. Những cống hiến ấy sẽ được ghi ơn và lòng ngài cũng thanh thản. Ngài sẽ ca khúc khải hoàn cuối cùng và vinh quang rồi sẽ trở lại hạnh phúc khi thấy ở nơi đây sự nghỉ ngơi và phẩm tước.

Nelson nhìn ả vài phút giây vẫn trong im lặng rồi nước mắt ứa ra ông ta thốt lên: -Emma can đảm! Emma tốt bụng! Đúng vậy, em đã đọc thấu tim tôi, đúng, em đã vào từng suy nghĩ của tôi. Nếu không có Emma sẽ không còn Nelson nữa. Chính em là người đã làm nên tôi bây giờ, ngay hôm nay tôi sẽ đi London con tàu Victory tối hôm ấy vẫn đang ở Tamise đã được gọi về bằng điện tín và hôm sau người ta chuẩn bị xong xuôi cho chuyến ra khơi.

Tuy nhiên hai kẻ nói trên còn ở bên nhau mười ngày nữa, nhưng Nelson mất trọn năm ngày cuối ở Bộ tư lệnh hải quân. Đến ngày 11, họ đi dạo lần cuối cùng nhau và quay lại Merton yêu dấu, bên nhau suốt ngày 12 và ngủ tại đó.

Một tiếng trước khi trời sáng, Nelson thức dậy đi sang phòng con gái, cúi xuống giường, lặng lẽ cầu nguyện thành tâm và rơi nhiều nước mắt.

Nelson là một kẻ rất mê tín.

Bảy giờ sáng, ông ta từ biệt Emma. Ả đưa ông ta đến tận xe. Ông ôm ả vào lòng thật lâu, ả khóc sướt mướt nhưng vẫn gượng cười giữa những giọt nước mắt và nói: -Đừng giao chiến khi chưa thấy con chim nhỏ nhé.

Để đánh giá chính xác một con người, không phải đánh giá anh ta từ đỉnh thế lực danh vọng mà phải đánh giá anh ta từ tận đáy của lòng yếu đuối.

Câu chuyện về con chim nhỏ của Nelson là thế này:

Lần đầu tiên Emma Lyonna thấy "Người hùng sông Nil", như cách người ta gọi Nelson thời bấy giờ, là khi ông ta từ trận Aboukir trở về. Cô ả thấy khó ở khi ôm hôn ông ta. Nelson đã đưa cô nàng đến ca bin của mình. Trong khi tỉnh táo đầu óc trở lại một con chim nhỏ bay qua cửa sổ đến đậu trên vai Horatio.

Khi mở mắt, Emma, người có lẽ không nhắm mắt hoàn toàn, đã hỏi ông.

-Con chim nhỏ này là thế nào?

Nelson bật cười và vừa cười vừa trả lời: -Đây là thần may mắn của tôi thưa phu nhân. Khi người ta chặt cái cây để làm cột buồm cho chiến thuyền, người ta phát hiện trên cành có một tổ chim. Mỗi chiến thắng của tôi đều được con vật nhỏ nhắn dễ thương này đến báo, dù tôi ở biển nước Anh, Ấn Độ hay Mỹ quốc. Chắc chắn tôi còn nhiều chiến thắng đang đợi nên chú chim này lại đến thăm. Nhưng hôm tôi giao chiến mà không thấy nó hôm trước hoặc hôm giao chiến, tôi chắc sẽ bất hạnh xảy ra với mình.

Và quả thật lần ấy con chim đến báo chiến thắng tuyệt vời của ông ta, đó là chiến tích với Emma Lyonna.

Lần đánh Copenhagen, ông ta đã thức dậy với tiếng hót của con chim ấy dù hoàn toàn không biết làm sao nó vào trong phòng được.

-Đó là lý do tại sao Emma lại nói: -Đừng giao chiến khi chưa thấy con chim nhỏ nhé.

Nelson đến Portsmouth vào sớm hôm sau. Ngày 15 tháng Chín ông ta lên đường ra khơi.

Nhưng thời tiết quá xấu đến nỗi con tàu Victory buộc phải ở lại hai ngày bên bờ biển Anh. Sự chậm trễ này cho phép Nelson gửi đến tình nương của mình, trước lúc đi xa, hai lá thư tràn đầy tình cảm cho con gái và cho Emma nhưng từ đây cũng bắt đầu có vài dự cảm chẳng lành.

Cuối cùng cũng đến lúc trời quang mây tạnh và Nelson có thể ra khỏi eo biển Manche. Sáu giờ chiều ngày 20 tháng Chín, đang cháy hết tốc lực ông ta gặp chiến hạm Cadix bao gồm hai mươi ba tàu chiến dự phòng dưới sự chỉ huy của phó đô đốc Collingwood.

Hôm ấy cũng là ngày ông ta 46 tuổi.

Ngày 1 tháng Mười, qua lá thư dưới đây, Nelson báo tin gặp phó đô đốc Collingwood cho Emma đồng thời cả một cơn đau đầu từ hồi bị con rắn độc cắn.

Lá thư như sau:

"Ngày 1 tháng Mười năm 1805

Emma vô cùng yêu dấu của tôi, thật là niềm an ủi lớn khi lại được cầm bút viết đôi dòng cho em. Vì sáng nay, khoảng bốn giờ tôi bị một cơn đau dữ dội. Tôi nghĩ một ngày nào đó, một trong những cơn đau ấy sẽ giết tôi mất. Tuy nhiên, mọi chuyện đã hoàn toàn lui vào quá khứ và chỉ còn thấy hơi khó ở. Hôm qua tôi đã viết liền bảy giờ, có lẽ mệt mỏi đã gây ra cơn đau này.

Tôi gặp lại hạm đội vào lúc khá muộn tối 20 tháng Chín và chỉ có thể hoà vào đó sáng ngày hôm sau. Tôi nghĩ sự xuất hiện của tôi vốn rất được mong đợi không chỉ từ phía chỉ huy hạm đội mà còn từ tất cả các thành viên khác. Khi tôi đưa ra cho các sĩ quan kế hoạch tác chiến của mình, nó như một phát hiện với họ khiến họ nhảy lên vô cùng hào hứng. Thậm chí vài người còn rớm nước mắt. Kế hoạch ấy vừa mới, đặc biệt lại đơn giản và nếu áp dụng được vào cuộc chiến

chống lại hạm đội Pháp, chiến thắng là điều chắc chắn: "Ngài có những người bạn vô cùng tin tưởng vào ngài bên cạnh!" Tất cả các sĩ quan ấy đều hô vang có thể trong số họ vẫn có Judas nhưng phần lớn chắc chắn đều vui mừng khi tôi chỉ huy họ.

Tôi mới nhận được những bức thư của hoàng hậu và vua Naples khi đáp lại những lá thư của tôi từ 18 tháng Sáu và 12 tháng Bảy vừa rồi. Không có lời nào dành cho nàng. Kỳ thực ông vua và bà hoàng này làm Thần Bạc Bẽo cũng phải đỏ mặt. Tôi gửi kèm theo bản chép cùng với lá thư của tôi và chúng sẽ đến nước Anh ngay cơ hội đầu tiên, để nói rằng tôi yêu em biết bao.

Vẫn chưa có con chim nhỏ nhưng không thể để lỡ thời gian.

Thể xác tôi đang ở đây, nhưng con tim tôi thì đang trọn vẹn bên em

H. N."

Đúng một tháng sau ngày Nelson nhập vào chiến hạm của Collingwood, đô đốc Villeneuve cũng nhận được, như chúng ta đã nói đến ở trên, lệnh của chính phủ Pháp ra khơi, vượt eo biển và tấn công lên bờ biển Naples và sau khi đã quét sạch các chiến hạm Anh khỏi Địa Trung Hải thì quay về cảng Toulon.

Hạm đội liên quân, bao gồm 33 tàu chiến hạng nặng, 18 tàu Pháp, 15 tàu Tây Ban Nha, bắt đầu xuất hiện ngày chủ nhật 20 tháng Mười vào lúc 7 giờ sáng dưới một cơn gió nhẹ.

Ngay sáng hôm ấy, trận đấu có vẻ sắp xảy ra, Nelson đã viết hai lá thư, một cho tình nương và một cho con gái Horalia.

"Emma yêu dấu, người yêu thương nhất của tôi, tôi nghĩ chiến hạm của kẻ thù đã rời cảng. Chúng tôi có rất ít gió đến độ tôi không hy vọng chạm trán chúng trước ngày mai. Cầu Thần Chiến tranh ban thưởng cho những nỗ lực của chúng ta bây giờ một chiến thắng vang dội. Dù thế nào, chiến thắng hay hy sinh tôi chắc rằng tên tôi sẽ càng thân thương với em và với Horalia vì tôi yêu hai người hơn cả mạng sống của chính mình.

Hãy cầu nguyện cho người bạn của em.

NELSON"

Ngày hôm sau, ông ta viết thêm tái bút vào lá thư gửi Emma:

"Sáng 20 tháng Mười Anh đã đến cửa eo biển. Có người báo đã thấy 40 cánh buồm từ xa. Anh nghĩ đó là 33 tàu chiến hạng nặng và bảy tàu ba cột buồm nhưng vì gió lạnh và biển động mạnh, anh nghĩ chúng sẽ trở lại cảng trước đêm nay."

Cuối cùng, khi nhận ra chiến hạm liên quân, Nelson viết vào nhật ký đặc biệt của mình.

"Cầu đức Chúa vĩ đại, trước người con quỳ lạy bằng tất cả lòng yêu kính, phù hộ cho nước Anh, vì lợi ích của cả châu Âu, một chiến thắng vĩ đại và vinh quang và cầu xin người, cho chiến thắng ấy không có sai lầm nào từ phía những

người tham chiến và chiến thắng. Về phần cá nhân con, con xin trao mạng sống của mình vào tay người đã tặng nó cho con. Cầu Đấng tối cao ban phước cho những nỗ lực mà con sắp làm để tận trung với tổ quốc.

Con tin tưởng và trao cho chỉ mình người lý tưởng thần thánh mà hôm nay người đã hạ cố chỉ định con là người bảo vệ. Amen! Amen! Amen!"

Sau lời cầu nguyện có hoà lẫn chút thần bí và nhiệt thành ấy, thứ mà đôi khi vẫn toát ra ngoài lớp vỏ khô khan của người đàn ông đi biển, ông ta viết di chúc:

Ngày 21 tháng Mười năm 1805

Trước chiến hạm liên quân Pháp – Tây Ban Nha, cách chúng tôi khoảng 10 dặm.

"Xét thấy những phục vụ hết mức của Emma Lyonna, goá phụ của Ngài William Hamilton, đến Đức vua và quốc gia đã không nhận được khoản đãi nào từ nhà vua cũng như quốc gia.

Tôi xin đặc biệt lưu ý những điều sau:

1) Năm 1799, phu nhân Hamilton đã được biết một thông điệp của vua Tây Ban Nha gửi đến em trai mình là vua Naples, trong thư ông ta thông báo ý định tuyên chiến với nước Anh và rằng, được báo trước nội dung bức thư, ngài bộ trưởng ra lệnh cho Sir John Jervis, nếu điều kiện cho phép, tiến công chiến hạm Tây Ban Nha và nếu những chuyện này đã không được thực hiện thì lỗi không phải từ phu nhân Hamilton.

2) Chiến hạm Anh, dưới sự chỉ huy của tôi, chỉ có thể quay lại từ Ai Cập lần thứ hai nhờ tác động của phu nhân Hamilton đối với hoàng hậu Naples, nhờ vậy tôi đã nhận được tất cả những gì mình cần và đã phá huỷ chiến phạm Pháp.

Do đó, tôi xin giao lại cho nhà vua và tổ quốc tôi trách nhiệm bảo đảm quyền lợi cho phu nhân Hamilton.

Tôi cũng tin tưởng trao lại cô con gái nuôi của mình là Horalia Nelson Thomson cho nhà nước và tôi mong từ nay cô bé sang tên Nelson.

Đó là những cái duy nhất tôi mong đức vua và nước Anh để tâm khi tôi sắp mạo hiểm mạng sống của mình vì họ. Cầu Chúa phù hộ cho nhà vua và đất nước của tôi cũng như tất cả những người thân thiết.

Nelson."

Tất cả dự phòng nhằm bảo đảm tương lai cho người tình của mình là chẳng bằng chứng cho thấy Nelson đang bước theo lối linh cảm chết chóc dẫn dắt. Để đảm bảo tính xác thực hơn nữa cho các chứng thư nói trên trong nhật ký của mình, ông gọi hai thuyền trưởng Hardy và Blackwood đến làm chứng. Ông cho họ ký vào bản di chúc ấy. Tên họ quả nhiên đã nằm cạnh chữ ký của Nelson trong cuốn nhật ký hạm đội.

§92. Trận đánh Trafalgar

Vào thời điểm ấy, tức là ngày 21 tháng Mười năm 1805, ở Pháp chỉ có một cách đánh nổi tiếng trên biển: xông vào kẻ thù, nếu có thể thì nhờ thế gió thượng phong, theo một hàng ngang duy nhất, tấn công tàu trước mặt, hạ nó hoặc bị nó hạ và nhường cho con tạo sắp đặt lực lượng mạnh yếu mỗi bên.

Ngoài ra, còn có các nguyên tắc khác, chủ yếu là mệnh lệnh giúp cho cuộc giao chiến bớt nguy hiểm cho địch hơn là cho ta các chỉ thị chính thức được hải quân đưa ra là không được quên rằng mục tiêu đầu tiên và chủ yếu của một cuộc thủy chiến là bắn bỏ buồm chão và hạ cột buồm đối phương.

-Chúng ta thường thấy rằng – Tướng Sir Edward Douglas của Anh nói – trong các lần đụng độ với người Pháp, tàu của chúng ta luôn gặp vấn đề về buồm chão hơn là vấn đề về vỏ tàu.

Điều mấu chốt là hoả lực Anh mạnh hơn Pháp. Đại bác của họ bắn đạn một phút một quả trong khi Pháp chỉ bắn được ba phút một quả.

Chính do sự chênh lệch về hoả tiễn như vậy mà người Anh khiến các boong tàu của Pháp phơi đầy xác thủy thủ trong khi đạn đại bác của Pháp chỉ chạy theo các cột buồm và dây buộc, bắn năm sáu quả cao vống lên chẳng có tác dụng gì. Ngược lại, một tàu Anh cỡ 74 lại phóng vào mạn tàu ta ba nghìn livre sắt với vận tốc 500 mét/ giây.

Khi ba nghìn livre sắt va phải mạn tàu, tức là va phải chướng ngại bị xuyên thủng được khiến nó tan thành những mảnh vỏ nguy hiểm chết người hơn là chính quả đạn. Thay vì lãng phí sức mạnh bất khả kháng, như Pháp vẫn làm, họ bắn vào các mạn tàu rồi hướng cao nòng giết nốt những gì còn lại trước mặt.

"Chính nhờ những loạt đạn ấy mà nước Anh trở thành đế chế tuyệt đối trên biển – Nelson đã viết cho Bộ tư lệnh hải quân Anh – và năm năm trước, nó đã tạo cho ta chiến thắng Aboukir."

Về cách đánh dàn hàng ngang, Nelson đã từ bỏ từ lâu và thay vào đó một cách mà chúng ta còn chưa quen. Ông ta cho dàn hàng thành hai cánh chữ V ngược, tức là sẽ rẽ quân Pháp ra làm hai. Tàu của ông ta sẽ đi đầu, nó rẽ tất cả những gì nó đụng phía trước khai hoả từ hai bên mạn, vượt qua hàng rào địch rồi quay lại với đội hình ngược lại tiếp tục như thế.

Trong cuộc họp hội đồng hai ngày trước, đô đốc Villeneuve đã nói:

"Tất cả cố gắng của các tàu chiến của chúng ta là trợ cứu các tàu bị tấn công và áp vào tàu đô đốc tiên phong. Người can đảm và yêu vinh quang là một chỉ huy phải biết tham khảo tín hiệu của đô đốc, người cũng tham gia cuộc chiến và chìm trong vòng khói lửa cùng các bạn, như thế công việc sẽ dễ dàng hơn. Mọi

chỉ huy không xông vào lửa đạn tức là không ở đúng vị trí của mình và một tín hiệu phải gọi anh ta vào vị trí của mình sẽ là một vết nhơ hổ thẹn với anh ta."

Nelson đã nói:

"Sau khi chia hạm đội của tôi thành hai cánh quân, tôi cũng chia ra làm hai loại trận chiến khác nhau: một loại tấn công, tôi dành cho Collingwood, và một loại phòng thủ do chính tôi chỉ huy. Villeneuve có thể sẽ trải ra một không gian rộng 5 đến 6 dặm. Tôi sẽ lao vào ông ta, chia ra làm hai phần. Do đó, tôi sẽ để Collingwood được lợi thế số quân và là người duy nhất chống lực lượng mạnh hơn.

Chiến hạm Anh bao gồm 40 tàu chiến, chiến hạm liên quân Pháp–Tây Ban Nha có 46. Collingwood, cùng với 16 tàu chiến sẽ tấn công mười hai tàu địch, còn tôi với 24 tàu còn lại tôi sẽ giữ chân 34 tàu khác và không chỉ giữ chân, tôi sẽ lao vào trung tâm có các tàu chiến bao quanh tổng tư lệnh, bằng cách này tôi sẽ cô lập đô đốc Villeneuve khỏi đội quân của ông ta và ngăn ông ta truyền lệnh cho đội tiên phong.

Ngay khi tôi ra hiệu cho chỉ huy cánh quân thứ hai, toàn bộ hướng đi và quyền chỉ huy tuyệt đối của cánh quân này thuộc về Collingwood. Chính ông ta là người điều khiển việc tấn công của mình như ông ta muốn và lựa theo lợi thế của mình cho đến khi bắt được hay phá huỷ các tàu xung quanh. Tôi chịu trách nhiệm để các tàu địch khác không can thiệp vào đó. Còn về các thuyền trưởng trong chiến hạm, nếu trong trận chiến họ không nhận ra hay không hiểu hoàn toàn tín hiệu do đô đốc của mình đưa ra, họ cứ yên tâm rằng họ chỉ có nước trả giá ngay khi chạm trán với tàu địch."

Với lối trình bày đơn giản về những nguyên tác xúc tích nhất trong chiến thuật hải quân, phòng họp hội đồng trên tàu Victory nơi triệu tập các sĩ quan cấp trưởng, các thuyền trưởng trong chiến hạm vang dậy tiếng hô la nhiệt thành rất lâu.

"Có thể nói – Nelson viết cho Bộ tư lệnh hải quân – đây là một cú sốc điện. Vài sĩ quan còn cảm động đến rơi nước mắt. Tất cả mọi người đều nhất trí với kế hoạch tấn công ấy. Họ thấy mới lạ bất ngờ, dễ hiểu và dễ triển khai. Từ các đô đốc đầu tiên đến các thuyền trưởng cuối cùng đều kêu lên "Kẻ địch sẽ thua nếu chúng ta có thể bắt kịp chúng."

Hoàn toàn ngược lại với Nelson, kẻ đang cầm chắc phần thắng mười mươi, Villeneuve đang chạy theo cuộc chiến nhưng lại chạy trong trạng thái mất niềm tin. Trong chiến hạm của người anh dũng, vô cùng tận tụy này cũng có bao người có học thức và vui vẻ song ông ta lại cảm thấy một mầm mống huỷ diệt mà không thể cắt nghĩa nó là gì. Ký ức về trận Aboukir còn nằm ở tận cùng mối sợ hãi của ông ta, việc thiếu kinh nghiệm trên biển của các sĩ quan, thiếu kinh

nghiệm trận mạc của các thuyền trưởng chỉ huy, sự thiếu lòng tin của các binh sĩ, thiếu sự gắn kết tổng thể là nguyên do buộc ông phải liên tục liên lạc với họ.

Gió đưa chiến hạm của Villeneuve và Gravina ra khỏi cảng đột ngột yếu đi. Dù chạy chậm lại do vài tàu chiến Tây Ban Nha thiếu kinh nghiệm khi gặp gió, chiến hạm liên quân vẫn chầm chậm rời bờ biển.

Nelson được tàu ba cột buồm của mình báo quân ta đã xuất phát, ông ta căng hết buồm để chặn đánh. Nhưng chẳng mấy chốc gió dịu lại và đêm xuống trước khi hai chiến hạm có thể nhận ra nhau.

Ngày hôm sau, khoảng bảy giờ sáng, đô đốc quân Pháp ra hiệu dàn hàng ngang nghênh chiến. Nhận ra động thái đó, Nelson hiểu rằng cuộc chiến mong đợi bấy lâu sẽ diễn ra ngay hôm đó.

Chiến hạm liên quân tiến lên theo mệnh lệnh và siết chặt vòng vây rất quyết liệt và nhanh chóng khiến khoảng cách đôi bên giảm dần sau mỗi đợt sóng.

Một cơn gió Tây – Tây nam yếu khẽ làm cho các cánh buồm trên chiến thuyền phồng lên qua mỗi xà buồm rồi lại chuyển xuống những đợt sóng dài, triệu chứng một cơn bão không hề bị suy yếu.

Chiến hạm Anh tiến lên với vận tốc một dặm một giờ và theo kế hoạch của Nelson nó đã chia ra làm hai cánh.

Tàu Victory có Nelson ở trên, dẫn đầu chiến hạm. San nó có hai tàu loại 98 là tàu Téméraire và Neptune bọc đồng dùng để khoét lỗ thủng đầu tiên trong hàng ngũ tàu địch. Tàu Conquéraut và Léviathan cỡ bảy mươi tư đi sau Neptune và đi trước Britannia, tàu có một trăm khẩu đại bác mang cỡ hiệu của chuẩn đô đốc như Northerk.

Cách tốp đầu một đoạn khá xa là tàu Agamemnon, một trong những tàu chiến đầu tiên Nelson từng chỉ huy trước đây, nó dẫn theo tàu Britannia và bốn tàu bảy mươi tư đại bác khác là Ajax, Orion Monitor và Spartiate.

Các chiến thuyền đã vào tầm đại bác. Villeneuve theo chiến thuật quen thuộc trên biển là chờ tàu thật sự vào gần mới bắn, nhưng lần này ông ta đã không may. Hai cánh quân Anh đang tập hợp lượng tàu lớn nên nếu có bắn từ xa thế nào cũng trúng vì tàu địch không có khoảng trống là bao nhiêu.

Đến giữa trưa, cánh quân phía nam do đô đốc Collingwood chỉ huy xuất phát, trước mười lăm phút so với cánh quân phía bắc do Nelson chỉ huy, đã tiến đến giữa hàng quân của ta đường đầu với tàu Santa Anna. Tàu Belle-Isle và Mars theo sau nó, tàu Tonnant và Bellérophon đứng hai bên Mars. Tàu Colossus, Achille và Polyphème gần Bellérophon, chếch sang bên phải là Revenge dẫn theo nó có Swiftsure, Thunder và Réfence. Hai tàu Dreadnought và Prince, cả hai đều có buồm không tốt và thuộc phạm vi của cánh quân Collingwood.

Chiến hạm Anh có 2.148 đại bác, chiến hạm Pháp có 1.356, chiến hạm Tây Ban Nha có 1.270 khẩu.

Cờ hiệu đô đốc Villeneuve ở trên tàu Bucenlaure còn cờ hiệu đô đốc Gravina phấp phới trên tàu Prince des Astuties, một tàu chiến có 112 đại bác. Chuẩn đô đốc Dumanoir ở trên tàu Formidable, (chuẩn đô đốc Magon trên tàu Algésiras: hai chiếc ba boong tuyệt vời của Tây Ban Nha. Tàu Santissima Trinidad, 130 đại bác, và Santa Anna, 112 đại bác, mang cờ lần lượt của chuẩn đô đốc Cisneros và chuẩn đô đốc Alava.

Mười tàu khác do gió lặng và sóng nhẹ vẫn chưa vào vị trí chiến đấu, tạo thành hàng thứ hai sau chiến tuyến thứ nhất. Đó là các tàu Neptune, Seipion, Intrépide, Ray, Fomlidable, Duguay-Trouin, Mont-Blanc, San Francesco di Assisi.

Ba tàu chiến hàng đầu của hạm đội tập trung quanh tàu Bucenlaure. Trước đô đốc là tàu Santissima Trinidad, tàu Redoutable ở đường chạy riêng và cuối cùng Neptune ở giữa Bucenlaure và Redoutable.

Thuyền trưởng Lucas trong lúc nhận ra điểm hai cánh quân Anh phải tụ lại, một do tàu Victory dẫn đầu và cánh quân kia do tàu Royal Souverain đã điều khiển tiến lên khi có ngăn cách giữa Bucentallre và Santa Anna. Ông cho gọi một số sĩ quan trẻ còn xa lạ với mọi người đến bên cạnh mình trên boong thượng. Người đó không ai khác chính là René.

René mang theo thanh kiếm và một khẩu cạc bin.

Người ta có thể thấy Nelson đứng trên boong thượng của ông ta cùng Blackwood, thuyền trưởng tàu Euryale, người cùng với Hardy là thuyền trưởng cờ hiệu luôn chiếm được lòng tin và tình cảm của Nelson. Khi ấy ông ta gọi một trong những sĩ quan tuỳ viên bộ tham mưu của mình lại bảo: -Ngài Pasco, hãy truyền khẩu hiệu sau đến toàn quân:

“England expects every man will do his duty!” (Nước Anh trông mong mỗi người sẽ làm nhiệm vụ của mình).

Hôm ấy, Nelson mặc một bộ quần áo màu thiên thanh. Ông ta đeo trên ngực đủ loại huân chương. Thuyền trưởng Hardy lại gần ông ta nói: -Thưa chỉ huy, vì Chúa, ngài hãy thay đồ đi, những trang sức loè loẹt trên ngực của ngài sẽ là điểm ngắm cho mọi tay súng.

-Muộn quá rồi – Nelson nói – mọi người đã thấy tôi trong trang phục này, tôi không thể mặc khác được.

Thế là người ta xin ông ta nghĩ đến vị trí tổng chỉ huy chứ đừng xông ra như một tàu tiên phong trước vòng vây sát sao của chiến hạm liên quân.

-Hãy để mặc. – Hardy nói – Hãy để mặc tàu Léviathan đang theo sau ngài vượt qua và để quân Pháp khai hoả.

-Tôi muốn – Nelson nói và cười – tàu Léviathan vượt qua trước tôi lắm, nếu nó có thể – Rồi ông quay lại phía Hardy: Trong khi chờ đợi hãy tăng tốc lên.

Bấy giờ các thuyền trưởng mới rời boong tàu Victory để ai nấy quay về tàu của mình. Khi chia tay từ đầu cầu thang trên mạn tàu Nelson thân ái bắt tay thuyền trưởng Blackwood, người này nồng nhiệt chúc ông chiến thắng.

-Bao nhiêu tàu chiến địch đầu hàng hay chìm mới đủ cho một cuộc đại thắng? – Ông ta cười hỏi Blackwood.

-Thì mười hai hoặc mười lăm, – Blackwood đáp.

-Thế vẫn chưa đủ. – Nelson nói – Tôi sẽ không hài lòng dưới hai mươi tàu, rồi trán ông sầm lại – Tạm biệt Blackwood. Cầu chúc ban phước cho anh, tôi sẽ không gặp lại anh nữa.

Tuy nhiên, Nelson không dành cho mình cái vinh dự là người khai hoả đầu tiên. Dẫn đầu cánh quân, đô đốc Collingwood đã sáp mạn theo hướng chếch với đường đi của cánh quân do Nelson chỉ huy. Chính Collingwood là người xé toạc chiến thuyền quân Tây Ban Nha và Pháp. Con tàu Royal Souverain có Collingwood bên trong đã lao vào con tàu ba boong Tây Ban Nha Sanh Anna quay mạn trái vào nhau rồi trùm lên nó bằng trận mưa đạn và khói.

-Collingwood thật can đảm! – Nelson kêu lên và chỉ vào lỗ hổng giữa quân địch vừa được tạo ra – Hãy nhìn kìa Hardy, hãy xem ông ấy như đang lao tàu của mình vào lửa mà không cần nhìn đằng trước; đằng sau và bên cạnh. Đường thông rồi, hãy lấy hết gió nào.

Trong lúc Nelson kêu lên như vậy trên đuôi khoang thượng thì Collingwood cũng kêu lên với thuyền trưởng cờ liệu giữa lòng sấm sét ấy.

-Ha ha! Nelson cũng sẽ sung sướng nếu ông ấy ở đây!

Nelson sẽ đến đó không chậm trễ. Bắt đầu những đạn pháo từ bảy tàu chiến của hạm đội liên quân bay ràn rạt qua đầu xé toạc các cánh buồm và cày lên bong tàu của ông ta.

Người đầu tiên rơi từ tàu Victory là một thanh niên tên là Scott thư ký của Nelson. Trong lúc đang nói chuyện với đô đốc và Hardy, anh ta bị một quả đạn cắt làm đôi.

Vì Nelson rất yêu mến chàng trai trẻ này nên Hardy nhanh chóng cho mang cái xác đi để đô đốc khỏi đau lòng khi nhìn thấy.

Vừa khi ấy hai quả đạn khác khiến tám người nữa bị cắt giữa thân mình đổ vật xuống boong.

-Ồ! Nelson nói – Đây là một hoả lực mạnh nên sẽ kéo dài đấy.

Đúng lúc đó, sức gió từ một quả đạn bay ngay trước mặt Nelson khiến ông ta tức thở và suýt bị ngạt. Nelson vịn tay vào một sĩ quan lảo đảo và thấy tức ngực, khi tỉnh lại ông ta nói: -Không sao, không sao.

Những phát đạn đại bác ấy đến từ tàu Redoutable.

Như chúng ta đã biết vào thời điểm ấy người Pháp có thói quen bắn vào cột buồm và dây néo nhưng với tàu của Lucas lại không thế.

-Hỡi anh em – ông nói với những pháo thủ trước khi họ bắt đầu khai hoả – Hãy bắn thấp xuống! Bọn Anh không thích bị giết đâu.

Và thế là họ bắn thấp.

Tàu Victory vẫn chưa bắn trả.

-Chúng ta có ba tàu trước mặt, ta sẽ tấn công cái nào trước? – Hardy hỏi Nelson.

-Cái gần nhất- Nelson trả lời – Mà tuỳ ông chọn.

Đó chính là tàu Redoutable cho đến lúc ấy khiến Victory tổn hại nhiều nhất. Hardy ra lệnh cho các thủy thủ đài chỉ huy tiến về phía tàu Redoutable và sáp lại.

-Tôi nghĩ – René bảo Lucas – đã đến lúc tôi về vị trí của mình trên cánh buồm rồi.

Và anh lao lên xà cột buồm lái.

Trong khi René đang trèo lên, hai chiến thuyền cho hai mạn húc vào nhau. Cú đâm mạnh tạo thành cơn chấn động dữ dội đến mức người ta tưởng một trong hai tàu đã đâm thủng tàu kia. Lẽ ra đã như vậy nếu sức gió không giảm trên khối cánh buồm làm tàu Redoutable lui lại, trong động tác lùi ấy đã kéo theo tàu Victory với nó.

Những tàu chiến đi theo Nelson vượt qua lỗ hổng trong chiến tuyến tàu liên quân rồi chia ra hai bên tả hữu lao vào đoạn bị chặn của liên quân.

Đến mười hai giờ trưa thì cuộc chiến thật sự bắt đầu. Quân Anh giương lá cờ thánh Geoges lên, bên dưới có chiếc thuyền Yacht đuôi trắng. Quân Tây Ban Nha cũng giương cờ Castille, treo bên dưới một cây thập tự bằng gỗ dài đồng thời bảy lần tung hô "Hoàng đế vạn tuế". Còn người Pháp, trên các mũi tàu đều giương lá cờ ba màu.

Xong xuôi, sáu bảy tàu chiến quanh đô đốc Villeneuve đồng loạt khạc đạn vào tàu Victory. Tàu Redoutable chắn ngay lối đi của nó, có hai trăm cái miệng lửa nhằm vào nó mà không thể chặn nó được. Nó tiến đến phía sau tàu Bucenlaure chỉ cách một tầm súng lục. Một khẩu đại bác cỡ 68 đặt dưới boong mũi trước của nó nhả đạn tròn qua cửa sổ đuôi tàu Pháp kèm theo năm trăm phát súng trường.

Tàu Victory chầm chậm đi qua chiến tuyến mà đám cháy lớn trên tàu Redoutable vừa tắt. Bị níu sát vào nhau, hai con tàu ấy tiếp tục chuyển hướng khỏi chiến tuyến. Từ trên xà buồm và giàn súng của Le Redoutable, người ta đáp lại hoả lực của Victory và trong trận đấu bằng loạt súng hơn là loạt pháo, các thủy thủ của Pháp là người chiếm ưu thế. Chỉ trong một thời gian ngắn, trên cầu tàu và khoang thượng tàu Victory, các xác chết nằm la liệt.

Hơn một trăm mười tên của tàu này trước khi kịp ra tay đã chỉ còn hai mươi tên có thể chiến đấu tiếp. Gian boong đầy ắp thương binh, những người chết bị đưa đi liên tục. Nhìn thấy những thân thể bị thương, những cái chân dập nát,

những cánh tay lìa khỏi thân, các bác sĩ cũng phải nhìn nhau sững sờ. Cha xứ trên tàu Victory cũng phải kinh hãi mụ mị người và muốn chạy khỏi cái lò mổ khủng khiếp ấy, như cách ông ta gọi nó mười năm sau.

Ông ta lao lên boong. Giữa đám lộn xộn, qua làn khói, ông ta nhận ra Nelson và thuyền trưởng Hardy đang đứng ở khoang sau.

Đột nhiên Nelson đổ vật xuống boong như bị sét đánh.

Lúc đó là đúng một giờ mười lăm phút.

Một viên đạn từ xa cột buồm lái trên tàu Redoutable đã bắn trúng ông ta theo hướng từ trên xuống, dọc theo vai trái nhưng không bị cầu vai cản lại tiếp tục xuyên vào cột sống.

Nelson đang đứng ở chỗ thư ký của mình bị trúng đạn, ngã xuống gục mặt vào vết máu của anh ta. Ông ta định quỳ một gối đứng dậy với sự giúp đỡ của cánh tay duy nhất còn lại. Hardy đứng cách đó hai bước nghe tiếng ngã quay lại, vội vã chạy đến cùng hai thủy thủ và Secker giúp ông ta đứng lên: -Mong là đức ông không bị thương nặng. – Hardy nói.

Nhưng Nelson trả lời: -Hardy ạ, lần này chúng đã kết thúc với Nelson rồi.

-Ô! Tôi mong không phải thế? – Viên thuyền trưởng hét lên.

-Thật đấy! – Nelson nói – tôi thấy toàn thân rung động như bị dập cột sống.

Hardy lập tức ra lệnh mang đô đốc đến trạm cứu thương.

Trong lúc các thủy thủ khiêng đi, Nelson nhận ra các dây chão dùng để giữ bánh lái đã bị đạn bắn đứt. Ông ta chỉ cho Hardy và ra lệnh cho một chuẩn uý thay dây mới.

Sau đó, ông ta rút khăn mùi xoa trong túi đậy lên mặt và huân chương để các thủy thủ không nhận ra và không biết ông ta bị thương. Khi xuống đến gian boong, ông bác sĩ Beatty chạy lại sơ cứu.

-Ồ, Beatty thân mến của tôi. – Nelson nói – Dù anh có giỏi đến đâu cũng không thể làm gì cho tôi. Tôi bị vỡ cột sống rồi.

-Tôi hy vọng vết thương không nặng như đức ông nghĩ – Bác sĩ nói.

Khi ấy, vị mục sư trên tàu Victory lại gần Nelson. Nelson nhận ra ông liền kêu lên bằng giọng tắc nghẹn do đau nhưng còn âm vang: -Thưa cha, hãy nhắc con đến phu nhân Hamilton, đến Horalia, đến tất cả các bạn của con. Hãy nói với họ là con đã viết di chúc và giao phu nhân Hamilton và con gái Horalia của mình cho đất nước… Hãy nhớ rõ điều con nói vào lúc này và đừng bao giờ quên!

Nelson được khiêng lên giường. Khó khăn lắm người ta mới cởi được quần áo của ông ta và quấn lên người tấm vải ga.

Trong lúc người ta làm nhưng công việc trên, ông ta bảo bác sĩ.

-Bác sĩ, tôi thua rồi! Bác sĩ, tôi chết mất!

Ông Beatty xem xét cẩn thận vết thương. Ông ta trấn an Nelson rằng mình có thể thông vết thương mà không gây đau đớn lắm. Quả thật khi thăm xong, bác sĩ

nhận ra viên đạn đã xuyên vào ngực và dừng lại ở sống lưng.

-Tôi chắc chắn ráng – Nelson nói trong lúc người ta xem vết thương tôi bị xuyên từ bên này sang bên kia.

Ông bác sĩ xem lưng nhưng nó không bị làm sao.

-Ngài lầm rồi thưa đức ông. Những hãy cố nói xem ngài cảm thấy thế nào.

-Tôi cảm thấy như có những đợt máu trào lên mỗi lần tôi thở. Nửa thân dưới như đã chết… Tôi thấy khó thở và dù ông có nói ngược lại tôi vẫn chắc chắn sống lưng đã bị vỡ.

Những triệu chứng nói trên cho bác sĩ thấy mười mươi không còn hy vọng nào nữa. Chỉ có điều không ai trên tàu được biết Nelson bị thương nặng trừ bác sĩ, thuyền trưởng Hardy, vị mục sư và hai phụ mổ.

Nhưng, mặc mọi dự phòng của Nelson để mọi người không nhận ra thảm hoạ vừa xảy ra, thảm hoạ ấy vẫn được cả tàu Redoutable biết đến.

Khi Nelson ngã xuống boong, một giọng mạnh mẽ vang lên từ xà của cột buồm lái và toàn bộ thủy thủ đoàn đều nghe thấy: -Thuyền trưởng Lucas ơi, tấn công bên mạn thôi! Nelson bị giết rồi.

§93. Thảm cảnh

Thuyền trưởng Lucas lao về phía dây néo và khi trèo cao hơn hai chục bộ, quả nhiên ông nhìn thấy boong tàu Victory vắng ngắt.

Ngay lúc đó ông cho gọi bộ phận tấn công áp mạn. Chưa đầy một phút sau, các khoang trên tàu Redoutable đã đầy những chiến sĩ trang bị vũ khí vội vã tràn lên khoang thượng đuôi tàu, bờ thành tàu và trên các dây neo.

Các tay pháo thủ trên tàu Victory bỏ pháo của mình để xông ra chặn đợt tấn công mới. Bị dồn dưới cơn mưa đạn và lửa từ súng trường, họ nhanh chóng lùi lại hỗn độn trong giàn pháo đầu tiên.

Vận tốc của tàu Victory đã bảo vệ nó và các thủy thủ tàu Redoutable gắng sức vẫn không leo lên thành của nó. Thuyền trưởng Lucas ra lệnh cắt các dây treo sào căng buồm và dùng sào bắc giữa hai tàu làm cầu leo sang.

Mặt khác, chuẩn uý Yon và bốn thủy thủ nữa, nhờ mỏ neo treo trong giá đỡ dây néo, đã lên được boong tàu Anh. Cánh quân tấn công áp mạn nhìn thấy con đường ấy, thuyền phó tàu Redoutable, đại uý Dupotet, vội dẫn đầu họ đi theo.

Một người dùng dây chão đu từ cột buồm lái tàu Victory rồi xả vào giữa họ như một tảng thiên thạch. Tàu Victory sắp bị thua vào tay một tàu kém nó 26 khẩu đại bác thì một chặp đạn đại bác và đạn tầm trung dội lên boong tàu Redoutable.

Đó là tàu Téméraire, sau khi vượt qua chiến tuyến đã đến xông vào cột buồm mũi tàu Redoutable để trợ chiến cho Victory.

Hai trăm người đã bị ngã nhào chỉ vì lượt đạn duy nhất ấy.

Tàu Téméraire chạy ngang qua tàu Pháp và lại nổ loạt súng thứ hai. Lần này lá cờ bị gãy gục, nhưng một thanh niên hầu như còn lạ với thủy thủ đoàn của thuyền trưởng Lucas, đã chạy về hòm đựng cờ, lấy một lá cờ ba màu khác cắm trên cột buồm mũi.

Nhưng như thể hai tàu chiến ba boong đánh một tàu hai boong là chưa đủ, một tàu Anh mới lại xông đến như muốn nghiền nát Redoutable.

Tàu Neptune của Anh quay mũi và nã pháo vào tàu Le Redoutable hòng hạ cột buồm mũi và cột buồm lái. Lại một lần nữa, lá cờ bị tung lên sau loạt sắt ấy song cột buồm lớn vẫn còn nguyên. Vẫn con người vừa cắm cờ lên một buồm mũi lại lao lên cột buồm lớn và cắm lá cờ nữa lên xà buồm. Sau đó anh đáp trả tàu Téméraire một loạt đạn khiến nó gãy cột buồm buộc năm mươi tên phải đền mạng.

Một loạt đạn mới từ tàu Neptune trúng vào vỏ tàu Redoutable làm bánh lái bị tê liệt, đâm thủng đường mớm nước khiến nước ùa vào khoang.

Toàn bộ bộ tham mưu bị thương, mười chuẩn uý trên mười một bị chết. Với 643 người trong thủy thủ đoàn thì 522 người không còn khả năng chiến đấu trong đó 300 người chết và 222 người bị thương. Cuối cùng, một quả đại bác hạ nốt cột buồm lớn cùng lá cờ thứ ba của tàu Redoutable.

Chàng trai ban nãy đi tìm một chỗ định cắm cờ tiếp nhưng con tàu đã trơ trọi như tàu trại lính, Lucas ngăn anh lại bình thản nói: -Vô ích, René, chúng ta đang chìm rồi.

Tàu Bucenlaure cũng đang ở tình trạng không kém phần tệ hại. Nó đã đưa cột buồm mũi của mình vào tầm của tàu Santissima Trinidad và gắng sức một cách vô ích để dứt khỏi nó.

Hai con tàu này gồm 210 khẩu đại bác và gần 2000 chiến binh đang đè bẹp nhau bằng tiếng nổ kinh thiên từ hai tầng pháo bên mạn tàu.

Đô đốc Villeneuve đứng trên khoang thượng nhận ra tình huống vô vọng mà không tên ra giải pháp gì. Ông ta thấy các sĩ quan của mình lần lượt ngã xuống quanh mình. Đứng chôn chân một chỗ, ông ta buộc phải chịu hoả lực lấn lướt đằng sau và bên phải mà không sử dụng được giàn pháo bên trái của mình.

Sau một tiếng giao tranh, ông ta thấy thuyền trưởng cờ hiệu Magendi bị thương. Đại uý Dandignon lên thế chỗ cũng đến lượt mình ngã xuống và lại được đại uý Fournir chạy lại thay.

Cột buồm lớn và cột buồm lái lần lượt gãy gục gây ra cảnh hỗn độn kinh hoàng trên boong. Họ cắm cờ lên cột buồm mũi. Bị chìm trong lớp khói mù mịt mà trời lại ít gió khiến khói càng đặc quánh lại bao trùm lên các tàu chiến hạng nặng này, đô đốc không nhìn thấy được chuyện gì xảy ra ở phần còn lại của chiến hạm. Qua một ánh chớp, ông ta nhận ra tốp tàu chiến đi đầu – tất cả có mười hai chiếc vẫn bất động – ông ta ra lệnh cho họ, qua các tín hiệu từ cột buồm duy nhất còn lại, ngắm vào các tàu địch và khai hoả.

Khói càng dày đặc ông càng không nhìn thấy gì. Vào lúc ba giờ, cột buồm cuối cùng của ông ta cũng đổ nốt xuống boong và khiến nơi đây đầy những mảnh vỡ ngổn ngang.

Thế là ông ta cố thả một trong những chiếc ca nô của mình.

Những ca nô trên boong đã bị cột buồm đổ vào làm vỡ tan, những chiếc bên mạn bị đạn, pháo xuyên thủng, hai hay ba chiếc vừa xuống nước đã chìm nghỉm.

Trong suốt trận đấu, đô đốc Villeneuve đều xuất hiện ở những vị trí nguy hiểm nhất, không mong gì hơn ở số mệnh ngoài việc nó ban cho ông một quả đạn pháo hay một viên đạn.

Nhưng số mệnh muốn dành cho ông ta một hành động tuẫn tiết.

Tàu của đô đốc Tây Ban Nha bị bảy tàu nước mình bỏ rơi đã đầu hàng sau bốn tiếng giao tranh và phần còn lại trong chiến hạm Tây Ban Nha tuỳ nghi để gió đưa đi về phía bờ biển Cadix.

Còn thủy thủ đoàn trên tàu Victory thì reo hò sung sướng mỗi khi một tàu Pháp mất cờ và mỗi lần ồn ào ấy Nelson lại quên cả vết thương của mình.

-Có chuyện gì thế?

Thế là người ta nói lý do của những tiếng hò hét cho ông ta nghe và kẻ thương binh biểu hiện sự mãn nguyện tột độ. Ông ta thấy khát khủng khiếp nên thường xuyên đòi uống và cầu xin mọi người quạt cho ông ta bằng chiếc quạt giấy.

Có lẽ Nelson rất yêu quý thuyền trưởng Hardy cho nên không lúc nào không lo cho mạng sống của viên sĩ quan này.

Mục sư và bác sĩ ra sức trấn an ông ta về điều ấy. Người ta chuyển từng yêu cầu được gặp Hardy của Nelson và mỗi lần không thấy Hardy đến, Nelson sốt ruột gào lên: -Ngài không muốn cho gọi Hardy đến, tôi chắc là ông ấy chết rồi.

Cuối cùng, một tiếng mười phút sau khi Nelson bị thương, thuyền trưởng Hardy cũng xuống khoang boong. Vừa nhận ra ông ta, Nelson đã kêu lên sung sướng, siết thật chặt tay người này mà nói: -Thế nào Hardy, chiến trận thế nào rồi? Ngày hôm nay ra sao với chúng ta?

-Tốt, rất tốt thưa ngài – Viên thuyền trưởng trả lời – Chúng ta đã chiếm được 12 tàu.

-Tôi hy vọng không tàu nào của chúng ta hạ cờ chứ?

-Không thưa ngài, không một tàu nào cả.

Thế là yên tâm về mặt đó, Nelson trở lại với chính mình, buông tiếng thở dài.

-Tôi là người tử trận Hardy ạ và sẽ nhanh chóng đến điểm đó. Tất cả sẽ sớm kết thúc với tôi. Hãy lại gần đây bạn của tôi – Rồi ông ta nói thầm – Tôi cầu xin anh một điều nhé Hardy: sau khi tôi chết, hãy cắt tóc của tôi cho phu nhân Hamilton yêu dấu của tôi và trao cho cô ấy tất cả những gì thuộc về tôi.

-Tôi vừa nói chuyện với bác sĩ. – Hardy nói – ông ấy rất khả quan sẽ giữ mạng sống cho ngài.

-Không phải đâu Hardy, không phải. – Nelson trả lời – Đừng cố lừa tôi nữa. Tôi bị dập cột sống rồi.

Nhiệm vụ lại gọi Hardy lên boong. Ông ta nhảy lên đó sau khi bắt tay kẻ bị thương.

Nelson hỏi bác sĩ. Ông này đang chăm sóc cho đại uý William Ruvers, người bị mất một cẳng chân. Tuy nhiên bác sĩ vẫn chạy lại chỗ Nelson vì cho rằng những phụ tá của mình cũng đủ để băng bó cho đại uý.

-Tôi chỉ muốn biết tin của những người bạn cũ của tôi. – Nelson nói – Về phần mình, bác sĩ ạ, tôi không cần ông nữa. Tôi chẳng nói mình mất hết cảm giác phần thân dưới và một phần cơ thể đã lạnh như băng rồi là gì.

Bác sĩ nói với Nelson: -Thưa ngài, hãy để tôi sờ xem.

Quả nhiên ông bác sĩ chạm vào phần thân dưới, nó không có phản ứng gì như đã bị liệt.

-Ồ, Nelson nói – tôi biết mình nói gì mà: Scoll và Burke cũng đã động vào tôi như ông vừa làm và tôi cũng không cảm thấy họ như với ông vậy. Tôi chết đây Beatty, tôi đang chết.

-Thưa ngài, – ông bác sĩ đáp lại – thật bất hạnh thay khi tôi không thể làm gì được cho ngài.

-Tôi biết – Nelson nói – tôi cảm thấy có cái gì đang trào lên trong ngực tôi.

Nói rồi ông ta đặt tay lên chỗ có cảm giác ấy.

-Ơn Chúa – ông ta thì thầm – mình đã hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Ông bác sĩ không thể an ủi gì được nữa cho đô đốc. Ông ta đi lo cho những thương binh khác. Nhưng khi thuyền trưởng Hardy trở lại, trước lúc lên boong lần thứ hai, ông ta đã lệnh cho đại uý Hill đưa tin khủng khiếp ấy cho đô đốc Collingwood biết.

Dù Nelson đang trong bàn tay tử thần, Hardy vẫn chúc mừng ông ta đã có một chiến thắng hoàn toàn và quyết định nhường ấy.

Hardy cũng thông báo mười lăm tàu chiến hạng nặng của Pháp đã bị hạ.

-Tôi đã cá là có hai mươi tàu, – Nelson thì thào rồi đột nhiên nhớ ra hướng gió và những triệu chứng của cơn bão ông ta quan sát được trên biển ông kêu lên: Hãy thả neo, Handy! Hãy thả neo mau!

-Tôi e là đô đốc Collingwood sẽ chỉ huy chiến hạm. – Thuyền trưởng hải kỳ nói.

-Không đâu, chừng nào tôi còn sống. – Kẻ tử thương nói và nhấc cánh tay lên – Hardy, tôi bảo anh hạ neo xuống, tôi muốn như vậy.

-Tôi sẽ ra lệnh thưa ngài.

-Vì mạng sống của ông, hãy làm nhanh lên, trước năm phút nữa – Rồi ông ta hạ giọng và như thể phải đỏ mặt trước một sự yếu đuối sau đó, ông ta nói tiếp – Hardy, đừng ném tôi xuống biển, tôi xin anh.

-Ồ không, chắc chắn là không. Ngài có thể yên tâm về điểm này – Hardy vừa nói vừa khóc nấc lên.

-Hãy chăm sóc cho bà Hamilton đáng thương. – Nelson nói giọng đã yếu đi – Hamilton yêu dấu của tôi. Hãy hôn tôi đi, Hardy!

Viên thuyền trưởng vừa khóc vừa hôn lên má Nelson.

-Tôi yên lòng nhắm mắt. – Nelson nói – Nước Anh đã qua cơn hoạn nạn.

Thuyền trưởng Hardy ở lại một lát bên kẻ tử thương mẫu mực trong niềm ngưỡng mộ câm lặng rồi quỳ xuống hôn lên trán ông ta.

-Ai hôn tôi đấy? – Nelson hỏi, mắt đã lờ dở trong vương quốc bóng tối của thần chết.

Thuyền trưởng đáp: -Là tôi, Hardy.

-Cầu Chúa phù hộ ông, bạn của tôi! – Kẻ sắp chết nói.

Hardy trở lại boong.

Nelson nhận ra vị mục sư ở bên cạnh liền nói: -Ồ bác sĩ, tôi chưa bao giờ là một tội đồ ngoan cố. – Rồi dừng lại sau một cơn nghỉ ông ta nói tiếp – Bác sĩ, xin hãy nhớ, tôi trao gửi phu nhân Hamilton, con gái Horalia Nelson cho đất nước và đức vua của tôi. Đừng bao giờ quên Horalia.

Cơn khát dồn đến, ông kêu to: -Uống… uống… quạt… cho tôi không khí… vuốt cho tôi.

Ông ta vừa dành lời yêu cầu cuối cùng cho vị mục sư, ngài Scott người này an ủi ông bằng cách dùng tay xoa ngực, vừa thốt ra vài lời ngắt quãng chứng tỏ cơn đau đã tăng mạnh đến nỗi phải dốc toàn bộ sức mới nói được lần cuối: -Ơn Chúa, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ.

Nelson đã nói lời trăng trối cuối cùng.

Ông bác sĩ trở lại, ông mục sư vừa chạy đến báo chỉ huy của ông ta đang sắp tắt thở. Ông Beatty nắm tay kẻ chết: nó lạnh băng. Ông ta bắt mạch: nó không đập nữa. Cuối cùng ông ta sờ lên trán, Nelson mở con mắt duy nhất và lại nhanh chóng khép lại.

Nelson vừa trút hơi thở cuối cùng, khi đó là bốn giờ hai mươi phút. Ông ta đã sống thêm ba giờ ba mươi hai phút sau khi bị thương.

Có lẽ mọi người sẽ ngạc nhiên trước sự chính xác của những chi tiết tôi nói về cái chết của Nelson. Nhưng tôi thiết nghĩ một trong những chiến binh vĩ đại nhất không còn nữa nếu không được đưa đến cửa nấm mồ của mình bởi các nhà lịch sử thì ít ra cũng để một tiểu thuyết gia làm điều ấy. Tôi đã không tìm được cuốn sách nào nhắc đến những chi tiết này nên đã tìm đến biên bản ghi chép về cái chết của ông ta có chữ ký của bác sĩ Beatty trên tàu và mục sư Scott.

§94. Cơn bão

Lẽ ra trận thủy chiến Trafalgar cũng chấm dứt cùng cái chết của Nelson, nhưng chúng ta có thể sẽ trở nên quá bất công khi cho bao nhiêu tên tuổi của những người kiên cường, cũng hy sinh như ông ta, cũng làm tất cả vì tổ quốc của mình, vào bóng tối.

Chúng ta đã để đô đốc Villeneuve tuyệt vọng trên boong tàu Bucenlaure nham nhở đổ nát, không có chiếc ca nô nào còn nguyên vẹn để đưa ông ta sang những tàu chiến còn nguyên vẹn vì nằm xa vùng lửa. Tất nhiên, nếu ông ta có thể bắt kịp một trong mười tàu chiến trong tốp đầu không đụng phải quân địch và nếu ông có thể phối hợp với lực lượng mạnh ấy thì có lẽ đã không để thua một trận thảm bại như vậy.

Thế nhưng ở trên tàu Bucenlaure như một người sống trên một cái thây bất động, phơi mình ra trước đạn pháo mà không thể đáp trả thì ông ta không còn cách nào khác là buộc phải hạ cờ đầu hàng.

Thế là một chiếc xà lan của Anh tách khỏi tàu đến tìm và dẫn ông ta lên tàu Mars.

Chuẩn đô đốc Dumanoir đã lặp đi lặp lại các tín hiệu của đô đốc Villeneuve. Mười tàu được gọi là Héros, có thuyền trưởng Poulain hy sinh ngay khi cuộc chiến vừa bắt đầu, tàu San Agostino, San Francesu Mont-Blanc, Duguay-Trouin, Formidable, Ray, Intrépide, Scipion, và Neptune.

Tuy nhiên, chỉ có bốn tàu tuân theo hiệu của chỉ huy đổi hướng đi. Đó là tàu Mont-Blanc, Duguay-Trouin, Formidable và Scipion. Chỉ có điều viên chuẩn đô đốc ra hiệu đổi hướng theo "gió trước", tức là để tiến vào chỗ khói lửa hỗn độn thì họ lại cho nơi đó là không cần thiết quay vào.

Chuẩn đô đốc Dumanoir lên tàu Formidable và trở xuống cùng Scipion, Duguay-Trouin, Mont-Blanc từ bắc xuống nam dọc theo chiến tuyến. Ông ta có thể đặt quân Anh vào giữa hai làn đạn nhưng đã quá muộn, khắp nơi đâu đâu cũng là thảm hoạ. Tàu Bucenlaure bị kẹt, Santissima Trinidad bị địch chiếm, Redoutable bị phá hỏng. Từ tứ phía, quân Anh xông vào những tàu thuộc tầm gió của mình. Vì vậy, trên quãng đường ấy, bốn tàu nói trên cảm thấy hoả lực địch quá mạnh sẽ gây ra tổn thất và giảm khả năng tấn công. Nản lòng vì hoả lực ấy, họ chẳng làm gì nữa lẳng lặng rời xa bãi chiến trường.

Về đầu kia chiến tuyến quân Pháp, các chiến hạm chiến đấu vô cùng quả cảm với quân của Collingwood.

Hai tàu Santa Anna và Prince des Asturies đáng được lưu danh sử sách. Sau hai giờ chiến đấu, tàu Santa Anna đã mất ba cột buồm những nó cũng khiến tàu

Royal Sounerain trả giá tương tự. Nó cũng mới hạ cờ song chỉ khi phó đô đốc Alava bị thương trầm trọng mà thôi.

Tàu Fougeux, gần Santa Anna nhất, sau khi nỗ lực không mệt mỏi để trợ cứu người bạn hàng xóm bằng cách cản bước Royal Souverain không cho nó chọc thủng thêm chiến tuyến, đã bị tàu Monarque ở sau nó bỏ rơi. Bị hai tàu địch quay quanh tấn công, tàu Fougueux vẫn khiến cả hai bị hỏng nặng. Tiếp đó, sáp mạn với tàu Téméraire ban đầu nó đã đẩy lùi ba đợt đổ quân sang. Trong đó 700 người trên tàu, đã có bốn trăm người hy sinh.

Thuyền trưởng Beaudoin chỉ huy tàu Fougueux đã hy sinh, đại uý Bazin lên thay ông nhưng quân Anh lại tràn sang lần thứ tư chiếm mất khoang mũi. Bazin bị thương, người đầy máu và chỉ còn vài người quanh mình rút về khoang sau và cuối cùng buộc phải hạ cờ.

Ở chỗ lẽ ra tàu Monarque chiến đấu nhưng đã bỏ vị trí, tàu Pluton do thuyền trưởng Cosmao chỉ huy đã lướt nhanh và đột ngột dừng lại trước tàu Mars của địch đang tìm cách vượt lên, nã đạn vào nó và suýt lao lên tấn công áp mạn thì một tàu địch ba boong khác xông tới trợ cứu bằng cách bắn phần đuôi tàu Pluton.

Tàu Pluton khéo léo xoay tàu không những tránh được đạn pháo của địch mà còn giáng trả nhiều loạt đạn chí mạng.

Trở lại kẻ thù lúc đầu đang đợi gió lao đi, Pluton đã hạ hai cột buồm của nó và loại nó khỏi vòng chiến đấu. Tiếp đến, Pluton lại đi cứu quân Pháp.

Phía sau tàu Pluton, tàu Algésirias cũng lập chiến công oanh liệt. Do chuẩn đô đốc Magon chỉ huy, nó lao vào cuộc chiến sánh ngang với những gì tàu Redoutable vừa làm.

Chuẩn đô đốc Magon sinh ra ở đảo Pháp, xuất thân trong một gia đình ở Saint-Malo. Đó là một người còn trẻ đẹp trai và anh dũng. Lúc giương cờ lên ông ta đã tập hợp mọi người và hứa sẽ tặng cho ai lao sang tàu địch đầu tiên một sợi dây gươm do liên hiệp Philippies trao tặng cho mình.

Ai cũng muốn nhận phần thưởng danh giá ấy.

Sánh cùng các chi huy tàu Redoutable, Fougueux và Pluton, chuẩn đô đốc Magon cũng đẩy tàu Algésiras của mình lên trước nhằm lấp chỗ, phòng tuyến bị quân Anh chọc thủng. Trong động thái ấy ông vướng phải tàu Tonnant, con tàu trước kia là tàu Pháp nhưng đã thuộc về Anh sau trận Aboukir, do một sĩ quan gan dạ chỉ huy tên là Tiller Magon cho áp sát chỉ cách một tầm đạn súng ngắn, nhả đạn vào nó sau đó đâm xà buồm mũi vào dây néo của tàu địch. Níu tàu Tonnant như vậy xong, ông gọi tên các thủy thủ can đảm nhất để dẫn họ nhào sang tấn công. Nhưng vừa tập trung trên boong và xà buồm mũi, họ đã bị một quả đạn bắn chúng, riêng Magon bị thương vào cánh tay và đùi. Ông không chịu rời boong. Nhưng các sĩ quan mời ông đi băng bó rồi mới có thể trở lại chiến đấu cùng họ. Hai thủy thủ dìu ông đi. Nhưng vừa nhận ra thuyền trưởng Tiller dẫn

một toàn quân tràn sang boong tàu Algésiras của mình, ông chạy khỏi tay các thủy thủ, vớ lấy một cái rìu tấn công quân Anh, ba lần chúng tràn sang đều là ba lần chúng bị đẩy lùi. Thuyền trưởng cờ hiệu Leboumeus bị hy sinh bên cạnh ông. Đại uý Plassant lên thay cũng lập tức bị thương.

Magon nhận thêm một vết thương mới. Thấy sắp kiệt sức, ông lập tức trao lại quyền chỉ huy cho ông La Bretonnière rồi bấy giờ mới chịu vịn vào hai thủy thủ xuống khoang boong.

Nhưng vì sườn tàu bị hở, ông bị thêm một viên đạn từ súng nòng to nhằm vào giữa ngực. Ông đổ vật xuống cùng cột buồm mũi vừa trúng một phát đại bác.

Boong tàu Algésiras bị quân Anh chiếm hoàn toàn.

Bên cạnh Algésiras, bốn tàu chiến hạng nặng khác là Aigle, Swiftsure, Berwick và Achille cũng tham gia trận đánh khốc liệt với tinh thần dũng cảm vô cùng.

Sau khi lao vào tàu Bellérophon sát sạt, tàu Aigle lại tiếp tục giáp mặt với Belle-Isle sau khi bất đắc dĩ phải dứt khỏi địch thủ sắp bị mình hạ gọn. Thuyền trưởng tàu Aigle, chỉ huy Courège anh dũng, đã hy sinh lúc ba giờ nhưng không vì thế mà tàu giảm sức chiến đấu. Nó chỉ hạ cờ lúc ba rưỡi sau những loạt đạn đồng thời của cả tàu Revenge và Defence.

Tàu Swiftsure đã mất 250 thủy thủ. Chỉ huy và thuyền trưởng của nó bị hy sinh ngay trên bàn điều khiển. Đại uý Lune thế chỗ họ và cũng hy sinh như họ ở tư thế danh dự. Cuối cùng tàu Swiftsure cũng về tay hai tàu Bellérophon và Colossus.

Tàu Berwick do thuyền trưởng Camas chỉ huy, người mà James trong tác phẩm lịch sử hải quân đã gọi là thuyền trưởng Camas anh dũng. Ba cột buồm của tàu bị hạ nhưng không ngăn ông điều khiển hai giàn súng, ngổn ngang 51 xác chết, trong khi 200 người khác bị thương được đưa vào khoang boong.

Thuyền trưởng Camas hy sinh, đại uý Guichard theo gương ông được vài phút. Tàu Berwich cũng trở thành mồi của quân Anh.

Tàu Achille tấn công Belle-Isle trước nhưng nhanh chóng đến lượt mình bị bao vây: tàu Polypéme thoát khỏi Neptune và tàu Prince trùm lửa lên nó bằng 96 khẩu đại bác của chúng. Chỉ huy Demé-Port, ban đầu bị thương ở đùi nhưng vẫn hiên ngang đứng trước bàn điều khiển và đã anh dũng hy sinh ở vị trí của mình. Cột buồm mũi cháy rực đổ xuống do hoả tiễn địch, các thủy thủ dây rợ vẫn vãi đạn lên boong kẻ thù mặc cho lửa cháy.

Tàu Achille bị ngọn lửa trùm lên, không thấy bóng dáng tàu nào quanh mình. Tất cả các sĩ quan trên tàu đều bị hy sinh hoặc bị thương Người chỉ huy tàu này là trung uý tên là Cochard, đó là người sót lại duy nhất của một ban tham mưu anh hùng.

Anh ta chiến đấu trong vô vọng nhưng vẫn chiến đấu không ngơi nghỉ. Sợ tàu này bị nổ tung, các tàu chiến hạng nặng của Anh đã lùi ra xa. Hành động cuối cùng của người sĩ quan trẻ là cho cắm cờ vào góc tàu và Achille nổ tung cùng với một phần thủy thủ đoàn của nó.

Chắc chắn đây là cái chết của viên sĩ quan trẻ có thể xứng với cái chết của Nelson.

Trong khi đô đốc Dumanoir và bốn tàu chiến của mình chạy ra ngoài vòng đấu thì một tàu khác, tàu Intrépide, và thuyền trưởng Internet lại hăng hái xông vào chốn dầu sôi lửa bỏng. Đó là chiếc tàu cuối cùng còn có cờ ba màu phấp phới trong gió. Nó đẩy lùi tàu Léviathan và Africa, nhận hoả tiễn của Agamemnon và Ajax, chiến đấu giáp lá cà với Orion và hai tàu nữa trong đó đẩy lui một và chỉ thua cuộc trước tàu thứ sáu của địch là tàu Conquérant. Conquérant hạ cột buồm cuối cùng của nó và trong số 555 thủy thủ đoàn, 306 người đã không còn khả năng tham chiến.

Lá cờ trên tàu Intrépide hạ xuống là hơi thở cuối cùng trút ra từ cuộc đại chiến.

Một ngày kết thúc, phe Pháp hoàn toàn thất thủ. Một vài cái tên phát ra tiếng vang mới và sau cuối có thể lấy lại chút danh dự chiến thắng cá nhân giữa một thất bại toàn cục. Cho đến lúc cuối cùng, đô đốc Villeneuve đã làm tất cả những gì có thể để cho mình được chết. Chuẩn đô đốc Magon sẵn sàng hy sinh. Thuyền trưởng Lucas dẫn đầu đội quân của mình, dù chỉ còn 136 người, chiến đấu như một con mãnh hổ và từ trên buồm của ông, một bàn tay lạ đã nhả đạn giết chết Nelson. Tàu Achille được coi như tàu Vengeur[358] Infernet và Cosmao là những tấm gương quả cảm tuyệt vời Liên quân Pháp–Tây Ban Nha đã để 17 tàu chiến rơi vào tay quân Anh, một chiếc nổ tung. Ngoài ra còn sáu, bảy nghìn quân bị chết hoặc bị thương.

Quân Anh đại thắng song đó là một chiến thắng đẫm máu, tàn khốc và đắt giá. Nelson chết, hải quân Anh như rắn mất đầu.

Với họ, Nelson còn đáng tiếc hơn cả một đạo quân.

Họ dùng móc kéo 17 tàu chiến hầu như đều gãy cột buồm hay chìm nghỉm và bắt một đô đốc làm tù binh.

Chúng ta đã có một trong những trận bại trong tư thế ngẩng cao đầu vô song trong lịch sử bởi lòng can đảm và tận tụy của kẻ thua.

Đêm tối và cơn bão sẽ làm nốt phần việc kết thúc chiến thắng cho người Anh. Sáu tàu chiến què cụt mang trên dẻ sườn của chúng lời ăn năn cho sự anh dũng của chúng. Chúng chỉ chập choạng trên lớp sóng đang cuộn dâng cao với gió trong buổi hoàng hôn.

Đô đốc Collingwood chịu trách nhiệm chỉ huy đống đổ nát ấy thay vì nhấn chìm như Nelson đã ra khẩn khoản yêu cầu, lại dùng phần ngày còn lại để mang

theo 17 tàu thu được trong trận chiến, và thế là bão tố cùng bóng đêm tập kích ông ta bằng cách nhặt nhanh nốt những mảnh còn lại.

Biển, gió, sấm chớp, bãi đá ngầm, tất cả thảm hoạ của trời và biển là những gì rình rập trong hai ngày sau cuộc chiến, hai ngày kinh khủng hơn cả ngày diễn ra chiến sự. Biển gầm gào nô giỡn suốt sáu mươi tiếng với ba chiến hạm ấy và hầu như không có sự ân sủng nào cho cả kẻ thắng lẫn người thua.

Một phần tàu do Nelson chiếm được đã bị bật tung, bị sóng đánh hay đưa vào bãi đá ngầm của mũi Trafalgar.

Tàu Bucenlaure nát vụn trên đá ven bờ. Tàu Indomptable cũng tự bật đèn trên boong để lao vào bờ. Nó tắt ngấm cùng toàn bộ thủy thủ đoàn trên mũi Diamant. Người ta chỉ nghe được một tiếng kêu: đó là tiếng kêu của thủy thủ đoàn bị nuốt chửng.

Collingwood nhận thấy gió từng chặp muốn giằng các chiến lợi phẩm khỏi tay mình nên cho đốt tàu Santissima Trinidad rồi ném vào lửa ba tàu ba boong Tây Ban Nha là Saint Augustin Argonaute và Santa Anna.

Biển như dịu lại một lúc, gió cũng đứng lại để xem bốc cháy cái khúc củi lớn nhất thứ không bao giờ còn lênh đênh trên biển được nữa.

Khi ấy, lúc cuộc chiến đã kết thúc, kẻ thua còn có vị trí tốt hơn người thắng. Đô đốc Gravina và 11 tàu chiến của mình đã tìm được trong cảng Cadix chỗ nghỉ ngơi an toàn. Còn cách quá xa Cadix, người Anh lại chỉ nghe tiếng sóng gầm để hồi sức sau cơn chiến thắng mệt nhọc.

Buộc phải chống lại cơn bão vì chính sự tồn tại của mình, tàu của quân Anh cũng thấy họ bị vây hãm, gãy cột buồm và hư hỏng khi mải kéo theo những chiến lợi phẩm còn tan tành hơn cả của họ. Thế là họ bỏ rơi luôn vài tàu chiến rách nát mà họ thu được.

Cuộc chiến với biển ấy chống lại kẻ thắng trận và điều này khiến kẻ bại trận hoan hỉ và reo lên sung sướng.

Người Anh giữ lại tàu Bucenlaure, nhưng nhận thấy đô đốc Collingwood chẳng mặn mà với đám tù binh, nên họ thả luôn cả tàu cùng thủy thủ đoàn. Người Pháp thầm cảm ơn bão tố, dựng vài cây cột hú hoạ trên tàu nhẵn lỳ, buộc vài mảnh buồm và hướng về Cadix theo sức đẩy của cơn bão.

Tàu Algésiras, giống như tàu Victory mang thi hài của Nelson, cũng mang phần thi thể của vị chuẩn đô đốc dũng cảm Magon, cũng muốn được thả ra trong cơn bão. Dù bị hư hỏng nặng trong trận chiến mà nó dành những hiển hách vinh quang, nó còn chịu đựng tốt hơn những tàu khác vì mới được đóng. Dẫu sao ba cột buồm đã gẫy cột buồm lớn cách boong 15 bộ, cột buồm mũi 9 bộ, cột buồm điều chỉnh 5 bộ. Tàu kéo nó phải khó khăn lắm mới giữ thăng bằng cho nó nên cuối cùng cũng tháo dây cáp thả nốt tàu tù binh. Người Anh bắn đại bác cầu tiếp

viện nhưng chiến hạm của họ còn quá nhiều việc phải làm nên không đáp lại. Vậy là họ thoả thuận với một sĩ quan Pháp chỉ huy tàu này.

Người sĩ quan ấy là ngài La Bretonnière. Họ cầu xin ông dùng người trong thủy thủ đoàn của mình cứu lấy con tàu và giúp họ cứu mọi người cả người Anh lẫn người Pháp.

Ngay khi nghe xong, ông La Bretonnière đã biết mình phải làm gì. Ông yêu cầu bàn với những người đồng hương của mình dưới đáy khoang. Yêu cầu ấy được chấp nhận.

Ông đi tìm các sĩ quan và bàn riêng với họ, kể cho họ biết chuyện gì đang xảy ra. Thoạt nghe tất cả mọi người hiểu ngay vấn đề nhờ trí tuệ thông minh rất xứng đáng với người Pháp.

Tàu Algésiras chở 30 đến 40 quân Anh có vũ khí cùng 270 người Pháp bị tước vũ khí nhưng đều đang sẵn sàng để giải cứu tàu của họ. Các sĩ quan vào khoang thông báo kế hoạch cho các tù binh, họ hưởng ứng nhiệt liệt. Ông La Bretonnière ban đầu sẽ đi đòi quân Anh thả họ. Nếu bị từ chối, chỉ cần ra hiệu, quân Pháp sẽ xông ào và nếu đánh nhau, quân Anh chắc có gây thiệt hại cho quân Pháp về người nhưng số đông quân Pháp sẽ áp đảo thế trận.

Dự tính kế hoạch xong, thuyền trưởng Bretonnière quay trở lại mang câu trả lời của ông đến người Anh.

Việc đòi thả tàu Algésiras khiến quân Anh bỏ mọi cam kết.

Thế là người Pháp tuyên bố họ được coi là tự do và nếu chủ tàu muốn giao đấu, họ, dù không có vũ khí, chỉ cần một tín hiệu sẽ lập tức tham gia ngay.

Thật ra đã có hai thủy thủ Pháp mất kiên nhẫn, tay không xông vào đám lính gác Anh. Họ nhận hai phát lưỡi lê trong đó một người chết và người kia bị thương nặng. Sự việc này đã gây náo loạn song ông La Bretonnière đã kiểm soát và cho các sĩ quan Anh có thời gian suy nghĩ. Những người này bàn bạc hồi lâu rồi thoả thuận thả người Pháp với điều kiện quân Anh cũng phải được tự do khi đến bờ biển Pháp.

Ông La Bretonnière đưa ra điều kiện cuối cùng. Đó là người Anh phải để ông có thời gian xin chính phủ Pháp cho họ tự do, điều này ông ta hứa sẽ xin được.

Thế là những tiếng hò reo vui sướng rộ lên khắp nơi vì chiếm lại được tàu của mình các sĩ quan và thủy thủ về vị trí của mình, kéo cột buồm dự trữ, các thợ mộc chốt các xà buồm, căng buồm dự trữ rồi hướng tàu chạy về phía cảng Cadix.

Suốt đêm, cơn bão mà Nelson dự báo vần vũ không ngớt, ban ngày nó càng trở nên mạnh và ác liệt hơn. Tàu Algésiras đánh vật với nó suốt cả ngày. Dù không có hoa tiêu nhưng nhờ một thủy thủ quen địa hình cảng Cadix, con tàu cũng vào đến cửa cảng.

Nhưng đến đây, nó không muốn liều lĩnh. Nó chỉ còn một mỏ neo và một dây cáp lớn để chống chọi lại những cơn gió thổi dữ dội vào bờ. Nếu neo không chịu

được, tàu Algésiras coi như thua, nó sẽ bị va vào những bãi đá ngầm được gọi là mũi Diamant.

Đêm qua đi trong nỗi sợ hãi hiện rõ và ngày mới lại đến. Trong đêm, người ta đã nghe những tiếng hét át cả tiếng bão. Tàu Bucenlaure vừa nát vụn bên bờ biển còn tàu Indomptable ướt sũng chưa vào bờ dù nó có neo tốt và dây cáp chắc chắn!

Suốt ngày hôm ấy, tàu Algésiras bắn đại bác một cách tuyệt vọng hòng gọi cứu trợ. Một vài thuyền liều lĩnh đến nhưng chưa kịp lại gần đã bị sóng đánh hỏng. Chỉ duy nhất một lần họ ném được cho Algésiras thêm một neo yếu.

Đêm lại buông xuống trên biển. Tàu Algésiras và Indomptable đều được níu bằng vài sải cáp, bão tố dữ dán hơn như một đám lửa xoáy cái nhìn vào tàu Indomptable, con tàu bắn đại bác đầy tuyệt vọng, hai chiếc neo khỏe của nó đã núng thế và như một bóng ma lửa chứa trên mình đoàn thủy thủ vô cùng tuyệt vọng, nó vượt tàu Algésiras vài bộ rồi lao về phía bờ trong tiếng gãy khủng khiếp rồi chìm xuống mũi Diamant. Trong một phút, các đèn hiệu bật sáng, những tiếng hét dấy lên rồi tất cả tắt ngấm trong tầng sóng.

1500 người trên boong là 1500 người thiệt mạng.

Được níu giữ chỉ bằng không neo nhỏ, tàu Algésiras ngỡ ngàng khi thấy ngày hôm sau biển đã lặng sóng. Nó được các thủy thủ hướng dẫn vào cảng Cadix.

Bây giờ chúng ta sẽ xem giữa cơn giông tố khủng khiếp ấy, tàu Redoutable, thuyền trưởng Lucas và viên đại uý thứ ba René ra sao.

Tôi đã nói ở trên là sau ba giờ chiến đấu thuyền trưởng Lucas mới chịu hạ cờ. Với 643 thủy thủ thì 523 người không còn khả năng chiến đấu trong đó 300 người chết 222 người bị thương nặng. Trong số sĩ quan, mười chuẩn uý trên mười nằm trong số tốp thứ hai.

Thuyền trưởng Lucas cũng bị thương nhẹ ở đùi. Về tàu Redoutable, nó mất cột buồm lớn và cột buồm lái, đuôi tàu bị thủng toác một lỗ lớn. Hầu như giàn pháo bị bật tung do các đợt tấn công giáp lá cà, các đợt đạn đại bác và cuối cùng là do một khẩu đại bác cỡ 18 đã gây tổn hại nặng nề.

Phía nào con tàu cũng bị thủng nhìn thấy cả trời và nhìn nó trơ ra một bộ khung tơi tả. Không có ván sàn đủ chắc để chống chọi, đạn pháo của địch xuyên cả xuống khoang boong sát hại những thương binh khốn khổ vừa rời khỏi tay bác sĩ hay đang chờ được cứu chữa.

Lửa cũng bắt vào bánh lái khiến nó hoàn toàn không hoạt động được. Nhiều đường nước rò ri còn những cái bơm đã bị hư nát hết trong trận đấu. Tàu Victory, Téméraire buộc sát tàu Redoutable nhưng không những chúng không kéo nó đi được mà còn không đủ sức để rời ra xa.

Khoảng 7 giờ tối, phải chờ tàu Swiftsure của Anh đến kéo thì Redoutable mới di chuyển được.

Đêm hôm ấy, René đến chỗ chỉ huy và đề nghị ông ta, vì bờ biển Tây Ban Nha chỉ cách đó một dặm, nên họ sẽ chui qua một lỗ hổng nhảy xuống biển và bơi vào bờ.

Lucas là người bơi rất giỏi nhưng đang bị thương ở đùi, ông ta sợ không thể vào được đến bờ. René đảm bảo hết, hứa sẽ giúp ông nhưng Lucas từ chối thẳng thừng và khuyên René nên nghĩ đến mình.

René lắc đầu.

-Thưa chỉ huy, tôi lặn lội từ tận Ấn Độ về tìm ngài, tôi sẽ không rời xa ngài đâu. Nhưng nếu bọn chúng buộc ta phải xa nhau thế thì ai vì người nấy, khi đó chúng ta sẽ gặp nhau ở đâu? Ở Paris chăng?

-Anh sẽ luôn biết tin về tôi ở Bộ Hải quân, anh bạn thân mến ạ – Lucas nói.

Thế là René lại gần ông.

-Thưa chỉ huy đáng kính của tôi, trong thắt lưng tôi có hai xâu tiền mỗi xâu có 50 đồng louis, ngài có vui lòng lấy một xâu không?

-Cảm ơn anh bạn – Lucas nói – Tôi cũng có trong ngăn kéo phòng ngủ, tất nhiên nếu phòng tôi còn, khoảng 30 đồng mà tôi định dành tặng cho anh. Ngay khi đến Paris, đừng quên hỏi tin của tôi, hàm hiệu của tôi đảm bảo bọn trâu, chó này không dám làm gì với tôi như có thể với cậu đâu.

Ngày hôm sau, chỉ huy tàu Swiftsure thả một canô đi đón thuyền trưởng lịch sử, thuyền phó Dupotet và thiếu uý Ducrès. Nếu muốn sĩ quan nào đi thêm, thuyền trưởng có thể gọi, anh ta cũng sẽ bị dẫn sang tàu Swiftsure.

Suốt ngày hôm ấy dùng để cứu người, mới nhìn qua cũng thấy tàu Redoutable sẽ chìm. Thật may là người ta đã kịp đưa 119 người đi. Hai người khác rơi xuống nước trong lúc chuyển tàu và một trong số họ bị thiệt mạng.

Lucas gọi thêm René và René bị dẫn cùng ông sang tàu Swiffsure. Họ quay mũi về phía Gibraltar. Ngày hôm sau nữa, họ đã ở một trong hai cánh quân Héc-quyn.

René giấu khả năng hiểu tiếng Anh của mình. Do đó mà anh nghe người ta nói chuyện, bằng tiếng Anh và Tây Ban Nha, về đảo Péninsule quanh mình.

Nhờ vậy anh biết các tù nhân sẽ bị đưa xuống tàu hạng vừa để chuyển về Anh. Các tù nhân nhất thiết phải bị chia nhỏ vì một tàu hạng vừa không thể chuyên chở quá 60 – 70 người.

Vài ngày sau, anh báo cho Lucas rằng người Anh nhận thấy trường hợp đặc biệt của ông nên sẽ dẫn ông về London trên tàu chiến hạng nặng, những người khác sẽ chia ra trên hai tàu 3 cột buồm hạng trung và tất cả sẽ xuất phát cùng ngày.

Toàn bộ hạm đội gồm hai tàu hạng trung, một tàu coóc vét và một tàu buôn ba cột buồm đồng loạt trở về châu Âu. Tôi nói về châu Âu vì Gibraltar châu Phi hơn là châu Âu.

Chỉ huy Lucas bị dẫn lên tàu Prince không tham chiến nên không đứt một sợi dây hay bị thiệt mạng một thủy thủ nào.

René cùng 50 bạn chiến đấu được đưa lên tàu buôn 3 cột buồm có tên là tàu Samson. Trước khi chia tay anh, thuyền trưởng Lucas đã bày tỏ lòng cảm mến mà ông chưa từng dành cho ai, sự mến mộ xuất phát từ lòng can đảm mà anh đã thể hiện vào cái ngày 2 1 tháng Mười định mệnh ấy.

Lời chia tay của họ thân ái như bạn bè chứ không phải của cấp chỉ huy với cấp dưới.

Các con tàu di chuyển chậm đến tận vịnh Gascogne, đến đó mới có gió mạnh chia cách họ.

Tàu Prince chạy khỏe, buổi tối đã vượt qua mũi Finistère.

Chỉ huy tàu Samson, thuyền trưởng Parker, không làm chủ tàu của mình bằng sức gió nên đưa nó ngược lên trên vì theo tiêu đề rằng trong một cơn bão, không có gì nguy hiểm hơn bờ biển.

Khi biển đã dịu lại một chút, lúc mặt trời ló rạng trở lại, người ta nhận ra mình đang ở cách 30 – 35 dặm phía tây Ai xơ len.

Bấy giờ họ quay mũi về phía đông và tiếp tục cuộc hành trình.

Nhưng các thủy thủ lâu năm hiểu rằng sự lặng sóng chỉ là tạm thời và thuyền trưởng Parker người chưa từng leo cao lên làm chỉ huy một tàu chiến không yên tâm chút nào về vị trí của mình.

Trong chặng đường vừa qua của mình, vì René đặc biệt được yêu quý ông ta đã có thể đánh giá khả năng của anh. Vì việc để tù nhân lên tàu là không hay, dù họ chỉ có ít người, nên ông ta đi thẳng đến chỗ René vừa bắt chuyện bằng thứ tiếng Pháp dở ẹc vừa chỉ tay vào khối mây đen đang đùn lên từ phía Tây.

-Tối nay chúng ta sẽ ăn muộn đại uý ạ, nhưng tôi đã ra lệnh cho đầu bếp để chúng ta không phải đợi – Rồi ông ta chỉ tay vào đám mây tiếp tục kéo về. Vả lại, đây cũng là một cảnh đáng chú ý và có thể cho chúng ta giải trí.

-Đúng vậy. – René trả lời – Tôi chỉ mong một điều, đó là cái kết cục không làm chúng ta quá bận rộn.

Quả thật khung cảnh rất lạ nhưng những lo ngại của René không vì thế mà thái quá.

Những khối mây đen nặng nề tản dần về phía Tây nam, nhanh chóng tạo thành lớp núi cao trùng điệp và ngày một lớn lên.

Người ta nhận ra trong đó tất cả hình ảnh của dãy Alpe trên trời: những đỉnh núi nhọn hoắt, những con đường quanh co để trèo lên, đỉnh cao nhất như một miệng núi lửa mà gió đang thò cái chổi quét nhanh không thể tin nổi, như một trong những luồng hơi cuối cùng thoát khỏi ống khói vừa tắt lửa. Thật vui mắt khi xem cái lò giả ấy và nhìn chúng lan ra màu xanh ngắt của bầu trời, vì trời

đang có màu xanh tuyệt đẹp lan đến chân trời chỉ trừ nơi, như tôi vừa nói, đang bị khói núi lửa xâm chiếm.

-Dẫu sao. – Viên đại uý thứ nhất nhanh nhảu nói – nếu có gì xảy ra từ cái khối hỗn mang kìn kịt kia thì cũng từ từ, ai cũng biết chúng ta còn kịp ăn tối thoải mái và tiêu cơm ấy chứ.

-Xin thứ lỗi cho chứ, – Một thủy thủ già khi đi ngang qua không dám đưa ra nhận xét cho câu vừa rồi mà chỉ nói – Gió tây nam đi nhanh hơn răng và dạ dày của ngài dù nó có thế nào.

-Tôi đồng ý với thủy thủ của ngài – René nói – Tôi không nghĩ cơn giông này lại hào hiệp để chúng ta ăn bữa tối yên lành đâu. Nếu được khuyên ngài, ngài hãy chuẩn bị đón nhận cơn giông ấy đổ ụp xuống tàu như mưa đá hay một cú sét.

Nhưng… – Một chuẩn uý đang ngồi trên lan can, cổ áo dựng cao, mắt nhìn chăm chăm vào khối đen khiến mọi người đang bận tâm nói – nhưng, thưa thuyền trưởng, không có gió thì biển khó đập vào mạn tàu được, thế thì hà cớ gì mà chúng ta phải vội?

-Ngài Blackwood, giá như chú ngài ở vị trí của ngài, ông sẽ thấy rõ hơn ngài. Hãy thu buồm vẹt và cho hạ chúng xuống ngay lập tức.

Blackwood ra lệnh làm theo và người ta còn nghe người thủy thủ già người tự phong là nhà tiên tri cảnh báo tài hoa nói: -Kế chúng lắm nhưng chưa đủ.

Thuyền trưởng mỉm cười nhìn ông ta và nói tiếp: -Ngay khi hạ buồm vẹt xong, hãy cho giảm ba mép buồm rồi cất buồm lớn đi.

Mệnh lệnh được thi hành ngay tức thì, đây là nguyên tắc chủ yếu của ngành hàng hải. Người ta đã thấy gió ào đến từ chân trời và dưới đôi cánh của nó, biển cuộn lên. Vết đen phía tây nam toả ra khắp bầu trời như một vết mực khổng lồ đang loang ra. Gió nhẹ đã trở thành hung dữ và đầy đe doạ.

-Còn bây giờ, ông già, ông sẽ làm gì? – Viên thuyền trưởng hỏi kẻ vừa đưa ra lời khuyên.

-Tôi ấy à. – Người thủy thủ già nói – Ngài thứ lỗi cho chứ tôi sẽ còn hạ nốt các cánh buồm cho đến khi chẳng còn gì.

-Hạ nốt những buồm mũi xuống. – Viên thuyền trưởng kêu to.

Mệnh lệnh được thực hiện ngay.

Sóng biển cuộn cao, sấm rền rĩ.

-Vào bàn ăn thôi các vị, vào bàn! – Một chuẩn uý xuất hiện trước cửa cầu thang lên boong kêu to, chiếc khăn mặt cầm trong tay.

Anh ta để nó bay vèo mất.

-Ối này. – Anh ta nói – Chúng ta có gió này, thế mà ở dưới chẳng biết tí gì.

-Đúng thế ở đây đã thấy rồi – Thuyền trưởng nói – và ở dưới, anh sẽ sớm biết thôi.

-Ở trên ấy thế nào? – Các sĩ quan ở dưới tàu hỏi viên chuẩn uý vừa lên boong.

-Tôi thấy nhiều lần thời tiết đẹp hơn thế. – Viên chuẩn uý đáp.

-Thuyền trưởng không xuống ăn tối à? – Một người hỏi.

-Không! Ông ấy ở lại boong với một tù binh trẻ mà thuyền trưởng Lucas tiến cử, anh ta được coi là người đã bắn chết đô đốc Nelson đấy.

-Nếu gặp nguy hiểm – Viên đại uý thứ hai nói – tao hứa sẽ ném thằng cha ấy xuống biển mười phút trước đó, nếu tao ở vị trí ấy.

-Anh bạn thân mến, anh thật bất công – Một đồng sự nói với hắn ta – Nếu đó là người đã giết Nelson, anh ta đã làm ở cấp chính phủ Pháp. Là anh, anh có đáng bị quẳng xuống biển vì giết Lucas không? Tôi biết, tất cả các ông Lucas trên đời không sánh được với Nelson nhưng can đảm thay một thuyền trưởng như chỉ huy Lucas. Anh đã thấy bộ quân phục của ông ta sáng lên ta lần khi tấn công trên mạn tàu Victory chưa? Anh đã thấy giữa khói lửa, cái rìu của ông ấy sáng lên như cáu vồng chưa? Nếu anh ở trước mặt Lucas, dù trời đẹp hay giông tố, hãy chào kính cẩn rồi mới đi qua, đó là điều tôi sẽ làm đấy.

Trong khi cuộc nói chuyện ấy diễn ra ở phòng ăn của sĩ quan, trên boong là vẻ lặng thinh tẻ ngắt. Gió đột ngột nhào tới, cỏn tàu đã hạ hết buồm, lừ đừ trôi theo những con sóng. Nước ủ ê lướt trên hai mạn tàu và khi con tàu dềnh lên theo sóng, lớp nước ấy lại rơi từ lưng khoang vào Đại dương tạo thành một luồng thác bé nhỏ trắng sáng.

Khi ấy một luồng sáng từ boong có khi bay lên đến tận trời.

-Đúng là một đêm lệnh hoàng thuyền trưởng Parker ạ. – Viên đại uý thứ nhất nói.

-Tôi đã thấy ít dấu hiệu đổi gió. – Viên thuyền trưởng đáp bằng giọng chắc chắn.

-Nhưng mà – Người thủy thủ già càu nhàu, người với 45 năm đi biển cho phép ông được các sĩ quan nhìn nhận – Sự thay đổi ấy vẫn có dấu hiệu mà người thủy thủ lâu năm không thể không nhận ra.

-Thưa các ngài, vậy các ngài còn muốn gì nữa? – Thuyền trưởng nói – Không hề có mảy may chút gió nào còn tàu thì đã hạ cánh buồm còn gì.

-Được rồi! – Người thủy thủ già nói – tôi sẽ không nói nữa, kể ra tàu Samson cũng hành động không quá tệ so với chiến thuyền buôn đúng mực. Có ít tàu cột buồm vuông nào không mang cờ vua Geoges lại có thể tránh gió hay sóng đâu. Nhưng bây giờ là lúc một thủy thủ phải suy nghĩ. Hãy nhìn dưới ánh sáng xám nhạt chiếu tới chỗ chúng ta kia, ai có thể nói cho tôi biết nó từ đâu đến không? Từ châu Mỹ hay là từ bắc cực? Dù thế nào thì hẳn nó không phải là ánh trăng rồi.

Thuyền trưởng lại gần cửa cầu thang lên boong. Ông ta nghe thấy tiếng cười nói của các sĩ quan và tiếng ly cụng vào nhau.

-Uống thế, cười thế đủ rồi đấy! – ông hét lên – Tất cả mọi người lên boong.

Chỉ trong giây lát, những người được nói tới nhảy lên boong.

Vừa nhận ra tình hình thời tiết trên trời và biển, thủy thủ đoàn gồm sĩ quan và thủy thủ, đều chắc chắn sẽ phải đương đầu với cơn bão.

Không ai nói một lời nhưng mỗi người đều vận dụng tất cả sức mạnh, nghị lực của mình có thể có được. Quả thực, không có cánh tay nào lại không cần thiết, lại không có nhiệm vụ trực tiếp phải làm.

Sương mù nhợt nhạt và càng dày đặc từ mươi phút qua tràn đến từ hướng tây nam bây giờ đã lan khắp tàu với sức nhanh của một con ngựa đang lao đi trong đường đua để giành giải. Không khí mất dần hơi ẩm theo gió đông và những cơn gió tây nam như bắt đầu rít qua các cột buồm, dấu hiệu của cơn bão đang dồn lại.

Thế rồi người ta nghe một tiếng động mạnh và khủng khiếp lồng lên trong Đại dương mà cái bề mặt của nó ban đầu còn xao động sau đó lô nhô và cuối cùng phủ một lớp sóng trắng xoá. Một lát sau, cơn giận dữ của gió liên tiếp chống lại cái khối nặng và trơ ì của con tàu.

Với cơn bão, con tàu đang trong tình trạng một thế trận bộ binh vuông vức đang chờ sức mạnh của cả trung đoàn kỵ binh.

Lại gần gió lốc, viên chỉ huy đã thả vài mảnh buồm để tận dụng gió phía trước ở mức nhiều nhất có thể. Nhưng con tàu này được đóng để làm tàu chuyên chở chứ không phải để đua nên không đáp ứng được lòng mong mỏi trong cơn bất nhẫn cũng như nhu cầu cấp thiết của thời điểm ấy. Mũi tàu rời về hướng đông một cách chậm chạp và nặng nề khiến nó bị rơi vào tư thế phải hứng cơn gió giật bên mạn. Thật may cho tất cả những ai tình cờ đặt tính mạng của mình vào con tàu không sức kháng cự này là nó chắc chắn chứ không phải loại chỉ để nhận một cú va duy nhất của cơn bão. Một chút buồm mà người ta vừa thả run lên trên các xà ngang chình ình, phồng lên rồi lần lượt xổ tung chỉ trong một phút và thế là cơn bão đổ vào đấy với vẻ dữ dội đáng sợ.

Màn đêm quá dày đặc đến nỗi người ta chỉ có thể mò mẫm. Mọi người chỉ thấy nhau, vội vã như những bóng ma, qua ánh sáng yếu ớt của những ánh chớp hay ánh sáng phản chiếu từ các cuộn sáng bùng lên trong mắt họ một lát rồi lại ném ánh mắt ấy vào đêm mịt mùng đến nỗi nó khiến ánh sáng hắt ra gắt hơn, chớp nhoáng hơn. Tất cả những gì con người có thể làm để chiều theo cơn bão là vài phương cách tạm thời đã làm. Người ta chỉ còn nước chờ đợi. Họ đếm từng phút.

Bị những cơn va đập liên tiếp vào cột buồm và thành tàu, nơi các đợt tròng trành lắc lư liên tục ném họ làm họ giập hết mình mẩy, bị những đoạn dây chão đứt đang ngoáy tít trong không trung như những cái roi vô hình và sắc nhọn quật vào. Mệt mỏi vì công việc và vì sợ hãi, không có hy vọng nào manh nha dù là điên khùng vì càng lúc, nguy hiểm mới càng nhiều, các thủy thủ trên tàu Samson

đứng sát vào thành tàu phía có gió, cúi lưng xuống để tránh cơn sóng khổng lồ nhào tới ập vào khoang rồi vội vã chạy từ sau lên trước hay chồm lên con tàu từ phải sang trái. Không hề có lời trao đổi nào, ai cũng dồn hết mình vào những dòng suy nghĩ, một sự im lặng tẻ ngắt, vài câu chửi tục, than vãn, rền ri ném lên trời để nguyền rủa hay buộc tội trời cao.

Biển cả nô giỡn với con tàu như một gã khổng lồ chơi đá cầu, huých vào nó phía trước, đằng sau, qua chân, qua má, qua sườn, và đồng thời từ tất cả các phía, đưa nó lên đỉnh ngọn núi di động hay vội vã ném nó xuống vực sâu nơi mà có lẽ nó không bao giờ có thể thoát ra được.

Một trong những cú vào mạn trái va mạnh vào đuôi tàu đến nỗi lập tức mạn này sang thế chỗ mạn phải và chỉ một lát lại mang nó về bên trái, buồm mũi trở nên vô hiệu. Gió cuốn nó, xé rách nó, cái buồm chắc chắn là vậy mà chỉ như một tấm vải mút sơ lin mỏng tang.

Bị chọc thủng, rách bươm, xé thành từng miếng và bị cuốn đi chẳng còn dấu tích nào cho thấy đó là cột buồm. Cần bánh lái bị gãy và con tàu lệch về mạn phải, để những khối nước tràn qua khiến nó không lật lại được vì các lớp nước liên tiếp dồn đến.

-Làm sao bây giờ? – Viên chỉ huy hỏi René.

-Chỉnh cần gió? Chỉnh cần gió! – René đáp.

-Chỉnh cần gió ngay! – Viên chỉ huy Parker hét lên bằng giọng mạnh đến mức giữa cơn ầm ĩ của bão tố, nó vẫn được nghe rõ.

Người thủy thủ già đã tham gia ý kiến ban nãy là người chạy nhanh đến bánh lái với một cái cần khác để thay, chiếm ngay chỗ của người lái. Ông làm theo mệnh lệnh nhanh và chắc chắn, nhưng mắt ông chăm chú nhìn vào cánh buồm phía trước để chờ cơ hội hành động mà không được. Hai lần nhiều cột buồm lớn ngả về phía chân trời là hai lần chúng lại trở dậy điệu đà trong không trung, rồi phải chịu khuất phục trước cơn dữ dội và sóng nước, con tàu chúc nghiêng xuống biển.

-Làm sao bây giờ? – Viên chỉ huy hỏi René.

-Hãy chặt đi! – René nói.

-Chú ý! – Parker lại kêu to với đại uý thứ hai – Hãy đi tìm một cái rìu lại đây.

Nhanh như ý nghĩ vụt đến để đưa ra mệnh lệnh ấy, viên đại uý lao lên cột buồm mũi, giơ tay lên trời, hỏi lại: -Chặt chứ?

-Chờ đã, Vieux Nick – Thuyền trưởng hỏi người lái – bánh lái còn điều khiển được con tàu không?

-Không, thưa thuyền trưởng.

-Thế thì chặt đi! – Parker đáp bằng giọng chắc chắn và bình thản.

Chỉ một nhát cũng đủ hạ cột buồm mũi. Do bị kéo căng bởi lực lớn cột buồm lớn nhận lưỡi rìu, đau đớn gục xuống như một cái cây bị bật rễ, nó bay một đoạn

ngắn rồi rơi xuống biển.

Hỏi xem tàu nâng lên chưa – René thì thầm vào tai thuyền trưởng.

-Nó nâng lên chưa? – Parker gào lên với người lái.

-Thưa chỉ huy, nó chỉ hơi nhích lên một tí thôi, nhưng một cơn gió lốc lại vừa nhấn lên mạn nó rồi.

Viên đại uý thứ hai vẫn còn đứng dưới chân cột buồm lớn, anh ta hiểu toàn bộ tầm quan trọng của công việc mình vừa bắt đầu.

-Có chặt nữa không? – Anh ta hỏi.

-Chặt đi! – Giọng xầm xì của thuyền trưởng cất lên.

Người ta nghe thấy tiếng nhát rìu chát chúa vang lên, tiếp đến là tiếng gãy răng rắc rợn người, nhát thứ hai, thứ ba nối ngay sau đó; Gỗ, dây chão, cánh buồm, tất cả ngả rạp xuống biển và con tàu vừa nổi lên đã nặng nề trôi đi theo hướng gió.

-Nó nổi rồi! Nó nổi rồi! – Toàn bộ thủy thủ đoàn hò reo, tiếng kêu mà trước lúc đó còn câm lặng và ghìm lại.

Bỏ hết nó đi để không gì ảnh hưởng đến hoạt động của tàu – Giọng nói khỏe khoắn đầy xúc động của thuyền trưởng vọng đến – Các anh hãy sẵn sàng cuốn buồm lớn, hãy chờ một lát để tàu ra khỏi bước xấu này đã; nhưng trong khi chờ hãy chặt đi! Can đảm lên các bạn, dao, rìu, chặt hết, cắt hết!

Chỉ trong một lát, với sức mạnh và lòng can đảm do hy vọng hồi sinh mang lại, các dây chão như con tàu với các que vặn bị rơi đã được chặt sạch. Tàu Samson, như ở con chim trụi lông trên mặt biển, chỉ còn nước lướt trên mặt sóng.

Gió gào rú ngang sức với tiếng sấm rền, chỉ những nếp trên cột buồm duy nhất còn lại lúc gió lốc tràn đến là còn bay phần phật và phần buồm vẹt phồng lên như muốn giật cả cột buồm lái, cột buồm duy nhất còn trên tàu, theo cùng nó.

Đặt tay lên cánh tay viên thuyền trưởng, René chỉ mối nguy hiểm ấy cho ông ta. Parker hiểu ra và những lời nói sau đây của ông ta giống như một lời van lơn hơn là một mệnh lệnh: -Anh em, cột buồm kia không thể cự nổi lâu hơn các cú lắc như vậy. Nếu nó đổ xuống phía trước tàu, những gì nó kéo theo sẽ gây ra đại hoạ. Một hay hai người leo lên cao để cắt buồm trên các trục căng.

Viên đại uý thứ hai là người mệnh lệnh này có vẻ nhắm tới đã lùi lại một bước.

-Cây cụt này gập xuống như cành liễu ấy – Anh ta nói – Nó dập dềnh thế kia thì trèo lên nguy chết, gió lại quấy đảo không ngừng nữa chứ.

-Anh nói đúng đấy – René bảo – Hãy đưa dao cho tôi nào.

Và trước khi viên đại uý hỏi anh định làm gì, René đã giằng lấy con dao từ tay anh ta, chồm lên dây néo mà mỗi sợi đều bị gió bão quần tơi tả như sắp đứt.

Những cặp mắt tinh anh của những người nhìn theo đều hiểu ý định của anh và nhận ra anh tức thì.

-Gã người Pháp! Gã người Pháp đấy? – Chục giọng nói đồng thanh cất lên.

Và bảy tám thủy thủ lâu năm, xấu hổ khi thấy một người Pháp làm cái công việc mà không ai trong số họ dám làm, lao lại phía thang dây để leo về phía nền trời chằng chịt.

-Xuống ngay – Thuyền trưởng hét lên trong loa – Tất cả xuống ngay chỉ trừ người Pháp thôi, xuống ngay.

Những lời đó đến tai các thủy thủ của ông ta nhưng vừa bị kích động lẫn bị làm nhục, họ tảng lờ như không nghe thấy gì.

Nhưng René vẫn là người đến nơi trước, anh lia lưỡi dao sắc nhọn theo chiều rộng các sợi dây chão níu với các trục căng dưới một góc mảnh buồm đã bị xước chỉ chực toác ra. Cánh buồm chỉ mong được giúp, bứt khỏi mọi ràng buộc, người ta thấy nó bay phấn phật trong không trung phía trước con tàu như một chiếc khăn lớn; con tàu nhô lên cao bởi một con sóng lớn rồi nặng nề đổ nhào theo.

Sức mạnh của cú sốc khiến mảnh buồm dưới phồng lên lôi theo cột buồm khiến nó phát ra tiếng kêu răng rắc rồi nghiêng xuống mũi tàu.

-Xuống ngay! – Thuyền trưởng hét lên qua các loa – Xuống bằng các cột chống ấy! Xuống ngay không mất mạng bây giờ, tất cả xuống đi!

Chỉ mình René nghe theo. Anh trượt xuống nhanh như sét đánh vào cột thu lôi chạy theo sợi dây dẫn nó vào cái giếng nơi nó phải tắt lịm.

Cột buồm lắc lư một lát và như chúi xuống điểm thấp nhất rồi theo cơn tròng trành tàu đổ ụp xuống biển, những gì là dây rợ đứt sạch kéo theo những người khác, kẻ rơi xuống boong, người lộn nhào xuống những cơn sóng.

-Thả một thuyền con xuống biển! Một thuyền xuống biển! – Thuyền trưởng gào lên.

Nhưng chỉ trong chốc lát, tất cả mảnh vụn của cột buồm cũng như những thứ dính vào đó đều biến mất giữa lớp sương mù đang bao tứ phía con tàu.

Sau khi nhận ra không còn cách nào để cứu được những người đã rơi xuống biển, sau khi giao những người bị thương do ngã xuống boong cho bác sĩ, viên chỉ huy đến chìa tay cho René, ông ta thấy anh vẫn thản nhiên như thể không hề tham gia vào cơn tai hoạ cuối cùng.

Vào lúc ấy trong khi viên thuyền trưởng hỏi René xem anh có bị thương chỗ nào không thì một thủy thủ đến thông báo nước tràn vào hầm tàu đã dâng đến bốn bộ. Con tàu đã phải chịu nhiều đợi sóng liên tiếp va mạnh, loại sóng mà các thủy thủ gọi đùa là "quà của biển" khiến nước tràn vào lưng khoang hầm người ta mới kịp nghĩ đến.

-Trong hoàn cảnh khác, chuyện này không là gì, – Viên chỉ huy nói – nhưng ngài cũng biết các thủy thủ ghét bơm nước thế nào rồi đấy: họ ghê tởm việc này, cộng với sự mệt mỏi thế kia, tôi không dám buộc họ làm gánh nặng cuối cùng ấy.

-Chỉ huy, – René nói và chìa tay cho viên thuyền trưởng – Ông có tin vào tôi không?

-Hoàn toàn tin tưởng. – ông ta đáp.

-Thế thì được? Tôi có dưới khoang boong sáu mươi bảy đến sáu mươi tám người vốn nghỉ ngơi trong lúc đoàn thủy thủ của ông lo cứu họ: thật ra trong khi cứu họ là họ cũng tự cứu mình. Bây giờ đến lượt người của tôi làm thay cho người khác nghỉ. Hãy trao thủy thủ của tôi cho tôi trong vòng bốn giờ, sau bốn tiếng nữa, ngài sẽ không thấy giọt nước nào trong khoang. Và trong bốn tiếng ấy người của tôi sẽ đến lượt mình đáp lại những gì thủy thủ đoàn của ngài đã làm cho họ trong hai ngày qua.

René, bằng tiếng tăm lan khắp rằng anh là người đã hạ Nelson, bằng cách anh hành động trong cơn bão, anh đã chiếm được uy tín nhất định trong con mắt các thủy thủ Anh. Đó không phải là một con người bình thường, đó là người đã giết được Nelson, con người mà suốt bao năm qua chống lại nước Pháp, chống lại bão tố và đôi khi chống lại cả Chúa.

Thuyền trưởng nhân lúc cơn bão dịu lại đôi chút, tập hợp người của mình trên boong và nói với họ: -Các bạn của tôi, tôi có tin xấu báo cho các bạn là chúng ta có bốn đến năm bộ nước ngập dưới khoang hầm. Nếu chần chừ nước sẽ tăng nhanh và tàu sẽ chìm trước sáng mai. Nhưng nếu các bạn muốn xuống bơm nước, chúng ta còn cơ may thoát khỏi hiểm nguy mới này, nguy hiểm lớn nhất từ trước đến giờ.

Vậy là điều thuyền trưởng Parker dự đoán đã xảy ra, hơn một nửa thủy thủ đoàn nằm xuống boong và nói rằng họ thà để chìm tàu hơn là đi bơm nước, nửa khác im lặng song thuyền trưởng khỏi cần nhìn cũng biết chỉ cần ông nài nỉ họ sẽ là người phản kháng mạnh nhất.

-Các anh em, – Thuyền trưởng tiếp tục – Tôi hiểu sự mệt nhọc của các bạn và hơn thế là sự ghê sợ của công việc ấy. Đây là đại uý René, người tỏ lòng biết ơn những gì các bạn đã làm cho anh ấy và người của mình trong chuyến đi này, sẽ có lời đề nghị.

Người lái tàu là người đầu tiên ngả mũ của mình và lạy anh.

-Đại uý René là một thủy thủ hoàn hảo, dũng cảm chưa từng, chúng ta hãy nghe lời đề nghị của anh ấy.

Giữa cơn bão mà không ai có vẻ quan tâm đến nó, thủy thủ đoàn cùng đồng thanh kêu lên: -Chúng ta hãy nghe đại uý René, hoan hô đại uý René!

Người được nhắc đến rớm lệ chào mọi người, trong sự ngạc nhiên của toàn đoàn chưa từng nghe anh nói ra một câu tiếng Anh nào, anh cất giọng bằng ngôn ngữ chuẩn như một người ở hạt Suffolk có thể nói: -Cảm ơn! Trong trận chiến chúng ta là kẻ thù, sau trận chiến, chúng ta là đối thủ nhưng trong hoạn nạn, chúng ta là anh em.

Những tiếng tán thành rì rào từ tứ phía chào đón phần mở đầu ấy.

-Đây là điều tôi đề nghị các anh: Các anh có trên tàu sáu mươi chín tù binh đã nghỉ ngơi trong suốt hai ngày khi các anh làm việc vì họ. Dù trong công việc của các anh có đôi chút ích kỷ dù có thể các anh không nghĩ đến họ trong khi cơn bão xảy ra nhưng họ vẫn nhờ tôi đại diện bày tỏ ý muốn đến lượt họ làm việc.

Các thủy thủ anh lắng nghe mà vẫn chưa hiểu.

-Hãy cho họ tự do trong bốn tiếng. Trong thời gian này họ sẽ bơm nước ra thay cho các anh. Trong 4 tiếng nữa con tàu sẽ được thoát hiểm và đôi bên sẽ cùng nhau thân tình uống một ly rượu gin rồi mỗi người trong số họ lại trở về vị trí tù binh, trong lòng vui mừng khi các anh giữ lại kỷ niệm đẹp về họ cũng như họ giữ kỷ niệm đẹp về các anh. Tôi xin dùng danh dự của tôi để đảm bảo cho họ.

Quân Anh vô cùng sửng sốt. Chưa bao giờ họ nghĩ anh sẽ đề nghị như vậy. Có cái gì rất hiệp sĩ trong lời đề nghị của tù nhân của họ khiến trong giây lát họ chưa hiểu ra.

Tuy nhiên ông già chỉ huy Parker, người đang mong điều tương tự đã quàng tay qua cổ René mà kêu rằng: -Các bạn của tôi, đại uý René đảm bảo cho họ còn tôi đảm bảo cho anh ấy.

Thế là trên tàu xôn xao mà không thể đưa ra ý kiến cụ thể, trong khi ấy viên đại uý thứ nhất nhận được lệnh nói nhỏ của chỉ huy, chỉ lát sau ta thấy xuất hiện ở cửa cầu thang lên boong một tốp mười hai tù nhân đang ngỡ ngàng không hiểu vì sao người ta đưa mình lên boong vào giờ này và vào thời tiết như vậy; nhưng khi thấy trên boong, đã nhẵn lì bởi cơn bão như boong tàu Redoutable của họ gãy sạch buồm bởi trận đấu, đại uý của họ đương tươi cười và chìa tay ra thì họ yên tâm.

-Các bạn của tôi – René nói với họ – đây là những người bạn can đảm từ hai ngày qua đối diện với cơn bão. Không cần nhìn cũng thấy sức mạnh của nó, họ đã thoát nhưng mệt quá rồi. Dưới khoang hầm lại có năm bộ nước tràn vào.

-Hãy đưa chúng tôi đến chỗ bơm nước – Trưởng kíp tàu Redoutable nói – Trong ba tiếng, nước sẽ hết sạch.

René nhắc lại bằng tiếng Anh điều người trưởng kíp vừa nói, trong khi ấy thuyền trưởng Parker mang đến một thùng rượu gin.

-Thế nào các bạn – René nói với quân Anh – Các anh đồng ý chứ?

Chỉ có một tiếng kêu: -Đồng ý, thưa đại uý! Vâng, chúng tôi đồng ý!

Và những con người này, vài ngày trước còn xông vào nhau không thương tiếc cho đến giọt máu cuối cùng bây giờ lại xông vào nhau đầy thân ái trong vòng tay nhau.

-Hãy nói với người của ngài là họ có thể đi nghỉ. – René thì thầm vào tai ông thuyền trưởng Parker – Còn ngài cũng đi nghỉ đi! Chỉ cần nói với chúng tôi các vị định cập tàu ở đâu, trong 4 tiếng nữa tôi sẽ lo hết, kể cả chuyện lái tàu.

-Chúng tôi phải đến thượng lưu eo Saint-Geoge, gió và sóng đã đẩy chúng tôi đến cảng nhỏ Cork, hãy cắm một cột buồm nhỏ dự trữ và căng mảnh buồm nào đấy rồi điều khiển về phía Cork giữa kinh độ 10 và 12. Một ly rượu gin nào các bạn – viên thuyền trưởng nổi tiếng và làm gương bằng cách cụng ly với René.

Mười phút sau, ai vào việc nấy: Kẻ thắng trận đi ngủ người thua trận làm việc và chính các tù binh lại điều khiển nhà tù của họ.

Sau bốn tiếng, không còn giọt nước nào trong khoang, người Anh trở lại vị trí của mình và ngày hôm sau, những mảnh vỡ tàu Samson thả neo ở cuối vịnh, cách thành phố Cork nhỏ bé hai sải cáp.

§95. Vượt ngục

Ngày hôm sau, người ta nhận thấy chẳng có lý do gì mà để lại tù binh Pháp trên tàu nữa dù nhìn cái tàu ấy chẳng khác gì một tàu giam tù.

Việc bơi vào bờ quá dễ dàng. Một khi đã lên bờ, có quá nhiều cảm mến giữa người Pháp và người Ai xơ len nên người Pháp chẳng có gì nghi ngờ người Ai xơ len. Hiển nhiên là không bao giờ một người Ai xơ len lại tố cáo một tù binh Pháp.

Người ta đã thoả thuận cho tù binh vào nhà tù của thành phố.

Vừa xuống khỏi bậc thang tàu, một tù nhân lại gần René và nói với anh bằng giọng Ai xơ len không trốn vào đâu được: -Hãy chọn tôi vào phòng của ngài, ngài sẽ không phải hối hận về điều này đâu.

René liếc nhìn con người này. Anh ta có khuôn mặt thẳng thắn và cởi mở. Khi người ta hỏi anh muốn ở cùng ai, anh chỉ vào anh ta là người thứ ba, còn để năm người khác tự họ chọn.

Mỗi phòng giam gồm có tám người.

René không quan tâm đến chuyện đòi hỏi đặc ân nào. Anh không biết rằng một khi ra khỏi Cork, anh sẽ bị dẫn đến trại giam Poltsmouth và ai biết những hình phạt khủng khiếp gì sẽ xảy ra ở những trại kinh tởm ấy. Tuy thế anh cũng không hỏi han, anh nghĩ chuyện gì đến khắc tự nó đến và anh đã không nhầm.

Quả nhiên, các tù nhân vừa vào phòng giam dành cho họ – đó là một phòng dưới tầng trệt, quay ra sân có tường bao cao 16 bộ, cửa sổ có song sắt, cái sân suốt ngày đêm có hai đội lính gác đi qua đi lại – thì anh chàng người Ai xơ len, sau khi nhìn ngó ra sân chạy lại phía René và nói thì thầm bằng tiếng Anh: -Có phải muốn trốn thì trốn ở đây, nếu chúng ta không muốn đến trại Porsmouth không?

-Đúng thế, – René trả lời – Bây giờ thì chỉ còn tìm cách nào thôi, tôi có tiền và nếu tiền có ích, tôi sẽ dùng nó cho những người bạn tốt của mình.

-Tiền là một thứ hay – Anh chàng Ai xơ len nói – Nhưng còn có thứ hay hơn.

Rồi anh ta chỉ cho René tám thanh sắt nhọn bọc trong tám cái chân ghế.

-Khi nhận ra chúng ta sắp bị bắt – Anh chàng Ai xơ len nói thêm – tôi đã nghĩ đến tương lai và tự nhủ: "Chẳng có nhà tù nào người ta lại không trốn thoát khi người ta có lòng can đảm và cánh tay khéo léo". Thế là tôi luôn mang theo túi gậy, tôi đã cắt tám chân ghế và lấy một cái dũa chỗ thợ sắt. Đấy là tư trang của tôi.

-Tôi thấy rõ rồi – René nói – Tôi thấy rõ tám con dao găm, một cái rũa để cưa thanh chắn nhưng còn thiếu một sợi dây để leo lên tường.

-Anh có tiền, chẳng phải anh đã nói thế với tôi là gì. Tôi là người Ai xơ len, tôi biết nước tôi và đồng bào tôi. Tàu của chúng ta ít nhất phải mất sáu tuần mới trở lại trạng thái hạ thủy được. Người Ai xơ len sẽ dành cho chúng ta một trong những đêm không có lính gác Anh nào ở ngoài trong giá lạnh. Chúng chỉ mở cửa và túm tụm lại trong phòng ấm cúng. Còn về những đồng bào của tôi, nói tới người Pháp tức là nói người giải phóng cho họ, bạn bè, anh em, liên minh. Về phía đồng bào tôi, không chỉ không có gì đáng ngại mà còn đầy hy vọng nữa kia. Anh nói anh có tiền, điều này không nhất thiết cần nhưng chẳng bao giờ thừa; chúng ta sẽ thấy một gã hay, biết đâu lại chúng là cai ngục ném dây từ đầu tường bên kia cho chúng ta: vậy nên chỉ còn chờ và luôn ở tư thế sẵn sàng. Hãy để tôi lân la với thầy cai và chưa đầy 8 ngày sau, chúng ta sẽ ở ngoài, như thế không có nghĩa là chúng ta đã thoát nhưng thế cũng gần thoát rồi. Bây giờ mới người đã thấy chúng ta nói chuyện với nhau, các bạn khác có thể nghi ngờ, hãy nói chuyện với họ đừng giải thích gì cả để họ im lặng và hy vọng.

Chỉ vài lời René đã hoàn tất ý định của anh chàng Ai xơ len.

-Chà xem nào, xem chúng ta có bao nhiêu người? – ông ta nói.

Rồi ông ta đếm.

-Tám, tức là cần tám cái nệm, vì không có chuyện để các anh ngủ trên ổ rơm. Nếu các anh là người Anh hay người Êcốt thì đừng hòng.

-Hoan hô, bố Donald! – Anh chàng Ai xơ len nói.

Thầy quản ngục rùng mình. Ông ta vừa nghe ai đó gọi tên mình bằng giọng Ai xơ len.

-Ông ấy đã không quên – Anh chàng Ai xơ len nói – rằng mình là bà con bốn mươi năm độ của tướng Mac Donald mà tôi đã phục vụ ở Naples và Calabre.

-Chà cậu là người Ai xơ len à?

-Con nghĩ con là người Ai xơ len, ở Youghal, cách đây 10 dặm. Bố không nhớ con sao, bố Donald, đúng là lâu quá rồi, hơn 20 năm, con vẫn đến chơi cùng hai cậu bé, Jame và Tom. Đó là hai cậu bé kháu lắm. Họ ra sao rồi bố?

Ông quản ngục đưa mu bàn tay lên lau mắt.

-Chúng buộc phải xung quân phục vụ người Anh: James đã mất, nó bị bắn. Còn Tom, nó cũng bị chết ở Aboukir, tội nghiệp thằng bé!

Chàng Ai xơ len nhìn René như muốn nói: "Anh thấy chưa, cũng không khó như chúng ta tưởng."

-Bọn Anh chết giẫm! – Chàng ta nói – Chúng ta sẽ không bao giờ bỏ qua cho chúng.

-À! Nếu vào tay tôi – ông Donald nói và giơ nắm đấm lên – Tôi cũng chỉ nói thế.

-Bác theo đạo Cơ đốc à? – René hỏi.

Người cai ngục đáp lại bằng cách làm dấu thánh giá.

René tiến lại phía ông ta, lấy một nhúm vàng từ trong túi vừa đặt vào tay ông vừa nói: -Bác cầm lấy, đây là để làm lễ cầu siêu cho linh hồn các con bác được an nghỉ.

-Ông là người Anh – Người cai ngục nói – Tôi chẳng lấy gì của người Anh cả.

-Tôi là người Pháp và là người Pháp tốt bụng bác ạ, như đồng hương của bác nói đấy. Nếu người ta cầu kinh ở thế giới bên kia, tôi cũng đã cử kha khá bọn Anh đến dự lễ như trẻ hát đồng ca và tu sĩ rồi.

-Thật thế chứ – Người cai ngục hỏi anh bạn đồng hương.

-Thật như thánh Trinité vậy – Anh này trả lời.

Ông già quay lại chìa tay cho René, René siết tay ông: -Bây giờ bác đồng ý rồi chứ?

-Đồng ý tất thưa anh, vì anh không phải là người Anh.

-Mọi chuyện thế là ổn thoả – Anh chàng Ai xơ len nói – Chúng ta đều là bạn bè và là bạn tốt, chỉ cần đối xử với nhau như bạn bè, bánh mì ngon, bia ngon và lửa khi trời quá lạnh.

-Và cả thịt cho tất cả các bữa nữa. – René nói thêm – Đây là cho tuần đầu tiên.

Rồi anh đưa ra đồng năm Louis cho ông quản ngục.

-Chà, – ông già nói với anh chàng người Ai xơ len – Đây chắc là một đô đốc?

-Không phải. – Anh chàng Ai xơ len đáp – Nhưng anh ấy giàu lắm. Anh ấy đã kiếm được chiến lợi phẩm ở vùng biển Ấn Độ và đến với chúng tôi một hay hai hôm trước trận đấu.

-Trận đánh nào” – ông cai ngục hỏi.

-Thì trận Trafalgar chứ trận nào, trận mà Nelson đã bị giết ấy.

-Cái gì! – Người cai ngục kêu lên – Nelson bị giết rồi ư?

-Đúng thế, nếu cần người ta có thể chỉ cho bố bàn tay nào đã hạ ông ta.

-Cảm ơn cho hôm nay, chúng ta sẽ nói chuyện này sau.

-Tạm biệt bố Donald, và bánh ngọt, bia ngon và thịt tươi nhé.

Tù nhân chẳng có gì phải phàn nàn về ông quản ngục của họ.

Ngay buổi tối, họ đã thấy thành ý của ông Donald muốn hoàn thành lời hứa của mình với họ ra sao. Nhưng cũng ngay tối ấy hai lính gác đi đi lại lại trong cái sân hẹp mà cửa sổ song sắt phòng giam của họ nhìn ra.

Tám ngày trôi đi mà không có lời nào trao đổi giữa những người Pháp với thầy Donald. Nhưng đổi lại, không lần nào ông cai vào phòng giam mà không thì thầm to nhỏ với người đồng hương Ai xơ len của mình.

-Sẽ ổn thôi. – Người này nói sau mỗi lần hội nghị.

Thời tiết ngày càng lạnh. Có những lúc tuyết rơi dày đến mức đám lính canh người Anh túm tụm vào bót gác. Thế là anh chàng Ai xơ len dùng dũa cắt ba

thanh chắn song sắt ở cửa sổ, cái ở giữa đã bị đứt chân.

Thời tiết chuyển từ xấu sang tệ hại.

-Đưa cho tôi 100 phăng. – Một buổi tối anh chàng Ai xơ len bảo René.

-René rút ra năm đồng 5 Louis và đưa cho anh ta. Anh này đi cùng quản ngục và trở về sau một tiếng.

-Chúng ta hãy cầu Chúa cho Người khiến thời tiết đêm nay không cho con quỷ nào canh ở cửa – Anh chàng Ai xơ len nói – và chúng ta sẽ tự do.

Bữa ăn tối hôm ấy thịnh soạn hơn thường lệ và mỗi người có thể bỏ chút bánh mì kẹp thịt vào túi cho bữa trưa mai. Khoảng chín giờ tối, tuyết bắt đầu rơi cuộn theo cơn gió bắc mạnh như muốn bẻ gãy hết sừng bò trong vùng. Mười giờ, các tù nhân lắng tai nghe cũng không thấy tiếng bước chân lính gác trong sân: Có thể tấm thảm tuyết dày phủ nền gạch đã ngăn tiếng động. Họ hé mở cửa sổ thận trọng nhìn ra. Lính Anh đã vào phòng trực sưởi ấm thay vì canh ở vị trí gác của chúng.

Anh chàng Ai xơ len lượm một hòn đá trong góc nhà ném qua bức tường. Tức thì một sợi dây ném từ bên kia bức tường, rơi vào sân và đung đưa trong không khí.

-Bây giờ chỉ còn cưa đứt nốt thanh sắt này.

-Được rồi – René nói – không cần phải mất thời gian, hãy đợi đấy!

-Anh dùng hai tay bẻ mạnh về mình, và ngay từ cố gắng đầu tiên, anh đã giật tung tảng đá xây nơi cái chắn song gắn vào đó.

-Đây là vũ khí của tôi, tôi chẳng cần cái gì khác – Anh nói.

Anh chàng Ai xơ len chui qua lỗ đầu tiên và chạy ra sân. Sân vắng ngắt. Anh ta kéo sợi dây, nó căng ra chứng tỏ đầu bên kia có người giữ, anh ta cắn thanh sắt gắn với chân ghế vào mồm, nhẹ nhàng leo lên đỉnh rồi biến mất.

René trèo lên thứ hai với vẻ nhẹ nhàng không kém, nhưng khi sang đến phía bên kia, anh chỉ thấy anh chàng Ai xơ len giữ cái dây, người giúp họ đã biến mất.

Những người khác lần lượt leo qua mà không gặp trở ngại gì khi người cuối cùng đi xuống, họ ném cái sợi dây vào sân.

-Đó là một đêm xứ Bắc Âu, người ta không nhìn rõ quá bốn bước. Chắc chắn không bị đuổi theo, anh chàng Ai xơ len nói cần một lát để định hướng.

-Đây là biển – Anh ta nói và chỉ về phía đông – cũng không chắc lăm, vì tiếng động không mạnh, chắc là vịnh Saint-Gerge.

-Nếu đuổi người ta sẽ đuổi theo chúng ta lối ấy, vì thế chúng ta phải đi theo hướng ngược lại. Chúng ta hãy theo hướng bắc đến khi tới Limenck, tôi biết chỗ này và tôi hầu như chắc chắn không để các anh bị lạc. Tuy nhiên giá có cái la bàn thi tốt hơn.

-Đây tôi có một cái – René nói và rút từ túi ra một cái la bàn nhỏ vật bất ly thân từ hồi anh ở Ấn Độ.

-Thế thì ổn rồi – Anh chàng Ai xơ len nói – Lên đường thôi!

Họ cần phải rời khỏi Cork. Thật may Cork không phải là một thành phố công sự nhưng nó có một quân đội đồn trú. Những kẻ lẩn trốn vừa đi được trăm bước thì họ nghe tiếng đội tuần tra của Anh.

-Anh chàng Ai xơ len ra hiệu im lặng, lùi lại cùng nhịp bước với đội tuần tra nấp dưới một cánh cửa lớn trong phố nhỏ.

Đội tuần đi lướt qua trước mặt họ, tất cả đều nín thở. Một tên lính Anh lẩm bẩm.

-Thuyền trưởng có thể để chúng mình ở đồn gác. Phải có con quỷ trong người mới khiến bọn Pháp có ý nghĩ bỏ trốn trong thời tiết thế này.

Tiếng bước chân xa dần, những người chạy trốn ra khỏi chỗ nấp đi ngược lại con đường đội tuần vừa đi qua. Mười phút sau họ đã ra khỏi Cork và cảm thấy quất vào mặt những cơn gió phương Bắc lạnh buốt mà Hamlet từng than vãn trên thềm Elseneur. Đến đây toán người dừng lại vài giây.

-Chúng ta đang trên đường đến Blamey – Anh chàng Ai xơ len nói – Nếu các anh muốn ngủ, tôi có vài người bạn ở đó, tuy nhiên tôi nghĩ sẽ thận trọng hơn nếu đi tiếp đường này đến Mallow, con đường hoàn toàn vắng vẻ chẳng có lấy một mái nhà.

-Thế ở Mallow anh có biết ai không? – René hỏi.

-Ở Mallow, chúng ta mỗi người có cả chục bạn.

-Thế thì đến Mallow – René nói – Như thế càng lợi thế cho những kẻ muốn đuổi theo chúng ta ngày mai.

Họ đến Mallow vào sáu giờ sáng, tức là một tiếng trước khi trời sáng. Anh chàng Ai xơ len đi thẳng đến một ngôi nhà, gõ cửa và hỏi "Ai ở dưới ấy?" từ cửa lầu một, anh ta hỏi lại thay vì trả lời: -Farrill vẫn sống ở đây chứ?

Phải – Giọng nói đáp – Farrill là tôi, còn anh là ai?

-Tớ là Sullivan.

-Chờ nhé, chờ nhé, tớ xuống mở cửa cho cậu.

Cánh cửa mở ra, hai người đàn ông lao vào vòng tay của nhau. Farrill lôi bạn vào nhà nhưng anh này đã sắp xếp cho các bạn nấp vào tường nói: -Tớ không đi một mình, tớ còn bận, tớ phải bảo đảm cho họ đến tận đêm nay.

-Dù bạn có 10 người hay 100 người cũng không sao. Không những Farrill này muốn mời họ nghỉ mà còn tiếp đãi bằng hết khả năng. Dù các anh là ai, hãy vào đi!

Những tù nhân lại gần: -Thưa ngài – René nói – Chúng tôi là những tù nhân Pháp tối qua mới trốn khỏi nhà tù Cork. Anh bạn Sullivan của chúng tôi đã giới thiệu ngài và chúng tôi đến đây xin trao mạng sống của chúng tôi vào tay ngài.

Cánh cửa mở ra. Farrill ra hiệu, tất cả lẻn vào không để bị lộ và cánh cửa lại khép lại sau lưng họ.

Khi đi vào Sullivan báo cho René là không phải tặng cho Famli cái gì trước tấm thịnh tình hiếu khách của anh ta, mọi món quà đều làm anh ấy bị tổn thương sâu sắc.

Họ đã đi sáu dặm rưỡi. Ngày hôm ấy dùng để ăn, ngủ cho lại sức.

Nhìn bề ngoài hiển nhiên Farrill không phải là người giàu có, tuy nhiên lòng hiếu khách của anh quả đúng như anh chàng Ai xơ len đã hứa, tuy không sang trọng và thịnh soạn nhưng rất thân tình và đầy đủ. Họ còn bột mì, vài chai vang Dublin ngon; thế là đành để uống luôn vào dịp ấy. Buổi tối, ngay từ bảy giờ, những người chạy trốn đã lên đường. Đêm ấy họ phải tới Bruree tức là phải đi bảy dặm nữa. Giày của hai người bỏ trốn đã hư hỏng nhưng trong ngày Farrill sau khi ướm chân mình vào những chiếc giày cũ đã đi mua hai đôi mới để họ không phải bận tâm về chuyện giày dép.

Khoảng 5 giờ sáng, họ đến Bruree.

Sullivan đi về phía hữu ngạn con sông Maigue bé nhỏ dẫn đến làng đã định. Ở đây anh ta có một người quen không kém hiếu khách như anh chàng Farrill trung hậu. Mọi việc lại diễn ra gần tương tự, những người bỏ trốn ăn uống, ngủ nghỉ như ý rồi khởi hành đêm đó đi Askeaton. Chỉ có điều lần này, vì con đường khó đi hơn trước nên người bạn của Sullivan muốn làm người hướng dẫn cho họ, vả lại, Sullivan thú thật anh không quen ai trong thành phố Askeaton.

Thế là họ đồng ý sự giúp đỡ của người bạn Sullivan với lòng biết ơn sâu sắc. Họ đến Askeaton dưới sự dẫn lối của người này.

Với mỗi từ ma thuật: "Đây là những người Pháp!" lập tức những cánh tay giang rộng và những cánh cửa rộng mở. Lần này, người dẫn đường đưa họ đến nhà anh rể mình.

Không cần giải thích dài dòng, dù còn chặng đường hôm sau nữa nhưng René muốn mua một chiếc thuyền và về Pháp bằng chiếc thuyền ấy sau khi chất đủ lương thực cần thiết, nhưng Sullivan lắc đầu anh ta không tin tưởng dân trong cảng, bằng người dân sâu trong lục địa vì họ có buôn bán với quân Anh. Vậy là anh ta đưa ra ý kiến sẽ bất ngờ chiếm một con thuyền và sở dụng nó bất kỳ tình trạng nó ra sao. Nếu cần họ sẽ đổ ở nơi khác để lấy lương thực. Vả lại, khắp nơi người ta đã thấy lính Anh đi lùng sục những người bỏ trốn. Tiếng đồn đã lan khắp bờ biển rằng có tám tù nhân Pháp đã vượt ngực khỏi Cork.

Nghĩ sao làm vậy, họ đi bốn dặm nữa đêm hôm ấy và đến ngủ tại Loghill. Tại đây họ dò la những con tàu đang thả néo bên dòng sông Shannon.

Có một tàu Slúp ở Foynes nhưng nó ở quá sâu trong lạch. Người dẫn đường khuyên họ nên chiếm một con tàu có cột buồm như chiếc Slúp đang thả neo giữa Tarbelt và hòn đảo nhỏ đối diện là hơn.

Mọi người bàn nhau việc này sẽ diễn ra lúc ba bốn giờ sáng. Thật ra khoảng bảy giờ họ mới vớ được một chiếc ca nô để hờ hững ngoài bờ biển do thói vô lo

của người Ai xơ len. Họ lên đó, tiến về phía chiếc Slúp rồi xông vào trong. Trong tàu có ba người đàn ông và một phụ nữ. Nhận thấy tám người bất ngờ xông vào, đám người này kêu lên.

Nhưng Sullivan ra hiệu cho họ, nhờ tiếng Ai xơ len tuyệt vời, rằng nếu họ không im, mọi người sẽ dùng luật bắt họ im và chìa ra thanh sắt nhọn. Những kẻ khốn khổ đành làm theo.

Một lát sau, tàu nhổ neo, cánh buồm bung ra đón gió Bắc tiến vào Đại Tây Dương bệ vệ như một chiếc tàu chiến hạng nặng.

Đi được một dặm biển, họ cho bốn người Ai xơ len lên một chiếc tàu ngang qua chiếc Slúp. René đưa cho họ khoảng 20 đồng louis và hứa nếu anh về Pháp bình an vô sự, anh sẽ gửi sang một nhà băng ở Dublin khoản tiền ít nhất là gấp đôi giá trị con tàu của họ.

Đám người ấy không cho đó là điều nghiêm túc song vì họ không đòi mà vẫn nhận được 20 đồng louis nên cũng không mất hy vọng sẽ nhận được khoản kia. Họ vui vẻ trở về phía sông Shannon. Họ đến chỗ thả neo cũ trước khi kịp hoàn hồn xem tai nạn vừa xảy ra với mình là thật hay là một giấc chiêm bao.

§96. Vượt biển

Mọi khi đã làm chủ tàu Slúp, mối quan tâm đầu tiên của những người chạy trốn là đi xem nguồn sống của họ có gì. Chiếc tàu này chở than bùn và chỉ có 100 củ khoai tây, 8 cái bắp cải, hai lọ bơ và hơn chục chai nước ngọt, một cái compa tồi tàn một cánh buồm lớn thủng lỗ chỗ, một cột buồm mũi xấu và một buồm trước áp mũi còn tệ hại hơn.

Như vậy thực phẩm chỉ gần đủ cho năm, sáu ngày dùng tận tiện. Không có bánh mì trên tàu, có thể trong nhà họ cũng không có thứ ấy. Đó là tình trạng của những chủ tàu cũ và nhìn chung cũng là tình trạng của dân Ai xơ len bấy giờ.

-Tôi nghĩ mọi chuyện sẽ ổn nếu chúng ta biết suy nghĩ hợp lý – Réné nói – Chúng ta đã ăn nhiều tối hôm qua, ăn ngon sáng nay rồi cho nên chúng ta sẽ không cần ăn gì cho đến tối nay.

-Hừm… hừm! – Vài giọng cất lên.

-Thôi nào – René nói – hãy là những chàng trai can đảm và cùng nhau nhất trí một điều: không ai đói trước tám giờ tối nay.

-Đồng ý – Anh chàng Ai xơ len nói – không ai đói trước 8 giờ. Ai đói thì buộc bụng vào và đi ngủ. Trong lúc ngủ ta sẽ mơ thấy bữa tối.

-Ối chao? – Một thủy thủ nói – Anh không thấy việc cần thiết nhất bây giờ là đốt lửa hay sao?

-À ít ra chúng ta cũng sẽ không thiếu than bùn – Sullivan nói – Mặt trời không xuất hiện và có vẻ cũng không vội lộ diện đâu.

Tuyết vẫn tiếp tục rơi nhờ đó chúng ta sẽ có thêm nước ngọt nếu có tấm bạt để đựng. Nhưng trong khi chờ đợi, chúng ta hãy đi tận hưởng việc sưởi ấm cái đã.

Họ đốt chỗ than giúp giữ ấm từ sáng đến tối và nhất là từ tối đến sáng hôm sau.

Cái lạnh ban đêm thật không thể chịu đựng nổi nhất là đêm tháng giêng và tháng hai bên bờ biển Anh và eo Manche. Không những lạnh mà còn khó nhìn để lái nữa. Họ có thấy cái compa nhưng cũ kỹ và han rỉ đến độ không tính toán chính xác được: họ gắng công tìm một cái đo tốc độ để tính đoạn đường đã đi mò vô ích không hề có dụng cụ nào để xác định hướng gió, không dầu, không đèn chiếu sáng. Họ chỉ biết ban đầu đi theo hướng nam rồi sang hướng đông. Nhưng để làm những điều đó họ chỉ dựa vào chiếc la bàn bỏ túi của René và không có ánh sáng để giúp họ ngoài chỗ than bùn mà ban đầu bị khinh rẻ.

Là người hiểu biết cũng như gan dạ nhất, René được bầu làm thuyền trưởng.

Biển rất xấu, gió mạnh và thay đổi liên tức, buồm lại thủng lỗ chỗ, René ra lệnh tập hợp tất cả những mảnh vải có thể tìm thấy trên tàu lại. Sullivan phát hiện

một chiếc thùng, trong thùng có vài mảnh vải còn tốt và một chiếc đèn dùng chiếu sáng cho các thủy thủ làm lại chiếc buồm lớn.

Tất cả mọi người cứ tám tiếng nhận được hai củ khoai tây, hai lá bắp cải, một mẩu bơ và ly nước ngọt.

Chiếc buồm lớn thiếu vải, thế là họ quyết định hy sinh cái buồm trước áp mũi. Việc chuẩn bị ấy mất năm ngày. Khi buồm lớn làm xong, họ đi nhanh và chắc chắn hơn.

Ngày thứ năm, họ nhận ra một con tàu ở phía chân trời. René gọi các bạn của mình và chỉ nó cho họ.

-Nó là tàu Anh hoặc tàu liên minh. – Anh nói – Nếu là tàu Anh chúng ta sẽ áp vào và chiếm lấy, nếu là liên minh của chúng ta, chúng ta sẽ xin trợ giúp, nó sẽ cho chúng ta và chúng ta tiếp tục hành trình. Tàu Standard mà chúng tôi, tàu Revenant, chiếm được có tới 450 người trong khi chúng tôi chỉ có 120. Nó có 48 đại bác chúng tôi chỉ có 16. Giương thanh gió lên và tiến vào.

Mỗi người cầm con dao găm chọn còn René vớ lấy thanh sắt của mình, nhưng con tàu nọ, không biết là bạn hay thù, tàu chiến hay tàu buôn, đã bỏ chạy khiến chiếc Slúp buộc phải bỏ cuộc.

-Có ai còn giọt nước nào cho tôi không? – Một thủy thủ rền rỉ.

-Còn chứ – René nói – tôi còn đây anh bạn can đảm ạ.

-Thế còn anh?

-Tôi không khát. – René nói và nở nụ cười đến những thiên thần cũng phải thèm.

Rồi anh trao phần nước của mình cho người thủy thủ.

Đến tối hôm ấy phần chịu cuối cùng đã xong, mỗi người được một củ khoai tây, một lá bắp cải và một nửa ly nước. Từ lâu họ đã nhận ra trong thủy thủ đoàn nguy khốn này điều phải chịu đựng tệ hại nhất là cái khát: cái khát khiến người ta không đoái hoài đến nhau dù là người bạn tốt nhất.

Ngày hôm sau, như cầu khiến những kẻ chạy trốn thêm thảm hại, mỗi người đứng riêng ra một góc chừng nào họ có thể, những khuôn mặt tái nhợt và hốc hác. Đột nhiên, một tiếng hét vang lên và một trong những thủy thủ trong cơn hoảng loạn đã nhảy xuống biển.

-Ghìm tàu lại và ném dây xuống biển. – René kêu lên.

Rồi anh lao mình xuống biển sau người thủy thủ nọ.

Hai giây sau, anh nhô lên khỏi mặt nước tay ôm người bạn của mình. Anh với một sợi dây quàng quanh người rồi buộc anh ta lại.

-Kéo lên các bạn! – Anh nói.

Và quả thật, họ kéo người thủy thủ lên tàu.

-Bây giờ đến lượt tôi – René nói.

Đã có ba bốn sợi dây ném xuống, anh túm một sợi trèo lên, chỉ một lát đã lên chiếc Slúp.

Cái cơ thể rất là mảnh dẻ và duyên dáng ấy lại là cơ thể duy nhất tỏ ra không phải chịu đói khát.

-Ối chao! – Anh chàng Ai xơ len nói – Giá tôi có một chút chì để mút nhỉ.

-Cậu không nghĩ vàng cũng làm được điều tương tự à? – René hỏi.

-Tôi không biết – Anh chàng Ai xơ len đáp – vì tôi thường có chì nhiều hơn là có vàng.

-Thế thì cầm lấy, cho đồng xu này vào miệng đi.

-Anh chàng Ai xơ len nhìn theo: đó là một đồng xu 24 phăng đúc từ thời vua Louis XVI.

Sáu thủy thủ khác cùng há mồm và chìa tay ra.

-Ái chà! Mát thật – Anh chàng Ai xơ len nói.

-Ngài nghe thấy chưa ngài René – Những người khác đứt hơi nói.

Đây các anh cầm lấy thử xem – René nói và chia cho mỗi người một đồng louis.

Còn ngài? – Họ hỏi.

-Tôi ấy à? Cơn khát của tôi không phải không dùng thủ thuật được, tôi dùng cách này như phương cách cuối cùng.

Quả nhiên, cách giải khát đặc biệt mà các thủy thủ hay làm với một miếng chì cũng có tác dụng tương tự khi họ ngậm vàng.

Họ qua ngày hôm ấy trong càu nhàu, than thở nhưng vẫn mút và nhai đồng louis của mình.

Sớm hôm sau khi vừa có tia sáng từ phía nam. René, người thức suốt đêm bên bánh lái, bật đứng dậy và kêu lên: -Đất liền!

Tiếng kêu ấy có hiệu quả như có phép thuật, ngay lập tức bảy người khác đứng bật dậy.

-Quay sang mạn trái – Một thủy thủ kêu lên – đó là Guemesey.

Quân Anh chắc chắn có ở đấy, hãy quay mũi sang mạn trái.

Một guồng quay bánh lái đưa con tàu rời khỏi đảo và hướng nó quay về mũi Tréguier.

-Đất liền kìa! – René kêu lên lần thứ hai.

A! Tôi nhận ra nó – Người thủ thủ nói – Đó là mũi Tréguier, chúng ta không việc gì phải sợ, chúng ta hãy tiến lại càng gần bờ càng tốt, trong hai tiếng nữa, chúng ta sẽ ở Saint-Malo.

-Anh chàng Ai xơ len, người đã trở lại vị trí cần bánh lái, làm theo lời chỉ dẫn và một tiếng sau anh ta đã bỏ qua phía bên phải mình mỏm đá Grand-Bé, bán đảo ngày nay dựng lăng mộ của Chateaubriand và giương cao buồm tiến thẳng vào cảng Saint-Malo.

Vì chiếc Slúp đóng theo kiểu Anh nên nó bị phát hiện ngay. Tuy nhiên, khi nhìn thấy trang phục của các thủy thủ, người ta cũng đoán ra sự tình: nó đang chứa các thủy thủ trốn khỏi tàu chở tù binh hay nhà tù Anh.

Vừa hạ neo, họ bị bắt giữ lên chiếc xà lan quân sự vừa nhận ra chiếc Slúp. Việc nhận người nhà diễn ra nhanh chóng. René chịu trách nhiệm kể lại mọi chi tiết của cuộc bỏ trốn trong khi viên lục sự ghi biên bản.

Biên bản soạn xong có chữ ký của René và bốn thủy thủ biết ký. René hỏi thăm họ có biết con tàu Mỹ nào trong cảng trở về từ đảo Pháp có tên là Tay đua New York do thuyền trưởng François chỉ huy hay không.

-Nó thả neo gần xưởng đóng tàu và cũng mới trở về được mười hay mười một ngày.

René bảo đó là tàu của mình và hiện thời anh có thể đến đó hay không. Người ta đáp anh được thừa nhận danh tánh nên muốn đi đâu cũng được.

Nhưng trong lúc người ta lập biên bản, viên phó cẩm hải quân thấy tình trạng của các tù nhân vượt ngục trong đó hai ba người đã ngất đi sau khi nói: "Tôi đói chết mất, tôi khát chết mất!" đã cho mang tám ly nước và một chai rượu vang ngon rồi cho gọi bác sĩ.

Ông bác sĩ ấy đến vừa kịp lúc các thủy thủ đáng thương cần sự cứu giúp nhất song mọi thứ được chia cho họ hết sức cẩn trọng vì họ đang kiệt sức. Họ uống từng thìa nước không bánh mì và chút rượu vang bằng ly bé xíu.

Mười lăm phút sau, ai cũng muốn trả lại René đồng tiền nhưng anh từ chối nhận lại, anh bảo họ cứ cầm lấy phòng khi cần thiết.

Sau đó, vì René tuyên bố chiếc Slúp mà anh và các bạn của mình đã dùng sức đoạt lấy của những người Ai xơ len đáng thương đã đưa họ trở về, anh hỏi giá của nó và muốn chuyển tiền cho chủ tàu. Công việc trở nên dễ dàng khi trong tủ của tàu có giấy tờ ghi địa chỉ của người chủ.

Chiếc Slúp vẫn đậu ở trước cảng. Khi René và các bạn của anh đã lấy lại sức, họ nhảy xuống một chiếc thuyền nhỏ.

-Nào các anh em, bơi đi nào và bơi thật nhanh! – René nói – Thẳng tiến đến tàu Tay đua New York: Hai đồng louis cho các tay chèo.

-Này – Một trong số người chèo thuyền nhận ra anh nói – Đây là ngài René đã trả khoản nợ cho các bạn của chúng ta khi đi tàu Revenant của ngài Surcouf đấy. Hoan hô ngài René!

Những tay chèo khác cũng mong góp phần nhiệt thành của họ gấp hai lần, đồng thanh hô: "Hoan hô!" bằng cả sức của họ.

Nghe tiếng kêu ấy, thủy thủ tàu Tay đua New York chạy hết ra boong và René nhận ra người bạn François trên khoang đuôi đang cầm ống ngắm trên tay cố tìm hiểu xem có chuyện gì.

Anh ta vừa kêu: “Các bạn ơi, ông chủ. Hoan hô ngài René!” thì cả con tàu trương cờ lên chỉ trong một phút và chẳng cần đợi sự cho phép của trưởng cảng, tám phát đạn đại bác đã vang lên.

Sau đó, các thủy thủ vừa lao lên dây néo vừa huơ huơ mũ vừa reo to: -Hoan hô ngài René!

Trong khi ấy François dừng ở bậc thang cuối cùng tay mở rộng chờ thuyền trưởng của mình và có vẻ sẵn sàng nhảy xuống biển để ôm lấy anh dù chỉ một giây.

Người Anh có thể nhận ra René được chào đón nồng nhiệt thế nào khi lên tàu. Anh trả tiền cho các tay chèo theo ý thích của họ trong lúc bảy người bạn của anh kể lại cho toàn thủy thủ đoàn tàu Tay đua New York nghe họ đã trốn ra sao, René đã chia phần nước của mình cho họ, đã khích lệ lòng can đảm của mọi người và tập hợp họ cho đến khi tìm được cơ hội tốt nhất thế nào.

Sau đó, như thể tất cả những ai đã đồng cam cộng khổ với René đều muốn cùng anh chia ngọt sẻ bùi, vài thủy thủ muốn xin phép anh chia tiền thuê các tay chèo đưa họ lên tàu. Anh nói: -Các bạn, không phải các bạn chung tiền, mà là chung bữa tối với tôi. Ngày tôi trở về là một ngày lễ, tất cả các thủy thủ đều là sĩ quan trên tàu của tôi hôm tôi từ nhà tù Anh trở về.

Sau khi lại mời các bạn cùng trốn giải khát lần nữa, anh cho gọi người đầu bếp muốn tự mình kêu món cho bữa tối.

Ngày hôm ấy, tất cả những gì đẹp và tốt ở Saint-Malo đều dành cho thủy thủ đoàn tàu Tay đua New York và thuyền trưởng của nó.

§97. Lời khuyên của ngài Fouché

René trở về vào ngày 11 tháng Giêng năm 1806, cùng ngày diễn ra cuộc tấn công vương quốc Naples và tiến quân vào Masséna ở Spolète.

Trong lúc ngài đô đốc Villeneuve bất hạnh thảm bại ở Trafalgar, Hoàng đế đã qua sông Rhin và mở chiến địch chiếm cầu Donawertch và lối qua sông Danuble.

Sau đó, trong lúc Hoàng đế tiến đến trước thành phố Ulm và chuẩn bị chiếm thành phố này, thống chế Soult đã chiếm được Memmingen còn thống chế Ney cũng tháng trận Elchingen, trong tước hiệu công tước đầu tiên của mình.

Ulm đầu hàng. Mack và 30 ngàn quân đồn trú lần lượt diễu qua và đặt vũ khi dưới chân ngài. Sau đó, Hoàng đế tiến vào Augstourg thành trì đế chế hàng đầu, và 80 lính đầu tiên ai cũng có một lá cờ chiếm được từ kẻ thù. Cuối cùng Hoàng đế tiến vào Vienne, chiến thắng trận Austerlitz, tuyên bố đình chiến với hoàng đế nước Áo và để Nga ra khỏi liên hiệp áo với vẻ hấp tấp mà Junot, người đem thư của Hoàng đế Napoléon đến hoàng đế Alexandre, lá thư trong đó Napoléon muốn hoà bình, Junot đã không thể gặp được người Nga.

Từ 12 đến 29 tháng Mười hai, Napoléon ở lại lâu đài Schonbrunn, nơi ông ban sắc chiếu ngày 27 rằng triều đại Naples chấm dút cai trị. Ngày 1 tháng Giêng năm 1806, ngài bãi bỏ lịch Cộng hoà. Không biết có phải để quên đi một số ngày tháng chăng? Trong trường hợp ấy thì Hoàng đế chẳng thành công.

Những ngày tháng không chỉ không bị quên mà còn không được lấy lại chuyển sang lịch cũ theo ngày lịch Grégoire nữa kia.

Người ta chỉ tiếp tục nói về hai ngày, ngày trận Offenburg và ngày 18 Brumaire.

Mọi tin tức mới ấy được truyền về Pháp làm cho mời người quên đi trận thảm bại Trafalgar. Vả lại, Napoléon đã ra lệnh rằng thảm bại ấy, nó làm ông nghẹn lại giữa những chiến thắng của mình, coi là hậu quả của một cơn bão hơn là kết cục của một trận thắng.

Tin tức về trận Trafalgar chỉ được đưa lên mặt báo nếu được sự cho phép, và René có lẽ là người Pháp duy nhất đã trở về. Do đó ngay sau đó, anh được ngài giám đốc Sở hải quân[359] cho mời anh đến với tư cách là thuyền trưởng René.

Anh vội vã có mặt theo ý nguyện của ngài Sở trưởng. Lẽ tự nhiên, vị phán quan này muốn biết những tin tức chính xác về thảm hoạ Trafalgar.

René vẫn chưa biết mệnh lệnh của chính Hoàng đế yêu cầu giữ im lặng về thảm hoạ ấy.

Trước khi hỏi anh, ông Sở trưởng đã thông báo điều đó những ông ta không tỏ rõ mình muốn biết toàn bộ sự thật của sự kiện ấy đến mức nào.

Vì không có yêu cầu cụ thể, René kể hết những gì mắt thấy tai nghe cho ông ta.

Đổi lại vị Sở trưởng cũng thông báo cho anh ngài chỉ huy Lucas bị bắt làm tù binh suốt bảy hay tám ngày, theo tuyên bố từ London đã được thả tự do nhờ một tờ lệnh từ chính phủ. Chính phủ Anh muốn tôn vinh lòng anh dũng tuyệt vời của tàu Redoutable.

Sắc lệnh ấy hòng tỏ ý rằng, vì tàu chiến hạng nặng Redoutable đã bắn chết Nelson nên chính phủ Anh không muốn việc bắt giữ Lucas làm tù binh bị coi là để thoả mãn lòng hận thù hèn hạ.

Do đó Lucas đã về Paris ngày hôm trước. Vị giám đốc Sở hải quân có được tin này là nhờ điện tín báo về. René xin ông ta hỏi giùm địa chỉ của ngài Lucas rồi chuyển đến chỗ anh.

Sau đó, không còn gì để hỏi chàng trai trẻ, ông cho anh lui với cử chỉ biết ơn chân thành nhất.

Sau cuộc hành trình trở về Saint-Malo, René được coi là con người huyền thoại. Người ta còn ngưỡng mộ anh hết mức khi biết anh đã gửi khoản tiền 2500 phăng, khoản tiền gấp đôi giá trị chiếc Slúp cũ kỹ, đến quý ngài O Brien và Hiệp hội ở Dublin để quý ngài O Brien và Hiệp hội chuyển khoản tiền ấy cho người có tên là Patrick chủ chiếc Slúp.

Cả cái gia đình khốn khó ấy vô cùng ngỡ ngàng khi nhận được khoản tiền trả cho chiếc Slúp của mình với giá cao gấp đôi từ ngài O Brien và Hiệp hội.

Trong khoảng thời gian ấy, về phần mình, René cũng lắng nghe François kể lại chi tiết lần trở về Saint-Malo của anh ta và ở thượng mũi Finistère, anh đã bị thuyền Anh truy đuổi buộc anh ta phải giả đò quay mũi tàu về phía châu Mỹ ra sao. Chính vì thế anh ta mới trở về Saint-Malo muộn như vậy.

Trong lần bị truy đuổi, tàu Tay đua New York đã xứng với danh hiệu "tay đua" của mình khi chạy với tốc độ 12 nơ một giờ.

François đảm bảo với René rằng nếu anh ta chẳng may bị bắt, anh ta thà tự mình bắn vào đầu còn hơn. René khá hiểu anh chàng đó nên không nghi ngờ gì cả. Hiển nhiên, René vẫn thấy đồ đạc trên tàu ở y nguyên vị trí cũ, chiếc ví vẫn trong ngăn kéo, tờ di chúc còn trong ví và chỗ đá quý trong cái túi nhỏ.

Với khoản tiền René để lại, François đã trả công cho mọi người trong đoàn. Tất cả không ai nợ ai và dù cho có người kế toán nghiêm khắc nhất cũng không thấy François nợ họ một xu.

René vẫn muốn François tiếp tục công việc chủ tàu tạm thời cho đến khi số phận của anh rõ ràng hơn. Mặt khác, anh cũng nhận được tin chỉ huy Lucas đã về Paris và Hoàng đế cũng sắp về thủ đô. Hai lý do ấy khiến anh cũng muốn đến đó càng sớm càng tốt.

Khỏi phải nói lần đến thăm, sau ngài giám đốc Sở hải quân, lần thăm phu nhân Surcouf này diễn ra thân tình thế nào, anh đã báo cho bà những tin tức tuyệt vời về chồng mình.

Đến Paris, anh thuê phòng trong khách sạn Mirabeau, phố Richelieu. Thời đó, phố này chưa đổi thành phố Hoà Bình. Mới đến nơi, tên anh vừa ghi vào tờ đăng ký khách sạn anh có cuộc viếng thăm của viên thư ký của ông Fouché – ông này mong anh đến Bộ Cảnh sát sớm nhất có thể.

Chẳng có lý do gì ngăn anh đến chỗ ông ta ngay hôm ấy, hơn nữa anh còn đang nóng lòng muốn biết Fouché sẽ báo cho anh tương lai mình ra sao. Anh xin viên thư ký chờ một lát làm vệ sinh qua quýt rồi cùng anh ta lên xe.

Mới thông báo, cánh cửa phòng làm việc của ông bộ trưởng đã mở, viên thư ký đi ra thông báo: -Bộ trưởng đang chờ ngài René.

René không muốn phải đợi nên vào ngay lập tức.

Anh thấy Fouché vẫn mang bộ mặt ngạo nghễ ngày nào nhưng hôm nay nó thân thiện hơn là cau có ủ ê.

-Thế nào, ngài thuyền trưởng tàu Tay đua New York, ngài đã trở về đấy à?

Ngài Bộ trưởng gọi tôi bằng danh tánh đó chứng tỏ ngài biết hết dù là chuyện nhỏ về tôi rồi.

-Đây là nhà nước của tôi, việc của tôi là vậy. – Fouché nói – Tôi có lời khen ngợi về cách anh đã hành động. Anh có hài lòng về lời khuyên của tôi chăng?

-Dĩ nhiên, con người sáng suốt như ngài chỉ có thể đưa ra lời khuyên hay mà thôi.

-Vấn đề không phải là chỉ đưa ra lời khuyên hay mà còn phải làm theo đúng như vậy nữa anh René thân mến của tôi ạ. Về mặt này, tôi chỉ còn biết khen ngợi anh. Đây là bản sao lá thư của anh Surcouf đến bộ Hải quân kể lại trận đánh chiếm tàu Standard. Anh ta nói đến một thủy thủ René nào đó đã hành sự đến mức mà anh ta không hề lưỡng lự bổ nhiệm làm chuẩn uý hàng đầu. Tôi quan tâm đến anh chàng René này nên đã yêu cầu ông bạn Decrès cho sao lại lá thư ấy. Đây là lá thư thứ hai vẫn gởi đến cùng một bộ thông báo Surcouf đã đến đảo Pháp và cho René nghỉ phép để trên con tàu do anh ta mua, đi đến Miến Điện cùng hai người em họ và thi thể của người chú, tử tước Sainte-Hermine.

Đây là lá thư thứ ba thông báo anh ta về đảo Pháp sau những kỳ tích tuyệt vời chống lại những con quái vật kinh khủng nhất và đa dạng nhất, có con hổ to như con sư tử ở Némée, con trăn dài như rắn Python[360]. Khi trở về từ Miến Điện, chuẩn uý René lại xông vào giữa cuộc chiến mà anh Surcouf chống lại hai tàu Anh và kết quả là anh và Surcouf chiếm được tàu kia. Sau đó anh chàng René đã chia chiến lợi phẩm thành một phần cho những người nghèo khổ trên đảo Pháp, phần kia cho các thủy thủ của mình. Anh ta cũng đã hỏi tin tức về mệnh lệnh của hoàng đế sáp cho đánh lớn với quân Anh nên đã xin tướng Decaen, đảo trưởng

đảo Pháp, và xin phép chỉ huy Surcouf của mình tham gia cuộc đại thủy chiến. Anh ta dùng tàu Tay đua New York bé nhỏ của mình trở về và vào vịnh Cadix ba ngày trước khi diễn ra trận chiến Trafalgar. Anh ta lập tức được đầu quân lên tàu Redoutable do thuyền trưởng Lucas chỉ huy và ông này phong cho anh chức đại uý thứ ba trên tàu của mình. Trận đấu diễn ra, thuyền trưởng Lucas bị ba tàu tấn công đã dồn sức chống lại tàu Victory và suýt chiếm được nó nếu không có sự xuất hiện của tàu Téméraire, nó đã cướp đi 80 người của ông ta ngay loạt đầu tiên. Nó đã cứu cho tàu đô đốc Anh.

Nhưng trong khi ấy, Nelson đã trúng một phát đạn từ cột buồm lái của tàu Redoutable và theo người ta khẳng định viên đạn xuất phát từ tay một đại uý thứ ba có tên là René chưa có vị trí xác định trên tàu nên được phép tuỳ chọn vị trí chiến đấu nào tuỳ thích và kết quả là anh ta đã chọn vị trí nguy hiểm nhất…

Đột nhiên Fouché dừng lại và nhìn chăm chú vào chàng trai trẻ: -Có đúng anh là viên đại uý thứ ba René, người đã giết chết Nelson không?

-Tôi không dám khẳng định điều đó thưa ngài bộ trưởng – René nói – Chỉ có điều khi ấy chỉ có mình tôi với cây súng trên cột buồm lái, trong giây lát, tôi phát hiện ra Nelson nhờ bộ quần áo xanh, nhả đạn vào hắn nhưng khi ấy chúng tôi cũng đồng thời bắn từ buồm ở cột buồm lớn xà cột buồm mũi – Do đó, tôi không dám chắc mình có phải là người giúp nước Pháp hạ kẻ thù đáng gờm ấy chăng.

-Tôi cũng không thể khẳng định điều đó. – Fouché nói – Tôi chỉ nhắc lại và sẽ nhắc lại theo những gì người ta nói hay viết cho tôi thôi.

-Thế thì ngài có thể đã biết phần kết hành trình Odyssée của tôi như ngài đã biết phần mở đầu chăng?

-Đúng vậy. Bị dẫn đến nhà tù ở Gibraltar trên con tàu Samson của thuyền trưởng Parker, các anh đã, sau cơn bão khủng khiếp cùng người của mình bơm nước cứu con tàu nếu không nó đã chìm nghỉm xuống đáy. Sau đó, anh bị giam ở Cork rồi tự giải thoát với bảy người bạn. Anh đã chiếm một chiếc tàu Slúp nhỏ trên sông Shannon để trở về Saint-Malo. Sau đó, anh gởi ngân phiếu 2500 phăng đến nhà O Brien ở Dublin.

-Thưa đức ông, phải nói là ngài được cung cấp rất đầy đủ thông tin.

-Anh cũng biết đấy, thật hiếm khi thấy những thủy thủ mua tàu Slúp của Mỹ để đi lại dưới màu cờ một nước trung lập, chia sẻ tiền bạc với người nghèo và thủy thủ của mình, không chỉ tiền kiếm được mà còn là tiền của chính bản thân, đi hai nghìn dặm để trở về chiến đấu trong tuyệt vọng ở Trafalgar, bị tù đày, tự giải thoát rồi trở về Pháp mà vẫn nhớ đến chủ nhân khốn khổ của con tàu rách nát chỉ đáng một nghìn một trăm phăng nhưng lại trả tiền gấp đôi cho ông chủ mình đã "mượn" tàu. Anh trả món nợ ấy hào phóng đấy. Bây giờ, vì những lời khuyên trước kia của tôi đều thành công, anh có muốn cho vào góc nào trong trí nhớ của mình những điều tôi sắp nói không?

-Thưa đức ngài, xin cứ nói, xin cứ nói.

-Anh tên là René, anh sẽ được hoàng đế gặp dưới cái tên ấy, đừng quên là hoàng đế chưa bao giờ được nhắc đến, trong bản báo cáo tôi trình hoặc sẽ trình lên ngài, anh có mối liên quan đến bá tước Sainte-Hermine. Khi hoàng đế chẳng có gì chống lại thủy thủ René, ông ấy không những không phản đối mà còn giúp cho sự nghiệp của anh thăng quan tiến chức, còn nếu ông ấy thấy dù chút ít mờ ám giữa thuỷ thủ René với bá tước Sainte-Hermine, cặp lông mày của ông ấy sẽ nhíu lại, và anh có thể đã làm những kỳ tích chẳng có nghĩa lý gì, tất cả sẽ lại bắt đầu lại từ đầu. Chính vì vậy mà tôi cho gọi anh đến ngay. Hoàng đế có lẽ sẽ về đây ngày 26 tháng này. Hãy đến gặp thuyền trưởng Lucas ở khách sạn Hải quân, hoàng đế sẽ sớm gặp ông ta ngay khi Ngài về; nếu Lucas tặng anh cơ hội xuất hiện trước hoàng đế, hãy chấp thuận.

-Anh không thể tìm đâu ra người giới thiệu tốt như thế và tôi chắc chắn nếu nghe theo lời khuyên tôi vừa đưa ra, tức là quên đi cái tên bá tước Sainte-Hermine, anh sẽ có vị trí trong ngành quân sự đồng thời bắt đầu sự nghiệp với chức đại uý thứ ba René.

René xin phép ngài bộ trưởng cảnh sát ra về mà trong lòng không thể đoán ra Fouché được lợi gì từ anh. Fouché nếu có được hỏi về khoản này, ông ta chắc chắn tự nhủ rằng: "Chẳng gì cả, chỉ vì có những con người có phong cách đáng mến đến nỗi những ai khó tính nhất cũng phải mềm lòng trước sự hiện diện của họ."

René lập tức đến khách sạn Hải quân, gặp chỉ huy Lucas đã hoàn toàn bình phục sau vết thương và tỏ ra thoải mái với các cách người Anh đối xử với ông.

-Nếu chúng ta mở chiến dịch nữa, hãy đến với tôi, René thân mến – ông nói với chàng trai trẻ – Anh sẽ chịu trách nhiệm gởi đến đô đốc Collingwood viên đạn chị em với viên đạn đã gửi cho Nelson nhé.

Chỉ huy Lucas hoàn toàn không biết khi nào ngài Napoléon trở lại Paris. Ông được René cho hay là ngày 25 ngài sẽ bí mật về thủ đô, Lucas nghĩ ngợi một lát.

-Hãy đến gặp tôi ngày 29 – ông nói – Có thể tôi sẽ có tin mừng cho anh.

Napoléon, như tôi đã nói, đã về Paris ngày 26. Ngài dừng lại vài ngày ở Munich để tổ chức hôn lễ cho Eugène Beauhamais với công nương Auguste de Bavière, ngài còn dành cho các lĩnh thành khác, mỗi nơi một ngày khi đám cưới chưa tiến hành.

Một ngày ở Stungart để nhận lời chúc tụng của các đồng minh mới, một ngày ở Carlsrulle để tuyên bố liên minh trong gia tộc[361]. Ông biết dân Paris đang nóng lòng mong ông trở về để tỏ rõ niềm vui sướng và ngưỡng mộ của mình. Vô cùng hài lòng về các công trạng suôn sẻ từ hồi nó dõi theo mà không tham gia, nước Pháp đã thấy lại sự nồng nhiệt của những ngày đầu cách mạng đã vỗ tay tán thưởng các chiến tích lẫy lừng của quân đội và người thủ lĩnh của nó.

Một chiến dịch ba tháng, thay vì một cuộc chiến tranh ba năm, một miền lục địa bị tước vũ khí nước Pháp đã đạt đến những giới hạn mà nó chưa bao giờ vươn tới, một chiến công vang dậy nữa, lại thêm vào chuỗi vinh quang của quân đội ta, uy tín quốc gia được tái lập, hoà bình bảo đảm cho một viễn cảnh nghỉ ngơi và vượng phát, đó là điều dân tộc muốn cảm ơn Napoléon bằng cả nghẹn lời hô: "Hoàng đế vạn tuế!"

Không gì tuyệt vời hơn sau trận Marengo như điều người ta thấy sau trận Austerlitz.

Austerlitz quả thật đã làm cho Đế chế điều mà Marengo đã làm cho chết Tổng tài. Nếu trận Marengo khẳng định quyền Tổng tài trong tay Bonaparte thì trận Austerlitz khẳng định cái vương miện hoàng đế trên đầu ông.

Được tin chỉ huy Lucas đã về Paris, dù chủ đề khó chịu nhất khi nói đến là nhắc lại trận Trafalgar, Hoàng đế vẫn cho báo với thuyền trưởng vào sáng ngày 3 là ông sẽ được tiếp vào ngày 7.

Sáng ngày mồng 4, như Lucas đã dặn, René xuất hiện ở khách sạn Hải quân. Viên chỉ huy mới nhận được tối hôm qua lá thư triệu kiến vào ngày mồng 7.

Lần diện kiến diễn ra lúc 10 giờ sáng, Lucas và René cùng thoả thuận René sẽ đến ăn trưa cùng Lucas và họ sẽ ăn cùng nhau ở Tuileries.

René, không được mời và cũng không muốn điều ấy vẫn đi cùng Lucas chờ ở phòng chờ. Nếu Napoléon muốn gặp anh, Lucas sẽ cho gọi nếu ngài tỏ ra lạnh lùng về chàng thủy thủ trẻ, anh sẽ không xuất hiện và chờ ở phòng chờ.

Thật ra René khá hồ nghi có sự hiện diện ấy. Đôi mắt sắc sảo của ngài Bonaparte đã lặng lẽ găm cái nhìn vào anh hai lần, một lần ở nhà phu nhân Permnon, một lần ở nhà nữ bá tước Sourdis, ngay tối hôm ký hôn ước, cái nhìn ấy làm anh ngợp thở. Hình như ánh mắt ấy luôn để lại dấu ấn với tất cả những gì nó nhìn và khắc sâu trong tâm trí anh; nhưng may thay điều giúp René có thể chịu đựng được mọi ánh mắt đó là một tâm thức bình thản mà không gì có thể khuấy đảo nổi.

Chín giờ sáng ngày 7, René đã có mặt ở nhà Lucas. Mười giờ kém mười lăm, anh lên xe ngựa cùng Lucas; mười giờ kèm mười phút, họ dừng lại trước cửa điện Tuileries.

Anh cùng Lucas dừng lại ở phòng chờ, như đã thoả thuận, và để người có giấy mời đi trước.

Người này là một người vô cùng tinh ý, ông xuất hiện trước hoàng đế, tìm được cách nói về chàng trai trẻ đã lập những kỳ tích to lớn, đẹp đẽ và anh dũng; tuy nhiên ông thấy hoàng đế hầu như cũng biết về những điểm đó như ông; khi Lucas ngỏ ý hỏi hoàng đế có muốn gặp người anh hùng ấy không vì anh này đi cùng ông đang chờ ở phòng đợi thì hoàng đế ra hiệu ưng thuận ấn vào một cái chuông, một cận vệ mở cửa.

-Cho đại uý thứ ba trên tàu Redoutable, anh René, vào đây.

Chàng trai trẻ bước vào.

Napoléon liếc mắt nhìn anh và ngạc nhiên khi thấy anh này không mặc quân phục.

-Sao thế này – Ngài nói – Anh đến điện Tuileries trong bộ đồ trưởng giả này sao?

-Tâu Bệ hạ – René đáp – Thần đến điện Tuileries không phải vì có vinh hạnh được gặp hoàng đế Bệ hạ mà thần cũng không mong được Ngài triệu kiến, thần đến chỉ để tháp tùng ngài chỉ huy và định cùng trải qua nốt phần ngày còn lại với ông ấy. Vả lại, tâu bệ hạ, thần là đại uý cũng như không. Chỉ huy Lucas đã phong chức này cho thần trên tàu của ông ấy ba ngày trước trận chiến Trafalgar vì người đại uý thứ ba đã chết vài ngày trước, nhưng việc bổ nhiệm của thần vẫn chưa được phê chuẩn.

-Tôi tưởng anh còn có vị trí là đại uý thứ hai? – Napoléon hỏi.

-Vâng, những trên tàu cướp biển thôi.

-Trên tàu Revenant của Surcouf đúng không?

-Vâng, tâu bệ hạ.

-Và rất anh dũng?

-Thần làm tất cả những gì có thể, tâu bệ hạ.

-Ta được hay tin về anh qua đảo trưởng đảo Pháp, tướng Decaen.

-Thần có cái vinh dự được diện kiến ông ấy, tâu bệ hạ.

-Ông ấy có kể về cuộc hành trình anh đến Ấn Độ.

-Thần đã vào sâu khoảng 50 dặm.

-Thế quân Anh để anh yên à?

-Đó là phần họ không chiếm đóng, tâu bệ hạ.

-Chỗ nào thế? Ta nghĩ họ chiếm toàn bộ Ấn Độ.

-Trong triều Pégou tâu bệ hạ, giữa sông Sittang và Irrawaddy.

-Người ta còn kể anh đã thực hiện những cuộc đi săn khủng khiếp?

-Thần đã gặp vài con hổ và đã giết chúng.

-Anh có xúc động khi lần đầu bắn vào loài vật ấy không?

-Lúc đầu thì có tâu bệ hạ, nhưng với con khác thì không.

-Tại sao?

-Hạ thần đã làm con thứ hai phải cụp mắt xuống, kể từ lúc đó, thần nhận ra rằng hổ là một loài vật mà con người ngự trị được.

-Thế trước Nelson?

-Tâu bệ hạ, trước Nelson thần đã lưỡng lự một lát.

-Tại sao?

-Vì Nelson là một chiến binh vĩ đại, thần nghĩ có thể ông ta là một đối tượng cần thiết với Hoàng đế bệ hạ.

-À! Thế thì anh phải đừng bắn con người thiên định ấy chứ?

-Không. Vì thần tự nhủ nếu đúng đó là con người thiên định, chắc chắn ông Trời sẽ tránh cho ông ta khỏi trúng đạn. Vả lại, tâu bệ hạ, thần chưa bao giờ tự cho mình là người đã bắn chết Nelson.

-Tuy nhiên…

-Người ta không tự tán dương những điều như thế – René ngắt lời – Người ta chỉ thú nhận thôi. Nếu thần đã giết Gustave – Adolphe hay Frédéric vĩ đại, thần sẽ tự tán dương vì thần nghĩ đó là điều phải làm vì lợi ích của dân tộc, nhưng thần sẽ không bao giờ được an ủi về điều ấy.

-Thế nếu anh ở hàng ngũ kẻ thù của ta, anh sẽ bắn vào ta chứ?

-Thần sẽ không bao giờ làm điều đó, tâu bệ hạ!

-Tốt lắm.

Ông ra hiệu dừng lại, nhưng không ra khỏi phòng và gọi Lucas.

-Ông chỉ huy – Napoléon nói – chính hôm nay tôi tuyên chiến với Anh và Phổ. Trong cuộc chiến chống lại nước Phổ, nơi chẳng có một điểm nào giáp biển thì ông chẳng có việc gì to tát phải làm; nhưng trong cuộc chiến chống lại nước Anh, tôi sẽ giao cho ông một trọng trách nặng nề. Ông là một trong số những người tôi đã nói, nhân nói về Villeneuve, là người biết chết và đôi khi là muốn chết.

-Tâu bệ hạ – Lucas nói – trong trận Trafalgar, lôi không rời mắt khỏi ngài Villeneuve chút nào. Không ai trong chúng tôi dám nói ông ấy có thể hoàn thành nhiệm vụ của mình đúng lúc và nghiêm túc hơn.

-Đúng vậy, một khi đã đến Trafalgar thì đúng. Ta biết, nhưng trận đó làm ta đau lòng lắm. Chính vì ông ta mà ta đã không đến được London và chuyển sang Vienne.

-Xin bệ hạ cũng đừng phàn nàn, ngài đã chẳng mất gì về việc thay đổi chặng đường ấy.

-Về chiến công thì hẳn rồi, nhưng ông thấy đấy dù ta đã ở Vienne, mọi chuyện lại phải bắt đầu lại, vì ta buộc phải một lần nữa tuyên chiến với Anh và Phổ. Nhưng vì chỉ có cách ấy, ta sẽ đánh nước Anh trên cạn trong khi hạ những tên vua mà nó viện trợ. Tôi sẽ gặp lại ông trước khi bắt đầu cuộc chiến này, chỉ huy Lucas ạ; Đây là cây thập tự sĩ quan Bắc đẩu bội tinh mà tôi mong ông nhận và đừng quên rằng nó do chính tay ta trao tặng cho ông.

Rồi quay sang René: -Về phần anh, anh René – Ngài nói – Anh sẽ để lại họ tên ở chỗ sĩ quan tuỳ tùng Duroc của ta và người chỉ huy Lucas có vẻ là bạn của anh, chúng ta mong anh sẽ không rời quá xa ông ấy.

-Tâu bệ hạ – René nói vừa lại gần vừa cúi xuống – Trong lúc Bệ hạ chưa nhận ra thần, thần có thể giữ cái tên mà người ta vẫn gọi thần nhưng như thế sẽ là

lừa dối hoàng đế. Người ta có thể chịu cơn giận dữ của Napoléon chứ người ta không lừa ông ấy.

-Thưa đức ngài, với tất cả mọi người tôi tên là René, nhưng trước bệ hạ, tôi tên là bá tước Sainte-Hermine.

Và không lùi lại một bước nào, anh cúi đầu trước vị hoàng đế và chờ đợi.

Hoàng đế đúng bất động một lát, lông mày nhíu lại, ban đầu nét mặt tỏ ra ngạc nhiên nhưng sau đó nó chuyển từ ngạc nhiên sang nghiêm khắc.

-Điều anh vừa nói là tốt, nhưng chưa đủ để ta tha thứ cho anh. Hãy về đi, để lại địa chỉ ở chỗ Duroc và chờ lệnh của ta chuyển qua ông Fouché. Vì nếu ta không nhầm, ông Fouché là một trong những người bảo trợ cho anh.

-Thần xin vâng – Sainte-Hermine nói và cúi chào.

Rồi anh đi ra và chờ chủ huy Lucas trong xe.

-Tâu bệ hạ – Lucas nói – Thần hoàn toàn không biết hoàng đế bệ hạ có ý định gì cho anh bạn René đáng thương; nhưng tôi xin lấy danh dự của mình mà bảo đảm đó là một trong những người chính trực nhất, gan dạ nhất mà tôi biết.

-Than ôi – Napoléon nói – ta vừa nhận ra! Nếu anh ta không xưng tên, vì chẳng có gì bắt buộc anh ta cả, anh ta đã là đại uý trên một tàu chiến hạng trung rồi.

Còn lại một mình, Napoléon trở nên bất động và lo âu, sau đó ông ném mạnh găng tay nát nhàu xuống bàn: -Mình thật không may, đó đúng là những người mình cần trong hải quân.

Còn về René, hay bá tước Sainte-Hermine, như người ta muốn, điều tốt nhất anh ta có thể làm là tuân theo mệnh lệnh.

Và anh đã tuân theo mệnh lệnh.

Anh trở về khách sạn Mirabeau ở phố Richelieu và chờ đợi.

§98. Trạm ngựa ở Rome

Ngày 2 tháng Mười hai, Napoléon thắng trận Austerlitz.

Ngày 27, ông tuyên bố triều đại Naples chấm dứt cai trị.

Ngày 15 tháng Hai, Joseph Napoléon đã vào thành bị bỏ trống lần thứ hai bởi thế lực nhà Bourbon.

Cuối cùng, ngày 30 tháng Ba, ông này được phong là vua Hai đảo Sicile.

Sau việc lập vua Naples mới hay đúng hơn là vua Naples tương lai, quân đội Pháp đã chiếm các Nhà nước La Mã, điều này làm đức Giáo hoàng vô cùng giận dữ, ngài cho mời hồng y giáo chủ Fesch đến để phàn nàn về cái mà ngài gọi là một sự xâm phạm lãnh thổ đó.

Giáo chủ Fesch chuyển lời lại cho Napoléon. Napoléon đã trả lời rằng: "Thưa Đức Giáo hoàng, ngài là vua thành Rome, đúng vậy, nhưng Rome thuộc vào Đế chế pháp; ngài là linh mục, nhưng tôi là hoàng đế, hoàng đế như các hoàng đế Đức, xa hơn nữa như Charlemagne, với ngài tôi là Charlemagne hơn là một tước hiệu, tước hiệu sức mạnh, tước hiệu ân thiện: do đó ngài sẽ tuân theo hệ thống liên hiệp của đế chế, bằng cách mở lãnh thổ của mình cho những người bạn của tôi và khép nó lại trước kẻ thù của tôi."

Trước câu trả lời "rất Napoléon" này, đôi mắt thường ngày vốn dịu dàng của đức Giáo hoàng chí tôn quắc lên. Kết quả là ngài đáp lại giáo chủ Fesch rằng mình không thừa nhận chủ quyền nào vượt trên mình và rằng nếu Napoléon muốn thiết lập lại sự chuyên chế của vua Henri Đệ tứ nước Đức thì ông cũng lập lại sự kháng cự như vua Grégoire VII.

Napoléon đáp lại bằng vẻ coi thường ra mặt vì ông vốn ít sợ thứ vũ khí tinh thần trong thế kỷ XIX, ông sẽ không đưa lý do hợp pháp nào nếu họ sử dụng vũ khí ấy, ông không trực tiếp đụng vào vấn đề tôn giáo, nhưng ông đánh vào thế lực hiện tại, ông để cho Vatican, giám mục được tôn trọng ở Rome và người đứng đầu các giám mục trong Giáo giới giải quyết.

Việc tranh cãi ấy không tiến cũng chẳng lùi, dùng dằng suốt tháng 12 năm 1805, tháng mà Napoléon, để chứng tỏ ý định sẽ đi đến cùng, đã cho tướng Lemarois chiếm các tỉnh Urbin, Ancône, Macerata tạo thành vùng ven biển Adriatique.

Thế là giáo hoàng Pie VI, trong khi từ bỏ dự định rút phép thông công vừa đưa ra thoả thuận hoà giải trong điều kiện sau: -Giáo hoàng Rome có quyền độc lập với nhà nước của mình tuy nhiên được nước Pháp bổ nhiệm và bảo đảm phải liên minh với Pháp bất cứ khi nào nó có chiến tranh đẩy lùi kẻ thù khỏi lãnh thổ các nhà nước La Mã;

-Quân đội Pháp sẽ chiếm Ancône, Ostie, Civitavechia nhưng sẽ được bảo lưu chi phí từ chính phủ Pháp;

-Giáo hoàng sẽ cam kết đào sâu và đưa vào sử dụng cảng bị xâm bùn Ancône.

-Giáo hoàng sẽ thừa nhận vua Joseph, sẽ lật đổ tham tán của vua Ferdinand, những tên sát hại người Pháp, các giáo chủ Naples chối bỏ lời thề và sẽ từ bỏ quyền làm lễ thụ phong vương miện ở Naples.

-Ông cũng sẽ thực hiện cam kết Italie đến tất cả các tỉnh trong nước.

-Ông sẽ bổ nhiệm vô thời hạn các linh mục Pháp và Ý, và không đòi hỏi các linh mục Ý phải đến Rome.

-Cuối cùng, để trấn an Napoléon và cho thấy ảnh hưởng của Pháp đến mọi phần lãnh thổ của mình, giáo hoàng sẽ có một phần ba tổng số hồng y giáo chủ là giáo chủ Pháp.

Hai trong số những điểm dàn xếp trên đây làm toà thánh La Mã đặc biệt kinh tởm là: Thứ nhất khép cửa lãnh thổ trước kẻ thù của Pháp và thứ hai là tăng số lượng các hồng y giáo chủ Pháp.

Thế là Napoléon liền trả hộ chiếu cho hồng y giáo chủ Bayane và ra lệnh tấn công vào phần còn lại của các nước thuộc giáo hoàng. Hai nghìn năm trăm quân tập trung ở Foligno, hai nghìn năm trăm quân khác, dưới sự chỉ huy của tướng Lemarois, tập hợp ở Pérouse. Ông ra lệnh cho tướng Miollis chỉ huy cả hai cánh quân này, khi ngang qua sẽ nhận tiếp ba nghìn quân mà Joseph đã nhận lệnh cho xuất phát từ Tenacine và tám nghìn lính này sẽ đi chiếm thủ đô của thế giới Cơ đốc.

Dù tự nguyện hay phải dùng sức mạnh, tướng Miollis phải vào lâu đài Saint-Ange[362], phải chiếm đội quân của giáo hoàng, để giáo hoàng ở Vatican với một đội quân danh dự, phải đáp lại mọi động thái của họ và chiếm Rome vì lợi ích hoàn toàn quân sự hòng tách các Nhà nước La Mã khỏi kẻ thù của nước Pháp, ông ta chỉ chiếm lực lượng cảnh sát và sử dụng lực lượng này khi săn đuổi bọn kẻ cướp và để đưa các hồng y Naples về Naples.

Tướng Miollis là một cựu quân nhân Cộng hoà, tính tình cương quyết, có học thức, lòng trung không vết mờ, vừa bảo vệ danh dự cho người đứng đầu giáo giới vừa giữ Rome trong tình trạng tốt, làm cho dân ở đây quen với người đứng đầu chính phủ thật sự nằm trong tay tướng quân Pháp ở lâu đài Saint-Ange chứ không phải ở trong tay giáo chủ già tại Vatican.

Hồi đó, giáo hoàng vẫn có thói quen biến nơi đây thành chốn lưu vong cho những tên cướp chạy khỏi các Nhà nước Napoli, bọn cướp này không phải là thứ thảm hoạ ồ ạt mà rải rác khắp nơi, ở Abruzze, Basilicate, Calabre người ta thấy dân đạo tặc sinh ra nối nghiệp nhau theo kiểu cha truyền con nối, cướp giật cũng như một nhà nước, chúng làm cướp như người ta là thợ mộc, cắt quần áo hay bán

bánh mỳ vậy. Chỉ có điều, chỉ bốn tháng trong năm, chúng mới rời nhà đi làm các quý ông trên các đại lộ. Mùa đông, chúng ở yên trong nhà và đừng bao giờ có ai có ý định đến quấy rầy chúng. Xuân đến, chúng lại hành sự, ai về vị trí kẻ đó.

Trong số các vị trí này, những nơi lý tưởng nhất là những chỗ gần biên giới La Mã. Bị chính quyền Naples truy quét, bọn cướp hay qua biên giới và tìm được chốn dung thân bất khả xâm phạm trong các Nhà nước La Mã. Đôi khi, trong những hoàn cảnh đặc biệt, chính phủ Naples còn truy đuổi bọn cướp của họ chứ chính phủ Rome thì không bao giờ.

Do đó, tại trụ sở Gaète, một số sĩ quan được cử từ Rome đến chỗ tướng Reynier đã bị sát hại giữa Terracine và Fondi nhưng cái chết của anh ta chẳng gây ra động tĩnh nào trong khi ngược lại đây là nơi giới tăng lữ nháo nhào cứu Fra Diavolo[363], sau khi bị tướng Hugo đuổi như một con hoẵng, vừa mới để bị tóm.

Trong hoàn cảnh ấy, có một thanh niên khoảng hai mươi sáu đến hai mươi tám tuổi, vóc dáng trung bình, mặc quân trang loè loẹt không thuộc đội quân nào đã xuất hiện ở trạm ngựa. Anh ta hỏi ngựa và một cỗ xe.

-Anh này đeo một khẩu cạc bin kiểu Anh nòng chéo, một cặp súng ngắn dắt ở thắt lưng cho thấy con người này bất biết hiểm nguy là gì khi đi trên con đường từ Rome đến Naples.

Chủ trạm ngựa trả lời mình có một cỗ xe nhưng không thể cho thuê vì người ta đã hẹn mua và trả tiền đặc cọc. Về ngựa, anh có thể chọn tuỳ thích.

-Nếu cỗ xe không quá đắt và phù hợp, tôi có thể thoả thuận giá – Anh ta nói.

-Vậy thì ông đến mà xem.

Người lữ khách đi theo chủ trạm. Cỗ xe ấy là một loại xe độc mã không mui, những vì trời nóng việc thiếu hụt này thay vì là điều khó chịu lại thành phù hợp.

Chàng trai trẻ đi một mình chỉ mang theo một chiếc rương và một hộp đồ.

Giá cả nhanh chóng được thoả thuận. Hành khách trả giá chóng vánh chỉ cốt cho được việc chứ không tính đến chuyện trả rẻ. Số tiền là 800 phăng. Trong lúc lắp ngựa vào xe và cho chuyển hòm lên, một sĩ quan kỵ binh đã đứng trước cửa hiệu, lạnh lùng nhìn công việc thắng ngựa rồi hỏi chủ trạm đúng như điều người khách ban nãy hỏi: -Mày có ngựa và xe cho tao thuê không?

-Tôi chỉ còn ngựa thôi – Chủ trạm kiên cường đáp.

-Thế mày làm quái gì với những cỗ xe rồi?

-Tôi vừa bán chiếc cuối cùng cho ngài đang đóng ngựa kia.

-Luật quy định mày lúc nào cũng phải có một cỗ xe sẵn sàng cho hành khách đấy.

-Luật ư! – Chủ trạm nói – ông gọi luật là cái gì? Lâu lắm rồi chúng tôi chẳng biết đến nó ở đây – Rồi anh ta búng móng tay như một người chẳng lấy làm tiếc

khi thiếu vắng cái phương cách bảo vị đạo đức xã hội ấy.

Anh chàng sĩ quan thốt ra một câu cho cho thấy anh ta rất bất bình.

Hành khách ban nãy liếc nhìn người này, thấy một chàng trai trẻ đẹp cỡ hai tám ba mươi tuổi, trán khắc kỷ, mắt xanh nhạt biểu lộ tính cách hay nổi cáu và bướng bỉnh và khi thấy anh ta vừa giậm chân xuống đất vừa nói với mình: -Dù sét nổ ngang tai mình cũng phải ở Naples vào 5 giờ tối mai, mà mình lại không muốn đi quãng đường sáu mươi dặm trên yên ngựa.

-Thưa ngài – Anh nói với vẻ lịch thiệp mà người trong giới dễ nhận ra nhau – Tôi cũng thế, tôi cũng đến Naples.

-Phải rồi, nhưng ông, ông đi bằng xe – Viên sĩ quan nói bằng vẻ bông lơn kệch cợm.

-Chính vì vậy mà tôi có thể mời ngài một chỗ cạnh tôi.

-Xin lỗi ngài – Viên sĩ quan chào lịch sự và đổi giọng – Nhưng tôi chưa có được cái vinh hạnh quen biết ngài.

-Nhưng tôi thì biết ngài. Ngài mặc quân phục đại uý trong đoàn kỵ binh thứ ba của tướng Lasalle, tức là một trong những trung đoàn anh dũng nhất trong quân đội.

-Thế không phải là lý do để tôi biến mình thành kẻ khiếm nhã khi chấp nhận lời mời của ngài.

-Tôi hiểu, thưa ngài, và tôi sẽ giúp ngài thoải mái hơn: chúng ta sẽ chia đôi chi phí ngựa.

-Thế thì còn phải thoả thuận cái xe nữa – Viên đại uý kỵ binh nói.

-Không phải tôi muốn làm tổn thương lòng tự trọng của ngài, tôi chỉ muốn có một người bạn đồng hành thôi. Khi đến Naples, chúng ta chẳng cần cái đồ này nữa, chúng ta sẽ bán hoặc đem ra làm củi nếu không bán được. Nếu bán, vì tôi đã trả 800 phăng, tôi sẽ lấy lại 400 còn lại ngài lo nốt.

-Tôi chấp nhận lời đề nghị với điều kiện tôi sẽ trả bốn trăm phăng ngay lập tức, chiếc xe sẽ là của hai chúng ta và chúng ta sẽ cùng chia khoản lỗ.

-Tôi muốn làm ngài thoải mái lắm, thưa ngài, do đó tôi chấp nhận lời đề nghị của ngài theo mọi phạm vi của nó, song tôi thấy như thế là quá khách sáo giữa người đồng hương với nhau.

Viên sĩ quan tiến về phía chủ trạm ngựa.

-Tao mua một nửa chiếc xe của mày, chung với ông kia, đây là 400 phăng phần của tao.

Chủ trạm vẫn đứng khoanh tay.

-Ông kia đã trả tôi rồi – Anh ta nói – Thế thì tiền phải đến tay ông ấy chứ không đến tay tôi.

-Mày không thể nói điều đó với tao lịch sự hơn à, thằng vô lại?

-Tôi nói việc tôi, còn ông chấp nhận đến đâu là việc của ông.

Viên sĩ quan làm động tác đưa tay lên cán thanh gươm nhưng cuối cùng vẫn để nguyên nó trong vỏ và quay sang người hành khách đầu tiên: -Thưa ngài, – Anh ta nói bằng giọng lịch sự ra mặt so với cách vừa nói thô bạo với chủ trạm ngựa ban nãy – Ngài có chấp nhận bốn trăm phăng tôi nợ ngài không?

Người thứ nhất khẽ nghiêng mình, mở một chiếc valy da nhỏ có khoá kéo mà anh đặt cùng chỗ với khẩu cạc bin của mình.

Viên sĩ quan thả những đồng vàng trong tay vào đó.

-Bây giờ thì tuỳ ngài muốn đi lúc nào cũng được.

-Ngài có muốn đặt valy vào cùng với cái rương của tôi không?

-Cảm ơn, tôi sẽ để phía sau tôi. Tôi muốn bảo đảm nó trong cái cỗ xe xương xẩu này. Vả lại nó chỉ có cặp súng ngắn, tôi sẽ không lấy làm khó chịu khi nó ở trong tầm tay mình. Lên ngựa, đánh xe đâu, lên ngựa nào!

-Các ông này không cần một đoàn hộ tống à? – Chủ trạm ngựa hỏi.

-À mày coi chúng tao như các nữ tu về nhà tu kín à?

-Tuỳ các ông thôi, các ông được tự do mà.

-Đó là thứ khác biệt giữa chúng tao và mày đấy, quân giáo hoàng quỷ tha ạ! – Rồi nói với người đánh ngựa: Avanti! Avanti!

Người đánh ngựa cho ngựa phi nước đại.

-Đi theo đường Appienne, đừng đi qua cửa Saint-Jean-De-Latran – Người đến trạm ngựa đầu tiên kêu to.

§99. Đường Appia

Gần mười một giờ trưa, hai chàng trai trẻ mới bỏ lại tháp Sextius ở phía bên phải, xuất hiện trong cỗ xe mui tràn lăn trên những tấm lát đường Appia mà hai nghìn năm qua chưa đủ sức tách chúng xa nhau.

Đường Appia, theo ngài Haussmann, nó như Rome của César, Champs-Élyseés, rừng Boulogne và gò Chaumont ở Paris.

Vào ngày đẹp trời thời cổ đại người ta đã gọi nó là Appia vĩ đại, bà hoàng của các con đường, như đường thiên đàng vậy. Đó là nơi gặp gỡ của sự sống và cái chết, của tất cả những gì giàu có, cao quý, lịch lãm bậc nhất thành Rome.

Nó có tán lá của đủ loại cây, nhất là những cây bách tuyệt đẹp phủ lên những lăng tẩm nguy nga. Ngoài ra còn có những con đường khác như đường Flaminienne và đường Latine cũng có lăng tẩm như đường Appia. Với người La Mã, cái dân tộc có gu về cái chết gần như phổ biến giống ở Anh, nơi dưới thời cai trị của Tibère, Caligula và đặc biệt thời Néron việc chết như một bệnh dịch lây lan thì với người La Mã, mối bận tâm xem việc đặt thi thể an nghỉ ngàn thu ở chỗ nào là cực kỳ quan trọng.

Vì lẽ đó hiếm khi một người còn sống phó mặc việc lo hậu sự chỗ chôn cất cho thế hệ kế cận. Đó là một thú vui khi tự mình chăm lo phần hậu táng của chính bản thân. Vì thế, phần lớn các ngôi mộ ngày nay chúng ta gặp đều mang hoặc hai chữ viết tắt V. F. có nghĩa là Virus fecit; hoặc ba chữ V. S. P. có nghĩa Virus si bi posuit hay V. E. C. có nghĩa Virus faciendum curavit[364].

Quả thật điều vô cùng quan trọng với một người La Mã là được chôn xuống đất. Theo tục lệ tôn giáo lan truyền từ thời Gicéron, khi mà mọi loại mê tín tuy đang bắt đầu bị loại bỏ, rằng linh hồn của bất cứ ai chết nếu không có mồ mả sẽ phải lang thang hàng trăm năm bên bờ sông Styx. Chính vì vậy mà ai đó gặp một thi thể dọc đường mà không chôn chất tử tế sẽ bị coi phạm một tội nặng không thể dung thứ trừ phi dùng một con lợn cái tế cho Cérès.

Tuy nhiên, được chôn cất chưa phải là tất cả mà còn phải được chôn một cách êm ái nữa kia. Thần Chết của người tà đạo không có vẻ gì đáng ghê sợ như kiểu một bộ xương lủng lẳng gắn với các sọ trắng hếu, hốc mắt trống rỗng và hàm răng nhe ra chết khiếp ta vẫn thấy.

Không, thần Chết của họ là một người đàn bà đẹp, là cô con gái xanh xao nhợt nhạt của thần Giấc ngủ và thần Bóng đêm với mái tóc loà xoà, bàn tay trắng và lạnh giá, cái ôm đóng băng, có cái gì giống như một người bạn gái xa lạ, khi người ta gọi thì bước ra khỏi bóng tối với bước đi chậm chạp và lặng lẽ, khẽ cúi xuống người chết và chỉ cần một nụ hôn tang tóc đủ khép đôi môi và đôi mắt của kẻ đó. Thế là cái xác trở nên câm lặng, vô cảm cho đến khi giàn lửa bao trùm và

cuốn lấy cái xác, chia phần linh hồn ra khỏi vật chất, vật chất trở thành tro tàn còn linh hồn trở thành thần thánh. Tuy nhiên, vị thần mới này, cũng vô hình với người sống như những con ma đối với chúng ta, sẽ lấy lại thói quen, sở thích và đam mê của nó, trở lại việc sở hữu các giác quan, yêu thứ nó từng yêu và ghét thứ nó từng ghét.

Chính vì thế mà trong mộ của một binh sĩ người ta hay chôn theo cái khiên, cái lao và thanh kiếm, trong mộ của phụ nữ là kim khâu kim cương, dây chuyền vàng và vòng ngọc của họ, trong mộ của trẻ em là đồ chơi, bánh mì, hoa quả, một cốc Albat, vài giọt sữa vắt từ vú mẹ khi người mẹ chưa bị kiệt sữa.

Nếu cái ngôi nhà mà người ta sống trong quãng đời ngắn ngủi của mình còn quan trọng mức nào với La Mã thì bạn hãy nghĩ xem ngôi nhà họ ở vĩnh viễn phải được chăm chút ra sao vì các vong hồn ở mãi trong nấm mồ của họ. Do đó, họ trang trí tuỳ sở thích, một số là những người vui thú điền viên nghiệp dư với sở thích đơn giản, ưa chè chén, một số ít khác lại sắp đặt chỗ mai táng của mình trong vườn, trong rừng để thiên thu vui cùng các thần sông núi, rừng già, được đưa nôi trong tiếng lá xào xạc trong gió, thư giãn theo tiếng suối rót rách qua những viên sỏi hay vui cùng bầy chim líu lo trên cành cây.

Những người này thường là các nhà triết gia hay những nhà thông thái còn những người khác vốn là số đông, đa số, ưa vận động, ưa giao tế họ sẵn sàng trả giá bằng vàng để mua những mảnh đất bên đường cái quan nơi lắm kẻ qua lại để tứ xứ mang đến châu Âu tin tức về châu Á, châu Phi dọc theo đường Latine, Flaminienne và nhất là đường Appia. Đường nào cũng đi đến Naples nhưng chúng có hai hàng điện thờ, lăng tẩm. Kết quả là những vong hồn may mắn được chôn dọc theo đường Appia không chỉ được thấy những khách quan quen và lạ qua lại, không chỉ được nghe người ta nói đến tin tức sốt dẻo ở mãi châu Á, châu Phi mà còn nói với các khách quan bằng những hàng chữ văn bia trên lăng tẩm của họ.

Tuỳ theo tính cách từng người, họ viết khi còn sống mà chúng ta quan sát được, người khiêm nhường thì nói:

"Tôi đã từng sống, hiện tại tôi không sống nữa
Đó là tất cả cuộc sống của tôi, tất cả cái chết của tôi".

Người giàu có thì viết:

"Nơi đây an nghỉ
STABIRIUS
Lẽ ra ông đã có thể có một vị trí trong đội quân thành Rome
nhưng ông ấy không muốn
Sùng đạo, can trường, chung thủy
Tay trắng mà để lại 30 triệu

và không bao giờ muốn nghe những tên học giả
Hãy bảo trọng và bắt chước ông ấy!

Và như để thu hút sự chú ý nhiều hơn của khách qua đường, Stabinus, một anh nhà giàu còn cho khắc hình mặt trời lên trên văn bia của mình.

Người văn chương lại nói:

Du khách!
Dù hành trình của bạn có vội vã đến đâu
tảng đá này vẫn muốn bạn nhìn nó

và đọc những gì được ghi:

Nơi đây an nghỉ nắm xương tàn của nhà thơ
MARCUS PACUVIUS
Đó là điều tôi muốn nói với bạn
Vĩnh biệt.

Người kín đáo viết:

Danh tính, quê quán, xuất thân của tôi
Tôi từng thế nào vẫn là như thế
Tôi sẽ không nói ra
Câm lặng vĩnh hằng, tôi chỉ còn chút
Tro tàn, xương trắng, không gì hết.
Đến từ hư vô, tôi quay lại nơi tôi đã đến
Số phận tôi chờ bạn.
Vĩnh biệt

Người mãn nguyện lại viết:

Từng sống trên đời, tôi trải qua hết
Phần tôi đã xong, phần bạn cũng sớm đến hồi kết
Vĩnh biệt.
Hãy vỗ tay vào.

Cuối cùng, một người vô danh, chắc là cha một em bé đã viết lên mộ con, một bé gái tội nghiệp mới lên bảy tuổi:

Đất ơi! Đừng đè lên em!
Em vẫn chưa từng đè lên đất.

Vậy những kẻ đã chết còn cố bám đuổi sự sống bằng ngôn từ trên mộ nói với ai? Ai là người họ vẫy gọi từ nấm mồ của họ? Họ tiếp tục đi vào suy nghĩ của thế giới nào nữa? Kẻ nào là người vui vẻ vô tư đi qua nhanh mà chẳng nghe họ, chẳng nhìn họ?

Vào khoảng bốn giờ chiều, khi cái nóng gay gắt trong ngày dịu lại, khi mặt trời bớt dữ dằn và bớt loá mắt trên biển Tyrrhénienne, khi bóng những cây thông, cây sồi xanh và cây cọ ngả dài từ Tây sang Đông, khi cây trúc đảo Sicile rũ mình khỏi bụi ngày trước làn gió đầu tiên và từ dãy núi xanh lơ nơi có đền thờ Jupiter

Latial xuống, khi hoa trà Ấn Độ nở cánh trắng như ngà tròn trặn như ống kèn, và như một cái cúp toả hương sẵn sàng đón giọt sương chiều, khi loài hoa nélumbo từ biển Caspa tránh ngọn lửa nóng nhô lên khỏi mặt nước để tận hưởng cái dịu mát ban đêm cũng là lúc cổng lớn của đường Appia bật mở xuất hiện những gì người ta có thể gọi là những người đẹp, những hiệp sĩ thành Rome, những thị dân bước ra khỏi nhà mồ của họ để hít thở, để sẵn sàng diễn binh, ngồi lên ghế bành, ghế tựa, lên bậc cho các kỵ sĩ lên ngựa hay nằm trên các ghế băng hình vòng tròn dùng cho khách qua đường ngả lưng ở nhà của những người quá cố hòng tạo thuận tiện cho những người sống.

Chưa bao giờ thành Paris, ở giữa hai hàng rào đại lộ Champs-Élysée, chưa bao giờ thành Florence có Cascine, Vienne có frater, Naples bị dồn giữa phố Telède hay Chiaina từng thấy số lượng diễn viên phong phú, tụ họp số khán giả tương tự như ở đây.

§100. Chuyện xảy ra trên đường Appia năm mươi năm trước công nguyên

Trước hết tốp đầu tiên hiện ra là các kỵ sĩ cưỡi giống ngựa xứ Numide, tổ tiên loài ngựa các quý ông ngày nay hay cưỡi. Những con ngựa đua ấy không yên cương, không bàn đạp chỉ có tấm vải phủ mông màu vàng hay tấm chăn phủ bằng da hổ. Vài chú sẽ dừng lại xem đoàn người diễu qua, số khác sẽ tiếp rảo bước về phía trước những người chạy mặc áo lửng, giày nhẹ, áo choàng cuộn buộc quanh vai trái và cánh áo có một thắt lưng bằng da thắt gọn gàng hay thả lỏng tuỳ theo họ muốn đi nhanh hay đi chậm. Cuối cùng có một toán người như thể đang tranh cãi ngã giá cho cuộc đua đã nhảy vào đường Appia, thả vào trước đám ngựa lũ chó ngao cổ đeo vòng bạc. Bất hạnh thay cho kẻ nào rơi vào cái cuộn vòi rồng ấy? Thương thay cho kẻ nào để cơn lốc xoáy giữa tiếng ngựa hí, tiếng chó sủa và bụi quấn lấy! Kẻ nào bị lôi ra do chó cắn, do ngựa giẫm phải y như rằng kẻ đó máu me, bầm dập, thương tích đầy mình. Trong lúc tay đua đang ra đòn quay lại nhưng không giảm tốc độ, hắn ta sẽ phá lên cười và sẽ hướng ngựa về đích.

Phía sau lũ ngựa Numide là các chiến xa hạng nhẹ có tốc độ chạy ngang với các con ngựa miền hoang mạc mà chủng này được đưa vào Rome cùng thời với Jugurtha: đó là những con Cisil, đội quân biết bay, bao gồm ba con chạy chĩa ra hình rẻ quạt trong đó con bên phải và bên trái vừa phi và chồm lên vừa lắc tít cái lục lạc bằng bạc của chúng, trong khi con ở giữa chạy theo một đường thẳng tắp mà người ta vẫn gọi là như tên bắn.

Sau đó là những xe Carrucae, loại xe bốn bánh cao mà xe Corricolo hiện đại chỉ là một biến thể hay đúng ra là hậu duệ của nó, hiếm khi các quý ông tự lái mà hầu như cho một tên nô lệ mặc bộ đồ lòe loẹt đánh xe.

Phía sau những Cisil và Carrucae, nhiều cỗ xe bốn bánh tiến lên, đó là những chiếc xe có đệm tựa lững màu đỏ tía và thảm sang trọng phủ bên ngoài; những xe có mui và cửa đóng chắc vì đôi khi nó còn chở những bí mật chốn khuê phòng trong những khu phố thành Rome hay các cuộc công cán vi hành. Hai hình ảnh tương phản lẫn nhau hiện ra, một là hình ảnh mệnh phụ mặc váy dài, ngồi thẳng đơ như một pho tượng trên cỗ xe Carpentium, một loại xe có hình thù kỳ dị mà chỉ các quý bà quyền thế mới có quyền ngồi, một là hình ảnh các ả gái mặc thứ quần áo mỏng như dệt bằng sương mù, uể oải nằm trên kiệu tám phụ khiêng, bên phải là một ả Hy Lạp phóng túng, kẻ mồi lời hẹn hò tay cầm chiếc quạt lông công phe phẩy cho bà chủ, bên trái là một tên nô lệ vác bậc kệ chân có bọc vải nhung đính với một đài dài và hẹp cũng bằng nhung để cho kẻ bán phấn buôn

hương cao giá có thể xuống nền nơi ả quyết định ngồi nghỉ sao cho bàn chân trần và đeo đầy đá quý khỏi phải chạm vào đất.

Một khi đã "diễu binh" qua Champ de Mars, một khi ra khỏi cổng Capène, hay một khi ra khỏi đường Appia, rất nhiều người tiếp tục con đường của họ bằng ngựa hay xe, song cũng có rất nhiều quan khách dừng chân xuống đất, để hành lý cho bầu đoàn nô lệ trông coi rồi đi dạo ở khoảng giữa các lăng tẩm và nhà mộ hay ngồi lên ghế đẩu cho thuê với giá nửa Sesterce một giờ. Ôi chao! Đến đây ta mới thấy cơ man là thanh lịch thật sự! Đó mới là nơi "mốt" ngự trì một cách áp đảo! Nào là người ta tên hiểu kiểu cách để râu, để tóc, hình thù váy dài váy ngắn ra sao. Dẫu cái vấn đề lớn đã được César quyết song trước sự hoài nghi của thế hệ mới họ vẫn xem nên mặc áo dài hay ngắn, bó sát hay buông rộng. César mặc áo choàng dài và buông rộng nhưng từ thời César đến nay người ta đã tiến những bước dài lắm rồi! Thế là họ luận với nhau hết sức nghiêm túc về trọng lượng nhẫn đeo tay vào mùa đông ra sao cấu tạo các thành phần son môi thế nào, về dầu thoa da cho mềm mại về viên ngậm chiết xuất từ cây mía hay cây nhũ hương với rượu vang lâu năm để miệng phả ra cái mùi dễ chịu! Các quý bà vểnh tai nghe tay lại tung qua tung lại từ trái sang phải những hợp nhỏ đựng long diên vừa thơm vừa mát, họ tán thưởng bằng đầu, bằng mắt thậm chí bằng tay trước những học thuyết uyên thâm nhất và ngẫu nhiên nhất; môi họ nghếch lên bởi một nụ cười để hé hàm răng như ngọc như ngà, tấm mạng hất ra sau để nhìn ngầm, lộ ra sự tương phản chan chát giữa cặp mắt nhung huyền và cặp lông mày như mun với mái tóc vàng rực, vàng như vàng khuôn hay hơi xám tuỳ cách nhuộm làm biến màu nguyên gốc hoặc bằng xà phòng hỗn hợp từ than cây sồi rừng trộn với mỡ dê mua từ mãi bên Đức hoặc dùng hỗn hợp cặn giấm với dầu nhũ hương hoặc đơn giản hơn rất nhiều đi mua ở cửa hàng những bộ tóc giả đẹp tuyệt của các cô gái nghèo xơ xác xứ Gaule bán cho các tay kéo với giá 50 Sesterce để các tay phó cạo này bán lại với tài ra giá xuất chúng.

Thế mà cái cảnh tượng này được ngưỡng mộ một cách vô cùng thèm muốn bởi những kẻ bình dân mình trần, những tên Hy Lạp đói khát đến mức chực bay lên trời để ăn tối và bởi những kẻ triết gia choàng áo măng tô nhàu nát và cái hầu bao rỗng tuếch vẫn tuôn ra những bài diễn văn chống lại thói xa hoa và chống lại kẻ giàu.

Tất cả, vừa kẻ đứng người ngồi, kẻ nằm người đi tới đi lui, núng nính gác chân khi thì vào người khác khi tự đè lên chân mình vừa giơ tay lên cho cổ tay kéo tụt trễ cuống lộ ra cánh tay đeo đầy đá quý, hỉ, nộ, ái, ố, lầm bầm những bài hát của Cadix hay Alexandrie mà quên bẵng những người chết đang lắng nghe họ, tuôn ra nhưng câu đùa nhảm nhí bằng ngôn từ của Virgile, ném vào nhau những trò chơi chữ từ tiếng Démesthène, vừa nói tiếng Hy Lạp, vì tiếng Hy Lạp là ngôn ngữ tình yêu thật sự. Một ả gái lầu xanh không biết nói với tình lang của

mình bằng tiếng Thais hay Aspasie rằng "Cuộc sống của em và tình yêu của em" thì ả đó chỉ là con bé dành cho đám lính đi dép lê và mang khiên bằng da. Thế mà, để mang lại thú vui, những lâu đài thành quách, những cuộc biểu diễn và bánh mì cho đám người vô công rồi nghề này, cho đám thanh niên có cái đấu nhẹ tếch, đám đàn bà lẳng lơ, đám con trai phung phí sức trong những nhà thổ và hầu bao trong các tửu lâu, cho đám dân ăn không ngồi rồi và lười biếng vì trên hết, dân ấy là dân Italie những nó khà khịa như dân Anh, kiêu hãnh như dân Tây Ban Nha, gây gổ như dân Gaulois, đám dân dành cuộc sống của mình để diễu dưới những hàng hiên, thả tấm thân vào bồn tắm hay nện hai tay vào nhau trong các đấu trường chính vì đám thanh niên ấy, đàn bà, công tử bột và vì cái dân ấy mà Virgile, con thiên nga dịu dàng thành Man-tô-ca, nhà thơ cơ đốc từng ca ngợi hạnh phúc miền thôn dã, nguyền rủa tham vọng cộng hoà, lên án cuộc nội chiến tàn khốc vô lương tâm và chuẩn bị phần đẹp nhất, phần thơ vĩ đại nhất lẽ ra phải sáng tác từ thời Homère đã đem đốt đi vì thấy nỏ không xứng với không chỉ hậu thế mà còn với kẻ đương thời!

Chính vì chúng, vì trở về với chúng mà Horace phải trốn sang với Philippe, để chạy nhanh hơn ông ta đã ném cái khiên ra; để được chúng ngắm nhìn, tôn danh mà ông ta dấn thân vào Champs de Mars, bên bờ sông Tibre mải miết theo cái gọi là chiến trận; chính vì chúng mà ông bị sống lưu vong từ năm năm ở chỗ người Thraces không biết gì đến vui thú dẫu rằng trước kia ông tưởng là người tình của con gái hoàng đế. Vì bọn chúng mà Ovide viết những vần thơ "Buồn", "Ponti ques" và "Métamorphoses", chính vì trở lại với bọn chúng mà ông cầu xin hoàng đế Auguste và sẽ cầu khẩn hoàng đế Tlbère để mình trở lại Rome. Vì chúng, vì để giữ lại tình yêu của chúng, thừ tình yêu thay đổi như thời tiết tháng tư mà Mécène, hậu duệ của những vị vua nước Etrurie, bạn của hoàng đế Auguste, cho ra những vần thơ của mình, những bức bích hoạ, những tiết mục hài kịch, những nét mặt khóc cười trong thể loại kịch điệu bộ Pylade, những thế nhảy đập chân của kiểu nhảy Bathylle! Vì chúng mà Balbus mở nhà hát, Philippe dựng viện bảo tàng, Pollion xây các điện đài nhà thờ.

Vì chúng, Agrippa cho bán vé xổ số trị giá hàng hai mươi nghìn Sesterces, bán các loại vải thêu chỉ vàng chỉ bạc, những đồ gỗ khảm xà cừ và ngà voi. Vì chúng mà ông ta xây những nhà tắm có thể ở lại từ lúc mặt trời mọc đến khi mặt trời đi ngủ, những phòng tắm vừa cạo râu, xực nước hoa, xoa bóp, giải khát, được thưởng thức những đồ ăn siêu hạng. Vì chúng, ông cho đào ba mươi dặm kênh rạch, xây sáu mươi bảy dặm cầu máng dẫn vào Rome mỗi ngày hơn hai triệu mét khối nước phân phát cho các suối giả, một trăm ba mươi lâu đài nước, một trăm bảy mươi đài phun. Cuối cùng vì chúng, để thay thế từ Rome xây gạch sang lát đá cẩm thạch, để xây các nghị trường, các nhà thờ lớn kiểu basilique, những nhà hát mà hoàng đế Auguste, vị hoàng đế thông thái, đã cho nung chảy

cái đá vàng của mình, chỉ giữ từ những gì Ptolémées để lại một bình mua rin, di sản của cha mình Octavius truyền lại từ thời César. Vì chúng mà ông cho làm lại con đường từ Flaminia đến tận Rimini, cho gọi những tên hề và các triết gia từ Hy Lạp sang, những vũ công từ Cadix, những đấu sĩ từ Gaule và Đức, cho mang những con trăn, hà mã, hươu cao cổ, hổ, voi, sư tử từ châu Phi về. Và cuối cùng cũng vì chúng mà trước khi chết ông hỏi: "Các ngươi có hài lòng về ta không hỡi dân La Mã? Ta có hoàn thành vai trò hoàng đế không? Có ai?… Thế thì vỗ tay đi…?

Đó là những gì xảy ra trên đường Appia, ở Rome với người La Mã vào thời hoàng đế Auguste. Nhưng vào thời điểm hai vị lữ khách của chúng ta đang đi tại đó, tức là gần hai nghìn năm đã trải qua, cái nơi thích thú nhất của những kẻ đã chết từ cổng Capène đến Albano, chỉ còn là những hoang tích lụi tàn mà trong đó chỉ có con mắt của nhà khảo cổ mới có thể dõi theo được cái huyền bí của quá khứ mà thôi.

§101. Cuộc luận bàn cổ học giữa một đại uý hải quân và một đại uý kỵ binh

Hai chàng trai trẻ im lặng một hồi lâu, một trong hai người trẻ hơn, đó là người đã mua cỗ xe trước, chăm chú nhìn những dòng chữ kỳ vĩ của lịch sở cổ đại, người kia nhiều tuổi hơn lơ đãng ngắm nhìn và chắc hẳn với anh ta, đống hoang tàn lịch sử ấy chẳng gợi lại một ngày tháng cũng như âm thanh nào trong khi người bạn đồng hành của anh ta như đang đọc trước cuốn sách mở sẵn.

-Thế mà có người – Anh chàng sĩ quan kỵ binh nói một cách lơ đãng và gần như là cao ngạo – Thế mà có người nghĩ rằng có những kẻ biết tên và chuyện về những tảng đá này đấy.

-Đúng thế có những người như vậy – Người đồng hành mỉm cười nói.

Tôi hình dung hôm qua tôi ăn tối tại nhà ngài đại sứ của chúng ta, ngài Alquier, để trình một lá thư của đại công tước Berry.

Lúc ấy có một nhà bác học, một kiến trúc sư cũng đến, ông ta có một bà vợ quả thật vô cùng xinh đẹp.

-Ông Visconti đúng không?

-Ngài biết ông ta?

-Thì với miêu tả của ngài, ai mà chẳng nhận ra ông ấy chứ?

-Ngài sống ở Rome à?

-Tôi mới chỉ đến đó hôm qua là lần đầu tiên và sáng nay lại chia tay nó cùng ngài, nhưng điều đó không ngăn tôi hiểu Rome như nơi tôi sinh ra.

-Nói như vậy là ngài rất để tâm nghiên cứu Thành phố vĩnh hằng, như cách người ta vẫn gọi?

-Tôi quan tâm như thể khoả lấp niềm đam mê, tôi vô cùng yêu những chuỗi ngày xa xưa, con người thời ấy là những gã khổng lồ và Virgile quả nói đúng khi một câu thơ tuyệt vời có nói rằng một hôm, khi lưỡi cày xới qua mộ phần của họ, ta phải kinh ngạc về kích cỡ bộ xương của họ.

-À đúng! Quả có vậy, tôi nhớ rồi – Anh chàng kỵ binh vừa ngáp vừa nhớ lại kiến thức hồi học trong trường: mirabitur ossa sepulcris[365] – nhưng anh ta cười nói tiếp – Nhưng không biết có thật chúng to hơn xương của chúng ta không nhỉ?

-Chúng ta đang đi qua đúng nơi có bằng chứng ấy đấy.

-Chúng ta qua đâu vậy?

-Chúng ta đi qua trước đấu trường Maxence, rướn người lên và ngài sẽ thấy một thứ dạng như nấm mồ.

-Thế nó không phải một lăng mộ à?

-Phải, nhưng vào thế kỷ XV nó bị lộ ra: đó là mộ của một người bị mất đầu, không có đầu mà ông ta còn cao gần sáu bộ. Cha ông ấy là con cháu người

Goths, mẹ người Alains; ban đầu ông ta làm mục đồng trên núi, sau đầu quân dưới trương Septime Sévère, tiếp đến chỉ huy đội một trăm quân dưới Caracalla, làm tộc trưởng dưới quyền Hélingabale và cùng làm hoàng đế sau Alexandre. Ông ta đeo nhẫn bằng chiếc vòng cổ tay của vợ, chỉ dùng một tay cũng kéo được xe bò chở nặng, bóp đá nát vụn thành bụi, vật 30 đô vật xuống đất không cần nghỉ, chạy nhanh như ngựa phi nước đại, chạy quanh đấu trường ba vòng chỉ mất mười lăm phút và mỗi một vòng, mồ hôi chảy đầy một chiếc cốc.

Cuối cùng, ông ấy ăn 40 livre thịt mỗi ngày và uống cạn vò rượu chỉ một hơi. Ông ấy tên là Maximin: ông bị giết ở Aquilée do chính bàn tay quân của mình, chúng mang đầu ông dâng cho Sénat, người này đem thiêu nó trước sự chứng kiến của dân chúng ở Champ de Mars. Sáu mươi năm sau, một hoàng đế khác được coi là hậu duệ của ông cho tìm thi thể ông ở Aquilée; Sau đó, vì người này cho xây đấu trường kia nên đặt ông vào nhà mộ. Do cung tên là vũ khí sở trường của người chết nên vị hoàng đế cho đặt cạnh thi hài ông sáu mũi tên bằng cây sậy Euplưate và cây cung bằng gỗ cây tần bì Đức; Cây cung dài 8 bộ, mũi tên tài nam bộ; như tôi vừa nói đấy, người khổng lồ này có tên là Maximin mà ông ấy từng là hoàng đế Rome. Người dựng lăng này và cho tạc ngựa xe xung quanh lăng là Maxence, ông ấy bị chết đuối trong khi bảo vệ Rome chống lại Constantin.

-Đúng thế, – Viên sĩ quan kỵ binh nói – Tôi còn nhớ như in bức hoạ của Le Brun tái hiện cảnh Maxence đang cố ngoi khỏi nước. Cái tháp trôn trên đó có mọc cây lựu như trong vườn treo Sémiramis đấy, có phải là mộ của ông ta không?

-Không, đó là lăng mộ của một phụ nữ duyên dáng mà ngài có thể đọc tên trên bia đá cẩm thạch. Vào thế kỷ XIII lăng này dùng làm pháo đài cho cháu của giáo hoàng Boniface VIII, giờ nó là lăng của Caccilia Metella, vợ Crassus, con gái Metellus.

-À! – Viên sĩ quan kỵ binh nhận ra – đó là vợ của một gã hà tiện đến nỗi khi đi theo một tên triết gia Hy Lạp mà ông ta mua, lúc về sợ nắng đã đội cho hắn cái mũ rơm cũ mèm chứ gì.

Điều ấy không ngăn ông ta cho César vay 30 triệu khi đám chủ nợ ngăn không cho César đến Tây Ban Nha nơi mà khi trở về sau khi trả hết nợ, César còn có 40 triệu nữa. Ba mươi triệu trả nợ thay cho hoàng đế César và lăng mộ dựng cho vợ là hai dấu vết duy nhất trong đời Crassus.

-Thế bà ta có đáng được xây lăng mộ như vậy không? – Viên sĩ quan hỏi.

-Có chứ, đó là một phụ nữ cao quý, thông tuệ, nghệ sĩ và thi sĩ Tập trung ở nhà bà có Catilia, César, Pompeé, Cicéron, Lucullus, Terentius Vanon, tất cả những gì thông thái, lịch thiệp giàu sang của thành Rome, ngài có hình dung ra sự quần tụ như vậy không?

Chắc chắn phải vui hơn nhà ông đại sứ Alpquier của chúng ta rồi. Những hình như lăng tẩm của bà ta đã bị đào hay sao ấy.

-Đúng thế, theo lệnh của giáo hoàng Paul Đệ tam, người ta tìm thấy một bình thi hài của bà ta đã cho mang vào góc sảnh điện Famèse nơi chắc bây giờ bà vẫn ở đó.

Trong khi ấy, cỗ xe vẫn tiếp tục con đường của mình. Họ vừa đi qua lăng mộ của Caccilia Metella và lại gần một đống hoang tàn đổ nát vì không được bảo quản.

Viên sĩ quan kỵ binh ban đầu tỏ ra thờ ơ trước những lời giải thích của người bạn đồng hành, nhưng càng nghe anh ta càng chăm chú từng lời: -Thú thật có một điều tôi không hiểu nổi – Anh ta nói – Đó là lịch sử viết thường tẻ ngắt bao nhiêu thì chuyện kể lại hấp dẫn bấy nhiêu. Tôi ấy à, tôi luôn tránh xa những đống đổ nát như tránh tổ rắn vậy, tôi sẵn sàng bỏ đi khi những bia đá kia muốn kể chuyện của chúng cho tôi nghe.

-Ngược lại, câu chuyện về chúng rất hấp dẫn đấy.

-Thôi nào, tôi đâu tò mò như vị hoàng đế trong chuyện Nghìn lẻ một đêm nghe nàng Shéhérazade xinh đẹp kể mỗi tối một chuyện.

-Đó là dinh của hai anh em Quintilien muốn ám sát hoàng đế Commode.

-À! à! Đó có phải là cháu nội của Frajan không?

-Và là con trai của Marc Aurèle. Nhưng những hoàng đế về sau cha truyền mà con không nối. Khi 12 tuổi, thấy bồn tắm nước nóng quá, hắn đã cho tên nô lệ chuẩn bị nước ấy vào lò thiêu và dù nước tắm đã nguội hắn vẫn chỉ muốn tắm khi tên nô lệ đã chín thui. Tính khí ngông cuồng của tên hoàng đế trẻ này càng ngày càng hung bạo, kết quả là đã có bao người nguyền rủa hắn trong đó có hai anh em chủ nhân toà đổ nát mà chúng ta đi qua đây. Chỉ cần hành thích Commonde là xong, nhưng để hành thích một người có sức vóc như vậy đâu có dễ. Tên hoàng đế lẽ ra không được gọi là Commode con trai của Marc Aurèle mà phải gọi là Hercule, con trai thần Jupiter[366] mới đúng. Hắn rất thích xem võ sĩ đấu hắn khéo léo hơn bất cứ đấu sĩ nào quần nhau trong đấu trường, hắn học bắn cung từ một người Parthe và phóng lao từ một người Maure. Một hôm, trong đấu trường, ở phía đối diện hoàng đế có một con báo cắp một người chực xé xác ông ta. Commode, người lúc nào cũng mang theo cung tên, đã bắn một mũi chính xác vào con báo mà không chạm vào người kia. Một hôm khác, khi thấy lòng cuồng nhiệt của dân chúng bắt đầu nguội đi, hắn cho loan báo khắp thành Rome rằng mình hạ 100 con sư tử với 100 mũi lao. Thế là đấu trường đầy ắp khán giả, ngài cũng đoán được đấy. Người ta mang vào lô của hoàng đế một trăm mũi lao bằng sắt mạ vàng rồi lùa vào đấu trường 100 con sư tử. Hắn đã phóng 100 mũi lao và giết chết một trăm con sư tử thật.

-Ồ! Ồ! Chàng sĩ quan kỵ binh thốt lên.

-Không phải tôi dựng chuyện đâu – Người đồng hành của anh ta nói – Chính Hérodien[367] đã viết lại, ông ấy nhìn tận mắt mà.

-Thế thì lại là chuyện khác – Anh chàng sĩ quan kỵ binh vừa nói vừa ngả cái mũ côn-bắc – Tôi không còn gì để nói.

-Ngoài ra – Người kể chuyện tiếp tục – hoàng đế cao sáu bộ và như tôi nói đấy, hắn rất khỏe. Hắn quật một cây gậy đủ gẫy chân một con ngựa, đấm một phát cũng hạ con bò chết tươi. Một lần thấy một tráng sĩ có thân hình vạm vỡ vô cùng, hắn gọi lại, rút gươm ra và chỉ một nhát đã chém đứt người đó làm hai. Ngài thấy đấy thật mạo hiểm và khó khăn khi tạo phản chống lại một kẻ như vậy.

Tuy thế hai anh em Quintilien vẫn quyết định hành sự chỉ có điều họ rất thận trọng: họ đem chôn tất cả số vàng bạc đá quý tiền mặt và chuẩn bị ngựa sẵn sàng bỏ trốn nếu sự không thành. Sau đó họ rình dưới mái vòm, lối hẹp dẫn từ cung điện đến đài vòng.

Ban đầu vận may có vẻ mỉm cười với những tên mưu phản: Commode xuất hiện hầu như không có ai đi kèm. Anh em Quintilien xông vào và những kẻ đồng mưu vây quanh hắn.

-Nhận lấy này – Một trong hai anh em vừa đâm dao gắn vừa nói – Nhận lấy này César, đây là thứ ta mang cho mi phần của Sénat.

Thế là một cuộc chiến nảy lửa diễn ra dưới một vòm tối om trong lối đi hẹp đó. Commode chỉ bị thương nhẹ: những đòn tấn công chẳng làm hắn nao núng, ngược lại mỗi lần hắn ra đòn lại một người ngã xuống. Cuối cùng hắn cũng tóm được người đã đâm hắn đầu tiên dùng cánh tay thép siết cổ ông ta. Trong lúc gần chết, người anh cả hét lên với em: -Chạy đi Quadratus, thất bại rồi!

Quintilien tháo chạy, nhảy lên lưng ngựa lao đi.

Quân lính nhanh chóng bủa vây: đó là cuộc đua giữa mạng sống của kẻ bị truy đuổi với khoản tiền thưởng hậu hĩnh cho kẻ nào bắt được.

Tuy bị quân lính đuổi kịp song may thay con người này lường trước mọi việc đã chuẩn bị một mẹo, mẹo này hết sức kỳ lạ nhưng ta phải tin vì nó được Dion Cassius kể lại. Kẻ chạy trốn đã chuẩn bị một chai tiết thỏ rừng, đây là con vật duy nhất có máu không đông, không bị hỏng như máu các loài vật khác. Ông ta giả vờ bị ngã ngựa y như một vụ tai nạn. Quân lính thấy ông ta nằm sõng soài ra đất; máu trào ra như suối. Thế là chúng chắc kẻ này đã chết, lột quần áo, quẳng cái xác tại chỗ rồi về bẩm báo lại với Commode rằng kẻ thù của hắn đã chết và chết ra sao. Trong khi ấy Quintilien đã nhỏm dậy, về nhà mặc quần áo, mang theo tất cả vàng bạc châu báu rồi bỏ trốn.

-Thế Commode về sau chết thế nào? – Viên sĩ quan kỵ binh hỏi – Tôi thấy quan tâm đến gã đồ tể giết cả trăm con sư tử một ngày ấy quá.

-Commode bị đầu độc chết bởi Marçia, nhân tình được sủng ái nhất của hắn rồi bị Narcisse, lực sĩ tâm đắc nhất của hắn treo cổ Peltinax chiếm ngôi hoàng đế

rồi sáu tháng sau để tuột mất ngai vàng cùng mạng sống của mình. Thế là Ordius Julianus mua Rome. Nhưng Rome vẫn chưa quen với việc bị đem ra bán ấy.

-Giờ thì nó quen rồi đấy thôi – Viên sĩ quan bẻ lại.

-Đúng thế, nhưng lần ấy nó đã nổi dậy. Quả thật là kẻ mua nó đã quên trả tiền. Septime Sérère nhân cuộc bạo động cho giết Didius Julianus rồi trèo lên ngai vàng. Mọi người thở phào.

Vì trước khi đến Velletri sẽ không có trạm ngựa nào mà từ Rome đến Velletri phải mất năm dặn nên người đánh ngựa xin phép cho ngựa nghỉ một lát.

Hai hành khách vui lòng chấp thuận vì họ đã đến một trong những nơi thú vị nhất của miền thôn dã thành Rome.

§102. Nhờ đâu độc giả đoán được tên một trong hai hành khách biết được tên người kia?

Họ đang đứng tại vị trí từng quyết định vận mệnh của thành Rome. Đó là chiến trường giữa người Horace và người Curiaces.

Trước thông tin này, chàng sĩ quan kỵ binh trẻ tuổi làm động tác cúi chào bằng cách dùng tay ngả cái mũ côn-bắc ra.

Cả hai cùng đứng dậy trong xe.

Con đường Albano chia làm hai, trước mắt họ là dải đồi hùng vĩ trong đó có ngọn Socacte, từ thời Horace còn phủ đầy tuyết giờ đây đã phủ một màu xanh ngút ngát, nằm ở tận cùng phía bên trái đỉnh cao nhất của dải đồi là nơi có đền thờ Jupiterlatial.

Phía trước, trắng xoá đến tận đỉnh một quả đồi là Albano, đứa con đỡ đầu của thành phố Albe La Longue, thành phố dành tên của mình cho đứa con tiếm quyền nổi lên trên đống đổ nát của trang viên Pompée và nơi đó, với tám trăm nóc nhà cùng ba nghìn dân cũng chưa vừa cho tên giết người như giết ruồi Domitien từng làm, còn phải thêm vào trang viên một kẻ giết người là Pompée nữa. Bên phải, tháp dần về phía biển Tyrrhène là dải đồi trải rộng theo hình vòng cung nơi từng là chiến trường lần lượt xâm chiếm lẫn nhau của các tộc người Falisquèque, Volsque, Sabine và Hemlque. Phía sau là Rome, thung lũng Egérie nơi Numa từng đến nghe lời phán truyền, chuỗi các lăng tẩm họ vừa đi qua giống như nối họ với thành Rome bằng một đường cày đổ nát. Cuối cùng, sau Rome là biển kỳ vĩ, đó đây đó những hòn đảo trăng trắng nổi lên giống những đám mây trên đường lên chốn vĩnh hằng đang thả neo trên nền trời.

Đấu trường gần đó đã có lịch sử hai nghìn năm trăm năm. Nó như cái cội trụ của lịch sử nhân loại trong hai mươi thế kỷ hoặc dưới thời cộng hoà hoặc dưới thời Giáo hoàng.

Sau khi ngựa lại sức, cỗ xe tiếp tục cuộc hành trình của nó.

Ngược lên trên mạn lăng mộ của ba anh em nhà Horaces có một con đường mòn nhỏ nằm tách hẳn bên phải con đường lớn và nó được nhìn rõ giữa đám cỏ màu hung hung và vàng nhạt phủ khắp miền nông thôn ngoại thành Rome giống như một lớp da sư tử.

-Con đường mòn này nhìn mờ dần rồi hút vào các lớp đồi núi uốn lượn. Nó còn tồn tại vì đây là quãng đường tắt dành cho người đi bộ từ Rome đến Vellatri.

-Ngài có nhìn thấy con đường mòn kia không? – Một chàng trai nói sau một hồi im lặng để người đồng hành của anh ta sốt ruột ra mặt – Rất có thể hai đấu sĩ Milon đã đi theo con đường mòn ấy rời khỏi bìa rừng với hơn chục lâu la hợp thành một đám người đi lùng bắt Clodius. Clodius bị một đường phóng lao làm

cho bị thương đã lẩn trốn trong đống đổ nát này, nơi trước kia từng là một trang trại. Các đấu sĩ đuổi theo, bắt được anh ta trốn trong một cái lò nướng, kết liễu và kéo lê anh ta trên đường cái quan.

-Vậy ngài hãy giải thích xem do đâu mà Clodius, gần bị lụi bại do nợ nần lại có ảnh hưởng lớn như vậy đến dân chúng thành Rome?

-Rất đơn giản: trước tiên vì anh ta đẹp mã đến nỗi các công dân đã đặt cho anh ta biệt danh Pulcher. Ngài cũng biết ảnh hưởng của cái đẹp đến những dân tộc cổ đại rồi đấy. Một trận thất bại khi đấu với đấu sĩ Spartacus ở lối ra Capoue không hề hấn gì đến tiếng tăm của anh ta, sự nổi tiếng ấy có giúp đỡ của bốn chị em gái trong đó một cô là vợ của quan chấp chính Metellus Celer, một người là vợ của diễn giả Hortensius người thứ ba là vợ ông chủ nhà băng Lucullus và người thứ tư là Lesbia, từng là người tình của nhà thơ Catulle. Tuy nhiên tin đồn lại cho rằng anh ta là nhân tình của bốn chị em này. Dẫu sao, nhờ bốn chị em nói trên, Clodius đã có bốn sức mạnh lớn nhất trên đời: nhờ vợ Metellus Celer, anh ta có quyền chấp chính, nhờ vợ của Hortensius, anh ta có một trong những tiếng nói uy tín nhất thành Rome, nhờ vợ của Lucullus, anh ta nhập trong những két vàng bạc của một chủ nhà băng giàu nhất thế giới; cuối cùng nhà Lesbia, người tình của Catulle, anh ta có sự nổi tiếng nhờ qua lại với một thi sĩ vĩ đại.

Hơn thế nữa anh ta còn được phú hộ Crassus nâng đỡ, được César cưng chiều mà anh ta chia sẻ những rối ren với ông ta bằng cách cố lén lút với vợ của ông. Lại còn ân sủng lớn của Pompée dành cho nữa chứ. Anh ta cũng có quan hệ với Cicéron người yêu Lesbia và muốn trở thành người tình của cô nàng, điều này chẳng có hại gì cho Clodius cả. Tình yêu là nguyên nhân dẫn đến cái chết của Clodius. Như tôi đã nói anh ta là người anh của Mussia con gái Pompeé vợ César. Để được thoả thích gặp bà ta, anh ta cải trang thành phụ nữ, như ngài cũng biết đấy việc đàn ông xuất hiện chốn thâm cung như vậy là hoàn toàn bị cấm. Một nữ tỳ đã nhận ra và tố cáo hắn: Mussia đưa anh ta trốn bằng hành lang bí mật nhưng tiếng đồn về sự xuất hiện của anh ta lan rất nhanh là một vụ tai tiếng khủng khiếp đã xảy ra.

Anh ta bị một toà án buộc tội có hành vi nghịch đạo và buộc phải ra toà cấp cao. Nhưng Crassus bảo anh ta không cần phải bận tâm, ông ta sẽ lo chuyện đó. Quả nhiên với tiền và sự ủng hộ của các quý bà quý tộc xinh đẹp; chuyện trở nên ầm ĩ hơn bao giờ lại thành Sénèque từng nói: “Tội của Clodius không nặng bằng sự ân xá.”

Tuy vậy Clodius cũng phải chịu hình phạt đi biệt xứ: anh ta định trước ngày lễ Nữ thần Nhân từ sẽ đi cách Rome 100 dặm.

Thật ra anh ta không thể đi 35 dặm trong năm tiếng. Thật không may, Terentia, vợ của Cicéron là người có máu hoạn thư, vô cùng căm tức khi biết chồng dan díu với Lesbia, tối hôm ấy bắt gặp chồng mình nói chuyện với

Clodius. Chị ta lập luận nói Cicéron đến nỗi ông này không chối vào đâu được: - Hoặc ông là tình nhân của chị Clodius, nếu thế tôi biết phải làm sao, ông mới không tố cáo hắn ta; hoặc ông không phải là tình nhân của ả, nếu thế chẳng có lý do gì mà không tố cáo hắn.

Cicéron vốn là anh chàng râu quặp, vô cùng sợ vợ nên đã tố cáo Clodius. Clodius không bao giờ tha thứ cho ông ta. Từ đó, lòng căm giận lấp đầy Rome bằng những bạo động và nổi dậy trong suốt một năm và chỉ chấm dứt khi Milon giúp cho Cicéron một việc là ám sát Clodius.

Dân chúng còn trung thành với thần tượng của họ đến tận lúc anh ta chết, đó là điều hiếm thấy, vì xác hắn còn được một nghị sĩ mang về Rome trên xe của mình, Fulvia, vợ của ông ta ném lửa vào viện nguyên lão còn dân chúng thì ném than củi và đốt một khu phố ở Rome.

-Bạn đồng hành thân mến – Anh chàng sĩ quan thốt lên – Ngài cũng là một thư viện sống và tôi sẽ ca ngợi cả đời khi đã đi cùng đường với một thầy Varron nữa! Ngài thấy đấy, tôi cũng hiểu đôi chút về lịch sử La Mã đấy – Anh chàng sĩ quan nói tiếp vừa hoan hỉ khi tự mình cũng vừa dẫn ra một nhân vật vừa vỗ tay…

-Ta tiếp tục đi. Cái lăng mộ kia là gì? Tôi đang tò mò muốn một lần thấy ngài mắc lỗi đấy.

Rồi anh ta chỉ một công trình hiện ra phía bên trái

-Ngài chọn nhầm chỗ rồi – Chàng hướng dẫn tham quan nói tiếp vì tôi biết rõ về lăng này. Đó là mộ của Ascagne, con trai Éneé người do bất cẩn đã thả váy mẹ trong cuộc cướp phá thành Troy đến nỗi lạc mẹ và chỉ thấy cha mình, người từng mang theo Anchise và những vị thần giữ nhà: từ nơi đó dựng lên thành Rome. Thật kỳ lạ thay hầu như cùng lúc đó, qua một cổng khác cũng có một người đi ra đó là Télégones, con trai Ulysse, người lập lên Tusailum có lăng mộ cách đây gần hai dặm. Hai con người này, một người Hy Lạp, một người châu Á tức là hai người con trai của hai chủng tộc thù địch, hai quốc gia đối đầu lại đến khẳng định mình ở châu Âu. Hai quốc gia trở thành đối thủ của nhau, hai cư dân trở thành thù địch. Những cuộc đọ gươm của cha họ đã bắt đầu trước thành Troye sau này con cháu họ lại tái diễn trước thành Rome. Hai thủ lĩnh của thành Albe và Tusculum là hai nhà Julia sinh ra César và nhà Porcia sinh ra Caton về sau. Ngài cũng biết cuộc chiến kinh hoàng giữa hai thế lực ấy rồi đấy. Gần một nghìn năm sau, cuộc đọ gươm thành Troye kết thúc ở Utique. César, hậu duệ của kẻ bại trận đã trả thù Hector lên Caton, hậu duệ của những kẻ thắng trận. Lăng của Ascayne là lăng đầu tiên trên đường từ Naples trở lại và là cái cuối cùng từ phía Rome trở đi. Chuỗi lăng mộ còn nhiều nhưng chúng hầu như không còn dấu vết vì lưỡi hái của thời gian đã cào bằng chúng rồi.

Chàng trai nhiều tuổi hơn, tức là người biết ít hơn, trầm ngâm suy nghĩ một lát. Rõ ràng anh ta phải nghĩ mông lung trong đầu lắm.

-Chắc ngài là từng giáo sư lịch sử phải không? – Anh ta hỏi.

-Ồ nói thật lòng là không – Người kia trả lời.

-Thế làm thế nào mà ngài biết tất cả những chuyện ấy?

-Tôi cũng chẳng rõ: khi đọc cuốn sách này, lúc xem cuốn sách khác. Những thứ như thế không tự có, chúng phải được đắp bồi. Khi con người ta có niềm đam mê lịch sử, người ta có tư tưởng quay về cái kỳ mỹ, các sự kiện và con người sẽ đi vào đầu bạn, trì óc bạn sẽ cho chúng những hình thù và bạn sẽ thấy những con người và sự kiện ấy dưới một ngày khác.

-Lạy Chúa! Giá mà tôi có bộ óc như của ngài, tôi sẽ chỉ dành nó để đọc cả đời.

-Tôi không mong ngài như vậy đâu – Chàng trai bác học vừa nói vừa cười – Nghiên cứu trong điều kiện như của tôi thì… Tôi đã bị kết án tử hình nhưng lại nằm trong nhà ngục suốt ba năm chực chờ bị bắn hay đem đi chặt đầu. Tôi cũng phải thư giãn chứ.

-Thế thì hẳn ngài phải có quãng đời thăng trầm lắm – Chàng sĩ quan vừa chăm chú nhìn người bạn đồng hành vừa tìm cách đọc những dấu ấn quá khứ trên những đường nét khắc khổ trên khuôn mặt.

-Quả thật tôi đã không được ngủ mãi trên chiếc giường trải toàn hoa hồng.

-Chắc chắn ngài xuất thân từ gia đình quý tộc phải không?

-Tôi còn hơn cả quý tộc thưa ngài, tôi là một quý ông.

-Vì lý tưởng chính trị mà ngài bị kết án tử hình à?

-Lý tưởng chính trị, phải.

-Ngài có phiền khi tôi hỏi như vậy không?

-Không hề. Với những gì tôi không thể trả lời… hay không muốn trả lời, tôi sẽ không nói, có vậy thôi.

-Ngài bao nhiêu tuổi.

-Hai mươi bảy.

-Kỳ lạ thật, nhìn ngài vừa trẻ hơn lại vừa già dặn hơn tuổi đấy Ngài ra tù bao lâu rồi?

-Ba năm.

-Ngài làm gì khi ra khỏi đó?

-Tôi tham chiến.

-Trên biển hay trên cạn?

-Đánh nhau với người trên biển, với thú hoang trên cạn.

-Thế có nghĩa là…?

-Là trên biển, tôi là cướp biển, trên cạn tôi là thợ săn.

-Trên biển ngài đánh gì?

-Quân Anh.

-Thế trên bộ, ngài săn gì?

-Hổ, báo, trăn.
-Ngài đã đến Ấn Độ hay châu Phi?
-Tôi đã đến Ấn Độ.
-Nơi nào ở Ấn Độ?
-Một chỗ gần như cùng trời cuối đất, ở Miến Điện.
-Ngài có tham dự vài trận lớn nào trên biển không?
-Tôi từng ở trận Trafalgar.
-Trên tàu nào.
-Redoutable.
-Ngài có thấy Nelson không?
-Có thậm chí rất gần nữa kia.
-Làm sao ngài thoát khỏi người Anh?
-Tôi không thoát khỏi họ. Tôi bị bắt và bị đưa sang Anh làm tù binh.
-Ngài được trao đổi à?
-Tôi tự trốn.
-Khỏi các trại tù à?
-Ở Ai xơ len.
-Bây giờ, ngài đi đâu?
-Tôi không biết.
-Ngài tên là gì?
-Tôi chẳng có tên. Khi nào chúng ta chia tay, ngài cho tôi một cái tên, tôi sẽ coi đó như cái tên người con nuôi nhận từ cha đỡ đầu.

Người sĩ quan nhìn kẻ đồng hành với mình bằng vẻ ngỡ ngàng. Anh ta cảm thấy trong mảnh đời vô tư và phiêu bạt của con người này hẳn phải có bí ẩn thật sự nào đó. Anh ta bằng lòng với những câu trả lời ấy, không muốn biết thêm điều người kia muốn giấu.

-Thế ngài không hỏi tôi là ai sao?

-Tôi không thích tò mò, nhưng nếu ngài vui lòng nói cho tôi hay thì tôi xin tỏ lòng biết ơn.

-Ồ! Tôi ấy à, cuộc đời của tôi bình thường ngang với cuộc đời lý thú và có lẽ cũng nên thơ của ngài vậy. Tôi tên là Charles Antoine Manhès. Tôi sinh ngày 4 tháng Mười năm 1777 trong một làng nhỏ ở Aurillac, tỉnh Cantal. Cha tôi là đốc thuế của nhà vua gần toà dân chính. Ngài thấy là tôi không thuộc vào giới quý tộc Pháp như ngài. A nhân tiện xin hỏi ngài mang Tước hiệu gì?

-Bá tước.

-Tôi được đi học trong trường làng, chính vì vậy ngài có thể hiểu việc học hành của tôi chểnh mảng thế nào. Các quan chức trong tỉnh nhận thấy tôi có khả năng quân sự nên gửi tôi đến trường Mars. Tôi đặc biệt thiên về pháo binh và đã tiến bộ nhiều đến nỗi mới 16 tuổi tôi đã được bổ nhiệm làm sĩ quan huấn luyện.

Nhưng rồi trường Mars giải tán, người ta cho tôi tham dự một kỳ thi nhờ nó tôi được bổ về tiểu đoàn 3 ở Cantal và tiểu đoàn này thuộc trung đoàn số 26. Tôi tham chiến năm 1795. Tôi đi chiến dịch bốn năm trong đội quân sông Rhin và Moselle. Năm thứ VI, VIII và IX tôi vào đội quân đánh Italie, bị thương nặng ở Novi, tôi mất sáu tuần mới hồi phục vết thương và đuổi kịp đơn vị trên sông Gêne… Ngài đã bao giờ ăn thịt bò điên chưa?

-Rồi, vài bận.

-Còn tôi ấy à, ngày nào tôi cũng ăn, tôi còn có thể nói cho ngài hay nó thế nào nữa kia. Tôi được thăng chức trung uý qua tiến cử của các đồng đội, sau đó được phong hiệp sĩ Bắc đẩu bội tinh ngày 6 tháng 6 năm ngoái. Sau chiến dịch Austerlitz tôi được thăng cấp đại uý. Hiện giờ tôi là đại uý và sĩ quan cận vệ của đại công tước Berg[368], tôi đi báo tin của ngài về việc vào thành Berlin của Hoàng đế cho anh trai Joseph của Hoàng đế và báo cho ông mọi chi tiết về chiến dịch Jéna mà tôi có tham gia. Khi trở về, tôi được hứa là sẽ được thăng cấp chỉ huy một đại đội kỵ binh. Hai mươi chín tuổi được như vậy cũng không tệ lắm. Đó là toàn bộ chuyện của tôi. Ngài thấy nó ngắn ngủi và ít hấp dẫn nhưng điều hấp dẫn nhất là chúng ta đã đến Velletri còn tôi đang đói cồn cào đây chúng ta hãy xuống ăn tối cái đã.

Hành khách vô danh thấy đề nghị này dễ ợt nên nhảy khỏi xe đi theo viên chỉ huy đại đội kỵ binh tương lai Charles Antoine Manhès vào khách sạn có tên Nơi sinh Auguste.

Điều này có nghĩ là, trừ sự kiểm chứng của các nhà khảo cổ, cái khách sạn này được xây trên nền đổ nát của các nhà khảo cổ, sinh ra vị hoàng đế La Mã đầu tiên.

§103. Đầm Pontins

Hai lữ khách ăn bữa tối khá tệ, nhưng họ sẽ nhầm to nếu phàn nàn bị đối xử tệ ở quán trọ Nơi sinh Auguste khi mà hoàng đế Auguste lúc trên ngai cũng chỉ ăn tối với hai con cá khô và một ly nước. Có cả một tập sách nói đến những điều xung quanh nơi chôn rau cắt rốn của Auguste, những chuyện dự báo cho ngài, con trai một người xay bột và mẹ là người gốc châu Phi, trở thành hoàng đế trên đời.

Antoine chẳng phải đã nói với ngài: "Tổ tiên mi là người châu Phi, mẹ mi quay quanh cái cối xay tồi tàn nhất Aricie và cha mi đảo bột bằng tay đen xỉn do tiền ông ta kiếm được ở Nerulum", đó sao?

Nhưng những dự báo cũng bắt đầu từ họ.

Mẹ của ngài, Atia, khi ngủ trên ổ rơm trong đền thần Apollon, con rắn đã quấn quanh cột tượng làm biểu tượng thần y học đã rời khỏi điện thờ, bò đến ổ rơm, quấn lấy Atia và chỉ thả bà khi đã có thai.

Một hôm ngài đi đến trường, tay cầm một mẩu bánh mì, một con đại bàng xông tới cắp mẩu bánh của ngài và chỉ trả lại sau khi đã nhúng nó vào các món cao lương mỹ vị trên đỉnh Olympe.

Cuối cùng là tiếng sấm rền trên ngôi nhà và biến nó thành chốn thiêng.

Tối hôm ấy, ở Velletrie có một lễ hội, tất cả các nam thanh nữ tú miền thôn quê quanh đó đều tụ tập về đây.

Họ khiêu vũ.

Lúc nào cũng có một nửa đất Italie nhảy múa trong khi nửa kia đổ lệ. Họ chẳng lo liệu người Pháp có vào Rome chiếm Naples, có vây hãm Gaète hay không, và từ phía kia đầm Pontins, nếu người ta nghe thấy tiếng đại bác hai mươi tư ly tức là người ta hiểu có đánh nhau kịch liệt trong thành.

Napoléon đã viết cho anh trai: "Hãy siết chặt vòng vây."

Và Joseph tuân lệnh anh siết chặt vòng vây.

Ở đây người ta vẫn cười với người Pháp. Các cô thiếu nữ chìa tay ra và nhảy với họ, các cô chẳng quay đi trước những đôi môi của các anh chàng người Pháp, nhưng khi họ gặp những anh chàng này một mình, người ta sẽ dùng dao găm đâm chết anh ta.

Các thực khách ăn cùng bàn với hai chàng thanh niên hau háu nhìn các túi vàng mà anh chàng trẻ hơn xỉa ra một đồng louis để trả khoản tiền bốn phăng mà hai người vừa ăn cũng như nhìn chăm chăm cái ví bạn anh ta rút từ áo khoác cho xuống túi quần.

Người đại diện Velletri đi đi lại lại giữa những kẻ uống rượu và nhảy múa nhìn vào đống của cải ấy không kém phần thèm muốn, nhưng cũng giống như

người chủ trạm ngựa ở Rome, ông ta không giúp các chàng trai trẻ gì hơn ngoài việc đề nghị một đoàn bốn người hộ vệ giúp họ đi qua đầm Pontins.

Nhưng Manhès rút ra hai khẩu súng ngắn và vỗ tay vào thanh gươm của mình còn người đi cùng anh ta đảm bảo chỉ hai phát đạn cạc bin cũng đủ làm dịu tình hình.

-Đây là đoàn hộ tống của chúng tôi – Anh nói – Người Pháp không cần đoàn hộ tống nào khác ngoài vũ khí của họ.

-Cách đây một tháng – Người đại diện nói với vẻ quàu quạu – một sĩ quan tuỳ tùng cũng ăn tối ở đây như các vị, cũng trưng ra vũ khí hay lắm, nhưng tôi thề là thấy số vũ khí ấy trong tay những kẻ đã giết chết anh ta.

-Thế mày không làm gì để bắt chúng à? – Manhès hét lên và đùng đùng đứng dậy.

-Nghĩa vụ của tôi là cung cấp đoàn hộ tống cho khách qua đường chứ không phải bắt những kẻ giết họ khi mà những người đó đã từ chối thuê quân của tôi. Tôi chỉ làm tròn bổn phận của mình thôi.

Manhès cho rằng có gây gổ thêm cũng chẳng giải quyết vấn đề gì nên ra hiệu cho người bạn của mình đứng dậy đi theo anh ta.

Sau đó, hai người lên cỗ xe đã thay người đánh xe và ngựa mới, trả hậu hĩnh cho người đánh xe trước rồi cho xe chạy nước đại về phía đầm Pontins.

Ai cũng biết tiếng phần đất La Mã trải dài từ Velletri đến Tenacine tức là phần giáp biển Vương quốc Naples ấy. Không khí nhiễm độc có khi còn giết người chắc chắn hơn cả bọn cướp.

Trong bữa tối, màn đêm đã buông xuống và khi hai lữ khách ra khỏi quán trợ ánh trăng bàng bạc tuyệt đẹp đã rải xuống đường, thỉnh thoảng thủng lỗ chỗ do tán lá cây rung rinh. Chốc chốc, một tảng đá dựng đứng như chực đè lên đầu kẻ nào đi phía dưới, lại đổ cái bóng tối om của nó xuống đường. Càng lại gần đầm Pontins người ta càng thấy nhiều vết hằn không phải vì mây mà vì hơi nước đùn lên trời. Chúng tụ lại dưới trăng khiến mặt trăng như trùm phải tấm vải đen.

Vì thế bầu trời nhuốm một màu kỳ ảo, vàng vọt. Qua ánh đèn bão mà màn đêm dày đặc thít nó lại khiến nó chỉ toả một quầng bé xíu, mà qua bóng đêm hình thù của chúng còn lớn hơn nữa. Chúng chỉ phì phò trong lúc nhô cái đầu khỏi mặt nước. Đó là những con trâu hoang, với chúng những đầm dạng này là nơi trú ẩn an toàn, kể cả trong cái nắng ơi bức nhất những bàn chân tò mò nhất cũng chẳng dám bén mảng đến tìm chúng.

Từ đoạn đường này sang đoạn đường khác, hoảng hốt do tiếng xe, những con chim lớn đen lù lù bay lên, không phát ra tiếng vỗ cánh. Đó là những con diệc xám, con diệc sao hoang dã phát ra tiếng kêu tang tóc khi đã dấn thân vào màn đêm nơi chúng biến mất ngay sau phát đập cánh thứ ba. Faust và Méphes to

Phélès đi đến dạ hội phù thủy cũng không theo con đường lắm biến hoá như con đường hai lữ khách của chúng ta đang đi.

-Ngài đã bao giờ thấy cảnh tương tự thế này chưa" – Manhès hỏi.

-Rồi, trên đường đi từ Pégon đến mảnh đất Trâu rống; chỉ có điều chúng tôi không nghe tiếng trâu thở phì phò mà là tiếng gầm gào của bầy hổ và tiếng oe oe của cá sấu châu Mỹ. Trên đầu không phải bầy diệc xám, diệc sao bay lượn mà là lũ dơi mà người ta gọi là loài hút máu, chúng chích vào động mạch kẻ đang ngủ mà không ai cảm thấy gì trong mười phút rồi hút máu.

-Tôi cũng muốn chứng kiến cảnh ấy quá – Manhès nói.

Rồi cả hai lại chìm trong sự im lặng có thể nói là bất đắc dĩ.

Đột nhiên, người đánh ngựa thổi ba tiếng kèn đồng mà anh ta quàng qua vai. Không biết tiếng kèn ấy gọi ai, hai chàng trai coi đó là một tín hiệu và đặt tay lên súng của mình.

Lập tức có hai ba tiếng kèn tương tự đáp lại. Họ nhìn thấy giữa đám thực vật xanh tươi, có ánh lửa bập bùng như bao quanh những con ma. Đó là một trạm trung chuyển.

Cỗ xe dừng lại.

Năm sáu người có ngựa sốt sắng châm đuốc, cầm roi chạy vào kho cỏ trong khi những người khác đứng ở lối ra.

Vài giây sau, người đánh xe tháo ngựa của mình.

-Trả tiền cho tôi nhanh lên để tôi còn chuồn – Anh ta nói với hai chàng trai.

Hai hành khách vừa đưa tiền, anh ta đã nhảy phốc lên ngựa phóng nhanh và biến mất trong bóng tối, tiếng bước chân ngựa cũng lịm dần.

Trong khi đó, một cuộc chiến thật sự xảy ra trong đó có tiếng người chửi rủa, tiếng ngựa hí lên dữ dằn đáp lại. Người coi ngựa hung tợn bao nhiêu thì lũ ngựa cũng bất kham bấy nhiêu.

Hai khối dị dạng và không phân biệt nổi đang lại gần cỗ xe. Hai con người với mái tóc bay loà xoà lẫn vào bờm ngựa, nhìn giống như những con thú hoang đường không có thật, những con nhân mã ba đầu. Lũ ngựa chịu khuất phục không còn hí nữa mà chỉ rền rĩ. Người ta đẩy một con vào giữa hai càng xe, buộc con nữa ở cạnh. Hai người cưỡi ngựa khác đứng xáp lại hai bên cỗ xe. Người đánh ngựa lôi tiếp con ở ngoài cùng vào, hai người khác dùng hết sức giữ lũ ngựa đã đóng càng đang thở hồng hộc và dậm chân bình bịch xuống đất thỉnh thoảng chỉ chực húc sang bên.

Chúng như nổi xung, lao đi vừa hí vừa phì khói ra khỏi hai lỗ mũi còn con mắt thì nảy lửa. Hai người cưỡi ngựa hai bên phi theo với tiếng hét lồng lộn để chặn lũ ngựa đã đóng xe dừng lại giữa đường không cho chúng lao sang hai bên kênh nước dọc đường: người cưỡi ngựa, ngựa đã đóng vào xe, cỗ xe và hành khách vội vã quấn rết như một cái vòi rồng vậy.

Ba trạm chuyển ngựa tiếp theo cũng tái diễn cái cảnh tương tự như cảnh tôi vừa cố tả lại trên đây. Chỉ có điều càng về sau, lũ ngựa như càng hung tợn hơn, những con người càng tái xanh và rách rách rưới hơn.

Đến trạm cuối cùng, vì ngọn đèn bão đã tắt và cả người đánh xe lẫn người giữ ngựa đều không còn nến để cắm vào đó nên hai hành khách buộc phải mỗi người cầm một ngọn đuốc. Họ đi nhanh, chỉ còn cách Tenacine hai dặm rưỡi nữa.

Đột nhiên, đến một nơi bắt đầu có những mỏm đá nổi lên khỏi mặt đất, hai chàng thanh niên cảm thấy hình như có những bóng đen lù lù chui lên từ hố đen và lao ra đường.

-Faccia in tern! (Nằm xuống đất) – Một giống nói hét lên.

Vì thấy cả hai người cùng đứng dậy, một phát súng vang lên và một viên đạn xuyên qua giữa hai hành khách, đâm thủng đáy cỗ xe. Lập tức không cần đưa khẩu cạc bin lên vai, anh chàng không xưng tên nhả đạn tay duỗi ra như anh ta đang bắn súng ngắn.

Một tiếng thét xé toạc không khí vang lên, người ta nghe tiếng thân người đổ bịch xuống đường.

Cùng lúc, hai hành khách ném ngọn đuốc của mình ra xa chục bước. Chúng chiếu sáng cả đoạn đường và họ có thể nhận ra bốn hay năm người đang lưỡng lự chặn xe trong khi một trong số họ đã nắm được dây cương.

-Mày có muốn thả dây cương ra không thằng vô lại! – Manhès hét lên.

Rồi bằng một phát súng ngắn, anh ta cho tên này đến nằm cạnh đồng bọn của hắn, lại một phát súng cạc bin thứ hai hất tên cướp thứ ba lăn ra đất.

Đến đây, những tên còn lại chỉ còn nghĩ đến việc chạy trốn nhưng hai chàng trai của chúng ta đã nhảy xuống hai bên xe mỗi người đều cầm súng ngắn trong tay. Bất hạnh thay cho lũ cướp, trời bắt đầu rạng và hai chàng trai lại chạy nhanh như trong cuộc đua với Atalante.

Manhès thưởng cho tên bỏ chạy phía trước mình một phát đạn. Hắn lảo đảo, muốn rút súng ở thắt lưng ra nhưng trước khi hắn kịp rút nó ra khỏi vỏ, thanh gươm của đại uý đã găm vào ngực hắn.

Tên bị hành khách thứ hai đuổi, nhận ra sắp bị tóm liền rút súng ngắn khỏi thắt lưng, quay lại, nhả đạn nhưng bắn trượt.

Đồng thời hắn thấy một bàn tay thép đang siết vào cổ trong khi nòng súng lạnh băng áp vào thái dương.

-Tao có thể giết mày – Hành khách nói – Nhưng tao thích bắt sống để trưng mày ra như một con gấu bị rọ mõm trước những người cứ nghĩ bọn cướp là lũ bạo gan. Nào anh bạn Manhès, chọc cho mấy "cái mặt úp xuống đất" kia bằng mũi gươm của ngài cho chúng dậy để giúp chúng ta trói hai tên vô lại này.

Quả thật người đánh ngựa và hai kỵ sĩ cưỡi ngựa hai bên đã tuân lệnh theo bọn cướp, xuống ngựa và nằm áp xuống đường thật. Khi bị mũi gươm của

Manhès chọc vào người họ chồm dậy đờ đẫn hỏi: -Các ngài cần gì ạ?

-Dây chão – Manhès nói – và trói chặt hai tên kia lại.

Những người này tuân lệnh ngay. Họ cho hai tên cướp vào xe, lượm những khẩu súng ngắn, cạc bin mà hai hành khách bỏ lại sau khi chúng hết đạn và nhanh chóng nạp lại vì sợ sẽ có cuộc tấn công khác.

Hai hành khách đi bộ hai bên cỗ xe, bỏ lại ba cái xác trên đường cái và mang theo hai tên bị thương.

-Này, nói thật nhé bạn thân mến – Manhès nói vừa vốc nước bằng tay, vừa nâng cái mũ của bạn lên – Anh đã xin tôi làm cha đỡ đầu tôi nghĩ đã đến lúc thực hiện nghi lễ ấy rồi đấy. Nhân danh Buyard, Assas, Tháp Auvergne, ta đặt tên cho anh và gọi anh là Léo. Anh không phải ăn cắp cái tên này đâu nhé. Nào bá tước Léo, hãy ôm hôn cha đỡ đầu đi!

Bá tước Léo vừa ôm vừa cười ông cha đỡ đầu của mình, sau đó cả hai tiếp tục đi bộ đến Terracine với đoàn lâu la theo sau là hai tù binh bị trói trong xe, hai kẻ trông ngựa cưỡi ngựa đang tái mét, run rẩy và vội vã hơn nữa vì khiếp đảm.

§104. Fra Diavolo

Trước khi đến đài Anxus, như cách gọi của Virgile và đến miền đất bụi Tenacine, như cách tôi gọi bớt thiên vị hơn, là trạm gác của Pháp đang canh giáp biên giới La Mã.

Lập tức, các hành khách được vây quanh vì nhìn thoáng qua họ cũng biết đây là những người Pháp. Nhưng chỉ có điều, đồng hương của hai chàng trai khi thấy hai tên cướp ngồi trong cái xe mà họ tưởng trống rỗng thì vô cùng tò mò.

Hai chàng trai giải thích ngay khi những ánh mắt đầu tiên nhìn vào trong xe.

-Tốt lắm – Viên đội chỉ huy trạm gác nói – Đây là những kẻ đáng bị treo cổ. Hãy dẫn chúng đến Naples: những quý ông này sẽ được đồng hành với đám đồng đảng của chúng.

Họ vào Teltacine và dừng lại trước khách sạn La Poste.

Thấy một sĩ quan đi tuần trước cửa, Manhès lại gần anh ta nói: -Thưa đại uý tôi là đại uý Manhès, sĩ quan cận vệ của đại công tước Berry tức tướng quân Murat.

-Tôi có thể giúp gì cho ngài đây, bạn đồng nghiệp thân mến? – Viên sĩ quan kia hỏi.

-Cách đây nửa dặm chúng tôi vừa bị sáu tên cướp chặn đường Chúng tôi đã giết chết ba tên, nếu ngài muốn chôn xác chúng cho khỏi để dịch hạch lây lan, ngài sẽ thấy chúng đã chết hoặc ngắc ngoải trên đường. Chúng tôi bắt sống hai tên. Ngài có phiền nếu cho người canh chiếc xe và ra lệnh cho họ cứ đâm lê vào bụng đứa nào cựa quậy trong khi chúng tôi dùng bữa trưa mà chúng tôi vô cùng cần và ngài có vui lòng ăn với chúng tôi chăng?

-Ngài sẽ nói về mình ở đây và chúng tôi sẽ nói về chúng tôi. Thật tình lời mời của ngài quá hấp dẫn để tôi có thể từ chối.

Nói rồi viên sĩ quan ra lệnh cho hai tên lính khoác súng vào vị trí mỗi người canh một bên xe, tất nhiên lệnh súng có gắn lưỡi lê thì không thể quên được.

-Bây giờ – Viên sĩ quan nói – hãy cho tôi cái vinh hạnh tự giới thiệu để ngài có thể nói tên tôi cho người đồng hành của mình dù anh ấy hoàn toàn xa lạ. Tôi tên là đại uý Santis.

Cả hai đi vào bếp nhà trọ và thấy Léo đang rửa mặt bên vòi nước dẫn từ suối vào.

-Bá tước yêu mến của tôi – Manhès nói với anh – Tôi giới thiệu với anh đại uý Santis, người vừa cho hai lính canh giữ hai tên cướp của chúng ta.

Đại uý Santis, giới thiệu với ngài bá tước Léo.

-Cái tên hay quá thưa ngài. – Đại uý Santis nói.

-Và cũng rất xứng đáng nữa – Manhès chen vào – tôi đảm bảo với ngài như vậy. Giá ban nãy ngài có dịp nhìn tận mắt: hai phát súng, hai tên lăn ra đất, còn tên thứ ba, anh ấy không thèm bắn từ sau lưng mà tóm sống nó. Anh ấy tóm nó bằng bàn tay trắng nõn nà này rồi siết cổ nó, tên kia xin tha, thế là xong.

Vì ông chủ khách sạn lại gần để nghe, anh ta liền nhấc cái mũ của ông ta bằng ngọn roi ngựa ngoáy ta quanh ngón tay với vẻ thích thú như một đứa trẻ đang chơi và vì ông chủ giang tay ra cố bắt lấy cái mũ, anh ta nói: -Tôi xin nhận xét là ngài quên chào chúng tôi đấy nhé. Bây giờ thì xong rồi, mũ của ngài đây. Hãy cho chúng tôi bữa ăn ngon nhất có thể và trong khi chờ đợi đồ ăn, hãy mang vài ba chai vang Lacryma-Christi nổi tiếng mà bấy lâu tôi vẫn ước được nếm thở lên đây.

Chủ quán chạy đi gọi đầu bếp xuống hầm rượu, gọi mấy cậu phục vụ đi châm lò, mấy cô gái hầu bàn đi dọn bàn ăn.

Rồi vừa đi vừa lắc lắc cái đầu ông ta giơ tay lên trời lẩm bẩm:

Questi Francessi! Questi Francessi[369]!

Manhès phá lên cười.

-Chúng ta còn và sẽ mãi còn là điều khó hiểu với những con người này, họ không hiểu tại sao chúng ta vừa có thể chiến đấu mạnh như sư tử lại có thể chơi đùa như đám trẻ. Họ không biết điều gì làm nên sức mạnh của chúng ta. Nào, đầu bếp, hãy đưa chúng tôi về phòng và cho chúng tôi nếm loại rượu Lacryma-Christi của ông chủ anh, tôi hứa nếu nó không ngon, tôi sẽ bắt anh nốc hết cả chai liền một hơi không cho anh thời gian để thở đâu đấy!

Đầu bếp trèo lên gác, hai sĩ quan và bá tước Léo đi theo anh ta.

May thay rượu vang lại rất ngon.

-Chú mày, – Manhès nói sau khi nếm chút ít – tuy chú mày không làm ta phải rầu lòng nhét cả chai này vào dạ dày chú, ta sẽ dành nó đến nơi khác, nhưng chú mày lại làm ta vui lòng nhét đồng écu này vào túi chú đấy.

Rồi anh tung ra một đồng écu ba livre, anh chàng phục vụ bắt lấy bỏ vào túi tạp dề.

-Bây giờ hãy nói cho tôi nghe chuyện ở đây – Manhès nói với viên sĩ quan.

-Tôi nghĩ nghe chuyện ở đấy thú vị hơn nhiều – Viên đại uý đáp.

Sự thật là một vòng đã chầm chậm quay – Manhès kể – Cuộc chiến kéo dài đúng một tháng; vào chiến dịch ngày 8 tháng Mười, hoàng đế Napoléon đã nhận sự đầu hàng của Magdebourg ngày 8 tháng Mười một. Trong một tháng ấy, đã có ba mươi nghìn người chết, mỗi ngày chết một nghìn, làm cũng vất vả, đúng không? Một trăm nghìn tù binh, ba mươi lăm nghìn người còn lại không ai sang Oder. Quận Saxon quay trở về Saxe, những người Phổ đã quẳng vũ khí của họ khi chạy qua cánh đồng. Còn một đạo quân Phổ một trăm sáu mươi nghìn người nữa, khi Napoléon khẽ thổi một hơi: nó ngã lăn quay bỏ lại chiến trường với ba

trăm đại bác và cơ man cờ quạt đủ để phủ kín Viện quân nhân danh dự. Vua Phổ vẫn luôn là vua Phổ, chỉ có điều ông ta chẳng còn đất cũng chẳng còn quân.

Thật ra, dù nhà Bourbon đã rút về Sicile, họ vẫn giàu hơn vua Phổ vì họ vẫn còn đất cày ở Gaète và một đội quân ở Calabres. Thực tình đó là một đạo quân ở bước đường cùng, nhưng càng như vậy chúng càng trở nên liều mạng. Ôi! Cuộc chiến tranh vĩ đại! Một cuộc chiến tranh vĩ đại! Chỉ cuộc chiến ấy, chiến tranh của chúng ta đã là cái lò thịt người rồi, tôi đau lòng cho những tướng sĩ anh hùng như tướng Verdier và tướng Reynier bị buộc phải làm người kiếp khác.

Ông chủ khách sạn cắt ngang lời ca thán của viên đại uý bằng việc mang đồ ăn đến.

-Binh lính bị cấm uống rượu trong quân đội – Bá tước nói – nhưng tù nhân không phải chết khát, do đó ông hãy mang cho chúng một chai vang và rót cho chúng uống, tháo dây trói tay chúng ra rất nguy hiểm. Còn về hai lính canh thì khỏi phải lo cho họ. Một khi hết giờ gác, họ sẽ được đến lượt. Nhân đây, ông nói với tên không bị thương rằng đây là phần của người đã không muốn giết hắn. Ông cũng cho những người coi ngựa và đánh xe ăn uống nhé dù tôi thấy họ quả dứt khoát tuân lệnh khi bọn cướp nói: Nằm xuống đất. Còn nữa, ông hãy cho thắng ngựa mới vào xe và cho chúng tôi thêm hai con ngựa để chạy cùng.

Bữa trưa xong xuôi, ba thực khách uống vì nước Pháp bắt tay nhau và cùng đi xuống.

Léo cảm ơn hai lính gác, cho họ hay một bữa trưa thịnh soạn đang đợi họ trong quán. Anh trèo lên ngựa với Manhès cùng cỗ xe có người đánh xe mới hứa hẹn làm việc tốt hơn, đi theo đường Capone nơi còn những trạm thay ngựa nữa.

Hai chàng trai đi qua Gaète đúng lúc người ta mang thi hài tướng Vallongue về đó. Ông ta vừa bị quả đạn đại bác cướp mất cái đầu. Đã có sáu chục khẩu đại bác hai mươi tư ly dội vào thành.

Người đánh ngựa hứa sẽ đi vòng quanh và anh ta đã giữ lời. Tám giờ sáng họ thay trạm ngựa ở Capone, mười một giờ mười lăm, họ đã vào Naples.

Thành mặt trời ồn ã và náo nhiệt đến nỗi cách xa từ một dặm, người ta đã nghe những tiếng xôn xao của nó. Ngày hôm đó, nó còn trở nên cuồng nhiệt hơn bao giờ hết. Tất cả các cửa sổ đều cắm cờ của một Naples mới, đường phố đông nghẹt người, không chỉ dân trong thành mà dân từ tất cả các làng lân cận cũng đổ về đây.

Một khi đã bị cuốn vào dòng xoáy ấy, sức mạnh của nó buộc cỗ xe và hai kỵ sĩ chỉ còn nước đi theo. Nó dẫn họ đến quảng trường Chợ Cũ nơi dựng lên một giá treo cổ cao 18 bộ. Tất cả mọi người đang sục sôi trước một cuộc hành quyết sắp diễn ra. Cái tên Fra Diavolo, được tất cả các cái miệng nhắc đến, đủ cho hai vị khách hiểu tầm quan trọng của kẻ sắp bị hành tội, tầm quan trọng mà cái đám đông khổng lồ này đến đây để xem ông ta chết đã chứng thực rất rõ ràng.

Cùng lúc cỗ xe, hai tên cướp bị trói và đoàn người vào Chợ Cũ qua quảng trường del Cannine thì cỗ xe dẫn phạm nhân cũng vào đến con hẻm "dei Sospin del Abisso" nghĩa là Tiếng thở dài của vực thẳm.

Con hẻm này được gọi như vậy bởi lẽ khi đi ngang qua đó, phạm nhân sẽ thấy lần cuối công cụ hành hình của mình là giá treo cổ hay cỗ máy chém. Tuy nhiên hiếm khi phạm nhân nào nhìn thấy vật dụng ấy còn có thể thở dài được.

Vừa nhìn thấy Fra Diavolo, tên kẻ cướp mà người ta cứ ngỡ không thể đụng đến sợi tóc của hắn, tiếng xì xào dậy lên từ tứ phía, ngay cả hai tên tù binh trong xe cũng phải nhổm dậy.

Manhès và bá tước Léo lại gần chúng nhưng với vẻ mặt hoan hỉ đến tàn bạo của dân chúng đặc biệt là dân thành Naples thì người đánh xe nói: -Được rồi, các ngài cứ để bọn khốn kiếp này nhìn cái cảnh sắp xảy ra, với chúng đây là một bài học nhớ đời.

Nói rồi ngay bản thân anh chàng này cũng ngồi trên ngựa ở tư thế thoải mái nhất để thoả thích xem cái cảnh hành hình.

Chúng ta hãy chờ xem kẻ khiến Naples sôi sục như vậy có đáng với tiếng tăm của hắn chăng.

§105. Cuộc săn đuổi

Fra Diavolo nổi tiếng ở Pháp qua các vở hài kịch của Quý ông Scrile và Auber hơn là qua những lần liên lạc dài dằng dặc giữa Hoàng đế Napoléon và anh trai của ngài, vua Joseph.

Hắn tên thật là Michele Pezza, sinh ra tại một làng nhỏ ở Itri, trong một gia đình nghèo khó sống lần hồi qua ngày nhờ hai con la chở chút dầu bán cho các làng lân cận. Hắn được đặt biệt danh là Fra Diavolo do những người đồng hương nghĩ ra cái tên nửa thánh nửa trần vì nó kết hợp kiểu chơi chữ ý nói một thày dòng ác như quỷ.

Ban đầu hắn được đưa vào nhà thờ nhưng lại hoàn tục, đi học nghề ở nhà người làm yên thồ cho la và ngựa. Nhưng chẳng được bao lâu, sau một cuộc cãi vã kịch liệt với ông chủ, hắn bỏ về nhà, ngày hôm sau, hắn bắn chết ông ta bằng một khẩu súng trường trong lúc ông này đang ăn cùng ba bốn người khách trong vườn.

Vụ giết người ấy xảy ra khoảng năm 1797, tên sát nhân mới chỉ mười chín tuổi.

Giống như những trường hợp tương tự, hắn bỏ trốn vào vùng núi cao. Sau hai năm hắn làm sơn tặc thì xảy ra cuộc cách mạng năm 1799 và Championnet chiếm đất Naples. Thế là hắn tuyên bố theo nhà Bourbon và trở thành dân Bảo hoàng. Kết quả là hắn làm lễ chuộc tội và chịu ra tay bảo vệ luật thần thánh.

Hắn là người đầu tiên đáp lại lời kêu gọi của vua Ferdinand chống lại quân Pháp. Ban đầu, hắn tập hợp ba anh em của mình phong chức trung uý cho họ, nhân số băng đảng của mình thành gấp ba gấp bốn nhờ số người tự nguyện đến ngày càng đông.

Ngay từ đầu, hắn đã chứng tỏ chủ nghĩa yêu nước của mình trên chặng đường lớn từ Rome đến Naples.

Cuộc treo cổ do hắn thực hiện thật nực cười thay khi hắn vừa rửa tay gác kiếm lại bắt đầu hành nghề trở lại. Cách Itri chưa đầy một dặm, hắn đã cố bắt lại hai hành khách mình mới thả chưa lâu.

Trong chiến dịch ấy, Fra Diavolo giết khá nhiều người: sĩ quan tuỳ tùng của tướng Championnet, chỉ huy của đại đội Claye được cử đến gặp tướng Lemoine, do bất cẩn đã chọn người dẫn đường không chắc chắn bị tên này dẫn đến giữa toán của Fra Diavolo và bị hắn băm thành từng mảnh.

Trong lần tấn công cây cầu Garigriano, sĩ quan tuỳ tùng Gourdel, chỉ huy tiểu đoàn bộ binh hạng nhẹ và hơn chục sĩ quan và binh lính đã rơi vào trận và bị Fra Diavolo cùng quân của hắn trói vào gốc cây chất những cành cây tươi xung quanh châm lửa từ từ. Trong khi ấy dân chúng làng lân cận, đàn ông, đàn bà trẻ

con vừa nhảy múa xung quanh các khúc củi vừa hô vang: "Fra Diavolo vạn tuế …"

Tướng quân Championnet, người từng có dịp đấu với Fra Diavolo một lần đã gần như triệt hạ được băng đảng của hắn mà không sao tóm được hắn, đã thừa nhận tên thủ lĩnh này khiến ông nhọc sức hơn ông tưởng.

Khi vua Ferdinand và hoàng hậu Caroline bỏ trốn sang đảo Sicile để chờ phản công, Fra Diavolo cũng lên tàu cùng để nhận ý chỉ từ đế vương của họ. Hắn không những không phải là người lạ mà còn trở thành người rất quan trọng đến mức được họ tiếp đãi như bạn bè. Đức vua phong cho hắn chức đại uý còn hoàng hậu tặng hắn chiếc nhẫn tuyệt đẹp có chữ viết tắt của mình sáng lên giữa hai hàng ngọc bích.

Fra Diavolo trở lại miền Đất cày, tổ quốc của hắn. Hắn thành lập ở đây giữa Capoue và Gaète một đạo quân gồm bốn trăm tên.

Viện vào công cuộc phục vụ triều đình, Fra Diavolo ra tay vô cùng thái quá khiến giáo chủ Ruffo cũng không cho phép hắn đặt chân vào Gaète, nhưng giáo chủ buộc phải báo cho nhà vua sự từ chối một trong những đại uý của nhà vua. Thế là nhà vua tự tay viết: "Ta tán thành việc ngài không cho phép Fra Diavolo vào Gaète như hắn muốn, ta đồng ý với ông đó là một tên thủ lĩnh cướp bóc nhưng mặt khác, ta buộc phải thú nhận rằng hắn đã phục vụ trung thành cho ta, vì lẽ đó mà phải sử dụng hắn chứ không nên ghét bỏ hắn. Cần phải dùng những lời lẽ phải trái để thuyết phục hắn kìm hãm dục vọng của hơn, buộc người của hắn vào khuôn khổ nếu hắn thật sự muốn có vị thế lâu bền từ ta."

Nhưng nếu việc từ bỏ các hành động quá khích giúp Fra Diavolo xứng với lời trách móc nhẹ nhàng của vua Ferdinand, nó còn giúp hắn chiếm được cảm tình của hoàng hậu Caroline vì ngay sau khi chiếm lại Naples, bà ta đã rủ lòng tự tay viết thư thông báo rằng hắn được phong hàm đại tá. Lá thư này còn kèm thêm một chiếc vòng tay kết bằng tóc của hoàng hậu. Ngoài ra, hắn cũng được phong công tước Cassano với bổng lộc 3 nglùn ducats (tương đương với 13200 trăm phăng).

Vua Joseph đoạt ngai vàng nhà Bourbon đã tạo cho Fra Diavolo cơ hội tuyệt vời để tỏ lòng tận trung của hắn với vua Ferdinand và hoàng hậu Caroline. Hắn đi Palerme. Hoàng hậu cử hắn đến Abruzzes kèm theo những lời vỗ về song cũng như vua Ferdinand, bà hoàng này quên mất việc yêu cầu hắn để mắt đến kỷ luật của đám lâu la.

Fra Diavolo làm đúng theo ý hoàng hậu từng ly từng tí khiến vua Joseph thấy cần tuyệt đối loại trừ kẻ thù này, có thể hắn không nguy hiểm nhưng chắc chắn đáng ghét hơn huân tước Stuart và đám quân Anh của ông ta.

Thế là vua Joseph cho vời tiểu đoàn trưởng Hugo đến. Vua Joseph hoàn toàn tin tưởng vào dũng khí cũng như nghĩa khí của con người này: đó là một người

kiểu Plutarque. Lòng trung của ông ta từng khiến ông ta phải chịu thiệt thòi. Trước đây ông tá phục vụ dưới quyền tướng Moreau ông yêu mến, tôn thờ con người ấy. Khi Bonaparte lên ngôi hoàng đế, người ta ký tên vào thư thỉnh nguyện ủng hộ, Hugo cũng ký như bao người khác.

Nhưng khi người ta muốn ông ký vào bản ghi những điều trái với thực tế về Moreau hòng buộc tội cho ông này trong vụ án Cadoudal thì ông từ chối thẳng thừng.

Bonaparte hay tin về sự từ chối ấy và Napoléon đã để bụng.

Ai cũng biết mối tị hiềm Napoléon là thế nào. Một buổi sáng, Hugo được lệnh tham gia quân đội ở Naples, có nghĩa là rời xa hoàng đế cho khuất mắt. Hoàng đế lại chỉ trọng thưởng cho những ai chiến đấu trong tầm mắt ngài mà thôi!

Tuy nhiên, ngài tiểu đoàn trưởng Hugo vẫn có thể hiên ngang lấy một từ trong tiếng Tây Ban Nha để ký tên trong thư gửi con trai ngài một thời gian là: Hierro ("sắt"). Sau những gì tôi vừa nhắc đến, chắc không cần nói các bạn cũng biết khi đó ngài là cha của đại thi hào Victor Hugo của chúng ta.

Và để chứng tỏ ông là người bác ái còn hơn cả anh dũng, con trai ông đã vẽ lại cha mình trong vài vần thơ sau:

Cha tôi, đấng anh hào có nụ cười độ lượng,
Theo sau chỉ một kỵ binh ông mến thương,
Vì lòng gan và vì vóc dáng,
Dong duổi chúng ông trên ngựa sau một trận đánh,
Chiến trường phơi xác người trong bóng đêm
Hình như ông nghe tiếng động vang lên
Một tên Tây Ban Nha lạc trận
Đang lê đi nức nở bên lề đường
Xây xát, thảm thương như người sống dở.
Miệng lảm nhảm than "Nước, rủ lòng cho tôi xin!"
Cha cảm thương chìa cho anh bạn trung thành
Chiếc bi đông rượu Rhum ông vẫn đeo bên ngựa
Rồi nói: "Này cho kẻ bị thương"
Nhưng bỗng nhiên khi anh cúi xuống
Hắn nhổm lên chĩa súng của mình
Nhằm vào trán chạ và hét lên "Mẹ kiếp!"
Viên đạn quá gần sượt qua làm mũ cha rớt xuống
Và con ngựa chồm lên lùi lại phía sau
Cha vẫn ôn tồn bảo: "Cứ cho hắn uống, có gì đâu."

§106. Tiểu đoàn trưởng Hugo

Như đã nói ở trên, vua Joseph cho vời ngài Hugo đến Portici. Từ lâu nhà vua đã biết đến ông và thật sự quý mến như ông đáng được như vậy. Nhưng dẫu sao nỗi sợ Napoléon gây ra cho mọi người ngay cả với các anh em mình khiến vua Joseph cũng chột dạ, không dám ân sủng cho kẻ cả gan làm phật ý hoàng đế và cuối cùng mới cho Hugo cái cơ hội tự khẳng định nếu ông ta bắt được kẻ mà ngay cả những người táo bạo và khéo léo nhất cũng từng phải bó tay.

Cũng phải nhớ đến bằng chứng về Madonald bị năm năm thất sủng chỉ vì lý do duy nhất là bạn Moreau và từng bị nghi ngờ có thông đồng tư tưởng cộng hoà với ông ta. Phải chờ đến khi hoàng tử Eugène mắc hết sai lầm này đến sai lầm khác ở Italie, hoàng đế Napoléon mới nhớ đến ông và cất nhắc làm tổng tham mưu. Madonald trả thù bằng việc cứu cả đội quân và trở thành người hùng ở Wagram.

Nhà vua Joseph ra lệnh cho tướng Hugo thành lập một đạo quân lấy người trong vài trung đoàn bộ binh cận vệ hoàng gia, hoàng gia Phi châu, quân đảo Corse, trong quân hạng nhất và hạng nhì Naples. Cánh quân này có thể lên đến tám, chín trăm người ông phải chỉ huy nó truy quét Fra Diavolo không để cho hắn yên thân một chút nào.

Ngoài ra còn có thêm pháo và năm chục long kỵ binh cũng nhập vào đội quân ấy.

Fra Diavolo đã trở thành một tên đầu lĩnh thật sự. Hắn có trong tay khoảng gần một nghìn năm trăm tên và chọn địa hình quyết chiến ở dãy núi hiểm trở bao gồm biển, nhà thờ và vùng Garigriano.

Hugo quyết định qua sông, truy tìm kẻ địch, một khi thấy chúng sẽ khổng để mất dấu vết cho đến khi hạ được hắn mới thôi.

Các phương án tác chiến vạch ra để tên cướp không thể chạy ra khỏi thế trận nơi hắn đã xa vào. Tướng quân Duhesme chỉ huy cánh quân chặn phần biên giới La Mã, tướng Goullus cùng một lữ đoàn trong thung lũng Sora. Các toán quân khác rải bên bờ sông Garigriano. Tướng Valentin chỉ huy quân của quận Gaète phải làm sao không cho Fra Diavolo lên thuyền.

Các bạn cũng thấy Fra Diavolo được đối đãi như một kẻ thù nghiêm chỉnh: ba tướng quân để mắt đến hắn trong khi một tổng chỉ huy sắp tấn công hắn.

Chỉ huy Hugo gửi lại hai khẩu đại bác và đội long kỵ binh vì họ chỉ làm ông vướng bận. Nếu ông cần long kỵ binh ông sẽ cho gọi và những người này sẽ tập hợp bất cứ chỗ nào ông muốn.

Tuy nhiên, các sĩ quan Pháp đã phải đối đầu với một kẻ thù có khả năng làm chủ thế trận trong địa hình núi non ấy. Fra Diavolo vừa nhận ra tình hình phải

hành động thay vì ngồi chờ bị tấn công, hắn bất ngờ đánh úp đội quân của San Guglielmo đánh bại một tiểu đoàn đang hạ trại ở Arce rồi tiến về phía Cervaro.

Chỉ huy Hugo lao theo dấu vết hắn và đã ở Cervaro chỉ một tiếng sau hắn.

Phía sau làng Cervaro là chỗ đất hoang rừng cây rậm rạp, chỉ huy Hugo đoán quân địch trốn trong đó đã chia quân làm hai, một vòng ra sau núi, một nửa xộc vào tìm kiếm. Ông đã không nhầm, ngay lập tức có vài phát súng vang lên báo hiệu kẻ địch đã bị lộ. Nhưng dù các tay súng bắn vào xối xả, cuộc đọ súng diễn ra rất chóng vánh. Fra Diavolo cho quân vòng ra phía bên phải, chỉ cách quân địch, phần ba con đường. Hắn nghĩ rằng quân Pháp mệt mỏi không thể đuổi theo nên đã rút về miền núi cao.

Đêm xuống, mối nguy hiểm khi mò mẫm trong một cánh rừng lạ cộng với nhu cầu phải ăn uống buộc chỉ huy Hugo trở lại Cervaro khoảng 10 giờ tối.

Nhưng đến ba giờ sáng, chỉ huy và đội quân đã thức dậy chia làm ba cánh tiếp tục lên đường. Fra Diavolo đã để một đội hậu quân trong hẻm Acquafondata để chặn không cho quân Pháp qua.

Chỉ huy Hugo dẫn đầu binh đoàn số hai Naples đẩy lùi đám hậu quân. Nhưng không may đêm lại xuống kèm theo mưa như trút nước buộc quân Pháp phải dừng lại nghỉ trong một trại lính canh của dân bỏ hoang. Trời sáng họ lại tiếp tục lên đường.

Dù biết mọi đường đi, Fra Diavolo vẫn không theo một đường nào. Hắn đi vào những lối mòn những người chăn súc vật hay đi mặt khác thường xuyên làm những động tác đánh lạc hướng. Do đó, để không mất dấu vết của hắn, người ta chỉ có thể trông cậy vào những người chăn thả gia súc. Được trả hậu hĩnh, những người này chỉ cho quân Pháp con đường ngắn nhất, thường là những vỉa thác ngoằn ngoèo, phải trèo lên hay xuống thác. Các vỉa này có nhiều đá đến nỗi phần lớn quân lính phải cất giầy đi bằng chân trần.

Cuộc truy đuổi ráo riết kéo dài đã tám ngày. Người ta vẫn chưa thể bắt được hắn nhưng có thể nói đã suýt tóm được, quân lính được nghỉ rất ít, vừa đi vừa ăn, ngủ đứng. Chỉ huy Hugo giăng khắp nơi cơ man những điệp viên dò la, đến cảnh sát, đến các trụ sở hành chính. Ông biết hắn làm gì từng ngày một song ông vẫn chưa thể ép hắn lộ diện.

May thay có một tiểu đoàn Pháp tiến quân về phía Abruzzes mà Fra Diavolo không hay biết gì. Họ được thông báo tên cướp và băng đảng của hắn tụ tập trong một cánh rừng gần ngôi làng nơi tiểu đoàn đi qua nên họ dừng lại, theo một liên lạc chộp được chỗ của hắn, hạ hơn một trăm tên.

Nghe tiếng súng, chỉ huy Hugo cho quân tiến thẳng về đó. Hầu như bị bao vây hoàn toàn và không mong thắng được, Fra Diavolo buộc dùng mẹo. Hắn tập hợp cả băng lại rồi nói: -Chúng mày chia ra thành từng toán hai mươi đứa một,

mỗi toán đều làm ra vẻ có tao ở trong đó rồi tìm cách chắc chắn lên thuyền. Nơi tụ họp sẽ ở Sicile.

Vừa quyết định xong, chúng thực hiện ngay. Băng cướp chia thành nhiều toán nhỏ tản ra như khói về tứ phía. Chỉ huy Hugo nghĩ xem Fra Diavolo sẽ theo hướng nào. Thật khó xác định vì người của ông báo khi thấy hắn chạy về phía Abruzzes người lại nói hắn đi về phía bờ sông Biferro định đến Pouille hay vừa đánh vừa lùi về Naples.

Sau khi ngẫm nghĩ một lúc, chỉ huy Hugo đoán ra chiến thuật của hắn. Đó là cách thống chế Rantzau đã làm. Nhưng biết Fra Diavolo ở toán nào đây?

Trong mối nghi ngờ ấy, ông đành chia quân cho các ngả.

Kết quả là quân Naples tiến về tả ngạn sông Bifemo. Ông cùng binh đoàn Corse, quân cận vệ hoàng gia, quân Phi đen chia ra về các phía Cantalupo và thung lũng Bojano.

§107. Bủa vây

Đến mảnh đất của bá tước Molisse, quang cảnh nơi đây thật tiêu điều xơ xác do một thiên tai khủng khiếp gây ra. Thực tế là cách đây ít lâu, nơi này đã bị một trận động đất.

Dân chúng bỏ đi nay lại lần lượt trở về mái nhà đổ nát của họ. Số khác vẫn còn trú ngụ trong những mái lều dựng tạm. Chỉ huy Hugo rất biết những người này tốt bụng và thông minh. Ông không nghi ngờ chỉ ít lâu họ sẽ giúp mình hết sức. Quả nhiên những người dân được cử đi đã lần tìm suốt cả ngày đêm. Các lực lượng quân cảnh dù trụ sở sập rạp xuống đất vẫn quên đi cái thảm hoạ mà họ là nạn nhân, sẵn sàng đốt đuốc dẫn đường trước sự kinh ngạc của Fra Diavolo, hoảng hốt thấy đồng bào hắn lại trở thành kẻ thù của hắn.

Bằng sức mạnh không cưỡng nổi, băng cướp buộc phải tụ lại như ý muốn của những người truy đuổi. Bị vây bắt khắp nơi, bọn cướp đành chạy xuống thung lũng Bojano.

Thời tiết khi đó xấu tệ hại. Mưa trút xuống thành những dòng xối đáng sợ và rất nhiều. Mỗi bước đi phải qua vài dòng như thế và nước ngập đến tận thắt lưng. Dòng sông Bifemo thông thường có gần hai bộ nước nhưng đã dâng lên rất cao đến nỗi nếu không cộ cảnh binh của ngài Vinchiaturo đến kịp để cứu cây cầu, chắc Fra Diavolo đã bị bắt vì dòng sông không thể qua được.

Cuối cùng, vào một ngày trời còn đổ mưa, quân Phi châu và người của Fra Diavolo đã đụng độ ở giữa Bojano và làng Guardia.

Quân của Hugo do chính ông chủ huy đấu với quân của Fra Diavolo một chọi bốn. May sau các cánh quân khác đuổi Fra Diavolo cũng lần lượt tới nơi trợ chiến. Nhưng mưa càng lúc càng xối xả. Trận chiến chỉ còn dùng báng súng, lê và dao găm.

Trận quyết tử kinh khủng hay đúng ra là cuộc đọ dao, gươm một mất một còn còn ấy kéo kéo đài hơn hai tiếng đồng hồ. Cuối cùng, nhờ lòng can đảm anh dũng siêu phàm, bọn cướp đã bị truy diệt. Chỉ còn năm mươi tên, tàn quân của một nghìn năm trăm tên qua được cầu Vinchiaturo xuống thung lũng Tammaro đến tận Bénèvent. Người ta bắt được khoảng ba mươi tù binh, một nghìn tên nằm lại chiến trường hoặc bị cuốn trôi theo dòng lũ.

Giá chỉ huy Hugo có thêm đội quân long kỵ binh, toàn bộ băng cướp đã bị tiêu diệt và Fra Diavolo đã bị tóm rồi.

Trong lúc dẫn giải, một tù nhân lại gần chỉ huy đề nghị nếu hắn ta được thả tự do hắn sẽ đưa ông đến một góc núi nơi chôn mười nghìn ducats tương đương 45 nghìn phăng của băng cướp.

Chỉ huy từ chối lời đề nghị ấy: nhiệm vụ của ông không phải tìm kiếm chiến lợi phẩm cho cánh quân của mình mà là truy sát Fra Diavolo. Khi tiến quân đuổi Fra Diavolo đến sông Calore, chỉ huy Hugo nhận thấy con sông đã dâng nước vào đến mười lăm mười sáu bộ. Canh quân trở lại Bénèvent báo cáo lại với chỉ huy trở ngại họ gặp phải. Fra Diavolo có ưu thế hơn họ hai mươi tư tiếng nên ông sợ nếu để mất dấu hắn dù chỉ một thời gian rất ngắn hắn sẽ kịp trở lại bãi biển lên tàu đến Capri nơi vẫn còn một cánh quân nữa.

Chỉ huy Hugo phân phát giày cho quân của mình và mặc cho có những tiếng rì rầm phản đối, ông ép họ lên đường ngay từ một giờ đêm.

Đến Montesarchio, ông được tin Fra Diavolo lại một lần nữa thoát khỏi cánh quân lưu động của ông bây giờ đã đến bên kia sườn núi Vergine.

Montesarchio là một ngôi làng nằm dọc theo đường từ Naples đến Bénèvent. Chính con đường này là nơi người ta gặp những rãnh Caudines nổi tiếng mà quân đội La Mã buộc phải đi qua trong cuộc chiến tranh chống lại người Samnite. Những rãnh Candines này, nơi đây là một lối đi hẹp, được hình thành một bên do dãy Tabumo và bên kia do núi Vergnine. Từ phía Bénèvent, núi dựng đứng đến mức chỉ có những người chăn súc vật mới dám liều lĩnh theo đàn dê của họ.

Khi trèo qua ngọn núi này, tướng Hugo sẽ lấy lại hai mươi tư tiếng để lỡ và còn cơ hội bắt được kẻ ông truy lùng. Dù những người dẫn đường dùng mọi cách để khuyên ông thay đổi ý định nhưng chỉ huy Hugo nhất quyết trèo qua ngọn núi. Khi trời vừa sáng, nhờ những người chăn dê dẫn đường, chỉ những người này mới chấp nhận leo lên độ cao ấy, ông bắt đầu trèo. Đám lính lầm bầm đi theo và cuối cùng cũng lên cùng ông.

Con đường đã khó đi cộng với tuyết mỏng khiến nó càng trơn hơn. May thay, trèo lên một đoạn thì có vài cái cây giúp họ bám vào leo tiếp. Ngoài ra cộng với sự kích thích của chính cái khó đi tiếng cười chế giễu khi ai đó ngã, quân của ông cuối cùng cũng lên được nơi bằng phẳng sau ba tiếng mệt mỏi khủng khiếp đến mức họ không biết mình đang ở đâu.

Vẫn còn đang chao đảo và ướt sũng người, một luồng gió mạnh thổi từ đỉnh các dãy núi xé toạc màn mây bao phủ quanh họ và, giống như một tấm rèm sân khấu kéo lên, họ thấy vịnh Naples trải rộng ngút ngát đẹp tuyệt vời.

Ngọn núi đã bị chinh phục. Mừng rỡ, nhưng câm lặng, đoàn quân tiếp tục trèo xuống sườn núi đối diện, hướng về phía Alena.

Khi đột nhiên giật mình trước một loạt súng, họ mới biết tình cờ đã vào giữa đám quân của Fra Diavolo.

Tên kẻ cướp Fra Diavolo rất muốn bỏ trốn không giao đấu nhưng đâu có dễ: quân tiên phong đảo Corse đã xông vào chiến đấu giáp lá cà với chúng. Những toán quân khác lần lượt tập hợp lại khi nghe tiếng súng. Đoán chắc kết cục bi đát vẫn cắm đầu xông vào giữa vòng lửa. Nhưng thêm một lần nữa Fra Diavolo,

không mệt mỏi như những người truy bắt hắn vì được nghỉ ngơi hai đêm, lại trốn thoát cùng ba mươi tên tay chân. Một trăm hai mươi tên còn lại bị bắt làm tù binh hoặc quăng súng tháo chạy.

Chỉ huy chẳng bận tâm đến chúng, ông chủ quan tâm đến tên trùm sò, kẻ duy nhất có giá trị thật sự. Một khi Fra Diavolo bị bắt, đám tàn quân của hắn không thể tập hợp lại nữa. Những kẻ từng phục vụ cho hắn sẽ không chấp nhận phục tùng dưới quyền một thủ lĩnh khác.

Vừa chạy qua dưới bóng cây rậm rạp, Fra Diavolo rất thông thạo địa hình xứ này nên còn hy vọng chạy tiếp. Nhưng hắn phải ra được đầu đường Pouille và đi theo đường này một đoạn. Hắn nhanh chóng tìm thấy con đường.

Một vực thẳm ngăn hắn xuống phía bên kia. Phía sau hắn là quân lính của ngài Hugo, đột nhiên hắn thấy một đoàn kỵ sĩ Pháp đi tuần đang tiến đến. Nếu hắn đi thẳng hắn sẽ rơi vào tay đội quân đi tuần. Nếu hắn lùi lại, quân lính phía sau sẽ đuổi và tràn lên đường chặn hắn. Còn bên phải, như tôi vừa nói có một vực thẳm chặn lại.

Đồng bọn của hắn dừng lại run rẩy nhìn hắn đầy lo âu. Chúng như muốn nói với hắn: "Chỉ có anh mới cứu chúng tôi thoát khỏi đây nhờ một trong những mưu mô quỷ quyệt từng làm lên cái tên Fra Diavolo của anh mà thôi."

Quả thật, con quỷ của hắn không bỏ rơi hắn trong tình cảnh khó khăn này.

-Hãy nhanh trói tay tao ra sau lưng – Hắn nói – và trói cả trung uý này nữa.

Bọn cướp im bặt sợ hãi nhìn hắn.

-Làm nhanh lên! Làm đi! – Fra Diavolo hét lên – Chúng ta không được để mất thời gian.

Mệnh lệnh được thực thi một cách thụ động. Không có dây trói chúng dùng khăn tay buộc tay thủ lĩnh lại.

-Bây giờ – Fra Diavolo nói – hãy mạnh dạn đi thẳng đến đám kỵ binh kia. Chúng sẽ hỏi chúng tao là ai, chúng mày trả lời bọn ta là hai tên cướp của băng Fra Diavolo mà chúng mày bắt được đang dẫn đến Naples để lĩnh thưởng.

-Thế nhỡ chúng muốn tự mình dẫn các anh đi thì sao?

-Thì bọn mày cứ để chúng làm, hãy vừa rút lại phía sau vừa phản đối cái bất công chúng làm với bọn mày.

-Thế còn ngài, đại uý?

-Ối dào! Ai chẳng một lần chết.

Mệnh lệnh nhanh chóng được thực hiện. Fra Diavolo và tên trung uý của hắn lâm bộ rầu rĩ thảm hại. Hai tên cảnh binh đóng giả bước quả quyết về phía đám kỵ binh. Đám này hỏi chúng. Tất cả dân Naples đều là những người tài ứng đối. Một trong hai tên cướp lên tiếng thao thao kể chúng bắt được hai tù binh ra sao.

Đám kỵ sĩ nhiệt liệt khen ngợi diễn giả và một toán nhỏ nữa đến nhập vào đuôi đoàn quân theo hướng ngược lại. Đôi bên của tay nhau như bạn bè và chúc

nhau thượng lộ bình an.

Đi cảnh hậu quân săn lùng chừng ba trăm bước, bọn cướp tìm được một con đường mòn xuyên qua đường dẫn ra chỗ của chung. Fra Diavolo và tên trung uý của hắn được cởi trói, bấy giờ hắn ra lệnh bắn trả người săn chúng.

Đám lính ban nãy hoàn toàn không biết tầm quan trọng của những kẻ vừa thoát khỏi tay họ. Họ chỉ nhận ra chúng giễu cợt họ nhưng vì đi ngựa lại không thông thạo đường rừng, họ không dám đuổi theo đám kẻ cướp đi bộ thuộc lòng thông thổ nơi đây. Chỉ khi gặp quân của chỉ huy Hugo họ mới biết mình đã để xổng ai.

Cuộc săn đuổi lại tiếp tục. Buổi tối hôm ấy Hugo và đội quân của ông đến Lettere, một xứ nhỏ ven Castellammare. Đến đây, người ta thông báo cho họ biết cách chỗ đóng quân của ông không xa, Fra Diavolo vừa đụng độ thêm và phần lớn người của hắn đã bị giết, chính hắn cũng bị thương. Hắn gắng hết sức chạy về La Cava. Hầu như chỉ còn lại một mình, lúc này Fra Diavolo không đáng lo ngại, chỉ sợ hắn tìm được một chiếc thuyền đi sang Capri hay Sicile rồi lại xuất hiện với một băng đảng mới. Trốn bằng thuyền là cứu cánh duy nhất của hắn. Hắn cho giải tán nốt những tay chân cuối cùng vì nghĩ một mình sẽ dễ dàng trốn thoát hơn.

Cái đầu hắn trị giá gần 6 nghìn ducats tiền thưởng (tương đương 26 nghìn phăng). Đội quân đội quốc gia những vùng lân cận và quân viễn chinh Pháp đều được thông báo. Ngay cả Fra Diavolo cũng biết dù có trốn sang Sicile hắn vẫn có thể bị kẻ hám sáu nghìn ducats tố giác.

Vào khoảng cuối tháng mười, đêm rất lạnh còn mặt đất phủ đầy tuyết hắn không thể dong duỗi bộ trên núi, hơn nữa, trong lần đụng độ mới nhất với cảnh binh dân sự, hắn bị thêm một vết thương nữa và đã kiệt sức; hai mươi chín ngày chạy trốn quân Pháp, hắn lả dần vì đói do không có gì ăn từ Aletta. Nếu có thể hắn sẽ hào phóng đổi mười nghìn ducats giấu trong núi, khoản tiền mà một tên đồng bọn muốn dâng cho Hugo, để lấy một nơi trú ẩn chắc chắn, một mẩu bánh mì và một đêm ngủ yên giấc.

Hắn bước đi một hai tiếng vô định đến một nơi lạ lẫm hắn không quen thông thổ. Khoảng chín giờ tối, hắn lại gần một túp lều của người chăn gia súc. Hắn nhìn qua khe quan sát bên trong và nhận thấy chỉ có một người sống ở đây. Hắn vào xin ở nhờ và nếu chủ lều từ chối hắn sẽ dùng vũ lực.

Nhưng ông chủ đồng ý với vẻ dễ dãi mà người nghèo hay chia sẻ với người khác chút ít của cải Chúa dành cho họ. Fra Diavolo vào lều hỏi thăm mới biết không bao giờ thấy cảnh binh lặng vảng quanh đây. Hắn đặt vũ khí vào một góc, ngồi cạnh đống lửa và ăn phần bữa tối còn lại của người chăn dê. Tức là vài củ khoai tây bỏ quên vùi trong tro sau đó, hắn lăn ra ổ rơm và thân cây ngô ngủ thiếp đi.

Fra Diavolo được báo không có cảnh binh nhưng hắn không ngờ lại còn bọn cướp. Vào khoảng nửa đêm, bốn tên cướp của băng Ciliento tình cờ vào túp lều nơi Fra Diavolo đang ngủ. Ông chủ lều và khách của ông ta bật thức dậy khi cái họng thép dí vào cổ và không biết những kẻ này là quan quân hay bọn đồng nghiệp, Fra Diavolo giấu tên thật, mặc chúng muốn làm gì thì làm không mảy may kháng cự. Kết quả là hắn trơ trọi không vũ khí, không tiền bạc.

Nếu thoát khỏi lần này, Fra Diavolo chẳng còn gì để sợ ngoài cái chết. Từ khi tướng Hugo truy lùng hắn, mọi may mắn đều bỏ rơi hắn, hắn luôn bị đánh bại, bị thương không vũ khí, không tiền bạc, liệu còn gì tệ hại hơn đến với hắn nữa đây?

Khốn thay, hoạ vô đơn chí, bọn cướp vừa đi chưa đầy trăm bước, nghĩ rằng chúng vừa để thoát một kẻ có thể đem tố cáo lấy thưởng, chúng quay trở lại lều buộc hắn đi theo.

Hắn chỉ còn biết tuân lệnh.

Những với hai mươi chín ngày dòng chạy trốn qua những bụi cây ngấy, cây tầm ma, qua gai nhọn, ba ngày vừa rồi lại không giày, đôi chân của hắn đau đớn khôn tả. Mặc những cố gắng hắn không thể đi theo, chúng dùng báng súng nện và dí lưỡi lê vào ngực.

-Cứ giết tao nếu chúng mày muốn, tao không thể đi xa hơn nữa – Fra Diavolo nói rồi lăn ra đất.

§108. La Forca[370]

Hoặc do lòng độ lượng hoặc thấy hắn không thể làm hại mình, mấy tên cướp bỏ mặc cho hẳn chết trên đường.

Vậy tại sao Fra Diavolo không nói tên mình? Bởi lẽ hắn biết cái đầu hắn trị giá sáu nghìn ducats, không nghi ngờ gì nữa, nếu bọn cướp mà biết, chúng sẽ nhanh chóng mang hắn đi nộp cho sở cẩm để lĩnh mỗi tên một nghìn năm trăm ducats bỏ túi.

Hắn đã nhận ra mình đang đối đầu với hạng người nào. Khi chúng đã đi xa, hắn gượng đứng dậy, lấy một cành cây vịn vào nó đi hú hoạ xuống núi. Cuối cùng, hắn tới cổng một ngôi làng, đó là làng Baromssi. Hắn rẽ vào ngõ đầu tiên và một lát sau đứng im như tượng tại quảng trường.

Một thày thuốc mở cửa hàng thấy mặt đất phủ đầy tuyết, ông ngạc nhiên nhìn một người đàn ông đứng ở chỗ công cộng dáo dác ngó nghiêng xung quanh với vẻ lo lắng, không ngay thẳng.

Ông lại gần anh ta và hỏi hắn tên gì.

-Tôi chờ một người bạn – Hắn đáp – Tôi đến từ Calabre, ngay khi anh ấy đến, tôi sẽ đi tiếp.

Thật không may cho Fra Diavolo, vị đại phu lại là người Calabre. Ông nhận ra ngay giọng nói người này không phải giọng người quê mình. Ông nghi ngờ hắn là kẻ đang bỏ trốn nên mời vào bếp sưởi ấm và uống vài giọt rượu. Trong lúc giả bộ chăm sóc, ông ra hiệu cho cô bé phục vụ lại gần nói thầm bảo cô chạy đến nhà xã trưởng và báo cho lực lượng dân phòng.

Một lúc sau, bốn người lính và một thầy cai bước vào cửa hàng. Thầy cai lại gần Fra Diavolo và hỏi giấy tờ của hắn: -Giấy tờ nào – Fra Diavolo hỏi – Bây giờ người ta không thể đi lại mà không có giấy thông hành nữa hay sao?

-Đúng thế – Viên cai đáp – Bây giờ bọn cướp nhan nhản, chúng tôi không thể không đề phòng. Nếu ông không nói ông từ đâu đến, chúng tôi buộc phải đưa ông đến Saleme.

Hắn để họ dẫn đến đó. Họ đưa hắn vào phòng làm việc của ngài trung đội trưởng Farina để thẩm vấn. Đúng lúc ấy, một lính công binh quân đội Naples trực thuộc chỉ huy Hugo có tên là Pavese tình cờ đi ngang qua phòng này, nhìn thấy tù nhân và hét lên: -Fra Diavolo!

Sau tiếng kêu ấy, các bạn có thể hiểu những người tham dự và nhất là tù nhân sửng sốt thế nào.

Hắn muốn chối nhưng khốn thay cho hắn, vào thời nhà Bourbon còn ở Naples, khi hắn làm đại tá và là công tước, khi hắn nghênh ngang diễu qua các phố Naples vênh váo với bộ quân phục và tước hiệu của mình thì cái anh chàng

công binh thấp kém kia lại có quá nhiều vinh hạnh gặp hắn để bây giờ không thể không nhận ra, dù hắn có nửa trần, đã chết hay bị vấy máu cũng không lẫn vào đâu được. Anh chàng công binh quả quyết lời mình nói đến mức không ai nghi ngờ nữa mà họ chắc tên Fra Diavolo hay hớm cuối cùng đã bị bắt.

Chính chỉ huy Hugo là người báo cho vua Joseph tin tên cướp gớm ghiếc ấy đã bị bắt. Nhưng vì muốn thừa nhận và ngưỡng mộ lòng can đảm và tinh thần của hắn, ông xin cho hắn được hưởng khoan hồng từ chính quyền Pháp.

Nhưng vua Joseph đáp rằng, ngoài những hành vi phạm tội chính trị, Fra Diavolo còn phạm các tội dân sự không thể hưởng lượng khoan hồng của nhà vua. Fra Diavolo có thể là quân của nhà Bourbon, là sĩ quan quân đội của vua Ferdinand, công tước Cassano nhưng điều đó không ngăn hắn là kẻ sát nhân và đốt phá.

Tiếng tăm của Fra Diavolo quả không nhỏ do đó phòng xử án chật ních những kẻ hiếu kỳ. Tên tội đồ bị đem ra chất vấn, thủ tục trước thời trị vì của Joseph và Murat bị coi là hình thức không cần thiết. Khi được mời đứng ra tự bào chữa, hắn luôn từ chối.

Lúc trong ngục, hắn nhắc đi nhắc lại mình chỉ làm theo mệnh lệnh. Hắn bình thản nghe tuyên bản án tử hình và khi người ta đọc xong hắn kêu lên.

-Tuy nhiên thế cũng đáng nếu tôi làm được một nửa những gì ngài Sidney Smith ra lệnh cho tôi.

Buổi thi hành án được ấn định vào trưa ngày hôm sau.

Và đúng trưa ngày hôm sau ấy Manhès và bá tước Léo vừa đến quảng trường Chợ Cũ; nhờ bộ quân phục của Manhès, họ cùng ngựa, hai tù nhân và tên đánh xe tìm được một chỗ thoải mái trên quảng trường Del Mercato Vecchino.

Từ con hẻm "Tiếng thở dài của vực thẳm", Fra Diavolo xuất hiện với nước da tái nhưng khuôn mặt nghiêm nghị. Mái tóc của hắn được cắt vòng tròn cao đến tai để không vướng vào dây chão.

Hắn đã đeo vào cổ tấm bằng phong tước hạ sĩ quân đội của nhà vua, kèm theo những hình thù các thứ vũ khí là dấu xi đỏ và chữ ký của nhà vua Ferdinand. Chiếc áo khoác quàng qua vai và đến chân cầu thang sẽ bị lấy lại để hở phần tay, một trong hai cánh tay hắn còn đeo chiếc vòng tay bằng tóc vàng của hoàng hậu Caroline.

Fra Diavolo không vênh váo xấc xược cũng không quá nhún mình. Hắn tỏ ra bình thản, qua đó cho thấy sức mạnh tinh thần chế ngự thể xác và ý chí hắn lấn át vật chất. Ba phần tư đám người đến xem đều quen biết hắn, nhưng hắn chỉ đáp lại lời chào của những người chào hắn đầu tiên. Hắn mỉm cười nhìn vài phụ nữ và chào một hai người. Một hàng quân Pháp dẹp đường phía trước xe và chắn cách bậc lên giá treo cổ vài bước. Dưới chân cầu thang là đao phủ, thầy Donato và hai phụ tá của lão.

Cỗ xe dừng lại. Người ta muốn đỡ Fra Diavolo nhưng hắn nhẹ nhàng tự nhảy xuống đất tiến những bước chắc chắn đến chân cầu thang. Một thầy tu và một lục sự đi theo sau. Đến nơi viên lực sự đọc to bản án của hắn.

Bản án nêu tất cả những ca thán của xã hội đổ lên Fra Diavolo bắt đầu từ vụ giết hại ông chủ của hắn đến việc ám hại hai binh sĩ Pháp. Toàn bộ hội Tử thiện đã đi theo cỗ xe từ Castel Capuano đến giá treo cổ. Một thành viên của hội ngồi cạnh hắn trên xe. Anh ta xuống xe cùng hắn, khoác tay lên vai và đưa hắn đến chân giá treo cổ. Trong lúc người này còn khoác tay lên tử tù, đao phủ không có quyền đụng vào hắn, một khi cánh tay ấy nhấc lên, án phạm mới thuộc về kế hành quyết.

Bản án đọc xong, Fra Diavolo đứng im không chao đảo, nói khe khẽ với con người khoác chiếc áo choàng màu trắng. Đao phủ đang chờ đợi. Cuối cùng bằng giọng giõng dạc, Fra Diavolo nói với thành viên hội Tử thiện khi quay lưng vào giá treo cổ rằng: -Tôi không còn gì để nói với ông nữa, hãy nhấc cánh tay của ông lên hỡi người anh em của tôi, tôi sẵn sàng rồi.

Đao phủ đi sau hắn muốn đỡ hắn nhưng hắn lắc đầu.

-Không cần – Hắn nói – tôi có thể tự trèo lên một mình.

Và dù hai tay bị trói, hắn vẫn trèo lùi lên các bậc thang, mỗi bậc hắn đều nói: "Ave Maria, Ave Maria, Ave Maria"; cho đến khi lên đến bậc cao nhất chạm vào nút thòng lọng, đao phủ quàng sợi dây qua đầu hắn, chờ một giây xem trong trường hợp ấy, tội đồ có muốn nói gì không.

Quả nhiên, Fra Diavolo hét to: -Con cầu xin Chúa tha tội, mong những nạn nhân do tôi sát hại tha thứ, tôi cầu mong được cầu nguyện Đức Mẹ Đồng…

Hắn chưa dút lời: một nhát hẩy chân của thầy Donato đã tung hắn vào cõi vĩnh hằng.

Tên cướp cảm thấy rơi vào chốn hư không, dùng hết sức định gỡ hai tay trói ra. Đao phủ nhanh chóng trèo lên ba bốn bậc, túm lấy đầu dây đang đung đưa gần chỗ ông ta để, nếu cột sống chưa gãy cũng gãy luôn khi có thêm trọng lượng của ông ta. Ông ta lắc lắc vài cái rồi trượt xuống dọc theo cơ thể của tội đồ rồi nhảy xuống đất.

Nhưng hoặc vì nút thắt thít kém, hoặc sợi dây mới quá nên không trơn hoặc cuối cùng do tên tử tội mạnh mẽ khác thường hơn hẳn những người khác nên khi đao phủ trượt xuống ngang ngực, tên tử tội túm lấy ngang lưng đao phủ dùng hết sức bình sinh siết chặt, càng lúc càng mạnh trong cơn giãy giụa khi hấp hối.

Dân chúng đồng thanh kêu lên: "Hoan hô, Fra Diavolo, hoan hô!" trong khi đao phủ cũng gần cái chết như tội phạm, đang rú lên đau đớn.

Hai trợ thủ của lão lao vào cứu ông chủ. Trong giây lát bốn con người hầu như cùng lơ lửng trên một đầu dây tạo thành một khối hình thù dị dạng, xứng

làm quả của cây giá treo cổ. Nhưng đột nhiên sợi dây đứt và bốn người cùng rơi xuống sàn của giá treo cổ.

Nhìn cảnh tượng ấy, những tiếng kêu giận dữ vang lên trong đám đông, đá bay tới tấp, những người bán hàng giơ gậy của họ, đám người Lazzaroni giơ dao găm, tất cả lao về phía giá treo cổ vừa hô "Donato chết đi! Bọn giúp việc chết đi!"

Nhưng đám bình dân Naples không còn được như những ngày dưới sự trị vì của vua Ferdinand, họ có thể lật đổ giá treo cổ và cho đao phủ tan xác khi không thành thực kỹ nghệ của hắn.

Lính Pháp đứng vòng tròn xung quanh giá treo cổ giương lưỡi lê về phía đám đông, đẩy họ về phía cuối chợ để giữ khoảng cách.

Trong lúc như vậy, viên sĩ quan điều khiển buổi hành quyết đã nhận ra một nhóm người đặc biệt bao gồm Manhès, bá tước, hai tên cướp bị bắt trong xe và tên đánh xe đang ngồi trên ngựa.

Anh ta lịch sự hỏi vài câu hỏi ngắn gọn và nhận được những câu trả lời lịch lãm không kém. Manhès giải thích ngắn gọn hai tên tù nhân là thế nào và hỏi xem mình có thể làm gì.

Viên sĩ quan khuyên họ nên đưa chúng đến nhà tù Vicaria.

Nhân đó, hai chàng trai hỏi: -Khách sạn sang trọng nhất thành phố là gì?

Viên sĩ quan trả lời ngay tắp lự: -Nhà Martin Zir, khách sạn La Vittoria.

-Mày nghe rõ rồi đấy chứ? – Manhès nói với tên đánh xe sau khi đã cảm ơn viên sĩ quan.

Tên đánh xe đưa hai hành khách đến nhà tù Vicaria. Cả hai xuống ngựa trao bọn cướp cho người gác cổng đổi lại, người này hỏi họ tên của họ là gì. Trước lúc ra đi, Léo nghĩ những kẻ khốn nạn kia chẳng có đồng nào dắt lưng và chúng cần hoàn lương nên thả một đồng louis vào tay của anh ta. Mười phút sau, họ đến khách sạn La Vittoria, trả tiền cho kẻ đánh xe rồi vào yêu cầu tắm rửa và bữa trưa, hai thứ họ đang rất cần sau một chuyến đi đêm qua đầm Pontins và mười hai dặm ngồi trên lưng ngựa.

Tuy vậy, trước lúc đi tắm, Manhès viết một lá thư đến viên đại nội thị thần của vua Joseph Bonaparte còn bá tước Léo cũng gửi danh thiếp của mình đến ngài bộ trưởng Quân cảnh Saliceti.

Lúc ngồi vào bàn ăn, cả hai đều nhận được hồi âm, viên thị thần báo lại cho Manhès rằng vua Joseph chờ anh đến càng sớm càng tốt vì ngài đang mong tin tức của hoàng đế và Murat.

Bá tước Léo cũng nhận được thư của thư ký ngài bộ trưởng Quân cảnh rằng ngài Bộ trưởng của anh ta sẽ hân hạnh khi anh đến điện.

Cả hai cùng tin chắc như thế và bắt đầu sửa soạn.

§109. Christophe Saliceti, ngài Bộ trưởng Bộ cảnh sát và chiến tranh

Việc sửa soạn của những chàng trai lịch lãm nhanh chóng kết thúc.

Bá tước Léo mà các bạn đã nhận ra là René là một trong số những chàng trai đó. Vì cấp bậc phụ tá thuyền trưởng Surcouf và cấp đại uý hải quân thứ ba của ngài Lucas không được phê chuẩn nên anh không muốn mặc bộ quân phục xộc xệch như một tên cướp biển hay bộ trang phục tầm thường như một thủy thủ, do đó anh mặc trang phục như thanh niên thời bấy giờ, tức là chiếc áo rơ danh gột cổ nhỏ rủ xuống có đính núm hình khuyết áo, chiếc quần bó bằng vải cachemire, đôi bót ống vểnh, cà vạt và áo gilê trắng, mũ vành vểnh. Ba giờ chiều là lúc người ta báo có người tên là bá tước Léo muốn gặp ngài bộ trưởng Bộ Quân cảnh.

Vẫn còn hai ba người nữa chờ đến lượt gặp bộ trưởng, nhưng vì ngài bộ trưởng muốn gặp bá tước Léo nên bảo họ trở lại vào ngày mai vì thời gian diện kiến đã hết.

Ngài Bộ tướng Quân cảnh Christophe Saliati là người đảo Corse, khi ấy ông đã sáu mươi tuổi.

Là luật sư ở Bastia khi nổ ra cuộc cách mạng Pháp, ông được bổ làm đại biểu và cử vào Quốc hội lập hiến. Ông được tham gia vào việc ra sắc luật nhập những người đảo Corse thành công dân Pháp rồi ông trở thành viên của chính quyền Quốc ước và Hội đồng Năm trăm. Sau cuộc đảo chính ngày 18 Brumaire, ông xa lánh Bonaparte một thời gian do phản đối hành động chính trị này nhưng lại nhanh chóng được tin tưởng. Khi Joseph được phong vua Naples, ông được giao làm bộ trưởng bộ Quân cảnh.

Ông có khuôn mặt đẹp, những đường nét thanh nhã. Ông là cánh tay đắc lực cho vua Joseph Bonaparte trở thành chỗ dựa vững chắc cho ngài trong chính nhà mình.

Đang ngồi bên bàn làm việc, khi nghe "Bá tước Léo đến!", ông duyên dáng đứng dậy và chỉ cho anh chiếc ghế.

Léo bày tỏ lòng cảm ơn về lòng nhân từ và sự hồi âm nhanh chóng của ông.

-Thưa ngài – ông Saliceti nói – Tôi vừa hân hạnh tiếp ngài vừa âu lo một điều rằng ngài đến Naples để thay vị trí của tôi.

-Ồ thưa ngài – Anh chàng mà chúng ta khi gọi là Léo khi gọi là René vừa cười vừa nói – Cái vị trí này quá hoàn hảo nên tôi có nhã ý định liếc nhìn nó một lát.

-Thế chẳng phải ngài là người đến từ Rome cùng đại uý Manhès hay sao?

-Vâng, thưa ngài và ngài cũng chứng tỏ cảnh sát của ngài đã hoàn tất nhiệm vụ thế nào để tôi còn dám hy vọng thậm chí giữ cái ước muốn viển vông là kế vị ngài.

Khi đi ngang qua nhà tù Vicana, ngài đã để lại đó hai tên cướp bị ngài bắt sống và bỏ lại xác ba tên trên đường đứng không?

-Chúng tôi đã cố gắng hết sức có thể trong trương hợp như vậy – Léo đáp – Chúng tôi đã không thể làm hơn thế thưa ngài.

-Bây giờ liệu tôi có thể biết điều gì khiến ngài dành cho tôi cái vinh hạnh được đón tiếp, tôi có thể giúp gì cho ngài?

-Thưa Bộ trưởng, tôi có cái bất hạnh bị Napoléon Bệ hạ chối từ song bù lại, tôi cũng không biết vì sao lại được ngài Fouché đoái thương.

-Thế cũng là nhiều rồi đấy. – Saliceti nói – Fouché không xấu như người ta vẫn nói, ông ấy cũng tốt lắm. Tôi biết ông ta từ hồi chính quyền Quốc ước. Chúng tôi luôn tán đồng quan điểm với nhau và rất gắn bó. Ngài không chuyển nhiệm vụ nào cho tôi đấy chứ?

-Không, thưa ngài. Khi tôi đến nhận lệnh và hỏi tôi phải đi đâu ông ấy bảo: "Anh đã thấy những lời khuyên của tôi đúng chưa? Thế thì tốt, hãy đến Naples, đến gặp ông Saliceti, cố gắng phục vụ em trai hoàng đế cho tốt rồi trở lại gặp tôi."

-Thế ngài không yêu cầu ông ấy tiến cử gì à? – Saliceti hỏi.

-Có chứ, nhưng ông ấy nói với tôi: "Anh bạn thân mến, không cần đâu. Anh là một người đàn ông may mắn, hãy thẳng tiến, may mắn sẽ tìmtên thấy tìm thấy thấy anh". Vì vậy tôi ra đi. Đến Rome, tại trạm ngựa tôi gặp đại uý Manhès: chắc là sự khởi đầu may mắn như ngài Fouché dự đoán, rồi đến đầm Pontins, chúng tôi gặp sáu tên cướp chặn đường, chúng tôi đã hạ ba tên, bắt hai tên làm tù binh như ngài biết đấy. Cuối cùng, vẫn là may mắn đồng hành cùng chúng tôi, chúng tôi đã đến vừa kịp lúc xử Fra Diavolo.

-Ngài là người đồng hành rất tuyệt, tôi đã biết điều đó, ngài có muốn gì ở tôi không?

-Thưa Bộ trưởng, thực tình tôi bắt đầu đồng ý với ngài Fouché. Ngài hãy vạch cho tôi một con đường, tôi sẽ đi theo.

-Ngài không phải là nhà ngoại giao cũng không phải là người mánh khoé đúng không? – Saliceti hỏi.

-Ồ thật lòng là không. – René đáp – Tôi chỉ là một binh sĩ hoặc là một thủy thủ thôi. Hãy cử tôi đến những nơi tôi có thể cho mình chết đi, trên biển hay trên cạn với tôi đều như nhau cả.

-Tại sao phải làm anh chết cơ chứ?

-Vì tôi là người tham vọng, vì tôi muốn có một vị trí thật cao, chỉ như vậy tôi mới lấy lại hạnh phúc mà tôi đã đánh mất.

-Chúng tôi không có hải quân thưa ngài. Chúng ta đã chuẩn bị hai tàu chiến và nó chỉ hoàn thành sau hai năm. Như thế thì lâu cho ngài quá. Chúng tôi cũng không có chiến tranh gì lớn. Mảnh đất Gaète cũng sắp đầu hàng trong năm sáu ngày nữa. Ngài là tay săn hổ báo cự phách nhưng chúng tôi không có rừng rậm như ở Miến Điện, chúng tôi chỉ có những con hổ tên là Tombio, Parafante, Benincasa, Ireland Bizzarro[371]. Ngài có muốn săn những con hổ ấy không? Sẽ là một cấp hàm cho mỗi con ngài hạ hay bắt sống.

-Tôi đồng ý. – René nói – Tôi thích những cuộc đại chiến, tôi thích làm quân nhân hơn là thợ săn, nhưng ngài Fouché có lẽ có cái lý của ông ấy khi hướng tôi về lĩnh vực này.

-Tôi nghĩ mình hiểu suy nghĩ của ông ấy. Đó là ông ấy rất quan tâm đến ngài và ông ấy gửi ngài đến chỗ tôi vì chắc tôi sẽ chia sẻ mối quan tâm ấy. Tôi sẽ nói về ngài với Đức vua, hãy quay lại đây gặp tôi.

-Khi nào?

-Ngày mai.

René đứng dậy và cúi chào.

-Ngài cho phép tôi báo cho ngài Fouché mọi việc chứ? – Anh hỏi.

-Ngài hãy viết sang Pháp càng ít càng tốt, ngài từng viết trong thư về những người ngài yêu hay ghét. Trong lúc này hãy hạn chế những lời tiến cử.

-Tôi hiểu thưa ngài nhưng làm sao với một người vĩ đại như Ngài Napoléon…

-Suỵt! Saliceti nói – Ngài Napoléon là đồng hương của tôi, và trước mặt tôi, tôi chỉ cho phép người ta so sánh ông ấy với mặt trời: Mặt trời cũng còn có vết thưa ngài.

Bá tước Léo chào rồi xin phép ông Bộ trưởng đi ra.

Về đến cửa khách sạn La Victoria, anh gặp lại Manhès. Khuôn mặt của chàng đại uý trẻ sáng lên: -Nhân thể tôi báo cho ngài một điều – Anh ta nói – tôi đã kể về ngài với đức vua, bệ hạ đã nói với tôi là muốn gặp ngài.

-Bạn thân mến của tôi – Léo nói với Manhès – Từ khi tôi quan hệ với các bộ trưởng và tôi vừa gặp ngài Saliceti chừng bốn mươi lăm phút, tôi trở thành người có nhãn mác rồi. Ngài Saliceti có lòng sẽ nói về tôi với Bệ hạ cứ để ông ấy làm vậy, tôi nghĩ ông ấy muốn tôi theo con đường khác với con đường ông ấy định chỉ cho tôi.

-Tất nhiên, ngài có lý lắm. – Manhès nói – Nhưng từ giờ đến đó còn phải xem đã. Bây giờ ngài định làm gì với phần ngày còn lại? Ngài có muốn ăn tối ở Pompei không?

-Rất sẵn lòng – Léo nói rồi rung chuông: -Phục vụ – Anh bảo – chuẩn bị một cỗ xe đẹp và hai con ngựa tốt cho ngày hôm nay nhé.

Ông chủ Martin Zir cho đóng ngựa vào cỗ xe đẹp nhất khách sạn ông ta hiểu rằng hai chàng trai mới đến cách một tiếng, một người đã được vua triệu kiến, người kia đến nhà ngài bộ trưởng, thì phải là người xứng đáng với mọi ánh mắt ngưỡng mộ.

Hai chàng trai lên xe.

Ngày hôm ấy quả rất đẹp: dù mới chỉ ở nửa kia của tháng giêng nhưng người ta đã cảm thấy từ phía đảo Sicile những làn gió biển ấm áp làm những đoá hoa hồng Paestun nở bung gấp hai lần bình thường và sắp run rẩy chết đi dưới đáy vịnh Baies.

Tuy thời tiết chưa sang xuân nhưng cũng không còn cái giá băng mùa đông. Cái bến cảng Le Môle rất bẩn tuy vậy cũng rất náo nhiệt trải dài từ Piliero đến cổng del Carmine. Những con lợn con mà người ta vấp sau mỗi bước chân là những lao công duy nhất trên các đường phố ở Naples. Nước vịnh nơi này sáng lên cùng mũi Campanella một bên và bên kia là mũi Misène. Đảo Cap xanh lơ nằm trên các con sóng như một cò quan tài, những lớp sóng bạc tràn dâng như các thiếu nữ mang đoá hoa còn ngủ dưới lớp tuyết bừng lên trước không khí ấm áp và vui vẻ nói với Métestase rằng:

Ồ tuổi trẻ, mưa xuân của cuộc đời!

Ồ mùa xuân, tuổi trẻ trong nam!

Tất cả cười đùa, ca hát ném những bông hoa hay chửi rủa. Cảnh đấy kéo dài hai dặm, tức là từ Môle đến tận Resina. Đến Resina, quang cảnh đã thay đổi. Vẫn những thiếu nữ, những tu sĩ, những ca sĩ và những chú lợn con như thế song tất cả gắn với những nhà làm mì ống, một thứ nghề truyền thống quen thuộc với mọi người dân Portici.

Biểu tượng nơi đây là hình ảnh khổng lồ về những người đàn ông mình trần cõng trên lưng những khối bột to vừa nói tới những luật sành ăn trên đời. Chắc chắn những người làm mì ống ở Portici là có tiếng nhất trong toàn cõi Italie.

Đến gần Torre del Greco, hai thanh niên ngỡ mình lạc vào một cuộc nổi dậy hay một cuộc tấn công băng cướp. Tiếng súng vang lên dồn dập đến độ họ thấy tiếc khi không mang vũ khí theo.

Thế nhưng khi lại gần hỏi thăm họ mới vỡ lẽ ra chẳng có cuộc đọ súng nào cả mà đó là những tiếng của vô số tiếng ném hộp để chào thánh Antoine.

Hai chàng trai của chúng ta không để ý đến lịch, tưởng đến tháng sáu mới diễn ra buổi lễ thần thánh nổi tiếng. Nhưng người ta giải thích cho hai chàng rằng đó không phải là lễ thánh Antoine de Padoue, người chiến thắng Vésure và thuần hoá ngọn lửa mà là lễ thánh Antoine được minh hoạ bằng âm mưu của Callot cơ. Việc chào mừng, tôn vinh thánh giải thích cho họ tại sao lại có nhiều lợn con chạy trên đường đến vậy.

Cuối cùng họ cũng đến Pompei.

Thành phố dưới lòng đất hồi ấy vốn còn nguyên chứ không bị san phẳng như ngày nay. Nó từng nổi tiếng đến mức cho người ta cái ý tưởng tuyệt vời rằng nếu đào lại sẽ thu hút rất nhiều khách hiếu kỳ.

Đến đây, bá tước Léo giải thích cho bạn mình thế nào là atrium impluvium, triclinium[372] và cuối cùng là lối kiến trúc của một ngôi nhà Hy Lạp – La Mã.

Vừa ra khỏi lòng đất, họ đi vào phố Lăng Mộ, những chiếc ghế băng hình vòng mà người chết rất thích được đặt quanh mộ của họ để những người thân cha mẹ, bạn bè hay đơn giản là những người đi dạo đến ngồi.

Anh cũng chỉ cho Manhès như thể anh đang sống ở thời kẻ phóng túng Diomède cho xây ngôi nhà đẹp nhất thị trấn.

Đêm xuống trước khi Manhès kịp thoả chí tò mò của mình. Họ như lùi lại mười tám thế kỷ và trải qua ba giờ với người đương thời Pline l'Ancien và Pline le Jeune.

Rồi đột nhiên, bối cảnh thay đổi, thay vì bóng tối và sự im lặng chốn nghĩa địa, họ đi vào một đường phố sống động và náo nhiệt hình như ở chỗ này, buổi tối còn ầm ĩ hơn ban ngày. Mặt trăng treo lơ lửng như một quả đạn bị súng cối khổng lồ bắn lên trời. Biển giống như một tấm rèm bằng hơi bạc trên đó vài chiếc thuyền toả ánh đèn vẽ lên vệt đen hình một ngư dân tay cám đinh ba rình đâm con cá mà ánh đèn nhử nó ngoi lên mặt nước.

Chặng đường dài từ Pompei trở về Naples được những vì sao soi bằng hàng hà đốm sáng giống như trên đường thành Rome một tối thắp moceoleti vào những ngày cuối cùng của lễ hội hoá trang[373].

Phải tận mắt nhìn cử động ấy, có thể nói phải cảm giác thoát khỏi mọi lời nói xung quanh mới hiểu được mạch sống cương trào từ tay Chúa gieo trồng trong những tỉnh lỵ được ánh nắng mặt trời ban phước này

Đến Portici, xe dừng lại cho ngựa nghỉ lấy sức. Cỗ xe nhanh chóng bị đám dân hiếu kỳ mến khách vây quanh, họ leo lên bậc xe đến nhìn tận mắt, sờ tay vào những riềm bạc của Manhès hay hình trang trí khuyết áo bằng lụa của Léo.

Đột nhiên, giữa đám đông xuất hiện một tu sĩ dòng thánh François và một kẻ hành khất.

Kẻ hành khất nói bằng đặc ngữ Naples vô cùng thiểu não khiến người ta ngỡ rằng ông ta sắp kiệt sức.

-Một grano xin các đức ông! Một grano xin các đức ông! – Tôi đói chết mất, tôi chưa ăn gì từ ba ngày rồi!

Viên thầy tu vừa nói bằng cái giọng mũi khìn khịt phân biệt rõ tông đồ dòng François vừa lắc lắc cái túi tiền trong đó có vài xu.

-Các quý ngài, hãy ban chút gì cho những linh hồn tội lỗi phải chịu trong bể khổ từ hơn nghìn năm qua mà các vị cũng nghe tiếng gào thét của họ mặc những âm thanh vây quanh chúng ta, nếu bể khổ không ở trong lòng đất.

Kẻ ăn xin nhắc lại.

-Lạy đức ông!

Trong khi vị thầy tu cũng lặp lại.

-Các quý ngài!

Thế là Manhès ra hiệu muốn nói.

Cả hai con người trên đều im bặt.

-Này ông bạn – Anh nói với thầy tu – Nếu các linh hồn đã chờ được suốt nghìn năm trong bể khổ, họ vẫn có thể chờ thêm vài ngày nữa, trong khi kẻ khốn khổ này không có gì ăn suốt 72 giờ qua thì không nên bỏ lỡ giây phút nào kẻo ông ấy chết vì đói mất.

Nói rồi anh kéo túi tiền của vị thầy tu mở ra rồi dốc vào mũ của kẻ hành khất. Xong việc, anh bỏ mặc vị thầy tu đứng như trời trồng quay về phía người đánh ngựa hô to: -Avanti! Avanti!

Cỗ xe lao đi nhanh và chỉ dừng lại trước cổng khách sạn La Victoria.

§110. Vua Joseph

Vào khoảng trưa hôm sau, khi hai chàng trai dùng bữa xong, một người cưỡi ngựa mang thư của ngài Bộ trưởng đến với nội dung như sau:

"Thưa ngài bá tước,

Tôi chờ ngài đến ba giờ chiều nay để giới thiệu ngài với Bệ hạ, người mà tối qua, trước khi tôi kịp giới thiệu ngài, đã tỏ ý muốn gặp ngài. Khi từ lâu đài trở về, chúng ta sẽ ăn tối, tôi sẽ giới thiệu với ngài con gái tôi, nữ công tước Lavello người rất muốn làm quen với ngài.

Tời cũng nhờ ngài chuyển lời mời dùng bữa tôi trong lá thư thứ hai đến bạn của ngài, đại uý Manhès, người tôi không rõ địa chỉ, tôi mong ông ấy cũng đến nhà tôi khoảng năm đến sáu giờ."

René chuyển lá thư thứ hai đến tay Manhès, anh chàng này đáp lại là rất vinh hạnh và sẽ đến theo lời mời của ngài bộ trưởng.

Ba giờ, bá tước Léo xuất hiện tại nhà ngài Saliceti. Anh thấy ngài Bộ trưởng đã sẵn sàng, cỗ xe đã thắng ngựa.

Vua Joseph, con cả trong nhà, người đã sẵn sàng nhường ngôi trưởng cho Napoléon vì tài năng xuất chúng của em, là một người đàn ông bốn mươi lăm tuổi, nét mặt phúc hậu và niềm nở.

Tính khí của con người này ôn hoà ngang với tính gây gổ của em ông. Đây là người đầu tiên trong nhà Napoléon có ý định dành cho một ngai vàng. Nhưng cũng phải thừa nhận rằng trên ngai vàng cũng như ở cương vị khác, Joseph luôn là người tận tụy và nghe lời em trai nhất nhà.

Không có gì kỳ lạ hơn là suốt 89 tập thư từ trao đổi giữa Napoléon và Joseph, trong đó Joseph luôn gọi em là "Ngài" và "Bệ hạ", trong khi Napoléon gọi lại bằng một từ không đổi "Anh."

Rất nhiều trong số thư từ ấy là những lời khuyên, vài thư là mệnh lệnh và thật kỳ lạ hơn nữa là dù Napoléon chưa từng ở Naples nhưng lại biết rõ tình hình nơi đây hơn cả Joseph đang tại vị. Napoléon hay đề cập đến lòng tốt quá mức của anh trai. Vị hoàng đế không muốn nương tay trong luật pháp hoàng tộc, ông đặc biệt không thích ân xá cho bọn cướp, trộm cắp và ngay cả các thầy tu. Chính vì vậy mà tử tước Rodio, kẻ leo được lên tước vị ấy nhờ vua Ferdinand và hoàng hậu Caroline, tiếp tục ủng hộ cho lực lượng du kích sau khi vua Joseph thay Ferdinand, bị bắt ở Pouille khi trong tay đang cầm vũ khí, bị đưa ra toà, được thừa nhận là tù binh chiến tranh và được xá tội. Nhưng có một mệnh lệch "cấp cao" đưa đến, toà xử lần thứ hai được triệu tập và kết hội hắn. Đức vua vắng mặt, Saliceti cho xử bắn kẻ này.

Về việc này, vì vua Joseph lấy làm tiếc khi người ta không cho ông được thoải mái ân xá, Napoléon đã viết một lá thư dài mà chúng tôi xin trích đoạn dưới đây:

"Anh cứ so sánh dân Naples với dân đảo Corse, anh hãy nhớ khi chúng ta vào Niolo, bốn mươi tên nổi dậy đã bị treo cổ lên cây và nỗi sợ đã khiến không kẻ nào dám ho he nữa. Còn chuyện khi em trở về từ Grande Armée lập tức nơi đó nổi dậy. Em đã cử Junot đến nhưng tình hình không thay đổi, em bèn ra lệnh đốt trụi hai làng và cho xử bắn kẻ nổi dậy, trong đó có sáu tên thầy tu. Thế là đâu vào đấy, xứ ấy thuần phục và còn thuần phục lâu nữa. Tất nhiên, em không đề nghị anh noi gương em. Song phải công nhận đó là một sức mạnh. Nếu anh trị vì nghiêm khắc và kỷ luật dân Calabre cũng như những vọng khác có ba mươi năm nữa cũng sẽ không nhúc nhích.

Em sẽ kết thúc thư của mình như em đã bắt đầu. Anh sẽ là vua Naples và Sicile, anh sẽ có ba, bốn năm hoà bình. Nếu định làm ông vua trễ nhác, nếu anh không cầm chắc dây cương trong tay, nếu anh chỉ nghe ý kiến của dân chúng, đám người chỉ biết điều họ muốn, nếu anh không từ bỏ những lạm dụng và những vị tha cũ theo cách anh vẫn làm, nếu anh không thiết lập những áp đặt mà anh có thể thực hiện nhờ sức của người Pháp, người đảo Corse, người Thuỵ Sĩ, người Naples và trang bị vũ khí cho các tàu chiến, anh sẽ chẳng làm được gì hết và trong bốn năm nữa, thay vì có ích cho em, anh lại làm hại em vì anh sẽ tước đi các phương cách của em. Anh hãy nhớ kỹ điều em nói: Sự trị vì của anh phụ thuộc vào kết quả xử lý vùng Calabre. Đừng tha thứ. Hãy dùng vũ lực với ít nhất sáu trăm phần tử nổi dậy. Chúng làm phương hại số lượng lớn binh sĩ của ta. Hãy cho đốt nhà của ba mươi trưởng làng và hãy phát vãng tài sản của họ cho quân đội. Hãy giải giáp vũ khí với mọi người dân và cho càn qua năm hay sáu làng lớn, những làng tỏ ra cứng đầu nhất.

Vì Calabre nổi dậy, tại sao anh không dùng nửa tài sản quốc gia cho quân đội? Đó sẽ là một nguồn cứu cánh rất lớn đồng thời tạo tiền lệ cho tương lai. Người ta không thay đổi cũng không cải cách một Nhà nước với đường lối mềm mỏng. Phải có những giải pháp khác thường và cứng rắn. Vì dân Calabre sát hại quân sĩ của em, em sẽ tự ra sắc chỉ trưng thu nửa phần thu nhập của tỉnh đó. Nhưng nếu anh bắt đầu bằng việc thực hiện những quy tắc để không cho họ nổi dậy, họ sẽ luôn dựa vào anh, lòng tốt của anh, thứ chỉ là sự yếu đuối sẽ là nấm mồ cho nước Pháp.

Anh là người quá tốt bụng."

Thực tế là vua Joseph rất hiền, do đó mà ông không làm vua được bốn năm tại Naples mà chỉ được hai năm.

Saliceti vừa được thông báo ông đến cùng bá tước Léo. Anh chàng Manhès không biết gì về cuộc diện kiến của bạn mình, đã đang ở bên cạnh vua Joseph.

-Thưa ngài – Vua Joseph nói với Léo sau khi đáp lại lời khen tặng của Saliceti và lời chào kính trọng của Léo – Hôm qua, nghe bạn đồng hành của ngài, ngài Manhès, sĩ quan tuỳ tùng của em rể Murat của tôi, cách ngài đối xử với sáu tên cướp chặn đường ở đầm Pontins. Tôi có lời khen với hành động ấy, nhưng đến tối qua ngài Saliceti, người ngài được tiến cử đến do một trong số người bạn tốt nhất của ông ấy, rằng ngài muốn phục vụ trong quân đội. Với quyết định này, ta phải làm điều hơn cả khen ngợi, ta nợ anh lời cảm ơn.

-Tâu bệ hạ – Bá tước Léo đáp – Chắc ngài Bộ trưởng đã nói với Bệ hạ là thần không có chút tham vọng nào cả. Những gì Bệ hạ ban cho thần, dù có ít thế nào, với thần cũng là đủ. Một khi có súng trong tay, nếu bệ hạ cho thần làm binh sĩ bình thường, một khi có kiếm trong tay nếu bệ hạ cho thần làm sĩ quan, tức là thần phải làm cho xứng với lòng tốt của bệ hạ và thần sẽ làm hết sức.

-Ông Saliceti đã nói với ta rằng anh từng phục vụ trong hải quân?

-Thần từng làm cướp biển với một trong những người tên tuổi nhất bờ biển nước ta, với thuyền trưởng Surcouf người Malo.

-Ta có nghe nói anh có mặt ở trận Trafalgar. Làm sao anh tham gia trận Trafalgar được nếu anh trên tàu cướp biển?

-Được biết trận đại chiến sắp xảy ra, thần xin vào phục vụ cho chỉ huy tàu Redoutable, thuyền trưởng Lucas. Nhờ tướng Decaen, đảo trưởng đảo Pháp và ông chủ Surcouf giới thiệu nên chỉ huy Lucas đã cho thần làm đại uý thứ ba trên tàu Redoutable, thay vị trí còn khuyết.

-Và trên tàu Redoutable, ông Saliceti đã bảo với ta anh không chỉ chiến đấu mạnh mẽ như một con sư tử mà còn có khả năng là người đã bắn chết Nelson đúng không?

-Thần không bao giờ dựng lên chuyện này tâu bệ hạ, trước hết vì thần không chắc chắn về điều đó, thứ nữa là Nelson là một chiến binh vĩ đại mà thần sẽ xấu hổ khi bịa chuyện về cái chết của ông ta.

-Thế khi từ Anh trở về, anh không gặp lại chỉ huy Lucas sao?

-Có chứ tâu Bệ hạ.

-Thế chỉ huy Lucas không nói về anh với em trai ta à?

-Ông ấy đã làm như vậy, tâu bệ hạ.

-Thế tại sao ông ấy không giới thiệu anh tới gặp hoàng đế

-Ông ấy đã dành cho thần cái vinh dự đó.

-Thế mà em ta không những không thưởng gì cho anh mà còn không thừa nhận cấp bậc của anh ư?

-Thần không thể trả lời tâu bệ hạ vì như thế là thần hoặc buộc tội mình hoặc buộc tội em trai bệ hạ. Nếu hoàng thượng ra lệnh cho thần buộc tội mình thì…

-Thôi! Thế đủ rồi – Vua Joseph nói và chạm tay vào vai bá tước Léo kèm theo một nụ cười – Anh hãy đem kể mọi chuyện với ông Saliceti người mà ta

mới bổ nhiệm Bộ trưởng Bộ Quân cảnh ấy. Về chuyện này, ông ấy sẽ làm tốt cả những gì anh muốn – Rồi gật đầu ra hiệu cho lui – Nếu anh không hài lòng về ông ấy, cứ đến phàn nàn với ta.

-Thần không bao giờ phàn nàn tâu bệ hạ – René nói.

-Nhân đây – Joseph nói với theo buộc René dừng lại khi anh sắp bước qua ngưỡng cửa vì hiểu cuộc triệu vời đã xong – Ta không thể mời anh đi săn như ở Ấn Độ nơi anh giết hổ, báo nhưng trong rừng Asproni ta cũng có nhiều lợn lòi lắm, nếu anh không chê con mồi yếu đuối ấy, ông Saliceti sẽ để anh đi dạo bao nhiêu lần trong đó cũng được.

René cúi mình đa tạ rồi lui ra.

Manhès còn ở lại phía sau nhà vua, nháy mắt và tay ra hiệu anh sẽ ra ngay sau đó. Thật ra Manhès lui lại để xem phản ứng của vua Joseph với người bạn của mình là thế nào, và cái khuôn mặt tươi roi rói của anh khi ra gặp René cho thấy ấn tượng của nhà vua là rất tuyệt.

Quả nhiên như vậy, khi cánh cửa chưa khép lại sau lưng Manhès vua Joseph đã rút một cuốn sổ tay trong túi ra, cuốn sổ này dùng để ghi chép những điều ngài sợ không nhớ được và đã viết vài dòng bút chì như sau: “Giới thiệu hoặc với Reynier, hoặc với Verdier chàng trai mà mình thấy đó là một mẫu mực về lòng can đảm và sự hào hoa.”

§111. Il Bizzarro

Ngài Saliceti và hai vị khách của mình trở về dinh bộ Chiến tranh. Ngài Saliceti cũng đã đoán được ấn tượng mà René để lại trong vua Joseph là thế nào. Riêng Manhès thì rất yên lòng vì vài câu đức vua nói với anh khi anh nấn ná ở lại thêm cạnh ngài. Chỉ cần cái bắt tay của mình với René anh cũng cho René biết cảm tình của nhà vua là rất tốt. Tiểu thư Lavello đang đợi cha mình và hai vị khách trong phòng.

Tiểu thư là một cô gái vô cùng trẻ đẹp được cha cô hết mực yêu quý Khi toà lâu đài của Bộ chiến tranh bị sập một năm sau đó khi tiểu thư suýt thiệt mạng dưới đống đổ nát, ngài Saliceti cũng chết đi sống lại không phải vì hậu quả của cơn chấn động mà do quá lo cho cô con gái yêu.

René được giới thiệu ra mắt trước cô và với thiên tư của một cô gái tinh tế, lịch lãm cô nhanh chóng nhận ra sự hào hoa và phong cách của chàng trai trẻ này.

Họ ngồi vào bàn ăn.

Ông Saliceti muốn nhân trong bữa ăn gia đình để nói chuyện thoải mái với hai thực khách. Về phần René, ông không hiểu thêm gì nhiều vì do khiêm tốn hay tế nhị, ông nhận ra anh chàng này không thích nói về mình, thế là ông hy vọng có thể dựa vào Manhès, anh này sẽ cho mình biết những gì ông không thể biết được từ René.

Người thứ sáu ngồi vào bàn là thư ký thứ nhất của ông bộ trưởng người này cũng là người đảo Corse như ông Saliceti.

Câu chuyện bắt đầu rôm rả ngay khi họ mới ngồi vào bàn.

-Thưa ngài, – ông Saliceti nói với khách – Ngài định sử dụng cái tên nào? Nếu là tôi, tôi sẽ dùng cái tên anh bạn Manhès của ngài đặt cho: bá tước Léo là một cái tên đẹp phải không con gái của cha?

-Nhất là cái tên Léo tựa như muốn nói đến sư tử – Tiểu thư Lavello đáp.

-Tôi dùng cái tên ấy không với nghĩa là sư tử đâu, thưa tiểu thư tôi dùng cái tên này là bởi nó do một người bạn tôi yêu mến và đáng kính đặt cho. Ngài bộ trưởng và tiểu thư thích cái tên này lại là một lý do khiến tôi sẽ giữ nó.

-Vị khách thân mến của tôi – ông Saliceti nói – bây giờ chúng ta hãy quyết định công việc như người trong nhà nhé. Cũng giống như ông bạn Fouché của tôi từng khuyên ngài đầu quân vào tàu cướp biển rồi vào chiến hạm quốc gia, tôi cũng có những đội quân đặc biệt và những đội săn bọn đạo tặc để khuyên ngài tham gia. Trong những đội quân đặc biệt, hiếm khi ai có cơ hội thăng tiến, nhưng trong đội săn cướp thì ngược lại, việc truy lùng còn hiểm nguy hơn chiến đấu thông thường, người ta có cả chục cơ hội tỏ bản lĩnh và thu hút sự chú ý. Nói ngay như ông Hugo đấy – Giữa chúng ta tôi cũng chẳng giấu giếm gì – ông ấy bị

sự trả thù nho nhỏ mà cứ mãi ở chức chỉ huy, mặc dù rất xuất sắc trong trận Caldiero. Nhưng mới đây, khi tóm được Fra Diarolo, chẳng mấy chốc ông ấy sẽ đeo lon đại tá cho mà xem.

-Anh nghĩ sao, Manhès? – René hỏi.

-Lạy Chúa! Tôi nghĩ ngài bộ trưởng đã cho anh lời khuyên quá lý thú đấy! Xin tiểu thư bỏ quá cho. Tôi muốn ở lại cùng anh săn lùng bọn cướp rồi đấy.

-Hơn nữa – Viên thư ký xen vào – chúng tôi có một tên rất bất hảo. Nếu hắn tiếp tục, những tên như đồng bọn của Benincasa, Taccone và Panzanera sẽ chỉ là những tay trộm vặt.

-Hôm nay ông có tin tức quan trọng nào không? – ông Saliceti hỏi.

-Có cận vệ của tướng Verdier đã gửi thư cho tôi.

-Thế tên cướp của ông tên là gì thế? – ông bộ trưởng hỏi tiếp.

-Hắn vẫn chưa bị sơ hở nhưng làm nghề này thì sớm muộn gì cũng phải lộ diện thôi. Hắn tên là Il Bizzano. Đó là một thanh niên khá trẻ, mới chỉ hai mươi lăm tuổi là cùng.

-Để xem – Manhès nói – chính chúng tôi là người sẽ đánh giá điều đó.

-Ngay từ hồi còn ít tuổi – Viên thư ký của ngài Saliceti nói tiếp – hắn đã phục vụ cho một đại tá giàu có và quyến rũ luôn con gái ông ta. Đôi trẻ bất cẩn không che đậy tình cảm của mình khiến các anh cô bé tò mò rình hai kẻ yêu đương và bắt quả tang đúng lúc không thể chối vào đâu được…

-Này, này – Tiểu thư Lavello nói – xin ông ý tứ cho!

-Nhưng thưa quý cô – Viên thư ký vừa nói vừa cười – cũng phải giải thích để mọi người còn hiểu chứ.

-Thôi được rồi, Robert – ông Saliceti nói.

-… không thể chối vào đâu được – Viên thư ký cứng đầu nói tiếp – và đâm kẻ tình lang mấy nhát dao rồi bỏ hắn chết ngất trên một đống phân. Những người tốt bụng đi ngang qua thấy một cái xác họ đưa hắn về nhà thờ trong làng, để đọc xong bài kinh cầu siêu. Thi thể hắn phải ở lại đó đến sáng hôm sau.

Nhưng tên sát nhân yên chí hắn đã chết. Quả thật, hắn đã được đưa vào trong quan tài, được đọc những bài kinh cầu siêu.

Đêm xuống, các cha xứ lần lượt ra khỏi toà nhà. Ai cũng nghĩ chỉ còn việc đóng nắp quan tài và hạ kẻ yêu đương xấu số xuống đất ngay cạnh nhà nữa là xong.

Nhưng vị cha cố cuối cùng vừa ra khỏi, kẻ nằm đó đã mở mắt, thò đầu ra khỏi cỗ quan tài, nhờ ánh sáng đèn nến đang cháy, hắn thấy nhà thờ hoàn toàn vắng vẻ.

Ban đầu, hắn không hiểu chuyện gì đã xảy ra và mình đang ở đâu Nhưng máu chảy khiến hắn kiệt sức và nỗi đau từ các vết thương nhắc cho hắn nhớ lại

chuyện gì đã đến với mình. Hắn gắng gượng ra khỏi cỗ quan tài rồi lết ra khỏi nhà thờ tiến về phía rừng núi, chốn ẩn nấp vĩnh cửu của những kẻ chạy trốn.

Tấn thảm kịch mà tôi vừa kể cho các vị nghe màn đầu tiên ấy diễn ra vào khoảng năm 1800, Bizzano, kẻ anh hùng, hồi ấy mới chỉ mười chín tuổi.

Trong suốt bốn hay năm năm sau, không ai nghe nhắc đến cái tên Bizzano. Chỉ có điều khi thấy cỗ quan tài trống rỗng, lập tức người ta hiểu ngay hắn đã bỏ trốn. Rất có thể hắn đã gia nhập một băng trộm cắp và giết người trong suốt năm năm dưới sự chỉ huy của tên Soriano, kẻ trừng tuyên bố bảo vệ triều đình Bourbon khi cuộc tấn công lần thứ hai của quân Pháp tiến vào Naples và đưa vua Joseph lên ngôi vua nơi đây.

Lòng can đảm và máu lạnh của Bizzano đã nhanh chóng đưa hắn vượt lên mọi tên khác. Hắn được bầu làm thủ lĩnh và khi quyền độc tài đã nằm trong tay, hắn nghĩ thời điểm trả thù đã đến.

Kết quả là vào một ngày chủ nhật, khi tất cả dân chúng trong làng Varano – Đó là tên ngôi làng hắn bị bỏ cho chết – bao gồm cả gia đình nhà chủ cũ của hắn tụ tập làm lễ tại chính nhà thờ nơi hắn bị bỏ lại qua đêm, Bizzano theo bè lũ của hắn vào nhà thờ, tiến đến tận chính điện ra lệnh cho mọi người ra ngoài.

Đám đông nghe theo ban đầu họ ngạc nhiên nhưng sau đó cự lại lưỡng lự một lát. Nhưng Bizzano xưng tên và doạ sẽ đốt nhà thờ. Tiếng tăm của hắn đã nổi lắm nên không ai lưỡng lự nữa.

Tất cả lao ra cửa. Dưới con mắt của hắn, một đám đông câm lặng, sợ hãi, hoảng hốt trước đám lâu la lần lượt đi qua.

Có hai nạn nhân bị đọc tên đích danh ở lại là hai con trai ông chủ cũ của hắn tức hai anh traí của người tình, hai kẻ đã đâm hắn.

Không được may mắn như hắn, hai con trai ông chủ đã ngã xuống mà không bao giờ đứng dậy được. Nhưng món nợ của Bizzano đâu đã xong, vẫn còn thiếu ba nạn nhân nữa vì ông chủ trước kia của hắn có tới năm người con trai, người tình của hắn có năm anh em trai và như vậy phải trả món nợ không phải hai mà tất cả là năm tên.

Bizzano vào nhà thờ cùng đám tay chân của mình. Hắn tìm được những kẻ cần tìm nấp sau điện thờ. Tự tay hắn đâm chúng như đã đâm những người đầu tiên, như thể với hắn hoàn tất cuộc trả thì là một thú vui tự hắn dành cho mình. Bizzano đi tìm hai người khác là ông bố của người tình và chính người tình của hắn.

Hắn chạy đến nhà ông già, bắt gặp ông ta đang bị ốm và cô con gái đang chăm sóc.

Cô này nhận ra người yêu cũ đoán được hắn đến để hoàn thành cuộc trả thù khủng khiếp nên đã lao ra cản nhưng Bizzano đẩy cô ta ra trút nốt nỗi giận dữ lên

đám đàn ông trong nhà, hoàn tất cuộc thảm sát đẫm máu, bế cô gái ngất xỉu đặt lên ngựa và trở vào vùng rừng núi.

-Thế cô ta ra sao? – Tiểu thư Lavello hỏi – Người ta có tin tức gì về cô ta không?

-Than ôi thưa quý cô tôi buộc phải nói ra cái điều đáng hổ thẹn cho thanh danh giới nữ của quý cô: đó là ở cô ta, tình yêu lại mạnh hơn quan hệ huyết thống, ả tiếp tục yêu Bizzano, người từng là nạn nhân của cha và anh em mình, về sau ả vẫn tiếp tục yêu hắn, kẻ giết hại chính cha và anh em của ả. Giờ đây, băng đảng của Bizzano đã có tổ chức quy củ, người ta luôn thấy chúng cưỡi ngựa bên thủ lĩnh của chúng. Trong những đợt càn quét, điên cuồng, chúng tỏ ra táo tợn hung dữ rất xứng với Bizzano.

-Thế người ta không thể bắt được tên khốn kiếp ấy à? – Tiểu thư hỏi.

-Cái đầu hắn có giá hai nhìn ducats thưa cô, nhưng cho đến bây giờ chưa ai dám phản bội hắn, hắn đã thoát khỏi mọi cạm bẫy và chiến thuật giăng ra.

-Được đấy bá tước Léo – Manhès nói – ở vị trí của cậu, thề danh dự người lính tôi sẽ có cái đầu của Bizzano hoặc tôi mất tên của mình.

-Tôi sẽ giữ lại tên của mình – Léo đáp gọn – và tôi sẽ có cái đầu của hắn.

-Đến ngày ấy, tôi sẽ trao tay mình cho anh hôn – Tiểu thư Lavello nói.

§112. Hai chàng trai chia tay, một người tiếp tục chiến đấu bên tướng quân Murat, người kia đến xin tòng quân dưới quyền tướng Reynier

Ngày hôm sau, Manhès và bá tước Léo thuận theo lời mời của vua Joseph đi săn lợn lòi ở Asproni. Họ thích có trong thực đơn con mồi của vùng Capodimonte. Họ đã bắn được mười hai con và phải dùng xe kéo, thịt được chia đều cho các binh lính.

Vốn tự hào về thành Naples của mình, ông Saliceti đòi hai chàng trai lưu lại năm, sáu ngày để thưởng ngoạn cảnh trí và chính ông cũng theo họ đi vài chuyến dã ngoại.

Họ đi thăm Nisida, thành cổ của Lucullus, thăm Pouzzole từng là cố đô của Campanie, thăm đền Sérapis, xem những gì còn lại của cây cầu Caligula, tới hồ Lucrin đến bên dòng sông mà Énée đã hái cành vàng giúp mình mở cánh cửa địa ngực và cuối cùng đến Achéron. Bằng một con đường tuyệt đẹp trải một tấm thảm cây xanh và cây thạch thảo vàng, họ đến vùng biển Misène nơi người La Mã từng có những hạm đội thuyền chiến do Pline l'Ancien làm đô đốc. Chiến hạm đã tách một thuyền để lại gần xem hiện tượng núi lửa Vésuve và bị cát chôn phủ giữa Stabia và Pompei. Họ còn tới thăm Baies[374] nơi Cicéron từng xây một toà nhà mà chính ông ta cũng không dám thừa nhận vì tiếng xấu trong cách tắm ở đó. Họ cũng đến Bauli xem gác chuông ngoại đạo ánh lên dưới nắng mặt trời nơi hình như Néron đã giảng hoà với mẹ mình, hôn lên ngực bà trước khi chia tay, một cử chỉ bày tỏ sự chú ý và tôn trọng của một người con trai dành cho mẹ.

Cách đó chừng một trăm bước là chiếc thuyền mạ vàng dẫn bà đến toà nhà Baies. Agrippine không kêu cứu, không hò hét đã bơi đến ngôi nhà của mình và được các nô lệ chào đón. Những chỉ một tiếng sau, khi Anicetus đến, bà đã buông ra câu nói khủng khiếp cuối cùng với con trai: Fen Ventrem (Hãy đâm vào bụng!).

Bà đã trừng phạt kẻ giết cha như vậy.

Qua một miền cảng Naples, họ trở lại Poltici, Tolte del Greco, Castellammare, nơi từng lấy tên một pháo đài bị đổ đặt cho mình.

Mặc những nguy hiểm khi phải qua rừng La Cava để đến Salerme, hai chàng trai không thể cưỡng lại ý muốn tới thăm đền Paestum và đi viết tên của mình lên những công trình từ thời Hy Lạp cổ đại đã bị đổ nát từ thời hoàng đế Auguste.

Giữa đám cây ngấy và đám cỏ cao khổng lồ mọc chắn lối vào những kỳ quan của thời cổ đại, René phải nhọc công lắm mới tìm được những bông hồng mà ở Naples bày đầy trong các giỏ, để đặt lên bàn của Apicius và Lucullus.

Một con rắn hốt hoảng khi nghe tiếng động, lao ra khỏi bụi cây ngấy, cuộn tấm thân vàng choé thành từng vòng trên những tấm lát xỉn màu rồi mất hút trong khoảng để tượng trong đền.

Có lẽ đó là vị thần canh giữ chốn hoang vu này.

Khi trở lại, họ dừng chân ở Salerme để thám lăng mộ của giáo hoàng Grégoire VII người sau khi truy hại cha mình là vua Henri Đệ tứ nước Đức đã lại bị ông ta đánh trả. Trước khi chết ông đã ra lệnh khắc trên bia dòng chữ:

Ta đã yêu công lý, ta đã chạy trốn sự bất công, chính thế mà ta chết trong nghèo đói và lưu đày.

Cuối cùng đã đến lúc phải chia tay thành Naples tuyệt đẹp và lòng hiếu khách của ông Saliceti. Léo và Manhès kết nghĩa anh em rồi chia tay.

Riêng với bá tước Léo, ông Saliceti khuyên anh nên chờ một đội quân sắp đi Calabre để đi cùng họ. Nhưng René đâu phải là người quá lo lắng đến mạng sống của mình đến vậy. Khi được biết anh sẽ đến đầu quân cho tướng Reynier mà người ta không biết giờ này ông ở đâu do mọi tin tức đều bị gián đoạn, có chăng thì ông ta đang ở Amantea hay Cotrone; thế là anh tuyên bố tự mình sẽ đến gặp ông ta.

-Anh chỉ cần xưng tên – ông Saliceti nói – ông ấy sẽ biết mình phải liên kết với anh để đạt kết quả tốt nhất.

Tiểu thư Lavello muốn chìa tay cho anh hôn nhưng anh chỉ cúi mình trước người con gái đẹp ấy và nói: -Thưa quý cô, một ân huệ như vậy phải dành làm phần thưởng chứ không phải cho một lời động viên.

René trèo lên con ngựa tuyệt đẹp mà người ta chuẩn bị cho anh trước cửa dinh của ông Saliceti, ông này bảo đó là một món quà của vua Joseph. René mặc bộ quân phục sĩ quan cấp thấp, súng cạc bin trên cốt yên ngựa, hai khẩu súng ngắn bên thắt lưng gọn gàng rồi ra đi bỏ mặc lời khuyên của ông Saliceti bảo nên chờ thêm.

Ngày ngày đầu tiên, anh đã ngủ tại Salerme. Con ngựa của anh chỉ nghỉ hai tiếng trong lúc tiết trời nóng nực nhất, sau đó nó có thể chạy mười tiếng một ngày không biết mệt.

Ngày thứ hai, anh đến Capaccio. Tại đây, anh hỏi thăm và biết đường sẽ rất khó đi vì vừa chằng chịt đan xen nhau lại vừa có những băng cướp nằm cách xa quân đội Pháp ở Naples. Chúng chặn mọi tin tức giữa thủ đô và tướng quân. Người ta còn đồn tướng Stuart của nước Anh đã đưa đội quân khoảng năm đến sáu nghìn và ba trăm tù khổ sai vào vịnh Sainte-Éuphénie.

Không vì thế mà René không đến Capaceti. Anh chẳng lo đường khó đi hay bọn cướp. Ngày thật dài. Anh phải đến Lagonegro và dọc đường không có mái nhà nào, anh thận trọng cho vào túi bánh mì, thịt gà và một chai rượu vang.

Đi được năm tiếng từ lúc tờ mờ sáng, anh bắt gặp một ngã tư và ba ngã rẽ phơi ra trước mắt anh đây là khó khăn đầu tiên như người ta đã báo trước. René tin sẽ gặp được ngôi sao may mắn như Fouché tưởng đã thấy trong cơn bão của ông ta.

Anh xuống ngựa, đặt khẩu cạc bin, hai khẩu súng ngắn và chai rượu vang trong tầm tay phải, đặt thịt gà và bánh mì trong tầm tay trái rồi ngồi xuống ăn bữa trưa thản nhiên như trong công viên Asproni hay ở Capodimonte.

Anh hy vọng sẽ gặp vài nông dân đi ngang qua và chỉ đường cho anh. Anh đã không nhầm. Vừa xẻ chỗ thịt gà và uống được phần tư chai rượu, anh đã nghe thấy tiếng ngựa rồi thấy xuất hiện một người như thợ cối xay trắng xoá vì bột, một con mắt bị che dưới cái khăn mùi xoa, cái mũ rộng vành che gần nửa khuôn mặt.

René gọi anh ta.

Nghe giọng nói, ông phó cối dừng ngay ngựa lại, đưa con mắt còn lại nhìn người vừa nói với mình.

-Này bạn hữu – René hỏi – Anh có khát không?

René chìa chai rượu ra.

-Lại đây uống đi. Anh có đói không?

Anh chìa thịt gà ra.

-Lại đây ăn đi.

Người đàn ông nọ vẫn không nhúc nhích.

-Ông đâu có biết tôi – Anh ta nói.

-Nhưng anh, anh biết tôi đấy. Tôi là người lính Pháp. Anh sẽ nói cho tôi trong ba con đường kia, đường nào dẫn đến chỗ quân đội và chúng ta sẽ chia tay. Nếu anh muốn kiếm vài đồng louis anh sẽ dẫn đường cho tôi.

-Tôi không đói cũng không khát – Người đàn ông đáp – Nhưng tôi sẽ dẫn đường cho ông.

-Tốt lắm.

Người nông dân vẫn ngồi nguyên trên lưng ngựa.

René tiếp tục ăn trưa. Ăn xong, anh để chai rượu, bánh mì vừa con gà lại cho người nào đói đi ngang qua rồi lên ngựa, chìa một đồng louis cho người nông dân bảo: -Anh đi trước đi, đây là tiền đặt cọc.

-Cảm ơn – Người đàn ông nọ đáp – Nếu ông hài lòng, ông sẽ trả nó cùng với chỗ còn lại một thể.

Người nông dân đi trước, René đi theo sau anh ta. Dù nhìn con ngựa của anh ta cà tàng nhưng nó lại phi rất nhanh khiến cho René rất hài lòng vì thấy chuyến đi của mình không bị chậm lại.

Họ đến Lagonegro suôn sẻ. René nhận ra trong suốt dọc đường người dẫn đường của mình đã nói vài lời với những người bất thình lình xông ra từ cánh

rừng hai bên đường, đám người ấy lẩn đi ngay lập tức. Anh đoán người dẫn đường của mình là người trong vùng nên quen biết những kẻ kia.

René ăn tối rất ngon. Anh gọi một suất ngon tương tự cho người đưa đường của mình và dặn gọi anh dậy từ sớm hôm sau.

Ngày mai anh phải đến Laino hay Rotonda: một ngày dài với hơn chục dặm đường nữa đang chờ anh.

Ngày hôm sau diễn ra như mấy ngày trước, con ngựa của người thợ xay bột cũng vẫn giữ được nước chạy như trước, với nước chạy ấy, người ta có thể đi được hai dặm một giờ. Dọc đường sau những mỏm đá lớn, ở giữa khu rừng thưa, người dẫn đường tiếp tục gặp vài người quen. Anh ta nói vài câu và những người kia lẩn đi.

Ngày hôm sau nữa, thay vì đi theo đường lớn, nếu ở Calabre vào thời đó có được con đường đáng được gọi là đường lớn, người dẫn đường lại đưa René rẽ phải, bỏ lại Cosenza phá bên trái.

Đêm ấy họ ngủ lại San Mango.

René hỏi thăm và biết chỉ còn vài dặm nữa là đến chỗ quân đội Pháp đang đóng quân bên vịnh Sainte-Éuphénie. Anh nhận ra những câu trả lời dành cho anh có vẻ rất xấc và ông chủ tỏ vẻ mặt khó chịu với anh.

-Vậy là anh đối xử với ông ta theo cách coi ông ta là kẻ khôn ngoan. Thế là ông ta kính cẩn đưa chìa khoá và cây đèn của mình cho anh.

René lên phòng và thấy chìa khoá ở chốn này là một thứ đồ xa xỉ vì cánh cửa chỉ khẽ níu với chiếc đinh bằng một sợi chỉ.

Anh vào phòng thấy một thứ có hình dạng như cái giường bèn để nguyên quần áo ngả lưng xuống đó không quên cẩn thận đặt khẩu súng cạc bin và hai khẩu súng ngắn lên bàn ngay cạnh đó.

Anh mới chỉ ngủ được một tiếng thì nghe thấy tiếng bước chân trong phòng bên cạnh. Những bước chân ấy lại gần cánh cửa René trong lúc chờ cánh cửa mở ra với một khẩu súng ngắn sẵn sàng nhả đạn.

Nhưng anh rất lấy làm lạ, cánh cửa rung rung hai lần mà không mở ra. Anh cầm súng tự mình đi ra mở và thấy một người đàn ông ngủ bên ngoài. Anh cúi xuống nhìn và nhận ra đó là người đưa đường của mình.

-Vì Chúa, – Người này nói – ông đừng ra khỏi đây.

-Sao vậy? – René hỏi.

-Ông chưa đi được mười bước đã bị giết rồi.

-Thế anh làm gì ở đây?

-Tôi canh cho ông – Người đưa đường nói.

René đăm chiêu trở lại giường, thả mình xuống đó rồi thiếp đi.

Hình như anh đã nghe thấy giọng nói này ở đâu đó.

§113. Tướng quân Reynier

Tướng Reynier, người mà René sắp đến gặp, vào năm 1792 nhờ sự tiến cử của tướng La Harpe đã được bổ nhiệm vào ban tham mưu cho tướng quân Dumouriez với tư cách là trợ lý. Nhanh chóng trở thành sĩ quan tuỳ tùng của tướng Dumouriez, ông được tham gia chiến dịch Hà Lan lừng danh khi mà các trung đoàn kỵ binh nhẹ của địch phải bỏ chạy bằng chiếm hạm rồi đâm vào băng gần đảo Texel. Nhờ chiến dịch này, ông được phong thiếu tướng và nhanh chóng làm trưởng ban tham mưu quân đội sông Rhin do tướng Moreau chỉ huy.

Bonaparte từng đưa ông sang Ai Cập và tin tưởng giao cho ông chỉ huy một sư đoàn. Sư đoàn này bao gồm các cánh quân thắng trận Pyramides.

Thành Cai-rô bị chiếm, tướng quân Reynier chịu trách nhiệm đẩy lùi quân Ibrahim bey ở Syrie và trở thành chỉ huy cao cấp tỉnh Charki. Nhân cách cao thượng nhanh chóng đưa tướng quân Reynier vượt trội trong mọi hoàn cảnh và chiếm được cảm tình của dân A Rập. Bonaparte rời Ai Cập. Chỉ huy toàn quyền quân đội nơi đây lẽ ra phải thuộc Reynier nhưng lại rơi vào tay tướng Menou. Quân đội xì xào bàn tán một vài hôm, Menou cho bắt Reynier, cho ông lên tàu chiến hạng vừa đưa về Pháp không một lời giải thích.

Về đến Paris, Reynier không chiếm được cảm tình của Bonaparte và bị đẩy đến Nièvre.

Tính khảng khái và tự trọng như Reynier không hợp với Napoléon, tuy vậy, ông vẫn được huy động vào chiến dịch năm 1805. Sau trận Austerlitz, hoàng đế giao cho ông chỉ huy quân đội giúp anh mình thôn tính vương quốc Naples.

Chúng ta cũng thấy việc lên ngôi của vua Joseph không vấp phải kháng cự nào. Dễ để thuyết phục trong những lần trao đổi với em trai là Hoàng đế nước Pháp, vua Joseph cũng mang cái dễ dãi ấy với dân chúng Naples mà theo quan điểm của em ngài đó là những điều kiện quá thoải mái. Việc chần chừ ở mảnh đất Gaète đã cho những bè đảng cũ nhà Bourbon kịp có thời gian ngóc đầu dậy. Thật ra đó là những tên trộm cướp biết nắm cơ hội để tô vẽ cho lá cờ hòng che đậy cái nghề mạt hạng đáng phỉ báng của chúng, cho chúng cơ may tập hợp thêm nhiều băng đảng mới và mượn cớ chính trị hòng cướp bóc hay trả thù tư.

Thế là tướng quân Reynier được cử đến Calabre với đội quân bảy tám nghìn người. Không một thành phố hay băng đảng nào dám trực diện chống lại ông. Cứ thế ông dẹp yên đến Scilla và Reggio nơi đặt đội quân đồn trú của mình.

Những những kẻ lưu đày khỏi Palerme, tức vua Ferdinand và hoàng hậu Caroline đã kịp thông đồng với người Anh, tạo thành liên minh vĩnh viễn hòng chống lại nước Pháp: Dọc bờ biển Calabre, lực lượng nói trên bắt đầu hành động

bằng việc rải tiền, súng đạn cho những kẻ nổi dậy trong lúc chờ đợi một chiến hạm trang bị từ Messine để mang tới cho chúng quân tiếp viện liệu quả hơn.

Do đó, ngày nào tướng quân Reynier cũng bị đe doạ quân địch sẽ đổ bộ lên bờ biển, mặt khác các thủ lĩnh băng đảng Panedigrano, Benincasa, Parafante, Bizzarro như cá thêm vây ngày nào cũng những nhiễu tập kích sát hại người của ông.

Từ một tháng qua, ông đã trình lên vua Joseph bản báo cáo về sự xuất hiện tại Calabre rất nhiều tiền Anh. Số tiền này được dùng làm phương tiện kích động dân chúng làm phản. Ông đã cho nhiều cánh quân cơ động truy lùng chúng.

Cuối cùng, chiến hạm rình rập cũng rời eo biển Messine. Tướng Reynier nhanh chóng báo tin cho tướng Compère người mà ông cử lại ở hai trận đánh giữa Scilla và Reggio rằng chỉ cử đến hai thành phố trên số quân cần thiết để trấn thủ các lâu đài và bệnh viện còn lại đưa quân đến tập hợp với ông tại sông Angitola đồng thời gởi thư cho các trung đoàn rải rác, ra lệnh tập trung cũng tại sông này.

Vừa đến Monteleone, tướng quân Reynier đã hay tin quân Anh đổ bộ vào Sainte-Éuphénie đêm hôm trước. Ba cánh quân Ba Lan muốn chống lại cuộc đổ bộ đã bị đẩy lùi và rút vào sâu phía sau Angitola. Tướng Digonet cũng mới đến đêm trước, đóng quân bên sông Lamato với đội quân liên minh Ba Lan và trung đoàn săn bắt cướp số 9.

Về phía tướng Reynier, với gần bốn nghìn năm trăm quân, ông cho họ hạ trại miền thưởng lưu sông Angitola. Từ vị trí cao nguyên ấy, ông đã bao quát toàn bộ vịnh Sainte-Éuphénie. Kẻ thù có khoảng sáu đến bảy nghìn quân vẫn chưa di chuyển vị trí kể từ lúc đổ bộ. Cánh phải là giàn hoả tiễn dưới chân tháp pháo đài Malte, cánh trái của chúng là làng Sainte-Éuphénie. Quân địch đã cử những toán quân đến Sambiase và Nicastro. Dưới con mắt của quân Anh, đó là hai địa điểm nổi dậy, trưng cờ đỏ và chịu xuống hợp quân với chúng. Suốt ngày có những băng cướp xuống núi theo toán hai mươi, ba mươi hay bốn mươi tên.

Từ trên cao, tướng quân Reynier quan sát hết thảy những động tĩnh ấy. Ông nghĩ càng chờ đợi, quân Anh càng nhận thêm viện trợ nữa nên dù yếu hơn về số quân, ông vẫn quyết định tấn công ngay hôm sau hoặc hôm sau nữa.

Kết quả là đúng hôm René ngủ tại Amantea, tướng Reynier đã cho quân tràn từ trên Angitola xuống gần sông Lamato, gần Maida để có thể tấn công với kẻ thù hai tiếng tại địa điểm giữa núi và biển để vừa nằm ngoài tầm súng của bọn cướp tụ tập phía chân núi vừa tránh hoả tiễn của chiến hạm ven biển.

Ngày hôm trước, René đã được người dẫn đường của mình thông báo rằng quân Pháp chỉ cách họ vài dặm nữa và ngày hôm sau là anh có thể gặp họ. Mới sớm tinh mơ hôm sau, anh đã nai nịt gọn gàng mở cửa và gặp người dẫn đường cũng sẵn sàng như anh.

Anh ta ra liệu cho anh im lặng và đi theo mình. Họ không đi qua cổng mà trèo qua cửa sổ xuống đất nhờ một cái thang dựng sẵn. Người đưa đường xuống trước, hai người lên ngựa đã đóng yên sẵn đang chờ ở cổng hậu.

-Nhưng mà này – René nói khi thấy người dẫn đường lên ngựa chực lao đi – Hình như chúng ta chưa trả tiền.

-Chuyện ấy xong rồi – Người dẫn đường trả lời – chúng ta đừng để lỡ giây phút nào nữa.

Rồi kẻ đó lên ngựa lao đi với vận tốc mà René đã biết.

Khoảng tám giờ sáng, họ đến đỉnh núi Sainte-Éuphénie nơi họ nhìn rõ hai đạo quân, chiến hạm quân Anh và cả một đường xanh nhạt xa tít chính là đảo Sicile cùng vài chấm đen bốc khói chính là núi lửa Stromboli.

René dừng lại một lát để chiêm ngưỡng khung cảnh non xanh nước biếc nơi tụ hội của những gì đẹp nhất, và đáng sợ nhất của thiên nhiên. Nào là núi non, rừng, biển, đảo, vịnh cát vàng nơi hai đạo quân cách nhau khoảng một dặm, hai đạo quân đang chuẩn bị tàn sát lẫn nhau.

-Chúng ta đã đến nơi rồi – Người đưa đường nói – Đây là quân Pháp và kia là quân Anh mà ông cũng biết họ đổ bộ đêm qua đấy.

René lục túi quần.

-Đây là sáu Louis thay vì ba như tôi đã hứa – Anh nói.

-Cảm ơn! – Người đưa đường đáp và gạt tay anh ra – Tôi còn một nửa số tiền ông đưa cho khi chia tay tôi ở nhà tù Vicana đấy.

René ngạc nhiên nhìn người đàn ông.

Người này bỏ mũ, tháo tấm khăn nửa khuôn mặt và dù anh ta đã cắt râu tóc, René vẫn nhận ra tên cướp anh đã bắt được ở đầm Pontins.

-Gì thế này! Là ngươi à? – Anh hỏi.

-Đúng vậy Tên cướp cười đáp.

Ngươi trốn được à?

-Vâng – Hắn nói – cai ngục là bạn của tôi, định mệnh đã cho tôi gặp ông, tôi vẫn nhớ những gì ông đã làm cho tôi.

-Ta đã làm gì cho ngươi?

-Ông đã có thể giết tôi nhưng lại tha mạng cho tôi. Tôi chết vì khát nhưng không xin, ông đã cho ăn uống lại cả tiền, khi rời cửa nhà tù ông đã luồn một đồng louis vào tay tôi. Chúng tôi là kẻ cướp, nhưng chúng tôi vẫn là người. Về phần mình, tôi đã ngăn người ta giết ông đôi ba bận đấy. Thôi chúng ta chia tay.

Nói rồi tên cướp lao ngựa đi không phải chậm rãi mà phi nước đại, biến mất trước khi René hết ngạc nhiên.

Rồi anh nhún vai tự nhủ: -Quỷ tha ma bắt, không biết lòng biết ơn ấy trú ẩn ở chỗ nào không biết.

Sau đó, anh đưa mắt nhìn về phía bãi biển nơi sắp diễn ra trận đánh. Đã có sự di chuyển lớn trong hàng ngũ quân Anh. Các toán quân đã tiến về phía biển khiến trong chốc lát René tưởng họ sắp rời đi nhưng họ chia thành hai cánh tiếp tục đi về cửa sông, họ qua sông, một thuyền chiến hạng nặng, một thuyền chiến hạng vừa và nhiều xà lan chở đại bác tiếp tục đi theo họ. Sau đó, cánh quân tiến về mạn phải ngược dòng Lamato, hình như chúng muốn chặn quân Pháp trên đường Monteleone.

Vào lúc đó cánh quân qua cửa sông cũng tiến về phía trại lính Pháp. Mới nhìn qua cũng thấy lực lượng hai bên ra sao. Quân Pháp ít hơn địch rất nhiều. Quân Anh, cùng với lực lượng hợp nhất của đám cướp bóc lên đến tám nghìn trong khi quân Pháp chỉ có năm nghìn.

Tuy vậy, tướng Reynier vẫn nghĩ đó là thời điểm thích hợp để tấn công. Khi bị dòng Lamato chia làm hai, ông có thể sẽ dễ dàng tấn công vào giữa băng hoả lực mạnh. Một khi đã chia làm hai, phần quân đi dọc bờ biển chắc chắn sẽ có thể quay lại nhưng cánh trái của Reynier sẽ buộc phải trốn trong các đầm hay rừng Sainte-Éuphénie.

Quả nhiên, khi qua đường Lamato, tướng Reynier có thể tiếp giáp quân địch không gặp trở ngại nào với quân bộ binh, pháo binh hạng nhẹ và đội kỵ binh của mình, tiếc là đội kỵ binh này chỉ có một trăm năm mươi nghìn người của đội sàn bắt cướp số 9.

Trong khi đó, nếu để quân địch qua sông ông sẽ mất hết lợi thế vì buộc phải chiến đấu ở địa hình nhiều khe và đầm lầy không cho phép ông sử dụng pháo binh và quân kỵ binh.

Đứng cách chiến trường chưa đầy một phần tư dặm, René quan sát thấy tướng quân Reynier cho hai đội khinh binh chận đầu để bắn tia dọc theo cánh quân Anh đã qua cửa sông Lamato và dưới quyền chỉ huy của một vị tướng mà anh không biết, hai trung đoàn chủ lực khoảng hai nghìn bốn trăm đến hai nghìn năm trăm quân cũng qua sông hình thành thế trận phía bờ bên kia. Theo sau họ có tiểu đoàn thuỵ Sĩ số bốn và mười hai đại đội của trung đoàn quân Ba Lan, tất cả khoảng gần một nghìn năm trăm người.

Cuối cùng, trung đoàn bộ binh số hai mươi ba, dưới sự chỉ huy của tướng quân Digonet sẽ trấn giữ cánh phải trong khi bốn toán pháo binh hạng nhẹ và một nghìn năm trăm quân kỵ binh sẽ ở giữa.

Tướng Reynier đã ra lệnh cho tướng Compère đứng đầu ngay trung đoàn tiên phong tiến lên theo tuyến hướng về phía quân Anh trung khi quản Thuỵ Sĩ và quân Ba Lan theo ở tuyến sau còn trung đoàn bộ binh số hai mươi ba, vì ở quá xa bên cánh phải, sẽ sáp lại gần quân Thuỵ Sĩ toàn lực hỗ trợ cho tướng Compère đánh khu giữa trung tâm quân Anh.

Đây là lần đầu tiên René tham dự vào một cuộc chiến bày binh bố trận như thế. Anh như đứng chôn chân một chỗ vì tò mò. Vả lại anh tự hỏi không biết thêm một người như anh thì làm được gì trong cái mớ hỗn độn kia.

Hai cánh quân tấn công tiến lên rất bình tĩnh và tỉnh táo, đi đầu là tướng Compère của họ. Phát hiện quân Pháp đang tiến đến, quân Anh dừng lại ở nửa tầm súng trường, vũ khí sẵn sàng những chưa khai hoả.

Thế là trung đoàn tiên phong nạp đạn rồi xông lên, trung đoàn bộ binh sĩ bốn mươi hai cũng noi theo. Tướng Compère và hai sĩ quan tuỳ tùng cùng một trung uý lọt lại ở giữa.

Khi quân Pháp chỉ còn cách mười lăm bước, quân địch nổ súng ở hàng thứ nhất và hàng thứ hai. Quân Pháp tiếp tục tràn sang nhưng hàng thứ ba của quân Anh đã truyền súng cho tốp đầu nên lại một loạt súng nữa vang lên.

Trong loạt đạn thứ hai này tướng Compère trúng đạn cả ở đầu lẫn ở tay.

Vừa nhìn tướng phe mình ngã ra đất, quân lính trung đoàn tiên phong đã quay lưng định tháo chạy. Trung đoàn số bốn mươi hai nhận ra hành vi hèn nhát ấy nên lưỡng lự. René hiểu rằng nỗi sợ này có thể sẽ lan ra toàn quân. Lập tức chân ngựa của anh như nhấc bổng khỏi mặt đất và không quản việc có thể vấp phải chướng ngại vật khác trên đường, anh thả dây cương và chỉ chốc lát đã hai tay hai súng đứng giữa đám người bỏ trốn.

Cố gắng đầu tiên của anh là ngăn họ nhưng nhận thấy họ giương súng ra doạ anh nên anh bỏ sang một bên chạy lại cứu tướng Compère mà quân Anh đang muốn bắt sống vì phát hiện ông chỉ bị thương. Hai phát súng ngắn và hai phát súng cạc bin khiến khối người bu gần tướng Compère tản ra chút ít. Vì cả hai loại súng đều hết đạn, anh mắc khẩu cạc bin vào yên ngựa, tra súng lục vào bên sườn nó, vẫn ngồi trên ngựa, lượm một thanh gươm rồi phi thẳng vào năm sáu tên lính Anh đang hùng hổ xáp lại tướng Compère.

René điều khiển thanh gươm điêu luyện như đấu kiếm. Chỉ trong giây lát, ba tên lính Anh đã ngã ra hoặc bị chết hoặc bị thương ba tên kia cắm đầu bỏ chạy trong đó một tên bị giết bởi sĩ quan tuỳ tùng của tướng Compère.

Tuy nhiên, tướng quân Reynier đã xông vào giữa đám quân nháo nhác dẫn theo một trăm năm mươi quân kỵ binh. Từ trên cao, ông đã thấy René dũng mãnh lao vào chiến trường và chiến đấu. Ban đầu ông rất ngạc nhiên. Không nhận ra anh thuộc cánh quân nào vì quân phục khá lạ, ông lưỡng lự một lát nhưng rồi ông hiểu ngay bộ quân phục anh mặc dù thuộc đơn vị nào cũng bọc trong nó trái tim của một con người anh dũng.

-Hãy chỉ huy các chiến sĩ này – ông hét lên – và hãy làm cho thật tốt

-Các anh có muốn tôi chỉ huy các anh không? – René hỏi to.

-Có! – Họ đồng thanh trả lời.

Thế là anh đặt cái mũ lên đầu thanh gươm, lao lên phía trước, lẳng nó vào giữa tốp quân Anh đầu tiên vừa hạ một tên lính vừa nói: -Hai mươi đồng louis cho người nào lấy lại cái mũ cho tôi.

Thế là bị kích thích vừa bằng lòng dũng cảm của anh vừa vì hy vọng được món tiền thưởng, lính sĩ Pháp xuyên thủng hàng ngũ quân Anh và đánh đến tuyến thứ ba. Nhưng họ không thể tiến sâu hơn. René đưa thanh gươm lên miệng dùng răng cắn chặt, rút súng ngắn hạ hai tên rồi tra lại vào bao tiếp tục dùng gươm.

-Này – Anh nói và lấy lại chiếc mũ mà chỉ mình anh mới lại gần được – Này, hình như tôi lại kiếm được hai mươi louis của tôi rồi.

Quân Anh khép lại vòng vây anh. René đã xuyên qua hai tuyến quân địch và chọc vòng thứ ba bằng cách hạ hai tên đối diện khi chúng mắt tròn mắt dẹt thấy chỉ có mỗi một lính Pháp trong quân đội Anh.

Một toán sĩ quan đang bao quanh tướng Stuart. Hai trong số họ tách ra xông lại phía René.

René hiểu rằng họ muốn dành cho anh một cuộc so gươm nhưng là cuộc đụng độ hai chọi một.

Anh dừng ngựa, bắn khẩu cạc bin vào một tên cách mình năm bước tên kia cách hai chục bước: cả hai đều gục xuống.

Lập tức, một kỵ sĩ thứ ba tách khỏi nhóm và khua tít thanh gươm ý muốn nói anh ta sẽ đọ gươm. René mắc khẩu súng cạc bin vào cốt yên ngựa và lao lại phía đối thủ mới.

Thế là giống như thời cổ đại hay thời kỳ của các hiệp sĩ xa xưa giống như những anh hùng trong trường ca của Homère, hay những hiệp sĩ thời trung cổ, René và địch thủ lao vào nhau trong trận quyết tử dữ dội trong đó ai cũng tỏ ra có bản lĩnh và khéo léo tuyệt vời. Cuối cùng, sau mười phút chiến đấu, sĩ quan người Anh bị thương vào tay phải và bị mũi gươm của René dí vào ngực buộc phải chịu thua.

-Thưa ngài – Anh ta nói bằng tiếng Pháp rất chuẩn với René – Ngài có muốn tôi quay lại nói một câu với tướng quân của tôi không?

-Được đi đi!

René nhân cơ hội ấy để nạp đạn vào hai loại vũ khí của mình và đặt nổ trở lại vị trí.

Một lát sau, anh thấy viên sĩ quan Anh quay trở lại, tay phải buộc một chiếc khăn và đầu gươm phất phơ một chiếc khăn tay màu trắng.

-Chiếc khăn màu trắng kia có ý nghĩa gì vậy – René vừa nói vừa cười – ông đến thương thuyết và khuyên tôi đầu hàng chăng?

-Tôi đến để mời ngài đi theo tôi, thưa ngài. Để ngài không gặp bất hạnh nào khi vượt qua hàng ngũ của chúng tôi trở về quân đội của ngài, tôi được hân hạnh nhận lệnh của tướng quân Stuart, mở lối cho ngài ra.

-Thế tướng quân Stuart tưởng tôi không biết cách mở vòng vây sao?

-Ông ấy không nghi ngờ điều đó, thưa ngài, nhưng ông muốn ngài được bình an vô sự trở về, ông ấy còn nói nếu ngài từ chối tôi dẫn đường, tự ông ấy sẽ đến làm việc đó.

-Rất cảm ơn – René nói – Tôi không muốn quấy rầy ông ấy đến thế. Ông đi trước đi, tôi sẽ theo sau.

Trong khi đó, số phận của trận đánh đã được quyết định: tướng Compère bị bắt, chỉ huy tiểu đoàn tiên phong hy sinh chỉ huy tiểu đoàn quân Thuỵ Sĩ bị thương rất nặng, chỉ huy tiểu đoàn số hài mươi ba của trung đoàn cũng bị thương, đường thông lên Monteleone bị cắt đứt, quân Pháp bị quân Anh truy đuổi đến tận thung lũng Lamato. Đến đó, quân Anh ngần ngại không đuổi tiếp và để tướng Reynier được thảnh thơi rút lui từ chỗ đó.

Khi gặp quân Anh, người dẫn đường cho René kêu to: -Theo lệnh của tướng quân Stuart, hãy hạ vũ khí và giữ nguyên vũ khí bên mình!

Binh sĩ Anh tuân lệnh ngay, René đi qua hai hàng quân mà không việc gì. Họ đi như vậy đến cửa vào thung lũng nơi quân Anh dừng chân.

-Thưa ngài – René nói với người đưa đường – Bây giờ chỉ còn ngài mới có thể xứng đáng thay mặt tôi gởi lời cảm ơn trân trọng của tôi tới tướng Stuart.

Sau khi chào rất kiểu cách tù nhân đã trả tự do cho mình, René phi ngựa đuổi theo hậu quân Pháp đang dừng ở Catanzaro tức là cách đó sáu dặm.

§114. René đã thấy ông Saliceti giữ lời ra sao

René tới trại đóng quân ngoài trời của trung đoàn săn bắt cướp số chín mà anh được lệnh của tướng Reynier chỉ huy họ khi họ đang tơi tả giữa quân bộ binh Anh.

Những người này lúc đuổi theo anh đã thấy anh lao vào hàng ngũ quân Anh rồi mất hút cứ ngỡ anh đã chết. Chính vì vậy khi thấy anh trở về, họ reo lên sung sướng ai cũng chia cho anh một phần rơm để anh làm giường, chia một phần quân lương để anh có cái cho vào bụng thay bữa tối.

René nhận một nắm rơm, rải áo măng tô lên và nhận một cái bánh mì nhưng lại chia cho con ngựa một nửa.

Tờ mờ sáng hôm sau, anh bị một số quan cận vệ của tướng quân Reynier đánh thức. Anh này nhận lệnh của vị tổng chỉ huy đi tìm chàng trai trẻ mặc áo đại uý hải quân và đã chiến đấu rất anh hùng. Trừ phi bị giết hoặc bị bắt, với trang phục ấy thì không khó tìm cho lắm.

René thức dậy, lắc lắc cái đầu rồi lên ngựa đi theo viên sĩ quan cận vệ. Anh ta đưa anh đến một toà thị chính của thành phố.

Đây là nơi tướng quân Reynier đặt làm tổng hành dinh.

René bước vào phòng hội đồng mà ông tướng coi phòng làm việc ông đang có người ra trước tấm bản đồ lớn vùng Calabre nơi mỗi ngôi nhà mỗi thân cây, khe suối đều có đánh dấu. Những ngọn nến đã cháy đến tận chân, những ngọn đèn cạn dầu cho thấy ông đã làm việc suốt đêm.

Khi nghe tiếng thông báo: "Sĩ quan mà ngài cần tìm đã đến, thưa tướng quân" thi ông quay lại phía René, nhổm người ngồi trở lại ghế của mình và đưa tay ra hiệu chào anh.

-Thưa ngài – ông nói – hôm qua, tôi đã thấy ngài thể hiện một tinh thần quật cường tuyệt vời đến nỗi tôi không nghi ngờ gì nữa ngài đúng là chàng trai mà ngài Saliceti đã tiến cử cho tôi thậm chí còn do người cấp cao hơn ông ấy giới thiệu nữa kia. Ngài là bá tước Léo có phải không?

-Vâng thưa ngài.

-Ngài đã bày tỏ với bộ trưởng Saliceti muốn nói chuyện với tôi về việc sẽ tham gia quân đội của tôi.

-Ông ấy đã khẳng định với tôi, thưa tướng quân, rằng vì điều này có lợi cho công cuộc của chúng ta nên ngài sẽ đồng ý.

-Chắc ngài đói rồi – Reynier nói – Tôi đoán ngài cũng khó tìm được gì lót dạ quanh vùng Catanzaro này. Chúng ta vừa ăn sáng vừa nói chuyện cho thoải mái.

Hai binh sĩ khiêng bàn ăn đã bày sẵn sàng vào: bốn miếng thịt lườn, hai con gà, một trong những loại phô mai mà người ta lấy treo trên trần các quầy tạp

phẩm có tên gọi Cacciocavallo, kèm với chai rượu vang Calabre làm nên vẻ thịnh soạn cho bữa sáng.

-Suốt đêm qua – ông tướng nói – tôi đã viết thư cho các sĩ quan của mình tập trung lực lượng của chúng ta về Catanzaro. Khi tin thất trận ngày hôm qua lan ra, cả miền Calabre sẽ nổi dậy. Hôm qua, lúc tôi đến đây, đã có vài kẻ khởi xướng thay lá cờ quốc gia bằng cờ trắng, thay cờ ba màu bằng cờ đỏ. Tối qua, tôi đã cho bắt thị trưởng và thị phó thành phố. Đêm nay sẽ cho hỏi cung chứng, nếu có sự đồng ý trong việc thay cờ này, chúng sẽ bị xử bắn vào sáng mai. Trong hôm nay, tôi định trình báo lên đức vua Joseph. Nếu ngài thấy có cách nào giúp chúng ta thoát khỏi tình hình này hãy nói cho tôi với, tôi sẽ sửa sai lầm ấy.

-Thưa tướng quân – René nói – Ngài đánh giá tôi quá cao đấy. Tôi không phải là nhà chiến thuật hay kỹ sư. Vả lại thua trận như tôi hôm qua giữa quân Anh, đánh đấm túi bụi thì tôi còn nhìn thấy gì nữa.

-Phải phải, tôi biết ngài có cuộc chiến rất xuất sắc với ba sĩ quan Anh trong đó ngài hạ hai, bắt tên thứ ba làm tù binh. Tôi còn biết chính ngài James Stuart ngưỡng mộ lòng dũng cảm của ngài đã ra lệnh cấm không cho binh sĩ bắn ngài thậm chí còn làm cổng chào danh dự tiễn ngài ăn đi chàng trai trẻ, những thứ này rất ngon đấy.

René không phải để mời lần thứ hai. Anh ăn ngon lành như một người đánh suốt một ngày dài chưa được ăn gì vào bụng.

-Tất cả những gì tôi đã thấy – Tướng quân Reynier thân mật nói với chàng trai trẻ – cộng với những gì tôi nghe nói về ngài hôm qua khiến tôi thấy rõ có một nhiệm vụ mà tôi phải nghiêm túc hỏi đó là ngài muốn phục vụ bên tôi thế nào.

-Nếu tướng quân thật lòng muốn hỏi tôi về chuyện này, tôi muốn có một toán quân mà không những tôi là chỉ huy mà phải là chủ của họ. Tôi sẽ chọn họ trong số các tay bắn tỉa xuất sắc, tôi nghĩ họ sẽ rất được việc. Ban nãy ngài có nhắc đến bọn cướp sắp nổi dậy. Chính ngài Saliceti cũng đích thân nhắc đến vài toán, một trong số đó tôi muốn hạ chúng lắm?

-Ngày mai – Tướng Reynier nói – ngài sẽ được toại nguyện. Ngài cần bao nhiêu người?

-Không nhiều cũng không ít quá – René đáp – Chỉ bốn mươi đến bốn mươi lăm người là đủ.

-Ngày mai, đích thân ngài sẽ chọn trong số những tay súng cừ khôi nhất. Chuyện này không khó khăn gì ngoại trừ vài phát đạn cũng phải gây xôn xao một tí chứ. Ngài đã tạo được cảm giác kinh hoàng cho kẻ thù, sự kinh hoàng ấy sẽ còn tăng hơn nữa qua không gì chúng tôi tạo điều kiện cho ngài. Ngài sẽ tự do nhắm vào băng nào tuỳ thích và truy quét chúng không còn một mống. Vả lại, một chàng trai như ngài dẫn đầu một đội quân bốn mươi lăm người sẽ đi được

bất cứ nơi nào. Ngài sẽ là sĩ quan tuỳ tùng của tôi và khi có mệnh lệnh quan trọng, ngài sẽ là người tôi phải trông cậy.

-Như vậy tôi được phép chọn người của mình chứ?

-Ngài sẽ chọn ai?

-Những tay súng giỏi nhất, vì tôi sẽ giao cho họ những công việc nặng nhọc hơn và phải xuất đầu lộ diện nhiều hơn nên tôi muốn trả tiền cho họ cao hơn.

-Tôi thấy không có vấn đề gì miễn là không gây ra sự ganh tị và đừng lấy hết quân đội của tôi nếu ngài đủ giàu có để trả tiền cho họ. Còn lại, cơ hội dành cho ngài truy quét bọn cướp là rất lớn bởi lẽ thất bại mà chúng tôi vừa nếm trải sẽ nhanh chóng thu hút bầy quạ và linh cẩu kéo đến bữa thịt mồi.

-Mong tướng quân ra lệnh chuyển quyền của mình.

-Hãy yên tâm, ngài cứ chọn người và cho tập bắn đi. Cầu Chúa dẫn lối cho ngài! Về phần tôi, trong vòng hai tuần tới tôi chưa thể được trợ cứu, nhưng một khi tôi có thể tập hợp được năm hay sáu nghìn quân, tôi sẽ chống lại toàn bộ Calabre. Với quân Anh, chúng sẽ không bao giờ dám tiến sâu vào lục địa.

-Xin tướng quân ra lệnh việc thi bắn sẽ diễn ra vào ngày mai. Mỗi trung đoàn sẽ có năm mươi tay súng giỏi nhất, mỗi người có ba viên đạn. Người đặt giải nhất sẽ được một chiếc đồng hồ bằng vàng, giải nhì được chiếc đồng hồ bạc, giải ba là sợi dây chuyền bạc có một móc ghim ở đầu. Qua đó tôi sẽ tự mình chọn bốn mươi lăm người bắn giỏi nhất. Ngoài khoản thu nhập bình thường mỗi binh sĩ được chọn sẽ hưởng thêm mỗi ngày một phăng.

-Ngài có thể chịu được khoản chi phí này trong bao lâu?

-Suốt quãng thời gian tôi ở bên tướng quân và tôi mong rằng nó kéo dài càng lâu càng tốt.

Tướng Reynier cho khua trống thông báo mỗi trung đoàn ngày hôm sau cử năm mươi người đến trường bắn. Ba giải thưởng do bá tước Léo đi mua tại Catanzaro.

Suốt ngày hôm ấy, khoảng một trăm binh sĩ bị lạc sau trận đánh lần lượt tập trung về trại Catanzaro.

Cuộc tuyển chọn diễn ra vào ngày hôm sau. Để chứng tỏ mình xứng đáng chỉ huy những người tài giỏi nhất, bá tước Léo là người đầu tiên giương súng bắn ba phát trúng vào chấm đen.

-Vậy là cuộc thi bắt đầu.

Tất cả có bốn trăm xạ thủ. Có năm mươi ba viên đạn bắn trúng vòng tròn đỏ bao quanh hồng tâm xách đó năm mươi bước.

Nhưng trong số đó có ba viên đạn bắn không trúng vòng nên bị loại chỉ còn năm mươi được chọn vào đội ngũ săn lùng bọn cướp do bá tước Léo chỉ huy và gọi tắt là Cuộc săn sư tử.

Ba giải thưởng trao cho ba người thắng, bốn mươi bảy người khác mỗi người nhận được năm phăng. Cuối cùng tất cả những ai tham gia cuộc thi đều được thưởng một phăng.

Trở về Catanzaro, bá tước Léo lần lượt giới thiệu với tướng quân Reynier ba người đoạt giải trong đó người đoạt giải nhất là trung sĩ còn hai người kia là hạ sĩ, tiếp đến là bốn mươi bảy người được chọn cùng tất cả các tay súng tham gia cuộc thi. Để ngày hôm đó trở thành một buổi lễ với họ, tướng quân Reynier cho mời người nghỉ và giải trí trong khuôn khổ kỷ luật cho phép rồi ra hiệu cho René ông có điều muốn nói với anh.

René đi theo ông.

Một nông dân vừa báo tin thành phố Cotrone mới bị rơi vào tay hai thủ lĩnh băng đảng có tên là Santoro và Gargaglio. Ông báo tin này cho René và bảo anh:
-Ngài thấy chưa, bắt đầu rồi đấy.

Nhưng việc chiếm lại thị trấn Cotrone nằm ngoài khả năng của René. Anh không thể lập lại trật tự nơi đó chỉ với năm mươi quân của mình.

Tướng quân Reynier có một số đội quân dưới sự chỉ huy của một tiểu đoàn trưởng định không cho bọn cướp kịp nghỉ lại sức tấn công bất ngờ chiếm lại ngay thị trấn và buộc quân địch phải lui ra vành đai thành phố. Tối hôm sau, chúng liều mở một lối vào nhưng đã bị đánh bật ra.

Viên tiểu đoàn trưởng muốn kết thúc đợt giao tranh vào ngày hôm sau và chiếm toàn bộ thành phố nhưng hai chiếc xà lan của quân Anh đã áp sát bờ biển, sự cứu viện này khiến bọn cướp thêm hung hăng. Ngay hôm sau, chúng mở hai lối đánh vào thành song đều bị đẩy lùi. Vậy là quân Anh chuyển bốn khẩu đại bác lên bờ đặt áp vào tường thành.

Quân Pháp thấy cần thêm tiếp viện. Tướng Reynier được thông báo đã cử tướng Camus cùng một đạo quân hướng về trung tâm thành phố rồi cho gọi bá tước Léo đến.

-Ngài và đội quân của ngài thế nào rồi? – ông hỏi.

-Đội quân đã đi vào tổ chức và rất ăn ý. Tôi chỉ còn chờ mệnh lệnh.

-Cứ ngồi xuống đấy, tôi có nhiệm vụ cho ngài đấy!

§115. Làng Degli Parenti

-Tôi vừa nhận được một tin xấu, bá tước thân mến ạ. Một đoàn quân thuộc trung đoàn hai mươi chín xuất phát từ Cosenza đến hợp quân với tôi phải qua rừng Scilla, đó là địa phận làng Degli Parenti, một trong những ngôi làng tàn khốc nhất do bọn cướp trấn giữ ở miền Calabre này.

Dân ủng hộ triều đình Bourbon trong làng, dưới sự lãnh đạo của một tên cướp khét tiếng, từ lâu rất tự do lộng hành, luôn rình quân Pháp và cắt cổ họ vào lúc họ không ngờ đến nhất.

Việc tấn công và bắt sống một đội quân Pháp khoảng tám mươi người giữa ban ngày trong khi ai cũng trang bị hai mươi bốn viên đạn là một việc nguy hiểm và khiến chúng phải suy nghĩ. Thế là chúng quyết định giăng bẫy.

Thủ lĩnh của băng đảng ấy tên là Taccone, và tính tàn bạo khủng khiếp mà hắn gây ra cho người Pháp vào những năm 1799 cũng như 1806 và 1807, hắn được mệnh danh là Il Boja. Hắn bèn cùng vài nông dân đến chỗ đạo quân của chúng ta, Il Boja tự xưng là đại uý cảnh binh nhà nước cùng hai trung uý thay mặt dân làng đến tiếp tế và bày tỏ lòng hiếu khách với quân đội Pháp.

Viên đại uý và các sĩ quan trong đội quân Pháp, dù đã được cảnh báo chớ có tin vào vẻ thân thiện bề ngoài của dân xứ này, nhưng với bản tính hay tin người của người Pháp, họ đã bị lừa. Họ bất cẩn ra lệnh cho quân sĩ bỏ vũ khí bên ngoài trụ sở làng nơi đồ ăn và đồ giải khát bày biện sẵn. Họ vào nhà ăn uống mà không nghĩ đến việc đề phòng. Chưa đầy 10 phút sau, một phát súng lục làm hiệu vang lên. Viên đại uý và hai trung uý ngồi trong phòng chết ngay tại chỗ. Binh lính lao ra nhưng đám nông dân đã đợi họ sẵn bằng chính vũ khí họ bỏ bên ngoài và bắn thẳng tay. Chỉ có bảy người lính thoát được. Họ là người đi suốt đêm đến đây kể lại tin dữ ấy.

-Chà! René nói – Phải cho tên Taccone này một bài học mới được.

-Đúng thế anh bạn thân mến. Nhưng phải biết người biết ta mới thắng được. Taccone không chỉ mưu mẹo như trong chuyện tôi vừa kể đâu, hắn lúc nào cũng hạ được những binh sĩ giỏi nhất, can đảm nhất của tôi. Nhờ ở địa điểm thuận lợi, am hiểu địa hình và nhờ bóng đêm, hắn luôn thắng họ. Khi không thắng được, hắn bất thình lình đánh úp bằng những cách rất lạ…

Thông thường, giữa cuộc chiến đông quân, hắn ra hiệu cho người của mình rút lui lập tức bọn cướp tản ra nhiều phía khác nhau. Người của chúng tôi đuổi theo và thế là lại lặp lại chuyện giữa quân của Horaces và Curiaces xa xưa. Bọn cướp bất thình lình quay lại, xuất hiện trước đối thủ mệt lả vì đuổi theo, bắn hoặc đâm chết họ. Nếu có đội quân mạnh đến tấn công, chúng lại lủi vào núi chỉ có quỷ mới tìm được một dân Calabre trốn trong núi mà thôi.

Taccone là tên táo tợn nhất và cũng tàn bạo nhất băng đảng. Nhờ hai đức tính này mà hắn được làm chỉ huy. Ngoài ra hắn còn là kẻ chạy nhanh nhất. Người ta bảo cứ như thể hiệp sĩ Asin trong trường ca của Homère đã trao tấm áo choàng vàng cho hắn hay thần Mercure đã gắn vào chân hắn đôi cánh đưa tin của thần Jupiter vậy. Hắn như nhảy xa hàng dặm: như gió, như chớp ấy.

Một lần, quân của tôi tấn công hắn dữ dội trong một cánh rừng, nhân trời tối, hắn lẩn đi như một bóng ma và quân của hắn cũng biến mất như vậy. Ngày hôm sau hắn đã ở dưới tường thành Potenza, đi bằng những con đường mà người ta tưởng không thể nào đi được ngoại trừ loài linh dương hay lũ thỏ hoang.

Thưa bá tước thân mến, xin ngài nhớ cho là Potenza không phải là một làng hay một thị trấn mà là một thành phố tám đến chín nghìn dân. Vậy mà vừa nhìn thấy băng cướp từ trên trời rơi xuống ấy và nghe giọng nói sang sảng của Taccone, tám chín nghìn dân ở đó chạy về nhà đóng cửa lớn, cửa sổ lại thậm chí không nghĩ đến việc kháng cự.

Thế là ông vua Taccone, người ta gọi hắn như thế trước khi gọi hắn là đao phủ, có một tên làm nhiệm vụ tuyên cáo vào thành, ra lệnh mọi quyền lực dân sự, tôn giáo và quân sự, quyền sinh quyền sát hay đốt nhà đều lập tức rơi vào tay hắn.

Một tiếng sau, người ta thấy một cảnh tượng lạ lùng xảy ra: các vị phán quan địa phương theo sau các nhà tu cùng dân chúng lũ lượt kéo đến thăm viếng tên thủ lĩnh, quỳ gối xuống hai tay chắp lại cầu xin hắn thương tình. Thế là Taccone để họ trong tư thế hèn hạ một lúc mới tuyên bố như thể một hoàng đế Alexandre nói với gia đình Danus rằng: -Hãy đứng dậy hỡi những kẻ khốn khổ, các người không đáng để ta nổi giận. Các người sẽ rắc rối to nếu quấy quả ta vào một thời điểm khác. Nhưng hôm nay ta đã thắng kẻ thù nhờ sự giúp đỡ của thánh Vierge, nên ta mở lòng cho những kẻ khốn kiếp. Hôm nay là ngày lễ chiến thắng cho tất cả những gì là lẽ phải, ta không muốn làm vấy bẩn thân ta bằng máu của các người dù rằng những lời báng bổ của các người đủ đẩy ta làm cho nó đổ.

Các người cũng đừng vội mừng, các người chưa thoát hết mới hình phạt đâu, vì tội đã nổi dậy chống lại vua của các người, vì phản lại Chúa của các người nên các người phải trả thuế cho thư ký của ta. Thôi hãy đứng dậy đi và cử người loan báo cho khắp thành phố để người ta chuẩn bị một buổi lễ linh đình xứng với chiến thắng của ta. Những người có mặt ở đây sẽ theo ta hát vang lời ca ngợi đến tận nhà thờ nơi Đức giám mục sẽ hát vang bài Te Deum để đa tạ Đấng tối cao về chiến thắng của quân ta. Bây giờ, hãy đứng dậy và tiến lên.

Dân chúng lầm rầm hát đồng thanh bài thánh ca cùng bọn cướp tay cầm cành ô-liu. Taccone vừa tiến về nhà thờ trên con ngựa treo đầy chuông, lông vũ và phủ một tấm vải xoa vừa hát bài Te Deum xong, bọn cướp rút đi mang theo số của cải vàng bạc quý giá nhất.

Vào trong thành, kẻ thắng trận ngẩng cao đầu đưa mắt lên nhìn các cửa sổ như muốn tìm kiếm gì đó trong các ngôi nhà.

Đám phụ nữ, háo hức xem các cảnh náo nhiệt, là người tò mò nhất ngó ra chiêm ngưỡng hắn.

Một thiếu nữ cũng rụt rè kéo rèm cửa sổ để lộ một vẻ đẹp nghiêng nước nghiêng thành. Thế là tên cướp dừng ngựa nhìn cô gái trân trân. Hắn đã thấy thứ hắn muốn.

Cô gái như sực hiểu vội lùi lại lấy tay che mặt. Taccone nói nhỏ với hai thuộc hạ, hai tên này xộc vào nhà cô.

Ra khỏi nhà thờ, Taccone gặp một ông già, đó là ông của cô bé, cha cô đã qua đời. Ông cụ đến xin chuộc lại cháu gái dù với bất cứ giá nào.

-Mi nhầm rồi – Taccone nói – về chuyện của trái tim tao không buôn bán gì, cháu lão đẹp lắm, ta yêu nó, ta muốn nó chứ không phải tiền của lão.

Ông già muốn níu Taccone lại nhưng hắn dùng tay đẩy ra.

Ông quỳ xuống trước tên cướp, hắn lấy chân đạp ông ngã ngửa ra sau rồi hắn trèo lên ngựa. Không ai dám phản ứng trước hành động ấy, hắn rời thành mang theo cô thiếu nữ trinh trắng chưa từng biết đến nụ hôn nào khác ngoài nụ hôn của mẹ.

Từ ngày ấy, không ai thấy cô gái đó trở lại Potenza nữa.

Nghề cướp bóc của Taccone rất thành công. Sau khi rời Potenza, hắn tiến về phía lâu đài của nam tước Fedenci, kẻ thù ra mặt của phe Bourbon.

Dù bị đột kích bất ngờ, nam tước vẫn kịp đóng cổng lâu đài. Sau khi tập hợp được một số gia nhân, bị tấn công áp đảo, ông vẫn chống trả quyết liệt. Cuộc chiến kéo dài từ sáng tới tối, rất nhiều xác kẻ thù đã phơi dưới chân tường bao.

Nhưng thật không may, sau một ngày chống trả ác liệt nữa, đến ba giờ chiều hôm sau, đạn dược trong pháo đài đã thiếu hụt. Bọn cướp chào ngày mới bằng một loạt đạn kinh hãi. Sau khi chiếm cả thành phố không mất viên đạn nào, chúng thấy bị xỉ nhục khi phải chững lại trước một pháo đài tầm thường, phải thấy sự kháng cự ngoan cố dù đạn vơi dần nhưng một số nông dân vẫn noi gương nam tước.

Tuy thế những nông dân này lại đề nghị nam tước nên nghe theo ý của bọn cướp đó là đưa cho chúng một khoản tiền để chúng rút đi không đánh phá lâu đài cũng như tha mang cho dân chúng.

-Thưa nam tước, ta thoả hiệp thôi! – Họ kêu lên với ông Federici – khi thoả hiệp, ta có thể đưa ra điều kiện của mình trong khi nếu chúng tấn công đến nơi, chúng ta sẽ mất hết, chúng tôi còn vợ con.

-Tội nghiệp thay cho các anh – Nam tước đáp – Các anh tưởng quân kẻ cướp này đủ danh dự để đồng ý thoả hiệp ư? Nếu không có cứu viện từ bên ngoài, chúng ta sẽ thua.

Nhưng họ mong mãi từ các cửa sổ mà không thấy bóng dáng quân tiếp viện nào, có chăng chỉ tiếp viện cho kẻ vây hãm chứ không có lực lượng cho kẻ bị bao vây. Thật ra, các làng lân cận đã ngầm thông đồng với bọn cướp kéo đến cùng kiếm chác. Cuối cùng, Taccone ra lệnh tổng tấn công. Từ khắp các phía, người ta thấy dựng thang quanh tường bao, đạn bay ràn rát, những lưỡi rìu sáng lên dưới nắng mặt trời. Tiếng reo hò sung sướng một cách man rợ như bay lên đến tận trời xanh.

Nam tước Fedenci một phần nhận ra lực lượng ấy, phần khác vì thấy vợ mình run rẩy, các con gái tái nhợt như sắp chết, cậu con trai sáu tuổi khóc mãi vì sợ, ông cảm thấy tức giận vô cùng và tuyệt vọng nhất là khi những người phụ nữ nhìn vào mắt ông như tìm kiếm trong đó vài tia hy vọng. Cuối cùng, nhận thấy tất cả đều muốn thoả hiệp, dù không tin lời bọn cướp, nam tước đành chiều theo ý mọi người, cử một người trung gian đến nghị hoà với Taccone.

Người này phải chờ rất lâu mới vào gặp tên thủ lĩnh đang khép mình cùng cô vợ hắn mới cướp được ở Potenza. Khi người điều đình đề nghị thoả hiệp, hắn phá lên cười.

-Hãy về mà nói với nam tước của mày rằng cứ giao lâu đài của hắn cho tao. Không cần thoả ước gì hết, ai sống trong đó sẽ được bảo toàn tính mạng.

Người điều đình ra về, bọn lâu la của Taccone phàn nàn chủ tướng của chúng hào hiệp với nam tước quá nhưng hắn nhún vai và phá lên cười lần nữa: -Ai dám chắc việc dai dẳng đánh thêm nữa lại không gặp phải quân tiếp viện? Bọn bay tưởng nếu ta không hứa bảo đảm tính mạng cho chúng, chúng lại chịu đầu hàng chắc? Một khi đã vào trong được rồi, chúng ta sẽ quyết định kẻ nào được sống và kẻ nào phải chết.

Đến tối, lâu đài mở cổng. Sau khi nam tước Federici giao chìa khoá cho Taccone, ông định ra đi cùng gia đình thì Taccone giang tay chặn lại nói: -Mày đi đâu đấy thằng phản bội? – Rồi quay sang người của hắn – Bắt nó lại để tao xem qua lâu đài một lượt đã.

-Ngài có thể hình dung, bá tước thân mến – ông Reynier nói – Những gì xảy ra khi đám sát nhân này bủa vào các phòng không, chúng đập phá lục lọi tất cả tủ, hòm rồi chất đống những đồ gỗ hư nát, những bàn ghế, đồ đạc mà bọn chúng không dùng vào việc gì vào góc sân. Tất cả những thứ đó diễn ra trước mắt nam tước đang bị trói chờ kẻ chiến thắng tuyên xử.

Cuộc cướp phá kết thúc, người ta nghe thấy nhưng tiếng gầm gào doạ dẫm, thấy bọn cướp say mèm, chập choạng, nhảy chót tay cầm đuốc sáng rực. Sau đó, một vầng sáng hừng hực toả ra cho thấy lâu đài đã trở thành mồi lửa.

Ra đến sân, nơi mấy tên cướp đang giữ nam tước, Taccone lại gần ông, chế nhạo bằng cách chụp lên đầu ông chiếc mũ cũ nát, xin lỗi ông vì để ông trong bóng tối lâu như vậy và ra lệnh thắp sáng.

Mệnh lệnh vừa đưa ra, chúng đốt ngay đống củi. Lửa bén nhanh trên đống gỗ khô lập tức bốc lên ngùn ngụt như cái lưỡi mềm của con rắn.

-Ôi! Chúa muôn năm! – Taccone hét lên – Đúng là tội lỗi khi để lửa cháy thế này mà chẳng làm gì. Nào! Nào anh em chiến hữu, hãy làm một vòng với các quý bà này nào. Đức ông Fedenci hẳn sẽ không phiền khi vợ và các con gái của mình dành cho chúng ta cái hân hạnh này ở lâu đài đâu.

Vừa ra hiệu, hắn vừa nắm tay một trong số con gái của nam tước đồng bọn của hắn túm lấy các cô khác bà nam tước và cô tì nữ, cuối cùng tất cả phụ nữ có trong lâu đài buộc phải tham gia cùng chúng nhảy quanh đống lửa.

Nhìn thấy cảnh đó nam tước gắng hết sức giằng ra khỏi tay bọn giữ ông lao vào giữa đống củi cháy hừng hực, sụt xuống chân rồi biến mất: -Ái chà! – Taccone nói với cô gái nhảy cùng hắn – Cha cô xấu quá! Ông ta không muốn tham dự vào bữa tiệc của các cô con gái mình, nhưng chúng tao cũng không có việc gì cho thằng nhóc hãy quẳng nó vào cùng cha nó đi.

Rồi tự tay hắn xách một chân cậu bé sáu tuổi ném vào đống củi.

Đám phụ nữ bị hãm hiếp xong cũng bị ném nốt vào đó.

Trong số cả gia đình bất hạnh ấy, một đứa bé duy nhất sống sót nhờ phép màu. Bị ném quá tay sang mạn kia đống củi, đứa trẻ rơi gần một cửa hầm. Nó chỉ việc nhón chân là rời khỏi cảnh đó.

Taccone hành động ngày càng ngang ngược. Một lần hắn táo tợn gởi lời thách đấu một tiểu đoàn trưởng hành quân cùng người của mình đến từ Cosenza, hẹn anh ta đến một chỗ gọi là Lago, trên đường từ Cosenza đến Roghiano.

Viên sĩ quan chỉ cười nhạo lời thách đấu và bằng lòng tự cao của một sĩ quan quân đội, ông không chấp. Tuy nhiên, tiểu đoàn nhận lệnh hành quân tiếp. Đến một hẻm đường hẹp, binh sĩ phát hiện từ trên đỉnh núi đột ngột có một tảng đá khổng lồ lăn xuống ào ào. Dưới sức nặng của khối đá khổng lồ ấy, mặt đất rung lên như có địa trấn, đồng thời sườn núi như bốc cháy và những loạt đạn từ bàn tay vô hình xối xuống đầu họ.

Chưa đầy một tiếng, tiểu đoàn không kịp nhả đạn đã chỉ còn hai mươi ba người do hai sĩ quan tên là Figlangien và Guarasci còn sống sót khỏi vụ thảm sát.

Taccone cho dẫn họ đến và nói: -Này lính, sự thật là số phận của chúng mày rất thảm. Tao sẵn sàng thả chúng mày nếu như tao không trót cầu thánh Antoine là không tha bất cứ ai. Tuy nhiên, nhận thấy chúng mày đi đánh trận không phải do tự nguyện mà do luật nhập ngũ nên tao thấy chúng mày đáng thương quá. Để nhận được lòng chiếu cố của tao, chúng mày phải tỏ ra ăn năn. Dấu hiệu của sự ăn năn đó là chúng mày tự tay xử hai sĩ quan kia. Nếu chúng mày làm, tao thề trước thánh nữ Đồng trinh sẽ bảo toàn mạng sống cho chúng mày, còn nếu từ chối, cả sĩ quan lẫn bọn lính chúng mày sẽ chết tất.

Trước lời đề nghị ấy, các binh sĩ đứng im không ai nhúc nhích. Không người nào muốn bàn tay mình tắm máu của chính người chỉ huy, nhưng hai sĩ quan nhận thấy không tránh khỏi cái chết và nếu chiến sĩ của họ giết họ, những người ấy còn cơ may sống sót nên vừa cầu xin vừa ra lệnh, mãi sau quân lính mới chịu bắn hai người.

Nhưng hai kẻ tử vì đạo vẫn còn co quắp trong cơn hấp hối, Taccone đã ra hiệu, bọn bất lương xông vào đám tù binh, lột hết quần áo cho khỏi vấy máu của họ rồi đâm chết hết ngay trước mắt Taccone.

-Kể từ đấy – Tướng Reynier nói tiếp – người ta gọi hắn là đao phủ. Đó là kẻ chúng ta cần bắt.

§116. Chiếc lồng sắc

René kéo tấm bản đồ trải trước vị tướng nói: -Ngài hãy để tôi tự nghiên cứu địa hình. Tôi không muốn chọn người dẫn đường. Họ chỉ phản bội mà thôi.

Viên tướng chỉ cho anh làng Degli Parénti nằm khuất sau một vệt đen tượng trưng cho cánh rừng. Tuy nhiên trên vệt đen ấy, người ta nhận ra có một cơn đường rất rõ và một lối mòn mờ gần như không nhìn thấy.

-Tôi phải lưu ý với ngài rằng làng này có gần một nghìn người. Do vậy ngài không thể tấn công chỉ với nam mươi quân. Tôi sẽ cử thêm một trăm lính và một đại uý. Họ sẽ theo đường lớn dễ đi đến tấn công trực diện ngôi làng, còn ngài, hãy đi theo đường mòn, đến ngọn đồi ngự phía trên ngôi làng. Khi nhận thấy cánh quân xuất hiện, ngài sẽ bắn một phát súng báo hiệu tấn công.

-Tôi có thể tự do thay đổi vài điều trong kế hoạch này không? – René hỏi.

-Ngài thay đổi thế nào cũng được. Đây là hướng chung chứ không phải kế hoạch tuyệt đối tôi vạch cho ngài.

Ngay tối hôm ấy, khi tướng quân Reynier xuất phát đi tiếp viện Cotrone thì René cùng một trăm lăm mươi quân cũng lên đường đến làng Degli Parenti.

Vừa đến ngả rẽ từ đường lớn sang lối đi tắt cách làng năm dặm, René hỏi viên đại uý xem anh ta có muốn nhường bốn cái trống cho mình hay không dù xét bề ngoài anh không cần lắm.

Viên đại uý bằng lòng.

Hai toán quân chia thành hai ngả. René nhắc viên đại uý đừng đi quá nhanh vì năm mươi người của anh phải đi đoạn đường khó hơn.

Đến bốn giờ sáng, tức là lúc trời bắt đầu rạng ở phương đông, René đã tới đỉnh đồi cao nhất bao quát toàn bộ ngôi làng. Anh sai một người chạy tắt đến gặp viên đại uý.

Anh ra lệnh khi toán quân cách làng ba bốn trăm bước thì bắn một phát súng lên trời. Người được sai đi chạy ngay xuống con đường phía trước toán quân nhỏ với vận tốc rất nhanh.

Một phát súng vang lên, tín hiệu đã phát. Lập tức, René ra lệnh cho bốn tay trống khua thật mạnh còn người của anh hét vang "Giết! Giết!" rồi tất cả lao xuống ngôi làng dùng báng súng nện vào các cánh cửa dọc đường.

Những cánh cửa đầu làng tự mở và một trong số nông dân đầu tiên bỏ chạy mang theo một phụ nữ trong tay, đó là Taccone.

Nhìn qua bước chạy cực nhanh và sức khỏe phi tường của tên cướp René nhận ngay ra hắn. Anh sợ nếu nhắm bắn vào lưng, viên đạn xuyên qua cơ thể tên cướp sẽ trúng tiếp người phụ nữ trước ngực hắn do đó anh hạ nòng khẩu cạc bin và nhả đạn.

Taccone ngã lăn cuộn tròn trên đường buông tay vợ ra và theo quán tính hắn để người phụ nữ văng ra xa rơi vào miệng vực.

Một tiếng kêu kinh hãi vang lên cho thấy người phụ nữ đáng thương đã rơi xuống đó.

Taccone chồm dậy thì sẽ một phen sống mái. Đây là lần đầu tiên trong quãng đời làm cướp hắn để bị thương như vậy. Hắn lết đến bên một thân cây nấp vào đó giương súng chờ đợi.

Tiếng tăm về sức mạnh và sự táo tợn của hắn khiến không ai dám xông lên tấn công đối diện với hắn. Chỉ René là nhanh chóng hạ hắn bằng một phát súng song anh không muốn giết hắn mà muốn bắt sống.

-Bắt sống! Bắt sống – Anh hét lên rồi lao về phía hắn mặc cho nguy cơ có thể trúng đạn vì súng của hắn đã lên nòng.

Nhưng nhanh như cắt, người lính được anh cử đi liên lạc ban nãy đã luồn ra sau, nấp dưới đám cây bụi phía sau thân cây nơi hắn nấp và đâm một lưỡi lê.

Taccone hét lên đau đớn rồi đổ vật xuống buông cây súng ra.

Hắn như đã chết nhưng khi anh chàng nọ lại gần cúi xuống để cắt cái đầu trị giá một nghìn ducats thì Taccone lại chồm dậy như một con rắn siết chặt anh ta và dùng dao găm giấu dưới tay đâm vào giữa hai vai đối thủ rồi cả hai cùng tắt thở trong vòng tay thù hận lẫn nhau mà nhìn bề ngoài lại thân tình như anh em.

René để người của mình cắt đầu Taccone, thu dọn làng Degli Parenti rồi cho đốt sạch. Kiểu chinh phạt này không khiến anh phải nhọc lòng. Anh xua và giết lợn rừng, phần còn lại đành cho đám ăn thịt.

Ngày hôm sau, anh trở lại Catanzoro. Sau khi giành lại Cotrone, tướng quân Reynier cũng trở về và thấy đầu Taccone nằm trong một cái lồng sắt treo trước cổng thành Catanzaro.

Ngay khi đến nơi, ông đã cho gọi René tới.

-Bá tước thân mến của tôi – ông nói – Tôi đã hay tin của ngài khi về đến đây rồi. Ngài đã có cái đầu treo trước cổng thành nói hộ mình. Về phần tôi, tôi cũng nhận được lá thư của đức vua cho hay ngài sẽ không bỏ chúng ta. Ngài sắp gởi thêm hai hoặc ba nghìn quân cùng thống soái Masséna. Thêm nữa đô đốc Đức và chuẩn đô đốc Cosmao đã khởi hành khỏi Toulon. Họ sẽ đến Calabre và sẽ hạ trại ở Corfou.

Nhưng tướng Reynier đã mừng hụt.

Cùng lúc người Đức và Cosmao xuất phát khỏi Toulon, một chiến hạm của Anh lại rời Messine với ý định chiếm Ischia như họ từng chiếm Capri. Vua Joseph đã giữ thống chế Masséna bên mình và chỉ cử đến Calabre hai trung đoàn mới thành lập là La Tour d'Auvergne và Hambourg do tướng Saligny chỉ huy sẽ theo đường vừa mở từ Lagonegro đến trại La Corona để thông sang Naples hợp với quân của tướng Reynier.

Nhờ con đường lớn này, người ta có thể tiếp viện đạn dược cho pháo binh.

Vấn đề còn lại bấy giờ là chiếm Scilla và Reggio nơi mà quân Anh đã đặt trại đồn trú với một nửa lính Anh một nửa quân nổi dậy. Hoàng đế Napoléon rất sốt ruột chiếm hai thành phố này. Sẽ không có quân đội chuyển sang Sicile được nếu hai thành phố này nằm trong tay người Anh.

Do đó, họ tiến quân về phía Scilla.

René yêu cầu được chỉ huy cánh quân bắn tỉa của mình, anh được chấp thuận ngay.

Họ hạ trại phía thượng nguyên thành phố Scilla. Thành phố này nhanh chóng biết tin và đã có vài xung đột với những băng đảng nhỏ lẻ quanh đó. Một trong những đụng độ ấy đã dẫn đến một sự kiện khá quan trọng trong cuộc đời René: một toán tù nhân bị bắt và vì chúng là toán cướp nhỏ lẻ nên số phận của chúng được định đoạt ngay, đội quân bắt được chúng sẽ thực thi mệnh lệnh xử bắn.

René cùng đội quân của mình đi ngang qua đột nhiên nghe có người gọi mình bằng tên bá tước Léo. Giọng nói vang đến từ nhóm kẻ cướp. Anh lại gần thấy người vừa gọi mình một tên cướp bước lên một bước nói: -Xin lỗi bá tước, nhưng trước lúc chết tôi muốn nói lời vĩnh biệt với ngài.

René nghe giọng nói và nhìn khuôn mặt quen quen. Anh chăm chú nhìn và nhận ra tên cướp trên đầm Pontins cũng là tên từng che một bên mặt ăn mặc như thợ xay bột làm người dẫn đường cho anh hôm diễn ra trận Sainte-Éuphénie.

-Ôi lạy Chúa – Anh nói và nhìn quanh nhận ra hoàn cảnh của tên cướp – ta nghĩ ngươi không có ý xấu khi gọi ta.

Rồi anh quay sang viên trung uý chỉ huy đội quân, kéo riêng người này ra nói nhỏ: -Anh bạn, anh có thể giao tên vừa nói chuyện với tôi cho tôi được không? Hay tôi phải xin ý kiến của tướng quân Reynier đã?

-Thưa ngài bá tước – Anh chàng này vồn vã nói – Thực tình đám cướp này có thêm một tên hay bớt một tên cũng không ảnh hưởng gì quan trọng đến đức vua Joseph. Vả lại, một khi ngài hỏi tôi tên này tức là ngài chỉ có động cơ tốt đẹp thôi. Ngài hãy dẫn hắn đi coi đó như một bằng chứng về sự ngưỡng mộ mà tất cả tôi ủng hộ lòng yêu nước và lòng dũng cảm của ngài.

René siết chặt tay viên trung uý.

-Tôi có thể tặng gì cho người của ngài không? – Anh hỏi.

-Không – Anh ta nói – chỉ một người có thể có quyền ấy thôi.

-Các bạn là những người trung hậu, các bạn của tôi ạ – René nói.

-Hãy thả tên này ra – Viên sĩ quan nói với binh sĩ của mình.

Tên cướp ngạc nhiên nhìn người ta cởi trói cho hắn.

-Thôi nào, đi theo ta.

-Ngài muốn đi đâu, có thân tôi đây – Hắn sung sướng nói.

Rồi hắn tươi tỉnh đi theo René. René đưa hắn ra xa chỗ xử bắn và nói: -Bây giờ một bên là rừng, một bên là núi, tuỳ mi chọn hướng nào cũng được, mi đã tự do.

Tên cướp nghĩ ngợi một lát rồi lắc đầu, giậm chân xuống đất.

-Ôi không, tôi muốn làm tù binh của ngài hơn. Không biết bao lần tôi hụt chết rồi, khi trước mũi súng lục, khi trước dây treo cổ lúc lại trước hàng súng. Tôi đã thấy thần chết đáng sợ thế nào nên không muốn dính dáng đến ả nữa. Hãy giữ tôi ở bên ngài tôi sẽ làm người đưa đường cho ngài. Ngài biết là tôi thông thạo đường đi mà. Ngài cần một đày tớ ư, được thôi! Có tôi đây. Tôi sẽ chăm lo ngựa và khí giới cho ngài. Còn rừng núi ư, tôi ngán lắm rồi!

-Thế thì được, ta đồng ý – René nói – Ta sẽ cho mi đi theo, nếu mi dẫn đường tốt ngươi sẽ được thưởng thay vì chịu phạt.

-Tôi sẽ làm hết sức thưa ngài – Tên cướp đáp – Nếu tôi không trả hết ơn cứu mạng của ngài thì tội của tôi to lắm.

Họ hành quân đến nơi đã định đó là đỉnh một quả đồi cao có thể nhìn bao quát toàn cảnh. Từ đấy người ta thấy hết Scilla, bờ biển Socile, mũi Reggio, đảo Lipari và như một dải sương mù ở cuối chân trời đảo Capri.

Đến đây, đường rất khó đi đối với lực lượng pháo binh vì có những dòng thác chảy từ Aspromonte xuống cắt ngang con đường. Tướng Reynier họp bàn tìm giải pháp, mỗi người đưa ra một ý nhưng không giải pháp nào chấp nhận được. Họ phải ra quyết định gấp vì đang ở dưới tầm đại bác của nhiều xà lan chở đại bác neo đậu ven bờ biển trong đó một vài chiếc đậu sát bờ quay vào Pampinello. Chúng bắn dữ dội và trúng đích đến nỗi tướng Reynier buộc phải cho pháo của mình bắn trả.

Nửa giờ sau, hoả lực của ông buộc tàu địch câm bặt, quét sạch boong của chúng và vì chúng không có cách nào rời bờ nên họ gọi chúng đầu hàng.

Nhưng thật kỳ lạ là dù đã gọi ba lần, quân địch vẫn không có ai xuất hiện. Họ định đánh chìm xà lan địch thì René lại gần viên tướng nói nhỏ vài câu.

-Quả thế thật – ông tướng nói – Có thể lắm chứ, cứ xem nào.

René nói vài câu với tên cướp của anh, ném quần áo cho hắn để đi truyền lệnh yêu cầu các xà lan đầu hàng. Thật ra, các xà lan ấy không đáp trả vì mệnh lệnh tướng Reynier đưa ra bằng tiếng Pháp nên người Anh không hiểu gì cả.

René là người phát hiện ra trục trặc này nên anh tiến lại gần các xà lan nửa tầm súng trường và ra lệnh đầu hàng bằng tiếng Anh. Các xà lan nhanh chóng hạ cờ. Mỗi chiếc đều chở hai mươi tên và một đại bác cỡ hai mươi tư.

Tướng Reynier tiến về phía chàng trai trẻ đang ướt sũng quay lại.

-Ngài là người sáng ý lắm, hãy đi thay quần áo rồi trở lại cùng chúng tôi tìm cách đưa pháo đến Reggio.

-Thưa tướng quân – René nói – Tôi cũng đang tìm giải pháp đây Nếu ngài cho tôi mười hai đến mười lăm tiếng, tôi hy vọng sẽ mang tin tốt trở về.

-Cứ làm đi – Reynier trả lời – kinh nghiệm cho thấy cứ để ngài làm hơn là hỏi.

Mười phút sau có hai nông dân như thể đến từ Pizzo đi qua chỗ tướng quân Reynier chỉ cách ông năm mươi bước chân. Ông tướng tưởng họ là do thám ra lệnh đuổi bắt, nhưng một trong hai nông dân bỏ mũ và ông nhận ra đó là René.

§117. René phát hiện ra dấu vết của Bizzarro khi anh không ngờ đến nhất

Dưới sự dẫn đường của tên đày tớ mới, René đã lên đỉnh núi và thấy chỉ nấp khe nước do dòng thác đổ xuống ở lưng chừng hoặc ở chân núi. Thật ra, khi đã đến phía dưới Aspromonte việc xuống thành phố Reggio không còn gì dễ dàng hơn, chỉ cần tám ngày là giàn hoả tiễn có thể được đưa đến cách thành phố một phần tư tầm đại bác.

René và kẻ dẫn đường để chắc chắn đã đi đến chỗ cách Reggio một dặm và nhận ra đường ngày càng dễ đi. Họ chỉ còn việc mang tin vui về báo cho tướng quân.

Tuy nhiên, khi ấy màn đêm đã xuống. Nếu một mình René có lẽ anh sẽ không tìm được đường, nhưng với kẻ dẫn đường đầy kinh nghiệm René không sợ gì hết. Họ ngồi xuống một gốc cây và bình thản ăn bữa tối không dùng gì nguỵ trang ngoài màu xanh của rừng. Đang ăn, đột nhiên René thấy bàn tay của người đồng hành đặt lên vai mình đồng thời ngón tay anh ta đưa lên môi ra hiệu im lặng. René im lặng nghe ngóng.

Họ nghe thấy những tiếng bước chân nặng nề như thể người ta phải lôi vật nặng cùng với những âm thanh ư ử không đều như đang phản kháng. Họ nhìn thấy hai người đàn ông bị trói và bị nhét giẻ vào miệng đang bị lôi đến một cây khá cứng cáp để làm giá treo cổ.

René siết tay người đi cùng mình.

-Ngài đừng lo, tôi biết bọn này. Như tôi đã nói, có hai người bị trói do năm người khác lôi đến. Kháng cự của hai kẻ kia chẳng được mấy chốc. Chúng quàng một đầu thòng lọng qua cổ họ. Một tên có vẻ giống như tên chăn la trèo lên cây vắt hai sợi dây qua hai cành cây rồi cùng đồng bọn kéo nạn nhân lên cao. Chưa đầy mười phút, hai kẻ bị hành hình đã bị treo lủng lẳng. René như nín thở. Anh thấy ghê tởm khi phải thấy cái chết bẩn thỉu như vậy.

Khi những kẻ hành hình và đám khán giả chắc chắn những người bị treo cổ đã chết hẳn, chúng chia tay nhau bốn tên tiếp tục đi về hướng thành phố Reggio còn tên thứ năm tách ra một mình chuẩn bị bị đi trở lại con đường hắn đến ban nãy thì tên đày tớ của René lao ra gọi: -Orlando phải không?

Tên vừa được gọi tuy không tham gia vào việc treo cổ nhưng hắn đã rất chăm chú xem cảnh tượng đó. Hắn chỉ rời hiện trường khi chắc chắn kẻ thù của mình đã chết hẳn. Hắn đưa tay vào chuôi dao găm rồi quay đầu về phía có tiếng gọi.

-À! – Hắn nói – Là mày à Tomeo, mày làm cái gì ở đây thế?

-Tao xem mày làm, tao không tham gia.

-Hy vọng mày không trở thành người lương thiện đấy chứ? – Orlando vừa nói vừa cười.

-Thế thì mày nhầm rồi, chí ít tao cũng làm tất cả để có thể trở lại lương thiện. Nhưng hai kẻ đáng thương mà chúng mày vừa treo cổ tàn nhẫn như vậy là ai thế?

-Đó là hai tên khốn đã không nhận ra chữ ký của tao. Tao đã cấp cho mấy người chăn la ban nãy tiếp tục đi về phía Reggio đấy một giấy thông hành. Mặc dù đã có lời cam kết hứa hẹn giữa tao và Biazano là sẽ tôn trọng chữ ký của nhau thế mà người của hắn đã bắt giữ người của tao và lột sạch đồ của họ. Thế là những người chăn la kia đến chỗ tao đòi công lý. Tao nói: "Hãy dẫn tôi đến chỗ Bizzarro. Họ dẫn tao đến chỗ hắn. Tao bảo: "Này người anh em, người của ông đã coi thường chữ ký của tôi, tôi cần xử làm gương và phải làm gương thích đáng". Bizzarro để tao kể lại toàn bộ sự việc trong lúc hắn vừa chè chén xong. Hắn bảo."Cứ trừng phạt kẻ phạm tội, nhưng làm nhanh lên người anh em. Ông biết là tôi không thích bị quấy rầy trong lúc ăn tối đâu. Tao gọi người của mình ở ngoài cửa vào. Họ nhận ra ngay bọn trấn lột, Bizzarro giao chúng cho tao, phần còn lại thì mày cũng thấy rồi đấy.

Trong khi đó, René đã đến bìa rừng và nghe kể những gì Orlando vừa kể.

-Uống một chai với chúng tôi nào, anh bạn – René kêu lên với hắn.

Orlando rùng mình quay lại và thấy một người đàn ông đang nắm cổ chai. Hắn đưa mắt nhìn bạn của mình thăm dò, tên này gật đầu ra hiệu có thể tin tưởng hoàn toàn người bạn mới.

René đưa chai cho hắn sau khi uống ngụm đầu tiên để chứng tỏ trong rượu không có gì rồi hỏi vài điều về người bạn Bizzarro của hắn.

Orlando thấy rượu rất ngon và thấy không có lý do gì phải giấu những điều hắn biết về Bizzarro nên nói hết cho René biết những gì anh cần. Nhưng vì trời đã tối vả lại René cũng biết khá nhiều nên anh nhắc kẻ đi cùng mình đã đến lúc phải về.

Họ uống nốt chai rượu, bắt tay nhau rồi chia tay để mặc hai cái quả đáng nguyền rủa vừa mọc trên cành cây.

Hai tiếng sau, René đã về trại.

Sớm hôm sau, bá tước Léo đã đến chỗ tướng quân Reynier.

Vị tướng quân này đã dậy đang trầm ngâm trước tấm bản đồ Calabre trên giường.

-Thưa tướng quân – René cười bảo ông – Ngài không cần phải đau đầu về chuyện đó nữa. Tôi đã tìm được con đường đưa pháo đi rất dễ dàng như trên thảm bàn đánh bia. Trong mười lăm ngày nữa, chúng ta sẽ rót pháo đại bác vào Reggio và mười ngày sau, nó sẽ về tay ta.

Ông tướng nhảy khỏi giường.

-Không phải tôi không tin lời ngài nói, bá tước thân mến ạ, nhưng những điều như vậy đáng phải xem tận mắt.

-Việc đó có khó gì thưa tướng quân. Ngài hãy mặc quần áo đi, tôi sẽ điều động năm mươi người của mình. Nếu địa hình mà tôi chỉ khiến ngài hài lòng, chúng ta sẽ tập hợp cả quân đội chỉ để lại quanh Scilla những người cần thiết.

-Thế chúng ta đi ba người không được à? – Reynier hỏi.

-À nếu vậy, thưa tướng quân – Chàng trai trẻ đáp – Tôi không gánh được trách nhiệm lớn thế. Với năm mươi quân của mình tôi mới đảm bảo an toàn cho ngài được. Nếu ba người tôi chỉ đảm bảo sẽ hy sinh trước ngài mà nếu thế thì tôi chẳng được ích gì cho ngài cả.

Mười lăm phút sau, khi tướng Reynier lên đường, ông thấy năm mươi quân của bá tước Léo súng ống sẵn sàng. Ông liếc mắt vào tất thảy cỗ máy đó.

-Bạn thân mến – ông nói với René – ngài thật chu đáo. Khi về hãy ăn sáng cùng tôi để tôi chia vài chai vang cho người của ngài…

Chỉ nửa giờ sau tất cả mọi người đã vào tư thế xuất phát.

Tomeo biết một con đường khác con đường hôm trước có thể đi ngựa được khoảng chín giờ sáng, họ đã lên đỉnh núi Aspromonte và họ chắc chắn khi lùi pháo đến Maida, họ sẽ thấy ở đó có một con đường đưa lên đỉnh núi rồi từ đỉnh này dễ dàng sang đỉnh khác đến tận đỉnh Aspromonte. Phải có con mắt linh nghiệm như tướng Reynier mới thấy không có cách nào khác đến tận Reggio ngoài con đường mà trung uý trẻ của ông vừa phát hiện.

Mệnh lệnh được ban ra cho một phần quân đội đến cắm trại lên cao, phần kia ở lại ven biển để chống trả các cuộc gây hấn của quân Anh.

Nhưng khi René vừa thấy các kỹ sư và lính pháo binh bắt tay vào việc anh xin phép tướng quân Reynier cho phép vắng mặt mười lăm ngày.

-Nếu đây là chuyện bí mật – Tướng Reynier hỏi – tôi không muốn ép anh nói lý do. Nhưng nếu đó là chuyện có thể nói với bạn bè thì tôi muốn hỏi anh sẽ làm gì.

-Ồ lạy Chúa! – René nói – Đây là một chuyện hết sức bình thường Ngài hãy hình dung trong một buổi ăn tối tại nhà ngài Bộ trưởng Bộ chiến tranh Saliceti, người ta có nhắc đến một tên thủ lĩnh băng cướp có tên là Bizzarro. Họ kể những chuyện kinh khủng về con quỷ này và tiểu thư Lavello, con gái ngài bộ trưởng đã khiến tôi hứa sẽ gửi cái đầu hắn về cho cô ấy. Tôi luôn trăn trở với lời hứa ấy nhưng chỉ đến hôm qua tôi mới có tin về con mồi của mình. Vì đó là một kẻ mưu mô nên tôi xin mười lăm ngày, ngoài ra nếu bắt sống tôi không chắc có đúng mười lăm ngày hay không.

-Trong khi đó tôi có thể làm gì giúp ngài không? – ông Reynier hỏi.

-Thưa tướng quân, thực tình ngài có thể vui lòng cho chuẩn bị một cái hòm thật lịch sự bằng gỗ ô-liu hay gỗ rễ cây cây sồi có khắc số của tiểu thư Lavello để

tôi gửi cho cô ấy cái đầu của Bizzarro.

§118. Cuộc săn lùng băng cướp

Kể từ khi René hứa với tiểu thư Lavello sẽ gửi đầu của Bizzarro về, tên này đã chuyển địa điểm từ quanh Cosernra đến tận cuối Calabre.

Ở đó có một cánh rừng tên là Sila mà chỉ bọn cướp và dân bản địa mới biết đường. Bizzarro ẩn náu trong đó và nhanh chóng chứng tỏ sự tàn bạo của mình cả với dân tư sản lẫn những người thuộc tầng lớp dưới. Sự tàn bạo khiến những người này quay ra chống lại hắn dù họ có thói quen hay hỗ trợ bọn cướp.

Không chỉ khiến dân chúng ghét hắn mà hắn còn khiến đồng bọn của mình cũng trở nên đáng bị căm thù để không kẻ nào có ý định tố cáo thủ lĩnh hòng được hưởng khoan hồng vì tên nào cũng phạm những tội tày đình không còn xứng được hưởng ân xá nữa.

Thật ra đã có một tên cướp trẻ tuổi do bị quân đội ép đã giúp họ truy đuổi Bizzarro. Tên này bị chính người của hắn mỗi tên đâm một nhát dao. Với bốn mươi chín vết đâm tên kia vẫn sống nhưng tới nhát thứ năm mươi của Bizzarro thì hắn chết hẳn.

Sau đó tên đồ tể thịt người cho chặt kẻ đồng bọn thành từng mảnh nhỏ số miếng thịt tương ứng với số người trong bọn rồi cho tất cả chỗ ấy vào một nồi lớn, nấu thành súp bắt mỗi tên uống vài thìa và ăn một miếng.

Hắn có hai con chó ngao to khổng lồ. Hắn bỏ chúng đói ba ngày liền rồi thả vào chỗ hai sĩ quan cảnh binh Monteleone trong khi những người này không quần áo, không vũ khí. Chỉ trong giây lát đã diễn ra cảnh tượng chiến đấu như thời cổ đại mà trong đó người Cơ đốc giáo chống lại loài dã thú.

Ban đầu hai tù nhân cố chạy trốn nhưng nhận thấy không có cơ hội thoát khỏi kẻ thù đang đói cồn cào, họ đành lao vào tấn công trước cố gắng đẩy chân chúng ra và dùng răng chọi răng.

Những trong khi hàm răng ghê người của loài chó cắm vào thịt của hai kẻ bất hạnh thì răng của họ mới chỉ làm đứt lớp lông dày của loài tứ chi mà thôi.

Kết quả là ai cũng phỉ nhổ Bizzarro và thề sẽ cho hắn bị thất bại trong khả năng của mình.

Tomeo không biết tên này. Anh ta chưa bao giờ phục vụ hắn. Anh ta là một trong những người chấp nhận thế giới làm cướp như một chi phí, anh ta thực hiện công việc một cách cung kính, ăn trộm, giết người khi cần nhưng không bao giờ lạm sát vô cớ.

Được René khuyên nhủ và chỉ dẫn, anh ta thấy nhiệm vụ của mình không khó khăn lắm khi bắt Bizzarro miễn là có cơ hội.

Việc đầu tiên là tìm ra chỗ Bizzarro đang ở. Đây là nhiệm vụ của Tomeo, anh ta xin ba ngày để có câu trả lời chắc chắn. Tomeo hy vọng sẽ có tin tức từ một

tên cướp nổi tiếng tên là Parafante mà trước đây anh ta từng làm chung trong rừng Sila.

Ngay tối hôm sau Tomeo đã trở về. Anh ta đã biết chỗ của tên thổ phỉ.

Một bà già đang khóc bên gốc cây làm anh ta chú ý. Tomeo đã lại gần hỏi han và được biết đó là bà mẹ của chàng trai mục đồng đã bị bọn cướp giết chết một cách tàn bạo.

Bà già khi biết ý định của Tomeo, thề sẽ trả thù cho con trai nên hẹn anh tối hôm sau quay lại, bà sẽ cung cấp tin tức chính xác về hắn.

Tomeo trở về báo tin ấy cho René. Anh dẫn năm mươi người của mình đi theo Tomeo với sự tin cậy vốn có. Người phụ nữ đã đến chỗ hẹn.

Chỉ riêng Tomeo và René lại gần bà. Bà hướng dẫn chính xác cho Tomeo chỗ Bizzarro phải nghỉ qua đêm hôm sau. Khi thấy chỉ dẫn đầy đủ, cả hai đều cáo lui.

René cùng năm mươi người của mình xác định vị trí. Khi đêm xuống, họ đốt đuốc xục tìm trong rừng song họ chỉ thấy vài con chim hoảng sợ và đám thú hoang.

Tuy nhiên khi tìm được vị trí chúng hạ trại, vì than bếp vẫn còn nóng, thì Tomeo và René đều chắc chắn lời chỉ dẫn là chính xác. Tiếc là quân của René đã bị lộ, một đội ngũ khá đông như vậy dễ làm chúng kinh động.

-Vậy là lại phải bắt đầu lại từ đầu.

Và quả thật họ đã làm lại.

Lần này Bizzarro và tay chân của hắn ở đúng chỗ được chỉ nhưng đám lính canh gác quanh trại đã báo động: đạn vãi ra tới tấp nhưng không có kết quả gì ngoài một tên cướp bị chết. Dẫu sao, tiếng đồn về cuộc săn lùng Bizzarro đã lan ra khắp nơi.

Il Bizzarro từng là vua trên khắp miền của hắn.

Khi tướng quân Reynier bị thất bại trong vịnh Sainte-Éuphénie và bị buộc phải rút vào tận Basilicate, động thái này đã nhường cả miền hạ lưu Calabre cho quân sơn tặc. Thế là Bizzarro cho tổ chức một cuộc diễu vào thành Palmi như một lời ca ngợi chiến thắng của hắn mà người ta còn nhắc cho đến tận ngày nay: Dẫn đầu đoàn một trăm người cưỡi ngựa và theo sau là rất đông lũ trộm cướp đi bộ, hắn được chính quyền cùng giới tăng lữ tiếp đón đến nhà thờ giữa dòng người từ khắp xứ xung quanh kéo đến. Bài thánh ca Te Deum vang lên chào mừng sự đại diện hợp pháp của hắn. Buổi lễ kết thúc bằng tiếng hô "Đức vua vạn tuế! Hoàng hậu Marie-Caroline vạn tuế! Bizzarro vạn tuế!" Tiếng hoan hô ba lần ấy khiến vài bộ óc ít người cảm thấy hoan hỉ.

Phần II – Claude Schopp

Phần bản thảo kia tác giả đến đây là hết (30-10-1869)
Claude Schopp đã hoàn thành nốt phần kết luận.

Hang núi Tarpéienne ở ngay cạnh Capitole. Một kẻ vốn một thời làm vương làm tướng nay chỉ còn là một tên tội đồ đang lẩn trốn.

Tội ác của băng cướp càng làm tăng thêm hận thù cho dân chúng đám dân quân thề là chỉ hạ vũ khí khi nào Bazzarro bỏ mạng.

René và Tomeo không cần phải đi tìm thông tin vì người dân tự động đến cung cấp. Trong suốt năm, sáu ngày ròng rã, cứ vào những giây phút cuối René lại để tên cướp trốn thoát. Hết sáng này đến sáng khác họ phát hiện ra những chỗ mà bọn chúng vừa cắm trại, những đống tro còn ấm, và đôi khi là xác chết của một kẻ đồng bọn. Chính Il Bizzarro đã hạ thủ đồng bọn của mình khi hắn nghi ngờ kẻ đó phản bội và sau đó hắn ném xác chết cho bầy chó hung dữ của hắn.

Chỉ có điều càng tiến lên, họ nhận thấy rằng vết tích của bọn cướp ngày càng ít. Như một người Anh điêng của đồng cỏ xavan, Tomeo cúi xuống những chỗ vết tích đó, quan sát tỉ mỉ các dấu chân để lại, những phần thức ăn thừa và đưa ra kết luận rằng băng cướp chỉ còn lại ba người trong đó có một đứa trẻ hoặc một phụ nữ. Chắc hẳn, giống như Tomeo đã làm trước hắn, hắn đã tìm cách phân tán băng nhóm.

Cuối cùng, René quyết định cho quân của mình mai phục ở làng Maida, còn anh tiếp tục cùng Tomeo đi lùng sục.

Những người dân trong vùng đều thừa nhận là có nhìn thấy Il Bizzarro trên con đường từ Maida đến Vena. Chắc hẳn băng cướp ít ỏi của hắn đang ẩn náu ở một trong những vô vàn hang động nào đó bên sườn núi. René và Tomeo khi lên đến một bãi đất bằng phẳng dưới đỉnh núi, đã quyết định qua đêm dưới những tảng đá đang được nhuốm màu dưới ánh trăng vằng vặc như trong một bức tranh của Salvador Rosa. Họ sẽ tiếp tục lên đường vào sáng hôm sau. Ngủ được 1, 2 giờ gì đó, René thấy bị lay nhẹ. Anh mở mắt và thấy Tomeo đang ở cạnh anh, lấy bàn tay đặt lên vành tai ra liệu cho anh chú ý lắng nghe.

Cuối cùng, René cũng nhận ra những tiếng rên rỉ từ xa vọng đến cùng với những tiếng gầm gừ nặng nề.

-Chắc là một con chim hù hay con chim đi ăn đêm nào đó – René thì thào.

-Không, một đứa trẻ.

René nhớ ra mẹ của chàng trai đã bị bọn cướp giết kể rằng cô gái đi cùng Bizzarro vừa mới sinh con.

Anh nhẹ nhàng đứng lên lôi Tomeo đi theo con đường ngoắt ngoéo giữa các tảng đá. Khi tiếng rên rỉ dẫn đường cho họ tắt ngấm thì họ phải xem xét lại kế

hoạch của mình. Bởi lẽ khi họ ngỡ là đã tiến được đến cận kề hang ở của bọn cướp thì tiếng rên rỉ lại tiếp tục vang lên chứng tỏ chúng đã rời xa nơi đó. Họ đành quay trở về.

Bỗng nhiên, tiếng rên rỉ lại ngừng hẳn. Buổi sáng hai chàng trai lục tìm các dấu vết xung quanh nhưng vô ích. Họ chẳng tìm thấy dấu hiệu khả quan nào cả.

Tuy vậy, họ vẫn tin rằng băng cướp đã ở đó, trong cái hang đá này. Hai người ở lại nơi heo hút đó sáu đêm, ngày nào cũng ra sức tìm kiếm nhưng chẳng thu được kết quả gì.

Đến đêm thứ bảy sau khi René đã nản chí và quyết định sáng hôm sau trở về làng Maida thì anh bị đánh thức bởi một tiếng nổ chát chúa vọng lại. René và Tomeo vội vã lao đi, cố gắng định vị nơi xảy ra tiếng súng đó. Nhưng những đám mây đen xịt đang vần vũ trên bầu trời đã làm ánh trăng mờ đi. Họ tìm kiếm trong khoảng một tiếng, chân trượt trên những viên sỏi sắc nhọn, đôi khi đu người trên những mỏm đá. Một làn gió ẩm ướt xộc đến khiến hai người toá mồ hôi. Bỗng nhiên, cách họ khoảng hai trăm bước chân, sau một mỏm đá, tiếng nổ thứ hai lại vang lên.

Họ tiến đến chỗ mỏm đá, lánh người vào những khe đá hẹp.

Ngay lúc đó, cơn giông nổ ra. Những ai đã từng chứng kiến giông bão ở vùng miền nam nước Pháp mới thấu được sức mạnh của thiên nhiên ở đây như thế nào. Gió mưa, sấm sét, chớp như muốn xé tan cả bầu trời và vạn vật. René và Tomeo không thể tiếp tục leo lên được nữa. Họ tụt xuống tận đáy vực đá và tìm con đường mòn để leo lên. Sấm chớp, nhằng nhịt trên bầu trời, thác nước đổ từ trên đỉnh núi xuống khiến hai chàng trai buộc phải dừng lại và dập tắt hy vọng tận thấy Bizzarro.

Cuối cùng, họ quyết định trở về Maida dưới màn mưa dày đặc như ngấm vào xương tuỷ. Những đám mây do gió đưa đến mang theo những hơi thở nóng hổi. Mưa mỗi lúc một dữ dội hơn, con đường họ đi giờ đây ngập đến tận đầu gối. Gần sáng, họ nghe thấy la hét và ánh sáng. Thì ra những người ở Maida vì quá lo lắng nên đang đi tìm họ.

Họ đi vào quán trọ duy nhất trong làng. Đó là một ngôi nhà lụp xụp dường như cũng đang run rẩy trong gió. Chớp len vào qua những lỗ thủng trên tường. Họ nhóm lò và nướng một con gà.

Người chủ quán trọ sấy khô những chiếc khăn lau cho René và Tomeo. Bàn ăn được trải bằng một tấm vải trắng, trên đó là hai đã thức ăn bị mẻ lỗ chỗ.

Khi người đã ấm trở lại, René vừa ngồi sang bàn ăn thì Tomeo gác ở cửa quán trọ đến báo với anh rằng có một phụ nữ muốn đến gặp anh về chuyện Bizzarro.

-Cho chị ta vào – René nói.

-Người đàn bà đi vào. Mái tóc đen dài, quần áo của chị ta đều ướt sũng. Chị ta cầm trên tay một chiếc túi vải, thắt bốn góc.

-Chị mang đến cho tôi nhưng tin tức của Bizzarro? – René hỏi.

-Tôi mang đến cho ông hơn cả điều đó – Chị ta trả lời với giọng trầm xuống.

Nói rồi, chị ta đặt chiếc túi xuống đất, tháo nút luồn tay vào trong và lôi ra một thứ những trong bóng tối lập lòe khiến René vẫn chưa rõ là cái gì. Chị ta tiến đến sát René tay túm mái tóc trên chiếc đầu lâu còn nguyên máu me và đặt chiếc đầu lâu lên bàn ăn, bên cạnh đĩa thức ăn của anh.

Giây phút rùng mình thoáng qua nhanh. René đứng vụt dậy.

-Cái đầu này trị giá hàng ngàn ducat – Người đàn bà nói – trả tiền cho tôi đi.

René tiến hai bước về chỗ lò sưởi nơi bộ quân phục của anh đang hong khô trên thành ghế rồi lôi ra bọc tiền vàng. Anh đặt chỗ vàng đó lên mặt bàn, bên cạnh chiếc đầu lâu.

Người đàn bà đếm từng đồng rồi lần lượt cho vào túi tạp dề.

Đếm tiền xong, chị ta đi ra cửa. René chặn chị ta lại.

-Chị đang lạnh và đang kiệt sức. Chắc hẳn chị đang đói?

-Rất đói! – Chị ta trả lời.

-Vậy hãy ngồi xuống cạnh lò sưởi đi.

Anh ra lệnh cho chủ quán mang đến cho anh phần còn lại ít ỏi của con gà rồi ngồi xuống cạnh người đàn bà. Chị ta lao vào đĩa thịt gà và ăn ngấu nghiến, chỉ một loáng đã trơ lại đống xương.

-Tại sao chị lại giết hắn? – René hỏi.

Người đàn bà chẳng nức nở lấy một tiếng, hai mắt chị ta nhìn trâng trâng vào ngọn lửa và chị ta kể về cái chết của tên cướp với giọng đều đều.

Khi bị truy đuổi từ mọi phía, Bizzarro tìm đến một cái hang mà chỉ mình hắn biết để trú ẩn. Hắn cũng đã thủ tiêu hai tên đi cùng chỉ giữ lại vợ và con hắn.

Quả thực cái hầm đó rất kín đáo. Lối vào rất nhỏ, vòng vèo và rậm rịt, khi đã đi vào trong, đám cây gai, đám rêu lại phủ kín gần như ban đầu.

Tuy nhiên, đứa trẻ lại không chịu đựng được cuộc sống lang thang nay đây mai đó của cha mẹ nó. Nó bị ốm, khi thức cũng khóc khi ngủ cũng khóc

-Kìa, mẹ mày đâu – Tên cướp nói – dỗ con đi chứ. Không biết Chúa sinh ra nó hay quỷ sinh ra nó vậy. Tiếng khóc của nó sẽ mang mạng của tao và mẹ mày nộp cho quân địch thôi.

Người đàn bà vạch vú ra cho con bú nhưng cái vú quắt queo chẳng có lấy một giọt sữa. Đứa bé vập vào bú rồi lại lăn ra khóc và rên rỉ.

Một buổi tối, người đàn bà không tìm được cách nào để đứa bé ngậm mồm lại thêm vào đó là tiếng chó gầm gừ như muốn báo rằng đám người lạ đang ở đâu đây. Bizzarro ngồi bật dậy rồi không nói một lời hắn giằng đứa bé khỏi tay người đàn bà rồi ném mạnh đứa bé vào vách hang khiến đầu đứa bé vỡ toác.

-Lúc đó, tôi chỉ muốn nhảy chồm lên bóp cổ hắn. Tôi đã thề có Madone chứng giám là sẽ trả thù cho đứa bé – Người đàn bà nói.

Người đàn bà không nói gì. Chị ta đứng lên gom xác đứa con lại rồi gói vào chiếc tạp dề và đặt lên đùi. Chị ta run rẩy, hai mắt đỏ vằn và bắt đầu ru đứa bé ngủ cứ như nó vẫn còn sống.

Sáng hôm sau, tên cướp dẫn theo đàn chó đi kiếm thức ăn. Chỉ còn lại một mình, người đàn bà lấy con dao hì hục đào một hố trong hang rồi đặt đứa trẻ vào đó. Sau đó, chị kê chiếc giường lên trên nấm mồ nếu không đàn chó đói không tìm được thức ăn bên ngoài sẽ vào ăn thịt đứa bé.

Trong những đêm không ngủ, người đàn bất hạnh thì thầm trò chuyện với đứa con đang nằm cách chị vài nắm đất.

Mỗi khi thì thầm hứa trả thù cho đứa con xấu số, chị ta lại nhớ đến cha mẹ, nhớ đến cuộc đời trôi nổi khi theo tên giết người, những đau đớn, chịu đựng mà chị chẳng được than phiền với ai những nỗi đau đớn lớn nhất mà chị phải gánh chịu là cái chết thương tâm của đứa con bé bỏng của chị. Chị thầm nghĩ rất có thể một ngày nào đó chị cũng sẽ chết trong bàn tay của tên ác ôn như hắn đã giết con mình.

Đêm hôm đó, khi tên cướp đang say sưa ngủ sau một ngày mệt mỏi đi tìm đồ ăn, người đàn bà như mọi khi vẫn nằm trên nấm mồ của đứa bé thì thầm vài lời như lời hứa hẹn, chị luôn cúi mặt xuống hôn đất rồi đứng lên lặng lẽ đi về chỗ tên cướp đang nằm. Chị ta cúi xuống xem chồng có ngủ thật không. Khi thấy tiếng thở hắt ra đều đều, chị ta đứng lên, nhẹ nhàng nhấc khẩu cạc bin mà tên cướp luôn để bên mình rồi nhằm họng súng vào tai tên cướp đang ngủ và bóp cò không hề do dự.

Bizzarro không kịp kêu lên tiếng nào. Hắn bị nảy người lên rồi lộn úp mặt xuống đất.

Người đàn bà cầm lấy con dao, chặt đầu tên cướp, gói chiếc đầu lâu vào tạp dề vẫn còn vết máu của đứa con, lấy hai khẩu súng ngắn dắt vào thắt lưng và đi ra khỏi hang.

Khi chị đi được khoảng hai trăm bước thì hai con chó đang canh ở ngoài đuổi theo chị, mắt chúng vằn máu, lông xù lên.

Chúng cảm thấy ông chủ của chúng vừa gặp nguy hiểm và người đàn bà này chính là thủ phạm.

Với hai phát súng ngắn, chị đã hạ thủ luôn cả hai thành viên cuối cùng trong toán cướp.

Sau đó, tôi đã chạy về đây chẳng kịp ăn uống gì cả – Người đàn bà nói.

§119. Bàn tay của tiểu thư

(Phần do Claude Schopp bổ sung)

Cùng ngày hôm đó khi bàu trời đã quang đãng, René và đoàn tuỳ tùng rời khỏi ngôi làng.

René đã mua lại của ông chủ quán chỉ một con la. Tomeo chất lên lưng con vật một chiếc giỏ đan bằng cây liễu giỏ trong đó đựng đầu của tên cướp Bizzarro vẫn được gói trong chiếc tạp dề thắt nút bốn góc. Tomeo dẫn con la đi đầu, đoàn người đi sau khoảng một trăm bước chân. Cả đoàn chìm trong không khí sợ hãi, họ như muốn xa lánh những tội ác dã man mà cái đầu này gây ra.

René yêu cầu Tomeo đưa đoàn người đi về hướng Reggio vì nghĩ rằng tướng Reynier đã đến thành phố. Liệu anh có về kịp để tham gia vào việc chiếm lại Reggio nổi mà các băng đảng ủng hộ triều đình Bourbon được người Anh hậu thuẫn đã thảm sát các khu đồn trú lẻ tẻ trong tiếng la hét "Vua Ferdinand muôn năm!"

Chính hoàng đế cũng đã viết cho anh trai mình là Joseph như sau:

"Các người phải chiếm được Reggio và Scilla. Thật là xấu hổ khi để nghị Anh đặt một chân vào vừng đất này. Ta không thể chịu đựng được điều đó. Hãy chuẩn bị cho cuộc chiến."

Còn tướng Reynier cũng muốn chuộc lại lỗi lầm sau thất bại của mình nên cũng vội vã huy động quân lính mở ra một con đường chuyển quân và vây hãm một phần tư tầm đại bác của thành phố. Như vậy, cuộc tấn công đã bắt đầu.

Tuy vậy khi đi qua những dãy hoành sơn của vừng núi Aspromonte, René phát hiện ra trong vùng Calabre không hề có dấu hiệu nào của sự chuyển quân chứng tỏ sắp có cuộc chiến diễn ra, anh chỉ thấy ở phía trên Reggio một vài cuộn khói hờ hững bốc lên bầu trời xanh ngắt. Vậy chuyện gì đã xảy ra? René đã tự hỏi trong suốt chặng đường đi xuống rất dễ dàng với anh. Nhưng rồi một lính gác trong một đồn ở phía trước đã trả lời cho câu hỏi của anh.

-Ngay từ loạt đại bác đầu tiên, những tên nổi loạn tự xưng là Saint Foi đã lủi như đàn sẻ. Chúng tháo chạy bằng đường thủy và đường bộ để về Sicile.

-Thế còn những người Anh?

-Chúng tôi không nhìn thấy họ. Ngài Stuart và đội quân của ông ta đã biến mất.

Trên các đường phố Reggio, quân lính chất súng thành từng đống. Một số ngồi dưới bóng râm trên vỉa hè, lôi khẩu phần ăn của mình ra, bỏ vào mồm từng miếng nhỏ để được ăn lâu hơn.

Một số khác đã cởi bỏ bộ quân phục, đứng cạnh vòi nước vừa tắm rửa vừa cười đùa như lũ trẻ.

Năm, sáu ngôi nhà sau khi bị bắn phá cũng đã tắt lửa. Để đi tìm tướng Reynier trong một lâu đài cũ như người ta chỉ René cùng đồng đội của mình phải vượt qua những đống đổ nát nghi ngút khói và bước qua những xác chết nham nhở.

Trên quãng đường Castello là một cây đại thụ với những dây nho rủ xuống, một người lính có nhiệm vụ đứng canh ở đây nói: -Bọn nổi loạn đã cầm vũ khí, chúng thảm sát hầu hết những người bạn của tôi.

Trong lâu đài, các sĩ quan đã kết thúc bữa ăn, một bữa ăn vốn được chuẩn bị cho những kẻ chiếm đóng thành phố trước khi đội quân của tướng Reynier kéo đến và bọn chúng đã tháo chạy, bỏ lại tất cả.

Một người đi báo với tướng Reynier về sự hiện diện của René. Vị tướng này liền đi đến chỗ anh, hai tay giang rộng.

-René yêu quý, anh đến muộn quá! – ông ta vừa ôm René vừa nói.

-Vậy tôi đã không giúp gì được cho ngài?

-Không, tôi đã chiến thắng một cách dễ dàng. Nói thực, dù anh không có mặt nhưng chính anh là người mang lại chiến thắng vì anh đã phát hiện ra con đường giúp đội pháo binh bao vây mà không gặp khó khăn gì.

-Thưa tướng quân, vinh dự chiến thắng là thuộc về ngài – René mỉm cười nói.

-Chẳng lẽ anh nghĩ là tôi cần điều đó để lấp lại những thất bại của tôi sao?

-Nếu được như vậy, tôi rất vui lòng về điều đó.

-Thế còn anh, công việc của anh thuận lợi chứ?

-Tôi đã có cái đầu của Bizzarro mà không hề bị vấy máu của hắn.

-Hãy kể cho tôi nghe về chuyến săn cướp của anh đi.

René đã kể lại cho tướng Reynier nghe về cuộc truy đuổi gian nan và vô ích của anh, đúng đến lúc anh nản chí muốn bỏ dở thì vợ tên cướp đã mang đầu của hắn đến nộp.

-Tôi rất muốn được nhìn thấy đầu của hắn, một kẻ đã từng được làm vua Palmi trong vài giờ và làm rung chuyển dãy Calabres.

René ra hiệu và Tomeo mang chiếc giỏ và tháo tấm tạp dề ra.

-Từ mười lăm nam nay, có biết bao cái đầu đã bị chặt – Reynier thì thầm khi ông quay sang nhìn khuôn mặt kinh tởm của Bizzarro, một kẻ mà không ai nghĩ rằng có thể làm cho hắn nhắm mắt.

-Vâng, lạy Chúa. Có những cái đầu là thân nhân của tôi – René nhắc lại với giọng trầm hẳn xuống! – Trong những năm cô đơn tôi đã suy ngẫm về ý nghĩa những cuộc tàn sát đó, những cuộc tàn sát đã nhấn chìm tôi vào đau khổ.

-Và anh đã rút ra được điều gì?

-Rằng đoạn đầu đài cũng là một trong những phương pháp mà một sức mạnh huyền bí, nhân danh Chúa, nhân danh Đấng cứu thế hay một cái gì đó để chống

chọi với những trở ngại mà nhân loại vấp phải trên con đường đi đến tự do.

-Nếu như vậy thì đức ngài Guillotin người đã phát minh ra máy chém cũng không phải là một biến cố vô tình.

-Không ông ta đã xuất hiện rất đúng lúc cũng như tất cả các sự việc tuyệt đối và định mệnh. Ông ta phải lập ra một đội quân cho cách mạng. Thanh kiếm mà ông ta dâng cho cách mạng cũng giống như cú sét của thần Jupiter có 12 vạch vặn xoắn với nhau: ba vạch dành cho căm hận, ba vạch dành cho trả thù, ba vạch dành cho nước mắt và ba vạch còn lại dành cho máu đổ. Cũng như Saint-Just đã nói: "Trong cách mạng, kẻ nào không thẳng tay, kẻ đó tự đào hố chôn mình và chôn cả tự do". Chúng ta đang sống trong thời kỳ rối ren, nhiều biến cố nên chúng ta phải vượt qua những cái nhỏ bé.

-Chính vì vậy, René yêu quý, chúng ta phải quên đi rằng tên tướng cướp này cũng là một con người bởi những hành động của hắn khiến hắn chỉ được xếp vào cùng thứ hạng với những loài thú dữ khát máu mà anh đã từng chiến đấu ở vương quốc Miến Điện.

-Trong khi anh truy đuổi hắn, tôi đã thực hiện những điều tôi đã hứa.

Rồi vị tướng quay sang một sĩ quan tuỳ tùng.

-Hãy đi tìm Jean cho tôi và bảo anh ta mang đến cho tôi những cái mà anh ta đã làm.

Một lát sau, một người lính bước vào. Qua dáng vẻ nhanh nhẹn, hoạt bát, người ta có thể đoán đây là một người thợ thủ công Paris.

-Jean, hãy chỉ cho ngài đây kiệt tác mà anh đã làm để cho ông ấy.

Người lính đặt trước mặt René một chiếc hộp to bằng gỗ ô-liu gắn một chữ số bằng vàng. Chiếc hộp được bào nhẵn bóng và trông khá xinh đẹp. Người thợ mở nắp hộp, bên trong được lót bằng lớp vải nhung đỏ.

-Đây là chiếc hòm mà tôi đã cho đóng để đặt đầu lâu của Bizzarro vào đó. Chúng tôi sẽ nhờ bác sĩ phẫu thuật chuẩn bị kỹ càng trước khi anh ra đi. René, tôi cho anh nghỉ ngơi ít ngày, hay nói đúng hơn là tôi giao cho anh nhiệm vụ đi đến Naples để thông báo cho vua Joseph biết tin là chúng ta đã chiếm được Reggio.

Sáng hôm sau, khi trời vừa sáng tỏ, René trên lưng một con ngựa tốt nhất của vi tướng còn Tomeo trên lưng con la mà anh ta rất yêu quý và đặt tên nó là Regina rời khỏi lâu đài thẳng tiến về Naples. Từ Maida, trở đi họ đi lại con đường mà họ đã đến. Lộ trình của họ vẫn lặp lại như cũ, vẫn người dẫn đường cũ, vẫn những kẻ với vẻ mặt dữ dằn bất ngờ nhảy ra tấn công rồi lại nhanh chóng phải rút lui, mỗi buổi tối, để chắc chắn hơn Tomeo lại ngủ trước cửa để canh phòng.

Sáu ngày sau, từ sáng sớm họ đã tiến đến gần Naples, tiếng ồn ào của thành phố mỗi lúc càng rõ hơn. Quân của Napoléon không làm hại đến dân chúng nên cuộc sống ở đây vẫn điền ra náo nhiệt như thường. Tiếng chuông nhà thờ ngân

nga khắp nơi, tiếng lục lạc và tiếng vó ngựa lọc cọc trên đường, tiếng phụ nữ, tiếng trẻ em nô đùa, ca hát. Tất cả đều vang lên như những bản nhạc mãi không thôi. Trên cầu Madeleine, khoảng chục đứa trẻ tò mò nhìn những túi hàng mà Tomeo chất trên lưng con la. Thỉnh thoảng anh lại dùng roi quất vào mông nó.

René đi đến khách sạn La Victoria và được ông chủ Martin Zir đón tiếp nồng nhiệt. Anh được ông chủ xếp vào những du khách hào hiệp. Khi vừa tắm rửa xong, anh đã nhận được hồi âm của bức thư mà anh gửi cho Saliceti yêu cầu anh đến yết kiến nhà vua ngay lập tức. Mặc dù còn sáng sớm, René đã được nhà vua chờ đón.

Anh có mặt ngay sau đó và được Saliceti đưa vào. Nhà vua đến trước mặt anh và nói: -Không giống như em trai ta, ta lại chỉ yêu cầu mọi người đánh thức ta khi có tin mừng. Ta tin rằng tin tức mà anh mang đến cho ta không phải là tin xấu…

-Thưa bệ hạ, Reggio đã về tay chúng ta mà không phải quá nhọc công. Chỉ vài đợt đạn pháo đã khiến kẻ thù tháo chạy.

-Theo những gì mà tướng Raynier kể lại thì chính anh đã mở đường để đưa đội pháo binh vào trước Reggio.

-Nếu như tướng quân đã nói như vậy… Nhưng tôi không có mặt lúc chiếm thành phố.

-Ta biết, ông ấy cũng có nói với ta là anh phải đi săn đuổi tên cướp lấy danh nghĩa là người của triều đình Bourbon đã hoành hành trong vùng Calabre.

-Ở Calabre, hắn chỉ là một trong số những tên cướp thôi, thưa ngài!

-Bây giờ, – Joseph vẫn tiếp tục – cần phải nghĩ đến việc chiếm Sicile, đổ bộ 7 hoặc 8 ngàn quân để chiếm Le Phare. Như vậy cần phải điều quân từ Reggio.

-Đúng vậy, thưa ngài, nhưng chúng ta vẫn phải tiếp tục trang bị tàu bè cho Naples để có thể chống chọi với số lượng quân đông nhất ở Sicile.

-Anh có lý trong bối cảnh hiện nay ở châu Âu, chúng ta không được thiếu quân. Hoàng đế có thể gửi quân cho tôi bất cứ bao nhiêu mà tôi yêu cầu. Đây là thư ngài đã viết cho tôi.

Nhà vua trao cho René một lá thư khẩn, bên dưới là chữ ký vội vàng của Napoléon:

"Ở Naples, anh luôn luôn phải ở tư thế sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng tiếp nhận các đội quân và tiên thẳng đến Mortella để chiếm Phare. Mặt khác, anh phải giữ tuyệt mật dự định này bởi tên dò la có thể đi từ Naples về Sicile chẳng một bao lâu thời gian và nếu bị lộ thiệt hại của chúng ta là vô cùng lớn. Chỉ có anh và Saliceti, một sĩ quan hải quân được biết chuyện này, ngay cả viên sĩ quan mà anh gặp ở Otrante và Brindisi cũng không được biết gì cả. Anh hãy gửi cho anh ta một lá thư niêm phong cẩn thận và cho phép anh ta chỉ được mở sau khi anh ta biệt được điều kỳ diệu ở Otrante."

-Tôi nghĩ việc cho anh biết bí mật này là không vô ích…

Sau khi từ biệt nhà vua, viên bộ trưởng bộ quân cảnh đưa anh ra tận cầu thang danh dự.

-Anh bạn René, đức vua muốn nhờ tôi mời anh ở lại dự bữa trưa. Tiểu thư, con gái tôi sẽ không tha thứ cho tôi nếu như tôi không thể để cho nó được nghe kể về cái chết của Bizzarro.

Ba giờ sau, René bước vào phòng khách của dinh bộ Chiến tranh. Tiểu thư Lavello, cùng với cha nàng, viên thư ký đang chờ anh. Nhìn thấy René từ xa, tiểu thư đã sung sướng reo lên: -A, vì khách đây rồi. Chúng tôi đang nóng lòng chờ ngài.

-Tôi có thể gọi ngài là bá tước Léo được chăng?

René đặt chiếc hòm bằng gỗ ô-liu xuống dưới chân.

-Quý cô có thể mãi mãi coi tôi như vậy. Tôi đã không mất tước hiệu đó: Tôi đã có đầu của Bizzarro.

-Bá tước Léo, đây là tay tôi, như đã hứa.

René cung kính đặt môi hôn lên bàn tay nhỏ nhắn quý phái của nữ bá tước. Hai má cô gái bỗng đỏ lên ngượng ngùng. Và rồi như để che giấu cảm xúc, cô gái ngồi xuống bên chiếc hòm và mở nắp.

Tiểu thư thét lên một tiếng rồi ngất lịm đi.

§1. Phó vương Eugène – Napoléon

Ba chương sau đây, theo Dumas, sẽ là phần mở đầu của một phần khác của tiểu thuyết nhưng còn dang dở.

-Chúng ta cũng biết rằng chiếu theo hiệp ước Campoformio, toàn bộ phần lãnh thổ của công quốc Venice trước đây là thuộc về áo phần lãnh thổ thuộc Adige trước đây sẽ nhập vào công quốc Cisalpine.

Công quốc Usalpine sau này trở thành vương quốc Italie.

Năm 1805, công quốc này được nhập thêm phần lãnh thổ của Venice mà theo hiệp ước Campoformio người ta sẽ nhường lại cho Áo.

Eugène de Beauhamais, con riêng của Joséphine được Napoléon ban cho tước hiệu phó vương công quốc Venice, công quốc này được chia thành tám phủ mỗi phủ đều có thủ phủ.

Venice là thủ phủ của vùng biển Adriatique, Padoue là thủ phủ của Brenta, Vicence là thủ phủ của Bacchiglione, Trévice là thủ phủ của Tagliamento, Cao là d'Istria là thủ phủ của Istrie, Udine là thủ phủ của Passenano.

Udine là một thành phố nhỏ bé duyên dáng nằm ở giữa vùng đồng bằng màu mỡ, bên bờ biển Roja. Thành phố này được phân thành hai vùng: nội thị và ngoại thị và hai vùng này được phân cách với nhau bởi các thành lũy và công sự. Cũng chính nơi đây Phó vương của Italie chọn làm nơi đóng đô.

Người đứng đầu triều là vị phó vương trẻ tuổi, 28 tuổi, vui vẻ, ồn ào nhưng đầy vẻ oai hùng. Bên dưới phó vương là những hiệp sĩ dũng cảm, mạo hiểm những cũng rất vô cùng nhã nhặn và tuấn tú những quý phu nhân mỹ miều, giàu xúc cảm thường hát cùng cây đàn dương cầm những bíu hát lãng mạn của hoàng hậu Holtense, của Jadin cha và của quý ông Alvimar.

Các buổi sáng, triều đình thường đi dạo trong thành phố, hoặc đi săn hay đi câu ở phà Marano.

Bao trùm lên cả công quốc là một cuộc sống yên bình, êm ả và no đủ. Người ta phải làm gì nữa ngoài việc vui chơi?

Nhưng rồi từ một buổi sáng khi cả triều đình đi câu trong các đầm phà, mọi sự đã đảo lộn. Đó là ngày 8 tháng Tư năm 1809.

Lúc đó là 9 giờ sáng, một cỗ xe phủ đáy bụi với ba con ngựa kéo phi nhanh lên dốc trên con đường dân tới lâu đài Udine.

Lâu đài Udine trước kia vốn là nơi ở của một giáo trưởng của người đứng đầu thành Venice, nay trở thành nơi ngự của vị phó vương.

Chiếc xe dừng lại trên quảng trường Marché. Một mái đầu trẻ trung của một sĩ quan thò ra ngoài cửa xe, ngắm nhìn cây cột Campoformio đã được dựng lên sau hiệp định mang tên nó, trên đó người ta khắc ngày ký hiệp định và lời ca tụng

sự vĩ đại, hào hiệp của vị Tổng tài thứ nhất, người đã từ chối Venice trở thành một phần của lãnh thổ của mình. Cỗ xe lại tiếp tục lên đường và như chúng ta cũng thấy nó lại tiếp tục bò lên con đường dốc dẫn tới lâu đài.

Vừa đến cổng lâu đài, lính gác ra chặn xe lại.

-Người đưa thư của hoàng đế – Hai giọng đồng thanh vang lên.

Một trong hai giọng đó là của chàng sĩ quan trẻ đang ngồi bên trong xe. Một giọng là của người đầy tớ ngồi trên ghế đánh xe ngựa.

-Xin cho gặp sĩ quan thư tín! – Chàng sĩ quan trẻ nói.

Một đại tá già càu quạu đi ra. Đó là một cựu chiến binh trong cuộc chiến ở Italie.

-Thế đây lại một anh chàng ria mép trẻ tuổi nữa đấy! – ông già nhìn thấy chàng sĩ quan trẻ và nói.

Chàng sĩ quan cũng nghe thấy lời ca cẩm mà người lính già vừa thốt ra, anh cười mà nói: -Cụ ơi không phải tất cả những người có ria mép đều có vinh hạnh được nhìn thấy những lưỡi kiếm Thổ Nhĩ Kỳ sáng lên ở Pyramides và những ánh lửa của những khẩu đại bác ở Marengo đâu.

Người lính già đỏ mặt bởi ông biết ông vừa xúc phạm một cấp trên. Đó là một sĩ quan mặc quân phục và những huy hiệu của một đội trưởng đội kỵ binh săn bắt cướp.

-Xin ngài thứ lỗi – Người lính già phân bua – Ngài thấy đấy hoặc ngài không có diễm phúc được thấy, ở đây những người phải ở lại hậu phương thường kêu ca là thừa thãi chân tay, nhưng dẫu sao khi người có cái này – ông vừa nói vừa chỉ vào cây thập tự trên ngực – khi người ta có cái này thì người ta chẳng phàn nàn điều gì cả.

-Cụ có lý lắm. Cụ thấy đấy – Chàng trai vừa nói vừa chỉ vào tấm ngực trần của mình – về điểm này, tôi chẳng được hạnh phúc như cụ. Nhưng chúng ta đang để mất thời gian quý giá một cách vô ích. Tôi cần được gặp phó vương ngay. Tôi là người mang tin khẩn từ chỗ hoàng đế.

-Cần ư? – Người lính già nhắc lại – Thế đấy, chàng trai trẻ này chỉ biết ra lệnh và đòi người khác phải tuân theo. Vậy nếu phó vương không ở Udine, nếu phó vương đi câu, đi vui đùa ở đầm phà thì việc anh "cần" sẽ ra sao đây?

-Ngài không ở Udine sao? Vậy ngài ở đâu? Dù ngài có ở đâu tôi cũng phải tới gặp ngài. Tôi đã hứa với hoàng đế là sẽ phải gặp phó vương dù ngài có ở đâu vào ngày 8 tháng Tư trước giờ trưa.

-Trong đất nước của tôi, thưa vị chỉ huy. Họ vui vẻ hơn cả những cáp tình nhân. Tôi không biết liệu anh đã yêu chưa nhưng tôi biết anh đang hạnh phúc. Này, anh hãy nhìn kia kia, trên con đường Palmanova, cách đây nửa dặm, đám bụi mà anh nhìn thấy, đó chính là đám bụi của đoàn xe triều đình.

-Vậy thì… – Chàng trai vừa nhảy lên xe vừa nói – chuyến đi của tòi cũng sắp hoàn thành. Tomeo, khởi hành thôi.

Cùng lúc, một cỗ xe kéo tức tốc chạy đến vòng quanh cỗ xe đang định khởi hành. Một sĩ quan của triều đình, nhân danh phó vương người đang trở về, mời ngài đội trưởng đội săn bắt cướp vào lâu đài. Chàng trai chìa bàn tay về phía người lính già, bắt tay ông thân thiện và nói: -Cám ơn cụ. Tôi sẽ không quên những sự thật mà cụ đã nói cho tôi biết. Nếu như cụ có cơ hội được đeo trên vai cụ một dây vai nữa tôi sẽ xin được là người cài dây cho cụ.

Người lính già nhìn anh đi vào trong, rồi lắc đầu thì thầm: -Đúng là kẻ lẻo mép! Chắc anh ta định hứa sẽ bảo vệ cho ta đây.

Rồi ông ta nhún vai đi vào trong đội bảo vệ.

Người ta đưa viên đội trưởng đội săn bắt cướp đến một phòng trong lâu đài và hỏi anh xem anh cần gì.

-Nước và người hầu của tôi – Anh đáp.

Tomeo là tên mà người hành khách đã đặt cho người hầu Italie ngồi trên ghế đánh xe ngựa. Anh ta lôi ra một thùng đựng đồ bằng bạc được trang trí rất cầu kỳ và lấy quần áo đặt vào trong phòng tắm cho ông chủ. Sau cùng, anh ta lấy ra chiếc mũ có chùm lông được gắn trên những viên ngọc trai và kim cương và đưa mắt nhìn ông chủ như muốn hỏi ý kiến.

Chàng sĩ quan trẻ gật đầu đồng ý.

-Đúng rồi!

Mười phút sau, chàng sĩ quan đã thay đổi hoàn toàn, tóc tai, quần áo đã tươm tất đúng với một sĩ quan tuỳ tùng.

Anh vừa tỉa xong bộ ria của mình thì cũng là lúc đoàn xe đi vào sân của lâu đài.

Phó vương vừa về đến lâu đài thì người ta cũng đến báo với vị khách trẻ rằng ngài sẵn sàng tiếp đón anh.

Anh liền lấy bức thư khẩn của hoàng đế đặt trong chiếc mũ rồi vội vã theo viên sĩ quan tuỳ tùng.

Eugène de Beauhamais mà chúng ta đã gặp 14 năm trước khi ngài học đấu kiếm ở Strasbourg cùng với Augereau bây giờ đã là một phó vương khoảng 28, 29 tuổi.

Hai chàng trai trẻ chỉ trạc tuổi nhau.

Trước hết, họ nhìn nhau với vẻ ngưỡng mộ mà nam giới thường dành cho nhau, nhưng rồi Eugène liền nhận ra ngay trong vẻ tuấn tú của chàng trai này có những vẻ cứng rắn, nghiêm nghị ẩn chứa một điều gì đó rất hệ trọng đang đè nặng.

Eugène chào vị khách lạ với vẻ kính trọng và vị khách lạ cũng tiến lên nghiêng người dâng lá thư khẩn lên cho phó vương và nói: -Thư của hoàng đế

nước Pháp gửi phó vương Italie.

-Hãy đưa cho ta – Eugène nói. Ông đưa lá thư lên môi rồi xé ra xem.

-Paris? – Eugène thốt lên – Hoàng đế không ở Paris! Hoàng đế đang ở Valladolid!

-Xin ngài hãy đọc thư! – Viên sĩ quan sốt sắng.

Phó vương tiếp tục đọc lá thư và ông ta đi từ ngạc nhiên sang nghi ngờ.

-Không thể thế được – ông ta thì thầm – không thể thế được! Hoàng đế không thể biết được những gì đang xảy ra ở đây hơn ta được.

Rồi quay sang người đưa thư, phó vương nói: -Hoàng đế có cho ông biết tin mà ngài đã báo cho tôi không?

-Có thưa ngài. Tôi được lệnh từ hoàng đế nhắc ông chuẩn bị phòng bị và thông báo cho ngài biết là từ nay cho đến 3, 4 ngày nữa các ngài ở đây sẽ bị quận công Jean tấn công.

-Làm sao có điều đó được! Một cuộc tấn công không cần tuyên chiến. Tôi không thể không được báo trước. Ông ta và quân Áo của ông ta không thể rớt từ trên trời xuống được.

-Đúng vậy, nhưng họ sẽ tấn công qua đường Tolmezzo và Fella Torte. Chỉ cần hai ngày họ sẽ kéo đến tiền đồn của ngài. Hoàng đế cũng cho tôi biết rằng từ Valladolid ngài sẽ ra lệnh cho vua Murat một sư đoàn, khoảng mùng 8 hoặc mùng 9 sẽ có mặt ở Udine theo sự chỉ huy của tướng Lamarque.

Phó tướng rung chuông, một sĩ quan tuỳ tùng xuất hiện.

-Hãy cho gọi tướng Sahuc đến ngay!

Viên tuỳ tùng tuân lệnh rồi đi ra.

Cuộc trò chuyện giữa hai người lại tiếp tục xoay quanh những thông tin mà người đưa tin mang lại.

-Hoàng đế không nhắn gởi đôi lời gì cho tôi sao?

-Hoàng đế khuyên ngài nên đặc biệt chú ý giám sát trên tất cả các con đường. Nếu như các đội quân của ngài tập trung được và nếu được đặt ở vị trí hiểm trở, thì ngài có thể giao chiến. Ngài nên hiểu được tầm quan trọng của cuộc chiến đầu tiên này. Nếu như thắng lợi sẽ là nguồn cổ động cho toàn quân đội, còn nếu thất bại… chúng ta không thể nói được hậu quả của nó nếu như thất bại.

Eugène lấy khăn mùi xoa lau mồ hôi đang vã ra trên trán, vẻ mặt ông tái đi rõ rệt: -Và sẽ thất bại nếu như quân đội của tôi phân bố rải rác; nếu như quân đội của tôi không ở vị trí hiểm yếu.

-Chính vì vậy, thưa ngài, ý kiến của hoàng đế là ngài nên rút về sau Tagliamento và chọn một phòng tuyến ở đó.

-Nhưng bắt đầu chiến dịch bằng một cuộc chạy trốn…

-Ban đầu, phòng ngự không phải là chạy trốn. Chiến thuật của những vị tướng vĩ đại nhất của thời kỳ cổ đại hay chiến thuật của nhưng vị tướng thời nay

đều dựa trên sự phòng ngự. Hãy phòng ngự trong tám ngày. Các ngài hãy dừng lại. Hãy giao chiến.

-Hãy chiến thắng. Và ngài sẽ nhanh chóng lấy lại đất đai trong tám ngày này.

Người ta thông báo tướng Sahuc có mặt.

-Hãy cho ông ấy vào! – Phó vương vồn vã.

-Tướng quân, – Eugène cắt ngang khi ông này đang làm các thủ tục chào hỏi – ông có mang theo các đội quân chứ?

-Chắc chắn rồi, thưa ngài.

-Từ phía nào?

-Từ mọi phía.

-Hãy tăng cường lên gấp đôi. Mỗi vị trí đóng quân đều cử những người biết nói tiếng Italie để họ có thể hỏi chuyện được người dân địa phương. Hoàng đế đã báo cho tôi biết – tôi chỉ nói cho mình ông biết điều này thôi đó – hoàng đế báo cho tôi biết chúng ta sắp bị tấn công.

-Thưa phó vương, khi tôi đi đến đây để gặp ngài, tôi cũng bắt gặp một đạo quân khác đến từ Venice, tôi thấy họ mang lá cờ ba màu nên tôi nghĩ đó là quân Pháp.

-Đó là tướng Lamarque và sư đoàn của ông ấy – Vị phó tướng thì thầm với Sahuc.

-Nhưng kẻ nào sẽ tấn công chúng ta?

-Áo!

-Không tuyên chiến sao?

-Thế mới lạ chứ… Tuy nhiên, tướng quân này, hoàng đế có nói với tôi chiến sự có thể bắt đầu từ ngày 13 đến ngày 15. Đừng chần chừ nữa. Hãy huy động hết số quân của ông và hãy đến đơn vị tham mưu của các khu đồn trú.

-Tôi xin đi, thưa phó vương.

-Vậy ông hãy đi luôn cho.

Khi tướng Sahuc vừa ra khỏi thì người đầu bếp bước vào và mời phó tướng dùng bữa: -Mời ông dùng bữa với chúng tôi – Eugène nói với René.

-Hoàng đế đã ra lệnh cho tôi phải phục tùng ngài! – Chàng trai nói và nghiêng mình kính cẩn rồi đi theo phó vương.

§2. Bữa ăn trưa

Hai cánh cửa rộng mở, phó vương đưa René vào trong một căn phòng nơi tề tựu đầy đủ cả triều đình.

-Chúng ta đã được miêu tả về tổ chức của triều đình này.

Chàng sĩ quan trẻ sững sờ. Chưa bao giờ chàng gặp những người phụ nữ xinh đẹp hơn thế và những hiệp sĩ lịch thiệp hơn thế.

-Thưa các quý bà, quý ông – Phó vương nói – tôi xin giới thiệu với các quý vị ngài đội trưởng Đội săn bắt cướp René, người đã được Hoàng đế và bộ Chiến tranh cờ mang tin đến cho tôi. Thưa các quỷ ông đây sẽ là một đối thủ của các vị. Còn thưa các quý bà, đây sẽ là người phục vụ mới của các bà. Ông René, tôi cho phép ông được đưa tay cho hoàng hậu. Hoàng hậu, hãy để hiệp sĩ ngồi cạnh.

Cánh cửa phòng ăn vừa được mở ra.

Trong giây lát, mọi người mải mê đi tìm chỗ ngồi cho mình, những chiếc ghế được thiết kế sao cho các vị khách không làm phiền đến nhau. Khi các thực khác đã ổn định chỗ ngồi thì mời chú ý đều đổ dồn về phía René.

Khi anh mới bước vào, họ nhận thấy anh là một người đẹp trai và lịch lãm. Nhưng khi nhìn cách anh đưa tay cho hoàng hậu, cách anh lấy ghế, cách anh chào và ngồi xuống, thì họ đều cho rằng anh là con người thuộc dòng dõi cao quý.

Phó vương nói: -Ông René, tôi nhận thấy các quý bà đây đang khao khát được biết ông. Ông từ đâu đến, và công việc của ông ra sao? Vậy ông có thể kể cho các quý bà đây một chút, được không?

-Thưa phó vương, quả thực ngài làm tôi bối rối khi được vinh dự tiếp chuyện các quý vị đây. Cuộc đời tôi chỉ là cuộc đời của một kẻ tù đày, một thủy thủ, một kẻ nay đây mai đó, một kẻ chuyên đi săn bắt cướp. Có lẽ chẳng có gì đáng nói về cuộc đời tôi cả.

-Thế đấy, quý ông thì thấy rằng cuộc đời của quý ông không có gì đáng nói nhưng tôi lại thấy tất cả đều rất lý thú – Phó vương nói.

-Kìa hoàng hậu, nàng hãy hỏi anh ta điều gì đi chứ! – Phó vương nói với vợ.

-Ông đã từng ngồi tù? – Hoàng hậu hỏi René.

-Vâng, trong 3 năm, thưa hoàng hậu.

-Ở đâu vậy?

-Ở Temple.

-Vậy ông là tù nhân của chính phủ?

-Vâng, tôi đã có vinh dự đó – René vừa cười vừa nói.

-Ở Temple, ông chờ đợi điều gì?

-Hoặc là họ chặt đầu tôi hoặc là họ bắn tôi.

-Ồ? Ai vậy?

-Hoàng đế Napoléon.

-Nhưng bây giờ, ông vẫn được ở đây…

-Đó là vì Ngài thấy tôi không xứng đáng được chặt đầu hay được xử bắn.

-Và Ngài đã gia ân cho ông?

-Vâng.

-Với điều kiện là gì? – Eugène hỏi.

-Là tôi phải chết trong tay kẻ thù.

-Và ông đã không thực hiện điều hiện đó.

-Đó không phải là lỗi của tôi – René nói và mỉm cười đầy cay đắng – Tôi đã làm những gì có thể để thực hiện được điều kiện đó, tôi xin thề danh dự.

-Nhưng tôi hy vọng rằng giữa ông và hoàng đế đã có sự dàn hoà.

-Ồ! Chúng tôi đã từng thương lượng – Chàng sĩ quan trẻ mỉm cười – nhưng nếu như khi phục vụ đức ngài, tôi bị thương thì tôi tin điều đó tốt hơn cho công việc của tôi.

Các quý bà bắt đầu nhìn René với một cái nhìn đầy ngạc nhiên còn các quý ông cũng không hiểu nhiều ẩn ý của câu nói đó.

-Vậy ông tham chiến với tư cách là một người lính?

-Không, thưa bà, chỉ là một tên cướp biển.

-Dưới lệnh của ai? – Phó vương hỏi.

-Dưới lệnh của thuyền trưởng Surcouf, thưa phó vương.

-Các ông đã chặn được con tàu nào khá không?

-Thưa tàu Standard.

Xung quanh phó vương lúc này là các sĩ quan đủ mọi cấp bậc, đủ mọi binh chủng.

-Sao? Ông từng là một trong những tên cướp biển khét tiếng đó sao?

-Vâng, cướp biển, thưa ngài – René trả lời và ngẩng cao đầu.

-Xin lỗi ông – Vị sĩ quan hải quân nói – Có phải ông chính là một trong những tên cướp biển trên một con tàu Slúp có 12 khẩu đại bác và 18 thủy thủ nhưng đã chiếm được con tàu Standard có 42 đại bác và hơn 400 thủy thủ không?

-Vâng, thưa ngài. Và khi đó thuyền trưởng Surcouf đã khuyên tôi nên chiếm hoặc mua một con tàu nhỏ để làm vốn cho riêng mình.

-Nếu như những gì tôi được nghe kể về lòng dũng cảm của ông thì tôi nghĩ có lẽ ông chiếm nhà còn dễ hơn mua?

-Thưa ngài, với tôi hai việc đó đều dễ như nhau mặc dù việc mua nhà có thể làm cho nguồn vốn của tôi bị cạn kiệt. Tôi có hơn 500 ngàn phăng tiền chiếm lợi phẩm nhưng tôi đã phân phát cho các bạn bè của tôi. Lần này, tôi có một dự định: Tôi sẽ mua một con tàu nhỏ của Mỹ và đi đến Ấn Độ, tôi rất muốn đi săn hổ báo,

đó là một niềm đam mê của tôi. Và tôi đã mua được tàu, đó chính là con tàu của một viên thuyền trưởng và tôi đi đến vương quốc Miến Điện.

-Và ông đã săn hổ chứ – Một sĩ quan hỏi.

-Vâng, thưa ông.

-Ông đã hạ được chúng chứ?

-Khoảng 12 con.

-Nhưng ông đã không gặp nguy hiểm nào sao? – Hoàng hậu hỏi.

-Ồ thưa bà, việc săn hổ chỉ nguy hiểm khi con hổ bị thương bởi phát đạn thứ nhất và nó quay lại tấn công.

-Và sao nữa? – Phó vương tiếp tục.

-Thưa ngài nếu tôi nói ra, có lẽ ngài sẽ cho tôi là một kẻ khoác lác nhưng…

-Nhưng sao? – Phó vương vẫn tiếp tục hỏi.

-Tôi đã tìm thấy một biện pháp rất đơn giản: tôi không để chúng bị thương từ phát đạn đầu mà tôi giết chúng luôn.

-Ông thường bắn vào đâu?

-Vào một trong hai mắt của chúng.

Chẳng lẽ ông bắn chính xác như Astor sao? – Một thực khách cười và hỏi với vẻ nghi ngờ.

-Không, nhưng tôi lại có những vũ khí tuyệt vời mà Lepage chỉ làm cho riêng tôi.

-Xin lỗi vì câu hỏi thất thố của tôi – Người vừa hỏi lên tiếng – Nhưng ông có thường xuyên chiến đấu tay đôi không?

-Thưa ông, hai lần. Lần đầu tiên, tôi dùng dao chiến đấu với một con cá mập dài tới 50 bộ. Cuối cùng, tôi đã mổ được bụng nó.

-Vậy lần hai?

-Chiến đấu với một con trăn đang quấn chặt hai con voi của tôi.

-Chắc hẳn đó là con trăn? – Vị sĩ quan hỏi.

-Tôi cũng không biết chính xác tên nó là gì nhưng tôi biết nó dài tới 52 bộ.

Nhận thấy tất cả mọi người đều há hốc mồm kinh ngạc pha lẫn nghi ngờ kể cả các quý bà, René nói: -Thưa phó vương, xin ngài hãy cho ngừng những câu hỏi như vậy hoặc ra lệnh cho tôi được nói dối. Ở Ấn Độ có những điều rất khác với chúng ta nên chúng ta khó mà tin được những sự kiện mà chúng ta không được chứng kiến tận mắt.

-Nhưng tôi lại thấy những lời ông kể rất hấp dẫn. Ông cứ kể nữa đi – Hoàng hậu giục giã.

-Kể tiếp đi! – Phó vương cũng nói.

-Đúng đấy! Đúng đấy! – Các quý bà thốt lên ầm ĩ, họ vốn là những người rất thích nghe những điều gì mà họ cho là không thể.

René tiếp tục kể nhưng anh tránh những câu hỏi khiến anh thấy khó chịu. Anh kể về lần trở về Pháp, cuộc chiến của anh với hai tàu Anh, cuộc gặp gỡ của anh với tướng Decaen, mong muốn của anh được tham gia vào cuộc quyết chiến trên biển, việc tướng Decaen đã đưa anh mang thư tới những thuyền trưởng nổi tiếng nhất chuyện anh đã đến Cadix như thế nào, anh đã gặp thuyền trưởng Lucas, chuyện anh đã lên tàu Redoutable với tước vị đại uý thứ ba, chuyện anh đã tham gia vào trận Trafalgar, chuyện anh đã bị bắt làm tù binh, rồi đã vượt ngục về chạy về Pháp ra sao, sau đó được cử đến gặp Joseph và Murat.

Trong khi anh đang kể thì người ta thông báo có tướng Lamarque và sư đoàn của ông ta muốn yết kiến phó vương, cùng lúc đó người ta nghe thấy có tiếng trống vang lên và tiếp theo là khúc quân hành.

Khúc quân hành có một sức hút mạnh mẽ khiến tất cả mọi con mắt đổ dồn về phía phó vương như muốn xin ông cho phép rời bàn ăn để đi ra phía cửa sổ.

Tất cả các cánh cửa sổ đều mở toang, đón nhận những tia nắng mặt trời rực rỡ hắt vào. Sư đoàn từ Naples đang đi vào con đường vòng dẫn tới lâu đài, những khẩu súng lấp lánh trong nắng trưa như lớp vảy của một con rắn khổng lồ. Đám quân trải dài trên con đường, họ đi đến đâu bụi lầm lên đến đó, những khúc quân hành rộn rã, tiếng hô hoán của các chỉ huy tạo nên một bản hùng ca, một cảnh tượng hoành tráng trước mắt của các quý bà và quý ông người Pháp.

Khi đi vào trong sân của lâu đài, đội quân nhạc và các sĩ quan đi vào trong sân danh dự, đi đầu là tướng Lamarque.

Phó vương khi nhìn thấy những con người dũng mãnh đó đã vượt qua Italie để đến quyết chiến vì ông thì trái tim ông bỗng đập rộn ràng, một trái tim được thiên phú bởi lòng nhân từ nhiều hơn là sức mạnh.

Ông đi xuống, hai tay dang rộng ôm lấy tướng Lamarque, người mà ông chưa từng gặp mặt nhưng đã được nghe đến danh tiếng nhất là khi ông chỉ huy quân đội ở Capri.

Một lát sau, phó vương đưa vị tướng đó đi vào trong triều đình để giới thiệu về chỗ ăn ở dành cho vị tướng và quân sĩ, đồng thời phó vương cũng hỏi tướng Lamarque về những gì mà vị tướng biết được về cuộc chiến sắp tới, cuộc chiến mà vị tướng phải điều quân đến giúp phó vương.

Tuy nhiên, tướng Lamarque vốn đang ở Rome cũng chỉ biết tuân theo lệnh cùng sư đoàn lên đường, hành quân về vùng Frioul và ở đó sẽ tuân theo mệnh lệnh của phó vương Eugène.

Lá thư gửi tới Murat yêu cầu viện trợ là do Napoléon viết từ vùng Valladolid.

Tất cả những gì tướng quân biết chỉ có vậy.

Còn về phía phó vương, ông cũng chẳng biết gì hơn. Ông chỉ biết rằng ngày 12 hay ngày 14 gì đó tháng Tư, ông sẽ bị quân Áo tấn công.

Phó vương ra lệnh cho các binh sĩ vào phòng dưới và yêu cầu cung cấp đồ uống mát cho họ. Sau đó, phó vương đưa tướng Lamarque lên yết kiến với hoàng hậu.

Các quý bà trong bữa trưa đã trở lại phòng khách để dùng cà phê. Họ không thể chế ngự được sự tò mò, họ háo hức ngắm nhúm lông chim cắm trên những viên ngọc trai và kim cương được nạm trên chiếc mũ côn bắc của chàng trai, mà theo họ trị giá của chiếc mũ đó không dưới hai mươi ngàn phăng.

Khi phó vương và tướng Lamarque bước vào là lúc hoàng hậu cũng rất tò mò như những phụ nữ khác, đang cầm chiếc mũ côn-bắc trên tay. Bà muốn được tận mắt nhìn đồ vật khiến các quý bà khác phải thán phục ngưỡng mộ và tất nhiên bà vốn quá quen thuộc với các loại ngọc trai và kim cương nên bà chỉ ngắm nghía, xem xét cách trang trí chúng trên mũ. Bà say sưa ngắm chiếc mũ đến mức mà phó vương đẩy cửa bước vào và đi đến bên cạnh bà mà bà vẫn không hay biết.

Bà giật mình, khẽ thốt lên khi nhìn thấy phó vương.

-Phu nhân, – Phó vương nói với bà – xin phép cho tôi được hướng ánh mắt của phu nhân ra khỏi đồ vật duyên dáng này trong giây lát để giới thiệu với bà tướng quân Lamarque. Tên tuổi của ông ấy như phu nhân biết đấy, được gắn liền với sự dũng cảm, lòng yêu tổ quốc và sự trung thành. Hoàng đế Napoléon đã phái tướng quân đến đây để giúp chúng ta bởi như các quý phu nhân ở đây ở đều đã biết những ngày vui rồi cũng qua đi và chúng ta đang bị đe doạ là sẽ bì tấn công vào bất cứ lúc nào. Đêm nay chúng ta vẫn tổ chức vũ hội nhưng có thể ngày mai hay ngày kia thứ âm nhạc ngoài kia sẽ là nhạc đệm cho các chiến binh.

Tướng quân Lamarque cúi chào hoàng hậu vừa theo hiểu là một người đàn ông bình thường lại vừa theo kiểu nhà binh bởi trong ông là sự kết tinh của hai phẩm hạnh đó.

Về phần mình, hoàng hậu vẫn còn một chút sững sờ và chiếc mũ côn-bắc của chàng đội trưởng đội săn vẫn trên tay.

-À vâng, – Tướng Lamarque nói – đây là chiếc mũ gắn lông của người đưa tin của chúng tôi, có lẽ đó là một món quà của một công nương nào đó bởi tôi không tin rằng một đội trưởng đội săn lại có thể có một đồ trang sức quý giá như vậy.

-Chà! – Một phu nhân lên tiếng – một chàng trai đã tặng lại cho đoàn thủy thủ của mình cả 500 ngàn phăng chiến lợi phẩm!

-Xin lỗi – Vị tướng vừa nói vừa giơ tay cầm lấy chiếc mũ vốn đang là tâm điểm thán phục của các phu nhân – hình như tôi có biết chùm lông gài ở mũ này.

Ông quan sát chiếc mũ thêm một lát nữa.

-Ồ đúng rồi, đây là chiếc mũ của René, người bạn chúng tôi.

-Ông biết chàng trai này sao? – Phó vương hỏi.

-Biết rõ, thưa ngài.

-Thể còn chiếc mũ và chim lông này? – Hoàng hậu sốt sắng.

-Đó là chùm lông mà vua Murat trao cho anh ta để anh ta tự do đi lại trong cung điện. Vậy, anh ta đang ở đây sao?

-Đúng vậy, hoàng đế đã cử anh là làm người đưa tin đến đây. Anh ta cũng chỉ đến đây được hai giờ.

-Vậy đức ngài không biết gì khác về anh ta sao?

-Không.

Cùng lúc đó, René, đang ở phía sau để trò chuyện với các sĩ quan tuỳ tùng bước vào ngưỡng cửa của phòng khác.

-Xin phép tôi được giới thiệu người đó với tướng quân chứ?

-Vâng, thưa ngài.

-Ồ! – Hoàng hậu thốt lên với vẻ tò mò giống như tất cả các quý bà khi họ nhìn thấy chàng trai đi vào.

Tướng Lamarque lao đến chỗ René, ông vui sướng reo lên khi nhận ra anh, ôm lấy anh và cầm tay anh kéo về phía phó vương và hoàng hậu, ông nói: -Tôi rất vinh dự được giới thiệu với đức ngài người chiến thắng trận Capri.

-Capri – phó vương cũng reo lên -Tôi biết ngay đó là ông mà.

Thực ra, chính tôi là người chiếm được Capri – Lamarque nói nhưng quý ông đây mới là người mang lại chiến thắng cho tôi.

-Ồ thưa đức ngài, xin ngài đừng tin lời…

-Im lặng nào, ngài đội trưởng đội săn bắt cướp! – Lamarque nói – Tôi đề nghị anh giữ im lặng khi tôi nói…

Rồi Lamarque vừa cười vừa nói: -Khi tôi nói về anh, rõ chưa?

-Tướng quân, – Phó vương nói – ông có thể sang phòng của tôi được không. Chúng ta cần bàn việc đại sự.

Rồi phó vương quay sang René với một vẻ thân thiện mà ông chưa từng có từ 10 phút trước, ông nói: -Anh cũng có thể đi cùng chúng tôi, René.

Chương kết. Chuẩn bị

Một tấm bản đồ lớn được trải trên bàn làm việc của phó vương.

Phó vương đi thẳng đến chỗ bản đồ, chỉ tay vào vùng Udine và nói với Lamarque: -Thưa tướng quân, hoàng đế đã ban cho tôi một món quà quý giá khi gửi ông đến bên tôi. Tôi sẽ cho ông biết những tin tức mà tôi được biết.

Có thể Áo sẽ phá vỡ hoà ước với chúng ta và sẽ tấn công chúng ta vào ngày 12. Trước đây chưa đầy hai giờ, tôi đã được báo tin này và tôi đã huy động tất cả các tướng lĩnh của các cánh. quân về tập trung xung quanh Udine. Nhưng với những cánh quân từ Italie cần phải năm hoặc sáu ngày họ mới về đến đây.

Tướng Lamarque lên tiếng: -Thưa phó vương, xin phép ngài cho tôi hỏi ngài một số câu hỏi. Ngài đang nhắc đến kẻ thù nào? Các đội quân của chúng hiện đang đóng ở đâu? Số lượng của chúng là bao nhiêu?

-Về đối thủ của tôi, đó là quận công Jean.

-Thế thì càng hay đấy.

-Tại sao ông lại nói là càng hay?

-Bởi vì ông ta là người ít kinh nghiệm nhất, là người phiêu lưu nhất trong ba anh em. Chắc chắn ông ta sẽ có những lầm lỗi có lợi cho ngài.

Vị phó vương thở dài và khẽ nhún vai: -Thật tồi tệ tôi cũng không có kinh nghiệm nhưng chúng tôi sẽ cố gắng hết sức… À, mà ông hỏi tôi những ba câu hỏi cơ mà.

-Tôi đã hỏi ngài về vị trí đóng quân của quân Áo.

Vì tôi cứ ngỡ là đang hoà bình nên tôi đã hạn chế sự giám sát kẻ địch. Nhưng tôi nghĩ là tôi có thể trả lời là hiện tại ông ta đang ở Save và vịnh Adriatique. Về số lượng quân địch, có lẽ chúng có khoảng 50 đến 55 ngàn quân.

-Và nếu như ngài tập hợp hết số quân của mình…

-Nếu như tập hợp toàn bộ thì chúng tôi có 45 ngàn quân.

-Như vậy tỉ lệ chênh lệch là không quá lớn nên không có gì là đáng sợ Theo ý kiến riêng của ngài, ngài có cho là chúng ta sẽ bị tấn công không?

-Điều đó tôi hoàn toàn không biết.

-Xin lỗi thưa phó vương – René lần đầu can thiệp vào cuộc nói chuyện – Tôi được biết hoàng đế đã nói với ngài rằng có thể quân địch sẽ tấn công qua lối Fella Torte.

-Ông muốn nói gì? Chẳng lẽ hoàng đế ở Paris lại có thể đoán được con đường tấn công của quận công Jean sao?

-Tôi xin lỗi vì đã tham dự, nhưng con đường này trên bản đồ cũng chỉ rõ điều đó.

-Ông có thể giải thích rõ hơn?

-Nếu quận công thẳng tiến đến Udine, ông ta sẽ phải vượt qua vòng lửa đạn của chúng ta ở Isonzo và La Torre. Ngược lại, nếu ông ta đi ngược lên vùng Isonzo, ông ta sẽ gặp hai cây cầu nằm trong lãnh thổ của ông ta và ông ta sẽ đi qua một cách dễ dàng. Sau đó, ông ta vượt qua núi đến Pontebbena, đi xuống thung lũng Glans rồi đi theo triền núi đến lãnh địa đầu tiên của ngài có tên gọi La Chiusa rồi đi qua Orpi và Osoppo, sau đó đi xuống Udine mà không gặp chướng ngại nào cả.

Phó vương nhìn sang Lamarque để dò ý.

-Nếu như tôi là quận công Jean, tôi cũng làm như vậy – Lamarque nói.

-Thưa phó vương, – René nói – Tôi có đi cùng với một người cũng rất khéo léo, một tướng cướp đã được tôi cứu mạng. Ngài có muốn tôi cử anh ta đi thăm dò không?

-Rất có thể anh ta sẽ bị treo cổ – Phó vương nói.

-Thưa phó vương, anh ta đã từng bị treo cổ và tôi đã cắt dây cho anh ta. Vì vậy, việc anh ta sẽ bị treo cổ hôm nay hay ngày mai, không phải là điều quan trọng nữa. Nhưng tôi vẫn hy vọng anh ta thoát được.

-Được vậy ông cứ làm đi.

-Tôi sẽ trao cho anh ta một con ngựa tốt. Nhiệm vụ của anh ta là thăm dò Chiargo ở Tolmezzo. Đây chính là nơi mà theo ý tôi quân địch sẽ tấn công.

-Vậy còn vấn đề tiền nong? – Phó vương Eugène thốt lên trong khi nhìn ra bậu cửa.

-Anh ta chỉ nhận tiền từ tôi – René nói – Xin ngài cứ yên tâm.

Nói xong, René đi ra khỏi phòng.

Eugène nhìn Lamarque rồi vừa nói vừa cười.

-Thế bây giờ chỉ còn hai chúng ta. Ông có thể nói cho tôi biết quý ông René của ông là người như thế nào vậy? Nếu như chúng ta đang ở thời kỳ Trung cổ, tôi sẽ cho rằng cậu ta là con đỡ đầu của một bà tiên nào đó.

-Hoặc là học trò của một tay phù thủy. Anh ta đẹp trai như Renaud de Montauban. Anh ta chẳng nghi ngờ điều gì cả, mỗi lần đụng độ với quân địch, anh ta xả thân lao ra mà không hề run sợ Nhưng anh ta lại khiêm nhường đến kỳ lạ, chỉ nói về mình khi bị ép buộc. Đó không phải là thói quen của các chàng trai thời nay. Người ta kể rằng chính anh ta là người đã hạ Nelson trong vụ Trafalgar. Và cũng như tôi đã kể với ngài, chính anh ta cùng với 50 người nữa đã đột phá buộc Hudson Lowe phải đầu hàng. Anh ta còn là một người tháp tùng rất tài giỏi. Khi còn Ấn Độ, anh ta đã chiến đấu như Héc-quyn đánh lại các quái vật.

-Với những chiến công như vậy, tại sao anh ta lại không được phong chức tước gì nhỉ?

-Tôi không biết. Hình như giữa anh ta và hoàng đế có chuyện gì đó. Người ta đồn rằng anh ta đã cấu kết với Cadoudal làm phản nhưng được Fouché cứu mạng

và sau đó anh ta trở thành chỗ thân tình của Fouché. Đó là những gì tôi nghe được từ vua Murat, chính ông ta đã được tận mắt chứng kiến lòng dũng cảm của anh ta và muốn anh ta phục vụ mình nhưng René đã từ chối, không phục vụ ai khác ngoài hoàng đế, không gia nhập quân đội nào ngoài quân đội Pháp. Vua Murat đã cử anh ta mang về cho hoàng đế lá cờ Anh mà anh ta đã chiếm được ở Capri để thông báo về tin vui chiến thắng mà ngài rất khao khát.

-Và hoàng đế, dù là người đánh giá rất cao lòng dũng cảm nhưng cũng đã không ban cho anh ta chút gì cả cho tin tức mà anh ta mang về, cả cho những chiến công mà anh ta đã giành được trong trận chiến lẫy lừng này?

-Không hề, thậm chí ngài không dành một chút ân huệ nào.

-Bây giờ anh ta mới chịu mặc đồng phục đấy, còn trước kia, anh ta toàn ăn mặc kiểu lạ lùng. Ở Naples, anh ta đã chiến đấu với 50 người, quả là một điều phi thường. Quả thật, anh ta là một tay phù thủy, chiến đấu không biết mệt mỏi mà không hề bị thương tích. Cũng may mà các quý bà của chúng ta không được đi theo quân đội như ở thời vua Louis XIV, nếu không chắc hẳn các quý bà này sẽ phát điên vì anh ta.

-Hình như anh ta cũng vướng mắc chuyện tình duyên nào đó – Eugène nói.

-Có thể.

Cánh cửa bật mở. Người phục vụ nói là René xin phép được vào.

René vừa đi vào vừa nói: -Thưa phó vương, mọi việc đã hoàn tất. Chúng ta sẽ nhận được tin tức vào tối nay hoặc sáng ngày kia hoặc người đi dò la của chúng ta bị chết.

Cùng lúc, người phục vụ lại thông báo có tướng Sahuc đến yết kiến.

Tướng Sahuc chìa ra một bản viết tay và nói: -Thưa phó vương, tôi đến từ bộ tham mưu. Đây là danh sách các đơn vị đồn trú của quân ta và tên các tướng lĩnh đang đóng quân quanh khu vực Udine.

Phó vương, tướng Lamarque và René lại cùng cúi xuống tấm bản đồ.

Sư đoàn lục quân thứ nhất do tướng Seran chỉ huy đóng ở Palmanova, Cividale và Usine.

Sư đoàn thứ hai do tướng Bouvier chỉ huy đóng ở Altegna, Gemona, Ospedalette, Venzone, San Danielle, Mainano và Osoppo sẽ tấn công xuống thung lũng Fella đến tận Pontebba trên đường Tarvisio.

Sư đoàn thứ ba của tướng Grenier sẽ là hậu vệ cho hai sư đoàn trên ở Pordenone, Sacile và Conegliano.

Tướng Lamarque cùng với sư đoàn thứ tư chờ lệnh từ phó vương.

Hai vị tướng quay sang chào nhau rồi tướng Sahuc tiếp tục: -Sư đoàn thứ năm của tướng Barbou ở Trévise, Cinadella, Bassano. Sư đoàn thứ sáu của tướng Serteroli gồm quân lính Italie sẽ được chia ra đóng ở Padoue, Este và một số điểm ở gần hai thành phố này.

Sư đoàn thứ bảy cung gồm lính Italie do tướng Fontanelli chỉ huy tập trung ở chiến trường Montechiaro. Một phần của sư đoàn này hiện đang hành quân từ Naples đến để gia nhập đội quân.

Hai sư đoàn long kỵ binh của tướng Pally và Grouchy đóng ở Villa Franca, Rovigo, Isola della Scala, Roverbella, Castellaro, Sanguinetto, Mantone và Fenare.

Một đoàn pháo binh hiện đang ở Vérone nhưng chúng tôi không có đủ ngựa để vận chuyển.

Đội quân tinh nhuệ của hoàng gia Italie đang ở Padoue Milan và vùng lân cận.

Cuối cùng, tôi và quân lính của tôi sẵn sàng chiến đấu vì phó vương. Chúng tôi đang ở Udine. Lữ đoàn thứ nhất của chúng tôi đang đóng ở Tong trên chiến tuyến từ Nogaretto đến Vilesi, lữ đoàn thứ hai đóng rải rác ở Ceneda, Pordenone, Conegliano Vicence và Padoue.

Hai vị tướng sau khi xác định các điểm đóng quân trên bản đồ, lo lắng nhìn nhau: khoảng 30, 35 ngàn quân của phó vương Eugène đóng rải rác từ Tyrol đến tận phía Grado, từ Piave đến tậnt Olte.

Ngay lập tức những người đưa tin được lệnh mang tin từ phó vương đến các đơn vị đồn trú yêu cầu các tướng lĩnh phải tăng cường trực chiến vì sắp bị tấn công, chỉ có điều phó vương chưa nói rõ sẽ bị tấn công từ hướng nào mà đành phải đợi tiếng đại bác đầu tiên nổ ra để định vị và sau đó mới tiến quân đến.

Giờ ăn tối đã đến. Phó vương mời tướng Lamarque và tướng Sahuc ở lại ăn tối cùng còn René có nhiệm vụ là hiệp sĩ của hoàng hậu. Các quý bà thì mất quá nhiều thời giờ cho trang điểm, như các bạn cũng biết rồi đấy.

Buổi tối, các quý bà thi nhau đến để xem hoà nhạc, dự vũ hội hay muốn chiêm ngưỡng con người đầy bí hiểm và hấp dẫn đến lạ lùng này? Tất cả những gì mà tướng Lamarque nói về anh chỉ làm tăng thêm sự tò mò dành cho anh nghĩ cho rằng chính những đau khổ trong tình yêu đã mang lại vẻ xanh xao, u buồn trên khuôn mặt anh khiến các quý cô quý bà phải quặn lòng.

Rõ ràng, điều gì có thể đẩy một chàng trai sẵn sàng đón nhận cái chết nếu như đó không phải là những thất bại trong tinh trường nhất là khi đó là một chàng trai vừa đẹp trai, vừa dũng cảm lại vừa giàu có?

Chúng ta cũng nên biết một chút nghi thức trong các triều đình: Hoàng hậu là người cho mời các vũ công đến và là người lựa chọn vũ công nào có vinh dự được khiêu vũ cùng. Hoàng hậu cũng ban cho René niềm vinh dự này những René đã tỏ ra tiếc nuối sâu sắc mà thông báo lại cho hoàng hậu biết rằng từ lâu anh không còn muốn khiêu vũ nữa những anh có thể làm một điều khác để phục vụ hoàng hậu.

-Một điều khác, anh có thể cho ta biết được không?

-Thưa hoàng hậu – René mỉm cười đáp – tôi sẵn sàng đệm nhạc cho những quý bà nào muốn thể hiện tài năng ca hát.

-Đệm nhạc? – Hoàng hậu ngạc nhiên – Vậy anh chơi được loại nhạc cụ nào?

-Tất cả, thưa bà.

-Vậy anh là nhạc công?

-Trong ba năm cầm tù, âm nhạc là thứ tiêu khiển duy nhất của tôi.

-Anh biết làm thơ chứ?

-Ai mà chẳng biết, dù ít hay nhiều, thưa bà.

-Vậy sau bữa ăn tối, anh nhớ phải làm những điều đó đấy.

-Tuân lệnh, thưa bà.

Mọi người bắt đầu tham gia vào câu chuyện. René vì không muốn trở thành tâm điểm chú ý nên anh chỉ tham gia vài lời qua loa.

Các quý bà cũng được báo trước là ngay sáng mai phải lui về Venice vì các quý bà không được tham gia vào quân đội. Hoàng hậu sẽ là người dẫn đầu.

Hoàng hậu là người đầu tiên tỏ ra phản đối.

-Tại sao chúng ta lại phải rời xa nơi này trong khi chúng ta chắc gì đã an toàn hơn khi đến Venice.

-Thưa bà, không hoàn toàn như vậy – René đáp – Chính vì vậy tôi sẽ tâu với hoàng đế không nên đồng ý với mệnh lệnh của phó vương.

Khi nói những từ này, anh hạ giọng xuống nhưng với vẻ rất nghiêm trọng khiến hoàng hậu cũng cảm nhận được mức độ quan trọng của nó.

-Anh sợ điều gì chăng? – Hoàng hậu lo lắng hỏi.

Các đội quân của chúng ta được bố trí rất sơ sài. Nếu quận công Jean là một nhà thao lược mưu trí, ông ta sẽ tấn công chúng tả một cách riêng lẻ.

-Anh có nói điều đó với Eugène không? – Hoàng hậu hỏi chàng trai.

Nhưng René chỉ nghiêng người khiêm tốn.

-Thưa phu nhân, tôi không được phép dự báo trước những tin xấu.

-Vậy theo ý kiến của riêng anh, anh cũng cho rằng chúng tôi nên đi Venice?

-Thưa bà, bà hãy làm điều đó vì phó vương, còn ý kiến của tôi không có gì đáng kể. Tôi chỉ biết khuyên bà nên tuân theo ý kiến của đức ngài.

Họ đứng lên trong sự im lặng đầy lo lắng khi sắp phải thông báo cho các quý bà chuẩn bị để ngày nai lên đường đến Venice.

Họ vẫn còn nghe tiếng nhạc mà các nhạc công đang chơi trong bữa ăn tối, sau đó họ đi mời các nhạc công đi dùng bữa.

Quang cảnh thật huy hoàng. Đó là một ngày tháng Tư. Họ cùng nhau đi dạo trên sân thượng rồi lại cùng nhau đi trong những khu vườn tuyệt đẹp của lâu đài Udine.

Trong cái ánh sáng mập mờ của buổi tối, người ta nhận ra, trong vùng đồng bằng mà họ đang ở phía Tây, giữa những ngôi làng và những ngôi nhà thôn dã

giống như những con rắn khổng lồ mà lớp vảy của chúng đang lấp lánh dưới ánh chiều tàn, dòng sông Isonzo và dòng song Torre. Dòng sông Torren chảy dưới chân lũy chiến hào của thành phố còn dòng sông Isonzo uốn lượn theo những dãy núi Gontz. Ở phía bắc và tây bắc là dãy núi Tyrol với những đỉnh núi phủ đầy mây trông giống như những đám mây bất động trên bầu trời. Ở phía tây là dòng thác Taghamento đang xối xả cũng đang chìm dần trong bóng tối nhưng lại hắt lên một vòng sáng bàng bạc do một tia sáng lẻ lơi của mặt trời lọt qua khe núi.

Không khí thật êm ả, tinh khiết đầy mùi hương khiến họ chỉ trở về khi trời đã tối hẳn.

Căn phòng sáng rực, mùi thơm ngào ngạt được toả ra từ các quý bà đang lũ lượt kéo đến. Dường như họ đã lấy hết mang theo mình hương thơm của các loài hoa.

Những cạnh cửa sổ vẫn còn khép kín nhưng cây đàn dương cầm đã được mở.

Hoàng hậu nhẹ nhàng lướt những ngón tay trên phím đàn, và như một điều kỳ diệu – tất cả đều im lặng.

Các quý bà đứng vòng quanh cây đàn. Hoàng hậu lên tiếng: -Thưa các phu nhân, đây là quý ông René, một nhạc công đại tài. Ông ấy đã hứa với tôi trong bữa tối là sẽ làm tất cả những gì tôi yêu cầu… Vậy tôi yêu cầu anh ấy ngồi bên cạnh cây đàn dương cầm này, hát cho chúng ta nghe một giai điệu nào đó, vừa hát vừa chơi đàn.

Họ chờ đợi những gì mà chàng trai sẽ làm, giống như những nhạc công kỳ tài khác, là sẽ giả bộ từ chối để được mọi người van nài, cầu xin. Nhưng lần này thì khác, René tiến thẳng đến chỗ cây đàn, anh ngồi xuống và đặt tay lên những phím đàn.

Các quý bà nhanh chóng nhận ra vẻ đẹp mỹ miều của đôi bàn tay của anh với những mỏng tay hồng hào, ngón tay thon nhỏ như bàn tay con gái. Trên ngón trỏ phải, anh đeo một chiếc nhẫn bằng đá ngọc lam rất đẹp.

Chưa bao giờ các quý bà lại tò mò hơn thế, chưa bao giờ sự im lặng lại chìm trong sâu lắng như thế khi họ đang được thưởng thức những ngón đàn điêu luyện của một nhạc công kỳ tài như vậy.

Và giữa bầu không khí im lặng đó, một giọng hát thanh cao hài hoà nhưng lại rất mạnh mẽ vút lên. Giọng hát phảng phất nỗi u sầu khó tả cùng với những lời ca bi tráng với những vần thơ của Saint-Hubert.

Dãy núi ngủ yên dưới bầu trời tăm tối
Thung lũng lặng câm, thấm đẫm sương rơi
Bụi lằng dần trên con đường xa
Lá cây lặng im và gió cũng dịu hơn…
Hãy chờ thêm chút nữa rồi em cũng ngủ thôi!

Không thể tả hết được những cảm xúc mà lời ca ngắn ngủi nhưng thê lương này đã gợi lên trong lòng người nghe cộng với những tiếng đàn đầy u buồn. Người ta như đang nghe thấy tiếng thì thầm cuối cùng của lá, tiếng thở dài cuối cùng của gió và kết thúc bằng tiếng thốt lên của nhạc cụ giống tiếng thốt lên của một tâm hồn con người đang tan vỡ hay tiếng kêu của dây đàn hạc bị đứt nửa chừng.

Phải mất vài giây sau khi những âm hưởng cuối cùng của giọng hát và cây đàn vang lên, cuộc sống dường như mới trở lại.

Mọi người vỗ tay rào rạt tán thưởng.

René đứng lên, với tay lấy chiếc mũ côn-bắc.

-Anh lại đi sao? – Hoàng hậu hỏi.

-Thưa bà, tôi đã hứa làm theo những gì bà yêu cầu. Bà đã yêu cấu tôi hát, và hát những vần thơ do chính tôi tạo nhạc, tôi đã tuân lệnh bà. Nhưng tôi xin phép được nói với lệnh bà một điều rằng: Khi một người lính cất tiếng hát hay chơi một loại đàn nào đó để được nhận lấy những tiếng vỗ tay tán thưởng với tôi là một điều rất nực cười. Nhưng một người đàn ông dù là người lính hay không lại từ chối một điều gì đó mà phụ nữ yêu cầu, nhất là người phụ nữ đó là hoàng hậu thì đó là một người đàn ông thô lỗ. Để tuân lệnh phó vương, tôi đã trở thành người rất nực cười và tôi không muốn trở thành nực cười hơn nữa. Khi tôi hát hay chơi đàn tức là lúc tôi đang hát cho chính mình và để vượt lên chính mình. Vậy xin bà hãy rủ lòng thương cho sự yếu đuối của tôi và xin cho tôi được cáo từ.

Và khi thốt lên những lời này, hầu như tất cả những ký ức đau buồn của anh lại ập về, đè nặng lên trái tim anh. Anh nói với giọng nghẹn ngào và nước mắt tuôn trào.

Hoàng hậu cảm động, bà đứng dịch sang một bên nhường lối cho chàng sĩ quan trẻ tuổi bước ra ngoài nơi đó một xã hội tươi sáng đang đón chờ anh ở phía trước.

HẾT.

HOA TULIP ĐEN

Nguồn: NXB Kim Đồng

§1. Anh em nhà ông de Witt bị tước quyền

Ngày 20 tháng tám 1672, ở La Haye, thủ đô của bảy Tỉnh Hợp nhất, các công dân tràn xuống các ngả đường lớn thành một dòng người đen kịt.

Họ vai vác súng, tay cầm gậy vội vàng, hổn hển – bụng dạ không yên, chạy về phía nhà tù Buytenhof, nơi giam giữ Corneille de Witt, anh ruột của ông cựu thủ tướng vĩ đại Hà Lan. Từ khi bị nhà phẫu thuật Tyckelaer buộc tội giết người, ông bị bắt giam và đang sống leo lắt ở nhà tù nói trên.

Nếu lịch sử của thời kỳ đó, nhất là vào cái năm chúng tôi bắt đầu kể câu chuyện dưới đây, không gắn liền mật thiết với hai tên gọi nói trên thì một vài dòng chúng tôi giải thích sau đây chỉ có thể coi như một món "hors-d'Âuvre" mà thôi. Nhưng chúng tôi xin báo trước bạn đọc rằng cái điều cảnh báo ấy cũng cần thiết để hiểu rõ câu chuyện chúng tôi kể chẳng khác gì để hiểu biết sự kiện lịch sử to lớn xảy ra trong đó chuyện của chúng tôi đã được lồng vào.

Vào năm Corneille hoặc Cornélius de Witt 49 tuổi, nhân dân Hà Lan đã thấy chán nản nền cộng hòa theo kiểu Jean de Witt, ụi toàn quyền vĩ đại của Hà Lan. Họ rất thích chế độ xtatudera đã bị sắc lệnh của Jean de Witt buộc phải bãi bỏ vĩnh viễn trong bảy Tỉnh Hợp nhất ở Hà Lan rồi.

Vì ít có trường hợp dân chúng thấy đằng sau một nguyên lý lại không có bóng dáng một con người nên họ thấy nét mặt trang nghiêm của anh em dòng họ De Witt là thấy bóng dáng của nền cộng hòa. Hai ông là cha sinh không khoan nhượng của một nền tự do có khuôn phép và một nền thịnh vượng không thừa thãi xa hoa. Cũng vậy, đằng sau chế độ stathoudérat, họ thấy có Guillaume d' Orange trai trẻ với vầng trán nghiêng nghiêng, trang trọng và suy tư được những người đương thời gọi là ông Trầm Mặc, sau này ông cũng được hậu thế gọi y như thế.

Hai anh em nhà de Witt kiêng nể Louis XIV vua nước Pháp vì cảm thấy uy tín của ông càng ngày càng lớn trên khắp châu Âu. Ông vừa thắng trận trong chiến dịch kỳ diệu sông Ranh: sau ba tháng giao tranh ông đã chế ngự được sức mạnh của bảy Tỉnh Hợp nhất.

Từ lâu Louis XIV là kẻ thù của nhân dân Hà Lan. Nay họ mong có một người khác đứng lên cứu đất nước họ thoát khỏi cảnh tan nát và tủi nhục.

Người đó đã sẵn sàng xuất hiện và có đủ khả năng để chống lại Louis XIV. Đó là Guillaume d'Orange, con vua Guillaume II, cậu bé trầm mặc như trên đã nói, người ta thấy bóng dáng của cậu thấp thoáng đằng sau chế độ stathoudérat.

Năm 1672, cậu hai mươi hai tuổi. Jean de Witt đã từng là thái phó của cậu và ông muốn dạy cậu sau này trở thành một công dân tốt. Đặt quyền lợi của tổ quốc lên trên quyền lợi của trò mình, ông đã ban bố sắc lệnh bãi bỏ vĩnh viễn chế độ

stathoudérat, làm tắt hy vọng khôi phục chế độ này, nhưng dân Hà Lan mong muốn lập lại chế độ cũ.

Ông thủ tướng vĩ đại chiều theo ý muốn của toàn dân; nhưng Corneille de Witt bướng bỉnh hơn.

Ông không chịu ký vào bản chứng thư tái lập chế độ cũ.

Sau cùng chiều ý do bà vợ khóc lóc van xin, ông đành ký, có điều ông ghi thêm vào dưới chữ ký của mình hai chữ: V. C. vi coactus, có nghĩa là:

chịu ký vì áp lực.

Nhưng những người theo phái orangistes không cần biết điều ấy. Chính hai anh em De Witt mới là vật cản chính của họ. Để đạt được mục đích của mình, họ dùng mưu vu khống và trong hoàn cảnh đó họ đã tìm được một tên khốn nạn sẵn sàng vào cuộc chơi với họ. Tên này, chúng tôi hình như đã có lần nói rồi, gọi là Tyckelaer, làm nghề phẫu thuật.

Hắn đến khai láo rằng vì Corneille de Witt thất vọng khi thấy sắc lệnh bãi bỏ chế độ cũ do em mình ký không còn hiệu lực nữa và vì sôi sục căm thù chống Guillaume d' Orange nên đã ngầm sai một tên sát nhân đi giết ông này hòng cứu vãn nền cộng hòa; tên sát nhân ấy không ai khác là hắn; vậy là Tyckelaer hối hận đã đi tố cáo hơn là để mình phạm tội.

Bây giờ ta hãy thử xem những người theo phái orangistes tức giận đến chừng nào khi nghe tin ấy.

Ông kiểm soát trưởng ký lệnh bắt Corneille tại nhà.

Ngày 16 tháng tám năm 1672, Corneille de Witt, người anh cao thượng của Jean de Witt bị đánh đòn phủ đầu ngay trong buồng giam của nhà tù Buytenhof nhằm bắt ông thú nhận là chủ mưu sát hại Guillaume… Nhưng Corneille chẳng những là một con người cao thượng mà còn là một conngười đầy dũng khí.

Ông không thú nhận điều gì. Không những ông làm mệt sức các tên đao phủ mà còn làm nhụt cả tính cuồng tín của chúng.

Không khai thác được gì các quan tòa vẫn tuyên phạt: Corneille bị mất mọi chức vụ và phẩm tước, bị phạt tiền hầu tòa và bị đi đày chung thân biệt xứ.

Quyết định đó không những xử oan một người vô tội mà còn xúc phạm danh dự một người có tên tuổi ắt phải làm vừa lòng dân chúng lắm đây. Tuy nhiên không phải thế là đã đủ như chúng ta sẽ thấy sau đây.

Ngay sau khi nghe tin anh mình bị xử oan, Jean de Witt xin từ chức toàn quyền. Đến lượt ông cũng thế, ông không được người ta đối xử như người có công với Tổ quốc. Ông mang về trong cuộc sống riêng tư những ưu phiền và đau thương. Đó là hai món lợi duy nhất mà những con người trung thực như ông thường nhận được sau khi đã quên mình phục vụ đất nước.

Trong thời gian đó, Guillaume d' Orange bí mật hoạt động bằng mọi cách để đạt được mục đích. Ông hy vọng quần chúng đã coi mình là thần tượng sẽ lấy thi

thể hai anh em De Witt làm chiếc cầu cho ông nhảy chiếm vị trí đứng đầu chế độ stathoudérat cũ.

Ngày 20 tháng tám năm 1672, như chúng tôi đã nói ở đầu chương, tất cả thành phố đổ xô về nhà giam Buytenhof để chứng kiến cảnh Corneille de Witt rời nhà giam bắt đầu kiếp đi đày.

Chúng tôi phải nói ngay rằng những người chạy vội về Buytenhof không phải chỉ để chứng kiến một cảnh lạ mắt; trái lại nhiều người trong số họ còn muốn đóng một vai trò, hay đúng hơn muốn làm thêm một công việc mà họ cho là còn chưa làm đủ.

Chúng tôi muốn nói là công việc của đao phủ.

Quần chúng nguyền rủa các quan tòa dốt nát đã xử thế nào lại để cho tên tội phạm khốn kiếp kia còn được sống sót.

Một vài kẻ nhỏ to xúi bẩy: -Nó sắp đi rồi! Nó sắp thoát khỏi tay chúng ta rồi.

-Có một thuyền Pháp chờ hắn ở Scheveningen rồi.

Một người khác nói: -Không kể trong lúc Corneille chuồn, lão Jean tội chẳng kém cũng sẽ chuồn theo.

-Và hai thằng xỏ lá ấy sẽ sang sinh sống ở Pháp. Chúng sẽ lấy tiền bạc do bán tàu bè, xưởng. đóng tàu, công trường của chúng ta cho Louis XIV ăn tiêu hết mất thôi!

-Phải giữ chúng lại! – Một người khác dứt khoát nói to lên.

-Tống vào tù! Vào tù! – Mọi người đồng thanh hét lên.

Tức thì các thị dân càng chạy nhanh hơn, súng vội lên đạn, dao vội vung lên và các con mắt trở nên nảy lửa.

Tuy nhiên, bạo động không xảy ra; hàng ngũ đội kỵ binh canh gác xung quanh Buytenhof vẫn đứng im, trơ như đá lạnh như tiền, càng đáng sợ hơn đám đông la hét, giơ chân, múa tay, dọa nạt kia. Họ, đội kỵ binh của thành phố La Haye đặt dưới sự chỉ huy của bá tước quan ba De Tilly vẫn đứng yên lặng. Với lại, ngay khi dân chúng hăng máu muốn băm vằm nạn nhân thứ nhất ra thì họ không biết rằng nạn nhân thứ hai, cách xa họ khoảng trăm thước đang qua sau lưng đám đông và đội kỵ binh để đến Buytenhof.

Thật vậy, Jean de Witt vừa trên xe bước xuống cùng với một người hầu. Ông lặng lẽ qua cái sân trước cổng nhà tù.

Ông xưng tên với người gác cổng, mà không biết chính người này cũng biết ông. Ông nói: -Chào Gryphus, tôi đến tìm anh trai tôi vừa bị án tù biệt xứ, chú biết rồi chứ gì?

Người gác cổng xưa nay chỉ biết mở, đóng cửa theo lệnh của chủ, liền cúi đầu chào ông, để ông vào xong lại đóng cửa ngay.

Đi được mươi bước, ông gặp một cô gái quãng mười bảy mười tám tuổi, ăn mặc kiểu quần áo tỉnh Frisonne. Thấy ông, cô nghiêng mình chào một cách

duyên dáng. Ông nâng cằm cô lên, nói: -Chào cháu Rosa xinh đẹp và tốt bụng; anh tôi ra sao rồi hả cháu?

-Thưa ông Jean vĩ đại. – Cô bé trả lời. – Cháu không lo người ta đánh đập ông ấy đâu ạ.

-Vậy cháu lo điều gì nào?

-Cháu lo người ta còn làm điều tệ hơn nữa đối với ông ấy ạ.

-Đúng, – Jean de Witt nói. – cháu sợ dân chúng có phải không?

Khi Jean de Witt bước theo thang đá lên buồng giam Corneille thì các thị dân ở ngoài đang cố gắng bằng mọi cách để đội quân bảo vệ của Tilly lùi ra xa chút nữa vì các khẩu súng ngắn của đội kỵ binh lăm lăm trong tay làm họ e ngại.

Về phần mình, bá tước De Tilly thận trọng nhưng cương quyết, đang thuyết phục đám dân. chúng cho họ hiểu là ông cùng với ba đại đội có nhiệm vụ canh gác nhà tù và các điểm xung quanh.

Một thị dân hét to: -Canh gác thế là để cho những kẻ phản bội có cách ra khỏi thành phố chứ gì?

-Có thể như thế, bởi vì họ đã bị đày biệt xứ rồi. – Bá tước trả lời.

-Nhưng ai ra lệnh?

-Chính phủ chứ ai?

-Chính phủ phản bội.

-Về điều đó, tôi không biết.

-Chính ông cũng phản bội.

-Tôi ấy ư?

-Chính ông.

-A! Điều ấy, chúng ta hãy hiểu nhau hơn các ông ơi, tôi phản bội ai nào? Chính phủ ư? Tôi không thể làm thế được, tôi là người được Nhà nước trả lương, tôi làm theo lệnh Nhà nước.

-ông hãy nhường chỗ cho chúng tôi đi; ông sẽ là một công dân tốt đấy.

-Thứ nhất, – De Tilly nói. – tôi không phải là công dân bình thường, tôi là sĩ quan, đó là hai điều khác nhau. Thứ hai, tôi không phải là người Hà Lan, tôi là người Pháp, đó là điều khác nhau nữa. Vậy tôi chỉ biết có mỗi Chính phủ đã trả lương cho tôi thôi. Các ông hãy mang lệnh của Chính phủ ra đây, tôi sẽ giải tán ngay lập tức, với lại tôi cũng chán ở đây mãi rồi.

-Được, được. – Một trăm tiếng cùng lúc kêu lên, một trăm tiếng khác họa theo. – Chúng ta hãy đến tòa Thị chính. Chúng ta sẽ tìm các ngài nghị viên. Nào, chúng ta đi, đi thôi.

Ông De Tilly nhìn những kẻ điên cuồng nhất bỏ đi, lẩm bẩm: -Thế đấy, cứ đi mà đề nghị một điều đốn mạt như thế xem có được chấp nhận không; có giỏi thì cứ đi đi, đi đi!

Jean de Witt đã tới cửa buồng giam. Anh ông, Corneille, đang nằm bẹp dí trên chiếc nệm; viên thanh tra thuế khóa đã đánh ông một trận đòn phủ đầu như chúng tôi đã nói ở trên.

Corneille nằm trên giường, các ngón tay và cổ tay giập nát, tuy nhiên ông không khai một lời về một tội ác mà ông không làm. Sau cùng, sau ba ngày đau đớn, ông vừa được tin các quan tòa, tưởng xử ông với mức án nặng nhất hóa ra chỉ cho ông đi tù chung thân biệt xứ.

Jean dịu dàng hôn lên trán anh và nhẹ nhàng đặt đôi bàn tay đau đớn của người anh lên nệm.

-Corneille, anh đau lắm phải không? – Được trông thấy em, anh cảm thấy không đau đớn nữa. Em đỡ anh dậy, anh đi được cho em xem.

-Anh chỉ cần đi dăm bước thôi là tới xe của em đợi ở ao cá đằng sau đội quân của ông Tilly ấy.

-Có nhiều người đến Buytenhof xem lắm phải không em?

-Nhiều anh ạ.

Nói xong, ông buồn rầu nhìn người anh: -Thế mà, để đến được đây… – Người anh nói.

-Anh ạ, anh cũng biết chúng ta không được mến mộ lắm. – ông cay đắng nói. – Nhưng em đi bằng những con đường ngách cũng đến được.

Lúc đó, tiếng ồn ào dâng lên ở quảng trường trước nhà tù.

-ôi! ôi! – Corneille nói. – Không biết em có cứu nổi anh ra khỏi chốn này không.

-Đội ơn chúa, chúng ta cố gắng xem, may ra.

-Jean trả lời. – Nhưng hãy để em nói một câu.

-Em nói đi.

-Trong những điều vu khống chúng ta, có điều bọn orangistes bảo chúng ta đã thương lượng với Pháp.

-Đồ ngu!

-Đúng, nhưng chúng trách cứ chúng ta vì điều đó.

-Nếu những cuộc thương lượng thành công có phải đã tránh được cho ta và cho Pháp giao tranh không, và nước Hà Lan chúng ta lại có thể coi mình là vô địch với các bãi lầy, sông đào rồi không?

-Tất cả là đúng anh ạ, nhưng nếu lúc này chúng bắt được thư từ chúng ta trao đổi với ông M. de Louvois thì khốn. Thư từ nọ sẽ chứng minh với những người có lương tri là em yêu nước đến chừng nào nhưng đối với bọn orangistes thắng thế thì đó là một tai họa cho chúng ta. Chính vì thế, em mong là anh đã đốt nó đi rồi trước khi anh rời khỏi Dordrecht.

-Em ạ! – Corneille đáp. – Những thư từ nọ chứng tỏ vào thời kỳ cuối này em là một công dân vĩ đại nhất, tài giỏi nhất, khôn khéo nhất trong bảy Tỉnh Hợp

nhất chúng ta. Sự vinh quang của đất nước đối với anh là vô cùng quý báu nhưng anh, anh lại thích nhất sự vinh quang của em kia nên anh không đời nào đốt nó đi.

-Anh làm thế nào nào?

-Anh giao cho Cornélius Van Baerle, con đỡ đầu của anh, em đã biết nó rồi đấy. Nó ở Dor-drecht.

Nó không biết tính chất và giá trị tài liệu anh gửi nó giữ hộ đâu.

-Thế thì nhanh lên, còn kịp, anh lệnh cho nó đốt ngay đi… – Bằng cách nào bảo nó được hả em?

-Nhờ Craeke giúp. Anh ta là người đánh xe ngựa cho chúng ta, đang đứng ở cửa kia, chờ dìu anh xuống thang.

-Em bảo anh ta vào đây.

Jean ra mở cửa. Quả nhiên, người đày tớ trung thành vẫn đứng đó.

-Craeke lại đây! Anh hãy nhớ lấy điều anh tôi dặn nhé.

-Ồ không, dặn miệng không được em ạ, anh phải viết tay. Van Baerle chỉ trao lại tập thư hoặc đốt nó đi khi có một lệnh rõ ràng.

-Nhưng tay anh đau thế viết làm sao?

-Được em ạ. Có giấy có bút là anh viết được ngay, rồi em sẽ thấy. – Corneille nói.

-Có đây rồi, ít ra là cái bút chì.

-Em có giấy không. Chúng chẳng để gì ở đây cho anh cả.

-Có quyển Kinh Thánh đây. Anh xé lấy tờ đầu.

-Được rồi.

-Em sợ anh viết chữ không đọc được.

-Được em ạ, – Corneille nhìn em mình đáp. -những ngón tay này đã chịu được lửa do đao phủ đốt, cái ý chí này đã nén được đau thì chúng sẽ kết lại thành một sức mạnh mới; em hãy yên tâm, anh sẽ viết thẳng dòng không run một nét chữ nào đâu.

Nói rồi Corneille cầm biết viết.

Người ta thấy máu tươi từ những miếng thịt nứt toác ở các ngón tay bị thương bật ra, do kẹp quá chặt cây bút chì nên máu thấm hồng cuộn băng trắng.

Mồ hôi vã ra trên trán người em.

Corneille viết:

“Con thân yêu, Con hãy đốt bọc giấy cha gửi. Con đốt ngay không mở, không xem để nó luôn luôn là điều không biết đối với con. Những bí mật của nó đủ giết người cất giữ nó. Con hãy đốt đi và như vậy là con cứu cha Corneille và chú Jean của con đấy.

Vĩnh biết con.

Con hãy thương cha.

Corneille de Witt 20-8-1672.” Jean giàn giụa nước mắt, lấy tay chùi một giọt máu rơi trên giấy; ông đưa thư cho người hầu rồi trỏ vào Corneille gần ngất xỉu nói:. – Bây giờ, khi Craeke nổi lên một hồi còi là báo hiệu anh ta đã qua khỏi đám đông, tới bờ bên kia ao cá… Lúc đó đến lượt chúng ta đi.

Chưa đến năm phút đã nghe thấy hồi còi dài và mạnh nổi lên át tiếng ồn ào của đám đông đang tụ tập trước nhà tù Buytenhof.

Jean đưa tay lên trời, cám ơn Chúa rồi nói: -Thôi bây giờ, anh Corneille, đến lượt chúng ta đi.

§2. Sự thù hằn giết người của các thị dân

Trong khi những tiếng la ó của đám đông tụ tập trước nhà tù Buytenhof thúc giục hai anh em De Witt phải rất nhanh thì một đoàn đại biểu đi lên phố Hoogstraet.

Buytenhof không xa Hoogstraet là mấy, do đó người ta thấy một người lạ mặt từ nãy chăm chú theo dõi về hướng đoàn đại biểu đi.

Đó là một chàng trai trẻ, tuổi khoảng hai mươi hai, hai mươi ba, bề ngoài trông không rắn rỏi lắm.

Có lẽ anh muốn người ta không nhận ra nên anh che bộ mặt dài và xanh bằng một chiếc khăn mỏng tỉnh Frise, đồng thời anh sử dụng nó để lau mồ hôi trán hoặc đôi môi khô cháy.

Anh ăn mặc giản dị và hình như không đeo súng; cánh tay gầy và run run do bệnh thần kinh và bàn tay trắng, mịn, vẻ quý phái không khoác tay mà quàng lên vai một sĩ quan… Đến quảng trường Hoogstraet, người trai trẻ có bộ mặt xanh xao đẩy người cùng đi vào dưới một cánh cửa chớp đang mở và chăm chú nhìn lên ban công tòa thị chính.

-Ai ở ban công thế? – Chàng trẻ tuổi hỏi.

-Ngài nghị viên.

-ông là người thế nào, anh có biết không?

-Một người trung hậu, thưa quý ngài.

Người được gọi là quý ngài lại hỏi: -ý anh nói là trung hậu hay can đảm?

-Quý ngài tha lỗi cho, tôi không thể phân biệt được, thưa Hoàng thân, vì tôi chỉ biết mặt chứ không được tiếp xúc với ngài đó bao giờ.

Hoàng thân nói tiếp: -Nếu là một người trung hậu thì ông ta sẽ nhận lời thỉnh cầu của bọn điên rồ kia, hay đấy nhỉ!

Bàn tay của Hoàng thân đặt trên vai người sĩ quan chứng tỏ ngài giận lắm.

Ông nghị M. BÂwebt dáng chừng muốn nói nhưng người ta không nghe thấy những lời ông nói mà chỉ thấy tay ông giơ lên giơ xuống theo lời nói mà thôi.

Nhân dân đi sâu vào cổng chính của tòa thị chính. Người trai trẻ lạnh lùng nói: -Hình như có hội bàn trong phòng họp. Chúng ta thử vào xem sao.

-Bẩm Hoàng thân, xin Hoàng thân cẩn thận!

-Cẩn thận cái gì?

-Trong số các nghị viên có nhiều người có quan hệ với Hoàng thân, nếu chỉ cần một người nhận ra Hoàng thân…

-Họ sẽ buộc tội tôi là kẻ xúi giục đám đông này chăng? Anh nói có lý. – Người trẻ tuổi nói.

-Nhưng bẩm Hoàng thân, Hoàng thân không lần nào đặt giả thiết là các ngài nghị viên lệnh cho Tilly giãn quân ra chứ ạ?

-Tại sao? – Người trẻ tuổi lạnh lùng hỏi.

-Bởi vì họ làm như vậy, đơn giản là họ kết án tử hình hai ông Corneille và Jean de Witt.

-Rồi ta sẽ thấy. – Hoàng thân lạnh lùng trả lời. – Chỉ có Trời mới biết lòng người ra sao.

Viên sĩ quan trộm nhìn vẻ mặt lạnh như tiền của người cùng đi, mặt ông ta bỗng nhiên tái mét.

Phòng nghị luận chật ních người.

Tiếng ồn ào bỗng ngưng rồi bỗng nhiên lại nổi lên mạnh hơn làm tòa nhà cũ rung chuyển đến tận nóc.

Sau cùng, dòng người xô nhau qua các hành lang, các cầu thang rồi tuôn ào ra cửa như một cái vòi rồng miệng lớn.

-Họ được lệnh rồi. – Người sĩ quan ngạc nhiên lẩm bẩm.

-Thế là tôi xác định được rồi. – Hoàng thân bình tĩnh nói. – ông đại tá ạ, ông không biết ông BÂwelt là trung hậu hay can đảm. Tôi bảo ông ta chẳng phải trung hậu cũng chẳng phải can đảm.

Rồi lặng lẽ nhìn đám đông đang chen nhau chạy trước mặt, ông nói: -Bây giờ chúng ta đến Buytenhof; tôi tin rằng chúng ta sẽ chứng kiến một cảnh tượng kỳ lạ đây.

Quảng trường và xung quanh nhà lao người đông như kiến. Nhưng quân của Tilly vẫn cương quyết cản họ.

Lúc sau, bá tước nghe thấy tiếng xì xào mỗi lúc một to rồi ông trông thấy một tờ giấy khua khua trên những nắm tay giơ lên và những vũ khí sáng loáng.

Ông nhổm người trên lưng ngựa nói: -Ta cho rằng đám vô lại kia đã có lệnh rồi đây.

Quả nhiên đó là tờ lệnh mà lúc nãy bọn thị dân đã kêu rú lên thích thú khi được cấp.

-Lệnh đây! Lệnh đây! – Trăm tiếng hỗn xược vang lên.

Bá tước kinh ngạc cầm lấy, lướt đọc rồi nói to: -Ai ký lệnh này rõ ràng là đao phủ giết chết ông Corneille de Witt.

Ông gấp tờ giấy lại và để cẩn thận vào túi áo chẽn quân phục.

Rồi quay về phía hàng quân, ông hô to: -Kỵ binh Tilly, bên phải, quay!

Một tiếng kêu tức giận tiếp sau cuộc giãn quân đó.

Như vậy là chúng ta thấy, Jean de Witt đã nói đúng về sự nguy hiểm khi ông vực ông anh dậy giục mau mau phải trốn khỏi nơi này.

Dựa vào người em, Corneille bước xuống thang.

Đến sân, ông thấy cô gái Rosa xinh đẹp đang đứng run sợ.

-ôi ngài Jean, khổ quá đi mất! – Cô nói.

-Có chuyện gì đấy? – Jean hỏi.

-Họ kéo nhau đi Hoogstraet yêu cầu lệnh cho quân bảo vệ giãn ra… – Đúng vậy cháu ạ, nếu quân bảo vệ đi khỏi chỗ này thì đó là điều tệ hại cho chúng ta. – Jean nói.

-Bẩm ngài Jean, – cô thẹn thùng nói tiếp. -nếu là cháu, cháu sẽ chui qua cổng đường ngầm.

Cổng này mở ra ở cuối phố nhỏ vắng vẻ đằng kia.

Còn ở cửa chính phố lớn bây giờ, người đứng đông nghịt cả rồi.

-Nhưng anh tôi không thể lê đến tận đấy được.

-Anh sẽ cố gắng. – Corneille trả lời.

-Chẳng hay các ngài không có xe hay sao?

-Xe chúng tôi đợi ở thềm cổng chính.

-Không phải! – Cô gái trả lời. – Cháu thấy ông đánh xe là người tận tâm nên cháu đã bảo ông ấy chờ các ngài ở đầu cửa ngầm đằng kia rồi.

-Cháu gái ạ, – Corneille nói. – bác chẳng có gì tặng để cám ơn cháu về những gì cháu đã làm cho bác ngoài quyển Kinh Thánh bác có để ở buồng bác.

Đó là vật kỷ niệm cuối cùng của một người có phẩm giá; bác mong nó mang lại hạnh phúc cho cháu.

-Cháu xin cám ơn bác, cháu sẽ không bao giờ rời vật kỷ niệm của bác. – Cô gái trả lời.

Rôsa dẫn họ đi, xuống chừng mười hai bậc thang, qua một sân nhỏ có tường đã rạn nứt bao bọc xung quanh.

Như vậy là họ đã đến bên kia nhà lao ở một phố vắng nơi có chiếc xe đứng đợi.

Người đánh xe sợ hãi cuống cuồng kêu lên: -Xin các ngài mau lên, mau lên; các ngài có nghe thấy họ la hét đấy không?

Sau khi đã đẩy được Corneille lên xe trước tiên, ông cựu thủ tướng quay sang nói với cô gái: -Từ biệt cháu, chúng ta sẽ cầu nguyện Chúa, kính báo với Ngài rằng cháu là người đã cứu sống hai mạng người chúng ta, Chúa hãy che chở cho cháu.

Rosa nắm tay vị thủ tướng cũ, trân trọng đưa lên môi hôn.

-Xin các ngài đi ngay cho! – Cô nói. – Hình như họ đang phá cửa đấy.

Jean de Witt vội nhảy lên xe, ngồi cạnh người anh, rồi kéo cánh cửa xe lại, nói to: -Đến Tol-Hek!

Tol-Hek là hàng ghi chắn cửa mở ra cái bến nhỏ Scheveningen, ở đấy có con tàu nhỏ đợi sẵn hai anh em cựu thủ tướng.

Hai con tuấn mã kéo vội chiếc xe, chở đi những con người đang tìm đường tẩu thoát.

Một vài phút sau cửa chính bị phá bởi các đòn thúc, đòn bẩy; dân chúng ùa vào nhà tù, vừa chạy vừa la hét:. – Quân phản bội, phản bội! Treo cổ thằng Corneille lên! Nó phải chết! Phải chết!

Người trẻ tuổi nói trên, vẫn đội chiếc mũ che kín mặt, vẫn tựa người vào viên sĩ quan; anh đứng ở một góc quảng trường Buytenhof quan sát cảnh hỗn loạn do đám thị dân gây nên đã sắp đi đến đoạn kết thúc.

Thật vậy, dân chúng thấy buồng nhà lao trống không. Họ nhô mặt ra ngoài cửa sổ tức giận hét: -Trốn rồi! Vượt ngục rồi! Bọn chúng đã đánh tráo. Đuổi theo ngay đi!

-Bẩm ngài, hình như Corneille de Witt đã biến thật sự rồi. – Viên sĩ quan nói.

-Đúng, nhưng là biến khỏi nhà tù chứ chưa biến khỏi nổi thành phố. – Người kia trả lời. – Anh Van Deken này, rồi anh sẽ thấy cánh cửa mà con người khổ sở kia hy vọng mở hóa ra lại là đóng trước mặt hắn.

-Bẩm ngài, đã có lệnh đóng các cửa thông ra biển rồi chăng?

-Không, tôi không tin; ai là người có thể ra lệnh nào?

-Vậy làm sao ngài giả thiết được như vậy?

Hoàng thân hờ hững trả lời: -Người ta đều có số. Có trường hợp những con người vĩ đại nhất vẫn phải quàng vào mình số mệnh tai ngược.

Viên sĩ quan cảm thấy ớn lạnh suốt sống lưng vì anh hiểu rằng số phận người tù kia đã cạn bằng cách này hay cách khác.

Vào lúc đó, đám đông gào thét như cuồng vì rõ ràng là Corneille de Witt không còn trong nhà giam.

Thật vậy, sau khi qua bờ ao cá ra phố lớn đi Tol-Hek thì Jean dặn người đánh xe phải cẩn thận cho xe chạy từ từ đã để không gây bất cứ sự nghi ngờ nào. Đến giữa phố người đánh xe mới cho xe chạy nhanh nhưng bỗng nhiên anh ghì cương.

-Có chuyện gì thế? – Jean thò đầu ra ngoài cửa xe hỏi.

-Dạ, bẩm các ngài, có… có…

Sự khiếp đảm làm người đánh xe không nói thành lời.

-Thế nào, nói tiếp đi chứ! – ông cựu thủ tướng nói.

-Cửa ra biển đóng rồi ạ.

-Cứ đi đi! – Jean đáp. – Tôi đã có lệnh giao hoán rồi, người gác cổng sẽ mở cửa… Một lúc sau đã đến Tol-Hek.

-Mở cổng ra! – Người đánh xe gọi to.

-Mở cửa, mở bằng cách nào? – Người gác cổng đứng trên bậc cửa nhà mình nói.

-Thế ông không có chìa khóa hay sao? – Người đánh xe hỏi.

-Không.

-Anh bạn ạ, – ông cựu thủ tướng thò đầu ra ngoài nói, – hãy mở cửa cho tôi và cho Corneille anh trai tôi, tôi dẫn anh tôi đi biệt xứ đây mà.

Người gác cổng nói: -Ồ thưa ông De Witt, tôi rất lấy làm phiền, nhưng tôi xin thề với ông rằng sáng nay có người đã đến lấy chìa khóa của tôi mang đi rồi.

-Ai lấy?

-Một người trai trẻ chừng hai mươi tuổi, xanh xao gầy guộc.

-Thế tại sao bác lại đưa cho người ta?

-Vì anh ta có lệnh, phong bì dán kỹ và xi đóng cẩn thận mà.

Jean nói với người đánh xe: -Thôi được, Trời sinh ra con người thì con người phải tìm mọi cách để cứu sống mình; anh đánh xe, chúng ta đi cổng khác vậy.

Trong khi người đánh xe quay xe, Jean nói với người gác cổng: -Cám ơn thiện chí của bác nhé!

Và ra lệnh cho người đánh xe: -Cho phi nước đại! Rẽ trái, hy vọng duy nhất của chúng ta là ở đó.

Đám thị dân hiện ra ở đầu phố mà Jean sẽ đi qua. Họ tiến lại, nhanh và ào ào như một trận cuồng phong.

-Dừng lại, anh hãy trốn đi! – Jean nói với người đánh xe. – Chạy nữa là vô ích. Chúng ta, số tận rồi.

-Chúng kia rồi, kia rồi! – Hàng trăm tiếng kêu lên.

Trong khoảnh khắc, chiếc xe ngựa bị đám đông vây quanh, ngựa đứng chững lại.

Lúc đó, một cánh cửa sổ hé ra. Người ta nhìn thấy bộ mặt tái mét và đôi mắt âm u của người trai trẻ chăm chú nhìn cảnh diễn ra.

Đứng sau hắn, viên sĩ quan cũng thò đầu ra, mặt cũng tái xanh như mặt hắn.

-ôi! Ngài nhìn thấy không, họ lôi viên cựu thủ tướng ra khỏi xe đánh đập túi bụi.

-Bọn họ phải tức giận lắm mới làm thế. -Người trai trẻ vẫn thản nhiên trả lời như mọi khi… – Và bây giờ đến lượt Corneille bị lôi ra khỏi xe. Ôi ngài nhìn kìa, nhìn kìa.

Viên sĩ quan bật ra một tiếng kêu nhỏ: Cor-neille vừa bị một thanh sắt đập vào đầu làm vỡ sọ.

Sắc mặt người trẻ tuổi trở nên tím tái hơn, điều đó tưởng không thể có được, và mắt anh ta bỗng thoáng nhòe sau cặp mi khép lại.

Người sĩ quan nhận ra cử động xót thương đó.

Nhưng người trẻ tuổi đã mở mắt ra.

Guillaume d' Orange, vì chính là ông ta, nhăn trán một cách độc địa và nói: -Đại tá Van Deken, tôi yêu cầu đi tìm quân ta ngay để họ sẵn sàng đối phó với mọi tình huống xảy ra.

-Tôi để ngài một mình trước những hung thủ ở đây hay sao?

-Đừng quá lo cho tôi. – Hoàng thân nói sẵng.

-Đi đi!

Viên sĩ quan đi ngay.

Hắn chưa kịp khép cửa buồng lại thì ở ngoài kia, trên mặt phố, Jean đã lảo đảo do những đòn đấm đá tới tấp.

-Anh tôi, anh tôi đâu? – ông kêu lên.

Một tên điên cuồng đấm ông một quả làm mũ ông rơi.

Một tên khác đâm mũi giáo vào mặt làm ông tóe máu.

-Anh ơi! – Qua khe mắt đầy máu làm mọi thứ nhòe đi, ông cố tìm xem anh mình đứng đâu. – Anh ơi!

-Này, đi mà gặp anh mày! – Một tên khác gí súng vào thái dương ông và bóp cò.

Jean de Witt ngã xuống không bao giờ đứng dậy lại nữa. Đám đông xéo lên hai thây người.

Khi hai người đã đau đớn ê chề, mình mảy rách nát, đám đông mới kéo lê thân thể trần truồng và đẫm máu của họ đến một cái giá treo cổ mới dựng rồi treo ngược họ lên.

Chúng tôi không thể nói người trẻ tuổi có xem hết cảnh chết chóc hãi hùng đó không, nhưng có thể nói vào lúc họ treo ngược hai người thì hắn len qua đám đông để đi Tol-Hek; lúc này vẫn thấy cửa đóng.

-A! Thưa ông, – người gác cổng nói. – ông mang chìa khóa lại trả tôi đấy chứ?

-Vâng, của bác đây. – Người trẻ tuổi trả lời.

-ôi, thật không may, ông không mang trả tôi trước đây nửa giờ… – Người gác cổng thở dài nói… – Tại sao thế? – Người trẻ tuổi hỏi.

-Vì như vậy tôi đã có thể mở cổng giúp hai ông De Witt rồi.

-Cửa! Cửa! – Một tiếng nói hình như của ai đó rất vội vã cất lên.

Hoàng thân quay đầu lại và nhận ra ông đại tá Van Deken.

-ông đại tá đó ư? – ông nói. – ông chưa rời khỏi La Haye sao? Thế là ông thi hành mệnh lệnh của tôi chậm rồi đấy.

-Bẩm Ngài, – viên đại tá nói. – đây là cánh cửa thứ ba tôi tới. Hai cánh trước tôi đến đều thấy đóng cả.

-Thế thì cánh này, anh bạn tử tế của chúng ta kia sẽ mở cho chúng ta thôi. Này anh bạn, mở đi! -Hoà ng thân nói với anh gác cổng đang hết sức ngỡ ngàng về cách xưng hô trịnh trọng của viên đại tá đối với người trẻ tuổi da mặt xanh xao mà lúc nãy khi tiếp xúc anh đã vô tình "cậu cậu, tớ tớ."

Bởi vậy, để chuộc lỗi, anh vội mở cửa thật nhanh làm nó rít lên trên goong sắt.

-Bẩm Ngài có cần đến ngựa của tôi không ạ?

-Viên đại tá hỏi Guillaume.

-Cám ơn đại tá, chắc phải có ngựa đợi tôi cách đây vài bước.

Đoạn ông rút trong túi ra chiếc còi bằng vàng vào thời đó người ta hay dùng để gọi người hầu, ông thổi một tiếng sắc và to, một người cưỡi ngựa chạy đến dắt theo sau một con ngựa nữa.

Ông nhảy phắt lên lưng ngựa, thúc vào bụng nó, thẳng tiến về Leyde. Ông tưởng tượng nét mặt của vua Louis XIV, kình địch của ông, mệnh danh là Vua Mặt Trời sẽ ra sao khi được tin hai ông bạn vàng tức anh em nhà De Witt đã chết như thế nào.

Ông còn tưởng tượng ra hai thây ma của Jean và Corneille được dùng làm bàn đạp cho ông bước lên quy chế stathouder được khôi phục lại.

§3. Cornelius van Baerle

Người yêu hoa tuylíp Khi các thị dân La Haye xé ra thành từng mảnh thi hài anh em De Witt, khi Guillaume d' Orange chắc chắn hai địch thủ của mình đã chết thực sự, Hoàng thân đang cùng viên đại tá Van Deken tháp tùng rong ruổi trên con đường đi Leyde thì Craeke, người đày tớ trung thành của Jean cũng cưỡi một con ngựa ngoan cường chạy trên con đường hai bên trồng cây.

Craeke nhìn thấy từ xa thành phố vui tươi Dor-drecht nằm dưới chân đồi đó đây có vài cái cối xay bột. Anh thấy những nhà mái đỏ đẹp đẽ với những bức tường trắng phau.

Và sau cùng anh nhận thấy ở dốc đồi thoai thoải có một mái nhà màu trắng và hồng, đó là đích chuyến đi của anh. Nóc nhà lẫn trong tấm màn lá màu vàng của các hàng cây dương và nổi bật trên nền xanh tối của các hàng cây du.

Đó là nhà của bác sĩ Cornélius Van Baerle, con đỡ đầu của Corneille. Thân sinh ra Cornélius đã khuyên con trai chớ theo gương cha đỡ đầu là Cornélius de Witt, nghĩa là đừng làm chính trị.

Khi cha chết, Cornélius Van Baerle được hưởng gia tài cái nhà và nhiều tiền bạc nhưng các thứ đó anh chẳng quan tâm.

Cha đỡ đầu kiếm việc làm cho anh ở các công sở nhưng anh từ chối; ông muốn cho anh được nếm mùi vinh quang, anh cũng không thiết.

Anh muốn tạo dựng một hạnh phúc theo ý riêng của mình; anh bắt đầu nghiên cứu cây cỏ và côn trùng, thu lượm và xếp loại các hoa lá trên đảo – đề tài này anh viết thành một chuyên đề kèm theo các bản minh họa do chính tay anh vẽ – và sau cùng chẳng biết dùng thì giờ và nhất là tiền bạc để làm gì, anh bắt đầu chọn trong cả mớ những cái điên rồ trong nước và trong thời đại anh lấy cái điên rồ thanh lịch nhất và đắt tiền nhất: Anh yêu hoa tuylíp.

Chẳng bao lâu, từ Dordrecht đến Mons, chỉ có mỗi vấn đề hoa tuylíp của Van Baerle là nổi lên cả.

Van Baerle bắt đầu dùng tiền thu nhập năm để làm bộ sưu tập và hoàn thiện nó. Do đó anh thu được một kết quả tuyệt vời; anh tìm ra được năm loại hoa khác nhau, một loại anh gọi là Jeanne, tên mẹ anh, một loại là Baerle, tên cha anh và một loại. là Corneille, tên cha đỡ đầu của anh; còn những loại hoa tuylíp khác, chúng tôi không tỏ nhưng nếu các vị yêu quý hoa tuylíp, tra cứu các catalo thời đó hẳn là thấy.

Corneille de Witt khi reo bao nhiêu hạt giống có hại mà người ta gọi là những thú say mê chính trị đã làm nảy sinh bao nhiêu những hằn thù tai hại; còn Van Baerle khi bỏ qua các hoạt động chính trị để đi sâu vào việc trồng hoa tuylíp thì thu hút được bấy nhiêu cảm tình chan chứa.

Do đó, anh được các người giúp việc và các người thợ làm công rất yêu mến.

Tuy nhiên Cornélius Van Baerle cũng có một kẻ thù mà anh không biết, mối thù của tên này thì kín đáo sâu xa và dai dẳng, khác hẳn cách thù của các orangistes dữ dằn nhất đối xử với Corneille và Jean de Witt.

Vào lúc Cornélius bắt đầu quan tâm đến hoa tuylíp thì ở Dordrecht cũng có một người say mê như thế; hắn tên là Isaac Boxtel, một thị dân, nhà ở đối diện ngay với nhà của Cornélius; khi hắn bắt đầu trưởng thành cũng là lúc hắn bắt đầu yêu hoa.

Boxtel không có cái may mắn được giàu sang như Van Baerle. Bởi vậy phải thật vất vả, cố gắng và kiên nhẫn trăm đường hắn mới tạo dựng được cho mình ở quê nhà một mảnh vườn để trồng hoa.

Hắn đã cuốc xới theo hướng dẫn và đã ủ các luống hoa theo mức độ nóng mát khác nhau như sách của các nhà làm vườn căn dặn.

Isaac đo được nhiệt độ trong khung nhà kính của mình đúng sai đến một phần hai mươi của một độ. Do vậy các sản phẩm do hắn tạo ra bắt đầu được ưa chuộng. Nhiều người chơi hoa đến thăm vườn của hắn. Sau cùng Boxtel đã tung ra một loại hoa tuylíp lấy tên hắn. Thứ hoa này là một thành công; nó được xuất sang Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha; đến ông vua nước này là Alphonse VI đã bị truất khỏi kinh thành Lisbonne và về ẩn dật ở đảo Terceire lấy việc trồng hoa tuylíp làm thú vui, khi ngắm thứ hoa của Boxtel nói trên cũng phải khen "không phải là tồi."

Bỗng nhiên, một sự say mê tương tự cũng bắt đầu xâm chiếm tâm hồn Van Baerle. Anh liền tu sửa lại nhà ở Dordrecht, xây thêm một tầng ở nhà cũ trên sân; như vậy nhà lên cao đã giảm nóng được nửa độ và ngược lại cũng tăng từng ấy độ lạnh trong vườn của Boxtel.

Tuy nhiên anh láng giềng Isaac không coi điều tai hại trên là quan trọng. Van Baerle chỉ là một anh họa sĩ, nghĩa là một anh thuộc loại điên rồ cứ định tái hiện lên vải bằng cách bóp méo những cái diệu kỳ của thiên nhiên. Chẳng qua anh họa sĩ lên. thêm một tầng để xưởng vẽ của anh được thêm ánh sáng là quyền của anh ta chứ có gì đâu.

Vả lại, Boxtel nhận ra rằng nhiều nắng quá sẽ có hại cho hoa tuylíp; thứ hoa này mọc khỏe và rực rỡ với nắng ấm buổi sáng hay buổi chiều hơn là với nắng bỏng giữa trưa.

Thế là gần như hắn biết ơn Cornélius Van Baerle đã xây cái lọng che cho vườn hắn mà không tính tiền.

Chao ôi! Cái anh chàng Boxtel hẩm hiu ấy cụt hứng khi thấy hiện ra qua cửa kính của tầng mới xây nào củ, nào mầm, nào hoa, hoa trồng trên đất, hoa trồng trong chậu, thôi thì đủ thứ liên quan đến nghề nghiệp của một người trồng hoa tuylíp say mê cuồng tín.

Boxtel nhớ ra ngay con người thông thái kia có 400.000 florins tiền vốn, 10.000 florins tiền lãi, đã dùng hết khả năng về tinh thần và vật chất của mình để trồng đại trà hoa tuylíp. Hắn nhìn trước sự thành công của người này trong tương lai và hắn tái mặt vì ghen tị.

Vậy ra để chăm hoa của mình, Van Baerle đã lấy đi mất của Boxtel nửa độ nhiệt. Van Baerle sắp có một nơi đẹp nhất để hứng ánh sáng mặt trời; ngoài ra còn có một buồng rộng rãi, sáng sủa và thông gió để bảo quản củ và mầm tuylíp. Boxtel không thể nào có được một buồng như thế. Bó buộc hắn phải dùng ngay phòng ngủ của mình để làm một việc như thế. Gần đây hắn đành lên ngủ ở gian chứa lúa mì để tránh hơi người ngày đêm ở chung với mầm và củ sẽ làm hư hại chúng.

Như vậy, cửa đối cửa, tường đối tường, Boxtel sắp có một địch thủ và địch thủ này không phải là một người làm vườn tầm thường không ai biết đến, trái lại là con đỡ đầu của Cornélius de Witt, một người có tiếng tăm.

Như người ta có thể thấy được: khi đã say mê công việc, lại sẵn có trí thông minh trời phú, Van Baerle dễ dàng trồng được những bông hoa tuylíp đẹp nhất, đa dạn g về màu sắc, tạo được nhiều kiểu dáng và lai được nhiều giống khác nhau.

Van Baerle đạt được nhiều thành công, nhiều người nhắc đến tên anh khiến tên tuổi của Boxtel vĩnh viễn biến mất trong danh sách những người trồng hoa tuylíp kỳ cựu nhất của đất nước Hà Lan.

Do vậy phải xem xét Boxtel suốt trong thời kỳ này. Trong khi Van Baerle bón, xới, tưới các luống hoa, trong khi anh quỳ xuống bờ cỏ để phân tích từng gân hoa đang nở, suy ngẫm về sự thay đổi có thể làm được, về các màu sắc có thể thí nghiệm được thì Boxtel trèo lên núp trên cây thích trắng trồng dọc bờ tường, mắt căng ra, mồm nhúm lại, theo dõi từng bước đi, từng cử chỉ một của Van Baerle và khi nhìn người bạn hàng xóm có vẻ vui tươi, hay khi bắt gặp trên môi hay trong mắt anh thoáng một nụ cười, hay một tia hạnh phúc là anh ta văng về phía nhà bạn những lời nguyền rủa hay dọa nạt giận dữ, khiến người ta không hiểu sao những hơi độc sặc mùi ghen tị và căm hờn kia thấm sâu vào các cây hoa lại không để lại ở đấy những nguyên nhân hay mầm mống của sự thoái hóa và cái chết.

Boxtel mua một cái ống nhòm tuyệt vời để theo dõi những tiến triển trong công việc tìm tòi và nghiên cứu của Van Baerle.

Ôi đã bao lần con người ghen tị khốn khổ kia trèo lên cây, thấy những bông hoa tuylíp nhà bên kia nở mà vẻ đẹp và sự hoàn hảo của chúng làm cho anh ta hoa mắt và nghẹt thở.

Thế là sau một thời gian chiêm ngưỡng không đừng được, hắn phát ốm vì ghen tức, cái ghen nó gậm nhấm người hắn, biến trái tim hắn thành muôn vàn

con rắn nhỏ xoắn tít vào nhau, cắn xé lẫn nhau, đó là nguồn gốc gớm ghiếc của những đau đớn kinh hoàng.

Chính vào thời kỳ đó, hội những người trồng hoa tuylíp ở thành phố Harlem đặt một giải thưởng cho ai phát hiện – chúng tôi không dám nói cho ai trồng được – một bông hoa tuylíp màu đen, xin nhấn mạnh màu đen, thật là một vấn đề không dễ giải quyết thậm chí không tài nào giải quyết nổi vì hồi đó chưa có giống tuylíp nào màu nâu sẫm huống hồ màu đen.

Thế có nghĩa là các vị treo giải thưởng có thể đặt giải hai triệu hay một trăm nghìn livres cũng thế thôi, vì vấn đề coi như không ai làm nổi, tức không giật được giải.

Tuy nhiên không vì thế mà giới trồng hoa không xáo động.

Van Baerle thuộc hàng ngũ những người trồng hoa tuylíp quan tâm đến việc phát minh đó; anh bắt đầu chọn các hạt giống từ từ, cẩn thận và tiến hành các biện pháp cần thiết để chuyển màu những cánh hoa anh trồng từ trước đến nay, từ đỏ sang nâu và từ màu nâu non sang màu nâu sẫm.

Tới đầu năm sau, anh đã có được những bông hoa đúng màu nâu hoàn hảo trong khi Boxtel mới chỉ tìm thấy một màu nâu nhàn nhạt.

Boxtel bị địch thủ của mình bỏ xa liền chán công việc trồng trọt; hắn gần như điên dồn hết sức lực ra dò xét mảnh vườn hàng xóm để củ giống của hắn thối rữa trên luống ủ, để hoa của hắn tàn tạ trên luống ươm, để đời hắn qua đi khi chỉ nhìn. sang nhà bên không quan tâm gì khác ngoài những gì diễn ra ở bên ấy.

Chính vì vậy, hắn đã bắt gặp cuộc trao đổi giữa Corneille de Witt với người con đỡ đầu vào một ngày tháng giêng năm 1672.

Vào thời kỳ đó Corneille có đến nhà Van Baerle và muốn gặp riêng anh. Hai cha con dẫn nhau lên buồng sấy có cửa kính, nơi lúc nào Boxtel cũng chiếu ống nhòm nhìn sang. ở đấy, Corneille đã trao cho con đỡ đầu một gói đồ mà Boxtel nhanh chóng đoán ra rằng trong đó có những giấy tờ liên quan đến chính trị.

Kẻ ghen ăn không hề nhầm lẫn trong suy đoán của mình. Gói đồ của Ruart trao cho con đỡ đầu chính là những bức thư trao đổi giữa ông Jean và ông De Louvois người Pháp. Baerle đỡ lấy cẩn thận và ôm trên ngực.

Có điều Corneille không hề lộ cho Baerle biết đó là các tài liệu chính trị quan trọng, đúng như Corneille kể lại với người em trai mình.

Ông chỉ căn dặn con là chỉ được trao lại tận tay cho ông hoặc có chữ ký của ông còn tuyệt đối không đưa cho ai dù người đó có yêu cầu.

Và Cornélius đã cất gói đồ trong tủ đựng những mầm hoa quý hiếm.

Ông Ruart đi khỏi, đèn đã tắt và cửa đã đóng, Baerle không nghĩ đến gói đồ nữa. Trái lại, như một hoa tiêu lành nghề, Boxtel nhìn bọc gửi như một đám mây đen đằng xa đang lớn dần và chứa đựng trong nó sấm sét và bão táp.

Không biết chuyện gì nên Baerle yên tâm tiếp tục đi làm công việc của mình với mong muốn đoạt được giải thưởng của Hội trồng vườn Harlem. Anh đã qua được giai đoạn biến bông hoa tuylíp màu nâu sẫm sang màu cà phê rang; vào chính ngày ở La Haye xảy ra sự kiện khủng khiếp chúng tôi đã kể ở chương đầu thì một giờ trưa ở quê anh, Baerle nhấc những mắt mầm của một củ hoa màu cà phê rang lên khỏi lớp đất. Đến một ngày nào đó nhất định nó sẽ cho ra cây tuylíp có hoa màu đen vĩ đại.

Đúng ngày 20 tháng tám 1672, hồi một giờ trưa, Cornélius ở trong buồng sấy ngây ngất ngắm nhìn ba mắt mầm anh vừa tách ra khỏi củ hoa giống anh ươm. Vừa tách mầm anh vừa tự nhủ: -Ta sẽ tìm ra giống hoa tuylíp đen. Ta sẽ đoạt giải thưởng trăm nghìn florins của Hội trồng vườn. Ta sẽ phân phát cho dân nghèo Dordrecht.

Người ta sẽ đặt tên con gái ta, con gái của những buổi ta thức thâu đêm, của công lao động miệt mài, của trí tuệ ta là gì nhỉ? Tulipa nigra barlaensis.

Barlaensis, một tên đẹp, được đấy! Cả châu Âu của hoa. tuylíp có nghĩa là cả châu âu trí tuệ sẽ giật mình khi tin này được tung ra bốn biển năm châu. hoa tuylíp đen vĩ đại! Tên nó là gì? Những người yêu hoa hỏi. – Tulipa nigra barlaensis – Sao gọi là Barlaensis? Vì người phát minh ra nó là Van Baerle, có người trả lời – Van Baerle là ai? – Đó là tên người đã tìm ra năm loại hoa mới; hoa Jeanne, hoa Jean de Witt, hoa Corneille … Đó mới là tham vọng của ta. Nó không làm ai phải trả giá bằng nước mắt. Và có lẽ người ta còn nói đến hoa Tulipa nigra barlaensis khi cha đỡ đầu của ta, nhà chính trị lỗi lạc, còn được biết đến là do ta mượn tên ông đặt cho hoa. Ôi! Những mầm giống này mới đẹp làm sao!

Thế là Cornélius thích thú ngắm nghía những mắt mầm hoa; Cornélius đắm mình trong những mộng mơ đẹp đẽ.

Bỗng nhiên chuông ở buồng anh kêu gấp gáp.

Baerle giật mình, úp tay lên mấy mắt hoa rồi ngoái đầu lại hỏi: -Ai ngoài đó?

-Thưa ông, tôi là Craeke ạ.

-Craeke ở nhà ông Jean đấy hả? Được! Chờ một tí.

-Thưa, tôi không thể chờ được.

Cùng lúc bất chấp tập tục, Craeke nhảy xổ vào buồng sấy.

-Chết chửa! – Cornélius nói. – Có chuyện gì thế Craeke?

-Thưa ông, có chuyện, – Craeke vừa đặt một mảnh giấy lên chiếc bàn rộng vừa nói. – ông đọc ngay giấy này đi cho.

Vì Craeke cho rằng ở Dordrecht mình cũng thấy những dấu hiệu hỗn loạn như ở La Haye liền chuồn ngay không ngoái cổ lại.

-Được! Được, ta sẽ đọc ngay đây. – Cornélius nói.

Đúng lúc ấy, cánh cửa buồng sấy lay chuyển rất dữ rồi bật tung, Cornélius đỏ mặt tía tai quát: -Gì thế nữa! Nhà này điên cả rồi hay sao?

-Thưa ông, thưa ông! – Một gia nhân chạy vội vào, mặt tái mét vì sợ còn hơn cả Craeke lúc nãy.

-Gì thế? – Cornélius hỏi. Lúc này anh cũng cảm thấy một tai họa.

-Dạ, xin ông chạy trốn ngay, chạy trốn mau lên! – Người đày tớ nói.

-Trốn, làm sao phải trốn?

-Thưa ông, quân chính phủ đến đầy nhà.

-Họ muốn gì?

-Họ tìm bắt ông… – Bắt ta?

-Thưa ông đúng vậy. Có một viên quan hành chính đi trước.

-Thế nghĩa là gì? – Van Baerle vừa hỏi vừa nắm chặt hai mắt mầm hoa; anh hốt hoảng nhìn ra cầu thang.

-Họ lên đấy ạ. – Người đày tớ nói to.

-ôi! Cậu ơi! Cậu ơi! – Đến lượt người vú nuôi chạy vào nói. – Xin cậu lấy tiền vàng, lấy tư trang chạy đi, chạy đi mau lên!

Vừa lúc đó, qua các chấn song cầu thang người ta thấy những mũi nhọn của giáo mác binh lính nhô lên.

Về phần Cornélius Van Baerle, điều quan tâm duy nhất là những mắt mầm hoa quý giá.

Anh đưa mắt nhìn quanh xem có mảnh giấy nào không để gói chúng nhưng chỉ thấy có tờ giấy từ sách Kinh Thánh xé ra do Craeke để lại; anh cầm lấy song vì tinh thần rối loạn anh không nhớ ra tờ giấy ấy ở đâu ra. Anh lấy ba mắt mầm củ hoa gói lại, giấu trong ngực và đứng đợi. Các binh lính do viên quan hành chính đi đầu cùng lúc bước vào.

-ông có phải là bác sĩ Cornélius van Baerle không?

-Viên quan hỏi mặc dầu biết rõ người mình hỏi là ai, nhưng làm vậy là ông tiến hành đúng luật định?

-Thưa ngài Van Spennen, chính là tôi, ngài thừa biết tôi là ai. – Van Baerle nói, rồi cúi chào ông thẩm phán một cách lịch sự.

-Thế thì ông hãy đem nộp ra đây những giấy tờ phản loạn ông cất giấu trong nhà.

-Thưa ngài Van Spennen. – Cornélius trả lời.

-Tôi cam đoan với ngài tôi hoàn toàn không hiểu ý ngài nói gì.

Viên quan nói: -Thế thì tôi nói ông rõ: ông hãy nộp những giấy tờ của tên phản bội Corneille de Witt gửi ở nhà ông tháng giêng năm trước.

Cornélius chợt hiểu ra.

-Ồ! ồ! – Van Spennen nói tiếp, – ông nhớ ra rồi có phải không?

-Có lẽ thế, nhưng ngài bảo là giấy phản loạn thì tôi không có thứ giấy ấy.

-à, thế ông chối à?

-Tôi không chối, tôi chỉ không công nhận.

Viên quan quay người nhìn khắp gian buồng một lượt.

-Buồng nào ở nhà ông gọi là buồng sấy? -Viên quan hỏi.

-Chính buồng này đây, thưa ngài.

Viên quan liếc nhìn tờ giấy con cầm trong tay… – Thế thì được. – ông nói kiểu người hiểu rõ công việc mình làm.

Ông quay sang nhìn Cornélius.

-ông có nộp cho tôi những giấy tờ đó không?

-Thưa ngài Van Spennen, tôi không thể làm thế được. Những giấy tờ đó không phải của tôi, đó là giấy tờ người ta gửi mà đã là đồ gửi là đồ thiêng liêng.

-ông Cornélius! – ông thẩm phán nói. – Lấy danh nghĩa Nhà nước tôi ra lệnh cho ông mở tủ nộp các giấy tờ cất trong đó.

Ông thẩm phán chỉ ngăn kéo thứ ba ở chiếc tủ kê gần lò sưởi.

Quả nhiên trong ngăn kéo có gói đồ của Ruart de Pulten gửi con đỡ đầu giữ hộ, điều đó chứng tỏ cảnh sát đã được báo rõ ràng.

Thấy Cornélius đứng im vì ngạc nhiên, Van Spennen nói: -ông không định giao hả? Tôi sẽ tự mở lấy.

Mở hết ngăn kéo ra, trước tiên viên quan trông thấy chừng hai mươi củ hoa được sắp xếp và ghi ký hiệu cẩn thận; rồi đến bọc gửi để đúng nguyên tình trạng như khi cha đỡ đầu ngày thất bại gửi con Van Baerle cất giữ.

Viên quan bẻ xi gắn, xé bì bọc, hau háu nhìn những trang giấy đầu tiên hiện ra trước mặt rồi nói to một câu nghe khiếp sợ: -A! Tin báo cho cảnh sát không phải là một tin bịa đặt.

-Thế nào! Tin báo gì? – Cornélius hỏi.

Viên quan nói: -Thôi đi ông Van Baerle ạ! Đừng có giả vờ nữa. Ông hãy theo tôi.

-Thế này là thế nào, sao tôi phải theo ông? -Bác sĩ kêu lên.

-Phải! Lấy danh nghĩa Nhà nước, tôi bắt ông.

-Bắt tôi? – Cornélius kêu lên. – Tôi phạm tội gì kia chứ?

-Điều đó không liên quan đến tôi, ông bác sĩ ạ. Ông sẽ được giải thích trước tòa.

-Tòa nào?

-Tòa án thành phố La Haye.

Cornélius ngạc nhiên, ôm hôn người vú nuôi, bắt tay các gia nhân, rồi theo viên quan lên xe chở tù của Nhà nước; viên quan cho xe chạy nước đại dẫn anh về La Haye.

§4. Kẻ phản bội, người tù và con gái viên cai ngục

Những điều vừa xảy ra là kết quả của việc làm quỷ quái của Isaac Boxtel.

Vốn chú ý theo dõi tình hình chính trị hơn người bạn láng giềng Cornélius nên khi hay tin Cor-neille de Witt bị bắt vì tội phản quốc Boxtel hiểu ngay rằng chỉ cần nói một câu là cả cha nuôi lẫn con đỡ đầu sẽ cùng bị bắt một lúc. Mặt khác, Boxtel không lạ gì Van Baerle đang trên đường thành công trong việc tìm tòi tạo giống hoa tuylíp mới màu đen. Nếu Cornéille bị bắt, chắc chắn việc đó sẽ gây nên rối loạn lớn trong gia đình anh. Sau đêm anh bị bắt, sẽ không người nào còn nghĩ đến chuyện chăm sóc hoa tuylíp trong vườn nữa.

Vào chính đêm đó, hắn nghĩ sẽ leo tường vào nhà Baerle. Biết trước chỗ củ ươm hoa tuylíp đen nằm ở đâu, hắn sẽ đến thẳng chỗ ấy lấy: thay vì hoa nở ở nhà Cornélius, bông hoa màu đen sẽ khÂ sắc ở nhà hắn và chính hắn không những sẽ đoạt giải thưởng một trăm nghìn florins mà còn được hưởng vinh dự lớn lao đặt tên cho hoa là Tulipa nigra Boxtenlensis.

Một mũi tên nhằm hai mục đích: vừa trả được thù riêng, vừa thỏa được lòng tham nặng túi.

Để thực hiện, hắn viết một thư nặc danh chính xác đến từng chi tiết rồi gửi qua bưu điện.

Ngay chiều hôm đó, viên quan thanh tra đầu ngành nhận được thư Boxtel, hắn lập tức triệu tập các đồng sự. Sáng hôm sau họ họp quyết định bắt giam và trao lệnh cho thẩm phán Van Spennen thi hành; ông này đã làm đúng phận sự như chúng ta thấy.

Song hoặc vì hổ thẹn hoặc vì yếu bóng vía sợ việc tày đình, Boxtel không dám chĩa ống nhòm sang nhà Van Baerle ngày hôm đó. Hắn thừa biết chuyện gì xảy ra bên nhà Van Baerle kia rồi nên không cần phải ngó ngàng gì nữa.

Vào khoảng chín giờ sáng, hắn giật mình khi nghe thấy có tiếng ồn ào ngoài phố. Một người hầu chạy vào hí hửng báo tin cho chủ, hắn kêu lên: -Thưa ông chủ, ông không biết điều gì đang xảy ra sao?

-Làm sao ta biết được. – Boxtel trả lời khẽ nghe không rõ… – ông Baerle bị bắt rồi, người ta tống ông lên xe chở đi La Haye rồi.

-Đi La Haye?

-Vâng, nếu đúng như vậy thì nguy to cho ông ta đấy.

-Thế người ta nói gì? – Boxtel hỏi.

-Trời ơi! Người ta kể rằng vào giờ này có lẽ hai ông Cornéille và Jean de Witt đang bị các thị dân sát hại.

-ôi! – Boxtel lẩm bẩm, hắn nhắm mắt lại như để không nhìn thấy cái cảnh hãi hùng đang diễn ra trước mắt hắn.

Quả vậy, Isaac Boxtel phát ốm như chính mình đã giết chết một ai.

Đúng vậy, hắn đã giết chết người đó nhằm hai mục đích mà mục đích thứ nhất đã đạt, bây giờ tính đến mục đích thứ hai phải thực hiện.

Đêm đến, cái đêm mong đợi của Boxtel đã đến.

Hắn đã tính toán kỹ: không ai nghĩ đến chuyện canh gác khu vườn. Nhà cửa, gia nhân đều bị đảo lộn lung tung. Trong vườn, thảy đều im ắng. Không một tiếng động có thể phá tan sự im lặng.

Hắn vắt chân qua tường, ngồi nghỉ một lúc trên đó rồi khi tin chắc không có gì đáng sợ, hắn rút chiếc thang bên tường nhà hắn, kéo qua, đặt sang vườn nhà Cornélius rồi nhẹ nhàng tụt xuống từng bậc.

Vì biết rõ luống Baerle đặt các mầm giống hoa tuylíp đen sau này ở đâu, hắn chạy thẳng đến đó, đến đúng chỗ hắn sục tay vào chỗ đất mềm, tìm.

Hắn chẳng thấy gì, tưởng mình nhầm lẫn. Mồ hôi vã ra.

Suýt nữa hắn phát rồ khi nhận ra chỗ đất này đã bị bới đào ngay sáng hôm nay.

Thật vậy, Cornélius đã bới lấy củ giống lên như chúng ta đã biết và chia ra làm ba mầm giống.

Bỗng nhiên, một tia hy vọng cuối cùng lóe sáng trong đầu óc tên ăn trộm.

Chắc là các mầm được cất trong buồng sấy.

Vậy là hắn lại mò vào đấy như lúc nãy vào vườn. ở đấy, chắc sẽ tìm thấy.

Thật ra không có gì khó. Các cửa kính ở buồng sấy được nâng lên dễ như bỡn. Thang đặt vừa đúng tầm khung cửa sổ. Boxtel nhét chiếc đèn ló vào túi, trèo lên thang và nhảy vào buồng.

Trong nhật ký ghi chép của Baerle thấy có những dòng chữ sau đây: “Hôm nay là ngày 20 tháng tám 1672, tôi đào củ hoa tuylíp lên và tách được ba mắt hoa hoàn hảo”… – Này mầm! Này củ! – Boxtel lật, phá, đạp đổ lung tung trong buồng sấy rồi kêu lên: – Nó giấu ở đâu, ở đâu kia chứ?

Rồi bỗng nhiên hắn vỗ trán: -ôi! Mình ngốc thật! – Hắn kêu lên. – Có khi nào người ta bỏ mầm củ của mình lại mà ra đi không, nhất là mầm củ đó lại của hoa tuylíp đen?

Đúng, cái thằng khốn kiếp đã kịp lấy chúng mang theo đi rồi! Nó giắt trong mình nó, nó tha lên La Haye rồi.

Trong giây lát Boxtel nhận thấy tai họa mình gây ra chẳng mang lại lợi ích gì.

-Đã thế thì được! – Tên thèm khát của người ngửng bộ mặt tím nhợt của mình lên nói. – Nếu nó giắt trong người thì nó còn là củ giống còn và…

ý nghĩ tiếp theo của hắn thể hiện bằng một nụ cười khủng khiếp: -Nếu mầm đã để ở La Haye, – hắn nói. – thì ta không thể nào sống được ở Dordrecht nữa.

Nghĩ thế, hắn trèo qua cửa sổ, xuống thang rồi lẩn về nhà, lòng đầy tức giận.

Vào nửa đêm, có người gõ cửa nhà tù Buytenhof hay đúng hơn làm động hàng rào chắn thay cửa nhà tù.

Đó là người ta dẫn Cornélius Van Baerle đến.

Khi người cai ngục "tiếp đón ông khách mới" và đọc lý lịch trên giấy giao nhận tù thì hắn mỉm cười nói khẽ: à, anh bạn, ở đây ta có căn buồng ấm cúng dành cho anh đây.

Thích thú với lời bông phèng vừa nói, tên orangiste dữ tợn cầm chiếc đèn lồng và chùm chìa khóa dẫn Cornélius vào chính buồng giam Corneille de Witt vừa rời khỏi sáng nay.

Năm phút sau, hắn bước vào nhà ngục.

Sau khi chỉ cho người tù chiếc giường của anh ta, chính chiếc giường người cha đỡ đầu của anh bao lâu đã nằm đau đớn ê chề trước khi trút hơi thở cuối cùng để đi gặp Chúa vào sáng nay, Gryphus cầm lấy cây đèn ra khỏi buồng giam.

Trơ lại một mình, Cornélius nằm vật xuống giường nhưng anh không ngủ.

Khi trời sáng, những tia nắng sớm rọi xuống các mái nhà óng ánh như tráng bạc, Cornélius sốt ruột muốn biết cảnh vật nơi mình sống ra sao, liền tiến lại gần cửa sổ.

Anh nhận ra cái giá treo cổ ở đằng đầu phố.

Trên giá còn lủng lẳng hai thân hình người không còn nguyên vẹn, hai bộ xương còn lằng nhằng thịt và máu… Cornélius thất đảm kêu lên và vô cùng sợ hãi.

Anh dùng cả chân và tay lay cửa dữ dội khiến Gryphus giận dữ chạy tới, chùm chìa khóa to tướng trong tay.

Hắn vừa mở cửa, vừa chửi bới om sòm anh tù đã quấy rầy hắn vào đúng cái giờ hắn về nghỉ sau khi đã đi tuần kiểm tra xong.

-Thưa ông, thưa ông! – Cornélius bíu chặt lấy tay viên cai tù nói. Rồi kéo hắn ra gần cửa sổ nói tiếp. – Cái gì đằng kia, thế ông?

Anh run sợ chỉ cái giá treo cổ.

Gryphus cười lên hô hố: -à! à! – Hắn trả lời. – Này anh bạn, đó là điểm người ta sẽ tới khi người ta có những mối liên lạc mật thiết với những kẻ thù của Hoàng tử Guillaume d'Orange đấy, anh bạn không biết à?

-Các ông De Witt bị ám hại cả rồi! – Cornélius vừa lẩm bẩm, vừa để rơi người xuống giường.

-Các ông De Witt chịu hình phạt công minh của nhân dân chứ! Anh nói thế mà nghe được à? – Gryphus nói. – Tôi, tôi bảo là phải chém đầu mới đúng.

Bỏ mặc người tù rã rời cả chân tay, hắn bước ra khỏi buồng giam, khóa cửa lại, tiếng kêu loảng xoảng.

Khi tĩnh tâm, Cornélius cảm thấy mình đơn độc và nhận ra nơi mình bị giam giữ là ở đâu.

Là người có triết lý sống, nhưng trước nhất là một người ngoan đạo nên việc làm đầu tiên của anh là cầu nguyện cho linh hồn cha đỡ đầu và linh hồn vị đứng đầu bảy Tỉnh Hợp nhất vĩ đại trước kia được yên nghỉ.

Sau khi bước xuống đất và chắc chắn chỉ có mình mình trong buồng giam, anh mới lấy trong ngực ra ba mắt mầm hoa tuylíp đen và đem giấu sau viên đá sành xưa nay vẫn đặt chiếc hũ, cũng là nơi tối nhất trong buồng giam. Thế là bao nhiêu năm tháng miệt mài vô ích!

Thế là bao nhiêu hy vọng êm đềm sụp đổ! Sự tìm tòi của anh rồi đi đến số không như cuộc đời anh đi đến cái chết mà thôi.

Nghĩ vậy, Cornélius cảm thấy tuyệt vọng.

Tuy nhiên, một ngẫu nhiên vô cùng sung sướng đối với anh nhưng lại vô cùng khốn khổ đối với viên cai ngục là anh may mắn được tiếp xúc với cô con gái của tên này. Bởi vì, ngay đêm đó khi mang cơm tù đến cho Cornélius, Gryphus đã trượt chân trên sàn đá ướt và bị gãy tay.

Những tiếng kêu ầm ĩ khiến Rosa chạy đến.

Cô hơi ngạc nhiên thấy Cornélius săn sóc cha mình đang ngất xỉu.

-Cám ơn ông đã giúp đỡ. – Cô nói… – Tôi chỉ làm bổn phận của người thờ Chúa, giúp đỡ đồng loại của tôi như Chúa bảo.

-Vâng, sự giúp đỡ của ông đêm nay chứng tỏ ông đã bỏ qua những lời mắng nhiếc của cha tôi sáng nay.

Cornélius ngước mắt nhìn cô gái xinh xắn; nhưng anh chưa kịp bày tỏ sự ngạc nhiên, Gryphus đã mở mắt.

Cornélius bảo Rosa đi tìm băng, nẹp. Cornélius đặt chiếc tay gãy của Gryphus lên bàn và so cho thẳng. Rồi với một sự thành thục hoàn hảo, anh nắn chỗ gãy, đặt hai kẹp gỗ lên rồi băng lại, người cai ngục thì đã ngất xỉu.

-Cô đi kiếm ngay dấm thanh cho tôi! -Cornélius nói. – Để tôi đánh gió cho ông.

Nhưng Rosa không làm ngay theo yêu cầu; chắc chắn cha mình chưa tỉnh ngay nên cô tiến lại gần Cornélius.

-Thưa ông! – Cô nói. – Tôi xin lấy ân trả ân.

-Thế nghĩa là thế nào, cô bé? – Cornélius hỏi.

-Có nghĩa là, thưa ông, tôi không thể nào cứu được ông Corneille và ông Jean de Witt nên chao ôi! Tôi muốn cứu ông. Nhưng ông phải nhanh lên, cha tôi thở lại rồi kia kìa; có lẽ phút chốc nữa ông mở mắt thì muộn mất. Ông còn lưỡng lự sao?

Thật thế, Cornélius đứng ngây như phỗng. Anh nhìn Rosa, nhưng anh nhìn mà như không nghe thấy nàng nói.

-ông không hiểu ư? – Cô gái sốt ruột hỏi.

-Có chứ, tôi hiểu. – Cornélius trả lời. – Nhưng…

-Nhưng gì?

-Tôi chịu thôi. Người ta khép tội cô mất.

-Mặc xác người ta. – Rosa đỏ mặt nói.

-Rất cám ơn cô! – Cornélius nói tiếp. – Nhưng tôi ở lại đây, không trốn.

-ông ở lại! Trời ơi là trời! ông không biết rồi ông sẽ bị kết án sao?… Kết án tử hình, lên đoạn đầu đài và sẽ bị giết chết, xé ra muôn ngàn mảnh như người ta đã làm với hai ông Corneille và Jean đó ư?

-Gì thế? – Tên cai ngục tỉnh dậy hỏi. – Đứa nào vừa nói đến hai tên vô lại ấy đấy?

-Xin ông đừng nóng, ông bạn tử tế ạ! -Cornélius mỉm cười nói. – Gãy xương mà nổi nóng là không tốt đâu.

Rồi anh khẽ nói với Rosa.

-Cô em ạ, tôi là người vô tội, tôi bình tĩnh, sự bình tĩnh và êm ả của người vô tội chờ tòa án xét.

-Im lặng, em xin ông! – Rosa nói nhỏ.

-Tại sao lại phải thế? – Không nên để cha em biết chúng ta đã nói chuyện với nhau.

-Xấu ở chỗ nào?

-ở chỗ nào ư? Cha em sẽ cấm không cho em lại đây nữa. – Cô gái nói.

Cornélius mỉm cười trước sự thổ lộ ngây thơ của cô gái. Hình như có chút ít hạnh phúc vừa vương vấn làm anh mát lòng.

Rosa không hề nhầm. Hôm sau các thẩm phán đến Buytenhof hỏi cung Cornélius. Cuộc hỏi cung không lâu, họ thấy rõ ràng là Cornélius đã cất giữ ở nhà anh tập thư chết người liên lạc với Pháp của hai ông De Witt.

Anh không hề chối, anh còn kể rõ việc gửi gắm đã xảy ra như thế nào và trong hoàn cảnh nào.

Sự thú nhận đó tuy nhiên chứng tỏ Van Baerle có dính líu đến tội phạm của người cha đỡ đầu. Hiển nhiên là có sự đồng lõa giữa Corneille và Cornélius.

Cornélius không chỉ thú nhận đến đấy, anh còn nói rõ tất cả sự thật về những thiện cảm, những thói quen, những mối quan hệ thân mật của anh.

Anh nói anh không quan tâm đến chính trị, anh chỉ say mê nghiên cứu, say mê nghệ thuật, say mê khoa học và say mê các loài hoa. Anh kể rằng từ ngày Corneille đến Dordrecht và gửi anh tập thư, anh không hề ngó ngàng tới tập thư đó.

Người ta bác bỏ ý kiến của anh với lý do: anh bảo là anh vô tình với những giấy tờ quan trọng nhường ấy là vô lý, vì một khi cha đỡ đầu đã trao tận tay cho anh một bọc giấy như thế thì không thể nói là anh không biết tầm quan trọng của nó được.

Anh đáp lại: -Các ông hỏi tôi những điều không có gì để phải trả lời, ngoại trừ có mỗi một sự thật phải nói. Đó là gói thư đến nhà tôi bằng con đường tôi đã vừa kể trên; tôi thề trước Chúa tôi không biết nội dung các bức thư, đến tận bây giờ tôi vẫn còn chưa biết nội dung; chỉ đến ngày bị bắt tôi mới biết gói đó là thư từ trao đổi giữa ông Jean de Witt và ông hầu tước De Louvois. Sau cùng tôi cam đoan là tôi không hiểu tại sao người ta biết gói thư đó ở nhà tôi và nhất là làm sao tôi có thể là can phạm được khi tôi nhận thư của cha đỡ đầu tôi gửi.

Đó là tất cả những điều biện hộ của Cornélius.

Các thẩm phán đệ trình lên chính quyền xem xét.

Kết quả không nghi ngờ chút nào là ông hoàng Stathouder có lẽ sẽ biết ơn vô cùng tổ chức quan tòa La Haye đã giúp ông bớt chuyện rắc rối trong việc trị an Bảy tỉnh bằng cách diệt tận gốc mọi mầm mống chống đối uy quyền của ông… Lý lẽ ấy giá trị hơn tất cả các lý do khác và cốt để triệt tận gốc mọi mầm mống chống đối, án tử hình đã được nhất trí thông qua.

Bản án được kèm theo phụ lục là tên Cornélius Van Baerle kể trên sẽ bị dẫn từ nhà tù Buytenhof đến đoạn đầu đài dựng ngay ở quảng trường cùng tên để thi hành án.

Vì nghị quyết đó là quan trọng nên đã được cân nhắc thảo luận trong nửa giờ, trong lúc đó tù nhân được đưa trả về buồng giam cũ.

Chính ở nơi đó viên lục sự Nhà nước đến đọc quyết định của tòa án.

Cai ngục Gryphus bị nằm liệt giường không dậy được do vết thương. Một nhân viên cấp dưới của hắn được trao cho chùm chìa khóa, dẫn viên lục sự đến buồng giam. Rosa, cô gái xinh đẹp tỉnh Frisonne theo sau. Cô đứng ngoài cửa, tay cầm chiếc mùi soa đưa lên miệng để bịt những tiếng thở dài và thổn thức của cô.

Cornélius nghe đọc phán quyết, anh ngạc nhiên hơn là sầu não.

-Việc đó, thưa ông lục sự, bao giờ được tiến hành xin ông cho biết. – Cornélius nói.

-Ngay ngày hôm nay. – Viên lục sự trả lời.

Hắn hơi lúng túng trước sự bình tĩnh cao độ của người tử tù.

Một tiếng nức nở sau cánh cửa.

-Lúc mấy giờ? – Cornélius hỏi tiếp.

-Vào buổi trưa, thưa ông.

Cornélius nói: -Trời ơi! Nghe như đã mười giờ rồi; chỉ còn ít nhất hai mươi phút, ta không thể dềnh dàng được nữa.

-Vâng, để ông kịp chuẩn bị đi gặp Thượng đế.

-Viên lục sự vừa nói vừa cúi rạp mình chào Cornélius.

-ông có thể xin mục sư nào ông vừa ý. Nói xong hắn giật lùi đi ra. Người thay thế cai ngục theo sau để tiễn hắn. Vừa hay lúc đó, Cornélius nhận ra bộ mặt

đầm đìa nước mắt và đôi mắt trong xanh của cô gái xinh đẹp Rosa.

Cô gái hai tay chắp trước ngực tiến lại gần Cornélius.

-Thưa ông, tôi đến xin ông ra ơn cho một điều. – Rosa ngước mắt lên nhìn Cornélius nói.

-Đừng khóc như vậy, em! – Người tù nói. -Em khóc làm tôi đau lòng hơn việc tôi sắp phải chết. Thôi đi nào, đừng khóc nữa, hãy nói cho tôi biết em muốn gì nào, hỡi em Rosa xinh đẹp!

-Xin ông tha lỗi cho cha em! – Cô gái nói.

-Cho cha em? – Cornélius ngạc nhiên hỏi.

-Vâng, cha em đối xử với ông quá tệ! Không thương người là bản chất của ông.

-ông sẽ bị trừng phạt, cô Rosa ạ, tôi tha thứ cho ông ấy.

-Cám ơn ông! – Rosa nói. – Bây giờ đến lượt em, em có thể giúp được gì cho ông, ông nói đi.

-Cô có thể lau khô nước mắt của cô đi cho tôi được rồi đó, cô bé ạ.

-Không, không phải thế, phải là giúp ông, giúp ông cơ!

-Một người chỉ còn một tiếng đồng hồ sống trên đời mà còn cần có thêm một thứ gì nữa là một người xa hoa đấy, cô Rosa thân mến ạ!

-Về việc tìm cho ông một mục sư, ông nghĩ sao?

-Suốt đời tôi thờ phụng Chúa, Rosa ạ. Tôi thờ Chúa qua các sáng tạo của Người, qua ý chí của Người, Người không ghét bỏ tôi do đó tôi không cần phải có mục sư. ý nghĩ cuối cùng của tôi là ca ngợi Chúa. Thương tôi, cô hãy giúp tôi làm trọn ý nguyện đó.

-ôi! Thưa ông Cornélius, xin ông nói đi, ông hãy nói đi! – Cô gái nước mắt đầm đìa, tha thiết nói.

-Tôi đã nhìn em, em Rosa ạ, tôi nhìn em với con mắt vốn có của tôi nhưng tôi cũng nhìn em với con mắt của tâm hồn tôi. Chưa bao giờ có một phụ nữ nhan sắc hơn, một tâm hồn trong trắng hơn đã đến với tôi như thế; và nếu từ lúc này trở đi, tôi không nhìn em nữa thì xin em hãy tha lỗi cho tôi vì sắp phải lìa đời, tôi không muốn có gì để phải thương tiếc trên đời này nữa.

Rosa giật mình. Cornélius vừa nói tới đó, trên gác canh chuông điểm mười một giờ.

-Phải rồi, phải rồi, chúng ta mau lên! -Cornélius vừa nói vừa chỉ cho cô tờ giấy bọc ba cái mắt mầm giống.

-Cô bạn nhỏ bé của tôi ơi, – anh nói. – tôi rất yêu quý các loài hoa. Đó là vào cái thuở tôi không biết người ta còn có thể yêu thứ gì khác nữa ngoài yêu hoa. Ôi, em đừng e thẹn, em đừng quay mặt đi, em Rosa, dù tôi có nói tôi yêu em, điều đó cũng không làm thay đổi được gì, ở đằng kia, trên quảng trường

Buytenhof, và sáu mươi phút nữa có một lưỡi thép sẽ thắng một thằng liều lĩnh là tôi.

Vậy là, em Rosa ạ, tôi đã yêu hoa, và tôi đã tìm thấy, hay ít ra là tôi cho rằng tôi đã tìm thấy cái bí mật tạo ra hoa tuylíp đen, cái đích của phần thưởng một trăm nghìn florins do Hội trồng vườn Harlem trao cho người trúng giải. Một trăm nghìn florins tôi có trong giấy gói kia. Nó là giá của ba mầm hoa được giải, em có thể cầm lấy, em Rosa, vì tôi tặng cho em… – ôi, ông Cornélius!

-Ồ, em có thể cầm lấy, em có làm thiệt ai đâu mà sợ vì tôi chỉ có một mình trên đời này thôi.

-Nhưng thưa ông, những một trăm nghìn flo-rins…

-Em thân mến, – Cornélius nói. – một trăm nghìn florins là của hồi môn xứng với sắc đẹp của em, chắc chắn em sẽ nhận được số tiền đó vì tôi tin chắc vào các mầm hoa của tôi. Đổi lại, tôi chỉ yêu cầu em có một điều; hãy lấy một chàng trai chung thủy, trẻ đẹp mà em yêu mến và cậu ấy yêu em, Rosa, đừng ngắt lời tôi, vì tôi chỉ còn vài phút.

Cô gái đáng thương cố kìm những tiếng nấc.

Cornélius nắm lấy tay cô.

-Em hãy nghe tôi! – Anh nói tiếp. – Em sẽ làm theo cách sau đây, em đến Dordrecht hỏi anh Bu-truysheim làm vườn cho tôi đâu là thứ đất mùn ở luống thứ sáu, em lấy một ít đem về giâm ba mầm hoa vào đấy; đến tháng năm tới nó ra hoa nghĩa là bảy tháng nữa khi thấy có hoa, ban đêm em che cho hoa khỏi gió, ban ngày cho khỏi nắng. Hoa sẽ nở màu đen, chắc chắn như vậy. Đến lúc đó em sẽ báo cho ông chủ tịch Hội trồng vườn ở Harlem biết. Ông sẽ cho hội đồng đến kiểm tra và em sẽ được nhận thưởng một trăm nghìn florins.

Rosa thở dài rất nặng nề.

Cornélius nói tiếp: -Bây giờ tôi không mong gì thêm nữa, ngoại trừ em đặt giùm tên cho hoa là Rosa Barleansis, nghĩa là gồm cả tên em và tên tôi. Em có thể quên tên đó nên em hãy đưa giấy và bút chì, tôi ghi lại cho.

Rosa bật òa lên khóc và đưa cho anh một quyển sách gáy da có ba chữ cái C. W.

-Thế này là thế nào? – Người tù hỏi.

-Chao ôi! – Rosa đáp. – Đó là quyển Kinh Thánh của cha đỡ đầu của anh, ngài Corneille de Witt. Em thấy để trong buồng này. Ông muốn viết gì, xin ông cứ viết vào đấy. Mặc dầu em chưa biết chữ, em vẫn thực hiện bằng được ý muốn của ông.

Cornélius cầm lấy quyển sách, kính cẩn đưa lên môi hôn.

-Tôi viết bằng gì bây giờ? – Anh hỏi.

-Trong sách có gài bút chì. – Rosa nói. – Nó vẫn ở đấy, em giữ nó cẩn thận.

Đó là cây bút của ông Jean de Witt cho ông mượn và đã quên không lấy lại.

Cornélius cầm bút và rắn rỏi viết:

"Hôm nay là ngày 23 tháng tám 1672, mặc dầu vô tội tôi vẫn sắp phải lên đoạn đầu đài. Tôi để lại cho cô Rosa Gryphus của cải duy nhất của. tôi còn lại trên đời này vì các thứ khác đã bị tịch thu hết. Đó là ba mầm giống hoa tuylíp của tôi.

Tôi đã nói cho cô Rosa biết tôi cho cô cả. Tôi tin tưởng sâu sắc đến tháng năm sang năm, ba mầm giống này sẽ đơm hoa, một loại hoa mới kỳ lạ nhất, hoa tuylíp đen, đích cuối cùng của giải thưởng một trăm nghìn florins do Hội làm vườn Harlem trao cho người sáng tạo ra nó. Nhưng đến lúc đó tôi không còn trên đời này nữa nên tôi muốn cô Rosa thay tôi nhận giải thưởng đó với danh nghĩa người thừa kế duy nhất của tôi với điều kiện cô phải lấy một người chồng yêu cô xấp xỉ tuổi tôi và được cô yêu; cô có bổn phận khác nữa là đặt tên cho loại hoa mới này là Rosa Barlaensis, có nghĩa là tên cô và tên tôi hợp lại.

Cầu xin Chúa ban cho tôi được ơn lành và cho cô được hạnh phúc.

Cornélius Van Baerle" Rồi đưa sách cho Rosa anh nói: -Em đọc đi.

-Em đã nói với ông rồi, em không biết đọc.

Cornélius liền đọc cho Rosa nghe bản di chúc anh vừa viết.

Cô gái càng khóc nức nở, vừa hay có tiếng chân nặng nề bước lên cầu thang kèm theo những tiếng ồn ào và tiếng chó sủa.

Rosa xoắn tay lại kêu lên: -Người ta đến bắt ông rồi. Trời ơi, trời ơi!

Ông còn điều gì phải nói với em nữa không?

Cô ngã quỵ xuống, tiếng khóc nghẹn ngào.

-Em nhớ phải cất cẩn thận ba mầm giống kia, chăm sóc nó theo lời tôi chỉ dẫn, em hãy làm cho tôi, vì tôi, Rosa nhé. Thôi, vĩnh biệt Rosa.

Không ngẩng đầu lên, Rosa nói: -Em xin hứa. ồ! Vâng, em sẽ làm tốt điều ông dặn. – Cô nói tiếp. – Còn việc em lấy chồng, ôi, việc đó em chịu thôi. – Nói đoạn, nàng cất vào nịt vú ba mầm hoa quý giá của Cornélius.

Những tiếng động lúc nãy Cornélius nghe thấy là của viên lục sự, của tên đao phủ, của lính canh gác đoạn đầu đài và của những kẻ tò mò ở quanh nhà thờ xưa nay, vẫn quen thói đi theo xem.

Khi Cornélius theo lính gác dẫn giải xuống cầu thang, anh đảo mắt nhìn quanh tìm Rosa, nhưng qua làn gươm giáo tua tủa xung quanh anh chỉ thấy một thân hình mảnh dẻ nằm sóng soài cạnh chiếc ghế gỗ và mớ tóc dài xõa quanh gần như che kín mặt.

§5. Tù chung thân

Cornélius không đi đến ba trăm bước đã đến đoạn đầu đài.

Đường đi càng ngắn, người xem càng chật, càng đông.

Đó là những kẻ tò mò, ba ngày trước đây, đã thú vị xem máu chảy của hai ông De Witt, giờ lại vui sướng chờ xem một nạn nhân nữa sắp bị hành hình. Bởi vậy khi Cornélius vừa xuất hiện, họ đã la ó vang dậy cả quảng trường.

Van Baerle không nao núng, vững vàng bước từng nấc lên đoạn đầu đài.

Anh quỳ xuống cầu nguyện và nhận thấy khi đặt đầu nghiêng trên thớt và mở mắt nhìn thì có lẽ đến tận phút cuối cùng anh vẫn nhận ra cái cửa sổ có căng lưới thép ở nhà tù Buytenhof.

Sau cùng, cử chỉ cuối cùng đã đến lúc phải thực hiện: Cornélius đặt cằm lên cái thớt đá ướt và lạnh.

Một tia chớp lóe lên trên đoạn đầu đài. Đao phủ múa đao.

Van Baerle vĩnh biệt hoa tuylíp đen của mình; anh tin chắc rằng khi mở mắt ra anh sẽ gặp được Chúa ở trên kia, một thế giới khác, đầy ánh sáng và những màu sắc khác.

Ba lần anh cảm thấy gió lạnh của thép đao lướt trên đầu, nhưng lạ thay không thấy chút gì đau đớn hay choáng váng.

Bỗng nhiên anh như được dựng dậy, đứng thẳng lên, hơi loạng choạng.

Người ta đang đọc cái gì bên cạnh, một bản giấy da có xi đỏ đóng dấu.

Cố gắng mở mắt, cố gắng nhìn, cố gắng lắng nghe, Van Baerle bắt đầu hiểu điều gì đã xảy ra.

Đức Guillaume cao cả tức hoàng tử d'Orange sợ rằng vài lít máu trong người Van Baerle đổ ra sẽ làm tràn cái cốc công lý thiên đàng nên ngài nảy lòng thương nhà trồng hoa tuylíp trẻ tuổi và có lẽ vô tội kia mà tha tội chết cho anh.

Thế là anh đã biết vì sao lưỡi đao không bập xuống đầu anh. Vì sao anh không cảm thấy đau đớn hay choáng váng.

Cornélius từng hy vọng ở Chúa, ở một thiên đường có hoa tuylíp nở rộ nay thấy bị cụt hứng;. nhưng anh tự an ủi là anh sẽ được trả tự do và lấy lại được mảnh vườn trồng hoa ở Dordrecht.

Nhưng Cornélius đã lầm vì dưới quyết định xóa án tử hình còn có một hậu thư. Trong đó nói rằng đức Guillaume cai quản đất nước Hà Lan kết án Cornélius Van Baerle tù chung thân.

Anh không mắc tội to đến phải chém đầu nhưng không phải là nhỏ để được trả lại tự do.

-Chà! – Anh nghĩ, không phải là đã mất tất cả. Trong tù chung thân ta còn có Rosa; cũng còn ba mầm hoa tuylíp đen của ta nữa.

Nhưng Cornélius không tính rằng nước Hà Lan có Bảy tỉnh thì có bảy nhà tù, nhà tù ở tỉnh thì rẻ hơn nhà tù ở La Haye là nhà tù thành phố.

Về mặt đó hình như hoàng tử Guillaume không có điều kiện để nuôi Van Baerle ở La Haye nên cho anh thụ án ở pháo đài cổ LÂwestein, đầu mũi cái đảo hợp thành bởi hai con sông Wahal và La Meuse.

Van Baerle biết tường tận lịch sử nước mình nên anh hiểu rõ Grotius lừng danh đã từng bị giam ở lâu đài đó sau khi Barneveldt mất.

Sực nhớ ra một kỷ niệm ghê gớm Cornélius kêu lên: -ấy chết! – ở đảo khí hậu ẩm và có nhiều mây, đất lại xấu không trồng được hoa tuylíp! Với lại Rosa không ở LÂwestein. – Cornélius lẩm bẩm nói, đầu gục xuống, cái đầu mà lúc nãy thiếu chút nữa đã lìa khỏi cổ.

Trong khi Cornélius nghĩ ngợi như vậy có một chiếc xe chạy đến đoạn đầu đài.

Người ta gọi anh lên, anh làm theo.

Anh nhìn lần cuối nhà tù Buytenhof, hy vọng nhìn thấy ở cửa sổ khuôn mặt của Rosa trở lại nét thanh bình; nhưng chiếc xe với cỗ ngựa kéo khỏe chở vội Van Baerle đi.

Một số kẻ tò mò kéo nhau đi xem cuộc hành hình không có nữa phần nào thấy bị cụt hứng, có một thị dân ăn mặc chỉnh tề xem ra là người cay cú nhất. Những người cuồng xem đến từ sáng sớm để chiếm chỗ, hắn còn hơn họ đến từ nửa đêm chờ sẵn ở cửa nhà tù.

Không gì dễ hiểu hơn; thị dân đó là Isaac Boxtel đến từ La Haye để tìm cách chiếm đoạt ba mầm giống hoa tuylíp đen của Cornélius.

Hắn đến gặp tên đao phủ, tự giới thiệu là bạn thân của người tử tù; ngoài các tư trang bằng vàng và bằng bạc để lại cho tên đao phủ, hắn còn đặt mua lại các quần áo của tử tù với cái giá thật cao:

một trăm florins.

Kể ra việc đó vẫn thấy xảy ra: bên cạnh một tên cuồng tín kiểu như Cornélius rất có thể có một tên cuồng tín khác chịu chi một trăm florins ra mua quần áo cũ của hắn.

Do đó, tên đao phủ nhận ngay. Hắn chỉ đặt mỗi một điều kiện là hắn được trả tiền trước.

Boxtel chi trả và yên tâm đợi.

Ta thử đoán xem hắn bực bội như thế nào khi hay tin Van Baerle được giảm án từ tử hình xuống chung thân. Hắn không chịu được đã nổi giận ghê gớm.

Hắn nhảy xổ lên đấm đá mấy kẻ orangistes bực bội như hắn. Tưởng hắn điên cuồng la ó là vui thích với quyết định trên nên bọn này đánh trả lại hắn túi bụi. Hắn chỉ còn biết ôm đầu kêu đau.

Đối với Cornélius được giam ở nhà tù ngày xưa Grotius cũng bị giam ở đấy, anh tự cho là một vinh dự.

Nhưng khi đến nơi, một vinh dự khác còn to lớn hơn đến với anh. Buồng giam của Cornélius bây giờ cũng là buồng giam của Grotius ngày xưa. Một buổi sáng, đứng ở cửa sổ hít thở khí trời mát mẻ từ sông Wahal đưa tới và khi nhìn ra xa thấy bóng những cối xay bột ở Dordrecht quê hương anh, anh thấy từng đàn chim bồ câu từ xa xa bay tới và đậu trên các chái nhà LÂwestein để sưởi ấm.

Cornélius thầm nghĩ: những con chim kia đến từ Dordrecht và như vậy chúng có thể quay về đấy.

Ai gài được thư ở cánh chim may ra báo được tin mình cho Dordrecht biết.

Người ta kiên nhẫn khi người ta hai mươi tám tuổi, và khi người ta phải ở tù chung thân; sau bao nhiêu tháng nhử mãi không được, cuối cùng Cornélius cũng bắt được một chú chim câu mái.

Anh mất hai tháng nữa bắt được một con chim đực; anh nhốt hai con với nhau và vào khoảng đầu năm 1673 chúng đẻ trứng; khi đến lượt con đực ấp trứng anh thả con mái sau khi đã gài được một mẩu giấy nhỏ nhắn tin vào dưới cánh; con này vững tin con đực, bay thẳng về Dordrecht.

Đến chiều nó bay về. Mẩu giấy vẫn còn.

Đến ngày thứ mười sáu, nó trở về, cánh không còn giấy.

Giấy báo tin anh viết gửi cho người vú già nuôi anh. Trong thư anh yêu cầu hễ ai bắt được hãy hảo tâm gửi ngay đến địa chỉ trên giúp cho càng sớm càng tốt.

Trong thư còn có ít dòng nữa gửi Rosa… Thượng đế từng có phép nhiệm màu đem những hạt củ cải dại rắc lên các tường thành lâu đài cổ và làm chúng nở hoa chỉ bằng mấy hạt mưa lất phất thì Thượng đế cũng có phép dễ dàng cho người vú già nhận được thư của Van Baerle.

Vào những ngày đầu tháng hai, ở đầu cầu thang nhỏ có tiếng người nói làm Cornélius giật mình.

Đó chính là giọng nói êm ái dịu dàng của Rosa.

Chúng ta phải thú thực với nhau rằng Cornélius không bị choáng váng vì sự bất ngờ đó; con chim trở về dưới cánh không có thư đã gieo trong lòng anh một mầm hy vọng. Và ngày nào anh cũng mong đợi tin tức người anh yêu và tin tức những mầm giống hoa của anh.

Anh đứng dậy lắng tai nghe.

Đúng rồi, đúng Rosa đã vào được nhà giam thăm anh không biết bằng cách nào. Trong khi Cornélius còn đặt ra bao giả thuyết, cửa ghi-sê ở buồng giam anh bỗng mở. Rosa mắt sáng ngời vui sướng ghé sát mặt vào tấm lưới thép.

-ôi! Thưa ông, thưa ông, em có mặt đây.

Cornélius giang tay: -ôi! Rosa, Rosa!

-Xin ông nói khẽ thôi, có cha em đi theo!

-Cha em ư?

-Em cố nói ngắn gọn ông nghe, ông hoàng Guillaume có một nhà nghỉ cách Leyde một dặm, đó chỉ là một trại nuôi bò sữa không gì khác; chính cô em là vú nuôi ông hoàng được giao trông nom trại đó. Khi bà vú nuôi của anh đọc cho em nghe thư anh, em vội chạy ngay đến nhà cô em; em ở chơi đó cho đến khi gặp được ông hoàng đến thăm trại; em thỉnh cầu ông hãy ban ơn cho cha em được coi ngục LÂwestein thay vì gác ngục ở La Haye.

May quá ông không nghi ngờ hỏi em vì sao, thành thử lời thỉnh cầu của em được chấp nhận ngay.

-Vì thế em có mặt ở đây. – Cornélius vui vẻ nói.

-Vâng ạ.

-ôi Rosa, Rosa xinh đẹp của tôi, Rosa tốt bụng của tôi! Này Rosa, em có một chút thương yêu tôi chứ?

-Một chút thôi ư? ồ không! ông không muốn được nhiều hơn ư? – Rosa hỏi.

Cornélius nồng nàn đưa hai bàn tay ra cho Rosa nhưng chỉ các đầu ngón tay của họ là chạm được vào nhau qua lưới thép mà thôi.

-Đây, cha em tới! – Người con gái nói.

Rosa vội rời khỏi cánh cửa thật nhanh và chạy về phía cha cô đang xuất hiện ở đầu cầu thang… Một con chó được dắt theo sau.

-ái chà chà, ông Van Baerle đó ư? – Gryphus nói. – Sung sướng quá, chúng ta lại gặp nhau.

-Vâng, thưa ông Gryphus quý mến, tôi vui mừng được thấy tay ông đã khỏi.

Gryphus cau mày nói: -Anh thấy đấy, về chính trị người ta mới dễ mắc sai lầm làm sao. Ông hoàng đã tha mạng sống cho anh, tôi thì không làm vậy.

-Chà! Tại sao lại thế, thưa ông?– Cornélius hỏi.

-Vì anh là kẻ sẽ tái phạm mưu phản.

-Thưa ông Gryphus cao thượng, – Cornélius nói tiếp. – có lúc tôi đã có ý định bỏ trốn đi thật nhưng bây giờ chắc chắn là tôi không còn ý nghĩ đó nữa.

-Thế là tốt! – Gryphus nói. – Anh hãy coi chừng anh, tôi cũng làm thế. Thế là công bằng, công bằng. Rất tiếc Hoàng thân đã phạm một sai lầm lớn.

-Khi ông không y án xử tử tôi ấy ư?

-Có lẽ thế. Anh hãy xem xem có phải hai ông De Witt nhà ông bây giờ không được yên tâm lắm không.

-Điều ông nói thật khủng khiếp, ông Gryphus ạ.

-Với lại, tôi nói thế là xuất phát từ lòng thương yêu con người.

-A! Thật thế hả ông? Xin ông hãy nói rõ thêm, tôi không hiểu lắm.

-Đúng vậy. Nếu đầu anh rơi dưới đao của đao phủ Harbruck thì anh không còn phải đau đớn nữa đâu. Còn như ở đây, tôi chẳng giấu gì anh, tôi sẽ làm cuộc đời anh còn khổ.

Trong khi người tù mỉm cười nhạo báng ông cai ngục thì Rosa nấp sau cánh cửa nhìn anh và mỉm cười với một nụ cười đầy thông cảm và an ủi.

Gryphus đi ra phía cửa sổ.

Khi ấy hai con chim câu nghe tiếng nói lạ liền sợ hãi bay khỏi tổ và biến mất trong sương mù.

-ạ, ô! Cái gì thế? – Viên cai ngục hỏi.

-Đấy là chim câu của tôi.

-Của tôi, của tôi! – Gryphus lớn tiếng. – Thử hỏi một tù nhân còn có thứ gì là của riêng mình nữa không?

-úi dà, – người tù nói. – đó là chim của Thượng đế gửi đấy mà.

-Đó là vi phạm kỷ luật! – Gryphus nói. – Nuôi chim bồ câu, to gan thật. Này tôi báo trước cho anh biết nội nhật ngày mai tôi bắt bỏ nồi đấy… Hẹn thế xong, Gryphus thò đầu ra ngoài cửa sổ ngó xem tổ chim thế nào, chớp lấy thời cơ, Cornélius chạy vội ra cửa nắm lấy tay Rosa. Cô nói với anh: -Chín giờ tối nay ông nhé!

Còn mải suy nghĩ về việc sáng mai bắt chim câu thế nào, Gryphus không nói gì, không nghe thấy gì và khi khép cửa sổ lại, hắn kéo tay con gái ra khỏi buồng giam, khóa hai lần cửa lại, chốt then và đến thăm một tù nhân khác cũng với những hứa hẹn như hứa hẹn với Cornélius…

Hắn vừa đi khỏi, Cornélius đã chạy đến cửa sổ phá tan nát tổ chim.

Anh thà đuổi chúng đi không cho ở với mình còn hơn là để chúng chết bởi tên cai ngục. Ôi!

Những con chim đưa thư tận tình đã mang đến cho anh diễm phúc gặp lại Rosa. Giờ đây, anh nóng lòng sốt ruột đợi đến chín giờ.

Tiếng chuông cuối cùng điểm trên lầu canh vừa dứt, anh đã nghe thấy bước chân nhẹ nhàng của cô gái Frisonne; cánh cửa nhỏ gài lưới thép bỗng nhiên sáng; ghisê được mở từ bên ngoài.

-Em đây rồi! – Rosa vừa nói vừa thở hổn hển vì lên cầu thang.

-ôi! Em Rosa yêu quý!

-ông thích gặp lại em sao?

-Sao em hỏi thế? Nhưng em làm thế nào để đến được đây, em hãy nói đi.

-Chả là tối nào cha em cũng ngủ ngay sau khi ăn xong và ông uống rượu hơi say. Nhờ đó, tối nào em cũng sẽ đến đây được một tiếng nói chuyện với ông.

-ôi! Tôi cám ơn em, rất cám ơn em Rosa.

Khi nói câu đó Cornélius ghé sát mặt anh lại cửa ghisê làm Rosa giật ngay người lại.

-Em mang đến cho ông các mầm hoa tuylíp đây.

Tim Cornélius nảy thót. Trước anh không dám hỏi Rosa đã làm gì đối với những mầm hoa quý của anh.

-A! Thế ra em đã bảo quản được chúng ư?

-Thế ông đã không giao nó cho em như một vật báu em phải trân trọng đó sao?

-Có chứ, nhưng khi tôi đã hứa cho em thì chúng là của em.

-Chúng chỉ là của em khi ông mất đi nhưng bây giờ ông còn sống, chúng là của ông. Em quyết định mang chúng trả lại ông; có điều em không biết làm bằng cách nào. Mấy hôm nọ khi bà vú nuôi mang thư của ông đến cho em, em mới quyết định gặp ông Hoàng xin đổi chỗ gác đến đây cho cha. em. Thế là em đến được Leyde. Chuyện tiếp về sau thế nào, ông biết rồi đấy.

-Thế nào, em Rosa yêu quý, ngay trước khi nhận được thư tôi, em đã có ý nghĩ đến gặp tôi rồi ư?

-ông còn hỏi điều đó! – Cô gái đã thắng được thẹn thò trả lời. – Em chỉ nghĩ có chuyện đó thôi.

Khi nói vậy, Rosa trông rất hấp dẫn khiến lần thứ hai, Cornélius áp vội trán mình, môi mình lên tấm lưới sắt và như thế có lẽ để cám ơn cô gái đáng yêu kia.

Như lần thứ nhất, Rosa lùi lại: -Nói thật, – cô gái nói. – em thường rất tiếc em không biết đọc nhưng không lần nào em tiếc bằng lần vú nuôi mang thư của ông đến cho em.

Cô gái đỏ bừng mặt, mắt nhìn xuống, khiến cô không nhận thấy môi của Cornélius đưa gần lại, nhưng than ôi! Nó chỉ chạm lưới sắt; mặc dầu vậy, Rosa vẫn cảm thấy hơi thở nồng nàn của nụ hôn.

Mặt cô tái nhợt, có lẽ còn tái hơn cả ngày nào ở Buytenhof trước cái án tử hình. Cô bỗng rên lên và bỏ chạy trốn.

Cô chạy vội quá quên cả đưa trả lại Cornélius ba cái mầm giống hoa tuylíp đen của anh.

§6. Rosa học nghề làm vườn và… học viết

Như ta đã thấy, Gryphus không đồng ý với con gái tỏ ra ân cần với cậu con đỡ đầu của Cor-neille de Witt.

Hàng ngày, hắn vào buồng giam của Van Baerle ba lần, hy vọng bắt được anh phạm lỗi, nhưng anh khôn ngoan không viết thư, gửi thư từ ngày anh có bên cạnh cô nhận thư cần mẫn.

Thật vậy, Rosa đã hứa hàng ngày sẽ đến nói chuyện với anh và ngay tối đầu tiên, cô đã giữ lời hứa.

Hôm sau, cũng như hôm trước, cô hết sức thận trọng bước lên cầu thang. Cô bắt đầu đưa qua lưới thép ba củ mầm hoa vẫn luôn luôn được bọc kỹ trong giấy.

Nhưng điều làm Rosa hết sức ngạc nhiên là Van Baerle dùng đầu ngón tay đẩy bàn tay trắng muốt của cô ra… Chàng trai đã suy nghĩ.

-Em nghe đây, chúng ta liều lắm đấy! – Anh nói. – Chúng ta quá mạo hiểm để cả gia tài của chúng ta vào một gói. Em nghĩ xem, công việc của chúng ta là có được một bông hoa tuylíp đen. Đây, tôi tính bằng cách nào ta sẽ đi được đến đích đó.

-Em nghe đây.

-Em có thấy trong pháo đài này một mảnh vườn nhỏ hay nếu không, một góc sân, một vạt mái hiên cũng được?

-Có một cái vườn rất đẹp. – Rosa trả lời.

-Em có thể mang đến cho tôi một ít đất ở mảnh vườn đó không? Em lấy một ít ở chỗ bóng râm, một ít ở chỗ có nắng để tôi xem chúng tốt xấu thế nào.

-ông yên tâm, em sẽ làm được.

-Đất tôi chọn nếu cần sẽ thay đổi nó đi một chút cho thích hợp, ta chia làm ba phần cho ba mầm, em lấy một phần để ươm một mầm giống.

Nó sẽ ra hoa nếu em làm đúng những điều tôi chỉ dẫn.

-Em không lơ là chút nào.

-Em đưa cho tôi một mầm tôi trồng ngay trong buồng này. Tôi ít hy vọng ở mầm này, tôi thú thực như vậy, tôi coi nó như đã bị hy sinh vì sự ích kỷ của tôi. Còn mầm thứ ba em giữ lấy, đề phòng trường hợp cả hai mầm trên thất bại. Bằng cách đó, em Rosa thân mến, không thể chúng ta không kiếm được một trăm nghìn florins của hồi môn cho em.

-Em hiểu rồi, ngày mai em sẽ mang đất đến đây, ông chia phần cho em và cho ông.

-Ồ chúng ta không vội gì, mầm hoa của chúng ta không được trồng trước đây một tháng trọn. Như vậy chúng ta còn đủ chán thì giờ, có điều muốn trồng mầm giống của phần em, em phải theo những chỉ dẫn của tôi một cách thật đầy đủ.

-Em xin hứa.

-Được, cám ơn em Rosa! Em sẽ là tất cả nguồn vui của tôi.

Vì Baerle đưa môi đến gần lưới sắt cũng nồng nàn như hôm qua vả lại cũng đã đến giờ Rosa phải ra về, cô liền hất đầu ra sau nhưng nhẹ nhàng đưa bàn tay vào gần lưới sắt.

Van Baerle hôn thắm thiết lên đầu các ngón tay Rosa. Có phải vì trong bàn tay cô gái có ba mầm giống quý giá của anh hay vì bàn tay ấy là của Rosa, vì Rosa?

Dù thế nào đi nữa, từ lúc đó trở đi, đời sống của người tù trở nên yên ổn và tràn đầy niềm vui.

Rosa đưa cho anh một trong ba củ mầm giống… Mỗi buổi tối, cô mang đến cho anh một nắm đất lấy ở góc vườn mà anh cho là thích hợp nhất.

Một cái hũ lớn có quai, anh khéo ghè thành một cái chậu lý tưởng, anh đổ nước đến nửa. Rồi vào đầu tháng tư, anh đặt vào đó mầm giống thứ nhất.

Không có ngày nào Rosa không đến nói chuyện với anh.

Hoa tuylíp luôn là nội dung câu chuyện, nhưng dù cho hay đến mấy người ta không thể nói mãi một chuyện hoa tuylíp được.

Họ nói chuyện khác với nhau và người trồng hoa tuylíp xưa ngạc nhiên biết mấy khi thấy họ nói chuyện với nhau về rất nhiều vấn đề.

Điều làm anh lo lắng không kém gì các mầm hoa là Rosa hoàn toàn phụ thuộc vào người cha của cô.

Một sáng nào đó con người ấy có thể thấy ở chỗ này buồn, không khí không tốt, cây bách xà chẳng tươi liền có ý bỏ lại pháo đài và mang con gái đi, thế là Cornélius và Rosa một lần nữa sẽ phải xa nhau.

-Thế thì cần gì phải có chim câu đưa thư nữa, – Cornélius nói với cô gái. – Bởi vì Rosa ạ, em không biết đọc thư tôi viết cho em cũng như em không thể viết thư trả lời tôi.

Rosa trong lòng rất sợ phải xa Cornélius cũng như Cornélius sợ xa Rosa, cô liền trả lời: -Thế thì ông hãy dạy em viết, em đọc đi, bằng cách ấy ông và em chẳng bao giờ xa nhau trừ khi tự ý.

-Ồ! Thế thì chúng ta vĩnh viễn có nhau! -Cornélius kêu lên.

Rosa mỉm cười và khe khẽ nhún vai.

-ông sẽ ở mãi nhà lao ư? – Rosa hỏi. – Hoàng thân không trả lại tự do cho ông sao? Một khi được tự do và đã giàu, ông có còn đoái hoài đến con bé Rosa, đứa con gái viên cai ngục gần như là tên đao phủ này nữa không?

Cornélius định phản đối, nhưng cô gái ngăn lại.

-Khi nào chúng ta bắt đầu học?

-Ngay bây giờ.

-Thôi, ngày mai.

-Tại sao ngày mai?

-Vì hôm nay đến giờ rồi, em phải về.

-Về rồi kia à, nhưng chúng ta sẽ học sách nào nhỉ?

-Ồ! Em có một quyển. – Rosa nói. – Em hy vọng nó giúp được chúng ta.

-Vậy mai nhé?

-Vâng, ngày mai… Ngày hôm sau, Rosa trở lại với quyển Kinh Thánh của Corneille de Witt.

Ghisê là cánh cửa duy nhất cho phép họ tiếp cận được với nhau lại quá cao. Cô gái phải kiễng chân, nghẹo cổ, giơ sách lên phía ánh sáng của chiếc đèn mà Cornélius có sáng kiến lấy mùi soa buộc vào một khung thép. Từ đó, Rosa có thể nhìn rõ được các chữ và vần mà Cornélius, dùng một cọng rơm và chọc qua mắt lưới, chỉ cho Rosa nhận mặt chữ và đánh vần.

Trí óc của cô gái mở mang rất nhanh nhờ vào sự dạy bảo thông minh của Cornélius. Trở về nhà, cô tự lấy sách ra ôn một mình.

Một tối nọ cô đến chậm hơn mọi lần nửa tiếng.

-ôi! ông đừng mắng em! – Cô gái nói. – Lỗi không phải tại em. Gần đây, bố em mới tiếp một người trước kia ở La Haye vẫn thường đến nhà em để xin bố em cho vào thăm nhà tù Buytenhof.

-Em không biết gì thêm về người đó ư? -Cornélius ngạc nhiên hỏi.

-Không, em không biết! – Cô gái trả lời.

-Ồ! – Cornélius nói. – Có lẽ là một tên do thám nào đó thuộc loại người ta vẫn gửi đến các pháo đài để giám sát tù nhân đồng thời giám sát cả cai ngục nữa.

-Em không tin, – Rosa mỉm cười nói. – nếu kẻ đó đến dò xét ai thì không phải là dò xét cha em.

-Vậy dò xét ai?

-Em chẳng hạn.

-Dò xét em.

-ở La Haye người ấy đã nhiều lần đến Buyten-hof, đúng vào thời kỳ ông bị giam. Khi em ra ngoài, hắn không để ý đến, bây giờ em ở đây, hắn lại xuất hiện.

-Trông hắn có trẻ, có đẹp trai không?

Van Baerle nhìn thẳng vào mắt Rosa, lo lắng chờ cô trả lời.

-Trẻ ư? Đẹp ư? – Rosa vừa nói to vừa lớn tiếng cười. – Trông mặt hắn gớm khiếp, lưng thì gù, tuổi thì xấp xỉ năm mươi. Hắn không dám nhìn thẳng vào mặt em, không dám nói to.

-Tên hắn là gì?

-Jacob Gisels.

-Dù sao hắn yêu em, Rosa ạ, điều đó có thể lắm, vì nhìn em tức là yêu em, em không yêu hắn chứ?

-Ồ, không, lẽ đương nhiên rồi. à nhân tiện em hỏi ông, mầm hoa của ông ra sao rồi? – Rosa, em đoán xem tôi vui sướng đến nhường nào; sáng nay tôi thấy mầm lá đầu tiên nhú lên, bằng mũi kim Rosa ạ, tim tôi muốn vỡ ra vì vui sướng đấy.

-Còn em, bao giờ đến lượt em phải trồng?

-Đến ngày nào thích hợp, tôi sẽ nói với em, nhưng em không được để lộ bí mật cho bất cứ ai nhé.

-Xin ông đừng lo. Bây giờ đến lúc em phải về đây.

-Về rồi kia à?

-Phải về thôi ạ.

-Em đến thì rất muộn, về lại rất sớm!

-Bố em có thể lo lắng khi thấy em chưa về; kẻ si tình kia có thể nghi ngờ mình có tình địch.

Cô bỗng dỏng tai nghe, vẻ lo lắng.

-Chuyện gì thế? – Van Baerle hỏi.

-Hình như có tiếng động, như tiếng chân lên cầu thang.

Rosa đi xuống. Đúng vậy, người ta nghe thấy tiếng cánh cửa khép vội trước khi người con gái bước hết khoảng mười bậc thang đầu tiên.

Cornélius hết sức chú ý đến sự việc này, nhưng với anh, đó mới chỉ là một sự khởi đầu.

Một buổi sáng nọ, Cornélius mải ngắm mầm cây đã như một lá nhỏ, trong xanh như một bóng đèn tí hon nên không nghe thấy tiếng chân của Gryphus bước lên thang gác – hôm ấy trời lại gió to – cửa bỗng bật mở, Cornélius bị bắt quả tang, cái hũ ươm cây vẫn còn đang đặt trên đầu gối.

Gryphus nhảy xổ đến còn nhanh hơn con chim cắt lao xuống quắp mồi.

-Anh có gì đấy? – Hắn kêu to lên. – A! Tôi tóm được anh rồi nhá.

Nói đoạn, hắn sục tay vào chỗ đất.

-Để củ tuylíp đấy cho tôi! – Van Baerle kêu lên.

Gryphus thọc sâu vào đất, moi lên củ tuylíp đen, vứt lên sàn đá rồi lấy chân giẫm nát.

Van Baerle nhìn củ giống chỉ còn là một nhúm cùi lầy nhầy bê bết đất và cảm thấy vẻ vui thích tàn bạo ở tên cai ngục, anh thốt lên một tiếng kêu tuyệt vọng.

ý định giết tên ôn vật kia đi lóe lên trong đầu người trồng hoa tuylíp. Hai tay nắm chiếc hũ còn. nặng nguyên số đất không dùng đến nữa, anh nâng lên khỏi đầu. Thiếu chút nữa, anh đập tan nó trên cái đầu hói của tên cai ngục.

Một tiếng kêu làm anh ngừng tay, đó là tiếng kêu của Rosa đứng sau tấm lưới sắt ở cửa ghisê.

Cornélius buông tay, chiếc hũ vỡ thành muôn ngàn mảnh.

-Tên chết tiệt! Tên chết tiệt! – Trong sự tuyệt vọng cao độ, Cornélius kêu lên. Ngón tay run run, anh ra gảy gảy từng miếng cùi nhỏ sót lại của củ mầm giống, bao hy vọng của anh chứa đựng trong đó đã tiêu tan.

-Ngày mai, ta sẽ trồng củ khác, thưa ông Cornélius quý mến. – Rosa nói nhỏ với anh.

Đến tối, người con gái trở lại.

Câu đầu tiên cô nói là từ nay trở đi cha cô không cấm anh trồng hoa nữa.

-Chuyện xảy ra thế nào mà lại thế? – Người tù hỏi.

-Chả là vào bữa ăn tối, người bạn của cha em hỏi, ông kể lại chuyện xảy ra vì cây tuylíp, nói đúng hơn vì củ mầm hoa, ông kể ông đã giẫm nát nó hùng hổ đến thế nào.

Cornélius thở dài như một tiếng rên rỉ.

-Giá mà lúc ấy ông thấy ông Jacob nhỉ! – Rosa nói tiếp. – Thực ra khó có ai cư xử một cách tồi tệ như vậy đối với cha em. Nhưng về phía ông ta, hình như có điều gì bị thất vọng thực sự, ông luôn mồm kêu: "Xéo nát, củ mầm bị xéo nát. Ôi! Trời ơi! Trời ơi, bị xéo nát." Rồi quay về phía em ông hỏi: "Nhưng đó không phải là củ duy nhất hắn có phải không? Thường là hắn có ba củ đấy.

-Ba củ! – Cornélius kêu lên. – Hắn nói rằng tôi có ba củ?

-Chính câu hỏi đó cũng làm em sửng sốt.

-Rosa… – Cornélius tái mặt nói.

-Cái gì kia ạ?

-Không phải là hắn yêu em đâu.

-Vậy là ai kia ạ?

-Hắn theo sát dấu vết củ mầm giống của tôi, chính củ hoa tuylíp mới là cái hắn say mê.

-A! Điều đó có thể thế lắm. – Rosa nói to.

-Em có muốn biết chắc không?

-Bằng cách nào?

-Ngày mai em hãy vào vườn; em làm thế nào cho hắn biết việc đó, làm cho hắn đi theo, em vờ làm như vùi củ giống thực sự, rồi em quay về, nhưng sau đó em nhìn qua cửa sổ, em sẽ thấy điều gì xảy ra… – Vâng! Nhưng sau đó ta làm gì?

-Sau đó, chúng ta hành động.

-A! – Rosa nhún vai nói. – ông chỉ biết yêu hoa của ông thôi, ông Cornélius ạ.

Người tù thở dài nói: -Thực ra từ khi cha em xéo nát củ hoa giống của tôi, hình như một phần cuộc sống của tôi đã bị tê liệt. Ngày mai chúng ta sẽ quyết định về củ hoa giống chia cho em; em sẽ trồng theo sự chỉ dẫn của tôi. Còn củ thứ ba, – Cornélius hít mạnh một hơi. – Còn củ thứ ba, em cất vào tủ! Em hãy

giữ lấy nó như kẻ hà tiện giữ đồng tiền vàng đầu tiên hay cuối cùng của hắn, như người mẹ giữ lấy đứa con, như kẻ bị thương giữ lấy giọt máu cuối cùng trong huyết quản của mình; em hãy giữ lấy nó đến cùng, em Rosa.

Càng nói càng hăng, anh nói tiếp: -Ngay cả trường hợp em cảm thấy em bị theo dõi, công việc em làm bị rình mò thì em Rosa, em hãy hy sinh ngay bản thân anh đi, anh, người chỉ còn có mình em trên đời, hy sinh anh đi, đừng đến thăm nom anh nữa.

Rosa cảm thấy lòng mình thắt lại. Cô òa lên khóc: -Em biết, em biết anh chỉ yêu hoa tuylíp thôi nên trong tim anh không còn chỗ cho một tình yêu khác.

Nói rồi cô vụt chạy biến đi.

Sau khi cô gái biến đi, đêm hôm ấy Van Baerle qua một trong những đêm khổ sở nhất trong đời.

Còn Rosa tự nhốt mình trong phòng không thể hiểu nổi Cornélius mơ cái gì và nghĩ đến ai.

Bởi vậy, trong cái đêm ghê gớm ấy, cô nhất quyết từ nay trở đi không lai vãng đến chốn ấy nữa.

Nhưng cô biết Cornélius rất muốn biết tin tức về mầm hoa tuylíp của cô, nên cô quyết chí tập đọc và tập viết một mình, may thay cô học tập có nhiều tiến bộ nên không nhất thiết phải có thầy dạy.

Cornélius khi tỉnh dậy thấy mình yêu Rosa hơn bao giờ hết.

Tuy nhiên, một nỗi lo lắng mơ hồ theo đuổi anh suốt ngày, anh sợ đêm nay Rosa lại không đến.

Vì thế tối đến, tim anh đập rất mạnh. Bảy giờ, tám giờ, rồi chín giờ. Anh để tay lên ngực để nén trái tim đang đập rộn ràng, anh lắng tai nghe… Đêm ấy không có tiếng động nào đến phá sự tĩnh lặng ở dãy hành lang; đồng hồ chỉ chín giờ rưỡi, rồi mười giờ.

Rosa thường tạm biệt anh vào giờ ấy. Giờ đã quá rồi mà Rosa vẫn chưa đến. Như vậy những linh cảm của anh không phải là sai.

-Ồ! Mình thật đáng kiếp! – Anh tự nhủ. – Cô ấy không đến, cô ấy có lý; vào địa vị mình, mình cũng làm như vậy.

Nói thế thì nói, Cornélius vẫn lắng tai nghe, vẫn chờ, vẫn đợi và vẫn hy vọng. Anh lắng nghe, vẫn chờ cho đến nửa đêm, nhưng qua giờ phút đó, anh hết hy vọng, anh để nguyên quần áo vật mình xuống giường.

Ngày hôm sau trôi đi thật dài và buồn tẻ. Tối đến, người tù lại hy vọng trở lại, nhưng cũng như đêm qua, giờ phút lặng lẽ trôi đi và Rosa thì không đến.

Ngày thứ ba, sự tuyệt vọng của Cornélius trở thành nỗi u buồn trầm lặng. Sự vắng thiếu Rosa đè nặng lên tâm trí anh, khiến có lúc anh định chạy hỏi Gryphus tin tức cô gái, nhưng hỏi thế nào cho hắn không nghi ngờ được? Bên cạnh nỗi đau đó còn có một mối lo sợ khác: thời điểm trồng củ giống đã đến. Nếu Rosa để

qua mất thời điểm đó thì thế nào? Bên cạnh nỗi đau không được gặp cô gái còn có nỗi đau thấy củ giống thối hỏng do trồng quá chậm hay do cả quên không trồng nó nữa thì sao?

Khi xét hai nỗi đau ấy gộp lại thì biết người ta sẽ mất ăn mất ngủ đến thế nào. Đó là việc xảy ra vào ngày thứ tư.

Đến tối, Gryphus bưng bữa ăn trưa và bữa ăn tối của Cornélius đi; anh chỉ nhấm nháp một miếng gọi là.

Ngày hôm sau anh không động tới món gì và nằm cả ngày không dậy.

Khi xem xét xong lần cuối và đi xuống cầu thang Gryphus lẩm bẩm: -Thôi được, tốt, chắc là mình sắp được thoát nợ rồi đây. Hắn không ăn, không uống, không ngồi dậy nữa, thế thì được.

Rosa thẫn thờ như sắp chết. Cô nghĩ, anh ấy lo lắng cho cây hoa tuylíp đây.

Cô ngồi dậy, lo lắng nặng trĩu trong lòng, cô vào buồng lấy giấy mực tập viết chữ suốt đêm.

Hôm sau, Cornélius thấy có tờ giấy đút dưới khe cửa. Anh chạy đến lấy, mở ra và đọc, thấy một. nét chữ khó nhận ra là của Rosa vì trong bảy ngày qua cô tiến bộ rất nhiều:

“Xin ông yên tâm, cây hoa của ông rất khỏe khoắn” Ra thế, Rosa không ốm. Cô chỉ bị tổn thương lòng tự ái.

Anh biết cô gái đang chờ trả lời. Nhưng cô chỉ nhận được trả lời vào ban đêm. Do vậy anh viết trên một mảnh giấy như mảnh giấy anh nhận được: -Tôi ốm không phải vì lo lắng cho cây hoa, tôi ốm vì buồn không được gặp em.

Tối đến anh đẩy miếng giấy ra ngoài khe cửa và nghe ngóng.

Anh không nghe thấy tiếng bước chân cũng không thấy tiếng sột soạt của vải áo.

Anh chỉ nghe thấy một tiếng nói nhẹ nhàng như hơi thở, êm ái như một cái vuốt ve, qua cửa ghisê: -Mai nhé!

Ngày mai là ngày thứ tám. Tám ngày, Cornélius và Rosa không gặp nhau.

§7. Hoa tuylíp đen nở

Hôm sau, thật vậy, vào đúng giờ thường lệ, Cornélius thấy có tiếng gại gại ở cửa ghisê.

Rosa cầm đèn đứng đợi, cô phải giật mình khi thấy người tù xanh xao đến thế.

-Thưa ông Cornélius, ông ốm phải không?

-Vâng, thưa cô, tôi ốm.

-Cha em nói là ông đau không dậy được; em vội viết thư cho ông để ông yên tâm về cây hoa tuylíp, vì số phận nó thế nào là việc ông quan tâm đến nhất.

Rosa nói mấy câu ấy một cách lạnh nhạt khiến Cornélius chột dạ.

Anh nói nho nhỏ: -ôi, em hãy còn giận, hãy còn giận tôi ư Rosa?

Trời ơi! Anh không nói với em rằng anh chỉ nghĩ đến em, anh chỉ thương nhớ em thôi ư?

Rosa mỉm cười buồn bã:. – Hoa của ông vừa qua một cơn hiểm nghèo làm sao.

Cornélius giật mình và thế là anh rơi vào tròng.

-Một cơn nguy hiểm, trời ơi, nguy hiểm thế nào?

Rosa nhìn anh tỏ vẻ thương hại: -Vâng, ông đã đoán đúng, cái kẻ rình mò, cái kẻ si tình, cái lão Jacob ấy đến không phải vì em, lão đến vì hoa tuylíp.

-ôi! – Cornélius tái mặt kêu lên.

Sự việc này không qua được mắt cô gái, một nụ cười buồn bã hiện lên chốc lát trên đôi môi nàng.

-Con người ấy làm ông hoảng hốt vào cái ngày em đến thăm ông lần cuối vừa rồi, và ông nói với em…

Anh nói to: -Rosa, một lần nữa anh xin lỗi em. Anh thật là có lỗi đã nói với em cái đêm hôm đó. Bây giờ em có tha thứ cho anh không?

-Hôm sau, – Rosa nói tiếp. – em bẫy Jacob như điều ông với em đã thỏa thuận.

-Sau thế nào? – Cornélius hỏi.

-Em đi xuống vườn, đúng như điều ông đoán, hắn vừa đi vừa lẩn để theo em. Đến luống ươm em ngồi xuống vờ như trồng củ rồi em núp sau cánh cửa để theo dõi hắn.

-Tên khốn nạn làm gì? – Cornélius thở gấp hỏi.

-Hắn đứng nghe ngóng một lúc có lẽ để biết chắc là em không quay lại nữa; hắn nhẹ nhàng bước khỏi chỗ nấp, đi loanh quanh mãi rồi mới đến luống ươm; đến trước chỗ đất mới xới, hắn dừng lại làm ra vẻ thản nhiên như không, nhìn ngó xung quanh, chú ý từng xó vườn, từng cửa sổ các nhà bên cạnh tới khi tưởng

chỉ còn mình hắn, hắn mới cúi xuống, thọc tay vào đống đất mềm, bốc lấy một nắm để trong lòng bàn tay, nhẹ nhàng gảy gảy xem có mầm củ trong đó không, hắn làm đi làm lại ba lần, mỗi lần một vội vàng và cẩn trọng hơn, sau cùng hắn hiểu hắn đã bị mắc lừa. Hắn vội lấy cào, san bằng chỗ đất, tiu nghỉu quay về với dáng đi của một người vô tội đi dạo về.

-Tên khốn kiếp, ta đoán ra ngay mà. – Cornélius lẩm bẩm. – Còn củ giống, em đã làm gì, Rosa? Bây giờ trồng hơi muộn rồi đấy. – Cornélius nói.

-Em đã trồng sáu ngày nay rồi… – Thế nào? – Cornélius kêu lên. – ở đâu? Trên chỗ đất nào? Có đủ nắng hay không? Liệu nó có bị tên Jacob lấy cắp mất không?

-Không, nó không thể bị lấy cắp trừ khi lão phá cửa vào buồng em.

-Thế thì được rồi, anh lo quá.

-Em trồng trong cái hũ to bằng cái hũ trước ông trồng. Đất trồng gồm ba phần là đất thường, lấy ở chỗ tốt nhất trong vườn, một phần là đất thô.

vì em nghe ông giải thích và cả lão bỉ ổi Jacob, như ông gọi lão thế, cho biết hoa tuylíp tốt nhất phải trồng ở thứ đất nào nên em biết mọi cách như người làm vườn chính cống ở Harlem ấy!

-Bây giờ đến chỗ để, chỗ phơi. Em đặt nó ở chỗ nào, Rosa?

-Lúc này, suốt ngày em để nó ra ánh nắng.

Nhưng đến khi nó nhú lên khỏi mặt đất, em sẽ đặt nó ở cửa sổ hướng đông từ tám giờ sáng đến mười một giờ trưa và ở cửa sổ hướng tây từ ba giờ chiều đến năm giờ.

-Đúng rồi! – Cornélius thốt lên. – Em là một người làm vườn tuyệt vời. Nhưng anh nghĩ rồi, trồng hoa tuylíp làm mất thì giờ của em nhiều lắm đấy.

-Đúng vậy! – Rosa đáp. – Nhưng không sao, hoa tuylíp của anh là con gái của em. Khi em là mẹ nó, em không còn là tình địch của nó nữa, em biết thế mà.

-Rosa, em không thích là anh cũng yêu hoa sao?

-Không phải là không thích, có điều là em buồn khi thấy anh yêu hoa hơn anh yêu em.

-Rosa! – Cornélius kêu lên. – Em Rosa, em hãy bửa đôi củ tuylíp đen ấy đi, em hãy cắt bỏ hy vọng anh đặt trong hoa đó đi, em hãy vứt bông hoa đáng ghen tị của các loài hoa khác ấy đi, nhưng xin em đừng bỏ anh để anh không còn được trông thấy hình bóng của em, để anh được cảm nhận cái ấm áp, dịu hiền trong giọng nói của em, xin em đừng lơi mắt nhìn anh để anh khỏi mất ánh sáng soi đường. Rosa ơi, anh yêu em, anh chỉ yêu mỗi mình em.

-Yêu sau hoa tuylíp đen, anh nhỉ. – Cô gái thở dài nói. Đôi bàn tay mềm mại của cô lần này chịu để yên trên lưới sắt cho Cornélius hôn.

-Không phải thế, yêu em trước tất cả mọi thứ…

-Có cần em phải tin anh?

-Có, như em tin Thượng đế.

-Yêu em, anh không bị gì ràng buộc chứ? – Không, rất ít em ạ, nhưng yêu anh, em bị ràng buộc nhiều lắm đấy.

-Em bị ràng buộc bởi cái gì cơ? – Nàng hỏi.

-Trước tiên em không được lấy chồng.

-Anh quên việc anh buộc em làm rồi sao?

-Việc gì nào?

-Việc anh viết chúc thư trên sách kinh thánh của ông Corneille de Witt, anh quên rồi sao? Em thì không quên đâu! Nay em biết đọc rồi, ngày nào em chẳng đọc nó, đúng hơn, ngày đọc hai lần kia.

Trong chúc thư, anh buộc em phải yêu và lấy một chàng trai trẻ đẹp tuổi từ hai mươi sáu đến hai mươi tám đấy thôi.

-à! Rosa, anh viết chúc thư khi anh tưởng chắc chắn anh phải chết, nhưng may quá nhờ trời anh còn sống.

-Vậy là em không phải đi tìm chàng trai trẻ hai mươi sáu, hai mươi tám tuổi ấy nữa nên em đến thăm anh.

-Rosa, em Rosa, em cứ đến, cứ đến.

-Với một điều kiện.

-Anh chấp nhận ngay.

-Trong ba ngày chúng ta sẽ không nói chuyện hoa tuylíp đen nữa.

-Không bao giờ nói nữa, nếu em yêu cầu.

-Ồ không, không nên đòi hỏi cái không thể được. – Người con gái nói.

Rồi làm như không để ý, nàng áp má mình rất gần tấm lưới thép nên Cornélius có thể đặt nụ hôn lên đấy.

Đêm đó rất tốt lành, ngày hôm sau còn tốt lành hơn.

Khoảng chín giờ, Rosa đến; nhưng không mang theo đèn. Rosa không cần đèn nữa, Rosa biết đọc rồi. Với lại ánh đèn có thể làm lộ Rosa. Cô cảm thấy cô bị Jacob theo dõi ghê quá. Sau cùng ánh đèn sẽ làm ai thấy má nàng đỏ khi nàng e thẹn.

Đêm ấy, hai người bạn trẻ nói với nhau những chuyện gì nhỉ?

Đủ mọi thứ chuyện trừ hoa tuylíp.

Đến mười giờ như thường lệ họ tạm biệt nhau.

Cornélius sung sướng, chẳng khác gì một người hết lòng chăm hoa tuylíp sung sướng khi vào một lúc nào đó có ai nói chuyện hoa tuylíp với mình.

Hôm sau, Rosa đến đúng giờ như ngày hôm trước. Còn Cornélius thì can đảm chịu nhận hình phạt, không vội nói đến chuyện hoa. Rosa lại hiểu rất rõ khi yêu cầu mặt này căng thì mặt kia phải nới lỏng. Cô để yên bàn tay, để yên cho ai ấy hôn lên làn tóc qua lưới thép khung cửa ghisê… Cô bé cảm thấy khổ sở. Tất cả

các trò chơi đó nguy hiểm cách khác với cô hơn là nói chuyện hoa tuylíp. Cô nhận ra điều đó khi trở về nhà, tim cô đập mạnh, má nóng ran.

Bỗng nhiên cô nói: -Nó mọc rồi!

-Cái gì mọc? – Cornélius hỏi, không dám tin Rosa giảm bớt hình phạt.

-Hoa tuylíp ấy. – Rosa nói.

-Thế nào, em cho phép nói về nó rồi ư? -Cornélius hỏi.

-Vâng! – Rosa trả lời dịu dàng như người mẹ âu yếm nói với đứa con.

-Rosa, em hãy chăm sóc cẩn thận, em sẽ thấy nó chóng lớn biết chừng nào.

-Anh còn phải nói thế với em. – Rosa nói. -Em chỉ nghĩ đến nó thôi.

-Chỉ nghĩ đến nó thôi hả Rosa? Em cẩn thận nhé, đến lượt anh phải ghen đây này.

-Anh phải biết rằng nghĩ đến nó là nghĩ đến anh. Không lúc nào em rời mắt khỏi nó.

-Em nói có lý, đó là của hồi môn của em, em biết đấy.

-Vâng, nhờ nó em sẽ cưới được người chồng trẻ hai mươi sáu hay hai mươi tám tuổi mà em yêu.

-Anh xin em, sao em ác thế.

Đêm hôm ấy, Cornélius là người hạnh phúc nhất đời. Rosa để cho anh nắm tay đến thích thì thôi, còn anh thì nói chuyện tuylíp thoải mái đến cùng.

Từ đó trở đi, tình yêu giữa hai người và sự phát triển của hoa đều tiến bộ vượt bậc. Lúc này thì lá chồi, lúc khác thì hoa chúm chím.

Hai ngày sau, Rosa báo tin hoa hé nở.

-Hé nở! – Cornélius kêu lên. – ôi! Bông hoa mong đợi của tôi đã hé nở! Người ta đã có thể phân biệt được màu sắc.

Anh bỗng im, thở hổn hển.

-Vâng. – Rosa đáp. – Người ta có thể phân biệt được một tia màu khác mảnh mai như sợi tóc.

-Màu của nó thế nào? – Cornélius lo lắng hỏi.

-Rất sẫm.

-Màu nâu ư?

-Sẫm hơn màu nâu.

-Sẫm hơn màu nâu, sẫm hơn màu nâu! Sẫm như gỗ mun, sẫm như… – Sẫm như thứ mực em viết thư cho anh.

Cornélius sung sướng như điên kêu lên: -Rosa, hoa tuylíp của anh sắp nở, hoa tuylíp của anh sắp nở màu đen! Rosa, tạo hóa sinh ra em hoàn hảo nhất trên trái đất này!

-Vẫn là sau hoa tuylíp.

-Em im đi, em ác quá. Thương anh em hãy đừng nói thế. Rosa, em hãy nói lại anh nghe có phải chậm nhất hai hay ba ngày nữa hoa sẽ nở, phải không em?

-Vâng, mai hay ngày kia hoa sẽ nở.

-Thế mà anh không được trông thấy nó. -Cornélius kêu lên tiếc rẻ.

-Nếu anh muốn em sẽ ngắt đến cho anh.

-Không! Không! Khi hoa nở em để ngay vào chỗ bóng mát, đồng thời em báo ngay cho ông Chủ tịch Hội làm vườn ở Harlem biết là hoa tuylíp đen đã nở. Anh tin điều này là rất kỳ diệu nên ông chủ tịch chắc chắn sẽ đích thân đến xem hoa tuylíp ấy.

Hôm sau, Rosa cảm thấy lòng nhẹ nhõm, cô đến thăm anh vào giờ thường lệ.

-Thế nào em? – Anh hỏi.

-Mọi việc rất tốt đẹp. Đêm nay nhất định hoa tuylíp của anh sẽ nở!

-Thành màu đen chứ?

-Toàn đen như hạt huyền, không có pha một chấm màu nào khác.

-Rosa, em nói làm anh sung sướng quá.

Một nụ cười rộng lượng pha lẫn một chút trào phúng thoáng hiện trên khuôn mặt người con gái, còn Cornélius bỗng trở nên nghiêm trang.

-Nếu hoa nở đêm nay, em phải viết thư ngay, nhất là phải nghĩ ngay ai sẽ là người mang thư đi Harlem.

-Em nghĩ đến chuyện đó rồi anh ạ. Khi em bảo, người đưa thư sẵn sàng đi ngay.

-Ai thế em? Liệu có phải là người chắc chắn không?

-Chắc hoàn toàn, em đảm bảo. Một người mê em, dân chở thuyền ở LÂwestein, rất nhanh nhẹn, quãng hai mươi nhăm hay hai mươi sáu tuổi ấy mà.

-Rõ khỉ!

-Anh yên tâm! – Rosa cười nói. – Vả lại anh ta chưa đến tuổi anh quy định trong chúc thư kia mà! – Rosa, anh dặn này, chớ cho ai xem trước khi ông chủ tịch đến và làm biên bản xác nhận nhé.

Một florin người ta còn ăn cắp huống hồ đây là một trăm nghìn florins? Em nhớ nhé! Khi hoa nở phải báo ngay ông chủ tịch.

Rosa thở dài nhưng không phải thở dài cay đắng mà thở dài như người phụ nữ bắt đầu hiểu những sự yếu đuối của con người.

-Em trở về xem hoa đây, anh Van Baerle ạ; nếu nó nở em báo tin anh ngay.

-Rosa, anh không biết ví em với sự kỳ diệu nào của trời hay của đất đây?

-Anh hãy ví em với bông hoa tuylíp đen của anh, được thế em đã lấy làm mãn nguyện lắm rồi.

Chúng ta tạm biệt nhau nhé, anh Cornélius.

-Nói thế này hơn! Tạm biệt anh yêu quý! -Cornélius nói.

-Tạm biệt anh yêu quý! – Cô gái nhắc lại.

Cornélius thấy mình đã có phần được an ủi.

-Nói: anh rất yêu quý của em.

-Khiếp, anh yêu…

-Rất yêu, anh van em đấy, rất yêu, rất yêu phải không em?

-Vâng, rất yêu, rất yêu! – Người con gái sung sướng nói.

-Anh chỉ còn thiếu một thứ thôi.

-Thứ gì hả anh?

-Cái má, cái má tươi mát của em. Anh yêu cầu em đấy, hãy ghé má lại gần anh, chớ làm như vô tình, đi em!

Thế đấy, mơ ước đã hiện thành sự thực trong tiếng thở dài sung sướng: đôi môi của người tù đã chạm vào đôi môi người con gái.

Nàng vội chạy đi ngay vì thẹn thùng.

Cornélius sung sướng đến ngạt thở. Anh mở cửa sổ ngắm nhìn lên khoảng trời xanh thẫm trong đêm và ánh trăng bạc loang loáng trên dòng sông.

Gần hết đêm anh ngồi bên song sắt cửa sổ nhà tù.

-Rosa ở đằng kia, – anh nói. – có lẽ lúc này đang nâng cuống hoa lên, có lẽ ngay lúc này đây, người và hoa, hai tình yêu của ta, đang vuốt ve trò chuyện với nhau trong sự khoan dung bao la của Thượng đế và của Trời.

Mấy phút sau, như để cụ thể hóa giấc mơ của anh, Cornélius nghe có tiếng chân người nhẹ bước trên cầu thang… Cornélius nhảy một bước từ cửa sổ đến ghisê, lần này nữa đôi môi của anh gặp đôi môi mấp máy của Rosa, cô nói với anh trong nụ hôn: -Hoa nở rồi, nó màu đen, đây này, anh.

Một tay Rosa giơ cao chiếc đèn ló nhỏ lên cửa ghisê, một tay nàng giơ bông hoa kỳ diệu. Cornélius kêu to một tiếng, tưởng như ngất lịm. Anh lẩm bẩm: -Trời ơi! Trời đã bù đắp cho con vô tội phải chịu tù đày bằng cách cho nở hai bông hoa xinh đẹp này ngay trước cửa nhà tù của con.

-Anh thơm hoa đi. – Rosa nói. – Như lúc nãy em đã thơm hoa.

Cornélius nín thở đặt nhẹ môi hôn lên đầu một cánh hoa.

Bông hoa đẹp, rất đẹp, lộng lẫy, tráng lệ, tuyệt vời, cuống dài hơn mười tám phân; nó vươn lên giữa bốn chiếc lá xanh tươi láng bóng, thẳng và nhọn như bốn mũi mác, cánh hoa một màu đen tuyền, rất đen, sánh với hạt huyền.

-Rosa này, – Cornélius hổn hển nói. – ta không được để chậm một phút, phải viết thư ngay đi thôi.

-Em đã viết rồi, anh yêu quý của em ạ. Khi hoa đang nở, em viết ngay, em không muốn để phí một phút nào.

Cornélius cầm lấy bức thư đọc.

“Kính gửi ngài chủ tịch, Bông hoa tuylíp đen có lẽ đã nở trong mười phút nữa. Khi hoa nở, tôi sẽ cử ngay người đến chỗ ngài, yêu cầu ngài đích thân đến pháo đài LÂwestein chứng kiến. Tôi là con gái ông Gryphus cai ngục ở pháo đài này. Vì tôi bị ngăn cấm, cũng chẳng kém mấy tù nhân bị giam cầm của cha tôi, nên tôi không tự tay mang hoa đến chỗ ngài được.

Tôi đường đột viết thư này yêu cầu ngài đích thân đến lấy hoa về.

ý nguyện của tôi là nó được đặt tên: Rosa Baer-laensis.

Thưa ngài, nó vừa nở xong: nó hoàn toàn một màu đen.

Mong ngài đến cho.

Nữ đày tớ hèn mọn của ngài Rosa Gryphus – Đúng rồi, đúng rồi. Thư này viết thật tuyệt.

Anh không thể viết hay như thế được, vừa giản dị vừa lịch sự.

-ông chủ tịch tên là gì nhỉ?

-Đưa thư anh đề địa chỉ cho. Ai cũng biết tên ông ấy. Đó là ông Van Systens, thị trưởng thành phố Harlem… Đưa anh thư, đưa anh… Tay run run, Cornélius viết lên phong bì:

Kính gửi ngài Van Systens, thị trưởng và chủ tịch Hội làm vườn thành phố Harlem.

-Rosa, bây giờ em hãy chạy đi, chạy đi mau lên! – Cornélius nói. – Chúng ta hãy chịu ơn Chúa từ trước đến giờ vẫn chăn dắt chúng ta rất chu đáo.

§8. Hoa tuylíp đen bị đánh cắp

Thật vậy, đôi bạn trẻ khốn khổ cần có sự che chở của Chúa hơn bao giờ hết. Chưa bao giờ họ thấy tuyệt vọng bằng lúc này, khi họ tưởng sắp được hạnh phúc đến nơi.

Nếu Rosa giả vờ trồng củ ở vườn để thử Jacob và đã thấy rõ bụng dạ xấu xa của hắn thì tên khốn nạn này lại rón rén đi theo cô gái vào hành lang nhà tù và nghe trộm được hết cuộc chuyện trò của đôi trai gái.

Jacob không ai khác chính là Isaac Boxtel, biết rõ ràng là Rosa trồng hoa tuylíp đen trong buồng của cô và ngày lại ngày hắn trông thấy sự tiến triển của bông hoa. Hắn thuê ngay một căn buồng trước mặt pháo đài và hắn lại dùng chiếc kính viễn vọng xưa theo dõi cây tuylíp mọc ra sao khi Rosa đặt nó ra nắng trên bờ cửa sổ.

Boxtel nhận thấy cô gái được Van Baerle hướng dẫn chăm sóc cây một cách hoàn hảo; hắn quyết. định chờ hoa nở hắn mới chiếm lấy bằng cách đánh cắp.

Đánh cắp là quyết định cuối cùng của hắn.

Nhưng muốn ăn cắp phải chờ Rosa ra khỏi buồng.

Bởi vậy, Boxtel vui sướng thực sự khi thấy đôi trai gái có những cuộc gặp gỡ thường lệ vào các buổi tối.

Hắn thừa cơ lúc Rosa vắng mặt đến nghiên cứu cửa ra vào ở buồng cô.

Cửa đóng chặt đấy, khóa hai vòng quay nhưng bằng một cái khóa đơn giản và Rosa giữ chìa.

Boxtel có ý định ăn cắp chìa khóa của Rosa; nhưng việc thò tay vào túi cô gái mà moi chìa khóa đã là một chuyện khó, còn chuyện khó khác là Rosa thấy mất chìa khóa sẽ đi đánh chìa khóa khác; cô sẽ không rời khỏi buồng khi khóa chưa được thay chìa: như vậy có phải là Boxtel sẽ uổng công không?

Tốt hơn hết là dùng cách khác.

Boxtel thu thập hết các chìa khóa hắn có thể tìm kiếm được; trong khi Rosa và Cornélius trò chuyện vui vẻ với nhau ở cửa ghisê, hắn đem tất cả chìa khóa đến thử.

Có hai chìa lọt được vào ổ khóa, một trong hai chìa xoay được một vòng, tắc ở vòng thứ hai.

Việc làm tiếp theo với chiếc chìa này dễ thôi.

Boxtel bôi một lớp sáp mỏng lên chiếc chìa và đem thử lại.

Đến khi chiếc chìa gặp chỗ tắc, điểm nghẽn để lại dấu vết trên sáp.

Boxtel chỉ việc lấy một chiếc giũa mỏng như một lưỡi dao giũa theo vết dấu để lại.

Hai ngày sau, Boxtel làm xong chiếc chìa khóa một cách hoàn hảo.

Mở cửa buồng Rosa một cách dễ dàng, không kêu, không phải nặng tay; Boxtel đứng ở trong phòng, một mình với bông hoa tuylíp.

Hành động phạm pháp đầu tiên của Boxtel là trèo qua tường nhà Rosa vào vườn bới tìm củ giống; lần thứ hai là trèo qua cửa sổ vào buồng sấy của Cornélius; lần này là mở cửa buồng Rosa bằng một chìa khóa giả.

Các bạn thấy đấy, sự thèm muốn đã đẩy Boxtel dấn sâu vào con đường tội lỗi.

Boxtel một mình với bông hoa tuylíp.

Nếu là một kẻ trộm bình thường hắn sẽ thủ ngay chậu hoa đem đi… Nhưng Boxtel không phải là tên trộm bình thường nên hắn còn suy nghĩ.

Lấy chiếc đèn ló ra soi, hắn thấy bông hoa chưa nở hết nên chưa chắc chắn nó đã là màu đen tuyền mặc dầu bề ngoài là thế.

Hắn suy nghĩ thấy rằng nếu hoa không phải là màu đen, hoặc có một vết màu nào khác lẫn vào thì việc hắn ăn trộm là công toi. Lúc ấy tin đồn về vụ trộm sẽ truyền đi, người ta sẽ căn cứ vào những gì xảy ra ở khu vườn để nghi ngờ ai là kẻ trộm, người ta sẽ điều tra, rồi mặc dầu hắn giấu kỹ lưỡng cây hoa, người ta vẫn có thể mò ra được.

Hắn suy nghĩ rằng dù hắn giấu kỹ cây hoa khiến người ta không tìm thấy thì khi chuyển nó đi vẫn có thể xảy ra những chuyện chẳng lành.

Bởi hắn đã có trong tay chìa khóa buồng Rosa nên có thể tùy ý ra vào lúc nào cũng được, nên sau cùng hắn thấy điều tốt nhất là hãy chờ đến độ hoa nở, lấy trộm trước một giờ hay sau một giờ nó nở; rồi tức tốc đến Harlem, ở đấy nếu có kẻ nào khiếu kiện hắn đã có hoa ngay trình tòa.

Vậy cô hay cậu nào sau này có khiếu nại sẽ bị Boxtel khép tội ăn cắp.

Đó là cả một kế hoạch được xếp đặt chu đáo và xứng đáng với đức tài của kẻ lập ra nó.

Vậy là tối nào cũng vậy, trong lúc đôi bạn trẻ chuyện trò vui vẻ trước cửa ghisê nhà tù, thì Boxtel lẻn vào buồng cô gái để theo dõi hoa tuylíp.

Vào cái đêm kể trên, Boxtel sắp sửa vào buồng của Rosa như mọi đêm khác. Nhưng như chúng ta thấy, hai bạn trẻ mới trao đổi với nhau vài câu, Cornélius đã giục Rosa về để trông cây tuylíp.

Khi thấy Rosa sau mười phút đi đã quay về, Boxtel biết ngay là hoa tuylíp đã nở hay sắp sửa nở.

Chính vào đêm đó hắn sẽ đi nước cờ quyết định. Boxtel đến chơi nhà Gryphus với món quà gấp đôi thường lệ.

Nghĩa là mang theo hai chai rượu bách xù ở hai bên túi.

Gryphus say thì Boxtel sẽ làm chủ ngôi nhà hay gần như thế.

Đến mười một giờ, Gryphus say mềm chẳng biết trời đất là gì. Đến hai giờ sáng, Boxtel thấy Rosa ra khỏi nhà, tay xách vật gì xem dáng thận trọng lắm. Vật

đó không còn nghi ngờ gì nữa, là hoa tuylíp đen sắp nở.

Nàng sẽ làm gì với cây hoa ấy?

Nàng có mang hoa đi ngay Harlem lúc này không?

Một cô gái không thể dám liều mình đi đêm xa như vậy.

Hay nàng chỉ mang hoa đến cho Cornélius xem không thôi? Có thể như thế.

Hắn bỏ giày và bước trên các đầu ngón chân đi theo Rosa.

Hắn thấy cô gái tiến đến gần cửa ghisê.

Hắn nghe thấy cô khẽ gọi Cornélius.

Nhờ ánh sáng cây đèn ló của Rosa, hắn nom thấy bông hoa tuylíp nở, đen như đêm tối.

Hắn nghe thấy Cornélius và Rosa bàn bạc cử người đi Harlem báo tin.

Hắn thấy đôi trai gái hôn nhau và tiếng Cornélius giục Rosa về. Rosa tắt cây đèn ló và rón rén trở về buồng.

Hắn trông thấy Rosa bước vào buồng.

Rồi năm phút sau, cô đi ra, đóng cửa cẩn thận và khóa hai vòng xoay.

Tại sao Rosa phải đóng cửa cẩn thận, ấy là vì đằng sau cánh cửa, cô giữ kín bông hoa tuylíp đen.

Boxtel nấp ở bậc nghỉ cầu thang gác trên nhà, hắn nhìn thấy hết hành động vừa rồi của Rosa ở tầng dưới; hắn bắt đầu theo bậc thang nhà hắn xuống nhà thì Rosa cũng bước trên bậc thang nhà cô xuống sân.

Thành thử khi Rosa bước nhẹ nhàng xuống bậc thang cuối cùng cũng là lúc Boxtel lẹ làng chạm tay vào xoay khóa buồng của Rosa.

Trong tay hắn, nhất định như ai cũng hiểu, có chiếc chìa khóa giả mở dễ dàng chẳng kém gì chìa khóa thật của Rosa.

Bởi thế ở đầu chương này chúng tôi mới viết là đôi bạn trẻ khốn khổ kia cần có sự che chở trực tiếp của Đức Chúa Trời.

Đôi bạn trẻ tạm biệt nhau mới gần nửa tiếng và những tia nắng ban mai đầu tiên mới rọi vào buồng giam thì Cornélius giật mình nghe thấy những bước chân lên cầu thang. Gần như cùng một lúc bộ mặt tái mét và hốc hác của Rosa hiện lên ở cửa ghisê.

-Anh Cornélius, cây hoa tuylíp… – Cô hổn hển kêu lên… – Làm sao? – Cornélius lo lắng hỏi.

-Em biết nói làm sao bây giờ? Nó bị đánh cắp mất rồi.

-Mất cắp! – Cornélius bàng hoàng nhắc lại. -Thế là thế nào? Em nói rõ xem nào.

-ôi! Lỗi không phải tại em anh ạ.

Khổ thân Rosa! Cô không dám xưng hô vói Cornélius: “Anh yêu quý của em” nữa.

-Em không trông nó chứ gì? – Cornélius than thở.

-Đúng, có một lúc thôi, khi em đi gọi người báo tin cách xa có vài bước, trên bờ sông Wahal.

-Và lúc đó em để quên chìa khóa ở cửa, khổ chưa!

-Không, thế mới lạ chứ! Rõ ràng em khóa chặt cửa, chìa khóa em còn giữ đây. Khi trở về, cửa vẫn còn khóa nguyên nhưng cây tuylíp thì biến mất.

Nhất định tên ăn trộm phải có chìa khóa giả.

Cô thổn thức, những cái nấc chẹn lấy họng cô.

Cornélius đứng yên như mất hồn, nghe mà không hiểu, chỉ biết lẩm bẩm: -Trộm! Trộm! Trộm! Thế là hết.

-ôi! Anh Cornélius, xin anh tha tội! Xin anh tha tội cho em. – Rosa kêu lên. – Em chết mất.

Cornélius nắm lấy tay cô bóp thật mạnh: -Rosa! – Anh nói to. – Ta bị ăn cắp, đúng thế, nhưng có thể lấy lại được. Chúng ta biết kẻ ăn trộm là ai. Đó là tên bất lương Jacob. Này Rosa, ta phải cho người đuổi theo hắn, phải đuổi kịp hắn.

-Làm thế nào được hả anh?

-Rosa, em hãy mở cánh cửa này ra cho anh; em cứ mở ra xem anh có đuổi bắt được nó không; xem anh có phát hiện ra nó được không, xem anh có buộc nó phải khai ra tội ác của nó không!

-Trời ơi! Xin anh nói khẽ chứ!

Tức điên đến cực độ, Cornélius hét to: -Nếu em không mở, anh sẽ đẩy đổ các chắn song này, anh sẽ phá, anh sẽ giết hết những gì anh gặp trên đường đi.

Người tù bất hạnh, sức lực được tăng lên gấp mười lần do tức giận, ra sức lay cánh cửa ầm ầm bằng đôi bàn tay cứng như thép.

Van Baerle thét lên: -Tao sẽ giết mày, hỡi tên lưu manh Gryphus; tao sẽ giết chết mày như mày đã giết chết cây hoa tuylíp đen quý giá của tao… Con người khổ sở kia bắt đầu hóa điên.

Rosa run rẩy: -Vâng, em xin mở cửa, nhưng trước tiên anh phải bình tĩnh lại đã, anh Cornélius!

Cô không nói tiếp được vì một tiếng thét bên cạnh cắt ngang câu nói của cô.

-Chết chưa! cha em! – Rosa kêu lên.

Van Baerle gầm lên: -A! Gryphus, tên gian ác, mày đây rồi à?

Giữa những tiếng ầm ĩ ấy, lão già Gryphus lên gác không ai nghe thấy.

Hắn tóm chặt lấy cổ tay cô gái: -à! Mày lấy chùm chìa khóa của tao! – Hắn tức điên lên nói. – A! Cái thằng mưu phản đáng treo cổ là thằng Cornélius của mày đây! A! Mày thông đồng với các tù nhân Nhà nước. Được. – Hắn chuyển từ giọng tức giận bừng bừng sang giọng trào phúng lạnh lùng. – A! ông bạn trồng hoa tuylíp ngây thơ, a! Nhà thông thái hiền lành, a! Ngài sẽ giết tôi kia đấy! Tốt lắm! Chỉ cần thế thôi! Lại còn đồng lõa với con gái tôi nữa! Sáng nay ngài thống đốc tỉnh sẽ biết hết chuyện; ngày mai, Hoàng thân Altesse sẽ biết tin. Cút xuống,

đứa con gái mất giống này. Còn ngài thông thái, xin chào tạm biệt ngài, xin ngài yên tâm, chào ngài!

Rosa vừa sợ, vừa tuyệt vọng làm hiệu gửi người bạn trai một chiếc hôn; rồi như vừa nảy ra một ý kiến, nàng chạy xuống cầu thang nói: -Chưa phải đã là mất tất cả, anh hãy tin ở em, anh Cornélius ạ.

Người cha hét lên đuổi theo nàng.

Còn người trồng hoa tuylíp trẻ, anh nới lỏng dần dần các ngón tay nắm các chấn song hãy còn giật giật vì tức giận; đầu anh nặng trĩu, mắt anh trợn trừng trong hốc mắt trũng; anh nặng nề ngã vật xuống sàn nhà, miệng lẩm bẩm: -Mất cắp, bị mất cắp!

Trong khi đó, Boxtel ra khỏi lâu đài bằng lối cửa do chính tay Rosa mở lúc nãy, Boxtel với cây tuylíp đen bọc trong áo măng tô rộng, nhảy vội vào một chiếc xe nhỏ chờ sẵn ở Gorcum; hắn biến mất, không báo một câu cho ông bạn cố tri Gryphus về cuộc ra đi vội vã này.

Hắn cho xe chạy từ từ, không ai lại cho xe chạy nhanh với một cây tuylíp đen quý giá trên tay mà không sợ nguy hại gì cho nó.

Boxtel sợ rằng đến Harlem không được nhanh nên đã cho đặt làm trước ở Delft một chiếc hộp xung quanh đệm rêu tươi mát; cây hoa đặt trong. đó được tựa tứ phía vào các nắm rêu êm ái, lại có lỗ thông hơi ở phía trên nên không sợ bị hư hại ngay cả khi xe ngựa phi nước đại.

Sáng hôm sau hắn tới Harlem, bơ phờ nhưng thắng lợi, hắn thay đổi chậu để xóa hết vết tích đất cũ; hắn đập tan chiếc chậu sành, vứt mảnh xuống một dòng sông; hắn viết thư cho ông chủ tịch Hội làm vườn báo cho ông biết hắn đã đến Harlem với một cây hoa tuylíp hoàn toàn đen; hắn yên trí nghỉ ngơi trong một nhà hàng sang trọng với cây hoa nguyên vẹn của hắn.

§9. Isaac Boxtel bị lột mặt nạ

Khi tạm biệt Cornélius, Rosa thề sẽ tìm trả lại anh cây hoa vừa bị Jacob đánh cắp hoặc không được sẽ không bao giờ gặp lại anh nữa.

Cô gói một ít quần áo cần thiết đem theo, lấy ra ba trăm florins tiết kiệm, lục tìm trong đống quần áo viền đăng ten mềm mại của mình củ mầm giống thứ ba cất trong đó, đem giấu vào yếm ngực cẩn thận, khóa kỹ hai vòng khóa cửa để người ta phát hiện chậm việc cô bỏ trốn, mọi việc chuẩn bị xong, cô xuống cầu thang. Ra khỏi nhà tù, cô đến nhà một người cho thuê ngựa hỏi thuê một xe ngựa nhỏ.

Cô hy vọng đuổi kịp người đưa thư và nếu gặp được chàng trai tử tế và tốt bụng ấy, cô sẽ đi cùng, anh sẽ vừa là người dẫn đường cho cô, vừa là người cô có thể dựa dẫm được… Thật vậy, đi chưa đầy một dặm, cô đã trông thấy anh từ xa đang rảo bước trên một con đường chạy dọc theo bờ sông.

Cô cho ngựa chạy nước kiệu và đuổi kịp anh.

Hai người đi từ năm giờ sáng, đã vượt qua tám dặm đường mà người cha vẫn chưa hề biết rằng con gái mình đã rời khỏi pháo đài.

Trong khi ông bố còn tưởng Rosa run sợ hay nằm dỗi trong buồng, thì cô gái đã đi thêm được một đoạn đường. Và khi Gryphus bắt đầu lo lắng về sự vắng mặt của cô con gái, Rosa đã tới được Rotterdam cùng với người bạn đường.

Buổi tối, cô nghỉ lại ở Delft và hôm sau cô tới Harlem sau Boxtel bốn tiếng.

Cô hỏi thăm ngay đến nhà ông chủ tịch làm vườn tức ngài Van Systens.

Cô xưng danh xin gặp, nhưng tên cô dù rằng rất kêu, ông chủ tịch vẫn không biết cô là ai, ông từ chối không cho cô gặp.

Rosa không nản chí. Cô nói: -Xin các ông báo giùm với ông chủ tịch tôi đến vì chuyện cây hoa tuylíp đen.

Nhờ những từ đó, cô vào được tận phòng làm việc của ông chủ tịch; ông chủ tịch thật là phong nhã, tiếp đón cô rất lịch sự. Ông nói to: -Thưa cô, cô nói đến đây vì chuyện cây hoa tuylíp đen, có phải thế chăng?

-Thưa vâng, cháu đến ít ra là để thưa với ông về chuyện đó. – Rosa trả lời.

-Cây mọc khỏe khoắn chứ cô? – Van Systens mỉm cười hỏi với một nét mặt kính trọng dễ thương.

-Thưa ông, cháu không biết nói thế nào. -Rosa trả lời.

-Thế nào? Có chuyện gì không hay xảy ra?

-Thưa ông, có đấy ạ. Chuyện không xảy ra đối với hoa, nhưng đối với cháu đấy ạ. Họ đã ăn cắp hoa của cháu.

-Thế nào, cháu gái, cháu nói khó hiểu quá.

Có lẽ cháu muốn nói người ta đã đánh cắp cây hoa của ông chủ cháu là ông Boxtel phải không?

-Thưa ông, không ạ. Cháu không biết ông Box-tel; đây là lần đầu tiên cháu nghe thấy nói.

-à ra thế! Lúc nãy tôi tưởng cháu là người giúp việc cho ông ta. Cháu không quen ông Boxtel và cháu cũng có một cây hoa tuylíp đen hay sao?

-Còn có một cây khác nữa, thưa ông? – Rosa ngạc nhiên hỏi.

-Của ông Boxtel, đúng thế.

-Nó thế nào ạ? – Đen tuyền, không một màu nào khác, không pha một vết nhỏ tí nào.

-Và ông có nó ở đây, nó được gửi ở đây phải không?

-Không, nhưng nó sẽ được trưng bày ở đây cho hội đồng chấm thi xem trước khi trao giải thưởng.

Rosa kêu lên: -Thưa ông, cái ông Boxtel ấy tự xưng là chủ sở hữu cây hoa tuylíp đen…

-Đúng như vậy.

-Thưa ông, đó có phải là một người gầy còm?

-Đúng.

-Hói đầu.

-Đúng.

-Có một con mắt ngơ ngác?

-Tôi cho là như thế.

-Vẻ mặt lo lắng, lưng còng, chân khèo, có phải không ạ?

-Đúng như vậy, cháu tả chân dung ông Boxtel đúng từng nét một.

-Thưa ông, đó là hoa của cháu, đó là tài sản của cháu, cây hoa bị đánh cắp. Thưa ông cháu đến đây khiếu nại về việc ấy.

-Ồ! ồ! – ông Van Systens nhìn chằm chằm Rosa nói. – Thế nào! Cô đến đây để kiện ông Boxtel về việc cây tuylíp bị mất cắp? Hay đấy! Cô bạo mồm thật. Cô hãy tìm gặp ông Boxtel ở khách sạn Thiên Nga trắng, cô dàn xếp với ông ấy.

-Trời ơi! Thưa ông! Thưa ông! – Rosa rên rỉ.

-Có điều, con ạ, – ông Van Systens nói tiếp.

-con hãy còn trẻ, ta coi con chưa đến nỗi hoàn toàn hư hỏng đâu, con hãy nghe đây lời khuyên của ta: Con hãy thận trọng trong việc này vì chúng ta có tòa án và có nhà tù ở Harlem, hơn nữa chúng ta rất dễ nổi giận với ai động chạm đến danh giá hoa tuylíp của chúng ta. Thôi đi đi, ông Isaac Boxtel nghỉ ở khách sạn Thiên Nga trắng đấy.

Nửa mừng nửa sợ khi đã tìm ra manh mối cây hoa, Rosa cuống cuồng đi đến khách sạn Thiên Nga trắng, theo sau phò tá cô vẫn là anh đưa thư khỏe mạnh tỉnh Frise, mình anh có thể nuốt tươi mười gã Boxtel.

Nhưng khi tới Grote-Markt, Rosa bỗng nhiên đứng lại, một ý nghĩ vừa thoáng qua.

-Trời ơi! – Cô thầm thì nói. – Mình đã phạm phải một sai lầm lớn. Mình đã báo động cho họ biết, họ sẽ nghi ngờ. Mình chỉ là một cô gái, họ. là đàn ông liên kết chống lại mình, thế là mình chỉ có thua, chết mất.

Một lúc sau điềm tĩnh lại cô nghĩ: -Nếu mình đến chỗ ở của Boxtel và giả dụ là mình không quen biết hắn, nếu Boxtel đó không phải là tên Jacob nhà mình, mà lại là một người chơi hoa khác cũng tìm ra được loại hoa tuylíp đen…

Mặt khác, nếu mình nhận ra tên Boxtel là tên giả Jacob thì chuyện gì sẽ xảy ra? ôi! Xin Đức Mẹ Đồng trinh hãy phù hộ cho con! Đây là số phận của con, là số phận của người tù lúc này đang chết dần vì sầu muộn trong nhà tù, xin đức Mẹ Đồng trinh hãy phù hộ độ trì cho chúng con.

Khi đó có tiếng ầm ầm ở đầu đằng kia phố Grote-Markt. Thiên hạ chạy đến, các cửa nhà mở tung, Rosa, một thân một mình, không nghe thấy gì, không trông thấy gì trong sự chuyển động đó của đám đông.

Cô thầm thì: -Mình phải quay lại chỗ ông chủ tịch thôi.

Rosa khó khăn lắm mới lọt được vào chỗ ông chủ tịch, lúc này vẫn như lúc trước, ông cảm thấy rất hồi hộp khi nghe cái từ đầy ma thuật: hoa tuylíp đen.

Khi nhìn thấy cô gái, ông nghĩ ngay là một con bé điên, tệ hơn nữa, ông nổi nóng định tống khứ cô ra.

Cô chắp tay lại nói với một giọng rất thành thật làm mủi lòng mọi người nghe: -Thưa ông, vì Chúa, ông đừng xua đuổi cháu; xin ông hãy nghe cháu giãi bày; nếu ông không làm cho người ta phải công nhận quyền lợi của cháu thì ít ra ông hãy nghe cháu nói để một ngày kia, đứng trước mặt Chúa, ông không phải hối hận vì đã tòng phạm với một việc làm xấu xa.

Ông Van Systens sốt ruột; đó là lần thứ hai ông bị quấy rầy trong lúc đang soạn thảo một diễn văn yêu cầu văn phong phải lưu loát, đàng hoàng xứng danh một ông thị trưởng thành phố kiêm chủ tịch Hội làm vườn Harlem.

-Tôi còn phải viết báo cáo chứ! – ông nói to.

-Báo cáo về hoa tuylíp đen! Các người có biết không?

Rosa nói tiếp vững tâm về tính trung thực và sự vô tội của mình: -Thưa ông, nếu ông không nghe cháu nói thì báo cáo của ông chỉ dựa trên những sự kiện gian ác hoặc dối trá thôi. Cháu van ông, xin ông cho dẫn ông Boxtel tới đây, xem ông ấy có phải là ông. Jacob đóng giả không. Xin thề trước Chúa, cháu sẽ công nhận quyền sở hữu khám phá ra hoa tuylíp đen là của ông ấy, nếu như hoa tuylíp đen đó không phải là của cháu.

-Hay đấy nhỉ! Đưa việc ra trước hay đấy nhỉ!

-ông nói thế nghĩa là thế nào ạ?

-Tôi hỏi chị nhé, còn chứng tỏ được điều gì nữa khi chị đã thừa nhận hết hai điều trên là của chị rồi?

-Thưa ông, ông là một người chính trực. -Rosa nói. – Nếu ông trao giải cho một người vì một công trình không phải là của người đó, tồi tệ hơn, vì một công trình đi ăn cắp được thì…

Giọng nói của Rosa hình như đã làm rung động trái tim ông Van Systens; ông sắp sửa trả lời cô gái một cách dịu dàng hơn bỗng nghe ở ngoài đường có tiếng động.

Những tiếng hoan hô ầm ĩ làm rung chuyển cả căn nhà.

-Chuyện gì thế? – ông thị trưởng kêu lên. -Chuyện gì thế? Thế có được chăng hay tôi nghe nhầm?

Ông chạy về phía phòng đợi để mặc Rosa ở phòng làm việc của ông.

Vừa tới bậc cửa, ông kêu lên một tiếng ngạc nhiên khi thấy một cảnh tượng ít thấy bày ra trước mặt: cầu thang lên gác nhà ông đông cứng những người.

Đám đông kéo nhau đi theo một người trai trẻ ăn mặc giản dị đang lên cầu thang một cách chậm rãi trông thật quý phái.

Hai sĩ quan đi sau, một thuộc binh chủng hải quân, một thuộc kỵ binh.

Van Systens bảo gia nhân dẹp chỗ rồi ông ra cúi chào người mới đến. Ông nói: -Xin kính chào Hoàng thân! Hoàng thân quá bộ đến thăm!

-ông Van Systens thân mến. – Guillaume d'Orange nói một cách thanh thản, sự thanh thản ở ông là thay cho nụ cười. – ở Leyde tôi nghe nói thành phố Harlem có hoa tuylíp đen; sau khi hỏi lại cho chắc chắn, mặc dầu vẫn còn chưa tin, tôi đến hỏi ông chủ tịch Hội làm vườn Harlem xem thế nào.

-ôi! Thưa Hoàng thân, – Van Systens hể hả nói. – quý hóa quá, sung sướng quá, thật vinh dự lớn cho Hội làm vườn chúng tôi được Hoàng thân để mắt tới… – ông có hoa để ở đây không? – ông Hoàng cắt ngang câu nói của Van Systens, có lẽ ông lấy làm tiếc mình đã nói quá nhiều.

-Dạ, bẩm không, nó không có ở đây.

-Nó ở đâu?

-Dạ! ở nhà chủ nó ạ.

-Chủ nó ở đâu?

-Dạ! ở khách sạn Thiên Nga trắng ạ. Tôi xin cho người đi gọi ạ. Trong khi chờ đợi, xin Hoàng thân sang phòng khách tạm nghỉ; biết Hoàng thân ở đây, thế nào người đó cũng phải mang hoa đến ngay để Hoàng thân thưởng thức ạ.

-Được rồi, gọi anh ta đến.

-Bẩm vâng ạ, thưa Hoàng thân, có điều là…

-Có gì cơ?

-Dạ, bẩm không có gì quan trọng cả ạ.

-Không có gì là không quan trọng, ông Van Systens ạ.

-Dạ, có vấn đề là chủ nó đến kiện đòi lại quyền sở hữu ạ. Đúng là nó có giá một trăm nghìn florins.

-Thế là một trọng tội rồi còn gì, đúng không ông Van Systens?

-Đúng thế đấy ạ.

-ông có bằng chứng gì về sự lừa đảo đó không?

-Bẩm không, kẻ thủ phạm, dạ, tôi muốn nói là cô gái đến kiện hãy còn ngồi đây kia, dạ, ở buồng bên cạnh đó ạ.

-ở buồng bên cạnh? ông nghĩ thế nào về chuyện đó, ông Van Systens?

-Lúc nãy tôi chuẩn bị xét hỏi cô ta thì Hoàng thân đến.

-Hãy nghe cô ta khai, ông Van Systens ạ, hãy nghe cô ta; tôi là viên quan đứng đầu đất nước, tôi sẽ nghe và phân xử nghiêm minh.

-Hoàng thân là vua Salomon phục sinh! -Van Systens vừa nói vừa cúi người xuống và chỉ lối đi cho Hoàng thân.

Hoàng thân định đi trước nhưng nghĩ thế nào đứng lại nói: -ông đi trước đi và đừng gọi tôi là Hoàng thân nữa.

Họ vào phòng làm việc.

Rosa vẫn đứng nguyên một chỗ, trán tì vào kính cửa sổ và mắt nhìn xuống vườn: -A! A! Một cô gái tỉnh Frisonne. – ông Hoàng nói khi nhìn thấy cái mũ vàng và bộ váy đỏ của Rosa.

Thấy động, cô gái quay đầu lại và chỉ kịp nhìn ông Hoàng ra ngồi ở góc tối nhất trong buồng.

Van Systens cũng ngồi xuống, sung sướng và hãnh diện về vai trò quan trọng của mình: -Cháu gái kia! – ông nói. – Cháu hứa là nói đúng sự thực về cây hoa tuylíp, có đúng không nào?

-Thưa ông, đúng.

-Vậy cháu hãy nói trước mặt ông đây; ông cũng là một thành viên của Hội làm vườn.

-Thưa ông, – Rosa nói, – cháu không biết nói gì hơn ngoài những điều cháu đã nói với ông rồi – Nói hết cho chúng tôi.

-Cháu nói lại lời yêu cầu cháu đề đạt với ông.

-Yêu cầu gì?

-Yêu cầu cho ông Boxtel đến đây với cây hoa tuylíp; nếu cháu thấy không đúng là của cháu, cháu sẽ nói thẳng ra; nhưng nếu cháu nhận đúng là của cháu, cháu sẽ đòi lại, dù có phải đi đến Hoàng thân stathouder cháu cũng đi.

Van Systens đưa mắt nhìn ông Hoàng. Khi nghe Rosa thốt ra những tiếng đầu tiên, ông Hoàng đang thử cố nhớ xem có một kỷ niệm gì vì hình như đây không phải lần đầu tiên ông nghe giọng nói êm ái như thế.

Một viên sĩ quan được phái đi tìm Boxtel còn ông Van Systens tiếp tục xét hỏi: -Cô dựa vào đâu để nói rằng cô là chủ nhân của bông hoa đó? – ông nói.

-Đơn giản là tự tay cháu ươm và trồng ở trong buồng của cháu.

-Trong buồng của chị, buồng của chị ở đâu?

-ở LÂwestein ạ.

-Chị ở LÂwestein?

-Vâng, cháu là con gái ông cai ngục ở pháo đài.

Ông Hoàng cựa quậy như muốn nói: -A! Thôi đúng rồi, mình nhớ ra rồi.

Rồi một mặt làm ra đang đọc báo, một mặt ông nhìn Rosa chăm chú hơn trước.

-Và chị thích hoa? – ông Van Systens hỏi tiếp.

-Thưa ông, vâng ạ.

-Chị là một nhà bác học về hoa à?

Rosa lưỡng lự một chút rồi bằng một giọng như xuất phát tự đáy lòng, cô nói: -Thưa các ông, cháu nói ở đây có phải là nói với các ngài có chữ tín, chữ nghĩa không ạ?

Giọng cô rất thật nên Van Systens và ông Hoàng đều gật đầu cùng một lúc công nhận… – Vậy cháu xin nói: không, không phải cháu là một nhà bác học nghiên cứu về hoa, không phải đâu ạ, cháu chỉ là con người bình thường, là một cô gái quê tỉnh Frise trước đây ba tháng còn chưa biết đọc, biết viết. Không, không phải cháu là người tìm tòi, sáng tạo ra hoa tuylíp đen.

-Thế ai tìm ra nó?

-Đó là một người tù khốn khổ ở LÂwestein.

-Một người tù ở LÂwestein. – ông Hoàng nhắc lại.

Nghe giọng nói ấy, lần này đến lượt Rosa thảng thốt.

Ông Hoàng nói tiếp: -Là một người tù Nhà nước vì ở LÂwestein chỉ giam những tù nhân Nhà nước.

Ông tiếp tục đọc hay đúng hơn, giả vờ đọc báo.

Rosa run bắn người vì sợ, lẩm bẩm nói: -Vâng, vâng, một người tù Nhà nước tìm ra nó.

Van Systens tái mặt khi nghe thấy một lời thú nhận như vậy trước một nhân chứng vĩ đại nhường kia.

-Theo lời chị nói, hình như chị lợi dụng chị là con gái ông cai ngục và chị liên hệ với tên tù để trồng hoa, có đúng không?

Rosa đầm đìa nước mắt: -Thưa ông, vâng ạ. Cháu buộc lòng phải thú thực hàng ngày cháu vẫn gặp anh ấy.

-Khốn nạn! – ông Van Systens nói to.

Ông Hoàng ngửng đầu nhìn Rosa đang sợ hãi và mặt ông chủ tịch tái xanh.

Bằng một giọng rõ ràng và nhấn mạnh, ông nói: -Điều vừa rồi không liên quan đến các thành viên Hội trồng vườn. Nói tiếp đi, cô gái, nói tiếp đi.

Ông Van Systens mạnh dạn nhìn ông thành viên mới của Hội làm vườn và cám ơn ông, nhân danh các bông hoa tuylíp.

Được lời khích lệ của người lạ mặt, Rosa kể lại tất cả những gì đã diễn ra trong ba tháng nay, tất cả những gì cô đã làm, tất cả những gì cô phải chịu đựng. Cô kể những việc làm tàn ác của Gryphus, giày xéo lên mầm củ thứ nhất, về nỗi đau thương của người tù trồng hoa, những chăm sóc thận trọng cho mầm củ thứ hai được nảy mầm và trổ hoa, sự kiên nhẫn của người tù, những lo lắng của anh khi hai người xa nhau; việc anh nhịn ăn. cho chết vì không được tin tức về cây hoa của anh; sự vui mừng khi họ tái hợp sau cùng là sự tuyệt vọng của cả hai người khi bị mất chậu hoa chỉ sau một tiếng đồng hồ hoa nở.

Tất cả những điều đó được nói lên rất thành thực, đúng sự thật, nhưng ông Hoàng vẫn thản nhiên như không, ít ra là bề ngoài, nhưng trái lại có tác động đến ông Van Systens.

-Cô mới quen biết người tù đó chứ? – ông Hoàng hỏi.

Rosa mở to mắt nhìn người lạ mặt nhưng người này thụt vào bóng tối như muốn tránh cái nhìn của cô.

-Thưa ông, sao ông hỏi thế? – Rosa hỏi.

-Bởi ông cai ngục cùng cô con gái mới đến ở LÂwestein có bốn tháng…

-Thưa ông, đúng như vậy.

-ít ra là cô không yêu cầu thuyên chuyển cho cha cô để đi theo một người tù nào đó được chở từ La Haye về LÂwestein…

-ông! – Rosa đỏ mặt kêu lên.

-Cô nói tiếp đi.

-Thú thực cháu có quen người tù đó ở La Haye.

-Diễm phúc thay cho anh ấy! – ông Guillaume mỉm cười nói.

Lúc đó, viên sĩ quan được cử đi gọi Boxtel bước vào báo cáo Hoàng thân là Boxtel đã đến cùng với chậu hoa.

Báo cáo vừa dứt thì Boxtel bước vào phòng khách của ông Van Systens.

Ông Hoàng được báo liền đi vào phòng khách, ngắm nhìn một lúc, không nói năng gì lại trở ra ngồi vào chỗ cũ trong bóng tối trên chiếc ghế bành chính lúc nãy ông đã ngồi.

Trống ngực đánh thình thịch, mặt tái mét, tinh thần đầy khiếp sợ, cô gái chờ đến lượt mình được gọi vào nhận mặt hoa. Đúng lúc ấy cô nghe thấy tiếng nói của Boxtel.

-Chính nó rồi! – Cô kêu lên.

Ông Hoàng ra hiệu cho cô hãy đứng nhìn vào phòng khách qua cánh cửa hé mở.

-Chính hoa của cháu! – Rosa kêu lên. – Hoa của cháu, cháu nhận đúng hoa của cháu.

Cô òa lên khóc.

Ông Hoàng đứng dậy, đi ra cửa rồi đứng một lúc ở chỗ sáng… Rosa để mắt nhìn kỹ. Hơn lúc nào hết cô tin chắc không phải lần đầu tiên cô gặp người xa lạ này.

-ông Boxtel, ông vào đây. – ông Hoàng nói.

Boxtel vội vàng chạy tới, đứng trước mặt Guil-laume d'Orange.

-Lạy Hoàng thân! – Hắn vừa nói vừa lùi.

-Hoàng thân! – Rosa choáng váng nhắc lại.

Nghe tiếng thốt kinh ngạc ở bên tai, Boxtel quay sang thì thấy Rosa.

Hắn giật mình.

Ông Hoàng lẩm bẩm: -Hắn lúng túng rồi.

Boxtel trấn tĩnh lại được.

-ông Boxtel này, – Guillaume hỏi. – hình như ông tìm ra được bí mật của hoa tuylíp đen đấy nhỉ?

-Thưa Hoàng thân, vâng. – Boxtel trả lời, giọng xem ra hơi lo lắng.

Sự lúng túng có thể là do hắn nhận ra người đứng trước mặt là Guillaume.

Ông Hoàng nói tiếp: -ờ! Nhưng đây là cô gái cũng nhận mình tìm ra bí mật ấy.

Boxtel nhún vai và mỉm cười khinh bỉ.

Guillaume theo dõi tất cả các cử chỉ của hắn một cách tò mò và quan tâm rõ rệt.

-Như vậy là ông không biết người con gái này phải không?

-Bẩm Hoàng thân, không.

-Còn cô, cô có biết ông Boxtel không?

-Bẩm không, nhưng cháu biết ông Jacob.

-Cô muốn nói gì?

-Cháu muốn nói là ở LÂwestein ông Isaac Boxtel gọi là ông Jacob.

-ông Boxtel, ông trả lời thế nào?

-Bẩm Hoàng thân, cô ấy nói sai.

-ông chối chưa bao giờ ở LÂwestein phải không?

Boxtel ngập ngừng. Ông Hoàng xói mắt nhìn hắn khiến hắn không dám nói bậy.

-Con không phủ nhận con đã ở LÂwestein nhưng con không ăn cắp hoa tuylíp.

-Chính ông là đồ ăn cắp! – Rosa tức giận kêu to.

-Tôi không ăn cắp.

-ông nghe đây, ông có không nhận đã theo tôi vào vườn hôm tôi giả vờ ươm củ giống không?

Ông có không nhận đêm hôm ấy ông nhảy vào vườn đến chỗ ông tưởng sẽ tìm thấy củ giống tôi trồng. không? ông có không nhận ông lấy tay bới đất tìm kiếm nó không? ông nói đi, ông nói đi, ông có phủ nhận tất cả những điều đó không?

Boxtel cho là không nên trả lời thẳng vào những câu hỏi đó. Hắn nói: -Bẩm Hoàng thân, hai mươi năm nay con theo nghề trồng hoa tuylíp ở Dordrecht. Trong nghệ thuật trồng hoa, con đã được một chút danh tiếng.

Cô gái này biết con đã tìm ra giống tuylíp đen liền cùng với anh bạn tù nào đó ở pháo đài LÂwestein…

Tên tù đó, bẩm Hoàng thân, là một tên tội phạm Nhà nước, một lần bị xử án tử hình.

-Tên hắn là gì?

Rosa hai tay ôm đầu tuyệt vọng.

-Hắn tên là Cornélius Van Baerle. – Boxtel đáp. – Hắn là con đỡ đầu của tên khốn kiếp Cor-neille de Witt đấy ạ, bẩm Hoàng thân.

Ông Hoàng giật mình. Con mắt bình thản của ông bỗng nảy lửa, một tử khí lạnh lẽo lan tỏa trên mặt ông.

-Nói tiếp đi! – ông Hoàng nói với Boxtel.

-Con không còn gì nói nữa, Hoàng thân biết rõ cả rồi. Có điều lúc này con không muốn nói là để cô này không phải hổ thẹn vì sự vô ơn của cô.

Con đến LÂwestein là có công việc; ở đấy con quen ông già Gryphus, con yêu con gái ông ta và con xin hỏi cô ấy làm vợ; con nghèo, không có nhiều tiền nhưng con đã dại dột kể với cô gái hy vọng sắp kiếm được món tiền lớn một trăm nghìn florins; muốn chứng minh điều đó, con cho cô ta xem cây hoa tuylíp đen của con. Người tù, bạn trai của cô ấy ở Dordrecht đã từng giả vờ làm người trồng hoa tuylíp để che đậy những âm mưu làm phản của hắn thì ở LÂwestein anh ta cùng cô gái này đã âm mưu làm hại con.

Hoàng thân quay sang Rosa nói: -Cô làm thế là không tốt và người bạn trai của cô sẽ bị trừng trị vì đã khuyên cô làm điều bậy bạ. Suýt nữa cô phạm một tội ác, tôi không trừng phạt cô nhưng tôi nghiêm trị tên thủ phạm chính, hắn sẽ gánh phạt cho cô. Một người trong cái dòng họ ấy có thể âm mưu này khác, ngay cả phản bội…

nhưng không được ăn cắp.

-†n cắp ư! – Rosa kêu lên. – ôi! Thưa Hoàng thân, anh ấy sẽ phẫn uất đến chết khi nghe từ ấy.

Nếu có chuyện ăn cắp thì con xin thề với Hoàng thân chính là anh này.

-Bằng chứng đâu? – Boxtel lạnh lùng nói.

-Được, nhờ ơn Chúa, tôi sẽ chứng minh cho anh thấy.

Rồi quay sang Boxtel, cô gái trực tiếp hỏi:. – Hoa tuylíp kia thật là của anh?

-Phải.

-Anh có bao nhiêu củ giống?

Boxtel ngập ngừng một chút, sau anh hiểu cô gái sẽ không hỏi vậy nếu chỉ có hai củ giống.

-Ba củ. – Boxtel trả lời.

-Chúng nó bây giờ thế nào? – Rosa hỏi.

-Thế nào ấy ư?… Thì một củ hỏng, một củ cho ra hoa màu đen…

-Còn củ thứ ba?

-Củ thứ ba ở nhà tôi. – Boxtel lúng túng trả lời.

-Anh nói bậy rồi! – Rosa kêu lên. – Cô lần ở trong yếm ra củ thứ ba và nói tiếp: – Củ thứ ba đây, cùng bọc trong một tờ giấy với hai củ trước.

Khi anh Cornélius Van Baerle sắp lên đoạn đầu đài, anh đưa cả gói cho con, con đưa trình Hoàng thân xét ạ.

Rosa mở tờ giấy bọc ra đưa củ giống thứ ba cho Hoàng thân. Ông cầm lấy ngắm nghía.

-Thưa Hoàng thân, cô gái này không thể cũng ăn cắp nó như cây hoa của con hay sao? – Boxtel lắp bắp nói. Hắn lo lắng khi thấy Hoàng thân chăm chú xem xét củ giống, nhất là khi thấy Rosa chăm chú đọc mấy dòng ghi trên tờ giấy bọc cô còn cầm trong tay.

Mắt cô gái bỗng sáng rực lên. Cô nói: -Kính thưa Hoàng thân, xin Hoàng thân đọc, xin Hoàng thân đọc ạ!

Guillaume mới đọc lướt, sắc mặt đã đượm một nỗi đau và thương xót vô hạn. Tờ giấy mà Rosa đưa cho ông là trang sách thánh của Corneille de Witt xé ra viết và nhờ Craeke mang đến Dordrecht cho Van Baerle yêu cầu anh đốt ngay tập thư quan hệ với Louvois.

Chúng ta hãy nhớ lại lá thư đó có mấy dòng chữ sau đây:

“Con thân yêu, Con hãy đốt gói bọc cha gửi. Con đốt ngay không mở, không xem để nó luôn luôn là điều không biết đối với con. Những bí mật của nó đủ giết người cất giữ nó. Con hãy đốt đi và như vậy là con cứu cha Corneille và bác Jean của con đấy.

Vĩnh biệt con.

Con hãy thương cha.

Corneille de Witt 22-8-1672”Tờ giấy đó chứng tỏ Van Baerle vừa là người vô tội, vừa là người có của khi nói về ba củ hoa giống kia. Rosa và ông stathouder cũng nhìn nhau vẻ hiểu biết.

Ông Hoàng gạt một giọt mồ hôi lạnh ngắt vừa chảy từ trán ông xuống má. Mặt ông và ý nghĩ của ông đắm sâu nhìn vào cái vực thăm thẳm, cái vực không đáy ấy gọi là sự hối hận và hổ thẹn đối với quá khứ.

Một lúc sau ông mệt nhọc ngẩng đầu lên. Ông nói: -Thôi đi, ông Boxtel, công lý đã được phân giải.

Quay sang ông chủ tịch, ông nói tiếp: -Ông Van Systens thân mến, ông giữ cô gái và bông hoa ở lại đây. Xin chào đồng bào.

Mọi người cúi đầu chào kính cẩn; ông Hoàng đi ra khỏi phòng khách, những tiếng hoan hô của đám đông vang dậy khua động không gian.

§10. Cornélius tính nợ với Gryphus

Trong khi những sự việc trên diễn ra thì Van Baerle ở LÂwestein phải khốn khổ chịu đựng hình phạt của Gryphus, tên cai ngục đã biến thành đao phủ.

Không nhận được một tin tức nào của Rosa hay của Jacob, hắn tin chắc rằng mọi tai họa đổ xuống nhà hắn là do quỷ sứ gây nên mà Van Baerle là tên học trò của nó đứng ra thực hiện ở trên trần này.

Kết quả của sự suy nghĩ đó là vào một buổi sáng nọ, ngày thứ ba Rosa và Jacob biệt tăm, hắn xăm xăm bước vào buồng giam tức giận hơn lúc nào hết.

Tiến lại gần người tù trẻ tuổi, hắn nói: -Mày có biết tao đã giết hơn năm chục con gà trống chân đen bằng con dao này rồi không?

Tao sẽ giết mày, đồ quỷ sứ ạ, tao sẽ giết mày như tao đã giết chúng, chờ đấy, mày hãy chờ đấy… Cornélius mắng lại: -Đồ vô lại, mày định giết tao thật ư?

-Tao muốn phanh ngực mày ra xem mày giấu con tao ở chỗ nào?

Trong cơn hoảng loạn, Gryphus sấn sổ vào đâm Cornélius, anh chỉ còn kịp nhảy ra sau chiếc bàn tránh cái đâm đầu tiên.

Gryphus vừa chửi vừa giơ dao dọa nạt.

Cornélius không để mất thời cơ, tóm được cổ tay cầm dao của hắn, bẻ quặt lại sau, Gryphus ngã nhào xuống đất. Chàng trai giận ngay chân mình lên người hắn.

Gryphus tỏ vẻ còn muốn chống cự, Cornélius tức thì ra tay.

Anh nện tên cai ngục vô hồi kỳ trận, hắn buộc phải xin tha, tiếng kêu dữ dội của hắn làm náo động cả nhà giam. Hai người chuyên giữ chìa khóa các buồng giam, một viên thanh tra và bốn lính gác cùng một lúc xuất hiện ở ngưỡng cửa.

Nhìn thấy tất những người làm chứng đó, Cornélius biết mình đã thất bại. Thật vậy, tất cả những cái bề ngoài chống lại anh.

Biên bản được lập ngay tại chỗ, ghi rõ tất cả những đòn đánh đập ông cai tù, hắn ta yêu cầu các từ dùng trong biên bản phải thật mạnh mẽ, cay độc.

Trong lúc lập biên bản, bốn người lính gác khóa giữ Cornélius tỏ lòng nhân hậu bảo cho anh biết kỷ luật ở LÂwestein.

Họ kể cho anh biết kỷ luật này đã được áp dụng như thế nào vào năm 1668, nghĩa là năm năm trước đây đối với một người tù tên là Mathias đã có hành động chống đối còn nhẹ hơn nhiều so với hành động vừa rồi của Cornélius. Chuyện kể chưa xong đã nghe có tiếng chân đi lên cầu thang.

Những người lính gác đứng tránh ra cho một viên sĩ quan đi.

Người này bước vào phòng giam của Cornélius trong lúc viên thơ lại ở LÂwestein còn đang lập biên bản.

-Có phải đây là buồng giam số 11 không? -Viên sĩ quan hỏi.

-Báo cáo đại úy, đúng buồng số 11! – Một hạ sĩ quan trả lời.

-Có phải là buồng giam phạm nhân Cornélius Van Baerle không?

-Thưa ông, tôi là Cornélius Van Baerle đây ạ!

-Cornélius mặc dầu can đảm vẫn tái mặt, đáp.

Lần này viên sĩ quan hỏi trực tiếp người tù: -Anh là Cornélius Van Baerle?

-Thưa vâng… – Vậy theo tôi.

-ạ! ạ! – Cornélius kêu lên, tim thắt lại vì lo sợ trước cái chết đang đến.

Tuy nhiên anh vẫn ngẩng cao đầu đi theo viên sĩ quan, anh hỏi: -Xin ông cho biết, ông dẫn tôi đi đâu?

Viên sĩ quan chỉ cho anh thấy chiếc xe bốn ngựa kéo, gợi anh nhớ tới chiếc xe như vậy, trong một tình huống tương tự anh thấy ở Buytenhof.

-Lên xe! – Viên sĩ quan nói gọn lỏn.

Rosa chưa nhận được một tin tức nào của ông stathouder trước cái đêm cô được gặp ông.

Vào buổi tối, một sĩ quan thừa lệnh Hoàng thân đến nhà ông Van Systens, mời Rosa lên tòa thị chính.

Cô được dẫn vào một phòng họp rộng lớn, nơi Hoàng thân đang ngồi viết.

Ông ngồi một mình, một con chó săn to lớn, giống chó tỉnh Frise, nằm dưới chân ông.

Mắt không nhìn lên, ông nói: -Cô lại đây.

Rosa đi vài bước tới bàn.

-Con chào Hoàng thân. – Cô dừng bước nói.

-Chào cháu, cháu ngồi xuống. – ông nói.

Trong khi đó, con chó nhỏm dậy, tiến lại trước Rosa, nhìn cô rồi vẫy đuôi xoắn xít.

Guillaume nói với con chó: -Mày biết rõ là người nhà mà. Mày nhận ra mà.

Rồi ông quay về phía Rosa, nhìn cô chăm chú như dò hỏi, mắt đượm buồn: -Cha cháu ở LÂwestein phải không?

-Bẩm vâng.

-Cháu không yêu cha cháu sao?

-Vâng, hay ít ra, thưa Hoàng thân, cháu không yêu cha cháu như bổn phận người con phải làm đối với người cha.

-Con không yêu cha là không tốt, nhưng cháu không giấu giếm Hoàng thân là điều hay.

Hoàng thân cúi đầu nhìn xuống.

-Vì lý do gì cháu không yêu cha cháu?

-Cha cháu độc ác lắm.

-Độc ác như thế nào?

-ông hay ngược đãi tù nhân.

-Cháu không trách ông ngược đãi đặc biệt một người nào hay sao?

-Đặc biệt là anh Van Baerle.

-Là người đồng lõa với cháu?

Rosa lùi lại một bước… – Là người cháu yêu, thưa Hoàng thân. – Cô tự hào đáp.

-Nhưng yêu một người mà số phận phải sống và chết trong tù thì ích gì cho cháu?

-Kính thưa Hoàng thân, nếu anh ấy phải sống và chết trong tù thì cháu vẫn yêu và sẽ giúp anh ấy sống được và chết được trong tù.

-Như vậy là cháu đồng ý lấy một người tù?

-Được lấy anh ấy, cháu vô cùng tự hào và sung sướng nhất, nhưng…

Rosa mỉm cười, xoắn tay.

-Cháu hy vọng ở ta. – Hoàng thân nói.

-Vâng ạ, thưa Hoàng thân.

-Hừ!

Hoàng thân gắn xi bức thư mới viết và gọi một sĩ quan đến.

-ông Van Deken, ông hãy mang lệnh này đến LÂwestein; ông sẽ biết lệnh nào tôi ra cho ông tỉnh trưởng, lệnh nào thuộc phần ông, ông thi hành ngay.

Người sĩ quan cúi chào; một lúc sau người ta nghe thấy tiếng vó ngựa âm vang dưới mái nhà.

-Này cháu gái, – Hoàng thân nói tiếp. – chủ nhật là ngày hội hoa tuylíp, mà chủ nhật là ngày kia đấy. Cháu hãy ăn mặc đẹp vào. Ta cho cháu năm trăm florins để sắm sửa vì ta muốn đêm đó phải là đêm hội lớn của cháu.

-Thưa Hoàng thân, ông muốn cháu ăn mặc đẹp như thế nào? – Rosa đỏ mặt nói lí nhí.

-Cháu hãy mặc áo cô dâu kiểu các cô gái Frise, trông cháu sẽ rất xinh. – Guillaume nói.

Vào cái giờ phút trang trọng, vang dậy những tiếng hoan hô vị hoàng tử, có một chiếc xe chạy bên lề rừng; xe chạy chậm vì vướng trẻ con theo người lớn hoan hỉ dồn cả ra đường. Chiếc xe đó, bụi bám đầy, như đã mệt nhọc vì đường xa, là xe chở Van Baerle.

Đám đông dân chúng, tiếng động cùng những cái lộng lẫy huy hoàng óng ánh như có một tia chớp lọt vào chiếc xe làm lóe mắt người tù.

Mặc dầu người sĩ quan áp tải ít hào hứng trả lời, Baerle vẫn thử hỏi xem vì sao có nhiều tiếng ồn ào mà anh phải coi, hay có thể coi như hoàn toàn xa lạ đối với anh.

-Cái gì thế, thưa ông đại tá? – Anh hỏi.

-à, đó là ngày hội. – ông đại tá trả lời.

-à! Ngày hội. – Cornélius nói bằng một giọng dửng dưng nghe đến thảm của một người mà từ lâu không một thứ vui nào trên đời này còn thuộc về mình nữa… Một lúc yên lặng và trong khi chiếc xe tiếp tục chạy, anh hỏi: -Thưa ông, có phải là ngày chợ hoa ở Harlem không ạ, vì tôi thấy có rất nhiều hoa.

-Đúng, là ngày chợ hoa ở Harlem.

-ôi! Hương mới thơm làm sao. Ôi! Những màu sắc mới đẹp làm sao! – Anh thốt kêu lên.

-Này bác đánh xe, hãy dừng cái đã, cho ông này xem một tí. – Viên sĩ quan nói giọng thương tình nhẹ nhàng thường chỉ thấy ở những con nhà lính.

-ôi! Cám ơn ông! – Van Baerle buồn rầu đáp.

-Nhưng thôi xin ông thứ cho thú vui đó. Vì cái vui của người khác là nỗi buồn của tôi, mong ông hiểu cho.

-Được, bác đánh xe, tiếp tục đi thôi. Tôi bảo dừng xe vì thấy anh có vẻ yêu hoa, nhất là đối với thứ hoa hôm nay người ta mở hội tôn vinh.

-Hoa nào đó, thưa ông?

-Hoa tuylíp.

-Hoa tuylíp! – Van Baerle reo lên. – Hôm nay là ngày hội hoa tuylíp, thưa ông?

-Đúng thế, nhưng anh không thích thì thôi ta đi.

Cornélius ngăn ông lại, một ý nghĩ thoáng qua đầu anh.

-Thưa ông, có phải hôm nay người ta trao giải thưởng. – Anh hỏi, giọng run run.

-Phải, giải thưởng trao cho bông hoa tuylíp màu đen. – Người sĩ quan đáp.

Má Cornélius nóng bừng, sống lưng anh ớn lạnh, mồ hôi vã trên trán.

Nhưng nghĩ rằng thiếu anh và hoa tuylíp anh sáng tạo, hội chợ hoa sẽ phải hẫng do không có người và hoa để tôn vinh, anh than thở: -Chao ôi! Tất cả bà con đi dự hội hoa kia không mấy gặp may vì họ sẽ thấy hội hoa không được trang trọng như họ được mời đến, hay ít ra họ sẽ thấy nó còn có phần chưa hoàn hảo.

-Anh nói thế là thế nào?

Cornélius ngả người ra sau thành xe nói: -Tôi muốn nói trừ một người tôi biết, chưa có ai tìm ra được hoa tuylíp màu đen.

Viên sĩ quan trả lời: -Thế thì người anh biết, đã tìm thấy rồi đấy, vì tất cả bà con thành phố Harlem đến đây lúc này là để xem bông hoa có màu đen mà chưa ai tìm thấy.

-Hoa tuylíp đen! – Van Baerle thò đầu ra ngoài cửa xe kêu lên. – Nó ở đâu? Nó ở đâu?

-Kia, trên giá cao kia, anh thấy không?

-Tôi thấy… – Thôi, thế thôi, ta đi thôi.

-Thưa ông, xin ông gia ơn, ông đừng cho xe đi vội, ông cho tôi nhìn thêm chút nữa! Thế nào, bông hoa tôi nhìn thấy kia là bông hoa tuylíp đen, đen tuyền… Được sao? ôi! Thưa ông, ông đã thấy nó chưa? Nó hẳn phải có màu khác pha lẫn, nó không hoàn toàn đen, có lẽ nó bị nhuộm đen đấy thôi! ôi! Nếu tôi có đấy, tôi sẽ phân biệt được rõ ràng; thưa ông, ông hãy cho phép tôi xuống, cho tôi đến gần, tôi xin ông, tôi van ông.

-Anh điên hay sao đấy, tôi cho phép được ư?

-Tôi xin lạy ông!

-Anh quên anh bị tù à?

-Đúng, tôi là một người tù nhưng tôi cũng là người biết trọng danh dự. Tôi xin thề với ông, tôi không chạy trốn. Tôi không tìm cách chạy trốn đâu. Xin ông cho phép tôi lại gần nhìn hoa!

-Thế tôi không phải thi hành lệnh à?

Một lần nữa người sĩ quan định ra lệnh cho người đánh xe cho ngựa chạy.

Cornélius van xin ông lần nữa.

-ôi! Xin ông hãy yên tâm, xin ông hãy rộng lượng, cả cuộc đời tôi lúc này dựa vào lòng trắc ẩn của ông. Trời ơi! Thưa ông, cuộc đời của tôi chắc hẳn không còn dài nữa. Ôi! ông không biết tôi đau khổ vì đâu; ông không biết điều gì vật lộn trong đầu tôi, trong trái tim tôi đâu; vì sau rốt, – Cornélius nói tiếp một cách tuyệt vọng, – bông hoa tuylíp của tôi có phải là bông hoa Rosa bị đánh cắp đấy không?

Xin ông hiểu cho rằng đó là một bông hoa hoàn hảo, nó là một kiệt tác vừa của nghệ thuật vừa của tạo hóa; khi nghĩ rằng nó bị mất, tôi bị mất nó vĩnh viễn, tôi phát điên lên. Tôi phải xuống, thưa ông, tôi phải xuống, tôi phải được nhìn nó, thấy nó tận mắt, sau đó ông có giết tôi, tôi xin vui lòng, nhưng tôi phải nhìn nó, tôi phải trông thấy nó.

-Anh có im ngay không, thụt ngay đầu vào trong đi, đoàn cận vệ của Hoàng thân stathouder ngang qua xe ta đây này; nếu Hoàng thân thấy có gì khả nghi là thôi đừng nói gì nữa, anh và tôi đi đứt.

Van Baerle lo thay cho ông sĩ quan hơn là lo cho bản thân mình, liền thụt vào trong nhưng không ngồi yên được nửa phút; hai chục kỵ mã đầu tiên vừa vượt khỏi xe anh, anh đã thò đầu ra cửa xe, vừa giơ tay ra hiệu, vừa van xin stathouder lúc xe ông đi tới. Guillaume bình thản và giản dị, như thường lệ đến quảng trường để làm nhiệm vụ của người đứng đầu quốc gia. Ông cầm trong tay một ống cuộn giấy vê-lanh trắng, nó trở thành cái gậy chỉ huy của ông trong đêm hội lớn này… Nhìn thấy có người khua tay, cầu xin và có lẽ cũng nhìn thấy người sĩ quan đi theo áp tải, ông Hoàng stathouder lệnh cho xe dừng lại.

Ngay lúc đó, có tiếng ngựa hí hãm đứng ngay sau xe chở Baerle.

-Cái gì thế? – ông Hoàng hỏi viên sĩ quan được lệnh của stathouder vội nhảy xuống xe chạy đến kính cẩn báo cáo: -Bẩm Hoàng thân, đó là người tù Nhà nước, tôi đến tìm ở LÂwestein và dẫn về đây theo lệnh của Hoàng thân.

-Hắn muốn gì?

-Hắn xin cho được dừng chân một lúc ở đây.

Van Baerle chắp tay nói vọng ra: -Con xin được xem hoa tuylíp đen; một khi con được thấy nó rồi, một khi con đã được biết điều con cần biết, thì dầu phải chết con cũng xin chết, nhưng trước khi chết con sẽ ca ngợi Hoàng thân đã giúp cho công trình của con được thành đạt và quang vinh.

Thật là một cảnh tượng kỳ lạ: hai người, mỗi người đứng ở cửa xe của mình, chung quanh là lính gác, một người đầy quyền lực, một người khốn khổ; một người sắp lên ngôi vua, một người tưởng mình sắp lên đoạn đầu đài.

Guillaume lạnh lùng nhìn người trai trẻ và đã nghe thấy lời thỉnh cầu thiết tha của anh ta.

Ông hỏi người sĩ quan: -Có phải đây là tên tù nổi loạn định giết người cai ngục ở LÂwestein không?

Cornélius cúi đầu thở dài, nét mặt dịu dàng và chân thật của anh cùng một lúc ửng đỏ rồi tái mét.

Những lời nói của Hoàng thân – cái tế nhị của một bộ óc do đã được một thông tin nào đó bí hiểm mà không một người nào khác có được mách bảo, đã biết tội ác của anh – những lời nói của Hoàng thân đã báo trước cho anh biết không những một hình phạt chắc chắn mà còn là sự từ chối thẳng thừng.

Anh không tìm cách đấu tranh, anh không tìm cách tự bảo vệ; anh chỉ làm cho Hoàng thân thấy được một cảnh tuyệt vọng đau lòng, rất dễ hiểu và cảm động.

-Cho tù nhân xuống! – Ngài stathouder nói. -Cho hắn ít ra một lần được xem hoa tuylíp đen rất đáng xem của hắn.

-ôi! – Cornélius kêu lên, gần như ngất xỉu vì vui mừng và anh lảo đảo đứng trên bậc lên xuống của xe. – ôi! Thế kia ạ, thưa Hoàng thân… Anh trượt chân, không có người sĩ quan đỡ có lẽ anh đã quỳ, đầu rạp xuống đất để cám ơn vị Hoàng tử.

Truyền lệnh xong, ông Hoàng tiếp tục cuộc hành trình giữa những tiếng hoan hô dậy trời của quần chúng.

Một lúc sau, ông bước lên bục cao. Súng thần công nổ ở phía chân trời.

Đoạn kết

Van Baerle cùng bốn người lính gác đi kèm tiến về phía bông hoa tuylíp đen. Từ xa, anh đã nhìn thấy nó.

Sau cùng, anh thấy nó tận mắt, bông hoa duy nhất màu đen, nhờ vào sự kết hợp tỉ mỉ giữa cái nóng và cái lạnh, giữa ánh sáng và bóng tối của một ngày nó đã nở để rồi theo số phận, nó sẽ vĩnh viễn mất đi. Anh đứng cách xa nó sáu bước. Anh thưởng thức sự hoàn hảo, cái nõn nà của nó. Các cô gái họp thành một hàng rào danh dự đứng sau bà hoàng hoa trong trắng và quý phái đó. Tuy nhiên, mắt anh càng tin tưởng vào sự hoàn thiện của nó thì tim anh càng nhói đau. Anh nhìn quanh xem có ai quen để hỏi một câu, chỉ một câu thôi.

Nhưng quanh anh chỉ toàn những bộ mặt xa lạ, mọi con mắt đều đổ dồn về ông Hoàng stathouder vừa bước lên chiếc ngai dành cho ông.

Guillaume đứng lên, lặng lẽ nhìn đám đông đang vui sướng cuồng nhiệt và con mắt sắc sảo của ông lần lượt dừng lại một lúc khá lâu và ba nhân. vật của một tấn kịch đang âm ỉ nhưng cũng sắp đến hồi kết thúc.

ở một góc tam giác hợp bởi ba nhân vật đứng gần đó là Boxtel đang nóng lòng chờ đợi phần kết, tâm trí dồn vào lúc ông Hoàng, lúc tiền thưởng, lúc hoa tuylíp đen, lúc hội đồng trao giải.

ở góc khác là Cornélius đang tức thở, câm lặng.

Toàn bộ nhịp thở, trái tim, tình yêu lúc này Cornélius dành cho bông hoa tuylíp đen duy nhất, đứa con tinh thần, đứa con sáng tạo của anh.

ở góc thứ ba đứng trên bậc các cô gái đồng trinh của thành phố Harlem là một cô gái quê tỉnh Frise, mặc áo len sợi mềm màu đỏ thêu kim tuyến bạc, đầu đội mũ vàng kết nhiều dải đăng-ten dài cùng với mái tóc vàng chảy xuống đôi vai: đó là Rosa mệt mỏi, nước mắt đầm đìa, dựa vào một quan hầu cận của ông Hoàng Guillaume.

Ông Hoàng thấy mọi người đã yên chỗ liền rút ra cuộn giấy vê-lanh trắng và bằng một giọng bình tĩnh, rõ ràng, hơi yếu nhưng không mất một âm tiết nhỏ nhờ vào sự yên lặng thần kỳ của năm mươi nghìn khán giả nhiệt tình, ông tuyên bố: - Các ông biết mục đích các ông đến đây. Một giải thưởng một trăm nghìn florins sẽ được trao cho người tìm được giống hoa tuylíp đen. Hoa tuylíp đen, một kỳ quan của đất nước Hà Lan là đây, bày ra trước mắt các ông; hoa tuylíp đen đã được tìm ra theo những điều kiện bắt buộc của chương trình do Hội làm vườn Harlem lịch sử khai sinh ra nó và tên của người tạo ra nó sẽ được ghi trong sách vàng của thành phố. Hãy cho người là chủ bông hoa lại gần đây!

Khi nói những lời trên, ông đưa con mắt sắc sảo của mình nhìn ba người đứng ba bên kể trên để xem ảnh hưởng thế nào của lời nói đối với từng người

này.

Ông thấy Boxtel nhảy khỏi bậc đứng.

Ông thấy Cornélius giật mình.

Sau cùng, ông thấy viên sĩ quan chịu trách nhiệm trông nom Rosa dẫn cô đi, đúng hơn, khẽ đẩy cô đến trước ngai vàng.

Hai tiếng kêu cùng vang lên một lúc bên phải và bên trái ông Hoàng.

Boxtel sửng sốt, Cornélius bàng hoàng, cả hai đều kêu lên: -Rosa! Rosa!

-Thật sự bông hoa này thuộc về chị phải không? – ông Hoàng hỏi.

-Thưa vâng ạ. – Rosa lắp bắp nói, một số người xuýt xoa chào mừng nàng… – ôi! – Cornélius nói khẽ. – Thế ra cô này nói láo bị mất trộm hoa. à ra vì thế mà cô ta trốn khỏi LÂwestein. Mình bị lừa, bị phản bội, thế mà trước đây mình tưởng đó là một người bạn tốt.

-ôi! – Boxtel than thở. – Mình mất toàn bộ cơ đồ rồi.

-Bông hoa tuylíp này, – ông Hoàng nói tiếp.

-sẽ mang tên người tạo ra nó; nó sẽ được ghi vào ca-ta-lô các loại hoa với cái tên Tulipe nigra Rosa Barlaensis gồm tên của người tạo ra nó là Van Baerle và tên của cô gái này sẽ lấy anh làm chồng.

Cùng lúc ấy, Guillaume cầm tay Rosa đặt vào tay một người đàn ông vừa chạy bổ lên chân ngai, mặt tái nhợt, chân tay luống cuống: anh cúi lạy Hoàng thân, mừng rỡ trước người yêu và ngước nhìn trời như cám ơn Thượng đế có lẽ đang mỉm cười với họ. Cũng cùng lúc ấy có một người choáng váng, ngã vật xuống chân ông chủ tịch Van Systens.

Boxtel thấy cơ đồ của mình sụp đổ vừa ngất xỉu.

Người ta nâng hắn dậy, bắt mạch, nghe nhịp tim. Nhưng hắn đã chết.

Việc xảy ra bỗng nhiên đó không hề cản trở đám hội, chứng cớ là ông chủ tịch cũng như ông Hoàng không chú ý đến sự việc ấy lắm.

Riêng Cornélius lùi lại, hoảng hốt vì anh đã nhận ra tên ăn trộm, trong cái tên Jacob giả danh, chính là Isaac Boxtel, người láng giềng mà do tính bản thiện anh không lúc nào ngờ có thể có những hành động tai quái đến thế.

Dù sao, Boxtel cũng được hạnh phúc vì Thượng đế đã cho hắn đột tử rất đúng lúc vì bệnh tràn máu cơ tim nếu không hắn đã phải sống cuộc sống tủi nhục.

Đám rước tiếp tục giữa những tiếng kèn đồng vang dội, nghi lễ không có gì thay đổi. Cornélius và Rosa thắng lợi, vui mừng nắm tay đi bên nhau.

Trở về tòa thị chính, ông Hoàng chỉ cho Cornélius số tiền một trăm nghìn florins vàng, nói: -Người ta không rõ lắm số tiền này do anh hay chị kiếm được vì anh là người tìm ra hoa tuylíp đen và chị là người chăm sóc và làm hoa nở.

Cornélius chờ xem ông Hoàng định nói tiếp đến đâu.

Ông nói tiếp: -Tôi trao cho Rosa một trăm nghìn florins là tiền chị kiếm được một cách xứng đáng và chị có thể biếu lại anh; đó là bằng chứng cho tình yêu của

chị, của sự can đảm và sự thành thật của chị. Về phần anh, nhờ Rosa đưa ra chứng cớ anh vô tội, -nói đến đây, ông Hoàng chìa ra cho Cornélius bức. thư của Corneille de Witt viết trên trang sách Thánh xé ra và dùng để gói củ giống thứ ba. Nhờ Rosa, người ta nhận thấy anh bị bắt oan về một tội ác mà anh không hề phạm phải. Nói thế nghĩa là anh không những được tự do mà những của cải của anh đều không bị tịch thu vì anh vô tội. Anh Van Baerle, anh là con đỡ đầu của ông Corneille de Witt và là người thân tình của ông Jean. Anh hãy sống xứng đáng với người đã cho anh mang tên trong buổi lễ rửa tội, và xứng đáng với người đã tỏ tình thân đối với anh. Anh hãy giữ lấy truyền thống vẻ vang của họ vì hai ông De Witt bị xử tội oan, bị nhận hình phạt nhầm trong một lúc sai lầm của quần chúng, hai ông là hai công dân vĩ đại mà ngày nay đất nước Hà Lan phải lấy làm tự hào.

Sau hai từ vừa rồi Hoàng tử nói với một giọng cảm động khác với thói quen của ông, ông đưa tay cho hai vợ chồng quỳ dưới chân hôn.

Ông thở dài nói tiếp: -Chao ôi! Anh chị thật hạnh phúc; có lẽ anh chị là người mơ ước một nước Hà Lan được vinh quang thực sự, nhất là được hạnh phúc thực sự, thì anh chị hãy chỉ nên suy nghĩ làm sao chinh phục được những màu sắc mới cho hoa tuylíp Hà Lan, làm sao cho chúng trở thành những bông hoa luôn muôn hương, muôn sắc, muôn màu.

Nhìn về phía nước Pháp, ông như thấy ở đấy có những đám mây mới cuộn lên. Ông bước lên xe, rời thành phố.

Cũng ngày hôm đó, Cornélius đi Dordrecht cùng với Rosa, trước đó cô đã cho người báo với cha mình tất cả những gì đã xảy ra.

Những ai biết tính nết lão già Gryphus trong chuyện chúng tôi kể trên sẽ hiểu lão khó lòng hòa thuận được với con rể. Lão nhớ trong lòng những cú gậy bị đánh, lão đếm cụ thể trên lưng những vết sẹo được ghi, lão nói, có đến bốn mươi mốt vết.

Nhưng sau cùng lão cũng đành thôi, chả nhẽ không rộng lượng bằng Hoàng thân stathouder hay sao, lão bảo thế.

Bây giờ lão làm người bảo vệ hoa tuylíp. Sau khi làm tay canh gác tù, lão trở thành người trông nom hoa tích cực nhất ở các xứ Flandres bắc châu Âu. Phải thấy lão đề phòng các con bướm nguy hiểm cho hoa, giết những con chuột nhắt rừng và các con ong háu đói ta mới thấy rõ điều đó.

Lão biết chuyện về Boxtel, lão bực mình vì bị tên Jacob giả đánh lừa, nên chính lão là người dỡ bỏ đài quan sát của Boxtel đặt trên cây thích trắng; chả là hàng rào của nhà Boxtel được bán đấu giá nay nằm gọn thon lỏn trong vườn ươm của Cornélius đã được mở rộng, bất chấp mọi ống nhòm. ở Dordrecht tài thánh cũng chịu không nhòm ngó được.

Rosa càng ngày càng trở nên xinh đẹp, thông thái; sau hai năm lấy chồng, cô biết đọc biết viết thành thạo nên đủ sức dạy bảo hai con được sinh vào tháng năm 1674 và 1675; chúng hay ăn chóng lớn, khỏe khoắn chẳng khác gì những bông hoa tuylíp nhưng không gây vất vả cho cô như hồi nào cô chăm nom khổ sở cây hoa tuylíp đen, tuy nhiên nó lại là đầu câu chuyện hạnh phúc của vợ chồng cô.

Cần phải nói thêm rằng hai con của họ một trai, một gái, đứa trai được đặt tên là Cornélius, đứa gái là Rosa.

Van Baerle trung thành với Rosa chẳng khác gì với những bông hoa tuylíp; cả đời anh dành cho hạnh phúc gia đình và việc trồng hoa; nhờ kiên trì anh tìm ra được nhiều giống hoa mới, được ghi vào ca-ta-lô của nước Hà Lan.

Trang trí chính trong phòng khách nhà anh là hai tờ sách Kinh Thánh của Corneille de Witt được lồng trong hai khung lớn giát vàng. Trên một tờ, chúng ta hãy nhớ lại, cha đỡ đầu viết cho anh bảo rằng hãy đốt ngay đi những thư từ quan hệ với hầu tước De Louvois. Trên tờ kia chính tay anh viết nhượng cho Rosa củ giống hoa tuylíp đen với điều kiện cô phải dùng một trăm nghìn florins tiền thưởng làm của hồi môn khi lấy người chồng hai mươi sáu đến hai mươi tám tuổi, yêu cô và cô yêu; điều kiện đã được thực hiện một cách nghiêm túc.

Sau cùng, để chống lại những kẻ gian dối ghen ăn sau này, anh viết lên cửa nhà anh câu thơ của Grotius khi chạy trốn ông ghi lên tường nhà tù:

"Người ta đôi khi sống cũng khá ê chề nên họ có quyền không bao giờ nói: Tôi sung sướng quá."

HẾT.

HOÀNG HẬU MARGOT

Người dịch: Tố Châu

Lời giới thiệu

Sau khi cho ra mắt bộ tiểu thuyết Bá tước Monte-Cristo của Alexandre Dumas được đông đảo bạn đọc ưa thích, Nhà xuất bản Văn học giới thiệu tiếp một tác phẩm nổi tiếng nữa của nhà văn này: "Hoàng hậu Margot."

"Hoàng hậu Margot" là thiên tiểu thuyết lịch sử tiêu biểu nhất Alexandre Dumas mà ngay khi ra đời đã gây tiếng vang lớn trong dư luận văn học ở Pháp và châu Âu lúc bấy giờ. Sau đó thiên tiểu thuyết này nhanh chóng được chuyển thành vở kịch lớn cùng tên, thu hút đông đảo người xem. Khi điện ảnh ra đời, tác phẩm đã được dựng thành phim và chiếu rộng rãi nhiều nước trên thế giới.

Tác phẩm "Hoàng hậu Margot", thông qua các chuyện tình éo le giữa hoàng hậu Margot với bá tước de Mole, cũng như giữa quận chúa de Nervers và bá tước de Coconnas, đã dựng lại một thời kỳ đẫm máu trong lịch sử nước Pháp vào giữa thế kỷ XVI. Đó là thời kỳ diễn ra cuộc chiến tranh tôn giáo cực kỳ tàn khốc giữa hai giáo phái Giatô và Tin lành. Đó cũng là thời kỳ tranh đoạt vương quyền quyết liệt trong nội bộ triều đình Pháp với đủ các mưu mô, thủ đoạn tàn bạo, nham hiểm… Bạn đọc sẽ được gặp lại các nhân vật lịch sử có thật của thời đại đó: Thái hậu Catherine de Médicis, vua Charles IX, Henri de Navarre, quận công de Guise… mà nổi bật nhất trong số đó là Hoàng hậu Marguerite de Valois (Hoàng hậu Margot). Với tài năng sắc đẹp và trí tuệ phi thường của mình, hoàng hậu Margot đã đóng góp phần xứng đáng loại bỏ vai trò của dòng họ Valois lỗi thời và phản động để xác lập vương quyền cho Henri de Navarre, chồng mình, thuộc dòng họ Bourbon có phần tiến bộ hơn.

Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc bộ tiểu thuyết lịch sử này.

§1. Tiếng Latinh của ông de Guise

Từ ngày thứ hai, 18 tháng 8 năm 1572, lễ hội tưng bừng diễn ra tại cung điện Louvre. Trong những ngày ấy, tất cả các cửa sổ của toà Hoàng cung cổ kính đều được chiếu sáng rực rỡ thay cho cái vẻ âm u mà người ta vẫn thấy thường ngày.

Nếu trước đây các quảng trường và phố xá đều vắng vẻ khi chuông đồng hồ ở Saint-Germain l'Auxerrois mới điểm chín giờ tối, thì nay dù đã nửa đêm ở đó vẫn còn tấp nập, nhộn nhịp những đám thị dân.

Trong bóng đêm, đó là những đám đông chen chúc, hỗn độn mang một vẻ dữ tợn như mặt biển tối sầm sôi động với những ngọn triều gầm réo. Những đợt triều đó, gồm hàng nghìn con người, tràn lên mặt kè sông, đổ vào các phố Fossés Saint-Germain, rồi dội vào chân tường điện Louvre, vào chân tường dinh thự de Bourbon.

Nhưng có lẽ bắt nguồn ngay từ chính lễ hội này, một điều gì đó vừa bí ẩn vừa ghê gớm đang xuất hiện trong đám dân chúng này. Họ cảm thấy sự tưng bừng mà họ đang chứng kiến đây chỉ là màn giáo đầu cho một sự kiện nào đó vào tuần tới mà chính họ sẽ là những kẻ tham gia cuồng nhiệt nhất.

Lẻ hội này chính là lễ thành hôn giữa công chúa Marguerite de Valois, con gái vua Henri II và là em vua Charle IX với Henri de Bourbon vua xứ Navarre. Sáng nay, trên một chiếc bục lớn trước cửa nhà thờ Đức Bà, Hồng y giáo chủ de Bourbon đã làm phép cưới cho đôi uyên ương theo đúng lễ nghi được dành riêng cho hôn lễ các công chúa nước Pháp.

Đây là cuộc hôn nhân khiến hết thảy mọi người đều ngạc nhiên. Những người sáng suốt nhất cũng phải vắt óc suy đoán.

Người ta không tài nào hiểu nổi vì sao phe Tân giáo và Cơ đốc giáo xưa nay vốn thù nghịch nhau giờ lại xích lại gần nhau đến như vậy. Làm sao ông hoàng Condé trẻ tuổi lại có thể tha thứ cho quận công hoàng đệ d'Anjou về việc cha ông bị tên Montesquiou ám sát tại Jarnac? Làm sao quận công de Guise trẻ tuổi lại có thể tha thứ cho đô đốc de Coligny về việc cha mình bị Poltrot de Méré giết hại tại Orléans. Chưa hết! Cách đây chưa đầy hai tháng, hoàng hậu Jeanne de Navarre, người vợ can đảm của Antoine de Bourbon yếu đuối, người mẹ đã dẫn dắt con trai mình tới cuộc hôn nhân vương giả này, đã qua đời. Nhiều tin đồn kỳ lạ được lan đi quanh cái chết đột ngột đó. Khắp nơi dậy lên tiếng xì xầm, thậm chí còn có kẻ dám lớn tiếng cho rằng do bà đã phát giác được điều bí mật gì đó rất khủng khiếp nên Thái hậu Catherine de Médicis sợ bị tiết lộ, đã cho đầu độc bà bằng một đôi găng tay tẩm hương do một gã nào đó tên là René, người xứ Florence, vốn nổi tiếng khéo léo về các công việc loại này, chế tạo. Tiếng đồn ngày càng lan rộng và càng được khẳng định, vì sau khi bà hoàng vĩ đại này tạ

thế, theo yêu cầu của con trai bà, hai thầy thuốc, trong đó có ông Ambroise de Paré nổi tiếng đã được phép mổ và nghiên cứu tử thi, trừ bộ não. Song thật oái oăm, vì Jeanne de Navarre đã bị đầu độc bằng đường khứu giác, nên chỉ có bộ não có thể để lại dấu vết của tội ác đó thì lại không được phép khám nghiệm.

Người ta còn được biết vua Charle đã có một sự kiên trì đáng kinh ngạc đối với cuộc hôn nhân này đến mức được coi như một kẻ ương ngạch. Bởi vì xét cho cùng, ngoài việc đem lại hoà bình trong vương quốc, nó còn mở cửa để thu hút về Paris những thủ lĩnh Tân giáo chủ chốt, điều mà những người theo đạo Cơ đốc vẫn e ngại.

Vì cặp tân hôn này, vợ thì theo đạo Cơ đốc, chồng thì theo Tân giáo, nên người ta buộc phải đề đạt tới Grégoire, là đấng tối cao tại Rome, xin được miễn trừ. Khi thấy lệnh miễn trừ đến chậm, Jeanne de Navarre tỏ ra rất lo ngại. Một hôm bà đã bày tỏ với Charle IX nỗi e ngại rằng lệnh miễn trừ có thể không đến thì được nhà vua trả lời: -Xin đừng quá e ngại, cô thân mến ạ! Cháu còn tôn trọng cô hơn cả đức giáo hoàng và yêu quý em gái cháu hơn là cháu lướng. Tuy cháu không phải là người Tân giáo nhưng cháu cũng không phải là thằng ngốc và nếu cái ông giáo hoàng ấy quá đần thì đích thân cháu sẽ cầm tay Margot đến cưới con trai cô giữa những lời giảng kinh Tân giáo.

Lời đó lập tức được truyền từ cung Louvre tới khắp thành phố, làm hả lòng hả dạ những người Tân giáo đồng thời khiến những người Giatô phải hậm hực, suy nghĩ. Những người này đang tự hỏi xem liệu có phải nhà vua đã thực sự phản lại họ không hay ông ta chỉ đóng một tấn tuồng mà một sớm một chiều nó sẽ được kết thúc một cách hết sức bất ngờ.

Đối với Charle IX, nhiều điều thật không giải thích nổi, nhất là thái độ của ông đối với đô đốc de Coligny, người đã điên cuồng chống lại nhà vua trong suốt năm, sáu năm nay. Và cũng trong thời gian đó, Charle IX đã từng treo giá cái đầu ông này một trăm năm mươi ê quy vàng. Ấy thế mà nay nhà vua chỉ tin dùng có mỗi mình ông ta, lại còn gọi ông ta là cha và cao giọng tuyên bố rằng từ nay trở đi chỉ có ông ta là người xứng đáng được quyền điều khiển chiến cuộc. Đến nỗi Thái hậu Catherine de Médicis, người điều khiển chính các hành động, ý đồ, thậm chí cả nguyện vọng của nhà vua trẻ tuổi này, cũng phải tỏ ra lo ngại thực sự.

Điều lo ngại này không phải là vô căn cứ, vì trong một lúc thổ lộ tâm tình, Charle IX đã bày tỏ với đô đốc về cuộc chiến ở Flandres như sau: -Thưa cha, có một điều phải lưu ý: đó là Thái hậu. Như cha đã biết, bà ta cứ muốn dúng mũi vào mọi việc. Hiện nay bà ta còn chưa biết tí gì về việc này. Chúng ta phải giữ kín để bà ta mù tịt, vì con biết lúc nào bà ta cũng cứ sôi sục lên, bà ta sẽ làm hỏng việc mất.

Dù lõi đời và khôn ngoan đến mấy, Coligny cũng khó mà nghi ngờ một sự tin cậy hoàn toàn đến như vậy. Trước đó, ông đến Paris lòng đầy nghi kỵ và trước khi ông rời Châtillon, một bà già nông dân đã quỳ sụp xuống chân ông kêu khóc: "Ôi, thưa ngài, ông chủ tốt bụng của chúng con, xin người đừng đi Paris. Nếu người tới đó, người sẽ chết cùng với tất cả những ai đi theo người". Nhưng rồi nỗi nghi ngại trong ông cũng dần dần tan biến. Nó cũng tan biến đối với Téligny, con rể ông, người được nhà vua ban cho những ân sủng đặc biệt, được nhà vua gọi là người anh em và xưng hô cậu cậu tớ tớ như ông thường cư xử với những người bạn thân nhất của mình.

Vì vậy trừ một vài kẻ còn định kiến và đa nghi, hết thảy những người Tân giáo đều cảm thấy yên lòng. Cái chết của cố hoàng hậu Jeanne de Navarre được coi là hậu quả của bệnh sưng màng phổi. Trong những gian phòng rộng lớn ở Louvre tràn ngập những người Tin lành với lòng tin tưởng rằng, nhờ cuộc hôn nhân của thủ lĩnh Henri trẻ tuổi, họ sẽ được quay lại cái thời giàu sang phú quý.

Đô đốc de Coligny, La Rochefoucault, ông hoàng Condé, Téligny, tóm lại là tất cả những nhân vật đầy thế lực của giáo phái này, những người mà ba tháng trước đây vua Charle và Thái hậu Catherine đã nhăm nhăm muốn treo cổ, đều hoan hỉ thấy mình được nghênh tiếp trọng thể và bỗng chốc trở nên đầy thế lực ở Paris.

Chỉ còn Thống chế Monmorency là người duy nhất không tài nào tin được sự hoà hợp lạ lùng này. Không một lời hứa hẹn nào có thể làm xiêu lòng ông, không một sự giả dối nào có thể che được mắt ông, cho nên ông vẫn một mực ẩn dật trong lâu đài của mình ở Isle – Adam, viện cớ rằng vẫn còn đau buồn về cái chết của thân phụ mình là nguyên soái Andre Monmorency bị Robert Stuart giết bằng một phát súng lục tại trận Saint-Denis. Nhưng cứ xét sự kiện này xảy ra đã trên ba năm nay và tính đa cảm là một thứ đạo đức không mấy hợp thời thượng, nên chẳng mấy ai tin tưởng vào cái chuyện chịu tang quá đỗi lâu ngày như vậy.

Vả chăng, cứ trông vào mọi sự đang diễn ra cũng khiến cho cử chỉ đó của thống chế Monmorency thành sai trái: Nhà vua, thái hậu, quận công d'Anjou và quận công d'Alençon hết lòng thù tạc tiếp khách khứa trong ngày hội của Hoàng gia.

Quận công d'Anjou nhận được từ chính những người Tân giáo những lời khen ngợi xứng đáng về hai trận đánh ở Jarnac và Moncontour mà ở đó ông đã giành được thắng lợi trước khi tròn tuổi mười tám, về mặt này ông còn trẻ hơn cả Cédar và Alecxandre. Quận công d'Alençon nhìn tất cả những điều trên với con mắt vờ vĩnh đầy ve vuốt của mình. Thái hậu Catherine vui mừng rạng rỡ và tràn trề vẻ ân cần. Bà hết lời khen ngợi ông hoàng Henri de Condé về cuộc hôn nhân mới đây của ông ta với Marie de Clevơ. Cuối cùng là chính ông de Guise lại mỉm cười với những kẻ kình địch dữ dội của tộc họ và quận công de Maten thao thao

bàn với ông de Tavan và đô đốc về cuộc chiến tranh, hơn lúc nào hết, đang cần phải được tuyên bố chống Philip II.

Ở giữa những nhóm người nói trên nổi bật lên một người. Người đó đang đi đi lại lại, đầu hơi nghiêng nghiêng và với đôi tai tinh tường đã thâu tóm được tất cả mọi chuyện. Đó là một chàng trai khoảng mười chín tuổi, cặp mắt sắc sảo, tóc đen cắt ngắn, lông mày rậm, mũi khoằm như mỏ chim ưng, có nụ cười tinh quái, mặc dù râu cằm và ria mép mới chớm mọc. Chàng mới nổi bật nhờ trận đánh d'Arnay le Duc, nơi chàng đã tỏ ra gan dạ đến mức liều lĩnh. Chàng nhận được hết lới khen ngợi này đến lời ca tụng khác. Chàng chính là học trò yêu của Coligny và là người hùng trung tâm của lễ hội. Ba tháng trước đây, tức là lúc thân mẫu chàng chưa băng hà, người ta gọi chàng là hoàng tử xứ Bearn, hiện nay người ta gọi chàng là vua xứ Navarre trong khi chờ đợi để rồi sẽ gọi chàng là vua Henri đệ tứ. Tuy vậy, thỉnh thoảng một áng mây u tối lướt nhanh qua vầng trán chàng.

Chắc là chàng chưa quên cách đây mới hai tháng thôi, mẹ chàng đã lìa đời, và hơn ai hết, chàng vẫn ngờ rằng mẹ mình bị đầu độc Nhưng áng mây u tối đó chỉ thoáng lướt qua vì những kẻ chuyện trò với chàng, những kẻ tâng bốc chàng, những kẻ đang kề vai sát cánh với chàng chẳng phải ai xa lạ mà chính là những kẻ đã ám hại mẹ chàng: bà Jeanne d'Albert[375] dũng cảm.

Cách vua xứ Navarre vài bước, quận công de Guise trẻ tuổi, với vẻ tư lự và lo âu đang chuyện gẫu với Téligny trong lúc ông này tỏ ra vui vẻ và cởi mở. So với anh chàng người Bearn, quận công vẫn còn may mắn hơn. Mới hai mươi hai tuổi mà tiếng tăm của ông đã nổi như cồn, gần được như cha ông là Françoise de Guise vĩ đại. Quận công là một lãnh chúa tao nhã, cao lớn, ánh mắt đầy tự hào pha lẫn kiêu ngạo, với cái vẻ đường bệ bẩm sinh khiến người ta có cảm giác rằng bên cạnh ông, những ông hoàng khác nom chỉ như những gã tiện dân. Mặc dù còn trẻ, ông vẫn được những người Gia tô giáo tôn làm thủ lĩnh của họ, cũng giống như những người Tin lành[376] coi Henri de Navarre là thủ lĩnh của mình. Thoạt tiên, quận công mang tước hiệu hoàng tử xứ Goanhvin và tham chiến lần đầu trong cuộc vây hãm Orléans dưới quyền chỉ huy của cha mình. Chính cha ông đã ngã gục trên cánh tay ông, trước khi chết còn kịp chỉ cho ông thấy đô đốc Coligny là kẻ ám hại mình.

Cũng như Anibal, quận công đã nghiêm trang thề trước vong linh cha: nhất quyết báo thù đô đốc Coligny cùng cả nhà ông ta, quyết tróc nã, tiêu diệt những kẻ cùng giáo phái với đô đốc đến kẻ cuối cùng mới thôi, vì quận công đã tự phong cho mình làm thiên thần báo oán của Chúa.

Vị hoàng thân này đã làm dấy lên một sự ngạc nhiên quá mức khi người ta tận mắt thấy ông, người vốn rất trung thành với lời thề của mình, nay lại chìa tay

ra với kẻ thù muôn kiếp, hơn thế lại còn chuyện trò thân mật với con rể của con người mà ông ta sẽ quyết giết như đã hứa với người cha hấp hối.

Buổi tối này quả thực đầy những sự việc đáng ngạc nhiên. Thực tế, nếu có biệt tài tiên đoán được mọi sự kiện của tương lai (mà may thay con người lại không có), nếu có khả năng đọc được những điều sâu kín trong lòng người mà chỉ Chúa mới nắm được, thì người quan sát nào được may mắn dự buổi lễ hội này chắc chắn sẽ cực kỳ khoái trá trước cảnh tượng kỳ dị nhất về tấn trò đời mà sử sách đã từng nói tới.

Nhưng cái người quan sát ấy lại không có mặt trong những sảnh phòng bên trong cung Louvre, mà chỉ tiếp tục đứng ngoài phố, nhìn lễ hội với cặp mắt nảy lửa và với giọng gầm gừ đe doạ. Người quan sát ấy chính là quần chúng. Với cái linh cảm được mài sắc ấy một cách kỳ diệu bởi nỗi căm thù, quần chúng theo dõi từ xa bóng của những kẻ thù không đội trời chung của họ và thể hiện các cảm tưởng của mình một cách rõ ràng như một người điếc tò mò đứng xem người ta nhảy múa. Âm nhạc tạo ra nhịp điệu và làm say lòng người nhảy nhưng người điếc thì chỉ thấy đó là những động tác hết sức lố lăng. Cái tiếng nhạc làm say sưa những người Tân giáo cũng chính là âm thanh tự mãn của dòng họ.

Những ánh chớp lóe lên trong mắt thị dân Paris giữa đêm tối, đó là những ánh chớp của lòng căm thù, nó sẽ chiếu sáng cả tương lai.

Mặc dù vậy trong cung cấm mọi việc vẫn tiếp diễn một cách vui vẻ. Lại thêm một màn khá ngoạn mục khiến hết thảy mọi người đều cảm thấy khá êm ái và huy hoàng: ấy là lúc vị hôn thê kiều diễm trẻ trung, sau khi gỡ chiếc áo choàng lễ phục dài sát đất và chiếc khăn voan, bước vào phòng lễ hội. Cùng sóng đôi với nàng là quận chúa de Nervers xinh đẹp, bạn chí cốt của nàng. Sau đó, anh nàng, vua Charle IX, đưa nàng đi giới thiệu với các đình thần quan trọng nhất trong số khách của ông ta.

Vị hôn thê đó là con gái vua Henri II, viên ngọc của ngai vàng nước Pháp, Marguerite de Valois, người mà trong tình thân mật, nhà vua Charle IX chỉ gọi là cô em Margot của tôi.

Chắc chắn từ xưa tới nay chưa có một sự tiếp đón nào lại xứng đáng hơn sự tiếp đón mà người ta đang giành cho hoàng hậu mới xứ Navarre lúc này. Marguerite chưa đầy hai mươi tuổi mà đã trở thành đối tượng đề ca ngợi của hết thảy những thi sĩ.

Người thì so sánh nàng với nữ thần Bình minh, kẻ thì ví nàng với Cythérée[377]. Vẻ đẹp của nàng quả là nghiêng nước nghiêng thành trong cái triều đình mà Catherine de Médicis đã thu hút về tất cả những mỹ nhân như những tiên dung làm đắm đuối lòng người. Nàng có mái tóc đen, nước da sáng rỡ, mắt nhìn mê đắm ẩn sau hàng mi dài, đôi môi nhỏ đỏ thắm, cổ cao thanh tú, thân hình thon thả và mềm mại, bàn chân nhỏ nhắn như chân con trẻ của nàng ẩn trong đôi

hài sa tanh. Những người Pháp coi nàng như quốc bảo, tự hào được thấy trên đất nước họ nở ra một bông hoa lộng lẫy đến thế. Những người nước ngoài đến nước Pháp không những loá mắt về sắc đẹp của nàng khi được nhìn nàng mà họ còn choáng ngợp về kiến thức của nàng nếu được nói chuyện với nàng. Bởi Marguerite không chỉ là người phụ nữ đẹp nhất thời đại mà nàng còn là người phụ nữ có học thức nhất. Người ta dẫn lại lời một nhà bác học Ý, sau khi được nàng tiếp chuyện trong một giờ bằng tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Latinh và tiếng Hy Lạp, đã bước ra và thốt lên trong niềm xúc động: "Được hội kiến với triều đình mà chưa được gặp Marguerite de Valois nghĩa là chưa nhìn thấy cả nước Pháp và chưa gặp triều đình."

Cũng vì thế nên không thiếu những lời đàm tiếu nhằm vào vua Charle IX và hoàng hậu xứ Navarre. Về tài đàm tiếu của những người Tin lành thì khỏi phải bàn, vì vậy đã có nhiều lời ám chỉ quá khứ, nhiều ước đoán cho tương lai được khéo léo xen vào giữa những lời hô hào qui thuận nhà vua. Nhưng đối với tất cả những lời ám chỉ này, Charle chỉ trả lời với một nụ cười xảo quyệt trên đôi môi tái nhợt: -Khi trao cô em Margot của tôi cho Henri de Navarre, tôi đã trao trái tim mình cho tất cả những người Tin lành trong vương quốc.

Đó là lời làm yên lòng kẻ này và khiến kẻ khác tủm tỉm cười, vì nó thực sự có hai nghĩa: một là theo nghĩa nhân ái, vì hắn Charle cũng không có ẩn ý gì trong câu nói thực lòng đó; hai – nó mang theo một nghĩa khác: nó nhằm lăng mạ cô dâu, chú rể và nhằm cả vào kẻ thốt ra câu nói đó. Thực ra câu nói này có thể gợi lại những điều tai tiếng âm ỉ do những kẻ sính tin đồn muốn tìm cách làm vấy lên tấm áo tân hôn của Marguerite de Valois.

Trong lúc đó, de Guise vẫn đang chuyện trò với Téligny, nhưng ông không chú tâm lắm vào chuyện trò mà thỉnh thoảng lại ngoái đầu nhìn về nhóm các bà, các cô trong đó hoàng hậu xứ Navarre nổi bật lên rực rỡ. Mỗi khi ánh mắt của nàng bắt gặp cái nhìn của chàng quận công trẻ tuổi thì một áng mây mở lại lướt qua vầng trán duyên dáng được kết những ngôi sao bằng kim cương tạo nên một vầng hào quang lung linh của nàng và khi ấy một ý định mơ hồ nào đó được để lộ ra qua thái độ sốt ruột và xao xuyến của nàng.

Chị ruột Marguerite là công chúa Claude, lấy quận công de Lorainne được vài năm, đã nhận thấy những dấu hiệu đáng lo ngại ấy, bèn tìm cách nhích lại gần cô em để hỏi duyên cớ. Nhưng đáng lẽ đến được gần thì công chúa Claude lại bị đẩy lùi ra xa vì đúng lúc bấy giờ Thái hậu vịn tay ông hoàng Condé trẻ tuổi bước vào, khiến mọi người đều phải dạt ra tránh đường. Nhân lúc xáo trộn đó quận công de Guise tranh thủ nhích lại gần phu nhân de Nervers, chị dâu mình, nhờ đó có thể lại gần cả Marguerite.

Phu nhân de Lorainne vốn không rời mắt khỏi em mình, ngay lúc đó nhận thấy thay cho đám mây mờ trên vầng trán của công chúa là một hơi lửa nồng nàn

thoảng qua trên má nàng. Quận công vẫn cứ tiến tới và khi ông chỉ còn cách Marguerite khoảng hai bước thì nàng, dường như cảm thấy hơn là nhìn thấy, bèn quay mặt lại với cố gắng hết sức giữ cho vẻ mặt bình tĩnh và vô tư. Quận công nghiêng người cung kính chào nàng và thì thầm "Ipse alluli", có nghĩa là "Tôi đã đem cái đó tới hoặc "Cái đó đã được chính tôi đem tới". Marguerite cúi chào quận công và khi trở về tư thế cũ, nàng buông ra câu trả lời sau: "Noctu pro more", nghĩa là "Đêm nay như thường lệ"

Chiếc áo nàng mặc có cổ cao và rộng xếp thành nhiều ô hình quả trám nom như một chiếc loa bao quanh cổ nàng nên những lời dịu dàng đó nói với ai thì chỉ người đó nghe được mà thôi. Cuộc đối thoại tuy rất ngắn ngủi nhưng chắc chắn đã bao gồm tất cả những gì mà đôi bạn trẻ muốn nói với nhau. Sau khi trao đổi hai từ lấy ba từ như vậy, họ tách rới nhau để vầng trán Marguerite thêm tư lự còn vầng trán của quận công rạng rỡ hơn. Màn kịch nhỏ này xảy ra trong lúc người đáng phải nhận thấy nhất lại không để ý đến vì về phía ông ta, vua xứ Navarre, lại chỉ chăm chú dán mắt vào một con người cũng nổi bật không kém trong đám người hâm mộ tụ tập quanh mình.

Đó là phu nhân de Sauve xinh đẹp.

Charlotte de Beaune-Semblançay, cháu gái của ông Beaune-Semblançay bất hạnh, vợ của Simon de Phize, nam tước phu nhân de Sauve là một trong những thị nữ trông coi trang phục của Catherine de Médicis và cũng là một trong số những trợ thủ đáng gờm của bà hoàng này. Người vẫn được bà hoàng sử dụng để rót bùa yêu cho kẻ thù khi bà không dám rót thứ thuốc độc Florence cho họ. Vóc người nhỏ nhắn, tóc vàng, khi thì hoạt bát đầy sức sống, khi thì đượm vẻ u hoài, nam tước phu nhân luôn luôn sẵn sàng lao vào các cuộc yêu đương hay mưu mô vốn là hai việc lớn từ năm mươi năm nay làm cho triều đình của ba vì vua kế tiếp nhau luôn lộn xộn. Rất đàn bà, tràn đầy duyên dáng, từ cặp mắt xanh lúc ưu sầu, lúc lấp lánh những tia lửa nồng nàn, tới đôi bàn chân nhỏ nhắn uốn éo trong đôi hài nhung, phu nhân de Sauve đã thu hết hồn vía của vua xứ Navarre đang tập tọng bước vào đường tình duyên cũng như đường chính trị. Thậm chí đến như Marguerite de Navarre với vẻ đẹp lộng lẫy vương giả cũng không gợi lên được sự thán phục từ đáy lòng của đức ông chồng. Có một điều kỳ lạ làm tất cả mọi người đều ngạc nhiên, mặc dù người ta biết nó xuất phát từ một tâm hồn đầy bí ẩn và tăm tối, là việc Catherine de Médicis trong khi theo đuổi ý đồ tác thành con gái mình với vua xứ Navarre, vẫn không ngừng tạo điều kiện gần như là công khai cho cuộc tình duyên giữa ông này với phu nhân de Sauve. Nhưng mặc dầu có sự trợ giúp đó và dù cho các phong tục của thời đại còn khá dễ dãi, cho tới lúc đó, người đẹp Charlotte vẫn còn cưỡng lại được. Và chính điều đó làm cho trái tim anh chồng người Bearn này sinh ra một mối cuồng si không thể tưởng tượng được. Mối cuồng si không được thoả mãn đó chứa chất trong lòng và làm tiêu tan

sự rụt rè, lòng kiêu hãnh và sự vô tư lự nửa như triết gia, nửa như đại lãn vốn là tính cách điển hình của nhà vua trẻ.

Phu nhân de Sauve chỉ mới bước chân vào phòng nhảy vài phút thôi… Hoặc vì hờn giận, hoặc vì đau lòng, thoạt tiên bà định không dự phần vào thắng lợi của kẻ tình địch, lấy cớ trong người khó ở, bà đã để cho đức ông chồng, mới lên thượng thư từ năm năm nay, đến cung Louvre một mình. Nhưng khi thấy nam tước de Sauve không đi cùng vợ, Catherine de Médicis đã hỏi thăm xem điều gì khiến Charlotte yêu quý của bà không đến được. Và khi biết rằng đó chỉ là một cơn ươn người nhẹ, Thái hậu đã viết mấy chữ cho gọi và người thiếu phụ vội vàng tuân lệnh.

Henri, mới đầu còn rất buồn bã vì nỗi bà de Sauve vắng mặt, đã dễ thở hơn khi thấy ông de Sauve bước vào một mình. Nhưng đúng cái lúc ông ta không chờ đợi sự xuất hiện của bà nam tước nữa, cái lúc ông vừa thở dài vừa tiến về phía người đẹp mà ông ta, nếu như không buộc phải yêu, ít ra cũng buộc phải đối xử như vợ, thì đúng lúc đó ông thấy bà de Sauve xuất hiện ở đầu kia gian phòng. Ông đứng như trời trồng, mắt đăm đăm dán vào nàng Circé[378] đã trói buộc ông với nàng như bằng một sợi dây phù phép. Và đáng lẽ phải tiếp tục đi về phía vợ thì bằng một động tác ngập ngừng vì ngạc nhiên hơn là e ngại, ông tiến thẳng về phía phu nhân de Sauve.

Về phía mình, các triều thần khi thấy vua xứ Navarre mà người ta đã biết là trái tim dễ bốc lửa, xích lại gần người đẹp Charlotte thì họ không đủ can đảm để ngăn trở sự gặp gỡ đó, họ ý tứ rời đi chỗ khác. Cùng vào cái lúc mà Marguerite de Valois và ông de Guise trao đổi một vài từ latinh đã nêu ở trên, thì Henri tới gần phu nhân de Sauve, bắt chuyện với bà một cách ít bí mật hơn, bằng một thứ tiếng Pháp hết sức dễ hiểu, có pha đôi chút giọng xứ Gasconge: -A! Bà bạn – Ông nói – Bà tới đúng vào lúc người ta thông báo với tôi là bà bị ốm và tôi đã hết hy vọng được gặp bà.

-Phải chăng Hoàng thượng có nhã ý tin rằng Người phải chịu thiệt thòi không ít khi mất đi niềm hy vọng đó? – Phu nhân de Sauve đáp

-Tôi tin chắc là thế, thề có Chúa – Chàng Bearn tiếp lời – Chẳng lẽ bà không biết rằng bà là mặt trời của tôi lúc ban ngày và ngôi sao của tôi lúc đêm tối hay sao? Tôi thực sự cảm thấy mình bị chìm trong đêm tối cho tới khi bà xuất hiện. Khi đó mọi vật đột nhiên được soi sáng.

-Nếu thế thì tôi hẳn đã chơi ác Người đấy nhỉ, thưa Hoàng thượng?

-Bà muốn nói gì vậy, bà bạn thân mến? – Henri hỏi.

-Tôi muốn nói rằng khi người ta đã là chủ của người đàn bà đẹp nhất nước Pháp, điều duy nhất mà người ta mong ước, đó là ánh sáng hãy biến đi và nhường chỗ cho bóng đêm đầy hạnh phúc đang chờ đợi.

-Hạnh phúc đó, bà bạn xấu nết ơi, bà thừa biết là nó nằm trong tay một người thôi. Người ấy đang giễu cợt và hành hạ Henri tội nghiệp này!

-Ôi, ngược lại, tôi tưởng là chính cái con người đó đang bị vua xứ Navarre giễu cợt và hành hạ chứ!

Henri hoảng sợ về thái độ ác cảm này của phu nhân de Sauve Tuy vậy ông lại cho rằng điều đó thể hiện sự hớn giận, mà sự hớn giận chỉ là mặt nạ của tình yêu. Ông nói tiếp: -Nói cho cùng, Charlotte thân mến ạ, bà lên án tôi không đúng đâu. Tôi không hiểu sao từ một đôi môi xinh xắn đến thế lại có thể thốt ra những lời độc ác đến như vậy. Bà tưởng rằng tôi cưới vợ ư? Không đâu, xin thề, không phải tôi.

-Lẽ nào lại là tôi! – Nam tước phu nhân đanh đá đáp lại.

-Với cặp mắt đẹp của bà, bà không nhìn thấy gì xa hơn ư, nam tước phu nhân? Không, không, đây không phải là Henri xứ Navarre cưới Marguerite de Valois đâu.

-Vậy thế thì là ai cơ chứ?

-À, thề có Chúa! Đó là đạo Tân giáo cưới giáo hoàng. Chỉ có thế thôi.

-Không đâu, thưa đức ông, tôi chẳng để mình bị mắc bẫy vào các trò chơi chữ của Người đâu. Hoàng thượng yêu lệnh bà Marguerite, tôi chẳng dám lên án Người về điều đó. Chúa giữ cho tôi đừng làm như vậy! Lệnh bà cũng đủ đẹp để khiến người ta yêu.

Henri suy nghĩ một lát, và trong khi ông suy nghĩ, một nụ cười chân thật nở trên môi ông: -Nam tước phu nhân ạ – Ông nói – Tôi thấy hình như bà định gây sự với tôi thì phải. Bà không được làm thế đâu nhé, bà đã làm gì để ngăn cản tôi đừng cưới lệnh bà Marguerite nào? Bà đã không làm gì hết. Ngược lại, lúc nào bà cũng làm cho tôi thất vọng.

-Tôi làm thế mà hay đấy, thưa Hoàng thượng!

-Sao lại thế?

-Chắc chắn là như thế, vì hôm nay Đức ông cưới người khác mà.

-À. tôi cưới bà ta là vì bà không yêu tôi.

-Nếu tôi đã yêu Người, thưa Hoàng thượng thì chỉ trong khoảng một tiếng đồng hồ nữa chắc tôi sẽ phải chết!

-Trong khoảng một giờ nữa! Bà muốn nói gì vậy, và bà sẽ chết vì sao cơ?

-Vì ghen… Vì trong khoảng một giờ nữa hoàng hậu Navarre sẽ cho các thị nữ theo hầu về nghỉ còn Hoàng thượng thì cho các vị quý tộc hầu cận Người được phép lui về.

-Có thực đó là ý nghĩ khiến bà bận tâm hay không, bà bạn thân mến?

-Tôi không nói thế. Tôi nói rằng nếu như tôi yêu Người thì điều đó sẽ khiến tôi bị giày vò một cách kinh khủng.

-Thế thì – Henri sung sướng kêu lên khi nghe được lời thú nhận đầu tiên này- Thế nếu vua xứ Navarre không cho những người hầu lui về trong đêm nay thì sao?

-Thưa Hoàng Thượng, Người nói những chuyện không thể có được nhất là không thể tin được – Phu nhân de Sauve vừa nói vừa nhìn nhà vua với vẻ ngạc nhiên thật sự.

-Phải làm gì để bà tin nhỉ?

-Phải cho tôi bằng chứng, và cái bằng chứng này, Hoàng thượng lại không thể trao cho tôi được.

-Có chứ, có chứ, nam tước phu nhân ạ. Thề có thánh Henri, ngược lại, tôi sẽ trao bằng chứng đó cho bà – Nhà vua vừa nói vừa đăm đăm nhìn người thiếu phụ với ánh mắt rực lửa tình yêu.

-Ôi Hoàng thượng… – Bà Charlotte xinh đẹp vừa thì thầm hạ giọng và cúi mặt xuống – Tôi không hiểu… Không! Không! Hoàng thượng không thể nào thoát khỏi được cái hạnh phúc đang chờ đợi Người.

-Trong phòng này có bốn Henri, người đẹp mà tôi thở phụng ạ! – Nhà vua nói tiếp – Henri nước Pháp nhé, Henri de Condé nhé, Henri de Guise nhé, nhưng chỉ có một Henri xứ Navarre thôi.

-Thế thì sao cơ?

-Thế thì, nếu như tay Henri xứ Navarre ấy được ở gần bà suốt đêm nay…

-Suốt đêm nay?

-Đúng, nếu thế thì liệu bà có tin rằng anh ta sẽ không ở gần người khác hay không?

-Ôi, thưa Hoàng thượng, nếu Người làm như vậy… – đến lượt bà de Sauve thảng thốt kêu lên.

-Thề danh dự quý tộc, tôi sẽ làm đúng như vậy!

Phu nhân de Sauve ngước đôi mắt to ướt long lanh và mỉm cười đắm đuối với nhà vua khiến trái tim ông ta tràn ngập niềm hân hoan say đắm.

-Nào – Henri nói – Nếu như vậy thì bà bảo sao?

-Ôi, nếu được như vậy – Charlotte trả lời – Nếu được như vậy tôi sẽ nói rằng tôi thực sự được bệ hạ thương yêu.

-Thế chứ! Bà sẽ nói như thế, vì điều đó sẽ là như thế, nam tước phu nhân ạ.

-Nhưng làm thế nào được? – Phu nhân de Sauve thì thầm.

-Ồ! Thề có Chúa! Chẳng lẽ quanh bà lại không có lấy một thị tỳ, một con hầu mà bà tin cẩn hay sao?

-Ồ! Tôi có Dariole trung thành với tôi đến nỗi nó có thể xả thân vì tôi: một kho báu thật sự đấy.

-Thề có Chúa! Nam tước phu nhân ạ, hãy nói với cô bé ấy rằng tôi sẽ gây dựng gia tài cho cô ta khi nào tôi làm vua nước Pháp như các nhà chiêm tinh đã

tiên đoán.

Charlotte mỉm cười, vì ngay từ thời đó tính khí Gasconge của anh chàng Bearn về những lời hứa hẹn đã nổi như cồn.

-Thế thì – Bà nói – Hoàng thượng cần gì ở Dariole nào?

-Đối với cô ta thì điều đó là ít ỏi nhưng lại là tất cả đối với tôi – Tóm lại là…?

-Phòng của bà ở phía trên phòng tôi phải không?

-Vâng.

-Vậy cô ta hãy đợi đằng sau cánh cửa. Tôi sẽ gõ nhẹ ba lần. Cô ta mở cửa và bà sẽ có được cái bằng cớ mà tôi dâng cho bà.

Phu nhân de Sauve im lặng vài giây, rồi bà nhìn quanh tựa như không muốn có người nghe thấy. Cái nhìn của bà dừng lại một lát ở nhóm người trong đó có Thái hậu đang đứng. Dù cho khoảnh khắc ấy ngắn ngủi đến đâu chăng nữa, nó cung đủ để Catherine và người trông coi trang phục của bà trao đổi với nhau một cái nhìn.

-Ôi nếu tôi muốn bắt quả tang bệ hạ nói dối… – Phu nhân de Sauve nói với giọng có thể làm tan chảy những trái tim chai đá nhất.

-Cứ thử xem, bà bạn thân mến, cứ thử xem…

-Ôi thề chứ, thú thật là tôi đang cưỡng lại ý muốn đó đây.

-Bà hãy chịu thua đi! Đàn bà chỉ mạnh nhất sau khi họ đã chịu thua rồi thôi.

-Thưa Hoàng thượng, tôi xin ghi nhớ lời hứa của Người đối với Dariole khi Người đã là vua nước Pháp.

Henri thốt lên một tiếng kêu vui mừng.

Đúng vào lúc tiếng kêu đó thốt ra khỏi miệng Henri thì hoàng hậu Navarre cũng trả lời quận công de Guise: -Noctu pro more (Đêm nay như thường lệ).

Lúc Henri rời khỏi bà de Sauve, ông cũng sung sướng như quận công de Guise rời xa Marguerite de Valois.

Một tiếng đồng hồ sau cái màn kịch kép vừa kể trên, vua Charle và Thái hậu lui về phòng mình. Gần như tức thì các phòng bắt đầu vãn người, các sảnh đường để lộ những chân cột bằng cẩm thạch. Đô đốc và hoàng thân de Condé được bổn trăm nhà quý tộc Tân giáo tháp tùng đi qua đám đông đang gầm gừ với họ. Rồi đến Henri de Guise cùng với các lãnh chúa xứ Lorains và những người Giatô ra khỏi cung điện giữa những tiếng reo hò và vỗ tay của quần chúng.

Về phần Marguerite de Valois, Henri xứ Navarre và phu nhân de Sauve chúng ta đều biết rằng họ ở ngay trong cung Louvre.

§2. Căn phòng của hoàng hậu xứ Navarre

Quận công de Guise đưa chị dâu là quận chúa de Nervers về dinh mình tại phố Sômơ đối diện với phố Brac. Sau khi giao quận chúa cho các thị nữ của nàng, ông lập tức quay về phòng riêng để thay trang phục. Quận công khoác một chiếc áo choàng đêm, và để phòng thân, ông mang theo một thứ dao găm sắc nhọn được mệnh danh là "lời thề của nhà quí tộc" thay cho kiếm.

Khi chạm tay vào con dao để trên bàn, ông nhận ra một mảnh giấy nhỏ được gài vào giữa lưỡi dao và vỏ. Ông mở tớ giấy ra đọc:"Tôi mong rằng đêm nay ngài de Guise không quay trở lại cung Louvre nữa. Nếu quay lại đó, ngài phải cẩn thận mặc thêm chiếc áo giáp và mang theo một thanh kiếm sắt"

-Ái chà! – Quận công vừa thốt lên vừa quay về phía người hầu phòng của mình – Một lời cảnh cáo ly kỳ đấy, thầy Robin ạ Thầy hãy vui lòng cho ta hay những ai đã vào đây trong lúc ta đi vắng.

-Chỉ duy nhất một người thôi, thưa đức ông.

-Ai vậy?

-Ngài Du Gast.

-A! Ta cũng đã phần nào nhận ra nét chữ của ông ta. Mi đoán chắc là Du Gast đã tới chứ, mi đã nhìn thấy ông ta chứ?

-Còn hơn thế nữa, thưa đức ông, tôi đã nói chuyện với ông ta.

-Được, ta sẽ làm theo lời khuyên này. Đem áo jacket và kiếm của ta lại đây.

Người hầu phòng vốn đã quen với chuyện thay đổi y phục này nên không hỏi gì thêm, lần lượt đem những thứ đó tới. Quận công mặc chiếc áo jacket kết bằng những vòng xích mềm dễ uốn tới mức mặt cốt thép không dày hơn mấy so với nhung.

Phủ bên ngoài áo jacket là chiếc áo ngắn màu xanh có những viền bạc mà ông vốn ưa thích. Sau khi mặc chiếc quần nịt, ông xỏ đôi ghệt và kéo cao lên tới giữa đùi rồi chụp lên đầu một chiếc mũ nhung đen xoàng xĩnh không có chỏm lông hoặc nạm đá quý. Cuối cùng, sau khi đã khoác thêm ra ngoài một chiếc áo măng-tô sẫm màu, gài dao vào thắt lưng trao kiếm cho người hầu, kẻ tuỳ tùng duy nhất mà ông cho phép đi theo, quận công lên đường tới cung Louvre.

Khi ông bước chân ra khỏi cổng dinh thự, người canh đêm ở Saint-Germain l'Astruce vừa báo: một giờ sáng.

Dù cho đêm đã muộn mằn và đường phố thời ấy không lấy gì làm yên ổn, ông hoàng mạo hiểm này không gặp phải một biến cố nào và đã an toàn tới được trước cái khối đen kịt của cung Louvre cổ kính. Đèn đóm ở đây đã lần lượt tắt hết. Vào giờ này trong bóng tối và sự câm lặng, Louvre hiện lên sừng sững, dữ tợn. Phía trước hoàng cung là một đường hào sâu. Phần lớn các phòng của các

bậc vua chúa ở trong cung đều trông ra con hào ấy Phòng ở của Marguerite nằm ở tầng một.

Người ta có thể trèo dễ dàng tới tầng một nếu như không có hào rãnh, nhưng vì có hào rãnh nên tầng một tự nhiên được tôn cao gần ba chục bộ, tức là ngoài tầm với của các tình nhân và kẻ trộm. Nhưng điều đó không hề ngăn cản ông de Guise mạnh dạn tụt xuống rãnh hào ấy.

Cùng lúc đó, người ta nghe thấy tiếng một cánh cửa sổ ở tầng một mở ra. Cửa sổ ấy có song sắt, nhưng đã có một bàn tay thò ra, nâng một khung sắt đã được cửa từ trước, và treo một dải lụa qua lỗ mở ấy.

-Gillone phải không?– Quận công thấp giọng hỏi.

-Thưa đức ông, vâng – Giọng phụ nữ trả lời thì thầm.

-Thế còn Marguerite?

-Lệnh bà đang chờ đức ông.

-Được. Nói tới đó, quận công ra hiệu cho người hầu cởi chiếc áo măng-tô của mình và rút ra một chiếc thang dây nhỏ. Quận công buộc một đầu thang vào sợi dây lụa. Gillone kéo chiếc thang về phía mình, buộc một cách chắc chắn vào song sắt.

Sau khi cài kiếm vào thắt lưng quận công trèo lên một cách an toàn. Sau lưng ông, cái khung sắt lại trở về vị trí cũ, cánh cửa sổ khép lại… Khi thấy lãnh chúa của mình, người mà y đã hộ tống có tới hai chục lần tới đây, đã yên ổn lọt vào cung Louvre, người hầu bèn cuộn mình trong chiếc áo măng-tô và đánh luôn một giấc dưới hào, khuất trong bóng tối của tường thành.

Trời tối đen như mực. Một vài giọt nước to ấm áp rai từ những đám mây xám xịt.

Người phụ nữ dẫn đường cho quận công de Guise vốn là con gái của Jacques de Matignon, thống chế nước Pháp. Đó là nàng hầu tin cẩn nhất của Marguerite, cô biết hết mọi điều bí mật của nàng. Người ta còn đồn rằng trong số những điều bí ẩn mà lòng trung thành của de Gillone gìn giữ có cả những chuyện khủng khiếp đến nỗi chính những chuyện đó đã buộc Gillone phải giữ kín cả những chuyện khác.

Dọc theo các căn phòng thấp và các hành lang, đèn lửa đã tắt hết. Thỉnh thoảng một ánh chớp nhợt nhạt lóe lên rọi vào những phòng ở tối tăm một thứ ánh sáng xanh nhớ rồi lại tắt biến ngay.

Quận công được người dẫn đường cầm tay đưa đi. Cuối cùng họ tới một cầu thang xoáy trôn ốc trổ dọc theo bề dày của tưởng dẫn tới một cánh cửa bí mật ẩn trong tiền sảnh nhà ở của Marguerite. Tới đó, Gillone dừng lại.

-Đức ông có đem cái mà hoàng hậu yêu cầu đem tới không? – Cô thì thầm hỏi.

-Có – Quận công de Guise trả lời – Nhưng ta chỉ trao nó cho chính lệnh bà mà thôi.

-Vậy đừng để mất thì giờ nữa hãy tới đây! – Một giọng nói vọng lên từ giữa bóng tối khiến quận công giật mình. Ông đã nhận ra giọng Marguerite.

Cùng lúc đó tấm màn cửa bằng nhung tím điểm hoa huệ vàng được kéo lên. Trong bóng tối, quận công nhận ra chính hoàng hậu vì sốt ruột, đã tới. trước đón ông.

-Thưa lệnh bà, tôi đây – Quận công nói.

Khi đó tới lượt Marguerite de Valois dẫn đường cho vị vương hầu trong khu phòng ở mà ông đã biết quá rõ này, trong khi Gillone đứng ngay tại cửa, đưa ngón tay lên miệng để trấn an bà hoàng chủ mình.

Dường như hiểu được những lỗi lo ngại ghen tuông của quận công, Marguerite dẫn ông tới tận buồng ngủ của mình. Tới đó nàng dừng lại.

-Thế nào – Nàng nói với quận công – Ông có bằng lòng không, thưa quận công?

-Về điều gì cơ chữ, thưa lệnh bà? – Quận công hỏi.

-Về cái bằng chứng mà tôi đưa cho ông đây – Marguerite nói tiếp với một chút tức giận – Về việc tôi thuộc về một người đàn ông mà cả trong buổi tối của ngày cưới, cả trong đêm tân hôn nữa, đã xem thường tôi đến nỗi không thèm đến cảm ơn tôi về niềm vinh dự tôi ban cho ông ta, không phải chỉ bằng cách đã chọn ông ta mà còn bằng cách đã chấp nhận ông ta làm chồng.

-Ô! Thưa lệnh bà – Quận công buồn bã nói – Xin Người hãy bình tâm, ông ta sẽ tới, nhất là khi Người mong muốn điều đó.

-Ông mà cũng nói như vậy sao – Marguerite kêu lên – Trong tất cả mọi người thì ông là người biết rõ cái điều ông nói là ngược lại. Nếu như tôi đã có cái mong muốn mà ông ngờ cho tôi đó, thì liệu tôi có yêu cầu ông tới Louvre hay không?

-Marguerite, nàng mời tôi tới Louvre vì nàng muốn xoá nhoà tất cả mọi dấu vết quá khứ của chúng ta, vì cái quá khứ còn sống không chỉ trong trái tim tôi mà còn trong cả chiếc hộp bạc mà tôi đem tới cho nàng đây.

-Henri, ông có muốn tôi nói với ông một điều không? – Marguerite vừa nói vừa nhìn chằm chằm vào quận công – Đó là ông khiến tôi có cảm tưởng ông không phải là một vị vương hầu nữa mà chỉ là một cậu học trò thôi! Tôi mà lại phủ nhận việc tôi đã yêu ông ư? Tôi mà muốn dập tắt một ngọn lửa có thể sẽ mất đi nhưng ánh phản quang của nó thì còn mãi! Vì tình yêu của những người thuộc họ hàng vua chúa như tôi soi sáng và thường làm tiêu huỷ cả một thời đại. Không, không, quận công thân mến! Ông có thể giữ lại tất cả những bức thư của Marguerite của ông và chiếc hộp nàng đã trao cho ông. Trong số những bức thư nằm trong hộp, tôi chỉ đòi lại ông có một bức, là vì nó nguy hiểm cho cả ông và tôi.

-Tất cả đều là của lệnh bà – Quận công nói – Vậy xin Người hãy chọn trong số bức thư mà Người muốn huỷ đi.

Marguerite sốt sắng lục lọi trong chiếc hộp để ngỏ. Với bàn tay run rẩy, nàng lần lượt rút ra khoảng một tá thư mà chỉ cần nhìn địa chỉ thì trí nhớ của nàng cũng nhắc lại cho nàng tất cả nội dung những bức thư đó. Nhưng khi kiểm soát xong chỗ thư, nàng tái mặt đi nhìn quận công: -Quận công, bức thư mà tôi tìm thì không có ở đây. Phải chăng ông đã tình cờ đánh mất nó? Còn nếu như ông đã giao nộp nó thì…

-Lệnh bà tìm bức thư nào?

-Bức thư mà trong đó tôi đã nói ông cần phải cưới vợ ngay, không được chậm trễ.

-Để làm giảm nhẹ sự không chung thuỷ của nàng chăng?

Marguerite nhún vai: -Không, mà là để cứu ông. Bức thư mà trong đó tôi nói với ông rằng đức vua khi nhận thấy mối tình của chúng ta và biết được những nỗ lực của tôi nhằm phá vỡ cuộc hôn nhân tương lai của ông với công chúa Bồ Đào Nha, đã cho gọi người em con hoang Đănggiulêm của ông ta tới và trỏ cho ông này hai thanh gươm: "Với thanh gươm này, đêm nay người phải giết bằng được Henri de Guise hoặc ngày mai ta sẽ giết người bằng thanh gươm kia." Bức thư đó đâu?

-Nó đây! – Quận công vừa nói vừa rút bức thư từ trong ngực ra.

Marguerite gần như giằng lấy bức thư từ tay quận công, hấp tấp mở ra để yên trí rằng đó đúng là bức nàng đòi. Nàng thốt lên một tiếng kêu vui mừng và đưa bức thư gần ngọn nến. Lửa từ sợi bấc tức thì bén vào tờ giấy và thiêu rụi nó trong chốc lát.

Dường như sợ rằng người ta có thể tìm thấy cái thông báo bất cẩn ấy cả trong tro tàn, nàng còn xéo nát cả tro dưới chân mình.

Suốt cả thời gian xảy ra hành động đầy kích động ấy, quận công de Ghiđơ không rời mắt khỏi người yêu.

-Thế nào, Marguerite – Ông nói khi nàng đã đốt xong – Bây giờ nàng đã hài lòng chưa?

-Vâng, vì giờ đây ông đã cưới công chúa de Poocxiăng, anh tôi sẽ tha thứ cho mối tình của tôi. Nhưng ông ta khó mà tha thứ được sự tiết lộ một bí mật mà vì mối thiện cảm của tôi đối với ông, tôi đã không đủ sức để giấu ông.

-Đúng thế – Quận công de Guise nói – Vào thời đó nàng còn yêu tôi.

-Và hiện nay tôi vẫn yêu ông, Henri, vẫn như vậy và còn hơn bao giờ hết.

-Nàng ư?…

-Vâng, vì ngày hôm nay hơn lúc nào hết, tôi cần có một người bạn chân thành và tận tuỵ. Là hoàng hậu nhưng tôi không có ngai vàng, là vợ nhưng tôi không có chồng.

Ông hoàng trẻ tuổi buồn bã lắc đầu.

-Nhưng tôi xin nói và xin nhắc lại với ông Henri, rằng chồng tôi không những không yêu tôi, mà ông ta còn căm thù tôi, ông ta khinh miệt tôi. Vả lại, dường như tôi thấy sự có mặt của ông trong căn phòng mà đáng lẽ ra ông ta phải có mặt, là bằng chứng của sự căm thù và khinh thị đó.

-Còn chưa muộn đâu, thưa lệnh bà. Vua xứ Navarre cần có thì giờ để cho các nhà quý tộc theo hầu lui về nghỉ, và nếu như ông ta chưa đến thì ông ta cũng sẽ không để muộn hơn nữa đâu.

-Tôi thì tôi nói với ông rằng ông ta sẽ không đến – Marguerite nói với vẻ tức giận mỗi lúc một tăng.

-Tâu lệnh bà – Gillone vừa kêu lên vừa mở cửa vén rèm cửa – Tâu lệnh bà, vua xứ Navarre đã ra khỏi khu phòng ở của mình.

-Ồ! Tôi đã biết là ông ta sẽ tới mà! – Quận công de Guise thốt lên.

-Henri – Marguerite nói với giọng cộc lốc và nắm lấy tay quận công – Ông sẽ thấy tôi có phải là một người đàn bà biết giữ lời hay không? Và người ta có thể tin được vào điều mà tôi đã hứa hay không. Henri, ông hãy vào trong buồng đây.

-Thưa lệnh bà, Người hãy để cho tôi đi trong khi còn kịp. Xin Người hãy nghĩ rằng chỉ một dấu hiệu yêu đương đầu tiên nào ông ta tỏ ra đối với Người, tôi sẽ ra khỏi buồng và khi đó thì sẽ khốn cho ông ta đấy!

-Ông điên à! Vào đi, tôi bảo ông vào đi, tôi sẽ đảm bảo mọi chuyện.

Và nàng đẩy quận công vào trong buồng.

Vừa kịp, khi cánh cửa vừa khép lại sau lưng quận công thì vua xứ Navarre tươi cười xuất hiện trên ngưỡng cửa. Đi hộ tống ông là hai người hầu mang theo tám ngọn đuốc bằng sáp vàng đặt trên hai giá đèn.

Marguerite cúi chào thật thấp để giấu sự lúng túng của mình.

-Bà vẫn chưa đi nghỉ ư, thưa bà? – Anh chàng người Bearn hỏi với vẻ mặt vui vẻ và cởi mở – Có phải bà tình cờ đợi tôi không?

-Không đâu, thưa ông! – Marguerite trả lời – Vì mới hôm qua đây ông còn nói với tôi rằng ông biết rõ là cuộc hôn nhân của chúng ta chỉ là một mối liên minh chính trị và ông sẽ chẳng bao giờ gò ép tôi.

-Càng tốt, nhưng đó không phải là lý do để chúng ta không chuyện gẫu một chút. Gillone, đóng cửa lại và hãy để mặc chúng tôi.

Marguerite đang ngồi liền đứng dậy và giơ tay ra hiệu như thể muốn ra lệnh cho những người hầu ở lại.

-Liệu tôi có phải cho gọi các thị nữ của bà không? – Nhà vua hỏi – Tôi sẽ cho gọi nếu như bà muốn thế, mặc dù tôi xin thú nhận với bà là những điều mà tôi cần nói với bà đây, tôi thích chúng ta nói tay đôi hơn.

Và nhà vua tiến về phía căn buồng.

-Không! – Marguerite kêu lên và lao về phía trước nhà vua với vẻ cương quyết – Không, vô ích thôi! Tôi sẵn sàng nghe ông nói đấy.

Anh chàng Bearn đã biết được điều mà anh ta muốn biết.

Ông ta ném một cái nhìn rất nhanh và đầy ý nghĩa về phía căn buồng tựa như muốn thâm nhập vào đáy sâu tối tăm nhất của nó, bất chấp ở đó có tấm rèm cửa đang che phủ. Rồi quay nhìn về phía cô vợ mới xinh đẹp của mình đang tái nhợt đi vì kinh hoàng, ông nói bằng giọng hoàn toàn bình thản: -Nếu vậy chúng ta hãy nói chuyện một lúc.

-Xin tuỳ ý hoàng thượng – Marguerite vừa đáp vừa gieo người chứ không phải là ngồi xuống chiếc ghế mà đức ông chồng đã chỉ cho nàng.

Anh chàng Bearn đến ngồi gần vợ.

-Thưa bà – Ông ta nói – Dù cho người ta nói như thế nào chăng nữa, tôi nghĩ rằng cuộc hôn nhân của chúng ta là một cuộc hôn nhân tốt. Tôi đúng là thuộc về bà cũng như đúng bà là của tôi.

-Nhưng… Marguerite hoảng sợ nói.

-Do đó – Vua xứ Navarre tiếp lời, không tỏ vẻ gì để ý thấy sự ngập ngừng của Marguerite – Chúng ta cần phải xử sự như là những đồng minh đầy thiện chí, bởi vì hôm nay chúng ta đã thề liên kết với nhau trước Chúa trời. Điều này có đúng ý bà hay không?

-Chắc chắn là thế, thưa ông.

-Thưa bà, tôi biết sự thông tuệ của bà rất lớn. Tôi biết là mảnh đất triều đình đầy những vực thẳm nguy hiểm, vậy mà tôi còn trẻ, và mặc dù tôi chưa hại ai, tôi văn có rất nhiều kẻ thù. Thưa bà, liệu tôi phải liệt vào phe nào cái con người mang họ tôi[379], và đã thề yêu thương tôi dưới chân bàn thờ Chúa?

-Ồ, thưa ông, sao ông lại nghĩ…

-Tôi không nghĩ gì hết, thưa bà. Tôi hy vọng và tôi muốn an tâm với mình rằng niềm hy vọng đó là có cơ sở. Chắc chắn cuộc hôn nhân của chúng ta chỉ là một cái cớ hoặc một cái bẫy.

Marguerite rùng mình, vì có lẽ cái ý nghĩ đó cũng đã đến trong trí óc nàng.

-Vậy thì bây giờ đó là cái cớ hay là cái bẫy? – Henri de Navarre tiếp tục – Nhà vua căm ghét tôi, quận công d'Anjou căm ghét tôi, quận công d'Alençon căm ghét tôi, Catherine de Médicis hết sức căm ghét mẹ tôi, nên không thể không căm ghét tôi.

-Ôi! Ông nói gì vậy, thưa ông?

-Tôi nói sự thật thưa bà – Nhà vua đáp – Và tôi những muốn có ai đó ở đây nghe được lời tôi nói để họ đừng tưởng rằng tôi bị mắc lừa về chuyện ám sát ông de Mouy de Saint Phale và về việc đầu độc mẹ tôi.

-Ồ, thưa ông – Marguerite nhanh nhảu nói với vẻ bình thản và tươi cười nhất mà nàng có thể tạo ra cho mình – Ông thừa biết rằng ở đây chỉ có ông và tôi.

-Và đó chính là điều khiến tôi buông thả. Điều đó khiến tôi dám nói với bà rằng tôi không hề bị bịp cả bởi những sự ve vuốt của hoàng tộc Pháp lẫn của họ nhà Lorainne.

-Thưa Hoàng thượng! – Marguerite kêu lên.

-Thế nào, có chuyện gì vậy, bà bạn thân mến? – Đến lượt Henri vừa mỉm cười vừa hỏi.

-Thưa ông, có điều là những lời nói như vậy rất nguy hiểm.

-Không đâu, bởi vì chúng ta nói chuyện tay đôi kia mà – Nhà vua đáp – Vậy tôi đang nói với bà là…

Marguerite nom như đang chịu cực hình, nàng những muốn ngăn bất kỳ lời nào sẽ thốt ra trên môi anh chàng Bearn, nhưng Henri tiếp tục nói với vẻ thật thà cứ như thật của ông ta.

-Vậy tôi đang nói với bà là tôi bị đe doạ từ mọi phía. Từ phía nhà vua này, từ phía quận công d'Alençon này, từ phía quận công d'Anjou này, từ phía Thái hậu này, từ phía quận công de Guise, quận công de Mayen, hồng y giáo chủ de Lorainne này, tóm lại là bị tất cả mọi người đe doạ. Thưa bà, bà biết đấy! Theo bản năng, người ta cảm thấy điều đó. Vậy thì, tôi có thể bảo vệ được mình với sự giúp đỡ của bà để chống lại tất cả những sự đe doạ mà chẳng chóng thì chầy sẽ trở thành những ngón đòn thật sự. Vì bà, ngược lại, bà được tất cả những người thù ghét tôi yêu mến.

-Tôi ấy ư? – Marguerite hỏi.

-Vâng, thưa bà – Henri de Navarre tiếp tục với vẻ hoàn toàn chất phác – Bà được vua Charle yêu quý này – Rồi ông nhấn mạnh – Bà được quận công d'Alençon yêu mến này, bà được Thái hậu Catherine yêu mến này và cuối cùng bà còn được quận công de Guise yêu mến nữa này.

-Thưa ông… – Marguerite lẩm bẩm.

-Sao nào, có gì lạ đâu, việc tất cả mọi người đều yêu mến bà? Những người mà tôi vừa nêu tên là anh em hoặc bà con với bà và yêu mến bà con mình hoặc anh em mình là sống theo tấm lòng của Chúa.

-Nhưng rốt cuộc thì ông muốn đưa chuyện này tới đâu, thưa ông? – Marguerite bị dồn ép, kêu lên.

-Tôi muốn đưa câu chuyện tới chỗ mà tôi đã nói với bà, đó là nếu như bà chịu làm, tôi chưa nói là bạn, mà chỉ là người đồng mình của tôi thôi, thì tôi có thể thách thức với tất cả. Tuy nhiên, nếu bà coi mình như kẻ thù của tôi, thì tôi sẽ nguy mất.

-Ồ, thưa ông, không bao giờ tôi là kẻ thù của ông! – Marguerite thốt lên.

-Và cũng không bao giờ là bạn của tôi.

-Có thể thế.

-Thế còn đồng minh thì sao?

-Chắc chắn rồi.

Marguerite quay lại và chìa tay ra cho nhà vua.

Henri cầm tay nàng hôn lên đó một cách cung kính và do một ý muốn dò xét hơn là vì tình thương mến, ông giữ tay nàng lại trong tay ông: -Thế thì, thưa bà – Ông nói – Tôi tin bà và chấp nhận bà là đồng minh của tôi. Như vậy là người ta đã cưới gả chúng ta mà chúng ta không hề quen biết nhau. Người ta đã cưới gả chúng ta mà không hề hỏi ý kiến chúng ta, những người mà họ đem gả bán. Do vậy, chúng ta không có nghĩa vụ với nhau như vợ với chồng. Thưa bà, bà thấy đấy, tôi đã đoán trước ý nguyện của bà và tối nay tôi xin khẳng định lại với bà điều mà tôi đã nói với bà hôm qua. Nhưng chúng ta, chúng ta liên minh với nhau một cách tự do mà chẳng cần ai bắt buộc chúng ta làm điều đó cả. Chúng ta liên minh với nhau như hai tấm lòng chân thực có nghĩa vụ bảo trợ lẫn nhau, hợp sức với nhau. Bà có đồng ý như vậy không?

-Vâng, thưa ông – Marguerite vừa nói vừa cố rút tay về.

-Thế thì – Anh chàng người Bearn tiếp tục nói, mắt dán vào cửa buồng -Vì rằng bằng chứng đầu tiên của một sự liên minh thẳng thắn phải là sự tin cậy tuyệt đối, nên thưa bà, tôi sẽ kể cho bà những chi tiết bí mật nhất về kế hoạch mà tôi đã gây dựng nhằm đánh thắng tất cả những sự thù nghịch đó.

-Thưa ông…

Marguerite lẩm bẩm và dù không muốn cũng quay nhìn về phía buồng, trong khi đó thì anh chàng người Bearn thấy mưu mẹo của mình đã thành công, đang cười thầm trong bụng.

-Đây là những điều mà tôi sẽ làm – Ông tiếp tục nói, không tỏ vẻ nhận thấy sự lúng túng của Marguerite – Tôi sẽ…

-Thưa ông – Marguerite đứng bật dậy và vừa kêu lên vừa nắm lấy cánh tay nhà vua – Xin phép cho tôi thở đã: Tôi xúc động… trời nóng… tôi ngạt thở mất.

Quả thực mặt Marguerite tái nhợt và run rẩy tựa như nàng sắp ngã quỵ trên thảm.

Henri đi thẳng tới một cửa sổ ở cách khá xa và mở ra. Cánh cửa sổ đó trông ra sông.

Marguerite theo sau ông.

-Thưa hoàng thượng, xin hãy im lặng, vì lòng thương đối với chính người – Nàng thì thầm.

-Ô kìa, thưa bà – Anh chàng Bearn vừa nói vừa cười theo kiểu riêng của mình – Bà đã nói với tôi là chỉ có một mình chúng ta thôi kia mà.

-Vâng, thưa ông, nhưng ông không nghe nói rằng, với một cái ống truyền thanh dẫn xuyên qua một bức tường hay một trần nhà, người ta có thể nghe được mọi điều hay sao?

-Tốt lắm, thưa bà – Anh chàng Bearn hạ giọng, nói gấp gáp Bà không yêu tôi, đúng thế nhưng bà là một người phụ nữ thẳng thắn.

-Thưa ông, ông muốn nói gì vậy?

-Tôi muốn nói rằng, nếu như bà có thể phản lại tôi thì bà đã để cho tôi tiếp tục nói vì tôi tự phản lại chính mình. Bà đã ngăn tôi lại. Giờ đây tôi biết rằng có ai đó ẩn nấp ở nơi đây. Bà là một người vợ không trung thành nhưng lại là một người đồng minh trung thực và trong lúc này – Anh chàng Bearn vừa mỉm cười vừa nói thêm – Tôi thừa nhận là tôi cần sự trung thành trong chính trị hơn là trong tình yêu…

-Thưa bệ hạ… – Marguerite ngượng ngập thì thầm.

-Được, được, chúng ta sẽ nói về tất cả những chuyện đó sau này, khi chúng ta hiểu biết nhau nhiều hơn.

Rồi Henri cao giọng nói: -Thế nào, bây giờ bà đã dễ thở hơn chưa?

-Rồi ạ, thưa hoàng thượng – Marguerite nói khẽ.

-Thế thì tôi không muốn quấy rầy bà lâu hơn nữa – anh chàng Bearn nói tiếp – Tôi còn chưa kịp bày tỏ với bà lòng kính trọng và biểu hiện thân ái của tôi, xin bà hãy nhận lấy những tình cảm đó vì tôi dâng lên bà với tất cả lòng thành của tôi. Bà hãy đi nghỉ và xin chúc bà ngon giấc.

Marguerite ngước đôi mắt ánh lên niềm biết ơn nhìn chồng và tới lượt mình cũng chìa tay ra.

-Xin thoả thuận như vậy – Nàng nói.

-Liên minh chính trị thẳng thắn và trung thực chứ? – Henri hỏi.

-Thẳng thắn và trung thực – Hoàng hậu lặp lại.

Anh chàng Bearn bước về phía cửa, và bằng ánh mắt của mình, chàng kéo theo luôn cả Marguerite đang như bị thôi miên.

Rồi khi tấm rèm cửa đã hạ xuống ngăn cách họ với phòng ngủ, Henri vẫn còn nồng nhiệt thì thầm: -Cảm ơn, Marguerite. Bà thật xứng đáng là một công chúa nước Pháp. Tôi ra đi mà lòng bình tĩnh. Thay cho tình yêu, tôi sẽ có được tình bạn của bà. Tôi tin tưởng ở bà: cũng như về phần bà, bà có thể tin tướng ở tôi. Xin tạm biệt bà.

Henri hôn tay xong còn khẽ xiết tay nàng, rồi ông lanh lẹ đi về phía phòng mình. Vừa đi dọc hành lang, ông vừa thầm nhủ: -Đứa quái quỷ nào ở chỗ cô ta thế nhỉ? Nhà vua ư, hay là quận công d'Anjou, hay là quận công d'Alençon, hay là quận công de Guise. Phải chăng đó là một người anh, một người em hay là một người tình hoặc là cả hai? Giờ đây mình cảm thấy bực mình vì đã đòi có cuộc hẹn hò với nam tước phu nhân. Nhưng thôi, mình đã hứa với nàng và Dariole vẫn đang đợi mình… Mình e rằng nàng đang chịu thiệt một chút đấy vì việc mình đã ghé qua phòng ngủ của vợ mình rồi mới đến chỗ nàng. Vì, thề có Thánh, cái cô Margot như ông anh vợ mình vẫn gọi, quả là một phụ nữ tuyệt đẹp.

Với bước chân hơi ngập ngừng, Henri de Navarre đi lên cầu thang dẫn tới phòng ở của phu nhân de Sauve.

Marguerite nhìn theo chồng cho tới khi ông đi khuất rồi quay vào phòng. Nàng thấy quận công đã đứng ở cửa phòng. Nhìn ông, nàng như cảm thấy có điều gì ân hận.

Còn quận công có vẻ trầm mặc, cặp lông mày nhíu lại để lộ một nỗi bận tâm chua chát.

-Hôm nay Marguerite trung lập – Ông nói – Trong tám ngày nữa, Marguerite sẽ trở nên thù nghịch.

-A, ông đã nghe hết mọi chuyện à? – Marguerite thốt lên.

-Vậy nàng muốn tôi làm gì khác hơn ở trong cái buồng này?

-Vậy ông thấy rằng tôi xử sự không giống như bà hoàng Navarre xử sự hay sao?

-Không phải thế, mà không giống như người tình của quận công de Guise phải xử sự.

-Thưa ông, tôi có thể không yêu chồng tôi nhưng không ai có quyền đòi hỏi tôi phản bội lại ông ta. Thực lòng mà nói, liệu ông có thể phản bội lại điều bí mật của công chúa Poocxiăng vợ ông không?

-Thôi nào, thôi nào – Quận công vừa nói vừa lắc đầu – Được lắm. Tôi thấy là nàng không còn yêu tôi như hồi nàng kể cho tôi nghe những điều nhà vua âm mưu để chống tôi và những người của tôi.

Lúc đó nhà vua là kẻ mạnh và các ông ở thế yếu. Giờ đây Henri là kẻ yếu và các ông là kẻ mạnh. Ông thấy rõ là tôi vẫn giữ nguyên vai trò ấy đấy chứ.

-Duy chỉ có điều là nàng đã chuyển từ phe này sang phe kia.

-Thưa ông, đó là quyền mà tôi giành được bằng cách cứu mạng ông.

-Được lắm, thưa lệnh bà. Khi hai người tình lìa bỏ nhau thì họ trả lại những gì họ đã trao cho nhau. Đến lượt tôi, khi có dịp, tôi sẽ cứu lệnh bà và thế là chúng ta hết nợ.

Nói tới đó quận công cúi chào và bỏ đi. Marguerite không tỏ ra một cử chỉ nào giữ ông ta lại. Tới phòng ngoài, ông gặp Gillone và được cô dẫn tới tận chỗ cửa sổ tầng một. Ông tìm thấy người hầu của mình trong hào và quay trở về dinh de Guise cùng với anh ta.

Trong lúc đó, Marguerite mơ màng tới đứng bên cửa sổ: -Đêm tân hôn hay ho thật! Nàng thì thầm – Chồng thì chuồn mất còn người yêu thì bỏ đi.

Cùng lúc đó, ở phía bên kia hào có một cậu học trò đi từ phía Tháp Gỗ tới và hướng ngược về phía cối xay gió Monne, tay chống nạnh, vừa đi vừa hát:

Cớ sao khi anh muốn
Cắn vào mái tóc xinh
Hôn làn môi yêu dấu

Sờ lên ngực cô mình
Thì cô em lại muốn
Như bà phước buồn tênh
Trong tu viện giam mình?
Phải chăng em gìn giữ
Đôi mắt, gò ngực xinh
Vầng trán, làn môi thắm
Cho Diêm vương, cô mình?
Khi sông Mê bến Lú
Đón em rời cõi sinh?
Môi nhợt nhạt tái xanh
Là những gì em có
Khi em về địa phủ
Và khi anh chết đi
Gặp em anh sẽ chối
Với hồn ma bóng tối
Rằng em đã là bạn tình của anh
Vậy thì trên dương thế
Đổi ý đi em ơi
Tiếc chi làn môi đỏ
Hãy cho anh hưởng đời
Kẻo một mai về đất
Em lại hối hận thôi
Vì nỡ lòng độc ác
Với anh, cô mình ơi.

Marguerite vừa lắng nghe bài hát vừa mỉm cười với vẻ ưu phiền. Và khi giọng hát của người học trò chìm dần phía xa, làng khép cửa sổ lại và gọi Gillone giúp nàng chuẩn bị đi nằm.

§3. Nhà vua – thi sĩ

Ngày hôm sau và những ngày tiếp theo là một chuỗi những hội hè, ca vũ và thi đấu.

Sự hoà hợp pha trộn như vậy giữa hai giáo phái vẫn tiếp diễn. Đó là những trò mơn trớn, âu yếm khiến những người Tân giáo nhiệt thành nhất cũng phải rối trí. Người ta đã thấy cha Cotton ăn tối và chơi bời phóng đãng với nam tước de de Courtaumer, người ta đã thấy quận công de Guise đi thuyền ngược sông Seine cùng với hoàng thân Condé.

Vua Charle hình như quên đứt vẻ ưu tư thường lệ của ông và không để ông em rể Henri rời xa mình một bước. Và cuối cùng là Hoàng thái hậu vui vẻ và bận bịu với những đồ thêu, đồ châu báu và những thứ lòe loẹt khác đến nỗi bà phát mất ngủ.

Những người Tân giáo bị cuốn theo lối ăn chơi xa xỉ này, bắt đầu diện lại những chiếc áo ngắn bằng lụa, trưng ra những câu cách ngôn và lượn quanh một số ban công, tựa như thể họ là người Giatô giáo vậy. Từ mọi phía đều có sự hưởng ứng thuận lợi cho tôn giáo cải cách khiến người ta tưởng như cả triều đình sắp sửa cải theo Tân giáo. Chính đô đốc, mặc dù đã dày kinh nghiệm, cũng bị vào tròng như những người khác.

Và ông phổng mũi đến nỗi một hôm ông quên bẵng đi trong hai giờ liền việc ngậm tăm xỉa răng của mình, mối bận rộn mà ông thường giải quyết từ hai giờ chiều, lúc ông vừa dùng bữa trưa xong, tới tám giờ tối là lúc ông bắt đầu ngồi vào bàn để dùng bữa tối.

Vào các buổi tối mà đô đốc mắc phải sự lú lẫn không thể tưởng tượng nổi này trong các thói quen của mình, vua Charle IX đã cho mời Henri de Navarre và quận công de Guise dùng bữa tối thành một nhóm nhỏ. Khi bữa ăn kết thúc, ông đi cùng họ sang phòng riêng, ở đó, ông giải thích cho họ về cơ chế tài tình của một cái bẫy gấu do chính ông vừa sáng chế ra.

Rồi đột nhiên ông ngừng lại hỏi: -Đô đốc không tới đây tối nay sao? Hôm nay có ai trông thấy ông và có thể cho ta biết tình hình sức khỏe của ông được không?

-Tôi ạ – Vua xứ Navarre đáp – Và nếu như bệ hạ có lo lắng cho sức khỏe của ông thì tôi xin Người hãy bình tâm vì tôi mới gặp ông ta vào lúc sáu giờ sáng nay và bảy giờ tối nay.

-A ha! – Nhà vua nói, và đôi mắt ông vốn thường lơ đễnh, nay xoi mói nhìn vào ông em rể – Này Henri, mới cưới mà sao anh dậy sớm thế?

-Vâng, thưa bệ hạ – Vua xứ Navarre nói – Tôi muốn hỏi đô đốc là người biết mọi chuyện, xem liệu một vài nhà quý tộc mà tôi còn đang chờ đợi không biết đã

lên đường tới đây chưa.

Lại thêm các nhà quý tộc nữa! Hôm cưới anh có tám trăm, ngày nào cũng thấy có người đến thêm, anh định đè bẹp bọn ta chắc? – Charle vừa nói vừa cười.

Quận công de Guise cau mày.

-Tâu bệ hạ – Anh chàng Bearn tiếp lời – Người ta đang đồn về một cuộc chinh phạt ở vùng Flandres, và tôi tụ tập quanh mình tất cả những người của xứ sở tôi và các vùng phụ cận mà tôi tin là có thể sẽ giúp ích được cho bệ hạ.

Quận công nhớ lại dự định mà anh chàng Bearn đã nói với Marguerite tối hôm cưới nên lắng nghe chăm chú hơn.

-Được thôi – Nhà vua trả lời với nụ cười dã thú của mình – Càng đông chúng ta càng thích. Cứ kéo họ về đây, Henri ạ. Nhưng những nhà quý tộc đó là ai thế? Ta mong rằng đó là những tay can đảm chứ?

-Thưa bệ hạ, tôi không biết liệu những nhà quý tộc của tôi có sánh được với những nhà quý tộc của bệ hạ, của quận công d'Anjou hoặc quận công de Guise hay không, nhưng tôi biết họ và tin rằng họ sẽ làm hết sức mình.

-Anh còn đợi nhiều người nữa không?

-Chừng mười, mười hai người nữa.

-Tên họ là gì nhỉ?

-Thưa bệ hạ, tôi không nhớ được tên của họ. Trừ một người do Téligny giới thiệu cho tôi như là một quí tộc hoàn hảo tên là De Mole, còn lại thì tôi không rõ…

-De Mole! Phải chăng đó là Lerac de Mole, một người xứ Provençal? – Nhà vua vốn rất thông thạo khoa gia phả hỏi.

-Đúng thế! Tâu bệ hạ, Người thấy đấy, tôi tuyển mộ tận trong vùng Provence.

-Còn tôi – Quận công de Guise nói với một nụ cười chế nhạo – Tôi còn đi xa hơn cả đức vua xứ Navarre, tôi lục tìm tận xứ Piémontais tất cả những người Giatô đáng tin cẩn nhất mà tôi có thể tìm được.

-Giatô hay Tân giáo không can hệ – Nhà vua ngắt lời – Miễn là họ quả cảm là được.

Khi nói những lời nhằm đem hoà lẫn Giatô và Tân giáo với nhau, nhà vua đã tạo cho mình một vẻ mặt thản nhiên đến nỗi chmh quận công de Guise cũng phải lấy làm ngạc nhiên.

-Hoàng thượng quan tâm tới những người Flamen của chúng ta đó ư? – Đô đốc vừa nghe những lời cuối cùng của nhà vua, bèn cất tiếng hỏi. Chả là từ mấy hôm nay ông mới được nhà vua ban cho đặc quyền được vào tư thất của nhà vua mà không phải báo danh.

-A! Đô đốc cha tôi đã tới – Charle IX kêu lên và giang rộng vòng tay – Người ta đang nói tới chiến tranh, tới các nhà quý tộc tới những người dũng cảm và thế là ông ta tới. Thật đúng là nam châm ở đâu thì sắt quay về đó. Ông em rể

de Navarre và ông em họ de Guise của tôi đang chờ thêm tăng viện cho quân đội của cha. Chúng tôi đang nói chuyện ấy đấy.

-Và các lực lượng tăng viện ấy đang tới đây – Đô đốc nói.

-Thưa ngài, ngài có tin tức gì không? – Vua xứ Navarre hỏi.

-Có, con ạ, và đặc biệt là về ông de Mole. Hôm qua ông ta ở Orléans, ngày mai hoặc ngày kia sẽ tới Paris.

-Quái thật, ngài đô đốc có phép chiêu hồn hay sao mà biết được cả những việc xảy ra cách đây ba bốn mươi dặm? Còn tôi, tôi chỉ dám ước để được biết điều gì sẽ xảy ra hoặc đã xảy ra trước thành Orléans mà thôi.

Coligny vẫn dửng dưng trước mũi tên ứa máu của quận công de Guise, hẳn là nó nhằm ám chỉ cái chết của Françoise de Guise, cha ông bị giết trước thành Orléans bởi tay Pôltrô de Mêrê, với mối nghi ngờ là đô đốc đã xúi giục việc phạm tội đó.

-Thưa ông – Đô đốc lạnh lùng và đường hoàng đáp lại – Tôi chỉ biết phép gọi hồn những khi nào tôi muốn biết rõ về những việc liên quan đến công việc của tôi hoặc của đức vua mà thôi. Cách đây một tiếng, người đưa tin của tôi từ Orléans tới, Nhờ xe trạm anh ta đã đi được ba mươi hai dặm trong một ngày. Ông de Mole đi ngựa của mình nên chỉ đi được mười dặm một ngày thôi và chỉ tới đây được vào ngày 24. Đấy, tất cả phép thuật chỉ có thế.

-Hoan hô cha, cha trả lời khá đấy! – Charle IX nói – Cha hãy chỉ cho các chàng trai này biết rằng cả trí khôn lẫn tuổi tác đã khiến râu tóc cha bạc dần. Vì thế, chúng ta sẽ thả cho họ đi nói chuyện về các cuộc thi đấu và các mối tình của họ, còn ta sẽ ở lại đây nói chuyện về các cuộc chiến tranh của ta. Những kỵ sĩ cừ sẽ trở thành những nhà vua tốt. Thôi, các ông, ta cần nói chuyện với đô đốc.

Hai người trẻ tuổi bước ra, vua xứ Navarre ra trước, theo sau là quận công de Guise, nhưng vừa ra khỏi cửa thì mỗi người quay đi một ngả sau khi tạnh nhạt cúi chào nhau.

Coligny nhìn theo họ với một mối lo ngại mơ hồ, vì mỗi khi ông thấy hai mối hận thù này đứng gần nhau, ông đều sợ lại bùng ra một vài tia chớp. Charle hiểu thấu những gì đang diễn ra trong đầu Coligny, tới gần ông và tỳ tay vào vai ông: -Xin hãy yên lòng, thưa cha, tôi còn đây để giữ cho mọi kẻ đêu vào khuôn phép. Tôi thực sự đã là vua kể từ khi mẹ tôi không còn tà nữ hoàng nữa: và bà ta đã thôi không là nữ hoàng kể từ khi Coligny trở thành cha tôi.

-Ồ! Tâu bệ hạ, Thái hậu Catherine…

-Là người cứ rối tinh rối mù lên. Có bà ta thì chẳng thể yên ổn được. Những người Giatô Ý này đều cuồng nhiệt và chẳng chịu nghe gì ngoài chuyện huỷ diệt. Còn tôi thì ngược lại, tôi không chỉ muốn hoà giải mà thôi, tôi còn muốn gây thế lực cho những người Tân giáo. Những kẻ kia vô hạnh quá cha ạ, họ làm tôi tức giận về những trò yêu đương lodn xạ của họ. Này cha có muốn con nói thẳng ra

không – Charle tiếp tục thổ lộ tràn trề – Con nghi ngờ tất cả mọi thứ quanh con, trừ những người bạn mới. Tham vọng của Tavan đáng ngờ lắm. Vielleville chỉ yêu có rượu vang ngon, y có thể phản bội lại vua mình chỉ vì một thùng rượu Malvoisie. Monmorency chỉ lo săn với bắn, suốt ngày chỉ quanh quẩn với chó và chim ưng. Bá tước de Rezt là người Tây Ban Nha, bọn Guise là người Lorainne. Chúa tha tội cho con! Con tin là ở Pháp chỉ còn lại mấy người Pháp thực sự, đó là con, ông em rể xứ Navarre của con và cha mà thôi. Nhưng con bị trói chặt vào ngai vàng và không thể chỉ huy quân đội được. Quá lắm thì người ta chỉ để con săn bắn thoải mái ở Saint-Germain và Rambouilliet thôi. Ông em rể de Navarre của con thì trẻ quá và còn thiếu kinh nghiệm. Vả lại con thấy hình như y giống hệt ông Antoine bố y mà đàn bà lúc nào cũng làm hỏng việc. Chỉ còn có cha thôi, thưa cha, người vừa dũng cảm như Giuyliuyt Cédar lại vừa khôn ngoan như Platô. Vì thế nên thực sự con còn chưa biết phải làm thế nào; giữ cha ở đây làm cố vấn hay để cha đi làm tướng. Nếu cha làm cố vấn, thì ai sẽ chỉ huy quân đội? Nếu cha chỉ huy quân đội, thì lấy ai làm cố vấn?

-Tâu bệ hạ, cần phải chiến thắng trước đã, lời khuyên bảo sẽ tới sau ngày chiến thắng.

-Ý cha là thế phải không? Thế thì cũng được. Mọi việc sẽ được làm theo ý kiến của cha. Thứ hai cha sẽ đi Flandres còn con sẽ đi Amboise.

-Bệ hạ định rời Paris sao?

-Đúng thế, con mệt với những trò hội hè ồn ào này lắm rồi. Con không phải là con người của hành động, con là con người mơ mộng. Con sinh ra không phải làm vua mà để làm nhà thơ. Cha sẽ cho lập một kiểu hội đồng để quản trị trong lúc cha ở chiến trường. Và miễn là Thái hậu đừng có trong hội đồng ấy thì mọi việc sẽ yên ổn cả. Con đã báo cho Ronsard[380] đến gặp con rồi. Và ở đó xa những tiếng ồn ào, xa thiên hạ, xa những kẻ xấu bụng, dưới bóng cây rừng hay bên suối, trong tiếng rì rầm của những mạch nước nhỏ, cả hai đứa chúng con sẽ nói những điều về Chúa, là cái duy nhất trên đời bù đắp được cho những điều về con người. Này, cha hãy nghe những vần thơ con viết để mời ông ta tới chỗ con nhé, con mới làm sáng nay.

Coligny mỉm cười, Charle IX đưa tay lên vầng trán vàng vọt nhẵn như ngà của mình và đọc theo kiểu hát nhịp những vần thơ sau đây:

Ơi Ronsard
Ta yêu người vì những vần thơ rực cháy
Nhớ người nhiều mà chẳng thấy người đến gặp ta
Ở xa người ta nào sao nhãng việc thi ca,
Vẫn chăm chút, vẫn học đòi vần điệu.
Gửi áng thơ này ta ngỏ lời đòi triệu,
Đến lúc rồi thôi đừng vui thú điền viên,

Tới Amboise cùng ta quên hết ưu phiền,
Nhen hơi ấm cho lửa lòng bừng cháy
Nếu lỡ hẹn, người làm ta giận đấy

-Hoan hô bệ hạ, tôi thông thạo về chinh chiến hơn là thi ca nhưng tôi nghĩ rằng những vần thơ đó cũng hay ngang với những vần thơ đẹp nhất của Ronsard, Dorat và thậm chí cả của Michel de l'Hospital, quan chưởng ấn nước Pháp nữa.

-A, thưa cha, ước gì điều người nói là đúng, vì cha thấy không danh hiệu thi sĩ là cái mà con ao ước hơn tất thảy, và như con đã nói với ông thầy dạy thơ của con mấy hôm trước:

Thuật làm thơ, dù thiên hạ bất bình,
Vẫn cao quý hơn làm vua cai trị đấy,
Vì thi sĩ với quân vương hai người đều vậy,
Mang trên đầu những vòng miện vinh quang,
Là vua, ta nhận, là thi sĩ, người dâng,
Tim người thắm bừng lửa thần rực cháy,
Còn vĩ đại, quân vương ta chỉ vậy
Bên các thần ta tìm kiếm thiệt hơn,
Thi sĩ người sẽ nhận làm con,
Của thần thánh còn ta là hình ảnh,
Và khi tiếng đàn người êm đềm thanh mảnh,
Cất lên thu phục hết trái tim người,
Để lại cho ta hình bóng xác thân thôi,
Thi sĩ hỡi, quả người là vương chủ…

-Tâu bệ hạ, tôi biết người thường xuyên đàm đạo với các nàng thơ, nhưng tôi không biết rằng người còn coi họ là viên cố vấn chính của người.

-Thưa cha, họ còn phải kém cha. Chính vì không muốn bị phiền nhiễu trong mối tương giao với các nàng thơ mà con muốn. đưa cha lên hàng đầu. Cha nghe đây nhé, bây giờ con phải trả lời một bài nhã thi do ông thầy vĩ đại thân yêu của con gửi tới vậy con không thể trao cho cha ngay bây giờ tất cả những giấy tờ cần thiết để giúp cha hiểu được vấn đề lớn chia rẽ Phillip II và con. Ngoài ra, còn có cả một kế hoạch chiến dịch do các thượng thư của con thảo ra. Con sẽ tìm tất cả những thứ đó và trao cho cha vào sáng ngày mai.

-Vào mấy giờ, thưa bệ hạ?

-Mười giờ. Và nếu vô tình con lại bận bịu với thơ phú, con ngồi trong phòng làm việc, thì cha cũng cứ vào, cha sẽ cầm tất cả những giấy tờ mà cha thấy có trên cái bàn này, để trong chiếc cặp đỏ, màu này chói, dễ nhận thấy, cha sẽ không nhầm đâu. Còn con, con đi viết cho Ronsard đây.

-Vậy xin tạm biệt, thưa bệ hạ.

-Tạm biệt cha.

-Bệ hạ cho phép tôi được hôn tay?

-Cha nói gì cơ? Hôn tay ấy à? Chỗ của cha là ở trong cánh tay con, trên trái tim con. Lại đây, ông chiến binh già, lại đây.

Và Charle IX kéo lại phía mình Coligny đang cúi chào và đặt môi lên mái tóc bạc của ông già.

Đô đốc vừa bước ra vừa chùi một giọt lệ.

Charle IX nhìn theo cho tới khi không còn nhìn thấy bóng ông ta nữa, đồng thời vểnh tai nghe ngóng cho tới lúc bước chân ông ta im hẳn. Rồi khi không còn nghe và nhìn thấy gì nữa Charle gục đầu xuống, theo thói quan, và chậm rãi đi từ căn phòng đang đứng sang phòng vũ khí.

Phòng này là nơi ưa thích nhất của nhà vua. Tại đây ông học đấu kiếm với Pompée và thơ phú với Ronsard. Ông cho thu nhặt về đây một bộ sưu tập lớn những vũ khí tự vệ và tấn công đẹp nhất mà ông có thể tìm được. Vì thế nên tất cả các mặt tường đều treo đầy những rìu, mộc, thương, kích, súng lục, súng trường. Cùng ngày hôm đó, một nhà chế tạo vũ khí rất nổi danh đã mang tới cho ông một khẩu hoả mai tuyệt đẹp, trên nòng súng có bốn câu thơ được nạm bằng bạc do chính nhà thi sĩ – quân vương sáng tác:

Để giữ lòng tin Chúa
Em đẹp và thuỷ chung
Chống kẻ thù đức vua
Em đẹp và tàn ác.

Charle bước vào phòng này và sau khi đóng cửa chính là cửa ông vừa đi vào, ông tới vén một tấm rèm treo che khuất lối đi thông sang một căn buồng khác. Ở đó, một người đàn bà đang quỳ trên một chiếc ghế cầu nguyện.

Vì động tác của nhà vua rất chậm rãi và bước chân của ông êm nhẹ trên thảm trải sàn nên người đàn bà không nghe thấy gì hết, vẫn tiếp tục cầu nguyện. Charle đứng yên lặng một lúc nhìn bà ta, dáng ưu tư.

Đó là một người đàn bà khoảng ba tư, ba lăm tuổi. Vẻ đẹp cứng cáp của bà được tôn thêm bởi y phục bà đang mặc giống như y phục của phụ nữ nông dân vùng Cô. Bà ta đội một chiếc mũ trùm cao vốn rất hợp thời trang tại triều đình trong thời Idabô de Bavie trị vì. Áo chẽn của bà màu đỏ thêu toàn chỉ vàng như thứ áo chẽn ngày nay của bà xứ Nettuynô và Sôra. Căn phòng bà ở từ hai mươi năm nay thông liền sang phòng ngủ của nhà vua và phô bày một vẻ pha trộn kỳ quốc giữa sự tao nhã và quê mùa. Theo tỉ lệ gần như bằng nhau, lâu đài cung điện và nhà tranh vách đất đã pha tạp vào nhau khiến căn phòng mang một vẻ lơ lửng giữa tính giản đơn của một người đàn bà nhà quê và thói xa hoa của một bậc mệnh phụ. Quả vậy, chiếc ghế cầu nguyện mà bà ta quỳ lên được làm bằng gỗ sồi chạm trổ tuyệt đẹp, bọc vải nhung có tua vàng trong khi đó thì quyển kinh thánh Tân giáo mà bà đọc những lời cầu nguyện lại rách nát như loại sách mà người ta

thưởng thấy trong những nhà nghèo khổ nhất. Tất cả đồ đạc trong phòng đều pha trộn nhau như chiếc ghế cầu nguyện và quyển kinh thánh.

-Này, Madelon! – Nhà vua gọi.

Người đàn bà đang quỳ ngẩng đầu và mỉm cười khi nghe thấy giọng nói thân quen, rồi bà đứng dậy: -A, con đấy ư,? – Bà nói.

-Vâng, nhũ mẫu lại đây.

Charle thả rơi cánh rèm cửa và tới ngồi lên tay ghế bành.

Nhũ mẫu bước tới.

-Con muốn gì ta, Charle? – Bà hỏi.

-Nhũ mẫu lại đây và trả lời khẽ thôi.

Nhũ mẫu tới gần với vẻ thân mật có thể xuất phát từ tình mẫu tử của một người đàn bà với đứa con mà bà đã cho bú mớm mặc cho những bài vè đương thời gán cho thái độ thân mật đó một nguồn gốc kém trong sáng hơn nhiều.

-Con nói đi. – Bà nói.

-Người mà ta cho gọi đã tới chưa?

-Y đã đến được nữa giờ rồi.

Charle đứng dậy, đến gần cửa sổ nhìn xem có ai rình mò không, đến gần cửa ra vào vểnh tai nghe ngóng để yên tâm là không có ai nghe trộm, rồi ông tới phủi bụi trên các vũ khí chiến tích của mình, vuốt ve một con chó săn lớn vẫn theo sát ông từng bước như bóng với hình, và nói tiếp với nhũ mẫu: -Được rồi, nhũ mẫu cho y vào đi.

Người đàn bà nhân hậu bước ra, còn nhà vua tới tựa vào một cái bàn trên đó bày đủ các loại vũ khí.

Ngay lúc đó, tấm rèm cửa lại được vén lên nhường đường cho kẻ mà ông chờ đợi.

Đó là một người đàn ông tuổi trạc bốn mươi, mắt màu xám đầy vẻ giả dối, mũi khoằm như mỏ chim cú, gò má nhô cao. Khuôn mặt y cố ra vẻ tôn kính nhưng chỉ hiện lên được một nụ cười đạo đức giả trên đôi môi tái nhợt vì sợ hãi.

Charle nhẹ nhàng vươn tay ra đằng sau nắm lấy báng một khẩu súng ngắn kiểu mới sáng chế, bắn được nhờ một viên đá chạm vào một bánh răng thép, thay cho loại bắn bằng ngòi nổ.

Ông đưa con mắt nhìn nhân vật mới vào, vừa nhìn ông vừa huýt sáo một trong những điệu nhạc săn ưa thích đúng giọng và khá êm tai.

Vài giây trôi qua, trong lúc gương mặt của người khách lạ mỗi lúc một thêm thiểu não thì nhà vua cất tiếng: -Có đúng người là kẻ mà người ta gọi là Françoise de Louis Maurevel?

-Tâu bệ hạ, đúng vậy.

-Chỉ huy pháo thủ?

-Thưa vâng.

-Ta có ý muốn gặp người.

Maurevel nghiêng mình.

-Người biết rằng – Charle vừa nói vừa nhấn mạnh từng từ một – Ta yêu mến tất cả thần dân của ta như nhau.

-Tôi biết – Maurevel lắp bắp – Rằng bệ hạ là cha của dân.

-Và người biết rằng Giatô giáo và Tân giáo đều là con dân của ta.

Maurevel nín lặng nhưng sự run rẩy toàn thân của y càng thêm rõ rệt dưới cái nhìn sắc bén của nhà vua, mặc dù y đứng trong bóng tối.

-Điều đó có làm người phật lòng không? – Nhà vua tiếp tục – Người là kẻ đã ra sức diệt trừ người Tân giáo đến thế cơ mà?

Maurevel quỳ sụp xuống.

-Tâu bệ hạ – Y lắp bắp – Xin Người hãy tin rằng…

-Ta tin rằng – Charle vẫn tiếp tục và chằm chằm nhìn Maurevel với cái nhìn từ trống rỗng dần dần trở thành rực lửa. – Ta tin rằng ở Moncontour người đã thèm khát được giết ông đô đốc vừa ở đây ra. Ta tin rằng người đã bắn trượt và sau đó người bèn gia nhập vào quân của quận công d'Anjou, em ta. Và sau hết ta tin rằng người lại gia nhập lần nữa vào quân đội của các hoàng thân Tân giáo, và người đã tòng ngũ trong quân đoàn của ông de Mouy de Saint Phale.

-Ôi, tâu bệ hạ!

-Ông ta có phải là một người can đảm xứ Picardi không nhỉ?

-Ôi, tâu bệ hạ, tâu bệ hạ – Maurevel kêu lên – Xin Người đừng giày vò tôi nữa!

-Ông ta là một sĩ quan xứng đáng – Charle tiếp tục nói và càng nói thì vẻ độc ác gần như hung bạo càng hiện lên nét mặt – Ông ta đã tiếp nhận người như một người con, cho ở, cho ăn, cho quần áo mặc.

Maurevel bật ra một tiếng thở dài tuyệt vọng.

-Người vẫn gọi ông ta là cha, hình như thế – Nhà vua nói một cách tàn nhẫn – Và một tình bạn thân thiết gắn bó người với cậu de Mouy de Saint Phale con phải không?

Maurevel vẫn quỳ, mỗi lúc một rạp người xuống như bị đè bẹp dưới những lời nói của Charle đang đứng như một pho tượng, mặt lạnh tanh chỉ có đôi môi là còn cử động.

-Tiện thể – Nhà vua nói tiếp – Có phải là đáng lẽ người đã lĩnh được mười ngàn écus ở chỗ ông de Guise nếu người giết chết đô đốc không nhỉ?

Kẻ ám sát hoảng sợ sững sờ, đập trán xuống sàn nhà.

-Còn về phần ngài de Mouy de Saint Phale, người cha tốt bụng của người, một hôm người theo ông ta đi trinh sát về phía Sơvrơ, ông ta đã đánh rơi roi ngựa và xuống ngựa để nhặt roi. Lúc đó có một mình người với ông ta, người bèn rút súng trong bao yên ngựa ra và nhân lúc ông ta cúi xuống, người đã bắn vỡ hông

ông ta, giết ông ta chết ngay tại chỗ. Khi thấy ông ta đã chết, người bèn tẩu thoát với con ngựa mà ông ta đã tặng cho người. Chuyện là như thế có đúng không nhỉ?

Maurevel im thin thít trước lời buộc tội mà mỗi chi tiết đều hết sức xác thực, còn Charle lại thổi sáo điệu nhạc săn cũng với sự chính xác và êm tai ấy.

-Ề này, thầy cả chuyên nghề sát nhân – Lát sau nhà vua nói – Mi có biết là ta rất thèm được cho treo cổ mi lên không?

-Ôi, bệ hạ! – Maurevel kêu lên.

-Gã de Mouy de Saint Phale con hôm qua vẫn còn cầu xin ta điều đó. Thật ra ta còn chưa biết trả lời y như thế nào, vì lời yêu cầu của y có lý lắm.

Maurevel chắp tay lại.

-Y lại càng có lý hơn bởi vì như mi vừa nói đấy, ta là cha của dân và như ta đã trả lời mi, giờ đây ta làm lành với những người Tân giáo rồi thì họ cũng là con dân của ta như những người Giatô giáo vậy.

-Tâu bệ hạ – Maurevel đã hoàn toàn thất đảm nói – Sinh mạng của tôi nằm trong tay bệ hạ, xin người tuỳ ý định đoạt.

-Mi nói đúng đấy, ta chẳng đổi nó lấy một trinh đâu.

-Nhưng, tâu bệ hạ – Tên sát nhân hỏi – Vậy chẳng còn phương cách nào để chuộc lại tội lỗi của tôi ư?

-Ta không hề biết. Mặc dầu vậy, nếu ta ở vào địa vị của mi thì… Tạ ơn Chúa, điều đó không phải như vậy.

-Vậy, thưa bệ hạ, nếu Người ở vào địa vị tôi thì sao ạ? – Maurevel thì thầm hỏi, mắt nhìn như uống lấy từng lời của Charle.

-Ta tin rằng ta sẽ xoay sở được thôi – Nhà vua nói.

Maurevel chống một tay, và quỳ trên một chân, mắt vẫn đăm đăm nhìn Charle tựa như để yên trí rằng nhà vua không giễu cợt y.

-Hiển nhiên là ta rất yêu quý ông de Mouy de Saint Phale con – Nhà vua tiếp tục – Nhưng ta cũng rất yêu quý ông em họ de Guise của ta. Và nếu ông ta xin cứu mạng cho một người mà kẻ kia đòi phải giết thì ta xin thú nhận là ta sẽ lúng túng lắm. Tuy nhiên, về mặt chính trị cũng như về tôn giáo, đúng ra có lẽ ta sẽ làm cái điều mà ông em de Guise sẽ đòi hỏi, vì rằng de Mouy de Saint Phale, dù là một viên chỉ huy quả cảm đấy, nhưng y thật quá nhỏ bé nếu so với một hoàng thân xứ Lorainne.

Trong khi nhà vua nói những lời đó, Maurevel từ từ đứng dậy như một người chết đang dần dần trở về với cuộc sống.

-Vậy là, trong cái hoàn cảnh hiểm nghèo của mi, điều quan trọng đối với mi sẽ là giành được mối thiện cảm của ông em de Guise của ta. Nhân đây, ta cũng nhớ lại một chuyện mà ông ta kể cho ta nghe hôm qua.

Maurevel xích lại gần thêm một bước.

-"Tâu bệ hạ, ông ta nói với ta, Ngươi có tưởng tượng được không, mỗi buổi sáng, vào lúc mười giờ, kẻ thù không đội trời chung với tôi lại đi từ cung Louvre về qua phố Saint-Germain l'Auxerrois. Tôi nhìn thấy y từ cửa sổ của một tầng trệt, đó là cửa sổ nhà ông gia sư cũ của tôi là cha Pie Pil. Vậy là mỗi ngày tôi đều nhìn thấy kẻ thù của tôi và mỗi ngày tôi đều cầu cho quỷ sứ nghiền nát y ra trong lòng đất". Vậy thầy thử nói xem, thầy cả Maurevel – Charle tiếp tục – Nếu mi là quỷ sứ, hoặc nếu mi chỉ ở địa vị quỷ sứ một lát thôi, thì liệu điều đó có làm vui lòng ông em họ de Guise của ta không nhỉ?

Maurevel đã tìm lại được nụ cười đao phủ trên đôi môi còn tái nhợt vì kinh hoàng, y buột miệng: -Nhưng tâu bệ hạ, tôi không có khả năng mở được lòng đất.

-Ấy vậy mà người đã mở được cửa đất cho ông de Mouy de Saint Phale can đảm đấy, ta nhớ là thế. Người lại sắp sửa nói với ta rằng đó là vì với một khẩu súng lục… Này người không còn khẩu súng ấy nữa à?

-Cúi xin bệ hạ tha tội – Tên sát nhân đã gần hoàn hồn trả lời Nhưng tôi bắn súng hoả mai khá hơn là súng lục.

-Ồ! Charle nói – Hoả mai hay súng lục, có can hệ gì, và ta tin chắc rằng ông em họ de Guise của ta sẽ chẳng cằn nhằn về việc chọn các phương tiện đâu.

-Nhưng – Maurevel nói – Tôi cần có một vũ khí mà tôi có thể tin vào độ chính xác của nó, vì có lẽ tôi sẽ phải bắn từ xa.

-Trong phòng này có mười khẩu hoả mai – Charle IX nói – Với chúng, cách một trăm năm mươi bước ta bắn tin một đồng écus. Người có muốn thử không?

-Ôi tâu bệ hạ, tôi rất vui mừng được thử – Maurevel vừa kêu lên vừa tiến về phía khẩu hoả mai được đặt trong một góc, mà người ta mới đem tới cho Charle ngày hôm ấy.

-Không, không được, đừng có lấy khẩu ấy – Charle nói – Ta để dành nó cho ta dùng. Sắp tới ta sẽ có cuộc săn lớn, ta sẽ sử dụng nó. Ngoài khẩu ấy ra, người muốn lấy khẩu nào cũng được.

Maurevel gỡ một khẩu hoả mai khỏi chùm chiến phẩm.

-Bây giờ thì, tâu bệ hạ, kẻ thù ấy là ai? – Kẻ chuyên ám sát người hỏi.

-Làm sao ta biết được điều đó? – Charle IX trả lời vừa đè bẹp tên khốn kiếp bằng một cái nhìn khinh khi.

-Vậy tôi sẽ hỏi ngài de Guise – Maurevel lắp bắp.

Nhà vua nhún vai.

-Thôi đừng hỏi nữa – Ông nói – Ông de Guise sẽ không trả lời đâu. Ai lại đi trả lời những chuyện như thế. Chỉ có kẻ nào không muốn bị treo cổ thì phải tự đoán lấy thôi.

-Nhưng nói cho cùng thì làm sao tôi nhận ra y được?

-Ta đã nói với người là sáng nào y cũng đi qua cửa sổ nhà cha Pierre Pile cơ mà.

-Nhưng có nhiều người cũng đi qua trước cửa sổ ấy, xin bệ hạ hãy chỉ cho tôi một dấu hiệu nào đó thôi.

-Ồ, dễ quá. Ngày mai chẳng hạn, y sẽ cắp trong tay một chiếc cặp bằng da thuộc màu đỏ.

-Tâu bệ hạ, thế là đủ.

-Ngươi vẫn còn con ngựa chạy rất hay mà ông de Mouy de Saint Phale tặng đấy chứ?

-Tâu bệ hạ, tôi có một con ngựa chiến chạy cực nhanh.

-Ồ, ta chẳng lo lắng gì cho người đâu. Duy có điều người biết được thì cũng tốt, đó là tu viện có một cửa sau.

-Xin cảm ơn bệ hạ, giờ xin bệ hạ cầu Chúa cho tôi.

-A, còn chuyện quái đản ấy nữa cơ mà! Có mà cầu quỷ sứ thì đúng hơn, vì chỉ nhờ có nó phù hộ mà người mới thoát khỏi dây treo cổ.

-Xin tạm biệt bệ hạ.

-Tạm biệt! À, mà này Maurevel, phải nhớ rằng nếu người ta nói về người trước mười giờ sáng mai hoặc lại không nói gì về người sau mười giờ sáng thì ở Louvre có một hầm giam đấy.

Và vua Charle IX lại thản nhiên huýt sáo đúng giọng hơn bao giờ hết điệu nhạc săn ưa thích.

§4. Chiều tối ngày 24/8/1572

Chúng ta chắc chưa quên trong những chương trước câu chuyện có đả động đến một nhà quý tộc tên là de Mole được Henri de Navarre sốt ruột đợi chờ. Nhà quý tộc trẻ tuổi đó như đô đốc đã tiên đoán, tới Paris qua cửa ô Saint-Marcel vào xế chiều ngày 21 tháng Tám năm 1572. Vừa liếc mắt nhìn với vẻ khá khinh thị những quán trọ trương đầy hai bên đường những biển hiệu lòe loẹt, chàng vừa để cho con ngựa còn đẫm mồ hôi lao tới tận trung tâm thành phố. Sau khi qua quảng trường Maubert, cầu Nhỏ, cầu Đức Bà, và đi theo dọc bờ sông, chàng dừng lai ở đầu phố Bresec mà nay chúng ta gọi là phố Arbre -sec (để tiện cho độc giả, nên giữ nguyên tên gọi hiện đại này).

Chắc hẳn tên phố làm vừa lòng chàng, vì chàng đi luôn vào phố đó. Phía bên tay trái chàng có một tấm biển tôn lộng lẫy kêu ken két trên cây cột sắt cùng với tiếng chuông hoà nhịp theo khiến chàng chú ý và dừng lại một lần nữa để đọc dòng chữ: "Quán trọ Tinh tú" như để chú thích cho một bức tranh nhằm ve vãn có hiệu quả nhất đối với những du khách đang đói mềm: Một chú gà quay giữa bầu trời đen ngòm, với hình một người mặc măng-tô đỏ chìa tay, túi tiền và những lời nguyện ước của mình về phía "vì sao" kiểu mới đó.

"Một quán trọ có vẻ được ra phết! – Nhà quý tộc tự nhủ – Và thề với linh hồn mình, chủ quán ắt phải là một thằng cha láu cá. Mình vẫn nghe nói rằng phố Arbre – Sec nằm trong khu kế cận cung Louvre, và miễn là quán đáp ứng đúng cái biển hiệu của nó phần nào thôi, thì mình ngụ qua đêm ở đây cũng là tốt lắm rồi."

Trong khi anh chàng mới tới này lẩm bẩm bài độc thoại ấy thì một kỵ sĩ khác đi từ đầu phố kia tới, tức là từ phố Saint-Honoré, cũng dừng lại và đứng ngây ngất trước biển hiệu của quán Tinh tú.

Trong hai người thì một người đã được chúng ta biết, ít ra là tên. Chàng cưỡi một con ngựa trắng giống Tây Ban Nha, mặc chiếc áo màu đen điểm hạt huyền. Chàng khoác ngoài một chiếc áo măng-tô bằng nhung tím thẫm, mang ủng da đen, đeo thanh kiếm chuôi bằng thép chạm trổ và con dao găm cũng kiểu như thế. Bây giờ, nếu chúng ta chuyển từ y phục sang dung mạo, chúng ta có thể nói rằng đó là một người khoảng hai bốn, hai lăm tuổi, nước da rám nắng, mắt xanh, ria mép thanh nhã, răng sáng bóng như làm sáng rỡ khuôn mặt khi đôi môi đẹp và quý phái của chàng nở một nụ cười hiền hậu và u sầu.

Người lữ khách thứ hai thì hoàn toàn trái ngược với người thứ nhất. Dưới vành mũ uốn cong để lộ ra những món tóc ngắn, rậm và quăn, màu gần như đỏ quốch hơn là vàng hung. Dưới những món tóc là cặp mắt xám mà bất cứ một sự phật ý nhỏ nào cũng làm cho nó sáng rực lên đến mức lúc đó có thể nói là chúng

màu đen. Phần còn lại của gương mặt là nước da hồng hào, cặp môi mỏng dưới bộ ria vàng hoe và hàm răng đẹp. Nói tóm lại, người du khách đó, với nước da trắng trẻo, dáng cao lớn, vai rộng, là một kỵ sĩ rất điển trai theo đúng nghĩa của nó.

Từ một tiếng đồng hồ nay chàng ghếch mũi lên nhìn vào các cửa sổ với cái cớ là tìm những biển hiệu, khiến các bà, các cô phải dõi theo ngắm chàng. Còn về phần các ông thì chắc cũng đã phần nào suýt bật cười khi nhìn thấy chiếc áo choàng chật cứng, chiếc quần chẽn bó lấy người và đôi ủng cổ lỗ của chàng, nhưng họ nén ngay chuỗi cười để bắt đầu bằng một câu êm ái nhất "Chúa giữ cho anh!" khi nhìn thấy nét mặt chàng trong một phút đã thể hiện đến mười vẻ khác nhau, trừ cái vẻ nhân hậu là đặc tính cố hữu của gương mặt người tỉnh lẻ khi lúng túng.

Chàng là người đầu tiên bắt chuyện với nhà quý tộc thứ nhất lúc đó đang mải ngắm quán trọ Tinh tú.

-Mẹ kiếp! Thưa ông – Chàng nói với giọng miền núi đặc sệt khiến cho người ta nhận ra ngay giọng của người vùng Piémontais, có muốn cũng không trộn vào đâu được – Chúng ta đang ở gần cung Louvre phải không? Dù sao tôi cũng tin rằng ông có cùng một sở thích như tôi, thật là thoả mãn cho tôi quá.

-Thưa ông – Chàng kia trả lời với giọng Provençal cũng đặc sệt chẳng kém gì giọng Piémontais của ông bạn – Quả thực tôi cũng nghĩ rằng quán trọ này ở gần Louvre. Tuy nhiên, tôi còn đang tự hỏi không biết liệu tôi có hân hạnh được cùng ý kiến với ông không. Tôi còn nghĩ đã.

-Ông còn chưa quyết ư, thưa ông? Cái quán này nom được ấy chứ. Ngoài ra thì hình như tôi cũng bị quyến rũ vì sự có mặt của ông. Dù sao thì ông cũng nên thừa nhận là bức tranh kia khá hấp dẫn.

-Ồ, hẳn thế, nhưng chính điều ấy lại khiến tôi nghi ngờ sự thực: người ta bảo tôi rằng ở Paris đầy những kẻ lừa bịp. Họ có thể lừa người với một cái biển hiệu cũng như với những thứ khác.

-Mẹ kiếp! Thưa ông – Chàng Piémontais nói – Tôi chẳng lo ngại gì về những trò lừa bịp. Nếu chủ quán dành cho tôi một chú gà kém vàng giòn hơn con gà của y trên biển kia thì tôi sẽ xiên chính y vào que nướng chả và sẽ không rời y cho tới khi y chín vàng một cách thích đáng mới thôi. Ta vào thôi, thưa ông!

-Ông làm cho tôi hết do dự đấy – Chàng Provençal vừa nói vừa cười – Thưa ông, vậy tôi xin đi theo ông.

-Ồ thưa ông, thề có linh hồn tôi, tôi sẽ không đi trước đâu, vì tôi chỉ là kẻ đầy tớ hèn kém của ông, bá tước Anibal de Coconas, mà thôi.

-Còn tôi, thưa ông, tôi là bá tước Joseph Hyacinthe Boniface Lerac de Mole, kẻ luôn luôn sẵn sàng phục vụ ông.

-Vậy thì, thưa ông, chúng ta hãy khoác tay nhau và vào cùng một lúc.

Kết quả của đề nghị dung hoà này là hai chàng trai xuống ngựa, ném dây cương cho một người coi ngựa, khoác tay nhau và vừa chỉnh lại kiếm vừa tiến về phía cửa quán trọ, nơi mà gã chủ quán đang đứng. Nhưng trái hẳn với những lề thói của loại người này, tay chủ quán đàng hoàng này chẳng mảy may chú ý đến các chàng trai vì y đang bận đàm luận với một gã cao lớn, khô khỏng và vàng vọt quấn mình trong chiếc măng-tô màu nấm amandou, hệt như con cú vùi mình trong đám lông vậy.

Hai nhà quý tộc đến gần chủ quán và người mang măng-tô màu nấm amandou đang nói chuyện với y, Coconas bực mình vì thấy người ta dám coi thường mình và ông bạn đến thế liền kéo tay áo chủ quán. Gã này giật mình như tỉnh cơn mơ và lật đật chia tay người đối thoại bằng một câu: -Xin tạm biệt ông, ông đến nhé. Và nhất là phải cho tôi biết giờ đấy

-Này, lão quỷ quái kia – Coconas nói – Anh không thấy là bọn ta đang cần nói chuyện với anh à?

-À xin lỗi, thưa các ông – Chủ quán nói – Vừa rồi tôi không nhìn thấy các ông.

-Mẹ kiếp, nhẽ ra anh phải nhìn thấy. Giờ đã nhìn thấy rồi thì thay cho chữ "thưa ông", thì anh làm ơn xưng hô là "thưa bá tước", nghe chưa?

De Mole đứng phía sau, để mặc Coconas tự mình giải quyết công chuyện.

Tuy nhiên thật dễ nhận thấy qua cặp lông mày nhíu lại của chàng là chàng sẵn sàng tiếp tay cho Coconas khi có dịp.

-Vậy thì, thưa bá tước, ngài cần gì? – Chủ quán hỏi với giọng bình thản nhất đời.

-Được. Khá hơn rồi đấy phải không?

Coconas vừa nói vừa quay về phía De Mole đang gật đầu biểu đồng tình – Bọn ta, ngài bá tước đây và ta, thấy biển hàng của anh hấp dẫn, chúng ta muốn có nơi ăn chốn ở trong quán trọ của anh.

-Thưa quý ngài – Chủ quán đáp – Tôi lấy làm thất vọng. Chúng tôi chỉ có một phòng và tôi e rằng điều đó không thích hợp với quý ngài.

-Thế chứ, thế càng tốt – De Mole nói – Chúng ta sẽ đi trọ chỗ khác.

-A! Không, không, tôi ở lại – Coconas nói – Ngựa tôi mệt lừ rồi. Tôi sẽ lấy phòng đó vì ông không thích.

-À, nếu thế thì lại khác – Chủ quán trả lời với một giọng tỉnh bơ láo xược – Nếu các ngài chỉ có một người, thì tôi không thể nào cho quý ngài trọ được.

-Mẹ kiếp – Coconas kêu lên – Thế chứ, tên này quả là quân súc sinh dở hơi. Mới rồi chúng ta hai người là thừa, giờ một người lại thành thiếu. Mi không muốn cho chúng ta trọ hả, tên súc sinh kia?

-Thưa quý ngài, nếu quý ngài thấy như vậy thì tôi xin trả lời thẳng thắn.

-Trả lời đi, và nhanh lên.

-Thế thì, thà là tôi muốn không có cái hân hạnh được cho quý ngài trọ thì hơn.

-Bởi vì sao?… Coconas mặt tái đi vì giận, hỏi.

-Vì rằng quý ngài không có đầy tớ, và được một phòng chủ đủ người, thì hoá ra tôi lại có hai phòng đầy tớ không có người. Vậy nếu tôi giao cho các ngài phòng của chủ thì chắc hẳn là tôi không thể cho thuê các phòng kia.

-Thưa ông de La Mole – Coconas vừa nói vừa quay lại phía sau – Có phải ông cũng có ý định như tôi là chúng ta sẽ giết quách cái thằng cha kia đi không?

-Điều đó dễ thôi – De Mole vừa nói vừa cùng với bạn chàng sửa soạn nện cho chủ quán một trận đòn roi.

Nhưng mặc dù có dấu hiệu chẳng lành từ phía hai nhà quý tộc kia, chủ quán vẫn không tỏ vẻ ngạc nhiên. Y lùi lại một bước để đứng hẳn vào nhà và nói với giọng giễu cợt: -Rõ là quý ngài đây mới ở tỉnh lên cũng phải. Ở Paris, chuyện giết các chủ quán trọ không chịu cho thuê phòng đã hết kiểu cách này rồi. Bây giờ người ta giết các đại lãnh chúa chứ không giết các anh thị dân. Nếu các ngài gào to quá, tôi sẽ gọi hàng xóm của tôi. Và thế là chính các ngài sẽ bị nện roi. Điều đó quả không xứng chút nào với lước hiệu của nhị vị.

-Ấy thế mà nó lại còn chế nhạo chúng ta – Coconas tức tối kêu lên – Mẹ kiếp!

-Grégoire, đem khẩu hoả mai lại đây! – Chủ quán gọi đầy tớ và cái giọng cứ như thể gọi "Đem ghế lại cho các quý ngài đây."

-Trippe del papa![381] – Coconas vừa thét vừa rút kiếm ra – Cựa quậy đi cho nóng người lên, ông de Mole!

-Thôi thôi, xin ông, trong lúc chúng ta cựa quậy cho ấm thì món súp nguội mất.

-Thế nào? Ông bảo sao? – Coconas kêu lên.

-Tôi thấy rằng cái nhà ông Tinh tú này có lý đấy. Duy có điều ông ấy không biết cách xử sự với lữ khách đó thôi, nhất là khi các lữ khách đó lại là những nhà quý tộc. Thay vì nói năng bỗ bã với chúng ta là "Quý ông, tôi không muốn chứa quý ông" thì lẽ ra ông ta phải nói rất lịch sự rằng: "Thưa quí ông, xin mời vào", rồi sau đó mới ghi rõ: Phòng của chủ ngần này, phòng của tớ ngần này. Nếu chúng ta không có đầy tớ thì rồi chúng ta sẽ lấy đầy tớ vào.

Vừa nói, De Mole vừa nhẹ nhàng gạt chủ quán đang với tay lấy súng sang một bên, đẩy Coconas vào nhà và cũng vào theo sau chàng ta.

-Mặc kệ – Coconas nói – Tôi khó lòng tra được kiếm vào vỏ trước khi tin chắc rằng nó xỉa cũng khéo như những cái que xiên mỡ của thằng cha kia vậy.

Bình tĩnh nào, ông bạn thân mến – De Mole nói – Tất cả mọi quán trọ đều đầy những quý tộc bị thu hút về Paris để dự hội hè nhân đám cưới hoặc để chuẩn bị cho cuộc chiến tranh sắp tới ở Flandre. Chúng ta chẳng còn tìm thấy quán khác

nữa đâu. Vả lại, có lẽ ở Paris người ta có thói tiếp đón những người khách lạ như vậy đấy.

-Mẹ kiếp! Ông mới kiên nhẫn chứ! – Coconas vừa lẩm bẩm, vừa tức giận xoắn bộ ria mép hung đỏ và lườm chủ quán.

-Cái thằng khốn này hãy cẩn thận đấy: Nếu bếp núc nấu không ngon, nếu đệm giường không ấm, nếu rượu nhà mi vào chai không đủ ba năm, nếu đầy tớ nhà mi không nhanh chân nhẹn cẳng…

-Thôi, thôi, thôi, thưa ông quý tộc – Chủ quán vừa nói vừa liếc con dao đeo trên thắt lưng – Ông có thể yên tâm đi, ông lạc vào xứ tiên đấy.

Rồi y vừa khẽ nói, vừa lắc đầu: -Lại mấy thằng Tân giáo đây! Cái quân phản phúc ấy, từ dạo có đám cưới cái thằng Bearn nhà chúng nó với lệnh bà Margot, đứa nào cũng trở nên láo xược hẳn.

Và với một nụ cười có thể khiến cho khách trọ của y rợn tóc gáy nếu họ nhìn thấy, y nói thêm: -Và thật là khoái tỉ, mình lại có mấy thằng Tân giáo rơi vào tay, và rồi…

-Bớ chủ quán! Chúng ta có được ăn hay không đây? – Coconas xoe xóe hỏi, cắt ngang dòng độc thoại của chủ quán.

-Vâng, xin hầu đúng ý ông, thưa ông – chủ quán trả lời.

-Thế thì chúng ta ban ý rồi đấy, nhanh lên! – Coconas đáp.

Rồi chàng quay về phía De Mole: -Này bá tước, trong lúc người ta dọn phòng cho chúng ta, xin ông hãy nói cho tôi hay: ông có tình cờ mà lại thấy Paris vẫn là một thành phố vui tươi không, thưa ông?

-Thế chứ, không – De Mole nói – Dường như tôi chỉ mới gặp ở đây những gương mặt hoặc là hoảng hốt, hoặc là dữ tợn. Có lẽ là vì những người Paris sợ giông chăng. Ông có thấy là trời tối sầm và không khí oi lắm không?

-Bá tước này, ông đang tìm cung Louvre phải không?

-Hình như ông cũng thế thì phải, thưa ông de Coconas.

-Vậy thì nếu ông muốn, chúng ta cũng sẽ cùng tìm đến đó.

-Cái gì cơ. Ra phố bây giờ thì có hơi muộn quá không?

-Muộn hay không, tôi cũng phải đi. Mệnh lệnh giao cho tôi rất rõ ràng. Đến Paris càng sớm càng tốt, và đến lúc nào, phải liên lạc ngay với quận công de Guise.

Nghe đến tên quận công de Guise, chủ quán nhích lại gần, chăm chú nghe.

-Hình như cái thằng ba que kia muốn nghe lỏm chúng ta đấy – Coconas nói. Là người xứ Piémontais, chàng vốn thù dai và không thể bỏ qua cho chủ quán Tinh tú cái tội đã tiếp đón lữ khách một cách kém lịch sự.

-Vâng, thưa quý ông, tôi có nghe quý ông nói chuyện – Chủ quán vừa nói vừa chạm tay vào mũ trùm – Nhưng đó là để hầu quý ông tốt hơn thôi ạ. Tôi

nghe đến tên quận công De Guise vĩ đại là tôi chạy lại ngay. Tôi có thể giúp gì cho quý ông không?

-A! A! Cái từ ấy có phép mầu hay sao đây. Lúc nãy mi xấc láo thế sao bây giờ lại ngọt thế. Mẹ kiếp, này chủ quán, chủ quán… tên mi là gì ấy nhỉ?

-Chủ quán La Hurière – Chủ quán vừa trả lời vừa nghiêng mình.

-Thế này chủ quán La Hurière ạ, mi tưởng rằng tay ta không nặng bằng tay quận công de Guise hay sao mà cái tên ông ta lại khiến mi trở nên nhã nhặn thế?

-Không ạ, thưa bá tước, nhưng tay ông ta dài hơn – Chủ quán đối đáp lại và nói thêm – Vả chăng, cần phải nói với ngài rằng Henri vĩ đại là thần tượng của dân Paris chúng tôi.

-Henri nào? – De Mole hỏi.

-Tôi thấy hình như chỉ có một thôi, – Chủ quán nói.

-Xin lỗi, ông bạn, còn có cả Henri de Navarre ta xin anh đừng có nói xấu, ấy là không kể Henri de Condé là người cũng có giá trị.

-Những ông ấy tôi không được biết – Chủ quán đáp.

-Vâng, nhưng ta biết họ – De Mole nói – Và vì ta được gửi gắm cho đức vua Henri de Navarre. Ta xin anh đừng có nói xấu về Người trước mặt ta.

Chủ quán không trả lời de Mole, chỉ khẽ chạm tay vào mũ trùm và tiếp tục săn đón Coconas: -Vậy là đức ông sắp được hầu chuyện quận công de Guise vĩ đại. Đức ông thật là một nhà quý tộc sung sướng. Hẳn là đức ông đến để…

-Để làm gì? – Coconas hỏi.

-Để dự hội – Chủ quán trả lời với một nụ cười kỳ quặc.

-Có lẽ anh phải nói là dự các hội hè thì hơn, vì ta nghe nói là Paris ngập ứ những hội với hè. Ít ra thì người ta cũng chỉ nói về vũ hội, tiệc tùng với đua ngựa mà thôi. Ở Paris mọi người vui chơi khá đấy chứ nhỉ?

-Thưa ông, vẫn còn từ tốn thôi, Ít ra là tới lúc này. – Chủ quán đáp – Nhưng mà ta sắp được vui chơi đấy, tôi mong là thế.

-Đám cưới của đức vua Navarre thu hút nhiều người tới thành phố này đấy chứ – De Mole nói.

-Thưa ông vâng, nhiều kẻ Tân giáo – La Hurière trả lời vỗ mặt luôn. Rồi y tĩnh trí lại, nói: -À xin lỗi, có lẽ quý ngài theo Tân giáo chăng?

-Ta mà theo Tân giáo à – Coconas kêu lên – Thôi đi! Ta là người Giatô giáo cũng giống như đức cha giáo hoàng vậy.

La Hurière quay về phía De Mole tựa như muốn hỏi dò, nhưng hoặc là vì De Mole không hiểu cái nhìn của chủ quán, hoặc là vì chàng thấy nên trả lời bằng một câu hỏi khác thì tiện hơn.

-Nếu anh không biết về đức vua Navarre, chủ quán La Hurière, có lẽ anh biết tí gì về đô đốc chăng? Ta nghe nói đô đốc có được hưởng một ân sủng nào đó ở

triều đình. Vì ta được gửi gắm đến chỗ ông ta nên ta muốn biết ông ta ngụ tại đâu, nếu như nói ra cái địa chỉ ấy không làm sướt lưỡi anh.

-Ông ta đã từng ở tại phố Béthisy, thưa ông, từ đây đi rẽ phải – Chủ quán nói với vẻ hài lòng không che đậy nổi.

-Thế nào? Ông ta đã từng ở… – De Mole hỏi – Ông ta chuyển nhà rồi à?

-Vâng, có lẽ là chuyển khỏi thế giới này.

-Thế là thế nào? – Cả hai nhà quý tộc cùng kêu lên – Đô đốc chuyển khỏi thế giới này à!

-Sao ạ? Ông de Coconas – Chủ quán tiếp với một nụ cười láu lỉnh – Ông thuộc về phe de Guise mà ông không biết gì cả ư?

-Gì mới được chứ?

-Hôm qua, khi đô đốc đi ngang quảng trường Saint-Germain l'Auxerrois, trước nhà cha Pierre Piles, đô đốc bị trúng một phát đạn hoả mai.

-Ông ta bị giết rồi! – De Mole kêu lên.

-Không, viên đạn chỉ làm gãy cánh tay và cụt hai ngón tay, nhưng người ta hy vọng rằng đạn được tẩm thuốc độc.

-Sao, đồ khốn nạn! – De Mole kêu lên – Chúng bay hy vọng rằng…

-Tôi muốn nói "người ta cho rằng" – Chủ quán chữa lại – Chúng ta không nên xích mích nhau về câu chữ, lưỡi tôi bị nhíu đấy.

Và chủ quán La Hurière vừa quay lưng về phía De Mole, vừa thè lưỡi ra với Coconas vẻ giễu cợt và kèm theo cử chỉ đó là một cái liếc nhìn đầy vẻ thông đồng.

-Thật à! – Coconas mặt tươi hơn hớn nói.

-Thật thế ư! – De Mole lẩm bẩm với vẻ ngạc nhiên đau đớn.

-Thật đúng như tôi vừa được hầu chuyện quý ngài đây – Chủ quán trả lời.

-Vậy thì tôi đến cung Louvre ngay đây – De Mole nói – Liệu tôi có gặp đức vua Henri ở đấy không nhỉ?

-Có thể lắm, vì ông ta ở luôn đấy.

-Và tôi cũng đến Louvre đây – Coconas nói – Liệu tôi có gặp được quận công de Guise không?

-Hẳn thế, vì tôi mới thấy ngài đi cùng với hai trăm vị quý tộc qua đây một lát thôi.

-Vậy thì đi nào, ông de Coconas – De Mole nói.

-Tôi xin theo ông – Coconas đáp.

-Nhưng còn bữa tối thì sao, thưa quý vị? – Chủ quán hỏi.

-À – De Mole đáp – Có lẽ ta sẽ ăn tối ở chỗ đức vua Navarre.

-Còn ta thì ở chỗ quận công de Guise – Coconas tiếp.

-Còn ta – Chủ quán nói sau khi nhìn dõi theo hai nhà quý tộc đang đi về phía Louvre – Ta sẽ đánh bóng cái mũ sắt của ta, tra ngòi cho khẩu hoả mai và mài

mác. Ai mà biết được sẽ xảy ra chuyện gì?

§5. Bàn về cung Louvre nói riêng và về đạo đức nói chung

Hai nhà quý tộc được người đầu tiên họ gặp chỉ đường, rẽ sang phố d'Averon, qua phố Saint-Germain l'Auxerrois, chẳng mấy chốc đã tới trước cung Louvre với những ngọn tháp đã bắt đầu chìm vào bóng đêm.

-Ông làm sao vậy? – Coconas hỏi De Mole khi thấy chàng này dừng lại trước toà lâu đài cổ kính và nhìn với vẻ kính cẩn những cầu treo, những vòm cửa hẹp, những tháp chuông nhỏ nhọn hoắt đang hiện lên trước mắt chàng

-Xin thề là chính tôi cũng chẳng biết nữa – De Mole nói – Tim tôi đập dữ quá. Tuy tôi chẳng phải là kẻ nhút nhát nhưng không hiểu tại sao tôi cảm thấy toà nhà lâu đài này có vẻ thâm u thậm chí có vẻ gì khủng khiếp nữa.

-Tôi thì tôi cũng không biết được tôi ra làm sao, nhưng tôi thấy hiếm khi lại vui vẻ như bây giờ – Coconas nói. Và chàng vừa nói tiếp, vừa nhìn lại y phục đi đường của mình – Quần áo thì có hơi cẩu thả đấy. Nhưng thôi! Càng có vẻ kỵ mã. Các mệnh lệnh giao cho tôi buộc tôi phải vội vã. Chắc tôi sẽ được tiếp đón tử tế vì tôi đã tuân thủ đúng giờ giấc.

Hai chàng trai lại tiếp tục đi, mỗi người đều xao xuyến bởi những tình cảm mà họ vừa thổ lộ.

Cung Louvre được canh gác rất cẩn mật. Hình như mỗi trạm gác đều được tăng cường gấp đôi. Do vậy mà thoạt tiên hai nhà lữ hành của chúng ta khá bối rối. Coconas đã nhận thấy rằng tên của quận công de Guise là một bùa chú đối với dân Paris, chàng tới gần một tên lính canh và vừa nêu cái tên đầy uy lực ấy vừa hỏi y xem nhờ nó mà chàng có thể vào Louvre được không.

Rõ ràng cái tên ấy đã gây hiệu quả đối với tên lính, nhưng y vẫn gặng hỏi Coconas xem chàng có biết mật khẩu không.

Coconas buộc phải thú nhận rằng chàng không biết.

-Vậy thì xin mời ngài ra thôi – Tên lính đáp.

Trong lúc đó, có một người đang nói chuyện với viên chỉ huy trạm gác. Trong lúc nói chuyện ông ta vẫn nghe được lời Coconas yêu cầu xin vào Louvre. Ông ta liền ngừng cuộc chuyện trò và đến gần chàng: -Ông muốn gặp ông de Guise có chuyện gì- Ông ta hỏi.

-Tôi muốn nói chuyện với ông ta -

Coconas vừa mỉm cười vừa trả lời.

-Không thể được, quận công đang ở nơi nhà vua.

-Nhưng tôi có thư thông báo để tới Paris.

-A! Ông có một thư thông báo?

-Vâng, và tôi từ rất xa tới.

-A, ông từ rất xa tới?

-Tôi từ Piémontais tới.

-Được, được. Thế thì lại khác. Ông tên là…

-Bá tước Anibal de Coconas.

-Tốt lắm. Thư đưa đây, ông Anibal, đưa đây.

"Đây quả là một người tử tế – De Mole tự nhủ – Làm sao mình có thể tìm được một người như thế để dẫn mình tới chỗ vua Navarre được nhỉ?"

-Nào ông đưa thư đây chứ – Người này vừa nói với giọng nói của người Đức, vừa chìa tay về phía Coconas đang ngập ngừng.

-Mẹ kiếp – Anh chàng Piémontais vốn đa nghi như Tào Tháo trả lời – Tôi không biết liệu có thể… Thưa ông, tôi chưa có vinh hạnh quen biết ông.

-Tôi là Pesme. Tôi thuộc về quận công de Guise.

-Pesme – Coconas lẩm bẩm – Mình không hề biết cái tên này.

-Thưa ngài quý tộc, đó là ông de Besme; Chỉ mỗi tội phát âm sai làm ngài nhầm thôi. Ngài cứ đưa thư cho ông de Besme đi, tôi đảm bảo.

-A! Ngài de Besme – Coconas kêu lên – Tôi mà lại không biết tên tuổi ngài ư! … Sao lại thế được! Rất hân hạnh. Thư của tôi đây Xin thứ lỗi cho sự ngần ngại của tôi. Nhưng ta cần phải ngần ngại khi ta muốn trung thành.

-Được, được, không cần phải xin lỗi – de Besme nói.

-Phải thế chứ, thưa ông – Đến lượt De Mole vừa nói, vừa tiến lại gần

-Vì thấy ông có lòng như vậy, liệu ông có thể chuyển đạt lá thư của tôi như ông vừa làm đối với lá thư của ông bạn tôi hay không?

-Ông tên là gì?

-Bá tước Lerac de Mole.

-Bá tước Lerac de Mole?

-Vâng.

-Tôi không biết.

-Đơn giản chỉ là vì tôi không có hân hạnh được ông biết tới đó thôi, thưa ông. Tôi là người lạ ở đây và giống như bá tước de Coconas, tôi từ rất xa tới.

-Từ đâu?

-Từ Provençal.

-Với một cái thư?

-Vâng, với một bức thư.

-Gửi cho ông de Guise?

-Không, gửi cho hoàng thượng xứ Navarre.

-Tôi không thuộc về phía xứ Navarre, thưa ông – de Besme trả lời với vẻ lạnh lùng đột ngột – Vậy tôi không thể chuyển đạt lá thư của ông được.

Besme quay gót rời De Mole, tiến vào cung Louvre vừa ra hiệu cho Coconas đi theo.

De Mole đứng lại một mình.

Cùng lúc đó, qua cánh cửa cung Louvre song song với cửa mà Besme và Coconas vừa vào, có một toán kỵ sĩ chừng trăm người đi ra.

-Ái chà – Tên lính gác nói với bạn y – de Mouy với lũ Tân giáo nhà y đấy. Chúng vui sướng nhỉ. Hình như đức vua đã hứa cho giết kẻ ám sát đô đốc, hắn ta chính là người đã giết cha của hắn là de Mouy de Saint Phale. đúng là một cú chọi hai chim. Độc thật

Xin lỗi – De Mole nói với người lính – Phải chăng ông vừa nói rằng viên chỉ huy oai hùng kia là ông de Mouy de Saint Phale?

-Thưa vâng, ông quý tộc ạ.

-Và những người đi cùng ông ta là…

-Là những đồ vô đạo… tôi vừa nói đến đó.

-Cám ơn – De Mole nói, không tỏ vẻ để ý đến từ ngữ miệt thị của gã lính – Tôi chỉ cần biết có thế.

Ngay lập tức, chàng đi về phía người thủ lĩnh của đoàn kỵ sĩ và nói với ông ta: -Thưa ông, tôi được biết ông là ông… de Mouy de Saint Phale.

-Thưa ông vâng – Viên chỉ huy lịch sự đáp.

-Tên tuổi ông được biết rõ giữa những người theo đạo mới, khiến tôi đánh bạo hỏi và nhờ ông một việc.

-Việc gì vậy, thưa ông?… Nhưng trước hết tôi đang vinh hạnh hầu chuyện với ai đây?

-Tôi là bá tước Lerac de Mole.

Hai chàng trai cúi chào nhau.

-Thưa ông, tôi xin nghe ông nói đây – de Mouy nói.

-Thưa ông, tôi từ d'Aix tới, mang theo một lá thư của ông d'Auriac, tỉnh trưởng tỉnh Provence. Thư này được gửi lên đức vua Navarre và mang nhiều tin quan trọng khẩn cấp. Làm sao tôi có thể trình được thư lên đức vua? Làm sao tôi có thể vào được Louvre?

-Thưa ông, chẳng có gì dễ hơn là vào cung Louvre – de Mouy trả lời – Tuy nhiên, tôi e rằng lúc này đây đức vua Navarre đang bận nên không thể tiếp ông được. Nhưng dẫu sao thì xin ông hãy cứ vui lòng theo tôi, tôi sẽ dẫn ông tới khu phòng ở của nhà vua, phần còn lại xin ông tự lo lấy.

-Xin cám ơn ông!

-Xin ông theo tôi – de Mouy de Saint Phale nói.

De Mouy xuống ngựa, ném dây cương cho người hầu, đi về phía cửa ra vào cho lính gác nhận mặt rồi dẫn De Mole vào lâu đài ông vừa mở cửa dẫn tới phòng ở của vua Navarre vừa nói: -Xin ông vào đi và hỏi thăm xem.

Và vừa chào De Mole, ông vừa lui ra.

De Mole còn lại một mình, chàng nhìn xung quanh.

Phòng ngoài chẳng có một ai, một trong số các cửa thông vào trong bỏ ngỏ. Chàng đi vài bước và thấy mình ở trong một hành lang. Chàng gõ cửa và gọi mà chẳng có ai trả lời. Sự yên lặng thăm thẳm bao trùm lên khu vực này của Louvre.

"Ai đã nói với mình về các nghi thức nghiêm ngặt đến thế ấy nhỉ? – Chàng nghĩ – Chứ mình thấy người ta có thể đi qua đi lại trong lâu đài này cứ như trên khu công cộng vậy."

Chàng lại gọi tiếp nhưng cũng chẳng ăn thua gì hơn lần trước.

"Thôi ta cứ đi thẳng vậy – Chàng nghĩ – Rốt cuộc thì cũng phải gặp một người nào chứ."

Chàng tiến theo hành lang, càng vào sâu càng thấy tò mò.

Đột nhiên cánh cửa phía đối diện với cửa mà chàng đi vào mở ra, hai người hầu cầm hai giá đèn sáp xuất hiện. Họ soi đường cho một người đàn bà tầm vóc cao lớn, dáng đường bệ và có một vẻ đẹp chim sa cá lặn.

Ánh sáng chiếu rọi làm De Mole đứng lặng. Người đàn bà cũng dừng lại nhìn De Mole.

-Thưa ông, ông cần gì vậy? – Nàng hỏi chàng trai bằng một giọng thánh thót như một điệu nhạc bên tai chàng.

-Ô thưa bà – De Mole vừa nói vừa nhìn xuống – Xin bà thứ lỗi, tôi vừa mới rời khỏi ông de Mouy de Saint Phale, người đã có lòng dẫn tôi tới tận đây, để tìm đức vua Navarre.

-Hoàng thượng không có ở đây, thưa ông. Tôi tin là ông ta đang ở chỗ ông anh vợ. Thế nhưng vì ông ta đi vắng nên liệu ông có thể nói với hoàng hậu được không…

-Vâng, chắc là được, thưa bà – De Mole nói tiếp – Nếu như có ai rộng lòng dẫn tôi tới chỗ Người.

-Thưa ông, ông đã gặp rồi đấy!

-Sao cơ! – De Mole kêu lên.

-Tôi là hoàng hậu Navarre – Marguerite trả lời.

De Mole có một cử chỉ quá bất ngờ vì kinh ngạc và sợ hãi khiến hoàng hậu mỉm cười.

-Thưa ông, xin ông nói nhanh – Nàng nói

-Vì người ta đang chờ tôi ở chỗ Hoàng thái hậu.

-Ôi thưa lệnh bà, nếu Người đang rất vội thì xin cho phép tôi được lui, vì tôi không thể nói với Người trong lúc này được.

Tôi không thể tập trung ý nghĩ của mình, tôi hoa mắt khi nhìn thấy lệnh bà. Tôi không còn nghĩ được nữa, tôi chỉ chiêm ngưỡng thôi.

Marguerite duyên dáng tiến về phía chàng thanh niên trong lúc chàng không hề biết rằng mình vừa mới xử sự như một đình thần tao nhã.

-Xin ông tĩnh trí lại – Nàng nói – Tôi sẽ chờ ông và để cho người ta chờ tôi.

-Ôi xin lệnh bà tha tội, nếu như lúc đầu tôi đã không chào Người với tất cả lòng tôn kính mà Người có quyền đòi hỏi ở một kẻ tôi tớ hèn kém nhất của Người, nhưng…

-Nhưng – Marguerite tiếp

-Ông chẳng đã nhầm tôi với một người nào trong số các thị nữ của tôi đấy thôi.

-Không, thưa lệnh bà, tôi cứ tưởng là hình bóng của nàng Diane de Poitiers xinh đẹp. Người ta kể với tôi rằng nàng còn hiện về ở cung Louvre.

-Thôi nào, thưa ông – Marguerite nói – Tôi không phải lo ngại gì cho ông nữa đâu, ông sẽ gây dựng được sự nghiệp cho mình ở triều đình đấy. Có phải là ông vừa nói là ông có một bức thư cho nhà vua không? Thật vô ích, nhưng thôi kệ, thư đâu? Tôi sẽ trao thư cho hoàng thượng. Tuy nhiên, xin ông nhanh lên cho.

Trong nháy mắt, De Mole vạch các tua đeo ở áo ngắn và rút trong ngực ra một lá thư đề trong một cái túi lụa.

Marguerite cầm thư và nhìn chữ viết: -Có phải ông là de Mole?

-Vâng, thưa lệnh bà. Lạy Chúa, phải chăng tôi có diễm phúc là tên mình được lệnh bà biết tới?

-Tôi đã nghe chồng tôi và quận công d'Alençon, em tôi, nhắc tới. Tôi biết rằng ông đang được người ta chờ đợi.

Và nàng nhét vào trong chiếc áo chẽn cứng đờ vì châu ngọc và những đường thêu của mình bức thư vừa mới rời khỏi chiếc áo ngắn của chàng trai còn ấm hơi ngực chàng. De Mole khao khát nhìn theo từng cử chỉ của Marguerite.

-Bây giờ thì, thưa ông – Marguerite nói

-Ông hãy xuống tầng sảnh dưới nhà và chờ tới khi có người hầu do đức vua Navarre hoặc quận công d'Alençon sai tới. Bây giờ một người hầu của tôi sẽ dẫn ông đi.

Nói xong, Marguerite tiếp tục bước. De Mole đứng dẹp vào sát tường, nhưng lối đi chật quá và khung lồng váy dài của hoàng hậu quá rộng đến nỗi váy bằng lụa của nàng chạm lưới qua quần áo chàng trai để lại mùi hương ngọt ngào toả ra trên lối nàng qua.

De Mole run lên toàn thân. Cảm thấy mình sắp ngã, chàng phải tựa vào tường.

Marguerite biến đi như một ảo ảnh.

-Thưa ông, ta đi thôi chứ ạ,? – Người hầu có nhiệm vụ dẫn De Mole tới tầng sảnh dưới nhà.

-À, vâng, vâng – De Mole đang say đắm trong lòng, thốt lên.

Chàng thấy người hầu trẻ chỉ vào lối mà Marguerite vừa đi qua và hy vọng rằng nếu nhanh chân, chàng có thể lại nhìn thấy nàng.

Quả thật tới đầu cầu thang chàng nhìn thấy nàng ở tầng dưới và vì hoặc tình cờ hoặc vì tiếng chân chàng vọng tới tận chỗ nàng, Marguerite ngẩng đầu lên, thế là chàng được nhìn nàng thêm một lần nữa.

-Ôi! – Chàng vừa đi theo người hầu vừa nói – Nàng chẳng phải là người trần tục mà là một nữ thần, đến cả thần Vệ Nữ cũng chưa chắc sánh kịp nàng.

-Gì vậy, thưa ông? – Người hầu không rõ chàng lẩm bẩm điều gì, bèn hỏi.

-Tôi đây! – De Mole vội vã đáp – Xin lối, không có gì cả, tôi đây.

Họ cùng xuống tầng dưới, qua một cửa rồi đến một cửa tiếp theo. Đến đó họ dừng lại trên ngưỡng cửa. Người hầu nói: -Đây là nơi ông phải ngồi chờ.

De Mole bước vào gian phòng lớn và cánh cửa khép lại sau lưng chàng.

Trong gian phòng, chỉ có duy nhất một nhà quý tộc đang đi đi lại lại có vẻ sốt ruột chờ đợi ai.

Những mảng tối đổ dài từ những vòm trần xuống khiến cho hai người chỉ cách nhau vài chục bước chân cũng không nhìn rõ nhau. De Mole xích lại gần: -Chúa tha tội cho con – Chàng lẩm bẩm khi chỉ còn cách nhà quý tộc kia có vài bước – Mình lại gặp bá tước de Coconas ở đây rồi.

Nghe tiếng bước chân, anh chàng Piémontais quay lại và cũng sững sờ nhìn De Mole: -Mẹ kiếp! – Chàng kêu lên – Ông de Mole đây mà, nếu không thì quỷ bắt mình đi! Ái chà! Ta làm gì thế này! Lại chửi thề ở cung vua kia đấy! Nhưng thôi, hình như nhà vua còn chửi thề khá hơn ta, mà cả ở trong nhà thờ nữa kia. Ơ này, vậy là chúng ta đã ở trong cung Louvre đấy nhỉ?

-Như ông thấy đấy, ông de Besme quả là một tay người Đức dễ thương. Còn ông, ai dẫn đưởng cho ông thế?

-Ông de Mouy de Saint Phale… Tôi đã chả nói với ông là những người Tân giáo cũng không đến nỗi kém cạnh lắm trong triều đình là gì… Vậy ông đã gặp ông de Guise chưa?

-Chưa… Thế còn ông đã được tiếp kiến đức vua Navarre chưa?

-Chưa, nhưng chắc cũng sắp thôi. Người ta đã dẫn tôi đến đây và bảo tôi chờ.

-Ông sẽ thấy đây là một bữa tiệc lớn và chúng ta sẽ ngồi cạnh nhau dự tiệc. Quả là một sự tình cờ kỳ dị! Từ hai tiếng đồng hồ nay, số phận đã gắn bó chúng ta với nhau. Nhưng ông làm sao vậy? Ông có vẻ tư lự thế nào ấy!

-Tôi ư? – De Mole giật mình vội vã đáp, vì quả thực chàng vẫn còn như bị loá mắt bởi cái ảo ảnh đã hiện ra với chàng – Không đâu, nhưng cái nơi chúng ta đứng khiến trong trí tôi nảy sinh một mớ suy nghĩ.

-Triết học, có phải không? Thế thì cũng giống tôi. Chính lúc ông vào đây, những lời căn dặn của ông gia sư của tôi lại hiện ra trong trí tôi. Bá tước, ông có biết Plustarque[382] không?

-Sao cơ! – De Mole vừa nói vừa mỉm cười – Đó là một trong những tác giả ưa thích của tôi đấy.

-Thế thì – Coconas nói tiếp một cách nghiêm trang

-Tôi thấy con người vĩ đại ấy đã không quá khi ông ta so sánh những ưu vật của thiên nhiên như những bông hoa rực rỡ nhưng sớm nở tối tàn. Trong khi đó ông ta coi đạo đức như một cái cây thơm tho có mùi hương vĩnh cừu và có hiệu lực tuyệt vời để chữa lành các vết thương.

-Ông có biết tiếng Hylạp không, thưa ông de Coconas? – De Mole vừa hỏi vừa dán mắt vào người đối thoại với mình.

-Không, nhưng ông gia sư của tôi biết và ông ta đã dặn kỹ tôi rằng khi tới triều đình cần phải nói nhiều về đạo đức.

Ông ta bảo rằng thế là hợp gu lắm. Vì thế, tôi báo trước với ông rằng về mặt này tôi được trang bị đầy đủ lắm. À mà này, ông có thấy đói không?

-Không.

-Thế mà hình như ban nãy tôi thấy ông có vẻ thiết tha đến con gà xiên nướng ở quán Tinh tú lắm. Tôi đang chết đói lả người ra đây.

-Này ông de Coconas, đây là dịp tốt để sử dụng các luận cứ của ông về đạo đức và chứng minh lòng khâm phục của ông đối với Plustarque vì nhà văn vĩ đại ấy đã nói ở một đoạn nào đó rằng: "Rèn luyện tâm hồn trong thương đau và dạ dày trong can đói là điều tốt."

-Ái chà! Ông biết tiếng Hylạp đấy à?– Coconas kinh ngạc kêu lên.

-Vâng – De Mole trả lời – Ông gia sư của tôi đã dạy cho tôi.

-Mẹ kiếp! Bá tước ạ. Cơ đồ của ông được đảm bảo rồi đấy. Ông sẽ làm thơ với đức vua Charle, và nói tiếng Hylạp với hoàng hậu Marguerite.

-Không kể là – De Mole vừa cười vừa nói – Tôi có thể nói tiếng Gascon với đức vua Navarre.

Lúc đó, lối đi ăn thông ra khu phòng của nhà vua mở ra, có tiếng bước chân và người ta nhìn thấy trong bóng tối có một bóng người đang tiến lại. Bóng người đó dần dần rõ nét. Đó là ông de Besme. Ông ta ví mũi vào nhìn hai người để nhận ra người của mình và ra hiệu cho Coconas đi theo ông ta.

Coconas đưa tay chào De Mole.

De Besme dẫn Coconas tới đầu kia gian phòng mở một cánh cửa và đứng cùng với chàng trên bậc đầu tiên của một cầu thang.

Tới đó, ông ta dừng lại, nhìn khắp xung quanh, trên dưới rồi nói: -Ông de Coconas, ông trọ ở đâu?

-Ở quán Tinh tú, phố Arbre sec.

-Được, được, gần đây lắm… Ông về ngay đi nhé và đêm nay… Ông ta lại nhìn quanh.

-Thế nào, đêm nay thì sao? Coconas hỏi.

-Thế này, đêm nay, ông quay trở lại đây với một chữ thập trắng trên mũ. Khẩu lệnh là Guise. Suỵt, kín miệng đấy.

-Nhưng tôi phải quay lại đây vào mấy giờ?

-Khi nào ông nghe thấy chuông nhà thờ báo động.

-Cái gì, chuông báo động à? – Coconas hỏi.

-Vâng, chuông báo động: bum! bum…

-À, chuông báo động!

-Đúng thế, tôi nói thế đấy.

-Được rồi, tôi sẽ tới – Coconas nói.

Vừa chào de Besme, chàng vừa đi vừa tự hỏi thầm: -Thằng cha muốn nói cái quỷ gì thế nhỉ, và vì cớ gì mà người ta lại đánh chuông báo động cơ chứ. Dù sao thì mình vẫn giữ ý kiến của mình: ông de Besme dễ thương thật. Hay là mình đợi bá tước de Mole nhỉ? À mà thôi, chắc hẳn ông ta sẽ ăn tối với vua xứ Navarre.

Và Coconas đi về phía phố Arbre sec, nơi biển hiệu quán Tinh tú đang thu hút chàng như một thỏi nam châm.

Trong lúc đó, một cánh cửa của gian phòng lớn thông với những phòng ở của vua xứ Navarre mở ra, một người hầu tiến về phía De Mole và hỏi: -Có phải ông là bá tước de Mole

-Chính tôi.

-Ông trọ ở đâu?

-Phố Arbre sec, quán Tinh tú.

-Được, gần ngay cửa Louvre. Xin ông hãy nghe… Hoàng thượng cho nói với ông rằng Người không thể tiếp ông trong lúc này. Có thể là đêm nay Người sẽ cho gọi ông. Dầu sao thì nếu sáng mai mà ông chưa nhận được tin tức gì thì ông hãy tới Louvre.

-Nếu lính gác không cho tôi vào thì sao?

-À ừ nhỉ… Khẩu lệnh là Navarre, ông cứ nói lên và mọi cửa đều thông.

-Xin cảm ơn.

-Xin ông chờ cho một chút. Tôi được lệnh dẫn ông ra tận cổng, sợ ông lạc trong Louvre mất.

"Thế còn Coconas? – De Mole tự hỏi khi chàng ra khỏi lâu đài – Ôi chắc y đang chén bữa tối với quận công de Guise."

Nhưng khi về đến quán của Hurière, người đầu tiên chàng trông thấy chính là Coconas đang an toạ trước một dĩa trứng chiên mỡ kếch sù.

-Ố, ồ – Coconas vừa nói vừa phá lên cười – Hình như ông cũng chẳng ăn tối ở chỗ đức vua Navarre nhiều gì hơn tôi dùng bữa ăn ở nơi ông de Guise nhỉ.

-Xin thề là không.

-Thế ông đã thấy đói chưa?

-Tôi tin là có.

-Còn Plustarque thì sao?

-Bá tước ạ – De Mole vừa nói vừa cười – Trong một đoạn khác của Plustarque đã nói "kẻ có phải chia xẻ cho người không" Vì lòng ngưỡng mộ Plustarque, ông có vui lòng chia sẻ đã trứng chiên với tôi không, chúng ta sẽ bàn về đạo đức trong khi ăn?

-Ôi thôi thôi! – Coconas nói – Bàn về đạo đức chỉ tốt khi chúng ta ở Louvre, chúng ta sợ bị nghe trộm và chúng ta đói mềm. Thôi ông ngồi xuống đi và xin mời!

-Này tôi thấy là hình như số mệnh cứ nhất định gắn bó chúng ta lại. Ông ngủ đây đêm nay chứ?

-Tôi cũng chẳng biết.

-Tôi cũng thế.

-Dẫu vậy, tôi vẫn biết là đêm nay tôi ở đâu?

-Đâu vậy?

-Ông ở đâu thì tôi ở đấy. Chẳng trượt đi đâu được.

Cả hai cùng cười và đánh chén thật cẩn thận món trứng chiên của bác chủ quán La Hurière.

§6. Món nợ được trả

Bây giờ, nếu muốn biết tại sao ông De Mole không được tiếp kiến vua Navarre, ông Coconnas không được gặp ông de Guise, và tóm lại là tại sao cả hai người đáng lẽ được ăn tối tại Louvre với gà gô, chim đa đa và thịt dê rừng thì lại phải dùng bữa ở quán trọ Tinh tú với một đĩa trứng chiên mỡ, thì xin hãy vui lòng quay trở lại toà hoàng cung cổ kính và đi theo hoàng hậu Marguerite de Navarre mà De Mole đã dõi mắt theo hút lúc bước vào toà sảnh lớn.

Trong khi Marguerite đi xuống cầu thang thì quận công Henri de Guise, người mà từ đêm tân hôn nàng chưa gặp lại, đang ở trong căn phòng nhỏ của nhà vua. Ở đầu cầu thang Marguerite đang xuống có một lối thông riêng. Còn trong phòng nhỏ của nhà vua có một cánh cửa. Cánh cửa và lối thông ấy đều dẫn tới một hành lang và hành lang ấy dẫn tới khu phòng ở của Hoàng thái hậu Catherine de Médicis.

Catherine de Médicis ngồi một mình cạnh chiếc bàn, khuỷu tay tỳ lên một cuốn sách và đầu tựa vào bàn tay còn khá đẹp nhờ những vật trang sức do René, người xứ Florence, vừa là người dâng mỹ phẩm, vừa là kẻ chuyên đầu độc của Thái hậu, cung cấp.

Người vợ goá của vua Henri II mặc tang phục kể từ khi chồng mất. Vào thời ấy, đó là một người đàn bà khoảng năm mươi hai, năm mươi ba tuổi. Nhờ thân hình đẫy đà đầy vẻ tươi mát, bà vẫn còn giữ được những đường nét của vẻ đẹp thời trẻ. Phòng ở của bà cũng như y phục, đều mang màu sắc của một quả phụ. Vải vóc, tướng, vật trang trí đều u tối. Tuy nhiên, trên một chiếc lọng che chiếc ngai của các bậc vương giả lúc này có một con chó săn cái được Thái hậu ưa thích đang nằm ngủ. Con chó này do con rể của Thái hậu, Henri de Navarre, tặng và mang một cái tên thần thoại là Phébé. Trên chiếc lọng đó vẽ một chiếc cầu vồng được viền quanh bằng một câu đề từ Hylạp mà vua Françoise đệ nhất đã ban phong: Phôs pherei è de kai aithzên, có thể được dịch ra như sau: "Người đem lại ánh sáng và thanh bình."

Trong lúc Thái hậu đang chìm đắm trong suy tư khiến trên đôi môi tô son của bà phảng phất một nụ cười mơ hồ, thì đột ngột có một người mở cửa, nâng bức rèm nhung để lộ bộ mặt tái nhợt của mình và kêu lên: -Công việc thế là không ổn rồi!

Catherine ngẩng đầu lên và nhận ra quận công de Guise: -Sao, công việc không ổn? – Bà hỏi – Ông muốn gì vậy, Henri?

-Tôi muốn nói rằng thật là quá quắt, đức vua đang bị mê hoặc với lũ Tân giáo đáng nguyền rủa của Người. Và nếu chúng ta cứ phải chờ lệnh Người để thực

hiện việc lớn của chúng ta, thì chúng ta còn phải chờ lâu đấy, có khi là mãi mãi nữa.

-Có việc gì xảy ra vậy? – Catherine hỏi, mặt vẫn giữ vẻ bình thản quen thuộc của bà, vẻ mặt mà tuỳ theo từng trường hợp bà rất khéo biết cách tạo ra cho phù hợp.

Lúc nãy, tôi bàn lại với hoàng thượng có đến lần thứ hai mươi rồi chứ không ít, xem liệu chúng ta có phải tiếp tục chịu đựng những trò thách thức mà các ngài Tân giáo dám tự cho phép mình làm kể từ khi đô đốc của chúng bị thương không?

-Thế con ta trả lời ông như thế nào? – Catherine hỏi.

-Người đã trả lời tôi rằng: "Quận công, ông bị dân chúng nghi ngờ là chủ mưu vụ giết ông đô đốc, người cha thứ hai của ta. Xin ông hãy tự phòng thân. Còn nếu người ta chửi ta thì ta cũng sẽ tự bảo vệ ta". Nói thế rồi Người quay đi cho lũ chó của Người ăn tối.

-Vậy ông không giữ đức vua lại ư?

-Thưa có. Nhưng Người trả lời tôi với cái giọng mà lệnh bà cũng đã biết, rồi nhìn tôi với cái nhìn chỉ riêng đức vua mới có: "Quận công, chó của ta đói, chúng không phải là người nên ta không thể để chúng chờ đợi được …". Và thế là tôi đành phải tới đây để báo lại với lệnh bà.

-Ông làm thế là tốt – Thái hậu nói.

-Nhưng phải giải quyết như thế nào chứ?

-Cố thử một lần nữa xem.

-Ai thử?

-Ta. Đức vua đang có một mình thôi phải không?

-Không. Người ở đó với ông de Tavannes.

-Ông chờ ta ở đây. Hay tốt hơn là theo ta từ xa.

Catherine đứng ngay dậy và đi tới căn phòng có lũ chó được nhà vua yêu thích đang nằm hoặc ngồi trên những tấm thảm Thổ Nhĩ Kỳ và những chiếc gối nhung. Trên các giá gắn vào tường có hai hay ba con chim ưng nòi và một con chim chàng làng nhỏ đang đậu. Đó là những con chim mà Charle IX thường hay chơi đùa, cùng chúng đi bắt chim non trong vườn Louvre và trong các vườn của cung Tuileries lúc bấy giờ bắt đầu được khởi công xây dựng. vừa đi, Thái hậu vừa tạo cho mình một vẻ mặt nhợt nhạt và đầy khổ não trên đó còn vương lại một giọt nước mắt cuối cùng, hay đúng hơn đó là giọt nước mắt đầu tiên.

Bà nhẹ nhàng tiến lại phía Charle IX đang chia cho lũ chó những phần bánh bằng nhau.

-Con của ta! – Catherine nói với giọng run run khéo đến nỗi khiến nhà vua giật mình.

-Lệnh bà làm sao vậy? – Nhà vua vừa hỏi vừa vội vã quay lại.

-Con ạ, ta muốn xin phép con được lui về một trong số những lâu đài của con, lâu đài nào cũng được, miễn là nó phải ở xa.

-Và tại sao vậy, thưa lệnh bà? – Charle IX vừa hỏi vừa chằm chằm nhìn mẹ bằng cái nhìn lờ đờ mà đôi khi rất sắc bén.

-Vì mỗi ngày ta lại phải chịu đựng những trò lăng mạ mới của những kẻ Tân giáo. Vì rằng hôm nay ta được nghe những tên Tân giáo đe dọa con ngay trong cung Louvre này. Ta không muốn chứng kiến những cảnh ấy nữa.

-Nhưng mà, thưa mẹ – Charle IX nói với vẻ đầy tin tưởng – Người ta đã muốn giết đô đốc của họ. Một kẻ giết người ti tiện đã ám sát ông de Mouy can đảm của những người tội nghiệp ấy. Thể có cái chết của con, thưa mẹ, dù sao trong vương quốc này cũng cần phải có công lý chứ!

-Ôi! Xin bệ hạ yên tâm – Catherine nói – Chúng chẳng thiếu công lý đâu, vì nếu Người không ban công lý cho chúng, chúng sẽ tự giành quyền xét xử cho mình: hôm nay còn là đối với ông de Guise, mai đây sẽ đến ta, sau này sẽ đến lượt Người.

-Lệnh bà tin thế ư? – Charle IX để lộ trong giọng nói âm sắc đầu tiên của sự nghi ngờ.

-Ôi, con ta! – Catherine hoàn toàn buông thả cho sự cuồng nhiệt của những suy tư của mình – Con không biết rằng đây không còn là chuyện cái chết của ông Françoise de Guise hay của ông đô đốc, không còn là chuyện đạo Tân giáo hay Giatô giáo nữa mà chỉ là việc thay thế con trai d'Antoine de Bourbon vào chỗ con trai của Henri II hay sao?

-Thôi thôi mẹ ơi, mẹ lại quá phóng đại như mọi khi rồi – Nhà vua cố làm dịu cơn cuồng nhiệt của Thái hậu.

-Vậy ý con là thế nào?

-Thưa mẹ, chờ đợi, phải chờ đợi. Tất cả sự thông thái của con người nằm trong chữ đó. Kẻ vĩ đại nhất, kẻ mạnh nhất và nhất là kẻ khôn khéo nhất là kẻ biết chờ đợi.

-Vậy thì cứ chờ đi, còn ta, ta sẽ không chờ đợi được đâu

Nói tới đó Catherine cúi chào và tiến về phía cửa, chuẩn bị về khu phòng của mình.

Charle IX ngăn bà ta lại.

-Rút cuộc thì phải làm gì, thưa mẹ? Vì trước hết con muốn công bằng và mọi người đều phải hài lòng về con.

Catherine xích lại gần.

-Bá tước lại đây – Bà nói vớt Tavannes nes đang vuốt ve con chim chàng làng của nhà vua – Ông hãy nói cho hoàng thượng nghe xem ý ông thì cần phải làm gì?

-Hoàng thượng có cho phép tôi nói không – Bá tước hỏi.

-Nói đi Tavannes, nói đi xem.

-Khi đi săn, hoàng thượng sẽ làm gì nếu con lợn rừng lao đến người?

-Mẹ kiếp! Ta sẽ vững chân, đợi nó – Charle IX nói – và ta sẽ đâm thủng họng nó với cây giáo của ta.

-Đó chỉ là để ngăn không cho nó làm hại tới hoàng thượng mà thôi – Catherine xen vào.

-Và để ta vui chơi nữa chứ – Nhà vua nói với một tiếng thở dài tỏ rõ lòng can đảm tới mức hung bạo – Thế nhưng ta không mua vui cho mình bằng cách giết các thần dân. Tóm lại thì những người Tân giáo cũng là thần dân của ta, cũng như những người Giatô giáo vậy.

-Nếu thế thì thưa hoàng thượng – Catherine nói – Các thần dân Tân giáo của Người sẽ như con lợn rừng mà người ta không đâm giáo thủng họng; chúng sẽ lật tung vương quốc của Người.

-Ôi dà, lệnh bà tưởng thế à? – Nhà vua nói với vẻ chẳng mấy tin vào những lời tiên đoán của mẹ mình.

-Vậy hôm nay hoàng thượng không thấy ông de Mouy và người của y đó sao?

-Vâng, tôi có thấy họ vì họ vừa mới rời khỏi chỗ tôi đây thôi. Nhưng ông ta có đòi hỏi tôi điều gì không đúng đâu? Ông ta chỉ xin cho tôi giết kẻ đã giết cha ông ta, kẻ ám sát đô đốc mà thôi. Chúng ta chẳng đã bắt tội de Montgommery về cái chết của cha tôi và chồng lệnh bà là gì, mặc dù cái chết đó chỉ là một tai nạn thôi.

-Thôi được, Thưa hoàng thượng – Catherine tức tối nói – Không nói chuyện ấy nữa. Hoàng thượng được Chúa che chở và ban cho sức mạnh, trí khôn và lòng tin. Còn ta, một người đàn bà tội nghiệp mà Chúa chắc đã ruồng bỏ vì những tội lỗi của ta, ta đang sợ hãi và xin nhường bước.

Nói tới đó, Catherine cúi chào một lần nữa và bước ra. Bà ra hiệu cho quận công de Guise, ông này vừa mới bước vào lúc hai bên đang đối đáp, cứ ở lại để cố thử một lần cuối cùng.

Charle IX nhìn theo mẹ nhưng lần này không gọi bà ta lại nữa, rồi ông bắt đầu vuốt ve lũ chó và huýt sáo một điệu nhạc săn.

Đột nhiên ông dừng lại và nói: -Mẹ ta quả là một trí tuệ vương giả, bà ta chẳng nghi ngờ gì hết. Thôi đi, cố tình giết vài mươi gã Tân giáo chỉ vì chúng đã đòi công lý! Nói cho cùng thì chúng cũng có quyền đòi hỏi điều đó chứ!

-Vài mươi tên – Quận công de Guise lẩm bẩm.

-A, ông cũng ở đây à? – Nhà vua giả đò như bây giờ mới phát hiện ra ông ta.

-Đúng, vài mươi tên, rác rưởi mới đẹp chứ! A, nếu như có kẻ nào tới nói với ta rằng "Tâu hoàng thượng, Người sẽ được giải thoát khỏi tất cả các kẻ thù của

Người một lúc và mai đây không còn có ai để lên án Người về cái chết của những kẻ kia", thế thì ta chẳng phàn nàn đâu.

-Vậy thì, thưa bệ hạ

-Tavannes, ông làm Margot mệt đấy – Nhà vua ngắt lời – Đặt nó vào giá đậu đi. Không phải vì nó mang tên hoàng hậu Navarre em ta mà tất cả mọi người lúc nào cũng vuốt ve nó.

-Vậy thưa bệ hạ – Quận công de Guise tiếp – Nếu có người nói với bệ hạ rằng "Tâu bệ hạ, ngày mai Người sẽ được giải thoát khỏi tất cả các kẻ thù của Người"…

-Vậy người ta thực hiện phép mầu ấy với sự hiện diện của vị thánh nào ấy nhỉ?

-Tâu bệ hạ, hôm nay là ngày 24 tháng Tám, vậy là có sự hiện diện của Saint-Barthélémy.

-Vị thánh hiền lành đã để cho bị róc thịt sống ấy ư? – Nhà vua hỏi.

-Càng tốt, người đau khổ bao nhiêu thì cũng sẽ oán hận những kẻ hành hạ người bấy nhiêu.

-Ông em họ của tôi ơi, từ nay đến mai, ông cứ tưởng mình sẽ giết được mười nghìn gã Tân giáo với thanh kiếm xinh xắn tua vàng của ông ấy à? Ha! ha! ha! Thề có cái chết của ta, ông quả là người hài hước thật đấy, ông de Guise ạ.

Nhà vua phá lên cười, nhưng điệu cười giả tạo đến nỗi tiếng vọng của nó vang lên trong gian phòng thật ảm đạm.

-Tâu bệ hạ, chỉ một lời, một lời thôi – Quận công vừa nói vừa bất chợt rùng mình khi nghe tiếng cười không có vẻ gì là một con người – Xin bệ hạ cho một cử chỉ và mọi cái đều đã sẵn sàng. Tôi có lính Thụy Sĩ, tôi có mười một ngàn quý tộc, tôi có lính khinh kỵ, tôi có các thị dân ủng hộ. Về phần mình, bệ hạ có các vệ binh, bạn bè của Người, giới quý tộc Giatô giáo… Chúng ta là hai mươi chọi một.

-Này, ông em họ, ông mạnh thế thì còn đến lải nhải bên tai ta về cái chuyện ấy làm cái quỳ gì kia chứ? Cứ làm đi mà không cần đến ta, cứ làm đi!

Và nhà vua lại quay về phía đàn chó săn của mình.

Tấm rèm cửa được vén lên và Catherine hiện ra.

-Tất cả đều tốt đấy – Bà ta nói khẽ với quận công – Cứ tâu thêm đi, hoàng thượng sẽ nhân nhượng.

Cánh rèm cửa lại rơi xuống che khuất Catherine mà Charle vẫn không nhìn thấy hoặc cố tình không tỏ vẻ gì là nhìn thấy bà ta cả.

-Thế nhưng – Quận công de Guise nói – Tôi cũng cần phải biết xem liệu làm như tôi muốn thì có làm đẹp lòng hoàng thượng hay không ạ.

-Henri, thực ra hiện giờ ông đang cắm dao vào cổ ta. Nhưng ta sẽ cưỡng lại chứ, mẹ kiếp, ta là vua kia mà.

-Không đâu, thưa bệ hạ. Người còn chưa là vua, nhưng nếu Người muốn thì Người sẽ thực sự là vua vào ngày mai.

-Ái dà! – Charle nói tiếp – Vậy người ta cũng sẽ giết vua xứ Navarre, hoàng thân Condé… trong cung Louvre ư? A!

Rồi ông nói thêm bằng một giọng khó lòng nghe thấy được: -Ở bên ngoài, thì ta không nói gì đâu.

-Tâu bệ hạ, đêm nay họ ra ngoài để chơi bời, dâm đãng với quận công d'Alençon hoàng đệ.

-Tavannes! – Nhà vua gọi với giọng sốt ruột giả vờ cực khéo ông không thấy là ông đang trêu con chó của ta đấy à? Lại đây! Actéon, lại đây!

Charle bước ra, không muốn nghe thêm nữa và bỏ về phòng mình để lại Tavannes và quận công de Guise vẫn bán tin bán nghi như trước.

Trong khi đó, một cảnh khác dtễn ra tại phòng của Catherine.

Sau khi đã khuyên quận công de Guise cứ vững vàng, Catherine quay trở về phòng riêng và thấy tất cả những người thường ngày vẫn dự vào nghi lễ vấn an trước khi đi ngủ của bà đã tụ họp ở đấy. Lúc ra đi Catherine có gương mặt ra vẻ bơ phờ đau đớn chừng nào thì lúc trở về nét mặt bà tươi tỉnh chừng ấy. Bà dần dần cho các thị nữ và phu nhân tháp tùng cùng các cận thần của bà lui về. Lát sau, bên bà chỉ còn lại Marguerite ngồi bên một chiếc tráp đặt gần cửa sổ để ngỏ, đang nhìn trời và chìm đắm trong những mối suy tư của mình.

Thấy chỉ còn mình và con gái, đã hai ba lần Catherine mở miệng định nói, nhưng mỗi lần như thế một ý nghĩ tối tăm đã nhấn chìm những lời bà chực nói vào sâu tận đáy lòng bà. Giữa lúc đó rèm cửa vén lên và Henri de Navarre xuất hiện.

Con chó săn cái đang ngủ trên ngai vàng vọt dậy chạy đến đón ông.

-Con còn ở đây ư? – Catherine vừa nói vừa giật mình – Tối nay con ăn tối ở Louvre ư?

-Không, thưa lệnh bà – Henri đáp – Tối nay tôi dạo phố cùng với các ông d'Alençon và Condé. Tôi cứ tưởng là sẽ được gặp họ hầu chuyện bà đấy ạ.

Catherine mỉm cười nói: -Cứ đi đi, các ông cứ đi đi! Đàn ông thực là sung sướng được dạo chơi như vậy… Có phải thế không con gái ta?

-Quả vậy – Marguerite trả lời – Tự do quả là một điều tuyệt diệu.

-Thưa bà, phải chăng điều đó có nghĩa là tôi ràng buộc tự do của bà – Henri vừa nói vừa nghiêng người trước vợ.

-Không, thưa ông, không phải là tôi than phiền về mình mà là về hoàn cảnh của phụ nữ nói chung.

-Có lẽ con đi gặp ông đô đốc chăng, Henri? – Catherine hỏi.

-Vâng, có lẽ ạ.

-Đi đi, con nêu gương tốt đấy. Ngày mai con sẽ cho ta biết tin về ông ấy với nhé.

-Thưa lệnh bà, tôi sẽ đến thăm ông ta vì lệnh bà tán thành cuộc viếng thăm đó.

-Ta ư? – Catherine nói – Ta chẳng tán thưởng gì cả… nhưng ai đến đấy? Cho lui, cho lui đi…

Henri tiến một bước về phía cửa để thi hành lệnh của Catherine, nhưng cùng lúc đó rèm cửa được nâng lên và phu nhân de Sauve thò mái đầu vàng óng vào: -Tâu lệnh bà, đó là ông René bán đồ mỹ phẩm, người mà lệnh bà đã cho đòi đã có mặt ạ.

Catherine liếc nhanh như chớp về phía Henri de Navarre.

Ông hoàng trẻ tuổi hơi đỏ mặt lên và gần như ngay lập tức hơi tái đi một cách đáng sợ. Thực vậy, người ta vừa báo danh kẻ đã ám hại mẹ ông. Ông cảm thấy nét mặt mình để lộ sự xúc động, bèn đến đứng tựa vào thanh ngang cửa sổ.

Con chó săn nhỏ khẽ rên ư ử.

Cùng lúc đó có hai người bước vào. Một người thì được báo danh còn người kia thì không cần phải báo.

Người đầu tiên là René bán mỹ phẩm. Ông ta tiến lại gần Catherine với tất cả những cử chỉ lễ độ ngọt ngào của những người đầy tớ xứ Florence. Ông ta cầm một chiếc hộp, mở ra và người ta nhìn thấy tất cả các ngăn hộp chứa đầy các thứ bột và các lọ nhỏ.

Người thứ hai là phu nhân de Lorraine, chị của Marguerite. Cô ta bước vào qua một cánh cửa chìm thông với phòng làm việc của nhà vua. Mặt mũi nhợt nhạt, run lẩy bẩy, cô ta hy vọng Catherine đang bận cùng phu nhân de Sauve xem cái hộp của René sẽ không nhìn thấy mình. Cô đến ngồi cạnh Marguerite. Cách đó không xa, vua Navarre đứng đặt tay lên trán tựa như một người đang định thần lại sau cơn choáng.

Lúc đó Catherine quay lại nói với Marguerite: -Con ạ, con có thể lui về nghỉ được. Còn con, con có thể vào vui chơi trong phố – Bà nói với Henri.

Marguerite đứng dậy, còn Henri quay đi nửa vòng.

Phu nhân de Lorraine nắm lấy tay Marguerite: -Em ạ – Cô thì thầm một cách vội vã – Nhân danh quận công de Guise hứa sẽ cứu em như em đã cứu ông ta, em đừng ra khỏi đây, đừng về nhà mình.

-Hả? Claude, cô nói vậy? – Catherine quay lại hỏi.

-Thưa mẹ, không.

-Cô đã nói thầm với Marguerite kia mà.

-Thưa lệnh bà, chỉ để chào cô ta thôi, và để nói với cô ấy vô số những điều nhắn nhủ của quận chúa de Nervers.

-Thế cái cô quận chúa xinh đẹp ấy đâu rồi?

Catherine nhìn hai người đàn bà với con mắt nghi ngờ rồi nhíu mày nói: -Claude lại đây!

Claude vâng lệnh, Catherine nắm lấy tay cô: -Cô nói gì với nó thế, đồ bẻo lẻo? – Bà vừa thì thầm vừa xiết tay con gái đến nỗi cô ta phát kêu lên.

-Thưa bà – Henri dù không nghe thấy gì vẫn không để lọt qua mắt cải màn kịch câm đó của Thái hậu với Claude và Marguerite. Ông bèn nói với vợ: -Thưa bà, bà có ban cho tôi cái vinh hạnh được hôn tay bà không?

Marguerite chia cho ông ta một bàn tay run rẩy.

-Bà ta đã nói gì với bà vậy? – Henri vừa thì thầm vừa cúi mình xuống để ghé môi vào bàn tay ấy.

-Nói là đừng có ra khỏi Louvre. Nhân danh thượng đế, xin ông cũng đừng có đi.

Đó là chỉ một tia chớp, nhưng dù ngắn ngủi đến mấy, nhờ ánh sáng của nó, Henri đã đoán ra cả một mưu đồ.

-Chưa hết – Marguerite nói – Đây có một bức thư mà một quý tộc Provençal đã đem tới.

-Ông de Mole phải không?

-Vâng.

-Cảm ơn bà!

Ông vừa nói vừa cầm thư và nhét vào áo ngắn của mình rồi đi qua trước mặt bà mẹ vợ đang ngẩn người. Ông tới tỳ tay vào vai gã người xứ Florence.

-Thế nào, ông cả René? – Ông hỏi – Dạo này buôn bán ra sao?

-Thưa đức ông, khá lắm – Kẻ đầu độc trả lời với một nụ cười phản phúc.

-Ta tin là thế – Henri nói – Khi mà ông là người cung cấp hàng cho tất cả những mái đầu có gắn vương miện của nước Pháp và nước ngoài.

-Trừ cái đầu của vua Navarre – Gã người Florence trơ tráo đáp lại.

-Quái quỷ, ông cả René này – Henri nói tiếp – Ông có lý lắm. Ấy vậy mà bà mẹ tội nghiệp của ta vẫn thường mua hàng của ông đã giới thiệu ông với ta khi bà mất đấy. Ông cả René, hãy đến gặp ta ngày mai hoặc ngày kia tại phòng của ta và đem cho ta những hàng mỹ phẩm tốt nhé.

-Chẳng phải là loại thường đâu – Catherine vừa nói vừa mỉm cười vì người ta nói rằng…

-Rằng tôi thính mũi lắm phải không?– Henri vừa tiếp lời vừa cười – Nhưng ai đã nói với mẹ như vậy. Phải chăng là Margot?

-Không, con ạ – Catherine đáp ngay – Đó là phu nhân de Sauve.

Nghe vậy, quận chúa de Lorraine mặc dù đã hết sức cố gáng, vẫn không thể kìm được, bật khóc nức nở. Henri cũng chẳng hề quay lại.

-Kìa chị – Marguerite vội vã chạy tới bên Claude – Chị làm sao vậy?

-Chẳng sao đâu – Catherine vừa nói vừa chặn ngang giữa hai người – Chẳng sao đâu, nó bị cái chứng sốt kích động thần kinh mà Mazin bảo phải chữa bằng các thứ thuốc thơm đấy thôi mà.

Và bà ta xiết cánh tay cô con gái còn mạnh hơn cả lần trước rồi quay về phía cô con thứ: -Này, Margot, cô không nghe thấy ta đã yêu cầu cô lui về phòng mình rồi hay sao? Nếu thế chưa đủ thì ta ra lệnh cho cô đấy Xin lệnh bà thứ lỗi – Marguerite tái mặt và run lên nói – Con xin chúc lệnh bà một đêm tốt lành.

-Ta mong rằng lời chúc của con được thực hiện. Thôi, chào con, chào con.

Marguerite lảo đảo, vừa đi ra vừa tìm cách bắt gặp cái nhìn của chồng, nhưng ông này thậm chí không ngoái đầu về phía nàng.

Một khoảng trống yên lặng kéo dài diễn ra trong khi Catherine đứng nhìn chằm chằm vào quận chúa Lorraine. Cô này không nói được chỉ chắp tay lại nhìn mẹ.

Henri quay lưng lại như có vẻ đang xoắn bộ ria mép với loại kem mà René vừa trao cho mình, kỳ thực ông nhìn thấy hết cảnh đó trong gương.

-Thế nào, Henri, anh vẫn đi chơi chứ? – Catherine hỏi.

-À vâng, đúng thế! – Vua xứ Navarre kêu lên – A, quái thật, thế mà tôi quên mất là quận công d'Alençon và hoàng thăn Condé đang chờ. Chỉ tại cái thứ nước hoa ngào ngạt này làm tôi say sưa quên cả đi. Xin tạm biệt bà.

-Tạm biệt! Ngày mai, con ta sẽ cho ta biết tình hình sức khỏe của đô đốc nhé.

-Tôi sẽ không quên điều đó. Ấy này, Phébé, làm sao thế?

-Phébé! – Thái hậu sốt ruột gọi.

-Xin lệnh bà gọi nó lại đi, vì nó không muốn cho tôi ra – Anh chàng Béarnais nói.

Thái hậu đứng dậy, túm lấy cổ con chó và giữ nó lại trong khi Henri đi xa dần, vẻ mặt vẫn bình thản và tươi cười tựa như trong đáy lòng ông chưa hề cảm thấy mình sắp sửa trải qua một cơn nguy hiểm chết người.

Sau lưng ông, con chó được Catherine de Médicis thả ra liền lao tới để đuổi theo ông. Nhưng cánh cửa đã đóng lại, nó chỉ giụi giụi cái mõm dài xuống phía dưới tấm thảm và ư ử rít lên một tiếng ảm đạm kéo dài.

-Bây giờ thì, Charlotte – Catherine nói với phu nhân de Sauve – Đi tìm ông de Guise và Tavannes đang ở phòng cầu nguyện của ta và đưa họ lại đây để hầu chuyện quận chúa Lorraine đang chóng mặt đây này.

§7. Đêm 24/8/1572

Khi De Mole và Coconnas kết thúc bữa ăn tối có thể gọi là quá đỗi đạm bạc, vì gà quay của quán Tinh tú chỉ được quay trên biển hàng mà thôi, thì Coconnas vừa đu đưa người trên một chân ghế vừa nhâm nhi ly rượu vang cuối cùng và cất tiếng hỏi: -Ông de Mole này, ông định đi nghỉ ngay bây giờ à?

-Ồ, tôi muốn thế lắm vì có thể trong đêm nay người ta lại đến đánh thức tôi dậy.

-Tôi cũng thế – Coconnas nói – Đáng lẽ ta đi ngủ và buộc những người đến tìm ta phải chờ đợi, thì theo tôi, tốt nhất là chơi vài ván bài. Thế là khi đến, người ta sẽ thấy chúng ta đã sẵn sàng rồi.

-Ông ạ, tôi rất sẵn lòng chấp nhận đề nghị của ông. Nhưng tôi chẳng có được bao nhiêu tiền để chơi bài. Tôi chỉ có suýt soát vài trăm écus vàng trong vali thôi. Hơn thế, đó lại là toàn bộ gia sản của tôi. Mà tôi lại phải bắt đầu gây dựng gia tài chỉ với ngần ấy mà thôi.

-Trăm écus vàng mà còn kêu ca – Coconnas kêu lên – Mẹ kiếp! Còn tôi, thưa ông, tôi chỉ có sáu écus thôi.

-Thôi đi – De Mole tiếp lời – Tôi đã thấy ông lôi từ trong túi ra một bọc tiền không phải chỉ khá đầy, có thể nói là một bọc phồng tướng lên cơ đấy.

-À cái này – Coconnas thanh minh – Là để thanh toán một món nợ từ hồi xưa mà tôi phải trả cho một người bạn cũ của cha tôi. Tôi ngờ rằng ông này, cũng như ông, hơi có mùi Tân giáo. Vâng, đây có trăm đồng tiền vàng – Coconnas vừa nói tiếp vừa đập tay vào bọc tiền – Nhưng trăm đồng tiền vàng này thuộc về bác cả Mercandon. Còn về phần gia sản riêng của tôi thì như tôi đã nói với ông rồi đấy, chỉ có sáu écus.

-Thế thì chơi thế nào.

-Chính vì thế mà tôi vẫn muốn chơi đấy. Vả chăng tôi có sáng kiến này.

-Sáng kiến gì?

-Có phải là cả hai chúng ta đều tới Paris với cùng một mục đích hay không?

-Đúng thế.

-Mỗi người lại có một người bảo trợ đầy thế lực, đúng không?

-Chính thế.

-Ông tin tưởng ở người bảo trợ của ông cũng như tôi tin vào người của tôi phải không?

-Hẳn rồi.

-Thế này, tự nhiên tôi nghĩ ra rằng trước tiên chúng ta sẽ chơi bằng tiền của mình, sau đó đặt cược bằng cái ân sủng đầu tlên hoặc là triều đình, hoặc là của người tình của chúng ta.

-Quả là một sáng kiến thông minh! – De Mole vừa nói vừa mỉm cười – Tôi phải thú thực với ông rằng tôi chơi không giỏi lắm để có thể cá cược cả cuộc đời tôi trên một quân bài hay một quân xúc xắc. Rõ ràng là cả cuộc đời chúng ta sẽ bắt nguồn từ cái ân sủng đầu tiên ấy.

-Thế này, vậy ta bỏ cái ân sủng đầu tiên của triều đình ta chơi cá cái ân sủng đầu tiên của người tình chúng ta vậy.

-Tôi chỉ thấy có mỗi một điều bất tiện – De Mole nói.

-Bất tiện thế nào?

-Đó là vì tôi không có người tình.

-Tôi cũng thế, nhưng tôi chắc là sớm có thôi. Tạ ơn Chúa! Chúng ta cũng không thiếu cái mã để đến nỗi thiếu đàn bà.

-Cứ như ông nói thì chắc ông chẳng thiếu đâu, ông Coconnas ạ. Vì không tin chắc như ông vào ngôi sao tình duyên của tôi, tôi nghĩ tôi sẽ không sòng phẳng nếu tôi đặt cược với ông về chuyện đó. Ta cứ chơi cho đến cùng sáu écus của ông đã. Nếu vì rủi ro mà ông thua hết trong khi ông vẫn còn muốn tiếp tục chơi, thì đây, vì ông là người quý tộc, tôi tin lời hứa của ông sẽ có giá trị như vàng.

-Càng tốt – Coconnas kêu lên, – Thế mới gọi là ăn nói chứ. Ông nói có lý đấy, lời hứa của người quý tộc có giá trị như vàng, nhất là khi quý tộc đó lại có chút tín nhiệm ở triều đình. Vì thế, ông hãy tin rằng tôi không mạo hiểm lắm đâu khi đặt cá cái ãn sủng đầu tiên mà tôi phải nhận được.

-Vâng, chắc thế, ông có thể thua mất nó. Thế nhưng tôi lại không thể ăn được nó vì bản thân tôi vốn là người của vua Navarre, tôi không thể nhận được cái gì từ phía quận công de Guise.

-A! Đồ vô đạo! – Chủ quán vừa đánh bóng chiếc mũ sắt cũ vừa lẩm bẩm – Tao đã đánh hơi ngay ra mày mà.

Và y ngừng lại để đưa tay làm dấu.

-Ái dà – Quả nhiên Coconnas vừa nói, vừa tung cỗ bài mà người bồi vừa đem tới – Vậy ông thuộc về cánh ấy hả?

-Cánh gì?

-Cánh Tân giáo.

-Tôi ấy à?

-Ừ, ông ấy.

-Này, cứ giả sử là cánh Tân giáo đi! – De Mole vừa nói vừa mỉm cười – Thế ông có điều gì phản đối chúng tôi không?

-Ồ! Tạ ơn Chúa, không. Tôi thì thế nào cũng xong. Tôi ghét cay ghét đắng cái trò Tân giáo nhưng tôi không ghét những người Tân giáo. Với lại hình như giáo phái này đang là mốt thì phải.

-Vâng – De Mole vừa họa theo vừa mỉm cười – Bằng chứng là cái phát súng hỏa mai cho ông đô đốc đấy! Hay ta đặt cược cả những phát hỏa mai nữa?

-Sao cũng được – Coconnas nói – miễn là ta cứ chơi cái đã, còn cá cái gì cũng xong.

-Vậy thì chơi nào – De Mole vừa nói vừa thu bài về và xòe bài trong tay.

-Nào, thì chơi, cứ tin tưởng nhé. Vì dù cho tôi có thua hết cả trăm écus vàng như ông, sáng mai tôi cũng sẽ có cái trả ông.

-Tiền tài đến với ông trong giấc ngủ à?

-Không, tôi phải đi tìm nó chứ?

-Tìm ở đâu, nói cho tôi biết với, tôi sẽ đi cùng.

-Ở Louvre.

-Ông quay lại đó đêm nay à?

-Vâng, đêm nay, tôi sẽ được tiếp kiến quận công de Guise vĩ đại.

Từ lúc mà Coconnas nói tới chuyện đi tìm tài vận ở Louvre, La Hurière ngừng đánh bóng mũ sắt và đến đứng sau ghế của De Mole, chỉ có Coconnas nhìn thấy y thôi. Y đứng đó và ra hiệu cho Coconnas, nhưng anh chàng này vì mải chơi bài và mải nói chuyện nên không để ý gì đến y.

-Này, thật là thần diệu! De Mole nói – Ông có lý khi nói rằng chúng ta sinh ra dưới cùng một vì sao chiếu mệnh. Tôi cũng có hẹn ở Louvre đêm nay, nhưng không phải với quận công de Guise mà là với đức vua Navarre.

-Ông có khẩu lệnh không?

-Có

-Có dấu hiệu để nhận biết không?

-Không.

-Thế thì tôi có đấy. Khẩu lệnh của tôi là…

Khi anh chàng Piémontais nói tới đó, La Hurière phác một cử chỉ đầy ý nghĩa đúng vào lúc nhà quý tộc lắm lời kia ngẩng đầu lên. Coconnas ngẩn người vì cái cử chỉ này hơn là vì nước bài mà chàng vừa để thua mất ba écus. Nhìn thấy vẻ kinh ngạc hiện trên nét mặt người cùng chơi, De Mole quay lại nhưng không nhìn thấy gì ngoài ông chủ quán đang đứng sau mình tay khoanh lại và đầu đội mũ sắt mà lúc trước chàng đã thấy y đánh bóng.

-Ông làm sao vậy? – De Mole hỏi Coconnas.

Coconnas nhìn chủ quán và bạn mà chẳng trả lời vì chàng không hiểu gì hết qua các cử chỉ rối rít của bác cả La Hurière.

La Hurière cảm thấy rằng mình phải trợ lực cho Coconnas vội vàng nói: -Chả là tôi cũng rất thích chơi bài. Ấy, khi tôi xích lại để xem nước bài mà ông vừa ăn được, thì ngài đây chắc đã thấy tôi đội mũ kiểu nhà binh. Một anh thị dân nghèo như tôi mà làm như thế chắc là khiến cho ngài đây ngạc nhiên lắm!

-Mặt mũi trông mới đẹp gớm! – De Mole vừa nói vừa phá lên cười.

-Ôi, thưa ông – La Hurière nói với vẻ giả vờ chất phác, khéo đến mức đáng khâm phục, và nhún vai như ý thức được đầy đủ sự thấp kém của mình. – Chúng

tôi không phải là những người vũ dũng và chúng tôi cũng không có dáng vẻ thanh lịch. Đối với những nhà quý tộc can đảm như các ông đây thì làm sáng loá lên những chiếc mũ sắt mạ vàng và những thanh trường kiếm mảnh mai là xứng đáng quá đi rồi. Còn như chúng tôi thì miễn là canh phòng cho đầy đủ

-Á à – De Mole vừa nói vừa trang bài – Ông cũng phải đi gác cơ à?

-Ố vâng, lạy Chúa, thưa bá tước, tôi đóng chức cai trong một đại đội dân vệ

Nói xong, trong lúc De Mole bận chia bài. La Hurière vừa lui ra, vừa để một ngón tay trên môi để dặn Coconnas phải kín miệng.

Chàng này lại càng thêm ngẩn người ra.

Hẳn sự cẩn thận của La Hurière cũng chính là cái cớ gây ra việc Coconnas thua ván thứ hai cũng nhanh không kém ván trước.

-Này – De Mole nói – Vừa đúng sáu écus của ông rồi đấy! Ông muốn gỡ trên cái gia tài tương lai của ông không?

-Sẵn lòng thôi – Coconnas nói.

-Nhưng trước khi lao tiếp vào cuộc đỏ đen, có phải ông đã nói với tôi ông có hẹn với ông de Guise không nhỉ?

Coconnas quay đầu về phía nhà bếp, thấy ngay cặp mắt trợn tráo của La Hurière nhằm lặp lại lời cảnh tỉnh ban nãy.

-Vâng, nhưng chưa đến giờ, hơn nữa, ông nói đôi chút về công việc của ông đi chứ, ông De Mole!

-Tôi cho tốt hơn hết là chúng ta hãy bàn về ván bài, ông de Coconnas thân mến ạ. Hoặc là tôi nhầm to hoặc là tôi đang ăn của ông thêm sáu écus nữa đấy.

-Mẹ kiếp! Thật thế… Người ta vẫn còn nói với tôi rằng người Tân giáo chơi cờ bạc hay gặp may lắm. Quỷ tha ma bắt tôi đi chứ, tôi thích được làm người Tân giáo quá.

Đôi mắt Hurière sáng rực lên như hòn than hồng, nhưng Coconnas mải chơi không nhìn thấy.

-Cứ cải đạo đi bá tước ạ – De Mole nói – Và, mặc dầu thiên hướng đó đến với ông một cách kỳ quặc, ông cũng sẽ được chào mừng trong chúng tôi.

Coconnas gãi tai.

-Nếu tôi tin chắc rằng vận may của ông là nhờ thế, thì tôi sẽ trả lời rằng… Vì, rốt cuộc, tôi cũng không gắn bó với lễ misa lắm và khi mà chính đức vua cũng không thiết tha với nó nữa thì…

-Và này… một tôn giáo đẹp đến thế, đơn giản, và trong sạch đến thế! – De Mole nói.

-Thêm nữa… nó lại đang là mốt – Coconnas nói – Và rồi Nó sẽ đem lại may mắn trong cờ bạc. Quỷ tha ma bắt tôi đi! Chỉ có ông là được con át. Ấy vậy mà tôi đã quan sát ông từ khi chúng ta bắt đầu cầm bài đấy; ông chơi thẳng thắn, không gian lận… Chắc chắn phải là do tôn giáo của ông

-Ông lại nợ tôi thêm sáu écus nữa đấy – De Mole thản nhiên nói.

-Ái dà, ông quyến rũ tôi quá! – Coconnas nói – Nếu đêm nay tôi không được hài lòng về ông de Guise.

-Thì sao?

-Thì ngày mai tôi xin ông giới thiệu tôi với đức vua Navarre.

-Ông cứ yên tâm, khi nào mà tôi đã cải theo Tân giáo, thì tôi còn Tân giáo hơn cả Luther lẫn Calvin, lẫn Mélanchthon và cả đám những nhà cải giáo trên mặt đất này.

-Sụyt! – De Mole nói – Ông sắp sửa xích mích với ông chủ quán của chúng ta đấy.

-À ừ nhỉ – Coconnas vừa nói, vừa đưa mắt nhìn về phía bếp.

-Nhưng không, y chẳng nghe chúng ta nói đâu, bây giờ y đang bận.

-Y đang làm gì vậy? – De Mole ngồi chỗ mình không thể thấy được chủ quán nên hỏi.

-Y nói chuyện với… Quỷ bắt tôi đi! Chính hắn!

-Hắn nào?

-Cái giống chim đêm mà y đã đứng chuyện trò khi chúng ta mới đến ấy, cái thằng cha mặc áo chẽn vàng và măng-tô màu nấm amadou đấy. Mẹ kiếp, nó nói mới hăng chứ! Ê này, bác cả Hurière, ông có tình cờ đi làm chính trị không đấy?

Nhưng lần này bác cả Hurière trả lời bằng một động tác cương – quyết và mạnh mẽ đến nỗi mặc dầu rất yêu quý các quân bài bằng giấy bồi, Coconnas vẫn phải đứng dậy đi về phía bác ta.

-Ông có chuyện gì vậy? – De Mole hỏi.

-Ông gọi rượu vang ư, thưa ông? – La Hurière vừa nói vừa hối hả nắm lấy tay Coconnas – Chúng tôi xin hầu ngay. Grégoire, đem rượu vang cho các ngài đây!

Rồi y nói nhỏ vào tai Coconnas: -Im đi, im ngay đi, thề có mạng sống của ông, hãy để cho cái gã bạn ông nghỉ đi thôi!

Mặt La Hurière nom tái nhợt còn mặt gã áo vàng nom ảm đạm đến nỗi Coconnas thấy rợn người. Chàng tới bên cạnh De Mole nói: -Ông bạn de Mole thân mến, xin ông thứ lỗi cho. Nhoáng cái tôi đã mất năm chục écus rồi. Tối nay tôi xui, tôi ngại sẽ làm mình bị khó xử.

-Tốt lắm, được thôi. Thưa ông, xin tuỳ ý ông. Vả chăng tôi cũng chẳng phật lòng nếu được ngả lưng một lát. Này, bác quán La Hurière!

-Dạ thưa bá tước dạy gì ạ?

-Nếu có người của đức vua Navarre tới tìm tôi, ông hãy gọi tôi dậy nhé. Tôi mặc nguyên quần áo đi ngủ và sẽ sẵn sàng ngay thôi.

-Tôi cũng thế – Coconnas nói – Để đức ông khỏi phải chờ đợi tôi phải chuẩn bị ngay dấu hiệu cho mình. Này bác La Hurière, cho tôi kéo và giấy trắng.

-Grégoire! – La Hurière gọt – Mang giấy trắng để viết thư, kéo để cắt phong bì nhé!

-Ái chà – Anh chàng Piémontais tự nhủ – Dứt khoát là có chuyện gì khác thường đây.

-Thôi chào ông nhé, ông Coconnas – De Mole nói – Và ông, ông chủ quán, hãy vui lòng chỉ lối để tôi biết tới phòng nào. May mắn nhé ông bạn!

Và De Mole biến mất sau chiếc cầu thang xoáy ốc, theo sau là La Hurière. Khi đó tới lượt người đàn ông bí ẩn nắm lấy cánh tay de Coconnas lôi về phía mình, nói giọng gấp gáp: -Thưa ông, có đến cả trăm lần suýt nữa ông để lộ điều bí mật có quan hệ đến vận mệnh của vương quốc. Chúa đã giữ mồm giữ miệng cho ông đúng lúc. Thêm một từ nữa thôi là tôi sẽ hạ thủ ông bằng một phát hỏa mai. Bây giờ thì may quá, chúng ta chỉ có một mình. Ông nghe đây.

-Chứ ông là ai mà lại giở cái giọng chỉ huy ra với tôi như vậy? – Coconnas hỏi.

-Ông đã bao giờ nghe đến cái tên Maurevel không?

-Kẻ giết đô đốc ấy à?

-Vâng, cả đại uý de Mouy nữa.

-Hẳn là ta có nghe rồi.

-Thế thì cái ngài Maurevel ấy chính là tôi đây.

-Ái chà!

-Vậy ông hãy nghe tôi – Mẹ kiếp, tôi tin rằng tôi đang nghe theo ông.

-Suỵt – Maurevel vừa nói vừa đặt một ngón tay lên miệng.

Coconnas vểnh tai nghe ngóng.

Người ta nghe thấy tiếng chủ quán đóng cửa một căn buồng, sau đó là cửa hành lang. Sau khi cài chốt hành lang, y vội vã quay về chỗ hai người. Y đem ghế tới cho Coconnas, Maurevel và cho mình rồi nói: -Mọi cửa đều đóng kín, thưa ông Maurevel, ông có thể nói được rồi.

Chuông đồng hồ điểm mười một giờ tại Saint-Germain l'Auxerrois. Maurevel đếm từng tiếng dùi nện chuông âm vang thảm đạm trong đêm và khi tiếng chuông cuối cùng đã tan trong không gian, y quay về phía Coconnas đang sởn gai ốc về sự cẩn trọng quá mức của hai người, y nói: -Thưa ông, ông có phải là người Giatô giáo ngoan đạo hay không?

-Thì… tôi tin là thế – Coconnas trả lời.

-Thưa ông, ông có tận tụy với đức vua không? – Maurevel tiếp.

-Một lòng một dạ. Thậm chí tôi còn nghĩ rằng ông xúc phạm tôi khi đưa ra một câu hỏi như vậy.

-Thôi, chúng ta sẽ không tranh cãi nhau về điều ấy, tuy nhiên ông phải đi theo chúng tôi.

-Đi đến đâu.

Điều đó không quan trọng. Cứ phải đi theo cái đã. Vận mệnh của ông và có thể cả tính mạng của ông đều nằm ở đó.

-Thưa ông, tôi xin báo trước với ông rằng tôi có việc phải có mặt ở Louvre vào lúc nửa đêm.

-Thì chúng ta cùng đi tới đó.

-Ông de Guise đợi tôi ở đấy.

-Cả chúng tôi cũng vậy.

Nhưng tôi có một khẩu lệnh đặc biệt – Coconnas nói tiếp, lòng không khỏi bị day dứt khi phải chia sẻ cái vinh hạnh của cuộc tiếp kiến với gã Maurevel và bác chủ quán La Hurière.

-Chúng tôi cũng thế.

-Tôi còn có một dấu hiệu để nhận biết riêng.

Maurevel mỉm cười lôi ra từ dưới áo chẽn một nắm những chữ thập bằng vải trắng. Y trao cho La Hurière một, cho Coconnas một và lấy luôn cho mình một. La Hurière gắn hình thập tự lên chiếc mũ sắt của mình. Maurevel cũng gắn nó lên mũ y.

-Ơ này – Coconnas ngẩn người hỏi – Thế cuộc hẹn, khẩu lệnh và dấu hiệu để nhận biết là dành cho tất cả mọi người hay sao?

-Vâng, thưa ông, tức là để dành cho tất cả những người Giatô ngoan đạo.

-Vậy ra ở Louvre có hội phải không, tiệc của hoàng gia chứ gì? Coconnas kêu lên – Và người ta muốn loại trừ tất cả lũ chó Tân giáo không cho dự phải không? Được, tốt lắm, cực kỳ! Chúng vênh vang ở đó cũng khá lâu rồi đấy.

-Đúng, ở Louvre có hội, có tiệc của hoàng gia – Maurevel nói – Và tất cả những kẻ Tân giáo đều được mời… Hơn thế nữa, chúng sẽ là nhân vật chính của buổi hội, chúng sẽ trả tiền bữa tiệc Và ông muốn theo chúng tôi, chúng ta sẽ bắt đầu bằng việc đi mời tay quán quân chủ yếu của chúng, viên quan toà Gédéon, như chúng gọi.

-Ông đô đốc? – Coconnas kêu lên.

-Vâng, đúng cái thằng già Gaspard. Cái thằng mà tôi đã ngu xuẩn bắn trượt. Mặc dù tôi bắn nó bằng súng của chính đức vua.

-Thưa ông quý tộc, đó là lý do tại sao tôi lại đánh bóng mũ sắt, mài gươm và liếc dao – Bác cả La Hurière trá hình chiến binh nói với giọng kèn kẹt.

Nghe thấy những lời đó, Coconnas rùng mình, mặt tái nhợt đi vì chàng bắt đầu hiểu ra.

-Sao? Thật à! – Chàng kêu lên – Cái cuộc hội ấy, bữa tiệc ấy là người ta sẽ…

-Ông chậm đoán ra thế, thưa ông – Maurevel nói – Người ta dễ dàng nhận ra ngay là ông không phải như chúng tôi, chúng tôi đã quá mệt với những trò láo xược của cái lũ ngoại đạo ấy.

-Và ông tự định ra cái việc đi đến nhà đô đốc và… – Coconnas hỏi.

Maurevel mỉm cười và kéo Coconnas tới sát cửa sổ.

-Nhìn xem kìa, ông có thấy trên cái quảng trường đầu phố, đằng sau nhà thờ ấy, có một toán người đang im lặng xếp hàng trong đêm tối không?

-Có

Những người trong toán đó đều có một chữ thập trắng giống như bác Hurière, tôi và ông.

-Thì sao?

-Thế này, toán người đó là một đại đội lính Thụy sĩ ở các tổng nhỏ, do Toquenot chỉ huy. Ông cũng biết là các ngài ở các tổng nhỏ đó là cánh hẩu với đức vua chứ.

-Ái chà chà! – Coconnas kêu.

-Bây giờ, ông nhìn tốp kỵ sĩ đang đi qua bờ sông, ông có nhận ra viên chỉ huy không?

-Làm sao tôi nhận ra được? – Coconnas vừa nói vừa rùng mình – Tôi mới tới Paris chiều nay.

-Thế thì đó chính là người có hẹn với ông vào lúc nửa đêm nay ở Louvre. Nhìn xem, ông ta sẽ chờ ông ở đó.

-Quận công de Guise phải không?

-Chính ông ấy. Cùng đi với ông ta là Marcel, thị trường cũ của đám thương nhân, và Choron, thị trưởng hiện nay. Cả hai sẽ tập hợp các đại đội dân binh của họ. Và này, kia là viên chỉ huy khu phố đang tới phố này, hãy xem ông ta làm gì?

-Một chữ thập trắng, ông bạn trẻ ạ, một chữ thập trắng giống như cái mà chúng ta đeo trên mũ đây. Ngày xưa, Chúa tự phân biệt lấy người của Chúa, ngày nay chúng ta văn minh hơn, chúng ta tránh cho Người khỏi phải làm việc đó.

-Nhưng mỗi nhà mà ông ta gõ cửa đều mở và có những thị dân vũ trang đi ra – Ông ta khẽ đập cửa nhà chúng ta và chúng ta cũng sẽ đi ra như họ.

Nhưng tất cả mọi người được huy động chỉ để đi giết một lão Tân giáo già ư? – Coconnas nói – Mẹ kiếp! Hổ thẹn lắm! Đây là việc của bọn giết người chứ không phải là việc của người lính!

-Ông bạn trẻ – Maurevel nói – Nếu bọn già làm ông thấy ghê tay thì ông có thể chọn bọn trẻ. Có đủ loại cho mọi sở thích. Nếu ông khinh con dao găm, ông có thể dùng kiếm. Vì lũ Tân giáo không phải là hạng người để cho chúng ta vặn cổ mà không chống cự đâu, mà ông biết đấy, bọn Tân giáo dù già hay trẻ đều sống dai lắm.

-Thế thì giết tất cả bọn họ à? – Coconnas kêu lên.

-Giết tất.

-Có lệnh của đức vua ư?

-Lệnh của đức vua và ông de Guise.

-Thế vào bao giờ?

-Khi nào ông nghe thấy tiếng chuông ở Saint-Germain l'Auxerrois.

-À, mà cái anh chàng người Đức dễ thương của ông de Guise… Tên anh ta là gì ý nhỉ?

-Có phải là ông de Besme không?

-Chính thế. Thảo nào mà ông de Besme bảo tôi phải chạy đến ngay khi nghe tiếng chuông cấp báo đầu tiên nổi lên.

-Vậy ra ông đã gặp ông de Besme rồi!

-Tôi đã gặp và nói chuyện với ông ta.

-Ở đâu vậy?

-Ở Louvre. Chính ông ta đã đưa tôi vào, đã cho tôi khẩu lệnh, đã…

-Ông nhìn kìa.

-Mẹ kiếp! Chính hắn.

-Ông có muốn nói gì với ông ta không?

-Thề có linh hồn tôi! Tôi muốn lắm chứ.

Maurevel nhẹ nhàng mở cửa. Quả thực là Besme đang đi qua với khoảng hai chục người.

-Guise và Lorraine! – Maurevel gọi theo.

-Besme ngoái lại và hiểu rằng người ta muốn nói với mình bèn tiến lại gần: -A! Ông đấy à, ông Maurevel?

-Vâng tôi đây, ông tìm gì vậy?

-Tôi tìm quán trọ Tinh tú để báo cho một ông tên là Coconnas.

-Tôi đây! Thưa ông de Besme – Chàng trai nói.

-A tốt lắm! A được lắm! Ông đã sẵn sàng chưa?

-Rồi. Cần phải làm gì?

-Ông Maurevel bảo gì ông cứ làm theo. Tó là một người Giatô ngoan tạo.

-Ông thấy chưa?– Maurevel nói.

-Rồi – Coconnas trả lời – Nhưng còn ông, ông de Besme, ông đi đâu đấy?

-Tôi à? – de Besme vừa nói, vừa cười.

-Ừ, ông ấy.

-Tôi đi nói tí câu chuyện với ông đô đốc.

-Cứ nói cả hai câu chuyện với ông ta đi, nếu cần – Maurevel nói – Và lần này, nếu ông ta hồi lại được sau câu chuyện thứ nhất chắc sẽ không hồi lại được sau câu chuyện thứ hai đâu.

-Cứ yên tâm, ông Maurevel, cứ yên tâm. Và ông huấn luyện chàng trai kia thật tốt vào.

-Vâng, vâng, xin ông đừng lo. Dòng họ nhà Coconnas là giống săn thuần chủng hảo hạng đấy.

-Tạm biệt nhé.

-Ông đi nhé.

-Còn ông?

-Ông cứ bắt đầu cuộc săn đi, chúng tôi sẽ tới dự phần vây thú.

De Besme bỏ đi và Maurevel đóng cửa sổ lại.

-Đã nghe thấy chưa, cậu cả? – Maurevel nói – Nếu ông có vài kẻ thù riêng nào, dù hắn có không phải hoàn toàn là Tân giáo chăng nữa, cứ nhét hắn vào danh sách và hắn sẽ đi tong cùng với lũ kia.

Coconnas lại càng sững sờ hơn vì những điều chàng trông thấy và nghe thấy, chàng hết nhìn chủ quán đang vênh mặt oai phong lẫm liệt lại nhìn Maurevel đang thản nhiên rút từ trong túi ra một tờ giấy.

-Còn tôi, danh sách của tôi đây này. Có ba trăm đứa. Đêm nay chỉ cần mỗi người Giatô ngoan đạo làm được phần mười công việc của tôi thôi thì ngày mai trong cả vương quốc cũng không còn lấy một đứa ngoại đạo nào.

-Suỵt! – Hurière kêu.

-Gì thế? – Cả Coconnas và Maurevel cùng hỏi.

Người ta nghe thấy tiếng chuông đầu tiên trên tháp chuông ở Saint-Germain l'Auxerrois

-Tín hiệu đấy! – Maurevel kêu lên – Người ta đẩy giờ sớm lên à? Họ bảo tôi là đến nửa đêm cơ mà?

-Càng tốt! Khi cần làm sáng danh Chúa và đức vua thì đồng hồ chạy nhanh còn tốt hơn là đồng hồ chạy chậm.

Quả thực, người ta nghe thấy tiếng chuông nhà thờ điểm một cách buồn thảm. Rồi tiếng súng đầu tiên vang lên và gần như tức thì nhiều ngọn đuốc rực lên chiếu sáng phố Arbresec như ánh chớp.

Coconnas đưa bàn tay đẫm mồ hôi lên lau trán.

-Bắt đầu rồi, lên đường thôi! – Maurevel kêu lên.

-Chờ chút đã! – Chủ quán nói – Trước khi ta đi đánh trận cần phải yên trí việc cửa nhà, trong chiến tranh người ta vẫn bảo thế mà. Tôi không muốn người ta vặn cổ vợ con tôi trong khi tôi đi vắng. Còn một gã Tân giáo ở đây.

-Ông De Mole ư? – Coconnas giật nảy người hỏi lại.

-Vâng! Cái đồ vô đạo ấy hắn đã tự dẫn thân vào miệng sói.

-Thế nào! – Coconnas nói – Ông đánh cả khách trọ của ông à?

-Tôi mài dao là để cho y trước hết đấy

-Á à! – Chàng Piémontais vừa nói vừa cau mày.

-Tôi chưa bao giờ giết ai ngoài lũ thỏ và gà vịt của tôi – Viên chủ quán đầy tư cách trả lời – Vậy nên tôi không biết rõ làm cách giết một người như thế nào. Thì đây, tôi sẽ thử tay với gã kia. Nếu tôi có vụng về thì chí ít là cũng chẳng có ai ở đó để chế nhạo tôi.

-Mẹ kiếp! Quá lắm! – Coconnas phản ứng – Ông de Mole cùng đi tới với tôi. Ông ta đã ăn tối với tôi và đã chơi bài với tôi.

-Vâng, nhưng de Mole là kẻ ngoại đạo – Maurevel nói – de Mole bị tuyên án rồi, nếu chúng ta không giết thì kẻ khác cũng giết mất thôi.

-Ấy là chưa kể hắn đã ăn mất của ông năm mươi écus – Chủ quán nói thêm.

-Đúng thế – Coconnas nói – Nhưng chơi quân tử lắm, tôi đoán chắc điều này

-Quân tử hay không thì trước sau ông cũng vẫn phải trả. Còn nếu như tôi giết y thì ông rũ nợ.

-Thôi thôi! Nhanh lên nào các ông – Maurevel kêu lên. Một phát súng, một nhát gươm, một cú chùy, một viên đá choảng, các ông muốn gì cũng xong nhưng kết liễu đi thôi, nếu các ông muốn chúng ta đến đúng lúc như đã hứa để giúp ông de Guise ở chỗ lão đô đốc.

Coconnas thở dài.

-Tôi chạy lên đây! – Hurière kêu lên – Chờ tôi nhé.

-Mẹ kiếp! – Coconnas kêu – Hắn lại sắp sửa làm cho chàng trai tội nghiệp ấy đau đây. Có khi hắn lại còn ăn trộm của chàng ta nữa. Mình phải lên kết thúc cho nhanh để cậu ta đỡ đau lâu, và ngăn không cho chúng lấy tiền của cậu ta.

Do cái ý nghĩ tốt đẹp đó thúc đẩy, Coconnas leo lên cầu thang sau bác cả La Hurière. Chẳng mấy chốc chàng đuổi kịp y vì càng lên cao thì chắc do tác động của suy nghĩ chín chắn hơn, La Hurière càng chậm bước.

Lúc La Hurière đến trước cửa, có Coconnas theo sau, trong lúc nhiều phát súng nổ rền trong phố. Ngay tức thì người ta nghe tiếng De Mole nhảy ra khỏi giường và sàn nhà kêu ken két dưới chân chàng.

-Quái quỷ! – La Hurière hơi run nói – Tôi tin là y thức dậy rồi.

-Tôi cũng thấy hình như thế – Coconnas nói.

-Thế y sẽ chống cự lại à?

-Ông ta có khả năng làm thế đấy. Nào bác cả La Hurière, thế nếu ông ta giết bác thì nhộn lắm nhỉ.

-Ưm hừm! – Chủ quán hắng giọng.

Nhưng do thấy trong tay mình có khẩu súng tốt, y định thần lại và mạnh chân đá tung cửa.

Và người ta thấy De Mole, đầu tuy không mũ nhưng vẫn mặc nguyên quần áo, lui về phía sau giường, gươm ngậm trong mồm, hai tay đều cầm súng ngắn.

-Ái chà! – Coconnas vừa nói vừa phập phồng cánh mũi như loài thú dữ ngửi thấy mùi máu – Giờ mới hay ho đây, bác cả La Hurière. Nào! Tiến lên chứ!

-A! Chúng muốn ám sát ta, hình như thế! – De Mole mắt sáng rực kêu lên – Vả lại là mày à, đồ khốn nạn?

Bác cả La Hurière chỉ trả lời cho câu chửi vỗ đó bằng cách hạ khẩu hỏa mai xuống và ngắm bắn chàng trai. Nhưng La Mole đã kịp nhìn thấy động tác biểu diễn này nên khi phát đạn nổ, chàng khụyu ngay chân xuống, đạn bay qua đầu chàng.

-Cứu tôi! – De Mole kêu lên – Ông de Coconnas, cứu tôi!

-Cứu tôi! Ông Maurevel ơi, cứu tôi với! – Bác cả La Hurière kêu.

-Xin thề, thưa ông de Mole! – Coconnas nói- Trong chuyện này, điều duy nhất mà tôi có thể làm được là không chống lại ông. Hình như đêm nay họ giết những người Tân giáo theo lệnh đức vua thì phải. Xin ông cứ tự xoay xở lấy theo khả năng của mình.

-A! Quân phản phúc. A! Đồ giết người! Nếu thế thì đợi đấy.

Đến lượt De Mole vừa ngắm vừa bóp cò khẩu súng ngắn.

La Hurière, vốn không rời mắt khỏi chàng, đã kịp nhảy tránh sang một bên, nhưng Coconnas không ngờ có sự phản công này, vẫn đứng nguyên chỗ và bị đạn sượt qua vai.

-Mẹ kiếp! – Chàng vừa nói vừa nghiến răng – thì chơi tay đôi nào, nếu mi muốn thế!

Và vừa rút kiếm ra, chàng vừa lao tới De Mole.

Hẳn là nếu Coconnas có một mình, De Mole đã đợi chàng, nhưng đằng sau Coconnas còn có bác cả La Hurière đang nạp lại đạn cho khẩu hoả mai, không kể Maurevel đang ba chân bốn cẳng leo lên cầu thang theo lời kêu cứu của chủ quán. Vì vậy De Mole nhảy vào trong một căn buồng gài chốt cửa lại sau lưng chàng.

-A! Đồ súc sinh! – Coconnas tức tối kêu lên và lấy chuôi kiếm nện vào cửa. – Chờ đấy! Mày ăn của tao bao nhiêu écus tối nay, thì tao sẽ chọc thủng bấy nhiêu lỗ trên cái thân xác mày! Cứ chờ đấy! Tao đến để giúp cho mày khỏi đau đớn. Tao đến để người ta đừng lấy tiền của mày! Thế mà mày thưởng công tao bằng phát đạn vào vai hả? Chờ dấy! Đồ khốn khiếp! Cứ chờ đấy!

Giữa lúc đó thì bác cả La Hurière lại gần lấy báng súng hỏa mai phang một cú khiến cánh cửa vỡ tung ra từng mảnh.

Coconnas lao vào trong buồng nhưng đập ngay mũi vào tường vì căn buồng trống trơn và cánh cửa sổ để ngỏ.

-Chắc y đã nhảy ra ngoài rồi – Chủ quán nói – Chúng ta đã ở tầng bốn, vậy chắc y đã chết rồi.

-Hay là nó đã trốn thoát qua mái nhà hàng xóm – Coconnas vừa nói vừa trèo qua thành ngang cửa sổ và chuẩn bị trượt theo de Mole trên cái bề mặt trơn trượt và lởm chởm ấy.

Nhưng Maurevel và Hurière lao tới giữ chàng lại và lôi vào trong buồng.

-Ông điên à – Cả hai cùng kêu lên – Ông sẽ tự giết mình thôi.

-Chao ôi – Coconnas nói – Tôi là người vùng núi quen leo trèo trên những tảng băng mà. Vả lại khi có kẻ nào lăng mạ tôi một lần thì tôi cũng sẽ leo theo nó tới tận trời, hoặc đuổi theo nó tới tận địa ngục, dù cho nó đi bằng đường nào chăng nữa. Để cho tôi đi!

-Thôi đi! – Maurevel can – Hoặc là hắn đã chết, hoặc là hắn đã chạy xa rồi. Đi theo chúng tôi. Nếu như gã này thoát khỏi tay ông thì ông sẽ tìm thấy trăm ngàn đứa khác thế chỗ nó.

-Đúng đấy! – Coconnas thét lên – Giết hết bọn Tân giáo! Tôi cần phải trả thù, càng sớm càng tốt.

Và cả ba người lao xuống cầu thang như một cơn lốc.

-Đến nhà đô đốc! – Maurevel kêu lên.

-Đến nhà đô đốc! – La Hurière nhắc lại.

-Thì đến nhà đô đốc nào, nếu các ông muốn thế! – Coconnas nói.

Cả ba lao ra khỏi quán Tinh tú để mặc cho Grégoire và các cậu bồi khác canh giữ quán. Họ chạy về phía dinh đô đốc ở đường Béthisy. Lửa cháy rừng rực cùng với những phát súng hoả mai dẫn đường cho họ.

-Ê ai đi kia? – Coconnas kêu lớn – Một gã không mặc áo chẽn và không có khăn choàng.

-Chắc là một đứa đang chạy trốn – Maurevel nói.

-Bắn đi, bắn đi! Các ông có súng thì bắn đi! – Coconnas kêu.

-Ồ, không đâu! – Maurevel lắc đầu – tôi để dành thuốc súng cho con mồi bự hơn.

-Kìa, bắn đi, La Hurière.

-Đợi tôi cái đã – Chủ quán vừa nói vừa giương súng ngắm.

-Thôi đi – Coconnas kêu lên – Đợi được ông thì nó thoát mất rồi.

Vừa nói chàng vừa lao tới đuổi theo kẻ bất hạnh. Chẳng mấy chốc chàng đã đuổi kịp vì người kia đã bị thương. Nhưng vì không muốn đâm sau lưng kẻ khác, chàng kêu lên: -Ê, quay lại! Quay lại đi!

Đang lúc đó một tiếng súng hỏa mai vang lên, viên đạn réo sượt bên tai chàng và kẻ trốn chạy ngã gục xuống như con thỏ bị trúng đạn của thợ săn trong lúc đang lao như tên.

Một tiếng kêu đắc thắng vang lên phía sau Coconnas. Chàng ngoái lại và thấy La Hurière đang huơ súng.

-A! – Gã kêu – ít ra thì tôi cũng mở hàng lấy lộc rồi.

-Vâng ạ, nhưng suýt nữa thì ông xuyên thủng tôi rồi đấy ạ!

-Cẩn thận, ngài quý tộc, cẩn thận! – La Hurière hớt hải kêu lên.

Coconnas nhảy lùi ra đằng sau. Kẻ bị thương nhổm dậy trên một chân với lòng quyết rửa hờn, người đó sắp vung dao găm đâm Coconnas đúng chủ quán kịp kêu lên báo cho chàng.

-A, đồ rắn độc! – Coconnas thét lên.

Vừa lao vào người bị thương, chàng vừa dùng kiếm đâm cho người đó ba nhát ngập sâu tới tận chuôi.

-Bây giờ tới nhà đô đốc, tới nhà đô đốc! – Coconnas kêu lên bỏ mặc người Tân giáo giãy giụa trong cơn hấp hối.

-Ái chà, ông quý tộc – Maurevel khoái trá – Hình như ông bén mùi rồi!

-Thế chứ – Coconnas nói – Tôi không biết là tại mùi thuốc súng làm tôi say hay nhìn thấy máu nên tôi bị kích động. Mẹ kiếp, tôi thấy mình mê chém giết rồi: Có thể nói đã là săn người. Tôi mới chỉ săn gấu và chó sói thôi. Săn người thì, xin thề danh dự, tôi thấy thú vị hơn đấy!

Và cả ba lại tiếp tục chạy.

§8. Những người bị tàn sát

Như ta đã biết, dinh thự của đô đốc nằm ở phố Béthisy. Đó là một toà nhà lớn nằm ở phía sau một cái sân và hai dãy nhà bên cánh nối ra phố. Một bức tưởng bao quanh khu nhà, vì vậy để vào được đến sân phải đi qua một cổng lớn hay hai cổng sắt nhỏ.

Khi bộ ba thuộc phe cánh de Guise tới đầu phố Béthisy ăn thông liền với phố Fossés Saint-Germain l'Auxerrois, họ thấy binh lính, lính Thụy sĩ và các thị dân đang bao vây dinh đô đốc.

Ai nấy đều cầm kiếm, cầm giáo hoặc súng hỏa mai. Một vài người còn cầm theo những ngọn đuốc tạo nên cho khung cảnh này một vẻ chập chởn tang tóc. Tuỳ theo động tác của người cầm, ánh sáng đỏ toả ra trên hè phố, rọi lên những bức tường hoặc cháy bùng bùng trên cái biển người mà vũ khí sáng lấp lánh bởi đuốc chiếu vào. Xung quanh dinh và trong các phố Tirechappe, Etienne và Bertin- Poirée là nơi cuộc tàn sát khủng khiếp đang bắt đầu. Người ta nghe thấy những tiếng kêu thét kéo dài. Những loạt súng hoả mai nổ ròn rã. Thỉnh thoảng một kẻ bất hạnh gần như trần trụi, nhợt nhạt và bê bết máu lướt qua, nhảy dựng lên như con hoẵng bị dồn đuổi trong vòng lửa tang thương, trong một thế giới mà quỷ sứ đang hoành hành.

Trong giây lát Coconnas, Maurevel và Hurière được mọi người nhận ra nhờ chữ thập trắng và được đón chào nồng nhiệt. Họ nhập bọn vào chỗ đông đúc nhất của cái đám đông đang thở hổn hển và bị dồn nén như một lũ chó săn này. Chắc hẳn là họ không thể vào nổi, nếu không có một người nào đó nhận ra Maurevel và dọn đường cho y đi. Coconnas và Hurière lách theo, rốt cuộc cả ba đã lọt được vào sân.

Ba cánh cửa thông vào sân đã bị xô đổ. Ở giữa sân có một khoảng trống mà những kẻ giết người kính cẩn đứng dẹp ra xung quanh dành cho một người đang đứng tỳ vào một thanh kiếm dài tuốt trần. Ông ta chăm chăm nhìn lên một ban công cao hơn mặt đất khoảng chừng mười lăm bộ trước cửa sổ chính của toà nhà. Người đó sốt ruột giậm chân và đôi khi lại quay lại để hỏi những kẻ đứng gần ông ta nhất.

-Vẫn chưa có gì – Ông ta lẩm bẩm – Chẳng có ai… Hay là hắn được báo trước, hắn trốn thoát rồi. Ông nghĩ sao, Du Gast?

-Thưa đức ông, không thể thế được.

-Tại sao không? Ông chả nói với ta là trước khi chúng ta tới có một người đàn ông đầu không đội mũ, kiếm trần cầm tay, chạy như truy đuổi, đã đến gõ cửa và người ta đã mở cửa cho y là gì?

-Vâng, thưa đức ông. Nhưng gần như ngay tức thì de Besme đã tới cửa bị phá và dinh thự bị bao vây. Gã đàn ông đó đã vào được rồi, nhưng chắc chắn là y chưa thể ra được.

-Ê này! – Coconnas nói với La Hurière – Hoặc là ta nhầm, hoặc đúng là ông de Guise kia.

-Chính người đó, ông quý tộc ạ. Vâng, đích thân Henri de Guise vĩ đại, hẳn là người đang đợi đô đốc ra để làm điều mà đô đốc đã làm đối với phụ thân người. Có lần có lượt, ông quý tộc ạ Tạ ơn Chúa! Hôm nay đến lượt chúng ta.

-Bớ này Besme! – Quận công kêu lên với giọng oang oang – Còn chưa xong kia à?

Và mũi kiếm sốt ruột của ông ta đâm tóe lửa trên thềm hè.

Lúc đó, người ta nghe thấy như có những tiếng kêu trong dinh, rồi tiếng súng, tiếng chân chạy huỳnh huych, tiếng vũ khí chạm nhau. Tiếp theo lại là một sự yên lặng.

Quận công có một cử động như định lao vào nhà.

-Thưa đức ông, thưa đức ông – Du Gast vừa tiến lại gần vừa kìm ông ta lại – Tư cách của ngài buộc ngài phải ở lại đây và chờ đợi.

-Phải lắm, Du Gast, cảm ơn ta sẽ đợi. Nhưng quả thực là ta mòn mỏi vì sốt ruột và lo ngại. Ôi! Nếu nó thoát khỏi tay ta!

Đột nhiên có tiếng bước chân lại gần. Các kính cửa tầng một sáng rực do ánh đuốc phản chiếu nom tựa một đám cháy.

Cánh cửa sổ quận công đã bao lần ngước mắt nhìn đã mở ra hay nói đúng hơn là vỡ tan thành từng mảnh và một người, mặt tái mét, cổ trắng dính đầy máu, hiện ra ban công.

-Besme! – Quận công kêu lên – Rốt cuộc thì mi đây rồi! Ra sao rồi? Ra sao rồi?

-Đây! Đây! – Gã người Đức lạnh lùng nói. Y cúi xuống rồi ngẩng lên ngay, trông như đang nhấc một vật gì nặng.

-Nhưng còn những đứa khác đâu?– Quận công sốt ruột hỏi. Những đứa khác ở đâu rồi?

-Những đứa khác đang giết nốt những đứa kia.

-Còn mi! Mi đã làm được gì?

-Tôi à! Đức ông sẽ đấy. Đức ông lui lại đi.

Quận công lùi lại một bước.

Lúc đó người ta có thể nhận ra vật mà Besme đang cố sức kéo về phía mình.

Đó là xác một ông già.

Gã nhấc cái xác lên trên ban công, đu đưa một hồi trong khoảng không và ném nó xuống chân chủ mình.

Tiếng rơi bịch của cái xác, những tia máu túa ra và bắn xa trên thềm khiến chính quận công cũng sững người vì kinh khiếp.

Nhưng cảm xúc đó không kéo dài. Sự tò mò khiến mọi người đều nhích lên vài bước và một ngọn đuốc được đưa tới bập bùng ở bên trên xác nạn nhân.

Người ta nhìn thấy một bộ râu bạc trắng, một gương mặt đáng kính và hai bàn tay cứng đờ.

-Đô đốc! – Có tới hai chục giọng cùng cất lên và im bặt ngay tức thì.

-Đúng, đô đốc, chính hắn – Quận công vừa nói vừa tiến lại gần cái xác đề ngắm nó với niềm vui thầm lặng.

-Đô đốc! Đô đốc! Tất cả những kẻ chứng kiến cảnh khủng khiếp này thì thầm nhắc lại. Họ xích lại gần nhau và tiến lại ông già to lớn đã bị đánh gục.

-A! Mày đây, Gaspard!– Quận công de Guise kêu lên với vẻ chiến thắng – Mày đã ám sát cha ta, giờ đây ta trả thù cho người!

Và ông ta dẫm đặt chân lên ngực của người anh hùng Tân giáo.

Nhưng ngay lập tức đôi mắt của người hấp hối cố gắng mở ra, bàn tay đẫm máu và cụt ngón của ông quắp lại một lần cuối.

Vẫn nằm yên bất động, đô đốc nói với kẻ phạm thánh bằng một giọng như vọng lên tử dưới mồ: -Henri de Guise, sẽ có ngày mi cảm thấy trên ngực mình bàn chân của kẻ giết người. Ta không giết cha mi. Mi là kẻ bị nguyền rủa.

Dù không muốn, quận công vẫn tái mặt run lên, cảm thấy ớn lạnh toàn thân. Ông ta đưa tay lên trán như muốn xua đuổi cảnh tượng hãi hùng này. Và khi ông ta hạ tay xuống, khi ông ta dám nhìn lại đô đốc, mắt ông này đã nhắm lại, hai tay cững đớ và một dòng máu đen chảy từ miệng xuống bộ râu bạc đã thay cho những lời khủng khiếp mà cái miệng ấy vừa tuyên án.

Quận công nhấc kiếm lên trong một cử chỉ quyết tâm đầy tuyệt vọng.

-Thế nào đức ông? Người đã bằng lòng chưa? – Besme hỏi.

-Được anh bạn dũng cảm – Henri đáp lại – Vì mi đã trả thù cho…

-Quận công Françoise phải không?

-Cho tôn giáo – Henri nói bằng một giọng trầm đục và quay về phía các lính Thụy sĩ, các binh lính và thị dân đang đứng đầy sân và phố – Bây giờ, các bạn vào việc đi thôi, vào việc đi!

-Ê này! Chào ông, ông de Besme – Coconnas vừa nói vừa tiến lại gần với vẻ khâm phục anh chàng người Đức đang vẫn thản nhiên đứng chùi kiếm trên ban công.

-Ông đã kết liễu đời hắn hả? -La Hurière phấn khích reo lên.

-Ông làm như thế nào vậy, ông quý tộc?

-Ô! Đơn giản lắm, đơn giản lắm. Nó nghe thấy tiếng động nó mở cửa, và tôi đã đâm thanh kiếm dài của tôi vào người nó. Nhưng đã xong đâu, tôi tin là gã Téligny cũng bị, tôi nghe tiếng hắn.

Quả thật, lúc đó, người ta nghe thấy một vài tiếng kêu kinh hoàng tựa như tiếng kêu của đàn bà. Những ánh lửa đỏ chiếu rực một trong hai dãy nhà sảnh lớn. Người ta thấy có hai người đang chạy trốn, theo sau là một dãy dài những kẻ tàn sát. Một phát hỏa mai giết chết một người, còn người kia trên đường chạy đã tìm thấy một cửa sổ và không lường trước tầm cao.

Không hề e ngại những kẻ thù đang đợi ông ta ở phía trước, anh ta can đảm nhảy vọt ngay xuống sân.

-Giết đi! Giết đi!– Những kẻ sát nhân kêu lên khi thấy nạn nhân của chúng có cơ trốn thoát.

Người đàn ông vừa bật dậy vừa nhặt thanh kiếm mà trong lúc nhảy anh ta đã đánh rơi. Anh ta đâm đầu chạy qua những người đang chứng kiến, xô ngã ba bốn người, đâm sọc vào một người khác bằng thanh kiếm của mình và giữa đám lửa đạn súng ngắn, giữa những lời chửi rủa của bọn lính tức tối vì bắn trượt. Anh ta chạy như tên bắn qua trước mặt Coconnas đang đứng chực sẵn ở cổng với dao găm cầm tay.

-Trúng rồi!– Anh chàng người Piémontais vừa kêu lên vừa đâm sượt mũi dao nhọn mảnh của mình qua cánh tay người kia.

-Đồ hèn!– Kẻ chạy trốn vừa trả lời, vừa quật lưỡi kiếm ngang mặt kẻ thù vì chẳng còn đủ chỗ cho anh ta đâm thẳng.

-Ôi thật quái quỷ! – Coconnas kêu lên – De Mole!

-De Mole!– La Hurière và Maurevel nhắc lại.

-Chính hắn đã báo trước cho đô đốc!– Nhiều tên cùng kêu.

-Giết đi! Giết đi! – Từ phía mọi người kêu lên.

Coconnas, La Hurière và chừng mười tên lính lao đuổi theo La Mole. Toàn thân đầy máu; De Mole bị kích động đến cực điểm và đó cũng là nguồn dự trữ sức mạnh cuối cùng của con người.

Theo bản năng, chàng chạy vọt qua các phố. Sau lưng chàng, tiếng chân tiếng hò hét của kẻ thù như chắp cánh cho chàng.

Thỉnh thoảng một viên đạn réo bên tai khiến chàng đã chạy chậm lại vọt lên nhanh chóng. Không phải là chàng hô hấp, không phải hơi thở thoát ra từ lồng ngực chàng mà đó là một thứ tiếng khò khè trầm khàn, một thứ tiếng hú cụt ngủn thoát ra. Mồ hôi và máu chảy ròng ròng từ tóc chàng, hoà lẫn vào nhau trên mặt chàng.

Rồi áo chẽn của chàng trở nên chật nghẹt đối với nhịp đập tim chàng, chàng giằng nó ra. Rồi thanh kiếm trở nên quá nặng, chàng ném nó ra xa. Đôi khi chàng có cảm giác tiếng bước chân xa dần và chàng sắp thoát khỏi những tên đao phủ. Nghe tiếng la hét của bọn này, những kẻ tàn sát người khác đang ở trên đường chạy bổ tới. Đột nhiên chàng nhìn thấy dòng sông lặng lẽ trôi ở phía bên trái. Giống như con hươu bị dồn đuổi, chàng dường như cảm thấy một khoái cảm

khôn tả muốn được lao mình xuống dòng sông. Chỉ có sức mạnh tột cùng của lý chí mới kìm được chàng lại. Bên phải chàng là Louvre tối tăm, im lìm, nhưng đầy những tiếng động trầm trầm ghê rợn. Trên cầu treo, mũ sắt và giáp trụ ra ra vào vào, hắt lên những tia sáng lạnh lẽo phản chiếu ánh trăng. De Mole nghĩ tới vua Navarre cũng như chàng đã nghĩ tới Coligny: đó là hai người bảo trợ cho chàng. Chàng thu hết sức lực, nhìn lên trời và thầm nguyện sẽ cải đạo nếu như chàng thoát khỏi cuộc tàn sát. Chàng chạy tắt, lừa để xa được khoảng ba chục bước cả bầy đang đuổi theo mình, rồi quay thẳng về phía Louvre, lao lên cầu lẫn vào bọn lính. Chàng bị thêm một nhát dao găm sượt qua sườn và mặc dù có tiếng kêu "giết! giết" vang lên sau lưng và xung quanh chàng, mặc dầu lính gác đã thủ thế tấn công, chàng lao như tên bắn vào trong sân, nhảy tới được các phòng ngoài, vọt qua cầu thang lên hai tầng gác nhận ra một cánh cửa liền tỳ người vào đó, vừa gõ cửa vừa đạp bằng cả chân lẫn tay.

-Ai đó?– Có giọng đàn bà hỏi nhỏ.

-Ôi! lạy Chúa! – De Mole thì thầm – Chúng đến… tôi nghe thấy tiếng chúng… Tôi nhìn thấy chúng… Tôi đây, tôi…

-Ông là ai?– Giọng trên lại hỏi.

De Mole nhớ lại khẩu lệnh.

-Navarre! Navarre! – Chàng kêu lên.

Cửa mở ngay lập tức. De Mole không nhìn thấy, cũng chẳng cảm ơn Gillone, nhảy luôn vào phòng, đi qua một hành lang, hai hay ba phòng ở và cuối cùng tới một căn phòng được chiếu sáng bởi một ngọn đèn treo trên trần.

Dưới những bức màn nhung điểm hoa huệ vàng, một người đàn bà mặc chiếc áo ngủ lụa mỏng đang nằm trên một chiếc giường bằng gỗ sồi chạm trổ. Nàng chống tay lên, mắt nhìn trừng trừng sợ hãi.

De Mole lao bổ tới chỗ nàng.

-Thưa lệnh bà – Chàng kêu lên – Người ta giết, người ta cắt cổ những người anh em của tôi. Người ta muốn giết, muốn vặn cổ cả tôi nữa. Ôi! lệnh bà là hoàng hậu… Hãy cứu tôi.

Và chàng khụyu xuống chân nàng, để lại trên tấm thảm một vệt máu lớn.

Nhìn thấy người đàn ông tái nhợt, bơ phờ quỳ trước mặt mình, hoàng hậu Navarre kinh hoàng đứng dậy úp mặt giấu vào trong tay và kêu cứu.

-Thưa lệnh bà – De Mole vừa nói vừa cố gắng đứng dậy Nhân danh Chúa, xin đừng kêu lên, vì nếu người ta nghe thấy tiếng lệnh bà, tôi sẽ chết mất! Những kẻ giết người đuổi theo tôi, chúng chỉ cách tôi mấy bậc thang. Tôi nghe thấy chúng… Chúng kia rồi, chúng kia rồi! …

-Cứu tôi với!– Hoàng hậu Navarre hoảng hồn nhắc lại – Cứu tôi với!

-Ôi! Vậy lệnh bà sẽ giết tôi! – De Mole tuyệt vọng nói – Phải chết vì giọng nói ngọt ngào đến thế, phải chết vì một bàn tay đẹp đến thế! Tôi những tưởng

điều đó không thể xảy ra?

Cùng lúc đó, cánh cửa mở tung và một đám người hổn hển tức giận, mặt mũi loang máu và thuốc súng với hỏa mai, kiếm luôn lăm lăm trong tay ùa vào phòng.

Cầm đầu bọn họ là Coconnas. Với mái tóc hung đỏ dựng ngược, với cặp mắt xanh nhợt trợn trừng, má bị sướt một đường vì nhát kiếm của De Mole, máu chảy trên khuôn mặt làm cho Coconnas trông thật khủng khiếp.

-Mẹ kiếp! Coconnas kêu lên – Nó đây rồi! Nó đây rồi! A! Rốt cuộc chúng ta cũng tóm được nó!

De Mole cố tìm quanh một thứ vũ khí nhưng vô ích. Chàng nhìn hoàng hậu và nhận thấy vẻ thương xót hiện trên nét mặt nàng. Chàng hiểu rằng chỉ có nàng là cứu được chàng. Chàng liền lao về phía nàng và ôm nàng trong tay.

Coconnas tiến lên ba bước, mũi thanh kiếm dài của chàng một lần nữa lại đâm thủng vai kẻ thù. Một vài giọt máu ấm và đỏ tô hồng lên lớp chăn trắng thơm tho của Marguerite.

Marguerite trông thấy máu chảy. Nàng cảm thấy tấm thân đang quấn lấy mình rung lên. Cùng với De Mole, nàng nhảy bổ vào khe thành giường. Thật đúng lúc, De Mole kiệt sức không thể cử động chút nào, dù là để trốn chạy hay để tự vệ. Chàng áp mái đầu nhợt nhạt lên vai người thiếu phụ, các ngón tay co quắp của chàng bám vào và làm rách thứ hàng lụa batít mỏng và mịn màng che phủ tấm thân Marguerite.

-Ôi! Lệnh bà hãy cứu lấy tôi! – Chàng lẩm bẩm với giọng đuối dần.

Chàng chỉ nói được thế. Mắt chàng như bị đêm đen của cái chết làm mờ đi. Mái đầu nặng trĩu ngật ra đằng sau. Cánh tay duỗi ra. Lưng chàng gập xuống và chàng trượt xuống sàn nhà trong vũng máu của chính mình, kéo theo cả hoàng hậu.

Khi đó, Coconnas bị những tiếng hò hét kích động, say mùi máu và điên tiết về cuộc rượt đuổi cuồng nhiệt vừa rồi, vươn dài tay về phía đầu giường. Chỉ giây lát nữa thôi là kiếm của chàng đâm thủng tim De Mole và có lẽ luôn cả trái tim của Marguerite.

Nhìn thấy mũi sắt tuốt trần, và có lẽ hơn thế, nhìn thấy sự láo xược thô bạo đó, người con gái cao quý của hoàng tộc vươn thẳng người dậy, thét lên một tiếng kêu kinh hoàng, phẫn nộ và tức giận đến nỗi làm anh chàng người Piémontais sững lại vì một cảm giác mới lạ. Nếu cảnh này cứ còn kéo dài thì rồi nó sẽ cũng tan chảy như sương tuyết sớm mai dưới nắng tháng tư mà thôi và can điên cuồng chém giết sẽ tiếp tục.

Nhưng đột nhiên, từ cánh cửa khuất trong tưởng, một thanh niên khoảng mười sáu, mười bảy tuổi, mặt tái xanh, ăn vận một màu đen tuyền, tóc tai bơ phờ lao ra.

-Đợi đấy! Chị ơi, đợi đấy – Anh ta kêu lên – Tôi đây.

-Françoise! Françoise! Cứu tôi với! – Marguerite gọi.

-Quận công d'Alençon! – La Hurière lẩm bẩm và hạ súng xuống.

-Mẹ kiếp! Một ông hoàng nước Pháp! – Coconnas vừa càu nhàu vừa lùi lại một bước.

Quận công d'Alençon nhìn quanh. Ông ta thấy Marguerite tóc tai xổ tung, đẹp lộng lẫy hơn bao giờ hết, đang tựa vào tường. Quanh nàng là những gã đàn ông mắt long lên tức giận, trán đẫm mồ hôi và miệng sùi bọt mép.

-Quân khốn khiếp! – Ông ta thét lên.

-Cứu tôi với! – Marguerite kiệt sức nói – Chúng muốn giết tôi.

Khuôn mặt xanh tái của quận công thoáng ửng đỏ. Mặc dù không có vũ khí nhưng hoàn toàn vững tâm với ý thức về tên tuổi của mình, ông ta nắm chặt tay tiến về phía Coconnas và đồng bọn khiến họ kinh hãi lùi dần trước những tia mắt rực lửa của ông ta.

-Nào! Chúng mày sẽ ám sát luôn cả một hoàng tử nước Pháp chứ!

Và khi thấy bọn họ tiếp tục lùi dần trước mình, ông gầm lên: -Nào! Chỉ huy vệ binh của ta đâu? Hãy tới đây và treo cổ tất cả bọn kẻ cướp này cho ta!

Nhìn thấy người thanh niên tay không vũ khí này, Coconnas còn khiếp hơn cả khi thấy một đại đội dân binh hoặc kỵ binh Đức. Chàng lùi mãi tới cửa, La Hurière ba chân bốn cẳng tụt xuống cầu thang và binh lính nháo nhào húc lẫn lộn nhau ở phòng ngoài để tháo thân cho nhanh. Họ thấy cửa quá hẹp so với nỗi ước ao lớn lao của họ muốn được thoát ra bên ngoài.

Trong lúc đó, theo bản năng, Marguerite đã ném tấm chăn gấm Damas của mình lên người chàng trai đang bất tỉnh và rời khỏi chàng ta.

Khi kẻ giết người cuối cùng đã biến khỏi, quận công d'Alençon quay lại và kêu lên khi thấy Marguerite vấy máu: -Chị! Chị bị thương à?

Và ông ta lao về phía chị với vẻ lo lắng lẽ ra đã có thể tô đẹp thêm cho tình âu yếm của ông, nếu như cái tình âu yếm đó không bị lên án là đã đi quá cái giới hạn thích hợp của một người em trai.

-Hình như không – Marguerite đáp lại – Hoặc nếu có cũng chỉ bị nhẹ.

-Nhưng máu này ở đâu ra – Quận công vừa nói vừa lấy bàn tay run rẩy vuốt lên khắp thân hình Marguerite.

-Tôi không biết nữa – Nàng nói – Một tên trong bọn khốn khiếp đó đã chạm vào tôi, có lẽ hắn bị thương.

Chạm tay vào người chị! Ôi giá mà chị chỉ cho tôi thằng cha ấy, nếu chị nói cho tôi biết nó là thằng nào, nếu như tôi biết để tìm ra nó thì hay quá!

-Suỵt! – Marguerite kêu.

-Sao vậy? – Françoise hỏi.

-Vì nếu người ta thấy Françoise vào giờ này ở trong phòng ngủ của tôi thì…

-Anh chị em không thể thăm nhau được sao, Marguerite?

Hoàng hậu nhìn quận công d'Alençon với một cái nhìn đăm đăm đầy đe doạ đến nỗi chàng trai lùi dần.

-Vâng! Vâng!, Marguerite, chị có lý, tôi về chỗ tôi, nhưng chị không thể ở đây một mình trong cái đêm kinh khủng này. Chị có muốn tôi gọi Gillone không?

-Không, không, chẳng cần gọi ai cả. Đi đi, Françoise, đi bằng cái lối mà cậu đã đến đây ấy.

Ông hoàng trẻ làm theo và khi ông ta vừa khuất dạng thì Marguerite nghe thấy một tiếng thở dài vọng lên từ phía sau giường.

Nàng chạy đến chỗ lối đi bí mật, cài chốt lại và rồi chạy đến cửa kia và cũng đóng khoá cửa lại, đúng vào lúc đó một toán đông xạ thủ và lính đang truy đuổi những người Tân giáo ngụ ở Louvre ào ào lao qua đầu kia hành lang như một cơn lốc.

Nàng cẩn thận nhìn quanh để chắc chắn là chỉ có một mình rồi quay về phía ngách đầu giường. Nàng nhấc tấm chăn nhung Damas đã che cho De Mole thoát khỏi cái nhìn của quận công d'Alençon. Nàng khó nhọc kéo cái khối bất động vào phòng và khi thấy người bất hạnh vẫn còn thở, nàng ngồi xuống, tỳ đầu chàng lên đầu gối mình và té nước vào mặt để chàng tỉnh lại.

Chỉ khi nước đã gạt ra lớp bụi, lớp thuốc súng và máu bám đầy trên mặt người bị thương. Marguerite mới nhận ra nhà quý tộc đẹp trai mà mới ba bốn giờ trước vẫn còn đầy hy vọng và sức sống, đã tới xin nàng bảo trợ cho gặp vua Navarre. Khi rời nàng, chàng đã choáng ngợp trước sắc đẹp của nàng, và chính chàng cũng khiến nàng phải mơ màng đôi chút.

Marguerite buột ra một tiếng kêu hãi hùng, giờ đây nàng cảm thấy đối với người bị thương không còn chỉ là lòng thương hại nữa mà là sự quan tâm. Giờ đây đối với nàng, người bị thương không chỉ là một người xa lạ bình thường, mà gần như là một người quen cũ. Dưới bàn tay nàng, chẳng mấy chốc gương mặt đẹp của chàng trai hiện ra hoàn toàn, nhưng nhợt nhạt và tiều tuỵ vì đau đớn. Nàng rùng mình và gần như cũng tái nhợt như chàng. Nàng đặt tay lên trái tim chàng, tim chàng vẫn đập. Nàng bèn vươn tay ra với lấy lọ thuốc muối trên cái bàn cạnh đó và cho chàng ngửi.

De Mole mở mắt, chàng lẩm bẩm: -Ôi! Lạy Chúa! Tôi ở đâu đây?

-Thoát rồi, ông hãy yên tâm, ông thoát rồi.

De Mole cố gắng đưa mắt sang hoàng hậu, đăm đăm nhìn nàng rồi mấp máy: -Ôi! Lệnh bà đẹp quá!

Và như bị loá mắt, chàng vừa khép mi mắt lại vừa buông một tiếng thở dài.

Marguerite khẽ kêu lên. Mặt chàng lại tiếp tục tái hơn nữa, và trong giây phút đó nàng ngỡ rằng chàng đã thở hơi cuối cùng.

-Ôi! Lạy Chúa tôi, xin Người hãy thương lấy ông ta.

Vừa lúc đó có người đập mạnh vào cánh cửa hành lang.

Marguerite nhổm dậy và đỡ dưới vai De Mole.

-Ai đó? – Nàng kêu lên.

-Tâu lệnh bà, tôi đây – Một giọng phụ nữ phát ra – Quận chúa de Nervers đây.

-Henriette! – Marguerite thốt lên – Ôi! Đừng sợ vì đó là một người bạn, ông có nghe thấy không?

De Mole cố gắng quỳ dậy bằng một chân.

-Ông cố một chút để tôi đi mở cửa nhé – Hoàng hậu nói.

De Mole chống tay xuống đất và giữ được thăng bằng.

Marguerite bước về phía cửa, nhưng nàng chợt rùng mình hoảng sợ.

-A! Không phải chỉ có mình cậu à? – Nàng thốt lên khi nghe tiếng vũ khí chạm vào nhau.

-Không, đi theo tôi còn có mười hai vệ binh của ông de Guise em rể tôi để lại cho.

-Ông de Guise! – La Mole lẩm bẩm – Ôi! Tên sát nhân! Tên sát nhân!

-Im nào – Marguerite nói – Không được nói gì hết.

Và nàng nhìn quanh xem có thể giấu người bị thương ở đâu.

-Hãy cho tôi một thanh kiếm, cho tôi một con dao găm! – De Mole lẩm bẩm.

-Để tự vệ? Vô ích! Ông không nghe thấy ư? Họ có mười hai, còn ông chỉ có một mình.

-Không phải để tự vệ, nhưng để không phải sống mà phải rơi vào tay họ.

Không, không, tôi sẽ cứu được ông à! Có cái buồng này ông hãy vào đây!

De Mole ráng sức và được Marguerite giúp đỡ và đã lết vào tận buồng.

Marguerite đóng cửa lại và nhét chặt chìa khoá trong túi đựng tiền bố thí của nàng.

-Không được kêu, không được rên rỉ, không được thở dài. Ông sẽ thoát! – Nàng nói qua vách cửa.

Rồi khoác một chiếc áo choàng mặc trong nhà, nàng ra mở cửa và để cho cô bạn nhảy bổ vào vòng tay nàng.

-Ôi! Lệnh bà không sao cả chứ ạ? – Henriet hỏi.

-Không! Có sao đâu! – Marguerite vừa nói vừa khép tà áo choàng lại để người ta không nhìn thấy những vết máu vấy đầy trên áo ngủ của nàng.

-Càng hay. Nhưng dù sao thì quận công de Guise cũng đã dành cho tôi mười hai vệ binh để đưa tôi về dinh ông ta. Tôi cứ để lại đây cho lệnh bà sáu người. Tôi chẳng cần tới nhiều tuỳ tùng đến thế. Đêm nay, chỉ cần sáu vệ binh của quận công de Guise cũng đáng giá hơn cả một trung đoàn vệ binh của đức vua.

Marguerite không dám từ chối. Nàng cắt sáu người vệ binh canh trong hành lang rồi ôm hôn quận chúa. Henriet cùng với sáu vệ binh kia quay trở về dinh

quận công de Guise, nơi nàng ở trong lúc chồng đi vắng.

§9. Những kẻ tàn sát người

Coconnas không chạy trốn, chàng chỉ rút lui. La Hurière không chạy trốn, y chỉ lủi đi mất. Một người theo cách của sư tử, một kẻ theo cách của chó sói.

Kết quả là La Hurière đã ra tới quảng trường Saint-Germain l'Auxerrois, còn Coconnas thì mới chỉ ra khỏi cổng Louvre.

Thấy chỉ còn một mình với khẩu hỏa mai giữa đám những kẻ qua lại chạy bán sống bán chết, giữa những viên đạn réo và những xác người rơi từ các cửa sổ xuống, La Hurière bắt đầu thấy hốt hoảng và thận trọng tìm cách quay về quán trọ của mình. Nhưng khi vừa nhô đầu ra khỏi phố D'Averon để vào phố Arbre sec, y rơi vào giữa một nhóm lính Thụy Sĩ và khinh kỵ do Maurevel chỉ huy.

-Thế nào? – Kẻ đã tự mệnh danh là người giết vua thốt lên – Các ông đã xong rồi à? Ông về đấy hả ông chủ quán? Ông đã làm gì với ông bạn Piémontais của chúng ta rồi? Ông ta không gặp rủi ro gì chứ? Nếu không thì đáng tiếc lắm vì 1úc nãy ông ta trông thật sung sức.

-Tôi nghĩ rằng không – La Hurière đáp – Và mong rằng ông ấy sắp đuổi kịp chúng ta.

-Ông từ đâu về?

-Từ Louvre. Phải nói rằng ở đó người ta đón tiếp chúng tôi hơi mạnh tay đấy.

-Ai thế?

-Quận công d'Alençon. Ông ta không tham dự vào đây à?

-Đức ông quận công d'Alençon chẳng dự vào cái gì, trừ những việc có liên quan đến cá nhân ông ta. Cứ thử đề nghị

-Ông ta coi hai anh mình là người Tân giáo mà xem, ông ta sẽ dự vào việc ngay, miễn là công việc được tiến hành mà không làm ông ta mang tiếng. Nhưng bác cả La Hurière này, ông không tiếp tục đi cùng với các vị đáng kính đây ư?

-Họ đi đâu vậy?

-Ồ lạy Chúa! Đến phố Montorgueil. Ở đó tôi có một người quen cũ là mục sư Tân giáo. Y có một vợ và sáu con. Cái giống vô đạo ấy mới mắn đẻ chứ. Ở đấy sẽ rất thú vị.

-Còn ông thì đi đâu?

-À, tôi đi có việc riêng.

-Này, đừng có đi đâu mà không có tôi – Một giọng nói cất lên khiến Maurevel giật mình – Các ông có những chỗ ngon lắm và tôi muốn được đi cùng.

-A! Ông bạn Piémontais của chúng ta đây rồi – Maurevel reo lên.

-Ông de Coconnas đấy à – La Hurière nói – Tôi cứ tưởng là ông đi theo tôi từ lúc nãy cơ mà? Rõ là trò thổ tả! Ông chuồn nhanh quá. Với lại tôi đi chệch đường một tí để ném xuống sông một thằng oắt cứ kêu toáng lên: "Đả đảo bọn theo giáo

hoàng! Đô đốc muôn năm!" Khốn thay, tôi thấy hình như thằng quái đó biết bơi. Nếu người ta muốn dìm chết cái bọn vô đạo khốn kiếp ấy thì phải ném chúng xuống nước như mèo ấy, để cho chúng không kịp nhìn được cái gì hết!

-Ái chà! Ông vừa bảo là ông từ Louvre về phải không? Thằng cha Tân giáo của ông trốn vào đó à? – Maurevel hỏi.

-Ôi! Lạy Chúa, vâng.

-Lúc y nhặt kiếm trong sân nhà lão đô đốc, tôi đã bắn cho y một phát, nhưng chẳng biết tại sao tôi lại bắn trượt.

-Ồ, còn tôi, tôi không trượt – Coconannas nói – Tôi đã xọc kiếm vào lưng nó, mũi kiếm bị đăm tới năm tấc. Vả lại tôi đã thấy nó ngã vào tay Marguerite. Mẹ kiếp, nàng đẹp thật đấy! Tuy vậy tôi thú nhận rằng cũng sẽ chẳng bực mình lắm nếu được tin là nó chết hẳn rồi. Cái thằng cha ấy có vẻ có tính thù dai, nếu nó còn sống chắc sẽ thù tôi cả đời mất. Nhưng các ông vừa nói là các ông đi đâu cơ mà?

-Ông cứ nhất định đi với tôi à?

-Mẹ kiếp, tôi nhất định không đứng lỳ tại chỗ! Tôi mới giết được có ba bốn đứa thôi. Ấy nếu tôi cứ nguôi cái việc này đi thì vai tôi lại đau. Đi thôi! Đi thôi!

-Đội trưởng! – Maurevel nói với viên chỉ huy – Cho tôi ba người và hãy cho tiêu luôn lão mục sư với những kẻ còn lại.

Ba lính Thụy Sĩ tách ra và tới nhập bọn cùng Maurevel. Tuy nhiên cả hai nhóm vẫn cùng đi với nhau tới tận phố Tirechappe.

Tới đó, những lính khinh kỵ và linh Thụy Sĩ rẽ sang phố Hàng Thùng, còn Maurevel, Coconannas, Hurière và ba người kia đi theo phố Hàng Sắt, ngoặt về phố Trousse Vache và tới phố Saint-Avoye.

-Ông dẫn bọn tôi đi đâu thế này? – Coconnas hỏi – chàng bắt đầu phát chán về cái trò lang thang này.

-Tôi dẫn các ông đi làm một cuộc tiễu trừ vừa ngoạn mục lại vừa có ích. Sau đô đốc, sau Téligny, sau các ông hoàng Tân giáo, tôi không thể tặng các ông cái gì hơn được. Kiên nhẫn tí Chúng ta phải ra tay ở phố Chaume, sắp đến rồi đấy.

-Này – Coconannas hỏi – Phố Chaume có gần Đền không?

-Gần, sao?

-À, ở đó có một ông chủ nợ của gia đình chúng tôi, một lão Lambert Mercandon nào đấy. Cha tôi dặn phải trả cho lão một trăm đồng tiền vàng mà tôi mang theo đây.

-Thế thì quả là một dịp tốt để thanh toán nạ nần với lão – Maurevel nói.

-Sao lại thế?

-Hôm nay là ngày người ta thanh toán các món nợ cũ. Cái lão Mercandon nhà ông có phải là Tân giáo hay không?

-Ô hô! Thôi tôi hiểu rồi, ông ta phải là người theo Tân giáo.

-Suỵt, đến rồi đấy.

-Dinh nào có một chái nhà chìa ra phố thế kia?

-Dinh de Guise đấy.

-Quả thật không lẽ nào tôi lại không tới đây được, tôi đến Paris với sự bảo trợ của Henri vĩ đại kia mà. Nhưng ông bạn này, mẹ kiếp, khu phố này mới yên tĩnh chứ. Quá lắm thì người ta cũng chỉ nghe thấy tiếng súng hoả mai thôi. Cứ như ở tỉnh nhỏ ấy, mọi người đều ngủ cả. Nếu không phải thế thì quỷ sứ bắt tôi đi!

Thực tế dinh de Guise cũng có vẻ bình yên như ngày thường.

Các cửa sổ đều đóng, chỉ có ánh sáng lọt qua bức rèm che cửa sổ chính đã thu hút sự chú ý của Coconaux lúc chàng mới vào phố.

Gần tới dinh de Guise, tới góc đường Péti Săngchiê và đường Catrefx, Maurevel dừng lại nói: -Nhà của kẻ mà chúng ta tìm đây rồi.

-Tức là nhà của kẻ mà ông tìm kiếm chứ… – La Hurière nói.

-Ông đi cùng với tôi thì tức là chúng ta cùng tìm.

-Thế nào! Cái nhà có vẻ đang ngủ say thế kia sy hả?

-Chính đó. La Hurière, ông sẽ vác bộ mặt lương thiện mà trời ban nhầm cho ông đến gõ cửa cái nhà ấy nhé. Đưa súng của ông cho ông de Coconaux, tôi thấy ông ta liếc nó từ một giờ nay rồi. Nếu người ta cho ông vào, ông sẽ xin nói chuyện với ngài de Mouy de Saint Phale.

-Ái chà! – Coconaux kêu lên – Tôi hiểu rồi, dường như ông cũng có một chủ nợ trong khu phố Đền này thì phải.

-Chính thế – Maurevel tiếp – Vậy ông sẽ giả vờ làm người Tân giáo để lên nhà. Ông sẽ thông báo cho de Mouy de Saint Phale về những gì đang xảy ra. Hắn dũng cảm lắm, hắn sẽ xuống đấy

-Thế khi hắn xuống thì sao? – La Hurière hỏi.

-Khi nào hắn xuống thì tôi sẽ yêu cầu hắn so kiếm cùng tôi.

-Thề có linh hồn tôi, ông quả là một nhà quý tộc chân chính – Coconnas nói – Tôi cũng định làm thế với Lambert Mercandon, và nếu như y già quá không chấp nhận đấu thì tôi sẽ đấu với ai đó trong đám con cháu y.

Hurière chẳng đòi hỏi gì, tới gõ cửa. Những tiếng gõ vang lên trong yên tĩnh của đêm khuya khiến cho các cửa dinh de Guise mở ra và cái đầu thò ra khỏi cửa, khi đó người ta thấy rằng dinh này chỉ bình yên theo kiểu các thành luỹ, nghĩa là đầy những lính bên trong.

Gần như ngay tức thì những cái đầu này thụt vào, chắc họ đoán được chuyện gì đang xảy ra.

-Vậy ra cái nhà ông de Mouy của ông ở đây hả? – Coconnas vừa hỏi vừa chỉ cái nhà mà La Hurière đang tiếp tục gõ cửa.

-Không, nhà của tình nhân hắn đấy.

-Mẹ kiếp! Ông mới lịch sự dễ thương chứ! Tạo cho hắn cơ hội được tuốt kiếm dưới mắt người đẹp! Thế thì chúng tôi sẽ đóng vai xét xử nhé. Ấy vậy

nhưng tôi vẫn muốn chính tôi được đánh cơ. Vai tôi rát quá.

-Và cả mắt ông nữa chứ – Maurevel nói.

Coconnas gầm lên: -Mẹ kiếp! Tôi mong rằng hắn chết rồi, nếu không tôi sẽ quay lại Louvre để giết hắn.

La Hurière vẫn gõ cửa.

Chẳng mấy chốc một cửa sổ tầng một mở ra và một người đàn ông đội mũ trùm, quần cộc và không một tấc sắt trong tay thò đầu ra.

-Ai đó? – Người đàn ông hỏi to.

Maurevel ra hiệu cho lính Thụy Sĩ của y đứng nấp vào một góc tường, chính Coconnas cũng ép sát người vào tường.

-Ôi! Ông de Mouy phải không? – Chủ quán nói bằng giọng thật dễ thương.

-Tôi đây. Sao?

-Chính hắn – Maurevel run lên vì sung sướng, lẩm bẩm.

-Sao? Thưa ông – La Hurière tiếp tục – Ông không hề biết chuyện gì đang xảy ra sao? Người ta cắt cổ ông đô đốc, người ta giết những anh em đồng đạo của ta. Đến nhanh giúp họ đi ông ơi.

-A! – De Mouy thốt lên – Ta đã ngờ rằng đêm nay có âm mưu gì đây xảy ra mà. Ôi! Lẽ ra ta không nên rời những người bạn dũng cảm của ta. Tôi đến đây, ông bạn, tôi đến ngay đây.

Qua cánh cửa sổ de Mouy không đóng lại, người ta nghe vọng ra tiếng kêu sợ hãi của một người đàn bà, những lời năn nỉ âu yếm, còn de Mouy thì đi tìm áo chẽn, áo măng-tô và vũ khí.

-Hắn xuống đấy! Hắn xuống đấy! Các ông cẩn thận nhé!

Maurevel mặt tái đi vì mừng, khẽ rỉ tai với đám lính Thụy Sĩ của y. Rồi gỡ lấy khẩu hoả mai trên tay Coconnas, y thổi vào mồi lửa để được chắc chắn là mồi vẫn cháy.

-Này, Hurière, cầm lấy súng của cậu đi – Y nói với tay chủ quán lúc bấy giờ đã quay về với cả toán.

-Mẹ kiếp! – Coconnas thốt lên – Trăng đang ra khỏi đám mây để chứng kiến cuộc tao ngộ này đây. Ước gì Lambert Mercandon là xạ thủ của ông de Mouy nhỉ.

-Chờ đã, chờ đã – Maurevel nói – Mình de Mouy đáng giá bằng mười người, nhưng chúng ta chỉ sáu người cũng đủ để diệt hắn. Tiến lên đi các ông, để khi hắn ra là đánh luôn – Maurevel vừa nói tiếp vừa ra hiệu cho bọn lính Thụy sĩ lách tới bên cửa.

-Ô hô! – Coconnas nhìn thấy sự chuẩn bị như thế liền nói – Hình như mọi việc sẽ không xảy ra như mình dự đoán.

Người ta đã nghe thấy tiếng De Mouy kéo thanh cài cửa. Bọn lính Thụy Sĩ rời chỗ nấp áp sát một bên. Maurevel và Hurière rón rén bước trên đầu ngón

chân, còn Coconnas, vì vẫn giữ chút tư cách quý tộc, cứ đứng nguyên tại chỗ. Đột nhiên người đàn bà mà người ta không nghĩ tới hiện ra trên ban công và kêu lên một tiếng kinh hoàng khi nhìn thấy đám lính Thụy Sĩ, Maurevel và Hurière.

De Mouy đã hé cửa ra lại ngừng lại.

-Lên đi anh, lên đi – Thiếu phụ kêu lên – Em nhìn thấy ánh kiếm và mồi lửa súng hỏa mai. Có phục kích đấy.

-Á à! – Giọng chàng trai ồm ồm trả lời – Để xem xem đấy là cái gì nào.

Và ông đóng cửa, cài thanh ngáng, đóng chốt và trở lên tầng trên.

Ngay khi thấy de Mouy sẽ không ra nữa thì trật tự chiến đấu của Maurevel thay đổi. Lính Thụy Sĩ sang đứng chốt bên kia đường và Hurière lăm lăm tay súng rình kẻ thù xuất hiện ở cửa sổ. Y không phải chờ lâu. De Mouy tiến ra với hai khẩu súng tay có chiều dài đáng kính nể đến nỗi Hurière đang nhằm bắn chợt nghĩ rằng các viên đạn của anh chàng Tân giáo cũng chẳng mất nhiều đường đất để xuống phố hơn là viên đạn của y để bắn tới ban công. Y tự nhủ rằng chắc hẳn là có thể giết được tên quý tộc này nhưng lúc này, hắn cũng có thể giết được y.

Suy cho cùng thì bác cả La Hurière vốn chỉ là một anh chủ quán trọ và làm lính cũng do hoàn cảnh mà thôi. Cái ý nghĩ đó khiến bác ta rút lui và kiếm một chỗ ẩn núp trong góc phố Bracơ, cách khá xa và rõ ràng từ chỗ đó bác ta khó lòng mà nhắm đường đi để viên đạn của mình tới được de Mouy, nhất là lại vào ban đêm.

De Mouy nhìn quanh và vừa tiến lên, vừa nép mình xuống như một người đang chuẩn bị vào cuộc đấu. Khi thấy không có gì xảy đến, ông ta gọi: -Ơ này, cái nhà ông tới báo tin cho tôi, hình như ông để quên khẩu hỏa mai ở nhà tôi. Tôi đây, ông muốn gì?

-A – Coconnas tự nhủ – Đây quả là một thằng cha can đảm.

-Này, bạn hay thù thì ông cũng phải thấy là tôi đang đợi ông đấy chứ? – De Mouy tiếp.

La Hurière nín thít. Maurevel không trả lời và ba người lính Thụy Sĩ cũng án binh bất động.

Coconnas đợi một lát, rồi khi thấy không ai bắt lời vào cuộc chuyện trò do La Hurière khởi xướng, chàng rời chỗ đứng, tiến ra giữa phố và vừa ngả mũ chàng vừa nói: -Thưa ông, chúng tôi đến đây không phải để ám sát như ông tưởng mà là để thách đấu… Tôi đi cùng với một trong số các kẻ thù của ông. Người đó muốn được hầu ông đã kết liễu một cách lịch sự một cuộc xích mích từ xưa. Này mẹ kiếp!

-Tiến lên đi chứ ông Maurevel! Đừng có quay lưng lại thế, ông đây chấp nhận đấy.

-Maurevel! – De Mouy kêu lên – Maurevel, kẻ đã ám hại cha ta! Maurevel kẻ giết vua! A! Thề có Chúa! Ta chấp nhận.

Và vừa nhắm bắn Maurevel đang gõ cửa dinh de Guise để cầu tăng viện, ông ta xuyên thủng một lỗ trên mũ của y.

Nghe tiếng súng nổ và tiếng kêu của Maurevel, những vệ binh đã đưa quận chúa de Nervers về cùng ra với ba bốn nhà quý tộc có người hầu đi theo. Tất cả đều tiến về phía nhà người tình của de Mouy.

Phát đạn thứ hai nhằm vào giữa đám, bắn gục người lính đứng gần Maurevel nhất. Sau đó de Mouy hết vũ khí, hay ít ra là chỉ còn những vũ khí vô dụng vì các súng tay của ông ta hết đạn và các đối thủ của ông ta còn ở ngoài tầm kiếm, de Mouy bèn ẩn vào lan can ban công.

Trong lúc đó ở những nhà lân cận, đó đây cửa sổ bắt đầu mở và tuỳ theo tính khí ôn hoà hay hiếu chiến của chủ nhà mà cửa sổ hoặc là khép lại hoặc là chĩa ra tua tủa những súng dài hoặc súng hoả mai.

-Giúp tôi, ông bạn Mercandon! – De Mouy vừa kêu lên vừa ra hiệu cho một ông già đang cố nhìn xem sự việc trong cái đám hỗn độn này từ một cửa sổ mở đối diện với dinh de Guise.

-Có phải ngài gọi không, ngài de Mouy? – Ông già kêu to – Người ta sinh sự với ngài ư.

-Sinh sự với tôi, sinh sự với ông, với tất cả những người Tân giáo, đây, ông nhìn xem.

Quả thực lúc ấy de Mouy de Saint Phale đã nhìn thấy khẩu hoả mai của La Hurière nhằm vào mình. Đạn nổ, nhưng chàng trai đã kịp thời cúi xuống và viên đạn bắn vỡ một cửa kính phía trên đầu chàng ta.

-Mercandon! – Coconnas thốt lên. Chàng đang khoái chí nhìn trận loạn đả và quên phắt mất ông chủ nợ. Nhưng tiếng gọi của de Mouy đã nhắc chàng nhớ lại – Mercandon, phố Chaume, đúng rồi. A, té ra là ông ta ở đây, chúng ta mỗi người lại có việc với người mình cần.

Và trong khi những người của dinh de Guise phá cửa ngôi nhà de Mouy đang ở, trong khi Maurevel đuốc cầm tay đang cố đốt nhà, trong khi mà, cửa đã phá xong, cuộc chiến đấu dữ dội bắt đầu chống lại một con người mà mỗi nhát kiếm dài lại đánh gục một kẻ thù, thì Coconnas với một viên đá lát đường cố gắng phá cửa nhà Mercandon. Ông già này chẳng hề bận tâm về cuộc công phá đơn chiếc này, ra sức bắn từ cửa sổ nhà ông ta.

Lúc đó cả khu phố tối tăm và vắng vẻ này được chiếu sáng như giữa ban ngày và người đầy như kiến. Từ dinh Monmorency, sáu hoặc tám nhà quý tộc Tân giáo cùng với gia nhân và bạn bè họ mở một cuộc tấn công dữ dội. Được luồng đạn từ các cửa sổ yểm trợ, họ bắt đầu đánh lui những người của Maurevel và de Guise, dồn ép những kẻ này rút về dinh de Guise.

Mặc dù gắng công gắng sức, Coconnas trong khi vẫn chưa phá xong cửa nhà Mercandon thì bị dồn vào cuộc phản công này. Kiếm cầm tay và tựa lưng vào

tường, chàng không những chỉ bắt đầu tự vệ, mà còn tấn công với những tiếng kêu khủng khiếp đến nỗi chàng nổi bật trong cuộc loạn đả. Chàng vung kiếm bên phải, bên trái, đánh cả bạn cả thù cho tới khi quanh mình hở được ra một khoảng trống. Cứ mỗi khi ngọn kiếm của chàng đâm thủng một lồng ngực và máu ấm bắn vào tay vào mặt chàng thì chàng lại giành lại khoảng cách đã mất và nhích lại gần ngời nhà bị bao vây với cặp mắt trợn trừng, cánh mũi nở rộng và hàm răng nghiến chặt.

Sau một trận chiến khủng khiếp trên cầu thang và ở các phòng ngoài, de Mouy rút cuộc đã thoát ra như người anh hùng thật sự từ ngôi nhà đang bốc cháy của mình. Giữa đám loạn đả, ông ta không ngừng kêu lên: "Ta đây, Maurevel! Maurevel, ngài ở đâu?"- vừa nói vừa chửi rủa y bằng những lời độc địa nhất.

Cuối cùng, ông ta ra tới đường, một tay đỡ người yêu đã gần ngất xỉu, thân thể loã lồ, miệng ông ngậm một con dao găm.

Thanh kiếm rực lửa theo những vòng quay của chủ sai khiến, vạch ra những đường tròn đỏ hoặc trắng tùy theo lúc đó là ánh trăng dát bạc lên lưỡi kiếm hay những ngọn đuốc làm ánh lên những vệt máu tươi. Maurevel đã lủi trốn. La Hurière bị de Mouy truy dồn đến tận chỗ Coconnas, chàng không nhận ra y và đón y với ngọn kiếm của mình khiến bác chủ quán phải cầu xin tha chết cả từ hai phía. Ngay giữa lúc đó thì Mercandon nhìn thấy y và nhận ra đó là kẻ đi tàn sát nhờ vào dấu chữ thập trắng của y.

Đạn nổ. La Hurière kêu lên một tiếng, duỗi tay để rơi khẩu hỏa mai và sau khi cố gắng vươn tới bức tường để tìm kiếm một chỗ bám, y ngã sấp mặt xuống đất.

De Mouy lợi dụng tình thế này, nhảy sang phố Paradi và biến mất.

Sự kháng cự của những người Tân giáo tới mức làm cho những người của dinh de Guise cũng phải bị đẩy lui, rút vào trong dinh và đóng cửa lại vì sợ sẽ bị tấn công vào dinh.

Say vì máu và vì tiếng ồn. Coconnasx rơi vào tình trạng kích động, đó là điều rất dễ gặp đối với những người miền Nam nước Pháp khi lòng dũng cảm đã trở thành sự điên rồ. Chàng chẳng nghe, chẳng nhìn thấy gì hết. Chàng chỉ nhận thấy rằng tai mình bớt nghe tiếng loảng xoảng, rằng tay và mặt mình hơi khô đi. Khi chàng hạ mũi kiếm xuống, chàng chỉ nhìn thấy gần mình một người đàn ông nằm mặt úp trong vũng máu và quanh chàng là những ngôi nhà đang cháy.

Cuộc ngưng chiến thật ngắn ngủi, vì đúng lúc chàng sắp tiến lại chỗ người đàn ông mà chàng mang máng nhận ra là La Hurière thì cánh cửa ngôi nhà mà chàng đã hoài công cố phá bằng đá lát đường mở ra. Ông già Mercandon cùng con trai và hai đứa cháu nhảy xổ tới anh chàng Piémontais đang lấy hơi.

-Nó đây rồi! Nó đây rồi! – Tất cả cùng đồng thanh kêu lên.

Coconnas đang đứng giữa phố. Sợ bị bao vây bởi những người cùng tấn công chàng một lúc, chàng nhảy một bước lui lại sau với sức mạnh của loài nai mà chàng vẫn thường săn đuổi ở vùng núi, và thế là chàng đã đứng tựa lưng được vào tường dinh de Guise. Khi không còn e ngại những đòn đánh bất ngớ nữa, chàng lấy thế thủ và bắt đầu giễu cợt.

-Ái chà! Cha Mercandon! – Ông không nhận ra tôi?

-Ôi quân khốn kiếp! – Ông già Tân giáo trả lời – Ngược lại ta đã nhận ngay ra mày. Mày thù oán ta, người bạn của cha mày ư?

-Và cả là chủ nợ của ông ấy nữa chứ?

-Cả là chủ nợ của ông ấy nữa, vì chính mày nói ra điều đó.

-Thế thì tôi đến chính là để thanh toán nợ nần cũ đây.

-Tóm lấy nó, trói nó lại – Ông già nói với các thanh niên đi theo ông. Nghe vậy họ bèn lao về phía tường.

-Từ từ đã chứ – Coconnas vừa cười vừa nói – Muốn bắt người thì phải có lệnh câu lưu, các ông sơ ý không hỏi xin ông thị trưởng mất rồi. – Vừa nói chàng vừa giao đấu với một thanh niên đứng gần nhất. Mới nhát đầu chàng đã chém gục cổ tay khiến y vừa lùi lại vừa rú lên.

-Một thằng! – Chàng nói.

Cùng lúc đó, cửa sổ nơi Coconans nấp dưới mở ra và kêu ken két. Coconnas sợ bị tấn công từ phía đó, nhảy dựng lên một bước. Nhưng thay cho một kẻ thù, chàng nhìn thấy một người đàn bà, và không phải một vũ khí giết người mà chàng phải đánh bật mà lại là một bó hoa rơi xuống chân chàng.

-Ơ này! Một người đàn bà! – Chàng bảo.

Chàng vung kiếm chào người đàn bà và cúi nhặt bó hoa.

Cẩn thận nhé, hỡi chàng Giatô dũng cảm, cẩn thận đấy- Người đàn bà thốt lên.

Coconnas ngẩng lên nhưng không kịp, con dao găm của người cháu ông kia đã xé rách áo măng-tô của chàng và thọc vào vai kia. Người đàn bà kêu lên một tiếng xé lòng.

Phác một cử chỉ để cảm ơn và làm yên lòng người đàn bà, Coconnas lao đến người cháu ông đó. Y lui lại đỡ. Nhưng đến cú đánh thứ hai thì chân sau của y trượt vào vũng máu. Coconnas lao nhanh đến như mèo rừng, thọc sâu kiếm vào ngực y.

-Tốt lắm, tốt lắm, chàng kỵ sĩ dũng cảm ạ – Người đàn bà ở dinh de Giuse kêu lên – Tốt lắm, tôi sẽ cho người tăng viện cho ông

-Thưa bà, bà chẳng phải nhọc lòng làm chi – Coconaux nói – Nếu bà thấy hay thì xin cứ xem cho đến hết còn hơn. Bà sẽ thấy bá tước Anibal de Coconnas sửa cho bọn Tân giáo như thế nào.

Lúc đó, con trai ông già Mercandon bắn gần như sát sạt một phát súng tay vào Coconnas và chàng ngã quỵ một chân xuống.

Phu nhân trên cửa sổ kêu lên nhưng Coconnas đã vùng dậy. Chàng chỉ quỳ xuống để tránh viên đạn thôi, và nó cắm vào tướng cách dưới chân người đàn bà hai bộ.

Gần như tức thì, từ cửa sổ nhà Mercandon có một tiếng kêu tức tối vang lên. Một bà già nhận ra chàng là người Giatô giáo qua chiếc thập tự và khăn choàng trắng của chàng, đã ném một chậu đựng hoa trúng vào đầu gối chàng.

-Được! Người thì ném hoa, kẻ thì ném chậu cho mình – Coconnas nói – Nếu cứ tiếp tục cái đà này thì phải phá nhà ra mất.

-Cám ơn mẹ, mẹ ơi! – Người thanh niên kêu lên.

-Thôi đi bà nó, nhưng cứ coi chừng cho chúng tôi! – Ông già Mercandon nói.

-Chờ đã ông de Coconnas, tôi sẽ sai bắn vào các cửa sổ! – Phu nhân ở dinh de Guise nói.

-Ái chà! Thế ra đây là một địa ngục. Các bà, người thì giúp, người thì chống mình! – Coconnas nói – Mẹ kiếp! Kết thúc đi thôi!

Quả thực là hoàn cảnh đã thay đổi và sắp đến phần kết thúc. Coconnas tuy đã bị thương nhưng còn đầy sức mạnh của tuổi hai mươi tư, dạn dày với vũ khí và bị kích động nhiều hơn là bị yếu đi bởi ba bốn vết thương mà chàng đã nhận được. Đối địch với chàng chỉ còn Mercandon và con trai ông ta: Mercandon là một ông già khoảng sáu, bảy mươi tuổi, còn con trai ông là một cậu bé khoảng mười sáu, đến mười tám tuổi. Chàng thanh niên xanh xao, mảnh khảnh tóc vàng này đã ném khẩu súng tay hết đạn trở nên vô dụng, vừa run vừa vung lên thanh gươm ngắn bằng nửa thanh gươm của anh chàng Piémontais. Người cha thì chỉ có con dao găm và một khẩu hỏa mai hết đạn, gọi kêu cứu. Bà già trên cửa sổ đối diện, mẹ của chàng thanh niên kia, tay cầm một mảnh đá cẩm thạch chuẩn bị ném. Bị kích động phần vì những lời đe doạ, phần vì những lời động viên, Coconnas thấy tự hào về chiến công hai lần của mình. Chàng say vì thuốc súng và máu. Chàng được soi sáng bằng ánh lửa của ngôi nhà đang cháy. Chàng như được chắp cánh khi nghĩ rằng mình chiến đấu dưới con mắt của một người đàn bà mà sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành cũng như địa vị của nàng thật là cao quý.

Như người cuối cùng của dòng họ Huguenot, Coconnas cảm thấy sức lực của mình tăng lên gấp đôi và khi thấy người thanh niên kia còn ngập ngừng, chàng lao tới giao chiến chống lại thanh kiếm nhỏ bé kia bằng ngọn kiếm dài khủng khiếp đẫm máu của chàng. Chỉ hai đường kiếm là thanh gươm nhỏ của chàng trai bị đánh bật khỏi tay. Khi đó Mercandon tìm cách đẩy lùi Coconnas để những vật ném ra từ cửa sổ nhằm trúng chàng hơn. Nhưng ngược lại, để vô hiệu hoá cuộc tấn công của ông già Mercandon đang cố đâm chàng bằng dao găm và của bà mẹ

đang cố ném vỡ đầu chàng với viên đá mà bà ta đang chuẩn bị. Coconnas túm ngang thân địch thủ, giơ chàng ta ra như một cái mộc để đỡ mọi cú đánh và bóp nghẹt y trong vòng tay lực sĩ của mình.

-Cứu tôi với! Cứu tôi với! – Cậu bé kêu lên – Nó bóp vỡ ngực tôi rồi! Cứu tôi với!

Và giọng nói bắt đầu ngạt đi trong một tiếng thở dốc bị nghẹn.

Khi ấy, Mercandon thôi không đe doạ nữa, ông già van nỉ: -Xin tha cho, thưa ông de Coconnas! Xin hãy tha cho người con độc nhất của tôi.

-Đấy là con tôi, con của tôi – Bà mẹ kêu lên – Niềm hy vọng cúa tuổi già chúng tôi! Xin ông đừng giết nó! Xin ông đừng giết!

-Ái dà! Thật thế à? – Coconnas vừa kêu lên vừa phá ra cười – Cứ cho là tôi không giết nó đi! Thế lúc vừa rồi nó định làm gì tôi với thanh gươm và khẩu súng tay của nó?

-Thưa ông – Mercandon vừa nói vừa chắp tay lại – Ở nhà tôi có văn khế nợ do cha ông viết, tôi sẽ trả lại cho ông. Tôi có mười ngàn écus vàng, tôi sẽ đưa cho ông. Tôi còn có các đồ châu ngọc của dòng họ tôi, chúng sẽ thuộc về ông. Nhưng xin ông đừng giết nó!

-Còn tôi, tôi có tình yêu ở tôi, tôi hứa sẽ trao cho ông – Người đàn bà ở dinh de Guise thì thầm.

Coconnas suy nghĩ một giây rồi đột ngột hỏi chàng thanh niên: -Anh có theo Tân giáo không?

-Có. – Cậu bé khẽ nói.

-Nếu thế thì phải chết thôi! – Coconnas vừa trả lời, vừa nhíu cặp lông mày và dí vào ngực đối phương thanh kiếm sắc ngọt của mình.

-Chết ư? – Người cha già thốt lên – Đứa con tội nghiệp của tôi phải chết ư?

Và tiếng kêu của người mẹ vang lên đau đớn sâu sắc đến nỗi làm rung chuyển cái quyết định tàn bạo của Coconnas trong chốc lát.

-Ôi! Thưa quận chúa! – Người cha vừa kêu lên vừa quay về phía người đàn bà ở dinh de Guise – Hãy xin giùm chúng tôi và tên bà sẽ được sớm tối xướng lên khi chúng tôi cầu nguyện.

-Thế thì nó cải đạo đi! – Phu nhân ở dinh de Guise nói.

-Tôi là người Tân giáo – Thằng bé nói.

-Thế thì chết đi! – Coconnas vừa nói vừa vung đoản kiếm lên – Mày không muốn sống nhờ ơn đôi môi xinh đẹp kia thì cứ chết đi!

Mercandon và người mẹ nhìn thấy mũi dao khủng khiếp lóe lên như tia chớp trên đầu đứa con họ.

-Oliver con ơi, bỏ đạo đi con – Người mẹ rú lên.

-Con ơi, bỏ đạo đi! – Mercandon vừa nói vừa lăn xuống chân Coconnas – Con đừng để cha mẹ sống vò võ một mình!

-Tất cả các người cũng cải đạo đi – Coconnas thét lên – Ta đổi ba mạng sống và một linh hồn lấy bài kinh Credo.

-Tôi đồng ý – Thằng bé nói.

-Chúng tôi đồng ý – Mercandon và vợ cùng kêu lên.

-Thế thì quỳ xuống! – Coconaux nói – Con ông phải nhắc lại từng chữ lời cầu nguyện mà ta sẽ đọc cho ông đây.

Người cha tuân theo trước nhất.

-Tôi đã sẵn sàng – Thằng bé nói và cũng quỳ xuống.

Coconnas bắt đầu đọc từng chữ một cho thằng bé bài kinh Credo bằng tiếng La tinh. Nhưng hoặc do tình cờ, hoặc do cố ý, Oliver quỳ xuống gần chỗ thanh kiếm của nó bị rơi. Khi thấy vũ khí này nằm ngay trong tầm tay với của mình, nó vừa không ngừng lặp lại những lời của Coconnas, vừa vươn tay ra để nắm lấy kiếm. Coconnas đã nhận thấy cử chỉ đó nhưng cứ tỉnh bơ như không hề thấy gì. Đúng lúc thằng bé chạm vào chuôi kiếm với những ngón tay co quắp của nó thì chàng nhảy xồ tới, hất nó ngã nhào.

-A! Quân phản bội! – Chàng nói.

Và chàng thọc đoản kiếm vào cổ thằng bé.

Oliver thốt lên một tiếng kêu, gượng dậy trên đầu gối trong cơn co giật và ngã lăn ra chết.

-A! Đồ đao phủ! – Mercandon rú lên – Mày cắt cổ chúng ta để ăn cướp trăm đồng tiền vàng cha mày nợ của ta!

-Xin thề là không – Coconnas nói – Và bằng chứng là… – Vừa nói, Coconnas vừa ném xuống chân ông già túi tiền mà cha chàng đã trao cho trước lúc ra đi để thanh toán nợ nần với người chủ nợ – … và bằng chứng là tiền của ông đây – Chàng tiếp.

-Còn mày, cái chết của mày đây! – Người mẹ kêu lên từ cửa sổ.

-Cẩn thận, cẩn thận, ông de Coconnas – Phu nhân dinh de Guise nói.

Nhưng trước khi Coconnas kịp quay đầu để làm theo lời khuyên thứ hai này hoặc né tránh lời đe doạ thứ nhất kia thì một khối nặng bay vèo trong không khí đập thẳng vào đầu chàng trai xứ Piémontais, bẻ gãy thanh kiếm của chàng và khiến chàng ngã lăn xuống vỉa hè vì bị bất ngờ, choáng váng đầu óc và bất tỉnh. Chàng không nghe thấy tiếng kêu vui mừng và tuyệt vọng vang lên cả từ bên phải lẫn bên trái mình.

Dao găm trong tay, Mercandon lao ngay đến Coconnas đang ngất đi. Vừa lúc đó cửa dinh de Guise mở ra. Ông già thấy những mâu và kiếm lấp lóe bèn bỏ chạy. Người mà ông gọi là quận chúa, đẹp một cách quái lạ trong ánh lửa cháy, rực rỡ vì các đồ châu báu và kim cương, nghiêng nửa người ra ngoài cửa sổ để gọi những người mới ra, tay chỉ vào Coconnas.

-Đấy! Đấy! Trước mặt ta, người quý tộc vận áo chonàg đỏ ấy! Đúng rồi, chính ông ta…

§10. Chịu lễ, vào ngục Bastille hay là chết

Như chúng tôi đã nói, Marguerite đóng cửa lại và quay vào phòng nhưng vẫn còn hồi hộp. Nàng thấy Gillonne đang hoảng sợ nghiêng người trước cửa căn buồng nhỏ rồi chăm chú nhìn theo những vết máu đọng trên giường, trên đồ dùng và trên thảm.

-Ôi! Thưa lệnh bà, ông ta chết rồi ư? – Cô kêu lên.

-Im nào! Gillonne! – Marguerite nói với giọng nghiêm khắc.

Gillonne im bặt

Marguerite bèn lôi từ chiếc túi dùng đựng tiền bố thí ra một chiếc chìa khoá vàng, mở cửa căn buồng nhỏ và chỉ cho người thị nữ thấy chàng trai De Mole đã cố gắng nhổm dậy và lết tới gần cửa sổ. Khi nghe tiếng cửa mở, chàng vớ lấy một con dao găm nhỏ, loại dao mà các bà, các cô thời ấy vẫn thường đeo.

-Thưa ông, xin ông đừng sợ – Marguerite nói – Thề có linh hồn tôi, ông đang ở một nơi yên ổn.

De Mole quỳ xuống, thốt lên: -Ôi! Thưa lệnh bà, đối với tôi, Người không phải là hoàng hậu mà là một nữ thần.

-Ông đừng cử động như vậy – Marguerite kêu lên – máu vẫn còn chảy đây này. Ôi! Nhìn kìa Gillonne, ông ta xanh quá phải không?… Xem nào, ông bị thương ở đâu?

-Thưa lệnh bà – De Mole vừa nói vừa cố gắng chỉ rõ những vết thương chính gây cho chàng đau đớn toàn thân – Hình như tôi bị một nhát kiếm vào vai và một nhát nữa vào ngực, còn các vết thương khác không đáng lưu tâm lắm.

-Xem xem nào! Gillonne, đem hộp cao của ta lại đây.

Gillonne tuân lời và quay trở lại, một tay cầm hộp cao, tay kia cầm bình đựng nước bằng bạc mạ vàng và băng bằng sợi Hoà Lan nhỏ mịn.

-Giúp ta đỡ ông ấy dậy, Gillonne! – Marguerite ra lệnh vì sau khi De Mole cố nhổm dậy thì chàng hoàn toàn kiệt sức và ngã xuống.

-Nhưng, thưa lệnh bà – De Mole nói – Tôi ái ngại quá, không lẽ tôi để cho…

-Nhưng thưa ông, tôi cho rằng ông cần phải để cho người ta chửa trị vết thương cho ông, nếu để cho ông chết thì đó sẽ là tội lỗi.

-Ôi! – De Mole thốt lên – Tôi thà chết còn hơn phải trông thấy lệnh bà, một hoàng hậu, phải vấy vào tay mình thứ máu nhơ bẩn của một kẻ như tôi. Ôi, không đời nào.

Và chàng cung kính lùi lại.

-Thưa ông quý tộc, chẳng phải ông đã tha hồ vấy máu lên giường và trong khắp buồng của lệnh bà đấy thôi – Gillonne vừa nói vừa mỉm cười.

Marguerite kéo vạt áo măng-tô che lấp chiếc áo choàng lót bằng hàng batit dây đầy những vệt đỏ hồng. Cử chỉ đầy vẻ e thẹn nữ tính ấy nhắc De Mole nhớ lại chàng đã từng được ôm trong tay và siết trên ngực bà hoàng hậu đẹp đến thế, yêu dấu đến thế. Nhớ tới đó, đôi má nhợt nhạt của chàng thoáng ửng lên một sắc hồng.

-Thưa lệnh bà – Chàng ấp úng nói – Người không thể giao cho tôi một nhà phẫu thuật nào hay sao?

-Một nhà phẫu thuật Giatô giáo phải không? – Marguerite hỏi với một vẻ khiến De Mole hiểu ngay và rùng mình.

-Vậy ra ông không biết – Hoàng hậu nói tiếp với giọng nói và nụ cười êm dịu chưa từng thấy – Rằng chúng tôi, những công chúa Pháp, chúng tôi được dạy cho biết các loại cây cỏ và cách chế biến các loại cao hay sao? Từ bao đời nay, bổn phận của chúng tôi, vừa là đàn bà, vừa là hoàng hậu hoặc nữ hoàng là làm giảm nhẹ nỗi đau đớn của kẻ khác. Vì thế nên chúng tôi cũng chẳng kém các nhà giải phẫu tài giỏi nhất thế giới, ít ra là theo lời những kẻ quen tán dương chúng tôi. Về mặt này, tiếng tăm của tôi chẳng nhẽ lại chưa đến tai ông hay sao? Nào Gillonne, vào việc thôi.

De Mole vẫn cố thử kháng cự lại. Chàng nhắc lại rằng chàng thà chịu chết còn hơn là để cho hoàng hậu phải làm cái công việc phiền toái này, cái việc mà người ta có thể bắt đầu với lòng thương xót nhưng kết thúc bằng sự ghê tởm. Cuộc chống chọi này chỉ càng làm chàng mau kiệt sức. Chàng lảo đảo, nhắm nghiền mắt lại, ngật đầu ra sau và ngất xỉu đi lần nữa.

Marguerite bèn cầm lấy con dao mà chàng để rơi, nhanh chóng cắt sợi dây buộc áo chẽn của chàng, còn Gillonne cầm một lưỡi dao khác tháo ống tay áo của chàng hay đúng hơn là cắt rời chúng ra.

Với một miếng vải băng tẩm nước mát, Gillonne thấm máu rỉ ra từ vai và ngực chàng trai. Còn Marguerite lấy một chiếc kim vàng nhẹ nhàng khéo léo dò các vết thương hệt như thầy Ambroise Paré làm trong trường hợp tương tự.

Vết thương ở vai sâu, còn vết ở ngực đã trượt qua xương sườn và chỉ xuyên qua làm bị thương ngoài da. Không một vết nào đâm vào sâu sát với phổi và tim.

-Vết thương gây đau đớn nhưng không nguy hiểm đến tính mạng, Acerrimum humen vulnus, non autem lethale – Nàng danh y xinh đẹp và thông thái lẩm bẩm – Gillonne, đưa cao dán đây và chuẩn bị vải để băng.

Theo lệnh của hoàng hậu ban ra, Gillonne đã kịp thời lau chùi và xức nước thơm lên ngực chàng trai, lên đôi cánh tay đẹp như được vẽ trong một bức tranh cổ đại, lên đôi vai duyên dáng đang ngửa về phía sau, lên chiếc cổ rợp những món tóc dày và trông như một bức tượng cẩm thạch Paros chứ không phải là một tấm thân tàn phế của một con người đang hấp hối.

-Tội nghiệp chàng trai – Gillonne vừa lẩm bẩm vừa nhìn kết quả công việc của mình lẫn người được hưởng nó.

-Ông ta đẹp nhỉ? – Marguerite nói với sự thẳng thắn của bậc vương giả.

-Thưa lệnh bà, vâng. Nhưng em thấy hình như ta nên nhấc ông ta dậy và để nằm trên giường mà ông ta đang tựa vào hơn là cứ để cho ông ta nằm dưới đất thế này.

-Em nói đúng đấy, Gillone – Marguerite trả lời.

Và cả hai người đàn bà cúi xuống hợp sức nâng De Mole lên và đặt chàng trên ghế xô pha có chỗ tựa được chạm trổ kê trước cửa sổ, rồi họ hé cửa cho chàng dễ thở.

Những cử động làm De Mole tỉnh lại. Chàng buông một tiếng thở dài và vừa mở mắt chàng đã cảm thấy sự dễ chịu khôn tả thường có ở người bị thương khi tỉnh lại. Chàng cảm thấy sự mát mẻ thay cho ngọn lửa nung nấu trong người, và mùi thơm của cao dán thay cho mùi máu tanh phát buồn nôn.

Chàng thì thầm một vài lời vô nghĩa. Marguerite trả lời bằng một nụ cười và đặt ngón tay lên môi. vừa lúc đó nhiều tiếng gõ cửa vang lên.

-Có người gõ ở lối đi bí mật – Marguerite nói.

-Ai vậy nhỉ, thưa lệnh bà? – Gillonne hoảng hốt hỏi.

-Để ta đi xem – Marguerite đáp – Em cứ ở đây và chớ có để ông ta ra đấy.

Marguerite quay trở vào, đóng cửa buồng lại và tới mở cánh cửa ở lối đi bí mật thông với khu phòng của Đức vua và Thái hậu.

-Phu nhân de Sauve – Marguerite vừa thốt lên vừa hấp tấp lùi lại, vẻ mặt nàng nếu không dể lộ sự kinh hãi thì ít ra cũng để lộ sự căm ghét, vì một người đàn bà không bao giờ tha thứ cho người đàn bà khác cái tội đã cướp đi của mình một người đàn ông, cho dù bà ta có không yêu chăng nữa.

-Thưa vâng, tâu lệnh bà! – Phu nhân de Sauve chắp tay lại.

-Bà mà cũng tới đây ư? – Marguerite mỗi lúc thêm ngạc nhiên, nàng tiếp tục nói nhưng với giọng mỗi lúc một thêm nghiêm khắc.

Charlotte quỳ xuống: -Tâu lệnh bà, xin Người thứ tội. Tôi biết tội lỗi của tôi với Người tới mức nào rồi. Nhưng giá như lệnh bà biết được… Không phải hoàn toàn do lỗi của tôi, có lệnh riêng của Thái hậu…

-Xin bà hãy đứng dậy – Marguerite nói – Vì ta cũng không nghĩ bà tới đây với hy vọng nhằm thanh minh với ta nên bà cứ nói rõ với ta tại sao bà tới đây.

-Thưa lệnh bà – Charlotte vẫn quỳ dưới đất và ngước nhìn với vẻ thất thần – Tôi tới đây để hỏi lệnh bà xem ông ấy có tới đây không?

-Ai tới đây? Bà nói tới ai thế? Quả thực ta không hiểu!

-Đức vua!

-Đức vua? Bà theo đuổi ông ta tới tận nhà ta cơ à? Trong khi bà vẫn biết thừa rằng ông ta không hề tới đây!

-Ôi! Tâu lệnh bà – Nam tước phu nhân de Sauve tiếp tục nói, không để ý tới lời ám chỉ sâu cay của hoàng hậu – Ôi, cầu Chúa cho Người có ở đây!

-Tại sao vậy?

-Ôi lạy Chúa! Tâu lệnh bà, vì người ta đang cắt cổ những người Tân giáo mà đức vua Navarre là thủ lĩnh của những người ấy.

-Ôi! Marguerite thốt lên và kéo tay phu nhân de Sauve buộc bà ta phải đứng dậy – Ta quên mất! Vả chăng ta không nghĩ rằng một đấng quân vương cũng phải chịu những hiểm nguy như người khác.

-Còn hơn thế nữa, thưa lệnh bà, ngàn lần hơn thế – Charlotte kêu lên.

-Quả thực, phu nhân de Lorraine đã báo trước cho ta. Ta đã bảo ông ta đừng ra khỏi cung. Vậy ông ta đã ra khỏi Louvre ư?

-Không, Không, Người đang ở trong Louvre. Không ai tìm thấy Người ở đâu cả. Và nếu như Người không có ở đây…

-Ông ta không có ở đây!

-Ôi! Phu nhân de Sauve thét lên đau đớn – Thế là hết, vì Thái hậu đã thề giết cho được Người!

-Thề giết cho được! Ôi, bà làm ta kinh sợ quá! Không thể thế được – Tâu lệnh bà – Phu nhân de Sauve nói với vẻ cương quyết mà chỉ có một mối tình mê đắm mới tạo ra được – Tôi nói với lệnh bà là người ta không biết đức vua Navarre ở đâu.

-Vậy Thái hậu ở đâu?

-Thái hậu đã cho tôi đi gọi ong de Guise và ông Tavannes ở phòng câu nguyện của Người rồi cho tôi lui. Khi đó, xin tệnh bà tha tội, tôi về phòng tôi và đợi như thường lệ.

-Chờ chồng ta phải không? – Marguerite hỏi.

-Thưa lệnh bà, Người không tới. Tôi đã tìm Người ở khắp nơi, tôi hỏi tất cả mọi người. Chỉ có một người lính trả lời tôi là hình như đã thấy Người đi giữa một toán lính gươm tuốt trần một lát trước khi cuộc tàn sát bắt đầu. Vậy mà cuộc tàn sát đã bắt đầu từ một tiếng đồng hồ nay rồi.

-Cám ơn phu nhân – Marguerite nói – Mặc dầu cái tình cảm khiến phu nhân hành động có lẽ là thêm một sự xúc phạm nữa đến ta, nhưng ta vẫn xin cám ơn bà.

-Ôi, nếu vậy xin lệnh bà tha thứ cho tôi, và tôi sẽ có được sức lực để trở về phòng nhờ lời tha tội của lệnh bà, vì tôi chẳng dám theo Người dù là đi từ xa.

Marguerite chìa tay cho bà ta.

-Ta sẽ tới gặp Thái hậu Catherine, bà cứ về đi. Đức vua Navarre thuộc quyền cứu giúp của ta, ta đã hứa liên minh với ông ấy và ta sẽ giữ lời hứa của mình.

-Nhưng nếu lệnh bà không vào tới tận chỗ Thái hậu Catherine được thì sao?

-Thế thì ta sẽ quay về phía ông anh Charles của ta. Ta cần phải nói chuyện với ông ấy.

-Vậy thì lệnh bà đi đi – Charlotte vừa nói vừa nhường đường cho Marguerite – Cầu Chúa đưa đường dẫn lối cho lệnh bà.

Marguerite vùn vụt đi qua hành lang. Nhưng tới đầu kia nàng ngoái đầu lại để yên tâm rằng bà de Sauve không ở nguyên chỗ cũ nữa. Phu nhân de Sauve đi theo nàng.

Khi hoàng hậu Navarre thấy bà ta đã đi lên cầu thang về phòng, nàng liền tiếp tục tới phòng Thái hậu.

Mọi cái đều khác lạ. Marguerite không còn thấy đám đông quần thần đon đả mà ngày thường vẫn mở lối cho nàng qua và cúi chào nàng một cách kính cẩn. Nàng chỉ gặp lũ vệ binh mang những ngọn kích đỏ lòm và áo quần vấy máu hay những nhà quý tộc với áo măng-tô rách tả tơi, mặt mày đen nhòm thuốc súng, mang theo mệnh lệnh hoặc tin tức khẩn cấp. Kẻ ra người vào, đi đi lại lại khiến cho các phòng sảnh và lối đi ồn ào, tấp nập như một tổ kiến lớn.

Marguerite vẫn đi tiếp và tới được tận phòng ngoài của Thái hậu. Nhưng có hai hàng lính canh giữ phòng này và chỉ cho những người có khẩu lệnh riêng mới được vào.

Marguerite đã hoài công vô ích để vượt qua hàng rào sống này. Cửa mở ra đóng lại nhiều lần và mỗi lần nàng lại nhìn thấy, qua khe cửa hé mở. Thái hậu Catherine trẻ ra vì những cử động linh hoạt như thể bà mới đang độ đôi mươi. Bà viết lách, nhận thư, bóc thư, ra mệnh lệnh, nói với người này một câu, với kẻ kia bà nở một nụ cười, và những kẻ nhận được nụ cười thân ái nhất là những kẻ mình mẩy bám bụi và máu nhiều nhất.

Giữa sự hỗn độn ồn ào như chợ vỡ trong cung Louvre, giữa những tiếng om sòm nhức óc, người ta nghe thấy ngày càng nhiều phát đạn nổ trong phố.

"Mình chẳng thể nào đến được chỗ mẹ mình – Marguerite tự nhủ sau khi đã cố thử vượt qua những người lính cầm kích – Thà đi tìm ông anh mình còn hơn là mất thì giờ ở đây."

Lúc ấy, ông de Guise đi qua, ông ta vừa báo cho Thái hậu biết cái chết của đô đốc và lại quay trở về với cái lò sát sinh.

-Ôi, Henri! – Marguerite thốt lên – Vua Navarre ở đâu?

Quận công ngạc nhiên nhìn nàng, cúi chào mà không trả lời và bỏ ra với những vệ binh của ông ta.

Marguerite chạy tới chỗ một viên chỉ huy sắp rời Louvre và đang cho lính nạp lại đạn súng trước khi ra đi.

-Đức vua Navarre, thưa ông, đức vua Navarre ở đâu? – Nàng hỏi.

-Thưa lệnh bà, tôi không biết – Kẻ kia trả lời – Tôi không hề thuộc đội vệ binh của đức ông.

-A, ông René thân mến – Marguerite nhận ra kẻ vẫn cấp mỹ phẩm cho Thái hậu – Đúng ông rồi… Ông từ chỗ mẹ ta ra… Ông có biết chồng ta ra sao rồi không?

-Thưa lệnh bà, Hoàng thượng Navarre không hề là bạn của tôi, lệnh bà phải nhớ tới điều đó. Thậm chí, người ta lại còn nói – René nói thêm với nét mặt nhăn nhở – Rằng ông ấy dám tố tôi là đã đồng loã với lệnh bà Catherine để đầu độc mẹ ông ta.

-Không đâu! – Marguerite kêu lên – Xin ông đừng tin vào điều đó ông René thân mến ạ.

-Ồ! Thưa lệnh bà, thì có can hệ gì đâu – kẻ bán mỹ phẩm nói – Bây giờ thì chẳng còn ai phải e ngại cả đức vua Navarre lẫn đồng bạn của ông ta.

Và y quay lưng lại Marguerite.

-Ôi ông de Tavannes, ông de Tavannes, xin ông cho tôi nói với ông một câu, chỉ một câu thôi – Marguerite gọi với.

Tavannes đang đi qua bèn đứng lại.

-Henri de Navarre đâu rồi? – Marguerite hỏi.

-Thề chứ! Tôi nghĩ là Người đi dạo phố với các ông d'Alençon và Condé – Ông ta nói to.

Rồi hạ thấp giọng để cho mình Marguerite đủ nghe.

-Thưa lệnh bà xinh đẹp, nếu bà muốn gặp cái kẻ mà tôi sẵn lòng trao cả cuộc đời để được ở vào địa của ông ta thì xin bà hãy tới gõ cửa phòng vũ khí của đức vua.

-Ôi cảm ơn ông, ông Tavannes, tôi đến đấy ngay bây giờ – Marguerite chỉ nghe được có mỗi điều chỉ dẫn chủ yếu ấy trong tất cả những lời Tavannes nói với nàng và nàng vừa chạy vừa lẩm bẩm: -Ôi! Mình đã hứa với ông ta, ông ta đã cư xử thật đẹp với mình lúc cái tay Henri vô ơn ấy núp trong buồng mình, mình không thể để ông ta chết được.

Và nàng đến gõ cửa khu phòng ở của nhà vua, nhưng ở đó đã có hai đại đội vệ binh canh giữ bên trong.

-Không ai được vào chỗ đức vua – Một viên sĩ quan vừa nói vừa hấp tấp tiến ra.

-Nhưng còn ta? – Marguerite hỏi.

-Mệnh lệnh là chung cho tất cả.

-Nhưng ta là hoàng hậu Navarre, ta là em nhà vua cơ mà!

-Thưa lệnh bà, tôi được lệnh không trừ trường hợp nào, xin lệnh bà hãy thứ lỗi cho.

Và viên sĩ quan khép cửa lại.

-Ôi! Ông ta nguy mất rồi – Marguerite hoảng sợ khi thấy tất cả những vẻ mặt lầm lì, nếu chúng không thể hiện sự trả thù thì cũng bộc lộ ra tính cương quyết

không khoan nhượng – Đúng rồi ta hiểu ra tất cả… Người ta đã dùng ta làm cái mồi nhử… ta là cái bẫy để họ bắt và cắt cổ những người Tân giáo… Ôi! Dù có bị giết ta cũng phải vào cho được.

Và nàng chạy như người điên qua các hành lang và phòng sảnh. Đột nhiên khi đi qua một cánh cửa nhỏ, nàng nghe thấy một lời ca êm ái, gần như là thê lương vì nó rất đơn điệu. Đó là bài thánh ca Tân giáo do một giọng run rẩy hát trong phòng bên cạnh.

-Vú nuôi của đức vua anh ta, Madelon tốt bụng… bà ta ở đây! – Marguerite vừa thốt lên vừa vỗ tay vào trán vì chợt nảy ra một ý – Lạy Đức Chúa của những người Thiên Chúa giáo, xin hãy phù hộ con! – Với lòng đầy hy vọng, Marguerite nhẹ nhàng gõ cửa.

Sau khi nhận được lời thông báo của Marguerite, sau khi chuyện gẫu với René và sau khi ra khỏi cung Thái hậu, nơi mà con chó Phébé tội nghiệp như một vị phúc thần đã muốn ngăn ông lại, Henri de Navarre gặp một vài nhà quý tộc Giatô giáo mượn cớ nhằm tôn vinh ông đã đưa ông về tận phòng. Ở nhà ông có chừng hai chục người Tân giáo đã tụ tập để chờ ông. Một khi đã tụ tập lại rồi, họ không muốn rời ông ra nữa vì từ vài tiếng đồng hồ nay, mối linh cảm về cái đêm tàn khốc đã loan đi trong Louvre. Vì thế nên họ ở nguyên đây mà không ai có ý định quấy nhiễu họ. Cuối cùng, khi tiếng chuông đầu tiên của tháp chuông Saint-Germain l'Auxerrois vang lên như tiếng chuông cầu hồn thì Tavannes bước vào và, trong sự im lặng chết người, thông báo với Henri là đức vua Charle IX muốn nói chuyện với ông.

Không có sự kháng cự nào xảy ra, thậm chí cũng không ai nghĩ đến điều đó nữa. Người ta nghe tiếng trần nhà, các hành lang, các phòng sảnh của Louvre kêu cót két dưới bước chân của gần hai nghìn binh lính được tập trung cả trong các sân lẫn trong các phòng ở. Sau khi tạm biệt các bạn của mình mà ông sẽ không bao giờ còn gặp lại nữa, Henri đi theo Tavannes. Ông được dẫn tới một phòng nhỏ sát với phòng của vua. Tavannes để mặc ông ở lại đó một mình, không vũ khí và lòng đầy những mối nghi ngờ.

Vua Navarre đếm từng phút một của hai giờ tăm tối. Ông lắng nghe với nỗi kinh hoàng ngày càng tăng tiếng chuông cấp báo và tiếng vang của những phát súng. Qua một cánh cửa kính nhỏ, ông thấy những kẻ trốn chạy và những kẻ giết người chạy qua trong ánh lửa cháy, trong ánh sáng của những ngọn đuốc. Ông không hiểu gì qua những tiếng reo hò giết chóc và những tiếng kêu la hoảng loạn. Sau hết là mặc dầu đã biết rõ Charles IX, Thái hậu và quận công de Guise, Henri không thể ngờ tới tấn bi kịch khủng khiếp lại xảy ra vào đúng lúc đó.

Henri không có được sự dũng cảm về thể chất. Tuy nhiên cái ông có còn hơn thế: đó là sức mạnh tinh thần. Nếu e ngại nỗi hiểm nguy, ông sẽ đương đầu với nó và mỉm cười, nhưng đó phải là mối nguy hiểm trong chiến trận, mối nguy

hiểm giữa thanh thiên bạch nhật, mối nguy hiểm mà ai cũng thấy và được hoà âm gay gắt của các hồi kèn trompet và tiếng rung trầm trầm của các hồi trống đệm… Nhưng ở đây, ông không có vũ khí, một thân một mình, bị giam cầm trong một khung cảnh chỉ tạm đủ cho ông thấy được kẻ thù lẻn tới bên mình và mũi sắt muốn đâm mình. Vì thế nên hai giờ đồng hồ ấy có lẽ là hai giờ đau đớn nhất trong đời ông.

Giữa lúc sự hỗn độn lên tới cực độ và Henri bắt đầu hiểu được rằng xét về mọi mặt thì đây là một cuộc tàn sát có tổ chức, thì một viên đại uý tới gần ông và dẫn ông qua một hành lang tới phòng ở của nhà vua. Khi họ tới gần, cánh cửa mở và lập tức đóng lại sau lưng họ tựa như có phép mầu. Rồi viên đại uý dẫn Henri tới chỗ Charle IX, lúc đó đang ở trong phòng vũ khí.

Khi họ vào phòng, nhà vua đang ngồi trong một chiếc ghế bành lớn, tay đặt lên tay ghế và đầu cúi gục xuống ngực. Nghe tiếng những người mới tới, nhà vua ngẩng đầu lên và Henri thấy trán Charles IX có từng giọt mồ hôi lớn chảy ròng ròng.

-Chào Henriot – Nhà vua trẻ phũ phàng nói – La Chastre, lui ra, để mặc chúng ta!

Viên đại uý tuân lệnh.

Một khoảng yên lặng nặng nề trôi qua.

Charles IX đột ngột đứng dậy. Vừa lấy tay hất mái tóc vàng lên vừa chùi trán, nhà vua cất tiếng: -Mẹ kiếp! Này Henriot, anh thấy bằng lòng được ở gần ta chứ?

-Tất nhiên là thế, thưa bệ hạ – Vua Navarre trả lời – Bao giờ ở gần thánh thượng tôi cũng cảm thấy hạnh phúc.

-Anh bằng lòng ở đây hơn ở ngoài kia chứ gì! – Charle tiếp tục theo đuổi ý nghĩ của mình chứ không trả lời câu xưng tụng của Henri.

-Thưa bệ hạ, tôi không hiểu – Henri nói.

-Cứ nhìn xem rồi anh sẽ hiểu.

Charles IX nhanh nhẹn đi tới hay nói đúng hơn là nhảy tới cửa sổ và lôi ông em rể đang ngày càng hoảng về phía mình, nhà vua chỉ cho ông ta hình bóng khủng khiếp của những kẻ sát nhân đứng trên sàn một chiếc tàu đang cắt cổ hoặc dìm chết những nạn nhân mà người ta liên tục đem đến cho chúng.

-Nhưng, nhân danh Thượng đế – Henri tái mặt thốt lên – Đêm nay có việc gì xảy ra vậy?

-Thưa ông, đêm nay, người ta giũ sạch cho tôi khỏi cái lũ Tân giáo. Ông có nhìn thấy ở đằng kia, phía trên dốc Bourbon, có khói và lửa hay không? Đó là khói lửa của ngôi nhà đô đốc đang cháy đấy. Thế ông có thấy cái xác mà những người Giatô giáo đang lôi đi trên cái thảm rơm rách không, đó là xác con rể đô đốc, ông Téligny bạn ông đấy.

-Ôi! Thế là thế nào? – Vua xứ Navarre thốt lên. Ông vừa đưa tay tìm kiếm một cách vô ích chuôi thanh đoản kiếm của ông, vừa run lên vì hổ thẹn và tức giận, vì ông cảm thấy trong cùng một lúc vừa bị chế nhạo vừa bị đe doạ.

-Thế có nghĩa là – Charles IX đột ngột thốt lên, giọng đầy tức giận và mặt tái đi một cách khủng khiếp – Thế có nghĩa là ta không muốn có người Tân giáo nào ở quanh ta. Nghe ra chưa Henriot? Ta có phải là vua không? Ta có phải là bậc thần chủ hay không?

-Nhưng, thưa bệ hạ…

-Bệ hạ đây lúc này đang muốn giết và tàn sát tất cả những gì không phải là Giatô giáo. Đó là điều ta thích. Anh có là Giatô giáo hay không? – Charles IX kêu lên với cơn giận mỗi lúc một tăng như một ngọn triều đang dâng lên đến cực điểm.

-Thưa bệ hạ – Henri nói – Xin Người hãy nhớ lại lời Người:"Kẻ nào phục vụ ta tốt thì tôn giáo của y có sá kể gì!"

-Ha! Ha! Ha! – Charles cười phá lên với một điệu cười ghê rợn, – Mi bảo ta phải nhớ lại lời của ta ư, Henri! Verba volant[383] như cô em Margot của ta vẫn nói đấy. Thế mi thử nhìn xem tất cả những bọn kia – Nhà vua vừa nói vừa chỉ tay xuống thành phố – Cái bọn kia chẳng đã phục vụ ta tận tụy hay sao? Bọn chúng chẳng đã chiến đấu dũng cảm, cố vấn khôn ngoan, luôn luôn hết lòng hay sao? Chúng đều là những thần dân có ích! Nhưng chúng là người Tân giáo! Còn ta, ta lại chỉ muốn dùng người Giatô giáo mà thôi!

Henri nín lặng.

-Ê này, Henriot, anh hãy hiểu cho ta – Charles IX nói.

-Thưa bệ hạ, tôi đã hiểu.

-Thế nào?

-Thế thì, thưa bệ hạ, việc gì mà vua Navarre này lại đi làm cái điều mà những nhà quý tộc cũng như những người đáng thương kia đã không làm. Rốt cuộc họ đều bị giết cả vì họ đã từ chối lời bệ hạ đã từng đề nghị tôi và bây giờ tôi cũng vẫn từ chối.

Charles IX nắm lấy cánh tay ông hoàng trẻ tuổi, chằm chằm nhìn ông ta với cái nhìn từ chỗ lờ đờ không khí sắc chuyển thành những tia lấp lánh của mắt thú dữ.

-A! Mi tưởng là ta mất công dành lễ misa cho cái bọn kia hay sao?

-Thưa bệ hạ – Henri vừa nói vừa gỡ tay ra – Phải chăng là Người không muốn được chết trong tôn giáo của ông cha Người?

-Mẹ kiếp, có chứ! Thế còn mi?

-Thế thì, thưa bệ hạ, tôi cũng vậy – Henri trả lời.

Charles gầm lên vì tức giận, đưa bàn tay run rẩy ra quờ lấy khẩu hỏa mai đặt trên một chiếc bàn. Henri dán người vào thảm treo tường, mồ hôi xuất ra đầy trán

vì lo âu khắc khoải, nhưng nhờ có sức mạnh chế ngự được bản thân mà ông vẫn còn vững được nên bề ngoài ông vẫn tỏ ra bình tĩnh và nhìn theo mỗi cử động của đấng quân vương đáng sợ đó với vẻ sững sờ khao khát của con chim bị rắn thôi miên.

Charles nạp đạn và giậm chân trong cơn điên giận mù quáng: -Này, có chịu lễ misa không? – Ông ta vừa kêu lên vừa làm Henri loá mắt vì ánh phản chiếu của cái thứ vũ khí chết người đó.

Henri vẫn lặng thinh.

Charles văng ra một câu chửi thề khủng khiếp mà chưa ai dám nói, làm rung cả vòm trần của Louvre. Nét mặt nhà vua từ tái nhợt trở nên cắt không còn hạt máu.

-Chịu lễ, vào ngục Bastille hay là chết, chọn đi! – Nhà vua vừa hét vừa giương súng nhằm bắn Henri.

-Ôi! thưa bệ hạ – Henri thốt lên – Bệ hạ nỡ giết tôi, người anh em của hệ hạ ư?

Với đầu óc nhanh trí tuyệt hảo vốn là một trong những tính năng rất mạnh mẽ của thể chất ông, Henri vừa lẩn tránh được khỏi phải trả lời trực tiếp câu hỏi của Charles IX. Vì chắc chắn là câu trả lời phủ định khiến Henri lìa đầu tức khắc.

Hành động phản ứng thường bắt đầu ngay sau những cơn kịch phát cuối cùng của nỗi điên giận, Charles IX không nhắc lại câu hỏi mà ông vừa đặt ra cho ông hoàng Navarre. Và sau một lát ngần ngừ, trong khi vẫn gầm gừ trong họng, nhà vua quay về phía cửa sổ để mở và nhắm một người đang chạy trên kè sông đối diện.

-Dẫu sao thì ta cũng phải giết một ai mới được – Charles IX thốt lên, mặt tái xanh như xác chết và mắt đỏ ngầu máu.

Và ông ta bóp cò, bắn gục người đàn ông đang chạy.

Henri rên lên một tiếng.

Charles linh hoạt hẳn với một nhiệt tình đáng kinh sợ, ông liên tục nạp đạn và bắn bằng khẩu hoả mai của mình, miệng thốt lên những tiếng kêu vui mừng khi bắn trúng.

"Mình toi mạng mất – Nhà vua Navarre tự nhủ – Khi nào hắn không tìm thấy ai để giết nữa thì hắn sẽ giết mình."

-Thế nào? Xong chưa? – Đột nhiên một giọng nói vang lên phía sau hai ông hoàng.

Đó là Catherine de Médicis mới vào mà không ai hay biết vì tiếng đạn nổ làm át đi.

-Không! Ngàn lần sấm sét âm phủ! – Charles vừa thét lên vừa ném súng vào phòng – Không, đồ ương bướng… nó không muốn thế!

Catherine không trả lời. Bà từ từ quay mặt nhìn về phía góc phòng có Henri đang đứng bất động như một trong những hình nhân trên tấm thảm treo mà ông ta dựa vào. Rồi bà lại đưa mắt nhìn Charles như muốn hỏi: "Thế thì tại sao nó còn sống?"

-Nó sống… nó sống… bởi vì nó là bà con với tôi – Charles hiểu thấu cái nhìn ấy và trả lời không chút ngập ngừng.

Catherine mỉm cười.

Henri nhìn thấy nụ cười ấy và nhận ra rằng ông ta phải chiến đấu trước hết là để chống Catherine.

-Thưa lệnh bà – Ông nói – Tôi thấy rõ là mọi việc do lệnh bà bày ra chứ anh Charles không dự phần gì vào đây. Chính lệnh bà đã nảy ra ý kéo tôi vào bẫy. Chính lệnh bà đã nghĩ ra cách biến con gái lệnh bà thành mồi nhử để hãm hại tất cả chúng tôi. Chính lệnh bà đã tách rời tôi ra khỏi vợ tôi để vợ tôi khỏi phải buồn phiền vì nhìn thấy tôi bị giết trước mặt cô ta…

-Đúng thế, nhưng điều đó sẽ không xảy ra! – Một giọng nói hồi hộp và đầy nhiệt tình vang lên. Henri nhận ra giọng ấy ngay lập tức. Giọng nói ấy khiến Charle giật mình vì ngạc nhiên và Catherine giật mình vì tức tối.

-Marguerite! – Henri thốt lên.

-Margot! – Charles nói.

-Con ta! – Catherine lẩm bẩm.

-Thưa ông – Marguerite nói với Henri! – Những lời sau cùng của ông lên án tôi. Ông nói vừa đúng lại vừa không đúng. Ông nói có lý vì quả thực tôi đúng là công cụ bị người ta sử dụng để hãm hại tất cả các ông. Ông nhầm bởi vì tôi đâu có biết là ông lâm nguy. Thưa ông, chính ngay như tôi đây, tôi còn sống được cũng là do tình cờ, có lẽ là do mẹ tôi quên. Nhưng ngay khi tôi biết được là ông gặp nguy hiểm, tôi đã nhớ ngay tới bổn phận đối với chồng. Thưa ông, nếu người ta đày ông, tôi sẽ theo ông tới nơi đày ải; nếu người ta bỏ tù ông, tôi sẽ tự mình vào tù; nếu người ta giết ông, tôi sẽ chết theo.

Và nàng chìa tay cho Henri. Ông nắm lấy tay nàng với một tình cảm nếu như không phải là tình yêu, thì ít ra cũng là lòng biết ơn.

-Này, Margot đáng thương – Charles IX nói – Tốt nhất là cô cứ bảo hắn cải theo Giatô giáo đi!

-Thưa bệ hạ – Marguerite trả lời với vẻ đường hoàng cao quý rất tự nhiên của nàng – Xin bệ hạ hãy nghe tôi, vì chính bản thân mình, xin bệ hạ đừng đòi hỏi một điều hèn nhát ở một ông hoàng trong gia đình Người.

Catherine ném một cái nhìn đầy ý nghĩa sang Charles. Marguerite, cũng như Charles IX đã hiểu ngay cái điệu bộ khủng khiếp đó của Catherine, thốt lên: -Thưa bệ hạ, xin Người hãy nghĩ lại, chính Người đã khiến ông ta thành chồng của tôi.

Charles IX bị mắc giữa ánh mắt ra lệnh của Catherine và ánh mắt khẩn cầu của Marguerite như bị vướng vào giữa hai nguyên lý đối nghịch. Sau cùng, lòng nhân ái đã thắng: -Thưa lệnh bà, quả thực là Margot có lý vì Henriot là em của tôi – Ông nghiêng người thì thầm vào tai của Catherine.

-Đúng thế – Catherine vừa nói vừa xích lại bên tai con trai. Đúng thế, nhưng nếu không phải là như thế thì sao?

§11. Cây sơn trà ở nghĩa địa Inocent

Trở về nhà, Marguerite hoài công đoán cái câu sau cùng mà Catherine de Médicis đã nói thầm với Charles IX khiến cho hội đồng hai người khủng khiếp nắm trong tay quyền sinh sát phải ngừng họp vào lúc đó.

Buổi sáng, nàng dành một phần thời gian săn sóc De Mole, sau đó lại dành thì giờ để suy đoán cái điều bí ẩn mà trí óc nàng vẫn không thể hiểu nổi.

Vua Navarre vẫn bị giam cầm trong cung Louvre. Những người Tân giáo lại bị săn lùng hơn lúc nào hết. Một ngày tàn sát ghê rợn hơn lại nối tiếp cái đêm kinh khủng đó. Bây giờ người ta không đánh chuông cấp báo nữa mà lại dạo những bài tạ ân Chúa. Những âm hưởng của tiếng chuông tươi vui này vang lên trong cảnh giết chóc và đốt phá giữa thanh thiên bạch nhật có lẽ còn thê thảm hơn là tiếng chuông cầu hồn trong đêm hôm qua. Thế vẫn chưa hết, một điều kỳ lạ đã xảy ra. Một cây sơn trà thường chỉ trổ hoa vào mùa xuân và sẽ trút bỏ những bông hoa ngát hương cuối cùng vào tháng sáu, đột nhiên vào đêm qua, một đêm tháng Tám, lại nở hoa trở lại. Những người Giatô giáo coi việc này như một phép mầu và đã khéo nhân đó mà biến Chúa Trời thành đồng loã của họ. Họ trương thánh giá và cở xí làm thành những đoàn rước và kéo tới nghĩa địa Inocent, nơi có cây sơn trà khai hoa. Cái tin Chúa tán đồng cuộc tàn sát đang tiến hành đã kích động thêm lòng hăng hái của những kẻ giết người. Và trong khi trên các phố, trên mọi ngã tư, mọi quảng trường, thành phố phơi bày một khung cảnh hoang tàn thì cung Louvre đã trở thành nấm mồ chung cho tất cả những người Tân giáo bị cầm chân ở đó kể từ lúc tín hiệu tàn sát vang lên. Chỉ có vua Navarre, hoàng thân Condé và De Mole là những người Tân giáo duy nhất còn sống sót ở đó mà thôi.

Marguerite yên tâm về tình trạng của De Mole vì vết thương tuy nguy hiểm nhưng không đến nỗi chết người. Nàng chỉ còn bận tâm về mỗi một việc: đó là làm sao cứu nguy được cho tính mạng của ông chồng hiện vẫn còn đang bị đe doạ. Hiển nhiên là tình cảm đầu tiên của người vợ sẽ là thứ tình thương trung thực đối với người mà nàng đã thề trao thân nếu không phải là tình yêu, thì ít ra cũng là mối liên minh, như chính anh chàng người Bearnais đã nói. Nhưng tiếp theo tình cảm ấy, một thứ tình cảm kém trong sáng hơn đã thấm vào trái tim hoàng hậu.

Marguerite có tham vọng. Nàng đã thấy gần như chắc chắn được đứng vào hàng vua chúa do cuộc hôn nhân của nàng với Henri de Bourbon. Xứ Navarre bị giằng xé giữa một bên là các vua Pháp, một bên là các vua Tây Ban Nha, rốt cuộc đã bị mất dần từng mảnh nữa phần đất đai của mình. Nếu Henri de Bourbon tỏ rõ lòng can đảm mà người ta hy vọng nơi ông ở những dịp hiếm hoi khiến ông

phải tuốt kiếm, thì Navarre có thể trở thành một vương quốc thực sự với những người Tân giáo Pháp là thần dân. Nhờ đầu óc tinh tế khôn ngoan, Marguerite đã nhìn ra và tính toán được tất cả những điều đó. Mất Henri, nàng không chỉ mất một người chồng mà nàng còn cả một ngai vàng.

Đang suy nghĩ sâu xa như vậy thì nàng nghe có tiếng gõ cửa ở hành lang bí mật. Nàng giật mình vì chỉ có ba người được phép đến bằng cửa này: nhà vua, Thái hậu và d'Alençon. Nàng hé mở cửa căn buồng con, giơ ngón tay ra hiệu cho Gillonne và De Mole yên lặng rồi ra mở cửa cho khách.

Đó là quận công d'Alençon

Chàng thanh niên này không xuất đầu lộ diện kể từ tối hôm qua. Có lúc Marguerite đã nảy ra ý định nhờ quận công xin giùm cho vua Navarre, nhưng một ý nghĩ khủng khiếp đã ngăn nàng lại Cuộc hôn nhân đã được tiến hành trái với ý ông ta. Françoise ghét Henri và chỉ giữ được thái độ trung lập có lợi cho anh chàng Bearnais vì ông ta tin rằng Henri và vợ vẫn hoàn toàn không có dính dáng gì đến nhau. Vì vậy nên bất kỳ một dấu hiệu quan tâm nào của Marguerite đối với chồng cũng chỉ làm cho một trong ba con dao xích gần lại ngực Henri chứ không đẩy lui chúng ra.

Do đó, khi nhìn thấy chàng thanh niên này, Marguerite rùng mình còn hơn cả khi nhìn thấy vua Charles IX hay Thái hậu. Nhìn ông ta thì không ai bảo là có chuyện gì bất thường xảy ra trong thành phố hoặc ở Louvre. Ông vẫn ăn mặc với vẻ tao nhã thường ngày. Áo quần ông sực nức mùi thơm mà Charles IX rất coi thường nhưng quận công d'Anjou và ông lại rất ưa dùng. Tuy nhiên, người có con mắt tinh đời như Marguerite vẫn có thể nhận thấy quận công có vẻ xanh xao hơn ngày thường, những đầu ngón tay đẹp và được chăm chút như tay đàn bà của ông hai run.

Quận công rõ ràng có điều gì đang vui trong lòng. Và cũng như mọi khi, ông ta tiến lại gần chị để ôm hôn.

Nhưng đáng lẽ phải chìa má ra như nàng vẫn làm đối với vua Charles hoặc quận công d'Anjou, thì Marguerite chỉ cúi mình thi lễ và giơ trán ra cho ông ta.

Quận công d'Alençon thở dài và đặt đôi môi nhợt nhạt của mình lên vầng trán Marguerite.

Vừa ngồi xuống, ông ta vừa bình thản kể cho chị nghe những tin tức đẫm máu xảy ra đêm qua, nào là cái chết từ từ và khủng khiếp của đô đốc, cái chết tức thì của Téligny khi bị một viên đạn xuyên qua. Rồi ông ta ngừng lại, thích thú kể lại tỉ mỉ những chi tiết đẫm máu với cái giọng say mê những trò lưu huyết rất riêng biệt của ông ta và hai ông anh. Marguerite để mặc cho Françoise nói.

Cuối cùng, khi đã kể hết chuyện, quận công im bặt.

-Françoise đến thăm tôi chắc hẳn không phải chỉ để kể cho tôi nghe chuyện đó có phải không? – Marguerite hỏi.

Quận công d'Alençon mỉm cười.

-Vậy cậu còn có chuyện gì khác để nói với tôi chăng?

-Không – Quận công trả lời – Tôi đợi.

-Cậu đợi gì?

-Marguerite thân yêu, có phải chị đã nói với tôi là cuộc hôn nhân với vua Navarre trái với ý chị không? – Quận công vừa nói vừa xích ghế lại gần Marguerite.

-Vâng, chắc chắn là như thế. Tôi không hề quen biết ông hoàng Bearn khi người ta đề nghị tôi lấy ông ta làm chồng.

-Thế từ khi chị quen biết ông ta, chị chẳng đã nói với tôi là chị không hề cảm thấy chút tình yêu nào với ông ta là gì?

-Tôi đã nói với Françoise như vậy, đúng thế.

-Phải chăng theo ý chị thì cuộc hôn nhân này sẽ gây bất hạnh cho chị?

-Françoise thân mến ạ, khi một cuộc hôn nhân không phải là một niềm hạnh phúc tột cùng thì bao giờ cũng gần như là niềm đau khổ tột độ.

-Thế thì, Marguerite thân mến, tôi đã nói với chị rồi, tôi chờ đợi.

-Nhưng cậu phải nói là cậu chờ đợi cái gì cơ chứ?

-Chờ cho chị được vui sướng.

-Tôi có thể vui sướng về việc gì mới được?

-Về cái cơ hội không ngờ để lấy lại tự do cho chị đang tới.

-Tự do cho tôi ư? – Marguerite muốn ép ông hoàng này phải nói hết những điều ông ta nghĩ.

-Cố nhiên, tự do của chị, chị sắp được ly thân với vua Navarre.

-Ly thân! – Marguerite vừa nói vừa chăm chăm nhìn ông hoàng trẻ tuổi.

Quận công d'Alençon cố gắng chịu đựng cái nhìn của chị mình nhưng rồi ông ta lúng túng nhìn lảng sang chỗ khác.

-Ly thân! – Marguerite lặp lại – Thử nói xem nào, Françoise, vì tôi rất mừng thấy Françoise để tôi được tìm hiểu sâu về việc này. Người ta định chia rẽ chúng tôi như thế nào cơ chứ?

-Nhưng… Henri là người Tân giáo – Quận công lẩm bẩm.

-Rõ rồi. Nhưng ông ta có che giấu tôn giáo của mình đâu, và khi người ta làm lễ cưới cho chúng tôi người ta vẫn biết rõ điều đó?

-Đúng, thế nhưng chị ạ, từ khi chị lấy chồng đến giờ thì Henri làm gì? – Quận công hỏi và dù ông không muốn, một nét mừng vui vẫn làm rạng rỡ khuôn mặt ông ta.

-Nhưng cậu phải biết điều đó hơn ai hết chứ, Françoise? Vì ông ta gần như ngày nào cũng ở bên cậu, khi thì đi săn, khi thì đánh cầu…

-Vâng, ban ngày thì chắc chắn là thế rồi, nhưng còn ban đêm thì sao? – Quận công hỏi lại.

Marguerite im lặng và đến lượt nàng cúi mặt nhìn xuống.

-Còn đêm thì sao? Ban đêm kia mà? – Quận công vẫn gặng.

-Thế thì sao? – Marguerite cảm thấy phải trả lời bằng một câu gì đó

-Thế này, đêm ông ta ở nhà phu nhân de Sauve.

-Làm sao cậu biết? – Marguerite thốt lên.

-Tôi biết vì tôi rất quan tâm tới điều đó – Quận công hơi tái mặt vừa trả lời, vừa rứt rứt đường thêu ở ống tay áo.

Marguerite bắt đầu hiểu được điều Catherine đã nói thầm với Charles IX nhưng nàng vẫn làm như không hay biết gì. Nàng trả lời với vẻ u buồn vờ vĩnh rất khéo.

-Sao cậu lại đi nói với tôi những chuyện đó? Có phải là để nhắc cho tôi nhớ rằng ở nơi đây không có ai yêu mến và thiết tha với tôi: cả những người mà tự nhiên đã cho làm người bảo trợ cho tôi lẫn người mà Giáo hội đã khiến thành chồng tôi. Có phải thế không?

-Chị bất công quá, tôi yêu chị – Quận công hấp tấp nói và xích ghế lại gần Marguerite hơn nữa.

-Françoise – Marguerite vừa nói vừa nhìn xoáy vào ông ta – Thái hậu nhờ cậu nói với tôi điều gì vậy?

-Tôi ấy à? Không, chị nhầm rồi, tôi thề đấy. Làm sao chị lại có thể tưởng thế được nhỉ?

-Điều khiến tôi nghĩ như thế là vì cậu dứt bỏ tình thân thiện giữa cậu và chồng tôi, là vì cậu rời bỏ phe của vua Navarre.

-Phe của vua Navarre ấy à? – Quận công d'Alençon ngẩn người ra lặp lại.

-Vâng, đúng thế. Này Françoise, chúng ta hãy nói chuyện thẳng thắn với nhau nhé. Có tới hai chục lần các vị đã thoả thuận với nhau là các vị chỉ có thể tiến thân và thậm chí ủng hộ nhau là vì cả hai người cần phải dựa vào nhau. Khối liên minh này…

-Đã không thành được, chị ạ – Quận công ngắt lời.

-Tại sao vậy?

-Vì nhà vua rõ ràng có ý đồ gì đó với chồng chị. Xin lỗi! Gọi là chồng chị là tôi nhầm đấy, đó là với Henri de Navarre kia. Mẹ chúng ta đã đoán ra hết. Tôi liên minh với người Tân giáo là vì tôi tưởng rằng họ được sủng ái ở triều đình. Nhưng bây giờ người ta tiêu diệt những người theo Tân giáo và trong vòng tám ngày nữa sẽ chẳng còn lấy tối đa là năm chục mống trong toàn vương quốc. Tôi bắt tay với vua Navarre vì ông ta đã là… chồng chị. Nhưng bây giờ ông ta không còn là chồng chị nữa. Chị không những là người đàn bà đẹp nhất nước Pháp mà còn là người có đầu óc khôn ngoan nhất. Vậy về những điều ấy chị thấy thế nào?

-Tôi phải nói rằng tôi biết rõ Charless của chúng ta. Hôm qua tôi thấy ông ta trong một cơn kịch phát nhiệt cuồng mà mỗi cơn sẽ làm ông ta giảm thọ mười

năm. Tôi phải nói rằng, thật không may là những cơn kịch phát ấy dạo này lại thường tát phát. Vì thế nên nói cho cùng thì Charles của chúng ta sẽ chẳng còn sống được mấy nỗi. Cuối cùng tôi cũng phải nói rằng nếu vua Ba Lan băng hà thì dĩ nhiên người ta sẽ phải bầu ra một ông hoàng của hoàng tộc Pháp để thay thế ông ta, và sau nữa, khi các sự việc đã bộc lộ đến như thế thì đây không phải là lúc bỏ rơi các đồng minh. Họ sẽ là những người vào lúc lâm trận có thể ủng hộ chúng ta bằng sức mạnh của một dân tộc và một vương quốc.

-Thế nhưng chính chị đã chẳng phản bội tôi còn hơn thế, khi chị đem lòng yêu quý một kẻ xa lạ hơn là chị em hay sao? – Quận công thốt lên.

-Françoise, cậu hãy nói rõ ra xem tôi đã phản bội lại cậu như thế nào?

-Hôm qua chị chẳng xin đức vua tha mạng cho vua Navarre là gì?

-Thế thì sao? – Marguerite trả lời với vẻ ngây thơ giả vờ.

Quận công hấp tấp đứng dậy, dạo hai vòng quanh phòng với vẻ ngẩn ngơ rồi quay lại cầm lấy tay Marguerite. Bàn tay ấy cứng đờ và lạnh buốt.

-Thôi chào chị vậy – Quận công nói – Chị không muốn hiểu tôi, vậy chị chỉ nên tự trách mình nếu sắp tới có điều bất hạnh xảy tới cho chị.

-Marguerite tái mặt đi nhưng vẫn đứng nguyên tại chỗ. Nàng để quận công d'Alençon đi ra mà không hề ra hiệu gọi ông ta trở lại. Nhưng quận công vừa mới ra đến hành lang thì lại đã quay vào.

-Marguerite, chị nghe đây, tôi quên không nói để chị hay: ngày mai, vào giờ này, vua Navarre sẽ chết.

Marguerite buột miệng kêu lên một tiếng. Ý nghĩ nàng là một công cụ giết người khiến nàng kinh hãi không sao kiềm chế được.

-Vậy mà cậu không ngăn cản người ta đừng giết ông ấy? – Nàng nói – Cậu sẽ không cứu người bạn tốt nhất và người đồng minh trung thành nhất của mình hay sao?

-Từ hôm qua, đồng minh của tôi không phải là vua Navarre nữa.

-Vậy là ai?

-Ông de Guise. Người ta đã biến ông de Guise thành vua của những người Giatô giáo bằng cách diệt những người Tân giáo.

-Lẽ nào con trai Henri đệ nhị lại thừa nhận một quận công xứ Lorraine làm vua của mình! …

-Marguerite ạ, hôm nay chị gặp ngày xấu hay sao mà chị không chịu hiểu gì hết vậy.

-Tôi thú nhận là tôi đã cố gắng hiểu cậu mà không được.

-Chị ạ, chị cũng là dòng dõi trâm anh thế phiệt chẳng kém gì công chúa de Porcian, còn Guise cũng chẳng phải là thần linh bất tử gì hơn vua Navarre. Vậy thì bây giờ chị cứ đặt giả thiết cho ba sự kiện mà cả ba đều có thể xảy ra nhé: một là đức ông hoàng đệ[384] được bầu làm vua Ba Lan, hai là chị cũng yêu tôi như

tôi yêu chị, ba là… tôi là vua Pháp… còn chị… chị là… là hoàng hậu của những người Giatô giáo.

Choáng người vì tầm sâu sắc của trí xét đoán của cậu em trẻ tuổi mà ở triều đình không ai cho là thông minh kiệt xuất. Marguerite gục đầu vào lòng bàn tay. Sau một lát yên lặng, nàng hỏi: -Thế nhưng cậu không ghen với quận công de Guise như cậu vẫn ghen với vua Navarre hay sao?

-Chuyện gì đã qua coi như xong – Quận công nói với giọng khàn khàn – Và nếu tôi phải ghen với quận công de Guise thì tôi đã ghen rồi đấy.

-Chỉ có một điều khiến cho cái kế hoạch đẹp đẽ ấy không thể thành công được.

-Điều gì?

-Đó là tôi không yêu quận công de Guise nữa.

-Vậy chị yêu ai?

-Không ai cả.

Lần này đến lượt quận công d'Alençon nhìn Marguerite với vẻ ngạc nhiên của một con người không hiểu gì nữa. Ông ra khỏi phòng, vừa đi vừa thở dài và đưa bàn tay giá lạnh lên bóp vầng trán đang chực nổ tung.

Margot còn lại có một mình, đầy vẻ suy tư. Trước mắt nàng, tình hình bắt đầu hiện ra rõ ràng và chính xác hơn. Nhà vua đã để mặc cho người ta tiến hành cuộc thảm sát Saint-Bactelemy, và Thái hậu cùng quận công de Guise đã tiến hành cuộc thảm sát đó, Quận công de Guise và quận công d'Alençon sắp sửa liên kết với nhau để lợi dụng tối đa cái sự kiện này. Cái chết của vua Navarre là hậu quả tất yếu của tai hoạ lớn lao này. Một khi vua Navarre chết đi, người ta sẽ chiếm lấy vương quốc của ông ta. Do đó, Marguerite sẽ trở thành quả phụ, không ngai vàng, không thế lực, và chẳng còn viễn cảnh nào khác hơn là vào một tu viện mà ở đó thậm chí nàng còn không được quyền đau đớn ngồi khóc người chồng chưa bao giờ thực sự là chồng mình.

Nàng đang nghĩ tới đó thì Thái hậu Catherine cho người hỏi xem nàng có muốn đi cùng với cả triều đình hành hương tới cây sơn trà ở nghĩa địa Inocent hay không.

Thoạt tiên Marguerite định từ chối không dự vào cuộc dạo chơi bằng ngựa này. Nhưng khi nghĩ rằng cuộc đi có thể cho nàng cơ hội biết thêm đôi điều về số phận vua Navarre, nàng bèn trả lời rằng nếu có ngựa chuẩn bị sẵn sàng thì nàng vui lòng tháp tùng Thánh thượng.

Năm phút sau, người hầu tới báo rằng nếu nàng vui lòng xuống sân thì cả đoàn sẽ lên đường. Marguerite đưa tay ra hiệu cho Gillone coi sóc người bị thương và đi xuống.

Nhà vua, Thái hậu, Tavannes và các thủ lĩnh Giatô giáo đã lên ngựa. Marguerite nhìn thoáng qua cả nhóm gồm khoảng hai chục người: vua Navarre

không có ở đó.

Nhưng phu nhân de Sauve cũng có mặt, bà ta liếc nhìn Marguerite và nàng hiểu ngay ra là bà nhân tình của chồng mình có điều muốn nói với nàng.

Đoàn người bắt đầu đi từ phố l'Astruce tới phố Saint-Honoré. Nhìn thấy nhà vua, Thái hậu Catherine và các thủ lĩnh Giatô giáo, quần chúng tụ tập lại và đi theo đám rước như một làn sóng tràn dâng, vừa đi vừa hô to: "Đức vua muôn tuổi! Lễ misa muôn năm! Giết chết bọn Tân giáo!"

Tiếng reo hò đi kèm với sự vung vẩy những thanh kiếm đỏ lòm hoặc những khẩu hoả mai còn bốc khói như để khoe công trạng của từng kẻ tham dự vào sự kiện thảm khốc mới rồi.

Đến đầu phố Pruven, người ta gặp nhiều người đang lôi một cái xác không đầu. Đó là xác ông đô đốc. Những người đó sắp đem treo ngược chân cái xác lên ở Montfaucon.

Cả đoàn vào nghĩa địa Inocent qua cửa đối diện đường Sap, nay là phố Đêsacgiơ. Các tăng lữ được báo trước về cuộc viếng thăm của nhà vua và Thái hậu đang đợi chờ để chúc mừng.

Nhân lúc Catherine lắng nghe bài diễn văn người ta chào mừng bà, phu nhân de Sauve lại gần hoàng hậu Navarre và xin phép được hôn tay nàng. Marguerite chìa tay ra cho bà ta. Phu nhân de Sauve ghé môi lên tay Marguerite và khéo léo luồn vào tay áo nàng một mảnh giấy nhỏ cuộn tròn.

Việc lẩn đi của phu nhân de Sauve có kín đáo và nhanh chóng đến mấy cũng không lọt khỏi mắt Catherine, bà ta quay lại đúng lúc thấy bà phu nhân hầu cận của mình đang hôn tay hoàng hậu Navarre.

Cả hai người đàn bà đều thấy cái nhìn lóe lên như ánh chớp chóa sáng đến tận chỗ họ, nhưng họ vẫn thản nhiên. Đúng lúc đó Phu nhân de Sauve rời khỏi Marguerite và về chỗ mình gần bên Catherine.

Sau khi đáp lại bài diễn văn người ta dành cho mình, Catherine vừa mỉm cười vừa vẫy ngón tay ra hiệu cho hoàng hậu Navarre tiến lại gần.

Marguerite vâng lệnh.

-Sao, hoá ra con thân thiết với Phu nhân de Sauve đến thế? – Thái hậu nói bằng thổ ngữ Ý.

Marguerite mỉm cười và tạo cho nét mặt mình có vẻ chua chát nhất mà nàng có thể làm được. Nàng trả lời: -Thưa mẹ vâng, con rắn đã đến cắn vào tay con.

-Ái dà! Vậy con cũng ghen? – Catherine vừa nói vừa mỉm cười.

-Thưa lệnh bà, người nhầm – Marguerite trả lời – Con chẳng ghen gì vua Navarre, cũng như vua Navarre chẳng yêu gì con. Có điều là con biết phân biệt bạn thù. Con yêu người yêu mình và ghét những kẻ ghét mình. Nếu không thế thì con đâu có xứng là con lệnh bà.

Catherine mỉm cười theo cái cách để Marguerite hiểu được rằng nếu bà có nghi ngờ điều gì thì nay điều nghi ngờ ấy đã tan biến.

Vả chăng vào lúc đó những người hành hương mới tới thu hút sự chú ý của đoàn chủ toạ oai nghiêm này. Quận công de Guise tới cùng với một đoàn những nhà quý tộc vẫn còn hăng máu vì cuộc tàn sát mới rồi. Họ tháp tùng một chiếc kiệu phủ thảm rực rỡ và kiệu dừng lại trước mặt nhà vua.

-Quận chúa de Nervers! – Charles IX kêu lên – Thế cơ đấy, nào đề cho cái cô Giatô giáo xinh đẹp và can trường ấy tới đón nhận những lời khen ngợi của chúng ta đi nào! Cô em họ ạ, người ta kể với ta là cô săn đuổi những đứa Tân giáo từ chính cửa sổ nhà mình và cô đã lấy đá ném chết một thằng, có đúng không?

Quận chúa de Nervers đỏ mặt.

-Tâu bệ hạ – Nàng vừa tới quỳ trước mặt nhà vua vừa hạ giọng nói – Ngược lại, tôi có diễm phúc được đón nhận một người Giatô giáo bị thương.

-Được thôi, cô ạ! Có hai cách để phụng sự ta: một là tiêu diệt kẻ thù ta, hai là giúp đỡ các bạn ta. Cứ làm theo khả năng của mình, ta tin chắc rằng nếu có thể thì cô đã làm hơn thế.

Trong lúc đó quần chúng mau chóng nhận ra sự hoà hợp giữa dòng họ Lorraine và Charles IX, liền hò hét vang trời: "Đức vua muôn tuổi! Quận công de Guise muôn năm! Lễ misa muôn năm!"

-Cô có quay về Louvre với bọn ta không Henriette? – Thái hậu hỏi nàng quận chúa xinh đẹp.

Marguerite khẽ đưa cùi tay chạm vào bạn, cô này hiểu ngay tín hiệu đó và trả lời: -Thưa lệnh bà không, trừ phi lệnh bà ra lệnh, vì tôi còn có việc trong thành phố với lệnh bà hoàng hậu Navarre.

-Thế các cô định cùng nhau làm gì vậy? – Catherine hỏi.

-Đi xem những sách Hy lạp cổ rất hiếm và lạ mà người ta tìm thấy ở nhà một viên mục sư Tân giáo già và đã chuyển tới tháp Saint-Jacques la Busri – Marguerite trả lời.

-Thà các cô đi xem người ta ném những kẻ Tân giáo từ trên cầu Meuniers xuống sông Seine còn hơn – Charles IX chêm vào – Đó mới là chỗ của những người Pháp tốt.

-Nếu thánh thượng muốn thế thì chúng tôi sẽ đi – Quận chúa de Nervers trả lời.

Catherine đưa mắt nhìn hai người đàn bà với vẻ nghi kỵ. Marguerite đã cảnh giác chớp được cái nhìn ấy, lập tức nàng quay đi quay lại với vẻ bận tâm và lo lắng nhìn quanh mình.

Dù là thật hay vờ thì cái vẻ lo lắng đó không lọt khỏi mắt Catherine.

-Cô tìm gì vậy?

-Con tìm… nhưng con không thấy nữa… – Nàng nói.

-Cô tìm gì? Và cô không thấy ai nữa?

-Mụ Sauve – Marguerite nói – Mụ ấy về Louvre rồi ư?

-Thế ta đã chẳng bảo là cô ghen là gì! – Catherine ghé sát tai con gái – Rõ ngớ ngẩn! … Thôi nào Henriette! – Bà vừa nói tiếp vừa nhún vai – Cô đưa hoàng hậu Navarre đi đi.

Marguerite giả vờ nhìn quanh nàng rồi nghiêng người xuống bên tai cô bạn nói: -Hãy đưa mình đi nhanh lên, mình có những chuyện rất quan trọng cần nói với bạn.

Quận chúa cúi chào Charles IX và Catherine rồi nghiêng mình trước hoàng hậu Navarre, nàng nói: -Lệnh bà có hạ cố lên kiệu của tôi được không?

-Sẵn lòng thôi. Duy có điều phu nhân phải đưa tôi về Louvre.

-Kiệu của tôi, như những người hầu của tôi và chính bản thân tôi xin tuỳ thuộc vào lệnh của lệnh bà – Quận chúa trả lời.

Hoàng hậu Marguerite lên kiệu và ra hiệu cho quận chúa, nàng cũng lên kiệu và kính cẩn ngồi vào ghế trước.

Catherine và các nhà quý tộc quay về Louvre theo cùng đường cũ. Tuy nhiên, suốt dọc đường, người ta thấy Thái hậu thì thầm liên tục điều gì vào tai nhà vua, vừa nói vừa chỉ liên tục vào phu nhân de Sauve. Và mỗi lần như thế, nhà vua lại cười cái điệu cười của riêng Charles IX, cái giọng cười còn ghê rợn hơn cả một lời đe doạ.

Còn về phần Marguerite, khi chiếc kiệu bắt đầu đi và nàng cảm thấy không còn phải sợ ánh mắt dò xét sắc bén của Catherine nữa nàng hấp tấp rút từ ống tay áo ra mảnh giấy của phu nhân de Sauve và đọc được những dòng sau đây:

"Tôi nhận được lệnh tối nay trao cho đức vua Navarre hai chiếc chìa khoá: một là chìa khoá căn phòng mà hiện nay Người đang bị giam giữ, còn chiếc kia là chìa khoá phòng tôi. Tôi được lệnh giữ đức vua lại nhà tôi khi Người tới cho đến tận sáu giờ sáng. Xin lệnh bà hãy suy nghĩ, xin lệnh bà hãy quyết định và chỉ mong lệnh bà đứng đếm xỉa gì đến tính mạng tôi."

"Chẳng còn ngờ gì nữa – Marguerite lẩm bẩm – Người đàn bà tội nghiệp này sẽ là công cụ người ta dùng để hãm hại tất cả chúng ta. Nhưng ta sẽ xem người ta có biến cái bà hoàng Margot, như ông anh mình vẫn nói, thành một nữ tu sĩ dễ đến thế không."

-Thư của ai đấy? – Quận chúa de Nervers vừa hỏi vừa chỉ tay vào tờ giấy mà Marguerite cứ đọc đi đọc lại với sự chú tâm tột bậc.

-A! Quận chúa! Mình có bao nhiêu điều để nói với quận chúa – Marguerite vừa trả lời vừa xé vụn tờ giấy ra thành hàng ngàn mảnh nhỏ.

§12. Tâm tình

-Này, trước hết là ta đang đi đâu đây? – Marguerite hỏi – Mình đoán không phải tới cầu Meuniers chứ?… Từ hôm qua tới giờ mình nhìn thấy quá đủ cái trò giết chóc rồi, Henriette tội nghiệp ạ.

-Tôi mạn phép xin được đưa lệnh bà…

-Trước hết, trước nhất, lệnh bà mình đây xin cậu hãy quên cái kiểu gọi đó đi… Vậy cậu đưa mình đi đâu?

-Tới dinh de Guise, trừ phi là lệnh bà có ý định khác.

-Không! Không! Henriette, tới nhà cậu đi. Quận công de Guise và chồng cậu không có đấy chứ?

-À không! – Quận chúa kêu lên với niềm vui khiến đôi mắt đẹp màu ngọc bích của nàng lấp lánh – Không, chẳng có em rể, chẳng có chồng, chẳng có ai cả! Tôi được tự do, tự do như không khí, như chim chóc, như mây… Tự do, nghe thấy chưa bà hoàng của tôi? Bà có hiểu được những điều hạnh phúc ẩn trong chữ tự do không? Tôi đi, tôi đến, tôi ra lệnh! A! Bà hoàng tội nghiệp! Lệnh bà chẳng được tự do và vì thế nên Người cứ thở dài sườn sượt.

-Cậu đi, cậu đến, cậu ra lệnh! Chỉ có thể thôi à? Tự do của cậu chỉ để làm việc ấy thôi? Này, trông cậu vui quá, không chỉ vì được tự do mà cậu trở nên như thế đâu nhé.

-Lệnh bà đã hứa với tôi là lệnh bà sẽ tâm sự trước.

-Lại lệnh bà. Này chúng mình sẽ sinh sự với nhau đấy Henriette ạ. Cậu quên mất những quy ước của chúng mình rồi à?

-Không, tôi là kẻ tôi tớ kính cẩn của lệnh bà trước mặt mọi người, là cô bạn tâm phúc điên rồ của cậu khi chỉ có hai ta. Có phải thế không thưa lệnh bà? Có đúng thế không Marguerite?

-Đúng thế – Hoàng hậu vừa nói vừa mỉm cười.

-Không có sự kình địch nhau về dòng họ, không có sự phản phúc trong tình yêu. Tất cả đều tốt, đều thẳng thắn. Đây là cuộc liên minh vừa để tự vệ vừa để tấn công, nhằm mục đích duy nhất là tìm gặp và nắm bắt lấy thứ phù du mà người đời gọi là hạnh phúc, nếu chúng ta gặp nó.

-Được lắm, quận chúa của ta! Chính thế, và để tái lập hiệp ước cậu ôm hôn mình đi nào.

Vậy là hai mái đầu dễ thương, một xanh xao và đượm buồn, một hồng hào với mớ tóc vàng và vui cười, chụm lại bên nhau một cách duyên dáng và họ gắn môi vào nhau giống như họ đã gắn bó những ý nghĩ của mình với nhau.

-Vậy là có điều gì phải không? – Quận chúa vừa hỏi vừa nhìn Marguerite với vẻ khao khát tò mò.

-Thế những chuyện xảy ra từ hai hôm nay mà không mới à?

-Ồ! Mình nói về tình yêu cơ, chữ không nói về chính trị.

Khi nào chúng mình bằng tuổi lệnh bà Catherine mẹ cậu, chúng mình cũng sẽ làm chính trị. Nhưng bà hoàng xinh đẹp ơi, chúng mình mới hai mươi tuổi, phải nói chuyện khác đi. Xem nào, cậu là một người vợ thật đấy à?

-Của ai cơ? – Marguerite vừa nói vừa cười.

-A! Thực quả là cậu làm mình yên tâm đấy.

-Này Henriette, cái điều làm cho cậu yên tâm lại làm mình hoảng sợ. Quận chúa ạ, mình nhất thiết phải trở thành vợ thật.

-Bao giờ?

-Ngày mai.

-Ôi! Xì! Thật à! Cô bạn tội nghiệp! Thế điều ấy có cần thiết lắm không?

-Tuyệt đối cần thiết.

-Mẹ kiếp! Như một người quen của mình vẫn nói, thế thì đáng buồn thật đấy.

-Cậu quen được ai mà lại nói "Mẹ kiếp" thế? – Marguerite vừa hỏi vừa cười.

-Ừ

-Ai vậy – Cậu chỉ toàn hỏi thôi, trong khi đáng lý cậu phải nói cơ. Nói cho xong đi, rồi mình sẽ kể.

-Vắn tắt thôi thì thế này nhé: vua Navarre đang yêu nhưng không phải là yêu mình. Mình không phải là đang yêu vì mình không yêu ông ta. Tuy vậy, cả hai chúng mình sẽ phải thay đổi ý kiến, hoặc là chúng mình phải có vẻ như đã thay đổi ý kiến nội nhật trong vòng từ nay đến mai.

-Thế thì cậu cứ thay đổi ý kiến đi, cậu có thể tin chắc rằng ông ta cũng sẽ thay đổi ý kiến đấy.

-Chính đấy là điều không thể có, vì bây giờ hơn lúc nào hết mình chẳng sẵn lòng đổi ý tí nào.

-Mình mong là chỉ đối với ông chồng cậu thôi đấy chứ?

-Henriette này, mình có một điều ngần ngại.

-Ngần ngại về cái gì?

-Về tôn giáo. Cậu có phân biệt gì giữa người Tân giáo và Giatô giáo hay không?

-Về chính trị ấy hả?

-Tất nhiên rồi.

-Nhưng còn trong tình yêu thì sao?

-Cô bạn thân mến, chúng ta là đàn bà, chúng ta là những người tà đạo đến nỗi về mặt tín ngưỡng chúng ta đều thừa nhận tất cả và về mặt thần linh chúng ta cũng tôn thờ nhiều vị.

-Nhiều vị nhưng là một, có đúng không?

-Ừ, – Quận chúa nói với một ánh mắt sáng màu tà giáo – Ừ, vị thần tên là Eros – Cupido – Amo[385], vị thần lưng đeo ống tên, bịt mắt và có cánh… Chúa ơi, sùng đạo muôn năm!

-Tuy nhiên cậu có cách cầu nguyện độc đáo đấy, cậu ném đá xuống đầu những người Tân giáo.

-Cứ làm điều hay thôi, còn mặc kệ cho người ta nói… Ôi Marguerite, những ý tưởng tốt đẹp nhất cũng như những hành động đẹp đẽ nhất bị biến hoá đi biết nhường nào qua miệng những kẻ phàm phu tục tử!

-Phàm phu tục tử! … Nhưng mình thấy hình như là ông anh Charles nhà mình ca ngợi cậu lúc nãy đấy chứ.

-Marguerite, anh Charles nhà cậu là một người mê săn bắn vĩ đại, suốt ngày thổi kèn săn đến nỗi gầy mòn cả người đi… Vậy nên mình từ chối cả những lời khen ngợi của ông ta. Vả lại mình đã trả lời ông Charles nhà cậu… Cậu không nghe thấy à?

-Không, cậu nói khẽ quá.

-Càng tốt, mình càng có nhiều chuyện để kể cho cậu. Này, chẳng lẽ cậu đã kể hết mọi chuyện của cậu rồi đấy à Marguerite?

-Chả là…

-Sao?

-Chả là – Hoàng hậu vừa nói vừa cười – Nếu viên đá mà anh Charles nói là một viên đá lịch sử thì mình sẽ xin thôi không nói.

-A! – Henriette kêu lên – Cậu đã chọn được một anh Tân giáo rồi. Được thôi, cứ yên tâm! Để cậu yên lòng thì mình hứa là sẽ chọn một chàng Tân giáo khác vào dịp tới.

-Chà! Vậy ra lần này cậu đã kiếm được một chàng Giatô giáo phải không?

-Chúa ơi! – Quận chúa nói.

-Thôi được, mình hiểu rồi.

-Thế cái anh chàng Tân giáo của cậu trông như thế nào?

-Mình đâu có chọn anh ta. Chàng trai ấy hiện nay chẳng là gì với mình cả và chắc sẽ chẳng bao giờ là gì với mình.

-Nhưng anh ta như thế nào mới được chứ? Điều ấy cũng không ngăn cậu kể cho mình cơ mà, cậu biết mình tò mò như thế nào rồi đấy.

-Một thanh niên tội nghiệp đẹp như Nisus de Benvenuto Cellini đã đến trốn trong phòng của mình.

-Ô hô! Cậu thế nào mà chẳng cho đòi anh ta tới đây!

-Tội nghiệp chàng trai! Đừng có cười thế Henriette, lúc này anh ta vẫn còn đang bấp bênh giữa cái sống và cái chết đấy.

-Anh ta ốm à?

-Anh ta bị thương nặng.

-Này, một chàng Tân giáo bị thương là phiền lắm đấy! Nhất là trong những ngày này. Thế cậu làm gì với anh chàng Tân giáo bị thương mà chẳng là gì và sẽ không bao giờ là gì với cậu ấy?

-Anh ta đang ở trong căn buồng nhỏ của mình, mình che giấu anh ta vì mình muốn cứu anh ta. Anh ta đẹp trai này, anh ta trẻ này, anh ta bị thương này.

-Cậu giấu anh ta trong buồng con của cậu và cậu muốn cứu anh ta! Nếu bây giờ anh chàng Tân giáo ấy không tỏ ra đầy lòng biết ơn thì quả là một chàng trai tệ bạc đấy.

-Mình sợ rằng anh ta đã biết ơn mình lắm rồi, hơn cả mình mong đợi kia.

-Thế cái chàng trai tội nghiệp ấy có làm cậu để ý không?

-Mình để ý chỉ vì lòng nhân đạo thôi.

-A! Lòng nhân đạo! Bà hoàng tội nghiệp ơi, chúng mình là đàn bà, bao giờ cái đức tính ấy cũng làm chúng mình đi đời đấy!

-Ừ, thế cậu có hiểu rằng bất kỳ lúc nào đức vua, quận công d'Alençon, mẹ mình, ông chồng mình nữa… cũng có thể vào phòng mình…

-Cậu muốn mình trông coi cái anh chàng Tân giáo nhà cậu trong lúc anh ta còn ốm có phải không, với điều kiện là trả anh ta lại cho cậu khi khỏi chứ gì?

-Cái cô hay tếu này! Không, mình thề là chưa nhìn xa đến thế. Tuy nhiên nếu cậu có thể tìm ra cách giấu anh chàng ấy, nếu cậu có thể gìn giữ cái tính mạng mà mình đã cứu cho anh ấy thì mình thừa nhận với cậu là mình sẽ thực lòng biết ơn cậu. Ở dinh de Guise cậu được tự do, cậu chẳng có em rể lẫn chồng để rình rập hay ép uổng cậu. Hơn nữa Henriette ạ, đằng sau phòng ngủ của cậu, nơi mà thật may cho cậu là không ai có quyền được vào, cậu có một căn buồng lớn giống như buồng của mình. Khi nào anh ta khỏi, cậu sẽ mở cửa cho anh ta và con chim sổ lồng sẽ bay đi.

-Bà hoàng thân mến ạ, chỉ có một điều hơi khó, đó là cái lồng đã bị chiếm chỗ mất rồi.

-Sao! Cậu không cứu được một người nào đó phải không?

-Đó chính là điều mình đã trả lời cho anh cậu.

-À, mình hiểu rồi, thế cho nên cậu mới nói khẽ đến nỗi mình không thể nào nghe thấy được.

-Nghe này Marguerite, chuyện này rất hay và cũng đẹp đẽ thơ mộng y như chuyện của cậu vậy. Sau khi để lại cho cậu sáu vệ binh, mình với sáu người kia quay về dinh de Guise. Mình đang xem người ta cướp phá và đốt một cái nhà chỉ cách dinh của em mình có cái lòng đường phố Quatre Fils thì bỗng nghe thấy tiếng đàn bà kêu khóc và tiếng đàn ông chửi thề. Mình ra ban công và trước hết là mình thấy một thanh kiếm mà những đường lửa của nó dường như chiếu rọi cả toàn cảnh. Mình thấy thán phục cái ngọn kiếm điên cuồng ấy quá vì mình vốn yêu thích những điều đẹp đẽ! Rồi tất nhiên là mình tìm cách nhìn rõ cái cánh tay

cầm kiếm và cái người có cánh tay ấy. Và rốt cuộc giữa gươm vung đạn réo, giữa những tiếng kêu la, mình nhìn thấy người ấy, một người hùng đấy, một chàng Ajax Télamon[386]. Mình nghe thấy tiếng chàng vang vang như lệnh. Mình khoái chí quá, mình cứ đứng đấy, hồi hộp, run lên theo mỗi đòn nhắm vào chàng, theo mỗi đường kiếm chàng vung ra. Cậu biết không, bà hoàng của mình, trong có khoảng một khắc đồng hồ mà mình xúc động như chưa bao giờ mình bị như thế, mà mình cũng không nghĩ rằng có thể có một nỗi xúc động đến như thế cơ. Thế nên mình cứ đứng đấy, thở phập phồng căng thẳng câm lặng, thế rồi đột nhiên người anh hùng của mình biến mất.

-Sao lại có thể thế được?

-Chàng bị ngã gục xuống vì một hòn đá của một mụ già ném chàng. Thế là, cứ như Cyrus ấy, mình lại nói nên lời được, mình kêu lên: "Cứu tôi! Giúp tôi với!" Thế là các vệ binh đến đỡ chàng dậy, đưa chàng ta về căn buồng mà cậu muốn mượn cho người cậu đỡ đầu ấy.

-Than ôi, Henriette ạ, mình rất hiểu chuyện này vì nó cũng gần giống như chuyện của mình vậy – Marguerite nói.

Chỉ có mỗi điều khác nhau là làm như mình phụng sự đức vua và đạo giáo nên mình không cần phải đưa ông Anibal de Coconnas ra khỏi nhà mình như cậu.

-Ông ấy tên là Anibal de Coconnas à? – Marguerite vừa hỏi vừa cười phá lên.

-Tên tuổi kinh khủng nhỉ? – Henriette nói – Này, cái người mang tên ấy cũng xứng với nó lắm. Mẹ kiếp, đánh đấm bậc thầy lắm, và ông ta làm đổ máu mới khiếp chứ! Hoàng hậu ơi, đeo mặt nạ vào đi, chúng mình về đến dinh rồi.

-Thế sao lại phải mang mặt nạ?

-Vì mình muốn chỉ cho cậu người hùng của mình.

-Ông ta có đẹp trai không?

-Lúc đang đánh nhau thì đẹp rực rỡ, mình thấy như thế. Quả thật thì lúc ấy là vào ban đêm, mà lại có ánh lửa đuốc. Sáng nay, dưới ánh sáng ban ngày thì mình thấy có kém đi đôi chút, mình thừa nhận là thế. Thế nhưng mình nghĩ là cậu sẽ vừa ý.

-Thế thì người mình bảo trợ không tới được dinh de Guise rồi. Bực thật, chẳng ai lại nghĩ đến việc đi tìm một người Tân giáo ở đấy đâu.

-Không đâu. Tối nay mình sẽ đưa ông kia tới đây. Một người nằm góc bên phải, người kia nằm góc bên trái.

-Thế nếu họ nhận ra nhau là Tân giáo với Giatô giáo, họ xé nhau ra mất.

-Ôi dà! Chả có gì nguy hiểm đâu. Ông de Coconnas bị một cú đánh vào mặt khiến ông ta gần như không nhìn thấy rõ. Chàng Tân giáo nhà cậu thì xơi một chưởng vào ngực đến nỗi gần như không cựa quậy được… Với lại cậu dặn anh ta là đừng có nói gì về tôn giáo, thế là ổn chuyện.

-Được đấy!

-Vào đi, nhớ đấy.

-Cám ơn cậu – Marguerite vừa nói vừa xiết tay bạn.

-Đến đây, Người lại trở thành lệnh bà – Quận chúa Nervers nói – xin cho phép tôi được cung tiếp Người tại dinh de Guise với những nghi thức xứng đáng với hoàng hậu Navarre.

Và quận chúa xuống kiệu. Nàng gần như quỳ một chân xuống để đỡ Marguerite cùng xuống. Rồi vừa đưa tay chỉ cổng dinh được hai người lính gác có súng hỏa mai canh giữ, nàng đi theo sau hoàng hậu vài bước. Marguerite đường bệ đi trước quận chúa đang giữ đúng thái độ tôn kính chừng nào nàng còn ở trong tầm mắt mọi người. Lên tới phòng, quận chúa đóng cửa và gọi thị nữ của mình, một cô gái Sicily nhanh nhẹn: -Mica – Nàng nói bằng tiếng Ý – Bá tước ra sao rồi?

-Thưa, càng ngày càng khá hơn – Cô gái đáp.

-Ông ta đang làm gì?

-Thưa phu nhân, em nghĩ là ông ta đang dùng bữa.

-Được lắm! – Marguerite nói – Nếu thấy ngon miệng là tốt đấy!

-À ừ nhỉ, mình quên mất cậu là đệ tử của Ambroise Paré. Đi đi! Mica.

-Cậu cho cô ta lui à?

-Ừ, để nó canh cho bọn mình.

Mica đi ra.

-Bây giờ thì cậu muốn đến chỗ ông ta hay muốn mình cho gọi ông ta đến đây? – Quận chúa hỏi.

-Chẳng đến đấy cũng chẳng đến đây. Mình muốn nhìn thấy ông ta mà không bị ông ta nhìn thấy cơ.

-Có hề gì đâu, cậu có mặt nạ cơ mà.

-Ông ta có thể nhận ra tóc mình, tay mình, đồ trang sức của mình.

-Ôi chao, từ khi lấy chồng cái bà hoàng xinh đẹp này mới thận trọng chứ.

Marguerite mỉm cười.

-Này thế thì mình thấy chỉ có mỗi một cách thôi – Quận chúa nói tiếp.

-Cách gì?

-Cậu xem ông ta qua lỗ khoá nhé.

-Được đấy, dẫn mình đi.

Quận chúa cầm tay Marguerite và dẫn nàng tới một cánh cửa được che bằng một tấm thảm. Nàng khuỵu một chân xuống và ghé mắt nhìn vào lỗ khoá không có chìa.

-Vừa hay, ông ta ngồi ở bàn ăn và quay mặt về phía chúng mình. Lại đây.

Marguerite thế vào chỗ bạn và đến lượt nàng lại ghé mắt vào lỗ khoá. Như quận chúa đã nói, Coconnas ngồi ở một bàn ê hề thức ăn mà những vết thương không ngăn cản được chàng cứ việc chén tì tì.

-Úi! Lạy Chúa! – Marguerite thốt lên và giật lùi lại.

-Sao thế? – Quận chúa ngạc nhiên hỏi.

-Không thể như thế được! Hay là không phải? Đúng rồi! Ôi, thề có linh hồn tôi, chính hắn?

-Hắn nào?

-Suỵt! – Marguerite vừa bò dậy vừa nắm lấy tay quận chúa – Cái lão mà đã muốn giết anh chàng Tân giáo của mình ấy. Hắn ta đuổi theo anh chàng tới tận phòng mình, đâm anh ta cả ở trong tay mình. Ôi, Henriette, thật may là ông ta chưa nhìn thấy mình!

-Cậu đã thấy ông ta trong lúc đâm chém, ông ta trông cũng đẹp trai đấy chứ?

-Mình không biết – Marguerite nói – Vì lúc ấy mình đang nhìn cái người bị ông ta đuổi theo.

-Thế cái người bị ông ta đuổi theo tên là gì?

-Cậu không nói tên đó trước mặt ông kia chứ?

-Không, hứa đi – Lerac de Mole.

-Thế bây giờ cậu thấy ông ta thế nào?

-Ông de Mole ấy à?

-Không, ông de Coconnas kia.

-Xin thề – Marguerite nói – Mình thú thực là thấy ông ta… Rồi nàng ngừng bặt.

-Thôi đi – Quận chúa nói – Mình thấy rõ là cậu giận ông ta vì cái vết thương ông ta đâm cho anh chàng Tân giáo của cậu rồi.

-Nhưng mình thấy hình như là chàng Tân giáo của mình không nợ nần gì ông ta nữa – Marguerite vừa nói vừa cười – Và cái vạch mà anh ta đã làm nổi bật con mắt của ông kia lên thì…

-Thế thì họ sạch nợ, và chúng ta sẽ hoà giải họ. Đưa cái ông bị thương nhà cậu đến đây.

-Chưa được đâu, sau này đã.

-Khi nào?

-Khi nào cậu cho cái ông của cậu mượn một phòng khác.

-Phòng nào?

Marguerite nhìn bạn. Quận chúa sau một lúc im lặng cũng nhìn lại nàng và phì cười.

-Thôi được rồi – Quận chúa nói – Vậy lúc nào chúng ta cũng liên kết với nhau chứ?

-Bao giờ cũng là tình bạn chân thành – Hoàng hậu trả lời.

-Thế còn khẩu lệnh, còn dấu hiệu để nhận biết, nếu như chúng ta cần tới nhau?

-Lấy tên ông thần tam vị của cậu ấy: Eros-Cupido-Amor.

Và hai người đàn bà chia tay nhau sau khi đã ôm hôn nhau lần thứ hai và đã siết chặt tay nhau có đến hai mươi bận.

§13. Có những chiếc chìa khoá lại mở được những cái cửa không phải dành cho chúng

Khi về tới Louvre, hoàng hậu Navarre thấy Gillonne có vẻ rất kích động báo lại rằng Phu nhân de Sauve đã đến trong lúc nàng vắng mặt. Bà ta đem đến cho nàng một chiếc chìa khoá mà Thái hậu đã sai đem cho bà ta. Đó là chìa khoá phòng Henri bị giam.

Rõ ràng là vì một lý do nào đấy. Thái hậu muốn rằng đêm nay anh chàng Bearn phải ở trong phòng của Phu nhân de Sauve.

Marguerite cầm lấy chìa, xoay đi xoay lại. nàng bắt Gillonne nhắc lại từng lời của Phu nhân de Sauve, cân nhắc từng từ một trong đầu rồi hình như hiểu được ý đồ của Catherine.

Nàng lấy bút, mực và viết:

"Tối nay, thay vì đến chỗ Phu nhân de Sauve, hãy đến phòng hoàng hậu Navarre.

Marguerite."

Rồi nàng cuộn tròn tờ giấy, nhét trong lỗ chiếc chìa khoá và ra lệnh cho Gillonne ngay khi màn đêm buông xuống phải đến nhét chiếc chìa khoá này vào cửa phòng của người tù kia.

Xong việc đầu tiên này, Marguerite nghĩ tới chàng trai tội nghiệp bị thương. Nàng đóng tất cả các cửa, vào buồng và rất ngạc nhiên khi thấy De Mole đã mặc lại quần áo còn rách rưới và dây máu của mình.

Nhìn thấy nàng, chàng cố đứng dậy, nhưng vì vẫn còn loạng choạng nên không đứng được và ngã phịch ngay xuống chiếc ghế dài mà người ta đã soạn thành giường.

-Có chuyện gì vậy, thưa ông? – Marguerite hỏi – Tại sao ông lại không theo đúng những chỉ định của thầy thuốc? Tôi đã yêu cầu ông phải nghỉ ngơi, thế mà đáng lẽ phải tuân lời tôi thì ông lại làm những điều ngược lại.

Gillonne nói: -Ôi thưa lệnh bà, em không có lỗi gì trong chuyện này. Em đã khẩn khoản van xin bá tước đừng làm chuyện điên rồ ấy, nhưng ông ta tuyên bố là không có gì có thể giữ ông ở lại cung Louvre lâu hơn nữa.

-Rời khỏi Louvre! – Marguerite vừa nói vừa ngạc nhiên nhìn De Mole đang cúi đầu xuống – Không thể được. Ông không thể bước đi được, ông rất xanh xao và không có sức, chân ông run, ai mà chẳng nhận ra. Sáng nay vết thương ở vai ông vẫn còn chảy máu.

-Thưa lệnh bà, càng biết ơn Người đã che chở tôi tối hôm qua bao nhiêu, tôi càng khẩn nài xin Người cho phép tôi được ra đi ngay hôm nay bấy nhiêu.

-Nhưng này – Marguerite ngạc nhiên kêu lên – Tôi không biết gọi cho đúng cái quyết định điên rồ ấy là gì nữa, nó còn tệ hơn cả sự vô ơn.

-Ồi, thưa lệnh bà! – De Mole vừa thốt lên vừa chắp tay lại Xin lệnh bà hãy tin rằng trái tim tôi mang lòng biết ơn suốt đời đối với lệnh bà.

-Thế thì cái lòng biết ơn ấy sẽ chẳng kéo dài lâu đâu – Marguerite cảm động vì giọng chân thành của người nói – Vì hoặc là các vết thương của ông sẽ mở miệng và ông sẽ chết vì mất máu, hoặc là người ta nhận ra ông là người Tân giáo và ông chưa đi được trăm bước thì người ta đã giết ông mất rồi.

-Dù sao thì tôi cũng phải rời Louvre – De Mole khẽ nói.

-Ông phải ư? – Marguerite nói và nhìn chàng với ánh mắt trong sáng của nàng.

Rồi nàng hơi tái mặt đi.

-Ô phải rồi! Tôi hiểu! – Nàng nói – Xin lỗi ông! Chắc hẳn ở ngoài Louvre có một người nào đó lo lắng khủng khiếp về sự vắng mặt của ông. Đúng vậy, ông de La Mole, điều đó là tất nhiên thôi và tôi thông cảm với ông chuyện đó. Sao ông không nói ngay? Đúng hơn là tại sao tôi không nghĩ tới chuyện ấy nhỉ? Tỏ lòng hiếu khách thì người ta phải có trách nhiệm bảo trợ những tình cảm của khách cũng như ngoài việc băng bó các vết thương còn phải săn sóc cả linh hồn nữa.

-Ôi, thưa lệnh bà – De Mole trả lời – Lệnh bà nhầm lắm. Tôi gần như chỉ có một mình trên đời này và ở Paris, nơi không ai biết tôi thì tôi lại càng hoàn toàn cô độc. Kẻ giết tôi là người đàn ông đầu tiên tôi nói chuyện trong thành phố này và lệnh bà là người đàn bà đầu tiên đã hỏi chuyện tôi nơi đây.

-Vậy tại sao ông muốn đi? – Marguerite ngạc nhiên hỏi.

-Vì rằng đêm qua, lệnh bà đã không nghỉ ngơi chút nào và đêm nay…

Marguerite đỏ mặt.

-Gillonne – Nàng nói – Tối rồi đấy, ta nghĩ là đã đến lúc em đi đưa chiếc chìa khoá đi.

Gillonne mỉm cười lui ra.

-Nhưng nếu ông có một thân một mình ở Paris, không bè bạn thì ông sẽ sống thế nào? – Marguerite tiếp.

-Thưa lệnh bà tôi sẽ có rất nhiều bạn. Vì trong khi tôi bị truy đuổi, tôi đã nghĩ tới mẹ tôi, vốn là người Giatô giáo. Dường như tôi đã thấy bà lướt đi trước tôi trên đường tới Louvre, tay bà cầm một cây thánh giá. Và tôi đã nguyện rằng nếu Chúa giữ cho tôi được sống, tôi sẽ theo đạo của mẹ tôi. Thưa lệnh bà, Chúa đã làm được hơn cả việc giữ cho tôi sống, Người đã gửi tới cho tôi một trong những thiên thần để khiến tôi yêu cuộc sống đó hơn.

-Nhưng ông không bước được. Đi chưa được trăm bước thì ông đã ngã ngất rồi.

-Thưa lệnh bà, hôm nay tôi đã thử trong buồng. Quả thật là tôi đi chậm và đau lắm, nhưng miễn là tôi tới được quảng trường Louvre thôi, còn tới đó muốn ra sao thì ra.

Marguerite gục đầu lên tay và trầm tư suy nghĩ.

-Thế còn đức vua Navarre – Nàng nói với dụng ý – ông không nói gì về đức vua Navarre với tôi nữa à? Hay là khi cải đạo, ông thôi không còn muốn vào chỗ ông ta nữa?

-Thưa lệnh bà – De Mole vừa nói vừa tái mặt đi – Người vừa chạm tới nguyên nhân thực sự của việc tôi đi… Tôi biết rằng đức vua Navarre đang gặp nguy hiểm lớn và tất cả ưu thế của một công chúa Pháp như lệnh bà may lắm mới đủ để cứu thoát cho đức vua.

-Thế nào? – Marguerite hỏi – ông muốn nói gì vậy? Những nguy hiểm nào mà ông nói với tôi thế?

-Thưa lệnh bà – De Mole ngập ngừng nói – Từ căn buồng mà tôi được đưa vào, người ta có thể nghe thấy mọi điều.

-Thật thế – Marguerite lẩm bẩm một mình – ông de Guise đã bảo mình rồi.

Rồi nàng nói to: -Thế ông đã nghe thấy gì vậy?

-Trước tiên là cuộc nói chuyện với lệnh bà và em trai lệnh bà sáng nay.

-Với François ấy à? – Marguerite đỏ mặt thốt lên.

-Vâng, thưa lệnh bà, với quận công d'Alençon. Rồi sau đó khi lệnh bà đã đi, tôi nghe được cuộc nói chuyện giữa cô Gillonne và phu nhân de Sauve.

-Và chính hai cuộc nói chuyện ấy đã làm ông…

-Thưa lệnh bà, vâng. Lệnh bà mới cưới chưa được tám ngày, lệnh bà yêu chồng. Chồng lệnh bà sẽ đến đây như quận công d'Alençon và Phu nhân de Sauve. Nhà vua sẽ nói với lệnh bà về những điều bí mật của Người. Tôi không nên nghe những chuyện ấy, tôi sẽ không kín miệng… và tôi không thể… tôi không nên… và nhất là tôi không muốn thế!

Qua giọng của De Mole khi nói những lời sau cùng này cũng như qua sự lúng túng trong lời nói, bối rối trong thái độ của chàng, Marguerite chợt nảy ra một ý.

-À – Nàng nói – Thế ra ở trong buồng này ông đã nghe thấy tất cả những gì được nói ở đây từ lúc ông vào?

-Tâu lệnh bà vâng.

Những lời đó thoảng như hơi thở.

-Và ông muốn ra đi trong đêm nay, hoặc ngay tối nay, để khỏi phải nghe thêm nữa chứ gì?

-Đi ngay bây giờ cũng được, thưa lệnh bà! Nếu lệnh bà cho phép.

-Thật trẻ con! – Marguerite nói với lòng thương hại âu yếm lạ lùng.

Ngạc nhiên vì câu trả lời dịu dàng đến thế trong khi chàng tưởng sẽ nhận được một sự phản kháng phũ phàng, De Mole rụt rè ngước đầu lên. Mắt chàng

gặp mắt Marguerite và chàng nhìn như bị thôi miên vào ánh mắt trong sáng sâu thẳm của hoàng hậu.

-Vậy ông tự thấy không thể giữ được một điều bí mật ư, ông de Mole? – Marguerite dịu dàng hỏi. Nàng nghiêng người trên thành ghế, nữa người khuất trong một tấm thảm dày vì vậy nàng đọc được một cách rõ ràng những gì diễn ra trên nét mặt chàng trong khi mình vẫn không bị chàng nhìn thấu.

-Thưa lệnh bà – De Mole nói – Bản chất con người tôi rất đáng ghét. Tôi không tin ngay cả tôi, và hạnh phúc của kẻ khác làm tôi đau đớn.

-Hạnh phúc của ai? – Marguerite mỉm cười hỏi – À, ừ nhỉ, của vua Navarre! Tội nghiệp Henri!

-Lệnh bà cũng thấy là đức vua hạnh phúc! – De Mole buột miệng nói.

-Có hạnh phúc ư?…

-Vâng, vì lệnh bà đã than thở vì Người.

Marguerite vò vò túi tiền bố thí bằng lụa của nàng và gỡ những sợi dây chuyền xoắn bằng vàng.

-Vậy ông từ chối gặp đức vua Navarre – Nàng nói – Ông dứt khoát như thế?

-Tôi sợ sẽ làm phiền hoàng thượng trong lúc này.

-Thế còn quận công d'Alençon, em trai tôi, thì sao?

-Ô, thưa lệnh bà – De Mole thốt lên – Không đâu, tôi không muốn gặp quận công d'Alençon còn hơn cả vua Navarre.

-Tại sao? – Marguerite xúc động đến nỗi vừa nói vừa run.

-Vì rằng tôi đã là người Tân giáo tồi quá, nên không thể trở thành thủ hạ tận tụy của đức vua Navarre được, tôi lại cũng chưa trở thành một người Giatô tốt để là thân hữu của ông d'Alençon và ông de Guise.

Lần này đến lượt Marguerite phải cúi mặt xuống. Nàng cảm thấy lời nói đó đã khuấy động tới tận nơi sâu kín của trái tim nàng. Nàng cũng không biết lời nói của De Mole gây ra đau đớn hay êm dịu đối với mình nữa.

Vừa lúc đó Gillonne bước vào. Marguerite đưa mắt hỏi. Cũng bằng ánh mắt Gillonne trả lời khẳng định: Cô đã đưa được chìa khoá cho vua Navarre.

Marguerite lại đưa mắt nhìn De Mole. Chàng băn khoăn trước nàng, đầu cúi xuống và càng trở nên xanh xao như một người vừa bị đau đớn về cả thể xác lẫn tinh thần.

-Ông de Mole rất kiêu hãnh – Nàng nói – Và ta đang ngần ngại không muốn đưa ra một đề nghị mà chắc ông ta sẽ từ chối.

De Mole đứng dậy, tiến một bước về phía Marguerite và muốn nghiêng mình trước mặt nàng tỏ ý chàng xin tuân theo lệnh của nàng. Nhưng một cơn đau nhói khủng khiếp khiến chàng ứa nước mắt. Chàng cảm thấy mình sắp ngã bèn túm lấy một bức thảm treo và tựa người vào đó.

-Ông thấy chưa – Marguerite chạy tới đỡ chàng – Ông có thấy là ông còn cần đến tôi không?

Đôi môi De Mole hơi mấp máy, chàng thì thầm: -Vâng, như không khí mà tôi cần để thở, như ánh sáng ban ngày mà tôi cần để nhìn thấy.

Ngay lúc đó, cửa phòng Marguerite vang lên ba tiếng gõ.

-Lệnh bà có nghe thấy không? – Gillonne hoảng sợ nói.

-Đến rồi cơ à. – Marguerite lẩm bẩm.

-Có nên mở ra không?

-Chờ đã. Có khi là vua Navarre cũng nên.

-Ôi! thưa lệnh bà! – De Mole khỏe hẳn ra khi nghe thấy mấy lời ấy, mặc dù hoàng hậu đã nói rất khẽ đến nỗi nàng tưởng rằng chỉ Gillonne mới nghe được tiếng nàng. – Tôi quỳ xuống cầu xin lệnh bà, hãy cho tôi ra ngoài, dù sống hay chết! Xin Người hãy thương tôi! Ôi, lệnh bà không trả lời. Thế thì tôi sẽ nói, và khi tôi lên tiếng, tôi mong lệnh bà sẽ đuổi tôi đi.

-Ông có im đi không, con người bướng bỉnh! – Marguerite gắt lên mặc dù nàng cảm thấy những lời trách cứ của chàng trai có sức mê hoặc vô cùng đối với nàng – Ông im đi chứ!

-Thưa lệnh bà – De Mole nói tiếp, vì chàng không thấy trong giọng nói của Marguerite sự nghiệt ngã mà chàng chờ đợi – Tôi xin nói lại là từ trong buồng này, người ta nghe được hết. Xin lệnh bà đừng bắt tôi phải chết bằng cái chết mà những kẻ đao phủ tàn ác nhất cũng không dám làm thế.

-Im đi! Ông im đi! – Marguerite nhắc lại.

-Ôi! Lệnh bà sắt đá quá, lệnh bà không muốn nghe, không muốn thấy gì hết. Nhưng xin lệnh bà hãy hiểu cho rằng tôi yêu lệnh bà…

-Im đi nào, tôi đã bảo ông mà – Marguerite ngắt lời. Nàng ấn bàn tay ấm áp thơm tho lên môi chàng trai, chàng đưa hai tay nắm lấy và áp môi vào đó.

-Nhưng… – De Mole thì thầm.

-Nhưng xin ông im đi, thật trẻ con. Ở đâu ra cái lối nổi loạn không tuân lời hoàng hậu của mình thế này nhỉ?

Rồi nàng lao ra khỏi buồng, đóng cửa lại. Nàng tựa lưng vào tường và đưa bàn tay run rẩy lên giữ cho tim bớt đập mạnh.

-Mở cửa ra, Gillonne! – Nàng nói.

Gillonne ra khỏi phòng, và một lát sau, mái đầu nhỏ nhắn, thông minh và có vẻ lo lắng của vua Navarre ló ra sau tấm rèm.

-Bà cho mời tôi đấy ư, thưa bà – Nhà vua Navarre hỏi Marguerite.

-Vâng, thưa bệ hạ. Bệ hạ đã nhận được thư của tôi chứ?

-Tôi thú nhận là có, với đôi chút ngạc nhiên – Henri vừa trả lời vừa nhìn quanh và kẻ nghi kỵ chẳng mấy chốc đã tan biến.

-Và chắc là với đôi chút lo âu nữa chứ, thưa bệ hạ? – Marguerite thêm.

-Tôi xin thú nhận với bà là có. Tuy nhiên, mặc dù quanh tôi đầy dẫy những kẻ thù hung dữ và những bạn bè có lẽ còn nguy hiểm hơn cả kẻ thù, tôi nhớ lại là trong một buổi tối tôi đã nhìn thấy trong mắt bà ánh lên lòng đại lượng: đó là đêm tân hôn của chúng ta. Một hôm khác tôi đã thấy ở đó lấp lánh ánh sao của lòng can đảm, đó là vào hôm qua, ngày ấn định cho cái chết của tôi.

-Thế thì sao, thưa bệ hạ? – Marguerite vừa nói vừa mỉm cười trong khi Henri có vẻ muốn nhìn thấu tận tâm can nàng.

-Thế này, thưa bà, mới đây khi đọc lá thư của bà gọi tôi đến, tôi mới nghĩ đến những điều đó và tự bảo: "Không bạn bè, đang tù tội, không vũ khí, vua Navarre chỉ còn có một cách chết có tiếng tăm, chết mà được lịch sử ghi nhớ, đó là chết vì bị vợ phản bội", thế là tôi đến đây.

-Thưa bệ hạ – Marguerite nói – Người sẽ nói khác khi biết rằng tất cả những việc đang xảy ra đây là nhờ công của một người yêu bệ hạ và bệ hạ cũng yêu người ta.

Nghe vậy Henri gần như lùi lại, con mắt xám sắc bén của ông dưới cặp lông mày đen nhìn hoàng hậu với vẻ tò mò dò hỏi.

-Ồ, xin bệ hạ yên lòng – Hoàng hậu mỉm cười, nói – Tôi không dám mạo muội nói rằng người đó là tôi.

-Nhưng thưa bà – Henri nói – Bà đã sai đưa chìa khoá này cho tôi: chẳng lẽ đó không phải là lời thú nhận của bà?

-Đúng là hành động đó là của tôi, tôi thừa nhận điều đó. Bức thư này do tôi gửi đi, tôi không phủ nhận điều này. Còn về chuyện chiếc chìa khoá lại khác. Bệ hạ chỉ cần biết rằng nó đã qua tay bốn người đàn bà trước khi đến tay bệ hạ.

-Qua tay bốn người đàn bà ư? – Henri ngạc nhiên thốt lên.

-Vâng, nó đã qua tay Thái hậu, qua tay Phu nhân de Sauve, Gillonne và tôi.

Henri bắt đầu ngẫm nghĩ về điều bí ẩn này.

-Thưa bệ hạ, bây giờ chúng ta hãy bàn việc, và nhất là phải nói thẳng thắn – Marguerite nói – Có đúng bệ hạ đã đồng ý cải đạo như người ta đồn đại ngày hôm nay không?

-Tiếng đồn sai đấy, thưa bà, tôi vẫn chưa đồng ý.

-Nhưng hình như bệ hạ đã quyết rồi.

-Có nghĩa là tôi đang tự hỏi. Biết làm sao được, khi người ta hai mươi tuổi, người ta gần là vua, thì Chúa ơi! Có những điều đáng để người ta phải chịu lễ misa lắm.

-Một trong những điều ấy là mạng sống có phải không?

Henri không thể nén được một nụ cười.

-Bệ hạ không nói với tôi tất cả những điều người nghĩ – Marguerite nói.

-Tôi giữ ý với các đồng minh của tôi. Vì bà biết đấy, chúng ta vẫn chỉ là đồng minh thôi, nếu như bà vừa là đồng minh… và…

-Và là vợ bệ hạ, có đúng thế không?

-Vâng đúng thế… vừa là vợ tôi…

-Thế thì sao?

-Thế thì có lẽ sẽ khác, có lẽ tôi vẫn khăng khăng muốn là vua của những người Tân giáo, như họ nói đấy… Còn như bây giờ thì tôi chỉ đành bằng lòng với việc sống thôi.

Marguerite nhìn Henri với vẻ lạ lùng đến nỗi có thể gây ngờ vực ngay cả cho những đầu óc kém tinh tường hơn đầu óc vua Navarre.

-Thế ít ra bệ hạ cũng tin chắc là đã đạt được kết quả ấy chứ? – Nàng hỏi.

-Gần gần thôi – Henri đáp – Bà cũng biết là trên cõi đời này, người ta chẳng bao giờ có thể chắc chắn được cái gì cả…

-Quả thực là bệ hạ tỏ ra rất ôn hoà và tỏ ra một sự vô tư đến nỗi sau khi đã từ chối ngai vàng, từ chối tín ngưỡng của mình, chắc bệ hạ sẽ từ chối luôn cả mối liên kết hôn nhân với một công chúa Pháp, ít ra là người ta cũng đang hy vọng như thế.

Những lời này có một ý nghĩa sâu xa đến nỗi Henri, dù không muốn, cũng phải rùng mình. Nhưng rồi ông nhanh chóng chế ngự được cơn xúc động: -Xin lệnh bà hãy nhớ lại là trong lúc này tôi không được tự do hành động. Vậy nên tôi sẽ làm điều mà nhà vua Pháp ra lệnh cho tôi. Còn tôi, nếu như người ta có hỏi ý kiến tôi chút nào trong cái việc định đoạt chẳng phải là về cái gì khác hơn là ngai vàng của tôi, hạnh phúc của tôi và tính mạng của tôi, thì tôi thà là bó mình làm một người đi săn trong một toà lâu đài nào đấy, một kẻ sám hối trong một tu viện nào đấy còn hơn đặt tương lai mình dựa trên những quyền lợi mà cuộc hôn nhân ép buộc của chúng ta cho phép có được.

Sự bình tĩnh cam chịu tình huống, việc chối bỏ những thú vui trần thế này khiến Marguerite hoảng sợ. Nàng nghĩ rằng có lẽ việc hủy bỏ hôn nhân đã được thỏa thuận giữa Charles IX, Catherine và vua Navarre rồi chăng. Tại sao người ta lại không coi nàng là kẻ lừa gạt hoặc nạn nhân của việc này? Phải chăng vì nàng là em, là con những người kia? Kinh nghiệm đã cho nàng thấy đó không phải là lý do khiến nàng có thể đặt sự an toàn của mình vào đó. Tham vọng tràn ngập trong trái tim người thiếu phụ hay đúng hơn là trong trái tim bà hoàng trẻ tuổi, nàng quá cao xa so với những sự yếu đuối thông thường nên không để bị lôi cuốn trong nỗi hờn giận vì tự ái: ở mỗi người đàn bà, ngay cả người tầm thường nhất, khi người ta yêu, tình yêu không có những chuyện tủn mủn đó vì tình yêu thực sự cũng là một tham vọng.

-Tôi thấy hình như bệ hạ không mấy tin tưởng vào ngôi sao lấp lánh trên vầng trán mỗi bậc quân vương thì phải? – Marguerite nói với giọng chế giễu.

-À, vì lúc này đây tôi cứ mải tìm mà không thấy ngôi sao của tôi – Henri nói – Nó đang bị che lấp bởi cơn giông tố đang gầm réo trên đầu tôi lúc này.

-Thế nếu hơi thở của một người đàn bà làm xua tan cơn giông tố đó và làm cho ngôi sao sáng lên hơn bao giờ hết thì sao?

-Khó lắm – Henri đáp.

-Bệ hạ không tin có một người đàn bà như thế hay sao?

-Không, tôi chỉ không tin vào khả năng của người đàn bà đó mà thôi.

-Bệ hạ muốn nói là ý chí của bà ta phải không?

-Tôi nói là khả năng của bà ta, tôi xin nhắc lại như vậy. Đàn bà chỉ thực sự mạnh khi tình yêu và lợi ích được kết hợp trong người họ ở một mức độ bằng nhau, và nếu như chỉ có một trong hai tình cảm đó chế ngự bà ta thì giống như Asin[387], bà ta có thể bị tổn thương. Vậy mà, nếu như tôi không quá lời, thì tôi không thể tin tưởng được vào tình yêu của người đàn bà ấy.

Marguerite im bặt.

-Xin bà hãy nghe tôi – Henri nói – Khi tiếng chuông cuối cùng của tháp chuông Saint-Germain l'Auxerrois vừa dứt, chắc bà đã nghĩ đến việc giành lại sự tự do mà người ta đã đem ra đặt cược để tiêu diệt những người thuộc phe tôi. Còn tôi, tôi đã phải nghĩ đến việc cứu lấy tính mạng mình. Đó là những việc cấp thiết nhất lúc ấy. Tôi cũng biết là trong chuyện này chúng ta sẽ mất xứ Navarre. Nhưng cái xứ Navarre ấy thật là ít ỏi nếu đem so với việc bà lại được tự do nói to trong phòng mình, điều mà bà không dám làm khi có ai nghe bà nói từ trong căn buồng con này.

Mặc dù đang rất chú tâm, Marguerite cũng không nén được mỉm cười. Còn về phần vua xứ Navarre, ông đã đứng dậy chuẩn bị đi về phòng của mình. Mười một giờ đã điểm được một lát. Trong cung Louvre mọi người đều đã ngủ yên hoặc có vẻ ngủ yên.

Henri tiến ba bước về phía cửa rồi chợt dừng lại như thể lúc này ông mới nhớ lại được lý do đã khiến ông tới chỗ hoàng hậu.

-À mà bà định thông báo với tôi việc gì chăng? Hay bà chỉ muốn cho tôi có dịp cảm ơn bà về sự tạm hoãn mà sự hiện diện của bà đã đem lại cho tôi hôm qua trong phòng vũ khí của nhà vua? Thưa bà, tôi phải thừa nhận là rất đúng lúc, và bà đã đến đó như một vị cứu tinh, vừa kịp để cứu tôi thoát chết.

-Ôi con người ngốc nghếch! – Marguerite thì thầm kêu lên và nắm lấy cánh tay chồng – Làm sao mà ông không thấy được là ngược lại chưa có gì chứng tỏ ông được cứu thoát hết, cả tự do của ông, cả ngai vàng của ông, cả tính mạng của ông…

Mù quáng! Điên rồ! Thật điên rồ! Có phải là ông không nhìn thấy trong thư của tôi cái gì khác hơn là một lời hẹn hò? Ông tưởng rằng Marguerite bị xúc phạm vì sự lạnh lùng của ông lại còn muốn hàn gắn nữa?

-Nhưng thưa bà – Henri ngạc nhiên nói – Tôi xin thú nhận là…

Marguerite nhún vai với một vẻ khó tả.

Cùng lúc đó, một tiếng động lạ lùng như tiếng cào ken két vội vã vọng lên từ cánh cửa nhỏ bí mật.

Marguerite lôi nhà vua về phía cánh cửa đó.

-Ông nghe xem – Nàng nói.

-Thái hậu ra khỏi phòng – Một giọng nghẹn ngào vì kinh hoàng mà Henri nhận ra ngay lập tức, giọng của phu nhân De Sauve.

-Thế bà ta đi đâu? Marguerite hỏi.

-Người đi đến chỗ lệnh bà.

Và ngay lập tức tiếng sột soạt lùi xa của một tà áo lục chứng tỏ rằng phu nhân De Sauve đã chạy trốn.

-Ô hô! – Henri kêu lên.

-Tôi đã chắc chắn là thế mà – Marguerite nói.

-Còn tôi cũng đã e rằng là thế – Henri nói – Bằng cớ đây, bà nhìn xem.

Ông nhanh chóng mở chiếc áo chẽn ngắn bằng nhung đen và để lộ cho Marguerite nhìn thấy trên ngực ông một chiếc áo giáp kết bằng vòng sắt và một lưỡi dao găm Millan dài mà ông cầm sẵn trên tay lấp lánh như một con rắn độc dưới ánh mặt trời.

-Đây nào phải chuyện gươm dao với áo giáp! – Marguerite thốt lên – Thôi đi, thưa bệ hạ, xin hãy cất con dao này đi! Quả là Thái hậu, nhưng chỉ có một mình bà ta thôi.

-Tuy nhiên…

-Bà ta đến đây, tôi nghe thấy bà ta, im nào.

Và nàng thì thầm nói vào tai Henri vài lời mà vị vua trẻ tuổi lắng nghe với vẻ chú tâm pha lẫn ngạc nhiên.

Ngay lập tức Henri lẩn vào phía trong những tấm màn che quanh giường.

Về phần mình, Marguerite nhanh nhẹn như một con báo nhảy tới chỗ căn buồng mà De Mole đang rùng mình chờ đợi. Nàng mở cửa, tìm chàng trai, nắm tay chàng trong bóng tối: -Im lặng nhé, im lặng! – Nàng vừa nói vừa áp sát lại gần chàng đến nỗi hơi thở ấm áp thơm tho của nàng phủ lên mặt chàng một lớp hơi ẩm ướt.

Nàng quay trở vào phòng và đóng cửa lại. Nàng gỡ tóc, lấy con dao găm cắt dây buộc váy áo và trèo vào giường.

Vừa kịp, chìa khoá bắt đầu quay trong ổ… Catherine có chìa khoá của tất cả các cửa ở Louvre.

-Ai đó? Marguerite kêu lên trong lúc Catherine cắt nhóm tuỳ tùng gồm bốn nhà quý tộc đi theo bà đứng lại ở ngoài cửa.

Dường như hoảng hốt vì sự đột nhập bất ngờ này vào phòng mình, Marguerite trong chiếc áo choàng ngủ dài màu trắng, ló ra từ sau những bức màn che. Nàng nhảy xuống giường khi nhận ra Catherine. Và, với một sự kinh ngạc

giả vờ quá khéo đến nỗi chính bà hoàng người xứ Florence cũng phải mắc lừa, nàng tới hôn tay mẹ.

§14. Đêm tân hôn lần thứ hai

Thái hậu đưa mắt nhanh như chớp nhìn quanh. Đôi hài nhung nằm dưới chân giường, quần áo của Marguerite vương vất trên các ghế, nàng đang dụi mắt để xua cơn buồn ngủ. Tất cả đều khiến Catherine tin rằng bà đã làm cho con gái thức giấc.

Bà mỉm cười cho rằng các ý đồ của mình đã thành công. Bà kéo ghế và nói: -Ngồi xuống đây Marguerite, chúng ta nói chuyện một lát.

-Thưa lệnh bà, con xin nghe người nói.

-Con ạ, đã đến lúc con phải hiểu rằng anh con và ta mong muốn cho con hạnh phúc đến mức nào – Catherine vừa nói vừa nhắm mắt lại với vẻ chậm rãi riêng của những người đang suy nghĩ hoặc đang ẩn giấu tâm tư một cách sâu xa.

Lời mào đầu đó quả là đáng sợ đối với những người đã biết tính Catherine.

"Bà ta sắp nói chuyện gì đây?" – Marguerite tự hỏi.

-Chắc chắn là, trong khi tổ chức lễ cưới cho con – Người đàn bà xứ Florentine nói tiếp – Chúng ta đã thực hiện một trong những động tác chính trị thường có ở các bậc cầm quyền binh. Nhưng con gái tội nghiệp của ta, cũng cần phải thừa nhận rằng chúng ta không nghĩ mối kỵ hiềm của vua Navarre đối với con trẻ, đẹp, và mê hoặc lòng người đến thế, lại có thể dai dẳng đến mức độ này.

Marguerite đứng dậy, nàng khép tà váy ngủ, nhún mình kiểu cách thi lễ Thái hậu.

-Chỉ mới tối nay thôi – Thái hậu nói – Nếu không thì ta đã tới thăm con sớm hơn, ta mới được biết rằng chồng con không hề đối xử với con như người ta phải đối xử với một người đàn bà xinh đẹp, hơn nữa lại là công chúa nước Pháp.

Marguerite thở dài. Catherine được khuyến khích bởi sự tán đồng thầm lặng này, tiếp tục nói: -Quả thật là việc vua xứ Navarre công khai quan hệ với một trong các quận chúa của ta, kẻ đã si mê hắn đến mức gây tai tiếng. Việc hắn coi khinh tình yêu của người đàn bà mà người ta đã hạ cố ban cho hắn, đó là một điều bất hạnh mà chúng ta, những kẻ đầy quyền thế tội nghiệp, không làm gì được. Nhưng nếu một việc tương tự vào tay một nhà quý tộc thấp kém nhất của vương quốc ta thì người đó cũng có thể trừng phạt y bằng cách cho gọi con rể mình hoặc bảo con trai mình cho gọi y tới.

Marguerite cúi đầu.

-Từ đã khá lâu rồi con ạ – Catherine tiếp – Qua đôi mắt đỏ hoe của con, qua những lời chua cay con nói nhằm vào mụ Sauve, ta thấy rằng mặc dù con cố gắng, vết thương trong trái tim con không thể chỉ chảy máu bên trong mà thôi.

Marguerite rùng mình: một cử động nhẹ đã làm cho các bức màn rung rinh. May thay! Catherine không nhận thấy điều đó và bà lại càng thêm âu yếm ngọt

ngào.

-Con ạ, vết thương đó, chỉ có bàn tay người mẹ mới chữa lành được. Những người đã quyết định cuộc hôn nhân của con, những người mà vì quan tâm đến con đã nhận thấy rằng đêm đêm Henri de Navarre đã đi nhầm phòng, không thể cho phép một tên vua như y luôn luôn xúc phạm đến một người đàn bà có sắc đẹp, dòng dõi và giá trị như con bằng sự khinh thị bản thân con và thờ ơ đối với lớp con cháu đời sau của y. Tóm lại, người ta đã nhận thấy khi gặp được cơ hội đầu tiên mà y cho là thuận lợi thì cái đầu óc điên rồ láo xược ấy sẽ quay lại chống chúng ta và sẽ thẳng tay đẩy con ra khỏi gia đình y. Phải chăng những người đó không có quyền đảm bảo cho tương lai của con một cách xứng đáng với con và địa vi của con hơn, bằng cách tách rời tương lai của con ra khỏi tương lai của kẻ kia.

-Tuy nhiên, thưa lệnh bà – Marguerite nói – Mặc dù những lời nhận xét như vậy chan chứa tình mẫu tử, khiến con tràn ngập niềm vui và vinh dự, con vẫn mạo muội xin phép trình với lệnh bà rằng vua Navarre là chồng con.

Catherine tức tối cựa quậy, bà xích lại gần con và nói tiếp: -Y mà là chồng cô? Đâu phải cứ nhà thờ làm lễ ban phúc rồi thì thành vợ thành chồng? Đâu phải là hôn nhân được thực hiện chỉ do lời của linh mục? Y mà là chồng cô! Này con ạ, nếu cô là phu nhân de Sauve, cô có thể trả lời ta như thế. Thế nhưng ngược hẳn lại với những điều mà chúng ta chờ đợi ở y, từ khi cô ban cho Henri cái vinh hạnh được gọi cô là vợ, thì hắn lại trao quyền làm vợ cho một đứa khác, và ngay lúc này đây – Catherine cao giọng nói – Cô đi với ta, chìa khóa này mở được cửa phòng phu nhân de Sauve, rồi cô sẽ thấy.

-Khẽ chứ, con xin lệnh bà, khẽ thôi – Marguerite nói – Vì không những lệnh bà nhầm, mà còn…

-Sao?

-Lệnh bà sẽ đánh thức chồng con dậy mất.

Nói tới đó, Marguerite đứng dậy với một vẻ duyên dáng đầy quyến rũ lạc thú, nàng để cho tà áo ngủ phất phơ nửa kín nửa hở, tay áo ngắn để lộ cánh tay đẹp nõn nà của nàng và bàn tay kiều diễm của một bậc vua chúa. Nàng cầm một ngọn nến hồng tới bên giường và vén một bức màn lên, nàng mỉm cười đưa ngón tay trỏ cho Thái hậu thấy nét mặt trông nghiêng kiêu hãnh, mái tóc đen và cái miệng mở hé của vua Navarre. Nằm trên đống chăn đệm ngổn ngang, ông này có vẻ như đang đánh một giấc ngon lành bình yên.

Mặt mày nhợt nhạt, đôi mắt thất thần, Catherine đứng ưỡn người về phía sau tựa như vực thẳm đang mở ra dưới chân bà, bà thốt ra không phải một tiếng kêu mà là một tiếng gầm gừ khàn khàn.

-Thưa lệnh bà, Người thấy đấy – Marguerite nói – người ta đã thông báo sai cho Người.

Catherine nhìn Marguerite, rồi lại nhìn Henri. Đầu óc linh hoạt của bà kết hợp hình ảnh của cái vầng trán xanh xao, của đôi mắt điểm một quầng thâm nhè nhẹ này với nụ cười của Marguerite. Và bà âm thầm tức giận cắn chặt đôi môi mỏng dính của mình.

Marguerite còn để cho mẹ ngắm một lúc cái bức tranh đã gây cho bà tác dụng như đầu quỷ Meduse[388]. Rồi nàng thả màn xuống, nhón chân bước lại gần Catherine và ngồi xuống ghế.

-Thưa lệnh bà, Người đang nói gì ấy nhỉ?

Trong vài giây, người đàn bà xứ Florence tìm cách thăm dò sự ngây thơ của con gái mình rồi dường như ánh mắt tinh tường của bà bị nhụt đi trước thái độ bình thản của Marguerite, bà nói: -Không có gì cả.

Rồi bà rảo bước ra khỏi phòng.

Ngay khi tiếng chân Thái hậu vừa chìm đi trong hành lang sâu thẳm, rèm treo giường lại mở ra và Henri, mắt sáng rực, hơi thở dồn dập, tay run rẩy tới quỳ trước Marguerite. Ông chỉ mặc độc có chiếc quần phồng và chiếc áo giáp sắt. Khi nhìn thấy ông ăn vận như thế, Marguerite vừa hồ hởi nắm tay ông vừa không nhịn được, cười phá lên.

-Ôi, thưa bà! Ôi Marguerite! Biết khi nào tôi mới đền ơn được cho bà?

Và ông hôn như mưa lên tay vợ. Những cái hôn ấy cứ vô tình lên cao dần trên cánh tay Marguerite.

-Thưa bệ hạ – Nàng vừa nói vừa nhẹ nhàng lùi lại – Phải chăng bệ hạ quên rằng vào lúc này đây người đàn bà đã cứu thoát bệ hạ đang đau đớn và than thở vì bệ hạ? – Nàng khẽ nói thêm – Phu nhân de Sauve đã hy sinh lòng ghen tuông của mình khi để cho bệ hạ đến chỗ tôi, và có lẽ sau khi đã hy sinh lòng ghen tuông của mình cho bệ hạ, bà ấy cũng hy sinh đời mình cho Người, vì bệ hạ biết hơn ai hết rằng cơn giận của mẹ tôi rất khủng khiếp.

Henri rùng mình đứng dậy, ông muốn bước đi.

-À, nhưng tôi suy nghĩ lại và thấy yên lòng – Marguerite nói với điệu bộ mê ly – Chìa khoá được trao cho bệ hạ mà không có chỉ dẫn gì, và điều đó được coi như bệ hạ thích ban vinh hạnh đêm nay cho tôi hơn.

-Và tôi chấp thuận điều đó, Marguerite ạ, chỉ xin bà hãy vui lòng quên đi…

-Khẽ chứ, xin bệ hạ nói khẽ thôi – Hoàng hậu nhai lại những lời nàng nói với mẹ mươi phút trước đây – Ở trong buồng người ta nghe được bệ hạ nói đấy. Vì tôi còn chưa được hoàn toàn tự do, nên tôi cúi xin bệ hạ đừng nói to quá.

-Ô hô! – Henri nữa tươi cười, nửa bực mình nói – Quả có thế, tôi quên mất là chắc hẳn chẳng phải tôi sẽ được dự vào màn kết của cái cảnh hay ho này. Buồng này…

-Chúng ta hãy vào đây, thưa bệ hạ – Marguerite nói – vì tôi muốn hân hạnh giới thiệu với bệ hạ một quý tộc dũng cảm đã bị thương trong cuộc tàn sát trong

khi ông ta chạy tới tận Louvre để báo cho bệ hạ biết về mối nguy hiểm đang đe doạ người.

Hoàng hậu tiến về phía cửa buồng, theo sau là Henri.

Cửa mở và Henri ngẩn người ra khi nhìn thấy một người đàn ông trong căn buồng vốn đã đầy những sự bất ngờ.

Nhưng De Mole còn ngạc nhiên hơn khi đột ngột thấy vua Navarre ở trước mặt mình. Về phía Henri, ông đưa mắt nhìn một cách châm biếm sang Marguerite, còn nàng cứ tỉnh bơ như không.

-Thưa bệ hạ – Marguerite nói – Tôi đã tới mức phải e ngại rằng người ta giết vị quý tộc này, người đã tận tụy phục vụ bệ hạ ngay trong nhà tôi và nay tôi đặt ông ta dưới sự che chở của bệ hạ.

-Tâu bệ hạ – Chàng trai nói tiếp – Tôi là bá tước Lerac de Mole mà bệ hạ đã chờ đợi. Tôi được ông de Téligny tiến cử với bệ hạ, ông ta đã bị giết ở ngay bên cạnh tôi.

-À, đúng vậy, hoàng hậu đã đưa thư của de Téligny cho ta, thế nhưng hình như ông cũng có một bưc thư của ông tổng trấn Languedoc?

-Tâu bệ hạ, và tôi được chỉ thị là phải trao nó cho bệ hạ ngay khi tôi vừa tới.

-Vậy tại sao ông không làm thế?

-Tâu bệ hạ, tối qua tôi đã tới Louvre nhưng bệ hạ quá bận nên không thể tiếp tôi được.

-Đúng thế – Nhà vua nói – Nhưng ta thấy hình như ông cũng có thể trao cho ai chuyển thư cho ta được chứ?

-Tôi được lệnh của ông d'Auriac chỉ trao thư cho đích thân bệ hạ mà thôi, vì ông ta đã đoán chắc với tôi là lá thư đó có mang một thông báo rất quan trọng nên ông ta không dám trao nó cho một người đưa tin thông thường.

-Quả vậy, ông ta báo cho ta là phải rời triều đình và lui về Bearn – Nhà vua vừa cầm thư vừa đọc – Mặc dù là người Giatô giáo, ông d'Auriac là một trong số các bạn tốt của ta và chắc hẳn là với tư cách tổng trấn, ông ta đã phong phanh biết trước được những gì sắp xảy ra. Quái quỷ! Thưa ông, tại sao ông lại đưa thư cho ta vào hôm nay, đáng lẽ ông phải đưa từ ba hôm trước thì hơn?

-Vì tôi đã có hân hạnh trình với bệ hạ, dù tôi đã đi rất nhanh, tôi chỉ mới tới được đây vào hôm qua.

-Bực mình thật – Nhà vua lẩm bẩm – Vì nếu không, thì vào giờ này chúng ta đã ở nơi an toàn, hoặc ở La Rochelle, hoặc ở một đồng bằng tốt tươi nào đó với vài ba ngàn kỵ mã quanh ta.

-Thưa bệ hạ, đó là chuyện đã rồi – Marguerite khẽ nói – Xin Người hãy tìm cách lợi dụng một cách tốt nhất tương lai chứ không nên mất thì giờ vào việc trách móc những gì xảy ra trong quá khứ.

-Ở địa vị tôi, bà vẫn còn thấy có chút hy vọng nào ư? Henri nhìn vợ với vẻ dò hỏi.

-Vâng, chắc thế, tôi sẽ coi đây như một ván bài ba nước mà tôi mới chỉ mất nước đầu.

-Thưa lệnh bà – Henri hạ giọng – Nếu tôi tin chắc rằng bà dự phần nửa vào ván bài của tôi…

-Nếu như tôi muốn đi với các địch thủ của bệ hạ – Marguerite trả lời – Thì hình như tôi không để muộn như thế này đâu.

-Đúng vậy – Henri nói – Tôi quả là một người vô ơn, và như bà nói thì cho đến hôm nay mọi việc vẫn còn có thể sửa chữa được.

-Khốn thay, thưa bệ hạ, tôi rất mong muốn mọi điều tốt lành cho Người nhưng giờ đây chúng ta không còn đô đốc nữa – De Mole nói.

Henri mỉm cười theo kiểu một anh nông dân láu cá mà ở triều đình người ta chỉ hiểu được nụ cười đó vào lúc ông ta lên làm vua nước Pháp sau này.

-Nhưng thưa bà – Ông vừa nói vừa chăm chú nhìn De Mole – Vị quý tộc này không thể ở đây được. Ông ta sẽ khiến cho bà thấy phiền vô cùng và ông ta cũng sẽ phải hứng những nỗi bất ngờ khó chịu. Bà định giải quyết thế nào với ông ta đây?

-Thưa bệ hạ – Marguerite nói – Chúng ta không thể đưa ông ta ra khỏi Louvre được sao, vì tôi cũng hoàn toàn đồng ý với bệ hạ về điều này.

-Khó đấy.

-Thưa bệ hạ, ông De Mole không thể tìm được một chỗ nào ở nơi bệ hạ được hay sao?

-Khổ quá, thưa bà, bà cứ làm như tôi vẫn là vua của những người Tân giáo và vẫn còn có thần dân không bằng. Bà biết rằng tôi đã cải tạo được một nửa rồi và chẳng còn thần dân nào cả.

Nếu là người nào khác chứ không phải là Marguerite chắc sẽ vội vàng trả lời ngay rằng "Ông ta là người Giatô giáo rồi". Nhưng hoàng hậu muốn Henri phải yêu cầu nàng cái điều mà nàng muốn ông ta làm cho nàng. Còn De Mole khi thấy người bảo trợ cho mình có vẻ giữ ý khiến chàng không biết phải đặt chân vào đâu trên cái mảnh đất triều đình trơn trượt và đầy hiểm nguy như cái triều đình Pháp này, vậy nên chàng đành làm thinh.

-Nhưng này, ông tổng trấn Provençal nói gì với ta thế này – Henri vừa nói tiếp vừa đọc lại lá thư do De Mole mang tới.

-Có phải mẹ ông là người Giatô giáo và nhờ thế nên ông ta có tình thân hữu với ông phải không?

-Bá tước, ông chẳng đã nói với tôi về một lời nguyền cải đạo là gì? – Marguerite nói – Về điểm này đầu óc tôi lộn xộn lắm, ông de Mole ạ, ông hãy

giúp tôi nhé. Phải chăng đấy không phải là điều giông giống với điều mà hoàng thượng mong muốn hay sao?

-Khốn thay đúng vậy, nhưng lệnh bà đã quá lạnh nhạt với những lời giải thích của tôi về điểm này nên tôi không dám…

-Thưa ông, đó là vì những chuyện đó không có liên quan chút gì với tôi. Xin ông hãy giải thích cho hoàng thượng nghe.

-Thế cái lời nguyền ấy là thế nào? – Nhà vua hỏi.

-Tâu bệ hạ – De Mole nói – Số là trong lúc tôi bị truy đuổi bởi những kẻ sát nhân, tay tôi không vũ khí và dở sống dở chết vì hai vết thương trên mình, dường như tôi thấy hình bóng mẹ tôi tay cầm thánh giá dẫn dắt tôi đi về phía Louvre. Khi ấy tôi phát nguyện là nếu tôi thoát chết, tôi sẽ thuận theo tôn giáo của mẹ tôi. Người mà Chúa đã cho phép ra khỏi mồ để dẫn dắt tôi trong cái đêm khủng khiếp ấy. Tâu bệ hạ Chúa đã đưa tôi tới đây ở đây tôi đã được sự bảo trợ hai lần của một công chúa Pháp và của vua Navarre. Như một phép mầu, mạng sống của tôi được cứu thoát, tôi chỉ có việc hoàn tất lời nguyền của mình. Tâu bệ hạ, tôi sẵn lòng trở thành người Giatô giáo.

Henri nhíu mày. Kẻ hoài nghi như ông thừa hiểu được sự cải đạo vì quyền lợi, nhưng rất ngờ vực sự cải đạo vì tín ngưỡng.

"Nhà vua không muốn gánh lấy người được ta bảo trợ rồi" – Marguerite nghĩ thầm.

Trong lúc ấy De Mole vẫn rụt rè và lúng túng giữa hai ý muốn trái ngược nhau. Chẳng cần tự lý giải thì chàng cũng thừa cảm thấy sự lố bịch của tình thế mình. Rốt cuộc thì cũng vẫn lại là Marguerite, với sự tế nhị của phụ nữ, gỡ cho chàng thế bí này.

-Thưa bệ hạ – Nàng nói – Chúng ta quên mất rằng người bị thương tội nghiệp này cần được nghỉ ngơi. Và này, tôi cũng buồn ngủ rũ ra rồi đấy.

Quả thực là De Mole có tái mặt đi, nhưng đó là do những lời nói sau này của Marguerite mà chàng nghe và hiểu theo ý mình.

-Chẳng có gì đơn giản hơn, thưa bà – Henri nói – Chúng ta cứ để cho ông de Mole nghỉ thôi.

Chàng trai đưa mắt cầu khẩn nhìn Marguerite, và mặc dù có mặt hai vị vương giả, chàng bỏ đi tới một chiếc ghế, lòng tan nát vì đau đớn và mệt mỏi.

Marguerite hiểu rõ tất cả tình yêu chứa đựng trong cái nhìn ấy và nỗi tuyệt vọng ẩn trong sự yếu mềm ấy.

-Thưa bệ hạ – Nàng nói – Bệ hạ nên ban cho nhà quý tộc trẻ tuổi này một vinh hạnh mà ông ta sẽ nhớ ơn suốt đời, vì ông ta là người đã dám mạo hiểm cả mạng sống của mình vì bệ hạ, tuy bị thương nhưng ông ta đã chạy tới đây để báo cho bệ hạ về cái chết của đô đốc và của Téligny.

-Vinh hạnh nào đây thưa bà? – Henri nói – Xin bà cứ ra lệnh, tôi sẵn lòng theo.

-Đêm nay ông de Mole sẽ ngủ dưới chân bệ hạ, còn bệ hạ sẽ ngủ ở chiếc giường này. Còn tôi, được đức phu quân tôn kính cho phép, tôi sẽ gọi Gillonne đưa tôi đi nghỉ – Marguerite vừa nói vừa mỉm cười – Vì, thưa bệ hạ, tôi không phải là người ít cần nghỉ ngơi nhất trong ba chúng ta đâu.

Henri là người có trí lực, có lẽ lại còn hơi nhiều quá nữa như các bạn bè và kẻ thù của ông sau này thường lên án ông. Nhưng ông hiểu rằng người từ chối không cho ông chung chăn gối đã giành được quyền làm thế nhờ vào chính sự thờ ơ ông đã tỏ ra đối với nàng. Vả chăng, Marguerite vừa mới trả thù cho sự thờ ơ đó bằng cách cứu sống ông. Vậy nên ông không để cho lòng tự ái chen vào trong câu trả lời của mình: -Thưa bà, nếu ông de Mole có thể đến được phòng của tôi thì tôi sẽ dành cho ông ta giường của chính mình.

-Thưa vâng – Marguerite đáp – Nhưng phòng của bệ hạ vào lúc này chẳng thể che chở cho cả bệ hạ lẫn ông ta, và bệ hạ nên cẩn trọng mà ở lại đây cho tới mai.

Và không chờ nhà vua trả lời, nàng gọi Gillonne, sai sửa soạn gối đệm cho nhà vua và đặt một chiếc giường phía chân vua cho De Mole. Chàng trai tỏ ra sung sướng mãn nguyện với vinh dự đó đến nỗi có thể đoán chắc rằng cnàng ta không hề cảm thấy nỗi đau đớn ở các vết thương của mình.

Marguerite sau khi cầu kỳ cúi mình thi lễ với nhà vua, liền quay trở vào phòng ngủ của mình, khoá chốt lại kỹ càng và nằm duỗi mình trên giường.

“Bây giờ phải làm sao để ngày mai ông de Mole có được một người bảo trợ ở Louvre mới được – Marguerite tự nhủ – Kẻ nào tối nay làm ngơ thì ngày mai sẽ phải hối.”

Rồi nàng ra hiệu cho Gillonne đang đứng chờ những mệnh lệnh cuối cùng của nàng tới bên cạnh.

Gillone tiến lại gần.

-Gillone – Nàng thì thầm nói – Em phải tạo ra cho quận công d’Alençon em ta, với một cớ nào đó để ông ta muốn tới đây trước tám giờ sáng mai.

Chuông đồng hồ tại Louvre điểm hai giờ.

De Mole tiếp tục bàn chuyện chính trị một lát với nhà vua. Dần dần Henri ngủ thiếp đi và chẳng mấy chốc ngáy khò khò tựa như thể ông đang nằm trên chiếc giường da Bearn của ông vậy.

De Mole lẽ ra đã ngủ được như nhà vua. Nhưng Marguerite không ngủ được, cứ trằn trọc hoài trên giường và tiếng trăn trở của nàng làm khuấy động ý nghĩ và giấc ngủ của chàng trai.

“Chúng ta còn trẻ quá – Marguerite thầm thì trong cơn mất ngủ – Chàng ta quá rụt rè, thậm chí đôi khi lại lố bịch nữa, ta phải xem… Tuy nhiên mắt đẹp,

dáng người cân đối, rất duyên dáng, thế nhưng nếu chàng ta lại không can đảm thì sao… Trốn này, cải đạo này… bực thật, giấc mơ bắt đầu hay đấy, thôi… kệ đời mọi việc, ta cứ quay về với ông thần tam vị của cái con bé Henriet điên rồ ấy thôi.”

Tới tang tảng sáng, Marguerite cuối cùng cũng vừa ngủ thiếp đi vừa lẩm bẩm: Eros – Cupido – Amor.

§15. Ý đàn bà là ý Chúa

Marguerite đã không nhầm: cơn giận Catherine chất chứa trong lòng khi thấy rõ mưu mô của mình trong tấn tuồng này không làm thay đổi được gì cho phần chung cuộc. Cơn giận đó cần phải được trút xuống đầu kẻ nào đó. Cho nên đáng lẽ đi về phòng mình thì Thái hậu lại đi thẳng lên phòng vị nữ quan trông coi trang phục của bà.

Phu nhân de Sauve đang chờ đợi hai cuộc viếng thăm: nàng mong đợi Henri và e ngại Thái hậu. Trong khi Dariole đang thức ở phòng ngoài, phu nhân de Sauve nằm trong giường, áo quần nửa kín nửa hở, nàng nghe có tiếng chìa khoá quay trong ổ, rồi những bước chân chậm rãi tiến lại gần. Những bước chân đó có lẽ sẽ nặng nề nếu như không có những tấm thảm dày làm nhẹ bớt. Phu nhân không hề nhận ra tiếng bước chân vội vàng và nhè nhẹ của Henri. Nàng ngờ rằng người ta không cho Dariole vào báo trước và nàng chờ đợi, đầu tỳ lên tay, tai mắt đều căng ra nghe ngóng.

Tấm rèm treo cửa được vén lên và người thiếu phụ rùng mình khi thấy Catherine de Médicis hiện ra.

Catherine có vẻ bình thản. Nhưng phu nhân de Sauve vốn đã quen nhận xét Thái hậu từ hai năm nay, hiểu ngay vẻ bình thản bề ngoài ấy che giấu những suy tính và có lẽ là cả sự trả thù tàn bạo nữa.

Nhìn thấy Catherine, phu nhân de Sauve toan nhảy xuống giường.

Nhưng Thái hậu giơ ngón tay ra hiệu cho nàng cứ nằm nguyên và Charlotte tội nghiệp cứ phải nằm ì tại chỗ. Nàng dồn tất cả sức lực của tâm hồn để chống chọi với cơn giông tố đang lặng lẽ ập tới.

-Cô đã đưa chìa khoá cho vua Navarre chưa? – Catherine hỏi mà không hề thay đổi giọng.

Tuy nhiên những lời đó được nói ra trên đôi môi mỗi lúc thêm một tái đi.

-Thưa lệnh bà, đã ạ… Charlotte trả lời với một giọng mà nàng cố tỏ ra bình thản như giọng Thái hậu.

-Cô đã gặp ông ta chưa?

-Thưa lệnh bà, ai ạ? – Phu nhân de Sauve hỏi lại.

-Vua Navarre.

-Thưa lệnh bà chưa, nhưng tôi đang chờ ông ấy, thậm chí khi nghe tiếng chìa khoá quay trong ổ, tôi đã tường là ông ấy tới.

Câu trả lời tỏ ra phu nhân de Sauve hoàn toàn tin tưởng, hoặc nàng che giấu mình cực giỏi. Nghe vậy Thái hậu không thể kìm được một tiếng rên khe khẽ. Bà nắm chặt bàn tay mập mạp ngắn ngủn của mình lại.

-Ấy thế mà mi đã biết thừa rằng đêm nay vua Navarre không tới đây Charlotte ạ! – Thái hậu vừa nói vừa mỉm cười độc ác.

-Thưa lệnh bà, làm sao tôi lại biết được điều đó? – Charlotte nói với nét ngạc nhiên như thật.

-Ừ, mi biết đấy.

-Nếu nhà vua không đến, thì ông ta chắc phải chết rồi – Thiếu phụ vừa nói vừa rùng mình khi nghĩ tới giả thiết này.

Charlotte đã dám cả gan nói dối như vậy vì nàng chắc rằng nếu sự phản bội nho nhỏ của nàng mà bị phát giác, nàng sẽ phải chịu trả thù khủng khiếp.

-Thế nhưng mi không viết cho vua Navarre chứ, Charlotte ạ. – Thái hậu vẫn tra hỏi với nụ cười câm lặng và tàn bạo.

-Thưa lệnh bà, không – Charlotte trả lời với vẻ ngây thơ đáng khâm phục – Hình như lệnh bà đâu có ra lệnh cho tôi làm thế!

Im lặng một lát. Trong khi đó Catherine nhìn phu nhân de Sauve như con rắn nhìn con chim mà nó muốn thôi miên.

-Mi tưởng mi đẹp, mi tưởng mi khôn khéo lắm phải không? – Catherine nói.

-Thưa lệnh bà, không – Charlotte đáp – Tuy vậy tôi biết rằng đôi khi lệnh bà thật là rộng lòng khi nói tới sự khôn khéo và sắc đẹp của tôi.

-Thế thì mi nhầm nếu mi tin như thế – Catherine hoạt bát hẳn lên – Và ta đã nói dối nếu ta nói với mi như thế, mi chỉ là một đứa đần độn và một con đàn bà xấu xí bên cạnh Margot con ta.

-Ôi thưa lệnh bà, đúng như vậy – Charlotte nói – Tôi không hề muốn phủ nhận điều đó, nhất là đối với lệnh bà.

-Vì thế nên vua Navarre yêu thích con ta hơn mi nhiều – Catherine nói tiếp – Ta nghĩ rằng đó không phải là điều mi muốn, cũng không phải là điều mà chúng ta đã từng thỏa thuận.

-Khổ thay, thưa lệnh bà – Charlotte bật khóc, lần này thì nàng chẳng phải cố gắng gì – Nếu quả thật như vậy thì tôi rất đau lòng.

-Thật thế đấy – Catherine vừa nói vừa nhìn xoáy vào phu nhân de Sauve với một tia nhìn sắc nhọn như dao.

-Nhưng ai nói để lệnh bà tin như thế? – Charlotte hỏi.

-Đi xuống phòng hoàng hậu Navarre, pazza[389] và mi sẽ thấy người tình của mi ở đấy.

-Ôi! Phu nhân de Sauve thốt lên.

Catherine nhún vai và hỏi: -Mi ghen chứ?

-Tôi ư? – Phu nhân de Sauve cố tập trung tất cả sức lực đang gần tan của nàng.

-Ừ, mi, ta tò mò muốn xem một cơn ghen của đàn bà Pháp.

-Nhưng lệnh bà muốn tôi ghen như thế nào nếu như không phải là vì tự ái? Tôi chỉ yêu vua Navarre với mức vừa đủ cho công cuộc của lệnh bà mà thôi.

Catherine nhìn nàng một lát với cặp mắt mơ màng.

-Dù sao thì những lời mi nói đó có thể cũng là thật. – Thái hậu lẩm bẩm.

-Lệnh bà thật đã thấu lòng tôi.

-Thế tấm lòng ấy có tận tụy với ta không?

-Xin lệnh bà cứ ra lệnh và Người sẽ tự thấy.

-Thế này, vì mi đã quyết hiến thân cho công việc của ta Charlotte ạ, thì mi phải si mê vua Navarre, nhất là phải ghen, ghen như một người đàn bà xứ Ý, điều đó vẫn là để phục vụ ta.

-Nhưng thưa lệnh bà – Charlotte hỏi – Một người đàn bà Ý phải ghen như thế nào?

-Ta sẽ nói với mi sau – Catherine đáp.

Bà gật gật đầu vài lần rồi lặng lẽ và chậm rãi bước ra hệt như khi bà đi vào.

Charlotte run rẩy trước cái nhìn trong veo của cặp mắt tròn như mắt mèo ấy, cặp mắt tuy thất thần nhưng cũng chứa đày ẩn dụ sâu sắc. Nàng để Thái hậu ra đi mà không thốt lên nổi một lời nào, thậm chí cũng không dám tự do thở thành tiếng. Nàng chỉ lấy lại hơi thở khi nghe tiếng cửa khép lại sau lưng Thái hậu và Dariole báo cho nàng biết sự hiện hồn khủng khiếp này đã hoàn toàn tan biến.

-Dariole – Nàng nói – Em kéo chiếc ghế phô-tơi lại gần giường ta và ngủ đêm ở đây với ta. Ta xin em đấy, vì ta chẳng dám ở một mình đâu.

Dariole tuân lời. Nhưng mặc dù có mặt cô hầu phòng ở gần bên, mặc dù nàng đã ra lệnh để đèn đốt sáng lên cho yên lòng hơn, phu nhân sợ và bà Sauve chỉ thiếp đi được vào lúc tảng sáng, vì bên tai nàng vẫn âm vang mãi giọng nói rin rít của Catherine.

Trong khi ấy, mặc dù mới được yến giấc đi được vào lúc rạng sáng, Marguerite cũng thức giấc dậy cùng với những tiếng kèn của đoàn đi săn và những tiếng chó sủa đầu tiên. Nàng dậy ngay và cố ý mặc bộ y phục một cách chểnh mảng. Nàng gọi các thị nữ của mình, gọi vào phòng ngoài những nhà quý tộc vẫn thường phục vụ vua Navarre. Rồi nàng mở cánh cửa đã nhốt trong cùng một phòng cả Henri lẫn De Mole, nàng đưa mắt thân ái chào De Mole và nói với chồng: -Nào, thưa bệ hạ, làm cho mẹ tôi tưởng thực về những điều không có thực vẫn là chưa xong đâu, bệ hạ còn phải thuyết phục cả triều đình của bệ hạ về sự ăn ý hoàn toàn giữa chúng ta với nhau cơ. Nhưng xin bệ hạ cứ yên lòng – Nàng vừa nói thêm vừa cười – Và bệ hạ nhớ kỹ lời tôi nói: đây là lần cuối cùng tôi bắt bệ hạ phải trải qua cuộc thử thách ghê gớm như thế này.

Vua Navarre mỉm cười và ra lệnh cho đưa các quý tộc hậu cần của ông vào. Trong khi họ thi iễ, ông giả tảng như bây giờ mới nhận thấy áo măng-tô của ông vẫn còn nằm trên giường của hoàng hậu. Henri xin lỗi các nhà quý tộc vì đã tiếp

đón họ như vậy và cầm lấy áo từ tay Marguerite đang đỏ mặt và cài áo lên vai. Rồi ông quay về phía họ hỏi thăm tin tức trong thành phố và trong triều đình.

Bằng khóe mắt, Marguerite nhận ra vẻ kinh ngạc khá lộ liễu trên nét mặt các nhà quý tộc về mối thân tình giữa vua và hoàng hậu Navarre. Một người môn lại bước vào theo sau là ba bốn nhà quý tộc khác, báo danh quận công d'Alençon.

Để lôi kéo ông này tới, Gillonne chỉ cần báo với ông ta rằng nhà vua đã ngự đêm ở nơi hoàng hậu.

François bước vào nhanh đến nỗi khi gạt những người đến trước ra ông ta suýt xô họ ngã. Ánh mắt dầu tiên của ông ta dành cho Henri, rồi mới đến Marguerite.

Henri chào ông ta một cách lịch sự. Marguerite tạo cho mình một vẻ mặt hoàn toàn thanh thản.

Bằng một cái nhìn mơ hồ và xoi mói khác thường, quận công nhìn lướt qua căn phòng. Ông ta thấy thảm phủ giường xộc xệch, chiếc gối đôi lõm ở đầu giường, mũ của Henri vứt trên một chiếc ghế. François tái mặt nhưng rồi kịp tĩnh trí lại ngay.

-Henri, sáng nay anh có tới chơi cầu với nhà vua không? – François hỏi.

-Tôi có hân hạnh được hoàng thượng chọn hay đó chỉ là nhã ý của anh đối với tôi thôi, François?

-Không, hoàng thượng không nhắc gì đến chuyện ấy – Quận công hơi lúng túng – Nhưng chẳng phải là anh vẫn chơi cùng hoàng thượng đó sao?

Henri mỉm cười. Biết bao điều nghiêm trọng đã xảy ra kể từ khi ông chơi ván cầu trước với nhà vua đến nỗi bây giờ ông chẳng có gì đáng ngạc nhiên nếu Charless IX thay những người cùng chơi thường lệ của mình.

-Tôi đi với, François! – Henri mỉm cười nói.

Đi thôi – Quận công đáp.

-Cậu đi đấy ư, François? – Marguerite hỏi.

-Thưa chị, vâng.

-Cậu vội lắm à?

-Rất vội.

-Nếu tôi muốn đề nghị anh ở lại vài phút thì sao.

Marguerite hiếm khi có những yêu cầu như vậy, nên ông em nàng nhìn nàng, mặt hết đỏ lại tái.

"Cô ta sắp nói gì với hắn nhỉ?" – Henri cũng ngạc nhiên như quận công, nghĩ thầm.

Tựa như đoán được ý nghĩ của chồng, Marguerite quay về phía – Henri.

-Thưa bệ hạ, Người có thể tới chỗ hoàng thượng trước nếu Người thích, vì Người đã biết cái điều bí mật mà tôi muốn nói với quận công rồi. Vì lời yêu cầu của tôi với bệ hạ hôm qua đã gần như bị bệ hạ từ chối – Marguerite nói với một

nụ cười duyên dáng – Vậy nên tôi không muốn phiền lòng bệ hạ khi nói trước mặt Người một nguyện vọng mà Người sẽ không thấy thích thú.

-Chuyện gì vậy kia? – François ngạc nhiên nhìn cả hai người hỏi.

-À, tôi biết bà muốn nói tới việc gì rồi – Henri nói, mặt đỏ lên vì bực bội – Quả thực tôi rất lấy làm tiếc đã không được tự do hơn thế này. Thế nhưng, nếu như tôi không thể đón nhận ông de Mole với một sự đảm bảo chắc chắn nào, thì chí ít tôi cũng có thể tiếp lời với bà tiến cử cho ông d'Alençon cái người mà bà quan tâm tới – Rồi ông nói thêm để nhấn mạnh – Thậm chí có thể là François sẽ tìm được cách nào đó để giữ ông de Mole cho bà… tại đây… Ở gần nơi bà… Điều đó sẽ là tốt hơn có phải không, thưa bà?

"Nào, cả hai người sẽ làrn được điều mà nếu để riêng rẽ ra thì chẳng ai chịu làm" – Marguerite nghỉ thầm.

Nàng mở cửa buồng cho chàng trai bị thương ra, sau khi đã nói với Henri: -Thưa bệ hạ, xin Người giải thích cho em tôi hiểu tại sao chúng ta lại quan tâm tới ông de Mole.

Henri mắc bẫy đã phải vắn tắt kể lại cho François – Ông này nửa phần theo Tân giáo vì xu hướng muốn đối lập cũng như Henri nửa phần theo Giatô giáo vì thận trọng – việc De Mole tới Paris và chàng đã bị thương như thế nào trong khi đem tới cho Henri bức thư của ông d'Auriac.

Khi quận công quay lại thì De Mole ra khỏi buồng và đứng trước mặt ông ta.

Chàng nom đẹp trai và nhợt nhạt do vậy lại càng quyến rũ hơn. Chính vì vẻ đẹp và nét xanh xao của chàng khiến François khi nhìn thấy chàng đã thấy trong lòng nảy sinh một mối kinh hoàng mới. Marguerite nắm giữ được ông ta vừa bằng sự ghen tuông vừa bằng lòng tự ái.

-François ạ – Nàng nói – Tôi xin đảm bảo là vị quý tộc trẻ tuổi này sẽ có ích cho người nào biết dùng ông ta. Nếu anh nhận ông ta là người của mình thì ông ta sẽ có được một chủ soái có thế lực còn anh sẽ có một người bề tôi tận tuy. Ở thời buổi này, cần phải biết thu dùng người, nhất là… – Nàng hạ giọng nói thêm khiến cho chỉ có quận công nghe được – Nhất là khi người ta có tham vọng mà chẳng may lại chỉ mới là hoàng tử thứ ba của nước Pháp mà thôi.

Nàng đặt một ngón tay lên miệng để tỏ cho François thấy rằng mặc dù đã nói thẳng ra như vậy nàng vẫn giữ kín một phần quan trọng những suy nghĩ của nàng.

-Với lại – Nàng thêm – Có lẽ ngược lại với Henri, cậu sẽ thấy thật không tiện nếu người thanh niên này ở gần phòng tôi đến thế.

-Chị ạ – François hấp tấp nói – Nếu ông De Mole thấy tiện thì trong vòng nửa giờ nữa ông ta sẽ tới ở chỗ tôi. Tôi nghĩ là ở đó ông ta không có gì phải e ngại đâu. Chỉ cần ông ta yêu quý tôi là tôi cũng sẽ yêu quý ông ta.

François đã nói dối vì từ giờ phút này trong thâm tâm ông ta đã thấy thù ghét De Mole rồi.

"Được lắm, được lắm…, mình thật chẳng nhầm! – Marguerite lẩm bẩm khi thấy vua Navarre nhíu mày lại – Để dẫn dụ cả hai người thì phải dùng người này để khích người kia."

Rồi nàng nghĩ tiếp: "Nào, Marguerite, được lắm, chắc là Henri sẽ nói vậy đấy."

Quả thật, nửa giờ sau, De Mole, sau khi được Marguerite lên lớp cho một bài, cúi hôn gấu áo nàng rồi leo lên cầu thang dẫn tới khu phòng của d'Alençon với dáng đi tỏ ra hơi quá nhanh nhẹn đối với một người bị thương.

Hai ba ngày trôi qua. Trong lúc đó sự hoà hợp tốt đẹp tỏ ra ngày càng thêm vững chắc giữa Henri và vợ, Henri đã đạt được việc không phải làm lễ cải đạo công khai, nhưng đã tử bỏ đạo cũ với linh mục rửa tội của nhà vua và sáng nào cũng đi lễ ở Louvre. Tối nào ông cũng đi một cách rất lộ liễu tới phòng của vợ, vào bằng cửa lớn, chuyện trò một lát với Marguerite rồi qua cánh cửa nhỏ bí mật để tới phòng phu nhân de Sauve. Bà này đã báo ngay cho Henri về cuộc viếng thăm của Thái hậu và về mối nguy hiểm đe dọa ông. Henri được cả hai phía thông báo tình hình nên càng thêm cảnh giác với Thái hậu. Điều đó càng có ý nghĩa khi nét mặt Thái hậu cứ dần dần dãn ra. Thậm chí, một sớm Henri còn thấy nở trên đôi môi xanh xao của bà một nụ cười khoan dung. Ngày hôm ấy ông đã hết sức tránh không ăn thứ gì khác ngoài trứng do chính ông sai luộc và không uống thứ gì khác ngoài nước múc ở dưới sông Seine lên, dưới chính mắt ông.

Các cuộc tàn sát vẫn tiếp diễn nhưng dù sao thì cũng thưa thớt dần. Người ta đã giết nhiều người Tân giáo đến nỗi số lượng người Tin lành giảm hẳn đi. Phần lớn đã chết, nhiều người trốn thoát chỉ còn một vài người còn đang ẩn náu. Thỉnh thoảng lại có tiếng la hét inh ỏi trong khu này, khu khác. Đó là khi người ta phát hiện ra một trong số những kẻ còn ẩn náu. Cuộc hành hình khi đó được tiến hành hoặc là theo kiểu cá nhân hoặc là theo lối công cộng tuỳ theo kẻ bất hạnh bị dồn vào một nơi không lối thoát hay có thể chạy trốn. Trong trường hợp thứ hai thì đó là một niềm vui lớn đối với khu phố còn sự việc xảy ra. Đáng ra phải tĩnh tâm lại khi kẻ thù phần lớn đã bị tiêu diệt thì những người Giatô giáo ngày lại càng trở nên hung bạo. Còn càng ít kẻ thù thì họ lại càng tỏ ra tàn khốc đối với những kẻ lẩn trốn bất hạnh ấy.

Charles IX rất vui thú khi săn đuổi những người Tân giáo. Và khi nhà vua không thể tự mình tiếp tục được cuộc săn đuổi nữa, thì ông lại rất ham nghe người ta kể chuyện săn người của những kẻ khác.

Một hôm, sau khi chơi đánh cầu trở về, – đó là trò chơi ưa thích nhất của mình – nhà vua bước vào cung Thái hậu, mặt mày hớn hở, cùng các quần thần quen thuộc theo hầu.

-Mẹ ơi – Ông vừa nói vừa ôm hôn người đàn bà xứ Florence, Thái hậu nhận thấy niềm vui ấy, đang cố đoán xem nguyên nhân từ đâu.

-Có tin vui mẹ ạ. Mẹ kiếp, mẹ có biết không? Hài cốt trứ danh của ông đô đốc mà người ta cứ tưởng đã mất, lại được tìm thấy rồi.

-A, thế hả?

-Ồ! Lạy Chúa, thật chứ. Chắc mẹ cũng như tôi tưởng rằng lũ chó đã xơi cỗ no nê rồi chăng? Nhưng không, thần dân của tôi, thần dân yêu quý và tốt bụng của tôi, đã nảy ra sáng kiến là treo ông đô đốc lên đầu móc ở Montfaucon rồi.

Ta ném Gaspard từ trên xuống dưới,

Rối lại treo y từ dưới lên trên.

-Thế thì sao? – Catherine hỏi.

-Thế này mẹ nhé – Charles IX đáp – Tôi vẫn muốn gặp lại y từ khi tôi biết rằng y đã chết, cái lão quý hoá ấy. Trời đẹp lắm: Tôi cảm thấy vạn vật nở hoa, không khí đầy hương thơm và sức sống, tôi khỏe hơn bao giờ hết. Nếu mẹ muốn, chúng ta sẽ lên ngựa và đi tới Montfaucon.

-Ta sẵn lòng thôi con ạ – Catherine nói – Nếu như ta đã không trót hẹn mà ta không muốn thất hứa. Vả lại, thăm viếng một người tầm cỡ như ông đô đốc – Thái hậu nói thêm – Cần phải mời cả triều đình. Sẽ là dịp cho những người quan sát có những nhận xét thú vị. Chúng ta sẽ biết ai đi và ai ở.

-Quả là mẹ có lý đấy! Để ngày mai hơn. Vậy mẹ cứ mời đi nhé, tôi sẽ mời phía tôi, hay là ta chẳng mời ai cả thì hơn. Chúng ta sẽ chỉ nói là ta tới đó, mọi người vẫn tự do. Chào mẹ, tôi đi thổi tù và đây.

-Charles, anh làm hao mòn sức lực của anh, Ambroise Paré đã nói mãi rồi và ông ta nói đúng đấy. Tập luyện như thế vất vả quá đối với anh.

-Chậc! – Charles nói – Tôi chỉ muốn tin chắc là sẽ được chết chỉ vì điều đó. Tôi còn chôn được tất cả những người ở đây, kể cả Henriot là kẻ mà có ngày sẽ kế tục cả lũ chúng ta như Nostradamus[390] đã nói.

Catherine cau mày, nói: -Con ạ, con đừng tin những điều tỏ ra là không thể xảy tới, trong lúc đó thì phải giữ gìn sức khỏe.

-Chỉ vài ba hồi tù và thôi để cho lũ chó của tôi thích. Chúng đang buồn chán đến chết mất, những con vật tội nghiệp! Lẽ ra tôi phải suỵt chúng săn bọn Tân giáo mới phải, chắc chúng thích lắm.

Và Charles rời khỏi phòng Thái hậu về phòng vũ khí gỡ lấy một chiếc tù và thổi lên một hồi khiến cho chính Roland[391] cũng lấy làm ghen tị. Người la không thể hiểu tại sao từ cái thân hình ốm yếu và bệnh hoạn ấy, từ cái đôi môi nhợt nhạt ấy lại có thể thổi ra một luồng hơi mạnh mẽ đến thế.

Quả thực là, như Catherine đã nói với con, bà ta đang đợi một người nào đó. Một lát sau, khi nhà vua ra khỏi, một thị nữ của Thái hậu đến nói thầm với bà.

Thái hậu mỉm cười đứng dậy, chào những người đang chầu bên mình và đi theo người báo tin.

Đó là gã Florentin René, người mà ngay trong buổi tối ngày lễ Saint-Barthélémy đã được Henri đón tiếp một cách rất xã giao, vừa mới vào tới phòng cầu nguyện của Thái hậu.

-À ông đấy à, René? – Catherine nói – Ta cứ sốt ruột chờ ông mãi.

René cúi mình thi lễ.

-Ông đã nhận được mấy chữ ta viết cho ông chưa?

-Tôi đã nhận được hân hạnh đó.

-Ông đã làm như ta bảo, thử nghiệm lại cái lá số từ vi do Ruggieri lấy rất phù hợp với lời tiên tri của Nostradamus nói rằng cả ba con trai ta đều sẽ trị vì trên ngôi vua?… Mọi việc thay đổi nhiều từ mấy ngày nay René ạ, và ta nghĩ rằng có thể số mệnh đã trở nên ít đe dọa hơn.

-Thưa lệnh bà – René lắc đầu nói – Lệnh bà biết rằng các sự việc không làm biến đổi số phận, ngược lại chính số phận làm thay đổi các sự việc.

-Nhưng ông vẫn đã làm lại lễ hy sinh chứ?

-Thưa lệnh bà vâng, vì tuân lời lệnh bà là bổn phận đầu tiên của tôi.

-Thế kết quả ra sao?

-Thưa lệnh bà, vẫn thế.

-Sao? Con cừu đen vẫn kêu lên ba tiếng?

-Vẫn kêu ba tiếng, thưa lệnh bà.

Đó là dấu hiệu của ba cái chết thảm khốc trong gia đình ta! – Catherine lẩm bẩm.

-Khổ thay! – René nói.

-Còn phần tiếp theo thì sao?

-Thưa lệnh bà, trong bụng nó vẫn có sự đổi chỗ kỳ lạ của lá gan mà chúng ta đã nhận thấy ở hai con trước, lá gan đó nghiêng theo chiều ngược lại.

-Đổi thay triều đại. Vẫn thế, vẫn thế! – Catherine lẩm bẩm – Tuy vậy vẫn phải đấu tranh chống lại điều đó René à – Thái hậu nói tiếp.

René lắc đầu nói: -Tâu Thái hậu, như tôi đã nói với Người, số phận sẽ chi phối tất cả.

-Ý mi là thế phỏng? – Catherine hỏi.

-Tâu lệnh bà, vâng.

-Mi có nhớ số tử vi của Jeanne d'Albert không?

-Tâu lệnh bà, có.

-Nhắc lại một chút xem, ta đã quên mất rồi.

-Vies honorata – René nói – moneries reformidatal regina amplificabere.

-Ta nghĩ điều đó có nghĩa là: Người sẽ sống vinh hiển, và con mụ tội nghiệp ấy thiếu cả những thức thường nhật nhất.

Người sẽ chết đi trong niềm kinh sợ, ấy vậy mà chúng ta đã chế giễu mụ ta. Người sẽ vĩ đại hơn là khi làm hoàng hậu, thế mà bây giờ mụ đã chết rồi và sự vĩ đại ấy nằm trong một nấm mồ mà chúng ta thậm chí còn quên cả ghi tên mụ.

-Tâu lệnh bà, người dịch nhầm câu vives honorata. Quả thực là cố hoàng thái hậu Navarre đã sống trong niềm vinh hiển khi bà còn sống, bà ta được các con và triều thần yêu mến và kính trọng. Bà ta càng nghèo bao nhiêu thì lòng thương yêu và sự kính trọng ấy càng chân thành bấy nhiêu.

-Được – Catherine nói – Ta cho ông qua cái câu "Người sống trong vinh hiển". Nhưng xem nào, còn morieris reformidata, ông sẽ giải thích thế nào đây?

-Tôi giải thích như thế nào ạ? Dễ quá: người chết đi trong niềm kính sợ.

-Thế mụ ta có chết trong niềm kính sợ không?

-Tâu lệnh bà, bà ta được kính sợ đến nỗi bà ta có lẽ đã không chết nếu lệnh bà không e ngại bà ta. Cuối cùng thì là hoàng hậu người sẽ vĩ đại hoặc người sẽ vĩ đại hơn là khi làm hoàng hậu, điều này cũng lại đúng, thưa lệnh bà, vì để đổi cho vòng vương miện không bền vững, có lẽ lúc này đây bà ta đã nhận được vòng vương miện của trời với tư cách là hoàng hậu và là người tử vì đạo. Ngoài ra nào ai biết được tương lai dòng giống của bà ta trên trái đất này là như thế nào?

Catherine mê tín đến cùng cực. Bà ta có lẽ kinh sợ vẻ thản nhiên của René hơn là sự ngoan cố khăng khăng của các điềm triệu. Đối với bà, một bước hiểm nghèo là dịp để thoát khỏi tình huống một cách táo bạo. Chẳng cần chuyển tiếp nào ngoài cái đà thầm lặng trong óc bà, bà đột ngột hỏi René: -Đã có hương, mỹ phẩm Ý đến chưa?

-Thưa lệnh bà đã có.

-Ông sẽ gửi cho ta một hộp đủ bộ nhé.

-Những loại nào ạ?

-Những loại mới đây này, những loại mà…

Catherine ngưng bặt.

-Những loại mà cố hoàng hậu Navarre đặc biệt ưa thích có phải không ạ? – René tiếp lời.

-Chính thế.

-Thưa lệnh bà, có cần phải pha chế chúng không? Vì bây giờ lệnh bà cũng thông thạo chẳng kém gì tôi.

-Mi tưởng thế à? – Catherine nói – Miễn là chúng được việc thôi.

-Lệnh bà còn có gì cần truyền cho tôi nữa không? – Gã bán đồ mỹ phẩm hỏi.

-Không, không, ít ra là ta nghĩ như thế – Catherine trầm tư nói – Nếu có gì mới trong các lễ hy sinh, ông hãy cho ta biết.

-À, này bỏ lũ cừu đấy, thử với gà xem sao.

-Khốn thay, thưa lệnh bà, tôi e rằng dù thay đổi vật hy sinh, chúng ta cũng chẳng thay đổi được các điềm triệu.

-Mi cứ làm theo lời ta.

René cúi chào và lui ra.

Catherine ngồi trầm ngâm thêm một lát nữa rồi quay trở về phòng ngủ của mình, nơi các thị nữ đang đợi bà và bà thông báo cuộc hành hương tới Montfaucon vào ngày hôm sau.

Suốt buổi tối, tin về cuộc du hí đó lan truyền trong lâu đài và trong thành phố. Các bậc mệnh phụ cho chuẩn bị những bộ trang phục tao nhã nhất, các nhà quý tộc thì cho soạn sửa vũ khí và tuấn mã. Các nhà buôn đóng cửa hàng và xưởng thợ. Đó đây, những kẻ lang thang của đám cùng đinh giết một vài người Tân giáo để có được thêm một đám tuỳ tùng thích hợp với xác ông đô đốc. Tiếng ồn ào huyên náo kéo dài suốt tối cho tới tận đầu hôm.

De Mole đã phải trải qua một ngày buồn bã nhất đời, ba bốn ngày trước đó cũng không kém phần buồn chán. Để chiều theo ý thích của Marguerite, d'Alençon đã đưa chàng vào nhà ông ta. Nhưng từ lúc đó, quận công không hề quay lại gặp chàng. De Mole tự nhiên cảm thấy mình như một đứa trẻ bị bỏ rơi, thiếu những sự chăm sóc ân cần, tế nhị và đầy duyên dáng của hai người đàn bà mà kỷ niệm về một trong hai người đó không ngừng vò xé tâm can chàng. Quả là chàng vẫn biết tin nàng luôn qua nhà phẫu thuật Ambroise Paré là người mà nàng sai đến. Nhưng những tin này không toàn vẹn và không đủ cho chàng khi được truyền qua miệng một người đàn ông đã trạc ngũ tuần và không hề biết hoặc giả đò không hề biết gì tới sự quan tâm mà De Mole dành cho những sự việc nhỏ nhặt nhất có liên quan đến Marguerite. Quả tình là Gillonne có đến hỏi thăm sức khỏe của chàng một lần, cố nhiên là nhân danh cá nhân cô ta. Cuộc viếng thăm này có tác dụng như một tia sáng mặt trời chiếu rọi vào trong ngục tối, và De Mole dường như bị chóa mắt, chờ mong một cuộc viếng thăm thứ hai. Mặc dù đã hai ngày trôi qua, kể từ lần tới thăm trước, Gillonne vẫn chưa thấy đến lại.

Vì vậy, khi con bệnh đang bình phục nghe tin về cuộc tụ hội rực rỡ của cả triều đình vào ngày hôm sau, chàng đã hỏi xin ông d'Alençon cho phép chàng được tháp tùng ông ta.

Quận công thậm chí cũng chẳng buồn hỏi xem La Mole liệu có đủ sức chịu đựng một cuộc đi mệt nhọc như vậy không, ông chỉ trả lời: "Càng hay! Cho ông một con trong số ngựa của ta!"

Đó là tất cả những gì mà De Mole mong muốn. Thầy Ambroise Paré tới băng bó cho chàng như thường lệ. De Mole trình bày với ông về việc chàng cần phải lên ngựa. Cả hai vết thương ở ngực và ở vai đều đã khép miệng, chỉ còn vết ở vai là làm chàng đau đớn nữa mà thôi. Cả hai vết đều đỏ hồng màu da thịt đang lành. Thầy Ambroise Paré dán lên đó những miếng vải taffetas có phết hồ, rất thịnh hành ở thời đó cho những vết thương này: ông đảm bảo với De Mole là nếu

chàng không cử động nhiều quá trong cuộc du ngoạn sắp tới thì mọi việc đều ổn thoả cả.

De Mole hết sức vui mừng. Nếu không kể tới việc chàng hơi yếu và hơi choáng váng đầu óc do bị mất máu thì chàng vẫn cảm thấy khỏe khoắn. Hơn nữa, Marguerite chắc thế nào cũng có mặt trong chuyến đi này, chàng sẽ được gặp lại nàng. Khi nghĩ rằng chỉ nhìn thấy Gillonne, chàng đã khá hơn nhiều rồi, chàng không nghi ngờ gì rằng nếu được nhìn thấy người mình yêu chàng lại càng khỏe hơn nữa.

Vậy nên De Mole dùng một phần số tiền mà chàng nhận được lúc rời gia đình để mua chiếc áo chẽn đẹp nhất và chiếc măng-tô thêu cầu kỳ nhất mà bác thợ may thông thạo thời trang nhất may cho chàng. Bác ta còn cung cấp cho chàng một đôi ủng bằng da thơm mà thời đó người ta hay mang. Tất cả được đem đến cho chàng vào buổi sáng, nữa giờ trước lúc chàng cần, điều đó khiến chàng chẳng có gì phải phàn nàn. Chàng nhanh chóng mặc quần áo, soi mình trong gương và thấy cách ăn vận, đầu tóc và cách xức hương của mình cũng khá tươm tất để có thể tự hài lòng. Cuối cùng, chàng lượn nhanh vài vòng trong phòng và lấy làm yên lòng khi thấy rằng trừ vài lần nhức nhối ra thì hạnh phúc tinh thần sẽ lấn át được những sự khiếm khuyết về thể chất. Chiếc áo choàng ngoài màu anh đào do chàng đặt kiểu, may hơi dài hơn một chút so với kiểu áo choàng mà người ta thường mặc lúc đó, rất hợp với chàng.

Cùng lúc đó, ở dinh de Guise cũng diễn ra một cảnh tương tự. Một nhà quý tộc cao lớn râu tóc hung đỏ đứng trước gương ngắm nghía một vết sẹo đỏ lừ rạch ngang mặt một cách rất chướng. Chàng chải râu và xức dầu thơm, vừa xức vừa bôi lên cái vạch đáng ghét ấy từng lớp từng lớp phấn trắng phấn đỏ mà nó vẫn ường ngạnh hiện ra, mặc dù tất cả các thứ đồ mỹ phẩm thịnh hành của thời ấy đều được đem ra dùng. Xét việc bôi phấn cũng không ăn thua, chàng nảy ra một ý: nắng tháng tám cháy bỏng đang tràn ngập trong sân, chàng bèn xuống sân, mũ cầm tay, mũi hếch lên trời, mắt nhắm tít, chàng lượn lờ khoảng mười phút, cố tình ngửa mặt đón ánh nắng như đổ lửa từ trên trời xuống. sau mười phút, nhờ vào thứ ánh nắng thượng hảo hạng ấy, chàng quý tộc có bộ mặt đỏ dừ đến nỗi cái vết đỏ nay lại không ăn nhập với màu da mặt còn lại và có vẻ như hơi vàng vàng so với nó. Chàng quý tộc chẳng vì thế mà kém hài lòng về cái màu cầu vồng ấy, và cố sức làm cho nó hài hoà với gương mặt bằng cách bôi lên đó một ít son. Sau đó chàng xỏ một bộ y phục tuyệt đẹp mà một bác phó may đã đưa vào buồng chàng trước cả khi chàng cho gọi bác ta.

Trang điểm, xức hương như thế, lại vũ trang từ đầu tới chân, chàng lại xuống sân lần nữa và vuốt ve một con ngựa ô cao lớn. Vẻ đẹp của con tuấn mã có lẽ là không con ngựa nào sánh kịp, nếu như, cũng như chủ, nó không bị một vết gươm của kỵ binh Đức chém cho trong những cuộc nội chiến gần đây.

Dù sao, chàng quý tộc của chúng ta, mà bạn đọc chắc đã nhận ra không khó khăn gì, rất vui mừng về con ngựa của mình cũng như về bản thân. Chàng lên ngựa một khắc đồng hồ trước tất cả mọi người và khiến con vật hí vang cả sân de Guise.

Chàng phải dùng những câu mà thường ngày để khắc phục con tuấn mã thuần phục mình hơn.

Một lát sau, con ngựa được hoàn toàn thuần phục và bằng bước đi uyển chuyển ngoan ngoãn, đã tỏ ra thừa nhận cho chàng kỵ mã chế ngự chính đáng bản thân nó. Nhưng chiến thắng giành được không phải là không ồn ào (có lẽ đấy là điều mà chàng quý tộc của chúng ta mong muốn), tiếng ồn ào đó đưa tới bên cửa kính một vị công nương mà chàng quý tộc của chúng ta cúi chào thật thấp và nàng mỉm cười với chàng một cách thật dễ thương.

Năm phút sau, phu nhân de Nervers cho gọi viên quản gia, nàng hỏi: -Ông quản gia, đã dọn cho bá tước Anibal de Coconnas dùng bữa đàng hoàng chưa?

-Thưa phu nhân đã – Viên quản gia đáp – Thậm chí hôm nay ngài còn thấy ngon miệng hơn thường lệ.

-Được – Quận chúa nói vẻ bằng lòng.

Rồi quay về phía nhà quý tộc thị vệ thứ nhất của nàng, nàng nói: -Chúng ta tới Louvre thôi, ông d'Arguzon tôi xin ông lưu ý tới bá tước Anibal de Coconnas vì ông ấy bị thương và còn yếu, và gì thì gì tôi cũng không muốn có chuyện không hay xảy ra với ông ấy. Chuyện đó sẽ khiến cho bọn Tân giáo chế nhạo, chúng vẫn còn thù ghét ông ta kể từ cái buổi tối ngày Saint-Barthélémy đầy ơn phước đó.

Và phu nhân de Nervers lên ngựa, hớn hở tiến về phía Louvre nơi tất cả mọi người đang tụ hội lại để chuẩn bị xuất hành.

Vào lúc hai giờ chiều, một đoàn kỵ mã vàng bạc châu báu lấp lánh đầy người, nhung y rực rỡ, hiện ra ở phố Saint-Denis, đổ ra góc nghĩa địa Innocents và lướt qua trong ánh nắng giữa hai dãy nhà tăm tối tựa như một con rắn khổng lồ với những chiếc vẩy óng ánh.

§16. Xác chết của kẻ thù bao giờ cũng thơm

Không một đoàn người nào, dù phục sức xa hoa đến mấy, lại có thể sánh được với quang cảnh giàu sang, rực rỡ này. Trang phục của hoàng gia là những kiểu thừa kế của Francçois I với những trang phục cho Henri III. Charles IX kém xa hoa hơn nhưng có lẽ tao nhã hơn trang phục của tất cả khiến nó nổi bật lên trong vẻ tao nhã tuyệt vời.

Người hầu, kỵ sĩ tháp tùng, các quý tộc, chó và ngựa chạy chung quanh và chạy phía sau khiến đoàn diễu hành của hoàng gia trở thành một đội quân thực sự. Đằng sau đội quân đó là quần chúng hay nói đúng hơn là quần chúng có ở khắp mọi nơi.

Quần chúng đi theo, đi cùng và đi trước cả đám rước. Họ reo hò bằng cả tên Nôen và Haro[392] vì trong đoàn người, người ta nhận thấy có nhiều người Tân giáo cải đạo, và quần chúng thì vốn thù dai.

Sáng hôm đó, có mặt cả Catherine và quận công de Guise, Charles IX đã nói trước mặt Henri de Navarre về việc đi thăm đài treo cổ Montfaucon hay đúng hơn là đi thăm cái thi thể què cụt của ông đô đốc bị treo ở đó cứ như thể đây là việc rất tự nhiên. Động tác đầu tiên của Henri là mượn cớ khước từ tham gia cuộc viếng thăm đó. Catherine chỉ mong đợi có thế. Khi Henri nói những câu đầu tiên bày tỏ sự từ chối của mình, Catherine và quận công de Guise nhìn nhau mỉm cười. Henri bắt gặp ý của cả hai người, hiểu ra và đột nhiên nghĩ lại: -Nhưng thật ra tại sao tôi lại không đi nhỉ? – Ông nói – Tôi là người Giatô giáo và tôi phải biết ơn tôn giáo mới của tôi chứ.

Rồi ông ta nói với Charles IX: -Xin bệ hạ cứ tin ở tôi, tôi luôn luôn vui mừng được đi cùng Người tới bất cứ nơi nào.

Và ông nhanh mắt nhìn quanh để đếm những cặp lông mày nhăn lại.

Vì vậy nên kẻ mà người ta tò mò theo dõi nhiều nhất trong đoàn người có lẽ là con người mồ côi mẹ ấy, ông vua không vương quốc ấy và cái anh chàng Tân giáo cải đạo theo Giatô ấy.

Khuôn mặt dài và đầy tính cách của ông, dáng dấp hơi tầm thường, thái độ thân mật với những kẻ thuộc hạ – sự thân mật mà ông đưa tới mức độ gần như là khó coi đối với một bậc vua chúa, ông đã giữ được nó từ những thói quen của thời trẻ nơi rừng nút và ông còn sẽ giữ cho tới lúc chết – Những điều đó đã khiến cho những người đứng xem nhận ra ông. Một vài người kêu lên: -Chịu lễ đi Henriot, đi nghe lễ đi!

Điều đó khiến Henri đáp lại: -Hôm qua ta đã đi, hôm nay ta vừa từ đó tới, ngày mai ta lại cũng đi nghe lễ. Mẹ kiếp! Ta thấy dường như thế cũng khá đủ đây.

Marguerite đi ngựa. Nàng xinh đẹp, tươi mát và thanh lịch vô cùng. Sự trầm trồ thán phục vây quanh nàng như một bản hòa xướng, mà nàng cũng cần phải thừa nhận một vài nốt nhạc lại hướng về cô bạn nàng, phu nhân quận công de Nervers vừa tới gặp nàng. Con ngựa trắng của quận chúa dường như tự hào về cái trọng lượng nó mang trên mình, hung hãn lúc lắc đầu.

-Thế nào quận chúa, có gì mới không? – Marguerite hỏi.

-Thưa lệnh bà, tôi thấy không có gì cả – Henriette cao giọng trả lời. Rồi nàng hạ giọng hỏi – Thế cái anh chàng Tân giáo ra sao rồi?

-Mình đã tìm cho chàng ta một chỗ ẩn khá bảo đảm – Marguerite đáp – Thế cậu đã làm gì với cái lão giết người vĩ đại ấy rồi?

-Anh ta muốn tham gia vào ngày hội này. Anh ta cưỡi con ngựa chiến của ông de Nervers, con ngựa to như con voi. Thực là một kỵ mã dữ tợn. Mình đã cho phép anh ta tham gia buổi lễ vì mình nghĩ rằng anh chàng Tân giáo nhà cậu sẽ thận trọng nằm nhà nên sẽ chẳng có gặp gỡ gì đâu mà sợ.

-Ồ! Thế chứ! – Marguerite vừa nói vừa mỉm cười.

-Dù anh ta có ở đây hay không, mình cũng nghĩ là chả có kiểu gặp gỡ đó đâu. Anh chàng Tân giáo nhà mình đẹp trai thật đấy, nhưng chỉ thế thôi, đấy là bồ câu chứ không phải diều hâu, anh ta sẽ gù gù chứ không cắn xé đâu – Nàng hơi nhún vai và nói với giọng khó diễn tả – Có thể chúng ta tưởng anh ta là người Tân giáo, trong khi đó anh ta lại theo đạo Bàlamôn, và đạo của anh ta cấm anh ta làm đổ máu chăng?

-Nhưng quận công d'Alençon đâu nhỉ, mình không thấy ông ta? – Henriette hỏi.

-Ông ta sẽ đến đấy. Sáng nay ông ta đau mắt và không muốn đi đâu. Nhưng vì người ta biết rằng để khỏi giống ý kiến với các ông anh Charless và Henri của mình, ông ta có hơi thiên về phía những người Tân giáo, nên người ta mới lưu ý ông ta rằng hoàng thượng có thể sẽ hiểu sai sự vắng mặt của ông ta. Thế là ông ta phải tự quyết đấy. Nhưng này, người ta reo hò nhìn ngó gì ở đằng kia, chắc ông ta đã đến, qua cửa ô Montmartre.

-Ồ chính ông ta, mình nhận ra rồi – Henriette nói – Thực tình là hôm nay ông ta nom bảnh lắm. Ít lâu nay, ông ta chăm tỉa tót lắm, chắc đang yêu. Là hoàng tử theo huyết thống cũng sướng thật, ông ta cứ phi ngựa lao vào mọi người ấy thế mà tất cả mọi người đều phải dãn ra.

-Có thể, ông ta sẽ xéo bẹp chúng mình ra mất – Marguerite vừa cười vừa nói – Chúa tha tội cho con! Nhưng này quận chúa, hãy cho người của quận chúa dẹp vào đi! Vì cái anh chàng kia nếu không tránh thì chết mất!

-Ê đấy là anh chàng quả cảm của mình đấy! – Henriette thốt lên – Nhìn kìa, cậu nhìn đi kìa!

Coconnas quả đã rời hàng để tiến lại gần phu nhân de Nervers.

Nhưng giữa lúc con ngựa của chàng đang đi qua đại lộ bên ngoài nối liền phố đó với ngoại ô Saint-Denis thì một kỵ mã trong hàng thị vệ của quận công d'Alençon do cố kìm con ngựa đang hăng máu mà không được đã đâm sầm cả người lẫn ngựa vào Coconnas. Coconnas lảo đảo trên con ngựa khổng lồ, suýt rơi cả mũ. Chàng giữ được mũ và tức giận quay lại.

-Lạy Chúa! – Marguerite nghiêng xuống bên tai bạn nói – Ông de Mole đấy!

-Cái người thanh niên đẹp trai xanh xao ấy à! – Quận chúa không kìm được cảm xúc ban đầu của mình kêu lên.

-Đúng đấy, chính cái người suýt nữa đã húc đổ anh chàng Piémontais nhà cậu đấy.

-Ôi này – Quận chúa nói – Sắp có chuyện khủng khiếp đây, họ nhìn nhau kìa, họ nhận ra nhau rồi!

Quả thật là khi Coconnas quay lại, chàng đã nhận ra gương mặt của De Mole, chàng ngạc nhiên đến nỗi đánh tuột cả dây cương ngựa vì chàng tin chắc đã giết được ông bạn đồng hành hay ít ra là cũng loại ông ta ra khỏi vòng chiến một thời gian dài.

Về phần mình, De Mole cũng nhận ra Coconnas và cảm thấy máu nóng dồn lên mặt. Sau vài giây đủ để thể hiện mọi thứ tình cảm mà hai chàng đều ấp ủ, họ bóp nghẹt nhau trong một cái nhìn khiến hai người đàn bà phải rùng mình. Sau đó, De Mole nhìn quanh và chắc chàng hiểu rằng đây không phải là nơi thích hợp để nói chuyện phải trái với nhau nên chàng thúc ngựa đuổi theo quận công d'Alençon. Coconnas còn đứng nguyên tại chỗ một lát, xoắn ria đến nỗi mép ria gần chọc vào mắt, rồi khi thấy De Mole bỏ đi chẳng nói năng gì, chàng cũng lại tiếp tục lên đường.

-Ái chà, ta quả không nhầm… – Marguerite nói với một nỗi đau đớn khinh bạc – Ôi! Thế này thì quá lắm rồi đấy!

Và nàng cắn môi đến ứa máu.

-Anh chàng xinh trai thật – Quận chúa thương hại nhận xét.

Vừa lúc đó quận công d'Alençon đã vào vị trí của mình phía sau nhà vua và Thái hậu nên các nhà quý tộc đi theo ông buộc phải đi qua trước Marguerite và quận chúa de Nervers. Khi qua trước hai công chúa, De Mole rạp mình tới tận gần sát cổ ngựa cúi chào hoàng hậu và chàng cứ để đầu trần chờ mong hoàng hậu ban cho một cái nhìn. Nhưng Marguerite kiêu hãnh quay đầu đi nơi khác.

Chắc hẳn De Mole đã nhìn thấy vẻ khinh thị trên gương mặt hoàng hậu, mặt chàng đang xanh xao bỗng trở nên nhợt nhạt không còn hạt máu. Hơn nữa, để khỏi ngã, chàng buộc phải nắm lấy bờm ngựa.

-Ôi! – Henriette nói với hoàng hậu – Nhìn đi chứ, đồ ác độc, ông ta sắp ngất bây giờ…

-Hừ, chỉ còn thiếu cái nước ấy! – Marguerite mỉm cười khi thị – Thế cậu có thuốc muối để ngửi đấy không?

Phu nhân de Nervers đã lầm.

De Mole lảo đảo lấy lại sức và giữ vững mình trên ngựa tới đứng vào hàng phía sau quận công d'Alençon.

Đoàn người vẫn tiếp tục tiến lên, người ta dần dần nhìn thấy hình bóng ảm đạm của đài treo cổ do Enguerrand de Marigny dựng lên và chính ông ta là khách hàng đầu tiên. Chưa bao giờ chiếc giá treo cổ đó lại được chất chứa nhiều như bây giờ.

Đình lại và vệ binh quay thành một vòng rộng quanh đài. Khi họ tiến tới, lũ quạ đậu trên giá bay đi với những tiếng kêu tuyệt vọng. Thường ngày phía sau những cột treo của đài xử giảo ở Montfaucon là nơi trú ngụ của lũ chó bị lôi kéo về đây bởi món mồi thường xuyên và những kẻ trộm cướp "triết gia" tới suy ngẫm về những bước thăng trầm đáng buồn của số phận.

Ngày hôm đó ở Montfaucon, ít ra là nhìn bề ngoài thì không có cả chó lẫn kẻ trộm. Đình lại và vệ binh đã đuổi chó đi cùng lúc với quạ, còn các tay trộm cắp thì hoà lẫn trong đám đông để tiến hành một vài quả ngon ăn vốn là những bước thăng trầm đáng vui của nghề nghiệp của chúng.

Đoàn người vẫn tiến lên, Nhà vua và Catherine tới đầu tiên, rồi đến quận công d'Anjou, quận công d'Alençon, vua Navarre, ông de Guise và những quý tộc của họ. Rồi đến lệnh bà Marguerite, quận chúa de Nervers và tất cả các bà tạo thành cái mà người ta gọi là đội kỵ binh có cánh của hoàng hậu. Rồi đến người hầu, kỵ sĩ theo hầu và quần chúng: tất thảy khoảng mười ngàn người.

Ở đài xử giảo chính có treo một khối không ra hình thù gì, một cái xác đen sì, vấy đầy bùn và máu đông đặc lại và trắng ra nhờ những lớp bụi mới. Xác không có đầu, vì vậy nên người ta treo nó lên đằng chân. Vả lại đám tiện dân, vốn bao giờ cũng đầy trí xảo, đã thay cái đầu bằng một nắm bùi nhùi rơm, trên đó họ đặt một cái mặt nạ và trong miệng của cái mặt nạ đó, một kẻ nhạo người nào đó biết rõ thói quen của ông đô đốc, đã nhét vào một chiếc tăm xỉa răng.

Cảnh tượng vừa ảm đạm vừa kỳ quặc: tất cả các vương hầu thanh lịch và mệnh phụ xinh đẹp diễn qua như một đám rước của Gôya vẽ giữa những bộ xương đen đúa và những giá treo cổ có những cánh tay dài khẳng khiu. Niềm vui của những kẻ viếng thăm càng ồn ào bao nhiêu, nó càng trái ngược bấy nhiêu với vẻ im lặng âm thầm và sự lạnh lùng thờ ơ của các xác chết, đối tượng của những lời giễu cợt mà lại khiến chính những kẻ giễu cợt phải rùng mình.

Nhiều người chịu đựng cảnh này một cách khó khăn. Và trong những người Tân giáo cải đạo, người ta nhận ra Henri qua vẻ mặt nhợt nhạt của ông. Mặc dù có khả năng tự kiềm chế rất cao và được trời phú cho cái tài che giấu được các cảm xúc của mình. Henri cũng không thể kìm được. Ông viện cớ có mùi không

trong lành thoát ra từ các mảnh thân người kia và tiến gần Charles IX đang đứng cạnh Catherine. Trước những gì còn lại của ông đô đốc, Henri nói: -Thưa bệ hạ, Người có thấy rằng nếu ở đây lâu hơn nữa thì cái xác tội nghiệp kia có mùi hôi lắm không?

-Anh thấy thế à, Henriot! – Charless ánh lên những tia vui tàn bạo.

-Thưa bệ hạ, đúng vậy.

-Thế thì ta không đồng ý với anh… Xác chết của kẻ thù bao giờ chả thơm.

-Nói thật chứ, tâu bệ hạ – Tavannes nói – Người đã biết là chúng ta có cuộc viếng thăm nho nhỏ này dành cho ông đô đốc thì đáng lẽ Người phải cho mời Pierre Ronsard, thày dạy thi ca của Người mới phải. Ông ta sẽ làm ngay ở đây một bài văn bia cho ông già Gaspad ấy.

-Chẳng có ông ấy cũng được – Charless IX nói – Chính ta sẽ làm thơ… Thí dụ, các ngài nghe đây nhé – Charless IX nói sau khi suy nghĩ một lát:

Ở đây yên nghỉ Gaspad

Với những lời ấy vẫn là đẹp thay

Xác treo đô đốc nơi này

Đằng chân lên trước vì bay mất đầu

-Hoan hô! Hoan hô! – Các quý tộc Giatô giáo đồng thanh kêu lên, còn những người Tân giáo cải đạo cau mày và vẫn yên lặng.

Henri đang nói chuyện với Marguerite và phu nhân de Nervers, ông giả tảng như không nghe thấy gì.

-Thôi nào, thưa bệ hạ – Catherine mặc dầu đã xức đẫm dầu thơm vẫn bắt đầu thấy khó chịu với cái mùi đó – Thôi nào, hội hè vui vẻ đến mấy thì rồi cũng phải về. Chúng ta xin phép ông đô đốc rồi về Paris thôi.

Bà ta gật đầu giễu cợt chào như thể người ta chào một người bạn rồi đi lên phía đầu đoàn người, bà tới đường cái trong khi đám rước diễu qua trước xác Coligny.

Mặt trời đang lặn.

Đám đông chạy dồn theo bước các bậc đế vương để tận hưởng vẻ hào hoa của đám rước và các chi tiết của tấn kịch.

Lũ trộm cắp lại đi theo đám đông. Mười phút sau khi nhà vua đi khỏi, chẳng còn ai ở bên cái xác què cụt của ông đô đốc mà những cơn gió nhẹ chiều hôm bắt đầu ve vuốt.

Thật nhầm khi nói rằng không còn ai cả. Một nhà quý tộc cưỡi một con ngựa ô, mà chắc là lúc cái xác còn đang được vinh hạnh tiếp kiến các vương hầu, chàng ta đã không được xem cái thây cụt đen đúa không ra hình thù gì đó cho thoải mái nên đã ở lại sau cùng. Chàng ta thích thú ngắm nghía kỹ càng từng chi tiết nào xích sắt, móc sắt, cột đá và sau rốt là cả đài xử giảo. Đối với một người mới tới Paris được vài ngày như chàng và không biết gì về những sự hoàn hảo

của thủ đô trong tất cả mọi sự việc, chắc hẳn đây là mẫu mực của tất cả những thứ gì xấu xa kinh khủng nhất là con người có thể phát minh ra.

Không cần phải nói bạn đọc cũng biết đó chính là ông bạn Coconnas. Cũng lúc đó, một đôi mắt tinh tường của một người phụ nữ đang cố tìm hoài mà chẳng thấy chàng ta trong đoàn người ngựa.

Như chúng tôi đã nói, ông de Coconnas đang say sưa trước tác phẩm của Enguerrand de Marigny.

Nhưng không phải chỉ có người đàn bà ấy tìm ông de Coconnas.

Một nhà quý tộc khác, nổi bật lên nhờ chiếc áo chẽn bằng sa tanh trắng và chòm lông mũ thanh lịch, sau khi đã nhìn trước, nhìn hai bên, nảy ra ý nhìn về phía đằng sau và thấy bóng dáng cao lớn của Coconnas và con ngựa khổng lồ của chàng nổi bật trên nên trời đỏ rực trong ráng chiều.

Nhà quý tộc mặc áo chẽn sa tanh trắng bèn tách khỏi hàng ngũ của cả đoàn người, rẽ sang một con đường mòn nhỏ và đi vòng trở lại đài xử giảo.

Không lâu lắm, vị phu nhân mà chúng ta đã nhận ra là quận chúa de Nervers cũng như ta đã nhận ra nhà quý tộc cao lớn cưỡi ngựa ô là Coconnas đến gần Marguerite và nói: -Marguerite ơi, cả hai đứa chúng mình đều nhầm rồi, anh chàng Piémontais ở lại đằng sau và ông de Mole cũng đi theo chàng ta.

-Khốn khổ thay! – Marguerite vừa cười vừa nói – Sẽ có chuyện đấy. Nói thật, mình thú nhận là cũng thích được đánh giá lại cái anh chàng này.

Marguerite quay lại và quả thật có nhìn thấy De Mole làm cái động tác mà chúng tôi đã nói ở trên.

Đến lượt hai quận chúa rời hàng. Cơ hội rất thuận tiện, mọi người phải đi qua trước một con đường có hai hàng rào rậm rạp. Con đường đó đi vòng lên và qua cách đài treo cổ khoảng ba chục bước. Phu nhân de Nervers rỉ tai chỉ huy vệ binh của mình, Marguerite ra hiệu cho Gillonne và cả bốn người đi vào con đường tắt, tới nấp sau một lùm cây gần nơi sắp xảy ra cái màn kịch mà họ muốn xem. Như chúng tôi đã nói, chỗ đó cách khoảng ba chục bước nơi Coconnas đang say sưa hớn hở khoa chân múa tay trước ông đô đốc.

Marguerite xuống ngựa, phu nhân de Nervers và Gillonne cùng xuống, rồi đến lượt viên chỉ huy vệ binh xuống ngựa và giữ cương cho cả bốn con ngựa. Một thảm cỏ dày và mát mẻ tạo cho ba người đàn bà một chỗ ngồi. Từ chỗ quang quẽ đó, họ nhìn rõ từng tí một.

De Mole đã đi hết đường vòng, chàng cho ngựa đi bước một tới sau lưng Coconnas và vươn tay đập lên vai Coconnas.

Anh chàng Piémontais quay lại: -Ô! Vậy ra không phải là một giấc mơ! Ông còn sống à? – Coconnas hỏi.

-Đúng vậy thưa ông – De Mole trả lời – Tôi còn sống. Không phải lỗi tại ông nhưng rốt cuộc là tôi cứ sống.

-khiốn kiếp thay! Tôi nhận ra ông ngay – Coconnas tiếp – Mặc dù ông xanh xao lắm. Lần trước chúng ta gặp nhau nom ông hồng hào hơn thế này.

-Còn tôi cũng nhận ra ông, mặc dù ông có cái vệt vàng chạy ngang mặt kia. Khi tôi chém ông cái vết ấy thì ông còn xanh xao hơn thế kia.

Coconnas cắn môi. Nhưng hình như định để cho câu chuyện tiếp tục với cái giọng chế nhạo ấy, chàng tiếp: -Kể cũng hay, phải không de Mole, nhất là đối với một người Tân giáo, được đi xem ông đô đốc treo trên cái móc sắt kia. Ấy thế mà có những kẻ dám tố cáo rằng chúng tôi giết cả những đứa trẻ Tân giáo còn đang bú mẹ cơ đấy.

-Bá tước ạ – De Mole nghiêng mình – Tôi không còn là người Tân giáo nữa, tôi đã có hạnh phúc được là người Giatô giáo.

-Chậc! – Coconnas phá lên cười – Ông cải đạo rồi à? Khéo nhỉ.

-Thưa ông – De Mole vẫn giữ vẻ nghiêm túc và lịch sự nói tiếp – Tôi đã thề sẽ cải đạo, nếu tôi thoát chết trong cuộc tàn sát.

-Bá tước ạ – Coconnas đối lại – Lời thề ấy khôn ngoan đấy, tôi có lời khen ông. Thế ông có thề gì khác nữa không?

-Có đấy ông ạ, tôi còn một lời thề thứ hai – De Mole vừa trả lời vừa bình thản vuốt ve con ngựa của mình.

-Thề gì thế? – Coconnas hỏi.

-Tôi thề là sẽ treo ông lên chỗ kia, ông có nhìn thấy không, ở chỗ cái đinh nho nhỏ hình như đang chờ đợi ông ở bên dưới ông Coligny ấy.

-Sao? – Coconnas hỏi – Treo tôi còn sống nguyên thế này lên à?

-Không, thưa ông, chỉ sau khi đã xuyên mũi kiếm của tôi qua mình ông.

Coconnas tím mặt lại, cặp mắt xanh lá cây của chàng phát ra những tia lửa.

-Ông có thấy là ở chỗ cái đinh ấy… – Chàng vừa nói vừa nhạo.

-Ừ, đúng vào chỗ cái đinh ấy… – De Mole tiếp.

-Ông chẳng đủ cao để làm việc ấy đâu, ông bạn nhỏ con của tôi ơi!

-Thì tôi sẽ trèo lên ngựa của ông, ông sát nhân vĩ đại ạ – De Mole nói – A! Thưa ông Anibal de Coconnas thân mến, ông tưởng là người ta có thể giết người mà không bị trừng phạt gì với cái cớ trung thực và đáng tôn kính là người ta có trăm người chọi một à? Thưa không! Sẽ có ngày thù lại gặp thù, và tôi nghĩ rằng chính là hôm nay đây. Tôi cũng thèm được bắn vỡ cái đầu xấu xí của ông bằng một phát súng lắm. Nhưng thôi, tôi ngắm không chuẩn vì tay còn run bởi những vết thương mà ông đã đánh trộm tôi.

-Cái đầu xấu xí của ta! – Coconnas hét lên và nhảy xuống ngựa – Xuống đi, xuống! Bá tước, rút kiếm ra!

Và chàng tuốt kiếm cầm tay.

-Mình thấy hình như anh chàng Tân giáo nhà cậu nói là "cái đầu xấu xí" – Quận chúa de Nervers rỉ tai Marguerite – Thế cậu có thấy anh chàng kia xấu

không?

-Anh ta dễ thương lắm! – Marguerite vừa nói vừa cười – Và mình buộc phải nói rằng tức giận làm ông De Mole trở nên bất công, suỵt, nhìn kìa!

Coconnas xuống ngựa nhanh bao nhiêu thì De Mole từ tốn bấy nhiêu. Chàng cởi chiếc áo măng-tô màu anh đào, đặt xuống đất rút kiếm ra và thủ thế.

-Ái dà! – Chàng buột mồm nói khi buông tay ra.

-Ối chao! – Coconnas cũng lẩm bẩm kêu lúc duỗi tay, vì như người ta còn nhớ, cả hai người đều bị thương ở vai và cử động mạnh quá đều bị đau.

Có tiếng cười không nén được bay ra từ bụi cây. Cả hai công chúa đều không nhịn được cười khi thấy hai đấu thủ vừa xoa bả vai vừa nhăn nhó. Giọng cười vang đến tận chỗ hai chàng quý tộc đang không biết mình có người làm chứng. Họ quay lại và nhận ra các ý trung nhân của mình.

La Mole lại vững vàng thủ thế như một người máy còn Coconnas giao kiếm với một tiếng mẹ kiếp đầy âm sắc.

-Ô này, họ đánh nhau thật, chúng mình không dàn xếp trật tự thì họ cắt cổ nhau mất. Đùa thế đủ rồi. Bớ này các ngài! – Marguerite kêu lên.

-Mặc kệ, mặc kệ – Henriette nói. Nàng đã nhìn thấy Coconnas ra tay và trong thâm tâm nàng mong rằng chàng cũng sẽ dễ dàng ăn đứt De Mole như chàng đã làm với hai người cháu và người con của Mercandon.

-Như thế này trông họ đẹp thật! – Marguerite nói – Cậu nhìn kìa, cứ như là thở ra lửa ấy.

Cuộc chiến đấu được bắt đầu bằng những lời giễu cợt và thách thức, trở nên yên lặng khi hai đấu thủ giao kiếm. Cả hai đều không tin vào sức mình và mỗi một cử động mạnh đều khiến họ buộc phải kiềm chế cơn rùng mình đau đớn do các vết thương cũ gây ra. Tuy nhiên, mắt chằm chằm nảy lửa, miệng hé mở và hàm răng nghiến chặt, De Mole tiến từng bước ngắn vừng vàng về địch thủ, Coconnas nhận ra chàng là một bậc thầy võ nghệ, lùi dần từng bước để đỡ, nhưng đúng là có lùi. Cả hai tiến dần tới bên bờ rãnh, bên kia bờ là các khán giả. Tới đó, dường như sự rút lui của chàng là một sự tính toán để xích lại gần ý trung nhân của mình, Coconnas dừng lại và nhân một đường gỡ vòng hơi rộng của De Mole, chàng nhanh như chớp xỉa thẳng một nhát và ngay lúc đó, chiếc áo chẽn sa tanh trắng của De Mole thấm một vệt đỏ cứ loang dần.

-Can đảm lên! – Quận chúa de Nervers kêu lên.

-Ôi, tội nghiệp chàng, De Mole! – Marguerite cũng kêu lên đau đớn.

De Mole nghe thấy tiếng kêu ấy. Chàng nhìn hoàng hậu với một cái nhìn còn xuyên sâu trong tim người hơn mũi kiếm và lừa một đường kiếm, chàng lăn xả vào địch thủ.

Lần này cả hai người đàn bà cùng kêu lên một tiếng. Mũi thanh kiếm dài của De Mole lộ ra đẫm máu sau lưng Coconnas.

Tuy nhiên không ai ngã xuống. Miệng mở rộng và nhìn nhau, họ đều cảm thấy chỉ một cử động nhỏ cũng khiến họ mất thăng bằng. Cuối cùng, anh chàng xứ Piémontais, vốn bị thương nguy hiểm hơn đối thủ, cảm thấy sức lực của mình đang chảy ra hết dần cùng với máu nên nhảy bổ vào De Mole, một tay ôm nghẹt lấy chàng, còn tay kia tìm cách rút dao găm. Còn De Mole thu hết sức lực, giơ tay lên và để cho chuôi kiếm rơi xuống giữa trán Coconnas. Coconnas bị choáng váng ngã lăn ra nhưng trong khi ngã chàng lôi luôn địch thủ cùng ngã theo và cả hai cùng lăn xuống rãnh.

Khi thấy dù gần chết, hai địch thủ vẫn tìm cách kết liễu đời nhau, Marguerite và quận chúa de Nervers được viên chỉ huy vệ binh giúp đỡ cùng lao tới. Nhưng hai quận chúa chưa đến nơi thì cả hai chàng trai đều đã duỗi tay nhắm mắt, để rơi dao kiếm, cứng đơ lên trong cơn co giật tột cùng. Máu tràn sủi bọt thành vũng quanh họ.

-Ôi De Mole, De Mole can đảm – Marguerite không kìm giữ lòng ngưỡng mộ của mình lâu hơn nữa – Ngàn lần xin tha lỗi vì đã nghi ngờ chàng.

Mắt nàng đẫm lệ.

-Than ôi! – Quận chúa thì thầm – Anibal dũng cảm! Lệnh bà hãy nói xem đã bao giờ Người được thấy hai chàng trai dũng mãnh như thế này chưa? – Và nàng bật khóc nức nở.

-Quỷ thật! Đánh cứng tay thật! – Viên chỉ huy vừa nói vừa tìm cách thấm máu đang dầm dề chảy – Ê này, ai ở đấy? Đến đây nhanh lên!

Quả thật có một người ngồi phía trước một chiếc xe chở tội nhân sơn màu đỏ đang xuất hiện trong sương chiều. Y vừa đi vừa hát một bài ca cổ mà chắc do phép màu ở nghĩa địa Innocents gợi ra cho hắn ta nhớ lại.

Sơn trà xanh xanh
Hoa trĩu cành
Nở bên bờ suối
Nho rừng đắm đuối
Vươn tay dài
Quấn quít trà từ ngọn tới chân
Chàng hoạ mi con
Hót véo von
Bên nàng yêu mến
Năm nào cũng đến
Ngụ dưới vòm lá rậm xanh non
Ơi son trà xinh xinh
Xanh tốt mãi
Đừng e ngại
Gió táp mưa sa…

-Này này! – Viên chỉ huy nhắc lại – Người ta gọi thì anh phải đến chứ! Anh không thấy các vị quý tộc đây cần được cứu giúp hay sao?

Người đàn ông đi xe bò có vẻ bên ngoài kinh tởm và nét mặt thô thiển tạo nên một sự trái ngược kỳ quặc với bài ca mục tử dịu dàng mà chúng tôi vừa mới nêu. Y dừng ngựa lại, xuống xe và cúi xuống hai thân người: -Những vết thương đẹp đấy – Y nói – Nhưng ta còn làm được những vết đẹp hơn kia.

-Vậy ông là ai? – Marguerite hỏi, tuy không muốn nhưng nàng vẫn cảm thấy một mối kinh hoàng nào đó mà nàng không có sức chống cự lại.

-Thưa bà – Người đó vừa nói vừa rạp mình sát đất – Tôi là thầy Caboche, đao phủ thành Paris, và tôi đến để treo ở đài xử giảo thêm bạn bè cho ông đô đốc.

-Thế thì ta là hoàng hậu Navarre – Marguerite trả lời – Ông vứt các xác chết của ông lại đó, trải các tấm phủ ngựa cho chúng ta vào xe của ông và đưa hai vị quý tộc đây theo chúng ta về Louvre cho nhẹ nhàng.

§17. Đồng nghiệp của thầy Ambroise Paré

Trong buổi tối, chiếc xe chở Coconnas và De Mole lại lên đường quay về Paris. Xe dừng lại ở Louvre và người đánh xe nhận được một món tiền công khá hậu hĩ. Người ta cho hai người bị thương về chỗ quận công d'Alençon và cho gọi thầy Ambroise Paré.

Khi Ambroise Paré đến, cả hai vẫn còn đang mê man. Tình trạng của De Mole khá hơn một chút: nhát kiếm đâm chàng trúng vào dưới nách phải nhưng không chạm vào bộ phận chủ yếu nào của cơ thể. Coconnas bị đâm thủng phổi và hơi thở xuyên qua vết thương ra ngoài có thể làm rung rinh một ngọn nến. Thầy Ambroise Paré không dám đảm bảo cho tính mạng của Coconnas.

Phu nhân de Nervers tuyệt vọng. Tin vào sức mạnh, sự khéo léo và lòng dũng cảm của chàng trai Piémontais, chính nàng đã xúi Marguerite không cho ngừng cuộc đấu. Lẽ ra nàng đã cho đưa Coconnas về dinh de Guise để chăm sóc chàng như lần trước, nhưng chồng nàng có thể sắp từ Rome trở về nay mai và đưa một người lạ vào ở gia đình rõ ràng là khó coi.

Marguerite cho đưa hai chàng trai về chỗ em nàng, nơi mà De Mole đã từng ở đó. Để che giấu nguyên nhân các vết thương, nàng nói rằng hai nhà quý tộc bị ngã ngựa trong cuộc dạo chơi.

Nhưng viên chỉ huy vệ binh, người đã tận mắt chứng kiến từ đầu đến cuối, tỏ ra rất khâm phục trận đấu và không hề giữ kín chuyện này nên sự thật đã được lan truyền mau chóng. Chẳng mấy chốc khắp triều đình người ta đã biết có hai chàng trai phong lưu đầy tiếng tăm xuất hiện.

Được cùng một nhà phẫu thuật chăm sóc, họ dần dà bình phục theo mức độ nặng nhẹ của vết thương. Do đó nhẹ hơn nên De Mole tỉnh lại trước. Coconnas bị sốt cao khủng khiếp và dấu hiệu có thể trở lại với cuộc sống của chàng là những cơn mê sảng tệ hại nhất.

Mặc dù nằm cùng phòng với Coconnas, khi tỉnh lại, De Mole vẫn không nhìn thấy ông bạn đường của chàng hoặc là chàng chẳng hề tỏ ra là mình nhận thấy chàng kia. Ngược lại, Coconnas khi mở mắt ra liền chằm chằm nhìn De Mole với một thái độ chứng tỏ rằng số máu vừa mất cũng chẳng làm giảm bớt chút nào những cơn giận đùng đùng như lửa của chàng.

Coconnas cứ nghĩ rằng mình nằm mơ, và trong giấc mơ chàng thấy lại kẻ thù mà hai lần chàng tưởng đã giết được. Duy có điều giấc mơ kéo dài quá đỗi. Sau khi nhìn thấy De Mole cũng nằm như mình, cũng được nhà phẫu thuật băng bó như mình, chàng lại thấy De Mole nhỏm dậy được, còn chàng thì phải nằm chết dí vì sốt, vì mệt mỏi và đau đớn. Rồi De Mole bước được xuống đất, rồi bước

từng bước dựa vào tay nhà phẫu thuật, rồi chàng tự chống gậy lần từng bước, rồi cuối cùng chàng đi hẳn được một mình.

Vẫn trong cơn mê sảng, Coconnas nhìn thấy tất cả những giai đoạn của thời kỳ bình phục của ông bạn đường với đôi mắt lúc thì không thần sắc, lúc thì tức giận, nhưng bao giờ cũng đầy vẻ đe doạ.

Tất cả những điều đó đem đến cho trí óc chàng trai xứ Piémontais sự phứt tạp đáng sợ giữa hư và thực. Đối với chàng De Mole đã chết, chết thật rồi, thậm ch đã hai lần chết chứ không phải một. Tuy nhiên, chàng nhìn thấy bóng ma của De Mole nằm trên chiếc giường giống giường chàng, chàng thấy bóng ma đó đứng dậy, rồi đi, và kinh khủng thay, lại đi tới giường chàng.

Coconnas những muốn trốn cái bóng đó dù có phải xuống tận âm ti địa ngục, thế mà nó cứ tiến thẳng tới chàng, đứng dừng lại ở đầu giường và nhìn chàng. Thậm chí trên nét mặt của nó còn có vẻ dịu dàng thông cảm mà Coconnas coi là một sự giễu cợt thâm hiểm.

Trong cái đầu óc còn ốm yếu hơn cả thể xác đó đã nảy sinh ra lòng mong muốn trả thù cuồng dại và mù quáng. Coconnas chỉ còn mỗi một mối bận tâm, đó là phải kiếm được một thứ vũ khí nào đó và với vũ khí đó, chàng sẽ đâm vào thân mình hay hình bóng của De Mole đang giày vò chàng tàn nhẫn đến thế. Quần áo chàng được để trên ghế rồi được mang đi mất, vì chúng đẫm đầy máu và người ta thấy tốt hơn là để chúng xa người bị thương. Nhưng người ta vẫn để trên chiếc ghế đó con dao găm của chàng vì cho rằng chàng sẽ không có ý định sớm sử dụng nó. Coconnas nhìn thấy con dao găm. Trong ba đêm liền, lợi dụng lúc De Mole ngủ chàng cố gắng vươn tay ra tới chỗ con dao. Ba lần chàng đuối sức ngất đi. Đến đêm thứ tư, chàng với tới được, chàng nắm lấy nó bằng những đầu ngón tay co quắp của mình và thốt ra một tiếng rên đau đớn, chàng giấu được dao dưới gối.

Ngày hôm sau, chàng thấy một sự kiện chưa từng có: trong khi chàng luôn luôn bị cái hình ảnh khủng khiếp ấy giày vò và hao mòn sức lực trong những tính toán hỗn loạn cho âm mưu thủ tiêu cái bóng ma De Mole thì bóng ma ấy dường như mỗi ngày lại khỏe thêm ra. Chàng thấy bóng ma mỗi lúc một thêm nhanh nhẹn, lượn hai ba vòng trong phòng với vẻ trầm tư, rồi cuối cùng, sau khi đã chỉnh đốn lại áo choàng ngoài, đeo gươm, đội lên đầu chiếc mũ phớt rộng vành, bóng ma đó mở cửa đi ra.

Coconnas thở phào. Chàng tưởng đã được giải thoát khỏi bóng ma. Trong vài tiếng đồng hồ, máu chảy trong huyết mạch của chàng bình thản và tươi mát hơn kể từ hôm đấu kiếm tới nay.

Một ngày vắng mặt De Mole có lẽ sẽ làm cho Coconnas tỉnh táo ra, tám ngày có lẽ sẽ khiến chàng khỏi bệnh. Khốn thay, chỉ khoảng hai tiếng đồng hồ sau, De Mole lại trở về.

Đối với chàng trai xứ Piémontais, việc De Mole trở lại quả như một nhát dao găm. Và mặc dù De Mole không trở về một mình, chàng cũng không thèm để mắt tới kẻ cùng đi với De Mole.

Tuy nhiên, kẻ cùng đi với De Mole cũng đáng để người ta để mắt.

Đó là một người đàn ông trạc tứ tuần, lùn, mập, rắn rỏi, tóc đen rủ xuống tận chân mày và bộ râu đen che hết phần dưới khuôn mặt trái hẳn với mốt thời đó. Ông ta có vẻ không quan tâm đến thời trang lắm. Ông ta mặc một thứ áo choàng bằng da lấm tấm những vết nâu nâu, quần chẽn màu tiết bò, áo may ô đỏ, và mang đôi dày da cao quá cổ chân. Mũ ông ta cũng màu huyết bò, và ngang người thắt một cái thắt lưng to bản có đeo một con dao gài trong vỏ.

Con người kỳ dị này có mặt ở Louvre quả là một việc bất thường. Ông ta ném chiếc áo choàng ngoài màu nâu của mình lên một chiếc ghế và cứ thế sầm sập tiến tới giường Coconnas. Như bị thôi miên, mắt Coconnas cứ dán vào De Mole đang đứng cách xa. Người mới tới nhìn người ốm rồi lắc đầu nói: -Ông để muộn quá, ông quý tộc ạ.

-Tôi không thể ra sớm hơn – De Mole nói.

-Ê, quái quỷ, ông phải cho gọi tôi chứ.

-Nhờ ai gọi được?

-À, ừ nhỉ. Tôi quên mất là chúng ta đang ở đâu. Tôi đã nói với các phu nhân ấy rồi, nhưng các bà ấy không muốn nghe tôi Nếu người ta theo đơn thuốc của tôi chứ không phải theo của cái con lừa mang yên mà người ta gọi là thầy Ambroise Paré ấy thì các ông đã có thể cùng nhau phiêu lưu hoặc lại đâm chém nhau nữa như các ông thích từ lâu rồi. Thôi để rồi xem. Ông bạn, ông có tỉnh không?

-Cũng còn tỉnh đôi chút.

-Thè lưỡi ra, ông quý tộc.

Coconnas vừa thè lưỡi ra cho De Mole vừa nhăn mặt một cách khủng khiếp đến nỗi người khám phải lắc đầu một lần nữa.

-Ô hô! – Ông ta lẩm bẩm – Cơ bị co rút. Không được để chậm nữa. Ngay tối nay, tôi sẽ gửi cho ông một liều thuốc nước pha chế sẵn. Phải cho ông ta uống ba lần, cách nhau một giờ: một lần vào nữa đêm, một lần vào lúc một giờ, một lần vào lúc hai giờ.

-Được rồi.

-Nhưng ai sẽ cho ông ta uống thuốc ấy?

-Tôi.

-Chính ông à?

-Ừ

-Ông có hứa với tôi không?

-Thề danh dự quý tộc!

-Và nếu một thày thuốc nào đó muốn chiết lấy một lượng nhỏ để phân tích và xem thành phần của môn thuốc đó thì…

-Tôi sẽ đổ đi đến giọt cuối cùng.

-Cũng thề danh dự quý tộc chứ?

-Tôi thề với ông.

-Tôi nhờ ai gửi thuốc đến cho ông được?

-Người nào mà ông muốn.

-Nhưng người tôi sai đi thì…

-Sao?

-Làm thế nào mà y đến được tận chỗ ông.

-Tôi đã lường trước rồi. Ông ta sẽ nói ông ta là người của ông René bán hương phẩm.

-Cái gã người xứ Florence ở trên cầu Saint-Michel ấy à?

-Chính ông ta. Ông ta được phép vào Louvre bất cứ giờ nào, bất kể đêm ngày.

Người đàn ông mỉm cười nói: -Quả thật Thái hậu trả công ông ta thế còn quá ít đấy. Được rồi, sẽ có người do thầy René bán hương phẩm gửi đến. Tôi đã quyền mạo danh y một lần, đã nhiều lần y hành nghề của tôi mà không có giấy phép.

-Thế nào – De Mole hỏi – Vậy tôi chờ ông chứ?

-Cứ chờ tôi.

-Còn về thù lao thì…

-Ồ, tôi sẽ được thanh toán với chính vị quý tộc đây khi ông ta bình phục.

-Xin ông cứ yên lòng. Tôi tin rằng ông ấy có khả năng để thưởng công ông hậu hĩ.

-Tôi cũng tin như thế – Ông ta nói thêm với nụ cười kỳ dị – Nhưng vì những người có việc với tôi không có thói quen nhớ ơn nên tôi cũng sẽ không lấy làm lạ nếu như khi bình phục ông ta lại quên mất hay đúng hơn là chẳng đoái hoài gì đến tôi nữa.

-Được! Được! – Đến lượt De Mole vừa nói vừa mỉm cười – Nếu vậy đã có tôi ở đó để nhắc nhở ông ta.

-Thôi được! Trong hai giờ nữa ông sẽ có thuốc.

-Tạm biệt ông.

-Ông bảo gì cơ?

-Tạm biệt ông.

Người đàn ông mỉm cười nói: -Tôi có thói quen lúc nào cũng chào vĩnh biệt. Vậy vĩnh biệt ông, ông de Mole, trong hai giờ nữa ông sẽ có thuốc. Ông đã rõ chưa, thuốc phải uống vào nữa đêm, chia làm ba lần, cách nhau một giờ.

Nói tới đó, ông ta ra đi và chỉ còn De Mole ở lại một mình với Coconnas.

Coconnas đã nghe thấy cả cuộc nói chuyện nhưng chẳng hiểu gì: đó là những tiếng vô nghĩa, những lời xì xầm vô nghĩa của các từ lọt đến tai chàng. Trong cả cuộc chuyện trò, chàng chỉ nhớ được mỗi một từ: "Nửa đêm."

Chàng vẫn đưa cặp mắt cháy bỏng nhìn theo De Mole. Còn De Mole vẫn tiếp tục ở lại trong phòng, lúc thì mơ màng, lúc thì dạo bước.

Viên thày thuốc vô danh đã giữ lời hứa và gửi thuốc đến đúng giờ. De Mole cẩn thận để thuốc lên một chiếc lò bạc rồi đi nằm.

Hành động đó của De Mole làm cho Coconnas nghỉ ngơi được một chút. Chàng cố nhắm mắt lại, nhưng ngủ thiu thiu trong cơn sốt của chàng chỉ là chuỗi tiếp nối của trạng thái thức trong mê sảng. Vẫn bóng ma đã đeo đuổi chàng ban ngày ấy lại tiếp tục trở lại ban đêm. Qua mi mắt khô khốc, chàng tiếp tục thấy La Mole đầy vẻ đe dọa và một giọng nói lặp đi lặp lại bên tai chàng: "Nửa đêm! Nửa đêm! Nửa đêm!"

Đột nhiên, tiếng chuông đồng hồ ngân vang trong đêm và điểm mười hai tiếng. Coconnas mở đôi mắt rực lửa, hai thở nóng bỏng của chàng thiêu đốt đôi môi khô nẻ. Cơn khát không thể dập tắt hun đốt cổ họng nóng giãy của chàng. Ngọn đèn đêm vẫn sáng như thường lệ, ánh tù mù của nó khiến như có trăm ngàn bóng ma nhảy múa chập chờn trước mắt Coconnas.

Thật khủng khiếp, chính vào lúc đó chàng thấy De Mole từ trên giường tụt xuống. Sau khi lượn một vài vòng trong phòng như con chim cắt lượn trước con mồi mà nó đã thôi miên, De Mole tiến tới tận chỗ chàng và giơ nắm đấm ra. Coconnas với tay về phía con dao găm, nắm lấy cán và chuẩn bị đâm thủng bụng kẻ thù.

De Mole vẫn tiến lại.

Coconnas thì thầm.

-A! Lại mày, vẫn là mày! Lại đây! A! Mày doạ tao, mày giơ nắm đấm với tao, mày lại mỉm cười! Lại đây! Lại đây! A! Mày vẫn từng bước tiến lại cơ à! Lại đây! Lại đây! Tao sẽ giết mày!

Và quả thật, hành động đi đôi ngay với lời đe doạ âm thầm đó. Lúc De Mole cúi xuống, Coconnas tung từ dưới chăn ra một lưỡi dao. Nhưng do cố gắng nhổm dậy nên chàng trai Piémontais bị kiệt sức, cánh tay vung về phía De Mole bị dừng lại nửa chừng, con dao tuột khỏi bàn tay yếu ớt và chàng ngã vật ra trên gối.

-Thôi nào, thôi nào! – De Mole lẩm bẩm nhẹ nhàng nâng đầu Coconnas dậy, đưa vào môi chàng một chiếc cốc – Uống cái này đi, ông bạn tội nghiệp, ông sốt cao quá.

De Mole cầm một chiếc cốc đưa cho Coconnas mà anh chàng này cứ tưởng là cái nắm đấm đầy đe doạ khiến cho trí óc mụ mẫm của chàng hoảng sợ.

Nhưng khi chạm vào chất nước mát lành êm dịu làm thấm ướt môi và mát cả tim phổi chàng, Coconnas tỉnh trí lại, hay đúng hơn, bản năng chàng thức dậy: chàng cảm thấy trong người mình một sự dễ chịu như chưa từng có. Chàng mở mắt nhìn De Mole đang ôm giữ mình và mỉm cười với mình với vẻ thông cảm và từ con mắt trước đây co rút lại trong cơn giận tối tăm, một giọt lệ nhỏ khó nhận thấy rơi ra trên gò má nóng hầm hập và bị hút khô ngay.

-Mẹ kiếp – Coconnas lẩm bẩm trong khi ngả người xuống chiếc gối – Ông de Mole ạ, nếu tôi thoát nạn thì ông sẽ là bạn tôi.

-Và ông sẽ khỏi, ông bạn ạ – De Mole nói – Chỉ cần ông uống ba tách thuốc như tôi vừa mới đưa cho ông và đừng bị rơi vào những giấc mơ ghê sợ nữa.

Một giờ sau, De Mole, biến thành người hộ lý tuân theo đúng chỉ dẫn của người thầy thuốc vô danh, lại dậy một lần nữa, đổ phần thứ hai của liều thuốc vào trong một chiếc tách và đem đến cho Coconnas. Lần này chàng trai Piémontais không chờ đợi chàng với con dao găm nữa, đã dang tay đón chàng, khoan khoái uống liều thuốc và lần đầu tiên ngủ thiếp đi với vẻ yên lòng.

Chén thuốc thứ ba không kém phần thần diệu. Hơi thở trong lồng ngực người ốm dù vẫn còn dồn dập nhưng đã đều hơn. Chân tay co quắp của chàng dãn ra trong một làn hai ướt nhẹ nhàng toả ra trên làn da nóng bỏng của chàng. Khi thấy Ambroise Paré tới thăm bệnh ngày hôm sau, ông mỉm cười hài lòng và nói: -Từ lúc này trở đi, tôi có thể đảm bảo được tính mạng của ông de Coconnas. Đây là một trong những ca bệnh đẹp nhất mà tôi đã chữa.

Từ cái màn kịch nửa bi nữa hài nhưng về căn bản vẫn chất chứa một thi vị rung động lòng người này – nếu xét cả những tập quán dữ tợn của Coconnas – đã nảy sinh ra tình bạn của hai chàng trai quý tộc, bắt đầu từ quán Tinh tú, bị đứt đoạn một cách thô bạo bởi những sự kiện ngày lễ Saint-Barthélémy, từ lúc đó đã nối lại với một sức mạnh mới và đã vượt lên trên cả tình bạn của d'Oreste và Pylade[393] với năm nhát kiếm và một phát súng chia xẻ trên mình nhau.

Dù sao thì những vết thương cũ và mới, nhẹ hay nặng cũng đều đang khỏi dần. Trung thành với nhiệm vụ hộ lý, La Mole không rời khỏi phòng chừng nào mà Coconnas chưa hoàn toàn lành bệnh. Chàng nâng Coconnas dậy trên giường khi Coconnas còn quá yếu phải nằm gí tại chỗ. Chàng giúp Coconnas tập đi. Khi chàng này bắt đầu dậy được. Chàng dành cho Coconnas tất cả những sự chăm sóc xuất phát từ bản tính hiền lành thương người của chàng. Cùng với sức sống mãnh liệt của chàng trai Piémontais, những sự chăm sóc đó đã rút ngắn thời kỳ dưỡng bệnh hơn là người ta hy vọng.

Tuy nhiên, cả hai chàng trai cùng bị một ý nghĩ duy nhất giày vò: trong cơn mê sảng, mỗi người hình như đều thấy người đàn bà đã choán trái tim mình tiến lại gần. Nhưng từ khi hai người tỉnh lại thì chắc chắn là cả Marguerite lẫn phu nhân de Nervers đều không bước vào phòng. Vả chăng điều đó cũng dễ hiểu thôi:

một người là hoàng hậu của vua Navarre, một người là chị dâu của quận công de Guise, liệu họ có thể công khai tỏ ra quan tâm đến hai nhà quý tộc bình thường hay không? Không!

Hiển nhiên đó là câu trả lời mà De Mole và Coconnas tự nói với mình. Nhưng sự vắng mặt cũng có thể là do sự lãng quên hoàn toàn. Điều đó khiến họ không kém phần đau đớn.

Quả thực là viên chỉ huy vệ binh đã chừng kiến trận đấu thỉnh thoảng cũng có đến hỏi thăm sức khỏe của hai chàng, do tự ý ông ta. Quả thực là Gillone, về phần mình, cũng có tới thăm hỏi. Nhưng De Mole không dám nói với cô này về Marguerite cũng như Coconnas không dám hé môi với ông kia về phu nhân de Nervers.

§18. Người chết hiện hồn

Suốt một thời gian, cả hai chàng trai, người nào người ấy vẫn giữ kín nỗi lòng mình. Thế rồi nhân một lần cởi mở, họ buột mồm thổ lộ ra cái điều vẫn khiến họ tâm niệm. Với cái bằng chứng cuối cùng này, tức là sự tin cậy hoàn toàn lẫn nhau, họ đã làm cho tình bạn thêm bền chặt.

Cả hai đều yêu mê mệt, người thì yêu một quận chúa, kẻ thì yêu một hoàng hậu.

Đối với hai kẻ si tình tội nghiệp này có một khoảng cách gần như không thể vượt qua giữa họ và các giai nhân mà họ luôn mơ tưởng tới. Tuy nhiên, hy vọng là thứ tình cảm đã ăn sâu và bắt rễ trong lòng người đến nôi mặc dù biết rằng nó là điên rồ, họ vẫn cứ hy vọng.

Vả lại, càng khỏe ra thì cả hai chàng trai càng chăm lo đến dung mạo của mình. Đối với mỗi một con người, cho dù là kẻ thờ ơ nhất đối với ngoại hình của mình, cũng có những chuyện thầm lặng để bày tỏ với chiếc gương mà nếu cuộc trò chuyện đó tỏ ra ưng ý thì chàng ta sẽ rời khỏi chiếc gương với sự hài lòng không cần giấu giếm.

Huống chi hai chàng trai của chúng ta không phải loại người mà chiếc gương phải đưa ra những nhận xét khắt khe. De Mole vóc người thanh mảnh, xanh xao và phong nhã, có vẻ đẹp của sự cao quý. Coconnas rắn rỏi, cân đối, da dẻ rám nắng, có vẻ đẹp cường tráng. Hơn thế, đối với Coconnas, do bị gầy đi, nước da xanh xao hơn mà dấu tích của vết chém trước kia làm chàng băn khoăn vì màu sắc của nó hiện hồn lên một trên khuôn mặt mình thì nay đã biến mất không còn dấu vết nữa. Điều đó như báo hiệu cho chuỗi ngày trong sáng và thanh bình sắp tới.

Cuối cùng là những sự chăm sóc tế nhị vẫn tiếp tục bao bọc lấy hai chàng trai bị thương. Đúng vào ngày mỗi người có thể đứng dậy được, họ thấy một chiếc áo choàng lót đặt trên ghế phô-tơi gần gường mình, ngày mà họ có thể mặc được quần áo, thì họ lại thấy có một bộ y phục đầy đủ để sẵn. Hơn thế nữa, trong túi áo chẽn đều có một túi tiền đầy đặn mà cả hai đều không dám dùng, mà để dành để trả lại cho người bảo trợ vô danh của mình khi có dịp.

Người bảo trợ vô danh đó tất nhiên không thể là ông hoàng đã cho họ trú ngụ, vì ông này chẳng những không lần nào lên thăm họ thì chớ, mà cũng chưa hề cho người tới hỏi han sức khỏe.

Niềm hy vọng mơ hồ thì thầm trong mỗi trái tim rằng người bảo trợ vô danh đó của mỗi người chính là người đàn bà mà hạ vêu.

Vì thế, cả hai chàng trai bị thương đều nóng lòng chờ đợi ngày ra được ngoài. De Mole khỏe hơn và được chữa chạy tốt hơn nên đã có thể ra từ lâu nhưng như

một thứ quy ước ngấm ngầm, chàng vẫn kiên nhẫn chờ cho đến khi bạn bình phục hẳn.

Họ thỏa thuận sẽ dành chuyến đi chơi đầu tiên cho ba cuộc viếng thăm. Đầu tiên là phải đi thăm người thầy thuốc vô danh mà thang thuốc thật công hiệu của ông ta đã làm dịu đi lồng ngực bỏng rát của Coconnas.

Sau đó họ sẽ tới khách sạn của bác quán Hurière quá cố, nơi cả hai để ngựa và vali ở đó.

Thứ ba là đến thăm gã René người Florentin. Gã này mang danh người chế hương phẩm kiêm phù thuỷ, không những y bán đồ mỹ phẩm và thuốc độc mà còn pha chế cả các loại rượu tình và ban những lời tiên tri.

Sau hai tháng bị cấm cố để bình phục, cái ngày biết bao mong đợi kia đã tới.

Chúng tôi đã nói cấm cố, đó chính là một từ thích hợp, vì đã nhiều lần hai chàng sốt ruột muốn đẩy sớm cái ngày đó lên, nhưng một người lính gác đứng ở cửa buồng luôn luôn cản đường họ lại. Và cho họ biết rằng họ chỉ được ra khi có một exeat[394] của thầy Ambroise Paré.

Cho tới một hôm nhà phẫu thuật tài ba nhận thấy rằng hai người bệnh của mình nếu như chưa phải là hoàn toàn thì ít ra cũng là đang trên đà bình phục nên đã cho cái exeat đó. Thế là vào khoảng hai giờ chiều một ngày thu đẹp trời, hai người bạn tay trong tay bước ra khỏi Louvre.

De Mole rất vui mừng vì đã tìm thấy trên ghế phô-tơi chiếc măng-tô màu anh đào nổi tiếng mà chàng cẩn thận gấp lại trước trận đấu. Chàng đích thân làm người dẫn đường cho Coconnas, còn Coconnas để bạn dẫn đi không kháng cự và cũng chẳng suy nghĩ gì nữa. Chàng biết bạn dẫn mình tới nhà người thầy thuốc vô danh mà những liều thuốc này không có giấy phép đã chữa lành cho chàng chỉ trong một đêm trong khi cả mớ thuốc phiện của thầy Ambroise Paré cứ giết dần giết mòn chàng.

Chàng đã chia túi tiền, gồm hai trăm đồng tiền vàng, ra làm hai phần và định để một phần cho vị thần y vô danh đã giúp chàng bình phục: Coconnas không sợ chết, nhưng không phải vì thế mà chàng thích được sống, vì thế chúng ta thấy chàng sẵn sàng thưởng công hậu hỹ cho người cứu mình.

De Mole đi qua phố l'Astruce, phố lớn Saint-Honoré, phố Prouwelles và chẳng mấy chốc đã tới quảng trường Halles. Ở chỗ này ta gọi là Carreau de Halles, có một bệ đá bát giác trên đó có đặt một khối tám mặt như một thứ đèn lồng lớn bằng gỗ, trên đèn lồng có mái nhọn và một chiếc chong chóng kẽo kẹt chỉ hướng gió. Cây đèn lồng gỗ phô ra tám cửa. Một bánh xe gỗ xuyên qua các cửa đó giống như cái chi tiết mà người ta gọi là fasce chạy ngang bề mặt tấm gia huy. Bánh xe được xẻ rãnh ở giữa để có thể giữ đầu và tay của một hay nhiều kẻ chịu tội mà người ta đem bêu ở cửa này, cửa khác, hoặc cả ở tám cửa.

Công trình xây dựng kỳ dị ấy không giống với bất cứ thứ kiến trúc nào ở xung quanh và được gọi là đài nhục hình.

Một ngôi nhà méo mó, gù, chột, què, xơ xác, mál loang lổ vết rêu như da người hủi, mọc lên dưới chân cái tháp bát giác đó như một cây nấm.

Đó là nhà của đao phủ.

Một người đàn ông bị bêu đang thè lưỡi ra với khách qua đường. Đó là một trong số những tên trộm đã hành nghề quanh đài xử giảo Montfaucon và tình cờ đã bị tóm trong lúc đang thực hành nghề nghiệp.

Coconnas tưởng bạn dẫn mình tới xem cái cảnh lạ lùng này. Chàng hòa vào đám đông những người ham thích đang reo hò huyên náo trước cơn giãy giụa đau đớn của kẻ chịu cực hình.

Bản chất Coconnas vốn tàn bạo nên cảnh này khiến chàng rất thích thú.

Vì vậy nên khi cây cột đèn xoay tròn quanh trụ để phơi kẻ chịu cực hình sang một phía khác của quảng trường và đám đông đi theo sự chuyển dịch của cây cột thì Coconnas chực đi theo nhưng De Mole ngăn chàng lại và nói khẽ: -Chúng mình tới đây không phải vì việc ấy đâu.

-Thế chúng mình tới đây làm gì? – Coconnas hỏi.

-Cậu sẽ biết bây giờ. – De Mole đáp.

Hai người bạn đã thân mật với nhau kể từ sau cái buổi tối trứ danh mà Coconnas định đâm thủng ruột De Mole ra.

De Mole dẫn Coconnas thẳng tới chiếc cửa sổ nhỏ của ngôi nhà dưới chân cái đài, nơi có một người đàn ông đứng tì tay lên bậu cửa.

-A! Thì ra là các ngài! Xin chúc mừng! – Người đàn ông vừa nói vừa nhấc chiếc mũ trùm màu huyết bò và để lộ ra cái đầu với mớ tóc đen dày rủ xuống tận chân mày.

-Ai thế nhỉ? – Coconnas vừa hỏi vừa cố nhớ lại vì chàng thấy hình như mình đã gặp gương mặt này lúc nào đó trong cơn sốt của chàng.

-Người cứu cậu đấy, ông bạn ạ – De Mole nói – Người đã đem đến Louvre cho cậu món nước mát làm cậu khỏe lên ấy!

-Ồ! – Coconnas thốt lên – Nếu vậy thì, ông bạn ơi…

Và chàng chìa tay cho người kia.

Nhưng đáng lý phải đáp lại bằng một cử chỉ tương tự thì người đàn ông lại đứng thẳng lên và lùi xa khỏi hai người bạn một khoảng cách vừa đủ cho y rạp người xuống.

-Thưa ngài – Y nói với Coconnas – Tôi xin cám ơn ngài về niềm vinh dự ngài muốn ban cho tôi. Nhưng chắc hẳn là nếu ngài biết tôi thì ngài sẽ không làm như thế.

-Thề chứ – Coconnas – Tôi tuyên bố rằng dù cho ông có là quỷ sứ tôi vẫn tự coi mình là người chịu ơn ông, vì nếu không có ông thì lúc này tôi đã chết rồi.

-Tôi không hẳn là quỷ sứ – Người đàn ông đội mũ trùm đỏ trả lời – Nhưng thường thì nhiều người thà gặp quỷ sứ còn thích hơn gặp tôi.

-Vậy ông là ai? – Coconnas hỏi.

-Thưa ngài – Người đàn ông trả lời – Tôi là thầy Caboche đao phủ thành Paris…

A! … – Coconnas thốt lên và rụt tay lại.

-Ông thấy đấy! – Thầy Caboche nói.

-Không đâu! Tôi sẽ chạm tay với ông, nếu không thì quỷ sứ bắt tôi đi! Ông chìa tay ra…

-Thật ư?

-Xòe tay ra!

-Đây!

-Xòe rộng tay… nữa… thế!

Và Coconnas lấy trong túi ra nắm tiền vàng chàng dành cho người thầy thuốc vô danh của mình và đặt tiền vào tay người đao phủ.

-Tôi những muốn chỉ có tay ngài thôi – Thầy Caboche vừa nói vừa lắc đầu – Vì tôi không thiếu vàng nhưng ngược lại rất ít có bàn tay nào dám chạm vào tay tôi. Nhưng không sao! Chúa phù hộ cho ngài, ngài quý tộc ạ.

-Vậy ra chính ông bạn là người tra khảo, dần đòn, phanh thây, chặt đầu, bẻ xương người ta đấy – Coconnas vừa nói vừa tò mò nhìn người đao phủ – Tôi thật hài lòng đã làm quen với ông!

-Thưa ngài – Thầy Caboche nói – Tôi cũng không tự mình làm lấy hết tất cả đâu. Vì cũng như các ngài là bậc công hầu, các ngài có đầy tớ để làm những việc mà các ngài không muốn làm, tôi có những người giúp việc làm phần lớn các công việc để tiêu ma cái lũ tiện dân. Tuy nhiên, nếu tình cờ mà tôi có việc phải làm với mấy ngài quý tộc như ngài đây và ông bạn của ngài chẳng hạn thì chuyện lại khác, và tôi lấy làm vinh hạnh được tự mình thực hiện từ đầu tới cuối tất cả mọi chi tiết của việc hành hình tức là từ nhục hình tới chém đầu.

Dù không muốn, Coconnas vẫn cảm thấy rùng mình. De Mole cũng cảm thấy tương tự, mặc dầu không hiểu nguyên cớ gì đâu.

Nhưng Coconnas đã vượt qua được cái cảm xúc khiến chàng hổ thẹn và chàng muốn chào từ biệt thầy Caboche bằng một lời đùa cợt cuối cùng: -Thế thì thầy cả – Chàng nói – Tôi xin ông giữ lời khi tới lượt tôi phải lên đài xử giảo của Enguerrand de Marigny hay lên đoạn đầu đài của ông de Nemours, chỉ có ông đụng tới tôi thôi đấy nhé.

-Tôi xin hứa với ngài điều đó.

-Lần này thì ông hãy bắt tay tôi để chứng tỏ là tôi chấp nhận lời hứa của ông.

Và chàng chìa cho người đao phủ bàn tay mà y chỉ dám rụt rè đụng vào, mặc dù rõ ràng là y rất mong muốn được nắm lấy nó.

Chỉ mới chạm tay như thế mà Coconnas mặt đã hơi tái đi nhưng nụ cười vẫn nở trên môi chàng. Còn De Mole khó chịu và khi thấy đám đông xoay tròn theo cây trụ đèn nhích lại gần họ, chàng bèn kéo áo bạn.

Thực lòng Coconnas cũng như De Mole muốn chấm dứt cái màn kịch mà tính cách tự nhiên của chàng dấn sâu hơn là chàng muốn, chàng bèn gật đầu chào và bỏ đi.

Khi cả hai người bạn tới ngang Cây thập tự Trahoir, De Mole bảo bạn: -Thế chứ! Cậu phải thừa nhận là ở đây dễ thở hơn ở quảng trường Halles hay không?

-Công nhận – Coconnas nói – Nhưng mình vẫn rất hài lòng được làm quen với thầy Caboche. Có bạn ở khắp nơi cũng thích hơn chứ.

-Cả ở chỗ biển quán Tinh tú cũng thế phải không – De Mole vừa nói vừa cười.

-Ồ! Về phần bác quán Hurière tội nghiệp thì chắc đã chết mười mươi rồi – Coconnas nói – Mình nhìn thấy lửa đạn hỏa mai, mình nghe thấy đạn nổ cứ như là đập vào chiếc chuông lớn ở nhà thờ Đức bà ấy, thế rồi mình cứ mặc bác ta nằm trong rãnh nước, máu mồm, máu mũi chảy ồng ộc. Nếu bác ta là bạn chúng ta thì chắc phải là bạn ở thế giới bên kia.

Vừa chuyện trò, hai chàng trai vừa đi tới phố Arbre sec và hướng về tấm biển hiệu quán Tinh tú vẫn cót két ở nguyên chỗ cũ và dâng hiến cho lữ khách chiếc bếp lò đầy cao lương mỹ vị và cái ảo ảnh ngon lành.

Coconnas và De Mole cứ tưởng sẽ thấy ngôi nhà tang tóc, bà vợ góa mặc tang phục và các chú phụ bếp đeo một mảnh băng đen trên tay. Nhưng họ rất ngạc nhiên khi thấy quán trọ náo nhiệt, bà Hurière tươi tắn và các cậu bồi vui vẻ hơn bao giờ hết.

-Ôi, đúng là một lũ bội bạc – De Mole nói – Chắc mụ ta tái giá rồi.

Rồi chàng nói với cái nàng Artémise mới này: -Thưa bà, chúng tôi là hai nhà quý tộc, chỗ quen biết cũ của ông La Hurière tội nghiệp. Chúng tôi trước đó có để lại ở đây hai con ngựa và hai chiếc vali, và nay chúng tôi đến để xin lại.

-Thưa các ngài – Bà chủ quán sau khi ra sức cố nhớ lại nói – Vì tôi không có hân hạnh nhận ra được các ngài, xin các ngài cho phép tôi gọi nhà tôi… Grégoire, gọi ông chủ ra nhé.

Grégoire đi qua gian bếp ngoài, và bếp trong là chỗ mà lúc sinh thời bác quán Hurière chuẩn bị những món bác cho là xứng đáng với đôi bàn tay khéo léo của mình.

-Quỷ tha ma bắt mình đi! – Coconnas lẩm bẩm – Nhìn thấy cái nhà đáng ra phải buồn thảm thì lại vui tươi thế này làm mình buồn quá. Tội nghiệp Hurière.

-Bác ta đã muốn giết mình – De Mole nói – Nhưng mình sẵn lòng tha thứ cho bác ta.

De Mole vừa dứt lời thì một người đàn ông hiện ra, tay cầm xoong đang chiên hành và tay kia cầm một chiếc thìa gỗ.

De Mole và Coconnas cùng kêu lên vì kinh ngạc.

Nghe tiếng kêu, người đàn ông ngẩng đầu lên. Y cũng kêu lên một tiếng và đánh rơi cả chiếc xoong chỉ còn giữ lại được có chiếc thìa gỗ.

-In nomine Patris – y vừa nói vừa ve vẩy thìa như thể đó là chiếc bình rảy nước thánh – filli et Spiritus sancti[395].

-Bác Hurière! – Hai chàng cùng thốt lên.

-Quý ngài de Coconnas và de Mole – Hurière kêu.

-Vậy bác chưa chết à? – Coconnas hỏi.

-Thế ra các ngài vẫn còn sống ư? – Chủ quán cũng hỏi.

-Thế mà tôi đã thấy bác ngã rồi kia mà – Coconnas đáp – Tôi nghe tiếng đạn bắn vỡ cái gì đó của bác, tôi cũng chả biết cái gì nữa. Tôi cứ để bác nằm trong cái rãnh ấy, máu mồm, máu mũi, máu mắt ộc cả ra.

-Thật như Kinh Phúc âm vậy. Ông de Coconnas ạ. Nhưng cái tiếng mà ông nghe thấy ấy đó là tiếng đạn đập vào mũ sắt của tôi, may thay là nó trượt vào đấy, nhưng vẫn mạnh lắm nên bằng chứng là – Bác cả Hurière vừa nói thêm vừa nhấc chiếc mũ trùm để lộ mái đầu nhẵn thín như củ khoai – Các ông thấy đấy, tôi chẳng còn sợi tóc nào cả.

Hai chàng trai cùng phá lên cười khi thấy gương mặt ngộ nghĩnh đó.

-A! Các ông vẫn cười! – La Hurière hơi yên tâm nói – Vậy các ông đến đây không có dụng ý gì xấu chứ?

-Thế còn bác, bác Hurière, bác khỏi cái bệnh ham đánh đấm rồi à?

-Vâng, thưa các vị, thề chứ, bây giờ…

-Bây giờ thì sao?

-Bây giờ tôi thề là không nhìn vào ngọn lửa nào khác ngoài bếp lò nhà tôi ra.

-Hoan hô! – Coconnas nói – Khôn ngoan thật đấy. Giờ thì chúng tôi xin thông báo là chúng tôi có để lại trong buồng ngựa của bác hai con ngựa và trong phòng trọ nhà bác hai chiếc vali.

-Ái chà, quỷ quái thật! – Chủ quán gãi tai nói.

-Sao?

-Ông bảo là hai con ngựa phải không ạ?

-Ừ ở chuồng ngựa ấy.

-Với hai va li ạ?

-Ừ, ở trong phòng.

-Chả là thưa ông… Ông tưởng là tôi đã chết phải không ạ?

-Đúng thế!

-Thế các ông cũng thấy rằng vì các ông đã nhầm thì về phần tôi, tôi cũng có thể nhầm được chứ ạ?

-Bác tưởng chúng tôi chết rồi chứ gì? Được thôi.

-Ấy! Thế đấy! … Chả là, vì các ông chết không chúc thư nên… – Bác Hurière tiếp tục.

-Sao nữa?

-Ấy thế là tôi tưởng là… tôi nhầm… giờ tôi mới thấy rõ…

-Thế nhưng bác tưởng cái gì mới được chứ?

-Tôi tưởng là tôi có thể ăn thừa tự của các ông.

-Ái chà! – Cả hai cùng kêu lên.

-Thưa các ông, không vì thế mà tôi không hết sức hài lòng được thấy các ông còn sống.

-Thế là bác đã bán ngựa của bọn tôi rồi hả – Coconnas hỏi.

-Khổ thay – Hurière đáp.

-Thế còn va li của bọn ta thì sao? – De Mole tiếp lời.

-Ồ! Va li thì không, không bán… – Hurière kêu – Nhưng chỉ bán những thứ có trong đó thôi.

-La Mole này- Coconnas nói – mình thấy hình như đây là một tên vừa đểu cáng vừa táo tợn… Hay chúng ta moi ruột nó ra?

Lời đe doạ đó có vẻ gây tác động lớn đối với bác Hurière. Bác bèn mạo muội nói ra: -Nhưng thưa các ông, tôi thấy hình như chúng ta có thể thu xếp với nhau được.

-Nghe này – De Mole nói – Ta là người có quyền than phiền nhiều nhất về mi.

-Đúng như thế, thưa bá tước, vì tôi nhớ lại là có một lúc tôi đã điên rồ dám táo tợn đe dọa bá tước.

-Ừ, doạ ta với một viên đạn bay cách đầu ta hai đốt ngón tay.

-Bá tước nghĩ thế ạ?

-Chắc chắn thế.

-Nếu ngài chắc chắn thế thì thưa ngài de Mole, tôi là kẻ tôi tớ của ngài nên không dám cãi chính lại lời ngài được – Hurière vừa nhặt xoong vừa nói với vẻ vô tội.

-Thế thì, về phần ta, ta không đòi hỏi gì mi hết…

-Sao cơ, thưa bá tước! …

-Trừ…

-Ay! Ay! Ay! … – Hurière thốt lên.

-Trừ việc mỗi khi ta và các bạn ta tới khu này, mi phải dọn cho chúng ta một bữa ăn.

-Sao cơ ạ! – Hurière sung sướng nói – Xin sẵn sàng hầu ngài, thưa bá tước, xin sẵn sàng!

-Thỏa thuận thế được rồi chứ?

-Xin hết lòng đồng ý… còn ông… thưa ông de Coconnas, ông có ưng thế không?

-Được, nhưng cũng như ông bạn ta, ta đặt một điều kiện nhỏ.

-Điều kiện gì ạ!

-Điều kiện là bác phải trả cho ông de Mole năm mươi écus mà ta nợ ông ấy và ta đã trao cho bác.

-Trao cho tôi ạ, thưa ông lúc nào vậy?

-Một khắc trước lúc bác bán con ngựa và chiếc va li của ta.

-A, tôi hiểu rồi.

Bác đến bên một cái tủ lần lượt lôi ra năm mươi écus và đem đến cho De Mole.

-Được lắm, ông quán, được lắm – Nhà quý tộc nói – Dọn cho chúng ta món trứng chiên. Năm mươi écus là phần ngài Grégoire.

-Ô – Hurière thốt lên – Quả thật các ông có những tấm lòng vương giả, các ông có thể hết lòng tin cậy ở tôi.

-Nếu thế thì dọn cho chúng tôi cái món trứng chiên ấy đi Coconnas nói – Mà đừng có tiếc bơ tiếc mỡ đấy nhé.

Rồi chàng nhìn đồng hồ treo tường nói tiếp: -Thề chứ, cậu có lý đấy De Mole ạ. Ta còn phải chờ ba tiếng đồng hồ nữa, thà chờ ở đây còn hơn ở nơi khác. Hơn nữa, nếu mình không nhầm thì ở đây chúng mình đã được nửa đường tới cầu Saint-Michel rồi.

Và rồi hai chàng trai tới ngồi vào bàn trong gian phòng nhỏ cuối nhà, nơi họ đã ngồi trong buổi tối ngày 24 tháng Tám năm 1572 trứ danh đó. Trong buổi tối hôm ấy, Coconnas đã đề nghị với De Mole chơi bài đánh cuộc bằng người tình đầu tiên của họ.

Chúng tôi xin thú nhận một điều làm vinh hạnh thêm đạo đức của hai chàng lần này chẳng chàng nào có ý định đề nghị với bạn mình một chuyện như thế cả.

§19. Ngôi nhà của thầy René người bán hương phẩm cho Thái hậu

Vào cái thời xảy ra câu chuyện đang kể cho các đọc giả đây, Paris chỉ mới có năm cái cầu hoặc bằng gỗ, hoặc bằng đá để đi từ đầu này tới đầu kia thành phố, tất cả các cầu đó đều đổ về đảo Cité. Đó là các cây cầu Meuniers, Pont au Change, cầu Notre Dame (Đức bà), cầu Nhỏ và cầu Saint-Michel. Trong số các cầu này, mỗi cầu đều có lịch sử của nó. Lúc này đây, chúng ta sẽ chú trọng đặc biệt tới cầu Saint-Michel.

Cầu Saint Michel được cất lên bằng đá từ năm 1373, nhưng cầu cất không được chắc chắn lắm, nên mực nước sông Seine dâng lên ngập cầu từ 31 tháng giêng năm 1408, đến năm 1416 cầu được xây lại bàng cây ván chắc, nhưng đến một đêm 16 tháng mười hai năm 154, cầu lại bị hư hại, sập lần nữa, khoảng năm 1550, có nghĩa là hai mươi năm trước thời chúng ta đi tới, cầu được xây dựng lại bằnh gỗ, nhờ sự sửa chửa nên đến bây giờ cầu vẫn rắn chắc.

Giữa những ngôi nhà dọc hai bên mạn cầu đối diện với hòn đảo nhỏ nơi các tu sĩ dòng Templiers đã bị hoả thiêu và ngày nay là trụ đá mới của cầu Mới, người ta để ý tới một ngôi nhà có biển gỗ với cái mái rộng trùm lên như mi của một con mắt khổng lồ. Các cửa sổ và cửa tầng trệt đóng kín mít, chỉ có một cánh cửa sổ duy nhất trên tầng một là để mở. Một thứ ánh sáng đỏ nhờ nhờ từ chiếc cửa sổ đó thu hút cái nhìn của khách qua đường. Mặt trước ngôi nhà thấp, rộng, sơn xanh với những đường hoa văn thếp vàng. Mái bằng ngăn giữa tầng trệt và lầu một được vẽ đầy quỷ sứ trong các tư thế hết sức ngộ nghĩnh. Giữa cái mái đó và cửa sổ lầu một, người ta treo một tấm bảng màu xanh da trời, trên đó đề:

"René xứ Florence

Người cung cấp hương phẩm cho lệnh bà Thái hậu."

Như chúng tôi đã nói, cánh cửa của cửa hàng này được đóng kín. Nhưng hiệu nghiệm hơn cả các ổ khoá, để chống lại trộm cướp ban đêm là danh tiếng đáng hãi hùng của chủ ngôi nhà.

Đến nỗi khách đi đường qua cầu tới đoạn đó gần như bao giờ cũng vòng sang tới tận dãy nhà phía bên kia. Họ e rằng mùi các loại dầu hương sẽ rỉ qua tường nhà và bay tới tận chỗ họ vậy.

Hơn thế nữa: từ khi thấy René tới sinh cơ lập nghiệp trên cầu Saint-Michel, hàng xóm hai bên đường như sợ bị tai tiếng là láng giềng của thầy, đều đã chuồn khỏi nhà mình, khiến cho hai ngôi nhà cạnh nhà René đều đóng cửa bỏ không. Tuy có sự cô tịch hoang dã đó, khách qua đường về đêm vẫn nhìn thấy những tia sáng leo lét trong đó và còn đoán chắc là nghe được tiếng kêu rên trong đó, chứng tỏ rằng còn có chúng sinh lai vãng tới hai ngôi nhà này, duy có điều người ta không biết họ thuộc thế giới này hay thế giới bên ka.

Kết quả là những chủ nhà tiếp theo hai ngôi nhà hoang đã phải tự hỏi liệu họ có nên bắt chước theo hàng xóm hay không.

Do sự kinh hoàng mà thầy René đã công nhiên tạo ra ấy, thầy có được cái quyền là người duy nhất được thắp đèn sau giờ quy định. Vả chăng không đội tuần tra tuần phòng nào dám quấy nhiễu một nhân vật quá đỗi thân thiết với lệnh bà Thái hậu, vì y vừa là đồng hương vừa là người cung cấp dầu thơm cho bà ta.

Giả thiết rằng bạn đọc được trang bị đầy đủ thứ triết học quá lạm của thế kỷ mười tám, nghĩa là không còn tin vào ma thuật cũng như phù thuỷ nữa, nên xin mời bạn đọc quá bộ vào căn nhà đã gieo rắc quanh nó nỗi kinh hoàng sâu xa đến thế, ở vào thời buổi còn đầy mê muội, dị đoan này.

Cửa hàng nằm ở tầng trệt thường xuyên trong cảnh tối tăm và vắng vẻ. Trong cái cửa hiệu vừa rộng vừa sâu hun hút, có hai cánh cửa dẫn tới hai cầu thang. Một cầu thang đục xuyên tường và nằm về một bên, còn cầu thang kia nằm lộ ra bên ngoài và người ta có thể nhìn thấy được nó từ chiếc kè ngày nay ta gọi là bờ cầu Augustin và từ bãi sông nay là bãi tàu Orfèvres. Cả hai cầu thang đều dẫn tới căn phòng ở tầng một.

Phòng này cũng rộng bằng phòng ở tầng trệt nhưng một tấm thảm treo ngăn nó ra làm hai. Ở cuối gian phía ngoài là cánh cửa dẫn ra cầu thang ngoài. Ở mặt bên của gian trong là cửa dẫn đến cầu thang bí mật. Cửa này không ai nhìn thấy vì khuất sau một chiếc tủ lớn có chạm trổ, gắn liền với cửa bằng những chiếc móc sắt và khi cửa mở thì cả tủ cũng bị đẩy luôn ra.

Chỉ có Catherine và René là hai người biết được cánh cửa bí mật này, Thái hậu lên xuống đều theo đường này và nhờ vào những lỗ trổ phía bên trong tủ, bà ta có thể áp tai hoặc ghé mắt nhìn và nghe thấy tất cả những gì xảy ra trong phòng.

Hai cánh cửa khác, hoàn toàn có thể nhìn thấy được, trổ ra hai bên của gian trong. Một cửa dẫn vào một căn phòng nhỏ được chiếu sáng từ trên mái và không có đồ đạc gì khác ngoài một cái lò lớn, những bình pha lê, bình chưng cất, nồi luyện kim. Đó là phòng thí nghiệm của nhà giả kim thuật. Cánh cửa kia đưa tới một căn buồng con kỳ dị hơn toàn bộ những gì có trong ngôi nhà. Buồng đó không được chiếu sáng, chẳng có thảm cũng chẳng có đồ đạc, nó chỉ có một thứ giống như bàn thờ bằng đá.

Sàn nhà là một tấm đá dốc thoải ra bốn phía. Ở bốn chân tưởng có rãnh chảy về một thứ phễu và qua lỗ ống phễu người ta nhìn thấy dòng nước đen ngầu của sông Seine. Trên các đinh đóng tưởng có treo nhiều dụng cụ dị dạng, tất cả đều sắc hoặc nhọn. Mũi chúng nhọn, nhỏ như mũi kim, lưỡi chúng sắc như lưỡi dao cạo, cái thì lấp lánh như gương, cái thì ngược lại xám xịt hoặc xanh sẫm.

Trong một góc, có hai con gà mái đen buộc chân vào nhau đang giãy giụa. Đó chính là điện dành cho pháp sư.

Bây giờ chúng ta hãy quay trở về với căn phòng ở giữa có hai gian.

Đây là nai dùng để tiếp đám người bình thường vẫn đến xem quẻ. Đây là nơi có những con hạc Ai Cập, những xác ướp với các dải băng óng vàng, những con cá sấu đang há mỏ trên trần nhà, những đầu lâu với hốc mắt trống rỗng và hàm răng lung lay và cuối cùng là những quyển sách bám đầy bụi được lũ chuột thường xuyên gặm nhấm, tất cả đều có vẻ hỗn độn khiến khách hàng bị những cảm xúc làm cho tư duy trở nên lệch lạc.

Đằng sau bức màn là những chiếc bình nhỏ, những chiếc hộp quái dị, những chiếc bình hai quái đảng xấu xí ghê sợ. Mọi vật chập chờn trong ánh sáng của hai ngọn đèn nhỏ giống nhau mà hình như đã bị lấy cắp từ một bàn thờ nào đó ở Santa Maria Novella hoặc ở nhà thờ Dei Servi ở xứ Florence. Hai ngọn đèn đó được thắp lên bằng một thứ dầu có tẩm hương thơm toả sáng vàng vọt từ trên trần xuống, nơi mỗi chiếc được treo lên bằng ba vòng xích ám khói.

Một mình hai tay khoanh lại, René vừa lắc đầu vừa bước những bước dài quanh gian thứ hai của căn phòng giữa. Sau một hồi suy tư có vẻ đau khổ, y dừng lại trước chiếc đồng hồ cát và tự nhủ:

"À, mình lại quên lật nó, có lẽ cát chảy hết từ lâu lắm rồi đây."

Y ngước lên ngắm mặt trăng đang chật vật thoát ra khỏi đám mây đen khổng lồ như đang đè nặng lên đỉnh tháp chuông nhà thờ Đức Bà và tiếp:

"Chín giờ rồi. Nếu bà ta đến thì chắc cũng sẽ như lệ thường tức là trong khoảng tiếng, tiếng rưỡi đồng hồ nữa. Vẫn còn đủ thì giờ."

Vừa lúc đó trên cầu có tiếng động. René áp tai vào cái lỗ nối với một ống dài đầu kia thông ra mặt phố dưới dạng một cái đầu Guivre.

"Không, chẳng phải bà ta, cũng chẳng phải các bà ấy. Đây là tiếng chân đàn ông. Họ đang dừng lại trước cửa nhà mình."

Cùng lúc đó ba tiếng gõ vào cửa đánh vang lên.

René nhanh nhẹn xuống thang, nhưng y chỉ ghé tai vào cửa chứ không mở.

Vẫn ba tiếng gõ lại lặp lại.

-Ai đó? – René hỏi.

-Có cần phải nói tên chúng ta không? – Một giọng hỏi lại.

-Nhất thiết phải như thế – René trả lời.

-Vậy thì ta là bá tước Anibal de Coconnas – Vẫn giọng đó cất lên.

-Còn ta là bá tước Lerac de Mole – Một giọng khác vang lên lần đầu.

-Xin các ngài chờ cho, tôi ra đây!

René rút chốt cửa, kéo then ngang, mở cho hai chàng trai vào và khoá cửa lại bằng chìa. Rồi y dẫn hai người qua lối cầu thang ngoài tới gian thứ hai.

Vừa bước vào, De Mole vừa đưa tay làm dấu dưới áo khoát.

Mặt chàng tái xanh, tay chàng run rẩy. Chàng không sao chế ngự nổi sự yếu đuối đó.

Còn Coconnas thì nhìn hết cái nọ đến cái kia, trong lúc quan sát chàng thấy cánh cửa gian buồng nhỏ, chàng định mở nó ra.

-Xin phép ngài, thưa ngài quý tộc – René nghiêm giọng nói và đặt tay mình lên tay Coconnas – Những vị khách hạ cố tới thăm tệ xá đây chỉ được phép lưu lại trong gian này.

-À thế thì lại khác – Coconnas nói – Vả lại tôi cảm thấy cần phải ngồi.

Và chàng tới ngồi vào một chiếc ghế. Im lặng kéo dài. René thản nhiên chờ cho một trong hai chàng trai cất lời. Người ta nghe thấy cả tiếng thở khò khè của Coconnas vì chàng vẫn chưa khỏi hẳn.

-Thầy René này – cuối cùng chàng nói – Ông là người cơ trí, vậy ông hãy tiên đoán cho tôi biết liệu tôi có bị tàn tật hẳn vì cái vết thương của tôi không, tức là có phải lúc nào tôi cũng bị cái chứng thở gấp ngăn không cho tôi lên ngựa, dùng vũ khí và ăn món trứng chiên mãi không?

René áp tai vào ngực Coconnas và chăm chú lắng nghe hơi thở từ lồng ngực.

-Không, thưa bá tước, ngài sẽ khỏi – Y nói.

-Thật à?

-Tôi xin khẳng định với ngài.

-Ông làm tôi vui lòng đấy.

Lại một lát lặng yên.

-Thưa bá tước, ngài có muốn biết điều gì khác nữa không?

-Có chứ – Coconnas nói tiếp – Tôi muốn biết tôi có thực sự đang yêu không?

-Ngài đang yêu – René đáp.

-Làm sao ông biết được?

-Vì chính ngài hỏi như thế.

-Trời ạ! Tôi nghĩ là ông có lý. Nhưng yêu ai?

-Yêu người mà hiện nay thường xuyên thốt ra cái tiếng rủa mà ông vừa nói đó.

-Quả thế – Coconnas kinh ngạc nói – Thầy René này, ông đúng là một người cơ trí. Đến lượt cậu De Mole.

De Mole đỏ mặt lúng túng.

-Này! hãy nói đi chứ! – Coconnas bảo.

-Xin ngài hãy nói đi – Gã người xứ Florence động viên.

-Ông René ạ – De Mole ấp úng, nhưng rồi giọng chàng dần dần bình tĩnh lại – Tôi không muốn hỏi ông xem tôi có đang yêu không, vì tôi biết tôi đang yêu và không tự giấu mình điều đó. Nhưng xin ông hãy nói cho tôi biết liệu tôi có được yêu lại không. Vì thực ra những gì trước đây đối với tôi là niềm hy vọng mà nay quay lại chống lại tôi.

-Có thể là ngài chưa làm tất cả những gì cần phải làm.

-Ông ạ, còn điều gì phải làm nữa ngoài việc đem lòng tôn kính và tận tụy chứng tỏ với người đàn bà của lòng mình là nàng được yêu say đắm thực sự?

René nói: -Ngài cũng biết rằng đôi khi những biểu hiện đó nhỏ nhoi lắm.

-Vậy là tuyệt vọng sao?

-Không, nhưng cần phải cầu viện tới học thuật. Trong bản chất con người có những mối dị cảm mà người ta có thể thắng được, có những thiện cảm mà người ta có thể ép được. Sắt không phải là nam châm, nhưng cho nó nhiễm từ thì chính nó sẽ lại hút được sắt.

-Hẳn là thế – De Mole lẩm bẩm – Hẳn là thế, nhưng tôi ghê những trò cầu đảo ấy lắm.

-À nếu ngài ghê tởm thì lẽ ra không nên đến đây mới phải.

-Thôi nào, thôi nào – Coconnas nói – Cậu sắp giở trò trẻ con ra đấy à? Ông René, ông có cho tôi xem những con quỷ sứ của ông được không?

-Thưa bá tước không!

-Bực nhỉ tôi muốn nói với nó vài câu. Có lẽ thế lại khuyến khích được De Mole đấy.

-Nào thôi được – De Mole nói – Ta cứ đi thẳng vào vấn đề.

Người ta có nói với tôi về những hình nhân bằng sáp được nặn giống người mình yêu. Đấy là một cách có phải không?

-Rất công hiệu!

Và trong thí nghiệm này không có gì hại tới sức khỏe cũng như sinh mạng của người mình yêu chứ?

-Không.

-Vậy chúng ta hãy thử.

-Cậu có muốn mình thử trước không? – Coconnas hỏi.

-Không – De Mole nói – Mình đã dấn vào rồi thì sẽ đi tới cùng.

-Ngài de Mole, ngài tha thiết mong muốn để biết rõ việc của ngài sẽ tới đâu phải không – René hỏi.

-Ôi! – La Mole thốt lên – Tôi mong muốn hơn như thế nữa đấy, thầy René ạ.

Cùng lúc đó có người nhè nhẹ gõ vào cánh cửa dưới phố, nhẹ đến nỗi chỉ có mỗi thầy René nghe thấy, mà chắc cũng là vì y đang chờ đợi nó.

Vừa đặt câu hỏi phù phiếm cho De Mole, René chẳng phải kiểu cách gì cứ ghé tai lại gần ống nghe và nhận ra tiếng nói khiến y tin chắc chắn.

-Bây giờ ngài hãy tóm lược lại mong muốn của ngài và gọi tên người mà ngài yêu – René nói.

De Mole quỳ xuống như thể chàng nói chuyện với một bậc thần linh, René sang gian đầu, lách ra cầu thang phía ngoài êm như ru, lát sau có tiếng bước chân nhẹ trên sàn cửa hiệu.

Khi đứng dậy, De Mole thấy thầy René đứng trước mặt mình.

Gã người xứ Florence cầm trong tay một hình nhân nhỏ bằng sáp nặn khá thô thiển. Hình nhân đó đội vương miện và mang một chiếc áo khoát ngoài.

-Vậy ngài vẫn muốn được một người trong dòng dõi hoàng tộc yêu ngài – Kẻ bán hương phẩm hỏi.

-Vâng, dù tôi có phải bỏ mạng, dù tôi có phải mất cả linh hồn – De Mole đáp.

-Được – Gã người xứ Florence vừa nói vừa dùng đầu ngón tay lấy vài giọt nước trong một chiếc bình rẩy lên đầu hình nhân và đọc vài câu tiếng Latinh.

De Mole rùng mình, chàng hiểu một việc phạm thánh đang xảy ra.

-Ông làm gì vậy? – Chàng hỏi.

-Tôi đặt tên cho hình nhân này là Marguerite.

-Nhưng để làm gì?

-Để tạo mối đồng cảm.

De Mole mở miệng toan ngăn René đừng đi xa hơn, nhưng cái nhìn giễu cợt của Coconnas ngăn chàng lại.

René nhận thấy hành động đó, ngừng lại chờ.

-Cần phải toàn tâm toàn ý – Y nói.

-Ông làm đi – De Mole trả lời.

René viết một vài chữ bí hiểm lên một băng giấy nhỏ màu đỏ, xọc băng giấy vào một chiếc kim thép và cắm chiếc kim đó vào tim bức tượng nhỏ.

Lạ thay, ở miệng vết thương rỉ ra một giọt máu nhỏ. René đốt mảnh giấy.

Hơi nóng của chiếc kim khiến sáp xung quanh kim tan chảy ra và làm khô giọt máu.

-Vậy là nhờ vào sức mạnh của đồng cảm – René nói – Tình yêu của ngài sẽ xuyên thủng và thiêu đốt trái tim người đàn bà mà ngài yêu.

Coconnas vốn là người có đầu óc vững vàng, nở nụ cười giễu cợt dưới bộ râu của mình. Nhưng De Mole vốn đa cảm và mê tín nên chàng cảm thấy mồ hôi lạnh giá úa ra chân tóc.

-Bây giờ – René nói – Hãy áp môi ngài lên môi bức tượng và nói: "Marguerite, anh yêu em, Marguerite hãy đến đây!"

De Mole theo lời.

Vừa lúc đó, người ta nghe có tiếng mở cánh cửa gian phòng thứ hai và tiếng bước chân nhẹ nhàng tiến lại. Coconnas vốn tò mò và nghi ngại bèn rút dao găm ra. Chàng sợ rằng nếu chàng nâng tấm thảm treo lên thì René lại sẽ nhận xét như lúc chàng muốn mở cánh cửa, bèn dùng dao rạch tấm thảm dày. Chàng ghé mắt vào lỗ thủng và thốt ra một tiếng kêu kinh ngạc. Đáp lại tiếng chàng có hai giọng đàn bà cùng kêu lên.

-Có chuyện gì vậy? – De Mole hỏi và suýt để rơi hình nhân bằng sáp khiến René phải nhặt lấy từ tay chàng.

-Quận chúa de Nervers và lệnh bà Marguerite đang ở đây – Coconnas đáp.

-Thế nào, những người đa nghi? – René nói với một nụ cười héo hắt – Các ngài còn nghi ngờ về sức mạnh của sự giao cảm nữa hay thôi?

De Mole đứng chết lặng khi nhìn thấy hoàng hậu của mình.

Coconnas choáng váng mất một lát khi nhận ra phu nhân de Nervers.

Một chàng thì tưởng rằng những trò phù thủy của thầy René đã gọi lên được hồn Marguerite, chàng kia thì do nhìn thấy cánh cửa mà các hồn ma dễ thương đó bước vào vẫn còn mở hé nên chẳng mấy chốc đã tìm ra được lời giải đáp cho sự kỳ diệu này trong thế giới vật chất tầm thường.

Trong khi De Mole làm dấu thánh và thờ dài thườn thượt não nùng khiến chảy đá tan vàng thì Coconnas có đủ thì giờ để tự đặt ra những câu hỏi có tính chất triết lý. Nhìn qua lỗ thủng ở chiếc màn còn khép kín, Coconnas thấy phu nhân de Nervers đang kinh ngạc còn Marguerite thì mỉm cười hơi chế nhạo, chàng thấy đây là lúc quyết định. Biết rằng người ta có thể nói cho bạn điều mà người ta không dám nói cho mình nên chàng đi thẳng tới Marguerite chứ không đi tới phu nhân de Nervers, quỳ một chân xuống theo kiểu Artaxerce vĩ đại vẫn thường biểu diễn ở hội chợ, chàng kêu lên với một giọng mà tiếng thở khò khè của vết thương làm gia tăng thêm một âm sắc mạnh mẽ: -Thưa lệnh bà, mới vừa ngay đây thôi, thầy René đã gọi hồn lệnh bà theo yêu cầu của bá tước đa De Mole bạn tôi. Tôi rất ngạc nhiên khi thấy hồn lệnh bà hiện ra cùng với một hình hài mà tôi vô cùng yêu quý và tôi xin phó thác cho bạn tôi. Hỡi linh hồn của lệnh bà Hoảng hậu Navarre, xin Người hãy bảo hình hài của bạn Người đi sang phía bên này bức màn.

Marguerite phì cười và ra hiệu cho Henriette đi sang phía bên kia.

-Anh bạn De Mole! – Coconnas nói – Cậu hãy hùng biện như Démosthène, như Cicéron, như quan chưởng ấn l'Hospital! Hãy nhớ rằng đây là việc liên quan tới sinh mạng của mình nếu cậu không thuyết phục được phu nhân quận chúa de Nervers rằng mình là kẻ tôi tớ tận tụy nhất và cũng trung thành nhất của nàng.

-Nhưng… – De Mole ấp úng.

-Cứ làm cái điều mình bảo cậu làm, còn ông, ông René, đừng cho ai quấy rầy bọn ta.

René làm theo yêu cầu của Coconnas.

-Quái quỷ thật! Thưa ông, ông quả là người có đầu óc – Marguerite nói – Tôi xin nghe ông. Nào, ông có điều gì cần nói với tôi nào?

-Thưa lệnh bà, tôi phải nói với lệnh bà rằng hồn bạn tôi đây, vì đó là một hồn ma, bằng chứng là nó không nói nổi một lời, tôi phải nói với lệnh bà rằng linh hồn đó khẩn cầu tôi sử dụng cái khả năng có thể nói năng rành mạch của các hình hài để nói với lệnh bà rằng: "Hỡi bóng hình xinh đẹp, người quý tộc đang xuất thần như thế này đây đã mất cả hình hài lẫn hơi thở vì đôi mắt nghiệt ngã của Người". Nếu lệnh bà còn ở dạng hình hài, tôi thà bảo thầy René cho tiêu hủy tôi

đi trong một cái lò lưu huỳnh nào đó còn hơn là phải nói như thế với con gái đức vua Henri II, với em gái vua Charles IX và với hoàng hậu Navarre. Nhưng hình bóng không bị ràng buộc bởi những xa hoa trần thế, và chúng không giận hờn khi được người ta yêu. Vậy xin lệnh bà hãy cầu khẩn hình hài của Người đoái thương chút ít tới linh hồn anh bạn de Mole tội nghiệp đây đang chịu đau khổ. Đây là một linh hồn đã từng bị đoạ đày trong một tình bạn đã ba lần đâm kiếm vào sâu nhiều tấc trong người anh ta, đây là một linh hồn bị thiêu đốt bởi ánh lửa trong mắt lệnh bà, ngọn lửa ngàn lần cháy bỏng hơn lửa địa ngục. Xin hãy thương xót lấy linh hồn tội nghiệp đó, xin hãy yêu chút ít những gì còn sót lại của anh chàng De Mole đẹp trai, và nếu như lệnh bà không thể nói được nữa thì xin Người hãy dùng cử chỉ, dùng nụ cười.

Linh hồn bạn tôi rất thông minh và sẽ hiểu ra tất. Xin lệnh bà hãy sử dụng những thứ đó đi, mẹ kiếp! Nếu không, tôi sẽ dùng kiếm đâm xuyên qua người lão René vì đã dùng quyền lực đối với các hồn ma của lão để ép hồn lệnh bà, mà lão đã gọi tới đây rất đúng lúc, phải làm những điều không xứng với một linh hồn trung thực theo nhận xét của tôi.

Nghe tới lời kết luận của Coconnas đang đứng theo tư thế của chàng Enée[396] xuống âm phủ, Marguerite không nhịn được, cười phá lên, rồi nàng lại giữ im lặng như một hồn ma vương giả phải làm trong trường hợp này, nàng đưa tay cho Coconnas.

Coconnas tế nhị cầm tay nàng trong tay mình và gọi bạn: -Hỡi hồn bạn ta – Chàng thốt lên – Xin hãy tới đây ngay lập tức De Mole đang rất đỗi bàng hoàng hồi hộp, bèn tuân lời.

-Được lắm – Coconnas vừa nói vừa túm lấy gáy bạn – Bây giờ anh hãy áp hình bóng gương mặt đẹp trai rám nắng của anh vào cái bàn tay nõn nà dễ tan biến này.

Coconnas miệng nói tay làm, áp bàn tay nhỏ nhắn đó vào môi De Mole và kính cẩn giữ chúng một lát sát vào nhau, dù cho bàn tay kia cố gỡ ra khỏi cái siết tay nhẹ nhàng ấy.

Marguerite vẫn mỉm cười, nhưng phu nhân de Nervers không cười, nàng vẫn còn run vì sự xuất hiện bất ngờ của hai anh chàng quý tộc. Nàng cảm thấy khó chịu vì một nỗi ghen mới chớm, vì nàng thấy dường như Coconnas không nên quên việc mình mà đi lo việc người như vậy.

De Mole nhìn thấy lông mày nàng nhíu lại, chợt nhận ra được tia nhìn đe doạ trong đôi mắt nàng, và mặc dầu say sưa run rẩy trong niềm lạc thú mà chàng muốn chìm đắm trong đó mãi, chàng vẫn hiểu được nỗi hiểm nguy của bạn mình và đoán ra được điều chàng phải làm để cứu bạn.

Chàng đứng dậy và buông tay Marguerite đang ở trong tay Coconnas, tiến tới nắm tay quận chúa de Nervers và quỳ chân xuống, chàng nói: -Hỡi người đàn bà

đẹp nhất và đáng yêu nhất trong những người đàn bà, đây tôi muốn nói những người đàn bà sống thực chứ không phải những hình bóng – Chàng nhìn Marguerite và mỉm cười – Xin hãy cho phép một linh hồn thoát khỏi thân xác thô thiển của nó được bù đắp lại sự vắng bóng của một hình hài đang quá bận tâm với một tình bạn. Ông de Coconnas mà đang thấy chỉ là một con người, một con người có thể chất vững vàng và táo tợn, một thể chất nhìn thì thấy đẹp nhưng như mọi xác thân khác sẽ không trường sinh bất tử. Dù người quý tộc đó vẫn suốt ngày nói với tôi về những lời cầu khẩn thành tâm nhất của ông ta đối với bà, dù bà đã được nhìn thấy người đó biểu diễn những ngón đòn mạnh me nhất chưa ai từng thấy ở nước Pháp, cái người biện hộ hùng hồn đến thế bên một hình bóng lại không dám nói thẳng với một người đàn bà. Chính vì thế, ông ta đã nói với hình bóng của hoàng hậu và giao cho tôi phải nói với hình hài xinh đẹp của bà rằng ông ta xin đặt dưới chân bà trái tim và linh hồn của ông ta. Rằng ông ta xin đôi mắt đẹp như thiên thần của bà hãy thương xót đoái nhìn ông ta, những ngón tay hồng nóng bỏng của bà hãy ra hiệu cho ông ta, giọng nói ngân lên êm ái của bà hãy nói với ông ta những lời không quên được. Nếu không thì ông ta cũng sẽ yêu cầu tôi một việc khác, tức là nếu ông ta không làm xiêu được lòng bà, thì chính tôi phải dùng thanh kiếm của tôi đâm suốt qua người ông ta một lần thứ hai, thanh kiếm của tôi là một thanh kiếm thực, ông ta sẽ không sống nổi nếu bà không cho phép ông ta sống chỉ vì bà.

Coconnas diễn thuyết nhiệt tình và hài hước bao nhiêu thì De Mole lại tỏ rõ được lòng mẫn cảm, sức mạnh đắm say và sự khiêm nhường âu yếm trong lời cầu xin của chàng bấy nhiêu.

Đôi mắt Henriette rời khỏi De Mole mà nàng đã nghe suốt lúc chàng nói để quay sang nhìn Coconnas xem vẻ mặt của chàng trai quý tộc có hoà hợp với bài diễn văn tình ái của bạn chàng không. Dường như nàng hài lòng, vì nàng đỏ mặt, hồi hộp, bị thuyết phục và tặng Coconnas một nụ cười tuyệt mỹ để lộ hàm răng ngọc ngà sau làn môi thắm như san hô.

-Thật không?

Coconnas bị thu hút bởi cặp mắt đó và trong lòng cháy bỏng lên cùng một ngọn lửa, chàng thốt lên – Thật thế!

-Ôi vâng, thật thế, thề có cuộc sống của nàng, thề có cái chết của tôi.

-Vậy thì chàng đến đây! – Henriette vừa nói, vừa buông tay chìa ra cho Coconnas với ánh mắt âu yếm.

Coconnas ném tung chiếc mũ nhung của chàng lên không và nhảy một bước tới gần người thiếu phụ, còn De Mole được Marguerite vẫy tay gọi lại tạo nên với bạn một bước hoán vị của tình yêu.

Vừa lúc đó thầy René hiện ra ở cánh cửa cuối gian phòng.

-Im lặng! – Y nói bằng một giọng khiến tất cả những ngọn lửa ái tình tắt ngấm – Im lặng!

Và ngay lập tức người ta nghe thấy trong tường có tiếng sột soạt, tiếng rít lên của cửa sắt nghiến trong ổ khoá và tiếng kèn kẹt của một cánh cửa đang quay trên bản lề.

-Nhưng hình như không ai có quyền bước vào khi chúng ta đang ở đây! – Marguerite kiêu hãnh nói.

-Cả Thái hậu cũng vậy – René thì thầm vào tai nàng.

Tức thì Marguerite lao ra cầu thang phía ngoài kéo theo cả De Mole. Henriette và Coconnas gần như ôm lấy nhau cùng chạy trốn theo họ. Cả bốn người như những con chim duyên dáng đang đứng rỉa mỏ nhau trên một nhành cây đầy hoa thấy động liền bay vù đi.

§20. Những con gà mái đen

Hai đôi trai gái vừa kịp biến đi. Catherine tra chìa khoá vào ổ khoá cánh cửa thứ hai vừa đúng lúc Coconnas và phu nhân de Nervers chạy ra đến lối cửa trong cùng. Khi Catherine bước vào, bà còn nghe được tiếng cầu thang cót két dưới bước chân những kẻ bỏ trốn.

Nhìn quanh với ánh mắt soi mói, cuối cùng bà đưa mắt nghi ngờ nhìn René đang cúi rạp mình trước mặt bà.

-Ai vừa ở đây? Thái hậu hỏi.

Đó là những cặp tình nhân mà khi tôi phán quyết rằng họ -yêu nhau thì họ hết sức bằng lòng với lời nói của tôi.

-Thôi bỏ qua việc ấy – Catherine nhún vai – Bây giờ không còn ai nữa chứ?

-Thưa, không có ai ngoài lệnh bà và tôi.

-Ông đã làm điều ta bảo chưa?

-Về việc những con gà mái đen ấy ạ?

-Đúng thế.

-Gà đã sẵn sàng rồi, thưa lệnh bà.

-A! Giá ông là người Do Thái nhỉ! – Catherine lẩm bẩm.

-Tôi là người Do Thái ấy ạ, thưa lệnh bà, tại sao thế?

-Vì nếu thế thì ông đã có thể đọc được những sách quý mà người Do Thái cổ đã viết về các lễ hiến tế. Ta cho dịch một quyển trong số đó và ta thấy rằng người Do Thái cổ không tìm điềm triệu trong tim hay gan như người La Mã mà họ đoán hậu vận theo vị trí của bộ não và trong các hình chữ được bàn tay đầy uy lực của số phận viết lên trên đó.

-Thưa lệnh bà, đúng vậy, tôi có nghe một thầy cả Do Thái bạn tôi nói.

-Có những chữ mở ra cả một hướng tiên tri – Catherine nói – Tuy nhiên, những nhà thông thái xứ Chaldéen chỉ dẫn là…

-Là sao, thưa lệnh bà – René thấy Thái hậu hơi ngập ngừng bèn hỏi.

-Họ chỉ dẫn là thí nghiệm nên được tiến hành trên não người, vì não người phát triển hơn và có giao cảm mạnh hơn cả ý muốn của người xem quẻ.

-Tiếc thay, lệnh bà cũng biết rõ rằng điều đó là không thể được! René nói.

-Hay ít nhất là cũng khó – Catherine nói – Vì nếu ta biết điều đó vào ngày Saint-Barthélémy … René nhỉ! Có mà đầy dẫy! Ta sẽ lưu ý tới việc này… với kẻ nào bị kết án tử hình nay mai. – Trong lúc chờ đợi thì làm được gì ta cứ làm đi. Phòng dâng lễ tế đã được chuẩn bị chưa?

-Thưa lệnh bà đã chuẩn bị xong cả.

-Chúng ta hãy sang đó thôi.

René thắp lên một ngọn nến được chế bằng nhiều chất lạ làm mùi nến khi thì thơm tho thanh nhã, khi thì khét lẹt hơi khói khiến người ta phát buồn nôn, René soi đèn cho Catherine bước vào gian buồng nhỏ.

Catherine tự tay chọn lấy một con dao thép đang ánh xanh còn René xách một trong hai con gà đang nằm đảo những cặp mắt óng ánh đầy lo âu của chúng trong xó.

-Thưa, chúng ta làm thế nào đây?

-Chúng ta sẽ xem gan một con gà và xem não con kia. Nếu hai thí nghiệm cho cùng một kết quả thì phải tin thôi, nhất là nếu chúng lại khớp với những kết quả trước đây.

-Vậy chúng ta làm gì trước?

-Xem gan trước.

-Thưa được – René nói.

Y buộc con gà vào hai vòng sắt nhỏ ở hai đầu bàn thờ sao cho con gà bị lật ngửa lên và chỉ giãy giụa ở nguyên một chỗ được thôi.

Catherine rạch ngực con gà chỉ bằng một nhát dao. Con gà kêu lên ba tiếng và thở hắt ra sau khi giãy giụa hồi lâu. Và bà mổ bụng gà.

-Gan lại vẫn lệch về bên trái, ba cái chết, sau đó là sự suy thoái. René, người có thấy đáng sợ không?

-Thưa lệnh bà, còn phải xem những điềm của vật hy sinh thứ hai có trùng với vật hy sinh thứ nhất không.

René gỡ xác con gà ra, vứt vào một xó và đi tới chỗ con kia. Đoán trước được số phận mình cũng như bạn, con gà kia muốn lẩn tránh và chạy vòng quanh gian buồng. Cuối cùng khi bị dồn vào góc, nó bay vọt lên và làm tắt phụt ngọn nến ma thuật mà Catherine đang cầm trong tay.

-Ông thấy chưa René – Thái hậu nói – Dòng họ ta sẽ tàn lụi như thế đó. Cái chết sẽ thổi qua nó và cả dòng họ sẽ biến khỏi mặt đất này. Vậy mà ta có ba đứa con trai, ba đứa con trai… – Bà lẩm bẩm buồn bã.

René cầm lấy ngọn nến đã tắt trong tay Thái hậu và đi thắp lại ở buồng bên. Khi quay lại, y thấy con gà đã rúc đầu vào lỗ ống máng.

-Lần này – Catherine nói – Ta sẽ tránh được những tiếng kêu vì ta sẽ chặt một nhát dao cho cụt đầu nó.

Quả vậy, khi con gà đã được buộc xong, Catherine chém cụt đầu nó chỉ bằng một nhát dao. Nhưng trong cơn co giật cuối cùng, mỏ gà há ra ba lần rồi vĩnh viễn khép lại.

-Mi thấy không – Catherine kinh hoàng nói – Không có ba tiếng kêu thì có ba hơi thở. Ba, lại vẫn là ba. Cả ba đứa đều chết. Tất cả những linh hồn này trước khi ra đi đều đếm ba và gọi đến ba lần. Giờ chúng ta sẽ xem các dấu hiệu trong não.

Catherine cắt đi cái mào đã tái đi của con vật, cẩn thận mở hộp sọ và tách nó ra để lộ những thuỳ não. Bà cố tìm hình dạng của một chữ cái nào đó trên những đường gấp khúc đầy máu me của chất bột nhão trong hộp sọ gà.

-Vẫn thế! – Bà vừa thốt lên, vừa vỗ hai tay vào nhau – Vẫn thế! Và lần này lời tiên tri lại càng rõ hơn bao giờ hết. Mi lại đây mà nhìn xem.

René tiến lại gần.

-Đây là chữ gì – Catherine vừa hỏi vừa trỏ tay vào một dấu hiệu.

-Chữ H – René đáp – Lặp lại bao nhiêu lần?

René đếm và nói: -Thưa bốn lần.

-Thế nào, thế nào nào, thật vậy ư? Ta cũng thấy, nó có nghĩa là Henri đệ tứ. Ôi! – Bà gầm lên và ném con dao – Ta là kẻ bị nguyền rủa ở đời sau.

Gương mặt người đàn bà này nhợt nhạt như xác chết. Ánh sáng ảm đạm soi vào hai bàn tay co quắp vấy đầy máu nom thật ghê sợ.

-Hắn sẽ trị vì – Bà nói trong tiếng thở dài tuyệt vọng – Hắn sẽ trị vì.

-Ồng ta sẽ trị vì – René chìm đắm trong nỗi mơ màng sâu thẳm, nhắc lại.

Tuy vậy, chẳng mấy chốc nét u tối tan dần đi trên nét mặt Catherine nhờ ánh sáng của một ý nghĩ dường như mới nảy sinh trong đáy tâm hồn bà.

-René – Bà vừa nói, vừa đưa tay về phía gã người xứ Florence, đầu vẫn đang cúi gục xuống – René, phải chăng là có một câu chuyện khủng khiếp về một người thầy thuốc xứ Pérouse đã đầu độc cùng lúc cả con gái mình và nhân tình của cô gái nhờ vào một thứ kem không?

-Thưa lệnh bà, vâng.

-Người nhân tình đó là ai vậy? – Catherine vẫn tư lự hỏi.

-Đó là đức vua Ladislas, thưa lệnh bà.

-À ừ đúng thế! – Thái hậu lẩm bẩm – Ông có biết những chi tiết gì về chuyện ấy không?

-Tôi có một quyển sách nói về chuyện đó – René đáp.

-Vậy qua phòng khác đi, và ông sẽ cho ta mượn quyển sách ấy.

Cả hai người rời căn buồng nhỏ. René đóng cửa lại sau khi đi ra.

-Lệnh bà có truyền cho tôi làm các lễ tế khác hay không?

-Không, René ạ, lúc này ta đã khá tin rồi. Ta sẽ chờ cho đến lúc có thể kiếm được đầu người tử tội nào đấy và vào ngày hành hình thì mi sẽ điều đình với người đao phủ.

René nghiêng mình tỏ ý phục tùng rồi tay cầm nến, y tiến lại bên những giá sách. Y trèo lên một chiếc ghế, lấy một quyển sách và trao cho Thái hậu.

Catherine mở ra.

-Cái gì thế này? – Bà hỏi.

"Về cách nuôi và luyện các giống chim ưng để chúng trở nên can đảm, dũng cảm và luôn sẵn sàng bay."

-A, xin lệnh bà tha lỗi, tôi nhầm! Đây là một tiểu luận về thuật đi săn do một nhà thông thái xứ Lucquois viết cho ngài Castruccio Castracani trứ danh. Nó nằm bên cạnh quyển kia lại được đóng bìa cùng kiểu. Tôi nhầm. Vả chăng quyển sách này rất hiếm, chỉ có ba bản trên thế giới: một bản thuộc thư viện thành Venise, một bản do tổ phụ Laurent của lệnh bà mua và được Pierre de Médicis tặng cho vua Charless VIII khi ông này qua Florence và quyển thứ ba ở đây.

-Ta tôn kính nó vì nó hiếm – Catherine nói – Nhưng ta không cần thờ nó nên ta trả lại ông.

Bà chìa tay phải về phía René để lấy quyển kia, còn tay trái bà trả lại cho y quyển sách mà bà đã nhận.

Lần này René không nhầm, đúng là quyển sách mà Thái hậu muốn tìm. René ngồi xuống ghế, giở vài tờ rồi trao cho Thái hậu quyển sách để mở.

Catherine tới ngồi vào một chiếc bàn. René đặt ngọn nến ma thuật cạnh bà và Thái hậu lẩm nhẩm đọc vài dòng dưới ánh sáng xanh nhờ.

-Được rồi – Vừa nói bà vừa đóng sách lại – Đó là tất cả những gì ta muốn biết.

Bà đứng dậy để quyển sách lại trên bàn và chỉ đem theo trong đáy tâm hồn mình cái ý nghĩ đã nảy sinh và sẽ phải chín mùi trong đó.

Nến cầm tay, René cung kính chờ Thái hậu đang sắp ra về sẽ ban cho y những lệnh mới hoặc sẽ đặt ra cho y những câu hỏi mới.

Catherine đi đi lại lại, đầu cúi gầm, ngón tay đặt lên miệng, trầm lặng.

Rồi bà đột ngột dừng lại trước mặt René, mắt tròn xoe nhìn chằm chằm vào y như mắt một con chim mồi.

-Mi hãy thú nhận là có làm cho nó một thứ rượu tình nào đó đi – Bà nói.

-Cho ai cơ? – René giật mình hỏi.

-Cho cái con Sauve ấy.

-Tôi ư, thưa lệnh bà, không bao giờ!

-Không bao giờ thật à?

-Tôi xin thề trên linh hồn tôi.

-Vậy chắc phải có yêu thuật nào đấy, vì hắn yêu con bé như điên, mà hắn vốn chẳng nổi tiếng lắm về đoạn chung tình.

-Hắn là ai, thưa lệnh bà?

-Hắn là thằng Henri đáng nguyền rủa, kẻ sẽ nối ngôi sau ba con trai ta, kẻ mà có ngày người ta sẽ gọi là Henri đệ tứ, kẻ đó lại là con của Jeanne d'Albert.

Catherine nói những lời sau cùng này trong một tiếng thở dài khiến René sởn gáy, vì y nhớ lại những chiếc găng nổi tiếng y đã chế ra theo lệnh của Catherine cho cố hoàng hậu xứ Navarre.

-Ông ta vẫn tới đây hay sao? René hỏi.

-Vẫn tới – Catherine trả lời.

-Thế mà tôi cứ ngỡ rằng vua Navarre đã hoàn toàn quay về với vợ

-Đó là trò hề, René ạ, trò hề. Ta không biết là nhằm mục đích gì, nhưng tất cả đều hợp sức lại chống ta. Cả Marguerite con gái ta cũng ra mặt chống ta. Có lẽ cả nó nữa, nó cũng muốn cho anh em nó chết, có lẽ nó mong được làm hoàng hậu nước Pháp kia.

-Vâng, có lẽ vậy – René lại mơ màng và phụ hoạ với mối ngờ vực khủng khiếp của Catherine.

-Tóm lại, để rồi xem – Catherine nói.

Và bà đi về phía cửa trong cùng vì thấy không cần thiết phải đi lối cầu thang bí mật và bà tin chắc chỉ còn lại có một mình.

René đi trước bà. Lát sau cả hai người đều đã xuống tới gian hàng bán hương phẩm.

-Mi có hứa chế tạo cho ta những đồ mỹ phẩm mới cho tay và môi ta – Thái hậu nói – Mùa đông đến rồi đấy, mi biết là ta rất nhạy với cái lạnh chứ?

-Thưa lệnh bà, tôi đã lo đến việc đó, tôi sẽ đem dâng lệnh bà vào ngày mai.

-Tối mai mi phải đến sau chín hoặc mười giờ. Vì ban ngày ta còn phải đi cầu nguyện.

-Thưa lệnh bà, tôi sẽ tới Louvre vào chín giờ.

-Tay và môi của phu nhân de Sauve kiều diễm lắm – Catherine nói với giọng thờ ơ – Nó dùng loại kem gì ấy nhỉ?

-Kem bôi tay ấy ạ?

-Ừ bôi tay cái đã.

-Kem có dầu hướng dương.

-Thế còn để bôi môi thì sao?

-Để bôi môi thì bà ta sắp dùng loại son mới mà tôi vừa chế và đang định ngày mai đem dâng cho lệnh bà và phu nhân de Sauve mỗi người một hộp.

Catherine trầm tư một lát.

-Với lại con bé xinh đẹp lắm – Bà nói và tiếp tục trả lời cho ý nghĩ sâu kín của mình – Chẳng có gì lạ nếu cái thằng Bearn ấy mê nó như điếu đổ.

-Và bà ấy lại rất tận tụy với lệnh bà nữa – René tiếp – Ít ra là theo chỗ tôi tường thế.

Catherine mỉm cười nhún vai, nói: -Khi một người đàn bà đang yêu thì liệu mụ ta có tận tụy với ai khác ngoài người yêu của mình hay không? Mi làm cho nó một thứ bùa yêu nào thì phải, René ạ.

-Tôi xin thề với lệnh bà là không.

-Thôi được, đừng nói tới chuyện ấy nữa. Hãy chỉ cho ta xem cái loại son môi mi vừa nói sẽ làm cho môi nó tươi mát hồng hào hơn nữa ấy.

René tới gần một cái giá và chỉ cho Catherine xem sáu chiếc hộp bạc tròn giống hệt nhau và được xếp cạnh nhau trên giá.

-Đây là thứ bùa yêu duy nhất mà bà ta đã yêu cầu tôi làm René nói – Quả có như lệnh bà nói là tôi đã chế riêng cho bà ta, vì môi bà ta mềm mại và mỏng đến nỗi cả nắng và gió đều làm cho bị nẻ

Catherine mở ra một hộp, trong đó có chứa một thứ bột quánh màu son trông rất quyến rũ.

-René – Thái hậu nói – Đưa cho ta loại kem bôi tay, ta sẽ đem luôn về.

René cầm nến đi tìm thứ mà Thái hậu đòi, trong một ngăn riêng biệt. Song dù y không quay lại, y vẫn cảm thấy Catherine, bằng một động tác đột ngột, đã vớ lấy một hộp và giấu dưới áo choàng. Đã quá quen với các trò gian lận của Thái hậu, René cũng không dại gì mà tỏ ra đã nhận biết điều đó. Vì vậy, y gói thứ kem đã yêu cầu trong một chiếc túi giấy có hình hoa huệ và nói: -Thưa lệnh bà đây ạ.

-Cám ơn René – Thái hậu đáp.

Ngừng một lát, bà tiếp.

-Mi chỉ được đem thứ son này cho phu nhân de Sauve sau tám hoặc mười ngày nữa thôi đấy. Ta muốn được là người thử đầu tiên.

Rồi bà chuẩn bị bước ra.

-Lệnh bà có cho phép tôi được đưa người về không? – René hỏi.

-Chỉ đưa ta tới đầu cầu thôi – Catherine đáp – Các quý tộc thị vệ của ta đã đợi ta cùng với kiệu ở đó rồi.

Cả hai cùng ra tới góc đường Barillerie, nơi có bốn nhà quý tộc và một chiếc kiệu không gia huy đang chờ Catherine.

Trở về nhà, việc đầu tiên của René là đếm lại những hộp son của y.

Thiếu mất một hộp.

§21. Phòng ở của phu nhân de Sauve

Sự ngờ vực của Catherine không phải là không có cơ sở: Henri lại trở lại thói quen cũ, đêm nào cũng tới chỗ phu nhân de Sauve.

Thoạt tiên, ông còn tới đó một cách hết sức cẩn mật, nhưng rồi dần dần ông không còn giữ được thận trọng nữa, đến nỗi Catherine chẳng khó khăn gì mà không biết chắc rằng Marguerite chỉ là hoàng hậu Navarre trên danh nghĩa, còn hoàng hậu thực lại là phu nhân de Sauve.

Vào đầu câu chuyện này chúng ta đã biết đôi điều về khu phòng ở của phu nhân de Sauve. Nhưng do cánh cửa mà Dariole mở ra cho vua Navarre lại đóng kín bịt bùng ngay lại sau lưng ông ngay, nên chúng ta chẳng biết chút gì về bên trong phòng ở đó, nơi diễn ra cuộc tình duyên đầy bí ẩn của anh chàng Bearnais. Đó là loại nhà mà các vương hầu thường dành cho đám hầu cận của họ để lúc nào cũng có họ ở gần bên, nên chắc chắn là có phần nhỏ và kém tiện nghi hơn một căn nhà ở ngoài phố.

Như ta đã biết, phòng đó ở lầu hai, gần như ở ngay phía trên phòng của Henri. Cửa phòng mở ra một hành lang được soi sáng nhờ một cửa sổ hình ô van có cửa kính ca rô nhỏ. Ngay cả trong những ngày đẹp trời nhất trong năm cánh cửa sổ đó cũng chỉ để lọt qua một thứ ánh sáng lờ mờ. Vào mùa đông, ngay từ ba giờ chiều, người ta buộc phải thắp lên một ngọn đèn mà đông cũng như hè, chỉ chứa được một lượng dầu nhất định nên về mùa đông ngọn đèn đó thường tàn lụi ngay từ lúc mười giờ tối. Điều đó đã đem lại sự an toàn chắc chắn cho đôi bạn tình khi mùa đông tới.

Một phòng ngoài nhỏ xíu có phủ lụa damas dệt những bông hoa to màu vàng, một phòng khách có trải nhung xanh lơ, một phòng ngủ với chiếc giường có những trụ xoắn và rèm satanh màu anh đào, đầu giường có chiếc gương khảm bạc lồng hai bức tranh có chủ đề dựa theo các chuyện tình giữa thần Vệ nữ và Adonis. Đó là phòng ở – ngày nay người ta gọi là cái tổ chim – của viên nữ quan chuyên việc trông coi trang phục lộng lẫy của Catherine de Médicis.

Nhìn kỹ hơn người ta còn thấy trong một góc tối tăm của gian phòng, trước chiếc bàn trang điểm chất đầy mỹ phẩm có một cánh cửa nhỏ dẫn vào một tiểu giáo đường với chiếc ghế cầu nguyện được kê cao trên hai chiếc bục. Dường như để sửa sai lại cho hai bức tranh có chủ đề thần thoại mà chúng tôi đã nói ở trên, trên tướng tiểu giáo đường treo ba bốn bức tranh theo chủ nghĩa tâm linh sùng tín nhất. Xen giữa những bức tranh đó là những thứ vũ khí dành cho phụ nữ treo trên những chiếc đinh mạ vàng, vì vào cái thời buổi đầy những mưu mô bí mật đó đàn bà cũng trang bị vũ khí như đàn ông và đôi khi sử dụng chúng cũng không kém phần khéo léo.

Tối hôm đó – tức là sau cái ngày xảy ra những chuyện ở nhà thầy René – phu nhân de Sauve ngồi trên một chiếc giường trong phòng ngủ của mình kể cho Henri nghe những mối e sợ và tình yêu của nàng. Nàng tỏ cho Henri thấy bằng chứng của những mối lo ngại và tình yêu đó là sự tận tụy của nàng trong cái đêm phi thường sau đêm lễ Saint-Barthélémy. Đêm đó, như chúng ta còn nhớ, Henri ở chỗ vợ mình.

Về phía mình, Henri bày tỏ lòng biết ơn đối với phu nhân de Sauve. Tối hôm đó nhìn nàng thật duyên dáng trong chiếc áo choàng tắm bằng vải batit. Vì Henri thực sự si tình nên ông ngồi đó mà vẫn mơ màng.

Phu nhân de Sauve đã hoàn toàn thuận lòng với mối tình do Catherine chỉ đạo, nàng nhìn Henri chăm chú để xem ánh mắt ông có thật ăn nhập với những lời ông nói hay không.

-Nào Henri – Phu nhân de Sauve nói – Mình phải thẳng thắn nhé! Trong cái đêm ngủ trong buồng của lệnh bà hoàng hậu Navarre với ông de Mole nằm ở dưới chân, có thật mình không tiếc là nhà quý tộc đó lại nằm chắn giữa mình với phòng ngủ của hoàng hậu không?

-Thật ra thì có mình ạ – Henri đáp – Vì tôi nhất định phải đi qua cái phòng ngủ đó mới tới được phòng ngủ này, nơi tôi thấy thoải mái và giờ đây tôi đang sung sướng.

-Thế mình không quay lại đấy từ hồi ấy đến giờ à?

-Lần nào thì tôi cũng đã kể với mình rồi.

-Mình sẽ không bao giờ đến đấy mà không nói cho tôi biết chứ?

-Không bao giờ.

-Mình có dám thề không?

-Có chứ, nếu tôi còn là người Tân giáo thì tôi dám lắm, nhưng…

-Nhưng sao?

-Nhưng đạo Giatô mà tôi đang theo thì lại cho tôi biết rằng người ta không bao giờ được thề.

-Xọa thật! – Phu nhân de Sauve vừa nói vừa lắc đầu.

-Thế còn mình, Charlotte – Henri hỏi – Nếu tôi hỏi mình thì mình có trả lời các câu hỏi của tôi không?

-Chắc chắn rồi, tôi chẳng có gì phải giấu mình cả.

-Này Charlotte – Nhà vua nói – Mình hãy giải thích cho tôi một lần chót, tại sao trước đám cưới tôi, mình kháng cự lại tôi kịch liệt như thế mà sau đó lại trở nên nhân từ với tôi, vốn là một anh chàng Bearnais vụng về, một thằng cha tỉnh lẻ lố bịch, tóm lại là một ông hoàng quá nghèo nên không thể làm cho những đồ châu báu trên vương miện của y lấp lánh thêm được.

-Henri – Charlotte đáp – Sao mình cứ đi tìm hiểu cái điều bí ẩn mà triết gia mọi nước đã tìm hiểu từ ba nghìn năm nay rồi. Đừng bao giờ lại đi hỏi người đàn

bà tại sao người ta yêu mình. Mình chỉ nên hỏi thế này thôi: "Em có yêu tôi không?"

-Mình có yêu tôi không, Charlotte? – Henri hỏi.

-Tôi yêu mình – Phu nhân de Sauve trả lời với một nụ cười duyên dáng và thả rơi bàn tay kiều diễm của nàng vào tay người yêu.

Henri giữ lấy bàn tay đó và ông vẫn tiếp tục theo đuổi ý nghĩ của mình: -Thế nhưng nếu tôi đã đoán ra từ mà các triết gia đã hoài công tìm kiếm từ ba nghìn năm nay, ít ra là liên quan tới mình thôi thì sao. Charlotte?

Phu nhân de Sauve đỏ mặt.

-Mình yêu tôi – Henri nói tiếp – Vậy nên tôi chẳng còn điều gì khác để hỏi mình và tôi coi tôi là người đàn ông hạnh phúc nhất đời. Nhưng mình biết đấy, hạnh phúc bao giờ cũng như còn thiếu thứ gì. Adams sống ở thiên đường vẫn chưa tự coi mình là hoàn toàn sung sướng và đã cắn vào cái quả táo khốn kiếp nên đã làm cho cả lũ chúng ta mang cái tật tò mò, khiến cho mỗi người suốt đời đều theo đuổi một thứ ẩn số nào đó. Mình hãy giúp tôi tìm thấy ẩn số của tôi, hãy nói cho tôi biết có phải Thái hậu Catherine đã bảo mình yêu tôi trước phải không?

-Henri – Phu nhân de Sauve bảo – Nói đến Thái hậu thì phải nói khẽ thôi.

-Ở ngày xưa khi chúng tôi còn chưa cơm lành canh ngọt với nhau thì tôi mới phải e ngại bà ta – Henri nói với vẻ buông thả và tin tưởng đến nỗi chính phu nhân de Sauve cũng bị nhầm – Chứ còn bây giờ thì tôi đã là chồng con gái bà ta rồi, cái bà hiền mẫu ấy…

-Chồng của lệnh bà Marguerite ấy à? – Phu nhân de Sauve vừa nói, vừa đỏ mặt lên vì ghen.

-Đến lượt mình nói khẽ thôi chứ – Henri nói – Bây giờ tôi đã là chồng của con gái bà ta rồi, chúng tôi thân thiện với nhau nhất đời đấy. Người ta muốn gì tôi nào? Muốn tôi thành người Giatô giáo, hình như thế. Thế thì ơn Chúa đã chạm vào tôi và nhờ sự chuyển cầu của Saint-Barthélémy, tôi trở thành Giatô giáo rồi đấy. Bây giờ chúng tôi sống trong gia đình như những người anh em chân thành, những con chiên ngoan đạo.

-Thế còn hoàng hậu Marguerite?

-Hoàng hậu Marguerite ấy à? Này, bà ta là sợi dây nối liền tất cả chúng tôi lại với nhau.

-Nhưng Henri, mình đã nói với tôi là hoàng hậu Navarre có lòng bao dung đối với tôi để trả ơn tôi đã tận tụy đối với bà ta. Nếu mình đã nói thật, nếu cái lòng bao dung mà tôi rất biết ơn ấy là thực thì bà ta chỉ là một mối liên kết ước lệ rất dễ bẻ gãy mà thôi. Mình chẳng thể dựa vào đấy được đâu vì chẳng ai tin được cái gọi là tình thân mật giữa mình với bà ta.

-Thế mà tôi vẫn dựa vào đấy, từ ba tháng nay tôi ngủ trên cái gối ấy đấy.

-Henri, nếu thế thì mình lừa tôi, lệnh bà Marguerite là vợ mình thật rồi – Phu nhân de Sauve thốt lên.

Henri mỉm cười.

-Này, Henri – Phu nhân de Sauve nói – Những cái cười kiểu ấy làm tôi bực mình, khiến tôi đôi khi cứ muốn móc mắt mình ra lắm lắm, dù cho mình có là vua cũng mặc.

-Này, thế mà tôi vẫn khiến người ta tin vào cái tình thân mật ấy – Henri bảo – Vì dù tôi có là vua, đôi khi mình vẫn muốn móc mắt tôi ra vì mình cũng còn tưởng tình thân ấy có thật nữa là!

-Ôi Henri! – Phu nhân de Sauve kêu – Tôi tin là Chúa cũng chẳng bao giờ biết mình nghĩ gì.

-Mình ạ, tôi nghĩ là trước tiên Catherine đã bảo mình yêu tôi, rồi sau trái tim mình cũng bảo mình như thế, khi cả hai tiếng nói này vang lên thì mình chỉ nghe tiếng nói trái tim mình thôi.

Giờ đây tôi cũng vậy, tôi yêu mình, yêu với tất cả tâm hồn, chính vì thế nên cho dù tôi có những chuyện bí mật, tôi cũng không kể cho mình nghe vì tất nhiên tôi sợ cho mình… tình thân của Thái hậu hay thay đổi lắm, bà ta là mẹ vợ cơ mà.

Cách tính toán này chẳng hợp với Charlotte chút nào. Nàng cảm thấy bức màn ngăn giữa nàng với người yêu cứ dày mãi lên mỗi khi nàng muốn thăm dò đáy sâu của cái tấm lòng không đáy này. Bức màn đó dần dần cứng lại như bức tường và chia rẽ nàng với Henri. Câu trả lời làm mắt nàng đẫm lệ, và vì lúc đó đồng hồ điểm mười tiếng nên nàng nói: -Thưa bệ hạ, đến giờ tôi đi nghỉ rồi. Sáng mai tôi phải trực rất sớm tại cung Thái hậu.

-Vậy tối nay mình đuổi tôi à? – Henri hỏi.

-Henri, tôi buồn lắm. Vì buồn nên mình sẽ thấy tôi đâm cáu kỉnh và mình sẽ không yêu tôi nữa. Mình cũng thấy là mình nên lui về thì hơn.

Thôi được, Charlotte, mình đã muốn như thế thì tôi cũng phải về – Henri nói -Nhưng dù sao mình cũng gia ơn cho tôi được xem mình trang điểm chứ?

-Nhưng bệ hạ ngồi xem như thế thì chả bắt hoàng hậu Marguerite phải chờ lâu à?

-Charlotte – Henri nghiêm giọng nói – Chúng ta đã thoả thuận là không bao giờ nói về hoàng hậu Navarre, thế mà tối nay tôi thấy hình như chúng mình chỉ nói chuyện về bà ta thôi.

Phu nhân de Sauve thở dài và tới ngồi trước bàn điểm trang.

Henri kéo một cái ghế sát tới bên cạnh người tình, quỳ chân lên ghế và chống tay lên thành.

-Nào, Charlotte bé nhỏ xinh đẹp của tôi, cho tôi xem mình làm đẹp nhé. Dù mình có nói gì thì nói, mình cũng vẫn cứ làm đẹp vì tôi Chúa ơi, ở đâu ra mà lắm bình đựng hoa, túi phấn với lọ với hộp thế này!

-Trông thì có vẻ nhiều đấy – Charlotte thở dài nói – Thế mà lại vẫn là ít vì với tất cả những thứ này tôi vẫn còn chưa tìm ra cách để ngự trị một mình trong trái tim hoàng thượng.

-Thôi nào, đừng có rơi vào cái trò chính trị nữa – Henri nói – Cái bút lông nhỏ thanh thanh này là cái gi thế? Có phải là để vẽ cặp lông mày cho vị nữ thần của tôi không?

-Đúng rồi, thưa bệ hạ – Phu nhân de Sauve mỉm cười trả lời – mình đoán một cái là đúng ngay.

-Thế còn cái cài bằng ngà xinh xinh này?

-Đây là để rẽ đường ngôi tóc.

-Thế còn cái hộp bạc có gắn xi dễ thương này là cái gì?

-Ôi, đây là của René gửi đấy. Đây là thứ son nổi tiếng mà ông ta hứa với tôi từ lâu rồi để làm mềm hơn nữa đôi môi mà khi. bệ hạ có lòng khen là mềm mại ấy.

Như để tán đồng với những điều mà người đàn bà đầy duyên dáng này nói, trán nàng rạng rỡ dần lên khi được đưa vào địa hạt làm dáng, Henri ghé hôn môi lên đôi môi mà nam tước phu nhân đang chăm chú nhìn trong gương.

Chắc hẳn để chỉ cho Henri thấy thứ bột son sử dụng như thế nào, Charlotte bèn với tay lấy chiếc hộp mà nàng vừa nói tới.

Vừa lúc đó có một tiếng gõ khô khốc vang lên ở phòng ngoài khiến đôi tình nhân giật mình.

-Thưa phu nhân, có người gõ cửa – Dariole thò đầu qua tấm thảm treo nói vọng vào.

-Em ra xem ai gõ rồi quay lại nhé – Phu nhân de Sauve dặn.

Henri và Charlotte lo lắng nhìn nhau và Henri đã nghĩ tới chuyện lui vào trong tiểu giáo đường, nơi ông đã nhiều lần ẩn náu, thì đúng lúc Dariole quay vào báo:.

-Thưa phu nhân, đó là thầy René bán hương phẩm.

Nghe tới tên này, Henri cau mày và vô tình cắn môi.

-Mình có muốn em không cho ông ta vào không? – Charlotte hỏi.

-Không? – Henri đáp – Thầy René không làm gì mà không suy nghĩ trước. Nếu y đến nhà mình thì chắc là có lý do gì đây.

-Vậy mình có muốn lánh đi không?

-Tôi sẽ không làm thế vì thầy René biết hết. Y biết rằng tôi ở đây.

-Nhưng sự có mặt của ông ta chẳng nhẽ lại không có lý do gì có thể gây cho hoàng thượng phiền lòng hay sao?

-Tôi ấy à, không, chẳng có gì đâu – Henri gắng gượng nói, mặc cố sức chế ngự, ông vẫn không hoàn toàn che giấu được cố gắng đó

-Quả tình là chúng tôi không mặn mà gì với nhau, nhưng từ tối hôm lễ Saint-Barthélémy, chúng tôi lại làm lành với nhau rồi.

-Cho vào đi! Phu nhân de Sauve nói với Dariole.

Một lát sau René xuất hiện và lướt nhìn bao quát cả gian phòng. Phu nhân de Sauve vẫn ở nguyên trước bàn trang điểm. Henri đã tới ngồi lại trên giường. Charlotte ngồi giữa ánh sáng còn Henri ngồi trong tối.

-Thưa phu nhân – René nói với vẻ thân mật mà không kém phần cung kính – Tôi tới để xin lỗi phu nhân.

-Xin lỗi gì cơ ông René? – Phu nhân de Sauve hỏi với giọng hạ cố mà những người đàn bà đẹp thường vẫn dành cho giới bán đồ vây quanh họ và làm họ đẹp thêm.

-Về việc tôi đã hứa làm cho đôi môi xinh đẹp kia và về việc…

-Về việc ông mới chỉ giữ lời hứa được trong ngày hôm nay thôi có phải không?

-Trong ngày hôm nay thôi? – René lặp lại.

-Vâng ạ, mới hôm nay thôi, thậm chí chỉ mới tối nay tôi mới nhận được cái hộp ông gửi cho tôi.

-À vâng! – René vừa nói vừa nhìn với ánh mắt kỳ lạ cái hộp đang nằm trên bàn của phu nhân de Sauve giống hệt như những hộp y để ở cửa hàng.

-Tôi đã đoán mà! – Y lẩm bẩm – Phu nhân đã dùng chưa ạ?

-Chưa, tôi đang sắp dùng thì ông vào đấy.

Gương mặt René thoáng vẻ mơ màng và nó không lọt qua khỏi mắt Henri.

-Sao René, ông sao vậy! – Nhà vua lên tiếng hỏi.

-Thưa bệ hạ, không có gì, tôi cúi mình chờ mong bệ hạ nói với tôi trước khi tôi xin cáo từ nam tước phu nhân.

-Thôi đi! – Henri mỉm cười nói – Cứ gì ông cần ta phải nói với ông thì mới biết được rằng ta vui lòng được gặp ông.

René đảo mắt quanh phòng như muốn dùng tai mắt thăm dò cả các cánh cửa và các tấm thảm treo. Rồi y dừng lại trong một tư thế có thể nhìn thấy cả phu nhân de Sauve lẫn Henri.

-Tôi không biết điều đó – Y nói.

Nhờ vào cái bản năng đáng khâm phục giống như một giác quan thứ sáu đã dẫn dắt ông suốt trong giai đoạn đầu của cuộc đời, giữa những mối nguy hiểm bao bọc, Henri thấy rằng lúc này hẳn có điều gì lạ lùng giống như một cuộc đấu tranh nội tâm đang diễn ra bên trong gã bán dầu thơm. Ông quay về phía y nhưng vẫn ngồi trong tối, trong khi gương mặt của gã người xứ Florence cứ phơi ra ánh sáng.

-Giờ này mà ông còn tới đây ư, René? – Henri hỏi.

-Liệu tôi có làm phiền tới hoàng thượng hay không? – Gã bán hương phẩm trả lời và lùi lại một bước.

-Không đâu. Tuy nhiên ta muốn biết một điều.

-Điều gì, thưa bệ hạ?

-Ông có nghĩ sẽ gặp ta ở đây không?

-Tôi tin chắc thế.

-Vậy ông muốn gặp ta phải không?

-Ít ra là tôi vui mừng được gặp bệ hạ.

-Ông muốn nói gì với ta phải không? – Henri nhấn mạnh.

-Có lẽ thế, thưa bệ hạ! – René đáp.

Charlotte đỏ mặt. Nàng e rằng sự tiết lộ mà René có vẻ muốn nói ra này có liên quan tới cách xử sự trong quá khứ của y với Henri. Nàng làm như thể đã để hết tâm trí vào việc tô điểm và không nghe thấy gì hết, nàng ngắt ngang câu chuyện và vừa nói vừa mở hộp: -A René, ông thực dễ thương quá, son này màu đẹp tuyệt. Nhân có ông ở đây, tôi sẽ làm ông vinh dự thêm bằng cách thử ngay đồ mới chế của ông trước mặt ông.

Một tay cầm hộp son, nàng đưa ngón tay kia quệt lên thứ bột màu hồng sẽ được bôi lên môi nàng.

René rùng mình. Nam tước phu nhân vừa mỉm cười vừa đưa son lên môi.

René tái mặt.

Henri vẫn ngồi trong bóng tối, mắt ông nhìn chằm chằm nảy lửa, ông không bỏ qua một cử động nào của người này lẫn cơn rùng mình của kẻ kia.

Bàn tay Charlotte chỉ còn chút nữa là chạm vào môi thì René nắm lấy cánh tay nàng đúng vào lúc Henri đứng dậy định làm như vậy.

Henri nhẹ nhàng thả người xuống giường.

-Xin phu nhân chờ cho một chút – René nói với một nụ cười gượng gạo – Không nên dùng thứ son này nếu thiếu một vài chỉ dẫn đặc biệt.

-Thế ai sẽ cho tôi các chỉ dẫn ấy?

-Tôi ạ – Khi nào ông đưa cho tôi?

-Ngay sau khi tôi nói xong chuyện với hoàng thượng Navarre đây.

Charlotte mở to mắt, nàng chẳng hiểu gì hết về thứ ngôn ngữ bí ẩn đang được nói bên tai nàng. Một tay cầm hộp son nàng nhìn đầu ngón tay kia đỏ lên vì thứ bột hồng thắm đó.

Henri đứng dậy. Trong lòng ông nung nấu một ý nghĩ mà cũng như những ý nghĩ khác của nhà vua trẻ, đều có hai mặt, một mặt dường như là hời hợt và mặt kia sâu sắc, ông tới cầm tay Charlotte và toan đưa bàn tay vẫn còn đỏ chót ấy lên môi.

-Xin chờ cho một lát! – René hấp tấp nói – Xin phu nhân hãy vui lòng rửa đôi bàn tay kiều diễm của bà bằng thứ xà phòng Naple mà tôi đã quên không gửi đến

cho bà cùng với son và nay tôi có hân hạnh được tự mình đem đến hầu bà đây.

René lôi từ trong chiếc hộp bạc ra một bánh xà phòng đẹp nhỏ màu xanh lá cây nhợt. Y cho xà phòng vào một chiếc chậu mạ vàng, đổ nước vào và quỳ chân xuống dâng cái chậu lên cho phu nhân de Sauve.

-Nhưng này thầy René, quả tình ta không nhận ra ông nữa đấy – Henri nói – Ông nịnh đầm còn giỏi gấp vạn lần các chàng tán gái của triều đình rồi đấy.

-Ôi thơm quá! – Charlotte vừa nói vừa cọ tay với thứ bột xà cừ tan ra từ bánh xà phòng có ướp hương.

René hoàn thành nhiệm vụ hiệp sĩ hầu cận của mình cho tới cùng, y dâng cho phu nhân de Sauve một chiếc khăn vải mịn xứ Frise để nàng lau tay.

-Và bây giờ xin đức ông cứ tuỳ nghi – Gã người xứ Florence nói với Henri.

Charlotte giơ tay cho Henri và trong khi Charlotte quay nửa mình trên ghế để nghe những điều René sắp nói thì vua Navarre về lại chỗ của mình. Ông tin chắc hơn bao giờ hết là trong đầu gã bán dầu thơm có chuyện gì khác thường xảy ra.

-Thế nào? – Charlotte hỏi.

René có vẻ như thu hết quyết tâm quay về phía Henri.

§22. Tâu bệ hạ, Người sẽ là vua trị vì

-Thưa bệ hạ – René nói – Tôi đến để tâu với Người về một việc mà tôi quan tâm từ lâu.

-Về hương phẩm của ông chăng? – Henri mỉm cười hỏi.

-Thì… vâng, thưa bệ hạ… Về hương phẩm! – René trả lời với một vẻ tán đồng kỳ lạ.

-Xin ông cứ nói, ta nghe đây, đấy là chuyện mà lúc nào cũng khiến ta quan tâm.

Mặc dù có những lời này, René vẫn nhìn Henri để cố thử đọc trong cái tư duy thầm kín ấy, nhưng khi biết rõ điều đó chỉ là vô ích, y bèn tiếp tục: -Thưa bệ hạ, tôi có một người bạn vừa từ Florence tới, bạn tôi rất quan tâm đến khoa chiêm tinh.

-Đúng vậy – Henri ngắt lời – Ta biết rằng đó là thú say mê của người Florence.

-Cùng với những nhà thông thái bậc nhất thế giới, ông ta đã lấy số tử vi của những nhà quý tộc đệ nhất của châu Âu.

-Ái chà! – Henri thốt lên.

-Vì dòng họ Bourbon xuất thân từ bá tước Clermont, con trai thứ năm của Thánh Louis, là một trong những dòng họ cao quý nhất, nên hoàng thượng chắc cũng thấy rằng người ta đã không quên số tử vi của Người.

Henri lắng nghe chăm chú hơn.

-Thế ông có nhớ lá số ấy không? – Vua Navarre hỏi với nụ cười dửng dưng một cách cố ý.

-Ồ! – René lắc đầu nói – Số từ vi của bệ hạ không thuộc về loại người ta có thể quên đi được.

-Thật à! – Henri tỏ ra một cử chỉ giễu cợt.

-Thưa vâng, theo lá số này, hoàng thượng được dành cho một số phận vô cùng xuất chúng.

Một tia chớp không chủ ý lóe lên trong mắt ông hoàng trẻ và lại tắt ngấm đi trong đám mây mờ dửng dưng.

-Tất cả những lời sấm truyền đều để nịnh người – Henri nói – Nịnh người tức là giả dối. Chẳng đã có những lời sấm nói rằng ta sẽ chỉ huy toàn quân là gì?

Và ông phá ra cười. Một nhà quan sát ít bận tâm về mình hơn René lẽ ra đã kịp nhận ra vẻ gắng gượng trong tiếng cười đó.

-Tâu bệ hạ – René lạnh lùng nói tiếp – Tử vi còn nói hơn thế.

-Thế nó có nói là ta sẽ thắng trận khi cầm đầu một trong những đạo quân ấy không?

-Hơn thế nữa, tâu bệ hạ.

-Thôi nào – Henri nói – Ông sẽ bảo là ta sẽ trở thành người đi chinh phạt.

-Tâu bệ hạ, Người sẽ là vua.

-Này! – Henri vừa nói vừa kìm giữ tim đập thình thịch – Thế ta chả là vua rồi là gì?

-Tâu bệ hạ, Người bạn tôi biết rất rõ ông ta khẳng định điều gì, Người không những là vua mà Người còn sẽ trị vì.

-Này thế có phải là ông bạn ông cần mười écus vàng không René? – Henri vẫn giữ giọng giễu cợt – Vì nhất là vào thời buổi này tiên tri như thế thật quá tham vọng. Thôi, René, ta không giàu đâu, ta sẽ cho ông bạn ông ngay bây giờ năm écus, còn năm écus khác để dành cho khi nào lời tiên tri thành sự thực.

-Tâu bệ hạ, xin Người nhớ rằng Người đã cam kết với Dariole rồi đấy, đừng có hứa hẹn vung vít lên nữa – phu nhân de Sauve xen vào.

-Phu nhân ạ – Henri đáp – Khi nào đến lúc ấy, ta tin rằng mọi người sẽ coi ta như vua và mỗi người nhận được nửa lời ta hứa cũng đã hài lòng lắm rồi.

-Tâu bệ hạ – René nói – Tôi xin nói tiếp.

-Ô vẫn chưa hết cơ à? Thôi được, nếu ta là Hoàng đế, ta sẽ thưởng gấp đôi.

-Tâu bệ hạ, vậy là ông bạn tôi từ Florence trở về với lá số tử vi mà ông ta đã lấy tại Paris và vẫn cho kết quả như vậy.

-Ông ta có thổ lộ với tôi một điều bí mật.

-Một điều bí mật có liên quan tới hoàng thượng à? – Charlotte hấp tấp hỏi.

-Tôi tin là như vậy – René đáp.

"Y đang tìm những từ để nói với ta – Henri chẳng giúp đỡ gì cho René và thầm nghĩ – Dường như chuyện đó khó nói lắm."

-Nào ông nói đi – Nam tước phu nhân nhắc – Chuyện gì vậy?

-Chuyện là… – Gã người Florence cân nhắc từng từ một – chuyện tất cả những tiếng đồn về đầu độc lan truyền ít tâu nay ở triều đình.

Cánh mũi vua Navarre hơi phồng ra, đó là dấu hiệu duy nhất chứng tỏ sự chú ý ngày càng cao của ông đối với bước ngoặt bất ngờ của câu chuyện.

-Thế ông bạn người Florence của ông có biết gì về những vụ đầu độc ấy không? – Henri hỏi.

-Tâu bệ hạ, có.

-René, tại sao ông lại đi nói với ta về một bí mật không phải của ông, nhất là khi điều bí mật ấy quan trọng đến thế? – Henri hỏi với giọng thản nhiên nhất mà ông có thể tạo được.

-Ông bạn tôi muốn xin bệ hạ một lời khuyên.

-Xin ta à?

-Có gì lạ đâu, tâu bệ hạ? Xin Người hãy nhớ lại người lính già ở Actium khi có một vụ kiện đã đi hỏi ý kiến của chính August.

-August là luật sư, René ạ, còn ta thì không phải.

-Tâu bệ hạ, khi người bạn tôi ủy thác cho tôi điều bí mật này, hoàng thượng vẫn thuộc về giáo phái Calvin, hoàng thượng là thủ lĩnh tối cao, còn ông de Condé là người thủ lĩnh thứ hai.

-Sao nữa? – Henri hỏi.

-Người bạn tôi mong muốn bệ hạ sử dụng ảnh hưởng đầy thế lực của mình đối với ông hoàng Condé để cầu xin ông này đừng thù oán gì ông bạn tôi.

-René, ông hãy giải thích cho ta, nếu ông muốn ta hiểu được đó là chuyện gì chứ – Henri không tỏ ra có thay đổi nào trong giọng nói cũng như nét mặt.

-Tâu bệ hạ, Người sẽ hiểu ra ngay thôi, người bạn tôi biết rất rõ tất cả những ý đồ nhằm đầu độc đức ông hoàng thân Condé.

-Người ta đã định đầu độc ông hoàng Condé? – Henri hỏi với vẻ ngạc nhiên hoàn toàn đóng kịch – A! Thật à! Bao giờ vậy?

René chằm chằm nhìn nhà vua và trả lời: -Cách đây tám ngày, thưa bệ hạ.

-Một kẻ thù nào đó phải không? – Nhà vua hỏi.

-Vâng – René đáp – Một kẻ thù mà hoàng thượng biết và y cũng biết hoàng thượng.

-Quả thực ta nghi là đã được nghe nói tới chuyện này, nhưng ta không biết những chi tiết mà ông bạn muốn kể cho ta nghe như ông nói.

-Thế này, người ta dâng một quả táo thơm cho ông hoàng Condé. May thay, thầy thuốc của ông ta lại ở đấy lúc người ta đem, táo tới. Ông thầy thuốc cầm táo từ tay người đưa và ngửi để xem mùi và tính năng của táo. Hai ngày sau, mặt ông ta bị sưng vù lên vì hoại thư, máu rỉ ra, vết thương loét ăn lan trên mặt ông, đó là cái giá phải trả cho sự tận tâm hoặc là sự bất cẩn của ông ta.

-Thật không may – Henri đáp- Vì đã nửa phần là người Giatô giáo nên ta mất hết ảnh hưởng với ông de Condé bạn ông đề đạt với ta là nhầm đấy.

-Nhờ ảnh hưởng của mình, hoàng thượng không những chỉ giúp ích được cho bạn tôi đối với ông hoàng Condé, mà còn cả đối với ông hoàng de Porcian, em của ông hoàng suýt bị đầu độc ấy.

-Ôi này René, ông có biết là chuyện của ông nghe rùng cả mình không? – Charlotte nói – Ông cầu xin không đúng lúc rồi.

-Muộn rồi, chuyện của ông nghe chết chóc lắm, quả thực hương phẩm của ông còn đáng giá hơn.

Và nàng lại rở tay về phía hộp son.

-Thưa phu nhân – René nói – Trước khi thử son như phu nhân định làm, xin bà hãy nghe xem những người độc ác có thể chịu những hậu quả tàn bạo như thế nào.

-Dứt khoát là tối nay ông có vẻ tang thương thảm khốc lắm René ạ- Nam tước phu nhân nói.

Henri cau mày, nhưng ông hiểu rằng René muốn đưa đến một mục đích mà ông còn chưa nhìn thấy, và ông quyết cử đẩy tới cùng cái câu chuyện đã gợi lại trong ông những kỷ niệm đau lòng này.

-Thế, này, ông biết cả những chi tiết của việc đầu độc ông hoàng Porcian đấy à? – Henri tiếp.

-Thưa vâng – René đáp- Người ta biết rằng ông hoàng đêm nào cũng để một ngọn đèn gần giường mình, người ta tẩm thuốc độc vào dầu và ông hoàng bị chết ngạt vì hơi độc.

Henri co quắp những ngón tay đẫm mồ hôi.

-Vậy là người mà ông gọi là bạn không những chỉ biết về các chi tiết của vụ đầu độc mà thôi – Henri lẩm bẩm – Mà ông ta còn biết cả thủ phạm nữa chứ?

-Vâng, chính vì vậy nên ông ta muốn biết xem liệu đối với ông hoàng Porcian còn sống, bệ hạ có thế lực có thể khiến cho ông hoàng đó tha tội cho kẻ giết người về cái chết của anh ông ta không?

-Thật không may – Henri trả lời – Vì ta vẫn còn nửa phần là người Tân giáo nên không có chút ảnh hưởng nào tới ông hoàng Porcian được. Bạn ông nhờ ta là nhầm.

-Nhưng bệ hạ nghĩ gì về các ý định của hoàng thân de Condé và ông de Porcian?

-René, làm sao ta biết được các ý định của họ? Ta thấy hình như Chúa đâu có ban cho ta đặc quyền đọc được những gì trong trái tim người!

-Bệ hạ có thể tự hỏi mình – René bình tĩnh nói – Phải chăng trong đời bệ hạ không có sự việc nào tối tăm thê thảm đến nỗi trở thành sự thử thách của lòng khoan dung. Dù cho nó có làm đau lòng đến mấy, phải chăng đó lại không phải là hòn đá thử lòng đại lượng hay sao?

Những lời nói đó được nói ra với giọng khiến cho chính Charlotte phải rùng mình: sự ám chỉ trực tiếp và nhạy cảm đến nỗi người thiếu phụ phải quay mặt đi để che giấu sắc đỏ và tránh cái nhìn của Henri.

Henri cố gắng đến tột cùng để tự kiềm chế mình. Ông xua tan mây mờ trên vầng trán mà trong khi René nói đã chứa chất đầy đe doạ, và ông biết nỗi đau đớn cao quý của lòng hiếu tử đang bóp nghẹt trái tim ông thành một kiểu trầm tư mơ hồ: -Một sự kiện tăm tối trong đời ta ư?… Không, René ạ ta chỉ nhớ trong thời trẻ ta có những nỗi điên rồ và vô tư lự pha trộn với những việc tất yếu ít nhiều tàn bạo mà những nhu cầu của tự nhiên hoặc thử thách của Chúa đã buộc ta phải làm.

Đến lượt René lại tự kìm mình và y hết chú ý nhìn Henri đến Charlotte, như thể muốn cổ vũ người này và kìm giữ người kia, vì quả thực Charlotte lại bắt tay vào trang điểm để che đậy sự lúng túng của mình trong cuộc chuyện trò này. Nàng chìa tay về phía hộp son

-Nhưng, nói cho cùng thì thưa bệ hạ, nếu Người là em của ông hoàng Porcian hoặc con trai ông hoàng Condé và giả sử người ta đầu độc anh Người hoặc ám sát cha Người…

Charlotte khẽ kêu lên một tiếng và lại đưa son tới gần môi nàng.

René nhìn thấy động tác đó nhưng lần này y không nói hoặc làm gì để ngăn nó lại, y chỉ thốt lên: -Nhân danh Chúa! Xin bệ hạ hãy trả lời xem, nếu Người ở địa vị họ thì Người sẽ làm gì?

Henri thu hết tâm lực, ông đưa bàn tay run rẩy lau vài giọt mồ hôi lạnh toát trên trán. Ông đứng thẳng đậy và trả lời trong sự yên lặng khiến René và Charlotte phải nín thở: -Nếu ta ở địa vị họ và nếu ta tin chắc sẽ được làm vua, nghĩa là người thay mặt Chúa trên mặt đất này, noi gương Chúa ta sẽ tha thứ.

-Thưa phu nhân – René vừa nói vừa giật lấy hộp son từ tay phu nhân de Sauve – Xin phu nhân hãy trả lại cho tôi hộp này. Tôi thấy là cậu giúp việc tôi đem nhầm hộp cho bà. Ngày mai tôi sẽ gửi tới phu nhân một hộp khác.

§23. Người mới cải đạo

Ngày hôm sau có cuộc săn ở rừng Saint-Germain.

Henri ra lệnh chuẩn bị yên cương sẵn sàng cho một con ngựa nhỏ xứ Bearn mà ông định tặng cho phu nhân de Sauve nhưng ông còn muốn thử trước. Tám giờ kém một khắc, ngựa đã đầy đủ lệ bộ. Tám giờ vừa điểm, Henri xuống sân.

Con ngựa tầm vóc tuy nhỏ nhưng kiêu hãnh và nóng nảy, nó dựng bờm và hí ầm trong sân. Trời lạnh, một lớp băng mỏng phủ trên mặt đất.

Henri qua sân để tới khu chuồng ngựa, nơi cả ngựa và giám mã đang chờ ông. Lúc đó ông đi ngang qua một người lính Thụy sĩ đang đứng gác ở cửa, người lính đó đưa cao súng để chào Henri và nói: -Chúa phù hộ cho Hoàng thượng Navarre!

Nghe lời chúc tụng ấy, và nhất là khi nghe giọng người đó nói, anh chàng xứ Bearn bỗng giật mình.

-Ông quay nhìn và lùi lại một bước.

-De Mouy! – Henri thì thầm.

-Tâu bệ hạ, vâng, chính de Mouy đây!

-Anh tới đây làm gì?

-Tôi tìm bệ hạ.

-Anh muốn gì?

-Tôi cần phải nói chuyện với bệ hạ.

-Khốn khổ! – Nhà vua xích lại gần de Mouy nói – Mi không biết là mi sẽ mất đầu như chơi à?

-Tôi biết điều đó.

-Thế sao?

-Thế mà vẫn là tôi đây này.

Henri hơi tái mặt, vì ông hiểu ông sẽ phải chia xẻ mối nguy hiểm mà chàng trai đầy nhiệt tình này đang hứng chịu. Ông lo lắng nhìn quanh và lùi lại lần nữa cũng hấp tấp như lần trước.

Ông vừa thấy bóng quận công d'Alençon ở trên một cửa sổ.

Henri đổi ngay dáng điệu, cầm lấy khẩu súng trường trong tay de Mouy đang giả làm lính gác và vừa ra vẻ kiểm tra khẩu súng vừa nói: -De Mouy, chắc hẳn có lý do nào cần cấp lắm thì anh mới tới đưa đầu vào miệng hùm như thế này chứ?

-Thưa bệ hạ, không! Tôi rình chực bệ hạ từ tám ngày nay – Ồi. Hôm qua tôi mới biết được rằng sáng nay bệ hạ phải thử con ngựa này nên tôi đến canh tại cổng Louvre.

-Nhưng tại sao anh lại có bộ quân phục này được?

-Viên chỉ huy đại đội người Tân giáo là bạn tôi.

-Súng trường của anh đây, đứng vào chỗ gác đi. Người ta đang quan sát chúng ta đấy. Khi nào ta quay lại, ta sẽ cố nói với anh vài lời, nhưng nếu ta không nói gì thì cũng đừng giữ ta lại. Tạm biệt.

De Mouy lại tiếp tục bước đều đặn còn Henri thì tiến về phía con ngựa.

-Con vật nhỏ bé xinh xinh ấy là thế nào thế? – Quận công d'Alençon hỏi vọng từ cửa sổ xuống.

-Sáng nay tôi phải thử nó – Henri đáp.

-Nhưng đấy có phải ngựa của đàn ông đâu? Đây là ngựa dành cho một mỹ nhân.

-Cẩn thận đấy Henri, anh là người không kín mồm kín miệng được đâu vì chúng ta sẽ gặp người đẹp ở cuộc săn và lúc ấy nếu như tôi không biết anh là hiệp sĩ của ai thì ít ra tôi cũng sẽ biết anh là người giữ ngựa của ai.

-Ồ! Lạy Chúa, anh sẽ chẳng biết được đâu – Henri nói với vẻ hồn hậu đóng kịch – Cái người đẹp ấy sáng nay không đi được vì bị ốm.

Và ông lên ngựa.

-Ôi! Chà! Thật tội nghiệp phu nhân de Sauve! – d'Alençon vừa nói vừa cười.

-François! François! Anh mới là người không kín mồm kín miệng!

-Thế cái bà Charlotte xinh đẹp bị làm sao thế? – Quận công d'Alençon lại hỏi.

-Tôi cũng chẳng biết nữa – Henri vừa đáp vừa cho ngựa đi nước kiệu vòng vèo trên sân – Dariole báo với tôi là bà ta bị nặng đầu lắm, khắp người tê cứng, tóm lại là bải hoải toàn thân.

-Thế chuyện đó ngăn anh đi cùng chúng tôi không? – Quận công hỏi.

-Tôi ấy à? Tại sao không? Anh biết rằng tôi mê săn bắn như điên. Chẳng gì có thể làm tôi bỏ một cuộc săn được cả.

-Ấy vậy mà anh vẫn lỡ cuộc săn này đấy, Henri ạ – quận công tiếp sau khi quay lại nói chuyện với một người mà Henri không nhìn thấy vì người đó đứng tận trong phòng để nói chuyện với quận công.

-Vì đức vua cho người báo với tôi rằng cuộc săn không tiến hành hôm nay.

-Chậc! Sao vậy? – Henri nói với vẻ cụt hứng.

-Hình như có những thư tín quan trọng của ông de Nervers thì phải. Đức vua, Thái hậu và quận công d'Anjou anh tôi đang họp bàn.

"Ái chà! – Henri tự nhủ – Phải chăng là tin về Ba Lan?"

Rồi ông cao giọng nói tiếp: -Nếu vậy thì tôi cần phải liều mạng lâu hơn nữa trên băng như thế này. Xín tạm biệt anh!

-Ông cho ngựa dừng trước de Mouy và truyền: -Này de Mouy, gọi một người trong đội của mi ra mà gác tiếp. Mi giúp người hầu ngựa gỡ yên ra, đội yên lên đầu và đem tới cho người thợ chuyên dát vàng bạc yên ngựa, còn một hình thêu mà y chưa làm xong hôm nay. Mi tới trả lời tại phòng ta, nghe không?

De Mouy vội vàng tuân lệnh vì quận công d'Alençon đã biến khỏi cửa sổ. Rõ ràng là ông ta nghi ngờ điều gì.

Quả thực de Mouy vừa mới qua khỏi cửa thì quận công d'Alençon xuất hiện. Một người lính Thụy Sĩ đang đứng gác ở chỗ de Mouy.

D'Alençon nhìn rất kỹ người lính gác mới này rồi quay về phía Henri hỏi: -Ban nãy anh nói chuyện với người khác phải không?

-Tên kia là một người hầu trong gia đình tôi mà tôi đã cho đăng vào lính Thụy Sĩ. Tôi giao cho hắn một việc mà hắn đang thi hành.

-À! – Quận công nói như thể câu trả lời đã làm ông ta hài lòng – Marguerite có khỏe không?

-Tôi sắp đến chỗ bà ta đây.

-Thế từ hôm qua đến giờ anh không gặp chị ấy à?

-Không, đêm qua khoảng mười một giờ tôi có đến chỗ bà ta, nhưng Gillonne bảo tôi rằng hoàng hậu mệt và đã đi nghỉ.

-Bây giờ thì anh chẳng gặp được chị ấy ở trong cung đâu, chị ấy ra ngoài rồi.

-Vâng, cũng có thể – Henri đáp – Bà ta phải đi tới tu viện Annonciade.

Chẳng có cách nào đẩy câu chuyện tiếp tục được vì Henri dường như dứt khoát chỉ chịu trả lời mà thôi.

Anh rể em vợ đành chia tay nhau. Quận công d'Alençon đi thăm dò tin tức, như lời ông ta nói, còn vua Navarre thì về nhà mình.

Henri mới về được khoảng năm phút đã nghe có tiếng gõ cửa.

-Ai đấy? – Ông hỏi.

-Tâu bệ hạ – Có tiếng trả lời mà Henri nhận ra ngay là giọng de Mouy – Tôi đem lời phúc đáp của người làm đồ vàng bạc cho yên ngựa tới.

Henri thật sự xúc động, bước ra mở cửa cho chàng thanh niên và đóng ngay cửa lại sau lưng chàng.

-Anh đấy à, de Mouy! Ta đã mong là anh sẽ suy nghĩ lại.

-Tâu bệ hạ, tôi suy nghĩ đã ba tháng nay rồi – de Mouy trả lời – Thế là đủ, bây giờ đến lúc phải hành động.

Henri phác một cử chỉ đầy lo lắng.

-Xin bệ hạ đừng lo ngại gì, chúng ta chỉ có một mình và tôi vội lắm vì thì giờ rất cấp bách. Chỉ một lời thôi bệ hạ cũng có thể trả lại cho chúng ta tất cả những gì đạo Tân giáo đã mất trong năm qua. Chúng ta hãy nói rõ ràng, thẳng thắn ngắn gọn với nhau.

-Ta nghe đây, de Mouy trung thực của ta – Henri thấy không còn cách nào để lẩn tránh việc giải thích được nên đành trả lời.

-Có thật là bệ hạ bỏ Tân giáo không?

-Thật vậy – Henri đáp.

-Vâng, nhưng đó chỉ là bề ngoài thôi hay là với tất cả tấm lòng?

-Người ta bao giờ cũng biết ơn Đức Chúa đã cứu mạng cho mình – Henri trả lời bằng cách lẩn tránh câu hỏi như ông vẫn thường làm trong trường hợp tương tự như thế này – Và hiển nhiên là trong cơn nguy hiểm ấy Chúa đã tha mạng cho ta.

-Tâu bệ hạ, xin Người hãy thú nhận một điều.

-Điều gì?

-Đó là việc chối đạo của bệ hạ không phải là do lòng tin mà là do tính toán. Bệ hạ đã chối đạo để được vua Charless cho sống chứ không phải là vì Chúa đã bảo toàn tính mạng cho bệ hạ.

-De Mouy ạ, dù nguyên nhân việc cải đạo của ta có là gì chăng nữa thì ta vẫn cứ là người Giatô giáo.

-Thưa vâng, nhưng liệu bệ hạ có mãi mãi là người Giatô giáo không? Khi cơ hội đầu tiên để lấy lại tự do cho sự sống trần và tâm linh của bệ hạ đến thì chẳng lẽ bệ hạ lại không thu lại lời cải đạo? Thế này đây, cơ hội đó đã đến rồi. La Rochelle nổi loạn, xứ Roussillong và Bearn chỉ chờ lệnh để hành động, ở Guyenne, tất cả đều đợi chiến tranh. Xin bệ hạ chỉ cần nói với tôi rằng bệ hạ bị cưỡng ép làm người Giatô giáo, tôi xin đảm bảo với bệ hạ về tương lai.

-De Mouy thân mến, người ta không thể cưỡng ép được một nhà quý tộc thuộc dòng dõi như ta. Điều ta đã làm là làm một cách tự do.

-Nhưng tâu bệ hạ – Trái tim chàng trai thắt lại vì sự chống cự không ngờ đó – Bệ hạ không nghĩ rằng làm như vậy bệ hạ bỏ rơi chúng tôi… bệ hạ phản bội lại chúng tôi hay sao?

Gương mặt Henri vẫn lạnh lùng.

-Vâng, bệ hạ phản bội lại chúng tôi – De Mouy nói tiếp – Vì nhiều người trong số chúng tôi đã liều mạng tới đây để cứu vãn danh dự và tính mạng của bệ hạ. Chúng tôi đã chuẩn bị tất cả để trao cho bệ hạ một ngôi báu. Bệ hạ có nghe rõ không, không chỉ tự do thôi mà cả quyền lực nữa: một ngai vàng tuỳ ý bệ hạ lựa chọn vì trong vòng hai tháng nữa bệ hạ có thể chọn giữa Navarre và Pháp quốc.

-De Mouy ạ – Henri vừa nói vừa che giấu ánh mắt, vì dù ông không muốn khi nghe tới đề nghị này mắt ông cũng lóe lên như tia chớp – Tính mạng ta an toàn, ta là người Giatô giáo, ta là chồng của Marguerite, ta là em vua Charles, ta là con rể hiền mẫu Catherine. De Mouy, khi ta đứng ở địa vị đó, ta đã tính toán cơ may và cả nghĩa vụ nữa.

-Nhưng tâu bệ hạ, tôi biết tin vào cái gì đây? – De Mouy tiếp lời – Người ta nói với tôi rằng cuộc hôn nhân của bệ hạ vẫn chưa hoàn thành, người ta nói với tôi rằng trong thâm tâm bệ hạ vẫn tự do, người ta nói với tôi rằng mối hận thù của Catherine…

-Giả dối, giả dối tất – Anh chàng Bearnais hấp tấp nói – Đúng là người ta đã lừa dối anh một cách vô sỉ, anh bạn ạ, Marguerite thân yêu đúng là vợ ta thật,

Catherine quả là mẹ ta, và cuối cùng đức vua Charless IX quả là chúa tể và chủ của cuộc đời và trái tim ta.

De Mouy rùng mình, một nụ cười gần như khinh miệt lướt qua môi chàng.

-Tâu bệ hạ, vậy đó sẽ là câu trả lời tôi đem về cho các đồng đạo – De Mouy vừa nói vừa thất vọng buông tay và cố thử đưa mắt dò hỏi cái tâm hồn đầy bí ẩn này – Tôi sẽ nói với họ rằng vua Navarre chia tay và dâng trái tim cho những kẻ đã cắt cổ chúng tôi, tôi sẽ nói với họ rằng nhà vua đã trở thành người ca ngợi Thái hậu và người bạn của Maurevel…

-De Mouy thân mến – Henri nói – Nhà vua sắp họp xong, ta phải đến hỏi người tại sao lại hoãn một việc quan trọng như cuộc săn này. Tạm biệt nhé, hãy bắt chước ta anh bạn ạ, từ bỏ chính kiến đi, quy phục đức vua và chịu lễ misa đi.

Và Henri tiễn hay đúng hơn là đẩy chàng thanh niên ra tới tận phòng ngoài. Sự kinh ngạc của chàng trai dần dần nhường chỗ cho lòng tức giận.

Cửa vừa khép lại thì de Mouy không thể kìm được lòng mong muốn trút cơn giận lên một vật gì thay cho việc trút nó lên đầu ai. Chàng vò mũ trong tay, ném xuống đất rồi giày xéo lên trên như con bò mộng giày xéo áo măng-tô của người đấu bò: -Ôi thề có cái chết! – Chàng kêu lên – Quả là một ông hoàng khốn nạn! Ta muốn bị giết ở đây để hắn mãi mãi bị nhơ nhuốc vì máu ta đổ!

-Suỵt! Ông de Mouy! – Một giọng nói lọt qua khe một cánh cửa mở hé – Sụyt! Khẽ thôi! Vì người khác có thể nghe thấy ông mất!

De Mouy hấp tấp quay lại và thấy quận công d'Alençon quấn mình trong một chiếc áo măng-tô đang thò mái đầu xanh xao ra ngoài hành lang để tin chắc rằng ông ta chỉ có một mình với de Mouy.

-Quận công d'Alençon! – De Mouy thốt lên – Ta nguy rồi!

-Ngược lại, thậm chí có thể là ông đã tìm thấy điều mà ông muốn tìm – Ông hoàng thì thầm – Bằng chứng là ta không muốn để cho ông bị giết ở đây như ông nghĩ thế. Ông cứ tin ta, máu của ông có thể được sử dụng tốt hơn là chỉ để làm đỏ thềm nhà của vua Navarre.

Nói tới đó, quận công mở toang cánh cửa mà ông ta vẫn để hé.

-Đây là phòng của hai vị quý tộc của ta – Quận công nói – Không có ai sẽ tới quấy rầy ta. Ở đây, chúng ta có thể tự do nói chuyện. Ông vào đi.

-Thưa điện hạ, tôi đây! – Kẻ âm mưu kinh ngạc đáp lại.

Và chàng bước vào phòng, quận công d'Alençon đóng cửa lại sau lưng chàng cũng hấp tấp y như vua Navarre vậy.

Lúc bước vào, de Mouy vẫn còn điên khùng vì tức giận, trong lòng vẫn còn nguyền rủa vua Navarre. Nhưng rồi ánh mắt đăm đăm lạnh lùng của ông quận công trẻ đã tác động tới viên chỉ huy Tân giáo như tấm gương ma thuật khiến cơn say của anh ta bị xua tan.

-Thưa điện hạ, nếu tôi hiểu đúng thì có phải điện hạ muốn nói chuyện cùng tôi – De Mouy hỏi.

-Đúng thế, ông de Mouy – François đáp – Mặc dù ông cải trang nhưng ta vẫn suýt nhận ra ông và tới khi ông bồng súng chào Henri anh ta, ta đã nhận rõ ra ông. Thế nào, de Mouy, ông không hài lòng với vua Navarre à?

-Thưa điện hạ!

-Thôi nào, ông cứ mạnh dạn nói với ta. Có lẽ ta là bạn ông mà ông không ngờ đấy.

-Ngài ư, thưa điện hạ!

-Phải, chính ta. Vậy ông hãy nói đi!

-Thưa điện hạ, tôi không biết nói gì với người. Nhưng mà việc tôi cần phải nói với nhà vua Navarre có liên quan tới những quyền lợi mà điện hạ có lẽ sẽ không hiểu được. Vả lại, đó là những chuyện tầm phào – De Mouy nói thêm với vẻ cố tỏ ra dửng dưng.

-Chuyện tầm phào à? – Quận công thốt lên.

-Đúng thế, thưa điện hạ.

-Vì những chuyện tầm phào mà ông thấy cần phải liều mạng để quay trở về Louvre nơi mà, như ông biết đấy, đầu ông được treo giá với số vàng nặng cũng bằng thế? Vì người ta không phải không biết rằng cùng với vua Navarre và ông hoàng Condé, ông là một trong những thủ lĩnh chủ chốt của phái Tân giáo.

-Thưa điện hạ, nếu người nghĩ như vậy, xin người hãy xử sự với tôi trên tư cách là em vua Charles và con của Thái hậu Catherine.

-Tại sao ông muốn ta làm như thế, một khi ta đã nói với ông rằng ta là bạn ông? Thôi hãy nói sự thật ra đi.

-Thưa điện hạ – De Mouy nói – Tôi xin thề với điện hạ…

-Xin ông đừng thề, đạo Tân giáo cấm thề, nhất là những lời thề giả dối.

De Mouy cau mày.

-Ta xin nói với ông rằng ta biết hết – Quận công tiếp.

De Mouy vẫn nín lặng.

-Ông còn ngờ ư – Ông hoàng ân cần nhấn mạnh – Thế thì ông de Mouy thân mến ạ, lại phải thuyết phục ông thôi. Nào, ông xem ta có nhầm không nhé. Có đúng là vừa rồi ông đã đề xuất với anh rể Henri của ta – Ông ta vừa nói vừa đưa tay chỉ về phía phòng Henri – Sự giúp đỡ của ông và những người theo phe ông để tái lập ông ta lên ngai vàng Navarre của ông ta hay không?

De Mouy hoảng sợ nhìn quận công.

-Đó là đề nghị mà ông ta kinh hoàng từ chối.

De Mouy ngẩn người.

-Có phải lúc đó ông đã nhắc nhở lại tình bạn cũ của các ông, kỳ niệm về tôn giáo chung của các ông? Thậm chí có phải lúc đó ông đã đưa ra mồi chài vua

Navarre bằng một tiền đồ thật chói lọi, chói lọi đến mức ông ta phải loá mắt, đó là hy vọng đạt tới ngai vàng nước Pháp, đúng không? Thế nào, đúng là ta biết rõ chứ? Có đúng đó là những điều ông tới đề nghị với anh chàng Bearn không?

-Thưa điện hạ – De Mouy kêu lên – Đúng đến nỗi lúc này đây tôi đang tự hỏi liệu tôi có nên cho rằng điện hạ là người nói dối không! Có nên gây ra trong phòng này một cuộc đấu khốc liệt để chắc chắn rằng cái chết của hai chúng ta sẽ dập tắt luôn điều bí mật khủng khiếp đó.

-Nhẹ nhàng thôi, ông de Mouy trung thực của ta, nhẹ nhàng thôi! – Quận công d'Alençon không thay đổi nét mặt, không hề có cử chỉ nào khác trước lời đe doạ đó – Điều bí mật sẽ được giữ kín trong chúng ta nếu cả hai chúng ta đều sống hơn là một trong hai người chết đi. Ông hãy nghe ta và đừng có làm phiền chuôi kiếm của ông nữa. Lần thứ ba nhắc với ông rằng ta là một người bạn. Xin ông hãy trả lời như với một người bạn. Nào, có phải vua Navarre đã từ chối tất cả những điều mà ông trao dâng cho ông ta không?

-Thưa điện hạ, vâng, tôi thừa nhận điều đó; vì nó chỉ gây hại cho mỗi mình tôi thôi.

-Có phải lúc ông ra khỏi phòng ông ta, ông đã xéo lên chiếc mũ của mình mà nguyền rủa rằng ông ta là một ông hoàng hèn nhát và không xứng đáng là thủ lĩnh của các ông nữa hay không?

-Thật thế, thưa điện hạ, tôi có nói vậy.

-A! Thật là! Rút cuộc là ông cũng đã nhận.

-Thưa vâng.

-Ông vẫn giữ ý như thế chứ?

-Hơn bao giờ hết, thưa điện hạ!

-Vậy thì ta đây, ông de Mouy, ta, con trai thứ ba của Henri đệ nhị, ta, hoàng tử Pháp, liệu ta có đủ tư cách quý tộc để chỉ huy binh lính cho ông không? Và ông có coi ta là thẳng thắn để ông tín nhiệm lời nói của ta hay không?

-Ngài ư? Thưa điện hạ? Ngài là thủ lĩnh của người Tân giáo ư?

-Tại sao không nhỉ? Đây là thời buổi cải đạo. Ông biết đấy Henri cải làm Giatô giáo, ta cũng có thể cải theo Tin lành được lắm chứ.

-Thưa điện hạ, hẳn thế, vì vậy tôi xin điện hạ hãy giải thích rõ cho tôi…

-Chẳng gì đơn giản hơn, và ta sẽ nói vắn tắt cho ông cái phép làm chính trị của tất cả mọi người: -Anh Charles của ta giết người Tân giáo vì ông ấy muốn trị vì rộng hơn. Anh d'Anjou nhà ta để cho Charles giết người Tân giáo vì ông ta sẽ lên nối ngôi sau Charles và vì như ông biết đấy, anh Charles của ta đau ốm luôn. Còn ta… mọi việc lại khác. Ta sẽ không lên ngôi trị vì, ít ra là ở Pháp, vì ta còn có hai ông anh đứng trước. Mối căm ghét của mẹ ta và hai anh ta đẩy lui ta ra xa khỏi ngai vàng hơn cả những luật lệ của tự nhiên. Ta không có được một tình thương yêu gia đình nào, một vinh quang nào, một vương quốc nào. Thế mà ta có

một trái tim cũng cao quý như hai anh ta vậy. Thế nên de Mouy! de Mouy! Ta muốn tự xẻ lấy cho mình một vương quốc với thanh kiếm của ta trong cái nước Pháp đẫm máu này. De Mouy, đó là những điều ta muốn. Ông hãy nghe đây:

"Ta muốn là vua Navarre không phải theo huyết thống mà theo bầu cử. Và ông hãy nhớ là ông không có một điều gì phản kháng chuyện đó, ta không phải là kẻ tiếm ngôi mà chỉ vì anh rể ta từ chối những đề nghị của ông, ông ta rúc vào trong sự trì độn và cao giọng thừa nhận rằng vương quốc Navarre chỉ là chuyện hão huyền. Với Henri de Bearn, các ông chẳng có gì hết. Với ta, các ông có một lưỡi gươm và một tên tuổi. François d'Alençon hoàng tử Pháp, sẽ cứu trợ tất cả những bạn hoặc những ai đồng loã với mình, ông muốn gọi thế nào thì gọi. Thế nào, ông de Mouy, ông nghĩ gì về lời đề nghị này?

-Tôi xin nói là tôi bị choáng ngợp, thưa điện hạ.

-De Mouy ạ, chúng ta còn nhiều trở ngại phải vượt qua. Ông đừng tỏ ra khắt khe khó tính ngay từ đầu như thế với một hoàng tử và một người anh em của nhà vua đến với ông.

-Thưa điện hạ, nếu tôi chỉ có một mình để bảo vệ những ý nghĩ của tôi thôi thì mọi việc đã xong cả rồi. Nhưng chúng tôi còn có cả một hội đồng. Dù lời đề nghị có rực rỡ đến mấy, và có lẽ lại chính là vì chuyện đó, các thủ lĩnh trong phe không bao giờ chấp nhận không điều kiện.

-Đó lại là việc khác, và câu trả lời của ông thực xứng đáng là của một tấm lòng trung thực và thận trọng. De Mouy, qua cách xử sự của ta mới rồi, ông phải nhận thấy lòng thành của ta. Vậy về phần ông, ông hãy coi ta như một người được người ta tôn trọng chứ không phải như một ông hoàng được người ta xu nịnh. De Mouy, liệu ta có chút cơ may nào không?

-Xin thề bằng lời nói danh dự của tôi, thưa điện hạ, điện hạ đã muốn tôi nói ý kiến của mình thì đây, điện hạ có tất cả các cơ may kể từ lúc vua Navarre từ chối lời đề nghị mà tôi đã tới dâng cho ông ta. Nhưng thưa điện hạ, tôi xin nhắc lại là vệc hội ý với các thủ lĩnh của chúng tôi là chuyện bắt buộc.

-Nếu vậy xin ông cứ làm đi – d'Alençon đáp – Nhưng bao giờ thì trả lời.

De Mouy yên lặng nhìn ông hoàng. Rồi dường như quyết định dứt khoát, chàng nói: -Thưa điện hạ, xin Người trao tay cho tôi. Tôi cần được nắm lấy bàn tay của một hoàng tử Pháp để tin chắc rằng mình sẽ không bị phản bội.

Quận công không những chìa tay cho de Mouy mà còn nắm lấy tay chàng và siết chặt.

-Thưa điện hạ, bây giờ tôi đã an tâm – Chàng thanh niên Tân giáo nói tiếp – Nếu chúng ta bị phản bội, tôi sẽ nói là điện hạ không dính líu gì vào đấy. Thưa điện hạ, nếu không thế thì dù Người có dính líu rất ít vào sự phản bội ấy, Người cũng sẽ bị mất danh dự.

-De Mouy, tại sao ông lại nói với ta như vậy trước khi cho ta hay bao già ông sẽ đem câu trả lời của các thủ lĩnh của ông tới?

-Bởi vì, thưa điện hạ, khi điện hạ hỏi tôi khi nào sẽ có câu trả lời, điện hạ cũng đã hỏi các thủ lĩnh ở đâu. Và nếu tôi nói với điện hạ: "Đến tối", điện hạ sẽ biết rằng các thủ lĩnh đang ẩn nấp tại Paris.

Vừa nói vậy, de Mouy vừa phác một cử chỉ nghi ngờ và dán ánh mắt sắc sảo của mình lên con mắt giả dối láo liên của quận công.

-Thôi nào – Quận công bảo – Ông vẫn còn nghi ngờ đấy, ông de Mouy ạ. Nhưng mới đầu thì ta không thể đòi hỏi ở ông một sự tin cậy hoàn toàn được. Ông sẽ biết ta sau này. Chúng ta sẽ gắn bó với nhau bằng quyền lại chung khiến ông hết nghi ngờ. Vậy ông bảo tối nay phải không, ông de Mouy?

-Thưa điện hạ vâng, vì thời gian gấp lắm. Đến tối, nhưng ở đâu, thưa điện hạ?

-Ở Louvre, tại đây, trong căn phòng này, ông có đồng ý không?

-Phòng này có người ở phải không? – De Mouy đưa mắt chỉ hai chiếc giường kê đối diện với nhau.

-Có hai vị quý tộc của ta ở đây.

-Thưa điện hạ, tôi thấy là đối với tôi, quay trở lại Louvre thì thật bất cẩn.

-Tại sao vậy?

-Vậy nếu như điện hạ đã nhận ra tôi, những người khác có thể cũng tinh mắt như điện hạ và lại cũng sẽ nhận ra tôi. Tuy vậy tôi sẽ trở lại Louvre nếu điện hạ ban cho tôi điều mà tôi yêu cầu điện hạ.

-Điều gì vậy?

-Một giấy thông hành.

-De Mouy, nếu giấy thông hành của ta cấp mà được tìm thấy trên người ông thì vạ sẽ nguy hại cho ta và không cứu được ông. Ta chỉ giúp ông được điều đó với điều kiện trước mắt tất cả mọi người chúng ta hoàn toàn xa lạ đối với nhau. Chỉ cần hở ra một chút mối quan hệ giữa ta và ông cho mẹ và các anh ta thôi thì nó cũng sẽ khiến ta dễ dàng bỏ mạng. Vậy ông sẽ được bảo vệ và gìn giữ nhờ quyền lợi cho chính ta, khi mà ta chịu liên lụy về những kẻ khác cũng như đang liên lụy với ông lúc này. Chừng nào chính ta còn không bị nghi ngờ thì ta còn đảm bảo được cho ông mọi thứ, xin ông đừng quên điều đó. Ông nên can đảm lên một lần nữa. Hãy mạo hiểm với lời hứa của ta giống như ông đã mạo hiểm mà không có lời hứa của anh rể ta. Hãy đến Louvre tối nay.

-Nhưng điện hạ muốn tôi đến bằng cách nào chứ? Tôi không thể liều ăn mặc như thế này trong các khu phòng ở được. Y phục này chỉ ở trong các sân và tiền sảnh được thôi. Nếu tôi mặc y phục của tôi thì lại còn nguy hiểm hơn nữa, vì ở đây mọi người đều biết tôi và quần áo tôi chẳng cải trang cho tôi được tí nào hết.

-Vì thế nên ta phải tìm… chà tí… Ta nghĩ rằng ừ… đây rồi.

Quận công đưa mắt nhìn quanh và dừng mắt lại trên đống quần áo chưng diện của De Mole bấy giờ đang được trải ra trên giường. Ông ta nhìn thấy chiếc áo choàng màu anh đào lộng lẫy có thêu chỉ vàng, chiếc mũ có cái lông chim trắng với một vòng hoa cúc thêu vàng và bạc xung quanh và cuối cùng là chiếc áo chẽn bằng satanh màu ngọc xám điểm vàng.

-Ông có thấy chiếc áo choàng, chiếc mũ lông và áo chẽn này không? – Quận công hỏi – Đó là của ông de Mole, một quý tộc của ta, một anh chàng nịnh đầm tài ba. Y phục này làm rối loạn cả triều đình, mặc nó vào thì cách trăm bước người ta cũng nhận ra ông De Mole. Ta sẽ cho ông địa chỉ của tay thợ may đã may cho De Mole cứ trả giá gấp đôi vào và đến tối ông sẽ có một bộ y như thế. Ông nhớ kỹ tên ông de Mole chứ?

Quận công d'Alençon chưa dứt lời chỉ dẫn thì người ta nghe có tiếng chân trong hành lang bước lại gần và tiếng một chiếc chìa khoá quay trong ổ.

-Này, ai đấy? – Quận công la lên, lao tới cửa và cài chốt lại.

-Quỷ quái, hỏi mới lạ chứ! – Có tiếng người bên ngoài trả lời – Anh là ai đấy thì có? Nhộn thật đấy! Trở về nhà lại bị người ta hỏi là ai đấy!

-Ông đấy hả, ông de Mole?

-Này, chắc chắn đúng là tôi rồi. Nhưng còn ông, ông là ai?

Trong khi De Mole tỏ ra ngạc nhiên vì thấy phòng mình có người và cố tìm xem kẻ mới tới ở chung là ai thì quận công d'Alençon hấp tấp quay lại, tay giữ chốt, tay che ổ khoá.

-Ông có biết ông De Mole không? – Quận công hỏi de Mouy.

-Thưa điện hạ, không.

-Thế ông ta có biết ông không?

-Tôi tin là không.

-Thế thì ổn rồi, với lại, ông hãy giả vờ nhìn xuống cửa sổ đi.

De Mouy im lặng tuân lời vì De Mole bắt đầu sốt ruột và đập thình thình vào cửa.

Quận công d'Alençon nhìn lại de Mouy một lần nữa và khi thấy chàng đứng xoay lưng lại, ông ta bèn mở cửa.

-Điện hạ quận ông! – De Mole kinh ngạc lùi lại kêu lên – Ôi xin lỗi điện hạ!

-Không sao! Ta cần phòng ông để tiếp một người.

-Xin điện hạ cứ làm. Nhưng xin điện hạ cho phép tôi được lấy chiếc áo và mũ của tôi đang ở trên giường. Đêm hôm qua tôi bị mất cả hai thứ ấy trên bờ sông Grève, tôi bị bọn kẻ cướp tấn công.

-Quả thật – Quận công mỉm cười – Ông bị sửa cho khá đấy. Hình như ông đụng độ với mấy thằng cha ương bướng lắm thì phải.

Đích thân quận công đưa cho De Mole áo choàng và mũ.

Chàng trai cúi chào và ra phòng ngoài để thay quần áo. Chàng chẳng quan tâm tí gì tới những việc quận công đang làm trong phòng, vì hồi đó ở Louvre có cái kiểu là nhà ở của các quý tộc phục vụ thường được các ông hoàng biến thành các khách sạn để tiếp đủ thứ người.

Khi đó de Mouy xích lại gần quận công và cả hai đều lắng nghe xem bao giữ thì De Mole xong và đi. Nhưng khi thay xong quần áo, chính De Mole lại gỡ thế bí cho họ bằng cách tiến lại gần cửa và hỏi: -Xin lỗi điện hạ! Điện hạ có tình cờ gặp bá tước de Coconnas không ạ?

-Không, bá tước ạ! Ấy thế mà ông ta phải vào chầu sáng nay đấy!

-Vậy có khi người ta ám sát ông bạn của tôi mất rồi! – De Mole vừa tự nhủ vừa vội vã bỏ đi.

Quận công lắng nghe tiếng bước chân xa dần, liền mở cửa rồi kéo de Mouy theo sau: -Ông nhìn ông ta đi kìa, cố gắng mà bắt chước cái kiểu đi khó tả ấy.

-Tôi sẽ cố hết sức – De Mouy đáp – Không may tôi lại là lính chứ không phải là công tử bột.

-Dù sao thì ta cũng sẽ chờ ông trước nửa đêm trong cái hành lang này. Nếu phòng các quý tộc của ta rảnh thì ta sẽ tiếp ông ở đó, nếu không thì chúng ta tìm một phòng khác.

-Thưa điện hạ, được.

-Vậy thì đến tối nhé, trước nửa đêm.

-Vâng, đến tối nay, trước nửa đêm.

-À này, de Mouy, ông vung tay phải mạnh lên khi đi nhé, đó là dáng đi đặc biệt của ông de Mole đấy.

§24. Phố Tizon và phố Cloche Percée

De Mole vừa đi vừa chạy ra khỏi Louvre và sục sạo khắp Paris để tìm anh chàng Coconnas tội nghiệp.

Đầu tiên chàng tới phố Arbre sec tìm nhà bác chủ quán Hurière vì chàng nhớ mình vẫn thường nhắc cho anh chàng Piémontais một câu thành ngữ Latinh nào đó nói rằng thần Tình yêu, Bacchus và Cérès là những thần linh quan trọng bậc nhất. Chàng hy vọng rằng Coconnas sẽ yên vị tại quán Tinh tú sau một đêm cũng bận rộn như đêm qua của chàng.

Ở quán bác Hurière, de Mole không tìm thấy gì khác ngoài kỷ niệm về nghĩa vụ đã hứa và một bữa ăn rất ngon miệng được chàng vui lòng chấp nhận mặc dù đang có nỗi lo âu trong lòng.

Sau khi dạ dày đã yên ổn còn đầu óc vẫn chưa được thảnh thơi, de Mole lại bắt đầu chạy ngược sông Seine, cứ như một anh chàng hớt hải đi tìm vợ bị chết đuối. Đến bờ sông Grève, chàng nhận ra nơi mà, như chàng đã nói với d'Alençon, ba bốn giờ trước chàng bị nạn trong cuộc đi chơi đêm của mình. Điều này chẳng phải hiếm trong kinh thành Paris, nơi mà một trăm năm trước đó Boileau đã bị đánh thức trong đêm bởi tiếng đạn bắn thủng cửa chớp nhà ông. Trên bãi chiến trường vẫn còn sót lại một chiếc lông mũ của chàng. Bản năng sở hữu là một bản năng bẩm sinh ở con người. De Mole có mười chiếc lông cài mũ, cái nào cũng tuyệt đẹp, nhưng chàng vẫn dừng lại để nhặt chiếc lông đó, hay đúng hơn là mảnh còn sót lại đó. Chàng đang ngắm nó với vẻ thiểu não thì có tiếng chân thình thịch vang lên tiến lại gần chàng và những giọng nói sỗ sàng ra lệnh cho chàng dẹp đường. De Mole ngước lên và thấy một chiếc kiệu có hai người hầu đi trước và một người hầu ngựa đi cùng. De Mole nhận ra chiếc kiệu quen thuộc nên vội vàng dẹp sang một bên.

Chàng quý tộc quả đã không nhầm.

-Ông de Mole! – Một giọng nói êm ái vọng ra từ trong kiệu, trong khi một bàn tay trắng mịn như sa tanh vén rèm kiệu lên.

-Thưa lệnh bà, chính tôi. – De Mole nghiêng mình thi lễ trả lời.

-Ông de Mole đang cầm một chiếc lông cài mũ trong tay… – Công nương trong kiệu nói tiếp – Ông đang si tình phải không ông bạn thân mến, ông đang tìm lại những dấu vết đã mất chăng?

-Thưa lệnh bà, vâng, tôi đang yêu, yêu say đắm. Nhưng lúc này đây, mặc dầu tôi không tìm chúng, tôi vẫn gặp lại những dấu vết của chính mình. Nhưng trước tiên, xin lệnh bà cho phép tôi được vấn an Người.

-Tuyệt vời lắm, tôi thấy dường như chưa bao giờ tôi khỏe như thế. Chắc là vì tôi đã đi cầu nguyện tu dưỡng suốt đêm.

-A! Lệnh bà tu dưỡng tâm linh? – De Mole vừa nói vừa nhìn Marguerite với vẻ kỳ quặc.

-Đúng vậy, thì có gì đáng ngạc nhiên đâu?

-Nếu không phải là tò mò thì xin phép được hỏi lệnh bà: Người tu dưỡng tâm linh nơi tu viện nào ạ?

-Tôi đâu có che giấu chuyện này, tôi tới tu viện Annonciade.

-Nhưng còn ông, ông làm gì ở đây mà có vẻ kinh hoàng thế?

-Thưa lệnh bà, tôi cũng đi tu dưỡng nguyện cầu suốt đêm trong vùng lân cận tu viện đó. Sáng nay tôi mới đi tìm người bạn tôi đã biến đâu mất, và trong lúc tìm ông ta, tôi lại thấy chiếc lông cài này.

-Của ông ấy phải không? Ông làm tôi lo cho ông bạn của ông quá, chốn này chẳng lành đâu.

-Xin lệnh bà yên lòng. Chiếc lông cài mũ này là của tôi. Tôi đánh mất nó vào khoảng năm giờ rưỡi sáng nay ở đây, trong khi chạy thoát thân khỏi tay bốn tên kẻ cướp lăm lăm muốn cắt cổ tôi ít ra thì tôi cho là như thế.

Marguerite cố nén một cử chỉ kinh hoàng.

-Ôi ông kể cho tôi nghe xem nào – Nàng thốt lên.

-Cũng đơn giản thôi, thưa lệnh bà. Như tôi đã được hân hạnh trình với lệnh bà, lúc đó vào khoảng năm giờ sáng…

-Mới năm giờ sáng mà ông đã ra phố rồi à? – Marguerite ngắt lời.

-Xin lệnh bà thứ lỗi, lúc ấy tôi mới về.

-A! Ông de Mole, năm giờ sáng mới về nhà! – Marguerite nói với một nụ cười có vẻ láu lỉnh dưới mắt mọi người, nhưng de Mole lại coi đó là một nụ cười hết sức đáng yêu – Về muộn thế thì ông đáng phải chịu cái hình phạt ấy lắm!

-Vậy nên tôi đâu có phàn nàn, thưa lệnh bà – De Mole kính cẩn nghiêng mình đáp – Dù tôi có bị lòi ruột ra thì tôi vẫn tự coi là mình vẫn muôn ngàn lần hạnh phúc. Nhưng rốt cuộc là trong khi tôi đi về, sớm hay muộn xin tùy lệnh bà xét, từ cái ngôi nhà đầy ơn phước nơi tôi tới tu dưỡng tâm linh suốt đêm qua thì có bốn tên kẻ cướp hiện ra ở đầu phố Mortellerie và đuổi theo tôi với những chiếc dao dài quá khổ. Thưa lệnh bà, hài hước có phải không ạ? Nhưng tóm lại đúng là như thế, và tôi đã phải bỏ chạy vì tôi quên mất thanh kiếm của tôi.

-A, tôi hiểu rồi – Marguerite nói với vẻ ngây thơ thật dễ thương – Và bây giờ ông quay lại đấy để lấy kiếm.

De Mole nhìn Marguerite với một thoáng nghi ngờ lướt qua trong đầu chàng.

-Thưa lệnh bà, quả thực tôi sẽ quay lại đấy và còn rất vui lòng nữa là khác, vì thanh kiếm của tôi là một thanh kiếm tuyệt vời nhưng tôi không biết cái nhà ấy ở đâu.

-Sao! – Marguerite thốt lên – Ông không biết cái nhà tối qua ông ở nằm ở đâu à?

-Không, thưa lệnh bà! Quỷ Satăng giết tôi đi nếu tôi dám ngờ điều đó!

-Ồ! Thế mới lạ chứ! Chuyện của ông quả là tiểu thuyết đấy!

-Cả một thiên tiểu thuyết thật, chính lệnh bà cũng thấy đấy!

-Ông kể xem nào!

-Chuyện hơi dài.

-Không sao! Tôi có thời gian.

-Và nhất là chuyện này khó tin lắm.

-Ông cứ kể đi, tôi dễ tin lắm.

-Và lệnh bà ra lệnh như thế ư?

-Đúng rồi, nếu cần thì tôi ra lệnh đấy.

-Tôi xin tuân lệnh. Tối hôm sau khi cùng với hai người đàn bà dễ thương qua buổi tối trên cầu Saint-Michel, chúng tôi chia tay hai người đàn bà đó và tới nhà bác Hurière ăn tối.

-Thế trước hết cái bác Hurière ấy là thế nào đã? – Marguerite hỏi với giọng tự nhiên nhất đời.

-Thưa lệnh bà, bác Hurière – De Mole lại nhìn Marguerite lần nữa với vẻ ngờ vực như chúng ta đã nhận thấy lần đầu ở chàng – Bác Hurière là chủ quán trọ Tinh tú, ngụ tại phố Arbre sec.

-Được rồi, tôi rõ rồi… Vậy là ông dùng bữa tối tại quán bác Hurière với ông Coconnas bạn ông chứ gì?

-Đúng vậy, thưa lệnh bà, tôi đang dùng bữa với Coconnas bạn tôi thì có một người đàn ông bước vào trao cho mỗi người chúng tôi một bức thư nhỏ.

-Giống nhau chứ? – Marguerite hỏi.

-Hoàn toàn giống nhau. Chỉ có mỗi một dòng: "Có người chờ ông ở phố Saint-Antoine, đối diện với phố Jouy."

-Thế cuối thư không có chữ ký?

-Không, nhưng có ba từ, ba từ thực dễ thương hứa hẹn tới ba lần cùng một điều, tức là một niềm hạnh phúc gấp ba.

-Đó là ba từ gì vậy?

-Eros-Cupido-Amo.

-Quả thực là ba cái tên êm dịu lắm, vậy chúng có được như chúng hứa hẹn không?

-Ôi! Lệnh bà, trăm lần hơn thế ấy chứ! – De Mole sôi nổi kêu lên.

-Ông nói tiếp đi, tôi thực tò mò muốn biết điều gì đợi các ông ở phố Saint-Antoine đối diện với phố Jouy.

Có hai thị nữ chờ chúng tôi với hai chiếc khăn mùi soa cầm tay. Chúng tôi phải để cho người ta bịt mắt, lệnh bà cũng biết rằng chúng tôi không làm khó dễ gì. Chúng tôi vươn cổ ra một cách can đảm. Người dẫn đường cho tôi đưa tôi rẽ trái, người dẫn đường cho bạn tôi đưa anh ta rẽ phải, thế là chúng tôi xa nhau.

-Thế rồi sao? Dường như Marguerite muốn điều tra đến cùng.

-Tôi không biết những người dẫn đường cho bạn tôi đưa anh ta đi đâu – De Mole nói tiếp – Chắc là xuống âm phủ. Nhưng còn đối với tôi, những gì tôi biết là người dẫn đường cho tôi đưa tôi tới một nơi mà tôi coi là thiên đường.

-Thế chắc ông tò mò quá nên bị đuổi khỏi đấy chứ gì?

-Chính thế, thưa lệnh bà, Người quả có tài đoán. Tôi cứ sốt ruột chờ cho sáng để được biết mình ở đâu thì khoảng bốn giờ rưỡi, vẫn người thị nữ ấy lại bước vào, băng mắt tôi lần nữa, bắt tôi hứa không được tìm cách nhấc băng bịt mắt ra, rồi dẫn tôi ra ngoài. Bà ta đi cùng với tôi khoảng trăm bước, bắt tôi thề lần nữa là chỉ được nhấc băng sau khi đếm đến năm mươi.

-Tôi đếm đến năm mươi và lại thấy mình ở phố Saint-Antoine, đối diện với phố Jouy.

Thế rồi sao nữa?…

-Thưa lệnh bà, sau đó tôi trở về lòng vui sướng đến nỗi tôi không để ý đến bốn tên khốn kiếp mà tôi vất vả lắm mới thoát khỏi chúng. Thưa lệnh bà, khi tìm thấy một mảnh lông cài mũ của tôi ở đây, tim tôi đã run lên vì sung sướng, tôi nhặt nó và tự hứa với mình sẽ giữ nó như một kỷ niệm của cái đêm đầy diễm phúc này. Nhưng trong niềm vui sướng của tôi, chỉ còn một điều làm tôi lo lắng, đó là không biết bạn tôi bây giờ ra thế nào rồi.

-Ông ta không trở về Louvre à?

-Khổ thay, không! Tôi đã tìm anh ta ở mọi nơi mà anh ta hay tới, ở quán Tinh tú, ở sân chơi cầu và ở nhiều nơi khác nữa, nhưng Anibal thì không thấy đâu, còn Coconnas cũng chẳng có tăm hơi gì.

Vừa nói vừa phác một cử chỉ sầu muộn, de Mole đưa tay mở chiếc áo choàng của mình. Người ta nhìn thấy áo chẽn của chàng có nhiều chỗ bị móc rách xoạc để hở cả lần lót như những lỗ trổ thanh lịch.

-Ông bị đâm đấy à?

-Bị đâm! Quả đúng như vậy! – De Mole không phải là không thích được hãnh diện về mối nguy hiểm mà chàng đã phải chịu – Xin lệnh bà nhìn xem!

-Vậy ông đã về Louvre, sao ông không thay áo chẽn đi? – Marguerite hỏi.

-À, đó là vì có ai đó trong phòng tôi.

-Thế nào, có người trong phòng ông à? – Mắt Marguerite đầy vẻ ngạc nhiên, nàng sừng sốt hỏi: -Ai ở trong phòng ông vậy?

-Điện hạ…

-Suỵt! -Marguerite ngắt lời.

Chàng trai tuân lệnh.

-Ai ở chỗ cửa kiệu? – Nàng hỏi De Mole.

-Hai người hầu và một người hầu ngựa.

-Được! Bọn man rợ ấy mà! De Mole, ông hãy nói cho tôi biết ông thấy ai ở trong phòng ông?

-Quận công François.

-Làm gì?

Tôi không biết.

-Với ai?

-Với một người lạ mặt.

-Lạ nhỉ! Vậy là ông không tìm thấy ông Coconnas – Marguerite nói tiếp. Hiển nhiên là nàng cũng không nghĩ mình đang nói gì.

-Vậy nên như tôi đã trình với lệnh bà, tôi lo đến chết người vì chuyện ấy.

-Thế thì tôi cũng không muốn làm ông sao lãng việc tìm kiếm lâu hơn nữa – Marguerite thở dài nói – Nhưng không hiểu tại sao tôi có ý nghĩ là tự ông ta sẽ trở về. Thôi, không sao, ông cứ đi đi.

Nàng đưa một ngón tay lên môi. Vì Marguerite xinh đẹp đã không gửi gắm một điều bí mật nào, không thổ lộ điều gì với De Mole, nên chàng trai hiểu rằng cái cử chỉ đáng yêu đó không hề nhằm mục đích yêu cầu chàng phải yên lặng mà còn có một ý nghĩa khác.

Đoàn người lại đi tiếp. Còn De Mole, để theo đuổi việc điều tra của mình, tiếp tục đi dọc theo sông tới tận phố Cầu Dài nối với phố Saint-Antoine. Tới chỗ trông sang phố Jouy, chàng dừng lại.

Tối hôm trước, hai thị nữ đã bịt mắt chàng và Coconnas chính ở chỗ này. Chàng đã rẽ trái và đếm được khoảng hai mươi bước chân. Nay chàng lại làm cái trò đó và thấy mình đứng trước một ngôi nhà hay nói đúng hơn là một bức tường mà phía sau có một ngôi nhà, ở giữa bức tường là một cánh cửa chạm ô văng, đóng đinh to bản và có trổ lỗ châu mai.

Ngôi nhà nằm ở phố Cloche Percée, một phố nhỏ hẹp một đầu ăn sang phố Saint-Antoine còn đầu kia thông sang phố Vua Sicily.

-Mẹ kiếp, đúng đây rồi… Ta thề đấy. Khi mình ra, mình giơ tay ra và chạm phải những cái đinh này, rồi mình bước xuống hai bậc. Cái người vừa chạy vừa kêu: "Cứu tôi với!" rồi bị giết ở phố Vua Sicily chạy qua đúng lúc mình đặt chăn lên bực thứ nhất. Xem nào!

De Mole tới trước cửa và gõ.

Cánh cửa mở ra, và một người gác cổng có ria ra mở.

-Có chuyện gì thế? – Lão gác cổng hỏi.

-Ái chà! – De Mole thốt lên – Hình như chú mình người Thụy Sĩ thì phải. Ông bạn ơi! – Chàng vừa tiếp vừa lấy vẻ mặt dễ thương nhất – Tôi muốn lấy lại thanh kiếm của tôi, tối hôm qua tôi ở trong nhà này và tôi để quên ở đây.

-Tôi không hiểu gì cả? – Người gác cổng trả lời.

-Thanh kiếm của tôi… – De Mole nhắc lại.

-Tôi không hiểu gì cả? – Người gác cổng lặp lại.

-Tôi để quên… Tôi để quên thanh kiếm…

-Tôi không hiểu gì cả?

-Trong cái nhà này, đêm hôm qua tôi ở đây…

-Đồ quỷ tha ma bắt! – và lão sập cửa lại trước mũi chàng.

-Mẹ kiếp! – De Mole kêu – Nếu ta có cái thanh kiếm mà ta đang đòi thì ta sẵn lòng thọc nó qua người cái thằng quỷ quái này. Nhưng thôi để hôm khác vậy.

De Mole nói tới đó rồi lại đi tiếp tới tận phố Vua Sicily, chàng rẽ phải, đi khoảng năm chục bước nữa, lại rẽ phải và thấy mình đang ở phố Tizon, một phố nhỏ song song với phố Cloche Percée và hoàn toàn giống hệt như phố Cloche Percée. Hơn thế, khi đi thêm khoảng ba chục bước nữa thì chàng lại thấy cánh cửa nhỏ có ô văng, đinh to và lỗ châu mai, cũng bậc lên xuống và bức tường. Cứ như là phổ Cloche Percée quay trở lại để gặp chàng.

De Mole nghĩ rằng có thể chàng đã rẽ trái chứ không rẽ phải.

Và chàng tới gõ vào cánh cửa đó để đòi lại thanh kiếm như chàng làm ở cánh cửa kia. Nhưng lần này tha hồ cho chàng gõ, cửa vẫn không mở.

De Mole đi vòng quanh hai ba lần con đường đó.

Điều đó khiến chàng phát hiện ra là ngôi nhà này có hai lối vào, một ở đường Cloche Percée, một ở đường Tizon.

Nhưng dù lập luận này hợp lý đến mấy thì cũng không đem lại thanh kiếm cho chàng và cũng không bảo cho chàng biết bạn chàng ở đâu.

Có lúc chàng đã định mua quách một thanh kiếm khác và đi moi ruột lão gác cổng khốn kiếp cứ khăng khăng chỉ chịu nói tiếng Đức ấy. Nhưng chàng nghĩ rằng nếu lão gác cổng là người của Marguerite và nếu Marguerite đã chọn y như vậy thì chắc nàng phải có lý do riêng của nàng và chắc nàng sẽ phiền lòng nếu bị mất y. Chuyện gì đi nữa, de Mole chẳng muốn làm một việc khiến Marguerite không hài lòng.

Sợ mình không nhịn được, chàng lên đường quay trở về Louvre lúc hai giờ.

Lần này, phòng chàng không có ai nữa và chàng có thể vào phòng. Điều này rất cần cho cái áo chẽn vì như hoàng hậu đã lưu ý chàng, áo chẽn của chàng bị làm hỏng một cách đáng kể.

Vì vậy nên chàng tới ngay chỗ giường để lấy chiếc áo chẽn màu ngọc xám thanh nhã thay cho chiếc bị rách. Chàng hết sức ngạc nhiên khi nhìn thấy vật đầu tiên nằm cạnh chiếc áo chẽn màu ngọc xám là thanh kiếm phi thường mà chàng đã để quên ở phố Cloche Percée.

De Mole cầm lấy kiếm, lật đi, lật lại, đúng là thanh kiếm của chàng.

"Cứ như là có phép ma ấy!" – De Mole lẩm bẩm.

Rồi chàng thở dài: -A! Giá mà anh chàng Coconnas tội nghiệp ấy có thể tự về như thanh kiếm của mình nhỉ!

Hai ba tiếng đồng hồ sau khi De Mole đã ngừng cuộc đi tuần vòng quanh ngôi nhà kép nhỏ bé kia, cánh cửa phố Tizon mở ra. Lúc ấy vào khoảng năm giờ chiều, tức là đã tối hẳn rồi.

Một người đàn bà quấn mình trong một chiếc áo choàng dài có đính lông thú, cùng với một nữ tỳ đi qua cánh cửa do một thị nữ khoảng bốn mươi tuổi mở cho nàng. Nàng nhanh nhẹn bước tới tận phố Vua Sicily sau đó gõ vào một cánh cửa nhỏ ở phố Argenson và cánh cửa ấy mở ra trước mặt nàng. Nàng qua cổng lớn của dinh trổ ra Phố Đền cũ, tới một cánh cửa nhỏ ngầm trong tường của dinh de Guise, lấy một chiếc chìa khoá trong túi ra mở và biến vào trong.

Khoảng nửa giờ sau, một chàng trai bịt mắt cũng đi qua cửa ngôi nhà nhỏ ấy. Một người đàn bà dắt chàng tới góc phố Geoffroy-Lasniervà phố Mortellerie. Tới đó, bà ta yêu cầu chàng đếm đến năm mươi mới được nhấc băng.

Chàng thanh niên chấp hành cẩn thận lời chỉ dẫn và đến con số quy định, chàng nhấc chiếc mùi soa che mắt ra.

-Mẹ kiếp – Chàng nhìn quanh và la lên – Cứ treo cổ mình lên nếu mình biết được mình ở đâu! Sáu giờ rồi! – Chàng thốt lên khi nghe tiếng chuông đồng hồ điểm ở nhà thờ Đức Bà – Thế cái anh chàng De Mole tội nghiệp ấy ra sao rồi? Ta cứ chạy về Louvre chắc sẽ biết tin.

Vừa nói, Coconnas vừa chạy dọc theo phố Mortellerie nhanh hơn ngựa. Vừa chạy chàng vừa xô, vừa húc đổ cái hàng rào di động gồm những bác thị dân đang bình thản dạo chơi quanh các cửa hiệu ở quảng trường Baudoyer, và chàng lọt vào cung.

Tới đó chàng hỏi thăm cả lính Thụy Sĩ lẫn lính gác. Lính Thụy Sĩ nói hình như có thấy ông de Mole về vào lúc sáng nhưng không thấy ông ta ra. Lính gác thì mới đứng đó được một tiếng rưỡi đồng hồ nay và chẳng thấy gì hết.

Chàng chạy lên phòng và vội vàng mở cửa. Nhưng chàng chỉ thấy trong phòng có độc nhất chiếc áo chẽn đầy vết rách của De Mole khiến chàng càng thêm lo ngại.

Lúc đó chàng nghĩ ngay tới Hurière và vội vã chạy tới chỗ ông chủ đầy tư cách của quán Tinh tú. Hurière đã gặp De Mole. De Mole đã ăn trưa ở chỗ Hurière. Coconnas hoàn toàn yên lòng, và vì đang đói mèm nên chàng cũng lại đòi dọn bữa.

Coconnas đang ở trong hai trạng thái tâm lý khiến người ta ăn ngon miệng: đầu óc yên tâm và dạ dày trống trơn. Chàng dùng bữa ngon lành đến nỗi bữa ăn kéo dài tới tận tám giờ tối.

Chàng sung sức hẳn lên nhờ vào hai chai vang Anjou mà chàng vốn ưa thích và chàng tu cả hai chai với vẻ mùi mẫn say sưa.

Rồi chàng lại bắt đầu đi tìm De Mole. Lần này, công cuộc tìm tòi được tiến hành trong các đám đông đi kèm với những cú đấm, cú đá thích ứng với sự gia

tăng của niềm hạnh phúc thường vẫn có sau một bữa ăn ngon.

Luôn một tiếng đồng hồ như thế, Coconnas đã lượn qua tất cả những phố chàng cho là bạn mình có thể lui tới: quanh bờ sông Grève, cảng than, phố Saint-Antoine, các phố Tizon và Cloche Percée. Cuối cùng chàng hiểu ra rằng có một nơi De Mole nhất thiết phải đi qua, đó là cổng ghi-sê ở Louvre. Và chàng quyết định tới chờ bạn ở ghi-sê cho đến khi nào De Mole về thì thôi.

Cách cung Louvre khoảng trăm bước, khi chàng đang nâng dậy một bà bị chàng vô ngã, thì dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn hiệu gần cầu treo Louvre, chàng nhận thấy chiếc áo choàng bằng nhung màu anh đào và chiếc lông mũ trắng của bạn chàng đang biến vào sau ghi-sê như một cái bóng, cái bóng đó vừa đi vừa chào trả người lính gác.

Chiếc áo choàng màu anh đào nổi tiếng đã gây tác động mạnh đến mọi người đến nỗi chẳng ai còn nhầm vào đâu được.

-Này, mẹ kiếp! – Coconnas thốt lên – Lần này thì đúng là hắn! Hắn đang về nhà! É này De Mole! Này! Ông bạn! Dịch tả dịch hạch! – Mình vẫn tốt giọng đấy chứ! Làm sao hắn không nghe thấy mình nhỉ? May quá là chân cẳng mình cũng tốt như giọng vậy, mình sẽ đuổi theo hắn.

Vì hy vọng như thế nên Coconnas ba chân bốn cẳng lao theo và chỉ loáng cái đã tới Louvre. Nhưng chàng có chạy nhanh đến mấy, chiếc áo choàng màu anh đào dường như cũng rất vội và khi Coconnas đặt chân vào sân Louvre, chiếc măng-tô anh đào đã biến mất tăm trong dãy tiền sảnh.

-É hê, de Mole! – Coconnas kêu lên và lại chạy – Chờ mình với Coconnas đây! Ma quỷ nào bắt cậu chạy như thế? Cậu định trốn hả?

Quả thực là chiếc áo choàng anh đào như có cánh, chạy bay lên cầu thang chứ không phải là bước lên nữa.

-A! Cậu không muốn nghe mình! – Coconnas kêu lên – Cậu giận mình! Cậu tức đấy à! Này, cút đi với quỷ sứ, mẹ kiếp! Mình hết sức rồi!

Coconnas đứng dưới cầu thang mà gọi với lên với kẻ chạy trốn. Chàng thôi không chạy theo bằng chân nữa nhưng chàng vẫn nhìn theo qua vòng xoáy trôn ốc của cầu thang. Kẻ chạy trốn đã tới ngang tầm khu phòng của Marguerite. Đột nhiên một người đàn bà từ khu phòng đó bước ra và nắm lấy cánh tay kẻ mà Coconnas đang lùng đuổi.

-Ô hô! – Coconnas thốt lên – Hình như hoàng hậu Marguerite thì phải! Người ta đợi hắn. Thế thì lại khác, thật dễ hiểu tại sao hắn không trả lời mình.

Và chàng nằm bẹp xuống thành cầu thang để nhìn xuyên lên qua lỗ cầu thang.

Chàng thấy chiếc áo choàng màu anh đào đi theo hoàng hậu vào phòng sau vài tiếng thì thầm.

-Thôi thôi, đúng thế! – Coconnas bảo – Mình chẳng nhầm tí nào. Có những lúc bạn bè thân nhất cũng làm phiền ta và chàng De Mole nhà ta đang ở vào một thời điểm như thế.

Và Coconnas nhẹ nhàng leo lên cầu thang, tới ngồi ở một chiếc ghế băng bọc nhung đặt ở ngay trong tầng ấy và tự nhủ: "Thôi vậy! Đáng lẽ bắt kịp hắn thì mình lại đành phải đợi vậy… Nhưng này, nghĩ cho cùng thì hắn đến chỗ hoàng hậu Navarre, mình có khi phải chờ lâu đấy… Mẹ kiếp trời thì lạnh. Thôi, mình đợi trong phòng mình cũng được. Dù quỷ sứ có ở đấy chăng nữa thì cũng có lúc hắn phải về chứ!"

Chàng còn chưa dứt lời và chuẩn bị thực hiện cái quyết định đó thì chợt có tiếng chân bước nhẹ nhàng vui vẻ vang lên trên đầu chàng, kèm theo một bài hát quen thuộc của bạn chàng đến nỗi Coconnas vươn cổ ngó ngay lập tức về phía có tiếng chân và tiếng hát. Đó là De Mole đang từ tầng trên, nơi phòng chàng ở, đi xuống. Nhìn thấy Coconnas, chàng nhảy bốn bậc một xuống cầu thang và cuối cùng lao vào tay bạn mình.

-Ô! Mẹ kiếp! Ra là cậu đấy! – Coconnas hỏi – Thế cậu đi từ đâu ra đây?

-Quỷ quái! Từ phố Cloche Percée chứ còn gì nữa!

-Không, mình không nói tới cái nhà đằng ấy đâu…

-Thế từ đâu?

-Từ chỗ hoàng hậu cơ.

-Sao lại từ chỗ hoàng hậu?

-Từ chỗ hoàng hậu Navarre ấy mà.

-Mình có vào đấy đâu.

-Thôi đi!

-Này Anibal thân mến, cậu nói lăng nhăng rồi. Mình chờ cậu từ hai tiếng đồng hồ nay ở trong phòng, mình vừa từ đó ra xong.

-Cậu vừa ra khỏi phòng à?

-Ừ.

Thế không phải là mình đuổi theo cậu ở quảng trường Louvre à?

-Bao giờ?

-Mới đây thôi.

-Không.

-Thế không phải cậu mới biến vào trong ghi-sê cách đây mười phút à?

-Không.

-Cũng không phải cậu vừa mới leo cầu thang này cứ như thể bị một đoàn quỷ bám gót à?

-Không.

-Mẹ kiếp! – Coconnas la lên – Rượu vang quán Tinh tú làm gì mà lại xấu chơi đến nỗi khiến mình lộn tùng phèo cả đầu óc lên thế này! Mình nói với cậu

rằng mình vừa mới nhìn thấy chiếc áo choàng ngoài màu anh đào và chòm lông trắng của cậu dưới ghi-sê của Louvre, mình đuổi theo chúng đến tận chân cầu thang này và cả áo choàng ngoài đấy, cả chòm lông lẫn cánh tay lắc lư của cậu được một bà mà mình rất ngờ là hoàng hậu Navarre, chờ ở đây. Bà này đã lôi cả cái mớ ấy vào cánh cửa kia mà nếu mình không nhầm, đúng là cửa nhà Marguerite xinh đẹp.

-Chết cha! – De Mole tái mặt kêu lên – Chẳng nhẽ mới đó đã phản bội rồi à?

-Thế đấy! Cậu muốn thề cái gì thì thề chứ đừng có bảo là mình nhầm nữa nhé.

De Mole ngập ngừng một lát, chàng đưa hai tay ôm đầu. Chàng bị giằng co giữa lòng tôn trọng và sự ghen tuông. Cuối cùng cơn ghen đã thắng và chàng lao tới cửa. Chàng ra sức đấm cửa, gây ra một tiếng ồn khá chướng tai nếu xét tới sự tôn nghiêm của cái nơi họ đang ở.

-Chúng mình sẽ tự làm cho người ta tóm cổ đấy – Coconnas nhắc – Nhưng mặc kệ, lạ thật đấy! De Mole, cậu bảo có ma hiện về Louvre hay không?

-Mình không biết – Chàng trai đáp, mặt chàng trở nên nhợt nhạt như chiếc lông gắn mũ đang rợp bóng trên vầng trán chàng – Nhưng mình vẫn thường muốn gặp lũ hồn ma ấy, bây giờ có dịp thì mình sẽ cố giáp mặt với con ma này.

-Mình không phản đối. Tuy vậy cậu gõ khẽ hơn tí để đừng làm nó sợ chứ.

Dù tức tối đến mấy, de Mole vẫn hiểu rõ tính đúng đắn của lời nhận xét này và chàng tiếp tục gõ nhưng nhẹ nhàng hơn.

De Mole vừa đi vừa chạy ra khỏi Louvre và sục sạo khắp Paris để tìm anh chàng Coconnas tội nghiệp.

Đầu tiên chàng tới phố Arbre sec tìm nhà bác chủ quán Hurière vì chàng nhớ mình vẫn thường nhắc cho anh chàng Piémontais một câu thành ngữ Latinh nào đó nói rằng thần Tình yêu, Bacchus và Cérès là những thần linh quan trọng bậc nhất. Chàng hy vọng rằng Coconnas sẽ yên vị tại quán Tinh tú sau một đêm cũng bận rộn như đêm qua của chàng.

Ở quán bác Hurière, de Mole không tìm thấy gì khác ngoài kỷ niệm về nghĩa vụ đã hứa và một bữa ăn rất ngon miệng được chàng vui lòng chấp nhận mặc dù đang có nỗi lo âu trong lòng.

Sau khi dạ dày đã yên ổn còn đầu óc vẫn chưa được thảnh thơi, de Mole lại bắt đầu chạy ngược sông Seine, cứ như một anh chàng hớt hải đi tìm vợ bị chết đuối. Đến bờ sông Grève, chàng nhận ra nơi mà, như chàng đã nói với d'Alençon, ba bốn giờ trước chàng bị nạn trong cuộc đi chơi đêm của mình. Điều này chẳng phải hiếm trong kinh thành Paris, nơi mà một trăm năm trước đó Boileau đã bị đánh thức trong đêm bởi tiếng đạn bắn thủng cửa chớp nhà ông. Trên bãi chiến trường vẫn còn sót lại một chiếc lông mũ của chàng. Bản năng sở hữu là một bản năng bẩm sinh ở con người. De Mole có mười chiếc lông cài mũ,

cái nào cũng tuyệt đẹp, nhưng chàng vẫn dừng lại để nhặt chiếc lông đó, hay đúng hơn là mảnh còn sót lại đó. Chàng đang ngắm nó với vẻ thiểu não thì có tiếng chân thình thịch vang lên tiến lại gần chàng và những giọng nói sỗ sàng ra lệnh cho chàng dẹp đường. De Mole ngước lên và thấy một chiếc kiệu có hai người hầu đi trước và một người hầu ngựa đi cùng. De Mole nhận ra chiếc kiệu quen thuộc nên vội vàng dẹp sang một bên.

Chàng quý tộc quả đã không nhầm.

-Ông de Mole! – Một giọng nói êm ái vọng ra từ trong kiệu, trong khi một bàn tay trắng mịn như sa tanh vén rèm kiệu lên.

-Thưa lệnh bà, chính tôi. – De Mole nghiêng mình thi lễ trả lời.

-Ông de Mole đang cầm một chiếc lông cài mũ trong tay… – Công nương trong kiệu nói tiếp – Ông đang si tình phải không ông bạn thân mến, ông đang tìm lại những dấu vết đã mất chăng?

-Thưa lệnh bà, vâng, tôi đang yêu, yêu say đắm. Nhưng lúc này đây, mặc dầu tôi không tìm chúng, tôi vẫn gặp lại những dấu vết của chính mình. Nhưng trước tiên, xin lệnh bà cho phép tôi được vấn an Người.

-Tuyệt vời lắm, tôi thấy dường như chưa bao giờ tôi khỏe như thế. Chắc là vì tôi đã đi cầu nguyện tu dưỡng suốt đêm.

-A! Lệnh bà tu dưỡng tâm linh? – De Mole vừa nói vừa nhìn Marguerite với vẻ kỳ quặc.

-Đúng vậy, thì có gì đáng ngạc nhiên đâu?

-Nếu không phải là tò mò thì xin phép được hỏi lệnh bà: Người tu dưỡng tâm linh nơi tu viện nào ạ?

-Tôi đâu có che giấu chuyện này, tôi tới tu viện Annonciade.

-Nhưng còn ông, ông làm gì ở đây mà có vẻ kinh hoàng thế?

-Thưa lệnh bà, tôi cũng đi tu dưỡng nguyện cầu suốt đêm trong vùng lân cận tu viện đó. Sáng nay tôi mới đi tìm người bạn tôi đã biến đâu mất, và trong lúc tìm ông ta, tôi lại thấy chiếc lông cài này.

-Của ông ấy phải không? Ông làm tôi lo cho ông bạn của ông quá, chốn này chẳng lành đâu.

-Xin lệnh bà yên lòng. Chiếc lông cài mũ này là của tôi. Tôi đánh mất nó vào khoảng năm giờ rưỡi sáng nay ở đây, trong khi chạy thoát thân khỏi tay bốn tên kẻ cướp lăm lăm muốn cắt cổ tôi ít ra thì tôi cho là như thế.

Marguerite cố nén một cử chỉ kinh hoàng.

-Ôi ông kể cho tôi nghe xem nào – Nàng thốt lên.

-Cũng đơn giản thôi, thưa lệnh bà. Như tôi đã được hân hạnh trình với lệnh bà, lúc đó vào khoảng năm giờ sáng…

-Mới năm giờ sáng mà ông đã ra phố rồi à? – Marguerite ngắt lời.

-Xin lệnh bà thứ lỗi, lúc ấy tôi mới về.

-A! Ông de Mole, năm giờ sáng mới về nhà! – Marguerite nói với một nụ cười có vẻ láu lỉnh dưới mắt mọi người, nhưng de Mole lại coi đó là một nụ cười hết sức đáng yêu – Về muộn thế thì ông đáng phải chịu cái hình phạt ấy lắm!

-Vậy nên tôi đâu có phàn nàn, thưa lệnh bà – De Mole kính cẩn nghiêng mình đáp – Dù tôi có bị lòi ruột ra thì tôi vẫn tự coi là mình vẫn muôn ngàn lần hạnh phúc. Nhưng rốt cuộc là trong khi tôi đi về, sớm hay muộn xin tùy lệnh bà xét, từ cái ngôi nhà đầy ơn phước nơi tôi tới tu dưỡng tâm linh suốt đêm qua thì có bốn tên kẻ cướp hiện ra ở đầu phố Mortellerie và đuổi theo tôi với những chiếc dao dài quá khổ. Thưa lệnh bà, hài hước có phải không ạ? Nhưng tóm lại đúng là như thế, và tôi đã phải bỏ chạy vì tôi quên mất thanh kiếm của tôi.

-A, tôi hiểu rồi – Marguerite nói với vẻ ngây thơ thật dễ thương – Và bây giờ ông quay lại đấy để lấy kiếm.

De Mole nhìn Marguerite với một thoáng nghi ngờ lướt qua trong đầu chàng.

-Thưa lệnh bà, quả thực tôi sẽ quay lại đấy và còn rất vui lòng nữa là khác, vì thanh kiếm của tôi là một thanh kiếm tuyệt vời nhưng tôi không biết cái nhà ấy ở đâu.

-Sao! – Marguerite thốt lên – Ông không biết cái nhà tối qua ông ở nằm ở đâu à?

-Không, thưa lệnh bà! Quỷ Satăng giết tôi đi nếu tôi dám ngờ điều đó!

-Ồ! Thế mới lạ chứ! Chuyện của ông quả là tiểu thuyết đấy!

-Cả một thiên tiểu thuyết thật, chính lệnh bà cũng thấy đấy!

-Ông kể xem nào!

-Chuyện hơi dài.

-Không sao! Tôi có thời gian.

-Và nhất là chuyện này khó tin lắm.

-Ông cứ kể đi, tôi dễ tin lắm.

-Và lệnh bà ra lệnh như thế ư?

-Đúng rồi, nếu cần thì tôi ra lệnh đấy.

-Tôi xin tuân lệnh. Tối hôm sau khi cùng với hai người đàn bà dễ thương qua buổi tối trên cầu Saint-Michel, chúng tôi chia tay hai người đàn bà đó và tới nhà bác Hurière ăn tối.

-Thế trước hết cái bác Hurière ấy là thế nào đã? – Marguerite hỏi với giọng tự nhiên nhất đời.

-Thưa lệnh bà, bác Hurière – De Mole lại nhìn Marguerite lần nữa với vẻ ngờ vực như chúng ta đã nhận thấy lần đầu ở chàng – Bác Hurière là chủ quán trọ Tinh tú, ngụ tại phố Arbre sec.

-Được rồi, tôi rõ rồi… Vậy là ông dùng bữa tối tại quán bác Hurière với ông Coconnas bạn ông chứ gì?

-Đúng vậy, thưa lệnh bà, tôi đang dùng bữa với Coconnas bạn tôi thì có một người đàn ông bước vào trao cho mỗi người chúng tôi một bức thư nhỏ.

-Giống nhau chứ? – Marguerite hỏi.

-Hoàn toàn giống nhau. Chỉ có mỗi một dòng: "Có người chờ ông ở phố Saint-Antoine, đối diện với phố Jouy."

-Thế cuối thư không có chữ ký?

-Không, nhưng có ba từ, ba từ thực dễ thương hứa hẹn tới ba lần cùng một điều, tức là một niềm hạnh phúc gấp ba.

-Đó là ba từ gì vậy?

-Eros-Cupido-Amo.

-Quả thực là ba cái tên êm dịu lắm, vậy chúng có được như chúng hứa hẹn không?

-Ôi! Lệnh bà, trăm lần hơn thế ấy chứ! – De Mole sôi nổi kêu lên.

-Ông nói tiếp đi, tôi thực tò mò muốn biết điều gì đợi các ông ở phố Saint-Antoine đối diện với phố Jouy.

Có hai thị nữ chờ chúng tôi với hai chiếc khăn mùi soa cầm tay. Chúng tôi phải để cho người ta bịt mắt, lệnh bà cũng biết rằng chúng tôi không làm khó dễ gì. Chúng tôi vươn cổ ra một cách can đảm. Người dẫn đường cho tôi đưa tôi rẽ trái, người dẫn đường cho bạn tôi đưa anh ta rẽ phải, thế là chúng tôi xa nhau.

-Thế rồi sao? Dường như Marguerite muốn điều tra đến cùng.

-Tôi không biết những người dẫn đường cho bạn tôi đưa anh ta đi đâu – De Mole nói tiếp – Chắc là xuống âm phủ. Nhưng còn đối với tôi, những gì tôi biết là người dẫn đường cho tôi đưa tôi tới một nơi mà tôi coi là thiên đường.

-Thế chắc ông tò mò quá nên bị đuổi khỏi đấy chứ gì?

-Chính thế, thưa lệnh bà, Người quả có tài đoán. Tôi cứ sốt ruột chờ cho sáng để được biết mình ở đâu thì khoảng bốn giờ rưỡi, vẫn người thị nữ ấy lại bước vào, băng mắt tôi lần nữa, bắt tôi hứa không được tìm cách nhấc băng bịt mắt ra, rồi dẫn tôi ra ngoài. Bà ta đi cùng với tôi khoảng trăm bước, bắt tôi thề lần nữa là chỉ được nhấc băng sau khi đếm đến năm mươi.

-Tôi đếm đến năm mươi và lại thấy mình ở phố Saint-Antoine, đối diện với phố Jouy.

Thế rồi sao nữa?…

-Thưa lệnh bà, sau đó tôi trở về lòng vui sướng đến nỗi tôi không để ý đến bốn tên khốn kiếp mà tôi vất vả lắm mới thoát khỏi chúng. Thưa lệnh bà, khi tìm thấy một mảnh lông cài mũ của tôi ở đây, tim tôi đã run lên vì sung sướng, tôi nhặt nó và tự hứa với mình sẽ giữ nó như một kỷ niệm của cái đêm đầy diễm phúc này. Nhưng trong niềm vui sướng của tôi, chỉ còn một điều làm tôi lo lắng, đó là không biết bạn tôi bây giờ ra thế nào rồi.

-Ông ta không trở về Louvre à?

-Khổ thay, không! Tôi đã tìm anh ta ở mọi nơi mà anh ta hay tới, ở quán Tinh tú, ở sân chơi cầu và ở nhiều nơi khác nữa, nhưng Anibal thì không thấy đâu, còn Coconnas cũng chẳng có tăm hơi gì.

Vừa nói vừa phác một cử chỉ sầu muộn, de Mole đưa tay mở chiếc áo choàng của mình. Người ta nhìn thấy áo chẽn của chàng có nhiều chỗ bị móc rách xoạc để hở cả lần lót như những lỗ trổ thanh lịch.

-Ông bị đâm đấy à?

-Bị đâm! Quả đúng như vậy! – De Mole không phải là không thích được hãnh diện về mối nguy hiểm mà chàng đã phải chịu – Xin lệnh bà nhìn xem!

-Vậy ông đã về Louvre, sao ông không thay áo chẽn đi? – Marguerite hỏi.

-À, đó là vì có ai đó trong phòng tôi.

-Thế nào, có người trong phòng ông à? – Mắt Marguerite đầy vẻ ngạc nhiên, nàng sừng sốt hỏi: -Ai ở trong phòng ông vậy?

-Điện hạ…

-Suỵt! -Marguerite ngắt lời.

Chàng trai tuân lệnh.

-Ai ở chỗ cửa kiệu? – Nàng hỏi De Mole.

-Hai người hầu và một người hầu ngựa.

-Được! Bọn man rợ ấy mà! De Mole, ông hãy nói cho tôi biết ông thấy ai ở trong phòng ông?

-Quận công François.

-Làm gì?

Tôi không biết.

-Với ai?

-Với một người lạ mặt.

-Lạ nhỉ! Vậy là ông không tìm thấy ông Coconnas – Marguerite nói tiếp. Hiển nhiên là nàng cũng không nghĩ mình đang nói gì.

-Vậy nên như tôi đã trình với lệnh bà, tôi lo đến chết người vì chuyện ấy.

-Thế thì tôi cũng không muốn làm ông sao lãng việc tìm kiếm lâu hơn nữa – Marguerite thở dài nói – Nhưng không hiểu tại sao tôi có ý nghĩ là tự ông ta sẽ trở về. Thôi, không sao, ông cứ đi đi.

Nàng đưa một ngón tay lên môi. Vì Marguerite xinh đẹp đã không gửi gắm một điều bí mật nào, không thổ lộ điều gì với De Mole, nên chàng trai hiểu rằng cái cử chỉ đáng yêu đó không hề nhằm mục đích yêu cầu chàng phải yên lặng mà còn có một ý nghĩa khác.

Đoàn người lại đi tiếp. Còn De Mole, để theo đuổi việc điều tra của mình, tiếp tục đi dọc theo sông tới tận phố Cầu Dài nối với phố Saint-Antoine. Tới chỗ trông sang phố Jouy, chàng dừng lại.

Tối hôm trước, hai thị nữ đã bịt mắt chàng và Coconnas chính ở chỗ này. Chàng đã rẽ trái và đếm được khoảng hai mươi bước chân. Nay chàng lại làm cái trò đó và thấy mình đứng trước một ngôi nhà hay nói đúng hơn là một bức tường mà phía sau có một ngôi nhà, ở giữa bức tường là một cánh cửa chạm ô văng, đóng đinh to bản và có trổ lỗ châu mai.

Ngôi nhà nằm ở phố Cloche Percée, một phố nhỏ hẹp một đầu ăn sang phố Saint-Antoine còn đầu kia thông sang phố Vua Sicily.

-Mẹ kiếp, đúng đây rồi… Ta thề đấy. Khi mình ra, mình giơ tay ra và chạm phải những cái đinh này, rồi mình bước xuống hai bậc. Cái người vừa chạy vừa kêu: "Cứu tôi với!" rồi bị giết ở phố Vua Sicily chạy qua đúng lúc mình đặt chăn lên bực thứ nhất. Xem nào!

De Mole tới trước cửa và gõ.

Cánh cửa mở ra, và một người gác cổng có ria ra mở.

-Có chuyện gì thế? – Lão gác cổng hỏi.

-Ái chà! – De Mole thốt lên – Hình như chú mình người Thụy Sĩ thì phải. Ông bạn ơi! – Chàng vừa tiếp vừa lấy vẻ mặt dễ thương nhất – Tôi muốn lấy lại thanh kiếm của tôi, tối hôm qua tôi ở trong nhà này và tôi để quên ở đây.

-Tôi không hiểu gì cả? – Người gác cổng trả lời.

-Thanh kiếm của tôi… – De Mole nhắc lại.

-Tôi không hiểu gì cả? – Người gác cổng lặp lại.

-Tôi để quên… Tôi để quên thanh kiếm…

-Tôi không hiểu gì cả?

-Trong cái nhà này, đêm hôm qua tôi ở đây…

-Đồ quỷ tha ma bắt! – và lão sập cửa lại trước mũi chàng.

-Mẹ kiếp! – De Mole kêu – Nếu ta có cái thanh kiếm mà ta đang đòi thì ta sẵn lòng thọc nó qua người cái thằng quỷ quái này. Nhưng thôi để hôm khác vậy.

De Mole nói tới đó rồi lại đi tiếp tới tận phố Vua Sicily, chàng rẽ phải, đi khoảng năm chục bước nữa, lại rẽ phải và thấy mình đang ở phố Tizon, một phố nhỏ song song với phố Cloche Percée và hoàn toàn giống hệt như phố Cloche Percée. Hơn thế, khi đi thêm khoảng ba chục bước nữa thì chàng lại thấy cánh cửa nhỏ có ô văng, đinh to và lỗ châu mai, cũng bậc lên xuống và bức tường. Cứ như là phố Cloche Percée quay trở lại để gặp chàng.

De Mole nghĩ rằng có thể chàng đã rẽ trái chứ không rẽ phải.

Và chàng tới gõ vào cánh cửa đó để đòi lại thanh kiếm như chàng làm ở cánh cửa kia. Nhưng lần này tha hồ cho chàng gõ, cửa vẫn không mở.

De Mole đi vòng quanh hai ba lần con đường đó.

Điều đó khiến chàng phát hiện ra là ngôi nhà này có hai lối vào, một ở đường Cloche Percée, một ở đường Tizon.

Nhưng dù lập luận này hợp lý đến mấy thì cũng không đem lại thanh kiếm cho chàng và cũng không bảo cho chàng biết bạn chàng ở đâu.

Có lúc chàng đã định mua quách một thanh kiếm khác và đi moi ruột lão gác cổng khốn kiếp cứ khăng khăng chỉ chịu nói tiếng Đức ấy. Nhưng chàng nghĩ rằng nếu lão gác cổng là người của Marguerite và nếu Marguerite đã chọn y như vậy thì chắc nàng phải có lý do riêng của nàng và chắc nàng sẽ phiền lòng nếu bị mất y. Chuyện gì đi nữa, de Mole chẳng muốn làm một việc khiến Marguerite không hài lòng.

Sợ mình không nhịn được, chàng lên đường quay trở về Louvre lúc hai giờ.

Lần này, phòng chàng không có ai nữa và chàng có thể vào phòng. Điều này rất cần cho cái áo chẽn vì như hoàng hậu đã lưu ý chàng, áo chẽn của chàng bị làm hỏng một cách đáng kể.

Vì vậy nên chàng tới ngay chỗ giường để lấy chiếc áo chẽn màu ngọc xám thanh nhã thay cho chiếc bị rách. Chàng hết sức ngạc nhiên khi nhìn thấy vật đầu tiên nằm cạnh chiếc áo chẽn màu ngọc xám là thanh kiếm phi thường mà chàng đã để quên ở phố Cloche Percée.

De Mole cầm lấy kiếm, lật đi, lật lại, đúng là thanh kiếm của chàng.

“Cứ như là có phép ma ấy!” – De Mole lẩm bẩm.

Rồi chàng thở dài: -A! Giá mà anh chàng Coconnas tội nghiệp ấy có thể tự về như thanh kiếm của mình nhỉ!

Hai ba tiếng đồng hồ sau khi De Mole đã ngừng cuộc đi tuần vòng quanh ngôi nhà kép nhỏ bé kia, cánh cửa phố Tizon mở ra. Lúc ấy vào khoảng năm giờ chiều, tức là đã tối hẳn rồi.

Một người đàn bà quấn mình trong một chiếc áo choàng dài có đính lông thú, cùng với một nữ tỳ đi qua cánh cửa do một thị nữ khoảng bốn mươi tuổi mở cho nàng. Nàng nhanh nhẹn bước tới tận phố Vua Sicily sau đó gõ vào một cánh cửa nhỏ ở phố Argenson và cánh cửa ấy mở ra trước mặt nàng. Nàng qua cổng lớn của dinh trổ ra Phố Đền cũ, tới một cánh cửa nhỏ ngầm trong tường của dinh de Guise, lấy một chiếc chìa khoá trong túi ra mở và biến vào trong.

Khoảng nửa giờ sau, một chàng trai bịt mắt cũng đi qua cửa ngôi nhà nhỏ ấy. Một người đàn bà dắt chàng tới góc phố Geoffroy-Lasniervà phố Mortellerie. Tới đó, bà ta yêu cầu chàng đếm đến năm mươi mới được nhấc băng.

Chàng thanh niên chấp hành cẩn thận lời chỉ dẫn và đến con số quy định, chàng nhấc chiếc mùi soa che mắt ra.

-Mẹ kiếp – Chàng nhìn quanh và la lên – Cứ treo cổ mình lên nếu mình biết được mình ở đâu! Sáu giờ rồi! – Chàng thốt lên khi nghe tiếng chuông đồng hồ điểm ở nhà thờ Đức Bà – Thế cái anh chàng De Mole tội nghiệp ấy ra sao rồi? Ta cứ chạy về Louvre chắc sẽ biết tin.

Vừa nói, Coconnas vừa chạy dọc theo phố Mortellerie nhanh hơn ngựa. Vừa chạy chàng vừa xô, vừa húc đổ cái hàng rào di động gồm những bác thị dân đang bình thản dạo chơi quanh các cửa hiệu ở quảng trường Baudoyer, và chàng lọt vào cung.

Tới đó chàng hỏi thăm cả lính Thụy Sĩ lẫn lính gác. Lính Thụy Sĩ nói hình như có thấy ông de Mole về vào lúc sáng nhưng không thấy ông ta ra. Lính gác thì mới đứng đó được một tiếng rưỡi đồng hồ nay và chẳng thấy gì hết.

Chàng chạy lên phòng và vội vàng mở cửa. Nhưng chàng chỉ thấy trong phòng có độc nhất chiếc áo chẽn đầy vết rách của De Mole khiến chàng càng thêm lo ngại.

Lúc đó chàng nghĩ ngay tới Hurière và vội vã chạy tới chỗ ông chủ đầy tư cách của quán Tinh tú. Hurière đã gặp De Mole. De Mole đã ăn trưa ở chỗ Hurière. Coconnas hoàn toàn yên lòng, và vì đang đói mèm nên chàng cũng lại đòi dọn bữa.

Coconnas đang ở trong hai trạng thái tâm lý khiến người ta ăn ngon miệng: đầu óc yên tâm và dạ dày trống trơn. Chàng dùng bữa ngon lành đến nỗi bữa ăn kéo dài tới tận tám giờ tối.

Chàng sung sức hẳn lên nhờ vào hai chai vang Anjou mà chàng vốn ưa thích và chàng tu cả hai chai với vẻ mùi mẫn say sưa.

Rồi chàng lại bắt đầu đi tìm De Mole. Lần này, công cuộc tìm tòi được tiến hành trong các đám đông đi kèm với những cú đấm, cú đá thích ứng với sự gia tăng của niềm hạnh phúc thường vẫn có sau một bữa ăn ngon.

Luôn một tiếng đồng hồ như thế, Coconnas đã lượn qua tất cả những phố chàng cho là bạn mình có thể lui tới: quanh bờ sông Grève, cảng than, phố Saint-Antoine, các phố Tizon và Cloche Percée. Cuối cùng chàng hiểu ra rằng có một nơi De Mole nhất thiết phải đi qua, đó là cổng ghi-sê ở Louvre. Và chàng quyết định tới chờ bạn ở ghi-sê cho đến khi nào De Mole về thì thôi.

Cách cung Louvre khoảng trăm bước, khi chàng đang nâng dậy một bà bị chàng vô ngã, thì dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn hiệu gần cầu treo Louvre, chàng nhận thấy chiếc áo choàng bằng nhung màu anh đào và chiếc lông mũ trắng của bạn chàng đang biến vào sau ghi-sê như một cái bóng, cái bóng đó vừa đi vừa chào trả người lính gác.

Chiếc áo choàng màu anh đào nổi tiếng đã gây tác động mạnh đến mọi người đến nỗi chẳng ai còn nhầm vào đâu được.

-Này, mẹ kiếp! – Coconnas thốt lên – Lần này thì đúng là hắn! Hắn đang về nhà! É này De Mole! Này! Ông bạn! Dịch tả dịch hạch! – Mình vẫn tốt giọng đấy chứ! Làm sao hắn không nghe thấy mình nhỉ? May quá là chân cẳng mình cũng tốt như giọng vậy, mình sẽ đuổi theo hắn.

Vì hy vọng như thế nên Coconnas ba chân bốn cẳng lao theo và chỉ loáng cái đã tới Louvre. Nhưng chàng có chạy nhanh đến mấy, chiếc áo choàng màu anh đào dường như cũng rất vội và khi Coconnas đặt chân vào sân Louvre, chiếc măng-tô anh đào đã biến mất tăm trong dãy tiền sảnh.

-É hê, de Mole! – Coconnas kêu lên và lại chạy – Chờ mình với Coconnas đây! Ma quỷ nào bắt cậu chạy như thế? Cậu định trốn hả?

Quả thực là chiếc áo choàng anh đào như có cánh, chạy bay lên cầu thang chứ không phải là bước lên nữa.

-A! Cậu không muốn nghe mình! – Coconnas kêu lên – Cậu giận mình! Cậu tức đấy à! Này, cút đi với quỷ sứ, mẹ kiếp! Mình hết sức rồi!

Coconnas đứng dưới cầu thang mà gọi với lên với kẻ chạy trốn. Chàng thôi không chạy theo bằng chân nữa nhưng chàng vẫn nhìn theo qua vòng xoáy trôn ốc của cầu thang. Kẻ chạy trốn đã tới ngang tầm khu phòng của Marguerite. Đột nhiên một người đàn bà từ khu phòng đó bước ra và nắm lấy cánh tay kẻ mà Coconnas đang lùng đuổi.

-Ô hô! – Coconnas thốt lên – Hình như hoàng hậu Marguerite thì phải! Người ta đợi hắn. Thế thì lại khác, thật dễ hiểu tại sao hắn không trả lời mình.

Và chàng nằm bẹp xuống thành cầu thang để nhìn xuyên lên qua lỗ cầu thang.

Chàng thấy chiếc áo choàng màu anh đào đi theo hoàng hậu vào phòng sau vài tiếng thì thầm.

-Thôi thôi, đúng thế! – Coconnas bảo – Mình chẳng nhầm tí nào. Có những lúc bạn bè thân nhất cũng làm phiền ta và chàng De Mole nhà ta đang ở vào một thời điểm như thế.

Và Coconnas nhẹ nhàng leo lên cầu thang, tới ngồi ở một chiếc ghế băng bọc nhung đặt ở ngay trong tầng ấy và tự nhủ: "Thôi vậy! Đáng lẽ bắt kịp hắn thì mình lại đành phải đợi vậy… Nhưng này, nghĩ cho cùng thì hắn đến chỗ hoàng hậu Navarre, mình có khi phải chờ lâu đấy… Mẹ kiếp trời thì lạnh. Thôi, mình đợi trong phòng mình cũng được. Dù quỷ sứ có ở đấy chăng nữa thì cũng có lúc hắn phải về chứ!"

Chàng còn chưa dứt lời và chuẩn bị thực hiện cái quyết định đó thì chợt có tiếng chân bước nhẹ nhàng vui vẻ vang lên trên đầu chàng, kèm theo một bài hát quen thuộc của bạn chàng đến nỗi Coconnas vươn cổ ngó ngay lập tức về phía có tiếng chân và tiếng hát. Đó là De Mole đang từ tầng trên, nơi phòng chàng ở, đi xuống. Nhìn thấy Coconnas, chàng nhảy bốn bậc một xuống cầu thang và cuối cùng lao vào tay bạn mình.

-Ô! Mẹ kiếp! Ra là cậu đấy! – Coconnas hỏi – Thế cậu đi từ đâu ra đây?

-Quỷ quái! Từ phố Cloche Percée chứ còn gì nữa!

-Không, mình không nói tới cái nhà đằng ấy đâu…

-Thế từ đâu?

-Từ chỗ hoàng hậu cơ.

-Sao lại từ chỗ hoàng hậu?

-Từ chỗ hoàng hậu Navarre ấy mà.

-Mình có vào đấy đâu.

-Thôi đi!

-Này Anibal thân mến, cậu nói lăng nhăng rồi. Mình chờ cậu từ hai tiếng đồng hồ nay ở trong phòng, mình vừa từ đó ra xong.

-Cậu vừa ra khỏi phòng à?

-Ừ.

Thế không phải là mình đuổi theo cậu ở quảng trường Louvre à?

-Bao giờ?

-Mới đây thôi.

-Không.

-Thế không phải cậu mới biến vào trong ghi-sê cách đây mười phút à?

-Không.

-Cũng không phải cậu vừa mới leo cầu thang này cứ như thể bị một đoàn quỷ bám gót à?

-Không.

-Mẹ kiếp! – Coconnas la lên – Rượu vang quán Tinh tú làm gì mà lại xấu chơi đến nỗi khiến mình lộn tùng phèo cả đầu óc lên thế này! Mình nói với cậu rằng mình vừa mới nhìn thấy chiếc áo choàng ngoài màu anh đào và chòm lông trắng của cậu dưới ghi-sê của Louvre, mình đuổi theo chúng đến tận chân cầu thang này và cả áo choàng ngoài đấy, cả chòm lông lẫn cánh tay lắc lư của cậu được một bà mà mình rất ngờ là hoàng hậu Navarre, chờ ở đây. Bà này đã lôi cả cái mớ ấy vào cánh cửa kia mà nếu mình không nhầm, đúng là cửa nhà Marguerite xinh đẹp.

-Chết cha! – De Mole tái mặt kêu lên – Chẳng nhẽ mới đó đã phản bội rồi à?

-Thế đấy! Cậu muốn thề cái gì thì thề chứ đừng có bảo là mình nhầm nữa nhé.

De Mole ngập ngừng một lát, chàng đưa hai tay ôm đầu. Chàng bị giằng co giữa lòng tôn trọng và sự ghen tuông. Cuối cùng cơn ghen đã thắng và chàng lao tới cửa. Chàng ra sức đấm cửa, gây ra một tiếng ồn khá chướng tai nếu xét tới sự tôn nghiêm của cái nơi họ đang ở.

-Chúng mình sẽ tự làm cho người ta tóm cổ đấy – Coconnas nhắc – Nhưng mặc kệ, lạ thật đấy! De Mole, cậu bảo có ma hiện về Louvre hay không?

-Mình không biết – Chàng trai đáp, mặt chàng trở nên nhợt nhạt như chiếc lông gắn mũ đang rợp bóng trên vầng trán chàng – Nhưng mình vẫn thường muốn gặp lũ hồn ma ấy, bây giờ có dịp thì mình sẽ cố giáp mặt với con ma này.

-Mình không phản đối. Tuy vậy cậu gõ khẽ hơn tí để đừng làm nó sợ chứ.

Dù tức tối đến mấy, de Mole vẫn hiểu rõ tính đúng đắn của lời nhận xét này và chàng tiếp tục gõ nhưng nhẹ nhàng hơn.

§25. Chiếc áo choàng màu anh đào

Coconnas quả không nhầm. Người đàn bà đã giữ người kỵ mã mặc áo choàng màu anh đào chính là hoàng hậu Navarre. Còn người kỵ mã mặc chiếc áo măng-tô anh đào, chẳng phải ai khác ngoài anh chàng de Mouy can đảm.

Khi nhận ra hoàng hậu Navarre, chàng trai Tân giáo hiểu ngay có chuyện lầm lẫn nhưng không dám nói vì e rằng chỉ cần Marguerite kêu lên một tiếng là chàng sẽ bị lộ ngay. Vậy nên chàng thà để được đưa vào tận trong phòng và đợi khi tới đó chàng sẽ nói với người dẫn đường xinh đẹp của mình rằng: "Tôi xin đổi sự yên lặng của tôi lấy sự yên lặng của lệnh bà."

Marguerite nhẹ nhàng nắm tay người mà trong tranh tối tranh sáng nàng tưởng là De Mole và nghiêng người xuống bên tai người đó, nàng thì thầm bằng tiếng Latinh: -Tôi có một mình, vào đi, bạn thân yêu.

De Mouy không trả lời, cứ để mặc cho dẫn đi. Nhưng cửa vừa khép lại sau chàng, và chàng bước vào phòng được chiếu sáng hơn ngoài cầu thang thì Marguerite nhận ra người mình dắt vào không phải là De Mole.

Tiếng kêu nho nhỏ mà chàng trai Tân giáo thận trọng đã e ngại lúc này mới buột ra khỏi miệng Marguerite, may thay chàng không còn phải sợ nó nữa.

-Ông de Mouy! – Nàng thốt lên và lùi lại.

-Thưa lệnh bà, chính tôi. Tôi xin cầu khẩn lệnh bà để cho tôi đi tiếp và đừng nói với ai về sự hiện diện của tôi tại Louvre.

-Ô! Ông de Mouy! – Marguerite lại nhắc lại – Vậy là tôi nhầm.

-Vâng tôi hiểu. Lệnh bà chắc đã nhầm tôi với đức vua Navarre vóc người như thế, cũng chòm lông mũ trắng, và nhiều người, chắc là muốn đẹp lòng tôi, vẫn thường nói tôi có dáng đi giống hoàng thượng.

Marguerite chằm chằm nhìn de Mouy rồi hỏi: -Ông có biết tiếng Latinh không, ông de Mouy?

-Ngày xưa tôi biết, nhưng bây giờ tôi quên mất rồi – Chàng trai đáp.

Marguerite mỉm cười nói: -Ông de Mouy, ông có thể tin ở sự kín đáo của tôi. Tuy nhiên, vì hình như tôi biết tên cái người mà ông tìm ở Louvre, tôi xin giúp ông để dẫn ông tới chỗ người đó một cách chắc chắn.

-Xin lệnh bà tha lỗi, tôi nghĩ rằng lệnh bà nhầm và ngược lại lệnh bà hoàn toàn không biết…

-Sao? – Marguerite kêu lên – Chứ không phải là ông tìm đức vua Navarre à?

-Than ôi! Tôi lấy làm tiếc mà xin với lệnh bà đừng để cho đức hoàng thượng biết gì về sự có mặt của tôi ở Louvre.

-Xin hãy nghe tôi, ông de Mouy – Marguerite ngạc nhiên nói – Cho tới lúc này tôi vẫn cho ông là một trong những thủ lĩnh kiên cường nhất của phe Tân

giáo, một trong những người ủng hộ trung thành nhất của đức vua chồng tôi, phải chăng tôi nhầm?

-Không, thưa lệnh bà, vì mới sáng nay thôi tôi vẫn còn có đủ tất cả những gì mà lệnh bà vừa nói.

-Vậy nguyên nhân nào đã khiến ông thay đổi từ sáng đến giờ.

-Thưa lệnh bà – De Mouy nghiêng mình thi lễ đáp – Xin lệnh bà miễn cho tôi khỏi phải trả lời và cúi xin Người nhận cho lòng tôn kính của tôi.

Với một thái độ cung kính nhưng dứt khoát, de Mouy tiến vài bước về phía cửa mà chàng đã đi vào.

Marguerite ngăn chàng lại.

-Tuy nhiên, thưa ông, tôi xin ở ông một lời giải thích. Tôi thấy hình như lời hứa của tôi cũng có giá trị đấy chứ.

-Thưa lệnh bà, tôi phải yên lặng. Và nghĩa vụ này thực sự quan trọng nên tôi mới không trả lời lệnh bà.

-Tuy vậy, …

-Lệnh bà có thể khiến tôi gặp nguy nhưng không thể khiến tôi phải phản bội lại những người bạn mới của tôi.

-Nhưng còn những người bạn cũ của ông, phải chăng họ không có chút quyền nào đối với ông?

-Những người vẫn trung thành thì có. Nhưng còn những kẻ đã không những bỏ rơi chúng tôi mà còn buông rơi cả chính bản thân mình nữa thì không.

Marguerite lo lắng suy nghĩ và chắc đang định đặt thêm một câu hỏi nữa thì đột nhiên Gillonne lao vào phòng.

-Đức vua Navarre tới! – Cô kêu lên.

-Tới bằng cửa nào?

-Bằng hành lang bí mật.

-Vậy em đưa ông đây ra cửa đằng kia.

-Thưa lệnh bà, không thể được… Lệnh bà có nghe thấy gì không?

-Có người gõ à?

-Vâng, gõ vào cửa mà lệnh bà muốn em đưa ông này ra đấy.

-Thế ai gõ?

-Em không biết.

-Em đi xem xem rồi quay lại báo với ta.

-Thưa lệnh bà – De Mouy nói – Tôi xin phép lưu ý lệnh bà rằng nếu đức vua Navarre gặp tôi vào giờ này, trong y phục này ở Louvre thì tôi nguy mất.

Marguerite nắm lấy de Mouy và lôi chàng ta tới chiếc buồng con trứ danh.

-Xin ông hãy vào đây – Nàng nói – Ở đây ông được che giấu và được đảm bảo như ở nhà ông vậy, tôi xin hứa danh dự của tôi với ông về điều đó.

De Mouy vội vàng nhảy vào buồng, cửa buồng vừa kịp khép thì Henri xuất hiện.

Lần này Marguerite chẳng còn sự lúng túng nào cần phải che đậy cả nàng chỉ sầm mặt xuống và đầu óc nàng chẳng nghĩ gì tới chuyện yêu đương.

Về phần Henri, ông bước vào vẫn với vẻ nghi ngờ xét nét khến cho trong những lúc ít nguy hiểm, ông vẫn nhận thấy những chi tiết nhỏ nhặt nhất. Henri lại càng là người có đầu óc nhận xét sâu sắc hơn trong tình huống của ông hiện nay.

Vì vậy, ông nhận ra ngay áng mây tối sầm trên vầng trán Marguerite.

-Thưa bà, bà bận ư? – Ông hỏi.

-Thưa bệ hạ, vâng, tôi đang mơ màng.

Bà có lý, mơ mộng hợp với bà lắm. Tôi cũng mơ nhưng khác với bà đang tìm kiếm sự cô tịch, tôi lại cố ý xuống đây chia xẻ với bà về những giấc mơ của tôi.

Marguerite gật đầu chào Henri, chỉ cho ông một chiếc ghế phô-tơi, nàng cũng ngồi xuống chiếc ghế dựa bằng gỗ mun chạm trổ thanh mảnh và vững chắc.

Hai vợ chồng yên lặng một lúc rồi Henri phá tan bầu không khí yên lặng đó: -Thưa bà, tôi nhớ lại là những giấc mơ của tôi về tương lai có cái chung với những giấc mơ tương lai của bà: vợ chồng chúng ta tuy sống cách biệt nhau nhưng chúng ta lại cùng mong muốn kết hợp vận hạnh của mình với nhau.

-Thưa bệ hạ, đúng vậy.

-Tôi nghĩ rằng bà đã hiểu được tất cả những kế hoạch tôi có thể làm nhằm đưa chúng ta lên cao hơn, bà đã nói với tôi rằng tôi sẽ tìm thấy ở nơi bà không những một người đồng minh trung thành mà còn hăng hái nữa.

-Thưa bệ hạ, đúng thế. Và tôi chỉ yêu cầu có một điều, đó là bệ hạ bắt tay vào việc càng sớm càng tốt và hãy cho tôi sớm có dịp để cùng hành động.

-Thưa bà, tôi rất vui mừng được thấy bà có những suy nghĩ như vậy. Tôi tin rằng không bao giờ bà lại nghi ngờ rằng tôi rời mắt khỏi cái kế hoạch mà tôi đã quyết định thực hiện vào chính cái ngày mà nhờ có sự can thiệp dũng cảm của bà, tôi đã gần tin chắc sẽ được bảo toàn tính mạng.

-Thưa ông, tôi nghĩ sự vô tư nơi ông chỉ là một thứ mặt nạ, và tôi không những chỉ tin vào những lời tiên đoán của các nhà chiêm tinh mà còn cả vào tài năng của ông nữa.

-Vậy thưa bà, bà nghĩ thế nào nếu có kẻ nhảy bổ vào giữa kế hoạch của chúng ta và sẽ đưa chúng ta, tức bà và tôi, vào một tình trạng bi thảm.

-Tôi xin nói rằng tôi sẵn sàng cùng tranh đấu với bệ hạ, hoặc công khai hoặc bí mật, chống lại kẻ thù đó dù hắn là ai.

-Thưa bà, có phải là lúc nào bà cũng có thể vào cung ông d'Alençon em bà không? Ông ta tin bà và có tình thân với bà. Tôi mạn phép đề nghị bà tìm hiểu xem trong lúc này ông ta đang có đàm phán bí mật với ai đó hay không?

Marguerite giật mình hỏi: -Với ai cơ, thưa ông?

-Với de Mouy.

-Tại sao vậy? – Marguerite vừa hỏi vừa cố nén nỗi xúc động.

-Vì nếu thế, thưa bà, xin vĩnh biệt tất cả các dự định của chúng, hay ít ra là của tôi cái đã.

-Thưa bệ hạ, xin nói khẽ thôi – Marguerite đưa mắt và môi ra hiệu, lấy ngón tay trỏ vào buồng.

-Ô hô! – Henri thốt lên – Lại có ai thế? Quả thật là cái buồng này hay có người ở đến nỗi phòng bà trở thành nơi khó mà dung thân nổi.

Marguerite mỉm cười.

-Thế ít ra thì đấy vẫn là ông de Mole chứ – Henri hỏi.

-Không đâu, thưa bệ hạ, đó là ông de Mouy.

-De Mouy? – Henri ngạc nhiên vui sướng thốt lên – Vậy ông ta không ở chỗ quận công d'Alençon à? Ồ, xin bà cho ông ta tới để tôi nói chuyện với ông ta…

Marguerite chạy tới buồng, mở ra, rồi chẳng ngại ngùng gì hết, cầm tay de Mouy đưa tới trước mặt vua Navarre.

-A! Thưa lệnh bà – chàng trai Tân giáo nói với giọng trách móc buồn bã nhiều hơn là chua chát – Bà phản bội tôi mặc dầu đã hứa, thật không tốt. Thế nếu tôi trả thù và nói rằng…

-De Mouy, anh sẽ không trả thù – Henri vừa xiết tay chàng trai vừa ngắt lời – Hoặc ít ra thì anh cũng nghe ta nói trước đã.

-Thưa bà – Henri tiếp tục nói với vợ – Xin bà hãy làm sao cho đừng có ai nghe thấy chúng tôi.

Henri vừa dứt lời thì Gillonne hoảng hốt tới thì thầm vài câu vào tai Marguerite khiến cho nàng lao bắn ra khỏi ghế. Trong khi nàng chạy ra phòng ngoài với Gillonne, Henri cũng chẳng quan tâm gì tới nguyên nhân đã kéo vợ ra khỏi phòng. Ông tới bên giường, xem góc thành giường, lật các tấm thảm và lấy ngón tay dò dẫm trên tường. De Mouy hoảng sợ trước tất cả những cử chỉ đó nên cũng thử trước để tin chắc là kiếm mình không bị mắc trong vỏ.

Ra khỏi phòng ngủ, Marguerite lao ra phòng ngoài và gặp luôn De Mole đối diện với mình. Mặc dù Gillonne đã khẩn khoản nhưng anh chàng này vẫn muốn vào phòng Marguerite cho bằng được. Sau lưng chàng là Coconnas sẵn sàng thúc chàng tiến lên hoặc bảo vệ cho chàng rút lui.

-Ôi ông đấy à? Ông de La Mole – Hoàng hậu thốt lên – Ông làm sao vậy, tại sao ông run rẩy và mặt tái mét đi thế kia?

-Thưa lệnh bà, ông de Mole đã gõ cửa mạnh đến nỗi mặc dù có lệnh cấm của lệnh bà, em vẫn buộc phải mở cho ông ta.

-Ô! Thế là thế nào? – Hoàng hậu nghiêm khắc hỏi – Người ta nói vậy có đúng không, ông de Mole?

-Thưa lệnh bà, đó là vì tôi muốn báo với lệnh bà rằng một kẻ lạ, có lẽ là kẻ trộm nữa, đã vào nơi lệnh bà dưới chiếc áo và mũ của tôi.

-Ông điên rồi – Marguerite đáp – Vì tôi thấy áo ông trên vai ông kia kìa và tôi nghĩ là, lạy Chúa tha tội, tôi cũng thấy ông đang đội mũ trên đầu trong khi nói chuyện với một hoàng hậu.

-Ôi! Xin lỗi lệnh bà, xin thứ lỗi! – De Mole thốt lên và hấp tấp bỏ mũ – Xin Chúa chứng giám cho lòng tôi, không phải do tôi thiếu tôn kính.

-Không, ông chỉ thiếu niềm tin thôi, có phải không? – Hoàng hậu hỏi.

-Biết làm thế nào được! – De Mole thốt lên – Khi có một người đàn ông đang ở chỗ lệnh bà, khi người đó lại vào nhà lệnh bà trong bộ y phục của tôi, và nào ai biết được, có khi lại mượn cả tên tôi nữa chứ?

-Một người đàn ông? – Marguerite nói và nhẹ nhàng xiết cánh tay chàng trai si tình tội nghiệp – Một người đàn ông! … Ông khiêm tốn quá, ông de Mole! Ông hãy ghé mắt qua chỗ mở tấm thảm và ông sẽ thấy hai người đàn ông cơ.

Marguerite hé mở tấm thảm treo bằng nhung thêu chỉ vàng.

De Mole nhận ra Henri đang ngồi nói chuyện với người đàn ông mặc áo choàng ngoài màu đỏ. Coconnas tò mò y như thể đây cũng là chuyện của mình, cũng nhìn và nhận ra de Mouy. Cả hai đều sửng sốt.

-Bây giờ thì ông đã yên tâm rồi, ít ra là tôi cũng mong như thế – Marguerite bảo – Ông hãy đứng ở cửa khu phòng của tôi. Dù sống dù chết, ông đừng cho ai vào. Thậm chí nếu có ai đến gần tầng này, ông cũng báo ngay.

Ngoan ngoãn và yếu đuối như một đứa trẻ, de Mole vừa bước ra vừa nhìn Coconnas. Coconnas cũng nhìn bạn và cả hai ra, đến ngoài vẫn còn chưa hết sững sờ.

-De Mouy! – Coconnas thốt lên.

-Henri! – De Mole lẩm bẩm.

-De Mouy với chiếc măng-tô anh đào của cậu, chòm lông mũ trắng và cánh tay lắc lư của cậu.

-Ái chà, này… – De Mole tiếp – Nếu không phải là chuyện tình ái nữa thì chắc chắn là chuyện âm mưu.

-A! Mẹ kiếp! Chúng mình lại nhúng vào chính trị đây! – Coconnas càu nhàu – May quá là trong tất cả cái trò này mình không thấy có phu nhân de Nervers.

Marguerite quay vào ngồi lại gần hai người đang nói chuyện.

Nàng vắng mặt chỉ khoảng một phút và đã tận dụng đầy đủ cái phút đó. Gillonne đứng gác ở lối đi bí mật còn hai nhà quý tộc canh ở cửa chính khiến nàng được bảo đảm hoàn toàn.

-Thưa bà – Henri nói – Bà có nghĩ rằng liệu có ai đó có thể lắng nghe và nghe được chúng ta nói chuyện không?

-Thưa bệ hạ – Marguerite đáp – Phòng này có trải thảm đệm và hai lớp gỗ dát tường đảm bảo việc cách âm.

-Vậy tôi tin tưởng nơi bà – Henri mỉm cười nói.

Rồi ông quay về phía de Mouy: -Thế nào, anh tới đây làm gì? – Nhà vua thì thầm hỏi, dường như có lời bảo đảm của Marguerite, mối lo ngại của ông vẫn chưa hoàn toàn tan biến hết.

-Ở đây ạ? – De Mouy hỏi.

-Đúng thế, ở đây, trong phòng này – Henri nhắc lại.

-Ông ta không tới đây làm gì hết – Marguerite nói – Chính tôi đã đưa ông ấy về đây.

-Vậy ra bà cũng biết à?

-Tôi đã đoán ra hết.

-Anh thấy chưa de Mouy, người ta cũng có thể đoán được đấy.

-Ông de Mouy cùng với quận công François sáng nay đã ở trong phòng của hai vị quý tộc của quận công – Marguerite tiếp.

-Anh thấy đấy, de Mouy! Người ta biết hết – Henri nhắc lại.

-Thật thế – De Mouy thú nhận.

-Ta đã tin chắc rằng ông d'Alençon sẽ vơ lấy anh – Henri bảo.

-Đó là lỗi của bệ hạ. Tại sao bệ hạ cứ khăng khăng từ chối điều mà tôi tới dâng cho Người?

-Bệ hạ đã từ chối! – Marguerite kêu lên – Vậy ra lời chối mà tôi cảm thấy ấy lại là thật à?

-Thưa bà – Henri lắc đầu nói – Còn người, de Mouy, các người làm tôi chết cười với những câu cảm thán của các người. Sao? Một người vào nhà tôi, nói với tôi về ngai vàng, về khởi nghĩa, về lật đổ, nói với tôi, Henri, một ông hoàng được dung thân miễn là phải khúm núm cúi đầu, một kẻ Tân giáo được tha mạng với điều kiện phải đóng vai Giatô giáo! Thế mà tôi đi chấp nhận những lời đề nghị ấy trong một căn phòng không có trải thảm và không có hai lớp gỗ dát tường! Quái thật! Hoặc các người là trẻ con hoặc là điên!

-Nhưng thưa bệ hạ, phải chăng Người không thể tạo cho tôi hy vọng nào, nếu không phải bằng lời thì chỉ bằng dấu hiệu cũng được.

-Em vợ ta nói gì với anh, de Mouy? – Henri hỏi.

-Ồ tâu bệ hạ, đấy không phải là bí mật của tôi.

-Lạy Chúa – Henri nói với vẻ sốt ruột phải tiếp chuyện một kẻ hiểu sai ý ông đến thế – Ta không hỏi anh ông ta đề nghị với anh những gì, ta hỏi là lúc ấy ông ta có nghe trộm không, ông ta có nghe thấy gì không?

-Tâu bệ hạ, ông ta đã lắng nghe và đã nghe thấy.

-Ông ta đã lắng nghe và nghe thấy! Chính anh cũng phải thú nhận như thế! Anh thật là một kẻ âm mưu ngớ ngẩn! Nếu ta chỉ nói một lời thôi, anh sẽ toi

mạng ngay. Vì nếu như ta không biết thì ít ra ta cũng ngờ rằng ông ta ở đấy, hoặc nếu không phải ông ta thì là một người nào đấy, quận công d'Anjou, Charles IX, Thái hậu chẳng hạn… de Mouy, anh chưa biết những bức tường ở Louvre đâu, tục ngữ có câu "tai vách mạch rừng" là dành cho chúng đấy. Ta biết rõ những bức tường ấy thì làm sao ta dám nói cơ chứ! Thôi đi de Mouy, anh thật không nể trí khôn của vua Navarre tí nào. Ta ngạc nhiên là các anh không đánh giá cao hơn thế cái trí khôn ấy trong đầu óc mình mà lại dám tới dâng cho ông ta một ngai vàng!

-Nhưng, tâu bệ hạ – De Mouy cố vớt vát – Lẽ nào bệ hạ không thể vừa từ chối cái ngai vàng ấy, lại vừa ra hiệu cho tôi. Nếu thế thì tôi đâu có tường mọi việc đã hỏng rồi, đã hết hy vọng rồi.

-Ê! Quỷ quái thật! – Henri thốt lên – Nếu ông ta đã nghe được thì có thể ông ta cũng thấy được chứ, nói hay ra hiệu thì cũng đi đứt như nhau thôi. Này de Mouy – Nhà vua vừa nói tiếp vừa nhìn quanh – Bây giờ ở đây, dù gần anh đến nỗi những lời ta không lọt khỏi vòng chỗ ba chúng ta ngồi, ta vẫn còn lo bị nghe trộm khi ta hỏi anh: de Mouy, hãy nhắc lại những lời đề nghị của Người?

-Nhưng tâu bệ hạ – De Mouy tuyệt vọng thốt lên – Bây giờ tôi bị ràng buộc với ông d'Alençon mất rồi.

Marguerite tức tối đập hai bàn tay kiều diễm của nàng vào nhau: -Vậy là đã muộn mất rồi à?

-Ngược lại là đằng khác – Henri thì thầm – Xin bà hãy hiểu rằng ngay trong việc này rõ ràng có bàn tay che chở của Chúa.

De Mouy, cứ ràng buộc với ông ta, vì cái nhà ông François này là cứu tinh của cả lũ chúng ta. Anh cứ tưởng là vua Navarre đảm bảo được cho cái đầu các anh à? Ngược lại, anh bạn khốn khổ ơi! Chỉ hơi có chút nghi ngờ là các anh đang vì ta là cả lũ các anh sẽ bị tiêu diệt đến tận người cuối cùng. Nhưng một hoàng tử Pháp thì khác. Phải có chứng cớ, de Mouy ạ, phải đòi hỏi các vật đảm bảo. Nhưng ngốc nghếch như người thì chắc người đã lại cam kết hết lòng vì chỉ một lời nói cũng đủ để người tin chứ gì?

-Ôi! Tâu bệ hạ, chính nỗi tuyệt vọng vì bị bệ hạ bỏ rơi đã đẩy tôi vào tay quận công. Tôi cũng sợ bị phản lần nữa vì ông ta đã biết điều bí mật của chúng ta.

-De Mouy, nhưng người lại cũng nắm được điều bí mật của ông ta. Ông ta mong ước gì? Làm vua Navarre à? – Cứ hứa trao cho ông ta ngai vàng. Ông ta muốn gì? Rời khỏi triều đình à?

Tạo cho ông ta các phương tiện để trốn. De Mouy, người hãy làm cho ông ta tựa như người làm cho ta, điều khiển tấm lá chắn sao cho nó đỡ được tất cả những đòn mà người ta sẽ đánh chúng ta. Khi nào phải trốn thì cả hai chúng ta sẽ trốn, khi nào phải chến đấu và trị vì thì ta sẽ trị vì một mình.

-Đừng tin quận công – Marguerite nói – Đó là một người có đầu óc sắc sảo thâm hiểm, không có căm thù cũng không có tình bạn, luôn sẵn sàng đối xử với bạn như thù và coi thù như bạn.

-Ông ta đang đợi anh à, de Mouy – Henri hỏi.

-Tâu bệ hạ, vâng.

-Ở đâu?

-Trong phòng hai vị quý tộc của ông ta.

-Mấy giờ?

-Cho tới nửa đêm.

-Bây giờ còn chưa đến mười một giờ – Henri bảo – Đừng đề mất thì giờ nữa, đi đi, de Mouy.

-Chúng tôi có được lời hứa của ông chứ, ông de Mouy? – Marguerite hỏi.

-Thôi nào! – Henri nói với vẻ tin cậy mà ông rất khéo biết cách tỏ ra trong một vài trường hợp đối với một số người – Bà ạ với ông de Mouy thì đó là điều không cần phải hỏi.

-Bệ hạ nói đúng – Chàng trai đáp – Nhưng tôi lại cần lời hứa của bệ hạ vì tôi phải nói với các thủ lĩnh rằng tôi đã nhận được lời hứa đó. Có đúng bệ hạ không phải là người Giatô giáo không?

Henri nhún vai.

-Bệ hạ không từ bỏ vương quốc Navarre chứ?

-De Mouy, ta không từ bỏ vương quốc nào hết. Tuy nhiên ta chờ dịp để giành lấy cái tốt nhất nghĩa là vương quốc phù hợp nhất với ta và với các người.

-Và nếu trong khi chờ đợi bệ hạ bị bắt, bệ hạ có hứa là sẽ không tiết lộ điều gì dù cho người ta có dùng nhục hình để xâm phạm tới thánh thể hay không?

-Ta xin thề trước Chúa, de Mouy ạ.

-Một câu nữa thôi, tâu bệ hạ, làm sao tôi gặp lại Người được?

-Ngay từ ngày mai, anh sẽ có một chìa khoá phòng của ta. Anh sẽ tới đó mỗi khi cần thiết và vào bất kỳ giờ nào anh muốn. Quận công d'Alençon sẽ phải chịu trách nhiệm về sự có mặt của anh ở Louvre. Bây giờ thì anh đi lên bằng lối cầu thang nhỏ, ta sẽ dẫn đường cho anh. Trong khi đó thì hoàng hậu sẽ cho đưa vào đây cái áo măng-tô đỏ giống áo của anh chàng lúc nãy đứng đợi ở phòng ngoài ấy. Cần phải để cho người ta không phân biệt được giữa hai người và người ta không biết được các anh tuy một lại là hai. Có phải thế không, de Mouy? Có đúng vậy không, thưa bà?

Henri vừa nói những lời cuối cùng này vừa cười và nhìn Marguerite.

-Đúng vậy, vì rút cuộc thì ông de Mole ấy lại là người của quận công em tôi – Marguerite nói tỉnh bơ.

-Thế thì xin bà hãy lôi kéo ông ta về cho chúng ta – Henri đáp với vẻ hoàn toàn nghiêm túc – Xin bà đừng tiếc cả vàng lẫn những lời hứa hẹn. Tôi xin đặt tất

cả của cải của tôi vào tay ông ta để ông ta sử dụng.

-Vậy nếu đấy là ý bệ hạ – Marguerite nói với một nụ cười chỉ những người đàn bà của Boccace mới có – Thì tôi xin hết lòng tiếp tay với Người.

-Tốt lắm, thưa bà. Còn anh, de Mouy, hãy quay về chỗ quận công và đóng móng vào cho ông ta.

§26. Marguerite

Trong lúc xảy ra cuộc chuyện trò trên đây thì De Mole và Coconnas vẫn đang đứng gác. De Mole có vẻ ưu phiền, Coconnas có vẻ lo lắng.

Đó là vì De Mole đã có thì giờ suy nghĩ và Coconnas đã giúp chàng một cách thần tình trong việc đó.

-Cậu nghĩ gì về tất cả những chuyện này? – De Mole hỏi Coconnas.

-Mình nghĩ trong chuyện này chắc có mưu mô quyền lực nào đây – Anh chàng Piémontais đáp.

-Nói cho cùng thì cậu có chịu đóng vai trong cái mưu đồ này không?

-Bạn thân rnến, nghe cho kỹ nhưng điều mình nói và cố mà rút lấy điều bổ ích nhé. Trong tất cả các cuộc vận động của các ông hoàng bà chúa này trong những mưu đồ vương bá này chúng ta chỉ có thể và chỉ lướt qua như những cái bóng mà thôi: ở nơi nào mà vua Navarre để mất một mảnh lông mũ, quận công d'Alençon mất một mảnh áo choàng thì chúng ta sẽ bỏ lại cả tính mạng của mình. Hoàng hậu nhất thời thích cậu, cậu có ý ngông, yêu nàng, chỉ có thế thôi. Điên đầu trong tình yêu thì được, nhưng đừng có để mất đầu vì chính trị.

Thật là một lời khuyên chí lý. Vì thế nên De Mole nghe theo lời khuyên đó với nỗi buồn của một người mà khi cảm thấy bị đặt giữa lẽ phải và sự điên rồ thì anh ta sẽ chọn sự điên rồ.

-Anibal, mình không có ý ngông với hoàng hậu, mình yêu nàng. Và bất hạnh thay hoặc may mắn thay, mình yêu nàng với tất cả tâm hồn. Cậu sẽ bảo mình đây là chuyện điên rồ, mình chấp nhận mình điên. Nhưng cậu vốn khôn ngoan, Coconnas ạ, cậu không phải chịu những trò ngốc nghếch và sự bất hạnh của mình. Cậu hãy đến với Chúa của chúng ta và đừng để bị mang tai mang tiếng.

Coconnas suy nghĩ một hồi rồi ngẩng đầu lên: -Ông bạn ạ, những điều cậu nói hoàn toàn đúng. Cậu đang yêu hãy hành động như kẻ đang yêu. Còn mình thì có tham vọng, và với từ cách đó, mình nghĩ rằng cuộc đời đáng giá hơn một cái hôn của đàn bà. Khi nào mình liều mạng, mình sẽ đặt điều kiện. Còn về phần cậu, anh bạn tội nghiệp của tôi ơi, cố mà đặt ra điều kiện của chính mình đi nhé.

Nói tới đó, Coconnas chìa tay cho bạn và bỏ đi sau khi hai người cười và nhìn nhau một lần cuối. Coconnas đi được khoảng mươi phút khỏi chỗ đó thì cánh cửa mở. Marguerite hiện ra đầy thận trọng. Nàng tới cầm tay De Mole và không nói không rằng kéo chàng từ hành lang tới tận nơi kín nhất trong phòng nàng. Tự tay nàng đóng các cửa với vẻ cẩn thận tỏ rõ tầm quan trọng của cuộc nói chuyện sắp tới.

Tới phòng trong, nàng dừng lại, ngồi xuống chiếc ghế gỗ mun của mình. Nàng kéo De Mole về phía mình và nắm hai tay chàng trong tay mình, nàng nói:

-Bây giờ chúng ta chỉ có hai ta, hãy nói chuyện nghiêm túc nào, bạn thân yêu.

-Nghiêm túc ư, thưa lệnh bà? – De Mole hỏi.

-Thế thì nói chuyện một cách tình tứ vậy! Chàng thích thế hơn phải không? Có những chuyện nghiêm túc trong tình yêu chứ, nhất là trong tình yêu của một hoàng hậu.

-Vậy thì… ta nói về những chuyện nghiêm túc đó vậy, nhưng với điều kiện là lệnh bà sẽ không bực mình về những điều rồi tôi sẽ nói với Người.

-De Mole, em sẽ chỉ bực mình về mỗi một điều: đó là chàng đừng gọi em là lệnh bà hoặc là bà. Đối với chàng, bạn thân yêu ơi, em sẽ chỉ là Marguerite mà thôi.

-Vâng, Marguerite, Marguerita[397] viên ngọc của tôi! Chàng trai vừa nói vừa đắm đuối nhìn hoàng hậu.

-Được rồi đấy – Marguerite nói – Vậy là chàng ghen ư, nhà quý tộc đẹp trai của em?

-Ồi ghen đến mất lý trí.

-Lại thế nữa! …

-Tôi ghen đến phát điên, Marguerite ạ.

-Chàng ghen với ai cả chứ?

-Với tất cả mọi người.

-Nhưng là ai?

-Trước hết là với nhà vua.

-Em tưởng rằng sau những việc mà chàng đã nhìn thấy và nghe thấy thì chàng có thể yên tâm rồi chứ?

-Với ông de Mouy mà tôi nhìn thấy lần đầu sáng nay và tối nay tôi gặp lại quá thân mật với em.

-Với ông de Mouy?

-Đúng thế.

-Sao chàng lại nghi ngờ ông de Mouy như thế?

-Em nghe nhé… Tôi đã nhận ra y qua dáng người, qua màu tóc qua lòng căm ghét tự nhiên. Chính y ở chỗ ông d'Alençon sáng nay.

-Thế việc đó có liên quan gì đến em?

-Ông d'Alençon là em của em. người ta nói rằng em rất quý mến ông ta. Chắc em đã kể cho ông ta về một ý tưởng mơ hồ của lòng em, và theo thói quen ở triều đình, chắc ông đã tạo thuận lợi cho ý muốn của em bằng cách đưa ông de Mouy tới chỗ em. Làm sao tôi lại may mắn đến nỗi nhà vua cũng ở đó cùng với y? Thật tôi cũng chẳng biết nữa. Nhưng dù sao em hãy thẳng thắn với tôi. Một mối tình như tình yêu của tôi có quyền đòi được đáp lại bằng sự thẳng thắn nếu như không phải là một tình cảm khác. Hãy nhìn đây, tôi quỳ xuống chân em. Nếu những gì em cảm thấy đối với tôi chỉ là tính bốt đồng nhất thời, tôi xin trả lại lời

thề, lời hứa, tình yêu của em, tôi xin trả lại ông d'Alençon những ân sủng của ông và trách nhiệm quý tộc thị vệ của tôi. Và tôi sẽ đi cho người ta giết mình ở cuộc phong tỏa thành La Rochelle nếu như tình yêu chưa giết chết tôi trước khi tôi tới được đó.

Marguerite mỉm cười lắng nghe những lời say đắm đó và đưa mắt dõi theo hành động duyên dáng đó, rồi nàng cúi mái đầu ưu tư của mình lên bàn tay nóng bỏng.

-Chàng yêu em ư? – Nàng hỏi.

-Ô lệnh bà! Tôi yêu hơn cả tính mạng của tôi, hơn cả sự cứu rỗi linh hồn của tôi hơn tất cả, nhưng em… em không yêu tôi.

-Điên rồ quá! – Nàng lẩm bẩm.

-Vâng, thưa lệnh bà – De Mole vẫn quỳ dưới chân nàng nói – Tôi đã nói rằng tôi điên.

-De Mole thân yêu, vậy việc đầu tiên trong đời chàng là mối tình của chàng sao?

-Chỉ có mỗi việc đó thôi, duy nhất có thế thôi, thưa lệnh bà.

-Thôi thì được. Em sẽ làm tất cả những gì còn lại chỉ là phụ cho mối tình đó thôi. Chàng yêu em, chàng muốn được ở gần em phải không?

-Lời cầu nguyện duy nhất của tôi với Chúa là xin người đừng bao giờ bắt tôi phải xa em.

-Thế thì chàng sẽ không rời xa em, em cần tới chàng.

-Em cần tới tôi? Mặt trời lại có khi cần tới ánh sáng đom đóm ư?

-Nếu em nói rằng em yêu chàng, liệu chàng có hoàn toàn tận tụy với em không?

-Vậy em không thấy tôi đã hết lòng tận tụy rồi ư?

-Vâng, nhưng xin Chúa tha tội, chàng hãy còn nghi ngờ.

-Ôi! Tôi có lỗi, tôi là đồ vô ơn hay đúng hơn như tôi đã nói với em và em cũng đã nhắc lại với tôi, tôi là thằng điên. Nhưng tại sao ông de Mouy lại ở nhà em tối nay? Tại sao tôi lại thấy y ở nhà quận công d'Alençon sáng nay? Tại sao lại có chiếc áo choàng màu anh đào ấy, chòm lông mũ trắng ấy, tại sao lại có sự bắt chước dáng đi của tôi?… Tôi không nghi ngờ em mà nghi ngờ ông em của em.

-Thật khốn khổ! Chàng tưởng rằng quận công François lại dung túng đến mức đưa một người tình vào chỗ chị mình! Rõ chàng là người điên, dám tự cho là ghen mà lại không đoán ra được gì! De Mole, chàng có biết rằng nếu quận công biết tối nay chàng ở đây, bên chân em, thì ngày mai ông ta sẽ giết chàng bằng thanh gươm của chính mình. Và đáng lẽ phải đẩy chàng ra khỏi chốn này thì em xin nói với chàng rằng: "De Mole, chàng cứ ở yên đây, vì em yêu chàng,

anh chàng quý tộc đẹp trai của em ạ, chàng nghe rõ chưa, em yêu chàng!" Vâng, thật đấy, em chắc chắn là ông ta sẽ giết chàng.

-Chúa ơi! Có thể như thế được chăng? – De Mole bật ngửa người ra sau thốt lên và nhìn Marguerite với vẻ kinh hoàng.

-Bạn ạ, trong thời buổi chúng ta và trong cái triều đình này thì mọi việc đều có thể. Bây giờ tóm lại là ông de Mouy mặc áo choàng của chàng, che mặt bằng mũ của chàng tới Louvre không phải vì em. Đó là vì ông d'Alençon. Nhưng em đã đưa ông ta tới đây vì tưởng rằng đó là chàng. De Mole, ông ta biết điều bí mật của chúng ta nên ta phải nương tay với ông ta.

-Tôi thích giết y đi, như thế gọn và chắc chắn hơn.

-Còn em, chàng trai dũng cảm ạ – Hoàng hậu nói – Em thích để ông ta sống và chàng sẽ biết hết mọi chuyện. Vì cuộc sống của ông ta không những có lợi mà còn cần thiết cho chúng ta nữa. Chàng hãy nghe và cân nhắc từng lời trước khi trả lời em đây: De Mole, liệu chàng có yêu em tới mức có thể mừng vui nếu em thực sự trở thành hoàng hậu, nghĩa là trở thành bà chúa của một vương quốc thực sự hay không?

-Than ôi, tôi yêu em tới mức mong ước tất cả những gì em mong ước, dù cho điều đó có gây bất hạnh cho cả cuộc đời tôi đi chăng nữa!

-Thế chàng có giúp em thực hiện cái điều mong ước sẽ khiến chàng vui sướng hơn nữa hay không.

-Ôi lệnh bà! Tôi sẽ mất em! – De Mole ôm đầu thốt lên.

-Không đâu, ngược lại, đáng lẽ là người đứng đầu trong số những người phục vụ em, chàng sẽ trở thành người đứng đầu thần dân của em. Như thế đấy.

-Ôi! Đừng nói tới lợi ích… tham vọng… thưa lệnh bà. Xin em đừng tự mình làm vẩn đục tình cảm của tôi đối với em… Lòng tận tụy, chỉ có lòng tận tụy mà thôi.

-Ôi tấm lòng cao thượng! Thì vâng, em xin chấp nhận lòng tận tụy của anh, và em sẽ biết cách tỏ lòng biết ơn.

Nàng chìa hai tay cho De Mole và chàng hôn lên đó tới tấp.

-Chàng thấy sao? – Nàng hỏi.

-Thế thì… được Marguerite, tôi bắt đầu hiểu được cái dự định mơ hồ mà người ta đã nói tới ở chỗ những người Tân giáo chúng tôi trước ngày lễ thánh Saint-Barthélémy. Để thực hiện dự định đó, tôi cũng như nhiều người khác xứng đáng hơn tôi, đã được gọi tới Paris. Em ham muốn giành được vương quyền thực sự của xứ Navarre để thay thế cho cái vương quyền hão huyền này.

Vua Henri thúc đẩy em làm việc đó. De Mouy cùng âm mưu với hai người, có đúng thế không? Nhưng quận công d'Alençon liên quan gì tới việc này? Kiếm đâu ra một ngai vàng nữa cho ông ta ở đây? Tôi không hề thấy có. Vậy… liệu

d'Alençon có thân với em đến mức giúp em trong những việc đó mà không đòi hỏi gì để đổi lại cho mối hiểm nguy mà ông ta phải hứng lấy không?

-Bạn ạ, quận công âm mưu là để cho mình. Chúng ta cứ mặc cho ông ta nhầm, tính mạng ông ta sẽ đảm bảo cho tính mạng của chúng ta.

-Nhưng còn tôi, tôi là người của ông ta, liệu tôi có thể phản bội ông ta được chăng?

-Phản bội lại ông ta ư? Chàng phản bội lại ông ta như thế nào? Ông ta đã ủy thác cho chàng điều gì nào? Chẳng phải là ông ta đã phản lại chàng khi trao cho de Mouy áo măng-tô và mũ của chàng để tạo phương tiện cho de Mouy vào được tới chỗ

-Ông ta đó sao? Chàng bảo chàng là người của ông ta ư? Nhà quý tộc của em, chẳng phải là chàng đã thuộc về em trước khi thuộc về ông ta hay sao? Ông ta đã trao được cho chàng bằng chứng tình bạn nào lớn hơn bằng chứng tình yêu mà chàng đã giành được từ em?

De Mole tái mặt đứng thẳng dậy. Chàng sững sờ lẩm bẩm: -Ôi! Coconnas nói đúng quá. Mưu đồ này quấn chặt lấy ta. Nó sẽ bóp chết ta.

-Sao cơ? – Marguerite hỏi.

-Vậy thì đây là câu trả lời của tôi: "Người ta đã nói, và tôi đã được nghe điều ấy ở tận đầu kia nước Pháp, nơi tên tuổi lẫy lừng của em, nơi tiếng tăm vang dội đến thế về sắc đẹp của em đã đến vuốt ve trái tim tôi như một niềm mong ước mơ hồ về điều chưa biết. Người ta nói rằng em đã yêu vài lần, rằng tình yêu của em bao giờ cũng tàn khốc đối với người em yêu đến nỗi, chắc vì hờn ghen mà bao giờ cái chết cũng đã cướp đi những người tình của em."

-De Mole! …

-Marguerite yêu quý, xin em đừng ngắt lời tôi, vì người ta cũng nói thêm rằng em giữ trái tim của những người bạn trung thành ấy trong những chiếc hộp vàng[398] rồi. Hãy cho tôi thành người được yêu thương nhất và người hạnh phúc nhất trong số những người được em yêu. Em đã mở lồng ngực kẻ khác và giữ lại trái tim ấy. Đối với tôi, em hãy làm hơn thế, em hãy phơi bày đầu tôi… Nào Marguerite, trước hình Chúa, Người đã cứu mạng tôi ở chính nơi đây, em hãy thề đi, hãy thề với tôi rằng nếu như tôi chết vì em như một mối linh cảm u ám đã bảo với tôi thì em sẽ giữ lại cái đầu mà người đao phủ sẽ lách rời khỏi thân tôi để đôi khi em áp đôi môi lên đó. Thề đi, Marguerite, và lời hứa dành cho tôi một ân huệ như thế của bà hoàng của tôi sẽ biến tôi thành câm lặng, thành hèn nhát và phản bội nếu cần, tức là hoàn toàn tận tụy như một người tình và người yêu của nàng phải như thế.

-Ôi điên rồ và u ám quá, linh hồn thân yêu của em! Ôi, ý nghĩ tàn khốc, người yêu của em!

-Thề đi…

-Em phải thề ư?

-Vâng, em hãy thề đi trên chiếc hộp bạc có gắn cây thánh giá này.

-Vậy thì, xin Chúa, hỡi chàng quý tộc đẹp trai của em, nếu như những linh cảm tối tăm của anh thành sự thực, em xin thề trên cây thánh giá này, anh sẽ ở bên em dù sống hay chết chừng nào em còn sống, và nếu như em không thể cứu anh khỏi mối nguy hiểm mà anh lao vào vì em, vì chỉ mình em thôi, em biết thế, thì ít nhất em sẽ trao cho linh hồn tội nghiệp của anh, niềm an ủi mà anh đòi hỏi và anh đã xứng đáng được như thế.

-Một lời nữa thôi, Marguerite. Giờ đây tôi có thể chết vì đã được yên lòng về cái chết của mình, nhưng chúng ta cũng có thể thành công, tôi cũng có thể sống. Henri de Navarre có thể thành vua, em có thể trở thành hoàng hậu thực sự, khi đó nhà vua sẽ đưa em đi. Lời nguyền ly thân giữa nhà vua và em một ngày nào đó sẽ bị hủy bỏ và kéo theo sự chia ly của chúng ta. Marguerite, Marguerite thân yêu, với một lời thôi em đã làm tôi yên tâm về cái chết của mình, giờ đây em hãy nói một lời để cho tôi được yên lòng với cuộc sống của tôi.

-Ôi, anh đừng lo sợ gì hết, em hoàn toàn thuộc về anh cả thể xác lẫn linh hồn – Marguerite vừa thốt lên vừa lại đưa tay lên cây thánh giá trên chiếc hộp nhỏ – Nếu em ra đi, anh sẽ đi theo, và nếu nhà vua từ chối không chịu đưa anh đi thì chính em khi đó sẽ không đi nữa.

-Nhưng em sẽ không dám chống lại!

-Anh yêu quý, anh không biết Henri đấy. Giờ đây Henri chỉ nghĩ tới một việc, đó là được trở thành vua. Để đạt được mộng ước đó, lúc này ông ta sẵn lòng hy sinh tất cả những gì thuộc về ông ta chứ kể gì những thứ không thuộc về ông ta. Thôi, tạm biệt anh.

-Lệnh bà cho tôi lui ư? – De Mole mỉm cười hỏi.

-Muộn rồi – Marguerite đáp.

-Muộn thật, nhưng em muốn tôi đi đâu bây giờ? Ông de Mouy đang ở trong phòng tôi cùng quận công d'Alençon.

-A! Đúng thế – Marguerite mỉm một nụ cười mê hồn – Vả lại em còn có nhiều điều muốn nói với chàng về âm mưu này.

Kể từ đêm ấy trở đi, de Mole không còn chỉ là một người được sủng ái bình thường nữa. Chàng có thể ngẩng cao mái đầu mà, dù sống hay chết, đã được dành cho một tương lai đẹp đẽ đến thế.

Tuy nhiên đôi khi vầng trán nặng trĩu của chàng cúi xuống, má chàng tái đi, và mối suy tư khắc khổ vạch thêm một nếp hằn giữa cặp lông mày của chàng trai xưa kia vui tươi đến thế và giờ đây lại cũng đang hạnh phúc biết nhường nào!

§27. Bàn tay của Chúa

Khi tạm biệt phu nhân de Sauve, Henri đã bảo: -Charlotte, mình đi nằm đi. Mình hãy giả vờ ốm nặng và cả ngày mai đừng có tiếp ai dù với bất kỳ là ai.

Charlotte vâng lời, tuy không hiểu rõ lý do khiến nhà vua yêu cầu nàng làm như vậy. Nàng bắt đầu quen với những tính khí kỳ quặc như người ta vẫn thường nói, hoặc với những trò ngông của nhà vua như người ta vẫn gọi.

Vả chăng nàng biết rằng Henri luôn biết giữ kín trong lòng những điều bí mật mà ông không hề nói với ai, ông giữ trong ý nghĩ mình cả những dự định mà ông e sợ sẽ để lộ ngay cả trong giấc mơ; vậy nên nàng thuận theo tất cả những ý muốn của ông và tin chắc rằng những ý tưởng kỳ lạ nhất của Henri đều có một mục đích.

Thế là ngay tối hôm đó nàng than phiền với Dariole về nỗi đau đầu nặng chình chịch lại kèm thêm chững chóng mặt. Đó là những triệu chứng mà Henri dặn nàng nói.

Sớm hôm sau, nàng giả vờ muốn dậy nhưng vừa chạm chân xuống sàn đã kêu mình bị rã rời toàn thân và lại nằm xuống.

Sự khó ở mà Henri đã báo cho quận công d'Alençon là tin tức đầu tiên người ta thông báo cho Catherine khi bà hỏi với vẻ bình thản tại sao bà Sauve không có mặt ở lễ khai minh của bà như thường lệ.

-Ốm ạ! – Phu nhân de Lorraine đang ở đó trả lời.

-Ốm! Con bé lười lại ươn người chứ gì? – Catherine lặp lại và không một thớ thịt nào trên gương mặt bà tỏ ra bà quan tâm tới câu trả lời này.

-Không đâu, thưa lệnh bà – Công chúa đáp – Bà ta kêu bị đau đầu dữ dội và chân tay bải hoải không đi được.

Catherine không trả lời. Nhưng chắc để giấu niềm vui của mình, bà quay ra cửa sổ và thấy Henri đang đi qua sân sau khi nói chuyện với de Mouy. Bà đứng dậy để nhìn ông cho rõ hơn và do bị thúc đẩy bởi cái ý thức luôn luôn sôi động. Dù là một cách kín đáo, ở tận đáy sâu của tấm lòng chai sạn với tội ác bà hỏi viên chỉ huy vệ binh: -Có phải là sáng nay trông Henri con ta xanh hơn ngày thường không?

-Không phải như vậy, đầu óc Henri rất lo lắng nhưng thể xác thì khỏe mạnh.

Dần dần những người tới chầu lễ khải minh của Thái hậu lui ra. Ba bốn người được sủng ái hơn kẻ khác thì ở lại. Nhưng rồi Catherine cũng sốt ruột, cho họ lui nốt và nói rằng bà muốn ở lại một mình.

Khi kẻ triều thần cuối cùng đã ra ngoài, Catherine đóng cửa lại và đi tới một chiếc tủ bí mật ẩn trong một bức tường của phòng. Bà làm cho cái cửa tủ trượt

theo một cái rãnh trổ trong vách gỗ và lấy ra một quyển sách với những trang nhàu nát chứng tỏ nó vẫn được giở ra thường xuyên.

Bà đặt sách lên bàn, giở ra trang có sợi dây đánh dấu, tì khủyu tay xuống bàn và tựa đầu trong lòng bàn tay, bà lẩm bẩm đọc:

Đúng rồi, nhức đầu, uể oải toàn thân, đau mắt, sưng vòm họng. Người ta mới chỉ nói đến nhức đầu và yếu mệt… những triệu chứng khác chắc sẽ sắp xuất hiện thôi.

Bà tiếp tục:

"Rồi, ổ viêm sẽ lan xuống họng, xuống dạ dày, bao bọc lấy tim như một vầng lửa và khiến đầu óc nổ tung như bị sét đánh."

Bà thầm đọc lại, rồi lại tiếp tục hạ giọng:

"Sáu tiếng đồng hồ thì bị sốt, viêm nhiễm toàn thân mười hai tiếng, hoại thư mười hai tiếng, hấp hối sáu tiếng; tổng cộng là phải mất ba mươi sáu tiếng. Bây giờ ta cứ giả sử là thấm thì chậm hơn uống, đáng phải ba mươi sáu tiếng ta cứ coi là bốn mươi hay thậm chí bốn mươi tám tiếng đi. Ừ bốn mươi tám tiếng là đủ. Nhưng tại sao nó, cái thằng Henri ấy vẫn còn đi lại được? Có thể là vì hắn là đàn ông, thể chất hắn khỏe mạnh, có thể là vì hắn đã uống sau khi ôm hôn con kia và đã chùi môi sau khi uống chăng?"

Catherine sốt ruột chờ đến giờ ăn, Henri ngày nào cũng dùng bữa tại bàn ăn nhà vua. Ông đến cũng lại than phiền vì váng đầu, không ăn gì được và lui về ngay sau bữa ăn, viện cớ rằng đêm trước ông ta mất ngủ và bây giờ cảm thấy buồn ngủ lắm.

Catherine lắng nghe tiếng bước chân lảo đảo của Henri và cho người đi theo. Người ta báo cáo lại với bà rằng nhà vua Navarre đã đi tới phòng phu nhân de Sauve.

Bà tự nhủ: "Tối nay hắn sẽ hoàn tất bên kia cái công trình chết chóc mà do một sự tình cờ, chẳng may đã bị dở dang."

Quả thực vua Navarre đã tới phòng phu nhân de Sauve nhưng đó chỉ là để bảo nàng tiếp tục đóng vai của mình.

Ngày hôm sau, Henri không ra khỏi phòng mình suốt buổi sáng và tới bữa ăn trưa ông cũng không đến chỗ nhà vua. Người ta kể rằng phu nhân de Sauve ngày càng ốm nặng hơn. Tin đồn về bệnh tật của Henri do chính Catherine loan ra truyền đi như một trong những linh cảm thoáng mà không ai giải thích được nguyên nhân.

Catherine hân hoan: ngay từ sáng hôm trước, bà đã đẩy Ambroise Paré đi chữa bệnh cho một trong số những người hầu được sủng ái của bà đang ốm tại Saint-Germain.

Do đó người ta chỉ có thể gọi cho phu nhân de Sauve và Henri một thầy thuốc của bà và kẻ đó chỉ nói những điều mà bà muốn y nói. Thậm chí, nếu trái

với dự tính của bà, có một thầy thuốc nào khác xen vào chuyện này, đưa ra những chẩn đoán về dấu hiệu của sự đầu độc để làm kinh hoàng cả triều đình, thì bà vẫn còn trông cậy vào những lời đồn đại lâu nay về tính ghen tuông của Marguerite đối với những trò gian díu của chồng mình.

Chính bà đã thổi phồng hơn ai hết về sự ghen tuông này, chẳng hạn như trong chuyến du ngoạn thăm cây Sơn trà, bà đã chẳng hỏi con gái trước mặt đông đủ văn võ bá quan: "Vậy cô ghen ư, Marguerite?"

Thế là với vẻ mặt đã được tạo sẵn, bà chờ đợi cái lúc cửa mở ra, một người hầu nào đó bước vào, mặt mày tái xanh hốt hoảng kêu lên: -Lệnh bà! Đức vua Navarre hấp hối còn phu nhân de Sauve đã chết!

Đồng hồ đã điểm bốn giờ chiều. Catherine dùng bữa điểm tâm trong phòng nuôi chim. Bà bẻ vụn những chiếc bánh bích quy cho một vài con chim hiếm mà bà vẫn thường tự tay cho ăn.

Mặc dù gương mặt bà vẫn bình thản như thường lệ, thậm chí còn có vẻ ủ ê nữa, tim bà vẫn đập thình thịch mỗi khi có tiếng động.

Đột nhiên cửa mở ra.

-Tâu lệnh bà – Viên chỉ huy vệ binh vào báo – Đức vua Navarre…

-Ốm hả? – Catherine hấp tấp ngắt lời hỏi.

-Không tâu lệnh bà, tạ ơn Chúa! Đức hoàng thượng vẫn còn khỏe lắm.

-Vậy người bảo gì?

-Thưa, đức vua Navarre tới.

-Ông ta muốn gì ở ta?

-Người muốn dâng lên lệnh bà một con khỉ nhỏ thuộc giống rất hiếm.

Vừa lúc đó Henri bước vào tay cầm một chiếc giỏ và đang vuốt ve một con khỉ nằm trong giỏ.

Henri vừa bước vào vừa mỉm cười và tỏ ra hoàn toàn chú tâm tới con vật dễ thương ông đem tới. Nhưng dù ông có tỏ ra bận tâm đến mấy chăng nữa, ông vẫn không để mất cái nhìn lướt qua mà ông vẫn thường sử dụng trong những lúc khó khăn.

Còn về phần Catherine, bà trở nên nhợt nhạt. Vẻ tái xanh của bà càng tăng thêm khi bà nhìn thấy trên má chàng trai đang tiến lại gần sắc hồng hào của sức khỏe.

Thái hậu cảm thấy choáng váng. Bà máy móc chấp nhận tặng vật của Henri, lúng túng, khen sắc mặt khỏe mạnh của ông ta, rồi nói thêm: -Con ạ, ta rất mừng thấy con khỏe vì ta nghe nói rằng con ốm và nếu như ta không lầm thì con đã phàn nàn trước mặt ta là bị khó ở. Nhưng bây giờ ta hiểu rồi – Bà cố gắng mỉm cười, nói thêm – Chắc đấy chỉ là cái cớ để con được thoải mái thôi.

-Thưa lệnh bà, quả là tôi đã muốn ốm nặng – Henri đáp Nhưng nhờ một thứ biệt dược hay dùng ở vùng núi chúng tôi, do mẹ tôi để lại cho, nay tôi đã khỏi.

-A! Con sẽ bày cho ta công thức được không Henri? – Catherine nói và lần này mỉm cười thực sự với một sự giễu cợt mà bà ta không giấu nổi.

"Chắc lại môn thuốc trị độc nào đây – Bà lẩm bẩm – Ta sẽ chấn chỉnh việc này, hay thôi. Thấy phu nhân de Sauve ốm, chắc hắn đã cảnh giác. Quả thật đến phải tin rõ ràng là có bàn tay của Chúa che chở cho cái thằng này."

Catherine sốt ruột chờ đêm xuống. Phu nhân de Sauve vẫn không thấy xuất hiện. Đến lúc chơi bài, và hỏi thăm, thì người ta trả lời rằng phu nhân de Sauve mỗi lúc một ốm nặng thêm.

Suốt buổi tối, bà lo lắng và những người ngoài cuộc cứ khắc khoải tự hỏi những suy tư nào có thể làm xao động gương mặt bình thường của bà vốn thản nhiên đến thế.

Tất cả mọi người đều lui chầu. Catherine để các thị nữ cởi áo cho mình và đưa đi nằm. Rồi khi tất cả mọi người đều đã ngủ yên trong cung Louvre, bà trở dậy, mặc một chiếc áo ngủ đen, lấy một cây đèn, lựa trong số các chìa khoá lấy chiếc chìa mở được cửa phòng phu nhân de Sauve và lên cầu thang tới phòng vị nữ quan của mình.

Phải chăng Henri đã đoán trước được cuộc viếng thăm này hay ông mắc bận ở phòng mình, hoặc là ông nấp vào đâu đó. Tóm lại là người thiếu phụ chỉ có một mình ở trong phòng.

Catherine cẩn thận mở cửa, đi qua phòng ngoài, bước vào phòng khách. Bà đặt cây đèn trên một cái tủ vì một ngọn đèn đêm đã được thắp bên người ốm, rồi như chiếc bóng ma, bà lách vào phòng ngủ.

Dariole nằm trong ghế phô-tơi lớn đang ngủ cạnh giường chủ mình.

Chiếc giường đó được khép kín hoàn toàn sau những bức màn.

Hơi thở của thiếu phụ nhẹ đến nỗi có lúc Catherine đã tưởng nàng không thở nữa.

Cuối cùng bà nghe thấy một hơi thở nhẹ. Với niềm vui tinh quái bà tới vén màn lên để được tự mình nhìn thấy hậu quả của thứ thuốc độc khủng khiếp. Chưa gì bà đã run người mong nhìn thấy vẻ nhợt nhạt cắt không còn hạt máu hoặc màu đỏ hừng hực của cơn sốt chết người. Nhưng thế vào đó, bà nhìn thấy người thiếu phụ xinh đẹp bình thản, mắt nhẹ nhàng khép kín, cái miệng hồng hé mở, đôi má mát rượi tỳ nhẹ lên trên một cánh tay tròn trĩnh duyên dáng của nàng còn cánh tay kia tươi mát nõn nà duỗi dài trên tấm gấm sẫm màu lam chăn của nàng. Thiếu phụ ngủ mà vẫn còn như cười, chắc một giấc mơ dễ thương nào đó đã khiến trên môi nàng nở nụ cười và tô trên má nàng màu của một niềm hạnh phúc êm dịu.

Catherine không kìm được thốt lên một tiếng kêu, làm Dariole thức dậy mất một lúc.

Thái hậu lẩn ngay vào sau những bức màn giường.

Dariole mở mắt ra nhưng mắt trĩu xuống vì buồn ngủ, cô gái cũng chẳng buồn tìm hiểu xem nguyên nhân nào khiến mình tỉnh giấc, cô lại nhắm mắt và ngủ tiếp.

Catherine ra khỏi bức màn. Bà nhìn về các góc khác của khu phòng. Trên một chiếc bàn con, bà thấy một bình rượu vang Tây Ban Nha, hoa quả, bánh ngọt và hai chiếc ly. Henri chắc đã ăn tối với nam tước phu nhân. Và nàng hiển nhiên là cũng khỏe mạnh như ông ta vậy.

Ngay lập tức, Catherine tới bên bàn trang điểm của phu nhân de Sauve cầm lấy chiếc hộp bạc xinh xinh đã vơi mất phần ba.

Chính là chiếc hộp mà bà đã sai đưa cho Charlotte hay ít ra là một chiếc giống thế. Dùng đầu chiếc kim vàng, bà khêu lấy một mẫu to bằng viên ngọc đem về nhà đưa cho con khỉ con mà Henri đã dâng bà lúc tối. Con vật hau háu khi ngửi thấy mùi thơm, nuốt chửng mẩu son, và khoanh người trong giỏ ngủ tiếp Catherine chờ một khắc đồng hồ.

"Con chó Brutus của ta chỉ ăn một nửa như thế cũng đã phù người lên mà chết trong vòng một phút. Có kẻ lừa ta rồi. René chăng? Không thể thế được! – Bà tự nhủ – Vậy thì Henri! Ôi số mệnh! Thế là rõ: vì hắn sẽ trị vì, hắn không thể chết được. Nhưng có lẽ chỉ dùng thuốc độc thôi cũng chưa hữu hiệu, ta sẽ dùng tới gươm dao xem sao."

Và Catherine lại đi ngủ, vật vã trong trí óc mình một ý nghĩ mà chắc hôm sau đã được hoàn chỉnh. Hôm sau, bà gọi viên chỉ huy vệ binh của bà, trao cho y một phong thư, ra lệnh cho y đem thư đến địa chỉ và chỉ được trao thư vào chính tay của kẻ được nhận.

Bức thư được gửi cho ngài Louviers de Maurevel, chỉ huy pháo thủ của nhà vua, ngụ tại phố Cerisaie, gần Arsenal.

§28. Bức thư từ Rome

Vài ngày trôi qua, kể từ khi có các sự kiện vừa kể trên đây, một buổi sớm, một chiếc kiệu được nhiều nhà quý tộc mang gia huy của ông de Guise tháp tùng, tiến vào Louvre và người ta tới báo cho hoàng hậu Navarre rằng quận chúa de Nervers xin được vinh hạnh vào chầu.

Lúc đó Marguerite đang tiếp phu nhân de Sauve. Từ trận ốm giả vờ của nàng, đây là lần đầu tiên nam tước phu nhân xinh đẹp ra khỏi phòng. Nàng được biết hoàng hậu đã bày tỏ lòng ái ngại với chồng về cơn cảm mạo đó được lan truyền trong triều trong gần một tuần do đó nàng tới để tạ ơn hoàng hậu.

Marguerite khen ngợi nam tước phu nhân về sự bình phục của nàng và đã may mắn thoát khỏi cơn kịch phát đột ngột của căn bệnh kỳ lạ mà với tư cách là công chúa Pháp, nàng không thể không đánh giá được hết tầm nghiêm trọng của nó.

-Ta mong phu nhân sẽ tới dự buổi đi săn lớn đã được hoãn một lần rồi đấy – Marguerite bảo – Cuộc săn ấy dứt khoát sẽ được tổ chức vào ngày mai. Trời mùa đông như thế này là ấm áp.

Ánh nắng làm đất mềm ra, tất cả các tay săn bắn của chúng ta đã đoán được rằng ngày mai sẽ là một ngày thuận lợi.

-Nhưng tâu lệnh bà – Nam tước phu nhân đáp – Tôi không rõ liệu mình đã khỏe hẳn chưa.

-Chậc, phu nhân hãy cố lên. Vả lại, vì ta khoẻ mạnh hơn, nên ta cho phép nhà vua chuẩn bị một con ngựa nhỏ xứ Bearn mà đáng lẽ ta cưỡi, nhưng để nó mang phu nhân thì tuyệt. Phu nhân còn chưa nghe nói tới sao?

-Thưa lệnh bà có chứ ạ. Nhưng tôi không được biết rằng con ngựa đó được dành để dâng lên lệnh bà, nếu biết thì tôi đã không dám nhận.

-Vì kiêu hãnh ư, nam tước phu nhân?

-Tâu lệnh bà, không, ngược lại ạ, đó là vì khiêm nhường.

-Vậy bà tới chứ?

-Lệnh bà thật đã ban cho tôi nhiều vinh hạnh quá. Tôi sẽ tuân lệnh của lệnh bà.

Chính vào lúc đó người ta báo danh quận chúa de Nervers. Nghe tên, Marguerite để lộ ngay ra một cử chỉ vui mừng đến nỗi nam tước phu nhân hiểu rằng hai người bạn đó có chuyện cần nói với nhau, nàng đứng dậy cáo lui.

-Vậy đến mai nhé – Marguerite nhắc.

-Vâng, thưa lệnh bà, đến mai.

-À mà này, nam tước phu nhân – Marguerite vừa đưa tay vẫy chào vừa nói tiếp – Bà nên biết rằng trước công chúng thì ta không ưa bà, chả là ta ghen kinh

khủng mà.

-Nhưng ở chỗ riêng tư thì sao? – Phu nhân de Sauve hỏi lại.

-Ồ, ở chỗ riêng tư thì không những ta tha lỗi cho bà mà còn cám ơn bà là đằng khác.

-Vậy thì, xin lệnh bà cho phép…

Marguerite chìa tay cho nam tước phu nhân, phu nhân de Sauve kính cẩn hôn tay nàng, gập mình thi lễ và lui ra.

Trong lúc phu nhân de Sauve thoăn thoắt lên cầu thang như một chú dê non tuột dây thì quận chúa de Nervers cùng hoàng hậu chào nhau hết sức kiểu cách để những quý tộc hộ tống nàng tới đó kịp đủ thì giờ lui ra.

-Gillonne – Marguerite kêu lên khi cửa đóng lại sau lưng người quý tộc cuối cùng – Gillonne, em làm sao cho đừng có ai đến quấy rầy ta nhé.

-Đúng rồi – Quận chúa nói – Vì chúng ta có những việc rất quan trọng phải nói với nhau.

Nàng lấy một chiếc ghế và ngồi xuống không chút nề hà vì chắc rằng chẳng có ai tới để phá đám tình thân đã quy ước giữa nàng và hoàng hậu Navarre, nàng chọn chỗ tốt nhất gần lửa và có nắng.

-Thế nào – Marguerite mỉm cười hỏi – Cậu làm gì với anh chàng giết người lừng danh ấy rồi?

-Bà hoàng thân mến, thề có linh hồn mình, đây quả là một con người y như trong chuyện thần thoại. Không ai sánh được nổi chàng ta về mặt dí dỏm chẳng bao giờ cạn. Chàng ta có những lời đối đáp khiến thánh nằm trong hòm cũng phải cười ngặt nghẽo đến chết ngất. Nghĩ cho cùng thì chưa bao giờ có một anh chàng tà giáo điên cuồng đến thế lại được uọc trong cái vỏ Gia tô giáo lạ lùng như vậy! Mình phát cuồng lên vì chàng ta. Thế còn cậu đã làm gì với anh chàng Apollon[399] của cậu rồi?

-Than ôi! – Marguerite thở dài.

-Ô hô! Cậu than ôi làm mình hoảng đây, hoàng hậu thân mến! Cái anh chàng De Mole hiền lành ấy cung kính quá à? Hay đa cảm quá? Nếu vậy thì mình buộc phải nói chàng ta hoàn toàn trái ngược với ông bạn Coconnas.

-Không, thì cũng tùy lúc thôi, cái than ôi ấy chỉ liên quan tới mình.

-Thế có nghĩa là gì?

-Quận chúa thân mến ơi, nó có nghĩa rằng mình lo sợ quá, có lẻ mình sẽ yêu anh ta thật mất thôi.

-Thật à?

-Lời thề của Marguerite đấy! Ồ càng tốt! Vậy thì đời chúng mình mới vui chứ! – Henriette thốt lên – Mình thường mơ là yêu một ít, cậu mơ yêu thật nhiều.

-Bà hoàng uyên bác thân yêu ơi, thật dễ chịu được để cho đầu óc nghỉ ngơi nhờ trái tim, đúng không? Và sau cơn mê sảng lại đến nụ cười. A! Marguerite,

mình có linh cảm chúng ta sẽ có được một năm tốt lành.

-Cậu tưởng thế à? Mình thì ngược lại, không hiểu tại sao mình nhìn việc gì cũng thấy nhuốm màu tang tóc. Cái trò chính trị này làm mình bận tâm ghê gớm. Nhân thể cậu tìm hiểu xem, anh chàng Anibal nhà cậu có vẻ tận tụy với ông em mình lắm, nhưng có thật thế không? Hỏi xem nhé, quan trọng đấy.

-Chàng ta mà lại tận tụy với ai hay với việc gì ấy à? Rõ là cậu chưa biết bằng mình. Nếu có tận tụy thì chàng chỉ tận tụy với tham vọng của mình, có thế thôi. Em cậu có thể hứa hẹn đủ thứ với chàng ta ư ồ, tốt lắm: chàng ta sẽ hết lòng với em cậu. Nhưng em cậu dù là hoàng tử nước Pháp thật đấy nhưng cũng phải cẩn thận, đừng có nuốt lời hứa với chàng, nếu không thì thề chứ, em cậu cứ liệu hồn!

-Thật à?

-Đúng như mình nói đấy. Marguerite này, có những lúc cái con sư tử mà mình thuần phục ấy khiến chính mình cũng phải sợ. Hôm nọ mình mới bảo anh chàng: "Anibal, liệu đấy, đừng có lừa dối tôi, vì nếu mình mà lừa tôi thì …". Tuy mình nói thế nhưng mình vẫn liếc hắn với cặp mắt xanh ngọc bích mà Ronsard đã ca ngợi là:

"Ánh mắt xanh quận chúa
Dưới hàng mi óng vàng
Còn ngàn lần tàn phá
Hơn sấm sét Trời ban."

-Rồi sao nữa?

-Mình cứ tưởng hắn sẽ trả lời mình là: "Tôi mà lừa mình ư, không đời nào!" vân vân. Thế cậu có biết hắn trả lời thế nào không?

-Không.

-"Thế cậu nghe mà xét người xem nhé? Còn mình – hắn bảo – Nếu mình lừa dối tôi thì mình cũng cứ liệu đấy, vì dù cho mình có là công chúa đi chăng nữa …" Vừa nói thế hắn vừa doạ mình, không phải là bằng mắt thôi đâu, mà hắn gí gần như sát mũi mình cái nắm đấm cộc lốc và nhọn của hắn với một cái móng tay nhọn như mũi giáo ấy. Hoàng hậu ạ, lúc ấy vẻ mặt anh chàng trông thật đáng sợ đến nỗi mình phải rùng mình, ấy thế mà cậu vẫn biết đấy mình đâu có yếu bóng vía.

-Chàng ta dám doạ cậu cơ à, Henriette?

-Ê, mẹ kiếp! Mình cũng doạ chàng ta! Suy cho cùng thì chàng ta có lý. Thế nên cậu thấy Anibal chỉ tận tụy đến một mức nhất định hay nói đúng hơn thì chỉ đến một mức rất không nhất định nào đấy thôi.

-Thế thì để xem mình cũng sẽ nói với De Mole – Marguerite mơ màng – Cậu có chuyện gì khác nói với mình nữa không?

-Có chứ, một chuyện rất hay và vì nó mà mình đến đây. Nhưng biết làm thế nào được! Cậu lại đi nói với mình những chuyện còn hay hơn nữa. Mình đã nhận

được tin.

-Từ Rome hả?

-Ừ, có người đưa tin của chồng mình.

-Thế chuyện Ba Lan thế nào rồi?

-Rất tuyệt. Chắc là cậu sắp thoát khỏi ông anh d'Anjou của cậu nay mai.

-Vậy ra giáo hoàng đã phê chuẩn việc bầu ông ta à?

-Thưa cô, vâng ạ.

-Thế mà cậu lại không nói ngay cho – Marguerite thốt lên – Nào, chi tiết ra sao, kể đi, kể đi!

-Ôi thề chứ, mình chẳng có chi tiết nào khác ngoài những điều mà mình nói với cậu. Với lại chờ tí, mình sẽ đưa cho cậu lá thư của ông de Nervers. Này đây. À, không phải. Đây là thơ của Anibal. Thơ với thẩn đến phát khiếp lên được Marguerite ạ.

-Chàng ta chẳng làm được thứ gì hơn. Đây, lần này thì đúng nó.

-Không, vẫn không phải, đây là thư của mình, mình đem đến để cậu chuyển cho Anibal qua De Mole. A! Rốt cuộc thì lần này thì đúng là bức thư ấy.

Và phu nhân de Nervers trao thư cho hoàng hậu.

Marguerite hấp tấp mở ra đọc lướt qua. Nhưng quả thật lá thư không nói thêm được với nàng điều gì khác ngoài những điều bạn. nàng đã kể.

-Làm sao mà cậu có thể nhận được lá thư này? – Hoàng hậu hỏi tiếp.

-Qua một người đưa thư của chồng mình. Y được lệnh tới dinh de Guise trước khi đến Louvre và trao lhư này cho mình trước thư của đức vua. Mình biết bà hoàng của mình coi trọng cái tin này, thế là mình đã viết cho ông de Nervers bảo làm như thế. Cậu thấy chưa, ông ta còn nghe lời chứ không phải như cái tay hung thần Coconnas ấy. Bây giờ ở Paris chỉ có đức vua, cậu và mình biết tin này, trừ phi là cái thằng cha bám sau người đưa thư của chúng mình…

-Thằng cha nào?

-Ôi! Nghề nghiệp mới kinh khủng chứ! Cậu thử tưởng tượng xem, cái gã đưa tin về đến nơi thì mệt lử, kiệt sức, đầy bụi, y đã chạy liên tục bảy ngày đêm không nghỉ lúc nào.

-Nhưng còn cái thằng cha nào cậu vừa nói cơ mà?

-Chờ tí. Gã đưa thư tội nghiệp luôn luôn bị bám sát bởi một thằng cha mặt mũi gớm guốc cũng có ngựa trạm như y, chạy cũng nhanh như y chặng đường bốn trăm dặm đó. Y lúc nào cũng chỉ lo bị một phát đạn súng tay bắn vào hông. Cả hai cùng đến cổng Saint-Marcel cùng một lúc, cùng phi nước đại xuôi phố Mouffetard, cả hai cùng qua phố Cité. Nhưng đến đầu cầu Đức Bà (Notre Dame), người đưa thư của ta rẽ phải, còn gã kia rẽ trái qua quảng trường Châtelet và phi dọc theo kè về phía Louvre như tên bắn.

-Cám ơn, Henriet tốt bụng – Marguerite thốt lên – Cậu nói đúng đấy, quả là những tin tức rất hay. Người đưa tin kia của ai nhỉ? Mình sẽ biết. Nhưng thôi, cứ để mặc mình. Tối nay đến phố Tizon nhé. Ngày mai thì đi săn. Nhất là cậu nhớ lấy một con ngựa thật dữ ấy, để cho nó lồng lên và chúng ta sẽ tách riêng ra. Tối nay mình sẽ nói với cậu những điều cậu cần phải hỏi Coconnas.

-Vậy cậu không quên thư của mình chứ? – Quận chúa cười hỏi.

-Không, không, cứ yên tâm, chàng ta sẽ nhận thư kịp.

Phu nhân de Nervers ra khỏi thì Marguerite cho mời Henri ngay lập tức Henri chạy tới và nàng trao cho ông bức thư của quận công de Nervers.

-Ô hô! – Ông thốt lên.

Rồi Marguerite kể cho ông nghe về chuyện hai người đưa thư.

-Thực tình là tôi có thấy y vào Louvre – Henri trả lời.

-Có thể y là người của Thái hậu chăng?

-Không phải đâu. Tôi tin chắc thế, vì tình cở tôi đứng trong hành lang và chẳng thấy ai qua cả.

-Vậy thì – Marguerite vừa nói vừa nhìn chồng – Chắc là của…

-Của ông em d'Alençon của bà, có đúng thế không?

-Vâng, nhưng làm sao mà biết được điều đó?

-Liệu ta có thể – Henri lơ đễnh hỏi – Cho gọi một trong hai nhà quý tộc nọ và hỏi qua ông ta…

-Bệ hạ nói đúng quá! – Marguerite thoải mái hẳn vì lời đề nghị của chồng – Tôi sẽ cho tìm ông de Mole… Gillonne, Gillonne!

Cô gái xuất hiện.

-Ta có việc cần nói ngay với ông de Mole – Hoàng hậu truyền – Em cố tìm được ông ta và đưa ông tới đây.

Gillonne đi ra. Henri ngồi xuống trước một chiếc bàn trên đó có một quyển sách tiếng Đức có những tranh khắc của Albert Dyrer. Ông bắt đầu xem sách chăm chú đến nỗi khi De Mole tới ông không tỏ vẻ thấy chàng và thậm chí còn không ngẩng đầu lên.

Về phần mình, khi nhìn thấy nhà vua ở phòng Marguerite chàng đứng lại trên ngưỡng cửa gian phòng, nín lặng vì kinh ngạc và mặt tái đi vì lo âu.

Marguerite đi về phía chàng: -Ông de Mole, liệu ông có thể nói cho tôi hay hôm nay ai trực ở nơi ông d'Alençon được không?

-Thưa lệnh bà, Coconnas… – De Mole đáp.

-Ông hãy cố hỏi ông ta giúp tôi xem ông ta có đưa vào chỗ quận công một người mình mẩy đầy bụi và có vẻ như đã phi ngựa trên một đoạn đường dài không?

-A, thưa lệnh bà, tôi e rằng ông ta sẽ không nói cho tôi biết, mấy hôm nay ông ta có vẻ trầm ngâm lắm.

-Thật à! Nhưng nếu ông đưa cho ông cái thư này thì chắc ông ta sẽ phải đổi lại cho ông cái gì đấy.

-Thư của quận chúa! … Ồ, với lá thư này tôi sẽ cố xem.

-Hãy nói thêm rằng – Marguerite hạ giọng – Thư này sẽ thay giấy vào cửa để tối nay để vào ngôi nhà mà chàng biết đấy.

-Còn tôi, thưa lệnh bà – De Mole thì thầm – Tôi có giấy không?

-Chàng cứ xưng tên là đủ.

-Xin lệnh bà đưa cho tôi – De Mole hồi hộp vì tình yêu – Tôi xin đảm bảo tất cả.

Và chàng đi ra.

-Ngày mai chúng ta sẽ biết được quận công Alençon có biết chuyện về Ba Lan hay không – Marguerite quay về phía chồng thản nhiên nói.

-Cái ông de Mole này quả là một người phục vụ đáng mến – Anh chàng Bearnais nói với nụ cười chỉ ông mới có – Thề có… lễ Misa, tôi sẽ gây dựng sự nghiệp cho ông ta.

§29. Xuất hành

Vào sáng hôm sau, khi vừng mặt trời đỏ lừ lộng lẫy nhưng không tỏa nắng như vẫn thường gặp trong những ngày được ưu đãi của mùa đông này mọc lên từ phía sau những ngọn đồi của Paris thì trong sân Louvre đã náo động từ hai tiếng đồng hồ nay rồi.

Một con ngựa chiến Barbari tuyệt đẹp, cao lớn chăn như chân hươu với gân guốc chằng chịt như mạng lưới đứng giậm chân vểnh tai và thở phì phì như tóe lửa từ hai lỗ mũi, đang chờ Charles IX trong sân. Nhưng con vật còn chưa sốt ruột bằng chủ nó đang bị Catherine giữ lại ngang đường để, theo như lời bà, nói với ông về một việc quan trọng.

Cả hai đang ở trong sảnh đường gắn kính. Catherine vẫn lạnh lùng, xanh tái và thản nhiên như mọi khi, còn Charles nóng nảy gặm móng tay và quất vào hai con chó yêu quý nhất của mình.

Chúng đều mặc giáp vòng sắt đề mõm lợn lòi không phạm được vào thân và chúng có thể đương đầu với con vật dữ tợn mà không bị hề hấn gì. Một chiếc huy hiệu nhỏ mang sắc huy nước Pháp được khâu trên ngực chúng gần giống như kiểu huy hiệu trên ngực những kẻ hầu vẫn thèm muốn những đặc quyền của lũ sủng thần may mắn đó.

-Charles, cẩn thận nhé – Catherine nói – Không ai ngoài anh và ta biết được rằng những người Ba Lan sắp tới. Ấy thế mà Chúa tha tội cho con, vua Navarre hành động như là y đã biết điều đó vậy. Mặc dù y đã cải đạo, và điều này ta vẫn còn ngờ, y vẫn thông đồng với bọn Tân giáo. Anh có nhận thấy mấy hôm nay y đi nhiều không? Y có tiền, trước thì y chẳng bao gờ có. Y mua ngựa, mua vũ khí, những ngày mưa y tập đánh kiếm từ sáng tới tối.

-Lạy Chúa, mẹ ạ – Charles sốt ruột nói – Có phải mẹ nghĩ y định giết tôi hay ông em d'Anjou của tôi chăng? Nếu thế y còn phải học thêm, vì hôm qua tôi còn dùng gươm chùn[400] của tôi đếm cho y được mười một lô khuyết trên chiếc áo chẽn của y vốn chỉ có sáu khuyết thôi. Còn về phần ông em d'Anjou của tôi, mẹ biết rằng hắn bắn súng còn giỏi hơn tôi hoặc ít ra là bằng tôi, theo như lời hắn nói.

-Charles, hãy nghe và đừng coi nhẹ những điều mẹ anh nói với anh. Các sứ thần sắp tới. Rồi anh sẽ thấy! Khi nào họ ở Paris rồi thì Henri sẽ làm tất cả những điều gì y làm được để thu hút sự chú ý của họ. Y bóng gió, y thâm hiểm, chưa kể vợ y mà ta chẳng hiểu tại sao cũng lại hỗ trợ cho y, nó sẽ luôn sát vai với họ, nói tiếng Latinh, tiếng Hy Lạp, tiếng Hungary với lại những gì nữa thì có trời mà biết! Ôi! Charles, ta báo với anh là có chuyện gì mờ ám đây.

Vừa lúc đó chuông đồng hồ điểm, Charles thôi không nghe mẹ nói để nghe giờ.

-Chết thật! Bảy giờ rồi! – Charless kêu lên – Đi mất một giờ thành tám, mất một giờ nữa để đến chỗ hẹn và bắt đầu, chúng tôi chỉ có thể bắt đầu săn vào chín giờ. Quả thật là mẹ làm mất thì giờ của chúng tôi quá! Xuống! Risquetout! Nhanh lên!Xuống! Xuống nhanh lên!

Một ngọn roi dữ dội quấn lấy ngang người con chó ngao khiến con vật ngạc nhiên vì bị đòn thay vì được vuốt ve, ẳng lên một tiếng kêu đau đớn.

-Charles, nhân danh Chúa, xin hãy nghe ta! Đừng có ném bừa bãi vận mệnh của anh và của cả nước Pháp đi như vậy. Đi săn, đi săn, đi săn, anh chỉ mới được có thế thôi… Này, anh có thừa thì giờ để đi săn khi nào công việc làm vua của anh xong.

-Này, mẹ ơi – Charles tái mặt vì sốt ruột – Mẹ hãy giải thích rõ ra, nhanh lên, vì mẹ làm tôi sôi cả người lên đây. Quả thật có những ngày mà tôi không hiểu được mẹ nữa đấy.

Và ông ngừng lại, lấy cán roi quật vào ủng.

Catherine xét thấy thời cơ đã đến và không nên bỏ qua.

-Con ạ, chúng ta có bằng cớ là de Mouy đã trở lại Paris. Ông de Maurevel mà con biết đấy, đã trông thấy hắn. Đó chỉ là vì vua Navarre mà thôi. Ta hy vọng điều đó cũng đủ cho chúng ta thấy là y đáng ngờ hơn bao giờ hết

-Nào, mẹ lại truy bức cái thằng Henriot tội nghiệp nhà tôi đây! Có phải mẹ định giết mất nó của tôi không?

-Ồ không.

-Đi đày à? Nhưng tại sao mẹ lại không hiểu rằng bị lưu đày thì y còn đáng gờm hơn là ở đây, dưới mắt chúng ta trong Louvre này, nơi mà nếu y làm gì là chúng ta biết ngay lập tức hay sao?

-Vì thế nên ta không muốn đày y.

-Vậy mẹ muốn gì? Nói nhanh lên!

-Ta muốn hắn được giữ ở nơi chắc chắn trong khi những người Ba Lan đang ở đây, giữ ở ngục Bastille chẳng hạn.

-À không, thôi ạ – Charles IX kêu lên – Sáng nay chúng tôi săn lợn lòi, Henriot là một trong những kẻ tuỳ tùng tốt nhất của tôi. Không có y thì hỏng cuộc săn mất. Trời ạ, mẹ chỉ nghĩ cách trái ý tôi thôi!

-Này con thân yêu, ta không bảo là sáng nay. Các sứ thần chỉ đến vào ngày mai hoặc ngày kia. Ta chỉ cần bắt y vào sau cuộc săn, tối hay đêm nay…

-Thế thì khác. Thôi được, chúng ta sẽ nói chuyện đó sau, để xem xem. Sau cuộc săn thì tôi không có ý kiến gì. Chào mẹ! Nào Risquetout lại đây! Mày lại cũng định dỗi à?

-Charles – Catherine giữ tay nhà vua lại, mạo hiểm chịu cơn giận dữ có thể bùng ra vì sự chậm trễ này nữa – Ta nghĩ rằng tốt nhất là ký sắc chỉ bắt ngay bây giờ nhưng để đến tối nay hay đêm mới thi hành.

-Ký, viết lệnh, đi tìm dấu niêm phong sắc chỉ trong lúc người ta đang đợi tôi để đi săn à, tôi là người chưa bao giờ bắt ai phải chờ đợi!

-Nhưng không, ta rất yêu quý con nên không thể làm chậm trễ cho con được, ta đã lo sẵn cả rồi, vào chỗ ta đây này!

Nhanh nhẹn như thể mới đôi mươi, Catherine đẩy một cánh cửa dẫn tới phòng làm việc của bà, chỉ cho nhà vua một lọ mực, một chiếc bút lông, một sắc chỉ, con dấu và một ngọn nến đã thắp.

Nhà vua cầm chiếu chỉ đọc lướt.

"Lệnh bắt và giải tới Bastille em ta Henri de Navarre."

-Được, xong rồi! – Ông vừa nói vừa ký liền một hơi – Chào mẹ.

Và ông lao ra khỏi buồng với lũ chó theo sau, vui mừng vì được thoát khỏi Catherine dễ dàng đến thế.

Mọi người sốt ruột đợi Charles. Người ta biết rõ tính chính xác của nhà vua về việc săn bắn nên ai nấy đều ngạc nhiên trước sự chậm trễ này. Vì vậy khi nhà vua xuất hiện, tất cả những người đi săn cùng tung hô chào mừng ông, những người dồn thú thổi kèn săn, ngựa hý, chó sủa. Tất cả những tiếng ồn ào náo nhiệt ấy khiến gò má xanh xao của nhà vua ửng tlồng, trái tim ông rộn lên. Charles trẻ lại và vui sướng trong một khoảnh khắc.

Nhà vua chỉ chào lướt qua cả toán người lộng lẫy tập trung trong sân, ông gật đầu với quận công d'Alençon, vẫy tay với Marguerite, đi qua trước mặt Henri mà tỏ ra không nhìn thấy ông này rồi lao lên con ngựa chiến xứ Barbari. Con ngựa nóng nhảy lao vọt lên dưới thân hình Charles, nhưng sau một vài cái gục gặc nó đã biết ngay tài của tay cao thủ cưỡi nó và bình tĩnh lại.

Ngay lập tức, kèn săn vang lên một lần nữa, nhà vua ra khỏi Louvre, theo sau là quận công d'Alençon, vua Navarre, Marguerite, phu nhân de Nervers, phu nhân de Sauve, Tavannes và nhiều bậc công hầu khác trong triều. Hiển nhiên là De Mole và Coconnas cũng có mặt. Về phần quận công d'Anjou, ông cũng có mặt tại cuộc phong tỏa thành La Rochelle từ ba tháng nay.

Trong lúc người ta chờ đợi nhà Vua. Henri tới chào vợ. Marguerite vừa đáp lại lời xưng tụng vừa rỉ tai chồng.

-Người đưa tin từ Rome đã được chính ông de Coconnas đưa vào chỗ quận công d'Alençon một khắc đồng hồ trước khi tin sứ của quận công de Nervers được đưa vào chầu đức vua.

-Vậy là ông ta biết hết.

-Chắc là ông ta biết hết – Marguerite đáp – Vả lại cứ nhìn ông ta mà xem, bệ hạ có thấy là mặc dầu ông ta vẫn thường khéo che đậy nhưng mắt ông ta sáng

rực.

-Mẹ khỉ – anh chàng Bearnais lẩm bẩm – Rõ rồi! Hôm nay ông ta săn ba con mồi: nước Pháp, nước Ba Lan và xứ Navarre, ấy là chưa kể lợn rừng.

Ông chào vợ, trở về hàng và gọi lại một người hầu của ông gốc xứ Bearn mà tổ phụ cũng đã theo hầu trong gia đình ông từ hơn một thế kỷ nay. Ông thường dùng người hầu đó làm người đưa tin trong các chuyện tình ái của mình.

-Orthon, cầm lấy chiếc chìa khoá này và đem đến cho người em họ của phu nhân de Sauve mà người biết đấy, tại nhà người tình của anh ta ở góc phố Quatre-Fils. Người bảo anh ta là chị họ anh ta muốn nói chuyện với anh ta tối nay, anh ta cứ việc vào phòng ta, nếu ta không có nhà thì đợi ta, nếu ta về muộn thì lên giường ta ngủ trong lúc chờ.

-Tâu bệ hạ, không cần trả lời.

-Không đâu, chỉ cần nói cho ta biết người có tìm được anh ta hay không thôi. Chỉ đưa chìa khoá cho anh ta thôi, hiểu chưa?

-Tâu bệ hạ, vâng.

-Chờ đã, đồ khỉ! Đừng có rời khỏi ta lúc này! Trước khi đi khỏi Paris, ta sẽ gọi người tới giả vờ là để đóng lại cương ngựa, người sẽ ở lại phía sau một cách tự nhiên thôi để đi làm nhiệm vụ rồi sẽ đuổi theo ta ở Bondy.

Người hầu tỏ ý phục tùng và rời xa.

Đoàn người bắt đầu đi qua phố Saint-Honoré, phố Saint-Denis và khu ngoại ô. Tới phố Saint-Laurent, ngựa của vua Navarre tuột cương. Orthon chạy tới và mọi việc diễn ra đúng như đã được thoả thuận giữa chú bé và chủ. Vua Navarre tiếp tục đi theo đoàn người qua phố Récollets trong lúc người đầy tớ trung thành đi về phía phố Temple.

Khi Henri đuổi kịp nhà vua, Charles đang trò chuyện với quận công d'Alençon về thời tiết, về tuổi của con lợn độc vừa dụ được và về nơi nó đặt ổ. Cuộc chuyện trò hay đến mỗi nhà vua không nhận thấy hoặc giả vờ như không nhận thấy Henri đã tụt lại phía sau một lát.

Trong khi đó Marguerite từ xa nhận xét thái độ của mọi người. Nàng cảm thấy trong ánh mắt của anh mình đôi chút bối rối mỗi khi ông nhìn Henri. Phu nhân de Nervers thì vui sướng như điên vì hôm nay Coconnas vô cùng hớn hở làm muôn vàn điệu bộ quanh các bà để chọc cho họ cười.

Về phần De Mole, chàng đã hai lần thừa dịp để hôn lên chiếc khăn choàng viền tua vàng của Marguerite. Hành động đó làm với sự khéo léo thường có của những người đang yêu nên chỉ bị ba bốn người nhìn thấy mà thôi.

Khoảng tám giờ một khắc, đoàn người tới Bondy.

Việc đầu tiên của Charles là hỏi thăm xem con lợn rừng vẫn có đó hay không.

-Con lợn vẫn ở trong ổ – Người thợ săn dồn thú đã dụ được nó đảm bảo như vậy.

Một bữa ăn nhẹ được chuẩn bị sẵn. Nhà vua dùng một ly rượu vang Hungary. Charles IX mời các bà vào bàn và sốt ruột đi thăm các cũi chó và lồng chim để giết thì giờ. Ông ra lệnh không tháo yên cương ngựa của mình vì ông nói chưa bao giờ được cưỡi một con ngựa hay và khỏe đến thế.

Trong khi nhà vua lượn một vòng thì Quận công de Guise tới Quận công ăn vận như thể đi đánh trận chứ không phải để đi săn và khoảng hai ba chục quý tộc ăn vận như ông cũng đi theo ông. Vừa đến nơi ông dã hỏi ngay nhà vua ở đâu, ông đi tìm vua rồi hai người quay trở lại vừa đi vừa nói chuyện với nhau.

Đúng chín giờ đích thân nhà vua ban lệnh mở màn cuộc săn và thổi hiệu thả chó, mọi người đều lên ngựa tới điểm hẹn. Trên đường đi, Henri tìm được cách nhích lại gần vợ một lần nữa.

-Thế nào – Ông hỏi – Có biết được thêm điều gì mới không?

-Không – Marguerite đáp – Duy có điều ông anh Charles của tôi nhìn bệ hạ có vẻ lạ lắm.

-Tôi cũng đã nhận thấy thế.

-Ông đã dự phòng chưa?

-Tôi mặc trong người một chiếc áo giáp vòng sắt và bên mình có một con dao săn Tây Ban Nha tuyệt hảo, sắc như dao cạo, nhọn hoắt. Với nó, tôi đâm thủng được cả những lần lót áo.

-Vậy thì xin tuỳ lượng Chúa! – Marguerite đáp lại.

Người thợ dồn thú dẫn đầu đoàn người ra hiệu: họ đã tới hang ổ của con vật.

§30. Maurevel

Trong khi đám thanh niên vui tươi vô tư lự, ít ra là xét theo vẻ bề ngoài, đang tỏa ra như một cơn lốc cuốn lấp lánh ánh vàng trên đường tới Bondy thì Catherine, tay cuộn tròn sắc lệnh quý hoá mà Charles vừa ký xong, cho gọi vào phòng làm việc của bà người mà vài ngày trước đây bà đã sai viên chỉ huy vệ binh đem tới cho một lá thư ở phố Cerisaie, khu Arsenal.

Một mảnh băng rộng như dấu ấn chết chóc che một trong hai con mắt của người đàn ông đó, chỉ để hở ra con mắt kia và giữa hai gò má cao là nét khoằm khoặm của cái mũi diều hâu. Một chòm râu muối tiêu che phần dưới gương mặt y. Y mặc chiếc áo choàng dài và dày, dưới lần áo người ta đoán ra cả một kho vũ khí. Ngoài ra, mặc dầu đó không phải là thói quen của những người được gọi vào chầu, y vẫn đeo ở bên sườn một thanh gươm trận dài, to và có hai vòng chuôi xoáy. Một tay y dấu dưới áo choàng và luôn luôn nắm lấy cán một con dao găm dài.

-A, ông đấy hả – Thái hậu vừa ngồi xuống vừa nói – Ông biết đấy, sau ngày Saint-Barthélémy ông đã giúp chúng ta bằng những việc lẫy lừng như thế, ta đã có hứa sẽ không để ông phải ngồi rỗi. Bây giờ, dịp ấy đến, hay là chính ta đã tạo ra dịp ấy. Ông phải cảm ơn ta.

-Thưa lệnh bà, thần xin rạp mình tạ ơn Người – Người đàn ông bịt băng đen nói với sự dè dặt vừa hèn hạ vừa láo xược.

-Một dịp tuyệt đẹp, ông ạ, chẳng còn dịp nào hơn thế trong đời ông đâu, hãy biết tranh thủ lấy nó.

-Thưa lệnh bà, thần xin đợi, tuy nhiên thần lo ngại rằng… theo những lời mào đầu này thì…

-Thì chắc công việc phải nặng tay chứ gì? Chính những kẻ muốn tiến thân lại mong muốn có những việc như vậy, có phải không? Việc mà ta nói với ông sẽ khiến cả bọn Tavannes lẫn bọn Guise phải phát thèm.

-A! Thưa lệnh bà, xin lệnh bà hãy tin rằng dù cho cộng việc đó là gì thần cũng xin tuân lệnh lệnh bà.

-Nếu vậy thì ông đọc đây – Catherine nói.

Và bà chìa chiếu chỉ cho ông ta.

Y đọc rồi tái mặt thốt lên: -Sao? Lệnh bắt vua Navarre!

-Thế thì có gì lạ đâu?

-Nhưng đó là một ông vua, thưa lệnh bà. Quả thực thần còn ngờ, thần sợ phẩm giá quý tộc của mình chưa đủ để làm việc đó

-Ông de Maurevel, sự tin cậy của ta khiến ông trở thành người quý tộc cao nhất trong triều của ta. – Catherine đáp.

-Muôn vàn đội ơn lệnh bà – Kẻ giết người xúc động đến nỗi phải ngập ngừng.

-Vậy ông tuân lệnh chứ?

-Nếu như lệnh bà ra lệnh thì đó chính là bổn phận của thần.

-Đúng, ta ra lệnh.

-Vậy thần xin tuân lời.

-Ông sẽ làm như thế nào?

-Thưa lệnh bà, thần còn chưa biết, thần mong được lệnh bà chỉ bảo.

-Ông có ngại gây ồn ào không?

-Thần xin nhận là có.

-Vậy hãy chọn lấy mười hai người tin cẩn, nhiều hơn số cần thiết.

-Chắc vậy, thần đã hiểu. Lệnh bà cho phép thần được lợi thế, thần xin cảm tạ lệnh bà, nhưng thần sẽ bắt vua Navarre ở đâu?

-Ông thích bắt y ở đâu nhất?

-Nếu có thể được thì ở một nơi mà chính tính oai nghiêm vương giả sẽ đảm bảo cho thần thành công.

-Được ta hiểu, trong cung điện hoàng gia nào đó chứ gì? Vậy chẳng hạn như ở Louvre thì ông nghĩ sao?

-Ôi, nếu được lệnh bà cho phép thì đó sẽ là ân huệ lớn.

-Vậy ông sẽ bắt y trong Louvre.

-Ở nơi nào trong cung, thưa lệnh bà?

-Ở ngay chính phòng y.

Maurevel nghiêng mình.

-Thưa lệnh bà, bao giờ?

-Tối nay, hay đúng hơn là đêm nay.

-Thưa lệnh bà được. Bây giờ, xin lệnh bà hạ cố ban cho thần một lời chỉ dẫn.

-Về việc gì?

-Về những sự nể vì đối với tư cách của ông ta.

-Nể nang! … Tư cách! … Ông không biết rằng vua nước Pháp không phải nể vì bất cứ kẻ nào trong vương quốc của Người, không thừa nhận bất cứ ai là có đủ tư cách ngang hàng với Người hay sao?

Maurevel lại nghiêng mình thi lễ.

-Tuy nhiên, nếu lệnh bà cho phép, thần xin nhấn mạnh về điểm này.

-Ta cho phép ông.

Nếu như vua Navarre không thừa nhận tính xác thực của chiếu chỉ, chắc sẽ không thế đâu, nhưng nếu…

-Ngược lại, chắc chắn sẽ như thế đấy.

-Ông ta sẽ phản đối.

-Chắc chắn.

-Và do đó ông ta sẽ từ chối không tuân lệnh ư?

-Ta e rằng thế.

-Ông ta sẽ kháng cự?

-Có thể lắm.

-A! Khó khăn thật! – Maurevel nói – Trong trường hợp này…

-Trong trường hợp nào? – Catherine nhìn chằm chằm và hỏi lại.

-Nhưng trong trường hợp ông ta kháng cự lại thì thần phải làm gì?

-Khi ông mang chiếu chỉ của nhà vua, tức là khi ông thay mặt đức vua mà người ta kháng cự lại thì ông làm gì, ông Maurevel?

-Thì… tâu lệnh bà – Tên sai nha đáp – Khi thần được vinh hạnh mang một chiếc chiếu chỉ như vậy, và nếu chiếu chỉ này chỉ liên can tới một quý tộc bình thường thôi thì thần sẽ giết y.

-Ta đã nói với ông, mà cũng nói chưa lâu lắm để đến nỗi ông quên đi nhanh thế. Ta đã bảo rằng vua nước Pháp không thừa nhận bất cứ một tư cách nào trong vương quốc của Người và bên Người những vương hầu uy tín nhất cũng chỉ là những quý tộc bình thường mà thôi.

Maurevel tái mặt vì y bắt đầu hiểu ra.

-Ô hô! Vậy phải giết vua Navarre ư?

-Nhưng ai bảo ông giết y? Làm gì có lệnh giết? Đức vua muốn đưa y về ngục Bastille, lệnh chỉ nói có thế thôi. Nếu y để cho bị bắt thì tốt lắm nhưng mà vì y sẽ không chịu để bị bắt, vì y kháng cự, vì y định giết ông…

Maurevel tái nhợt.

-Ông sẽ tự vệ – Catherine tiếp – Người ta không thể đòi hỏi một kẻ can trường như ông để bị giết mà không kháng cự, và trong lúc ông tự vệ thì biết sao được, điều gì phải tới sẽ tới.

-Ông hiểu ra rồi chứ?

-Tâu lệnh bà… Tuy nhiên…

-Thôi nào, ông có muốn sau câu: Lệnh bắt, ta tự tay viết thêm: dù sống hay chết, thế được không?

-Thưa lệnh bà, thần xin thú nhận điều đó sẽ làm nhẹ mối băn khoăn của thần.

-Thế thì phải làm thôi, vì nếu không ông vẫn nghĩ công việc không thể tiến hành được.

Và Catherine nhún vai, một tay giở tờ chiếu chỉ, tay kia viết: dù còn sống hay chết.

-Đây, bây giờ ông thấy chiếu chỉ đã khá hợp thức chưa?

-Tâu lệnh bà vâng, nhưng thần cúi xin lệnh bà cho phép thần được hoàn toàn điều khiển công việc này.

-Ta có nói điều gì hại cho việc tiến hành công việc đâu?

-Lệnh bà đã dạy phải lấy mười hai người phải không ạ?

-Ừ, để cho chắc ăn…

-Vậy thần xin phép chỉ lấy sáu người thôi.

-Tại sao vậy?

-Tâu lệnh bà, vì rằng nếu có chuyện không hay xảy đến cho ông hoàng, điều này rất khả dĩ, thì người ta dễ tha thứ cho sáu người đã sợ bị để hụt mất người tù trong khi đó không ai lại đi xá tội cho mười hai người về tội không để cho bị giết đi một nửa trước khi tóm được một vương gia.

-Vương mới chả tướng! Vua gì mà không có vương quốc.

-Tâu lệnh bà – Maurevel đáp – Không phải vì có vương quốc mới thành vua, mà là do dòng dõi.

-Thôi được, cứ làm như ông muốn. Tuy nhiên, ta phải báo với ông rằng ông sẽ không rời khỏi Louvre.

-Nhưng tâu lệnh bà, thế làm sao thu thập người của thần.

-Chắc ông phải có một tên cai lo việc này cho ông chứ?

-Thần có tên người hầu hắn không những là một gã trai trung thành mà đôi khi còn giúp thần trong những việc như thế này nữa.

-Cho gọi hắn đi, và bàn với hắn. Ông biết phòng vũ khí của đức vua chứ? Thế này, người ta sẽ dọn cho ông ăn ở đấy, ông sẽ ra lệnh ở đấy. Nơi ấy sẽ làm ông vừng lòng nếu ông cảm thấy bị lung lạc. Rồi khi con ta đi săn về, ông sẽ qua tiểu giáo đường của ta, ở đó ông sẽ đại cho đến giờ hành động.

-Nhưng chúng thần làm sao vào phòng được? Chắc chắn vua Navarre sẽ nghi ngờ và ngồi lỳ trong đó.

-Ta có chìa khoá của tất cả các cửa, và người ta đã lấy chốt cửa của Henri đi rồi. Tạm biệt ông, ông Maurevel. Ta sẽ cho người đưa ông vào phòng vũ khí của đức vua. À! Mà này, ông phải nhớ rằng điều nhà vua đã ban lệnh thì trước hết phải được thực hiện, không có sự miễn thứ nào được chấp nhận, thất bại hoặc không thành công đều sẽ khiến tổn hại tới danh dự của đức vua. Nghiêm trọng đấy.

Và Catherine, không để cho Maurevel kịp trả lời, gọi ông de Nancey, chỉ huy vệ binh, và ra lệnh cho ông ta đưa Maurevel vào phòng vũ khí của nhà vua.

-Khốn kiếp thật – Maurevel vừa đi theo người dẫn đường vừa nhủ mình được thăng trật trên thang bậc ám sát: từ một gã quý tộc bình thường đến một viên chỉ huy, từ một viên chỉ huy đến một ngài đô đốc, từ một ngài đô đốc đến một ông vua không ngai vàng. Ai mà biết được, khéo có ngày mình lại vươn tới được cả một ông vua có ngai vàng ấy chứ?

§31. Cuộc săn đuổi

Người thợ dồn thú dụ được con lợn rừng đã không nhầm khi khẳng định với nhà vua rằng con vật chưa ra khỏi vòng vây.

Con chó săn vừa được đưa tới chỗ có dấu con thú đã lao ngay vào rừng và xua được con vật ra từ một bụi gai rậm rạp.

Như người dồn thú đã nhận xét theo dấu chân của nó, đây quả là một con lợn độc, tức là một con lợn cỡ khá lớn.

Con vật chạy thẳng và qua đường trước nhà vua năm chục bước chân, theo sau chỉ có con chó săn đã dồn được con thú một góc. Người ta cho thả ngay tốp chó đầu tiên và khoảng hai chục con chó lao ngay theo con mồi.

Đi săn là niềm say mê của Charles. Con mồi vừa vượt qua đường là nhà vua lao ngay theo sau, thổi hiệu tù và nhìn thấy thú, sau ông là quận công d'Alençon và Henri vì Marguerite đã ra hiệu cho chồng đừng rời khỏi Charles.

Tất cả những người đi săn lao theo nhà vua.

Vào cái thời xảy ra chuyện đi săn này, các khu rừng của hoàng gia ngày xưa đó, chưa được như những khu rừng ngày nay, tức là giống như các khu vườn lớn có các lối xe đi cắt ngang cắt dọc. Vua chúa thời đó còn chưa có sáng kiến tự biến mình thành người đi buôn và chia rừng của họ thành các khu rừng đốn gỗ, rừng thưa và rừng già. Cây cối không phải được những nhà trồng rừng thông thái gieo trồng mà nhờ bàn tay của Chúa, hạt được gieo theo gió. Chúng không được trồng theo hình ngũ điểm mà muốn mọc thế nào thì mọc như những khu rừng hoang ở châu Mỹ ngày nay. Tóm lại, vào thời đó, rừng là một hang ổ đầy rẫy những lợn rừng, hươu nai, chó sói và kẻ cướp. Khoảng chừng một chục những con đường mòn xuất phát từ giữa rừng chạy ngang dọc cả khu rừng Bondy và một con đường chạy vòng tròn bao lấy khu rừng như vành bánh xe.

Nếu so sánh hơn một chút thì cái ổ trục trông cũng giống như ngã tư đường duy nhất nằm giữa khu rừng, nơi những người đi săn lạc đường tụ tập nhau để từ đó lại lao tới chỗ mà cuộc săn vừa mất hút lại xuất hiện.

Sau một khắc đồng hồ, điều gì phải xảy đến đã xảy đến: những vật chướng ngại gần như không thể vượt qua được cản đường chạy của những người đi săn, tiếng chó sủa chìm đi nơi xa và đích thân nhà vua quay trở lại ngã tư, vừa đi vừa chửi thề theo thói quen.

-Thế nào, d'Alençon? Thế nào, Henriot? Mẹ kiếp, các anh ở đây cứ thản nhiên như các bà sơ đi theo mẹ nhất ấy. Đấy không gọi là đi săn, biết không? d'Alençon, nhìn anh giống công tử lắm, người anh sực nức nước hoa đến nỗi anh mà chạy qua giữa lũ chó của ta và con mồi thì sẽ khiến chúng mất dấu mồi mất. Còn anh, Henriot, giáo đâu, súng đâu? Xem nào!

-Tâu bệ hạ – Henri đáp – Súng để làm gì? Tôi biết bệ hạ thích bắn con mồi khi nó cự lại lũ chó. Còn giáo thì tôi sử dụng tồi lắrn, nó không thông dụng ở vùng núi của tôi, ở đó chúng tôi săn gấu với dao găm thường thôi.

-Mẹ khỉ! Này Henri, khi nào anh về cái vùng Pyrénées nhà anh thì phải gửi cho ta đầy một xe gấu đấy. Đi săn mà vật tay đôi với con mồi có thể bóp ngạt ta, thế mới thú chứ. Nghe xem, ta thấy hình như có tiếng chó sủa. Không, ta nhầm.

Nhà vua cầm lấy tù và và thổi một hơi. Nhiều tiếng tù và đáp lại. Đột nhiên một người thợ dồn thú hiện ra và thổi một điệu khác.

-Nhìn thấy con mồi rồi! Nhìn thấy rồi! – Charles kêu lên.

Và ông phi nước đại, theo sau là tất cở những người đi săn đã tụ tập quanh ông.

Người dồn thú không nhầm. Nhà vua càng tiến lên thì người ta càng nghe thấy tiếng sủa của đàn chó gồm khoảng hơn sáu chục con vì người ta đã lần lượt thả tất cả những bầy chó đặt ở những nơi con mồi chạy qua. Nhà vua thấy con mồi vút qua một lần nữa và lợi dụng một vạt rừng cao, ông lao luôn theo con thú vào rừng, vừa phi vừa ra sức thổi tù và.

Các hoàng thân còn theo ông được một lúc. Nhưng ngựa của nhà vua khỏe và hăng máu chạy theo những con đường gập ghềnh, những khu rừng lá thấp rậm rạp đến nỗi trước hết là các bà sau đến quận công de Guise và các quý tộc tuỳ tùng của ông tới rồi đến hai ông hoàng đều buộc phải bỏ cuộc. Tavannes còn giữ vững được một lát, nhưng rồi cũng bỏ cuộc nốt.

Thế nên trừ Charles và một vài người dồn thú hăng hái vì món tiền thưởng đã hứa là còn bám theo nhà vua, còn tất cả mọi người đều ở quanh khu ngã tư.

Hai hoàng thân đứng gần nhau trên một lối đi dài. Quận công de Guise và người của mình dừng lại cách họ khoảng trăm bước. Các bà thì đứng ở chỗ ngã tư.

-Quả thực cái thằng cha này cùng với đám tuỳ tùng vũ trang đến tận răng của hắn, trông cứ như vua thật ấy nhỉ? – Quận công d'Alençon đưa mắt chỉ quận công de Guise cho Henri – Chúng ta là những ông hoàng mới khốn khổ chứ, hắn chẳng thèm đoái nhìn chúng ta lấy một lần gọi là.

-Sao lại đòi hắn phải đối xử với chúng ta tử tế hơn bà con của chính chúng ta? – Henri đáp – Ê này Frnaçois, anh với tôi chẳng phải là tù binh, là con tin của phe chúng ta ở triều đình Pháp là gì?

Nghe vậy, quận công François giật mình và nhìn Henri như muốn mời ông giải thích rõ thêm. Nhưng Henri thấy mình đã quá lời hơn thường lệ và ông nín lặng.

-Anh muốn nói gì vậy, Henri? – Quận công François hỏi.

Rõ ràng là ông ta tức mình vì ông anh rể không chịu nói tiếp để cho ông ta phải mớm lời đòi giải đáp.

-François, tôi muốn nói rằng những kẻ được vũ trang quá tốt như thế kia, hình như có nhiệm vụ bám sát chúng ta, nom có vẻ như những tên lính gác để ngăn không cho hai ta trốn đi.

-Trốn đi – Tại sao? Như thế nào? – d'Alençon đóng vai kinh ngạc ngây thơ thật khéo.

-Con ngựa Tây Ban Nha của anh hay quá François ạ – Henri vẫn theo đuổi ý nghĩ của mình tuy có vẻ như đã nói sang chuyện khác – Tôi tin chắc rằng nó chạy được bảy dặm trong vòng một giờ, từ nay đến trưa phải được hai mươi dặm. Trời đẹp quá, tôi thề chứ điều đó cám dỗ người ta hành động. Anh cứ nhìn con đường xinh xắn chạy ngang kia xem. Nó không quyến rũ anh à, François? Về phần tôi thì cựa giày tôi ngứa ngáy lắm.

François không trả lời. Tuy nhiênn, ông ta hết đỏ lại tái mặt đi, rồi ông ta vểnh tai như thể đang nghe ngóng cuộc săn.

"Tin về Ba Lan có tác dụng rồi đây – Henri tự nhủ – Ông em vợ thân yêu của mình có kế hoạch riêng. Hắn muốn mình bỏ trốn, nhưng mình đâu có bỏ trốn một mình."

Ông vừa kịp nghĩ tới đó thì nhiều người mới cải đạo quay về triều đình từ hai ba tháng nay, phóng nước kiệu tới và chào hai hoàng thân với nụ cười hết sức mời mọc.

Bị kích lên bởi những lời mời của Henri, quận công d'Alençon chỉ cần nói một tiếng, chỉ cần phác một cử chỉ thì rõ ràng là ba bốn chục kỵ mã, lúc này đang vây quanh họ như để đối lại với nhóm của ông de Guise, sẽ tạo điều kiện cho cuộc trốn chạy. Nhưng quận công quay mặt đi, đưa tù và lên miệng nổi hiệu kèn tập hợp.

Tuy nhiên những người mới tới tưởng rằng sự ngập ngừng của quận công d'Alençon là do quận công Guise ở gần bên nên họ dần dần xen vào giữa đám de Guise và hai hoàng thân. Họ chia hàng với một sự khéo léo chiến lược chứng tỏ đã quen với các cách bài binh bố trận. Quả thực, nếu vươn tới chỗ quận công d'Alençon và vua Navarre có lẽ phải đạp qua xác họ mà đi, trong khi đó thì một con đường hoàn toàn rộng rãi tự do trải dài trước mắt hai anh em rể.

Đột nhiên, từ giữa lùm cây, cách vua Navarre mươi bước, xuất hiện một nhà quý tộc mà hai hoàng thân trước đó chưa kịp nhìn thấy. Henri đang cố đoán xem đó là ai thì nhà quý tộc nhấc mũ ra để Henri nhận ra đó là tử tước de Turenne, một trong những thủ lĩnh của phe Tân giáo mà người ta cứ tưởng còn đang ở Poitou.

Tử tước phác một cử chỉ rõ ràng có ý hỏi: -Các ngài có đi không?

Nhưng sau khi đã quan sát kỹ khuôn mặt thản nhiên và ánh mắt không thần sắc của quận công d'Alençon, Henri lúc lắc đầu hai ba lần tựa như có gì làm

vướng ông trong cổ áo chẽn. Đó là câu trả lời phủ định. Tử tước hiểu vậy, thúc ngựa và biến mất sau lùm cây.

Cùng lúc đó người ta nghe tiếng bầy chó tiến lại gần. Rồi ở phía đầu kia của lối đi họ đang đứng, người ta thấy con lợn rừng chạy vụt qua, rồi đến lũ chó; rồi đến Charles đầu không mũ, tù và ngậm miệng thổi đến vỡ phổi như một người đi săn ma quái ba bốn người dồn thú còn theo ông. Tavannes đã biến mất.

-Đức vua! – Quận công d'Alençon thốt lên, và ông ta lao theo dấu chân Charles.

Henri yên tâm về sự có mặt của những người bạn tốt, ra lệnh cho họ đừng rời xa và tiến về phía các bà.

-Thế nào? – Marguerite tiến vài bước về phía ông hỏi.

-Thế này, thưa bà, chúng ta đang săn lợn rừng.

-Chỉ có thế thôi ư?

-Vâng, từ sáng hôm qua gió đã đổi chiều, nhưng tôi tưởng đã báo trước cho bà là sự thể sẽ như thế rồi chứ?

-Gió đổi chiều như vậy thì sẽ không có lợi cho cuộc săn phải không ông? – Marguerite hỏi.

-Vâng, đôi khi việc đó làm thay đổi tất cả những cung cách đã định, phải làm lại cả một kế hoạch.

Lúc đó người ta nghe thấy tiếng bầy chó gần lại một cách nhanh chóng. Bụi mịt mù báo cho các nhà đi săn phải chuẩn bị sẵn sàng. Mọi người đều ngẩng đầu nghe ngóng.

Gần như ngay lập tức con lợn rừng ló ra và đáng lẽ lao vào rừng nó lại chạy theo đường thẳng tới chỗ ngã tư nơi đang tụ tập các bà, các nhà quý tộc tán tỉnh họ và những người đi săn bị lạc dấu chân thú. Sau con thú là khoảng ba bốn chục con chó vào loại to khỏe nhất bám sát nó, rồi chưa đầy hai chục bước là vua Charles không mũ, không áo choàng, áo quần rách tả tơi vì bị gai cào, mặt và tay đầy máu.

Chỉ còn lại một hai người dồn thú cùng ông. Nhà vua hết thổi tù và lại thúc lũ chó, hết thúc lũ chó lại thổi tù và. Cả thế giới đều biến mất dưới mắt ông. Nếu ngựa của ông hụt chân chắc ông đã kêu lên như vua Richard III: "Đổi ngai vàng của ta lấy một con ngựa đây!"

Nhưng con ngựa cũng tỏ ra hăng máu như chủ, nó phi chân không chạm đất và mũi như phì ra lửa khói. Con mồi, lũ chó và nhà vua lao vút qua như một ảo ảnh.

"Alali! Alali!"[401] – Charles vừa hét lên vừa lao qua.

Và ông lại đưa tù và lên đôi môi đang ứa máu.

Cách sau ông vài bước là quận công d'Alençon và hai người dồn thú, ngựa của những người khác đã bỏ cuộc săn hoặc bị mất dấu chân. Tất cả mọi người

đều chạy theo dấu vì rõ ràng là con thú sắp trụ lại để kháng cự.

Quả thực chưa đầy hai mươi phút sau, con lợn rừng rời khỏi con đường mòn và lao vào rừng, nhưng tới một quãng rừng thưa, nó lui về một tảng đá và chống chọi với lũ chó.

Nghe tiếng kêu của Charles đang bám sát con vật, mọi người đều đổ tới. Người ta đã đến đúng vào lúc hay nhất của cuộc săn. Con vật quyết kháng cự một cách tuyệt vọng. Lũ chó bị kích động sau một cuộc chạy ròng ba tiếng đồng hồ liền nên hăng máu lao vào con mồi và được khích lệ thêm bằng những tiếng kêu hò chửi bới của Charles.

Những người đi săn quây lại thành vòng, Charles đứng hơi nhích lên phía trước, sau ông là quận công d'Alençon với khẩu hỏa mai và Henri tay chỉ cầm một con dao săn. Quận công d'Alençon tháo súng khỏi móc và châm mồi lửa. Henri giật con dao găm trong vỏ.

Còn quận công de Guise khá coi thường tất cả những trò săn bắn này nên ông đứng hơi tách ra cùng với các quý tộc của mình.

Các phu nhân đứng nhóm lại thành một tốp cân đối với tốp của quận công de Guise.

Tất cả những kẻ ham săn bắn đều khắc khoải chờ đợi, mắt chăm chăm nhìn con mồi.

Một người dồn thú đứng riêng bên ngoài đang ưỡn người ra để giữ lại hai con chó ngao của nhà vua. Trong lớp áo giáp sắt, chúng đang chờ vừa sủa vừa chồm lên khiến người ta có thể tưởng rằng đến lúc chụp con mồi chúng có thể giựt đứt cả dây xích.

Con vật bị săn đuổi thật tuyệt vời: Bị một đàn khoảng bốn chục con chó vây bọc lấy như một lớp sóng triều gầm gào phủ lên nó bằng những màu sắc hỗn độn khác nhau và cố gắng ngoạm vào lớp da xù xì đầy lông dựng đứng của nó, con lợn rừng cứ mỗi cú húc mõm lại hất tung lên cao khoảng mười bộ một con chó mà khi rơi xuống đất đã bị lòi ruột nhưng vẫn lao vào trận chiến với gan ruột lòng thòng. Trong khi đó Charles tóc tai bết cứng, mắt tóe lửa, cánh mũi nở rộng đang rạp người trên cổ ngựa đẫm mồ hôi và rúc lên một hồi kèn Alali giận dữ.

Chỉ chưa đầy mươi phút, hai chục con chó bị loại ra khỏi vòng chiến.

-Chó gộc đâu? Chó gộc đâu? – Charles hét lên.

Nghe tiếng kêu đó, người dồn thú mở móc xích sắt và hai con chó ngao lăn xả vào giữa cuộc huyết chiến. Với lớp giáp sắt chúng húc nhào và gạt ra mọi thứ, vạch ra một đường tới tận con mồi và mỗi con chó ngoặm lấy một bên tai con thú.

Cảm thấy bị nắm tai, con lợn lòi bập răng vào nhau vì tức giận và đau đớn.

-Khá lắm, Duredent! Khá lắm Risquetout – Charles thét lên – Cam đảm lên lũ chó! Giáo đâu? Giáo đâu?

-Bệ hạ có muốn lấy súng của tôi không? – Quận công d'Alençon hỏi.

-Không! Không! Ta không cảm thấy được đạn xuyên vào thịt – Charles quát – Có giáo thì ta cảm thấy hay hơn. Giáo đâu? Giáo đâu?

Người ta dâng lên nhà vua một cây giáo đầu đã được tôi lửa và có mũi sắt.

-Cẩn thận anh ạ! – Marguerite kêu lên.

-Vào đi! Vào đi! – Quận chúa de Nervers kêu – Xin bệ hạ đừng đâm trượt nó! Bệ hạ đâm cho cái đồ vô đạo ấy một mũi ra trò vào!

-Cứ yên tâm, quận chúa! – Charles trả lời.

Và vừa lăm lăm tay giáo ông vừa lao con thú đang bị hai con chó giữ rịt và không thể tránh được cú đòn. Tuy nhiên, khi nhìn thấy mũi giáo sáng loá, nó cựa mình sang một bên và ngọn giáo đáng lẽ đâm vào ngực nó lại bị quằn đi khi đâm vào tảng đá con vật đang tựa vào.

-Bố sư khỉ! – Nhà vua hét lên – Trượt rồi… Giáo đâu? Giáo đâu?

Và vừa giật lùi lại như những kỵ mã thường làm khi họ lấy đà ông ném ngọn giáo bị hỏng ra cách mình mươi bước.

Một người dồn thú tiến lên dâng ông một ngọn giáo khác.

Nhưng cùng lúc đó, dường như con vật đoán trước số phận đang chờ đợi nó và muốn lẩn tránh nên với một cố gắng mãnh liệt nó giật đôi tai rách nát ra khỏi mõm lũ chó gộc và mắt ngầu máu, lông lá dựng ngược, xấu xí đến rùng rợn, thở phì phò như bễ lò rèn, răng đánh vào nhau, cứ thế nó chúi đầu lao thẳng tới con ngựa của nhà vua.

Là tay săn cừ nên Charles đã lường trước được sự phản công này. Ông giật cương cho ngựa chồm lên, nhưng ông tính lầm sức căng hoặc vì bị hàm thiếc thít chặt quá hoặc thậm chí có khi bị nỗi sợ hãi xâm lấn, con ngựa ngã vật ra đằng sau.

Tất cả những người đứng xem cùng kêu lên một tiếng kinh hoàng: con ngựa bị ngã còn nhà vua bị kẹp một chân dưới ngựa.

-Buông tay, xin bệ hạ buông tay ra! – Henri kêu lên.

Nhà vua buông cương ngựa, tay trái nắm lấy yên và cố dùng tay phải rút con dao săn, nhưng con dao bị thân hình ông đè lên, không ra được khỏi vỏ.

-Con lợn rừng! Con lợn rừng! – Charles kêu – Cứu ta, cứu ta với, d'Alençon!

Trong khi đó con ngựa định thần lại, dường như nó hiểu được nỗi nguy hiểm của chủ, nó căng hết gân cốt và đã đứng dậy được trên ba chân thì Henri thấy François tái mặt đi một cách đáng sợ khi nghe vua anh gọi. Ông ta đưa súng lên vai, nhưng viên đạn đáng lẽ phải trúng vào con vật chỉ còn cách nhà vua có hai bước chân, lại bắn vỡ đầu gối con ngựa, khiến nó ngã gục mõm xuống đất. Cùng lúc đó, con lợn rừng đưa mõm giằng xé chiếc ủng của Charles.

-Ôi! – d'Alençon lẩm bẩm bằng đôi môi nhợt nhạt – Ta nghĩ rằng quận công d'Anjou sẽ là vua nước Pháp, còn ta sẽ là vua Ba Lan.

Quả thực, lúc con lợn rừng đã bắt đầu cào xé đùi Charles thì nhà vua cảm thấy có ai đó nâng tay mình lên, rồi ông thấy một lưỡi dao nhọn sắc lấp lánh đâm ngập lút tận cán vào điểm yếu trên vai con vật. Một bàn tay đi găng sắt gạt cái đầu lợn rừng đang thở đầy hơi khói dưới quần áo của ông.

Sau cử động của con ngựa, Charles đã rút được chân ra và nặng nề đứng dậy. Thấy mình bê bết máu, ông trở nên tái nhợt như xác chết.

-Tâu bệ hạ – Henri vẫn quỳ giữ con lợn rừng bị đâm trúng tim – Không sao hết. Tôi đã gạt hàm nó ra và bệ hạ không bị thương.

Rồi ông buông dao đứng dậy, con lợn rừng gục xuống máu từ mồm nó ộc ra nhiều hơn cả từ vết thương.

Cả đám người hồi hộp vây lấy Charles, những tiếng kêu kinh hoàng có thể làm choáng váng kẻ can trưởng nhất dội vào ông khiến cho có lúc ông suýt ngã xuống gần con vật đang gần chết. Nhưng ông tĩnh trí lại, quay về phía vua Navarre, ông nắm tay Henri và nhìn ông ta với ánh mắt xúc động đầu tiên trong cuộc đời hai mươi bốn tuổi của mình.

-Cám ơn! Henriot! – Nhà vua nói.

-Ôi anh! – d'Alençon thốt lên khi tiến lại gần Charless.

-A, chú đấy hả, d'Alençon? Thế nào, anh thợ săn cừ khôi, phát đạn của chú đi đâu rồi?

-Chắc là xuyên vào con thú rồi – Quận công đáp.

-Ê! Chúa ơi! – Henri thốt lên với vẻ ngạc nhiên giả vờ khéo léo – Nhìn xem kìa, Florence, viên đạn của anh bắn gãy chân con ngựa của hoàng thượng. Lạ thật!

-Sao? – Nhà vua hỏi – Thật à?

-Cũng có thể – Quận công sững người đáp – Tay tôi run quá!

-Florence, sự thật là đối với một tay săn cừ như anh, anh đã làm một phát lạ đấy – Charles cau mày nói – Một lần nữa, cám ơn Henriot! Các ngài, quay về Paris thôi, ta đủ rồi.

Marguerite tiến lại gần để khen ngợi Henri.

-A! Thế chứ, đúng đấy, Margot – Charles nói – Khen hắn đi và chân thành vào nhé, vì nếu không có hắn thì vua nước Pháp đã là Henri đệ tam[402] mất rồi.

-Tiếc thay, thưa bà! – Anh chàng Bearnais đáp – Quận công d'Anjou vốn đã là kẻ thù của tôi, sẽ lại giận tôi lắm đấy. Nhưng biết sao được! Sức đến đâu thì làm đến đó thôi, bà cứ hỏi ông d'Alençon mà xem.

Và ông cúi xuống rút con dao săn từ mình con lợn rừng, đâm vào đất vài lần để chùi máu.

§32. Tình anh em

Cứu Charles, Henri đã vượt ra ngoài việc cứu một người, ông đã ngăn cho ba vương quốc khỏi thay đổi chủ.

Quả thực, nếu Charles chết, quận công d'Anjou sẽ trở thành vua Pháp, còn quận công d'Alençon chắc chắn sẽ trở thành vua Ba Lan. Còn về xứ Navarre, vì quận công d'Anjou là nhân tình của phu nhân de Condé nên hẳn là vòng vương miện Navarre sẽ được trả cho ông chồng vì sự dễ dãi của bà vợ.

Trong sự xáo động lớn lao đó, chẳng có gì tốt lành cho Henri cả ông chỉ đổi chủ, thế thôi. Và thấy rằng Charles là người vẫn còn dung thứ ông, ông lại phải thấy quận công d'Anjou lên ngôi vua nước Pháp, mà ông này vốn dĩ rất tâm đầu ý hợp với bà mẹ Catherine, đã thề giết ông và chắc chắn sẽ giữ lời thề.

Tất cả những ý đó đã cùng nảy ra một lúc trong đầu ông khi ông thấy con lợn lòi lao xổ đến Charless IX. Và chúng ta đã thấy rõ kết quả sự suy tư nhanh như chớp này. Tính mạng ông đang gắn liền với tính mạng Charless.

Charles được cứu thoát bởi lòng tận tụy mà nhà vua khó lòng hiểu được nguyên do.

Nhưng Marguerite đã hiểu hết và nàng khâm phục lòng dũng cảm kỳ quặc của Henri vốn như tia chớp, chỉ lóe lên trong giông tố. Song điều không may vẫn còn? Thoát khỏi sự trị vì của quận công d'Anjou chưa đủ, còn cần phải làm cho tự mình thành vua nữa. Cần phải tranh giành xứ Navarre với quận công d'Alençon và ông hoàng Condé, nhất là còn cần phải rời bỏ cái triều đình này, nơi lúc nào ông cũng phải đứng chênh vênh như đứng giữa hai vực thẳm, nhưng việc rời bỏ nó phải được một hoàng tử Pháp hộ vệ.

Trên đường từ Bondy trở về, Henri đã suy nghĩ sâu xa về tình thế. Tới Louvre, kế hoạch của ông đã thảo xong.

Không tháo ủng, mình mẩy vẫn còn đầy bụi bặm và máu me như thế, Henri tới cung quận công d'Alençon trong lúc ông này đang rất kích động, xoạc cẳng dạo những bước dài trong phòng.

Khi thấy Henri, ông hoàng phác một cử chỉ.

-Vâng, tôi hiểu – Henri vừa nói vừa nắm lấy hai tay quận công – Người anh em, anh giận tôi vì tôi là người đầu tiên khiến nhà vua để ý tới viên đạn của anh đã bắn vào chân ngựa của Người thay vì bắn vào con thú như anh định làm. Nhưng biết sao được? Tôi không thể kìm được tiếng kêu kinh ngạc. Vả lại, rồi nhà vua cũng sẽ tự nhận thấy thôi, phải không?

-Hẳn thế – d'Alençon lẩm bẩm – Nhưng tôi chỉ có thể coi cái kiểu tố giác của anh là có dụng ý xấu, và như anh thấy đấy kết quả đã không phải gì khác hơn là

đã khiến anh Charles nghi ngờ dụng ý của tôi và làm cho quan hệ giữa chúng tôi vẩn đục.

-Chúng ta sẽ bàn về việc đó sau. Còn về phần tôi có dụng ý tốt hay xấu đối với anh thì thế nào, tôi đã tự tới đây để xin anh xét đoán.

-Được, anh nói đi, tôi nghe – Quận công d'Alençon nói với vẻ giữ gìn thường ngày.

-Khi tôi đã nói thì anh sẽ thấy rõ các ý định của tôi là thế nào, François ạ, vì lời tâm tình mà tôi thổ lộ với anh đây vượt ra ngoài tất cả những sự giữ gìn và thận trọng, và khi tôi nói xong thì chỉ một lời thôi anh cũng có thể khiến tôi nguy.

-Chuyện gì vậy kìa? – François bắt đầu nao núng.

-Tuy nhiên – Henri nói tiếp – Tôi đã do dự rất lâu trước khi nói với anh về cái điều đã đưa tôi đến đây, nhất là sau cái kiểu mà anh cố tình làm ngơ hôm nay.

-Quả thật tôi không hiểu, anh muốn nói gì. Henri? – François tái mặt.

-François ạ, tôi tha thiết với các quyền lợi của anh đến mức tôi phải báo với anh rằng những người Tân giáo đã cho tiến hành những cuộc vận động với tôi.

-Vận động à? Vận động gì?

-Một trong số họ, ông de Mouy, con trai của ông de Mouy can trường đã bị Maurevel ám sát, anh biết đấy…

-Đúng thế.

-Thế này, ông ta liều mạng đến báo với tôi rằng tôi đang bị cầm tù.

-A! Thật à? Thế anh trả lời ông ta thế nào?

-François, anh biết rằng tôi rất yêu quý Charles là người đã cứu sống tôi và Thái hậu đã thay thế mẹ tôi. Vậy nên tôi đã từ chối tất cả những sự mời mọc mà ông ta dành cho tôi.

-Thế những sự mời mọc đó là gì?

-Những người Tân giáo muốn tái lập lại ngai vàng xứ Navarre, và vì trên thực tế ngai vàng này theo thừa kế là thuộc về tôi nên họ dành nó cho tôi.

-Vâng, vậy là de Mouy đáng lẽ nhận được sự ưng thuận mà ông ta tới cầu xin anh thì đã lại nhận được sự từ chối của anh.

-Lời từ chối chính thức… thậm chí lại còn viết ra nữa. Nhưng từ lúc đó tới nay… – Henri tiếp tục.

-Anh hối hận rồi chăng, Henri? – d'Alençon ngắt lời.

-Không, tuy nhiên tôi nghĩ là đã nhận thấy de Mouy, do bất bình với tôi, nên hướng những mục tiêu của mình về phía khác.

-Về đâu vậy? – François hấp tấp hỏi.

-Tôi cũng không biết. Có lẽ là về phía ông hoàng Condé.

-Ừ cũng có thể.

-Vả lại – Henri tiếp – Tôi có một cách rất chắc chắn để biết được người thủ lĩnh mà ông ta đã tự chọn.

François trở nên nhợt nhạt.

-Nhưng nội bộ những người Tân giáo bị chia rẽ – Henri vẫn tiếp tục – Dù can trường và trung thực đến mấy, de Mouy cũng chỉ là đại diện cho một phần trong phe. Bộ phận kia cũng không phải là không đáng chú ý, họ vẫn chưa mất hết hy vọng đưa được lên ngôi, cánh tay Henri de Navarre này mà sau những giây phút do dự ban đầu có thể nay đã nghĩ lại.

-Anh nghĩ thế ư?

-Ồ ngày nào mà tôi chẳng nhận được những chứng cớ.

Cái nhóm người đã theo chúng ta trong cuộc săn, anh có nhận thấy họ gồm những người như thế nào không?

-Có đó là những quý tộc cải đạo.

-Còn người thủ lĩnh nhóm đó đã ra hiệu cho tôi thì anh có nhận ra ai không?

-Có, đó là tử tước de Turenne.

-Vậy anh có hiểu họ đề nghị với tôi điều gì không?

-Họ đề nghị anh bỏ trốn.

-Vậy rõ ràng còn một phe nữa có mong muốn khác với điều ông de Mouy muốn – Henri nói trong lúc François bắt đầu tỏ ra lo lắng.

-Một phe nữa à?

-Vâng, và tôi xin nói với anh là phe đó rất mạnh cho nên để được thành công cần phải thống nhất hai phe nhóm của Turenne và de Mouy. Việc âm mưu đang được tiến hành, các đội quân đã được chỉ định, người ta chỉ còn đợi hiệu lệnh. Và trong tình huống tối hậu này đòi hỏi ở tôi một giải pháp nhanh chóng thì tôi lại phải xét tới hai quyết định mà tôi đang còn lưỡng lự. Nay tôi xin trình bày với anh về hai quyết định đó như là với một người bạn

-Anh cứ coi như là với một người anh em đi.

-Vâng, như với một người anh em – Henri lặp lại.

-Vậy anh nói đi, tôi nghe đây.

Trước tiên, tôi phải bày tỏ với anh về trạng thái tâm hồn tôi François thân mến ạ. Tôi không có mong muốn, không có tham vọng, không có năng lực nào. Tôi chỉ là một anh quý tộc quê mùa hiền lành, nghèo, ưa khoái cảm và rụt rè. Cái nghề làm người âm mưu chỉ cho tôi thấy trước những sự thất sủng mà dù cô nhìn thấy ngai vàng trước mắt cũng không bù lại được.

-A, Henri! Anh tự làm thiệt hại cho mình đấy. Thật đáng buồn cái cảnh một ông hoàng mà vận hạnh bị bó buộc bởi dòng phụ hệ hoặc bởi một con người trong sự nghiệp vinh quang.

-Tôi chẳng tin những điều anh nói đâu. Tuy nhiên, François ạ, những điều tôi nói với anh là thật đến nỗi nếu như tôi có một người bạn thực sự, tôi sẽ vì anh ta mà từ bỏ thế lực mà cái phe đảng quan tâm tới tôi muốn dâng lên tôi. Nhưng – Henri thở dài nói thêm – Tôi không có được người bạn như thế.

-Có thể có đấy. Chắc là anh nhầm.

-Không đâu! Quái thật! Trừ anh ra, François, tôi không thấy ai gắn bó với tôi cả. Thế nên thực tình tôi nghĩ thà báo cho đức vua về những điều đang xảy ra còn hơn là để cho cái ý đồ đến lúc thất bại với những sự xâu xé khủng khiếp sẽ phơi bày ra một người… vô hạnh nào đấy… Tôi sẽ không nói rõ tên ai, không nêu xứ sở lẫn ngày tháng, nhưng tôi sẽ báo trước tai hoạ.

-Chúa ơi! – François không kìm được nỗi kinh hoàng thốt lên – Anh nói gì vậy? Sao? Anh? Anh là niềm hy vọng duy nhất của phe Tân giáo từ khi đô đốc mất đi! Anh? Một người Tân giáo cải đạo, mà lại còn cải đạo rất dở nữa, ít ra là theo người ta bảo thế, anh lại kề dao vào cổ anh em mình ư? Ôi Henri, anh có biết rằng làm như vậy là anh đưa tất cả những người theo Calvin vào một ngày lễ Saint-Barthélémy thứ hai hay không? Anh có biết rằng Catherine chỉ mong có một dịp như thế để thanh toán nốt những kẻ nào còn sống sót hay không?

Quận công run rẩy, mặt ông vằn lên những vệt đỏ tái lẫn lộn, ông siết tay Henri để cầu khẩn ông này từ bỏ cái quyết định sẽ làm ông lâm nguy đó.

-Sao cơ – Henri nói với vẻ chất phác thật hoàn hảo – François, anh nghĩ rằng sẽ có rất nhiều bất hạnh đến thế kia – Tuy nhiên, tôi nghĩ là với lời hứa của đức vua, ông sẽ đảm bảo được cho tính mạng của những kẻ bất cẩn.

-Lời hứa của đức vua Charless IX ư, Henri? Ê này, đô đốc chẳng đã được hứa là gì? Và chính anh cũng chẳng đã được hứa là gì? Ôi, Henri, tôi xin nói với anh rằng, nếu anh làm như thế, anh sẽ giết họ cả nút. Không chỉ họ mà thôi đâu, mà cả những ai có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với họ nữa kia.

Henri tỏ ra suy nghĩ một lát: -Nếu như tôi là một ông hoàng có thế lực ở triều đình chắc tôi sẽ hành động khác. Chẳng hạn, vào địa vị anh, François, hoàng tử Pháp, người thừa kế khả dĩ của ngôi báu…

François lắc đầu một cách châm biếm, rồi hỏi: -Ở địa vị tôi, anh làm gì cơ?

-François ạ, ở địa vị anh, tôi sẽ đứng lên làm thủ lãnh phong trào để điều khiển nó. Tên tuổi và sự tín nhiệm vào tôi sẽ đảm bảo với lương tâm tôi về tính mạng của những kẻ phản loạn. Và trước tiên là tôi dành được phần lợi cho tôi, sau đó là cho đức vua, có lẽ thế, trong một công cuộc mà nếu khác đi sẽ có thể gây hại rất lớn cho nước Pháp.

D Alençon lắng nghe những lời đó với một niềm vui khiến cho tất cả thớ thịt trên gương mặt ông ta nở nang ra.

Anh nghĩ phương cách đó có thể thực hiện được không? – François hỏi – Và nó sẽ tránh cho chúng ta khỏi tất cả những tai hoạ mà anh tiên đoán ư?

-Tôi tin chứ, những người Tân giáo yêu quý anh: bề ngoài khiêm tốn của anh, địa vị cao và lại thế của anh, cuối cùng là lòng độ lượng mà anh vẫn thường tỏ ra đối với những người Tân giáo khiến họ hướng về phục vụ anh.

-Nhưng trong phe còn có chia rẽ, những người ủng hộ anh liệu có ủng hộ tôi không?

-Tôi xin chịu trách nhiệm lôi kéo họ cho anh vì hai lý do.

-Lý do gì?

-Trước hết là nhờ vào lòng tin của các thủ lĩnh đối với tôi, thứ nữa là nhờ vào sự e sợ của họ đối với điện hạ, khi Người đã biết tên họ…

-Nhưng những tên ấy thì ai tiết lộ cho tôi?

-Tôi chứ còn ai! Quái quỷ thật!

-Anh sẽ làm như thế à?

-François, anh nghe này, tôi đã nói với anh rằng tôi chỉ có yêu quý có anh ở trong triều – Henri tiếp tục – Chắc hẳn đó là vì anh cũng bị ngược đãi như tôi, với lại vợ tôi cũng yêu quý anh với một tình quý mến không gì sánh nổi…

François đỏ mặt lên vì hài lòng.

-Hãy nghe tôi, François ạ – Henri tiếp – Hãy nắm lấy việc này, hãy trị vì xứ Navarre. Và miễn là anh dành cho tôi một chỗ trên bàn ăn của anh và một khu rừng đẹp để đi săn thì tôi sẽ tự coi mình là kẻ sung sướng rất mực.

-Trị vì xứ Navarre! Thế nhưng nếu…

-Nếu quận công d'Anjou được phong làm vua Ba Lan phải không? Tôi nói nốt hộ anh đấy.

François nhìn Henri với vẻ sợ hãi.

-Thế này, anh nghe đây nhé, François! Vì chẳng có gì lọt khỏi mắt anh được, và tôi suy luận chính là theo cái giả thiết đó: nếu quận công d'Anjou được phong làm vua Ba Lan và anh Charles của chúng ta, lạy Chúa xin giữ gìn cho, băng hà thì từ Pau tới Paris chỉ có hai trăm dặm còn từ Cracovie tới Paris lại có những bốn trăm dặm. Vậy anh sẽ có mặt ở đây để đón nhận quyền thừa kế trong lúc đó thì vua Ba Lan mới chỉ được biết rằng ngai vàng trống chỗ thôi. Khi đó, nếu anh hài lòng về tôi, François ạ, anh sẽ ban cho tôi vương quốc Navarre ấy, nó sẽ chỉ là một bông hoa trang điểm cho vương miện của anh thôi, và như thế thì tôi chấp nhận. Điều tệ hại nhất có thể xảy đến với anh là ở lại làm vua nơi đó và xây một tổ ấm vương giả sống cùng với gia đình tôi. Còn ở đây thì anh là gì? Một ông hoàng nghèo bị ngược đãi, một hoàng tử con thứ ba đáng thương, đầy tớ của hai ông anh và chỉ một ý ngông cũng có thể đẩy anh tới ngục Bastille được.

-Vâng, vâng, tôi cảm thấy rõ điều đó, rõ ràng đến nỗi tôi không thể hiểu được việc anh từ bỏ cái kế hoạch mà anh đề nghị với tôi. Phải chăng tim anh không còn đập nữa?

Và quận công đặt tay lên tim ông anh rể, Henri mỉm cười bảo: -Có những gánh quá nặng đối với một số người. Tôi sẽ không cố thử nhấc gánh đó lên. Nỗi e ngại mệt nhọc làm tiêu tan lòng mong muốn được sở hữu quyền lực của tôi.

-Vậy anh thực sự từ chối sao Henri?

-Tôi đã nói với de Mouy và nay tôi nhắc lại với anh.

-Nhưng Henri thân mến trong những trường hợp như thế này, người ta không nói mà phải chứng minh.

Henri thở hổn hển như một người đấu vật cảm thấy địch thủ đang đè lên mình. Ông nói: -Tôi sẽ chứng minh. Tối nay, vào chín giờ, danh sách các thủ lĩnh và kế hoạch hành động sẽ có ở chỗ anh. Thậm chí tôi đã trao lời từ chối của tôi cho de Mouy.

François nắm lấy tay Henri và nồng nhiệt siết trong tay mình.

Vừa lúc đó Catherine bước vào mà không báo danh theo thói quen của bà.

-Ở bên nhau! – Bà mỉm cười nói – Quả thật là hai anh em thân thiết!

-Tâu lệnh bà, tôi mong được như thế!

Henri nói với vẻ rất bình tĩnh, còn quận công d'Alençon lại tái mặt đi vì lo âu. Rồi Henri lùi lại vài bước để Catherine tự do nói chuyện với con trai.

Thái hậu rút từ trong túi đựng tiền của mình ra một vật trang sức tuyệt đẹp.

-Chiếc ghim cài này được làm tại Florence và ta ban cho anh để anh đeo ở dây đeo kiếm. – Rồi bà hạ giọng tiếp – Nếu tối nay anh nghe có tiếng động nào bên phòng ông anh Henri tốt bụng của anh thì chớ có cử động gì hết đấy.

François nắm tay Thái hậu và hỏi: -Lệnh bà có cho phép con chỉ cho Henri xem món quà đẹp mà Người ban không?

-Cứ làm hơn thế cũng được, anh hãy nhân danh anh và ta mà tặng cho Henri, vì ta đã ra lệnh làm cho anh ta một chiếc rồi.

-Anh có nghe thấy không, Henri? – François hỏi – Mẫu hậu ban cho tôi đồ trang sức này và khiến cho giá trị của nó càng quý giá hơn bằng cách cho phép tôi tặng lại anh.

Henri xuýt xoa trước vẻ đẹp của chiếc ghim cài và ra sức cám ơn. Khi những lời trầm trồ khen ngợi của ông đã ngớt. Thái hậu nói: -Con ạ, ta cảm thấy hơi khó ở và ta sắp đi nằm, anh Charles rất mệt vì ngã ngựa và cũng đi nằm. Vậy nên tối nay chúng ta không dùng cơm trong gia đình, mọi người sẽ dùng bữa tại nhà. À này! Henri! Ta quên mất chưa khen ngợi anh về lòng dũng cảm và khéo léo của anh, anh đã cứu vua và cũng là người anh của anh, anh sẽ được ban thưởng.

-Thưa lệnh bà, tôi đã được thưởng rồi! – Henri nghiêng mình đáp.

-Do cái ý thức khiến anh làm tròn nhiệm vụ của mình, thưởng như thế vẫn chưa đủ – Catherine tiếp – Hãy tin rằng chúng ta Charles và ta, chúng ta sẽ nghĩ đến việc có thể xoá được món nợ với anh.

-Thưa lệnh bà, tất cả những gì do lệnh bà và anh Charles thân yêu của tôi làm đều rất được đón mừng.

Henri cúi mình thi lễ rồi bước ra.

"A, ông em François của tôi ai! – Henri vừa bước ra vừa nghĩ – Bây giờ mình tin chắc là sẽ không ra đi một mình. Cuộc âm mưu vốn đã có hình hài này lại vừa

tìm được một cái đầu với một trái tim. Tuy nhiên phải cẩn thận. Catherine ban quà cho mình: có trò ma mãnh gì đây. Tối nay mình phải mạn đàm với Marguerite mới được.”

§33. Lòng biết ơn của vua Charles IX

Suốt ngày Maurevel ở trong phòng vũ khí của nhà vua, nhưng khi Catherine thấy đoàn đi săn sắp trở về, bà bèn đưa y cùng bọn tay chân của y sang phòng cầu nguyện của bà.

Khi về, Charles IX được nhũ mẫu báo cho biết có một người đàn ông đã ở trong phòng vũ khí của ông. Thoạt tiên ông rất tức giận vì có kẻ lại dám đưa người lạ vào cung ông. Nhưng sau khi được tả lại con người đó, và nhũ mẫu bảo ông rằng có một lối chính bà đã có trách nhiệm đưa người đó tới chỗ ông, nhà vua nhận ra ngay đó là Maurevel. Ông nhớ lại cái lệnh mà Thái hậu đã ép được ông phải ký hồi sáng và ông hiểu ra tất cả.

-Ô hô! – Charles lẩm bẩm – Ngay trong cái ngày mà hắn vừa cứu sống ta – Thật không phải lúc.

Tức thì ông đi vài bước định xuống cung Thái hậu, nhưng một ý nghĩ khác đã kìm ông lại.

"Mẹ kiếp! – Ông tự nhủ – Nếu ta nói với bà ấy về việc này, thì lại sinh ra tranh cãi lôi thôi, thà mỗi người cứ làm theo cách của mình còn hơn."

-Nhũ mẫu này – Nhà vua nói – Đóng cho chặt tất cả các cửa lại rồi báo cho hoàng hậu Elisabeth[403] rằng ta hơi yếu vì bị ngã nên sẽ ngủ một mình đêm nay.

Nhũ mẫu tuân lệnh và vì chưa đến giờ thực hiện ý đồ của mình nên Charles bắt đầu ngồi làm thơ.

Đó là trò tiêu khiển thời gian trôi qua nhanh nhất cho nhà vua. Vì vậy khi chuông điểm chín giờ, Charles còn tưởng như mới chỉ bảy giờ. Ông đếm tiếng chuông và đếm tiếng cuối cùng thì ông đứng dậy.

-Quỷ thần ơi! Vừa vặn đúng lúc đây.

Vơ lấy áo choàng và mũ, ông đi ra bằng lối cửa bí mật mà ông cho đục trong tường gỗ, ngay cả Catherine cũng không biết tới.

Charles đi thẳng tới khu phòng ở của Henri. Khi rời quận công d'Alençon, Henri chỉ trở về phòng để thay quần áo rồi lại đi ngay.

"Chắc hắn đi ăn tối ở chỗ Margot – Nhà vua tự nhủ – Hôm nay trông anh chị có vẻ ăn ý lắm, ít ra là theo chỗ mình nhận thấy."

Và ông đi về phía cung Marguerite.

Marguerite đã lôi quận công de Nervers, Coconnas và La Mole về nhà mình và đang mở một tiệc mứt kẹo và bánh ngọt cùng họ đánh chén.

Charles đập cửa chính, Gillonne ra mở. Nhưng nhìn thấy vua, cô ta hoảng sợ đến nỗi chỉ còn đủ hơi sức để cúi mình thi lễ, và đáng lẽ phải chạy đi báo cho chủ về cuộc thăm viếng tôn nghiêm này thì cô lại để mặc cho Charles đi qua mà không thốt ra được tín hiệu nào ngoài tiếng cô kêu lên.

Nhà vua đi qua tiền phòng, và hướng về phía tiếng cười nói vọng ra ở phòng ăn.

"Tội nghiệp Henriot, hắn mải vui chơi mà chẳng nghĩ đến điều gì xấu cả" – Nhà vua tự nhủ.

-Ta đây – Ông vừa nói vừa nâng tấm thảm che cửa và ló gương mặt tươi cười vào.

Marguerite thốt lên một tiếng kêu kinh hãi. Dù tươi cười đến mấy, gương mặt ấy tác động đến nàng như chiếc đầu quỷ Méduse. Nàng ngồi đối diện với cửa và vừa kịp nhận ra Charless. Hai người đàn ông ngồi quay lưng lại nhà vua.

-Hoàng thượng! – Marguerite hoảng sợ kêu lên. Và nàng đứng phắt dậy.

Trong khi cả ba người kia cảm thấy đầu họ lung lay trên cổ thì Coconnas là kẻ duy nhất còn tỉnh táo. Chàng cũng đứng dậy, nhưng với một sự vụng về khéo đến nỗi chàng làm đổ cả cái bàn và lật nhào cả bát đĩa, đồ pha lê cùng với đèn nến.

Chỉ một thoáng sau căn phòng tối mò và yên lặng như chết.

-Chuồn đi – Coconnas bảo – Mau lên! Mau lên!

Chẳng phải đợi nói nhiều, de Mole ép mình vào tường và đưa tay sờ soạng tìm phòng ngủ để trốn vào căn buồng mà chàng biết rất rõ. Nhưng khi đặt chân vào phòng ngủ, chàng lại vấp phải một người đàn ông vừa vào bằng lối đi bí mật.

-Thế này là thế nào? – Charlss nói trong bóng tối với một giọng bắt đầu có pha chút bực tức – Ta có phải là ngoáo ộp đâu mà nhìn thấy ta mọi người lại rối loạn lên như thế này? Nào, Henriot! Chú ở đâu! Trả lời đi!

"Chúng ta thoát rồi!" – Marguerite thì thầm và nắm lấy một bàn tay mà nàng tưởng là tay La Mole: -Đức vua tưởng chồng tôi là một trong những người dự tiệc.

-Và tôi sẽ để cho ông ta tưởng vậy, thưa bà, xin bà cứ yên lòng – Tiếng Henri đáp lại.

-Chúa ơi! – Marguerite thốt lên và hấp tấp buông vội bàn tay vua Navarre mà nàng đang cầm.

-Im lặng! – Henri bảo.

-Quỷ sứ! Các người làm sao mà cứ thì thầm mãi như thế? – Charles kêu lên – Henriot trả lời đi, anh ở đâu?Henriot?

-Tâu bệ hạ, tôi đây – Giọng vua Navarre đáp lại.

-Ma quỷ! Rắc rối rồi đây! – Coconnas nói trong khi vẫn đang nắm tay quận chúa de Nervers trong xó.

-Vậy chúng ta lại càng nguy – Henriette đáp.

Coconnas vốn can đảm đến độ bất cần, nghĩ rằng rốt cuộc thì vẫn cứ phải thắp nến lại và càng sớm có lẽ là càng tốt, nên chàng buông tay phu nhân de

Nervers, đến gần lò than, thổi vào một hòn than khiến nó bén lửa ngay lên bấc một ngọn nến.

Căn buồng sáng lên.

Charles IX đưa cặp mắt dò hỏi nhìn quanh.

Henri đang đứng gần vợ, quận chúa de Nervers đứng một mình trong góc và Coconnas tay cầm giá nến đứng giữa phòng soi sáng cho toàn cảnh.

-Cúi xin anh thứ lỗi – Marguerite nói – Chúng em không ngờ anh tới.

-Vì vậy nên, như bệ hạ thấy đấy. Người làm chúng tôi sợ khiếp lên được! – Henriette bảo.

-Về phần tôi, tôi nghĩ rằng tôi sợ đến nỗi khi đứng dậy tôi còn đánh đổ cả bàn – Henri đã đoán ra tất cả.

Coconnas ném sang phía vua Navarre một cái nhìn thán phục: "Rõ may! Quả là một ông chồng chỉ cần nói nữa lời đã hiểu hết."

-Lộn xộn mới khiếp chứ! – Charles nhắc lại – Bữa tối của chú bị đánh đổ rồi, Henriot. Đi theo ta, chú sẽ ăn tiếp ở chỗ khác, tối nay ta sẽ đãi chú thật linh đình.

-Thưa bệ hạ, sao cơ ạ? – Henri hỏi – Bệ hạ ban cho tôi vinh dự được…

-Ừ, bệ hạ ta đây ban cho chú cái vinh dự là đưa chú ra khỏi Louvre. Margot, cho ta mượn hắn nhé, sáng mai ta sẽ trả lại cho cô.

-Ôi thưa anh – Margot đáp – Anh chẳng cần phải xin phép em về việc đó, vì anh quả thực là chúa tể.

-Tâu bệ hạ – Henri nói – Tôi xin về phòng thay áo choàng và trở lại ngay.

-Chẳng cần đâu, Henriot. Áo chú thế kia là tốt rồi.

-Nhưng, thưa bệ hạ… – Anh chàng Bearnais cố nài.

-Ta đã bảo người đừng có quay trở về phòng người, khỉ ạ! Không nghe thấy ta nói gì à? Nào, đi thôi!

-Vâng, vâng, xin ông đi đi! – Marguerite đột nhiên nói và nàng siết cánh tay chồng, vì qua một ánh mắt khác thường của Charles, nàng nhận thấy có điều gì lạ đây.

-Thưa bệ hạ, tôi đi đây – Henri đáp.

Nhưng Charles lại đưa mắt nhìn Coconnas đang tiếp tục đóng vai người soi sáng và châm những ngọn nến khác lên.

-Nhà quý tộc này là ai? – Ông vừa hỏi vừa nhìn anh chàng Piémontais từ đầu tới chân – Liệu đây có phải là ông de La Mole không?

"Ai nói với ông ta với La Mole vậy kìa?" – Marguerite tự hỏi thầm.

-Thưa bệ hạ không" Henri đáp – Ông De Mole không có ở đây và tôi lấy làm tiếc vì nếu không thì tôi sẽ có vinh hạnh được giới thiệu ông ta cho bệ hạ cùng với ông de Coconnas bạn ông ta đấy. Đó là hai người bạn chí thân và cũng là người của ông d'Alençon.

-À à! Nhà thiện xạ cừ khôi của chúng ta! Được! – Charles nói.

Rồi ông cau mày, hỏi: -Cái ông de Mole ấy có phải là người Tân giáo không?

-Thưa bệ hạ, đã cải đạo rồi – Henri đáp – Và tôi xin đảm bảo về ông ta như về chính tôi.

-Henriot, sau những việc chú đã làm ngày hôm nay thì khi chú đảm bảo về ai, ta không có quyền được nghi ngờ về người đó nữa. Nhưng dầu sao thì ta cũng muốn biết mặt cái nhà ông de Mole ấy. Để sau vậy.

Vừa đưa cặp mắt to nhìn xoi mói gian phòng một lượt nữa, Charles ôm hôn Marguerite và khoác tay vua Navarre lôi đi.

Tới cổng Louvre, Henri muốn dừng lại nói chuyện với ai đó.

-Thôi nào! Đi ra nhanh lên, Henriot! – Charles bảo ông – Khi ta đã bảo chú là không khí ở Louvre tối nay không hợp với chú thì, chú phải tin ta chứ!

-Quỷ thần ơi! – Henri lẩm bẩm – Còn de Mouy, một mình trong phòng ta, anh ta sẽ ra sao đây? Miễn là cái không khí không lành với mình cũng đừng tệ hơn đối với anh ta.

-Ế này! – Khi Henri và Charles đã đi qua cầu treo, nhà vua nói, – Henriot, vậy chú thấy thoải mái khi người của ông d'Alençon tán tỉnh vợ chú hả?

-Thưa bệ hạ, tại sao thế?

-Ừ cái ông Coconnas không liếc mắt đưa tình cho Margot à?

-Ai nói với bệ hạ như vậy?

-Lạy Đức Mẹ! Có người bảo ta thế.

-Thưa bệ hạ, đó là lời hoàn toàn giễu cợt. Quả thực là ông de Coconnas có liếc mắt đưa tình thật, nhưng đó là với phu nhân de Nervers.

-Chậc!

-Tôi có thể cam đoan với bệ hạ về điều tôi vừa nói.

Charles phá lên cười bảo: -Này, quận công de Guise cứ việc đến nói dông dài với ta nữa đi, ta sẽ khoái chí mà kéo dài ria hắn ra bằng cách kể cho hắn nghe những chiến công của chị dâu hắn cho mà coi. Với lại – Nhà vua nghĩ lại và thêm – Ta cũng quên đi mất là không rõ hắn đã nói với ta về ông de Coconnas hay về ông De Mole.

-Thưa bệ hạ, chẳng phải ai hết, và tôi xin đảm bảo với bệ hạ về những tình cảm của vợ tôi.

-Được được, Henriot, ta thích thà chú như thế còn hơn. Thề danh dự chứ chú quả là một chàng trai trung thực đến mức ta thấy ta không thể thiếu chú được.

Nói xong, nhà vua huýt lên một điệu sáo đặc biệt. Bốn nhà quý tộc đợi ông ở đầu phố Beauvais tới nhập bọn và cả tốp người cùng đi vào thành phố.

Chuông điểm mười giờ.

-Thế nào? – Marguerite hỏi khi nhà vua và Henri đi khỏi – Chúng ta lại vào bàn chứ?

-Thôi, thôi! Không đâu – Quận chúa đáp – Mình sợ quá. Ngôi nhà nhỏ phố Cloche Percée muôn năm! Nếu ai không bao vây tấn công thì không thể vào được, và các chàng trai của chúng ta có quyền đấu gươm ở đó. Nhưng ông tìm gì vậy, ông de Coconnas?

-Tôi tìm anh bạn De Mole – Anh chàng Piémontais trả ởi.

-Ông tìm ở phía đằng phòng ngủ của tôi, ông ạ – Marguerite – chỉ dẫn – Ở đó có một cái buồng con…

-Được, tôi hiểu rồi – Coconnas đáp.

Và chàng bước vào phòng ngủ.

-Thế nào, tới đâu rồi? – Có giọng nói vang lên trong bóng tối.

-Ê mẹ kiếp! Chúng ta đang đến món tráng miệng.

-Thế còn vua Navarre?

-Ông ta chẳng nhìn thấy gì hết. Thật là một ông chồng tuyệt vời, mình mong bà vợ mình cũng kiếm được một ông như thế.

-Nhưng chắc bà ta chỉ có được ở đời chồng sau thôi.

-Thế còn vua Charles?

-À đức vua thì khác, Ngài đưa ông chồng đi rồi.

-Thật à?

-Đúng như mình nói đấy. Hơn nữa, Ngài đã ban cho mình một cái liếc ngang làm vinh dự cho mình khi biết mình là người của d'Alençon, rồi lại một cái liếc dọc khi biết mình là bạn cậu.

-Cậu nghĩ rằng người ta đã nói về mình với Ngài.

-Ngược lại, mình sợ rằng người ta tốt quá. Nhưng vấn đề chẳng phải ở chỗ đó, mình nhìn thấy hình như các bà phải đi hành hương ở phía phố Roi de Sicily và chúng mình phải dẫn đường cho các nữ hành hương.

-Nhưng, không thể được! … Cậu cũng biết đấy.

-Sao lại không thể được?

-Thế đấy ạ, hôm nay chúng ta phải trực tại cung điện hạ.

-Mẹ kiếp, ừ nhỉ. Mình toàn quên mất là chúng mình có cấp bậc và nếu trước đây chúng mình là quý tộc thì bây giờ chúng mình có vinh dự được đứng vào hàng đầy tớ rồi.

Và hai người bạn tới trình bày với hoàng hậu và quận chúa về việc họ cần thiết phải có mặt ít nhất là ở lễ đi nằm của ông quận công.

-Được – Phu nhân de Nervers nói – Chúng tôi cứ đi đường của chúng tôi.

-Thế có thể biết được các bà đi đâu không? – Coconnas hỏi.

-Ôi, mình thật tò mò quá.

Hai chàng trai cúi đầu chào và vội vàng lên chỗ ông d'Alençon.

Quận công có vẻ đang đợi họ trong phòng làm việc.

-A ha! Các ông đến chậm quá đấy – Ông bảo.

-Mới hơn mười giờ, thưa bệ hạ – Coconnas đáp.

Quận công rút đồng hồ ra.

-Ừ nhỉ, thế mà trong Louvre tất cả mọi người đều đi nằm rồi.

-Vâng, thưa điện hạ. Nhưng bây giờ thì chúng tôi chờ lệnh điện hạ. Có phải đưa vào phòng ngủ của điện hạ những vị quý tộc chầu lễ trước khi đi nằm của điện hạ không?[404]

-Ngược lại, các ông ra phòng nhỏ và cho tất cả mọi người lui.

Hai chàng tuân lời thực hiện mệnh lệnh. Lệnh đó chẳng làm ai ngạc nhiên vì họ biết rõ tính cách quận công. Rồi hai chàng quay lại chỗ quận công.

-Thưa bệ hạ – Coconnas hỏi – Chắc điện hạ sắp đi nằm hoặc làm việc tiếp phải không ạ?

-Không, các ông được nghỉ đến sáng mai.

-Nào – Coconnas thì thầm vào tai De Mole – Đêm nay hình như cả triều đình đều đi ngủ sớm cả. Đêm sẽ ngon lành lắm đây, chúng ta phải dành lấy phần đêm của chúng ta chứ!

Và hai chàng trai ba chân bốn cẳng trèo lên cầu thang, lấy áo choàng và kiếm dùng đêm của họ. Họ lao ra ngoài Louvre đuổi theo các bà và đuổi kịp ở góc phố Coq-Saint-Honoré.

Trong lúc đó, quận công d'Alençon mắt mở to, tai vểnh lên nghe ngóng, tự giam mình trong phòng chờ đợi những sự kiện bất thường mà người ta đã báo cho ông.

§34. Chúa an bài

Đúng như quận công đã nói với hai chàng trai, cung Louvre im lặng như tờ.

Quả thực, Marguerite và phu nhân de Nervers đã đi tới phố Tizon.

Coconnas và De Mole đuổi theo họ. Nhà vua và hoàng hậu đi bát phố. Quận công d'Alençon ở nhà trong nỗi chờ đợi mơ hồ đầy lo lắng về những sự kiện mà Thái hậu đã tiên báo cho ông. Cuối cùng là Catherine đã đi nằm còn phu nhân de Sauve đang ngồi đầu giường bà đọc một vài chuyện cổ nước Ý khiến bà hoàng nhân hậu ấy cười như nắc nẻ.

Đã lâu rồi chưa bao giờ Catherine lại vui thế này. Sau khi đã dùng tiệc rất ngon miệng với các mệnh phụ theo hầu, sau khi đã cho thầy thuốc xem bệnh và thanh toán sổ sách hàng ngày, bà ra lệnh cầu nguyện cho sự thành công của một công cuộc quan trọng đối với hạnh phúc của các con bà. Đó là thói quen của Catherine, suy cho cùng thì rất đúng theo phong tục của người Florentine, tức là trong một vài dịp bà cho cầu nguyện và dâng những lễ vật mà chỉ có Chúa và bà biết được mục đích mà thôi.

Sau cùng, bà gặp René, bà đã chọn một trong số những hộp hương phẩm và vô số những đồ linh tinh của y có nhiều thức mới.

-Cho người đi xem hoàng hậu Navarre con ta có nhà không – Catherine truyền – Nếu có nhà thì mời hoàng hậu tới đây chơi với ta.

Tên hầu nhận được lệnh lui ra và một lát sau quay trở lại cùng Gillonne.

-Này, ta cho đòi chủ chứ có đòi con hầu đâu – Thái hậu phán.

-Tâu lệnh bà – Gillonne đáp: -Con thiết tưởng rằng phải tự mình đến trình với lệnh bà rằng đức hoàng hậu Navarre đã rời cung cùng quận chúa de Nervers, bạn Người.

-Ra ngoài vào giờ này à? – Catherine cau mày hỏi – Hoàng hậu đi đâu vậy?

Lệnh bà đi dự một buổi luyện giả kim ở dinh de Guise trong khu phu nhân de Nervers ở – Gillonne đáp.

-Khi nào hoàng hậu về – Thái hậu hỏi tiếp.

Buổi luyện giả kim sẽ kéo dài rất khuya, nên chắc hẳn lệnh bà sẽ ở lại nhà bạn Người cho đến sáng ngày mai.

-Hoàng hậu Navarre sung sướng thật – Catherine lẩm bẩm – Con bé có bạn và nó là hoàng hậu. Nó mang vương miện và người ta gọi nó là lệnh bà, nó chẳng có thần dân, nó sung sướng thật.

Lời nói dỗi này khiến người nghe phải cười thầm, nhưng Catherine vẫn lẩm bẩm: -Suy cho cùng thì nó đã đi… Nó đã đi rồi, có đúng người bảo thế không?

-Tâu lệnh bà, từ nửa giờ nay rồi ạ.

-Thế thì càng hay. Thôi đi đi.

Gillonne chào và lui ra.

-Đọc tiếp đi, Charlotte – Thái hậu bảo.

Và phu nhân de Sauve đọc tiếp.

Được khoảng mươi phút, Catherine ngắt lời nàng.

-À mà này! Cho những người gác các sảnh đường lui đi.

Đó là hiệu lệnh mà Maurevel đang chờ.

Người ta thực hiện mệnh lệnh của Thái hậu và phu nhân de Sauve lại tiếp tục đọc câu chuyện của mình.

Nàng đã đọc được gần một khắc liền không nghỉ thì một tiếng kêu kéo dài khủng khiếp vang tới tận phòng Thái hậu và khiến những người ngồi đó phải sởn tóc gáy. Ngay sau đó có tiếng đạn súng nổ vang.

-Sao vậy? – Catherine hỏi – Tại sao khanh không đọc nữa, Charlotte?

-Tâu lệnh bà – Thiếu phụ tái mặt hỏi – Lệnh bà không nghe thấy gì ư?

-Nghe thấy gì? – Catherine hỏi.

-Tiếng kêu ấy à.

-Và cả tiếng súng tay nữa – Chỉ huy vệ binh nói thêm.

-Tiếng kêu, tiếng súng… – Catherine nói – Ta chẳng nghe thấy gì hết. Vả lại, có gì đáng lạ lắm đâu, một tiếng kêu với tiếng súng ở Louvre này? – Đọc đi thôi, Charlotte.

-Nhưng xin lệnh bà nghe xem – Phu nhân de Sauve nói, trong khi ông de Nancey tay sờ đốc kiếm mà không dám lui ra khi chưa có lệnh của Thái hậu – Có tiếng bước chân, tiếng chửi rủa.

-Tâu lệnh bà, tôi có phải đi xem tình hình không ạ? – Ông de Nancey hỏi.

-Không đâu, ông cứ ở đây – Catherine tỳ một bên tay nhổm người dậy tựa như để cho mệnh lệnh của mình có thêm sức mạnh – Nếu không thì ai bảo vệ ta khi có biến? Chắc lại là vài tên lính Thụy sĩ nào say rượu đánh nhau đấy thôi.

Vẻ bình thản của Thái hậu đối lại với niềm kinh hãi bao trùm lên toàn thể đám người này tạo nên một sự tương phản đáng kể đến nỗi dù rất rụt rè, phu nhân de Sauve nhìn bà chằm chằm với vẻ dò hỏi.

-Nhưng tâu lệnh bà – Nàng thốt lên – Dường như có người đang bị giết.

-Khanh bảo là giết ai mới được cơ chứ?

-Tâu lệnh bà, vua Navarre ạ, tiếng động vang từ phía khu phòng của Người.

-Con ngu này nhìn đâu cũng chỉ thấy có vua Navarre nhà nó. – Thái hậu lẩm bẩm. Mặc dù bà có sức chế ngự lớn lao đối với bản thân, đôi môi bà bắt đầu mấp máy một cách kỳ dị vì bà đang lẩm nhẩm một lời cầu nguyện.

-Lạy Chúa tôi! Lạy Chúa tôi! – Phu nhân de Sauve thốt lên và gieo người xuống ghế.

-Thôi, thôi, được rồi – Catherine tiếp lời nói với ông de Nancey – Quan chỉ huy, ta hy vọng rằng nếu có chuyện tai tiếng trong cung, ngày mai khanh sẽ cho

trừng phạt thật nặng những kẻ có tội. Đọc tiếp đi Charlotteta.

Và Catherine lại ngả người xuống gối với vẻ thản nhiên rất giống với sự suy sụp vì những người hầu cận nhận thấy nhiều giọt mồ hôi lăn trên gương mặt bà.

Phu nhân de Sauve tuân theo cái mệnh lệnh dứt khoát này, nhưng chỉ đôi mắt và giọng nói của nàng hoạt động mà thôi. Ý nghĩ lan man của nàng cho nàng thấy nguy cơ khủng khiếp đang treo trên mái đầu thân thương. Rốt cuộc, sau vài phút đấu tranh như vậy, nàng bị bóp nghẹt giữa xúc động và nghi thức quá đến nỗi giọng nàng yếu hẳn đi, sách tuột khỏi tay nàng và nàng ngất xỉu.

Đột nhiên, có tiếng va chạm ầm ầm mạnh mẽ vang lên, tiếng chân bước nặng nề vội vã làm rung chuyển hành lang, hai phát súng nổ làm rung cửa kính. Catherine ngạc nhiên vì cuộc chiến đấu quá kéo dài này, đứng thẳng dậy, tái mặt, mắt mở to. Vừa lúc viên chỉ huy vệ binh sắp lao ra ngoài, bà ngăn ông ta lại và nói: -Tất cả mọi người ở nguyên đây, chính ta sẽ đi xem có chuyện gì.

Sau đây là những điều đang xảy ra hay nói đúng hơn là đã xảy ra.

Buổi sáng, de Mouy đã nhận từ tay Orthon chiếc chìa khoá, của Henri. Trong chiếc khoá được khoan thủng này, chàng tìm thấy một tờ giấy cuộn tròn. Chàng bèn lấy kim băng lôi tờ giấy đó ra.

Đó là khẩu lệnh vào Louvre trong đêm tối.

Ngoài ra, Orthon đã truyền đạt nguyên vẹn những lời Henri mời de Mouy tới tìm ông vào mười giờ tối tại Louvre.

Chín giờ rưỡi, de Mouy mặc một chiếc áo giáp mà chàng đã nhiều dịp được thử độ chắc chắn của nó. Chàng khoác ra ngoài một chiếc áo chẽn lụa, đeo kiếm, cài súng tay vào thắt lưng và trùm ra ngoài chiếc choàng ngoài màu anh đào trứ danh của De Mole.

Chúng ta đã biết, trước khi về phòng mình, Henri thấy nên ghé thăm Marguerite và chàng ta đã đi lối cầu thang bí mật vào phòng đúng lúc vấp phải De Mole trong phòng ngủ của Marguerite và ông ta đã nhập vai De Mole dưới mắt vua Charles trong phòng ăn như thế nào. Cũng đúng vào lúc ấy, de Mouy qua ghi-sê ở Louvre nhờ khẩu lệnh do Henri gửi và nhất là nhờ chiếc áo choàng ngoài màu anh đào. Chàng lên thẳng phòng vua Navarre, vừa đi vừa ra sức bắt chước cái dáng đi của De Mole. Chàng gặp Orthon ở tiền phòng đang đợi chàng.

-Ngài de Mouy – Chú bé miền núi nói – Đức vua đã ra ngoài nhưng Người truyền cho tôi đưa ngài vào và bảo ngài chờ đức vua. Nếu hoàng thượng về muộn, Người mời ngài cứ việc lên giường mà nghỉ, như ngài biết đấy.

De Mouy bước vào chẳng đòi hỏi gì, vì Orthon chỉ nhắc lại những lời chú đã nói buổi sáng.

Để giết thì giờ, de Mouy lấy một cây bút và mực, chàng lại gần một tấm bản đồ nước Pháp cực tốt treo trên tường, bắt đầu đếm và chỉnh những chặng đường

từ Paris tới Pau. Nhưng công việc này chỉ làm hết có một khắc đồng hồ, xong việc de Mouy chẳng còn biết làm gì hơn nữa.

Chàng dạo hai ba vòng trong phòng, dụi mắt, ngáp, hết đứng lên lại ngồi xuống. Cuối cùng, tranh thủ lời mời mọc của Henri và được những lệ luật thân tình giữa các ông hoàng quý tộc của họ cho phép, chàng để súng và đèn lên bàn ngủ, duỗi dài người ra trên chiếc giường rộng với những tấm màn che màu sẫm ở cuối phòng. Chàng để thanh kiếm trận dọc người và tin chắc mình sẽ không để bị bất ngờ vì đã có một người hầu ở phòng ngoài. Chàng thả mình trong một giấc ngủ nặng nề, và chẳng mấy chốc tiếng ngáy đã vang lên sau rèm giường. De Mouy ngáy như một người lính thực thụ, về mặt này chàng có thể sánh được cả với chính vua Navarre.

Khi đó có sáu người[405] gươm cầm tay và dao giắt thắt lưng, lặng lẽ luồn vào trong hành lang có một cửa nhỏ thông với cung Thái hậu và một cửa lớn dẫn vào khu phòng của Henri.

Một người trong toán sáu người này đi trước. Ngoài thanh gươm tuốt trần và con dao găm chắc chắn như một con dao săn, y còn có thêm những khẩu súng tay bất ly thân đeo ở thắt lưng bằng những ghim bạc. Người đó là Maurevel.

Tới trước cửa nhà Henri, y dừng lại.

-Anh biết chắc là các lính gác trong hành lang đã đi rồi chứ? – Y hỏi tên cầm đầu nhóm người đó.

-Không còn tên nào đứng tại vị trí nữa – Viên trung uý đáp.

-Được Maurevel nói – Bây giờ chỉ còn phải biết một điều, đó là kẻ chúng ta tìm có nhà không?

-Nhưng, thưa ngài chỉ huy – Viên trung uý giữ lấy tay Maurevel đang đặt lên nắm đấm cửa – Khu phòng này là của Navarre.

-Có ai bảo là không phải đâu? – Maurevel đáp.

Bọn tay sai kinh ngạc nhìn nhau, viên trung uý lui lại một bước và nói: -Ô. Vào giờ này, tại Louvre, mà lại đi bắt một người nào đó trong khu phòng của đức vua Navarre ư?

-Thế anh sẽ bảo sao nếu ta nói là các anh sẽ bắt chính vua Navarre? – Maurevel hỏi.

-Thưa ngài chỉ huy, tôi sẽ nói đây là một việc nghiêm trọng, và nếu như không có một mệnh lệnh do chính đức vua Charles IX ký thì…

-Anh đọc đi! – Maurevel nói.

Và y lôi từ trong áo chẽn ra sắc lệnh do Catherine trao và đưa nó cho viên trung uý.

-Tốt lắm – Anh này trả lời sau khi đọc – Tôi không có gì phải nói nữa.

-Và anh sẵn sàng rồi chứ?

-Sẵn sàng.

-Còn các anh? – Maurevel tiếp tục hỏi năm người lính đầu sai kia.

Những người này kính cẩn cúi chào.

-Vậy xin các anh hãy nghe ta – Maurevel nói – Kế hoạch như sau: hai người trong số các anh ở lại bên cửa này, hai người ở chỗ cửa phòng ngủ, còn hai người nữa vào cùng ta.

-Sau đó thì sao? – Viên trung uý hỏi.

-Hãy nghe cho kỹ đây: chúng ta được lệnh ngăn không cho người tù gọi, kêu, kháng cự lại. Bất kỳ một sự vi phạm nào cũng giết.

-Thôi, thôi, ông ta được toàn quyền hành động rồi – viên trung uý nói với người được chỉ định đi cùng anh ta theo Maurevel vào chỗ nhà vua.

-Hoàn toàn đúng thế – Maurevel đáp.

-Tội nghiệp vua Navarre! – Một người nói – Sổ thiên tào trên kia hẳn đã viết rằng ông ta không thoát được.

-Và ở dưới trần này cũng thế – Maurevel nói và cầm lấy lệnh của Catherine từ tay viên trung uý, cất vào trong ngực mình.

Maurevel tra chiếc chìa khoá mà Catherine đã trao cho vào ổ khoá. Y để hai người ở cửa ngoài như đã định rồi cùng với bốn người kia bước vào tiền phòng

-A ha! Hình như chúng ta sẽ tìm được kẻ chúng ta cần đây. – Maurevel nói khi nghe thấy tiếng thở ồn ã của người đang ngủ mà âm thanh vang tới tận chỗ y.

Ngay lúc đó Orthon tưởng chủ về, tiến lại trước Maurevel và thấy mình đứng trước năm người có vũ trang đang chiếm phòng ngoài.

Nhìn thấy khuôn mặt khủng khiếp của cái gã Maurevel mà người ta gọi là "kẻ giết vua", người hầu trung thành bước lùi lại và đứng chắn trước cánh cửa thứ hai.

-Ông là ai? – Orthon hỏi – Ông muốn gì?

-Nhân danh đức vua – Maurevel đáp – Chủ mày đâu?

-Chủ tôi ư?

-Ừ vua Navarre đâu?

-Đức vua Navarre không có nhà – Orthon vừa nói vừa ra sức giữ cửa hơn bao giờ hết – Vậy các ông không thể vào được.

-Giả dối ư! – Maurevel nói – Nào, lui ra!

Nhưng người xứ Bearn vốn cứng đầu cứng cổ. Cậu bé gầm gừ như một con chó vùng rừng núi quê cậu và không hề nao núng.

-Các ông không được vào đây, đức vua đi vắng.

Và cậu bám chặt lấy cửa.

Maurevel phác một cử chỉ, bọn người kia túm lấy kẻ ương bướng lôi cậu ra khỏi khung cửa mà cậu đang bám vào. Và vì cậu bé mở mồm định kêu, Maurevel ắp tay lên mồm cậu ta.

Orthon điên cuồng cắn vào tay kẻ sát nhân khiến y rụt tay lại với một tiếng kêu gằn, y lấy chuôi kiếm đánh vào đầu người hầu. Orthon lảo đảo, ngã xuống và kêu: -Có biến! Có biến! Có biến!

Giọng cậu lịm đi và cậu bất tỉnh.

Những kẻ sát nhân bước qua thân Orthon, hai tên ở lại bên cánh cửa thứ hai này, còn hai tên khác được Maurevel dẫn vào phòng ngủ.

Dưới ánh ngọn đèn trên bàn ngủ, chúng nhìn thấy chiếc giường. Rèm giường kéo kín.

-Ô hô! – Viên trung uý nói – Tôi thấy hình như ông ta không ngáy nữa.

-Nào tiến lên! – Maurevel bảo.

Nghe thấy giọng nói này, một tiếng kêu khàn khàn giống tiếng nổ gầm hơn là giọng người vang lên từ phía sau những bức rèm.

Chúng được mở toang ra. Một người đàn ông mặc giáp sắt, trán che bằng một chiếc mũ sắt phủ kín đầu tới tận mắt, hai tay súng, gươm đặt trên đùi, hiện ra trong tư thế ngồi xổm.

Maurevel gần như chưa kịp nhìn rõ khuôn mặt này thì đã nhận ra de Mouy, và cảm thấy tóc tai dựng ngược. Mặt y tái đi một cách khủng khiếp, miệng ứa bọt và tựa như nhìn thấy một bóng ma, y lùi lại một bước.

Đột nhiên gương mặt vũ trang đứng dậy, tiến lên phía trước một bước đúng bằng bước lùi về phía sau của Maurevel khiến kẻ bị đe doạ có vẻ như truy đuổi, còn kẻ đe doạ dường như lại muốn lủi trốn.

-A! Đồ khốn nạn! – De Mouy nói với giọng khàn khàn – Mày định đến giết tao như mày đã giết cha tao!

Chỉ hai người trong đám lính đầu sai, tức là những tên cùng vào phòng nhà vua với Maurevel là nghe được những lời kinh khủng đó. Nhưng cùng lúc với những lời đó, khẩu súng tay được hạ xuống ngang tầm trán Maurevel. Maurevel quỳ sụp xuống đúng lúc de Mouy xiết tay cò. Viên đạn bắn đi do động tác của Maurevel một trong hai người thị vệ đứng sau Maurevel bị lộ cả người ra, bị đạn trúng tim ngã xuống. Cùng lúc đó Maurevel phản công lại, nhưng viên đạn đập vào áo giáp của de Mouy.

De Mouy lấy đà và tính khoảng cách rồi quật chéo thanh gươm to bản của mình, chém vỡ sọ người thị vệ thứ hai, rồi chàng quay lại giao kiếm với Maurevel.

Cuộc chiến đấu ác liệt nhưng ngắn ngủi. Đến đường kiếm thứ tư, Maurevel đã cảm thấy hơi lạnh của thép xuyên qua cổ họng, y thốt lên một tiếng kêu ngẹn ngào và ngã nhào về phía sau, đánh đổ luôn cả ngọn đèn khiến nó tắt ngấm.

Tức thì de Mouy lợi dụng bóng tối, mạnh mẽ và khéo léo như một anh hùng của Home, cắm đầu lao ra tiền phòng, húc ngã một người thị vệ, đẩy người kia ra và như một tia chớp lao qua giữa hai người lính giữ cửa ngoài. Hai phát đạn súng

tay bắn chàng đều găm vào tường hành lang và kể từ lúc đó chàng thoát vì chàng vẫn còn một khẩu súng tay lắp sẵn đạn, chưa kể thanh kiếm với những cú đánh như trời giáng.

Trong một thoáng de Mouy do dự không biết có nên trốn vào chỗ ông d'Alençon mà chàng thấy hình như cánh cửa vừa mở, hay chàng phải cố thử thoát khỏi Louvre. Chàng quyết định làm theo cách sau và lại tiếp tục cuộc chạy tuy có hơi chậm lại. Chàng nhảy một lúc mười bậc thang, tới được ghi-sê, nói khẩu lệnh, vừa lao ra ngoài vừa kêu to: -Lên trên kia đi, người ta đang giết người theo lệnh đức vua!

Lợi dụng sự bàng hoàng do những lời nói của mình kết hợp với tiếng súng tay gây ra trong trạm gác, chàng nhanh chân biến mất trong phố Gà Trống mà không hề sây sước gì.

Chính vào lúc đó Catherine ngăn viên chỉ huy vệ binh của mình và nói: -Ở lại đây, ta sẽ tự mình đi xem có việc gì xảy ra.

-Nhưng tâu lệnh bà, tôi phải theo hầu vì lệnh bà có thể gặp nguy hiểm.

-Cứ ở lại đây – Catherine nói với giọng oai nghiêm hơn lần trước – Ở lại. Có sự bảo trợ mạnh hơn cả gươm đao của người trần bao trùm lên các bậc đế vương.

Viên chỉ huy đành nghe lời.

Catherine cầm một ngọn đèn, xỏ đôi chân trần vào đôi hài nhung và ra khỏi phòng. Bà đi qua hành lang còn vương đầy khói súng, dửng dưng lạnh lùng như một cái bóng tiến về phía khu phòng của vua Navarre.

Tất cả đã trở lại yên tĩnh.

Tới cửa, Catherine nhìn thấy Orthon ngất lịm trong tiền phòng.

-A! – Bà nói – Đây vẫn là thằng hầu, xa hơn nữa chắc ta sẽ thấy ông chủ.

Và bà bước qua cửa thứ hai.

Tới đó, chân bà vấp phải một xác người, bà hạ thấp ngọn đèn: đó là xác người thị vệ bị vỡ sọ, anh ta đã chết.

Cách ba bước nữa là viên trung uý bị trúng một viên đạn và đang khò khè thở hơi cuối cùng.

Cuối cùng, trước giường là một người đàn ông mặt nhợt nhạt như người chết, máu chảy qua cả hai lỗ vết thương xuyên cổ, bàn tay co quắp đờ ra đang cố gượng dậy.

Đó là Maurevel.

Một cơn rùng mình chạy lan ra trong huyết quản Catherine. Bà thấy giường trống không. Bà nhìn quanh phòng và hoài công tìm kiếm trong số ba người nằm trong máu cái xác mà bà muốn tìm.

Maurevel nhận ra Catherine, mắt y trợn trừng kinh hãi và y vươn về phía bà một cử chỉ tuyệt vọng.

-Thế nào? – Catherine thì thầm hỏi – Hắn đâu. Hắn ra sao rồi? Đồ khốn kiếp? Người để nó thoát rồi ư?

Maurevel cố bập bẹ vài lời, nhưng chỉ có tiếng rít không ra âm điệu gì lọt ra khỏi vết thương của y. Một thứ bọt đỏ ngầu sùi ra bên mép y và y lúc lắc đầu chứng tỏ sự bất lực và đau đớn – Nhưng nói đi, nói đi chứ! Nói cho ta nghe một câu thôi cũng được!

Maurevel chỉ vào vết thương của mình, thốt ra vài tiếng ú ớ nữa, cố gắng và chỉ thốt ra được một tiếng khò khè khàn khàn rồi ngất di.

Catherine bèn nhìn quanh: quanh bà chỉ có xác chết và người đang hấp hối, máu chảy tràn lan trong phòng và sự yên lặng chết chóc đè lên toàn bộ cảnh đó

Bà lại nói với Maurevel một lần nữa, nhưng không làm cho y tỉnh được. Lần này, không những y câm lặng mà còn bất động nữa. Có một tờ giấy lộ ra ngoài áo chẽn của y, đó là lệnh bắt người do nhà vua ký. Catherine vồ lấy tờ lệnh và giấu vào ngực áo.

Lúc đó Catherine nghe có tiếng sột soạt trên sàn nhà phía sau mình. Bà quay lại và thấy đứng ở cửa phòng là quận công d'Alençon dù không muốn cũng đã bị tiếng ồn lôi tới và cái cảnh trước mắt khiến ông như bị thôi miên.

-Anh ở đây à? – Thái hậu hỏi.

-Thưa lệnh bà vâng. Lạy Chúa, có chuyện gì xảy ra vậy?

-Quay trở về phòng anh, François, và anh sẽ sớm biết tin này.

D Alençon không hề mù mịt về chuyện này như Catherine tưởng. Ông ta đã nghe ngay từ khi có những tiếng chân đầu tiên vang lên trong hành lang. Thấy có người vào khu phòng vua Navarre, ông đã liên hệ việc này với những lời nói của Catherine và đoán ra những điều sắp xảy tới, bụng như mở cờ khi thấy một người bạn nguy hiểm đến thế lại được trừ khử đi bằng một bàn tay mạnh hơn bàn tay ông ta nhiều.

Chẳng mấy chốc những phát đạn, tiếng chân vội vã của người chạy trốn đã thu hút sự chú ý của ông, và ông thấy biến đi trong khoảng sáng của cánh cửa cầu thang, một chiếc áo măng-tô đỏ mà do quá quen thuộc nên ông không thể không nhận ra.

-De Mouy! – Ông thốt lên – De Mouy ở nhà ông anh rể de Navarre của ta – Không! Không thể được! Hay là ông de La Mole?

Nỗi lo âu xâm chiếm lấy quận công. Ông nhớ lại rằng chàng thanh niên được chính Marguerite tiến cử cho mình và ông muốn biết chắc có phải chàng vừa chạy qua không. Quận công nhanh nhẹn leo lên phòng của hai chàng trai? Phòng trống không. Nhưng trong một góc phòng, ông thấy có treo chiếc áo măng-tô màu anh đảo nổi tiếng. Mối nghi ngờ của ông được củng cố; vậy không phải là De Mole mà là de Mouy.

Vầng trán nhợt nhợt, lòng lo sợ chàng trai Tân giáo bị phát giác và để lộ những điều bí mật của cả một âm mưu, quận công lao ra ghi-sê của Louvre. Ở đó ông được biết rằng chiếc áo măng-tô anh đào đã bình yên thoát nạn và bảo rằng trong Louvre người ta đang giết nhau theo lệnh đức vua.

"Hắn nhầm – d'Alençon lẩm bẩm – Theo lệnh Thái hậu đấy chứ."

Lúc quay trở về nơi xảy ra cuộc chiến ông thấy Thái hậu đang thơ thẩn như loài sói giữa đám người chết.

Theo lệnh mẹ, chàng thanh niên trở về phòng, giả đò như phục tùng và bình thản mặc dù những ý nghĩ sôi động đang khuấy đảo đầu óc chàng ta.

Catherine tuyệt vọng vì ý đồ mới này của mình lại bị thất bại. Bà cho gọi viên chỉ huy vệ binh, sai đưa các xác chết đi, truyền cho đưa Maurevel vốn chỉ bị thương về nhà y và ra lệnh không được đánh thức nhà vua dậy.

"Ôi lần này nó cũng lại thoát – Bà lẩm bẩm khi trở về phòng, đầu cúi gục xuống – Bàn tay của Chúa dung thứ cho kẻ này. Hắn sẽ trị vì! Hắn sẽ trị vì!"

Và vừa mở cửa phòng bà vừa đưa tay lên trán cố tạo ra một nụ cười xoàng xĩnh.

-Tâu lệnh bà, có chuyện gì vậy? – Tất cả những người hầu đều lên tiếng hỏi, trừ phu nhân de Sauve, vì sợ hãi quá nên nàng không sao cất lời được.

-Không có gì – Catherine đáp – Có tiếng động chỉ thế thôi.

-Ôi! – Đột nhiên phu nhân de Sauve thốt lên và đưa ngón tay chỉ vào lối Catherine đi qua – Lệnh bà bảo không có gì hết ư?

Nhưng mỗi bước đi của Người đều để lại dấu vết trên thảm kìa!

§35. Đêm của vua chúa

Trong lúc đó Charles IX và Henri khoác tay đi bên nhau, có bốn quý tộc theo hầu, đi trước là hai người cầm đuốc.

-Khi ta ra khỏi Louvre – Ông vua đáng thương nói – Ta cảm thấy một niềm thích thú tựa như khi ta vào trong một khu rừng tươi đẹp. Ta thở, ta sống, ta được tự do.

Henri mỉm cười nói: -Vậy chắc bệ hạ sẽ rất thích khi được ở vùng núi rừng Bearn.

-Đúng, và ta cũng hiểu là chú thèm khát được quay về đó. Nhưng Henriot này, nếu niềm mong muốn giày vò chú dữ quá thì hãy cẩn thận – Charles vừa cười vừa nói thêm – Đó là lời ta khuyên chú, vì mẹ ta yêu quý chú lắm nên tuyệt đối không thể thiếu chú được.

-Tối nay bệ hạ định làm gì? – Henri lái nhà vua ra khỏi câu chuyện nguy hiểm này.

-Ta muốn dẫn chú đi làm quen, chú sẽ nói cảm tưởng cho ta hay.

-Tôi xin tùy lệnh bệ hạ.

-Rẽ phải, rẽ phải. Chúng ta tới phố Barres.

Hai vị vua có đám tuỳ tùng theo sau đã đi qua phố Savonnerie đến ngang dinh Condé. Họ thấy có hai người quấn mình trong những chiếc áo choàng rộng đi qua một cánh cửa giả mà một trong hai người đang đóng lại không tiếng động.

-Ô hô! – Charles bảo Henri, ông này cũng nhìn nhưng theo thói quen chẳng nói năng gì – Đáng để ý đấy.

-Tại sao bệ hạ lại nói vậy? – Vua Navarre hỏi.

-Không phải nói chú đâu, Henriot. Chú tin chứ – Charles mỉm cười – Nhưng ông em họ de Condé của chú lại không tin ở vợ mình, hoặc nếu hắn tin thì hắn nhầm. Quỷ tha ma bắt hắn đi!

-Nhưng thưa bệ hạ, ai bảo với Người rằng hai ngài kia tới thăm phu nhân de Condé?

-Linh cảm thôi. Chúng đứng im, nép vào cửa từ khi nhìn thấy chúng ta, chúng không cựa quậy gì, với lại cái kiểu áo choàng của cái gã nhỏ con hơn… Mẹ kiếp! Quái thật đấy!

-Sao cơ ạ?

-Không, ta nảy ra một ý, có thế thôi. Tiến lên đi nào.

Và ông tiến thẳng về phía hai người nọ. Thấy rõ là người ta muốn kiếm chuyện với họ, hai người kia bước vài bước định đi.

-Bớ này các ngài, đứng lại! – Nhà vua kêu.

-Nói với chúng ta phải không? – Tiếng một người hỏi lại khiến Charles và Henri giật mình.

-Thế nào, Henriot, giờ chú đã nhận ra giọng nói ấy chưa? – Nhà vua hỏi.

-Tâu bệ hạ, nếu quận công d'Anjou hoàng đệ không ở thành La Rochelle thì tôi dám thề rằng chính ông vừa nói xong.

-Này, hắn không hề ở La Rochelle, đơn giản lắm.

-Nhưng ai đi cùng ông ta vậy?

-Chú không nhận ra gã đi cùng à?

-Thưa bệ hạ không.

-Vậy mà tầm vóc hắn thì không thể lẫn vào đâu được. Chờ đã, chú sẽ nhận ra ngay… Bớ này! Ê! Ta bảo các người! – Charles nhắc lại – Mẹ kiếp! Chứ các người không nghe thấy à?

-Anh có phải đội tuần tra không mà giữ chúng ta lại? – Người cao lớn hơn hỏi và vươn tay ra ngoài những nẹp li choàng của y.

-Cứ coi chúng ta là tuần tra đi – Charles nói – Và khi người ta ra lệnh thì các anh phải dừng lại.

Rồi ông nghiêng mình nói vào tai Henri: -Chú sẽ thấy hỏa diệm sơn phun lửa nhé.

-Các anh có tám người, nhưng dù các anh có cả trăm cũng cút đi – Người cao lớn hơn nói, lần này để lộ không những tay mà cả mặt ra nữa.

-A, ra là quận công de Guise! – Henri thốt lên.

Người ta thấy người kia khi nghe những lời ấy, quấn mình trong áo choàng và đứng im sau khi đã nhấc mũ tỏ lòng tôn kính.

-Thưa bệ hạ – Quận công de Guise trình bày – Tôi vừa tới thăm phu nhân de Condé chị dâu tôi.

-Được, và anh mang theo một trong số các quý tộc của anh. Ai vậy?

-Tâu bệ hạ, Người không biết ông ta.

-Thì chúng ta sẽ làm quen với nhau chứ sao.

Và Charles tiến thẳng tới người kia đồng thời ra hiệu cho một trong hai người hầu áp sát đuốc lại.

-Thưa vương huynh, xin thứ lỗi! – Quận công d'Anjou vừa nói vừa mở chéo áo măng-tô và nghiêng mình thi lễ với vẻ bực tức không giấu nổi.

-A ha! Ra chú đấy hả, Henri?… Không, không thể được, ta nhầm… d'Anjou, em ta sẽ không bao giờ đi thăm ai trước khi đến thăm chính ta. Hắn không phải không biết rằng đối với những ông hoàng thuộc dòng huyết thống khi về kinh đô chỉ có một cánh cửa: đó là ghi-sê ở Louvre.

-Thưa bệ hạ, xin tha lỗi – Quận công d'Anjou nói – Tôi cúi xin Người lượng thứ cho điều khinh suất của tôi.

-Vâng ạ – Charles giễu cợt đáp – Thế ông làm gì ở dinh Condé thế hở ông em?

-Ồ, làm cái điều mà bệ hạ vừa nói lúc nãy đấy thôi.

Vua Navarre nói với vẻ láu lỉnh, nghiêng người bên tai Charles, ông kết thúc nốt câu nói và cười phá lên.

-Gì nào? – Quận công de Guise cao ngạo cất giọng, vì như mọi người trong triều, ông ta đã có thói quen đối xử khá thô bạo với cái ông vua Navarre tội nghiệp này – Sao tôi lại không đi thăm chị dâu tôi nhỉ? Ông quận công d'Alençon chẳng cũng đi thăm chị dâu mình đó sao?

Henri hơi đỏ mặt.

-Chị dâu nào? – Charles hỏi – Ta không thấy hắn có chị dâu nào khác ngoài hoàng hậu Elisabeth.

-Xin bệ hạ tha lỗi, tôi muốn nói là chị thôi. Cách đây nửa giờ, khi chúng tôi tới đây, chúng tôi thấy lệnh bà Marguerite đi kiệu qua và có hai chàng công tử chạy hai bên cửa kiệu.

-Thật ư? – Charles hỏi – Anh nói sao về việc này, Henri?

-Hoàng hậu Navarre được tự do muốn đi đâu là tuỳ ý bà nhưng tôi e rằng bà ta không ra khỏi Louvre.

-Còn tôi, tôi tin chắc là bà ta đã ra phố – Quận công de Guise nói.

-Tôi cũng vậy – Quận công d'Anjou thốt lên, cụ thể là chiếc kiệu đó dừng lại ở phố Cloche Percée.

-Nếu thế thì chị dâu của ông không phải bà này, – Henri vừa nói vừa trỏ dinh Condé – Mà là bà kia – Và ông đưa tay chỉ về phía dinh de Guise – Cũng cùng đi, vì chúng tôi để họ ở lại cùng nhau, và như ông biết đấy, họ là đôi bạn chí thân.

-Tôi không hiểu ý hoàng thượng định nói gì – Quận công de Guise đáp.

-Ngược lại, rõ quá rồi – Nhà vua phán – Vì thế nên mỗi bên cửa kiệu lại có một thằng công tử chạy theo.

-Thế này – Quận công đề nghị – Nếu có chuyện tai tiếng về phần hoàng hậu và về phần các chị dâu của tôi, chúng ta hãy xin công lý của thánh thượng giải quyết cho việc đó.

-Này! Thôi – Henri đáp – Để mặc các bà de Condé và de Nervers đấy. Đức vua không lo ngại gì về em gái Người… và tôi tin vợ tôi.

-Không! Không – Charles nói – Ta muốn mọi chuyện rõ ràng. Nhưng chúng ta hãy tự mình giải quyết lấy công chuyện của mình. Ông em họ ơi, anh bảo là chiếc kiệu dừng lại ở phố Cloche Percée phải không?

-Tâu bệ hạ, vâng.

-Liệu anh có nhận ra nơi đó không?

-Tâu bệ hạ có.

-Thế thì chúng ta tới đây. Nếu cần phải đốt nhà để biết được kẻ nào ở trong đó thì ta cũng đốt.

Với những ý định khá là đáng ngại cho các đương sự như vậy, bốn ông hoàng chủ chốt của thế giới thiên chúa giáo bắt đầu đi vào phố Saint-Antoine.

Bốn vị vương hầu tới phố Cloche Percée. Charless muốn việc trong nhà phải đóng cửa bảo nhau bèn cho lui các nhà quý tộc tùy tùng cho phép họ tùy nghi sử dụng phần đêm còn lại nhưng phải có mặt ở gần ngục Bastille vào sáu giờ sáng hôm sau cùng với hai con ngựa.

Phố Cloche Percée chỉ có ba ngôi nhà. Cuộc tìm kiếm cũng dễ dàng hơn vì hai trong số các ngôi nhà đó không gây khó dễ gì khi mở cửa đó là các nhà liền với phố Saint-Antoin và phố Vua Sicily.

Còn ngôi nhà thứ ba thì lại khác: nó do một người gác cổng người Đức coi giữ, mà gác cổng người Đức lại là kẻ khó nói chuyện phải quấy. Đêm đó, Paris dường như muốn nêu lên những tấm gương đáng ghi nhớ nhất về lòng chung thuỷ của đám gia nhân.

Tha hồ cho ông de Guise đe doạ bằng thứ tiếng saxon trong sáng nhất, tha hồ cho Henri d'Anjou đưa tặng đến cả túi đầy vàng, tha hồ cho Charles cố gắng đến độ tự nhận mình là viên trung uý đội tuần tra, gã người Đức trung thực chẳng đếm xỉa gì đến cả lời tuyên bố, cả tiền biếu lẫn những lời đe doạ. Nhận thấy người ta bám dai đến mức khó chịu y bèn luồn qua những thanh chắn sắt một mũi súng hỏa mai. Việc biểu diễn đó chỉ khiến cho ba trong số bốn người khách phì cười – Henri de Navarre đứng tách biệt hẳn ra tựa như việc này không dính líu gì tới ông – vì ngọn súng đó do không thể chúc lên chúc xuống trong những chấn song sắt được nên chỉ có thể nguy hiểm cho kẻ mù nào lại đứng trước nó mà thôi.

Thấy không thể đe doạ mua chuộc hay làm xiêu lòng được người gác cổng, quận công de Guise giả vờ cùng đồng bọn bỏ đi Nhưng cuộc rút lui không kéo dài lâu. Tới góc phố Saint-Antoine, quận công tìm thấy cái mà ông muốn: đó là một tảng đá to như những tảng đá mà Ajax, Télamonv àt Diomède đã từng nâng ba ngàn năm trước đây. Quận công vác tảng đá lên vai quay trở lại và ra hiệu cho những người cùng đi theo ông.

Vừa lúc đó, người gác cổng thấy những kẻ mà y coi là bọn trộm cướp bỏ đi, bèn đóng cổng lại nhưng chưa kịp đẩy then cài Quận công de Guise tranh thủ lúc ấy: tựa như một cỗ súng bắn đá sống động, ông ném tảng đá vào cánh cửa. Ô chốt bay mất, mang theo cả mảnh tường mà nó được chôn vào đó. Cánh cổng mở ra xô ngã gã người Đức. Vừa ngã, y vừa báo động cho đội quân đồn trú trong nhà bằng một tiếng kêu khủng khiếp.

Không có tiếng kêu đó, những người này dễ có nguy cơ bị bất ngờ.

Vào chính lúc đó, de Mole đang cùng Marguerite dịch một bài thơ tình của Théocrite, còn Coconnas đang cùng Henriette uống lu bù rượu nho Syracuse với cái cớ rằng rượu này cũng là của Hy Lạp, không hơn, không kém.

Cuộc mạn đàm khoa học và cuộc mạn đàm ma men bị ngắt quãng một cách thô bạo.

Tắt nến, mở cửa sổ, rồi lao ra ban công, nhận ra có bốn người trong bóng tối, ném lên đầu họ tất cả những thứ gì vớ được trong tay, gây ra những tiếng ầm ĩ bằng cách đập mặt kiếm vốn chỉ với được đến tường… đó là việc mà De Mole và Coconnas lao vào làm ngay lập tức. Charles, người hăng máu nhất trong đám những kẻ tấn công, nhận được một bình đựng nước bằng bạc vào vai. Quận công d'Anjou được tặng một chiếc liễn đựng mứt cam và thanh yên, còn quận công de Guise một góc đùi thịt thú rừng.

Henri chẳng được gì. Ông đang thì thầm tra hỏi người canh cổng mà ông de Guise đã trói vào cửa. Y trả lời vẫn bằng câu đáp muôn thuở: -Tôi không biết gì hết.

Các phu nhân động viên những người bị bao vây và chuyến cho họ các loại đạn dược. Chúng rơi xuống tiếp theo nhau như mưa đá.

-Thề có quỷ sử! – Charles hét lên khi bị một chiếc ghế con rơi trúng khiến mũ ông sụp xuống tận mũi – Mở ra cho ta mau! Nếu không ta cho treo cổ cả lũ chúng bay trên đó bây giờ.

-Anh tôi! – Marguerite nói nhỏ với La Mole.

-Đức vua! – Chàng này nói với Henriette.

-Đức vua! Đức vua! – Nàng này lại nói với Coconnas lúc đó đang lôi một chiếc rương ra cửa sổ, chàng định tiêu diệt quận công de Guise mà dù không biết nhưng chàng đặc biệt muốn cho tiêu Đức vua đấy! Tôi bảo mình kìa!

Coconnas buông chiếc rương ra nhìn với vẻ ngạc nhiên: -Đức vua à? – Chàng hỏi.

-Ừ, đức vua.

-Vậy thì rút lui đi thôi.

-Ê! De Mole với Marguerite chẳng đã rút rồi là gì! Đi nào.

-Đi bằng lối nào?

-Cứ đi đã bảo mà.

Henriette cầm tay Coconnas kéo đi theo lối cửa bí mật thông sang nhà bên cạnh và sau khi đóng cửa lại cả bốn người trốn đi qua lối phố Tizon.

-Ô hô! – Charles – Ta thấy hình như quân đồn trú đầu hàng thì phải.

Họ đợi vài phút nữa, nhưng không một tiếng động nào vọng tới tai những người bao vây.

-Chúng chuẩn bị mưu đồ gì đây? – Quận công de Guise nói.

-Hay là chúng nhận ra giọng anh tôi và chuồn rồi – Quận công d'Anjou bảo.

-Thế thì chúng vẫn phải đi qua lối này chữ – Charles nói.

-Vâng – Quận công d'Anjou lại bàn – Nếu như nhà không có hai lối cửa.

-Ông em họ, vác lấy tảng đá và lại nện cửa như ban nãy đi. – Nhà vua sai.

Quận công nghĩ không cần thiết phải sử dụng những cách thức như thế, ông đã nhận thấy cánh cửa thứ hai này không chắc chắn bằng cánh cửa thứ nhất nên chỉ cần một cú đạp ông đã phá tung được cửa.

-Đuốc đâu! Đuốc đâu! Nhà vua kêu lên.

Người hầu tiến lại. Đuốc đã tắt, nhưng họ mang theo tất cả những thứ cần để thắp lại đuốc. Họ thắp lửa, Charles cầm một ngọn đuốc và chuyển ngọn kia cho quận công d'Anjou.

Quận công de Guise đi đầu, gươm lăm lăm trong tay.

Henri đi đoạn hậu.

Họ tới tầng một.

Trong phòng ăn, bữa tối đã được dọn lên, hay nói đúng hơn là đã được dọn đi vì chính nó đã trở thành các thứ đạn ném. Các chân nến bị lật đổ, đồ đạc lộn tùng phèo, và tất cả những gì không phải là đồ ăn bằng bạc đều vỡ tan tành.

Họ sang phòng khách. Ở đó cũng chẳng mảy may có chỉ dẫn gì về tính cách các nhân vật hơn ở phòng đầu. Một số sách tiếng Hy Lạp và Latinh, vài nhạc cụ, đó là tất cả những gì họ tìm được.

Phòng ngủ lại còn câm lặng hơn nữa. Một ngọn đèn đêm leo lét trong một quả cầu ngọc thạch treo trên trần nhà, nhưng thậm chí hình như chưa ai bước vào phòng này.

-Phải có một lối đi thứ hai – Nhà vua phỏng đoán.

-Chắc thế – Quận công d'Anjou tán đồng.

-Nhưng, ở đâu mới được? – Quận công de Guise hỏi.

Họ tìm khắp nơi mà không sao thấy lối đi đó.

-Tên gác cổng đâu? – Nhà vua hỏi.

-Tôi đã trói nó vào hàng rào – Quận công de Guise đáp.

-Anh tra khảo nó đi.

Chắc hắn không chịu trả lời đâu.

-Chậc, ta sẽ thắp cho hắn một ngọn lửa nhỏ thật khéo quanh chân – Nhà vua vừa nói vừa cười – Và hắn sẽ phải nói thôi.

Henri vội vàng nhìn qua cửa sổ và bảo: -Không có hắn ở đây nữa rồi kìa.

-Ai thả cho nó? – Quận công de Guise hấp tấp hỏi.

-Mẹ khỉ! – Nhà vua kêu lên – Chúng ta vẫn chưa biết được gì!

-Quả thật như bệ hạ thấy đấy – Henri nói – Chẳng có gì chứng tỏ rằng vợ tôi và chị dâu ông de Guise đã ở trong ngôi nhà này cả.

-Có thế thật – Charless đáp – Thánh thư dạy ta rằng: có ba vật không để lại dấu tích gì: chim trên trời, cá trong nước và đàn bà… không, ta nhầm, đàn ông

ở…

-Vậy thì điều chúng ta nên làm nhất là… – Henri ngắt lời.

-Ừ ta phải chăm sóc vết toạc của ta – Charles nói – Còn anh d'Anjou, phải đi chùi món sirô cam của anh. Còn anh, Guise, anh phải đi tẩy vết mỡ lợn rừng đi.

Nói đoạn họ ra khỏi nhà mà chẳng thèm đóng cửa lại.

Đến phố Saint-Antoine, nhà vua nói với quận công d'Anjou và quận công de Guise: -Các anh đi đâu?

-Thưa bệ hạ, ông em de Lorraine và tôi, chúng tôi đến nhà Nantouillet, ông ta đợi chúng tôi để dùng bữa tối, bệ hạ có vui lòng đi cùng chúng tôi không?

-Không, cám ơn. Chúng tôi đi về phía ngược lại. Các anh có muốn lấy một người cầm đuốc của ta không?

-Thưa bệ hạ, chúng tôi cảm ơn người – Quận công d'Anjou hấp tấp thưa.

-Được hắn sợ ta do thám hắn đấy – Charless thì thầm vào tai Navarre.

Rồi nắm lấy cánh tay ông này, nhà vua phán: -Đi nào, Henriot, ta đãi chú tối nay.

-Vậy chúng ta không về Louvre – Henri hỏi.

-Không, ta đã bảo mi rồi, đồ ương bướng! Đi theo ta, ta đã bảo đi là đi.

Và ông kéo Henri đi qua phố Geoffroy-Lasnier.

§36. Cách đảo chữ

Giữa phố Geoffroy-Lasnier có một đầu trổ ra của phố Garnier-sur-l'Eau và đầu kia phố Garnier-sur-l'Eau thông ra giữa phố Barres.

Từ đó, đi vài bước về phía phố Mortellerie, người ta thấy bên tay phải có một ngôi nhà nhỏ đơn độc nằm giữa một khu vườn kín cổng cao tường và chỉ có một cửa ra vào.

Charles rút trong túi ra một chiếc chìa khoá, mở cửa. Cửa chỉ được đóng bằng chốt khoá mở ra ngay lập tức. Sau khi để cho Henri và người hầu cầm đuốc bước vào, Charles đóng ngay lại. Chỉ có mỗi một cánh cửa sổ con là được thắp sáng. Charles đưa tay chỉ cửa sổ và mỉm cười với Henri.

-Thưa bệ hạ, tôi không hiểu – Ông này nói.

-Chú sẽ hiểu, Henri ạ.

Vua Navarre ngạc nhiên nhìn Charles. Giọng nói, vẻ mặt Charles mang một vẻ dịu dàng khác xa với tính cách thường ngày của diện mạo ông đến nỗi Henri khó mà nhận ra.

-Henriot, ta đã nói với chú rằng khi ta ra khỏi Louvre, ta ra khỏi địa ngục. Khi ta vào đây là ta vào được thiên đường.

-Thưa bệ hạ, tôi vui mừng thấy được bệ hạ coi là xứng đáng để cho tôi cùng đi lên thiên đường với Người.

-Đường đi chật hẹp lắm – Nhà vua vừa nói vừa lách vào một cầu thang nhỏ bé – Thực tế đó để cho sự so sánh càng giống hơn.

-Và vị thiên thần nào canh giữ vườn Địa đàng của Người vậy, thưa bệ hạ?

-Chú sẽ thấy – Charles đáp.

Ông ra hiệu cho Henri nhẹ chân đi theo ông, rồi đẩy một cánh cửa, rồi cánh cửa thứ hai và dừng lại trên ngưỡng cửa.

-Chú nhìn xem – Ông nói.

Henri tiến lại gần và dừng mắt lại trên một trong những bức tranh dễ thương nhất mà ông đã từng được xem.

Một người đàn bà khoảng mười tám, mười chín tuổi đang ngủ đầu tựa lên chân giường của một đứa trẻ cũng đang ngủ, hai tay nàng nắm lấy đôi chân bé nhỏ kê lại gần môi mình trong khi mớ tóc dài gợn sóng của nàng xoã ra như một ngọn sóng óng vàng. Người ta tưởng chừng như đây là một bức tranh của Albane vẽ Đức mẹ đồng trinh và Chúa hài đồng.

-Ồ thưa bệ hạ, cô gái dễ thương này là ai đây?

-Thiên thần của thiên đường ta đấy Henriot ạ, người duy nhất đã yêu ta chỉ vì bản thân ta thôi.

Henri mỉm cười.

-Đúng, chỉ vì ta, nàng đã yêu ta trước khi biết ta là vua.

-Và từ khi nàng biết rồi thì sao?

-Thế này, từ khi nàng biết – Charles vừa nói vừa thở dài chứng tỏ đôi khi cái cánh vương giả đẫm máu này cũng đè nặng lên ông – Từ khi nàng biết, nàng vẫn yêu, đây, chú cứ thế xét đoán xem.

Nhà vua nhẹ nhàng tiến lại đặt lên gò má đỏ hồng của thiếu phụ một cái hôn nhẹ như cái hôn của con ong với bông huệ. Vậy mà thiếu phụ vẫn tỉnh dậy.

-Charles! – Nàng thì thầm và mở mắt.

-Chú thấy chưa, nàng gọi ta là Charlss. Hoàng hậu cũng còn gọi là ta bệ hạ kia.

-Ô – Thiếu phụ thốt lên – Mình không đến một mình ư, ông vua của em.

-Không Marie ạ. Ta muốn dẫn đến bên em một ông vua còn sung sướng hơn ta, vì hắn không có ngai vàng, bất hạnh hơn ta, vì hắn không có một nàng Marie Touchet. Chúa bù đắp cho mọi sự mà.

-Tâu bệ hạ, có phải là đức vua Navarre chăng? – Marie hỏi.

-Chính hắn, em ạ. Lại gần đây, Henriot.

Vua Navarre tiến lại gần, Charles nắm lấy bàn tay phải của ông và nói: -Nhìn bàn tay này. Marie, đây là tay một người anh em thân thiết và của một người bạn trung thực. Nếu không có bàn tay này, em có biết không…

-Thưa bệ hạ, sao cơ?

-Này nhé, không có bàn tay ấy thì hôm nay con chúng ta không còn cha nữa, Marie ạ.

Marie vụt kêu lên, nàng quỳ xuống, nắm lấy tay Henri và hôn lên đó.

-Được lắm, Marie, được lắm – Charles nói.

-Thưa bệ hạ, Người đã làm gì để trả ơn ông ta?

-Ta đã trả lại cho hắn bằng thế.

Henri ngạc nhiên nhìn Charles.

-Có ngày chú sẽ biết được điều ta muốn nói, Henriot ạ. Trong khi chờ đợi, đến đây xem.

Và ông lại gần giường nơi đứa trẻ đang ngủ: -Ê này, nếu cái thằng cu béo núc này ngủ ở Louvre chứ không phải ở đây, trong căn nhà nhỏ phố Barres này, thì điều đó sẽ làm thay đổi biết bao sự việc trong hiện tại và có thể là cả trong tương lai nữa[406].

-Tâu bệ hạ – Marie đáp – Xin mạn phép thánh thượng chứ thiếp thấy con ngủ ở đây ngon hơn.

-Vậy chúng ta đừng phá giấc ngủ của nó – Charles nói – Ngủ mà không mơ màng gì mới tuyệt làm sao!

-Vậy thì, thưa bệ hạ – Marie vừa nói vừa chỉ tay về phía một trong số các cánh cửa thông với gian phòng này.

-Đúng đấy, em Marie, chúng ta ăn tối thôi.

-Charles thân yêu, mình sẽ nói với đức vua em mình tha lỗi cho em nhé.

-Về việc gì?

-Về việc em đã cho những người hầu về rồi. Tâu bệ hạ – Marie nói tiếp với vua Navarre – Người sẽ biết rằng Charles chỉ ưng được tôi phục vụ mà thôi.

-Hản là thế, tôi tin lắm chứ – Henri đáp.

Hai người đàn ông qua căn phòng ăn trong khi bà mẹ, vốn lo lắng và cẩn thận, đắp một mảnh chăn ấm lên cho thằng bé Charles. Nhờ giấc ngủ trẻ thơ mà cha nó thèm muốn, nó vẫn không thức dậy.

Marie tới chỗ hai người: -Mới chỉ có hai bộ chén đĩa – Nhà vua nói.

-Xin phép cho em được hầu hai hoàng thượng – Marie đáp.

-Nào, chú lại đem đến cho ta những bất hạnh đây, Henriot – Charles nói.

-Sao vậy, thưa bệ hạ?

-Thế chú không nghe thấy đấy à?

-Charles, em xin lỗi.

-Ta tha lỗi cho em. Nhưng ngồi vào đây gần ta và giữa hai chúng ta.

-Xin vâng – Marie đáp.

Nàng mang tới thêm một bộ chén dĩa ngồi vào giữa hai vị vua và lấy thức ăn cho họ.

-Henriot, thật là tuyệt khi ở trên đời còn có nơi mà ta dám uống dám ăn chẳng cần phải có ai nếm thịt rượu của ta trước mắt ta, có phải thế không?

-Thưa bệ hạ, xin hãy tin rằng tôi thông cảm với niềm hạnh phúc của bệ hạ hơn bất kỳ ai khác – Henri mỉm cười và nụ cười của ông phản ánh nỗi lo sợ muôn thuở của tâm trí ông.

-Vậy chú nói với cô ta rằng để cho chúng ta được hạnh phúc mãi như thế này thì cô ta đừng dính líu tới chính trị. Và nhất là cô ấy với mẹ ta đừng có quen biết gì nhau.

Quả thật lệnh bà Catherine yêu quý bệ hạ đến nỗi bà có thể ghen tức với bất kỳ một tình yêu nào khác – Henri trả lời, bằng cách nói tránh trớ, ông tránh được cái niềm tin cậy đó của nhà vua.

-Marie, ta giới thiệu với em một trong những người thông minh khôn khéo nhất mà ta quen. Em có biết không, không phải nói quá chứ ở triều đình hắn đã lừa được tất cả mọi người, có lẽ chỉ có mỗi mình ta là nhìn thấu được, không phải là trong trái tim hắn đâu mà là trong đầu óc hắn.

-Thưa bệ hạ – Henri đáp – Tôi không được hài lòng vì khi bệ hạ phóng đại tầm cỡ của trí óc tôi như vậy thì bệ hạ lại nghi ngờ lòng tôi.

-Henriot, ta chẳng phóng đại cái gì cả. Vả lại rồi có ngày người ta sẽ hiểu rõ chú.

Rồi nhà vua quay về phía người thiếu phụ và bảo: -Và nhất là hắn làm những câu cách ngôn đảo chữ[407] khéo lắm. Em cứ bảo hắn làm thử với tên em mà xem, ta đảm bảo rằng hắn làm được.

-Ôi, bệ hạ bảo người ta có thể tìm thấy được gì ở tên một người con gái nghèo khổ như em? Liệu có ý nghĩ dễ thương nào có thể rút ra được từ nhóm chữ cái mà số phận tình cờ đã viết nên Marie Touchet cơ chứ?

-Ồ, câu đảo chữ của tên này dễ quá. Thưa bệ hạ, tôi chẳng phải giỏi giang gì cũng tìm được nó.

-A ha! Xong rồi đấy, thấy chưa Marie?

Henri lôi từ trong túi áo chẽn ra tập giấy của ông, xé lấy một trang rồi ông viết vào bên dưới tên "Marie Touchet" dòng chữ sau đây: "Je charme tout"[408] và đưa tờ giấy cho thiếu phụ.

-Thật ư? – Marie thốt lên – Không thể như thế được!

-Hắn tìm ra chữ gì đấy? – Charless hỏi.

-Thưa bệ hạ, em không dám nhắc lại nữa.

-Thưa bệ hạ – Henri nói – Trong cái tên Marie Touchet nếu thay chữ i bằng chữ j theo lệ thường, thì ta sẽ có được nguyên câu: "Je charme tout."

-Quả thật đúng từng chứ! – Charles kêu lên – ta muốn rằng đó là câu tiêu ngữ về em, nghe chưa Marie? Chưa bao giờ có câu tiêu ngữ nào lại xứng đáng hơn thế. Cám ơn Henriot. Marie sẽ ban cho em câu đó viết bằng kim cương.

Bữa ăn tối kết thúc, chuông đồng hồ tại Nhà thờ Đức Bà điểm hai giờ.

-Marie, bây giờ để thưởng cho lời khen ngợi của hắn em kiếm cho hắn một chiếc ghế phô-tơi để hắn ngủ cho đến sáng, tuy nhiên phải để cho thật xa chúng ta ra vì hắn ngáy khiếp lắm. Rồi nếu em dậy trước thì em sẽ đánh thức ta vì bọn ta phải ở Bastille vào sáu giờ sáng mai. Thôi chào nhé, Henriot, chú cứ tùy ý thu xếp nhé – Ông lại gần vua Navarre, đặt tay lên vai ông này và nói thêm – Nhưng vì tính mạng của chú, nghe rõ chưa, Henri? Vì tính mạng của chú, đừng có ra khỏi nơi đây không có ta, và nhất là đừng về Louvre.

Henri đã ngờ ngợ về quá nhiều điều trong những gì ông không hiểu nổi rồi không thể làm sai một lời chỉ dẫn như thế.

Charless IX về phòng mình, còn anh chàng Henri dân miền núi dạn dày lo xoay xở với chiếc ghế. Chẳng mấy chốc, ông đã chứng thực cho việc ông anh vợ cẩn thận để mình nằm xa ông ta là đúng.

Tảng sáng ngày hôm sau, Charles đánh thức Henri dậy. Nhà vua sung sướng và tươi cười, người ta chưa bao giờ nhìn thấy ông như thế ở Louvre. Những giờ phút ông ở trong ngôi nhà nhỏ ở phố Barres này là những giờ phút ngập ánh mặt trời.

Cả hai đi qua phòng ngủ, thiếu phụ ngủ trên giường, còn đứa trẻ ngủ trong nôi. Hai mẹ con đều mỉm cười trong giấc ngủ.

Charles ngắm họ một lát với niềm âu yếm khôn cùng. Rồi ông quay về phía vua Navarre nói: -Henriot, nếu có khi nào chú biết được đêm qua ta đã giúp chú việc gì và nếu khi nào ta gặp điều bất hạnh, chú hãy nhớ tới đứa trẻ đang ngủ trong nôi này.

Rồi ông hôn lên trán hai người, không để cho Henri kịp hỏi, ông nói: -Tạm biệt, các thiên thần của ta.

Và ông bỏ ra, Henri trầm tư bước theo ông.

Những nhà quý tộc mà Charles đã hẹn, giữ ngựa trong tay, đợi họ lại Bastille, Charles ra hiệu cho Henri lên ngựa, ông cũng lên yên, đi ra theo lối vườn Arbalète và theo các đại lộ bên ngoài.

-Chúng ta đi đâu vậy? – Henri hỏi.

-Chúng ta hãy đi xem thử có phải quận công d'Anjou về đây chỉ vì phu nhân Condé không thôi – Charles đáp – Và để xem trong trái tim ấy cũng có nhiều tham vọng bằng tình yêu không, ta nghi thế lắm.

Henri không hiểu gì trong lời giải thích, ông đi theo Charles mà chẳng nói năng gì.

Tới khu Marais, vì đứng sau lớp rào có thể nhìn thấy tất cả vùng mà khi đó người ta gọi là ngoại ô Saint-Laurent, Charles chỉ cho Henri qua lớp sương mù có những người quấn mình trong áo lông choàng dày và đội những chiếc mũ trùm lông đang đi ngựa trước một chiếc xe hòm chở nặng. Họ càng tiến lên thì nom họ càng rõ nét và người ta có thể thấy một người khác, mặc một chiếc áo choàng nâu và vầng trán rợp bóng một chiếc mũ kiểu Pháp cùng đi ngựa như họ và nói chuyện với họ.

-Ái chà! – Charles mỉm cười nói – Ta đã ngờ mà.

-Thưa bệ hạ, nếu tôi không nhầm – Henri nói – Kỵ sĩ mặc áo choàng nâu đúng là quận công d'Anjou.

-Chính hắn đấy – Charless đáp – Hãy nép vào Henriot, ta muốn hắn không nhìn thấy chúng ta.

-Nhưng còn những người mặc áo choàng xám và mũ trùm lông, họ là ai vậy? Và trong chiếc xe kia có gì vậy?

-Những người đó – Charles đáp – Là các sứ thần Ba Lan, và trong chiếc xe kia có một vương miện – Ông nói tiếp và cho ngựa phi nước đại về phía cổng Temple – Bây giờ đi thôi Henri, ta đã biết được điều ta muốn biết.

§37. Trở về Louvre

Khi Catherine nghĩ rằng mọi việc đã xong trong phòng vua Navarre, xác những vệ binh chết đã được đưa đi, Maurevel đã được khiêng về nhà, các tấm thảm được chùi rửa xong xuôi, thì bà cho các phu nhân hầu cận lui vì bấy giờ đã gần nửa đêm, và bà cố chợp mắt. Nhưng cơn sốc quá mạnh và nỗi thất vọng quá lớn. Cái gã Henri đáng căm ghét ấy luôn luôn thoát khỏi những cạm bẫy của bà vốn thường vẫn gây nguy hiểm chết người. Dường như hắn được một thế lực bất khả chiến thắng nào đấy che chở.

Catherine ương ngạnh cố coi thế lực đó là sự tình cờ mặc dù trong thâm tâm đã có tiếng nói mách bảo bà tên đích thực của nó là Định Mệnh. Khi nghĩ rằng tiếng đồn về ý đồ ám hại mới này lan truyền trong và ngoài Louvre sẽ gây cho Henri và những người Tân giáo một niềm tin lường lớn hơn vào tương lai, bà rất tức tối. Và vào lúc này đây, nếu cái sự tình cờ mà bà vẫn chống lại một cách tuyệt vọng ấy rơi kẻ thù vào tay bà, thì chắc chắn bà sẽ dùng con dao găm nhỏ kiểu François mà bà vẫn đeo ở thắt lưng để phá tan cái định mệnh có lợi đến thế cho vua Navarre.

Những giờ khắc trong đêm, chậm chạp đối với kẻ chờ đợi thao thức, lần lượt điểm nhưng Catherine không tài nào nhắm mắt được. Cả một mớ những dự định mới lượn qua đầu óc đầy ảo ảnh của bà trong những giờ đen tối đó. Đến tảng sáng bà dậy, tự mặc quần áo và tới phòng Charless IX.

Các vệ binh vốn quen thấy bà vào cung vua bất kỳ giờ nào nên để cho bà qua. Bà qua tiền phòng và tới phòng vũ khí. Tới đó bà gặp nhũ mẫu của Charles đang thức canh.

-Con ta đâu? – Thái hậu hỏi.

-Tâu lệnh bà. Người cấm không cho ai vào trước tám giờ.

-Nhũ mẫu, lệnh cấm đó không dành cho ta.

-Tâu lệnh bà, lệnh đó là chung cho tất cả mọi người.

Catherine mỉm cười.

-Tâu lệnh bà – Nhũ mẫu nói tiếp – Tôi biết rất rõ rằng ở đây không ai dám ngăn trở lệnh bà, vậy tôi cúi xin lệnh bà nghe lời cầu khẩn của một người đàn bà tội nghiệp và xin Người đừng đi xa hơn nữa.

Nhũ mẫu, ta cần nói chuyện với con ta.

-Tâu lệnh bà, tôi sẽ chỉ mở cửa nếu lệnh bà ban nghiêm lệnh.

-Mở ra, nhũ mẫu, ta muốn thế.

Nghe thấy giọng nói được tôn kính và được e sợ ở Louvre còn hơn cả lời nói của chính Charles, nhũ mẫu dâng chìa khoá cho Catherine. Nhưng Catherine

không cần, bà lôi trong túi ra chiếc chìa mở được phòng con trai và ấn nhanh, cánh cửa mở ra.

Phòng trống không, giường ngủ còn chưa ai động tới, con chó nòi Actéon nằm trên tấm da gấu trải dưới chân giường nhổm dậy và tới liếm đôi tay trắng như ngà của Catherine.

-A! Hoàng thượng đi chơi – Thái hậu cau mày nói – Ta đợi vậy.

Đầy vẻ trầm tư tăm tối, bà tới ngồi bên cửa sổ trông xuống sân Louvre và từ đó có thể nhìn thấy cửa ghi-sê chính.

Bà ngồi đó hai tiếng đồng hồ bất động và nhợt nhạt như một pho tượng cẩm thạch, cuối cùng bà chợt nhận thấy một nhóm kỵ sĩ về Louvre và đi đầu đoàn người là Charles và Henri de Navarre.

Khi đó bà hiểu ra tất cả. Thay vì tranh cãi với bà về việc bắt ông em rể. Charles đã đưa ông ta đi và cứu thoát ông ta.

-Ôi mù quáng! – Bà lẩm bẩm.

Và bà chờ đợi.

Lát sau có tiếng những bước chân vang lên trong phòng vũ khí bên cạnh.

-Nhưng thưa bệ hạ – Henri nói – Giờ chúng ta đã về Louvre rồi, xin bệ hạ hãy nói cho biết tại sao bệ hạ đã đưa tôi đi và Người đã giúp tôi việc gì vậy?

-Không, không, Henri – Charles vừa cười vừa đáp – Có ngày chú sẽ biết, nhưng bây giờ thì còn là bí mật. Hãy chỉ nên biết rằng lúc này đây rất có khả năng là chú sẽ khiến ta phải cãi nhau với mẹ ta mất.

Nói tới đó Charles nâng tấm thảm treo cửa và thấy mình đối diện với Catherine.

Mái đầu xanh xao và lo lắng của anh chàng Bearn ló ra sau vai Charles.

-A! Ra lệnh bà ở đây đấy! – Charles cau mày nói.

-Đúng con ạ, ta cần nói chuyện với con.

-Với tôi?

-Với chỉ mình con thôi.

-Thôi được – Charles quay về phía em rể nói – Vì chẳng có cách nào tránh được thì càng sớm càng tốt.

-Thưa bệ hạ, tôi xin lui – Henri nói.

-Được, được – Charles đáp – Lui ra đi, vì chú là Gia tô giáo, Henriot, đi nghe lễ nhà thờ cho ta. Còn ta ở lại với lời thuyết giáo vậy.

Henri cúi chào và đi ra.

Charles đón trước những câu hỏi mà Thái hậu đặt ra cho ông: -Thế nào, thưa lệnh bà? – Ông vừa nói vừa cố biến câu chuyện thành trò đùa – Quái quỷ! Lệnh bà chờ để mắng tôi có phải không? Tôi đã làm hỏng cái dự định xinh xinh của lệnh bà một cách rất bất kính. Này! Chết chửa! Ấy thế nhưng tôi không thể nào để cho cái người vừa cứu tôi bị bắt và đưa đến ngục Bastille được. Tôi cũng

không muốn gây sự với lệnh bà. Tôi là con ngoan. Với lại – Ông hạ giọng nói thêm – Chúa sẽ trừng phạt những kẻ làm con mà lại đi sinh sự với mẹ chúng, bằng cớ là như ông anh François II của tôi đấy. Xin lệnh bà thẳng thắn tha lỗi cho tôi, và hãy thừa nhận là ít ra trò đùa cũng đạt đấy chứ.

-Tâu bệ hạ, bệ hạ nhầm. Đây không phải là trò đùa.

-Có chứ! Có chứ! Và lệnh bà sẽ coi nó như thế, nếu không thì xin quỷ sứ bắt tôi đi.

-Thưa bệ hạ, do lỗi của mình, bệ hạ đã làm hỏng cả một kế hoạch đáng ra đã dẫn chúng ta tới một khám phá lớn.

-Chậc! Một kế hoạch… Mẹ ơi, mẹ mà lại lúng túng vì một kế hoạch bị hỏng ấy ạ? Lệnh bà sẽ đặt ra hai chục kế hoạch khác và tôi hứa là sẽ trợ lực với lệnh bà trong những kế hoạch đó.

-Bây giờ thì dù cho bệ hạ có trợ lực cho ta cũng quá muộn rồi vì hắn đã được báo trước và hắn sẽ cảnh giác.

-Nào, nói cho cùng thì lệnh bà có điều gì phản đối Henri?

-Ta chống y là vì y đang âm mưu.

-Vâng, tôi hiểu, đó là lời tố cáo muôn thuở của lệnh bà nhưng trong cái toà hoàng cung dễ thương mà người la gọi là Louvre này có ai lại không âm mưu ít nhiều nhỉ?

-Nhưng hắn nuôi âm mưu nhiều hơn bất kỳ ai khác và vì không ai ngờ vực nên hắn lại càng nguy hiểm.

-Thấy chưa, lại cái chuyện cái gã Lorenzino! – Charles thốt lên.

Catherine sầm mặt lại khi nghe tới cái tên gợi lại cho bà một trong những thảm hoạ đẫm máu nhất của lịch sử xứ Florentine, bà đáp: -Bệ hạ hãy nghe tôi, có cách để chứng tỏ rằng tôi nhầm.

-Cách gì vậy, thưa mẹ?

-Xin bệ hạ hãy hỏi Henri xem ai ở trong phòng hắn đêm qua.

-Ở trong phòng hắn… đêm qua à?

-Vâng, và nếu hắn nói với bệ hạ tên người đó…

-Thì sao?

-Thì ta sẵn sàng thừa nhận là ta nhầm.

-Thế nhưng nếu đó là một người đàn bà thì chúng ta cũng không thể…

-Một người đàn bà.

-Đúng vậy.

-Một người đàn bà mà giết được hai vệ binh của hoàng thượng và làm ông đa Maurevel bị trọng thương nữa!

-Ô hô! Chuyện thành nghiêm trọng rồi đó! Có đổ máu à?

-Ba người đã bị bắn gục trên sàn.

-Thế còn cái kẻ đã gây việc đó thì sao?

-Hắn đã bình yên vô sự trốn thoát

-Trời đất quỷ thần ơi! – Charles kêu lên – Quả là một tay cừ khôi. Đúng rồi đó, thưa mẹ, và tôi muốn biết kẻ đó.

-Này, ta đã nói trước rồi, anh sẽ không btết được hắn đâu, ít nhất là không thể nhờ Henri mà biết được.

-Nhưng còn mẹ thì sao? Kẻ kia chẳng thể trốn được như thế mà không để lại dấu vết gì. Người ta không ghi nhận được điều gì trong y phục của y sao?

-Người ta chỉ nhận thấy y mặc một chiếc măng-tô màu anh đào rất thanh lịch.

-Ái chà! Măng-tô màu anh đào – Charless nhớ lại – Ở triều đình tôi chỉ thấy có một chiếc khá nổi để khiến người ta chú ý thôi.

-Chính thế – Catherine đáp.

-Thế sao?

-Đây này, hãy đợi ta ở đây con ạ, ta đi xem mệnh lệnh của ta đã được thực hiện chưa.

Catherine lui ra và Charless ở lại một mình. Ông lơ đễnh lượn quanh phòng, huýt sáo một điệu nhạc săn, một tay thọc vào áo chẽn, tay kia buông lơi để cho con chó săn của ông liếm mỗi khi ông dừng lại.

Về phần Henri, ông ra khỏi cung ông anh vợ trong lòng rất lo lắng. Đáng lẽ đi theo lối hành lang thường ông lại đi lối cầu thang kín nhỏ bé đưa tới tầng hai mà chúng ta đã nói tới nhiều lần. Nhưng Henri vừa leo được bốn bậc, đến chỗ ngoặt đầu tiên ông đã thấy có bóng người. Henri dừng lại, đưa tay sờ vào chuôi dao. Rồi ông nhận ra một người đàn bà và một giọng nói dễ thương quen thuộc, nàng vừa nói vừa nắm lấy tay ông: -Tạ ơn Chúa, bệ hạ đã bình yên vò sự đây rồi. Tôi lo cho mình quá nhưng chắc Chúa đã nghe theo lời khấn của tôi.

-Có việc gì vậy? – Henri hỏi.

-Mình cứ về nhà rồi sẽ biết. Đừng có lo gì cho Orthon, tôi đón nó về chỗ tôi rồi.

Và thiếu phụ thoăn thoắt xuống thang, lướt qua Henri như thể tình cờ nàng gặp ông trên cầu thang.

"Lạ nhỉ – Henri tự nhủ – Có chuyện gì đây, Orthon bị làm sao?"

Không may là câu hỏi không thể lọt tới tai phu nhân de Sauve vì nàng đã chạy xa.

Tới đầu cầu thang Henri đột nhiên thấy hiện ra một bóng người khác, nhưng đó là một người đàn ông.

-Suỵt! – Người đó nói.

-A! Anh đấy à? François?

-Đừng có gọi tên tôi.

-Có việc gì xảy ra vậy?

-Cứ về nhà rồi anh sẽ biết. Rồi anh lẻn ra hành lang, nhìn mọi phía xem có ai theo dõi không nhé. Sau đó vào chỗ tôi, cửa chỉ khép hờ thôi.

Quận công lại cũng biến vào trong cầu thang giống hệt như những bóng ma trên sân khấu biến đi trong một cánh cửa gập.

"Mẹ khỉ! Sao nhiều chuyện bí ẩn vậy – Anh chàng Bearn tự nhủ – Nhưng vì lời giải đáp là ở chỗ ta, ta cứ về xem rồi khắc biết."

Tuy nhiên Henri đi tiếp lòng không phải là không xúc động.

-Ông có tính nhạy cảm. Mọi vật đều được phản ánh lại một cách rõ nét trên bề mặt cái tâm hồn nhẵn như một tấm gương này và những điều ông vừa nghe thấy báo trước cho ông biết một tai hoạ.

-Ông tới trước cửa khu phòng mình và nghe ngóng. Không một tiếng động. Vả lại vì Charles đã bảo ông về nhà thì chắc không còn gì phải e ngại khi về đó. Ông nhìn lướt qua tiền phòng.

Tiền phòng trống trải nhưng không có dấu hiệu nào chỉ cho ông thấy có việc gì đã xảy ra.

"Quả thực là Orthon không có đây."

Và ông sang phòng thứ hai.

Ở đây mọi việc đã rõ ràng. Mặc dù người ta đã đổ nước lênh láng, nhiều vệt đỏ lớn loang lổ trên sàn, một chiếc tủ bị vỡ, rèm treo giường rách tơi tả vì những nhát kiếm, một viên đạn bắn tan tấm gương Venise. Một bàn tay đẫm máu đã tỳ vào tường và dấu vết khủng khiếp còn lại đó tỏ ra rằng căn phòng giờ đây yên tĩnh này đã lừng chứng kiến một cuộc ác chiến.

Mặt thất thần, Henri thâu tóm tất cả những chi tiết đó. Ông đưa bàn tay nhớp mồ hôi lên lau trán và lẩm bẩm: -A! Ta đã hiểu nhà vua giúp ta việc gì rồi: có kẻ đến ám sát ta… và… Nhưng còn de Mouy? Chúng đã làm gì anh ta? Quân khốn nạn! Chắc chúng đã giết anh ta!

Ông nóng lòng nóng ruột muốn biết tin cũng như quận công d'Alençon mong mỏi được báo tin cho ông. Sau khi đưa cặp mắt đờ đẫn nhìn những đồ vật quanh mình một lần nữa, Henri lao ra khỏi phòng, tới hành lang, nhìn trước nhìn sau cho chắc chắn rằng hành lang không có người, ông đẩy cánh cửa khép hờ, đóng lại cẩn thận và lao bổ vào phòng quận công d'Alençon.

Quận công đợi Henri trong phòng đầu. Ông hấp tấp nắm tay Henri vừa đặt một ngón tay lên miệng vừa lôi ông này đi tới căn phòng con nhô ra như một chiếc tháp nhỏ, hoàn toàn biệt lập và do vị trí của nó nên có thể tránh được mọi sự rình lén.

-A! Ông anh ơi, đêm gì mà kinh khủngquá! – François thốt lên.

-Có việc gì vậy?

-Người ta định bắt anh.

-Tôi ấy à?

-Ừ anh ấy.

-Vì sao?

-Tôi không biết. Anh ở đâu vậy?

-Đêm qua đức vua đưa tôi đi chơi trong thành phố với Người.

-Vậy là hoàng thượng biết – d'Alençon nói – Nhưng anh không ở nhà thì ai ở đấy?

-Vậy ra có ai ở nhà tôi à? – Henri hỏi tựa như ông không biết gì.

-Ừ, có một người. Khi tôi nghe thấy tiếng động, tôi định tới cứu anh, nhưng quá muộn.

-Người đó bị bắt rồi à? – Henri lo lắng hỏi.

-Không, anh ta đã trốn thoát sau khi giết chết hai vệ binh và làm Maurevel bị trọng thương.

-A! De Mouy thật can đảm! – Henri thốt lên.

-Vậy ra là de Mouy? – d'Alençon hấp tấp hỏi.

Henri nhận ra là mình hớ. Ông bèn nói tiếp ngay: -Ít ra là theo tôi đoán thế. Tôi đã hẹn với anh ta để thoả thuận về việc bỏ trốn của anh ta và để nói với anh ta rằng tôi nhường lại cho anh tất cả những quyền của tôi đối với ngai vàng xứ Navarre.

-Vậy nếu việc bị phát giác thì chúng ta nguy mất – d'Alençon tái mặt nói.

-Ừ, Maurevel sẽ nói ra.

-Maurevel bị một nhát kiếm vào cổ họng. Tôi đã hỏi nhà phẫu thuật băng bó cho y, y không thể nói gì được trong hơn tám ngày tới.

-Tám ngày! Quá đủ để de Mouy tới nơi an toàn.

-Với lại có thể là người khác chứ không phải ông de Mouy – d'Alençon nói.

-Anh nghĩ thế à?

-Ừ người đó biến đi rất nhanh và người ta chỉ nhìn thấy có chiếc măng-tô màu anh đào.

Quả là măng-tô màu anh đào hợp với một anh chàng tán gái hơn là với một người lính – Henri nói – Chẳng bao giờ người ta lại ngờ ông de Mouy mặc chiếc áo măng-tô anh đào cả?

-Không. Nếu người ta có ngờ thì chỉ ngờ… – d'Alençon ngừng lại.

-Chắc là ngờ ông de Mole hơn – Henri tiếp.

-Chắc chắn thế, vì chính tôi đây, khi tôi thấy người đó chạy trốn, tôi còn bán tín bán nghi mất một lúc.

-Anh mà cũng phải bán tín bán nghi! Nếu thế thì chắc chỉ có ông de Mole thôi.

-Ông ta không biết gì chứ? – d'Alençon hỏi.

-Tuyệt đối không biết gì hết. Ít ra là những chuyện quan trọng.

-Ông anh ạ – d'Alençon nói – Bây giờ tôi tin thực đúng là ông ta rồi.

-Quỷ quái thật! – Henri bảo – Nếu đấy là ông ta thì hoàng hậu chắc sẽ phiền lòng đấy, bà ta quan tâm tới ông ấy lắm.

-Anh bảo sao? Quan tâm à? – d'Alençon điếng người hỏi.

-Rõ quá đi chứ, François, anh không nhớ chính chị anh đã tiến cử ông ta cho anh à?

-Có chứ – Quận công gằn giọng nói – Vì vậy nên tôi muốn tử tế với ông ta. Bằng chứng là vì sợ chiếc áo làm ông ta mang tiếng, tôi đã lên phòng ông ta đem nó xuống đây.

-Ô hô! Quả là rất thận trọng! Bây giờ tôi không dám đánh cuộc nữa, tôi dám thề rằng đó chính là ông ta.

-Ngay cả trước toà anh cũng thề chứ?

-Thật chứ – Henri đáp – Chắc ông ta đem tới cho tôi một lời nhắn nhủ nào đấy của Marguerite.

-Nếu tôi tin chắc sẽ được lời chứng của anh ủng hộ – d'Alençon nói – Thì tôi gần như có thể cáo giác ông de Mole.

-Anh hiểu đấy, François – Henri nói – Nếu anh cáo giác anh ta thì tôi sẽ không phản cung lại lời anh.

-Nhưng còn hoàng hậu thì sao?

-À, ừ nhỉ, còn hoàng hậu.

-Cần phải biết xem hoàng hậu phản ứng ra sao.

-Để tôi lo việc ấy cho.

-Thật phiền! Anh ạ, nếu bà ta phản bác lại rằng chúng ta nhầm. Vì đây là dịp cho chàng trai kia được tiếng là kiên cường, ông ta chẳng mất mát gì nhiều vì ông ta chỉ mua chịu cái tiếng tăm đó thôi. Và quả thực là ông ta có thể trả được cả vốn lẫn lời cho việc mua bán này.

-Đức mẹ ơi! Biết sao được – Henri thốt lên – Ở trần gian này chẳng có cái gì là cho không cả.

Ông mỉm cười vẫy tay chào François rồi thận trọng ghé đầu ra hành lang. Thấy không có ai nghe trộm, ông nhanh nhẹn lách ra và biến vào trong chiếc cầu thang kín dẫn tới phòng Marguerite.

Về phần mình, hoàng hậu Navarre cũng chẳng yên tâm gì hơn ông chồng. Cuộc tiễu phạt ban đêm do nhà vua, quận công d'Anjou, quận công de Guise và Henri tiến hành chống nàng và quận chúa de Nervers làm nàng rất lo lắng. Chắc chắn là không có bằng chứng nào có thể gây tai tiếng cho nàng. Người gác cổng được De Mole và Coconnas cởi trói khỏi rào sắt khẳng định là chưa nói gì. Nhưng bốn vương hầu thuộc cỡ mà hai quý tộc bình thường như La Mole và Coconnas đã đương đầu với chắc không tình cờ mà đi chệch đường và không phải là không biết họ chịu rắc rối vì ai. Vậy là sau khi qua đêm ở nơi quận chúa

de Nervers, Marguerite về nhà lúc tảng sáng. Nàng đi nằm ngay nhưng không ngủ được, bất cứ tiếng động nhỏ nào cũng làm nàng giật mình.

Đang giữa lúc lo âu khắc khoải như thế thì nàng nghe có tiếng gõ ở cánh cửa bí mật, nàng sai Gillonne ra xem ai rồi ra lệnh cho vào.

Henri ngừng lại ở cửa: trông ông chẳng có vẻ gì là một ông chồng bị xúc phạm cả. Nụ cười thường lệ nở trên đôi môi mỏng và không một thớ thịt nào trên gương mặt để lộ những cảm xúc khủng khiếp mà ông vừa phải trải qua.

Dường như ông muốn dò hỏi Marguerite bằng mắt xem nàng có cho phép ông nói chuyện tay đôi với nàng hay không. Marguerite hiểu cái nhìn của chồng và ra hiệu cho Gillonne lui ra.

-Thưa bà – Henri bấy giờ mới nói – Tôi biết bà yêu quý bạn bè của mình như thế nào và tôi e rằng phải đem đến cho bà một tin chẳng lành.

-Tin gì vậy, thưa ông? – Marguerite hỏi.

-Một trong những người phục vụ thân tín nhất của chúng ta lúc này đây đang bị tai tiếng thậm tệ.

-Ai vậy?

-Cái ông bá tước de Mole quý hoá ấy.

-Bá tước de Mole bị mang tiếng! Về việc gì vậy?

-Về việc tối hôm qua ấy mà.

Dù cố tự chủ Marguerite cũng không thể không đỏ mặt. Cuối cùng nàng hỏi: -Việc gì vậy?

-Sao? – Henri nói – Vậy bà không nghe thấy gì ở Louvre đêm qua à?

-Không, thưa ông.

-Ồ! Tôi xin có lời khen ngợi bà – Henri nói với vẻ ngây thơ thật dễ chịu – Điều đó chứng tỏ là bà ngủ ngon lắm.

-Thế có chuyện gì vậy?

-Chuyện là hiền mẫu chúng ta đã ra lệnh cho ông de Maurevel và sáu vệ binh của Người tới bắt tôi.

-Bắt ông ư, thưa ông?

-Vâng, tôi đấy ạ.

-Và vì lý do gì vậy?

-A! Ai mà biết được những lý do của một đầu óc sâu sắc như đầu óc hiền mẫu của chúng ta? Tôi tôn trọng những lý do ấy nhưng tôi không biết chúng.

-Vậy ông không có nhà à?

-Không, quả thực là do tình cờ. Bà đoán đúng đấy, thưa bà tôi không có nhà. Tối qua đức vua mời tôi đi theo Người. Nhưng nếu tôi không có nhà thì lại có một người khác ở đấy.

-Ai thế nhỉ?

-Hình như là bá tước de Mole thì phải.

-Bá tước de Mole? – Marguerite ngạc nhiên hỏi.

-Chết thật! Anh chàng Provençal nhỏ con ấy quả là tay cừ! – Henri nói tiếp – Bà có biết là ông ta đã giết hai vệ binh và làm Maurevel bị thương không?

-Giết hai vệ binh và làm Maurevel bị thương… Không thể thế được!

-Sao? Bà nghi ngờ lòng can đảm của ông ta ư?

-Không, nhưng tôi nói rằng ông De Mole không thể ở chỗ bệ hạ được.

-Sao ông ta lại không thể ở chỗ tôi được.

-Vì rằng… vì rằng… Ông ta ở chỗ khác – Marguerite lúng túng nói.

-À! Nếu ông ta có được một ngoại phạm thì lại là chuyện khác. Ông ta chỉ cần nói ông ta ở đâu và mọi việc thế là xong.

-Nói ông ta ở đâu ấy à? – Marguerite hấp tấp hỏi.

-Đúng thế… Nội nhật ngày hôm nay thôi ông ta sẽ bị bắt và bị tra hỏi. Nhưng khổ thay người ta có chứng cứ rồi.

-Chứng cứ… Chứng cứ nào?

-Cái người đã chống cự tuyệt vọng đến thế mặc một chiếc áo măng-tô đỏ.

-Nhưng không phải chỉ có ông de Mole là có áo măng-tô đỏ tôi biết một người khác cũng có.

-Chắc chắn là thế, cả tôi cũng biết… Nhưng việc sẽ như thế này: nếu không phải là ông de Mole ở trong phòng tôi thì sẽ phải là cái người khác có áo măng-tô đỏ như ông ta. Vậy cái người kia bà biết là ai rồi chứ?

-Trời ơi!

-Đấy mới là bẫy. Thưa bà, vậy bà cũng biết như tôi rồi, nỗi xúc động của bà chứng tỏ điều đó. Vậy chúng ta hãy nó chuyện với nhau như hai người đang nói chuyện về một điều đáng mong mỏi nhất trên đời: là ngai vàng, và về thứ của cải quý giá nhất: đó là tính mạng. Nếu de Mouy bị bắt chúng ta nguy mất.

-Vâng, tôi hiểu.

Trong khi đó thì ông de Mole sẽ không làm ai mang tiếng cả. Trừ phi là bà lại nghĩ ông ta có thể bịa ra chuyện gì đó, chẳng hạn như đi chơi với các bà các cô nào đó… ai mà biết được?

-Thưa ông, nếu ông chỉ ngại có chuyện đó, xin hãy yên lòng, ông ta không nói đâu.

-Sao! Ông ta sẽ im lặng, dù có phải trả giá bằng cái chết cho sự im lặng của mình ư?

-Ông ta sẽ im lặng.

-Bà tin chắc chứ?

-Tôi đảm bảo.

-Vậy thì tất cả sẽ ổn thôi – Henri vừa nói vừa đứng dậy.

-Ông đi ư, thưa ông? – Marguerite hấp tấp hỏi.

-Lạy Chúa vâng, tôi chỉ muốn bàn với bà có thế.

-Và ông sẽ…

-Tôi sẽ cố gắng đưa chúng ta ra khỏi cái bước khó khăn mà cái thằng cha áo măng-tô đỏ đã lôi chúng ta vào.

-Ôi! Lạy Chúa! Lạy Chúa! Chàng trai tội nghiệp! – Marguerite đau đớn xoắn tay kêu lên.

-Quả thật ông de Mole quý hoá ấy là một người phục vụ quá tốt.

Henri vừa nói vừa lui ra.

§38. Dây thắt lưng của Thái hậu

Khi mới trở về nhà, Charles đầy vẻ tươi cười và chế nhạo, nhưng sau mười phút nói chuyện với mẹ, người ta đã có thể nói bà này đã nhường lại cho con cơn giận và sắc mặt nhợt nhạt, còn bà lại lấy lại khí sắc vui vẻ của con trai bà.

-Ông de Mole! – Charles nói – Ông de Mole! Cần cho gọi Henri và quận công d'Alençon. Gọi Henri vì chàng trai này là người Tân giáo, gọi quận công d'Alençon vì y là người của hắn.

-Con ạ, cứ cho gọi họ nếu con muốn, nhưng con sẽ không biết được gì đâu. Ta e rằng Henri và François gắn bó với nhau hơn vẻ bề ngoài. Hỏi họ là khiến họ nghi ngờ: ta nghĩ tốt hơn nên cứ để vài ngày thử thách, chậm nhưng mà chắc. Nếu anh để cho những kẻ có tội được thảnh thơi, nếu anh để cho chúng tin rằng chúng thoát khỏi sự cảnh giác của anh thì bấy giờ chúng sẽ táo tợn hơn, vung vinh hơn, và sẽ tạo cho anh một dịp tốt hơn để hành động, lúc đó chúng ta sẽ biết tất.

Charles băn khoăn sải bước, ông gậm nhấm cơn giận của mình như con ngựa gậm hàm thiếc và bàn tay co quắp của ông đưa lên nén trái tim bị mối nghi ngờ giày vò. Cuối cùng ông nói: -Không, tôi không chờ đâu. Mẹ không biết đối với tôi, lúc nào cũng có các hồn ma ám ảnh thì chờ đợi là như thế nào. Với lại mỗi ngày cái bọn công tử bột ấy càng trở nên láo xược. Ngay đêm qua đây này, hai thằng công tử tán gái chẳng đã dám đương đầu chống lại chúng tôi là gì?… Nếu ông de Mole không có tội, được lắm. Nhưng tôi sẽ không bực mình nếu được biết đêm qua ông de Mole ở đâu trong khi người ta đánh vệ bình của tôi ở Louvre và đánh tôi ở phố Cloche Percée. Vậy cho gọi quận công d'Alençon, rồi Henri lại đây, ta muốn hỏi cung họ riêng rẽ. Mẹ có thể ở lại.

Catherine ngồi xuống. Đối với một đầu óc vững vàng như bà, mọi sự cố được bàn tay đầy uy lực của bà uốn nắn đều có thể tới đích mặc dù sự cố có thể có vẻ như xa vời với mục đích. Mọi va chạm đều phát ra tiếng động, làm bắn ra tia lửa. Tiếng động hướng cho chúng ta, tia lửa soi sáng cho ta.

Quận công d'Alençon bước vào: cuộc chuyện trò với Henri đã khiến ông sẵn sàng cho cuộc hội kiến nên ông khá là bình tĩnh.

Những câu trả lời của ông rất chính xác. Được Thái hậu báo cho biết ở nguyên tại nhà, ông hoàn toàn không biết gì về những sự kiện sẽ xảy ra trong đêm. Tuy nhiên vì khu phòng của ông trông ra cùng một hành lang với khu phòng của Navarre, ông nghĩ rằng trước hết đã nghe thấy tiếng giống như tiếng người ta phá cửa, rồi đến những tiếng chửi rủa, rồi đến tiếng đạn nổ. Chỉ khi đó ông mới mạo hiểm hé cửa ra và thấy một người mặc áo măng-tô đỏ chạy trốn.

Charless và Thái hậu nhìn nhau.

-Mặc áo măng-tô đỏ à? – Nhà vua hỏi.

-Mặc áo măng-tô đỏ – d'Alençon lặp lại.

-Và cái áo măng-tô đỏ ấy không làm cho anh nghi ngờ ai à?

D Alençon thu hết sức lực để nói dối một cách tự nhiên nhất:

Mới thoáng nhìn thì tôi phải xin thú nhận với bệ hạ là tôi tưởng đã nhận ra chiếc áo măng-tô màu hồng rực của một trong những quý tộc của tôi.

-Nhà quý tộc đó tên là gì?

-Ông De Mole.

-Tại sao ông de Mole lại không ở gần anh như bổn phận của ông ta đòi hỏi?

-Tôi đã cho ông ta nghỉ.

-Thôi được, đi đi – Charles phán.

Quận công d'Alençon tiến về phía cửa mà ông đã đi vào.

-Không, không đi cửa ấy – Charles bảo – Đi cửa này.

Và nhà vua chỉ cho quận công cánh cửa thông qua chỗ phòng nhũ mẫu.

Charles không muốn François và Henri gặp nhau. Ông không biết rằng họ đã hội kiến với nhau một lát và khoảng thời gian ấy đủ để cho hai người thỏa thuận về viêc của họ.

Sau d'Alençon, Charles ra hiệu và Henri bước vào. Henri không chờ cho Charles hỏi đã nói luôn: -Tâu bệ hạ, Người đã cho đòi tôi thật đúng lúc vì tôi cũng chuẩn bị xuống để xin Người phán xét.

Charles cau mày.

-Vâng, tôi đòi công lý. Trước hết tôi xin cảm tạ hoàng thượng về việc Người đã đưa tôi đi cùng Người tối hôm qua, vì bây giờ tôi biết được rằng, đưa tôi đi như thế là Người đã cứu tôi. Nhưng tôi đã làm gì mà người ta định ám sát tôi. Nếu tôi có tội thì từ tối qua đến giờ tôi vẫn là có tội. Xin bệ hạ hãy cho tôi biết tội của tôi.

Charles khẽ lúng túng không tìm ra câu trả lời, đưa mắt nhìn mẹ.

-Con ạ – Catherine nói – Anh tiếp những người khả nghi.

-Được – Henri đáp – Và những người khả nghi ấy làm tôi liên lụy phải không, tâu lệnh bà?

-Đúng vậy, Henri ạ.

-Vậy hãy nêu tên họ ra, xin Người hãy nêu tên họ ra! Họ là ai? Xin hãy cho tôi được đối chất!

-Quả thật là Henriot có quyền xin được giải thích – Charles nói.

-Và tôi xin được giải thích! – Henri cảm thấy đang lợi thế, muốn tận dụng đến cùng – Tôi xin người anh Charles của tôi, hiền mẫu Catherine giải thích cho tôi. Từ cuộc hôn nhân của tôi với Marguerite đến giờ, tôi chẳng đã vẫn cư xử như một người chồng biết điều đó sao? Xin cứ hỏi Marguerite thì biết! Tôi chẳng cư xử như một người Giatô ngoan đạo đó sao? Xin cứ hỏi cha rửa tội cho tôi. Tôi

chẳng đã ăn ở như một người bà con chân thành đó sao? Xin hãy hỏi tất cả những người dự cuộc săn ngày hôm qua.

-Ừ đúng thế Henriot – Nhà vua nói – Nhưng biết làm sao được người ta bảo rằng cậu đang âm mưu.

-Chống lại ai kia chứ?

-Chống lại ta.

-Tâu bệ hạ, nếu tôi chống lại Người, tôi sẽ chỉ việc để cho các sự việc tự nhiên xảy ra, khi ngựa của bệ hạ gãy đùi không đứng dậy được, khi con lợn rừng điên giận lao tới Người.

-Này! Chết thật! Mẹ ạ, hắn có lý lắm!

-Nhưng tóm lại là ai ở nhà anh đêm qua?

-Tâu lệnh bà, trong thời buổi ít có người dám đảm bảo về mình, tôi sẽ không bao giờ đảm bảo cho những kẻ khác. Tôi ra khỏi phòng vào bảy giờ tối qua, lúc mười giờ anh Charles đưa tôi đi cùng anh ấy, cả đêm hôm qua tôi ở chỗ anh ấy. Tôi không thể vừa ở cùng với hoàng thượng lại vừa biết được điều gì xảy ra ở nhà tôi.

-Nhưng rõ ràng là một người của anh đã giết hai vệ binh của hoàng thượng và làm ông Maurevel bị thương – Catherine nói.

-Một người của tôi? – Henri hỏi – Thưa lệnh bà đó là ai? Xin hãy nêu tên y?

-Tất cả mọi người đều kết tội ông de Mole.

-Thưa lệnh bà, ông de Mole không phải là người của tôi ông de Mole thuộc về ông d'Alençon, và đã được con gái lệnh bà tiến cử với ông này.

-Nhưng rốt cuộc Henriot này, có phải ông de Mole ở chỗ chú không? – Charles hỏi.

-Thưa bệ hạ, làm sao tôi biết được việc đó? Tôi không thể nói có, cũng không thể nói không… Ông de Mole là một người phục vụ rất tử tế, tận tâm với hoàng hậu Navarre. Ông ta thường đem đến cho tôi thư từ của Marguerite là người mà ông ta chịu ơn đã tiến cử ông ta với quận công d'Alençon, hoặc là của chính ông quận công. Tôi không thể nói đó không phải là ông de Mole.

-Chính ông ta – Catherine nói – Người ta đã nhận ra chiếc áo măng-tô đỏ của ông ta.

-Vậy ông de Mole có một chiếc măng-tô đỏ.

-Phải.

-Và cái người đã khéo thu xếp đến thế cho hai vệ binh của ta và Maurevel…

-Cũng có một chiếc áo môngtô đỏ? – Henri hỏi.

-Chính thế – Charles đáp.

-Tôi không có gì để nói thêm – Anh chàng Bearnais tiếp – Nhưng tôi thấy hình như trong trường hợp này đáng lẽ phải hỏi cung ông De Mole là người đã ở

nhà tôi như các thánh thượng vừa nói, chứ không phải là cho đòi tôi là người không ở nhà tôi đêm qua. Tuy nhiên, tôi xin lưu ý thánh thượng một điều.

-Điều gì?

-Nếu đó là tôi, khi thấy một chiếu chỉ do vua của tôi ký, lại dám chống cự chứ không tuân theo lệnh, tôi sẽ là kẻ có tội và đáng chịu mọi hình phạt. Nhưng không phải tôi, đó là một người lạ không liên quan gì tới chiếu chỉ này: người ta định bắt y một cách vô lý và y đã tự vệ, còn tự vệ quá tốt là đằng khác, nhưng y đúng.

-Tuy nhiên… – Catherine lẩm bẩm.

-Thưa lệnh bà – Henri hỏi – Chiếu chỉ có viết rằng bắt tôi phải không?

-Đúng thế – Catherine đáp – Chính hoàng thượng đã ký.

-Nhưng ngoài ra chiếu chỉ có viết là nếu không bắt được tôi, sẽ bắt kẻ mà người ta tìm được ở chỗ tôi hay không?

-Không – Catherine đáp.

-Vậy thì trừ phi là người ta chứng minh được rằng tôi đang âm mưu và kẻ đã ở trong phòng tôi âm mưu cùng tôi, còn thì ông ta vô tội.

Rồi ông quay về phía Charles IX nói tiếp: -Thưa bệ hạ, tôi sẽ không rời Louvre. Tôi thậm chí sẵn sàng đi tới bất kỳ một nhà tù quốc gia nào bệ hạ nêu cho tôi, chỉ cần bệ hạ nói một lời thôi. Nhưng trong khi chờ đợi những bằng chứng ngược lại, tôi có quyền được nói và sẽ nói mình là người phục vụ rất trung thành, là thần dân và em của bệ hạ.

Và với vẻ đường hoàng người ta chưa bao giờ thấy ở ông, Henri cúi chào Charles và đi ra.

-Hoan hô, Henriot! – Charles thốt lên khi Henri đã ra khuất.

-Hoan hô về cái nỗi y đã đánh bại chúng ta ấy à? – Catherine đáp.

-Thế sao tôi lại không được hoan hô hắn? Khi chúng tôi đấu gươm với nhau mà hắn đâm trúng tôi thì tôi cũng vẫn hoan hô hắn kia mà? Mẹ ạ, mẹ khinh hắn như thế là nhầm đấy.

-Con ạ, ta không khinh thường y đâu, ta e ngại y thì có – Thái hậu vừa nói vừa siết tay Charles IX.

-Thế thì mẹ nhầm. Nếu Henriot chỉ là bạn tôi, hắn chỉ việc cứ để cho con lợn rừng lao tới.

-Đúng thế, để rồi quận công d'Anjou, kẻ thù riêng của hắn, được lên làm vua ấy à?

-Mẹ này, dù cho động cơ khiến Henriot cứu sống tôi là thế nào chăng nữa, thì một việc hiển nhiên là hắn đã cứu sống tôi. Thề có quỷ sứ chứ tôi không muốn người ta làm phiền y. Còn về việc ông de Mole thì tôi sẽ trao đổi với ông em d'Alençon của tôi là chủ hắn.

Đó là lệnh mời lui của Charles truyền cho mẹ. Catherine vừa lui ra vừa cố ấn định lại những mối nghi ngờ tản mạn của mình. Với vai trò thấp kém của mình, ông de Mole không thể đáp ứng cho yêu cầu của bà.

Trở về cung, Catherine lại gặp Marguerite đang chờ bà. Bà hỏi.

-À ra con đấy – Tối qua ta cho tìm con.

-Tâu lệnh bà, con biết. Nhưng lúc đó con đi vắng.

-Thế sáng nay thì có việc gì?

-Tâu lệnh bà, sáng nay con đến tìm Người để tâu rằng lệnh bà sắp phạm phải một sự bất công lớn.

-Việc gì vậy?

-Lệnh bà sắp cho bắt ông de Mole.

-Nhầm rồi con ạ, ta không cho bắt ai hết. Đức vua cho người bắt chứ không phải ta.

-Khi tình hình nghiêm trọng, xin lệnh bà đừng câu nệ từng chữ. Có đúng là người ta sắp bắt ông de Mole không ạ?

-Chắc thế.

-Vì ông ta bị tố cáo là đã ở trong phòng vua Navarre đêm qua, đã giết hai vệ binh và làm bị thương ông Maurevel phải không?

-Quả đó là tội người ta gán cho ông ta.

-Tâu lệnh bà, người ta gán tội nhầm – Marguerite đáp – Ông de La Mole không có tội.

-Ông de Mole vô tội! – Catherine giật mình mừng rỡ, bà đoán có thể moi được chút tia sáng từ những điều Marguerite vừa nói.

-Không – Marguerite nói tiếp – Ông ta không có tội, không có tội vì lúc đó ông ta không thể ở trong phòng vua Navarre.

-Vậy ông ta ở đâu?

-Tâu lệnh bà ở chỗ con.

-Sao, ở nhà cô à?

-Đúng vậy.

Catherine đáng ra phải ném một cái nhìn nảy lửa trước lời thú nhận đó của một công chúa Pháp, nhưng bà đành chỉ chắp tay lại trên dải dây lưng.

-Và… Nếu người ta bắt ông de Mole tra khảo ông ta thì – Catherine nói sau một lát im lặng.

-Tâu lệnh bà, ông ta sẽ nói đêm đó ông ta ở đâu và với ai. – Marguerite đáp, mặc dù nàng tin chắc điều đó không thể xảy ra.

-Con ạ, nếu thế thì con nói đúng, không nên bắt ông de Mole.

Marguerite rùng mình: nàng thấy dường như đằng sau cách nói này của Thái hậu có ẩn một ý nghĩa bí ẩn khủng khiếp: nhưng nàng không thể nói gì hơn vì điều nàng thỉnh cầu đã được chấp thuận

-Nhưng này – Thái hậu hỏi – Nếu không phải là ông de Mole ở chỗ vua Navarre, thì lại phải là người khác chứ?

Marguerite im lặng.

-Cái người khác ấy con có biết không?

-Tâu lệnh bà, không ạ – Marguerite nói với giọng thiếu tin tưởng.

-Nào, đừng có tin cậy nửa vời con ạ.

-Tâu lệnh bà, con xin thưa lại với Người rằng con không hề biết người ấy – Marguerite nhắc lại lần nữa, dù không muốn mặt nàng vẫn tái đi.

-Thôi được, thôi được, ta sẽ hỏi vậy – Catherine nói với vẻ điềm nhiên – Thôi con đi đi, cứ an tâm, mẹ sẽ lo lắng giữ danh dự của con.

Marguerite lui ra.

"A, vậy ra chúng liên kết với nhau – Catherine lẩm bẩm – Henri và Marguerite ăn ý lắm: miễn là vợ đừng nói gì thì thằng chồng cũng nhắm mắt làm ngơ! A! Các con ơi, các con khôn khéo lắm, các con tưởng các con mạnh lắm. Nhưng sức mạnh của các người chỉ ở trong việc liên minh với nhau thôi, ta sẽ bẻ gẫy từng đứa một. Vả lại rồi có ngày Maurevel nói được hoặc viết được đọc được một cái tên hay viết được sáu chữ thôi, đến lúc ấy ta sẽ biết tất… Ừ, nhưng từ nay đến đấy, kẻ có tội chắc sẽ tìm được chốn an toàn. Tốt nhất là ly gián chúng ngay thôi."

Theo cái dòng lập luận đó, Catherine lại đi về phía cung con trai. Bà gặp đức vua đang hội đàm với d'Alençon.

-A ha! Mẹ đấy à? – Charles vừa nói vừa cau mày.

-Sao bệ hạ không nói là lại mẹ đấy à? Anh đã nghĩ tới câu đó rồi Charles ạ.

-Cái gì ở trong đầu tôi chỉ thuộc về tôi mà thôi, thưa bà – Nhà vua nói với giọng cộc lốc mà đôi khi ông vẫn dùng kể cả để nói với Catherine – Bà muốn gì tôi? Nói nhanh lên.

-Thế này, con nói đúng đấy – Catherine nói với Charles. – còn con, d'Alençon, con nhầm rồi.

-Việc gì vậy. thưa lệnh bà? – Cả hai ông hoàng đều hỏi.

-Không phải ông de Mole ở trong cung vua Navarre đêm qua.

-A ha! – François tái mặt kêu lên.

-Vậy là ai – Charles hỏi.

-Ta còn chưa biết, nhưng ta sẽ biết khi nào Maurevel nói được. Nhưng thôi, cứ để sang bên cái chuyện này, nó sẽ được làm sáng tỏ thôi. Chúng ta hãy nói chuyện về ông de Mole đã?

-Vậy mẹ muốn gì ở ông de Mole ông ta không ở cung vua Navarre lúc đó kia mà?

-Không Catherine đáp – Ông ta không ở trong cung vua. nhưng ông ta ở nhà… hoàng hậu Navarre.

-Ở nhà hoàng hậu Navarre! Charles phá lên cười một cách căng thẳng.

-Ở nhà hoàng hậu Navarre! – d'Alençon tái nhợt như người chết và lẩm bẩm.

-Ồ không đâu! – Charles nói – Guise đã bảo là có gặp kiệu của Marguerite trong phố kia mà!

-Chính thế! – Catherine đáp – Con bé có một cái nhà trong phố.

-Đúng là phố Cloche Percée rồi! – Charles kêu lên.

-Ô hô! Quả đáng thật! – d'Alençon ấn sâu móng tay vào ngực thốt lên – Thế mà lại còn dám tiến cử hắn với chính ta!

-À mà này, ta nghĩ ra rồi – Nhà vua đứng dừng lại và nói – Chính hắn đã ném xuống đầu ta một cái bình đựng nước bằng bạc, cái thằng khốn kiếp!

-Vâng, đúng thế! – François họa theo – Thằng khốn kiếp!

-Các con nói đúng đấy – Catherine tỏ vẻ không hiểu hết được những tình cảm khiến cho hai con mình nói lên lời – chỉ cần nhà quý tộc này bép xép một chút thôi là có thể sẽ có chuyện tai tiếng khủng khiếp. Làm mất danh dự của một công chúa Pháp! Có mà điên rồ mới làm như thế!

-Hoặc có hoạ là kẻ huênh hoang! – François tiếp.

-Đúng thế – Charles phán – Nhưng tuy vậy chúng ta không thể giao vụ này cho các quan tòa được, trừ phi là Henriot chịu đứng làm nguyên cáo.

-Con ạ, con hãy nghe cho kỹ những lời ta nói – Catherine đặt tay lên vai Charles và tỳ lên đó một cách đầy ý nghĩa để khiến nhà vua chú ý tới những điều mà bà sắp đề nghị – Có tội ác và có thể sẽ có chuyện tai tiếng. Nhưng người ta không thể dùng quan toà với đao phủ để trừng phạt những tội xâm phạm tới vương quyền như thế. Nếu các anh là những quý tộc bình thường, ta không có gì phải khuyên các anh cả vì cả hai đều can đảm. Nhưng các anh là những ông hoàng, các anh không thể giao kiếm với một tên tiểu quý tộc quèn được. Hãy suy nghĩ mà trả thù trong tư cách hoàng tử.

-Quái quỷ thật! – Charles kêu lên – Mẹ nói đúng lắm, tôi sẽ nghĩ cách.

-Thưa vương huynh, tôi sẽ giúp Người – François nói.

-Còn ta, ta xin lui về, nhưng ta để lại cái này thay mặt ta – Catherine vừa nói vừa tháo vòng dây lưng bằng lụa đen quấn trọn ba vòng ngang lưng bà và mỗi đầu có một nút tết rủ xuống tận ngang đầu gối và bà ném sợi dây xuống chân hai ông hoàng.

-A! Ta hiểu rồi! – Charles thốt lên.

-Sợi dây này… – d'Alençon vừa nói vừa cúi nhặt.

-Đó là sự trả thù và im lặng – Catherine hân hoan nói – Tuy vậy, kéo thêm Henri vào việc này cũng không hại gì.

Và bà lui ra.

-Trời đất! Chẳng có gì dễ hơn, và khi anh ta biết vợ phản bội mình thì… – d'Alençon quay về phía Charles nói thêm. – Vậy là bệ hạ nhất trí với lệnh bà

Thái hậu chứ ạ?

-Nhất trí từng ly từng tý một ấy chứ – Charles vừa nói vừa không ngờ đang đâm hàng ngàn mũi dao vào trái tim d'Alençon Việc này sẽ làm Marguerite phật lòng nhưng lại làm cho Henriot thích thú.

Ông gọi một sĩ quan vệ binh ra lệnh cho đòi Henri, nhưng rồi nghĩ lại: -Thôi, thôi, tự ta sẽ đi tìm hắn. d'Alençon, anh báo cho d'Anjou và Guise nhé.

Ra khỏi cung, ông đi theo lối cầu thang nhỏ lên tầng hai dẫn tới phòng Henri.

§39. Dự định trả thù

Henri tranh thủ phút rảnh rỗi sau buổi hỏi cung mà ông đã chống đỡ một cách tài tình để tạt qua nhà phu nhân de Sauve.

Ông gặp Orthon đã hoàn toàn hồi tỉnh lại sau cơn choáng, nhưng Orthon cũng chẳng thể kể thêm gì được cho ông ngoài việc có những người đã đột nhập vào nhà ông và viên chỉ huy toán người đã giáng cho cậu bé một đòn bằng đốc kiếm khiến cậu ngã lăn bất tỉnh. Người ta cũng chẳng quan tâm gì lắm tới Orthon vì khi Catherine thấy cậu nằm ngất tưởng cậu đã chết rồi.

Cậu bé tỉnh lại vào lúc Thái hậu vừa rời đi và viên chỉ huy vệ binh chịu trách nhiệm dọn dẹp khu phòng còn chưa đến nên cậu đã trốn được tới nhà phu nhân de Sauve. Henri nhờ Charlotte trông nom cậu bé cho tới khi ông nhận được tin tức về de Mouy. Từ nơi ẩn náu của mình, chàng trai này chắc sẽ nhắn tin cho ông nay mai. Tới lúc đó ông sẽ sai Orthon đưa tin cho de Mouy và thay vì có một người hầu tin cẩn, ông sẽ có những hai người.

Định xong kế hoạch, ông quay về cung mình và trầm tư bước ngang bước dọc trong phòng. Đột nhiên cửa mở ra và nhà vua xuất hiện.

-Hoàng thượng! – Henri thốt lên và tiến tới đón nhà vua.

-Chính ta… Này Henriot, chú quả là một chàng trai tuyệt vời càng ngày ta càng quý chú hơn.

-Tâu bệ hạ – Henri đáp – Người ban cho tôi nhiều vinh hạnh quá.

-Chú chỉ có mỗi một sai lầm thôi, Henriot.

-Sai lầm nào ạ? Có phải là điều mà bệ hạ đã nhiều lần phê phán tôi, đó là thích săn đuổi hơn săn bằng chim muôn không?

-Không, không, ta không nói tới chuyện ấy, Henriot, ta nói chuyện khác cơ.

-Xin bệ hạ hãy giải thích, tôi xin cố gắng sửa mình – Henriot thấy thái độ vui vẻ của nhà vua qua nụ cười bèn nói.

-Đó là mắt chú tinh như thế mà chú không nhìn rõ cái gì cả.

-Chậc! Hay tôi vô tình bị cận mà không biết chăng?

-Còn tệ hơn thế, Henriot ạ, còn tệ hơn thế, chú mù thì có.

-Thật à – Anh chàng Bearnais hỏi – Hay là lúc tôi nhắm mắt lại thì tôi bị cái bệnh không may đó chăng?

-Vâng ạ, chú có thể bị thế lắm. Dẫu sao thì ta cũng sẽ mở mắt cho chú.

-Chúa đã dạy: "Ánh sáng hiện ra đi" tức thì ánh sáng xuất hiện. Bệ hạ là người thay mặt Chúa trên cõi đời này, bệ hạ có thể làm được nơi trần thế những điều Chúa tạo nên ở thiên đường: tôi xin nghe thánh ý.

-Hôm qua, khi Guise nói rằng vợ chú vừa được một tay công tử bột tháp tùng đi qua, chú chẳng chịu tin hắn!

-Tâu bệ hạ! – Henri đáp – Làm sao có thể tin được công chúa em Người có thể phạm một điều bất cẩn đến thế.

-Thế khi hắn bảo vợ chú đến phố Cloche Percée, chú cũng chẳng chịu tin hắn nữa!

-Tâu bệ hạ, làm sao có thể tưởng tượng được một công chúa Pháp lại dám đánh liều tai tiếng của mình như vậy được?

-Thế khi chúng ta bao vây ngôi nhà phố Cloche Percée, ta bị một bình nước bạc rơi vào đầu, d'Anjou lãnh đủ một bình mứt cam và de Guise một khoanh giò đùi lợn vào giữa mặt thì chú hẳn đã thấy có hai người đàn ông và hai người đàn bà chứ?

-Tôi không nhìn thấy gì hết, tâu bệ hạ. Chắc bệ hạ nhớ là lúc đó tôi đang hỏi cung tên gác cổng.

-Nhưng mà khỉ ạ! Ta có nhìn thấy!

-À nếu như bệ hạ đã nhìn thấy thì lại khác.

-Vậy là ta đã thấy có hai người đàn ông và hai người đàn bà. Này, bây giờ ta biết chắc chắn không nghi ngờ gì nữa, một trong hai người đàn bà đó là Margot, còn một trong hai gã đàn ông là de Mole.

-Ấy thế nhưng nếu ông de Mole có mặt ở phố Cloche Percée thì ông ta lại đã không có mặt ở đây.

-Không, ông ta không có mặt ở đây. Bây giờ không bàn tới cái người đã ở đây nữa, khi nào cái thằng ngu Maurevel nói được hay viết được thì chúng ta sẽ biết. Vấn đề là Margot lừa dối chú.

-Chậc, xin bệ hạ chớ tin những lời đồn nhảm.

-Ta đã bảo chú còn hơn là cận, chú mày mù mà lại, khỉ ạ! Có chịu nghe ta nói không, đồ ương ngạnh? Ta bảo là Margot lừa chú và đêm nay chúng ta sẽ vặn cổ cái thằng cha mà con bé yêu thương.

Henri kinh ngạc lùi lại ngẩn người nhìn ông anh vợ.

-Nói cho cùng thì chú cũng chẳng phật lòng chứ hả, thú nhận đi. Margot sắp sửa kêu gào như con mẹ dại nhưng kệ. Ta không muốn chú bị đau khổ. Quận công d'Anjou cắm sừng lên đầu Condé à? Ta mặc xác, Condé là kẻ thù của ta. Nhưng chú, chú là em ta, còn hơn thế ấy chứ, chú là bạn ta.

-Nhưng… tâu…

-Ta không muốn người ta làm hại chú, ta không muốn người ta lừa chú. Chú là cái bung xung cho bọn ăn diện tỉnh lẻ đến để nhặt nhạnh miếng cơm manh áo nhà chúng ta và chim chuột vợ chúng ta cũng đã khá lâu rồi đấy. Ma quỷ, chúng cứ lại đến thử xem! Người ta đã lừa chú, Henriot ạ, điều đó có thể xảy đối với tất cả mọi người. Nhưng ta thề rằng chú sẽ được hài lòng một cách rạng rỡ và ngày mai thiên hạ sẽ bảo rằng: "Chết chửa, hình như đức vua Charles rất yêu ông em rể Henriot của Người vì đêm qua Người đã xử ông de Mole rất khéo!"

-Thưa tâu, phải chăng đó là chuyện được bàn định dứt khoát rồi?

-Dứt khoát, quyết định, nhất định, thằng công tử bột chẳng có gì phải phàn nàn. Chúng ta sẽ hành sự có ta này, d'Anjou này, d'Alençon này, Guise nữa này. Một ông vua, hai hoàng tử Pháp, lại một ông hoàng cầm quyền chưa kể chú.

-Sao? Chưa kể tôi à?

-Ừ chú cũng ở đấy chứ còn gì.

-Tôi ấy à?

-Ừ chú đâm cho hắn mấy phát thật vương giả vào. Còn chúng ta sẽ thắt cổ hắn.

-Tâu bệ hạ, ân sủng của bệ hạ khiến lòng tôi chan chứa biết ơn, nhưng làm sao bệ hạ biết được chuyện ấy?

-Này, rõ khỉ, hình như thằng cha có huênh hoang. Khi thì hắn tới cung hoàng hậu ở Louvre, khi thì đến phố Cloche Percée. Chúng làm thơ với nhau, chà ta thích xem thơ của thằng công tử bột ấy làm sao. Chúng bàn về Bion với Moschus, chúng hết nêu Daphnis lại đến Corydon.

-Tâu bệ hạ – Henri giãi bày -Nghĩ cho cùng thì…

-Sao?

-Xin bệ hạ hiểu cho tôi không thể có mặt trong buổi hành sự như thế. Tôi thấy nếu đích thân mình dự vào việc đó thật bất tiện. Vì tôi có liên quan quá mật thiết đến sự việc nên việc tham gia của tôi sẽ bị lên án là tàn bạo. Công chúa trả thù cho danh dự của em gái mình bị một thằng cha khoác lác bôi nhọ bằng cách vu cáo vợ tôi. Chẳng có gì giản dị hơn và Marguerite, mà tôi vẫn coi là vô tội, không hề bị mất danh dự về điều đó. Nhưng nếu tôi tham gia việc trừng phạt đó lại là chuyện khác. Việc tham gia của tôi khiến một hành động công lý trở thành hành động trả thù. Đó sẽ không còn là việc thi hành án quyết nữa mà là một cuộc ám sát. Vợ tôi không chỉ bị vu cáo nữa mà thôi, hoàng hậu có tội thực sự.

-Chúa ơi, Henri, thật là lời vàng ý ngọc, mới lúc nãy ta còn nói với Thái hậu đấy, chú khôn như quỷ sứ.

Charles khoái chí nhìn ông em rể đang nghiêng mình thi lễ trước lời ban khen.

-Thế dù sao thì chú cũng hài lòng khi bọn chúng ta trừ khử cái gã công tử bột ấy cho chú chứ?

-Mọi việc bệ hạ làm đều là việc tốt – Vua Navarre trả lời.

-Tốt lắm, tốt lắm, cứ để ta làm giúp chú. Yên tâm nhé, công việc sẽ chẳng kém chu đáo hơn đâu.

-Trăm sự xin nhờ cậy bệ hạ – Henri tâu.

-Tuy nhiên hắn thường đến chỗ vợ chú vào mấy giờ nhỉ?

-Ồ khoảng chín giờ tối.

-Thế mấy giờ hắn ra?

-Trước khi tôi tới, vì tôi không gặp y ở đó bao giờ.

-Tức là khoảng mấy giờ?

-Khoảng mười một giờ.

-Được, tối nay nửa đêm hẵng xuống, mọi việc sẽ chu toàn.

Charless thân ái siết tay Henri và nhắc lại những lời hứa hẹn thân tình rồi vừa bước ra vừa thổi điệu nhạc săn ưa thích của ông.

"Trời đất quỷ thần ơi – Anh chàng Bearnais vừa nói vừa dõi nhìn theo Charles – Mình thật nhầm lẫn nếu tất cả các trò ma này lại không do Thái hậu bày đặt ra. Thật bà ta chỉ tìm cách gieo rắc bất hoà giữa hai vợ chồng nhà mình mà thôi, đôi lứa đẹp đến thế mà lại."

Và ông cười theo kiểu ông vẫn thường cười khi không có ai nhìn hoặc nghe thấy ông.

Vào khoảng bảy giờ tối của cái ngày đầy những sự kiện đó trong một căn phòng ở Louvre có một chàng thanh niên đẹp trai vừa mới tắm gội xong, đang vào nhổ râu vừa lượn lờ trước gương với vẻ dung dị và miệng lẩm bẩm hát. Cạnh chàng có một chàng trai khác đang ngủ hay nói đúng hơn là nằm thườn thượt trên một chiếc giường.

Một người là anh bạn de Mole của chúng ta, con người đã rất được quan tâm tới trong ngày hôm đó và có lẽ sẽ vẫn còn được quan tâm hơn nữa tuy chàng không hề hay biết. Người kia là Coconnas bạn chàng.

Quả thật là cơn giông tố đã lướt qua chàng mà chàng không hề nghe thấy sấm gầm hay nhìn thấy chớp lóe. Về nhà lúc ba giờ sáng, chàng nằm đến tận ba giờ chiều, nửa ngủ nửa mơ màng, mơ tưởng xây những lâu đài trên thứ cát ướt mà người ta gọi là tương lai. Rồi chàng dậy, ghé qua chỗ nhà tắm thuê khoảng một tiếng đồng hồ, đi ăn ở quán bác La Hurière và trở lại Louvre, chàng hoàn chỉnh việc điểm tô để tới thăm hoàng hậu như thường lệ.

-Thế cậu bảo là cậu đã ăn trưa rồi đấy hở? – Coconnas vừa hỏi bạn vừa ngáp dài.

-Ừ mà ngon miệng lắm là đằng khác.

-Thế sao cậu không rủ mình đi với, đồ ích kỷ?

-Cậu ngủ ngon đến nỗi mình không muốn đánh thức cậu dậy. Nhưng này, cậu sẽ ăn tối thay cho ăn trưa. Nhất là đừng có quên hỏi bác La Hurière món rượu vang Anjou mà bác ta đã nhận được ấy nhé.

-Ngon lắm à?

-Cứ gọi rượu ấy đi, mình chỉ nói trước với cậu thế thôi.

-Thế cậu đi đâu đấy?

-Mình đi đâu ấy à? – De Mole ngạc nhiên vì bạn lại hỏi mình như thế – Mình đến thăm hoàng hậu.

-Này, hay là mình đi ăn ở nhà của chúng mình ở phố Cloche Percée nhỉ? Mình sẽ xơi các món thừa hôm qua, ở đó có thứ vang Alicante khá lắm.

-Sau những việc xảy ra tối qua thì như thế có hơi bất cẩn đấy, Anibal ạ. Với lại, người ta chẳng đã bắt chúng mình thề không được quay trở lại đấy một mình là gì? Đưa cho mình cái áo măng-tô nào.

-Ừ nhỉ, mình quên mất đấy – Coconnas đáp – Nhưng cậu để áo ở đâu? À đây rồi.

-Không, cái này màu đen, mình bảo cậu đưa cái áo đỏ cơ mà. Mặc áo đấy hoàng hậu yêu mình hơn.

-Ấy này, thề chứ – Coconnas nhìn quanh rồi bảo – Cậu cứ tự tìm lấy mà xem, mình chẳng thấy nó đâu cả.

-Sao? Không thấy à? Thế thì nó ở đâu?

-Hay cậu bán nó rồi?

-Để làm gì? Mình vẫn còn sáu écus.

-Hay mặc áo mình vậy.

-Thôi đi, măng-tô vàng mặc với áo chẽn xanh lá cây, để trông như vẹt ấy à?

-Cậu khó tính thật đấy. Vậy cậu đi mà lo liệu lấy.

Sau khi đã lật tung mọi thứ lên. La Mole bắt đầu tuôn ra hàng tràng lời nguyền rủa bọn trộm cắp dám vào tới tận cung Louvre để ăn cắp. Giữa lúc đó một người hầu của quận công d'Alençon bước vào với chiếc áo măng-tô quý hoá.

-A, đây rồi! – De Mole kêu lên.

-Thưa, ông tìm áo măng-tô ạ? – Người hầu hỏi – Đức ông cho lấy áo ở chỗ ông vì đức ông có đánh cuộc với một người về màu áo.

-Ồ, tôi tìm áo chỉ vì tôi đang định ra phố, nhưng nếu điện hạ có cần giữ nó thì…

-Không, thưa bá tước, xong rồi ạ.

Người hầu lui ra, de Mole cài áo.

-Thế nào – De Mole hỏi – Cậu định làm gì bây giờ đấy?

-Mình cũng chẳng biết.

-Liệu tối nay mình có gặp cậu ở đây không?

-Làm sao mà mình có thể nói cho cậu biết trước được?

-Thế cậu không biết trong hai tiếng nữa cậu làm gì à?

-Mình biết mình sẽ làm gì, những mình không biết được người ta sẽ bắt mình làm gì.

-Quận chúa de Nervers ấy à?

-Không, quận công d'Alençon kia.

-Quả thật ít lâu nay ông ta có vẻ thân thiện với cậu lắm.

-Vậy là tiền đồ cậu ổn rồi – De Mole vừa nói vừa cười.

-Xì, con út ấy mà!

-Ối, ông ta thèm được trở thành con cá đến nỗi chắc Chúa sẽ ban một phép mầu cho ông ta thôi. Vậy là cậu chưa biết tối nay sẽ ở đâu?

-Không.

-Cút đi với quỷ sứ đi! … À thôi, tạm biệt cậu.

Cái gã La Mole này mới khiếp chứ, lúc nào cũng muốn người ta nói cho hắn biết người ta sẽ ở đâu! Làm sao mà mình biết được? Vả lại, hình như mình cũng còn buồn ngủ lắm.

Và chàng lại nằm xuống. Còn De Mole đi nhanh như gió tới khu phòng của hoàng hậu. Tới chỗ hành lang mà chúng ta đều biết, chàng gặp quận công d'Alençon.

-A, ông đấy à, ông de La Mole – Quận công hỏi.

-Thưa điện hạ vâng – De Mole kính cẩn cúi chào.

-Đêm nay ông ra khỏi Louvre à?

-Thưa điện hạ, không. Tôi xin đến chầu lệnh bà Hoàng hậu Navarre.

-Vậy mấy giờ ông rời khỏi cung hoàng hậu, ông de La Mole?

-Điện hạ có lệnh gì ban truyền cho tôi chăng?

-Bây giờ thì không, nhưng tối nay ta cần nói chuyện với ông.

-Vào khoảng mấy giờ ạ?

-Khoảng từ chín đến mười giờ.

-Vậy vào giờ đó tôi sẽ có vinh dự được trình diện trước điện hạ.

-Được, ta chờ ông đấy.

De Mole cúi chào và đi tiếp. Chàng tự bảo: "Ông quận công này có những lúc nom như người chết rồi. Lạ thật."

Chàng gõ cửa khu phòng hoàng hậu. Dường như Gillonne đang chờ để đón chàng bèn dẫn chàng tới bên Marguerite.

Hoàng hậu đang bận bịu với một việc khiến nàng mệt ghê gớm. Một tờ giấy đầy vết gạch xoá và một tập luận văn của Isocrate được bày trước mặt nàng. Nàng ra hiệu cho De Mole chờ nàng viết xong một đoạn. Rồi khi viết xong, mà cũng không lâu lắm, nàng ném bút đi và mời chàng ngồi xuống bên mình.

De Mole nom rạng rỡ. Chưa bao giờ chàng đẹp trai và vui tươi đến như thế.

-Tiếng Hy Lạp à! – Chàng thốt lên khi nhìn lướt qua quyển sách – Một lời hiệu triệu của Isocrate! Lệnh bà định làm gì vậy? Ờ hô! Lại còn tiếng La tinh trên mảnh giấy này nữa này. Nàng sẽ hô hào bọn dân man di ấy bằng tiếng latinh?

-Phải thế, vì họ không nói tiếng Pháp.

-Nhưng chưa biết bài diễn văn lệnh bà làm sao viết được câu trả lời?

-Nếu dí dỏm hơn thì tôi sẽ bảo với mình là tôi ứng khẩu. Nhưng đối với mình, Hyacinthe ạ, tôi không có những trò lừa dối đó. Người ta đưa bài diễn văn cho tôi trước, tôi chỉ việc trả lời thôi.

-Vậy các sứ thần đã sắp đến chưa?

-Còn hơn thế nữa ấy chứ, họ đã đến sáng nay rồi.

-Nhưng sao không ai biết?

-Họ vi hành. Lễ đón trọng thể được hoãn đến ngày kia thì phải. – Marguerite nói với vẻ hài lòng pha chút kiêu hãnh – Với lại mình sẽ thấy, bài tôi viết tối nay theo phong cách khá là cicéronien. Thôi không nói những chuyện phù phiếm ấy nữa, hãy kể những chuyện xảy ra với mình đi.

-Với tôi ư?

-Vâng.

-Có chuyện gì xảy đến với tôi vậy?

-A, cho mình làm bộ tha hồ can đảm, em vẫn thấy mình hơi tái.

-Vậy chắc là do ngủ nhiều quá, tôi xin tự lên án như vậy.

-Thôi, thôi, đừng khuếch khoác nữa, em biết hết rồi.

-Hoàng hậu của tôi, xin nàng hãy hạ cố nói cho tôi hay, vì tôi chẳng biết gì cả.

-Thôi nào, mình cứ nói thẳng ra đi. Thái hậu nói gì với mình thế?

-Thái hậu à? Người có việc cần nói với tôi hay sao?

-Sao? Thế mình chưa gặp Thái hậu à?

-Không.

-Thế đức vua Charles?

-Không.

-Thế đức vua Navarre?

-Cũng không nốt.

-Thế còn quận công d'Alençon? Mình đã gặp ông ta chưa?

-Có vừa mới đây tôi gặp ông ta trong hành lang.

-Ông ta bảo gì mình?

-Ông ta nói rằng ông ta có lệnh truyền cho tôi vào khoảng từ chín đến mười giờ.

-Không có gì khác nữa à?

-Không.

-Lạ nhỉ.

-Nhưng có gì lạ mới được cơ chứ, xin lệnh bà hãy nói cho tôi được biết.

-Lạ ở chỗ là mình không hay biết gì hết.

-Có chuyện gì vậy?

-Có chuyện là suốt cả ngày nay tính mạng mình như ngàn cân treo sợi tóc đấy mình ạ.

-Tôi đấy à?

-Mình chứ còn ai.

-Về việc gì kia?

-Thế này này: đêm qua de Mouy bị bắt chợt ở trong phòng vua Navarre, chả là người ta định bắt ông này mà, de Mouy đã giết chết ba người và trốn thoát, người ta chỉ kịp nhận ra chiếc áo măng-tô đỏ của ông ta thôi.

-Thế thì sao?

-Cái áo măng-tô đỏ ấy đã khiến tôi nhầm một lần rồi, nay lại khiến cả những người khác nhầm nữa. Mình đã bị nghi ngờ, thậm chí còn bị tố cáo là đã phạm tội giết ba người ấy nữa. Sáng nay, người ta đã định bắt mình, đưa mình ra xét xử, có khi lại còn kết tội mình nữa ấy chứ, vì chắc mình chẳng chịu nói đêm qua mình ở đâu để tự cứu mình, đúng không?

-Tôi mà lại nói ra đêm qua tôi ở đâu? – De Mole thốt lên – Để mang tai tiếng cho mình ấy ư? Ôi lệnh bà xinh đẹp của tôi! Nàng nói đúng quá! Tôi thà vui lòng chịu chết còn hơn để cho đôi mắt đẹp của mình phải rơi một giọt lệ.

-Than ôi, người tình tội nghiệp của em! Nếu thế thì chắc chắn em vẫn phải khóc ròng.

-Nhưng làm sao cơn giông tố đó qua đi?

-Mình đoán xem.

-Làm sao tôi biết được?

-Chỉ có một cách để chứng minh rằng mình không ở trong phòng vua Navarre đêm qua.

-Cách gì vậy?

-Đó là nói thật ra đêm qua mình ở đâu.

-Thế rồi sao?

-Thế đấy, em đã nói ra điều ấy.

-Nói với ai?

-Nói với mẹ em.

-Với Thái hậu Catherine…

-Thái hậu Catherine biết rằng mình là người tình của em.

-Ôi! Lệnh bà, sau tất cả những điều nàng đã làm cho tôi như thế, người có thể đòi hỏi tất cả ở kẻ tôi tớ của nàng. Ôi! Marguerite, điều nàng làm thật cao quý và tuyệt vời! Sinh mạng của tôi nằm trong tay nàng và do nàng định đoạt!

-Em cũng mong thế, vì em đã giành lấy mạng sống của mình từ tay những kẻ muốn giật lấy nó của em. Nhưng bây giờ mình đã được cứu thoát.

-Và được cứu bởi tay ai ca chứ? – Chàng trai thốt lên – Bởi tay hoàng hậu yêu dấu của tôi!

Giữa lúc đó một tiếng động chói tai khiến họ giật mình, de Mole lòng đầy hốt hoảng mơ hồ bật ngửa người ra sau, Marguerite buộc kêu lên, mắt đăm đăm nhìn vào khuôn cửa kính bị vỡ. Qua mảnh kính vỡ, một viên sỏi to bằng quả trứng vừa rơi vào nhà, nó vẫn còn lăn trên sàn.

De Mole cũng nhận ra khung cửa kính bị vỡ và nguyên nhân của tiếng động.

-Kẻ nào dám láo xược… – Chàng kêu lên, và toan lao ra cửa sổ.

-Đợi đã mình – Marguerite nói – Hình như có cái gì buộc vào hòn sỏi này thì phải.

-Ừ nhỉ, hình như là một tờ giấy.

Marguerite chộp lấy viên đạn kỳ dị và bóc ra một tờ giấy mỏng được cuốn lại như một dải băng, bọc lấy viên sỏi ở giữa. Tờ giấy được buộc vào một sợi dây, sợi dây lại giòng qua lỗ cửa kính vỡ.

Marguerite mở thư ra và đọc.

-Thôi chết rồi! – Nàng thốt lên.

Nàng trao tờ thư cho De Mole dang đứng xanh xao bất động như một pho tượng thần Kinh hoàng.

De Mole lòng nghẹn ngào đầy mối linh cảm đau đớn, đọc được những dòng sau đây:

"Có người mang những thanh kiếm dài đang đợi ông de Mole trên hành lang dẫn tới phòng ông d'Alençon. Có lẽ ông de La Mole thích ra bằng lối cửa sổ này và tới chỗ ông de Mouy ở Nantes hơn …"

-Nào, kiếm của chúng dài hơn kiếm của ta ư? – De Mole thốt lên sau khi đọc xong.

-Không, nhưng có thể họ có mười chọi một.

-Người bạn nào đã gửi thư cho chúng ta đây?

Marguerite lấy lại thư trên tay chàng trai và chăm chú xem lại.

-Chính tự dạng của vua Navarre – Nàng kêu lên – Nếu ông ta báo thì chắc mối nguy hiểm là thật rồi. Mình trốn đi, em xin mình đấy.

-Tôi trốn bằng cách nào?

-Nhưng người ta đã chẳng bảo qua cửa sổ này là gì?

-Xin nàng hãy ra lệnh, và tôi sẽ nhảy từ cửa sổ xuống, dù cho có tan xương nát thịt cũng cam.

-Khoan đã, hình như sợi dây này có treo vật gì.

-Xem nào.

Và cả hai người cùng kéo cái vật treo ở đầu dây ấy lên.

Họ vui mừng khôn xiết khi thấy ở đầu dây kia có một chiếc thang tết bằng lụa và lông bờm ngựa.

-Ôi, thế là mình thoát rồi – Marguerite bảo.

-Thật đúng là phép mầu của Chúa.

-Không, đây là việc thiện của vua Navarre.

-Thế nhỡ ngược lại đây lại là một cái bẫy thì sao? – De Mole hỏi – Nhỡ cái thang này đứt dưới chân tôi thì sao? Thưa lệnh bà, hôm nay nàng chẳng đã thú nhận lòng ưu ái của nàng đối với tôi là gì?

Sắc mặt Marguerite đã hồng hào trở lại vì mừng, lại tái nhợt đi như người chết.

-Mình nói đúng, có thể thế lắm.

Và nàng lao về phía cửa.

-Mình đi đâu? – De Mole kêu lên.

-Em sẽ tự đi xem có đúng là có kẻ rình mình trong hành lang không.

-Không đời nào! Để rồi cơn điên giận của chúng lại đổ lên đầu mình đấy.

-Mình bảo ai dám làm gì một công chúa Pháp kia chứ? Vừa là công chúa, vừa là vợ vua, em là người có tới hai tầng bảo vệ.

Hoàng hậu nói những lời đó với vẻ đường hoàng đĩnh đạc đến nỗi De Mole hiểu rằng nàng sẽ không gặp một hiểm nguy nào hết và chàng đành để mặc nàng làm theo ý muốn.

Marguerite để De Mole lại cho Gillonne coi sóc và mặc cho trí sáng suốt của chàng định liệu xem nên trốn đi hay chờ nàng trở lại tuỳ theo tình huống. Nàng đi vào hành lang. Qua một chỗ phân tỏa, hành lang này vừa dẫn tới thư viện, vừa dẫn tới nhiều phòng khánh tiết. Ở tận cùng đầu kia của hành lang là cung vua và Thái hậu có cả chiếc cầu thang bí mật dẫn tới phòng quận công d'Alençon và Henri. Dù bây giờ mới chỉ gần chín giờ tối, đèn đóm đã tắt hết và ngoài một thứ ánh sáng lờ mờ rọi hắt ra từ chỗ ngã tư, hành lang hoàn toàn chìm trong bóng tối. Hoàng hậu Navarre mạnh dạn tiến bước, nhưng khi nàng đi tới khoảng gần được phần ba hành lang, nàng nghe như có tiếng thì thầm của những giọng nói trầm trầm. Người nói cẩn thận hạ thấp giọng khiến cho những người nói đó có một vẻ bí ẩn đáng sợ. Nhưng gần như ngay tức thì tiếng thì thào ngừng bặt tựa có lệnh trên ban truyên khiến nó tắt ngấm. Mọi vật lại trở lại hoàn toàn tăm tối, vì cái ánh sáng tỏa ra từ chỗ ngã tư, dù đã rất lù mù, nay dường như lại càng tối đi.

Marguerite vẫn tiếp tục đi thẳng tới mối nguy hiểm, nếu như nó có thực thì chắc đang đợi nàng ở chỗ này đây. Bề ngoài nàng có vẻ bình tĩnh mặc dù bàn tay nàng co quắp chứng tỏ một sự căng thẳng thần kinh tột độ. Nàng càng tới gần, sự yên lặng đáng ghê sợ đó lại càng thêm tĩnh mịch, một hình bóng giống như bóng một bàn tay che đi cái thứ ánh sáng lung linh và tù mù đó.

Đột nhiên, khi nàng tới chỗ ngã tư hành lang, một người đàn ông tiến ra hai bước, để lộ ra một cây nến bằng bạc mạ vàng, và y kêu lên: -Hắn đây rồi!

Marguerite thấy mình đối diện với ông anh Charles. Sau lưng nhà vua là quận công d'Alençon với một dải dây lục trong tay. Trong bóng tối phía sau, có hai bóng người đứng cạnh nhau, chỉ có những thanh kiếm tuốt trần của họ là phản chiếu lại ánh sáng.

Marguerite nhìn thoáng qua toàn cảnh, nàng lấy hết sức cố gắng mỉm cười trả lời Charles: -Chắc hoàng thượng định nói là: Cô ta đây rồi phải không?

Charles lui lại một bước, tất cả những người khác đứng nguyên tại chỗ.

-Cô đấy à Margot? Cô đi đâu vào giờ này?

-Vào giờ này ư? – Marguerite hỏi – Muộn đến thế rồi cơ à?

-Ta hỏi cô đi đâu?

-Tôi đi tìm một quyển sách về các bài diễn văn của cicéronien hình như tôi để quên chỗ lệnh bà Thái hậu thì phải.

-Đi thế này mà không đèn đuốc gì cả à?

-Tôi tưởng hành lang có đèn.

-Cô đi thẳng từ nhà cô ra đây à?

-Thưa vâng.

-Vậy tối nay cô làm gì?

-Tôi chuẩn bị bài diễn văn cho các sứ thần Ba Lan. Ngày mai chẳng có họp mà mỗi người chúng tôi phải trình diễn văn của mình lên hoàng thượng duyệt là gì?

-Thế có ai giúp cô làm việc đó không?

Marguerite thu hết sức lực nói: -Thưa vương huynh, có ông de Mole. Ông ta lả người rất thông thái.

-Thưa chị, – Quận công d'Alençon nói – Ông ta thông thái tới mức tôi phải đề nghị với ông ta khi nào xong việc với chị thì đến tìm tôi để giúp tôi vài lời khuyên. Tôi không được giỏi như chị mà.

-Vậy ra ông chờ ông ta à? – Marguerite hỏi với giọng rất tự nhiên.

-Vâng – Quận công d'Alençon sốt ruột đáp.

-Nếu vậy thì tôi sẽ trả ông ta lại cho ông vì chúng tôi cũng đã xong rồi.

-Còn sách của cô thì sao – Charles hỏi.

-Tôi sẽ cho Gillonne đi lấy.

Hai anh em trai ra hiệu cho nhau.

-Thôi cô đi đi – Charles ra lệnh – Còn chúng ta tiếp tục đi tuần.

-Bệ hạ đi tuần à? – Marguerite hỏi – Bệ hạ tìm gì vậy?

-Một gã người nhỏ bé mặc áo đỏ – Charles đáp – Cô không biết là có một thằng cha người nhỏ bé mặc áo đỏ hiện về ở Louvre hay sao? Hoàng đệ d'Alençon nói là có trông thấy y, và chúng ta đang đi tìm y.

-Xin có lời chúc cuộc săn tìm may mắn – Marguerite nói.

Và nàng vừa lui về vừa đưa mắt liếc về phía sau. Nàng thấy trên tường hành lang bốn người tụ lại với nhau và có vẻ như đang bàn luận. Chỉ trong giây lát nàng đã về tới cửa phòng mình: -Gillonne, mở cửa ra – Marguerite gọi.

Gillonne tuân lời.

Marguerite lao vào trong phòng, nàng thấy De Mole đang đợi, chàng vẫn bình tĩnh và đầy quả quyết, nhưng cầm lăm lăm thanh kiếm trong tay.

-Mình trốn ngay đi, đừng để phí một giây nào nữa. Họ đang chờ mình trong hành lang để ám sát mình đấy.

-Hoàng hậu ban lệnh như vậy – De Mole hỏi.

-Em muốn thế, chúng ta hãy chia tay để rồi lại gặp nhau.

Trong lúc Marguerite ra ngoài, de Mole đã buộc chắc thang dây vào thanh ngang cửa sổ. Chàng bèn trèo qua thanh ngang đó nhưng trước khi đặt chân lên bậc thang đầu tiên, chàng âu yếm hôn lên tay hoàng hậu.

-Marguerite, nếu chiếc thang này là một cái bẫy và tôi chết vì em, xin em hãy nhớ lại lời hứa của em.

-De Mole, đó không phải là một lời hứa, đó là một lời thề. Xin mình đừng e ngại. Tạm biệt.

Cùng lúc đó có người gõ cửa.

Marguerite đưa mắt nhìn theo de Mole trong lúc chàng leo trèo nguy hiểm như vậy và chỉ quay vào khi nàng đã thật tin chắc rằng chàng đã chạm chân tới đất.

-Tâu lệnh bà! – Gillonne gọi.

-Có chuyện gì vậy? – Marguerite hỏi.

-Đức hoàng thượng gõ cửa.

-Em mở ra.

Chắc vì chờ lâu sốt ruột quá, bốn ông hoàng đã tiến đến trên bậc cửa. Charles bước vào. Marguerite mỉm cười tiến tới trước mặt ông anh. Đức vua nhìn thoáng qua xung quanh.

-Thưa, vương huynh tìm gì? – Marguerite hỏi.

-Ta tìm… ta tìm… Ê! Mẹ kiếp! Ta tìm ông de Mole!

-Ông de La Mole?

-Ừ, hắn đâu rồi?

Marguerite nắm lấy tay anh và dẫn ông tới bên cửa sổ.

Lúc đó có hai người đang phóng ngựa nước đại đi xa dần về phía tháp gỗ. Một trong hai người tháo khăn choàng, và phơ phất vẫy mảnh satanh trắng trong đêm thay cho lời chào từ biệt.

Hai người đó là De Mole và Orthon.

Marguerite đưa tay chỉ cho Charles thấy hai người đó.

-Thế là nghĩa lý gì? – Nhà vua hỏi.

-Thế có nghĩa là – Marguerite đáp – Ông quận công d'Alençon có thể nhét lại sợi dây của ông ta vào túi, các ông d'Anjou và de Guise có thể tra lại kiếm vào vỏ, vì đêm nay ông de Mole sẽ không đi qua cái hành lang kia.

§40. Anh em cừu hận

Từ khi quay trở lại Paris, Henri d'Anjou vẫn chưa kịp gặp gỡ mẹ mình một cách thật sự tự do thoải mái. Ai cũng biết rằng ông ta là con cưng của Thái hậu.

Đối với ông ta đây không phải là việc thoả mãn vô bổ tính nghi thức, cũng không phải là một nghi lễ khó chịu phải hoàn thành mà đúng hơn đó là việc làm tròn bổn phận rất dễ chịu của người con. Dù người con đó có không yêu mẹ đi chăng nữa, ít ra anh ta vẫn tin chắc rằng mình được mẹ yêu dấu.

Quả thật, Catherine yêu quý nhất ông hoàng này, hoặc vì ông ta can đảm, hoặc vì ông ta đẹp trai. Bởi ngoài người mẹ ra, trong Catherine còn có tính cách của người đàn bà nữa. Hoặc nữa là vì theo một vài lời đồn đại tai tiếng trong triều thì Henri d'Anjou nhắc cho Thái hậu nhớ lại một thời kỳ hạnh phúc nào đó của những mối tình bí ẩn.

Chỉ mỗi mình Catherine biết việc quận công d'Anjou trở về Paris.

Lẽ ra Charles IX cũng không biết điều này nếu như ông không tình cờ tới trước dinh Condé vừa đúng lúc ông em rời khỏi đó.

Charles khi đó vẫn nghĩ là Henri tới hôm sau mới về, còn Henri cứ mong rằng sẽ giấu được anh mình hai cuộc viếng thăm mà vì chúng ông ta đã phải về Paris sớm hơn một ngày. Đó là để tới thăm nàng Marie de Clèves xinh đẹp, phu nhân ông hoàng Condé và hội đàm với những sứ thần Ba Lan.

Quận công d'Anjou phải giải thích với Thái hậu về chính cuộc hội đàm này, vì ngay Charles cũng còn chưa biết chắc được ý đồ của quận công trong việc đó là gì. Và độc giả chắc cũng như Henri de Navarre cũng nhầm nốt nên sẽ hiểu được nhờ lời giải thích của quận công.

Vì thế nên khi quận công d'Anjou, người đang được nóng lòng chờ đợi, bước vào cung Thái hậu, thì Catherine là người vốn lạnh lùng và khéo đóng kịch thường ngày là thế, là người mà từ khi con trai cưng ra đi, mới chỉ ôm hôn thắm thiết có Coligny là kẻ bị ám sát ngay ngày hôm sau, đã dang tay ôm lấy đứa con yêu dấu với vẻ âu yếm đầy tình mẫu tử khiến người ta phải ngạc nhiên ở người đàn bà có trái tim quá đỗi khô cằn này. Rồi bà lui ra xa nhìn quận công và lại tới ôm hôn ông.

-Ôi thưa lệnh bà. Trời đã ban cho con niềm vui được ôm hôn mẹ mà không bị ai nhìn thấy, xin lệnh bà hãy an ủi con người bất hạnh nhất thế gian này.

-Ôi trời ơi, con yêu quý – Catherine thốt lên – Có chuyện gì xảy ra với con vậy?

-Chẳng có gì mà mẹ không biết, mẹ ạ. Con đã yêu và được yêu lại. Nhưng chính tình yêu đó lại là niềm bất hạnh của con.

-Con giải thích cho mẹ nghe đi nào.

-Ôi, mẹ… Bọn sứ thần ấy… Con phải ra đi…

-Ừ, các sứ thần đã tới, vậy ngày con di phải gấp rồi.

-Mẹ, ngày đi chưa gấp, nhưng anh con sẽ đẩy nó tới nhanh. Ông ta ghét con, con làm ông ta khó chịu, ông ta muốn tống khứ con đi.

Catherine mỉm cười.

-Tống khứ đi bằng cách tạo cho con một ngai vàng à? Anh chàng được tấn phong tội nghiệp!

-Ôi, mẹ ơi có sao đâu – Henri nói giọng đầy khắc khoải Con không muốn ra đi. Con một hoàng tử Pháp, lớn lên trong sự tế nhị của những phong tục tập quán thanh lịch, được ở gần bên một trong những người mẹ tốt nhất, được một trong những người đàn bà đẹp nhất thế giới yêu thương, vậy mà con phải đi tới vùng hoang vu tuyết phủ, chết dần chết mòn giữa đám người thô tục say sưa từ sáng chí tối và đánh giá tài năng chúa thượng của chúng theo mức chứa của thùng rượu. Không mẹ ơi, con không muốn đi, con chết mất.

-Nào, Henri – Catherine vừa nói vừa siết tay con – Đó có phải là lý do thực sự không?

Henri cúi đầu dường như ông e ngại thú nhận ra với mẹ mình những điều đang diễn ra trong lòng.

-Phải chăng còn một lý do khác, ít lãng mạn hơn, khôn ngoan hơn, chính trị hơn?

-Thưa mẹ, thật không phải lỗi tại con nếu như cái ý tưởng này cứ lởn vởn trong đầu óc con, và có lẽ nó còn choán chỗ nhiều hơn phần của nó, nhưng có đúng chính mẹ cũng đã nói với con là lá số tử vi của Charles lấy hồi mới sinh đã tiên đoán rằng ông ta sẽ chết trẻ?

-Đúng thế – Catherine đáp – Nhưng con ơi, tử vi cũng có thể nhầm. Chính ta lúc này đây cũng đang hy vọng rằng tất cả những thứ tử vi ấy đều không đúng.

-Nhưng rốt cuộc thì lá số của ông ta có nói thế không?

-Tử vi của Charles có nói đến một phần tư thế kỷ nhưng không chỉ rõ đó là nói về triều đại trị vì hay về đời sống của nhà vua.

-Vậy thì mẹ ơi, làm sao cho con có thể ở lại được. Anh con đã gần hai tư, chỉ trong một năm là ta sẽ biết rõ.

Catherine suy nghĩ rất lung.

-Ừ đúng vậy, nếu được như thế thì tốt hơn.

-Ôi, xin mẹ hãy xét xem – Henri thốt lên – Thật tuyệt vọng biết nhường nào nếu như con lại đem đổi ngai vàng nước Pháp lấy ngai vàng xứ Ba Lan. Ở nơi kia con sẽ bị giày vò bởi ý nghĩ rằng lẽ ra con đã có thể trị vì ở Louvre giữa một triều đình thanh lịch và uyên bác, bên một người mẹ hiền nhất đời mà những lời khuyên dạy lẽ ra đã có thể làm con bớt đi một nửa gánh nặng và mệt nhọc. Mẹ

vốn đã quen chia sẻ gánh nặng triều chính với cha con, mẹ sẽ sẵn lòng giúp con! Ôi mẹ! Nếu thế con đã có thể là một đấng minh quân!

-Thôi, thôi, con thân yêu, thôi đừng buồn nữa – Catherine nói. Bà vẫn coi viễn cảnh ấy như là niềm hy vọng ngọt ngào nhất – Con có tự nghĩ ra được cách nào để thu xếp tình hình chưa?

-Có chứ ạ, chính vì thế mà con đã về sớm hơn người ta tưởng đến hai ba hôm. Con đã để Charles tưởng là con về vì phu nhân Condé. Con đến chỗ Lasco, kẻ quan trọng nhất trong đám sứ thần, con tự giới thiệu mình với ông ta, và trong cuộc tiếp kiến đầu tiên này, con đã làm tất cả những gì có thể làm được để khiến ông ta ghét con, và con hy vọng đã thành công.

-Con ạ, thật không tốt. Cần phải đặt lợi ích của nước Pháp lên trên những sự chê bai.

-Mẹ, chẳng lẽ lợi ích của nước Pháp lại muốn rằng nhỡ khi có điều bất hạnh xảy ra với anh con thì quận công d'Alençon hoặc vua Navarre được lên nối ngôi hay sao?

-Ồ, không đời nào lại là vua Navarre – Thái hậu lẩm bẩm, mỗi lần vấn đề này được nêu ra, mối lo âu lại phủ lên vầng trán bà một lớp mây mờ.

-Thật chứ – Henri nói tiếp – Ông em d'Alençon của con cũng chẳng hơn gì và cũng không yêu mẹ hơn mấy tý.

-Tóm lại thì Lasco đã nói gì nào? – Catherine hỏi.

-Chính Lasco cũng đã ngập ngừng khi con giục y xin yết kiến. Ôi! Nếu như y có thể viết thư về Ba Lan nhỉ, hủy bỏ cuộc bầu cử ấy đi có được không?

-Thật điên rồ con ạ… Điều mà viện quý tộc đã quyết là thiêng liêng.

-Nhưng suy cho cùng ra thì mẹ ơi, sao người ta lại không thể khiến cho bọn Ba Lan ấy chấp nhận em con thay cho con nhỉ?

-Điều đó nếu như không phải là bất khả thì cũng là rất khó.

-Mặc kệ! Xin mẹ cố thử xem, mẹ hãy nói với nhà vua, mẹ hãy nói tất cả chỉ là vì mối tình của con đối với phu nhân Condé, rằng con yêu đến điên cuồng, để mất hết cả lý trí. Cũng may là đức vua bắt gặp con đi từ dinh hoàng thân ra cùng với Guise, Guise đã giúp đỡ con rất tận tình.

-Đúng thế, để liên kết với nhau mà. Anh còn chưa thấy điều đó, nhưng ta thì ta thấy.

-Mẹ ơi, con cũng biết thế, nhưng trong lúc chờ đợi thì con sử dụng y. Chúng ta thật may mắn khi có người vừa tự phục vụ mình lại vừa phục vụ chính chúng ta.

-Thế đức vua khi gặp các anh thì đã nói gì?

-Người có vẻ tin vào điều con đã khẳng định, tức là chỉ có tình yêu đã lôi kéo con trở về Paris.

-Thế đức vua không hỏi thăm phần thì giờ còn lại trong đêm các anh làm gì à?

-Thưa mẹ, có chứ. Con tới ăn tối ở nhà Nantouillet, con gây chuyện tai tiếng thật ghê gớm ở đó để tiếng đồn lan truyền đi và đức vua sẽ không nghi ngờ gì về việc con đã có mặt ở đó.

-Vậy đức vua không hay biết chuyện anh tới thăm Lasco chứ.

-Tuyệt đối không.

-Được, càng hay. Con thân yêu ạ, ta sẽ cố thử nói với Người hộ anh. Nhưng anh cũng biết đấy, bản chất nhà vua cứng cỏi lắm, không gì có thể ảnh hưởng được đến ông ta.

-Ôi mẹ! Thật may mắn chừng nào nếu con được ở lại! Con sẽ yêu mẹ thêm hơn biết chừng nào nếu con có thể yêu được hơn thế này nữa!

-Nếu anh ở lại, người ta lại phái anh ra chiến trường mất thôi.

-Ồ có sao đâu, miễn là con không phải rời nước Pháp.

-Anh sẽ mất mạng ngoài trận địa mất.

-Mẹ ơi, người ta không chết vì những vết thương… mà là vì đau buồn, chán nản. Nhưng Charless chắc sẽ không cho con ở lại đâu, ông ta ghét con.

-Ông ta ghen với anh, người chiến thắng đẹp trai ạ, đó là điều chắc chắn. Tại sao anh lại can đảm và may mắn đến thế! Tại sao mới chưa đầy hai mươi tuổi anh đã thắng được những trận giống như Alexandre và Cédar? Nhưng trong khi chờ đợi anh hãy giả vờ chấp thuận, hãy tỏ ra thần phục nhà vua. Ngày hôm nay có hội đàm kín để đọc và bàn về các diễn văn sẽ đọc tại buổi lễ, anh hãy đóng vai vua Ba Lan và để mặc ta lo những việc còn lại. À này, thế còn cuộc truy tìm của các anh tối qua ra sao?

-Hỏng rồi, mẹ ạ. Gã tình nhân được báo trước đã biến mất qua cửa sổ

-Có ngày ta sẽ biết được tên hung thần nào đã phá hỏng hết các dự định của ta như thế… Ta ngờ rằng… hắn cứ liệu hồn!

-Vậy thì…? – Quận công d'Anjou ngờ ngợ hỏi lại.

-Việc này cứ để mặc ta lo.

Bà âu yếm hôn lên mắt Henri và đẩy ông ta ra khỏi phòng làm việc.

Chẳng mấy chốc các công chúa trong hoàng gia đã tới cung Thái hậu. Charles đang vui vì sự táo gan của cô em Margot làm ông thích thú hơn là bực mình. Ông chẳng thù hận gì De Mole và nếu như ông chờ đợi chàng tối qua trong hành lang với đầy nhiệt tình thì chỉ vì đó cũng giống như một kiểu phục kích trong cuộc săn mà thôi.

Ngược lại d'Alençon rất bận tâm. Ông ta vốn vẫn kỵ hiềm với De Mole và từ lúc biết rằng chàng được chị mình yêu, ông ta lại càng căm ghét chàng hơn.

Đầu óc Marguerite mơ màng nhưng mắt nàng tỉnh táo. Nàng vừa nhớ nhung vừa phải xem xét kỹ càng. Các sứ thần Ba Lan đã gửi tới các bài diễn văn mà họ

sẽ phải đọc.

Người ta không hề nhắc lại với Marguerite về sự kiện tối hôm trước, tựa như không có việc gì xảy ra và nàng thản nhiên đọc các diễn văn. Trừ Charles, mọi người đều bàn luận về những điều mà họ sẽ trả lời. Charles để mặc Marguerite muốn trả lời như thế nào thì tùy thích. Song ông lại tỏ ra khó tính với việc chọn từ ngữ của d'Alençon. Còn đối với bài diễn văn của Henri d'Anjou, thì còn tồi tệ hơn là ác ý, nhà vua ra sức chữa từng câu và thậm chí còn viết lại.

Buổi làm việc này mặc dù không xảy ra chuyện gì nhưng đã làm cho đầu óc mọi người căng thẳng.

Henri d'Anjou phải viết lại gần hết cả bài diễn văn nên ông phải lui về để làm việc. Marguerite vốn đã không nhận được tin tức gì của vua Navarre ngoài những tin gửi đến cho nàng từ khung kính cửa sổ vỡ, quay trở về với hy vọng gặp ông ta ở đấy.

Nhận thấy có sự ngập ngừng trong ánh mắt của ông anh d'Anjou, d'Alençon đã bắt chợt được một cái nhìn thông đồng giữa Thái hậu và ông này, bèn cũng lui về cung để suy nghĩ về điều mà ông ta coi là một mưu đồ đang nảy sinh. Cuối cùng, khi Charles đang định rút về lò rèn của mình để làm nốt một ngọn giáo do chính ông chế tạo thì bị Catherine ngăn lại.

Charles đoán ra ngay rằng Thái hậu sẽ chống đối lại ý định của mình nên ông dừng lại và chằm chằm nhìn Catherine: -Sao, cỏn việc gì nữa đây? – Ông hỏi.

-Thưa bệ hạ, còn một việc cuối cùng nữa phải trao đổi. Chúng ta đã quên việc đó, tuy nhiên nó khá quan trọng. Chúng ta sẽ ấn định ngày lễ tấn phong vào hôm nào nhỉ?

-À ừ nhỉ – Nhà vua vừa nói vừa ngồi xuống – Vậy thì ta lại bàn nào. Vậy lệnh bà thấy ấn định vào ngày nào là thích hợp?

-Ta nghĩ rằng chính trong sự im lặng của hoàng thượng, trong cái vẻ lãng quên bề ngoài đã có điều gì được suy tính kỹ càng rồi.

-Không, tại sao lại thế, thưa lệnh bà?

-Vì rằng, – Catherine nhẹ nhàng nói thêm – Con ạ, ta thấy hình như không nên để cho những người Ba Lan thấy chúng ta có vẻ như là quá nhiệt tình chạy theo cái ngai vàng ấy.

-Thưa lệnh bà, ngược lại – Charles nói – Chính họ đã vội vàng ruổi ngựa ngày đêm từ Warsawa tới đây… Vinh dự phải được đền đáp bằng vinh dự, lịch sự phải được trả lại bằng lịch sự.

-Bệ hạ có thể có lý về mặt này, cũng như ta có thể không nhầm về mặt khác. Vậy ý bệ hạ định đưa buổi lễ sớm lên.

-Thế chứ, đúng vậy mẹ ạ: Ý mẹ không phải là thế hay sao?

-Bệ hạ biết rằng ta chỉ có những ý kiến có ích nhất cho vinh quang của bệ hạ. Vậy nên ta xin mạo muội nói rằng nếu bệ hạ vội vàng như thế, ta e người ta sẽ

cho là bệ hạ muốn tranh thủ dịp này để cất bỏ đi cho hoàng gia Pháp gánh nặng mà em Người gây ra, dù rõ ràng là ông ta đã trở lại cho hoàng gia bằng sự vinh quang và lòng tận tụy.

-Thưa lệnh bà, khi nào em tôi rời nước Pháp, tôi sẽ gây dựng cho hắn với tiền của nhiều đến nỗi không ai dám nghĩ tới điều mà lệnh bà e ngại.

-Thôi nào, ta xin hàng thôi – Catherine đáp – Vì bệ hạ có những câu trả lời hay đến thế cho mọi lời phản bác của ta… Nhưng để đón tiếp cái dân tộc thiện chiến vốn vẫn xét đoán uy lực của một nước qua những biểu hiện bề ngoài đó bệ hạ chắc phải có sự phô trương binh lực đáng kể. Ta nghĩ rằng không có nhiều cuộc diễu binh trong vùng Ile de François.

-Xin mẹ thứ lỗi, tôi đã tiên liệu việc này và tôi đã chuẩn bị. Tôi đã cho gọi hai tiểu đoàn từ xứ Normandie về, một từ xứ Guyenne, đại đội cung thủ của tôi từ Bretagne chiều hôm qua đã về tới đâu đây. Lính khinh kỵ rải rác trong vùng Turenne sẽ có mặt ở Paris trong ngày hôm nay. Trong khi người ta cứ tưởng tôi chỉ có khoảng gần bốn trung đoàn thì tôi có những hai mươi ngàn binh lính sẵn sàng diễu binh.

-Ái chà – Catherine kinh ngạc – Vậy thì bệ hạ chỉ còn thiếu có một thứ thôi, nhưng rồi chúng ta cũng sẽ kiếm ra.

-Thứ gì vậy?

-Tiền. Ta nghĩ rằng bệ hạ không giàu có gì lắm đâu.

-Thưa lệnh bà, trái lại. Tôi có một triệu bốn trăm ngàn écus ở ngục Bastille. Mấy ngày gần đây, ngân khố riêng của tôi đã nộp cho tôi tám ngàn écus mà tôi cho đem cất trong các hầm ở Louvre và nếu như có thiếu thì Nantouillet còn có ba trăm ngàn khác sẵn sàng cho tôi sử dụng.

Catherine run lên, cho tới lúc này bà vẫn chỉ tưởng Charles là người nóng nảy hay tức giận chứ chưa bao giờ thấy ông biết lo xa.

-Thế là bệ hạ đã lo tới đủ mọi việc – Bà nói tiếp – Thật tuyệt. Và miễn là những người thợ may, thợ thêu, thợ làm đồ châu báu nhanh tay nhanh chân lên thì bệ hạ có thể ấn định buổi tiếp trong vòng sáu tuần nữa.

-Sáu tuần nữa! – Charles kêu lên – Thưa mẹ, thợ may, thợ thêu, thợ làm đồ châu báu đã bắt tay vào làm từ khi người ta biết tin về việc phong chức cho em tôi. Cố ra thì tất cả đã có thể xong hết vào ngày hôm nay nhưng để cho chắc ăn thì mọi việc sẽ sẵn sàng trong ba bốn hôm nữa.

-Ồ con ạ – Catherine lẩm bẩm – Hình như anh có vẻ vội vàng hơn ta tưởng.

-Tôi đã nói với lệnh bà rồi, vinh dự phải được đền đáp bằng vinh dự.

-Được lắm. Vậy ra chính cái điều vinh dự dành cho hoàng gia Pháp làm bệ hạ đẹp lòng phải không?

-Chắc chắn là như thế.

-Và được thấy một hoàng tử Pháp lên ngôi vua Ba Lan là niềm mong ước cao nhất của bệ hạ chứ gì?

-Bà nói đúng.

-Vậy chính sự việc, chứ không phải con người làm bệ hạ bận tâm, và dù cho có là ai trị vì ở nơi kia đi chăng nữa…

-Không, không, thưa mẹ, khỉ thật! Như thế nào thì chúng ta hãy cứ giữ nguyên như thế. Bọn Ba Lan đã chọn đúng rồi đó. Họ là những người khéo léo và cưởng tráng. Một quốc gia quân sự, một dân tộc gồm toàn lính, thế nên họ chọn một viên chỉ huy làm vua là đúng lắm. Mẹ kiếp! d'Anjou hợp với họ: người anh hùng của trận Jarnac và Moncontour đi với họ thật vừa khéo! Lệnh bà muốn tôi gửi ai cho họ nào? d'Alençon à? Một thằng hèn! Họ mà thấy hắn thì rõ đẹp mặt cho dòng họ nhà Valois! … d'Alençon! … Hắn sẽ chuồn ngay khi nghe viên đạn đầu tiên réo bên tai. Còn, Henri d'Anjou ấy à, một gã ham đánh đấm, tốt lắm! Lúc nào cũng kiếm cầm tay đi đầu, dù đi bộ hay cưỡi ngựa! … Can đảm lên! Đâm đi, xô đi, phang đi, giết đi! ái chà! Ông em d'Anjou của tôi mới đúng là người chứ! Một kẻ can trường! Hắn sẽ làm cho lũ dân Ba Lan ấy được đi đánh nhau từ sáng chí tối, từ đầu năm đến cuối năm. Quả là tửu lượng hắn có kém, nhưng hắn sẽ lạnh lùng để mặc cho lũ dân ấy bị giết. Có thế thôi. Nơi đó thật đúng là địa hạt của hắn, cái thằng cha Henri đáng yêu ấy! Tiến lên! Tiến lên! Tới chiến trường! Hoan hô kèn trống trận! Đức vua muôn tuổi! Người chiến thắng muôn năm! Đại tướng muôn năm! Người ta sẽ tôn xưng hắn làm hoàng đế ba lần một năm! Thật tuyệt vời đối với hoàng gia Pháp và danh dự của dòng họ Valois… Có thể hắn sẽ bị giết, nhưng mẹ kiếp! Chết như thế thật tuyệt đẹp!

Catherine rùng mình, mắt bà lóe sáng và bà kêu lên: -Xin bệ hạ cứ nói thẳng ra rằng bệ hạ căm ghét hắn còn hơn!

-A ha ha! – Charles bật lên một tiếng cười gắng sức – Bà đã đoán ra là tôi định đẩy hắn đi? Bà đoán ra là tôi không yêu thương gì hắn? Làm gì có chuyện ấy cơ chứ! Yêu em trai tôi! Tại sao tôi lại phải yêu hắn! A ha ha! Hẳn bà muốn đùa thôi? – Nhà vua càng nói, gò má xanh xao của ông càng bừng đỏ – Thế hắn có yêu thương tôi không? Thế bà có yêu thương gì tôi không? Trừ lũ chó của tôi, Marie Touchet và nhũ mẫu, có ai đã yêu thương tôi bao giờ chưa? Không ạ, xin bà biết cho tôi không yêu gì thằng em tôi, tôi chỉ yêu quý có tôi thôi. Tôi cũng chẳng cấm hắn bắt chước tôi về điều đó.

-Tâu bệ hạ – Catherine cũng trở nên sôi nổi hẳn lên – Vì bệ hạ có lòng nói thẳng hết với ta, ta cũng xin nói thật. – Bệ hạ hành động như một vị vua yếu đuối, như một bậc quân chủ không được khuyên can đến nơi đến chốn. Bệ hạ tống đi người em trai thứ hai của Người, theo lẽ tự nhiên là trụ cột của triều đình và về mọi mặt đều xứng đáng kế ngôi bệ hạ nếu chẳng may có điều gì bất hạnh xảy ra với bệ hạ và Người để lại ngai vàng không ai kế vị. Vì cũng như bệ hạ vừa

nói đấy, d'Alençon còn trẻ, không có năng lực, yếu đuối, còn tệ hơn yếu đuối nữa, hắn hèn nhát! … Và phía sau y là gã người Bearnais bệ hạ có thấy thế khộng?

-Ê này, quái thật đấy nhỉ! – Charles thốt lên – Những chuyện sẽ xảy ra sau khi tôi không còn sống nữa thì việc gì tới tôi? Thế bà bảo là cái thằng Bearnais nó đứng đằng sau ông em tôi chớ gì? Mẹ kiếp! Càng tốt! Khi nãy tôi bảo không yêu ai là tôi nhầm đấy, tôi quý Henriot. Vâng, tôi yêu quý hắn, cái thằng Henriot tốt bụng ấy; vẻ mặt hắn thẳng thắn, tay hắn ấm, trong khi quanh tôi, tôi chỉ thấy có những ánh mắt giả dối và chỉ được chạm vào những bàn tay giá lạnh. Hắn không có gan phản bội tôi, tôi dám thề đấy. Vả lại tôi còn mắc nợ hắn: có người đã đầu độc mẹ hắn, tội nghiệp thằng bé! Những người ấy thuộc gia đình tôi đấy, tôi nghe người ta nói thế. Với lại tôi vẫn khỏe lắm. Nhưng nếu tôi ốm, tôi sẽ cho gọi hắn, tôi sẽ không để hắn rời xa tôi. Tôi sẽ chỉ ăn uống những thức đưa từ tay hắn và khi tôi chết, tôi sẽ phong hắn làm vua nước Pháp và xứ Navarre… Mẹ kiếp! Hắn sẽ khóc hay ít ra sẽ giả và khóc trước cái chết của tôi chứ không cười như những thằng em tôi.

Sét đánh xuống chân Catherine cũng không làm bà kinh hoàng bằng những lời này. Bà sững sờ nhìn Charles bằng hai mắt thất thần rồi mãi mới thốt lên được: -Henri de Navarre! Henri de Navarre mà lại là vua nước Pháp thay cho các con tôi! A! Lạy thánh mẫu! Để rồi xem! Té ra vì thế mà bệ hạ định đày con trai tôi đi đấy?

-Con trai bà… Thế tôi là cái gì nhỉ? Con của chó sói như Romulus[409] chắc? – Charles run lên vì tức giận, mắt sáng rực như lửa – Con trai bà! Bà nói đúng đấy, vua nước Pháp không phải con trai bà! Vua nước Pháp không có anh em, không có mẹ, chỉ có thần dân thôi. Vua nước Pháp không cần có tình cảm, chỉ cần có ý muốn. Hắn không cần người ta yêu thương hắn, hắn muốn người ta phải phục tùng hắn!

-Tâu bệ hạ, Người đã hiểu sai ý tôi: tôi đã gọi kẻ sắp phải xa tôi là con trai tôi. Lúc này tôi càng yêu thương nó hơn vì chính lúc này đây tôi sợ mất nó nhất. Một người mẹ mong muốn cho con mình không rời xa mình thì có phải là tội lỗi không?

-Còn tôi, tôi xin nói với bà là hắn sẽ phải xa rời khỏi mẹ hắn, rằng hắn sẽ phải rời nước Pháp, hắn sẽ đi Ba Lan trong hai ngày nữa. Nếu bà nói thêm một lời, hắn sẽ đi ngay ngày mai. Và nếu bà không cúi đầu xuống, nếu bà không dập tắt cái ánh mắt đe doạ thì tôi sẽ bóp cổ hắn tối nay như bà đã muốn người ta bóp cổ tình nhân con gái bà tối hôm qua. Có điều là tôi không để hắn trượt khỏi tay tôi như chúng tôi đã tóm trượt De Mole.

Nghe lời đe doạ đầu tiên này, Catherine cúi đầu, nhưng gần như ngay lập tức bà lại ngẩng cao đầu lên.

-Ôi! Tội nghiệp con ta! Anh con muốn giết con. Nhưng hãy yên lòng, mẹ sẽ bảo vệ con.

-A, chúng dám thách ta! – Charles kêu lên – Thề có Chúa! Hắn sẽ chết, không phải tối nay, không phải chốc nữa mà ngay lập tứct A! Đưa cho ta một vũ khí! Một thanh đoản kiếm! Một con dao!

Và sau khi đã đưa mắt nhìn quanh để tìm kiếm một cách vô ích những thứ ông đòi hỏi, Charles nhìn thấy con dao găm nhỏ mà Thái hậu đeo ở thắt lưng. Ông vồ lấy nó, giật nó ra khỏi vỏ bằng da lừa khảm bạc và lao ra khỏi phòng để tìm đâm Henri d'Anjou ở bất kỳ đâu. Nhưng ra đến tiền phòng do quá bị kích thích so với sức chịu đựng của mình, đột nhiên ông kiệt quệ: tay ông duỗi ra để rơi con dao nhọn cắm xuống sàn, ông thốt ra một tiếng kêu yếu ớt, đổ sụp người xuống và lăn ra sàn. Cùng lúc đó máu túa ra từ mồm và mũi nhà vua.

-Chúa ơi! – Ông kêu – Chúng giết con! Cứu ta với!

Catherine đang đi theo Charles thấy ông ngã xuống. Bà thản nhiên nhìn ông một lát và không động cựa. Rồi bà tĩnh trí lại không phải vì tình mẫu tử mà vì hoàn cảnh khó xử, bà vừa mở cửa vừa hô hoán: -Đức vua lâm bệnh! Cứu với! Cứu với!

Nghe tiếng kêu đó, cả bầy người hầu, sĩ quan và các quần thần tất cả ùa vào quanh vị vua trẻ tuổi. Nhưng một người đàn bà đã lao lên trước tất cả mọi người, gạt những kẻ tới xem ra và nâng Charles nhợt nhạt như xác chết dậy.

-Chúng giết ta, nhũ mẫu ai, chúng giết ta – Charles mình đẫm máu và mồ hôi lẩm bẩm nói.

-Charles! Chúng giết con! – Người đàn bà phúc hậu thốt lên và nhìn khắp các khuôn mặt với ánh mắt khiến chính Catherine cũng phải chùn bước – Đứa nào là kẻ dám giết con?

Charles để hắt ra một tiếng thở dài yếu đuối và ngất đi hoàn toàn.

-A, đức hoàng thượng ốm thật rồi – Thầy Ambroise Paré mà người ta đã cho đi gọi tới nói.

-Bây giờ dù muốn hay không, hắn cũng phải gia hạn – Catherine lạnh lùng tự nhủ.

Bà rời nhà vua để tới chỗ con trai thứ của bà đang khắc khoải đợi chờ kết quả cuộc nói chuyện rất đỗi quan trọng này đối với ông ta trong gian tiểu giáo đường.

§41. Số tử vi

Khi rời khỏi tiểu giáo đường, nơi bà vừa báo cho Henri d'Anjou biết những việc mới xảy ra. Catherine lại gặp René trong phòng bà.

Kể từ hôm Thái hậu tới cửa ở cầu Saint-Michel tới nay, đây là lần đầu bà gặp lại nhà chiêm tinh. Tuy nhiên, hôm trước bà đã viết thư cho ông ta và nay René đích thân đến trả lời Thái hậu.

-Thế nào? – Catherine hỏi – Ông đã gặp y chưa?

-Thưa đã.

-Thế y có khỏe không?

-Có khá hơn.

-Y có nói được không?

-Thưa không, thanh quản đã bị kiếm đâm xuyên qua.

-Ta đã bảo ông trong trường hợp này phải bắt y viết kia mà.

-Tôi đã thử làm, chính y cũng đã cố gắng hết sức, nhưng tay y chỉ vạch được có hai chữ gần như là không nhận ra nổi, rồi y ngất. Tĩnh mạch cổ bị thủng y mất máu nhiều nên hết cả sức.

-Ông có xem những chữ ấy không?

-Đây ạ! – René rút trong túi ra một tờ giấy và trình lên Catherine. Bà hấp tấp mở ra đọc: -Một chữ M và một chữ O… Hay lại đúng là cái gã De Mole rồi và màn kịch của Marguerite chỉ là để đánh lạc hướng thôi?

-Thưa lệnh bà – René đáp – Tôi xin mạo muội trình bày ý kiến của tôi về việc mà lệnh bà còn ngần ngại chưa nói rõ ý mình. Tôi xin nói rằng ông de Mole quá si tình nên không thể quan tâm nghiêm túc đến chính trị được.

-Ông nghĩ thế à?

-Thưa vâng, nhất là ông ta quá si mê hoàng hậu Navarre nên không thể tận tụy phục vụ đức vua Navarre được, vì người tình thực sự nào mà chả ghen.

-Vậy ông tin chắc hoàn toàn là De Mole đang si tình đấy?

-Tôi tin chắc như vậy.

-Y có đến nhờ ông à?

-Thưa vâng.

-Y xin ông một thứ rượu tình nào phải không?

-Không ạ, chúng tôi chỉ làm phép hình nhân bằng sáp thôi.

-Đâm vào tim à?

-Thưa vâng.

-Thế cái hình nhân ấy vẫn còn chứ?

-Vâng.

-Ở nhà ông?

-Ở nhà tôi.

-Thật lạ là những phép yêu thuật ấy lại có tác dụng thực sự như người ta bảo.

-Lệnh bà thừa cơ trí hơn tôi để xét đoán việc ấy.

-Hoàng hậu Navarre có yêu ông de Mole không?

-Lệnh bà yêu ông ta đến mức có thể liều mình vì ông ta. Hôm qua lệnh bà đã dám đánh liều đem cả danh dự và tính mạng để cứu ông ta. Lệnh bà thấy đấy, vậy mà Người vẫn còn nghi ngờ ư?

-Nghi ngờ gì?

-Nghi ngờ học thuật.

-Tại vì chính học thuật đã phản lại ta – Catherine vừa nói vừa nhìn René nhưng y chịu đựng được cái nhìn ấy một cách tuyệt vời.

-Thưa khi nào vậy?

-Ồ! Ông biết ta định nói gì rồi, trừ phi là chính nhà thông thái đã phản lại ta chứ không phải học thuật.

-Tâu lệnh bà, tôi không hiểu Người định nói gì? – Gã người xứ Florence trả lời.

-René ạ, các thứ dầu hương của ông bị bay mùi rồi sao?

-Tâu lệnh bà, khi tôi dùng chúng thì không, nhưng khi chuyển qua tay những người khác thì…

Catherine mỉm cười lắc đầu: -Son của ông tuyệt lắm, René. Môi phu nhân de Sauve càng thắm càng tươi hơn bao giờ hết.

-Tâu lệnh bà, không nên khen son của tôi vì nam tước phu nhân de Sauve đã ỷ vào quyền được nhõng nhẽo của mọi người đẹp nên chẳng thèm nói năng gì với tôi về loại son ấy nữa. Còn về phần tôi thì sau khi được lệnh bà căn dặn, tôi thấy tốt hơn hết là không nên gửi son ấy đến cho bà ta. Lệnh bà để các hộp son tại nhà tôi như thế nào thì nay chúng vẫn như thế, chỉ thiếu có một hộp đã bị mất mà tôi vẫn không biết ai đã lấy của tôi và để làm gì.

-Thôi được, René – Catherine đáp – Có lẽ chúng ta sẽ nói chuyện đó sau, còn bây giờ bàn chuyện khác đi.

-Tâu lệnh bà, tôi xin nghe.

-Cần phải làm gì để ước đoán được thời gian sống của một con người?

-Trước hết phải biết ngày sinh, tuổi và sao chiếu mệnh của người đó.

-Rồi sao nữa?

-Phải có tóc và máu của người đó.

-Thế nếu ta đem tóc và máu của người đó tới cho ông, nếu ta nói cho ông biết ngày sinh, tuổi và sao chiếu mệnh của người đó thì ông có thể cho ta biết một cách ước lượng ngày chết của người đó hay không?

-Thưa vâng, chênh lệch cũng chỉ vài ngày thôi.

-Được lắm, ta có tóc rồi, ta sẽ kiếm máu.

-Người ấy sinh ban ngày hay ban đêm?

-Năm giờ hai mươi ba phút chiều.

-Vậy ngày mai xin lệnh bà tới chỗ tôi vào năm giờ. Thí nghiệm phải được tiến hành vào đúng giờ sinh của người đó.

-Được chúng ta sẽ tới – Catherine đáp.

René thi lễ và lui ra không hề tỏ vẻ để ý tới câu "chúng ta sẽ tới", chứng tỏ rằng trái với thói quen, Catherine sẽ không đi một mình.

Tờ mờ sớm hôm sau, Catherine tới cung con trai. Khoãng nửa đêm bà có cho người hỏi thăm tình hình sức khỏe Charles và người ta trình với bà rằng thầy Ambroise Paré đang túc trực bên nhà vua để sẵn sàng trích huyết nếu như rối loạn thần kinh vẫn tiếp diễn.

Trong giấc ngủ nhà vua vẫn giật mình thon thót. Mặt mũi ông xanh xao vì mất máu. Charles ngủ, đầu gối lên vai nhũ mẫu. Bà này ngồi dựa vào tường và không dám đổi tư thế từ ba tiếng đồng hồ nay vì sợ làm mất giấc ngủ của đứa con yêu quý. Thỉnh thoảng bọt sùi nhè nhẹ lên mép người ốm và nhũ mẫu lại lau đi với một mảnh khăn bằng lụa Batit thêu. Trên đầu giường có một chiếc khăn loang lổ những vệt máu lớn.

Catherine đã toan lấy chiếc khăn mùi soa này, nhưng rồi bà nghĩ thứ máu này đã bị trộn với nước bọt chắc không công hiệu lắm. Bà hỏi nhũ mẫu xem thầy thuốc đã trích huyết cho con trai bà như người ta đã báo với bà chưa. Nhũ mẫu đáp là đã và máu ra nhiều đến nỗi Charles ngất hai lần.

Vốn có chút ít kiến thức về y học như tất cả các công chúa hoàng hậu thời bấy giờ. Thái hậu yêu cầu được xem máu. Chẳng có gì dễ hơn vì thầy thuốc đã dặn người ta giữ máu lại để còn nghiên cứu.

Máu được đựng trong chậu để ở phòng làm việc cạnh phòng ngủ. Catherine qua đó để xem máu, bà đổ chất dung dịch màu đỏ đó vào trong chiếc lọ nhỏ bà đem theo để đựng, rồi trở về cung, tay giấu trong túi vì đầu các ngón tay nhuốm máu có thể khiến việc làm tội lỗi của bà bị lộ.

Lúc bà xuất hiện lại ở cửa buồng làm việc, Charles mở mắt và sửng sốt khi nhìn thấy mẹ. Như trong đoạn tiếp của giấc mơ ông nhớ lại tất cả những suy tư hằn học của mình.

-Bà đấy à? Này, bảo cho cái thằng con cưng của bà, cái thằng Henri d'Anjou ấy là buổi lễ sẽ được tổ chức vào ngày mai nhé.

-Charles yêu quý – Catherine đáp – Con muốn ngày nào cũng được. Con hãy bình tâm lại và ngủ đi.

Dường như ông nghe theo lời khuyên ấy, Charles nhắm mắt lại.

Catherine cũng chỉ khuyên như người ta khuyên trẻ con hoặc người ốm, nói xong thì đi ra. Nhưng bà vừa khuất và khi tiếng cửa đã khép ại, Charles nhổm ngay dậy, và đột nhiên ông thét lên với giọng còn nghẹn ngào vì cơn kịch phát

vừa rồi khiến ông vẫn còn đau đớn: -Quan chưởng ấn đâu? Ấn đâu? Triều đình đâu? Cho gọi và đem tất cả tới đây!

Mạnh mẽ nhưng đầy âu yếm, nhũ mẫu kéo đầu nhà vua lại trên vai mình và bà cố ru cho ông ngủ lại tựa như hồi ông còn trẻ con.

-Không, không ta không ngủ nữa đâu nhũ mẫu. Cho gọi quần thần của ta đi, sớm nay ta muốn làm việc.

Khi Charles đã nói như thế, thì cần phải tuân lời. Và chính bản thân nhũ mẫu mặc dù được hưởng những đặc quyền mà đứa con sữa vương giả dành cho bà, cũng không dám trái lệnh.

Người ta cho triệu những người đức vua đòi tới và buổi lễ được ấn định vào năm hôm sau chứ không phải vào ngay ngày hôm sau vì điều đó thật khó có thể làm được.

Tuy nhiên, tới giờ đã hẹn tức là vào năm giờ, Thái hậu và quận công d'Anjou vẫn tới nhà René. Như chúng ta đã biết, gã này được báo trước về cuộc viếng thăm nên đã chuẩn bị kỹ càng cho buổi làm việc đầy bí ẩn.

Trong căn phòng bên phải, tứclà phòng làm lễ hiến tế, trên một bếp lò hồng rực người ta đang nung nóng đỏ một lưỡi thép dành để thể hiện, qua những đường vòng vèo thất thường của nó, số phận của con người mà người ta muốn xin quẻ. Trên bàn thờ có quyển sách ghi các số phận. Đêm hôm trước trời rất trong nên René đã có thể nghiên cứu đường vận động và vị trí của các vì sao.

Henri d'Anjou tới trước tiên. Ông đội tóc giả, đeo mặt nạ và mang một chiếc áo choàng đen che lấp cả dáng người của ông. Thái hậu tới sau và như bà không biết trước rằng con trai chờ mình ở đó, bà chắc chẳng nhận ra ông ta. Thái hậu cất mặt nạ của mình đi còn quận công d'Anjou ngược lại, vẫn giữ nguyên mặt nạ của mình.

-Người sẽ xem sao đêm qua chưa? – Catherine hỏi.

-Tâu lệnh bà đã, và các tinh tú đã báo cho tôi biết quá khứ của người đó. Cũng giống như tất cả những người sinh ra dưới chòm sao Con tôm, người mà lệnh bà muốn hỏi số phận có tấm lỏng rực lửa và hết sức kiêu hãnh. Người ấy có thế lực, đã sống gần một phần tư thế kỷ và cho tới nay vẫn được trời ban cho vinh quang và của cải. Có đúng vậy không, tâu lệnh bà?

-Có lẽ thế – Catherine đáp lại.

-Lệnh bà có máu và tóc đây không?

-Đây! – Và Catherine trao cho pháp sư một mớ tóc màu vàng hung và một lọ máu nhỏ.

René cầm lọ máu, lắc lắc để hoà tan cả hồng cầu và huyết tương rồi nhỏ một giọt lớn thứ máu thịt sống đồng ấy lên trên lưỡi dao nung đỏ. Ngay tức thì giọt máu sủi lên và rỉ ra thành những hình kỳ lạ.

-Ôi tâu lệnh bà – René thốt lên – Tôi thấy ông ta đang quằn quại trong những cơn đau đớn khủng khiếp. Lệnh bà có nghe thấy ông ta rên rỉ, ông ta kêu cứu đến như thế nào không? Lệnh bà có thấy quanh ông ta mọi thứ đều biến thành máu không? Sau nữa lệnh bà có thấy quanh giường chết của ông ta có bao trận chiến lớn đang chuẩn bị nổ ra không? Đây giáo đây này, còn đây là những thanh gươm.

-Còn lâu lắm không? – Catherine hồi hộp vì một mối xúc động khó tả, bà ngăn bàn tay của d'Anjou đang tò mò vươn ra trên bếp lò.

René tiến lại gần bàn thờ và nhắc lại một lời cầu nguyện phù chú. Y làm việc đó đầy nhiệt tình và tin tưởng đến nỗi mạch máu hai bên thái dương y phồng lên và toàn thân y co giật trong những cơn xuất thần rùng mình căng thẳng hệt như những đồng nữ đền thờ thần Apollon thuở xưa bị co giật rùng mình trên chiếc ghế ngồi bằng đồng và ngay cả trên giường chết nữa.

Cuối cùng y đứng dậy và bảo rằng mọi thứ đã sẵn sàng.

Một tay y cầm lọ máu vẫn còn đầy tới ba phần tư, tay kia y cầm lọn tóc. Sau khi đề nghị Catherine mở sách số ra đọc một đoạn bất kỳ, René đổ tất cả máu lên lưỡi thép, ném lọn tóc vào trong bếp than và lẩm bẩm một câu phù chú bằng tiếng Do Thái cổ mà chính y cũng chẳng hiểu gì.

Tức thì quận công d'Anjou và Catherine nhìn thấy loang ra trên lưỡi thép một gương mặt trắng như mặt một thây ma bọc trong tấm khăn liệm.

Một gương mặt khác nom tựa như mặt đàn bà cúi mình trên mặt người thứ nhất.

Đồng thời lọn tóc cháy bùng lên thành một ngọn lửa duy nhất sáng chói như một cái lưỡi đỏ lòm và nhanh chóng lụi tàn.

-Một năm! – René kêu lên – Chỉ gần một năm thôi là người này sẽ chết và sẽ chỉ có một người đàn bà khóc than kẻ đó, nhưng không, ở phía đầu lưỡi thép còn có một người đàn bà nữa dường như đang bế một đứa bé trong tay.

Catherine nhìn con trai. Dù là mẹ, bà dường như vẫn có ý hỏi con xem hai người đàn bà ấy là ai.

Nhưng René còn chưa dứt lời thì mảnh sắt lại trở thành màu trắng, mọi hình ảnh trên đó đã lần lượt nhoà đi.

Catherine mở sách ra một cách hú họa, và đọc hai câu sau với giọng lạc đi mặc dù bà đã hết sức cố gắng.

"Không mà người ta e sợ đã chết như vậy

Rất sớm, quá sớm nếu như không cẩn thận giữ mình."

Im lặng nặng nề nhất một lát quanh lò than.

-Thế còn đối với kẻ mà người biết đấy, – Catherine hỏi – Các sao chiếu tháng này như thế nào?

-Tâu lệnh bà, số vẫn thịnh lắm. Trừ phi thắng được số phận bằng cuộc đấu giữa thánh thần với thánh thần, chứ không thì tương lai chắc chắn sẽ thuộc về

người này. Tuy nhiên…

-Tuy nhiên sao?

-Một trong số các ngôi sao trong chồm hoa của người này bị một đám mây đen che khuất trong suốt thời gian tôi quan sát.

-A – Catherine kêu lên – Một đám mây đen… Vậy có thể có chút hy vọng chăng?

-Thưa lệnh bà nói về ai vậy? – Quận công d'Anjou hỏi.

Catherine kéo con trai ra khỏi ánh sáng bếp lửa và thấp giọng. Trong lúc đó René quỳ xuống, trong ánh sáng ngọn lửa, y đổ vào tay một giọt máu cuối cùng còn sót lại dưới đáy lọ: -Mâu thuẫn kỳ lạ thật – Y nói – Nó chứng tỏ rằng những chứng cớ của môn khoa học giản đơn của đám người tầm thường kém vững chắc đến như thế nào! Đối với bất kỳ kẻ nào khác ngoài ta, đối với một tay bác sĩ, một nhà bác học, với chính thầy Ambroise Paré nữa máu này thật thuần khiết, thật dồi dào sinh lực. Cơ thể nào chứa đựng máu này đáng ra phải sống được nhiều năm nữa, ấy vậy mà tất cả sức lực này chẳng bao lâu nữa sẽ biến đi, cuộc sống này phải lụi tàn trong vòng một năm nữa!

Catherine và Henri d'Anjou đã quay trở lại và chăm chú nghe. Mắt ông hoàng ánh lên sau lớp mặt nạ.

-Ôi! – René tiếp – Những nhà hoá học thông thường chỉ nắm được hiện tại, còn tương lai và quá khứ thuộc về chúng ta!

-Vậy ông vẫn tin rằng kẻ kia sẽ chết trong vòng một năm nữa à? – Catherine hỏi.

-Tôi tin như thế cũng như tôi tin chắc ở đây chúng ta có ba người đang sống mà sẽ có ngày yên nghỉ trong mồ.

-Nhưng ông vừa nói là máu này thuần khiết, dồi dào sinh lực và có thể cho phép một cuộc sống lâu dài kia mà?

-Thưa vâng, nếu mọi việc theo dòng thường lệ của nó thì như thế. Nhưng nhỡ ra có một tai nạn gì đó…

-À đấy, thấy chưa – Catherine nói với Henri – Một tai nạn…

-Than ôi! – Quận công đáp – Lại càng là lý do phải ở lại.

-Ồ! Về chuyện ấy thì đừng nghĩ tới nữa, không thể được đâu.

Quận công quay sang phía René: -Cám ơn nhé – Ông vừa nói vừa cố đổi giọng đi – Người cầm lấy món tiền này.

-Đi thôi, bá tước – Catherine cố ý gán cho con trai một tước vị khác để đánh lạc hướng René.

Và họ đi ra.

-Ôi mẹ ơi – Henri nói – Một tai nạn, mẹ thấy chưa… và nếu tai nạn xảy đến, con lại không có ở đây, con cách xa mẹ những bốn trăm dặm…

-Con ạ, bốn trăm dặm thì đi trong tám ngày thôi.

-Vâng, nhưng làm sao biết được những kẻ kia có để cho con trở về hay không? Ôi mẹ! Sao con lại không được chờ đợi cơ chứ?

-Biết đâu cái tai nạn mà René nói tới lại không phải là cái tai nạn bắt nhà vua nằm liệt giường đau đớn từ hôm qua? Nghe này, về đi con ạ, ta sẽ đi qua cổng nhỏ của tu viện dòng nữ tu Augustin. Đám tùy tùng của ta đợi ta ở đó. Thôi đi đi Henri, nếu có gặp anh con thì coi chừng đừng có làm cho hắn cáu.

§42. Chuyện cơ mật

Điều đầu tiên quận công d'Anjou được biết khi trở về Louvre là lễ đón long trọng các sứ thần được ấn định vào năm hôm sau. Thợ may và thợ làm đồ châu báu đang đợi ông hoàng với những bộ áo quần lộng lẫy và những đồ trang sức tuyệt vời mà nhà vua đã sai làm cho ông.

Trong khi Henri d'Anjou thử áo quần và đồ trang sức trong cơn tức giận khiến mắt ông mờ lệ thì Henri de Navarre lại rất hớn hở với một chuỗi ngọc bích, một thanh kiếm chuôi nạm vàng và một chiếc nhân quý mà Charles vừa gửi tới cho ông sớm hôm đó.

D Alençon vừa nhận được một bức thư liền đóng cửa một mình trong phòng để đọc cho thoải mái.

Về phần Coconnas, chàng hỏi thăm tất cả kẻ qua người lại ở Louvre về tin tức bạn mình.

Quả thật ta cũng dễ đoán là Coconnas cũng chẳng ngạc nhiên gì lắm khi thấy De Mole suốt đêm không về, tới sáng ra chàng bắt đầu thấy hơi lo. Vì vậy chàng bắt đầu đi tìm bạn từ quán Tinh tú tới phố Cloche Percée từ phố Cloche Percée tới phố Tizon, từ phố Tizon tới cầu Saint-Michel, rồi lại từ cầu Saint-Michel về tới Louvre.

Đối với những người được hỏi thăm thì cái công việc tìm kiếm này được tiến hành một cách khi thì quá độc đáo, khi thì quá bức bách, và vì chúng ta đã biết tính tình kỳ cục của Coconnas nên cũng dễ hiểu được là giữa chàng và ba vị lãnh chúa trong triều đã xảy ra lời qua tiếng lại và kết thúc theo cái mốt của thời đó, nghĩa là ngoài bãi đấu. Coconnas đã tận tình để hết tâm lực vào các cuộc gặp gã loại này như chàng vẫn thường làm.

Chàng giết chết người thứ nhất và làm bị thương hai người kia, vừa đánh nhau, chàng vừa than thở: -Tội nghiệp La Mole, hắn giỏi tiếng Latinh biết chừng nào!

Đến nỗi nam tước de Boissey, người đấu cuối cùng cũng phải kêu lên khi ngã xuống: -Ôi lạy Chúa! Coconnas, thay đổi đi một tí, ít ra cũng nói rằng ông ta có biết tiếng Hy Lạp.

Cuối cùng tin đồn về cuộc tiễu trừ trong hành lang đã lộ ra.

Coconnas đau đớn vô cùng, có lúc chàng đã nghĩ rằng tất cả những ông vua ông hoàng đã giết bạn mình và ném xác vào trong một ngục tối nào đấy. Chàng được biết d'Alençon cũng dự cuộc. Và chẳng thèm đếm xỉa đến cái tôn nghiêm của một ông hoàng theo huyết thống, chàng tới tìm ông ta và đòi giải thích tựa như đối với một quý tộc bình thường vậy.

Mới đầu d'Alençon định tống cổ cái anh chàng lếu láo dám bắt ông trả lời về những việc ông làm, nhưng Coconnas nói với giọng cộc lốc quá, mắt chàng ánh lên những tia lừa gắt gao quá, và chuyện ba trận đấu trong vòng chưa đầy hai mươi bốn tiếng đặt chàng lên cao quá, nên d'Alençon phải suy nghĩ và thay vì làm theo những toan tính đầu tiên của mình, ông lại trả lời viên quý tộc của mình với một nụ cười dễ mến: -Ông Coconnas thân mến, quả đúng là đức vua tức giận vì bị ném một bình nước bằng bạc vào vai cùng với quận công d'Anjou bất bình vì bị chụp lên đầu một lọ mứt cam và quận công de Guise lấy làm nhục vì bị một tảng thịt lợn rừng ném vào mặt nên đã tham gia việc định giết ông de Mole. Nhưng một người bạn của bạn ông đã xoay chuyển được đòn đánh. Cú đòn đã trượt, ta thề bằng danh dự hoàng tử với ông như thế.

-A! – Coconnas thở phào khi nghe lời đảm bảo ấy – Ôi, mẹ kiếp! Tốt quá, thưa điện hạ, tôi muốn được biết người bạn ấy để bày tỏ lòng biết ơn của tôi.

Ông d'Alençon không nói gì nhưng mỉm cười còn ưu ái hơn trước khiến Coconnas tưởng rằng người bạn đó chẳng phải ai khác ngoài chính hoàng thân.

-Thưa bệ hạ – Chàng nói tiếp – Người đã có lòng kể cho tôi nghe phần đầu câu chuyện, xin hãy gia ân kể nốt phần cuối. Họ định giết bạn tôi, nhưng chưa giết được như điện hạ vừa dạy. Thế nhưng họ đã làm gì ông ta rồi? Xin điện hạ cứ nói đi tôi là người can đảm và biết chịu đựng những tin buồn. Có phải họ đã ném cậu ấy vào đáy hầm giam nào rồi phải không?

Càng tốt, có thế hắn mới cẩn thận hơn. Hắn không bao giờ chịu nghe lời tôi. Vả lại, mẹ kiếp, ta sẽ kéo hắn ra! Gạch đá cũng chẳng quá rắn đối với tất cả mọi người.

D Alençon lắc đầu nói: -Coconnas thân mến, tệ nhất là từ khi có chuyện đó bạn người đã biến mất mà không ai biết ông ta ở đâu.

-Mẹ kiếp! – Anh chàng xứ Piémontais lại tái mặt đi – Hắn có mà chui xuống âm ty thì tôi cũng sẽ tìm ra.

-Nghe đây – Vì những lý do hoàn toàn khác hẳn, quận công cũng muốn biết chỗ ẩn náu của De Mole như Coconnas – Ta sẽ khuyên người như một người bạn.

-Xin điện hạ cứ dạy.

-Đến gặp hoàng hậu Marguerite xem, chắc bà ta biết cái người mà người đang thương nhớ, ở đâu.

-Tôi cũng xin thú thật với điện hạ là tôi đã nghĩ tới nhưng không dám. Vì ngoài cái việc lệnh bà Marguerite khiến tôi e ngại lắm lắm thì tôi còn sợ lại gặp phải lệnh bà đang khóc lóc. Nhưng nếu điện hạ cam đoan chắc với tôi là De Mole chưa chết và lệnh bà được biết hắn đang ở đâu thì tôi sẽ thu hết can đảm để tới gặp hoàng hậu.

-Đi đi anh bạn – Quận công nói – Khi nào người có tin thì báo cho ta biết với nhé. Thực tình tà cũng lo lắng chẳng kém gì người. Nhưng này Coconnas, phải nhớ một điều là…

-Điều gì ạ?

-Đừng có nói ta xui người đến. Vì nếu người bất cẩn như thế thì có thể người sẽ chẳng biết được gì đâu?

-Thưa điện hạ, khi điện hạ đã dặn tôi phải giữ mồm giữ miệng về việc này thì tôi sẽ câm như hến hay nín thinh như lệnh bà Thái hậu thôi ạ.

"Ông hoàng tốt bụng, ông hoàng tuyệt vời, ông hoàng đại lương". Coconnas vừa lẩm bẩm vừa đi tới cung hoàng hậu Navarre.

Marguerite đang chờ Coconnas vì tiếng đồn đại về nỗi tuyệt vọng của chàng đã lan tới tai nàng. Khi được biết niềm thất vọng đó được thể hiện bằng những chiến công như thế nào, nàng gần như đã tha thứ cho Coconnas về tội đã đối xử một cách khá là thô bạo với bạn nàng, quận chúa de Nervers. Anh chàng Piémontais không nói năng gì với quận chúa vì một chuyện xích mích lớn giữa hai người từ hai ba hôm nay. Ngay sau khi được báo danh, chàng được dẫn ngay vào chỗ hoàng hậu.

Coconnas bước vào mà vẫn không thắng nổi cơn lúng túng mà chàng đã kể với d'Alençon là thường vẫn cảm thấy mỗi khi ở trước mặt hoàng hậu, sự lúng túng của chàng do tính ưu việt về trí tuệ của hoàng hậu đã gây ra hơn là do sự hơn hẳn về đẳng cấp. Nhưng Marguerite đón tiếp chàng với một nụ cười khiến chàng an tâm ngay.

-Ồ, thưa lệnh bà, xin Người hãy trả ông bạn tôi cho tôi. Tôi cầu xin Người đấy, hay ít ra lệnh bà hãy cho tôi biết hắn ta ra sao rồi, vì tôi không thể sống thiếu hắn được. Lệnh bà cứ thử tưởng tượng Euyale mà không có Nisus, Damon không có Pythias, hay d'Oreste không có Pylade mà xem. Lệnh bà hãy vì một trong những vị tôi vừa nêu tên mà rủ lòng thương nỗi bất hạnh của tôi, tôi xin thề là tình thương mến trong lòng họ cũng không thể hơn lòng tôi đối với bạn.

Marguerite mỉm cười và sau khi bắt Coconnas hứa giữ bí mật, nàng kể cho chàng nghe về cuộc trốn chạy qua cửa sổ. Còn về nơi ở của De Mole thì dù cho Coconnas cố vật nài khẩn khoản đến đâu chăng nữa, nàng vẫn nín thinh. Điều này chỉ làm Coconnas hài lòng có một nửa, vậy nên chàng bèn thả mình theo những ước đoán rất chi ngoại giao khiến rốt cuộc là Marguerite nhận thấy rõ rành rành rằng quận công d'Alençon cũng dính líu đến phân nửa trong cái ý đồ của viện quý tộc của ông ta muốn biết De Mole nay ra sao.

-Thế này, nếu ông đã muốn biết một điều gì hơn nữa về bạn ông, thì xin ông hãy hỏi đức vua de Navarre. Chỉ ông ta mới có quyền nói ra thôi. Còn về phần tôi, tôi chỉ có thể nói với ông rằng người mà ông tìm kiếm vẫn sống. Xin hãy tin lời tôi.

-Thưa lệnh bà, tôi còn tin một điều chắc chắn hơn nữa cơ – Coconnas đáp – Đó là đôi mắt đẹp của lệnh bà không hề phải khóc.

Lòng đầy tin tưởng rằng mình chẳng còn gì để nói thêm sau một câu vừa tóm lược được cả ý nghĩ của mình, vừa thể hiện việc đánh giá cao giá trị của De Mole, Coconnas xin cáo lui, vừa đi vừa nghĩ cách làm lành với phu nhân de Nervers, không phải vì nàng, mà là đề thông qua nàng mà biết được cái điều chàng đã không thể moi được ở Marguerite.

Những nỗi đau khổ lớn lao đều là những tình huống bất thường mà trí tuệ con người thường vẫn tìm cách giũ bỏ ngay khi có thể được. Ý nghĩ phải rời bỏ Marguerite khiến trái tim De Mole tan nát. Chàng chịu trốn đi cũng chỉ vì muốn giữ gìn danh dự cho hoàng hậu còn hơn cả để giữ gìn tính mạng mình.

Ngay tối hôm sau, chàng đã trở lại Paris để được nhìn thấy Marguerite ngoài ban công nhà nàng. Về phần Marguerite, dường như cũng có lời mách bảo bí ẩn nào báo cho nàng biết việc chàng trai trở về nên cả buổi tối nàng cứ đứng bên cửa sổ.

Kết quả là cả hai đều đã được nhìn lại nhau với nỗi vui mừng khôn xiết của những niềm hoan lạc bị cấm đoán. Hơn thế nữa, đầu óc ưu sầu và lãng mạn của De Mole lại coi việc trắc trở này như có điều hấp dẫn. Tuy nhiên vì người thực sự si tình chỉ được hạnh phúc lúc chàng ta được nhìn ngắm hoặc chiếm đoạt còn thì chịu khổ đau suốt lúc vắng bóng người yêu, nên De Mole khao khát được gặp lại Marguerite và chăm lo tới việc tổ chức thật nhanh việc trả nàng lại cho chàng, đó là cuộc đi trốn của vua Navarre.

Còn Marguerite, nàng để thả mình trong niềm hạnh phúc được yêu bằng một mối tình tận tụy và trong sáng đến thế. Nàng thường hay tự oán mình về điều mà nàng coi như một sự yêu đuối Nàng, một trí tuệ đáng sánh với nam nhi, vốn coi khinh những trò nhỏ nhặt của tình yêu tầm thường, vốn dửng dưng với những điều chăm chút cỏn con khiến cho tình yêu đó trở thành niềm hạnh phúc ngọt ngào, tinh tế và đáng ao ước nhất đối với những tâm hồn đa cảm. Nay nàng chỉ coi đó là một ngày hạnh phúc trọn vẹn hay ít ra là kết thúc một cách may mắn khi nàng khoác một chiếc áo choàng trắng bước ra ban công vào khoảng chín giờ và thấy trên bờ sông, trong bóng tối, có một chàng kỵ mã với bàn tay đặt trên môi, trên trái tim. Khi đó nàng bèn ho một tiếng đầy ý nghĩa để nhắc người tình nhớ lại giọng nói thân thương. Đôi khi bàn tay bé nhỏ của nàng lại mạnh dạn ném đi một mảnh thư cuộn quanh một đồ trang sức quý giá, nhất là vì nó đã thuộc về người gửi chứ không phải chất liệu tạo nên đó. Mảnh thư rơi xuống lăn lốc trên nền đá cách chàng trai vài bước chân. Nhanh như cắt, de Mole lao tới tờ thư, siết lên ngực và lại trả lời bức thư cũng theo cách ấy. Và Marguerite chỉ quay trở vào nhà sau khi nghe chìm dần trong đêm tiếng chân ngựa phi xa. Để tới chỗ nàng,

chàng đã ra roi thật lực, còn lúc trở về dường như ngựa chàng được làm bằng cùng thứ vật liệu như con ngựa khổng lồ đã làm thành Troie thất thủ khi xưa[410].

Đó là lý do tại sao hoàng hậu không lo lắng gì về số phận của De Mole. Hơn nữa sợ rằng mỗi bước đi của mình đều có người rình rập, nàng từ chối không cho La Mole gặp nàng dưới hình thức nào khác ngoài những cuộc hẹn hò kiểu Tây Ban Nha này. Những cuộc hẹn đó bắt đầu từ khi chàng đi trốn và tối nào cũng lặp lại trong những ngày trước buổi triều kiến của các sứ thần. Như chúng ta đã biết, buổi triều kiến đó bị hoãn lại vài ngày do nghiêm lệnh của Ambroise Paré.

Khoảng chín giờ tối đêm trước ngày có buổi triều kiến, vì mọi người ở Louvre đều đang bận rộn chuẩn bị cho ngày mai, nên Marguerite mở cửa sổ và tiến ra ban công. Nàng mới vừa ra thì De Mole hấp tấp hơn ngày thường không chờ thư của Marguerite đã ném thư của mình đi. Lá thư được một bàn tay thành thạo ném đi rơi xuống chân người tình hoàng tộc của chàng. Marguerite hiểu rằng bức thông điệp hẳn có điều gì đặc biệt nên nàng trở vào nhà để đọc.

Trên mặt phải trang đầu của thư có những dòng sau:

"Thưa lệnh bà, tôi cần phải nói chuyện với đức vua Navarre. Việc khẩn cấp. Tôi xin chờ."

Trên mặt phải của trang hai mà người ta có thể xé từ trang thứ nhất ra có những dòng sau:.

"Lệnh bà và hoàng hậu của tôi, hãy làm sao cho tôi có thể trao cho nàng một cái hôn mà tôi gửi tới nàng đây. Tôi xin chờ."

Marguerite vừa kịp đọc xong phần thứ hai của lá thư thì nàng đã nghe thấy tiếng Henri de Navarre, với sự giữ ý thường lệ, đang gõ vào cánh cửa lớn và hỏi Gillonne xem liệu ông có thể vào được không.

Tức thì hoàng hậu xé đôi lá thư ra, nhét một trang vào lần áo lót trang kia vào túi, chạy tới đóng cửa sổ và lao về phía cửa ra vào, nàng nói: -Xin bệ hạ hãy vào.

Dù Marguerite đã đóng cửa rất nhanh, nhẹ nhàng và khéo léo, Henri vẫn nhận thấy sự chấn động, các giác quan của ông luôn luôn căng thẳng và ở giữa cái xã hội mà ông rất đỗi ngờ vực này, các giác quan đó đã đạt được sự tinh tường như của người sống trong hoang dã. Nhưng vua Navarre đâu phải là kẻ chuyên chế đến nỗi cấm vợ thở hít khí trời lẫn ngắm trăng sao. Henri vẫn tươi cười và mềm mỏng như mọi khi, ông nói: -Thưa bà, trong khi các triều thần của chúng ta thử các đồ lễ phục, tôi lại nghĩ tới việc đến trao đổi với bà vài lời về công việc của tôi mà bà vẫn tiếp tục coi như công việc của mình, có phải thế không bà?

-Thưa bệ hạ, đúng vậy, các quyền lợi của chúng ta chẳng vẫn là một đó sao?

-Thưa bà, vì thế nên tôi muốn hỏi bà nghĩ thế nào về việc ông quận công d'Alençon cố tình lẩn tránh tôi từ mấy ngày nay, đến nỗi hôm kia, ông ta rút lui về tận Saint-Germain. Phải chăng đối với ông ta đó là cách để ra đi một mình, vì

ông ta ít bị theo dõi hoặc là một cách để không phải ra đi nữa? Xin bà cho biết ý kiến của bà, tôi xin thú thật là nó sẽ giúp tôi khẳng định ý kiến của tôi.

-Bệ hạ thật quả có lý do để lo lắng về sự im lặng của ông em tôi. Cả ngày hôm nay tôi nghĩ về việc đó và thiển ý của tôi là do tình hình thay đổi nên quận công cũng thay đổi theo tình hình.

-Có phải thế có nghĩa là khi thấy vua Charles ốm, quận công d'Anjou trở thành vua Ba Lan, ông ta cũng không thấy phiền lòng nếu được ở lại Paris để canh chừng cái ngai vàng nước Pháp, đúng không?

-Chính thế.

-Thôi được. Tôi cũng chẳng mong gì hơn cho ông ta ở lại.

Tuy nhiên việc này làm thay đổi tất cả kế hoạch của chúng ta vì để ra đi một mình tôi cần được đảm bảo gấp ba lần hơn những điều tôi yêu cầu để ra đi cùng ông em của lệnh bà. Chỉ cần tên và sự có mặt của ông ta trong công cuộc này cũng đủ để cứu trợ cho tôi rồi. Chỉ có điều làm tôi ngạc nhiên đó là không thấy tăm hơi gì của ông de Mouy cả. Ông ta không có thói quen án binh bất động như vậy. Lệnh bà có tin tức gì không?

-Thưa bệ hạ, tôi ấy à?… – Marguerite ngạc nhiên hỏi – Nhưng tôi làm sao mà…

-Ồ! Thế có Chúa chứ, cũng thật hiển nhiên thôi, bà bạn thân mến. Để làm vui lòng tôi, bà đã có nhã ý cứu sống anh chàng De Mole nhỏ bé… Chàng trai đó đã đi Nantes… Đi được thì cũng có thể về được…

-À ra thế, việc này giải thích cho tôi điều khó hiểu khiến từ nãy đến giờ tôi nghĩ mãi không ra – Marguerite đáp – Lúc tôi đi để ngỏ cửa sổ, khi về tôi thấy trên thảm rải sàn có cái gì như một bức thư.

-Bà thấy chưa! – Henri thốt lên.

-Mới đầu tôi chẳng hiểu gì về bức thư này cả và cũng không coi nó là quan trọng. Nhưng có lẽ tôi nhầm, có khi thư lại từ phía ấy gửi đến đấy.

-Có thể lắm – Henri đáp – Thậm chí tôi còn dám nói là chắc chắn thế. Tôi có thể xem thư đó được không?

-Tất nhiên rồi, thưa bệ hạ – Marguerite vừa nói vừa trao cho nhà vua lá thư mà nàng đã nhét vào túi.

Nhà vua liếc mắt qua và hỏi: -Có phải nét chữ của ông de Mole đây không?

-Tôi không biết – Marguerite đáp – Tôi thấy hình như nét chữ có vẻ giả mạo thì phải.

-Thôi kệ, xem nào.

Và Henri đọc:

"Thưa lệnh bà, tôi cần phải nói chuyện với đức vua Navarre. Việc khẩn cấp tôi xin chờ."

-À đấy – Henri nói tiếp – Bà thấy chưa, ông ta nói là ông ta chờ.

-Tất nhiên là tôi thấy… Nhưng bệ hạ định làm gì?

-Ồ! Quỷ quái thật! Tôi muốn ông ta đến đây.

-Ông ta đến đây ấy ạ! – Marguerite tròn đôi mắt đẹp của nàng lên nhìn chồng – Sao bệ hạ lại nói vậy? Một người mà đức vua đã định giết… một người đã bị niêm yết nhận dạng, bị đe doạ Bệ hạ truyền cho ông ta tới đây – Làm sao có thể như thế được? Cửa ra vào đâu có mở đối với những kẻ…

-Đã bị buộc phải trốn qua cửa sổ… Bà định nói thế chứ gì?

-Đúng vậy, bệ hạ đã nói hộ tôi.

-Thế này, nếu như họ biết đường cửa sổ thì cứ việc đi bằng đường ấy thôi, vì tuyệt nhiên là họ không thể đi bằng đường cửa lớn được. Thật đơn giản quá.

-Bệ hạ nghĩ thế ạ? – Marguerite đỏ mặt lên sung sướng khi nghĩ sắp được gần De Mole.

-Tôi tin chắc thế.

-Nhưng làm sao lên được? – Hoàng hậu hỏi.

-Vậy bà không giữ chiếc thang tôi gửi cho bà à? Ồ, tôi thật không nhận ra tính vẫn hay lo xa của bà đấy.

-Thưa bệ hạ có chứ – Marguerite đáp.

-Thế thì tốt lắm.

-Vậy bệ hạ định truyền cho tôi làm gì?

-Đơn giản lắm, bà cứ buộc thang vào ban công và để treo ở đấy. Nếu đó là de Mouy đang chờ… Tôi dám tin thế lắm… vậy nếu đó là de Mouy đang chờ và muốn lên thì hắn, cái anh chàng can đảm ấy sẽ lên đây.

Mặt thản nhiên như không, Henri cầm nến soi cho Marguerite đi tìm chiếc thang. Nàng tìm cũng nhanh thôi. Chiếc thang được cất trong một chiếc tủ trong căn buồng trứ danh kia.

-Được, được lắm – Henri phán – Bây giờ nếu không làm phiền bà nhiều quá thì tôi xin bà buộc thang vào ban công.

-Thưa bệ hạ, tại sao lại là tôi buộc chứ không phải là bệ hạ buộc? – Marguerite hỏi.

-Bởi vì những kẻ âm mưu giỏi nhất cũng chính là những người thận trọng nhất. Nếu ông bạn chúng ta thấy một người đàn ông có thể ông ta sẽ e dè, xin bà hãy hiểu cho.

Marguerite mỉm cười và đi buộc thang.

-Thế, thế – Henri nấp trong góc nhà nói – Bà cứ đứng hẳn ra đi. Tốt lắm, tôi tin chắc là de Mouy sắp trèo lên đấy.

Quả thật, chừng mươi phút sau, một người đàn ông say sưa sung sướng leo qua ban công, nhưng khi thấy hoàng hậu không tới đón mình, chàng ta đứng lại ngập ngừng vài giây. Thay cho Marguerite, Henri tiến ra và ân cần nói: -Ồ không

phải de Mouy, té ra là ông de La Mole. Chào ông, ông de Mole, kìa xin ông vào đi chứ.

De Mole ngẩn người ra một lát.

Có lẽ nếu chàng còn treo lơ lửng trên thang chứ không phải đã đặt chân lên ban công rồi thì chàng sẽ ngã lộn cổ ra sau mất.

-Ông đã muốn hầu chuyện đức vua Navarre về những công việc khẩn cấp – Marguerite nói – Tôi cho người báo với Hoàng thượng và Người đã tới đây.

Henri tới đóng cửa sổ lại.

"Em yêu mình" – Marguerite vừa nói vừa hấp tấp siết tay chàng trai.

-Thế nào, ông de Mole – Henri kéo ghế cho De Mole và hỏi – Có chuyện gì vậy?

-Tâu bệ hạ – La Mole đáp – Tôi vừa mới chia tay với ông de Mouy ở chỗ chắn đường. Ông ta muốn biết Maurevel đã nói năng gì chưa và việc ông ta có mặt ở phòng bệ hạ hôm đó đã bị phát giác hay chưa?

-Chưa đâu, nhưng cũng chẳng lâu nữa đâu. Vì thế chúng ta phải nhanh nhanh lên thôi.

-Ý bệ hạ cũng trùng với ý kiến ông de Mouy. Vậy nếu tối mai ông d'Alençon sẵn sàng ra đi thì ông ta phải có mặt ở cửa ô Saint-Marcel với một trăm năm mươi tùy tùng. Năm trăm người nữa sẽ đợi Hoàng thượng và điện hạ tại Fontainebleau, rồi từ đó người sẽ đi qua Blois, Angoulême và tới Bordeaux.

-Thưa bà – Henri quay sang hỏi vợ – Ngày mai, về phần tôi tôi sẽ sẵn sàng, còn lệnh bà?

De Mole nhìn Marguerite đăm đăm với ánh mắt đầy lo âu.

-Tôi đã hứa với Hoàng thượng. Người đi đâu tôi sẽ theo đấy.

-Nhưng bệ hạ cũng biết rằng ông d'Alençon cũng phải ra đi cùng chúng ta. Không thể nửa vời với ông ta được, hoặc ông ta phục vụ chúng ta, hoặc ông ta phản chúng ta, nếu ông ta ngập ngừng thì chúng ta cũng phải án binh bất động.

-Liệu ông ta có biết gì về dự định này không, ông de Mole? – Henri hỏi.

-Ông ta đã nhận được một bức thư của ông de Mouy cách đây vài hôm.

-À à! Thế mà ông ta chẳng nói gì với ta! – Henri thốt lên.

-Xin bệ hạ hãy cảnh giác – Marguerite nói.

-Xin bà yên tâm, tôi vẫn cẩn thận. Làm sao trả lời cho ông de Mouy được?

-Tâu bệ hạ, xin Người đừng lo ngại gì cả. Ngày mai trong buổi lễ tiếp các sứ thần, ông ta sẽ ở đâu đấy quanh bệ hạ, dù cho bệ hạ có nhìn thấy ông ta hay không. Chỉ cần một câu trong bài diễn văn của hoàng hậu là đủ khiến ông ta hiểu được rằng bệ hạ có đồng ý hay không, ông ta phải trốn đi hay ở lại chờ Người. Nếu quận công d'Alençon từ chối, ông ta chỉ cần mười lăm hôm để tổ chức lại tất cả nhân danh bệ hạ.

-De Mouy quả là người quý giá thật – Henri nói – Lệnh bà có thể xen cái câu ấy vào bài diễn văn của lệnh bà được không?

-Dễ lắm – Marguerite đáp.

-Thế ngày mai ta sẽ gặp ông d'Alençon, de Mouy cứ ở chỗ ông ta và phải chú ý chưa nói nửa lời đã hiểu đấy nhé.

-Tâu bệ hạ, ông ta sẽ ở vị trí của mình.

-Này ông De Mole, ông đi trả lời ông de Mouy cho ta nhé

-Henri nói – Chắc quanh đây ông có ngựa với người hầu nào chứ?

-Có Orthon đang đợi tôi trên bờ sông.

-Thôi đi ra gặp hắn đi, bá tước. Ồ không, không phải bằng đường cửa sổ đâu, làm thế chỉ ổn trong các trường hợp cần kíp lắm thôi. Người ta có thể nhìn thấy ông, họ không biết ông liều thân như thế vì ta nên ông sẽ làm hoàng hậu mang tiếng mất.

-Vậy đi bằng đường nào, thưa bệ hạ?

-Ông không thể vào Louvre một mình, nhưng ông có thể đi ra với ta, ta có khẩu lệnh đây. Ông và ta đều có áo choàng. Chúng ta cứ quấn áo vào và sẽ qua được cửa ghi-sê không khó khăn gì. Vả lại, ta cũng muốn được ra vài lệnh đặc biệt cho Orthon. Chờ ở đây nhé, ta ra xem có ai ngoài hành lang không.

Vẻ mặt thản nhiên nhất đời, Henri ra dò đường, de Mole còn lại một mình với hoàng hậu, chàng nói: -Ồi khi nào tôi lại được gặp lệnh bà?

-Nếu chúng ta trốn thì tối mai mình sẽ gặp nhau, nếu không thì một tối nào đó trong vài hôm nữa.

-Ồng de Mole – Henri vừa bước vào vừa nói – Ông đi được rồi đấy, không có ai.

De Mole kính cẩn nghiêng mình thi lễ hoàng hậu.

-Xin lệnh bà hãy đưa tay cho ông ta hôn – Henri nói – Ông de Mole không phải là một triều thần bình thường.

Marguerite tuân lời.

-Nhân thể – Henri tiếp – Xin bà hãy cất chiếc thang dây cho cẩn thận. Đó là một đồ dùng quý báu đối với những kẻ đang âm mưu, những lúc ta ít ngờ tới nhất lại có thể là lúc ta cần tới nó. Nào, đi thôi, ông de Mole.

§43. Các sứ thần

Ngày hôm sau toàn dân Paris đổ xô tới khu ngoại ô Saint-Antoine, nơi đã được ấn định cho các sứ thần tiến vào theo cửa đó. Một hàng lính Thụy Sĩ vây lấy đám đông và nhiều binh đội kỵ binh bảo vệ cho các vương hầu và các mệnh phụ phu nhân lên đón đoàn sứ thần.

Chẳng bao lâu ở quãng tu viện Saint-Antoine thấy xuất hiện một toán kỵ mã ăn vận màu vàng lẫn màu đỏ, với mũ trùm và áo choàng có một lớp lông thú bên trong, tay cầm những thanh đao Thổ Nhĩ Kỳ.

Các sĩ quan đi hai bên đoàn người.

Đằng sau toán thứ nhất này là toán thứ hai được trang bị với một vẻ hào nhoáng hoàn toàn Đông phương. Toán này đi trước đoàn sứ thần gồm bốn người trang phục thật lộng lẫy tiêu biểu cho một trong những vương quốc hiệp sĩ đầy huyền thoại của thế kỷ XVI.

Một trong số các sứ thần là giám mục thành Cracovie. Ông bận bộ y phục nửa như giáo chủ nửa như chiến binh nhưng rực rỡ những vàng và đá quý. Con ngựa trắng của ông với bờm lông dài phấp phới, bước chân rất cao, mũi như phì ra lửa khói. Không ai nghĩ rằng từ cả tháng nay con vật cao quý đó phải chạy mười lăm dặm một ngày trên những đoạn đường mà thời tiết xấu đã khiến cho người ta gần như không thể đi lại được.

Bên giám mục là vương gia Lasco, một vương hầu đầy thế lực gần gũi với ngai vàng đến nỗi ông vừa giàu có vừa kiêu ngạo như vua chúa.

Sau hai vị sứ thần chính là hai vương gia thuộc dòng dõi cao sang, rồi đến một đoàn các lãnh chúa Ba Lan mà ngực được phủ đầy lụa là, vàng bạc, châu báu khiến đám thần dân trầm trồ ồn ào thán phục. Quả thực những kỵ sỹ Pháp dù phục sức đã rất sang trọng nhưng cũng hoàn toàn bị lu mờ trước những người mới tới mà họ dè bỉu chê bai là đám man di.

Cho tới phút cuối, Catherine vẫn còn mong mỏi buổi triều kiến sẽ lại được hoãn và quyết định của nhà vua sẽ phải nhường bước trước bệnh tình của ông vẫn đang tiếp diễn. Nhưng tới ngày đã định, khi bà thấy Charles mặt tái xanh như một hồn ma khoác chiếc hoàng bào lộng lẫy vào người thì bà hiểu rằng bề ngoài mình vẫn phải cúi đầu khuất phục trước ý chí sắt đá đó. Và bà bắt đầu tin rằng nơi đi đày lộng lẫy của Henri d'Anjou là chỗ ẩn thân chắc chắn hơn cả cho ông.

Trừ vài lời đã nói khi ông vừa mở mắt lúc Thái hậu bước ra khỏi phòng làm việc, Charles không hề nói gì với Catherine kể từ hôm có vụ rắc rối khiến ông bị lên cơn đến suýt bỏ mạng.

Ai nấy ở Louvre đều biết giữa Thái hậu và nhà vua đã có chuyện đôi co khủng khiếp mà không biết rõ được nguyên nhân. Những kẻ táo gan nhất cũng

run sợ trước sự lạnh lùng câm nín này như loài chim hoảng sợ trước sự bình lặng đầy đe doạ đi trước cơn giông.

Tuy nhiên ở Louvre, mọi thứ đều được chuẩn bị, dường như không phải cho một buổi hội hè mà là để cho một nghi thức tang lễ nào đó. Mọi người đều tuân lệnh với kẻ thụ động tẻ nhạt. Người ta biết rằng chính Catherine cũng gần như phải run sợ và ai nấy cũng đều run sợ theo.

Phòng khách lớn của lâu đài đã được chuẩn bị. Vì những nghi lễ kiểu này thường vẫn công khai nên vệ binh và lính gác được lệnh để cho các sứ thần và cả đám dân chúng được vào cho tới khi chật hết các phòng và sân cung thì thôi.

Về phần Paris, quang cảnh của nó vẫn là quang cảnh mà thành phố lớn này vẫn thường phô ra vào những dịp tương tự: nghĩa là rặt những hối hả với tò mò. Tuy vậy, kẻ nào để ý nhìn kỹ người dân thủ đô ngày hôm ấy thì có thể nhận thấy những gương mặt thị dân ngây thơ thộn ra, có không ít người quấn mình trong những chiếc áo choàng lớn, đưa mắt, vẫy tay ra hiệu cho nhau khi họ ở cách xa nhau hoặc thì thầm trao đổi vội vàng vài lời đầy ý nghĩa khi họ ở gần nhau. Vả lại, những kẻ này có vẻ rất bận tâm tới đám rước, là những người theo sát nó và dường như nhận mệnh lệnh từ một cụ già đáng kính mà đôi mắt đen nhánh tinh anh để lộ rõ vẻ nét lanh lợi trái hẳn với chòm râu bạc trắng và cặp lông mày ngả màu tiêu muối. Quả tình, hoặc do chính sức mình, hoặc được sự cố gắng của đồng đội giúp sức, ông cụ này là một trong những người đầu tiên lọt được vào Louvre.

Nhờ sự thông cảm của viên chỉ huy lính Thụy sĩ vốn là một tay Tân giáo dù đã cải đạo vẫn mang rất ít tính Gia tô giáo, cụ già đã xoay xở được một chỗ đằng sau các sứ thần, đứng trước mặt Marguerite và Henri de Navarre.

Được De Mole báo trước rằng de Mouy sẽ dự buổi lễ dưới một hình thức cải trang nào đó, Henri đưa mắt nhìn tứ phía. Cuối cùng ánh mắt ông gặp mắt cụ già và ông không rời ánh mắt ấy; de Mouy ra dấu làm tiêu tan mọi nghi ngờ của vua Navarre. Chàng cải trang khéo đến nỗi chính Henri cũng không ngờ được rằng ông cụ già với chòm râu bạc phơ này lại có thể là viên thủ lĩnh Tân giáo kiên cưởng đã tự vệ một cách can đảm đến thế năm sáu ngày trước đây. Henri ghé tai hoàng hậu nói nhỏ một lời khiến ánh mắt nàng cũng hướng về de Mouy. Rồi đôi mắt đẹp của nàng lướt qua tận những dãy cuối của sảnh đường: nàng tìm De Mole mà không thấy.

De Mole không có mặt ở đây.

Các bài diễn văn bắt đầu. Bài đầu tiên được dành cho đức vua, nhân danh Nghị viện, Lasco xin phép nhà vua chấp thuận cho việc ngai vàng xứ Ba Lan được dâng lên một ông hoàng của hoàng tộc Pháp.

Charles trả lời bằng một lời đồng ý ngắn gọn và chuẩn xác. Ông giới thiệu quận công d'Anjou hoàng đệ, ngợi khen lòng dũng cảm của ông này với các sứ

thần Ba Lan. Ông nói bằng tiếng Pháp, cứ mỗi một đoạn lại có người phiên dịch lời ông. Và mỗi khi đến lượt phiên dịch nói, người ta có thể thấy nhà vua đưa lên miệng một chiếc mùi soa và mỗi lần mùi soa rơi khỏi miệng ông lại là một lần thấm máu.

Khi câu trả lời của Charles đã dứt, Lasco quay sang quận công d'Anjou nghiêng mình và bắt đầu một bài diễn văn tiếng latinh trong đó nhân danh dân tộc Ba Lan ông xin dâng ngai vàng cho quận công Quận công cũng trả lời bằng thứ tiếng đó. Với giọng nói mà ông hoài công kiềm chế nỗi xúc động, ông bày tỏ lòng biết ơn được chấp nhận niềm vinh dự dành cho ông. Suốt trong lúc quận công nói, Charles đứng mím môi, mắt nhìn chằm chằm, bất động và đầy đe doạ như ánh mắt một con chim ưng.

Khi quận công d'Anjou dứt lời, Lasco đỡ lấy chiếc vương miện của dòng họ Jagellons[411] đang được đặt trên một tấm đệm nhung đỏ, trao nó cho Charles trong khi hai vị vương hầu Ba Lan khoác chiếc áo hoàng bào lên mình quận công d'Anjou.

Charles ra hiệu cho ông em. Quận công d'Anjou tới quỳ trước mặt ông và Charles tự tay mình đặt vòng vương miện lên đầu d'Anjou, rồi hai vị vua trao đổi với nhau một cái hôn thù hận nhất mà chưa bao giờ anh em ruột lại có thể làm như vậy.

Một viên truyền lệnh sứ tức thì hô lớn:

"Alexandre Edouard Henri nước Pháp, tước quận công d'Anjou, vừa được tấn phong vua Ba Lan. Đức vua Ba Lan vạn tuế!"

Toàn thể cứ toạ cũng đồng thanh hô lên:

"Đức vua Ba Lan vạn tuế!"

Khi đó Lasco bắt đầu quay sang Marguerite. Bài diễn văn dành cho bà hoàng xinh đẹp được để đến cuối cùng. Và vì đây là một cử chỉ lịch thiệp để làm nổi bật tài năng của nàng nên ai nấy đều rất chú ý đến bài đáp từ của nàng soạn bằng tiếng Latinh. Chúng ta đã biết rằng chính Marguerite đã tự soạn lấy bài diễn văn này.

Diễn văn của Lasco cho thấy đó đúng ra là một lời ca ngợi thì hơn là một bài diễn văn. Dù là dân Sarmate thật đấy, nhưng ông vẫn bị bà hoàng xinh đẹp xứ Navarre chinh phục. Bằng ngôn ngữ của Ovide nhưng mượn giọng văn của Ronsard, ông nói rằng khi rời Varsovie ra đi vào giữa đêm tối mịt mùng, ông và các bạn đồng hành ắt đã không thể biết được đường đi nếu như không được hai ngôi sao sáng dẫn đường như các vua mages[412] thuở trước. Những ngôi sao đó ngày càng trở nên sáng chói khi họ tới gần nước Pháp và giờ đây họ nhận ra đó chẳng phải gì khác hơn ngoài đôi mắt đẹp của hoàng hậu Navarre. Rồi chuyển từ kinh Phúc âm sang kinh Coran, từ xứ Syrie tới xứ Arập Pétrée, từ Nazereth tới La Mesque ông kết thúc bài diễn văn của mình nói rằng giờ đây sẵn lòng làm điều

mà các tín đồ nhiệt thành của Đấng Tiên tri[413] đã làm, một khi họ đã có diễm phúc được nhìn thấy mộ của Đấng Tiên tri, họ tự chọc thủng mắt mình vì xét rằng sau khi được nhìn thấy một điều tốt đẹp đến thế thì trên đời này chẳng còn gì đáng để chiêm ngưỡng nữa.

Bài diễn văn được nhiều nhiều biết tiếng Latinh nhiệt liệt vỗ tay vì họ cũng đồng ý với diễn giả và cả những người không biết tiếng cũng vỗ tay vì họ muốn tỏ ra là mình cũng biết.

Trước hết Marguerite duyên dáng cúi chào vị vương hầu Sarmate lịch thiệp, rồi vừa trả lời viên sứ thần, mắt đăm đăm nhìn vào de Mouy, nàng bắt đầu bằng những lời sau:

"Sự có mặt không ngờ của ngài tại triều đình này khiến chồng tôi và tôi vô cùng vui sướng nếu nó không đem lại một điều bất hạnh lớn; đó là việc mất đi không những một người anh, mà còn là một người bạn."

Những lời đó có hai nghĩa, vừa được dành cho de Mouy, cũng có thể là để nói với Henri d'Anjou. Vì vậy nên ông này cúi chào tỏ ý biết ơn.

Charles không nhớ là mình có được đọc câu này trong bài diễn văn trình qua vài ngày trước hay không, nhưng ông. không coi trọng lắm những lời như vậy của Marguerite vì cho rằng đó chỉ là một bài diễn văn xã giao bình thường. Vả lại ông hiểu tiếng Latinh rất kém.

Marguerite tiếp:

"Chúng tôi tuyệt vọng vì phải chia tay với anh trong khi chúng tôi những muốn được ra đi cùng anh. Nhưng cái số phận đã buộc anh phải rời ngay Paris, số phận ấy cũng ràng buộc chúng tôi ở lại thành phố này. Vậy hãy đi đi, người anh yêu quý hãy đi đi, người bạn thân yêu, hãy ra đi không có chúng tôi. Niềm hy vọng và mọi ước muốn của chúng tôi cũng đi theo anh."

Người ta dễ đoán được rằng de Mouy lắng nghe rất chăm chú những lời tuy là nói với các sứ thần, chính ra lại chỉ để cho chàng. Henri cũng hai ba lần lúc lắc đầu tỏ ý phủ nhận để chàng trai Tân giáo hiểu rằng d'Alençon đã từ chối, nhưng cử chỉ này vốn có thể do ngẫu nhiên gây ra dễ bị de Mouy coi là chưa đủ nếu như không có những lời của Marguerite khẳng định thêm. Tuy nhiên, trong khi de Mouy chăm chú nhìn và lắng nghe Marguerite thì đôi mắt đen sáng long lanh, dưới cặp lông mày xám bạc của chàng khiến Catherine sửng sốt. Bà giật mình và không rời mắt khỏi phía này.

"Mặt mũi lạ nhỉ – Bà vừa lẩm bẩm vừa tiếp tục giữ vẻ mặt mình cho thích hợp với các quy tắc lễ nghi – Cái kẻ đang nhìn Marguerite chăm chú kia là ai nhỉ? Mà Marguerite và Henri cũng nhìn y ghê lắm."

Tuy vậy, hoàng hậu Navarre tiếp tục bài diễn văn mà từ đoạn đó trở đi là để đáp lại những lời lịch thiệp của sứ thần Ba Lan.

Trong khi Catherine cố moi óc đoán xem tên của ông già đẹp lão này thì viên chủ lễ tiến lại gần bà từ phía sau, trao cho bà một túi nhỏ bằng satanh thơm phức trong có một tờ giấy gấp tư.

Thái hậu mở túi, rút giấy ra và đọc:

"Nhờ một thứ thuốc tăng lực mà tôi vừa trao cho. Maurevel đã hơi khỏe và có thể biết được tên người đã có mặt trong phòng đức vua Navarre. Đó là ông de Mouy."

"De Mouy! – Thái hậu nghĩ – Thế đấy, ta đã linh cảm thấy mà. Nhưng cái lão già kia… Ô, quái nhỉ! … Lão già kia, là …"

Catherine mắt đờ ra miệng há hốc.

Rồi bà nghiêng người xuống bên tai viên chỉ huy vệ binh đứng cạnh bà: -Nhìn kìa, ông de Nancey, nhưng đừng có lộ liễu quá, nhìn vương hầu Lasco đang nói kia kìa. Sau lưng ông ta… đúng rồi, ông có thấy một ông già râu bạc, mặc đồ nhung đen không?

-Thưa lệnh bà có – Viên chỉ huy trả lài.

-Được lắm, đừng có rời mắt khỏi y nhé.

-Cái người mà đức vua Navarre đang ra hiệu có phải không ạ?

-Đúng thế. Ông lấy mười người ra đứng ngoài cửa, và khi y đi ra hãy nhân danh đức vua mà mời y ở lại dự tiệc. Nếu y đi theo ông, thì hãy dẫn vào một phòng và giữ y ở đấy. Nếu y kháng cự lại thì sống hay chết cũng bắt cho bằng được. Thôi đi đi!

May thay Henri vốn chẳng quan tâm mấy đến bài diễn văn của Marguerite lắm mà đã để mắt đến Catherine và không để lọt qua một sự biến đổi nào trên gương mặt của Thái hậu. Khi thấy Thái hậu chăm chú nhìn de Mouy như thế, ông đã cảm thấy lo lắng, khi thấy Thái hậu ban lệnh cho viên chỉ huy vệ binh, ông lập tức hiểu ra hết.

Chính lúc đó ông đã ra hiệu cho de Mouy và bị ông de Nancey bắt gặp. Cử chỉ đó, trong ngôn ngữ tín hiệu có nghĩa là: "Anh bị lộ rồi, trốn đi ngay lập tức."

De Mouy kịp hiểu dấu hiệu đó, nó cũng rất khớp với đoạn diễn văn của Marguerite dành cho chàng. Không để nói nhiều lời, chàng lẩn vào đám đông và biến mất.

Nhưng Henri chỉ yên tâm khi thấy ông de Nancey quay lại chỗ Catherine và vẻ cau có trên gương mặt Thái hậu làm ông hiểu rằng ông này đang báo cho bà biết là ông ta đã bị chậm trễ. Buổi triều kiến chấm dứt. Marguerite còn trao đổi vài lời không chính thức với Lasco.

Nhà vua lảo đảo đứng dậy, cúi chào và dựa vào vai Ambroise Paré để đi ra. Từ khi có sự cố xảy ra, ông thầy thuốc không rời Charles một bước.

Catherine mặt nhợt nhạt vì tức giận, cùng Henri câm lặng trong đau buồn đi theo sau nhà vua.

Về phần quận công d'Alençon, ông đóng một vai trò hoàn toàn mờ nhạt trong buổi lễ. Ánh mắt Charles vốn không rời quận công d'Anjou lấy một phút, không lúc nào dừng lại ở ông.

Vị tân vương Ba Lan cảm thấy bơ vơ lạc lõng. Bọn lũ người mọi rợ phương Bắc này bắt rời xa bà mẹ, ông ta cũng như Antée con trai nữ thần Đất bị mất sức mạnh của mình khi bị Hercule nhấc bổng lên trong tay. Một khi đã ra ngoài biên giới, quận công d'Anjou tự coi như vĩnh viễn bị loại khỏi ngai vàng nước Pháp.

Vì vậy đáng lẽ đi theo nhà vua thì ông lại lui về cung Thái hậu. Ông ta thấy bà cũng đăm chiêu u ám như ông, vì bà đang nghĩ tới gương mặt thanh tú nhưng giễu cợt mà bà đã không rời mắt khỏi trong suốt buổt lễ, tới cái tay người Bearn mà dường như số phận đang dọn chỗ bằng mọi cách để quét sạch quanh y các vị vua và hoàng tử sát nhân, những kẻ thù và vật trở ngại đối với y Thấy mặt đứa con cưng tái nhợt dưới vòng vương miện, người như muốn khụyu xuống dưới chiếc hoàng bào, lặng lẽ chắp đôi bàn tay đẹp giống mẹ lại khẩn cầu bà, Catherine đứng dậy tới gần ông ta.

-Ôi mẹ ơi – Vua Ba Lan thốt lên – Bây giờ con đành phải chịu bỏ xác ở nơi lưu đày thôi!

-Con ạ, sao con nhanh quên lời tiên tri của René thế? Cứ yên tâm, con sẽ không ở đó lâu đâu.

-Mẹ ơi, con khẩn khoản xin mẹ hãy báo tin cho con biết ngay khi có chút lời đồn đại nào, chút dấu hiệu nào cho thấy ngai vàng Pháp có thể bị bỏ trống…

-Con hãy an tâm – Catherine đáp – Cho tới cái ngày mà chỉ hai mẹ con ta đều chờ đợi đó, lúc nào trong chuồng ngựa của ta cũng có một con ngựa yên cương sẵn sàng và trong tiền phòng của ta một người đưa tin lúc nào cũng có thể sẵn sàng lên đường tới Ba Lan.

§44. Oreste và Pylade[414]

Sau khi Henri d'Anjou ra đi, người ta có thể nói rằng bình yên và hạnh phúc lại trở lại trong cung Louvre nơi ở của cái gia đình Atrides[415] này.

Quên đi những thói ưu tư thường ngày, Charles dần dần khỏe lại, rắn rỏi trở lại. Ông đi săn với Henri và nói chuyện săn bắn với ông hôm nay để bù lại trong những ngày ông không thể đi săn được. Ông chỉ phê phán Henri mỗi một tội, đó là sự dừng dưng của ông này với việc săn bằng chim, và nói rằng Henri sẽ là một ông hoàng hoàn hảo nếu ông ta biết luyện các loài chim ưng cũng tài như ông luyện các loại chó săn nòi vậy.

Catherine lại trở thành hiền mẫu như trước: bà ngọt ngào với Charles và d'Alençon, ve vuốt Henri và Marguerite, dịu dàng với quận chúa de Nervers và phu nhân de Sauve. Viện cớ rằng Maurevel bị thương trong khi thừa hành một mệnh lệnh của bà, bà có lòng tử tế đến độ đã hạ cố tới thăm y đang bình phục tại nhà y ở phố Cerisaie.

Marguerite tiếp tục những cuộc yêu đương kiểu Tây Ban Nha của nàng[416].

Tối nào nàng cũng mở cửa sổ và trao đổi với De Mole bằng cử chỉ và thư từ. Trong mỗi bức thư, chàng trai lại nhắc bà Hoàng xinh đẹp nhớ rằng nàng đã hứa thưởng cho sự lưu đày của chàng bằng vài giây phút ở ngôi nhà phố Cloche Percée.

Chỉ có một người là cô độc và lạc lõng trong cung Louvre giờ đây đã trở nên lặng lẽ thanh bình đến thế. Người đó là ông bạn của chúng ta, bá tước Anibal de Coconnas.

Quả thực, biết De Mole còn sống đã là điều đáng kể rồi và may hơn nữa là vẫn được yêu dấu bởi phu nhân de Nervers, người đàn bà vui tươi và ngông cuồng nhất trong những người đàn bà trong cung. Nhưng niềm hạnh phúc được ở bên nhau mà quận chúa ban cho chàng, sự thanh thản mà Marguerite đã đem lại cho chàng khi cho chàng biết về số phận người bạn chung của họ, những điều đó dưới mắt Coconnas cũng chẳng đáng giá bằng một giờ cùng De Mole kể cả ở quán ông bạn La Hurière bên một hũ rượu vang ngon, hoặc cùng nhau tiến hành những cuộc dạo chơi rồ dại trong các xó xỉnh của thành Paris, nơi mà một quý tộc lương thiện có thể vớ được vài vết sứt sẹo trên da thịt, trong túi tiền hay trên y phục của mình.

Dù có xấu hổ thay cho loài người thì cũng phải thú nhận rằng phu nhân de Nervers rất tức mình khi phải chịu đựng sự cạnh tranh này của De Mole. Không phải nàng ghét anh chàng xứ Provençal. Ngược lại, do bản năng không cưỡng lại được khiến cho mọi người đàn bà đều làm duyên làm dáng với người tình của một người đàn bà khác, nhất là khi người đàn bà khác kia lại là bạn mình, nàng

cũng không ngớt nhìn De Mole bằng đôi mắt xanh màu ngọc bích của nàng. Và trong những ngày nàng nổi cơn ngông như thế, sao chiếu mệnh của Coconnas có phần lu mờ đi trong bầu trời của cô tình nhân xinh đẹp. Và Coconnas cũng có thể ghen tị với những cái siết tay và cả lô những trò dễ thương của quận chúa với bạn chàng. Tuy có thể cắt cổ mười lăm người chỉ vì một cái liếc của người yêu, nhưng Coconnas lại ít ghen với De Mole đến nỗi đôi khi sau những trò dấm dớ của quận chúa, chàng lại thì thầm vào tai bạn vài lời đề nghị khiến anh chàng Provençal phải đỏ mặt.

Tình trạng này dẫn đến chỗ là do vắng mặt De Mole nên Henriette bị mất đi tất cả những điều thích thú mà Coconnas đem lại cho nàng, tức là sự vui vẻ bất tận và những trò ngông không biết chán của chàng. Có lần nàng tới cầu khẩn Marguerite trả lại cho nàng cái kẻ thứ ba bắt buộc phải có ấy, nếu không thì đầu óc và trái tim Coconnas ngày một tan biến dần đi.

Vốn thông cảm và cũng do bị những lời nài nỉ của De Mole và những mong muốn của chính trái tim nàng thúc giục nữa nên Marguerite hẹn với Henriette tới ngôi nhà có hai cửa vào ngày hôm sau, để bàn kỹ về những việc đó trong một cuộc mạn đàm mà không ai có thể ngắt quãng.

Coconnas chẳng hớn hở gì khi nhận được thư của Henriette triệu chàng đến phố Tizon vào hồi chín giờ rưỡi. Nhưng chàng vẫn tới chỗ hẹn và gặp luôn Henriette đã bắt đầu nổi cáu vì đến trước giờ và phải chờ.

-Xì thưa ông – Nàng nói – Thật bất lịch sự khi bắt một phụ nữ, chưa nói là một công chúa đâu nhé, phải chờ đợi thế này.

-Ôi! Chờ với đợi, đúng là từ ngữ của mình – Coconnas đáp – Tôi xin đánh cuộc ngược lại là chúng mình còn đến trước là đằng khác.

-Tôi đến trước thì đúng rồi.

-Chậc, tôi cũng thế. Tôi đánh cuộc với mình bây giờ cùng lắm chỉ mới mười giờ.

-Này, thư của tôi ghi là chín rưỡi đấy nhé.

-Chính vì thế mà tôi đi từ Louvre lúc chín giờ vì tôi phải trực chỗ ông quận công d'Alençon, nhân thể cũng xin nói thêm như vậy. Thế nên khoảng một tiếng đồng hồ nữa thì tôi buộc phải chia tay với mình.

-Mình sướng lắm đấy?

-Không, tôi xin thề đấy! Ông d'Alençon là một ông hoàng hay càu nhàu gắt gỏng, thà bị đôi môi xinh đẹp của mình gây sự còn hơn là bị cái mồm méo mó của ông ta cà khịa.

-Nào, khá hơn rồi đấy… mình bảo là mình rời Louvre lúc chín giờ à?

-Ồ, lạy Chúa, đúng thế, tôi định đến thẳng đây, nhưng khi tới góc phố Grenelle, tôi thấy có người trông hình dạng giống De Mole quá.

-Đấy! Lại De Mole!

-Vẫn thế, có cho phép hay không cũng vậy.

-Thô lỗ!

-Đấy chúng mình lại giở trò mỹ miều với nhau rồi đấy.

-Không, nhưng mình nói cho hết chuyện đi vậy.

-Không phải tôi đòi kể chuyện mà là mình cứ hỏi tại sao tôi đến muộn.

-Đã hẳn rồi, chẳng lẽ tôi lại phải đến trước để đợi à? – Mình quá đáng lắm, nhưng thôi tiếp đi. Đến góc phố Grenelle mình thấy một người giống De Mole… Nhưng áo mình có cái gì thế kia? Máu à?

-Lại thêm một thằng vừa ngã xuống vừa làm bắn cả lên người tôi đấy.

-Mình đánh nhau đấy à?

-Tôi tin là thế.

-Vì ông De Mole nhà mình ấy à?

-Thế mình bảo tôi đánh nhau vì ai mới được? Chẳng lẽ một người đàn bà à?

-Cám ơn!

-Ấy thế là tôi mới đi theo nó, cái thằng láo lếu dám giống ông bạn tôi ấy. Đến phố Coquillière thì đuổi kịp nó, tôi vượt lên, rồi nhìn vào tận mắt hắn nhờ ánh sáng ở một cửa hiệu. Thế mà không phải hắn.

-Được lắm, đáng đời.

-Ừ nhưng hắn thật chẳng may. Tôi mới bảo hắn: “Thưa ông, ông thật là hợm dám tự cho phép mình nhìn xa giống với ông bạn de Mole của tôi, ông ấy mới đúng là một hiệp sĩ hoàn hảo, còn nhìn gần thì người ta thấy ngay ông chỉ là một gã tiện dân”. Nói đến đây thì hắn tuốt kiếm ra còn tôi cũng thế.

-Đến đường thứ ba thì mình đã biết thế nào là vô học chưa?

-Hắn ngã mà lại làm bắn máu vào cả người tôi.

-Thế ít ra thì mình cũng giúp đỡ ông ta chứ?

-Tôi đang định giúp thì lại có một kỵ mã phóng qua. Ô, quận chúa ạ, lần này thì tôi tin chắc là De Mole. Không may là ngựa lại phóng nước đại. Tôi chạy theo ngựa còn những kẻ tụ tập để xem tôi đánh nhau thì lại chạy đuổi theo tôi. Vì sợ người ta có thể tưởng tôi là một kẻ cướp đang bị cả đám cùng đinh ấy cứ hét lên sát gót nên tôi buộc phải quay lại để đuổi lũ chúng đi, thế nên bị mất thì giờ. Trong lúc đó thì anh chàng kỵ mã biến mất. Tôi đuổi theo hắn, tôi hỏi thăm, tôi tìm kiếm, tả cả màu ngựa hắn, thế mà mẹ kiếp, chẳng ai để ý đến hắn cả. Cuối cùng chán quá tôi mới về đây.

-Chán quá mới về! – Quận chúa nhiếc – Tử tế quá nhỉ!

-Nghe đây này, bà bạn thân mến – Coconnas vừa nói vừa uể oải ngả mình trong chiếc ghế phô-tơi – Mình lại sắp sửa hành hạ tôi về chuyện cái anh chàng De Mole tội nghiệp ấy đấy. Này, mình nhầm rồi, vì tình bạn ấy mà… Mình hiểu không… ước gì tôi có cái đầu óc khôn ngoan thông thái của ông bạn tội nghiệp ấy nhỉ, được thế thì tôi đã tìm ra vài ví dụ cho mình hiểu rõ ý tôi. Tình bạn, mình

biết không… giống như một ngôi sao, còn tình yêu… tình yêu thì… thôi, tôi tìm được ví dụ rồi… tình yêu chỉ là một ngọn nến. Chắc mình sẽ bảo tôi là có nhiều loại lắm chứ gì…

-Loại tình yêu ấy à?

-Không! Loại nến cơ, trong số đó có những loại được ưa chuộng: hồng lạp chẳng hạn, loại tốt nhất rồi đấy, thế nhưng dù có hồng lạp chăng nữa, nến vẫn cứ mòn lụi dần, còn ngôi sao thì sáng mãi mãi. Rồi chắc mình lại sẽ bảo tôi rằng khi nến tàn thì ta lại thay ngọn khác vào giá cắm…

-Ông de Coconnas, ông là đồ huênh hoang.

-Đấy!

-Ông de Coconnas, ông là đồ lếu láo.

-Đấy lại thế!

-Ông de Coconnas, ông thật kỳ cục!

-Thưa phu nhân, tôi xin báo trước là bà sắp làm tôi càng thêm thương tiếc De Mole đấy.

-Mình không yêu tôi nữa.

-Ngược lại thì có quận chúa ạ, mình không hiểu gì cả, tôi tôn thờ mình. Tôi có thể yêu mình, chiều mình, tôn thờ mình nhưng những lúc rãnh rỗi, nhàn hạ và cảm thấy mình bơ vơ tôi cũng có thể ca ngợi bạn tôi được chứ.

-Minh bảo những lúc ở bên tôi là lúc mình cảm thấy bơ vơ à?

-Chớ mình bảo tôi làm gì nào? Không hiểu tại sao được cái anh chàng De Mole tội nghiệp ấy lúc nào cũng lởn vởn trong trí óc tôi.

-Mình yêu ông ta hơn tôi, quá thể lắm! Này Anibal, tôi ghét mình lắm! Cứ nói thẳng ra là mình thích ông ta hơn tôi đi xem nào! Anibal, tôi báo trước cho mình biết, nếu mình thích ai trên đời này hơn tôi thì…

-Ôi Henriette mình là người xinh đẹp nhất trong những nàng quận chúa! Hãy tin tôi, muốn được yên tâm thì đừng có hỏi tôi những câu khó khăn đó nữa nhé. Trong những người đàn bà thì tôi yêu mình nhất, nhưng tôi cũng quý De Mole hơn hết thảy những người đàn ông.

-Trả lời khá lắm! – Đột nhiên một giọng nói lạ vang lên.

Tấm thảm gấm Damas được vén lên trước một mảnh vách gỗ lớn trượt trong bề dày bức tường để lộ ra một lối đi thông giữa hai khu phòng, de Mole đứng giữa cửa đó nom tựa như một bức hoạ tuyệt vời của Titien lồng trong khung mạ vàng.

-De Mole! – Coconnas kêu lên, không để ý gì đến Marguerite và cũng chẳng bận tâm tới việc cảm ơn nàng đã dành cho chàng sự bất ngờ này -Bằng một sự vui mừng – Ôi! De Mole, ông bạn thân yêu ơi!

Và chàng lao vào vòng tay bạn, lật đổ cả chiếc ghế phô-tơi chàng đang ngồi và chiếc bàn ngăn giữa chàng và bạn.

De Mole cũng hào hứng ôm lấy bạn, nhưng vừa siết chặt tay bạn chàng vừa nói với phu nhân de Nervers: -Xin phu nhân tha lỗi cho nếu như tên tôi được nhắc tới đôi khi lại làm xáo động cái tổ uyên ương dễ thương của các bạn, chắc chắn là – Chàng vừa nói vừa đưa mắt nhìn Marguerite âu yếm khôn xiết tả – Chẳng phải chỉ có tôi mà quyết định được việc tôi gặp lại các bạn sớm hơn.

-Cậu thấy chưa, Henriette? – Marguerite nói với phu nhân de Nervers – Mình đã giữ lời đấy nhé.

-Có phải chỉ do phu nhân quận chúa cầu xin mà tôi có được niềm hạnh phúc này không? – De Mole hỏi.

-Chỉ do phu nhân van nài tôi mà thôi – Marguerite đáp.

Rồi nàng quay về phía De Mole tiếp: -Tôi cho phép mình không phải tin một lời nào trong những bí mật vừa nói.

Trong khi đó, Coconnas đã ôm hôn bạn có tới mươi bận, lượn quanh De Mole tới hai chục lần và mang hẳn một cây đèn nến tới tận gương mặt bạn để nhìn cho thoả, rồi chàng quỳ trước Marguerite và cúi hôn gấu áo nàng.

-À may mắn thật đấy – Quận chúa de Nervers nói – Bây giờ mình sắp sửa thấy tôi dễ chịu hơn đấy.

-Quái chưa – Coconnas thốt lên – Vẫn như mọi khi tôi vẫn thấy mình là đáng tôn thờ. Tuy nhiên, giờ thì tôi sẵn lòng nói ra điều đó với mình hơn, ước gì có đô ba chục thằng Ba Lan Sarmate và những đồ mọi rợ phương Bắc khác để tôi bắt chúng phải thừa nhận mình là bà hoàng của mọi người đẹp.

-Này, từ từ chứ, Coconnas, thế còn lệnh bà Marguerite thì sao? – De Mole hỏi.

-Ồ, mình có chối đâu – Coconnas thốt lên với giọng nói bông đùa chỉ chàng mới có – Phu nhân Henriette là bà hoàng của mọi người đẹp, còn lệnh bà Marguerite là người đẹp nhất trong mọi bà hoàng.

Dù nói hoặc làm gì đi nữa Coconnas vẫn hết sức vui mừng vì tìm thấy bạn, chàng chỉ nhìn có De Mole.

-Thôi thôi, đi nào bà hoàng xinh đẹp – Phu nhân de Nervers nói – Để mặc cho đôi keo sơn này trò chuyện với nhau một tiếng xem nào. Họ có vô số chuyện kể cho nhau nghe rồi lại làm ngắt lời bọn mình mất thôi. Đối với chúng mình thì khó chịu thật đấy, nhưng mình xin báo cho cậu biết là chỉ có thế mới làm cho ông Anibal ăn ngon ngủ yên được thôi. Giúp mình việc này nhé, hoàng hậu ơi, mình thật ngớ ngẩn mới đi yêu cái gương mặt xấu xí đó, như ông bạn de Mole của anh chàng vẫn nói.

Marguerite khẽ rỉ tai vài lời với De Mole, còn De Mole thì dù có thiết tha gặp lại bạn đến mức nào đi chăng nữa, cũng ước gì cho tình cảm của Coconnas bởi phần đòi hỏi hơn… Trong khi đó Coconnas ra sức phản kháng để cố làm cho

Henriette mỉm cười thực sự và nói một lời ngọt ngào với chàng. Chàng đạt được kết quả không khó khăn gì.

Hai phu nhân qua phòng bên, nơi bữa tối đang chờ đợi họ.

Hai người bạn chỉ còn lại một mình.

Dễ hiểu được là những chi tiết đầu tiên Coconnas hỏi bạn về buổi tối định mệnh đã khiến bạn suýt bỏ mạng. De Mole càng kể thì anh chàng Piémontais lại càng rùng mình sởn gáy, mặc dù ta đã biết chàng không phải là người dễ bị xúc động.

-Thế tại sao cậu không đến trốn ở chỗ quận công của chúng ta, có hơn là chạy rông ngoài đồng mà lại khiến mình lo lắng không? Quận công đã bảo vệ cậu thì cũng có thể che giấu cậu được lắm chữ. Và thế là mình lẽ ra đã có thể ở gần cậu, nỗi buộn dù là giả hiệu của mình cũng sẽ lừa được lũ ngu ở triều đình.

-Chúa của chúng ta, quận công d'Alençon ấy à? – De Mole hạ giọng hỏi.

-Ừ. Theo những điều ông ta nói với mình thì mình tưởng rằng chính ông ta đã cứu cậu.

-Vua Navarre đã cứu mình – De Mole đáp.

-Ô hô! Cậu có chắc không?

-Như đinh đóng cột.

-A, thật là một ông vua hiền, vua tốt! Thế còn quận công d'Alençon, ông ta dính líu gì vào đấy?

-Ông ta cầm một sợi dây để thắt cổ mình.

-Mẹ kiếp! Cậu có chắc những điều cậu vừa nói không đấy, de Mole? Sao cái gã hoàng tử xanh xao, đồ chó rách cù rù ấy mà dám vặn cổ bạn mình cơ à? A, mẹ kiếp! Ngày mai mình sẽ nói cho hắn biết mình nghĩ gì về hành động ấy của hắn.

-Cậu điên à?

-Ừ nhỉ, hắn sẽ lại tái diễn cái trò ấy… Những mặc kệ không thể để như thế được!

-Thôi thôi nào, Coconnas, bình tĩnh lại đi! Cậu đừng quên là chuông mười một giờ rưỡi vừa điểm rồi đấy và tối nay cậu phải trực.

-Mình chẳng muốn thèm lo đến việc trực nữa! A, được, cho hắn chờ mình trực. Mình trực! Mình lại đi phục vụ cái thằng cha cầm dây thòng lọng ấy à? Cậu đùa ấy hẳn? Không! Số mệnh đã định là mình gặp lại cậu và chẳng rời cậu nữa. Mình ở lại đây.

-Này khỉ ạ, nghĩ kỹ đi, cậu không say đấy chứ?

-May quá là không. Nếu mình say mình chắc sẽ châm lửa đốt cả cung Louvre cho coi.

-Thôi nào Anibal, biết điều đi chứ. Quay lại đấy đi, việc trực là việc nghiêm túc.

-Thế cậu có quay lại đấy với mình không?

-Không thể được.

-Thế họ còn định giết cậu nữa không?

-Mình nghĩ là không. Chức phận mình nhỏ nhoi quá nên người ta chẳng thể có được một mưu đồ liên tục và dứt khoát chống lại mình được. Nhân lúc nổi ý ngông, người ta định giết mình, có thế thôi. Chả là mấy ông hoàng tối hôm ấy đang hứng chí mà.

-Thế cậu định làm gì?

-Mình ấy à, chẳng làm gì cả, mình lượn lờ, mình dạo chơi.

-Thế thì mình cũng đi dạo như cậu, mình lang thang cùng với cậu. Cảnh ấy mới dễ chịu. Với lại nếu người ta định đánh cậu thì chúng mình những hai thằng sẽ gây khó dễ cho chúng.

-Ái chà cho hắn cứ đến đây, cái thằng quận công dòi bọ nhà cậu! Mình sẽ đính hắn vào tường như bướm cho coi!

-Nhưng ít ra thì cậu cũng xin phép ông ta đi.

-Ừ xin phép nghỉ mãi mãi.

-Nếu vậy thì báo cho ông ta biết là cậu rời bỏ ông ta chứ.

-Chính thế. Mình nhất trí, mình sẽ viết thư cho hắn.

-Viết thư cho ông ta, nhanh thế à, ai lại viết thư cho một ông hoàng huyết thống bao giờ.

-Huyết thống! Máu à? Có mà máu của bạn mình ấy thì có!

-Này cậu coi chừng đấy – Coconnas vừa thốt lên vừa đảo đôi mắt tròn đầy vẻ bi ai của chàng – Cẩn thận không có rồi mình lại đùa với những cái trò nghi thức ấy cho coi!

"Quả thực là vài ngày nữa hắn chẳng cần ông hoàng lẫn ai khác nữa – De Mole tự nhủ – Nếu hắn định đi với chúng mình, thì mình sẽ đưa hắn đi."

Thấy bạn chẳng phản đối nữa, Coconnas vơ lấy bút và lưu loát thảo ngay bức thư hùng hồn mà chúng ta sắp đọc dưới đây:

"Thưa điện hạ, Vốn giỏi về các tác giảcổ đại, đức điện hạ chẳng thể không biết câu chuyện cảm động về d'Oreste và Pilade, hai nhân vật nổi tiếng vì những điều bất hạnh và vì tình bạn của họ. Ông bạn De Mole của tôi cũng không kém phần bất hạnh hơn Oreste còn tôi cũng chẳng phải không có lòng với bạn họn Pilade. Lúc này đây, ông ta đang có những mối bận rộn lớn lao đòi hỏi tôi phải giúp đỡ. Vậy nên tôi không thể rời ông ta được. Điều đó khiến cho, tuy không có sự đồng ý của điện hạ, tôi vẫn xin nghỉ một thời gian, vì tôi đã quyết gắn bó mình với số phận của bạn tôi dù cho số phận đó dẫn dắt tôi tới đâu chăng nữa. Vậy xin trình bày để điện hạ hiểu cho điều đã lôi kéo tôi ra khỏi hàng thuộc hạ của Người có sức mạnh tới mức độ nào, và vì thế tôi hy vọng được điện hạ lượng thứ và xin vẫn được cung kính xưng rằng tôi là kẻ tôi tớ rất khiêm nhường và dễ bảo của đức ông điện hạ.

Anibal, bá tước de Coconnas, bạn chí thân của ông de Mole.”

Hoàn thành xong tuyệt tác. Coconnas bèn đọc to lên. De Mole nghe chỉ nhún vai.

-Thế nào, cậu bảo sao? – Coconnas không nhìn thấy hoặc giả vờ không nhìn thấy động tác đó hỏi.

-Mình bảo rằng ông d’Alençon sẽ giễu chúng ta.

-Giễu chúng mình ấy à?

-Cả hai đứa.

-Mình thấy thế còn hơn là hắn vặn cổ từng đứa một.

-Chậc – De Mole cười đáp – Việc này cũng chẳng cản việc kia lắm đâu.

-Này, mặc kệ, cái gì phải đến rồi sẽ đến. Sớm mai mình gửi thư đi.

-Ra khỏi đây thì bọn mình đi đâu?

-Đến nhà bác La Hurière. Trong cái phòng nhỏ mà cậu biết đấy, cái hồi chúng mình còn chưa là d’Oreste và Pilade, cậu đã định đâm mình ở đấy đấy.

-Được thế thì mình sẽ bắt tay chủ quán đem thư đi.

Lúc đó tấm vách tường mở ra.

-Thế nào, d’Orestevà Pilade đâu rồi? – Cả hai quận chúa đồng thanh hỏi.

-Trời đất ơi, thưa lệnh bà – Coconnas đáp – d’Orestevà Pilade đang chết mòn mỏi, vì đói và vì tình yêu đấy.

Và sáng hôm sau, vào khoảng chín giờ quả đúng là bác cả La Hurière mang bức thư đầy lễ độ của thầy Anibal de Coconnas tới Louvre.

§45. Orthon

Mặc dù lời từ chối của quận công d'Alençon khiến cho tất mọi việc đều bị đình lại, cả đến tính mạng ông cũng bị đe doạ, Henri vẫn trở nên thân thiết với quận công hơn cả lúc trước.

Tình thân mật này khiến Catherine đi đến kết luận là không những hai ông hoàng ăn ý với nhau mà họ còn cùng có những âm mưu nữa. Bà hỏi Marguerite về việc đó, nhưng Marguerite quả xứng là con của Thái hậu. Bà hoàng Navarre với tài năng chủ yếu là lẩn tránh một lời giải thích hóc hiểm, đã rất thận trọng với những câu hỏi của Thái hậu đến nỗi sau khi trả lời xong mọi câu hỏi đó nàng đã khiến cho mẹ nàng càng rối trí hơn trước.

Để đưa đường chỉ lối cho mình, người đàn bà xứ Florentine chỉ còn có bản năng đầy mưu mô mà bà đã đem từ xứ Toscane, một trong những vương quốc nhỏ đầy rẫy mưu mô nhất thời ấy và lòng căm thù mà bà đã đúc kết được ở triều đình Pháp, một triều đình đầy rẫy chia rẽ về quyền lợi và chính kiến thời bấy giờ.

Trước hết bà hiểu rằng sức mạnh của anh chàng Bearnais là nhờ vào sự liên minh của ông ta với quận công d'Alençon.

Bà bèn quyết định cô lập ông.

Từ ngày bà rắp tâm như thế, bà ra sức bủa vây con trai bà với lòng kiên trì và tài năng của người đánh cá biết quăng chài cách con cá thật xa rồi dần dần đưa lưới tới quây lấy con mồi.

Quận công François d'Alençon nhận thấy sự gia tăng tình âu yếm đó, và nhích thêm một bước về phía mẹ. Còn Henri thì giả tảng như không hay biết gì nhưng lại canh chừng ông bạn đồng minh chặt chẽ hơn trước.

Ai nấy đều chờ đợi một biến cố.

Trong khi mọi người đều đang chờ đợi một sự kiện, nó là chắc chắn với kẻ này, khả dĩ có thể với kẻ khác, thì một sớm mai hồng ấm áp với mùi hương ngọt ngào báo hiệu một ngày đẹp trời có một người đàn ông xanh xao, chống gậy đi một cách khó nhọc ra khỏi một ngôi nhà nhỏ phía sau Arsenal và đi về phía Petit-Musc.

Tới cửa ô Saint-Antoine, sau khi đi dọc theo con đường tản bộ lượn vòng quanh các hào của ngục Bastille như một cánh đồng lầy lội y rời khỏi đại lộ và rẽ phải vào vườn Arbalète nơi người gác vườn nồng nhiệt đón chào y.

Như tên gọi đã chỉ rõ, vườn thuộc về một hội tư nhân, hội những người chơi nỏ. Lúc bấy giờ trong vườn không có ai, nhưng giá có những người đi dạo chắc họ phải rất chú ý tới người đàn ông xanh xao này. Với bộ ria mép dài, với bước đi vẫn còn giữ dáng vẻ nhà binh dù đã bị đau đớn làm cho chậm lại, hẳn đó là

một vị sĩ quan bị thương trong một cuộc chiến gần đây nay đang thử sức bằng một kiểu tập luyện nhẹ nhàng và nghỉ ngơi, phơi nắng.

Tuy nhiên, mặc dù khí ấm áp đầu mùa, con người có vẻ ngoài vô hại ấy vẫn quấn một chiếc áo choàng mà kỳ quặc thay, mỗi khi áo hé mở, lại để ló ra hai khẩu súng tay dài đeo trên những chiếc móc bạc ở thắt lưng. Ngoài ra thắt lưng còn có giắt một con dao găm rộng bản và một thanh kiếm dài mà dường như y không thể tuốt ra được vì nó có vẻ lớn quá. Trong cái kho vũ khí lưu động này, vỏ kiếm luôn luôn đập vào đôi cẳng chân đã gầy và còn run rẩy. Ngoài ra, vì quá cẩn thận, dù chỉ có một mình, người đi dạo vẫn luôn luôn xoi mói nhìn quanh, dường như y muốn cật vấn mỗi khúc đường vòng, mỗi bụi cây cỏ, mỗi một đường hào…

Người này tiến vào vườn, bình thản đi tới chỗ một vòm cây nhỏ bé trông ra các đại lộ. Lùm cây chỉ cách đại lộ có một hàng rào dày và một rãnh hào nhỏ tạo thành đường rào thứ hai. Tới đó, y nằm duỗi dài ra trên thảm cỏ cạnh một chiếc hào.

Và người giữ vườn – vốn kiêm cả nghề đầu bếp vụng về – một lát sau đó đem tới cho y một liều rượu bổ.

Người ốm ở trong vườn được chừng mươi phút và nhiều lần đưa chiếc tách sứ lên môi nhấm nháp chất rượu thuốc. Đột nhiên gương mặt y đang hết sức xanh xao, bỗng nổi lên một vẻ dữ tợn. Y vừa thấy trên con đường mòn này là phố Naple dẫn từ Croix-Faubin tới, có một kỵ mã khoác một chiếc áo choàng rộng dừng lại gần pháo đài và đợi.

Người kỵ mã đợi được dăm phút và người đàn ông xanh xao mà độc giả cũng đoán ra là Maurevel còn chưa kịp bình tĩnh lại sau cơn xúc động do sự có mặt của tay kỵ mã gây nên, thì lại có một thiếu niên mặc đồ bó sát người như kiểu các thị đồng từ đường Fossés Saint-Nicola đi tới chỗ người kỵ mã.

Ẩn mình trong vòm cây lá um tùm, Maurevel có thể dễ dàng nghe và thấy tất cả. Và khi độc giả biết rằng kỵ mã chính là de Mouy và thiếu niên mặc đồ bó là Orthon thì chắc các bạn cũng đoán được là tai mắt Maurevel bận rộn đến thế nào.

Cả hai người kia đến nhìn quanh với vẻ hết sức cẩn thận, Maurevel nín thở: -Thưa ngài, ngài có thể nói – Orthon trẻ hơn, cả tin hơn bảo – Không có ai có thể nhìn hoặc nghe thấy chúng ta đâu.

-Được lắm – De Mouy đáp – Chú tới nhà phu nhân de Sauve nhé, chú trao bức thư này cho chính phu nhân nếu gặp bà ở nhà, nếu phu nhân đi vắng chú nhét thư vào sau tấm gương nơi nhà vua vẫn quen giấu thư từ ở đó. Rồi chú đợi ở Louvre.

Nếu người ta trao thư phúc đáp cho chú, chú sẽ đem thư đến nơi mà chú biết rồi đấy, nếu không có chú tới tìm ra. Nhớ mang theo một khẩu súng miệng loe ở cái chỗ mà ta đã chỉ và ta vừa mới từ đó lại đây.

-Được tôi biết rồi.

-Ta đi thôi, hôm nay ta còn nhiều việc phải làm. Đừng có vội vàng vô ích. Chú chẳng cần tới Louvre trước khi ông ta về và ta biết rằng sáng nay ông ta đi học săn bằng chim. Đi đi, mạnh dạn vào, chú vừa bình phục và nay chú tới tạ ơn phu nhân de Sauve về lòng tử tế của bà trong thời gian chú dưỡng bệnh. Đi đi chú bé.

Maurevel lắng tai nghe, mắt nhìn chăm chú, tóc tai dựng ngược, mồ hôi nhễ nhại trên trán. Thoạt tiên y định gỡ súng tay khỏi thắt lưng và nhắm bắn de Mouy, nhưng một cử động của chàng trai đã để lộ dưới áo choàng là một bộ giáp khít và vững chắc. Viên đạn sẽ có thể đập vào áo giáp hoặc vào một vài bộ phận khác trên người gây vết thương không nguy hiểm. Vả lại y nghĩ rằng de Mouy khỏe mạnh và vũ trang đầy đủ sẽ dễ dàng thắng được y vốn đang bị thương. Maurevel thở dài và thu lại khẩu súng đã hướng về phía chàng trai Tân giáo.

"Thật không may là không thể hạ hắn tại đây – Y lẩm bẩm – sẽ chẳng có nhân chứng nào ngoài cái thằng ăn cướp oắt con mà mình có thể cho xơi cú thứ hai thì thật là vừa khéo!

Nhưng rồi Maurevel nghĩ rằng bức thư được trao cho Orthon mà cậu bé phải chuyển cho phu nhân de Sauve có lẽ quan trọng hơn chính tính mạng của viên thủ lĩnh Tân giáo.

"A ha – Y tự nhủ – Sáng nay mi còn thoát khỏi tay ta, cũng đành vậy. Cho mi đi cho yên, nhưng ngày mai sẽ đến lượt ta, ta sẽ giết mi dù cho có phải đi xuống âm ty địa ngục cũng được, nếu không mi lại sẽ chui từ đó ra để giết ta."

Khi ấy de Mouy quấn áo choàng lên che mặt và nhanh chóng đi về phía khu đầm ở gần Temple. Orthon lại đi theo đường hào dẫn cậu tới ven sông.

Maurevel nhổm dậy với vẻ nhanh nhẹn và mạnh mẽ hơn cả y mong đợi. Y quay lại phố Cerisaie để về nhà, đóng ngựa và mặc dù còn yếu, vết thương rất dễ bị toét miệng, y phóng nước kiệu qua phố Saint-Antoine, đi dọc theo bờ sông lao về phía Louvre.

Chỉ năm phút sau khi Maurevel qua cửa Ghi-sê, Catherine đã biết hết những việc vừa xảy ra và Maurevel nhận được số tiền một nghìn écus vàng đã hứa hẹn sẽ bắt vua Navarre.

"Ô hô – Catherine tự nhủ – hoặc là ta nhầm lắm lắm, hoặc de Mouy chính là cái vết đen mà René đã nhận thấy trong cung tử vi của tên Bearnais đáng nguyền rủa kia."

Một khắc đồng hồ sau Maurevel, Orthon trở về Louvre. Theo lời de Mouy dặn, cậu đi đứng nghênh ngang cho người ta thấy mình và tới khu phòng của phu nhân de Sauve sau khi đã trò chuyện với rất nhiều người hầu trong cung.

Dariole ở nhà một mình. Catherine cho đòi chủ cô đến chép một vài bức thư quan trọng và phu nhân tới cung Thái hậu được chừng dăm phút.

-Thôi được – Orthon nói – Tôi đợi vậy.

Lợi dụng tình thân quen với người trong nhà, cậu bé đi sang phòng ngủ của nam tước phu nhân. Sau khi kiểm tra chắc chắn rằng cậu chỉ có một mình, cậu bèn nhét bức thư vào sau tấm gương.

Vừa lúc cậu rút tay ra khỏi tấm gương thì Catherine bước vào.

-Làm gì vậy con – Thái hậu hỏi – Con tìm phu nhân de Sauve phải không?

-Tâu lệnh bà vâng, đã lâu lắm rồi hạ thần chưa được gặp phu nhân, thần e rằng để chậm hơn nữa mới đến cám ơn phu nhân thì sẽ mang tiếng là người vô ơn mất.

-Vậy con quý yêu phu nhân Sauve lắm à?

-Tâu lệnh bà, hạ thần hết lòng yêu quý phu nhân.

-Và con rất trung thành phải không, người ta bảo ta thế mà.

-Lệnh bà chắc sẽ coi điều đó là rất tự nhiên nếu Người biết rằng phu nhân de Sauve đã chăm sóc hạ thần hơn cả điều hạ thần đáng được hưởng vì kẻ hạ thần chỉ là một người đầy tớ mà thôi.

-Thế bà ta đã chăm sóc con trong trường hợp nào vậy? – Catherine giả vờ, như không biết chuyện xảy đến cho chú bé.

-Tâu lệnh bà, đó là lúc kẻ hạ thần bị thương.

-Con bị thương bao giờ

-Tối hôm người ta đến để bắt đức vua Navarre. Nhìn thấy binh lính hạ thần sợ hãi đến nỗi đã kêu ầm lên và gọi Người, có người trong bọn họ giáng cho hạ thần một cú lên đầu và hạ thần ngã ngất đi.

-Tội nghiệp thằng bé! Thế bây giờ con khỏi hẳn rồi chứ?

-Tâu lệnh bà, vâng.

-Và bây giờ con tìm vua Navarre để xin trở lại cung ông ta?

-Tâu lệnh bà không. Khi đức vua Navarre hay tin hạ thần dám cưỡng lại lệnh của lệnh bà, Người đã đuổi hạ thần đi không thương tiếc.

-Thật à? – Catherine nói với giọng đầy quan tâm – Thôi được để ta lo việc này. Nhưng nếu con đợi phu nhân de Sauve thì con mất công đấy. Phu nhân đang bận ở lầu trên, trong phòng làm việc trong cung của ta.

Catherine nghĩ rằng có thể Orthon chưa kịp nhét thư vào sau gương nên bỏ vào phòng làm việc của phu nhân de Sauve để cậu bé được tự do hành động.

Orthon lo lắng trước việc thăm viếng bất ngờ này, chú tự hỏi liệu đây có phải lại một trò mưu mô gì đó chống lại chủ mình hay không. Vừa lúc đó chú nghe có ba tiếng gõ nhỏ vọng từ trên trần xuống. Đó chính là tín hiệu chính chú thường vẫn báo cho vua Navarre khi có nguy hiểm, mỗi lần chủ chú tới nhà phu nhân de Sauve, và để chú đứng gác.

Ba tiếng gõ làm Orthon giật mình. Một sự mách bảo bí ẩn nào đó khiến cậu trở nên sáng suốt và cậu nghĩ rằng lần này lời báo hiệu được phát ra cho chính

cậu. Thế là cậu bé chạy tới chỗ chiếc gương, rút bức thư mà chính cậu vừa nhét vào đó ra.

"Thế nào – Người đàn bà xứ Florentine sốt ruột lẩm bẩm – Tại sao nó lại không đi nhỉ?"

Và với vẻ mặt tươi cười, bà bước vào phòng.

-Con vẫn ở đây à? – Thái hậu hỏi – Sao, con còn chờ gì nữa? Ta đã chẳng bảo là ta sẽ lo cho vận hạnh của con là gì? Con nghi ngờ lời ta?

-Ôi, tâu lệnh bà, xin Chúa chứng giám, thần không dám thế – Orthon đáp.

Cậu bé tiến lại gần Thái hậu, quỳ một chân xuống đất, cúi hôn gấu áo bà và nhanh nhẹn bước ra.

Khi ra, cậu thấy trong tiền phòng viên chỉ huy vệ binh đang chờ Catherine. Thấy vậy cậu chẳng yên lòng chút nào mà trái lại còn lo lắng gấp bội.

Về phần Catherine, rèm cửa vừa buông xuống sau Orthon là bà chạy ngay tới bên gương. Bàn tay run rẩy của bà hoài công mò mẫm sau gương mà chẳng tìm hấy bức thư nào.

Tuy vậy, bà tin chắc là mình đã nhìn thấy chú bé tiến lại gần gương. Hoá ra chú đã lấy thư ra chứ không phải là đặt thư vào. Định mệnh đã tạo ra cho những đối thủ của bà một sức mạnh đồng đều. Khi một đứa trẻ chống lại bà thì lúc đó nó đã trở thành một người lớn.

Bà gõ, bà lắc, bà nhìn rồi dò dẫm: chẳng có gì.

-Ồ, cái thằng khốn – Bà thốt lên – Vậy mà ta đâu có muốn điều dở cho nó. Nó rút thư ra là nó tới số rồi đó. Này! Ông de Nancey.

Giọng nói run lên của Thái hậu truyền qua phòng khách tới tận tiền phòng, nơi viên chỉ huy vệ binh đang chờ.

Ông de Nancey lao vào: -Thưa, lệnh bà truyền gì?

-Ông ở ngoài tiền phòng phải không?

-Tâu lệnh bà, vâng.

-Ông có thấy một thanh niên hay đúng hơn là một đứa trẻ vừa ra không?

-Tâu lệnh bà mới đây thôi.

-Nó chưa đi xa chứ?

-Chừng được nửa cầu thang thôi ạ.

-Gọi nói lại!

-Nó tên là gì ạ?

-Orthon. Nếu nó không muốn quay lại thì phải dùng vũ lực. Tuy nhiên nếu nó không kháng cự thì đừng có làm nó sợ. Ta cần nói với nó ngay lập tức.

Viên chỉ huy vệ binh lao ra ngoài.

Đúng như ông ta đã dự đoán. Orthon mới đi được chừng non nửa cầu thang. Cậu xuống từ từ trong lòng hy vọng sẽ gặp được phu nhân de Sauve hoặc vua Navarre trên cầu thang hoặc nhìn thấy họ ở hành lang nào đó.

Cậu nghe thấy tiếng gọi và rùng mình.

Thoạt tiên cậu bé định bỏ trốn, nhưng rồi với khả năng suy nghĩ già dặn trước tuổi, cậu hiểu rằng nếu trốn, cậu sẽ làm hỏng mọi việc.

Orthon dừng lại.

-Ai gọi tôi thế?

-Ta, de Nancey đây – Viên chỉ huy vệ binh vừa đáp vừa nhảy ba bốn bậc một.

-Nhưng tôi vội lắm – Orthon bảo.

-Thừa lệnh đức Thái hậu – De Nancey nhắc lại và tiến lại gần Orthon.

Cậu bé đưa tay chùi mồ hôi trán và đi trở lên.

Viên chỉ huy đi sau cậu.

Kế hoạch đầu tiên Catherine định ra là bắt đứa trẻ cho khám người để đoạt lấy bức thư mà bà biết chắc là cậu có mang theo.

Vì vậy nên bà đã nghĩ tới việc vu cho cậu ăn cắp và đã gỡ khỏi khăn áo một chiếc ghim cài nạm kim cương mà bà định vu cho Orthon lấy. Nhưng bà nghĩ cách này cũng nguy hiểm vì nó đã khiến cho cậu bé nghi ngờ, cậu sẽ báo cho chủ, chủ cậu cũng sẽ nghi ngờ và sẽ không cắn câu.

Hiển nhiên là bà có thể cho đưa Orthon tới một hầm giam nào đó. Nhưng dù có kín đáo đến đâu chăng nữa tiếng đồn về cuộc bắt bớ sẽ truyền lan trong Louvre và chỉ một lời đồn đại này thôi cũng đủ khiến Henri cảnh giác.

Ấy thế mà Catherine cần có bức thư, bởi đó là thư của ông de Mouy gửi cho vua Navarre, một bức thư được gửi gắm kỹ lưỡng đến thế chắc phải chứa đựng cả một âm mưu.

Và bà lại cài chiếc ghim vào chỗ cũ.

"Không, không được – bà tự nhủ – Vũ lực chẳng phải là thượng sách. Nhưng để có được bức thư… Tuy nhiên có thể không đáng giá đến thế – Bà vừa lầm bầm vừa cau mày và thì thầm khe khẽ đến nỗi chính bà cũng khó nghe rõ được lời mình – Mà khỉ thật, không phải lỗi tại ta, tại nó đấy chứ. Tại sao cái thằng ăn cướp oắt con ấy không đặt thư vào chỗ nó phải đặt. Ta cần bức thư ấy."

Lúc đó Orthon bước vào.

Chắc là trên mặt Catherine có nét gì dữ tợn khiến cậu bé tái người đi và dừng lại trên ngưỡng cửa. Cậu còn trẻ quá nên không thể hoàn toàn làm chủ được mình.

-Tâu lệnh bà – Cậu nói – Người đã hạ cố cho đòi hạ thần lại Hạ thần có thể làm gì để đẹp lòng Người?

Gương mặt Catherine rạng rỡ hẳn lên tựa như thể một tia nắng mặt trời làm nó sáng bừng lên.

-Con ạ, ta cho gọi con lại vì dung nhan con khiến ta vừa ý và sau khi đã hứa sẽ tác thành cho con, ta muốn giữ lời ngay lập tức. Người đời thường hay bảo các bà hoàng chúng ta có tính hay quên. Không phải lòng chúng ta quên mà là đầu óc

chúng ta bận rộn với những việc lớn nên hay sao lãng đi. Ta nhớ ra rằng các bậc vua chúa nắm trong tay vận mệnh của mọi người, vì thế nên ta cho đòi con lại. Nào con hãy đi theo ta.

Ông de Nancey cứ tưởng thật nhìn cảnh Catherine tỏ ra hiền hậu với vẻ hết sức ngạc nhiên.

-Con có biết đi ngựa không? – Catherine hỏi.

-Tâu lệnh bà, có ạ.

-Vậy thì về phòng làm việc của ta. Ta sẽ trao cho con một bức thư để con đem đến Saint-Germain.

-Thần xin tùy lệnh của lệnh bà.

-Nancey, ông cho chuẩn bị cho chú bé này một con ngựa.

Ông de Nancey biến đi.

-Đi thôi con – Catherine nói.

Rồi bà đi trước, Orthon theo sau.

Thái hậu xuống một tầng gác, đi vào hành lang nơi có khu phòng của quận công d'Alençon và cung riêng của đức vua, bà tới chiếc cầu thang xoay, xuống một tầng nữa, mở một cánh cửa thông với một đường hành lang chạy vòng quanh mà chỉ có nhà vua và bà ta có chìa khoá. Bà để Orthon vào rồi đóng cửa lại. Đường hành lang này chạy vòng như một bức tường thành chắn giữa một số khu trong các cung của nhà vua và Thái hậu. Cũng giống như đường hành lang ở lâu đài Saint-Ange tại Rome và ở lâu đài Pitti tại Florence, đây là chỗ ẩn nấp khi có biến.

Sau khi đóng cửa lại, Catherine và cậu bé bị khép vào trong dãy hành lang tối tăm. Cả hai người đi chừng vài mươi bước, Thái hậu đi trước, Orthon theo sau.

Đột nhiên Catherine quay lại, và Orthon nhìn thấy trên mặt bà đúng cái vẻ dữ tợn mà cậu vừa thấy cách đó mươi phút.

Mắt bà tròn xoe như mắt mèo hay mắt báo, dường như phát lửa trong bóng tối.

-Đứng lại! – Bà nói.

Orthon cảm thấy một cơn ớn lạnh truyền qua vai: sự lạnh lẽo chết chóc như băng giá tỏa ra từ mái vòm rầm nhà có vẻ âm thầm như một nấm mồ, ánh mắt Catherine nhọn sắc xuyên vào lồng ngực cậu.

Orthon run rẩy lùi lại nép vào tường.

-Bức thư mà mi phải trao cho đức vua Navarre đâu?

-Thư nào ạ? – Orthon ấp úng.

-Bức thư mà nếu không đưa được cho hắn thì mi phải nhét vào sau tấm gương ấy?

-Tâu lệnh bà, thần ấy ạ? – Orthon nói – Thần thật chưa hiểu ý lệnh bà nói gì?

-Bức thư mà de Mouy trao cho mi cách đây một tiếng đồng hồ đằng sau vườn Arbalète.

-Thần không hề có thư chắc lệnh bà nhầm đấy.

-Mi nói dối đưa thư đây rồi ta sẽ giữ lời ta hứa lúc nãy.

-Tâu lệnh bà lời hứa nào cơ?

-Ta sẽ làm giàu cho mi.

-Tâu lệnh bà thần không có thư – Đứa trẻ nhắc lại.

Catherine bắt đầu nghiến răng nhưng rốt cuộc lại mỉm cười: -Đưa thư cho ta, ta sẽ cho mi một ngàn écus vàng.

-Tâu lệnh bà thần không có thư.

-Hai ngàn écus!

-Không thể được, thần không có thì lấy đâu ra để trao cho lệnh bà.

-Orthon, mười ngàn écus.

Thấy cơn giận trào lên như ngọn triều tràn từ trái tim lên vầng trán Thái hậu, Orthon chỉ còn cách duy nhất để cứu chủ là nuốt bức thư đi. Cậu bé đưa tay sờ túi. Catherine đoán ra ý định của cậu bèn chặn lại.

-Thôi nào, con, – Bà vừa cười vừa nói – Con trung thành như thế là tốt lắm – Khi các bậc vua chúa muốn chọn một người hầu thì việc thử thách để tin chắc về lòng tận tụy của kẻ đó chẳng phải là đều xấu. Bây giờ ta biết con là người thế nào rồi. Này túi tiền của ta đây, coi như phần thưởng đầu tiên. Thôi đem thư đến cho chủ con đi và báo với ông ta rằng kể từ ngày hôm nay con chuyển sang hầu ta. Đi đi, con đi không cần ta, qua lối cửa ban nãy ấy, mở từ trong được đấy.

Catherine đặt túi tiền vào tay cậu bé đang ngẩn người kinh ngạc, bước thêm vài bước và tì tay lên tường.

Tuy nhiên Orthon vẫn đứng nguyên ngập ngừng. Cậu không thể tin rằng mối hiểm nguy mà cậu đã cảm thấy sắp đổ ụp lên đầu nay lại tan đi.

-Nào đừng run như thế – Catherine nói – Ta đã bảo là con được phép đi rồi mà, và nếu con quay lại với ta thì tiền đồ của con chắc chắn rồi đó.

-Xin đội ơn lệnh bà – Orthon đáp – Vậy lệnh bà tha tội cho kẻ hạ thần?

-Hơn nữa ấy chứ, ta thưởng cho con là đằng khác. Con là kẻ đưa thư tình rất giỏi, tin sứ của tình yêu đấy, tuy nhiên, con quên mất là chủ con đang chờ à?

-A, đúng vậy – Cậu bé vừa kêu lên vừa chạy lao ra cửa.

Nhưng Orthon vừa bước dược chừng ba bước thì sàn nhà thụt xuống dưới chân cậu. Cậu lảo đảo, dang tay ra, thốt lên một tiếng kêu kinh hãi và chìm nghỉm rơi vào trong hầm quên lãng[417] của Louvre mà Catherine vừa bấm lò xo để mở hầm.

"Đấy – Thái hậu lẩm bẩm – Cái thằng ương ngạnh nay lại bắt mình phải xuống đến trăm năm mươi bậc thang đây."

Bà trở về cung, thắp một ngọn đèn nhỏ, rồi quay lại hành lang, đặt lại lò xo mở cửa một chiếc cầu thang xoáy trôn ốc dường như dẫn vào trong lòng đất sâu thẳm. Bị cơn khao khát tò mò, biểu hiện của lòng căm thù nơi bà thúc giục, Catherine lần tới một tấm cửa sắt mở từ phía ngoài và thông vào đáy sâu của hầm quên lãng.

Thân thể nhừ nát đẫm máu sau cú rơi từ trên trăm bộ, cậu bé Orthon tội nghiệp nằm đó, vẫn còn thoi thóp.

Người ta nghe thấy tiếng nước sông Seine chảy sau bức tường dày, một mạch nước ngầm dẫn tới tận chân thang.

Catherine bước vào chiếc hố ẩm ướt và nặc mùi tanh tưởi phát buồn nôn. Từ khi tồn tại đến nay chắc nó đã chứng kiến biết bao cuộc rơi như vừa rồi. Bà lục tìm trên xác người, lấy bức thư và sau khi kiểm tra lại để tin chắc đó chính là bức thư bà cần, bà lấy chân đẩy xác, đưa ngón tay cái ấn một chiếc lò xo đáy hầm nghiêng một bên, cái xác trượt đi dưới sức nặng của chính mình, và biến mất về phía dòng sông.

Thái hậu đóng cửa lại, quay trở lên. Bà vào phòng làm việc và đọc bức thư:

"Tối nay, đến quán Tinh tú, phố Arbre sec vào lúc mười giờ. Nếu đến, xin đừng trả lời, nếu không đến, hãy bảo người cầm thư ra KHÔNG.

De Mouy de Saint-Phale"

Khi đọc bức thư, Catherine chỉ cười mỉm, bà nghĩ tới thắng lợi mà bà sắp giành được và hoàn toàn quên hẳn cái giá bà đã phải trả.

Vả lại Orthon là cái gì? Một trái tim trung thành, một tấm lòng tận tuy, một cậu bé xinh đẹp: chỉ thế thôi.

Độc giả hẳn cũng nghĩ rằng điều đó không bao giờ có thể làm nghiêng ngả cái cán cân lạnh lùng đang đi đến vận mệnh của các vương quốc.

Sau khi đọc xong thư, Catherine lên ngay nhà phu nhân de Sauve và đặt thư vào sau tấm gương.

Khi trở xuống, bà gặp viên chỉ huy vệ binh ở đầu hành lang.

-Tâu lệnh bà – Ông de Nancey nói – Theo thánh ý, ngựa đã sẵn sàng.

-Nam tước thân mến ạ, ngựa mà làm gì, ta đã nói chuyện với thằng bé rồi. Quả nó đần lắm nên không thể đảm đương được việc ta định sai nó. Ta đã tưởng nó là một người hầu cao cấp thế mà chẳng qua cũng chỉ như anh bồi ngựa không hơn. Ta đã cho nó ít tiền và cho về theo lối cửa sau rồi.

-Nhưng còn việc kia thì làm sao ạ? – Ông de Nancey hỏi.

-Việc kia nào? – Catherine hỏi lại.

-Thưa vâng, việc mà nó phải làm ở Saint-Germain ấy ạ. Lệnh bà có ưng để thần làm hay để thần sai một kẻ thuộc hạ làm việc đó không?

-Không, không, ông và thuộc hạ của ông có việc khác để làm tối nay.

Và Thái hậu trở về cung, lòng nhuốm lên một niềm vui, vì gã Navarre trời đánh ấy sẽ không thoát khỏi bàn tay của bà.

§46. Quán trọ Tinh tú

Hai giờ sau sự kiện chúng tôi vừa kể, nó đã chẳng còn để lại dấu tích gì ngay cả trên gương mặt Catherine. Phu nhân de Sauve làm xong việc ở cung Thái hậu, quay về nhà mình. Theo sau bà là Henri. Khi ông biết Orthon tới theo lời Dariole, ông đi tới chỗ chiếc gương và lấy bức thư ra.

Như chúng ta đã biết, bức thư nội dung như sau:

"Tối nay, đến quán Tinh tú phố Arbresec vào lúc mười giờ. Nếu đến, xin đừng trả lời, nếu không đến, hãy bảo người cầm thư là KHÔNG."

Ngoài ra chẳng có ghi chú gì hết.

"Henri chắc sẽ đến chỗ hẹn – Catherine tự nhủ – Vì dù hắn có muốn không đi chăng nữa thì bây giờ cũng chẳng tìm ra người đưa thư để bảo không."

Về điểm này Catherine không nhầm. Henri hỏi thăm Orthon, d'Alençon đáp rằng cậu bé đi ra cùng Thái hậu. Vì Henri thấy bức thư nằm nguyên chỗ và ông biết cậu bé không thể phản bội ông được nên ông không hề lo lắng.

Theo thường lệ, ông ăn tối với đức vua. Ông này ra sức chế giễu Henri vì những vụng về trong cuộc săn bắn chim ưng buổi sáng. Henri tạ lại rằng ông ta là người vùng núi chứ không phải người đồng bằng và hứa với Charles sẽ học thuật săn chim.

Catherine thật dễ thương, khi rời bàn ăn, bà yêu cầu Marguerite tới chơi với bà cả buổi tối.

Tới tám giờ, Henri chọn hai quý tộc đi cùng họ ra cửa ô Saint-Honoré, vòng vèo hồi lâu, quay trở về Tháp Gỗ, qua sông Seine tới nhà Nesle, lên tới tận phố Saint-Jacques rồi ông cho họ lui tựa như thể ông đang có chuyện tình duyên gì ở đâu đây.

Tới góc phố Mathurins, gặp một người đi ngựa quấn mình trong áo choàng ông bèn tiến lại gần người đó.

-Nantes – Người đó nói.

-Pau – Nhà vua đáp.

Tức thì người đàn ông xuống ngựa, Henri quấn chiếc áo choàng bùn đất bám lên người và trèo lên con ngựa vẫn còn bốc hơi mồ hôi rồi quay lại phố L'Harpe. Anh qua cầu Saint-Michel, qua phố Barthélémy, lại qua sông lần nữa bằng lối Pont-Aux-Meuniers, ông đi dọc theo ven bờ sông, đến phố Arbre sec và gõ cửa nhà bác quán La Hurière.

De Mole đang ở trong căn phòng mà chúng ta đã biết và đang viết một bức thư tình dài cho người mà chắc các bạn cũng đoán ra.

Coconnas đang ở trong bếp với La Hurière ngắm sáu con chim đa đa đang quay trên lò và bàn cãi với ông bạn chủ quán về độ chín thích hợp của lũ chim để

lôi chúng ra lò.

Chính lúc đó Henri gõ cửa. Grégoire ra mở và dẫn ngựa vào tàu, còn người khách lữ hành vừa bước vào vừa nện ủng lộp bộp xuống sàn nhà tựa như muốn giãn gân giãn cốt.

-Này, bác La Hurière – De Mole vừa viết thư vừa nói – Có nhà quý tộc đang hỏi bác đây.

La Hurière tiến ra, xoi mói nhìn Henri từ đầu tới chân, rồi chừng như chiếc áo choàng bằng da thô của khách không khiến bác chẳng vị nể mấy, bác hỏi: -Ông là ai?

-Này, mẹ kiếp! – Henri vừa nói vừa trỏ tay vào De Mole – Ông đây chẳng vừa nói với anh là gì, ta là một nhà quý tộc xứ Gasconge, ta đến Paris để tham gia việc triều đình.

-Ông muốn gì?

-Một phòng trọ và một bữa ăn.

-Hừm – La Hurière dợm giọng – Ông có đầy tớ không?

Chúng ta đã biết đây là câu hỏi quen thuộc của các chủ quán.

-Không – Henri đáp – Nhưng ta sẽ lấy người hầu ngay khi nào ta gặp vận.

-Tôi không cho thuê phòng chủ không kèm phòng đầy tớ.

-Thế nếu ta đồng ý trả anh một đồng tiền vàng cho bữa ăn tối thì sao? Ngày mai chúng ta sẽ thanh toán lại với nhau.

-Ô hô! Ông rộng rãi quá đấy, ông quý tộc ạ! – La Hurière nghi ngờ nhìn Henri.

-Không đâu. Nhưng vì ta định là sẽ nghỉ tối và đêm nay ở quán trọ nhà anh, do có vị lãnh chúa xứ ta đang ở đây đã hết lòng giới thiệu, nên ta đã có hẹn một người bạn tới ăn tối cùng ta. Anh có rượu Arbois ngon không?

-Tôi có loại mà chính gã vua người xứ Bearn cũng chẳng được uống ngon hơn thế.

-Được lắm, ta xin trả riêng món đó. A, hay quá, bạn ta đây rồi!

Quả thực, cửa vừa mở ra, một nhà quý tộc nom già dặn hơn người trước độ vài ba tuổi bước vào, bên hông kéo lê một thanh kiếm nhọn dài ngoằng.

-A ha! – Ông ta nói – Ông đúng giờ nhỉ, ông bạn trẻ. Đối với người vừa phi hai trăm dặm xong, đến đúng từng phút một quả là tốt.

-Khách quen của ông đấy à? – Chủ quán hỏi.

-Ừ – Người quý tộc thứ nhất vừa nói vừa bắt tay người đeo kiếm mới tới – Dọn cho bọn ta ăn tối đi.

-Dọn ở đây hay ở trong phòng ông?

-Đâu cũng được.

-Chủ quán – De Mole gọi – Dẹp cho bọn ta mấy cái mặt Tân giáo ấy đi, trước mặt họ Coconnas và ta không thể bàn chuyện riêng được.

-Dọn bữa rồi trong phòng số 2, tầng ba – La Hurière gọi – Xin mới các ngài lên.

Hai lữ hành đi theo Grégoire, gã này đi trước và soi đường cho họ.

De Mole nhìn theo cho tới khi họ khuất bóng. Khi quay lại chàng thấy Coconnas đang thò đầu ra khỏi nhà bếp. Mắt mũi chàng mở tròn khiến chàng có vẻ kinh ngạc vô cùng.

De Mole tiến lại gần bạn.

-Mẹ kiếp, cậu có thấy không đấy? – Coconnas hỏi.

-Thấy gì?

-Hai gã quý tộc ấy?

-Thì sao?

-Mình dám thề rằng đó là…

-Ai cơ?

-Đức vua Navarre và cái gã mặc áo măng-tô màu đỏ chứ còn gì nữa.

-Ừ thì thế cũng được, nhưng đừng nói to quá.

-Vậy cậu cũng nhận ra họ à?

-Đã hẳn rồi.

-Họ đến đây làm gì?

-Chắc lại chuyện yêu đương gì đó.

-Cậu tưởng thế à?

-Mình tin chắc đấy.

-De Mole này, mình thích những nhát kiếm đâm còn hơn những chuyện yêu đương kiểu này. Ban nãy mình định thế, nhưng bây giờ thì mình xin đánh cuộc đấy.

-Cậu cuộc chuyện gì chứ?

-Đây hẳn là một vụ âm mưu.

-Ồ cậu điên rồi.

-Mình xin bảo với cậu rằng…

-Mình cũng xin bảo cho cậu rằng họ định âm mưu gì thì đấy là việc của họ.

-À ừ nhỉ – Coconnas nói – Mình không còn là người của ông d'Alençon nữa, mặc kệ họ xoay xở với nhau.

Và bởi vì lũ chim đa đa có vẻ đến đúng cái độ chín mà Coconnas ưa thích, chàng gọi chủ quán để lôi chúng ra khỏi lò vì chàng định dành chúng làm phần ngon nhất cho bữa tối của chàng.

Trong khi đó, Henri và de Mouy yên vị trong phòng.

-Sao, thưa bệ hạ – De Mouy nói sau khi Grégoire đã dọn bàn xong – Người đã gặp Orthon chưa?

-Chưa, nhưng ta đã lấy bức thư thằng bé để ở chỗ gương. Ta đoán Orthon sợ vì lúc nó đang ở đấy thì Thái hậu đến và nó phải bỏ đi không chờ ta được. Có lúc

ta cũng hơi lo vì d'Alençon bảo rằng Thái hậu nói chuyện với nó lâu lắm.

-Ồ, không có gì nguy hiểm đâu, thằng bé khôn lắm. Dù Thái hậu có biết nó làm việc gì, tôi tin chắc bà ta sẽ rối tính rối mù lên với nó thôi.

-Thế anh có gặp lại nó không de Mouy? – Henri hỏi.

-Không, nhưng tối nay tôi sẽ gặp nó. Tới nửa đêm, nó phải đến đây đón tôi với một khẩu súng miệng loe. Nó sẽ kể chuyện lại trong lúc chúng tôi đi đường.

-Thế còn cái người đứng ở góc đường Mathurins thì sao?

-Người nào ạ?

-Người mà ta đã lấy áo choàng và ngựa ấy, người có tin chắc vào hắn không?

-Đó là một trong những người tận tụy nhất của chúng ta đấy Vả lại hắn không biết hoàng thượng, hắn cũng chẳng biết hắn giao áo, giao ngựa cho ai nữa kia.

-Vậy chúng ta giờ có thể yên ổn bàn việc chứ?

-Tất nhiên là thế, thưa bệ hạ. Còn có cả De Mole canh chừng nữa mà.

-Càng tốt.

-Thưa bệ hạ, vậy ý ông d'Alençon thế nào?

-De Mouy ạ, ông d'Alençon không muốn ra đi nữa. Ông ta đã giải thích rõ ràng về việc này rồi. Việc bầu quận công d'Anjou lên ngai vàng Ba Lan và cơn khó ở của đức vua khiến mọi ý đồ của ông ta đều thay đổi.

-Vậy ra chính ông ta đã làm hỏng cả kế hoạch của chúng ta.

-Chính vậy.

-Thế là ông ta phản lại chúng ta ư?

-Chưa đâu. Nhưng ông ta sẽ phản bội chúng ta ngay khi có dịp.

-Đồ hèn hạ! Thâm hiểm thật! Tại sao y không trả lời những thư tôi viết cho y?

-Để có bằng chứng và không phải trao bằng chứng cho kẻ khác. Vậy là hỏng hết rồi sao de Mouy?

-Tâu bệ hạ, ngược lại, mọi việc đều tốt đẹp. Bệ hạ hẳn biết rằng toàn bộ phe ta, trừ nhóm ông hoàng Condé ra, đều ủng hộ bệ hạ và làm ra vẻ như có liên lạc với quận công chỉ để sử dụng ông ta làm bia đỡ mà thôi. Thế này, từ hôm có lễ triều kiến đến giờ, tôi đã móc nối lại tất cả về cho bệ hạ. Nếu trước đây chỉ cần trăm người là bệ hạ và quận công d'Alençon có thể trốn đi được thì nay tôi đã chiêu tập được ngàn rưởi người.

Trong vòng tám ngày nữa họ sẽ sẵn sàng và được rải đều ra trên đường từ đây đi Pau. Đây không phải là một cuộc đi trốn nữa mà là một cuộc rút lui. Tâu bệ hạ, ngàn rưởi người bệ hạ thấy có đủ không? Bệ hạ thấy với một đội quân như vậy đã an toàn chưa?

Henri mỉm cười vỗ vai de Mouy: -Người biết đấy, de Mouy và người là kẻ duy nhất biết điều đó, vua Navarre bản chất không phải để run sợ như người ta tưởng đâu.

-Ồ, lạy Chúa, tôi biết lắm chứ, tâu bệ hạ! Và tôi hy vọng rằng chẳng bao lâu nữa cả nước Pháp sẽ biết điều đó.

-Nhưng khi ta bàn định mưu kế thì cần phải thành công.

Điều kiện đầu tiên của thành công là tính quyết định, và để quyết định được nhanh chóng, dứt khoát, có hiệu quả, cần phải tin chắc rằng ta sẽ thành công.

-Thế này, tâu bệ hạ, những ngày nào thì có các cuộc săn?

-Cứ tám hay mười ngày lại có một cuộc, hoặc săn đuổi hoặc săn bằng chim ưng.

-Lần cuối cùng là vào bao giờ?

-Chính hôm nay đây.

-Vậy là trong tám hoặc mười ngày nữa, lại có cuộc săn khác phải không?

-Chắc thế đấy, có khi lại còn sớm hơn thế là đằng khác.

-Xin bệ hạ hãy nghe tôi: hiện nay tôi thấy hình như có vẻ hoàn toàn yên tĩnh. Quận công d'Anjou đi rồi, người ta không nghĩ tới ông ta nữa. Đức vua ngày càng bình phục dần sau cơn khó ở. Việc săn lùng truy bắt chúng ta gần như là đã chấm dứt. Xin bệ hạ hãy tỏ ra ân cần với Thái hậu, với quận công d'Alençon. Bệ hạ hãy nói với ông ta rằng Người không thể ra đi không có ông ta. Hãy cố làm cho ông ta tin, đó là điều khó nhất.

-Người cứ yên lòng, hắn sẽ tin.

-Bệ hạ nghĩ ông ta tin bệ hạ đến thế kia ư?

-Không đâu, Chúa tha tội cho ta! Nhưng y tin tất cả những điều hoàng hậu nói với y.

-Thế hoàng hậu theo ta thật lòng chứ ạ?

-Ồ, ta có bằng chứng đây. Vả lại, bà ta nhiều tham vọng, và cái vòng vương miện Navarre còn thiếu trên vầng trán ấy làm bà ta cứ sôi lên.

-Thế thì ba ngày trước cuộc săn tới đây, xin hãy thông báo cho tôi biết nơi săn: ở Bondy, ở Saint-Germain hay ở Rambouilliet.

Xin hãy nói thêm xem bệ hạ đã sẵn sàng hay chưa, và khi bệ hạ thấy ông de Mole thúc ngựa chạy qua trước bệ hạ thì xin bệ hạ hãy thúc ngựa thật hăng mà theo ông ta. Khi nào ra khỏi rừng rồi, nếu Thái hậu muốn tóm được bệ hạ thì chắc bà ta phải đuổi theo sau bệ hạ, tuy vậy, tôi mong là những con ngựa xứ Normandie của bà ta sẽ không bén gót được lũ ngựa chiến xứ Barbari và đàn ngựa nhỏ xứ Tây Ban Nha của chúng ta.

-Được rồi, de Mouy.

-Bệ hạ có tiền không?

Henri nhăn mặt như ông vẫn nhăn suốt đời mỗi khi người ta đặt câu hỏi đó ra với ông.

-Không nhiều lắm đâu, nhưng ta tin Margot có đấy.

-Dù là tiền của bệ hạ hay hoàng hậu, xin hãy đem theo càng nhiều càng tốt.

-Trong khi chờ đợi thì người định làm gì?

-Sau khi tôi đã lo công việc của bệ hạ một cách khá tích cực như bệ hạ thấy đấy, liệu bệ hạ có rộng lòng cho phép tôi lo một chút đến công việc của tôi được không?

-Cứ làm đi de Mouy ạ, nhưng việc của người là việc gì?

-Xin bệ hạ hãy nghe tôi, Orthon có nói với tôi, mà thằng bé thông minh lắm, tôi xin bệ hạ lưu tâm đến nó. Hôm qua nó có nói với tôi là nó gặp cái thằng ăn cướp Maurevel ở gần Arsenal. Nhờ công chăm sóc của René, hắn đã khỏi rồi và đang sưởi nắng như cái đồ rắn rết vậy.

-À ừ, ta hiểu rồi.

-Bệ hạ đã hiểu rồi, tốt lắm. Có ngày bệ hạ sẽ là vua trị vì, và nếu bệ hạ có một vài vụ trả thù như kiểu của tôi, bệ hạ sẽ trả thù theo kiểu vua chúa. Tôi là lính, tôi phải trả thù theo kiểu lính. Khi nào những việc lặt vặt của chúng ta được thu xếp xong xuôi, trong lúc đó cái tên kẻ cướp ấy còn được nghỉ ngơi năm sáu ngảy nữa, khi ấy tôi mới đi một vòng qua phía Axcơnan, tôi sẽ dùng bốn nhát kiếm đóng đinh hắn xuống bờ cỏ rồi tôi mới yên lòng rời khỏi Paris.

-Cứ làm việc riêng đi, anh bạn ạ – Henri đáp – À mà này người bằng lòng về De Mole chứ?

-A, tâu bệ hạ, thật là một chàng trai dễ thương hết lòng tận tụy với bệ hạ, can đảm nữa… Bệ hạ có thể tin cậy vào ông ta như tin cậy vào chính tôi.

Và nhất là ông ta lại kín miệng nữa, de Mouy ạ. Vì vậy ông ta sẽ theo chúng ta về Navarre. Khi nào tới nơi chúng ta sẽ kiếm cách để thưởng cho ông ta.

Henri đang vừa nói những lời đó vừa mỉm một nụ cười láu lỉnh thì chợt cửa bật mở tung, người đang được ngợi khen hiện ra, mặt tái mét đầy kích động.

-Tâu bệ hạ, có biến – De Mole kêu lên – Nhà bị vây rồi!

-Bị vây rồt! – Henri thốt lên – Ai vậy?

-Vệ binh của nhà vua.

-Ô hô! – De Mouy vừa nói vừa rút súng ra – Hình như đánh nhau thì phải.

-À không – De Mole nói – Súng đạn với nhau mà làm gì? Ông làm sao có thể chống lại được năm mươi người?

-Ông ta nói đúng đấy – Henri bàn – Nếu có cách nào rút lui được…

-Có một cách mà tôi biết, nếu bệ hạ sẵn lòng theo tôi thì…

-Còn de Mouy thì sao?

-Nếu ông de Mouy muốn thì theo tôi cũng được nhưng chỉ xin cả hai vị gấp gấp lên cho.

Người ta nghe thấy tiếng bước chân trên cầu thang.

-Muộn mất rồi – Henri kêu.

-Ôi giá mà giữ chân chúng lại được chừng dăm phút – De Mole thốt lên – Tôi xin đảm bảo cứu được hoàng thượng.

-Vậy xin ông hãy đảm bảo cho hoàng thượng – De Mouy đáp – Tôi xin lo việc giữ chân chúng lại. Xin bệ hạ hãy đi đi.

-Nhưng người định làm thế nào?

-Xin bệ hạ đừng lo ngại, hãy đi đi.

Và de Mouy bắt đầu cất bớt cốc, khăn ăn, chén để khiến người ta có thể tưởng rằng chàng ngồi ăn một mình.

-Xin bệ hạ theo tôi – De Mole vừa kêu lên vừa kéo tay nhà vua lôi tới cầu thang.

-Ôi de Mouy, de Mouy can đảm của ta! – Henri vừa thốt lên vừa chìa tay cho chàng trai.

De Mouy cúi hôn bàn tay ấy, đẩy Henri ra khỏi phòng và cài chốt cửa lại sau lưng Henri.

-Thôi ta hiểu rồi – Henri than – Hắn sẽ để cho bị bắt trong khi chúng ta chạy trốn. Nhưng kẻ nào có thể phản chúng ta thế nhỉ?

-Xin bệ hạ đi thôi, chúng lên đấy.

Quả thực ánh đuốc bắt đầu leo lên dọc chiếc cầu thang nhỏ hẹp, còn dưới chân cầu thang người ta nghe như có tiếng binh khí chạm nhau.

-Nhanh lên, thưa bệ hạ! – De Mole giục.

Trong bóng tối, chàng dẫn vua Navarre lên hai tầng gác nữa, đẩy cửa một căn phòng để cả hai người vào rồi cài chốt lại, rồi chàng tới mở cửa sổ một căn buồng nhỏ và hỏi: -Thưa bệ hạ, người có ngại những cuộc đi dạo trên mái nhà lắm không?

-Ta ấy à? Thợ săn hươu núi ai lại sợ chuyện đó!

-Vậy xin bệ hạ theo tôi. Tôi biết đường và xin dẫn Người đi.

-Đi thôi, ta theo ông đây.

De Mole trèo qua trước tiên. Chàng đi theo một cái bờ gạch trải rộng dùng làm máng nước, cuối máng nước là một cái rãnh hẻm do hai mái nhà châu vào nhau tạo thành. Phía trên rãnh là một khung cửa tầng áp mái không có cửa dẫn vào một buồng kho không người ở.

-Tâu bệ hạ, chúng ta đến nơi rồi đấy.

-A ha! Càng tốt – Henri đáp.

Và ông đưa tay chùi vầng trán tái nhợt lấm tấm mồ hôi.

-Bây giờ mọi việc dễ dàng thôi. Buồng kho này có lối đi ra cầu thang. Cầu thang lại thông với một lối đi, lối đi dẫn ra phố. Thưa bệ hạ, tôi đã đi cũng con đường này vào một đêm còn khủng khiếp hơn thế này nhiều.

-Nảo, đi tiếp thôi – Henri đáp.

De Mole là người đầu tiên trườn qua cánh cửa toang hoác, tới mở cánh cửa ra vào khép hờ và thế là chàng đã đứng phía trên một chiếc cầu thang xoáy. Chàng đặt tay nhà vua vào sợi dây dùng làm tay vịn và nói: -Xin bệ hạ theo tôi.

Tới lưng chừng cầu thang Henri dừng lại. Ông đi ngang qua một cánh cửa sổ trông xuống sân quán Tinh tú. Trên cầu thang đối diện, người ta thấy có binh lính đang chạy, kẻ cầm kiếm, người cầm đuốc.

Đột nhiên vua Navarre thấy de Mouy xuất hiện giữa một nhóm người. Chàng đã nộp kiếm và thản nhiên đi xuống.

-Tội nghiệp Mouy! – Henri nói – Thật là một tấm lòng can đảm và tận tụy!

-Thế chứ, tâu bệ hạ, không biết thánh thượng có nhận thấy ông ta có vẻ rất bình tĩnh không? Đấy, thậm chí ông ta lại còn cười nữa! Chắc ông ta đang rắp tâm giở một ngón gì vì như bệ hạ biết đấy, ông ta ít khi cười lắm.

-Thế còn chàng trai lúc nãy đứng với ông thì ra sao rồi?

-Ông de Coconnas ấy ạ?

-Ừ, ông de Coconnas, ông ta đi đâu rồi?

-Ồ, tâu bệ hạ, tôi không lo ngại gì cho ông ta. Thấy lính đến, ông ta chỉ hỏi tôi độc có một câu:- Ta có liều cái gì không đây?

-Mạng mình chứ còn gì – Tôi có trả lời lại ông ta như thế.

-Thế cậu có thoát thân được không?

-Mình mong rằng thế.

-Thế thì mình cũng vậy.

-Tôi xin thề với bệ hạ rằng ông ta sẽ thoát. Người ta mà bắt được de Coconnas thì đó chẳng qua chính là ông ta muốn tự để cho bị bắt thôi, tôi xin đảm bảo như thế.

-Vậy thì càng tốt – Henri đáp – Ta hãy cố về đến Louvre xem sao.

-A, lạy Chúa, dễ quá, thưa bệ hạ. Ta cứ việc quấn mình trong áo choàng mà ra thôi. Phố xá đầy người, nghe có động chạy tới, người ta sẽ tưởng chúng ta là những anh chàng tò mò thôi.

Đúng vậy, Henri và De Mole thấy cửa mở toang ra ngoài và chẳng khó khăn gì trừ việc lách qua đám người đang đứng đầy phố.

Cả hai yên ổn vượt qua phố Averon, nhưng tới phố Poulies, họ thấy de Mouy và đoàn áp giải do ông de Nancey, chỉ huy vệ binh dẫn đầu đang đi qua quảng trường Saint-Germain l'Auxerrois.

-Ái chà! – Henri thốt lên – Hình như họ dẫn anh ta về Louvre thì phải. Mẹ kiếp, chúng sắp đóng cửa ghi-sê đây… Rồi sẽ ghi tên tất cả những kẻ vào sau và nếu chúng thấy ta về sau de Mouy thì chúng lại có cớ để ngờ ta ở chỗ anh ta cho mà coi.

-Vậy tâu bệ hạ, xin Ngài hãy vào Louvre bằng lối khác – De Mole nói.

-Thế người định bảo ta về bằng lối nào đấy?

-Bệ hạ chẳng có lối cửa sổ của hoàng hậu là gì?

-Khỉ thật, ông de Mole, ông nói đúng quá. Ta thật không nghĩ ra đấy! Nhưng làm sao báo cho hoàng hậu biết được?

-Ồ! De Mole vừa đáp vừa nghiêng mình cung kính tỏ lòng biết ơn – Bệ hạ ném đá tài lắm kia mà!

§47. De Mouy de Saint-Phale

Lần này, Catherine đã chuẩn bị kỹ càng trước sau đến nỗi bà tin mười mươi ăn chắc.

Vì vậy vào khoảng mười giờ, bà cho Marguerite lui, lòng đinh ninh con gái không biết tí gì về những việc đang được bàn định chống chồng nàng mà quả cũng đúng như thế thật. Sau đó Thái hậu qua cung vua, xin nhà vua đừng đi ngủ vội.

Trí tò mò bị kích động trước vẻ mặt hân hoan của Catherine vốn ngày thường vẫn hay che giấu tình cảm của mình, Charles lục vấn mẹ nhưng Thái hậu chỉ đáp:
-Ta chỉ có thể nói một điều với bệ hạ đó là tối nay Người sẽ được giải thoát khỏi hai kẻ thù thâm độc nhất của mình.

Charles nhíu mày với vẻ như tự nói: "Được, để rồi xem". Ông huýt sáo gọi con chó săn lớn của ông, nó bò rạp bụng xuống sàn như rắn và trườn tới đặt cái đầu nhỏ nhắn thông minh lên đầu gối chủ. Và Charles bắt đầu chờ đợi.

Vài phút sau, trong lúc Catherine tai mắt đều đang căng ra nghe ngóng thì chợt người ta nghe có tiếng một phát súng nổ trong sân Louvre.

-Tiếng súng ấy là thế nào ấy nhỉ? – Charles cau mày hỏi, còn con chó thì chồm dậy vểnh tai lên.

-Không có gì – Catherine đáp – Đó chỉ là tín hiệu thôi.

-Tín hiệu ấy là thế nào?

-Thưa bệ hạ, nó có nghĩa là từ lúc này trở đi, kẻ thù thực sự duy nhất của bệ hạ không còn làm hại được Người nữa.

-Có người vừa bị giết à? – Charles hỏi và nhìn Thái hậu với ánh mắt chúa tể ý như muốn nói rằng giết người và ân xá là hai chức trách riêng của nhà vua.

-Thưa bệ hạ, không. Người ta chỉ vừa cho bắt hai người thôi.

-Ồ! – Charles lẩm bẩm – Bao giờ cũng mưu mô giấu giếm, bao giờ cũng mưu đồ những việc mà nhà vua không dự gì vào.

-Chúa ơi, thưa mẹ, tôi đã lớn rồi đấy, khá lớn để tự lo lấy việc của tôi, tôi không cần phải ai chăm nom bú mớm gì nữa đâu. Nếu lệnh bà muốn trị vì thì đi sang Ba Lan mà ở với thằng con Henri của lệnh bà, còn ở đây thì tôi xin nói với bà rằng bà chơi trò đó là nhầm đấy.

-Con ạ – Catherine đáp – Đây là lần cuối cùng ta dính líu vào các việc của con. Nhưng đây là một việc đã được tiến hành từ lâu, lúc nào con cũng kêu là ta nhầm còn ta lại muốn chứng tỏ với con rằng ta đúng.

Có tiếng chân nhiều người đứng lại trong tiền phòng, và người ta nghe tiếng một toán người hạ báng súng xuống sàn nhà.

Ngay sau đó ông de Nancey xin phép được vào bệ kiến.

-Cho ông ta vào! – Charles hấp tấp nói.

Ông de Nancey bước vào, cúi chào nhà vua rồi quay sang phía Thái hậu: -Tâu lệnh bà – Ông ta nói – Lệnh của Người đã được thi hành. Hắn đã bị bắt.

-Sao? Hắn à? – Catherine mất bình tĩnh thốt lên – Ông chỉ bắt được một tên thôi ư?

-Tâu lệnh bà, ông ta có một mình.

-Có chống cự không?

-Không, ông ta đang thản nhiên ăn tối trong phòng và trao kiếm ngay khi có lời yêu cầu đầu tiên.

-Ai vậy? – Charles hỏi.

-Bệ hạ sẽ thấy – Catherine đáp – Ông de Nancey, cho dẫn tù nhân vào.

Năm phút sau, de Mouy được đưa vào.

-De Mouy! – Nhà vua kêu lên – Có việc gì vậy, ông de Mouy?

-Ồ, tâu bệ hạ – De Mouy rất bình tĩnh trả lời – Nếu bệ hạ cho phép thì tôi cũng dám xin hỏi Người câu hỏi đó.

-Đáng lẽ đặt câu hỏi ấy ra cho nhà vua – Catherine xen vào – Thì xin ông de Mouy hãy vui lòng kể cho con ta hay xem ai đã ở trong phòng của vua Navarre đêm nào và đêm ấy, kẻ đó đã chống lại lệnh của đức vua như một tên phản loạn, đã giết hai vệ binh và làm bị thương ông Maurevel.

-Quả có thế – Charles cau mày nói – Liệu ông có biết tên kẻ ấy hay không, ông de Mouy?

-Tâu bệ hạ có, Người muốn biết tên kẻ đó hay sao?

-Tôi sẽ rất hài lòng nếu biết được điều đó.

-Vậy thì tâu bệ hạ, hắn là de Mouy de Saint-Phale.

-Chính là ông đấy à?

-Chính tôi.

Catherine kinh ngạc trước sự táo tợn đó, lùi một bước về phía chàng trai

-Vậy tại sao ông lại dám cưỡng lại lệnh nhà vua? – Charles hỏi.

-Trước hết, tâu bệ hạ, tôi không biết là có lệnh đó. Và tôi chỉ nhìn thấy có mỗi một việc, hay nói đúng hơn là có mỗi một người là ông de Maurevel, kẻ đã ám sát cha tôi và ông đô đốc. Tôi nhớ lại mới cách đây một năm rưỡi, chính tại căn phòng này, trong buổi tối ngày 24 tháng Tám, bệ hạ có nói chuyện với tôi và hứa sẽ trừng trị kẻ giết người. Vì từ đó tới nay đã có nhiều sự kiện quan trọng xảy ra nên tôi trộm nghĩ rằng đức vua dù không muốn cũng đã bị quên lãng khỏi các ý đồ của Người. Đến khi thấy Maurevel ở ngay trong tầm tay tôi, tôi đã ngỡ rằng trời sai hắn đến cho tôi. Bệ hạ đã biết đoạn tiếp theo. Tôi đã đánh hắn như đánh một kẻ sát nhân và bắn vào quân của hắn như bắn vào một lũ cướp.

Charles không đáp. Tình thân với Henri thời gian gần đây khiến ông nhìn nhận nhiều sự việc dưới một góc độ khác hơn là sự nhìn nhận của ông hồi đầu.

Còn về vụ Saint-Barthélémy, Thái hậu nhớ đã nhiều lần được nghe những lời từ miệng con trai nói ra giống như những lời hối hận.

-Nhưng vào giờ đó ông tới cung vua Navarre làm gì? – Catherine hỏi.

-Ồ, đó là một câu chuyện dài – De Mouy đáp – Nhưng nếu bệ hạ có lòng muốn nghe…

-Ừ ông nói đi, ta muốn nghe đấy – Charles nói.

Catherine ngồi xuống và đưa cặp mắt lo lắng nhìn chàng thủ lĩnh Tân giáo.

-Ta nghe đây. Nào lại đây, Actéon – Charles gọi.

Con chó lại về chỗ nó nằm trước khi người tù được dẫn vào.

-Tâu bệ hạ – De Mouy nói – Tôi đã tới cung hoàng thượng Navarre với tư cách là đại diện của các đồng đạo của tôi, những thần dân Tân giáo trung thành của bệ hạ.

Catherine ra hiệu cho Charles.

-Xin mẹ cứ yên tâm – Nhà vua đáp – Tôi không để sót một lời nào đâu. Nói tiếp đi ông de Mouy, ông đến để làm gì?

-Tôi đến để báo với đức vua Navarre rằng việc bỏ đạo của người đã khiến phái Tân giáo không còn tin tưởng Người nữa. Nhưng vì đã tưởng nhớ tới tiên vương Antoine de Bourbon và nhất là cố thái hậu Jeanne d'Albert dũng cảm mà tên tuổi rất gần gũi với chúng tôi, nên những người theo Tân giáo muốn dành cho nhà vua một dấu hiệu tỏ lòng tôn kính là đề nghị hoàng thượng từ bỏ những quyền lợi của Người đối với ngai vàng xứ Navarre.

-Ông ta bảo sao? – Dù rất tự chủ, Catherine cũng không thể không bật kêu lên khi phải nhận một đòn mà bà không ngờ tới.

-Á à! Charles nhận xét – Cái vòng vương miện xứ Navarre mà người ta dám mạn phép ta cho nó bay lượn trên khắp các mái đầu hình như cũng có thuộc về ta một chút thì phải.

-Tâu bệ lạ, người Tân giáo hiểu rõ hơn ai hết về cái quyền dân chủ mà bệ hạ vừa nêu. Vậy nên họ mong muốn xin thánh thượng gắn vòng vương miện đó cho một mái đầu thân thuộc với Người.

-Ta ấy à? – Charles kêu lên – Cho một cái đầu có thân thích với ta à? Mẹ kiếp! Ông định nói đầu ai thế? Ta không hiểu ông đấy.

-Đó là ông d'Alençon.

Catherine trở nên tái nhợt như tượng thần chết và nhìn de Mouy chằm chằm với tia nhìn rực lửa.

-Thế hoàng đệ d'Alençon của ta biết chuyện đó chứ?

-Tâu bệ hạ, vâng.

-Thế ông ta nhận ngai vàng đó chứ?

-Còn thiếu sự chuẩn y của hoàng thượng, ông ta cử chúng tôi đến xin Người.

-Ô hô! – Charles kêu – Quả thật đó là một ngai vàng rất hợp với ông em d'Alençon nhà ta. Thế mà ta không nghĩ ra đấy. Cám ơn, de Mouy. Cứ khi nào ông có những ý kiến tương tự ông sẽ là người được hoan nghênh ở đây.

-Tâu bệ hạ, lẽ ra Người đã được biết tất cả những dự án này từ lâu nếu như không có cái việc không may với Maurevel khiến tôi cứ lo mình bị thất sủng.

-Thế nhưng Henri nói gì về dự kiến này? – Catherine hỏi.

-Tâu lệnh bà, đức vua Navarre thuận theo nguyện vọng của đồng đạo và lời từ chối của Người đã sẵn rồi.

-Vậy ông phải có lời từ chối ấy chứ?

-Tâu lệnh bà vâng, tình cờ tôi lại có lời từ chối ấy ở đây, do đức vua Navarre ký và đề ngày.

-Ngày ấy có trước cái đêm ông ở Louvre không? – Catherine hỏi tiếp.

-Thưa có, hình như là trước đó một hôm thì phải.

Và de Mouy rút từ túi ra một tờ nhượng quyền lợi cho quận công d'Alençon do chính tay Henri viết và ký, có ghi ngày đã nói.

-A ha, mọi việc đúng là hợp lệ – Charles bảo.

-Thế Henri đòi gì để đổi lấy cái lời từ chối quyền lợi này?

-Tâu lệnh bà, không đòi gì hết cả. Người có nói với chúng tôi rằng tình thân của đức vua Charles IX đã đền bù lại được cho Người cái ngai vàng mất đi.

Catherine tức giận cắn môi và vặn xoắn hai bàn tay đẹp của bà vào nhau.

-Những việc này hoàn toàn đúng, de Mouy ạ – Charles tiếp.

-Vậy nếu mọi việc đã được thoả thuận giữa ông và vua Navarre – Thái hậu hỏi – Thì tối nay ông còn gặp ông ta làm gì?

-Tôi gặp đức vua Navarre ấy ư, thưa lệnh bà? Ông de Nancey là người đã bắt tôi chắc sẽ chứng thực rằng lúc đó tôi chỉ có một mình. Xin lệnh bà cho gọi ông ta.

-Ông de Nancey! – Đức vua gọi.

Viên chỉ huy vệ binh bước vào.

-Ông de Nancey – Catherine hấp tấp hỏi – Ông de Mouy hoàn toàn chỉ có một mình ở quán Tinh tú thôi à?

-Tâu lệnh bà, ông ta ở trong phòng có một mình, nhưng trong quán còn có người nữa.

-A! – Catherine thốt lên – Vậy bạn ông ta là ai?

-Tâu lệnh bà, tôi không biết đấy có phải là bạn ông de Mouy hay không. Nhưng tôi biết rằng ông ta trốn thoát ra đằng cửa sau sau khi đã đánh gục hai vệ binh của tôi.

-Thế chắc ông có nhận ra nhà quý tộc đó chứ?

-Dạ không phải tôi mà là lính của tôi đã nhận ra.

-Ai vậy? – Charles hỏi.

-Bá tước Anibal de Coconnas.

-Anibal de Coconnas – Nhà vua sầm mặt xuống và mơ màng nhắc lại – Kẻ đã tàn sát người Tân giáo rất dữ đêm Saint-Barthélémy ấy à?

-Ông de Coconnas là quý tộc thị vệ của ông d'Alençon – Ông de Nancey nói thêm.

-Được được, thôi ông lui ra đi ông de Nancey – Charles nói – Và lần sau ông nhớ cho một điều.

-Tâu bệ hạ, điều gì vậy?

-Đó là ông thuộc quyền ta và chỉ được nghe lời ta mà thôi.

Ông de Nancey vừa cung kính cúi chào vừa đi thụt lùi lui ra.

De Mouy mỉm một nụ cười giễu cợt với Catherine. Im lặng một lát.

Thái hậu vặn xoắn những sợi tua ở dây lưng, còn Charles thì vuốt ve con chó.

-Nhưng mục đích của ông là gì, ông de Mouy? – Charles tiếp – Ông hoạt động chống chọi khiếp thế?

-Tâu bệ hạ, chống ai cơ ạ?

-Thì chống Henri, chống François hay là chống ta thôi.

-Tâu bệ hạ, chúng tôi đã có được lời từ chối của em rể bệ hạ, lời chấp nhận của hoàng đệ và như tôi vừa có hân hạnh trình Người, chúng tôi đang chuẩn bị thỉnh cầu sự chuẩn y của hoàng thượng thì xảy ra cái việc không hay ở Louvre.

-Này, thưa mẹ – Charles nói – Tôi không thấy trong việc này có điều gì xấu cả. Ông de Mouy, các ông xin có vua là hợp lệ. Ừ, xứ Navarre có thể và phải là một vương quốc riêng rẽ. Hơn thế nữa, cái vương quốc này hình như được cố tình tạo ra cho hoàng đệ nhà ta. Hắn vẫn thường thèm có vương miện đến nỗi mỗi khi chúng ta mang vương miện, hắn không thể rời mắt ra khỏi đó. Điều duy nhất cản trở cho công việc phong vương này là quyền lợi của Henri, nhưng nếu Henri đã tự nguyện từ chối thì…

-Tâu bệ hạ, hoàn toàn tự nguyện đấy ạ.

-Dường như đây là ý Chúa thì phải! Ông de Mouy, ông hoàn toàn được tự do quay trở về với đồng đạo của ông. Ta đã trừng phạt họ có lẽ hơi… khắc nghiệt đấy, nhưng đấy là việc giữa ta và Chúa. Ông hãy nói với họ rằng nếu họ muốn hoàng đệ d'Alençon nhà ta làm vua của họ thì vua Pháp sẽ chiều theo ý họ. Từ lúc này trở đi, Navarre là một vương quốc và vương chủ của nó là François. Ta chỉ cần tám ngày để chuẩn bị cho em ta rời Paris trong rực rỡ vàng son xứng với một vị vua. Đi đi, ông de Mouy… Ông de Nancey, để cho ông de Mouy ra đi. Ông ta được tự do.

-Tâu bệ hạ – De Mouy tiến lên một bước nói – Xin bệ hạ cho phép?

-Ừ đây – Nhà vua đáp và chìa tay ra cho chàng trai.

De Mouy quỳ một chân xuống và cúi hôn tay Charles.

-À mà này – Charles giữ chàng lại khi de Mouy định đứng dậy – Có phải ông xin trừng trị tên kẻ cướp Maurevel phải không?

-Thưa vâng.

-Ta không biết hắn ở đâu để trừng trị giúp ông vì hắn giấu mặt, nhưng nếu ông gặp hắn, hãy tự mình giải quyết lấy, ta sẵn lòng cho phép ông làm điều đó.

-A, tâu bệ hạ – De Mouy thốt lên – Bệ hạ thực gia ân cho thần. Xin bệ hạ hãy tin tưởng ở thần, thần cũng không biết hắn ở đâu nhưng thần sẽ tìm thấy hắn. Xin bệ hạ cứ bình tâm.

Sau khi cung kính cúi chào Charles và Thái hậu, de Mouy lui ra mà không hề bị các viên vệ binh đã giải chàng đến đây cản trở tí nào. Chàng nhanh chóng qua hành lang và cửa ghi-sê, khi ra tới ngoài thì loáng cái đã đi từ quảng trường Saint-Germain l'Auxerrois tới quán trọ Tinh tú. Ở đó chàng tìm thấy ngựa của mình và nhờ nó mà ba tiếng đồng hồ sau cái màn chúng tôi vừa kể trên đây, de Mouy đã bình yên vô sự nằm trong thành Nantes.

Catherine giận tràn hông quay về cung mình và từ đó sang cung hoàng hậu Navarre.

Bà gặp Henri bận áo ngủ và có vẻ như đang chuẩn bị vào giường.

-Hỡi quỷ Satăng! – Bà lẩm bẩm – Xin hãy giúp cho một bà hoàng tội nghiệp mà Chúa đã chẳng muốn đoái hoài đến nữa!

§48. Một vòng vương miện cho hai cái đầu

-Cho ông d'Alençon tới gặp ta! – Vừa cho mẹ lui, Charles vừa gọi.

Sau khi được nhà vua truyền lệnh từ nay chỉ được tuân lời mình ông ta mà thôi, ông de Nancey thoắt cái đã chạy từ cung vua tới khu phòng của hoàng đệ và chuyển đạt mệnh lệnh của đức vua không chút chậm trễ.

Quận công d'Alençon giật mình. Ông ta thường ngày vẫn e sợ Charles, và từ khi nuôi những mưu đồ thì lại càng có lý do để sợ hơn. Tuy vậy d'Alençon vẫn tới cung vua với vẻ vội vàng có tính toán.

Charles đang đứng và thổi qua kẽ răng một điều kèn săn.

Khi bước vào, quận công d'Alençon nhìn thấy trong con mắt trơ trơ của Charles một tia nhìn đầy hằn thù mà ông ta biết quá rõ.

-Bệ hạ đã cho đòi, vậy tôi đây. Bệ hạ có điều gì cần dạy?

-Hoàng đệ tốt bụng của ta, ta muốn nói với ông rằng để thưởng cho tình thân thiết của ông đối với ta, hôm nay ta quyết định sẽ ban cho ông điều ông mong ước nhất.

-Cho tôi ạ?

-Ừ, chỉ anh đấy. Anh nghĩ mà xem có điều gì mà anh mơ ước bấy lâu nay mà không dám hỏi xin ta, ta sẽ ban cho anh điều đó!

-Tâu bệ hạ – Florence đáp – Tôi xin thề với Người là tôi chỉ mong sao cho Người mãi mãi khang cường.

-Nếu thế thì chắc anh phải hài lòng lắm d'Alençon ạ. Cơn khó ở mà ta cảm thấy hồi bọn Ba Lan tới đây đã qua rồi. Nhờ có Henriot, ta đã thoát khỏi con lợn rừng hung dữ muốn xé xác ta và nay ta khỏe tới mức chẳng có gì phải ghen tỵ với kẻ khỏe nhất trong vương quốc ta. Anh có thể mong muốn điều gì khác hơn mà không sợ mang tiếng là đứa em tồi ngoài việc mong cho ta khỏe mãi. Sức khỏe của ta nay tuyệt lắm rồi.

-Tâu bệ hạ, tôi không mong ước gì hết.

-Có chứ, François, có chứ – Charles sốt ruột nói – Anh mơ ước ngai vàng Navarre, vì anh đã thoả thuận với Henriot để hắn từ bỏ ngai vàng, với de Mouy để hắn đưa về cho anh. Này, Henriot đã từ chối rồi đấy, còn de Mouy đã chuyển cho ta lời thỉnh cầu của anh, và cái ngai vàng mà anh tơ tưởng ấy…

-Sao cơ ạ? – d'Alençon run giọng hỏi.

-Mẹ kiếp, ngai vàng ấy thuộc về anh đấy!

D Alençon tái mặt đi một cách khủng khiếp. Máu ông tràn về tìm kiếm nó dường như suýt vỡ rồi đột nhiên lại tràn tới các tứ chi. Mặt ông đỏ phừng phừng. Ân sủng của nhà vua lúc này lại làm ông ta tuyệt vọng.

-Nhưng, thưa bệ hạ – Lòng đầy hồi hộp vì xúc động, d'Alençon cố gắng một cách vô hiệu để trấn tĩnh lại – Tôi không hề mong ước và cũng không hề yêu cầu một việc gì như vậy cả.

-Cũng có thể lắm, anh kín tiếng lắm, François ạ, nhưng có người đã mong ước và thỉnh cầu hộ anh.

-Tâu bệ hạ, tôi xin thề là không bao giờ…

-Đừng có thề trước Chúa.

-Nhưng tâu bệ hạ. Người cho đày tôi đi ư?

-Anh gọi như thế là đi đày hở François? – Mẹ kiếp! Anh khó tính quá đấy! Anh còn mong gì hơn hả?

D Alençon tuyệt vọng cắn môi.

-Thế chứ, François ạ – Charles vừa nói vừa ra vẻ sởi lởi. – Ta cứ tưởng anh ít được lòng người hơn thế kia, và nhất là ít thân cận với đám người Tân giáo hơn thế. Nhưng vì họ đã xin anh thì ta cũng phải thú nhận là ta nhầm. Với lại ta chẳng mong gì hơn là có được một người của ta, một người em yêu quý ta và không thể nào phản bội lại là đứng đầu một phe đảng đã chống chúng ta từ ba chục năm nay. Mọi việc sắp đâu vào đấy cả như có phép mầu vậy, ấy là chưa kể cả nhà chúng ta đều làm vua. Chỉ có mỗi thằng Henriot tội nghiệp là sẽ chỉ được là bạn ta mà thôi. Nhưng hắn không giàu tham vọng, và cái chức bạn ấy chẳng ai đòi cho nên hắn sẽ giữ chức ấy.

-Ôi tâu bệ hạ. Người nhầm rồi, tôi xin được ban cái tước vị ấy. Ai xứng đáng được hưởng nó hơn tôi? Henri chỉ là em rể của bệ hạ theo thông gia, còn tôi, tôi là em bệ hạ theo dòng máu và nhất là theo tiếng gọi trái tim… Tâu bệ hạ, cúi xin Người giữ tôi lại bên Người.

-Không đâu, làm thế là gây điều bất hạnh cho anh.

-Tại sao vậy, thưa bệ hạ?

-Có cả ngàn lý do tại sao.

-Kìa, xin bệ hạ hãy xét lại một chút xem có bao giờ bệ hạ có thể tìm được một người bạn trung thành như tôi không. Tứ thuở thơ ấu tôi chưa bao giờ rời xa bệ hạ.

-Ta biết, ta biết, và thậm chí đôi khi ta còn muốn anh ở xa ra một tí thì hơn.

-Ý thánh thượng định dạy gì?

-Không, không… Chỉ có ta tự hiểu thôi… Ồ! ở đấy anh đi săn mới thú chứ! François, ta ghen với anh đấy! Anh có biết là ở đấy người ta săn gấu cũng như ta săn lợn rừng ở đây không? Anh sẽ gửi cho bọn ta những tấm da tuyệt vời. Anh biết đấy, săn gấu phải săn bằng dao găm. Người đi săn đợi con thú nhé, khiêu khích nó, chọc tức nó, thế là nó tới cách anh ta độ mười bốn bước, nó mới đứng dựng lên hai chân sau. Thế là lúc đó anh ta mới đâm dao vào tim nó như Henri

đâm con lợn rừng hôm nọ ấy. Nguy hiểm thật đấy, nhưng anh can đảm lắm. François ạ, và mối nguy hiểm đó thực sự là một thú vui đối với anh.

-Ôi! Bệ hạ làm tăng thêm những nỗi đau buồn của tôi vì từ nay tôi không được đi săn cùng Người nữa.

-Mẹ kiếp! Càng tốt! – Nhà vua đáp – Chúng ta đi săn cùng nhau thì chẳng lợi lộc gì cho cả hai.

-Kìa, thánh thượng định nói gì?

-Ta bảo rằng đi săn cùng ta khiến anh vui thú và cảm động đến nỗi mà anh, vốn là người vô cùng khéo léo, với bất kỳ khẩu hỏa mai nào cách một trăm bước chân anh bắn rụng một con chích chòe, thế mà lần cuối cùng đi săn cùng ta đây, với khẩu súng của anh, một khẩu súng anh hùng đã quen tay, cách hai chục bước anh còn bắn trượt một con lợn rừng to xù, hơn thế lại còn bắn gãy cả chân con ngựa tốt nhất của ta. Mẹ kiếp! François ạ, điều đó khiến người ta phải suy nghĩ lắm chứ, anh có biết không?

-Ôi xin bệ hạ lượng thứ cho nỗi xúc động của tôi lúc đó! – François nhợt nhạt thốt lên.

-À vâng! – Charles đay lại – Ta biết rõ là vì xúc động chứ! Chính là vì ta cũng biết đánh giá cái nỗi xúc động ấy đúng lắm nên ta xin nói với anh rằng: François, tốt hơn hết là chúng ta, đi săn xa nhau ra khi ta có những cơn xúc động đã xảy ra như thế. Hãy nghĩ tới điều đó, hoàng đệ ạ, đừng có nghĩ trong lúc có mặt ta, ta khiến anh rối trí đấy, ta biết thế, nhưng khi nào anh có một mình thì anh hãy suy nghĩ, và anh sẽ đồng ý rằng ta rất có lý để e rằng khi nào chúng ta lại đi săn nữa anh lại bị một cơn xúc động kiểu như thế nó hành. Vì khi đó chẳng có gì làm run tay bằng nỗi xúc động, khi đó anh sẽ giết người cưỡi chứ không phải con ngựa, giết vua chứ không phải con vật Mẹ kiếp! Một viên đạn nhằm cao hay thấp một chút cũng có thể làm thay đổi bộ mặt của một quốc gia lắm lắm. Trong gia đình chúng ta cũng có ví dụ đấy thôi. Khi Monmorency vì sự cố hay vì xúc động cũng nên, giết chết cha chúng ta, phát súng ấy đã đưa anh François đệ nhị của chúng ta lên ngôi và đưa cha chúng ta về Saint-Denis. Chúa chỉ cần một chút xíu cũng làm được khá nhiều điều!

Quận công cảm thấy mồ hôi ướt đẫm trên trán trước cú đòn bất ngờ đáng sợ này.

Thật nhà vua khó có thể nói rõ hơn nữa cho ông em biết rằng ông đã đoán ra hết. Khi che giấu cơn tức giận của mình dưới một chút vẻ giễu cợt, Charles nom có lẽ còn đáng sợ hơn cả khi ông để cho ngọn lửa hận bừng bừng nung nấu trái tim tràn ra ngoài và sự trả thù của ông tỷ lệ thuận với lòng căm hận đó. Căm hận càng hằn học thì sự trả thù càng lớn và lần đầu tiên d'Alençon đã biết ân hận hay đúng hơn là hối tiếc đã dự tính mà làm không thành một tội ác.

Ông chống chọi lại trong chừng mực khả năng của mình, nhưng tới cú đòn cuối cùng này ông đành phải cúi đầu và Charles nhận thấy trong ánh mắt d'Alençon cái tia lửa rực cháy mà nếu như ở những người bản chất mềm yếu hơn có lẽ đã biến thành nước mắt.

Nhưng d'Alençon thuộc loại những người chỉ khóc vì tức giận.

Charles dán chằm chằm cặp mắt cú vọ của mình lên ông em, ông như hút lấy từng cảm giác đang trải qua trong trái tim cậu em. Và nhờ đã nghiên cứu kỹ càng, những hoàng thân trong gia đình mình, tất cả những cảm giác đó đều lộ rõ ra với ông khiến cho trái tim quận công cứ như một quyển sách để ngỏ.

Nhà vua để mặc quận công sững sờ câm lặng bải hoải hồi lâu rồi nói với giọng cương quyết đầy hằn học: -Hoàng đệ, ta đã nói với anh về quyết định của ta rồi. Và quyết định đó là không thể thay đổi: anh sẽ ra đi.

D Alençon phác một cử chỉ, Charles tỏ vẻ không nhận thấy điều đó và nói tiếp: -Ta muốn rằng xứ Navarre phải tự hào vì có được em trai vua Pháp làm vua. Vàng, quyền lực, vinh dự, anh sẽ không thiếu thứ gì xứng với dòng dõi của anh, giống như anh Henri của anh. – Ông mỉm cười thêm – Và cũng như hắn, anh sẽ cảm tạ ta từ nơi xa xôi. Nhưng không hề gì, những lời cầu phúc thì đâu có kể chi tới xa hay gần.

-Thưa bệ hạ…

-Thôi nhận đi, hay đúng hơn là hãy cam chịu đi. Khi nào thành vua rồi, người ta khắc kiếm cho anh một bà vợ xứng với một hoàng tử Pháp. Biết đâu đấy, có khi bà ta lại đem theo của hồi môn về cho anh một ngai vàng nữa cũng nên.

-Nhưng bệ hạ quên mất ông bạn quý Henri của Người.

-Henri ấy hả? Nhưng ta bảo anh là hắn không thèm cái ngai vàng Navarre kia mà! Ta đã bảo với anh là hắn nhường lại cho anh. Henri là một người vui tính chứ không phải như cái thứ mặt nhợt nhà anh. Hắn ưng cười đùa thoải mái chứ không khô héo quắt queo đi như chúng ta dưới những vòng vương miện.

D Alençon thở dài và hỏi: -Vậy là bệ hạ truyền cho tôi phải lo tới việc…

-Không, không, đừng có lo gì hết François, chính ta sẽ liệu tất cả. Cứ tin cậy ở ta như ở một người anh tốt. Còn bây giờ mọi việc đã được thoả thuận xong rồi thì đi đi. Muốn kể hay không kể cũng được chuyện này với các bạn của anh: ta muốn tiến hành các biện pháp để cho việc này sớm thành công khai. Đi đi, François.

Chẳng có thể nói gì được nữa, quận công cúi chào và đi với lòng căm giận tràn dâng trong lòng. Ông sốt ruột muốn tìm Henri để bàn tất cả những việc vừa xảy ra nhưng chỉ vớ được Catherine. Quả thực là Henri lẩn tránh cuộc nói chuyện còn Thái hậu, thì lại tìm cách để bắt chuyện.

Nhìn thấy Catherine, quận công tức thì cố nén nỗi đau lòng và nở một nụ cười. Vốn không được may mắn như Henri d'Anjou ông không tìm kiếm tấm

lòng người mẹ nơi Catherine mà chỉ tìm một người đồng minh mà thôi. Vì thế nên trước hết ông tìm cách che giấu bà vì những kẻ liên minh tốt cần phải biết lừa dối lẫn nhau đôi chút.

Thế là ông gặp Catherine với vẻ mặt chỉ còn vương lại đôi nét lo âu: -Thế nào, thưa lệnh bà – Quận công hỏi – Có nhiều tin quan trọng lắm, lệnh bà có biết không ạ?

-Ta biết rằng sắp sửa phải phong vương cho anh.

-Thưa lệnh bà, đó quả là một ân sủng lớn lao của anh tôi.

-Thật thế đấy chứ nhỉ?

-Tôi gần như tin rằng: tôi phải nhờ ơn lệnh bà một phần. Vì tóm lại nếu như chính lệnh bà đã khuyên hoàng thượng ban cho tôi một ngai vàng thì đúng là nhờ lệnh bà mà tôi có được ngai vàng đó. Dẫu sao thì tôi cũng xin thú nhận là cướp của vua Navarre như vậy cũng khiến tôi phiền lòng.

-Con ạ, hình như con yêu quý Henri lắm thì phải?

-Thưa vâng, ít lâu nay chúng tôi thân với nhau lắm.

-Anh có tin rằng ông ta cũng yêu thương anh như anh yêu quý ông ta không?

-Thưa lệnh bà, tôi hy vọng thế.

-Một tình bạn như thế đáng khích lệ thật đấy, nhất là lại là giữa các ông hoàng với nhau. Này François thân mến, tình bạn ở triều đình vẫn được người ta coi là kém bền vững đấy.

-Thưa mẹ, mẹ nghĩ mà xem, chúng tôi không những là bạn mà còn gần như anh em với nhau.

Catherine mỉm một nụ cười kỳ quặc và nói: -Được lắm, nhưng giữa vua chúa với nhau thì có tình anh em không nhỉ?

-Ồ, mẹ ơi, về chuyện đó thì chúng tôi chẳng ai là vua cả khi chúng tôi chơi thân với nhau như vậy, thậm chí chúng tôi còn chẳng bao giờ sẽ làm vua nữa kia, vì thế nên chúng tôi yêu quý nhau.

-Ừ nhưng lúc này mọi việc thay đổi nhiều lắm rồi.

-Sao cơ ạ, thay đổi nhiều lắm rồi ư?

-Chắc chắn là thế, bây giờ ai dám bảo rằng cả hai người đều không sẽ làm vua cả hai?

Nhận thấy sự giật mình bứt rứt của quận công, sắc đỏ lan dần trên trán ông, Catherine biết cú đòn đã đánh trúng tim đen.

-Ông ta, Henriot mà làm vua ấy à? – Vua nước nào vậy thưa mẹ?

-Làm vua một trong những vương quốc tuyệt diệu nhất của giới Thiên chúa giáo chúng ta đấy con ạ.

-Ôi mẹ ơi – d'Alençon tái mặt thốt lên – Mẹ nói gì vậy?

-Ta chỉ nói điều một người mẹ hiền phải nói với con mình, điều mà anh nghĩ tới nhiều lần rồi François ạ.

-Tôi ấy ư? Tôi không nghĩ tới điều gì hết, xin thề với lệnh bà như vậy.

-Ta cũng muốn tin anh lắm. Vì bạn anh, người anh Henri của anh như anh gọi đấy, dưới cái vẻ thẳng thắn bề ngoài của hắn là một vương hầu rất khôn khéo và xảo quyệt. Hắn biết giữ kín bí mật của mình hơn anh, François ạ. Chẳng hạn đã có bao giờ hắn bảo anh rằng de Mouy là người môi giới của hắn không?

Vừa nói những lời đó, Catherine vừa nhìn xoáy vào François như thọc một lưỡi dao nhọn vào tâm khảm ông.

Nhưng ông này chỉ có mỗi một đức tính, hay đúng hơn là một tật xấu đó là sự che giấu bản thân mình. Ông hoàn toàn chịu đựng được cái nhìn ấy.

-De Mouy ư? – Ông kinh ngạc thốt lên tựa như cái tên ấy được nêu lần đầu trước mặt ông trong những hoàn cảnh như thế này.

-Đúng thế, de Mouy de Saint-Phale chính cái kẻ đã suýt giết ông Maurevel. Hắn bí mật chạy rông khắp nước Pháp và kinh đô dưới những y phục khác nhau để âm mưu và trưng tập một đạo quân nhằm ủng hộ Henri chống lại gia đình anh.

Catherine không biết rằng về điểm này con trai bà cũng biết như vậy và còn biết nhiều hơn thế nên nói dứt lời bà chuẩn bị đường bệ bước ra.

François giữ bà lại hỏi: -Thưa mẹ, chỉ xin một lời nữa thôi. Vì mẹ đã rộng lòng hướng dẫn tôi theo đường lối chính trị của mẹ, xin hãy nói cho tôi biết tại sao với tiềm lực yếu ớt như thế và được ít người biết tới như thế, Henri lại có thể gây ra một cuộc chiến khá nghiêm trọng đến nỗi khiến gia đình ta phải lo ngại?

-Rõ là trẻ con – Thái hậu mỉm cười đáp – Hãy nhớ rằng hắn được hơn ba chục ngàn người ủng hộ. Ngày nào hắn hô lên một tiếng, ba chục ngàn người đó sẽ đột nhiên xuất hiện tựa như mọc từ dưới đất lên. Và ba chục ngàn người đó là những người Tân giáo, anh đã nghĩ ra chưa, tức là những kẻ thiện chiến nhất trên thế giới này. Với lại, hắn còn có một sự bảo trợ mà anh đã không biết hoặc không muốn tự mình tranh thủ lấy.

-Chỗ dựa nào vậy?

-Hắn có đức vua, đức vua yêu quý lắm, thúc đẩy hắn. Vì ghen tị với người anh xứ Ba Lan của anh, vì tức giận anh, đức vua đang tìm kiếm quanh những kẻ kế vị. Tuy nhiên có hoạ anh mù mới không nhận thấy, đức vua tìm người kế vị ở nơi khác chứ không tìm trong gia đình mình.

-Đức vua ư? – Mẹ nghĩ thế nào, thưa mẹ?

-Thế anh không thấy đức vua yêu quý cái thằng Henriot nhà ông ta lắm à?

-Thưa mẹ, có chứ.

-Còn ông ta cũng được hắn yêu quý lại đấy thôi. Chính cái thằng Henriot ấy lại quên đi là vào ngày Saint-Barthélémy, ông anh vợ hắn định bắn chết hắn, nay hắn lại rạp mình như con chó liếm cái bàn tay đã từng giơ lên đánh mình.

-Ôi vâng – François lẩm bẩm – Tôi cũng nhận thấy thế, Henri rất khúm núm đối với anh Charles. Hắn khôn khéo làm vừa lòng nhà vua trong mọi việc. Đến

nỗi mà do bực mình vì lúc nào cũng bị đức vua chế nhạo vì sự ngu dốt của hắn trong môn săn chim ưng, hắn định… Hôm qua hắn có hỏi tôi, ừ mới đúng hôm qua thôi, hắn còn hỏi xem tôi có quyển sách hay nào nói về nghệ thuật săn chim không.

-Chờ tí đã – Mắt Catherine lóe lên tựa như có một ý tưởng đột ngột vừa thoáng qua óc bà – Chờ tí… Thế anh bảo hắn thế nào?

-Tôi có bảo rằng tôi sẽ tìm trong thư viện của tôi.

-Tốt lắm – Catherine đáp – Được lắm, hẳn phải có quyển sách ấy.

-Nhưng thưa lệnh bà, tôi đã tìm mà không có.

-Ta sẽ tìm được… và anh sẽ trao sách cho hắn như thể sách đó là của anh.

-Thế thì sẽ đi đến đâu?

-d'Alençon, anh có tin ta không?

-Thưa mẹ, có.

-Anh có vui lòng tuân lời ta một cách mù quáng trong những việc liên quan tới Henri không? Vì dù anh có nói gì thì nói, anh đâu có yêu quý hắn?

D Alençon mỉm cười.

-Còn ta, ta ghét hắn – Catherine tiếp.

-Thưa vâng, tôi sẽ tuân lời.

-Ngày mai, anh hãy đến đây lấy quyển sách, ta sẽ trao cho anh, anh đem nó cho Henri… và…

-Và sao ạ?

-Hãy để cho Chúa, số mệnh hoặc sự tình cờ làm nốt phần việc còn lại.

François hiểu mẹ mình khá rõ nên biết rằng thói thường bà chẳng để cho Chúa, số mệnh hay sự tình cờ lo tới những việc thân hữu hay hằn thù của bà. Nhưng ông giữ gìn không nói năng thêm điều gì và cúi chào như một kẻ đã chấp nhận nhiệm vụ người ta giao phó, ông lui về.

"Bà ấy định làm gì thế nhỉ? – Viên quận công trẻ tuổi vừa trèo cầu thang vừa tự nhủ – Mình chẳng hiểu gì hết. Nhưng trong việc này chỉ có mỗi một điều rõ ràng là bà ta hành động chống lại một kẻ thù chung. Thôi cứ để bà ta làm."

Trong khi đó, qua trung gian là De Mole, Marguerite nhận được một bức thư của de Mouy. Vì về mặt chính trị, cả hai vợ chồng đều không có điều gì bí mật với nhau nên nàng bóc dấu niêm phong ra và đọc thư.

Chắc bức thư đó đối với nàng có vẻ quan trọng, nên ngay lúc đó tranh thủ bóng tối bắt đầu đổ xuống dài theo các tường thành Louvre, nàng lần theo lối đi bí mật, trèo lên cầu thang xoay và sau khi chú ý nhìn quanh nàng lướt nhanh như một bóng ma lẩn vào tiền phòng của vua Navarre. Từ khi Orthon mất tích, chẳng còn ai gác giữ tiền phòng nữa.

Chúng tôi đã không nói gì với sự mất tích này kể từ khi nó xảy ra một cách quá thê thảm vời chú bé Orthon bất hạnh, nhưng việc đó làm Henri rất lo lắng.

Ông có kể với phu nhân de Sauve và vợ, nhưng cả hai người đều không hay biết gì hơn ông. Tuy nhiên, phu nhân de Sauve có thông báo với ông một vài điều sau đó Henri hoàn toàn thấy rõ rằng cậu bé tội nghiệp đã là nạn nhân của một trò gian trá nào đấy của Thái hậu và vì sự gian xảo đó nên ông đã suýt bị bắt cùng de Mouy tại quán Tinh tú.

Người khác chứ không phải Henri thì chắc đã làm thinh không dám nói năng gì. Nhưng Henri đã tính toán tất cả: ông hiểu rằng nếu yên lặng, tức là tự để lộ mình. Thông thường ra thì khi người ta bị mất một kẻ hầu, một người thân tín, người ta không thể không hỏi han tìm kiếm. Vậy nên Henri hỏi thăm tất cả mọi người về Orthon, kể từ anh lính gác lượn trước cửa ghi-sê của Louvre cho tới viên chỉ huy vệ binh đang trực bên ngoài tiền phòng của đức vua. Nhưng hỏi han tìm kiếm hoài mà cũng đều vô hiệu. Henri có vẻ buồn bã ra mặt về việc này, ông tỏ ra gắn bó, với gã hầu đáng thương đang vắng mặt đến nỗi ông tuyên bố sẽ không lấy người thay Orthon cho tới khi nào ông tin chắc được rằng cậu bé đã vĩnh viễn bị mất tích.

Như chúng tôi đã nói, tiền phòng trống trơn lúc Marguerite bước vào cung Henri. Dù bước chân hoàng hậu nhẹ nhàng đến mấy, Henri vẫn nghe thấy và quay lại.

-Bà đến đấy – Ông thốt lên

-Vâng, xin bệ hạ đọc nhanh cái này – Marguerite đáp.

Và nàng dâng cho chồng bức thư đã bóc.

Thư có mấy lời như sau:

“Tâu bệ hạ, đã đến lúc thực hiện dự định đi trốn của chúng ta. Ngày kia sẽ có cuộc đi săn bằng chim dọc sông Seine, từ Saint-Germain đến Maisons, tức là dọc theo suốt chiều dài khu rừng.

Dù đây chỉ là một cuộc săn chim, xin bệ hạ cứ tham dự.

Xin mặc thêm một chiếc áo giáp sắt thật tốt dưới áo ngoài, bệ hạ hãy đeo thanh kiếm tốt nhất và cưỡi con ngựa hay nhất trong tàu ngựa của Người.

Khoảng giữa trưa, tức là vào lúc cuộc săn sôi nổi nhất và khi nhà vua đuổi theo chim ưng, nếu bệ hạ đi một mình thì hãy trốn một mình, nếu hoàng hậu Navarre theo Người thì xin bệ hạ cùng lẩn đi với hoàng hậu.

Năm mươi người của chúng ta sẽ ẩn trong hành cung đi săn François đệ nhất, chúng tôi có chìa khoá. Mọi người sẽ không biết có họ ở đấy vì họ sẽ đến vào buổi tối và các cửa sổ sẽ được đóng kín.

Bệ hạ sẽ đi thêc lối Violettes, tôi sẽ canh chừng ở đầu con đường đó. Bên phải lối đi này, trong một quãng rừng thưa, sẽ có các ông de La Mole và de Coconnas với hai con ngựa dắt theo. Các con ngựa mới chưa mệt này được dành để thay thế cho con ngựa của bệ hạ và lệnh bà hoàng hậu Navarre nếu như các con ngựa đang cưỡi đã mệt.

Tạm biệt bệ hạ. Xin Người hãy sẵn sàng và chúng tôi cũng sẽ sẵn sàng."

-Bệ hạ sẽ sẵn sàng – Marguerite nhắc lại những lời mà mười sáu thế kỷ trước đó Cédar đã thốt lên bên bờ sông Rubicon…

-Được thôi, thưa bà – Henri đáp – Tôi sẽ không cải chính lại lời bà.

-Nào, bệ hạ hãy trở thành một anh hùng đi, chẳng khó lắm đâu Bệ hạ chỉ việc đi theo con đường đã định và hãy tạo cho tôi một ngai vàng thật đẹp – Người con gái của vua Henri đệ nhị nói với chồng.

Một nụ cười khó nhận thấy lướt qua trên cặp môi mỏng của Henri. Ông cúi hôn tay Marguerite và bước ra trước để dò đường, vừa đi vừa khe khẽ hát điệu điệp khúc của một bài ca cổ:

"Kẻ nào chăm lượn ngoài tường

Sẽ chẳng vào lâu đài nọ …"

Cẩn thận cũng bằng thừa: đúng lúc ông mở cửa phòng ngủ của mình thì quận công d'Alençon mở cửa tiền phòng của ông, Henri đưa tay ra hiệu cho Marguerite rồi cao giọng nói: -Anh đấy à, François? Rất vui mừng được đón tiếp anh.

Thấy chồng ra hiệu, hoàng hậu đã hiểu và nhảy bổ vào trong một phòng tắm có treo mấy tấm thảm thêu dày xụ bên ngoài.

Quận công d'Alençon sợ sệt bước vào và đưa mắt nhìn quanh.

-Henri có mình chúng ta ở đây thôi chứ? – Ông thì thầm hỏi.

-Chỉ có chúng ta thôi. Có việc gì vậy? Anh có vẻ hoảng hốt quá.

-Henri chúng ta bị lộ rồi.

-Sao lại bị lộ?

-De Mouy đã bị bắt.

-Tôi biết.

-De Mouy đã khai hết với nhà vua rồi.

-Ông ta khai cái gì?

-Ông ta kể rằng tôi muốn làm vua Navarre và đang âm mưu để làm việc đó.

-Ái dà! Thế thì anh bị mang tiếng mất rồi, tội nghiệp François! Thế sao anh vẫn còn chưa bị bắt là thế nào?

-Tôi cũng chẳng biết tại sao nữa. Đức vua giễu cợt tôi và giả vờ như định ban vương quốc Navarre cho tôi. Chắc ông ta định bắt tôi thú nhận điều gì, nhưng tôi không nói năng gì hết.

-Anh làm thế là đúng đấy, mẹ kiếp – Anh chàng Bearnais nói – Chúng ta cần vững vàng, mạng sống của chúng ta phụ thuộc vào đấy đấy!

-Ừ – François tiếp – Tình hình rắc rối quá Henri ạ, vì thế nên tôi đến định hỏi ý kiến anh, anh bảo tôi nên ở lại hay trốn đi?

-Anh đã gặp đức vua rồi chứ gì? Người đã nói chuyện với anh phải không?

-Đúng thế.

-Thế thì lẽ ra anh phải biết được ý định của nhà vua chứ. Hãy làm theo linh tính của anh.

-Tôi thích ở lại hơn – François đáp.

Dù tự nhủ đến mấy, Henri vẫn để lộ ra một cử chỉ vui mừng, và dù cử chỉ đó có khó nhận ra đến mấy, François cũng đã nhận thức được nó.

-Vậy anh ở lại đi – Henri đáp.

-Còn anh?

-Đức mẹ ơi, nếu anh ở lại, tôi chẳng có lý do gì để ra đi cả. Tôi định ra đi là để theo anh, để hết lòng với anh và khỏi phải xa một người anh em mà tôi yêu mến.

-Thế là mọi kế hoạch của chúng ta sôi hỏng bỏng không – d'Alençon nói – Anh chẳng vật lộn gì mà cứ để buông rơi ngay từ cú rủi đầu tiên như vậy à?

-Tôi không coi việc ở lại là không may, nhờ cái tính vô tâm của tôi, tôi ở đâu cũng được.

-Thôi được, không nói tới chuyện ấy nữa. Tuy nhiên, nếu anh có quyết định gì mới thì báo cho tôi biết với nhé.

-Chúa ơi, chắc chắn là thế chứ, xin anh cứ tin tôi. Chúng ta chẳng đã thỏa thuận không giấu nhau điều gì rồi đó sao.

D Alençon không kỳ kèo gì thêm và lui về với vẻ trầm tư vì có lúc ông nghi hình như tấm thảm treo trước buồng tắm bị rung rinh.

Quả là d'Alençon vừa đi khuất thì tấm thảm đó được cuốn lên và Marguerite hiện ra.

-Bà nghĩ thế nào về cuộc thăm viếng này? – Henri hỏi.

-Có chuyện gì mới và quan trọng đấy.

-Thế bà cho đó có thể là chuyện gì?

-Tôi chưa biết, nhưng rồi tôi sẽ biết.

-Trong khi chờ đợi thì sao?

-Trong khi chờ đợi thì tối mai xin bệ hạ nhớ qua chỗ tôi.

-Thưa bà, tôi sẽ không quên!

Henri nói và lịch sự cúi hôn Marguerite quay trở về khu phòng của mình với sự cẩn trọng cũng như khi nàng đi ra ngoài.

§49. Quyển sách dạy đi săn

Ba mươi sáu giờ trôi qua kể từ lúc có các sự kiện mà chúng tôi vừa kể trên đây. Ngày bắt đầu ló dạng, nhưng mọi việc đã thức tỉnh từ lâu trong cung Louvre theo thói thường của những ngày có cuộc săn. Quận công d'Alençon tới cung Thái hậu theo lời dặn từ hôm trước.

Thái hậu không có mặt trong phòng ngủ nhưng bà đã truyền cho quận công đợi bà nếu ông tới trước.

Giây lát sau, bà bước ra từ một căn buồng con bí mật mà chỉ có bà được vào đó mỗi khi muốn tiến hành các thí nghiệm hoá học.

Hoặc là vì cửa mở hé, hoặc là do hơi bám vào quần áo của Thái hậu, cho nên lúc bà bước vào, có mùi ngai ngái tỏa ra và qua chỗ cửa hé. d'Alençon nhận thấy có một làn hơi dày đặc như khói của một loài hương liệu gì đó bị đốt, bốc lên thành khói trắng trong căn phòng thí nghiệm.

Quận công không thể kìm được một cái liếc nhìn đầy tò mò.

-Ô, ta vừa đốt mấy cái sắc lệnh cũ, chúng bốc mùi hôi quá nên ta phải ném thêm vào lò vài nhánh đỗ tùng, thế mới có mùi ấy đấy. – Catherine de Médicis giải thích.

D Alençon nghiêng mình.

-Thế nào? Anh có tin gì mới không? – Catherine vừa hỏi và giấu đôi bàn tay gợn những vệt vàng vàng đỏ đỏ vào tay áo rộng của chiếc áo mặc ở nhà.

-Thưa mẹ không.

-Anh đã gặp Henri chưa?

-Rồi ạ.

-Hắn vẫn từ chối không chịu đi chứ?

-Dứt khoát không.

-Thằng xảo trá!

-Sao mẹ nói vậy?

-Ta xin đảm bảo rằng hắn sẽ đi đấy.

-Lệnh bà tin thế.

-Ta tin chắc chắn.

-Vậy hắn thoát khỏi tay chúng ta hay sao?

-Ừ – Catherine đáp.

-Lệnh bà cứ để cho hắn ra đi sao?

-Không nhưng ta để cho hắn ra đi mà còn hơn thế, ta xin nói với anh rằng hắn phải ra đi.

-Mẹ ạ, tôi thật không hiểu nổi.

-François, nghe cho kỹ những điều ta nói đây. Một thầy thuốc rất tài ba, chính cái người đã trao cho ta quyển sách dạy đi săn mà anh sắp đem cho hắn ấy, người ấy đã khẳng định với ta rằng vua Navarre sắp mắc một chứng bệnh suy nhược, thứ bệnh hiểm nghèo mà khoa học cũng không thể tìm ra phương thuốc chữa. Thế anh cũng hiểu rằng nếu hắn phải chết về một chứng bệnh tai quái như thế thì nên chết ở xa chúng ta còn hơn ở ngay triều đình này dưới mắt chúng ta chứ?

-Quả có thế, vì điều đó sẽ làm chúng ta rất đỗi buồn phiền.

-Nhất là nó sẽ làm đau lòng ông anh Charles của anh. Còn nếu Henri chết sau khi đã bất tuân lời đức vua, Người sẽ coi cái chết này như một sự trừng phạt của Chúa.

-Mẹ nói đúng quá – François nhìn Thái hậu đầy thán phục. Hắn phải ra đi thôi. Nhưng mẹ có tin chắc rằng hắn sẽ đi không?

-Hắn đã chuẩn bị xong cả rồi. Cuộc hẹn là ở trong rừng Saint-Germain. Năm mươi tên Tân giáo đã tháp tùng hắn với Fontainebleau, ở đó sẽ có năm trăm người nữa chờ hắn.

-Thế chị Margot tôi cũng đi theo hắn ư? – d'Alençon hỏi với đôi chút ngập ngừng và rõ ràng mặt có tái đi.

-Ừ, thoả thuận rồi. Nhưng khi nào Henri chết, Margot goá chồng và được tự do lại trở về với triều đình thôi.

-Và Henri sẽ chết chứ? Lệnh bà chắc chắn chứ?

-Ít ra đó là điều mà người thầy thuốc trao cho ta quyển sách đã khẳng định với ta như vậy.

-Vậy quyển sách đó đâu, thưa lệnh bà?

Catherine chậm rãi bước về phía căn buồng bí ẩn, mở cửa, bước vào và lát sau hiện ra với quyển sách cầm ở tay.

-Sách đây – Bà nói.

D Alençon nhìn quyển sách mẹ trao cho mình với vẻ sợ hãi.

-Sách này là thế nào, thưa lệnh bà? – Ông ta nhìn chằm chặp vào quyển sách vừa rùng mình vừa hỏi.

-Thì ta đã bảo con rồi thôi. Đây là sách dạy nuôi và luyện các loài chim ưng, do ngài Castruccio Castracani, vương chủ thành Lusquet một người rất thông thái đã viết sách này.

-Vậy tôi phải làm gì với nó?

-Anh đem đến cho ông bạn quý Henriot của anh, theo như lời anh bảo với ta thì hắn có hỏi mượn anh để học nghệ thuật săn bằng chim. Hôm nay hắn đi săn bằng chim với nhà vua, chắc hắn thế nào cũng sẽ đọc vài trang để chứng tỏ cho nhà vua thấy là hắn nghe theo lời khuyên của ông ta và chịu khó học thêm. Chỉ có việc là phải trao được cho chính hắn.

-Ôi, chắc tôi không dám mất – Quận công rùng mình nói.

-Tại sao? Sách này cũng như các quyển khác, chỉ trừ có mỗi tội là nó bị cất lâu quá nên trang nó cứ dính vào trang kia mà thôi. Này anh chớ có đọc đấy, François. Vì người ta chỉ có thể đọc nếu người ta chịu thấm nước bọt vào ngón tay để lật từng tờ một thôi, việc ấy mất thì giờ và phiền phức lắm.

-Vì thế nên chỉ có mỗi một người ham học hỏi đến mức chịu khó để thời gian và phiền phức để đọc quyển này thôi có phải không ạ? – d'Alençon hỏi lại.

-Đúng thế, con ạ, anh hiểu rồi đấy.

-Ồ, Henri đang ở trong sân kìa, xin lệnh bà đưa sách đây. Tôi sẽ tranh thủ lúc hắn vắng nhà để đem sách lên, khi nào hắn quay về hắn sẽ thấy sách.

-François, ta muốn anh đưa sách cho chính hắn thì hơn, chắc ăn hơn.

-Thưa lệnh bà, tôi đã trình với Người rằng tôi không dám đâu.

-Vậy thì đi đi, nhưng ít ra phải đặt sách ở chỗ nào dễ nhìn ấy!

-Phải để sách mở?… Sách để mở thì có can hệ gì không?

-Không.

-Vậy xin lệnh bà đưa đây.

D Alençon run rẩy đưa tay cầm lấy quyển sách mà Catherine vững vàng cầm trong tay chìa ra cho ông.

-Cầm lấy đi, không có gì nguy hiểm cả, vì chính ta cũng cầm vào cơ mà. Vả lại anh còn có găng tay.

Cẩn thận đến thế đối với d'Alençon cũng chưa đủ, ông còn bọc nó vào trong chiếc áo khoác.

-Nhanh nhanh lên nhé, Henri có thể trở lên vào bất kỳ lúc nào đấy.

-Lệnh bà nói đúng lắm, tôi đi đây.

Và quận công đi ra, người lảo đảo vì xúc động.

Chắc độc giả đã nhiều lần được dẫn dắt vào cung Navarre và đã chứng kiến những cảnh vui tươi hay khủng khiếp đã xảy ra ở đây tùy lúc vị thần bản mệnh của vị vua tương lai của nước Pháp mỉm cười hay đe doạ. Nhưng có lẽ chưa bao giờ những bức tường hoen máu vì giết chóc, thấm đẫm rượu vang qua các cuộc hoan lạc và tẩm đầy hương thơm của tình yêu đó, chưa bao giờ khu vực này của cung Louvre lại được nhìn thấy một gương mặt nhợt nhạt hơn gương mặt quận công d'Alençon tay cầm sách, tay mở cửa phòng ngủ của vua Navarre.

Ấy vậy mà đúng như quận công đã đoán trước, không có ai trong căn phòng này để cật vấn quận công với cái nhìn tò mò hay lo lắng về hành động ông này sắp phạm phải. Những tia sáng ban ngày đầu tiên chiếu rọi căn phòng hoàn toàn trống rỗng.

Trên tường đã treo sẵn thanh kiếm mà de Mouy khuyên Henri nên đem theo. Một vài đoạn trích của thắt lưng áo giáp còn vương trên sàn nhà. Một túi tiền tròn trĩnh và một con dao găm được để trên một chiếc bàn. Tro còn bay vơ vất trong lò và vài dấu hiệu khác chứng tỏ rõ ràng cho d'Alençon thấy vua Navarre

đã mặc một chiếc áo giáp sắt, đã lấy tiền ở chỗ viên thủ quỹ của ông và đã đốt những giấy tờ có thể gây liên lụy.

"Mẹ mình thật chẳng nhầm – d'Alençon tự nhủ – Thằng xảo quyệt này nó phản mình."

Chắc niềm tin đó đã làm tăng thêm sức mạnh cho chàng trai vì sau khi đưa mắt dò xét khắp căn phòng, sau khi đã nâng tất cả những tấm thảm treo lên xem kỹ, sau khi có một tiếng động lớn vang lên trong sân mà trong cung vua Navarre vẫn yên lặng, mọi thứ đều chứng tỏ rằng chẳng ai nghĩ tới việc theo dõi quận công, khi đó ông bèn rút quyển sách ra từ trong chiếc áo khoác, vội vàng đặt nó lên bàn nơi có túi tiền, để sách tựa gáy vào một chiếc bàn viết bằng gỗ sồi chạm trổ và lùi ra xa ngay lập tức. Ông vươn dài cánh tay và với nỗi ngập ngừng thể hiện rõ lòng e sợ của ông, ông dùng bàn tay đi găng để mở quyển sách ra vào đúng chỗ có một hình vẽ mô tả cảnh săn bắn.

Sách đã mở và d'Alençon bước lùi về phía sau ba bước.

-Ông rút găng ném vào lò than hãy còn hồng rực vì vừa đốt thư từ xong. Thứ da mềm mại nổ lách tách trên than, quăn vào rồi lại duỗi ra như cái xác loài rắn và chẳng mấy chốc chỉ còn để lại một mảnh tàn đen dúm dó.

D Alençon chờ cho tới khi lửa hoàn toàn thiêu huỷ chiếc găng rồi ông cuộn chiếc áo khoác đã bọc sách lại dưới nách và hấp tấp quay về phòng mình. Về tới phòng, lòng vẫn còn hồi hộp, ông nghe có tiếng chân người trong cầu thang xoay và tin chắc rằng đó là Henri đang quay về cung. Ông vội vàng khép cửa lại.

Rồi ông chạy tới cửa sổ, người ta chỉ nhìn thấy được một góc sân. Henri không ở góc sân đó và quận công càng tin chắc hơn là chính Henri vừa đi về nhà mình.

Quận công ngồi xuống, mở một quyển sách, cố gắng đọc. Đó là quyển lịch sử nước Pháp từ Pharamond tới Henri đệ nhị. Nhưng đầu óc quận công còn ở tận đâu đâu: cơn sốt chờ đợi làm mạch máu ông đong lại. Tiếng đập thình thình nơi thái dương dội vào tận óc. Cũng giống như người ta nhìn thấy trong cơn mơ ngủ hoặc trong cơn xuất thần nào đấy, dường như François cũng nhìn thấy xuyên qua các bức tường, cái nhìn của ông xoáy vào tận phòng ngủ của Henri mặc dù có tới ba tầng ngăn trở từ chỗ François tới đó.

Để gạt ra cái hình ảnh khủng khiếp mà quận công tưởng chừng đang nhìn thấy với con mắt của trí óc, François cố nghĩ tới điều gì khác hơn là quyển sách đáng ghê sợ để mở ở trang có tranh đang nằm trên chiếc bàn gỗ. Ông lần lượt cầm xem hết thứ vũ khí này đến thứ vũ khí khác, các đồ vàng ngọc của mình, ông bước đi bước lại cả trăm lần cùng một lối đi ấy trên sàn nhà. Vô ích, từng chi tiết của bức tranh mà tuy quận công mới chỉ nhìn thoáng qua, vẫn khắc sâu trong tâm khảm ông. Đó là hình một vị lãnh chúa cưỡi ngựa đang làm nhiệm vụ của một người hầu săn chim ưng tung chim mồi lên để gọi ưng về và đang phi ngựa

nước đại trong đám cỏ cao bên đầm lầy. Dù ý chí của quận công mạnh đến mấy, dấu ấn về bức tranh vẫn thắng được ý chí của ông.

Rồi ông không chỉ nhìn thấy quyển sách mà thôi, ông còn nhìn thấy vua Navarre đang lại gần quyển sách, nhìn tranh, cố thử giở các trang sách và vì các trang giấy dính lại không mở được Henri nhấm nước bọt vào đầu ngón tay và cậy cho từng trang giấy rời ra

Nhìn thấy cái hình ảnh ấy, dù nó hoang đường và kỳ ảo đến mấy d'Alençon vẫn lảo đảo và buộc phải tỳ một tay lên bàn còn tay kia đưa lên che mắt dường như điều đó sẽ khiến ông nhìn bớt rõ hơn cái hình ảnh mà ông muốn lẩn trốn.

Đột nhiên d'Alençon thấy Henri đi qua sân. Ông này dừng lại một lát trước mấy người đang chất lên hai con lừa những đồ đi săn vốn cũng chính là tiền và đồ dùng đi đường. Sau khi đã ra các mệnh lệnh, Henri đi tắt ngang qua sân và rõ ràng là đi về lối cửa ra.

D Alençon đứng bất động. Vậy ra lúc nãy không phải là Henri đi lên cầu thang bí mật. Ông đã phí công cảm nhận những mối lo âu khắc khoải từ một khắc đồng hồ nay. Việc mà ông tưởng đã xong hoặc gần xong nay lại phải bắt đầu lại.

D Alençon mở cửa buồng, khép lại và đi tới nghe ngóng ở cửa ăn ra hành lang. Lần này, không còn nhầm gì nữa, đúng là Henri. d'Alençon nhận ra tiếng bước chân, thậm chí đến cả tiếng gõ đặc biệt của đầu đinh thúc ngựa của ông ta.

Cửa khu phòng Henri mở ra rồi lại khép lại.

D Alençon quay trở về phòng mình và ngồi phịch xuống một chiếc ghế bành.

"Được, bây giờ là những việc đang xảy ra – ông tự nhủ – Hắn đi qua tiền phòng, phòng thứ nhất, rồi hắn tới phòng ngủ. Tới đó, hắn sẽ đưa mắt tìm kiếm, tìm tiền, tìm dao găm, cuối cùng hắn sẽ thấy quyển sách đang để mở trên bàn."Sách gì thế nhỉ – Chắc hắn sẽ tự hỏi – Ai đem sách cho mình thế này?" Rồi hắn sẽ đến gần, sẽ nhìn thấy bức tranh vẽ một kỵ mã đang gọi chim ưng, hắn sẽ muốn đọc, hắn sẽ giở từng trang."

Một giọt mồ hôi lạnh toát rỏ xuống trán quận công.

"Liệu hắn có gọi người không nhỉ? – Ông tự nhủ – Liệu có phải là một thứ thuốc độc có công dụng tức thì không? Không, chắc là không, vì mẹ ta đã bảo là hắn sẽ phải chết dần dần vì suy nhược cơ mà."

Ý nghĩ đó khiến ông yên tâm đôi chút.

Mười phút trôi qua như vậy, quả là một thế kỷ đầy khắc khoải chậm chạp nhích từng tí một. Mỗi giây trôi qua đều đầy rẫy những mối kinh hoàng rồ dại, cả một thế giới ảo ảnh mà trí tưởng tượng bày đặt ra.

D Alençon không chịu được nữa, ông đứng dậy, đi qua tiền phòng đang bắt đầu có các nhà quý tộc đến hầu.

"Xin chào các ông – Quận công nói – Tôi xuống cung đức vua đây"

Để lẩn tránh mối lo âu giày vò, có khi cũng là để chuẩn bị cho mình một bằng cớ ngoại phạm cũng nên, d'Alençon đi xuống cung vua thật. Tại sao ông lại tới đó? Ông cũng không biết nữa… Ông muốn tâu gì với đức vua chăng… Chẳng có gì cả! Không phải ông định tìm gặp Charles mà là ông định trốn Henri.

Ông đi theo lối cầu thang quay nhỏ và thấy cửa phòng nhà vua đang mở.

Vệ binh để quận công vào không ngáng trở gì: những ngày có cuộc săn không phải áp dụng cả nghi thức lẫn cấm lệnh.

François lần lượt đi qua tiền phòng, phòng khách và phòng ngủ mà chẳng gặp ai. Cuối cùng ông nghĩ chắc nhà vua đang ở phòng vũ khí và đẩy cánh cửa thông từ phông ngủ sang phòng vũ khí.

Charles đang ngồi trên một chiếc ghế bành chạm trổ có lưng tựa nhọn trước một chiếc bàn, ông quay lưng lại cánh cửa mà từ đó François bước vào.

Quận công rón rén lại gần, Charles đang đọc sách.

-Mẹ kiếp! – Đột nhiên nhà vua nói – Thật là một quyển sách tuyệt với! Mình quả có nghe thấy nói tới, nhưng mình cứ tưởng ở Pháp không có.

D Alençon vểnh tai lên và tiến lại gần thêm bước nữa.

-Giấy với tờ chết giẫm! – Nhà vua tiếp và đưa ngón tay trỏ lên môi và tì tay lên quyển sách để giằng cái trang ông vừa đọc khỏi trang mà ông đang muốn đọc tiếp – Cứ như thể là có người cố tình dán các trang lại với nhau để không cho ai đọc được nổi những điều kỳ diệu của sách này ấy!

D Alençon nhảy vọt tới một bước.

Quyển sách mà Charles đang cúi gầm đầu đọc chính là quyển sách mà ông đã để ở nhà Henri!

Quận công thốt lên một tiếng kêu khàn khàn.

-A! Anh đấy hả d'Alençon! Chào anh nhé! Đến đây mà xem quyển sách dạy đi săn hay nhất mà con người có thể làm ra được đây này.

Cử chỉ đầu tiên của d'Alençon là định giằng quyển sách ra khỏi tay ông anh, nhưng một ý nghĩ đen tối gắn chặt ông xuống tại chỗ. Một nụ cười ghê rợn thoáng qua cặp môi xanh xao, ông đưa tay lên che mắt như người bị loá.

Rồi quận công tĩnh trí lại, nhưng cũng không tiến lên thêm một bước nào, ông hỏi: -Tâu hoàng thượng, làm sao quyển sách này lại rơi vào tay hoàng thượng được?

-Đơn giản lắm. Sớm nay, ta lên nhà Henri để xem hắn đã sẵn sàng chưa. Thế mà hắn đã đi rồi, chắc hắn đảo qua chỗ chuồng chó và chuồng ngựa, nhưng thay vào đó ta tìm thấy của quý này và đem luôn xuống đây đọc cho bõ.

Và nhà vua một lần nữa lại đưa ngón tay lên môi để lần giở những trang sách bướng bỉnh.

-Tâu bệ hạ – Tóc tai quận công dựng ngược và ông cảm thấy một cơn ớn lạnh lo âu khủng khiếp rùng lên trong toàn thân – Tâu bệ hạ, tôi đến để trình với

Người rằng…

-Để ta đọc hết chương này đã, François – Charles đáp – Sau đó thì anh muốn nói gì thì nói. Ta đọc, hay nói đúng hơn là ta nghiến ngấu hết năm chục trang rồi đấy.

"Ông ấy đã nếm thuốc độc tới hai mươi lăm lần – François nghĩ – Thế là anh ta không sống được rồi!"

Khi đó, quận công cho rằng trên trời còn một Đức Chúa vốn không phải chỉ là sự tình cờ.

François đưa bàn tay run rẩy lên chùi mồ hôi lạnh ngắt túa ra trên trán và yên lặng đợi cho vua anh đọc hết chương như lệnh đã ban.

§50. Săn bằng chim

Charles vẫn đọc. Lòng tò mò khiến ông đọc như nuốt từng trang. Và mỗi một trang như chúng tôi đã nói, hoặc do ẩm ướt lâu ngày, hoặc vì một lý do hoàn toàn khác, lại cứ dính chặt vào trang tiếp theo.

D Alençon đưa cặp mắt thất thần nhìn cái cảnh khủng khiếp đó mà chỉ có ông là người thấy trước được kết sẽ ra sao.

"Ôi – Ông lẩm bẩm – Việc gì sẽ xảy ra nơi đây? Sao? Ta sẽ ra đi, ta sẽ tự đày mình đi, ta sẽ đi tìm kiếm một ngai vàng ảo tưởng, còn Henri chỉ cần thoáng nghe tin Charles ốm sẽ quay trở về một thành phố có pháo đài nào đấy cách kinh thành hai mươi dặm. hắn sẽ rình cái mồi do sự tình cờ đem tới và chỉ một bước là hắn đã vào được kinh thành. Thế là trước khi vua Ba Lan biết tin anh ta chết, triều đại có lẽ đã đổi thay. Không thể thế được!"

Chính ý nghĩ này đã kiềm chế được nỗi kinh hoàng vô ý thức mới đầu đã thúc đẩy François ngăn Charles lại. Chính cái định mệnh dai dẳng đã dường như gìn giữ cho Henri và theo đuổi những người trong dòng họ Valois. François một lần nữa cố chống lại định mệnh đó.

Trong phút chốc tất cả những dự tính của ông về Henri bị đảo lộn. Charles chứ không phải Henri đã đọc quyển sách tẩm thuốc độc. Lẽ ra Henri phải ra đi, nhưng ra đi để rồi sẽ chết.

Nay khi số mệnh đã cứu thoát Henri một lần nữa, ông phải ở lại đây vì người tù Henri ở Vincennes hay ngục Bastille ít đáng sợ hơn một ông vua Navarre cầm đầu ba vạn quân.

Thế là quận công d'Alençon cứ để cho Charles đọc hết chương, và khi đức vua đã ngẩng đầu lên ông mới nói: -Thưa vương huynh, tôi đợi vì thánh ý muốn như vậy, nhưng tôi rất sốt ruột vì tôi có những điều tối quan trọng để trình bày với bệ hạ.

-A! Quái quỷ! – Gò má xanh xao của Charles bắt đầu ửng đỏ hoặc vì ông đọc quá chăm chú, hoặc vì thuốc độc bắt đầu ngấm – Nếu mi vẫn còn định nói về chuyện ấy nữa, thì mi sẽ phải ra đi như vua Ba Lan đã ra đi. Ta đã tống khứ gã kia, ta sẽ rũ bỏ nốt cả mi và thế là xong.

-Thưa vương huynh, vì vậy nên tôi đến để tâu bày không phải về việc ra đi của tôi mà về việc ra đi của một kẻ khác. Thánh thượng đã làm thương tổn đến tình cảm sâu sắc và tế nhị nhất của tôi, đó là lòng tận tụy của một đứa em, là sự trung thành của một thần dân. Và tôi muốn chứng tỏ với bệ hạ rằng tôi không phải là một kẻ phản nghịch.

-Xem nào – Charles vừa nói vừa tỳ tay lên quyển sách, bắt chéo chân lại và nhìn d'Alençon với vẻ một người đang nhẫn nại trái với thói quen của mình –

Nào, lại tin đồn mới, lại một lời tố cáo sớm sủa nào đấy?

-Thưa bệ hạ không. Đây là chuyện chắc chắn, một âm mưu mà do tính tế nhị ngớ ngẩn của tôi, tôi đã không tiết lộ cho bệ hạ.

-Một âm mưu, xem âm mưu gì nào?

-Tâu bệ hạ, trong khi Người săn bằng chim gần sông, trong vùng cánh đồng Vésinet, vua Navarre sẽ tới khu rừng Sanit-Germain, một những nhóm người của ông ông ta chờ ở đó và ông ta sẽ trốn cùng họ.

-A, ta đã biết ngay mà! Lại một lời vu khống nữa chống thằng Henri tội nghiệp của ta! Chà! Có bao giờ các người chấm dứt được chuyện với hắn không?

-Ít ra thì bệ hạ không phải chở đợi lâu để biết chắc được rằng điều tôi có vinh dự trình với Người là vu khống hay không?

-Sao lại thế?

-Vì chỉ đến tối nay, người anh em rể của chúng ta đã đi rồi.

Charles đứng dậy.

-Nghe đây này, ta cũng muốn tỏ vẻ tin vào những ý đồ của các ngươi một lần nữa, nhưng ta xin báo trước với người và cả mẹ ngưởi rằng đây sẽ là lần cuối cùng.

Rồi ông to tiếng gọi: -Cho đòi vua Navarre tới đây!

Một vệ binh chuẩn bị thi hành nhưng François ra dấu ngăn anh ta lại.

-Cách đó không tốt, thưa anh – Quận công nói – Làm thế bệ hạ sẽ không biết được gì hết. Henri sẽ chối, sẽ đánh động, đồng lõa của ông ta sẽ biết và trốn hết. Rồi mẹ và tôi sẽ bị lên án không những là giàu trí tưởng tượng mà còn là những người vu cáo.

-Vậy anh muốn gì?

-Vì tình anh em của chúng ta, xin thánh thượng hãy nghe tôi. Vì lòng tận tụy của tôi mà thánh thượng sẽ biết, xin Người đừng làm đảo lộn mọi việc. Cúi xin bệ hạ làm sao cho kẻ thực sự có tội vốn nuôi ý phản bệ hạ từ hai năm nay trong khi chờ đợi ra tay hành động phản lại bệ hạ thật, làm sao cho kẻ đó bị thừa nhận là có tội với một bằng cớ không thể chối cãi và bị trừng phạt xứng đáng.

Charles không trả lời, ông đi tới mở một cửa sổ: máu bắt đầu dồn lên óc ông. Rồi ông hấp tấp quay lại hỏi: -Thế nào, anh định làm gì? Nói đi!

-Tâu bệ hạ, tôi xin cho bao vây khu rừng Saint-Germain với ba cơ đội khinh kỵ binh, đến giờ đã định, mười một giở chẳng hạn, họ sẽ bắt đầu ra tay và dồn tất cả những ai có mặt trong rừng tới hành cung đi săn François đệ nhất, nơi tôi sẽ chỉ định làm địa điểm hẹn để ăn trưa, làm như tình cờ thôi. Rồi khi nào tôi thấy Henri lảng ra xa, tôi sẽ ra vẻ theo chim ưng của tôi và phóng tới địa điểm hẹn, và Henri sẽ bị bắt cùng đồng bọn của y.

-Ý hay đấy – Nhà vua nói – Cho gọi chỉ huy vệ binh của ta lại đây.

D Alençon rút trong áo chẽn ra một chiếc còi bạc treo ở đầu một dây chuyền vàng và thổi.

Ông de Nancey xuất hiện.

Charles tới gần ông ta và thì thầm ra lệnh.

Trong lúc đó, con chó săn Actéon của nhà vua đã vớ được một miếng mồi, nó kéo lê mồi khắp căn phòng, vừa ra sức gặm xé, vừa nhảy cỡn lên vui thích.

Charles quay lại và bật ra một tiếng chửi thề nghe đến kinh người. Cái mồi của Actéon chính là quyển sách dạy đi săn quý giá mà như chúng tôi đã nói, trên đời này chỉ có ba bản mà thôi.

Hình phạt cũng xứng với tội ác.

Charles vớ lấy một chiếc roi, ngọn roi da rít lên, quất vào và quấn lấy chân con vật có tới ba vòng. Actéon kêu oẳng lên và chui xuống gầm một chiếc bàn có phủ một tấm thảm to tướng để trốn.

Charles nhặt sách lên và vui mừng nhận thấy chỉ có thiếu một tờ hơn nữa đó lại không là tờ có bài dạy mà là một tờ tranh.

Ông cẩn thận đặt sách lên cái giá nơi Actéon không thể mò tới được. d'Alençon lo lắng nhìn nhà vua cất sách. Quận công chỉ muốn quyển sách đó không nằm trong tay Charles nữa vì giờ đây nó đã làm tròn sứ mệnh khủng khiếp của mình.

Đồng hồ điểm sáu giờ.

Đó là giờ nhà vua phải xuống sân đang đầy những ngựa trang điểm đẹp đẽ, đầy những vương hầu và mệnh phụ phục sức giàu sang. Những người thợ săn để lũ chim ưng bị bịt mắt đậu trên nắm tay, vài người thợ dồn thú đeo tù và ngang hông phòng khi nhà vua mệt mỏi với cuộc săn chim, như chuyện đôi khi vẫn xảy ra, có muốn săn con hoẵng hay sơn dương thì cũng tiện.

Nhà vua đi ra, và đóng cửa phòng vũ khí của ông lại. d'Alençon khao khát nhìn theo mọi cử chỉ của anh và thấy ông này cho chìa khoá vào túi.

Trong lúc xuống thang, Charles đưa tay lên sờ trán. Chân quận công cũng run chẳng kém gì chân nhà vua.

-Tôi thấy hình như trời sắp có giông bảo thì phải – Ông ấp úng nói.

-Giông bảo vào tháng Giêng ấy à? – Charles đáp – Anh điên rồi. Ta bị chóng mặt, da ta khô lắm, ta hơi yếu, có thế thôi.

Rồi ông lẩm bẩm: "Chúng giết mình chết mất với những nỗi oán thù và âm mưu của chúng."

Nhưng khi đặt chân xuống sàn, làn không khí mát lạnh buổi sớm, tiếng kêu của lũ thợ săn, những lời tung hô ồn ào của cả trăm người tụ tập tại đó đã gây cho nhà vua tác động như thường lệ.

Ông hít thở thoải mái và hớn hở ra mặt.

Trước tiên ông đưa mắt nhìn Henri. Henri đang đứng cạnh Marguerite.

Đôi vợ chồng tuyệt vời này dường như không thể tách rời nhau được vì họ quá yêu nhau.

Nhìn thấy Charles, Henri thúc ngựa lên và chỉ ba bước kiệu đã tới gần anh vợ.

-Ái chà! Henriot! – Charles bình phẩm – Anh cưỡi ngựa săn hoẵng. Nhưng anh biết là hôm nay chúng ta săn bằng chim kia mà.

Rồi không chờ câu trả lời, ông tiếp: -Đi thôi các ông, đi thôi. Ta phải tới chỗ săn vào chín giờ. – Nhà vua cau mày nói với giọng gần như đe doạ.

Qua một cửa sổ ở Louvre, Catherine quan sát toàn cảnh đó. Khuôn mặt xanh xao che mạng của bà ló ra sau một tấm rèm còn toàn thân vận đồ đen vẫn còn ẩn trong tranh tối tranh sáng.

Theo lệnh Charles, cả đám người trang phục óng ánh mạ vàng, đầy những đồ thêu ren sực nức hương thơm dẫn dài ra để đi qua cửa ghi-sê của Louvre với nhà vua đi đầu. Đoàn người đổ ra như một dòng thác trên đường Saint-Germain giữa những tiếng tung hô của quần chúng hướng về nhà vua trẻ tuổi và trầm tư đang cưỡi trên con ngựa trắng hơn tuyết.

-Đức vua bảo gì với bệ hạ vậy? – Marguerite hỏi Henri.

-Người khen con ngựa của tôi hay.

-Chỉ có thế thôi ư?

-Có thế thôi.

-Vậy chắc ông ta biết điều gì đây.

-Tôi e rằng thế.

-Chúng ta phải cẩn thận.

Gương mặt Henri rạng rỡ lên với một nụ cười tinh tế theo thói quen nụ cười đó, nhất là đối với Marguerite, có nghĩa là: “Xin cứ yên tâm, bạn thân mến.”

Còn về phần Catherine, đoàn người vừa rời sân Louvre là bà buông tấm màn che xuống.

Nhưng bà đã không bỏ qua một điều: vẻ xanh xao của Henri những cơn giật mình bứt rứt của ông, và cuộc mạn đàm thì thầm của ông với Marguerite.

Henri nom xanh xao vì ông không có máu lạnh. Trong những tình huống mà mạng sống của ông bị bấp bênh, máu ông đáng lẽ dồn lên óc như thói thường thì lại đổ dồn về tim. Ông giật mình bứt rứt vì thái độ của Charles khi đón ông quá khác với thái độ thường ngày khiến ông xúc động mạnh.

Còn về việc ông thảo luận với Marguerite thì như chúng ta đã biết, giữa ông chồng và bà vợ có một mối liên minh tự vệ và tấn công về mặt chính trị.

Nhưng Catherine đã hiểu mọi việc hoàn toàn theo cách khác.

“Lần này ta tin rằng thằng bé Henriot khó thoát rồi.” – Bà lẩm bẩm và mỉm một nụ cười đầy vẻ Florentine.

Để yên tâm về công việc, sau khi đợi khoảng một khắc đồng hồ để đoàn đi săn có đủ thì giờ rời khỏi Paris, bà ra khỏi cung đi lên hành lang theo cầu thang xoáy nhỏ và nhờ chiếc chìa khoá thứ hai của bà, bà mở được cửa khu phòng của vua Navarre.

Nhưng bà tìm khắp cả khu phòng này mà chẳng thấy quyển sách đâu. Ánh mắt rực lửa của bà lục lọi hết các bàn đến các giá, các ngăn, các tủ. Vô ích, sách vẫn không thấy.

"Chắc d'Alençon cất sách đi rồi – Bà tự nhủ – Thế là cẩn thận."

Và bà trở về cung, lần này thì bà gần như tin chắc mưu đồ của mình đã thành công.

Trong khi đó nhà vua theo đường dẫn tới Saint-Germain và tới đó sau một tiếng rưỡi đồng hồ đi khá nhanh. Thậm chí người ta còn không lên thăm toà lâu đài cổ nhô lên tối sầm và đường bệ giữa những ngôi nhà nằm rải rác trên núi. Mọi người đi qua chiếc cầu gỗ thời đó được dựng phía trước cái cây mà giờ đây người ta còn gọi là cây sồi Sully. Rồi người ta ra hiệu gọi những chiếc thuyền có treo cờ đi theo cuộc săn để giúp vua và đoàn tùy tùng qua sông và di chuyển.

Ngay lập tức, toàn bộ đám thanh niên vui tươi, chứa chất những mối quan tâm khác nhau đó bắt đầu tiến theo sau nhà vua trên cánh đồng cỏ đẹp rực rỡ trải dài từ trên đỉnh cao phủ đầy rừng của Saint-Germain. Cánh đồng cỏ đột nhiên giống như một bức thảm thêu mênh mông với những nhân vật trăm hồng nghìn tía và con sông sủi bọt bên bờ nom như tua viền dát bạc.

Nhà vua cưỡi con ngựa bạch, cầm con chim ưng yêu quý nhất của mình trên nắm tay đi sau những người hầu săn chim mặc áo chẽn xanh lá cây mang những đôi ủng to xù. Họ hò hét kìm giữ khoảng gần chục chó săn lông dài và xục xạo những bụi lau bên bờ sông.

Mặt trời khi đó vẫn còn ẩn sau những đám mây đột nhiên ló ra từ sau biển mây mờ tối. Một tia nắng soi rọi tất cả những thứ vàng son châu báu, những con mắt long lanh. Ánh nắng khiến dòng người nom như một dòng thác lửa.

Dường như chỉ đợi lúc này để vầng mặt trời rực rỡ soi sáng sự thất bại của mình, một con diệc vừa bay vụt lên từ đám lau lách vừa thốt lên một tiếng kêu than vãn kéo dài.

"Hao! Hao!" – Charles vừa kêu lên vừa tháo mũ bịt mắt cho chim ưng và tung nó theo con chim đang lẩn trốn.

"Hao! Hao!" – Mọi người đều đồng thanh hò lên để cổ vũ chim ưng.

Loá mắt vì ánh sáng, con chim ưng xoay tròn quanh mình trong giây lát, vẽ lên một đường vòng chẳng tiến cũng chẳng lùi, rồi đột nhiên nó nhìn thấy con diệc và lao thẳng tới con mồi.

Vốn là loài chim thận trọng, con diệc đã bay lên cao cách những người hầu săn khoảng trăm bước. Trong khi nhà vua gỡ mũ bịt cho chim ưng và chim ưng

làm quen dần với ánh sáng, diệc ta đã kéo dài thêm được khoảng cách. Kết quả là khi kẻ thù nhìn thấy thì nó đã ở tầm cao trên năm trăm bộ, ở độ cao đó nó có được luồng khí phù hợp với sức cánh nên lại càng bay lên cao nhanh hơn.

"Hao! Hao! Mỏ sắt! – Charles kêu lên để khích lệ chim ưng – Hãy chứng tỏ mày là chim nòi đi! Hao! Hao!"

Dường như hiểu lời khích lệ đó, con chim cao quý vút lên như một mũi tên, vạch một đường chéo cắt đường lên thẳng của con diệc trong khi con này vẫn bay lên cao mãi như muốn biến vào trong nền trời xanh thẳm.

"A! Đồ hèn! – Charles hét lên như thể kẻ đang chạy trốn có thể nghe được tiếng ông. Ông thúc ngựa phi nước kiệu đuổi theo cuộc săn, đầu ngửa về phía sau, mắt không rời hai con chim! – A! Đồ hèn! Mày trốn hả? Mỏ sắt của ta là con nòi! Chờ đây! Hao! Mỏ sắt! Hao!"

Cuộc chiến quả là kỳ quặc. Hai con chim tiến lại gần nhau, hay nói đúng hơn là con chim ưng tiến lại gần con diệc. Vấn đề là phải biết được trong đòn tấn công đầu tiên này kẻ nào giữ được thế ở trên.

Nỗi sợ hãi có đôi cánh khỏe hơn lòng can đảm. Con chim ưng bay quá đà vọt qua dưới bụng con diệc. Lẽ ra nó phải bay lên trên. Con diệc lợi dụng ưu thế đó vươn mỏ dài ra giáng cho chim ưng một cú.

Chim ưng như bị dao đâm chới với liệng ba vòng quanh mình như chóng mặt và có lúc người ta tưởng nó sẽ quay trở xuống.

Nhưng như một chiến binh bị thương khi vùng dậy còn hung tợn hơn, chim ưng rít lên một tiếng kêu chói tai đầy đe doạ và lại bay thẳng tới con diệc.

Tranh thủ lợi thế, con diệc đổi hướng bay gấp ngoặt về phía khu rừng. Lần này nó cố bay thật xa và thoát ra nhờ khoảng cách chứ không nhờ tầm cao nữa.

Nhưng chim ưng là một loại chim săn, mắt nó nhìn nhanh như cắt.

Nó cũng ngoặt theo con diệc, cắt một đường chéo về phía con mồi. Con diệc phát ra hai ba tiếng kêu hoảng hốt và cố gắng bay thẳng lên như lần đầu.

Sau vài giây của chiến ác liệt này, hai con vật dường như sắp sửa biến vào mây. Con diệc nom chỉ bé như con sáo, con chim ưng chỉ như một đốm đen mỗi lúc một khó thấy hơn.

Cả Charles lẫn quần thần đều không đuổi theo hai con chim nữa. Ai nấy đều đứng nguyên tại chỗ nhìn theo kẻ trốn chạy và người đánh đuổi.

-Hoan hô! Hoan hô! Mỏ sắt! – Đột nhiên Charles kêu lên – Nhìn kìa, nhìn kìa các ông! Nó bay lên rồi! Hao! Hao!

-Tôi xin thú nhận là tôi chẳng nhìn thấy con nào cả – Henri nói.

-Tôi cũng vậy – Marguerite tiếp.

-Ừ nhưng nếu chú không nhìn thấy, Henriot, chú cũng nghe thấy chứ? – Charles nói – Ít ra là con diệc, đấy thấy chưa? Nó đang xin tha!

Quả có hai ba tiếng kêu than vãn mà chỉ tai ai sành lắm mới nghe được đang vọng từ trên trời xuống.

-Nghe kìa, nghe kìa – Charles kêu lên – Rồi chú sẽ thấy chúng lao xuống nhanh hơn là khi lên!

Nhà vua vừa dứt lời, hai con chim bắt đầu hiện ra. Đó chỉ là hai đốm đen, nhưng nhìn cỡ to nhỏ của hai đốm đó người ta dễ dàng thấy rằng chim ưng đang ở thế cao hơn.

-Nhìn kìa! Nhìn kìa! – Charles hét lên – Mỏ sắt giữ được nó rồi!

Đúng là con diệc bị con chim săn kiềm chế thậm chí còn không dám tự vệ. Nó nhanh chóng bay xuống, tới tấp bị con chim ưng đánh và chỉ đáp lại bằng những tiếng kêu. Đột nhiên, nó gấp cánh lại và để tự rơi như một viên đá, nhưng đối thủ của nó cũng làm như vậy. Và khi kẻ muốn chạy trốn lấy đà bay tiếp, một đòn cuối cùng làm nó bải hoải, nó tiếp tục vừa rơi vừa chới với xoay tròn và khi nó chạm đất, chim ưng sà xuống con mồi, thốt lên một tiếng kêu chiến thắng át hẳn tiếng kêu than của kẻ bại.

-"Đến chỗ chim ưng! Đến chỗ chim ưng!" – Charles kêu lên. Và ông thúc ngựa phi về phía hai con chim vừa rơi xuống.

Đột nhiên, ông dừng ngựa lại, hét lên một tiếng, buông rơi dây cương, một tay bám vào bờm ngựa, tay kia ông ôm lấy ngang dạ dày mình như muốn xé toang ruột gan ra.

Nghe tiếng kêu tất cả quần thần đổ xô tới.

-Không sao, không sao – Charles mặt đỏ phừng phừng, mắt thất thần nói. – Ta cảm thấy như có người cầm thanh thép nung đỏ đâm xuyên qua dạ dày. Thôi, đi không sao đâu.

Và ông lại thúc ngựa phi nước kiệu.

D Alençon tái mặt.

-Lại có chuyện gì thế nhỉ? – Henri hỏi Marguerite.

-Tôi không biết nhưng bệ hạ có nhận thấy không? Sắc mặt anh ta đỏ tía lên.

-Bình thường thì nhà vua không như thế – Henri tiếp.

Quần thần nhìn nhau kinh ngạc rồi chạy theo nhà vua tới chỗ hai con chim rơi xuống. Con chim ưng đang rỉa óc con diệc.

Đến nơi, Charles nhảy xuống ngựa để xem cuộc chiến được kỹ hơn.

Nhưng khi chân vừa chạm đất thì ông buộc phải nắm lấy yên ngựa, đất như xoay chuyển dưới chân ông. Ông cảm thấy buồn ngủ ghê gớm.

-Kìa anh! – Marguerite thốt lên – Anh làm sao vậy?

-Ta cảm thấy điều mà chắc Porcie phải cảm thấy khi bà ta nuốt những cục than hồng. Ta cảm thấy ta bốc cháy, hơi thở của ta bằng lửa chắc?

Đồng thời Charles thở phì ra và có vẻ ngạc nhiên như không thấy lửa phụt qua miệng.

Trong khi đó, người ta đã bắt lại con chim ưng, chụp mũ bịt mắt cho nó và tất cả mọi người quây quần quanh Charles.

-Thế nào? Sao thế này? Thề có Chúa! Không sao đâu. Hay nếu có sao thì chỉ là nắng làm ta đau đầu nhức mắt thôi. Thôi nào, đi săn thôi, các ông! Kìa có cả một đàn vịt trời to kìa! Thả hết cả ra! Mẹ kiếp! Chúng ta sắp vui đây!

Người ta tháo mũ và thả ngay tức thì năm sáu con chim ưng Chúng bay vù về hướng con mồi và toàn bộ đoàn săn với nhà vua đều dồn tới bên bờ sông.

-Thế nào? Bà thấy sao? – Henri hỏi Marguerite – Thời cơ thuận lợi đây – Marguerite đáp – Nếu nhà vua không quay lại, chúng ta có thể từ đây tới rừng một cách dễ dàng.

Henri gọi người hầu săn đang cầm con diệc và trong khi đám người ồn ào vàng son chạy theo con đường mòn mà ngày nay đã thành sân bãi, ông ở lại sau một mình như thể đang xem xác con diệc.

§51. Hành cung François đệ nhất

Trò săn bằng chim của vua chúa thật là một điều kỳ thú, vì đối với vua cũng như các vị á thánh thì cuộc săn không chỉ là trò chơi nữa mà đã thành một nghệ thuật.

Dù sao, chúng ta cũng phải rời cảnh tượng vương giả kia để tiến vào một góc rừng nơi tất cả những người có mặt trong cái màn chúng tôi vừa kể trên đây sẽ lại tới gặp chúng ta.

Lối đi Violettes là một lối đi hình vòng cung um tùm rậm rạp, một nơi ẩn náu đầy rêu phong cỏ dại nằm giữa đám cây oải hương và thạch thảo, đôi khi chú thỏ rừng lo lắng bàng cách vểnh tai nghe ngóng, còn chú hoẵng lang thang nghênh nghênh cúi đầu với đôi sừng nặng trĩu, nở to hai lỗ mũi ngó nghiêng. Bên phải lối đi là một quãng rừng thưa cách xa đường vừa đủ cho người ta không nhìn thấy được những còn đường quằng kế tiếp.

Giữa khoảng rừng thưa này, có hai chàng trai nằm dài trên những chiếc áo khoác đi đường trải trên cỏ, bên họ có thanh kiếm dài và mỗi người lại có thêm một khẩu súng trường miệng loe. Nhìn xa thì với vẻ thanh lịch trong y phục, hai chàng trông giống như những anh chàng tán gẫu vui tính trong truyện Décaméron[418].

Nhìn gần với đám vũ khí dữ tợn, họ thật chẳng khác gì những tên cướp rừng mà một trăm năm sau Salvator Rosa đã mô tả trong những bức tranh phong cảnh tả chân dung của ông.

Một trong hai người tì người lên một bên đầu gối và tay, đang nghe ngóng hệt như những con thỏ rừng và hoẵng mà chúng tôi vừa nói tới.

-Hình như lúc nãy cuộc săn tiến đến gần chúng ta một cách đáng ngờ – Chàng trai nói – Mình nghe thấy cả tiếng thợ săn giục chim ưng cơ đấy.

-Thế bây giờ thì mình chẳng nghe thấy gì nữa hết – Chàng kia có vẻ chờ đại các sự kiện một cách triết gia hơn bạn nhiều – Chắc họ phải đi xa rồi… Mình đã bảo cậu là chỗ này không lợi cho việc quan sát mà … Không ai nhìn thấy chúng mình, nhưng chúng mình cũng chẳng nhìn thấy gì.

-Quỷ sứ ạ! Anibal – Chàng trai thứ nhất nói – Thì cũng phải để hai con ngựa của chúng mình, hai con ngựa dắt theo, rồi đến hai con la vào đâu chứ. Lũ la chở nặng quá đến nỗi mình không biết chúng làm sao mà theo được chúng mình đây. Mình thấy chỉ có những cây sến già với những cây sồi hàng trăm tuổi này là có thể làm được cái việc che giấu rất khó khăn ấy. Không những không lên án ông de Mouy như cậu, mình còn dám nói rằng qua tất cả những công cuộc chuẩn bị do ông ta điều khiển, mình nhận thấy đây là tay cao thủ trong chuyện âm mưu.

-Được lắm – Chàng trai thứ hai mà độc giả chắc đã nhận ra là Coconnas nói – Được lắm, nói ra rồi đấy nhé. Mình cứ chờ mãi. Giờ mới bắt quả tang cậu, vậy ra chúng mình đang âm mưu đấy.

-Chúng ta không lo tới các mưu đồ, chúng ta phục vụ đức vua và hoàng hậu.

-Còn họ thì âm mưu chứ gì? Thì chúng mình suy ra cũng thế.

-Coconnas, mình đã nói rồi, mình không hề ép cậu phải theo mình trong cuộc phiêu lưu này. Mình dấn thân vào chỉ do một tình cảm cá nhân mà cậu không có, cậu không thể có được.

-Ê này, mẹ kiếp! Ai bảo là cậu ép mình! Trước hết, mình không biết trên đời có kẻ nào có thể ép buộc được Coconnas làm cái việc hắn không muốn làm. Nhưng cậu tưởng là mình để mặc cậu đi mà không theo cậu à, nhất là khi mình thấy cậu đang đi tận đẩu tận đâu thế kia?

-Anibal này, mình thấy hình như đằng kia có bóng con ngựa trắng của nàng đấy. Ôi, kỳ quặc thay, chỉ nghĩ việc nàng sắp tới mà tim mình đập rộn lên.

-Ờ lạ thật đấy nhỉ – Coconnas vừa nói vừa ngáp – Tim mình lại chả đập tí nào.

-Không phải nàng. Có chuyện gì thế nhỉ? Hình như là hẹn vào giữa trưa kia mà

-Mỗi tội là chưa đến giữa trưa, có thế thôi, và hình như là chúng ta còn có thời gian đánh một giấc thì phải.

Tin tưởng như thế nên Coconnas duỗi người ra trên áo choàng với dáng vẻ một tay biết kết hợp lời nói với việc làm. Nhưng khi tai chàng vừa chạm đất, chàng giơ ngón tay lên và ra hiệu cho De Mole im lặng.

-Có chuyện gì vậy? – De Mole hỏi.

-Im nào! Lần này mình nghe có tiếng gì đó và mình không nhầm đâu.

-Lạ nhỉ, mình tha hồ nghe mà chẳng nghe thấy gì hết.

-Cậu không nghe thấy gì à?

-Không.

-Thế thì cậu nhìn con hoẵng kia mà xem – Coconnas nhỏm người dậy và đặt tay lên cánh tay De Mole.

-Đâu?

-Kia kìa. – Và Coconnas đưa ngón tay chỉ con vật cho De Mole.

-Thì sao?

-Cậu sẽ thấy.

De Mole nhìn con vật. Đầu nghiêng nghiêng như sắp sửa gặm cỏ con hoẵng đứng yên bất động lắng nghe. Chẳng bao lâu, nó ngẩng cái đầu có cặp sừng tuyệt đẹp lên, vểnh tai về phía mà chắc từ đó có tiếng động, rồi đột nhiên, dường như vô cớ, nó phóng vụt đi nhanh như chớp.

-Ô hô! – De Mole nói – Mình nghĩ rằng cậu nói đúng đấy, con hoẵng chạy đi kia kìa.

-Nếu nó chạy đi tức là nó nghe thấy cái mà cậu không nghe thấy.

Quả thực có tiếng động thật nhẹ, rất khó nghe mơ hồ vọng lên trong cỏ. Đối với những đôi tai chưa quen, đó có thể là tiếng gió, nhưng đối với người kỵ mã, đó là tiếng ngựa phi nơi xa.

Trong chớp mắt, La Mole đã vùng dậy.

-Họ đây rồi, chuẩn bị!

Coconnas cũng đứng dậy, nhưng bình tĩnh hơn. Sự linh hoạt của anh chàng Piémontais dường như đã được truyền vào trái tim De Mole còn ngược lại lòng vô tư của chàng kia hình như lại xâm chiếm lấy bạn chàng. Đó là vì trong trường hợp này, một người hành động vì say mê, người kia chỉ vì miễn cưỡng.

Chẳng bao lâu có tiếng động đều đều nhịp nhàng dội vào tai hai người bạn. Tiếng ngựa hý khiến cho những con ngựa họ để sẵn cách chừng hai mươi bước chăn vểnh hết tai lên và trong lối đi Violettes, một người đàn bà hiện ra như một hình bóng trắng, quay về phía họ, phác một dấu hiệu kỳ lạ và biến mất.

-Hoàng hậu! – Cả hai đồng thanh kêu lên.

-Thế có nghĩa là gì nhỉ? – Coconnas hỏi.

-Nàng đã làm như thế này, thế có nghĩa là "Lát nữa …" – De Mole bảo.

-Nàng đã làm như thế này, thế có nghĩa là "Đi đi …" – Coconnas cũng nói.

-Dấu hiệu ấy tức là: Chờ tôi với!

-Cử chỉ ấy có nghĩa là: Trốn đi!

-Thế thì mỗi người chúng ta hãy làm theo điều mình tin.

-Cậu đi đi mình ở lại. – La Mole bảo.

Coconnas nhún vai và nằm xuống.

Cùng lúc ấy, cũng trên con đường mà Hoàng hậu đã đi nhưng theo chiều ngược lại, một tốp kỵ mã rạp người trên lưng ngựa phóng qua. Hai người nhận ra đó là những người Tân giáo nhiệt thành, gần như cuồng tín nữa. Ngựa họ nhảy chồm chồm như loài châu chấu, họ thoáng hiện ra rồi biến mất.

-Khỉ thật, nghiêm trọng đây – Coconnas đứng dậy – Đến hành cung François đệ nhất đi.

-Ngược lại, đừng đến đấy thì có. Nếu chúng ta bị lộ thì nhà vua trước hết sẽ chú ý đến hành cung ấy, vì đó là điểm hẹn chung mà.

-Lần này cậu có thể nói đúng – Coconnas càu nhàu.

Coconnas nói chưa dứt lời thì một kỵ mã phóng tới nhanh như tên bắn giữa đám cỏ mây, vượt qua rãnh, qua bụi bờ và vật cản tới gần hai chàng quý tộc.

Hai tay anh ta cầm hai khẩu súng và chỉ điều khiển ngựa bằng đầu gối trong cuộc chạy loạn điên cuồng đó.

-Ông de Mouy! – Coconnas lo lắng thốt lên và giờ đây trở nên nhanh nhẹn hơn cả De Mole – Ông de Mouy chạy trốn à? Mọi người đều chuồn cả sao?

-Ê này, nhanh lên! Nhanh lên! – Chàng trai Tân giáo nói – Chạy đi, hỏng hết rồi! Tôi vòng trở lại đây để báo cho các ông. Đi thôi!

Vì chàng vừa phóng vừa nói nên khi dứt lời và nhất là khi De Mole và Coconnas hiểu hết ý chàng thì de Mouy đã phóng xa.

-Còn hoàng hậu thì sao? – De Mole kêu lên.

Nhưng khi tiếng chàng tan biến trong khoảng không, de Mouy đã đi xa quá nên không thể nghe thấy và không thể trả lời chàng được.

Coconnas nhanh chóng quyết định. Trong khi De Mole bất động nhìn theo de Mouy biến dạng giữa đám lá cành rẽ ra cho chàng đi và khép lại sau lưng chàng thì Coconnas chạy tới chỗ để ngựa, dắt chúng lại gần, nhảy lên ngựa của mình, ném dây cương con kia cho De Mole và chuẩn bị phóng.

-Đi thôi! Đi thôi! Mình xin nhắc lại những lời ông de Mouy: lên đường nào! de Mouy là tay ăn nói khá đấy! Lên đường thôi, de Mole!

-Chờ tí đã – De Mole đáp – Chúng ta đã tới đây vì một lẽ gì đó

-Trừ phi là chúng ta tới đây để cho người ta treo cổ lên chứ mình khuyên cậu không nên để mất thì giờ. Mình đoán là cậu sắp sửa lại giở môn tu từ học ra, dài dòng văn tự giải thích động từ "trốn", diễn thuyết về đoạn Horace ném khiên đi và về Epaminondas người ta đem khiên tới. Mình chỉ xin nói một câu thôi: nếu người như ông de Mouy Saint-Phale còn trốn đi thì mọi người cũng đều được phép bỏ trốn.

-Ông de Mouy Saint-Phale không chịu trách nhiệm về việc bắt cóc hoàng hậu Marguerite, ông de Mouy de Saint-Phale không thích nàng.

-Mẹ kiếp! Nếu tình yêu đó khiến ông ta làm những điều rồ dại như những điều mình thấy cậu đang rắp tâm làm kia, thì ông ta chuồn là phải đấy. Quỷ tha ma bắt cái thứ tình yêu khiến cho hai nhà quý tộc dũng cảm phải chết! Mẹ khỉ! Như vua Charles vẫn nói đấy, ông bạn thân mến, chúng ta đang tiến hành âm mưu. Khi âm mưu không thành thì phải chuồn thôi. Lên ngựa đi De Mole!

-Chạy đi, anh bạn, mình có ngăn cậu đâu, mình còn xin cậu nữa. Đời cậu đáng giá hơn đời mình. Hãy tự cứu lấy cậu đi!

-Cậu phải nói với mình: "Coconnas, chúng ta cùng để cho người ta treo cổ nào!" chứ không phải là "Coconnas, hãy tự cứu lấy mình cậu!"

-Chậc, bạn ơi – De Mole đáp – Dây thừng chỉ xứng với lũ tiện dân thôi chứ đâu có dành cho những nhà quý tộc như chúng ta.

-Mình bắt đầu tin rằng mình cẩn thận cũng không thừa – Coconnas thở dài nói.

-Cẩn thận gì thế?

-Mình đã chọn tay đao phủ làm bạn.

-Cậu bi quan quá, Coconnas ạ.

-Nhưng rốt cuộc thì chúng ta làm gì nào? – Coconnas sốt ruột thốt lên.

-Chúng ta sẽ đi tìm hoàng hậu.

-Ở đâu?

-Mình không biết… Ta tìm nhà vua.

-Ở đâu cơ chứ?

-Mình cũng chẳng biết… Nhưng chúng ta sẽ tìm thấy ông ta và hai đứa mình sẽ làm được cái điều mà năm mươi người đã không thể hoặc không dám làm.

-Cậu bắt đầu khích mình đấy, Hyacinthe, điềm gở đây.

-Thôi thì lên ngựa đi vậy.

-May quá!

De Mole quay lại để nắm lấy chỏm yên ngựa nhưng đúng lúc chàng xỏ chân vào bàn đạp, một giọng nói sang sảng vang lên: -Đứng lại! Đầu hàng đi!

Đồng thời một khuôn mặt ló ra sau một góc sồi, rồi một khuôn mặt khác; rồi ba chục người: đó là những linh khinh kỵ cải thành bộ binh bò toài trong đám cây thạch thảo lùng soát trong rừng.

-Mình đã bảo mà – Coconnas lẩm bẩm.

De Mole chỉ đáp lại bằng một tiếng kêu trầm trầm.

Linh khinh kỵ còn cách hai người chừng ba chục bước.

-Kìa có chuyện gì vậy các ông? – Coconnas tiếp tục nói thì thầm vào tai De Mole nhưng lại cao giọng với lính khinh kỵ.

Viên trung uý ra lệnh nhắm bắn hai người bạn.

Coconnas thì thầm tiếp: -Lên ngựa đi De Mole, vẫn còn kịp. Nhảy lên ngựa như mình vẫn thấy cậu hành động hàng trăm lần rồi ấy, rồi chúng ta đi thôi.

Và chàng quay lại đám lính: -Khỉ ạ! Xin các ông hoàng đừng có bắn, các ông có thể bắn phải bạn đấy.

Rồi lại nói với De Mole: -Chúng bắn sau cây thì bắn tồi lắm, chúng sẽ bắn trượt chúng ta.

-Không thể được – De Mole đáp – Chúng ta không thể đem theo ngựa của Marguerite và hai con la. Lũ ngựa và la này sẽ làm nàng liên luỵ mất, còn nếu mình bị bắt, mình sẽ trả lời sao cho nàng tránh hết mọi nỗi nghi ngờ. Đi đi, bạn ạ đi đi!

-Thưa các ông, chúng tôi xin hàng! – Coconnas rút gươm khỏi vỏ và hoa lên trong không khí.

Lính khinh kỵ hạ súng xuống.

-Nhưng trước hết, tại sao chúng ta lại phải đầu hàng đã?

-Ông sẽ hỏi đức vua Navarre.

-Chúng ta đã phạm phải tội gì?

-Ông d'Alençon sẽ nói cho các ông hay.

Coconnas và De Mole nhìn nhau, nghe tên kẻ thù của họ trong lúc này thật không làm họ yên tâm chút nào.

Tuy nhiên, không ai kháng cự. Coconnas được yêu cầu xuống ngựa và chàng làm theo không đòi hỏi điều gì. Cả hai người bị dồn vào giữa đám khinh kỵ binh đi về hướng hành cung François đệ nhất.

-Cậu muốn xem hành cung François đệ nhất phải không? – Coconnas nhìn thấy mái một khu nhà kiểu gô-tích duyên dáng lấp ló sau lùm cây bèn hỏi bạn – Này, cậu sẽ được xem nó đấy!

De Mole không trả lời mà chỉ chìa tay ra cho bạn nắm.

Hành cung này được xây từ thời kỳ Louis XII, người ta vẫn gọi là hành cung đi săn François đệ nhất vì vị vua này luôn luôn chọn đó là nơi hẹn để đi săn. Bên cạnh toà hành cung duyên dáng đó là một thứ chòi dựng cho những người dồn thú và nay đang gần như chìm ngập trong đám súng trường, kích dài và kiếm sáng loáng giống như một túp nhà lụp xụp chìm dưới một biển lúa màu trắng ngần.

Những tù nhân được dẫn tới căn chòi này.

Giờ đây chúng ta hãy kể lại những điều đã xảy ra để làm sáng tỏ tình hình khá là mờ mịt, nhất là đối với hai người bạn.

Như đã định trước, những nhà quý tộc Tân giáo đã tập hợp lại trong hành cung François đệ nhất như chúng ta đã biết, de Mouy đã kiếm được chìa khoá hành cung này.

Khi đã làm chủ được khu rừng, hay ít ra là họ tưởng như thế, họ cắt ra đây đó vài người canh gác. Nhưng do sự cẩn thận quá mức của ông de Nancey lính khinh kỵ đã thay khăn choàng trắng bằng khăn choàng đỏ và nhờ đó đã bất ngờ chộp được dễ dàng những người lính gác đó.

Lính khinh kỵ tiếp tục bao vây dồn quanh khu hành cung, nhưng de Mouy, như chúng ta đã nói, đứng chờ vua Navarre ở đầu đường Violettes đã thấy những kẻ mang khăn choàng đỏ bước đi rón rén và ngay từ lúc đó, bọn khăn choàng đỏ này khiến chàng nghi ngờ. Chàng nép mình sang một bên để không bị nhìn thấy và nhận ra rằng vòng vây rộng lớn thu hẹp dần lại trong khu rừng và bao bọc lấy nơi hẹn.

Cùng lúc đó, ở cuối lối đi chính, chàng thấy lấp ló đám lông mũ trắng và lấp lánh của súng hoả mai của đoàn vệ binh nhà vua.

Cuối cùng chàng nhận ra chính nhà vua, còn ở phía đối diện chàng nhìn thấy vua Navarre.

Khi đó, chàng bèn vẫy mũ ra dấu thập tự, đó là tín hiệu đã qui định để báo rằng mọi việc đã hỏng.

Sau tín hiệu đó, vua Navarre quay lui và biến mất.

Tức thì de Mouy thúc sâu cựa giày của mình vào bụng con ngựa bỏ trốn, và vừa trốn chạy chàng vừa ném ra những lời thông báo cho De Mole và Coconnas như chúng ta đã nói.

Nhận thấy sự vắng mặt của Henri và Marguerite, nhà vua đã cùng ông d'Alençon tới để được nhìn thấy họ ra khỏi cái chòi trong đó- Ông đã ban lệnh nhốt tất cả những ai có mặt không chỉ trong hành cung mà cả trong rừng nữa.

D Alençon rất tự tin phi ngựa phóng cạnh nhà vua, còn ông này mỗi lúc lại thêm càu nhàu vì những cơn đau dữ dội. Hai ba lần ông suýt ngất đi và có một lần ông nôn ra máu.

-Nào, thôi nhanh lên – Nhà vua phóng đến nơi nói – Ta đang vội trở về Louvre đây: lôi cả cái lũ vô đạo ấy ra khỏi hang đi, hôm nay là ngày thánh Blaise, anh họ của Saint-Barthélémy đấy.

Theo lệnh vua, cả rừng gươm súng rùng rùng chuyển động và người ta buộc những người Tân giáo bị bắt hoặc trong rừng hoặc trong hành cung phải lần lượt ra khỏi căn chòi.

Nhưng không hề có vua Navarre, Marguerite cũng như de Mouy.

-Thế nào? – Charles hỏi – Henri đâu? Margot đâu? d'Alençon, anh đã hứa nộp họ cho ta kia mà? Mẹ kiếp! Phải tìm ra họ cho ta!

-Tâu bệ hạ – Ông de Nancey đáp – Chúng tôi thậm chí còn không nhìn thấy đức vua và hoàng hậu Navarre.

-Nhưng họ đây kia – Phu nhân de Nervers nói.

Ngay lúc đó, ở đầu kia lối đi dẫn xuống bờ sông, Henri và Marguerite hiện ra bình thản như không có chuyện gì xảy ra cả.

Cả hai đều để chim ưng trong tay và âu yếm đi sát nhau tài tình đến nỗi dường như ngựa của họ vừa phi sát cạnh nhau vừa đưa mõm vuốt ve nhau.

Khi đó d'Alençon tức giận cho lục soát những vùng lân cận và người ta tìm thấy De Mole với Coconnas dưới chiếc nôi bằng cỏ dại của họ.

Họ bước vào giữa vòng vây lính gác vai sát vai như những người anh em. Tuy nhiên, vì họ không phải là vua nên không thể thản nhiên như Henri và Marguerite được: De Mole nhợt nhạt quá còn mặt Coconnas lại đỏ quá.

§52. Xét hỏi

Cảnh tượng mà hai chàng trai nhìn thấy khi bước vào vòng vây là cảnh mà người ta không thể bao giờ quên dù chỉ nhìn thấy trong chốc lát.

Như chúng tôi đã kể, Charles IX đã cho lệnh dẫn tới tất cả những nhà quý tộc đã bị nhốt trong chiếc chòi săn và bị vệ binh lôi ra từng người một.

-Ông và d'Alençon nhìn cham chú vào mỗi kẻ đi ra mong sẽ được thấy vua Navarre.

Họ chờ đợi uổng công.

Nhưng thế vẫn chưa đủ, cần phải biết được Henri và Margot nay ra sao?

Vì thế nên khi người ta thấy đôi vợ chồng trẻ xuất hiện ở đầu kia lối đi. d'Alençon tái mặt. Còn Charles cảm thấy tim mình như nở ra vì vui sướng. Theo bản năng, ông mong cho tất cả những gì em ông ép ông phải làm lại đổ xuống đầu ông em.

"Hắn lại thoát nữa rồi" – François tái mặt đi, lẩm bẩm.

Vừa lúc đó nhà vua lên cơn đau bụng quằn quại đến nỗi ông buông rơi cương ngựa đưa hai tay ôm lấy bụng và thét lên những tiếng kêu như người mê sảng.

Henri vội vàng tiến lại, nhưng trong khi ông vượt qua những quãng đường hai trăm bước từ chỗ ông tới ông anh, Charles đã tỉnh lại.

-Ông từ đâu về đây? – Charles hỏi với giọng cộc cằn đến nỗi Marguerite phát hoảng.

-Thì… thưa anh, từ cuộc săn chứ đâu – Nàng trả lời.

-Săn ở bên bờ sông chứ không săn ở trong rừng.

-Thưa bệ hạ, chim ưng của tôi đuổi theo một con gà lôi trong lúc chúng tôi dừng lại xem con diệc.

-Thế gà lôi đâu?

-Thưa đây, con trống này đẹp lắm, đúng không ạ?

Henri với vẻ vô tội nhất đời trình ra cho Charles một con chim màu tía, xanh biếc và vàng óng.

-À à! Thế sao khi bắt được gà lôi rồi, anh không đi theo chúng ta?

-Thưa bệ hạ, vì nó lại bay về phía vườn. Thế nên khi chúng tôi xuống tới bờ sông, chúng tôi thấy hoàng thượng đã đi lên trước chúng tôi đến nửa dặm về phía rừng. Thế là chúng tôi phi theo dấu hoàng thượng vì khi được đi săn cùng Người, chúng tôi không muốn để lỡ cuộc săn.

-Thế còn những vị quý tộc đây – Charles tiếp – Họ cũng được mời à?

-Quý tộc nào? – Henri vừa đáp vừa đưa mắt dò hỏi nhìn quanh.

-Này, cái đám Tân giáo nhà anh chứ còn ai! Mẹ kiếp! Dù sao, nếu có ai đó mời thì chắc không phải là ta.

-Thưa bệ hạ không – Henri đáp – Nhưng có lẽ là ông d'Alençon chăng?

-Ông d'Alençon? Sao lại thế?

-Tôi ấy ư? – Quận công hỏi.

-Đúng vậy hoàng đệ ạ – Henri đối lại – Hôm qua anh chả nói anh là vua Navarre là gì? Thế thì những người Tân giáo đã xin anh về làm vua nay lại đến đây để cảm ơn anh đã chấp nhận ngai vàng và cảm tạ nhà vua đã trao nó cho anh. Có đúng thế không các ông?

-Vâng! Vâng – Có tới hai chục giọng cùng hò lên – Quận công d'Alençon muôn năm! Đức vua muôn năm!

-Ta không phải là vua của lũ Tân giáo! – François mặt tái đi vì giận.

Rồi liếc trộm Charles, ông thêm: -Và ta cũng hy vọng không bao giờ là vua của các người.

-Dẫu sao, Henri ạ – Charles nói – Anh biết đấy, ta thấy tất cả những việc này rất kỳ quặc.

-Thưa bệ hạ – Vua Navarre nói với giọng cứng cỏi – Chúa tha tội cho tôi, hình như đây là một cuộc hỏi cung thì phải?

-Thế nếu ta bảo rằng ta đang hỏi cung anh thì anh bảo sao?

-Thưa bệ hạ, tôi xin trả lời rằng tôi cũng là vua như bệ hạ – Henri kiêu hãnh đáp – Vì không phải ngai vàng khiến người ta trở thành vua mà do dòng dõi, và tôi có thể trả lời một người anh hay một người bạn, chứ không bao giờ trả lời một quan toà.

-Tuy nhiên ta muốn biết ít ra là một lần dứt khoát cái gì là thực, cái gì là giả – Charles lẩm bẩm.

-Cho đưa ông de Mouy đến đây – d'Alençon nói – Và bệ hạ sẽ biết. Ông de Mouy chắc phải bị bắt.

-Ông de Mouy có bị bắt không? – Nhà vua hỏi.

Henri có thoáng một cử chỉ lo ngại và nhìn Marguerite, nhưng việc đó chỉ trong giây lát.

Không có tiếng trả lời.

-Ông de Mouy không có trong số những người bị bắt – Ông de Nancey trình bày – Một vài người của tôi hình như có thấy bóng ông ta nhưng không ai dám chắc

D Alençon lẩm bẩm một lời chửi thề.

-Ơ này! – Marguerite chỉ tay vào De Mole và Coconnas vốn đã được nghe được hết những lời đối thoại và nàng nghĩ có thể tin vào trí thông minh của hai người được – Thưa bệ hạ, đây có hai vị quý tộc của ông d'Alençon, xin cứ hỏi họ thì họ khắc trả lời.

Quận công cảm thấy ngay được cú đòn.

-Tôi đã bắt họ chính là để chứng minh rằng họ không thuộc về tôi nữa – Quận công đáp.

Nhà vua nhìn hai người bạn và giật mình khi nhận ra De Mole.

-Ô hô! Lại anh chàng xứ Provençal này!

Coconnas duyên dáng cúi chào.

-Khi bị bắt các ông đang làm gì? – Charles hỏi.

-Tâu bệ hạ, chúng tôi bàn chuyện chiến tranh và tình yêu.

-Bàn chuyện ấy mà lại cưỡi ngựa, lại vũ trang đến tận chân răng, lại chực trốn à?

-Tâu bệ hạ không, người ta thông báo sai cho bệ hạ. Chúng tôi lúc ấy đang nằm dưới bóng một cây dẻ.

-A! Các ông đang nằm dưới bóng một cây dẻ à?

-Và lẽ ra chúng tôi đã có thể trốn nếu như chúng tôi nghĩ đã làm bệ hạ tức giận. Nào các ông hãy thề trên danh dự người lính – Coconnas quay về phía đám lính khinh kỵ hỏi – Các ông có nghĩ rằng nếu chúng tôi muốn chúng tôi có thể thoát được không?

-Thực tế là các ông đây không hề có một hành động trốn chạy nào cả – Viên trung uý nói.

-Vì ngựa của họ ở xa – Quận công d'Alençon xen vào.

-Cúi xin điện hạ thứ lỗi – Coconnas đáp – Nhưng tôi lúc ấy đang ngồi trên mình ngựa và bá tước Lerac de Mole, bạn tôi, đang cầm cương ngựa trong tay.

-Thật thế không các ông? – Charles hỏi.

-Tâu bệ hạ, đúng vậy – Viên trung uý đáp – Ông de Coconnas khi trông thấy chúng tôi thậm chí lại còn xuống ngựa.

Coconnas nhăn mặt nở một nụ cười như muốn nói rằng: "Bệ hạ đã thấy chưa!"

-Thế còn những con ngựa dắt theo này, lũ la với đám hòm xiểng trên lưng này là thế nào? – François hỏi.

-Chúng tôi đâu phải là người hầu ngựa? – Coconnas đáp – Xin hãy cho tìm tên giám mã lúc nãy coi giữ chúng.

-Hắn không có đây – Quận công tức gận trả lời.

-Vậy chắc hắn đã sợ và chuồn mất rồi – Coconnas đối lại – Ta không thể đòi hỏi một gã tiện dân có thể bình tĩnh như một nhà quý tộc được.

-Lại vẫn thế – d'Alençon nghiến răng nói – May quá, thưa bệ hạ, tôi đã trình với Người các ông này không thuộc cơ đội của tôi từ vài hôm nay.

-Tôi ấy ạ – Coconnas hỏi – Tôi không may bị thải khỏi đội quý tộc thị vệ của điện hạ từ bao giờ vậy?

-Mẹ kiếp! Ông biết rõ điều đó hơn ai hết, vì ông đã gửi cho ta lời từ chức trong một bức thư lời lẽ khá láo xược mà ta còn giữ, và ơn Chúa, may quá ta lại

đang mang theo đây.

-Ồ, tôi mong rằng điện hạ sẽ tha lỗi cho tôi vì một bức thư viết ra trong những giây phút ban đầu của lòng tức giận.

-Tôi được biết rằng điện hạ đã định vặn cổ ông bạn De Mole của tôi trong một hành lang ở Louvre.

-Thế nào – Nhà vua ngắt lời – Hắn nói gì vậy?

-Tôi cứ tưởng điện hạ có một mình – De Mole thành thật tiếp – Nhưng từ khi tôi biết được rằng còn ba người nữa…

-Im đi! Charles phán – Chúng ta đã biết đủ rồi, Henri – Ông nói với vua Navarre – Anh có hứa là sẽ không trốn không?

-Tôi xin hứa với bệ hạ.

-Quay về Paris với ông de Nancey và ở nguyên trong cung. Còn các ông – Ông nói với hai nhà quý tộc – Nộp kiếm đi.

De Mole nhìn Marguerite. Nàng mỉm cười.

Tức thì De Mole trao kiếm cho viên chỉ huy đứng gần chàng nhất. Coconnas cũng làm theo.

-Còn ông de Mouy, có tìm ra không? – Nhà vua hỏi.

-Tâu bệ hạ, không – De Nancey đáp – Hoặc là ông ta không có mặt trong khu rừng, hoặc là ông ta đã trốn thoát.

-Thôi kệ – Nhà vua đáp – Quay về thôi. Ta lạnh lắm, ta chói mắt.

-Thưa bệ hạ, có lẽ vì Người tức giận – François bảo.

-Ừ có thể thế. Mắt ta quay cuồng. Tù nhân đâu? Ta chẳng nhìn thấy gì cả. Đêm rồi à? Ôi Chúa nhân từ! Lòng ta bốc cháy! Cứu ta với! Cứu ta với!

Và ông vua bất hạnh lại buông rơi cương ngựa, giang tay ra và ngã ngửa ra phía sau nhưng được các triều thần đang kinh hoảng về cơn kịch phát thứ hai này trỡ lại.

François đứng riêng một chỗ đưa tay lau mồ hôi trán vì chỉ mình ông ta biết nguyên nhân căn bệnh đang hành hạ người anh.

Về phần mình, vua Navarre đã bắt đầu bị ông de Nancey canh giữ nhìn tất cả cảnh đó với niềm kinh ngạc ngày càng tăng.

"Ấy này – De Navarre nhủ thầm với cái linh cảm kỳ diệu đôi khi khiến ông thành ra như người được trời mách – Có khi mình lại gặp may hơn là trong lúc định trốn mà bị bắt kia đấy."

Ông nhìn Margot hoàng hậu mắt cứ mở to tròn vì kinh ngạc hết nhìn ông lại nhìn nhà vua.

Lần này nhà vua bị bất tỉnh nhân sự. Người ta cho mang một chiếc cáng lại và đặt nhà vua lên đó. Họ phủ lên ông chiếc áo khoác mà một kỵ mã vừa gỡ ra khỏi vai và đoàn người bình thản quay về Paris. Buổi sáng, người ta đã thấy

những kẻ âm mưu hớn hở và một ông vua vui tươi ra đi, giờ quay trở về là một vị vua đang hấp hối với những tù nhân phản nghịch.

Trong tất cả việc này, Marguerite chẳng để mất cả tự do thân thể lẫn tự do tư duy của mình, nàng ra dấu với chồng một lần cuối rồi đi qua gần La Mole đến nỗi chàng có thể nghe được hai câu tiếng Hy Lạp mà nàng buông ra:

"Mê đêiđê."

Có nghĩa là: "Đừng ngại."

-Nàng bảo mình đừng có e ngại – De Mole đáp.

-Ăn thua gì – Anh chàng Piémontais lẩm bẩm – Điều đó có nghĩa ở đây không tốt lành gì cho chúng mình cả. Cứ lần nào người ta nói với mình như thế để động viên thì y như rằng lần ấy hoặc mình bị một viên đạn vào đâu đấy, hoặc ăn một nhát kiếm vào người, hay lại vớ ngay được một chậu hoa lên đầu.

"Đừng e ngại" thì dù là tiếng Do Thái cổ hay tiếng Hy Lạp, tiếng Latinh hay tiếng Pháp bao giờ cũng có nghĩa là "Coi chừng đấy."

-Đi thôi các ông – Viên trung uý khinh kỵ nói.

-Này, hỏi thế này thí khí tò mò chứ người ta định dẫn chúng tôi đi đâu đây? – Coconnas hỏi.

-Tôi nghĩ là tới Vincennnes – Viên trung uý đáp.

-Tôi thích đi chỗ khác hơn – Coconnas tiếp – Nhưng tóm lại thì có phải bao giờ người ta cũng được đến nơi mình muốn đâu.

Dọc đường đi nhà vua hơi tỉnh lại và khỏe dần. Thậm chí tới Nantes ông còn muốn lên ngựa, nhưng người ta ngăn ông lại.

-Báo ngay cho thầy Ambroise Paré nhé – Vừa tới Louvre, Charles đã truyền.

Ông xuống kiệu, tì vào vai Tavannes bước lên cầu thang rồi về cung và cấm không ai được theo ông.

Mọi người đều nhận thấy nhà vua có vẻ trầm mặc. Suốt dọc đường ông đăm chiêu suy nghĩ và chẳng chuyện trò với ai cả, cũng chẳng quan tâm gì đến vụ âm mưu lẫn những kẻ âm mưu. Hiển nhiên điều khiến ông bận tâm là căn bệnh của ông. Căn bệnh này quá đột ngột, kỳ lạ và gây đau đớn. Vài triệu chững cũng giống như những triệu chứng mà người ta đã nhận thấy ở ông anh François đệ nhị của Charles ít lâu trước khi ông này băng hà.

Vì vậy mà lệnh cấm không cho bất kỳ ai trừ thầy Paré vào cung chẳng làm ai ngạc nhiên. Người ta vẫn biết tính ghét đời là một phần cố hữu trong tính cách của nhà vua.

Charles vào phòng ngủ, ngồi lên một chiếc ghế dài tựa đầu lên đống gối. Ông nghĩ thầy Ambroise Paré có thể vắng nhà đến chậm và ông muốn làm việc gì đó trong lúc đợi thầy thuốc.

Nghĩ vậy, Charles bèn vỗ tay, một vệ binh xuất hiện.

-Báo cho vua Navarre ta muốn gặp ông ta – Charles nói.

Viên vệ binh cúi đầu tuân lệnh.

Charles ngửa đầu ra sau. Óc ông trĩu nặng khiến ông khó lòng chắp nối các ý nghĩ lại với nhau. Một áng mây màu máu chập chờn trước mắt ông. Miệng ông khô khốc, ông đã uống cạn một bình nước mà vẫn không đã khát.

Giữa lúc nhà vua đang gà gà ngủ như vậy thì cửa mở và Henri xuất hiện. Ông de Nancey đi theo sau vua Navarre nhưng dừng lại ngoài tiền phòng.

Henri chờ cho cửa khép lại sau lưng ông rồi mới tiến lên và hỏi: -Thưa bệ hạ. Người đã cho gọi, vậy tôi đây.

Charles giật mình khi nghe giọng nói ấy, ông máy móc chìa tay ra.

-Thưa bệ hạ – Henri vẫn đứng hai tay buông xuôi – Người quên rằng tôi không còn là anh em Người nữa mà là tù nhân của Người.

-À ừ nhỉ – Charles đáp – Cám ơn anh đã nhắc ta điều đó. Hơn thế nữa, anh có hứa khi nào chúng ta chỉ có hai người với nhau, anh sẽ trả lời ta thẳng thắn.

-Tôi sẵn sàng thực hiện lời hứa đó. Xin bệ hạ cứ hỏi.

Nhà vua đổ nước lạnh vào tay và đưa lên trán.

-Có chút sự thực nào trong lời tố cáo của quận công d'Alençon không? Nào trả lời đi. Henri.

-Chỉ một nửa là thật thôi: ông d'Alençon phải trốn và tôi phải đi theo ông ta.

-Thế tại sao anh lại đi theo ông ta? – Charles hỏi – Anh không bằng lòng với ta ư, Henri?

-Thưa bệ hạ không, ngược lại đằng khác. Tôi chỉ có thể ca ngại thánh thượng mà thôi. Chúa biết đọc trong trái tim người chứng giám cho lòng yêu quý sâu xa của tôi đối với đức vua và người anh em của tôi.

-Ta thấy hình như bản chất con người đâu có phải là trốn những người yêu thương mình và mình cũng yêu thương họ.

-Vì vậy nên tôi đâu có đi trốn những người yêu thương tôi, tôi trốn bỏ những người ghét bỏ tôi đấy chứ. Thánh thượng có cho phép tôi giãi bày hết lòng mình không?

-Anh nói đi.

-Thưa bệ hạ, những người ghét tôi ở nơi đây chính là ông d'Alençon và Thái hậu.

-Ông d'Alençon thì ta không nói làm gì – Charles đáp – Nhưng Thái hậu hết lòng quan tâm săn sóc đến anh.

-Chính vì thế nên tôi ngờ lệnh bà, thưa bệ hạ. Và tôi đã làm đúng khi nghi ngờ như vậy.

-Nghi ngờ Thái hậu ấy ư?

-Thái hậu hay những người quanh bà cũng vậy. Thưa bệ hạ. Người biết rằng điều bất hạnh của những ông vua không phải là vì phục vụ kém cỏi mà là bị phục vụ tốt quá.

-Anh nói rõ ra xem nào: anh đã cam kết là sẽ nói tất cả cho ta kia mà.

-Bệ hạ cũng thấy tôi đang làm như vậy đấy chứ.

-Tiếp đi!

-Có phải bệ hạ vừa nói là Người yêu quý tôi phải không ạ?

-Tức là trước khi có sự phản bội của anh thì ta yêu quý anh.

-Xin cứ giả thử là bệ hạ vẫn có lòng yêu quý tôi.

-Cũng được!

-Nếu bệ hạ yêu thương tôi, chắc Người phải mong muốn cho tôi được sống.

-Ta sẽ rất buồn nếu có chuyện gì không hay xảy ra cho chú.

-Vậy thưa bệ hạ, đã hai lần suýt nữa thì Người đã phải buồn rồi đấy.

-Sao lại thế?

-Thưa vâng, vì hai lần số mệnh đã cứu tôi thoát chết. Và lần thứ hai thì số mệnh đã nấp dưới hình bóng của bệ hạ.

-Thế lần đầu nó nấp dưới hình bóng của ai?

-Của một người mà chắc sẽ ngạc nhiên lắm nếu được hưởng nhầm với số mệnh, của René. Vâng, thưa bệ hạ, Người đã cứu tôi khỏi gươm đao.

Charles cau mày vì ông nhớ lại cái đêm ông đưa Henri tới phố Barres.

-Còn René?

-René đã cứu tôi khỏi thuốc độc.

-Mẹ kiếp! Chú may thật đấy Henriot – Nhà vua cố mỉm một nụ cười nhưng một cơn đau quặn đã biến thành nét cau có bực dọc – Không phải nghề của hắn đâu nhé.

-Thưa bệ hạ, hai phép mầu đã cứu tôi thoát chết. Một phép mầu từ lòng hối hận của gã François và một phép mầu của lòng nhân từ nơi bệ hạ. Tôi xin thú nhận với bệ hạ là tôi e có lúc rồi trời cũng chán ban các phép mầu và tôi muốn trốn đi theo như lời xưa đã dạy: "Hãy tự giúp mình rồi trời sẽ giúp anh."

-Henri, tại sao chú không nói với ta những điều ấy từ trước?

-Nếu tôi nói với bệ hạ như thế này từ hôm qua, tôi đã là một kẻ đi tố giác.

-Thế hôm nay thì sao?

-Hôm nay thì khác, tôi bị tố cáo và tôi tự bào chữa cho mình.

-Chú có chắc về lần định ám hại thứ nhất không?

-Chắc chắn, cũng như về lần ám hại thứ hai vậy.

-Người ta định đầu độc chú à?

-Người ta đã định thế.

-Đầu độc bằng gì?

-Bằng son.

-Bằng son thì đầu độc thế nào nhỉ?

-Lạy Đức mẹ! Thưa bệ hạ, xin hãy hỏi René, người ta chẳng đã đầu độc bằng găng tay đấy thôi.

Charles cau mày, rồi dần dần gương mặt ông dãn ra.

"Ừ – Ông nói như tự nhủ – Bản chất con người là trốn cái chết. Trí thông minh tại sao lại không làm cái việc mà bản năng xúi người ta làm cơ chứ?"

-Vậy thưa bệ hạ – Henri hỏi – Người có hài lòng về sự thẳng thắn của tôi không. Người có tin rằng tôi đã nói hết với Người không?

-Ừ Henriot, chú là một chàng trai khá. Và chú đã nghĩ rằng những kẻ ghét chú không hề bỏ cuộc, những toan tính mới sẽ được tiến hành.

-Thưa bệ hạ, tối nào tôi cũng ngạc nhiên thấy mình còn sống.

-Chú biết không, đó là người ta biết rằng ta yêu quý chú nên họ không giết chú. Nhưng cứ yên tâm, họ sẽ bị trừng phạt về ý đồ xấu xa của mình. Trong khi chờ đợi thì chú được tự do.

-Thưa bệ hạ, tôi có được tự do rời Paris không?

-Không, chú biết rõ rằng ta không thể thiếu chú được. Quái quỷ, ta cũng cần phải có người yêu thương ta chứ.

-Vậy nếu thánh thượng muốn giữ tôi lại gần Người, cúi xin Người gia ân cho tôi một việc…

-Việc gì?

-Xin đừng giữ tôi lại như một người bạn mà cứ giữ tôi như một người tù.

-Sao lại giữ như tù là thế nào?

-Thưa vâng, bệ hạ chẳng thấy là tình thân của Người khiến tôi nguy sao?

-Thế anh thích ta ghét à?

-Thưa bệ hạ, lòng căm ghét bề ngoài thôi. Lòng oán ghét đó sẽ cứu tôi: chừng nào người ta còn thấy tôi bị thất sủng thì người ta càng ít vội cho tôi chết hơn.

-Henriot – Charles nói – Ta không biết là chú muốn gì, ta không biết mục đích của chú. Nhưng nếu mà những điều chú muốn mà không thực hiện được, và chú không đạt được mục đích đề ra thì ta phải ngạc nhiên đấy.

-Vậy tôi có thể mong bệ hạ sẽ nghiêm khắc với tôi chứ?

-Được – Thế là tôi yên tâm hơn… Bây giờ bệ hạ truyền gì?

-Về cung đi Henriot. Ta đang ốm, ta đi coi lũ chó của ta và đi nằm đây.

-Thưa bệ hạ. – Henri nói – Lẽ ra Người nên cho gọi một người thầy thuốc. Cơn trở bệnh của Người hôm nay có lẽ nghiêm trọng hơn là Người tưởng.

-Ta đã cho gọi thầy Ambroise Paré rồi, Henriot ạ.

-Vậy tôi ra đi được yên lòng hơn.

-Thề có linh hồn ta, ta nghĩ rằng trong cả gia đình chỉ có chú là thực lòng yêu thương ta thôi.

-Bệ hạ nghĩ vậy thật sao?

-Thề danh dự quý tộc đấy!

-Vậy xin bệ hạ giao tôi cho ông de Nancey như giao một kẻ mà cơn tức giận của bệ hạ sẽ không cho sống đến hết tháng, như vậy sẽ làm tôi sống để yêu quý

bệ hạ được lâu dài hơn.

-Ông de Nancey! – Charles thét lên.

Viên chỉ huy vệ binh bước vào.

-Ta giao kẻ tội phạm lớn nhất nước Pháp vào tay ông. Ông phải đưa đầu ra đảm bảo về y.

Và Henri bước ra theo sau ông de Nancey với vẻ mặt sững sờ.

§53. Actéon

Còn lại một mình Charles ngạc nhiên khi không thấy cả hai kẻ hầu trung tín của mình xuất hiện, đó là nhũ mẫu Madeleine và con chó săn Actéon.

"Nhũ mẫu chắc đi hát vài bài kinh ở nhà một người quen Tân giáo nào đấy, còn Actéon chắc vẫn dỗi mình vì ngọn roi sáng nay". – Charles tự nhủ.

Charles cầm một cây nến và đi qua phòng nhũ mẫu, nhũ mẫu không có nhà. Chúng ta còn nhớ là một cửa khu phòng của Madeleine thông với phòng vũ khí. Charles tiến về phòng đó. Nhưng lúc đang đi thì một cơn đau như những cơn ông đã đột ngột cảm thấy bị xâm chiếm lấy ông. Nhà vua đau đớn như bị người cầm thanh sắt nung đỏ moi bới trong gan ruột. Một cơn khát cháy cổ giày vò ông, thấy trên bàn có một tách sữa, ông uống ừng ực một hơi và cảm thấy hơi đỡ.

Ông bèn cầm lại cây nến để trên một chiếc bàn và bước vào phòng vũ khí. Ông ngạc nhiên không thấy Actéon ra đón. Ai nhốt nó lại chăng? Nếu vậy nó chắc đã cảm thấy chủ đi săn về và phải gầm lên. Charles gọi, huýt sáo, chẳng có gì hết.

Ông bước thêm bốn bước. Ánh sáng cây nến rọi đến tận góc phòng và ông thấy trong góc đó một khối gì nằm bất động trên sàn.

-Này! Actéon! Ê này! – Charles gọi.

Và lại huýt sáo.

Con chó không động đậy.

Charles chạy tới bên con chó và chạm vào nó: con vật tội nghiệp đã cứng đờ và lạnh ngắt. Từ cái mõm rúm ró vì đau đớn, vài giọt mật rơi rớt ra hoà lẫn với bọt mép sủi lên lẫn với máu. Con chó tìm thấy trong phòng một chiếc mũ nhỏ của chủ và để đầu tựa trên cái vật mà nó coi như đại diện cho một người bạn ấy mà chết

Cảnh đó khiến Charles quên đi những nỗi đau của chính mình và trả lại nghị lực cho ông. Cơn giận sôi lên trong huyết quản Charles, ông muốn hét lên. Nhưng trong tầm cỡ vĩ đại của mình, các vị vua không được tự do để bị lôi cuốn theo cái tình cảm đầu tiên. Charles nghĩ rằng ở đây có sự phản trắc nào đó và im lặng.

Ông quỳ xuống trước con chó và xem xét cái xác với con mắt thành thạo. Mắt trơ trơ, lưỡi đỏ và đầy những mụn. Căn bệnh kỳ lạ khiến Charles rùng mình.

Nhà vua đeo đôi găng tay mà ông đã tháo ra cài ở thắt lưng, rồi nhấc cái mõm nhợt nhạt của con chó ra để xem xét răng và nhận thấy trong các kẽ răng còn vài mảnh trắng đục bị giắt vào đầu những chiếc răng nhọn.

-Ông gỡ các mảnh đó ra và nhận thấy đó là giấy.

Chỗ gần thứ giấy ấy bị phù nề nhiều hơn, lại bị mưng lên và đã loét ra như bị chất cường toan ăn mòn.

Charles chăm chú nhìn quanh. Trên thảm còn vài ba mẩu giấy giống như thứ giấy mà ông nhận thấy trong mõm con chó. Một trong những mẩu giấy đó, to hơn một chút, cho thấy những vết của một hình vẽ khắc gỗ.

Tóc Charles dựng ngược lên, ông nhận ra đó là một mảnh của bức tranh vẽ hình một lãnh chúa đang săn chim mà Actéon đã xé ra từ quyển sách dạy đi săn của ông.

-Ôi! – Ông tái mặt nói – Quyển sách đó có tẩm thuốc độc!

Rồi đột nhiên ông nhớ lại và thốt lên: -Trời ơi! Trang nào mình cũng đụng tay vào, mỗi trang mình lại phải thấm nước bọt một lần. Những cơn ngất, những cơn đau, cơn buồn nôn ấy! … Thôi ta hỏng mất rồi!

Charles đứng lặng người giây lát trong ý nghĩ khủng khiếp ấy. Rồi ông gầm lên một tiếng trầm trầm, lao ra cửa phòng vũ khí.

-Cho gọi thầy René! – ông thét – Gọi thầy René người xứ Florence! Chạy ngay tới cầu Saint-Michel gọi ông ta tới đây cho ta! Trong mười phút ông ta phải có mặt tại đây! Một tên trong số các người lên ngựa, dắt theo một con nữa để đi về cho nhanh. Nếu thầy Ambroise Paré đến, bảo ông ta chờ.

Một vệ binh vừa đi vừa chạy để thi hành mệnh lệnh.

-Ồi – Charles lẩm bẩm – Dù ta phải dùng nhục hình tra tấn tất cả mọi người, ta cũng phải biết cho được kẻ nào trao quyển sách này cho Henriot.

Và trán đẫm mồ hôi, hai bàn tay co quắp, lồng ngực phập phồng. Charles đứng lặng chăm chăm nhìn xác con chó của ông.

Mười phút sau, gã người xứ Florence rụt rè gõ cửa phòng vua với lòng lo ngại. Đối với một vài người, một vài loại lương tâm, bầu trời không phải lúc nào cũng trong sáng.

-Vào đi! Charles nói.

Người bán dầu hương xuất hiện. Charles đi về phía y với vẻ oai nghiêm, môi mím chặt.

-Thánh thượng đã cho đòi – René run rẩy nói.

-Ông là nhà hoá học tài giỏi lắm phải không?

-Tâu bệ hạ…

-Và ông biết tất cả những điều mà người thầy thuốc tài ba phải biết, đúng không?

-Thưa, bệ hạ quá khen.

-Không đâu, mẹ ta bảo thế đấy. Vả lại ta tin ông và ta muốn hỏi ý ông hơn hỏi bất kỳ người nào khác – Này đây – Charles vừa nói vừa lật xác con chó – Ta yêu cầu ông nhìn xem con vật nay bị dính cái gì ở răng và hãy nói ta hay nó chết vì can cớ gì?

Trong khi René tay cầm nến rạp mình sát đất để giấu nỗi xúc động vừa đề thực hiện mệnh lệnh của nhà vua thì Charles đứng dán mắt vào y với vẻ sốt ruột để chờ nghe có thể là lời tuyên án tử hình của mình hoặc cơ may cứu mạng cho mình.

René rút từ trong túi ra một chiếc dao mổ, mở ra và dùng đầu nhọn móc từ miệng con chó nòi ra những mẩu giấy dính với trong răng. Và chăm chú nhìn chất dịch và máu rỉ ra từ mỗi vết thương.

-Thưa bệ hạ – Y vừa nói vừa run – Đây là những triệu chứng xấu.

Charles cảm thấy cơn rùng mình ớn lạnh toàn thân ngấm vào tận tâm can.

-Ừ, con chó này đã bị đầu độc, đúng thế không?

-Tôi sợ rằng như thế, tâu bệ hạ.

-Loại thuốc độc nào?

-Theo tôi thì một loại độc dược có tính chất khoáng.

-Ông có cách nào để tin chắc rằng con vật này đã bị đầu độc hay không?

-Thưa bệ hạ, có chứ, nếu tôi được mổ và xem dạ dày nó.

-Vậy mổ đi, ta không muốn còn chút ngờ vực nào.

-Cần cho gọi người nào đó để giúp tôi một tay.

-Ta sẽ giúp ông – Charles đáp.

-Chính Người ư, tâu bệ hạ?

-Ừ, chính ta. Thế nếu nó bị đầu độc thì chúng ta sẽ thấy có dấu hiệu nào?

-Sẽ có những vết đỏ và vết rễ cỏ trong dạ dày.

-Nào làm thôi – Charles nói.

Rạch một nhát, René mở ngực con chó và dùng sức mạnh đôi bàn tay bành nó ra trong khi Charles quỳ một chân xuống đất soi nến cho y với bàn tay co quắp và run run.

-Tâu bệ hạ. Người thấy đấy, đây là những dấu hiệu rõ ràng. Các vết đỏ này là như tôi đã trình với Người, còn các mạch máu ứa máu nom như rễ cây này là điều mà tôi gọi là vết rễ cỏ. Đây tôi đã tìm thấy những điều tôi muốn biết.

-Vậy đúng là con chó đã bị đầu độc phải không?

-Tâu bệ hạ, vâng.

-Với một độc tố khoáng?

-Hình như thế.

-Thế nếu một người vô tình nuốt phải thứ độc tố đó thì sao?

-Người ấy sẽ cảm thấy nặng đầu, ruột gan nóng bỏng tựa như đã nuốt phải than hồng, đau ruột, nôn mửa.

-Anh ta có khát không? – Charles hỏi.

-Khát khô cả cổ.

-Đúng vậy rồi, đúng vậy rồi – Nhà vua lẩm bẩm.

-Tâu bệ hạ, tôi vẫn không hiểu những câu hỏi đó có nghĩa gì

-Tìm hiểu mà làm gì? Ông không cần biết. Hãy trả lời những câu hỏi của ta, có thế thôi.

-Xin bệ hạ cứ hỏi.

-Có loại thuốc tẩy độc nào cho người đã uống phải cùng thứ thuốc độc như chó của ta không?

René suy nghĩ một lát: -Có nhiều loại chất độc khoáng khác nhau. Trước khi trả lời bệ hạ, tôi muốn biết đây là loại chất độc gì. Thánh thượng có khái niệm gì về cách thức người ta đầu độc con chó của Người không?

-Có nó ăn phải một trang sách.

-Một trang sách ạ?

-Thế thánh thượng có quyển sách ấy ở đây không?

-Nó đây – Charles vừa nói vừa lấy quyển sách ông đã để trên giá và gia cho René xem.

René kinh ngạc giật mình và cử chỉ đó không lọt khỏi mắt Charles.

-Nó đã ăn một trang của quyển sách này ư? – René lúng túng hỏi.

-Trang này đây.

Và Charles chỉ cái trang bị rách.

-Xin bệ hạ cho phép tôi được xé một trang sách khác được không?

-Cứ làm đi.

René xé một trang sách đưa lại gần ngọn nến. Trang giấy bắt lửa và mùi tỏi nồng nặc tỏa ra khắp phòng.

-Con vật đã bị đầu độc bằng một hỗn hợp arsenic.

-Ông có chắc không?

-Tôi chắc chắn như chính tay tôi đã pha chế chất đó vậy.

-Thế còn thuốc tẩy độc?

René lắc đầu.

-Sao? – Charles khàn giọng hỏi – Ông không biết liều tẩy độc à?

-Thứ tốt nhất và công hiệu nhất là lòng trắng trứng đánh với sữa, nhưng…

-Nhưng sao?

-Nhưng phải được uống ngay sau đó, nếu không…

-Nếu không thì sao?

-Tâu bệ hạ, đây là một thứ thuốc độc khủng khiếp – René lại lặp lại – Nó không làm chết ngay kia mà – Charles hỏi.

-Không, nhưng nó giết người một cách chắc chắn, thời gian lâu hay chóng không quan trọng, thậm chí đôi khi đó lại là một ý đồ có tính toán trước.

Charles phải dựa vào chiếc bàn cẩm thạch.

-Bây giờ – Ông vừa nói vừa đặt tay lên vai René – Ông biết quyển sách này chứ?

-Tôi ấy ư, tâu bệ hạ? – René tái mặt hỏi.

-Ừ, chính ông. Khi nhìn thấy nó, ông đã giật mình.

-Tâu bệ hạ, tôi xin thề…

-René, ông nghe đây: ông đã đầu độc cố hoàng hậu Navarre với những chiếc găng tay, ông đã đầu độc ông hoàng Porcian với khói đèn, ông đã định đầu độc ông de Condé với một quả táo thơm. René, ta sẽ cho lấy kìm nung đỏ rứt thịt ông ra từng mảnh nếu ông không nói ta hay quyển sách này của ai?

Gã Florence thấy chẳng thể đùa với cơn giận của Charles và quyết định đánh liều.

-Tâu bệ hạ, nếu tôi nói ra sự thật, ai sẽ đảm bảo rằng tôi sẽ không bị trừng phạt tàn ác hơn cả khi tôi im lặng.

-Ta.

-Xin bệ hạ hứa cho lời của bậc vương chủ.

-Thề danh dự quý tộc, ông sẽ được sống – Charles đáp.

-Nếu vậy, quyển sách này là của tôi. – René nói.

-Của ông? – Charles thốt lên và lùi lại nhìn kẻ chuyên đầu độc người.

-Thưa vâng, của tôi.

-Làm sao nó lại ra khỏi tay ông được?

-Lệnh bà Thái hậu đã lấy nó ở nhà tôi.

-Thái hậu! – Charles thốt lên.

-Thưa vâng.

-Nhưng để làm gì?

-Tôi nghĩ là để chuyển cho vua Navarre là người đã hỏi mượn quận công d'Alençon một quyển sách thuộc loại này để học cách săn bằng chim.

-Ôi! Chính vậy, ta hiểu hết rồi – Charles thốt lên – Quả là quyển sách này ở cung Henriot. Người ta có số, mệnh ta cùng rồi.

Vừa lúc đó Charles bị ho khan dữ dội, sau đó ông lại bị đau trong gan ruột. Ông thốt ra một vài tiếng kêu nghẹn ngào và ngã vật xuống ghế.

-Tâu bệ hạ, Người bị làm sao? – René hoảng sợ hỏi.

-Không sao – Charles đáp – Nhưng ta khát, cho ta uống nước.

René rót đầy một cốc nước và run rẩy dâng lên Charles, ông cầm lấy uống cạn một hơi.

-Bây giờ – Charles cầm bút, chấm vào mực và nói – Viết lên trên quyển sách này đi.

-Tôi phải viết gì?

-Ta đọc cho ông đây.

"Quyển sách dạy đi săn bằng chim này đã được tôi trao cho Thái hậu Catherine de Médicis."

René cầm bút viết.

-Bây giờ thì ký đi.

Y ký.

-Bệ hạ hứa tha toàn mạng sống cho thần – Y nói.

-Về phần ta thì ta sẽ giữ lời.

-Nhưng còn về phần Thái hậu thì sao?

-Ô về phía ấy thì không dính líu gì đến ta – Charles đáp – Nếu có người tấn công ông thì ông tự vệ đi.

-Tâu bệ hạ, thần có thể rời nước Pháp nếu thấy tính mạng bị đe doạ được không?

-Mười lăm ngày nữa ta sẽ trả lời ông.

-Nhưng trong khi chờ đợi thì…

Charles cau mày, đặt ngón tay lên đôi môi trắng bệch của ông.

-Ồ, xin bệ hạ cứ yên lòng.

Quá mừng vì thoát thân được dễ dàng như thế, René cúi mình thi lễ và lui ra.

Sau y là nhũ mẫu xuất hiện ở cửa buồng bà.

-Có chuyện gì vậy Charles? – Bà hỏi.

-Nhũ mẫu, sáng nay ta nhuốm phải sương nên bị ốm.

-Đúng là con xanh lắm, Charles ạ.

-Ta yếu lắm. Nhũ mẫu đưa tay đây đỡ ta đi tới giường nào.

Nhũ mẫu hấp tấp lại gần. Charles tựa vào bà đi về phòng.

-Bây giờ, ta sẽ tự mình đi nằm thôi – Charles nói.

-Thế nếu thầy Ambroise Paré đến thì sao?

-Nhũ mẫu bảo rằng ta đã khỏe hơn và không cần ông ta nữa.

-Nhưng trong lúc này thì con uống thuốc gì?

-Ồ! Bài thuốc đơn giản thôi, lòng trắng trứng đánh với sữa. À mà này nhũ mẫu, con Actéon tội nghiệp đã chết mất rồi. Sáng mai phải đem nó chôn trong góc vườn Louvre thôi. Nó đã là một trong những người bạn tốt nhất của ta… Ta sẽ sai dựng mồ cho nó… nếu ta còn kịp làm.

§54. Rừng Vincennnes

Theo lệnh của Charles ngay tối hôm đó Henri được dẫn tới rừng Vincennnes. Thời đó người ta gọi toà lâu đài nổi tiếng đó như vậy. Ngày nay chỉ còn lại một đống hoang tàn, một tàn tích khổng lồ đủ cho ta hình ảnh về tầm cỡ vĩ đại xa xưa của nó.

Cuộc di chuyển được tiến hành bằng kiệu. Mỗi bên kiệu có bốn vệ binh đi kèm. Ông de Nancey đi đầu mang theo lệnh để mở cho Henri cánh cửa của nhà tù bảo trợ.

Tới đường ngầm ở bờ thành, đoàn người dừng lại. Ông de Nancey xuống ngựa, mở cánh cửa kiệu khóa kín và cung kính mời vua Navarre xuống.

Henri tuân lời, không phản kháng gì. Ở đâu đối với ông cũng an toàn hơn ở Louvre và mười cánh cửa khép lại sau lưng ông cũng là mười cánh cửa ngăn cách giữa ông và Catherine de Médicis.

Ông vua tù đi qua cầu treo giữa hai người lính, vượt qua ba cửa từng dưới của tháp và cửa tầng dưới của cầu thang rồi vẫn luôn luôn theo sau ông de Nancey, ông lên một tầng gác.

Tới đó, thấy ông vẫn định lên tiếp, viên chỉ huy vệ binh ngăn ông lại: -Thưa đức ông, xin Người dừng lại.

-Ái chà! – Henri dừng lại nói – Hình như ta được ban cho vinh dự ở tầng một thì phải.

-Thưa bệ hạ, người ta đối xử với Người như đối xử với một vị vua.

-Thôi thôi! Vài ba tầng gác nữa cũng chẳng làm ta thấy nhục tí nào. Chỗ này tốt quá, người ta sinh nghi mất.

-Xin bệ hạ vui lòng theo tôi. – Ông de Nancey nói.

-Trời đất! Ở đây làm gì có chuyện ta vui lòng hay không vui lòng. Đây là việc ta phải làm theo lệnh anh Charles của ta. Ông ta có ra lệnh cho ta đi theo ông không?

-Thưa bệ hạ, có.

-Nếu vậy thì thưa ông, ta xin theo ông.

Họ đi vào một hành lang, ở đầu kia hành lang là một căn phòng tương đối rộng với những bức tường tối tăm và có vẻ hết sức ảm đạm.

Henri nhìn quanh trong lòng không phải là không lo lắng.

-Chúng ta đang ở đâu vậy? – Ông hỏi.

-Thưa đức ông, chúng ta đang đi qua phòng tội hình.

-À ra thế!

Và Henri để ý nhìn kỹ hơn.

Trong phòng có đủ thứ: bình đựng nước và giá gỗ để cho hình phạt tra bằng nước, nêm và vồ để cho hình phạt bẻ chân. Ngoài ra, những ghế ngồi bằng đá dành cho những kẻ bất hạnh chờ đến lượt tra tấn được đặt gần như vòng quanh khắp phòng, và ở trên, ở dưới, ở ngay trên các ghế đó là những vòng sắt gắn thẳng vào tường không tuân theo tính đối xứng nào khác ngoài tính đối xứng của nghệ thuật hành tội. Nhưng chúng ở gần các ghế nên người ta dễ đoán ngay là chúng được dành cho những kẻ ngồi trên ghế.

Henri đi tiếp mà không nói nửa lời, nhưng ông không để lọt một chi tiết nào đến cả cái bộ máy ghê tởm có thể nói là đã viết nên lịch sử của nỗi đau đớn trên các bức tường.

Mải nhìn quanh nên Henri không nhìn xuống chân và bị vấp: -Này, cái gì đây? – Ông hỏi.

Và chỉ vào một thứ giống như rãnh sâu được đào xuống nền đá ẩm ướt làm sàn nhà.

-Thưa bệ hạ, đó là máng nước.

-Ở đây có mưa à?

-Thưa bệ hạ, vâng, mưa máu.

-Ái chà! Tốt lắm – Henri thốt lên – Thế chúng ta sắp tới phòng ta chưa?

-Thưa đã, thưa bệ hạ, ở đây đây.

Có một bóng người lờ mờ trong tối, người ta càng tới gần thì bóng đó càng rõ hơn và thực hơn

Henri nghe giọng quen quen, bước lên vài bước và nhận ra một mặt người.

-Ơ này! Ông đấy à, Beaulieu. Ông làm cái quái quỷ gì ở đây vậy?

-Thưa bệ hạ, tôi vừa nhận được sắc phong làm quan chủ pháo đài Vincennnes.

-Ồ ông bạn thân mến, – ông mở đầu thật hách – Có một ông vua làm tù nhân, khá quá còn gì.

-Xin lỗi bệ hạ – Beaulieu đáp – Nhưng trước Người tôi đã tiếp nhận hai nhà quý tộc rồi.

-Ai vậy? À xin lỗi, có lẽ ta hơi tò mò. Nếu vậy cứ coi như ta chưa nói gì cả nhé.

-Thưa bệ hạ, người ta không dặn tôi phải giữ bí mật, đó là các ông de Mole và de Coconnas.

-À. Ừ nhỉ, ta đã được thấy người ta bắt các vị quý tộc không may ấy. Thế họ chịu cơn bĩ cực này như thế nào?

-Một cách hoàn toàn khác nhau, người vui, kẻ buồn, người thì hát, kẻ thì than thở.

-Thế ai than thở?

-Ông de Mole.

-Nói thật chứ, ta thông cảm với anh rên rỉ hơn là với anh ca hát đấy. Theo những gì ta thấy thì nhà tù chẳng phải là vui vẻ lắm đâu. Thế họ ở tầng mấy?

-Tít trên cao kia. Tận tầng tư.

Henri thở dài, ông cũng muốn được ở đây hơn.

-Nào, ông de Beaulieu, hãy vui lòng chỉ cho ta phòng của ta, ta nóng lòng muốn được tới đấy lắm vì ngày hôm nay ta mệt quá.

-Thưa bệ hạ đây – Beaulieu chỉ cho Henri một căn phòng cửa mở toang.

-Phòng số 2 – Henri nhận xét – Tại sao không phải là phòng số 1 nhỉ?

-Vì thưa bệ hạ, phòng số 1 có người đặt giữ chỗ rồi.

-Ái chà! Chắc ông định chờ đón một người tù dòng dõi cao quý hơn ta chắc?

-Thưa bệ hạ, tôi đâu có nói là để cho một tù nhân.

-Thế thì để cho ai?

-Cúi xin bệ hạ đừng hỏi thêm vì tôi sẽ buộc phải im lặng và làm thế là bất tuân lời bệ hạ.

-À nếu vậy thì khác – Henri đáp.

Và ông trở nên trầm tư hơn nữa, cái phòng số 1 này khiến ông tò mò ra mặt. về phần còn lại, viên chủ pháo đài cũng vẫn không từ bỏ thái độ lịch sự ban đầu. Với hàng ngàn những lời hoa mỹ cẩn thận ông sắp xếp cho Henri trong phòng, ra sức xin lỗi về những tiện nghi mà nhà vua có thể thấy còn thiếu, đặt hai lính gác ở cửa và đi ra.

-Bây giờ đến những người kia – Beaulieu nói với viên giữ cửa xếp nhà ngục.

Viên giữ cửa đi trước. Họ lại quay ngược lại đường cũ, qua phòng tội hình, hành lang, tới cầu thang, và theo người dẫn đường, ông de Beaulieu leo thêm ba tầng gác nữa.

Lên tới tầng thứ ba, gộp cả với tầng thứ nhất nữa là bốn tầng, người giữ cửa lần lượt mở ba cánh cửa được trang trí mỗi cửa bằng hai ổ khoá và ba ổ chốt to tướng.

Ông ta vừa chạm vào cánh cửa thứ ba thì có giọng nói vui vẻ kêu lên: -Ê này! Mẹ kiếp! Mở cửa ra, dù chỉ để cho không khí chui vào thôi cũng được. Lò nhà các anh nóng đến chết ngạt được.

Nghe câu rủa quen thuộc chắc bạn đọc đã nhận ra Coconnas, chàng chỉ nhảy một bước là đã tới bên cửa.

-Chờ tí đã, thưa ông quý tộc – Viên giữ cửa nói – Tôi đến không phải để thả ông ra mà là để vào và có ngài chủ pháo đài theo tôi.

-Quan chủ pháo đài! – Coconnas thốt lên – Thế ông ta đến làm gì?

-Đến để thăm ông.

-Thật vinh dự quá, xin hoan nghênh ông chủ pháo đài.

Ông Beaulieu bước vào thật và dẹp ngay nụ cười thân mật của Coconnas bằng một trò lịch sự lạnh lùng của riêng các viên chủ thành, các viên coi ngục và

đao phủ.

-Thưa ông, ông có tiền không? – Ông ta hỏi tù nhân.

-Tôi ấy à? – Coconnas đáp – Không có một xu.

-Ông có đồ trang sức không?

-Tôi có một cái nhẫn.

-Xin ông vui lòng cho tôi được khám người.

-Mẹ kiếp! – Coconnas đỏ mặt lên vì tức – Ông thật may là đang ở trong tù và tôi cũng đang trong tù.

-Cần phải biết chịu đựng để phục vụ đức vua.

-Hoá ra là những người lương thiện cướp của trên Cầu Mới cũng là phục vụ đức vua như ông đấy? Mẹ kiếp? Tôi bất công thật, thưa ông, vì cho tới nay tôi vẫn cứ tưởng họ là đồ kẻ cướp.

-Thưa ông, xin chào ông – Beaulieu nói – Lính! Nhốt ông đây lại.

Viên chủ thành bỏ đi mang theo chiếc nhẫn của Coconnas.

Đó là một chiếc nhẫn khảm ngọc bích tuyệt đẹp của phu nhân de Nervers tặng chàng để nhắc chàng nhớ tới màu mắt nàng.

-Tới người kia! – Chủ pháo đài phán.

Họ đi qua buồng trong và cái trò ba cánh cửa, sáu ổ khoá với chín ổ chốt lại tái diễn.

Cánh cửa cuối cùng mở ra và một tiếng thở dài là tiếng động đầu tiên vọng tới những người khách.

Căn phòng nom còn ảm đạm hơn cả phòng ông Beaulieu vừa ra khỏi. Bốn lỗ châu mai và hẹp trong to ngoài nhỏ soi sáng lờ mờ cho cái nơi ở đáng buồn này. Hơn nữa, những song sắt được lồng chéo một cách khá nghệ thuật để tầm nhìn luôn bị ngăn chặn bởi một đường mờ đục, và tù nhân thậm chí còn không thể nhìn thấy trời qua lô châu mai.

Những đường xây kiến trúc vòng cung xuất phát từ mỗi góc phòng, tụ lại giữa trần và uốn ra thành hình hoa thị. – De Mole ngồi trong góc, mặc dù có khách nhưng chàng vẫn ngồi yên tựa như không nghe thấy gì.

Viên chủ thành đứng dừng trên ngưỡng cửa và nhìn người tù một lúc. Chàng vẫn ngồi gục đầu vào tay, bất động.

-Chào ông, ông De Mole – Beaulieu cất tiếng.

Chàng trai từ từ ngẩng đầu lên.

-Chào ông – Chàng đáp.

-Thưa ông, tôi đến để khám xét ông – Viên chủ pháo đài thông báo.

-Ích gì – De Mole đáp – Tôi sẽ giao tất cả những gì tôi có cho ông.

-Ông có những gì?

-Khoảng ba trăm écus, đồ trang sức và nhẫn.

-Xin ông đưa đây.

-Đây! – De Mole lục túi, tháo hết nhẫn ở ngón tay và gỡ chiếc ghim cài trên mũ.

-Ông không còn gì nữa à?

-Tôi nghĩ là không.

-Thế cái sợi dây lụa ở cổ ông kia đeo cái gì vậy?

-Thưa ông, đây không phải là đồ vàng bạc mà là một thành tích.

-Đưa đây.

-Sao? Ông đòi như vậy à?

-Tôi được lệnh chỉ để lại quần áo cho ông thôi. Thành tích không phải là quần áo.

De Mole phác một cử chỉ tức giận. Ở một sự bình tĩnh tuy đau đớn mà đàng hoàng khiến chàng nổi bật lên, nỗi tức giận đó dường như còn đáng sợ hơn đối với những người vẫn quen với những tình cảm mạnh. Nhưng chàng lại bình tĩnh ngay và nói: -Thôi được, thưa ông, ông sẽ được nhìn thấy cái mà ông yêu cầu. Chàng quay mặt đi như để tiến lại gần phía ánh sáng và rút cái thành tích giả mạo đó ra. Thành tích đó chẳng phải là cái gì khác ngoài một chiếc mề đay trong có một bức chân dung mà chàng rút ra và đưa lên môi. Sau khi đã hôn bức chân dung nhiều lần, chàng giả vờ đánh rơi xuống đất và dằn mạnh gót giày lên trên khiến nó vỡ tan thành ngàn mảnh.

-Kìa ông! … – Viên chủ pháo đài thốt lên.

Và y cúi xuống xem có thể vớt vát lại được cái vật bí ẩn mà De Mole đã muốn giấu y ấy. Nhưng bức hình nhỏ đã bị nghiền ra như cám.

-Nhà vua muốn có vật trang sức này – De Mole nói – Nhưng Người không có quyền gì đối với bức chân dung mà tấm mề đay chứa đựng. Giờ thì mề đay đây, ông có thể cầm lấy.

-Thưa ông – Beaulieu đáp – Tôi sẽ khiếu nại tới đức vua.

Và không chào từ biệt người tù lấy một lời, y bước ra cáu kỉnh đến nỗi để mặc cho viên giữ cửa đóng các cửa lại mà không cần có ý chứng kiến.

Người coi ngục bước mấy bước như định đi rồi khi thấy ông de Beaulieu đã bước xuống những bậc thang đầu tiên, anh ta quay lại nói: -Thưa ông thật may là tôi đã đề nghị ông trao ngay cho tôi trăm écus nhờ đó tôi cho phép ông được nói chuyện với bạn ông. Nếu ông không trao cho tôi thì quan chủ thành đã lấy đi mất cùng ba trăm écus kia rồi và lương tâm tôi sẽ không cho phép tôi giúp các ông việc gì nữa cả. Nhưng vì tôi đã được trả tiền trước, tôi đã hứa là cho ông gặp bạn ông… đi nào… người tử tế chỉ có lời hứa là quý… Tuy nhiên nếu có thể được thì xin các ông đừng nói chuyện chính trị, thế là tốt cho cả hai đằng.

De Mole ra khỏi phòng và thấy trước mình là Coconnas đang xoạc cẳng bước trên những tấm lát sàn của căn phòng giữa.

Hai người bạn ôm chầm lấy nhau.

Viên giữ cửa làm bộ chùi khóe mắt và đi ra để canh cho hai người tù hay đúng hơn cũng là để canh cho chính y.

-A! Cậu đây rồi! – Coconnas kêu – Thế nào, cái thằng cha chủ pháo đài ghê tởm ấy đã tới thăm cậu rồi đấy à?

-Mình đoán hắn cũng thăm cậu rồi.

-Thế hắn lấy hết của cậu à?

-Cậu thì chắc cũng thế chứ gì.

-Ôi, mình thì chẳng có gì, mỗi một cái nhẫn của Henriette.

-Thế còn tiền mặt thì sao?

-Có gì thì mình đã cho hết cái lão giữ cửa tốt bụng kia để hắn cho chúng mình gặp nhau.

-Á à! Hình như hắn xơi cả hai đằng thì phải.

-Cậu cũng trả cho lão à?

-Mình cho hắn một trăm écus.

-Người giữ cho chúng mình là đồ khốn kiếp thì càng tốt chứ sao.

-Đúng thế, với tiền ta muốn làm gì cũng được, và cũng phải hy vọng là tiền thì chúng mình không thiếu.

-Bây giờ cậu đã hiểu ra chuyện gì xảy đến với chúng mình chưa?

-Rõ quá… Chúng ta đã bị phản.

-Chính bởi cái thằng quận công đáng ghét ấy. Mình muốn vặn cổ hắn là có lý lắm.

-Cậu nghĩ chuyện chúng mình có nghiêm trọng lắm không?

-Mình sợ rằng có đấy.

-Vậy thì, phải sợ… nhục hình.

-Mình không giấu cậu là mình đã nghĩ tới điều đó.

-Nếu đến nước ấy thì cậu bảo sao?

-Thế còn cậu?

-Mình sẽ im lặng – De Mole đỏ bừng mặt lên nói.

-Cậu định im à? – Coconnas la lên.

-Ừ nếu mình có đủ sức.

-Còn mình, nếu người ta giở cái trò đồi bại ấy ra với mình, mình sẽ nói nhiều chuyện.

-Nhưng chuyện gì mới được chứ? – La Mole vội vàng hỏi.

-Ôi! Cứ yên trí! Những chuyện có thể khiến ông d'Alençon mất ăn mất ngủ một thời gian.

De Mole sắp sửa đổi lại người thì người coi ngục chắc nghe thấy tiếng động gì đó, chạy vào đẩy hai người bạn mỗi người về một phòng và đóng sập cửa lại sau lưng họ.

§55. Hình nhân bằng sáp

Đã tám ngày nay Charles nằm liệt giường vì bị sốt suy nhược, đôi khi có những cơn kịch phát giống như bệnh trúng phong lúc lên cơn. Trong những cơn kịch phát, thỉnh thoảng ông rú lên khiến đám vệ binh đứng canh ngoài tiền phòng lắng nghe với vẻ khiếp hãi. Tiếng rú dội lại thành tiếng vọng trong những tầng sâu thẳm của cung Louvre mà ít lâu nay dường như hay bị thức tỉnh bởi những tiếng động khủng khiếp. Rồi khi cơn bệnh lui, ông mệt mỏi, mắt lớ đờ, tới tựa vào tay nhũ mẫu trong niềm im lặng vừa có ý khinh miệt vừa có vẻ kinh hoàng.

Không bày tỏ với nhau về những cảm. giác của mình, mẹ và con mỗi người đều tìm cách lẩn tránh chứ không chạm trán nhau. Catherine de Médicis và quận công d'Alençon trong lòng đã rập rình những ý nghĩ hắc ám. Kể lại điều đó có khác nào như muốn mô tả sự lúc nhúc ghê tởm dưới đáy sâu một ổ rắn độc.

Henri đã bị nhốt kín trong phòng, và theo lệnh của chính Charles, không ai được phép gặp ông ngay cả Marguerite cũng vậy.

Trước mắt mọi người, đó là sự thất sủng hoàn toàn; Catherine và d'Alençon tưởng Henri thế là đã hết đường ngoi ngóc nên cảm thấy dễ thở hơn, còn Henri ăn uống bình tĩnh hơn, lòng hy vọng người ta đã quên mất mình

Tại triều đình, không ai ngờ tới nguyên nhân thật của căn bệnh của nhà vua. Thầy Ambroise Paré và Madin, đồng nghiệp của thầy, đã thừa nhận là có viêm ở dạ dày, họ đã nhầm kết quả với nguyên nhân và chỉ đến thế thôi. Do đó họ đã kê một chế độ ăn uống nhằm làm giảm nhẹ cơn đau và có ích, thứ nước uống đặc biệt mà René đã chỉ định và Charles uống một ngày ba lần do chính tay nhũ mẫu mang tới, chất nước đó là nguồn thức ăn chính của nhà vua.

De Mole và Coconnas bị cầm cố chặt chẽ ở Vincennnes. Đã có tới chục lần Marguerite và phu nhân de Nervers cố thử tìm cách gặp họ hay ít ra là trao được cho họ một lá thư, nhưng cả hai nàng đều thất bại.

Một sớm, giữa những cơn đau và hồi sức mà Charles luôn luôn cảm thấy, ông thấy trong người khá hơn và muốn cho tất cả triều đình vào chầu. Như thường lệ, mặc dù lễ mình khởi không có nữa, sáng nào quần thần cũng tới. Thế là cửa được mở qua sắc xanh xao trên má, màu vàng vọt trên vầng trán nhẵn như ngà, những tia lửa bừng bừng của đôi mắt trũng sâu thâm quầng, người ta nhận thấy căn bệnh bí hiểm đã tàn hại nhà vua trẻ tuổi đến mức độ cao.

Chẳng mấy chốc, phòng ngự đã đầy chật những triều thần tò mò và quan tâm. Catherine, d'Alençon và Marguerite được báo là nhà vua cho vào chầu.

Cả ba người lần lượt đến cách nhau một quãng thời gian ngắn: Catherine bình thản, d'Alençon tươi cười, Marguerite phờ phạc.

Catherine ngồi xuống đầu giường con trai mà không để ý tới ánh mắt nhà vua khi bà tới gần. Ông d'Alençon đứng phía cuối giường.

Marguerite tỳ người lên một chiếc bàn. Thấy vầng trán nhợt nhạt, gương mặt võ vàng và hố mắt sâu thẳm của anh, nàng không cầm được một giọt nước mắt và thở dài.

Chẳng có gì lọt khỏi mắt Charles được. Ông nhìn thấy giọt lệ ấy nghe tiếng thở dài ấy và khẽ gật đầu với Marguerite.

Dấu hiệu dù rất nhỏ nhoi khó nhận thấy nhưng vẫn làm nét mặt của bà hoàng hậu Navarre tội nghiệp tươi lên. Henri đã không kịp hay thậm chí có lẽ không muốn nói gì cho nàng biết trước. Nàng lo lắng cho chồng và run sợ cho người yêu. Đối với bản thân mình thì nàng không ngại gì hết. Nàng biết quá rõ De Mole và hiểu rằng nàng có thể tin cậy nơi chàng.

-Thế nào? – Catherine hỏi – Con thân yêu, con thấy trong người thế nào?

-Khá hơn mẹ ạ.

-Các thầy thuốc của anh bảo sao?

-Các thầy thuốc của tôi ấy à? Ồ! Đó quả là những vị danh y mẹ ạ – Charles vừa nói vừa phá lên cười – Tôi xin thú nhận là tôi hết sức vui thích được nghe họ bàn luận với nhau về căn bệnh của tôi. Nhũ mẫu, đem cho ta nước uống.

Nhũ mẫu đem lại cho Charles một tách thứ nước uống thường lệ của ông.

-Thế họ cho anh uống thuốc gì?

-Ồ! Thưa bà, ai mà biết được họ kê cho tôi thứ thuốc ma gì? – Nhà vua vừa đáp vừa hấp tấp nuốt vội chén thuốc của ông.

-Cái mà anh tôi cần – François xen vào – Đó là phải dậy được và ra sưởi nắng mặt trời. Săn bắn sẽ làm anh khỏe vì anh yêu thích đi săn mà.

-Ừ, ấy thế mà cuộc đi săn mới đây lại làm ta ốm đấy – Charles nói với một nụ cười mà quận công khó lòng hiểu nổi ý nghĩa.

D Alençon làm một cử chỉ như muốn xích lại gần anh nhưng một thứ tình cảm nội tâm nào đó khiến ông ta dừng lại. Ông cúi chào và lui ra

-Ông nói những lời đó với vẻ kỳ quặc đến nỗi cuộc nói chuyện dừng lại ở đó còn những người dự chầu thì không lúc nào xen vào được một câu. Rồi nhà vua gật đầu ra hiệu. Triều thần hiểu rằng cuộc triều kiến đến đây kết thúc, lục tục rút lui.

Marguerite quỳ xuống bàn tay xương xẩu người anh chìa ra cho mình, siết chặt và hôn, rồi cũng lui về.

"Margot tốt bụng" – Charles lẩm bẩm.

Chỉ mỗi mình Catherine vẫn ngồi lại đầu giường. Khi thấy chỉ còn một mình với mẹ. Charles lùi dần về phía thành giường phía trong với cảm giác kinh sợ như người ta lùi trước một con rắn.

Đó là vì Charles được René thú nhận và cho biết và hơn nữa, nhờ yên tĩnh trầm tư suy nghĩ, Charles thậm chí không còn đến cả cái may mắn được nghi ngờ nữa.

-Ông đã biết rõ cái chết của ông là do ai và cái gì gây ra.

Vì vậy khi Catherine tới gần giường và chìa ra phía con trai bàn tay lạnh ngắt cũng như cái nhìn của bà, con bà rùng mình và phát sợ.

-Bà ở lại đây à? – Charles hỏi.

-Ừ, con ạ – Catherine đáp – Ta cần nói với con về mấy việc quan trọng.

-Xin bà cứ nói đi – Charles đáp và lại càng lùi sâu hơn nữa.

-Thưa bệ hạ, ta đã nghe Người khẳng định lúc nãy rằng thầy thuốc của Người là những bậc danh y.

-Thưa bà, tôi vẫn khẳng định như vậy.

-Tuy vậy, họ đã làm được gì kể từ khi bệ hạ lâm bệnh?

-Chẳng làm gì cả, có thể thật… Nhưng nếu bà nghe thấy những điều họ nói nhỉ… Thưa lệnh bà, tôi chỉ muốn được ốm để nghe những bài bình luận thông thái đến thế mà thôi.

-Còn ta, con ạ, con có muốn ta nói với con một điều không?

-Sao? Xin bà cứ nói đi.

-Này, ta nghi rằng tất cả các vị danh y đó không hiểu gì hết về căn bệnh của anh.

-Thưa bà, thật thế sao?

-Có thể họ nhìn thấy kết quả, nhưng không biết rõ nguyên nhân.

-Có thể lắm – Charles vẫn chưa hiểu Thái hậu định dẫn câu chuyện tới đâu.

-Thế nên họ chữa triệu chứng chứ không phải chữa căn nguyên của bệnh.

-Thề có linh hồn tôi! – Charles ngạc nhiên kêu lên – Tôi nghĩ là mẹ nói đúng đấy.

-Thế này con ạ, đối với lợi ích quốc gia cũng như đối với lòng ta, thật không thể để anh ốm lâu hơn được nữa. Vì trước hết là tinh thần anh sẽ sa sút, thế nên ta đã cho triệu tất cả những bác sĩ thông thái nhất.

-Thông thái nhất về nghề y ấy ư, thưa bà?

-Không, một nghề còn thâm thuý hơn, một thứ nghệ thuật cho phép người ta không chỉ đọc được trong thân thể con người mà còn đọc được trong lòng người nữa.

-À! Cái nghề ấy đẹp đấy, thưa bà. Người ta không dạy nghề ấy cho các ông vua cũng đúng thôi! Thế các việc tìm kiếm của bà có kết quả gì không?

-Có

-Kết quả như thế nào?

Đó chính là kết quả ta mong đợi. Và ta đem đến cho bệ hạ liều thuốc có thể chữa khỏi cả thể xác lẫn trí óc Người.

Charles rùng mình. Ông nghĩ rằng Thái hậu thấy ông lâu chết quá đã quyết định kết liễu một cách khôn khéo điều mà bà đã bắt tay vào làm một cách vô tình.

-Thế thuốc ấy đâu? – Charles chống cùi tay nhỏm dậy và nhìn mẹ.

-Thuốc ở ngay trong căn bệnh – Catherine đáp.

-Vậy căn bệnh là ở đâu?

-Con hãy nghe ta, đã bao giờ con nghe thấy chuyện những kẻ thù bí mật tuy ở xa nhưng vẫn giết chết nạn nhân của mình không?

-Giết chết bằng gươm hay bằng thuốc độc? Charles hỏi, mắt không rời khỏi vẻ mặt lạnh lùng của mẹ.

-Không, giết người bằng những phương tiện chắc chắn hơn nhiều, khủng khiếp hơn nhiều.

-Xin lệnh bà nói rõ ra.

-Con ạ, anh có tin vào ma thuật và phù phép không?

Charles nén một nụ cười khinh miệt vẻ không tin.

-Tin nhiều lắm chứ – Ông đáp.

-Thế thì những nỗi đau của bệ hạ là ở đấy – Catherine vội vàng nói – Một kẻ thù của bệ hạ không dám đánh Người công khai, đã bí mật âm mưu chống Người. Việc hắn âm mưu chống lại thể xác bệ hạ càng nguy hiểm hơn vì hắn không có tòng phạm và người ta không thể nắm bắt được những giây mơ rễ má bí ẩn của âm mưu này.

-Thật quả là không! – Charles phẫn nộ trước quá nhiều trò xảo quyệt.

-Con hay tìm kỹ lại xem. Hãy nhớ lại vài âm mưu bỏ trốn mà đáng ra đã đảm bảo cho kẻ giết người khỏi bị trừng phạt.

-Kẻ giết người! – Charles kêu lên – Bà bảo là kẻ giết người ư? Có kẻ định giết tôi ư, thưa mẹ?

Con mắt mượt mà của Catherine tròn lên một cách giả dối dưới lớp mi: -Đúng thế con ạ, có thể anh còn nghi ngờ, nhưng ta thì ta tin chắc rồi.

-Tôi không bao giờ nghi ngờ những lời mẹ nói với tôi – Nhà vua chua chát nói – Thế người ta định giết tôi như thế nào. Tôi thật tò mò đấy.

-Giết bằng phù phép.

-Bà nói rõ ra xem nào – Tuy ghê tởm nhưng Charles vẫn trở lại với vai trò người quan sát của mình.

-Nếu cái kẻ âm mưu mà tôi muốn vạch mặt chỉ tên ấy… kẻ đó tự đáy lòng bệ hạ cũng biết là ai rồi… Nếu kẻ đó sau khi đã sắp đặt xong hết các mưu chước của hắn, sau khi tin chắc sẽ thành công, nếu hắn đã trốn thoát được rồi thì có lẽ không ai có thể thấu được nguyên nhân những cơn đau đớn của bệ hạ được. Nhưng thưa bệ hạ, may mắn thay, em Người đã quan tâm đến Người.

-Em nào?

-Người em d'Alençon của bệ hạ.

-À ừ nhỉ, tôi quên mất là tôi có một ông em đấy – Charles lẩm bẩm và cười với vẻ chua chát – Vậy bà nói tiếp đi.

-May thay nó đã vạch ra được khía cạnh vật chất của việc âm mưu này cho bệ hạ. Nhưng vốn là một đứa trẻ còn thiếu kinh nghiệm, nó chỉ nhìn thấy dấu vết của một mưu cơ bình thường, những bằng chứng của việc lẩn trốn của một thanh niên. Còn ta, ta tìm kiếm những bằng chứng của một hành động quan trọng hơn nhiều vì ta biết rõ tầm nhìn của thủ phạm.

-Ái chà! Mẹ ơi, hình như mẹ đang nói đến vua Navarre thì phải – Charles nói, ông muốn biết xem cái trò giả vở giả vịt kiểu Florentine này sẽ đi tới đâu.

Catherine cúi mặt xuống đầy vẻ đạo đức giả.

-Tôi thấy hình như tôi đã cho bắt hắn và dẫn tới Vincennnes vì tội bỏ trốn mà bà vừa nói đấy – Nhà vua tiếp – Vậy ra hắn còn nhiều tội hơn là tôi tưởng sao?

-Anh có cảm thấy bị cơn sốt giày vò không? – Catherine hỏi.

-Chắc chắn là có, thưa bà – Charles cau mày nói.

-Anh có cảm thấy như bị lửa nung nấu tim gan anh không?

-Có – Charles đáp, vẻ mặt ông mỗi lúc mỗi tối sầm.

-Có những cơn đau đầu chạy từ mắt anh rồi xuyên qua óc như những làn tên bắn không?

-Có chứ, thưa bà. Ồ! Tôi cảm thấy tất cả những điều đó! Bà tả căn bệnh của tôi mới đúng làm sao!

-Đó là vì đơn giản lắm bệ hạ hãy nhìn đây…

Và bà rút từ dưới áo choàng ra một vật mà bà trình lên cho nhà vua.

Đó là một hình nhân bằng sáp vàng nhạt, cao chừng sáu tấc. Bên trong hình nhân này mặc một chiếc váy điểm sao vàng bằng sáp, ngoài là một chiếc hoàng bào cũng bằng chất liệu như vậy.

-Thế cái tượng nhỏ này là thế nào? – Charles hỏi.

-Xin bệ hạ hãy nhìn vật trên đầu nó.

-Có một vương miện – Charles đáp.

-Thế còn ở tim?

-Một chiếc kim.

-Vậy bệ hạ có nhận ra mình đây không?

-Tôi à?

-Vâng chính bệ hạ, với vương miện và hoàng bào của mình.

-Thế ai đã làm hình nhân này? – Charles bắt đầu thấy mệt vì trò hề này hỏi – Chắc vua Navarre chứ?

-Thưa bệ hạ không đâu.

-Không đâu! … Thật tôi không hiểu bà nữa đấy.

-Ta nói không là vì bệ hạ có thể hiểu theo nghĩa đen lời ta nói. Lẽ ra ta đã nói đúng vậy nếu bệ hạ đặt câu hỏi một cách khác.

Charles không trả lời. Ông cố gắng tìm hiểu tất cả những ý nghĩ của cái tâm hồn đen tối này, mỗi khi ông tưởng đã sắp sửa đọc được rõ ràng trong đó thì nó lại luôn luôn tự khép kín mình lại trước mắt ông.

-Thưa bệ hạ – Catherine tiếp – Nhờ quan tổng biện lý Laguesle, hình nhân này của bệ hạ đã được tìm thấy ở nhà kẻ mà vào hôm săn chim đã giữ một con ngựa với yên cương sẵn sàng cho vua Navarre.

-Ở nhà ông de La Mole phải không?

-Chính hắn. Và xin bệ hạ hãy nhìn lại mũi kim thép đâm vào tim này, bệ hạ hãy nhìn xem có chữ gì ghi trên tờ giấy gắn trên đó.

-Tôi thấy có chữ M.

-Có nghĩa là MORT[419], đó là công thức của phép yêu. Kẻ yểm bùa đã viết lời nguyền của mình lên chính vết thương hắn đã gây ra. Nếu hắn muốn làm cho người ta bị điên như quận công Bretagne đã làm đối với vua Charles VI, thì hắn phải đâm kim vào đầu và thay chữ M bằng chữ F[420].

-Vậy theo bà kẻ định hại tôi là ông de Mole phải không?

-Đúng vậy, như con dao muốn đâm vào tim, nhưng đằng sau con dao là cánh tay dùng nó.

-Thế ra đó là tất cả nguyên nhân khiến tôi đau ốm! Ngày nào mà yêu phép bị phá vỡ thì tôi khỏi bệnh? Nhưng làm thế nào? – Charles hỏi – Mẹ thì mẹ biết nhưng còn tôi thì ngược lại với mẹ. Mẹ đã nghiên cứu chuyện này cả đời rồi, tôi lại rất mù tịt về mặt ma thuật và phù phép.

-Cái chết của kẻ yểm bùa sẽ phá tan yêu thuật, chỉ có thế thôi. Ngày nào yêu thuật bị phá vỡ, căn bệnh sẽ lui – Catherine đáp.

-Thật à! – Charles hỏi với vẻ ngạc nhiên.

-Sao? Anh không biết những điều ấy sao?

-Đức Mẹ ơi! Tôi đâu phải là phù thuỷ!

-Thế bây giờ thì bệ hạ đã tin hẳn rồi chứ? – Catherine hỏi.

-Chắc chắn.

-Niềm tin sẽ làm dẹp bớt nỗi no ngại của bệ hạ chứ?

-Không, mẹ ạ, tôi nói thật lòng tôi đấy.

Gương mặt Catherine dãn ra.

-Sáng danh Chúa! – Bà kêu lên như thể bà tin vào Chúa lắm.

-Đúng thế, sáng danh Chúa! – Charles giễu cợt nhắc lại – Bây giờ tôi biết được ai gây ra tình trạng hiện nay của tôi và do đó phải trừng phạt ai. Và chúng ta sẽ trừng trị…

-Ông de Mole chứ gì? Bà chẳng nói hắn là thủ phạm là gì?

-Ta nói hắn là công cụ.

-Thế này – Charles phán – Trước hết là ông de Mole cái đã hắn là đứa quan trọng nhất. Những cơn đau của tôi có thể làm nảy sinh quanh chúng ta những mối ngờ vực nguy hiểm. Phải làm sao cho mọi việc được làm sáng tỏ nhanh lên và sự thực được phơi bày.

-Vậy là ông La Mole?

-Hắn mà làm thủ phạm thì tôi thấy hợp lắm. Tôi đồng ý coi hắn là thủ phạm. Bắt đầu bắt tội hắn trước đã, nếu hắn có tòng phạm hắn sẽ thú nhận.

-Đúng thế – Catherine lẩm bẩm – Nếu hắn không thú nhận, thì người ta sẽ bắt hắn phải thú nhận. Ta có những cách rất chắc chắn để làm việc này.

Rồi bà cao giọng nói và đứng dậy: -Thưa bệ hạ, vậy là Người cho phép bắt đầu thẩm vấn?

-Tôi mong muốn điều đó thưa bà – Charles nói – Và… càng sớm càng tốt.

Catherine siết tay con trai mà không hiểu hết cơn co giật bứt rứt của bàn tay ấy trong khi siết tay bà. Bà bước ra mà không nghe thấy điệu cười chua cay của nhà vua và lời nguyền rủa khàn khàn khủng khiếp theo sau tiếng cười ấy.

Nhà vua đang tự hỏi liệu có nguy hiểm gì nếu để cho người đàn bà này được tự do thả lỏng và trong vài giờ có thể làm được nhiều việc đến nỗi không còn cách nào cứu vãn được tình thế hay không.

Trong khi còn đang nhìn tấm thảm treo cửa buông xuống sau lưng Catherine, ông nghe thấy có tiếng sột soạt nhè nhẹ sau lưng mình và quay lại, ông bắt gặp Marguerite đang vén tấm thảm treo hành lang dẫn sang phòng nhũ mẫu.

Vẻ xanh xao, đôi mắt thất thần, ngực phập phồng chứng tỏ Marguerite đang rất xúc động.

-Ôi thưa bệ hạ – Nàng vừa thốt lên vừa lao tới giường anh. Bệ hạ biết thừa rằng bà ta nói dối!

-Bà ta nào? – Charles hỏi.

-Anh Charles, hãy nghe em: phải kết tội mẹ mình thì thật là khủng khiếp nhưng em đã ngờ bà ta sẽ ở lại để tiếp tục theo đuổi hãm hại họ. Nhưng thề có mạng sống của em, của anh, thề có linh hồn chúng ta, em nói rằng bà ta nói dối.

-Theo đuổi hãm hại họ?… Hãm hại ai?

Cả hai người theo bản năng đều nói khẽ, dường như họ sợ phải nghe thấy nhau.

-Trước hết là Henri, Henriot của anh, yêu thương anh, tận tụy với anh hơn ai hết trên đời này.

-Cô tưởng thế à, Margot? – Charles hỏi.

-Ôi thưa bệ hạ, em tin chắc thế.

-Thì ta cũng vậy – Charles đáp.

-Vậy nếu anh tin chắc thế – Marguerite ngạc nhiên hỏi – Tại sao anh lại cho bắt ông ta giải tới Vincennnes?

-Vì chính y yêu cầu được như thế.

-Thưa bệ hạ, ông ta đã yêu cầu được như thế?…

-Ừ cái thằng Henriot ấy có nhiều ý nghĩ kỳ quặc lắm. Có thể hắn nhầm, cũng có thể hắn đúng. Nhưng tóm lại một trong những ý nghĩ đó là hắn được an toàn nếu bị thất sủng hơn là được ân huệ của ta, ở xa ta hơn là ở gần ta, ở Vincennnes thì an toàn hơn ở Louvre.

-À! – Em hiểu rồi – Marguerite đáp – Vậy là ông ta được an toàn?

-Thánh mẫu ơi! Hắn được an toàn như bất kỳ kẻ nào mà Beaulieu đã đem đầu ra đảm bảo với ta.

-Ôi xin cám ơn anh, Henri vậy là ổn. Nhưng còn…

-Nhưng còn gì? – Charles hỏi.

-Nhưng thưa bệ hạ, còn một người nữa. Có lẽ em quan tâm tới người ấy là sai nhưng rốt cuộc thì em vẫn cứ lo lắng cho người ấy.

-Ai vậy?

-Thưa bệ hạ, xin Người tha thứ cho… Có lẽ em còn dám nêu tên người ấy với anh trai minh, nhưng với đức vua thì em không dám.

-Ông de Mole phải không?

-Than ôi! Thưa bệ hạ. Người đã muốn giết ông ta một lần rồi, và lần ấy, chỉ nhờ có phép mầu nên ông ta mới thoát khỏi sự trả thù của bệ hạ.

-Marguerite, hồi đó hắn chỉ phạm một tội, bây giờ hắn lại phạm những hai…

-Thưa bệ hạ, ông ta đâu có phạm tội thứ hai kia.

-Nhưng cô không nghe thấy bà hiền mẫu của chúng ta nói à, hở Marguerite tội nghiệp?

-Ôi Charles, em đã nói với anh rồi – Marguerite hạ giọng tiếp lời – Em đã bảo anh bà ấy nói dối mà.

-Có lẽ cô không biết có một hình nhân bằng sáp được khám thấy ở nhà ông de La Mole hẳn thôi?

-Thưa anh có chứ, em biết.

-Cái hình nhân ấy lại được chọc một cái kim vào tim và chiếc kim đâm nó bị thương lại mang một tờ giấy nhỏ có chữ M.

-Em cũng biết việc ấy.

-Hình nhân ấy có một chiếc hoàng bào và một vòng vương miện.

-Em biết tất.

-Thế cô giải thích ra sao?

-Em xin nói rằng hình nhân mặc hoàng bào đội vương miện ấy thể hiện một người đàn bà chứ không phải một người đàn ông.

-Chậc! Thế còn mũi kim đâm vào tim thì sao?

-Đó là phù phép khiến người đàn bà ấy yêu mình chứ không phải là bùa yểm để giết hại một người.

-Thế còn chứ M?

-Chữ đó không có nghĩa là MORT, như Thái hậu nói.

-Vậy nó có nghĩa là gì? – Charles hỏi.

-Nó có nghĩa… nó là tên của người đàn bà mà ông de Mole đã yêu.

-Thế người đàn bà ấy tên là gì?

-Thưa anh, người ấy tên là Marguerite! – Hoàng hậu Navarre phục xuống trước giường nhà vua, cầm lấy tay Charles trong hai bàn tay mình và áp khuôn mặt đẫm nước mắt của nàng lên đó.

-Cô có im đi không nào? – Charles nhìn quanh với ánh mắt sáng quốc dưới đôi lông mày cau lại – Vì nếu cô đã nghe thấy được thì người ta cũng nghe thấy cô được.

-Ôi! Em cần gì đâu! – Marguerite hất đầu lên nói – Dù cho có mặt cả thế giới ở đây em vẫn tuyên bố trước mọi người rằng thật nhơ nhuốc đem lợi dụng tình yêu của một người quý tộc để làm hoen ố thanh danh ông ta bằng cách gán cho ông ta một vụ ám sát.

-Margot, thế nếu ta bảo cô rằng ta cũng biết rõ như cô điều gì đúng, điều gì sai thì sao?

-Kìa anh!

-Nếu ta nói rằng ông de Mole vô tội thì sao?

-Anh biết thế ư?

-Ta nói với cô rằng ta biết rõ kẻ có tội thực sự.

-Kẻ có tội thực sự! Marguerite thốt lên – Vậy ra đã có tội ác được thực hiện ư?

-Đúng vậy. Dù vô tình hay cố ý, đã có tội ác xảy ra.

-Chống anh ư?

-Chống lại ta.

-Không thể thế được!

-Tại sao không?… Margot, cô nhìn ta mà xem.

Thiếu phụ nhìn anh và rùng mình khi thấy ông xanh xao quá đỗi.

-Margot, ta không còn sống được ba tháng nữa đâu – Charles nói.

-Anh ư, Charles?

-Marguerite, ta bị đầu độc rồi.

Marguerite bật lên một tiếng kêu.

-Im đi – Charles nói – Cần phải để cho người ta tưởng ta chết vì yêu thuật.

-Thế anh có biết kẻ có tội không?

-Ta biết.

-Anh bảo không phải là De Mole đúng không?

-Không phải hắn.

-Chắc chắn cũng không phải là Henriot rồi… Chúa ơi! Liệu có phải… Có phải d'Alençon không?… – Marguerite thì thầm.

-Có thể lắm.

-Hay là, hay là… – Marguerite hạ thấp giọng như thể nàng hoảng sợ vì chính điều nàng sắp nói – Hay là… mẹ chúng ta?

Charles im bặt.

Marguerite nhìn ông, đọc thấy trong ánh mắt tất cả những điều nàng muốn biết, nàng vẫn quỳ và ngã ngồi xuống một chiếc ghế bành.

-Ôi! Lạy Chúa! Lạy Chúa! Không thể được! – Nàng lẩm bẩm.

-Sao lại không thể! – Charles phát lên một tiếng cười chói tai và nói – Tiếc là René không có ở đây để kể cho cô thấy chuyện của ta.

-René ấy.

-Đúng vậy. Chẳng hạn sẽ kể cho cô biết là có một người đàn bà mà đối với bà ta hắn không dám từ chối điều gì đã đến mượn hắn một quyền sách cất kỹ trong thư viện của hắn như thế nào, rồi thuốc độc đã được rót lên từng trang sách ra sao, rồi thuốc độc ấy, vốn được dành cho một kẻ mà ta không biết là ai đã rơi vào tay một người khác do tình cờ hoặc do một hình phạt của Chúa như thế nào. Nhưng vì René vắng mặt nên nếu cô thích xem quyển sách thì ở kia, trong phòng của ta, cô sẽ thấy tự dạng của René viết rằng y đã trao quyển sách đó cho người đàn bà đồng hương với y như thế nào, chất độc của nó còn đủ giết hai chục người nữa đấy.

-Charles, im đi, đến lượt anh phải im đi – Marguerite khuyên.

-Thế bây giờ cô thấy rõ rằng mọi người phải tưởng ta chết vì yêu thuật rồi chứ?

-Nhưng thật là bỉ ổi! Thật xấu xa! Xin bệ hạ hãy tha thứ! Người biết rõ rằng chàng vô tội!

-Đúng, ta biết, nhưng người ta phải tưởng rằng hắn có tội. Cô hãy chịu đựng cái chết của người yêu mình, thế còn là ít để cứu vãn danh dự của hoàng tộc Pháp. Ta cũng chịu chết để điều bí mật chết theo ta.

Marguerite cúi đầu, nàng hiểu không thể nào nhà vua để cứu ông De Mole được nữa. Nàng vừa lui về vừa khóc ròng rã và chỉ còn hy vọng vào bản thân mình nữa mà thôi.

Trong khi đó đúng như Charles dự tính, Catherine đã không để phí một phút. Bà viết cho quan tổng biện lý Laguesle một bức thư mà lịch sử đã giữ vẹn toàn từng câu từng chữ và đã đem lại chút ánh sáng đẫm máu cho vụ này:

"Ông biện lý, tối nay người ta đã nói chắc với ta là De Mole đã mắc tội phạm thánh. Tại nhà tên này ở Paris người ta đã tìm thấy nhiều vật nguy hiểm như sách vở, giấy tờ. Ta yêu cầu ông cho gọi viên trưởng toà và bắt đầu thẩm vấn càng

sớm càng tốt vụ hình nhân bằng sáp đã bị chúng đâm một nhát vào tim nhằm hại đến thánh thượng[421].

Catherine.”

§56. Những tấm lá chắn vô hình

Sau hôm Catherine viết thư trên đây, viên chủ pháo đài bước vào phòng Coconnas với một đoàn tùy tùng rất oai vệ: hai lính cầm kích và bốn pháp quan áo đen.

Coconnas được mời xuống một gian phòng ở đó viên biện lý Laguesle và hai quan tòa khác đang chờ chàng để bắt đầu thẩm vấn theo lệnh của Catherine.

Trong tám ngày ở tù, Coconnas đã suy nghĩ nhiều. Mỗi ngày chàng và De Mole lại được gặp nhau một lát nhờ người coi ngục đã có lòng tạo ra sự bất ngờ cho họ mà chắc chẳng phải vì lòng nhân ái không thôi. Chàng và De Mole đã thoả thuận với nhau về cách đối phó của cả hai: đó là chối hết mọi điều, chàng tin chắc rằng khéo léo một chút, vụ này sẽ tiến triển khá hơn, những tội trạng gán cho chàng và bạn cũng chẳng nặng gì hơn tội của người khác. Henri và Marguerite đã không cố trốn lúc ấy, họ không thể bị tai tiếng trong một vụ mà thủ phạm chính đang còn tự do. Coconnas không biết rằng Henri ở trong cùng toà lâu đài với chàng và sự dễ dãi của viên coi ngục cho chàng biết rằng trên chàng có những người bảo trợ mà chàng gọi là những tấm lá chắn vô hình của chàng.

Cho tới lúc đó, những cuộc tra hỏi chỉ nhằm vào những ý đồ của vua Navarre, về dự định trốn và vai trò của hai người bạn trong việc bỏ trốn này. Ở các cuộc thẩm vấn này Coconnas bao giờ cũng trả lời một cách rất mơ hồ và cực kỳ khéo léo. Chàng còn chuẩn bị trả lời theo kiểu đó và đã sắp sẵn những lời ăn miếng trả miếng nho nhỏ thì chợt nhận thấy cuộc thẩm vấn đã đổi chủ đề.

Người ta nói đến một hay nhiều lần họ đi thăm René và một hay nhiều lần hình nhân bằng sáp do De Mole gợi ý làm ra.

Dù đã chuẩn bị kỹ càng, Coconnas tưởng rằng lời tố tội đã giảm nhẹ đi nhiều vì đây không phải là phản lại nhà vua nữa mà chỉ là tội làm một hình nhân của hoàng hậu, với lại hình nhân đó cao chỉ tám tới mười tấc thôi chứ mấy. Thế nên chàng trả lời rất vui vẻ rằng cả chàng lẫn bạn từ lâu rồi đã không chơi trò búp bê và chàng hài lòng nhận thấy nhiều lần câu trả lời của chàng khiến các vị quan tòa mỉm cười.

Thời đó người ta còn chưa viết nên những vần thơ: "Tôi cười, và thế là tôi đã bị thuyết phục", nhưng ý ấy đã được nhắc tới nhiều lần trong văn xuôi. Và Coconnas tưởng rằng đã gần như tước vũ khí các quan tòa chỉ vì họ đã mỉm cười.

Cuộc thẩm vấn kết thúc, chàng trở lên phòng ồn ào ca hát đến nỗi De Mole là người được hưởng tất cả những trò ồn ĩ ấy phải rút ra những kết luận tốt đẹp.

Đến lượt chàng xuống thẩm vấn. Cũng như Coconnas, de Mole ngạc nhiên thấy lời cáo trạng chuyển hướng ban đầu và đi sâu vào một hướng khác. Người ta hỏi chàng về các cuộc tới thăm nhà René. Chàng đáp đã đến nhà gã người xứ

Florence chỉ một lần thôi. Người ta lại hỏi xem lần đó chàng có đặt làm một hình nhân bằng sáp không. Chàng trả lời rằng René đưa cho chàng hình nhân đã có sẵn. Người ta hỏi chàng có đúng đó là hình nhân một người đàn ông hay không. Chàng đáp hình nhân đó thể hiện một người đàn bà. Họ lại hỏi có phải phù phép nhằm để giết người đàn ông đó không. Chàng trả lời mục đích của bùa chú nhằm khiến người đàn bà đó yêu mình.

Các câu hỏi đó được đặt đi đặt lại hàng trăm kiểu khác nhau nhưng dù có hỏi cách nào đi chăng nữa, de Mole vẫn trả lời như cũ.

Các quan toà không biết làm sao trước sự thật giản đơn như vậy ngập ngừng nhìn nhau. Khi đó viên tổng biện lý nhận được một bức thư giúp giải quyết được nỗi khó khăn.

Bức thư đó như sau: "Nếu bị cáo chối, hãy sử dụng nhục hình."

Viên biện lý nhét thư vào túi, mỉm cười với De Mole và cho chàng về một cách lễ độ. De Mole về phòng giam của chàng một cách yên tâm nếu như không nói là cũng vui vẻ như Coconnas vậy.

"Mình nghĩ là mọi việc ổn cả". – Chàng tự nhủ.

Một giờ sau chàng nghe có tiếng chân người và thấy một bức thư được nhét vào dưới khe cửa mà không thấy rõ bàn tay nhét thư đó. Chàng nhặt thư và nghĩ chắc nó do viên giữ cửa gửi cho chàng.

Nhìn thấy bức thư, một niềm hy vọng gần như đau đớn cùng một nỗi thất vọng xâm chiếm trái tim chàng, chàng mong bức thư đó của Marguerite, vì từ khi bị cầm tù, chàng chưa nhận được tin tức gì của nàng. Chàng run rẩy nhặt thư. Nét chữ khiến chàng suýt ngất vì sung sướng.

"Can đảm lên – Bức thư viết – Em trông lo đến mọi việc."

"A! Nếu nàng lo đến mọi việc, ta sẽ thoát!" – De Mole vừa thốt lên vừa hôn tờ giấy đã được bàn tay yêu quý chạm vào.

Tại sao De Mole lại hiểu được bức thư ấy và tại sao chàng lại cũng tin như Coconnas vào cái mà anh chàng xứ Piémontais gọi là "những tấm lá chắn vô hình"?

Để biết được điều đó chúng tôi cần phải đưa độc giả tới căn nhà nhỏ bé, chứng kiến biết bao hạnh phúc đắm say, nơi những hương thơm còn chưa phai nhạt, những kỷ niệm ngọt ngào nay đã trở thành bao niềm khắc khoải làm tan nát cõi lòng người đàn bà đang gục người trên những tấm gối nhung.

"Là bà hoàng đầy thế lực, trẻ trung, giàu có, xinh đẹp mà phải đâu khổ như ta! Ôi, không thể được! Thiếu phụ thốt lên."

Trong cơn xúc động, nàng đứng dậy bước đi rồi đột ngột dừng lại tì vầng trán nóng bỏng vào thứ đồ cẩm thạch lạnh giá rồi lại vùng dậy với khuôn mặt nhợt nhạt đầm đìa nước mắt.

Nàng rên rỉ xoắn tay vào nhau và ngã phịch xuống một chiếc ghế bành, cõi lòng tan nát.

Đột nhiên, tấm thảm che ngăn cách căn nhà phố Cloche Percée với căn phòng phố Tizon được cuốn lên có tiếng lụa sột soạt bên tường gỗ và quận chúa de Nervers xuất hiện.

-Ôi, cậu đấy à? – Marguerite thốt lên – Mình đợi cậu sốt ruột quá! Thế có tin gì không?

-Tin xấu lắm cô bạn tội nghiệp ạ. Đích thân Catherine thúc đẩy cuộc thẩm vấn, lúc này bà ta vẫn còn ở Vincennnes.

-Còn René?

-Y đã bị bắt.

-Trước khi cậu kịp nói chuyện với y à?

-Thế còn những chàng trai của chúng ta?

-Mình có tin của họ rồi.

-Nhờ lão giữ cửa à?

-Vẫn thế.

-Thế sao?

-Đây, ngày nào họ cũng nói chuyện được với nhau. Hôm kia họ đã bị khám xét. De Mole đã đập vỡ chân dung của cậu chứ không chịu nộp nó.

-Ôi De Mole!

-Còn Anibal đã cười vào mũi những kẻ đi khám xét.

-Anibal tốt quá! Sau đó thì sao?

-Sớm nay họ đã bị tra hỏi về cuộc đi trốn của nhà vua, về những dự định nổi loạn của ông ta ở Navarre, nhưng họ không nói gì hết.

-Ô mình biết là họ sẽ im lặng mà, nhưng im như thế cũng chết mà nói cũng chết.

-Ừ nhưng chúng mình sẽ cứu họ chứ.

-Cậu đã nghĩ tới việc của chúng mình rồi à?

-Mình chỉ lo đến việc ấy từ hôm qua tới giờ.

-Thế ra sao rồi?

-Mình vừa thỏa thuận với Beaulieu xong. A, bà hoàng thân mến ơi cái thằng cha mới khó tính và tham lam làm sao! Việc này phải đổi bằng một mạng người và ba trăm ngàn écus.

-Cậu bảo hắn khó tính và tham lam… Thế mà hắn lại chỉ đòi có một mạng người với ba trăm ngàn écus… Thế rẻ quá còn gì?

-Rẻ quá… ba trăm ngàn écus! … Cả những đồ trang sức của cậu lẫn của mình đều không đủ đâu đấy.

-Ô không lo. Vua Navarre sẽ trả, quận công d'Alençon sẽ trả, anh Charles của mình sẽ trả nếu không thì…

-Này, cậu nói như đồ điên ấy. Mình có ba trăm ngàn écus ấy rồi.
-Cậu ấy à?
-Ừ mình.
-Thế cậu kiếm ở đâu ra?
-À thế mới tuyệt chứ!
-Bí mật à?
-Trừ cậu ra thì với ai cũng là bí mật cả.
-Ôi lạy Chúa! – Marguerite mỉm cười giữa hai hàng lệ – Cậu ăn trộm đấy à?
-Cậu cứ xét xem.
-Xem nào.
-Cậu có nhớ thằng cha Nantouillet đáng tởm ấy không?
-Thằng cha nhà giàu cho vay lãi ấy à?
-Thế cũng được.
-Thế sao?
-Này nhé, một hôm hắn thấy một người đàn bà tóc vàng, mắt xanh đeo ba viên hồng ngọc một ở trán, hai ở thái dương, mà cách trang điểm ấy đối với nàng rất hợp. Vì không biết đó là một quận chúa nên cái thằng cha nhà giàu cho vay nặng lãi ấy mới thốt lên: "Nếu được hôn lên chỗ của ba viên hồng ngọc kia, ta sẽ đặt vào đó ba viên kim cương mỗi viên trị giá một trăm ngàn écus."
-Thế thì sao, Henriette?
-Này cô bạn ơi, kim cương đã có và được bán đi rồi.
-Ôi Henriette! Henriette! – Marguerite lẩm bẩm.
-Nào, mình yêu Anibal cơ mà! – Quận chúa thốt lên với giọng dạn dày đầy vẻ ngây thơ tuyệt vời thể hiện được cả cho thời đại đó và cả cho người đàn bà.
-Quả có thế – Marguerite vừa mỉm cười vừa đỏ mặt – Cậu yêu chàng, thậm chí lại còn yêu nhiều quá là đằng khác.
Nói thế nhưng nàng lại siết tay bạn.
-Vậy là nhờ ba viên kim cương – Henriette tiếp – mà có cả ba trăm ngàn écus lẫn người rồi.
-Người à? Người nào?
-Cái người để giết ấy. Cậu quên mất là phải giết một người à?
-Thế cậu đã tìm ra cả người để giết rồi à?
-Chính thế.
-Cũng với giá như thế à? – Marguerite mỉm cười hỏi.
-Với giá như thế thì mình tìm ra cả ngàn rồi – Henriette đáp – Không, không, chỉ cần năm trăm écus thôi.
-Cậu tìm ra một người đồng ý để bị giết với giá năm trăm écus?
-Biết sao được? Thời buổi này cũng phải sống chứ.

-Bạn ạ, mình thật không hiểu cậu nữa đấy. Nói rõ ra xem nào những câu đánh đố chỉ làm mất thì giờ trong hoàn cảnh chúng ta hiện nay.

-Cậu nghe nhé: viên coi ngục của De Mole và Coconnas là một cựu chiến binh và biết rõ một vết thương là như thế nào. Ông ta rất muốn giúp đỡ các ông bạn của chúng ta nhưng không muốn mất chỗ làm. Chỉ cần đâm một nhát dao cho khéo là ổn cả. Chúng ta sẽ thưởng cho lão còn nhà nước sẽ bồi thường cho lão. Như thế là hắn sẽ ăn cả hai bên.

-Nhưng việc đâm dao ấy…

-Cứ yên tâm. Anibal sẽ đâm.

-Ừ nhỉ – Marguerite vừa cười vừa nói – Chàng ta đã ba lần đâm cả dao lẫn gươm vào người De Mole mà De Mole đâu có chết, có thể hy vọng lắm.

-Đồ ác, mình lại không nói nữa bây giờ.

-Ôi không, mình xin cậu, cứ nói cho mình phần tiếp đi. Chúng mình cứu họ như thế nào?

Thế này nhé: chỗ ngôi nhà thờ nhỏ là nơi duy nhất những người đàn bà không phải tù nhân có thể vào được. Chúng mình sẽ nấp sau bàn thờ, dưới khăn trải bàn thờ, họ sẽ tìm thấy hai con dao găm. Cửa kho giữ đồ thánh sẽ được mở ra từ trước, Coconnas sẽ đâm người coi tù, hắn sẽ ngã xuống giả vờ chết. Khi ấy chúng mình sẽ chui ra, chúng mình sẽ quàng cho mỗi anh chàng một chiếc áo khoác, chúng mình sẽ trốn qua cửa kho giữ đồ thánh, và vì chúng mình có khẩu lệnh nên sẽ ra được không trở ngại gì.

-Thế ra rồi thì sao?

Ở cửa có hai con ngựa, họ lên ngựa và rời khỏi vùng Ile de France này để tới Lorains. Rồi từ đó thỉnh thoảng họ lại cải trang quay về.

-Cậu thật làm mình sống lại đấy. Vậy chắc chúng mình cứu thoát được họ chứ?

-Mình gần như có thể đảm bảo được đấy.

-Thế đã sắp chưa?

-Chúa ơi! Trong ba bốn ngày nữa, Beaulieu sẽ báo cho chúng ta.

-Thế nếu người ta nhận ra cậu trong vùng lân cận Vincennnes thì sao? Điều này có thể hại cho việc của chúng mình.

-Làm sao mà nhận ra mình được. Mình đội mũ trùm nữ tu người ta còn chẳng nhìn thấy mũi mình nữa là.

-Chúng mình cẩn thận quá cũng không thừa mà.

-Mẹ kiếp, như Anibal vẫn nói đấy, mình biết lắm chứ?

-Thế cậu có hỏi gì về vua Navarre không?

-Mình có nhờ.

-Sao?

-Này, hình như ông ta chưa bao giờ vui vẻ đến thế. Ông ta cười, ông ta hát, ông ta đánh chén thịnh soạn và chỉ xin có một điều là được giữ cho chặt.

-Ông ta nói đúng đấy. Thế còn mẹ mình?

-Mình đã bảo rồi, bà ta ra sức thúc đẩy vụ án.

-Ừ nhưng bà ta không nghi ngờ gì hết về phía bọn mình chứ?

-Làm sao mà nghi ngờ được? Mọi kẻ dính vào việc đều phải giữ mồm giữ miệng nếu muốn được lợi. À, mà mình biết bà ta đã truyền cho các quan thành Paris chuẩn bị sẵn sàng.

-Phải hành động nhanh lên Henriette ạ. Nếu các tù nhân của chúng ta bị chuyển ngục thì lại phải làm lại từ đầu đấy.

Cứ yên tâm, mình cũng mong họ chóng được thoát ra như cậu thôi.

-Ôi, mình biết chứ! Ngàn lần cám ơn cậu vì những việc cậu vừa làm.

-Tạm biệt Marguerite nhé, mình lại đi lo liệu công việc đây.

-Cậu có tin chắc vào Beaulieu không?

-Mình mong rằng thế.

-Thế còn người coi ngục?

-Hắn ta đã hứa.

-Còn ngựa thì sao?

-Sẽ có những con hay nhất trong tàu ngựa của quận chúa de Nervers.

-Mình phục cậu đấy Henriette.

Marguerite ôm chầm lấy bạn. Họ hẹn ngày nào cũng gặp lại nhau vào giờ này ở đây rồi chia tay. Chính hai thiếu phụ dễ thương và đầy tận tụy ấy là người mà Coconnas đã gọi một cách rất có lý là những tấm lá chắn vô hình của chàng.

§57. Các pháp quan

Sau buổi hỏi cung, trong đó lần đầu tiên, vấn đề hình nhân bằng sáp được đặt ra, Coconnas bảo De Mole khi hai người gặp nhau: -Này ông bạn ơi, mình thấy mọi việc đều có vẻ ổn thoả và chẳng mấy chốc mà chúng mình sẽ bị các pháp quan bỏ rơi thôi. Điều này hoàn toàn ngược với việc thầy thuốc bỏ rơi con bệnh tức là ông ta không thể cứu con bệnh được nữa, còn khi pháp quan bỏ rơi bị cáo, có nghĩa là ông ta mất hẳn hy vọng được cho chặt đầu anh ta.

-Ừ, thậm chí mình còn thấy rõ bàn tay của các cô bạn cao quý của chúng mình qua thái độ lịch sự, sự dễ dãi của các viên coi ngục, sự mềm dẻo của các cánh cửa, nhưng cứ theo như điều người ta nói với nhau thì mình vẫn chưa nhận ra thái độ ông de Beaulieu.

-Mình thì mình nhận ra lắm chứ, chỉ tội phải trả giá đắt đấy.

-Chậc! Một người là công chúa, một người là hoàng hậu, cả hai đều giàu, chẳng bao giờ họ có dịp tiêu tiền tốt hơn thế này đâu.

Bây giờ ôn lại bài cho nhớ nhé: họ đưa chúng mình tới tiểu giáo đường, để chúng mình đấy với anh chàng gác ngục của bọn mình rồi ở chỗ đã định mỗi đứa chúng mình sẽ tìm được một con dao găm, rồi mình mới khoét cho anh chàng coi ngục một lỗ vào bụng…

-Chớ chớ, đâm vào bụng thì cậu khiến hắn không hưởng được năm trăm ngàn écus mất, đâm vào tay ấy.

-Thôi đi, đâm vào tay sẽ khiến hắn gặp rắc rối mất, người ta sẽ thấy ngay là có thông đồng ở đây. Không, mình đâm vào bên phải, lách kheo khéo một tý dọc theo xương sườn. Đâm vào đấy mới có vẻ như thật mà lại vô hại.

-Thôi được, sau đó thì…

-Sau đó cậu vác ghế dài ra chặn cửa còn hai nàng công chúa của chúng ta sẽ bay ra khỏi bàn thờ nơi họ nấp và Henriette sẽ đi mở cánh cửa con. Ôi thế chứ, giờ đây mình yêu nàng quá, chắc nàng đã phải phản bội mình rồi đây nên mình mới lại cảm thấy tình yêu bừng lên thế này.

-Và rồi chúng mình sẽ tới rừng – De Mole nói với giọng run rẩy thốt qua môi chàng như một giai điệu – Một nụ hôn sẽ khiến mỗi đứa chúng ta vui tươi và khỏe khoắn lại. Anibal, cậu có tưởng tượng ra chúng mình lại cưỡi trên những con tuấn mã mà lòng hơi se lại không? Ôi, được sợ hãi mới thích làm sao! Được sợ hãi dưới trời tự do, khi ta có một thanh kiếm sắc tuốt trần bên hông, khi ta được thét lên những tiếng kêu "hura" sẽ khiến chúng chồm lên phóng như bay.

-Ừ nhưng sợ hãi giữa bốn bức tường thì cậu bảo sao De Mole? Mình có thể phát biểu cảm tưởng về chuyện ấy lắm vì mình đã có một vài kinh nghiệm. Khi cái thằng cha mặt nhợt Beaulieu ấy bước vào phòng mình lần đầu tiên, trong

bóng tối đằng sau hắn lấp lánh ánh nâu và có tiếng động ảm đạm của binh khí chạm nhau. Mình thề với cậu là mình nghĩ ngay tới quận chúa d'Alençon và mình cứ chờ để được thấy cái mặt khỉ của hắn giữa hai cái mặt khỉ của bọn lính vác thương. Mình đã nhầm và chỉ được an ủi có thế, thế nhưng mình cũng không mất gì; đêm đến mình lại mơ thấy hắn ngay.

De Mole bận theo đuổi những ý nghĩ vui tươi của mình nên chẳng để ý gì đến bạn cũng đang thả hồn trong thế giới hoang tưởng, chàng nói: -Vậy là họ đã tính trước cả, cả nơi chúng ta sẽ ẩn náu. Chúng ta sẽ đi Lorraine, ông bạn ạ. Thực tình là mình thích đi Navarre hơn, ở Navarre mình coi như ở nhà nàng rồi, nhưng Navarre xa quá, Nancy còn hơn. Với lại ở đây, chúng mình cách Paris có tám mươi dặm. Này, Anibal, cậu có biết mình ra khỏi đây nhưng chỉ tiếc có mỗi một điều thôi không?

-A, không… quái thật. Mình thì mình để tất cả những điều nuối tiếc của mình lại đây rồi.

-Này mình chỉ tiếc là không thể đem ông bạn coi ngục tử tế của chúng mình đi được…

-Nhưng hắn không muốn đâu, nếu đi thì hắn thiệt quá. Cậu nghĩ mà xem: năm trăm écus của chúng mình nhé, tiền thưởng của nhà nước nhé, có khi lại còn được thăng cấp nữa ấy chứ. Rồi đây sau khi mình giết hắn thì hắn sống mới sướng chứ, cái thằng cha ấy. Này, nhưng cậu sao thế kia?

-Không, mình chợt nghĩ ra một ý

-Hình như cái ý ấy chẳng hay ho gì lắm, cậu nom tái xanh tái xám kia kìa.

-Mình tự hỏi sao người ta lại đưa chúng mình đến giáo đường nhỉ?

-Ô thì để cầu nguyện chứ còn gì nữa. Mình thấy cũng đến lúc rồi.

-Nhưng người ta vẫn chỉ đưa tới giáo đường những kẻ bị kết án tử hình hoặc những người bị nhục hình thôi cơ mà.

-Ô hô! – Coconnas cũng hơi tái mặt đi – Cũng đáng quan tâm đấy. Ta thử hỏi cái anh chàng mà mình phải đâm lòi ruột ra xem. Này ông bạn cầm khoá!

-Thưa ngài gọi tôi! – Viên coi ngục đang đứng canh chừng trên những bậc thang đầu đáp.

-Ừ, lại đây!

-Tôi đây ạ.

-Có đúng đã thoả thuận là chúng ta sẽ trốn ở chỗ giáo đường không?

-Suỵt! – Viên coi ngục sợ hãi nhìn quanh.

-Cứ yên tâm, không ai nghe lỏm đâu.

-Thưa ngài, vâng, đúng ở chỗ giáo đường đấy ạ.

-Vậy ra họ dẫn chúng ta đến giáo đường à?

-Chắc chắn là như vậy vì lẽ thường vẫn thế.

-Lẽ thường nào?

-Vâng, sau mỗi lần kết án tử hình, người ta có lệ để người tử tù qua đêm ở nơi giáo đường.

Coconnas và De Mole cùng rùng mình nhìn nhau.

-Vậy anh nghĩ rằng chúng ta sẽ bị kết án tử hình à?

-Đúng thế ạ… Nhưng các ngài cũng tin thế đấy thôi.

-Sao? Chúng ta cũng tin thế ấy à? – De Mole hỏi

-Vâng… Nếu các ngài không tin như thế, các ngài đã chẳng chuẩn bị để trốn đi như thế này.

-Cậu thấy chưa hắn nói chí lý lắm! – Coconnas bảo De Mole.

-Ừ. Và ít ra bây giờ mình cũng biết là chúng mình đang chơi "được ăn cả ngã về không."

-Thế còn tôi thì sao? – Viên coi ngục hỏi – Ngài tưởng tôi không liều ấy à? Nếu ngài đây vì xúc động lại đi đâm nhầm chỗ thì…

-Này, mẹ kiếp! – Coconnas chậm rãi nói – Ta chỉ mong được ở địa vị mi, chẳng phải lo đối chọi với bàn tay nào ngoài ban tay này, ngọn dao nào ngoài lưỡi dao sẽ phải đâm mi đây thôi.

-Tử tù! – De Mole lẩm bẩm – Không thể thế được!

-Không thể được? – Viên cai ngục ngây thơ hỏi lại – Tại sao ạ?

-Suỵt: – Coconnas đáp – Hình như có người mở cửa tầng dưới đấy.

-Đúng thế thật – Viên coi ngục hấp tấp nói – Xin các ngài vào đi!

-Anh nghĩ bao giờ thì xét xử? – De Mole hỏi.

-Chậm nhất là ngày mai. Nhưng xin các ngài yên tâm, những người cần được báo sẽ biết trước.

-Vậy chúng ta hãy ôm nhau và từ biệt những bức tường nơi đây.

Hai người bạn ôm chầm lấy nhau rồi ai về phòng nấy, de Mole vừa đi vừa thở dài còn Coconnas vừa về vừa ngâm nga hát.

Đến tận bảy giờ tối cũng vẫn không có chuyện gì xảy ra.

Một đêm tối trời và mưa dầm dề phủ xuống toà thành Vincennnes.

Thật là một đêm tốt lành cho các cuộc vượt ngục. Người ta đem bữa tối đến cho Coconnas. Chàng ăn rất ngon miệng như thường lệ và nghĩ tới niềm vui thú nếu được dầm trong cơn mưa đang gõ rào rào trên tường thành. Chàng đã chuẩn bị đi ngủ trong tiếng gió rì rầm trầm trầm đơn điệu mà đôi khi chàng vẫn nghe với chút sầu tư chàng chưa bao giờ cảm thấy khi chưa vào tù. Chợt chàng thấy có tiếng gió rít dưới các cửa nghe lạ hơn lúc thường, lò sưởi cũng reo phì phì nhiều hơn. Hiện tượng này thường xảy ra khi người ta mở một trong các hầm giam của tầng trên và nhất là cửa phòng giam trước mặt. Mọi khi nghe tiếng động này Coconnas vẫn nhận ra rằng viên coi ngục sắp tới chỗ chàng vì tiếng động đó có nghĩa là y vừa ở chỗ De Mole ra xong.

Tuy nhiên lần này Coconnas vươn cổ vểnh tai nghe ngóng vô ích.

Thời gian trôi qua mà chẳng có ai tới.

"Lạ nhỉ – Coconnas tự nhủ – Mở phòng De Mole mà không mở phòng mình. De Mole cho gọi người à? Cậu ta ốm chăng? Thế là thế nào?"

Đối với một tù nhân, mọi việc đều có thể trở thành nỗi nghi ngờ và lo lắng cũng như có thể trở thành niềm vui mừng và hy vọng.

Nửa tiếng đồng hồ trôi qua, rồi một tiếng, rồi một tiếng rưỡi.

Coconnas tức tối bắt đầu thiu thiu ngủ, chợt tiếng khoá lách cách làm chàng bật dậy.

"Ô hô! – Chàng tự bảo – Hay đã đến giờ ra đi rồi và người sẽ dẫn chúng mình đến giáo đường mà không phải bị kết án? Mẹ kiếp! Trốn trong một đêm như thế này thì cũng thích thật, trời tối đen như mực, chỉ mong sao lũ ngựa đừng bị tối tăm mặt mũi lại thôi!"

Chàng đang định vui vẻ hỏi viên giữ khoá thì thấy y đặt tay lên môi và đưa mắt đầy ý nghĩa.

Quả là đằng sau y người ta nghe có tiếng động và nhận thấy những bóng người.

Đột nhiên giữa bóng tối, chàng nhận thấy hai chiếc mũ sắt và ngọn nến mù làm hắt lên hai ánh lấp lánh.

"Ái chà – Chàng nói nhỏ – Lệ bộ thê thảm này là thế nào? Ta đi đây?"

Viên coi ngục chỉ đáp bằng một tiếng thở dài nghe giống như một lời rên rỉ.

-Mẹ kiếp – Coconnas lẩm bẩm – Đời mới chó má chứ! Bao giờ cũng cực đoan, chẳng có gì là tốt lành cả hoặc là bì bõm trong bùn lầy ngập cổ, hoặc là lượn lờ trên trời, không có lơ lửng ở giữa. Nào, ta đi đâu đây?

-Hãy đi theo lính cầm kích, thưa ông – Một giọng nói đớt vang lên khiến Coconuax nhận ra một viên môn lại đi theo những người lính mà chàng thoáng trông thấy.

-Còn ông de Mole? Ông ta đâu? Ông ta ra sao rồi – Anh chàng Piémontais hỏi.

-Xin hãy đi theo lính cầm kích – Vẫn giọng nói đớt đều đều ấy đáp.

Phải tuân lệnh thôi. Coconnas ra khỏi phòng và nhìn thấy người mặc áo đen có cái giọng chàng nghe khó khịu đến thế. Đó là một viên lục sự gù lưng chắc đã đi theo ngành áo chùng để người ta khỏi nhận thấy y cũng bị khoèo chân nữa.

Y chậm rãi bước xuống cầu thang xoáy ốc. Tới tầng một, những người gác dừng lại cả.

-Xuống dốc thế là đã nhiều rồi đấy, nhưng chắc vẫn còn chưa hết đâu – Coconnas lẩm bẩm.

Cửa mở, Coconnas mắt sắc như mèo rừng và mũi thính như chó săn, chàng ngửi thấy mùi các pháp quan và thấy trong bóng tối có hình một người đàn ông với cánh tay trần khiến chàng toát mồ hôi trán. Tuy vậy, chàng vẫn giữ một vẻ

mặt tươi cười nhất, nghiêng đầu về bên trái theo cách trang trọng của mốt thời bấy giờ và tay chống nạnh, chàng bước vào phòng.

Có người vén một tấm thảm treo lên và Coconnas nhìn thấy đúng là những viên pháp quan và lục sự thật.

Cách những viên pháp quan và lục sự này vài bước là De Mole đang ngồi trên ghế dài.

Coconnas được dẫn tới trước toà. Đến trước mặt quan toà, chàng gật đầu cười với De Mole rồi đợi.

-Tên ông là gì? – Viên chánh án hỏi.

-Marc Anibal Coconnas – Nhà quý tộc trả lời với vẻ rất duyên dáng – Bá tước Montpantier, Chenaux và những vùng khác nhưng tôi ngỡ rằng các vị đã biết hết chức tước của chúng tôi rồi chứ.

-Ông sinh ở đâu?

-Ở Saint-Colomban, gần Suze.

-Bao nhiêu tuổi?

-Hai mươi bảy tuổi ba tháng.

-Tốt lắm – Viên chánh án nói.

-Hình như hắn vui thích về điều đó lắm thì phải – Coconnas lầm bẩm.

-Bây giờ thì mục đích của ông là gì khi ông rời bỏ ông d'Alençon? Sau một lát im lặng để viên lục sự có thì giờ ghi chép lại những câu trả lời của bị cáo, viên chánh án hỏi tiếp.

-Đó là để đến với ông de Mole bạn tôi đang có mặt tại đây ông này rời bỏ ông hoàng trước tôi mấy ngày.

-Các ông làm gì ở chỗ cuộc săn nơi các ông bị bắt?

-Tôi đi săn chứ còn gì nữa – Coconnas đáp.

-Đức vua cũng tham gia cuộc săn đó. Và chính ở đó Người đã bị những cơn đau đầu tiên của chứng bệnh đang giày vò Người hiện nay.

-Về việc này thì khi ấy tôi không ở gần đức vua nên tôi không thể nói gì hơn. Tôi thậm chí còn không biết là Người lâm bệnh nữa kia.

Các viên pháp quan nhìn nhau với một nụ cười khó tin.

-À ra ông không biết đấy? – Viên chánh án hỏi.

-Thưa ông đúng thế, tôi lấy làm phiền lòng về việc ngọc thể bất an. Dù vua nước Pháp không phải là vua của tôi, nhưng tôi rất có nhiều thiện cảm với Người.

-Thật thế ư?

-Xin thề danh dự! Không phải như đối với hoàng đệ quận công d'Alençon. Ông này, tôi xin thú thật là…

-Đây không phải là chuyện quận công d'Alençon mà chúng ta đang nói về thánh thượng, thưa ông.

-Thế thì tôi đã nói với ông rằng tôi là kẻ tôi tớ rất kính cẩn của Người rồi còn gì? – Coconnas vừa đáp vừa đung đưa người với vẻ láo xược rất đáng khâm phục.

-Nếu ông quả đúng là kẻ tôi tớ của Người như ông định mạo nhận, liệu ông có vui lòng nói cho chúng tôi những gì ông biết về một hình nhân phù phép nào đó không?

-À được lắm, hình như chúng ta lại quay lại chuyện cái hình nhân thì phải?

-Thưa ông, đúng vậy, điều đó làm ông không vừa lòng ư?

-Không, thà thế còn hơn. Ông hỏi đi.

-Tại sao lại có cái hình nhân này ở nhà ông de La Mole?

-Nó mà ở nhà ông de Mole à? Ông định nói là ở nhà René chứ gì?

-Vậy ông thừa nhận là có hình nhân đó phải không?

-Đức mẹ ơi, vâng, nếu người ta chỉ nó cho tôi.

-Nó đây. Có đúng là hình nhân mà ông biết không?

-Đúng lắm.

-Lục sự – Chánh án truyền – Viết rằng bị cáo đã nhận ra hình nhân đó được thấy ở nhà ông de Mole.

-Chớ chớ, đừng có lẫn lộn, do được thấy ở nhà René chứ?

-Ở nhà René cũng được. Ngày nào?

-Có mỗi một ngày mà ông de Mole và tôi cùng tới đấy mà thôi.

-Vậy ông thú nhận là đã tới nhà René cùng ông de Mole?

-Chậc! Thì tôi có bao giờ giấu đâu?

-Lục sự! Ghi rằng bị cáo thú nhận đã tới nhà René để làm bùa yểm.

-Ấy ấy từ từ chứ, ngài chánh án. Đừng có hăng quá thế, tôi có nói gì về việc ấy đâu.

-Ông chối là đã đến nhà René để làm bùa yểm hả?

-Tôi phủ nhận. Chuyện yểm bùa là do tình cờ chứ không phải là định trước.

-Thế nhưng có bùa yếm hay không?

-Tôi không phủ nhận là đã có chuyện giống như việc yểm bùa xảy ra.

-Lục sự, ghi rằng bị cáo thú nhận đã yểm bùa nhằm hại tính mạng nhà vua tại nhà René.

-Sao? Hại tính mạng nhà vua à? Trò dối trá thô bỉ! Chưa bao giờ có chuyện yểm bùa chống lại tính mạng nhà vua ở đây cả – Các ông đã thấy chưa? – La Mole nói.

-Im lặng! – Viên chánh áp đáp.

Rồi hắn quay về phía viên lục sự tiếp: -Hại sinh mạng nhà vua, xong chưa?

-Không đâu – Coconnas tiếp lời – Vả lại đấy đâu phải là hình nhân đàn ông, đây là hình nhân đàn bà.

-Thế nào, các ông, tôi đã nói rồi còn gì? – De Mole lại nói.

-Ông de Mole – Chánh án nói – Khi nào chúng tôi hỏi thì ông sẽ trả lời. Đừng có cắt ngang cuộc thẩm vấn những người khác.

-Nào, ông bảo rằng đó là tượng đàn bà à?

-Đúng thế, tôi bảo thế đấy.

-Tại sao hình nhân lại có vương miện và hoàng bào?

-Mẹ kiếp! – Coconnas đáp – Đơn giản lắm, đó là vì…

La Mole nhốm dậy và đặt ngón tay lên miệng.

-Ừ nhỉ – Coconnas đáp – Mình sắp nói nhăng nói cuội gì đấy nhỉ, cứ như thể chuyện có dính dáng gì tới các ngài đây không bằng.

-Thế ông vẫn khăng khăng bảo đây là hình nhân đàn bà?

-Đúng thế, tôi bảo lưu ý kiến.

-Ông từ chối không nói người đàn bà này là ai?

-Đây là một người đàn bà ở xứ tôi mà tôi đã yêu và muốn được yêu lại – De Mole đáp thay.

-Người ta không hỏi ông, ông de Mole – Viên chánh án kêu lên – Ông im đi, nếu không người ta sẽ bịt miệng ông lại.

-Bịt miệng lại! – Coconnas thốt lên – Ông bảo sao, hở cái đồ áo chùng đen? Người ta bịt miệng bạn tôi lại! Một nhà quý tộc kia mà! Thôi đi!

-Cho René vào – Quan tổng biện lý Laguesle nói.

-Được, cứ cho René vào – Coconnas đáp – Rồi ta sẽ thấy ở đây ai đúng, ba người các ông hay hai người chúng tôi.

René bước vào, mặt xanh xao, nom già hẳn đi, gần như không thể nhận ra được đối với hai người bạn, tội lỗi y sắp phạm đè nặng lên y còn hơn cả những tội mà y đã phạm.

-Thầy René, – Viên pháp quan hỏi – Thầy có nhận ra hai bị cáo đây không?

-Thưa ông, có – René trả lời với giọng đầy xúc động.

-Thầy gặp họ ở đâu?

-Ở nhiều nơi và cụ thể là ở nhà tôi.

-Họ đến nhà thầy bao nhiêu lần?

-Mỗi một lần.

René càng nói, nét mặt Coconnas càng tươi lên. Ngược lại De Mole vẫn giữ vẻ thâm trầm dường như chàng có mối linh cảm nào đó.

-Thế họ đến nhà ông để làm gì?

-Để đặt tôi làm một hình nhân bằng sáp – René dường như ngập ngừng một lát rồi mới nói.

-Xin lỗi, thầy René – Coconnas ngắt lời – Ông hơi nhầm đấy.

-Im lặng! – Viên chánh án nói rồi quay sang René hỏi tiếp: -Hình nhân đó là hình nhân đàn bà hay đàn ông?

-Đàn ông – René đáp.

Coconnas bật dậy như lò xo.

-Đàn ông? – Chàng hỏi.

-Đàn ông – René trả lời với giọng yếu ớt đến nỗi viên chánh án nghe rất khó.

-Thế tại sao hình nhân đàn ông ấy lại mang áo choàng và vương miện?

-Vì hình nhân đó biểu tượng cho một vị vua.

-Đồ dối trá đê tiện! – Coconnas tức giận kêu lên.

-Coconnas, cậu im đi – De Mole ngắt lời chàng – Cứ để mặc cho người này nói, mỗi người đều có quyền đánh mất linh hồn của mình.

-Nhưng mẹ kiếp, hắn không được làm mất mạng kẻ khác chứ!

-Thế chiếc kim bằng thép đâm vào tim hình nhân với chữ "M" đính trên băng giấy là nghla thế nào?

-Chiếc kim biểu tượng cho thanh kiếm hoặc dao găm, chữ "M" có nghĩa là MORT(chết).

Coconnas phác một cử chỉ như muốn vặn cổ René, bốn người gác kìm chàng lại.

-Tốt lắm – Biện lý Laguesle nói – Toà đã được thông báo khá đầy đủ. Các anh giải tù nhân vào phòng đợi.

-Nhưng bị tố cáo những điều như thế không thể nào không phản kháng – Coconnas kêu lên.

-Thì ông cứ phản kháng đi, có ai ngăn ông đâu. Lính gác đâu các anh đã nghe thấy gì chưa?

Bọn lính gác túm lấy hai bị cáo và đưa họ ra mỗi người theo một cửa.

Rồi biện lý ra hiệu cho người đàn ông mà Coconnas đã thoáng nhìn thấy trong bóng tối và bảo y: -Thầy đừng có đi đâu, đêm nay thầy có việc đấy.

-Thưa ngài, tôi phải bắt đầu với người nào đây? – Người đàn ông kính cẩn cầm mũ ra tay hỏi.

-Với tên này, – Viên chánh án vừa nói vừa trỏ De Mole mà người ta còn nhìn thấy như một cái bóng giữa hai người lính gác.

Rồi y tới gần René đang run sợ đứng chờ được giải về Châtelet nơi y giam giữ.

-Tốt lắm – Viên chánh án nói – Thái hậu và đức vua sẽ biết được rằng nhờ có thầy mà thánh thượng được rõ sự thật.

Nhưng lẽ ra lời hứa hẹn phải làm cho René tỉnh người lên thì dường như lại khiến y bàng hoàng hơn và y chỉ trả lời bằng một tiếng thở dài.

§58. Nhục hình bẻ chân

Chỉ khi đã bị dẫn vào phòng giam mới của chàng và cửa đã đóng lại, Coconnas còn lại có một mình không cứng cỏi như lúc chàng đấu tranh với bọn quan toà và nổi cơn tức giận với René, chàng mới bắt đầu buồn phiền suy nghĩ.

"Hình như mọi việc bắt đầu xoay sang chiều hướng tồi tệ – Chàng tự nhủ – Thật đúng là lúc đi xuống toà tiểu giáo đường, mình rất ngờ sẽ bị kết án tử hình vì rõ ràng là lúc này họ đang quan tâm tới việc kết án tử hình bọn mình. Mình lại càng ghét cái trò án tử hình được tuyên bố bằng xử kín trong một lâu đài có thành có luỹ trước những bộ mặt xấu xí như những gương mặt vây quanh mình lúc nãy. Hẳn người ta thật tình định cắt cổ chúng mình đây. Hừm, mình lại nhắc lại cái điều mình vừa nói quả đã đến lúc đi sang tiểu giáo đường rồi."

Sau những lời lẩm bẩm này chàng yên lặng, nhưng sự im lặng ấy đột nhiên bị ngắt quãng bởi một tiếng kêu trầm trầm nghẹn ngào thê thảm và chẳng có gì giống tiếng người cả. Tiếng kêu đó dường như chọc thủng bức tường dày và tiếng vọng rung lên trên chất sắt của những chấn song tù.

Dù không muốn Coconnas vẫn rùng mình tuy chàng là người can đảm như những con thú dữ có bản năng can đảm. Coconnas đứng nguyên tại chỗ chàng đã nghe thấy tiếng kêu than. Chàng không thể ngờ tiếng kêu như thế lại có thể do một con người thốt ra, chàng ngỡ đó là tiếng gió than vãn trên các cành cây hoặc là một trong muôn vàn tiếng động của đêm tối vọng lên hay dội xuống từ hai cái thế giới bí ẩn trong đó có thế giới của chúng ta đang xoay tròn. Đang khi như thế thì tiếng kêu thứ hai đau đớn hơn, sâu lắng hơn, làm tan nát ruột gan hơn tiếng kêu thứ nhất dội tới Coconnas. Lần này không những chàng nhận thấy rõ nét đớn đau trong giọng con người mà chàng còn tin rằng đã nhận ra giọng De Mole.

Nghe tiếng đó, Coconnas quên phắt đi rằng chàng đang bị cầm giữ sau hai lần cửa, hai tầng song sắt và một bức tường dầy mười hai bộ, chàng lao cả thân mình vào tường như muốn đạp đổ nó và bay tới cứu người bị nạn, chàng kêu lên: -Người ta đang giết ai ở đây sao?

Nhưng chàng va phải bức tường mà chàng đã không nghĩ tới và ngã phịch xuống một chiếc ghế đá dài, người đau dừ.

Tất cả chỉ có thế.

-Ôi chúng giết cậu ta rồi! – Chàng lẩm bẩm – Kinh khủng thật! ở đây không thể tự vệ được… chẳng có gì hết, chẳng có vũ khí.

Chàng đưa tay quanh mình.

-À, chiếc vòng sắt này! – Chàng thốt lên – Ta sẽ dứt được nó ra và vô phúc thay kẻ nào dám tới gần ta!

Chàng đứng dậy, túm lấy chiếc vòng sắt và ngay cú đầu tiên đã giằng nó mạnh đến nỗi chắc chắn chỉ cần hai lần như thế chàng có thể tháo được nó ra.

Đột nhiên, cửa bật mở, hai ngọn đuốc soi rọi vào hầm giam.

-Xin mời ông ra – Cũng vẫn giọng nói đớt đã khiến chàng đặc biệt khó chịu lúc nãy và giờ đây, dù cho nói ở nơi thấp hơn đến ba tầng gác, cũng vẫn không dễ nghe thêm chút nào – Toà đang chờ ông.

-Được – Coconnas buông chiếc vòng ra hỏi – Ta sắp nghe bản án chứ gì?

-Thưa ông, vâng.

-Ồ thật nhẹ cả người, đi nào – Chàng nói.

Và chàng đi theo viên mõ toà, y đi trước chàng với bước đi mực thước và cầm một cây gậy đen trong tay.

Mặc dù lúc đầu chàng đã tỏ ra vui mừng, Coconnas vừa đi vừa lo lắng nhìn quanh.

"Ô hô – Chàng lẩm bẩm – Mình chẳng thấy tên giữ khoá tử tế kia đâu. Vắng hắn cứ thấy thiêu thiếu lạ."

Họ bước vào căn phòng nơi các pháp quan đã rời đi chỉ còn lại một người là Coconnas nhận ra là viên tổng biện lý. Trong lúc thẩm vấn, y đã nhiều lần lên tiếng mà lúc nào cũng để lộ rõ vẻ hằn học.

Đó chính là kẻ đã được Catherine, khi thì bằng thư, lúc thì trực tiếp dặn dò gửi gắm phiên toà.

Một tấm màn được vén lên để lộ phần trong gian phòng. Bề rộng của phòng chìm sâu trong bóng tối nhưng những phần được chiếu sáng của nó có một vẻ khủng khiếp đến nỗi Coconnas cảm thấy chân mình như khụyu xuống và chàng thốt lên: -Ôi, lạy Chúa!

Coconnas kêu lên kinh hoàng như thế chẳng phải không có lý do.

Quang cảnh thật ảm đạm. Trong buổi hỏi cung, căn phòng được che đậy bởi tấm màn, nay hiện ra như tiền phòng của địa ngục. Ở phía trước, người ta trông thấy có một tấm giá gỗ chằng chịt dây dợ, ròng rọc, và những dụng cụ tra tấn khác. Xa hơn một chút có một lò than hồng rực rọi ánh sáng đỏ lừ lên tất cả những vật ở gần và làm cho bóng những kẻ đứng giữa Coconnas và lò tối sẫm lại. Một người đàn ông tay cầm dây đứng bất động như pho tượng bên một trong những cột đỡ vòm trần. Người ta tưởng chừng y cũng là đá như chiếc cột y dựa vào.

Trên tường, phía trên những chiếc ghế dài được làm bằng sa thạch, giữa những vòng sắt có treo những sợi xích sắt và lấp lánh các lưỡi giáo, mác, dao, kiếm.

"Ô! – Coconnas lầm bẩm – Phòng tra nhục hình đã sẵn sàng dường như chỉ còn chờ khách nữa thôi! Thế này là thế nào?"

-Quỳ xuống, Marc Anibal de Coconnas – Một giọng nói khiến chàng phải ngẩng đầu lên – Hãy quỳ xuống để nghe phán quyết của tòa đối với ông.

Đó là một trong những kiểu ra lệnh khiến cho toàn thân Coconnas phải phản ứng lại theo bản năng.

Nhưng trong khi toàn thân chàng phản ứng lại thì có hai người đã bất ngờ tỳ tay đè nặng lên vai chàng đến nỗi chàng khụyu cả hai chân xuống sàn đá.

Giọng nói lại tiếp tục:

"Phán quyết của toà xử tại thành tháp Vincennnes đối với Marc Anibal de Coconnas, đã phạm phải các tội khi quân tội có ý định đầu độc, làm phù phép và yểm bùa hại tới thánh thể đức vua, tội âm mưu chống lại an ninh quốc gia cũng như tội dùng những lời khuyên thâm độc để lôi cuốn một hoàng tử theo huyết thống vào tội phản nghịch …"

Cứ mỗi lần buộc tội tuôn ra là Coconnas lại lắc đầu và đánh nhịp như những tay học trò bất trị, viên quan toà tiếp:

"Vì những tội ấy, tên Marc Anibal de Coconnas sẽ bị giải từ nhà tới quảng trường Saint-Jean Grève để chịu tội chặt đầu. Tài sản của y sẽ bị tịch thu, rừng cây cao của y sẽ bị chặt ngang tầm sáu bộ. Các lâu đài của y bị phá huỷ và một cây cột với một tấm biển bằng đồng sẽ được dựng lên để chứng thực tội trạng và hình phạt …"

-Đầu ta, người ta có thể chặt – Coconnas nói – Vì cái đầu ấy đang ở trên đất Pháp và nó rất phiêu lưu. Nhưng còn những khu rừng già cây cao của ta, các lâu đài của ta, ta thách tất cả những cưa, những cuốc của cái vương quốc rất mực kính Chúa này dám động vào đấy![422]

-Im lặng! – Viên quan toà nói.

Và hắn lại tiếp:

"Ngoài ra, tên Coconnas …"

-Sao? – Coconnas ngắt lời – Chặt đầu rồi mà vẫn còn bị thêm hình phạt gì nữa hả? Ô hô! Thế thì có khi nghiêm khắc đấy!

-Không đâu, thưa ông – Viên quan toà đáp – Trước khi đó…

Và y lại tiếp:

"Ngoài ra tên Coconnas trước khi chịu tử hình sẽ phải chịu nhục hình ngoại lệ là mười nêm."

Coconnas chồm lên, mắt nảy lửa nhìn viên quan toà: -Thế để làm gì? – Chàng kêu lên và chẳng tìm ra lời nào khác hơn ngoài những từ ngây ngô như thể để thể hiện vô vàn suy nghĩ đang dồn dập tới trong đầu chàng.

Quả thực, nhục hình làm đảo lộn toàn bộ những niềm hy vọng của Coconnas. Chàng sẽ được giải tới giáo đường sau khi chịu nhục hình mà nhục hình này thường hay khiến người ta phải chết, tội nhân càng can đảm và khỏe mạnh càng dễ chết, vì khi đó anh ta sẽ coi việc thú nhận như một sự hèn hạ, và chừng nào

người ta còn chưa nhận tội, nhục hình còn tiếp tục, không những thế lại còn gia tăng hơn trước.

Viên quan toà tránh không trả lời Coconnas, phần tiếp theo của phán quyết trả lời hộ y, tuy nhiên, y tiếp tục: -Để buộc y khai ra những tên tòng phạm, những âm mưu và thủ đoạn một cách chi tiết!

-Mẹ kiếp! – Coconnas kêu lên – Đây là điều mà ta coi là một sự đê tiện, hơn thế nữa, đó là một sự hèn hạ.

Đã quen với những cơn tức giận của nạn nhân- sự đau đớn rồi sẽ làm dịu lòng tức giận và chuyển chúng thành những giọt nước mắt – Viên quan toà chỉ phác một cử chỉ.

Coconnas bị tóm lấy chân và vai bị vật ngửa người ra lôi tới đặt nằm trên phản nhục hình và trói lại trước khi kịp nhìn xem những kẻ nào đã dám bạo tay với chàng như vậy.

-Quân khốn kiếp! – Coconnas vừa hét lên vừa điên cuồng giãy giụa trên tấm phản và bệ kê khiến những tên tra tấn cũng phải giật lùi.

-Quân khốn nạn! Tra tấn tao! Bẻ xương tao đi! Nghiền nát tao đi! Chúng mày sẽ không biết gì hết! Ta thề như thế! A, chúng mày tưởng cứ dùng những mảnh sắt mảnh gỗ kia là có thể khiến một người quý tộc như tao phải khai ư? Nào, làm đi, ta thách các người đấy!

-Chuẩn bị ghi, lục sự! – Quan toà nói.

-Ừ, cứ chuẩn bị đi! – Coconnas thét lên – Nếu mi viết được tất cả những điều ta sắp nói với cả lũ nhà mi đây, đồ đao phủ đê tiện, mi sẽ còn ối việc ra mà làm đấy. Viết đi, viết đi!

-Ông có muốn khai không? – Quan toà hỏi với giọng vẫn bình thản.

-Không, không một lời khai nào hết, cút đi với quỷ sứ cho rảnh mắt!

-Ông sẽ suy nghĩ trong lúc người ta chuẩn bị. Nào, thầy cả đi ủng vào cho ông đây.

Nghe đến đấy, con người từ nãy vẫn đứng im lìm bên cột với nắm dây cầm tay, rời cột đá và từ từ tiến lại phía Coconnas, còn chàng thì quay mặt lại để nhăn nhó giễu y.

Đó là thầy Caboche, đao phủ thành Paris.

Một nỗi kinh ngạc đầy đau khổ hằn lên trên nét mặt Coconnas.

Đáng lẽ kêu hét hay cựa quậy, chàng nằm im chằm chằm nhìn người bạn đã quên đi nay lại xuất hiện giữa lúc này.

Không một thớ thịt nào trên mặt Caboche cừ động, y không tỏ ra đã gặp Coconnas ở một nơi nào khác ngoài cái phản tội hình này. Y nhét hai mảnh ván vào giữa hai chân chàng, xếp hai mảnh khác giống thế ở phía ngoài hai chân và bó tất cả các mảnh ván ấy vào với nhau với sợi dây y cầm tay.

Đó là hình cụ mà người ta gọi là giày bẻ chân.

Đối với nhục hình thông thường, người ta chêm vào giữa hai mảnh ván sáu cái nêm; nêm càng ăn sâu thì ván càng nghiền nát da thịt tội nhân.

Đối với nhục hình ngoại lệ, người ta chêm vào mười nêm, khi đó các mảnh ván không những nghiền da thịt mà còn bẻ vỡ xương.

Việc mào đầu đã xong, thầy Caboche nhét đầu nêm vào giữa hai mảnh ván, búa tạ cầm tay, y quỳ trên chân và nhìn quan toà chờ đợi.

-Ông có chịu nói không? – Quan toà hỏi.

-Không, – Coconnas cương quyết trả lời, mặc dù chàng cảm thấy mồ hôi túa ra trên trán và tóc tai dựng cả lên.

-Vậy thì làm đi – Quan toà phán – Nêm thứ nhất của nhục hình thường.

Caboche giơ cao cánh tay vác chiếc búa tạ năng nện một đòn khủng khiếp xuống chiếc nêm, tiếng nêm dội lại nghe bình bịch.

Tấm phản gỗ rung lên.

Coconnas không thốt lên một lời rên rỉ nào khi chiếc nêm đầu tiên được đóng vào thông thường thì nó khiến những người quả cảm nhất cũng phải than vãn.

Thậm chí trên gương mặt chàng chỉ để lộ một nỗi kinh ngạc khôn tả. Chàng đưa mắt ngạc nhiên nhìn Caboche. Y vẫn giơ cao tay, hơi ngoảnh về phía quan toà chuẩn bị giáng cú thứ hai.

-Các ông định làm gì mà nấp trong rừng? – Quan toà hỏi.

-Định ngồi chơi dưới bóng cây thôi – Coconnas đáp.

-Tiếp đi – Quan toà phán.

Caboche giáng một đòn thứ hai cũng dội tiếng bình bịch như đòn thứ nhất.

Nhưng chẳng hơn gì cú thứ nhất, Coconnas vẫn không mảy may nhăn nhó và chàng vẫn tiếp tục nhìn người đao phủ với vẻ mặt như trước.

Quan toà cau mày lẩm bẩm: -Tay này cứng đây, nêm đã tụt hết chưa thầy cả?

Caboche cúi xuống tựa như để xem xét, nhưng vừa cúi vừa nói nhỏ với Coconnas: -Ông kêu lên đi chứ, rõ khổ!

Rồi y nhỏm dậy thưa: -Trình ngài, đã tụt vào hết rồi đấy ạ.

-Nêm thứ hai của nhục hình thường – Viên quan toà lạnh lùng tiếp.

Mấy lời của Caboche đã cắt nghĩa hết mọi việc cho Coconnas.

Viên đao phủ tốt bụng đã giúp bạn mình một việc lớn nhất mà một người đao phủ có thể giúp được cho một nhà quý tộc. Y không chỉ tránh cho chàng nỗi đau đớn, y giúp chàng tránh được nỗi nhục của những lời thú tội. Y đã nhét vào giữa hai chân chàng không phải là những chiếc nêm gỗ sồi mà những chiếc nêm bằng da giãn nở được, chỉ có phần trên nêm được ghép bằng gỗ mà thôi. Hơn thế nữa, làm như vậy, y giữ sức cho chàng để chuẩn bị đương đầu với đoạn đầu đài.

“A, Caboche tốt bụng – Coconnas thì thầm – Cứ yên tâm, anh yêu cầu thì tôi sẽ kêu rên đến mức nếu mà anh không hài lòng thì quả là người khó tính đấy.”

Trong khi đó, Caboche đã nhét vào giữa hai mảnh ván đầu mút của một chiếc nêm còn to hơn chiếc trước.

-Nào – Viên quan toà nói.

Nghe vậy Caboche liên nện một cú tựa như thể sẽ làm đổ sụp cả toà thành Vincennnes.

-Ái, ái! ối giời ơi! – Coconnas hét lên theo đủ mọi giọng. – Trời đất quỷ thần ơi, ông làm gẫy xương tôi, coi chừng đấy.

-A – Quan toà mỉm cười nói – Nêm thứ hai có tác dụng rồi đây, ban nãy ta cũng cứ ngạc nhiên mãi.

Coconnas thở phì phò như bễ lò rèn.

-Thế lúc ấy các ông làm gì trong rừng? – Quan toà nhắc lại.

-Ê mẹ kiếp! Tôi đã nói với ông rồi, tôi hóng mát.

-Tiếp đi – Quan toà giục.

-Khai đi – Caboche rỉ tai Coconnas.

-Khai gì?

-Gì cũng được, nhưng cứ khai đi.

Và y lại lại giáng một nhát cũng cẩn thận như nhát trước. Coconnas tưởng mình suýt nghẹt thở vì kêu nhiều quá.

-Ôi mẹ ai – Chàng than – Ông muốn biết gì cơ, thưa ông?

-Tôi vào rừng theo lệnh của ai ấy à?

-Đúng thế, ông ạ.

-Tôi ở trong rừng theo lệnh của ông d'Alençon.

-Ghi đi.

-Thưa ông, nếu như tôi phạm tội giương bẫy lừa vua Navarre, tôi chỉ là kẻ thừa hành, tôi tuân lệnh chủ tôi.

Viên lục sự bắt đầu ghi.

"A, mày tố giác tao, đồ mặt nhợt – Người chịu tội hình lầm bẩm – Cứ chờ đấy"

Và chàng kể lại cuộc viếng thăm vua Navarre của François, những cuộc hội kiến giữa de Mouy và d'Alençon, câu chuyện về chiếc áo măng-tô màu đỏ, vừa kể vừa hét lên như sực nhớ lại và để cho mình chốc chốc lại được nhận thêm vài nhát búa chèn.

Rốt cuộc, chàng đưa ra nhiều tin tức khủng khiếp, chính xác, đúng đắn không thể phủ nhận được có hại cho quận công d'Alençon. Chàng khéo léo tỏ ra chỉ chịu khai báo vì quá đau đớn, chàng nhăn nhó, rên rỉ, than vãn tự nhiên và bằng nhiều giọng khác nhau đến nỗi chính quan toà cuối cùng cũng phát hoảng vì phải ghi lại nhiều chi tiết đầy tai tiếng đến thế đối với một hoàng tử Pháp.

"Thật hay ho – Caboche tự nhủ – Vị quý tộc này chẳng để nói nhiều lời, thằng cha lục sự lãi nhé. Lạy Chúa tôi, ấy là nêm còn bằng da đấy, chứ bằng gỗ

thì không biết ra sao rồi?”

Cũng vì vậy mà người ta tha cho Coconnas khỏi phải chịu chiếc nêm cuối cùng của hình phạt đặc biệt, nhưng không kể chiếc nêm đó thì chàng đã phải chịu chín chiếc khác, và thế cũng đã đủ để chân chàng nát nhừ ra rồi.

Quan toà chỉ rõ cho Coconnas thấy lòng tốt y ban cho chàng vì những lời khai báo của chàng và lui về.

Tội nhân còn lại một mình với Caboche.

-Thế nào, ông quý tộc, khỏe không? – Viên đao phủ hỏi.

-A! Ông bạn ơi, Caboche tốt bụng thân yêu của tôi! Anh hãy tin rằng suốt đời tôi sẽ biết ơn anh về những việc anh vừa giúp tôi ông nói đúng lắm, vì nếu người ta biết được tôi giúp ông điều gì thì khi đó chính tôi sẽ nằm vào chỗ của ông trên cái giá gỗ này và người ta chẳng nương nhẹ tôi như tôi đã nhẹ tay với ông đâu.

-Nhưng làm sao anh lại nảy ra cái ý tuyệt diệu…

-Thế này – Caboche vừa nói vừa quấn chân Coconnas trong những mảnh giẻ bê bết máu – Tôi biết ông bị bắt, tôi cũng biết người ta đang tiến hành vụ án của ông, Tôi biết rằng Thái hậu Catherine muốn để các ông chết và tôi đã đoán ra là người ta sẽ tra nhục hình ông thế là tôi bèn chuẩn bị phần tôi.

-Anh dám liều không sợ những gì có thể xảy đến à?

-Ông là nhà quý tộc duy nhất đã chìa tay cho tôi bắt – Caboche nói – Dù tôi có là đao phủ chăng nữa, và có lẽ cũng chỉ chính vì tôi là đao phủ, nhưng tôi vẫn có một trái tim và một trí nhớ. Ngày mai ông sẽ thấy tôi làm việc của mình chu tất như thế nào.

-Ngày mai à? – Coconnas hỏi.

-Vâng, ngày mai.

-Việc gì vậy?

Caboche ngẩn người nhìn Coconnas: -Sao? Việc gì ấy à? Ông quên mất bản phán quyết rồi sao?

-À ừ nhỉ, tôi quên mất bản phán quyết.

Thực tế không phải Coconnas quên mà là chàng không nghĩ tới. Điều mà chàng nghĩ tới, đó là giáo đường với con dao giấu dưới chiếc khăn phủ bàn thánh, tới Henriette và hoàng hậu, tới cánh cửa kho giữ đồ thánh và hai con ngựa đợi họ trong bìa rừng. Chàng nghĩ tới tự do, tới cuộc chạy giữa trời, tới sự an toàn ở ngoài biên giới Pháp.

-Bây giờ – Caboche nói – Phải đưa ông thật khéo từ giá nhục hình tới chiếc cáng. Đừng có quên rằng đối với tất cả mọi người kể cả lũ đầy tớ của tôi, ông đã bị bẻ gẫy xương chân rồi và mỗi cử động ông đều phải kêu lên đấy.

-Ái! ối! – Coconnas hét lên khi mới chỉ nhìn thấy hai tên hầu đem cáng lại gần chàng.

-Nào, can đảm lên tí – Caboche nói – Nếu bây giờ mà ông đã kêu thì lát nữa ông sẽ bảo sao?

-Ông Caboche thân mến, tôi xin ông đừng để lũ đầy tớ đáng kính của ông sờ vào người tôi. Có khi họ không được nhẹ tay như ông.

-Đem cáng lại gần giá đi – Thầy Caboche ra lệnh.

Hai tên hầu vâng lời. Thầy Caboche bế Coconnas trong tay như bế một đứa trẻ và đặt chàng lên nằm trên cáng. Nhưng mặc dù y đã cẩn thận đển thế, Coconnas vẫn hét lên những tiếng kêu rùng rợn.

Viên coi ngục bây giờ mới xuất hiện, tay cầm cây đèn lồng.

-Đến giáo đường nhé – Y nói.

Những người khiêng Coconnas bắt đầu đi sau khi Coconnas đã siết tay Caboche một lần nữa.

Cái bắt tay đầu tiên đã có ích cho chàng đến nỗi giờ đây chàng không tỏ ra khó tính nữa.

§59. Giáo đường

Đoàn người ảm đạm đi qua hai cầu treo của toà thành tháp và sâu lớn của lâu đài dẫn tới giáo đường trong sự im lặng nặng nề. Qua cửa kính màu của giáo đường, ánh sáng lớ mờ nhuốm lên những gương mặt nhợt nhạt của các vị thánh tông đồ mặc áo đỏ.

Coconnas khao khát thở hít khí trời đêm mặc dù không khí đẫm nước mưa. Chàng nhìn đêm tối dầy đặc và lòng những mừng thầm vì hoàn cảnh này thuận lợi cho cuộc đi trốn của chàng và bạn.

Phải có nghị lực, sự cẩn thận và sức tự kiềm chế ghê lắm mới giữ cho chàng khỏi nhảy ngay xuống chân cáng khi vào tới giáo đường, chàng nhìn thấy chỗ dàn đồng ca, cách bàn thờ ba bước chân có một khối thân hình nằm bất động trong chiếc áo choàng trắng.

Đó là De Mole.

Hai người lính đi cùng chiếc cáng dừng lại bên ngoài cửa.

"Nếu đã ban cho chúng tôi ân huệ cuối cùng là được gặp nhau – Coconnas vừa nói vừa ra giọng yếu ớt – Xin hãy đưa tôi lại gần bạn tôi."

Những người khiêng cáng không nhận được lệnh bắt làm trái lại nên họ làm theo lời đề nghị của Coconnas mà chẳng gây khó dễ gì.

Vẻ mặt La Mole xanh xao và u tối, đầu chàng tì vào bức tường cẩm thạch. Mồ hôi đầm đìa khiến mặt chàng có vẻ nhợt nhạt như ngà ẩm ướt và thấm đẫm mái tóc đen của chàng làm tóc đã dựng lên để có vẻ như đã cứng đờ lại. Người giữ chìa khoá ra hiệu cho hai người hầu đi tìm cha cố theo lời yêu cầu của Coconnas.

Đó là tín hiệu đã định.

Coconnas lo lắng đưa mắt nhìn theo hai kẻ hầu. Nhưng không phải chỉ có ánh mắt nóng bỏng của chàng là chăm chăm nhìn theo họ. Những người hầu vừa khuất thì có hai người đàn bà lao từ phía sau bàn thờ ra phía dàn đồng ca với những tiếng thì thầm vui mừng đi trước họ làm xao động không gian như làn hơi nóng ồn ào trước cơn giông.

Marguerite chạy bổ tới chỗ De Mole và ôm chầm lấy chàng.

De Mole thốt lên một tiếng kêu khủng khiếp giống như những tiếng Coconnas đã nghe thấy lúc còn ở trong hầm giam và đã khiến chàng suýt phát điên.

-Lạy Chúa! Có chuyện gì vậy mình? – Marguerite hoảng sợ lùi lại.

De Mole thốt lên một tiếng rên thâm trầm và đưa tay lên mặt dường như chàng không muốn nhìn thấy Marguerite.

Marguerite kinh hãi về sự im lặng và cử chỉ này còn hơn cả vì tiếng kêu đau đớn của De Mole vừa xong.

-Ôi! Nàng thốt lên – Mình sao vậy? Người mình đầy máu.

Coconnas đã tới được bàn thờ, cầm dao và đã ôm Henriette trong tay bèn quay lại.

-Mình đứng dậy đi! Marguerite nói – Em van mình, mình đứng dậy đi. Đến lúc rồi.

Một nụ cười buồn rầu đến phát sợ lướt qua làn môi nhợt nhạt của De Mole, chàng có vẻ như không thể cười được nữa.

-Hoàng hậu thân yêu – Chàng trai trả lời – Nàng đã dự định mà không tính tới tâm địa của Catherine, nghĩa là không tính trước tới một tội ác. Tôi đã chịu nhục hình, xương tôi đã nát, toàn thân tôi chỉ còn là một vết thương mà thôi, và cử động lúc này đây của tôi để đặt được môi lên trán nàng khiến tôi đau đớn còn hơn cái chết.

Và quả thật, người tái mét, de Mole cố gắng tì môi lên trán hoàng hậu.

-Nhục hình! – Coconnas thốt lên – Nhưng mình cũng đã chịu nhục hình! Vậy tên đao phủ đã không giúp cậu điều hắn đã giúp mình.

Và Coconnas kể lại tất cả.

-A, vậy là rõ rồi – De Mole đáp – Cậu đã bắt tay ông ta ngày chúng ta tới thăm, mình lúc ấy đã quên rằng tất cả mọi người đều là anh em, mình đã ra ý dè bỉu, Chúa đã trừng phạt thói kiêu ngạo của mình, tạ ơn Chúa! – De Mole chắp tay lại.

Coconnas và hai người đàn bà nhìn nhau xiết đỗi kinh hoàng.

-Thôi nào – Viên coi tù đã đi ra cửa để nghe ngóng vừa quay trở lại nói – Thôi đừng để mất thì giờ nữa, ông de Coconnas thân mến, đâm cho tôi nhát dao đi mà phải thu xếp nhát ấy cho ra dáng quý tộc đấy nhé, họ sắp tới rồi.

Marguerite quỳ xuống bên De Mole. Nàng trông tựa như một trong những pho tượng cẩm thạch cúi mình trên nấm mồ gần bên hình ảnh của kẻ bị chôn sâu dưới mộ.

-Nào, anh bạn – Coconnas – Can đảm lên! Mình khỏe, mình sẽ đưa cậu đi, mình sẽ đặt cậu lên ngựa, thậm chí mình còn có thể giữ cậu ngay trước mặt mình nữa nếu cậu không thể tự ngồi vững trên yên. Nhưng đi thôi, đi thôi, cậu đã nghe thấy điều con người phúc hậu này nói rồi đấy. Vấn đề ở đây là mạng sống của cậu kia mà.

De Mole lấy hết sức cố gắng, một cố gắng phi thường.

-Đúng vậy – Chàng nói – Đây là việc liên quan tới mạng sống của cậu.

Và chàng cố gắng đứng dậy.

Anibal đỡ lưng cho chàng đứng. Trong lúc đó, La Mole chỉ thốt ra một tiếng rên trầm trầm. Nhưng khi Coconnas buông chàng ra để tới chỗ viên coi tù, de

Mole chỉ còn được hai người đàn bà đỡ nữa thôi thì chân chàng khuỵu xuống, và dù Marguerite đầm đìa nước mắt hết sức cố gắng đỡ cho chàng. De Mole vẫn ngã sụp xuống như một khối thịt và tiếng kêu xé lòng mà chàng không kìm lại được khiến các vòm trần giáo đường ngân mãi trong một tiếng vang thê thảm.

-Nàng thấy chưa, hoàng hậu – De Mole nói với giọng đầy đau khổ tuyệt vọng – Hãy bỏ mặc tôi đi, bỏ tôi ở đây với lời chào vĩnh biệt cuối cùng của nàng. Marguerite, tôi không hề thú nhận gì hết, chuyện bí mật của nàng sẽ được giữ kín trong mối tình của tôi và sẽ hoàn toàn tiêu tán cùng cái chết của tôi. Vĩnh biệt, hoàng hậu, xin vĩnh biệt…

Marguerite gần như không còn sinh khí, nàng vòng tay ôm lấy mái đầu duyên dáng và đặt lên đó một cái hôn gần như sùng kính.

-Còn cậu, Anibal, cậu đã thoát được nỗi đau đớn, cậu còn trẻ còn có thể sống. Cậu trốn đi, bạn ạ, hãy để cho mình niềm an ủi cuối cùng là được biết cậu đã tự do.

-Thời giờ gấp rồi – Viên coi ngục kêu lên – Xin các ông nhanh lên cho.

Henriette cố nhè nhẹ kéo Anibal, trong khi đó Marguerite quỳ trước mặt De Mole; tóc tai xổ tung, đầm đìa nước mắt. Nàng trông như tượng nữ thánh Madeleine.

-Trốn đi, Anibal – De Mole tiếp – Trốn đi, đừng có để cho kẻ thù của chúng ta được vui thú chứng kiến cái chết của hai kẻ vô tội.

Coconnas nhẹ nhàng đẩy tay Henriette đang kéo chàng lại phía cửa, và với một cử chỉ trang trọng đến mực gần như oai nghiêm chàng nói: -Thưa bà, trước hết hãy trao năm trăm écus mà bà đã hứa cho người này.

-Tiền đây – Henriette nói.

Rồi chàng quay lại phía De Mole buồn bã lắc đầu, nói: -Còn cậu, de Mole, nếu có lúc nào cậu nghĩ rằng mình có thể bỏ rơi cậu thì cậu sỉ nhục mình đấy. Mình chẳng đã thề cùng sống chết với cậu là gì? Nhưng cậu đau đớn quá, anh bạn thân mến ạ, nên mình tha thứ cho cậu.

Và chàng quả quyết nằm xuống bên bạn, và chàng nghiêng đầu về phía bạn và lướt môi mình lên trán De Mole.

Rồi chàng nhẹ nhàng, nhẹ nhàng như bà mẹ đỡ đứa con, chàng kéo đầu De Mole trượt từ bên tường sang ngả vào ngực chàng.

Vẻ mặt Marguerite đầy u ám. Nàng đã nhặt con dao mà Coconnas vừa để rơi lên.

-Ôi hoàng hậu của tôi – De Mole đoán ra ý nàng và vươn tay về phía nàng – Xin hãy đừng quên rằng tôi chết để dập tắt mọi nghi ngờ về mối tình của chúng ta.

-Nhưng em biết làm gì đây? Nếu như đến chết bên chàng cũng không được? – Marguerite tuyệt vọng kêu lên.

-Em có thể khiến cái chết đối với tôi trở thành êm dịu và đến với tôi bằng gương mặt tươi cười.

Marguerite lại gần chàng và chắp tay lại như cầu xin chàng nói.

-Marguerite, em có nhớ một tối, khi tôi dâng cuộc đời tôi cho em cũng như hôm nay đây, tôi đang trao tính mạng tôi, để đổi lại, em đã hứa với tôi một lời thiêng liêng…

Marguerite rùng mình.

-A, em đã nhớ ra rồi đó, vì em rùng đang run lên kìa.

-Vâng, em đã nhớ ra rồi, Hyacinthe thề có linh hồn em, em xin giữ lời.

Từ chỗ nàng, Marguerite chìa bàn tay về phía bàn thờ như để xin Chúa một lần nữa chứng giám cho lời thề của nàng.

Nét mặt De Mole rạng rỡ hẳn lên như thể vòm trần giáo đường mở ra và một tia sáng thần tiên chiếu rọi tới tận chàng.

-Có người tới, có người – Viên cai ngục gọi.

Marguerite buột kêu lên một tiếng, lao bổ tới De Mole, nhưng nỗi e ngại làm chàng đau thêm khiến nàng run rẩy dừng lại trước chàng.

Henriette đặt môi lên trán Coconnas nói: -Anibal, em hiểu mình và tự hào vì mình. Em biết rằng tính cách anh hùng của mình khiến mình phải chết nhưng em yêu mình cũng vì thế. Trước Chúa, em vẫn yêu mình hơn nhất trên đời. Dù em không biết Marguerite đã hứa sẽ làm gì cho De Mole nhưng em thề với mình em sẽ làm như vậy đối với mình. và nàng chìa tay cho Marguerite.

-Nói thế mới thật là hay, cám ơn mình – Coconnas trả lời.

-Hoàng hậu của tôi, trước khi nàng rời tôi, xin hãy gia ân lần cuối – De Mole nói – Hãy cho tôi một vật kỷ niệm nào đó để tôi có thể hôn nó khi bước lên đoạn đầu đài.

-Vâng, vâng – Marguerite thốt lên – Đây…

Nàng gỡ khỏi cổ chiếc hộp đựng thánh tích nhỏ bằng vàng treo trên sợi dây chuyền cũng bằng vàng.

-Này, đây là một thánh tích mà em đã đeo từ thời thơ ấu, mẹ em đã đeo nó vào cổ cho em khi em còn bé tý và khi ấy bà ta còn yêu thương em, nó là của giáo hoàng Clément, cậu em, cho em, em chưa bao giờ rời xa nó. Đây, xin anh hãy giữ lấy.

De Mole cầm lấy chiếc hộp thánh tích và khao khát hôn lên đó.

-Có người mở cửa rồi – Viên cai ngục gọi – Xin các phu nhân hãy trốn đi cho!

Hai người đàn bà lao về phía bàn thờ và biến mất.

Cùng lúc đó cha cố bước vào.

§60. Quảng trường Saint-Jeanne Grève

Đã bảy giờ sáng, đám đông người ồn ào chờ đợi trên quảng trường các phố và quanh bờ sông.

Vào lúc mười giờ, vẫn chiếc xe thùng đã từng chở hai người bạn ngất đi sau cuộc đấu gươm về Louvre thuở nào, chiếc xe đó rời khỏi Vincennnes, chậm chạp lăn qua phố Saint-Antoine.

Trên quãng đường xe đi, những người đứng xem chen chúc giày xéo lên nhau nom giống như những pho tượng với ánh mắt nhìn chăm chăm và làn môi lạnh giá.

Chẳng là ngày hôm đó có một cảnh làm đau đớn lòng người do Thái hậu dành cho dân chúng thành Paris.

Trong chiếc xe thùng mà chúng tôi vừa nói tới và đang đi qua các phố có hai chàng trai đầu trần ăn vận toàn đồ đen đang nằm tựa vào nhau trên một lớp rơm mỏng. Coconnas ôm bạn ngang đùi, đầu De Mole lộ hẳn ra ngoài thành ngăn của xe và ánh mắt thất thần của chàng nhìn đây đó.

Tuy nhiên để có thể dõi ánh mắt khao khát tò mò vào tận đáy thùng xe, đám đông chen chúc, kiễng chân, leo lên bờ tường hoặc bám vào các góc lồi của bức tường. Họ dường như chỉ được thoả nỗi tò mò khi mắt họ đã moi móc nhìn kỹ từng chi tiết hai cái thân thể vừa rời khỏi sự đau đớn để đi đến sự huỷ diệt.

Người ta biết được rằng De Mole chịu chết mà không thừa nhận một lần nào những tội người ta gán cho chàng, còn ngược lại Coconnas đã không chịu được đau đớn và đã khai hết.

Cũng vì thế, người ta kêu từ tứ phía: -Nhìn kìa, nhìn cái thằng cha mặt đỏ! Chính hắn đã nói, đã khai hết, đó là thằng hèn đã gây ra cái chết cả cho bạn hắn.

-Còn ông kia là người can đảm đã không khai gì.

Cả hai người bạn đều nghe rõ, người thì nghe được những lời khen, kẻ thì nghe được những tiếng chửi rủa tiễn chân họ đi trong chuyến diễn hành tang tóc. Trong khi De Mole siết chặt tay bạn, một nụ cười khinh bỉ tuyệt vời nở trên gương mặt anh chàng Piémontais. Từ trên chiếc xe thùng nhơ nhớp chàng nhìn xuống đám đông trì độn như thể nhìn từ một chiếc xe khải hoàn.

Sự bất hạnh đã hoàn thành công việc thiên thần của nó, nó đã làm cho gương mặt Coconnas trở nên cao quý cũng như cái chết sắp làm chàng trở thành bất tử.

-Bạn ơi, chúng ta đã sắp tới chưa? – De Mole hỏi – Mình không chịu được nữa, có lẽ mình sắp ngất mất.

-Đợi tí đã De Mole, chúng ta sắp đi qua phố Tizon và phố Cloche Percée, cậu nhìn một tí mà xem.

-Ôi đỡ mình dậy với để mình được nhìn lần nữa ngôi nhà đầy hạnh phúc đó.

Coconnas vươn tay ra chạm vào vai người đao phủ, y đang ngồi phía trước thùng xe điều khiển ngựa.

-Thầy cả – Chàng nói – Dừng lại trước phố Tizon giúp tôi một lát.

Caboche gật đầu ra hiệu đồng ý và tới trước phố Tizon dừng lại.

De Mole được Coconnas đỡ, cố gắng nhỏm người dậy. Chàng nhìn với đôi mắt mờ lệ cái ngôi nhà bé nhỏ câm lặng đóng kín như một nấm mồ. Một tiếng thở dài làm ngực chàng phập phồng, chàng khẽ thì thầm: -Vĩnh biệt nhé tuổi trẻ, tình yêu và cuộc sống!

Và chàng lại để gục đầu xuống ngực.

-Cậu can đảm lên chứ – Coconnas khuyên – Có khi chúng mình lại có được những cái đó ở trên kia cũng nên.

-Cậu tưởng thế à? – De Mole lẩm bẩm.

-Mình tin thế vì ông cha cố đã bảo mình thế, và nhất là mình mong như thế. Nhưng đừng có ngất, ông bạn ơi, cái bọn khốn kiếp đang nhìn sẽ cười chúng mình mất.

Caboche nghe thấy những lời này. Một tay y quất ngựa, tay kia y dúi cho Coconnas mà không để người khác nhìn thấy một miếng bọt biển nhỏ tẩm một thứ thuốc mạnh đến nỗi sau khi De Mole ngửi và xoa nó lên hai bên thái dương, chàng cảm thấy tỉnh táo và khỏe hẳn lên

-Ôi mình thật như được tái sinh – Chàng nói, và cúi hôn chiếc hộp đựng thánh tích treo ở cổ bằng sợi dây chuyền vàng.

Tới góc bò sông và trong khi xe đi vòng qua toà nhà nhỏ xinh xắn do Henri II xây dựng, người ta đã nhìn thấy đoạn đầu đài dựng lên như một chiếc bục can đẫm máu, chiếc bục đó cao hơn hẳn mọi cái đầu.

-Bạn ơi – De Mole nói – Mình muốn được chết trước.

Một lần nữa, Coconnas chạm tay vào vai người đao phủ.

-Có việc gì vậy, ngài quý tộc? – Y vừa quay lại vừa hỏi.

-Anh bạn thân mến, anh vẫn muốn làm tôi vui lòng đúng không? Ít ra là anh đã nói với tôi như thế – Coconnas bảo.

-Vâng, và giờ đây tôi lại nhắc lại với ông lời đó.

-Bạn tôi đây đã đau đớn nhiều hơn tôi, do đó, còn ít sức lực hơn tôi…

-Thế thì sao?

-Thế này, ông ta bảo tôi ông ta sẽ đau khổ nếu phải nhìn thấy tôi chết trước. Vả lại, nếu tôi chết trước thì chẳng còn ai để đưa ông ấy lên đoạn đầu đài.

-Được được – Caboche vừa nói vừa đưa mu bàn tay quệt một giọt nước mắt – Xin ông cứ yên tâm, tôi sẽ làm theo điều ông yêu cầu.

-Và chỉ chém một nhát thôi đấy nhé! – Coconnas thì thầm.

-Một nhát thôi.

-Được. Nếu anh cần phải chém lại thì cứ chém lại với tôi đây này.

Chiếc xe dừng lại, họ đã đến nơi. Coconnas đội mũ lên đầu.

Có tiếng rì rầm như tiếng sóng biển bên tai De Mole. Chàng muốn đứng dậy nhưng đuối sức và cả Caboche lẫn Coconnas đều phải đỡ dưới vai chàng.

Quảng trường chật ních người, các bậc thềm của Toà thị chính trông như một hội trường đầy khán giả. Ở mỗi cửa sổ đều có những gương mặt đầy sinh động với ánh mắt như rực lửa ló ra.

Khi người ta thấy chàng thanh niên đẹp trai đã không thể đứng vững được trên đôi chân như nát đang cố gắng để tự đi tới đoạn đầu đài, một tiếng ầm ầm vang dội như một lời kêu than chung cho tất cả. Đàn ông thì gầm lên còn đàn bà thốt lên những tiếng kêu than vãn rầu rĩ.

-Đó là một trong những người thanh lịch nhất trong triều – Đàn ông nói – Đáng nhẽ ông ta không phải chết ở Saint-Jeanne Grève mà ở Préaux Clercs kia.

-Ông ta đẹp trai quá! Nom ông ta xanh quá! Ông ta không khai tí nào cả đấy! – Đàn bà bảo.

-Bạn ơi, mình không tự đứng được rồi – De Mole nói – Cậu đưa mình đi nhé.

-Chờ mình một tí – Coconnas đáp.

Chàng ra hiệu cho đao phủ tránh ra rồi cúi xuống ẵm De Mole trong cánh tay mình như ẵm một đứa trẻ. Chàng mang cả cái thân thể nặng nề ấy trèo lên bục mà không hề lảo đảo, tới bục, chàng đặt De Mole xuống giữa những tiếng kêu đầy phấn kích và tiếng vỗ tay của đám đông.

Coconnas nhấc mũ lên cúi chào. Rồi chàng ném mũ xuống bên mình trên đoạn đầu đài.

-Nhìn quanh chúng mình xem – De Mole hỏi – Cậu có thấy họ ở đâu không?

Coconnas đưa mắt từ từ nhìn quanh quảng trường, tới một điểm chàng dừng lại, không rời mắt khỏi đó và đưa tay ra chạm vào vai bạn.

-Nhìn kia, cậu nhìn lên chỗ cửa sổ của chiếc tháp nhỏ kia xem.

Và tay kia chàng chỉ cho De Mole thấy toà nhà mà bây giờ vẫn còn ở vào khoảng giữa phố Vannerie và phố Mouton và là một trong những tàn tích của thời đã qua.

Hai người đàn bà vận đồ đen đứng tựa vào nhau không phải ở ngay cửa sổ mà hơi lùi vào một chút.

-Ôi mình chỉ sợ có mỗi một điều là chết mà không được nhìn lại nàng – De Mole thốt lên – Giờ mình đã thấy được nàng, mình chết cũng thoả lòng.

Mắt đăm đăm nhìn lên chiếc cửa sổ, chàng đưa chiếc hộp đựng thánh tích lên miệng hôn tới tấp.

Coconnas cúi chào hai người đàn bà với tất cả vẻ duyên dáng dường như chàng đang ở trong một phòng khách nào đó.

Để trả lời lại tín hiệu đó, hai người đàn bà vẫy vẫy những chiếc khăn tay đầy nước mắt.

Đến lượt mình, Caboche đưa ngón tay chạm vào vai Coconnas và nhìn chàng với ánh mắt đầy ý nghĩa.

-Ồ được rồi – Coconnas đáp và quay sang De Mole – Ôm hôn mình đi, và chết cho đàng hoàng nào. Việc đó chẳng khó lắm đâu, bạn ạ, cậu can đảm lắm cơ mà.

-Ôi chết cho đẹp gì đối với mình đâu phải tài giỏi gì – De Mole đáp – Mình đau đớn quá rồi.

Cha cố bước lại gần và chìa cây thánh giá ra cho De Mole.

Chàng mỉm cười trỏ cho ông thấy chiếc hộp thánh tích chàng cầm nơi tay.

-Dầu sao thì con cũng vẫn cứ nên xin ban thêm sức lực nơi Người đã từng chịu cực hình mà con sắp phải chịu.

De Mole bèn hôn tên chân Chúa Cơ đốc.

-Xin cha hãy nói với các phu nhân tu dòng Đức Bà Đồng trinh cầu nguyện cho con.

-Nhanh lên De Mole – Coconnas giục- Cậu làm mình đau lòng quá đến nỗi mình cảm thấy yếu đuối hẳn đi.

-Tôi đã sẵn sàng – De Mole nói.

-Ông có thể giữ cho đầu ông thật thẳng được không? – Caboche lăm lăm tay gươm phía sau De Mole đang quỳ hỏi.

-Tôi chắc thế – Chàng trai đáp.

-Vậy thì ổn thôi.

-Nhưng còn ông, ông không quên điều tôi dặn ông đấy chứ? Chiếc hộp thánh tích này sẽ mở cho ông mọi cánh cửa.

-Xin ông cứ yên tâm. Nhưng ông cố giữ đầu cho thẳng một tý.

De Mole vươn cổ ra và đưa mắt nhìn về phía toà tháp nhỏ: -Vĩnh biệt Marguerite, Chúa phù hộ cho…

Chàng nói không dứt lời. Bằng một đường chém chéo, nhanh và lóe lên như ánh chớp, Caboche đã chém bay đầu De Mole khiến nó lăn xuống chân Coconnas.

Cái xác không đầu nhẹ nhàng duỗi ra như người nằm xuống.

Một tiếng kêu vang dội góp bằng ngàn tiếng kêu. Trong những giọng đàn bà dường như Coconnas nghe thấy có một giọng đau đớn hơn những giọng khác.

-Cám ơn, ông bạn quý, cám ơn – Một lần thứ ba, Coconnas lại chìa tay ra cho người đao phủ.

-Con ạ, Cha cố hỏi – Con có muốn gửi gắm điều gì cho Chúa không?

-Thưa cha không, thề chứ, những điều gì tôi cần nói với Người, tôi đã nói với cha hôm qua rồi thôi.

Rồi chàng quay lại phía Caboche: -Nào, đao phủ, ông bạn cuối cùng của tôi, giúp tôi lần nữa nào.

Trước khi quỳ xuống, chàng đưa mắt nhìn lướt qua đám đông với vẻ bình tĩnh thanh thản đến nỗi có tiếng rì rầm thán phục khiến chàng êm tai và mơn trớn lòng kiêu hãnh của chàng.

-Ôm lấy đầu bạn và đặt lên đôi môi đã tím lại một cái hôn, chàng đưa mắt nhìn toà tháp nhỏ lần cuối. Rồi chàng quỳ xuống và vẫn giữ cái đầu yêu quý trong tay.

-Đến lượt ta – Chàng nói.

Lời chàng còn chưa dứt thì đầu đã bị Caboche chém bay đi.

Sau nhát chém, con người phúc hậu đó cứ run lên bần bật.

"Cũng đến lúc cho xong đi – Y lẩm bẩm – Tội nghiệp chàng trai!"

Và y khó nhọc gỡ bàn tay co quắp của La Mole chiếc hộp thánh tích vàng. Y ném chiếc áo choàng lên những di hài đáng buồn và chiếc xe thùng sẽ lại chở y về nhà y.

Tấn kịch đã kết thúc, đám đông tản dần đi.

§61. Đài tội hình

Đêm vừa xuống trên thành phố vẫn đang còn run lên trước những tin về cực hình vừa xảy ra, mọi chi tiết được truyền từ người này sang người khác khiến giờ ăn tối vui vẻ ở mọi gia đình đều trở nên u ám.

Tuy nhiên, ngược hẳn lại với thành phố im lìm và thê lương, cung Louvre ồn ào, vui tươi rực sáng. Đó là vì trong lâu đài hôm nay có lễ hội lớn. Một buổi hội do Charles mở. Ông đã truyền tổ chức buổi hội vào buổi tối cùng lúc với vệc truyền tổ chức buổi cực hình vào ban sáng.

Ngay tối hôm trước, hoàng hậu Navarre đã nhận được lệnh phải dự hội. Nàng hy vọng Coconnas và De Mole sẽ trốn thoát được trong đêm, nàng tin chắc mọi biện pháp được tiến hành để đảm bảo mạng sống của họ nên đã trả lời anh rằng nàng sẽ tuân theo ý muốn của anh. Nhưng sau khi ở giáo đường về, nàng mất hết mọi hy vọng.

Do một cử chỉ cuối cùng của lòng thương cảm đối với mối tình này, mối tình lớn nhất và sâu sắc nhất trong đời nàng, nàng đã dự xem buổi hành hình. Từ sau lúc đó, nàng tự hứa với mình rằng không một lời cầu xin nào, không một lời đe doạ nào, có thể khiến nàng tham dự vào buổi lễ hội vui vẻ ở Louvre cùng trong cái ngày mà nàng đã chứng kiến một buổi lễ thê lương đến thế ở quảng trường Grève.

Ngày hôm đó, vua Charles đã đưa ra một bằng chứng mới về cái ý chí mà có lẽ không ai đạt được mức độ đó như ông. Vốn nằm liệt giường từ mười lăm hôm nay, gầy gò như người sắp chết, nhợt nhạt như một thây ma, ông vẫn ngồi dậy vào lúc năm giờ và bận những bộ y phục đẹp nhất của ông. Thực tình là trong lúc mặc quần áo ông bị ngất đi ba lần.

Khoảng tám giờ, ông cho người hỏi thăm tin tức em gái, xem có thấy nàng ở đâu và đang làm gì không. Không ai trả lời ông được: vì hoàng hậu đã về cung vào lúc khoảng mười một giờ, nàng ở trong đó và ra lệnh cấm không tiếp một ai.

Nhưng đối với Charles thì làm gì có cửa nào khép kín được.

-Ông tựa lên tay de Nancey đi tới cung hoàng hậu Navarre và đột ngột bước vào bằng lối cửa ở hành lang bí mật.

Dù ông đoán sẽ thấy một cảnh tượng buồn thảm và trong lòng đã chuẩn bị trước, điều ông được trông thấy còn buồn thảm hơn cả ông tưởng tượng.

Marguerite gần như người chết dở, nằm thượt trên một chiếc ghế dài đầu vùi trong đống gối. Nàng không khóc, không cầu nguyện, nhưng từ lúc quay về nàng cứ thở hắt ra như người đang hấp hối.

Ở góc phòng đầu kia Henriette de Nervers, người đàn bà can trường đó, cũng nằm bất tỉnh nhân sự trên thảm rải sàn. Từ lúc ở quảng trường Grève về, nàng

cũng kiệt sức như Marguerite và cô thị nữ Gillonne tội nghiệp hết đi từ người này tới người kia mà chẳng dám nói với họ đôi lời an ủi.

Trong cơn khủng hoảng sau những tai họa lớn, người ta thường dè sẻn nỗi đau của mình như một kho báu và coi như kẻ thù những ai có ý định cướp đi của họ một phần nhỏ nhoi nhất. Charles IX đẩy cửa, để Nancey ở lại bên ngoài và bước vào phòng, người nhợt nhạt và run rẩy.

Cả hai người đàn bà đều không nhìn thấy ông. Chỉ có Gillonne lúc đó đang chăm sóc cho Henriette là quỳ nhổm dậy trên một chân và kinh hãi nhìn đức vua.

Nhà vua phẩy tay ra hiệu, cô đứng dậy, cúi chào và lui ra ngoài.

Charles đi tới Marguerite, im lặng nhìn nàng chốc lát rồi gọi nàng với giọng mà người ta những tưởng ông không thể nào có được: -Margot, em ta!

Thiếu phụ giật mình gượng dậy: -Kìa thánh thượng!

-Thôi nào, em gái, can đảm lên.

Marguerite đưa mắt nhìn lên trời.

-Ta biết – Charles đáp – Nhưng hãy nghe ta nói đây.

Hoàng hậu Navarre ra hiệu rằng nàng vẫn nghe.

-Em đã hứa là sẽ đi dự vũ hội – Charles nói.

-Tôi ư? – Marguerite thốt lên.

-Ừ, và vì em đã hứa nên người ta chờ em. Và nếu em không đến người ta sẽ ngạc nhiên nếu không thấy em.

-Xin anh tha tội, anh thấy đấy, em ốm lắm.

-Em hãy cố gắng lên xem nào.

Trong giây lát, dường như Marguerite cố gắng thu thập lòng can đảm của mình, nhưng rồi nàng lại buông mình và để gục đầu xuống đống gối.

-Không, tôi không đi được – Nàng nói.

Charles cầm tay em, ngồi xuống chiếc ghế dài và nói: -Margot, ta biết em vừa mất một người bạn. Nhưng hãy nhìn ta đây, ta đã mất tất cả bạn bè thì sao? Hơn thế mất cả mẹ nữa. Em vẫn có thể khóc cho thoả thích như em đang khóc lúc này, còn ta, vào những lúc ta đau khổ nhất, ta vẫn buộc phải mỉm cười. Em đau đớn – Nhìn ta đây này, ta đang chết. Nào Margot, can đảm lên! Nhân danh vinh quang của chúng ta, ta yêu cầu em điều đó. Chúng ta cùng mang danh tiếng của dòng họ như một gánh nặng đầy lo âu và khắc khoải. Hãy mang nó như Chúa mang cây thánh giá lên đồi Calvaire, và nếu dọc đường chúng ta bị vấp ngã như Người thì hãy can đảm và kiên nhẫn chịu mà đứng dậy như Người.

-Ôi, lạy Chúa – Marguerite thốt lên.

-Ừ – Charles vẫn tiếp tục trả lời cho ý nghĩ của mình – Hy sinh nặng nề đấy em ạ. Nhưng ai mà chẳng hy sinh, người thì hy sinh danh dự, kẻ thì hy sinh tính mạng mình. Em tưởng rằng mới hai lăm tuổi đầu và với ngai vàng đẹp nhất trên thế giới này, ta phải chết mà không tiếc gì ư? Hãy nhìn ta, mắt ta, da ta, môi ta

đều như của người sắp chết. Đúng vậy, nhưng còn nụ cười của ta… nụ cười đó khiến người ta phải tưởng rằng ta vẫn còn hy vọng không? ấy thế mà, chỉ tám ngày nữa, cùng lắm là một tháng nữa em sẽ phải khóc ta như khóc kẻ đã chết ngày hôm nay.

-Kìa anh! – Margot kêu lên và ôm choàng lấy cổ anh trai.

-Thôi nào! Thay đồ đi, Marguerite thân yêu – Nhà vua phán – Cố giấu cái vẻ xanh xao của cô đi và tới vũ hội. Ta vừa ra lệnh đem tới cho cô những đồ châu báu mới và những thứ trang điểm xứng với sắc đẹp của cô.

-Ôi, kim cương, áo đẹp! – Marguerite kêu lên – Còn có nghĩa gì đâu đối với tôi lúc này!

-Đời còn dài, Marguerite ạ – Charles mỉm cười – Hay ít ra đối với cô thì là như thế.

-Không bao giờ!

-Em ạ, hãy nhớ lấy một điều: đôi khi người ta tôn vinh những người đã chết bằng cách tốt nhất là bóp nghẹt hoặc cho giấu đi nỗi đau khổ của mình.

-Vậy tâu bệ hạ, tôi sẽ đi – Marguerite rùng mình nói.

Một giọt lệ làm ướt ánh mắt Charles, nhưng rồi lại khô cạn ngay bên bờ mi mắt khô khan. Ông nghiêng mình trước em gái, hôn lên trán nàng, dừng lại một lát trước Henriette trong lúc quận chúa vẫn không hề nhìn hoặc nghe thấy ông vào. Ông nói: -Người đàn bà tội nghiệp!

Và ông im lặng bước ra.

Sau nhà vua là tới nhiều đầy tớ tiến vào mang theo hòm và hộp.

Marguerite ra hiệu cho để tất cả những thứ đó xuống sàn nhà.

Những người hầu lui ra chỉ còn lại Gillonne.

-Em chuẩn bị những thứ cần thiết cho ta thay đồ, Gillonne – Marguerite ra lệnh.

Cô gái ngạc nhiên nhìn chủ.

-Ừ, – Marguerite nói với giọng đầy vẻ chua chát – Ừm ta thay đồ để đi vũ hội, người ta chờ ta ở đó. Em nhanh tay lên chứ!

Ngày hôm nay thật là toàn vẹn: sáng thì hội ở quảng trường Grève, tối thì hội ở cung Louvre.

-Còn phu nhân quận chúa? – Gillonne hỏi.

-Ồ bà ta thật hạnh phúc, bà ta có thể ở lại đây. Bà ta có thể khóc, có thể đau khổ mặc sức. Bà ta không phải là con gái vua, không phải là vợ vua, không phải là em vua. Bà ta không là hoàng hậu. Giúp ta mặc đồ đi nào, Gillonne.

Cô gái vâng lời. Đồ trang sức thật lộng lẫy, váy áo thật rực rỡ. Chưa bao giờ Marguerite đẹp như hôm nay.

Nàng ngắm mình trong một chiếc gương rồi tự nhủ: “Anh ta có lý, con người quả là một sinh vật khốn khổ.”

Vừa lúc đó Gillonne quay vào thưa: -Tâu lệnh bà, có một người đang xin gặp lệnh bà.

-Gặp ta ấy à?

-Tâu lệnh bà, vâng.

-Ai vậy?

Em cũng không biết nhưng ông ta có vẻ khủng khiếp lắm. Chỉ nhìn thấy ông ta em đã phát rợn người lên rồi.

-Em ra hỏi tên ông ta là gì – Marguerite tái mặt đi nói.

Gillonne lui ra và ít phút sau lại quay trở vào: -Tâu lệnh bà, ông ta không chịu nói tên nhưng đề nghị em mang vào trình lệnh bà vật này.

Gillonne trao cho Marguerite chiếc hộp đựng thánh tích mà nàng đưa cho De Mole hôm trước.

-Ôi cho vào đi em – Hoàng hậu hấp tấp nói và nàng lại trở nên tái nhợt và giá lạnh hơn trước.

Có tiếng chân nặng nề làm rung chuyển cả sàn nhà. Tiếng vang như một sự giận dữ rên lên trong bức vách, một người đàn ông xuất hiện trên ngưỡng cửa.

-Ông là… – Hoàng hậu hỏi.

-Tâu lệnh bà, tôi là kẻ mà lệnh bà đã có lần gặp ở gần Montfaucon và đã đưa hai nhà quý tộc về trên chiếc xe thùng của tôi.

-Vâng, tôi đã nhận ra ông rồi, ông là thầy Caboche.

-Là đao phủ thành Paris, thưa lệnh bà.

Đó là những lời duy nhất mà Henriette nghe thấy được trong tất cả những lời lẽ vang lên quanh nàng từ một tiếng đồng hồ nay. Nàng buông tay che gương mặt nhợt nhạt và nhìn viên đao phủ với đôi mắt xanh ngọc bích dường như tóe lửa.

-Và ông đến để… – Marguerite run rẩy hỏi.

-Tôi đến để nhắc lệnh bà nhớ tới lời Người đã hứa với vị quý tộc trẻ tuổi hơn trong số hai người, vị mà đã nhờ tôi trả lại chiếc hộp thánh tích này cho lệnh bà. Lệnh bà còn nhớ lời hứa đó không?

-À, vâng! – Hoàng hậu kêu lên – Không một linh hồn nào quảng đại hơn lại có được một niềm an ủi cao quý. Nhưng nó ở đâu?

-Nó ở tại nhà tôi cùng thi hài.

-Ở nhà ông à? Tại sao ông không đem tới đây?

-Tôi sợ có thể bị giữ lại ở ghi-sê cửa Louvre, người ta có thể bắt tôi bỏ áo choàng. Nếu thế thì không biết họ sẽ nói sao nếu thấy dưới áo choàng lại có một cái đầu.

-Thôi được, cứ giữ nó ở nhà ông, ngày mai ta sẽ đến lấy.

-Tâu lệnh bà, ngày mai có thể sẽ là quá muộn.

-Sao vậy?

-Vì Thái hậu đã dặn tôi giữ cho bà hai đầu tử tù mà tôi chặt để làm thí nghiệm về yêu thuật.

-Ôi! Thật là quá đáng! Lấy đầu những chàng trai yêu quý của chúng ta ư? Henriette! – Nàng chạy lại phía bạn đã đứng bật dậy như bị ong châm – Cậu có nghe thấy người này vừa nói gì không?

-Có thể phải làm gì đây?

-Phải đi cùng ông ta.

Rồi nàng thốt lên một tiếng kêu đau đớn là dấu hiệu bắt đầu hoà nhập với cuộc đời của những người bất hạnh lớn lao: -Ôi vừa rồi mình thật là hạnh phúc, mình đã gần như chết rồi.

Trong lúc đó Marguerite khoác lên đôi vai trần của nàng một chiếc áo choàng nhung.

-Đi nào – Nàng gọi – Chúng mình sẽ được gặp họ một lần nữa.

Marguerite sai đóng tất cả các cửa, cho đưa chiếc kiệu của nàng tới chỗ cánh cửa nhỏ bí mật rồi nàng khoác tay Henriette đi qua hành lang bí mật đi vừa ra hiệu cho Gillonne theo nàng.

Kiệu đã chờ sẵn ở dưới cửa, còn người hầu của Caboche đã cầm một chiếc đèn lồng chờ ở ghi-sê.

Phu khiêng kiệu của Marguerite là những người tin cậy, vừa như câm vừa như điếc, đáng tin hơn cả những con vật câm lặng.

Kiệu đi chừng mười phút theo Caboche và tên hầu cầm đèn rồi dừng lại.

Viên đao phủ mở kiệu, còn gã hầu chạy vào trước.

Marguerite xuống kiệu, đỡ cho quận chúa de Nervers cùng xuống.

Trong nỗi đau vô vàn đang bóp nghẹt lấy cả hai người, sự quy củ nghiêm ngặt nơi đây căng thẳng đã tỏ ra mạnh hơn tất thảy.

Đài tội hình đứng sừng sừng trước mặt hai người đàn bà như một người khổng lồ tối tăm và dị dạng với hai vầng ánh sáng đỏ nhờ lọt ra từ hai khe cửa hẹp trên đỉnh.

Người hầu lại xuất hiện trên cửa.

-Thưa lệnh bà và phu nhân có thể vào – Caboche nói – Trong nhà mọi người đã đi ngủ cả.

Vừa lúc đó, ánh sáng trên hai lỗ châu mai vụt tắt.

Hai thiếu phụ ôm nhau cùng đi qua cánh cửa nhỏ hình vòm cung và giẫm lên đá lát nền nhà xù xì ẩm ướt. Họ thấy có ánh sáng ở chỗ rẽ của hành lang và đi theo người chủ nhà dáng ghê sợ về phía đó. Cửa đóng lại sau lưng họ.

Caboche tay cầm đèn sáp dẫn họ vào trong một căn phòng thấp ám khói. Giữa phòng có một chiếc bàn trải khăn ăn với những thức ăn bữa tối còn thừa và ba bộ đồ ăn. Chắc những bộ đồ ăn đó là của viên đao phủ, vợ y và người giúp việc chính của y.

Ở chỗ dễ nhìn thấy nhất có đóng đinh vào tường một bằng sắc có mang dấu ấn của nhà vua. Đó là văn bằng hành nghề đao phủ. Trong góc khác có một thanh kiếm lớn chuôi dài. Đó là thanh gươm rực lửa công lý. Đây đó người ta bắt gặp vài bức tranh thô thiển về các thánh tử vì đạo đang chịu những khổ hình.

Tới đó, Caboche nghiêng mình xuống thật thấp.

-Cúi xin lệnh bà tha lỗi cho tôi vì đã dám vào tận Louvre và dẫn lệnh bà tới nơi đây. Nhưng đó là ý nguyện khẩn thiết cuối cùng của vị quý tộc, vì vậy nên tôi phải…

-Thầy làm vậy là đúng lắm, đao phủ, và đây là để thưởng công khó nhọc của thầy – Marguerite đáp.

Caboche buồn rầu nhìn chiếc túi đầy vàng mà Marguerite vừa đặt lên bàn và lẩm bẩm.

-Vâng! Lại vàng! Than ôi, thưa lệnh bà, ước gì tôi có thể đem vàng đổi lấy máu mà tôi đã làm đổ ra ngày hôm nay!

-Đao phủ – Marguerite ngập ngừng đau đớn nhìn quanh – Này đao phủ, chúng ta còn phải đi đâu nữa không? Ta không thấy…

-Tâu lệnh bà, không. Họ ở đây. Nhưng nhìn cảnh đó buồn lắm, tôi có thể làm nhẹ bớt nỗi đau lòng của lệnh bà và phu nhân bằng cách cho họ vào áo choàng và đem tới đây những thứ mà lệnh bà và phu nhân tới tìm.

Marguerite và Henriette cùng nhìn nhau.

-Không – Marguerite nhận thấy trong ánh mắt bạn cùng một ý quyết tâm như nàng – Chỉ đường cho chúng ta, chúng ta sẽ đi theo ông.

Caboche cầm đèn, mở cánh cửa gỗ sồi đưa xuống một chiếc cầu thang có vài bực dẫn sâu vào lòng đất. Cùng lúc đó, một luồng gió tạt qua khiến ngọn đuốc bắn ra vài tia lửa và phà vào mặt hai công chúa một mùi máu và ẩm mốc đến phát buồn nôn.

Henriette mặt nhợt ra như một pho tượng cẩm thạch tỳ vào tay bạn vốn dĩ vững vàng hơn mình, nhưng tới bậc thang đầu tiên thì nàng lảo đảo.

-Ôi mình không thể… – Nàng thốt lên.

-Henriette, khi yêu thì phải yêu nhau đến tận trong cái chết hoàng hậu nói.

Thật là một cảnh tượng vừa khủng khiếp vừa thương tâm. Hai thiếu phụ tràn đầy tuổi thanh xuân và sắc đẹp, rực rỡ đồ trang sức cúi đầu dưới vòm trần đen đúa ghê rợn, người yếu đuối hơn dựa vào người khỏe hơn, người khỏe hơn lại dựa vào đao phủ.

Họ đi hết bậc thang cuối cùng.

Dưới đáy tầng hầm có hai hình người nằm, mình được phủ bằng một tấm vải xẹc lớn màu đen.

Caboche đưa đèn lại gần, nhấc lên một góc tấm khăn và nói.

-Xin hoàng hậu hãy nhìn.

Trong bộ y phục đen, hai chàng trai nằm cạnh nhau với sự cân đối đáng sợ của cái chết. Đầu họ được để nghiêng ráp lại gần thân dường như chỉ ngăn cách với cổ bằng một vòng tròn đỏ thẫm. Cái chết đã không làm tách rời tay họ hoặc do vô tình hoặc do một ý đồ sùng kính nào đó của người đao phủ, tay phải của De Mole được đặt trong bàn tay trái của Coconnas.

Dưới vầng mi mắt của De Mole còn lưu lại một ánh mắt đầy yêu thương, còn ở Coconnas, người ta thấy còn vương lại một nét cười ngạo nghễ.

Marguerite quỳ xuống bên người yêu, bàn tay đầy châu báu ngọc ngà rực rỡ của nàng nhẹ nhàng nâng mái đầu mà nàng đã từng biết bao yêu dấu.

Quận chúa de Nervers đứng tựa vào tường và không thể rời mắt khỏi gương mặt nhợt nhạt nơi nàng đã bao lần tìm kiếm tình yêu và sự vui tươi.

-Ôi, de Mole – Marguerite lẩm bẩm.

-Anibal! Anibal – Quận chúa thốt lên – Anh kiêu hãnh, can đảm biết bao! Giờ đây đã không còn trả lời em nữa! …

Và nước mắt nàng lã chã tuôn rơi.

Người đàn bà ấy đã ngạo nghễ, can đảm, xấc xược biết bao trong hạnh phúc. Chủ nghĩa hoài nghi ở nàng bị đẩy tới thành sự nghi ngờ tuyệt đối, niềm say đắm tới tận sự độc ác, nàng chưa bao giờ nghĩ đến cái chết.

Marguerite chỉ cho nàng một ví dụ về cái chết.

Nàng đặt cái đầu của De Mole vào trong một chiếc túi thêu đính ngọc trai và ướp những thứ hương quý nhất. Mái đầu càng trở nên đẹp hơn khi được đặt gần nhung lụa vàng ngọc. Một thứ thuốc ướp đặc biệt dùng trong việc ướp xác các vua chúa sẽ giữ gìn vẻ đẹp của nó.

Henriette cũng tới gần và đưa vạt áo choàng lên bọc lấy đầu Coconnas.

Cả hai người như rạp mình xuống trước nỗi đau khổ của họ chứ không phải vì những vật họ đang mang. Họ lên cầu thang sau khi đã đưa mắt nhìn lần cuối những thi thể họ để lại cho người đao phủ lo liệu ở chốn tối tăm chuyên nhốt những tên tội phạm thông thường.

-Xin lệnh bà đừng e ngại gì – Caboche hiểu rõ cái nhìn đó – Các vị đây sẽ được khâm liệm và chôn cất nơi đất thánh, tôi xin thề với lệnh bà như vậy.

-Người sẽ lấy tiền đây mà đặt lễ cầu hồn cho họ – Henriette nói và rút khỏi cổ một chiếc vòng hồng ngọc tuyệt đẹp trao cho người đao phủ.

Họ trở về Louvre cũng như lúc ra đi. Tới cửa ghi-sê, Hoàng hậu tự nêu tên để vào cổng. Tới đầu cầu thang riêng của mình, nàng xuống kiệu vào cung. Nàng để di vật đáng buồn đó trong phòng nhỏ cạnh phòng ngủ, chiếc phòng con đó từ nay trở đi sẽ được nàng dựng thành một tiểu giáo đường. Nàng để Henriette ở lại giữ phòng, rồi xanh xao và lộng lẫy hơn bao giờ hết, nàng tiến vào phòng vũ hội lớn lúc khoảng mười giờ. Chính tại nơi đây gần hai năm rưỡi về trước, chúng ta đã thấy mở ra chương đầu tiên của truyện này.

Mọi ánh mắt đổ dồn vào hoàng hậu và nàng chịu đựng cái nhìn toàn thể đó với kiêu hãnh gần như vui sướng. Đó là vì nàng đã thực hiện lời ước nguyện cuối cùng của người yêu một cách đầy thành kính.

Nhìn thấy em, Charles lảo đảo đi qua làn sóng vàng son đang bao bọc lấy ông: -Em ạ – Ông cao giọng nói – Ta cám ơn em gái thân yêu của ta.

Rồi ông hạ giọng: -Cẩn thận đấy, ở tay em hình như có vết máu kìa.

-Có sao đâu, thưa bệ hạ – Marguerite đáp – Miễn là tôi vẫn giữ được nụ cười trên môi.

§62. Mồ hôi máu

Một vài ngày sau cái cảnh khủng khiếp chúng tôi vừa kể trên, tức là vào ngày 30 tháng Năm năm 1574, triều đình vẫn đóng tại Vincennnes, đột nhiên người ta nghe có tiếng kêu la lớn trong phòng ngự. Ngay giữa vũ hội mà ông cho mở vào ngày hai chàng trai kia bị giết, đức vua lại trở nên ốm nặng hơn và theo lệnh của các thầy thuốc, ông phải về đồng quê nghỉ để hít thở không khí trong lành.

Bấy giờ vào khoảng tám giờ sáng. Một nhóm nhỏ các triều thần đang sôi nổi chuyện trò trong phòng, đột nhiên tiếng kêu thét vang lên, nhũ mẫu của Charles đầm đìa nước mắt hiện ra nơi cửa, đầy vẻ tuyệt vọng: -Hãy cứu lấy đức vua! Cứu đức vua với!

-Thánh thượng mệt nặng hơn ư? – Chỉ huy vệ binh de Nancey hỏi.

Như chúng ta đã biết, nhà vua đã tách ông ra khỏi việc phục dịch Thái hậu để gắn ông ta vào với mình.

-Ôi bao nhiêu là máu! – Nhũ mẫu kêu lên – Cho gọi thầy thuốc đi! – Gọi thầy thuốc đi!

Mazille và Ambroise Paré thay phiên nhau canh chừng bên Người bệnh tôn nghiêm đó. Ambroise Paré hôm đó tới phiên trực thấy nhà vua ngủ đã tranh thủ đi ra ngoài một lát.

Trong lúc đó, nhà vua toát mồ hôi đầm đìa. Các vi huyết mạch trong người Charles bị giãn ra dẫn tới việc chảy máu ngoài da và thứ mồ hôi đỏ như máu đó đã khiến cho nhũ mẫu kinh hoàng.

Nhũ mẫu không thể nào quen được với hiện tượng này vì bà vốn là người theo đạo Tin lành, như chúng ta còn nhớ, bà luôn luôn nói với Charles rằng máu người Tin lành đã đổ trong ngày lễ Saint-Barthélémy, nay lại đòi nợ máu của nhà vua.

Mọi người chạy bổ đi tứ phía, viên ngự y cũng không đi xa và họ chắc sẽ chóng tìm được ông ta.

Tiền phòng trở nên trống trải vì ai cũng muốn tỏ lòng mẫn cán của mình bằng cách đưa được ông thầy thuốc về.

Một cánh cửa mở ra và Catherine xuất hiện. Bà nhanh nhẹn đi qua tiền phòng và hấp tấp bước vào phòng vua.

Charles nằm vật trên giường, mắt lờ đờ và ngực thở phập phồng.

Từ toàn thân ông có một thứ mồ hôi nhờ nhờ đỏ toát ra. Bàn tay ông xòe năm ngón vắt qua thành giường và ở mỗi đầu ngón có một giọt nước đỏ như hồng ngọc đọng lại. Cảnh tượng thật ghê sợ.

Tuy nhiên, nghe tiếng chân Catherine và dường như ông nhận ra tiếng bước chân ấy, Charles nhỏm dậy.

-Xin lỗi bà – Ông nhìn Thái hậu nói – Tôi muốn được chết bình yên.

-Làm sao anh lại có thể chết được vì một cơn bộc phát thoáng qua của thứ bệnh tồi tệ kia? – Catherine đáp – Anh muốn làm cho chúng ta tuyệt vọng ư?

-Thưa bà, tôi xin nói với bà rằng tôi cảm thấy linh hồn tôi đang lìa bỏ tôi. Tôi xin nói với bà rằng cái chết đang tới gần, mẹ kiếp! Tôi biết những điều tôi nói chứ!

-Thưa bệ hạ – Thái hậu đáp. Trí tưởng tượng của Người là căn bệnh năng nhất của Người. Từ khi có cuộc hành hình rất xứng tội của hai tên phù thuỷ, hai tên sát nhân mà người ta gọi De Mole và Coconnas ấy thì những đau đớn thể xác của bệ hạ hẳn phải đã thuyên giảm. Chỉ còn căn bệnh về tinh thần, và nếu ta có thể nói chuyện chừng mười phút với bệ hạ thôi thì ta sẽ chứng tỏ được rằng…

-Nhũ mẫu – Charles gọi – Canh cửa nhé, đừng cho ai vào. Thái hậu Catherine Médicis muốn nói chuyện với ông con cưng Charles IX của Người.

-Với lại – Charles tiếp – Không hôm nay thì hôm khác cũng phải nói chuyện này thôi, mà hôm nay thì tốt hơn ngày mai. Ngày mai có lẽ sẽ là quá muộn. Tuy vậy, một người thứ ba phải có mặt trong cuộc nói chuyện của chúng ta.

-Tại sao vậy?

-Tại vì tôi xin nhắc lại với bà rằng cái chết đang tới gần – Charles đáp với vẻ trang trọng đáng sợ – Bất kỳ lúc nào nó cũng có thể tiến vào phòng này cũng như bà, xanh xao câm lặng, không báo trước. Đã đến lúc rồi vì đêm qua tôi đã chỉnh đốn lại các công việc của tôi và sáng nay đã sắp xếp lại các công việc của vương quốc.

-Thế người mà bệ hạ định cho với đó là ai? – Catherine hỏi.

-Đó là em tôi, thưa bà. Xin bà hãy cho gọi ông ta.

-Thưa bệ hạ – Thái hậu nói – Ta vui mừng nhận thấy rằng những lời tố giác do lòng hận thù chứ không phải vì bị nhục hình đau đớn mà khai ra đã tan đi trong tâm trí bệ hạ cũng như sẽ tan đi trong trái tim Người. Nhũ mẫu! – Catherine kêu to – Nhũ mẫu đâu!

Người đàn bà nhân hậu đang đứng bên ngoài, mở cửa ra.

-Nhũ mẫu – Catherine nói – Theo lệnh con ta, khi nào ông de Nancey tới, người bảo ông ta cho mời quận công d'Alençon.

Charles ra hiệu khiến người đàn bà đang chực tuân lệnh ngừng lại.

-Thưa bà, tôi đã nói là em tôi cơ mà – Charles nhắc lại.

Mắt Catherine mở tròn xoe như sư tử cái sắp nổi cơn tức giận.

Nhưng Charles giơ tay lên đầy vẻ oai nghiêm: -Ta muốn nói chuyện với Henri em trai ta. Chỉ có Henri là em ta, không phải là kẻ đang làm vua ở nơi xa kia mà là kẻ đang bị giam cầm ở đây. Henri sẽ được biết những ý nguyện cuối cùng của ta.

-Còn ta – Người đàn bà xứ Florene kêu lên với vẻ dữ tợn khác thường đối lại với ý chí khủng khiếp của con trai, vì lòng căm giận Henri khiến bà mất cả sự tự giấu mình thông thường – Nếu quả thực bệ hạ đã gần như kề cái chết như lời bệ hạ nói, bệ hạ tưởng rằng ta có thể nhường cho ai, nhất là lại cho một kẻ xa lạ, cái quyền được nâng đỡ cho Người vào phút lâm chung, quyền làm hoàng hậu và làm mẹ của ta ư?

-Thưa bà – Charles đáp – Tôi vẫn còn là vua. Tôi vẫn còn chỉ huy ở đây, thưa bà. Tôi xin nói với bà rằng tôi muốn gặp ông Henri em tôi, thế mà không gọi viên chỉ huy vệ binh cho tôi ư? Mẹ kiếp! Tôi xin báo với bà rằng tôi còn đủ sức lực để tự đi gọi lấy.

Và ông cử động chuẩn bị nhảy xuống giường, cử chỉ đó khiến lộ ra tấm thân gầy guộc như hình đức chúa Giêsu sau khi chịu cực hình đánh roi.

-Thưa bệ hạ – Catherine ngăn ông lại – Người lăng mạ tất cả chúng ta: Người đã quên mất tất cả những sự thách thức đối với gia đình chúng ta. Người ruồng bỏ dòng máu nhà ta. Chỉ một hoàng tử Pháp có thể được quyền quỳ xuống bên giường chết của một đức vua Pháp. Còn ta, chỗ của ta là ở đây theo các luật lệ của tự nhiên và nghi thức. Ta sẽ ở lại đây.

-Thưa bà, bà ở lại với danh nghĩa gì? – Charles hỏi.

-Với danh nghĩa là mẹ.

-Thưa bà, bà không phải là mẹ tôi nữa, cũng như quận công d'Alençon không phải là em tôi.

-Ông mê sảng rồi – Catherine nói – Có khi nào người sinh nở lại không phải là mẹ của kẻ được sinh ra không?

-Khi mà người mẹ vô loài đó lại đi cướp lấy sự sống mà thị đem lại cho đứa con – Charles vừa nói vừa đưa tay chùi đám bọt máu đang trào ra trên môi ông.

-Anh muốn nói gì vậy, Charles? Ta thật không hiểu – Catherine lẩm bẩm tròn mắt nhìn con kinh ngạc.

-Bà sẽ hiểu ngay thôi.

Charles lục dưới cái gối ngang đầu giường và lôi ra một chiếc chìa khoá bạc.

-Xin bà cầm lấy chìa khoá này và mở chiếc hòm đựng đồ đi đường của tôi ra. Trong đó có vài thứ giấy tờ sẽ nói giúp tôi.

Và Charles giơ tay chỉ chiếc hòm được chạm trổ lộng lẫy đóng bằng một ổ khoá cũng bằng bạc như chiếc chìa đang nằm ở chỗ dễ thấy nhất của gian phòng.

Catherine như bị chế ngự bởi Charles trong tình huống này, tuân lệnh và chậm rãi tiến về phía chiếc hòm, mở ra và nhìn vào trong đó và đột nhiên bà lùi lại như thể đã nhìn thấy bên lớp gỗ hòm một con rắn đang ngủ yên vậy.

-Thế nào, trong hòm có gì mà khiến bà phải sợ thế? – Charles không rời mắt khỏi mẹ hỏi.

-Không có gì cả – Catherine đáp.

-Thế thì xin bà thò tay vào hòm và lấy ra một quyển sách đi ở đó chắc phải có một quyển sách chứ? – Charles nói thêm với nụ cười nhợt nhạt ở ông nom còn dữ tợn hơn cả một lời đe doạ ở kẻ khác.

-Đúng vậy – Catherine lắp bắp.

-Một quyển sách về săn bắn chứ gì?

-Vâng.

-Cầm lấy nó và đem đến cho ta.

Dù biết sức tự chủ, Catherine tái mặt toàn thân run rẩy và thò tay vào hòm, bà vừa cầm lấy sách vừa lẩm bẩm: -Ôi định mệnh! Định mệnh!

-Được rồi – Charles nói – bây giờ bà nghe đây: cái quyển sách săn này… tôi đã quá điên rồ… tôi yêu thích săn bắn hơn tất cả mọi thứ trên đời… tôi đã đọc quá kỹ quyển sách săn này. Bà hiểu rồi chứ, thưa bà?

Catherine kêu lên một tiếng khàn khàn.

-Đó là một sự yếu đuối – Charles nói – Xin bà hấy đốt quyển sách đó đi. Không nên để người ta biết được những yếu điểm của vua chúa!

Catherine lại gần lò sưởi rực lửa, buông rơi quyển sách giữa lò than, đứng câm lặng bất động đưa mắt thất thần nhìn những tia lửa xanh lè đang ăn dần những trang sách tẩm thuốc.

Sách cháy và mùi tỏi nồng nặc tỏa lan trong khắp phòng. Chẳng mấy chốc sách đã ra tro.

-Bây giờ thì xin bà hãy cho triệu em tôi – Charles nói với vẻ oai nghi không gì cưỡng lại được.

Catherine sững sờ như bị đè bẹp bởi một thứ tình cảm đa dạng mà trí thông tuệ sâu sắc của bà cũng không phân tích được, sức mạnh gần như siêu phàm của bà cũng không thể thắng lại được bà bước lên một bước và toan nói.

Người mẹ hối hận, bà hoàng hoảng sợ, còn con mụ chuyên đầu độc người lại cảm thấy thù hận trào dâng. Tình cảm sau cùng này đã chế ngự tất cả những tình cảm kia.

-Hắn là đồ đáng nguyền rủa! – Bà kêu lên vừa lao ra khỏi phòng – Hắn chiến thắng, hắn đã đạt được mục đích. Đồ đáng nguyền rủa!

-Bà đã nghe ra chưa đấy, em tôi, ông em Henri của tôi đấy nhé – Charles kêu lên theo mẹ – Tôi muốn nói với Henri ngay lúc này về quyền nhiếp chính vương quốc.

Gần như cùng lúc đó, thầy Ambroise Paré bước vào bằng lối cửa đối diện với cửa Catherine vừa ra, ông dừng lại trên bậc cửa để hít hít không khí sặc mùi tỏi.

-Ai đốt arsenic ở đây thế này? – Ông hỏi.

-Ta đốt đấy – Charles đáp.

§63. Trên sân thành tháp Vincennnes

Trong lúc đó Henri de Navarre đang dạo chơi và mơ màng một mình trên sàn toà thành tháp, ông biết triều đình đang ở trong toà lâu đài cách mình có trăm bước chân. Con mắt tinh tường của ông nhìn qua những bức tường mà đoán rằng Charles đang hấp hối.

Bầu trời xanh thẳm như có những tia ánh vàng một tia nắng mặt trời tỏa rộng lấp lánh trên những vùng đồng bằng nơi xa và dát vàng lèn ngọn cây cối trong đám rừng bên đường như kiêu hãnh về lớp lá đầu của chúng. Ngay cả những viên đá xám của thành tháp cũng như được thấm đẫm hơi ấm ngọt ngào của đất trời và đám cây đinh hương do gió đông thổi qua kẽ tường cũng mở những cánh hoa tròn màu nhung vàng đỏ trong làn gió dìu dịu ấm áp.

Nhưng ánh mắt Henri không dừng lại ở những cánh đồng xanh mượt, những ngọn cây phủ tuyết ánh vàng đó. Ánh mắt ông vượt qua những khoảng không và nhìn đầy tham vọng về phía kinh đô nước Pháp là một ngày kia trở thành thủ đô của thế giới.

"Paris! – Vua Navarre lẩm bẩm – Kia là Paris, nghĩa là niềm vui, chiến thắng, vinh quang hạnh phúc! Paris nơi đó có cung Louvre, và ở cung Louvre có ngai vàng! Và chỉ có một điều ngăn cản không cho ta tới thành Paris đầy ao ước đó! Đó là những viên đá đang bò dưới chân ta và giam giữ cả kẻ thù của ta cùng với ta!"

Khi đưa mắt nhìn từ Paris trở lại Vincennnes, ông nhận thấy phía bên trái, trong một thung lung nhỏ có những cây hạnh đào đang trổ hoa, có một người mà mặt trời cứ dai dẳng rọi lên mảnh giáp che đầu gối một tia sáng khiến cho mỗi cử chỉ của người đó lại làm hắt lên một điểm lửa lung linh.

Người đó cưỡi một con ngựa sung sức và tay dắt theo một con ngựa khác cũng không kém phần dồi dào sức lực.

Vua Navarre dừng mắt lại trên người kỵ sĩ và thấy ông ta rút kiếm khỏi vỏ dùng mũi kiếm xiên vào một chiếc khăn tay và vẫy vẫy khăn tay ra hiệu.

Cùng lúc đó trên đồi đối diện, có một dấu hiệu khác được lặp lại và rồi quanh cả toà lâu đài dường như có một lớp vành đai bằng khăn tay trắng vẫy vẫy.

Đó là de Mouy và những người Tân giáo của chàng. Được biết đức vua đang hấp hối và e rằng người ta định hãm hại Henri, họ đã tụ họp lại và sẵn sàng bảo vệ hoặc tấn công.

Henri nhìn người kỵ mã mà ông thấy trước tiên, cúi mình qua vành tường thành, đưa tay che mắt ngăn những tia mặt trời làm loá mắt ông và nhận ra chàng trai Tân giáo trẻ tuổi.

"De Mouy!" – Ông kêu lên làm như de Mouy có thể nghe tiếng ông được.

Và trong nỗi vui mừng được thấy bạn bè vây quanh mình. Ông cũng tung mũ ra và vẫy khăn choàng.

Tất cả những mảnh khăn trắng kia lại vẫy mạnh hơn để chứng tỏ niềm vui của họ.

"Than ôi! Họ chào ta – Henri tự nhủ – Mà ta thì không thể tới chỗ họ được… Sao cái lúc còn đi được ta lại không đi đi nhỉ! … Giờ đây thì muộn quá rồi."

Ông phác một cử chỉ tuyệt vọng và được de Mouy trả lời lại bằng một tín hiệu có nghĩa là: tôi sẽ đợi.

Vừa lúc đó, Henri nghe có tiếng bước chân vang lên trong cầu thang đá. Ông vội vàng lùi vào. Những người Tân giáo hiểu ngay nguyên nhân của việc rút lui đó. Gươm lại được tra vào vỏ và lớp khăn tay biến mất.

Ở đầu cầu thang xuất hiện một người đàn bà, hơi thở bà ta dồn dập chứng tỏ bà vừa đi vội vàng và Henri nhận ra đó là Catherine de Médicis với một nỗi e sợ bí ẩn trong lòng như mỗi khi ông đứng trước mặt bà ta.

Sau lưng bà là hai vệ binh đứng dừng lại ở đầu cầu thang.

"Ô hô! – Henri lẩm bẩm – Chắc có chuyện nghiêm trọng gì mới đây thì Thái hậu mới chịu lên tận sân thành tháp này để tìm mình."

Catherine ngồi xuống một chiếc ghế dài bằng đá dựa vào những lỗ hổng trên tường thành để lấy lại hơi.

Henri tiến lại gần bà và nở một nụ cười duyên dáng nhất.

-Thưa mẹ, có phải mẹ tìm tôi không?

-Đúng vậy, thưa ông – Catherine đáp – Ta muốn cho ông thấy một bằng chứng cuối cùng về sự gắn bó của ta đối với ông. Chúng ta đang ở trong giờ phút tối hậu: đức vua đang hấp hối và Người muốn gặp ông.

-Gặp tôi ư? – Henri giật mình vì mừng rỡ hỏi.

-Đúng thế, gặp ông. Ta biết chắc rằng có người đã báo với đức vua, không những ông nuối tiếc ngai vàng Navarre mà lại còn nuôi tham vọng cả với ngai vàng nước Pháp nữa.

-Ôi!

-Điều đó là không đúng, ta biết thế, nhưng đức vua Người tin như thế và không nghi ngờ gì nữa, cuộc nói chuyện Người sắp đành cho anh đây là để bẫy anh.

-Tôi ấy à?

-Ừ. Charles trước lúc chết muốn biết rõ ông ta có thể hy vọng hay e ngại điều gì ở anh. Anh phải chú ý tới những câu trả lời của anh, nó sẽ quyết định những mệnh lệnh cuối cùng của đức vua đối với anh, đó có nghĩa là sự sống hoặc cái chết của anh.

-Nhưng Người sẽ đề nghị với tôi cái gì chứ?

-Ta làm sao biết được! Chắc là những chuyện không thể có được thôi.

-Thế thưa mẹ, mẹ cũng không đoán ra ư?

-Không, nhưng ta giả sử, chẳng hạn như là…

Catherine ngừng lại.

-Gì cơ?

-Ta đoán rằng khi thấy anh có những tham vọng như người ta nói, đức vua muốn nghe từ chính miệng anh nói ra cái tham vọng đó. Anh cứ coi như là người ta định đánh bẫy anh như ngày xưa người ta giương bẫy ra cho những kẻ có tội để có được lời khai mà không cần tới nhục hình – Catherine nói tiếp vừa chằm chằm nhìn Henri – Giả sừ là Người sẽ đề nghị đến anh việc cai trị, hay thậm chí cả quyền nhiếp chính chẳng hạn.

Một niềm vui khôn tả xiết trào dâng trong trái tim bị bóp nghẹt của Henri, nhưng ông đoán ra ngón đòn và cái đầu óc kiên cường nhưng mềm dẻo ấy lại bật lại ngay sau đó: -Với tôi ấy ạ? Bẫy như thế thì thô thiển quá. Ai lại đi trao quyền nhiếp chính cho tôi, trong khi còn có lệnh bà, còn có người anh em d'Alençon của tôi.

Catherine cắn môi để che giấu niềm vui sướng.

-Vậy là ông từ chối quyền nhiếp chính phải không? – Bà hấp tấp hỏi.

"Đức vua đã băng hà rồi ư "- Henri nghĩ thầm. Chính mụ ta giương bẫy lừa mình."

Rồi ông nói lớn: -Trước hết phải cho tôi được nghe ý nguyện của vua Pháp, vì như chính lệnh bà vừa nói đấy, tất cả những điều chúng ta nói ở đây chỉ là giả định.

-Đúng thế, nhưng ông có thể đảm bảo cho các ý định của ông.

-Kìa – Henri ngây thơ nói – Tôi không có tham vọng nên cũng chẳng có ý đồ gì.

-Trả lời như thế không được – Catherine cảm thấy thời gian đã gấp rút nên bị sự nóng giận cuốn đi – Dù sao thì ông cũng phải nói rõ ra.

-Tôi không thể nói rõ ý định của tôi về những giả thuyết, thưa lệnh bà. Một quyết định dứt khoát là chuyện khó khăn và nghiêm trọng, cần phải được thực tế trả lời.

-Ông nghe đây – Catherine nói – Không để mất thì giờ nữa, và chúng ta đã để mất thì giờ bằng cách tranh luận vô ích với những lời đối đáp tế nhị kiểu thế này. Hãy nói thẳng với nhau với tư cách là vua và là nữ hoàng. Nếu ông chấp nhận quyền nhiếp chính, ông sẽ chết.

"Nhà vua còn sống" – Henri nghĩ bụng. Rồi ông cao giọng cương quyết nói: -Thưa lệnh bà, Chúa nắm giữ sinh mạng của con người và các bậc vua chúa trong tay: Người sẽ soi sáng cho tôi. Xin cho nói với thánh thượng tôi đã sẵn sàng trình diện trước mặt Người.

-Ông suy nghĩ đi.

-Từ hai năm nay tôi bị lưu đầy khỏi xứ sở, từ một tháng nay tôi là tù nhân ở đây – Henri nghiêm trang nói – Tôi có thời gian suy nghĩ và tôi đã suy nghĩ, thưa lệnh bà. Xin lệnh bà hãy vui lòng xuống trước chỗ đức vua và nói với Người rằng tôi đang đi theo bà. Hai anh chàng này – Henri vừa nói vừa trỏ hai người lính gác – Sẽ canh chừng không cho tôi trốn. Vả lại, đó cũng không phải là ý định của tôi.

Âm sắc cương quyết trong giọng nói của Henri lên đến mức Catherine thấy rằng mọi ý đồ của bà dù đã được ngụy trang đến đãu cũng không có ảnh hưởng gì tới ông ta. Bà vội vàng đi xuống.

Ngay sau khi Thái hậu vừa biến đi, Henri chạy tới chỗ lớp lũy trên tường thành và ra hiệu cho de Mouy ý nói rằng "Tới gần đây và sẵn sàng ứng phó."

De Mouy lúc bấy giờ đã xuống ngựa, bèn lên yên và tay dắt con ngựa thứ hai, phi nước kiệu tới cách toà thành tháp hai tầm súng trường.

Henri vẫy tay ra hiệu cám ơn và bước xuống. Tới cầu thang ông gặp hai người lính đang chờ. Hai hàng lính Thụy sĩ và lính khinh kỵ gác lối vào các sân. Phải đi qua hai hàng rào lính canh đầy gươm đao rồi mới vào ra được lâu đài.

Catherine đã dừng lại ở đó và đang đợi ông. Bà ra hiệu cho hai người lính đi theo Henri lùi xa và đặt một tay lên cánh tay Henri: -Chiếc sân này có hai cửa – Bà nói – Ở cửa mà ông thấy nằm phía sau các phòng của Hoàng thượng đây sẽ có một con ngựa tốt và tự do đang chờ đại ông nếu ông từ chối quyền nhiếp chính, và ở cửa kia, nơi ông vừa đi qua, nếu như ông nghe theo tham vọng của ông thì… Ông nghĩ sao?

-Thưa lệnh bà, tôi xin nói rằng nếu như đức vua phong tôi làm nhiếp chính, thì chính tôi sẽ ra lệnh cho binh lính chứ không phải lệnh bà. Nếu như tôi ra khỏi lâu đài vào ban đêm, tất cả những ngọn thương ngọn giáo, tất cả những khẩu súng này sẽ phải rạp xuống trước mặt tôi.

-Đồ điên rồ! – Catherine tức tối lẩm bẩm – Tin ta đi đừng có chơi với Catherine này cái trò chơi kinh khủng giữa cái sống và cái chết đó.

-Tại sao lại không nhỉ? – Henri đáp và nhìn thẳng vào Catherine – Với bà cũng như với người khác thôi, vì cho đến lúc này đây, tôi đã thắng.

-Thưa ông, vậy xin ông hãy lên phòng ngự với ông đã chẳng chịu tin chịu nghe gì hết – Catherine vừa nói vừa đưa tay chỉ cầu thang cho Henri, tay kia bà nghịch nghịch hai lưỡi dao tẩm thuốc độc mà bà vẫn mang theo trong chiếc túi bằng da lừa đen đã trở nên nổi tiếng.

-Thưa lệnh bà, xin lệnh bà đi trước – Henri nói – Chừng nào tôi còn chưa trở thành nhiếp chính vương, vinh dự đi trước vẫn thuộc về bà.

Catherine bị nhìn thấu ruột gan không cố thử đấu tranh nữa và đành đi trước.

§64. Quyền nhiếp chính

Nhà vua bắt đầu sốt ruột, ông cho gọi de Nancey vào phòng và vừa ra lệnh cho đi gọi Henri thì Henri bước vào.

Nhìn thấy người em rể xuất hiện trên ngưỡng cửa, Charles thốt lên một tiếng kêu vui mừng còn Henri đứng sững sờ kinh hãi như thể đang nhìn thấy một thây ma.

Hai viên thầy thuốc túc trực bên nhà vua lui ra, viên cố đạo vừa khuyến khích ông hoàng bất hạnh dọn cho mình một cái chết theo tinh thần Thiên chúa giáo cũng lui ra nốt.

Charles không được nhiều sự thương mến, vậy mà rất nhiều người khóc trong tiền phòng. Mỗi khi một nhà vua băng hà thì dù cho họ có là người như thế nào chăng nữa, bao giờ cũng vẫn có những kẻ bị mất mát một thứ gì đó và e sợ rằng chẳng còn tìm thấy lại điều đó dưới triều vua mới.

Cảnh tang tóc, tiếng khóc nức nở, những lời Catherine đã nói, không khí thê lương tôn nghiêm của những giây phút cuối cùng của một ông vua, hình hài của chính vị vua đó trong một căn bệnh tái phát nhiều lần mà khoa học chưa hề biết tới, tất cả những cái đó đã gây cho đầu óc còn trẻ trung và do đó vẫn còn dễ bị xúc động của Henri một tác động khủng khiếp đến nỗi mặc dầu ông đã quyết không để Charles thêm lo lắng về bệnh trạng của mình, ông vẫn không thể kiềm chế được mối kinh hoàng hiện trên nét mặt khi nhìn thấy người hấp hối mình mẩy đầm đìa máu.

Charles buồn bã mỉm cười. Mọi ấn tượng của những kẻ vây quanh không bao giờ lọt khỏi mắt người hấp hối.

-Đến đây nào Henriot – Charles chìa tay cho em rể và nói với giọng dịu dàng mà Henri chưa bao giờ nhận thấy ở ông – Ta đau lòng vì không thấy chú tới. Ông bạn đáng thương, ta đã nhiều lần làm khổ chú trong đời ta, và bây giờ xin chú hãy tin ta, ta cũng tự trách mình về điều đôi khi đã tiếp tay cho những kẻ giày vò chú. Nhưng một ông vua cũng không làm chủ được hết mọi tình thể và ngoài Catherine mẹ ta, ngoài d'Anjou và d'Alençon em ta ra, trong đời ta còn có một thứ phiền toái cao cấp hơn ta: đó là vận mệnh quốc gia, điều này sẽ không còn nữa khi ta tới ngày gần bên cái chết.

-Thưa bệ hạ – Henri ấp úng – Tôi chỉ còn nhớ mãi tình yêu thương của tôi đối với một người anh và lòng tôn kính của tôi đối với vua.

-Ừ chú nói thế là đúng, Henriot, và ta lấy làm biết ơn chú đã nói như vậy. Vì thật ra chú đã chịu đau khổ nhiều dưới triều đại của ta, ấy là chưa kể việc mẹ chú qua đời cũng dưới thời ta trị vì. Nhưng chắc chú cũng phải thấy là ta nhiều khi bị người xúi giục. Đôi khi, ta cưỡng lại nhưng đôi khi vì quá mệt mỏi ta đã nhân

nhượng. Nhưng chú vừa nói, chúng ta đừng bàn tới chuyện cũ nữa. Giờ đây hiện tại thúc đẩy ta và tương lai làm ta lo sợ.

Nói tới những lời này, ông vua khốn khổ đưa bàn tay xương xẩu lên che lấy gương mặt nhợt nhạt.

Sau một lát im lặng, ông lắc đầu như để xua đuổi những ý nghĩ đen tối làm bắn ra quanh mình một lớp máu lấm tấm, Charles nghiêng mình về phía Henri hạ giọng nói: -Cần phải cứu lấy quốc gia, phải ngăn cản không để quyền binh rơi vào tay những kẻ cuồng tín hoặc vào tay đàn bà.

Như chúng tôi vừa nói, Charles đã hạ giọng khi nói những lời này, tuy nhiên Henri tưởng chừng nghe được sau khe giường tiếng gì đó như một tiếng kêu tức giận trầm trầm, có lẽ có một lỗ trổ nào đấy mà chính Charles cũng không biết đã được đục trong tường để Catherine cũng có thể nghe được cuộc trò chuyện cuối cùng này.

-Tay đàn bà ư? – Vua Navarre hỏi gặng thêm cho rõ.

-Đúng thế, Henri ạ. Mẹ ta muốn nắm quyền nhiếp chính mong chờ vua Ba Lan trở về. Nhưng hãy nghe cho rõ lời ta, hắn sẽ không về đâu.

-Sao? Ông ta sẽ không trở về ư? – Henri thốt lên, tim đập thình thịch vì vui mừng.

-Không, hắn sẽ không trở về – Charles tiếp – Thần dân của hắn sẽ không để cho hắn ra đi.

-Nhưng, thưa anh, anh không nghĩ rằng Thái hậu có thể đã viết trước cho ông ta rồi sao?

-Có chứ, nhưng Nancey đã bắt được tên đưa thư ở Château-Thierry và đã đem lại cho ta lá thư, trong thư ấy bà ta bảo rằng ta sắp chết. Nhưng ta cũng đã viết thư về Varsovie, ta tin chắc thư ta sẽ tới nơi và em ta sẽ bị canh chừng. Vậy thì Henri, ngai vàng rõ ràng sẽ bị bỏ trống.

Một tiếng rên còn rõ hơn tiếng kêu trước vọng ra từ chiếc giường.

"Dứt khoát mụ ta ở đó – Henri tự nhủ – Mụ nghe thấy hết và đang chờ!"

Charles không nghe thấy gì. Ông nói tiếp: -Tuy vậy, Henri ạ, ta chết đi mà không có con trai nối dõi. – Ông ngừng lại, một ý nghĩ êm dịu dường như làm rạng rỡ gương mặt ông, Charles đặt tay lên vai Henri – Than ôi, Henri, chú có nhớ thằng bé tội nghiệp ngủ trong nôi lụa mà đêm nào ta đã chỉ cho chú xem không, lúc ấy nó đang được một vị thiên thần canh giữ. Than ôi! Henriot, họ giết thằng bé của ta mất!

-Ôi tâu bệ hạ – Henri ứa nước mắt thốt lên – Tôi xin thề trước Chúa ngày đêm tôi sẽ coi sóc đến nó. Chỉ xin bệ hạ cứ ra lệnh.

-Cảm ơn Henriot – Nhà vua nói với giọng chan chứa tình cảm khác xa tính cách thường ngày mà giờ đây hoàn cảnh đã tạo cho ông có được – Ta chấp nhận lời hứa của chú. Đừng có biến nó thành một ông vua. May mắn thay. Nó sinh ra

không phải để làm vua mà để làm một con người sung sướng. Ta để lại cho nó một tài sản riêng, miễn là nó có được sự cao quý của tấm lòng mẹ nó. Có lẽ tốt hơn hết nên đưa nó theo con đường Giáo hội, nó sẽ khiến người ta bớt e ngại hơn chăng. Ô, dường như ta thấy ta sẽ được chết nếu không phải là đầy hạnh phúc thì ít ra cũng thanh thản hơn nếu có được bàn tay ve vuốt của con trẻ và gương mặt dịu dàng của mẹ nó ở đây để an ủi ta.

-Thưa bệ hạ, sao Người không đưa họ tới đây?

-Này, dại dột thật, họ sẽ không được bước ra khỏi đây nữa. Đó là tình cảnh của vua chúa đấy Henriot ạ: họ không thể sống cũng như chết theo ý mình được. Nhưng từ khi chú hứa ta thấy yên lòng hơn.

Henri nghĩ ngợi.

-Thưa bệ hạ, đúng là tôi có hứa nhưng liệu tôi có thể giữ được lời hứa hay không?

-Chú định nói gì?

-Bản thân tôi đây chẳng phải là cũng đang bị lưu đày, bị đe doạ như hoàng nhi, còn hơn cả hoàng nhi nữa đó sao? Vì tôi đã là một người lớn, còn dẫu sao thì hoàng nhi vẫn là trẻ nhỏ.

-Chú nhầm – Charles đáp – Ta chết đi, chú sẽ trở nên mạnh và đầy thế lực, và đây là cái sẽ trao cho chú sức mạnh và uy quyền.

Nói tới đó, người hấp hối lôi ra một tờ chiếu chỉ từ đầu giường.

-Cầm lấy này – Ông nói với Henriot.

Henri đưa mắt đọc lướt qua tờ chiếu có đóng dấu ấn của nhà vua.

-Quyền nhiếp chính cho tôi ư, thưa bệ hạ? – Ông tái mặt đi vì vui mừng hỏi lại.

-Ừ quyền nhiếp chính thuộc về chú, trong khi chờ đợi quận công d'Anjou trở về và vì rõ ràng là quận công d'Anjou sẽ không trở về nên tờ giấy này không chỉ trao quyền nhiếp chính cho chú mà còn cả ngai vàng nữa.

-Ngai vua cho tôi – Henri lẩm bẩm.

-Ừ Charles đáp – Chú là kẻ xứng đáng nhất và là kẻ có khả năng nhất để cai trị tất cả cái bọn đàn ông ăn chơi hoang tàng, cái bọn đàn bà trác táng sống bằng máu và nước mắt này. Em d'Alençon của ta là một thằng phản phúc, hắn sẽ phản lại tất cả. Cứ để hắn bị giam trong toà thành tháp nơi ta nhốt hắn vào. Mẹ ta muốn giết chú, hãy đày bà ta đi. Trong ba bốn tháng, có khi trong một năm nữa, d'Anjou em ta sẽ từ Varsovie trở về đòi tranh quyền hành với chú. Hãy trả lời hắn bằng một đạo dụ của giáo hoàng. Ta đã sai viên sứ thần của ta, quận công de Nervers lo việc đó và chú sẽ sớm nhận được đạo dụ này.

-Ồi thánh thượng!

-Chỉ lo có một điều thôi Henri ạ, đó là nội chiến. Nhưng nếu chú là người cải theo Giatô giáo thì chú có thể tránh được điều đó vì phe Tân giáo chỉ có tầm cỡ

nếu như chú chịu đứng đầu phe đảng này. Và ông de Condé không đủ lực để chọi nhau với chú. Nước Pháp là một nước đồng bằng và do đó phải là một nước theo Gia tô giáo. Vua nước Pháp phải là vua của những người Giatô giáo chứ không phải của những người Tân giáo, vì vua nước Pháp phải là vua của đa số. Người ta nói rằng ta hối hận vì đã cho tiến hành ngày lễ Saint-Barthélémy, ta ngờ vực không biết đã làm đúng hay sai nhưng hối hận thì không. Người ta nói rằng máu những người Tân giáo chảy tháo qua những lỗ chân lông ta, ta biết rõ từ người ta thoát ra cái gì: đó là arsenic chứ không phải máu.

-Ôi bệ hạ Người nói gì vậy?

-Không. Nếu cái chết của ta cần được báo thù: thì chỉ có Chúa mới báo thù thôi Henri ạ. Hãy dựa vào nghị viện và quân đội để chống lại những kẻ thù duy nhất của chú là mẹ ta và quận công d'Alençon.

Lúc đó người ta nghe trong tiền phòng có tiếng binh khí chạm nhau trầm trầm và tiếng ra lệnh chỉ huy.

"Ta nguy mất." – Henri lẩm bẩm.

-Chú e ngại, chú sợ à? – Charles lo lắng hỏi.

-Tôi ư, thưa bệ hạ – Henri đáp – Tôi không e ngại cũng không ngập ngừng, tôi xin chấp nhận.

Charles siết tay ông. Vừa lúc đó nhũ mẫu tới gần tay cầm một chén thuốc bà vừa chuẩn bị trong phòng bên mà chẳng để ý gì đến vận mệnh của nước Pháp đang được định đoạt cách bà có vài bước chân.

-Cho mời mẹ ta, nhũ mẫu tốt bụng ơi, và truyền cho triệu cả ông d'Alençon tới nữa.

§65. Đức vua đã băng hà, tân vương vạn tuế

Vài phút sau, Catherine và quận công d'Alençon vừa nhợt nhạt vì sợ hãi vừa run lên vì tức giận cùng bước vào. Như Henri đã đoán, Catherine đã biết hết và đã nói hết với François. Họ bước tới vài bước và dừng lại chờ đợi.

Henri đứng ở đầu giường Charles.

Nhà vua tuyên bố ý nguyện của ông. Ông nói với mẹ: -Thưa bà, nếu ta có một đứa con trai, bà sẽ nắm quyền nhiếp chính, hoặc nếu không có bà, thì sẽ là vua Ba Lan, hoặc nếu không có vua Ba Lan chăng nữa, thì đã có hoàng đệ François. Nhưng ta không có con trai. Sau ta ngai vàng phải thuộc về quận công d'Anjou em ta mà lúc này không có mặt ở đây. Vì ông ta sẽ trở về ngày một, ngày hai đòi lại ngai vàng này. Ta không muốn ông ta gặp phải người thế chỗ mình do có những đặc quyền tương tự, có thể tranh giành địa vị với ông ta và đẩy vương quốc này vào một cuộc chiến tranh giữa những người đòi kế vị. Thưa bà, đó chính là lý do khiến ta không chọn bà làm người nhiếp chính, vì điều đó sẽ buộc bà phải chọn lựa giữa hai người con, điều đó sẽ làm đau lòng người mẹ trong bà. Đó là lý do tại sao ta không chọn François em ta vì François có thể sẽ nói với anh hắn rằng: "Ông đã có một ngai vàng, tại sao ông lại bỏ nó mà đi?". Không, đây ta chọn một người có thể tạm giữ ngai vàng và giữ vòng vương miện trong tay chứ không đội nó lên đầu. Xin bà hãy cúi chào người đó, hoàng đệ, hãy cúi chào người đó: vị nhiếp chính đó là vua Navarre!

Với một cử chỉ ra lệnh cao cả tột cùng, ông đưa tay chào Henri.

Catherine và d'Alençon phác một cử chỉ lơ lửng vừa như một sự thi lễ vừa như một cơn giật mình căng thẳng.

-Đức ông nhiếp chính, xin hãy cầm lấy chiếu chỉ trao cho ông quyền chỉ huy quân đội, chìa khoá các kho tàng quyền lợi và quyền lực hoàng gia cho tới ngày vua Ba Lan trở về.

Catherine nhìn Henri như muốn ăn tươi nuốt sống. François lảo đảo đến nỗi đứng không vững. Sự mềm yếu của người này, cũng như sự cứng cỏi của kẻ kia đáng lẽ làm an lòng Henri lại chỉ rõ ra cho ông mối nguy hiểm hiện tại trước mắt đầy đe doạ.

Henri hết sức cố gắng vượt qua mọi nỗi sợ hãi, ông cầm lấy tờ chiếu chỉ từ tay nhà vua rồi đứng thẳng người dậy, ông nhìn Catherine và François với cái nhìn như muốn nói: "Hãy coi chừng, ta là chúa của các người."

Catherine hiểu được cái nhìn ấy.

-Không đời nào – Bà thốt lên – Không đời nào dòng họ nhà ta chịu khuất phục trước một dòng họ khác. Chừng nào còn một người họ Valois thì không một tên nào trong họ Bourbon được trị vì trên đất Pháp.

-Này bà – Charles vừa kêu lên vừa nhỏm dậy trên chiếc giường với những tấm khăn trải giường đỏ máu – Coi chừng đấy, ta vẫn còn là vua. Không lâu nữa, ta cũng biết thế, nhưng chẳng cần lâu la gì cũng có thể xảy ra lệnh trừng phạt những kẻ giết người và những tên chuyên đầu độc người.

-Nào, thế thì xin bệ hạ cứ ra…, nếu bệ hạ dám. Còn ta, ta cũng ra mệnh lệnh… François lại đây, đi thôi.

Và bà nhanh chóng bước ra kéo theo cả quận công d'Alençon.

-Nancey! – Charles hét lên – Nancey, đến đây! Ta muốn như vậy, ta ra lệnh như vậy, cho bắt mẹ ta, bắt em ta, bắt…

Máu túa ra ngắt lời nhà vua đúng lúc viên chỉ huy vệ binh mở cửa, và nhà vua ngạt thở khò khè trên giường.

Nancey chỉ mới nghe được tên mình, những mệnh lệnh tiếp theo được nói ra với giọng khó nghe hơn đã chìm trong không gian.

-Giữ cửa – Henri ra lệnh – Đừng cho ai vào.

Nancey cúi chào và đi ra.

Henri đưa mắt nhìn tấm thân bất động mà người ta có thể tưởng nhầm là một xác chết nếu như không có một hơi thở nhẹ nhõm lung lay lớp bọt đang sùi trên mép Charles.

Ông nhìn hồi lâu rồi tự nói với mình: -Đây là lúc tột cùng, ta phải trị vì hay phải sống đây?

Cùng lúc đó, tấm rèm treo trên đầu giường được vén lên, phía sau là một gương mặt tái xanh và một giọng nói vang lên giữa cảnh im lặng chết chóc đang ngự trị trong phòng nhà vua.

-Hãy sống cái đã – Giọng đó nói.

-René à – Henri thốt lên.

-Thưa bệ hạ, vâng.

-Lời tiên đoán của người là sai sao? Ta không được làm vua ư? – Henri kêu lên.

-Thưa bệ hạ, Người sẽ làm vua, nhưng thời điểm chưa tới.

-Làm sao người biết được? Hãy nói cho ta biết liệu ta có thể tin người được hay không?

-Xin bệ hạ lắng nghe.

-Ta nghe đây.

-Bệ hạ cúi xuống đây.

Henri nghiêng mình xuống trên thân Charles. René cũng cúi xuống. Họ chỉ cách nhau có bề rộng chiếc giường, và khoảng cách đó lại càng ngắn lại vì họ đều cúi xuống. Giữa họ là tấm thân bất động im lìm của nhà vua đang hấp hối.

-Xin bệ hạ hãy nghe đây – René nói – Tôi được Thái hậu đặt ở đây để hại bệ hạ nhưng tôi muốn được giúp Người hơn, tôi tin vào lá số tử vi của Người. Giúp

bệ hạ tôi vừa được lợi cho thể xác lẫn linh hồn tôi.

-Có phải Thái hậu cũng đã ra lệnh cho người nói với ta như thế không? – Henri nghi ngờ lo lắng hỏi.

-Không – René đáp – Nhưng hãy nghe một điều bí mật.

Và y lại cúi thấp hơn nữa, Henri cũng làm theo đến nỗi hai mái đầu gần như chạm nhau. Cuộc nói chuyện của hai người trên thân thể một ông vua đang chết mang vẻ u tối đến nỗi đám tóc của gã Florentin mê tín dựng ngược cả lên, còn mồ hôi chảy đầm đìa trên gương mặt Henri

-Xin bệ hạ hãy nghe một điều bí mật mà chỉ mình tôi được biết và tôi xin nói để bệ hạ hay nếu bệ hạ dám thề trên linh hồn người sắp chết này là sẽ tha thứ cho tôi về cái chết của lệnh bà Thái hậu mẹ Người.

-Ta đã hứa với ông điều đó một lần rồi – Henri sầm mặt nói.

-Bệ hạ đã hứa chứ không thề – René đáp và lùi lại một bước.

-Ta xin thề – Henri vừa nói vừa giơ bàn tay phải lên phía trên đầu Charles.

-Vậy thì, thưa bệ hạ – Gã người xứ Florence vội vàng nói – Vua Ba Lan đang về tới nơi!

-Không đâu – Henri đáp – Người đưa tin đã bị vua Charles cho bắt rồi.

-Đức vua Charles chỉ mới bắt một người trên đường Château-Thierry nhưng Thái hậu do lo xa đã gửi ba tín sứ đi bằng ba đường khác nhau.

-A, ta thật chẳng may!

-Sáng nay có một người đưa tin từ Varsovie tới. Vua Ba Lan đi sau ông ta mà không ai nghĩ tới việc cản Người vì ở Varsovie người ta còn chưa biết vua Charles bị ốm. Người đưa tin đó chỉ đi trước Henri d'Anjou vài giờ.

-Chao ôi! Ước gì ta có được chỉ tám ngày thôi – Henri than.

-Vâng, nhưng bệ hạ nào có đến tám tiếng đồng hồ. Bệ hạ có nghe thấy tiếng binh khí đang chuẩn bị đó không?

-Có.

Những binh khí đó là để dành cho bệ hạ đấy. Họ sẽ đến giết bệ hạ ngay ở đây, ngay trong phòng đức vua.

-Đức vua còn chưa chết kia mà.

René đăm đăm nhìn Charles: -Trong mười phút nữa nhà vua sẽ băng hà. Vậy bệ hạ có chừng mười phút nữa để sống.

-Ta phải làm gì bây giờ đây.

-Bệ hạ phải trốn ngay không để phí một giây phút nào nữa.

-Nhưng trốn bằng đường nào? Nếu chúng đợi ta trong tiền phòng thì khi ta đi ra chúng sẽ giết ta mất.

-Xin bệ hạ nghe đây: tôi liều tất cả vì bệ hạ, chỉ mong Người đừng bao giờ quên đều đó.

-Người cứ yên lòng.

-Bệ hạ hãy theo tôi qua lối đi bí mật này, tôi sẽ dẫn bệ hạ tới tận đường ngầm bên tường thành. Rồi để kéo dài thì giờ cho bệ hạ, tôi sẽ đi báo với Thái hậu rằng bệ hạ đang xuống. Ta coi như bệ hạ tình cờ mà phát hiện ra lối đi bí mật để trốn, thôi đi thôi.

Henri cúi xuống bên Charles và hôn lên trán ông.

-Vĩnh biệt anh, tôi sẽ không bao giờ quên ước muốn cuối cùng của anh là được thấy tôi kế vị anh. Tôi sẽ không bao giờ quên ý nguyện cuối cùng của anh là tấn phong cho tôi. Anh hãy chết bằng an. Nhân danh đồng đạo của tôi, tôi tha thứ cho anh về máu đã đổ.

-Khẩn trương lên – René giục – Ông ta đang tỉnh lại, trốn đi trước khi ông ta mở mắt lại, trốn nhanh!

-Nhũ mẫu – Charles lẩm bẩm – Nhũ mẫu ơi!

Henri nắm lấy thanh kiếm trên đầu giường Charles từ nay đã trở thành vô dụng với nhà vua, ông nhét chiếu chỉ phong ông làm nhiếp chính vào ngực áo, hôn lên trán Charles một lần cuối đi vòng quanh giường, biến vào trong ngách trổ và đóng lại sau lưng mình.

-Nhũ mẫu! – Nhà vua cất giọng đã khỏe hơn gọi – Nhũ mẫu đâu?

Người đàn bà phúc hậu chạy tới.

-Thế nào, có việc gì vậy, Charles? – Bà hỏi.

-Nhũ mẫu ơi!

Mi mắt nhà vua trợn ngược, con người như nở ra và trơ trơ bất động vì cái chết: -Trong lúc ta ngủ chắc có việc gì đã xảy ra, ta thấy ánh sáng rực rỡ, ta thấy Chúa trời chúa tể của chúng ta, ta thấy đức Chúa Giêsu, ta thấy Đức Mẹ Đồng trinh, họ cầu khẩn, họ năn nỉ Đức Chúa trời giùm ta vị chúa tể đầy uy lực tha tội cho ta… Người ta gọi… Ôi lạy Chúa! Xin hãy đón nhận con với lòng từ bi quảng đại của Người… Lạy Chúa! Xin hãy quên con đã từng là vua, vì con đến với Người không quyền trượng, không vương miện… Lạy Chúa! Xin hãy quên đi những tội lỗi của một ông vua để chỉ nhớ tới những nỗi khổ đau của con người… Lạy Chúa! Con đây.

Vừa nói những lời này, Charles vừa nhổm mình dậy như muốn đi theo tiếng nói đang kêu gọi ông. Sau những lời cuối cùng, Charles thở hắt ra một cái và toàn thân lạnh giá bất động ngã vật xuống trong tay nhũ mẫu.

Trong khi đó những người lính do Catherine chỉ huy dồn tới lối đi mà ai ai cũng biết là Henri sẽ phải ra theo lối đó. Nhưng Henri được René dẫn đường đã đi theo hành lang bí mật và tới đường ngầm tường thành, ông nhảy lên một con ngựa đang chờ ông và phi tới chỗ ông biết sẽ được gặp de Mouy.

Đột nhiên, nghe tiếng vó ngựa phi dồn dập trên bờ thành, một vài người lính gác quay lại và thét lên: -Ông ta trốn rồi! Ông ta trốn rồi!

-Ai thế? – Thái hậu vừa tiến lại gần cửa sổ vừa hỏi.

-Đức vua Henri, đức vua Navarre! – Bọn lính gác cùng kêu lên.

-Bắn đi! – Catherine ra lệnh – Bắn hắn đi!

Những người lính gác nhắm bắn nhưng Henri đã đi quá xa.

-Hắn đã trốn – Thái hậu kêu lên – Vậy là hắn đã thua cuộc.

-Hắn đã trốn – Quận công d'Alençon lẩm bẩm – Vậy ta sẽ là vua.

Nhưng cùng lúc đó, trong khi François và mẹ vẫn còn đang đứng bên cửa sổ, chiếc cầu treo kêu răng rắc dưới chân ngựa và tiếng binh khí lách cách chạm nhau, tiếng ầm ầm náo động mở đường cho một chàng trai mũ cầm tay, ngựa phóng như bay, vừa lao vào sân vừa kêu to: "Nước Pháp!" Theo sau ông là bốn vị quý tộc mình mẩy đầy mồ hôi, bụi đường và ngựa của họ cũng sùi bọt mép như ngựa của ông

-Con trai ta! – Catherine kêu lên và vươn tay qua cửa sổ.

-Mẹ ơi! – Chàng trai vừa kêu lên đáp lại vừa nhảy xuống ngựa.

-d'Anjou anh ta! – François kinh hoàng bật ngửa người về phía sau thốt lên.

-Đã muộn quá rồi – Henri d'Anjou hỏi mẹ.

-Không đâu, ngược lại, đúng lúc là khác. Dù cho Đức Chúa có cầm tay con đưa đi Người cũng không thể đưa con về đúng dịp hơn thế được. Con hãy nhìn và nghe xem.

Quả thực lúc đó ông de Nancey, chỉ huy vệ binh tiến ra ban công của căn phòng nhà vua.

Mọi ánh mắt đều đổ dồn theo ông ta.

-Ông bẻ một chiếc gậy thành hai đoạn, mỗi tay cầm một đoạn giơ cao và hô lên ba lần:

"Đức vua Charles IX đã băng hà! Đức vua Charles IX đã băng hà! Đức vua Charles IX đã băng hà!"

Và ông thả cho rơi hai đoạn gậy.

"Đức vua Henri III vạn tuế!" – Catherine khi đó vừa kêu lên vừa thành kính biết ơn đưa tay làm dấu – Đức vua Henri III vạn tuế!"

Mọi người đều đồng thanh lặp lại tiếng kêu này trừ quận công d'Alençon:

"A! Mụ ấy đã lừa ta!" – Ông vừa thốt lên vừa đưa móng tay cào xé ngực mình.

"Ta đã thắng! – Catherine reo lên – Và tên Bearnais khốn kiếp kia sẽ không được trị vì!"

§66. Một năm đã trôi qua kể từ cái chết của vua Charles và việc lên ngôi của người kế vị ông

Vua Henri III may mắn được trị vì nhờ ân huệ của Chúa và của Thái hậu Catherine, đã đi dự một đám rước linh đình để mừng Đức Bà Cléry. Ông đi bộ cùng hoàng hậu và tất cả triều đình.

Vua Henri III hoàn toàn có thể cho phép mình giải trí như thế lắm, vì giờ đây không có mối lo ngại nào khiến ông bận tâm. Vua Navarre còn ở Navarre nơi bao lâu ông đã mong ước được trở về và người ta đồn ông rất quan tâm tới một tiểu thư xinh đẹp dòng họ Monmorency tên là Fosseuse. Marguerite ở bên ông, nàng trầm lặng, và u buồn. Ở nơi núi rừng tươi đẹp này, nàng chẳng tìm thấy sự giải trí mà chỉ là niềm khuây khoả cho hai nỗi đau khổ nhất của cuộc đời đó là sự xa cách và cái chết.

Paris rất yên bình và Thái hậu thực sự đã trở thành nhiếp chính kể từ khi đứa con cưng Henri của bà lên làm vua. Khi thì bà ở Louvre, khi thì bà ở Soissons nằm ở chỗ nay là chợ bán lúa mì. Ngày nay người ta chỉ còn thấy có chiếc cột đẹp trang nhã là di tích của dinh đó khi xưa.

Một tối, bà đang rất chú tâm nghiên cứu các vì Tinh tú cùng với René. Bà vẫn không hề hay biết những vụ phản bội nho nhỏ của y và y đã trở lại được lòng bà vì đã làm chứng gian rất đúng lúc trong vụ De Mole và Coconnas. Đang giữa lúc như thế thì người ta đến báo với bà rằng có người xin trình bà về một việc tối quan trọng và đang chờ bà tại phòng cầu nguyện.

Bà vội vàng xuống phòng cầu nguyện, và gặp phải Maurevel.

-Hắn đang ở đây – Viên cựu chỉ huy pháo thủ thốt lên không để cho Catherine kịp có thời giờ hỏi y trước theo như nghi thức hoàng gia đã định.

-Hắn là ai? – Catherine hỏi.

-Tâu lệnh bà, còn ai khác nữa ngoài vua Navarre ra?

-Ở đây! – Catherine thốt lên – Henri ở đây ư?… Thế cái thằng bất trị ấy về đây làm gì?

-Theo như bề ngoài thì hắn sẽ gặp phu nhân de Sauve, chỉ có thế. Nhưng chắc chắn hắn tới để bàn âm mưu chống lại đức vua.

-Thế nhưng sao ông biết hắn ở Paris?

-Hôm qua tôi thấy hắn vào một ngôi nhà và một lát sau phu nhân de Sauve cũng tới gặp hắn ở đó.

-Ông có tin chắc đúng là hắn không?

-Tôi đợi cho đến lúc hắn ra, tức là phải đợi rất lâu trong đêm. Tới ba giờ, đôi tình nhân lại ra đi. Tên vua đã đưa phu nhân de Sauve về tận cổng ghi-sê ở Louvre, ở đó nhờ vào người gác cổng chắc là đã được hưởng lợi lộc gì đấy nên

bà ta vào được mà chẳng bị hỏi han gì. Tên vua kia vừa đi vừa khe khẽ hát, chân đi thoăn thoắt cứ như thể hắn đang ở giữa rừng núi quê hắn vậy.

-Thế hắn về đâu?

-Phố Arbre sec, quán trọ Tinh tú, cũng vẫn ở chỗ viên chủ quán đã cho trú ngụ hai tên phù thuỷ mà lệnh bà đã cho hành hình hồi năm ngoái.

-Tại sao ông không tới báo ngay cho ta việc đó?

-Vì lúc bấy giờ tôi còn chưa tin chắc về tin này.

-Thế bây giờ thì sao?

-Bây giờ tôi tin chắc rồi, thưa lệnh bà.

-Người đã thấy y rồi chứ?

-Thấy rõ lắm: tôi nấp ở nhà một người bán rượu phía đối diện tôi thấy hắn bước vào cũng vẫn ngôi nhà hôm trước rồi thì vì phu nhân de Sauve đến chậm, hắn đã sơ ý thò mặt ra phía ô cửa kính tầng một, và thế là tôi không còn nghi ngờ gì nữa.

Với lại một lát sau phu nhân de Sauve lại tới gặp hắn lần nữa.

-Và người nghĩ rằng chúng sẽ lại đến ba giờ sáng như đêm trước?

-Chắc là như thế.

-Ngôi nhà đó ở đâu?

-Gần chỗ Cây thập tự trên những cánh đồng nhỏ, phía cửa ô Saint-Honoré.

-Được lắm, ông de Sauve không biết nét chữ của ông chứ?

-Thưa không.

-Ông ngồi xuống đây và viết đi.

Maurevel tuân lệnh cầm bút và nói: -Thưa lệnh bà, tôi đã sẵn sàng.

Catherine đọc:

"Trong khi nam tước de Sauve đang trực tại Louvre, nam tước phu nhân vui thú cùng với một gã điển trai bạn của bà trong một ngôi nhà ở Cây thập tự trên những cánh đồng nhỏ, gần cửa ô Saint-Honoré. Nam tước de Sauve sẽ nhận ra ngôi nhà nhờ một dấu chữ thập đỏ vẽ trên tường."

-Sao nữa ạ? – Maurevel hỏi.

-Ông hãy chép thêm bản nữa của bức thư này.

Maurevel máy móc tuân lời.

-Bây giờ hãy cho một người khôn khéo chuyển bức thư này cho nam tước de Sauve – Thái hậu ra lệnh – Bức kia thì để cho người đó đánh rơi trong hành lang cung Louvre.

-Tôi vẫn chưa hiểu. – Maurevel nói.

Catherine nhún vai: -Ông không hiểu là khi một ông chồng nhận được một bức thư như thế này thì phải nổi giận à?

-Nhưng tâu lệnh bà, tôi thấy hồi vua Navarre ở đây, ông ta đâu có giận.

-Kẻ chịu bỏ qua những điều lỗi của một ông vua có lẽ không chịu bỏ qua những chuyện đó ở một gã tán gái thông thường. Vả lại nếu y không tức giận thì đã có ông giận thay cho y.

-Tôi ấy ạ?

-Đúng thế. Ông hãy đem đi bốn người, hoặc nếu cần thì sáu người cũng được. Các ông đeo mặt nạ phá cửa mà vào như thể các ông do ông nam tước sai đến vậy. Các ông sẽ bắt được quả tang đôi tình nhân đang tâm tình bên nhau. Các ông sẽ đánh chúng nhân danh đức vua. Và ngày hôm sau, cái thư đánh rơi trong hành lang Louvre sẽ được cái kẻ ngoan đạo đã cho lưu hành nó tìm thấy và sẽ chứng thực rằng đó chính là đức ông chồng trả thù. Tuy nhiên, do tình cờ mà gã nhân tình lại là vua Navarre. Nhưng nào ai biết trước được điều đó kia chứ, ai cũng vẫn cứ tưởng hắn đang còn ở Pau cơ mà.

Maurevel nhìn Catherine đầy vẻ thán phục, cúi đầu chào rồi lui ra.

Khi Maurevel ra khỏi dinh Soissons thì cũng là lúc bà de Sauve bước vào ngôi nhà nhỏ trên đường Cây thập tự.

Henri để cửa hé mở đợi bà.

Ngay khi thấy bà trên cầu thang ông đã hỏi.

-Mình không bị theo dõi đấy chứ?

-Không đâu – Charlotte đáp – Ít ra là theo chỗ tôi được biết.

-Chẳng là tôi cứ tưởng tôi bị theo dõi không chỉ buổi đêm hôm qua mà ngay cả tối nay nữa.

-Ôi lạy Chúa, mình làm tôi sợ đấy! Nếu kỷ niệm êm đẹp mình trao cho một người tình cũ lại làm mình gặp chuyện chẳng hay thì tôi ân hận chẳng bao giờ nguôi được.

-Xin mình cứ yên tâm, chúng ta có ba tay kiếm giữ gìn cho chúng ta trong bóng tối

-Thưa bệ hạ, ba còn là ít.

-Thế cũng là đủ khi ba tay kiếm đó tên là de Mouy, Saucourt và Barthélemy.

-Hoá ra de Mouy theo mình về Paris à?

-Đúng vậy.

-Ông ta dám trở về kinh đô – Hay cũng như mình ông ta có một tình nương đáng thương nào đó đang chờ ông ta?

-Không, nhưng ông ta có một kẻ thù ở đây và ông ta đã thề giết cho được y. Mình thân yêu ạ, chỉ có căm thù mới khiến người ta cũng làm được nhiều điều rồ dại như tình yêu mà thôi.

-Cám ơn bệ hạ.

-Ôi tôi đâu có nói tới những việc rồ dại hiện thời, ấy là tôi nói tới những chuyện ngốc nghếch trong quá khứ và tương lai đấy chứ. Nhưng đừng bàn cãi về chuyện ấy nữa, chúng ta không nên để phí thì giờ.

-Vậy bệ hạ vẫn định đi à?

-Đêm nay tôi ra đi.

-Nhưng việc buộc mình phải quay về Paris xong rồi à?

-Tôi quay lại đây chỉ vì mình thôi.

-Nói dối.

-Xin thề, em thân mến, tôi nói thật đấy. Nhưng thôi không nói chuyện ấy nữa. Tôi còn hai ba tiếng đồng hồ hạnh phúc nữa rồi chúng ta phải chia tay nhau mãi mãi.

-Ôi mình ơi chỉ có tình yêu của tôi là còn mãi mà thôi.

Henri vừa nói ông không có thì giờ để tranh luận, vì vậy nên ông không hề tranh luận, ông tin lời phu nhân hay ít ra cũng tỏ ra là tin lời bà vì ông vốn hay hoài nghi.

Trong lúc đó, đúng như lời vua Navarre, de Mouy và hai đồng đội của chàng nấp quanh ngôi nhà.

Theo hẹn Henri sẽ ra khỏi nhà vào nửa đêm chứ không phải là ba giờ sáng. Họ sẽ đưa phu nhân de Sauve về Louvre như đêm trước và từ đó họ sẽ tới phố Cerisaie nơi Maurevel ở.

Chỉ đến ngày hôm đó de Mouy mới biết chính xác về chỗ kẻ thù của chàng ở.

Họ ở đó đã được một tiếng đồng hồ chợt thấy có một người, theo sau là năm người nữa, tiến tới gần cửa ngôi nhà nhỏ và lôi ra rất nhiều chìa khoá để thử mở.

Nhìn thấy vậy de Mouy đang nấp trong chỗ khuất ở cánh cửa nhà bên cạnh chỉ nhảy một bước đã tới bên người kia và nắm lấy tay y.

-Chờ tí đã – Chàng nói – Không được vào đấy.

Người kia nhảy lùi ra phía sau, và trong khi bật người lên mũ y rơi ra.

-De Mouy de Saint-Phale! – Y kêu lên.

-Maurevel! – Chàng trai Tân giáo hét lên và giơ kiếm – Ta đi tìm mày, mày lại dẫn xác đến gặp ta, cám ơn lắm.

Nhưng cơn tức giận không làm chàng quên mất Henri, chàng quay về phía cửa sổ và huýt sáo theo kiểu các chàng mục đồng xứ Bearn.

-Thế là đủ! – Chàng trai nói với Saucourt – Bây giờ thì đến đây quân giết người, đến đây!

Và chàng lao tới Maurevel.

Y đã kịp có thì giờ rút từ thắt lưng ra một khẩu súng tay.

-A, lần này thì mày chắc chết rồi – Kẻ giết vua vừa nói vừa ngắm bắn chàng trai.

Và y bấm cò. Nhưng de Mouy đã nhảy được sang phải và phát đạn sượt đi.

-Giờ thì đến lượt tao. – Chàng thét lên.

Và chàng đâm một nhát mạnh đến nỗi mặc dầu vấp phải vòng thắt lưng da, mũi nhọn của thanh kiếm đã xuyên qua vật chướng ngại và đâm vào thịt.

Kẻ giết người thốt ra một tiếng kêu man dại đầy đau đớn khiến những tên tay sai của y tưởng y bị đâm chết kinh hoảng bỏ chạy về phía phố Saint-Honoré.

Maurevel không phải là người can đảm. Thấy người của y bỏ chạy và phải đương đầu với một địch thủ như de Mouy, y cũng định bỏ trốn và vừa chạy theo đường mà bọn tay chân đã trốn, y vừa la to: "Cứu tôi với!"

De Mouy, Saucourt và Barthélemy hăng máu lên cũng lao theo chúng.

Trong khi họ chạy theo phố Grenelle để cắt ngang đường trốn của bọn kia thì một cánh cửa sổ mở ra và có người nhảy từ tầng một xuống mặt đất còn đẫm nước mưa.

Đó chính là Henri

Tiếng huýt sáo của de Mouy báo cho ông biết có nguy cơ nào đó và tiếng súng nổ đã tỏ rõ mối nguy hiểm ấy là nghiêm trọng và Henri chạy tới để tiếp ứng cho các bạn.

Sôi nổi và mạnh mẽ, ông cầm thanh kiếm tuốt trần lao theo dấu vết họ.

Có tiếng kêu từ phía rào chắn Sergents chỉ lối cho ông. Đó là Maurevel vì cảm thấy bị de Mouy đuổi sát đang cố gọi đồng bọn đang sợ hết hồn tới cứu. Hoặc y phải quay đầu lại hoặc y phải chịu bị đâm sau lưng.

Maurevel quay lại gặp ngay mũi kiếm của kẻ thù và gần như tức thì đâm cho de Mouy một nhát khéo léo đến nỗi khăn quàng của chàng bị chọc rách. Nhưng de Mouy cũng phản công lại ngay.

Kiếm chàng lại đâm lần nữa vào lớp thịt da mà nó đã một lần cắm vào và hai tia máu phọt ra từ hai vết thương.

-Trúng rồi! – Henri đang chạy tới kêu lên – Nữa đi, de Mouy!

De Mouy chẳng cần phải được cổ vũ.

Chàng lại tấn công Maurevel nhưng gã này không đợi chàng.

Y đưa tay trái bịt vết thương và lại bỏ chạy một cách tuyệt vọng.

-Giết nó đi! Giết đi! – Vua Navarre kêu lên – Lính của nó đang dừng lại kìa!

Cơn tuyệt vọng của tụi hèn chẳng đáng gì đối với người can đảm!

Ngực Maurevel phập phồng, hơi thở khò khè mỗi lần thở lại phà ra một làn mồ hôi đẫm máu. Y kiệt sức ngã xuống nhưng rồi lại vùng dậy quỳ trên một chân chĩa kiếm vào de Mouy kêu lên: -Các bạn! Chúng chỉ có hai người! Bắn đi!

Thực thế, Saucourt và Barthélemy bị lạc mất trong khi đuổi theo hai tên tay sai chạy đường Poulies, chỉ còn lại nhà vua và de Mouy đứng trước bốn người.

-Bắn đi! – Maurevel vẫn tiếp tục gào lên trong khi một tên lính của y đang chuẩn bị ngắm bắn.

-Ừ, nhưng trước khi chúng bắn thì mày cứ chết đi đã, đồ phản phúc – De Mouy nói – Chết đi, đồ khốn kiếp, chết đày ải như một tên sát nhân!

Một tay nắm lật thanh gươm sắc bén của Maurevel, tay kia chàng đâm kiếm từ trên ngực kẻ thù mạnh đến nỗi chàng cắm hẳn hắn xuống đất.

-Cẩn thận! Cẩn thận! – Henri hét lên.

De Mouy buông thanh kiếm trong người Maurevel nhảy ngược ra sau vì một tên lính ngắm bắn chàng và suýt nữa thì đã bắn thẳng vào người chàng.

Cùng lúc đó Henri xọc một nhát kiếm xuyên qua người tên lính làm hắn chỉ kịp kêu lên một tiếng và ngã vật xuống bên Maurevel.

Hai tên kia bỏ chạy.

-Đi thôi de Mouy – Henri kêu lên – Đừng để mất thì giờ! Nếu chúng ta bị lộ thì toi mạng đấy.

-Chờ chút đã, tâu bệ hạ, bệ hạ ngỡ tôi có thể để thanh kiếm của tôi nằm lại trong người thằng khốn kiếp này sao?

Và chàng tiến lại gần Maurevel đang nằm yên vẻ bề ngoài như bất động. Nhưng đúng lúc de Mouy chạm tay vào chuôi kiếm đang nằm trong thân thể Maurevel hắn vùng dậy tay cầm khẩu súng mà tên lính khi ngã xuống đã buông rơi và nhắm ngay vào giữa ngực de Mouy bắn một phát.

Chàng trai ngã xuống thậm chí không thốt lên một tiếng kêu chàng chết ngay tức khắc.

Henri nhảy xổ tới Maurevel nhưng hắn cũng đã ngã vật xuống và thanh kiếm của ông chỉ đâm vào một xác chết mà thôi.

Cần phải trốn, tiếng huyên náo đã thu hút nhiều người tới, tuần đêm cũng có thể tới. Henri tìm kiếm trong những gương mặt của đám người tò mò một người quen và đột nhiên ông thốt lên một tiếng kêu vui mừng.

Ông vừa nhận ra bác quán La Hurière.

Vì cuộc đấu diễn ra gần cây thập tự Trahoir, tức là ở đối diện phố Arbre sec nên bác chủ quán của chúng ta đã bỏ bếp bỏ chảo đúng lúc đang chuẩn bị bữa tối cho vua Navarre và chạy tới. Bác vốn bản tính đã ủ ê lại càng trở nên buồn rầu hơn kể từ khi hai khách trọ yêu quý của bác là De Mole và Coconnas chết.

-Bác La Hurière thân mến, ta xin gửi gắm de Mouy cho bác, nhưng ta e rằng cũng chẳng còn có thể làm gì được nữa cả. Bác đưa ông ta về nhà, nếu ông ta còn sống thì đừng có tiếc gì túi tiền của ta đây. Còn gã kia thì cứ để hắn trong rãnh cống ấy và cho hắn thối ra như một con chó.

-Nhưng còn ngài thì sao?

-Ta còn có một chỗ phải đến để từ biệt: Ta chạy tới đó ngay đây và trong mười phút nữa ta sẽ tới nhà bác. Chuẩn bị ngựa cho ta nhé.

Và Henri chạy về hướng ngôi nhà nhỏ tại phố Cây thập tự. Nhưng khi tới đầu phố Grenelle, ông hoảng sợ dừng lại. Một đám đông người đang tụ họp trước cổng.

-Nhà này làm sao vậy? Có chuyện gì thế? – Henri hỏi.

-Ôi chuyện thật bất hạnh, thưa ông – Kẻ được ông hỏi tiếp – Có một bà trẻ đẹp vừa bị ông chồng đâm chết vì người ta đã trao cho ông chồng một bức thư

báo rằng bà ta đang ở với một người tình.

-Còn người chồng đâu? – Henri kêu lên.

-Hắn trốn rồi.

-Còn thiếu phụ?

-Bà ta ở trong phòng.

-Bà ta chết rồi ư?

-Chưa nhưng lạy Chúa, cũng chẳng còn lâu nữa đâu.

-Ôi! Ta là kẻ đáng bị nguyền rủa! – Henri thốt lên.

Căn phòng đầy người. Cả đám người đó vây quanh một chiếc giường trên đó Charlotte tội nghiệp đang nằm với hai nhát dao đâm xuyên người.

Hai năm ròng rã chồng nàng đã che giấu lòng ghen tuông với Henri nay có dịp để trả thù nàng.

-Charlotte! Ôi Charlotte! – Henri rẽ đám đông và quỳ xuống trước giường.

Charlotte mở đôi mắt đẹp của nàng đã mờ đi vì cái chết tới gần. Nàng thốt lên một tiếng kêu khiến máu ứ ra từ hai vết thương và cố gắng gượng dậy: -Ôi, ta đã biết mà, ta không thể chết nếu như chưa được gặp lại chàng.

Quả vậy, dường như nàng chỉ đợi có lúc này để trao lại cho Henri linh hồn đã yêu thương ông nhường ấy, nàng áp môi lên trán vua Navarre lẩm bẩm một lần cuối: “Em yêu mình” rồi gục xuống chết.

Henri không thể ở lâu hơn nữa mà không gặp nguy hiểm.

Ông rút dao găm cắt một búp trong mớ tóc vàng lộng lẫy mà đã bao lần ông gỡ tung ra để được ngắm cho hết độ dài. Ông vừa đi ra vừa nghẹn ngào giữa tiếng nức nở của những người chứng kiến không ngờ rằng họ đang khóc than cho những nỗi bất hạnh lớn lao đến thế!

-Bạn bè, người yêu! – Henri choáng váng thốt lên – Tất cả đều rời bỏ ta, ta thiếu tất cả!

-Thưa bệ hạ đúng vậy, nhưng Người vẫn còn ngai vàng – Có một người đã tách khỏi đám đông hiếu kỳ tụ tập trước cổng đi theo Henri nói nhỏ vào tai ông.

-René!

-Tâu bệ hạ, vâng. René đang canh chừng cho bệ hạ: kẻ khốn kiếp kia lúc chết đã nêu tên bệ hạ, người ta biết bệ hạ đang ở Paris, lính cung thủ đang tìm kiếm bệ hạ, xin Người hãy trốn đi.

-René, vậy mà người dám bảo ta sẽ được làm vua ư? Một kẻ đi trốn thế này!

-Xin bệ hạ hãy nhìn xem – Gã người xứ Florence vừa nói vừa chỉ cho nhà vua một ngôi sao đang lấp lánh lộ ra từ một đám mây đen – Không phải tôi nói lên điều đó, mà chính là vì sao kia.

Henri buột miệng thở dài và biến vào đêm tối.

HẾT.

NGƯỜI THẦY DẠY ĐÁNH KIẾM

Nguyên tác: Le maître d'Armes
Người dịch: Đoàn Doãn

Mở đầu

Grisier ở lại một mình sau cùng trong phòng tập, vừa thấy tôi xuất hiện ở cửa bèn kêu lên: -A, đúng là một phép lạ!

Thực vậy, tôi đã không tới số 4 ngoại ô Mont-martre từ sau buổi chiều Alfred de Nerval kể với chúng tôi câu chuyện của Pauline.

Với thái độ ân cần như bố con với những người học trò cũ, người thầy đáng kính của tôi tiếp tục: -Tôi hy vọng không có vụ việc gì xấu đưa anh tới đây chứ?

-Không ạ, thưa thầy kính mến – tôi trả lời ông – việc đến nhờ thầy giúp đỡ hôm nay thì không thuộc loại đôi khi em vẫn nhờ thầy.

-Anh biết dù là việc gì tôi cũng sẽ hết lòng vì anh. Cứ nói đi.

-Thưa thầy, xin thầy kéo em ra khỏi rắc rối này.

-Nếu có thể được tôi sẽ làm ngay.

-Em không nghi ngờ gì điều đó. Thầy hình dung xem, em ký hợp đồng với một hiệu sách mà không có gì giao cho họ cả.

-Lạ nhỉ.

-Em đến nhờ thầy cho em cái gì đó.

-Tôi ư?

-Vâng, thầy đã kể cho chúng em năm mươi lần về cuộc hành trình của thầy ở nước Nga.

-Được rồi, nói xem cụ thể em cần gì?

-Thầy ở bên ấy vào thời kỳ nào?

-Trong những năm 1824, 1825, 1826.

-Đúng những năm quan trọng nhất: kết thúc triều đại Hoàng đế Alexandre và Hoàng đế Nicholas đăng quang.

-Tôi đã thấy chôn người này và đưa người kia lên ngôi người kia. Nhưng này, anh nghĩ xem…

-Em mong được biết rõ…

-Đây là câu chuyện tuyệt vời.

-Đấy là điều em đang cần.

-Anh hình dung… Nhưng mà này, anh có đủ tính kiên nhẫn không?

-Điều này thì thầy khỏi phải bận tâm.

-Thế thì anh chờ đấy.

Ông ta lại một chiếc tủ rút ra tập giấy đồ sộ.

-Anh cầm lấy, việc của anh đây.

-Một bản thảo, lạy Chúa!

-Ghi chép của một ông bạn ở Saint-Peterbourg cùng thời kỳ với tôi, người đã thấy tất cả những gì tôi thấy và anh có thể tin tưởng vào ông ấy như đã tin tôi.

-Thầy cho em tập bản thảo này à?

-Anh được toàn quyền sở hữu.

-Đây là cả một kho báu.

-Trong đó đồng nhiều hơn bạc và bạc nhiều hơn vàng. Nhưng từ đấy anh rút ra phần tốt nhất.

-Thưa thầy, ngay đêm nay em sẽ bắt đầu làm việc và chỉ trong hai tháng…

-Hai tháng?

-Ông bạn của thầy thức dậy buổi sáng sẽ thấy sách vừa in xong.

-Chắc chắn chứ?

-Thầy có thể hoàn toàn yên tâm.

-Điều này sẽ làm ông ấy rất vui, lời nói danh dự đấy.

-À mà bản thảo còn thiếu một thứ, thưa thầy.

-Thiếu gì?

-Tên sách.

-Thế nào, tôi còn phải cho anh một tiêu đề nữa sao?

-Đúng vậy, thầy đừng giúp nửa chừng.

-Anh xem chưa kỹ, có rồi đấy.

-Ở đâu vậy?

-Trên trang này, anh thấy chứ. Người thầy dậy đánh kiếm.

-À vâng, đã có rồi, chúng ta cứ lấy cái tên này nhé.

-Tốt chứ?

-Vâng.

Qua đoạn hội thoại này bạn đọc sẽ hiểu rằng những gì bạn đọc không phải của tôi viết kể cả tên sách.

§1

Tôi đang ở tuổi nhiều ảo tưởng khi có số tiền bốn nghìn francs tôi xem như một kho của không cạn kiệt và khi nghe nói nước Nga như một thiên đường đôi với những nghệ sĩ trình độ khá; mà tôi là người tự tin nên tôi đã quyết định đi Saint-Peterbourg.

Quyết định rồi là tôi bắt tay thực hiện ngay: là chàng trai chưa vướng víu gì, cũng không nợ nần ai, chỉ cần mấy bức thư giới thiệu và tấm hộ chiếu, tôi không phải mất nhiều thời gian cho những thứ này vậy nên chỉ tám ngày sau tôi đã lên đường đi Bruxelles.

Tôi chọn đi đường bộ, trước hết vì tôi dự định ghé thăm các thành phố và tìm cách kiếm thêm đài thọ để cho chuyến đi này; sau nữa vì lòng tự hào với vinh quang của tổ quốc, tôi muốn tham quan một số chiến trường cũ, tôi hình dung chúng cũng đẹp như ở ngôi mộ Virgile, ở đó có những cây nguyệt quế rất đẹp.

Tôi dừng lại hai ngày ở thủ đô nước Bỉ, ngày đầu dạo phố và ngày thứ hai có một cuộc đấu tay đôi. Tôi đã khá may mắn trong trận đấu và người ta mời tôi ở lại với những điều kiện khá hấp dẫn nhưng tôi đã từ chối. Tôi muốn tiếp tục đi.

Tuy vậy tôi có dừng lại một ngày ở Liège; ở phòng lưu trữ tài liệu của thành phố này có một người học trò cũ của tôi, tôi muốn ghé thăm anh ta. Anh ta sống ở đường Pierreuse, ngồi trên tầng thượng nhà anh có thể vừa nhắm rượu vang sông Rhin, vừa ngắm thành phố trải dài dưới chân, nơi Godefroy lên Đất Thánh. Tôi sẽ không làm việc quan sát ấy nếu không có người học trò kể cho nghe năm, sáu truyền thuyết kỳ lạ về những ngôi nhà cổ ấy, một trong những truyền thuyết bi thảm nhất là Bữa tiệc Varfressés, với đề tài vụ giết hại thị trưởng Sébastien Laruelle, ngày nay còn một đường phố mang tên ông.

Trong lúc lên xe ngựa chờ khách ở Aixla Chapelle, tôi nói với người học trò về dự định xuống thăm những thành phố nổi tiếng và dừng lại ở những chiến trường lớn, nhưng anh ta cười về dự định ấy. Anh ta cho biết ở nước Phổ, người ta không dừng lại ở chỗ mình muốn mà ở chỗ người đánh xe muốn và một khi đã lên ngồi khép kín trong thùng xe thì hoàn toàn phụ thuộc vào người đánh xe. Thật vậy, từ Cologne đến Dresde, nơi tôi có ý đồ ở lại ba ngày, người ta chỉ lôi tôi từ thùng xe ra vào giờ ăn và vừa thời gian để chúng tôi ăn uống đủ sống. Sau ba ngày bị giam hãm trên xe, chẳng ai dám than thở gì vì điều này đã được quy định trong đất nước của Hoàng đế Frédéric-Guilliaume. Cuối cùng chúng tôi đến Dresde.

Dresde là nơi mà trong lúc tiến vào nước Nga Napoléon đã dừng quân, năm 1812, ông cho triệu tập một hoàng đế, ba ông vua và một phó vương, còn những

ông hoàng đến chen chúc trước cửa lều nhà vua đông đến mức lẫn lộn với tuỳ tùng và sĩ quan cận vệ, vua Phổ phải chờ ở tiền sảnh mất ba ngày.

Hành hương từ Vilna (ngày nay là Vilnius, thủ đô Lituanie), tôi đi ngựa theo con đường Napoléon đã đi mười hai năm trước, vượt qua Niémen, dừng lại ở Posen, Vilna, Ostrovno và Vitebsk, tiếp nhận mọi thủ tục những người dân Lituanie tốt bụng vẫn giữ lại từ khi nhà vua đi qua. Tôi còn muốn đi thăm Smolensk và Moscou nhưng không thể đi nổi thêm hai trăm dặm nữa. Sau khi ở lại Vitebsk một ngày và đi thăm lâu đài mà Napoléon đã từng nghỉ, tôi thuê một chiếc xe ngựa mà bưu vụ Nga thường sử dụng và gọi là xe trạm, vì người ta thay đổi xe ở mỗi trạm. Tôi bỏ áo khoác lên xe và được ba con ngựa kéo đi, chẳng bao lâu bỏ lại Vitebsk phía sau. Con ngựa giữa ngẩng cao đầu đi nước kiệu còn hai con bên phải, bên trái phóng nước đại, hí lên và đầu cúi xuống như muốn ngốn ngấu mặt đất.

Lần này tôi theo con đường Hoàng hậu Catherine đã đi trong cuộc hành trình sang Tauride.

§2

Ra khỏi Vitebsk, tôi phải qua một trạm thuế quan Nga. Tôi chỉ có một chiếc áo khóac nên tuy ý định rõ rệt của người trưởng đồn là kéo dài cuộc khám xét nhưng ông ta cũng chỉ làm mất hai giờ hai mươi phút, đây gần như là điều khó tin trong lịch sử thuế quan Moscou. Khám xét xong tôi được yên thân cho đến Saint-Peterbourg.

Buổi chiều tôi đến Véliki-Louki, tên gọi có nghĩa "vòng cung lớn", muốn chỉ cảnh đẹp của con sông Lova len lỏi giữa những bức tường. Được xây dựng từ thế kỷ XI, thành phố này bị người Lituanie tàn phá vào thế kỷ XII, vua Ba Lan Ballori chinh phục rồi trả lại cho Ivan Vasilievitch, cuối cùng bị Démétrius giả danh đốt trụi. Bị bỏ hoang vắng chín năm, sau đó thành phố có người Cô dắc của sông Don và Jaik đến sinh sống, dân cư hiện nay hầu hết là hậu duệ của họ. Ở đây có ba nhà thờ, đi qua đó người đánh xe của tôi không quên làm dấu thánh.

Mặc dù tình trạng tồi tệ của chuyến đi do chiếc xe và đường xấu gây ra, tôi kiên quyết không dừng lại thăm thú dọc đường vì người ta bảo tôi có thể vượt bảy mươi hai dặm từ Vitebsk đến Saint-Peterbourg trong bốn mươi tám giờ. Tôi chỉ dừng trước trạm trong thời gian thay ngựa. Trong chuyến đi này suốt đêm tôi không ngủ được một chút nào, bởi người nhảy lên trong xe như một quả bóng. Tôi cố bám vào chiếc ghế gỗ dài có trải đệm da mỏng, sau khoảng mười phút đôi tay rã rời, tôi buộc phải trả mình nhồi lên nhồi xuống, thâm tâm ái ngại cho những người bưu tá Nga, họ thật khốn khổ khi phải ngồi hàng nghìn dặm đường trong những chiếc xe tương tự như thế này.

Nét khác biệt giữa đêm ở Moscou và đêm ở nước Pháp đã khá rõ. Trong những chiếc xe ở nước Pháp, tôi có thể đọc sách, còn ở đây, cũng phải thú nhận mệt mỏi vì mất ngủ, tôi đã thử đọc, nhưng đến dòng thứ tư thì một cú xóc làm bật cuốn sách khỏi tay và khi tôi cúi xuống nhặt, một cú xóc khác hất tôi ra khỏi ghế ngồi. Tôi mất nửa tiếng đồng hồ vật lộn dưới sàn xe trước khi đứng lên và được chữa khỏi ý thích tiếp tục đọc.

Mờ sáng tôi đến Béjanitji, một làng nhỏ, và bốn giờ chiều đến Porkhoff, một thành phố cổ trên bờ sông Chelonia, con sông chuyên chở lanh và lúa mì đến hồ Ilmen. Từ đó đến hồ Ladoga tính ra tôi đã đi được nửa đường. Thú thật, tôi rất muốn dừng lại nghỉ ngơi một đêm nhưng quán hàng ở đây bẩn thỉu đến mức tôi phải quay lên xe ngồi. Cũng phải nói nhờ người đánh xe đã đảm bảo con đường sắp đi tốt hơn con đường đã qua mà tôi có quyết định dũng cảm ấy. Cuối cùng chiếc xe trạm lại ra đi với tốc độ nước đại, tôi tiếp tục chiến đấu bên trong thùng xe, còn người đánh xe ngồi trên chỗ của mình ngân nga một điệu hát buồn, tôi không hiểu ý nghĩa của lời hát nhưng âm điệu có vẻ rất phù hợp với hoàn cảnh

đau khổ của tôi. Nếu nói tôi đã ngủ thiếp đi thì không ai tin nổi và bản thân tôi cũng không tin, nếu không bị bừng tỉnh dậy với một vết xước đau đớn ở trán. Một cú xóc mạnh đến nỗi người đánh xe văng khỏi chỗ ngồi và làm tôi thức dậy do trán bị đập vào cạnh xe. Tôi có ngay ý định đổi chỗ cho người đánh xe, nhưng nói mãi anh ta vẫn không đồng ý, hoặc vì anh ta không hiểu lời đề nghị của tôi hoặc vì anh ta cảm thấy thiếu trách nhiệm nếu làm như thế. Rốt cuộc chúng tôi lại lên đường, người đánh xe lại hát và tôi tiếp tục bị hành hạ trong thùng xe. Năm giờ sáng chúng tôi đến Selogorodetz rồi dừng lại ăn điểm tâm. Nhờ trời chúng tôi chỉ còn phải đi hơn năm mươi dặm nữa.

Tôi thở dài trở vào thùng xe, ngồi dựa vào chiếc gậy. Đến lúc ấy tôi mới thử đề nghị bỏ tấm vải trùm xe ra, người đánh xe trả lời đấy là điều dễ nhất trên đời. Tôi bảo anh ta làm ngay và vì vậy chỉ còn phần dưới con người tôi là tiếp tục bị hành hạ.

Ở Louga tôi lại có một ý kiến sáng suốt là bỏ chiếc ghế dài, bỏ rơm rạ lên sàn xe, lót chiếc áo khóac và nằm trên đó. Nhờ những cải tiến này tình trạng của tôi cuối cùng trở nên gần như chịu đựng được.

Người đánh xe dừng lại trước lâu đài Garchina, nơi vua Paul đệ nhất bị đày suốt thời gian Catherine trị vì và trước cung điện Tsarskoï e Selo, nhà nghỉ mùa hè của Hoàng đế Alexandre, nhưng tôi mệt mỏi đến mức chỉ còn đủ sức ngẩng đầu nhìn hai kỳ quan ấy, tự hứa sẽ trở lại thăm trong một chiếc xe tiện nghi hơn.

Ra khỏi Tsarskoï e Selo, trục của một chiếc xe trạm chạy trước bị gãy, xe nghiêng về một bên. Tôi chỉ cách chiếc xe khoảng chừng một trăm bước chân, thấy từ đấy bước ra một quý ông cao gầy, một tay cầm chiếc mũ cao nồi, tay kia cầm chiếc vĩ cầm nhỏ. Ông ta mặc áo màu đen như người ta vẫn thường mặc ở Paris năm 1812, quần ngắn đen, tất lụa đen và đôi giầy có khóa. Bước ra đường lớn, ông vung vẩy ngay chân phải, chân trái, rồi đạp chân vào nhau, sau đó quay mình ba vòng chắc để xác định mình không bị thương tích gì. Sự lo lắng bảo vệ bản thân mình thể hiện rõ đến nỗi tôi cảm thấy mình phải có trách nhiệm dừng lại để hỏi thăm ông ta.

-Không có gì, thưa ông, không có gì – ông ta trả lời – có điều tôi không đến kịp buổi dạy. Một giờ dạy người ta trả tôi một louis (một đồng tiền vàng giá 20 francs). Tôi dạy cho một người đẹp nhất ở Saint-Peterbourg, cô Vlodeck ngày kia sẽ đóng vai Philadelphie, một trong những cô con gái của thượng nghị sĩ Warton trong bức tranh của Antoine Van Dyck, trong lễ hội triều đình tổ chức cho nữ quận công thừa kế De Weiman!

-Thưa ông, tôi không hiểu gì lắm về điều ông trình bày, nhưng không sao, tôi có thể giúp ông được việc gì không?

-Ông có thể giúp tôi được việc gì không ư? Ông có thể cứu sống tôi đấy. Hãy hình dung, thưa ông, tôi vừa dạy khiêu vũ cho công nương Lubermiska, ở trang

trại cách đây không xa. Một bài học trị giá hai louis, tôi không dạy kém giá ấy, tôi đang nổi tiếng và phải tận dụng điều này. Rất đơn giản vì chỉ có tôi là thầy dạy khiêu vũ Pháp ở Saint-Peterbourg. Thế mà anh này lại chở tôi với một chiếc xe bị gãy trục suýt làm tôi bị thương tật, may mà đôi chân tôi còn lành lặn. Ta biết rõ số xe của anh rồi, đi đi, đồ ranh mãnh.

-Tôi nghĩ việc tôi có thể giúp ông được là dành cho ông một chỗ trên xe của tôi…

-Vâng, cám ơn, đó là một sự giúp đỡ vô cùng quý giá, nhưng thật tình tôi không dám…

-Sao vậy? Giữa những người đồng hương với nhau…

-Ông là người Pháp?

-Tôi còn là một nghệ sĩ…

-Ông là nghệ sĩ? Thưa ông, thành phố Saint-Peterbourg thật chẳng hay ho gì đối với những nghệ sĩ. Khiêu vũ, nhất là khiêu vũ! Chà! Chỉ còn nhảy một chân. Mà này, ông không phải là thầy dạy khiêu vũ đấy chứ?

-Thế nào? Khiêu vũ chỉ còn nhảy một chân. Nhưng ông nói người ta trả cho mỗi bài học một louis, có phải để học nhảy lò lò không? Một louis, thưa ông, tôi cho rằng đấy là một khoản thù lao rất đẹp đó chứ?

-Vâng vâng, trong lúc này chắc vì hoàn cảnh. Nhưng thưa ông, ở đây không còn là nước Nga cũ nữa. Người Pháp đã làm hỏng tất cả. Nhưng tôi đoán chắc ông không phải là một ông thầy dậy khiêu vũ, đúng không?

-Thế mà người ta bảo tôi Saint-Peterbourg là một thành phố mà tầng lớp ưu việt chắc chắn được hoan nghênh.

-Ồ vâng, vâng, trước kia thì như vậy. Đến mức một anh thợ cắt tóc tồi kiếm được 600 rúp một ngày, trong lúc hiện nay tôi kiếm không đầy 80. Tôi hy vọng ông không là thầy dạy khiêu vũ?

-Không, không, ông bạn đồng hương thân mến – thương hại ông ta cuối cùng tôi trả lời – Ông có thể lên xe mà không ngại phải ngồi gần một kình địch.

-Thưa ông, tôi sung sướng chấp nhận – ông ta kêu lên và ngồi vào cạnh tôi – Nhờ ông mà tôi còn kịp đến Saint-Peterbourg để đi dạy.

Xe phóng nước đại. Ba giờ sau, lúc trời vừa tối, chúng tôi vào Saint-Peterbourg qua cửa Moscou và theo chỉ dẫn của ông bạn đường rất ân cần sau khi biết chắc chắn tôi không phải thầy dạy khiêu vũ, tôi xuống khách sạn Londres ở quảng trường Amirauté, phía góc con đường thẳng rộng thênh thang Nevski.

Chúng tôi chia tay nhau ở đây, ông ta nhảy lên một chiếc xe trạm khác, còn tôi bước vào khách sạn.

Không cần phải nói, dù rất muốn tham viếng thành phố của Pierre đệ nhất, tôi cũng phải gác lại hết hôm sau, tôi thật sự oải cả người không thể đứng vững nổi

nữa. Cố lên tới phòng trọ, tôi sung sướng được thấy một chiếc giường êm ấm, là vật dụng tôi hoàn toàn không có từ khi rời Vilna.

Ngày hôm sau, tận trưa tôi mới thức dậy. Việc đầu tiên là tôi chạy đến bên cửa sổ: trước mắt tôi là lâu đài Amirauté với mũi tên vàng, phía trên có một con tàu và vòng cây bao quanh. Bên trái là toà nhà Nghị viện, bên phải là cung điện Mùa Đông và Ermitage, rồi lướt qua những kiến trúc tuyệt đẹp ấy, phóng mắt ra sông Neva, tôi cảm thấy nó rộng như biển cả.

Vừa mặc quần áo vừa ăn sáng, tôi chạy ra bến cảng của Lâu đài, đi ngược lên đến cầu Troiskoï – chiếc cầu người ta bảo dài đến một nghìn tám trăm bước chân. Tại đây tôi đứng chiêm ngưỡng thành phố.

Tôi không biết trên thế giới có cảnh đẹp nào giống như cảnh đang trải rộng trước mặt tôi không. Ngoảnh lưng về khu Viborg, tôi có thể phóng tầm mắt đến tận những hòn đảo Volnoi và vịnh Finlande.

Ngay bên phải tôi, giống một chiếc tàu cắm neo ở đảo Apterkarskoï, sừng sững hiện lên pháo đài đầu tiên của Saint-Peterbourg, mũi tên vàng của nhà thờ Saint Pierre và Saint Paul nơi an táng các hoàng đế Nga, mái nhà màu xanh của lâu đài Monnaies vượt lên trên những bức tường thành vươn cao. Trước mặt pháo đài bên bờ bên kia, bên trái tôi là lâu đài Marbre, mà thiếu sót lớn là hình như kiến trúc sư quên làm mặt tiền, Ermitage là nơi ẩn náu tuyệt đẹp do Catherine II xây dựng, cung điện Mùa Đông có vẻ kỳ lạ về khối lượng hơn là hình thù, về sự lớn lao hơn là kiểu kiến trúc, lâu đài Amirauté với hai góc lầu và những bậc thang bằng đá granit. Amirauté, trung tâm khổng lồ, chỗ ba con đường chính của Saint-Peterbourg đổ vào: con đường thẳng rộng Nevski, đường Des Pois và đường Phục Hưng, cuối cùng xa hơn là bến cảng của người Anh với những khách sạn đẹp, kết thúc là Amirauté mới.

Sau khi nhìn theo dãy dài những công trình uy nghi ấy tôi nhìn lại trước mặt mình: ở mũi đảo Vasilievskoï, người ta dựng lên lâu đài La Bourse, công trình hiện đại mà không hiểu vì sao được dựng lên giữa hai cột sắt nhọn, những bậc thang hình vòng cung chạy xuống tận mặt nước. Phía sau đó bên bờ sông đối diện bến cảng người Anh là một hàng gồm mười hai trường học: Viện Hàn Lâm khoa học, Học viện nghệ thuật và cuối con đường là Trường Mỏ, ở đầu đường cong của con sông.

Phía bên kia hòn đảo mang tên một người trung uý của Pierre Đệ Nhất là Bazil, hoàng đế giao cho người này chỉ huy quân đội còn mình bận việc xây dựng pháo đài, ở trong một ngôi nhà nhỏ của đảo Péterbourg, cánh sông gọi là Tiểu Neva chảy về phía những hòn đảo Volnoi. Ở đây những ngôi nhà nông thôn của những ông chúa giàu có nhất Saint-Peterbourg nằm giữa những khu vườn mát dịu có rào sắt thép vàng trang trí đầy hoa và cây cảnh, dành cho ba tháng hè khí hậu Châu Phi và Ý, còn chín tháng khác họ hưởng thụ khí hậu quê hương

trong những nhà kính ấm. Một trong những hòn đảo thuộc hoàn toàn vào hoàng hậu, bà cho xây dựng ở đây một toà lâu đài xinh xắn và cải tạo thành những khu vườn và nơi giải trí.

Nếu quay lưng lại phía pháo đài và đi ngược dòng sông, cảnh vật thay đổi nhưng vẫn lớn lao. Thực thế, ngay ở hai đầu cầu nơi tôi đứng, trên một bờ sông làc nhà thờ Ba Ngôi, bờ bên kia khu vườn Mùa Hè, bên trái tôi là ngôi nhà thờ gỗ Pierre Đệ Nhất ở trong lúc ông cho xây dựng pháo đài Gần ngôi nhà thờ ấy còn có một cây to, trên khoảng cao mười bộ (0.3m) có đóng đinh một tượng Đức Bà. Khi người sáng lập Saint-Peterbourg hỏi người dân vào mùa lụt nước sông dâng lên tới đâu, người ta chỉ tượng Đức Bà và ông suýt bỏ công trình đồ sộ của mình. Cây thánh giá và ngôi nhà bất tử được một kiến trúc hình vòm bao bọc nhằm chống lại thời tiết bất trắc cho ngôi nhà gỗ vốn đơn sơ gồm ba phòng: phòng khách, phòng ăn và phòng ngủ. Pierre Đệ Nhất lo xây dựng cả một thành phố mà không có dành thì giờ xây cho mình một ngôi nhà.

Xa hơn một ít, vẫn ở về phía bên trái và phía bên kia sông Neva lớn là Peterbourg cổ, bệnh viện quân y, viện hàn lâm Y học và cuối cùng là làng Okla và những vùng bao quanh, trước mặt những toà nhà ấy, bên phải trại sĩ quan cận vệ là lâu đài Tauride, mái màu ngọc bích, những trại pháo binh, nhà Từ thiện và tu viện cũ Smolna.

Không thể nói tôi mê mẩn bao lâu trước khung cảnh ấy. Nhìn lại tất cả những lâu đài ấy có lẽ giống một cảnh trang trí nhạc kịch và những chiếc cột nhìn xa như bằng đá hoa cương có lẽ trông gần là gạch, nhưng lướt qua có cái gì đó tuyệt vời vượt lên trên ý tưởng của người xây dựng.

Đồng hồ điểm bốn giờ. Tôi được báo trước bữa ăn sẽ được dọn vào lúc bốn giờ rưỡi, vậy là tôi rất tiếc phải trở lại khách sạn. Lần này tôi đi qua lâu đài Amirauté để được nhìn sát bức tượng khổng lồ của Pierre Đệ Nhất mà tôi đã trông thấy qua cửa sổ.

Vốn bận tâm về những khối kiến trúc lớn, chỉ khi trở lại tôi mới lưu ý đến người dân ở đây vì tính chất rất đặc thù của họ. Ở Saint-Peterbourg chỉ có những nô lệ có râu dài hoặc những ông lớn có huân chương, không có tầng lớp trung gian.

Phải nói thoạt nhìn, người moujik (nông dân Nga) không kích thích sự tò mò, đàn ông về mùa đông mặc áo da cừu lộn mặt, mùa hè sơ mi sọc, đáng lẽ phải bỏ trong quần thì phất phới trên đầu gối, đi dép buộc dây chéo nhau lên đến cẳng chân, tóc cắt ngắn, một bộ râu dài phát triển rậm tự nhiên. Đàn bà mặc áo vải bông bình thường hoặc áo dài gấp nếp lớn dài xuống đến nửa váy, những đôi bốt đồ sộ, trong đó bàn và cẳng chân mất cả hình thù.

Nói đúng ra người ta không gặp dân chúng có nét mặt thanh thản như thế ở một đất nước nào khác trên thế giới.

Ở Paris, trên mươi khuôn mặt của tầng lớp cuối cùng trong xã hội, ít nhất cũng năm hoặc sáu thể hiện sự đau đớn, khổ sở và sợ hãi. Saint-Peterbourg không bao giờ có những cái đó. Người nô lệ luôn vững tin về tương lai và hầu như luôn hài lòng về hiện tại, không lo lắng gì về chỗ ở, ăn mặc, lương thực, những việc người chủ phải lo cho họ, trong đời họ không có băn khoăn gì khác ngoài việc tiếp nhận một số roi vọt mà đã từ lâu đôi vai của họ đã quen chịu đựng. Vả lại họ quên những đòn roi ấy rất nhanh nhờ vào một loại rượu mạnh được dùng làm nước uống hàng ngày. Thay vì họ nổi nóng như phu người Pháp say rượu vang, lại làm họ kính trọng sâu sắc và khúm núm thêm trước cấp trên, tình cảm thân mật với những người ngang hàng. Cuối cùng tôi thấy họ có tấm lòng độ lượng, khôi hài, đáng cảm động.

Một đặc điểm khác cũng đập vào mắt tôi là giao thông trên đường phố rất thông suốt nhờ có ba con kênh lớn chung quanh thành phố khai thông những rác bẩn, vận chuyển, đưa nguồn thực phẩm và vận chuyển gỗ đi. Không bao giờ có chuyện ùn tắc xe cộ buộc một chiếc xe trên đoạn đường đi bộ chỉ mười phút phải mất ba tiếng như ở Paris. Ngược lại khắp nơi có không gian: đường phố cho các loại xe giao nhau đủ mọi phía với tốc độ cao cho nên không ngớt nghe tiếng "nhanh lên, nhanh lên!" Lề đường cho những người đi bộ không bao giờ bị ùn tắc. Ngoài ra những người đánh xe Nga có sự nhanh nhẹn đặc biệt để dừng ngay chiếc xe đang phóng nước đại.

Tôi còn quên một chi tiết khác của giao thông ở đây đó là người đi bộ phải đi trên hè đường mà hè đường ở đây được lát đá giống như đá dăm ở Lyon. Vì vậy người ta nói Saint-Peterbourg là một người đàn bà đẹp và cao lớn, ăn mặc tuyệt đẹp nhưng lại đi giày dép rất đáng sợ.

Trong số những vật trang trí các hoàng đế Nga để lại, công trình đầu tiên cần nhắc tới chắc chắn là bức tượng Pierre Đệ Nhất. Hoàng đế ngồi trên một con ngựa hung hăng đang chồm lên, hình ảnh tượng trưng của giới quý tộc Nga. Trông ông thật vất vả để chế ngự nó, ông ngồi trên một tấm da gấu tượng trưng cho tình trạng hoang dã khi ông gặp dân chúng. Rồi để hình dung hoàn chỉnh bức hoạ, khi nghệ sĩ làm xong tượng, người ta kéo nó đến Saint-Peterbourg đặt nó lên một tảng đá nguyên vẹn, biểu tượng những khó khăn mà người khai sáng miền Bắc đã phải vượt qua. Hàng tiếng La tinh và cả tiếng Nga được khắc trên tảng đá: "Pierre Đệ Nhất – Catherine Đệ Nhị – 1782"

Tôi đi quanh song sắt nhìn ngắm công trình đến lần thứ ba thì đã bốn giờ rưỡi, nên buộc phải từ giã tác phẩm của người đồng hương, Falconet, nếu không sẽ có nguy cơ không có chỗ ở bàn ăn khách sạn.

Saint-Peterbourg là thành phố nhỏ lớn nhất tôi từng biết.

Tin tôi đến đây đã được lan truyền nhờ người bạn đồng hành; do ông ta không thể nói gì ngoài việc tôi đi xe trạm và không phải thầy dạy khiêu vũ, khiến

nhóm doanh nghiệp Pháp xưng là kiều dân lo ngại vì ai cũng sợ phải gặp một kẻ cạnh tranh hay một địch thủ.

Vì vậy khi tôi bước vào phòng ăn đã nổi lên những tiếng thì thầm trong các thực khách đáng kính, hầu hết ở trong đoàn kiều dân, và mỗi người nhìn tôi để qua thái độ đoán xem tôi thuộc tầng lớp nào. Điều ấy thật khó trừ phi phải rất tinh mắt vì tôi chỉ chào họ rồi ngồi vào bàn.

Trong lúc ăn súp, việc giấu tên của tôi còn được tôn trọng. Nhưng sau món thịt bò, sự tò mò được kìm nén lâu chợt bung ra từ người ngồi bên tay phải tôi.

-Ông là người nước ngoài đến Saint-Peterbourg phải không? – ông ta hỏi, tay đưa ly cho tôi và nghiêng mình.

-Chắc ông là người đồng hương của tôi? – người ngồi bên trái hỏi, giọng giả vờ thân mật.

-Tôi không rõ, thưa ông, tôi là người Paris.

-Còn tôi ở Tours, khu vườn của nước Pháp, tỉnh ấy, như ông biết, nói tiếng hay nhất. Vì vậy tôi đến Saint-Peterbourg để làm một outchitel.

-Xin lỗi thưa ông – tôi hỏi người bên tay phải – có thể hỏi ông một outchitel là gì không?

-Một người buôn vặt – ông này trả lời với vẻ khinh thường.

-Tôi cho là ông không đến đây với cùng một mục đích như tôi – người ở tỉnh Tours vẫn tiếp tục – hoặc nếu không thế tôi có một lời khuyên bạn bè, nên trở về Pháp thật nhanh.

-Vì sao vậy, thưa ông?

-Hội chợ các thầy giáo lần trước tổ chức tại Moscou thật tệ!

-Sao? Hội chợ các thầy giáo à? – tôi sửng sốt kêu lên.

-Đúng thế, thưa ông. Ông không biết ông Quận công khốn khổ ấy năm nay mất một nửa về món hàng của mình à?

-Thưa ông – tôi hỏi người bên tay phải – ông cho phép hỏi ông Quận công là ai?

-Một chủ cửa hàng đáng kính thường cho các giáo viên trú ngụ, lấy tiền theo trình độ của họ, và đến những ngày lễ Phục sinh và Giáng sinh những ông lớn có thói quen về thủ đô, ông ta mở cửa hàng và ngoài tiền thuê nhà của ông giáo, ông ta còn có một khoản hoa hồng. Thế nhưng năm nay một phần ba những người thông thái rởm của ông ta phải ở lại và người ta trả về một phần sáu những người ông gởi đi các tỉnh, nên ông chủ khổ sở sắp phá sản.

-Đúng thế ư?

-Vậy đấy, thưa ông – người outchitel lại nói – nếu ông tới để làm thầy giáo thì không phải lúc rồi vì những người sinh ra ở tỉnh Tours nghĩa là nơi nói tiếng Pháp tốt nhất cũng khó đứng vững nổi nơi đây.

-Về phần tôi thì ông có thể yên tâm, tôi làm một loại công việc khác.

-Thưa ông – người ngồi trước mặt tôi nói với giọng Bordeaux – cũng tốt là ông được báo trước, nếu ông kinh doanh rượu vang thì thật là tệ hại vì chỉ còn nước lã để uống mà thôi.

-Sao vậy thưa ông? Chẳng lẽ người Nga chỉ uống bia hoặc đã trồng nho ở vùng Kamtchatka?

-Ồ, nếu chỉ có thế thì nói làm gì. Những ông lớn Nga luôn luôn mua mà không bao giờ trả tiền.

-Xin cảm ơn về thông báo ấy nhưng tôi tin chắc người ta không làm tôi phá sản được. Tôi không kinh doanh rượu vang.

-Trong mọi trường hợp, thưa ông – một người mặc áo dài có đuôi, có trang trí ở cổ áo, quàng lông thú, mặc dù giữa mùa hè, giọng đặc vùng Lyon nói ngay với tôi – trong mọi trường hợp tôi khuyên ông, nếu buôn đệm và lông thú thì trước hết hãy dùng cho mình cái tốt nhất, xem ra ông không có vẻ lực lưỡng và ở đây phổi yếu thì đi nhanh lắm. Chúng tôi đã chôn cất mười lăm người Pháp vào mùa đông trước. Ông được cảnh báo rồi đấy.

-Tôi sẽ đề phòng thưa ông. Tôi dự tính nhờ ông cung cấp và hy vọng ông đối xử tốt với người đồng hương.

-Rất sẵn lòng thưa ông. Tôi ở Lyon, thủ đô thứ hai của nước Pháp, và ông biết những người Lyon như chúng tôi nổi tiếng là có lương tâm. Và nếu ông không phải là người buôn đệm và lông thú, thì…

-Này, các ông không thấy rằng ông bạn đồng hương không muốn nói mình làm nghề gì sao? – giọng rít lên đầu lưỡi của một người có mái tóc uốn bằng sắt toả ra mùi khó chịu của kem hoa nhài, đang cố cắt phần cánh gà đã mười lăm phút mà chưa được – các ông không thấy – ông ta lập lại và nhấn mạnh từng chữ – các ông không thấy là ông ta không muốn nói mình là ai ư?

-Nếu tôi có diễm phúc có những cung cách như anh – tôi trả lời – thì không cần hỏi mọi người cũng biết tôi là ai, đúng không?

-Nói thế có nghĩa là gì, thưa ông? – chàng trai có mái tóc uốn quăn kêu lên – có nghĩa là gì?

-Có nghĩa là chỉ nhìn cũng biết anh là thợ cắt tóc.

-Ông có ý định chửi rủa tôi chăng?

-Có vẻ như khi người ta nói anh là ai thì có nghĩa là người ta chửi rủa anh sao?

-Thưa ông – chàng trai cao giọng nói và rút trong túi ra một tấm danh thiếp – đây là địa chỉ của tôi.

-Này, anh cắt thịt gà đi.

-Có nghĩa là ông từ chối giải thích cho tôi?

-Ông muốn biết tâm trạng của tôi ư? Thưa ông, tôi không đánh nhau được.

-Vậy ông là một kẻ hèn nhát à?

-Không, thưa ông, tôi là người thầy dạy đánh kiếm.

-A! – chàng trai tóc quăn thốt lên và ngồi xuống.

Một lúc im lặng, trong lúc đó người đối thoại với tôi cố cắt cánh con gà, vẫn không được nên chuyển cho người ngồi bên cạnh.

-A! Ông là thầy dạy đánh kiếm – sau mấy giây ông bạn người Bordeaux lên tiếng – hay đấy thưa ông. Lúc trẻ tôi cũng có chơi nhưng không có năng khiếu gì cho lắm.

-Đấy là một ngành kinh doanh hiện nay đang kém phát triển ở đây. Nhưng nếu ai học chắc sẽ tiến bộ nhanh, nhất là được một người như ông đây dạy.

-Vâng, chắc chắn thế – người thợ dệt ở Lyon nói – nhưng tôi khuyên ông khi dạy nên mặc áo gi lê bằng flanen, và khi thi đấu nên có một chiếc áo choàng lông thú.

-Theo tôi, ông đồng hương kính mến – chàng thanh niên tóc quăn đã lấy lại được tự tin vừa nói vừa ăn miếng thịt gà người bên cạnh cắt cho – Ông nói từ Paris tới?

-Vâng.

-Tôi cũng thế. Tôi nghĩ ông làm một việc đầu cơ tuyệt vời đấy. Vì tôi xem ra ở đây chỉ có loại sĩ quan quân cảnh trong quản hạt, một kẻ bình thường được phong làm thầy dạy đánh kiếm của đội bảo vệ qua những trận đánh nhau như trên sân khấu. Ông xem, trên một con đường rộng, ông ta đang dạy học trò bốn thế đánh. Tôi mời ông ta tới đấu với tôi nhưng qua những đường kiếm đầu tiên tôi nhận ra ngay tôi là thầy còn ông ta là học trò. Tôi bèn đuổi ông ta đi như một kẻ hèn nhát, trả tiền thù lao bằng nửa tiền một lượt cắt tóc thế mà kẻ khốn khổ ấy còn có vẻ rất hài lòng.

-Thưa ông – tôi nói – tôi biết người ông đang nói. Là người nước ngoài và là người Pháp, đáng lẽ ông không được nói những lời ông vừa nói; vì, là người nước ngoài ông phải tôn trọng sự lựa chọn của Hoàng đế, và là người Pháp ông không nên phỉ báng một đồng hương. Đây là một bài học đến lượt tôi tặng ông và không bắt ông trả thậm chí một nửa tiền thù lao, ông thấy tôi độ lượng đấy chứ?

Nói rồi tôi đứng ra khỏi bàn bỏ đi vì đã chán ngấy lũ người Pháp ấy. Một chàng trai, suốt bữa ăn không nói gì, cũng đứng dậy đi ra ngoài cùng lúc với tôi.

-Hình như, thưa ông – anh ta vừa cười vừa nói – ông không phải tụ họp để đánh giá những người đồng hương thân mến của chúng ta.

-Hiển nhiên không, và tôi phải thú nhận việc tôi có những nhận xét không có lợi cho họ.

-Như vậy đấy! – anh nhún vai nói – thế mà ở Saint-Peterbourg người ta đánh giá chúng ta theo sự quảng cáo. Những nước khác đưa ra ngoài những gì tốt nhất, chúng ta đưa đi nhìn chung là những kẻ tệ hại, tuy vậy khắp nơi dù sao một số ít

người như ông và tôi cũng giúp làm cân bằng lại ảnh hưởng của họ. Rất vinh dự cho nước Pháp nhưng rất buồn cho người Pháp.

-Ông cũng ở Saint-Peterbourg à? – tôi hỏi.

-Đã một năm nay rồi, nhưng tối nay tôi đi.

-Thế sao?

-Tôi đã gọi xe. Rất vinh dự được biết ông.

-Không dám.

Tôi bước lên cầu thang, chàng trai đi ra cửa. Không may, tình cờ tôi gặp một người đứng đắn nhưng anh ta lại ra đi vào ngày tôi vừa đến.

Trong phòng, người phục vụ đang chuẩn bị giường cho tôi nằm nghỉ. Ở Saint-Peterbourg cũng như ở Madrid, thường người ta ngủ sau bữa ăn, có hai tháng ở Nga nóng hơn ở Tây Ban Nha.

Giấc ngủ rất thích hợp với tôi, còn mệt nhoài vì hai ngày đi xe và muốn nhanh được thưởng thức một trong những đêm đẹp trời trên sông Neva mà người ta ca tụng. Tôi hỏi người hầu phòng làm thế nào kiếm được một chiếc thuyền độc mộc. Anh ta trả lời rằng rất dễ, chỉ cần đặt trước khoảng mười rúp anh ta sẽ lo việc ấy. Tôi đã đổi một số tiền giấy, đưa cho anh ta một tờ bạc đỏ và dặn anh đánh thức tôi dậy lúc chín giờ.

Tờ giấy bạc phát huy tác dụng: chín giờ anh hầu phòng gõ cửa phòng tôi còn người chèo thuyền đang chờ ở dưới.

Ban ngày chìm trong bóng hoàng hôn êm dịu. Cái nóng ngột ngạt ban ngày chuyển thành làn gió nhẹ thổi qua các đảo mang theo mùi vị thoang thoảng, dịu ngọt của hoa hồng. Toàn thành phố dường như bị bỏ rơi và vắng lặng suốt ngày trở nên đông đúc và chen chúc nhau trong cuộc dạo chơi trên mặt nước, cả lớp quý tộc dồn đến từ các nhánh sông Neva. Tất cả thuyền độc mộc đến sắp dãy chung quanh một chiếc thuyền rộng neo trước mặt thành trì và chở hơn sáu chục nhạc công. Một gia điệu tuyệt vời mà tôi chưa từng nghe, từ mặt sông nguy nga vút lên tận bầu trời. Tôi bảo hai người chèo thuyền đưa tôi lại sát chiếc đàn khổng lồ và sống động ấy, mỗi nhạc công ôm một chiếc kèn. Tôi nhận ra bản nhạc đồng người ta đã từng kể với tôi, mỗi thành viên chỉ thổi một nốt, kéo dài trong thời gian que nhạc trưởng quay về phía anh ta. Dàn nhạc này đối với tôi như một phép lạ, tôi chưa bao giờ hình dung người ta có thể chơi kèn như chơi dương cầm và tôi không biết nên thán phục người nhạc trưởng kiên trì hay người nhạc công hơn. Sau này khi đã làm quen hơn với dân tộc Nga và đã thấy năng khiếu kỳ lạ của họ về mọi nghệ thuật máy móc, tôi không còn ngạc nhiên về những hoà tấu kèn nữa. Nhưng lúc này, tôi thực sự bị ngây ngất trước âm thanh của bản nhạc, phần đầu bản hoà tấu kết thúc mà tôi vẫn đắm chìm trong tiếng nhạc.

Hoà tấu kéo dài trong đêm. Đến hai giờ sáng tôi còn đứng nghe và xem trong khi mọi người đi từ chỗ này đến chỗ khác. Hình như bản hoà tấu chơi riêng cho tôi và những âm thanh tuyệt diệu như thế không thể đêm nào cũng lập lại. Tôi thoải mái quan sát những dụng cụ các nhạc công chơi. Những chiếc kèn giống chiếc ống chỉ cong ở đầu, mở rộng vành chỗ tiếng thoát ra.

Tôi trở về lúc trời vừa sáng, rất thích thú với đêm vừa trải qua dưới bầu trời lồng lộng, giữa âm điệu hoà tấu phương Bắc ấy, trên con sông rộng giống như một cái hồ và trong đến mức phản chiếu như gương tất cả những ngôi sao của bầu trời và mọi ánh sáng của mặt đất. Tôi thú nhận rằng trong lúc này Saint-Peterbourg hình như vượt lên trên tất cả những gì người ta đã nói với tôi về thành phố này và tôi cho rằng nếu không phải thiên đường thì ít nhất đây cũng là cái gì đấy gần như thế.

Tôi không ngủ được khi mà điệu nhạc ấy văng vẳng đuổi theo tôi. Vì vậy, hơn ba giờ sáng mới đi nằm, sáu giờ tôi đã dậy, sắp xếp lại một số thư giới thiệu, dự tính chỉ đưa ra sau khi tiếp xúc, để không phải tự mình làm quảng cáo. Tôi chỉ mang theo thư một người bạn nhờ đưa đến tận tay. Đây là thư mà người tình của anh, một cô gái bình thường ở khu La Tinh gởi cho bà chị buôn bán quần áo nhưng không phải lỗi ở tôi nếu sự kiện này dính líu vào một tầng lớp và làn sóng cách mạng đưa dân chúng đối mặt với Hoàng gia.

Bức thư đề:

Gởi cô Louise Dupuy, ở nhà bà Xavier, buôn bán quần áo thời trang, đại lộ Nevski gần nhà thờ Arménie đối diện chợ.

Toàn bức thư viết theo lối chữ và chính tả kiểu như thế.

Tôi vui vẻ tự mình đưa bức thư. Cách nước Pháp tám trăm dặm sẽ thú vị nếu gặp được một nữ đồng hương trẻ đẹp và tôi biết Louise trẻ và đẹp. Vả lại cô biết rõ Saint-Peterbourg vì đã ở đây bốn năm, cô sẽ hướng dẫn tôi cách cư xử cho phù hợp hoàn cảnh.

Tuy vậy đến nhà cô lúc bảy giờ sáng là không tiện, tôi quyết định đi một vòng trong thành phố và trở lại đại lộ Nevski lúc năm giờ.

Tôi gọi người phục vụ, lần này tôi cần một người hướng dẫn chỗ ở. Những người này vừa là đầy tớ vừa là hướng dẫn viên tham quan, đánh giày và chỉ các lâu đài. Tôi gọi anh ta, chủ yếu về chức năng thứ nhất còn về chức năng thứ hai, tôi đã nghiên cứu kỹ Saint-Peterbourg nên cũng biết về thành phố như anh ta.

§3

Tôi không phải băn khoăn lo lắng về xe cộ. Vừa ra đến đường phố đã thấy mỗi ngã tư có những trạm xe các loại. Đi qua quảng trường Amirauté để tới hàng cộg Alexandre, vừa ký hiệu gọi đầu tiên, nhiều người đánh xe đã chạy tới vây quanh đề nghị, giá rất vừa phải. Không có giá cước cụ thể, tôi muốn xem họ giảm giá đến mức nào, cuối cùng một người hạ giá xuống đến năm rúp. Đồng ý năm rúp, tôi thoả thuận với người đánh xe là đi suốt ngày và tôi chỉ cho anh ta đến ngay lâu đài Tauride.

Những người đánh xe ở thành phố này nói chung là những nông nô, vừa một khoản tiền nộp, họ được phép chủ cho đến Saint-Peterburg làm giàu. Dụng cụ kiếm tiền là một loại xe kéo bốn bánh, bên trong xe chiếc ghế dài thay vì để ngang lại để dọc nên hành khách ngồi như trẻ con đi xe đạp trên đường phố Champ-Elysées. Chiếc xe do một con ngựa kéo, cũng không kém hoang dã như chủ, vừa rời bỏ những đồng cỏ nơi sinh ra và chạy ngược xuôi trên đường phố Saint-Peterbourg. Người đánh xe thể hiện đôi với con ngựa một tình cảm rất bố con và thay vì đánh đập như những người đánh xe Pháp, anh nói với ngựa còn thân mến hơn người chăn la Tây Ban Nha nói với con la quý của mình. Đấy là ông bố, ông bác, con bồ câu nhỏ, sáng tạo ra những bài hát và lời hứa hẹn với ngựa một cuộc sống khác đổi lấy những nặng nhọc hiện nay, với những niềm hạnh phúc mà người khó tính nhất cũng sẽ hài lòng. Vì thế con vật khốn khổ, cảm nhận được sự vuốt ve hoặc tin tưởng vào lời hứa, không ngừng đi nước kiệu và hầu như không bao giờ được cởi yên cương, chỉ dừng lại ăn trong những máng cỏ đặt khắp các đường. Đấy là về chiếc xe và con ngựa.

Còn người đánh xe, anh có một nét giống những người hài hước xứ Naples, anh ta không cần biết ngôn ngữ của khách, chỉ nhờ vào sự thông minh tinh tế, anh có thể nắm bắt được ý nghĩ của người đối thoại. Anh ta ngồi trên một chiếc ghế giữa chiếc xe và con ngựa, biển số treo ở cổ thòng xuống hai vai để hành khác không bằng lòng về người đánh xe có thể nắm lấy đưa đến cảnh sát khiếu nại và trong trường hợp này người đánh xe hầu như luôn luôn bị phạt, nhưng hiếm khi xảy ra việc ấy.

Dân tộc Nga có bản chất tốt và không có thủ đô nào tôi biết lại giống như ở Saint-Peterbourg, hiếm có những vụ giết người vì dại dột hoặc thù hằn. Còn hơn thế, tuy rất muốn trộm cắp nhưng người nông dân Nga ghê tởm hành vi phá rào và người ta có thể giao cho một người gác cửa hoặc đánh xe chuyển một bức thư niêm phong đầy tiền giấy mà không sợ thất thoát dù anh ta biết trong đó có cái gì, còn nếu để trong tầm tay người ấy vài đồng tiền nhỏ nhất cũng sẽ là sự thiếu khôn ngoan.

Tôi không rõ người đánh xe c tôi có hay ăn cắp không nhưng chắc chắn anh rất sợ bị đánh cắp. Khi đến cửa lâu đài Tauride, anh cho tôi biết lâu đài có hai lối ra vào và rất mong tôi đưa cho anh một phần trả dần trong số năm rúp tương đương giá tiền đoạn đường vừa đi. Nếu là ở Paris, tôi đã nghiêm khắc trả lời với kẻ đòi tiền hỗn láo, còn ở Saint-Peterbourg tôi chỉ cười vì chuyện quỵt xe thường xảy ra. Thật vậy, hai tháng trước đây Hoàng đế Alexandre đi bộ dạo chơi theo thói quen, gặp trời sắp mưa gọi một chiếc xe ngựa đưa về hoàng cung. Đến đây ông tìm trong túi không có tiền, bèn xuống xe và nói với người đánh xe: -Anh chờ đây, ta sẽ cho người đem tiền ra trả.

-À! Vâng, không biết tôi có nên đợi không.

-Sao vậy? – Hoàng đế ngạc nhiên hỏi.

-Ồ, tôi biết rõ điều mình nói, biết bao nhiêu người tôi chở đến trước một ngôi nhà hai lối ra vào xuống xe không trả tiền, bao nhiêu người chịu tiền tôi rồi không trả.

-Thế nào, ngay cả trước cung điện Nhà vua ư?

-Ở đây thường như thế hơn những chỗ khác. Những ông lớn thường ít nhớ.

-Anh phải thưa kiện để người ta bắt kẻ quỵt tiền chứ – Alexandre nói vì câu chuyện làm ông thích thú.

-Bắt một nhà quý tộc! Ngài rất biết là không thể được. Nếu ai đó trong chúng tôi – người đánh xe trả lời – có thưa kiện thì rất dễ bị người ta bỏ tù. Vì vậy xin Ngài tìm kỹ trong túi, tôi chắc Ngài sẽ tìm được tiền trả cho tôi.

-Này – Nhà vua nói – ta có chiếc áo khoác đáng giá với chuyến đi, đúng không? Anh giữ lấy rồi đưa lại cho người đem tiền ra cho anh.

-Thế thì được! – người đánh xe nói – Ông rất biết điều.

Một lúc sau anh ta nhận tờ giấy một trăm rúp đổi lại chiếc áo. Hoàng đế trả tiền xe vừa cho mình vừa cho những người đến hoàng cung.

Do không thể tuỳ hứng thoải mái như thế, tôi chỉ đưa cho người đánh xe năm rúp giá đưa đón khách trong ngày, để chứng tỏ cho anh thấy tôi tin tưởng ở anh ta. Đúng là tôi đã biết số xe của anh và anh không biết tên tôi.

Lâu đài Tauride, vừa những đồ gỗ tuyệt đẹp, những bức tượng hoa cương và hồ cá vàng, là món quà của cận thần Potemkine tặng nữ hoàng hùng mạnh Catherine II của ông để kỷ niệm việc chinh phục đất nước. Điều đáng ngạc nhiên không phải ở vẻ huy hoàng của quà tặng mà là ở sự sùng bái ẩn sau nó. Một kỳ quan được xây dựng ở thủ đô mình mà Catherine không hề biết, cho đến một buổi tối, vị bộ trưởng mời nữ hoàng dự bữa tiệc đêm do ông tổ chức. Khi đến bà mới phát hiện thấy một toà lâu đài lộng lẫy trang trí hoa tươi đẹp như trong cõi tiên.

Chính vì vậy Potemkine là mẫu người của những ông hoàng hãnh tiến cũng như Catherine II là mẫu người của các bà hoàng ngẫu hứng, một là hạ sĩ quan

bình thường, người kia là công chúa nước Đức, tuy vậy trong số tất cả những ông hoàng và nhà vua kế vị thời kỳ ấy, người ta thấy hai người này là những người được hơn cả.

Một sự tình cờ lạ lùng hơn là một tính tóan Trời định đã tập hợp họ lại với nhau.

Catherine mới ba mươi ba tuổi, đẹp, được yêu thương vì lòng từ thiện và được kính trọng vì sùng đạo, bỗng được tin Pierre III muốn đuổi bà đi để cưới nữ bá tước De Vorontsoff và để có lý do ruồng bỏ bà, Pierre dự tính tuyên bố việc bà sinh ra Paul Petrovich là bất hợp pháp. Bà hiểu ngay mình không được chậm trễ. Mười một giờ đêm hôm đó rời lâu đài Peterhoff, lên chiếc xe hai bánh của một người nông dân, người này không biết mình đang chở vợ của Hoàng đế Nga tương lai. Bà đến Saint-Peterbourg khi trời vừa sáng, tập hợp những người bạn tin cậy dẫn đầu họ đến trước các trung đoàn đồn trú ở đây. Đứng trước hàng quân, Catherine kêu gọi họ, gợi lên sự kính trọng của những người đàn ông, lòng trung thành của những người lính, rồi tranh thủ cảm xúc do bài diễn văn gây nên, bà rút ra một thanh kiếm ném bao đi, hỏi xin một giây đeo để buộc kiếm vào cánh tay. Một hạ sĩ trẻ mười tám tuổi bước ra khỏi hàng, lại gần đưa dây đeo của mình cho bà. Catherine với nụ cười dịu dàng đón nhận lấy. Chàng sĩ quan định trở về hàng ngũ nhưng con ngựa chàng cưỡi vốn quen đi trong hàng kỵ binh, nhảy chồm lên, ngang bướng ở lại bên cạnh con ngựa của Hoàng hậu. Bà nhìn người kỵ sĩ đẹp trai sát cạnh bà, bà cố gắng tách ra xa chàng trai nhưng không có hiệu quả. Một điều gì đó mơ hồ chỉ rõ cho bà đây sẽ là người bảo vệ bà. Bà phong ngay chàng trai là sĩ quan và tám ngày sau, khi Pierre III bị lật đổ đành nhường vương miện lại cho bà. Khi đã thực thụ là nữ hoàng, bà gọi Potemkine tới, phong cho làm nhà quý tộc trong cung điện.

Từ ngày đó vận mệnh của người cận thần đã sang trang mới. Những kẻ muốn cạnh tranh với chàng đều thất bại. Một kẻ tên là Zoritch được Potemkine bảo trợ, đưa vào bên cạnh Catherine, lợi dụng khi chàng đi vắng, đã vu khống để làm hại chàng. Potemkine nghe tin báo, vội quay về căn nhà cũ của mình trong hoàng cung. Khi được biết mình đã hoàn toàn bị thất sủng và sẽ bị đi đày, chàng mặc nguyên quần áo đi đường, vào gặp ngay Nữ hoàng. Ở cửa phòng một trung uý trẻ đứng gác ngăn chàng lại. Potemkine ôm sườn anh ta, nâng lên quăng sang một bên, rồi vào phòng Nữ hoàng và chỉ mười lăm phút sau đi ra, trên tay cầm một tờ giấy.

-Cầm lấy – chàng nói với viên trung uý trẻ – đây là một chứng chỉ thăng đại uý tôi vừa xin được ở Nhà vua cho anh.

Ngày hôm sau, Zoritch bị đày đến thành phố Chklov theo chỉ thị của Nữ hoàng.

Về phần mình, chàng Potemkine lần lượt mơ về lãnh thổ của công tước Courlande và ngôi vua Ba Lan, rồi lại chẳng thiết gì những cái đó, chàng tự hài lòng với việc tổ chức các lễ hội cho các ông vua và tặng những lâu đài cho các nữ hoàng. Chàng nghĩ vương miện liệu có làm cho chàng mạnh và xa hoa hơn những gì chàng đang có không? Triều thần chẳng đã tôn sùng chàng như một hoàng đế rồi sao? Tay trái chàng chẳng đã đầy kim cương, còn tay phải để trần nắm chắc thanh gươm đó sao? Phải chăng chàng đã có những chuyến xe đi thu thập cá ở sông Volga, dưa hấu ở Astrakhan, nho Crimée, hoa ở những nơi có hoa đẹp và trong những ngày đầu năm, ngoài quà tặng, chàng đã biếu nữ hoàng của mình một đĩa anh đào đáng giá mười nghìn rúp?

Khi là thiên thần, khi ma quỷ, chàng liên tục xây dựng hoặc phá huỷ tất cả, làm đảo lộn tất cả nhưng làm tất cả dồi dào sinh lực. Ông hoàng Ligne nói đúng khi bảo rằng ở chàng có một tính lớn lao lãng mạn và sự hoang dã.

Cái chết của chàng cũng kết thúc kỳ lạ như sự đổi đời của chàng. Chàng vừa trải qua một năm ở Saint-Peterbourg giữa những tiệc tùng và hoan lạc, nghĩ đã làm đủ cho vinh quang của mình và của Catherine khi đẩy lùi biên giới nước Nga vượt quá Caucase thì bỗng được tin ông già Reptnine trong lúc chàng vắng mặt đi đánh quân Thổ Nhĩ Kỳ buộc chúng phải đề nghị hoà bình, chỉ trong hai tháng ông đã làm được hơn chàng trong ba năm.

Thế là không còn nghỉ ngơi được nữa, dù đang bị bệnh nhưng mặc kệ chàng phải đi. Còn bệnh tật, chàng sẽ đấu tranh và tiêu diệt nó. Chàng đến Jassy đi Otchakov, vùng chàng đã chinh phục được. Đi được vài nghìn mét, chàng cảm thấy không khí trong xe ngột ngạt, chàng sai người trải áo khóac trên mặt đất, chàng xuống xe nằm lên trên đó và rồi tắt thở ngay bên vệ đường.

Catherine tưởng chết đi vì cái chết của chàng. Bà ngất đến ba lần, khóc rất nhiều và luôn luôn nhắc tên chàng.

Lâu đài Tauride vào lúc tôi đến thăm, là chỗ ở của Đại Quận công Michel, trước kia là nơi tạm trú của Hoàng hậu Louise, người đàn bà cưỡi ngựa hiện đại có hy vọng có lúc thắng được đối thủ của mình; vì Napoléon khi gặp bà lần đầu tiên có nói "Thưa bà, tôi biết rõ là là người đẹp nhất trong các hoàng hậu nhưng không biết bà là người đẹp nhất trong những người đàn bà". Những lời tán tỉnh của người anh hùng xứ Corse không kéo dài bao lâu. Một hôm Hoàng hậu Louise cầm chơi một bông hồng.

-Đưa cho tôi bông hồng ấy – Napoléon bảo.

-Ngài cho tôi thành phố Magdebourg – Hoàng hậu trả lời.

-Ồ! Không! – Hoàng đế kêu lên – Như vậy thì quá đắt!

Hoàng hậu bực bội vứt bông hồng đi nhưng bà không có được Magdebourg.

Rời lâu đài Tauride, tôi tiếp tục cuộc du ngoạn. Đi qua cầu Troiskoï để tham quan căn lều của Pierre Đệ Nhất, một thứ đồ trang sức thô thiển của hoàng gia

hôm trước tôi chỉ mới thấy cái vỏ bên ngoài.

Lòng tín ngưỡng của quốc gia này đã khiến người ta cho giữ công trình nguyên như cũ: phòng ăn, phòng khách, phòng ngủ như đang chờ nhà vua trở về. Trong sân là chiếc thuyền nhỏ do người thợ mộc Saardam làm. Hoàng đế đã dùng chiếc thuyền ấy đi trên sông Neva đến những điểm cần có mặt ở thành phố đã sinh ra ông.

Gần chỗ ấy là nơi an nghỉ của ông. Thi hài ông cũng như những người kế vị, yên nghỉ trong nhà thờ Saint-Pierre và Saint-Paul giữa trung tâm pháo đài. Ngôi nhà thờ này có mũi tên vàng gợi lên cảm giác không tương xứng và kém thẩm mỹ. Giá trị duy nhất của nó là chỗ kho tàng mồ mả trong đó. Mộ Hoàng đế Nga ở gần cửa ra vào cánh phải, trên vòm trần nhà treo hơn bảy trăm lá cờ lấy của người Thổ, Thuỵ Điển và Persans.

Tôi đi qua cầu Tioutchkoff trên đảo Vasileivskoi. Những cảnh vật gây sự chú ý trong khu này là sở Giao dịch (chứng khóan) và các Viện hàn lâm. Tôi chỉ lướt qua những công trình này. Tôi vượt cầu Isaac và đường Phục hưng, thấy kênh Fontalka, đi dọc theo bến cảng đến tận nhà thờ Thiên chúa giáo. Tôi dừng lại ở đây để thăm viếng ngôi mộ của Moreau. Mộ chỉ là một tấm đá đơn giản đặt trước mặt bàn thờ ở giữa chánh điện.

Trong các nhà thờ tôi đi thăm thì nhà thờ Kazan là Nhà thờ Đức Bà ở Saint-Peterbourg, bước vào nhà thờ phải qua hàng cột kép xây dựng theo mẫu nhà thờ Saint-Pierre ở Rome. Ở đây ngược lại với thói quen của người Nga, việc quảng cáo không thể hiện bằng hiện vật. Bên ngoài nhà thờ bằng thạch cao và gạch, bên trong trang trí bằng đồng thau, hoa cương, đá granit, những cánh cửa rắn chắc tạc bằng bạc khối, nền bằng đá thạch anh, tường dát đá hoa cương.

Trong một ngày tôi đã xem khá nhiều công trình. Tôi cho xe đưa đến nhà bà Xavier nổi tiếng để chuyển bức thư cho người đẹp đồng hương. Cô không ở nhà này đã sáu tháng nay và bà chủ cũ của cô cho biết với giọng rất thờ ơ là cô ta ở riêng khoảng giữa con kênh Moika và cửa hàng Orgelot. Địa chỉ này cũng dễ tìm vì Orgelot là cửa hàng có tiếng ở đây.

Mười phút sau tôi đứng trước ngôi nhà được chỉ dẫn. Xác định đây đúng là nhà người đồng hương, tôi để người đánh xe ra về và vào hỏi cô Louise Dupuy.

Một cô gái hỏi tôi đến hỏi hàng hay hỏi việc riêng, tôi trả lời vì việc riêng.

Cô đứng dậy ngay và dẫn tôi về nhà bà chủ.

§4

Tôi được đưa vào một căn phòng nhỏ giăng đầy vải Á đông và tôi thấy người đồng hương của tôi nửa nằm nửa ngồi đang đọc một cuốn tiểu thuyết. Thấy tôi cô đứng dậy và nghe tiếng nói đầu tiên của tôi, cô thốt lên: -A! Ông là người Pháp!

Tôi xin lỗi vì đã đến vào giờ nghỉ ngơi nhưng tôi giải thích vì tôi vừa đến vào hôm qua và chưa biết một vài thói quen ở đây rồi tôi đưa bức thư ra.

-Của em gái tôi đây! – cô kêu lên – Chà Rose tốt bụng! Rất vui được nhận tin của em. Ông biết cô ấy chứ? Cô ấy vẫn luôn luôn vui vẻ trẻ đẹp chứ ạ?

-Đẹp, tôi chỉ có thể trả lời. Vui vẻ; tôi hy vọng thế. Tôi chỉ gặp cô ấy có một lần, bức do một người bạn giao cho.

-Ông Auguste, đúng không?

-Ông Auguste.

-Cô em gái khốn khổ, vào giờ này chắc hài lòng lắm đây. Tôi vừa gởi cho cô ấy những món vải rất đẹp và vài thứ đồ khác. Tôi viết thư bảo cô ấy đến đây với tôi, nhưng…

-Nhưng sao?

-Nhưng phải từ bỏ ông Auguste nên cô ấy từ chối. Xin mời ông ngồi.

Tôi định kéo một chiếc ghế nhưng cô ra hiệu cho tôi lại ngồi gần bên cô. Tôi nghe theo không chút ngại ngần. Cô bắt đầu đọc bức thư tôi đưa tới và tôi có thì giờ nhìn ngắm cô.

Phụ nữ có khả năng biến đổi mình tuyệt vời, nếu có thể nói thế. Dưới mắt tôi trước đây là một cô gái tầm thường trên đường phố Harpe; cách đây bốn năm cô gái chắc còn đi nhảy tất cả các ngày Chủ nhật ở Prado và La Chaumìere. Thế mà chỉ cần chuyển người đàn bà ấy đến vùng đất khác và thế là cô trở nên sang trọng, lịch sự. Tôi không còn thấy ở cô điều gì gợi lại sự thô thiển lúc sinh thành và sự giáo dục không đầy đủ. Việc thay đổi lớn đến nỗi khi nhìn người đẹp với mái tóc dài, chiếc áo khóac vải mút xơ lin trắng đơn giản, đôi giày vải Thổ, tư thế nửa ngồi nửa nằm như người thợ đã sắp xếp để chụp ảnh, tôi đã nghĩ mình đang ở một phòng khách riêng của một qúy bà lịch sự ở ngoại ô Saint Germain, tuy chỉ là căn nhà sau của một cửa hàng.

-Này, ông làm gì vậy? – Louise đã đọc xong bức thư và bắt đầu lúng túng dưới cái nhìn của tôi bèn hỏi.

-Tôi ngắm cô và nghĩ đến Rose nếu cô ấy đến đây thay vì ở lại trung thành với ông Auguste. Nếu có một quyền lực ma thuật nào đó đột nhiên mang cô tới giữa căn phòng êm dịu này, nếu cô ấy đối mặt với cô như tôi lúc này, cô ấy sẽ quỳ xuống, nghĩ rằng mình đã trông thấy một hoàng hậu.

-Lời ca ngợi hơi quá – Louise mỉm cười nói với tôi nhưng cũng có cái gì đó thật, cô thở dài nói tiếp – Vâng, ông nói đúng, tôi đã thay đổi nhiều quá.

-Thưa bà – một cô gái bước vào nói – bà Gossudarina muốn có một chiếc mũ giống chiếc hôm qua bà bán cho Nữ Hoàng Dolgorouki.

-Có phải chính bà ấy đến không? – Louise hỏi.

-Vâng, chính bà ấy.

-Đưa bà ấy vào phòng khách, tôi sẽ ra ngay.

Cô gái đi ra.

-Đây là điều nhắc nhở với Rose – Louise tiếp tục – tôi chỉ là một người buôn bán thời trang khốn khổ. Nhưng nếu ông muốn thấy một sự thay đổi lớn hơn của tôi, ông hãy nâng tấm vải ngăn và nhìn qua cửa kính.

Nói rồi cô sang phòng khách, để tôi lại một mình. Tôi lợi dụng sự cho phép ấy, nâng tấm vải lên và dán mắt vào một góc cửa kính.

Người phụ nữ tên là Gossudarina là một người đàn bà trẻ khoảng hai mươi hai, hai mươi ba tuổi, có những nét châu Á cổ kính, tay và tai đeo đầy trang sức kim cương. Nàng tựa người vào một nữ nô lệ trẻ để đi vào, trông như quá mệt mỏi khi bước, dù đi trên tấm thảm mềm của phòng khách. Họ dừng lại trước chiếc ghế đi văng gần cửa ra vào nhất, cô nô lệ dùng chiếc quạt lông phe phẩy cho chủ. Vừa trông thấy Louise, nàng uể oải ra hiệu cho cô lại gần và nói bằng tiếng Pháp khá tồi. Nàng đề nghị cô cho xem những chiếc mũ lịch sự nhất và đắt nhất. Louise vội vã mang lại ngay những gì tốt nhất. Gossudarina thử hết chiếc mũ này đến chiếc kia, soi vào chiếc gương do cô nô lệ quỳ trước mặt nâng lên, nhưng không chiếc nào vừa ý vì không có chiếc nào chính xác giống chiếc mũ của Nữ hoàng Dolgorouki. Vì vậy nàng đề nghị phải làm cho nàng một chiếc theo mẫu ấy. Không may là người đàn bà trẻ đẹp muốn có chiếc mũ ngay trong ngày và băn khoăn về hy vọng ấy. Vì vậy dù người bán hàng nói thế nào, nàng vẫn đòi hỏi muộn nhất sáng hôm sau phải đưa mũ tới. Sau khi tin chắc về lời bảo đảm của Louise, Gossudarina đứng dậy, chậm chạp bước ra, vẫn dựa vào cô lệ và dặn Louise phải giữ lời nếu không muốn làm nàng chết vì buồn. Louise tiễn nàng ra cửa và trở lại ngay để tìm tôi.

-Thế nào? – cô vừa nói vừa cười – Ông thấy người đàn bà ấy ra sao?

-Tôi cho rằng bà ta rất đẹp.

-Tôi không hỏi ông điều ấy, tôi hỏi ông nghĩ gì về tầng lớp và tính chất của bà ta.

-Nếu tôi gặp ở Paris, với những thái độ cường điệu, cách giả làm ra vẻ bà lớn, tôi sẽ cho đấy là một vũ nữ nào đấy được một đức ông đưa ra từ nhà hát và bảo trợ cho.

-Như vậy, đối với một người khởi sự thì không tồi, ông đã tiến tới gần sự thật. Người đàn bà ấy mới đây còn là một nữ nô lệ giòng giống xư Georgie, được

vị bộ trưởng thân tín của Hoàng đế, ông Naravitchev bao làm tình nhân. Việc thay đổi vị trí ấy đã được bốn năm và cô Machinka nghèo khổ đã quên mất mình từ đâu ra, hay đúng hơn chỉ nhớ đến một phần vào những giờ bận bịu trang điểm ăn mặc, thời gian còn lại cô dùng để hành hạ những người bạn cũ và cô trở thành kẻ khủng bố của họ. Những người nô lệ khác không dám gọi tên cũ của cô ta là Machinka nữa mà gọi là Gossudarina, có nghĩa gần như là "quý bà". Ông đã nghe người ta báo với tôi tên ấy đấy, đến mức – Louise tiếp tục – đây là một ví dụ về sự tàn bạo của con người hãnh tiến ấy. Có lần cô ta thay quần áo, không thấy cuộn chỉ để cắm đinh ghim đã cắm ngay kim vào vú của cô nô lệ hầu phòng. Việc làm ấy gây ồn ào đến mức Hoàng đế biết được.

-Nhà vua đã làm gì? – tôi sốt sắng hỏi.

-Người ta trả tự do cho cô nô lệ, gả cô cho một người nông dân và cảnh cáo vị bộ trưởng nếu để kẻ thân tín của ông làm một việc gì đại loại như thế. Nếu không sẽ bị đày đi Sibérie.

-Cô ta dè chừng về lời cảnh cáo ấy chứ?

-Vâng. Lâu nay không nghe nói gì về cô ta nữa. Nhưng nào, nói chuyện về tôi và những người khác đủ rồi. Trở về việc của ông một chút. Ông cho phép, nhân danh đồng hương, hỏi ông đến Saint-Peterbourg có ý định gì. Có lẽ biết rõ thành phố trong ba năm ở đây ít nhất tôi cũng giúp cho ông được những lời khuyên.

-Tôi hơi nghi ngại đấy, nhưng không sao. Vì cô quan tâm đến tôi, xin nói với cô tôi đến đây với tư cách là thầy dạy đánh kiếm. Người ta có hay gây gỗ với nhau ở Saint-Peterbourg không?

-Có, những cuộc đấu tay đôi hầu như luôn có người chết. Khi tan cuộc các đấu thủ và người làm chứng có nguy cơ bị đi đày ở Sibérie. Mặc dù vậy ông sẽ không thiếu học trò. Tuy nhiên tôi có một lời khuyên.

-Thế nào?

-Cố gắng để Hoàng đế chỉ định ông làm thầy dạy đánh kiếm ở một trung tâm nào đấy, để ông có một cấp bậc trong quân đội. Như ông biết, ở đây bộ quân phục rất có giá.

-Lời khuyên rất tốt, đưa ra thì dễ nhưng thực hiện thì khó lắm.

-Vì sao vậy?

-Làm sao tiếp xúc được với Hoàng đế? Tôi không có một sự bảo trợ nào ở đây cả.

-Tôi sẽ nghĩ về điều đó.

-Thế nào? Cô ư?

-Việc ấy làm ông ngạc nhiên à? – Louise cười nói với tôi.

-Không, tôi không ngạc nhiên gì về cô. Cô khá đẹp để có thể đạt được những gì mình muốn. Nhưng tôi chưa làm điều gì xứng đáng với lòng tốt của cô.

-Ông chưa làm gì ư? Chẳng phải ông là đồng hương? Mang đến cho tôi bức thư của Rose tốt bụng? Nhắc lại với tôi Paris hoa lệ, đưa lại cho tôi một trong những giờ êm dịu nhất tôi chưa từng trải qua ở Saint-Peterbourg? Hy vọng tôi sẽ gặp lại ông chứ?

-Cô đề nghị thế sao?

-Vào khi nào đây?

-Nếu cô cho phép, xin gặp cô ngày mai.

-Vào giờ này, lúc tôi rảnh nhất để có thể nói chuyện lâu.

-Vậy thì vào giờ này.

Tôi chia tay với Louise, vui vẻ vì đã không còn cảm thấy đơn độc ở Saint-Peterbourg nữa. Đây là một chỗ dựa tạm thời, đúng thế, dựa vào một cô gái đơn độc. Tuy nhiên ở cô có cái gì đó rất êm dịu gợi lên niềm hy vọng.

Tôi ăn tối ở nhà hàng, đối diện với cửa hiệu của Louise, chủ nhà hàng là người Pháp tên Talon. Lúc này tôi không muốn nói chuyện với bất cứ một người đồng hương nào, dễ dàng nhận ra họ ở đây cũng như nơi khác qua giọng nói to và những câu chuyện kinh doanh của họ. Vả lại lúc này đây tôi đang có nhiều những suy nghĩ riêng tư và tôi không thích bị quấy rầy.

Như hôm trước, tôi thuê một chiếc thuyền nhỏ có hai người chèo, suốt đêm nằm trên áo khoác, say sưa nghe âm điệu dịu dàng của những chiếc kèn và đếm những ngôi sao trên bầu trời.

Tôi trở về cũng vào lúc hai giờ sáng và thức dậy lúc bảy giờ. Vì muốn đi thăm những cảnh lạ ở Saint-Peterbourg một lượt sau đó mới bắt tay vào công việc, tôi bảo người phục vụ thuê một chiếc xe ngựa với giá cả như hôm trước và tôi đi thăm những nơi tôi chưa đi xem. Từ tu viện Saint – Alexandre Nevski với ngôi mộ bằng bạc trên đó có những người đang cầu nguyện, đến Viện hàn lâm khoa học với bộ sưu tập về khoáng sản, quả địa cầu Gottorp vua Đan Mạch Frédéric IV tặng cho Pierre Đệ Nhất, con voi ma mút trong nạn hồng thuỷ do nhà du hành Michel Adam tìm được trên băng tuyết biển Trắng.

Cuối cùng vào lúc bốn giờ, không chờ hơn được nữa, tôi tôi cho xe đưa lại đại lộ Nevski, dự tính sẽ dạo chơi cho đến năm giờ. Nhưng khi đến con kênh Catherine, người đông quá không đi xe được nữa. Việc tụ tập này rất hiếm xảy ra ở Saint-Peterbourg và ở đây cũng gần đến nơi, tôi bèn trả tiền xe và xuống đi bộ và lẫn vào dòng người. Người ta đang dẫn đến nhà tù một tên ăn cắp vừa bị ông Gorgoli, người đứng đầu trong ngành cảnh sát, bắt được. Vụ trộm cắp gây ra sự tò mò của dân chúng.

Cho dù ông Gorgoli, một trong những người đàn ông đẹp nhất kinh thành và một trong những tướng dũng cảm nhất của quân đội, ông có vẻ uy nghi hiếm có, tình cờ lại có một tên vô lại sành sỏi ở Saint-Peterbourg rất giống ông. Tên trộm quyết định khai thác sự giống nhau ấy. Để tăng thêm uy tín, hắn quyết định mặc

bộ quân phục thiếu tướng, khoác một chiếc áo khoác màu xám có cổ, thuê một chiếc xe giống xe ông Gorgoli thường dùng, thuê những con ngựa cùng màu lông và một anh lái xe ăn mặc như người đánh xe của ông tướng, dừng lại trước cửa tiệm một nhà buôn lớn trên đường Grande-Millione, vào và bảo chủ tiệm: -Ông này, ông biết rõ tôi chứ, tôi là tướng Gorgoli, người đứng đầu ngành cảnh sát.

-Vâng, thưa ngài.

-Thế này, lúc này tôi cần một số tiền hai mươi lăm ngàn rúp vì một việc rất quan trọng. Tôi ở quá xa nên không thể lấy tiền tới kịp và chậm trễ sẽ làm hỏng công việc. Ông cho tôi mượn hai mươi lăm ngàn rúp ấy và sáng mai đến nhà tôi lấy lại.

-Thưa ngài – chủ tiệm hân hoan kêu lên – rất vui sướng được phục vụ ngài, ngài có muốn hơn thế không?

-Nếu thế, ông cho vay ba mươi ngàn rúp vậy.

-Thưa quý ngài, có ngay đây.

-Cám ơn. Chín giờ ngày mai đến nhà tôi.

Kẻ mượn tiền lên xe, phóng nước đại về phía công viên Mùa Hè.

Ngày hôm sau, theo giờ hẹn, chủ tiệm đến nhà ông Gorgoli, ông tiếp với lối nhã nhặn thường ngày và vì chậm nghe nói lý do, hỏi nhà buôn đến có việc gì.

Câu hỏi ấy làm chủ hiệu buôn lúng túng, vả lại nhìn gần vị tướng, ông thấy có vài nét khác biệt giữa vị tướng và người đến hỏi vay tiền. Ông ta bỗng kêu lên "Thưa ngài, tôi đã bị trấn lột!" và kể lại mưu mẹo không thể tưởng tượng được và ông là nạn nhân. Ông Gorgoli lắng nghe không ngắt lời, sau đó ông cho mang áo khóac lại, bảo thắng ngựa vào xe. Sau đó ông bảo kể lại sự việc lần thứ hai thật chi tiết rồi mời người chủ hiệu buôn chờ ở nhà ông còn ông chạy đi tìm tên cướp.

Ong Gorgoli cho xe đưa tới đường Grande-Millione, đi từ hiệu buôn, theo đường tên cướp đã đi và hỏi người lính gác đường: -Hôm qua tôi đã đi ngang qua đây lúc ba giờ, anh có thấy không?

-Có, thưa ngài.

-Rồi tôi đi đâu?

-Đi về phía cầu Troiskoï.

-Đúng thế.

Vị tướng đi về phía cầu, đầu cầu ông thấy một người gác khác.

-Tôi đi qua trước mặt anh hôm qua, lúc ba giờ mười phút, anh có trông thấy tôi không?

-Có, thưa ngài.

-Tôi đi theo đường nào?

-Ngài đi qua cầu ạ.

-Tốt.

Vị tướng phóng xe qua cầu, dừng lại trước căn nhà gỗ của Pierre Đệ Nhất, người lính trong chòi canh chạy ra.

-Hôm qua tôi đi ngang qua anh lúc ba giờ rưỡi – vị tướng nói.

-Thưa ngài đúng.

-Nhưng anh thấy tôi đi đâu?

-Vào khu Viborg

-Được.

Ông Gorgoli tiếp tục đi, quyết định sẽ đi đến tận cùng. Ông góc bệnh viện bộ binh, ông lại thấy một người lính gác và lại hỏi. Lần này ông đi về phía những cửa hàng rượu. Từ đó ông qua cầu Voskresenskoï, đi thẳng đến cuối đại lộ, tiếp đến đầu những quán hàng bên nhà băng. Ông Gorgoli hỏi một lần cuối cùng người lính gác: -Hôm qua tôi đi ngang qua trước mặt anh vào lúc bốn giờ rưỡi?

-Vâng, thưa ngài.

-Tôi đi đâu vậy?

-Đến số nhà 19 ở góc kênh Catherine.

-Tôi có vào đấy không?

-Dạ có.

-Anh có thấy tôi đi ra không?

-Không.

-Tốt lắm. Bảo bạn anh thay thế cho anh và đến trại lính đầu tiên điều cho tôi hai người.

-Vâng thưa ngài.

Người lính gác chạy đi và mười phút sau quay trở lại với hai người nữa.

Vị tướng cùng họ đến số nhà 19, đóng cửa ra vào rồi hỏi người gác cổng. Ông này cho biết tên kia ở tầng thứ ba. Họ lên tầng thứ ba đạp cửa ra vào và đối diện với tên mạo danh. Tên này kinh hoàng vì cuộc viếng thăm đột ngột này mà hắn cũng đóan ra mục đích nên vội vã nhận tất cả rồi hoàn trả lại ba mươi ngàn rúp.

Nền văn minh của Saint-Peterbourg, như người ta thấy, không hề lạc hậu so với Paris.

Tôi được chứng kiến cuộc phiêu lưu ở đoạn kết thúc và tôi tranh thủ được hai mươi phút trước khi đến giờ hẹn với Louise. Tôi tới đấy, càng tới gần tim tôi càng đập mạnh, và khi hỏi có gặp được cô không thì tôi run đến nỗi phải hỏi đến hai lần người ta mới hiểu.

Louise đang chờ tôi ở phòng khách riêng.

§5

Thấy tôi vào cô gật đầu chào theo cách thân mật duyên dáng chỉ có ở những người phụ nữ Pháp rồi giơ tay cho tôi, cô để tôi ngồi xuống bên cạnh cô như ngày hôm qua.

-Thế đấy – cô nói – tôi đang lo liệu công việc của ông.

-Ồ – tôi trả lời với một thái độ làm cô bật cười – đừng nói về tôi mà hãy nói về cô.

-Sao? Về tôi à? Phải chăng việc này là của tôi? Phải chăng tôi mong có một chức danh thầy dạy đánh kiếm trong một trung đoàn của Hoàng đế? Về tôi ư? Vậy ông có gì nói về tôi?

-Tôi muốn nói với cô là từ hôm qua cô đã làm tôi trở thành người hạnh phúc nhất trong những người đàn ông, rằng từ hôm qua tôi chỉ nghĩ về cô và chỉ thấy có cô, tôi không ngủ được và tưởng chừng như giờ chúng ta gặp lại nhau không bao giờ đến.

-Những lời ông nói với tôi là lời thổ lộ trong khuôn khổ đấy.

-Theo tôi, cô cho là thế nào cũng được – tôi nói – không chỉ điều tôi nghĩ mà còn là điều tôi cảm nhận.

-Một lời nói đùa.

-Không, trên danh dự đấy.

-Ông nói nghiêm túc à?

-Vâng, rất nghiêm túc.

-Thế đấy! Như việc gì cũng có thể và sự thú nhận quá sớm có lẽ không kém thành thực, nhiệm vụ của tôi là không để cho ông đi xa hơn.

-Sao lại thế?

-Ông đồng hương thân mến, giữa chúng ta chỉ có tuyệt đối có thể là tình bạn rất tốt, thẳng thắn và trong sáng.

-Tại sao?

-Vì tôi đã có người yêu và ông đã biết qua em gái tôi, sự trung thành là một lề thói gia đình.

-Phải chăng tôi thật bất hạnh!

-Không, ông không bất hạnh. Nếu tôi để cảm tình đối với tôi như ông nói cắm rễ sâu hơn, thay vì dứt ra khỏi đầu ông trước khi nó đủ thì giờ đi vào con tim thì ông có thể trở thành bất hạnh. Nhưng ơn Trời… – Louise mỉm cười nói thêm – thật kịp thời và tôi hy vọng đã kịp ngăn chặn trước khi tiến triển nhiều.

-Được rồi, chúng ta đừng nói đến nữa.

-Ngược lại, chúng ta cứ nói vì ông sẽ gặp ở đây người mà tôi yêu, việc ông biết tôi đã yêu đến mức nào rất quan trọng.

-Xin cám ơn cô đã tin tưởng đến thế.

-Ông tự ái như thế là sai lầm đấy. Nào đưa tay cho tôi như đối với cô bạn tốt.

Tôi nắm lấy tay Louise và về các mặt tôi không có quyền gì oán hận cô. Tôi nói: -Cô thật trung thực.

-Phải vậy thôi.

-Chắc là ông hoàng nào đấy chứ?

-Không, tôi không đòi hỏi đến thế, chỉ là một bá tước.

-Chà! Rose! Rose! – tôi kêu lên – nếu cô đến Saint-Peterbourg cô sẽ quên ngay ông Auguste.

-Ông kết tội tôi trước khi nghe tôi nói và thế là ông sai. – Louise trả lời tôi – Vì vậy tôi sẽ nói với ông tất cả. Nhưng nếu không phán xét như thế thì ông không phải là người Pháp.

-May mà việc cô ưa chuộng người Nga làm cho tôi nghĩ cô ít nhiều có bất công với người đồng hương của cô.

-Tôi không bất công với bất cứ ai, thưa ông, tôi chỉ so sánh. Mỗi dân tộc có những khiếm khuyết, bản thân họ không nhận thấy nhưng lộ rõ trước mắt những dân tộc khác. Sai sót chính của chúng ta là sự nhẹ dạ. Một người Nga vừa tiếp một người Pháp đến thăm không bao giờ nói với một người Nga khác "Một người Pháp vừa ra khỏi đây". Anh ta sẽ nói "Có một kẻ điên đến chơi". Và kẻ điên ấy không cần nói là từ đâu đến, người ta biết ngay đó là một người Pháp.

-Thế người Nga không có sai sót gì sao?

-Tất nhiên không phải thế. Nhưng không phải người kẻ đến xin trú ngụ nhìn vào đấy.

-Cám ơn về bài học.

-Lạy Chúa! Không phải bài học mà là một lời khuyên. Ông đến đây có ý định ở lại, đúng không? Vậy thì nên kết bạn chứ không nên có kẻ thù.

-Cô bao giờ cũng có lý.

-Cũng đã như ông, tôi thề không bao giờ để một trong hững ông lớn ấy, rất phục tùng Hoàng đế Nga và rất thô bạo với những người dưới mình, sẽ là người yêu của tôi. Thế nhưng tôi đã sai lời thề, vậy ông đừng làm gì giống như thế nếu không sẽ trái lời thề như tôi.

-Theo tính cách của cô, tuy tôi mới gặp cô hôm qua, tôi nghĩ cuộc đấu tranh đã rất lâu dài.

-Vâng, lâu dài, thậm chí đã suýt nữa thành bi kịch.

-Cô hy vọng ở tôi sự tò mò sẽ lấn át tính ghen tuông?

-Không hy vọng gì cả, tôi chỉ muốn ông biết sự thật, thế thôi.

-Vậy cô nói đi, tôi xin nghe.

-Như địa chỉ bức thư của Rose đã cho ông biết, tôi ở nhà bà Xavier, cửa hiệu mốt thời trang nổi tiếng nhất Saint-Peterbourg. Lúc ấy cả giới quý tộc đều mua

sắm ở đấy. Nhờ cái người ta gọi là sắc đẹp và tính chất của phụ nữ Pháp, tôi không thiếu những lời khen ngợi và ngỏ lời. Tuy thế, xin thề với ông, tuy những lời ngỏ và ca tụng ấy nhiều lần kèm theo những lời hứa hẹn tốt đẹp nhất, không có trường hợp nào tác động được đến tôi. Mười tám tháng đã trôi qua như vậy.

Gần hai năm trước, một chiếc xe kéo bốn ngựa đã dừng lại trước cửa hiệu, hai cô gái, một sĩ quan trẻ và một người đàn bà khoảng bốn mươi lăm, năm mươi tuổi bước xuống. Chàng trai là trung uý cận vệ, do đó ở lại Saint-Peterbourg nhưng mẹ và hai cô em gái thì ở Moscou. Họ vừa đến nghỉ hè cùng người anh và con trai, việc đầu tiên là đến cửa hiệu bà Xavier, trung tâm lớn về thẩm mỹ, thời trang, một người phụ nữ lịch sự chỉ ra mắt công chúng dưới sự hướng dẫn của cửa hiệu này. Hai cô gái thật đẹp còn chàng trai tôi ít chú ý đến mặc dù trong thời gian ngắn ngủi ấy anh có vẻ quan tâm nhiều đến tôi. Mua bán xong thì bà mẹ cho địa chỉ: bà Bá tước Vaninkoff, trên kênh Fontalka.

Hôm sau chàng trai đến một mình, anh ta muốn biết chúng tôi đã làm đơn đặt hàng của mẹ và em gái anh ta chưa và đề nghị tôi cho thay đổi màu của một chiếc nơ ruy băng.

Buổi tối tôi nhận được một bức thư ký tên là Alexis Vaninkoff, một loại thư tỏ tình. Tuy thế một điều tôi lưu ý như một sự tế nhị, không một sự hứa hẹn gì, người ta mong muốn nhận được trái tim tôi chứ không mua nó.

Có những trường hợp không thể tỏ ra quá cứng rắn mà không kỳ cục. Nếu tôi là một cô gái thời thượng, tôi đã gởi trả lại bá tước Alexis Vaninkoff mà không mở ra đọc, tôi chỉ là một cô gái tầm thường khốn khổ, tôi mở ra đọc rồi đốt đi.

Hôm sau bá tước trở lại. Các cô em và bà mẹ muốn để anh chọn những chiếc mũ không vành cho họ. Khi anh bước vào, tôi tìm cớ lui vào trong phòng bà Xavier và chỉ bước ra cửa hiệu khi anh đã đi.

Buổi tối tôi nhận được bức thư thứ hai. Người viết nói còn chút hy vọng là tôi không nhận được bức thư đầu. Như lần trước, bức thư này tôi cũng không trả lời.

Ngày hôm sau tôi nhận được bức thư thứ ba. Lời lẽ của bức thư này khác hẳn hai bức thư đầu khiến cho tôi chú ý. Từ dòng đầu đến dòng cuối thấm đượm nỗi buồn của người đã mất hết hy vọng. Anh quyết định nếu tôi không trả lời bức thư này, anh sẽ xin Hoàng đế nghỉ phép bốn tháng, lên Moscou sống với mẹ và các cô em. Tôi im lặng để anh làm như anh đã dự tính. Sáu tuần lễ sau tôi nhận được một bức thư từ Moscou, chỉ có mấy hàng như sau:

"Tôi chuẩn bị một đợt đăng ký điên rồ nguy hiểm đến tính mạng, không chỉ hứa hẹn tương lai mà còn qua những ngày gian truân. Hãy viết cho tôi sau này có lẽ em sẽ yêu tôi để có một luồng hy vọng gắn bó tôi vào với cuộc sống mà tôi đã không gắn bó với ai."

Tôi nghĩ mảnh giấy viết để đe doạ tôi và như những lần trước, tôi vẫn không trả lời.

Sau bốn tháng, tôi nhận được bức thư này:

"Tôi đến ngay. Ý nghĩ trở về đầu tiên là về với em. Tôi yêu em như và có lẽ hơn lúc tôi ra đi. Bây giờ em không chỉ có cứu sống cuộc đời tôi nữa mà còn có thể làm cho tôi yêu cuộc sống."

Sự quyết tâm lâu dài, bí mật ẩn chứa trong hai bức thư sau, nỗi buồn trong đó xác định tôi phải trả lời thư anh, chắc không phải một bức thư như bá tước mong đợi nhưng ít nhất cũng là mấy lời an ủi, tuy vậy kết thúc tôi đã nói là tôi không yêu anh và sẽ không bao giờ yêu.

-Điều ấy ông thấy có vẻ lạ lùng – Louise ngắt lời – và tôi thấy ông mỉm cười. Đức tính như vậy hơi kỳ cục ở một cô gái khốn khổ. Ông yên tâm, không chỉ là đức tính mà còn là sự giáo dục. Bà mẹ tôi, vợ goá của một sĩ quan, không có một chút tài sản nào, đã nuôi dạy tôi và Rose như thế. Lên mười sáu tuổi chúng tôi mất mẹ, và mất cả khoản trợ cấp nhỏ nuôi sống chúng tôi. Em gái tôi trồng và bán hoa, tôi buôn bán thời trang. Em tôi yêu người bạn của ông, chiều theo người yêu, tôi không thấy là một tội lỗi. Tôi thấy người ta đơn giản cho bản thân mình khi đã cho đi con tim mình. Riêng tôi chưa gặp được người tôi phải yêu và như ông thấy đấy, tôi đã ở như vậy, khôn ngoan tuy không xứng đáng được như vậy lắm.

Trong lúc ấy năm mới đến. Với những người Nga, ông chưa biết nhưng rồi sẽ thấy, ngày đầu năm là một ngày hội lớn. Hôm ấy lãnh chúa và nông dân, bà hoàng và người bán thời trang, vị tướng và quân lính đều trở thành anh em. Hoàng đế Nga tiếp dân chúng: hai mươi lăm nghìn giấy mời có thể nói được tung ra bất kỳ trên đường phố Saint-Peterbourg. Chín giờ tối cung điện Mùa Đông mở cửa và hai mươi lăm nghìn người khách mời ken đầy các phòng khách của hoàng gia suốt năm chỉ mở cho giới quý tộc. Đàn ông hoá trang mặc áo thụng có nón trùm đầu hoặc theo lối quần áo Venise, đàn bà ăn mặc như thường ngày.

Bà Xavier cho chúng tôi giấy mời nên chúng tôi quyết định cùng nhau đi đến cung điện. Cuộc tập hợp người rất đông nhưng đặc biệt không mất trật tự, không thô bạo cướp giật gì tuy không có một người lính nào canh phòng. Lòng tôn trọng Hoàng đế lan khắp mọi người và người thiếu nữ trong trắng nhất cũng an toàn ở đây như trong phòng ngủ với mẹ.

Chúng tôi đã đến gần nửa tiếng đồng hồ, trong phòng khách chen chúc đến nỗi chúng tôi nghĩ không thể thêm một người nào nữa thì bỗng ban nhạc của các phòng ra hiệu tấu vũ điệu Ba Lan. Cùng lúc đó tiếng hô "Hoàng đế! Hoàng đế!" vang lên. Nhà vua xuất hiện ở cửa ra vào, khởi sự vũ điệu với bà Đại sứ Anh, cả triều thần đi theo, ai nấy dồn lại, đám đông tách ra một khoảng trống khoảng mười bộ, những người khiêu vũ nhảy vào đấy, đi qua như một dòng thác kim cương, lông vũ, gấm vóc, hương thơm. Phía sau đoàn người ai cũng xô đẩy nhau, dồn nén nhau. Bị tách khỏi hai cô bạn, tôi muốn đến với họ nhưng không được,

một lúc thấy họ như bị cuồng phong cuốn đi rồi không trông thấy họ đâu nữa. Tôi không xuyên qua được bức tường người ngăn cách họ và rồi một mình tôi lọt giữa hai mươi lăm nghìn người.

Trong lúc hốt hoảng tôi đã sẵn sàng cầu cứu người đàn ông đầu tiên sẽ gặp thì một người đội mũ mặc áo choàng dài rộng đến bên cạnh. Tôi nhận ra Alexis.

-Thế nào, cô có một mình ở đây ư? – anh hỏi.

-Ồ, ông đấy à, bá tước? – tôi kêu lên và bám vào tay anh, rất sợ đơn độc giữa đám người này – Đề nghị ông giúp đưa tôi ra khỏi nơi này và đến gần một chiếc xe để tôi có thể ra về.

-Cô cho phép tôi đưa về, và tôi rất cám ơn sự tình cờ đã cho tôi nhiều may mắn hơn mọi khẩn khoản của tôi.

-Không, xin cám ơn ông, một chiếc xe thuê…

-Không thể tìm được một chiếc xe thuê vào giờ này, mọi người đang đến và không có ai ra đi. Cô ở lại đây độ một giờ nữa.

-Không, tôi muốn ra về.

-Vậy cô chấp nhận đi chiếc xe ngựa của tôi. Tôi sẽ bảo người đưa cô về vì cô không muốn trông thấy tôi. Thế đấy! Cô sẽ không trông thấy tôi.

-Lạy Chúa! Tôi những muốn…

-Nào, chỉ có một trong hai cách, hoặc ở lại, hoặc đi xe ngựa của tôi. Ti cho rằng cô không nghĩ đến việc đi bộ một mình và giữa cơn rét lạnh này.

-Nếu thế, thưa ông Bá tước, ông đưa tôi lại xe của ông.

Alexis làm theo ngay, tuy vậy vì quá đông người chúng tôi mất gần cả tiếng đồng hồ để ra đến cửa ở quảng trường Amirauté. Bá tước gọi người của mình và lát sau một chiếc xe lịch sự hai chồ ngồi khép kín dừng lại trước cửa. Tôi bước lên và cho địa chỉ của bà Xavier. Bá tước cầm tay tôi hôn, đóng cửa xe, nói mấy câu tiếng Nga căn dặn thêm và xe đi như bay.

Sau một lúc ngựa hình như chạy tăng tốc độ gấp đôi và tôi cảm thấy người đánh xe cố sức cũng không kìm giữ được. Tôi muốn kêu lên nhưng tiếng kêu bị tiếng người đánh xe lấn át mất. Muốn mở cửa xe nhưng sau tấm gương có một tấm ngăn. Cố gắng vô ích. Tôi mệt mỏi ngã người về phía cuối xe, cho rằng những con ngựa có lẽ đã nổi khùng và chúng tôi sẽ tan tành ở một góc phố nào đó.

Thế nhưng sau mười lăm phút, xe dừng lại, cửa mở, tôi hốt hoảng lao ra khỏi xe, nhưng đôi chân tê dại. Trong lúc ấy người ta trùm một tấm màn mỏng vào đầu tôi và sau đó tôi cảm thấy mình được đặt xuống một chiếc đi văng. Tôi thấy mình đang ở trong một căn phòng xa lạ và bá tước Alexis đang ngồi sát đầu gối tôi.

-Ồ – tôi kêu lên – ông đã lừa tôi, thật ghê tởm, thưa Bá tước.

-Rất tiếc, xin cô tha lỗi cho – ông nói – dịp này mất đi thì có bao giờ tôi tìm lại được? ít nhất một lần trong đời tôi có thể trình bày với cô…

-Ông sẽ không được nói một lời, thưa Bá tước, – tôi to tiếng và đứng dậy – ngay lúc này ông ra lệnh cho người ta đưa tôi về hoặc tôi coi ông là một kẻ bất lương.

-Nhưng chỉ một giờ thôi! Nhân danh Trời Đất! Hãy để tôi nói, để tôi nhìn em! Đã từ lâu tôi không gặp em, không nói được với em!

-Không một lúc, một phút nào, ngay lúc này, ông nghe rõ không, ngay lúc này hãy để tôi ra đi.

-Như vậy cả lòng kính trọng, tình yêu, những lời khẩn cầu của tôi cũng không…

-Không gì hết, thưa Bá tước, không gì hết.

-Nếu vậy, em lắng nghe đây – ông nói – Tôi thấy em không yêu tôi, sẽ không bao giờ yêu. Thư của em đưa lại cho tôi chút hy vọng, bức thư đã lừa dối tôi. Được rồi em kết tội tôi. Tôi chấp nhận. Tôi chỉ xin em năm phút: trong năm phút nếu em buộc tôi phải để em tự do, em sẽ được như ý.

-Ông thề với tôi sau năm phút tôi được tự do?

-Tôi thề.

-Ông nói đi.

-Tôi giàu có, Louise, tôi quý phái, có một bà mẹ nuông chiều, hai cô em gái thương yêu tôi! Ngay từ thời còn bé, tôi được nhiều người hầu hạ vây quanh, hối hả nghe lời tôi. Tuy thế tôi mắc căn bệnh của phần lớn những người đồng hương, cảm thấy già lúc hai mươi tuổi. Tôi chán tất cả, mệt mỏi vì tất cả. Tôi u buồn.

Không vũ hội, mơ ước, ngày lễ, thú vui nào tách ra được tấm màn xám, tẻ nhạt trải rộng giữa mọi người và tôi. Có lẽ chiến tranh với những mê say, nguy hiểm, mệt nhọc của nó có thể tác động gì đó đến tâm trí tôi, nhưng toàn bộ châu Âu ngủ trong một nền hoà bình vững chắc và không còn Napoléon để làm đảo lộn mọi thứ lên.

Tôi đã mệt mỏi với tất cả và đã thử đi du lịch thì gặp em. Lúc đầu tôi thể hiện với em, phải thú nhận là trong một lúc thất thường. Tôi viết thư cho em, nghĩ rằng em sẽ xiêu lòng. Trái với chờ đợi, em không trả lời, tôi khẩn khoản vì tự ái. Tôi nghĩ chỉ là một lúc ngông cuồng thoáng qua nhưng rồi bỗng nhận ra ý ngông cuồng ấy trở thành một tình yêu thật sự và sâu sắc. Tôi không cố giành cho được vì mọi đấu tranh với bản thân làm cho tôi mệt mỏi và ngã quỵ. Tôi viết cho em tôi sẽ đi và tôi đi ngay.

Đến Moscou tôi gặp những người bạn cũ. Họ thấy tôi u ám, lo lắng, buồn rầu. Họ đáng giá cao tâm hồn. Tôi nghĩ những mơ mộng của tôi là những suy ngẫm về lòng nhân ái. Họ nghiên cứu lâu những lời nói, sự im lặng của tôi, cho rằng

thấy được điều gì đó giấu kín trong nỗi buồn, họ ngộ nhận đó là tình yêu tự do và mời tôi vào một âm mưu chống lại Hoàng đế.

-Lạy Chúa! – tôi kêu lên – Tôi hy vọng là ông từ chối!

-Tôi đã viết cho em, quyết định của tôi phụ thuộc vào thử thách cuối cùng này, nếu em yêu tôi, cuộc đời tôi đã thuộc vào em, tôi không có quyền chi phối nó. Nếu em không trả lời thì có nghĩa là em không yêu thì việc gì có thể đến với tôi không đáng kể. Cuộc âm mưu là một cuộc giải trí. Dĩ nhiên sẽ lên máy chém nếu chúng tôi bị lộ, nhưng ý nghĩ tự sát đã hơn một lần đến với tôi, tôi nghĩ máy chém giúp tôi không phải tự giết mình.

-Lạy Chúa! Lạy Chúa! Có thể nào đấy là những điều ông đã nghĩ?

-Tôi nói sự thật với em, Louise, và đây là một bằng chứng. Em cầm lấy – anh ấy đứng lại gần một chiếc bàn nhỏ lấy một chiếc hộp niêm phong đưa cho tôi – tôi không đoán được hôm nay sẽ gặp lại em, không hy vọng thấy em nữa. Em hãy đọc đi.

-Bản di chúc của ông ư?

-Làm ở Moscou ngay sau ngày tôi vào hội kín.

-Chúa ơi, ông lại để cho tôi ba mươi nghìn rúp lợi tức!

-Nếu em không yêu tôi trong khi sống, tôi muốn ít nhất em có được một số kỷ niệm tốt về tôi sau khi tôi chết.

-Nhưng những kế hoạch về âm mưu, cái chết ấy, việc tự sát, ông từ bỏ tất cả rồi chứ?

-Louise, em tự do ra đi, năm phút đã trôi qua. Nhưng em là hy vọng cuối cùng của tôi, điều duy nhất gắn tôi vào cuộc sống. Vì một khi đã ra khỏi đây, em sẽ bao giờ quay trở lại nữa, tôi lấy danh dự báo với em khi cánh cửa khép lại, là lúc tôi bắn vào đầu mình.

-Ồ! Ông điên rồi!

-Không, tôi đau buồn.

-Ông sẽ không bao giờ làm một việc như thế!

-Em cứ thử xem.

-Ông Bá tước, nhân danh Trời đất!

-Louise, em nghe đây, tôi đã đấu tranh đến cùng, hôm qua tôi đã quyết định kết thúc đi, hôm nay gặp lại em, tôi muốn mạo hiểm lần cuối cùng hy vọng thắng. Tôi đưa mạng sống ra giành lấy hạnh phúc, thất bại thì tôi sẽ trả giá.

Nếu Alexis nói những điều ấy trong cơn mê sảng thì tôi đã không tin, nhưng anh ấy nói với giọng bình thường, với thái độ bình tĩnh thường có, với giọng điệu vui vẻ hơn là u buồn. Tóm lại người ta cảm thấy trong những gì anh nói với tôi có tính chất chân thật cho nên đến lượt tôi không thể ra đi được nữa. Tôi nhìn chàng trai đẹp đẽ sống đầy đủ và chỉ cần có tôi là sẽ có đầy đủ hạnh phúc. Tôi nhớ lại bà mẹ có vẻ yêu thương anh đến thế, hai cô em gái khuôn mặt tươi vui.

Tôi nhìn thấy anh đẫm máu và biến dạng, họ thì rũ rượi than khóc và tự hỏi mình có quyền gì làm tan vỡ cuộc sống vàng son ấy, những niềm hy vọng cao cả ấy. Rồi, có cần nói ra với ông không, một sự đeo đuổi lâu dài như vậy đã bắt đầu đâm chồi nảy lộc. Tôi cũng thế, trong những đêm tĩnh lặng và tấm lòng trống trải, đôi khi tôi cũng nghĩ đến người đàn ông vốn bao giờ cũng nghĩ đến tôi. Trong lúc sắp chia tay vĩnh viễn với anh, tôi nhìn vào trong tâm hồn tôi rõ hơn. Tôi nhận thấy mình đã yêu anh… và tôi ở lại.

Alexis nói với tôi rất thật. Điều thiếu vắng trong cuộc sống của anh là tình yêu. Đã hai năm yêu tôi, anh rất hạnh phúc hoặc tỏ ra thế, từ bỏ âm mưu điên rồ mà anh tham gia vì chán đời. Phiền phức về những cuộc gặp gỡ trong lúc tôi ở nhà bà Xavier, anh lặng lẽ thuê cho tôi cửa hiệu này. Mười tám tháng nay tôi sống một cuộc đời khác, giữa những hiểu biết tôi thiếu hụt thời niên thiếu và anh, người có tiếng tăm, cần có người đàn bà mình yêu. Do đó ông thấy có sự thay đổi trong bản thân tôi so với vị trí của tôi. Như vậy ông hẳn thấy tôi làm đúng khi ngăn ông lại, tôi không thể yêu ông vì tôi đã yêu anh ấy.

-Đúng và tôi cũng hiểu cô dựa vào sự giúp đỡ nào để hy vọng yêu cầu của tôi có thể đạt được.

-Tôi đã nói chuyện với anh ấy về điều dó.

-Rất tốt nhưng tôi xin từ chối.

-Có thể, nhưng tôi là thế.

-Cô có muốn chúng ta rối ren vì nhau và chúng ta sẽ không bao giờ gặp nhau nữa?

-Ồ, như vậy sẽ rất độc ác vì tôi chỉ biết có ông ở đây. Hãy coi tôi như một cô em gái và để tôi làm.

-Cô muốn như thế à?

-Tôi đòi hỏi như thế.

Lúc ấy cửa phòng khách mở ra và Bá tước Alexis xuất hiện ở ngưỡng cửa.

Bá tước Alexis Vaninkoff là một người trẻ đẹp, khoảng hai mươi lăm, hai mươi sáu tuổi, tóc vàng, dong dỏng cao, nửa Tacta, nửa Thổ, đã là trung uý cận vệ. Đội quân được ưu đãi này từ lâu chịu sự chỉ huy trực tiếp của Hoàng thân Constatin, em của Nga hoàng và thời ký ấy là Phó vương Ba Lan. Theo thói quen, người Nga không bao giờ rời bộ quân phục, Alexis mặc quần áo sĩ quan, trước ngực gắn huân chương Saint Vladimir và Alexandre Nevski, ở cổ đeo huy chương Stanislas-Auguste hạng ba. Thấy ông, Louise tươi cười đứng dậy.

-Thưa ngài, – cô nói – xin hoan nghênh, chúng tôi đã nói về ngài, tôi xin giới thiệu ông bạn đồng hương mà tôi đã nói chuyện với ngài và nhờ ngài bảo trợ.

Tôi nghiêng mình. Bá tước đáp lại với một lối chào duyên dáng, giọng nói trong trẻo hơi kiểu cách.

-Ồ Louise thân yêu – anh vừa nói vừa hôn tay cô – việc bảo trợ của tôi chẳng to tát gì nhưng tôi có thể chỉ dẫn với những lời khuyên: tôi đi du lịch, hoc được cách nhận biết mặt tốt mặt xâu của những người đồng hương với tôi và tôi có thể trao đổi với em bảo trợ. Vả lại tôi có thể bắt đầu làm khách hàng của ông bằng cách trao cho ông hai người học trò, một người anh em với tôi và tôi.

-Đã đáng kể rồi, nhưng chưa đủ. Ngài có nói đến chức vụ thầy dạy đánh kiếm trong một trung đoàn nào đó không?

-Có, nhưng hôm qua tôi mới được tin, đã có hai thầy dạy đánh kiếm ở Saint-Peterbourg, một người Pháp và một người Nga. Người đồng hương của ông, thưa ông, – Vanintoff quay lại phía tôi nói thêm – tên là Valville, biết làm hài lòng Hoàng đế, được phong tiểu đoàn trưởng với nhiều huân và huy chương, là thầy dạy toàn đội bảo vệ hoàng gia. Người đồng hương của tôi, một người tốt bụng và xuất sắc, theo chúng tôi chỉ có khiếm khuyết là người Nga, trước người này đã dạy cho Hoàng đế, được phong là đại tá và huân chương Saint-Vladimir hạng ba. Ông không muốn bắt đầu bằng cách trở thành địch thủ của người này hoặc người kia, đúng thế chứ?

-Chắc chắn là không – tôi đáp.

-Vậy thì đừng tỏ ra là cạnh tranh với ai cả. Tổ chức một cuộc đấu, chứng tỏ ông biết làm gì, khi thanh danh của ông nổi lên, tôi sẽ giới thiệu rất khiêm tốn với hoàng thân Constatin, ông vừa trở về Strelua hôm kia và tôi hy vọng ngài sẽ chiếu cố kiến nghị ông với Hoàng đế.

-Vậy là công việc tiến triển tốt đẹp – Louise phấn khởi vì lòng tốt của Bá tước đối với tôi, bảo tôi – Ông thấy tôi không nói dối ông chứ?

-Không. Bá tước là người ân cần nhất trong những người bảo trợ cũng như cô là người tuyệt vời nhât trong giới phụ nữ. Tôi sẽ làm theo ý kiến của bá tước, ngay tối nay tôi sẽ dự thảo chương trình.

-Nên như thế – Bá tước nói.

-Bây giờ thưa Bá tước, tôi xin lỗi nhưng tôi cần biết rõ. Tôi không tổ chức cuộc đấu này để kiếm tiền mà để ra mắt. Tôi nên gởi giấy mời như một cuộc dạ hội hay thu tiền như xem một vở diễn?

-Ỗ! Cứ thu tiền, ông thân mến, nếu không ông chẳng có ai tới dự. Ông làm vé mười rúp, một trăm vé, tôi sẽ phân phối cho.

Khó có thể có ai nhiệt tình hơn nên không còn hận thù gì nữa. Tôi chào và ra về.

Ngày hôm sau tôi đặt thông báo và tám ngày sau tôi tổ chức cuộc đấu, Valville, Siverbruck đều không tham gia mà chỉ có những người không chuyên nghiệp Ba Lan, Nga, Pháp tranh tài.

Tôi không có ý định kể lên đây những ngón tài năng và những đòn đánh hoặc tiếp nhận. Nhưng tôi phải nói rằng ngay trong buổi đầu, Bá tước De la

Ferronnays, đại sứ của nước Pháp, đã mời tôi dạy cho Tử tước Charles, con trai ông. Hôm sau, tôi nhận được những bức thư khích lệ nhất của nhiều người trong đó có quận công Wurtemberg mời tôi làm giáo viên cho các con trai và Bá tước Bobrunski mời làm thầy cho chính mình.

Vì thế, lúc tôi gặp lại Bá tước Vaninkoff, ông bảo: -Thế đấy! Tất cả đều tuyệt vời! Ông đã có danh tiếng, phải có một chứng chỉ của nhà vua củng cố nó. Đây là một bức thư của người tuỳ tùng của Hoàng thân. Ngài đã nghe nói về ông. Hãy táo bạo xin gặp ngài đề nghị có kiến nghị lên Hoàng đế. Tán dương lòng tự hào quân sự của ngài và xin ngài nhận xét giới thiệu cho.

-Nhưng thưa Bá tước – tôi dè dặt hỏi – ngài có nghĩ rằng ông ấy sẽ tiếp đón tôi tử tế không?

-Ông gọi thế nào là đón tiếp tử tế?

-Rốt cuộc có đúng mức không?

-Ông thân mến – bá tước Vaninkoff vừa cười vừa nói – ông quá tôn vinh chúng tôi. Ông xem chúng tôi là những người văn minh trong lúc chúng tôi chỉ là những kẻ hoang dã. Đây là bức thư, tôi mở cửa cho ông nhưng không dám chắc ra sao, mọi việc tuỳ thuộc vào tính cách vui buồn của hoàng thân. Tuỳ ông chọn lúc thích hợp. Ông là người Pháp và cũng là người dũng cảm. Đây là một cuộc đấu để đứng vững, một chiến thắng để giành giật.

-Vâng, nhưng là một cuộc đấu ở tiền sảnh, chiến thắng triều thần. xin thú nhận với ngài, tôi thích một cuộc đấu tay đôi thật sự hơn.

-Jean-Bart không quen thuộc những sàn nhà đánh bóng và quần áo triều thần hơn ông. Ông ta làm thế nào mà tranh thủ được khi đến Versailles?

-Bằng những nắm đấm, thưa ngài.

-Thế thì ông cứ làm như ông ta. Nhân tiện tôi được uỷ nhiệm nói với ông thay mặt Nariskine, anh em họ của Hoàng đế và Bá tước Zernitcheff. Đại tá Mouravieff, họ muốn ông dạy cho họ

-Vậy là ngài định chồng chất ân huệ cho tôi?

-Không, ông chẳng nợ gì tôi cả. Tôi làm đầy đủ việc nhờ cậy, thế thôi.

-Nhưng hình như việc ấy tiến hành không tồi – Louise nói với tôi.

-Nhờ có cô, tôi xin cám ơn cô. Được rồi, tôi sẽ làm theo ý kiến của Bá tước, từ ngày mai tôi sẽ mạo hiểm.

-Ông làm đi và chúc may mắn.

Cuối cùng không có gì hơn sự khuyến khích ấy, tôi đến gặp Hoàng thân vì công việc và phải thú nhận tôi những muốn vào tấn công con gấu Ukraine trong hang ổ còn hơn đến xin ân huệ của Hoàng thân Nga, con người tổng hợp những đức tính, những say mê dữ dội, và những phong cách điên rồ.

§6

Đại quận công Constantin, em trai Hoàng đế Alexandre và anh trai Đại quận công Nicolas, không có sự lễ độ đáng mến của ông anh cũng như không có phẩm cách lạnh lùng, bình tĩnh của ông em, có vẻ thừa hưởng hoàn toàn những đức tính và những tính chất lạ lùng của bố, còn hai anh em kia tiếp thu của mẹ là nữ hoàng Catherine, Alexandre về tấm lòng, Nicolas về đầu óc, cả hai thể hiện sự lớn lao vương giả mà tổ mẫu của họ lập nên.

Catherine trông nom cả lớp hậu duệ đẹp đẽ và đông đúc ấy. Từ đầu bà đã chú ý đến hai người anh và theo tên thánh của họ, đặt tên một người là Alexandre, người kia là Constantin, hình như bà đã phân chia thế giới cho họ. Ý nghĩ của bà sâu sắc đến mức bà đã cho vẽ cả ảnh của họ lúc còn rất bé. Một người tàn nhẫn chấm dứt cuộc khủng hoảng tình hình, người kia giơ cao cờ lệnh. Thêm vào đó bà tự đặt kế hoạch dậy dỗ họ nhằm thực hiện những ý tưởng lớn ấy. Do đó Constantin được dành cho vương quốc phương Đông chỉ có những vú nuôi và thầy dạy người Hy lạp, Alexandre dành cho vương quốc phía Tây, xung quanh mình là người Anh. Thầy giáo chung của hai anh em là một người Thuỵ sĩ tên là Laharpe, anh em họ của vị tướng dũng cảm Laharpe phục vụ mặt trận Ý theo lệnh của Bonaparte. Nhưng những bài học của ông thầy đáng kính ấy không được hai học trò tiếp thu thoải mái như nhau và tuy việc gieo hạt là một nhưng sản sinh ra hoa quả khác nhau, vì một bên rơi vào mảnh đất chuẩn bị tốt và khoáng đãng, còn bên kia rơi trên mảnh đất hoang dã. Trong khi Alexandre, mười hai tuổi, trả lời Graft, ông thầy dạy môn Lý thực nghiệm rằng ánh sáng là sự tóat ra liên tục của mặt trời "Điều ấy không thể được vì mặt trời như thế sẽ càng ngày càng bé đi", thì Constantin trả lời Saken, khi người giám thị riêng mời tập đọc "Tôi không muốn tập đọc vì tôi thấy bao giờ ông cũng đọc nhưng càng ngày ông càng đần độn hơn."

Tính tình và trí óc của hai cậu bé nằm hoàn toàn trong hai câu trả lời ấy.

Bù lại, Constantin càng ghét những môn khoa học lại càng thích những buổi tập quân sự. Làm vũ khí, cưỡi ngựa, tổ chức những buổi hành quân, đối với cậu là những hiểu biết có ích cho một hoàng tử hơn môn vẽ, thực vật học, khí tượng học. Cậu say mê môn quân sự đến mức trong đêm tân hôn cậu dậy lúc năm giờ sáng để bố trí diễn tập một tiểu đội lính gác cho dinh thự của mình.

Việc nước Nga cắt đứt liên hệ với nước Pháp tạo điều kiện cho sở thích của Constantin. Được gởi sang nước Ý dưới sự chỉ huy của thống chế Sourovov nhằm hoàn chỉnh việc học tập quân sự, cậu tham gia vào những chiến thắng của ông ở Mexio và trận thất bại trong núi Alpes. Một người thầy như vậy, ít nhất cũng nổi tiếng về những kỳ cục cũng như lòng can đảm, đã được chọn sai để cải

tạo những đặc tính tự nhiên của Constantin. Kết quả là những đặc tính ấy thay vì mất đi, đã phát triển thêm một cách kỳ lạ và hơn một lần người ta tự hỏi tại sao Đại quận công trẻ giống bố đến nỗi giống như ông, cũng hơi bị điên rồ.

Sau chiến dịch nước Pháp và hiệp ước Vienne, Constantin được phong làm Phó vương Ba Lan. Đứng đầu một dân tộc chinh chiến, sở thích quân sự tăng lên gấp đôi, và không còn những trận đánh thật sự, đẫm máu ông vừa tham gia, thì những cuộc thao diễn quân sự, duyệt binh, những hình thức chiến trận ấy là giải trí duy nhất của ông. Mùa đông cũng như mùa hè, dù ở lâu đài Buhle gần công viên Saxe, hay ở lâu đài Belvedère, ba giờ sáng ông đã dậy, mặc quân phục vào và không một người hầu nào giúp ông tắm rửa bao giờ. Ngồi vào một chiếc bàn đầy những danh mục các trung đoàn và mệnh lệnh quân sự, trong một gian phòng mỗi bức tranh vẽ một bộ quần áo của trung đoàn, ông đọc lại các báo cáo của Đại tá Axamilovski hoặc cảnh sát trưởng Lubovidski đưa tới hôm trước, xác nhận hoặc phản bác, nhưng luôn thêm vào vài lời nhận xét. Công việc ấy kéo dài đến chín giờ sáng. Ông ăn vội bữa sáng nhhư một người lính rồi bước xuống quảng trường Saxe. Ở đây thường có hai trung đoàn bộ binh hoặc một đội kỵ binh chờ ông. Khi ông xuất hiện, quân nhạc tấu chào bằng bài quân hành ca Chúa Trời hãy cứu nhà vua, do Kurpinski sáng tác. Cuộc diễu binh bắt đầu ngay. Các tiểu đội diễu hành khoảng cách đều đặn, chính xác. Họ thường mặc quân phục màu xanh như những người đi săn. Trong khi hoàng tử Nga đội chiếc mũ cắm lông gà, một bên cong xuống cầu vai trái, còn bên kia chĩa lên trời. Dưới vầng trán hẹp có những vết nhăn sâu chứng tỏ ông là người luôn luôn bận bịu, đôi lông mày dài rậm không để lộ cặp mắt xanh. Tầm nhìn đặc biệt nhanh nhẹn với chiếc mũi nhỏ, làn môi dưới nhô ra phác hoạ điều gì đó rất hoang dã, ở đầu trên chiếc cổ rất ngắn, chúi về phía trước như dựa vào đôi cầu vai. Nghe thấy tiếng nhạc, nhìn thấy những người mình đào tạo bước đều đặn, tất cả đều tác động đến ông, như một loại cơn sốt làm ông đỏ bừng mặt. Đôi tay co lại, ép chặt vào người và bàn tay nắm chặt doãng ra trong lúc đôi chân luôn hoạt động đập nhịp và với giọng nói yết hầu nhấn mạnh mệnh lệnh, thỉnh thoảng phát ra những tiếng khàn khàn, đứt quãng, không thuộc về tiếng người những khi tỏ ra thoả mãn nếu mọi việc tiến triển tốt đẹp như ý muốn, hoặc trong lúc giận dữ nếu có gì trái với kỷ luật. Trường hợp sau bao giờ cũng bị trừng phạt ghê gớm. Lỗi nhỏ nhất cũng đưa người lính vào tù và sĩ quan bị mất chức. Thái độ nghiêm khắc ấy không hạn chế đối với người mà mở rộng cho tất cả, thậm chí cho cả động vật nữa. Một hôm ông cho treo cổ một con khỉ trong chuồng vì làm ồn ào, một con ngựa bước sai vì có lúc ông thả dây cương phải nhận đến hàng nghìn gậy và cuối cùng một con chó sủa to làm ông tỉnh dậy trong đêm và bị bắn chết.

Khi vui vẻ ông cũng không kém phần dã man như trong lúc nổi giận. Ông cúi người vui vẻ phá lên cười, xoa tay và hai chân lần lượt dẫm mạnh xuống đất.

Trong lúc đó, gặp đứa trẻ nào, ông cũng xoay đi xoay lại nó về các phía, bảo nó ôm hôn mình, véo tai, véo mũi, cuối cùng bỏ vào tay nó một đồng vàng và đuổi đi. Ông cũng có những giờ không vui, không nổi giận mà hoàn toàn là những giờ mệt mỏi và buồn chán. Lúc ấy, yếu đuối như một người đàn bà, ông rên rỉ, nằm còng queo trên đi văng hoặc trên sàn nhà. Chẳng ai dám lại gần ông. Những khi đó, người ta mở cửa sổ và cửa ra vào phòng ông, một người đàn bà tóc vàng, hơi xanh, người thon thả, thường mặc một chiếc áo dài trắng và thắt lưng xanh đi qua như chợt xuất hiện. Thấy bà, Hoàng thân như gặp một tác động ma thuật, tâm trí hưng phấn, khóc nức nở. Cơn thần kinh qua đi, người đàn bà lại ngồi bên cạnh, ông gối đầu lên đùi bà, thiếp ngủ và tỉnh dậy là khỏi hẳn. Người đàn bà ấy là Jeannette Grudzenska, thần hộ mệnh của Ba Lan.

Một hôm khi còn rất bé, trong lúc cầu nguyện ở nhà thờ chính quốc trước hình ảnh Đức Bà, một vòng hoa những người bất tử đặt dưới bức tranh rơi xuống đầu bà, người Cô dắc Ukraine già được xem như nhà tiên tri qua sự kiện ấy đã nói với bố bà, vòng hoa thánh ấy rơi từ trời xuống, là điềm báo dành cho bà trên mặt đất. Ông bố và con gái đều đã quên lời tiên đoán hay đúng hơn chỉ nhớ đến như một giấc mộng cho đến lúc Jeannette gặp Constantin.

Con người nửa hoang dã, với những niềm say mê cháy bỏng bỗng trở nên dè dặt như một đứa trẻ. Người mà không gì chống lại được mà chỉ một tiếng nói chi phối mạng sống những người bố và danh dự những đứa con gái, đến rụt rè hỏi xin ông già cho cưới Jeannette, khẩn cầu ông đừng từ chối một điều lành mà không có nó mình không còn hạnh phúc trên đời này. Ông già chợt nhớ lại lời tiên đoán của người Cô dắc, thấy yêu cầu của Constantin là việc thực hiện ý Trời và cho rằng mình không có quyền chống đối. Đại quận công vậy là được sự đồng ý của ông và con gái ông, chỉ còn sự thoả thuận của Hoàng đế, được mua bằng nhượng địa.

Con người kỳ lạ ấy, con người không ai đoán nổi, giống như thần Jupiter oai nghiêm làm rung động cả một dân tộc khi chau mày, vì con tim một cô gái trẻ, đã cho ông anh cả phương Đông và phương Tây, nghĩa là một vương quốc bao gồm một phần bảy trái đất với năm mươi ba triệu dân và sáu biển vây quanh.

Đổi lại Jeannette Grudzenska được Alexandre phong cho làm quận chúa Lovicz.

Đây là con người tôi sắp đối mặt. Người ta nói ông vừa ngấm ngầm đến Saint-Peterbourg vì phát hiện ở Varsovie những đường dây một cuộc mưu phản trên toàn nước Nga, nhưng những đường dây ấy tự bẻ gãy trong tay ông vì sự im lặng ngoan cố của hai thành viên ông đã cho bắt giữ. Hoàn cảnh đó rất ít thuận lợi cho việc đi nêu ra một lời cầu xin phù phiếm như của tôi.

Tôi vẫn quyết định chạy theo cơ may được tiếp kiến mặc dù có vẻ không ít kỳ cục. Sáng hôm sau tôi thuê một chiếc xe ngựa đi Strelna, cầm bức thư gởi

tướng Rodna, tuỳ tùng của Hoàng thân và đơn thỉnh cầu Hoàng đế. Sau hai giờ đi trên một con đường rất đẹp, bên trái là những ngôi nhà nông thôn, bên phải những cánh đồng trải dài đến vịnh Phần Lan, chúng tôi đến tu viện Saint Serge, đất thánh được tôn kính nhất của Alexandre Nevski và mười phút sau vào tới làng. Đoạn giữa Đường Lớn và gần trạm, chúng tôi quay sang phải, mấy giâu sau thì tôi đứng trước lâu đài. Lính gác ngăn tôi lại, tôi đưa ra bức thư chuyển cho ông De Rodna và người ta để cho tôi đi qua.

Tôi bước lên tam cấp, vào tiền sảnh. Ông De Rodna đang làm việc với Hoàng thân. Người ta bảo tôi chờ ở phòng khách, cửa phòng nhìn ra những khu vườn đẹp có con kênh chạy thẳng ra biển, trong lúc một sĩ quan cầm bức thư của tôi đi, một lát sau viên sĩ quan ấy trở lại và bảo tôi vào.

Hoàng thân đứng tựa vào lò sưởi và tuy mới cuối tháng chín nhưng thời tiết bắt đầu lạnh, ông đang đọc cho xong bức công điện cho ông De Rodna ngồi viết. Tôi không ngờ được đưa vào nhanh thế nên dừng lại ở ngưỡng cửa, ngạc nhiên không ngờ được gặp mặt ông quá nhanh. Cánh cửa vừa khép lại, ông đưa đầu ra phía trước, không một cử động thân hình và đôi mắt xoi mói nhìn vào tôi.

-Người nước nào? – ông hỏi.

-Nước Pháp, thưa điện hạ.

-Anh bao nhiêu tuổi?

-Hai mươi sáu.

-Tên gì?

-G…

-Chính anh muốn nhận được một chứng chỉ thầy dạy đánh kiếm trong một trung đoàn của Hoàng đế anh tôi?

-Đấy là mục đích toàn bộ tham vọng của tôi.

-Anh bảo anh là người có sức mạnh hàng đầu?

-Tôi xin Điện hạ thứ lỗi về điều đó, tôi không nói như thế vì không phải tôi nói điều ấy.

-Không, nhưng anh nghĩ thế.

-Điện hạ biết tính tự phụ là tật xấu nổi trội của loài người khốn khổ; vả lại tôi có tổ chức một cuộc đấu. Xin Điện hạ hãy hỏi xem.

-Tôi biết việc gì đã xảy ra, nhưng anh chỉ đấu với kẻ không chuyên với sức lực loại hai.

-Vì thế tôi đã gượng nhẹ đôi với họ.

-A! Anh đã gượng nhẹ, nếu không gượng nhẹ họ thì sẽ ra sao nhỉ?

-Tôi sẽ đâm trúng họ mười lần trong khi họ chỉ đâm nổi tôi hai lần.

-A! A! … Như vậy, thí dụ với tôi anh sẽ đâm mười lần chống với hai lần?

-Cái đó cũng còn tuỳ.

-Thế nào? Cũng tuỳ?

-Vâng, tuỳ theo Điện hạ muốn tôi đối xử ra sao. Nếu Điện hạ bắt tôi đối xử với tư cách Hoàng thân, chính Ngài đâm trúng tôi mười lần và tôi chỉ đâm trúng ngài có hai lần; nếu Điện hạ cho phép tôi đối xử như mọi người, lúc ấy chắc tôi chỉ bị đâm hai lần và ngài sẽ bị mười lần.

-Lubenski – Hoàng thân xoa tay kêu lên – Lubenski, đưa kiếm cho tôi. A! A! Ông khoác lác, chúng ta xem nào!

-Điện hạ cho phép thế nào?

-Điện hạ tôi không cho phép, Điện hạ tôi muốn anh đâm trúng mười lần, anh không lùi bước chứ?

-Khi tôi đến lâu đài Strlna thì là để phục vụ Điện hạ. Xin ngài ra lệnh.

-Thế thì cầm cây kiếm, đeo mặt nạ này, chúng ta thử xem.

-Đấy là do Điện hạ buộc tôi.

-Đúng! Trăm lần, nghìn lần, triệu lần đúng!

-Tôi sẵn sàng.

-Phải đâm trúng tôi mười lần, anh nghe rõ chứ? – hoàng thân nói và bắt đầu tấn công tôi – mười lần, không thiếu một. Tôi không nhân nhượng anh một lần nào đâu. Ha! Ha!

Mặc dù Hoàng thân nói thế, tôi chỉ đỡ gạt, thậm chí không đánh lại lần nào.

-Thế nào? – ông nóng nảy kêu lên – tôi nghĩ anh gượng nhẹ đôi với tôi. Coi chừng. Coi chừng. Ha! Ha!

Qua tấm mặt nạ tôi thấy mặt ông đỏ lên, đôi mắt vằn tia máu.

-Sao? Những mười cú ấy đâu?

-Thưa Điện hạ, việc tôn kính…

-Vứt cái tôn kính ấy đi và cứ đâm, đâm!

Tôi sử dụng ngay sự cho phép, đâm trúng ông ba lần liền.

-Tốt đấy! Tốt! – ông kêu lên – Đến lượt tôi. Này, Ha! Trúng, trúng…

-Đúng thế, tôi nghĩ Điện hạ không gượng nhẹ tôi và tôi phải thanh toán với ngài.

-Thanh toán đi. Ha! Ha!

Tôi đâm trúng ông bốn lần nữa và trong lúc đánh trả ông cũng đâm trúng tôi.

-Trúng! Trúng! – ông vui mừng kêu lên và nói với ông Rodna – anh thấy tôi đâm trúng anh ta hai lần trên bảy.

-Hai lần trên mười, thưa Điện hạ – tôi nói và tấn công ông – Tám… chín… mười… Thế là chúng ta xong nợ.

-Tốt! Tốt! – Hoàng thân kêu lên – tốt nhưng học đánh kiếm không chưa đủ, anh nghĩ kỵ binh của tôi sử dụng nó làm việc gì? Phải dùng gươm. Anh đánh gươm được chứ?

-Cũng gần như đánh kiếm ạ.

-Thế à? Anh có dùng gươm, đứng dưới đất chống nổi một người cưỡi ngựa sử dụng một ngọn giáo không?

-Tôi nghĩ được, thưa Điện hạ.

-Anh nghĩ, anh không chắc chắn… A! A! Không chắc chắn?

-Vậy thì thưa Điện hạ, tôi chắc chắn.

-A! Anh chắc chắn tự bảo vệ được?

-Vâng, thưa Điện hạ.

-Anh gạt đỡ được một cú đâm bằng giáo?

-Tôi gạt được.

-Chống lại một người cưỡi ngựa?

-Chống lại một người cưỡi ngựa.

-Lubenski! Lubenski! – Hoàng thân lại gọi

Viên sĩ quan lại có mặt.

-Đem lại cho tôi một con ngựa, một ngọn giáo, anh nghe rõ chứ? Nhanh lên! Nhanh lên!

-Nhưng thưa Điện hạ…

-A! Anh lùi bước! A! A!

-Tôi không lùi, thưa Điện hạ, và chống lại bất kỳ người nào khác ngoại trừ Điện hạ, mọi thử thách chỉ là một trò chơi.

-Thế chống lại tôi thì sao?

-Chống lại Điện hạ tôi sợ cả thắng và bại, tôi sợ nếu tôi thắng, ngài có thể quên chính ngài đã ra lệnh…

-Tôi không quên gì cả, vả lại có Rodna đây, tôi ra lệnh cho anh trước mặt ông ta và ra lệnh cho anh xử sự với tôi cũng như xử sự với ông ấy.

-Cũng xin lưu ý với Điện hạ tôi không được thoải mái lắm vì tôi xử sự với Điện hạ vẫn rất tôn kính.

-Nịnh bợ! Kẻ nịnh bợ tồi. Anh tưởng lấy được lòng tôi là tốt, nhưng không ai gây ảnh hưởng với tôi được, tôi tự phán xét, anh nghe rõ chứ? Anh đã thắng lần đầu, chúng ta sẽ xem anh có kết quả tốt ở lần thứ hai không.

Trong lúc ấy viên sĩ quan xuất hiện trước cửa sổ, dắt một con ngựa, tay cầm một ngọn giáo.

-Tốt! – Constantin tiếp tục nói và lao ra ngoài – Ra đây! Còn anh, Lubenski, đưa cho anh ta một thanh gươm tốt, vừa tay, một thanh gươm kỵ sĩ. A! A! Xem nào! Vào tư thế sẵn sàng đi, ông thầy dạy đánh kiếm. Tôi chỉ gọi anh như thế hoặc tống đi như những tay bât tài trong quân đội Rodna đấy, là người cuối cùng, đã sống ba ngày với một vết thương xuyên người.

Nói rồi Constantin nhảy lên lưng ngựa, một đứa con hoang dã của đồng cỏ, bờm và đuôi quét đất. Ông quần ngựa, múa giáo với sự thành thạo nổi bật. Trong

lúc đó người ta mang lại cho tôi ba bốn thanh gươm mời chọn. Tôi giơ tay lấy một thanh bất kỳ.

-Được đấy! Anh sẵn sàng chưa? – Hoàng thân kêu lên.

-Rồi, thưa Điện hạ.

Ông bèn phi ngựa nước đại tới đầu kia con đường. Tôi hỏi ông Rodna: -Chắc là một trò đùa chứ?

-Ngược lại, không có gì nghiêm túc hơn – ông ta trả lời – đây là mạng sống hoặc vị trí của ông. Ông hãy đề phòng như trong một trận đánh, tôi chỉ có điều ấy để nói với ông.

Sự việc trở thành nghiêm túc hơn tôi nghĩ, nếu chỉ để tự vệ và đánh trả, tôi có thể gặp may, nhưng ở đây khác hẳn. Với cuộc đấu gươm và giáo sắc, trò đùa trở thành nghiêm trọng. Dù sao, tôi đã nhúng tay vào, không lùi được nữa! Tôi dựa vào thành thạo, dũng cảm, đối mặt với vị Hoàng thân ngỗ ngược.

Ông đã đến đầu đường và quay ngựa lại. Dù đã nghe lời ông De Rodna nói thế, tôi vẫn hy vọng đây chỉ là một trò chơi thì nghe thấy ông gọi một lần cuối "Anh đã sẵn sàng chưa?" và giơ ngọn giáo ra phía sau, phi ngựa nước đại. Chỉ lúc ấy tôi mới xác định phải bảo vệ mạng sống của mình và thủ thế.

Con ngựa lao vút trên đường, Hoàng thân nằm trên lưng ngựa, khuất sau bờm ngựa đang phất phơ theo gió, tôi chỉ thấy đầu ông giữa hai tai con vật. Đến chỗ tôi, ông cố đâm ngọn giáo vào giữa ngực tôi nhưng tôi gặt băng với ngón đỡ quãng ba và nhảy sang bên cạnh để con ngựa và người kỵ sĩ theo đà chạy, đi qua luôn không làm hại đến tôi. Thấy cú đâm hụt, Hoàng thân dừng ngay ngựa lại một cách khéo léo tuyệt vời.

-Tốt lắm! Tốt lắm! Chúng ta làm lại.

Và không để thì giờ cho tôi nhận xét gì, ông cho quay ngựa lại trên chân sau, vượt tới và vừa hỏi tôi đã sẵn sàng chưa vừa trở lại, quyết liệt hơn lần đầu. Cũng như lần trước, tôi chăm chú nhìn, không bỏ sót một cử động nào của ông. Nắm thời cơ, tôi gạt ngọn giáo theo ngón quãng bốn và nhảy một bước sang phải, người và ngựa lại lướt qua bên cạnh tôi không có hiệu quả như lần trước.

Hoàng thân gầm lên một tiếng. Ông xem cuộc đấu sức này như một trận đánh nhau thật, muốn kết thúc với vinh quang cho mình. Vì vậy lúc tôi tưởng đã xong thì tôi thấy ông chuẩn bị cho cuộc tấn công thứ ba. Lần này thấy chuyện đùa đã kéo quá dài, tôi quyết định sẽ là đòn cuối cùng.

Thật vậy, lúc thấy ông sắp đâm, thay vì gạt đi, tôi chém mạnh vào ngọn giáo gãy đôi làm cho Hoàng thân không còn vũ khí và giật dây cương, lần này đến lượt tôi kìm mạnh đến nỗi con ngựa khuỵu xuống chân sau, đồng thời tôi đưa lưỡi gươm vào ngực Hoàng thân. Tướng Rodna thét lên một tiếng khủng khiếp, nghĩ tôi sẽ giết chết ông ta. Constantin chắc cũng tưởng thế vì tôi thấy ông ta tái mặt. Nhưng tôi nhảy lùi một bước và cúi mình trước mặt Đại Quận công: -Thế

đấy thưa Điện hạ, tôi có thể chứng tỏ với quân lính của ngài như vậy nếu như ngài thấy tôi xứng đáng là thầydạy của họ.

-Đúng! Nghìn lần quái quỷ! Anh xứng đáng và anh sẽ có một trung đoàn làm mất tên tuổi tôi… Lubenski! Lubenski! – ông tiếp tục vừa gọi vừa nhảy xuống ngựa – Dẫn ngựa về chuồng. Còn anh, vào đây tôi sẽ nhận xét vào đơn thỉnh cầu của anh.

Tôi theo Đại Quận công vào phòng khách. Tại đây ông lấy bút ghi vào dưới lá đơn của tôi:

"Tôi xin kính cẩn giới thiệu với Hoàng đế người có tên này, vì nghĩ rằng anh ta hoàn toàn xứng đáng được gia ân như lời khẩn cứu."

-Và bây giờ – ông bảo tôi – cầm lá đơn này đưa trực tiếp cho Hoàng đế. Nếu anh trực tiếp trình bày thì cũng rất có thể vào tù đấy; nhưng theo tôi không mạo hiểm thì chẳng có gì. Vĩnh biệt, nếu có lúc nào đến Varsovie thì ghé thăm tôi.

Tôi nghiêng mình, vui sướng vì đã đạt được kết quả như thế và trở lại trên xe về Saint-Peterbourg mang theo lời nhận xét đầy quyền lực.

Buổi tối tôi đến cám ơn Bá tước Alexis về lời khuyên của ông tuy suýt làm tôi phải trả giá đắt. Tôi kể lại những gì xảy ra làm Louise rất sợ hãi và mười giờ sáng hôm sau tôi đi Tsarskoï Selo, nơi ở của Hoàng đế, định đi dạo chơi trong những khu vườn của ngài cho đến khi gặp Người, và có nguy cơ bị cầm tù, điều mọi người trình bày thỉnh cầu đều có thể trải qua.

§7

Hoàng cung Tsarskoï Selo chỉ cách Saint-Peterbourg ba bốn dặm nhưng đường đi khác hẳn con đường tôi tới Strelna hôm trước. Không còn những biệt thự xinh đẹp và những mảng rộng trông ra vịnh Phần Lan nữa, đây là những cánh đồng màu mỡ và những đồng cỏ xanh tươi tốt mới cách đây mấy năm còn là những đám dương xỉ to rậm phát triển từ khi khai thiên lập địa.

Sau một giờ đi đường, vượt qua khu kiều dân Đức, tôi đi ngang qua một dãy đồi, và trên đỉnh một ngọn đồi, tôi bắt đầu nhận thấy cây cối, những cột tháp và vòm dát vàng của ngôi nhà nguyện báo hiệu đã đến chỗ ở của nhà vua.

Hoàng cung Starskoï Selo được xây dựng ngay chỗ trước đây là mái nhà tranh của một bà già người Hà Lan tên là Sara, nơi trước đây Pierre Đệ Nhất có thói quen đến uống sữa. Bà nông dân khốn khổ chết và Pierre thích ngôi nhà vì từ cửa sổ trông ra chân trời rất đẹp, ông tặng cho Catherine ngôi nhà và vùng đất bao quanh làm trang trại. Catherine gọi một kiến trúc sư làm thay đổi hoàn toàn khung cảnh, nghĩa là xây ở đó một lâu đài.

Mặc dù chỗ ở đó đã khá xa so với nguồn gốc trước đây thì dưới con mắt của Elisabeth nó vẫn không lớn lao và hài hoà với quyền lực của một Nữ hoàng Nga, bà cho phá huỷ lâu đài của bố và theo hình vẽ của Bá tước Rastreti, xây dựng một lâu đài thật đẹp. Nhà kiến trúc sư quý tộc nghe nói Versailles là một công trình tráng lệ, ông muốn xây dựng một lâu đài vượt trội hơn. Và khi nghe được tin đồn rằng bên trong lâu đài của một nhà vua vĩ đại, mọi thứ phải dát vàng, ông làm quá lên, cho tắm vàng lên nền tảng bên ngoài của Tsarskoï Selo, những đường rãnh, đường viền, tượng, cho đến mái nhà. Công trình hoàn thành, Elisabeth chọn một ngày lành mời triều thần cùng đại sứ những nước lớn đến khánh thành trạm nghỉ chân chóang lộn của bà. Thấy công trình đẹp đẽ, dù bố trí kỳ cục, ai cũng ca ngợi, cho nó là kỳ quan thứ tám của thế giới, trừ Hầu tước La Chetardie, đại sứ nước Pháp, không nói một tiếng, chỉ nhìn ngó xung quanh mình. Hơi tự ái về sự lơ đãng ấy, Nữ hoàng hỏi ông tìm kiếm gì.

-Tôi tìm, thưa Bà – vị đại sứ lạnh lùng trả lời – tôi đang tìm chiếc hộp đựng món đồ chơi đẹp đẽ này.

Thời kỳ ấy người ta vào Viện hàn lâm với một bài thơ bốn câu và bất tử về một lời nói đúng. Vì vậy ông De La Chetardie tồn tại mãi ở Saint-Peterbourg.

Không may, kiến trúc sư xây dựng cho mùa hè mà quên mất mùa đông. Mùa xuân tiếp theo phải sửa chữa những vật tắm vàng ấy và do mùa đông nào cũng hư hỏng, mùa xuân nào cũng phải sửa chữa, Catherine II quyết định thay kim loại bằng một loại vec ni màu vàng bình thường, mái nhà được sơn màu xanh dịu theo phong tục của Saint-Peterbourg. Tiếng đồn về sự thay đổi ấy vừa lan ra thì

một tay đầu cơ đến gặp Catherine xin trả giá hai trăm bốn mươi nghìn livres cho tất cả những tấm vàng ấy. Catherine trả lời cám ơn, không bán những vật dụng cũ.

Giữa những chiến thắng, tình yêu, hành trình, Catherine không ngừng chăm sóc dinh cơ ưa thích của mình. Bà xây dựng cho người cháu trưởng lâu đài nhỏ Alexandre cách hoàng cung một trăm bước chân, cho kiến sư Bush vẽ nhiều khu vườn rộng chỉ thiếu nước. Ông Bush cho xây dựng không ít kênh, mương, thác và hồ, và tin chắc khi đã là Catherine vĩ đại, khi muốn có nước là nước sẽ đến. Thật vậy, người kế nhiệm, ông Bauer, phát hiện thấy ông Demindoff gần đấy có một cánh đồng rất đẹp, thừa nước mà nhà vua không đủ dùng. Ông trình bày nạn khô hạn của những khu vườn hoàng cung và ông Demindoff, nhân danh thần dân tận tuy, đã chuyển phần nước thừa ngay sang cho Catherine. Ngay lập tức, mặc dù có những trở ngại, người ta thấy nước chảy đến từ các phía, tràn ra khỏi hồ, phun lên thành tia, đổ xuống thành thác. Việc ấy làm cho Nữ Hoàng Elizabeth phải nói: -Chúng ta làm náo loạn cả châu Âu nhưng đừng gây gỗ với ông Demindoff.

Thật vậy, trong một lúc khó tính, ông có thể làm cho cả triều đình chết khát.

Được nuôi dậy ở Tsarskoï Selo, Alexandre thừa hưởng của bà nội tình cảm đối với tư dinh. Mọi kỷ niệm thời thơ ấu, nghĩa là quá khứ vàng son của cuộc đời ông gắn chặt với tư dinh này. Chính trên những bãi cỏ của lâu đài, ông đã đi những bước đầu tiên, những con đường ông tập lên ngựa, những chiếc hồ ông học làm thuỷ thủ. Vì vậy mới bắt đầu thời tiết tốt, ông chạy ngay đến Tsarskoï Selo, và chỉ rời khỏi nơi này khi tuyết bắt đầu rơi.

Chính tại Tsarskoï Selo tôi tới để đi theo ông, tự hứa phải gặp ông cho kỳ được.

Vì vậy sau một bữa sáng đơn sơ ăn vội ở khách sạn Phục Hưng, tôi vào trong công viên, tuy có lính gác nhưng ai cũng có thể vào đấy đi dạo. Trời bắt đầu lạnh nên công viên vắng người. Cũng có thể người ta hạn chế vào đây vì tôn trọng không muốn quấy rầy nhà vua. Tôi đã biết đôi khi ông đi dạo cả ngày ở đây, trên những con đường âm u nhất. Vì vậy tôi đi may rủi, bước lên phía trước và gần như tin chắc sau khi dò hỏi, sẽ gặp được ông. Vả lại tôi cho rằng dù không may thì tôi cũng không thiếu những thứ để giải trí và thoả trí tò mò.

Thật vậy, chẳng mấy chốc, tôi đụng phải một thị trấn Trung Hoa, một nhóm xinh xắn gồm mười lăm ngôi nhà, mỗi nhà có cửa ra vào, máy ướp lạnh và khu vườn dùng làm chỗ ở cho tuỳ tùng của Hoàng Đế. Ở giữa thị trấn là một ngôi nhà theo hình ngôi sao dùng làm nơi khiêu vũ và hoà nhạc, một căn phòng đầy cây xanh dùng làm văn phòng, bốn góc căn phòng ấy là bốn bức tượng quan lại to bằng người thật đang hút ống điếu. Một hôm vào ngày kỷ niệm sinh nhật lần thứ năm mươi tám của mình, Catherine dạo chơi trong vườn cùng triều thần, bước

vào gian phòng ấy, ngạc nhiên thấy khói từ ống điếu toả ra, bốn viên quan lại duyên dáng quay đầu, liếc mắt nhìn bà. Catherine lại gần hơn để nhìn rõ hiện tượng ấy. Lúc ấy bốn viên quan lại bước xuống khỏi bệ, lại gần và quỳ xuống theo đúng nghi lễ Trung hoa, đọc những vần thơ ca tụng. Bốn quan lại ấy là Hoàng thân Ligne, ông De Ségur, ông De Conbenzl và ông Potemkine.

Tôi đã liên tiếp thăm đài tưởng niệm Grégoire Orloff, ngọn tháp người chiến thắng Schesma và động Pausilipe. Đã bốn tiếng đồng hồ lang thang trong khu vườn có những ao hồ, đồng bằng và rừng cây, tôi bắt đầu thất vọng vì không gặp được người mình đến tìm, thì lúc đi qua một con đường lớn, thì bỗng thấy một viên sĩ quan mặc áo choàng có đuôi chào tôi rồi tiếp tục đi trên một con đường nhánh. Phía sau tôi có một chàng trai làm vườn đang dãy cỏ; tôi hỏi anh viên sĩ quan nào mà lễ độ như vậy, anh ta trả lời "Hoàng đế đấy."

Tôi vội lao ngay vào một con đường cắt ngang con đường nhà vua đang đi dạo, vừa được tám mươi bước, tôi lại thấy Người và không còn đủ sức để đi thêm nữa.

Nhà vua dừng lại một lúc, thấy tôi vì tôn trọng không đến gần Người, bèn tiếp tục đi về phía tôi. Tôi đứng bên lề đường, tay cầm mũ chờ và trong lúc Người tiến bước, chân hơi khập khiễng vì một vết thương lúc đi du lịch trên sông Đông vừa kịp khép miệng, tôi nhận ra Người đã thay đổi rất nhiều kể từ lần tôi gặp ở Paris cách đây chín năm. Khuôn mặt Người trước kia cởi mở, vui vẻ đến thế, đã u ám vì một nỗi buồn bệnh hoạn, rõ ràng có thể nói một nỗi buồn sâu sắc đang giày vò Nhà vua. Tuy vậy nét mặt vẫn thể hiện sự khoan dung nên gần như tôi vững tâm trở lại và lúc Người đi qua, tôi bước lên một bước và nói: -Tâu Bệ hạ.

-Ông đội mũ vào – Người bảo – Trời rất lạnh, không nên để đầu trần.

-Xin Bệ hạ cho phép…

-Đội mũ vào, ông đội mũ vào.

Và như thấy lòng tôn trọng ngăn cản tôi chấp hành lệnh ấy, một tay Người cầm chiếc mũ đội lên đầu tôi, tay kia nắm chắc tay tôi buộc tôi cứ giữ nguyên như thế. Sau khi thấy tôi không cưỡng lại, Người nói với tôi: -Bây giờ ông cần gì ở ta?

-Tâu Bệ hạ, tôi mong Ngài nhận đơn thỉnh cầu này.

Tôi rút lá đơn trong túi ra, ngay lúc đó nét mặt Hoàng đế sa sầm.

-Ông theo đuổi ta ở đây, ông có biết ta rời Saint-Peterbourg là để tránh những đơn thỉnh cầu không?

-Có, thưa Bệ hạ – tôi trả lời – tôi không che giấu nỗi táo tợn trong việc làm này nhưng lá đơn này có lẽ hơn mọi đơn khác sẽ được Bệ hạ bao dung, lá đơn có lời nhận xét đề nghị.

-Do ai? – Hoàng đế ngắt lời ngay.

-Do người em cao cả của Bệ hạ, Đại Quận công Constantin.

-À! – Hoàng đế nói, đưa tay định cầm nhưng liền rụt lại.

-Vì thế – tôi nói – tôi hy vọng Bệ hạ châm chước thói quen, chiếu cố nhận lấy lá đơn này.

-Không, tôi không nhận đâu vì ngày mai người ta sẽ đưa tới hàng nghìn và ta buộc phải tránh khu vườn này vì không còn được ở một mình nữa.

Nhưng thấy nét mặt thất vọng của tôi, Người chỉ tay về phía nhà thờ Saint Sophie: -Ông bỏ lá đơn của ông và hộp thư kia, ngày hôm nay ta sẽ xem và ba ngày sau ông sẽ được trả lời.

-Tâu Bệ hạ, xin đội ơn Bệ hạ.

-Ông có muốn chứng minh điều đó không?

-Ồ, Bệ hạ lại hỏi tôi điều ấy sao?

-Thế thì đừng nói với ai ông đã trình ta một lá đơn thỉnh cầu mà không bị trừng phạt. Chào ông.

Hoàng đế bước đi, để lại tôi sửng sốt vì lòng nhân hậu hơi buồn của Người. Tôi theo lời khuyên, bỏ lá đơn vào hộp thư. Ba ngày sau, như Người đã hứa, tôi được trả lời.

Đấy là chứng chỉ thầy dạy đánh kiếm của tôi trong đội công binh hoàng gia, với cấp bậc đại uý.

§8

Kể từ thời điểm này, khi đã có vị trí tương đối ổn định, tôi quyết định rời khỏi khách sạn Londres và thuê nhà riêng. Kết quả là tôi chạy khắp thành phố. Trong những chuyến đi thăm dò này, tôi thật sự biết Saint-Peterbourg và dân cư ở đây.

Bá tước Alexis đã giữ lời hứa. Nhờ ông giúp ngay từ đầu tôi đã có được một câu lạc bộ học viên mà nếu không có giới thiệu của ông thì cả một năm quảng cáo tôi cũng không có nổi. Đấy là ông Narinski, người anh em họ của Hoàng Đế, ông Paul de Robrinski, cháu thừa nhận của Grégoire Orloff và Đại Nữ Hoàng, ông hoàng Traubetskoï, Đại tá trung đoàn Prébouvjenskoï, ông De Gorgoli, người đứng đầu ngành cảnh sát, nhiều quý tộc khác của các gia đình bậc nhất ở Saint-Peterbourg và cuối cùng là hai ba sĩ quan Ba Lan phục vụ quân đội Hoàng đế.

Một trong những điều làm tôi chú ý là quý tộc Nga lớn tiếp đãi tôi trong gia đình họ rất lễ độ, đức tính đầu tiên của dân tộc còn hiếm hoi tồn tại trong văn hóa của họ. Đúng là Hoàng đế Alexandre, ngài học theo cách của vua Louis XIV tặng cho sáu thầy dạy đánh kiếm lâu năm nhất ở Paris những giấy chứng nhận có giá trị truyền đời, xem việc đánh kiếm là một nghệ thuật chứ không phải là một nghề. Ngài đã chú ý đề cao nghề nghiệp của chúng tôi thông qua việc bổ nhiệm cho chúng tôi những cấp bậc khá cao trong quân đội. Ngoài ra tôi phải thừa nhận không ở nước nào tôi có thể tìm được như ở Saint-Peterbourg tình thân mật quý phái như vậy.

Việc người Nga tiếp đón thân mật làm tăng thêm niềm vui cho những người nước ngoài. Đặc biệt là những ngày sinh nhật và lễ hội trong năm, thêm vào đó là những buổi tiệc tùng vào mỗi dịp đặc biệt trong gia đình. Vì vậy, dù với một số người quen hạn chế, hiếm ngày mà tôi không dự hai ba bữa tiệc hoặc chừng ấy buổi khiêu vũ.

Ở Nga còn có một thuận lợi khác cho các thầy dạy: họ trở thành những người đồng bàn và như một thành viên trong gia đình. Một người thày sẽ có một vị trí giữa người bạn và người bà con, vị trí này chỉ mất đi nếu phạm phải lỗi lầm.

Đấy cũng là tình cảm mà một số học trò muốn đem đến cho tôi, trong số đó có người đứng đầu ngành cảnh sát, ông De Gorgoli. Ông là một trong số người quý phái nhất và có tấm lòng tốt nhất mà tôi được biết. Ông có nguồn gốc Hy lạp, đẹp, cao lớn, cân đối, thành thạo về mọi thao tác. Chắc chắn cùng với Bá tước Alexis Orloff và ông De Bobrinski, họ là những mẫu người quý tộc thực sự. Trong một thành phố như Saint-Peterbourg, nghĩa là trong Venise của chế độ quân chủ này không một tiếng đồn nào có thể vang xa. Những con kênh của la Moika và Catherine làm cho những cái chết không gây tai tiếng. Lính canh ở mỗi

góc đường đôi khi gây kinh hoàng cho người qua lại nhiều hơn là dẹp đi nỗi lo sợ cho họ. Sĩ quan cao cấp Gorgoli là người thực sự bảo vệ an ninh cho cả thành phố. Thấy ông không ngừng đi lại trên một chiếc xe nhẹ bốn ngựa chạy nhanh như hươu nai và mỗi ngày thay thế bốn lần, qua mười hai khu trong thành phố, các chợ và cửa hàng, người dân nào cũng bình tĩnh đóng cửa về đêm, tin chắc vị cứu tinh ấy của mình vẫn mở mắt trong bóng tối. Tôi chỉ đưa ra một minh chứng cho sự cảnh giác liên tục ấy, đã mười hai năm là người đứng đầu ngành cảnh sát, ông De Gorgoli không rời xa Saint-Peterbourg một ngày nào.

Sau mấy ngày tìm kiếm, tôi tìm được trên bờ kênh Catherine, nghĩa là ở trung tâm thành phố, một căn nhà khá tốt, nội thất đầy đủ, chỉ còn cần bổ sung chăn đệm, một giường nằm cho những ông chủ lớn.

Phấn khởi về chỗ ở mới tìm được, tôi đi từ kênh Catherine trở lại Amirauté và bỗng muốn vào tắm hơi, không nghĩ ra đó là ngày chủ nhật. Ở Pháp đã nghe nói nhiều về loại tắm kiểu này nên đi qua một nhà tắm hơi tôi liền ghé vào. Tôi đứng chen chúc trước cửa, phải trả hai rúp rưỡi, tương đương với năm mươi xu của Pháp. Người ta đưa cho tôi một vé vào cửa và dẫn lại phòng đầu tiên để thay quần áo. Phòng này giữ ở nhiệt độ bình thường.

Trong lúc tôi cởi quần áo với khoảng một chục người khác, một cậu con trai đến hỏi tôi có mang theo người hầu không và khi nghe trả lời là không, cậu hỏi tôi muốn người kỳ cọ vào độ tuổi nào, trả giá bao nhiêu, và giới tính nào. Tôi không hiểu những luật lệ ở đây nên yêu cầu cho biết rõ hơn. Chàng trai giải thích đàn ông, trẻ em thuộc cơ sở này lúc nào cũng sẵn sàng phục vụ, còn đàn bà thì phải gọi ở một nhà gần đấy.

Dù người được chọn lựa là ai, cũng phải cởi trần truồng như người tắm, cùng vào trong phòng thứ hai để được đốt nóng. Tôi ngẩn người ngạc nhiên một lúc rồi tò mò e thẹn, tôi chọn luôn cậu con trai đã hỏi tôi. Vừa nói xong, cậu ta đi lấy một nắm que treo trên chiếc đinh và chỉ trong chốc lát cũng trần truồng như tôi.

Cậu mở ngay một cánh cửa và đẩy tôi vào căn phòng thứ hai.

Hãy tưởng tượng ba trăm con người hoàn toàn trần truồng, đủ mọi lứa tuổi, giới tính, đàn ông, đàn bà, trẻ em, người già. Một nửa quất roi vào người kia, với những tiếng kêu, tiếng cười, những vặn vẹo kỳ lạ, không một ý nghĩ thẹn thùng. Ở nước Nga thời ấy dân chúng bị khinh rẻ đến mức người ta xem thói quen của họ như của loài vật và cảnh sát xem quan hệ tình dục có lợi cho dân số và cho đó là của cải của tầng lớp quý tộc.

Sau mười phút, chịu nóng không nổi, tôi trở lại phòng đầu, mặc lại quần áo và đưa cho cậu bé hai rúp, ra khỏi nhà tắm. Phản ứng như vậy có vẻ rất bình thường nên không ai chú ý đến tôi.

Tôi đi theo con đường Phục Hưng, tâm trí đang băn khoăn về điều vừa chứng kiến thì đụng phải một đám đông chen chúc đi vào sân một ngôi nhà rất đẹp. Tò

mò, tôi xếp hàng đi vào theo thì thấy người ta đang chuẩn bị trừng phạt một nô lệ bằng roi da. Tôi chuẩn bị rút lui vì cảm thấy không đủ sức nhìn một cảnh như thế thì một cửa sổ mở ra, hai cô gái đem đặt ở ban công một chiếc ghế phô tơi và một tấm đệm gấm. Phía sau hai cô gái xuất hiện một người đàn bà mà chân tay có vẻ yếu ớt như sợ đụng chạm với đá nhưng đôi mắt thì không sợ trông thấy máu. Tiếng thì thầm lan khắp đám đông "La Gossudarina! La Gossudarina!" khẽ được nhắc đi nhắc lại.

Thật thế, tôi nhận ra giữa đám lông thú đầy mình, người đẹp Machinka của vị bộ trưởng. Một trong những bạn cũ của cô vô lễ và người ta nói cô đòi hỏi một hình phạt để làm gương cho những người khác để họ không mắc lỗi tương tự. Người ta tưởng sự trả thù chỉ có thế, nhưng đã lầm. Cô còn muốn xem kẻ phạm tội bị trừng phạt. Tuy Louise đã nói về tính tình độc ác của cô, tôi hy vọng cô chứng kiến để làm duyên hoặc ít nhất làm dịu đi sự hành hạ nên tôi bèn ở lại xem.

La Gossudarina đã nghe tiếng thì thầm khi bước ra nhưng thay vì sợ hãi hay hổ thẹn, cô đưa mắt nhìn đám đông, thái độ kiêu kỳ và láo xược đến mức một bà hoàng cũng không dám làm hơn thế. Ngồi dựa trên chiếc phô tơi, tì cùi chỏ vào tay ghế, cô để đầu lên một bàn tay còn tay kia vuốt ve một con chó săn thỏ con nằm dài trên đùi cô.

Hình như người ta chỉ chờ cô có mặt để bắt đầu cuộc trừng phạt vì người đẹp vừa ra ban công thì một cánh cửa dưới thấp mở, người phạm tội bước giữa hai nông dân mỗi người nắm một dây trói quanh cổ tay. Tiếp theo là hai người thừa hành khác mỗi người cầm một chiếc roi da. Nạn nhân là chàng trai có bộ râu vàng, khuôn mặt vô cảm với những nét kiên nghị. Trong đám đông nổi lên một tiếng xì xào lạ; một số người nói chàng là trưởng nhóm công nhân làm vườn của vị bộ trưởng. Khi còn là nô lệ, Machinka đã yêu anh, sắp cưới nhau thì vị bộ trưởng để mắt tới cô, chọn cô làm nhân tình. Từ lúc ấy với một sự quay ngoắt lạnh lùng, La Gossudarina căm thù chàng trai và đã hơn một lần anh phải chịu hậu quả của sự thay đổi ấy. Hình như cô sợ ông chủ nghi ngờ cô còn giữ một số tình cảm với người tình cũ. Hôm trước cô gặp anh trên đường đi trong khu vườn, nghe anh nói vài tiếng gì đó rồi cô hét lên, và anh đã chửi rủa cô. Khi ông bộ trưởng về đến nhà, cô đòi ông phải trừng phạt kẻ phạm tội.

Những chuẩn bị cho việc hành hạ đã được sắp đặt trước. Một tấm ván đặt thoai thoải với một vòng xích bó cổ nạn nhân, hai cọc dựng hai bên để trói tay, còn chiếc roi da có cán dài khoảng hai bộ, nối với một sợi dây da dài gấp hai lần tay cầm, phần cuối là một vòng sắt gắn một sợi dây da khác dài bằng nửa sợi dây đầu, rộng bằng hai ngón tay ở phần đầu, nhỏ dần và kết thúc nhọn đầu. Người ta nhúng phần này vào trong sữa, phơi khô cho cứng lại, nhọn như mũi dao nhíp. Thường cứ đánh được sáu lần thì người ta thay phần dây da vì da đã bị mềm đi,

nhưng trong trường hợp này thì không cần thay. Người bị kết tội phải chịu mười hai roi mà đã có hai người đánh. Những người thực này không ai khác là những người đánh xe của vị bộ trưởng, họ đã thành thạo quất roi, không phải vì không có tình cảm với bạn mà đơn giản chỉ vì họ phải nghe lời chủ, thế thôi. Vả lại thường thường những người đánh còn trở thành người bị đánh. Thời gian ở Nga, tôi đã hơn một lần chứng kiến những ông chủ lớn trong lúc giận dữ người hầu và trong tay không có gì để đánh họ, đã ra lệnh người này năm tóc đấm vào mũi người kia. Lúc đầu họ có dè dặt, ngần ngại làm theo lệnh, nhưng rồi bị đánh đau quá người nào cũng hăng lên, đấm nhau thật lực, còn ông chủ không ngớt kêu lên "Đánh mạnh vào! Đồ vô lại! Đánh mạnh nữa vào!" Cuối cùng khi thấy đã trừng phạt đủ, ông ta chỉ nói "Thôi!" Cuộc đánh đấm chấm dứt như có phù phép, các đối thủ đi rửa mặt đầy máu ở cùng một giếng nước và trở về khoác tay nhau thân mật như không có gì xảy ra giữa họ.

Lần này người bị kết tội không được nương tay, nhưng cung cách hành hạ cũng đủ làm cho tôi xúc động sâu sắc, tự cảm thấy mình bị chôn chân tại chỗ trước sự mê muội của con người; vả lại tôi muốn xem người đàn bà này tàn ác tới đâu.

Hai người hành tội lại gần chàng trai, lột áo đến tận thắt lưng, bắt nằm dài trên tấm ván, khoá cổ vào vòng sắt, trói tay vào hai cột hai bên. Một người làm một vòng tròn tách đám đông ra, dành cho người xem cảnh rùng rợn này một khoảng hình vòng cung để không vướng mắc gì. Người kia lấy đà, nhón chân, quất mạnh xuống, làm sợi dây da quấn hai vòng quanh thân nạn nhân, để lại một vệt xanh sẫm. Dù đau đớn mức nào, con người khốn khổ ấy vẫn không kêu một tiếng.

Đến cú đánh thứ hai, làn da ứa máu.

Cú đánh thứ ba, máu tóe ra.

Từ lúc này ngọn roi quất hẳn vào thịt, người đánh phải bóp vào roi da để máu chảy bớt ra.

Sau sáu roi đầu, người đánh khác thay chỗ với một ngọn roi mới. Từ ngọn roi thứ năm cho đến thứ mười hai, người bị đánh chỉ thể hiện cảm nhận qua bàn tay nắm chặt, không một cử động thân thể, người ta có thể nghĩ anh đã chết.

Hành hạ xong, người ta mở trói cho nạn nhân, anh gần ngất đi, hầu như không đứng vững, thế nhưng anh không kêu rên. Tôi không hiểu vì sao anh vô cảm và can đảm đến như thế được.

Hai người nông dân dìu anh, đưa anh trở lại cánh cửa nơi từ đó anh đã đi ra. Lúc vào, anh quay lại nhìn Machinka lẩm bẩm mấy câu tiếng Nga tôi không hiểu được. Chắc đây là lời chửi rủa hoặc đe doạ vì mấy anh bạn đẩy anh vào trong rất nhanh. Đáp lại, La Gossidarina chỉ cười nhạt khinh miệt và rút một chiếc hộp từ

trong túi, mở ra lấy mấy chiếc kẹo cho con chó yêu. Gọi các nô lệ đến dựa vào vai họ rời khỏi chỗ ngồi.

Cánh cửa sổ khép lại và đám đông thấy mọi việc đã xong cũng lặng lẽ giải tán. Một số người lắc đầu như muốn nói một hành vi vô nhân đạo như thế ở một người trẻ đẹp sớm muộn sẽ bị Chúa phạt.

§9

Catherine đã nói ở Saint-Peterbourg không có một mùa đông một mùa hè, mà có hai mùa đông, một mùa đông trắng, một mùa đông xanh.

Sắp tới mùa đông trắng và tôi không khỏi tò mò chờ đợi hiện tượng này. Hoàng thân Constantin đã trở lại Varsovie, vì không phát hiện được gì về âm mưu đã khiến ông phải về Saint-Peterbourg, và Hoàng đế Alexandre cảm thấy chung quanh mình có một âm mưu lớn, nên đã chia tay với những rừng cây đẹp ở Tsarskoï Selo, bây giờ lá rụng phủ đầy mặt đất. Những ngày đầy nắng và những đêm trăng mờ đã biến mất, không còn màu xanh da trời, không còn ngọn lam cuộn trôi cùng những làn sóng trên sông Neva, không còn những điệu nhạc thoang thoảng trong gió, những chiếc thuyền chở đầy phụ nữ và hoa. Tôi những muốn thăm lại một lần nữa những hòn đảo đẹp khi mới đến tôi thấy phủ đầy cây lạ, lá dày, hoa nở rộng, nhưng cây đã được đưa vào nhà kính trong tám tháng. Tôi tới tìm những lâu đài, miếu mạo, những công viên tươi đẹp, chỉ thấy những ngôi nhà sương mù bao bọc, chung quanh là những cây sồi đã rụng hết lá và những cây thông giơ những cánh tay mang viền tang tóc, mà cư dân là những loài chim đã nhảy nhót suốt mùa hè đã bay khỏi Saint-Peterbourg đi ẩn náu.

Tôi đã làm theo lời khuyên của ông bạn Lyon gặp ở bàn ăn khi vừa đến là cuộn đầy quần áo lông thú mua ở chỗ ông này, chỉ còn chạy từ đầu đến cuối phố dạy những bài học đánh kiếm mà cuối cùng hầu như đều chuyển thành trò chuyện thay vì những bài trình diễn hoặc tấn công. Nhất là ông Gorgoli, sau mười ba năm đứng đầu ngành cảnh sát, đã xin từ chức vì một cuộc tranh cãi với tướng Miladorovitch, thị trưởng thành phố, và trở về đời thường, cảm thấy cần nghỉ ngơi sau một thời gian dài hoạt động. Ông Gorgoli đôi lúc yêu cầu tôi để nhiều giờ liền kể cho ông nghe về nước Pháp và những công việc của tôi như với một người bạn. Sau ông, ông De Bobrinski tỏ ra mến tôi nhất và trong những thứ quà cáp cho tôi, ông đã tặng tôi một thanh gươm Thổ Nhĩ Kỳ rất đẹp. Còn Bá tước Alexis, luôn là người bảo trợ nhiệt tình tuy hiếm khi gặp được ông, do ông luôn bận rộn với những cuộc họp mặt bạn bè ở Saint-Peterbourg và cả ở Moscou. Hai thủ đô này cách nhau hai trăm dặm nhưng ông không ngừng di chuyển trên con đường này vì con người Nga này là một tổng hợp lạ lùng về sự mâu thuẫn và tính tình mềm yếu, dễ lao vào hoạt động sốt sắng vì buồn phiền!

Chỉ thỉnh thoảng tôi mới gặp ông ở nhà Louise. Tôi thấy cô đồng hương có một nỗi buồn sâu sắc trông càng ngày càng trở nên rầu rĩ. Khi gặp một mình cô, tôi hỏi cô nguyên nhân về nỗi buồn ấy, cho rằng vì ghen tuông đàn bà. Khi tôi đề cập đến vấn đề ấy, cô lắc đầu và nói rất tin tưởng ở Bá tước Alexis, làm cho tôi bắt đầu nghĩ đây là do ông tham gia tích cực vào một âm mưu bí mật mà người ta

đang nói tới, cũng không biết gồm những ai và chống lại ai. Còn ông, có thể đại diện cho một thái độ đáng tôn vinh của những người Nga mưu phản, tôi nhớ không một lần thấy có sự thay đổi nhỏ nào trong nét mặt, tính tình.

Ngày 9 tháng 11 năm 1824, sương mù dày đặc bao phủ thành phố và đã ba ngày làn gió tây nam lạnh và ẩm ướt thổi mạnh từ vịnh Phần Lan, sông Neva cuộn sóng như mặt biển. Nhiều đám đông tập trung trên bến cảng, mặc gió rét thổi rát mặt, lo lắng theo dõi con sông lồng lộn và tính đếm những vòng chỉ mực nước dâng lên, gắn xen kẽ nhau dọc theo bức tường đá granit. Một số người đứng cầu nguyên dưới chân tượng Đức Bà trước đây suýt làm Pierre Đại Đê từ bỏ ý định xây dựng thành phố hoàng gia, đã tính mức sông lên đến tầng hai các ngôi nhà. Trong thành phố ai cũng sợ hãi khi thấy nước giếng chảy mạnh, các giòng nước xuất hiện cuồn cuộn như bị một sức mạnh lạ dồn ép trong những kênh ngầm. Cuối cùng có một cái gì đó u tối tràn khắp thành phố, chỉ rõ một tai họa lớn sắp đến gần.

Chiều đến những trạm báo hiệu được bố trí gấp đôi ở khắp nơi.

Ban đêm một cơn giông tố dữ dội nổi lên. Người ta ra lệnh nâng hẳn những chiếc cầu để tàu bè vào tránh bão ở trung tâm thành phố. Cả đêm tàu ngược dòng Neva vào thả neo trước pháo đài giống như những con ma trắng.

Tôi ở nhà Louise đến nửa đêm. Cô càng lo sợ vì Bá tước Alexis được lệnh tập trung ở trại kỵ binh cận vệ. Việc phòng thủ bố trí y như khi thành phố ở trong tình trạng chiến tranh. Rời nhà cô, tôi đi một lúc trên bến cảng. Sông Neva bị khuấy động mạnh nhưng nước chưa dâng cao rõ rệt, thỉnh thoảng về phía biên có những tiếng lạ, như tiếng rên rỉ kéo dài.

Tôi trở về nhà. Trong nhà chưa ai ngủ. Một con lạch chảy trong sân, từ lâu nước đã tràn vào tầng trệt. Người ta bảo ở những chỗ khác nước toé ra, nâng cả những viên gạch. Thực vậy, đi trên đường tôi cảm thấy như nước đang chảy ngầm giữa những tảng đá nhưng không nghĩ đến nạn lụt vì chưa bao giờ tôi biết đến nó. Tôi lên căn hộ ở tầng ba rất yên ổn. Tuy nhiên ít lâu sau tôi nhận thấy những người khác bị náo động hơn bản thân tôi nên không ngủ được. Nhưng rồi quá mệt mỏi, tôi thiếp đi theo nhịp ầm ì của cơn dông bão.

Đến tám giờ sáng thì tôi thức dậy vì một tiếng súng ca nông. Tôi quàng chiếc áo mặc trong phòng và chạy lại cửa sổ. Đường phố xôn xao khác thường. Tôi vôi mặc quần áo và chạy xuống.

-Tiếng súng ca nông ấy là thế nào? – tôi hỏi một người đang mang chăn đệm lên tầng hai.

-Nước đang lên, thưa ông.

Ông ta trả lời rồi tiếp tục đi lên. Tôi xuống đến tầng trệt, nước lên đến mắt cá tuy sàn nhà vốn cao hơn mặt đường ba bậc thềm. Tôi chạy ra ngưỡng cửa ra vào, phần giữa con đường bị ngập, xe đi lại làm dồn sóng lên mặt hè đường.

Tôi thấy một chiếc xe ngựa liền gọi lại nhưng người đánh xe từ chối chở đi vì muốn nhanh chóng trở về trạm. Tôi đưa một tờ giấy bạc hai mươi rúp làm anh ta quyết định chở tôi đi. Tôi nhảy lên xe, chỉ hướng nhà Louise, đại lộ Nevski. Nước lên đến khoeo chân ngựa và cứ năm phút người ta lại bắn ca nông và bắn từng phát. Những người tôi gặp đều nói "Nước đang lên!"

Tôi đến nhà Louise. Một người lính đi ngựa đang dừng lại trước cửa. Anh được Bá tước Alexis cử phi nước đại đến nói cho cô hãy dọn lên tầng cao nhất của toà nhà để tránh hốt hoảng. Gió vừa trở hướng tây dồn nước vào sông Neva, trông như biển đang tranh chấp với sông. Người lính làm xong nhiệm vụ khi tôi bước vào nhà, anh phi ngựa về trại lính, bụng ép xuống mình ngựa, làm tung toé nước quanh mình. Súng ca nông vẫn bắn.

Tôi đến vừa đúng lúc. Louise đang sợ chết khiếp. Có lẽ sợ cho mình ít hơn cho Bá tước Alexis, vì trại lính trong khu Narva sẽ là nơi bị lụt đầu tiên. Tin tức những lính vừa đưa tới cũng làm cô yên tâm được đôi chút. Chúng tôi cùng nhau lên tầng thượng, nơi cao nhất trong nhà, bao quát được thành phố. Trong những ngày đẹp trời, ở đấy nhìn thấy biển, nhưng lúc này sương mù dày đặc, chân trời rất gần và chỉ thấy một đại dương hơi nước.

Ca nông bỗng bắn gấp gáp, ở quảng trường Amirauté chúng tôi thấy những chiếc xe chở thuê tuôn ra trên các đường phố từ mọi hướng. Những người đánh xe thấy nước ngầm tràn ra khắp nơi thì nghĩ đây là một dịp đầu cơ tốt, tập trung ở những bến đỗ thường ngày. Họ kêu lên "Nước lên! Nước lên!" thúc giục mọi người chạy lụt. Và như thế, phía sau những chiếc xe như để đuổi theo, một đợt sóng cao nhô làn nước xanh lên quá bến cảng, đập vào góc cầu Isaac, tung bọt đến tận chân tượng đài Pierre Đại Đế.

Người ta nghe một tiếng kêu sợ hãi như cả thành phố đều trông thấy làn sóng ấy. Nước sông Neva tràn bờ.

Qua tiếng kêu, tầng thượng cung điện Mùa Đông tràn đầy quân phục. Hoàng đế, Ban tham mưu lên để chỉ huy vì tai nạn mỗi ngày một cấp bách. Người ta thấy nước đã lên quá nửa tượng đài liền nghĩ ngay đến những người tù khổ sở bị giam trong các hầm song sắt trước mặt bờ sông. Chủ một chiếc thuyền được lệnh nhân danh Hoàng đế đến báo với quản trị trưởng đưa họ ra khỏi nhà tù, đến nơi an toàn hơn. Chiếc thuyền đến quá chậm, trong lúc lộn xộn người ta đã bỏ quên họ. Họ bị chết hết.

Trong lúc đó chúng tôi thấy phía trên cung điện Mùa Đông chiếc du thuyền Hoàng gia tiến lại gần để nếu cần có thể chở Hoàng đế và gia đình. Nước lúc ấy phải ngang mức lan can bến cảng. Chúng tôi thấy một người đánh xe vùng vẫy với con ngựa kéo, và hiểu rằng trên đường phố không đi lại được nữa. Người đánh xe nhảy xuống bơi lại phía một cửa sổ và được kéo lên ban công tầng hai.

Mải chứng kiến cảnh ấy, chúng tôi không nhìn về phía sông Neva. Lúc quay lại, chúng tôi thấy hai chiếc thuyền lớn trên quảng trường Amirauté. Nước lên cao đến mức thuyền đi qua những dãy lan can, Hoàng đế cho thuyền đến cứu những người sắp chết đuối. Ba chiếc khác cùng đi đến tiếp theo. Chúng tôi máy móc nhìn lại chỗ chiếc xe và con ngựa. Mái xe còn nổi nhưng con ngựa đã chìm. Vậy là mực nước trên đường phố phải cao đến sáu bộ. Súng ca nông đã ngừng bắn được một lúc, chứng tỏ lụt đã lên tới tường thành.

Lúc ấy người ta bắt đầu thấy bập bềnh những mảng nhà do sóng đưa từ ngoại ô tới. Đấy là những ngôi nhà gỗ khốn khổ của khu Narva, không trụ vững được trước cơn cuồng phong, bị bốc đi cùng với những người ở trong đó.

Một chiếc thuyền đi qua Đại lộ vớt được một người đàn ông, nhưng đã chết. Khó nói được cảm xúc của chúng tôi trước nạn nhân đầu tiên ấy.

Nước tiếp tục dâng nhanh một cách đáng sợ, ba con kênh bao quanh thành phố đổ ra đường những chiếc thuyền chở đá, cỏ khô và gỗ. Thỉnh thoảng thấy có người cố bám vào những hòn đảo nổi ấy, trèo lên chỏm ra hiệu cho thuyền đến cứu. một việc làm thật khó khăn vì sóng nước trên đường phố hoặc trong kênh đang lồng lộn dữ dội, đến nỗi trước khi thuyền cấp cứu đến nơi thì nạn nhân đã bị một làn nước cuốn đi hoặc trông thấy những người xem là cứu tinh cũng bị nhấn chìm.

Chúng tôi cảm thấy ngôi nhà mình đứng đang rung lên dưới những đợt sóng đã mấp mé tầng hai, tôi nghĩ ngôi nhà sẽ rạn nứt và những tầng trên đổ sụp xuống bất cứ lúc nào. Thế nhưng giữa cảnh ồn ào ấy Louise chỉ có một câu nói đầu miệng “Alexis! Ô! Lạy Chúa! Alexis!”

Hoàng đế tỏ vẻ thất vọng, Bá tước Miladonovitch, thị trưởng Saint-Peterbourg, ở bên cạnh Người, nhận và truyền đạt mệnh lệnh, tuy nguy hiểm đến mấy cũng được thực hiện tận tuy đến thần kỳ. Thế nhưng tin tức đưa lại mỗi lúc một thảm hại. Trong một trại lính của thành phố, cả một trung đoàn lên tránh lụt trên mái nhưng ngôi nhà sụp đổ và tất cả những người khốn khổ ấy đều biến mất. Trong lúc người ta báo cáo việc ấy với Hoàng đế, một người lính bị làn sóng kéo ra khỏi trạm gác, thấy Hoàng đế trên tầng thượng, anh đứng ngay dậy, bồng súng chào. Khi ấy một đợt sóng lật nhào, cuốn anh đi. Hoàng đế thét lên, ra lệnh thuyền đến cứu. May mắn, anh lính biết bơi, trụ được một lúc dưới nước, chiếc thuyền đến kịp đưa anh vào lâu đài.

Tất cả cuối cùng là một cảnh hỗn độn. Những chiếc thuyền đụng vào nhau vỡ toác ra, các mảnh vụn trôi giữa những mảng nhà, đồ đạc bồng bềnh, và xác người, xác súc vật. Những chiếc quan tài bị bốc lên từ các phần mộ bung ra cả những bộ xương người, một chiếc thập tự từ nghĩa trang bị cuốn qua một cửa sổ hoàng cung và được tìm thấy như một dự báo tang tóc trong phòng Nhà vua!

Nước biển dâng lên như thế trong mười hai tiếng đồng hồ. Khắp các nhà, tầng hai bị ngập và trong một khu phố nước lên đến tầng ba, nghĩa là phía trên tượng Đức Bà sáu bộ. rồi nước bắt đầu xuống vì nhờ Chúa, gió chuyển từ tây bắc sang hướng bắc và sông Neva có thể tiếp tục chảy ra biển, chỉ thêm mười hai tiếng nữa thôi thì Saint-Peterbourg và cư dân sẽ bị biến khỏi mặt đất như những thành phố cổ xưa trong ngày Đại hồng thuỷ.

Suốt thời gian ấy, Hoàng đế, Đại Quận công Nicolas, Đại Quận công Michel và thị trưởng thành phố, bá tước Milarodovitch, không hề rời khỏi tầng thượng cung điện Mùa Đông, còn Hoàng hậu thì đứng ở cửa sổ phòng mình, ném tiền vàng cho những người chèo thuyền đi cứu người.

Đến chiều, một chiếc thuyền bơi tới tầng ba nhà chúng tôi. Trước đó Louise trao đổi tín hiệu vui với người lính trên thuyền mà cô nhận ra từ bộ quân phục. Thật vậy, anh mang tin của Bá tước Alexis tới và hỏi tin tức chúng tôi. Louise viết mấy hàng bằng bút chì để Bá tước yên tâm, tôi cũng thêm vào đấy một lời nhận xét và hứa sẽ không rời cô.

Nước biển tiếp tục xuống, gió ổn định từ phương bắc. Chúng tôi từ tầng thượng xuống tầng ba và qua đêm ở đây vì không có khả năng vào tầng hai, nước đã rút đi nhưng mọi thứ đều vấy bẩn và mất mát. Những cánh cửa bị gãy, sàn nhà đầy rác rưởi.

Đây là lần thứ ba từ một thế kỷ nay Saint-Peterbourg với những lâu đài bằng gạch và những cột thạch cao bị nước đe doạ, tương xứng lạ lùng với Naples ở đầu bên kia thế giới, khi châu Âu bị hoả hoạn đe doạ.

Sáng hôm sau trên đường phố mức nước chỉ còn hai, ba bộ. Nhìn những mảnh vụn và xác người đầy rẫy, người ta có thể đánh giá được thảm hoạ. Xác những chiếc tàu được tấp lên cao bằng chiều cao nhà thờ Kazan và ở Kronstad, một chiếc thuyền với hàng trăm súng ca nông bị đẩy lên giữa quảng trường, và trước khi đến đó đã làm lật nhào hai ngôi nhà như va vào đá tảng.

Giữa cơn thù hận của Chúa, con người cũng có một sự báo thù ghê gớm.

Vào mười một giờ đêm vị bộ trưởng được Hoàng đế gọi, để cô tình nhân ở nhà, dặn khi có dấu hiệu nguy hiểm thì lên những tầng nhà trên, nước không tới được. Việc dễ dàng thôi vì nhà của bộ trưởng là một trong những ngôi nhà đẹp nhất trên đường Phục Hưng, có bốn tầng lầu.

La Gossudarina vậy là ở nhà một mình với những người nô lệ. Vị bộ trưởng tới cung điện Mùa Đông bên cạnh Hoàng đế cho đến hôm sau, nghĩa là suốt thời gian ngập lụt. Được tự do, ông trở về nhà ngay, thấy các cửa bị phá vỡ, nước lên cao mười bảy bộ, nhà hoàn toàn bỏ vắng.

Lo ngại cho cô tình nhân đẹp, bộ trưởng vào ngay phòng ngủ của cô. Cửa ra vào đóng kín, cánh cửa duy nhất trụ vững được với sóng nước, hầu hết những cửa khác đều bị bật và cuốn đi. Trước hoàn cảnh lạ lùng ấy, ông đập cửa và gọi,

tất cả đều vắng lặng, càng lo sợ hơn và sau những cố gắng lạ thường, ông phá được cánh cửa.

Xác La Gossudarina nằm ngay giữa phòng, nhưng cảnh tượng ghê gớm không chỉ do lụt, bằng chứng là thân không còn đầu.

Bộ trưởng suýt điên lên vì đau đớn, chạy ra kêu cứu ngay ở ban công mà trước đây Machnka ngồi xem hành hạ người yêu cũ của mình. Mấy người chạy đến thì thấy ông quỳ gối gần cái thân cụt đầu.

Người ta tìm trong phòng, thấy chiếc đầu bị sóng cuốn lên trên giường, gần đầu là đôi kéo to người ta dùng cắt rào vườn và dĩ nhiên là dụng cụ giết người.

Tất cả nô lệ của bộ trưởng trông thấy cảnh nguy hiểm, đều đã bỏ chạy mỗi người một phía, và đều trở về lại ngay tối hôm ấy hoặc ngày hôm sau.

Chỉ có người làm vườn không quay trở lại.

§10

Gió chuyển từ phía tây bắc về báo hiệu mùa đông đã đến. Người ta vừa tu sửa lại những thiệt hại gây ra do trận lụt vừa rút lui, lại phải đối mặt với kẻ thù đang tiến đến. Phải hối hả gấp rút hơn thời gian ngập lụt ngày 10 tháng mười một. Những chiếc tàu thoát nạn cuồng phong vội vã trở ra biển khơi để tiếp tục những nhiệm vụ của mình. Cầu tàu đã được dỡ đi và người ta chờ đợi giá lạnh đâu mùa một cách bình tĩnh hơn. Ngày 3 tháng chạp sương đông cứng lại, ngày 4 tuyết rơi và tuy mới năm, sáu độ dưới băng giá, người ta đã tổ chức vận chuyển bằng xe trượt tuyết. Một bất hạnh lớn, mọi dự trữ thực phẩm cho mùa đông bị hư hỏng vì lụt, việc vận chuyển này là để đề phòng nạn đói.

Thực thế, vận chuyển bằng xe trượt tuyết có tốc độ gần như bằng xe ngưa. Người ta đem đến thủ đô thú vật săn bắt được khắp nơi trong vương quốc, đôi khi từ một nghìn, nghìn hai dặm cách xa thủ đô. Gà gô đen, đa đa, chim trĩ, vịt trời, xếp từng lớp với tuyết trong các thùng lớn ở chợ bán rẻ như đem cho. Bên cạnh, cá hiếm Biển Đen hoặc cá sông Volga xếp trải dài trên các bàn hoặc chất thành đống. Còn thú được bày bán đứng trên bốn chân như còn sống và người ta cắt xẻ tại chỗ.

Những ngày đầu tiên Saint-Peterbourg phủ lớp áo trắng mùa đông đối với tôi là những ngày cảnh vật trông thật kỳ lạ và tất cả đều mới mẻ. Tôi đi xe trượt không biết mệt vì có một khoái cảm cao độ khi được kéo trên mặt đất nhẵn như gương, do những con ngựa vì trọng lượng chở nhẹ nhàng, hình như bay thay vì chạy. Những ngày đầu này càng thú vị vì thời tiết lạnh mùa đông đến từng tí một và nhờ áo lông thú cho nên tôi đi trong băng giá hai mươi độ mà gần như không thấy lạnh, ở mười hai độ sông Neva bắt đầu đóng băng chặt cứng.

Tôi bắt ngựa chạy nhiều đến nỗi một buổi sáng người đánh xe tuyên bố nếu tôi không để chúng nghỉ ít nhất bốn mươi tám giờ, chúng sẽ hoàn toàn không thể sử dụng được nữa. Thấy đẹp trời, tuy lạnh hơn tôi cảm nhận, tôi quyết định đi dạo, trang bị từ đầu đến chân chống lại cái lạnh giá, bọc người với một chiếc áo dài, nhấn chiếc mũ lông quá tai, quấn khăn quàng cổ, tôi đi trên đường phố, chỉ hở mỗi cái mũi ra ngoài.

Lúc đầu mọi việc suôn sẻ, thậm chí tôi ngạc nhiên vì ít có cảm giác lạnh, cười vì những câu chuyện tôi đã nghe và phấn khởi vì tình cờ đã cho tôi làm quen với thời tiết. Hơn nữa, hai người học trò tôi đến nhà, ông De Bobrinski và ông De Nariskine đều đi vắng, tôi bắt đầu cho là sự tình cờ đã làm được nhiều điều, bỗng nhận thấy những người gặp tôi ngoài đường có vẻ băn khoăn nhưng không nói gì. Rồi một ông đi qua, có vẻ lắm lời hơn, bảo tôi "Noss!" Do chẳng biết một tiếng Nga nào tôi nghĩ không cần dừng lại vì một tiếng nói và tiếp tục đi. Ở góc

đường, tôi gặp một người đánh xe trượt tuyết, đi nhanh như chớp nhưng thấy cần phải bảo tôi nên kêu lên "Noss! Noss!" Cuối cùng đến quảng trường Amirauté tôi đối diện với một người nông dân, người này không nói gì nhưng bốc một nắm tuyết và lao vào người tôi, trước khi tôi kịp gỡ ra, anh ta đã bôi tuyết khắp mặt tôi, đặc biệt xát mạnh vào mũi. Tôi thấy trò đùa khá kỳ cục, nhất là vào thời tiết như thế này, nên rút một tay trong túi áo ra và đấm mạnh một cái làm anh ta lăn ra cả mười bước. Không may hay còn gọi là may mắn cho tôi, có hai người nông dân đi qua lúc đó nhìn tôi một lúc rồi lao vào giữ chặt cánh tay tôi còn người điên khùng kia lại nhặt một nắm tuyết khác, lại lao vào. Lần này, nhân lúc tôi không thể tự vệ được, lại xát tuyết vào mặt, mũi tôi. Đôi tay bị giữ chặt nhưng miệng còn hét được, tôi dồn dập kêu cứu. Một viên sĩ quan chạy tới, nói tiếng Pháp hỏi tôi có chuyện gì.

-Thế nào? – tôi nói to và dùng chút sức lực cuối cùng vùng ra khỏi ba người bình tĩnh nhất trần đời đang tiếp tục đi con đường của họ – Thưa ông, ông không thấy những người lạ lùng kia đã làm gì tôi ư?

-Họ làm gì ông vậy?

-Họ lấy tuyết xát vào mặt tôi. Ông có thấy như vậy là một trò đùa hay không, nhất là vào thời tiết như thế này?

-Nhưng, thưa ông, họ giúp ông một việc vô cùng lớn đấy.

-Thế là sao?

-Chắc chắn lỗ mũi của ông đã bị đóng băng.

-Trời ơi! – tôi kêu lên và đưa tay lên sờ chỗ bị đe doạ.

-Thưa ông – một người qua đường nói với viên sĩ quan – lỗ mũi của ông sắp bị đóng băng đấy!

-Cám ơn – viên sĩ quan nói như được báo trước một điều tự nhiên nhất. Anh ta cúi xuống bốc một nắm tuyết và tự làm công việc mà người nông dân đã giúp tôi và bị tôi trả ơn một cách tàn nhẫn.

-Có nghĩa là, thưa ông, nếu không có người ấy…

-Ông sẽ không còn mũi – viên sĩ quan nói tiếp vừa xem xét mũi của mình.

-Thế thì, ông cho phép…

Và tôi chạy theo người nông dân, anh ta nghĩ tôi đuổi đánh nên cũng bắt đầu chạy. Dĩ nhiên sợ hãi nhanh nhẹn hơn biết ơn, tôi chắc sẽ không đuổi kịp anh ta nếu không có mấy người tưởng anh ta là kẻ cắp chặn đường lại. Khi tôi tới nơi, tôi thấy anh đang hăng hái giải thích mình chỉ phạm tội vì quá thương người, tôi tặng anh mười rúp để anh hiểu sự biết ơn của tôi. Người nông dân hôn tay tôi, một trong những người chứng kiến nói được tiếng Pháp bảo tôi từ nay chú ý hơn để bảo vệ mũi. Lời đề nghị ấy thật ra là thừa vì suốt quãng đường còn lại, tôi không quên nó.

Tôi tới phòng tập của ông Siverbruk, gặp ông Gorgoli như đã hẹn và kể với ông cuộc phiêu lưu vừa qua như một việc rất khác thường. Ông hỏi không có ai bảo gì trước khi người nông dân làm việc ấy sao. Tôi trả lời có hai người đi qua đường nhìn tôi và kêu "Noss! Noss!" Ông liền bảo "Thế là người ta bảo ông giữ gìn mũi. Đấy là cách nói bình thường, lần sau nhớ đề phòng."

Ông De Gorgoli nói đúng và không phải chỉ ở Saint-Peterbourg là đáng sợ nhất cho mũi và đôi tai. Nếu mình không cảm thấy chúng bắt đầu đóng băng thì người qua đường đầu tiên sẽ trông thấy và hầu như bao giờ cũng báo với mình đúng lúc để tránh bị hại. Nhưng khi không may bị lạnh ở phần nào đó trong người dưới lớp quần áo, người ta không báo trước được, mình chỉ cảm thấy tê cóng ở phần bị hại và lúc ấy đã là quá chậm. Mùa đông năm trước, một người Pháp tên là Pierson, thư ký một nhà băng của Paris, là nạn nhân của sự cố này do thiếu đề phòng.

Ông Pierson đi từ Pháp áp tải đến Saint-Peterbourg một khoản tiền lớn cho chính phủ Nga vay theo thoả thuận. Từ Pháp ra đi thời tiết đẹp nên không phòng bị chống lạnh. Đến Riga ông ấy thấy vẫn còn chịu đựng tốt nên không mua áo choàng, khăn quàng lông thú, ủng lót len, vv. Đi quá Revel ba dặm, bông tuyết bắt đầu rơi dày đặc, người đánh xe mất phương hướng, làm lọt xe xuống một hố sũng nước. Hai người không nâng nổi xe lên, phải chạy đi tìm người giúp. Người đánh xe cởi tháo một con ngựa, phóng nhanh vào thành phố gần nhất. Ông Pierson thấy đêm xuống sợ mất trộm, không dám rời khoản tiền mà ông phải áp tải. Tối đến tuyết ngừng rơi, gió chuyển hướng bắc, giá lạnh xuống đến hai mươi độ. Ông biết là nguy hiểm bắt đầu bước đi chung quanh chiếc xe, cố chống lại gió rét. Sau ba giờ chờ đợi, người đánh xe trở lại với người, ngựa, nâng chiếc xe lên, và nhờ có thêm ngựa, ông Pierson đi nhanh đến thành phố đầu tiên và dừng lại. Người trưởng trạm chỗ lấy thêm ngựa lo lắng chờ đợi vì biết trong lúc người đánh xe lấy ngựa đi vào thành phố, ông Pierson ở trong hoàn cảnh như thế nào. Khi ông này xuống xe, câu hỏi đầu tiên là ông có bị băng giá không. Ông Pierson trả lời có lẽ không vì ông đã không ngừng đi lại, hy vọng cử động chống được giá lạnh. Ông cởi khăn trùm mặt, giơ tay ra, không hề hấn gì.

Tuy vậy ông cảm thấy rất mệt mỏi và sợ rằng nếu tiếp tục đi trong đêm có thể xảy ra sự cố như vừa rồi cho nên ông bảo sửa soạn giường nằm, uống một ly vang nóng và ngủ thiếp đi.

Hôm sau tỉnh giấc, ông muốn đứng dậy nhưng hình như bị đóng chặt vào giường. Khó khăn giơ một cánh tay kéo chuông gọi người tới, nói rõ tình trạng của mình như bị bại liệt hoàn toàn. Thầy thuốc đến bỏ chăn ra thấy chân người bệnh tái ngắt và điểm chấm đen: bệnh hoại thư đã bắt đầu. Thầy thuốc thông báo ngay với người bệnh là cần phải cắt cụt chân.

Dù phương pháp ấy thật ghê rợn, ông Pierson cũng phải chấp nhận. Thầy thuốc cho đi lấy dụng cụ cần thiết nhưng trong lúc đang chuẩn bị, người bệnh bỗng nhiên phàn nàn đôi mắt nhìn yếu đi, không còn trông rõ mọi vật chung quanh nữa. Người thầy thuốc lo sợ căn bệnh có thể nặng hơn ông tưởng nên tiến hành một cuộc chẩn đoán mới và nhận thấy thịt ở sống lưng đã bắt đầu bị huỷ hoại. Thay vì thông báo cho ông Pierson sự phát hiện ghê gớm mới, ông trấn an, cho ông này biết tình trạng không đáng ngại như lúc đầu, chứng cứ là ông rất cần được ngủ. Người bệnh trả lời quả thực ông muốn ngủ thiếp đi. Mười phút sau ông ngủ và mười lăm phút sau nữa ông tắt thở.

Nếu người ta nhận biết ngay lúc đó là trong người ông có những chỗ bị băng giá, và ngay lúc đó lấy tuyết chà xát như người nông dân Nga xát tuyết vào mũi tôi, ông Pierson hôm sau đã có thể lên đường được như không có chuyện gì xảy ra.

Đấy là một bài học cho tôi và để tránh cho những người qua đường bất ngờ phải giúp tôi, mỗi khi đi ra ngoài tôi mang theo một chiếc gương nhỏ trong túi, mỗi mười phút tôi lấy ra soi xem mũi mình một lần.

Cuối cùng không đầy tám ngày, Saint-Peterbourg đã khoác chiếc áo mùa đông. Sông Neva đóng băng, người ta đi qua lại các phía, đi bộ hoặc đi xe. Khắp nơi đầy những xe trượt tuyết, Đại lộ trở thành một loại cánh đồng, nhà thờ đốt lò sưởi vào buổi tối, trước các rạp hát, các đống lửa lớn cháy lên trong những vòng tường bao xây làm nơi cho những người hầu ngồi đợi chủ. Còn những người đánh xe thường được các ông lớn thương hại cho họ về nhà, hẹn giờ trở lại đón. Khốn khổ hơn cả là binh lính và những người đứng gác, không có đêm nào người ta không nhặt được vài người chết cóng.

Tuy vậy rét lạnh càng tăng lên và đến một mức nào đó người ta thấy những đàn sói vào quanh vùng Saint-Peterbourg. Một buổi sáng người ta thấy một con đi qua lại như một con chó thường ở khu La Fonderie. Con vật khốn khổ không có vẻ đe doạ lắm và cho tôi cảm giác nó đến xin ăn hơn là có ý định dùng sức mạnh, người ta dùng gậy đánh chết nó.

Buổi tối khi tôi kể chuyện này có mặt Bá tước Alexis, ông nói với tôi hôm sau nữa sẽ có một cuộc săn gấu lớn trong rừng cách Moscou mười hoặc mười hai dặm. Cuộc đi săn do ông Nariskine, một người học trò của tôi, chỉ huy. Bá tước nói sẽ chuyển nguyện vọng muốn tham gia cuộc đi săn của tôi với cả đoàn. Hôm sau tôi nhận được một giấy mời với một tờ chương trình, không phải của một buổi lễ mà của trang phục, một bộ quần áo lông thú phía bên trong và một loại mũ da trùm xuống đến vai, người đi săn tay phải trang bị một bao da, cầm một dao găm. Với con dao này, anh ta dùng tấn công con gấu khi giáp lá cà và hầu như bao giờ anh cũng giết nó bằng nhát đầu tiên.

Chi tiết về cuộc đi săn làm tôi thấy giảm hăng hái đi một phần, nhưng đã tiến rồi, tôi không lùi lại được nữa và phải chuẩn bị đủ thứ đồ: mua quần áo, mũ, dao găm để còn thử ngay tối hôm ấy và đỡ lúng túng trong trang bị rườm rà.

Tối tôi đến chơi nhà Louise khá muộn, quá nửa đêm mới về nhà và bắt tay vào tập dượt với bộ quần áo. Tôi đặt chiếc gối dài lên một chiếc ghế, nhảy tới đâm vào chỗ đã đánh dấu tương ứng với xương sườn thứ sáu của con gấu. Bỗng một tiếng động lớn ở lò sưởi làm tôi ngắt quãng việc đang làm. Tôi chạy lại phía ấy, nhìn qua cửa đã đóng (ở Saint-Peterbourg ban đêm cửa lò sưởi cũng đóng như hầm lò), thấy một vật không trông rõ hình thù, sau khi xuống ngang tấm bản lò sưởi lại lên ngay. Tôi nghi ngờ đấy là tên trộm theo ống khói vào nhà, trông thấy tôi chưa đi ngủ nên rút lui. Sau nhiều lần hỏi "Ai đấy?" không có người trả lời, tôi càng tin như vậy. Kết quả sau khi đứng đề phòng gần nửa giờ không nghe tiếng gì khác nữa, tôi cẩn thận chặn cửa lò sưởi, đi nằm và ngủ thiếp đi.

Mới nằm khoảng mười lăm phút, giữa giấc ngủ, hình như tôi nghe có tiếng bước chân ngoài hành lang. Đang khó hiểu về câu chuyện lò sưởi, tôi giật mình tỉnh dậy và lắng nghe. Không nghi ngờ gì nữa, có ai đi qua đi lại trước cửa phòng tôi gây tiếng động trên sàn tuy hình như đã cố gắng giữ thật êm nhẹ. Chẳng mấy chốc những bước chân ấy dừng lại trước cửa phòng tôi rụt rè, chắc để đoán chừng tôi đã ngủ chưa. Tôi với tay tới chiếc ghế để các đồ trang bị vừa cởi bỏ, lấy mũ đội vào đầu và tay cầm con dao găm chờ.

Một lúc sau nghe có tiếng cho tay vào vặn khóa, cánh cửa mở ra và qua ánh sáng chiếc đèn xách tay để ngoài hành lang, tôi trông thấy một sinh vật kỳ lạ tiến vào trong bóng tối, có lẽ đeo mặt nạ. Tôi nghĩ ngay phải cảnh báo hắn thay vì chờ đợi nên trong lúc hắn táo bạo bước lại lò sưởi chứng tỏ đã quen chỗ, tôi nhảy ngay xuống giường, nắm cổ họng, gí dao vào ngực hỏi hắn là ai và muốn gì. Nhưng rất ngạc nhiên, chính đối thủ của tôi kêu lên và hình như gọi người đến cứu. Muốn biết rõ người này thế nào, tôi chạy ra hành lang cầm chiếc đèn vào soi cho rõ, tuy rất nhanh nhưng cũng đủ để tay trộm của tôi biến mất như có phép lạ, tôi nghe có tiếng sột soạt phía trong lò sưởi, chạy lại đấy thì thấy người kia đi rất nhanh, chứng tỏ đã quen đi lại đường ấy. Tôi đứng ngẩn người.

Trong lúc ấy một người ở bên cạnh nghe tiếng động ghê gớm tôi gây ra đã bước vào phòng tôi vì nghĩ có người ám sát tôi, thấy tôi đang đứng, mặc áo ngủ, một tay cầm đèn, tay kia cầm dao găm, đầu đội mũ lông. Câu đầu tiên hỏi là tôi điên rồi chăng?

Để chứng minh mình rất tỉnh táo và thậm chí gợi lên sự dũng cảm của mình, tôi kể câu chuyện vừa xảy ra. Người hàng xóm phá lên cười, tôi đã chiến thắng một người thợ cạo ống khói! Tôi còn muốn không tin nhưng đôi tay, áo ngủ và cả mặt tôi nữa dính đầy bồ hóng đã chứng minh ông nói thật. Người hàng xóm giải thích làm tôi không còn nghi ngờ gì nữa.

Thật vậy, người nạo ống khói ở Saint-Peterbourg, một nhân vật tối cần thiết, ít nhất cứ mười lăm ngày một lần, anh đi kiểm tra từng nhà. Có điều công việc phải làm vào ban đêm, vì nếu ban ngày người ta mở những đường ống vào hầm lò, hoặc dập tắt lửa ở lò sưởi, rét lạnh sẽ vào trong nhà. Vậy là buổi sáng người ta đóng cửa các hầm lò ngay sau khi đốt lửa và đóng ống khói vào buổi chiều ngay sau khi tắt lửa. Những người nạo ống khói được chủ nhà thuê, trèo lên mái, thậm chí không cần thông báo với chủ nhà, thòng xuống ống khói một bó que gai, giữa là một hòn đá to, nạo vét ống với loại chổi ấy đến hai phần ba chiều cao của ốn. Phần trên xong rồi, họ làm đến phần dưới ống. Những người đã quen hoặc được báo trước không hề bận tâm đến công việc này. Không may người ta quên không cho tôi biết và người thợ nạo ống khói lần đầu tiên vào nhà tôi làm việc suýt nữa trở thành nạn nhân.

Hôm sau có chứng cứ người hàng xóm nói thật. Bà chủ nhà vào bảo tôi có người ở dưới nhà đòi tôi trả lại chiếc đèn.

Ba giờ chiều Bá tước đến đón tôi cùng đi xe trượt tuyết. Đó hoàn toàn là một chiếc thùng với hai chỗ ngồi rất đẹp trên bàn trượt và chúng tôi lướt nhanh đến nơi hẹn. Đó là một ngôi nhà nông thôn của ông Nariskine, cách Saint-Peterbourg mười, mười hai dặm, ở giữa rừng. Chúng tôi đến vào lúc năm giờ, thấy hầu hết những người đi săn đều đã có mặt. Một lúc sau tập họp đầy đủ và người ta thông báo bữa ăn tối đã được chuẩn bị xong. Phải thấy một bữa ăn thịnh sọan ở nhà một ông chủ lớn ở Nga mới có khái niệm sự sang trọng của các bữa ăn có thể lên đến mức nào. Chúng tôi đang ở giữa tháng chạp và điều đầu tiên đập vào mắt tôi giữa những gì phủ đầy bàn là một cây anh đào rất đẹp đầy trái như ở Pháp vào cuối tháng Năm. Chung quanh cây này, cam, dứa, vả, nho chất theo hình chóp, có đầy đủ thức ăn tráng miệng thường tìm được ở Paris trong tháng Chín. Tôi chắc chắn chỉ riêng bữa tráng miệng cũng đã trị giá hơn ba nghìn rúp.

Chúng tôi ngồi vào bàn. Ở thời kỳ ấy ở Saint-Peterbourg có phong tục rất tốt là người hầu bàn cắt, chặt thức ăn và thực khách tự rót nước uống. Kết quả, những người Nga vốn uống nhiều nhất thế giới, giữa những khách ăn khá rộng chỗ có năm chai rượu vang khác nhau, những thổ sản đặc biệt, còn thịt là loại bê Archangel, bò Ukraine, còn thú rừng các loại được đưa từ khắp nơi tới.

Sau đợt phục vụ đầu, người đầu bếp trưởng bước vào, tay bưng chiếc khay bạc trên là hai con cá sống. Tất cả khách đều kêu lên thán phục; đấy là những con cá tầm, loại cá chỉ bắt được ở sông Volga, mà đoạn sông gần Saint-Peterbourg nhất cũng khoảng ba trăm năm mươi dặm. Phải đục thủng băng ở trên sông, câu cá dưới lớp nước sâu, rồi mất năm ngày năm đêm đi đường, rồi phải cho chúng vào một chiếc xe đóng kín, giữ nhiệt độ không cho nước đóng băng.

Vì vậy mỗi con cá trị giá tám trăm franc, hai con là hết một nghìn sáu trăm francs. Potemkine trí óc tuyệt diệu cũng không thể làm hơn được!

Mười phút sau chúng xuất hiện lại trên bàn ăn nhưng lần này được nấu ngon đến mức tất cả những lời khen dành cho người chủ tiệc đặt câu cá và người đầu bếp đã chế biến.

Tiếp đó là rau trồng sớm, đậu Hà Lan, măng tây, đậu đũa, tất cả theo hình thức muốn trình bày nhưng mùi vị tổng hợp và có nước đã chống lại hình thức.

Người ta chỉ rời phòng ăn để sang phòng khách đã sắp đặt các bàn chơi đánh bài. Tôi không đến nỗi nghèo, cũng không quá giàu để ham mê cách giải trí ấy nên chỉ nhìn người khác chơi. Đến nửa đêm, nghĩa là vào giờ tôi đi ngủ, bên này và bên kia đã mất đến ba trăm nghìn rúp.

Hôm sau, vừa mờ sáng, người ta đã đánh thức tôi dậy. Đám thợ săn đã phát hiện được năm con gấu đang loanh quanh trong rừng chu vi khoảng một dặm. Tôi nghe được tin ấy và hơi run, tuy người ta tưởng tôi rất hăm hở. Dù dũng cảm đến mấy, bao giờ cũng hơi lo ngại khi lần đầu tiếp xúc với một địch thủ không quen biết.

Tôi không kém hăng hái mặc bộ quần áo săn vào. Như cùng tham gia vào ngày hội, mặt trời lên đẹp và nhiệt độ dịu đi. Vào giờ buổi sáng này nhiệt độ có thể là mười lăm độ, đến trưa có khi chỉ còn bảy, tám độ.

Tôi xuống nhà và thấy những người đi săn đã sẵn sàng và trong bộ đồng phục, thật khó nhận ra nhau. Xe trượt tuyết đang chờ, chúng tôi lên xe và mười lăm phút sau đã đến điểm hẹn.

Đây là một ngôi nhà của nông dân Nga khá vững chãi, tất cả đều làm bằng gỗ đẽo bằng rìu, và mỗi người chúng tôi cung kính chào ông chủ khi vào nhà theo phong tục. Bữa ăn sáng bổ dưỡng đang chờ, tất cả chúng tôi đều tham gia nhưng ngược lại với thói quen, không ai uống rượu. Người ta không được say trước một trận đấu và buổi săn hôm nay của chúng tôi là một cuộc đấu tay đôi thật sự. Cuối bữa ăn, người thợ săn xuất hiện trước cửa, muốn nói là đã đến lúc lên đường. Ra đến cửa, người ta đưa cho chúng tôi mỗi người một khẩu cạc bin đã lắp đạn phải đeo vào người nhưng chỉ được sử dụng khi gặp nguy hiểm. Ngoài ra mỗi người nhận năm sáu mảnh sắt tây sẽ vứt cho gấu, tiếng vang và màu sáng chói sẽ kích thích con vật.

Đi được một trăm bước chúng tôi đến bờ rào, có đội nhạc của ông De Nariskine bao quanh, cũng như ban nhạc tôi đã nghe trên sông Neva vào mùa hè. Mỗi người cầm trên tay chiếc kèn và sẵn sàng bấm nốt. Cả vùng rào bị bao quanh như thể để những con gấu xuất hiện ở bất kỳ phía nào cũng đều bị đẩy lùi vì tiếng nhạc. Xen giữa mỗi nhạc công có một người thợ săn, người hầu hoặc một người nông dân cầm súng chỉ nạp thuốc súng, phòng hờ bắn trúng vào chúng tôi; tiếng súng bắn tiếp với tiếng nhạc nếu gấu muốn tấn công. Chúng tôi vượt qua hàng người ấy vào trong hàng rào.

Ngay lúc ấy cảnh vật khu rừng hài hoà tác động đến chúng tôi như nhạc quân hành tác động đến quân lính lúc ra trận, làm bản thân tôi cũng tràn đầy hăng hái mặc dù trước đó năm phút tôi không nghĩ mình sẽ được như thế.

Tôi được xếp ở giữa người thợ săn của ông De Nariskine – người sẽ tham gia tấn công – và Bá tước Alexis vì tôi còn thiếu kinh nghiệm. Tôi đã hứa với Louise sẽ trông chừng Bá tước nhưng ngược lại ông đã trông chừng giúp đỡ tôi. Bên trái ông là Hoàng thân Nikita Mouravieff luôn hợp tác chặt chẽ với ông và bên kia Hoàng thân tôi còn nhận ra ông De Nariskine. Xa hơn nữa thì tôi không trông thấy gì.

Chúng tôi đi được chừng mười phút thì những tiếng kêu "medvede, medvede" vang lên, kèm theo vài tiếng súng. Một con gấu nghe tiếng kèn chắc đã xuất hiện ở bìa rừng và bị thợ săn đuôi theo. Hai người bên cạnh giơ tay ra hiệu cho tôi dừng lại và mỗi chúng tôi đều vào thế phòng thủ. Một lúc sau nghe trước mặt có tiếng sột soạt trong bụi cây và một tiếng gầm. Tôi thú nhận tiếng ấy có vẻ như lại gần tôi, cảm thấy mồ hôi toát ra trên trán mặc dù trời rất lạnh. Nhìn quanh thấy hai người bên cạnh tỏ ra vững vàng nên tôi cũng định thần lại được. Trong lúc này con gấu lộ ra, đầu và nửa người vượt quá một bụi cây gai giữa tôi và Bá tước Alexis.

Động tác đầu tiên của tôi là thả con dao găm và nắm lấy khẩu súng. Con gấu ngạc nhiên, lần lượt nhìn chúng tôi và có vẻ chưa biết nên tiến lại phía người nào, nhưng Bá tước không để cho nó có thì giờ chọn lựa. Cho rằng tôi có thể vụng về, ông kéo con thú về phía mình, ông bước lên thêm mấy bước tới một chỗ trống để dễ hoạt động, ném vào mũi con gấu một mảnh sắt tây. Con gấu nhảy ngay đến, rất nhanh, nhưng không ngờ lại vồ phải mảnh sắt, nó bẻ cong lại, miệng gầm gừ. Bá tước bước lên thêm một bước gần nó và ném ra mảnh sắt thứ hai. Con gấu chụp lấy như một chó đớp khúc cây người ta quăng cho nó, và nhai ngấu nghiến. Để làm cho nó thêm tức giận, Bá tước ném mảnh sắt thứ ba. Lần này như cảm thấy điên tiết vì vồ phải vật vô tri, nó để mảnh sắt rơi xuống bên cạnh, ngoảnh lại phía Bá tước và gầm lên một tiếng ghê gớm, nhảy tới phía trước mấy bước. Người và thú cách nhau chỉ chừng một chục bộ. Bá tước rít lên một tiếng còi lanh lảnh; nghe tiếng còi con gấu đứng lên ngay trên đôi chân sau. Đây chính là lúc Bá tước chờ đợi. Ông lao vào con thú đang giơ hai chân trước chồm lên, nhưng ngay trước khi nó có thì giờ ôm chặt vào người, nó kêu lên một tiếng đau đớn, lùi ba bước, lảo đảo như người say và ngả xuống chết. Lưỡi dao đâm thấu tim nó.

Tôi chạy đến chỗ Bá tước hỏi xem ông có bị thương tích gì không, ông bình tĩnh, lạnh lùng như vừa cắt đùi một con sóc. Tôi không hiểu gì về sự can đảm ấy; chỉ chứng kiến cuộc đấu ấy mà đã run cả người.

-Ông hãy xem xét nên làm thế nào để săn một con gấu – Bá tước bảo tôi – Cũng chẳng khó khăn gì lắm. Hãy giúp tôi lật con thú, tôi để lưỡi dao ở chỗ đâm nó để dạy cho ông một bài học.

Con gấu đã chết hẳn. Chúng tôi vần nó thật nặng nề vì nó cũng đến bốn trăm ký lô, và là loại gấu đen to lớn. Lưỡi dao găm đâm vào ngực đến tận cán. Bá tước rút ra, nhúng lưỡi vào tuyết hai ba lần để rửa sạch. Trong lúc ấy chúng tôi lại nghe tiếng kêu, thấy qua cành lá người săn bên trái ông De Nariskine đang quần nhau với một con gấu. Cuộc đấu hơi lâu nhưng cuối cùng con thú cũng ngã xuống như con thứ nhất.

Chiến thắng đồng thời ấy làm tôi phấn khích, máu nóng trong người xua tan mọi sợ hãi. Tôi cảm thấy mạnh như Hercule và mong muốn được thử thách.

Cơ hội không phải chờ lâu. Chúng tôi vừa đi qua chỗ xác hai con gấu vài trăm bước chân, tôi nghi trông thấy phần trên một con gấu chưa ra khỏi hang giữa hai tảng đá. Để xác định chính xác, tôi mạnh dạn ném một mảnh sắt. Bằng chứng đã rõ ràng; con gấu nhe hai hàm răng trắng như tuyết, gầm lên một tiếng. Nghe tiếng gầm, người bên phải bên trái tôi dừng lại, nắm sẵn súng cạc bin phòng giúp tôi khi cần thiết vì họ thấy con gấu này dành cho tôi.

Thấy họ nắm súng, tôi nghĩ nên sử dụng súng của mình, vả lại tôi tin tưởng vào khẩu súng hơn lưỡi dao. Tôi dắt dao vào thắt lưng, cầm súng, lấy hết can đảm nhắm vào con thú. Nó cũng không động đậy và đến khi đầu nòng súng chĩa đúng vào con gấu, tôi bóp cò, viên đạn bay đi.

Cùng lúc ấy vang lên một tiếng gầm lớn, con gấu đứng lên, vung vẩy một chân trước còn chân kia gẫy từ vai, lòng thòng theo thân hình. Đồng thời tôi nghe hai người bên cạnh hô lớn "Cẩn thận!" Con gấu như tỉnh lại sau phút kinh hoàng ban đầu, lao thẳng vào tôi nhanh đến nỗi tôi chỉ kịp rút dao găm ra. Con vật hung dữ chồm vào trước mặt tôi, miệng đầy máu. Tôi dùng hết sức đâm một phát ghê gớm nhưng gặp phải xương sườn, con dao chệch đi, cảm thấy chân nó như một quả núi đặt lên vai, tôi nắm chặt hai tay vào cổ nó theo bản năng và ra sức đẩy mặt nó ra xa khỏi mình. Hai phát súng vang lên. Tôi nghe đạn rít và một tiếng đập mạnh. Con gấu kêu thét lên đau đớn và đổ sập vào người tôi. Tôi dỗn sức đỡ và nhảy sang một bên, thoát nạn. Tôi đứng ngay dậy, tư thế tự vệ nhưng vô ích, con gấu đã chết, bị một viên đạn của Bá tước Alexis sau tai và một viên đạn khác của người thợ săn vào vai. Còn tôi người dính đầy máu nhưng không có một vết thương nào.

Mọi người chạy tới vì biết tôi đối mặt với một con gấu, ai cũng sợ tôi gặp điều chẳng lành. Thấy tôi đứng vững bên cạnh kẻ thù đã chết, ai cũng mừng.

Chiến thắng của tôi tuy có phần chia xẻ nhưng không ít vinh dự vì không đến nỗi quá kém đối với một người mới tham dự lần đầu. Con gấu bị gãy vai vì viên

đạn của tôi và ngọn dao tuy có chệch đường nhưng cũng đã đâm lên đến họng của nó; vậy là tay tôi dù ở xa hay gần đều không run.

Hai con gấu khác được nhận thấy trong vùng rào đã vượt qua những người thợ săn và nhạc công đứng chặn, cuộc săn thế là kết thúc. Người ta kéo xác gấu ra tận đường, lột da rồi cắt bốn chân được xem là phần ngon nhất sử dụng trong bữa ăn tối.

Chúng tôi trở về lâu đài trong chiến tích. Mỗi người trở về phòng mình tắm nước thơm và suốt nửa ngày nằm trong chăn đệm ấm không phải làm một việc gì. Rồi chuông báo giờ xuống phòng ăn.

Bữa tối thịnh soạn không kém gì hôm qua, món cá tầm được thay thế bằng chân gấu. Chính những người thợ săn chuẩn bị không có bàn tay của người đầu bếp, nướng trong lò than hồng đào dưới đất và không gia giảm gì. Khi nhìn thấy loại than biến dạng, đen thui ấy, tôi cảm thấy không thích lắm món thức ăn này. Người ta vẫn chuyển một chân gấu cho tôi như những người khác, quyết định theo gương đến cùng, tôi dùng đầu nhọn con dao ăn gỡ lớp vỏ cháy bên ngoài, bên trong là một lớp thịt hoàn toàn chín. Đây là một trong những loại thức ăn ngon ngọt nhất.

Trở lại chiếc xe trượt tuyết của mình, tôi thấy tấm da con gấu của tôi mà ông De Nariskine lịch sự cho mang tới.

§11

Chúng tôi trở lại Saint-Peterbourg vào lúc đang chuẩn bị đón ngày lễ lớn: ngày đầu năm cho toàn dân và ngày chúc phúc nước uống, hoàn toàn của tôn giáo.

Ngày đầu năm theo phong tục người Nga gọi Hoàng đế là "cha", Hoàng hậu là "mẹ". Hai mươi lăm nghìn vé phân phối như bất kỳ trên đường phố Saint-Peterbourg và hai mươi lăm nghìn khách mời ngay tối hôm ấy được vào cung điện Mùa Đông.

Một số lời đồn thổi ghê gớm lan ra. Người ta nói năm sẽ bỏ lệ tiếp dân vì có tin về những vụ mưu sát tuy cảnh sát Nga không nói gì. Vẫn là âm mưu trước đây tuy có thời gian lui vào bóng tối. Nhưng rồi những tò mò lo sợ tan biến. Hoàng đế đã nói với ông đứng đầu ngành cảnh sát rằng Người vẫn muốn tổ chức như thường lệ, tuy rằng việc hóa trang sẽ giúp dễ dàng cho kế hoạch hành thích. Theo lệ cũ trong buổi dạ hội này đàn ông đều phủ kín người. Có điều đáng để ý ở Nga là ngoài những âm mưu trong gia đình, nhà vua chỉ sợ những ông lớn, vừa là giáo chủ vừa là Hoàng đế thừa kế từ dòng dõi Cesar, là những người kế vị ở phương Đông rất linh thiêng đối với dân chúng.

Vì vậy người ta nói Alexandre có thể tìm ra thích khách trong giới quý tộc từ trong hoàng cung cho đến đội cận vệ. Người ta biết điều đó, it ra là người ta đã nói thế nhưng trong những bàn tay đưa ra với Hoàng đế, không ai phân biệt được tay bạn hay tay thù. Chỉ có chờ đợi và tự uỷ thác cho Chúa; Alexandre đã làm như vậy.

Ngày đầu năm đến. Vé vào được phân phối như thường lệ. Tôi một mình có đến mười vé vì các học trò sốt sắng muốn cho tôi xem lễ hội dân tộc này, rất thú vị đối với một người nước ngoài. Đến bảy giờ tối, các cửa của cung điện Mùa Đông rộng mở.

Sau các lời đồn, tôi nghĩ các đại lộ quanh cung điện chắc dày đặc quân lính, tôi quá ngạc nhiên khi thấy không một lưỡi lê nào được tăng cường, chỉ những lính gác như bình thường vào vị trí, bên trong cung điện thì không có bảo vệ

Người ta đoán đây sẽ là hoạt động ồ ạt của một đám đông ùa vào cung điện rộng lớn như Les Tuileries, vậy mà ở Saint-Peterbourg, lòng tôn kính Hoàng đế đã ngăn được sự lộn xộn ồn ào. Thay vì ai kêu to được thì kêu, mỗi người như thấm nhuần sự thấp kém của mình và ân huệ người trên ban cho, nói với người bên cạnh "Đừng làm ồn, đừng làm ồn."

Trong lúc dân chúng vào cung điện, Hoàng đến ngồi trong gian phòng Saint-Georges, gần Hoàng hậu, chung quanh là các ông bà Đại Quận công, và tiếp đoàn ngoại giao. Rồi các gian phòng khách đầy những ông lớn và nông dân, những bà

hoàng và thôn nữ. Cửa phòng Saint-Georges mở ra, nhạc tấu vang. Hoàng đế đưa tay với nước Pháp, nước Áo, hay nước Tây Ban Nha qua đại diện là các bà đại sứ rồi đi ra cửa. Mọi người lùi lại, dồn chân, đám đông tách ra và Nga hoàng đi qua.

Người ta bảo đây là lúc chọn thời điểm mưu sát, phải thú nhận là cũng dễ thực hiện.

Những lời đồn khiến tôi tò mò nhìn Hoàng đế, nghĩ rằng mình sẽ gặp một khuôn mặt buồn tôi đã trông thấy ở Tsarskoï Selo. Tôi rất ngạc nhiên thấy ngược lại; có lẽ chưa bao giờ Người cởi mở và tươi cười như thế. Thực ra đấy là phản ứng chống lại mối nguy hiểm lớn mà Hoàng đế Alexandre đã biết sự thanh thản giả tạo ấy đã được thể hiện ở buổi khiêu vũ tại Đại sứ quán Pháp, chỗ ông De Caulaincourt và lần kia trong một lễ hội ở Zakret, gần Vilna.

Ông De Caulaincourt tổ chức một cuộc khiêu vũ mừng Hoàng đế. Đến nửa đêm, nghĩa là khách nhảy đến đông đủ nhất, người ta đến báo là ngôi nhà bắt lửa. Nhớ lại buổi khiêu vũ của Hoàng thân Schwartzenberg bị ngắt quãng vì sự cố tương tự, gây ra bao hậu quả tai hại vì nỗi sợ hãi hơn là tai nạn, Quận công De Vicence muốn tự mình xem xét, đặt ở mỗi cửa một tuỳ tùng, ra lệnh không để người nào ra ngoài, và đến gần Hoàng đế nói nhỏ: -Tâu Bệ hạ, lửa cháy trong nhà, tự tôi phải đi xem sao, không nên để ai biết trước khi biết rõ tính chất và sự nguy hiểm. Tuỳ tùng của tôi đã được lệnh chỉ để Bệ Hạ, các Điện hạ, các ông bà Đại Quận công đi ra. Nếu Bệ hạ muốn rút lui cũng được nhưng xin lưu ý với Bệ hạ rằng không nên tin có lửa khi chưa trông thấy những phòng khách bốc cháy.

-Tốt đấy – Hoàng đế nói – ông đi đi, tôi ở lại.

Ông De Caulaincourt chạy lại chỗ người ta vừa báo đã bị cháy. Như ông đã dự kiến, mối nguy hiểm không lớn như người ta sợ lúc đầu, lửa được những người hầu hợp sức lại dập tắt. Viên đại sứ trở lại ngay phòng khách, thấy Hoàng đế đang nhảy một điệu polonaise! Ông và nhà vua chỉ đành nhìn nhau.

-Thế nào? – Hoàng đế hỏi khi điệu vũ tạm nghỉ.

-Tâu Bệ hạ, ngọn lửa đã được dập tắt -ông De Caulaincourt chỉ nói có thế.

Chỉ qua ngày hôm sau nữa những người khách trong buổi vũ hội huy hoàng ấy mới biết mình đã nhảy trên núi lửa trong một tiếng đồng hồ.

Ở Zakret lại là một sự việc khác hoàn toàn, vì Hoàng đế không chỉ có nguy cơ về mạng sống mà còn mất cả vương quốc của mình. Giữa buổi lễ người ta đến báo cáo tiền quân Pháp vừa đi qua Niémen và Hoàng đế Napoléon, người khách ở Erfurt mà người ta quên mời, có thể bất chợt đến phòng nhảy cùng với sáu trăm ngàn vũ công. Alexandre ra mệnh lệnh vừa có vẻ như nói các việc khác với đoàn tuỳ tùng, tiếp tục đi thăm các phòng, tự hào về các nguồn chiếu sáng, cho là chỗ ánh trăng vừa lên là phòng đẹp nhất. Người chỉ rút lui vào nửa đêm lúc phục vụ bữa ăn khuya mọi khách được mời vào ngồi ở những chiếc bàn nhỏ, lúc Người

dễ vắng mặt. Trong suốt buổi tối không ai thấy trên trán Người một dấu vết lo âu nên đến khi người Pháp đến người ta mới biết.

Như ta thấy, Hoàng đế đau khổ và buồn phiền đến tận lúc chúng tôi tới, nghĩa là ngày mùng 1 tháng giêng năm 1825, Hoàng đế lấy lại nghị lực của mình, đi khắp các phòng như thường lệ, sau lưng có triều thần. Tôi để đám đông lôi kéo theo, rồi trở lại chỗ ban đầu sau chín giờ khi đã làm một vòng trong cung điện.

Đến mười giờ việc chiếu sáng ở Ermitage kết thúc, những người có vé xem sân khấu đặc biệt được mời đến xem.

Nằm trong số những người được đặc ân, tôi ra khỏi đám đông. Mười hai người nô lệ, thật khó khăn, bận quần áo rực rỡ theo lối phương Đông, đứng ở cửa ra vào sân khấu để giữ trật tự và kiểm tra giấy mời.

Vào nhà hát Ermitage, phía đầu là một hành lang đối diện gian phòng lớn bày biện bữa ăn tối của triều thần, tôi tưởng như vào lâu đài trên thiên đàng. Hãy hình dung một phòng rộng mênh mông, tường trần là những ống thuỷ tinh lớn bằng ống xì đồng mà trẻ con dùng thổi những viên mát tíc bắn chim. Những ống kính ấy thẳng, cong, uốn vòng phù hợp theo chỗ đặt, nối với nhau bằng những giây bạc khó nhận thấy và gắn tám đến mười nghìn ngọn đèn phản chiếu và nhân đôi ánh sáng. Những ngọn đèn màu này chiếu sáng những phong cảnh, khu vườn, hoa và cây từ đó ngân vang một điệu nhạc bay bổng, vô hình. Những thác nước và hồ, giống như nhấp nhô nhiều ngàn viên kim cương, qua màn ánh sáng ấy toả ra những âm điệu của một bài thơ và một sự hư ảo tuyệt vời.

Riêng việc sắp đặt chiếu sáng ấy phải mất đến mười hai ngàn rúp và kéo dài hai tháng.

Đến mười một giờ dàn nhạc tấu lên thông báo Hoàng đế tới. Người đi giữa gia đình mình, có triều thần theo sau. Các Đại Quận công, đại sứ, sĩ quan hoàng gia, thị nữ, ngồi ngay vào bàn giữa, khách mời còn lại gồm sáu trăm người, tất cả đều là các quý tộc hàng đầu ngồi vào hai bàn kia. Chỉ một mình Hoàng đế đứng, đi giữa các bàn và lần lượt hỏi chuyện từng người khách, theo luật lệ tước hiệu, trả lời nhà vua mà không cần đứng dậy.

Tôi không thể nói cái nhìn ma thuật của Hoàng đế tác động ra sao đến những vị Đại Quận công, những ông bà lớn ấy người đầy vàng và thêu ren, kẻ đeo kim cương ánh lên như nước suối chảy, giữa một lâu đài thuỷ tinh, nhưng về phần tôi, từ trước đến nay và từ lúc đó tôi chưa bao giờ có một cảm giác lớn lao như vậy. Sau này tôi có tham gia một số lễ hội hoàng gia của nước Pháp, tôi phải thú nhận buổi lễ này hơn hẳn.

Tiệc xong, triều thần rời Ermitage trở lại phòng Saint-Georges. Đến một giờ ban nhạc ra hiệu điệu vũ polonaise thứ hai, như lần trước, do Hoàng đế dẫn đầu. Đây là lời từ biệt của Người với buổi lễ vì khi điệu vũ kết thúc, Người rút lui.

Tôi vui vẻ nhận được tin Nhà vua đã ra về. Suốt buổi tối tôi vẫn phấp phỏng lo sợ một buổi lễ tráng lệ như thế có thể trong một lúc nào đó trở thành đẫm máu.

Hoàng đế đi rồi, đám đông vơi dần. Trong lâu đài nhiệt độ là hai mươi lăm độ, và bên ngoài lạnh âm hai mươi độ, cách nhau bốn mươi lăm độ. Nếu là ở Pháp thì tám ngày sau chúng ta sẽ biết có bao nhiêu người chết vì sự chuyển tiếp đột ngột và dữ dội ấy. Người ta sẽ tìm cách đổ lỗi cho nhà vua, các bộ trưởng hoặc ngành cảnh sát, tạo điều kiện cho các nhà từ tâm của báo chí có một cuộc tranh cãi tuyệt vời. Ở Saint-Peterbourg người ta không biết gì và nhờ sự im lặng, lễ hội vui vẻ không có những ngày mai buồn nản.

Còn tôi, nhờ một người hầu, điều thông minh là đã ở lại chờ tôi với áo lông ba lớp và chiếc xe đóng kín, trở lại kênh Catherine không gặp trở ngại gì.

Buổi lễ thứ hai là lễ chúc phúc nước uống. Năm nay còn trang trọng hơn vì thảm hoạ ghê gớm vừa qua, đó là nạn lụt trên sông Neva. Đã gần mười lăm ngày nay những chuẩn bị huy hoàng được tiến hành sôi nổi chen lấn với nỗi lo sợ về tôn giáo, mà những dân tộc khác không tín ngưỡng hoàn toàn không biết. Trên sông Neva người ta dựng lên một ngôi nhà lớn hình tròn, mở tám cửa, trang trí bốn bức hoạ lớn, gắn một cây thập tự. Người ta đi ra ngôi nhà ấy trên một con đập được xây dựng trước mặt Ermitage và giữa nền băng của ngôi nhà, vào sáng buổi lễ, đào một lỗ hổng lớn để giáo sĩ có thể xuống đến nước.

Ngày làm dịu cơn giận của con sông đã đến. Mặc dù trời lạnh, lúc chín giờ sáng xuống đến âm vài chục độ, những bến cảng đầy người xem và con sông hoàn toàn biến mất dưới đám người tò mò đông vô kể. Tôi không dám đứng trong số họ, sợ tuy rất vững và dày, băng có thể vỡ nứt dưới một trọng lượng như vậy. Luồn lách theo dòng người và sau bốn mươi lăm phút vất vả mà hai lần người ta báo với tôi mũi tôi bị đóng băng, tôi đến được dải bao lơn bằng đá granít xây chắn bến cảng. Chung quanh ngôi nhà có một khoảng rộng vòng tròn.

Đến mười một giờ rưỡi Hoàng hậu và các bà Đại Quận công ngồi trên một ban công được che kín của lâu đài, thông báo với dân chúng bài Thánh ca tạ ơn Chúa đã kết thúc. Từ quảng trường Mars đổ ra cả đoàn bảo vệ hoàng gia, có nghĩa là khoảng bốn mươi nghìn người theo tiếng quân nhạc đến bố trí hàng ngũ chiến đấu trên sông, trải dài thành ba hàng, từ Đại sứ quán Pháp đến tận pháo đài. Cùng lúc ấy cửa lâu đài mở. Băng cờ, ảnh các Thánh và những người hát đồng ca của nhà nguyện xuất hiện, đi trước lớp tu sĩ do giám mục dẫn đầu, rồi các thị đồng và các hạ sĩ vác những lá cờ của các trung đoàn khác nhau của đội quân cận vệ, cuối cùng là Hoàng đế, bên phải là Đại quận công Nicolas, bên trái có Đại quận công Michel, theo sau là các sĩ quan cao cấp của nhà vua, tuỳ tùng và các tướng.

Khi Hoàng đế đến cửa ngôi nhà hầu như tràn ngập tu sĩ và những người cầm cờ, giáo chủ ra hiệu và ngay lúc đó các bài thánh ca do hơn một trăm giọng hát

của người lớn và trẻ em không nhạc đệm ngân vang hài hoà tuyệt diệu. Suốt thời gian cầu nguyện ấy, có nghĩa là khoảng hai mươi phút, Hoàng đế, không mặc quần áo lông thú, chỉ là bộ đồng phục, đứng thẳng, bất động, đầu trần, chống chọi với thời tiết mạnh hơn tất cả các vị vua trên thế giới, đối mặt với thực tế nguy hiểm còn lớn hơn cả đứng trước một trăm họng súng ở trận địa. việc bất cẩn vì tôn giáo này càng đáng sợ đối với những người xem đang được bọc kín áo choàng, đội mũ lông, thấy Hoàng đế tuy còn trẻ nhưng đã bị hói đầu.

Khi bài Thánh ca tạ ơn Chúa kết thúc, giáo chủ lấy chiếc thánh giá bằng bạc trên tay một trẻ đồng ca và giữa đám đông quỳ gối, lớn tiếng chúc phúc cho con sông, nhúng thánh giá xuống lỗ hổng được đào trong băng đưa nước lên tận chỗ ông. Ông lấy một chiếc bình múc nước Thánh ấy dâng lên Hoàng đế. Sau lễ ấy đến lượt những lá cờ.

Trong lúc những lá cờ nghiêng xuống nhận chúc phúc, một làn pháo bắn từ ngôi nhà toả khói lên không trung. Một loạt tiếng nổ ghê gớm vang lên, cả đội pháo của pháo đài đến lượt mình hát bài Thánh ca bằng giọng đồng.

Đạn được bắn ba loạt trong buổi lễ. Đến lượt thứ ba, Hoàng đế đội mũ vào, trở về lâu đài. Trong lúc đi, Người chí bước cách tôi mấy bước chân, lần này Người buồn hơn bao giờ hết. Đã biết giữa buổi lễ tôn giáo chẳng có chút nguy hiểm nào, Người trở lại là chính mình.

Khi Nhà vua đi khỏi, dân chúng đến lượt đổ xô vào ngôi nhà, những người này nhúng tay vào lỗ hổng và làm dấu thánh bằng nước vừa được chúc phúc, những người khác múc đầy bình mang về, một số thậm chí còn nhúng con vào trong nước, tin chắc ngày ấy tiếp xúc với nước sông chẳng còn gì nguy hiểm.

Cùng ngày, lễ hội ấy cũng được tổ chức ở Constantinople, ở đây mùa đông không giá rét và biển không đóng băng, giáo chủ đi trên một con thuyền ném xuống làn nước trong xanh cây thánh giá để mọi người lặn xuống bắt lấy trước khi bị chìm xuống đáy sâu.

Hầu như ngay sau những buổi lễ thánh là các cuộc vui chơi ngoại đạomà lớp vỏ mùa đông của con sông trở thành sân khấu. Tuy vậy còn tuỳ thuộc vào tính khí thất thường của thời tiết. Thường thường trong khi những căn lều đã được dựng lên, việc chuẩn bị đã được hoàn tất, trường đua chỉ còn chờ mấy con ngựa và các ngọn núi Nga chờ người trượt tuyết, thì chong chóng gió bỗng chuyển về hướng tây, mang theo làn gió ấm của vịnh Phần lan thổi tới, băng bắt đầu tan và cảnh sát phải can thiệp ngay, trước những nỗi thất vọng của dân Saint-Peterbourg, những ngôi lều phải bị phá bỏ và chở về quảnng trường Mars. Nhưng bao giờ cũng thế, dân chúng vẫn tìm được thú vui mặc dù không có ngày hội hoá trang. Người Nga đối với sông Neva cũng giống như người Naples đối với Vésuve của mình, thích nó sắp chết còn hơn là chết hẳn.

May thay trong mùa đông vinh quang 1825, nhờ Chúa không lúc nào người ta phải sợ băng tan. Vì vậy trong lúc vài vũ hội quý tộc mở màn cho những cuộc vui của dân chúng, vô số căn lều được dựng lên trước mặt toà Đại sứ Pháp, kéo dài hầu như từ bến cảng này đến bến cảng khác, nghĩa là trên một chiều rộng hai ngàn bộ. Những ngọn núi Nga cũng không chậm trễ, xem ra kém lịch sự hơn những nơi bắt chước Paris: chỉ là một đoạn dốc xuống, cao hơn một trăm bộ (mỗi bộ khoảng 0, 324m), dài khoảng bốn trăm bộ được tạo từ những tấm ván trên đó người ta lần lượt đổ nước, tuyết cho đến khi tạo thành một lớp vỏ băng dày vào khoảng sáu phút (một phút bằng 27mm). Còn xe trượt chỉ là một tấm ván cong một đầu. Những người điều khiển xe trượt kẹp tấm ván dưới cánh tay đi giữa đám đông tìm người chơi không chuyên. Khi đã tìm được người tập, họ cùng leo lên đỉnh theo bậc thang được làm ở sườn núi phía bên đường trượt. Người chơi ngồi ở phía trước, chân dựa vào bờ ván, người điều khiển ngồi xổm ở phía sau, hướng xe trượt rất thành thạo; việc này rất cần thiết vì hai bên núi không có tấm chắn, có thể ngã lộn xuống nếu xe chệch đường. Mỗi chuyến giá một kopek (một phần trăm đồng rúp).

Những trò giải trí khác rất giống những lễ hội vui chơi của dân chúng ở quảng trường Champs-Elysées tuy có những trò đùa đặc thù riêng của từng dân tộc. Một trong những trò đùa khá thành công là cảnh người ta bố trí cho một ông bố phúc hậu của một gia đình nóng lòng gặp đứa con út mới sinh ngay trong ngày ông ta trở về làng. Bà vú nuôi xuất hiện, bế đứa bé được bọc kín, chỉ thấy đầu một mõm đen. Ông bố phấn khởi nghe con mình gầm gừ, cho rằng đây là toàn bộ chân dung của mình và tính tình dễ thương của bà mẹ. Nghe thấy thế, bà mẹ bước lên nhận lời khen, lời khen dẫn đến một cuộc tranh cãi, tranh cãi dẫn đến ẩu đả, đứa bé bị co kéo bởi hai bên tuột hết cả tã lót, một con gấu con xuất hiện trước những tràng vỗ tay của đám đông và ông bố phát hiện thấy người ta đã đổi đứa con của mình trong lúc cho nó bú.

Trong tuần lễ cuối của hội hóa trang, những hoạt động ban đêm được tổ chức khắp đường phố Saint-Peterbourg kích thích sự tò mò của dân chúng như ở các thị xã của Pháp. Một trong những kiểu hoá trang được áp dụng nhiều nhất là kiểu Paris. Một chiếc áo bó người, tà dài, cổ sơ mi hồ bột cao quá cà vạt khoảng ba, bốn phút, mái tóc giả uốn vòng, mảng trang trí trước ngực và đội chiếc mũ rơm nhỏ. Hình vẽ trào phúng được hoàn chỉnh bởi rất nhiều vật trang sức, dây đeo lòng thòng quanh cổ và thắt lưng. Không may khi mặt nạ bị nhận ra, tự do chấm dứt, tước hiệu bị lấy lại, và con người kỳ cục trở thành Đức Ông. Nhưng trò chơi cũng để lại vài điều thú vị.

Còn dân chúng, như để đền bù lại những kham khổ của mùa chay, vội vã ngốn hết thức ăn thức uống, nhưng khi đồng hồ điểm nửa đêm ngày chủ nhật sang thứ hai, người ta chuyển từ ăn uống quá mức sang nhịn đói với ý thức

ngừng ăn ngay từ lúc đồng hồ điểm tiếng đầu, và những gì còn lại của bữa ăn được đổ hết khi đồng hồ điểm tiếng cuối. Lúc ấy tất cả đã thay đổi. Những cử chỉ khoái cảm chuyển thành dấu thánh và sự ồn ào biến thành kinh cầu nguyện. Người ta thắp nến trước ảnh thánh trong nhà và những nhà thờ trở nên quá chật hẹp.

Tuy vậy những ngày lễ ấy nay tuy vẫn còn huy hoàng đã thoái hóa nhiều so với xưa kia. Ví dụ năm 1740, Hoàng hậu Anne Ivanova có một quyết định vượt hẳn những gì người ta đã làm cho đến nay về loại ấy, muốn cho tổ chức một buổi lễ chỉ có Hoàng hậu nước Nga mới làm được. Để đạt yêu cầu, bà định những hôn lễ anh hề của bà được tổ chức vào những ngày cuối của lễ hội hoá trang và ra lệnh mỗi thủ hiến cử đến tham dự một đôi vợ chồng theo từng sắc tộc trong vùng, mặc quần áo dân tộc, mang theo đồ trang bị thích hợp với nó. Mệnh lệnh của Hoàng hậu được chấp hành triệt để và tới ngày đã định, bà hoàng uy quyền thấy kéo đến đoàn đại biểu của một trăm dân tộc khác nhau mà một số trong đó bà còn không biết tên. Đấy là những người Kamchatdales và Lapons đi trên xe trượt do chó hoặc tuần lộc kéo. Đấy là người Kalmouk cỡi bò, người Buchar cưỡi lạc đà, người Indien cỡi voi và người Ostiak đi giày trượt băng. Lần đầu tiên từ các địa đầu của vương quốc, các sắc tộc đến giáp mặt nhau, người Finnois tóc hung, người Circassiens tóc đen, Ukrainien khổng lồ, Samouyiede thấp lùn, cuối cùng người Bachkir mà người láng giềng Kirghiz gọi là Istaki nghĩa là bẩn, và người dân đẹp đẽ của Georgie và Iaroslavl. Có các cô gái làm vinh dự cho các khuê phòng ở Constantinople và Tunis.

Trong lúc họ đến, đại biểu của từng dân tộc được sắp xếp theo nước của mình ở dưới một trong bốn lá cờ xuân, hạ, thu đông. Và khi đã tập trung đầy đủ, buổi sáng họ được tổ chức thành một đoàn người lạ lùng diễu hành trên đường phố Saint-Peterbourg. Trong tám ngày, mỗi ngày đoàn người đều đi diễu hành mà vẫn chưa thoả mãn được sự tò mò của dân chúng.

Cuối cùng ngày hôn lễ được tổ chức. Vợ chồng mới cưới sau khi làm lễ ở nhà nguyện của lâu đài, cùng đoàn hộ tống ngông cuồng đến lâu đài của Hoàng hậu đã cho chuẩn bị, xứng đáng về phần kỳ cục với phần còn lại của buổi lễ. Đấy là một lâu đài đẽo gọt trong băng, dài năm mươi hai bộ, rộng hai mươi bộ, được trang trí trong ngoài, bàn ghế, đèn, đĩa, tượng, giường tân hôn trong suốt. Những đường trên mái, tầng tường trên cửa ra vào, sơn hoàn toàn giống cẩm thạch xanh và được bảo vệ bằng sáu khẩu ca nông băng tuyết, mỗi khẩu được nạp khoảng một livre thuốc súng và một viên đạn bắn chào khi họ đến, viên đạn đâm thủng tấm gỗ dày hai phút cách đấy bảy mươi bước. Phần lạ nhất của toà lâu đài mùa đông này là tượng một con voi khổng lồ do một người Perse cưỡi được trang bị đủ thứ và do hai nô lệ dắt, ban ngày từ vòi phun ra nước, ban đêm phun ra lửa,

rồi thỉnh thoảng rống lên những tiếng kinh khủng vang khắp Saint-Peterbourg nhờ tám hoặc mười người chui vào thân hình rỗng của nó.

Không may những buổi lễ như vậy, dù ở Nga, cũng chỉ thoảng qua. Mùa chay đưa một trăm dân tộc trở về quê nhà và băng tan làm toà lâu đài sụp đổ. Từ đó người ta không bao giờ được thấy lại nữa và mỗi năm mới, lễ hội hoá trang lại càng buồn.

Ngày lễ năm 1825 còn kém vui hơn bình thường, giống như chỉ là bóng ma của những ngày vui nhộn trước đây. Nỗi buồn của Hoàng đế Alexandre ngày càng tăng, lan ra trong triều thần. Sợ làm Người không hài lòng, dân chúng tuy không thân quen họ, cũng chia xẻ nỗi lo lắng với họ.

Như một số người nói thì nỗi buồn ấy là do hối hận.

§12

Khi Catherine chết, Paul Đệ Nhất lên ngôi vua, mà nếu Alexandre, con trai ông, nghe theo chủ định người ta đã dành cho mình, thì ông đã bị đi đày vĩnh viễn. Bị triều đình bắt đi đày, luôn phải sống cách biệt với các con, chúng đã được bà nội là Catherine nuôi dạy. Hoàng đế mới giải quyết những công việc đã từ lâu được thiên tài của Catherine và sự tận tuy của Potemkine chi phối, với một tính tình đa nghi, dữ tợn và lạnh lùng. Chỉ trong một thời gian ngắn trị vì, ông đã tạo nên một cảnh tượng gần như không hiểu nổi đối với dân chúng, các nước láng giềng và các vua anh em.

Tiếng kêu thê thảm của Catherine II sau ba mươi bảy giờ hấp hối đã tuyên bố trong hoàng cung Paul Đệ nhất là nhà vua nước Nga. Nghe tiếng kêu ấy, hoàng hậu Marie và các con quỳ xuống trước chồng và bà là người đầu tiên hoan nghênh Nga hoàng. Paul nâng vợ con dậy, trấn an họ với lòng tốt của vua tôi và cha con.

Ngay lúc đó, triều đình, các chỉ huy quân đội, những đại lãnh chúa và triều thần, lần lượt đến trước mặt ông, quỳ gối theo thứ tự. Mỗi người theo hàng ngũ và thâm niên, phía sau họ là một phân đội được đưa về lâu đài bảo vệ và đưa đến gần Gattchina, chỗ ở cũ của Paul. Họ đã thề trung thành với Nhà vua mặc dù hôm trước họ còn canh giữ ông như là người tù hơn là người được thừa kế. Ngay lúc ấy những tiếng hô hiệu lệnh, tiếng binh khí, tiếng sột soạt của ủng, gươm vang lên khắp ngôi nhà khi nữ hoàng Catherine vừa đi vào giấc ngủ vĩnh viễn. Paul Đệ nhất được tôn vinh Hoàng đế và con trai ông, Alexandre, là thái tử, được chỉ định là người thừa kế ngôi vua.

Paul lên ngôi sau ba mươi lăm năm bị tước bỏ, trục xuất, khinh bỉ, và ở vào tuổi bốn mươi ba, ông là chủ một vương quốc mà trước đó ông chỉ là một tù nhân. Trong ba mươi lăm năm ấy ông đã đau khổ nhiều do đó cũng học hỏi được nhiều. Vì vậy ông xuất hiện trên ngôi vua trong túi đầy những luật lệ được thảo ra trong cảnh tù đày, những luật lệ ông hối hả thực hiện liên tiếp nhau và đôi khi tất cả cùng một lúc.

Trước hết ông hành động trái ngược hẳn với Catherine, với nỗi căm hờn cay đắng, biến thành hận thù xuyên sâu vào mỗi hành động. Ông bao bọc những đứa con trong một gia đình đẹp đẽ và giàu có nhất trong những gia đình nhà vua trên thế giới và tạo dựng cho Đại quận công Alexandre thống lĩnh quân sự ở Saint-Peterbourg. Về Hoàng hậu Marie cho đến nay rất đáng thương hại vì phải xa chồng, bà rất ngạc nhiên và sợ hãi khi thấy ông trở về và vẫn tốt và mến thương bà. Những lợi lộc bà có được gấp đôi nhưng bà vẫn nghi ngờ rồi thái độ âu yếm

kèm theo ân huệ làm bà tin tưởng vì bà có một tâm hồn thánh thiện của một bà mẹ, và tấm lòng cao thượng của đàn bà.

Với cách đối nghịch quen thuộc và thể hiện lúc bất ngờ nhất, sắc lệnh đầu tiên của Paul là ngừng tuyển lính mới theo lệnh của Catherine, bớt đi trong vương quốc một trăm nông nô. Biện pháp này vượt quá lòng nhân đạo, là vấn đề chính trị vì đưa lại cho nhà vua mới lòng biết ơn của giới quý tộc vì đã giúp họ bớt đi khoản thuế quân sự và đỡ phải cung cấp người.

Zoubov, người thân cận cuối cùng của Catherine, tưởng đã mất hết khi mất bà hoàng và sợ hãi không chỉ vì sự tự do mà còn về mạng sống. Paul Đệ nhất gọi ông đến, xác nhận nhiệm vụ của ông, trao cho ông gậy chỉ huy của người phụ trách cận vệ mà ông vừa đuổi đi và nói "Ông tiếp tục làm nhiệm vụ trong đoàn cận vệ của mẹ tôi; hy vọng ông phục ta cũng trung thành như khi phục vụ bà vậy"

Kosciuszko bị cầm tù, cấm cố trong nhà cố Bá tước Anhalt được giao cho một thiếu tá canh giữ, người này không bao giờ rời ông và ăn cùng với ông. Paul đích thân đi giải thoát ông, tuyên bố cho ông được tự do. Trong buổi đầu rất bàng hoàng và ngạc nhiên, viên tướng Ba Lan để Hoàng đế ra về không tỏ lời cám ơn, sau đó ông đã tự đến hoàng cung, đầu còn băng bó vì còn yếu và đau đớn vì những vết thương. Được đưa vào gặp Hoàng đế và Hoàng hậu. Paul tặng ông một vùng đất và nông dân trong vương quốc mình. Kosciuszko từ chối, đổi lại chỉ xin một số tiền để sinh sống và chết ở nơi mình muốn. Paul đã cho ông một trăm ngàn rúp và Kosciuszko ra đi, sau này ông chết ở Thuỵ sĩ.

Giữa những mệnh lệnh, quyết định ấy, đánh lừa nỗi sợ hãi của mọi người, báo trước một triều đại cao cả, đến lúc tổ chức tang lễ trọng thể cho nữ hoàng Catherine, Paul quyết định thực hiện một nghĩa vụ kép với bố mẹ. Đã ba mươi lăm năm tên của Pierre III chỉ được nhắc nhỏ giọng ở Saint-Peterbourg. Paul Đệ Nhất đến tu viện Saint Alexandre Nevski, nơi chôn cất vị Hoàng đế khốn khổ, bảo một viên tu sĩ già chỉ cho ông ngôi mộ không biết đến của bố, cho mở quan tài, quỳ gối trước di hài của nhà vua trong đó, rút chiếc găng tay của bộ xương và hôn nhiều lần. Sau khi cầu nguyện rất lâu và thành kính, ông cho đưa quan tài lên giữa nhà thờ và ra lệnh làm lễ đối với di hài của Pierre cũng như đối với thân thể của Catherine đặt nằm trên chiếc giường được trang hoàng lộng lẫy của bà, trong một gian phòng ở cung điện. Cuối cùng phát hiện ra Hầu tước Ungern Henrberg, người phục vụ cũ của bố mình sống thất sủng đã được một phần ba thế kỷ, Paul cho gọi ông vào căn phòng có treo chân dung Pierre III và bảo "Ta cho gọi ông để tuy không có phụ hoàng, bức chân dung này chứng kiến lòng biết ơn của ta đối với những người bạn trung thành của Người". Và dẫn ông đến trước bức ảnh như thể đôi mắt trong bức ảnh có thể thấy việc đã xảy ra: Paul ôm hôn người cựu chiến binh, phong cho làm tướng tổng tư lệnh, quàng huân chương Saint

Alexandre Nevski vào cổ ông và giao trách nhiệm phục vụ bên người bố với bộ quân phục đã mặc như lúc làm sĩ quan tuỳ tùng của Pierre IịI

Ngày lễ tang đến, Pierre III chưa bao giờ được phong tước hiệu, với lý do ấy ông được chôn cất như một lãnh chúa Nga bình thường trong nhà thờ Saint Alexandre Nevski. Paul Đệ nhất tôn vinh quan tài ông, cho đưa vào cung điện và để bên cạnh thi hài của Catherine. Từ đây hai di hài được đưa ra kinh thành đặt trên cùng một bệ, và trong tám ngày, triều thần vì hèn hạ, và dân chúng vì lòng thương, đến hôn bàn tay trắng bệch của Nữ hoàng và quan tài của Hoàng đế.

Dưới chân chiếc mộ đôi ông đến cũng như những người khác, lúc này Paul Đệ Nhất có vẻ đã quên lòng hiếu thảo và sự khôn ngoan. Lẻ loi trong lâu đài Gatchina của mình với một hai đội bảo vệ, ông trở lại những thói quen chi tiết về quân sự, đôi khi để nhiều giờ liền chải những chiếc khuy quân phục, cũng cẩn thận, chuyên cần như Potemkine lau những vết rạn trên kim cương của mình.

Vì thế ngay từ buổi sáng đăng quang tất cả mọi thứ trong cung điện thể hiện một bộ mặt mới, nhà vua mới trước khi lo việc quốc gia, cho thực hiện tất cả những thay đổi nhỏ mà ông dự đính đưa vào trong diễn tập cũng như cách ăn mặc của quân lính. Đến ba giờ chiều ngày hôm ấy, ông ra sân cho diễu binh theo cách của mình, chỉ cách diễn tập theo ý thích. Việc duyệt quân ấy ngày nào cũng được làm và trở thành không chỉ một thể chế quan trọng nhất của chính phủ mà còn là điểm trung tâm của mọi việc quản lý vương quốc. Chính trong cuộc thao diễn quân sự này, ông nghe các báo cảo, ra chỉ thị, ký sắc lệnh, và để các sĩ quan đứng nghiêm chào. Chính tại đây, giữa hai Đại quận công Alexandre và Constantin, hàng ngày trong ba tiếng đồng hồ, dù lạnh như thế nào, không khăn mũ lông, đầu trần và hói, mũi phơi ra gió, một tay để sau lưng, tay kia giơ lên giơ xuống chiếc can và hô "Một, hai! Một hai!" Người ta trông thấy ông dẫm chân cho nóng người, đưa tính tự ái ra chống chọi với rét lạnh dưới hai mươi độ.

Chẳng bao lâu những chi tiết quân sự trở thành công việc của nhà nước, trước hết ông thay đổi màu phù hiệu cờ quốc gia Nga, màu trắng thay thế bằng màu đen viền vàng. Điều này tốt vì như Hoàng đế nói, màu này có thể nhìn thấy rõ từ xa, sẽ trở thành trung tâm điểm nhắm bắn, còn màu đen lẫn vào màu mũ, cùng đồng màu nên quân địch khó ngắm. Nhưng việc cải cách không chỉ dừng lại ở đấy mà còn tiến lên màu chùm lông cài mũ, chiều cao đôi ủng và những chiếc khuy của đôi ghệt. Đến mức những bằng chứng về sự sẵn sàng thay đổi được những điều ông đưa ra hôm trước thể hiện bằng sự diễu hành hôm sau thì mọi người sẽ được thưởng huy chương và thăng cấp bậc.

Dù ưa chuộng quân lính mà Paul Đệ Nhất thay đổi quần áo của họ không ngừng như một đứa trẻ làm đối với búp bê, thỉnh thoảng việc cải cách của ông cũng lây lan đến tầng lớp tư sản. Cách mạng Pháp đưa đến những chiếc mũ tròn làm thành mốt làm ông ghê tởm loại mũ này. Một buổi sáng có chỉ thị cấm đội

mũ tròn đi ra trên đường phố Saint-Peterbourg. Hoặc vì không biết hoặc do chống đối, luật lệ này không được áp dụng nhanh như Hoàng đế mong muốn. Ông bèn cho bố trí ở mỗi góc phố lính cô dắc và cảnh sát, họ được lệnh lấy bỏ mũ của những kẻ ngoan cố, bản thân ông đi xe trượt khắp đường phố đê xem lệnh thay đổi được thực hiện ra sao. Ông sắp trở về hoàng cung sau một đợt kiểm tra khá thoả mãn thì nhận thấy một người Anh vốn thấy sắc lệnh về những chiếc mũ là một vi phạm tự do cá nhân nên vẫn đội chiếc mũ tròn. Hoàng đê dừng lại ngay, ra lệnh cho một sĩ quan đến lột mũ con người ngoan cố dám tới thách thức ông ngay tại quảng trường Amirauté. Kỵ sĩ phóng ngựa nhanh đến chỗ người phạm tội, thấy ông này nghiêm chỉnh đội chiếc mũ ba cạnh, liền thất vọng quay về báo cáo. Hoàng đế tưởng mắt mình nhìn lầm, rút ống dòm chĩa về phía người Anh đang nghiêm trang tiếp tục đi. Ngài nhận định viên sĩ quan đã nhầm: người Anh đội mũ tròn! Viên sĩ quan bị bắt giữ và một viên tuỳ tùng được cử đi thay thế, thúc ngựa phi bụng sát đất theo người Anh nọ. Hoàng đế nhầm rồi, ông này đội mũ ba cạnh. Viên tuỳ tùng ngơ ngác, quay trở về báo cáo như viên sĩ quan. Hoàng đế lại đưa ống dòm lên nhìn và viên tuỳ tùng lại bị bắt giữ: người Anh vẫn đội chiếc mũ tròn. Một viên tướng bèn xin đi làm nhiệm vụ, phóng ngựa đến chỗ người Anh, không lúc nào rời mắt khỏi ông ta. Ông thấy ông đến càng gần, chiếc mũ thay hình đổi dạng, chuyển từ tròn sang ba cạnh. Sợ bị bắt lỗi như hai người trước, ông đưa người Anh đến trước mặt Hoàng đế và tất cả được giải thích rõ. Con người để lòng tự hào quốc gia điều hoà với tính khí thất thường của nhà vua, đã làm cho một chiếc mũ, nhờ chiếc lò xo nhỏ giấu bên trong nó, chuyển ngay từ hình dạng bị cấm sang hình dạng hợp pháp. Hoàng đế thấy ý tưởng hay, tha cho viên tuỳ tùng và sĩ quan, cho phép người Anh từ nay muốn đội mũ gì thì tuỳ ý.

Chỉ thị về xe cộ tiếp theo chỉ thị về mũ. Một buổi sáng ở Saint-Peterbourg có thông cáo cấm buộc ngựa theo kiểu Nga, nghĩa là người đánh xe lên ngựa từ bên phải và nắm dây cương bên trái. Cho phép mười lăm ngày để chủ các loại xe tạo ra những bộ cương theo kiểu Đức, sau đó đến cơ quan cảnh sát cắt bỏ những phần có thể làm ngược lại. Việc cải cách không chỉ ở xe cộ mà cả ở người đánh xe, họ được lệnh mặc quần áo theo lối Đức, họ rất thất vọng phải cắt bỏ bộ râu dài, may vào cổ ao một dải đuôi luôn ở tại chỗ khi đầu ngoảnh sang phải hoặc trái. Một sĩ quan chưa có thì giờ nghiên cứu chỉ dụ mới đành đi bộ đến cuộc diễu hành làm Hoàng đế nổi giận còn hơn đi xe một chiếc xe bị cấm. Bọc người với một chiếc áo lông dài, anh đưa thanh kiếm cho một người lính cầm, Paul bắt gặp việc vi phạm kỷ luật, viên sĩ quan bị giáng xuống làm lính và người lính được thăng lên làm sĩ quan.

Trong tất cả những luật lệ ấy, tước vị không bị bỏ quên. Theo một điều luật cũ, khi đi đường gặp Hoàng đế, Hoàng hậu hoặc Hoàng tử, người ta phải dừng xe ngựa lại, xuống quỳ bên đất bụi, bùn hay tuyết. Việc tôn vinh ấy khó thực hiện

trong một thủ đô mà trên mỗi đường phố, trong mỗi giờ có nhiều xe cộ nên đã bị bãi bỏ dưới triều đại Catherine. Vừa lên ngôi, Paul khôi phục lại điều luật ấy và còn phát huy hết mức. Một sĩ quan cấp tướng mà người ta không nhận ra trong đội quân của Hoàng đế, bị tước vũ khí và bắt giữ, hình phạt kết thúc người ta muốn trả lại thanh kiếm, nhưng ông không nhận và nói đấy là thanh kiếm danh dự do Catherine trao tặng, được đặc ân không bị tước đi. Paul quan sát thanh kiếm thấy nó làm bằng vàng và được trang trí nhiều kim cương, liền cho gọi viên tướng đến trao lại tận tay vừa nói không có một giận hờn gì đối với ông này, nhưng ra lệnh bổ sung ông vào quân đội ngay trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ.

Không may sự việc không phải bao giờ cũng suôn sẻ. Một hôm, một trong những Lữ đoàn trưởng dũng cảm nhất của Hoàng đế, ông De Likarov bị bệnh ở nông thôn, bà vợ chỉ tin vào mình trong một việc quan trọng như thế, đến Saint-Peterbourg để tìm một thầy thuốc. Tai hoạ làm bà gặp phải chiếc xe của Hoàng đế. Do bà và người trong nhà vắng mặt ở thủ đô đã ba tháng nay, không ai biết chỉ dụ mới nên chiếc xe của bà đi qua không dừng lại trước Paul đang đi ngựa dạo chơi quanh đấy. một vi phạm như vậy làm tổn thương Hoàng đế, ông sai tuỳ tùng đến ngay chỗ đoàn người chống đối, bắt ngay bốn người đầy tớ vào lính và đưa bà chủ vào tù. Mệnh lệnh được thực thi, người đàn bà hoá điên và ông chồng bị chết.

Việc tôn trọng tước vị trong lâu đài nghiêm khắc không kém ngoài đường phố, mọi triều thần được hôn tay phải thành tiếng ở miệng và quỳ gối trên sàn nhà. Hoàng thân Georges Galitzine bị bắt giữ vì không nghiêng mình đủ thấp và hôn tay hời hợt.

Những hành vi quá thể ấy chúng tôi tình cờ biết được trong cuộc đời của Paul Đệ nhất. Bốn năm trị vì là một thời gian dài như không thể dài hơn, vì càng ngày lý trí ít ỏi còn lại của Hoàng đế biến dần, nhường chỗ cho sự điên rồ mới, và những điên rồ của một ông vua đầy quyền lực, thì chỉ một dấu hiệu nhỏ cũng trở thành một mệnh lệnh phải thi hành ngay. Đây là điều thực sự nguy hiểm. Vì vậy Paul bản năng luôn cảm thấy một nguy cơ không biết rõ, nhưng có thực bao phủ quanh mình và những lo sợ ấy còn tạo cho ông những hoạt động thất thường, hầu như ông hoàn toàn ẩn náu trong lâu đài Saint Michel được xây dựng trên vị trí cũ của lâu đài Mùa Hè. Lâu đài ấy được sơn màu đỏ để làm hài lòng sở thích một trong những tình nhâng của ông do một hôm đi vào triều với đôi găng màu ấy, là một công trình đồ sộ, kiến trúc khá xấu, lởm chởm những pháo đài, chỉ trong đó Hoàng đế mới nghĩ mình được an toàn.

Giữa những hành quyết, tù đày, thất sủng, có hai người thân cận như bám rễ vào vị trí của họ. Một là Koutouzov, nô lệ người Thổ cũ, ở vào hàng những người ở lâu đời bên Paul, không hề xứng đáng được ân hưởng, đột ngột trở thành một trong những nhân vật chính của vương quốc. Người kia là Bá tước Pahlen, nhà

quý tộc, thiếu tướng dưới thời Catherine II và nhờ tình bạn của Zoubov, người thân cận cuối cùng của Nữ hoàng, được đưa lên vị trí Thủ hiến dân sự ở Riga. Có lần Hoàng đế Paul, ít lâu trước khi lên ngôi, đi qua thành phố này. Đây là thời kỳ hầu như ông bị phát vãng và triều thần không dám nói chuyện với ông. Pahlen tiếp đón ông với vai trò của Thái tử. Paul không quen một sự đối xử như thế, ghi nhớ trong lòng, và khi lên ngôi vua, nhớ đến sự đón tiếp của Pahlen, liền gọi ông này về Saint-Peterbourg và tặng huân chương hạng nhất, bổ nhiệm ông này làm chỉ huy trưởng đội cận vệ, và thị trưởng thành phố, thay thế Đại Quận công Alexandre, con trai ông, người mà lòng tôn kính và tình yêu thương không thể xoá nổi sự nghi ngờ.

Pahlen, nhờ vị trí cao hơn bên cạnh Paul, và chỉ trong bốn năm đã hơn ai hết nhận ra sự không ổn định của vận mệnh con người. Ông đã thấy biết bao nhiêu người lên, xuống, biết bao nhiêu người mất mạng, nên cũng không hiểu vì sao mình chưa bị sụp đổ, và dự đoán số phận mình sẽ gắn liền với sự sụp đổ của Hoàng đế. Zoubov, người bảo trợ cũ của ông, người lúc đầu được Hoàng đế cử làm trưởng đoàn tuỳ tùng hoàng cung và uỷ nhiệm bảo vệ thi hài của bà mẹ, người bảo trợ cũ của Pahlen, đột nhiên bị thất sủng. Một buổi sáng ông thấy dấu niêm phong tư dinh của mình, hai thư ký chính Altesti và Gribovski bị đuổi đi, tất cả sĩ quan tham mưu và tuỳ tùng của ông buộc phải trở về ngay đơn vị hoặc bị bắt từ chức. Đổi lại những việc ấy, Hoàng đế tặng ông một lâu đài, nhưng sự thất sủng cũng không kém phần rõ ràng vì ngày hôm sau mọi quyền chỉ huy của ông bị rút bỏ, ngày hôm sau nữa người ta bảo ông phải từ bỏ hai mươi hoặc ba mươi chức vụ ông đang phụ trách. Chưa hết một tuần lễ ông được phép, đúng hơn là nhận được lệnh phải rời khỏi nước Nga, Zoubov rút lui sang Đức. Ở đây với sự giàu có, trẻ đẹp, đầy huân chương và trí tuệ, ông tôn vinh cho sở thích của Catherine, chứng minh bà là lớn lao ngay cả trong những điểm yếu kém.

Chính ở đây một ý kiến của Pahlen đã gợi ý cho ông. Chắc Zoubov đã phàn nàn với người bảo trợ của mình trước đây về việc trục xuất, tuy đã được giải thích không kém phần khó hiểu và Pahlen trả lời thư của ông. Bức thư có khuyên ông giả vờ có ý định cưới con gái của cận thần của Paul, Koutouzov, chắc chắn Hoàng đế sẽ cho phép kẻ bị trục xuất được trở về Saint-Peterbourg, sau khi về đây rồi sẽ liệu.

Kế hoạch nêu ra được làm theo. Một buổi sáng Koutouzov nhận được một bức thư cầu hôn của Zoubov. Con người gặp vận, đầy tự hào, chạy đến lâu đài Saint Michel, quỳ xuống chân Hoàng đế, tay cầm thư của Zoubov, khẩn cầu nhà vua gia ân cho ông và con gái bằng cách tán thành đámcưới này và cho phép kẻ bị trục xuất được trở về. Paul xem qua lá thư Koutouzov đưa lên rồi trả lại "Đây là ý nghĩ hợp lý đầu tiên trong đầu kẻ điên này, để cho anh ta trở về". Mười lăm

ngày sau Zoubov có mặt ở Saint-Peterbourg và với sự đồng ý của Paul, bắt đầu ve vãn con gái của người cận thần.

Che giấu dưới tấm màn ấy, vụ âm mưu được hình thành và lớn dần, mỗi ngày lại kết nạp thêm những người bất bình mới. Lúc đầu những kẻ mưu phản chỉ nói về một sự thoái vị đơn giản, một sự thay thế người, thế thôi. Paul sẽ được đưa đi, canh phòng cẩn thận ở một tỉnh nào đó xa trong vương quốc, và Đại quận công Alexandre, người ta sắp đặt mà không có sự thoả thuận của ông, sẽ lên ngôi. Một số người chỉ biết rút dao ra và cho vào vỏ khi đã đẫm máu. Những người ấy biết rõ Alexandre sẽ không chấp nhận sự nhiếp chính nên quyết định bắt ông phải nối nghiệp.

Thế nhưng Pahlen, tuy lúc ấy là trưởng cuộc âm mưu, nhất thiết phải tránh không có một chứng cứ nào về mình nên tuỳ theo vào tình hình ông có thể phụ theo các bạn hay cứu Paul. Tính chất dự phòng ấy của ông đưa lại sự lạnh nhạt một phần trong các cuộc bàn luận và công việc có thể kéo dài thêm một năm nữa nếu ông không thúc đẩy bằng một kế sách lạ lùng nhưng biết tính tình của Paul, ông nghĩ phải thành công. Ông viết cho Hoàng đế một bức thư nặc danh báo tin về nguy cơ đang bị đe doạ. Kèm theo thư là danh sách của những người mưu phản.

Phản ứng đầu tiên của Paul sau khi nhận được bức thư là cho tăng đôi các trạm gác lâu đài Saint Michel và gọi Pahlen tới.

Pahlen đang chờ triệu tập liền đến ngay. Ông gặp Paul Đệ Nhất trong phòng ngủ ở tầng hai. Đấy là một gian phòng lớn hình vuông, cửa ra vào đối diện với lò sưởi, hai cửa sổ nhìn ra sân, một chiếc giường trước hai cửa sổ và dưới chân giường có một cánh cửa bí mật đi sang phòng Hoàng hậu. Ngoài ra còn có một chiếc bẫy sập chỉ có một mình Hoàng đế biết, nằm trên sàn nhà. Muốn mở bẫy sập ấy chỉ cần dận gót giày, người sẽ rơi xuống theo một cầu thang, từ cầu thang ra hành lang và có thể trốn ra ngoài lâu đài.

Paul đang sải bước dài, có vẻ bực bội thì cửa mở, Bá tước xuất hiện. Hoàng đế quay lại, vòng tay đứng thẳng, đôi mắt nhìn chăm chú vào Pahlen.

-Bá tước – ông nói sau một lúc im lặng – Ông có biết việc gì đang xảy ra không?

-Tôi biết – Pahlen trả lời – Nhà vua tôn kính của tôi cho gọi và tôi vội đến để phục vụ theo mệnh lệnh.

-Nhưng ông có biết vì sao tôi cho gọi ông? – Paul nói lớn sau một cử chỉ nóng lòng.

-Tôi kính cẩn chờ Bệ hạ nói cho tôi biết.

-Tôi cho gọi, thưa ông, vì đang có một âm mưu chống lại tôi.

-Tôi biết việc ấy, thưa Bệ hạ.

-Thế nào? Ông biết à?

-Tất nhiên. Tôi là một trong những đồng loã.

-Thế đấy. Tôi vừa nhận được bản danh sách. Nó đây.

-Còn tôi, thưa Bệ hạ, tôi có bản sao. Nó đây.

-Đúng rồi! – Paul sợ hãi lẩm bẩm – Còn chưa biết phải tin nó như thế nào.

-Thưa Bệ hạ – Bá tước nói – Bệ hạ có thể so sánh hai bản danh sách này, nếu người tố giác đúng thì chúng sẽ giống nhau.

-Vậy ông xem đi – Paul nói.

-Vâng, chúng giống như nhau – Pahlen lạnh lùng nói – chỉ bỏ quên ba người.

-Những người nào? – Hoàng đế hỏi nhanh.

-Thưa Bệ hạ, sự khôn ngoan ngăn cản tôi nêu tên, nhưng theo chứng cứ thì tôi có những thông tin đúng, hy vọng Bệ hạ chiếu cố tin tưởng hoàn toàn vào tôi và dựa vào tôi để có thể đảm bảo an toàn cho Bệ hạ.

-Không được lạc hướng! – Paul ngắt lời một cách dữ dội – chúng là ai? Ngay bây giờ tôi muốn biết chúng là ai?

-Thưa Bệ hạ, – Pahlen cúi đầu trả lời – lòng kính trọng ngăn cản tôi nói ra những cái tên tôn nghiêm.

-Tôi hiểu – Paul lại nói nhỏ giọng và liếc nhìn cánh cửa đi sang phòng vợ ông. – Ông muốn nói là Hoàng hậu phải không? Là Hoàng tử Alexandre và Đại quận công Constantin?

-Nếu luật pháp chỉ được biết đến những người có thể trừng trị…

-Luật pháp dùng cho tất cả mọi người, thưa ông, và tội ác càng lớn lại càng phải nghiêm trị. Pahlen, ngay bây giờ ông cho bắt hai Đại Quận công, ngày mai đưa chúng đi Schlüsselbourg. Còn Hoàng hậu, để ta tự giải quyết. Những kẻ mưu phản khác là công việc của ông.

-Thưa Bệ hạ – Pahlen nói – Người cho tôi chỉ dụ viết và dù cho cái đầu có cao đến đâu, những người lớn lao đến mấy, mà người cần đánh, tôi sẽ vâng lời.

-Pahlen thật tốt! – Hoàng đế kêu lên – ông là người đầy tớ duy nhất còn trung thành với ta. Hãy bảo vệ ta, Pahlen, vì ta đã thấy rõ tất cả bọn chúng đều muốn giết ta và ta chỉ còn lại có một mình ông thôi.

Nói rồi Hoàng đế ký lệnh bắt hai Đại quận công đưa cho Pahlen.

Kẻ mưu phản ranh mãnh chỉ muốn có thế. Cầm những mệnh lệnh khác nhau ấy, Pahlen chạy đến nhà Platon Zoubov, chỗ ông biết những người âm mưu đang họp bàn.

-Tất cả bị lộ rồi – ông nói – đây là lệnh bắt các ông. Vậy không để mất thì giờ chút nào, đêm nay tôi còn là thị trưởng Saint-Peterbourg, ngày mai tôi có thể vào tù. Các ông biết phải làm gì chứ?

Không ngập ngừng gì được nữa vì sẽ là lên máy chém hoặc ít ra cũng là lưu đày Sibérie. Những người mưu phản hẹn gặp nhau ngay đêm ấy tại nhà Bá tước Talitzine, Đại tá trung đoàn Préobrajenski. Do không đông lắm, họ quyết định

tăng cường bằng tất cả những người bất bình gặp trong ngày. Cũng đúng dịp vì trong buổi sáng hôm ấy, khoảng ba chục sĩ quan con cái của những gia đình khá giả ở Saint-Peterbourg bị cách chức, bị kết tội và tù đày vì những tội chỉ đáng khiển trách nhẹ. Bá tước cho hơn một chục chiếc xe chờ sẵn ở cửa các nhà tù đang giam những người muốn hợp tác, rồi thấy những người đồng loã đã quyết tâm, ông đến chỗ Hoàng thái tử Alexandre.

Ông này vừa gặp cha mình trong một hành lang của cung điện, theo thói quen đi thẳng đến phụ hoàng nhưng Paul giơ tay ra hiệu cho rút lui, ông đành trở về nhà, chờ lệnh mới. Hoàng thái tử thấy ông như thế thì đang băn khoăn không biết nguyên nhân của sự giận dữ thể hiện trong đôi mắt của Hoàng đế, vừa trông thấy Pahlen, ông hỏi ngay có phải đến để chuyển mệnh lệnh của cha mình không.

-Than ôi, thưa Điện hạ! – Pahlen trả lời – tôi được giao một mệnh lệnh ghê gớm.

-Mệnh lệnh gì vậy? – Alexandre hỏi.

-Đến an ủi Điện hạ và xin Người thanh kiếm.

-Thanh kiếm của tôi! – Alexandre kêu lên – Vì sao?

-Vì kể từ giờ phút này Điện hạ bị cầm tù!

-Tôi bị cầm tù! Thế tôi bị kết tội gì?

-Điện hạ cũng biết ở đây, đôi khi không may, người ta bị trừng phạt mà không phạm tội chống đối gì.

-Hoàng đế là người hai lần làm chủ số phận tôi – Alexandre trả lời – vì là vua và cũng là cha tôi. Ông đưa mệnh lệnh xem, dù là lệnh gì tôi cũng phục tùng.

Bá tước đưa tờ lệnh, Alexandre mở ra, hôn chữ ký của cha rồi bắt đầu đọc. Khi đến đoạn nói về Constantin, ông kêu lên "Cả em tôi nữa! Tôi đã hy vọng mệnh lệnh chỉ dành riêng cho tôi!" nhưng đến chỗ nói về Hoàng hậu "Ồ! Mẹ tôi! người mẹ đạo đức của tôi! Là vị thánh trên Trời xuống với chúng tôi! Quá lắm, này ông Pahlen, việc này quá lắm!"

Đưa hai tay lên che mặt, ông để rơi tờ lệnh. Pahlen nghĩ thời cơ thuận lợi đã đến.

-Thưa Điện hạ – ông nói và quỳ xuống chân Alexandre – Điện hạ hãy nghe lời tôi, phải thấy trước những tai hoạ lớn, phải chấm dứt những lệch lạc của người cha tôn kính của Điện hạ. Hôm nay Hoàng đế muốn giam giữ sự tự do của Điện hạ, có lẽ ngày mai Hoàng đế muốn…

-Pahlen!

-Thưa Điện hạ, xin Người hãy nhớ lại Alexis Pétrovich.

-Pahlen, ông vu khống cha tôi!

-Không, thưa Điện hạ, vì tôi không kết tội tấm lòng của ông mà là lý trí của ông ta. Biết bao mâu thuẫn lạ lùng, những mệnh lệnh không thể thực hiện được, những trừng phạt vô ích chỉ có thể giải thích bằng một chứng bệnh ghê gớm. Tất

cả những người chung quanh Hoàng đế nói như thế và tất cả những người ở xa đều lập đi lập lại như thế. Thưa Điện hạ, người cha khốn khổ của Ngài bị bệnh điên.

-Lạy Chúa!

-Thế thì, thưa Điện hạ, ngài phải cứu lấy ông ấy. Không phải mình tôi đến khuyên ngài như vậy, giới quý tộc, Nghị viện, vương quốc, tất cả, tôi chỉ là người chuyển lời. Hoàng đế phải thoái vị và nhường ngôi cho ngài.

-Pahlen! – Alexandre lùi một bước và kêu lên – ông nói cái gì với tôi thế? Tôi phải kế vị cha tôi khi ông ấy vẫn còn sống ư? Tôi phải giật lấy vương miện trên đầu, quốc ấn trong tay cha tôi ư? Chính ông điên, Pahlen, không bao giờ! Không bao giờ!

-Nhưng thưa Điện hạ, ngài không thấy mệnh lệnh sao? Ngài nghĩ đó là một việc cầm tù bình thường ư? Không, hãy tin tôi, mạng sống của ngài đang bị đe doạ.

-Hãy cứu lấy em tôi! Hãy cứu lấy Hoàng hậu! Đấy là tất cả những gì tôi đề nghị với ông – Alexandre kêu lên.

-Nhưng tôi có phải là chủ đâu? – Pahlen nói – Mệnh lệnh đối với họ cũng như đối với ngài. Một khi đã bị bắt, bị cầm tù, ai dám quả quyết với ngài các triều thần không quá vội vã, nghĩ rằng cần phải tận tuỵ với Hoàng đế, không đi trước ý muốn của nhà vua? Ngài hãy nhìn nước Anh, thưa Điện hạ, cũng đã xảy ra như thế, tuy quyền lực hạn chế nên mối nguy hiểm không to lớn bằng. Hoàng tử xứ Galles sẵn sàng điều hành triều chính mặc dù nhà vua Georges là một người điên nhẹ nhàng và vô hại. Vả lại, thưa Điện hạ, nếu ngài nhận lấy việc tôi đề nghị với ngài, ngài không chỉ cứu sống Hoàng hậu, Đại quận công em ngài, mà còn đức vua, cha của ngài nữa.

-Ông có ý nói gì?

-Tôi nói việc trị vì của Paul quá nặng nề nên giới quý tộc và nghị viện quyết định cần phải chấm dứt nó đi bằng mọi cách. Ngài từ chối một sự thoái vị ư? Có lẽ ngày mai ngài buộc phải tha thứ cho một vụ ám hại.

-Pahlen! – Alexandre kêu lên – Vậy tôi có thể gặp cha tôi được không?

-Không thể, thưa Điện hạ, mọi người đã dứt khoát cấm không để Điện hạ vào gặp Hoàng đế.

-Ông bảo mạng sống của cha tôi bị đe doạ?

-Nước Nga chỉ hy vọng vào ngài, thưa Điện hạ, và chúng tôi phải chọn giữa một phán xét làm hại cho chúng tôi và một án mạng cứu sống chúng tôi. Thưa Điện hạ, chúng tôi sẽ chọn án mạng.

Pahlen chủân bị quay ra.

-Pahlen! – Alexandre kêu lên, giơ một tay ngăn lại, còn tay kia đưa lên ngực rút cây thánh giá bằng vàng đeo ở cổ ra. – Pahlen, hãy thề trước Đức Chúa mạng

sống của cha tôi sẽ không gặp nguy hiểm gì và nếu cần ông phải hy sinh để bảo vệ ông ấy. Ông thề đi hoặc tôi sẽ không để cho ông ra đi.

-Thưa Điện hạ – Pahlen trả lời – tôi đã nói với ngài điều tôi cần phải nói. Ngài hãy suy nghĩ lời đề nghị của tôi, còn tôi sẽ suy nghĩ về lời thề mà ngài đòi hỏi.

Nói rồi ông nghiêng mình kính cẩn cúi chào đi ra, để quân bảo vệ ở trước cửa, rồi vào chỗ Đại quận công Constantin và Hoàng hậu, truyền chỉ dụ của Hoàng đế nhưng không cẩn trọng bằng đối với Alexandre.

Đã tám giờ tối, Pahlen chạy đến nhà ông Talitzine, thấy những người mưu phản đang vào bàn ăn, họ nêu lên cả ngàn câu hỏi khác nhau."Tôi không có thì giờ trả lời với các ông – ông nói – công việc tiến triển tốt và trong nửa giờ nữa tôi sẽ đưa lực lượng bổ sung đến cho các ông". Bữa ăn bị gián đoạn một lúc rồi lại tiếp tục.

Pahlen đi đến nhà tù.

Là thị trưởng Saint-Peterbourg ông vào đâu cũng được. Những người thấy ông vào ngục tối có quân bảo vệ đi theo và mắt nhìn rất nghiêm khắc, nghĩ là đã đến giờ bị đi đày ở Sibérie hoặc chuyển sang một nhà tù khác khắc nghiệt hơn. Cách ông ta ra lệnh sẵn sàng lên xe càng làm cho họ tin chắc vào điều ấy. Những chàng trai khốn khổ tuân theo. Ở cửa ra vào, một đại đội lính bảo vệ đang chờ họ, những người tù bước lên xekhông chống cự, vừa lên xong thì họ cảm thấy xe phóng nước đại.

Trái với chờ đợi, chưa đầy mười phút sau xe dừng lại trong sân một ngôi nhà thật đẹp. Tù nhân vâng lời bước xuống xe, cửa đóng lại sau lưng họ, quân lính đứng bên ngoài, chỉ có Pahlen với họ.

-Đi theo tôi – Bá tước bảo và bước đi trước.

Chẳng hiểu điều gì đã xảy ra, những người tù làm những gì người ta bảo họ làm. Đi đến một gian phòng phía trước phòng những người mưu phản đang tập hợp, Pahlen bỏ chiếc áo choàng phủ trên bàn ra để lộ một bó kiếm.

-Các anh trang bị vũ khí đi – Pahlen bảo.

Những người tù kinh ngạc, tuân lệnh giắt kiếm vào mình, ở chỗ đao phủ vừa tước gươm của họ ngay sáng nay và bắt đầu ngờ sẽ có việc gì lạ lùng đối với họ. Trong lúc đó Pahlen cho mở cửa, họ thấy những người bạn mười phút trước đây tưởng phải xa cách mãi mãi đang ngồi ở bàn, tay nâng ly chào họ vừa những tiếng hô "Alexandre muôn năm!" Họ chạy ngay vào phòng tiệc. Người ta giải thích điều gì sẽ xảy ra. Họ còn đầy xấu hổ và căm giận về sự đối xử trong ngày, kêu lên vui mừng với lời đề nghị giết Hoàng đế và không một người nào từ chối vai trò người ta dành cho họ trong bi kịch ghê gớm này.

Đến mười một giờ, những kẻ mưu phản gồm gần sáu mươi người đi ra khỏi nhà Talitzine, bọc người trong áo choàng đi về phía lâu đài Saint Michel. Những

nhân vật chính là Beningsen, Platon Zoubov, cận thần cũ của Catherine, Pahlen, thị trưởng Saint-Peterbourg, Depreradovitch, Đại tá trung đoàn Semenovki, Arkamanov, tuỳ tùng của Hoàng đế, Hoàng thân Tatetsvill, Thiếu tướng pháo binh, Talitzine, Đại tá trung đoàn bảo vệ Préobrajenski, Gardanov, thượng sĩ đội bảo vệ kỵ binh, Sartarinov, Hoàng thân Vareinskoï và Sériatine.

Những người mưu phản vào qua một cửa vườn của lâu đài Saint Michel, nhưng lúc đi dưới những cây to đã trụi lá, cành nhánh cong queo trong bóng tối, một đàn quạ bị tiếng động đánh thức, vừa bay lên vừa kêu những tiếng bi thảm, báo hiệu điềm xấu, làm đoàn người ngần ngại không muốn đi xa hơn nữa, Zoubov và Pahlen khuyến khích họ can đảm lên và đoàn người tiếp tục đi. Vào trong sân họ chia làm hai toán: một do Pahlen hướng dẫn, theo cánh cửa đặc biệt Bá tước thường vào gặp Hoàng đế mà không ai thấy, toán kia theo lệnh của Zoubov và Béningsen, do Arkamanov hướng dẫn, tiến lên bậc thang lớn không trở ngại gì. Pahlen đã thay thế các sĩ quan mưu phản vào các trạm lính gác của lâu đài. Chỉ một người bị quên thay thế như những người khác, kêu lên khi trông thấy họ "Ai đó? Đứng lại!" Béningsen bèn tiến lại, mở áo choàng cho thấy huân, huy chương của ông: -Im lặng! – Ông bảo – Anh không thấy chúng tôi đi đâu à?

-Xin mời đi, đoàn tuần tra – người gác trả lời, ra hiệu tế nhị và những kẻ mưu sát đi qua. Tới hành lang phía trước tiền sảnh, họ thấy một sĩ quan hóa trang lính gác.

-Thế nào? Hoàng đế đâu? – Platon Zoubov hỏi.

-Đã về một tiếng rưỡi đồng hồ rồi – viên sĩ quan trả lời – Chắc bây giờ đã đi nằm.

-Tốt – Zoubov nói và đoàn mưu sát tiếp tục đi.

Thực thế, Paul có thói quen sang với bà hoàng Gagarine. Thấy ông vào, trông xanh xao và u tối hơn bình thường, bà chạy tới, khẩn khoản hỏi xem có việc gì.

-Việc gì ư? – Hoàng đế trả lời – đây là lúc ta đánh một đòn mạnh và ít ngày nữa sẽ thấy đầu những người rất thân yêu của ta rơi xuống!

Sợ hãi vì lời đe doạ ấy, bà hoàng Gagarine vốn biết lòng nghi ngờ của Paul đối với gia đình, tìm cớ ra khỏi phòng khách viết vài dòng cho Đại quận công Alexandre nói mạng sống của ông gặp nguy hiểm và cho đem tới lâu đài Saint Michel. Sĩ quan bảo vệ được lệnh không để Hoàng thái tử ra ngoài nên đã để cho người mang thư đi vào. Alexandre nhận được mảnh giấy, biết bà hoàng Gagarine nắm được mọi bí mật của Hoàng đế nên càng lo lắng bội phần.

Đến khoảng mười một giờ như người gác đã nói, Hoàng đế trở về lâu đài, vào trong phòng riêng, đi ngủ, vì ông đặt lòng tin vào Pahlen.

Trong lúc đó những người mưu phản đến cửa tiền sảnh trước phòng ông và Arkamanov gõ cửa.

-Ai đấy? – người hầu phòng hỏi.

-Tôi, Arkamanov, tuỳ tùng của Hoàng đế.

-Ông muốn gì?

-Tôi đến để báo cáo.

-Ngài nói đùa, đã gần nửa đêm rồi.

-Nào, chính ông nhầm, sáu giờ sáng. Mở cửa mau, sợ Hoàng đế nổi nóng với tôi đấy.

-Tôi không biết có phải…

-Tôi đang làm nhiệm vụ và ra lệnh cho ông.

Người hầu phòng tuân lệnh. Những người mưu phản, kiếm cầm tay ùa vào tiền sảnh. Người hầu phòng sợ hãi trốn vào một góc, nhưng một người lính kỵ binh người Ba lan đang canh gác nhảy vào trước cửa phòng Hoàng Đế, đoán được ý đồ của những người khách đã ra lệnh cho họ đi ra. Zoubov muốn lấy tay đẩy anh ta ra. Một phát súng lục nổ nhưng ngay lúc ấy người bảo vệ duy nhất của kẻ một giờ trước đây chỉ huy năm mươi ba triệu người, bị tước khí giới.

Nghe tiếng súng, Paul giật mình tỉnh giấc, nhảy xuống giường, chạy lại phía cửa bí mật thông sang phòng Hoàng hậu, cố mở, nhưng ba ngày trước, trong một lúc nghi ngờ, ông đã cho chèn chặt cửa nên không thể mở ra được. Ông nghĩ đến chiếc bẫy sập, liền chạy nhanh lại đó nhưng chân trần nhấn lò xo không bật, bẩy cũng không mở được. Ngay lúc ấy cửa tiền sảnh đổ vào trong và Hoàng đế chỉ kịp lao về phía sau lò sưởi.

Béningsen và Zoubov nhảy vào. Zoubov bước thẳng tới giường nhưng không trông thấy ai.

-Hỏng rồi! – ông kêu lên – Ông ta trốn thoát rồi!

-Không – Béningsen nói – ông ta ở kia.

-Pahlen! – Hoàng đế thấy bị lộ kêu lên – Cứu ta, Pahlen!

-Thưa Bệ hạ, – Béningsen tiến tới giơ kiếm lên chào Paul – Người gọi vô ích. Pahlen là người của chúng tôi. Vả lại ngài không có nguy hiểm gì về tính mạng, chỉ là tù nhân của nhân danh Hoàng đế Alexandre.

-Các ông là ai? – Hoàng đế bối rối không nhận ra những người đang nói với mình dưới ánh sáng mờ của ngọn đèn đêm.

-Chúng tôi là ai? – Zoubov trả lời và đưa ra chiếu thoái vị – chúng tôi là những người được Nghị viện cử đến. Ông hãy đọc tờ giấy này, đọc và tự công bố về số phận của ông.

Zoubov một tay đưa tờ giấy, tay kia chuyển chiếc đèn bàn đến góc lò sưởi để Hoàng đế đọc. Paul cầm tờ chiếu, đọc được một phần ba thì ngừng lại ngẩng đầu nhìn những người mưu phản: -Nhưng tôi đã làm gì các ông? Lạy Chúa! Để các ông đối xử với tôi như thế này?

-Đã bốn năm nay ông đã bạo ngược đôi với chúng tôi – một giọng nói vang lên.

Và Hoàng đế tiếp tục đọc.

Nhưng càng đọc, những lời than phiền càng chồng chất, những câu nói xúc phạm càng làm ông bị tổn thương, sự giận dữ đã thay thế tư cách. Ông quên mình đang đơn độc, trần trụi không vũ khí, chung quanh là những người đội mũ, cầm kiếm, ông vò mạnh tờ chiếu thoái vị vứt xuống chân: -Không bao giờ! – ông nói – Ta thà chết!

Nói rồi ông bước lại để nắm thanh kiếm của ông để trên chiếc ghế cách đấy mấy bước.

Trong lúc đó toán thứ hai tiến vào, phần lớn là quý tộc trẻ bị giáng cấp hoặc thải hồi, một trong những người chủ chốt là Hoàng thân Tatetsvill, đã thề trả thù về việc ông bị thóa mạ. Vì vậy, vừa bước vào, ông lao đến ôm ngang người Hoàng đế vật lộn, cùng ngã xuống kéo theo chiếc đèn và tấm chăn. Hoàng đế thét lên một tiếng vì lúc ngã ông đụng đầu vào góc lò sưởi và bị thương. Sợ tiếng kêu có người nghe được, Sartarinov, Hoàng thân Vereinskoï và Sériatine lao vào người ông, Paul đứng dậy một lát rồi lại ngã ngay xuống. Những việc ấy xảy ra trong đêm tối giữa những tiếng kêu rên lúc to lúc nhỏ. Cuối cùng Hoàng đế gỡ bàn tay bịt miệng mình, kêu lên bằng tiếng Pháp "Các ông, các ông tha cho, hãy để tôi có thì giờ cầu Chúa …" Tiếng nói cuối cùng bị bóp nghẹt, một người cởi khăn quàng của mình thắt vào sườn nạn nhân, không dám thắt vào cổ vì sợ để lại dấu vết cái chết phải được xem là một cái chết tự nhiên. Tiếng rên rỉ biến thành tiếng khò khè rồi tắt hẳn, khi Béningsen vào với ngọn đèn sáng hơn thì Hoàng đế đã chết. Không ai nghi ngờ vì trông Hoàng đế bị xuất huyết não bất ngờ do khi ngã xuống đụng phải một vật cứng và bị thương.

Trong im lặng, người ta nhìn thi thể bất động dưới ánh đèn, có tiếng động ở cánh cửa thông phòng, Hoàng hậu đã nghe tiếng ú ớ, những giọng nói thì thầm và đe doạ bèn chạy tới. Lúc đầu những kẻ mưu phản sợ hãi nhưng khi nghe giọng nói của bà thì bình tâm lại, vả lại cửa bị chèn kín, họ tiếp tục thi hành công việc đang làm.

Beningsen nâng đầu Hoàng đế lên thấy bất động, cho mang ông lên giường. Lúc đó Pahlen tay cầm kiếm bước vào, vì trung thành với vai trò hai mặt của mình, ông đợi công việc xong xuôi mới đứng về phía những người mưu phản. Thấy nhà vua được Beningsen che một tấm khăn trải giường lên mặt, ông dừng lại trước cửa, tái mặt dựa vào tường, thanh kiếm thõng xuống bên mình.

-Nào các ông, đã đến lúc chúng ta đi tôn vinh Hoàng đế mới – Beningsen, một trong những người cuối cùng bị lôi kéo vào âm mưu và là người duy nhất trong buổi tối bi đát này giữ được can đảm, lên tiếng hô hào.

-Đúng, đúng – những giọng nói lộn xộn của tất cả những người ấy vang lên, họ đã ùa vào phòng bây giờ lại vội vàng bỏ đi – Đúng, đúng, chúng ta đi tôn vinh Hoàng đế Alexandre muôn năm!

Trong lúc đó Hoàng Hậu Marie thấy không vào được bằng cửa thông và vẫn nghe tiếng ồn ào phía trong, đi vòng quanh căn nhà nhưng trong một phòng khách trung gian, bà gặp Pettaroskoï, trung úy bảo vệ, cùng ba mươi người lính dưới lệnh. Chấp hành theo chỉ thị, ông ngăn Hoàng hậu lại.

-Xin lỗi, thưa bà – ông nghiêng mình nói – bà không thể đi xa hơn nữa.

-Ông không nhận ra ta ư? – Hoàng hậu hỏi.

-Không phải thế, thưa bà, tôi biết mình đang được vinh dự nói với Hoàng hậu, nhưng nhất là Hoàng hậu thì lại càng không thể đi qua được.

-Ai cho ông chỉ thị ấy?

-Đại tá của tôi.

-Chà – Hoàng hậu nói – ông dám thực hiện như thế à?

Và bà tiến về phía trước nhưng quân lính giơ kiếm giao chéo nhau chận đường.

Cùng lúc, những người mưu phản ồn ào ra khỏi phòng Paul và hô "Alexandre muôn năm!", Béningsen đi đầu. Hoàng hậu nhận ra ông, bèn gọi tên, khẩn khoản xin để cho bà đi.

-Thưa bà – ông nói – mọi việc bây giờ xong rồi. Bà làm hỏng cuộc sống của bà một cách vô ích, Paul đã chết rồi.

Nghe thấy thế Hoàng hậu thét lên một tiếng, để rơi mình xuống một chiếc ghế. Hai nữ Đại quận công Marie và Christine nghe tiếng kêu tỉnh dậy, chạy tới mỗi người quỳ một bên bà. Cảm thấy khó thở, Hoàng hậu xin nước uống. Một người lính mang ly tới, nữ Đại quận công ngần ngại không dám đưa cho mẹ uống vì sợ bị đầu độc. Người lính đóan thế, uống một nửa ly, đưa phần còn lại cho bà Đại quận công.

-Cô thấy đấy – anh nói – Hoàng hậu có thể uống mà chẳng sợ gì.

Béningsen để Hoàng hậu cho các nữ Đại quận công chăm sóc, đi tới chỗ Hoàng thái tử. Căn phòng ông này ở dưới phòng của Paul. Ông đã nghe thấy hết. Tiếng súng, những tiếng kêu, ngã xuống, rên rỉ và khò khè, muốn lên cứu cha nhưng người gác Pahlen bố trí ở cửa đẩy ông vào phòng, người ta đã phòng bị cẩn thận, ông bị giam giữ và không cách gì ngăn cản được.

Béningsen đi vào, những người mưu phản đi theo sau. Những tiếng hô "Hoàng đế Alenxandre muôn năm!" cho ông biết mọi việc đã xong. Chuyện ông lên ngôi không còn là một việc nghi ngờ gì đôi với ông nữa. thấy Pahlen vào sau cùng, ông kêu lên: -A, Pahlen, câu chuyện của tôi bắt đầu như thế nào đây?

-Thưa Bệ hạ – Pahlen trả lời – mọi việc sẽ ổn thoả cả thôi.

-Nhưng – Alexandre nói lớn – ông không hiểu người ta sẽ cho tôi là người mưu sát cha tôi hay sao?

-Thưa Bệ hạ, trong lúc này ngài chỉ nghĩ đến một điều: vào giờ này…

-Ông muốn tôi nghĩ gì? Lạy Chúa! Ngoài việc nghĩ đến cha tôi?

-Nghĩ đến việc làm cho quân đội chấp nhận Ngài.

-Còn mẹ tôi, Hoàng hậu? Bà thế nào rồi?

-Hoàng hậu an toàn, thưa Bệ hạ. Nhưng nhân danh Chúa, chúgn ta đừng để mất giây phút nào.

-Tôi phải làm gì? – Alexandre cảm thấy bất lực, không quyết định gì được.

-Thưa Bệ hạ, Ngài phải đi theo tôi ngay vì để chậm một chút có thể đưa tới những tai hoạ lớn.

-Được rồi, ông muốn làm gì thì tôi sẽ làm.

Pahlen kéo Hoàng đế để ra xe mà người ta đưa lại để đem Paul ra pháo đài. Hoàng đế vừa lên xe vừa khóc, cửa đóng lại. Pahlen và Zoubov lên phía sau, chỗ những người hầu và chiếc xe mang những vận mệnh mới của nước Nga, phóng nhanh về cung điện Mùa Đông, hai tiểu đoàn bảo vệ đi hộ tống. Béningsen ở lại bên Hoàng hậu vì một trong những dặn dò cuối cùng của Alexandre là về bà mẹ.

Trên quảng trường Amirauté, Alexandre thấy những trung đoàn bảo vệ chủ yếu.

-"Hoàng đế! Hoàng đế!" Pahlen và Zoubov hét lên, chỉ vào Alexandre.

-"Hoàng đế! Hoàng đế!" hai tiểu đoàn hộ tống cũng hét lên. Tất cả trung đoàn trả lời cùng một giọng "Hoàng đế muôn năm!"

Người ta ùa đến cửa xe. Alexandre tái mặt và xộc xệch vì đi đường, người ta lôi, nâng ông lên thề trung thành với nhiệt tình sôi nổi, chứng tỏ cho ông thấy những người mưu phản phạm tội ác chỉ là hoàn thành nguyện vọng của quần chúng. Dù muốn trả thù cha đến mấy ông cũng phải từ bỏ ý định trừng phạt những kẻ giết người.

Những người này rút về nhà riêng, không biết Hoàng đế sẽ giải quyết như thế nào đôi với họ.

Ngày hôm sau đến lượt Hoàng hậu thề trugn thành với con trai mình, theo hiến pháp của Vương quốc, chính bà phải kế vị chồng nhưng thấy tình hình cấp bách, bà là người đầu tiên từ bỏ quyền lợi của bà.

Nhà phẫu thuật Vette và bác sĩ Stoffi chịu trách nhiệm mổ thi thể, tuyên bố

Hoàng đế Paul chết vì xuất huyết não đột ngột, vết thương ở bên má do bị ngã khi gặp nạn.

Thi thể được ướp và trưng bày mười lăm ngày trên một chiếc giường được trang trí, Alexandre đến tưởng niệm nhiều lần nhưng không một lần thấy Người đổi sắc mặt hoặc rơi nước mắt. Dần dần những người mưu phản được đưa ra khỏi triều đình, những người này đi nhận nhiệm vụ, những người khác sung vào biên chế các trung đoàn đóng ở Sibérie. Chỉ còn lại Pahlen vẫn giữ chức chỉ huy quân sự ở Saint-Peterbourg và việc gặp nhau trở thành một nỗi ân hận cho nhà vua mới, vì vậy Người tranh thủ cơ hội để đẩy ông đi xa. Việc ấy xảy đến như sau.

Mấy ngày sau cái chết của Paul, một linh mục treo một bức ảnh thánh nói rằng được một thánh thần mang tới, phía dưới viết hàng chữ "Chúa Trời sẽ trừng phạt tất cả những kẻ đã giết Paul Đệ nhất". Được tin, dân chúng kéo đến rất đông ở nhà nguyện có treo bức ảnh thánh trên và cho rằng như thế có thể có ảnh hưởng không tốt đến tâm trí Hoàng đế, Pahlen xin phép cho chấm dứt mưu mô của vị linh mục và được Alexandre chấp nhận. Linh mục bị đánh đòn và giữa lúc bị hành hạ, ông tuyên bố đã làm theo lệnh của Hoàng hậu, đưa ra bằng chứng rằng trong nhà nguyện của bà cũng có một bức ảnh giống như thế. Pahlen cho mở cửa nhà nguyện của Hoàng hậu, thấy có bức ảnh bèn lấy đem đi. Hoàng hậu có lý do cho việc ấy là một sự thoá mạ bà, liền kêu đến con trai. Alexandre chỉ tìm một cái cớ để đẩy Pahlen đi xa, không để lỡ dịp này. Ngay lúc ấy ông De Beckleckov được giao chuyên cho Bá tước Pahlen, nhân danh Hoàng đế, lênh phải lui về vườn.

-Tôi đã chờ đợi điều này – Pahlen mỉm cười nói – hành lý của tôi đã được chuẩn bị trước rồi.

Một giờ sau Bá tước Pahlen gửi đơn lên Hoàng đế xin từ bỏ mọi chức vụ và ngay chiều hôm ấy ông lên đường đi Riga.

§13

Hoàng đế Alexandre lên ngôi khi chưa đầy hai mươi bốn tuổi. Người được nuôi dạy với sự giám sát của bà nội, Catherine, theo một chương trình tự bà đặt ra mà một trong những phần chủ yếu như sau: không dạy cho các Đại quận công trẻ thơ nhạc vì phải dành nhiều thì giờ mới có hiệu quả. Alexandre tiếp nhận một nền giáo dục chắc chắn và nghiêm khắc trong đó nghệ thuật hầu như bị loại trừ. Người thầy, ông La Harpe, do chính Catherine lựa chọn, trong triều người ta bảo ông thuộc cộng hoà cực đoan vì không chỉ là người Thuỵ sĩ mà còn là em của một vị tướng dũng cảm. La Harpe đã từng phục vụ trong quân đội Pháp, ông đúng là người đã in dấu cho học trò những đức tính độ lượng và thẳng thắn, đức tính rất quan trọng để trong cuộc đời còn lại, Hoàng đế đấu tranh được với những kỷ niệm thời ấu thơ. Việc lựa chọn của Catherine rất đáng chú ý nhất là trong một thời kỳ mà những ngai vàng đang lung lay vì núi lửa cuộc Cách mạng, Léopold chết, người ta nói bị đầu độc, Gustave bị ám sát và Louis XVI mang đầu lên máy chém.

Một trong những lời dặn chính của Catherine là tránh tạo cho những Đại quận công trẻ mọi ý nghĩ liên quan đến sự khác biệt giới tính và tiếp cận với tình yêu. Ông Pallas nổi tiếng giảng cho họ một ít về thực vật học trong các khu vườn hoàng gia, hệ thống Linné về giới tính của loài hoa, cách thụ phấn, gây cho những học trò tôn kính của ông một mớ câu hỏi khó trả lời. Protasov, người giám thị các Hoàng tử thấy cần báo cáo với Catherine, bà liền cho gọi Pallas đến, chỉ thị phải khéo tránh né những chi tiết về nhị đực, nhị cái. Chỉ thị ấy làm cho bài giảng thực vật học gần như không thể thực hiện được và sự im lặng của thầy giáo càng làm cho học trò hỏi nhiều hơn, lớp học bị gián đoạn. Tuy vậy một kế hoạch giáo dục như vậy không thể tiếp tục lâu dài và tuy Alexandre còn ít tuổi, hoàng gia cũng phải nghĩ đến việc cưới vợ cho Đại quận công.

Ba công chúa trẻ người Đức được đưa tới triều đình nước Nga để người bà tuyển chọn cho cháu. Catherine nghe tin họ đến Saint-Peterbourg, vội muốn gặp họ, bà cho mời họ vào hoàng cung, tư lự đứng ở cửa sổ để xem họ xuống xe. Một lúc sau xe đưa họ tới, cửa mở và một trong ba công chúa nhảy xuống trước, không bước theo bậc lên xuống.

-Không phải cô này – bà già Catherine lắc đầu nói – sẽ là Hoàng hậu của nước Nga thì hơi vội vã.

Công chúa thứ hai bước xuống, chân vướng vào áo dài suýt ngã.

-Cô này cũng không được, rất vụng về.

Cô thứ ba cuối cùng bước xuống, đẹp, oai vệ và nghiêm trang.

-Đây là hoàng hậu nước Nga – Catherine nói.

Đấy là Louise de Bade.

Catherine cho đưa các cháu tới trong lúc các công chúa còn ở đấy, nói bà quen biết mẹ của họ, nữ quận công De Bade-Durlach, nguyên là công chúa De Darustadt và do người Pháp chiếm nước họ, nên bà cho đưa họ đến Saint-Peterbourg để nuôi dạy. Một lúc sau hai Đại quận công được đưa về, trên đường họ nói chuyện nhiều về ba cô gái. Alexandre bảo cô chị cả đẹp, Constantin nói "Em thì không, em chẳng thấy cô nào đẹp cả. Phải đưa họ tới Riga cho các Hoàng tử Courlande, thích hợp với họ đấy."

Ngay hôm ấy Catherine biết ý kiến của cháu là thích cô gái mà bà dự tính, bà xem tình cảm non trẻ ấy phù hợp với ý định của bà là một ân huệ của Thượng đế. Thực vậy, Đại quận công Constantin đã nhìn không chuẩn vì công chúa cả ngoài dáng vẻ tươi mát, có mái tóc vàng xám rất đẹp và dài phấp phới trên đôi vai tuyệt trần, thân hình mềm mại uyển chuyển của một bài tiên vùng sông Rhine và đôi mắt to xanh của Marguerite, nhân vật của thi hào Goethe.

Ngày hôm sau Nữ hoàng đến thăm họ ở trong một lâu đài của Potemkine. Bà mang cho họ vải vóc, đồ trang sức và cuối cùng dây huân chương Sainte-Catherine. Sau một lúc nói chuyện, bà xem tủ quần áo của họ, sờ từng tấm áo. Quan sát xong bà hôn vào trán họ, mỉm cười nói "Các bạn, tôi không được giàu như các bạn khi đến Saint-Peterbourg."

Thật vậy, Catherine đến nước Nga trong tình trạng nghèo, nhưng không phải không có hồi môn, bà để lại một tài sản thừa kế: nước Ba lan và Tauride.

Cuối cùng công chúa Louise đã cảm nhận được tình cảm của Alexandre đối với mình. Sau này Napoléon phải gọi Alexandre là người đẹp nhất và tinh tế nhất trong những người Hy lạp, chàng trai đầy duyên dáng và ngây thơ, tính tình hoàn hảo, rất hiền, độ lượng đến độ người ta có thể cho là hơi dè dặt. Vì vậy với tấm lòng trong trắng, cô gái Đức không che giấu thiện cảm đối với Hoàng thái tử. Catherine tranh thủ sự hoà hợp ấy và chẳng bao lâu thông báo với hai người rằng số phận của họ sẽ dành cho nhau. Alexandre nhảy lên vui sướng và Louise khóc vì hạnh phúc.

Thế là người ta chuẩn bị cho đám cưới. Người vợ chưa cưới sẵn sàng làm tốt nhất những gì người ta đòi hỏi. Cô học tiếng Nga, thâm nhập tôn giáo Hy lạp, công khai lòng tin mới của mình, nhận xức dầu thánh lên đôi vai trần và đôi chân đẹp, được phong tước nữ Đại quận công với tên là Elizabeth Alkeseïevna, trước đây chính là tên của Nữ hoàng Catherine Alexis thời chuyện gái.

Mặc dù những dự kiến tốt đẹp của Catherine, đám cưới cuối cùng trở nên nỗi bất hạnh cho cả hai người.

Nỗi đau đớn sâu sắc của ông vua mới đối với cái chết của người cha lây sang người vợ. Tuy không biết Paul, người vợ này đã khóc thương như là con gái của ông.

Lịch sử kể lại những trận đánh Austerlitz và Friedland, Tilstt và Erfurt, những năm 1812 và 1814. Trong mười năm Alexandre được ánh sáng của Napoléon soi rọi.

Trong mười năm ấy, ông vua vị thành niên trở thành người lớn. Những say mê hăng hái buổi đầu không có gì giảm sút. Nhưng tuy duyên dáng, tươi cười với phụ nữ, lễ độ, thân mến với nam giới, thỉnh thoảng trên vầng trán ông như phảng phất những đám mây u buồn: đấy là những kỷ niệm lặng im nhưng ghê gớm của đêm đổ máu mà ông đã nghe thấy tiếng hấp hối của người cha vùng vẫy. Dần dần càng lớn lên, những kỷ niệm ấy càng ám ảnh ông thường xuyên hơn, rồi trở thành một nỗi buồn không dứt. Người ta thấy ông cố gạt bỏ nó đi bằng những suy nghĩ và hành động. Ông mơ ước những cái cách và làm những chuyện điên rồ.

Alexandre được ông em của tướng La Harpe giáo dục, có một thiên hướng không tưởng, những cuộc du lịch sang Pháp, Hà Lan, Anh càng làm tăng thêm thiên hướng này. Những ý tưởng tự do thoát thai trong thời kỳ bị chiếm đóng và thay vì phải đàn áp chúng, Hoàng đế đã khuyến khích chúng. Cuối cùng việc bà De Krüdener tới tạo điều kiện cho triết lý bí ẩn giao lưu với thánh thần: Hoàng đế bị ảnh hưởng của hai luồng tư tưởng ấy vào thời gian tôi đến Saint-Peterbourg.

Về những chuyến đi, thì có cái gì đó thần kỳ đôi với những người dân Paris. Người ta tính Hoàng đế đã đi cả trong nước và ngoài nước khoảng năm mươi nghìn dặm. Và kỳ lạ là trong những chuyến đi ấy, ngày đến được ấn định ngay hôm đi. Năm trước cuộc hành trình của tôi, Hoàng đế đi Ukraine ngày 26 tháng tám, thông báo sẽ trở về ngày 2 tháng mười một và thứ tự sử dụng những ngày đi được định trước một cách chặt chẽ, không thay đổi đến mức sau khi vượt khoảng cách một nghìn tám trăm bảy mươi hai dặm, Alexandre trở về Saint-Peterbourg vào ngày đã định và hầu như đúng giờ đã định.

Hoàng đế đi những chuyến du lịch dài ấy không những chẳng có bảo vệ, hộ tống và thậm chí gần như đi một mình, và như người ta nghĩ chẳng có ai đi như thế mà không có những cuộc gặp gỡ hoặc những tai nạn bất thường. Trong một chuyến đi Phần Lan cùng Hoàng thân Pierre Volkouski, người đồng hành duy nhất, ngay lúc ông ngày vừa ngủ, chiếc xe của nhà vua leo lên một quả núi cao và đầy đất cát, xe đi lùi trở xuống vì quá nặng. Alexandre không đánh thức ông bạn đường, nhảy ngay xuống vần bánh xe cùng với người đánh xe và gia nhân. Trong lúc đó người đang ngủ giật mình vì hành động thay đổi đột ngột, thức dậy thấy chỉ có một mình mình trong xe, ngạc nhiên nhìn quanh và thấy Hoàng đế đang lau mồ hôi trán: xe đã lên đến đỉnh núi.

Trong một chuyến đi khác lên thăm các tỉnh phía bắc, Hoàng đế đi qua một hồ rộng gặp một cơn bão dữ dội.”Anh bạn” – Hoàng đế nói với người chèo thuyền – “trong một trường hợp như thế này cách đây gần một ngàn tám trăm

năm, một đại tướng người La mã cổ đại đã nói với người lái: "Anh đừng sợ vì anh đang chở César và vận mệnh của Người". Ta ít đáng tin hơn César, ta chỉ nói với anh: Anh bạn, hãy quên ta là Hoàng đế, chỉ xem ta là một người như anh và cố cứu lấy cả hai". Người lái thuyền đã bắt đầu mất bình tĩnh vì trách nhiệm nặng nề đè nặng lên vai mình, lấy lại can đảm ngay và con thuyền do một bàn tay vững vàng điều khiển, cập bến an toàn.

Alexandre không phải bao giờ cũng may mắn như vậy và trong những lúc gặp nguy hiểm ít hơn, đôi khi lại bị tai nạn nghiêm trọng hơn. Trong chuyến đi cuối cùng torng các tỉnh vùng sông Đông, xe bị lật đổ mạnh và ông bị thương ở chân. Theo kỷ luật tự đề ra cho mình, Người muốn đảm bảo đến nơi vào ngày đã định, nhưng sự mệt mỏi và thiếu đề phòng làm tổn hại đến vết thương. Từ đấy chứng nhiễm trùng nhiều lần tái phát ở chân buộc Hoàng đế phải nằm nhiều tuần lễ và đi cà nhắc nhiều tháng. Chính trong thời gian ốm đau ấy, nỗi buồn chán càng gia tăng, thời gian ấy ông đối mặt với Hoàng hậu và trên khuôn mặt bà nét buồn bã và tái xanh được thay cho nụ cười, hầu như đã biến mất. Người cảm thấy một nỗi oán trách rõ rệt vì nỗi buồn và nét xanh xao ấy do Người tạo ra.

Cơn đau cuối cùng vào mùa đông năm 1824, thời kỳ hôn lễ của Đại quận công Michel và là lúc Constantin cho biết có một âm mưu đang tồn tại, người ta có thể đoán biết nhưng lại không biết rõ, gây ra những lo lắng nặng nề. Chính ở Tsarskoïe Selo, lâu đài ưa thích và càng thân thiết hơn khi Hoàng đế càng đắm mình vào nỗi buồn không vượt qua được. Sau khi dạo bộ một mình theo thói quen, Người trở về lâu đài bị nhuốm lạnh và cho mang bữa ăn tối lên phòng mình. Cũng đêm ấy chứng nhiễm trùng tái phát mạnh hơn những lần trước, kèm theo những cơn sốt và hôn mê. Ngay đêm ấy người ta chở Hoàng đế trong một chiếc xe đóng kín về Saint-Peterbourg. Một hội đồng bác sĩ khám nghiệm, quyết định cắt chân Hoàng đế để đề phòng bệnh hoại thư, chỉ bác sĩ Wyllie, phẫu thuật riêng của Hoàng đế là phản đối, lấy đầu của mình bảo đảm cho bệnh nhân. Thật thế, nhờ sự chăm sóc của ông, Hoàng đế khoẻ trở lại nhưng nỗi buồn càng tăng trong thời gian bị bệnh và do đó những buổi lễ hoá trang sau này đều rất buồn.

Vừa hồi phục, Người trở lại ngay Tsarskoï Selo, tìm đến cuộc sống quen thuộc. Mùa xuân Hoàng đế ở đấy một mình, không triều thần, không tướng tá, tiếp các bộ trưởng trong những ngày đã định trong tuần, cuộc sống như của một tu sĩ khóc than vì lỗi lầm thay vì của một Hoàng đế đầy quyền lực đem lại hạnh phúc cho dân chúng. Mùa đông vào lúc sáu giờ, mùa hè năm giờ, Alexandre thức dậy, tắm rửa, vào văn phòng, không chịu được sự lộn xộn ở đấy, luôn có một chiếc khăn vải mỏng gấp nếp và một hộp ngòi bút mới gọt. Hoàng đế bắt đầu làm việc, hôm sau không bao giờ sử dụng ngòi bút hôm trước dù chỉ mới dùng để ký tên. Xem xong công văn, ký xong, Người xuống công viên và mặc dù có tiếng đồn âm mưu phản loạn đã hai năm, Người vẫn đi dạo một mình, không có vệ sĩ

đi kèm, ngoài lính gác lâu đài Alexandre. Đến năm giờ chiều Người trở về, ăn tối một mình và đi ngủ theo tiếng nhạc quân bảo vệ chơi dưới cửa sổ, những bản nhạc luôn được Người chọn lọc trong số những âm điệu buồn nhất, ru Người ngủ trong khung cảnh giống ban ngày đã qua.

Về phần mình, Hoàng hậu sống trong cô đơn sâu lắng, trông chừng Hoàng đế như một thiên thần vô hình, tuổi tác không dập tắt được tình yêu sâu sắc của bà đôi với chồng, nó vẫn luôn giữ trong trắng, vĩnh cửu mặc dù có nhiều sự không trung thành của chồng. Thời kỳ ấy bà đã bốn mươi lăm tuổi, nhưng thân hình còn mảnh mai dễ coi, trên khuôn mặt còn vết tích một sắc đẹp lộng lẫy bắt đầu phai tàn qua mươi năm đau khổ. Tóm lại bà trinh bạch như một vị thánh, không bao giờ người ta có thể bôi nhọ được bà, đến nỗi gặp bà ai cũng nghiêng mình, trước một tấm lòng phúc hậu cao cả hơn là quyền lực, trước một thiên thần bị đày xuống hạ giới hơn là trước một người đàn bà trị vì trên mặt đất.

Mùa hè tới, các bác sĩ đồng thanh quyết định cần có một cuộc đi du lịch để hoàn toàn khôi phục sức khoẻ cho Hoàng đế, tự xác định Crimée là nơi có khí hậu tốt để an dưỡng. Alexandre tiếp nhận phương pháp điều trị của các thầy thuốc một cách thờ ơ hoàn toàn. Cuối cùng vừa quyết định ra đi thì Hoàng hậu đề nghị và được phép đi cùng chồng. Chuyến đi đưa lại một đợt làm việc quá sức cho Hoàng đế vì ai cũng vội vã giải quyết công việc với Người cho xong, như thể rồi không gặp lại Người nữa vậy. Vì vậy trong nửa tháng Người phải dậy sớm, ngủ muộn nhưng sức khoẻ của Hoàng đế xem ra không bị suy nhược, trong tháng sau, sau một bữa tiệc chúc phúc cho chuyến đi cả gia đình hoàng gia tham dự. Người rời Saint-Peterbourg, có Hoàng hậu cùng đi, người đánh xe Ivan trung thành điều khiển xe, một số sĩ quan cận vệ đi theo dưới sự chỉ huy của tướng Diebitch.

§14

Hoàng đế đến Tagnarog vào cuối tháng tám năm 1825, sau khi đi qua Varsovie dừng lại mấy ngày để dự lễ sinh nhật Đại quận công Constantin. Đấy là chuyến đi thứ hai của Hoàng đế tới thành phố mà ông thích và thường nói có ý định rút lui về đấy. Chuyến du lịch rất tốt cho Người và cho cả Hoàng hậu, người ta tổ chức thật tốt việc nghỉ ngơi của họ để thuận lợi cho việc chữa bệnh. Nói cho cùng việc yêu thích của Hoàng đế tới Taganrog chỉ được xác minh qua các cảnh vật sẽ được làm đẹp trong tương lai theo Người dự tính. Vì như lúc đó, thành phố nhỏ này trên bờ Azov có không đến một nghìn ngôi nhà bình thường chỉ một phần sáu bằng gạch ngói, còn lại là những căn nhà gỗ phủ rạ trát bùn. Đường phố rộng nhưng không được lát đá hay gạch, vừa mưa nước ngập đến đầu gối, ngược lại khi mặt trời và gió làm khô những nơi ẩm ướt, súc vật và ngựa chở sản vật đi qua, hắt lên từng cuộn bụi mà gió tung lên thành những lớp sóng dày, ban ngày cách nhau vài bước người ta không phân biệt được người hay ngựa. Bụi bay khắp nơi, trong nhà qua những khe hở hoặc những tấm chắn gió đóng kín, vào cả quần áo và nước uống.

Hoàng đế ở nhà Tỉnh trưởng trước pháo đài Azov nhưng hầu như không bao giờ có mặt ở đấy. Người ra đi từ sáng sớm và chỉ trở về vào bữa ăn, nghĩa là lúc hai giờ chiều. Cả thời gian Người đi bộ trong bùn hoặc bụi đường, lơ là những phòng bị mà ngay người dân địa phương cũng phải giữ gìn chống lại những bệnh sốt mùa thu mà năm ấy rất phổ biến. Mối quan tâm chính của Người là bản thiết kế và xây dựng một công viên lớn, việc do mg người Anh được gọi từ Saint-Peterbourg đến dang chỉ đạo. Ban đêm, Người ngủ trên một chiếc giường gỗ, gối đầu trên chiếc gối đá.

Một số người nói rằng những bận tâm bên ngoài chỉ nhằm che giấu một kế hoạch mật và Hoàng đế tới vùng địa đầu vương quốc này là để suy nghĩ cho một quyết định lớn. Những người này hy vọng đến một lúc nào đó từ nơi này sẽ ban hành một thể chế cho toàn nước Nga.

Tuy thế Taganrog chỉ là điểm trú ngụ của Alexandre, Elizabeth ở đấy một mình vì bà không chịu nổi những chuyến đi của Hoàng đế trong các tỉnh vùng sông Don, khi đến Scherkask, khi đến Donets. Ở đấy trở về, Người sắp đi Astrakhan thì Bá tước Voronzoff, người đã chiếm đóng nước Pháp đến năm 1818 và là tỉnh trưởng Odessa, đến đột ngột làm đảo lộn kế hoạch. Voronzoff đến báo cáo với Hoàng đế có những âm mưu lớn sắp nổ ra ở Crimée, chỉ có mặt Người mới lắng dịu được. Phải đi ba trăm dặm nhưng có nghĩa gì khi có những con ngựa lông bờm bù xù, có thể vượt đồng cỏ và rừng với tốc độ như mơ. Alexandre

hứa với Hoàng hậu sẽ trở về trước ba tuần lễ và cho lệnh ra đi ngay sau khi người mang công văn đi Alupka quay trở lại.

Nhân viên bưu vụ trở về, mang theo những chi tiết về cuộc âm mưu. Người ta phát hiện không chỉ muốn lật đổ chính phủ mà còn muốn cả mạng sống của Hoàng đế. Nghe tin ấy Alexandre đưa hai tay ôm đầu, rên rỉ kêu lên "Ôi, cha ơi, cha ơi!"

Đang nửa đêm Hoàng đế cho đánh thức tướng Diébitch ở trong nhà bên cạnh đấy. Trong lúc chờ đợi Người tỏ ra rất lo lắng, sải bước trong phòng và thỉnh thoảng lại giường nằm rồi ngồi nhỏm dậy. Viên tướng vào, suốt hai giờ họ thảo luận và viết rồi sau đó có hai người mang chỉ dụ đi, một cho Phó vương Ba lan, một cho Đại quận công Nicolas.

Hôm sau Hoàng đế đã lấy lại được vẻ bình tĩnh thường ngày, không ai thấy được những dấu vết xáo trộn trong đêm. Tuy vậy, Voronzoff khi đến xin chỉ thị thấy Người trong tình trạng nôn nóng, khác hoàn toàn với tính tình dịu dàng quen thuộc. Người vẫn ra lệnh lên đường vào sáng ngày hôm sau.

Cuộc hành trình chỉ làm tăng thêm cơn đau tinh thần, từng lúc, điều chưa bao giờ có. Hoàng đế than phiền ngựa đi chậm và đường sá xấu. Nỗi buồn chán càng tăng nhất là khi bác sĩ Wyllie khuyên Người đề phòng gió lạnh mùa thu. Người vứt bỏ áo choàng, khăn cổ, như muốn tìm những nguy hiểm người ta khẩn nài phải tránh. Sự bất cẩn ấy mang lại hậu quả: một buổi tối Hoàng đế ho thường xuyên và sáng hôm sau đến Oriel thì bị một cơn sốt ngắt quãng, với thái độ ương bướng của người bệnh, chuyển sang cơn sốt thuyên giảm từng hồi mà chẳng mấy chốc bác sĩ Wyllie nhận ra là căn bệnh suốt mùa thu mang từ Taganrog đến Sébastopol.

Cuộc hành trình bị gián đoạn.

Alexandre như cảm thấy bệnh trầm trọng hơn, muốn gặp Hoàng hậu trước khi chết nên đòi quay trở lại Taganrog ngay lúc đó. Vẫn làm trái ý với những khẩn nài của Wyllie, Người đi ngựa một phần đường, nhưng không lâu chẳng thể ngồi lưng ngựa được nữa, lại phải lên xe tiếp tục đi. Cuối cùng, ngày 3 tháng mười một Người trở về đến Taganrog, vừa vào đến lâu đài Tỉnh trưởng thì ngất đi.

Hoàng hậu, bản thân gần như chết dở vì bệnh tim, lúc ấy quên hết những cơn đau của mình, để săn sóc chồng. Cơn sốt nguy hại, tuy môi trường đã thay đổi, ngày càng có vẻ nặng hơn, đến ngày 8 triệu chứng đã trở nên trầm trọng nên ngài James Wyllie đòi phải có bác sĩ Stophiegen, bác sĩ riêng của Hoàng hậu phụ với mình. Ngày 13 hai bác sĩ hợp lực chống bệnh viêm não đang đe doạ làm phức tạp thêm căn bệnh, họ đề nghị Hoàng đế cho trích máu, Hoàng đế luôn luôn phản đối, chỉ đòi uống nước lạnh và khi người ta từ chối thì Người từ bỏ hết tất cả các việc khác. Đến bốn giờ chiều Hoàng đế bảo lấy giấy mực, viết một bức thư, đóng

dấu, thấy ngọn nến đang cháy, Người bảo với anh hầu: "Anh bạn, tắt nến đi không người ta nghĩ là bạch lạp và tưởng ta đã chết."

Hôm sau, ngày 14, hai bác sĩ trở lại chăm sóc theo yêu cầu của Hoàng hậu nhưng vẫn vô ích vì Hoàng đế giận dữ đuổi họ đi. Tuy vậy gần như sau đó hối hận vì hành động thiếu kiên trì của mình, Người cho gọi cả hai người lại "Này – Người nói với Stophiegen – ta rất vui gặp ông và ông James Wyllie, nhưng ta báo trước ta từ bỏ niềm vui ấy nếu các ông làm ta vỡ đầu vì thuốc thang". Thế nhưng vào giữa trưa Hoàng đế đồng ý dùng một liều thuốc giảm đau.

Đến bốn giờ chiều, bệnh tiến triển đáng sợ đến mức phải gọi gấp một linh mục. Ngài James Wyllie theo yêu cầu của Hoàng hậu, vào phòng người hấp hối, lại gần giường Hoàng đế vừa khóc vừa khuyên nếu vẫn tiếp tục từ chối sự chăm sóc thuốc men, ít nhất cũng không nên từ chối những việc làm về tôn giáo. Hoàng đế trả lời Người chấp nhận những gì người ta muốn.

Ngày 15, lúc năm giờ sáng, linh mục nghe xưng tội được đưa vào. Vừa thấy ông, Hoàng đế giơ tay, bảo "Thưa cha, hãy xử sự với tôi như một con người chứ không phải như với một ông vua". Linh mục lại gần giường, tiếp nhận những lời xưng tội và ban phép thánh cho Hoàng đế.

Ông đã biết Alexandre từ chối dùng thuốc, tấn công điểm này về tôn giáo đối với người hấp hối, nói rằng nếu Người tiếp tục từ chối như thế sợ rằng Chúa trời sẽ xem cái chết là một việc tự sát. Ý nghĩ này tác động đến Alexandre một cách sâu sắc đến mức Người gọi Wyllie, bảo phó thác mình cho ông này muốn làm gì thì làm.

Wyllie cho áp dụng ngay hai mươi con đỉa hút máu trên đầu nhưng đã quá chậm. Người bệnh bị một cơn sốt hành hạ đến nỗi từ lúc này người ta bắt đầu mất hết hy vọng và gian phòng đầy người rên khóc, Elizabeth chỉ rời đầu giường người bệnh để nhường chỗ cho linh mục rửa tội và khi ông này đi ra, bà lại vào ngồi ngay ở chỗ quen thuộc.

Lúc hai giờ Hoàng đế có vẻ đau đớn gấp bội. Người ra hiệu cho người ta đến gần như để trao đổi một điều bí mật. Nhưng rồi lại đổi ý, Người kêu lên "Các ông vua đau khổ hơn những người khác". Rồi đột ngột ngừng lại, Người ngã ra trên chiếc gối dài, miệng lẩm bẩm "Chúng đã phạm một hành động ô nhục". Người muốn nói đến ai? Chẳng ai biết nhưng một số người nghĩ đấy là lời oán trách cuối cùng đối với những kẻ đã giết Hoàng đế Paul.

Trong đêm Hoàng đế mất hết cảm giác.

Hai giờ sáng tướng Diébitch nói đến ông già Alexandrovitch đã cứu được nhiều người Tatares về căn bệnh sốt rét mà Hoàng đế mắc phải. ngài James Wyllie đề nghị cho đi tìm người ấy và Hoàng hậu bám vào tia hy vọng ấy nên ra lệnh đến nhà ông già đưa ông đến ngay.

Trong thời gian này Hoàng hậu ngồi đầu giường người hấp hối, mắt nhìn mắt, lo lắng thấy cuộc sống đang lùi dần.

Chín giờ sáng ông già bước vào. Khó khăn lắm ông mới chịu đi, gần như phải dùng sức mạnh. Nhìn người bệnh, ông lắc đầu, khi người ta hỏi ông trả lời "Chậm quá rồi, vả lại những người tôi chữa khỏi không phải mắc bệnh này."

Lời nói ấy làm tan hy vọng cuối cùng của Elizabeth.

Thật vậy, đến hai giờ năm phút sáng, Hoàng đế tắt thở. Đấy là ngày mùng 1 tháng chạp theo lịch Nga.

Ngay từ ngày 18, lúc Hoàng đế trở về Taganrov, một công văn gởi cho Đại quận công Nicolas thông báo về tình trạng sức khoẻ kém của Hoàng đế. Tiếp đó ngày 21, 24, 27 và 28 tháng mười một, những chuyến thư thông báo mối nguy hiểm càng tăng làm gia đình hoàng gia rất buồn rồi một bức thư ngày 29 đưa tới một vài hy vọng.

Tuy hy vọng từ một bức thư như vậy rất mơ hồ, nhưng Hoàng thái hậu và Đại quận công Nicolas, Michel ra lệnh tổ chức một buổi "Lễ tạ ơn Chúa" vào ngày 10 tháng chạp ở nhà thờ chính Kazan. Dân chúng biết buổi lễ để mừng sức khoẻ khá hơn của Hoàng đế nên vui mừng đến dự chật cả khu vườn dành riêng cho họ.

Cuối buổi lễ Tạ ơn, giữa tiếng thánh ca ngân vang, người ta đến nói nhỏ với Đại quận công rằng một người đưa thư đến từ Taganrov muốn đưa tận tay Đại quận công bức thư cuối cùng. Đại quận công đứng dậy, theo sau viên tuỳ tùng, ra khỏi nhà thờ. Chỉ Hoàng thái hậu nhận thấy việc này và buổi lễ vẫn được tiếp tục.

Đại quận công chỉ nhìn bức thư đã biết tin tức thê thảm đến mức nào. Bức thư đóng dấu viền đen, có chữ viết của Elizabeth, chỉ có mấy hàng:

"Thiên thần của chúng ta đã về trời, tôi còn lay lắt trên mặt đất nhưng hy vọng chẳng bao lâu lên sum họp với Người."

Đại quận công cho gọi giáo chủ, đưa bức thư và nói uỷ nhiệm cho ông này báo tin cho Hoàng thái hậu rồi trở lại gần bà và tiếp tục cầu nguyện.

Một lúc sau, ông già vào giữa ban đồng ca, ra hiệu cho mọi giọng ca ngừng lại và sự im lặng của chết chóc bao trùm. Giữa sự chú ý và ngạc nhiên của mọi người, ông chậm rãi, rất nghiêm trang, bước tới bàn thờ, cầm chiếc thánh giá bằng bạc khối, trên đó một tấm vải đen phủ lên biểu tượng mọi đau khổ trên mặt đất và mọi hy vọng, lại gần Hoàng thái hậu đưa bà hôn chiếc thánh giá mang tang đen.

Hoàng thái hậu thét lên một tiếng, ngã đập mặt xuống nền nhà, bà hiểu người con trưởng của mình đã chết.

Còn Hoàng hậu Elizabeth, hy vọng đáng buồn bà ghi trong bức thư ngắn và cảm động chẳng bao lâu cũng được thực hiện. Khoảng bốn tháng sau khi Alexandre chết, bà rời Taganrov đi Kalauga, ở đây người ta vừa mua cho bà một

ngôi nhà rất đẹp. Đi được một phần ba đường, bà cảm thấy yếu mệt, nên dừng lại ở Relovo, một thành phố nhỏ của tỉnh Kourks, tám ngày sau bà theo gót "thiên thần của bà lên trời."

§15

Chúng tôi biết được tin này và cách báo tin cho Hoàng thái hậu qua bức thư của Bá tước Alexis, với tư cách trung uý đội cận vệ đã tham dự buổi lễ Tạ ơn Chúa. Chúng tôi, tôi và Louise, nhận thấy Bá tước lộ ra một vẻ băn khoăn không bình thường mặc dù người Nga nói chung biết kiềm chế cảm xúc của mình. Chúng tôi trao đổi với nhau những cảm nghĩ ấy ngay sau lúc Bá tước chia tay chúng tôi vào sáu giờ tối để đến nhà Hoàng thân Troubetskoï.

Cô bạn đồng hương khốn khổ của tôi rất buồn về những suy nghĩ ấy, dĩ nhiên là về vụ âm mưu Bá tước Alexis để lộ lúc mới bắt đầu quan hệ với cô ấy.

Đúng là từ đó, mỗi khi Louise muốn hướng câu chuyện về việc này, Bá tước cố làm cô yên tâm, khẳng định cuộc âm mưu vừa mới chớm thì đã bị tan rã. Nhưng một số biểu hiện không thoát khỏi con mắt người đàn bà đang yêu, cô biết Bá tước đang giấu mình.

Ngày hôm sau Saint-Peterbourg thức dậy trong tang lễ. Hoàng đế Alexandre còn được đang tôn sùng và còn chưa biết việc từ bỏ của Constantin, người ta không khỏi không so sánh tính tình hiền dịu và lòng tốt của người này với sự khắc nghiệt cứng rắn của người kia. Chẳng ai nghĩ đến Đại quận công Nicolas.

Thật thế, tuy ông này đã biết văn kiện thoái vị Constantin ký thời hôn lễ, vẫn xem ông anh đương nhiên sẽ làm vua, thề trung thành với anh và gởi thư mời anh về làm lễ đăng quang. Nhưng cùng lúc với người đưa thư đi từ Saint-Peterbourg đến Varsovie, Đại quận công Michel được Hoàng tử cử từ Varsovie về lại Saint-Peterbourg mang theo bức thư như sau:

"Em rất thân mến của tôi,

Chiều hôm qua, với lòng buồn sâu sắc tôi được tin cái chết của nhà vua đáng tôn sùng của chúng ta, người ân nhân của tôi, Hoàng đế Alexandre. Để chứng tỏ những tình cảm mà tai hoạ đau thương đem đến, tôi có bổn phận thông báo gởi Mẫu hậu, người mẹ tôn kính của chúng ta một bức thư, trong đó tôi tuyên bố theo chỉ dụ của Hoàng đế quá cố mà tôi nhận được vào ngày 2 tháng 2 năm 1822, xác nhận việc tôi từ c hối ngai vàng là quyết định không lay chuyển. Ngày nay tôi nhường lại cho em mọi quyền kế vị về ngôi Hoàng đế toàn nước Nga. Đồng thời tôi đề nghị Mẹ của chúng ta và những người liên quan công bố nguyện vọng không thay đổi của tôi về mặt này để thực hiện được trọn vẹn.

Sau lời tuyên bố này, tôi xem có bổn phận thiêng liêng là khẩn cầu Hoàng đế trước hết là tiếp nhận lời thề trung thành và quy phục của tôi, và cho phép tôi tuyên bố không mong một tư cách, chức vụ nào mới, chỉ duy nhất và đơn giản giữ tước vị Hoàng tử Đại quận công mà cha tôn kính đã cho tôi vì những công việc tôi đã phục vụ. Hạnh phúc duy nhất của tôi là từ nay sẽ được Hoàng đế tiếp

nhận những tình cảm kính trọng sâu sắc và sự tận tuy vô bờ của tôi. Tôi có thể lấy chứng cớ là đã ba mươi năm phục vụ các Hoàng đế cha và anh của tôi một cách trung thành, nhiệt tình. Cũng những tình cảm ấy, cho đến hơi thở cuối cùng tôi không ngừng phục vụ Hoàng đế và những người kế vị trong chức vụ hiện tại và trong tình hình hiện tại.

Với lòng kính trọng sâu sắc

Constantin."

Hai người đưa thư gặp nhau. Người được cử đến gặp Hoàng thân Constantin, nhận nhiệm vụ của Đại quận công Nicolas, thiết tha khẩn cầu Hoàng thân đồng ý nhận giữ vương miện, nhưng ông cương quyết từ chối, nói rằng ý ông không đổi từ ngày khước từ ngôi vua và không có gì làm ông đồng ý nắm giữ lại ngai vàng.

Lúc ấy vợ ông, bà hoàng Loviez quỳ xuống trước mặt ông nói, vì để trở thành chồng bà mà ông từ chối lên ngôi Hoàng đế, bà muốn xóa bỏ cuộc hôn nhân, và cảm thấy sung sướng vì điều này có thể đền đáp lại điều ông đã làm vì bà. Constantin nâng bà đứng dậy, không muốn để bà năn nỉ thêm và nói quyết định của ông là bất di bất dịch.

Về phần mình, Đại quận công Michel đến Saint-Peterbourg, chuyển bức thư của Hoàng thân. Đại quận công Nicolas không muốn chấp nhận là Hoàng thân đã từ chối hẳn, ông hy vọng những khẩn nài của phái viên sẽ có kết quả. Nhưng phái viên trở về, mang lại sự từ chối dứt khóat, sợ để công việc trong tình trạng tạm bợ sẽ nguy hiểm nên ông buộc phải nhận điều ông anh đã từ chối.

Cuối cùng hôm sau ngày phái viên được cử đi gặp Hoàng thân, Hội đồng nhà nước thông báo có một văn bản được giữ lại từ ngày 15 tháng 10 năm 1823, đóng dấu của Hoàng đế Alexandre cùng với một bức thư chính tay Hoàng đế viết, dặn giữ hộp thư đến lệnh mới trong trường hợp Hoàng đế chết, họp hội nghị bất thường mới được mở ra.

Hội đồng nhà nước theo lệnh ấy và thấy có bức thư khước từ của Đại quận công Constantin như sau:

"Thư của Điện hạ Hoàng tử Đại quận công Constantin kính gởi Hoàng đế Alexandre,

Thưa Bệ ha.

Vì lòng tốt của Hoàng đế đối với tôi, tôi xin một lần nữa dám tuyên bố và cầu xin Bệ hạ. Không nghĩ mình có đủ năng lực, trí tuệ và sức mạnh cần thiết nên đến lúc nào đó tôi được mang phẩm tước cao cả do thứ bậc lúc sinh ra, tôi thiết tha khẩn cầu Bệ hạ chuyển quyền cho người sinh kế tiếp tôi và đảm bảo Vương quốc luôn vững bền. Về phần tôi, với sự khước từ này, tôi đưa ra một đảm bảo mới, một sức lực mới cho người đàn bà tôi đã lựa chọn và trịnh trọng chấp nhận trong thời gian tôi ly dị với người vợ đầu. Tất cả những hoàn cảnh hiện nay càng

ngày càng cho tôi chứng tỏ với Vương quốc và toàn thế giới lòng thành thật của tôi.

Kính mong Bệ hạ chấp nhận nguyện vọng của tôi thật độ lượng. Mong Người xác nhận với người mẹ tôn kính của chúng ta cũng chấp nhận và chuẩn y! Trong cuộc sống riêng, tôi cố gắng luôn làm mẫu mực cho những bầy tôi trung thành của Bệ hạ và cho tất cả những người nhiệt tình yêu Tổ quốc thân yêu của chúng ta.

Với lòng kính trọng sâu sắc,

Saint-Peterbourg, ngày 14 tháng giêng năm 1822

Constantin"

Alexandre đã viết trả lời bức thư ấy như sau:

"Em yêu quý,

Ta vừa đọc bức thư của em, hết sức chú ý đến tầm vóc của nó, ta không thấy ngạc nhiên vì luôn xác nhận những tình cảm cao đẹp của lòng em. Bức thư cung cấp cho ta một chứng cứ mới về sự gắn bó chân thành của em với Nhà nước và lo gìn giữ sự yên bình.

Theo nguyện vọng của em, ta đã trao đổi bức thư của em với người mẹ vô cùng yêu quý của chúng ta, bà đã đọc, thông cảm với những tình cảm như ta và nhận rõ những mục đích cao cả đã chi phối em.

Theo những mục đích em đã nêu ra, hai chúng ta chỉ còn có thể để em hoàn toàn tự do làm theo những quyết định không lay chuyển được của mình, và cầu nguyện Thượng Đế làm cho những tình cảm trong sáng như vậy đưa lại những hiệu quả tốt nhất.

Luôn luôn là người anh thân yêu của em

Alexandre"

Việc từ chối lần thứ hai của Constantin nhắc lại cũng những điều như vậy gần ba năm cách nhau làm Đại quận công Nicolas có một quyết định vững vàng. Dựa vào những bức thư trên, ngày 25 tháng 12 ông ra một bản tuyên bố tiếp nhận ngôi vua do anh của ông khước từ, ấn định ngày hôm sau, ngày 26 tháng 12, tổ chức lễ tuyên thệ của ông và con trai trưởng, Đại quận công Alexandre.

Với thông báo chính thức của vị Hoàng đế tương lai, Saint-Peterbourg thở ra yên bình hơn. Tính tình của Hoàng tử Constantin thể hiện những điểm rất giống nhau với Paul Đệ nhất, gây ra những nỗi lo sợ căng thẳng. Ngược lại tính tình của Đại Quận công Nicolas có những đảm bảo nghiêm túc.

Vậy là mỗi người nhìn vào ngày mai như ngày hội, bỗng trong đêm ấy những tiếng đồn lạ lan trong thành phố. Người ta nói lời khước từ sáng nay nhân danh Hoàng tử Constantin là những điều bịa đặt và ngược lại. Phó vương Ba Lan đang tiến về Saint-Peterbourg cùng với quân lính để đòi quyền lợi. Người ta còn nói thêm là nhiều sĩ quan của các trung đoàn trong đó có trung đoàn Moscou tuyên

bố không trung thành với Nicolas, cho rằng chỉ Hoàng tử Constantin là Hoàng đế hợp pháp duy nhất.

Tôi nghe những tiếng đồn thổi ấy ở mấy ngôi nhà tôi đến thăm buổi tối. Khi về đến nhà tôi nhận được một bức thư của Louise yêu cầu đến gâ p bất cứ vào giờ nào. Tôi đến nhà và thấy cô rất lo lắng, như thường lệ, Bá tước về đấy nhưng cố gắng cách mấy cũng không giấu nổi vẻ băn khoăn. Louise gặng hỏi, tuy ông không thú nhận gì, nhưng đã trả lời với tình yêu thương sâu sắc, lần này ông có thể hiện tình cảm đau khổ nên đã làm cô khẳng định sự nghi ngờ: có vấn đề gì đó chuẩn bị cho ngày mai, và dù là việc gì, Bá tước có nhúng tay vào.

Louise muốn tôi đến nhà ông, hy vọng có tôi ông sẽ vững tâm hơn và trong trường hợp ông có tâm sự với tôi điều gì đó về cuộc âm mưu, Louise hy vọng tôi làm hết sức để ngăn trở ông đừng tiến xa hơn. Tôi dễ dàng làm việc này, vả lại từ lâu tôi cũng có những lo sợ như cô, việc hiểu biết của tôi cũng thấy gần rõ như tình yêu của cô.

Bá tước không có ở nhà nhưng người ta đã quen thấy tôi đến đây luôn, nên khi tôi nói muốn chờ ông, người ta đưa tôi vào không có khó khăn gì. Tôi vào phòng ngủ của ông, thấy nó đã được chuẩn bị sẵn sàng, chứng tỏ ông không có ý định ngủ bên ngoài tối nay.

Người đầy tớ đi ra để tôi lại một mình. Tôi bèn nhìn chung quanh xem có gì khả nghi, tôi thấy một cặp súng ngắn trên bàn. Cho chiếc đũa vào nòng: súng đã lắp đạn. Hoàn cảnh này khác với những dịp khác đã xác định những lo sợ của tôi.

Tôi buông mình xuống một chiếc ghế, quyết tâm không rời gian phòng nếu ông không về. Nửa đêm, rồi một giờ, hai giờ nối tiếp nhau, những lo ngại nhường chỗ cho mệt mỏi, tôi ngủ thiếp đi.

Đến bốn giờ tôi bừng tỉnh dậy, trước mặt tôi là Bá tước đang ngồi viết bên bàn, những khẩu súng ngắn bên cạnh, trông ông rất xanh xao.

Nghe tiếng cử động đầu tiên của tôi, ông quay lại: -Ông đang ngủ, tôi không muốn đánh thức ông, ông đến đây chắc có điều gì đó muốn nói với tôi. Này, nếu tối mai tôi không trở về, nhờ ông đưa bức thư này cho Louise. Tôi định bảo sáng mai người hầu đưa tới cho ông nhưng tự tay tôi đưa cho ông thì hơn.

-Thế là chúng tôi lo sợ không sai, đang có một cuộc âm mưu nào đó, đúng không? Và ông có tham gia.

-Im lặng! – Bá tước nói, bóp chặt tay tôi và nhìn chung quanh – Im lặng, ở Saint-Peterbourg chỉ cần một tiếng nói bất cẩn cũng đủ chết người.

-Ồ – tôi nói khẽ với ông – Thật điên rồ!

-Này! Ông nghĩ tôi không biết như ông việc tôi đang làm là điên rồ hay sao? Ông tưởng tôi có chút hy vọng thành công ư? Không. Tôi đi thẳng xuống vực, phép lạ cũng không cứu được tôi khỏi rơi vào đấy, điều tôi có thể làm là nhắm mắt để không trông thấy chiều sâu.

-Nhưng tại sao đã lường được nguy hiểm như vậy mà ông vẫn can đảm lao đầu vào?

-Vì đã quá chậm để lui lại phía sau, vì người ta sẽ nói tôi sợ, vì tôi đã hứa với các bạn, tôi phải theo… dù có lên máy chém.

-Nhưng tại sao ông, ông là một gia đình quý tộc?

-Ông muốn sao, người ta đều điên. Ở bên Pháp những người mang tóc giả đánh nhau để trở thành những lãnh chúa lớn, ở đây chúng tôi đánh nhau để trở thành những người mang tóc giả…

-Sao? Như vậy là thế nào?

-Xây dựng một nền cộng hoà không hơn không kém, và cắt bộ râu của những người nô lệ cho đến khi nào họ cắt đầu chúng tôi. Lời nói danh dự đấy, bản thân tôi cũng nhún vai thương hại. Và chúng tôi đã chọn ai để lãnh đạo cải cách chính trị lớn? Một Hoàng thân!

-Sao? Một hoàng thân à?

-Ồ, chúng tôi có rất nhiều hoàng thân. Chúng tôi không thiếu, chỉ thiếu những con người.

-Nhưng các ông đã sẵn sàng một hiến pháp?

-Một hiến pháp! – Bá tước Alexis cười chua chát lập lại – một hiến pháp! Ồ, có có! Chúng tôi có một bộ luật Nga do Pestel dự thảo và Troubetskoï đưa xem lại ở Londres và Paris. Chúng tôi còn có một cuốn sách giáo lý lời văn bóng bẩy chứa đựng châm ngôn, ví dụ như những câu này "Chỉ nên tin vào các bạn và vũ khí của anh! Các bạn sẽ giúp đỡ anh, con dao găm sẽ bảo vệ anh… Anh là người Slave và trên quê hương anh, trên các bờ biển bao quanh anh sẽ xây dựng bốn bến cảng: các cảng Đen, Trắng, Dalmatie, Glacial và ở giữa, anh sẽ đưa lên ngôi nữ thần ánh sáng."

-Nhưng ngài nói với tôi bằng loại ngôn ngữ riêng biệt nào vậy?

-A, ông không hiểu, đúng không? – Bá tước nói, mỗi lúc một thêm giễu cợt, thích thú tự dày vò mình – vì ông được biết những thông tin mật nhưng ông có thể kể những gương hy sinh, nói rằng phải đánh bại chế độ độc tài, hiến sinh César, trừng phạt Néon, ông sẽ nói…

-Tôi sẽ không nói gì về tất cả những cái đó, xin thề với ông như vậy. Ngược lại tôi sẽ im lặng rút lui và sẽ không đặt chân vào những câu lac bộ ấy, nhại lại một cách thô thiển những tu sĩ Ki tô và những người Jacobins của chúng tôi.

-Thế còn lời thề? Lời thề? Ông nghĩ rằng chúng tôi sẽ quên nó sao? Có một cuộc âm mưu nào không có lời thề? Của chúng tôi là như thế này "Nếu tôi phản bội, tôi sẽ bị trừng phạt vì hối hận và vì vũ khí tôi đã thề trên đấy, nó sẽ đâm vào tim tôi và tiêu diệt hết những người thân yêu của tôi. Từ lúc ấy cuộc đời của tôi chỉ là một chuỗi những đau khổ không tưởng tượng được". Hơi lâm ly, đúng

không? Ở Saint-Peterbourg chúng tôi còn lạc hậu và tôi thật sự được hoan nghênh nhiệt liệt khi nói lên câu đó.

-Nhưng lạy Chúa! – tôi kêu lên – Làm sao đã thấy rõ khía cạnh kỳ cục của công việc ấy mà ông vẫn tham gia?

-Vì sao thế? Ông nghĩ gì? Vì tôi buồn chán, xem cuộc sống của tôi chỉ đáng giá một đồng kopek, vào đấy như một con chuột chui vào bẫy. Tôi vừa vào thì nhận được một bức thư của Louise, tôi muốn rút lui. Người ta bảo xong rồi, hội đã giải tán. Cách đây một năm người ta đến bảo tôi tổ quốc rất cần đến tôi. Tôi muốn tống khứ tất cả vì bây giờ tôi rất hạnh phúc nhưng một nỗi xấu hổ giữ tôi lại nên tôi lại sẵn sàng đâm chém những kẻ chuyên chế, vứt bỏ rác rưởi của họ. Rất thơ mộng, đúng không? Nhưng không phải thế vì những kẻ chuyên chế sẽ treo cổ chúng tôi và chúng tôi không làm gì họ được.

-Nhưng thưa ngài, – tôi nắm hai bàn tay Bá tước và nhìn thẳng vào mặt ông nói – Ông có nghĩ đến một điều: sự kiện ông vừa nói ấy sẽ là cái chết của Louise khốn khổ?

Ông ứa nước mắt: -Louise sẽ sống.

-Ồ, ông không hiểu rõ cô ấy rồi!

-Vì tôi hiểu rõ nên tôi nói với ông như thế. Louise không có quyền chết, cô ấy phải sống vì đứa con của mình.

-Người đàn bà tội nghiệp! Tôi đã không biết cô ấy đau khổ đến thế!

-Ông nghe đây, vì không biết sự việc sẽ xảy ra như thế nào, đây là một bức thư cho cô ấy. Tôi hy vọng mọi điều sẽ tốt hơn hai chúng ta nghĩ và tiếng đồn sẽ tan thành mây khói. Nếu thế ông xé nó đi và xem như là chưa viết. Ngược lại thì ông sẽ đưa cho cô ấy. Thư có lời giới thiệu với mẹ tôi xem cô như con gái, tôi để lại cho cô những gì tôi có, nhưng xin ông hiểu rằng nếu bị bắt và kết án, việc đầu tiên là người ta sẽ tịch thu tài sản của tôi, do đó việc di tặng cũng vô ích. Về tiền mặt, nhà nước cộng hoà tương lai đã vay của tôi đến đồng rúp cuối cùng, tôi không phải lo lắng gì. Ông hứa sẽ làm theo lời đề nghị của tôi chứ?

-Tôi xin thề với ông.

-Cám ơn, bây giờ thì xin vĩnh biệt. Ông chú ý để người ta không trông thấy ông ra khỏi nhà tôi vào giờ này, có thể sẽ nguy hại cho ông đấy.

-Thật ra tôi không biết có nên chia tay với ông không.

-Ông phải thế, bạn thân mến. Hãy nghĩ nếu gặp tai hoạ, ít nhất còn lại một người anh để lo cho Louise, điều này sẽ quan trọng đến mức nào. Ông đã bị ảnh hưởng vì đã quan hệ với tôi, với Mouravieff và Troubetskoï. Hãy thận trọng, nếu không vì ông thì cũng vì tôi.

-Vì cô ấy, ông buộc tôi làm những gì ông muốn.

-Bây giờ thì vĩnh biệt. Tôi mệt mỏi, cần nghỉ ngơi mấy tiếng đồng hồ vì sáng ra sẽ có nhiều chuyện.

-Vĩnh biệt vậy, vì ông muốn thế.

-Tôi xin đòi hỏi như vậy.

-Hãy cẩn thận!

-Này bạn thân mến, điều đó không phụ thuộc vào tôi không đi mà người ta dắt tôi. Vĩnh biệt! Nhân tiện không cần nói với ông, chỉ một lời khuyên khôn ngoan sẽ làm tổn thất cho tất cả chúng ta…

-Ồ! …

-Nào, chúng ta hãy hôn nhau đi.

Tôi lao vào đôi tay ông ta.

-Một lần nữa xin vĩnh biệt.

Tôi đi ra mà không thể nói thêm được một lời, tôi đóng cửa lại, nhưng trước khi tôi đến được đầu hành lang, cánh cửa lại mở ra và một lời nói đuổi theo tôi: -Tôi uỷ thác Louise cho ông.

Thật vậy, ngay đêm ấy những người mưu phản tụ tập ở nhà Hoàng thân Obolinski và đã sẵn sàng thu xếp vài việc bố trí điên rồ cho một cuộc nổi dậy bất lực. Trong cuộc họp ấy có những người chỉ huy chủ yếu tham dự, phổ biến kế hoạch chung và chọn ngày hành động vào ngày mai. Người ta quyết định bố trí cho quân lính nổi dậy, giải thích cho họ những nghi ngờ về lời khước từ ngôi vua của Hoàng tử Constantin, người vốn đặc biệt phụ trách quân đội và được họ rất mến phục. Từ trung đoàn này đến trung đoàn khác, cho đến khi họ tập hợp được một lực lượng khá đông đảo tiến về quảng trường Nghị viện, vừa đi vừa đánh trống thu thập quần chúng. Đến đây những người mưu phản hy vọng chỉ một cuộc biểu tình đơn giản đủ buộc Hoàng đế Nicolas, vốn ghê sợ dùng sức mạnh, sẽ điều đình với những người mưu loạn và từ bỏ những quyền lợi đế chế. Người ta sẽ đặt những điều kiện như sau:

1. Những đại biểu tất cả các chính quyền vùng được triệu tập ngay lúc ấy

2. Nghị viên ra một bản tuyên bố trong đó nói các đại biểu sẽ bỏ phiếu cho những luật lệ mới cho vương quốc.

3. Trong lúc chờ đợi, thiết lập một chính phủ lâm thời trong đó có các đại biểu của vương quốc Ba lan nhằm áp dụng những biện pháp cần thiết đảm bảo thống nhất Nhà nước.

Trong trường hợp trước khi chấp nhận những điều kiện này Hoàng đế đề nghị thương thuyết với Hoàng tử, sẽ được phép với điều kiện dành cho những người mưu phản và những trung đoàn nổi dậy một khu đồn trú bên ngoài thành phố để cắm trại trong mùa đông và chờ Hoàng tử đến. Hoàng tử sẽ gặp hội đồng các vùng để nghe trình bày hiến pháp do ông Mouravieff soạn thảo và thề trung thành nếu ông chấp nhận và truất phế nếu ông không chấp nhận. Nếu Đại quận công Constantin không tán thành cuộc nổi dậy này, là điều những người mưu phản không chắc chắn, người ta sẽ tự nỗ lực thực hiện. Trong trường hợp Hoàng

để từ chối mọi cuộc dàn xếp, người ta phải bắt giữ ông cùng cả gia đình hoàng gia và tuỳ theo hoàn cảnh mà quyết định hành động.

Nếu thất bại người ta sẽ di tản thành phố, làm lan rộng cuộc nổi dậy.

Bá tước Alexis không tham gia cuộc thảo luận lâu và ồn ào này nhưnhg mặc dù ông phản đối và im lặng, những đề nghị trên được đa số thông qua và một khi được áp dụng ông nghĩ mình phải chạy theo may rủi và danh dự.

Tóm lại, tất cả những người khác có vẻ hoàn toàn yên tâm sẽ thành công và đầy tin tưởng vào Hoàng thân Troubetskoï, đến mức một người mưu phản, Boulatoff, phấn khởi khi bước ra ngoài và kêu lên với Bá tước: -Chúng ta đã chọn được một chỉ huy tuyệt vời, đúng không?

-Đúng – Bá tước trả lời – ông ấy có một thân hình rất đẹp.

Trong tâm trạng ấy ông ra về và thấy tôi đang ngủ ở nhà ông.

§16

Nghĩ rằng những điều mình nói cũng chẳng làm Louise yên tâm vả lại vẫn hy vọng có trường hợp bất ngờ nào đấy làm hỏng cuộc âm mưu, tôi về nhà cố nghỉ ngơi một ít. Nhưng vì quá lo lắng nên mờ sáng tôi đã dậy, mặc quần áo ngay và chạy ra quảng trường Nghị viện. Tất cả đều yên tĩnh.

Tuy vậy những người mưu phản đã không để mất thì giờ trong đêm. Với những quyết định đã thống nhất, mỗi người làm theo vị trí của mình do Ryleyeff, chỉ huy quân sự bố trí, cũng như Hoàng thân Troubetskoï là thủ lãnh chính trị. Trung uý Arbouzoff phải lôi kéo những lính thuỷ bảo vệ, hai anh em Rodisco và thiếu uý Goudimoff, trung đoàn bảo vệ Izmailovski, Hoàng thân Stchepine Rostovski, phó đại uý Michel Bestoujev, em ông Alexandre và hai sĩ quan khác trong trung đoàn là Brock và Volkoff chịu trách nhiệm trung đoàn Moscou. Cuối cùng trung uý Sutoff được giao cho trung đoàn thứ nhất là lính ném lựu đạn. Còn Bá tước, ông từ chối tất cả mọi vai trò ngoài việc tham gia bình thường, sẽ làm như mọi người khác, biết ông là người giữ lời hứa, vả lại ông không đòi hỏi một vị trí nào trong chính phủ tương lai nên người ta không ép buộc.

Tôi ở lại đến mười một giờ, không phải trên quảng trường rằng lạnh mà trong nhà một người bán đường và rượu, ở đầu Đại lộ, gần nhà của nhân viên ngân hàng Cerclet. Đây là một vị trí rất tốt để thu thập tin tức, trước hết vì nhìn ra quảng trường Amirauté, sau đó là vì gần cửa hàng mà người ở các khu phố xa cũng đến liên tục. Cho đến lúc này mọi quan hệ liên lạc hoàn hảo. Vị tướng đội bảo vệ và ban tham mưu vừa đến hoàng cung thông báo nhiều trung đoàn đã tuyên thệ Chưa có tin tức một số trung đoàn khác nhưng chắc là vì ở xa thủ đô.

Tôi chuẩn bị về nhà, hy vọng ngày này qua đi như thế, những người mưu phản nhận ra kế hoạch của họ gặp nguy hiểm sẽ không làm gì. Bỗng thấy một viên tuỳ tùng phóng ngựa nước đại vút qua và ai cũng hiểu có điều gì đó bất ngờ xảy ra. Mọi người chạy ngay tới quảng trường vì có không khí lo lắng mơ hồ trước những sự kiện lớn. Thật vậy cuộc nổi dậy vừa bắt đầu nổ ra, dữ dội đến nỗi không thể biết đến đâu sẽ ngừng lại.

Hoàng thân Stchepine Rostovksi và hai anh em Bestoujev đã giữ lời. Từ chín giờ sáng họ đến các trại lính trung đoàn Moscou và nói chuyện với những đại đội tận tuy nhất với Đại quận công Constantin, Hoàng thân Stchepine khẳng định với quân lính người ta đã lừa dối họ khi buộc họ phải tuyên thệ. Ông nói thêm không những không từ bỏ vương miện, Đại quận công còn bị bắt giữ vì không nhường ngôi cho em. Alexandre Bestoujev tiếp lời, thông báo ông từ Varsovie tới, được chính Hoàng tử cử đến để chống lại lễ tuyên thệ. Thấy những tin tức ấy tác động mạnh đến đoàn quân, Hoàng thân Stchepine ra lệnh cho binh lính nạp đạn vào

súng. Lúc ấy viên tuỳ tùng Verighine, đi sau là Thiếu tướng Fredricks, chỉ huy đội ném lựu đạn, tay cầm cờ đến mời các sĩ quan tập trung ở chỗ Đại tá trung đoàn, Stchepine nghĩ đã đến lúc hành động, ra lệnh cho binh lính dùng báng súng đẩy lùi lính ném lựu đạn và tước cờ, đồng thời ông lao vào thiếu tướng Fredricks, Bestoujev đang giơ súng ngắn doạ, chém ông này một nhát kiếm vào đầu ngã lăn ra và quay lại Thiếu tướng Chenchine chỉ huy phân đội đang chạy lại cứu, đâm một nhát làm ông này đổ nhào xuống. Ào tới giữa những người lính ném lựu đạn, ông ta liên tiếp làm bị thương Đại tá Khvoschinski, Hạ sĩ Mouseieff và lính ném lựu đạn Krasovksi, cuối cùng chiếm được lá cờ giơ lên cao và hô to "Hourra!" Nghe tiếng hô, thấy máu chảy hơn một nửa trung đoàn trả lời với những tiếng "Constantin muôn năm! Đả đảo Nicolas!" Lợi dụng lòng nhiệt tình ấy Stchepine đã lôi kéo gần bốn trăm người theo mình, trống đánh rầm rộ cùng đến quảng trường Amirauté.

Ở cổng cung điện Mùa Đông, viên tuỳ tùng đến đưa tin đụng phải một sĩ quan khác từ trại lính ném lựu đạn tới. Những tin tức người này đưa lại không kém đáng lo ngại hơn tin tức của người tuỳ tùng. Trong lúc trung đoàn đi ra làm lễ tuyên thệ, Thiếu tướng Kojenikoff lao đến toán đi đầu tiên kêu lên "Không phải tuyên thệ vì Đại quận công Nicolas mà với Hoàng đế Constantin" Nghe người ta nói Hoàng tử đã nhường ngôi, ông ta quát "Không đúng! Rất sai. Hoàng tử đang tiến về Saint-Peterbourg để trừng phạt những ai quên phận sự và khen thưởng những người trung thành."

Tuy vậy mặc dù ông kêu gào, trung đoàn vẫn tiếp tục đi, tuyên thệ và trở về trại, không một dấu hiệu phản ứng. Giữa bữa ăn trung uý Suthoff đã tuyên thệ như những người khác vào, nói với đại đội của mình: -Các bạn, chúng ta vâng lệnh là sai lầm, những trung đoàn khác đã nổi dậy, từ chối tuyên thệ và vào giờ này đang ở quảng trường Nghị viện. Mặc quần áo vào, trang bị vũ khí và theo tôi tiến lên. Tôi đã có lương của các bạn trong túi, sẽ phân phát cho các bạn không cần chờ lệnh.

-Nhưng ông nói đúng không đây? – Nhiều tiếng hỏi.

-Đây, các bạn anh, trung uý Panoff, các anh cứ hỏi đi.

-Thưa các bạn – Panoff nói không chờ phải hỏi – các bạn biết rằng Constantin là Hoàng đế duy nhất và hợp pháp của các bạn đã bị người ta truất phế. Constantin muôn năm!

-Constantin muôn năm! – Binh lính hô lên.

-Nicolas muôn năm! – Đại tá Sturler chỉ huy trung đoàn lao vào phòng hô to – người ta làm các bạn sai lạc rồi, Hoàng tử đã khước từ, các bạn chỉ có Hoàng đế là Đại quận công Nicolas, Nicolas Đệ nhất muôn năm!

-Constantin muôn năm! – binh lính đáp lại.

-Các bạn nhầm rồi, anh em binh lính, người ta làm các bạn nhầm đường rồi! – Sturler lại hét lên.

-Đừng rời tôi, hãy đi với tôi! – Panoff hô lớn – Chúng ta tập hợp nhau lại, những người bảo vệ Constantin. Constantin muôn năm!

-Constantin muôn năm! – hơn ba phần tư binh lính hô lên.

-Đến quảng trường Amirauté! Đến Amirauté! – Panoff rút kiếm ra nói – Binh lính đi theo tôi!

Và ông ta lao đi, gần hai trăm người theo sát sau vừa đi vừa hô "Hourah!" như trung đoàn Moscou nhưng theo một con đường khác đến quảng trường Amirauté.

Trong khi hai nguồn tin tức ấy được đưa lên Hoàng đế, chỉ huy quân sự của Saint-Peterbourg, Bá tước Miladorovitch chạy đến hoàng cung. Ông đã biết việc nổi dậy của trung đoàn Moscou và những đội lính ném lựu đạn, đã ra lệnh cho những toán quân đáng tin cậy nhất đến cung điện Mùa Đông, đấy là tiểu đoàn 1 trung đoàn Préobrajenski, ba trung đoàn bảo vệ Pavlovski và tiểu đoàn công binh bảo vệ.

Hoàng đế thấy tình hình nghiêm trọng hơn mình nghĩ lúc đầu. Người ra lệnh cho Thiếu tướng Neidhart đưa mệnh lệnh tới cho các trung đoàn bảo vệ Semenovski đi dẹp ngay những kẻ nổi loạn, cho đoàn kỵ sĩ bảo vệ sẵn sàng chờ lệnh. Tiếp đó Người xuống ngay đoàn bảo vệ chính của cung điện Mùa Đông mà trung đoàn bảo vệ Phần Lan đang trực, ra lệnh nạp đạn và chiếm giữ những con đường lớn của cung điện. Lúc ấy có tiếng ồn ào náo động, đại đội 3 và 6 của trung đoàn Moscou, do Hoàng thân Stchepine và hai anh em Bestoujev dẫn đầu, cờ giờ cao, trống ở hàng trước, đi đến nơi và hô lớn "Đả đảo Nicolas! Constantin muôn năm!" Đoàn quân tràn vào quảng trường Amirauté nhưng đến đây, hoặc nghĩ không đủ mạnh, hoặc lùi bước trước uy nghi hoàng gia, thay vì đi thẳng vào cung điện Mùa Đông, đến dựa lưng vào Nghị viện. Họ vừa đến đấy thì tóan lính ném lựu đạn tiếp nối. Khoảng năm mươi người đồng phục áo dài, một số cầm súng ngắn trong tay, sáp nhập vào đám lính nổi loạn.

Lúc này tôi thấy Hoàng đế xuất hiện dưới một vòm lâu đài. Người tiến gần song cửa sắt, nhìn qua những người làm phản, mặt tái hơn bình thường nhưng hoàn toàn bình tĩnh. Người ta cho rằng Người đã xưng tội, vĩnh biệt gia đình để sẵn sàng chết với tư cách Hoàng đế và người ngoan đạo.

Đang chăm chú nhìn Người, tôi nghe tiếng phi ngựa của một đội kỵ binh phía sau lưng, bên lâu đài đá hoa cương, đội kỵ binh bảo vệ do Bá tước Orloff, một trong những người dũng cảm và trung thành nhất với Hoàng đế, chỉ huy. Cánh cửa sắt mở ra, ông xuống ngựa và trung đoàn dàn hàng ngang trước cung điện. Hầu như đồng thời, nghe tiếng trống của những tiểu đoàn phóng lựu đạn của trung đoàn Préobrajenski đến nơi. Họ vào sân lâu đài, ở đấy Hoàng đế, Hoàng

hậu, và Đại quận công trẻ Alexandre, phía sau họ xuất hiện đoàn kỵ binh cận vệ, giữa họ tôi thấy Bá tước Alexis Vaninkoff, họ tự bố trí thành hình cạnh góc với lính thiết giáp, cách nhau một quãng dành chỗ cho trọng pháo. Các trung đoàn nổi loạn để họ bố trí như vậy một cách có vẻ vô tư, chỉ phản đối bằng những tiếng hô "Constantin muôn năm! Đả đảo Nicolas!" Rõ ràng họ đang chờ lực lượng bổ sung.

Tuy vậy những người đưa tin của Đại quận công Michel nối tiếp nhau vào lâu đài. Trong lúc Hoàng đế tổ chức chống cự tại đây, Đại quận công chạy đến các trại lính và việc ông có mặt đã dẹp được cuộc làm phản. Một số cố gắng đưa lại những kết quả tốt đẹp, trong lúc phần trung đoàn Moscou còn lại sắp theo hai đại đội nổi loạn, Bá tước De Liéven, Đại uý đại đội 5 đã đến kịp ngăn chặn tiểu đoàn đi ra và cho đóng cửa lại. Ông rút kiếm đứng trước binh lính thề sẽ đâm xuyên kẻ đầu tiên đi một bước. Một thiếu uý trẻ, giơ súng ngắn đe doạ bắn vỡ sọ Liéven. Bá tước dùng chuôi kiếm đánh bật khẩu súng. Thiếu uý nhặt lên và lại chĩa vào Bá tước. Ông khoanh tay bước thẳng đến trước mặt chàng trai trong lúc trung đoàn câm lặng đứng im chứng kiến cuộc đấu tay đôi kỳ lạ này. Viên thiếu uý lùi mấy bước, Liéven đi theo giơ ngực như thách thức, cuối cùng chàng trai dừng lại nổ súng. Như có phép lạ, thuốc nổ cháy nhưng viên đạn không phóng ra. Trong lúc ấy có tiếng đập cửa. Một số người lên tiếng: -Ai đấy?

-Điện hạ quận công Michel – bên ngoài trả lời.

Một thoáng kinh hoàng tiếp theo đó, Bá tước Liéven đi ra mở cửa, không ai cố ngăn ông lại.

Đại quận công đi ngựa vào, theo sau là một số sĩ quan cận vệ. Ông kêu lên: -Trong lúc nguy hiểm mà không hành động gì cả là thế nào? Ta đang ở giữa kẻ phản bội hay binh lính trung thực đây?

-Người đang ở giữa trung đoàn trung thành nhất, – Bá tước Liéven trả lời – Điện hạ có bằng chứng đây.

Ông giơ cao thanh kiếm và hô to: -Hoàng đế Nicolas muôn năm!

-Hoàng đế Nicolas muôn năm! –binh lính đồng thanh.

Chàng thiếu úy muốn nói nhưng Bá tước nắm cánh tay ngăn lại: -Im lặng. Tôi sẽ không nói một tiếng về việc đã xảy ra, anh đừng làm tự hại mình.

-Liéven – Đại quận công nói – tôi giao cho ông chỉ huy trung đoàn.

-Tôi lấy đầu mình ra đảm bảo với Điện hạ – Bá tước trả lời.

Đại quận công tiếp tục đi kiểm tra, thấy khắp nơi nếu không hào hứng thì ít nhất cũng phục tùng. Tin tức như vậy là tốt lành. Thật vậy llực lượng bổ sung đến từ bốn phía, lính công binh dàn trận trước cung điện Ermitage, phần còn lại của trung đoàn Moscou do Bá tước Liéven chỉ huy từ Đại lộ Nevski đi tới. Thấy những đội quân này, những kẻ nổi loạn hét lên, nghĩ rằng quân cứu viện đã tới nhưng họ biết ngay mình bị lầm. Những đội quân mới tới dàn ra trước Toà án đối

diện với cung điện, cùng lính thiết giáp, trọng pháo, kỵ binh cận vệ, họ bao vây những kẻ nổi loạn trong một vòng tròn sắt.

Một lúc sau nghe có tiếng hát của linh mục Giáo chủ, cả giới tu sĩ theo sau, từ nhà thờ Kazan đi ra, đi trước là dãy cờ Thánh, nhân danh Chúa đến ra lệnh cho quân nổi loạn giải tán, trở về với bổn phận của mình. Nhưng có lẽ là lần đầu tiên trong đường lối chính trị không tôn giáo, những người lính coi thường những hình ảnh họ đã quen tôn sùng, yêu cầu các linh mục đừng xen vào những việc trên mặt đất và chỉ nên lo vào những việc trên trời. Giáo chủ cố gắng nhưng nhận được lệnh của Hoàng đế bảo lui về. Nicolas muốn tự mình ra sức lần cuối để thu phục những kẻ nổi loạn.

Những người vây quanh Hoàng đế muốn căn ngăn nhưng Người bảo đây là vai trò của mình. Người phải đưa mạng sống ra đối mặt. Người ra lệnh mở hàng rào sắt, người ta vừa tuân lệnh thì Đại quận công tức tốc về tới, ghé tai Hoàng đế nói nhỏ rằng một bộ phận của trung đoàn Préobrajenski đang bao vây cùng tham gia với quân nổi loạn và Hoàng thân Troubetskoï mà Hoàng đế ngạc nhiên thấy vắng mặt, đã chỉ huy cuộc âm mưu. Việc ấy rất có thể vì hai mươi bốn năm trước đây chính trung đoàn này đã chiếm giữ những đại lộ của lâu đài Đỏ, còn Đại tá trung đoàn, Hoàng thân Talitzine giết chết Hoàng đế Paul.

Tình hình đáng ghê sợ nhưng Hoàng đế không thay đổi sắc mặt, rõ ràng Người đã có một quyết định rất lớn. Một lúc sau Người ngoảnh lại bảo một trong các vị tướng: -Đưa Đại quận công trẻ lại đây cho ta.

Viên tướng trở lại cùng Hoàng tử. Hoàng đế nhấc đứa trẻ lên, tiến về phía những người lính ném lựu đạn nói: -Quân lính, nếu ta bị giết thì đây là Hoàng đế của các anh, giải tán đi, ta uỷ thác con ta cho sự trung thành của các người.

Một tiếng "Hourrah!" kéo dài, tiếng kêu vui vẻ xuất phát tự đáy lòng vang lên. Những kẻ phạm tội là những người đầu tiên bỏ vũ khí xuống và mở rộng cánh tay. Đứa trẻ được chuyền vào giữa trung đoàn và được bảo vệ như lá cờ. Hoàng đế lên ngựa đi ra. Ở cổng ra vào, các tướng khẩn nài Người đừng đi xa hơn nữa, quân nổi loạn hét sẽ giết Hoàng đế và súng đã được nạp đạn. Hoàng đế giơ tay ra hiệu để Người được tự do, cấm không cho ai đi theo và phi thẳng ngựa đến chỗ quân nổi loạn: -Quân lính! – Người kêu lớn – người ta bảo các anh muốn giết ta, nếu đúng thế thì ta đây!

Có một lúc im lặng, Hoàng đế đứng giữa hai toán quân, như một bức tượng cưỡi ngựa. Hai lần trong đám quân nổi loạn có tiếng hô "Bắn!" nhưng lệnh ấy không được thi hành, lần thứ ba, mấy tiếng súng nổ. Đạn rít lên chung quanh Hoàng đế nhưng không có viên nào trúng. Một trăm bước phía sau, Đại tá Velho và nhiều lính bị thương vì loạt đạn ấy.

Cùng lúc đó Milarodovitch và Đại quận công Michel lao tới bên cạnh Hoàng đế, trung đoàn thiết giáp và trung đoàn bảo vệ chuyển động một bước, các pháo

thủ đưa ngòi gần vào lửa.

-Dừng lại! – Hoàng đế kêu lên – Mọi người phải tuân lệnh. Đại tướng – Người ngoảnh mặt về phía Bá tước Milarodovitch nói thêm – ông đến đấy và cố gắng quy phục họ.

Bá tước và Đại quận công lao tới nhưng những kẻ nổi loạn tiếp họ với một loạt đạn khác và hô lớn "Constantin muôn năm!"

-Quân lính! – Bá tước Milarodovitch kêu to và giơ lên trên đầu một thanh kiếm rất đẹp gắn nhiều đá quý và tiến đến sát hàng ngũ quân nổi loạn – đây là thanh kiếm Điện hạ Hoàng tử đích thân trao cho tôi, tôi đã lấy danh dự thề trên thanh kiếm này là người ta đã đánh lừa các anh, lợi dụng các anh. Hoàng tử đã khước từ vương miện, và vị vua độc nhất và hợp pháp là Hoàng đế Nicolas Đệ nhất.

Những tiếng hô "hourrah!" và "Constantin muôn năm!" đáp lại lời diễn giải ấy, rồi giữa tiếng kêu ấy nghe có một tiếng súng ngắn, và người ta thấy Bá tước lảo đảo, một súng ngắn khác giơ lên nhắm vào Đại quận công Michel nhưng lính thủy quân tuy trong hàng ngũ nổi loạn, đã chặn tay kẻ mưu sát lại.

Trong một giây Bá tước Orloff và lính thiết giáp của ông, mặc dù những kẻ nổi loạn liên tiếp nhả đạn, xiết chặt hàng ngũ bao bọc Bá tước Milarodovitch, Đại quận công Michel và Hoàng đế Nicolas, dùng sức mạnh đưa họ quay về cung điện. Milarodovitch khó khăn ngồi vững trên lưng ngựa, về đến nơi ngã ngay vào cánh tay những người vây chung quanh.

Hoàng đế muốn thử một lần cuối thu phục những kẻ nổi loạn nhưng trong lúc Người đang ra lệnh, Đại quận công Michel nhảy xuống ngựa, xen lẫn giữa pháo thủ, giật que mồi ở tay một người, châm mồi vào lửa: -Bắn! –ông hét lên – Bắn vào kẻ giết người!

Bốn quả đạn pháo bay đi cùng lúc tiêu diệt những kẻ nổi loạn vì cái chết họ đã gây ra, rồi không nghe được tiếng lệnh của Hoàng đế nữa, loạt đạn thứ hai tiếp theo loạt trước.

Tác dụng của hai loạt đạn thật đáng sợ. Hơn sáu mươi người, lính ném lựu đạn và lính trung đoàn Moscou, thuỷ thủ phòng vệ, nằm lại tại chỗ. Số còn lại chạy tán loạn trên đường phố, bến cảng, cầu và qua sông Neva đóng băng. Kỵ binh cận vệ thúc ngựa đuổi theo quân nổi loạn, trừ một người để cho trung đoàn đi xa, xuống ngựa để cho con vật muốn đi đâu thì đi, tiến lại gần Bá tước Orloff. Đến trước ông này, người đó cởi thanh gươm của mình trao cho ông. Viên tướng ngạc nhiên hỏi: -Bá tước làm gì vậy? Vì sao ông nộp kiếm cho tôi thay vì dùng nó đuổi theo quân nổi loạn?

-Vì tôi đã tham gia vào cuộc âm mưu, thưa ngài. Sớm muộn gì tôi cũng sẽ bị tố cáo chi bằng tôi tự tố cáo mình thì hơn.

-Các anh hãy giữ lấy Bá tước Alexis Vaninkoff – viên tướng nói với hai người lính thiết giáp – dẫn ông ta về pháo đài.

Mệnh lệnh được thi hành ngay. Tôi thấy người ta dẫn Bá tước đi qua cầu Moïke và mất hút sau góc toà Đại sứ Pháp.

Tôi nghĩ đến Louise mà bây giờ chỉ có tôi là người bạn duy nhất, tôi bèn trở lại Đại lộ đến nhà cô bạn đồng hương với vẻ mặt xanh và buồn đến nỗi cô nghi ngờ tôi mang tin về tai hoạ nào đó. Vừa thấy tôi, cô tiến lại, đôi tay chắp vào nhau: -Có việc gì vậy? Nhân danh Chúa! Có việc gì vậy? – Cô hỏi dồn.

-Có việc – tôi trả lời – cô chỉ còn hy vọng vào một phép lạ của Chúa hoặc lòng khoan dung của Hoàng đế.

Tôi kể lại những việc mình chứng kiến và đưa bức thư của Alexis cho cô. Như tôi đã nghi ngại, đấy là bức thư vĩnh biệt.

Ngay tối hôm ấy Bá tước Milarodovitch chết vì vết thương. Trước khi chết, ông buộc nhà phẫu thuật lấy viên đạn ra, ông cầm mẩu chì trong tay, thấy không có cỡ đạn, bèn nói: -Tôi hài lòng. Không phải viên đạn của một người lính.

Năm phút sau ông tắt thở.

Hôm sau vào chín giờ sáng, nghĩa là lúc cuộc sống bắt đầu nhộn nhịp trong thành phố và khi mọi người chưa biết cuộc nổi loạn đã bị dẹp hoặc còn tiếp tục, Hoàng đế đi xuống không có tuỳ tùng, không bảo vệ, đưa tay cho Hoàng hậu rồi cùng bà lên một chiếc xe đợi sẵn trước cung điện Mùa Đông, chạy khắp các đường phố Saint-Peterbourg, đi qua tất cả các trại lính, giơ mình ra cho những phát súng của những kẻ giết người nếu còn. Khắp nơi Người chỉ nghe thấy tiếng reo vui khi họ thấy lông cắm trên mũ của Người từ đàng xa. Để trở về cung điện sau chuyến đi táo bạo rất thành công ấy, Người phải đi qua Đại lộ, thấy một người đàn bà cầm tờ giấy trong tay quỳ trên đường đi làm Người phải cho xe quay tránh khỏi phải cán trúng. Cách người đàn bà này ba bước, người đánh xe khéo léo cho xe dừng lại. Người đàn bà khóc lóc và không nhìn lên, chỉ đủ sức vẫy tờ giấy cầm trong tay. Có lẽ Hoàng đế sẽ tiếp tục đi nhưng Hoàng hậu nhìn Người với một nụ cười thánh thiện nên Người cầm lấy tờ giấy, chỉ có vài dòng viết vội và thấm ướt:

“ Thưa Bệ hạ,

Xin Người hãy gia ân cho Bá tước Vaninkoff, nhân danh Bệ hạ… xin gia ân… xin gia ân!”

Hoàng đế không thấy chữ ký, quay sang người đàn bạ lạ mặt hỏi: -Bà là em gái của ông ta à?

Người cầu xin buồn bã lắc đầu.

-Thế có phải vợ ông ta không?

Người cầu xin ra hiệu không phải.

-Nhưng cuối cùng bà là gì đối với ông ta? – Hoàng đế hỏi ra vẻ sốt ruột.

-Than ôi! Than ôi! – Louise lấy lại được giọng nói kêu lên – Thưa Bệ hạ, bảy tháng nữa tôi sẽ là mẹ của con ông ấy.

-Cô bé khốn khổ! – Hoàng đế nói và ra hiệu cho người đánh xe phóng đi, mang theo lá đơn nhưng không để lại cho người đàn bà cầu xin một tia hy vọng nào ngoài hai tiếng thương hại được buông ra từ đôi môi của Người.

§17

Những ngày sau đó người ta làm biến mất đến dấu vết cuối cùng của cuộc nổi loạn ghê gớm mà những bức tường bị bắn còn giữ lại những vệt đẫm máu. Ngay chiều hoặc đêm hôm ấy, những kẻ mưu phản chính bị bắt giữ: Hoàng thân Troubtskoï, nhà báo Ryleyeff, Hoàng thân Oblinski, Đại uý Jacoubovitch, Trung uý Kakovski, Đại uý Stchepine Rotovski và Bestoujev, một Bestoujev khác, tuỳ tùng của Quận công Alexandre de Wurtemberg, sau cùng sáu mươi hoặc tám mươi người khác ít nhiều có tội vì hành động hoặc trong suy nghĩ. Vaninkoff đã tự đầu thú và Đại tá Boulatoff đã theo gương ông.

Với sự trùng hợp kỳ lạ, Pestel, theo lệnh từ Taganrog, bị bắt ở vùng trung nước Nga ngay trong ngày cuộc nổi loạn nổ ra ở Saint-Peterbourg.

Còn Serge và Apostol Mouravieff chạy trốn và động viên được sáu đại đội của trung đoàn Tchermigoff chống lại, bị tướng Roth đuổi kịp gần làng Poulogoff, huyện Vasilkoff. Sau một cuộc kháng cự vô vọng, một người tự bắn vào đầu không chết, người kia bị bắt sau khi bị thương nặng vì đạn bắn trúng sườn và vết gươm chém vào đầu.

Tất cả tù binh dù bị bắt ở bất cứ góc nào của vương quốc đều được chuyển về Saint-Peterbourg. Một hội đồng điều tra gồm bộ trưởng chiến tranh tướng Tatischeff, Đại quận công Michel, Hoàng thân Galitzine, cố vấn riêng, De Golenitcheff-Koutosoff, kế nhiệm Bá tước Milarodovitch trong việc chỉ huy lực lượng quân sự ở Saint-Peterbourg, De Tchernycheff, De Benkendroff, De Levacheff và De Potapoff bốn tuỳ tùng chung được Hoàng đế chỉ định và việc thẩm cứu bắt đầu được tiến hành.

Nhưng như thường lệ ở Saint-Peterbourg, mọi việc được diễn ra trong im lặng và bóng tối, không có gì lọt ra ngoài. Hơn nữa điều lạ là sau ngày có báo cáo chính thức trong quân đội tất cả những kẻ phản bội đã bị bắt hết, không còn vấn đề gì về họ nữa, như thể họ bị đơn độc, không có gia đình trên đời này, không một nhà nào đóng cửa sổ tỏ ra góa bụa, không một nét mặt ai buồn bã mang tang. Tất cả tiếp tục như không có gì xảy ra. Chỉ một mình Louise đi cầu xin và trước đó chưa có trường hợp nào như thế. Tuy ai cũng như tôi cảm thấy trong lòng một buổi sáng nào đó sẽ có một tin ghê gớm vì cuộc mưu phản bị bắt quả tang, cố ý giết người, và tuy người nào cũng biết lòng tốt của Hoàng đế, người ta biết Người không thể tha thứ cho tất cả: máu phải trả bằng máu.

Thỉnh thoảng một tia hy vọng đâm thủng đêm tối như một luồng ánh sáng mờ và cho thấy một bằng chứng mới về lòng độ lượng của Hoàng đế. Trong danh sách những kẻ mưu phản đưa lên, Người nhận thấy một tên họ được nước Nga quý mến: Souvorov. Thật vậy cháu nội của người vinh quang chiến thắng Trétéia

là một trong những kẻ mưu phản. Nicolas đọc đến tên họ này thì dừng lại, và sau một lúc im lặng, như tự nói với mình "Không nên để một tên họ đẹp đẽ như thế này bị vấy bẩn", rồi Người ngoảnh lại nhìn người đứng đầu ngành cảnh sát đến trình bản danh sách."Để ta – Người nói – tự thẩm vấn Trung uý Souvorov."

Ngày hôm sau chàng trai được dẫn tới trước mặt Hoàng đế, nghĩ rằng Người giận dữ, doạ nạt, thì lại thấy vầng trán điềm tĩnh và hiền dịu. Không phải chỉ có thế. Với những lời nói đầu tiên của Nga hoàng, kẻ phạm tội dễ dàng thấy người ta đưa anh đến đây với mục đích gì. Tất cả những câu hỏi của Hoàng đế, với lòng ân cần cha con, được nêu ra một cách nhằm tạo cho người bị kết tội được hưởng khoan hồng. Thật thế, qua mỗi câu hỏi của Hoàng đế, anh chỉ còn cần trả lời có hoặc không. Nga hoàng ngoảnh lại nhìn những người được triệu tập đến để thẩm vấn và nói "Các ông thấy rõ, nghe rõ đấy, tôi đã nói đúng, một tên họ Souvorov không thể là một kẻ nổi loạn", và Souvorov được thả ngay ra khỏi nhà tù, trả về trung đoàn và sau mấy ngày nhận được cấp bậc Đại uý.

Nhưng tất cả những người còn lại không mang họ Souvorov và dù tôi hết sức cố gắng để gợi ra cho cô đồng hương tội nghiệp một tia hy vọng mà bản thân tôi cũng không có, sự đau đớn của Louise thật sự đáng sợ. Từ ngày Vaninkoff bị bắt giữ, cô từ bỏ hoàn toàn việc tự chăm sóc mình, vào trong phòng khách nhỏ phía sau cửa hàng, đầu gục xuống đôi bàn tay, lặng lẽ để rơi lệ và chỉ mở miệng để hỏi những người, như tôi, khi được đưa vào chỗ ẩn náu ấy: "Ông nghĩ họ có giết anh ấy không?" Rồi không cần nghe câu trả lời, cô than vãn "Chà, nếu tôi không mang thai!"

Thời gian cứ trôi qua như thế, không biết được gì về số phận những tội phạm. Hội đồng điều tra làm việc trong bóng tối, người ta cảm thấy sắp sửa đi đến một kết thúc bi kịch đẫm máu nhưng không ai nói được kết thúc ra sao và vào ngày nào.

Tuy vậy, ông De Gorgoli vốn rất tốt đối với tôi, thường trấn an tôi, nói rằng việc xét xử sẽ được biết trước mấy ngày và vẫn có thì giờ cầu xin Hoàng đế nếu Vaninkoff khốn khổ kia bị kết án tử hình. Thật vậy, ngày 14 tháng bảy, tờ báo Saint-Peterbourg có đăng bản báo cáo của Toà án tối cao trình lên Hoàng đế. Bản báo cáo chia các mức độ tham gia âm mưu thành ba loại tội danh mà mục đích là "làm lung lay vương quốc, lật đổ những luật lệ của Nhà nước và phá hoại trật tự xã hội."

Ba mươi sáu tội phạm bị kết án tử hình, còn lại phải vào các khu mỏ và đi đày. Nhưng tiếp theo luật pháp là sự khoan hồng: án tử hình của ba mươi mốt người được hạ xuống thành bị đày vĩnh viễn, Vaninkoff ở trong số lãnh án tử hình được giảm án.

Năm trong số tội phạm bị tử hình: Ruleyeff, Bestoujeff, Michel Serge, Mouravieff và Pestel.

Tôi lao ra khỏi nhà, chạy như một người điên, tờ báo cầm trên tay, muốn ngăn từng người một gặp trên đường để chia sẻ niềm vui và hớt hải chạy đến nhà Louise không kịp thở. Tôi thấy cô cũng cầm tờ báo ấy, vừa trông thấy tôi đã lao vào cánh tay tôi, vừa khóc vừa chỉ có thể nói một câu "Anh ấy thoát rồi! Chúa ban phúc cho Hoàng đế!"

Trong lúc ích kỷ, chúng tôi quên mất những kẻ khốn khổ sắp chết cũng có một gia đình, những người yêu và bạn bè. Cử chỉ đầu tiên của Louise là nghĩ đến bà mẹ và các cô em gái mà cô biết trong lúc họ du lịch đến Saint-Peterbourg. Gia đình ấy chưa biết con trai mình sẽ không chết. Louise dự tính tờ báo chứa đựng những tin vui chỉ được chuyển đi theo chuyến bưu vụ buổi chiều nghĩa là đến Moscou chậm mất mười hai giờ. Cô hỏi tôi có biết có người nào có thể đi ngay lúc này để đưa tờ báo cho bà mẹ Vaninkoff. Tôi có một người hầu phòng thông minh và chắc chắn, tôi nhờ đi và anh chấp nhận. Chỉ còn phải có hộ chiếu. Trong nửa giờ, với sự giúp đỡ tích cực và độ lượng của ông De Gorgoli, tôi nhận được giấy tờ và Grégoire ra đi, mang theo nguồn tin hạnh phúc với một nghìn rúp làm lộ phí. Anh ta đến trước bưu vụ mười bốn tiếng đồng hồ. Bà mẹ và hai cô em gái biết được con trai mình, người anh mình đã sống sót sớm hơn mười bốn tiếng.

Grégoire trở về với một bức thư trong đó bà Bá tước già gọi Louise là con gái và hai cô em gọi là chị mình. Họ đề nghị làm ơn cho biết ngày thi hành án, ngày những tội phạm đi đày thì cô hãy gởi thư cho họ. Tôi lại bảo Grégoire chuẩn bị sẵn để lại ra đi vào một lúc nào đó. Những chuyến đi như vậy có lợi cho anh nên anh không hề từ chối.

Bà mẹ Vaninkoff cho anh một nghìn rúp cho nên qua chuyến đi đầu anh còn lại một tài sản nhỏ và mong nhân đôi lên qua chuyến thứ hai.

Chúng tôi chờ đợi ngày hành hình, không được định trước nên không ai biết và mỗi buổi sáng thành phố thức dậy mọi người nghĩ năm tội phạm đã lên máy chém rồi. Ý nghĩ chém đầu càng gây tác động mạnh vì đã sáu mươi năm nay Saint-Peterbourg không có ai bị hành hình.

Nhiều ngày trôi qua, người ta ngạc nhiên về khoảng cách giữa xét xử và thi hành án. Phải có thời gian để gọi hai đao phủ từ Đức tới.

Cuối cùng, chiều ngày 23 tháng bảy, một người Pháp trẻ đến nhà tôi, anh là học trò cũ của tôi, là tuỳ viên ở đại sứ quán của thống chế Marmont, tôi vẫn nhờ báo tin vì ở phía ngoại giao người ta biết công việc sớm hơn tôi. Anh đến cho biết thống chế và tuỳ tùng vừa được mời bốn giờ sáng hôm sau đến toà đại sứ Pháp mà cửa sổ trông ra pháo đài. Chắc chắn họ sẽ tham dự buổi hành hình.

Tôi chạy đến nhà Louise thông báo tin này và cô lại lo sợ. Họ tên Vaninkoff ở trong danh sách những người đi đày thay vì trong danh sách tử hình có sai lầm gì không? Việc giảm án phải chăng là một tin giả để việc hành hình bớt gây náo động trong dân chúng thành phố và hôm sau liệu cô có vỡ lẽ ra trước ba mươi

sáu thi thể thay vì chỉ có năm? Tôi trấn an cô. Tôi có nhiều nguồn cho biết tất cả đúng như trong tờ báo đã đăng, người ta còn nói thêm lời cầu xin Hoàng đế và Hoàng hậu của Louise hôm quỳ trên Đại lộ cũng có lợi cho việc giảm án của tội phạm.

Tôi rời Louise một lúc, hứa sẽ trở lại ngay, để đi một vòng quanh pháo đài xem việc chuẩn bị. Tôi chỉ thấy những người của toà án vừa ở trong pháo đài đi ra, nhưng thế là đủ. Các lục sự vừa đến thông báo bản án cho tội phạm. Chắc chắn việc thi hành án bắt đầu vào ngày hôm sau.

Chúng tôi cử ngay Grégoire đi Moscou đưa lá thư mới của Louise cho bà mẹ Vaninkoff. Như vậy chúng tôi biết tin trước hai mươi bốn tiếng đồng hồ.

Nửa đêm Louise đề nghị tôi đi với cô đến chỗ pháo đài. Không trông thấy Vaninkoff, cô muốn ít nhất lúc xa cách nhau, nhìn lại những bức tường giam giữ anh.

Chúng tôi thấy cầu Trinité có lính gác, không có người đi qua. Một bằng chứng mới không có gì thay đổi về bản án. Đứng bên này sông Neva, chúng tôi nhìn về phía pháo đài. Một lúc sau thấy có ánh đèn trên nền đất rộng rồi những bóng người đi qua mang những vật cồng kềnh: người ta đang dựng giàn treo cổ.

Chỉ có chúng tôi đứng lại bên bến cảng, không ai ngờ hoặc tỏ ra ngờ có chuyện gì đang được chuẩn bị. Những chiếc xe muộn màng chạy qua rất nhanh, đèn ánh lên như đôi mắt rồng. Vài con thuyền lướt trên sông Neva rồi dần dần biến mất hoặc đi vào những con kênh hay những nhánh sông, im lặng hoặc ồn ào. Chỉ có một chiếc đậu lại như thả neo, không có tiếng gì ở đấy bay ra, vui hay buồn. Có lẽ trong đó cũng có bà mẹ, chị em, hoặc người vợ nào đó, chờ đợi như chúng tôi.

Đến hai giờ sáng, một đội tuần tra buộc chúng tôi phải ra về.

Chúng tôi về nhà Louise. Không phải chờ lâu vì cuộc hành quyết sẽ bắt đầu lúc bốn giờ. Tôi ngồi lại với cô một tiếng rưỡi nữa rồi lại ra đi.

Đường phố Saint-Peterbourg hoàn toàn vắng vẻ ngoại trừ vài nông dân có vẻ không biết sẽ xảy ra chuyện gì. Chỉ một ánh sáng mờ xuất hiện và làn sương mù nhẹ từ sông bốc lên, vờn qua như một tấm kếp mỏng màu trắng giữa hai bờ sông Neva. Đến góc phố, chỗ đại sứ quán Pháp, tôi thấy thống chế Marmont bước vào trong đấy với một phái đoàn khác thường, một lúc sau họ có mặt trên ban công.

Có mấy người dừng lại như tôi trên bến cảng không phải vì đã biết việc gì sẽ xảy ra mà do cầu Trinité bị quân đội canh gác, họ không sao sang được các hòn đảo. Họ ngần ngại lo lắng, nói nhỏ với nhau không biết ở lại đây có nguy hiểm gì không. Riêng tôi, tôi quyết định sẽ đứng ở đây cho đến khi người ta đuổi tôi đi.

Mấy phút sau bốn giờ, một đám lửa bùng lên làm tôi chú ý đến một điểm của pháo đài. Cùng lúc ấy sương mù bắt đầu tan, nổi lên trên nền trời năm cái giá

treo cổ. Năm cái giá treo cổ ấy được dựng trên một chiếc máy mà sàn dưới mở ra được như một cái bẫy sập dưới chân nạn nhân.

Đúng bốn giờ, những người bị đi đày lên nền rộng của tường thành, xếp hàng chung quanh giàn treo cổ. Họ mặc quân phục ngày lễ với cầu vai, huy chương, huân chương, binh lính cầm gươm. Tôi nhìn kỹ để nhận ra Vaninkoff giữa đám người khốn khổ ấy nhưng vì khoảng cách quá xa tôi không cách gì nhận ra được.

Bốn giờ hơn, năm người bị tử hình bước lên máy treo cổ, họ mặc áo khoác xám và trên đầu đội mũ trắng. Chắc họ từ những ngục tối khác nhau đi tới vì khi họp lại với nhau người ta cho phép họ ôm hôn nhau.

Lúc ấy có một người đến nói chuyện với họ. Hầu như ngay lúc ấy có tiếng "hourrah!" vang lên. Lúc đầu chúng tôi không biết vì sao, sau này nghe người ta nói, không biết có đúng không, người ấy khuyên họ xin gia ân để được sống nhưng họ trả lời bằng những tiếng hô "Nước Nga muôn năm!" "Tự do muôn năm!" Những tiếng hô bị át đi bởi tiếng "Hourrah!" của những người chứng kiến.

Người kia lui ra và đao phủ tiến lại gần. Những người bị kết án bước lên mấy bước, người ta quàng dây quanh cổ và hạ chiếc mũ trắng xuống che mắt họ.

Đồng hồ điểm đúng bốn giờ mười lăm phút.

Chuông còn ngân thì sàn gỗ đã hụt hẫng dưới chân nạn nhân. Cùng lúc có tiếng ồn ào, binh lính chạy tới giàn treo cổ. Một tiếng rên rỉ như phát ra từ không trung, vài tiếng kêu không rõ vang đến tận chỗ chúng tôi đứng. Tôi tưởng là có nổi loạn.

Hai chiếc dây đứt, hai nạn nhân bị rơi xuống đáy sàn gỗ, một người gẫy đùi, một người gẫy tay. Do đó có sự ồn ào và xúc động. Còn những người kia vẫn chết.

Người ta bắc thang xuống đáy sàn, đưa những nạn nhân lên để nằm xuống vì họ không đứng được. Một người ngoảnh lại nói với người kia: -Anh thấy không, một dân tộc nô lệ thì còn làm được việc gì. Thậm chí treo cổ một người cũng không biết làm.

Trong lúc đưa họ lên người ta đã chuẩn bị dây mới nên họ không phải chờ lâu. Đao phủ bước đến bên họ, và tự mình cố gắng, họ bước đến trước giá treo cổ. Khi người ta sắp quàng dây vào cổ họ, họ hô lên lần cuối thật to "Nước Nga muôn năm! Tự do muôn năm! Những người trả thù cho chúng tôi hãy sẵn sàng!" Tiếng kêu ghê rợn lặng chìm không có tiếng vang. Những người hô lên tiếng kêu ấy đã đánh giá sai thời đại, họ lầm lẫn mất một thế kỷ.

Khi người ta báo với Hoàng đế sự cố ấy, Người bực bội giẫm chân kêu lên: -Tại sao không đến nói với ta việc đó? Bây giờ ta có vẻ nghiêm khắc hơn cả Chúa trời.

Nhưng chẳng ai lúc đó dám hoãn việc hành hình và năm phút sau tiếng hô, hai nạn nhân chết theo ba người bạn kia của họ.

Rồi đến những người bị đi đày, người ta đọc to bản án tước đi của họ mọi thứ trên đời này: hàng ngũ, khen thưởng, tài sản, gia đình, rồi những người thừa hành lại gần lần lượt lột đi những cầu vai, huân chương, huy chương, vứt vào trong lửa miệng kêu lên "Đấy! những cầu vai của một tên phản bội! Những huân chương, huy chương của một tên phản bội!"

Xong việc ấy họ lấy bất kỳ trong đống áo choàng vải xám như của dân chúng trùm vào những người bị đi đày sau khi lột hết quân phục của họ rồi đưa họ xuống một bậc thang đưa từng người về ngục tối của họ.

Nền đất rộng lại trở nên vắng vẻ, chỉ còn một người lính gác, năm giá treo cổ va năm xác người bị hành quyết treo ở đấy.

Tôi trở về nhà Louise, thấy cô đang khóc, quỳ gối cầu nguyện.

-Thế nào rồi? – cô hỏi.

-Thế này – tôi trả lời – Những người phải chết đã chết, những người phải sống sẽ sống.

Louise cầu nguyện cho xong, mắt ngước lên trời với vẻ biết ơn vô hạn.

Khi cầu nguyện xong cô hỏi tôi;

-Từ đây đến Tobolsk bao xa?

-Khoảng gần tám trăm dặm – tôi trả lời.

-Ít hơn tôi tưởng. Xin cám ơn.

Tôi im lặng đứng nhìn cô một lúc rồi hiểu ý cô: -Tại sao cô hỏi tôi điều ấy? – tôi hỏi.

-Thế nào? Ông không đoán được sao?

-Nhưng trong lúc này, cô không thể, Louise, cô nên nghĩ cô đang trong tình trạng như thế nào.

-Ông bạn, ông yên tâm, tôi biết người mẹ phải đối với đứa con ra sao cũng như đối với người cha như thế nào, tôi sẽ chờ.

Tôi nghiêng mình trước người đàn bà này, hôn tay cô cung kính như hôn tay một bà hoàng.

Trong đêm những người đi đày ra đi và máy treo cổ biến mất đến nỗi khi trời sáng không còn dấu tích gì về việc đã xảy ra và những người thờ ơ có thể nghĩ mình đã qua một giấc mộng.

§18

Không phải không có lý do mà bà mẹ và hai cô em gái muốn biết trước ngày thi hành án. Những người bị đi đày từ Saint-Peterbourg đến Tobolsk phải đi qua Iaroslavl, cách Moscou khoảng sáu mươi dặm vì vậy bà mẹ và hai cô em hy vọng gặp con trai, anh trai mình ở đó.

Lần này cũng như lần trước, ba người phụ nữ niềm nở tiếp Grégoire, họ đã sẵn sàng mười lăm ngày nay, đã có giấy thông hành, chỉ kịp cám ơn người đưa tin rồi lên ngay một chiếc xe đi Iaroslavl.

Ở Nga, những chuyến đi thường chóng vánh, buổi sáng còn ở Moscou, bà mẹ và hai cô em đến Iaroslavl vào buổi tối, họ rất mừng khi biết những chiếc xe chở tù chưa đi qua đây. Sợ ở trong thành phố dễ bị nghi ngờ và những người gác càng nguyên tắc, họ đi ngược lên trên Mologa, dừng chân ở một ngôi làng nhỏ. Cách đấy khoảng ba nghìn mét có một ngôi nhà tranh, những người bị lưu đày phải NGHỈ để lấy sức đi tiếp. Binh lính áp giải được lệnh không được nghỉ trong thành phố hay trong làng. Mẹ con họ đã sắp đặt đầy tớ ở mỗi chặng để thông báo cho họ khi những chiếc xe tù đến gần.

Sau hai ngày, một trong những người đầy tớ chạy về báo cho bà Bá tước già biết toán đầu của những người lưu đày gồm năm xe vừa đến chỗ ngôi nhà tranh và người đội trưởng vừa cử hai người trong đội của mình vào làng để tìm ngựa thay thế.

Bà Bá tước lên xe, ngựa phóng nhanh đến chỗ ngôi nhà, dừng lại và bà chăm chú nhìn không thấy Vaninkoff trong toán này.

Sau mười lăm phút, ngựa được đưa đến và những người đi đày tiếp tục lên xe đi.

Nửa giờ nữa toán thứ hai cũng tới, cũng dừng lại trước ngôi nhà, hai người đi vào làng tìm ngựa và cũng như lần trước, thay ngựa xong, những người tù lại lên xe đi rất nhanh, tất cả khoảng nửa giờ chờ đợi. Vaninkoff cũng không có trong tóan này. Dù rất muốn gặp, bà Bá tước vẫn mong con mình ở trong toán đến chậm nhất, hy vọng ngựa bị những toán đầu lấy đi sẽ thiếu, người ta phải vào thành phố để đổi, sự nghỉ ngơi vì thế sẽ kéo dài hơn tạo thuận lợi cho kế hoạch của bà mẹ. Tất cả phù hợp với mong muốn ấy: ba toán đầu đi qua không có Vaninkoff, toán sau đó dừng lại bốn mươi lăm phút vì ở Iaroslavl cũng khó tìm được ngựa.

Những tóan trước vừa đi thì toán thứ sáu đến: bà mẹ và hai cô em tự nhiên nắm lấy tay nhau, hình như trong không khí có cái gì đó báo trước người con, người anh của họ đang tới.

Đoàn xe xuất hiện trong bóng tối. Một sự run rẩy ngoài ý muốn xâm chiếm lấy những người phụ nữ, họ ôm lấy nhau khóc.

Vaninkoff từ chiếc xe thứ ba bước xuống. Mặc dù trời tối, tuy mặc bộ quần áo bẩn thỉu, bà Bá tước và hai cô em gái vẫn nhận ra người thân của mình. Ông đi đến ngôi nhà, một cô em buột miệng gọi nhưng bà mẹ bịt miệng cô lại. Vaninkoff cùng các bạn bước vào trong nhà.

Những người tù lần lượt xuống xe cùng vào trong đó. Người chỉ huy toán áp tải ra lệnh ngay cho hai người lính đi tìm ngựa, người ta bảo tại các trạm đều thiếu ngựa nên rút cuộc ông phân tán người của mình đi khắp chung quanh, nhân danh Hoàng đế, chiếm lấy những con ngựa tìm được. Những người lính tuân lệnh, một mình ông ở lại với những người lưu đày.

Hoàn cảnh đơn độc này, ở những nơi khác sẽ là thiếu khôn ngoan, nhưng ở Nga thì không hề gì. Ở trong vương quốc bao la của Nga hoàng, những kẻ đã bị kết tội không chạy trốn đi đâu được, chạy không quá một trăm cây số họ đã bị bắt, chạy chưa đến biên giới họ đã chết đói.

Chỉ huy đoàn xe, đội trưởng Ivan ở lại một mình, ông đi lại trước cửa ngôi nhà, chiếc roi cầm tay đập đập vào chiếc quần da, thỉnh thoảng dừng lại nhìn chiếc xe đã tháo ngựa trên con đường lớn.

Một lát sau cửa xe mở ra, ba người đàn bà bước xuống như ba cái bóng tiến lại gần ông. Người đội trưởng dừng lại, không hiểu họ muốn gì.

Bà Bá tước chắp tay bước tới, hai cô con gái lùi lại đàng sau một chút.

-Thưa ông Đội trưởng – bà Bá tước nói – ông có chút tình thương hại nào không?

-Bà Bá tước muốn gì? – ông Đội trưởng hỏi, ông nhận ra bà qua cách nói và ăn mặc của người nói chuyện với mình.

-Tôi muốn hơn cả cuộc sống của tôi, thưa ông, tôi muốn gặp đứa con trai ông đang dẫn đi Sibérie.

-Điều ấy không thể được, thưa bà. Tôi được lệnh rất nghiêm khắc không để cho tù nhân tiếp xúc với ai cả, nếu vi phạm tôi sẽ bị tội rất nặng.

-Nhưng có ai biết ông vi phạm, thưa ông? – bà mẹ kêu lên còn hai cô con gái đứng im như tượng phía sau lưng bà cùng chắp tay một cách máy móc để khẩn cầu người Đội trưởng.

-Không được, thưa bà. Không được! – ông này nói.

-Mẹ ơi! – Alexis mở cửa ngôi nhà kêu lên – Đúng là mẹ rồi! Con nhận ra giọng nói của mẹ! – và ông lao vào tay bà mẹ.

Ông Đội trưởng định ngăn Bá tước lại nhưng hai cô em gái chạy tới, một người quỳ xuống ôm đầu gối ông, người kia ôm ngang lưng, hất đầu chỉ hai mẹ con đang ôm hôn nhau.

-Ồ! Ông thấy đấy! Ông thấy đấy!

Đội trưởng Ivan là người độ lượng. Ông thở ra một hơi dài và hai cô gái hiểu là ông đã nhường bước.

Bà Bá tước gỡ tay con trai ra, đưa cho ông Đội trưởng một túi vàng: -Ông bạn, ông cầm lấy, nếu ông vì chúng tôi mà bị phạt thì ông được khen thưởng.

Ông Đội trưởng nhìn túi vàng bà Bá tước đưa ra, lắc đầu, thậm chí không đụng đến sợ bị quá ham muốn: -Không, thưa bà Bá tước, không – ông nói – nếu tôi không làm đúng nhiệm vụ thì đây là lời bào chữa – và ông chỉ vào hai cô gái đang đầm đìa nước mắt – tôi sẽ trình bày với người xét xử tôi. Nếu người xét xử không chấp nhận, tôi sẽ trình bày với Chúa và Chúa sẽ chấp nhận.

Bà Bá tước nắm tay người đàn ông ấy hôn. Hai cô gái chạy lại với anh.

-Xin nghe đây – ông Đội trưởng nói – Chúng ta còn hơn nửa giờ chờ ngựa thay thế. Các bà và ông không thể vào trong nhà vì còn có những người khác, cũng không thể đứng mãi trên đường, cả bốn người cứ lên xe bỏ màn xuống, sẽ không ai thấy và ít nhất cũng có cơ may người ta không biết việc dại dột tôi đã làm.

-Xin cảm ơn ông Đội trưởng – Alexis đến lượt chảy nước mắt nói – Nhưng ông cầm lấy túi vàng…

-Ông giữ lấy, Trung uý – Ivan trả lời nhỏ giọng, đã quen gọi thoe cấp bậc mà Vaninkoff đã bị tước đi – ông giữ lấy, đến đấy ông cần hơn tôi ở đây.

-Nhưng đến nơi người ta sẽ lục soát tôi.

-Lúc ấy tôi sẽ cầm và trả lại ông sau.

-Ông bạn của tôi…

-Suỵt! Suỵt! Có tiếng ngựa phi! Tất cả lên xe, quỷ quái thật! Nhanh lên! Chắc có người lính nào trở lại bảo không tìm được ngựa, tôi sẽ cử anh ta đến một chỗ khác. Vào chỗ ngồi đi.

Người Đội trưởng đẩy Vaninkoff vào xe, bà mẹ và hai cô em gái vào theo, rồi ông đóng tấm ngăn lại.

Họ ở với nhau một giờ như vậy, lẫn lộn vui mừng và đau đớn, cười và khóc, giờ thiêng liêng như trước cái chết, vì họ nghĩ sẽ chia tay và không gặp lại. Bà mẹ và hai cô em kể lại vì sao họ biết việc giam giữ trước mười hai tiếng đồng hồ và ngày xuất phát trước hai mươi bốn tiếng, do vậy h. phải gặp lại Louise. Vaninkoff nhìn lên trời lẩm bẩm tên cô như một vị thánh.

Một giờ trôi qua nhanh như một giây, ông Đội trưởng tới mở cửa xe: -Ngựa các nơi đã về tới, bốn người phải chia tay nhau thôi.

-Ồ! Để cho một lúc nữa – những người đàn bà đồng thanh đề nghị còn Alexis quá tự kiêu không muốn xin xỏ cấp dưới, ngồi im lặng.

-Không một giây nào nữa hoặc các người làm hại tôi – Ivan nói.

-Vĩnh biệt! Vĩnh biệt! Vĩnh biệt! – Lẫn lộn những tiếng nói và những cái hôn.

-Này – ông đội trưởng cảm động nói – bốn người có muốn gặp lại nhau một lần nữa không?

-Ồ! Có! Có!

-Ba người đi trước đi, đến chờ ở trạm thay ngựa tiếp sau, trời tối chẳng ai trông thấy, các người còn gặp nhau được một giờ nữa. Hai lần tôi cũng không bị trừng phạt nặng hơn một lần.

-Ồ! Ông sẽ không bị trừng phạt đâu! – Ba người đàn bà kêu lên – Ngược lại Chúa sẽ ban thưởng cho ông.

-Hừm! Hừm! – Ông đội trưởng nghi ngờ trả lời, kéo người tù trong xe đang có phần muốn nán lại. Nhưng rồi tự mình nghe tiếng ngựa phi, Alexis vội vàng chia tay mẹ, lại ngồi trên một tảng đá ngoài cửa ngôi nhà để các bạn đường nghĩ ông ngồi đấy suốt thời gian vắng mặt.

Chiếc xe của bà Bá tước, ngựa đã được nghỉ, phóng đi như chớp, chỉ dừng lại ở Iaroslavl và Kostroma, gần một mái nhà lẻ loi như ngôi nhà trước đó và họ thấy toán xe đi trước toán của Bá tước Alexis vừa ra đi. Họ cho tháo ngựa, cho người đánh xe đi mua ngựa, dặn mua bằng bất cứ giá nào. Còn họ hy vọng gặp lại người con trai, người anh một lần nữa, họ đứng cô độc trên con đường lớn và chờ đợi.

Việc chờ đợi thật tàn nhẫn. Sốt ruột, bà Bá tước nghĩ cần thúc ngựa chạy nhanh để đến gần con nên đến trước toán xe kia gần một tiếng đồng hồ. Giờ đây thời gian như gần một thế kỷ, hàng nghìn ý nghĩ khác nhau, hàng nghìn nỗi lo sợ mơ hồ, lần lượt kéo đến làm những con người khốn khổ ấy khắc khoải. Cuối cùng họ bắt đầu thấy tiếng xe lăn và tiếng roi quất của những người đánh xe. Họ nhìn ra thấy rõ toán xe tiến lại trong bóng tối. Con tim họ như bị thắt trong kìm sắt, giãn hẳn ra.

Sự việc diễn ra ở trạm thay ngựa lần này tràn đầy hạnh phúc như lần trước. Như có phép lạ, những người tưởng chỉ gặp lại nhau trên đời lại có thêm bốn mươi lăm phút bên nhau. Trong bốn mươi lăm phút ấy người mẹ tội nghiệp viết vội một bức thư rồi để kỷ niệm lần cuối gặp con, bà cho đứa con trai chiếc nhẫn rút ở ngón tay ra. Anh em, mẹ con ôm hon con lần cuối vì đã quá khuya, ông đội trưởng không cho phép họ cố gặp nhau lần thứ ba nữa. Alexis lên lại chiếc xe đưa ông tới đầu địa cầu, đi qua dãy núi Ourals, phía hồ Tchany, cả toán xe âm u lướt gần chiếc xe trong đó người mẹ và hai cô gái đang khóc rồi lao vào trong bóng tối.

Bà Bá tước trở về Moscou gặp lại Grégoire bà đã bảo chờ ở đấy. Bà đưa cho anh một mảnh giấy chuyên cho Louise mà Vaninkoff trong lúc dừng lại ở trạm thứ hai viết bằng bút chì, gồm mấy dòng:

“Anh đã không nhầm: em là một thiên thần. Anh không thể làm gì cho em được nữa ngoài việc yêu em như một người vợ và tôn sùng em như một vị thánh.

Anh giao phó con của chúng ta cho em.

Vĩnh biệt,

Alexis”

Mảnh giấy kèm theo bức thư của bà mẹ Vaninkoff mời Louise lên với bà ở Moscou, bà chờ cô như một người mẹ chờ con gái.

Louise hôn mảnh giấy của Alexis rồi lắc đầu khi đọc xong bức thư của bà mẹ: -Không – cô nói với nụ cười buồn của cô – tôi sẽ không đi Moscou, chỗ của tôi ở nơi khác.

§19

Thật vậy, từ lúc ấy Louise kiên trì theo đuổi dự định đến với Alexis ở Tobolsk.

Cô mang thai, không đầy hai tháng nữa thì sinh, do muốn đi ngay sau khi sinh, cô không để mất một phút chuẩn bị.

Những chuẩn bị ấy nhằm đổi sang tiền những gì cô sở hữu, cửa tiệm, đồ đạc, vật trang sức. Người ta biết đang lúc cô cần, việc mua bán chỉ bằng một phần ba giá trị, nhờ việc mua bán của cải ấy cô gom được một số tiền gần ba mươi ngàn rúp, rời bỏ ngôi nhà ở Đại lộ rút về sống ở một ngôi nhà trên bờ kênh Moïka.

Còn tôi, tôi nhờ ông De Gorgoli, người giúp đỡ tôi và ông hứa, đến lúc cần sẽ xin Hoàng đế cho phép Louise đến với Alexis.

Tiếng đồn về dự định ấy lan ra trong thành phố Saint-Peterbourg và ai cũng khen sự tận tuỵ của người đàn bà Pháp trẻ nhưng họ cũng nói đến lúc đi rồi cô sẽ cảm thấy thiếu quyết tâm. Chỉ có tôi, hiểu rõ Louise, biết là cô sẽ không như thế.

Cuối cùng tôi là người bạn duy nhất của cô, đúng hơn là hơn thế, tôi là người anh của cô. Những lúc rảnh rỗi tôi đến với cô và suốt thời gian chúng tôi ở bên nhau, chúng tôi chỉ nói về Alexis.

Đôi khi tôi muốn cô từ bỏ ý định ấy mà tôi cho là điên rồ. Cô bèn nắm tay tôi, nhìn với một nụ cười buồn "Ông biết đấy – cô nói – khi không ra đi vì tình yêu thì tôi phải ra đi vì bổn phận. Không phải vì chán đời, vì tôi không trả lời thư mà anh ấy tham gia vào cuộc âm mưu đó sao? Nếu tôi nói yêu anh sáu tháng sớm hơn, anh ấy sẽ phấn khởi trong cuộc sống hơn và ngày nay không bị lưu đày. Ông thấy tôi cũng có tội như anh ấy, do đó vì lẽ công bằng tôi phải chịu hình phạt như anh ấy". Lúc ấy tôi thấy nếu ở vị trí của cô ấy tôi cũng sẽ hành động như cô. Tôi trả lời "Vậy cô cứ đi, mong rằng ý muốn của Chúa được thực hiện!"

Vào những ngày đầu tháng chín, Louise sinh một đứa con trai.

Tôi muốn cô viết thư cho Bá tước Vaninkoff báo tin ấy nhưng cô trả lời: - Dưới con mắt của xã hội, con tôi không có họ, do đó không có gia đình. Nếu bà mẹ Vaninkoff đòi hỏi tôi sẽ trao cho bà vì không muốn đưa con đi trong một hành trình như thế, vào một lúc như thế. Nhưng nếu bà từ chối chắc chắn tôi sẽ không giao lại con tôi.

Cô gọi người vú nuôi đưa con lại cho cô hôn và chỉ cho tôi thấy đứa bé giống bố nó đến mức nào.

Nhưng bà mẹ Vaninkoff được tin Louise sinh con liền viết thư bảo khi nào vừa bình phục cô đến ngay với bà cùng đứa bé. Bức thư ấy làm tan mọi ngần ngại về số phận của đứa con làm cô lo lắng. Từ đó cô yên tâm và không có gì phải chờ đợi.

Tuy vậy dù Louise muốn đi càng sớm càng tốt, những xúc động trong lúc mang thai có ảnh hưởng nhiều đến sức khoẻ nên cô hồi phục chậm hơn. Từ lâu cô làm ra vẻ đã khoẻ nhưng thầy thuốc bảo còn quá yếu chưa thể lên đường. Điều ấy không ngăn cản cô nếu được tự do rời bỏ Saint-Peterbourg nhưng giấy phép do tôi xoay sở nên cô phải tuỳ theo ý tôi.

Một buổi sáng có tiếng gõ cửa ở phòng tôi. Louise mặt mày rạng rỡ lao vào cánh tay tôi: -Anh ấy thoát rồi! – cô bảo.

-Thoát? Ai vậy?

-Anh ấy! Anh ấy! Alexis!

-Thế nào? Thoát ư? Không thể được.

-Đây, ông xem.

Cô đưa cho tôi một bức thư chữ viết của Bá tước và thấy tôi ngạc nhiên, cô giục: -Ông đọc đi! Ông đọc đi!

Và mệt mỏi vì quá vui mừng, cô buông mình xuống một chiếc ghế. Tôi đọc:

"Louise thân yêu của anh,

Em hãy tin vào người đưa thư này như tin vào chính anh vì đây còn hơn là một người bạn, là một cứu tinh.

Anh lâm bệnh vì đi đường mệt mỏi, dừng lại ở Perm và may mắn gặp được người em của cai tù, một đầy tớ cũ của gia đình. Nhờ anh ấy xin xỏ, thầy thuốc tuyên bố anh quá yếu không tiếp tục đi được và quyết định trong mùa đông anh phải ở lại Perm. Anh viết thư cho em ở đây.

Tất cả đã chuẩn bị để cho anh trốn thoát, cai tù và người em cùng trốn với anh. Anh phải chi phí cho họ những gì họ đã làm cho anh và những hiểm nguy họ đi theo anh. Em hãy đưa cho người đưa thư không chỉ tất cả tiền mặt em có mà cả những vật trang sức của em nữa.

Anh biết em yêu anh và hy vọng em sẽ không mặc cả về cuộc sống của anh. Khi đã được tự do, anh sẽ viết thư ngay để em đến với anh.

Bá tước Vaninkoff"

-Thế nào? – tôi hỏi sau khi đọc bức thư lần thứ hai.

-Sao? Ông không thấy sao?

-Có chứ, một kế hoạch bỏ trốn.

-Ồ! Anh ấy sẽ thành công.

-Và cô đã làm gì?

-Ông còn hỏi ư?

-Sao? Cô đã đưa cho một người lạ?

-Tất cả những gì tôi có. Alexis chẳng nói hãy tin vào người này như tin vào chính anh ấy?

-Nhưng – tôi nhìn thẳng vào cô chậm rãi từng lời – cô có chắc thư này là của Alexis không?

Đến lượt cô nhìn thẳng vào tôi: -Vậy thì của ai? Kẻ khốn nạn nào đã hèn hạ lợi dụng nỗi đau của tôi?

-Nếu người ấy là?… – tôi không dám nói ra điều ấy, tôi có một linh tính, tôi run.

-Ông nói đi – Louise cũng tái mặt bảo.

-Nếu người ấy là một tên lừa đảo đã giả dạng chữ viết của Bá tước?

Louise kêu lên một tiếng, giật lấy bức thư ở tay tôi.

-Ồ! Không! Không! – cô nói to như thế để tự trấn an mình – Không! Tôi biết rõ chữ viết của anh ấy và không lầm đâu!

Thế nhưng lúc đọc lại bức thư, cô tái xanh mặt.

-Cô có bức thư nào khác của Bá tước ở đấy không?

-Đây – cô nói với tôi – mảnh giấy anh ấy viết bằng bút chì. Chữ viết đúng thế nhưng hơi run tỏ rõ sự ngần ngại.

-Cô tưởng – tôi bèn bảo cô – Bá tước viết cho cô chăng?

-Sao lại không cho tôi? Chẳng phải tôi là người anh ấy yêu nhất trên đời ư?

-Vâng, đúng thế, để đòi hỏi tình yêu, đề nghị một tận tuy nào đó, Bá tước sẽ viết cho cô, nhưng về tiền, ông sẽ viết cho mẹ.

-Nhưng những gì tôi có không phải của anh ấy sao? Không do anh ấy mà có sao? – Louise trả lời giọng mỗi lúc càng chán ngán.

-Chắc chắn thế, tất cả những cái đó là do ông ấy tạo dựng, nhưng hoặc tôi không biết rõ Bá tước Vaninkoff hoặc, tôi nhắc lại, bức thư ấy không phải do ông ấy viết.

-Ồ! Ba mươi ngàn rúp ấy là tài sản duy nhất của tôi! Nguồn sống, hy vọng duy nhất của tôi!

-Thường trong các bức thư gởi cho cô, ông ấy ký tên như thế nào? – tôi hỏi.

-Luôn là Alexis và chỉ đơn giản có thế.

-Bức thư này, cô thấy đấy, ký là Bá tước Vaninkoff.

-Đúng vậy – Louise sợ hãi xác nhận.

-Cô có biết người kia bây giờ ở đâu không?

-Anh ta nói vừa đến Saint-Peterbourg tối hôm qua và sẽ trở lại Perm ngay.

-Phải viết đơn tố cáo với cảnh sát! Chà! Nếu ông De Gorgoli còn là người đứng đầu ở đây!

-Nhưng nếu chúng ta lầm? – Louise bảo tôi – nếu người kia không phải là một kẻ lừa đảo mà thực sự muốn cứu Alexis? Thế là do nghi ngờ, sợ mất mấy chục ngàn rúp, tôi ngăn cản việc anh ấy trốn thóat, lần thứ hai là nguyên nhân sự lưu đày vĩnh viễn của anh ấy? Thôi, cứ để mặc may rủi. Còn tôi, tôi sẽ làm theo điều kiện của mình, ông đừng lo cho tôi. Tôi chỉ muốn biết anh ấy có thực sự ở Perm không.

-Này, tôi nghe nói lính áp giải những người tù đã trở về mấy ngày rồi. Tôi có quen một trung uý hiến binh, tôi sẽ đi tìm anh ta hỏi xem. Cô chờ tôi ở đây.

-Không, không, tôi đi theo ông.

-Cô phải giữ mình cẩn thận. Trước hết cô chưa thật khoẻ để có thể đi ra ngoài, vừa rồi lại là một việc thiếu khôn ngoan trầm trọng. Vả lại có cô tôi không hỏi thêm được các chi tiết.

-Thế thì ông cứ đi và trở về thật nhanh. Ông hãy nghĩ tôi đang chờ và vì sao tôi chờ.

Tôi sang phòng khác vội thay quần áo, xuống đã có xe đang chờ và hai mươi phút sau tôi có mặt ở nhà Trung uý hiến binh Soloviev, một trong những học trò của tôi.

Đúng là đoàn áp giải đã trở về được ba ngày nay nhưng viên trung uý chỉ huy có thông tin chính xác thì đang đi nghỉ phép sáu tuần về gia đình ở Moscou. Thấy tôi thất vọng, Soloviev tỏ ra sốt sắng giúp đỡ tôi dù là việc gì, tôi bèn thú nhận nguyện vọng biết được tin tức của Bá tước Vaninkoff. Ông bảo viên đội chỉ huy toán đi lưu đày có Vaninkoff thuộc về đại đội ông và cho đi gọi Đội trưởng Ivan tới gặp.

Mười phút sau viên đội bước vào, một trong những gương mặt lính nửa nghiêm khắc nửa vui vẻ, không bao giờ cười thoải mái nhưng không ngớt mỉm cười. tuy không biết ông ta đã làm gì cho bà Bá tước và các cô con gái, nhưng nhìn qua tôi đoán ông đã giúp đỡ bà. Tôi đến hỏi khi ông vừa vào: -Ông là viên đội Ivan?

-Sẵn sàng phục vụ ngài – ông trả lời.

-Chính ông chỉ huy toán xe lưu đày thứ sáu?

-Chính tôi.

-Bá tước Vaninkoff thuộc về toán ấy, đúng không?

-Hừm! hừm! – ông đội trưởng trả lời ậm ừ, không biết câu hỏi này sẽ đi đến đâu.

Tôi thấy ông bối rối bèn nói: -Ông đừng ngại gì, tôi là một người bạn có thể hy sinh mạng sống cho ông ấy. Thiết tha đề nghị ông cho tôi biết sự thật.

-Ông muốn biết điều gì? – ông ta vẫn có thái độ đề phòng.

-Bá tước dọc đường đi có đau ốm gì không?

-Không lúc nào.

-Ông ấy có dừng lại ở Perm không?

-Thậm chí cũng không dừng lại để thay ngựa.

-Vậy là vẫn tiếp tục cuộc hành trình à?

-Cho đến Koslovo, tôi hy vọng vào giờ này ở đấy ông ấy vẫn mạnh khoẻ như ông và tôi.

-Koslovo là chỗ nào?

-Một ngôi làng nhỏ xinh xắn trên bờ sông Irtych, đi quá Tobolsk gần hai mươi dặm.

-Ông chắc chắn thế chứ?

-Tất nhiên! Tôi nghĩ thế, người phụ trách đã biên nhận mà hôm kia khi trở về tôi đã nộp lên ngài cảnh sát trưởng.

-Vậy là việc đau ốm, dừng lại ở Perm chỉ là chuyện bịa?

-Đúng vậy.

-Xin cám ơn, ông bạn.

Bây giờ đã biết chắc, tôi đến gặp ông De Gorgoli kể lại chuyện đã xảy ra. Ông hỏi: -Ông nói cô gái ấy quyết định đến với người yêu ở Sibérie?

-Ồ lạy Chúa! Vâng, thưa ngài.

-Dù không còn tiền nữa?

-Dù không còn tiền.

-Thế thì ông chuyển lời tôi, cô ấy sẽ được đi.

Tôi về nhà, Louise đang ở trong phòng, thấy tôi cô liền hỏi ngay: -Thế nào?

-Thế này – tôi trả lời – có cái tốt và có cái xấu trong điều tôi kể lại với cô. Ba mươi nghìn rúp của cô đã bị mất. Bá tước không ốm đau gì, đang ở Koslovo, không có cơ may bỏ trốn được. Nhưng cô được phép đến với ông ấy.

-Đây là tất cả những gì tôi mong muốn, có điều ông xin giấy phép cho tôi càng sớm càng tốt.

Tôi hứa và cô ra về an tâm một phần do nghị lực rất lớn và quyết định rất dứt khóat.

Khỏi phải nói khi cô ra về tôi đã đưa cho cô những gì mình có, nghĩa là hai, ba nghìn rúp vì cách đây một tháng không biết sẽ cần tiền nên tôi đã gởi về Pháp số tiền để dành được từ khi đến Saint-Peterbourg.

Buổi chiều lúc tôi còn ở nhà Louise, người ta bảo có một viên tuỳ tùng của Hoàng đế, đến đưa một bức thư cho phép tiếp kiến vào mười một giờ sáng hôm sau, ở cung điện Mùa Đông.

Vậy là ông De Gorgoli đã thực hiện vượt xa cả lời hứa.

§20

Tuy thư cho tiếp kiến là một điềm báo trước tốt đẹp, Louise vẫn trải qua một đêm đầy lo lắng sợ hãi.

Tôi ở lại với cô đến một giờ sáng, cố làm cho cô yên lòng, kể về lòng tốt của Hoàng đế Nicolas mà tôi được biết, sau đó tôi chia tay cô, hứa sáng hôm sau trở lại đưa cô đến hoàng cung. Tôi đến nhà cô lúc chín giờ.

Cô đã chuẩn bị sẵn sàng mặc quần áo phù hợp với một người đi cầu xin ân huệ; mặc màu đen u buồn vì người yêu bị đi lưu đày, không có một vật trang sức nào. Cô gái khốn khổ đã bán hết, đến cả trang sức vàng bạc.

Đến giờ chúng tôi ra đi. Tôi ở trong xe, cô xuống trình thư tiếp kiến, không những người ta để cô vào mà một sĩ quan được lệnh ra đưa cô đi. Đến phòng Hoàng đế, anh để cô lại một mình bảo chờ.

Mười phút trôi qua, Louise sau đó kể lại với tôi rằng cô suýt choáng váng hai, ba lần; cuối cùng có tiếng chân bước ở phòng bên rồi cửa mở, Hoàng đế xuất hiện.

Thấy Người, Louise không biết nên tiến hay lùi, nói hay im lặng, cô bèn quỳ xuống chắp hai tay lại. Hoàng đế đến bên cô và nói: -Đây là lần thứ hai ta gặp cô và mỗi lần đều thấy cô quỳ. Cô hãy đứng dậy đi.

-Ồ thưa Bệ hạ, vì mỗi lần tôi đều đến xin Bệ hạ gia ân. Lần đầu là mạng sống của anh ấy, và lần này là mạng sống của tôi.

-Thế đấy – Hoàng đế mỉm cười nói – kết quả của lần đầu làm cô táo bạo trong lần thứ hai. Người ta báo cáo rằng cô muốn đến chỗ anh ta và cô đến xin ta cho phép?

-Vâng thưa Bệ hạ, xin Người gia ân cho điều đó.

-Thế nhưng cô chẳng phải em gái hay vợ của anh ta?

-Tôi là… bạn gái của anh ấy, thưa Bệ hạ, và anh ấy cần có một người bạn.

-Cô biết anh ta bị lưu đày suốt đời chứ?

-Vâng, thưa Bệ hạ.

-Ở quá Tobolsk?

-Vâng, thưa Bệ hạ.

-Nghĩa là ở một xứ sở có mặt trời và cây xanh không đầy bốn tháng, còn lại trong năm là băng và tuyết.

-Tôi biết, thưa Bệ hạ.

-Cô biết anh ta không còn cấp bậc, tài sản, địa vị để chia xẻ với cô và bây giờ anh ta nghèo hơn một người hành khất.

-Tôi biết thế, thưa Bệ hạ.

-Nhưng cô, chắc cô có một ít tiền, tài sản, hy vọng?

-Than ôi, thưa Bệ hạ, tôi chẳng còn gì cả. Hôm qua tôi có ba mươi nghìn rúp, tiền bán tất cả những gì tôi có; người ta biết số tài sản nhỏ ấy, không nghĩ gì đến hy vọng tôi đặt vào đó, đã trấn lột của tôi, thưa Bệ hạ.

-Với một bức thư giả của anh ta, ta biết việc đó. Còn quá hơn là một vụ trộm, là một tội ác xúc phạm đến thần linh. Nếu luật pháp tóm được, ta sẽ xử hắn rất nặng, ta hứa với cô như thế. Nhưng còn một cách rất dễ dàng thay thế số tiền ấy.

-Cách nào, thưa Bệ hạ?

-Cô trình bày với gia đình anh ta, họ sẽ giúp đỡ cô.

-Tôi xin Bệ hạ thứ lỗi cho, tôi không mong có một sự giúp đỡ nào khác ngoài sự glúp đỡ của Chúa.

-Thế cô định cứ như vậy mà đi à?

-Nếu tôi được Bệ hạ cho phép.

-Nhưng với nguồn nào?

-Bán hết những gì còn lại tôi cũng được mấy trăm rúp.

-Cô không có người bạn nào có thể giúp đỡ cô sao?

-Có đấy, thưa Bệ hạ, nhưng tôi không muốn mượn một số tiền mà tôi không thể trả được.

-Thế nhưng với hai, ba trăm rúp, cô không đi được quá một phần tư đường bằng xe. Cô biết từ đây đến Tobolsk cách xa bao nhiêu không?

-Có, thưa Bệ hạ, khoảng ba nghìn bốn trăm vestes, gần tám trăm dặm Pháp.

-Cô gái khốn khổ! – Hoàng đế thương cảm nói – Cô có nghĩ đến những khó khăn vật chất trong một cuộc hành trình như thế không? Cho dù là những người giàu có? Cô định đi theo con đường nào?

-Đi qua Moscou, thưa Bệ hạ.

-Và sau đó?

-Sau đó… tôi không biết nữa… tôi sẽ hỏi thăm. Tôi chỉ biết Tobolsk ở về phía đông…

-Nhưng không thể như thế, cô thật điên rồ!

-Không thể thế nếu Bệ hạ muốn vì không ai có thể không tuân lệnh của Hoàng đế.

-Không, trở ngại không do ta, trở ngại sẽ đến từ cô, từ lý trí của cô, từ chính những khó khăn cô đưa vào kế hoạch của mình.

-Nếu vậy, thưa Bệ hạ, ngày mai tôi sẽ đi. Nếu tôi quỵ sức, anh ấy vẫn không biết tôi chết trong khi đến với anh và nghĩ rằng tôi không yêu anh, nếu tôi ngã quỵ, anh ấy sẽ mất một người tình, nghĩa là một người đàn bà mà xã hội không cho quyền lợi gì, thế thôi. Nếu tôi đến được với anh ấy, ngược lại, thưa Bệ hạ, tôi là tất cả của anh ấy. Tôi sẽ quá là một người vợ, là một thiên thần từ trên trời rơi xuống, chúng tôi sẽ cùng nhau chịu đựng và mỗi người chỉ bị lưu đày một nửa. Ngài thấy đấy, tôi phải đến với anh ấy và càng sớm càng tốt.

-Đúng, cô nói có lý – Hoàng đế vừa nói vừa nhìn cô – ta không phản đối chuyến đi của cô nữa. Có điều ta muốn trông chừng cô lúc đi đường, có được không?

-Ồ, thưa Bệ hạ, tôi quỳ gối tạ ơn Người.

Hoàng đế bấm chuông. Một tuỳ tùng xuất hiện.

-Đã ra lệnh cho viên đội Ivan đến đây chưa? – Hoàng đế hỏi.

-Ông ta chờ lệnh Hoàng đế đã được một giờ rồi.

-Đưa ông ta vào.

Viên tùy tùng cúi người đi ra. Năm phút sau cửa mở, đội trưởng Ivan bước vào phòng, đứng lại im lặng, tay trái bỏ sát nẹp quần, tay phải cầm chiếc mũ lính.

-Lại gần đây – Hoàng đế nói giọng nghiêm khắc.

Viên đội im lặng tiến lên bốn bước rồi đứng lại với tư thế cũ.

-Trong phân đội anh có Bá tước Alexis Vaninkoff trong số tù nhân, đúng không? – Hoàng đế hỏi.

Viên đội tái mặt, gật đầu.

-Thế mà, tuy có lệnh cấm, anh vẫn để cho anh ta gặp mẹ và các em gái, lần đầu giữa Mologa và Iaroslavl, lần thứ hai giữa Iaroslavl và Kostroma.

Louise có vẻ muốn tới xin cho ông đội khốn khổ nhưng Hoàng đế giơ tay ngăn lại, còn Ivan phải dựa người vào bàn. Nhà vua im lặng một lúc rồi tiếp tục: -Không tuân theo lệnh, anh biết sẽ bị hình phạt rồi chứ?

Ông đội không thể trả lời, Louise quá thương hại, mạo muội có thể làm Hoàng đế không hài lòng, chắp tay nói: -Nhân danh Chúa! Xin Bệ hạ gia ân cho ông ấy!

-Vâng, vâng, thưa Bệ hạ – con người khốn khổ lẩm bẩm – Xin gia ân! Xin gia ân!

-Thế này, ta gia ân cho anh theo lời cầu xin của bà này – Hoàng đế nói và chỉ vào Louise – với một điều kiện. Anh đã đưa Bá tước Vaninkoff đến chỗ nào?

-Ở Koslovo.

-Anh sẽ đi lại con đường ấy, đưa bà này đến chỗ ấy.

-Ồ, thưa Bệ hạ! – Louise bắt đầu hiểu do đâu mà Hoàng đế vờ nghiêm khắc như vậy.

-Anh phải nghe lời bà về mọi mặt trừ việc phải bảo đảm an ninh cho bà ấy.

-Xin vâng, thưa Bệ hạ.

-Đây là lệnh – Hoàng đế tiếp tục vừa ký vào một tờ giấy đã đóng dấu sẵn vừa nói – Lệnh này cung cấp cho anh người, ngựa và xe. Anh lấy đầu mình đảm bảo cho bà ấy.

-Tôi xin bảo đẩm, thưa Bệ hạ.

-Và khi trở về, anh đưa cho ta một bức thư của bà nói đã đến nơi không có sự cố gì và bà hài lòng về anh, anh sẽ được thăng cấp hạ sĩ quan hiến binh.

Ivan quỳ xuống và lại quên kỷ luật nhà binh để lại nói ngôn ngữ bình dân: -Xin cám ơn bố!

Hoàng đế vốn đã có thói quen đối với người nông dân, đưa tay cho ông hôn.

Louise chuẩn bị qùy xuống để hôn bên tay kia, Hoàng đế ngăn lại.

-Tốt! – Người nói – Cô là một người đàn bà thánh thiện và đáng kính. Ta làm cho cô trong chừng mực có thể. Bây giờ Chúa sẽ bảo vệ cho cô.

-Ồ thưa Bệ hạ! – Louise kêu lên – Người đối với tôi thật sự là Đấng Sáng tạo! Xin cám ơn! Xin cám ơn! Nhưng tôi có thể làm gì đây?

-Khi nào cô cầu nguyện cho con mình – Hoàng đế nói – cô hãy đồng thời cầu nguyện cho những đứa con của ta.

Và Người vẫy tay với cô rồi đi ra.

Trở về nhà, Louise nhận được một chiếc hộp nhỏ do Hoàng hậu cho mang tới.

Trong hộp đựng 30 nghìn rúp.

§21

Louise quyết định ngày hôm sau sẽ đi Moscou, để con ở lại đó cho bà Bá tước Vaninkoff và các cô gái. Tôi đi tiễn Louise cho đến thủ đô thứ hai này của nước Nga nơi mà tôi đã muốn đến thăm từ lâu. Louise giao cho Ivan tìm một chiếc xe vào tám giờ sáng mai.

Xe đã sẵn sàng vào giờ đã định. Ivan đã dựa vào lệnh của Hoàng đế tìm được một chiếc xe thật tốt trong đoàn hộ tống của nhà vua.

Louise rạng rỡ hẳn lên. Hôm trước cô đã quyết định ra đi không có tiền nong, nếu cần thì đi bộ, hôm nay cô thực hiện kế hoạch ấy với mọi sự dễ dàng sang trọng và được Hoàng đế bảo trợ. Chiếc xe đầy khăn áo lông thú vì tuyết chưa rơi nhưng đã bắt đầu lạnh, nhất là ban đêm. Louise và tôi lên ngồi trong xe, Ivan ngồi với người đánh xe và chúng tôi đi như gió.

Chưa đi đường dài ở Nga người ta không thể có một khái niệm nào về tốc độ. Từ Saint-Peterbourg đến Moscou khoảng một trăm chín mươi dặm Pháp, đi mất khoảng bốn mươi tiếng đồng hồ, nếu trả công người đánh xe hậu hĩ.

Giá công ngựa là năm centime một dặm, khoảng bảy, tám xu Pháp một trạm cho chủ ngựa. Về điểm này chúng tôi không phải bận tâm vì chúng tôi đi theo chi phí của Hoàng đế.

Còn người đánh xe, do hảo tâm của hành khách lót tay qua mỗi trạm, hai mươi lăm đến ba mươi cây số, nghĩa là đi khoảng sáu bảy dặm, thường được tám mươi kopek, đối với anh ta là một món tiền lớn rồi nên đến trạm thay ngựa anh thường kêu lên từ xa "Báo động! Báo động! Tôi đưa những đại bàng tới!" ý muốn nói xe chạy theo tốc độ của con chim mà anh mượn tên để chỉ người hành khách tuyệt vời. Ngược lại nếu anh không bằng lòng, nếu những người hành khách đưa cho anh ít hoặc không cho gì, anh sẽ để ngựa đi thong thả đến trước trạm, nhăn mặt biểu đạt ý nghĩa, ý là chỉ đưa đến những con quạ mà thôi.

Được xếp vào hàng những chim đại bàng cùng với sự chu đáo của Ivan, xe của chúng tôi chạy suốt cuộc hành trình không có sự cố gì và ngay chiều tối hôm ấy chúng tôi đến Novgorod, thành phố cổ đã đi vào câu phương châm Nga "Không ai có thể chống đỡ nổi với thánh thần và Novgorod lớn lao."

Novgorod trước kia là chiếc nôi phong kiến Nga, có tới sáu mươi nhà thờ mà vẫn không đủ cho dân cư đông đúc ở đây, ngày nay thành phố với những tường thành lở lói, đổ nát như một thủ đô chết giữa Saint-Peterbourg và Moscou là hai thủ đô hiện đại.

Chúng tôi chỉ dừng ở Novgorod để ăn khuya rồi lại lên đường đi ngay. Thỉnh thoảng trên đường đi chúng tôi gặp những đống lửa, chung quanh là mười, mười hai người đàn ông râu dài và một đoàn xe bốn bánh nép bên đường. Những người

ấy là công nhân vận tải, do không có làng quán nên cắm trại ngay bên đường, nằm ngủ đắp áo choàng và ngày hôm sau lại lên đường, vẫn thoải mái, vui vẻ như đã qua đêm trên chiếc giường tốt nhất thế giới. Trong lúc họ ngủ, ngựa được thả ra gặm cỏ trong rừng, hoặc trên cánh đồng. Sáng ra những người vận tải huýt gọi và những con ngựa tự đứng xếp vào vị trí của mình.

Ngày hôm sau chúng tôi thức dậy giữa vùng được mệnh danh là Thuỵ sĩ Nga. Đây là một thị trấn rất đẹp, xen lẫn ao hồ, thung lũng và đồi núi giữa những cánh đồng cỏ vĩnh cửu hoặc những rừng thông âm u và bao la. Valdaï, cách xa Saint-Peterbourg gần chín mươi dặm, là trung tâm và thủ đô của vùng Thuỵ Sĩ phương Bắc này. Xe chúng tôi vừa dừng lại thì vô số người bán bóng chày vây quanh làm tôi nghĩ đến những người bán đồ chơi ở Paris.

Sau Valdaï đến Torchok, nổi tiếng về việc buôn bán da dê thuộc, làm ủng đi buổi sáng rất lịch sự và dép đi trong nhà của phụ nữ thật điệu. Rồi Tver, tỉnh lỵ có một chiếc cầu thật dài gần sáu trăm bộ bắc ngang qua sông Volga. Con sông này dòng chảy rộng, bắt nguồn từ hồ Seigneur và chảy ra biển Caspienne, sau khi chảy qua suốt chiều rộng của nước Nga, nghĩa là một không gian gần bảy trăm dặm. Cách thành phố này khoảng hai mươi cây số, chúng tôi gặp trời tối, sáng ra đã thấy những mái vòm lóng lánh và những gác chuông tắmvàng của Moscou.

Cảnh vật trông thấy gây cho tôi một cảm giác sâu sắc. Trước mắt tôi là một ngôi mộ lớn mà nước Pháp đến chôn số phận mình. Tôi bất giác rùng mình, hình như bóng dáng Napoléon hiện ra, kể lại với tôi trận thất bại với nước mắt đẫm máu.

Vào trong thành phố, tôi tìm khắp nơi những dấu vết người Pháp qua đây năm 1812 đã để lại và nhận ra được một số. Thỉnh thoảng có những cảnh đổ nát, chứng tích buồn về sự hy sinh dã man của Rostopchine, bị đốt cháy đen ngòm. Tôi muốn dừng xe, trước hết tìm đến Kremlin, để nhìn lâu đài âm u, nơi mà một buổi sáng người Nga đốt cháy thành một vòng lửa cùng với toàn thành phố. Vì tôi không đi một mình nên đành gác lại sau và để cho Ivan dẫn đi; qua một phần thành phố, dừng lại trước cửa một khách sạn do một người Pháp quản lý, gần cầu Maréchaux. Tình cờ chúng tôi nghỉ lại gần nhà bà Bá tước Vaninkoff.

Louise rất mệt mỏi vì chuyến đi luôn bế con trên tay nhưng dù tôi nài ép phải nghỉ ngơi đã, cô vẫn viết thư cho bà Bá tước báo tin mình đã đến Moscou và xin phép đến nhà.

Mười phút sau, tôi vừa vào phòng mình thì một chiếc xe dừng trước cửa. Bà Bá tước và các cô con gái không muốn chờ Louise đến tìm mình. Họ biết sự hy sinh của tấm lòng cao cả này, và không muốn trong thời gian ngắn ở Moscou, người mà họ coi như con, như chị ở chỗ nào khác ngoài nhà họ.

Louise kéo màn chỉ đứa con đang ngủ trên giường và ngay trước khi cô nói ý định để đứa con lại cho họ, hai cô em gái đã bế lấy đứa bé đem lại cho bà mẹ

hôn.

Đến lượt tôi. Người ta biết tôi đưa Louise đi và là người thầy dậy đánh kiếm của Alexis Vaninkoff nên ba người phụ nữ muốn gặp tôi. Louise đã báo trước cho tôi.

Bao nhiêu câu hỏi dồn dập. Vì tôi thân với Bá tước khá lâu, nên có thể thoả mãn những điều họ muốn biết và vì tôi cũng yêu mến ông ta nên nói về ông ta không mệt mỏi. Ba người phụ nữ phấn khích quá muốn mời tôi về nhà họ cùng với Louise nhưng tôi từ chối. Vả lại ngoài sự tế nhị, tôi ở khách sạn được tự do hơn, và không định ở lại Moscou sau khi Louise ra đi, tôi nhân cơ hội đi tham thú thành phố thánh này trong thời gian ngắn ở lại đây.

Louise kể lại cuộc tiếp kiến Hoàng đế và những gì Người đã làm cho cô, bà Bá tước khóc vì vui mừng và biết ơn, và bà hy vọng Hoàng đế không độ lượng nửa chừng. Có thể Người sẽ chuyển việc lưu đày vĩnh viễn sang thành lưu đày có thời hạn như đã giảm án tử hình xuống lưu đày.

Tôi không nhận lời, bà Bá tước muốn ít nhất cũng mời được Ivan đến ở nhà bà nhưng tôi đòi ông ở lại với ý định nhờ ông làm hướng dẫn viên đi thăm viếng thành phố này. Ivan tham gia vào mặt trận năm 1812, ông vừa đánh vừa lùi từ Niémen đến Vladimir. Và đuổi theo quân Pháp từ Vladimir đến Bérésina. Điều này rất quý giá cho tôi nên tôi không tách ông ra được. Louise và con lên xe với bà Bá tước Vaninkoff và các cô gái; tôi ở lại khách sạn cùng với Ivan sau khi hứa sẽ đến ăn tối ở nhà bà Bá tước.

§22

Louise càng gần tới ngày đi tôi càng băn khoăn. Hỏi thăm ở Moscou đường tới Tobolsk trong mùa này, ai cũng nói không những khó khăn mà còn nguy hiểm nữa. Tôi suy nghĩ không thể bỏ mặc một cô gái khốn khổ vì hy sinh, không gia đình, bà con, không bạn bè nào khác ngoài tôi. Trong gần mười tám tháng ở Saint-Peterbourg, tôi đã chia xẻ với cô những vui, buồn. Bá tước Alexis đã uỷ thác cho tôi bảo vệ cô, việc giúp đỡ tôi để có được vị trí Hoàng đế đã ban cho, hơn tất cả mọi cái là tiếng nói bên trong nhắc nhở bổn phận một người đàn ông trong hoàn cảnh cuộc sống mà lợi ích đấu tranh với lương tâm, tất cả đều bảo tôi phải đi với Louise đến cuối cuộc hành trình và giao cô lại cho Alexis. Chia tay với cô ở Moscou, nếu dọc đường có tai nạn gì xảy ra với cô thì đối với tôi không chỉ đau đớn mà còn rất ân hận. Vậy là tôi tìm mọi cách để Louise chậm cuộc hành trình lại cho đến mùa xuân và nếu cô cứ quyết tâm đi, tôi sẽ đi cùng cô

Nhân dịp một buổi tối chúng tôi ngồi uống trà có bà Bá tước và các cô con gái, Louise và tôi, bà Bá tước nắm lấy bàn tay cô kể những mối nguy hiểm mà người ta có thể gặp dọc đường và tuy khao khát có một người an ủi bên cạnh con trai mình, bà khẩn cầu Louise ở lại qua mùa đông với bà và các cô con gái. Tôi lợi dụng việc mở đầu ấy thuyết phục cô tạm hoãn chuyến đi. Với nụ cười hiền dịu và buồn bã, cô trả lời "Xin mọi người yên tâm, tôi sẽ đến nơi". Chúng tôi nài ép cô chờ thời kỳ trượt tuyết nhưng cô lại lắc đầu nói "Như vậy quá lâu". Thực vậy mùa thu ẩm ướt, mưa nhiều, không dự tính được bao giờ trời sẽ lạnh và đóng băng. Thấy chúng tôi vẫn nằn nì, cô sốt ruột nói "Vậy mọi người muốn anh ấy chết ở đấy còn tôi chết ở đây à?"

Thế là cô ấy đã quyết tâm và tôi cũng không ngần ngừ chi nữa.

Louise sẽ đi vào ngày hôm sau lúc mười giờ, sau bữa ăn sáng, chúng tôi được mời cùng dự ở nhà bà Bá tước. Tôi dậy sớm đi mua một áo dài, chiếc mũ trùm, đôi ủng to lót lông thú, một súng các bin và đôi súng ngắn. Tôi giao cho Ivan bỏ tất cả vào chiếc xe đi đường, đây là một chiếc xe rất tốt nhưng có thể phải thay bằng một chiếc trượt tuyết nhưng chúng tôi định vẫn sử dụng trong lúc thời tiết và đường đi cho phép. Tôi viết một bức thư trình lên Hoàng đế, thấy người đàn bà khốn khổ mà Người chiếu cố bảo vệ cho phép tiến hành cuộc hành trình dài và nguy hiểm nên tôi, người đồng hương và là người bạn, không có can đảm để cô ra đi một mình. Tôi mong mỏi Hoàng đế tha thứ cho một quyết định đã không xin ý kiến của Người trước trong hoàn cảnh đột xuất. Sau đó tôi đến nhà bà Bá tước.

Bữa ăn sáng buồn và nặng nề. Chỉ có Louise có vẻ rạng rỡ. Gần mối nguy hiểm và ý nghĩ được bù lại sau đó khiến cô có cái gì đó như là sự liên tưởng của

tín đồ công giáo, sẵn sàng xuống đấu trường trời sẽ rộng mở: cuối cùng lòng thành kính ấy lan sang tôi và cũng như Louise, tôi tràn đầy hy vọng và lòng tin vào Chúa.

Bà Bá tước và các cô con gái đưa Louise ra sân chỗ xe đang chờ, ở đấy những lời vĩnh biệt được lập lại dịu dàng và đối với họ đau đớn hơn, đối với Louise cam chịu hơn. Đến lượt tôi, cô đưa tay, tôi dẫn cô lại xe.

-Thế nào? Ông không vĩnh biệt tôi ư?

-Để làm gì? – tôi trả lời.

-Sao? Tôi đi đây.

-Tôi cũng thế, tôi đi với cô; tôi giao cô lại cho Bá tước mạnh khoẻ, yên lành, rồi tôi trở lại.

Louise có một cử chỉ như muốn ngăn cản tôi rồi sau một lúc im lặng, cô nói: -Tôi không có quyền ngăn cản ông làm một việc thánh thiện và đẹp đẽ. Nếu ông tin vào Chúa như tôi, nếu ông đã quyết tâm như tôi thì mời ông cùng đi.

Bà Bá tước và hai cô gái khóc. Tôi bảo họ: -Bà và hai cô yên tâm, tôi sẽ nói cho ông ấy biết nếu bà và hai cô không đến chính là vì bà và hai cô không thể đến.

-Ồ! Vâng, xin ông nói với nó đúng như thế! – Bà mẹ kêu lên – Chúng tôi đã nhờ xin nhưng người ta trả lời không có trường hợp được gia ân đến mức ấy. Ông nói cho nếu người ta cho phép, chúng tôi đã đến với nó, dù phải đi bộ, dù phải đi xin ăn dọc đường.

-Đem con tôi lại đây! – Louise kêu lên, vốn cứng rắn cho đến lúc ấy, đã oà khóc nức nở – Đưa con tôi lại đây để tôi ôm hôn nó lần cuối cùng.

Đây là lúc đau đớn nhất. Người ta bế đứa bé lại, cô hôn con khắp các chỗ; cuối cùng tôi dứt đứa bé trong tay cô đưa cho bà Bá tước rồi nhảy lên xe, đóng cánh cửa lại và hét lên "Chúng ta đi nào!" Ivan đã ngồi trên ghế, người đánh xe không chờ nhắc lại, phi ngựa nhanh và giữa tiếng bánh xe trên đường, chúng tôi còn nghe những lời vĩnh biệt của gia đình. Mười phút sau chúng tôi đã ra khỏi Moscou.

Tôi đã báo trước với Ivan ý định đêm, ngày không dừng lại và lần này sự nóng nảy của Louise trùng hợp với sự cẩn trọng vì mùa thu mưa nhiều và chúng tôi không thể đến Tobolsk trước khi tuyết rơi, tránh nguy hiểm dọc đường và đi trong mười lăm ngày. Vậy là với tốc độ tuyệt vời của những chuyến đi ở Nga, chúng tôi đi qua một số tỉnh, đêm hôm sau nữa thì đến Nijni-Novgorod. Đến đây, tôi là người đầu tiên buộc Louise nghỉ ngơi mấy tiếng liền, rất cần sau những đau đớn và xúc động. Tuy thành phố rằng lạ chúng tôi cũng không thể dành thì giờ đi thăm viếng và tám giờ sáng lại ra đi, cũng với tốc độ ấy nên chiều tối hôm ấy chúng tôi đến Kosmodemiansk. Cho đến đây con đường đi Sibérie vẫn tốt đẹp. Các ngôi làng đều giàu có, nhiều nhà thờ, nông dân có vẻ hạnh phúc, nhà cửa của

họ như lâu đài ở các tỉnh khác và trong mỗi nhà đều rất sạch sẽ. chúng tôi ngạc nhiên thấy có một phòng tắm và một phòng sang trọng dành cho việc uống trà. Tóm lại khắp nơi chúng tôi được tiếp đón vồn vã, độ lượng, không phải do có lệnh của Hoàng đế mà chúng tôi chưa đưa ra, mà do lòng tốt tự nhiên của nông dân Nga.

Tuy vậy không còn mưa nữa, một số đợt gió lạnh hình như từ biển băng giá thổi đến làm chúng tôi run cả người, bầu trời như một tấm thiếc nặng, dày đặc và thành phố Kazan tuy cảnh vật lạ lùng với bộ mặt Tartare cổ, không giữ chúng tôi lại trên hai tiếng đồng hồ. Ở hoàn cảnh khác tôi đã rất muốn dỡ một trong những tấm voan lớn của người đàn bà Kazan mà người ta nói rất đẹp, nhưng lúc này không phải lúc tìm hiểu việc đó. Thời tiết mỗi ngày thêm xấu đi, chúng tôi chỉ còn nghe tiếng Ivan qua mỗi trạm thay người đánh xe mới, giọng nói đầy uy lực "Nhanh hơn nữa! Nhanh hơn nữa!", xe chạy nhanh đến mức chúng tôi bay trên cánh đồng bao la này. Rõ ràng người hướng dẫn chúng tôi muốn vượt dãy núi Ourals trước khi tuyết xuống, không có mục đích nào khác.

Đến Perm, Louise rất mệt mỏi buộc chúng tôi đề nghị Ivan nghỉ lại một đêm. Ông ngập ngừng rồi nhìn bầu trời xám xịt hơn bình thường, nói: -Vâng, tuyết sắp rơi và chúng ta thà gặp tuyết ở đây hơn là dọc đường.

Tôi khoan khoái ngủ suốt đêm, khi dậy thấy mái nhà và đường xá ở Perm đã phủ một lớp tuyết dày khoảng hai bộ.

Tôi mặc quần áo, xuống bàn với Ivan nên làm gì. Ông đang rất lo lắng, tuyết rơi nhiều đến mức tất cả những con đường biến mất, các vực, hố bị lấp đầy nhưng chưa đủ lạnh để người ta tổ chức xe trượt tuyết, lớp băng mỏng phủ trên sông ngòi chưa đủ cứng để xe chạy trên đó. Ivan khuyên chúng tôi ở lại Perm chờ băng giá, tôi lắc đầu vì biết chắc Louise sẽ không chấp nhận.

Một lúc sau cô xuống, thấy chúng tôi đang bàn làm cách nào tốt nhất để đi nên tham gia tranh luận và nói muốn ra đi. Chúng tôi nêu những khó khăn làm cản trở kế hoạch, cô nói: -Chúng ta ở lại hai ngày thôi, Chúa đã bảo vệ chúng ta cho đến nay cũng sẽ không bỏ rơi chúng ta.

Tôi bảo Ivan chuẩn bị mọi thứ cần thiết trong hai ngày đó để theo cách đi mới. Chúng tôi để xe trước lại, mau một loại xe bốn bánh, khi lớp băng đã đủ cứng sẽ đổi lấy một chiếc xe có bàn trượt tuyết. trong ngày đã mua xong, áo khăn lông thú, vũ khí được chuyển sang xe mới. Ivan đúng là một người Nga, vâng lời không phản ứng và ngay ngày hôm ấy dù chắc chắn gặp nguy hiểm, ông vẫn chuẩn bị ra đi không phàn nàn gì.

Ở Perm chúng tôi bắt gặp những người lưu đày, những người Ba Lan có tham gia một phần hoặc che giấu cuộc âm mưu, giống như những linh hồn gặp ở cửa địa ngục, không đáng phải ở chung với những kẻ có tội nặng.

Việc lưu đày này nói chung ngoài việc mất quốc tịch và xa gia đình, có lẽ cũng dễ chịu hơn một cuộc lưu đày nào khác. Perm vào mùa hè là một thành phố đẹp và mùa đông nhiệt không xuống dưới âm ba mươi lăm, âm ba mươi tám độ còn ở Tobolsk người ta kể vào mùa này xuống đến âm năm mươi.

Ngày hôm sau nữa chúng tôi lại lên đường trong chiếc xe bốn bánh, nhờ lớp băng dày chúng tôi đi không quá vất vả. Ra khỏi Perm cảnh vật mới làm chúng tôi nao lòng. Thật vậy, dưới tấm khăn tang của bầu trời, tất cả đường lớn, đường nhỏ, sông suối đã biến mất, đấy là biển rộng bao la, nếu không có một số cây to đơn độc hướng dẫn những người đánh xe quen thuộc trong vùng, người ta phải dùng la bàn như trên một biên khơi thực thụ. Thỉnh thoảng một cánh rừng thông âm u cành nhánh như kim cương xuất hiện trông xa như hòn đảo, nằm rải rác bên phải, bên trái hoặc trên đường chúng tôi đi, giúp chúng tôi nhận biết đã không đi chệch con đường mở ra giữa các hàng cây. Chúng tôi đi như thế gần năm mươi dặm vào một vùng mỗi lúc càng hoang dã. Càng tiến lên những trạm chuyển tiếp càng thưa, đôi khi cách nhau đến tám dặm. Đến những trạm này không còn như trên đường từ Saint-Peterbourg đến Moscou, trước cửa là những đám đông luôn luôn tươi vui, ở đây ngược lại hầu như hoàn toàn hoang vắng. Chỉ một hoặc hai người trong những căn nhà có lò sưởi ấm, là vật dụng cần thiết trong những ngôi nhà nghèo nàn. Nghe tiếng chúng tôi tới, một trong bọn họ nhảy lên con ngựa không yên cương, tay cầm một cái sào dài, lao vào bụi thông nào đấy đuổi bầy ngựa hoang ra. Thế là người đánh xe, Ivan, đôi lúc cả tôi nữa, túm lấy bờm ngựa, dùng sức buộc chúng vào xe. Chúng kéo xe với tốc độ nhanh đáng sợ nhưng sự hăng hái ấy lắng dần vì băng chưa đóng chặt, chân chúng bị đóng vào tuyết, chúng mệt mỏi rất nhanh. Sau khi đi đường hơn mỗi đoạn trước một tiếng đồng hồ, chúng tôi đến một trạm khác và lại mất hai mươi, hai mươi lăm phút theo cách ấy. Chúng tôi đia qua như thế trên mọi vùng đất của sông Silva và Ouja, nước cuộn lên từng mảnh vàng, bạc, bạch kim và viên đá carbonate, chỉ rõ những kim loại giàu và đá quý. Khi đang trong vùng khai thác, có những làng thợ mỏ, những chỗ chúng tôi đi qua đều có vẻ đã lấy lại cuộc sống nhưng chẳng mấy chốc vượt khỏi thị trấn này chúng tôi bắt đầu thấy dãy núi Ourals ở chân trời như một bức tường tuyết lởm chởm những chỏm đen, khối rào chắn thiên nhiên dựng lên giữa châu Âu và châu Á.

Càng lại gần núi, rét lạnh càng buốt cho chúng tôi hy vọng rằng băng giá càng vững chắc để tổ chức việc trượt tuyết. Cuối cùng đến chân núi Ourals, chúng tôi dừng lại trong một ngôi làng nghèo nàn có vài chục mái nhà, không có quán hàng nào khác ngoài trạm chuyển tiếp.

Rét lạnh càng dữ dội, đợt nghỉ này cho chúng tôi thấy rõ phải thay xe lớn bốn bánh bằng xe trượt tuyết. Louise quyết định vào một ngôi nhà chờ tuyết đóng

băng thêm và tìm xe trượt, chuyển đồ đạc, vào một mái nhà mà người đánh xe gọi là quán hàng.

Căn nhà rất nghèo vì lần đầu tiên chúng tôi thấy ở đây thiếu bếp lò truyền thống, giữa gian nhà là một đống lửa lớn, khói ra ngoài theo một lỗ hổng trên mái. Chúng tôi ngồi quanh đống lửa, đã có hơn mươi người vận tải cũng chờ lúc thuận tiện để vượt qua dãy Ourals như chúng tôi. Lúc đầu họ chẳng để ý gì đến chúng tôi nhưng khi tôi cởi áo choàng, bộ quân phục của tôi đã giúp chiếm một chỗ rộng, người ta lễ độ dịch ra, để cho Louise và tôi chỗ ngồi cả một nửa vòng.

Gấp gáp nhất là sưởi ấm và khi đã đủ nóng, tôi bắt đầu nghĩ đến bữa ăn. Tôi gọi chủ quán hàng tồi tàn này để mua thức ăn nhưng anh ta chỉ đưa lại nửa chiếc bánh mì đen, bảo rằng chỉ cung cấp được có chừng ấy. Tôi nhìn Louise, nụ cười hiền cam chịu, đã giơ tay ra nhưng tôi ngăn lại, nài nỉ anh chủ quán xem có tìm được thứ gì khác không. Anh đi mở hết những gì gọi là tủ và anh mời cả tôi tự đến tìm lấy. Chú ý nhìn những người vận tải, những người bạn cùng ăn, thấy mỗi người rút trong thùng ra chiếc bánh và một khẩu mỡ xát vào bánh, sau đó cẩn thận cất khúc mỡ vào thùng để giữ càng lâu càng tốt. Tôi sắp đến xin họ cho xát một ít mỡ vào bánh thì thấy Ivan đi vào, đã tìm được bánh mì đỡ xám xịt hơn và hai con gà do ông đã vặn cổ.

Chúng tôi bàn cần có súp và thịt rán. Ivan lấy một chiếc nồi đưa cho người đánh xe cọ rửa thật sạch. Louise và tôi vặt lông gà và Ivan làm que xiên thịt. Một lúc sau tất cả đã sẵn sàng; nồi súp sôi kỹ, thịt nướng quay đều đặn trên than hồng.

Bắt đầu yên tâm về bữa ăn tối, chúng tôi lo việc ra đi. Không tìm được xe trượt tuyết, Ivan khắc phục khó khăn bằng cách lật ngược chiếc xe bốn bánh đặt trên ván trượt. Người thợ đóng xe trong vùng cố làm cho xuống việc này trong lúc thời tiết càng băng giá, hy vọng sáng sớm hôm sau chúng tôi có thể ra đi được. Tin này làm chúng tôi ăn thêm ngon miệng, đã lâu tôi chưa được ăn ngon như tối hôm ấy.

Về giường nằm chúng tôi cũng chẳng hỏi xem có hay không, có khăn lông thú rất tốt chúng tôi dễ dàng thay thế giường, bọc kín áo lông, áo choàng vào người và nằm ngủ, cầu mong thời tiết thuận lợi như lúc này.

Ba giờ sáng tôi giật mình tỉnh dậy vì một tiếng động khá mạnh. Ngồi dậy, qua ánh sáng leo lét ở bếp lửa, tôi thấy một con gà đang thu thập nốt bữa ăn tối của chúng tôi còn sót lại. Theo kinh nghiệm sẽ không tìm được gì ở những hàng quán trên đường, tôi chú ý không làm con gà sợ, nằm xuống lại và để nó tự do tiếp tục tìm cái ăn. Vừa nằm xuống bất động, con gà theo thói quen nhảy từ chân tôi lên đến đầu gối, từ đầu gối lên ngực, đến đây thì không tiếp tục được nữa, một tay tôi nắm lấy chân, tay kia chộp lấy đầu và trước khi nó kêu được một tiếng, tôi đã vặn gãy cổ.

Sau một việc cần động não nhiều như thế, tôi không ngủ lại được. Hơn nữa có hai con gà trống đâu đó cứ từng phút cất tiếng chào buổi sáng. Do vậy tôi dậy hẳn và bước ra ngoài xem thời tiết, thời tiết đã như tôi mong muốn, băng đã khá cứng, bàn trượt của chiếc xe có thể trượt trên mặt được rồi.

Trở về bếp lửa tôi thấy không chỉ mình tôi được tiếng gà gáy đánh thức. Louise đã ngồi đấy bọc mình trong đống khăn áo lông, tươi cười như vừa ngủ trên chiếc giường tốt nhất, có vẻ không nghĩ đến những mối nguy hiểm chờ chúng tôi ở những thung lũng hẹp trên dãy núi Ourals. Những người vận tải cũng bắt đầu vận động, Ivan ngủ như một người đầy hạnh phúc. Những người vận tải lần lượt ra tới cửa, cân nhắc với nhau về việc ra di. Tôi đánh thức Ivan dậy ra tham gia bàn luận với họ và rút kinh nghiệm từ những người ấy, những người không ngừng qua lại châu Âu châu Á và mùa đông cũng như mùa hè luôn đi trên con đường chúng tôi đang đi.

Một số, những người già có kinh nghiệm hơn muốn ở lại thêm một, hai ngày, những người khác trẻ và táo bạo hơn lại muốn đi và Louise theo ý kiến của những người này.

Ivan đứng về phía những người muốn đi và rất có thể do ảnh hưởng của bộ quần áo lính trong một đất nước mà quân phục là tất cả, ông lôi kéo được một số người ủng hộ, vì thế đa số thắng thiểu số và ai nấy bắt tay chuẩn bị. Sự thật là Ivan muốn đi cùng bọn họ hơn là đi một mình.

Ivan được giao phụ trách việc thanh toán, tôi bảo ông thêm vào tổng số tiền chủ quán đưa ra giá mua con gà và giao nó lại cho ông, đề nghị tìm thêm một số thực phẩm, nhất là bánh mì đỡ xám xịt hơn nếu có thể. Ông đi tìm kiếm, trở về với một con gà thứ hai, một đùi lợn xông khói, bánh ăn tốt và mấy chai rượu đỏ tôi nghĩ được chiết với vỏ cây bu lô.

Trong thời gian ấy những người đánh xe đi đóng ngựa, tôi cũng ra chuồng chọn ngựa cho xe mình. Nhưng thường ngựa ở trong cánh rừng bên cạnh. Chủ quán đánh thức một cậu bé khoảng mười hai, mười ba tuổi đang ngủ trong góc nhà, bảo đi đuổi ngựa về. Cậu bé dậy không phàn nàn gì rồi theo ý thức vâng lệnh thụ động của nông dân Nga, đi lấy một cây sào dài, lên một con ngựa của những người đánh xe và phi nước đại. trong lúc chờ đợi, những hướng dẫn viên phải chọn một hướng dẫn viên trưởng chịu trách nhiệm chỉ huy cả đoàn. Bầu được người rồi, ai cũng phải nghe theo kinh nghiệm và lòng dũng cảm của người ấy, tuân lệnh như người lính đối với viên tướng, một người đánh xe được lựa chọn tên là Georges.

Đây là một ông già khoảng bảy mươi tuổi, nhưng trông ông không tới bốn mươi lăm, tay chân lực sĩ, đôi mắt đen dưới đám lông mày dày hoa râm và bộ râu dài bạc trắng. Ông mặc chiếc áo sơ mi len bó chặt người bằng chiếc đai da, quần vải len mềm kẻ sọc, mũ lông và khoác chiếc áo da cừu lộn vào trong. Ở thắt

lưng, một bên là hai, ba móng sắt ngựa đụng nhau lách cách, một chiếc thìa, mũ thép, con dao dài giữa chiếc dao găm và con dao săn, bên kia một chiếc búa cán ngắn và túi tiền.

Quần áo những người đánh xe khác cũng gần như thế.

Georges vừa mang chức chỉ huy đã bắt đầu nhiệm vụ bằng cách ra lệnh cho mọi người thắng ngựa không chậm trễ để có thể đến nghỉ ở một căn nhà khoản một phần ba đường, tôi đề nghị chờ ngựa chúng tôi tới để có thể cùng đi. Đề nghị được chấp nhận rất thoải mái. Cả đoàn trở vào nhà, chủ quán bỏ mấy bó thông, bu lô vào bếp lửa, lửa cháy thành ngọn làm lúc ra đi chúng tôi càng cảm thấy giá trị hơn. Vừa ngồi quanh bếp lửa chúng tôi đã nghe tiếng ngựa phi từ cánh rừng về, cùng lúc ấy cánh cửa hé mở và cậu bé khốn khổ đi đuổi ngựa kêu lên không ra tiếng, chạy vào tách vòng người đến qùy xuống trước bếp lửa, cánh tay giơ vào gần trong lửa như muốn ngốn ngấu lấy nó. Mọi cảm giác trong người nó có lẽ nở rộ dưới cảm giác đang được hưởng thụ. Cậu bé quỳ một lúc như thế bất động, im lặng, háo hức, sau đó nhắm mắt, co người lại, rên lên một tiếng và ngã ra. Tôi muốn nâng dậy, nắm tay nó nhưng tôi kinh hoàng cảm thấy những ngón tay tôi nắm vào tay nó như nắm vào thịt chín. Tôi kêu lên, Louise muốn bế nó nhưng tôi ngăn lại. Georges cúi xuống, nhìn nó và lạnh lùng nói: -Nó chết mất.

Tôi không cho là sự thật, đứa bé rõ ràng đang sống mở mắt nhìn chúng tôi. Tôi đề nghị tìm một thầy thuốc nhưng không ai trả lời. Tuy vậy nhận một đồng năm rúp, một người vào làng tìm ông bác sĩ thú y vừa chữa người vừa chữa ngựa. Trong lúc ấy Louise và tôi cởi quần áo nạn nhân, hơ nóng một tấm da cừu cuộn người nó vào trong, đứa bé lẩm bẩm những tiếng cám ơn nhưng không cử động, có lẽ đã bại liệt hết chân tay. Những người đánh xe trở lại với ngựa và chuẩn bị ra đi. Tôi đến với Georges khẩn nài ít nhất cũng chờ một lúc cho đến khi thầy thuốc đến. Georges bảo "Ông yên tâm, chúng ta sẽ không ra đi trước mười lăm phút nữa và nó sẽ chết trong mười lăm phút". Lúc ấy bác sĩ vào, Ivan giải thích người ta cử cậu bé đi làm gì. Bác sĩ lắc đầu, lại gần bếp lửa, mở tấm da cừu. Lúc này đứa bé đã chết.

Louise hỏi bố mẹ cậu bé ở đâu, cô muốn để lại một vài trăm rúp, chủ quán trả lời không có, nó là một đứa bé mồ côi, anh ta đã nuôi vì lòng nhân đạo.

§23

Điềm báo không tốt lành nhưng đã quá chậm không lùi lại được nữa. Đến lượt Georges thúc giục chúng tôi, đoàn xe nối đuôi nhau trước cửa quán. Georges đi đầu đoàn xe, giữa là xe chúng tôi, thắng ba ngựa, chúng tôi lên xe, Ivan ngồi cùng với người đánh xe trên một chiếc băng thay ghế ngồi đã mất đi khi đổi dạng chiếc xe cũ. Một tiếng còi kéo dài và chúng tôi lên đường.

Đi cách ngôi làng khoảng mười hai cây số thì trời sáng rõ, trước mặt như có thể giơ tay ra sờ được là dãy núi Ourals mà chúng tôi phải vượt qua. Trước khi đi xa hơn, Georges ngắm lấy chiều cao như một thuyền trưởng tàu biển phải làm và qua những hàng cây, đã nhận ra đoàn đi đúng đường. Chúng tôi tiếp tục tiến lên, chú ý giữ những khoảng cách xa nhau và chưa đầy một tiếng đồng hồ nữa chúng tôi đến được sườn núi phía tây.

Ở đây sườn quá dốc, băng tuyết chưa thật rắn chắc để mỗi xe có thể leo lên với tám con ngựa kéo. Georges quyết định mỗi lần chỉ hai xe đi lên, buộc tất cả ngựa trong đoàn xe kéo, khi hai xe ấy lên đến nơi, mấy con ngựa sẽ quay trở xuống kéo hai xe khác, cứ như thế cho đến khi mười chiếc xe họp thành đoàn lên chỗ chiếc xe thứ nhất. Hai con ngựa dành thắng theo kiểu cánh cung vào xe chúng tôi. Những người bạn đường đối xử với chúng tôi như anh em. Những việc đó được tiến hành mà chúng tôi không cần phải đưa chỉ dụ của Hoàng đế ra một lần nào.

Ở đây việc sắp đặt có đôi chút thay đổi. Xe của chúng tôi nhẹ hơn, được chuyển từ giữa đi lên đầu. Hai người đi trước cầm những ngọn giáo dài thăm dò đường. Georges cầm cương con ngựa đầu của chúng tôi, hai người đi sau, dùng búa sửa lại mặt băng sau xe, để lại dấu vết cho xe sau lần theo. Tôi đi giữa chiếc xe và vực thẳm, thích thú vì có dịp đi bộ, và chúng tôi bắt đầu leo lên, hai chiếc xe khác theo sau.

Sau một giờ rưỡi không có sự cố gì chúng tôi lên đến một mảng cao nguyên chung quanh có cây to. Chỗ này tạm nghỉ rất thuận lợi. Tám chiếc xe khác phải kéo lên từng hai chiếc một như hai chiếc đi đầu tiên. Vậy là phải mất tám tiếng đồng hồ chưa kể thời gian để cho những con ngựa quay trở xuống. Khó hy vọng tập hợp được tất cả trước khi trời tối.

Những lái xe, trừ hai người ở phía dưới giữ hành lý, tất cả cùng chúng tôi nghiên cứu thực địa, mọi người đều nhận thấy đã đi đúng đường. Chỉ phải theo những vết xe, họ quay trở xuống, bốn người ở lại với Georges, Ivan và tôi để cất tạm một căn lều.

Louise ngồi trong xe, bọc người trong áo khăn lông, không sợ gì lạnh. CÔ bình tĩnh chờ đợi chúng tôi dùng búa đẵn những cây chung quanh, chỉ chừa lại

bốn cây làm bốn cọc lều. Sau một giờ, vừa để làm cho nóng người, nhờ sự khéo léo của các kiến trúc sư bất ngờ, mấy người đã dựng xong một chỗ trú chân. chúng tôi đào tuyết bên trong cho đến lớp đất, lấy tuyết trám phía ngoài căn nhà rồi đốt lửa lên, khói thoát ra ở lỗ hổng khoét trên mái lều. Louise xuống xe vào ngồi trước bếp lửa; con gà thứ hai đã được vặt lông buộc chân treo vào một sợi dây, xoay đều các mặt. Toán xe thứ hai đã lên tới nơi.

Đến năm giờ chiều, tất cả các chiếc xe đậu thành hàng trên cồn đất, ngựa được tháo ra cho ăn thân bắp. Mọi người xúm vào nấu một món súp trong chiếc nồi to, xát mỡ vào bánh mì và với chai rượu chúng tôi để lại, họ cùng ăn tối.

Ăn xong chúng tôi tự sắp xếp nằm sao hay vậy. Những người đánh xe muốn dành lều cho chúng tôi và họ sẽ ngủ ngoài trời với đám ngựa nhưng chúng tôi dứt khóat từ chối, buộc họ phải vào nằm trong lều họ đã dựng lên, thống nhất với nhau một người thức gác với khẩu các bin của tôi để đề phòng chó sói và gấu, từng giờ một sẽ đổi gác. Ivan và tôi cùng năn nỉ để được thức gác nhưng bị từ chối.

Cho đến lúc đó tình hình khá dễ chịu, ngủ không lạnh lắm nhờ quần áo lông bà Bá tước cung cấp rộng rãi cho chúng tôi. Đang lúc ngủ ngon nhất thì tiếng súng làm chúng tôi thức giấc.

Tôi nhảy ngay dậy, tay cầm khẩu súng ngắn cùng Ivan lao ra cửa. Những người đánh xe chỉ ngẩng đầu hỏi xem có việc gì, thậm chí một hay người không hề thức giấc.

Georges vừa bắn một con gấu, con vật mò mẫm lại gần căn lều vài chục bước chân rồi như muốn xem rõ có gì bên trong, nó đứng dựng trên hai chân sau, lợi dụng tư thế ấy Georges bắn một phát rồi bình tĩnh nạp đạn lại trong lúc tôi đến gần bên ông. Tôi hỏi ông có băn trúng nó không. Ông trả lời chắc chắn là trúng.

Lúc những người nhổm dậy biết có con gấu thì họ muốn đuổi theo con vật, nhưng con vật đã bị thương, để lại vết máu trên tuyết, chỉ có Georges mới có quyền đuổi theo. David, con trai ông, khoảng hai mươi lăm, hai mươi sáu tuổi được phép đuổi theo. Tôi gọi anh ta lại đưa khẩu súng nhưng anh ta ra hiệu đã có con dao và chiếc búa là đủ.

Tôi nhìn theo khoảng năm mươi bước, thấy anh bước xuống vực, vừa đi vừa cúi xuống để không mất vết máu trên tuyết trong bóng tối. Những người đánh xe quay vào lều, Georges tiếp tục phiên gác, tôi không ngủ lại được, cùng ngồi với ông. Một lúc sau ở phía con trai Georges mất hút, có tiếng gầm, người cha cũng nghe thấy vì ông bấu chặt vào cánh tay tôi và không nói gì. Mấy giây tiếp theo lại có tiếng gầm, tôi cảm thấy những ngón tay sắt của Georges càng xiết mạnh. Năm phút im lặng, dài bằng năm thế kỷ, đối với ông bố phấp phỏng, rồi năm phút nữa và có tiếng người dội lại. Georges thở phào, thả tay tôi và ngoảnh lại: -Ngày mai chúng ta sẽ có bữa ăn tốt hơn hôm nay; con gấu chết rồi.

-Ồ, lạy Chúa! – một tiếng nói hiền dịu cất lên phía sau lưng chúng tôi – Georges, tại sao ông để con trai một mình đuổi theo con thú như thế mà hầu như không có vũ khí trong tay?

-Thưa bà – Georges nói với một nụ cười tự hào – chúng tôi biết rõ loài gấu. Trong đời tôi đã giết chết năm mươi con mà chỉ bị sây sát vài chỗ không đáng nói. Làm sao con trai tôi lại có thể bị tai nạn hơn tôi được?

-Thế nhưng – tôi nói – không phải lúc nào ông cũng bình tĩnh như thế này, chứng cứ là ông suýt làm gãy tay tôi.

-À – ông bảo – qua tiếng gầm của con gấu, tôi biết nó đang vật lộn với con trai tôi. Cũng yếu đuối đấy, thưa ngài, nhưng người bố vẫn là người bố.

Lúc đó chàng trai trở lại ngay chỗ anh mất hút và đi hay về, anh đều lần theo vết máu. Như muốn tỏ ra không yếu đuối nữa, Georges không ra đón David mà chỉ có một mình tôi đi.

Anh mang về bốn chiếc chân gấu vốn là phần được ưa chuộng và dành cho chúng tôi. Phần còn lại anh không mang về được, con gấu nặng ít nhất năm trăm ký lô.

Nghe tin ấy, những người nằm ngủ đều thức dậy hết, hăng hái đi khiêng con gấu. David cởi chiếc áo lông cừu để lộ vai, con gấu đã tát anh một cú rất mạnh làm lòi cả xương. Anh mất máu rất ít và vón cục lại ngay. Louise muốn lấy nước nóng rửa vết thương và băng lại nhưng anh lắc đầu nói đã khô rồi. Anh lấy mẩu mỡ xát vào vai choàng lại tấm da cừu. Cha anh ra ngoài, cử sáu người đánh xe đi khiêng con gấu.

Phiên gác của Georges kết thúc, ông đến ngồi gần con trai. Chàng trai kể lại cho ông già nghe các chi tiết về trận đánh. Nghe chuyện, đôi mắt Georges đỏ như than hồng. Louise tặng người bị thương số khăn áo lông trùm người nhưng David từ chối, kể chuyện xong anh tựa đầu vào vai cha và ngủ.

Chúng tôi cũng rất mệt, chẳng mấy chốc ngủ thiếp đi, năm giờ sáng mới thức dậy và không có sự cố nào làm gián đoạn giấc ngủ cả.

Đoàn người đã thắng ngựa vào nửa số xe và xe của chúng tôi. Đợt đi lên này không dốc như hôm trước, họ hy vọng chỉ cần hai chuyến. Như lần trước, Georges lại cầm cương con ngựa đầu của chúng tôi đi đầu đoàn xe, con trai ông và một người nữa cầm giáo dài đi thăm dò đường. Đến trưa chúng tôi đến đỉnh cao nhất, không phải của dãy núi, mà của đoạn đường đã đi qua. Phải dừng lại để đợi toán sau theo kịp chúng tôi trước khi trời tối. Nhìn ra xa chung quanh núi vẫn trần trụi không có cây cối, toán xe sau phải mang đủ gỗ củi để ngoài việc chuẩn bị bữa ăn còn đốt lửa sưởi suốt đêm.

Chúng tôi đang thất vọng và với bốn cây giáo cắm xuống đất cùng tấm vải trùm xe, chúng tôi làm một loại lều tạm thì thấy con trai Georges cùng hai xe ngựa chở củi phi nhanh đến. Những con người tốt bụng ấy đã nghĩ đến chúng tôi,

chở chất đốt lên trước. Lúc làm lều xong, chúng tôi bới tuyết, David đào một lỗ sâu một bộ, nhóm củi đốt đầy lửa lỗ than hồng, bỏ hai chiếc chân gấu lên trên, vùi than lên trên như nướng khoai tây rồi bỏ thêm vào lò nướng dã chiến ấy một bó củi, sau hai giờ chỉ còn là một đống than.

Vừa chủân bị bữa ăn, người đầu bếp vừa chạy ra cửa lều xem thời tiết. Bầu trời đầy mây, không gian trầm lặng, chứng tỏ đêm tới sẽ có thay đổi, mà mọi thay đổi trong hoàn cảnh của chúng tôi hiện nay đều không tốt. Vì thế khi toán xe thứ hai lên tới nơi, những người đánh xe họp bàn, nhìn trời, xem hướng gió để phán đoán tình hình. Kết quả chắc không hay lắm vì họ đi vào, buồn chán ngồi quanh bếp lửa. Không muốn tỏ ra lo lắng trước mặt Louise, tôi cử Ivan đi hỏi tình hình. Một lúc sau Ivan trở lại nói thời tiết trở sang đợt tuyết rơi, họ sợ ngày hôm sau ngoài bão tuyết và lở núi, thật khó đi được đúng đường. Mà đường xuống núi lại có nhiều vực sâu, đi chệch một tí có thể chết người. Đúng điều nguy hiểm tôi đã lo ngại.

Dù lo lắng những người bạn đường của chúng tôi vẫn nghĩ đến cái đói: vừa ngồi quanh đống lửa, họ bắt đầu cắt mỏng thịt gấu đặt lên trên than hồng. Còn chúng tôi người ta dành cho món ăn ngon hơn; những chân gấu nướng. Khi người làm bếp thấy chân gấu đã chín, anh cẩn thận cời than và lấy ra từng chiếc một.

Lần này nữa tôi xin thú nhận có cảm giác không thú vị lắm, đôi chân lớn quá cỡ, hình dạng thiếu hấp dẫn. Sau khi để lên khúc gỗ thông mà các bạn đường đã cưa cho chúng tôi làm bàn, với con dao, người đầu bếp bắt đầu gỡ lớp da cứng bọc bên ngoài.

Khi chuẩn bị xong, món ăn suýt làm tôi mất hứng thú nhưng do hương vị kích thích lại làm tôi muốn ăn, lột hết lớp da, đôi chân gấu trông như đôi tay của người khổng lồ. Ngập ngừng một lúc, hấp dẫn vì hương vị, không thích vì hình dạng, nhưng cũng muốn nếm thử món ăn rất được ca ngợi này. Nhìn lại Ivan thấy rõ ông ta đang thèm thuồng, tôi ra hiệu cho ông nếm đi, không đợi bảo đến hai lần, ông cắt ăn một trong hai chiếc. Hiển nhiên thấy ông thật thoả mãn, tôi cũng làm như ông, và ngay từ miếng đầu, buộc phải công nhận ông có lý.

Còn Louise không bị tác động gì về lời mời mọc cũng như về tấm gương chúng tôi nêu ra, cô ăn bánh mì với một ít thịt heo quay và không muốn uống rượu. Cô giải khát bằng tuyết.

Trời mỗi lúc mỗi tối và bóng đêm càng dày đặc hơn, chỉ rõ thời tiết càng xấu. Những con ngựa cụm sát vào nhau theo sự lo sợ của bản năng. Thỉnh thoảng có những đợt gió mạnh đã có thể bốc mái lều lên nếu các bạn đường không cẩn thận dựa vào vách đá lớn. Chúng tôi vẫn thu xếp để ngủ trong điều kiện có thể. Chiếc lều không đảm bảo cho một người đàn bà, Louise vào trong xe, tôi đóng cửa bằng tấm da gấu giết được hôm trước rồi trở về lều. Những người đánh xe

nhường chỗ cho chúng tôi, họ cho rằng mình ngủ trong xe là rất tốt. Chỉ có con trai Georges, theo lệnh cha, và vì vết thương còn đau, ở lại làm người bạn cùng phòng với chúng tôi. Georges coi thường thói uỷ mị, ngủ ngay trên đất, bọc người trong những tấm da cừu của ông và gối đầu trên một tảng đá. Một người đánh xe khác, như hôm trước, gác trước cửa lều.

Sau khi thăm mọi việc được sắp xếp xong, tôi trở về lều, thấy giữa đường có một đống cành cây lớn người ta đã nhóm lửa. Đống lửa thứ hai này không để sưởi ấm ai cả mà để đuổi những con sói hấp dẫn vì mùi thịt nướng đến lởn vởn quanh chúng tôi. Người gác đêm có nhiệm vụ coi cả hai đống lửa trên đường đi và trong lều.

Chúng tôi bọc người trong quần áo ấm, không yên lòng thì ít nhất cũng cam chịu chờ đợi hai kẻ thù là chó sói và tuyết. Không cần chờ lâu, chưa đầy nửa giờ tuyết bắt đầu rơi và nghe thấy tiếng chó sói hú từ xa. Nhưng vì quá mệt và không nghe thấy tiếng chó hú lại gần, hai mươi phút sau tôi ngủ thiếp đi.

Không biết đã ngủ được bao lâu, tôi giật mình thức dậy vì có một khối gì rất nặng rớt đè lên người, giật mình tỉnh dậy, giơ tay ra nhưng gặp trở ngại, muốn kêu lên nhưng giọng nghẹn lại. Lúc đầu tôi hoàn toàn không biết mình đang ở đâu, tập trung suy nghĩ, tưởng núi lở xuống nên cố gắng. Tôi vươn tay ra chỗ người bạn cùng số phận; ông ta nắm lấy kéo về phía mình và đầu tôi thò ra ngoài. Tấm vải lều của chúng tôi chứa không nổi lượng tuyết rơi, đã đổ sụp xuống bao lấy chúng tôi. Trong lúc tôi chưa tìm được lối ra thì con trai ông Georges đã dùng dao găm đâm toạc vải, một tay nắm lấy tay tôi, tay kia kéo Ivan, kéo chúng tôi ra với anh.

Phần đêm còn lại không hy vọng gì ngủ lại được nữa. Tuyết rơi dày đặc đến nỗi xe chúng tôi mất tích dưới lớp tuyết phủ, giống như những chỏm đồi gắn với núi. Chỗ Georges nằm chỉ là một cồn đất nhô lên. Chúng tôi ngồi chân đưa lại gần lửa, lưng quay về phía gió.

Đến sáu giờ sáng tuyết ngừng rơi, tuy gần sáng rồi mà bầu trời vẫn âm u nặng nề. Phương Đông vừa hừng sáng, chúng tôi gọi Georges, ông ló đầu ra khỏi tuyết nhưng tấm da cừu của ông bám chặt trong tuyết làm cho ông như bị cắm chặt xuống đất, phải cố hết sức mới thoát ra được. Đứng dậy, ông gọi ngay những người đánh xe khác.

Người này tiếp người khác họ thò đầu ra khỏi những lớp tuyết phủ trên xe. Việc đầu tiên là họ nhìn về phương Đông. Ánh sáng ban ngày ảm đạm chống chọi với ban đêm và có vẻ ban đêm đang thắng; tình hình đáng lo ngại vì họ họp nhau lại ngay bàn cách phải làm gì.

Thật vậy, tuyết rơi suốt đêm và mỗi bước đi trên lớp tuyết mới ấy, người ta ngập đến đầu gối. Mọi con đường đã biến mất và trong đêm những ngọn gió đem tuyết lấp đầy các hố vực. Mặt khác chúng tôi không ở yên một chỗ được, thiếu

thốn tất cả, không có lửa, thức ăn, chỗ ẩn. Còn quay trở lại cũng không kém nguy hiểm hơn tiến lên, và tuy là quyết định của những người cùng đi, chúng tôi nhất quyết không theo cách ấy.

Trong lúc họ đang tranh cãi, Louise ló đầu ra khỏi xe cũng bị tuyết bọc kín. Cô đoán ra được tình hình nhưng tỏ ra cứng rắn, bình tĩnh như bấy lâu nay và quyết định sẽ tiếp tục đi.

Cuộc thảo luận vẫn tiếp tục. Georges muốn tiếp tục đi, nhưng những người khác muốn chờ đợi. Ông nói tuyết có thể rơi tiếp trong một hoặc hai ngày nữa, và đôi khi ở lại hàng tuần cũng chẳng có gì là chắc được, cả đoàn không tiến, không lùi, chắc chắn sẽ bị vùi sống. Ngược lại đi ngay hôm nay, lúc tuyết mới có hai bộ, hôm sau có thể đến một làng ở dưới sườn núi phía đông, cách Ekaterinbourg khoảng mười lăm dặm.

Ý kiến ấy lúc đầu hợp ý tôi nhưng có nhiều nguy hiểm. Gió vẫn thổi mạnh trong dãy núi này thường có nhiều vụ đá, tuyết lở. Vì vậy việc phản đối quan niệm của Georges biến thành một cuộc nổi dậy. Quyền hành ông nắm được chỉ là một sự nhường nhận tự nguyện, những người trao quyền cho ông vẫn có thể rút lại. Thực tế họ bảo nếu ông muốn thì cứ tiếp tục lên đường với con trai và xe của ông. Ivan, sau khi lấy ý kiến của tôi và Louise, tin tưởng vào kinh nghiệm dẫn đường của mình trước đây, tiến lại và ra lệnh cho cả đoàn thắng ngựa. Lệnh ấy làm mọi người kinh ngạc rồi thì thầm, Ivan bèn rút trong túi áo một tờ giấy, mở ra nói: -Đây là lệnh của Hoàng đế.

Không người nào biết đọc nhưng ai cũng nhận ra con dấu của nhà vua. Không ai hỏi vì sao Ivan có lệnh đó, không xem xét kỹ có nên phục tùng không, họ chạy ra chỗ ngựa đang tập trung như một đàn cừu và sau mười phút, cả đoàn xe sẵn sàng lên đường.

Con trai Georges đi trước thăm dò đường, Georges và chiếc xe của ông đi đầu đoàn. Chiếc xe của chúng tôi theo sát ngay, nếu xe của Georges lún sâu vào một căn vực nào đó, xe chúng tôi vì nhẹ, dễ dàng tránh được ngay. Những xe khác tiếp nối theo hàng dọc vì lần này chúng tôi có thể cùng lúc đi từ trên núi cao xuống.

Một lúc sau nghe có tiếng kêu, người dẫn đường bị lún xuống một hố sâu khoảng mười lăm bộ, tuyết còn xáo động và một bàn tay còn giơ lên. Người cha khốn khổ chạy tới tay cầm sợi dây dài bảo người ta buộc quanh mình để nhảy xuống cứu con. Nhưng một người đến bảo Georges cần giữ mình để còn dẫn dắt cả đoàn, để ông ta xuống thay. Người ta quàng dây vào nách ông, Louise đưa cho ông một túi tiền, ông gật đầu bỏ vào túi cũng chẳng xem có gì trong đó, chúng tôi có sáu đến tám người nắm lấy đầu dây thả nhanh xuống vừa kịp lúc bàn tay khuất dần. Ông nắm ngay lấy cổ tay người kia và nhờ chúng tôi kéo mạnh. Ông rút anh

ra khỏi lớp tuyết, bế anh bất tỉnh trên tay, chúng tôi càng gắng sức, một lúc sau cả hai người đều được đặt lên chỗ mặt đất cứng.

David ngất đi vì lạnh, Georges là người đầu tiên lao vào chăm sóc. Ông cho nạn nhân uống mấy ngụm rượu làm anh hồi tỉnh, người ta đặt anh lên đám lông thú, cởi quần áo và lấy tuyết xát vào người cho đến khi da thịt đỏ hồng, lúc đó anh cựa quậy chân tay và không còn nguy hiểm nữa. David nói có thể đi được và đề nghị tiếp tục lên đường. Louise sắp xếp để anh lên ngồi trên xe, để một người đánh xe khác thay anh đi dò đường. Người đánh xe của chúng tôi nhảy lên một con ngựa, tôi và Ivan ngồi trên ghế đánh xe và chúng tôi tiếp tục đi.

Con đường quay sang bên trái men theo sườn núi, bên phải là vực thẳm con trai của Georges đã ngã xuống, không biết sâu bao nhiêu. Tốt nhất là đi sát vào vách núi chắc chắn con đường dựa vào đấy.

Cách ấy có kết quả và chúng tôi đi được hai tiếng đồng hồ không có tai nạn gì. Hướng đi xuống cảm thấy rõ tuy không dốc, chúng tôi đến một lùm cây giống như chỗ chúng tôi nghỉ lại đêm đầu. Chưa ai ăn uống gì, chúng tôi quyết định nghỉ lại một tiếng để cho ngựa đỡ mệt, ăn trưa và nhúm lửa.

Chắc là một nguồn dự trữ những cây nhựa dễ cháy này do Chúa khoan dung để lại giữa băng tuyết, chỉ cần đốn một cây thông, rũ hết tuyết bám ở cành là có ngay một bếp lửa rất nồng. Chúng tôi vây quanh lửa và sức nóng làm David hồi phục. Tôi tham vọng có được một cái chân gấu thứ ba nhưng chúng tôi không có đủ thì giờ làm lò nướng chín, đành hài lòng với một lát thịt nướng trên than nhưng cũng rất ngon. Chúng tôi chỉ ăn thịt, bánh mì rất quý, chỉ còn có mấy livres mà thôi.

Đợt nghỉ này tuy ngắn nhưng rất tốt cho mọi người, người và vật sẵn sàng lên đường với một nghị lực mới. Nhưng trong lúc dừng lại, một lớp tuyết dày bám trên trục bánh xe làm cho nó không quay được, phải dùng búa bổ để lăn bánh được bình thường. Việc này mất đến nửa giờ, khi chúng tôi lên đường thì đã gần trưa.

Chúng tôi đi được ba tiếng đồng hồ không có chuyện gì xảy ra, nghĩa là từ lúc ra đi lần đầu đã vượt được bảy dặm. Bỗng nghe có tiếng răng rắc tiếp theo như một tiếng chuông rền vọng lại, đồng thời chúng tôi cảm thấy một cuộn gió thổi qua và không khí tối sầm lại vì bụi tuyết bay mù mịt. Georges dừng xe ngay lại kêu lên "Tuyết lở!" Và ai cũng câm lặng, đứng yên chờ đợi. Sau một lúc, tiếng ồn chấm dứt, trời lại trong sáng, và đợt gió mạnh như vòi rồng tiếp tục, quét tuyết và lật đổ hai cây thông giao nhau trên một mỏm đá phía dưới chúng tôi năm trăm bước chân. Tất cả những người đánh xe reo lên vui mừng, nếu chúng tôi bước thêm năm trăm mét nữa, đã bị cơn lốc cuốn đi hoặc vùi mình dưới tuyết lở. Thật vậy, cách chỗ chúng tôi năm trăm mét, con đường ngập trong tuyết.

Nói đúng ra không phải một cảnh tượng bất ngờ vì khi bắt đầu nhận thấy vòi rồng, Georges nói với tôi ông sợ nó ảnh hưởng tới chúng tôi trên đường đi. Lớp tuyết ấy còn nhẹ và dễ vụn, chúng tôi cố đi xuyên qua, thúc ngựa tiến vào nhưng ngựa lùi lại như xông vào một bức tường. Chúng tôi lấy ngọn giáo đâm buộc chúng tiến lên nhưng chúng dựng người lên rồi đôi chân trước thả xuống bức màn tuyết ấy. Tuyết vào cả mắt, mũi làm chúng hung hăng lùi lại. Cố vượt qua cũng vô ích, phải chặn tuyết lại làm thành một lỗ hổng.

Ba người đánh xe leo lên chỗ cao nhất của chiếc xe và người thứ tư leo lên vai họ, cố khống chế lũ ngựa trở lại. Khối tuyết có thể dày đến hai chục bộ, tai hoạ không lớn như người ta tưởng lúc đầu, tất cả chúng tôi phải bỏ công sức ra

trong hai, ba giờ làm việc.

Bầu trời thật âm u, mới bốn giờ chiều đã tối rất nhanh, không có thì giờ dựng lều, cũng không có cây đốt lửa. Chúng tôi phải dừng lại, sắp xếp xe thành hình vòng cung, trong đó cho ngựa và chiếc xe của chúng tôi vào giữa. Như vậy để đề phòng chó sói, không có lửa chúng sẽ tiến lại gần. Vừa sắp xếp xong thì trời tối hẳn.

Không cách gì nấu ăn được, những người vận tải ăn một miếng thịt gấu sống, có vẻ cũng ngon lành như khi ăn thịt nướng chín. Tôi dù đói cũng không ăn được loại thịt sống ấy, đành ăn bánh cùng Louise và đưa cho họ chai rượu cuối cùng nhưng Georges từ chối, nói để dành lại cho anh em làm việc.

Louise vốn tỉnh trí, nhắc tôi có hai chiếc đèn của chiếc xe trạm mà tôi lấy mang theo. Tôi tìm ra, thấy vẫn còn đủ nến.

Mọi người reo lên vui mừng. Không phải một loại bếp lửa có thể đuổi được các loại thú săn mồi nhưng nhờ ánh sáng chúng tôi có thể thấy chúng tiến lại gần. Hai chiếc đèn buộc vào hai đầu cây sào cắm sâu xuống tuyết, châm nến lên chúng tôi vui mừng thấy ánh sáng tuy mờ nhạt cũng chiếu được một khoảng năm mươi bước chân chung quanh chúng tôi.

Có mười người tất cả, hai đứng gác trên xe, tám người kia chọc thủng khối tuyết đọng phía trước. Từ hai giờ chiều trời đã bắt đầu lạnh, tuyết bắt đầu cứng lại, không đào được một lối ra. Tôi cùng làm việc với họ, nghĩ rằng hoạt động liên tục có thể đỡ lạnh hơn.

Trong ba bốn giờ liền chúng tôi làm việc khá bình tĩnh. Chai rượu của tôi tuy Georges phân phối dè sẻn, đã có tác dụng rất tốt. Vào lúc mười một giờ đêm nghe có tiếng hú kéo dài và rất gần, và nghe có tiếng Georges đang phiên gác gọi. chúng tôi bỏ dở công việc mới được ba phần tư, chạy lại trèo lên những chiếc xe. Hơn mười hai con chó sói đã quanh quẩn hơn một tiếng đồng hồ ở đấy. Vì có ánh sáng đèn nên chúng không dám lại gần, lượn lờ giữa biên giới ánh sáng và bóng tối, cuối cùng một con đến thật gần, nghe tiếng hú của nó Georges hiểu rằng nó sẽ tiến sát hơn nữa nên gọi chúng tôi.

Lúc đầu tôi quả thật không yên tâm khi trông thấy những con vật to lớn, ít nhất cũng lớn gấp đôi những con sói ở châu Âu, phải kiểm tra lại khẩu các bin cầm ở tay và những khẩu súng ngắn ở thắt lưng đã được nạp đạn. tất cả sẽ hoạt động tốt, nhưng mặc dù lạnh, tôi vẫn cảm thấy mồ hôi toát ra trên mặt.

Tám chiếc xe làm thành hàng rào vòng cung ở chính giữa có bầy ngựa và Louise trên xe chúng tôi, một phía dựa vào vách núi thẳng đứng hơn tám mươi bộ, phía kia là khối tuyết lở làm thành tường lũy sau lưng chúng tôi. Còn hàng xe như những lỗ châu mai của một thành phố bị vây hãm, mỗi người trang bị giáo, búa, dao; Ivan và tôi nắm chắc khẩu các bin và một đôi súng ngắn.

Chúng tôi đứng như thế nửa giờ như thể hai bên lượng sức mình. Những con sói thỉnh thoảng đâm ra ngoài vùng ánh sáng một cách liều mạng nhưng còn e ngại. Cung cách ấy có vẻ vụng về làm chúng tôi quen dần với sự nguy hiểm. Về phần tôi như có cơn sốt tiếp theo với nỗi sợ ban đầu, nóng lòng về tình hình ở trong mối nguy hiểm nhưng chưa đánh nhau. Cuối cùng một con sói tiến ra rất gần. Tôi hỏi Georges có nên bắn cho nó một phát để ngăn chặn sự táo bạo này. Ông nói: -Được, nếu ông chắc chắn bắn nó chết ngay. Những con sói bạn sẽ xông vào ăn thịt nó như những con chó trong một chuồng. Cũng đúng là – ông lẩm bẩm – khi đã có mùi máu, chúng như những con quỷ.

-Tôi đã sử dụng thành thạo nên gần như chắc chắn về phát súng của mình – tôi bảo.

-Vậy ông bắn đi, dù sao cũng phải kết thúc bằng cách này hay cách khác.

Ông nói chưa dứt thì phát súng đã được bắn ra và con sói oằn người trên tuyết.

Cùng lúc ấy, như Georges đã nói, năm sáu con sói khác như những chiếc bóng lao vào vùng sáng, ngoạm lấy con chết lôi vào bóng tối.

Tuy sói ở ngoài tầm nhìn thấy, những tiếng hú càng nhiều, chứng tỏ bày sói đã tăng số lượng. Đấy là một loại gọi đàn đến ăn; có bao nhiêu con trong vòng hai dặm đều tập trung hết trước mặt chúng tôi. Những tiếng hú chấm dứt.

-Ông có nghe tiếng ngựa chúng ta không? – Georges hỏi.

-Chúng làm gì thế?

-Chúng dẫm chân và hí lên. Có nghĩa là chúng ta phải sẵn sàng.

-Nhưng tôi tưởng sói chạy đi rồi, không nghe chúng gầm gừ nữa.

-Không, chúng ăn xong rồi và đang liếm môi. Này, chúng đến đấy! Các anh em, hãy chú ý!

Thực vậy, từ tám đến mười con sói, trong bóng tối như những con lừa, đột ngột vào trong vòng ánh sáng bao quanh chúng tôi, rồi không ngần ngừ, không hú, lao thẳng vào chúng tôi và thay vì chui xuống dưới, táo tợn nhảy lên trên xe tấn công trực diện chúng tôi. Cuộc tấn công ấy nhanh như ý nghĩ, tôi vừa nhận thấy thì chúng đã nhảy xổ vào. Tuy vậy hoặc tình cờ hoặc vì chúng biết súng từ

đâu bắn ra, không con nào nhảy lên xe tôi, nên tôi có thể phán đoán trận đánh tốt hơn là bị tấn công thẳng.

Bên phải tôi, chiếc xe do Georges bảo vệ bị ba con sói tấn công. Một con vừa tầm ông già đâm giáo xuyên mình, con kia bị tôi bắn các bin giết chết, còn một con, thấy Georges giơ búa đánh, tôi không lo ngại nữa, ngoảnh sang nhìn chiếc xe bên trái có David.

Ở đây tuy có hai con nhảy lên nhưng David còn bị thương bên vai trái. Anh đâm giáo trúng một con, nhưng hình như không trúng huyệt, con sói quay lại cắn gẫy cán giáo. David chỉ có trong tay một đoạn gỗ. Cùng lúc ấy con sói kia men theo dây buộc tiến lại phía David. Tôi nhảy ngay từ xe này sang xe kia và trong lúc David đang rút giáo, tôi dùng súng ngắn bắn vỡ đầu con sói, con trước đó ngã lăn ra tuyết, giận dữ gầm ghè và cắn đoạn giáo đã đâm vào mình sâu đến sáu, tám đốt ngón tay, không nhổ ra được. Cũng thời gian ấy Ivan giải quyết ở phía mình, tôi nghe một tiếng súng các bin, hai tiếng súng ngắn, biết rằng đối thủ đã lãnh đủ. Sau một lúc, bốn con sói lại đi qua ánh sáng nhưng lần này để chạy trốn, và điều lạ, hai hoặc ba con sói chúng tôi tưởng đã chết hoặc bị thương nặng, chồm dậy lết đi, để lại một vệt máu đàng sau. đi theo đồng bọn biến mất. Tổng kết lại chỉ có xác ba con sói còn lại ở chiến trường.

Tôi quay lại phía Georges phía dưới chiếc xe chỗ hai con sói đang nằm; con bị ông đâm bằng giáo và con bị tôi bắn chết.

-Lắp đạn nhanh lên! – Ông nói – Tôi biết rõ cung cách của bọn này. Lắp đạn đi. Chúng ta chưa giải quyết xong dễ dàng thế này đâu.

-Sao? – Tôi làm ngay và hỏi – Ông nghĩ chưa đuổi chúng đi hết được sao?

-Ông nghe đấy, chúng đang gọi nhau. Xem kìa. Xem kìa… – ông vừa nói vừa đưa tay chỉ về phía chân trời.

Đúng thế, những tiếng hú xa đáp lại tiếng hú gần, rõ ràng ông già dẫn đường nói đúng. Trận tấn công vừa rồi chỉ là công việc của tiền tiêu.

Tôi quay lại thấy hai ánh mắt ánh lên như hai bó đuốc của một con sói đang đứng trên chỏm khối tuyết nhìn vào trại của chúng tôi. Tôi nhắm bắn, viên đạn phát ra trong lúc nó xông vào đàn ngựa, bám vào cổ họng một con. Hai ba người xuống khỏi xe nhưng giọng Georges vang lênó: -Chỉ có một con sói, cần một người thôi, tất cả những người khác giữ vị trí… Còn ông – ông ngoảnh lại phía tôi – lắp đạn nhanh lên và bắn cho chắc tay.

Hai người lại lên xe và người thứ ba cầm con dao dài, bò sát bụng giữa hai chân ngựa đang lồng lộn giẫm chân và lao như điên vào giữa những chiếc xe bao quanh. Một lát sau lưỡi dao ánh lên rồi mất, con sói thả ngựa dựng đứng người trên chân sau, rồi dưới đất có một khối không rõ hình thù đang lăn lộn, không phân biệt được người và sói, có cái gì đó thật ghê sợ. Rồi người đứng lên, chúng tôi reo lên vui mừng vì quá hồi hộp.

-David – người vừa đánh nhau với sói vừa nói vừa lay rũ người – Đến đây giúp tôi kéo xác chết này đi, không thì chẳng có cách gì giữ yên được mấy con ngựa.

David xuống xe, kéo con sói đến xe của bố anh, cùng với một người khác nâng cao lên. Georges nắm lấy chân sau của nó như nắm chân thỏ, kéo về phía mình và vứt ra khỏi vòng cung nơi hai, ba con đang nằm ở đấy, rồi quay lại người đánh xe đang ngồi dưới đất, trong lúc David lại trèo lên xe.

-Này, Nicolas! – ông nói – Không lên vị trí à?

-Không, già Georges, – anh ta nói – tôi nghĩ mình bị thương.

-Eugène – Louise gọi tôi – Eugène, đến giúp tôi băng bó cho anh này, anh ta mất khá nhiều máu.

Tôi đưa khẩu các bin cho Georges, nhảy xuống xe chạy lại người bị thương.

Đúng thật, anh bị mất đi một mảng hàm và một vết thương lớn ở cổ. Tôi lấy một nắm tuyết đắp vào vết thương, không biết làm thế đúng hay sai. Nạn nhân lạnh quá kêu lên, bất tỉnh. Tôi tưởng anh ta chết.

-Lại đây với chúng tôi, thưa ngài, lại đây! – Georges kêu lên – Những con sói đang lao tới!

Tôi để người bị thương cho Louise chăm sóc và leo lên xe.

Lần này tôi không theo dõi được chi tiết nào vì mải mê công việc của mình. Chúng tôi bị ít nhất hai mươi con sói tấn công. Tôi liên tiếp bắn hai khẩu súng ngắn và nắm lấy cây búa Georges đưa cho. Súng hết đạn tôi giắt vào thắt lưng và sử dụng vật được trang bị ấy.

Cuộc chiến kéo dài mười lăm phút, thật khốc liệt. Cuối cùng hàng ngũ chúng tôi reo lên chiến thắng, tôi phát huy một cố gắng cuối cùng. Một con sói bám vào dây buộc trên xe bò đến, tôi đánh một cú ghê gớm vào đầu, tuy búa trượt trên xương sọ, nó bị thương nặng ở vai, rơi ngã xuống phía sau.

Cũng như lần đầu, chúng tôi trông thấy lũ sói vừa bỏ chạy vừa kêu lên, qua vùng có ánh sáng rồi biến vào trong bóng tối. Lần này thì không trở lại nữa.

Mỗi người chúng tôi im lặng và ủ ê nhìn quanh mình, ba anh em đi đường bị thương ít nhiều, bảy, tám con sói nằm rải rác, rõ ràng nếu không tìm cách chiếu sáng chỗ này, hẳn chúng tôi đã bị sói sâu xé.

Mối nguy hiểm vừa qua càng làm chúng tôi cảm thấy nhất thiết phải xuống ngay vùng đồng bằng. Ai dự đoán được những tai nạn mới khác trong đêm tới nếu ở lại trên núi?

Chúng tôi đặt những người bị thương gác trên các xe sau khi băng bó cho họ vì tuy nghe tiếng hú của sói xa dần, chắc chúng đã đi khỏi nhưng vẫn phải đề phòng. Sau đó chúng tôi xúm vào đào tuyết.

Sáng ra khối tuyết đã bị đập vỡ từng phần. Georges ra lệnh thắng xe. Bốn người làm việc này còn bốn người khác lột da chó sói vì thời kỳ ấy bộ lông chó

sói cũng rất có giá trị. Lúc sắp đi người ta thấy con ngựa bị chó sói cắn bị thương nặng không tiếp tục cuộc hành trình được. Người chủ con ngựa ấy mượn tôi khẩu súng ngắn, dẫn nó ra một góc và bắn vỡ đầu.

Làm xong việc ấy chúng tôi im lặng và buồn bã lên đường. Nicolas vẫn trong tình trạng gần như thất vọng và Louise đã cho đưa anh lên xe của cô, những người khác nằm trong xe họ còn chúng tôi đi bộ theo xe.

Sau ba, bốn giờ đi đường, xe suýt lao xuống vực vài chục lần, chúng tôi đến một cánh rừng nhỏ. Anh em đánh xe vui mừng nhận ra chỉ còn ba bốn giờ đi đường nữa chúng tôi sẽ đến ngôi làng đầu tiên ở phía bên sườn châu Á của rặng núi Ourals. Chúng tôi dừng lại nghỉ ngơi.

Ai cũng bắt tay vào làm việc, kể cả những người bị thương, trong mười phút ngựa được tháo ra, ba hoặc bốn cây thông bị ha, một đống lửa lớn bùng lên. Lần này nữa thịt gấu được dùng làm thực phẩm nướng chín, mọi người cùng ăn, kể cả Louise.

Sau đó ai cũng vội vàng ra khỏi dãy núi đáng nguyền rủa, lên đường ngay sau khi người ngựa ăn xong. Qua một giờ rưỡi đi đường, khỏi đường vòng một ngọn đồi, chúng tôi thấy nhiều cột khói như từ dưới đất bay lên: đấy là ngôi làng mong mỏi đến mà ai cũng nghĩ là sẽ không bao giờ đến được. Chúng tôi vào làng lúc bốn giờ chiều.

Chỉ có một quán hàng tồi tàn mà trong mọi trường hợp khác tôi sẽ không muốn sử dụng làm chuồng chó tuy lúc ấy đối với chúng tôi nó như một lâu đài.

Hôm sau khi chia tay, chúng tôi để lại cho Georges năm trăm rúp, đề nghị chia cho ông và các bạn đường.

§24

Kể từ lúc này mọi việc tiến triển tốt đẹp vì chúng tôi đi trên những đồng bằng vùng Sibérie, trải rộng đến biển băng giá Bắc cực, không một ngọn núi nào đáng gọi là đồi. Nhờ mệnh lệnh Ivan mang theo, những con ngựa tốt nhất được dành cho chúng tôi, ban đêm sợ có những tai nạn mà chúng tôi có thể là nạn nhân, có những đội hộ vệ gồm mười hoặc mười hai trang bị súng hay giáo phi ngựa hai bên xe. Chúng tôi đi qua Ekaterinbourg không dừng lại ở những cửa hàng đá quý làm ánh lên một thành phố ma thuật, đối với chúng tôi điều này càng thần kỳ hơn nhất là vừa ra khỏi sa mạc tuyết ba ngày không tìm được mái nhà tranh trú chân. Tiếp đó là Tioumen, bắt đầu thực sự là Sibérie, cuối cùng là đến thung lũng Tobol và sau bảy ngày ra khỏi những ngọn núi của rặng Ourals ghê gớm, chúng tôi vào thủ đô của Sibérie lúc trời vừa tối.

Mệt oải người nhưng Louise, vì tình cảm yêu thương tăng dần khi càng gần người yêu, chỉ muốn dừng lại vừa đủ thời gian để tắm rửa. Hai giờ sáng chúng tôi ra đi Koslovo, một thành phố nhỏ trên sông Irtych được quy định là chỗ ở của vài chục người lưu đày trong đó có Bá tước Alexis.

Chúng tôi đến chỗ viên đại uý chỉ huy và ở đây cũng như ở khắp nơi, lệnh của Hoàng đế phát huy tác dụng. Hỏi tin tức về Bá tước thì ông này vẫn ở Koslovo, sức khoẻ tốt như có thể mong muốn. Đã thoả thuận với Louise, trước hết tôi phải gặp ông, báo tin cô đã đến. Tôi xin phép ông chỉ huy, ông này cho gặp chẳng khó khăn gì. Vì tôi không biết tiếng địa phương, người ta cho một anh Cô dắc dẫn đường.

Chúng tôi đến một khu làng chung quanh có hàng rào cao bao vây, các cửa ra vào đều có lính gác, gồm khoảng vài chục ngôi nhà. Anh Cô dắc dừng lại trước cửa một nhà chỉ tay và bảo chính ở đấy. Tim đập mạnh kỳ lạ, tôi gõ cửa, nghe tiếng Alexis bảo "Cứ vào". Mở cửa, thấy ông vẫn bận quần áo nằm trên giường, một cánh tay thõng xuống, cuốn sách rơi bên cạnh.

Tôi đứng ở ngưỡng cửa, nhìn và giơ tay ra còn ông thì nhỏm dậy ngạc nhiên, lưỡng lự nhận ra tôi.

-Xin chào! Chính tôi đây – tôi bảo ông.

-Sao? Ông? Ông à?

Và ông nhảy từ giường dậy, lao lại choàng tay quanh cổ tôi rồi bỗng lùi lại vẻ hoảng sợ: -Lạy Chúa! – Ông kêu lên – Ông cũng bị lưu đày ư và có phải do tôi bất hạnh gây ra không?

-Ông yên tâm đi – tôi nói – tôi đến đây có tính cách chơi bời thôi.

Ông cười cay đắng: -Chơi bời ở đây, Sibérie, cách Saint-Peterbourg chín trăm dặm! Ông giải thích đi… Hay trước hết… ông có thể cho tôi biết tin tức về

Louise được không?

-Rất tốt và tươi sốt. Tôi vừa rời cô ấy.

-Ông rời cô ấy! Cách đây một tháng chứ?

-Cách đây năm phút.

-Lạy Chúa! – Alexis tái mặt kêu lên – ông nói gì thế?

-Sự thật.

-Louise?…

-Ở đây.

-Ôi! Người đàn bà thánh thiện! – Ông lẩm bẩm, giơ hai tay lên trời và hai giọt nước mắt chảy xuống má. Sau một lúc im lặng có vẻ cám ơn Chúa, ông hỏi: -Nhưng cô ấy đâu?

-Ở chỗ Tỉnh trưởng.

-Thế thì chúng ta chạy đến đấy đi.

Rồi dừng lại, nói ngay: -Tôi điên rồi! Tôi quên là mình đang bị giam cầm, không ra khỏi chỗ này được nếu không có phép của Đội trưởng. Bạn thân mến, xin ông đi tìm cô ấy đến để tôi trông thấy, ôm chặt cô trong tay. Hay ông cứ ở lại đây người này sẽ đi. Trong lúc đó chúng ta nói chuyện về cô ấy.

Ông nói mấy câu với anh Cô dắc, anh này đi làm công việc được giao liền.

Trong thời gian ấy tôi kể lại với Alexis những gì xảy ra từ sau khi ông bị bắt; quyết tâm của Louise, cô đã bán hết và bị lừa đảo như thế nào, việc tiếp kiến Hoàng đế và lòng tốt của Hoàng đế đối với cô, chúng tôi rời Saint-Peterbourg đến Moscou, được mẹ và các cô em ông tiếp đón ra sao, nhận chăm sóc con ông, rồi việc chúng tôi ra đi, những mệt nhọc hiểm nguy, hành trình qua dãy Ourals ghê gớm và cuối cùng đến Tobolsk và Koslovo. Bá tước nghe tưởng như một câu chuyện hoang đường, thỉnh thoảng nắm lấy tay tôi, nhìn vào mặt để chắc chắn chính tôi đang nói với ông ấy và đang ở trước mặt ông. Rồi sốt ruột, ông đứng dậy đi ra cửa, không thấy ai tới lại vào ngồi xuống, hỏi tôi về những chi tiết mới, tôi nhắc lại và ông nghe không biết mệt. Cuối cùng cửa mở, anh Cô dắc xuất hiện một mình.

-Thế nào? – Bá tước tái mặt hỏi.

-Tỉnh trưởng trả lời là ông phải biết điều cấm kỵ đối với tù nhân.

-Điều gì?

-Cấm tiếp đón đàn bà.

Bá tước đưa tay lên trán và để rơi mình xuống ghế. Tôi cũng bắt đầu sợ và nhìn nét mặt Bá tước lộ rõ những cảm xúc mạnh trong tâm hồn. Sau một lúc im lặng, ông ngoảnh lại anh Cô dắc hỏi: -Tôi có thể nói chuyện với ông Đội trưởng được không?

-Ông ấy đang gặp Tỉnh trưởng cùng lúc với tôi.

-Nhờ anh chờ ở cửa, nói tôi xin ông ấy có lòng tốt đến đây một lúc.

Anh Cô dắc nghiêng mình và đi ra.

-Những người ấy vâng lời đấy chứ – tôi nói với Bá tước.

-Vâng, theo thói quen – Bá tước mỉm cười nói – Nhưng ông thấy có gì ghê gớm hơn thế không? Cô ấy ở đây, cách tôi một trăm bước chân, đã vượt qua chín trăm dặm đến với tôi mà tôi không thể gặp!

-Nhưng chắc có sự lầm lẫn gì đấy – tôi nói – Chắc có lệnh nào đó truyền đạt sai, để rồi tôi hỏi lại xem.

Alexis mỉm cười nghi ngờ.

-Chúng ta sẽ đề nghị lên Hoàng đế.

-Vâng, rồi ba tháng nữa mới có trả lời… Trong lúc đó… Ông không biết ở trên đất nước này như thế nào đâu! Lạy Chúa!

trong mắt Bá tước tràn đầy nỗi thất vọng làm tôi sợ.

-Thê thì – tôi cười nói tiếp – nếu cần tôi sẽ ở đây với ông trong ba tháng ấy, chúng ta sẽ nói chuyện với nhau về cô ấy và ông sẽ kiên trì. Vả lại chưa biết Tỉnh trưởng phải động lòng hay cứ nhắm mắt lại.

Alexis nhìn tôi, cũng cười: -Ở đây – ông nói – Không trônng mong gì những điều ấy. tất cả đều lạnh như mặt đất. Nếu đã có lệnh thì sẽ được thi hành và tôi sẽ không được gặp cô ấy.

Lúc ấy ông Đội trưởng bước vào.

-Thưa ông! – Alexis kêu lên và chạy tới – một người đàn bà dũng cảm, hy sinh tuyệt vời rời bỏ Saint-Peterbourg để đến đây với tôi, vượt qua hàng nghìn hiểm nguy, cô ấy đã ở đây và người này bảo tôi rằng tôi không được gặp… Anh ta nhầm chăng?

-Không, thưa ông – Đội trưởng lạnh lùng trả lời – ông biết rõ tù nhân không được tiếp xúc với người đàn bà nào hết.

-Thế nhưng, Hoàng thân Troubetskoï được phép mà tôi thì không. Có phải vì ông ấy là Hoàng thân không?

-Không, nhưng vì bà ấy là vợ ông ta.

-Và nếu Louise là vợ tôi, người ta không chống lại việc tôi gặp cô ấy chứ?

-Không hề, thưa ông.

-Ồ! – Bá tước kêu lên như trút được gánh nặng.

Sau một lúc ông nói với viên Đội trưởng: -Thưa ông, mong ông cho phép linh mục đến nói chuyện với tôi.

-Ông ấy sẽ được thông báo ngay – Đội trưởng nói.

-Còn ông, bạn thân mến – Bá tước nắm chặt cánh tay tôi tiếp tục đề nghị – sau khi là người bạn đường và là người bảo vệ Louise, ông là người làm chứng và đại diện cho cha cô ấy được chứ?

Tôi quàng tay vào cổ ông, vừa hôn vừa khóc, không nói lên được lời nào.

-Nhờ ông đi tìm Louise – ông lại nói – bảo cô ấy ngày mai chúng ta sẽ gặp nhau.

Ngày hôm sau, vào lúc mười giờ sáng, Louise do tôi và ông Tỉnh trưởng hướng dẫn, Bá tước Alexis, theo sau là Hoàng thân Troubetskoï và tất cả những người lưu đày khác, mọi người bước qua một cửa ra vào của nhà thờ Koslovo, vào quỳ im lặng trước bàn thờ rồi nói với nhau những lời đầu tiên.

Đấy là tiếng "có" trịnh trọng gắn chặt họ vào với nhau vĩnh viễn.

Hoàng đế gởi cho ông Tỉnh trưởng một bức thư đặc biệt do Ivan chuyển giao mà chúng tôi không biết, ra lệnh Bá tước chỉ được gặp Louise với danh nghĩa vợ mình.

Bá tước, như ta đã thấy, đã đi trước ý muốn của Hoàng đế.

Trở lại Saint-Peterbourg, tôi nhận được những bức thư gọi tôi nhất thiết phải về Pháp.

Đang là tháng hai, đường biển không đi được nhưng người ta đã tổ chức hoàn hảo xe trượt tuyết, tôi không hề ngần ngại đi theo con đường này.

Tôi quyết định rời thành phố của Pierre Đại đế cũng dễ dàng vì đi vắng không xin phép nghỉ nhưng Hoàng đế có lòng độ lượng không thay thế tôi trong đơn vị, tôi đã mất vì cuộc âm mưu một phần học trò và tuy họ phạm tội tôi cũng không ngăn được sự nuối tiếc họ.

Vậy là tôi theo con đường đã đi khi tôi đến đây mười tám tháng trước, lại qua Moscou cổ và một phần Ba Lan, nhưng lần này trên một tấm thảm tuyết mênh mông.

Vừa vào đất nước của Hoàng đế Phổ, ló đầu ra ngoài xe tôi rất ngạc nhiên nhìn thấy một người đàn ông khoảng năm mươi tuổi, cao, mảnh dẻ, khô khan, mặc áo gi lê và quần đen, đi giày nhẹ đế mỏng có khoá, đội mũ nhẹ cao thành, mang một chiếc túi bên tay trái, cầm một chiếc vĩ cầm bên tay phải. Bộ quần áo có vẻ thật lạ và chỗ này thật khác thường đối với việc dạo chơi trên tuyết lạnh dưới hai mươi lăm độ. Vả lại thấy người lạ mặt giơ tay ra hiệu, tôi dừng lại chờ. Vừa thấy tôi dừng xe, ông sải bước dài tới nhưng vẫn không vội vàng, vẻ trịnh trọng duyên dáng. Khi ông càng tới gần, tôi nghĩ đã nhận ra con người này, đến bên cạnh thì tôi không còn nghi ngờ gì nữa. Đấy là người đồng hương tôi đã gặp trên con đường lớn khi vào Saint-Peterbourg, cũng trang bị như thế nhưng trong hoàn cảnh khác hẳn. Cách xe tôi hai bước chân, ông dừng lại lấy tư thế, đưa chiếc vĩ vào dây đàn, ba ngón tay nắm chặt lấy mũ: -Thưa ông – ông ta vừa nói vừa chào theo thể thức của một vũ công – chẳng phải thiếu kín đáo, tôi có thể hỏi ông tôi đang ở phần đất nào trên thế giới đây?

-Thưa ông – tôi trả lời – ông đang ở quá Niémen một ít, cách Koenisberg khoảng ba mươi dặm, bên trái ông là Friedland và bên phải là biển Baltique.

-A! A! – người đối thoại với tôi thốt lên, rõ ràng hài lòng về câu trả lời có vẻ văn minh của tôi.

-Nhưng thưa ông, đến lượt tôi cũng chẳng phải thiếu kín đáo, ông có thể cho tôi biết làm sao ông lại trang bị như thế, đi bộ, tất lụa đen, mũ cao thành, vĩ cầm mang vai, cách dân cư đến ba mươi dặm và trong cái rét như thế này\

-Vâng, đặc biệt đấy, đúng không? Nguyên do thế này. Ông đảm bảo tôi đã ở ngoài địa phận vương quốc Nga hoàng rồi đấy chứ?

-Ông đang ở trên đất của vua Fréderic-Guilliame.

-Thế này! Phải nói với ông tôi không may đã dạy khiêu vũ cho những chàng trai khốn khổ có tội âm mưu chống Hoàng đế. Để hướng dẫn nghệ thuật của mình, tôi thường xuyên đến nhà người này, người khác, họ nhờ tôi chuyển cho nhau những bức thư giê t người. Thưa ông, xin thề danh dự, tôi trao tay những bức thư ấy, ngây thơ như đấy chỉ là giấy mời đi ăn tối hoặc đi dạo chơi. Cuộc âm mưu nổ ra, chắc ông đã biết.

Tôi gật đầu ra hiệu có.

-Không hiểu vì sao người ta biết vai trò của tôi đến mức, thưa ông, tôi phải vào tù! Trường hợp nghiêm trọng vì bị coi là đồng loã, không tố cáo. Sự thực là tôi chẳng biết gì hết nên ông hiểu cho, tôi không tố cáo được. Điều ấy cũng thấy rõ đúng không?

Tôi gật đầu tỏ vẻ hoàn toàn tán thành ý kiến của ông.

-Thế là thưa ông, trong lúc chờ đợi bị treo cổ, người ta đưa tôi vào một chiếc xe đóng kín, cũng rất tốt nhưng mỗi ngày chỉ ra ngoài hai lần cho những việc cần thiết như ăn trưa, ăn tối.

Tôi gật đầu ra hiệu rất hiểu.

-Tóm lại, thưa ông, cách đây mười lăm phút chiếc xe bỏ lại tôi trên cánh đồng này rồi phi nước đại. Vâng, rồi phi nước đại, không nói gì với tôi, thật thiếu lễ độ nhưng cũng không đòi hỏi tiền lót tay, là điều khá tế nhị. Cuối cùng tôi nghĩ mình đang ở Tobolsk, quá dãy Ourals. Ông biết Tobolsk không?

Tôi gật đầu tỏ rõ trình độ kiến thức của tôi cũng đạt đến mức ấy.

-Do vậy tôi chỉ còn xin lỗi đã quấy rầy ông và muốn hỏi ông nên sử dụng phương tiện giao thông ở đất nước này như thế nào?

-Ông đi về hướng nào, thưa ông?

-Thưa ông tôi muốn trở về Pháp. Người ta có để lại tiền cho tôi, tôi nói điều này vì ông không có vẻ gì là một kẻ trấn lột. Người ta có để lại tiền cho tôi và do tôi chỉ có một khoản tài sản nhỏ, gần một nghìn hai trăm livres lợi tức, thưa ông, nên không đi ngao du thiên hạ được, nhưng nếu tiết kiệm thì cũng đủ sống. Vậy là tôi muốn trở về Pháp để bình yên sử dụng một nghìn hai trăm livres của tôi, xa lánh mói thăng trầm của đời người và trốn tránh con mắt của các chính quyền.

Để trở về tổ quốc, tôi muốn hỏi ông những phương tiện giao thông nào ít… ít tốn kém nhất?

-Theo tôi, ông bạn thân mến – tôi đổi giọng nói và bắt đầu thương hại con người này, tuy vẫn giữ nụ cười và tư thế của một vũ công nhưng đã run rẩy cả người – nếu ông muốn, tôi có một phương tiện giao thông rất đơn giản và dễ dàng.

-Cách nào vậy?

-Tôi cũng trở về Pháp, tổ quốc tôi. Ông hãy lên xe tôi, đến Paris tôi để ông xuống đại lộ Bonne-Nouvelle như tôi đã để ông xuống khách sạn Londres khi tôi tới Saint-Peterbourg.

-Sao? Đi cùng ông ư, ông Grisier thân mến?

-Vâng, hân hạnh được phục vụ ông, nhưng đừng để mất thì giờ. Ông đang vội, tôi cũng thế. Đây là một nửa áo khăn lông thú của tôi, ông ủ vào cho ấm.

-Thực tình tôi đã bắt đầu thấy lạnh. A! …

-Ông để chiếc vĩ cầm xuống, có đủ chỗ đấy.

-Không, cám ơn. Nếu ông cho phép tôi mang nó trong tay.

-Tuỳ ông. Anh đánh xe ngựa, lên đường thôi.

Và chúng tôi lại phi nước đại

Chín ngày sau, tôi để ông bạn đi đường xuống trước mặt đường qua rạp Opéra. Từ đấy không bao giờ tôi gặp lại ông nữa.

Về phần tôi, do không có tính thích làm giàu, tôi tiếp tục việc dạy. Chúa ban phúc cho nghệ thuật của tôi, rất nhiều học trò nhưng không người nào bị giết trong cuộc đấu. Đấy là hạnh phúc lớn nhất mà một thầy dạy đánh kiếm có thể mong muốn.

HẾT.

NHỮNG QUẬN CHÚA NỔI LOẠN

Người dịch:
Quang Thặng, Hồng Hà, Hữu Lê
Đánh máy:
nguyenzzz và Mọt sách

Lời giới thiệu

Ba người lính ngự lâm – Hai mươi năm sau – Cái chết của ba người lính ngự lâm là những tác phẩm đồ Sộ tiêu biểu, đã hầu như bộc lộ hết tài năng của Alexandre Dumas Ta có thể gặp trong đó gần đủ những sắc thái của cuộc sống. Chỉ riêng ba chàng ngự lâm cùng với D'Artagnan thôi cũng đã là một bức tranh toàn cảnh xuất sắc. Chúng tôi không có tham vọng tóm tắt mấy ngàn trang bút mực của một đại văn hào trong vài dòng, chỉ xin đưa ra một nhận định tầm thường: Alexandre Dumas ông đã mô tả sinh động, sâu sắc hơn "nửa phần nhân loại" và ông chỉ dừng lại ở "một nửa" đó, cố tình giới hạn Ở đó thôi để "nửa phần còn lại" được – trang trọng một cách hài hước ý nhị: Trào lộng nhưng thật sâu thẳm sắc bén gói vào những tình tiết của tập truyện Những quận chúa nổi loạn (hay "Chiến tranh giữa các vị phu nhân") Giả như có quyền sống lâu hơn, có lẽ Alexandre Dumas đã có những nhân vật D'Artagnan. Athos porthos và Aramis sông đến thời mạt vận của triều đại Bourbon để cứu vua Louis XVI khỏi rơi đầu.

Nếu ông đã yêu thương "những đứa con trai" đến thế nào (theo lời kể khi bắt buộc phải kết thúc nhân vật Porthos ông đã khóc ròng như khóc cái chết của chính con mình), thì đối vời "những đứa con gái", ông lại dành cho sự cưng chiều đặc biệt. Alexandre Dumas đã không ngần ngại phô diễn mọi khía cạnh nữ tính, tất cả những gì mà "nửa nhân loại" kia không có, không thể có, và có lẽ cũng…, không nếu có.

Bên cạnh những đức tính tiêu biểu của phụ nữ như: Ghen tuông, tò mò, thích trả thù sâu độc…

Alexandre Dumas còn có những đứa con gái nam nhi hơn bất kỳ một nam nhi nào, lòng dũng cảm của một hiệp sĩ, tâm hồn của một trượng phu, và tính cách của một chính trị gia tầm cỡ.

Những nhân vật nữ của Alexandre Dumas không quá ti tiện như Hân Tố Tố hoặc tàn độc như Doanh Doanh của Kim Dung chỉ vì chút mắc cỡ mà bắt quần hùng phải tự chọc mù mắt rồi đầy ra hoang đảo.

Chỉ riêng diễn biến của mối tình cay nghiệt, éo le của bộ ba, nữ tử tước de Cambes (phe nổi loạn chống triều đình), tiểu thư Nanon (người tình hờ của công tước triều đình d'épernon) với chàng nam tước hào hoa, đa tình và thật dũng cảm, cũng đủ cho phép chúng ta một lần nữa, gọi Alexandre Dumas là lão sư phù thủy chế tạo tình tiết.

Chúng tôi xin mời quý độc giả cẩn thận bước vào cuộc CHIẾN TRANH GIỮA CÁC VỊ PHU NHÂN.

Phần I. Nanon De Lartlgues – Người tình của công tước d'Épernon

§1

Trên đường đến Libourne, một thành phố nhộn nhịp soi mình bên dòng sông nước chảy xiết của con sông Dordogne, giữa hai làng Fronsac và Saint Michel la Riviere, trước kia có một ngôi làng xinh xắn với những bức tường trắng và những mái ngói đỏ, nằm khuất quá nửa dưới hàng cây bạch phong, và dẻ gai. Con đường từ Libourne đến Saint André de Cubzac chạy qua giữa những ngôi nhà nằm thẳng hàng đối diện với nhau, và là những quang cảnh duy nhất của ngôi làng đó. Đằng sau các ngôi nhà ấy, cách độ khoảng một trăm bước chân, là dòng sông đang uốn khúc với chiều rộng và độ chảy xiết báo hiệu rằng biển đang kề cận.

Những cuộc nội chiến đã đi ngang qua đấy: Thoạt đầu nó đã xô ngã cây cối, sau đó đuổi dân cư ra khỏi nhà của họ, và những ngôi nhà này, nằm phơi mình trước những cơn cuồng phong thịnh nộ và vì không thể bỏ chạy như cư dân của mình, nên từ từ xụp đổ trên đám cỏ dại, biểu lộ sự phản kháng theo cách riêng của chúng trước cảnh tàn phá của những cuộc nội chiến, rồi dần dần đất như được tạo ra để chôn vùi tất cả đã phủ lên những xác nhà xưa kia từng là nơi vui vẻ và nhộn nhịp, cuối cùng cỏ mọc lên trên tất cả mặt đất giả tạo kia, và ngày nay, người lữ khách rong ruổi trên con đường cô quạnh sẽ không bao giờ ngờ được – khi trông thấy những đàn gia súc đông đảo như vẫn thường thấy Ở vùng Mi di, đang gặm cỏ trên những khoảng đất lồi lõm – rằng mục đồng và đàn chiên kia đang dẫm trên một bãi tha ma nơi an nghỉ của cả một ngôi nhà.

Nhưng, vào thời mà chúng ta đang nói đến, nghĩa là khoảng tháng 5 năm 1650, đấy là một ngôi làng với vùng thảo mộc sung túc, khách lạ đi ngang qua sẽ cảm thấy ưa thích những nông dân đang bận rộn tháo cột ngựa khỏi lưỡi cày, những người dân chài đang kéo lưới bên bờ sông, nặng trĩu những con cá trắng, hồng của dòng sông Dordogne, và những người thợ rèn đang mệt nhọc gõ mạnh xuống đe trong lò rèn sáng lên từng hồi bởi những đám tàn lửa bắn ra từ cây búa.

Thế những điều có thể làm cho người khách thích thú hơn cả, nhất là khi đường dài mang đến cho những kẻ vốn thích rong ruổi cái đói muôn thuở, thì sẽ là cách ngôi làng ấy khoảng năm trăm bước chân, một ngôi nhà thấp và dài, chỉ gồm một tầng trệt và một tầng lầu, mà những đám khói tỏa ra từ ống khói và mùi xào nấu bay ra từ các cửa sổ, cho biết rõ hơn một tấm tôn đỏ vẽ hình cái đầu bê vàng chóe treo lơ lửng trước tầng lầu rằng người khách, cuối cùng đã đến được một nơi nghỉ chân.

Tại sao lữ quán Con Bê Vàng lại Ở cách làng, theo như người ta kể lại với tôi, năm trăm bước chân thay vì nằm kề với những ngôi nhà xinh xắn khác dọc theo hai bên đường?

Trước hết, dù lạc lõng giữa một nơi hẻo lánh như thế, vị chủ nhân, về mặt nấu nướng, là một nghệ sĩ bậc thầy. Thế nhưng, nếu ông ta đến cư ngụ hẳn trong làng, ông ta có thể sẽ bị lẫn lộn với vài tên chủ quán hạng bét mà nếu bị buộc phải nhìn nhận đó là những đồng nghiệp, ông ta vẫn không thể nào chấp nhận họ như những tay ngang hàng, vì thế khi tách riêng ra ông ta sẽ lôi kéo sự chú ý của những kẻ sành điệu và những người này sau một lần được thưởng thức tài nghệ của ông, sẽ kháo với nhau rằng: Khi nào bạn đi từ Libourne đến Saint André Cubzac hoặc từ Saint André Cubzac đến Libourne, đừng quên ghé lại ăn sáng, ăn trưa hoặc ăn tối tại quán Con Bê Vàng cách làng Matifou khoảng năm trăm bước chân.

Và thế là những kẻ sành điệu ghé lại, hài lòng ra về, gởi đến những tay sành điệu khác, cứ như thế, ông chủ quán khôn ngoan dần dần góp được một gia tài, và điều này không ngăn cản ông ta, một chuyện hiếm hoi, vẫn giữ cao giá trị ẩm thực của mình, chứng tỏ rằng, như chúng ta đã nói. Biscarros là một nghệ sĩ thực thụ.

Và vào một buổi chiều tháng 5 ấm áp, khi thiên nhiên đã bừng dậy Ở vùng Mi di cũng như đã bắt đầu bừng dậy Ở Miền Bắc, những làn khói dày đặc và những hương vị thơm ngon hơn những ngày bình thường tỏa ra từ các ống khói và các cửa sổ của lữ quán Con Bê Vàng, trong khi đó nơi bậc thềm, đích thân mét Biscarros, mặc toàn trắng như thông lệ của các thầy tế thần của mọi thời đại và mọi đất nước, đang dùng đôi bàn tay cao quý của mình vặt lông mấy con chim cút và đa đa dành riêng cho một trong những bữa tiệc sang trọng mà ông ta biết rành cách tổ chức và có thói quen, luôn luôn là do tình yêu của ông ta đối với môn nghệ thuật ấy, tự tay mình chăm chút đến mọi chi tiêu.

Ngày đã gần tàn, dòng sông Dordogne nơi một đoạn quanh co khúc khuỷu vẫn thường thấy trên suốt khoảng đường của nó, tách ra khỏi con đường khoảng lộ độ một phần tư dặm để băng qua dưới chân đồi lũy Vayres, đã bắt đầu trắng xóa dưới những tàn lá sẫm tối. Ĩ nh mịch và u ám trải dài trên cánh đồng cùng với cơn gió nhẹ của chiều tối, những người nông dân trở về nhà cạnh mấy con ngựa đã tháo cày, những người dân chài với mớ lưới còn nhiều nước, những tiếng động trong làng đang tắt dần và sau tiếng búa cuối cùng báo hiệu một ngày làm việc đã chấm dứt.

tiếng hót đầu tiến của chim họa mi bắt đầu vang lên từ một bụi cây gần đó.

Sau những nốt nhạc đầu tiến thoát ra từ cổ họng của nhạc sĩ tí hon, mét Biscarros cũng bắt đầu hát theo, và hậu quả của sự tranh chấp đó cộng với sự

chăm chú làm việc của ông chủ quán khiến ông ta chẳng nhận thấy một nhóm sáu kỵ sĩ vừa mới xuất hiện nơi đầu làng Matifou và đang tiến về phía lữ quán.

Nhưng một tiếng kêu hoảng hốt vang lên từ một cửa sổ tầng trên, và tiếng cánh cửa sổ đóng sập lại vội vàng khiến cho người chủ quán nổi tiếng nghệch mũi nhìn lên và thế là ông thấy ngay người kỵ sĩ đi đầu nhóm đang tiến thẳng về phía ông.

Tiến thẳng không phải từ chính xác cho lắm, chúng tôi xin được sửa lại, bởi vì người đó cứ khoảng hai mươi bước lại dừng lại, ném ra hai bên những ánh mắt dò xét, xúc xạo các thân cây, đường mòn, và bụi rậm, một tay giữ trên đầu những cây súng dài để sẵn sàng tấn công cũng như tự vệ và thỉnh thoảng lại ra hiệu cho các bạn đồng hành lập lại y hệt mọi cử động của y, từ từ tiến đến. Kế đó, y lại dấn lên thêm vài bước nữa với cùng động tác dè dặt như trước.

Bicarros đưa mắt nhìn theo người kỵ sĩ, mà cung cách khác thường làm cho ông ta chú ý đến nỗi suốt khoảng thời gian đó, ông ta cứ giữ khư khư túm lông đang nắm giữa những ngón tay cái và ngón trỏ.

-Chắc là một ngài đang muốn tìm quán của mình đây – Biscarros tự nhủ – Tôn ông này có lẽ bị cận thị, tấm biển Con Bê Vàng của mình mới được sơn lại và trông nổi bật hẳn lên kia mà. Nào, ta chường mặt ra thôi.

Và mét Biscarros đến đứng ngay giữa đường, vẫn không ngừng vặt lông con vật với những động tác đầy quan trọng và uy nghiêm.

Cử chỉ ấy đạt ngay kết quả mà lão chờ đợi, vừa trông thấy ông ta, người kỵ sĩ liền tiến thẳng đến và lịch sự giở nón chào: -Xin lỗi mét Biscarros – Người đó nói – ông có thấy từ hướng nào một nhóm chiến sĩ bạn tôi có thể đang tìm tôi không? Chiến sĩ, nói vậy cũng hơi quá, những người có mang gươm thì đúng hơn, nói cho chính xác là những người có vũ trang, nói như vậy đúng với ý nghĩ của tôi hơn, ông có thấy một nhóm người có vũ trang không?

Khoái chí vì được gọi đúng tên, đến lượt mình. Biscarros chào lại một cách thân thiện, ông ta không nhận ra rằng chỉ cần một cái liếc mắt cũng đủ cho vị khách lạ biết được tên tuổi và giá trị của lữ quán cũng như nhận dạng được chủ quán qua diện mạo.

-Thưa ngài, nói đến những người có vũ trang – ông trả lời, sau một hồi suy nghĩ – Tôi chỉ thấy một nhà quý tộc cùng với người hầu, họ vừa đi đến quán của tôi khoảng độ một giờ.

-À là! – Người khách lạ thốt lên, vừa đưa tay vuốt cái cằm nhẵn nhụi, nhưng không vì thế mà mặt thiếu nét nam nhi – À là! Một nhà quý tộc với người hầu trong quán của ông! ông bảo sao, họ đều có vũ trang à?

-Vâng, thưa ngài! Thế ngài có muốn tôi nói lại với vị ấy rằng có ngài muốn gặp không?

-Nhưng – Người kia lại nói – Như vậy có được lịch sự lắm không? Quấy rầy một người chưa quen biết như thế có thể là hơi sỗ sàng, nhất là khi người đó là một người thuộc hàng cao quý.

Thôi thôi, mét Biscarros à, xin ông làm ơn tả lại cho tôi diện mạo người ấy, hoặc là, khá hơn nữa.

chỉ cho tôi thấy người ấy mà không để tôi lộ diện.

-Chỉ cho ngài thấy vị ấy là một điều khó khăn thưa ngài, hình như vị ấy không muốn ra mặt.

vì tôi thấy cánh cửa sổ đóng sập lại ngay khi ngài cùng các vị đồng hành vừa xuất hiện trên con đường. Bởi vậy, tả lại diện mạo của vị ấy có lẽ dễ dàng hơn, đó là một thiếu niên thanh tú tóc vàng, khoảng độ mười sáu tuổi và trông như vi ra vừa đủ sức để mang thanh gươm be bé làm kiểng treo nơi yên ngựa.

Trán của vị khách nhíu lại: -Được lắm – Khách nói – Tôi hiểu ông muốn nói gì rồi, một vị công tử tóc vàng, yểu điệu như phụ nữ, trên lưng một con ngựa chiến theo sau là một người hầu già, cứng nhắc chứ gì, đó không phải là người tôi cần gặp.

-à! ĐÓ không phải là người mà ngài đang tìm kiêm sao?

-Không!

-Thế thì, trong khi chờ đợi vị khách của ngài, mà người đó chắc chắn thế nào cũng đi ngang qua đây, bởi vì đây chỉ có một con đường, xin mời ngài cùng với các vị kia tạm nghỉ Ở nhà tôi.

-Thôi Cám ơn. Chúng tôi chỉ có thể cảm ơn ông, thế thôi, và xin được hỏi ông thêm bây giờ là mấy giờ rồi?

-Chuông của làng vừa gõ sáu giờ đó thưa ngài, ngài có nghe tiếng chuông không?

-Được rồi. Bây giờ, xin giúp cho một lần chót nhé mét Biscarros?

-Rất vui lòng, thưa ngài.

-Này, tôi có thể tìm Ở đâu được một chiếc thuyền với người chèo?

-Để băng qua sông ấy à?

-Không, để đi dạo trên sông.

-Chẳng có gì dễ hơn: Người đánh cá vẫn thường cung cấp cá cho tôi… Ngài có thích ăn các không, thưa ngài? – Biscarros hỏi một câu ra ngoài đề, vẫn có ý định giữ người khách lạ Ở lại dùng bữa tại quán của mình.

-ĐÓ là một món ăn dở tệ – Vị khách nói – Thế nhưng nếu nó được chế biết đúng cách với đầy đủ hương liệu thì tôi cũng không chê đâu.

-Tôi luôn luôn có món cá tuyệt vời, thưa ngài.

-Xin có lời khen ông, mét Biscarros, nhưng chúng ta hãy nói tiếp về người cung cấp nó cho ông kia.

-Vâng, vâng, vào giờ này ấy hắn ta đã nghỉ việc và chắc là đang dùng bữa. Từ đây ngài có thể nhìn thấy chiếc thuyền được cột vào mấy cây liễu, ngay gần bên cây du. Còn căn nhà thì nằm khuất sau khu vườn mây. Rất có thểlà ngài sẽ gặp hắn ta đang dùng bữa.

-Cám ơn mét Biscarros, cảm ơn nhiều lắm.

Người khách lạ nói, và sau khi ra hiệu cho mấy người bạn đi theo mình, người ấy tiến vội về phía rặng cây và đến gõ cửa chòi. Vợ người đánh cá ra mở.

Như mét Biscarros vừa nói, ông này đang dùng bữa.

-Hãy cầm lấy mái chèo và theo ta – Người kỵ sĩ nói – ông sẽ được trả công một đồng vàng.

Người đánh cá đứng bật dậy, chứng tỏ rằng việc mua bán với chủ quán Con Bê Vàng không được dư giả gì cho lắm.

-Ngài muốn đi Vayres à? – ông hỏi.

-Chỉ để đưa ta đến giữa dòng sông và Ở đấy với ta vài phút.

Người dân chài mở to mắt trước ý muốn kỳ quặc đó nhưng vì sẽ có một đồng vàng tiền thưởng và cũng vì cách sau lưng ông khách lạ đó có độ hai mươi bước chân thấp thoáng bóng dáng của vài người khác, nên ông ta không tỏ ra khó dễ gì vì ngại rằng thái độ thiếu thiện chí của mình sẽ làm phát sinh ra việc xử dụng đến vũ lực và khi đó thì có thể sẽ mất luôn món tiền thưởng.

Thế là ông ta vội vã nói rằng ông ta cùng với chiếc thuyền và hai mái chèo đều thuộc quyền sử dụng của khách.

Và cả nhóm người ấy đi ngay về hướng bờ sông. HỌ dừng lại nơi bờ đất cao sẵn sàng để có thể nhìn về mọi hướng trong khi ông khách cho ngựa tiến sát đến mặt nước. Từ nơi họ đứng.

nhóm người ngựa ấy sẽ có thể nhìn bao quát cả vùng đồng băng phía sau lưng họ, và bảo vệ cho chiếc thuyền đang sắp sửa rời bên.

Thế là người khách lạ, một chàng thanh niên cao lớn, tóc vàng, khuôn mặt thông minh hơi xanh xao và cau có, với một quầng thâm quanh cặp mắt xanh và một vẻ khinh đời thoáng hiện trên đôi môi. Người khách lạ cẩn thận xem xét lại mấy khẩu súng ngắn của mình, quàng cây súng dài lên vai, xốc lại một thanh gươm dài và đưa mắt chăm chú nhìn qua bên kia bờ đối diện, một cánh đồng mênh mông có con đường mòn từ bờ sông dẫn thẳng đến phốchợ Ison, nơi xa xa chỉ thấp thoáng trong màn sương mờ của chiều tà bóng dáng một tháp chuông xẩm màu với những đám khói trắng.

Cũng Ở phía bên ấy, cách bờ khoảng một phần tư dặm nổi lên về phía tay phải, thành lũy – Chà! – Người khách lạ bắt đầu nôn nóng, quay lại nói với những người bạn đồng hành đang đứng gác trên mô đất – Không biết lão ta có tới hay không, các bạn có thấy gì từ bên trái đằng trước, đằng sau không?

-Tôi thấy! – Một người trong bọn nói, hình như có một đám đen đen trên đường đi Ison.

nhưng tôi không dám chắc bởi vì mặt trời chói mắt. Khoan đã! Đúng rồi, đúng rồi, một hai, ba bốn, năm người, một cái nón có viền đi đầu với chiếc áo choàng xanh thẫm. Chính là người chúng ta đang chờ đợi cùng với một nhóm người theo bảo vệ.

-Lão ta có quyền mà – Người khách lạnh lùng nói – Ferguzon, hãy giữ ngựa cho tôi.

Người nhận cái mệnh lệnh vừa mang vẻ thân mật lẫn sai khiến đó, vội vã tuân theo và xuống khỏi bờ đất. Trong thời gian đó, chàng thanh niên đã xuống ngựa và khi người kia bước đến, liền ném cho y sợi dây cương và chuẩn bị bước lên thuyền.

-Khoan đã. Cauvignac. – Ferguzon níu cánh tay anh ta lại và nói – Không nên chơi trò quân tử rởm, nếu anh thấy lão có một cử chỉ đáng nghi nào thì đó cứ cho lão một viên đạn vào đầu, anh cũng thấy cái lão ranh ma ấy đã dẫn theo cả một đội quân.

-Phải, nhưng không mạnh bằng chúng ta đâu. Như vậy, ngoài lòng dũng cảm trội hẳn của phe ta, chúng ta lại càng đông hơn nữa, thế thì không có lý do gì để sợ cả, à, kia! Đã thấy mấy cái đầu ló ra rồi!

-Chà! Bọn họ sẽ làm sao đây? – Ferguzon nói, họ làm sao mà kiêm ra thuyền được, à! Nhưng mà kìa có một chiếc, cứ y như là có phép thần vậy.

-ĐÓ là thuyền của một người em bà con của tôi, hắn đưa đò bên bên Ison. – Người đánh cá nói, khá tò mò trước những chuẩn bị đó và đang run sợ trước nguy cơ một cuộc thủy chiến sẽ diễn ra giữa thuyền của mình và thuyền của người em bà con.

-Tốt! Kia, cái áo choàng xanh thẫm đang lên thuyền. – Ferguzon nói – Đúng là lão lên một mình, theo như những điều kiện của thỏa ước.

-Không nên để lão ta chờ đợi. – Chàng thanh niên nói và đến lượt mình nhảy xuống thuyền.

y ra hiệu cho người lái thuyền chuẩn bị.

-Roland hãy cẩn thận! – Ferguzon lập lại những câu dặn dò – Con sông khá rộng, đừng đến sát bờ kia quá dễ có thể nhận mấy viên đạn vào người, không nên đi qua đường ranh giới.

Người được Ferguzon gọi khi thì Cauvignac, khi thì Roland, mà đúng là có hai cái tên đó bởi vì một tên gọi khi rửa tội và tên kia là của dòng họ hoặc cũng có thểlà biệt danh, gật đầu đồng ý.

-Đừng sợ, tôi vừa nghĩ như vậy, chỉ tốt cho những kẻ không bị mất mát gì với những điều sơ ý Nhưng vụ này quá lợi cho ta nên tôi chẳng ngu ngốc mà để

xổng, bởi vậy nếu trong cơ hội này có một điều sơ xuất nào đó thì sẽ không phải là do tôi đâu. Nào lái thuyền lên đường.

Người chài lưới tháo dây cột thuyền, chống mạnh vào cây sào và chiếc thuyền bắt đầu rời bờ cùng một lúc với thuyền Ở bờ kia của người lái đò bên Ison.

Giữa sông có một chiếc phao nổi nhỏ treo một mảnh cờ trắng dùng để báo hiệu cho những chiếc tàu lớn chuyên chở xuôi ngược trên con sông Dordogne rằng khoảng đó có một dãy đá ngầm nên tránh xa. Khi thủy triều xuống thấp, người ta còn có thể thấy thấp thoáng dưới mặt nước những mỏm đá đen. Nhưng vào lúc này, nước sông đang lên cao, chỉ có mảnh cờ giữa khoảng nước sủi bọt cho biết có đá ngầm.

Có lẽ cả hai người lái đều hiểu rằng có thể là nơi gặp gỡ của cuộc đàm phán, vì vậy họ cùng hướng thuyền về phía đó. Người lái đò bên Ison đến nơi trước và sau một mệnh lệnh của người khách, liền cột thuyền vào một trong mấy cái khoeo sắt của phao.

N gay khi đó, ri người đánh cá quay về vị khách của mình để được biết mệnh lệnh và hết sức ngạc nhiên thấy trong thuyền của mình là một người mang mặt nạ, mình trùm trong chiếc áo Nỗi sợ hãi không hề rời ông ta từ đầu giờ lại còn tăng thêm và ông ta chỉ còn biết lắp bắp cất tiếng hỏi.

-ông hãy cột thuyền vào vành thanh gỗ đó. – Cauvignac nói vừa đưa tay chỉ vào một cột gỗ – Càng gần thuyền của ông kia càng tốt.

Và ngón tay di chuyển từ cột gỗ sang phía nhà quý tộc trong chiếc thuyền của ông lái bên Người đánh cá tuân lệnh, và cả hai chiếc thuyền nhờ dòng nước cặp vào bên cạnh nhau, giúp cho hai nhà ngoại giao mở cuộc hội đàm sau đây.

§2

-Sao! ông che mặt à? – Người mới đến nói với một giọng ngạc nhiên pha lẫn chút bực bội.

đó là người đàn ông to béo khoảng năm mươi tám tuổi, với ánh mắt nghiêm nghị và sắc như con chim săn mồi, hàm râu và ria đã muối tiêu, và dù không mang mặt nạ, mớ tóc, và cả bộ mặt của ông ta bị che khuất quá nửa, dưới một cái mũ to rộng vành, còn toàn thân và quần áo thì ấn sau chiếc áo choàng rộng xanh thẫm.

Cauvignac, khi nhìn kỹ hơn người vừa nói với mình, không thể kềm được một cử chỉ ngạc nhiên khiến người kia hỏi: -Sao? ông làm sao vậy?

-Không có gì cả, thưa ông, tôi chỉ bị mất thăng bằng thôi. Nhưng hình như ông vừa ban cho tôi cái hân hạnh đã mở lời với tôi thì phải, ông vừa nói gì nhỉ?

-Tôi hỏi tại sao ông lại che mặt?

-Câu hỏi rất thẳng thắn. – Chàng thanh niên đáp – Và tôi cũng xin thẳng thắn trả lời, tôi che mặt để ông không thấy mặt tôi.

-Thế có nghĩa là tôi biết mặt ông à?

-CÓ lẽ không đâu, nhưng thấy được một lần rồi, thì sau này ông có thể nhận ra, điều mà tôi cho là hoàn toàn không cần thiên.

-Nhưng như vậy thì ông không được thành thật như tôi.

-Vâng, nếu sự thành thật đó có thểlàm hại đến tôi.

-Và sự thành thật đó đi đến chỗ tiêu lộ những bí mật của kẻ khác à?

-Tại sao không, nếu như tiêu lộ đó mang đến cho tôi một mối lợi?

-ông Ở trong một tư thế hay thật.

-Biết sao được! Phải làm tất cả những gì có thểlàm được thưa ông. Tôi đã từng là luật sư, rồi bác sĩ, và chiến sĩ, ông cũng thấy là tôi không thiếu ngành chuyên môn.

-Còn bây giờ ông là ai?

-Tôi xin là người phục vụ cho ông. – Chàng thanh niên đáp và cúi chào với một vẻ kính cẩn – ông có lá thư đấy không?

-ông có tờ khống chỉ đó không?

-NÓ đây.

-ông có muốn chúng ta trao đổi không?

-Khoan đã, thưa ông. – Người đàn ông mặc áo choàng xanh thẫm nói – Tôi rất thích thú khi được trò chuyện với ông và không muốn để mất đi niềm vui này.

-Sao kia! Thưa ông, tôi hoàn toàn phục tùng theo ý ông – Cauvignac trả lời, chúng ta hãy trò chuyện vậy, nếu tôi không làm nhàm tai ông.

-ông có muốn tôi qua thuyền ông hoặc là ông thích sang thuyền tôi hơn, để chúng ta cách ly – vô ích thôi, thưa ông, có lẽ ông biết một ngoại ngữ nào đó?

-Tôi có thể nói tiếng Y Pha Nho.

-Tôi cũng thế, vậy chúng ta hãy trao đổi với nhau bằng tiếng Y Pha Nho nếu ông cho là tiện – Rất tiện! Vì lý do nào – ông kia tiếp tục với thứ ngôn ngữ đã giao ước – ông quyên định tiến lộ với ngài quận công tước d'Épernon, chuyện ngoại tình của người phụ nữ chúng ta đang nói đến đây?

-Tôi muốn giúp ích cho ngài công tước cao quý ấy và mong được ngài chiếu cốđên.

-Thế ông có lý do để hận thù tiểu thư Lartigues à?

-Tôi à, hoàn toàn ngược lại, tôi còn mang ơn tiểu thư nhiều lắm, điều này thì tôi phải thú nhận, và sẽ rất buồn bực nếu có tai họa xảy đến với tiểu thư Lartigues.

-Nếu vậy thì ông có tư thù với nam tước de Canolles à?

-Tôi chưa bao giờ gặp người đó, chỉ mới nghe tiếng thôi, và cần phải nói thêm rằng nam tước có tiếng là một kỵ sĩ lịch thiệp và nhà quý tộc dũng cảm.

-Như vậy, không có một lý do dù thù hận nào khiến ông hành động ư?

-ôi! Nếu tôi giận dỗi ngài nam tước de Canolles, tôi sẽ yêu cầu anh ta cùng đấu súng hoặc đấu gươm, và anh ta, vì là một người dũng cảm, sẽ không từ chối những chuyện như vậy đâu.

-Nếu như vậy thì phải tin vào những gì ông vừa nói à?

-Tôi nghĩ rằng ông chỉ còn mỗi cách đó.

-Thôi được! ông có mang lá thư tố giác việc ngoại tình của tiểu thư de Lartigues đó chứ?

-NÓ đây! Đây là lần thứ hai mà tôi cho ông thấy.

Nhà quý tộc già ném cái nhìn đầy buồn phiền lên mảnh giấy ấn hiện những dòng chữ.

Chàng trai từ từ giơ lá thư ra.

-ông nhận ra nét chữ chứ?

-Nào, hãy đưa tôi tờ khống chỉ và ông sẽ có bức thư.

-Khoan đã! Cho tôi hỏi thêm một câu nữa nhé?

-Xin ông cứ hỏi.

Và chàng thanh niên gấp mẩu giấy lại, đút vào túi.

-Làm sao ông có được lá thư đó?

-Tôi sẽ nói cho ông biên.

-Tôi xin nghe đây.

-Chắc ông cũng biết rằng phe đảng cầm quyền khá phung phá của ngài công tước d'Épernon đã gây cho ông này nhiều khó khăn trong vùng Guyenne chứ?

-Biên, hãy bỏ qua chuyện đó đi.

-Chắc ông cũng biết rằng phe cầm quyền keo kiệt đến mức khủng khiếp của ngài Mazarin đã gây cho ông ta khá nhiều khó khăn tại thủ đô chứ?

-Ngài de Mazarin và ngài d'Épernon thì có ăn nhập gì đến chuyện này?

-Khoan đã, từ hai chính quyền đối địch đó nảy sinh ra một tình trạng gần giống như một trận chiến toàn diện, mà trong đó mỗi người đều có phe cánh riêng của mình. Ngài Mazarin hiện thời đang tham chiến vì Hoàng hậu, ông tham chiến vì Đức vua, ngài trợ Giám mục tham chiến vì đức ông de Beaufort, đức ông de Beaufort tham chiến vì Phu nhân de Montbazon, ngài de la Rochefoucauld tham chiến vì bà de Longueville, đức ông Quận công D'Orlesans tham chiến vì tiểu thơ Soyeon, nghị viện tham chiến cho dân chúng, cuối cùng người ta đã bắt nhốt ngài de Condé vì đã chiến đấu cho nước Pháp. Còn tôi, vì sẽ chẳng được lợi lộc gì nếu tôi chiến đấu cho Hoàng hậu, cho Đức vua, cho ngài trợ giám mục, cho đức ông de Beaufort, cho phu nhân de Montbazon, cho phu nhân de Longueville, cho tiểu thư de Soyon, cho dân chúng, hoặc là cho nước Pháp, nên tôi nảy ra một ý nghĩ, đó là không theo một phe nào cả, nhưng theo đường hướng mà tạm thời tôi đang bị lôi cuốn vào, đối với tôi, tất cả chỉ là vấn đề tùy theo tình hình.

ông bảo sao về ý nghĩ này?

-Thật là khôn ngoan.

-Do đó tôi đã chiêu mộ một đạo quân, ông cũng thấy họ đang đứng trên bờ sông Dordogne – Chà, năm người!

-Dẫu sao thì cũng hơn toán quân của ông một người, ông chớ nên khinh thường họ.

-An mặc lôi thôi! – Nhà quý tộc già tiếp, giọng bực bội.

-Đúng là… – Chàng thanh niên nói tiếp – họ trông khá giống với các chiến hữu của Falstaff.

Đừng để ý gì cho lắm. Falstaff là một nhà quý tộc người Anh có quen biết với tôi. Chiều nay họ sẽ có được những bộ trang phục mới và ngày mai, nếu ông có gặp lại, ông sẽ thấy đấy đúng là những chàng trai rất bảnh.

-Hãy trở lại vấn đề của chúng ta, tôi cần gì đến những chàng trai của ông?

-Thì đấy khi tham chiến vì lợi ích của chính mình, chúng tôi bắt gặp những người thu thuế của hạt, đang đi từ làng này sang làng khác, góp nhặt đầy đủ túi cho đức hoàng thượng chừng nào lão ta chưa hái đến đồng cuối cùng thì chúng tôi đi theo hộ tống lão, và phải thú nhận rằng khi thấy các túi căng phồng đó, tôi rất muốn theo về phe với nhà vua. Nhưng những biết cốrối tung lộn xộn, cùng với hoạt động chống đỡ ngài Mazarin, và những lời oán trách ngài công tước d'Épernon mà chúng tôi nghe nổi lên khắp nơi, đã khiến chúng tôi hồi tâm lại. Chúng tôi cho rằng chân lý của các vị hoàng thân là tốt hơn cả nên chúng tôi

cuồng nhiệt ủng hộ họ, viên thu thuế chấm dứt chuyển công vụ của mình khi vào căn nhà nhỏ biệt lập mà ông thấy đằng kia, phía sau rặng liễu và bạch dương.

-Nhà của Nanon? – Người đứng tuổi lẩm bẩm – Có, tôi có thấy.

-Chúng tôi rình lúc lão đi ra, chúng tôi đi theo lão như đã làm từ năm ngày qua, chúng tôi cùng theo lão ta xuống thuyền qua sông, phía bên dưới mạn Saint Michel một chút và khi ra đến giữa sông, chúng tôi trình bày cho lão ta biết sự hồi tâm của chúng tôi về mặt chính kiên, và với một thái độ hết sức lịch sự, chúng tôi khuyên dụ lão ta nên trao lại cho chúng tôi món tiền mà lão đang giữ. Lão ta từ chối, ông ạ! Thế là các bạn hữu của tôi lục soát người lão, và vì lão kêu la đến độ chói tai, nên viên thuộc cấp của tôi, một thành viên đầy tài năng, người mà ông thấy đang đứng đằng kia giữ ngựa giùm tôi vai khoác áo choàng đỏ đấy, nghĩ rằng vì nước vốn không bao giờ để lọt qua các luồng không khí, cũng vì vậy sẽ cắt đứt mọi âm thanh, đó là một định luật vật lý mà tôi có biên, bởi vì tôi từng là y sĩ, nên rất hoan nghênh. Thế là kẻ vừa đưa ra đề nghị đó đè đầu tên cứng cổ xuống sông, vừa giữ nó dưới nước sâu độ một bộ, chứ không hơn, quả vậy, lão thu thuế không kêu la nữa, hoặc nói cho đúng hơn, chúng tôi không còn nghe lão kêu la nữa, do đó chúng tôi có thể vì danh nghĩa của các vị hoàng thân lấy tất cả số tiền của lão, và thư từ mà lão có nhiệm vụ chuyển giao. Tôi đã cho quân lính của tôi số tiền, vì như ông đã nhận xét một cách chính xác rằng họ đang cần có trang phục mới, còn tôi giữ lại các giấy tờ, trong đó có lá thư này.

hình như lão thu thuế tốt bụng giữ nhiệm vụ liên lạc tơ hồng cho tiểu thư de Lartigues.

-Thật vậy! – Người đứng tuổi lẩm bẩm – Nếu tôi không lầm thì đó là một kẻ thân cận của Nanon. Còn cái tên khốn kiếp thì sao rồi?

-à! Rồi ông sẽ thấy rằng chúng tôi đã hành động đúng khi những tên khốn kiếp như ông vừa nói ấy xuống nước. Thật vậy, nếu không có hành động thận trọng đó, lão ta đã kêu gào cho mọi người trên trái đất này chạy đến, ông có thể tưởng tượng được không, khi chúng tôi lôi lão từ dưới nước lên, dù chỉ mới độ mười lăm phút thế mà lão đã chêm vì quá tức giận.

-Rồi các ông lại cho lão ta xuống sông luôn chứ gì?

-Đúng như ông nói.

-Nhưng nếu người liên lạc bị trôi sông?

-Tôi không nói là lão ta bị trôi sông.

-Thôi đừng tranh cãi về các từ nữa, nếu người liên lạc đã bị chêm?

-Ồ! Nói vậy thì đúng, lão ta đã chêm thật sự.

-Thì ông de Canolles sẽ không được thư và sẽ không đến chỗ hẹn.

-Ồ! Khoan đã! Chúng tôi chống lại các thế lực chứ không chống lại các cá nhân. Ngài de Canolles đã nhận được một bản sao của lá thư đây, có điều, nghĩ rằng nguyên bản có thể có được một giá trị nào đó nên tôi giữ lại.

-Anh ta sẽ nghĩ sao nếu không nhận ra tuồng chữ?

-Rằng người ta đã mời anh ta đến gặp gỡ, vì thận trọng tối đa, đã nhờ đến sự giúp đỡ của một bàn tay khác.

ông khách kia nhìn Cauvignac với ít nhiều khâm phục trước thái độ trơ trẽn pha lẫn với một đầu óc nhanh nhạy đến như vậy.

ông ta muốn thử xem có cách nào để thị uy trước tên gian hùng này hay không.

-Nhưng còn nhà cầm quyền, còn các cuộc điều tra thì sao, ông không nghĩ đến à?

-Các cuộc điều tra! – Chàng thanh niên cười và nói tiếp – à, có chứ, ngài d'Épernon còn nhiều việc phải làm hơn là mở các cuộc điều tra, nhưng tôi đã không từng nói với ông rằng những gì tôi làm đó là để ngài ấy chiếu cốđên hay sao? Ngài ấy sẽ là một người vô ơn nếu từ chối với tôi điều này.

-Tôi không hiểu rõ lắm – Nhà quý tộc già nói với giọng châm biếm – Là tại sao, như ông vừa mới thú nhận, rằng ông đã ủng hộ các vị hoàng thân rồi lại còn có ý nghĩ kỳ quặc là muốn theo về phe với ngài d'Épernon?

-Nhưng đó lại là điều dễ hiểu nhất trên thế gian này, những giấy tờ tịch thu được của viên thu thuế đã giúp tôi hiểu rõ hơn về tính cách trong sáng trong các ý định của đức vua, ngoài hoàn toàn thanh minh trước con mắt tôi, và ngài công tước d'Épernon muôn ngàn lần có lý trong cách cư xử đối với thần dân của ông ta. Đấy mới là chân lý đúng nghĩa và thế là tôi đi theo chân lý đúng nghĩa ấy.

-Đúng là một tên gian hùng mà ta sẽ không ngần ngại treo cổ một khi hắn rơi vào tay ta!" – ông già làu bàu, vừa đưa tay vuốt vuốt mấy sợi ria lởm chởm.

-ông nói gì cơ?… – Cauvignac hỏi, vừa nháy mắt sau chiếc mặt nạ.

-Không có gì cả. Bây giờ thêm một câu hỏi nữa, ông sẽ làm gì với tờ khống chỉ này?

-Quỷ tha tôi đi nếu tôi đã có một dự định gì về cái đó. Tôi đòi hỏi một tờ khống chỉ bởi vì đó là một vật tiện lợi nhất, dễ xử dụng nhất. Rất có thểlà tôi chỉ đem nó ra xử dụng vào một việc cần kíp nhất, mà cũng có thể là tôi phung phí nó vào một ý nghĩ điên rồ nào đó, có thểlà tôi sẽ trình nó lại với ông trước những ngày cuối tuần này, mà cũng có thể nó chỉ trở về với ông sau hoặc bốn tháng cùng qua tay một tá người chuyển nhượng, như một tờ tín phiếu vậy. Nhưng dẫu sao đi nữa, cũng xin ông hãy an tâm, tôi sẽ không xử dụng nó vào những việc mà sẽ làm chúng ta, ông và tôi phải xấu hổ. Chúng ta đều là những nhà quý tộc cả mà.

-ông thuộc dòng dõi quý tộc à?

-Vâng thưa ông, một trong những dòng họ cao quý nhất.

-Nếu thế thì ta sẽ cho ngươi ăn roi vậy" – ông khách lẩm bẩm – "Tờ khống chỉ này được xử dụng vào việc đó mới là đúng."

-ông sẽ cho tôi tờ khống chỉ đó chứ? – Cauvignac hỏi.

-Dĩ nhiên.

-Tôi không ép ông đâu, xin ông hiểu cho, đây là một sự trao đổi như tôi đã đề nghị. Hãy giữ lấy tờ giấy của ông và tôi giữ giấy của tôi.

-Lá thư đâu?

-Tờ khống chỉ đâu?

Và chàng ta một tay đưa ra lá thư, một tay cầm lấy khấu súng.

-Xin ông hãy để yên cây súng đó! – ông khách nói và đưa tay vén áo choàng lên, bởi vì tôi cũng có súng như ông. Chúng ta hãy xử sự sòng phẳng, đây, tờ khống chỉ của ông đây.

Cuộc trao đổi diễn ra một cách đứng đắn và mỗi bên tùy nghi kiểm tra hết sức chăm chú cái mà người kia vừa trao cho mình.

-Thưa ông, bây giờ thì ông đi về hướng nào? – Cauvignac hỏi.

-Tôi phải qua bên bờ sông bên phải.

-Còn tôi thì sẽ qua bên trái. – Cauvignac đáp lại.

-Vậy chúng ta phải làm sao đây? Người của tôi đều Ở phía bên ông sẽ qua, còn người của ông lại Ở phía bên này.

-Ồ không có gì dễ hơn thưa ông: Qua đến bờ bên kia hãy cho người của tôi lên thuyền ông và tôi cũng sẽ làm như vậy với người của ông.

-Anh thật thông minh và nhanh trí!

-Tôi vốn sinh ra là để chỉ huy quân đội.

-ông là một viên chỉ huy kia mà!

-À vâng, phải rồi! – Chàng trai đáp lại, tôi quên mất.

ông khách ra hiệu cho người lái đò tháo dây cột thuyền và đưa ông ta qua bên bờ đối diện với nơi xuất phát, về hướng một lùm cây um tùm kéo dài đến đường lộ.

Chàng thanh niên, có lẽ e sợ một hành động phản trắc nào đó, liền rướn người lên để nhìn theo ông ta, ngón tay vẫn đặt trên cò súng, sẵn sàng nhả đạn trước bất kỳ một cử chỉ khả nghi nào của ông kia. Nhưng ông này cũng chẳng thèm bận tâm đến thái độ nghi ngờ đó, và quay lưng về phía chàng thanh niên với một thái độ vô tư thật sự hay giả tạo khó mà biết được, ông ta bắt đầu đọc lá thư và chẳng bao lâu đã hoàn toàn bị thu hút vào những dòng chữ.

-ông hãy nhớ kỹ giờ hẹn nhé! – Cauvignac nói – Đúng là tối nay, tám giờ.

Ông khách không trả lời và cũng chẳng có vẻ gì đã nghe câu nói.

-Chà! – Cauvignac nói nhỏ với chính mình, vừa đưa tay vuốt ve báng súng – Phải chi mà mọi người biết được rằng ta có thể tùy nghi thay đổi viên toàn quyền của vùng Guynne và làm ngừng cuộc nội chiến. Nhưng nếu công tước d'Épernon chêm rồi thì tờ khống chỉ của ta còn xài được gì nữa chứ? Mà hết nội chiến rồi thì ta sẽ sống bằng gì đây? Phải nói là có nhiều lúc ta như sắp điên mất! Công

tước d'Épernon và cuộc chiến muôn năm! Nào, ông lái chèo đi thôi và hãy cho ta qua bờ bên kia không nên làm cho đức ông kia phải chờ đợi những người hầu cận của mình.

Một lát sau, Cauvignac cập vào bên bên trái của con sông Dordogne. Cũng ngay lúc đó, ông khách kia lên bờ và gửi Ferguzon cùng năm tên cướp đường lên chiếc thuyền của ông lái bên Ison. Chàng trai không muốn tỏ ra kém lịch sự hơn nên bảo người lái thuyền của mình chở về bên kia bốn người bộ hạ của ông khách, đến giữa sông, hai con thuyền giao nhau, và họ lịch sự chào nhau rồi mọi chiếc cặp vào bờ đúng điểm hẹn. Thế là ông khách lạ cùng với nhóm người của mình biết mất sau lùm cây um tùm, còn Cauvignac với đám tay chân dần bước trên con đường đi Ison.

§3

Nửa giờ đồng hồ sau màn kịch mà chúng tôi vừa mô tả, cũng vẫn cánh cửa sổ đó của lữ quán nhà Biscarros mà ban nãy đã đóng sập lại một cách đột ngột, đang từ từ thận trọng hé ra và nơi bệ cửa hiện ra sau khi đã cẩn thận nhìn sang phải sang trái, một cậu thiếu niên độ mười sáu hoặc mười tám tuổi, ăn mặc toàn đen, với bên trong là một chiếc áo sơ mi trắng muốt viền đăng ten diêm dúa theo đúng mốt mới nhất của thời bấy giờ. Một bàn tay nhỏ nhắn, thanh lịch, mũm mĩm, một bàn tay quý phái chính hiệu, đang vò nát một cách nóng nảy cặp găng tay da hươu có những đường thêu, chiếc mũ phớt màu xám bạc, với một cọng lông màu xanh đẹp mắt, che khuất mái tóc dài và lóng lánh vàng bao phủ thật tuyệt vời một khuôn mặt trái soan trắng ngần với đôi môi hồng và hai hàng lông mày sẫm màu. Nhưng, cần phải nói thêm rằng tất cả vẻ duyên dáng đó lẽ ra sẽ khiến cho chàng thiếu niên trở nên một kỵ sĩ thanh lịch nhất lại bị u ám đi bởi một vẻ cau có mà nguyên nhân có lẽ do sự chờ đợi kéo dài vô hiệu, bởi vì chàng ta cứ mở to mắt dõi theo con đường đang bắt đầu chìm trong sương chiều.

Trong lúc nóng nảy, chàng thiếu niên đập mạnh cặp găng tay lên bàn tay trái. Nghe tiếng động đó, ông chủ quán đang sắp vặt lông xong ngẩng đầu lên và giở nón ra: -Thưa ngài, ngài sẽ dùng bữa vào lúc mấy giờ ạ? Chúng tôi chỉ còn chờ ngài cho lệnh để dọn lên thôi.

-Ông cũng biết là tôi không dùng bữa một mình và tôi đang chờ một người. – Chàng thiếu niên nói – Chừng nào ông thấy người đó đến thì có thể dọn các món ăn lên.

-Ôi, thưa ngài! – Mét Biscarros trả lời – Tôi thật không dám chê trách gì người bạn của ngài vì người đó có quyền muốn đến hoặc không, nhưng bắt người khác chờ đợi như thế thật là một thói quen không được hay lắm.

-Mà đúng là người ấy đâu có thói quen đó, nên tôi rất ngạc nhiên vì sự chậm trễ này.

-Tôi không chỉ ngạc nhiên thôi, thưa ngài, tôi rất lấy làm buồn phiền, món gà quay sẽ bị cháy mất thôi.

-Thì lấy nó ra khỏi lò.

-Nếu vậy thì nó sẽ nguội đi.

-Cho một con khác vào lò.

-Thì nó sẽ không chín kịp mất.

-Thế thì ông bạn à, xin ông cứ làm theo như ý ông. – Chàng thiếu niên nói và dù đang bực bội cũng phải buồn cười trước vẻ tuyệt vọng của chủ quán – Tôi hoàn toàn tin tưởng vào sự khôn ngoan của ông.

-Không có sự khôn ngoan nào, dù là của đức vua Solomon đi nữa, có thể làm cho một bữa ăn đã hâm đi hâm lại mà ngon miệng được.

Khi đã thốt lên định luật bất di bất dịch đó, mà sau này Boilau sẽ viết nên cả một bài thơ, mét Biscarros trở vào quán, vừa đi vừa đau khổ lắc đầu.

Và chàng thiếu niên, như để quên đi sự chờ đợi, quay vào phòng, gõ ủng lên sàn nhà một hồi. Kế đó, nghe văng vẳng đằng xa như có tiếng vó ngựa, chàng vội quay lại cửa sổ.

-Chà! Ông ấy đây rồi! May quá!

Quả vậy, từ nơi bụi cây có con chim họa mi đang hót mà những nốt nhạc réo rắt không lôi cuốn nổi chàng thiếu niên có lẽ vì sự chờ đợi kéo dài, chàng thấy cái đầu của một kỵ sĩ, nhưng ngạc nhiên thay chàng hoài công khi đợi người này hiện ra trên con đường: Kẻ mới đến rẽ qua bên phải, ẩn vào bụi rậm và chỏm mũ tụt xuống, chứng tỏ người kỵ sĩ vừa đặt chân xuống đất. Một lát sau, chàng thiếu niên thoáng thấy, qua những cành lá được cẩn thận gạt sang một bên, một chiếc áo choàng xám và ánh phản chiếu dưới nắng chiều của một nòng súng dài.

Chàng thiếu niên đứng lặng bên cửa sổ. Rõ ràng là người kỵ sĩ ẩn nấp trong bụi rậm kia không phải là người mà chàng chờ đợi và nét nóng nảy trên khuôn mặt linh hoạt nhường chỗ cho vẻ tò mò.

Chẳng bao lâu, một cái mũ khác lại hiện ra nơi khúc quanh đường, chàng thiếu niên nấp qua một bên để không bị lộ diện.

Cũng vẫn chiếc áo choàng xám, vẫn thao tác đó, vẫn nòng súng bóng loáng kia, người mới đến nói vài câu với người thứ nhất mà chàng thiếu niên nghe không rõ vì khoảng cách khá xa, và sau vài lời dặn dò mà người bạn đưa ra, người thứ hai cũng đâm vào bụi cây kế cận, xuống ngựa nấp sau một tảng đá và chờ đợi.

Từ nơi ẩn hiện trên cao của mình, chàng thiếu niên trông thấy cái mũ phớt bên tảng đá. Bên cạnh cái mũ sáng lên ánh thép của nóng khẩu súng dài.

Một cảm giác hoảng sợ mơ hồ xâm chiếm tâm trí chàng thiếu niên khi nhìn thấy cảnh đó và chàng cố gắng lùi sâu vào tường.

"Chà, chà" – Chàng tự nhủ – "Có phải vì ta và vì một ngàn đồng Louis (Louis: Đồng vàng có giá trị bằng 20 quan) mà ta mang theo mà họ đã hành động như vậy chăng? Nhưng mà không, bởi vì giả sử như Richon có đến và tối nay ta có thể lên đường, thì ta sẽ đi Libourne chứ có đi Saint André de Cubzac đâu, bởi vậy ta sẽ không đi ngang qua chỗ mà mấy tên láo lếu ấy đang ẩn nấp. Phải chi có lão Pompéc ở đây, ta sẽ hỏi ý kiến lão. Nhưng mà, ta có lầm không nhỉ, lại thêm hai tên nữa. Chà! Đây có vẻ như một cái bẫy vậy."

Và chàng thiếu niên lại lùi sâu vào thêm một bước.

Quả thật, ngay khi đó hai người kỵ sĩ khác hiện ra nơi khúc quanh của con đường, nhưng lần này, chỉ có một trong hai người vận áo choàng xám. Người kia,

cưỡi trên một con ngựa cao lớn đen tuyền và trùm kín trong một chiếc áo choàng rộng, đội một chiếc mũ phớt có viền được tô điểm bằng một cộng lông trắng, và dưới chiếc áo choàng thỉnh thoảng bay tung lên bởI làn gió chiều, ẩn hiện những đường thêu thêm diêm dúa của một chiếc áo chẽn màu đỏ tươi.

Có thể nói đó là ánh chiều tà kéo dài để rọi sáng cảnh tượng đó bởi vì những tia nắng cuối cùng lan ra từ sau những áng mây đen nơi chân trời bỗng lóe sáng lên như muôn ngàn viên hồng ngọc trên những ô cửa kính của một ngôi nhà xinh xắn nằm cạnh con sông khoảng một trăm bước chân, nếu không như vậy chàng thiếu niên sẽ không nhìn thấy ngôi nhà đó vì nó nằm khuất giữa các tán lá của những thân cây lớn. Ánh sáng đó cho thấy rằng, trước hết ánh mắt của mấy tên do thám chuyển từ ngõ vào làng qua căn nhà đó, sau nữa là mấy chiếc áo choàng xám tỏ ra rất kính cẩn với chiếc mũ có lông trắng và cuối cùng là qua một trong mấy khung cửa sổ vừa được mở toang, một người phụ nữ bước ra bao lơn, cúi xuống một lát như chính mình đang chờ đợi ai đó rồi vội quay vào như sợ bị bắt gặp.

Ngay sau khi người phụ nữ quay trở vào, mặt trời hạ thấp xuống sau đỉnh núi và càng xuống thấp, tầng trệt ngôi nhà chìm dần trong bóng tối, ánh sáng rời các cửa sổ chuyển lên mái ngói cuối cùng biến hẳn sau khi một lần cuối cùng, vẽ lên một chùm ánh sáng vàng chóe.

Đối với một đầu óc thông minh thì từng đó cũng đủ chứng cớ để dựng lên, nếu không phải là những điều xác thực thì cũng là những nghi vấn.

Rất có thể là những người này đang canh chừng ngôi nhà nhỏ hẻo lánh nơi người đàn bà vừa hiện ra ở bao lơn trong chốc lát. Cũng rất có thể là người phụ nữ và những người đàn ông kia cùng chờ đợi một người nào đó, nhưng với những ý định hoàn toàn khác hẳn nhau. Và cũng rất có thể là người đang được chờ đợi kia sẽ đến từ ngõ vào làng, do đó sẽ phải đi ngang qua trước lữ quán vì quán này nằm giữa làng và lùm cây um tùm kia cũng như lùm cây um tùm kia lại nằm giữa lữ quán và ngôi nhà trọ. Cuối cùng, cũng rất có thể là người kỵ sĩ với mũ gắn lông trắng là người chỉ huy mấy chiếc áo choàng xám. Và qua cử chỉ nóng nảy của người này khi rướn mình trên yên ngựa để nhìn được xa hơn có thể hiểu rằng người chỉ huy này đang ghen tức và chắc chắn là rình rập vì lý do riêng.

Ngay khi chàng thiếu niên vừa chấm dứt chuỗi lập luận đó, cánh cửa phòng của chàng mở ra và mét Biscarros bước vào.

-Chủ quán à! – Chàng thiếu niên nói mà không để cho kẻ mới bước vào phòng một cách tùy tiện trình bày lý do của lão, lý do mà chàng trai đã biết rất rõ – Hãy đến đây và nói cho tôi biết, nếu câu hỏi của tôi không phải là thiếu kín đáo, ngôi nhà thấp thoáng đằng xa kia như một chấm trắng giữa những cây liễu và bạch dương là của ai vậy?

Ông chủ quán nhìn theo hướng tay chỉ và đưa tay gãi trán: -Nói cho đúng, khi thì của người này, lúc của người kia. – Ông ta trả lời với một nụ cười cố tỏ vẻ châm biếm – Nó là của ngài nếu ngài có một lý do nào đó để tìm kiếm cảnh cô tịch, hoặc là ngài muốn tránh né sự tò mò của kẻ khác, hoặc giản dị là ngài muốn che dấu ai đó.

Chàng thiếu niên đỏ mặt: -Nhưng hôm nay thì ai ở trong ngôi nhà ấy?

-Một phu nhân trẻ tự cho mình là bà góa, mà bóng ma của người chồng đầu tiên, có lẽ của cả người chồng kế thỉnh thoảng vẫn trở về thăm viếng. Nhưng phải ghi nhận một điều này: Đúng là cả hai bóng ma đã có thỏa thuận với nhau nên không bao giờ trở về cùng một lúc.

-Bà góa xinh đẹp ấy – Chàng thiếu niên mỉm cười hỏi tiếp – đến ngụ trong nhà lắm bóng ma từ bao giờ vậy?

-Khoảng độ hai tháng nay. Vả lại, bà ta tỏ ra rất kiêu kỳ. Hai tháng qua, chẳng ai dám tự nhận là được thấy mặt bà ta: Bởi vì rất hiếm khi bà ta ra ngoài mà nếu có đi đâu cũng che kín mặt. Mỗi buổi sáng, một cô hầu khá xinh đến tôi đặt các bữa ăn cho ngày. Người của tôi mang đến: Người hầu nhận nơi phòng ngoài, thanh toán rất rộng rãi và đóng cửa ngay trước mũi thằng nhỏ. Như tối nay chẳng hạn, ở đấy có đãi đằng, và chính vì thế mà tôi vặt lông mấy con chim đa đa và chim cút mà ngài thấy đấy.

-Bà ta đãi ai vậy?

-Có lẽ là đãi một trong hai bóng ma mà tôi vừa kể với ngài.

-Ông có bao giờ thấy mấy bóng ma đó chưa?

-Có đấy, nhưng chỉ vào buổi tối, khi mặt trời đã lặn và sáng sớm khi ngày chưa đến.

-Ông Biscarros thân mến à, ngay từ câu đầu tiên, có thể thấy ông là một người có mắt quan sát. Sao ông không nhìn thấy gì đặc biệt trong cung cách của hai bóng ma đó à?

-Bóng thứ nhất của một một người đàn ông tuổi từ sáu mươi đến sáu mươi lăm, và có vẻ như là bóng ma của ông chồng trước, bởi vì nó đến như một kẻ vững tin vào quyền lực của mình. Bóng kia là của một chàng trai trẻ độ hai mươi sáu đến hai mươi tám tuổi, và cái bóng này tôi phải nói thêm là nó rụt rè hơn, cứ như là một cô hồn lang thang. Bởi vậy tôi chắc đây là người chồng kế.

-Còn hôm nay ông được lệnh mang bữa ăn tối đến vào lúc mấy giờ?

-Tám giờ.

-Bây giờ đã là bảy giờ ba mươi. – Chàng thiếu niên nói sau khi lôi từ từ trong túi ra một chiếc đồng hồ khá xinh xắn mà chàng vẫn chốc chốc coi giờ – Ông coi chừng trễ đấy!

-Ồ! Xin ngài đừng lo, nó sẽ được chuẩn bị kịp giờ, có điều tôi lên để hỏi vì tôi muốn nói rằng tôi vừa chuẩn bị một món khác. Bởi vậy, vì ông bạn của ngài

đến quá trễ, bây giờ phải làm sao để ông ta đến sau một giờ nữa.

-Hãy nghe tôi đây, chủ quán à! – Chàng thiếu niên nói với vẻ mặt của người cho bữa ăn chỉ là một vấn đề thứ yếu, ông đừng lo lắng gì về bữa ăn của chúng tôi cả. Dù cho người bạn của tôi có đến đi nữa thì chúng tôi sẽ phải trò chuyện với nhau. Nếu các món ăn chưa chuẩn bị kịp thì chúng tôi sẽ nói chuyện trước, còn nếu đã có sẵn thì chúng tôi sẽ trò chuyện sau vậy.

-Quả thật, thưa ngài! – Ông chủ quán nói – Ngài thật là một người dễ chịu và bởi vì ngài đặt hoàn toàn tin tưởng vào tôi nên xin ngài cứ yên tâm, ngài sẽ được hài lòng.

Nói xong, mét Biscarros cúi chào thật sâu và được chàng thiếu niên đáp lại bằng một cử chỉ gật đầu nhẹ, rồi lão đi ra.

"Bây giờ" – Chàng thiếu niên tự nhủ khi quay lại với chỗ quan sát của mình bên cửa sổ – "Thì mình hiểu cả rồi. Bà phu nhân đang chờ đợi ai đó sẽ từ Libourne đến, còn những người nấp trong bụi rậm thì có có ý định gặp người khách trước khi chàng ta đến gõ cửa ngôi nhà."

Cũng ngay khi đó, như để chứng minh những dự đoán của chàng, tiếng vó ngựa vang lên từ phía bên trái. Nhanh như tia chớp, ánh mắt của chàng phóng vào bụi rậm để quan sát thái độ của những người đang ẩn nấp. Dù bóng đêm đã bắt đầu làm nhòa đi mọi vật, chàng trông thấy như kẻ thù vạch các cành cây, kẻ thì nhổm người lên để nhìn qua các tảng đá, những người ẩn nấp chuẩn bị một tư thế trông hoàn toàn giống như một cuộc tấn công. Ngay khi đó, một tiếng động khô khốc, như tiếng đạn lắp vào ổ súng, ba lần vang lên bên tai chàng và làm chàng run lên. Thế là chàng vội quay về hướng Libourne, cố gắng nhìn cho rõ kẻ đang bị đe dọa bởi những tiếng động chết chóc ấy và thấy trên một con ngựa tuyệt đẹp đang phi nước kiệu, hiện ra một chàng trai rất đẹp, vẻ mặt hớn hở với chiếc áo choàng ngắn có lót satin trắng để hở một cách duyên dáng bên vai phải. Từ xa, khuôn mặt trông thật lịch sự, đầy thơ mộng và mang một vẻ kiêu hãnh vui tươi. Nhìn gần thì đấy là một khuôn mặt với những đường nét thanh tú, vẻ mặt linh hoạt, ánh mắt cuồng nhiệt, với cái miệng hé mở vì thói quen tươi cười, một hàng ria đen duyên dáng và hàm răng đều đặn, trắng bóc.

Đằng sau chàng khoảng năm mươi bước, trên lưng một con ngựa được bắt nhịp theo bước chân ngựa của chủ là một tên người hầu khá hợm hĩnh, có vẻ như thuộc vào hàng đầy tớ cũng không kém phần quý phái như chủ của hắn giữa đám các nhà quý tộc.

Chàng thiếu niên bảnh trai đứng nơi cửa sổ của lữ quán, có lẽ còn quá trẻ để có thể lạnh lùng chứng kiến một cảnh tượng như kiểu chàng biết chắc sẽ nhìn thấy, nên không thể nào không rùng mình khi nghĩ rằng hai con người đang tiến tới, đầy vô tư và tin tưởng kia, sẽ không còn nghi ngờ gì nữa, rơi vào cái bẫy đang dành cho họ. Dường như trong chàng đang diễn ra một sự đấu tranh rất

nhanh giữa tánh rụt rè của tuổi thơ và tình yêu đối với đồng loại. Cuối cùng thì lòng tốt chiến thắng và khi chàng kỵ sĩ sắp đi ngang qua cửa lữ quán mà cũng chẳng thèm liếc mắt vào, chàng thiếu niên, tuân theo một nhiệt tình đột ngột và một quyết định dứt khoát liền chồm mình đến trước và gọi người lữ khách xinh đẹp: -Này ông ơi! – Chàng thiếu niên kêu lên – Dừng lại đi, tôi có điều quan trọng muốn nói với ông.

Nghe tiếng gọi và những câu nói đó, chàng thanh niên ngẩng đầu lên, bắt gặp cậu thiếu niên nơi cửa sổ liền giựt dây cương cho ngựa dừng lại.

-Ông không nên dừng ngựa lại. – Cậu thiếu niên lại nói tiếp – Trái lại, hãy đến gần tôi một cách tự nhiên và làm ra vẻ như ông có quen với tôi.

Người mới đến hơi do dự, nhưng khi thấy rằng mình đang giao tiếp với một người quý phái có phong cách và bộ mặt dễ mến nên giơ mũ cầm tay và mỉm cười tiến đến: -Xin tuân theo lời anh bạn, tôi có thể giúp gì cho bạn được?

-Ông hãy đến gần hơn nữa! – Người đứng nơi cửa sổ lại nói – Bởi vì những gì tôi sắp nói đây không thể lớn tiếng được. Xin ông hãy đội mũ lên để mọi người nghĩ rằng chúng ta có quen biết với nhau từ lâu, và chính tôi là người mà ông đến đây để tìm gặp.

-Nhưng tôi chẳng hiểu gì cả.

-Rồi ông sẽ hiểu. Tạm thời hãy đội mũ lên đi, được rồi, hãy đến gần đây hơn, gần hơn, gần hơn nữa, đưa tay cho tôi, đấy! Rất hân hạnh được gặp ông! Bây giờ hãy nghe tôi nói, đừng đi xa hơn lữ quán này nếu không ông sẽ mất mạng.

-Có chuyện gì vậy? Anh bạn làm cho tôi sợ quá! – Chàng kỵ sĩ mỉm cười.

-Có phải ông muốn nói đến ngôi nhà nhỏ đằng kia, nơi có ánh đèn đấy không? – Người kỵ sĩ phác một cử chỉ.

-Nhưng trên đường từ đây đến đó, nơi khúc quanh, kế bên lùm cây um tùm đằng kia, có bốn người đang nấp chờ ông đấy.

-Thế sao! – Người kỵ sĩ kêu lên, mở to mắt nhìn cậu thiếu niên – Thật ư? Anh bạn chắc chứ?

-Tôi đã thấy họ lần lượt đến, kẻ sau người trước, xuống ngựa nấp sau những thân cây, và những tảng đá. Hồi nãy khi ông từ làng hiện ra, tôi có nghe thấy họ nạp đạn vào súng.

-Được lắm! – Chàng kỵ sĩ đã bắt đầu kinh hoảng.

-Vâng, thưa ông, đúng như tôi vừa nói, và nếu trời sáng sủa hơn, ông có thể nhìn thấy và nhận ra họ.

-Ồ, tôi không cần phải nhìn mặt họ, tôi biết rõ đấy là những ai. Nhưng còn anh làm sao biết được tôi đang đi đến ngôi nhà đó và chính tôi là kẻ mà người ta đang chờ đợi?

-Tôi đoán như vậy.

-Anh bạn thật tử tế, cám ơn nhiều lắm. À! Thì ra họ muốn cho tôi ăn đạn, mà họ có bao nhiêu người tất cả nhỉ?

-Bốn trong đó có một là người chỉ huy.

-Người chỉ huy đó lớn tuổi hơn mấy người kia, đúng không?

-Vâng, theo như mắt của tôi nhìn thấy từ đây.

-Lưng hơi khòm?

-Vai rộng, lông mũ trắng, áo chẽn thêu, áo khoác sẫm cử chỉ hiếm hoi nhưng đầy uy quyền.

-Đúng rồi, đó là công tước d'Épernon.

-Công tước d'Épernon! – Cậu thiếu niên kêu lên.

-À! Bây giờ thì anh bạn biết chuyện riêng tư của tôi rồi. – Người khách mới đến cười nói – Tôi chưa bao giờ tiết lộ những chuyện như vậy, nhưng anh bạn đã giúp tôi một việc rất lớn nên tôi không phải e dè với anh. Mà những người đi theo ông ta họ ăn mặc như thế nào?

-Áo khoác lính màu xám.

-Đúng rồi, đó là những tên vẫn theo hầu lão ta.

-Nhưng hôm nay họ có mang theo súng.

-Để tiếp đón tôi đấy mà, tôi thật lấy làm hân hạnh! Bây giờ thì anh bạn có biết anh bạn phải làm gì không?

-Không, nhưng xin ông cứ cho biết ý kiến, và nếu có thể giúp ích được cho ông điều gì, thì tôi rất sẵn lòng.

-Anh có mang vũ khí chứ?

-À, tôi có một thanh gươm.

-Anh có người hầu không?

-Có chứ! Nhưng lão ta không có ở đây, tôi đã sai lão đi đón người mà tôi đang chờ đợi.

-Nếu vậy thì anh bạn cần phải giúp tôi một tay.

-Để làm gì?

-Để đánh úp mấy tên khốn kiếp đó, và bắt bọn chúng cùng với tên chỉ huy phải van xin chúng ta tha mạng.

-Ông có điên không? – Chàng thiếu niên kêu lên, chứng tỏ rằng cậu không một chút nào sẵn lòng trước một hành động như vậy.

-Tôi xin lỗi anh bạn! – Người kia nói – Tôi quên rằng đây không phải là việc của anh.

Rồi quay về phía tên người hầu đã dừng lại cách đó một khoảng cách: -Castorin, lại đây!

Cùng một lúc chàng ta đưa tay sờ đến bao súng nơi yên ngựa để biết rằng những khẩu súng vẫn nguyên vẹn.

-Ôi, thưa ông! – Chàng thiếu niên kêu lên vừa đưa tay ra như để cản chàng trai lại – Tôi van ông, không nên liều mạng mình vì chuyện như vậy! Tốt hơn cả là nên vào quán để đừng gây nghi ngờ cho những kẻ đang chờ đợi ông, hãy nghĩ đến danh dự của một người phụ nữ.

-Anh bạn có lý. – Người kỵ sĩ nói – Dù rằng trong trường hợp này vấn đề không phải là danh dự mà là tài sản. Này Castorin! – Chàng ta nói tiếp vừa quay về phía tên hầu – Tạm thời chúng ta không đi xa hơn đây nữa.

-Sao? – Castorin kêu lên, cũng thất vọng không thua gì chủ – Ngài nói gì kia?

-Tôi nói là tối nay cô Francinette sẽ mất niềm vui được gặp cậu, vì chúng ta sẽ ngủ lại đêm ở lữ quán Con Bê Vàng. Vào đi và bảo chủ quán chuẩn bị cho ta một bữa ăn tối cùng một cái giường.

Và có lẽ vì chàng ta thấy rằng Castorin đang toan phản đối, chàng kèm theo những lời nói cuối cùng đó một cái hất đầu tỏ ý không muốn bàn cãi thêm.

Thế là Castorin biến mất sau cánh cửa rộng, tai cụp xuống và không dám nói thêm một lời nào nữa cả.

Người mới đến nhìn theo Castorin một lát, sau một lúc nghĩ ngợi, chàng ta có vẻ như đã quyết định, đặt chân xuống đất, cùng đi vào nhà sau tên người hầu, sau khi đã ném dây cương lên cánh tay hắn, và chỉ với hai bước nhảy, đã lên đến phòng chàng thiếu niên. Cậu này khi thấy cánh cửa phòng mình bật mở, buông ra một cử chỉ kinh ngạc pha lẫn sợ sệt, mà người mới đến vì bóng tối, nên không thể thấy được.

-Rõ ràng rồi nhé! – Người mới đến vui vẻ bước lại gần chàng thiếu niên và thân mật siết bàn tay của chàng – Anh bạn đã cứu sống tôi đấy!

-Ồ, thưa ông, ông quá lời đấy thôi! – Chàng nói, vừa lùi lại một bước.

-Không, xin đừng khiêm tốn như vậy, đúng như tôi đã vừa nói mà, tôi biết rõ ngài công tước, lão ta rất tàn bạo. Còn anh bạn, anh bạn đúng là một kiểu mẫu về đức tính sáng suốt và lòng tốt. Nhưng xin cho tôi hỏi, vốn tử tế và đầy lòng trắc ẩn như vậy, anh bạn có ý nhắn giùm những người trong nhà kia chưa?

-Nhà nào?

-Thì nhà, nơi mà tôi đang muốn đến! Ở đấy người ta đang đợi tôi.

-Không. – Chàng thiếu niên nói – Tôi không nghĩ đến điều đó, xin thú thật như vậy. Mà có nghĩ đến đi nữa thì cũng không có cách nào đến được. Tôi vừa mới đến đây được hai tiếng đồng hồ, và chẳng quen biết ai trong ngôi nhà đó.

-Chà! Quái quỷ thật! – Người khách nói với cử chỉ lo âu – Tội nghiệp cho Nanon! Cầu mong đừng xảy ra chuyện gì với nàng.

-Nanon à? Nanon de Lartigues! – Chàng thiếu niên sửng sốt kêu lên.

-Ái chà! Anh bạn đúng là một tên phù thủy! Anh bạn thấy có người đến nấp sau bụi rậm và anh bạn đoán ngay được bọn họ muốn gì, tôi nói ra một cái tên và anh bạn đoán được cả họ. Nào, phải giải thích nhanh cho tôi rõ nếu không tôi sẽ

tố cáo anh bạn, sẽ cho anh bạn lên giàn hỏa thiêu của chính quyền tỉnh Bordesux đấy.

-À, lần này thì chắc ông cũng đồng ý với tôi. – Chàng thiếu niên lại nói, rằng chẳng phải khôn ngoan gì cho lắm để tìm ra tung tích người đó. Ông đã nêu danh ngài công tước d'Épernon như tình địch của ông, thì rõ ràng là ông có nói ra một cái tên Nanon nào đó, thì chỉ có thể là Nanon de Lartigues thật đẹp, thật giàu, thật khôn ngoan như mọi người thường nói, người mà công tước d'Épernon đang mê mệt và đang cai trị trong chánh quyền của ông ấy, khiến cho trong toàn vùng Guyennes bà ấy căm ghét không khác gì ông ta. Mà ông lại đến nhà người đàn bà đó à? – Chàng thiếu niên nói tiếp với giọng trách móc.

-Vâng, xin thú thật điều này, và bởi vì tôi đã nói ra cái tên đó, nên tôi sẽ không chối cãi. Vả lại, Nanon đã bị vu khống và không ai hiểu rõ cô ấy đâu. Đó là một phụ nữ rất dễ mến, luôn luôn trung thành với lời hứa của mình chừng nào cô ấy còn muốn giữ nó, và luôn luôn tận tụy với người yêu, nhưng khi cô ấy còn yêu. Tối nay tôi sẽ dùng bữa với cô ấy, nhưng ngài công tước lại về phá đám. Anh bạn có muốn tôi giới thiệu anh với cô ấy không? Quỷ thật! Dẫu sao thì lão công tước lúc này hay lúc khác, cũng phải trở về Agen thôi!

-Cám ơn. – Chàng thiếu niên đáp lại với giọng cộc lốc – Tôi chỉ mới được biết tên cô De Lartigues và thấy không cần thiết phải biết mặt.

-Chà anh bạn nghĩ sai rồi đó!

-Tôi chỉ đi ngang qua đây – Cậu nói – và đêm nay buộc phải lên đường rồi.

-Ồ! Nhưng mà anh bạn sẽ không ra đi trước khi tôi được hân hạnh biết người đã cứu mạng tôi là ai.

Chàng thiếu niên có vẻ do dự, và một lát sau nói: -Tôi là tử tước De Cambes.

-À à! Tôi có nghe nói đến một vị nữ tước De Cambes rất xinh đẹp, có rất nhiều đất đai chung quanh Bordeaux và là bạn của công chúa phu nhân.

-Đấy là chị bà con của tôi! – Thiếu niên vội vã nói.

-Tôi xin có lời chúc mừng anh, tử tước à, bởi vì người ta bảo là cô ấy thật tuyệt vời, hy vọng rằng nếu có dịp, anh bạn sẽ giới thiệu tôi với cô ấy nhé. Tôi là nam tước De Canolles, đại úy trong quân đội Navailles và tạm thời đang được hưởng một chế độ nghỉ phép mà công tước d'Épernon đã rộng lòng ban cho tôi nhờ lời cầu xin của cô De Lartigues.

-Nam tước De Canolles! – Lần này thì tử tước De Cambes kêu lên, vừa nhìn người đối thoại mình với tất cả sự tò mò mà cái tên bất hủ giữa những câu chuyện phiêu lưu tình ái đương thời gợi lên trong đầu cậu.

-Anh bạn biết tôi à?

-Tôi chỉ nghe danh thôi. – Tử tước trả lời.

-Chẳng đẹp đẽ gì lắm có phải không? Biết làm sao được bây giờ? Mỗi người có bản tính riêng của mình, tôi thì thích có một cuộc sống sôi động.

-Ông hoàn toàn tự do theo sở thích của mình thưa ông! – Tử tước trả lời – Nhưng cũng xin cho tôi được phép cho ý kiến.

-Anh bạn cứ nói.

-Rằng người phụ nữ đó đã bị mang tiếng vì ông và ngài công tước sẽ trút cơn thịnh nộ lên bà ấy sau khi đã thất vọng về phía ông.

-Quỷ thật! Anh bạn tin như vậy à?

-Có thể lắm, vì dù là một người phụ nữ nhẹ dạ, tiểu thư De Lartigues dẫu sao cũng là một phụ nữ và đã bị mang tiếng vì ông, bây giờ ông có bổn phận lo lắng cho sự an toàn của người đó.

-Anh có lý, anh bạn à! Và tôi quên mất, vì bị lôi cuốn vào câu chuyện dễ mến của anh, nhưng bổn phận của một người lịch sự chúng tôi đã bị lộ rồi, và hẳn là lão công tước đã biết tất cả. Đúng Nanon chỉ cần được báo cho biết chuyện này, nàng rất khôn khéo và tôi hoàn toàn tin tưởng rằng nàng có đủ khả năng buộc lão công tước phải xin lỗi vì hành động của lão. Anh bạn trẻ này, anh đã biết chiến tranh là gì chưa?

-Chưa. – Vị tử tước cười trả lời – Nhưng tôi tin rằng sẽ được học hỏi ở nơi tôi sắp sửa đến.

-Đấy! Đây là bài học đầu tiên. Anh bạn phải biết rằng trong chiến tranh, sức mạnh là vô ích, cần phải xử dụng đến mưu chước. Vậy hãy giúp tôi dùng đến mưu mẹo nhé!

-Tôi không đòi hỏi gì hơn. Nhưng phải làm cách nào đây?

-Quán có hai cửa.

-Vậy à, bây giờ tôi mới biết đấy.

-Tôi biết một cửa trông ra đường lớn, cửa kia là cửa sau, ngó ra đồng. Tôi ra bằng cửa sổ, đánh một vòng và đến ngôi nhà đó, gõ vào cũng một cánh cửa sau.

-Phải, để họ bắt quả tang ông trong đó! – Chàng thiếu niên kêu lên – Ông thật là một nhà chiến thuật khôn khéo!

-Người ta bắt quả tang tôi?

-Chứ còn gì nữa. Ngài công tước, sau khi chờ đợi lâu quá, và không thấy ông ở đây ra, sẽ quay về nhà.

-Ừ, phải, nhưng tôi chỉ vào rồi ra ngay.

-Vào rồi thì ông sẽ không trở ra nữa đâu.

-Anh bạn à, anh đúng là một tay phù thủy.

-Ông sẽ bị bắt quả tang, và có thể bị giết ngay dưới mắt bà ấy, có vậy thôi.

-Chà! – Canolles nói – Còn có mấy cái tù?

-Ô! – Chàng tử tước kêu lên.

Tiếng "Ô" đó được kêu lân với một âm điệu đầy hàm ý, nó hàm chứa những câu trách móc, tính bẽn lẽn thẹn thùng, một sự tinh tế dịu dàng đến nỗi Canolles

sửng sốt và mặc dù bóng tối đã tràn ngập căn phòng, chàng ta đáp con mắt sắc bén vào cậu thiếu niên đang đứng tựa vào bệ cửa sổ.

Tử tước cảm nhận đầy đủ gánh nặng của ánh mắt đó và nói tiếp với giọng đùa giỡn: -Dẫu sao thì ông cũng có lý, nam tước à, ông cứ đi nhưng hãy cẩn thận đừng để bị bắt gặp.

-Ô không! Chính tôi đã nói sai, anh bạn là người có lý, nhưng làm sao báo cho nàng biết được bây giờ?

-Tôi nghĩ rằng chỉ cần vài hàng.

-Nhưng ai sẽ mang đi?

-Tôi thấy hình như ông có một người hầu kia mà. Một tên hầu, trong trường hợp này, có lẽ chỉ lãnh vài cái gậy thôi, còn một người lịch sự thì sẽ mất mạng đấy.

-Ừ nhỉ, tôi mất trí khôn rồi. – Canolles nói – Mà Castorin sẽ hoàn toàn xuất sắc công tác này, vả lại tôi nghĩ rằng hắn biết khá rõ mọi chuyện trong nhà.

-Ông cũng thấy là mọi chuyện đều có thể thu xếp từ đây được.

-Vâng, anh bạn có bút, giấy và mực không?

-Không. – Tử tước nói – Nhưng dưới nhà chắc có.

-Xin lỗi phải thú thật rằng là tối nay tôi làm sao ấy. Tôi phạm hết sai lầm này đến sai lầm khác. Không sao! Xin cám ơn những lời khuyên của anh, tử tước à, tôi sẽ làm theo ngay đây.

Và Canolles, không rời mắt khỏi chàng thiếu niên mà nam tước từ nãy đến giờ vẫn dò xét với ánh mắt chăm chú đặc biệt, đi ra cửa và xuống cầu thang, trong khi tử tước bối rối, lẩm bẩm: -Hắn ta nhìn mình dữ thật! Có thể nào hắn nhận ra?

Trong khi đó, Canolles đã xuống đến nhà dưới, và sau khi buồn rầu đưa mắt nhìn đa đa với cút với đủ thứ của ngon vật lạ khác đang được chính chủ quán sắp đặt trong một cái giỏ đặt trên đầu tên phụ bếp, mà một người khác sẽ thay chàng được ăn, dù rõ ràng là chúng đã được nấu nướng để phục vụ chàng. Chàng hỏi căn phòng mà chủ quán đã dọn sẵn cho mình và bảo đem mực, bút, giấy đến và viết cho Nanon lá thư sau đây:

“Phu nhân kính mến,

Cách cửa nhà phu nhân một trăm bước, nếu thiên nhiên có phú cho cặp mắt xinh đẹp của phu nhân khả năng nhìn xuyên qua bóng đêm, thì phu nhân sẽ nhận ra giữa những lùm cây ngài công tước d’Épernon đang rình để bắn hạ tôi và sau đó phu nhân sẽ bị tai tiếng khủng khiếp với mọi người. Nhưng tôi không muốn mất mạng, cũng không muốn để phu nhân bị tai tiếng. Xin phu nhân hãy an tâm về mặt này. Về phần tôi, tôi sẽ xử dụng đến những ngày phép mà phu nhân vừa xin giùm tôi hôm nọ để tôi có được những giây phút thảnh thơi đến thăm phu nhân. Tôi sẽ đi đâu, tôi chưa biết được, mà không biết là mình sẽ có đi đâu hay

không. Dù sao đi nữa, khi cơn dông qua rồi, xin hãy cho gọi kẻ chạy trốn trở về. Nơi quán Con Bê Vàng sẽ có người chỉ cho phu nhân biết tôi đã đi đường nào. Hy vọng là phu nhân nhận thức rõ sự hy sinh mà tôi phải chịu đựng. Nhưng quyền lợi của phu nhân đối với tôi còn đáng quý hơn cả niềm vui của tôi. Tôi nói niềm vui là vì tôi sẽ được thích thú xiết bao nếu được nện cho ngài công tước và đám tay chân của lão dưới lốt giả dạng đó. Và thưa phu nhân kính mến, xin hãy nhân nơi tôi tình cảm tốt đẹp và luôn luôn trung thành."

Canolles ký tên dưới lá thư mang đầy tính cách xỏ lá của dân miền Gascogne đó mà chàng ta biết rõ sẽ có một kết quả như thế nào đối với nàng Nanon cũng vốn là dân xứ Gascogne. Rồi cho gọi tên hầu: -Này Castorin, hãy thú thật với cậu ta là chuyện giữa mi với cô nàng Francinette đã đi đến đâu rồi?

-Nhưng thưa chủ nhân – Castorin trả lời, khá ngạc nhiên vì câu hỏi – Thế con có phải…?

-Yên tâm đi tên hợm hĩnh kia, ta không có ý định gì với cô nàng của mi đâu, và mi không có được cái hân hạnh là tình địch của ta đâu. Ta chỉ muốn biết một chút, vậy thôi.

-Thưa chủ nhân, đó là một chuyện khác nữa, cô Francinette có đủ thông minh để nhận thức những khả năng của con ạ.

-Như vậy là hai anh chị rất hợp ý nhau, phải không? Được lắm. Vậy hãy cầm lá thư này, và đến đó băng qua cánh đồng.

-Dạ, con biết đường, thưa chủ nhân. – Castorin nói với vẻ tự mãn.

-Hãy đến đó gõ vào cửa sau. Chắc mi biết cánh cửa đó chứ?

-Dạ biết.

-Tốt. Vậy hãy theo con đường đó, hãy đến gõ vào cánh cửa sau, và đưa lá thư này cho cô Francinette.

-Như vậy, thưa chủ nhân – Castorin vui vẻ nói – Con có thể…

-Mi có thể đi ngay bây giờ, cho mi mười phút vừa đi vừa về. Lá thư này cần phải được đưa ngay cho tiểu thư Nanon de Lartigues.

-Nhưng thưa chủ nhân. – Castorin nói, đánh hơi thấy có điều không hay – Nếu người ta không mở cửa con con thì sao ạ?

-Thì mi sẽ là một thằng ngốc, bởi vì mi phải biết một cách gõ đặc biệt nào, để một người lịch sự không bị bỏ quên bên ngoài chứ. Nếu không như vậy, thật đáng tiếc cho một nhà quý tộc như ta lại đi có một tên hầu ngu ngốc như mi.

-Con có biết một cách, thưa chủ nhân – Castorin nói với một giọng đắc thắng nhất. – Trước hết con gõ hai lần cách khoảng đều nhau, rồi thêm một lần.

-Ta không hỏi mi gõ bằng cách nào. Điều đó đối với ta không quan trọng, miễn là cửa mở thôi. Vậy thì đi đi, nếu có bị ai giữ lại thì hãy nhớ nuốt mảnh giấy. Nếu không, khi trở về ta sẽ cắt hai tay mi đấy.

Castorin chạy vụt đi, như một tia chớp. Nhưng đến cuối cầu thang, hắn dừng lại và bỏ qua mọi mệnh lệnh đút mẩu giấy vào bên trên của chiếc ủng rôi đi ra ngoài qua cửa sau, chạy vụt ra mấy bụi rậm như một con cáo, nhảy qua mấy cái rãnh như một con chó săn, và đến gõ vào cửa sau với cách thức đặc biệt mà hắn ta vừa khoe với chủ và rất có hiệu nghiệm đến nỗi cửa mở ngay tức khắc.

Mười phút sau, Castorin đã quay trở về mà không hề gặp chuyện rắc rối nào cả và báo với chủ nhân rằng lá thư như đã được trao tận tay tiểu thư De Lartigues.

Canolles đã xử dụng mười phút đó vào việc mở hòm rương của mình, lấy ra một chiếc áo mặc trong nhà và bảo dọn bàn. Chàng nghe lời báo cáo của Castorin với vẻ hài lòng rõ rệt, đảo một vòng quanh nhà bếp, ra mệnh lệnh về việc ngủ đêm và ngáp một cái rõ dài như một người đang chờ đợi đến lúc được đi ngủ. Cử chỉ đó là để công tước d'Épernon, nếu có cho người theo dò xét chàng, sẽ đinh ninh rằng chàng không ý định đi qua lữ quán này, nơi chàng đến giản dị như một lữ khách bình thường, vô hại và chỉ đòi một bữa ăn với một nơi qua đêm. Quả thật, kế hoạch đó mang lại kết quả như ý chàng mong muốn. Một gã trông nông dân đang ngồi uống trong một góc tối nhất của quán liền gọi người hầu bàn, thanh toán tiền rượu, rồi đứng dậy một cách thản nhiên, vừa đi vừa lảm nhảm một câu hát. Canolles đi theo gã đến ngoài cửa và thấy gã tiến về một bụi cây. Mười phút sau, chàng nghe có nhiều tiếng vó ngựa xa dần, cuộc mai phục đã được bãi bỏ.

Thế là chàng nam tước trở vào hoàn toàn yên tâm về phía Nanon, chàng chỉ nghĩ đến việc phải trải qua một buổi tối bằng cách nào thú vị nhất. Bởi vậy, chàng ra lệnh cho Castorin chuẩn bị cỗ bài với xúc xắc, rồi đi mời tử tước De Cambes vui lòng tiếp chủ nhân của hắn.

Castorin tuân lời và gặp nơi ngưỡng cửa phòng một lão tùy tùng già tóc bạc phơ. Ông này chỉ mở hé cửa và đáp lại lời mời với một vẻ khá khó chịu: -Không được! Ngài tử tước đang bận việc riêng.

-Được lắm, ta sẽ chờ vậy. – Canolles nói.

Và vì chàng nghe tiếng ồn ào dưới nhà bếp, nên để giết thời giờ, chàng đi xuống xem có chuyện xảy ra nơi quan trọng nhất trong nhà ấy.

Đó chính là cậu phụ bếp đáng thương trở về dở sống dở chết: đến khúc quanh của con đường, cậu ta bị bốn người chặn lại và biết cậu mang bữa ăn tối đến cho vị phu nhân nơi ngôi nhà hoang vắng, họ liền lấy cái nón, áo khoác trắng cũng như tạp dề của cậu. Tên trẻ nhất bốn người liền mặc vào người bộ y phục đặc trưng cho nghề nghiệp của cậu, đặt cái giỏ lên đầu hắn và thay cậu đi tiếp con đến ngôi nhà trọ. Mười phút sau, hắn ta trở lại, nói nho nhỏ gì đó với người trông như là người chỉ huy tất cả. Thế là bọn kia trả cho cậu bộ y phục, đặt lại cái giỏ lên đầu rồi tặng cậu một cái đá vào đít để chỉ cho cậu hướng mà cậu phải theo.

Cậu nhỏ không dám đòi hỏi gì hơn. Cậu vội vã bỏ chạy và ngã xuống, mười phần chết một phần sống, trên ngưỡng cửa nơi mọi người vừa khiêng cậu vào.

Tai nạn này thật khó hiểu với mọi người, ngoại trừ Canolles, nhưng vì chàng không có lý do gì để đưa ra câu giải thích nên để cho chủ quán, hầu bàn, phụ bếp tha hồ mà phỏng đoán về sự kiện. Chàng trở lên phòng vị tử tước, và nghĩ rằng lời mời đầu tiên qua miệng của Castorin sẽ miễn cho chàng những câu khách sáo như vậy nên chàng thản nhiên mở cửa phòng bước vào.

Một cái bàn được đặt ngay giữa phòng, có nến soi sáng và được bày biện hai bộ đồ ăn, chỉ còn chờ đợi các món ăn được mang lên.

Canolles nhận thấy hai bộ đồ ăn và cho đó là một điềm tốt.

Thế nhưng, vừa nhìn thấy chàng, vị tử tước đứng bật dậy biểu lộ rõ ràng tính cách bất ngờ của cuộc viếng thăm, và Canolles hiểu rằng bộ đồ ăn thứ hai kia không phải dành cho mình.

Sự thất vọng đó được củng cố bởi những lời đầu tiên của tử tước: -Ngài nam tước – Tử tước vừa nói vừa bước một cách trịnh trọng đến trước mặt chàng – Tôi có thể hiểu lý do vì đâu mà tôi được hân hạnh tiếp ngài hay không?

-Nhưng – Canolles trả lời, hơi tức giận vì sự tiếp đón lạnh nhạt này – Lý do hoàn toàn dễ hiểu thôi. Cái đói đến với tôi. Tôi nghĩ rằng nó cũng đến với anh bạn. Anh chỉ có một mình, tôi cũng vậy, và tôi muốn được hân hạnh mời anh cùng dùng bữa.

Chàng tử tước nhìn Canolles với một vẻ ngờ vực rõ rệt và có vẻ hơi bối rối không vội trả lời.

-Hình như tôi làm cho anh bạn sợ thì phải. – Canolles vừa cười vừa nói – Anh bạn là hiệp sĩ xứ Mailte à? Anh bạn sẽ vào nhà tù hay là đã được khuyên bảo rằng nên tránh xứ dòng họ Canolles? Coi! Một giờ ngồi chung với nhau bên bàn ăn không làm cho anh bạn sa ngã đâu.

-Không thể nào dùng bữa cùng ngài được, nam tước à.

-Nếu vậy thì đừng xuống. Nhưng mà tôi đã lên đây rồi thì…

-Lại càng không được. Tôi đang chờ một người.

Lần này thì Canolles cứng miệng: -À! Thì ra anh chờ một người? – Chàng hỏi.

-Vâng.

-Phải nói… – Canolles nói tiếp sau một giây im lặng – Chẳng thà anh bạn để tôi tiếp tục con đường, dù cho chuyện gì có đến với tôi đi nữa, còn hơn là hỏng đi, bởi thái độ xa cách của anh bạn đối với tôi, sự giúp đỡ vừa qua mà thật ra, tôi cũng chưa có dịp cảm ơn anh bạn.

Chàng thiếu niên đỏ mặt và tiến gần Canolles: -Xin lỗi ông. – Chàng nói với một giọng run run – Tôi thấy rõ thái độ bất lịch sự của mình, vì thế nếu không phải vì những việc quan trọng trong gia đình mà cần phải bàn riêng với người sắp

đến gặp tôi, thì sẽ là một hân hạnh và một niềm vui cho tôi được tiếp đón thêm một người thứ ba dù rằng…

-Ồ, xin cứ nói tiếp. – Canolles bảo – Anh bạn có nói gì chăng nữa, tôi cũng sẽ không buồn đâu.

-Dù rằng – Chàng thiếu niên nói tiếp – sự quen biết giữa chúng ta chỉ là do kết quả của một tình cờ, một cuộc gặp gỡ ngẫu nhiên, một trong mối quan hệ tạm thời.

-Mà tại sao lại như vậy chứ? – Canolles hỏi – Trái lại, chính vì vậy mà nảy sinh những tình bạn lâu dài và chân thành nhất, chỉ còn một việc là tạ ơn Đấng Bề Trên về cái mà anh bạn gọi là ngẫu nhiên.

-Đấng Bề Trên, thưa ông – Chàng tử tước lại cười và nói tiếp – muốn rằng tôi sẽ lên đường sau hai giờ đồng hồ nữa, và rõ ràng là con đường của tôi sẽ ngược với đường đi của ông. Vậy xin hiểu cho rằng tôi rất lấy làm hối tiếc vì không thể, dù rằng tôi rất muốn, nhận tình bạn của ông đối với tôi mà tôi rất hiểu rõ giá trị.

-Ôi, anh bạn đúng là một anh chàng trai khác thường và lòng tốt bộc phát của anh bạn đã cho tôi một ý nghĩ hoàn toàn khác với cá tánh của anh. Nhưng thôi, xin tùy ý anh bạn vậy, quả thật là tôi không có quyền đòi hỏi bởi vì chính tôi là người mang ơn anh bạn, và anh bạn đối với tôi nhiều hơn là tôi có quyền đòi hỏi nơi một người xa lạ. Tôi đành dùng bữa một mình vậy, nhưng tử tước à, phải nói là điều này đối với tôi thật nặng nề, độc thoại không phải là một thói quen của tôi.

-Thưa ông – Tử tước vừa nói vừa đưa bàn tay ra – dù sao đi nữa, và dù cho cuộc gặp gỡ chúng ta có ngắn ngủi đi chăng nữa, xin hãy tin rằng tôi rất vui sướng đã được giúp ích cho ông.

Canolles chỉ nghe có lời khen ngợi, chàng nắm lấy bàn tay vừa đưa ra, một bàn tay mềm ấm và run rẩy thay cho cái bắt tay cứng cáp và thân mật của chàng, và hiểu rằng dù câu nói có ân cần đến đâu đi nữa, ý đuổi khéo vẫn buộc chàng phải trở lùi, đầy thất vọng và vô cùng thắc mắc.

Ra đến cửa, chàng đụng phải nụ cười nơi cái miệng sún hết răng của ông lão tùy tùng già, ông này cầm lấy chân nến nơi tay vị tử tước và trịnh trọng tiễn Canolles đến phòng của chàng rồi trở ngay lên với chủ nhân của lão đang đứng đợi nơi đầu cầu thang.

-Y đang làm gì vậy? – Tử tước hỏi nhỏ.

-Có lẽ ông ấy sẽ dùng bữa một mình – Pompéc trả lời.

-Nếu vậy thì y sẽ không trở lên nữa đâu.

-Tôi cũng mong như vậy.

-Hắn dặn chuẩn bị ngựa đi, lão Pompéc, như vậy sẽ đỡ mất thời gian, nhưng kìa – tử tước nói thêm và lắng tai nghe – tiếng động gì vậy?

-Hình như là tiếng của ông Richon.

-Và của cả Canolles nữa.

-Nghe như họ đang cãi nhau.

-Không, trái lại, họ nhận ra nhau, nghe kìa.

-Mong sao Richon đừng nói gì cả.

-Ồ! Không việc gì phải lo, đó là một người thận trọng.

-Suỵt.

Cả hai người im lặng, và có tiếng Canolles vang lên: -Dọn lên cho hai người, mét Biscarros, hai phần ăn! Ngài Richon đây dùng bữa với tôi.

-Xin cám ơn, nhưng không được đâu. – Richon trả lời.

-Coi kìa? Anh cũng muốn dùng bữa một mình như cậu công tử kia à?

-Công tử nào?

-Cậu công tử ở trên kia!

-Người đó tên là gì?

-Tử tước De Cambes!

-À, anh cũng quen với tử tước De Cambes à?

-Cậu ấy mới cưu mang tôi.

-Cậu ấy à?

-Phải.

-Sao có chuyện đó chứ?

-Hãy dùng bữa với tôi, rồi vừa ăn tôi sẽ vừa kể cho anh nghe.

-Không thể được, tôi dùng bữa với tử tước.

-À, đúng rồi, cậu ta đang chờ một người.

-Tôi đấy, và vì tôi đến hơi muộn, xin phép anh, tôi phải lên trên đó đây.

-Không được! Tôi sẽ không cho phép anh đâu! – Canolles kêu lên – Tôi đã mang trong đầu ý định là sẽ dùng bữa với ai đó, bởi vậy anh sẽ ngồi ăn với tôi, hoặc là tôi ngồi ăn với anh. Mét Biscarros, dọn lên hai phần ăn!

Nhưng, trong khi Canolles quay lại để xem lệnh của mình đã được thi hành hay chưa, Richon đã lên đến cầu thang và vội vàng leo lên đến bậc thang cuối cùng, bàn tay của ông đụng phải một bàn tay nhỏ nhắn kéo ông vào phòng của tử tước Cambes, cánh cửa đóng sập lại sau lưng ông ta và để cho chắc ăn hơn, hai cái chốt được cài vào.

-Chà! Canolles lẩm bẩm trong khi hoài công đưa mắt tìm kiếm Richon và đành phải ngồi vào bàn ăn một mình – Không biết cái chốn quái quỷ này có điều gì chống lại ta đây. Kẻ thì đuổi theo ta để tìm giết, kẻ thì chạy trốn ta như thể ta bị hủi quá vậy. Mẹ kiếp! Ta không còn muốn ăn nữa, ta cảm thấy buồn quá và muốn uống say như một tên phu xe. Ái chà! Họ đóng cửa kín với nhau như thể đang âm mưu một điều gì. À sao mà ta ngu ngốc quá! Đúng là họ đang âm mưu với nhau, chính vậy, bây giờ thì ta đã hiểu. Nhưng họ theo phe ai? Phe ngài trợ giám mục? Phe các vị hoàng thân? Phe nghị viện? Phe vua? Phe hoàng hậu? Phe

ngài Mazarin? Thôi ạ, họ theo phe ai thì theo, chuyện đó không ăn nhằm gì đến ta. Ta lại cảm thấy đói bụng rồi. Castorin, hãy dọn ăn, và rót rượu cho ta, nhanh lên.

Và Canolles đành phải tấn công món ăn trước đó đã được dành cho tử tước De Cambes mà vì thiếu lương thực, mét Biscarros đành phải hâm lại và dọn lên cho chàng.

§4

Trong khi chàng nam tước De Canolles chán nản vì không tìm được một người quen biết để cùng dùng bữa với mình, đành quyên định ăn tối một mình, thì chúng ta hãy xem chuyện gì đang xảy ra tại nhà Nanon.

Nanon dù cho các kẻ thù có nói và viết về nàng đi nữa, mà cần phải nói rằng trong số các kẻ thù của nàng có khá nhiều sứ giả đã tỏ ra quan tâm đến nàng. Vào thời đó là một phụ nữ xinh đẹp độ hai mươi lăm, hai mươi sáu tuổi, thấp người, nhưng có thân hình ẻo lả và duyên dáng, với làn da tươi tắn và hồng hào, cặp mắt đen thăm thẳm, trong veo. Bề ngoài vui vẻ và tươi cười, nhưng thật ra. Nanon không buông thả đầu óc mình theo những ý thích và thú vui tầm thường mà cuộc sống của các cô vợ lẻ vẫn thường thêu dệt. Trái lại, những quyên định quan trọng nhất, cân nhắc một cách kỹ lưỡng và chín chắn trong đầu óc linh hoạt của nàng, mang một vẻ vừa đầy hấp dẫn vừa thật sáng suốt khi được diễn giải ra qua giọng nói trong vắt và mang đậm âm sắc xứ Gascogne của nàng. Không ai có thể đoán được sau bộ mặt hồng với những đường nét thanh tú tươi cười.

đằng sau ánh mắt đầy hứa hẹn nồng nhiệt là tánh cách kiên trì không mệt mỏi, là tánh gan lý không bao giờ khuất phục và con mắt sâu sắc của một nhà lãnh đạo. Và dù cho đó là tánh tốt hay tánh xấu của Nanon đi nữa, tùy khuynh phướn g muốn dò xét theo bề trái hay mặt phải, có thể nói đấy là một đầu óc tính toán, một tâm hồn đầy tham vọng được bao phủ bên ngoài bởi lớp vỏ thật Nanon vốn gốc Agen. Ngài công tử tước d'Épernon, con trai của người bạn thân thiên nhất của vua Hen ri IV đã cùng ngồi với ngài trên chiếc xe ngựa khi ngài bị tên Ravillac đâm vào tim, và là kẻ bị mọi người nghi ngờ. Ngài công tước d'Épernon, khi được bổ làm toàn quyền Ở vùng Guyenne và bị mọi người Ở đấy ghét cay ghét đắng bởi điệu bộ cao ngạo, xấc xược và những thuế mà quá cao của ông đã để ý đến cô gái như tài sản đó, con của một vị luật sư tầm thường, ông đã tán tỉnh nàng, và sau khó khăn lắm mới chiến thắng được, sau một sức kháng cự được sắp đặt bởi sự khéo léo của một nhà chiến thuật tài ba muốn rằng kẻ chiến thắng được hưởng trọn vẹn chiến công của mình. Nhưng để bù lại cho danh dự của mình đã bị mất đi mãi mãi. Nanon đã lấy đi quyền lực và tự do của ông. Chỉ sáu tháng sau, lại chính nàng là kẻ thực sự cai quản vùng Guyenne giàu có và bắt những kẻ trước kia đã từng xúc phạm hoặc lăng nhục nàng phải trả một món nợ rất nặng.

Ngẫu nhiên lên ngôi, nàng tỏ ra là một nhà độc tài có tính toán, với đầu óc thông minh tinh tê.

nàng thấy rằng cần phải biết lạm quyền để bổ sung cho thời gian trị vì có thể ngắn ngủi.

Bởi vậy, nàng chiêm đoạt tất cả – của cải, danh tiếng, vinh dự, nàng trở nên giàu có, cắt đặt người vào các chức vụ, được Mazarin cũng như những ông hoàng sang trọng khác của triều đình đến thăm viếng. Phối hợp một cách khéo léo tài tình những điều kiện thuận lợi mà nàng có trong tay, nàng tạo ra thành một thứ hỗn hợp quyền hành chỉ có lợi riêng cho nàng. Mỗi sự giúp đỡ của Nanon đều có một giá trị khác nhau. Mỗi cấp bậc trong quân đội, mỗi chức vụ trong tòa án, đều có giá trị riêng của nó. Nanon ban cho quân hàm hoặc chức vụ gì đó, phần họ sẽ thanh toán với nàng bằng tiền hoặc một món quà quý giá nào khác.

Điều đó giải thích vì sao nàng trị vì lâu đến như vậy, bởi vì những kẻ ôm lòng thù hận thường do khi lật đổ một kẻ mà sau đó họ vẫn còn phải giữ lại một niềm luyên tiệc. Hành động trả thù đòi hỏi một sự sụp đổ hoàn toàn, một cảnh nhục nhã cùng cực. Dân chúng sẽ miễn cưỡng khi xua đuổi một nhà độc tài sẽ mang đi vàng bạc của họ trong tiếng cười mai mỉa. Nanon de Lartigues có đến hai triệu! Cũng vì thế, nàng sống khá an toàn tên ngọn lửa hỏa diệm sơn đang không ngừng rung chuyển mọi thứ chung quanh nàng. Nàng đã thấy lòng thù hận của dân chúng dâng lên như thủy triều lớn dần, và dùng những đợt sóng của nó xô ngã chính quyền của hầu tước d'Épernon và ông này sau khi bị đuổi khỏi Bordeaux trong một ngày cuồng nộ, đã lôi kéo nàng theo như chiếc ghe sau một con thuyền. Nanon uốn mình dưới cơn giông, sẵn sàng trỗi dậy khi nó đi qua, nàng đã soi gương Mazarin và đã thực hành từ lâu kiểu chính trị của lão người Ý khôn khéo mềm dẻo đó.

Vì hồng y để ý đến người phụ nữ đã trở nên nhiều quyền lực và giàu có cũng cùng những cách thức đã giúp cho ngài trở thành người cầm đầu một quốc gia với năm mươi triệu trong túi. Ngài khâm phục cô gái miền Gascogne đó, còn hơn thế nữa, ngài để mặc cho nàng hành động. CÓ lẽ sau này mọi người sẽ hiểu tại sao.

Tuy vậy, mặc dầu có những kẻ tự cho mình hiểu biết hơn kẻ khác rằng nàng có thư từ trực tiếp với ngài Mazarin, cũng ít ai nói đến những mưu đồ chính trị của người đẹp Nanon. Chính Canolles dù là một chàng trai bảnh bao, trẻ trung giàu có, cũng không hiểu vì sao lại phải mưu đồ chính trị, và cũng không được biết rõ về vấn đề này.

Việc quen biết giữa Nanon và Canolles đã rất bình thường. Canolles vốn là trung úy trong đội quân Ở Navailles vì muốn được lên đại úy, chàng phải viết một lá thư cho ngài hầu tước d'Épernon chỉ huy bộ binh. Chính Nanon là người đọc lá thư, cho rằng đây là một vấn đề làm ăn, nàng trả lời theo như bình thường và hẹn Canolles đến gặp để bàn bạc. Canolles chọn trong mớ nữ trang của gia đình một chiếc nhẫn quý có thể đáng giá đến năm trăm pistoles, thế cũng vẫn rẻ hơn giá tiền của một đội quân và đi đến chỗ hẹn. Nhưng lần này, chàng Canolles vẻ vang, được sự may mắn hỗ trợ, đã đánh bại những tính toán và lòng ham

muốn của tiểu thư De Lartigues. Đó là lần đầu tiến chàng nhìn thấy Nanon, và cũng là lần đầu tiến Nanon nhìn thấy chàng. Họ đều còn trẻ, đẹp và thông minh. Cuộc hội đàm diễn ra trong những câu ca ngợi qua lại, về vụ việc làm ăn kia thì không ai nhắc đến, thế coi như đã xong. Ngay hôm sau. Canolles nhận được giấy bổ nhiệm lên chức đại úy và khi chiếc nhẫn chuyển từ ngón tay của chàng sang tay Nanon, thì đã không là cái giá phải trả cho tham vọng được toại ý mà như vật bảo đảm cho một mối tình đằm thắm.

§5

Bây giờ xin hãy kể vì sao Nanon lại phải về Ở trong một ngôi nhà nhỏ gần Metifou. Như chúng ta đã biết công tước d'Épernon bị dân chúng tại Guyenne căm ghét. Nanon mà người ta xem như một mụ phù thủy cũng không được ai ưa thích gì. Cuộc nổi loạn đã đuổi họ ra khỏi Bordeaux và xô đẩy họ về Agen. Nhưng đến Agen lại có cuộc bạo động khác. Một hôm, khi đi ngang qua một cây cầu chiếc xe chở Nanon bị dân chúng xô đổ. Không hiểu sao. Nanon lại bị rơi xuống sông và chính Canolles đã vớt nàng lên. Một đêm kia, căn nhà tại thành phố của Nanon bị đốt cháy, và lại chính Canolles kịp thời xông vào tận phòng của nàng và cứu nàng ra khỏi lửa đỏ. Nanon nghĩ rằng đến tai nạn thứ ba thì dân chúng Ở Agen sẽ thắng thôi. Dù Canolles thường xuyên Ở gần, nhưng thật đúng là phép lạ khi chàng đến kịp lúc để cứu nàng ra khỏi tai họa. Nàng lợi dụng một chuyên ra đi của ngài hầu tước, khi ông có ý định làm một cuộc tuần du trong địa phận của mình cùng một đoàn hộ tống gồm hơn một ngàn người, trong đó có cả một đội quân của Navailles, để ra khỏi thành phố cùng một lúc với Canolles và từ cửa xe, nàng ngạo nghễ nhìn đám dân chúng rất muốn xông vào phá tan chiếc xe kia nhưng không dám.

Và thế là hầu tước Nanon chọn hoặc nói đùn g hơn là Canolles đã kín đáo chọn giùm họ căn nhà nhỏ nơi hẻo lánh kia và quyên định Nanon sẽ Ở đây khi chờ đợi tìm cho nàng một căn nhà Ở Libourne. Canolles được cho nghỉ phép với lý do là để giải quyên việc gia đình, nhưng thật ra là để có thể rời đội quân của mình để trở về A gần, và đến Ở gần bên Metifou vì sự có mặt với tính cách bảo hộ của chàng cần thiên hơn bao giờ hết. Thật vậy, các biết cố bắt đầu mang một tầm quan trọng đáng ngại. Các vị hoàng thân của dòng họ Condé Conti và Longueville bị bắt giữ ngày 17 tháng giêng vừa qua tại lâu đài Vaincennes, là một nguyên cớ hạng nhất để cho bốn hoặc năm phe phái đang chia cắt đất nước Pháp thời bấy giờ tại sao cuộc nội chiến. Ngài công tước d'Éperon ngày càng bị dân chúng căm ghét, và mọi người đều biết rằng ông hoàn toàn tuân phục triều đình.

Nhưng phe phái kia, trong tình thế phức tạp của nước Pháp thời bấy giờ, đều mong muốn có một biết cố lớn. Nanon chẳng khác gì những con chim thấy giông tốđang đến gần, xệp cánh lại và trở về nơi ấn náu nơi tổ của mình trong đám lá dỗ chờ đợi trong bóng tối và xa hẳn tất cả, chờ biết động qua đi. Nàng tự nhận là một bà góa về Ở ấn. Cũng chính như thế mà mét Biscarros, như chúng ta đã biên, đã gọi nàng.

Như thế, công tước d'Épernon đã đến thăm tổ ấm xinh xắn, bảo rằng ông sẽ phải làm một cuộc tuần du tám ngày, và ông vừa ra đi. Nanon đã gởi qua tay lão

thu thuế một mảnh giấy cho Canolles, vẫn Ở gần đấy nhờ những ngày nghỉ phép. CÓ điều như chúng ta đã biên, mảnh giấy quan trọng đó đã biết mất khỏi tay người liên lạc và biết thành một lời mời qua bàn tay Cauvignac. Chàng trai trẻ vô tư đang đi đến nơi hẹn hò thì được tử tước De Cambes chặn lại cách khoảng ngôi nhà độ bốn trăm bước.

Khi đó Nanon đang chờ đợi Canolles như một người phụ nữ đang yêu vẫn thường chờ đợi.

nghĩa là cứ mười phút lại nhìn đồng hồ một lần, và cứ mỗi chốc lại đến cửa sổ nghe ngóng từng tiếng động, vừa đưa mắt dò hỏi ông mặt trời đang lặn dần sau đỉnh núi và nhường chỗ cho bóng đêm. Thoạt đầu chỉ có tiếng gõ Ở cửa trước. Nàng bảo Francinette ra mở, nhưng đấy chỉ là tên phụ bếp, hắn mang đến bữa ăn tối cho người thực khách chưa đến. Nanon đưa mắt nhìn ra phòng ngoài và thấy tên phụ bếp giả mạo của mét Biscarros mà hắn cũng đang đưa con mắt tò mò về phía phòng ngủ nơi bàn ăn đã chuẩn bị cho hai người. Nanon bảo cho Francinette giữ cho các món ăn được nóng, buồn bã đóng cửa lại và trở về cửa sổ vì Ở đây nàng có thể thấy, dù cho bóng đêm đang dần dần bao phủ tất cả, con đường vắng tanh.

Một tiếng gõ cửa thứ nhì, gõ một cách đặc biệt vang lên Ở cửa sau, và Nanon kêu lên: “Anh ấy đến rồi”. Nhưng e rằng lại cứng không phải chàng, nàng đứng sững lại. Một lúc sau cửa phòng hé mở và cô Francinette hiện ra nơi ngưỡng cửa vẻ mặt hốt hoảng trên tay cầm mảnh giấy. Thấy mảnh giấy, người thiếu phụ nhảy xổ lại, giựt lấy và vội vã mở ra đọc.

Đọc xong. Nanon như bị sét đánh. Nàng rất yêu Canolles, nhưng trong nàng, tham vọng là một xúc cảm ngang hàng với tình yêu và nếu để ngài công tước d’Épernon biên, nàng không chỉ bị mất gia sản sau này mà biết đâu cả tài sản mà nàng đã tạo dựng được. Bởi vậy, vốn là một phụ nữ thông minh, nàng bắt đầu thổi tắt ngọn nên có thể soi bóng nàng và chạy ra cửa sổ. Vừa kịp, bốn người đang đi gần đến ngôi nhà, và họ chỉ cách khoảng hai mươi bước chân nữa. Người mặc áo choàng xám đi đầu và Nanon nhận ra ngay đó là ngài công tước. Đúng lúc đó. Francinette đi vào.

tay cầm một ngọn nên. Nanon ném một ánh mắt tuyệt vọng lên bàn, lên hai bộ đồ ăn, lên hai chiếc ghê, hai chiếc gối thêu đang phơi mình trắng tinh trên nền đỏ sẫm của tấm rèm giường, và cuối cùng trên chiếc áo ngủ mình đang mặc, thật tương xứng với những chuẩn bị kia.

-Chêm ta rồi! – nàng nghĩ thầm.

Nhưng, ngay khi đó, trí khôn trở lại với khối óc tinh tê, một nụ cười thoáng ra môi nàng.

nhanh hơn tia chớp, nàng vớ lấy cái ly bằng pha lê dành cho Canolles và quăng nó ra vườn, lấy ra một cái cốc vàng có khắc huy hiệu của ngài công tước

thay thế vào đó. Rồi người lạnh toát vì sợ hãi nhưng cũng mỉm cười được nụ cười, nàng chạy vội đến cầu thang và ra đến trước cửa vừa lúc vang lên một tiếng gõ trang trọng.

Francinette muốn mở nhưng Nanon nắm lấy tay đẩy cô này qua một bên và, với một ánh mắt bổ sung cho ý nghĩ.

-Ta đang chờ ngài công tước chứ không phải ngài Canolles. – Nàng nói – Hãy dọn bữa ăn đi.

Rồi nàng tự tay kéo chốt, và ôm chầm lấy người đàn ông mặc áo choàng xám, đang chuẩn bị một vẻ mặt giận dữ nhất: -à! – Nanon kêu lên, như vậy là giấc mơ đã không lừa em! Nhanh lên ngài công tước ơi, bàn ăn đã được dọn sẵn rồi, chúng ta cùng dùng bữa thôi.

Ngài công tước d'Épernon sửng sốt, nhưng vì khó lòng bỏ qua cái vuốt ve của một phụ nữ đẹp nên ông để yên cho nàng ôm.

Nhưng, sực nhớ lại chứng cớ hiển nhiên mà ông đang nắm trong tay: -Khoan đã, cô à, tôi có điều muốn hỏi cô.

Và đưa tay ra hiệu cho mấy tên bộ hạ kính cẩn đứng ra xa một chút nhưng không hoàn toàn rút lui, một mình ông ta đi vào với bước chân nặng nề và chậm rãi.

-Ngài làm sao vậy, công tước yêu quý? – Nanon nói với giọng vui vẻ giả tạo một cách tài tình đến nỗi cứ tưởng như thật. – Ngài có thể quên một thứ gì trong đầu trong lần đến vừa qua hay sao mà ngài lại đưa mắt tìm kiêm như thê?

-Phải! – Ngài công tước trả lời, ta có quên nói nói với cô rằng ta không phải là một thằng ngốc.

và vì quên nên ta phải thân chinh trở lại để chứng minh với cô điều đó.

-Thưa đức ông, em chẳng hiểu gì cả. – Nanon nói với vẻ bình thản và thành thật nhất – Em xin ngài giải thích cho em rõ.

ánh mắt vị công tước dừng lại nơi hai chiếc ghế qua hai bộ đồ ăn, từ hai bộ đồ ăn qua hai chiếc gối. Ở đây, ngài nhìn lâu hơn và đỏ mắt lên vì giận dữ.

Nanon đã tiến đoán đến mọi điều đó và nàng chờ đợi kết quả của cuộc khảo sát với một nụ cười để lộ hai hàm răng trắng như ngọc. CÓ điều nụ cười đó giống như một cái nhăn mặt hơn và hai hàm răng trắng kia sẽ va vào nhau lập cập nếu như sợ hãi đã không khiến chúng cắn chặt vào Ngài công tước đưa ánh mắt giận dữ trở về nàng.

-Em đang chờ được nghe ngài nói đây. – Nanon nói với một cách chào duyên dáng.

-Điều ta muốn nói là để hỏi nàng lý do vì đâu mà có bữa ăn tối nay?

-Bởi vì, như em đã nói với ngài, em vừa được giấc mộng báo cho rằng dù ngài vừa rời em hôm qua, hôm nay ngài sẽ trở về. Mà các giấc mộng của em không lừa gạt em bao giờ. Bởi vậy em đã đặt bữa ăn tối vì ngài.

Ngài công tước nhăn mặt, nhưng với ý định cho đó là một nụ cười mỉa mai.

-Còn hai cái gối kia?

-Thế đức ông có ý định trở về Libourne hay sao? Nếu vậy thì lần này giấc mơ lừa em rồi bởi vì nó đã báo rằng đức ông sẽ ngủ lại.

Ngài công tước lại nhăn mặt thêm một cái đầy ý nghĩa hơn lần trước.

-Thế còn cái áo ngủ xinh xắn kia, thưa bà, còn mùi nước hoa tuyệt vời kia thì sao?

-Đây là một trong những cái áo mà em vẫn thường mặc khi đợi ngài đấy thôi. Còn mùi nước hoa này là thứ được mang đến từ ray Ban Nha mà đức ông vẫn bảo rằng đức ông thích nó hơn mùi nước hoa khác, vì đây là loại mà hoàng hậu vẫn thường dùng.

-Thế nàng chờ ta thật à? – Ngài công tước vẫn tiếp tục với một tiếng cười gằn đầy mỉa mai.

-ái chà! Thưa đức ông. – Nanon nói và đến lượt mình nhíu mày – Hay là đức ông còn muốn nhìn vào trong các tủ nữa? Đức ông đang ghen đấy à? – Và Nanon phá lên cười.

Ngài công tước tạo ra một vẻ mặt oai nghi: -Ta, ghen à? Ồ không đâu, tạ ơn trời, ta không có cái thói buồn cười đó. Tự biết mình già và giàu có, đương nhiên ta hiểu rằng ta sẽ bị lừa dối thôi. Nhưng ít ra, với những kẻ lừa dối ta, ta muốn họ hiểu rằng ta không phải là một tên ngốc.

-Mà làm sao ngài có thể chứng minh với họ được điều đó chứ? – Nanon nói – Em rất tò mò muốn biên.

-Ồ! Điều này không khó đâu. Ta chỉ cần cho họ xem mảnh giấy này.

Ngài công tước lấy từ trong túi ra một mảnh giấy.

-Ta không mộng mị bao giờ! – ông nói – Ở vào tuổi ta, không ai còn mơ nữa, ngay cả khi đang tỉnh. Nhưng ta nhận được những lá thư. Đây, hãy đọc cái này, khá thú vị đấy.

Nanon run rẩy cầm lá thư mà ngài hầu tước đưa ra và rùng mình khi nhìn thấy nét chữ.

nhưng cái rùng mình đó rất nhẹ, không ai thấy được, và nàng đọc:

“Ngài công tước được thông báo rằng, chiều nay, có một người đàn ông mà từ sáu tháng nay đã có những quan hệ mật thiết với tiểu thư Nanon De Lartigues sẽ đến dùng bữa với tiểu thư và ngủ lại. Và vì không muốn ngài công tước phải thêm thắc mắc nhiều, nên thông báo thêm rằng kẻ tình địch may mắn kia có tên là nam tước De Canolles.”

Nanon tái mặt, một cú đấm thẳng vào tim.

-ôi! Roland! – Nàng lẩm bẩm – Ta tưởng đã tống khứ được anh đi rồi.

-Sao, có đúng không? – Ngài công tước đắc thắng kêu lên.

-Không đến nỗi tệ lắm. – Nanon trả lời – Và nếu đám mật thám về chính trị của ngài không khá hơn đám mật thám về vấn đề phòng the thì ngài thật là đáng thương.

-Ta, đáng thương à?

-Phải, bởi vì ông De Canolles, người vừa được ngài ban cho cái hân hạnh là tình địch của ngài, không có mặt Ở đây, và xin ngài cứ chờ xem người đó có đến không.

-Hắn đã đến rồi.

-đến rồi! – Nanon kêu lên – Không đúng như vậy.

Lần này thì tiếng kêu của người bị vu cáo mang một âm sắc thành thật thực sự.

-Ta muốn nói y đã đến cách đây bốn trăm bước và may mắn cho y, đã dừng lại quán Con Bê Vàng.

Nanon hiểu rằng ngài công tước không biết nhiều như thoạt đầu nàng đã tưởng. Nàng nhún vai, rồi một ý nghĩ khác có lẽ nảy sinh từ lá thư mà nàng đang dày vò trong tay, bắt đầu hình thành trong đầu óc nàng.

-CÓ thể nào… – Nàng nói – CÓ thể nào một con người tài ba đến như vậy, một nhà chính trị tài ba nhất vương quốc lại đi tin vào những lá thư nặc danh?

-Nhưng dù có nặc danh đi nữa, xin nàng giải thích cho ta rõ lá thư đó.

-Ồ điều đó sẽ dễ thôi: Đây là một trong những phương kế của người bạn chúng ta Ở Agen đấy thôi mà, ông De Canolles đã xin ngài một chuyên nghỉ phép vì lý do gia đình mà ngài đã chấp thuận. Người ta biết rằng ông ấy có đến gần đây, và qua chuyến đi đó đã dựng lên chuyện vu khống này.

Nanon nhận thấy rằng vẻ mặt của ngài công tước thay vì giãn ra, lại càng cau có thêm: -Câu giải thích cũng được lắm! – ông ta nói – Nếu như lá thư mà nàng gán cho cái đám Agen không có cái phần tái bút mà trong lúc hoang mang, nàng đã quên không đọc.

Một cái rùng mình lạnh lẽo chạy qua suốt thân thể của người thiếu phụ trẻ. Nàng cảm thấy rằng nếu sự may rủi không đến giúp đỡ thì nàng không thể nào chối cho lâu thêm được nữa.

-Phần tái bút à! – Nàng lập lại.

-Phải, đọc đi! – Ngài công tước nói – Bà đang cầm lá thư kia mà.

Nanon cố gắng mỉm cười, nhưng tự hiểu rằng vẻ mặt căng thẳng của mình khó mà chứng minh cho cái vẻ bình thản đó, và nàng cố hết sức tỏ ra tự tin và đọc:

“Tôi có trong tay lá thư của tiểu thư De Lartigues gởi cho ngài De Canolles trong giờ hẹn đã được ấn định là tối nay. Tôi sẽ giao lá thư đó để đổi lấy một tờ khống chỉ mà ngài công tước sẽ trao qua tay một người duy nhân trên một con

thuyền trên sông Dordogne đối diện với làng Saint Michella Riviere vào sáu giờ chiều nay."

-Thế ngài có? – Nanon hỏi.

-Chữ viết của bà đối với tôi thật quý giá và tôi không cho rằng đã mua lại nó với một giá quá cao.

-Sao ngài lại giao bí mật này cho một kẻ khác, thưa ngài?

-Nhưng bí mật như vậy thưa bà, người ta sẽ tự tay nhận lấy. Bởi vậy, chính tay tôi đã nhận lá thư đó. Người đến sông Dordogne là tôi.

-Thế ngài đã có trong tay lá thư của em chưa?

-NÓ đây.

CỐ gắng vận dụng thật nhanh trí nhớ. Nanon tìm cách nhớ lại những gì mình đã viết trong thư. Nhưng vô ích, đầu óc nàng hoang mang đến cực độ.

Và nàng bắt buộc phải cầm lấy lá thư của chính mình để đọc, chỉ có ba hàng. Nanon đọc vội vã và vui mừng nhận ra rằng nó không tốcáo nàng hoàn toàn.

-Bà hãy đọc to lên đi! – Ngài công tước nói – Tôi cũng như bà thôi, tôi quên mất những gì viết trong đó rồi.

Nanon lấy lại được nụ cười mà mới đây nàng đã hoài công tìm kiếm, và tuân theo lời vị công tước nàng đọc:

"Em sẽ dùng bữa vào tám giờ tối. Anh có rảnh không? Còn em thì rảnh lắm. Nếu vậy, thì hãy đến đúng giờ nhé, anh thân yêu, và đừng lo sợ gì bí mật của chúng ta cả."

-Như vậy là rõ rồi chứ? – Ngài công tước kêu lên, mặt tái đi vì giận dữ.

Như vậy là thoát rồi". – Nanon nghĩ bụng.

-ái chà! – Ngài công tước lại nói – Bà có một bí mật với ông De Canolles kia à?

§6

Nanon hiểu rằng một giây do dự sẽ làm cho nàng thua cuộc. Vả lại, nàng đã có đủ thời gian để nghiền ngẫm trong đầu cái kế hoạch nảy sinh từ lá thư nặc danh kia.

-Đúng vậy! Vâng. – Nàng vừa nói và nhìn thẳng vào ngài công tước – Giữa em với người đó có một điều bí mật.

-Đã thú nhận rồi à? – Ngài công tước kêu lên.

-Phải vậy thôi, bởi vì không ai có thể giấu điều gì với ngài được.

-Vâng, em đợi nam tước Canolles.

-Bà đợi người đó à?

-Vâng, em đang đợi.

-Bà dám thú nhận điều đó à?

-Một cách công khai, thưa ngài. Ngài có thể biết nam tước De Canolles là ai không?

-Là một tên hợm hĩnh mà ta sẽ trừng phạt nặng nề với cái tội láo xược của hắn.

-ĐÓ là một nhà quý tộc dũng cảm sẽ được ngài tiếp tục ban phát ơn huệ.

-Tôi thề có trời chứng giám là sẽ không có chuyện như vậy!

-Xin ngài đừng thề thốt, trước khi em trình bày với ngài. – Nanon mỉm cười trả lời.

-Vậy thì nói đi, nói nhanh đi.

-Ngài là một người hiểu biết đến tận cùng mọi ngõ ngách của con tim, tại sao ngài lại không nhận ra những tình cảm của em dành cho anh De Canolles. Những lời cầu xin của em với ngài vì anh ấy, giấy bổ nhiệm lên đại úy mà em đã kiêm được cho anh ấy, món trợ cấp cho chuyến đi Bretagne của anh ấy cùng với ông De La Meilleraye, kỳ nghỉ hè vừa rồi, nghĩa là, nói tóm lại, những giúp đỡ thường xuyên của em đối với anh ấy?

-Thưa bà, thưa bà, bà vượt quá giới hạn rồi đấy.

-Kia, xin ngài hãy nghe em nói hết đã.

-Tôi còn cần gì nghe thêm, mà bà còn gì để nói nữa kia chứ?

-Em rất quan tâm đến anh De Canolles.

-Điều đó thì tôi biết quá rồi.

-Em muốn được tận tụy hết sức mình với anh ấy.

-Thưa bà, bà đi quá xa.

-Em muốn được giúp đỡ anh ấy cho đến hơi thở cuối cùng, chỉ bởi vì…

-Bởi vì đó là tình nhân của bà, có gì mà không đoán được.

-Bởi vì… – Nanon nói tiếp, vừa nắm lấy cánh tay của ngài công tước với một cử chỉ thống thiên – bởi vì đó là anh trai em.

Cánh tay của ngài công tước rơi tõm xuống: -Anh trai của bà?

Nanon gật nhẹ đầu, kèm theo một nụ cười chiến thắng giây lát sau.

-Tôi cần có câu giải thích, thưa bà! – Ngài công tước kêu lên.

-Được em sẽ nói, ngài còn nhớ ba em mất vào thời kỳ nào không?

-Hình như… – Ngài công tước tính nhẩm – Khoảng tám tháng nay.

-Và vào thời kỳ nào ngài đã ký tờ bổ nhiệm kia?

-Nhưng mà, cũng vào khoảng thời gian đó.

-Mười lăm ngày sau.

-Mười lăm ngày sau à, có thểlắm.

-Em rất buồn. – Nanon tiếp tục – Khi phải gợi lại nỗi tủi nhục của một người phụ nữ khác và tiến lộ điều bí mật này đó là điều bí mật của chúng em, xin ngài hiểu cho. Nhưng tính ghen tuông quái ác của ngài, thái độ ác độc của ngài buộc em phải nói ra. Em sẽ bắt chước ngài, công tước ạ.

em sẽ không mang tính vị tha nữa.

-Bà cứ nói tiếp đi, nói tiếp đi! – Ngài công tước kêu lên và bắt đầu ngã theo những tưởng tượng mà người đẹp xứ Gascogne đang thêu dệt.

-Vâng, ba em là một luật sư có chút ít tiếng tăm. Cách đây hai mươi tám năm, ba em hãy còn trẻ, ba em luôn là một người đẹp trai. Trước khi lập gia đình, ba em đã yêu mẹ anh De Canolles mà người ta đã từ chối gả cho ba em vì bà ấy thuộc gia đình quý tộc, còn ba em thì không, tình yêu đã bù đắp cho thiếu sót đó, như chuyện vẫn thường xảy ra và trong một chuyến đi xa của ngài De Canolles… Bây giờ thì ngài hiểu rồi chứ?

-Vâng, nhưng tại sao tình cảm giữa nàng với nam tước De Canolles lại muộn màng như vậy?

-Bởi vì chỉ sau cái chêm của ba em, em mới biết được mối liên hệ giữa em và anh ấy, bởi vì bí mật đó được ghi lại trong một lá thư mà nam tước đã trao tận tay em khi gọi em là em gái.

-Lá thư ấy đâu? – Ngài công tước hỏi.

-Ngài quên trận hỏa hoạn đã thiêu rụi tất cả những gì thuộc về em rồi sao? Những món nữ trang quý nhất của em và những giấy tờ bí mật nhất.

-Đúng rồi.

-Đã nhiều lần em muốn kể lại với ngài câu chuyện này, và biết chắc rằng ngài sẽ làm tất cả cho người em vẫn gọi thầm là anh, nhưng anh ấy vẫn luôn giữ em lại, năn nỉ em tránh cho mẹ anh ấy tiếng tăm nhơ nhuốc vì bà ấy hãy còn sống. Em đã tuân theo lời anh ấy bởi vì em rất hiểu họ.

-À phải rồi! – Ngài công tước cảm động kêu lên – Tội nghiệp cho Canolles.

-Mà trong khi làm như vậy, anh ấy đã từ chối một điều may mắn lớn.

-ĐÓ là một người tế nhị, anh ta thật đáng khen.

-Em đã làm hơn thế nữa, em đã thề rằng sẽ chẳng bao giờ tiến lộ điều bí mật đó với ai! Nhưng những nghi ngờ của ngài làm cho nước phải vỡ bờ. Đau khổ cho em! Em đã quên mất lời thề của mình! Đau đớn thay! Em đã để lộ điều bí mật của anh trai em!

Và Nanon nức nở khóc.

Ngài công tước vội quỳ xuống và hôn lên hai bàn tay xinh đẹp, trong khi nàng ngước mắt lên trời như cầu xin thượng để tha thứ cho lỗi bội ước của nàng.

-Nàng đã nói: Đau khổ cho nàng! – Ngài công tước kêu lên – Nhưng phải nói, hạnh phúc cho tất cả chúng ta! Ta muốn rằng ông anh yêu quý đó chuộc lại thời gian đã mất! Ta chưa được biết người anh đó, ta rất muốn được làm quen, ta sẽ quý người đó như con trai của ta vậy.

-Hãy nói như một người anh.

Nanon mỉm cười chữa lại. Rồi bắt qua một ý nghĩ khác: -Quỷ thần ơi! – Nàng kêu lên, vừa vò nát lá thư mà nàng làm như muốn ném nó vào lửa.

nhưng tình thật là nàng cẩn thận cất nó vào túi để sau này có thể tính chuyện với tác giả nó.

-Nhưng mà, ta quên mất! – Ngài công tước nói – Tại sao anh ta không đến đây nhỉ? Tại sao ta lại chờ đợi để được gặp anh ta? Để ta bảo mấy tên kia ra quán Con Bê Vàng mời anh nàng về đây.

-Vâng, phải rồi. – Nanon nói – Để anh ấy biết rằng em không thể giấu ngài một điều gì cả, và dù đã thề nữa, em đã kể hết với ngài.

-Ta sẽ không nhắc đến đâu.

-ái chà! Thưa ngài công tước, bây giờ đến phiên em kiêm chuyện với ngài đây. – Nanon lại nói tiếp và mỉm cười, nụ cười mà quỷ dữ thường vay mượn của các thiên thần.

-Mà tại sao vậy chứ, người đẹp của ta?

-Bởi vì, trước kia, ngài thích những lúc chỉ có đôi ta hơn bây giờ. Thôi, chúng ta hãy ăn tối đi.

và ngày mai cho mời anh Canolles đến cũng chưa muộn.

Từ đây đến sáng mai – Nanon tự nhủ – Ta có đủ thời gian để báo cho chàng biên.”

-Thôi được – Ngài công tước nói – Ta cùng ăn vậy!

Và hãy còn một chút nghi ngờ, ông ta lẩm bẩm cho riêng mình: “Từ giờ đến sáng mai, ta sẽ không rời nàng, hoặc là nàng sẽ trở thành phù thủy, hoặc là nàng sẽ không có cách nào báo cho hắn ta biên.”

-Như vậy… – Nanon vừa đặt bàn tay lên vai ngài công tước – như vậy là em được quyền cầu xin ban ơn huệ nơi người yêu của em cho ông anh yêu quý chứ?

-Sao lại không? trát Cả những gì mà nàng muốn, tiền bạc à?

-ôi tiền bạc! Anh ấy không cần đâu, chính anh ấy đã cho em chiếc nhẫn mà em đang đeo nơi tay đây mà trước kia thuộc về mẹ anh ấy đấy.

-Vậy cho thăng cấp nhé?

-Vâng, thăng cấp! Chúng ta sẽ cho anh ấy làm đại tá phải không, thưa ngài?

-Chà, đại tá à? Nàng nói vội đấy, người đẹp của ta à? Muốn được như vậy, anh nàng phải có một công trạng gì đó với đức hoàng thượng.

-Anh ấy sẵn sàng thực hiện tất cả nhẫn gì được chỉ định.

-à! – Ngài công tước nói, vừa liếc mắt nhìn Nanon – Ta sẽ có một sứ mạng đặc biệt cho triều đình.

-Một sứ mạng đặc biệt cho triều đình! – Nanon kêu lên.

-Phải, nhưng hai người sẽ phải xa rời nhau.

Nanon thấy rằng cần phải làm tan một chút nghi ngờ cuối cùng: -Ôi xin ngài đừng sợ điều đó, ngài yêu quý của em. Sự xa cách thì có sá gì nếu nó mang lại điều lợi cho anh ấy? Ở gần em, em chẳng giúp gì được cho anh ấy cả, rồi ngài lại ghen tuông cho xem. Nhưng Ở xa, ngài sẽ bao bọc anh ấy với quyền lực của mình. Hãy đấy anh ấy đi thật xa, đi biệt xứ, và nếu có lợi cho anh ấy thì xin ngài đừng lo lắng gì về phần em cả. Cầu mong cho tình yêu của ngài còn Ở lại với em thì còn gì làm em sung sướng hơn được nữa chứ?

-Vậy thì được rồi! – Ngài công tước lại nói – Sáng mai ta sẽ cho người đi tìm anh nàng và sẽ bảo phải làm gì. Và bây giờ như nàng vừa nói… – Ngài công tước ném một ánh mắt dịu hẳn lên hai chiếc ghê, hai bộ đồ ăn, và hai chiếc gối – Và bây giờ chúng ta vào bàn thôi, người đẹp của ta.

Và hai người cùng bắt đầu ăn với bộ mặt vui vẻ, đến nỗi Francinette, với tư cách là người hầu thân tín, mặc dù đã quá quen với kiểu cách của ngài công tước, và tính nết của bà chủ mình, cũng tin rằng bà chủ đã hoàn toàn an tâm, và ngài công tước hoàn toàn tin tưởng.

§7

Người kỵ sĩ mà Canolles vừa gọi với cái tên Richon đã leo lên từng trên của quán Con Bê Vàng và đang dùng bữa với chàng tử tước. Ông ta chính là người mà chàng tử tước sốt ruột chờ đợi trong lúc chàng tình cờ bắt gặp cái bẫy nguy hiểm của công tước d'Épernon và ngay sau đó đã cứu Canolles như chúng ta đã biết.

Ông ta rời Paris tám ngày trước đó và rời Bordeaux ngay trong ngày, vì thế ông ta mang theo những tin tức mới nhất về các vấn đề nhiều phần rối rắm đang từ Paris cho đến Bordeaux, kết thành những chuỗi âm mưu thật đáng ngại. Ông ta nói rất nhiều, khi về cảnh giam cầm của các vị hoàng thân, vốn là tin sốt dẻo nhất, khi thì về chính quyền của hội đồng ở Bordeaux đang là quyền lực tối cao nhất của tỉnh đó. Khi thì về ngài Mazarin, nhà vua thực sự hiện tại và chàng trai trẻ lặng thinh chăm chú quan sát bộ mặt dũng mãnh rám nắng của ông ta, con mắt sắc bén đầy tự tin, hai hàm răng trắng bóng, sắc nhọn nấp sau hàng ria dài đen nhánh, những đặc tính của người sĩ quan tài ba.

-Như vậy là… – Chàng tử tước nói sau một lát im lặng – hiện thời phu nhân quận chúa đang ở tại lâu đài Chantilly.

Người ta biết rằng hai vị quận chúa của nhà Condé được gọi như vậy, có điều là quận chúa mẹ được gọi là công chúa phu nhân.

-Vâng! – Richon đáp lại – phu nhân đang đợi cậu đến đấy càng sớm càng tốt.

-Phu nhân ở trong tình thế ra sao?

-Trong một cảnh lưu đày thực sự: Người ta canh chừng phu nhân cũng như vị công chúa phu nhân, mẹ chồng của bà thật nghiêm ngặt, bởi vì ở triều đình, mọi người nghi ngờ rằng hai bà không chỉ hài lòng với lá đơn thỉnh nguyện gởi cho nghị viện, mà còn đang âm mưu một chuyện gì đó có kết quả hơn cho các ngài hoàng thân. Đáng tiếc thay, vấn đề vẫn là ở chỗ tiền bạc… Nói đến tiền bạc, tôi mới nhớ, cậu đã nhận được phần cậu chưa? Đây là một thắc mắc mà người ta căn dặn tôi phải hỏi cậu.

-Vâng, phải khó khăn lắm mới gom được độ hai mươi ngàn Livres (Chú thích: Livre: tương đương với đồng quan Pháp chỉ dùng khi nói đến lợi tức) bằng tiền vàng, chỉ được có từng đó.

-Chỉ có từng đó! Vậy mà cậu còn kêu ít, cậu đúng là một nhà triệu phú. Một món tiền lớn như vậy vào thời buổi bây giờ mà lại nói với một giọng khinh miệt! Hai mươi ngàn quan! … Chúng ta có thể không giàu hơn ngài Mazarin nhưng rõ ràng là hơn đức vua.

-Như vậy, Richon, ông tin rằng món lễ vật khiêm nhường này sẽ được phu nhân quận chúa chấp thuận à?

-Phu nhân sẽ vô cùng biết ơn cậu: Từng có đủ để thuê cả một đạo quân.

-Ông tin là chúng ta sẽ cần đến quân lính ư?

-Quân lính ấy à? Dĩ nhiên rồi, và chúng tôi đang lo đến việc tập hợp một đạo quân. Ngài De Rochefoucauld đã chiêu mộ được bốn trăm người thuộc gia đình dòng dõi với lý do là để họ dự vào lễ an táng bố của ông ấy. Ngài công tước De Buioillon cũng sẽ đi Guyenne với từng ấy người, cũng có thể nhiều hơn nữa. Ngài De Turenne hứa sẽ tổ chức một cuộc đột kích vào Paris để đánh úp lâu đài Vicennes và giải cứu các ngài hoàng thân, ông ta sẽ có khoảng ba mươi ngàn người. Ồ! Công việc đang tiến triển tốt đẹp – Richon nói tiếp – Cậu hãy an tâm, và tôi không biết là chúng ta sẽ làm được gì nhiều, nhưng chắc chắn sẽ gây nên tiếng vang rất lớn.

-Thế ông không gặp lão công tước d'Épernon sao? – Chàng trai trẻ cắt ngang và đôi mắt nhấp nháy vì vui mừng khi nghe mô tả những sức mạnh hùng hậu sẽ mang lại chiến thắng cho phe chàng.

-Công tước d'Épernon à? – Người sĩ quan tài ba hỏi và mở to mắt – Cậu muốn tôi gặp ông ta ở đâu kia chứ? Tôi từ Bordeaux về đây chứ có phải từ Agen đâu.

-Ông có thể gặp ông ta cách đây vài bước chân. – Chàng tử tước lại mỉm cười và nói.

-À! Phải rồi, người đẹp Nanon De Lartigues ở gần đây thì phải.

-Cách lữ quán này hai tầm đạn.

-Điều đó giải thích vì sao ngài nam tước De Canolles có mặt ở quán này.

-Ông có quen biết anh ta à?

-Ai? Nam tước đó hả?… À, vâng… Tôi còn có thể nói thêm rằng tôi gần như là bạn của anh ta, nếu như ngài De Canolles không thuộc vào hàng quý tộc, còn tôi chỉ là một tên dân giả.

-Nhưng người dân giả như ông, Richon à, còn đáng giá hơn các vị hoàng tử trong tình thế hiện tại. Mà chắc ông không biết là tôi vừa mới cứu anh ta, chàng nam tước De Canolles đó, khỏi bị đòn đau, mà biết đâu có thể còn tệ hơn nữa.

-Vâng, anh ta cũng có nói với tôi sơ qua về chuyện đó, nhưng tôi không để ý nghe, tôi đang vội gặp cậu. Cậu có chắc là anh ta không nhận ra cậu không?

-Khó mà nhận ra kẻ mà mình chưa bao giờ biết mặt.

-Nhưng, cũng có thể đoán ra.

-Có thể lắm, anh ta cứ nhìn tôi chằm chằm.

Richon mỉm cười: -Tôi cũng nghĩ vậy, đâu phải ngày nào cũng được gặp những chàng công tử giống như cậu.

-Chàng ta có vẻ vui nhộn. – Chàng tử tước nói sau một giây im lặng.

-Vui nhộn và tốt bụng, một đầu óc thông minh và một tâm hồn rộng rãi. Cậu phải biết, người Gascogne không tệ đâu, hoặc là anh ta rất tuyệt hoặc là anh ta

chẳng đáng giá gì cả. Anh chàng này có một phẩm chất rất tốt, trong tình yêu cũng như trong trận chiến, anh ta không phải là tay vừa, chỉ đáng buồn là anh ta theo về phe đối nghịch với chúng ta. Đáng lý ra, vì sự tình cờ run rủi cho hai người quen biết với nhau, cậu nên lợi dụng một cơ hội để lôi kéo hắn về phía chúng ta.

Đôi má nhợt của vị tử tước thoáng hồng lên.

-Coi kìa! – Richon nói với một giọng triết nhân buồn mà thường gặp nơi những người có nhiều khí phách nhất – Có thể nào chúng ta, những người đang nằm trong cánh tay hời hợt ngọn lửa của cuộc nội chiến lại luôn có vẻ đoan trang và đứng đắn như là đang đốt một ngọn nến trong nhà thờ chăng? Ngài trợ giám mục, kẻ mà chỉ cần một lời thôi, có thể lôi cuốn hoặc làm yên cả Paris, là một người đứng đắn chăng? Như bà Chevruse kia, kẻ đưa lên rồi gạt xuống các ông bộ trưởng tùy ý thích của mình, là một người đứng đắn chăng? Còn phu nhân De Longueville, kẻ đã trị vì ba tháng trời ở Tòa Thị Sảnh, là một người đứng đắn chăng? Và cuối cùng phu nhân quận chúa De Condé, người mà mới hôm qua đây, chỉ nghĩ đến áo xống, nữ trang với vàng bạc, là một người rất đứng đắn à? Và cậu bé quận công D'Eughien kia, hãy còn đang chơi với thằng lính chì giữa đám đàn bà và có lẽ sẽ mang cái quần chẽn đầu tiên để làm đảo lộn cả nước Pháp, lại là thủ lãnh đúng nghĩa của một phe phái à? Và cuối cùng là tôi đây, nếu cậu cho phép tên tôi được kế tiếp với những tên tuổi lẫy lừng kia, tôi đây có phải thực sự là một kẻ nghiêm túc, tôi, đứa con trai của một người xay bột miền Angoufoucauld, tôi trước kia đã từng theo hầu ngài De La Rochefoucauld, tôi, kẻ mà chủ nhân một hôm thay vì đưa cho một cái bàn chải hoặc một cái áo khoác, lại đưa cho một thanh gươm, tôi lại có thể anh dũng đứng qua một bên và cho mình là một chiến sĩ hay sao? Ấy thế mà đứa con trai của lão xay bột, tên đầy tớ của ngài De La Rochefoucauld đã trở thành một viên đại úy. Kìa, hắn ta chiêu mộ cả một đội quân bốn, năm trăm người và đến lượt mình đùa cợt với cuộc sống của họ như thể là hắn đã được Thượng đế cho phép. Kìa, hắn đang đi trên con đường danh vọng. Kìa, hắn rồi sẽ trở thành đại tá, toàn quyền, biết đâu? Kìa hắn có thể nắm giữ trong tay trong mười phút, một giờ, một ngày, vận mệnh của cả một đất nước. Cậu thấy đó, giống như một giấc mộng, nhưng tôi sẽ cứ cho là hiện thực cho đến một ngày nào đó, một tai họa nặng nề sẽ đánh thức tôi dậy…

-Và ngay sau đó… – Chàng tử tước nói thêm – tai họa cho kẻ nào đánh thức ông dậy, Richon à, bởi vì ông sẽ trở thành một vị anh hùng…

-Một anh hùng hay là một tên phản trắc, tùy theo chúng ta sẽ thắng hay là kẻ thua.

-Thôi đi Richon, đừng tìm cách làm cho tôi tin rằng những ý kiến đó cản chân một người như ông. Mọi người đều coi ông như một chiến sĩ dũng cảm nhất của quân đội.

-Hừm, có thể lắm. – Richon nói với một cái nhún vai khó hiểu – Tôi đã rất dũng cảm khi vua Louis XIII, với bộ mặt xanh xao, hàng huy chương đính trên áo và con mắt sáng quắc của ông ta kêu lên với một giọng chói tai vừa nhai hàm ria của mình: Đức vua đang nhìn các ngài đấy, tiến lên, nào các ngài! Nhưng khi tôi lại nhìn thấy, không phải sau lưng mà là trước mắt tôi, vẫn hàng huy chương nhưng không phải trên ngực của người cha mà là của người con và sau đó phải hét lên với đám lính của mình: Hãy nhắm bắn vào vua nước Pháp! Thì ngay đó… – Richon vừa nói tiếp vừa lắc đầu – Thì ngay đó, tử tước à, tôi sợ là mình sẽ hoảng lên và sẽ bắn nhầm…

-Richon thân mến, hôm nay ông ăn phải cái gì mà ông lại tỏ ra bi quan quá vậy? Nội chiến là một chuyện đáng tiếc, tôi biết chứ, nhưng đôi khi lại cần thiết.

-Vâng, như bệnh dịch, bệnh sốt rét, như là bệnh sốt đen vậy. Tử tước à, thế cậu nghĩ rằng như tôi đây chẳng hạn tối nay vừa bắt tay với nam tước De Canolles hết sức là vui vẻ, và ngày mai, có cần thiết là tôi buộc phải đâm kiếm vào bụng anh ta bởi vì tôi theo phò phu nhân quận chúa nhà Condé, mà bà ta chẳng coi tôi ra gì, còn anh ta lại là quân của ngài Mazarin dù lão rất xem thường anh ta?

Chàng tử tước để lộ một cử chỉ kinh hoàng.

-Mà cũng có thể… – Richon tiếp tục – là tôi lầm và chính anh ta sẽ là người đâm kiếm vào bụng tôi! Ôi! Những người như cậu có hiểu gì về chiến tranh đâu? Cậu chỉ thấy những rắc rối khác nhau và cậu lao mình vào đó như là chuyện thường tình, mà này, hôm nọ tôi có nói với phu nhân và bà cũng phải đồng ý, các vị sống trong một thế giới mà những tia lửa phát ra từ nòng súng đối với các vị chẳng khác gì những chùm pháo bông.

-Richon à, ông làm tôi sợ quá, và nếu tôi chẳng biết chắc là ông đang ở đây để bảo vệ tôi thì tôi không dám lên đường đâu, nhưng có ông đi theo hộ tống – Chàng thiếu niên cười và đưa bàn tay nhỏ nhắn ra – Tôi chẳng sợ gì cả.

-Tôi đi theo hộ tống à? – Richon nói – À phải rồi, cậu nhắc tôi mới nhớ: Cậu phải đi một mình thôi, tử tước à!

-Nhưng ông không phải đi với tôi đến Chantilly hay sao?

-Nghĩa là tôi sẽ trở lại đó, trong trường hợp sự có mặt của tôi ở đấy là không cần thiết, nhưng như tôi đã nói với cậu, tôi đã trở nên một nhân vật quan trọng đến nỗi, tôi nhận được lệnh từ chính phu nhân quận chúa là không rời khỏi vùng lân cận của thành lũy. Ở đấy, người ta đang sắp đặt nhiều dự định.

Chàng tử tước kêu lên kinh hãi: -Đi một mình, không có ông à! – Chàng kêu lên – Đi với lão Pompéc một trăm lần nhát gan hơn tôi, xuyên qua gần một nửa nước Pháp như vậy. Ồ không, tôi không đi đâu, tôi thề đó! Tôi sẽ chết vì sợ trước khi đến nơi.

-Ồ, tử tước à! – Richon phá lên cười và đáp lại – Thế cậu không nhớ đến cây kiếm đang treo bên cạnh sao?

-Ông cứ cười đi, tôi không đi đâu. Phu nhân quận chúa đã hứa với tôi là có ông đi cùng, và tôi chỉ nhận lời với điều kiện đó.

-Tùy ý cậu thôi, tử tước à! – Richon đáp lại, với giọng quan trọng giả tạo – Dù sao thì ở lâu đài Chantilly, mọi người đang chờ cậu, hãy coi chừng, các ông hoàng rất dễ mất kiên nhẫn, nhất là khi họ đang chờ tiền.

-Mà tôi lại còn phải đi ngay đêm nay nữa chứ!

-Càng tốt. – Richon cười nói – Như vậy sẽ không ai thấy là cậu đang sợ và cậu sẽ gặp nhiều tên còn nhát gan hơn mà cậu sẽ đuổi cho chạy có cờ.

-Ông tin là như vậy à? – Chàng tử tước vẫn còn chưa an tâm lắm.

-Nhưng mà có một cách dàn xếp mọi chuyện, cậu sợ vì món tiền phải không? Nếu vậy thì hãy để tiền lại, tôi sẽ cho ba bốn người thân tín mang đi. Nhưng xin cậu hãy nghe tôi, cách chắc chắn nhất là để cho nó đến nơi là chính cậu mang đi vậy.

-Ông có lý, tôi sẽ đi vậy, và vì cần phải tỏ ra dũng cảm hoàn toàn, tôi sẽ mang món tiền theo. Tôi cho rằng phu nhân theo như ông vừa nói, còn cần tiền hơn cả tôi, có lẽ tôi sẽ không được tiếp đón niềm nở nếu đến mà không mang theo tiền?

-Đúng như hồi nãy khi vào đây tôi đã nói, cậu thật là anh hùng. Vả lại đâu đâu cũng có quân lính của nhà vua, mà chúng ta chưa đến lúc khai chiến, mà cũng đừng ỷ y quá, hãy bảo lão Pompéc nạp đạn sẵn.

-Ông nói vậy là để trấn an tôi hay sao?

-Đúng là kẻ nào biết trước hiểm nguy thì sẽ không bị bất ngờ. Cậu nên đi đi! – Richon đứng dậy và nói thêm – Đêm nay sẽ đẹp và trước khi trời sáng, cậu có thể đã đến Monlieu.

-Mà nếu anh chàng nam tước biết được chúng tôi ra đi thì sao?

-Ô, lúc này anh ta đang làm cái công việc mà chúng ta vừa làm xong, nghĩa là anh ta đang dùng bữa, mà chắc anh ta cũng là người khá phàm ăn để rời bàn vì một lý do không đâu. Hay là để tôi xuống giữ anh ta lại.

-Nếu vậy thì ông hãy xin lỗi giùm tôi vì thái độ thiếu lịch sự của tôi nhé. Tôi không muốn rằng nếu một ngày nào đó mà anh có dịp gặp tôi với một tâm trạng không vui bằng hôm nay, anh ta sẽ đi kiếm chuyện với tôi. Mà anh ta cũng là người khá phong nhã đấy chứ!

-Cậu nói đúng đấy, và anh ta sẵn sàng theo cậu đến cùng trời cuối đất, dù chỉ để so kiếm với cậu, nhưng xin cậu cứ an tâm, tôi sẽ thay cậu cáo lỗi với anh ta.

-Vâng, nhưng mà hãy đợi tôi đi đã nhé!

-Dĩ nhiên rồi.

-Ông có cần tôi nhắn lại điều gì với phu nhân không?

-Cậu vừa nhắc tôi điều quan trọng nhất.

-Ông đã viết ra giấy chưa?

-Không, chỉ cần nhắn lại hai tiếng.

-Nói đi.

-Bordeaux – Có.

-Thế phu nhân biết ý nghĩ của hai tiếng đó chứ?

-Biết rất rõ, và với hai tiếng đó, phu nhân có thể an tâm lên đường, cậu hãy nói với phu nhân là tôi chịu trách nhiệm trên tất cả.

-Nào, lão Pompéc ơi! – Chàng tử tước nói với người tùy tùng vừa thò đầu qua cánh cửa – Chúng ta lên đường thôi!

-Ô, ô lên đường à? Lão Pompéc nói – Cậu tử tước nghĩ sao kia chứ? Trời sắp có giông to rồi đấy.

-Ông nói gì vậy chứ Pompéc? – Richon đáp lại – Trên trời không có một áng mây.

-Nhưng đêm tối như thế này, chúng ta có thể đi lầm đường.

-Chẳng khó gì cả, cứ theo con lộ lớn nhất mà đi, vả lại đêm nay trăng sáng đấy.

-Sáng trăng, sáng trăng. – Lão Pompéc lẩm bẩm – Ông Richon ạ, ông cũng biết là không phải tôi nói như vậy là vì tôi…

-Chắc chắn rồi! – Richon nói – Một người lính kỳ cựu!

-Khi người ta đã tham gia các trận chiến chống Tây Ban Nha và đã bị thương ở Corbie… – Ông lão Pompéc vừa nói vừa ưỡn ngực lên.

-Không còn sợ gì cả nữa, phải không? Nếu vậy thì rất hay, bởi vì tôi cũng xin báo với lão là cậu tử tước chưa cảm thấy an tâm chút nào.

-Ôi, ôi! – Lão Pompéc tái mặt – cậu sợ à?

-Nếu có lão thì không đâu, Pompéc thân mến ạ, tôi biết rõ mà, nếu có kẻ thù thì chắc chắn là lão sẽ xuống ra hứng đạn cho tôi.

-Chắc chắn rồi, chắc chắn rồi! – Pompéc lại nói – nhưng nếu cậu còn thấy sợ thì nên để ngày mai hãy đi vậy.

-Không được đâu, lão Pompéc ơi! Hãy mang mớ tiền vàng ấy đặt lên sau mông ngựa của lão, tôi sẽ theo lão ngay đây.

-Món tiền này quá lớn để có thể mang theo vào ban đêm. – Pompéc vừa nhắc cái túi.

-Không có gì phải e ngại cả, ít ra thì như ông Richon vừa nói. Nào, súng ngắn, súng dài và gươm đủ cả chưa?

-Lẽ nào cậu quên rằng… – Ông lão tùy tùng ưỡn thẳng người lên nói – Khi đã từng làm lính suốt cả đời, người ta có thể lại phạm sai sót hay sao? Thưa tử tước, mỗi thứ đều đã được chuẩn bị xong xuôi cả rồi.

-Cậu thấy đó! – Richon nói – Làm sao có thể sợ khi cùng đi với một người như vậy được? Thôi chúc cậu lên đường bình an.

-Xin cám ơn lời chúc của ông! Nhưng đường mới dài làm sao – Chàng tử tước trả lời với một cử chỉ lo sợ.

-Chà! Bất cứ con đường nào cũng có khởi điểm và nơi đến. Xin cho tôi gởi lời chào đến phu nhân quận chúa, hãy bảo với phu nhân rằng tôi luôn luôn trung thành với bà và ngài De La Rochefoucauld cho đến phút chót, và xin đừng hai tiếng tôi đã dặn "Bordeaux – Có". Còn tôi, tôi sẽ xuống tìm Canolles đây.

-Này Richon! – Chàng tử tước lại nói, vừa đưa tay giữ Richon lại nơi bậc thang đầu tiên – Nếu tên Canolles ấy là một tên sĩ quan dũng cảm và phong nhã như ông vừa nói, thì tại sao ông không tìm cách lôi kéo y về phe chúng ta? Y có thể gặp lại chúng ta hoặc là ở lâu đài Chantilly hoặc là trong chuyến đi, vì có biết y chút ít, tôi sẽ giới thiệu y với phu nhân.

Richon nhìn chàng tử tước với một nụ cười khác thường và anh chàng này, có lẽ hiểu được ý nghĩ đang lướt qua đầu của người chiến sĩ, nên vội nói thêm: -Nhưng mà Richon à, hãy coi như tôi chẳng nói gì cả và ông hãy cứ hành động theo như ông cho là phải. Thôi chào nhé!

Và sau đó, chàng vội vã trở về phòng, có lẽ vì e rằng Richon sẽ thấy khuôn mặt chàng đang chợt đỏ ửng lên, mà cũng có lẽ vì e rằng Canolles mà tiếng nói ồn ào vang lên đến tầng trên, có nghe câu nói đó.

Và chàng để Richon xuống thang gác, theo sau là lão Pompéc xách chiếc va li với một vẻ thản nhiên bên ngoài để khỏi lôi kéo sự chú ý đến những gì nó có thể chứa đựng, và vài phút sau, chàng sờ soạng xem có để quên cái gì không, tắt mấy ngọn nến và đến lượt mình thận trọng bước xuống cầu thang, liếc một ánh mắt rụt rè qua khe hở của một cánh cửa ở tầng trệt, rồi mặc vào người chiếc áo khoác dày mà Pompéc đưa ra, đặt chân lên bàn tay người tùy tùng và nhẹ nhàng nhảy lên lưng ngựa, vừa mỉm cười vừa rầy rà sự chậm chạp của ông lính già và biến mất vào bóng đêm.

Ngay khi Richon vừa bước vào phòng của Canolles, một tiếng hò reo vui mừng vang lên từ miệng chàng nam tước đang ngồi ngã ra ghế, chứng tỏ rằng anh chàng nam tước này không biết giận dỗi là gì.

Trên bàn ăn, giữa hai cái chai trong suốt mới này đây còn đầy ắp là một cái bình, kiêu hãnh vì cái bụng tròn trịa của mình, được lót trong một ổ rơm, mà qua các khe hở, ánh sáng của bốn ngọn nến bắn ra những tia sáng màu hồng ngọc, đó là một trong những loại rượu xưa của vùng Collioure, bên cạnh là đủ lại trái cây ngon lành, chứng tỏ cách tính toán chính xác của chủ quán. Quả vậy, có thể nói rằng, bất kỳ ai nếm vào mớ trái cây tráng miệng ngon lành kia, dù cho có ít uống đi nữa, cũng cần phải tiêu thụ một lượng chất lỏng khá lớn.

Mà Canolles thì không phải là một nhà ẩn tu… Và cũng có thể là vì với tư cách của một người theo Tân giáo (Gia đình của Canolles theo đạo Tin lành, nhưng chàng cũng chẳng tuân theo đạo của cha ông gì cho lắm) có thể như chúng

ta đã nói, với tư cách là một người theo Tân giáo nên chàng không tin gì mấy vào việc phong thánh của các nhà tù đó đã về nước trời nhờ uống nước lã và ăn rễ cây. Bởi vậy, dù cho có buồn hoặc đang thất tình đến đâu đi nữa, Canolles không bao giờ thờ ơ trước mùi thơm của một bữa ăn ngon lành và trước mấy cái chai hình dáng đặc biệt với những cái nút xanh đỏ đang giam giữ dưới lớp nút bật kín đáo, cái tinh chất quý giá nhất của vùng Gascogne. Trong trường hợp này, như thường lệ, Canolles đã chào thua trước sức hút của những gì mà chàng thấy, từ cái thấy chàng bước qua cái ngửi và từ cái ngửi qua cái nếm, và vì trên mặt tam giác quan chàng đã được bà mẹ chung vẫn thường được gọi là thiên nhiên phú cho, thì có ba đã hoàn toàn thỏa mãn, hai giác quan kia phải chịu khó kiên nhẫn và chờ đợi đến lượt mình với một sự nhẫn nhục đầy khoái lạc.

Chính ngay lúc ấy Richon bước vào thấy Canolles đang ngồi lắc lư trên ghế.

-À! Anh đến thật đúng lúc! – Anh chàng này kêu lên – Richon thân mến, tôi đang cần có người để nghe tôi ca ngợi mét Biscarros, và đã tưởng rằng đành phải nói với cái tên Castorin ngu đần này, mà hắn thì không biết uống là gì, và tôi cũng chẳng bao giờ dạy được cho hắn cách ăn uống cho đàng hoàng. Đây hãy ngồi xuống đây và nhìn cái bàn này, có phải lão Biscarros đúng thật là nghị sĩ và đáng cho tôi giới thiệu với ngài công tước d'Épernon, bạn tôi không? Hãy nghe chi tiết bản thực đơn này và đánh giá nhé, anh là một người biết thưởng thức kia mà – súp tôm cua này, sò huyết ngâm rượu, gà thiên với một chai Mader mà đây chỉ còn là cái xác, một con đa đa nhồi nấm, đậu, mứt anh đào kèm theo một chai chamberlin đang lăn lóc đây. Ngoài ra còn món tráng miệng và cái chai Lollioure đang cố gắng chống cự nhưng rồi cũng sẽ đầu hàng như mấy tên kia, nhất là khi có anh cùng giúp sức với tôi. Ái chà! Tôi đang cao hứng và Biscarros thật đáng bậc thầy. Ngồi xuống đi anh Richon, anh đã ăn tối rồi à, không sao! Cả tôi cũng ăn rồi, nhưng không sao cả, chúng ta sẽ bắt đầu lại thôi.

-Xin cảm ơn nam tước. – Richon nói – Tôi không còn đói nữa.

-Thôi thì đành vậy. Người ta có thể không còn đói nữa, nhưng luôn luôn khát, anh hãy nếm thứ chai Collioure này xem.

Richon đưa ly ra.

-Vậy là anh đã ăn tối rồi à? Với cậu tử tước ngốc nghếch của anh chứ gì? À, không, xin lỗi Richon… Không, tôi nhầm, trái lại đó là cậu công tử mà tôi phải mang ơn rất nhiều. Nếu không tôi đã trút linh hồn với ba hay bốn lố mà ngài công tước d'Épernon đã có nhã ý cho tôi. À Richon! Tôi trông anh thật giống như người ta đã nói với tôi, nghĩa là người đầy tớ trung thành của hoàng thân nhà Condé.

-Thôi đi nam tước! – Richon kêu lên và phá ra cười – Hãy gạt qua một bên ý nghĩ đó đi, nếu không thì tôi chết vì cười đấy.

-Chết vì cười! Anh ấy à? Thôi đi! – Canolles nói tiếp – Nói thật đi, anh cũng theo bọn phản loạn phải không?

Richon vẫn tiếp tục cười nhưng có vẻ ngượng hơn.

-Anh có biết là tôi muốn bắt giữ anh cùng với cậu tử tước nhà anh lại hay không? Chà, nếu vậy thì buồn cười thật, mà lại dễ dàng nữa chứ. Tôi đang có dưới tay mấy tên bộ hạ của công tước d'Épernon đấy.

Ngay khi đó, vang lên tiếng vó ngựa của hai con ngựa đang xa dần.

-Ê! – Canolles lắng nghe và nói – Có chuyện gì vậy Richon? Anh có biết không?

-Tôi nghĩ là biết.

-Nói xem nào.

-Đó là cậu công tử đã lên đường.

-Mà không thèm từ giã tôi! – Canolles kêu lên – Người gì mà kỳ thật!

-Không đâu nam tước à, đó là một người đang có chuyện gấp, có thế thôi.

Canolles nhíu mày: -Thật là bất lịch sự! Cậu ta được dạy dỗ ở đâu vậy? Này anh bạn Richon, tôi xin nói cho anh biết là cậu làm như vậy là không được chút nào. Giữa những người phong nhã với nhau, không thể xử sự như vậy. Hừm! Nếu tôi mà gặp lại cậu ta, thì sẽ cho một trận. Quỷ tha cái lão bố của cậu ta đi, chắc lão hà tiện nên không biết mời thầy về dạy cho con chứ gì!

-Xin anh đừng giận, nam tước à. – Richon cười – Cậu tử tước không phải vô giáo dục như anh tưởng đâu, bởi vì trước khi ra đi, cậu ấy nhờ tôi cáo lỗi với anh.

-Thôi được! – Canolles nói – Một hành động xấc xược như vậy mà xem như một cử chỉ kém lịch sự nho nhỏ. Hừm! Tôi đang bực bội đây! Anh hãy kiếm chuyện với tôi đi Richon! Anh không muốn à? Này Richon, trông anh thật xấu xí quá!

Richon bèn cười: -Cứ nóng nảy như vậy thì anh có khả năng thắng tôi một trăm đồng piatoles (chú thích: Piatoles: Trị giá bằng mười quan) nếu chúng ta cùng chơi bài với nhau. Chắc anh cũng biết, cái may thường hay đến với những người đang buồn.

Richon biết tánh Canolles và biết mình phải làm như vậy khi mở cho tánh cáu kỉnh của anh ta một lối thoát như vậy.

-Ái chà! Chơi bài à! – Anh ta kêu lên – Anh nói đúng, nào ta chơi đi! Richon thân mến! Anh nói một câu làm tôi hết giận. Castorin đâu, lấy cỗ bài ra đây!

Castorin chạy ngay tới, theo sau là mét Biscarros, cả hai dọn dẹp bàn và hai người bạn bắt đầu chơi với nhau. Castorin, từ mười năm nay vẫn mơ có một mụ nạ dòng giữa ba và bốn mươi, và Biscarros nhìn đồng tiền với con mắt ham muốn, cả hai đều đứng mỗi người một bên bàn nhìn họ. Chưa được một giờ sau, trái ngược với tiên đoán của mình, Richon đã thắng đối thủ tám mươi piatoles.

Thế là Canolles, trong túi không còn một đồng nào, bảo Castorin lấy vali của mình ra.

-Thôi khỏi – Richon nói – Tôi không có thời giờ để cho anh gỡ lại đâu.

-Sao! Anh không có thời giờ đấy chứ?

-Nam tước à? – Richon nghiêm nghị nói – Anh là một người lính, bởi vậy chắc anh biết tính nghiêm ngặt trong quân ngũ.

-Vậy tại sao anh không đi trước khi ăn tiền của tôi? – Canolles nửa vui vẻ, nửa giận dỗi.

-Chẳng lẽ anh có ý trách móc tôi vì đã ghé thăm anh?

-Trời, không đâu! Nhưng mà này, tôi không buồn ngủ chút nào cả, mà ở đây thì thật là buồn chán. Tôi đi cùng với anh có được không Richon?

-Tôi từ chối danh dự đó, nam tước ạ. Nhưng nhiệm vụ mà tôi đang được giao phó không để cho mọi người cùng biết được.

-Thôi được rồi! Anh đi…, về hướng nào?

-Tôi đang toan xin anh đừng hỏi tôi câu đó.

-Cậu tử tước đi về hướng nào?

-Tôi đành phải trả lời tôi cũng không biết.

Canolles nhìn Richon để đoán chắc là những câu trả lời đó không mang màu sắc đùa cợt, nhưng con mắt hiền lành và nụ cười thành thật của viên tổng đốc thành lũy Vayres đành tan đi, nếu không phải là tánh thiếu kiên nhẫn, thì cũng là tánh tò mò của chàng.

-Thôi đi! – Canollles nói – Tối nay anh thật bí ẩn, Richon thân mến ạ, nhưng anh hoàn toàn tự do. Cách đây ba giờ đồng hồ, tôi cũng đã buồn bực vì có người cứ đòi theo tôi, dù rằng sau đó thì kẻ ấy cũng buồn bực không khác gì tôi. Nào, thêm một ly cuối cùng và chúc anh lên đường may mắn!

Nói xong, Canolles rót đầy các ly và Richon, sau khi uống cạn ly chúc mừng sức khỏe ngài nam tước, trở ra và cũng không nghĩ rằng anh chàng này tìm cách biết hướng đi của mình. Nhưng còn lại một mình giữa những cây nến cháy đỏ, những chai lọ ngổn ngang, những lá bài vung vãi, chàng nam tước đã mang nặng trong lòng một nỗi buồn mà chỉ mình chàng mới biết được, vì cái vui vẻ của một buổi tối kia đã được tạo ra bởi một nỗi thất vọng mà chàng cố tìm cách quên đi nhưng không hoàn toàn quên hẳn được.

Và chàng lê chân trở về phòng ngủ vừa ném qua những ô cửa kính của hành lang một ánh mắt giận dữ và tiếc rẻ về hướng ngôi nhà hẻo lánh, nơi có một cửa sổ còn thấp thoáng ánh đèn thỉnh thoảng mờ đi bởi bóng người đi qua. Điều đó chứng tỏ tiểu thư De Latigues đang qua một buổi tối không cô độc như chàng.

Nơi bậc đầu tiên của cầu thang, mũi ủng của Canolles chạm phải một vật gì đó, chàng cúi xuống và nhặt lên một trong hai chiếc găng tay màu xám bạc của

chàng tử tước, mà anh chàng này đã làm rơi khi vội vã rời lữ quán của mét Biscarros và có lẽ cho rằng không đáng quan trọng để mất thời giờ tìm kiếm.

Dù có buồn giận đến đâu đi nữa, trong cảnh cô quạnh của một người tình bị bỏ rơi, thì cũng chẳng có niềm vui nào lớn hơn trong căn nhà hẻo lánh gần quán Con Bê Vàng.

Cả đêm lo âu và trằn trọc, Nanon trăn trở trong đầu cả ngàn kế hoạch để báo tin cho Canolles và đã đem tất cả những gì là khôn khéo nhất của một phụ nữ biết cách tổ chức để thoát khỏi cảnh khó khăn. Chỉ cần ngài công tước quay mặt đi một phút để nói với Francinette một câu, và hai phút để viết cho Canolles vài chữ.

Nhưng, hình như ngài công tước đọc được những gì trong đầu nàng và nỗi lo âu trong mắt nàng qua cái mặt nạ vui vẻ mà nàng đang đeo nên đã tự thề hứa rằng sẽ không để cho nàng chỉ một chút tự do cần thiết đó.

Nanon nhức đầu, ngài d'Épernon không muốn nàng phải dậy mà tự đi lấy dùm nàng lọ dầu.

Nanon bị cây kim đâm vào tay, làm chảy ra một viên hồng ngọc nơi đầu ngón tay trắng muốt và muốn đi tìm một mẩu băng nhỏ trong hộp đồ khâu, nhưng ngài công tước, không biết mệt mỏi, ngồi dậy, tự tay cắt mẩu băng với một sự khéo léo đến bực mình và khóa hộp đồ khâu lại.

Nanon giả vờ như đang ngủ say, và ngài công tước cũng bắt đầu ngáy, thế là Nanon mở mắt ra, và qua ánh nến mờ mờ sáng, nàng tìm cách lấy cuốn sổ tay trong chính cái áo chẽn của ông đặt gần bên giường, nhưng khi nàng đã cầm được cây bút chì và vừa xé được một trang giấy thì ngài công tước mở một con mắt ra.

-Nàng làm gì vậy? – Ông hỏi.

-Em tìm xem trong sổ tay của ngài có tờ lịch không. – Nanon trả lời.

-Để làm gì?

-Để biết ngày lễ thánh của ngài là ngày nào.

-Ta tên là Louis và lễ của ta nhằm vào ngày 25 tháng 8 như nàng đã biết rồi đấy, nàng có đủ thời gian để chuẩn bị, cưng ạ.

Và ông cầm lấy cuốn sổ tay, cất lại vào túi.

Ít ra là qua hành động sau cùng, Nanon cũng còn giữ được một tờ giấy và cây bút viết. Nàng nhét cả hai thứ xuống gối và khéo léo làm đổ cây đèn nơi bàn ngủ, hy vọng có thể viết trong bóng tối, nhưng ngài công tước liền lớn tiếng gọi Francinette mang đèn tới. Bảo rằng tối quá làm ông không ngủ được. Nanon chưa kịp viết hết câu, Francinette đã chạy đến và e rằng biến cố ban nãy lại xảy ra nữa nên ngài công tước ra lệnh đặt cây nến lên trên lò sưởi. Bây giờ thì đến lượt Nanon bảo rằng sáng quá làm nàng ngủ không được và nàng bực bội quay mặt vào tường chờ trời sáng.

Cái buổi sáng đáng ngại rồi cũng lóe lên bên trên ngọn những cây bạch dương và làm nhạt đi ánh sáng của hai ngọn nến. Ngài công tước d'Épernon thật đáng khen trong việc giữ gìn những thói quen của đời sống quân ngũ, đã thức dậy khi tia nắng bắt đầu xuyên qua lá sách cửa sổ, tự mặc lấy quần áo để khỏi rời Nanon của ông một giây nào cả, và rung chuông gọi người hầu.

Francinette bước vào, mang đến cho ngài một xấp công văn mà Courtauvaux, tên tùy tùng thân tín, vừa mang đến trong đêm.

Ngài công tước bắt đầu giở ra đọc một con mắt, còn con mắt kia, đang cố làm ra vẻ hết sức âu yếm, vẫn không rời khỏi Nanon.

Nếu có thể thì Nanon đã xé ngài ra làm nghìn mảnh.

-Nàng có biết… – Ngài công tước sau khi đọc xong vài tờ công văn – Bây giờ nàng cần phải làm gì không?

-Không, thưa ngài. – Nanon trả lời – Nhưng nếu ngài cho lệnh thì em sẽ xin tuân theo.

-Đó là cho người đi mời anh nàng đến. – Ngài công tước nói – Ta vừa nhận được từ Bordeaux một lá thứ chứa đựng những điều ta cần biết, và anh nàng có thể lên đường ngay bây giờ, nhờ vậy khi trở về, ta sẽ có lý do để cho anh nàng lên cấp đại tá như nàng mong muốn.

Gương mặt của ngài công tước mang một vẻ tử tế thành thật.

"Nào" – Nanon tự nhủ – "hãy can đảm lên! Hy vọng là Canolles đọc được mắt ta, hoặc là sẽ hiểu những câu ám chỉ của ta."

Rồi nàng nói lớn: -Vậy ngài hãy cho người đi mời đi! – Bởi vì nàng nghĩ rằng ngài sẽ không để cho nàng tự làm việc ấy.

Ngài d'Épernon gọi Francinette và bảo cô đi đến quán Con Bê Vàng, không dặn gì nhiều hơn mấy lời này: -Bảo với ngài nam tước De Canolles là có tiểu thư De Lartigues mời ngài đến dùng bữa.

Nanon ném về phía Francinette một ánh mắt, nhưng làm sao Francinette có thể hiểu rằng ánh mắt đó muốn nói: Hãy bảo với nam tước rằng ta là em gái ngài.

Francinette ra đi, hiểu rằng có chuyện khúc mắc gì đây.

Trong khoảng thời gian đó, để có thể, từ ánh mắt đầu tiên, nhắc nhở Canolles phải cẩn trọng, và nàng chuẩn bị một câu khéo léo để ngay từ đầu, chàng nam tước có thể biết ngay được những gì chàng cần biết và khỏi thốt ra những câu không khớp với màn kịch gia đình sắp tới.

Khóe mắt nàng nhìn xuyên suốt cả con đường, cho đến khúc quanh nơi tối qua ngài công tước đã nấp cùng với đám tay chân.

-À! – Ngài công tước bỗng kêu lên – Francinette đây rồi!

Rồi ông đăm đăm nhìn vào mắt Nanon thế là nàng buộc phải rời con đường để đáp lại ánh mắt của ông.

Quả tim của Nanon muốn nhảy ra khỏi lồng ngực, nàng chỉ có thể thấy được có Francinette, trong khi lại muốn nhìn thấy Canolles và tìm được trên mặt chàng một nét trấn an nào đó.

Có tiếng chân bước lên: Ngài công tước sắp sẵn một nụ cười vừa cao sang vừa thân mật. Nanon cố gắng để gương mặt khỏi đỏ lên và chuẩn bị vào trận.

Francinette gõ nhẹ vào cửa.

-Vào đi! – Ngài công tước nói.

Nanon gọt dũa câu nói mà nàng sẽ đem ra chào Canolles.

Cửa mở ra: Chỉ có mình Francinette. Nanon nhìn ra tiền phòng với một ánh mắt thắc mắc, chẳng có ai cả.

-Thưa bà – Francinette nói với một giọng thản nhiên của một diễn viên đóng kịch, ngài nam tước De Canolles không còn ở quán Con Bê Vàng nữa ạ!

Ngài công tước mở to hai con mắt và sầm mặt xuống. Nanon ngả đầu và thở hắt ra.

-Sao? – Ngài công tước nói – Nam tước De Canolles không còn ở quán Con Bê Vàng nữa à!

-Francinette, chắc em nhầm rồi đấy! – Nanon nói thêm.

-Thưa bà, em chỉ nhắc lại những gì ông chủ quán Biscarros đã nói với em.

"Anh ấy đã đoán biết tất cả, ôi Canolles yêu quý" – Nanon thầm nghĩ – "Thông minh và khôn khéo không kém gì đẹp trai và dũng cảm."

-Đi bảo lão Biscarros đến đây ngay cho ta! – Ngài công tước nói với vẻ mặt bực bội.

-Ồ, em nghĩ là – Nanon vội nói – chắc anh ấy biết là ngài đang có mặt ở đây và sợ quấy rầy ngài. Anh Canolles tội nghiệp của em nhút nhát lắm.

-Nhút nhát à! – Ngài công tước nói – Hình như anh nàng đâu phải nổi danh về mặt này.

-Không đâu, thưa bà, ngài nam tước đi thật rồi ạ!

-Nhưng, thưa bà, làm sao mà ông nam tước lại sợ tôi kia chứ, bởi vì Francinette được lệnh là mời người đó từ bà kia mà? Chị đã nói với người đó là có tôi ở đây phải không?Francinette trả lời xem!

-Dạ thưa ngài công tước, con không thể nói được ạ, bởi vì không có ngài nam tước ở đấy.

Mặc dầu cho câu trả lời mang đầy đủ tính chất thành thật và rất đúng của Francinette, ngài công tước vẫn chưa hết nghi ngờ. Nanon, mừng rỡ, không còn sức để nói gì thêm nữa.

-Thưa bà, có cần gọi ông Biscarros đến đây nữa không ạ? – Francinette hỏi.

-Cần chứ! – Ngài công tước to giọng nói – À, mà không khoan đã. Hãy ở lại đây đi, bà chủ có thể cần đến chị, để ta sai Courtauvaux đi.

Francinette quay ra. Năm phút sau, Courtauvaux đến gõ nhẹ lên cửa.

-Hãy đi bảo chủ quán Con Bê Vàng đến đây gặp ta! – Ngài công tước nói – Và bảo lão đem theo thực đơn cho bữa ăn trưa. Đưa cho lão mười đồng vàng này để bữa ăn được ngon. Đi đi!

Courtauvaux giơ vạt áo ra hứng lấy mấy đồng vàng và vội đi thi hành ngay.

Đây là một tên người hầu của nhà sang trọng, rất hiểu rõ công việc của mình. Hắn ta đến gặp Biscarros và bảo: -Ta đã giới thiệu quán của lão để chủ ta đặt một bữa ăn lịch sự với giá tám đồng vàng, dĩ nhiên là ta giữ lại hai đồng tiền cò, đây là sáu đồng cho lão. Hãy đến ngay lập tức.

Biscarros run lên vì sung sướng, thắt quanh bụng một cái tạp dề trắng, bỏ vào túi sáu đồng vàng, siết chặt tay Courtauvaux và chạy vội theo tên tùy tùng cho đến ngôi nhà nhỏ.

§8

Lần này thì Nanon không còn run nữa, bộ điệu tự tin của Francinette đã khiến cho nàng hoàn toàn an tâm, nàng còn cảm thấy rất muốn nói chuyện với Biscarros, ông ta được mời vào ngay khi vừa đến.

Biscarros đi vào, cái tạp dề diêm dúa vén lên một góc giắt.

-Hôm qua, quán ông có một cậu công tử – Nanon nói – CÓ phải đó là ngài nam tước De Canolles không?

-Người ấy đâu rồi? – Ngài công tước hỏi.

Biscarros khá lo lắng, bởi vì tên tùy tùng cùng với sáu đồng tiền vàng mang đến cho ông linh cảm rằng đây là một nhân vật quan trọng dưới lớp áo choàng trong nhà, nên thoạt đầu trả lời mơ – Nhưng, thưa ngài, người đó lên đường rồi.

-Đi rồi à? – Công tước hỏi – Đi thật sự rồi à?

-Vâng, thật sự.

-Người đó đi đâu? – đến lượt Nanon hỏi.

-Thưa bà, điều này tôi không thể nói được, bởi vì thật sự tôi không biết.

-Nhưng ít ra chắc ông cũng biết là đi về hướng nào chứ?

-Dạ, đường đi Paris, thưa bà.

-Người đó lên đường vào lúc nào? – Ngài công tước hỏi.

-Khoảng nửa đêm ạ.

-Và không nói gì sao? – Nanon e dè hỏi.

-Không nói gì cả, chỉ để lại một lá thư bảo đưa tận tay cô Francinette.

-Vậy tại sao ngươi không giao lại lá thư đó hả, tên khốn kiếp? – Ngài công tước nói – Ngươi khinh xuất với lời dặn dò của một nhà quý tộc như vậy hay sao?

-Tôi đã đưa rồi, thưa ngài, tôi đã đưa rồi!

Francinette đang dỏng tai nghe lỏm nên chỉ nhảy một bước là vào phòng.

-Dạ, thưa đức ông, cô người hầu sợ hãi lắp bắp.

Đức ông!" – Biscarros kêu thầm, hoảng hốt nép mình vào góc nhà xa nhất của gian phòng – Đức ông! Chắc đây một ông hoàng nào cải trang."

-Tại vì em không hỏi chị ta đấy! – Nanon vội nói, mặt tái nhợt.

-Đưa đây! – Ngài công tước giơ bàn tay ra và bảo.

CÔ nàng Francinette đáng thương đưa lá thư ra vừa nhìn bà chủ với một ánh mắt như muốn – Bà cũng thấy đấy không phải là lỗi Ở em, đó chính là do tên Biscarros làm hỏng tất cả.

Hai tia chớp xuất phát từ con ngươi mắt của Nanon đến đâm thẳng vào người Biscarros.

Lão chêm dở đó đổ mồ hôi hột, những muốn cho đi sáu đồng tiền vàng trong túi để được thấy mình đứng trước bếp lò Ở nhà, tay cầm quai nồi.

Trong thời gian đó, ngài công tước đã cầm lấy lá thư, mở ra đọc. Suốt khoảnh khắc ông đọc.

Nanon đứng lặng, tái nhợt, và lạnh ngắt như một bức tượng, không còn cảm thấy tim mình đang – Hắn ta viết quái quỷ gì đây? – Ngài công tước hỏi.

Nghe vậy. Nanon hiểu rằng lá thư không tiến lộ gì cả.

-Hãy đọc to lên, biết đâu em có thể giải thích cho ngài.

-Nanon yêu quý" – Ngài công tước đọc.

Sau vài chữ đó, ông quay về phía người thiếu phụ trẻ đang từ từ lấy lại bình tĩnh và chống đỡ ánh mắt của ông với một vẻ tự tin đáng nể.

-Nanon yêu quý, anh sẽ lợi dụng chuyên nghỉ phép mà em đã xin dúm anh, anh sẽ đi tìm cách giải khuây, đi Paris ít lâu. Tạm biệt nhé."

-ái chà! Anh chàng Canolles này điên rồi!

-Tại sao điên chứ? – Nanon hỏi.

-Ai lại ra đi vào nửa đêm, không một lý do gì hết như vậy?

-ừ nhỉ! – Nanon nói, như với chính mình.

-Coi! Nàng hãy giải thích cho ta rõ xem.

-Kia! Chẳng có gì là khó cả thưa đức ông. – Nanon nói với một nụ cười duyên dáng.

-Cả bà ấy cũng gọi là thưa đức ông. – Biscarros lẩm bẩm – Đúng là một ông hoàng rồi.

-Sao, nàng thử xem?

-Ngài không đoán được lý do à?

-Không, hoàn toàn không.

-Này nhé! Anh Canolles đã hai mươi bảy tuổi rồi, anh ấy trẻ trung, đẹp trai và vô tư. Vậy ngài hãy nghĩ xem anh ấy có thể điên khùng về mặt nào? Về mặt yêu đương? Đấy! Chắc là anh ấy đã thấy Ở quán ông Biscarros có một nữ khách xinh đẹp nào đó, nên đã đi theo.

-Si tình? Nàng tin như vậy à? – Ngài công tước kêu lên, mỉm cười trước ý nghĩ hoàn toàn tự nhiên rằng nếu Canolles đang si tình một cô nào đó thì sẽ không si Nanon.

-Vâng, đúng đấy, đang yêu! CÓ phải thế không mét Biscarros? – Nanon nói khoái chí vì thấy công tước chấp nhận ý kiên của mình – Nào hãy trả lời thành thật xem: CÓ phải là ta đã đoán đúng không?

Biscarros nghĩ rằng đây là lúc có thể trở về với sự chiếu cố của người thiếu phụ trẻ bằng cách nói hùa về với bà ta nên vừa nở một nụ cười tươi tắn như hoa trên cái miệng rộng của ông ta.

-Đúng vậy! – ông ta nói – Bà nói cũng đúng lắm.

Nanon tiến một bước về phía lão chủ quán và nói, hơi run run ngoài ý muốn.

-CÓ đúng vậy không?

-Thưa bà, tôi cũng nghĩ như vậy. – Biscarros trả lời với một vẻ đầy hàm ý.

-ông nghĩ như vậy à?

-À Biscarros, ông hãy kể lại cho chúng tôi nghe thử đi! – Nanon nói, và bắt đầu để cho ghen tương len lỏi vào lòng mình – Hãy nói thử xem, đêm qua đã có bao nhiêu nữ du khách dừng lại Ở quán ông?

-ừ nói đi! – Ngài d'Épernon tán đồng, ngồi dựa vào ghế và duỗi chân ra.

-Không có nữ du khách nào đến cả – Biscarros nói. Nanon thở ra.

-Nhưng lại có… – Biscarros nói tiếp, không ngờ rằng mỗi lời mình nói làm tim của Nanon đập mạnh thêm – Một cậu công tử tóc vàng mũm mĩm, xinh xắn không ăn uống gì nhiều, và nhút nhát. – Biscarros nói thêm – Cậu ấy đợi để cùng ăn với ngài De Canolles vì ngài này muốn dùng cùng bữa với cậu. Nhưng cái ngài dũng cảm ấy đâu có bối rối vì một chuyện nhỏ nhặt như vậy.

ĐÓ là một ngài rất vui tính, tôi cho là như vậy… Và hình như, sau khi cái ông to béo kia đi về hướng phải, người ấy đã chạy theo cậu trẻ tuổi về hướng trái.

Ngài công tước hoàn toàn an tâm, đã có thể ôm hôn Biscarros nếu lão là một nhà quý phái.

Còn Nanon, mặt tái nhợt với một nụ cười lạnh ngắt trên môi, nàng nghe từng lời nói thốt ra từ cửa miệng của lão chủ quán với thứ niềm tin cháy bỏng từng thôi thúc những kẻ ghen tuông uống từng hơi dài cho đến giọt độc dược cuối cùng.

-Nhưng, điều khiến ông nghĩ rằng… – Nàng hỏi – cậu công tử kia là một thiếu nữ, rằng ngài De Canolles mê say người đó và anh ta lên đường không phải chỉ vì buồn chán và ngông cuồng như vậy chứ?

-Điều gì khiến cho tôi nghĩ ra à? Biscarros trả lời, cố gắng làm cho cử tọa hoàn toàn tin tưởng – Đây này, tôi xin nói.

-Phải đấy, nói đi anh bạn. – Ngài công tước bảo – Anh bạn khá là vui nhộn…

-Đức ông thật tốt với tôi quá! – Biscarros nói – Thưa chuyện như thế này…

Ngài công tước dỏng tai lên nghe. Nanon siêu chặt hai tay lại.

-Tôi chẳng nghi ngờ gì cả, và tôi cứ tưởng chàng kỵ sĩ tóc vàng kia là một người đàn ông thì tôi gặp ngài De Canolles đứng giữa cầu thang, tay trái cầm một cây nên, và tay phải cầm một chiếc găng tay nhỏ mà ngài ấy cứ ngó tới ngó lui và hít hà một cách mê mẩn…

-Một chiếc găng tay! – Nanon lập lại, cô nhớ xem mình có để cho người tình một vật chứng nào tương tự như vậy không – Một chiếc găng tay giống như vậy có phải không?

Và nàng giơ cho chủ quán xem một trong mấy chiếc găng tay của mình.

-Không phải đâu, một chiếc găng tay đàn ông! – Biscarros nói.

-Một chiếc găng tay đàn ông? Ngài De Canolles nhìn và ngửi một chiếc găng tay đàn ông! ông điên rồi à?

-Thưa không, bởi vì chiếc găng tay của cậu công tử xinh xắn tóc vàng là một chiếc găng nhỏ xíu chưa chắc bà đây có thể mang vừa dù rằng, quả là bà có bàn tay rất đẹp…

Nanon kêu lên một tiếng nhỏ, như bị đâm bởi một lưỡi gươm vô hình.

-Thưa đức ông! – Nàng cố gắng hết sức để nói – Chắc ngài đã rõ về những gì ngài cần biên.

Và đôi môi run rẩy, răng cắn chặt lại, hai con mắt đăm đăm, nàng chỉ về phía cửa cho Biscarros, ông này nhận thấy vẻ giận dữ trên gương mặt người phụ nữ chẳng hiểu làm sao nữa và há hốc miệng, mở to hai mắt ra.

Nếu sự vắng mặt của ngài công tử đó là một tai họa lớn, thì chắc việc ngài ấy trở về sẽ là một niềm vui to tát. Nào ta hãy lấy cái hy vọng đó vỗ về ông hoàng này, để cho ông ấy được ăn ngon miệng.”

Nghĩ ngợi như vậy. Biscarros lấy một vẻ mặt ân cần nhất, và nói: -Dẫu sao thì ngài ấy cũng đã đi rồi, nhưng mà cũng có thể quay trở lại.

Ngài công tước mỉm cười trước câu mở đầu đó.

-Đúng vậy! – ông nói – Tại sao anh ta lại không trở về chứ? Cũng có thể là đang trên đường quay về…, ông Biscarros à, ông đi thử xem và cho biết kết quả nhé.

-Nhưng còn bữa ăn thì sao? – Nanon vội nói – Em đang đói muốn chêm.

-Ờ nhỉ! – Ngài công tước bảo – Thôi để Courtauvaux đi vậy. Này Courtauvaux, ngươi hãy đến quán của ông Biscarros đây và hỏi thử xem ngài nam tước De Canolles đã quay trở lại chưa… Nếu chưa thì hỏi chung quanh vùng lân cận nhé… Ta muốn được dùng bữa cùng với ngài ấy. Đi đi!

Courtauvaux ra đi. Và Biscarros nhận thấy sự im lặng khó hiểu giữa hai người, lão ra vẻ như sắp phát biểu một ý kiên khác.

-ông không thấy là bà chủ bảo ông trở ra rồi hay sao? – Francinette bảo.

-Khoan, khoan! – Ngài công tước kêu lên, đầu óc nàng để Ở đâu rồi hả. Nanon? Còn bữa ăn thì sao?… Ta cũng như nàng, ta đang rất đói… Này, mét Biscarros hãy cầm lấy thêm sáu đồng vàng này, đây là để thưởng công cho câu chuyện mà ngươi vừa kể với chúng ta.

Rồi ông ra lệnh cho người kể chuyện nhường chỗ cho ông đầu bếp, và chúng ta cũng cần biên.

trong nhiệm vụ này Biscarros cũng sáng chói không kém gì nhiệm vụ trước.

Trong thời gian đó. Nanon đã suy nghĩ và nhìn bao quát cả cái tình thế mà ước đoán của lão Biscarros đặt nàng vào trước hết, ước đoán có đúng không? Và nếu đúng thì Canolles có đáng tội hay không? Quả thật cuộc lỡ hẹn đó, đúng là một thất vọng độc ác đối với một chàng trai trẻ như chàng và cảnh rình rập của

ngài công tước thật là nhục nhã, mà chàng lại còn phải chứng kiên sự thắng thế của tình địch. Nanon đang yêu quá độ nên gán cho cuộc chạy trốn đó như cực điểm của ghen tuông và nàng không chỉ tha thứ mà còn thông cảm cho Canolles, lấy làm thích thú vì đã gây nên một cuộc trả thù nho nhỏ đó. Nhưng, trước hết, cửng phải diệt mầm bệnh từ bên trong và phải cắt đứt mọi tiến triển của một tình yêu mới nhen nhúm kia.

đến đây thì một ý nghĩ khủng khiếp xuyên qua tâm trí của Nanon và gần như làm cho nàng tê liệt Phải chăng cuộc gặp gỡ đó giữa Canolles và chàng công tử kia là một cuộc hẹn hò?

Nhưng không, nàng điên rồi, bởi vì cậu công tử kia chờ đợi một ông có ria, bởi vì cậu ta đã nạt nộ Canolles, và cũng có thể bởi vì Canolles chỉ nhận ra sự giả trang qua chiếc găng tay.

-Không sao! Cần phải ngăn cản mọi dự định của Canolles.

Thế là gom hết tất cả sinh lực, nàng quay về phía ngài công tước đang vừa cho Biscarros ra về mang theo những lời khen ngợi và căn dặn.

-Thưa đức ông. – Nàng nói – Rất tiệc là cái tính ngông cuồng của anh Canolles lại làm cho anh ấy mất đi vinh dự mà ngài dành cho anh ấy! Nếu có mặt thì tương lai của anh ấy đã được đảm bảo, nhưng vì vắng mặt anh ấy có thể mất đi cả tương lai.

-Nhưng, nếu chúng ta tìm lại được anh nàng…

-Ồ không có chuyện đó đâu! – Nanon bảo – Nếu có dính đến phụ nữ thì anh ấy sẽ không về – Nàng muốn ta phải làm gì bây giờ? Tuổi trẻ là tuổi của vui thú, anh nàng còn trẻ và phải hưởng thụ thôi.

-Nhưng còn em… – Nanon nói – vì em chín chắn hơn anh ấy, nên em cho là cần phải cắt đứt cái thú vui không hợp lúc ấy.

-ôi! CÔ em khó tính! – Ngài công tước kêu lên.

-CÓ lẽ anh ấy sẽ giận em trong nhất thời. – Nanon nói tiếp – nhưng chắc chắn là sau này anh ấy sẽ biết ơn em.

-Thế nàng có phương cách nào không, nếu được thì ta sẽ nghe theo.

-CÓ đây ngài ạ.

-Nói xem nào.

-CÓ phải ngài muốn gửi anh ấy mang một tin khẩn đến cho hoàng hậu không?

-Ờ nhưng nếu anh nàng không quay về thì sao?

-Hãy cho người đuổi theo anh ấy, bởi vì anh ấy cũng đang trên đường đi Paris kia mà.

-Nàng nói đúng lắm!

-Cứ để em lo và anh Canolles sẽ nhận được lệnh ngay chiều nay hoặc trễ lắm là ngày mai. Em xin chịu trách nhiệm.

-Nhưng nàng sẽ bảo ai đi?

-Ngài có cần đến Courtauvaux không?

-Không.

-Vậy hãy để hắn cho em, em sẽ bảo hắn đi, cùng với những lời dặn dò.

-ôi! Một nhà ngoại giao khôn khéo, nàng sẽ còn tiến xa. Nanon à.

-Tham vọng duy nhất của em là được theo học với một ông thầy giỏi như ngài.

Và nàng quàng cánh tay qua cổ lão công tước già khiến cho lão run lên vì sung sướng.

-Thôi chúng ta đừng mất thì giờ nữa! Nào ngài viết lệnh đi và bảo Courtauvaux lên gặp em.

Ngài công tước lấy một mảnh giấy và viết lên đó hai chữ duy nhất.

-Bordeau? – Không.

Và ngài ký tên bên dưới.

Rồi ngoài bao thư của tờ công văn ngắn ngủi, ngài ghi một địa chỉ.

"Kính gửi hoàng hậu An ne D'Antnche, nhiếp chính của nước Pháp."

về phần mình. Nanon cũng viết hai hàng mà nàng đưa cho ngài công tước xem. Hai hàng đó như sau:

"Nam tước yêu quý, như anh đã biết, tờ công văn này phải được chuyển đến tay hoàng hậu. Hãy mang đi ngay nhé, nó có liên quan đến vận mệnh của đất nước!

Em gái của anh. Nanon."

Vừa viết xong mấy hàng chữ thì dưới cầu thang vang lên tiếng bước chân vội vã của Courtauvaux hiện ra với gương mặt rạng rỡ của kẻ biết mình mang đến một tin quan trọng mà mọi người chờ đợi.

-Ngài De Canolles đang sắp sửa đến đây! – Tên lính hầu nói.

Ngài công tước reo lên một tiếng khoan khoái. Nanon tái mặt và nhảy bổ về phía cửa.

-Trời, đúng là mình không tránh khỏi.

Ngay lúc đó, một nhân vật xuất hiện nơi ngưỡng cửa, trên người là một bộ y phục sang trọng, nón cầm tay, miệng cười thật duyên dáng.

§9

Sét có đánh ngay chân của Nanon cũng không làm cho nàng ngạc nhiên trước sự xuất hiện bất ngờ đó, và chắc chắn cũng không làm cho nàng thốt lên một tiếng kêu bực tức một cách ngoài ý muốn đó.

-Anh đó à?

-Đúng rồi, em gái à! – Một giọng nói ngọt ngào đáp lại – Ồ, xin lỗi! – Chủ nhân của giọng nói đó tiếp tục khi trông thấy ngài d'Épernon – Xin lỗi ngài, có lẽ tôi làm phiền ngài?

Và người đó cúi sát đất chào viên thống đốc của tỉnh Guyenne, đang đón tiếp chàng với một cử chỉ ân cần.

-Cauvignac! – Nanon lẩm bẩm, nhưng thật nhỏ đến nỗi nghe như phát ra từ tim hơn là từ miệng.

-Xin chào anh, nam tước De Canolles! – Ngài công tước với bộ mặt vui vẻ nhất – Em gái của anh và tôi chỉ nói về anh từ tối hôm qua đến giờ, chúng tôi đang mong anh vô cùng.

-À, các vị đang mong tôi? Thật ư? – Cauvignac nói và quay về phía Nanon một ánh mắt đầy châm biếm và ngờ vực đến khó tả.

-Thưa đức ông, chỉ vì sợ làm phiền mọi người mà tôi không dám đòi hỏi vinh dự đó sớm hơn. – Cauvignac nói và cúi chào trước công tước.

-Sự tế nhị của anh rất đáng khâm phục, nam tước ạ, đáng lẽ phải trách anh đấy.

-Trách tôi, thưa đức ông, trách tôi vì tính tế nhị của tôi. Ôi! Ôi! …

-Phải, bởi vì nếu em gái của anh không lo đến quyền lợi của anh…

-Thế à? – Cauvignac nói và ném một ánh mắt đầy hàm ý trách móc về phía Nanon, em gái tôi đã lo nghĩ đến quyền lợi của…, người…

-Của anh mình, của anh mình! – Nanon vội tiếp – còn gì là tự nhiên hơn nữa chứ?

-Và cả hôm nay nữa, vì đâu mà ta có hân hạnh được gặp anh, anh có biết không?

-Thưa đức ông, vì sao vậy?

-Chỉ là do tình cờ, giản dị là tình cờ đã khiến cho anh quay trở lại.

-À! – Cauvignac nói như với chính mình – Hình như tôi đã ra đi.

-Vâng, anh đã bỏ đi, ông anh đáng ghét và chẳng bảo gì với em ngoài hai tiếng làm cho em thêm lo âu.

-Nanon yêu quý, biết làm sao được bây giờ, phải tha thứ cho kẻ yêu đương thôi. – Ngài công tước mỉm cười nói.

-Cha! Cha! Rắc rối đây! – Cauvignac nhủ thầm – Hình như ta đang si tình thì phải.

-Nào! – Nanon bảo – Anh hãy thú nhận đi.

-Tôi sẽ không chối đâu. – Cauvignac đáp lại với một nụ cười chiến thắng và cố tìm cách rút ra từ những ánh mắt một tí sự thật để nhờ đó mà thêu dệt lên những câu dối trá.

-Phải rồi – Ngài công tước nói – nhưng chúng ta ngồi vào bàn đi thôi. Vừa ăn anh hãy vừa kể chuyện tình của anh cho chúng tôi nghe nhé! Nào Francinette, hãy dọn thêm một bộ đồ ăn cho ngài nam tước Đại úy. À, chắc anh chưa ăn sáng phải không?

-Thưa đức ông chưa, và tôi xin thú nhận rằng bầu không khí mát mẻ của buổi sáng đã làm cho tôi rất đói.

-Hãy nói: Không khí của buổi tối, con người hoang đàng à! – Ngài công tước nói – Bởi vì từ hôm qua đến giờ, anh chạy ngoài đường suốt thời gian mà.

-"Chà!" – Cauvignac nói trong bụng – "ông em rể đoán đúng quá." Vâng, tôi xin thú nhận, không khí của ban đêm…

-Đấy! – Ngài công tước nói và khoác tay Nanon cùng qua phòng ăn theo sau là Cauvignac hy vọng rằng bữa ăn này có thể đương cự với cái đói của anh.

Quả vậy, Biscarros thật là tài tình: Các món ăn không chỉ nhiều mà còn tuyệt vời. Rượu màu vàng của vùng Guyenne, rượu đỏ Bourgogne chảy ra từ chai như những viên ngọc vàng và đỏ.

Cauvignac ăn ngon lành.

-Cậu thanh niên này thật là dễ mến. – Ngài công tước nói – Còn nàng, tại sao nàng không ăn?

-Thưa đức ông, em đủ rồi ạ.

-Cô em yêu quý! – Cauvignac kêu lên – Chắc là cô ấy quá vui khi gặp tôi nên không còn thấy đói nữa. Phải nói là tôi rất giận cô ấy vì đã quá thương tôi đến như vậy.

-Chiếc cánh gà rừng này nhé, Nanon? – Ngài công tước nói.

-Để cho anh của em, thưa đức ông, để cho anh ấy. – Người thiếu phụ trẻ nói khi thấy đĩa của Cauvignac mau hết một cách dễ sợ.

Cauvignac đưa đĩa ra với một nụ cười biết ơn. Ngài công tước thả chiếc cánh gà xuống và Cauvignac đặt đĩa xuống trước mặt mình.

-Canolles, anh đã làm gì vậy? – Ngài công tước nói với một thái độ thân mật. Cauvignac cho là điềm tốt – Dĩ nhiên là ta không nói đến chuyện tình yêu.

-Trái lại, thưa đức ông, xin cứ nói đến, đừng ngại gì cả. – Chàng thanh niên nói, rượu đã bắt đầu làm cho mềm môi.

-Thưa đức ông, anh ấy thích đùa lắm. – Nanon nói.

-Thế chúng ta hãy nói về cậu công tử nhỏ bé nhé! – Ngài công tước nói.

-Đúng rồi, về cậu công tử mà anh vừa gặp đêm hôm qua. – Nanon bảo.

-À đúng rồi, trên đường đi. – Cauvignac nói.

-Và sau đó ở quán của mét Biscarros. – Ngài công tước thêm vào.

-Và sau đó ở quán của mét Biscarros. – Cauvignac lập lại – Đúng đấy!

-Anh thật sự gặp người đó à? – Nanon hỏi.

-Cậu công tử nọ?

-Ừ.

-Đây là một thiếu niên thật dễ thương: Tóc vàng, người cân đối lịch sự, đi cùng với một gã tùy tùng.

-Đúng vậy! – Nanon kêu lên, môi mím lại.

-Thế anh đã si người đó à?

-Si ai?

-Thì cậu thiếu niên tóc vàng, người cân đối lịch sự.

-Ồ, thưa đức ông! – Cauvignac nói – Ngài muốn nói gì vậy?

-Anh vẫn giữ chiếc găng tay màu xám bạc đấy chứ? – Ngài công tước nói tiếp với một nụ cười đồng lõa.

-Chiếc găng tay màu xám bạc?

-Ừ, chiếc găng tay mà anh đã ngửi và hôn một cách âu yếm đêm hôm qua đó.

Cauvignac chẳng hiểu gì cả.

-Người mà anh ngờ đã cải trang đó! – Ngài công tước lại nói, vừa nhấn mạnh những tiếng sau cùng.

Thế là Cauvignac hiểu ra.

-À! – Chàng ta kêu lên – Đúng rồi, cậu công tử là một thiếu nữ phải vậy không? – Thật đấy, tôi cũng đã nghi ngờ điều đó!

-Không còn nghi ngờ gì nữa. – Nanon lẩm bẩm.

-Em ơi, hãy rót rượu cho anh đi – Cauvignac bảo – Không biết ai đã làm cạn cái chai đặt bên cạnh anh, nó hết nhẵn rồi.

-Thôi nào! – Ngài công tước nói – cũng còn có thuốc chữa được, bởi vì tình yêu đó đâu ngăn cản ông anh ăn với uống. Công việc đối với đức vua không bị ảnh hưởng đâu.

-Công việc của vua bị ảnh hưởng à? – Cauvignac kêu lên – Không bao giờ! Công việc của đức vua là trước hết. Công việc của ngài là thần thánh! Thưa đức ông, chúng ta hãy uống mừng sức khỏe của đức vua.

-Nam tước à, có thể tin vào lòng trung thành của anh được không?

-Lòng trung thành của tôi đối với nhà vua?

-Vâng.

-Tôi nghĩ rằng có thể được. Tôi sẽ xả thân vì ngài! Tùy lúc.

-Giản dị thôi… – Nanon nói, ngại rằng trong cơn phấn khích do hai chai Mécdoc và Chamberlin gây ra, Cauvignac quên mất vai trò đang đóng và trở lại

con người thật của mình – Anh là đại úy trong quân đội của đức vua, nhờ lòng rộng rãi của ngài công tước, có đúng thế không nào?

-Và anh sẽ không bao giờ quên đâu! – Cauvignac nói với giọng run run, vừa đặt một bàn tay lên ngực.

-Chúng ta sẽ còn làm hơn thế nữa, nam tước ạ, trong tương lai chúng ta sẽ còn làm hơn thế! – Ngài công tước nói.

-Xin cám ơn đức ông, xin cám ơn.

-Và chúng ta đã khởi sự rồi.

-Thật thế sao?

-Phải, anh rụt rè quá, ông anh à! – Ngài công tước lại nói – Khi nào cần đến sự giúp đỡ thì hãy tìm đến ta, bây giờ thì không cần thiết phải quanh co nữa, bây giờ anh không cần phải giấu diếm nữa, bây giờ thì ta biết anh là anh của Nanon rồi…

-Thưa đức ông, từ hôm nay trở đi, tôi tự sẽ tìm đến với đức ông!

-Hứa với ta điều đó nhé?

-Tôi xin hứa.

-Thôi được rồi. Trong khi chờ đợi, em gái của anh sẽ giải thích vấn đề với anh. Cô ấy sẽ thay ta giao cho anh một lá thư. Có thể là tương lai của anh tùy thuộc vào nhiệm vụ mà ta giao cho anh đó. Hãy nghe theo lời khuyên của em gái anh, chàng trai à, hãy nghe theo cô ấy, một cái đầu rất thông minh, lịch lãm, một tâm hồn rộng rãi. Hãy thương yêu cô ấy, nam tước à, rồi anh sẽ được ta chiếu cố đến.

-Thưa đức ông – Cauvignac kêu lên – Em gái tôi biết rõ tôi thương cô đến mức nào, và tôi chẳng còn mong muốn nào khác hơn là thấy cô ấy hạnh phúc, uy quyền và giàu có…

-Tôi rất quý sự nồng nhiệt của anh – Ngài công tước nói – Hãy ở lại với Nanon, còn tôi thì phải lo đi tính chuyện một tên khốn kiếp. Nhưng mà này, nam tước à, biết đâu anh có thể giúp ta biết được chút ít về tên bất lương đó chăng?

-Rất sẵn lòng. Cauvignac trả lời – Có điều ngài phải nói rõ cho tôi về tên bất lương nào, vào thời chúng ta đây thì bọn đó rất đông.

-Anh nói rất đúng, nhưng tên này là một tên xấc xược nhất trong đám ta biết.

-Thế à?

-Anh thử tưởng tượng xem, tên khốn kiếp đó để đổi lấy một lá thư hôm qua em gái anh đã viết cho anh mà hắn đã dùng vũ lực cướp được, hắn đã moi được của ta một tờ khống chỉ.

-Một tờ khống chỉ? Thật thế à? Mà tại sao ngài lại quan tâm muốn có cho bằng được một lá thư của người em gái viết cho anh mình chứ? – Cauvignac hỏi với một giọng ngây thơ.

-Anh quên rằng ta chưa biết mối liên hệ gia đình giữa hai người à?

-Ờ nhỉ.

-Và đã ngu ngốc, anh tha thứ cho ta nhé, đúng không Nanon? – Ngài công tước vừa nói vừa đưa tay ra cho người thiếu phụ trẻ – Và ta đã ngu ngốc mà đi ghen với anh.

-Thật sao? Ghen với tôi à? À! Thưa đức ông, ngài thật là lầm lẫn.

-Bởi vậy ta mới hỏi anh xem có chút nghi ngờ gì về tông tích của gã đã lừa bịp ta đó không.

-Nói cho đúng, tôi chẳng biết… Nhưng thưa đức ông, ngài cũng hiểu những hành động như vậy không thể nào không bị trừng trị, và một ngày kia, rồi ngài sẽ biết tên nào đã dám phạm cái tội đó.

-Đúng vậy, một ngày kia rồi sẽ biết, và ta đã thu xếp việc đó, nhưng ta muốn biết ngay bây giờ.

-Ồ! – Cauvignac nói – Nhưng mà làm sao ngài nhận ra tờ khống chỉ đó giữa bao nhiêu tờ công lệnh mà ngài đã ra thưa ngài?

-Tờ này ta làm dấu riêng.

-Dấu riêng?

-Phải, không ai thấy được, nhưng ta sẽ nhận ra, chỉ mình ta thôi, nhờ một phương pháp khoa học.

-Chà! Chà! Chà! Ngài thật là cơ mưu, thưa đức ông, nhưng cần phải làm sao để hắn không nhận ra cái bẫy.

-Ồ, không lo điều đó, ai sẽ nói cho hắn ta biết được?

-Ừ nhỉ, sẽ không phải là Nanon, cũng sẽ không phải là tôi…

-Cả ta cũng vậy – Ngài công tước thêm vào.

-Cũng không phải là ngài! Như vậy ngài rất có lý thưa đức ông, một ngày kia thế nào rồi ngài cũng sẽ biết được hắn ta là ai, và khi đó…

-Và khi đó, ta sẽ thực hiện lời hứa của ta đối với hắn, ta sẽ cho treo cổ hắn.

-Amen!

-Còn bây giờ, bởi vì anh không thể cho ta biết gì thêm về tên đó…

-Không, thật tình là như vậy, thưa đức ông.

-Thôi anh ở lại với cô ấy nhé! Nanon ạ, hãy nói rõ cho anh nàng mọi chi tiết, và đừng để cho anh nàng mất nhiều thời giờ nhé!

-Thưa đức ông, xin ngài hãy an tâm.

-Thôi, hai anh em ở lại với nhau nhé!

Và ngài công tước vẫy tay chào Nanon, phác một cử chỉ thân mật về hướng ông anh, xuống cầu thang sau khi hứa rằng rất có thể sẽ trở về trong ngày.

Nanon tiễn ngài công tước ra cửa.

-Chà! – Cauvignac nói – Lão ta thật tốt bụng mà báo cho ta biết trước, lão ta đâu có ngu ngốc như trông bề ngoài đâu. Nhưng mà, ta sẽ làm gì với tờ khống chỉ bây giờ? Chỉ có cách chiết khấu thôi!

-Bây giờ, thưa ông anh. – Nanon quay trở vào và đóng cửa lại – Bây giờ thì chỉ còn lại hai chúng ta thôi.

-Phải đấy, em gái yêu quý ạ, ta hãy nói chuyện với nhau nhé, bởi vì anh đến đây là để trò chuyện với em nhưng để trò chuyện cho đàng hoàng, cần phải ngồi thôi. Em hãy ngồi xuống đi!

Và Cauvignac kéo một chiếc ghế đấn gần bên mình, và ra hiệu mời Nanon ngồi xuống.

Nanon ngồi xuống với một cái nhíu mày chẳng báo điềm gì tốt lành.

-Trước hết – Nàng nói – tại sao anh không ở yên tại nơi của anh?

-À! Em yêu quý ạ, nói như vậy là không đẹp chút nào. Nếu anh ở yên tại nơi của mình thì anh đã không có mặt ở đây, và điều đó em đã không có niềm vui được trông thấy anh.

-Chẳng phải là anh đã ước muốn được vào dòng tu đó hay sao?

-Không, anh không có ý định này, chính những người khác đã quan tâm đến anh, đặc biệt là em. Em cứ muốn anh phải vào đó, nhưng cá nhân anh chưa bao giờ có một khuynh hướng đặc biệt đối với giáo hội cả.

-Thế nhưng anh đã có được một nền giáo dục thiên về đạo lý.

-Phải, em ạ, nhờ đó anh đã lợi dụng được rất nhiều.

-Thôi, thưa ngài, chúng ta đừng đùa cợt với thần thánh.

-Anh không đùa cợt, cô em gái yêu quý, anh chỉ kể lại có vậy thôi. Nghe này, em đã gởi anh đến nơi các tu sĩ dòng thánh Francois ở Angoleme để học tập.

-Thì sao?

-Đấy, thì anh đã học xong. Anh biết tiếng Hy Lạp rành rẽ không thua kém gì Hamere, tiếng Latinh không thua Ciceron, và thần học giỏi hơn cả Jean Hus. Bởi vậy, không còn gì để học nơi các vị thầy đức hạnh đó, nên từ đấy anh chuyển qua các giáo sĩ dòng Mont-Carmel ở Rouen để theo học nghề.

-Anh quên nói thêm là tôi đã hứa với anh một món trợ cấp thường niên là một trăm Pistoles và tôi đã giữ lời hứa. Một trăm Pistoles, đối với một ông thầy dòng, thật khá dư giả.

-Anh có chối điều đó đâu em gái, nhưng lấy lý do là anh chưa trở thành thầy dòng, nên chính nhà dòng đã lãnh món tiền đó.

-Không phải là khi hiến mình cho giáo hội, anh đã thề nguyện theo đức khó nghèo hay sao?

-Em à, anh đã thề sống khó nghèo, anh thề với em là anh đã nghiêm ngặt tuân theo lời nguyện đó: Chưa ai nghèo hơn anh.

-Nhưng tại sao anh lại ra khỏi dòng?

-À! Như Adam ra khỏi vườn địa đàng vậy. Chính khoa học đã làm cho anh mất linh hồn em ạ: Anh quá thông thái!

-Sao? Anh quá thông thái à?

-Phải. Em thử tưởng tương xem, giữa các thầy dòng, không có chút tiếng tăm nào, anh nổi tiếng là một kẻ lỗi lạc, dĩ nhiên là về khoa học vì thế ngài công tước De Longueville đến Rouen để khuyên dụ dân chúng thành phố theo về phe nghị viện, người ta đưa anh ra để diễn thuyết trước mặt ông ấy. Anh đã nói hay đến nỗi ngài De Longueville không những tỏ ra hài lòng vì tài bẻm mép của anh mà còn mời anh về làm thư ký riêng của ông ta. Đó là khoảng thời gian anh sắp sửa khấn nguyện.

-Vâng, em có nhớ và cũng còn nhớ rằng, với lý do sẽ từ giã thế gian anh đã hỏi em một trăm Pistoles mà em đã vội gởi ngay.

-Và đó chính là những đồng duy nhất mà anh nhận được, thề trên danh dự của người quý tộc!

-Nhưng anh phải từ bỏ cuộc sống ngoài đời.

-Phải, đó cũng chính là ý muốn của anh, nhưng lại không phải là ý muốn của Thượng đế, người có lẽ đã định cho anh một hướng khác. Người đã xử dụng anh qua tay của ngài Longueville và không muốn anh trở thành thầy dòng. Vì thế anh đã tuân theo ý muốn của đấng bề trên đó, và cũng cần nói thêm là anh không hối tiếc một chút nào.

-Nếu vậy, anh không theo tôn giáo nữa à?

-Không, ít ra là cũng tạm thời, em gái ạ. Nếu nói với em rằng anh sẽ không bao giờ trở về nơi đó nữa, thì anh không dám, bởi vì ai là kẻ dám tuyên bố từ hôm trước những gì mình sẽ làm vào ngày hôm sau? Ngài De Rancé đã không thành lập dòng De Trappe đó hay sao? Biết đâu rồi anh cũng sẽ làm như ngài De Rancé và sẽ dựng lên một dòng khác nữa. Nhưng tạm thời, anh đã tham gia vào chiến tranh và trong một thời gian dài, anh coi như là một kẻ trần tục nhơ nhuốc, hễ có dịp là anh sẽ tự tẩy uế.

-Anh mà cũng tham chiến à? – Nanon nhún vai nói.

-Tại sao không? Anh sẽ không nói với em rằng anh là một Dunois, một Dugueslin, một Bayard (chú thích: Dunois, Dugueselin, Bayard: tên của các danh tướng), một chàng hiệp sĩ không biết sợ và không một chỗ nào chê được. Không, anh đâu có đủ kiêu hãnh mà nói rằng mình không có vài thói hư đáng chê trách và sẽ không như ngài chiến hữu Sforza nổi danh mà thắc mắc không biết cái sợ là cái gì. Anh là một con người, và nói như Plaute: Hemosum: Humani nihil ameatienum puto, câu đó có nghĩa là: Tôi là một con người mà không có gì liên quan đến con người mà không liên quan đến tôi. Vì thế anh cũng biết sợ, như một con người được phép biết sợ, nhưng điều này không ngăn cản anh tỏ ra dũng cảm khi có dịp. Anh xử dụng, ngay cả khi bị bắt buộc, gươm và súng cũng khá thoải mái. Nhưng khuynh hướng thật sự của anh, cái năng khiếu đúng nhất, đó là ngoại giao. Nanon thân yêu ạ, hoặc là anh lầm hoặc là anh sẽ trở thành một nhà chính trị gia nổi tiếng. Em cứ nhìn ngài Mazarin mà xem, nếu ông ta không bị

treo cổ thì ông ta sẽ còn tiến xa hơn. Đấy! Anh cũng như ngài Mazarin, cũng vì vậy, một trong những nỗi sợ của anh, mà cũng là cái sợ lớn nhất, là sẽ bị treo cổ. Rất may là đã có em, Nanon, và điều này khiến anh vô cùng tin tưởng.

-Như vậy là anh cũng tham chiến à?

-Và cũng là người của triều đình khi cần thiết. Những ngày làm việc bên ngài Longueville đã giúp ích cho anh rất nhiều.

-Và anh đã học được những gì với ông ta?

-Những gì người ta học được bên cạnh những ông hoàng nghĩa là chiến đấu, âm mưu và bội phản.

-Và điều đó đã dẫn anh đi đến đâu?

-Đến một địa vị cao nhất.

-Mà anh đã để mất rồi à?

-Chà, ngài De Condé cũng đã để mất địa vị của mình đó mà. Có ai làm chủ được cái biến cố đâu. Cô em thân yêu ạ, cứ nhìn anh đây, anh đã từng trị vì Paris.

-Anh?

-Ừ, anh.

-Trong bao lâu?

-Một giờ ba khắc, đúng theo đồng hồ.

-Anh đã trị vì Paris?

-Như là một hoàng đế vậy.

-Làm sao lại có chuyện đó?

-Một cách thật giản dị. Chắc em cũng biết là ngài trợ giám mục, ngài De Gondy ấy, nói đúng hơn, linh mục De Gondy?

-Biết chứ!

-Đã từng là một ông chủ tuyệt đối của thành phố. Vào thời gian đó, anh thuộc về ngài hầu tước D'Elboeuf. Đây là một ông hoàng tử xứ Lorraine và không có gì phải xấu hổ khi làm việc cho ngài D'Elboeuf. Thế nhưng, khi đó ngài D'Elboeuf lại là kẻ thù của ngài trợ giám mục. Vì thế anh đã xúi giục một cuộc nổi loạn nghiêng về phía ngài D'Elboeuf, trong đó anh đã bắt được…

-Ai? Ngài trợ giám mục à?

-Không đâu, bắt ông ta để làm gì, lại sẽ cản trở công việc của anh rất nhiều. Anh đã bắt người tình của lão, cô De Chevreuse.

-Thật là tàn nhẫn! – Nanon kêu lên.

-Anh cũng có ý định là sẽ bắt cóc cô ta và sẽ mang cô đi thật xa để lão kia không bao giờ còn trông thấy cô ta nữa. Anh đã bảo cho người báo với lão ta ý định của anh, nhưng cái lão quỷ ấy, lão có những ý kiến mà người ta không thể nào cưỡng lại được, lão hứa với anh một ngàn Pistoles.

-Tội nghiệp cô gái, bị trả giá như vậy!

-Sao kia chứ? Trái lại cô ta còn lấy làm sung sướng là khác, điều đó chứng tỏ rằng ngài Gondy yêu cô ta đến bực nào! Chỉ có những người của giáo hội mới hết lòng với người tình như thế. Anh cho rằng đó là do luật cấm của họ.

-Như vậy là anh giàu rồi?

-Anh đây? – Cauvignac kêu lên.

-Chứ còn gì nữa, nhờ những trò cướp đường như vậy.

-Không đâu Nanon, em biết không xui xẻo cho anh! Đứa con gái người hầu của cô De Chevreuse mà không ai nghĩ đến việc chống lại, do đó đã ở lại bên anh và đã lấy hết món tiền ấy.

-Ít ra thì cũng còn lại cho anh tình bằng hữu của những người mà anh theo phò trước cử chỉ xấc xược của anh đối với ngài trợ giám mục.

-Ôi, Nanon, anh thấy rõ là em không hiểu biết gì về các ông hoàng, ngài D'Elboeuf đã làm hòa với ngài trợ giám mục. Trong bản thỏa ước giữa họ, anh bị đem ra làm con vật hy sinh. Bởi vậy anh buộc phải ăn lương của ngài Mazarin, nhưng ngài Mazarin là một tên xảo trá. Và vì lão trả tiền công không tương xứng với công việc, nên anh chấp nhận lời đề nghị của ngài cố vấn Broussel, kêu gọi một cuộc nổi dậy khác, với mục đích là buộc ngài tướng Seguier phải đầu hàng. Nhưng đám lính của anh, một bọn vụng về, đã không đánh cho lão ta gục hoàn toàn. Và chính trong trận ẩu đả đó mà anh đã gặp một hiểm nguy ghê gớm nhất từ trước đến giờ. Ngài De La Meilleraye đã nhắm bắn ngay vào anh. May là anh kịp thời cúi xuống, viên đạn bay ngang qua trên đầu anh và ngài tướng lừng danh chỉ giết được một bà già.

-Thật là ghê gớm! – Nanon kêu lên.

-Ồ không, cô em yêu quý, đây chỉ là những điều không tránh khỏi trong một cuộc nội chiến.

-Bây giờ thì tôi hiểu rằng một người có khả năng làm những chuyện đó đã dám làm cái điều mà hôm qua anh đã làm với tôi.

-Anh đã làm gì chứ? – Cauvignac hỏi với một giọng ngây thơ nhất – Anh đã dám làm gì?

-Anh đã dám qua mặt một người cao trọng như ngài công tước! Nhưng điều đó mà tôi không thể nào hiểu được, mà cũng không hề nghĩ đến, rằng một người như anh luôn luôn đã được tôi đối đãi rộng rãi lại có ý định hãm hại em gái mình như vậy.

-Hãm hại em gái mình?… Anh ấy à?

-Phải, anh chứ còn ai! – Nanon đáp lại – Tôi gật đầu chờ nghe những gì anh vừa kể, chứng tỏ rằng anh là một kẻ dám làm tất cả, để nhận ra chữ viết của anh trên mảnh giấy này. Đây! Anh có dám chối lá thư nặc danh này không phải là của anh không?

Và Nanon bực tức đặt ngay dưới mặt anh mình lá thư tố giác hôm qua ngài công tước đã đưa cho nàng.

Cauvignac cầm lên đọc, chẳng tỏ vẻ gì bối rối.

-Sao chứ? – Anh ta nói – Em có điều gì bực bội vì lá thư này? Phải chăng em cho là nó viết không được văn hoa lắm? Anh sẽ buồn giùm cho em đấy, điều đó chứng tỏ rằng em chẳng hiểu gì về văn chương.

-Thưa ông, tôi không nói về cách hành văn, mà là về nội dung. Có phải ông hay không phải là ông, đã viết lá thư này?

-Chính anh đấy. Nếu anh có ý định chối bỏ thì anh đã sửa lại nét chữ rồi, nhưng để làm gì chứ? Anh chẳng bao giờ có ý định trốn tránh dưới con mắt của em, anh còn muốn em biết lá thư đó là của anh.

-Hừ! Anh đã thú nhận rồi đấy nhé!

-Đấy chỉ là một chút khiêm tốn còn sót lại thôi, em gái à! Phải anh cần nói rõ với em, anh đã bị thúc đẩy bởi một thứ thù hận.

-Thù hận?

-Phải, dễ hiểu thôi…

-Thù hận đối với tôi à, kẻ khốn nạn? Nhưng anh có nghĩ đến những gì anh đang nói không?… Tôi đã làm gì thiệt hại cho anh mà lại có ý định trả thù tôi chứ?

-Em đã làm gì anh à? Nanon, em hãy thử đặt em vào chỗ anh coi… Anh rời Paris bởi vì ở đó anh có quá nhiều kẻ thù. Đó là tai họa của tất cả những người làm chính trị… Nhưng hãy trở lại câu chuyện em đi… Anh đã năn nỉ em… Em có nhớ không? Em đã nhận được ba lá thư… Đừng nói là em không nhận ra chữ viết của anh… Vẫn y hệt như chữ viết trong lá thư nặc danh, mà hơn nữa, anh lại có ký tên… Anh đã gởi cho em ba lá thư để xin có một trăm đồng Pistoles… Đấy! Em gái tôi xua đuổi tôi… Tôi tìm đến nhà, em gái tôi không thèm tiếp! … Dĩ nhiên là tôi phải hiểu lý do… Tôi tự nhủ: Có thể cô ấy đang ở trong một cảnh tuyệt vọng, đấy chính là lúc để chứng minh với cô ấy rằng lòng tốt của cô ấy không phải rơi vào một mảnh đất khô cằn… Cũng có thể là cô ấy không còn được tự do nữa… Nếu vậy thì cô ấy đáng được tha thứ… Em thấy đó, lòng anh luôn luôn rộng rãi tha thứ với em, mà trong khi đó, tôi lại được biết rằng cô ấy tự do, hạnh phúc, giàu có, rất giàu! Và rằng có một gã De Canolles, một kẻ lạ mặt đã giành hết mọi quyền lợi của tôi và được bảo hộ thay tôi… Bởi vậy tôi đã điên lên vì ghen tức…

-Phải nói là vì tham lam… Anh đã bán tôi cho ngài d'Épernon, cũng như đã bán cô De Chevreuse cho ngài trợ giám mục… Tôi hỏi anh chứ, những liên hệ giữa tôi với ông De Canolles thì có gì liên quan đến anh?

-Liên quan gì đến anh à? Không, và anh cũng chẳng nghĩ đến việc quan tâm tới nếu như em vẫn còn liên hệ tới anh.

-Anh có biết rằng chỉ cần em nói một tiếng với ngài d'Épernon, chỉ cần thú nhận tất cả, là coi như anh mất mạng không?

-Chắc chắn rồi.

-Anh cũng vừa nghe chính miệng ông ta nói đó, số phận dành cho kẻ đã giựt được của ông ta tờ khống chỉ.

-Thôi em đừng nói nữa, anh đã sợ lạnh cả người đây này, và đã phải thu hết nghị lực để không bị lộ.

-Anh đã thú nhận là anh cũng biết sợ, mà anh có run gì đâu?

-Bởi vì lời thú nhận kia sẽ chứng tỏ rằng ông De Canolles không phải là anh của em, bởi vì khi đó những hàng chữ trong lá thư của em viết cho một người xa lạ lắm, hắn mang một ý nghĩ đáng chê trách. Hãy tin anh đi, chẳng thà thú nhận tất cả như anh, cô em bạc bẽo ạ, anh biết rõ em quá mà, nhưng hãy nghĩ đến bao nhiêu điều lợi mà anh đã tiên đoán được phát sinh từ cái cảnh mà anh đã tỉ mỉ sắp đặt. Trước hết em khá hoang mang và cứ ngại sẽ thấy ngài Canolles ló mặt ra và sẽ lính quýnh trong hoạt cảnh gia đình này. Trái lại sự có mặt là một điều bí mật. Ngài d'Épernon đã thừa nhận anh ta một cách hết sức là rộng rãi, phải công nhận như vậy. Bây giờ thì ông anh không cần phải giấu mặt nữa: Anh ta đã trở thành người nhà rồi. Đấy bây giờ thì tha hồ thư trong, thư ngoài miễn là ông anh mắt đen, tóc đen đừng dại dột đến độ nhìn tận mặt ngài công tước, chiếc áo choàng này thì có khác gì chiếc áo choàng kia? Và khi ngài d'Épernon thấy một chiếc áo choàng ra khỏi nhà mình, thì ai sẽ đến nói với ông ta rằng đây chính là áo choàng của ông anh hoặc là của một người nào khác? Bây giờ thì em tự do rồi nhé! Có điều, vì em mà anh phải mang một cái tên khác, nam tước De Canolles, bực bội thật! Em phải biết ơn hy sinh của anh chứ!

Đứng trước bài diễn văn rườm rà hoa lá vô liêm sỉ đến như vậy, Nanon kinh hoảng, không còn biết phải trả lời sao nữa. Bởi vậy Cauvignac lợi dụng chiến thắng đó và tiếp tục: -Em quý yêu của anh, như vậy chúng ta đã gặp lại nhau sau thời gian dài xa cách, sau bao nhiêu là trở ngại em đã gặp được một người anh trai thực thụ. Bây giờ thì em phải thú nhận rằng em sẽ có thể được ăn ngủ yên thân, nhờ tấm lá chắn của tình yêu che phủ cho em, em sẽ sống thật dễ chịu cứ như toàn thể vùng Guyenne tôn thờ em, điều mà em cũng biết là không bao giờ có. Đấy, anh sẽ đến ngụ trước cửa nhà em, ngài d'Épernon sẽ thăng anh lên chức đại tá, và thay cho sáu tên đàn em, anh sẽ có hai ngàn. Với hai ngàn đó, anh sẽ thực hiện lại mười hai kỳ công của Hercule, rồi anh sẽ được làm quận công và khanh hầu phu nhân d'Épernon sẽ chết, ngài d'Épernon sẽ cưới em làm vợ…

-Trước hết phải có hai việc. – Nanon nói cộc lốc.

-Việc gì hả em gái nói cho anh nghe đây.

-Trước hết anh hãy trả lời tờ khống chỉ cho ngài công tước, nếu không anh sẽ bị treo cổ, anh nghe câu tuyên án từ cửa miệng của ông ta rồi đấy. Sau đó, anh sẽ

ra khỏi đây ngay bây giờ, nếu không tôi coi như mất mạng mà điều này đâu có làm anh lo lắng gì, nhưng anh cũng sẽ mất mạng cùng với tôi, một lý do mà tôi hy vọng rằng khiến anh quan tâm hơn đến việc tôi phải mất mạng.

-Hai câu trả lời, thưa bà, tờ khống chỉ đó là thuộc về tôi, và bà không thể nào cản trở việc tôi bị treo cổ nếu đó là ý thích của tôi.

-Hy vọng là như vậy.

-Cám ơn! Em cứ an tâm, không làm gì có chuyện đó đâu. Hồi nãy anh đã có nói với em rằng anh không ưa cách chết đó. Bởi vậy anh sẽ giữ lại tờ khống chỉ, nếu như em không có manh tâm muốn mua lại của anh. Trong trường hợp này thì chúng ta có thể ngã giá với nhau.

-Tôi không cần. Chính tôi là người cung cấp những tờ khống chỉ.

-Em thật là may mắn!

-Vậy là anh cứ định giữ à? Mà không sợ những gì có thể đến hay sao?

-Đừng sợ, anh đã có cách đầu tư nó rồi. Còn về việc rút lui khỏi đây thì anh sẽ không ngu dại đâu, ngài công tước đã mời anh kia mà. Hơn nữa em cứ muốn thoát khỏi anh nên lại quên đi một việc.

-Việc gì?

-Cái sứ mạng quan trọng mà ngài công tước đã nói với anh và sẽ làm tương lai anh.

Nanon tái mặt.

-Nhưng anh cũng phải biết rằng nhiệm vụ đó không phải là dành cho anh. Anh cũng biết rằng lợi dụng tình thế đó sẽ là một tội lớn mà sớm hay muộn cũng sẽ bị trừng trị.

-Bởi vậy anh không có ý lợi dụng, anh chỉ xử dụng thôi.

-Nhưng ông De Canolles đã được chỉ định kia mà.

-Anh đây không phải là nam tước De Canolles đó hay sao?

-Phải. Nhưng ở đấy người ta không những chỉ biết tên mà có biết mặt ông De Canolles. Ông De Canolles đã có nhiều lần đến triều đình rồi.

-Rất hay, đây là một lý do rất tốt, anh sẽ đi.

-Hơn nữa, anh sẽ gặp lại ở đấy những kẻ thù chính trị của anh và rất có thể gương mặt của anh dù dưới một cái tên khác cũng không phải là không ai biết đến.

-Ờ! Chuyện đó sẽ không hề gì. Nếu như, như ngài công tước nói, sứ mạng này sẽ giúp ích cho nước Pháp rất nhiều. Lá thư sẽ giúp cho người đưa thư trót lọt. Một sứ mạng như thế sẽ mang đến ân huệ và ân xá trong quá khứ luôn là điều kiện thiết yếu trong mọi biến chuyển về mặt chính trị. Bởi vậy, em gái à, không phải em là người đưa ra điều kiện mà sẽ là anh, sẽ đề nghị với em những điều kiện của mình.

-Điều kiện đó như thế nào?

-Trước hết, như anh vừa mới nói với em, điều kiện đầu tiên của mọi thỏa ước là ân xá và toàn diện.

-Vậy thôi à?

-Sau đó giá cả của bản thỏa hiệp.

-Tôi còn phải trả tiền cho anh nữa à?

-Em còn thiếu anh một trăm Pistoles anh từng hỏi xin mà em đã tàn nhẫn từ chối.

-Đây là hai trăm đây.

-Hay lắm, vậy mới đúng là em, Nanon à!

-Nhưng với một điều kiện.

-Điều kiện nào?

-Là anh sẽ sửa lại lỗi lầm của anh.

-Được lắm. Anh phải làm sao đây?

-Anh sẽ lên ngựa và đi trên đường đến Paris cho đến khi nào gặp ông De Canolles.

-Thế là phải mất cái tên đó à?

-Trả lại tiền cho ông ấy.

-Anh phải nói sao đây?

-Anh phải trao lại cho anh ấy mệnh lệnh trong thư này và nhìn thấy chắc chắn rằng anh ấy sẽ lên đường thi hành ngay sứ mệnh.

-Có thế thôi à?

-Đúng như vậy.

-Anh ta có cần biết anh là ai không?

-Trái lại, anh ta không được biết. Điều này rất quan trọng.

-Ôi! Nanon! Em xấu hổ vì anh trai mình à?

Nanon không trả lời, nàng bận suy nghĩ.

-Nhưng… – Một lát sau nàng nói – Làm sao em biết chắc được anh làm đúng theo như lời em dặn chứ? Em xin anh thề trên những gì quý nhất với anh.

-Em cần phải làm hơn thế nữa.

-Làm sao?

-Hứa với một trăm Pistoles sau khi công việc đã hoàn thành.

Nanon nhún vai: -Em hứa.

-Đấy, thấy không! Anh không đòi hỏi em phải thề, em hứa là đủ rồi. Vậy, em hãy đưa một trăm Pistoles cho người nào mang về tờ biên nhận của ngài De Canolles.

-Được, nhưng tại sao lại nói đến một người thứ ba, anh định rằng sẽ không quay về à?

-Làm sao mà biết được? Có một việc khác đang chờ anh ở vùng Paris.

Nanon để lộ một cử chỉ vui mừng ngoài ý muốn.

-À, như vậy là không hay đâu, Nanon. – Cauvignac cười nói – Nhưng không sao, anh không giận gì em cả.

-Thôi anh đi nhanh lên.

-Đi ngay bây giờ đây, sau khi uống một ly cuối cùng.

Cauvignac rót ra ly tất cả chỗ rượu chamberlin còn lại, lịch sự chào em gái, sau đó nhảy lên ngựa, rồi biến mất trong đám bụi mù.

§10

Trăng đã lên cao khi chàng tử tước cùng với lão Pompéc trung thành rời khỏi quán của mét Biscarros và dẫn bước lên trên con đường đi Paris.

Sau khoảng một khắc đồng hồ chìm đắm trong suy nghĩ và trong quãng thời gian đó qua được đoạn đường một trăm dặm rưỡi, chàng quay lại với người tùy tùng đang lẽo đẽo theo sau độ ba bước chân.

-Pompéc! – Chàng thiếu niên hỏi – Lão có giữ chiếc găng tay phải của tôi không?

-Hình như không, thưa cậu.

-Lão đang làm gì với cái vali vậy?

-Tôi ngó xem nó đã được cột chặt chưa và tìm cách lại để cho nó đừng kêu. Tiếng tiền vang chạm vào nhau rất đáng ngại thưa cậu, nó lôi kéo những cuộc gặp gỡ không tốt, nhất là vào ban đêm.

-Lão giỏi lắm, Pompéc, tôi rất mừng khi thấy lão chu đáo và thận trọng như vậy.

-Đó là những đức tính hoàn toàn tự nhiên của một người lính thưa cậu và chúng kết hợp rất hài hòa với lòng dũng cảm, thế nhưng vì dũng cảm không có nghĩa là gan dạ nên tôi thú nhận tôi rất tiếc khi thấy ông Richon không thể cùng đi với chúng ta, bởi vì hai mươi ngàn đồng rất khó giữ, nhất là vào thời loạn lạc như hiện tại.

-Những gì lão nói đó thật là khôn ngoan, Pompéc ạ, và tôi hoàn toàn đồng ý với lão.

-Tôi còn thấy cần phải nói thêm – Lão lính già tiếp tục nói, bạo dạn hơn vì thái độ đồng tình của chủ – rằng chúng ta thật thiếu thận trọng khi mạo hiểm đi như thế này. Chúng ta hãy tấp vào một lát để tôi xem lại mấy cây súng.

-Thế nào, Pompéc?

-Súng rất tốt. Kẻ nào dám chặn chúng ta sẽ phải lãnh đủ! Ồ! Ồ! Đằng kia là cái gì vậy?

-Đâu?

-Trước mặt chúng ta độ một trăm bước về phía tay phải cậu đó, kìa về hướng kia kìa.

-Tôi thấy một cái gì trăng trắng.

-Ồ! Ồ! Trăng trắng, cái bẫy nào đây. Tôi rất muốn đi qua phía hàng rào bên phải này. Trong chiến tranh, người ta gọi là núp vào, chúng ta hãy núp vào thôi cậu ạ.

-Nếu đó là bẫy, thì là do lính của nhà vua, Pompéc à, mà lính của nhà vua thì không cướp đường.

-Cậu đừng có lầm, thưa cậu. Trái lại ở đâu cũng nghe nói rằng mấy tên cướp cạn đã sử dụng bộ quân phục của đức Hoàng thượng để phạm bao nhiêu là tội ác đáng xử tử. Và mới đây, ở Bordeaux, người ta đã đánh nhừ tử hai tên kỵ binh đã… Hình như đó là quân phục của bọn khinh kỵ binh, cậu ạ.

-Quân phục của bọn khinh kỵ binh là màu xanh nhạt mà Pompéc, còn cái chúng ta đang nhìn thấy là màu trắng.

-Vâng, nhưng bọn chúng thường khoác bên ngoài một chiếc áo trắng, mấy tên khốn kiếp bị đánh đòn ở Bordeaux cũng đã là như vậy. Tôi trông thấy mấy tên này múa may dữ quá, chúng hù họa đấy mà, cậu thấy không? Đó là chiến thuật của bọn chúng, bọn chúng nấp như vậy, ở giữa đường, súng cầm tay đe dọa từ xa và bọn khách đi đường phải bỏ túi tiền lại.

-Nhưng Pompéc à – Chàng tử tước nói, mặc dù hoảng hốt nhưng cũng còn đủ tỉnh táo – nếu bọn chúng đe dọa từ xa thì mình cũng làm lại như vậy.

-Đúng vậy, nhưng bọn chúng có thấy tôi đâu, bởi vậy tôi có giơ súng ra cũng vô ích thôi.

-Nếu bọn chúng không thấy lão thì làm sao bọn chúng có thể dọa lão được? – Chàng tử tước nói.

-Cậu chẳng hiểu biết gì về chiến tranh cả. – Ông lính già giận dỗi đáp lại – Thế nào rồi cũng có chuyện xảy ra với tôi như lần đụng độ ở Corbie cho xem.

-Hy vọng là không, lão ơi, hình như ở trận Corbie lão bị thương phải không?

-Vâng, một vết thương rất nặng. Tôi theo hầu ngài De Cambes, một người rất gan dạ. Chúng tôi đi tuần tra ban đêm để xem xét nơi xảy ra chiến trận. Chúng tôi thấy rất nhiều bẫy. Tôi khuyên ông đừng tỏ ra gan dạ một cách vô ích, ông không nghe và cứ đi thẳng vào bẫy. Tôi quay mặt đi vì giận. Ngay khi đó, một viên đạn quái ác… Cậu à, chúng ta nên cẩn thận!

-Phải cẩn thận Pompéc ơi, tôi cũng nghĩ vậy. Nhưng tôi trông bọn chúng im lìm.

-Chúng đang rình mồi mà. Chờ thử xem.

May sao, hai người lữ khách không phải chờ đợi lâu. Một lát sau, mặt trăng vươn ra khỏi đám mây đen và rực rỡ chiếu sáng, cách đó khoảng năm mươi bước, hai hoặc ba chiếc áo sơ mi phơi trên hàng rào.

Đấy là những cái bẫy khiến cho Pompéc nhớ lại chuyến tuần tra ác nghiệt ở Corbie.

Chàng tử tước phá ra cười và thúc ngựa chạy tới, Pompéc chạy theo kêu to: -May mà tôi đã không làm theo ý nghĩ đầu tiên! Thiếu chút nữa là tôi cho viên đạn chui vào mấy cái áo này rồi, chẳng khác gì một tên Don Quichotte. Cậu đã thấy kinh nghiệm chiến tranh là như thế nào rồi đó!

Sau những xúc động mạnh, luôn luôn có một khoảng nghỉ ngơi, qua khỏi mấy cái áo sơ mi rồi, hai người lữ khách đi suốt hai dặm khá yên ổn. Thời tiết

thật đẹp, bóng đen của một lùm cây ở ven đường ngã dài xuống, đen thẫm như gỗ mun.

-Phải nói là tôi không thích ánh trăng. – Lão Pompéc nói – Khi mình bị nhìn thấy từ xa thì mình dễ dàng rơi vào bẫy. Tôi vẫn nghe những người đã chiến đấu nói rằng khi hai người tìm kiếm nhau, thì ánh trăng chỉ có lợi cho một người. Chúng ta đang ở vùng quá sáng, như vậy thật là khinh xuất.

-Nếu vậy thì chúng ta vào khoảng tối, Pompéc.

-Vậy nếu có người đang ẩn núp nơi bìa rừng thì chúng ta như là đi thẳng vào miệng… Ở trận mạc, không bao giờ người ta đến gần một cánh rừng mà không dò xét trước.

-Khốn thay, chúng ta đâu có người trinh sát. Có phải người ta gọi những người đi do thám là như vậy không, Pompéc?

-Đúng vậy, đúng vậy! – Ông lão thì thầm – Lão quỷ Richon, tại sao ông ta không đi với chúng ta nhỉ? Chúng ta có thể bảo ông ta đi tiền quân, còn chúng ta, chúng ta sẽ là đội quân.

-Sao lão Pompéc? Chúng ta làm sao bây giờ? Chúng ta đi dưới ánh trăng hoặc là vào chỗ tối đây?

-Vào chỗ tối đi cậu ạ, theo tôi như vậy sẽ là thận trọng hơn.

-Vậy thì vào chỗ tối.

-Cậu sợ phải không?

-Không đâu, Pompéc, tôi thề là như vậy.

-Đúng là không nên sợ, bởi vì có tôi đây lo cho cậu, nếu chỉ có mình tôi, cậu cũng hiểu đó, tôi chẳng lo lắng gì nhiều. Một lão lính già chẳng sợ chúa cũng chẳng sợ quỷ. Nhưng cậu là một người bạn đường cần phải giữ gìn chẳng khác gì cái gia tài trên mông ngựa của tôi đây, và cái trách nhiệm nặng nề này làm tôi sợ hãi. Ôi! Ôi! Cái bóng đen mà tôi nhìn thấy đằng kia là cái gì vậy? Lần này thì nó di động.

-Đúng rồi!

-Bây giờ thì cậu đã thấy ở trong bóng tối là như thế nào rồi đó. Chúng ta thấy kẻ địch, còn hắn thì không thấy chúng ta. Có phải cái tên khốn kiếp đó mang một cây súng dài phải không?

-Nhưng chúng chỉ có một mình Pompéc à, còn chúng ta hai người.

-Cậu ơi, những kẻ đi một mình mới đáng sợ bởi vì chính những kẻ độc hành đó là những con người quả quyết. Kìa! Hình như hắn nhằm vào chúng ta! Hắn sắp bắn, cậu nằm xuống đi.

-Nhưng mà không phải, Pompéc à, hắn chỉ đổi vai thôi.

-Mặc kệ, cũng cứ cúi xuống đi, thông thường là như vậy, chúng ta phải tránh từ khi đạn còn chưa được bắn ra.

-Nhưng lão cũng thấy là hắn ta không bắn mà.

-Hắn ta không bắn à? – Lão tùy tùng nhổm dậy – Tốt, như vậy là hắn sợ. Thái độ quả quyết của chúng ta khiến cho hắn phải e dè! À! Hắn sợ ta! Hãy để tôi nói với hắn trước, còn cậu sẽ nói sau, và nói thật to giọng.

Bóng đen vẫn tiến đến.

-Này anh bạn, anh là ai? – Pompéc hỏi.

Bóng đen dừng lại với một cử chỉ sợ hãi khá rõ rệt.

-Bây giờ cậu hãy la lên đi – Pompéc nói.

-Vô ích – Chàng tử tước bảo – hắn sợ quá rồi!

-À! Hắn sợ à? – Pompéc nói và nhảy xổ đến, súng cầm tay.

-Xin tha cho, thưa ông. – Người kia nói và quỳ xuống – Xin tha cho! Tôi chỉ là một người bán hàng rong. Từ tám ngày nay chưa bán được lấy một chiếc khăn tay và trong người không có lấy một đồng.

Cái mà Pompéc cho là cây súng, là cây thước gỗ mà kẻ đáng thương kia dùng để đo hàng hóa của mình.

-Này anh bạn! – Pompéc nói một cách oai vệ – Hãy biết rằng chúng ta đây không phải là những tên ăn trộm nhưng là những chiến sĩ. Chúng ta đi ban đêm bởi vì chúng ta không sợ gì cả, cứ bình tĩnh mà đi, anh bạn được tự do.

-Này anh bạn! – Giọng nói dịu dàng của chàng tử tước thêm vào – Hãy cầm lấy nửa đồng Pistoles đây đền bù cho cái sợ của anh bạn vì chúng ta, chúc anh bạn may mắn.

Rồi bàn tay nhỏ nhắn trắng muốt đưa ra nửa đồng pistoles, kẻ kia cầm lấy và đi nhanh vừa tạ ơn trời vì cuộc gặp gỡ may mắn này.

-Cậu hành động như vậy là sai, là rất sai, cậu à! – Pompéc nói khi đi được hai mươi bước.

-Sai! Sai chỗ nào?

-Khi cho hắn nửa đồng pistoles đó. Vào ban đêm, không bao giờ thú nhận rằng mình là kẻ có tiền. Đấy, có phải câu đầu tiên mà cái tên nhát cáy đó kêu lên là hắn không có lấy một đồng xu trong túi không?

-Đúng đấy! – Chàng tử tước mỉm cười trả lời – Nhưng như lão đã nói, chúng ta là những người đi đánh giặc, có biết sợ là gì?

-Giữa sợ và khiêu khích, cậu à, cũng khác xa nhau như là giữa thận trọng và rụt rè. Tôi xin nhắc lại, thật là thiếu thận trọng khi để cho một kẻ lạ mặt mình gặp giữa đường biết được rằng mình có vàng.

-Nhưng kẻ lạ mặt đó chỉ có một mình và không có vũ khí thì sao?

-Hắn có thể thuộc một băng nhóm có vũ khí; hắn có thể là một tên do thám được phái đi trước để dò xét tình hình. Hắn có thể quay trở lại với đám đông, mà cậu muốn hai người cô độc phải làm gì đây, dù cho có dũng cảm đến đâu đi nữa, trước đám đông?

Lần này, chàng tử tước nhận ra sự thật trong câu trách móc của Pompéc, hoặc nói đúng hơn là câu kết án, và sau đó hai người đi đến bờ con suối nhỏ ở Saye, gần Saint – Genes.

-Chẳng có cầu, phải lội qua thôi.

Và Pompéc thuyết cho chàng tử tước một bài hết sức thông thái về cách đi qua các con suối, nhưng vì một bài giảng không phải là một cây cầu nên cũng vẫn phải, sau bài thuyết giảng, lội qua!

May sao, con suối không sâu lắm và cái khó khăn nho nhỏ này là một bằng chứng mới cho chàng tử tước thấy rằng nhìn từ xa, nhất là vào ban đêm, mọi chuyện trông rất đáng sợ hơn là khi nhìn gần.

Chàng tử tước bắt đầu cảm thấy thực sự an tâm, vả lại chỉ còn khoảng một giờ đồng hồ nữa là trời sẽ sáng, thì đến ngay giữa khu rừng bao bọc quanh Marsas, cả hai người lữ khách dừng lại đột ngột. Họ vừa nghe thấy khá xa phía sau nhưng rất rõ, nhiều tiếng vó ngựa.

Cũng vừa lúc đó ngựa của họ ngẩng đầu lên và một con cất tiếng hí vang.

-Lần này… – Pompéc nói với một giọng nghẹn đi, vừa nắm dây cương của chủ – lần này thì cậu ơi, tôi hy vọng là cậu sẽ ngoan ngoãn hơn và phó thác mọi chuyện cho kinh nghiệm của một người lính già. Tôi nghe tiếng một nhóm người ngựa: Họ đuổi theo chúng ta. Đấy, băng của tên bán hàng rong giả dạng dây, tôi đã nói với cậu rồi mà, cậu thật khinh suất! Thôi, đừng có tỏ ra anh hùng nữa, hãy cứu lấy mạng chúng ta cùng với tiền bạn! Bỏ chạy đôi khi là một cách để chiến thắng. Horace đã giả vờ bỏ chạy đấy thôi.

-Nếu vậy thì chạy thôi, Pompéc ơi! – Chàng tử tước run rẩy nói.

Pompéc thúc vào hông ngựa, ngựa của lão, một con ngựa chiến thật tuyệt nhảy dựng lên dưới cây đinh thúc ngựa lôi cuốn theo con ngựa Ả Rập của chàng tử tước, và cả hai làm vang lên, như một tiếng sấm trên nền đường, những bước vó ngựa sắt dồn dập.

Cuộc chạy đó kéo dài độ nửa giờ, nhưng thay vì khoảng cách xa hơn, hình như kẻ thù họ còn tiến đến gần hơn.

Bỗng nhiên một giọng người vang lên giữa bóng đêm lẫn với tiếng gió rít, nghe như lời đe dọa ghê gớm của những hồn ma đêm khuya.

Giọng nói đó đã làm cho những sợi tóc bạc của lão Pompéc dựng đứng lên.

-Chúng kêu: Ngừng lạI! – Lão thì thầm – Chúng kêu ngừng lại.

-Sao, có nên ngừng lại không?

-Trái lại chứ – Pompéc kêu lên – chúng ta hãy phi nhanh hơn, nếu có thể. Tiến lên! Tiến lên! …

-Phải đấy, tiến lên! Tiến lên! – Chàng tử tước rên rỉ và hoảng sợ không kém gì người bảo vệ mình.

-Bọn chúng đến gần rồi, cậu có nghe thấy không?

-Có chứ…

-Bọn chúng phải đông hơn ba mươi đứa… Kìa, chúng vẫn còn kêu nữa… Chúng ta chết rồi!

-Thúc ngựa hơn nữa đi. – Chàng tử tước gần chết vì sợ…

-Tử tước ơi! Tử tước ơi! – Tiếng gọi cất lên – Ngừng lại! Ngừng lại đi! … Lão Pompéc ngừng lại đi!

-Đó là một kẻ biết chúng ta, đó là một kẻ biết chúng ta mang tiền đến cho phu nhân quận chúa, hắn biết chúng ta theo phe họ, bọn chúng sẽ tra tấn chúng ta thôi!

-Ngừng lại! Ngừng lại đi! – Tiếng gọi lại vang lên.

-Bọn chúng kêu lên để mấy tên kia bắt chúng ta lại. – Pompéc nói – Bọn chúng có người ở phía trước, chúng ta bị bao vây rồi!

-Hay là chúng ta tấp qua một bên, vào cánh đồng này, chờ cho bọn chúng chạy qua đi.

-Ý kiến hay đấy! – Pompéc nói – Nào!

Cả hai người kỵ sĩ giật cương và thúc vào hông cho ngựa quay về hướng trái, con ngựa của chàng tử tước nhảy một cách khéo léo, vượt qua khỏi cái hố, nhưng con ngựa của Pompéc nặng nề hơn không vượt qua được, ngã xuống và kéo theo chủ. Ông lão tùy tùng kêu lên một tiếng tuyệt vọng.

Chàng tử tước đã chạy được năm mươi bước, nghe tiếng kêu và dù cũng khá hoảng sợ vẫn quay ngựa lại và chạy đến bên người bạn đường.

-Xin tha! – Pompéc kêu lên – Tôi xin hàng! Tôi thuộc về gia đình họ Cambes! Xin chuộc mạng!

Chỉ có một tiếng cười to đáp lại lời van xin thảm thiết đó, và chàng tử tước vừa quay lại, thấy Pompéc đang ôm lấy chân người chiến thắng và kẻ này, bằng một giọng nghẹn đi vì tiếng cười, đang cố gắng trấn an lão.

-Ngài nam tước De Canolles? – Chàng tử tước kêu lên.

-Phải, tử tước à! Tại sao lại bắt những người đi tìm anh phải chạy như vậy chứ?

-Ngài nam tước De Canolles! – Pompéc kêu lên, chưa hết bất ngờ trước sự may mắn – Ngài nam tước De Canolles và anh Castorin.

-Phải rồi, lão Pompéc à! – Castorin nói – Lão làm gì trong cái hố đó vậy?

-Anh thấy rồi đấy! – Pompéc nói – Tưởng rằng các bạn là kẻ thù, tôi đã toan rút lui để sau này phản công lại thì con ngựa của tôi ngã xuống rãnh. Cậu ơi! – Lão nói tiếp sau khi đã đứng dậy và phủi bụi trên quần áo – Đây là ngài nam tước De Canolles.

-Vâng, tôi đây! – Canolles trả lời vừa nhìn chàng tử tước một cách chăm chú có lý do, vì chiếc găng tay nhặt được – Trong cái quán đó thật buồn chán hết sức. Ông Richon đã bỏ đi sau khi ăn hết tiền của tôi. Tôi biết là anh đang trên đường

đi Paris. Tôi cũng có việc phải đi về hướng đó, vì thế tôi lên đường ngay để cùng đi với anh. Tôi không ngờ là đến đây lại phải chạy nước rút như vậy! Anh thật là một kỵ sĩ tài ba.

Chàng tử tước mỉm cười và lẩm bẩm một câu gì đó.

-Castorin! – Canolles nói tiếp – Hãy đỡ ông Pompéc lên ngựa. Mi cũng thấy là mặc dù khéo léo, ông ấy cũng không thể tự mình làm được.

Castorin xuống ngựa, giúp Pompéc một tay để đỡ con ngựa dậy và leo lên.

-Khoan đã – Pompéc nói với một chút bối rối – Khoan đã, cậu chủ ơi, hình như thiếu mất một cái gì đó.

-Đúng rồi! – Chàng tử tước bảo – Thiếu mất cái vali.

-Ôi! Lạy chúa! – Pompéc kêu lên, vờ như ngạc nhiên hết sức.

-Khốn kiếp – Chàng tử tước kêu lên – Lão đã để mất?…

-Chắc nó không xa đây đâu, cậu à! – Pompéc trả lời.

-Có phải cái kia không? – Castorin hỏi, vừa chỉ cái vật đang tìm kiếm và kéo nó lên một cách nặng nhọc.

-Đúng rồi! – Chàng tử tước nói.

-Đúng rồi! – Lão Pompéc kêu lên.

-Không phải lỗi ở lão đâu! – Canolles muốn tranh thủ tình cảm của người lão bộc – Lúc lão ngã, có lẽ dây đã bị đứt và nó rơi ra.

-Dây không phải bị đứt mà bị cắt, thưa chủ nhân – Castorin nói – Nhìn này!

-Ồ! Ồ! Lão Pompéc. – Canolles nói – Như vậy là sao hả?

-Như vậy có nghĩa là… – Chàng tử tước nghiêm khắc bảo – Vì sợ bị đuổi theo mà lão đã khôn khéo cắt dây để không phải lãnh trách nhiệm làm người giữ của. Vào thời chiến, cái mưu mẹo này gọi là thế nào hả Pompéc?

Pompéc muốn nói đến dao săn mà lão đã vô ý rút ra, nhưng vì không có một câu giải thích hợp lý nên dưới mắt chàng tử tước lão coi như đã bị nghi ngờ muốn hy sinh chiếc vali cho sự an toàn của mình.

-Hay lắm! Hay lắm! – Canolles nói – Nhưng lão hãy cột lại chiếc vali đi. Này Castorin, hãy giúp ông Pompéc, ông có lý Pompéc à, khi sợ hãi bọn trộm cướp như vậy, cái vali đó rất nặng và sẽ là con mồi béo bở.

-Xin ngài đừng nói đùa. – Pompéc nói, vừa run rẩy – Đùa vào ban đêm rất là nguy hiểm.

-Ông có lý, Pompéc à, luôn luôn có lý, bởi vậy tôi muốn theo hộ tống ông và tử tước đây. Thêm hai người viện binh là không vô ích đâu.

-Đúng vậy! – Pompéc kêu lên – Đông người là thêm an toàn.

-Còn anh, thưa tử tước, anh nghĩ sao về lời đề nghị của tôi? – Canolles nói khi thấy chàng tử tước chấp nhận lời đề nghị không mấy hào hứng như người tùy tùng.

-Thưa ông! – Chàng tử tước nói – Tôi xin thành thật cám ơn ông, nhưng chúng ta không đi cùng đường và tôi e sẽ làm phiền ông.

-Sao? – Canolles thất vọng nói, khi thấy rằng cảnh giằng co nơi quán rồi sẽ lại diễn ra giữa đường lộ – Sao chúng ta lại không đi cùng đường chứ? Không phải anh đang đi…

-Đến lâu đài Chantilly – Pompéc vội vã nói thêm, đang run lên với ý nghĩ sẽ phải đi một mình, không có người bạn đồng hành nào khác ngoài anh chàng tử tước.

Còn anh chàng này thì phác một cử chỉ nóng nảy và nếu trời sáng, thì có thể thấy mặt anh chàng đang đỏ lên vì giận dữ.

-Thế à? – Canolles kêu lên, chẳng có vẻ gì nhận ra ánh mắt giận dữ của chàng tử tước đang ném về phía lão Pompéc đáng thương. – Chantilly à, đúng là chúng ta đi cùng đường. Tôi đây đi Paris. – Anh ta cười và nói thêm – Này tử tước, tôi chẳng có việc gì làm, tôi chẳng biết đi đâu. Anh đi Paris à, tôi cũng đi Paris, anh đi Lyon à, tôi cũng đi Lyon, anh đi Marseilles à, tôi từ lâu cũng có ý muốn thăm vùng Provence, và tôi sẽ đi Marseilles, anh có đi Stenay, nơi đức vua đang đóng quân, thì nào chúng ta cùng đi Stenay.

-Thưa ông – Chàng tử tước nói với một vẻ quả quyết có lẽ do sự bực bội trước thái độ của lão Pompéc mà ra – Tôi cần phải nói với ông là tôi muốn đi một mình vì những việc riêng vô cùng quan trọng, vì những lý do hoàn toàn đứng đắn, và xin tha lỗi cho tôi, nếu ông cứ có ý định đó, thì tôi sẽ lấy làm hối tiếc mà nói với ông rằng đang quấy rầy tôi.

Nếu không vì hình ảnh của chiếc găng tay mà Canolles cất kỹ trước ngực dưới lần áo lót thì chàng nam tước đã nổi khùng lên rồi. Nhưng anh ta cố dằn.

-Thưa anh bạn – Chàng ta nói một cách nghiêm trang – Tôi chưa bao giờ nghe nói rằng đường lộ thuộc về một riêng ai đó. Hình như người ta gọi là đường của đức vua, rõ ràng là mọi người thần dân của ngài đều có quyền sử dụng nó như nhau. Vì thế tôi đi trên đường của đứa vua mà không có ý định làm phiền anh, tôi cũng chỉ vì muốn giúp đỡ anh, bởi vì anh còn trẻ, yếu đuối và không có cách tự vệ. Mà tôi có vẻ gì là cướp đường đâu. Nhưng, bởi vì anh đã muốn như vậy, thì ý định của tôi thật là đáng trách. Xin lỗi vì đã làm phiền anh. Xin chúc anh may mắn!

Và Canolles với một cái giựt cương cho ngựa tách ra bước qua bên kia đường sau khi đã chào chàng tử tước, có Castorin theo sau.

Canolles đóng màn kịch đó một cách hết sức là lịch sự, với một cử chỉ thật duyên dáng, vừa đội một chiếc mũ phớt lên vầng trán sáng đẹp, lòa xòa những đám tóc đen nhánh mượt mà, đến nỗi chàng tử tước phải động lòng. Canolles đã tách ra một bên như chúng ta vừa nói; Castorin theo sau, ngồi thật thẳng và quả quyết trên lưng ngựa. Pompéc, ở lại bên này đường, thở dài sườn sượt đến đá

cũng phải mủi lòng, thế là chàng tử tước, sau khi suy nghĩ thật lung, thúc ngựa nhanh hơn và bước qua bên kia đường, đến bên Canolles giả vờ như không thấy và không nghe gì cả, buông ra hai tiếng với một giọng thật nhỏ: -Ông De Canolles!

Canolles giật mình quay lại: Chàng run lên vì vui sướng, tưởng chừng như mọi khúc nhạc quan trọng nhất hợp lại để diễn tấu cho chàng nghe.

-Tử tước gọi tôi?

-Xin ông hãy nghe tôi – Chàng trả lời với một giọng dịu dàng và ngọt ngào – Xin nói thật là tôi rất sợ mình tỏ ra bất lịch sự với một người thanh lịch như ông. Xin hãy tha thứ cho tánh rụt rè của tôi, tôi đã được nuôi dưỡng bởi những người thân luôn đầy sợ hãi do bởi quá yêu thương tôi mà ra. Tôi xin nhắc lại, hãy thứ lỗi cho tôi, không bao giờ tôi có ý định xúc phạm đến ông, và để chứng minh cho sự giảng hòa giữa chúng ta, xin phép cho tôi được đi bên cạnh ông.

-Sao anh lại nói như vậy! – Canolles kêu lên – Một trăm lần, một ngàn lần, tôi không thù dai đâu tử tước à, bằng chứng là…

Chàng đưa bàn tay ra, một bàn tay thanh tú, nhẹ nhàng đặt vào đấy, như những chiếc móng xinh xắn của một con chim câu.

Phần sau của đêm ấy trôi qua trong những câu trò chuyện tíu tít của Canolles. Chàng tử tước im lặng nghe và thỉnh thoảng cười.

Hai người tùy tùng đi phía sau. Pompéc giải nghĩa cho Castorin biết vì sao mà trận Corbie bị thua trong khi lẽ ra có thể thắng hoàn toàn nếu như lão đã được gọi vào họp cùng với ban tham mưu buổi sáng hôm trước.

-Nhưng… – Chàng tử tước nói với Canolles – Làm thế nào anh đã thanh toán xong với ngài công tước d'Épernon?

-Chuyện không có gì là khó cả. – Canolles trả lời – Theo như anh bạn đã nói với tôi, chính ông ta cần phải thanh toán với tôi chứ không phải tôi; hoặc ông ta mệt mỏi vì chờ đợi lâu quá và rút lui, hoặc ông ta ngoan cố, và hãy còn chờ.

-Còn tiểu thư De Lartigues thì sao? – Chàng tử tước hỏi hơi ngập ngừng.

-Thưa tử tước, tiểu thư De Lartigues không thể nào vừa ở nhà cùng ngài d'Épernon, vừa ở quán Con Bê Vàng cùng với tôi. Không thể đòi hỏi nơi các bà điều không thể nào có được.

-Như vậy, không phải là một câu trả lời, thưa nam tước. Tôi thắc mắc tại sao, yêu mê mệt cô De Lartigues như ông, ông lại có thể xa rời cô ấy được.

Canolles nhìn chàng tử tước với đôi mắt đầy ý nghĩa, bởi vì trời đã sáng và trên khuôn mặt của chàng trai không có bóng che nào ngoài chiếc mũ phớt.

Thế là chàng cảm thấy một ý muốn điên cuồng trả lời như mình đang suy nghĩ, nhưng sự có mặt của Pompéc, của Castorin và vẻ nghiêm nghị của tử tước giữ chàng lại, và hơn nữa, chàng hãy còn hơi nghi ngờ.

"Nếu ta nhầm, nếu đây thật sự là một thanh niên mặc dù có chiếc găng tay và bàn tay nhỏ bé thì ta có thể chết đi vì xấu hổ được!"

Thế là chàng cố kiên nhẫn và trả lời câu hỏi tử tước bằng một nụ cười có thể thay tất cả mọi câu trả lời.

Mọi người dừng lại ở Barbezieux để ăn sáng và cho ngựa nghỉ. Lần này thì Canolles dùng bữa với chàng tử tước và khi đang ăn, tha hồ ngắm bàn tay mịn màng đã khiến chàng xúc động khá nhiều. Hơn nữa, khi ngồi vào bàn, chàng tử tước buộc phải giở mũ ra và để lộ mái tóc thật đẹp trên một làn da mịn, mà mọi tên đàn ông si tình, và do đó mù quáng, đều đã được thoát khỏi sự nghi ngờ rồi, nhưng Canolles khá sợ sẽ tỉnh mộng nên cứ muốn kéo dài giấc mộng. Chàng ta cảm thấy có một cái gì đó hay hay trong thái độ bí ẩn của tử tước cho phép càng có một lô những cử chỉ thân mật mà một sự phân biệt rõ ràng hoặc một lời thú nhận hoàn toàn sẽ không cho phép. Bởi vậy chàng không nói một lời nào khiến cho chàng trai hiểu rằng sự giả của mình đã bị khám phá.

Sau bữa ăn, mọi người lại lên đường đi cho đến chiều. Thỉnh thoảng, cái mệt mà chàng bắt đầu không thể nào che giấu lâu hơn làm cho gương mặt chàng tử tước trở nên tái nhợt, và thỉnh thoảng cả người chàng run lên khiến cho Canolles phải thân mật hỏi lý do. Thế là cậu De Cambes mỉm cười và có vẻ như không còn mệt mỏi gì nữa, lại còn đề nghị đi nhanh hơn, điều này thì Canolles từ chối, bảo rằng đường còn dài, do đó cần phải giữ sức cho ngựa.

Sau bữa ăn tối, chàng tử tước rất khó khăn khi muốn đứng dậy. Canolles lật đật chạy bổ tới.

-Anh bạn à, anh cần phải nghỉ ngơi đấy thôi. – Chàng nói – Cứ tiếp tục đi như vậy thì đến chặng đường thứ ba anh sẽ gục mất. Đêm nay chúng ta không đi, mà sẽ ngủ lại. Tôi muốn rằng anh ngủ thật kỹ, trong căn phòng tốt nhất của quán, nếu không thì thà rằng tôi chết đi.

Chàng tử tước nhìn Pompéc với một vẻ vô cùng kinh hoảng đến nỗi Canolles không thể nào nhịn cười được.

-Khi chúng ta làm những cuộc hành trình dài như chúng ta đang làm đây – Pompéc nói – thì mỗi người phải có cái lều riêng của mình.

-Một lều cho hai người – Canolles nói với dáng điệu tự nhiên nhất – Vậy là cũng đủ rồi.

Chàng tử tước rùng mình.

Mũi tên bắn ra trúng đích, và Canolles nhận thấy điều đó. Chàng liếc mắt nhìn thấy cậu tử tước ra hiệu cho Pompéc, Pompéc đến gần chủ, chàng này nói nho nhỏ một điều gì và lập tức lão lấy một lý do gì đó, bước lên trước và biến mất.

Khoảng một tiếng rưỡi sau chuyện vừa rồi, mà Canolles cũng không buồn hỏi lý do, đến một thị trấn, mấy người lữ khách đợi nơi ngưỡng cửa của một khách

sạn có vẻ lịch sự.

-À! À! Chúng ta sẽ ngủ đêm tại đây phải không tử tước?

-Vâng, nếu như ông cùng đồng ý, thưa nam tước.

-Sao kìa! Tôi hoàn toàn đồng ý với những gì anh muốn. Tôi đã nói với anh rồi, tôi đi du lịch theo ý thích của mình, còn anh, như anh đã nói, anh đi vì công việc. Chỉ có điều tôi e rằng anh sẽ không được thoải mái cho lắm trong cái quán lụp xụp này.

-Ồ! – Chàng tử tước nói – Đêm sẽ qua mau thôi.

Mọi người dừng lại, và nhanh nhẹn hơn Canolles, Pompéc chạy tới đỡ cho chủ xuống, vả lại Canolles e rằng một cử chỉ sốt sắng ân cần như vậy giữa một người đàn ông với một người đàn ông quả là khó coi.

-Nhanh lên, phòng tôi đâu? – Chàng tử tước nói – Ông De Canolles à, ông nói đúng đấy, tôi quả thật là rất mệt.

-Đây, thưa ngài – Bà chủ quán nói và chỉ một gian phòng khá rộng nơi tầng trệt và nhìn ra sân, nhưng mọi cửa sổ đều có chấn song và bên trên là rầm thượng của ngôi nhà.

-Còn phòng của tôi đâu? – Canolles kêu lên – Nó đâu?

Và chàng ném một ánh mắt thèm thuồng về phía một cánh cửa ăn thông sang phòng chàng tử tước, mà tấm vách mỏng manh không dễ gì ngăn cản được tánh tò mò sắc bén của chàng.

-Phòng của ngài à? – Bà chủ quán nói – Xin theo tôi, thưa ngài, tôi sẽ dẫn ngài đến đó.

Và, thật vậy, chẳng tỏ vẻ gì nhận ra sự bực bội trên nét mặt của Canolles, bà chủ quán dẫn chàng đến cuối một hành lang dài san sát những cửa, ngăn cách với phòng của tử tước bằng một quãng sân dài.

Chàng tử tước nhìn cảnh đó từ thềm phòng mình.

-Bây giờ – Canolles tự nhủ – Ta chắc chắn rồi, thế nhưng ta đã hành động như một tên ngốc. Thôi, thôi, làm mặt giận thì có được ích gì, cứ làm thật vui vẻ vậy.

-Anh bạn tử tước thân mến à! – Chàng kêu lên từ đầu hành lang – Hãy ngủ cho kỹ nhé, anh rất cần đấy, anh có cần ngày mai tôi gọi anh dậy không? Không à! Vậy thì anh sẽ gọi tôi dậy tùy lúc nào anh muốn nhé! Chúc anh ngủ ngon.

-Chúc nam tước ngủ ngon.

-À mà anh bạn có thiếu gì không? Anh có cần tôi cho anh mượn Castorin để phục vụ anh trong việc thay y phục không?

-Cám ơn, tôi đã có Pompéc rồi. Ông ấy ngủ ngay bên cạnh phòng tôi.

-Cẩn thận như thế là tốt. Tôi cũng sẽ bảo Castorin như vậy. Lúc nào cũng phải cẩn thận, phải không lão Pompéc? Trong một lữ quán như vậy thì thận trọng có bao giờ là thừa đâu… Xin chúc tử tước ngủ ngon.

Tử tước cũng đáp lại như vậy và cửa đóng lại.

"Được lắm, được lắm, tử tước à" – Canolles lẩm bẩm "Ngày mai sẽ đến phiên tôi chuẩn bị chỗ ngủ và tôi sẽ trả đũa cho mà xem. Hay lắm!" – Chàng nói tiếp – "Anh ta kéo kín rèm cửa lại, căng cả một tấm khăn trải giường để đừng lộ bóng. Chà! cậu thiếu niên này hay cả thẹn nhỉ, nhưng không sao, ngày mai rồi sẽ biết!"

Và Canolles trở vào, miệng làu bàu, thay y phục với vẻ mặt khó chịu, giận dỗi đi nằm, và mơ thấy Nanon tìm được trong túi mình một chiếc găng tay màu xám bạc của chàng tử tước.

§11

Ngày hôm sau. Canolles còn tỏ ra vui vẻ hơn hôm trước, về phần mình, tử tước De Cambes cũng tỏ ra cởi mở hơn. Ngay cả lão Pompéc cũng ba hoa kể lại những trận chiến mà mình đã tham gia cho Castorin nghe. Cả một buổi sáng trôi qua như thế.

đến lúc ăn trưa. Canolles xin phép rời tử tước một lát, chàng trai nói rằng mình cần phải viết một lá thư dài gửi cho một người bạn ngụ trong vùng và nói thêm rằng cũng cần phải đến thăm người bạn khác Ở cách Poitiers khoảng ba bốn trăm dặm, gần đến đường lớn. Canolles hỏi thăm ông chủ quán về người bạn này và được trả lời rằng cách làng laulnay một khoảng chàng sẽ tìm được nhà của người đó và sẽ nhận ra qua hai tháp cao.

Do đó, vì Castorin sẽ phải rời cái nhóm nhỏ để mang thư đi, vì Canolles cũng phải ghé qua nhà người bạn, nên chàng tử tước được yêu cầu chọn từ bây giờ nơi tất cả sẽ cùng nghỉ qua đêm.

chàng tử tước ném một cái nhìn vào tấm bản đồ nhỏ mà Pompéc mang theo và đề nghị làng laulnay. Canolles không phản đối gì và còn xảo quyệt đến mức nói to: -Pompéc à, nếu lão được phái đi như hôm qua để chọn nơi nghỉ thì hãy giữ cho ta một phòng gần bên phản g chủ lão để hai anh em ta có thể trò chuyện một lát nhé.

ông lão tùy tùng thâm hiểm trao đổi một cái nhìn với chủ mình và mỉm cười, biết chắc mình sẽ không làm như thế. Còn Castorin đã nhận được lời dặn dò từ trước, đến lấy thư và được lệnh đến laulnay chờ sẵn.

Không phải e sợ sẽ nhận lầm quán trọ bởi vì laulnay chỉ có một quán duy nhất là Grand- Charles-martel.

Mọi người lại lên đường. Cách Poitiers, nơi họ vừa dùng bữa khoảng năm trăm bước. Castorin băng qua một con đường tắt bên phải. Mọi người đi thêm khoảng hai giờ nữa, đến lượt mình.

Canolles nhận ra ngôi nhà của người bạn qua lời chỉ vẽ của chủ quán, chàng chỉ cho tử tước thấy.

chào từ giã, lại dặn dò Pompéc về nơi nghỉ ngơi, và theo một con đường tắt về bên trái.

Chàng tử tước đã hoàn toàn an tâm, chàng không có gì phải bực bội câu chuyện hồi hôm, và cả ngày hôm nay đã không có cái gì phải lo âu, chàng không còn e ngại Canolles sẽ phản đối những ý muốn của mình và chàng nam tước vẫn là một người bạn đồng hành tốt bụng, vui vẻ, bặt thiệp.

chàng không đòi hỏi gì hơn là tiếp tục con đường với người đó. Vì thế, có lẽ cũng vì chàng không muốn rời người tùy tùng của mình, và đi một mình trên

đường nên Pompéc đã không được phái đi trước như tối qua.

đến làng thì trời vừa tối, mưa xối xả, may sao có một phòng đã được đặt lò sưởi từ trước.

Chàng tử tước vội vã muốn thay y phục nên lấy phòng đó và giao cho Pompéc nhiệm vụ lo phòng cho Canolles.

-Xong rồi – Lão Pompéc ích kỷ trả lời vì muốn mau được đi ngủ – Bà chủ quán đã hứa lo giùm.

-Được rồi. Sắc cá nhân của tôi đâu rồi?

-Đây ạ!

-Mấy lọ thuốc của tôi đâu?

-Thưa đây.

-Cám ơn lão…, lão ngủ Ở đâu. Pompéc?

-Ở đầu hành lang.

-Nếu có gì tôi cần gọi thì sao?

-CÓ cái chuông nhỏ đây, bà chủ quán sẽ đến.

-Đủ rồi, cửa đóng kín chứ?

-Cậu thấy rồi đấy.

-Nhưng không có chốt!

-CÓ Ổ khóa.

-Được rồi, tôi sẽ khóa lại vậy. Không có cửa nào khác chứ?

-Hình như không.

Và Pompéc cầm ngọn nên đi vòng quanh phòng.

-Lão hay xem mấy cánh cửa chớp có chắc không?

-Đều móc cả lại rồi.

-Thôi được Thôi lão đi ngủ đi.

Pompéc đi ra và chàng tử tước khóa cửa lại.

Một giờ sau. Castorin thật ra đã đến trọ từ trước và Ở trong một phòng ngay bên cạnh Pompéc mà lão không hề biết rón rén đi ra và mở cửa cho Canolles.

Canolles, tim đập mạnh, đi nhẹ vào để cho Castorin lo việc đóng cửa lại, hỏi phòng của chàng tử tước và lên lầu.

Chàng tử tước đã toan đi nằm thì nghe có tiếng chân ngoài hành lang.

Chàng tử tước như chúng ta đã thấy là một người hay sợ sệt, vì thế chàng giật mình khi phát giác tiếng chân và lắng tai nghe.

Những tiếng chân dừng lại trước cửa phòng chàng. Mấy giây sau, có tiếng gõ cửa.

-Ai đó? – Giọng hỏi vô cùng sợ hãi đến nỗi Canolles suýt không nhận ra nếu chàng không có dịp được nghe thường xuyên trong hai ngày qua.

-Tôi đây mà! – Canolles nói.

-Sao, ông à? – Giọng nói chuyển từ sợ sệt qua hốt hoảng.

-Vâng, tử tước à. Anh thử nghĩ xem, trong các quán trọ này chẳng còn lấy một phòng nào trống cả… Lão Pompéc ngu ngốc của anh chẳng nghĩ gì đến tôi hết… Cả làng không còn một cái quán trọ nào khác… Và vì phòng của anh bạn có hai giường…

Chàng tử tước ném ánh mắt kinh hoàng lên hai cái giường đặt kề bên nhau trong góc phòng, có một chiếc bàn ngăn Ở giữa.

-Sao, anh hiểu chứ? – Canolles tiếp tục – Tôi đến nhận giường của tôi. Hãy mở cửa cho tôi nhanh đi, tôi van anh, tôi đang chêm cóng đây…

Thế là nghe có tiếng náo động trong phòng, tiếng quần áo sột soạt và tiếng chân hấp tấp.

-Vâng, vâng! – Giọng chàng tử tước càng thêm hoảng hốt – Vâng, để tôi mở…

-Tôi đang đợi đây… Nhưng, xin anh nhanh lên cho nếu không tôi biết thành đá thật.

-Xin lỗi, nhưng là vì tôi đang ngủ…

-Nhưng, hình như trong phòng anh còn ánh đèn mà…

-Không đâu, ông lầm đấy.

và đèn tắt phụt ngay. Canolles không kêu ca gì.

-Tôi ra đây… Tôi không thấy cánh cửa đâu cả.

-Tôi cũng nghĩ vậy. – Canolles nói – Tôi nghe thấy tiếng anh từ đầu phòng đằng kia. Về phía nay, nay…

-à! Tôi đang tìm cái chuông để gọi Pompéc.

-Pompéc Ở tuốt đầu hành lang và sẽ không nghe đâu…

-Tôi đã muốn gọi lão dậy, nhưng không được. Lão ngủ say như chêm.

-Vậy thì để tôi gọi bà chủ quán.

-Chà! Bà chủ quán đã nhường giường của mình cho một người khách và đã lên gác thượng ngủ… Sẽ không có ai đến đâu, anh bạn ạ… Vả lại, gọi mọi người dậy mà làm gì, tôi không cần ai cả.

-Nhưng, tôi…

-Anh, anh cứ mở cửa cho tôi, tôi cám ơn anh lắm. Tôi tò mò tìm giường của mình, tôi đi nằm, có thể thôi. Tôi van anh, mở cửa nhanh lên.

-Nhưng mà… – Chàng tử tước tuyệt vọng nói – Chắc là còn những phòng khác nữa chứ, dù cho không có giường đi nữa?… Không thể nào lại không có phòng được. Gọi thử xem…

-Nhưng, thưa tử tước, đã mười giờ khuya rồi… Anh sẽ làm náo loạn cả quán trọ… Mọi người sẽ nghĩ rằng có đám cháy…, và thế là cả đêm sẽ không ai ngủ được nữa…, như vậy thật là đáng tiếc bởi vì tôi buồn ri gù muốn chêm đây…

Câu cam đoan cuối cùng có vẻ như làm chàng tử tước an tâm phần nào. Những bước chân nhè nhẹ đến gần và mở cửa ra.

Canolles bước vào và đóng cửa lại. Chàng tử tước, sau khi mở, đã vội lùi ra xa.

Canolles nam tước thấy mình đang Ở trong một gian phòng gần như hoàn toàn tối đen bởi vì mấy hòn than gần tàn trong lò chỉ phát ra những tia sáng yếu ớt. Bầu không khí ấm áp và sực nức những mùi thơm tho của một người rất quan tâm đến việc làm dáng.

-Xin cám ơn tử tước. – Canolles nói – Nói đúng. Ở đây dễ chịu hơn là ngoài hành lang.

-ông buồn ngủ hở nam tước?

-Vâng, chắc chắn rồi… Hãy chỉ cho tôi giường của tôi vì anh biết rõ trong phòng rồi, hay là để tôi đốt nên lên…

-Không, không, không, vô ích thôi! – Chàng tử tước vội nói – Giường của ông Ở bên tay trái đây này.

Nhưng vì bên trái của tử tước là bên phải của nam tước nên chàng ta thẳng về phía bên phải đụng ngày một cái cửa sổ, gần bên cửa sổ là một cái bàn nhỏ và trên đó là chuông mà chàng tử tước hoài công tìm kiêm. Chàng ta bỏ luôn cái chuông vào túi.

-Kia, anh nói gì vậy? – Canolles kêu lên – Chúng ta đang chơi trò cút bắt ấy à?… Nhưng mà anh làm gì trong bóng tối vậy?

-Tôi tìm cái chuông đi gọi Pompéc.

-Nhưng gọi lão để làm gì chứ?

-Để ông ấy…, mang thêm một cái giường vào đây.

-Để cho ai?

-đểcho lão!

-Để cho Pompéc à?… Anh nói gì vậy?… Để cho người hầu ngủ cùng phòng với chúng ta à?

Thôi đi! Anh giống như mấy cô bé nhút nhát vậy… Chúng ta là những chàng thanh niên đủ lớn để tự vệ rồi kia mà. Thôi, hãy nắm tay tôi và dẫn giùm tôi về giường, tôi không kiêm ra nó…, hay là…, đốt đèn lên nhé!

-Không! Không! – Chàng tử tước kêu lên.

-Nhưng, bởi vì anh không muốn nắm tay tôi, thì ít ra cũng cho tôi một đầu chỉ chứ, tôi đang Ở trong cái mê hồn trận thật sự.

Và chàng ta bước đến, hai tay đưa ra phía trước, về hướng có tiếng nói, nhưng ngay bên cạnh chàng, như có một bóng cười lướt qua, thoang thoảng một mùi thơm, chàng vòng tay lại, nhưng chỉ ôm được không khí.

-Đấy! Đấy! Thưa ông! – Chàng tử tước nói từ đầu phòng đằng kia – ông đến bên giường rồi – Cái nào là của tôi?

-Cái nào cũng vậy! Tôi không ngủ nữa đâu.

-Sao, anh không ngủ nữa à? Vậy anh sẽ làm gì chứ?

-Tôi sẽ ngồi trên ghế ngủ suốt đêm.

-Thôi đi! – Canolles nói – Tôi không bằng lòng với trò trẻ con như vậy đâu, lại ngủ đi, tử tước à lại ngủ đi thôi!

Và Canolles được soi sáng bởi một tia sáng cuối cùng phát ra từ lò sưởi nhìn thấy chàng tử tước đang ngồi thu mình trong một góc, giữa cánh cửa sổ và cái tủ, trùm mình trong chiếc áo ánh sáng đó vụt tắt, nhưng cũng đủ để chàng nam tước nhìn thấy và để cho chàng tử tước hiểu rằng mình đã thua. Canolles bước thẳng về chàng, hai tay đưa ra phía trước, và dù trong phòng tối om, chàng công tử cũng hiểu rằng lần này thì không thoát khỏi tay kẻ đang đeo đuổi.

-Nam tước ơi! – Chàng tử tước ấp úng – Xin đừng bước đến nữa, tôi xin van ông, xin đừng bước lên đến nữa nếu ông là một người lịch sự.

Canolles dừng lại, tử tước đang Ở thật gần chàng đến nỗi nghe cả tiếng tim đập mạnh và hơi thở nóng ấm, cùng lúc đó một mùi hương say sưa tuyệt vời toát ra từ tất cả những gì là tuổi xuân.

và hương sắc ngọt ngào hơn cả mùi thơm của loài hoa, như bao phủ lấy chàng và đoạt mất khả năng tuân theo lời tử tước, dù rằng chàng rất muốn.

Thế nhưng chàng vẫn đứng bất động một hồi nơi mình đứng, hai tay đưa về phía những ngón tay đang xua đuổi, và cảm thấy rằng chỉ cần thêm một bước nữa để chạm đến thân hình tuyệt vời kia mà chàng đã từng chiêm ngưỡng sự mềm dịu trong hai ngày qua.

-Xin tha cho! Xin tha cho! – Chàng tử tước thì thầm bằng một giọng kinh hoàng đã pha lẫn một chút ngọt ngào. Xin tha cho! – Rồi giọt nước mắt tắt ngấm trên môi, và Canolles cảm thấy thân hình kia quỳ xuống.

Tim chàng muốn nổ tung ra: Giọng nói van nài kia làm cho chàng hiểu rằng đối phương đã thua nửa phần rồi.

Chàng tiến thêm một bước nữa và đụng phải hai bàn tay đang chắp lại van nài của chàng công tử và lúc này không còn đủ sức kêu lên, chỉ có thể thốt ra một tiếng thở dài.

Bỗng nhiên một tiếng vó ngựa vang lên dưới cửa sổ, những tiếng gõ dồn dập lên cửa quán tiếp theo là những tiếng kêu và những tiếng ồn ào.

-Ngài nam tước De Canolles! – Một giọng kêu to.

-ôi! Tạ ơn trời! Ta thoát rồi! – Chàng tử tước lẩm bẩm.

-Mẹ kiếp! – Chàng Canolles kêu lên – Hắn ta không thể đợi ngày mai được à?

-Ngài nam tước De Canolles! – Giọng kia lại kêu to – Ngài nam tước De Canolles! Tôi cần nói chuyện với ngài ấy ngay bây giờ.

-Chà, có chuyện gì vậy nhỉ? – Chàng nam tước hỏi, vừa bước lùi một bước.

-Thưa chủ nhân – Castorin kêu lên bên ngoài cửa – Người ta đang tìm ngài đấy.

-Mà ai vậy chứ, thằng ngốc?

-Một người đưa thư.

-Ai gửi đến?

-Ngài công tước d'Épernon.

-Lão muốn gì ta?

-Công vụ của đức vua.

Sau những tiếng thần kỳ đó mà chàng buộc phải tuân theo. Canolles vẫn làu bàu, ra mở cửa và xuống lầu.

Nghe có tiếng ngáy của Pompéc.

Người liên lạc đã vào quán và đang ngồi đợi. Canolles đến gặp y và tái mặt khi đọc lá thư của Nanon, bởi vì như chúng ta có thể đoán ra người liên lạc đó là Cauvignac. Vì lên đường chậm mất mười giờ sau chàng nên dù đi nhanh đến đâu cũng mãi đến giờ mới bắt kịp.

Và câu hỏi với Cauvignac là đủ để Canolles hiểu rằng cần phải lên đường ngay. Chàng đọc lại lá thư thêm một lần nữa và câu: Em gái của anh giúp chàng hiểu rõ vấn đề, tiểu thư De Lartigues đã nhận chàng là anh trai.

Canolles đã nhiều lần được nghe chính tiểu thư De Lartigues kể về một người anh trai, với lời lẽ không lấy gì làm mặn mà. Bây giờ thì chàng đã chiêm chỗ người anh đó. Điều này chẳng làm tan đi sự bực bội vì phải tuân theo mệnh lệnh của ngài công tước.

-Thôi được! – Chàng nói với Cauvignac mà cũng chẳng thèm giới thiệu hắn với chủ quán, và cũng không mở hầu bao vì hắn, điều mà chàng không bao giờ quên khi gặp dịp – Thôi được, hãy về bảo với chủ ngươi rằng đã gặp ta và ta đã lên đường ngay tức khắc.

-Còn với tiểu thư De Lartigues, tôi phải nói lại làm sao?

-CÓ chứ! Ngươi hãy bảo rằng anh trai của tiểu thư rất cảm tạ tình nghĩa của tiểu thư đối với anh ấy. Castorin, thắng ngựa vào!

Và không nói thêm với người liên lạc đang vô cùng ngạc nhiên trước một sự đón tiếp như vậy.

Canolles trở lên phòng chàng tử tước. Chàng thấy cậu ta mặt tái nhợt, run rẩy, y phục chỉnh tề. Hai ngọn nên đang cháy trên lò sưởi.

Canolles ném một cái nhìn vô cùng tiệc nuối về phía góc phòng nơi có hai chiếc giường. Chàng thiếu niên nhìn theo ánh mắt đó với vẻ thẹn thùng khiến cho hai má đỏ lên.

-Bây giờ thì anh hài lòng rồi nhé! – Canolles nói – Bây giờ thì anh đã thoát khỏi tôi trong suốt cuộc hành trình còn lại. Tôi phải lên đường thi hành công vụ của đức vua.

-Chừng nào đi? – Chàng tử tước hỏi với một giọng chưa được hoàn hồn lắm.

-Ngay bây giờ, tôi đi Nantes, triều đình hình như đang Ở đấy.

-Xin chào ông! – Chàng tử tước cố gắng lắm mới trả lời nổi và buông mình xuống chiếc ghê.

không dám nhìn lên người bạn đồng hành.

Canolles tiến tới một bước.

-Có lẽ tôi sẽ không bao giờ gặp lại tử tước nữa, chàng xúc động nói.

-Biết đâu được. – Chàng tử tước trả lời và cố gắng mỉm cười.

-Xin hãy hứa với một người sẽ luôn giữ mãi kỷ niệm về bạn. – Canolles nói và đặt một bàn tay lên ngực, một cử chỉ và một giọng nói hài hòa khiến cho không ai có thể nghi ngờ được sự thành thật.

-Điều gì?

-Là bạn sẽ thỉnh thoảng nhớ đến người ấy.

-Tôi xin hứa.

-Không…, giận chứ?…

-Vâng.

-Bằng chứng cho lời hứa đó?

Chàng tử tước đưa bàn tay ra.

Canolles đỡ lấy bàn tay run rẩy ấy, không có ý định nào khác là sẽ thân mật siêu chặt, nhưng với sức thôi thúc mạnh hơn cả ý muốn, chàng ép nó lên môi và chạy vội ra khỏi phòng vừa lẩm bẩm – ôi Nanon! Làm sao em có thể bù lại cho ta những gì em vừa làm mất của ta?

§12

Bây giờ, nếu chúng ta theo các bà hoàng của gia đình Condé đến nơi lưu đày của họ, lâu đài Chantilly mà Richon đã mô tả lại với chàng tử tước qua một hình ảnh đáng sợ, thì đây là những gì chúng ta sẽ thấy.

Dưới hàng cây dẻ phủ đầy lên những lớp hoa như bụi tuyết, trên những thảm cỏ kéo dài đến những mặt hồ xanh ngắt, nhộn nhịp một đám đông người đi dạo, cười nói, hát đùa vui vẻ. Rải rác đây đó là những người đang đọc sách, khuất qua sau những tán lá xanh mà họ đang nghiến ngấu đọc, của hoặc là Cléopâtre tác giả là ông De La Calprenède, hoặc l'Astree của ông D'Urfé hay Grand của bà De Scudery (Chú thích: Cléopâtre, l'Astree, Grand: Những tiểu thuyết tình cảm có tiếng vào thời bấy giờ); sau những vòm lá kim ngân và anh túc, vẳng ra những tiếng đàn thụ cầm và những giọng hát vô hình. Và, trên lối đi rộng rãi dẫn đến lâu đài, thỉnh thoảng thấy một người kỵ sĩ chuyển công văn chạy bắn qua như một tia chớp.

Trong khi đó, nơi hàng hiên, ba người phụ nữ y phục bằng sa tanh, có những tên người hầu kính cẩn theo sau một khoảng cách đang nghiêm trang dạo bước với những cử chỉ trịnh trọng và oai nghi. Ở giữa một phu nhân với dáng dấp cao quý mặc dù đã năm mươi bảy tuổi, đã bình luận một cách uyên bác về những vấn đề quốc gia, ở bên phải bà, một người phụ nữ trẻ, dáng điệu cứng cỏi, y phục màu tối, nhíu mày lắng nghe, bên trái là một bà già khác, dáng điệu cứng cỏi và chừng mực hơn cả, bởi vì bà ta không thuộc hàng quý phái tối cao, đang vừa nghe, vừa nói, vừa suy ngẫm.

Người đứng giữa là công chúa phu nhân, góa chồng và giàu có, mẹ của vị danh tướng đã từng chiến thắng các trận Rocroy, Norlingen và Lens, người đó, từ khi bị ngược đãi và sự ngược đãi đã đưa đến lâu đài Vincennes, đã được gọi là ngài đại Condé và hậu thế sẽ sẽ mãi danh xưng này, người phụ nữ đó, trên gương mặt vẫn còn có thể nhận ra những gì còn lại của một sắc đẹp đã gây nên tình yêu cuối cùng và cũng có thể là mối tình ngông cuồng nhất của vua Henri IV, đã bị tổn thương không những trong tình mẹ mà còn trong tánh kiêu hãnh của một bà công chúa bởi một tên người Ý mà người ta gọi là Mazarin khi còn là gia nhân của ngài hồng y Bentivog Lio và bây giờ thì được gọi là đức ông hồng y De Mazarin từ khi y trở thành người tình của hoàng hậu Anne D'Autriche và là thủ tướng của vương quốc Pháp.

Chính lão là người dám giam cầm ngài Condé và lưu đày người mẹ cùng người vợ của người tù tại lâu đài Chantilly.

Người phụ nữ bên phải là Claire-Clémence De Maillé cũng là công chúa thuộc gia đình Condé mà mọi người vẫn thường gọi là quận chúa phu nhân. Bà

luôn luôn là một người kiêu hãnh, nhưng từ khi bị tàn lụi, tánh kiêu căng đó đã lớn lên thêm và trở thành tánh cao ngạo.

Thực vậy, buộc phải đóng một vai trò thứ yếu từ khi ngài hoàng thân còn tự do, cảnh giam cầm của chồng đã đưa bà ta lên hàng chánh yếu, bà ta trở nên đáng thương hơn một bà góa và con trai bà, cậu bé quận công D'Enghien, sắp lên bảy tuổi, đang được quan tâm đến hơn cả một đứa trẻ côi cút. Mọi người đều để ý đến bà, và ngại rằng sẽ trở nên khó coi, bà ăn bận như có tang. Từ khi Anne D'Autriche buộc họ phải sống lưu đày, những tiếng than thở của họ đã biến thành những lời đe dọa ngấm ngầm, từ những kẻ bị đàn áp, họ trở nên những người chống đối. Công chúa phu nhân, vốn là một Thémistocle mặc váy, cũng có Miltiade[423] của mình và vòng nguyệt quế của phu nhân De Longueville[424] nữ hoàng của Paris một thời gian ngắn, đã làm cho họ điên lên.

Bà già bên trái là bà hầu tước De Tourville, một người phụ nữ không dám viết tiểu thuyết tình nhưng lại viết về chính trị. Bà đã không tự mình tham gia chiến tranh như lão Pompéc dũng cảm và không được lãnh một viên đạn như lão ở Corbie, nhưng chồng bà trước kia là một đại úy khá có tiếng, đã bị thương ở trận La Rochelle và bị tử thương ở Fribourg, rằng mình còn được thừa kế giả sản hương hoa của ông, bà nghĩ rằng mình còn được thừa kế cả thiên tài quân sự của chồng. Từ khi bà theo hầu hai vị công chúa ở Chantilly, bà đã vạch ra ba kế hoạch tác chiến đã khiến cho bao nhiêu bà tùy tùng phải hết lời khen ngợi nhưng đều bị không phải là bỏ đi mà hoãn lại cho đến giờ phút quyết liệt. Bà ta không dám mặc bộ quân phục của chồng dù đôi khi rất muốn đấy, nhưng vẫn treo thanh gươm của chồng ở trong phòng, nơi đầu giường, và thỉnh thoảng, khi chỉ còn lại một mình, bà ta rút nó ra khỏi bao với một điệu bộ đằng đằng sát khí.

Mặc dầu mang một vẻ như ngày hội, Chantilly nói cho đúng có thể được xem như một trại lính rộng lớn, và nếu tìm kỹ, có thể sẽ tìm thấy thuốc súng giấu dưới hầm và lưỡi lê ngoài mấy luống rau.

Trên đường đi dạo của họ, ba người phụ nữ thường xuyên nhìn về phía cửa cổng chính của lâu đài, dường như chờ đợi một người liên lạc quan trọng nào đó. Đã nhiều lần, bà công chúa già vừa nói vừa thở dài: -Chúng ta sẽ thua, con ạ, chúng ta sẽ nhục nhã vô cùng.

-Muốn vinh quang thì phải trả giá ít nhiều. – Bà De Tourville nói – Không bao giờ chiến thắng mà không phải chiến đấu.

-Nếu chúng ta thất bại – Phu nhân trẻ nói – nếu chúng ta thua, chúng ta sẽ trả thù.

-Con ạ! – Phu nhân công chúa già nói – Nếu chúng ta thua thì chính Thượng đế đã chiến thắng hoàng thân chồng con. Vậy con muốn trả thù Thượng đế hay sao?

Phu nhân trẻ nghiêng đầu trước thái độ khiêm tốn tuyệt diệu của bà mẹ chồng, và cả ba nhân vật đang cúi chào nhau và tự khen nhau như trông thật chẳng khác gì một vị giám mục với hai người trợ tá đang đem Thượng đế ra làm đề tài cho những lời khen ngợi mà họ trao đổi cho nhau.

-Chẳng thấy ông De Turenne, chẳng có ông De La Rochefoucauld, cũng chẳng có ông De Bouillon. – Phu nhân già lẩm bẩm – Tất cả đều vắng mặt cùng một lúc.

-Cũng chẳng có tiền. – Bà De Tourville nói.

-Mà biết trông cậy vào ai đây – Phu nhân trẻ lại nói – Nếu cả Claire cũng quên chúng ta?

-Con à, ai bảo với con là cô De Cambes quên con?

-Cô ấy không trở lại.

-Có lẽ cô ấy bị mắc kẹt, đường sá đều được canh phòng bởi quân đội của ông De Saint Aignan, con cũng biết rồi đấy.

-Ít ra cô ấy cũng phải viết thư.

-Làm sao cô ta có thể để lộ ra giấy một câu trả lời quan trọng như vậy được: Sự hợp tác của cả một tỉnh lớn như Bordeaux về cùng các ngài hoàng thân. Không, đó không phải là mặt chúng ta phải lo hơn cả.

-Hơn nữa – Bà De Tourville lại nói – Một trong ba kế hoạch tác chiến mà tôi có được hân hạnh trình lên phu nhân có mục tiêu không thể thiếu sót là sự nổi dậy của cả tỉnh Guyenne.

-Phải, phải, chúng ta sẽ nhớ đến khi cần thiết. – Phu nhân trả lời – Nhưng tôi đồng ý với ý kiến của mẹ tôi, và tôi bắt đầu tin rằng có lẽ Claire bị điều gì không may, nếu không thì cô ấy đã có mặt ở đây. Có thể là tá điền của cô, cô ấy đã thất hẹn, mấy tên khốn kiếp luôn luôn vớ lấy cơ hội nào đó để khỏi thanh toán nếu có thể. Có ai mà biết được vùng Guyenne sẽ làm hay không mặc dù đã hứa? Dân Gascogne ấy mà! …

-Những tên bẻm mép! – Bà Tourville nói – Vài tên cũng gan dạ đấy, nhưng đám lính thì rất tệ, chỉ biết kêu ngài hoàng thân muôn năm khi chúng bắt đầu sợ tên Tây Ban Nha, có thế thôi.

-Nhưng họ cũng ghét lão d'Épernon lắm đó chứ! – Bà công chúa nói – Bởi vì họ đã treo cổ hình nộm của lão ở Agen, và thề sẽ treo cổ chính lão ở Bordeaux nếu một ngày nào đó lão trở về.

-Lão sẽ trở về và sẽ treo cổ chính bọn người đó! – Vị phu nhân trẻ giận dữ nói.

-Mà tất cả – Bà De Tourville lại nói – đều là do lỗi ở Lenet, lão Pierre Lenet, lão cố vấn ngoan cố mà phu nhân cứ muốn giữ lại, thế nhưng chỉ biết chống lại những dự định của chúng ta. Nếu lão đã không bác bỏ kế hoạch thứ nhì của tôi có mục tiêu là, có lẽ hai vị còn nhớ, chiếm thành lũy Vayres một cách bất ngờ, cả

đảo Saint-George và thành lũy ở Blaye, thì bây giờ chúng ta đã bao vây Bordeaux và thế nào ở đấy cũng phải đầu hàng.

-Tôi nghĩ rằng, trừ phi hai vị phu nhân có ý kiến nào khác, tốt hơn hết là để họ tự nguyện theo chúng ta. – Vang lên sau lưng bà Tourville một giọng nói kính cẩn nhưng không thiếu châm biếm – Một thành phố đầu hàng trước sự tấn công bằng sức mạnh không giúp gì được cho chúng ta cả, một thành phố tự ý quy phục sẽ phải giữ lời và buộc theo cho đến phút cuối cùng.

Ba người đàn bà quay lại và thấy Pierre Lenet, trong khi họ đang đi trên lối dẫn ra cổng chính của lâu đài, đã từ một khung cửa nhỏ dẫn ra hàng hiên và đến gần từ sau.

Những gì bà De Tourville nói có phần nào đúng. Pierre Lenet, cố vấn của ngài hoàng thân, một con người lạnh lùng, thông thái và nghiêm nghị, được người tù giao cho nhiệm vụ trông chừng cả bạn lẫn thù, và cần phải nói thêm rằng, ông ta gặp nhiều khó khăn trong việc ngăn cản bè bạn của ông hoàng, mang họa đến cho lợi ích của ngài hơn là chiến đấu chống lại những âm mưu của kẻ thù. Nhưng khôn khéo và tinh anh như một nhà luật sư, đã quá quen với những chuyện gây gỗ và những âm mưu trong triều đình, ông ta thường là thắng thế, bằng một thái độ bất bạo động khó lòng lay chuyển. Vả lại, hơn nữa, chính ở Chantilly là nơi ông ta phải chiến đấu với đầu óc nhiều hơn cả. Tánh tự ái của bà De Tourville, tánh nóng nảy của vị phu nhân trẻ, thái độ cứng cỏi cao sang của bà công chúa già cũng khá tương xứng với mưu mẹo của Mazarin, cử chỉ kiêu căng của Anne D'Autriche và những quyết định thiếu chính xác của nghị viện.

Có nhiệm vụ phải trông coi đến thư từ của các ông hoàng, Lenet tự buộc mình phải theo cái luật chỉ là thông báo các tin tức cho các vị công chúa vào những lúc cần thiết, và chính ông ta sẽ định ra thời khoảng tiện lợi đó, bởi vì đường lối ngoại giao của các bà không bao giờ tuân thủ theo nguyên tắc là giữ bí mật, nguyên tắc đầu tiên trong đường lối ngoại giao của các ông, và như vậy khá nhiều kế hoạch của Lenet đã bị tiết lộ cho kẻ thù qua những người cùng phe với ông.

Hai vị phu nhân, cũng không phải là nhận ra, mặc dầu vẫn thường xuyên gặp phải sự chống đối nơi ông ta, lòng tận tụy nhất là sự có mặt cần thiết của Lenet, nên tiếp đón ông với một cử chỉ thân mật, một nụ cười nhẹ hiện ra trên môi bà công chúa.

-Kìa, ông Lenet thân mến, ông đã nghe bà Tourville than phiền hoặc nói đúng hơn, than trách giùm chúng ta. Tất cả càng ngày càng tệ đi. Ôi! Công việc của chúng ta! Lenet thân mến, công việc của chúng ta tệ quá!

-Thưa phu nhân – Lenet nói – Tôi không muốn nhìn các sự kiện một cách bi quan như phu nhân đang nhìn. Tôi rất hy vọng vào thời gian và vào những ngày

sáng sủa hơn sẽ trở lại. Phu nhân cũng biết câu tục ngữ rồi đấy: "Tất cả sẽ đến đúng lúc cho kẻ biết chờ đợi"?

-Thời gian, những ngày sáng sủa hơn, đó là triết lý thôi thưa ông Lenet, chứ không phải là chính trị. – Phu nhân trẻ kêu lên.

Lenet mỉm cười: -Triết lý luôn cần thiết trong mọi vấn đề thưa phu nhân, và nhất là trong chính sự. Nó dạy cho chúng ta đừng kiêu căng với chiến thắng và đừng mất bình tĩnh khi bị thua.

-Ăn nhằm gì! – Bà Tourville nói – Tôi thích có được một tin tức tốt hơn là mấy câu ngụ ngôn của ông. Có phải vậy không, thưa phu nhân?

-Đúng, ta cũng mong như vậy. – Phu nhân trẻ trả lời.

-Như vậy phu nhân sẽ được hài lòng, vì sẽ nhận được ba tin trong ngày hôm nay. – Lenet trả lời, không mất vẻ bình tĩnh.

-Ba kia à?

-Vâng, thưa phu nhân. Người đưa tin thứ nhất đang trên đường từ Bordeaux về đây, người thứ hai từ Stenay và người thứ ba là ông De La Rochefoucauld gởi đến.

Cả hai vị phu nhân cùng thốt lên một tiếng kêu sung sướng. Bà Tourville cắn môi.

-Ông Lenet thân mến – Bà ta ngọt ngào nói để che giấu sự tức giận của mình và cái mỉa mai của những gì bà ta sắp nói ra, tôi cho rằng một nhà pháp luật tài ba như ông không nên dừng lại nửa vời như vậy, mà sau khi đã thông báo sẽ có ba bức công văn, thì ông cũng nên nói thêm về nội dung của chúng.

-Những hiểu biết của tôi, thưa bà, không giỏi giang như bà nghĩ đâu. – Ông ta khiêm tốn trả lời – nó chỉ giới hạn ở tư cách của một người đày tớ trung thành. Tôi chỉ báo chứ tôi không đoán.

Ngay khi đó, cứ như là Lenet có một tên quỷ trung thành phụ giúp, mọi người thấy hai kỵ sĩ đang băng qua cổng của lâu đài và phi nhanh ngựa vào. Thế là cả một đám người tò mò ùa đến để tìm hiểu tin tức.

Hai kỵ sĩ đặt chân xuống đất và một trong hai người trao cương ngựa cho người kia, có vẻ như một kẻ tùy tùng, chạy về phía các vị phu nhân cũng đang tiến đến gần.

-Claire! – Vị phu nhân trẻ kêu lên.

-Vâng, thưa phu nhân, xin nhận nơi em lòng kính trọng sâu xa.

Và quỳ gối xuống đất, chàng trai trẻ có ý nắm bàn tay của vị phu nhân để đưa lên môi hôn một cách kính cẩn.

-Lại đây, tử tước thân mến, để ta được ôm em! – Phu nhân trẻ kêu lên và đỡ nàng dậy.

Sau khi để phu nhân ôm hôn, người kỵ sĩ quay lại kính cẩn cúi chào bà công chúa.

-Nào, nói nhanh đi, Claire. – Bà này bảo.

-Phải đấy, em nói đi! – Phu nhân trẻ nói – Em có gặp Richon không?

-Thưa phu nhân, có ạ, và ông ấy đã giao cho em một tin mang về cho phu nhân.

-Tốt hay xấu?

-Em cũng không biết, nó chỉ cần hai tiếng.

-Nói đi! Ta sốt ruột lắm rồi!

Vẻ lo âu cực độ hiện rõ trên mặt của hai phu nhân.

-Bordeaux! Có! – Claire nói ra, cũng lo lắng về hiệu quả của hai tiếng này.

Nhưng nàng yên tâm ngay, bởi vì hai vị phu nhân đáp lại hai tiếng đó bằng những tiếng kêu chiến thắng khiến cho Lenet phải chạy đến.

-Ông Lenet! Ông Lenet! Lại đây. – Phu nhân trẻ kêu lên – Ông có biết Claire mang đến cho chúng ta tin tức gì không?

-Biết chứ, thưa phu nhân! – Lenet mỉm cười nói – Tôi biết rồi, bởi vậy nên tôi vội đến đây.

-Sao? Ông biết trước rồi à?

-Bordeaux – Có! Có phải vậy không?

-Ôi, ông Pierre, ông đúng thật là một gã phù thủy! – Bà công chúa già bảo.

-Nếu ông đã biết trước, ông Lenet – Phu nhân trẻ nói với giọng trách móc – tại sao biết chúng tôi lo âu như vậy ông lại không nói ra?

-Bởi vì tôi muốn dành cho nữ tử tước, phần thưởng công lao khó nhọc của cô ấy. – Lenet trả lời, vừa cúi chào Claire – Mà cũng bởi vì tôi ngại rằng từ ngoài hàng hiên, mọi người sẽ thấy cử chỉ vui mừng thái quá của hai vị phu nhân.

-Ông có lý, luôn luôn có lý, Lenet à! Thôi chúng ta đừng nói nữa!

-Có đúng là chúng ta phải mang ơn Richon về việc này không? – Bà công chúa già nói – Ông cũng hài lòng chứ Lenet? Richon đã hành động thật khéo, phải vậy không?

-Richon là một người ngoan cường và biết hành động, thưa phu nhân. – Lenet nói – Và nếu không tin tưởng thì tôi đã không giới thiệu người ấy với phu nhân.

-Chúng ta sẽ làm gì cho ông ấy bây giờ? – Phu nhân trẻ nói.

-Phải cho ông ta một chức vụ quan trọng nào đó. – Phu nhân già nói.

-Một chức vụ quan trọng! … Phu nhân quên rồi sao? – Bà De Tourville nói với một giọng chua như giấm, phu nhân quên rằng Richon không thuộc hàng quý tộc hay sao?

-Cả tôi nữa, thưa bà, tôi cũng không thuộc hàng quý tộc. – Lenet trả lời – Nhưng điều đó không ngăn cản ngài hoàng thân đặt tin tưởng nơi tôi. Quả thật là tôi rất mến phục hàng quý tộc của nước Pháp, nhưng trong vài trường hợp tôi dám nói rằng trái tim dũng cảm đáng giá hơn cả một cái huy hiệu của quý tộc.

-Mà tại sao ông ấy không thân chinh đến báo với chúng ta tin mừng đó? – Phu nhân trẻ nói.

-Ông ta ở lại Guyenne để chiêu mộ một số người. Ông ta bảo với tôi rằng đã tập họp được gần ba trăm binh lính, có điều ông ta bảo rằng, vào thời gian gấp rút, họ sẽ không được huấn luyện kỹ để tham gia chiến trận và ông ta thích được bổ nhiệm làm chỉ huy ở một nơi như Vayres hoặc đảo Saint George hơn. Ở những vị trí đó, ta đoán chắc rằng sẽ có ích cho các vị phu nhân hơn.

-Nhưng làm sao xin được điều đó? – Phu nhân trẻ nói – Chúng ta bây giờ có được triều đình coi trọng để có thể xin bổ nhiệm bất cứ ai, mà người được chúng ta xin sẽ bị họ nghi ngờ ngay.

-Thưa phu nhân! – Nữ tử tước nói – Có lẽ còn một cách mà chính Richon đã gợi ý cho em.

-Em nói thử coi.

-Ngài d'Épernon hình như… – Nàng tử tước nói tiếp và đỏ mặt – đang yêu mê mệt một cô nào đó.

-A phải, người đẹp Nanon – Phu nhân trẻ khinh miệt nói – chúng ta đã biết chuyện.

-Thì đấy, hình như ngài d'Épernon không từ chối điều gì với người phụ nữ ấy cả và người phụ nữ ấy nhận tất cả những gì mà người ta bỏ tiền ra mua. Chúng ta có thể mua một giấy ủy nhiệm cho ông Richon được không?

-Tiền đầu tư rất đúng chỗ. – Lenet nói.

-Vâng, nhưng quỹ cạn rồi, ngài cũng biết rồi đấy ngài cố vấn ạ! – Bà Tourville nói.

Lenet mỉm cười quay về phía nữ tử tước De Cambes.

-Đây chính là lúc – Ông ta nói – để bà chứng tỏ với các vị phu nhân rằng bà đã quan tâm đến mọi việc.

-Ông muốn nói gì chứ Lenet?

-Ông ấy muốn nói rằng, thưa phu nhân, em rất lấy làm sung sướng được có thể biếu phu nhân một món tiền nhỏ mọn mà khó khăn lắm mới lấy được từ những người tá điền. Lễ vật khiêm tốn, nhưng em không biết làm sao hơn. Hai mươi ngàn livres! – Nữ tử tước tiếp tục nói, mắt nhìn xuống, ngập ngừng do sự xấu hổ vì chỉ có thể biếu một món tiền nhỏ như vậy cho hai vị phu nhân thật cao thượng, chỉ thua có hoàng hậu trong vương quốc này.

-Hai mươi ngàn livres! – Hai vị phu nhân kêu lên.

-Nhưng đây là cả một gia tài vào thời loạn như chúng ta hiện tại! – Bà công chúa kêu lên.

-Claire yêu quý! – Phu nhân trẻ kêu lên – Làm sao chúng ta có thể trả được món nợ này?

-Sau này phu nhân sẽ nghĩ đến vậy.

-Món tiền ấy đâu? – Bà De Tourville hỏi.

-Trong phòng của phu nhân, Pompéc, người tùy tùng của em đã được lệnh mang vào đấy.

-Lenet, ông hãy nhớ là chúng ta nợ cô De Cambes món tiền ấy nhé.

-Việc đó đã được làm rồi – Lenet nói vừa lôi trong túi ra một cuốn sổ và chỉ cho thấy, bên dưới hàng chữ ghi ngày tháng, hàng số hai mươi ngàn livres trong một hàng cột số mà tổng số sẽ làm kinh hoảng các vị phu nhân nếu họ bỏ công cộng lại.

-Nhưng làm sao mà em qua được, em của ta? – Phu nhân trẻ tuổi nói – Bởi vì chúng ta được biết dư rằng ông Saint Aignan canh chừng con đường và cho khám xét tất cả người và vật?

-Thưa phu nhân, nhờ vào sự khôn ngoan của Pompéc, chúng em đã tránh được cái nạn đó. Chúng em đã đánh một vòng rộng, bởi vậy đã phải trừ hết một ngày rưỡi, nhưng chuyến đi được an toàn. Nếu không chúng em đã đến với phu nhân từ ngày hôm kia.

-Xin bà cứ yên tâm – Lenet nói – Chưa mất thời gian nhiều lắm đâu, việc quan trọng bây giờ là sử dụng đúng ngày hôm nay và ngày mai. Hôm nay xin các vị phu nhân nhớ cho, chúng ta chờ ba nguồn tin: nguồn tin thứ nhất đã đến, như vậy còn hai nữa.

-Mà có thể nào biết được tên của hai người đưa tin kia không, thưa ông? – Bà De Tourville hỏi, hy vọng sẽ bắt lỗi được ông Lenet, người mà bà đang tuyên chiến, một trận chiến, dù không được tuyên bố, vẫn có thật.

-Người thứ nhất, nếu lời đoán của tôi không lầm – Lenet trả lời – thì sẽ là Courville, ông này được ngài De La Rochefoucauld gởi đến.

-Ông muốn nói ông hoàng De Marsillac? – Bà De Tourville lại nói.

-Ông hoàng De Marsillac bây giờ là công tước De La Rochofoucauld thưa bà.

-Bố ông ta mất rồi à?

-Đã được tám ngày.

-Ở Verteuil.

-Con người thứ hai? – Phu nhân trẻ hỏi.

-Người thứ hai là Blanchefort, đại úy vệ binh của ngài hoàng thân. Ông ta từ Stenay, do ngài De Turenne phái đến.

-Nếu vậy – Bà De Tourville nói – tôi tin rằng, để khỏi mất thì giờ, chúng ta có thể xét lại kế hoạch thứ nhất của tôi, trong trường hợp cả Bordeaux cùng các ông De Turenne và De Marsillac cùng hợp lực với nhau.

Lenet mỉm cười như thói quen.

-Xin thứ lỗi cho tôi, thưa bà! – Ông ta lịch sự nói – Nhưng những kế hoạch do chính ngài hoàng thân vạch ra hiện giờ đang được thi hành và chắc chắn sẽ mang lại kết quả lớn.

-Các kế hoạch do ngài hoàng thân vạch ra – Bà Tourville nói với giọng chua như giấm – của ngài hoàng thân đang ở trong tháp cao của lâu đài Vincennes và không được liên lạc với ai?

-Đây là lệnh của ngài, do chính tay ngài viết mới hôm qua đây! – Lenet nói và rút từ trong túi ra – Một lá thư của hoàng thân Condé mà tôi vừa nhận được sáng nay. Chúng tôi vẫn liên lạc với nhau.

Tờ giấy gần như bị giật khỏi tay của ông cố vấn bởi hai bà công chúa, họ đọc ngấu nghiến, chảy nước mắt vì vui sướng.

-Nhưng mà, hình như cái túi của ông Lenet chứa đựng cả vương quốc Pháp này sao ấy? – Bà công chúa mỉm cười nói.

-Chưa đâu, thưa phu nhân, chưa đâu – Ông cố vấn trả lời – nhưng nếu có Trời giúp, tôi sẽ làm cho túi tôi đủ rộng để đựng được tất cả. Bây giờ… – Ông ta nói tiếp và chỉ nữ tử tước – bây giờ, bà đây cần được nghỉ ngơi, bởi vì đường dài…

Vị tử tước hiểu ý định của Lenet muốn được ở lại riêng với hai vị phu nhân, và sau một nụ cười của bà công chúa xác nhận ý kiến đó, cô cúi chào và lui ra.

Bà De Tourville ở lại và hy vọng sẽ được biết nhiều hơn về những tin tức bí mật; nhưng sau một cử chỉ ra dấu khó nhận biết của bà công chúa đối với con dâu, cả hai với một cái cúi chào thật lịch sự báo với bà De Tourville rằng buổi hội kiến về chính sự mà được mời tham dự đã chấm dứt. Người đàn bà đầu óc đầy lý thuyết hoàn toàn hiểu, cúi chào lại một cách trịnh trọng và nghiêm trang hơn rồi rút lui, kêu trời làm chứng cho thói bạc bẽo của các vị vương hầu.

Hai vị phu nhân quay về phòng làm việc và Lenet đi theo họ.

-Bây giờ – Lenet nói sau khi đã đóng kín cửa lại – xin các vị vui lòng tiếp Courville, ông ta đã đến và đã thay y phục, vì không dám đến trình diện trong bộ y phục đi đường.

-Ông ta mang tin gì đến?

-Rằng ngài De La Rochefoucauld sẽ đến đây chiều nay hoặc ngày mai, cùng với năm trăm người.

-Năm trăm người! – Phu nhân trẻ kêu lên – Cả một đội quân!

-Sẽ khiến cho chuyến ra đi của chúng ta trở nên khó khăn. Tôi cho rằng năm hoặc sáu người theo hầu thì hay hơn là cả một đoàn như vậy, chúng ta sẽ dễ dàng tránh được ông Saint Aignan hơn. Bây giờ thì khó mà đến được vùng Midi mà không bị làm khó dễ.

-Nếu họ làm khó dễ chúng ta thì càng tốt chứ sao! – Vị phu nhân trẻ kêu lên – bởi vì nếu họ làm khó dễ chúng ta, chúng ta sẽ chiến đấu và sẽ thắng, tinh thần của ngài Condé sẽ cùng ở với chúng ta.

Lenet nhìn bà công chúa già như để hỏi ý kiến, nhưng Charlotte De Montmorency, lớn lên trong thời nội chiến của vua Louis XIII, và đã từng được thấy bao nhiêu cái đầu cao ngạo phải cúi xuống hoặc lên đoạn đầu đài chỉ bởi vì

luôn luôn đứng thẳng, buồn bã đưa một bàn tay lên vầng trán u ám những kỷ niệm nặng nề.

-Phải! – Bà nói – Chúng ta buộc phải như vậy thôi. Trốn tránh, hoặc chiến đấu: một hành động khủng khiếp. Trước kia chúng ta sống yên ổn, với một chút danh vọng mà Thượng đế đã ban cho chúng ta; chúng ta chẳng đòi hỏi gì hơn là được ở vào giai cấp mà chúng ta sinh ra, và thế mà may rủi của thời thế đã khiến chúng ta phải chiến đấu chống lại chủ nhân của chúng ta…

-Thưa mẹ! – Vị phu nhân trẻ hung hăng nói – Con không cho rằng cảnh khó khăn mà chúng ta bị dồn vào là đáng buồn như mẹ nghĩ. Chồng và anh con đang phải chịu một cảnh giam cầm nhục nhã; người chồng và người anh đó đều là con trai mẹ; ngoài ra con dâu mẹ còn bị ngược đãi. Những điều này sẽ bào chữa cho mọi dự định mà chúng ta toan tính.

-Phải! – Bà phu nhân già nói với một giọng buồn bã, nhẫn nhịn – Phải ta kiên nhẫn chịu đựng tất cả mọi điều đó hơn là con, nhưng hình như ta cho rằng số phận của chúng ta là bị ngược đãi và giam cầm. Khi ta vừa về làm vợ của bố chồng con thì ta phải rời nước Pháp, bị đeo đuổi bởi tình yêu của vua Henri IV. Chúng ta vừa trở về thì phải vào Vincennes, bởi lòng thù hận của hồng y De Riechelieu. Con trai ta, hiện giờ ở trong tù đã sinh ra ở trong tù và sau ba mươi hai năm đã nhìn thấy căn phòng nơi mình sinh ra. Than ôi! Bố chồng con đã nói đúng trong những lời tiên tri của mình: Khi ông được báo tin thắng trận tại Rocroy, khi ông được dẫn vào gian phòng trang hoàng những lá cờ lấy được của Tây Ban Nha, ông đã nói với mẹ: "Có Thượng đế biết được niềm vui mà chiến thắng của con trai tôi mang lại cho tôi nhưng phu nhân hãy nhớ, rằng vinh quang của nhà ta càng cao bao nhiêu, thì chúng ta càng gặp nhiều tai họa bấy nhiêu. Tôi đã muốn huy hiệu nhà mình mang hình một con ó, với hàng chữ: Fama Nocet (Chú thích: Tiếng La Tinh hư danh – ý nói rằng tiếng tăm đó chỉ mang đến điều tác hại). Chúng ta đã gây nhiều tiếng vang quá con ạ, và đó là điều mang họa đến cho chúng ta. Ông có đồng ý với tôi không Lenet?

-Thưa phu nhân – Lenet lại nói phiền muộn vì những kỷ niệm mà bà công chúa vừa gợi lại – Phu nhân nói đúng, bây giờ thì chúng ta đã tiến xa để có thể lùi lại; hơn thế nữa trong những tình huống tương tự của chúng ta, vấn đề là phải có một quyết định nhanh gọn: Chúng ta không được che giấu tình thế của chúng ta. Chúng ta chỉ tự do qua bề ngoài, hoàng hậu luôn luôn nhìn ngó đến chúng ta, và ông Saint D'Aignan cản đường chúng ta. Đấy! Vấn đề bây giờ là phải thoát khỏi Chantilly mặc cho sự giám sát của hoàng hậu và cảnh vây hãm của lão Saint D'Aignan.

-Chúng ta hãy ra khỏi Chantilly, nhưng phải ngẩng cao đầu! – Phu nhân trẻ kêu lên.

-Ta cũng đồng ý với ý kiến đó! – Vị công chúa già nói – Nhà Condé không phải như mấy tên Tây Ban Nha và không phản bội bao giờ. Cũng không phải như những tên người Ý nên không bao giờ mưu mô xảo quyệt… Những gì nhà ta làm là giữa thanh thiên bạch nhật và luôn luôn ngẩng cao đầu.

-Thưa phu nhân – Lenet nói giọng hoàn toàn tin tưởng – Có Thượng đế làm chứng cho tôi rằng tôi sẽ là người đầu tiên thực hiện mọi mệnh lệnh của phu nhân; nhưng để ra khỏi Chantilly theo ý muốn của phu nhân, cần phải chiến đấu… Có lẽ các vị phu nhân không muốn làm nữ giới trong ngày chiến đấu, sau khi đã tỏ ra mình không thua kém gì nam giới trong việc tham mưu… Các vị sẽ đi đầu trận chiến… Nhưng các vị quên rằng, bên cạnh mạng sống quý báu của các vị bắt đầu vừa chớm một mạng sống quý báu không thua kém: Đó là cậu quận công D'Enghien, con trai và là cháu nội của các vị… Có thể nào các vị sẽ liều cả hiện tại và tương lai của nhà Condé vào cùng một nấm mồ?… Chẳng lẽ các vị lại không biết rằng người cha sẽ bị Mazarin coi như con tin và sẽ bị đem ra xử trảm trước những âm mưu dùng vũ lực của người con? Có lẽ nào các vị đã quên những hầm tối của lâu đài Vicennes?… Không đâu, thưa các phu nhân… – Lenet chắp hai tay lại nói tiếp – Không được đâu, xin các vị hãy nghe theo ý kiến của người đầy tớ già này: Các vị sẽ ra khỏi Chantilly một cách phù hợp với tư cách của những người phụ nữ bị sát hại… Xin hãy nhớ rằng vũ khí chắc chắn nhất của quý vị là sự yếu đuối… Một người con bị mất cha, một người vợ mất chồng, một người mẹ mất con, cố tìm mọi cách để trốn thoát khỏi cái bẫy mà họ bị giữ lại… Muốn hành động và ăn nói một cách cao ngạo, xin các vị hãy chờ đến lúc không còn là vật bảo chứng cho kẻ mạnh mẽ… Kế hoạch của chúng ta đã được bàn với Courville… Chúng ta chắc chắn sẽ có được một đội quân hộ tống tốt, và sẽ không bị làm khó dễ ở dọc đường… Bởi vì hiện nay, có cả hai mươi phe phái khác nhau đang tham chiến và khó mà phân biệt được ai là bạn ai là thù… Xin hãy nghe theo tôi. Tất cả đều đã sẵn sàng.

-Lén lút ra đi như những tên tội phạm vậy! – Vị phu nhân trẻ kêu lên – Ôi! Ngài hoàng thân sẽ nói sao đây khi biết được rằng mẹ, vợ và con mình sẽ phải chịu một nỗi nhục nhã như thế này?

-Tôi không biết ngài sẽ nói như thế nào; nhưng nếu các vị thành công, ngài sẽ phải chịu ơn các vị vì sự tự do của ngài, và nhất là địa vị, như các vị sẽ bị mất trong một trận chiến.

Bà công chúa già suy nghĩ một hồi với một nét buồn trên mặt.

-Ông Lenet thân mến! – Bà nói – Ông hãy cố gắng thuyết phục con dâu ta, bởi vì ta, ta sẽ ở Lại đây. Ta đã chiến đấu cho đến bây giờ, nhưng ta đã phải đầu hàng, nỗi đau khổ đã từng gặm nhấm ta mà cố hết sức giấu diếm để khỏi làm nản lòng những kẻ chung quanh ta, sẽ giữ ta lại trên giường bệnh, và có lẽ cũng là nơi ta trút hơi thở cuối cùng nhưng như ông đã nói: Trước hết, cần phải cứu gia sản

của nhà Condé. Con dâu và cháu nội ta sẽ rời Chantilly và ta hy vọng rằng họ sẽ có đủ khôn ngoan để nghe theo lời khuyên của ông, ta còn nói hơn thế nữa, lệnh của ông. Hãy ra lệnh đi Lenet, mọi người sẽ tuân theo.

-Phu nhân xanh quá! – Lenet kêu lên và đỡ bà công chúa.

-Phải! – Bà nói mỗi lúc mỗi yếu thêm – Phải, nhưng tin mừng của hôm nay đã làm cho ta đau đớn hơn cả những nỗi lo của các ngày vừa qua. Ta cảm thấy cơn sốt đang dày vò ta, nhưng đừng để lộ ra điều đó trong tình trạng hiện thời có thể làm hại đến chúng ta.

-Thưa phu nhân – Lenet nói nhỏ – việc phu nhân khó ở sẽ có lợi cho chúng ta nếu như phu nhân không cảm thấy đau đớn quá. Phu nhân hãy nằm nghỉ, hãy báo tin về căn bệnh này. Còn phu nhân – Ông ta nói tiếp và quay về phía vị phu nhân trẻ – xin phu nhân hãy cho gọi ông y sĩ Bourdelot, và vì chúng ta sẽ cần đến ngựa, hãy thông báo đi khắp nơi rằng phu nhân sẽ tổ chức một cuộc săn hươu trong khuôn viên, như vậy sẽ không ai ngạc nhiên khi thấy người ngựa và khí giới đang được chuẩn bị.

-Xin ông hãy tự ra lệnh Lenet à! Nhưng tại sao một người sáng suốt như ông lại không nghĩ rằng mọi người sẽ thắc mắc về cuộc đi săn lạ lùng này trong khi mẹ tôi đang ngã bệnh?

-Bởi vậy, mọi chuyện đều được tính trước thưa phu nhân. Có phải rằng ngày kia cậu công tước D'Enghien sẽ được bảy tuổi và sẽ rời khỏi tay các nhủ mẫu cùng mẹ mình?

-Phải.

-Vậy chúng ta hãy nói rằng buổi đi săn này được tổ chức để mừng dịp hoàng tử trẻ lần đầu tiên dự một cuộc đi săn, vị phu nhân lớn nhấn mạnh để bịnh tình của mình không mang điềm xấu đến cho tính cách quan trọng của buổi lễ đó và phu nhân đã nghe theo lời dạy của ngài.

-Ý kiến rất tuyệt! – Vị phu nhân già kêu lên với một nụ cười sung sướng – Phải, lý do này rất tốt, và Lenet à, phải nói rằng ông thật xứng đáng là một người cố vấn tài ba.

-Nhưng nếu theo cuộc đi săn, quận công D'Enghien phải ngồi xe thì sao? – Phu nhân trẻ hỏi.

-Không, thưa phu nhân, sẽ đi ngựa. Xin trái tim người mẹ đừng sợ gì cả. Tôi đã nghĩ ra một cái yên nhỏ mà Vialas, tên lính hầu của cậu sẽ đặt phía trước yên của hắn, như vậy mọi người sẽ nhìn thấy quận công D'Enghien và tối đến chúng ta sẽ được an toàn ra đi, bởi vì nếu đi xe, cậu sẽ bị cản lại một cách dễ dàng.

-Như vậy ông cho rằng nên ra đi à?

-Tối ngày kia, thưa phu nhân, nếu phu nhân không có lý do nào khác để hoãn lại chuyến đi.

-Ồ, không, trái lại chúng ta hãy rời khỏi nhà tù này càng sớm càng tốt.

-Một khi rời khỏi Chantilly rồi, ông sẽ làm gì? – Bà công chúa hỏi.

-Chúng tôi sẽ vượt qua khỏi đội quân của ngài Saint D'Aignan và sẽ tìm cách bịt mắt ông ta lại. Chúng tôi sẽ về cùng với ngài De La Rochefoucauld và sẽ cùng về Bordeaux nơi mọi người đang chờ chúng ta. Một khi về đến thủ đô của Midi rồi, chúng tôi sẽ thương lượng hoặc chiến đấu tùy theo ý các vị, dẫu sao, thưa phu nhân, tôi cũng xin được phép nhắc lại với các vị rằng ngay cả ở Bordeaux, chúng ta cũng sẽ không có được may mắn cầm cự lâu dài nếu như ở chung quanh không có những nơi khác lôi kéo sự chú ý của đội quân của đức vua. Có hai nơi thuộc vào hàng quan trọng nhất: Vayres cai quản cả sông Dordogne và giúp cho các vật thực đến được thành phố, và đảo Saint Georges mà người dân Bordeaux xem như chìa khóa của thành phố họ. Nhưng chúng ta sẽ lo đến điều đó sau này, tạm thời chúng ta sẽ chỉ nghĩ đến việc ra khỏi đây.

-Theo tôi, thì chẳng có gì là dễ hơn. – Vị phu nhân trẻ nói – Dù cho ông có nói sao đi nữa, Lenet, chỉ có chúng ta là chủ ở đây.

-Xin phu nhân đừng trông cậy vào điều gì cả trước khi vào đến Bordeaux; chẳng có điều gì là dễ dàng trước đầu óc quỷ quyệt của ngài Mazarin, và nếu tôi phải chờ đợi cho đến khi chỉ còn lại mấy người chung quanh ta mới đưa ra các kế hoạch của tôi, là để cho lương tâm tôi được yên ổn. Tôi xin thề là như vậy, bởi vì tôi rất e ngại cho những dự định mà chỉ có đầu óc tôi mới nghĩ ra và chỉ có các vị là những người duy nhất được nghe. Ngài Mazarin không cần biết các tin tức lão ta đoán ra.

-Nhưng tôi thách ông ta làm hỏng kế hoạch lần này! – Vị phu nhân trẻ nói – Xin hãy giúp mẹ tôi trở về phòng bà, ngay hôm nay tôi sẽ loan tin về cuộc đi săn sắp tới của chúng ta vào ngày kia. Lenet à, ông hãy lo việc mời khách nhé!

-Xin phu nhân hãy để tôi lo.

Vị phu nhân già trở về phòng và lên giường nằm nghỉ. Bourdelot, y sĩ của gia đình Condé và là thày dậy của quận công D'Enghien, được mời đến; tin tức về tình trạng mệt yếu của bà phu nhân lan ra khắp Chantilly và trong vòng nửa tiếng, các bụi cây, các vườn hoa đều vắng người, các vị khách vội vã tuôn đến tiền phòng của người bệnh.

Lenet bỏ cả ngày hôm ấy và cả tối nữa để viết hơn năm mươi lá thư mời gởi đi khắp nơi nhà đám gia nhân đông đảo của gia đình hoàng gia.

§13

Ngày hôm sau nữa, được chỉ định thi hành những kế hoạch của Lenet, là một trong những ngày u ám nhất của mùa xuân, mùa vẫn được xem là đẹp nhất trong năm, nhưng thật ra thường là rất xấu, nhất là Ở nước Pháp.

Mưa bụi bay lất phất trên những luống hoa của lâu đài Chantilly. Trong những khoảng sân rộng, năm mươi con ngựa yên cương sẵn, được cột chung quanh những thân cột, đang chờ đợi.

nóng nảy gõ vó xuống nền đất, một đàn chó chia thành từng nhóm mười hai con, cũng đang chờ đợi hết thở phì phò lại ngáp dài.

Đây đó lang thang mấy tên tùy tùng vận đồng phục, tay chắp sau lưng, còi săn cột ngang hông.

Vài viên sĩ quan vốn đã quen cảnh thời tiến cay nghiệt qua các trận chiến Rocroy và Len, chẳng quan tâm gì đến trời mưa và giết thời gian qua câu chuyện giữa từng nhóm nhỏ trên hàng hiên và nơi những cầu thang lộ thiên.

Mọi người đều được thông báo cho biết hôm nay là một ngày lễ hội và đều mang một vẻ mặt long trọng để được xem ngài quận công D'Enghien nhỏ tuổi mặc chiếc áo chẽn đầu tiến trong đời và lần đầu tiến đuổi bắt một con hươu. Một viên sĩ quan theo hầu ngài hoàng thân, mọi quan khách của dòng họ danh tiếng ấy, được Lenet gởi thiệp mời, đều xem việc đáp ứng lời mời ấy như một bổn phận. Hơn nữa, họ lo âu về tình trạng sức khỏe của bà công chúa già đều tan biết khi viên y sĩ Bourdelot thông báo rằng bà đã được trích máu và đã được uống thuốc bổ, thuốc công hiệu nhất của thời bấy giờ.

đến mười giờ, tất cả các quan khách đều đã tề tựu đông đủ. Phần lớn bọn họ đang vây quanh chiêm ngưỡng một con ngựa trắng tuyệt đẹp đang khoe một cái yên nhỏ bằng nhung dành riêng cho cậu quận công D'Enghien, với cái yên chính phía sau dành cho Vialas, tên tùy tùng của cậu.

Thế nhưng vẫn chưa ai nói đến chuyện đi săn, mọi người dường như hãy còn chờ đợi một số khách nào khác.

Khoảng mười giờ ba mươi, ba nhà quý tộc tiến vào tòa lâu đài, theo sau là sáu tên hầu vũ trang đến tận răng, mang theo những chiếc vai to tướng, cứ như là bọn họ sắp đi du lịch vòng quanh Châu âu, thấy trong sân có những cây cột sẵn, họ toan đến cột ngựa Ở đấy.

Bỗng chốc một người vận y phục xanh lơ, mang dải lưng bạc, tay cầm kích, tiến đến gần ba người khách. Qua y phục ướt đẫm và những đôi ủng đầy bùn của họ, cứng có thể nhận ra là họ vừa từ xa đến.

-Thưa các ngài, các ngài từ đâu đến đây? – Người vận y phục xanh hỏi.

-Từ miền Bắc đến. – Một trong ba kỵ sĩ trả lời.

-Và các ngài định đi đâu?

-Đi dự đám tang.

-Bằng chứng?

-Hãy nhìn các băng tang đây.

Thật vậy ba người đó đều đo một dải khăn tang nơi chuôi gươm.

-Xin các ngài thứ lỗi! – Viên cận vệ nói – Lâu đài thuộc quyền sử dụng của các ngài, phòng ăn đã được dọn sẵn, lò đã được đốt lên trong phòng khách, lính hầu đang đợi lệnh các ngài, còn gia nhân của các ngài, họ sẽ được tiếp đón Ở nhà sau.

Các nhà quý tộc từ nông thôn lên, mệt mỏi đói khát và tò mò cúi chào, bước xuống ngựa, ném dây cương cho kẻ hầu và hỏi đường đến phòng ăn.

Ba người khách vừa ngồi vào bàn thì sáu kỵ sĩ khác, theo sau cũng là sáu người hầu có võ trang và đồ đoàn chẳng khác gì mấy người trước, cũng vừa đến và cũng toan cột ngựa vào cột. Nhưng người cận vệ đã được nghiêm lệnh từ trước nên đến gần họ và lại cũng hỏi như với mấy người – Các ngài từ đâu tới?

-Từ vùng Picardie. Chúng tôi đến đây là sĩ quan Ở Turenne.

-Các ngài đi đâu?– Đi dự đám tang.

-Bằng chứng?

-Khăn tang đây.

Và cũng như những người trước, họ chìa cho xem dải khăn tang cột nơi chuôi gươm.

Lại cũng vẫn những cử chỉ lịch sự như với những người kia, khách được dẫn vào phòng ăn.

còn ngựa thì vào chuồng.

Sau họ có thêm bốn người nữa, cửng vẫn cảnh đó diễn ra.

Từ mười đến mười hai giờ trưa, từng nhóm hai người hoặc bốn người hoặc năm người, một mình hoặc đi thành từng nhóm, sang trọng hoặc nghèo nàn, nhưng đều có ngựa tốt, võ trang đầy đủ y phục chỉnh tề. Lần lượt đến trình diện một trăm người kỵ sĩ, được người cầm kích hỏi cùng một câu trả lời và cùng trả lời là đi dự đám tang rồi chìa băng tang của họ ra.

Khi tất cả đều đã dùng bữa và làm quen với nhau, trong khi các người hầu đang giải lao Ở nhà sau và ngựa được nghỉ ngơi, thì Lenet bước vào gian phòng nơi họ đang hội họp và bảo với họ: -Thưa các ngài, phu nhân quận chúa xin gởi lời cảm ơn các ngài đã cho phu nhân vinh dự được tiếp đón các ngài trước khi đến dự đám tang thân phụ ngài De La Rochefoucauld… Xin hãy xem ngôi nhà này như của các ngài và xin các ngài vui lòng tham dự một buổi đi săn được tổ chức vào chiều nay do quận công D'Enghien chỉ huy nhân ngày mặc áo chẽn đầu tiến của ngài ấy.

Những tiếng xì xầm tán thưởng và cảm tạ nổi lên sau phần đầu bài diễn văn của Lenet.

-Sau buổi săn – ông ta nói tiếp – phu nhân quận chúa sẽ mời các ngài dùng bữa với người, phu nhân muốn tự mình cảm tạ các ngài, sau đó các ngài sẽ tùy tiện tiếp tục con đường của mình.

Vài người trong số những người kia tỏ ra đặc biệt chăm chú nghe chương trình trong ngày, có vẻ có đôi chút ngăn cản tự do của họ, nhưng hình như đã được ngài De La Rochefoucauld báo trước nên không ai có lời phản đối. Kẻ thì đi coi sóc ngựa của mình, kẻ đi thay y phục để có thể trình diện trước bà quận chúa trong bộ vó tươm tất, còn những người khác thì không rời bàn, bàn tán với nhau về vấn đề thời sự.

Một đám đông đang đi dạo dưới hàng bao lơn, nơi quận công D'Enghien sẽ xuất hiện. Bên cạnh các nhủ mẫu và các chị người hầu, ông hoàng trẻ tuổi chưa biết vai trò quan trọng của mình.

Thế nhưng, đã mang trong mình đầy đủ tánh cách kiêu hãnh vương gia, cậu đang ngắm nghía với ánh mắt nôn nóng bộ y phục sang trọng đầu tiến cậu sẽ được mặc, đấy là một chiếc áo bằng nhung đen có thêu chỉ bạc, mang một vẻ tang tóc u tối, mẹ cậu muốn được xem như một bà góa và đã dự định xen vào bài diễn văn những tiếng: một cậu bé côi cút đáng thương.

Nhưng cậu hoàng thân nhỏ tuổi không phải là người đang thèm thuồng nhìn bộ y phục rực rỡ kia, cách cậu hai bước, một đứa bé khác, lớn hơn cậu độ vài tháng thôi, có đôi má hồng và mái tóc vàng, đang trốmắt nhìn cảnh sang trọng bao quanh người bạn may mắn của mình, đã nhiều lần.

không kềm chế được tánh tò mò, cậu mon men đến gần chiếc ghế nơi đặt bộ y phục và len lén sờ lên những đường chỉ thêu. Nhưng, có một lần cậu quận công D'Enghien kịp nhìn thấy và la lên: -Này. Pierrot, hãy coi chừng! Mày làm hỏng áo tao bây giờ, nhung thêu đấy, mày biết không?… Tao cấm mày sờ đến áo tao đấy.

Pierrot giấu tay sau lưng, hai tay đong đưa, giận dỗi.

-Louis, con không nên bực tức. – Phu nhân nói với con trai – Nếu Pierrot còn sờ đến. chúng ta sẽ cho nó ăn roi.

Pierrot đổi nét mặt giận dữ sang hăm dọa: -Đức ông là hoàng thân, nhưng tôi là người làm vườn… Nếu đức ông cấm tôi sờ đến áo của ông thì tôi, tôi sẽ không cho đức ông chơi với đàn gà tre của tôi…, à! Nhưng mà…, đức ông cũng biết đó…, tôi mạnh hơn đức ôn g…

Vừa nói xong những lời thiếu thận trọng ấy thì mẹ cậu, nhủ mẫu của ông hoàng nhỏ, nắm lấy tay thằng bé ngang ngạnh và nói với nó: -Pierrot, con phải nhớ đức ông là chủ nhân của chúng ta, chủ nhân của tất cả mọi thứ trong lâu đài và chung quanh lâu đài, do đó, gà của con là của đức ông.

-ủa! – Pierrot nói – Con tưởng đức ông là em của con.

-Anh em cùng nhủ mẫu thôi.

-Nếu vậy thì phải chia ra, nếu gà của con là của đức ông, thì áo của đức ông là của con.

Bà nhủ mẫu toan trả lời về sự khác biệt giữa hai đứa, thì cậu hoàng thân nhỏ tuổi, vì muốn Pierrot được thấy vinh quang toàn diện của mình, cướp lấy lời bà: -Đừng sợ Pierrot, tao không giận mày đâu, lát nữa mày sẽ thấy tao ngồi trên con ngựa trắng của tao! … Tao sẽ đi săn rồi tao sẽ giết con hươu!

-à! Đúng rồi! – Cậu Pierrot xấc xược trả lời – CÓ lẽ đức ông ngồi được lâu trên lưng ngựa đấy…

Hôm kia đức ông đã leo lên con lừa của tôi và đã bị nó hất xuống.

-ừ phải…, nhưng hôm nay – Cậu hoàng thân nhỏ lại nói, cố gắng lấy tất cả vẻ uy nghi của mình – hôm nay tao sẽ thay mặt ba tao nên tao sẽ không té… Hơn nữa. Vialas sẽ giữ tao.

-Thôi! Thôi! – Bà quận chúa cắt ngang cuộc tranh cãi – Hãy mau mặc áo vào cho cậu đi! Đã một iờ trưa rồi, khách của chúng ta đang sốt ruột đấy, ông Lenet hãy ra hiệu khởi hành đi.

§14

Ngay khi đó, tiếng tù và nổi lên, vọng đến tận các phòng trong lâu đài. Thế là mọi người chạy đến ngựa của mình, các nhà quý tộc xệp thành hàng, và quận công D'Enghien ra giữa các bà tùy tùng và người hầu, theo sau là bà mẹ ăn mặc rực rỡ trên lưng con ngựa đen tuyền, bên cạnh bà là nữ tử tước De Cambes, xinh đẹp trong bộ y phục nữ đang khéo léo điều khiển con ngựa của mình.

Đoàn người được đón tiếp bằng những tiếng tung hô vang trời, trát Cả đều nghiêng mình đến trước, nhỏm người trên ngựa để nhìn rõ bà quận chúa với con trai, vì họ chưa bao giờ đến chốn triều đình và được xem những nghi thức trang trọng như vậy. Cậu bé chào với một nụ cười tươi tắn. Bà quận chúa thì với một vẻ uy quyền dịu dàng, đấy là vợ và con của người đã từng được chính kẻ thù của mình khen ngợi, viên chỉ huy tài ba nhất Châu âu.

Sau vài lời nói nhỏ vào tai của Lenet, bà quận chúa ra lệnh lên đường. Sau lưng họ, cổng đóng lại và dường như sự thận trọng này cũng chưa đủ trước sự e ngại có kẻ phản tặc sẽ lẻn vào, lính được cắt gác đằng sau các cánh cổng và được lệnh chỉ mở cho những kẻ trả lời được ba câu hỏi ám hiệu.

Trong khi đó. Ở đầu kia của khuôn viên, đối diện với bức tường bao quanh lâu đài, có sáu người kỵ sĩ đang lắng nghe tiếng kèn săn và dường như đang bàn cãi với nhau.

Qua y phục mới toanh, dây cương bóng loáng, áo choàng lịch sự và những vũ khí sang trọng của họ, phải khá ngạc nhiên vì cảnh đơn độc của các nhà quý tộc trong khi tất cả giới thượng lưu của vùng lân cận đều đang tề tựu trong lâu đài Chantilly.

-Chà! – Viên chỉ huy nói sau khi suy nghĩ giây lát, trong khi mấy người kia hoang mang nhìn nhau – Người ta vào khuôn viên bằng cách nào nhỉ, bằng cửa hay bằng cổng sắt? Chúng ta hãy đến trình diện và vào thôi. Ai lại dám đuổi những người kỵ sĩ ăn vận như chúng ta đây?

-Cauvignac, tôi xin nhắc lại với anh – một trong năm người kia trả lời – Tôi xin nhắc lại với anh rằng những người kia biết được mật khẩu, chúng ta thì không.

-Cậu nghĩ vậy à Ferguzon?

-Không phải nghĩ mà tôi tin chắc là như vậy. Thế anh tưởng mấy người đó đi săn là chỉ để đi săn thôi sao? Chà! Chà! HỌ đang âm mưu đấy, rõ ràng là như vậy.

-Ferguzon nói có lý! – Một người thứ ba nói – HỌ đang âm mưu và chúng ta sẽ không vào – Thế nhưng, chẳng mấy khi được dịp đi săn hươu.

-Nhất là khi chúng ta đã chán săn người rồi, phải không Barrabas? – Cauvignac nói tiếp

-ấy!

Không thể nào bỏ qua được cuộc săn này. Chúng ta có đủ những thứ cần thiên để tham dự vào cuộc vui này, chúng ta mới toanh từ đầu đến chân. Nếu ngài quận công cần có lính thì tìm đâu ra những người đẹp đẽ hơn chứ? Kẻ xấu xí nhất trong chúng ta cũng không thua kém gì một viên đại – Còn anh. Cauvignac, nếu cần thì anh đóng vai công hầu cũng được.

Ferguzon không nói gì cả, y đang suy nghĩ.

-Rủi thay – Cauvignac cười tiếp – hôm nay Ferguzon chẳng ham muốn săn bắn gì cả.

-Chà! – Ferguzon nói – CÓ phải là tôi không thích đâu, săn bắn là một thứ vui quý phái rất hợp với tôi Tôi chỉ muộn nói là chúng ta bị cảm cửa rơi.

-Kia! – Cauvignac quay lại – Kèn lại nổi lên, thấy con mồi rồi.

-Nhưng mà… – Ferguzon nói – điều đó không có nghĩa là chúng ta không đi săn.

-Này đầu lừa, cậu bảo chúng ta sẽ săn bằng cách nào đây trong khi chúng ta không vào được?

-Tôi không nói là chúng ta không thể vào được. – Ferguzon đáp.

-Bằng cách nào kia chứ, khi mà không thể vào được? -Cauvignac nói.

-Tại sao chúng ta lại không làm một lỗi nơi bức tường này để chui qua nhỉ? Đâu có ai Ở đây bắt chúng ta sửa chữa đâu?

-Hoan hô Ferguzon! – Cauvignac kêu lên – Ferguzon trong chúng ta, cậu là người có nhiều mưu chước nhất! Và khi nào ta đã lật đổ được ngai vàng nước Pháp để thay ngài hoàng thân vào.

ta sẽ cho cậu thế vào chức của ngài Mazarino Mazarini. Nào các bạn bắt tay vào việc thôi!

Nói xong. Cauvignac nhảy xuống ngựa và cùng với đám thủ hạ bắt đầu phá vỡ những tảng đá đã lung lay của bức tường. Trong nháy mắt, họ đã làm được một lỗ hổng rộng độ ba bốn bộ. Thế là họ cũng leo lên lưng ngựa và theo sau Cauvignac tiến vào bên trong.

-Bây giờ – Cauvignac nói với đồng bọn vừa tiến về phía vang lên tiếng kèn – bây giờ thì tỏ ra lịch thiệp nhé, rồi tôi sẽ mời quý vị cùng dùng bữa với ngài quận công D'Enghien.

§15

Thế là chẳng bao lâu, sáu nhà quý tộc mới toanh của chúng ta gặp đoàn người săn và cùng nhập bọn với họ mà chẳng gặp một sự phản đối nào cả. Phần lớn khách khứa đều đến từ những địa phương khác nhau và chẳng ai quen biết ai. Vào đến sân rồi thì những kẻ cướp đường ấy cũng trở thành tân khách.

Tất cả có lẽ sẽ diễn ra tốt đẹp nếu họ cứ giữ nguyên vị trí của mình. Nhưng lại không được như vậy. Một lát sau, thì Cauvignac có vẻ như tin chắc chắn rằng cuộc săn đã được tổ chức để đón tiếp mình, y giựt lấy cái kèn săn trong tay một tên người hầu mà gã này không dám từ chối, chạy lộn xộn thổi kèn lung tung, lẫn lộn tất cả những ám hiệu, xô ngã nào chó, nào người hầu, cúi chào các bà một cách điệu nghệ mỗi khi đi ngang qua trước mặt họ, chửi bới, la lối, bực tức khi không còn trông thấy họ nữa, và bắt kịp con hươu khi nó vừa nhảy qua một cái ao lớn.

-Hallali! Hallali! (Chú thích: Tiếng hò reo trong các cuộc đi săn) – Cauvignac gào lên – Bắt được nó rồi!

-Này Cauvignac! – Ferguzon nói, anh chàng này theo gần bên Cauvignac – Coi chừng anh làm cho chúng ta bị tống cổ khỏi đây đấy. Tôi van anh, vừa phải thôi!

Nhưng Cauvignac chẳng đếm xỉa gì đến, và thấy rằng con vật đang giơ sừng trước lũ chó, y nhảy xuống đất, rút gươm ra và lấy hết gân cổ gào lên: -Hallali! Hallali!

Và các chiến hữu của y không thận trọng như Ferguzon, được kích động bởi hành động của y, cũng chuẩn bị nhảy đến con mồi thì viên đội trưởng đội săn đưa dao gạt Cauvignac ra: -Khoan đã, thưa ông, chính phu nhân quận chúa là người điều khiển cuộc săn. Chính bà sẽ là người đâm cổ hươu hoặc sẽ nhường vinh dự ấy cho ai tùy ý bà.

Cauvignac tỉnh trí lại sau câu phê bình gay gắt đó, và trong khi y bực bội lùi lại thì đám đông các tay săn ùa đến vây quanh con vật bị dồn vào một gốc cây thông giữa lũ chó đang gầm gừ chờ đợi.

Ngay khi đó, mọi người thấy phu nhân quận chúa phóng đến, theo sau là quận công D'Enghien và đám cận thần cùng người hầu. Đến giữa vòng người bà dừng lại, đưa ánh mắt vương giả nhìn quanh và nhìn thấy Cauvignac cùng đồng bọn đang bị vây hãm giữa những tia nhìn giận dữ và nghi ngờ của đám tùy tùng và sĩ quan của cuộc săn.

Viên đội trưởng tiến đến gần bà, tay cầm con dao.

-Phu nhân có biết người đó không ạ? – Viên đội trưởng nói nhỏ vừa đưa ánh mắt liếc về phía Cauvignac.

-Không. – Bà nói – Nhưng nếu y vào được thì có lẽ là có người quen biết y.

-Chẳng ai biết y cả, thưa phu nhân, và tất cả những người tôi hỏi đều bảo rằng lần đầu tiên thấy y.

-Nhưng làm sao y có thể qua cổng được nếu không trả lời đúng mật khẩu?

-Vâng, có lẽ vậy, thế nhưng tôi xin mạn phép khuyên phu nhân nên thận trọng.

-Trước hết, cần phải biết y là ai. – Bà quận chúa nói.

-Lát nữa sẽ được biết thôi, thưa phu nhân. – Lenet nói với nụ cười thường lệ của mình – Tạm thời phu nhân đừng tỏ vẻ gì quan tâm đến y, nếu không y sẽ vuột mất khỏi tay chúng ta.

-Ông nói đúng, Lenet à, hãy trở lại với buổi săn thôi.

-Này Cauvignac! – Ferguzon nói – Tôi hoàn toàn tin rằng họ đang nói đến chúng ta đấy. Tốt hơn cả là chuồn thôi.

-Cậu nghĩ thế à? Ái chà! Thây kệ! Ta muốn xem cảnh giết hươu, chuyện gì sẽ đến thì cứ đến.

-Cảnh đó xem thì thú vị đấy, tôi biết chứ! – Ferguzon nói – Nhưng có thể, chúng ta sẽ phải trả một vé vào xem đắt hơn tại khách sạn Bourgohne.

-Thưa phu nhân! – Viên đội trưởng đội săn trao cho bà quận chúa một con dao và nói – Phu nhân có muốn ban danh dự giết hươu cho ai không ạ?

-Tự ta sẽ hoàn tất công việc ấy. – Bà quận chúa nói – Một phụ nữ thuộc giai cấp như ta cần phải làm quen với ánh thép và máu chảy.

-Namur! – Viên đội trưởng nói với một tên lính – Hãy chuẩn bị sẵn sàng.

Tên lính ra khỏi hàng và đến đứng cách con vật khoảng mười bước, tay cầm súng sẵn sàng. Động tác này có mục đích là giết con vật với một viên đạn nếu nó vì sợ hãi, lại xông vào tấn công bà quận chúa thay vì đợi bà đến kết liễu đời nó.

Phu nhân quận chúa xuống ngựa, cầm lấy con dao và tiến về phía con vật gần như hoàn toàn bị khống chế bởi mấy con chó. Có lẽ con vật không nghĩ rằng chết sẽ đến qua tay bà quận chúa xinh đẹp ấy, người đã từng bao nhiêu lần tận tay mớm thức ăn cho nó; không còn kịp để nó nhận ra tình thế, lưỡi dao lấp lánh biến mất trong cổ nó, máu tóe ra văng đến tận mặt bà quận chúa, con hươu ngẩng đầu lên, kêu la vì đau đớn và su khi ném một ánh mắt trách móc cuối cùng về phía người chủ nhân xinh đẹp của mình, nó gục xuống chết.

Ngay khi đó, những tiếng kèn nổi lên, và cả ngàn tiếng reo hò cùng vang lên: Hoan hô phu nhân quận chúa! Trong khi cậu hoàng nhỏ tuổi vui sướng vỗ tay trên chiếc yên ngựa của mình.

Bà quận chúa rút dao ra khỏi cổ con vật, đưa mắt nhìn chung quanh, trả lại con dao cho viên đội trưởng rồi leo lên lưng ngựa.

Thế là Lenet đến gần bà.

-Phu nhân quận chúa có muốn tôi nói rằng đang nghĩ đến ai khi đâm vào cổ con vật không? – Ông ta nói với nụ cười cố hữu của mình.

-Được Lenet, ông nói đi, ông sẽ làm ta thích thú đấy!

-Phu nhân đang nghĩ đến ngài De Mazarin và muốn thấy ông ta thay vào chỗ con vật.

-Phải rồi! – Bà quận chúa kêu lên – Đúng vậy, và ta sẵn sàng đâm vào cổ lão không một chút thương xót, ta thề với ông như vậy, nhưng mà Lenet à, ông đúng là một lão phù thủy.

Rồi quay về phía đám người theo sau, bà nói: -Thưa các ông, buổi săn đã chấm dứt, xin mời các ông hãy theo tôi. Bây giờ thì đã quá muộn để đuổi theo một con hươu khác, và hơn nữa bữa ăn tối đang chờ đợi chúng ta.

Cauvignac đáp lại lời mời đó bằng một cử chỉ thật là duyên dáng.

-Kìa Cauvignac, anh làm gì vậy? – Ferguzon hỏi.

-Ta chấp thuận chứ sao nữa? Cậu không thấy là phu nhân quận chúa vừa mời chúng ta dự tiệc với bà như ta đã hứa với các cậu sao?

-Cauvignac à, anh muốn nghe tôi hay không tùy ý nhưng ở vào địa vị anh thì tôi sẽ trở ra chỗ tường đổ ban nãy.

-Ferguzon thân mến, đầu óc sáng suốt ngày thường của cậu đâu mất rồi? Cậu không để ý thấy những mệnh lệnh mà cái ông mặc áo đen kia vừa ban ra hay sao? Ferguzon à, cái lỗ hổng ấy đã bị canh giữ rồi, và đi về phía đó có nghĩa là muốn cho mọi người biết rằng chúng ta sẽ ra bằng nơi mà chúng ta vừa vào.

-Trời, thế chúng ta sẽ ra sao đây?

-Cứ yên tâm…, ta chịu trách nhiệm tất cả…

Sau câu trấn an đó, sáu chàng lãng tử nhập vào đoàn người và cùng họ tiến về phía tòa lâu đài.

Cauvignac đã không lầm: Họ bị theo dõi sát. Lenet đi bên cạnh hông đoàn người; bên phải ông là viên đội trưởng đội săn, bên trái là viên quản gia của gia đình Condé.

-Các ông có chắc – Lenet nói – là không ai biết về các tên kỵ sĩ đó chứ?

-Không ai cả. Chúng tôi đã hỏi hơn năm mươi người rồi, và đâu đâu cũng là một câu trả lời: Hoàn toàn xa lạ. Có điều người ta đã khám phá ra một lỗ hổng nơi tường và đang canh giữ nó.

-Nếu vậy – Lenet nói – chúng ta sẽ áp dụng đến một biện pháp có hiệu quả hơn chứ không nên để cho một nhóm do thám làm cho chúng ta mất đứt một cách oan uổng cả trăm con người hữu ích kia… Ông quản gia, ông hãy trông coi đừng để một ai ra khỏi sân hoặc rời khỏi hành lang lớn… Còn ông, ông đội trưởng, một khi cửa đóng rồi, ông hãy cắt đặt một tiểu đội người với đầy đủ súng ống, phòng khi có biến… Bây giờ thì các ông đi đi, tôi sẽ không rời mắt khỏi bọn chúng đâu.

Hơn nữa, Lenet không khó nhọc gì trong việc hoàn thành công việc mà ông tự cắt đặt cho mình. Cauvignac và các chiến hữu của y không tỏ vẻ gì là muốn bỏ chạy cả. Cauvignac đi ở hàng đầu, tay vân vê hàng ria, Ferguzon theo sau y đã an tâm với câu hứa hẹn bởi vì anh chàng biết quá rõ chỉ huy của mình để không lấy làm chắc rằng y sẽ không đâm đầu vào cái bẫy ấy nếu không có một ngõ thoát thứ hai. Còn Barrabas với tướng chẳng có ý nghĩ nào khác hơn về một bữa tiệc linh đình đang chờ đợi họ dù sao thì họ cũng chỉ là những người thiếu về vật chất và dành phần trí tuệ trong những cuộc giao dịch ngoài xã hội cho hai vị chỉ huy mà họ hoàn toàn tin tưởng với một thái độ vô tâm hoàn toàn.

Tất cả xảy ra theo dự liệu của viên cố vấn mà theo như lệnh của ông, phu nhân ngồi nơi phòng tiếp tân lớn, trên một thứ ngai, bên cạnh là cậu con trai.

Mọi người nhìn nhau: Họ được hứa hẹn một bữa ăn tối, thế mà bây giờ rõ ràng là sẽ phải nghe một bài diễn văn.

Thật vậy, bà quận chúa đứng dậy và mở lời. Bài diễn văn của bà khá lôi cuốn. Lần này, Clémence De Maillé-Breze không còn giữ gìn ý tứ gì nữa mà kịch liệt công kích ngài De Mazarin. Về phần mình, những người tham dự, nhớ đến hành động sỉ nhục đối với toàn thể giới quý tộc của nước Pháp qua việc bắt giữ các ngài hoàng thân và có lẽ nhiều hơn cả là nghĩ đến những món lợi hời sẽ nhận được trong trường hợp thành công nên nhiều lần cắt ngang bài diễn văn bằng những tiếng tung hô, thề hứa sẽ phục vụ trung thành chân lý của gia đình Condé và sẽ giúp bà thoát khỏi cảnh giam cầm.

-Như vậy, thưa các ông – Bà quận chúa chấm dứt bài diễn văn của mình – chính trong lòng dũng cảm và tận tụy mà đứa trẻ côi cút đây hỏi xin nơi tấm lòng rộng lượng của các ông… Các ông là bạn hữu của chúng tôi…, hoặc ít ra, các ông cũng đã đến đây với tư cách đó… Các ông có thể làm được gì cho chúng tôi?

Thế là sau một giây yên lặng, cảnh yên lặng đầy trịnh trọng bắt đầu một cảnh tượng vừa uy nghi và cũng vừa cảm động.

Một người trong đám nghiêng mình kính cẩn chào bà quận chúa.

-Tên tôi là Gerard De Montalent – Ông ta nói – Cùng đi với tôi có bốn nhà quý tộc, bạn tôi. Chúng tôi có năm thanh gươm tốt và hai ngàn đồng Pistoles mà chúng tôi xin dâng hiến cho ngài hoàng thân toàn quyền sử dụng… Đây là thư giới thiệu chúng tôi do ngài De La Rochefoucauld ký.

Bà quận chúa cũng chào lại, cầm lấy lá thư, trao cho Lenet và ra hiệu cho những người đó bước qua bên phải.

Họ vừa tiến về chỗ được chỉ định thì một người khác đứng dậy.

-Tên tôi là Claude Raoul De Lassas, bá tước De Cleremont. – Ông ta nói. Tôi đến cùng với sáu người bạn hữu của tôi. Chúng tôi có mỗi người một ngàn Pistoles mà chúng tôi xin được nộp vào quỹ của phu nhân… Chúng tôi đều có vũ

trang và quân phục đầy đủ và chỉ cần một món lương bổng nhỏ… Đây là thư giới thiệu chúng tôi do ngài De Bouillon ký.

-Hãy bước qua bên phải tôi, thưa ngài. – Bà quận chúa nói và cầm lấy lá thư của ông De Bouillon, cũng đọc như lá thư trước và cũng trao cho Lenet – Xin các ông hãy tin tưởng vào sự biết ơn của chúng tôi.

Các ông này tuân theo.

-Tôi tên là Louis Ferdinande Loroges, bá tước Duras. – Sau đó một người thứ ba nói – Tôi đến đây, không bạn hữu, không tiền bạc, chỉ có thanh gươm của tôi mà nhờ nó tôi đã mở con đường máu giữa quân thù, bởi vì tôi bị vây hãm tại Bellegarde. Đây là thư giới thiệu tôi do ngài tử tước De Turenne ký.

-Hãy đến đây, hãy đến đây, thưa ông. – Bà quận chúa nói vừa cầm lấy lá thư vừa đưa bàn tay ra cho ông ta hôn. Hãy đứng bên cạnh tôi đây, tôi sẽ phong cho ông làm một trong những tướng lãnh của tôi.

Tất cả mọi người khác đều làm như vậy, mỗi người đến cùng với lá thư giới thiệu hoặc là của ngài De La Rochefoucauld, ngài Bouillon, hoặc của ngài De Turenne, giao lại lá thư rồi bước qua bên phải, khi bên phải đầy người rồi thì bà quận chúa bảo bước qua bên trái.

Cứ như thế, phần cuối của gian phòng dần dần vắng người. Và chẳng bao lâu chỉ còn lại Cauvignac cùng với đám thủ hạ của mình, giữa những ánh mắt giận dữ, đe dọa và tiếng thì thầm nghi ngờ.

Lenet ném một ánh mắt về phía cửa. Cửa đã đóng kín. Ông ta biết là đằng sau cánh cửa ấy có viên đội trưởng cùng với tiểu đội lính. Thế là đưa ánh mắt về phía những người lạ kia.

-Còn các ông, các ông là ai? – Ông ta hỏi – Chúng tôi có được vinh dự biết tên tuổi các ông và biết ai giới thiệu các ông không?

Phần đầu của màn kịch vừa qua đã mang đến cho Ferguzon ít nhiều lo âu và đã từ từ lây sang các tên kia, nhất là khi Lenet nhìn về phía cửa; nhưng viên chỉ huy của họ, oai nghi trong chiếc áo choàng của mình, vẫn thản nhiên và sau lời mời của Lenet, tiến lên hai bước rồi cúi chào bà quận chúa với một điệu bộ duyên dáng không thể nào chê được.

-Thưa phu nhân – Y nói – Tôi tên là Roland De Cauvignac cùng đi với tôi đây có năm nhà quý tộc sẵn sàng để phục vụ người, họ thuộc vào những gia đình danh giá nhất của vùng Guynne và xin được giấu tên.

-Nhưng chẳng lẽ các ông đến Chantilly mà không được ai giới thiệu hay sao? – Bà quận chúa hỏi – Thư giới thiệu của các ông đâu?

Cauvignac nghiêng mình, chứng tỏ là rất hiểu lẽ phải trong câu hỏi vừa qua, lục túi và rút ra một mảnh giấy gấp tư mà y trao cho Lenet với một cái chào rất sâu.

Lenet mở ra, đọc và tỏ ra vui vẻ tột cùng. Trong khi Lenet đọc, Cauvignac nhìn tất cả mọi người với một ánh mắt đắc thắng.

-Thưa phu nhân! – Lenet nói nhỏ vào tai bà quận chúa – Hãy nhìn này: Một tờ khống chỉ của lão d'Épernon!

-Thưa ông – Bà quận chúa nói với một nụ cười duyên dáng, xin cám ơn ông nhiều lắm! Vì chồng tôi! Vì tôi! Và vì con tôi!

Tất cả những người có mặt đều lặng đi vì kinh ngạc.

-Thưa ông – Lenet nói – Mảnh giấy này thật quá quý giá để các ông có ý nhượng lại cho chúng tôi vô điều kiện. Tối nay, sau bữa tiệc chúng ta sẽ thảo luận với nhau và ông sẽ cho chúng tôi có thể giúp ích được ông vào việc gì.

Và Lenet cất tờ khống chỉ vào túi và Cauvignac hết sức tế nhị, cũng bỏ qua không đòi lại.

-Sao? – Cauvignac nói với các chiến hữu của mình, tôi đã không bảo là sẽ mời các cậu dùng tiệc cùng với ngài quận công D'Enghien đó hay sao?

-Xin mời quý vị vào bàn. – Bà quận chúa nói.

Sau những tiếng đó, hai cánh cửa to mở rộng ra và mọi người thấy một bữa tiệc linh đình được dọn nơi hành lang lớn của lâu đài.

Bữa tiệc thật là ồn ào, mọi người nâng ly chúc mừng sức khỏe của ngài hoàng thân có đến mười lần và ăn uống ngon lành. Ngay cả Ferguzon, anh chàng Ferguzon cẩn thận cũng mềm môi trước các chai rượu vùng Bourgogne mà lần đầu tiên được biết đến. Nhưng Cauvignac thì không như vậy. Mặc dù biết thưởng thức giá trị thực sự của các loại rượu hảo hạng, y cũng giữ chừng mực. Y vẫn không quên nụ cười quỷ quyệt của Lenet và nghĩ rằng cần phải giữ đầu óc thật sáng suốt để đàm phán với Lenet, một cuộc thương lượng mà y sẽ không phải hối tiếc.

Đến gần cuối bữa tiệc, khi những ly rượu chúc mừng mỗi lúc mỗi nhiều hơn, bà quận chúa lẻn ra ngoài cùng với con trai, để cho thực khách hoàn toàn tự do muốn kéo dài bao lâu tùy ý. Vả lại, tất cả đều xảy ra như ý muốn của bà, và bà ôn lại trong đầu mọi diễn tiến trong ngày, không quên câu nói mà Lenet bỏ nhỏ vào tai bà khi bà vừa rời bàn: -Xin phu nhân đừng quên là chúng ta sẽ lên đường vào lúc mười giờ.

Khi ấy đã chín giờ, phu nhân quận chúa bắt đầu chuẩn bị. Trong khi đó, Lenet và Cauvignac trao đổi nhau một ánh mắt, Lenet đứng dậy, Cauvignac cũng đứng dậy. Lenet ra ngoài bằng cánh cửa nhỏ nơi góc hành lang. Cauvignac hiểu ý và cũng đi theo ông ta.

Lenet dẫn Cauvignac vào phòng làm việc của mình, y bước theo ông ta, vẻ mặt vô tư và tin tưởng. Thế nhưng, trong khi bước đi, tay y đùa nghịch với cán của một con dao gài nơi thắt lưng, và con mắt nhanh nhẹn sáng quắc của y dò xét mọi cách cửa hé mở cũng như mọi tấm màn rung động.

Y không sợ người ta phản bội nhưng theo một nguyên tắc là luôn luôn sẵn sàng đối phó với mọi phản trắc.

Vào đến phòng làm việc chỉ được soi sáng boỞi một ánh đèn, mà chỉ cần liếc mắt y cũng đủ biết rằng không có một ai khác, Lenet đưa tay chỉ một chiếc ghế mời Cauvignac ngồi. Họ ngồi đối diện nhau ở hai bàn làm việc.

-Thưa ông! – Lenet nói để thu hút lòng tin tưởng của người đối thoại – Trước hết, tôi xin trả lại ông tờ khống chỉ. Đây! Nó là của ông, có đúng thế không?

-Thưa ông – Cauvignac nói – Nó thuộc về người cầm giữ nó vì như ông cũng đã thấy, trên đó không có một cái tên nào khác ngoài tên của công tước d'Épernon.

-Khi tôi hỏi nó có đúng là của ông, là tôi muốn hỏi có phải ông nhận nó từ chính tay của ngài d'Épernon hay không?

-Tôi nhận từ chính tay ông ta, thưa ông.

-Như vậy là nó không do vũ khí hoặc lấy trộm mà ra? Tôi không nói là bởi ông nhưng bởi một người khác sau đó đã trao lại cho ông, có thể là ông nhận qua tay một người thứ hai?

-Tôi xin nhắc lại, nó đã được ngài công tước tận tay trao cho tôi, tự ý ông ta, để đổi lấy mảnh giấy khác mà tôi trao lại cho ông ấy.

-Ông có hứa với công tước d'Épernon sẽ sử dụng tờ khống chỉ này vào một việc này hay một việc khác không?

-Tôi chẳng hứa gì với ngài công tước cả.

-Như vậy kẻ nào làm chủ nó có thể an toàn mà sử dụng nó?

-Đúng như vậy.

-Tại sao chính ông lại không sử dụng nó?

-Bởi vì nếu sử dụng tờ khống chỉ này, tôi sẽ chỉ có một cái lợi, còn nếu nhượng nó cho ông, tôi sẽ được hai mối lợi.

-Hai cái lợi đó là như thế nào?

-Trước hết là tiền.

-Chúng tôi không có tiền.

-Tôi không đòi hỏi nhiều.

-Cái lợi thứ hai?

-Một cấp bậc trong quân đội của các ngài hoàng thân.

-Các ngài hoàng thân không có quân đội.

-Rồi họ sẽ có.

-Ông có thích có một tờ bổ nhiệm để tự mình chiêu một đội quân?

-Tôi đã toan đề nghị điều này.

-Vậy là còn vấn đề tiền bạc?

-Vâng, vấn đề tiền bạc.

-Ông đòi bao nhiêu?

-Mười ngàn livres. Tôi đã nói với ông rằng tôi không đòi hỏi nhiều.

-Một ngàn livres!

-Vâng. Tôi cần được ứng trước một món tiền để trang bị cho quân đội của tôi.

-Đúng vậy, từng đó là không nhiều.

-Vậy là ông đồng ý?

-Coi như chúng ta thỏa thuận.

Lenet rút ra một tờ bổ nhiệm đã ký sẵn, điền tên họ của chàng thanh niên, đóng mộc lên rồi đưa cho người bổ nhiệm, sau đó ông ta mở một cái tủ sắt ngầm đựng tài sản của quân đội phiến loạn, lấy ra một ngàn livres bằng đồng vàng.

Cauvignac đếm cẩn thận, đến đồng cuối cùng, y hất đầu ra hiệu cho Lenet là tờ khống chỉ đã thuộc về ông. Lenet cầm nó lên và bỏ vào cái tủ sắt khóa lại.

Ngay khi ông đút chìa khóa vào túi, một tên hầu hốt hoảng chạy đến báo rằng ông được mời vì có chuyện khẩn cấp. Thế là cả hai rời văn phòng cùng một lúc: Lenet theo tên gia nhân. Cauvignac trở về phòng tiệc.

Trong thời gian đó, quận chúa đang chuẩn bị để lên đường, nghĩa là thay bộ y phục dạ tiệc để mặc vào quần áo đi đường, sắp xếp giấy tờ của mình, đốt những gì không cần thiết và mang theo những gì có giá trị, và cuối cùng là gom góp mớ nữ trang của bà.

Mấy cỗ xe đã được thắng ngựa như thể sắp đưa phu nhân De Cambes trở về Paris và được đưa đến một lối đi tối, nơi không có ai nhìn thấy được. Cửa xe mở sẵn, mà phu nhân đã vào vị trí. Chỉ còn chờ hiệu lệnh lên đường. Phu nhân quận chúa, nhìn lên đồng hồ và đã thấy mười giờ kém năm, bà toan nắm tay con trai đứng dậy, thì bỗng nhiên cửa bật mở, và Lenet nhảy bổ vào phòng.

Nhìn thấy vẻ mặt tái nhợt và ánh mắt hốt hoảng của ông ta, phu nhân cũng tái đi.

-Trời! – Bà kêu lên và tiến về phía ông ta – Có chuyện gì vậy?

-Có một người do đức vua sai đến đòi hội kiến phu nhân.

-Lạy chúa! Chết chúng ta rồi! Phải làm sao bây giờ hả ông Lenet?

-Một việc duy nhất.

-Việc gì?

-Phu nhân hãy bảo quận công D'Enghien đổi y phục với Pierrot.

-Nhưng con không muốn cho Pierrot mặc áo của con! – Ông hoàng nhỏ tuổi phản đối.

-Cần phải như vậy, thưa đức ông. – Lenet nghiêm nghị nói – Nếu không người ta sẽ đưa đức ông cùng với phu nhân vào cùng ở tù với ngài hoàng thân cha của đức ông.

Cậu D'Enghien đành im lặng và đành để cho người hầu dẫn qua phòng bên cùng với Pierrot để hai cậu đổi áo cho nhau.

-May là công chúa phu nhân còn ở đây, nếu không thì chúng ta đã bị thua vào tay Mazarin.

-Tại sao vậy?

-Bởi vì viên sứ giả buộc phải đến trình diện với công chúa trước và hiện giờ đang ngồi đợi nơi tiền phòng.

-Như vậy viên sứ giả của nhà vua đó chỉ là một tên do thám, một tên cai ngục mà triều đình gởi đến với chúng ta?

-Đúng như lời phu nhân nói.

-Và nhiệm vụ của y là canh giữ chúng ta?

-Vâng, nhưng không can gì đến phu nhân cả bởi vì y sẽ không phải canh giữ phu nhân.

-Tôi không hiểu ý ông Lenet à!

Lenet mỉm cười: -Còn tôi thì hiểu, thưa phu nhân và tôi xin đảm nhận tất cả. Hãy cho Pierrot ăn mặc như quận công, và hãy để tôi chỉ bảo cho cậu bé.

-Ôi! Lạy chúa! Để cho con ta ra đi một mình hay sao?

-Cậu ấy sẽ ra đi cùng với mẹ mình.

-Không thể như vậy được.

-Tại sao không? Nếu có thể kiếm được một quận công giả hiệu thì cũng có thể kiếm được một quận chúa giả hiệu vậy! Xin phu nhân cứ yên tâm, bà quận chúa De Condé kia hiện thời đang ngủ nơi giường của phu nhân.

Đây là những gì vừa xảy ra mà Lenet đã kể lại với bà quận chúa.

Trong khi các quan khách hãy còn vui say nơi phòng tiệc trong khi Lenet đang bận thương lượng với Cauvignac, trong khi bà quận chúa đang bận gom góp của cải chuẩn bị lên đường thì một viên sứ giả đến trình diện nơi cổng lâu đài theo sau là tên đày tớ của mình.

-Ngài từ đâu đến? – Người gác cổng hỏi.

-Từ Mantes. – Viên kỵ sĩ trả lời.

-Ngài đi đâu vậy?

-Đến yết kiến phu nhân công chúa, phu nhân quận chúa và quận công D'Enghien.

-Không vào được!

-Lệnh của đức vua! – Chàng kỵ sĩ trả lời vừa lấy ra một mảnh giấy. Sau những tiếng đáng gờm đó, mũi súng hạ xuống, cổng mở ra và viên sứ giả được dẫn vào ngay.

Nếu viên sứ giả đòi được gặp quận chúa phu nhân và con trai bà trước thì mọi việc coi như là hỏng bét. Nhưng nghi thức buộc rằng chàng ta phải đến trình diện với bà công chúa lớn trước. Bởi vậy tên người hầu đưa chàng vào đợi nơi tiền sảnh giáp với phòng ngủ của bà công chúa.

-Xin ngài thứ lỗi cho! – Tên này nói – Phu nhân vừa đột ngột ngã bệnh mấy hôm nay. Người vừa được trích máu cách đây hai giờ. Tôi đã báo tin ngài đến, và một phút nữa thôi tôi sẽ nhận được hân hạnh đưa ngài vào.

Viên sứ giả gật đầu ra dấu đồng ý và ngồi lại một mình mà không để ý rằng có nhiều con mắt đang dò xét chàng qua lỗ khóa. Nhưng không ai trong số đó có thể nhận ra người lạ mặt kia. Đấy là một chàng trai trẻ bảnh bao trong bộ y phục kỵ binh, chàng đang lơ đãng nhìn những bức họa chân dung, đồ đạc trong phòng và chăm chú nhìn kỹ bức chân dung của bà công chúa khi hãy còn trẻ và rất đẹp.

Vài phút sau tên người hầu đến đưa chàng vào yết kiến bà phu nhân.

Bà đã ngồi dậy, viên y sĩ vừa rời khỏi đấy, ông ta gặp viên sĩ quan nơi ngưỡng cửa và lịch sự chào, người này cũng lễ phép chào lại.

Viên sĩ quan bước đến ba bước, rồi kính cẩn cúi chào. Bà phu nhân mở to hai mắt lộ vẻ giận dữ. Bà đưa tay ra hiệu cho viên sứ giả trao lại bức thư mà chàng có nhiệm vụ chuyển giao.

-Được lắm! – Bà nói nhỏ sau khi đã đọc xong bốn hàng của lá thư – Ta rất hiểu ý định của hoàng hậu, dù bà đã dùng những lời lẽ rất lịch sự, ta là tù nhân của ông.

-Thưa phu nhân! … – Viên sĩ quan bối rối nói.

-Một tù nhân canh giữ không lấy gì làm khó lắm, thưa ông. – Bà phu nhân già lại nói tiếp – Bởi vì ta không đủ sức để bỏ chạy đâu. Và như ông cũng thấy khi vào đây, có một người canh giữ rất nghiêm khắc, ông y sĩ Bourdelot. Ta biết là ngài Mazarin có khả năng sử dụng đến những hành động bạo lực rất thô lỗ, nhưng không ngờ ông ấy lại nhút nhát đến độ e sợ một bà già bệnh hoạn như ta, một người đàn bà góa với một đứa con nít, vì ta cho rằng lệnh mà ông mang đến cũng liên quan đến cả con dâu ta và cháu ta.

-Thưa phu nhân, tôi vô cùng buồn rầu khi thấy rằng phu nhân xét đoán tôi qua sứ mạng mà tôi buộc phải thi hành. Tôi mang đến Mantes một bức thư gởi cho hoàng hậu. Phần tái bút của lá thư có gởi gắm người đưa thư cho ngài, thế là hoàng hậu có lòng tốt bảo tôi ở lại bên bà, để chờ khi có việc cần đến công sức của tôi. Hai ngày sau, hoàng hậu gởi tôi đến đây, nhưng mặc dù phải tuân theo mệnh lệnh, tôi dám nói rằng tôi đã xin không nhận lãnh công việc này, mà còn muốn từ chối là đằng khác nếu như tôi có quyền được từ chối.

Nói xong những lời đó, viên sứ giả lại nghiêng mình chào lần thứ hai, còn kính cẩn hơn lần trước.

-Ta xin cảm tạ lời giải thích của ông và hy vọng rằng có thể yên tâm mà nghỉ ngơi. Thế nhưng, xin đừng tránh né làm gì thưa ông, hãy cứ nói tất cả sự thật. Có phải ta sẽ bị giữ luôn trong phòng như đứa con đáng thương của ta tại lâu đài Vincennes? Ta còn được quyền viết thư và người ta có kiểm duyệt thư của ta hay

không? Nếu căn bệnh này cho phép ta ngồi dậy, thì ta còn được quyền đi dạo hay không?

-Thưa phu nhân – Viên sĩ quan trả lời – Đây là mệnh lệnh mà chính hoàng hậu đã căn dặn tôi. Ông hãy đến, hoàng hậu nói với tôi như vậy, trấn an người chị em bà con của ta rằng ta sẽ đối đãi với các vị hoàng thân với tất cả những gì mà ta có thể làm được. Qua lá thư này, ta yêu cầu người chị em của ta hãy tiếp đón một trong các viên sĩ quan của ta để làm người liên lạc giữa ta với người chị em ấy. Người sĩ quan đó sẽ là ông. Thưa phu nhân, đấy là nguyên văn những gì hoàng hậu nói.

Suy nghĩ giây lát, bà công chúa cắn môi rồi nói: -Ông sẽ ngụ tại lâu đài Chantilly theo như ý muốn của hoàng hậu, và ông cứ tùy nghi sử dụng gian phòng nào mà ông cho là thuận lợi trong việc giám sát của ông.

-Thưa phu nhân – Viên sĩ quan hơi cau mày trả lời – Tôi đã được hân hạnh giải thích với phu nhân khá nhiều điều không thuộc phạm vi chỉ thị của tôi. Tôi, một sĩ quan nghèo nàn, tôi bị đặt vào một vị trí rất gay go, giữa cơn giận của phu nhân và ý muốn của hoàng hậu, dù sao thì tôi cũng nghĩ rằng phu nhân có thể chứng tỏ lòng rộng lượng của mình bằng cách đừng sỉ nhục một người vốn là một công cụ thụ động trong tay các bà chúa. Thưa phu nhân, tôi rất phiền lòng khi thi hành nhiệm vụ mà tôi buộc phải thi hành. Nhưng, hoàng hậu đã ra lệnh, và tôi đành phải tuân theo. Tôi đã không đòi hỏi công tác này, tôi rất vui lòng nếu nó được giao cho một người khác. Hình như tôi đã trình bày đầy đủ…

Và viên sĩ quan ngẩng đầu lên, mặt ửng đỏ không khác gì máu đỏ trên vầng trán cao ngạo của bà công chúa.

-Thưa ông – Bà trả lời – Dù cho chúng ta ở địa vị nào trong xã hội đi nữa thì như ông vừa nói, chúng ta đều buộc phải tuân theo đức vua. Tôi sẽ bắt chước theo ông và cũng sẽ tuân theo lệnh của hoàng hậu, nhưng dù sao ông cũng nên hiểu cho rằng thật là đáng buồn khi không thể tiếp đãi một cách xứng đáng một nhà quý tộc đáng trọng như ông tại nhà mình. Kể từ bây giờ, chính ông sẽ là chủ nhân ở đây. Xin ông cứ ra lệnh.

Viên sĩ quan cúi chào thật sâu và đáp lại: -Thưa phu nhân, làm sao tôi có thể quên được khoảng cách giữa phu nhân với tôi và lòng tôn kính của tôi đối với gia đình người. Phu nhân sẽ vẫn là chủ nhân trong lâu đài này và tôi xin được là tên đầy tớ đầu tiên của người.

Sau những lời đó, chàng trẻ tuổi cáo lui không một chút bối rối, không cao ngạo mà không quỵ lụy để lại bà công chúa trong một cơn giận dữ tột độ mà bà không thể nào trút lên một viên sứ giả lịch sự và lễ phép như vậy.

Chàng sĩ quan gặp lại tên người hầu nơi tiền phòng.

-Phu nhân quận chúa đã sẵn sàng tiếp ngài, mời ngài theo tôi.

Nối gót sau tên người hầu, chàng đến trước cửa phòng ngủ của bà quận chúa.

-Phu nhân quận chúa đã vào giường sớm sau khi đi săn về, và bà bị mệt. Tôi sẽ báo tên ngài như thế nào đây?

-Hãy báo rằng có nam tước De Canolles đến xin được gặp theo lệnh của hoàng hậu nhiếp chính.

Từ giường của mình, sau khi nghe cái tên đó, bà công chúa giả hiệu phác một cử chỉ kinh ngạc và vội vã đưa tay phải kéo sụp chiếc nón ngủ trên đầu xuống tận mắt trong khi bàn tay trái kéo tấm chăn lên đến tận cằm.

-Cho vào! – Bà nói với một giọng nghẹn đi.

Viên sĩ quan bước vào.

Phần II. PHU NHÂN DE CONDÉ

§1

Canolles được dẫn vào một căn phòng rộng căng rèm màu sẫm, và chỉ được soi sáng bằng một ngọn nên đêm đặt cái bàn chân quỳ Ở giữa nhà hai cửa sổ. Nhờ chút ánh sáng ấy tỏa ra, có thể nhận thấy phía trên ngọn đèn, một bức chân dung phụ nữ đứng cầm tay một đứa bé. Cuối phòng nơi ánh sáng lọt tới, run rẩy và chập chờn, qua tấm rèm màn một người phụ nữ mà danh hiệu nam tước De Canolles đã khiến bà ta phải bàng hoàng.

Nhà quý tộc cũng vẫn phải qua những thủ tục thông thường, nghĩa là tiến lên ba bước theo như luật lệ về phía giường, cúi chào, rồi lại ba bước nữa. Hai thế nữ sau khi giúp De Condé phu nhân đi nằm, đã rút lui! Anh hầu phòng khép cửa lại và chỉ còn lại một mình Canolles với bà quận Canolles không buộc phải mở đầu câu chuyện, chàng chờ đợi. Nhưng về phía bà quận chúa.

có vẻ như muốn cố tình giữ sự im lặng, cho nên chàng sĩ quan trẻ tuổi tự nghĩ tốt hơn có lẽ nên lên tiếng trước để khỏi phải lặng thinh trong một tư thế bối rối như thế này, giông bão chứa đựng trong bầu không khí nặng nề ấy chắc chắn sẽ bùng nổ ngay trong những câu nói đầu tiến và chàng sẽ phải chịu đựng cơn giận thứ hai của một vị quận chúa còn ghê gớm hơn bà thứ nhất, trẻ hơn và cũng đáng chú ý hơn.

Cảm thấy bị xúc phạm, chàng bạo dạn hơn và nghiêng mình lần thứ ba cho phù hợp với tình huống, nghĩa là một cái chào cứng cỏi và câu nệ, báo trước một sự nổi nóng của anh chàng xứ Gascogne.

-Thưa phu nhân – Chàng nói – thay mặt hoàng hậu nhiếp chính, tôi có được vinh dự xin một cuộc hội kiên và phu nhân đã chiếu cố chấp thuận. Bây giờ phu nhân có thể rộng lượng cho tôi biên, bằng một câu nói một dấu hiệu rằng phu nhân có chấp nhận sự hiện diện của tôi và sẵn sàng nghe tôi trình bày chăng?

CÓ một cử động sau bức rèm và dưới tấm mền báo cho Canolles biết rằng chàng sẽ được nghe câu trả lời.

Thật thế, chàng nghe một giọng nói nghẹn đi, xúc động.

-Nói đi, thưa ngài, tôi nghe đây.

Canolles bắt đầu sử dụng tài hùng biện của mình: -Thưa phu nhân, hoàng hậu cử tôi đến để đoan quyên với phu nhân rằng hoàng hậu vẫn mong muốn được duy trì những quan hệ thân hữu tốt đẹp với phu nhân.

Quận chúa ngắt lời: -Thưa ngài, đừng nên nói về tình thân hữu giữa hoàng hậu và gia đình De Condé nữa, đã có những bằng chứng ngược lại tại những hầm giam của lâu đài Vincennes.

Canolles bắt đầu sử dụng tài hùng biện của mình: -Thưa phu nhân, hoàng hậu cử tôi đến để đoan quyên với phu nhân rằng hoàng hậu vẫn mong muốn được duy trì những quan hệ thân hữu tốt đẹp với phu nhân.

Quận chúa ngắt lời: -Thưa ngài, đừng nên nói về tình thân hữu giữa hoàng hậu và gia đình Condé nữa, đã có những bằng chứng ngược lại tại những hầm giam của lâu đài Vincennes.

Canolles thầm nghĩ: "ái chà! HỌ đã nắm được điều bí ấn ấy và lần nào cũng đưa ra sử dụng."

Trong lúc ấy, có một sự chuyển động từ phía giường, và De Canolles vì bối rối đã không để ý.

Quận chúa nói tiếp: -Thưa ngài, thật ra thì ngài muốn điều chi?

-Tôi, thưa phu nhân, tôi không muốn gì cả. Chính hoàng hậu đã muốn tôi có mặt Ở lâu đài này, và giữ sự giao tiếp với phu nhân dù tôi tự biết không xứng đáng với danh dự ấy, đồng thời dùng hết khả năng của mình để tái lập hòa khí giữa hai vị hoàng thân cùng một huyết thống, đã bất hòa với nhau mà không có lý do nào cả.

-Không lý do! – Quận chúa kêu lên – ông cho rằng sự bất hòa của gia đình chúng tôi là không có lý do?

-Xin phu nhân thứ lỗi cho. Tôi không phán quyên điều gì cả, tôi không phải quan tòa, tôi chỉ là một người truyền đạt.

-Và trong khi chờ đợi sự hòa hợp tốt đẹp ấy được thiên lập, hoàng hậu đã cho người dò thám tôi nại cớ…

-Như vậy… – Canolles phẫn nộ nói – Tôi là một tên do thám sao? Tôi xin cám ơn sự thành thực của phu nhân.

Và trong cơn thất vọng bắt đầu xâm chiêm lấy mình. Canolles đảo mắt nhìn những bức họa treo trên tường rồi chàng tiếp: -Như vậy, tôi là một tên gián điệp! ôi! Thưa phu nhân, xin đừng đối xử với tôi như người ta đối xử với một tên khốn kiếp như thế, chẳng lẽ phu nhân lại quên rằng tôi là sứ giả của hoàng hậu và vị hoàng hậu ấy phải chịu trách nhiệm về tất cả những hành động của tôi, rằng tôi chỉ là một kẻ thừa hành. Hãy sai quân hầu đuổi tôi đi, hãy để cho những kẻ cận thần của phu nhân sát hại tôi đi hãy để cho tôi đối diện với những người tôi có thể ứng phó được bằng gậy gộc hay gươm giáo.

nhưng xin đừng nhục mạ một cách cay độc một sĩ quan đã cùng một lúc phải làm tròn bổn phận của người lính và của một thần dân.

Những câu nói ấy thốt ra từ tâm can chàng, đau đớn như một lời rên rỉ, đay nghiên như một sự trách móc, đã thực sự có hiệu quả. Nghe xong, quận chúa nhổm dậy, mắt long lanh, tay run rẩy, và phác một cử chỉ lo âu hướng về vị sứ giả.

-Xin chúa hãy tha cho tôi, nếu quả rằng tôi có ý định nhục mạ một nhà quý tộc dũng cảm như ông. Không thưa ông Canolles không, tôi không nghi ngờ lòng trung thành của ông, tôi quả có nặng lời, nhưng thật ra tôi không muốn xúc phạm ông. Không, không thưa ông nam tước.

ngài là một người phong nhã, và tôi xin hoàn toàn thừa nhận tư cách của ngài.

Bị lôi cuốn bởi nhiệt tình của mình qua những câu nói ấy, quận chúa nhoài người ra khỏi bóng tối của những bức rèm dày, người ta có thể nhìn thấy vầng trán dưới khăn trùm đầu, mớ tóc vàng được kết thành từng lọn, cặp môi hồng, đôi mắt ướt và dịu hiền của bà. Canolles sửng sốt bởi vì như có một ảo ảnh vừa hiện ra trước mắt chàng. Bởi vì chàng tưởng như vừa thở hít lại một hương mà kỷ niệm về nó đã khiến chàng say đắm. Hình như một trong những cánh cửa vàng ấy, nơi những giấc mơ đẹp đã từng đi qua, vừa mở ra để dẫn chàng đến một nơi đầy vui tươi của hương hoa, và ái tình, ánh mắt chàng rất chính xác và tinh tường, liếc về phía giường của quận chúa, và trong khoảnh khắc ngắn ngủi của một phần giây đồng hồ, một tia sáng đã lóe lên soi rọi vào quá khứ, chàng đã nhận ra vị quận chúa nằm kia chính là người đội danh tử tước De Cambes.

Như chúng tôi đã trình bày Ở đoạn trên: CÓ những sự chuyển động sau bức rèm. ĐÓ là vì bà quận chúa giả hiệu này trong lúc cuống quít đã che vội cái mạng lên đôi mắt đẹp, giấu vội bàn tay trắng muốt và thon nhỏ của mình để khỏi lộ. Sau đó, nàng cố gắng – tuy còn xúc động nhưng đã bớt lo âu – nối lại cuộc nói chuyện dở dang.

-Ngài nói sao, thưa ngài? – Người thiếu phụ hỏi.

Nhưng Canolles vẫn còn bàng hoàng và sững sờ. Những ảo ảnh diễn qua trước mắt chàng, ý nghĩ của chàng quay cuồng, trí nhớ và giác quan của chàng phiêu bạt, chàng đã suýt mất đi sự kính cẩn và lên tiếng hỏi. Chỉ còn lại bản năng, mà Thượng đến đặt vào tim những kẻ đang yêu.

và được những người đàn bà gọi là tánh nhút nhát, đã khuyên Canolles nên chờ đợi, để không làm giấc mơ tan biên, để khỏi bị liên lụy vào thực tại. Bởi lẽ chỉ một câu nói dại khờ, hạnh phúc của tất cả cuộc đời chàng sẽ tuột khỏi tầm tay.

Chàng không thêm một cử chỉ, một lời nói.

Chúa ôi! Chàng sẽ ra sao đây, nếu bà thiên kim quận chúa này bất chợt nhận ra chàng?

Phải, nếu nàng đã tỏ thái độ ghê tởm chàng Ở trong lâu đài Chantilly, cũng như nàng hồ nghi chàng Ở trong quán trọ của Biscarros, và nếu bây giờ nàng lại ngỡ rằng, nhờ Ở chức tước, nhờ lệnh của triều đình, chàng lại có thể tiếp tục đeo đuổi "cậu tử tước" hay nữ tử tước De Cambes thì sao?

Nhưng sẽ là một điều vô lễ và hầu như một tội nặng nếu vị phu nhân nằm kia là một quận chúa chính thống.

Đột nhiên chàng nghĩ: "Nhưng có thể nào một vị quận chúa với tên tuổi ấy, với chức tước ấy lại du hành một mình như vậy, với chỉ một tên quân hầu đi theo?" Mỗi khi lâm vào tình trạng bối rối. Canolles thường có thói quen tìm một điểm dựa vào nó.

Bây giờ cũng thế, chàng nhìn chung quanh, và ánh mắt dừng lại trên bức chân dung của người phụ nữ, tay dắt đứa con.

Qua cái nhìn đó, một tia sáng thốt hiện trong tâm trí chàng, và như một cái máy, chàng tiến lên một bước gần bức họa.

Về phần mình, bà quận chúa đã không thể ngăn kịp một tiếng kêu khẽ và Canolles lập tức quay lại. Chàng nhận thấy khuôn mặt bà ta có mạng che, và hoàn toàn bị phủ kín.

-ô! ô! – Canolles thầm nhủ – Thế có nghĩa lý gì? Hoặc chính là quận chúa ta đã gặp trên đường đi Bordeaux, hoặc ta đã bị lừa bịp, và không phải bà ta nằm trên cái giường ấy. Dù sao mặc lòng, rồi sẽ biên.

-Thưa phu nhân – Thình rinh chàng nói – Bây giờ tôi không biết nghĩ sao về sự im lặng của phu nhân, và tôi đã nhận ra…

Người đàn bà nằm trên giường kêu lên: -Ngài nhận ra điều gì?

-Tôi nhận ra rằng mình thật vô phúc đã gây nơi phu nhân cũng như nơi công chúa một nhận xét không hay về tôi.

-Thế à? – Thiếu phụ không kìm được một tiếng thở ra.

Câu nói của Canolles có lẽ không hợp lý cho lắm và lại không ăn nhập gì tới mạch lạc của cuộc đối thoại, nhưng chàng đã cứu người đàn bà thoát khỏi cơn bối rối. Canolles nhận thấy rõ những chuyển biết từ thái độ hoảng hốt đến cử chỉ nhẹ nhõm của nàng sau những lời nói vừa rồi Và chàng tiếp lời: -Tôi chỉ xin đề nghị lên phu nhân một điều kể ra cũng không được dễ nghe cho lắm rằng tôi phải Ở lại tòa lâu đài, và theo phu nhân đi bất cứ nơi nào phu nhân tới.

-Như thế không thể Ở một mình trong phòng tôi hay sao? ồ! Thưa ngài, còn sự nhục mạ nào hơn nữa?

-Thưa phu nhân, chỉ thị là vậy nhưng xin phu nhân hãy an tâm. – Canolles vừa nói vừa đưa mắt sắc bén nhìn người đàn bà trên giường và cân nhắc từng lời – Hơn ai hết, phu nhân phải nhận ra rằng tôi rất dễ dàng tuân theo những lời thỉnh cầu của một người phụ nữ.

-Tôi! – Quận chúa kêu lên với một âm sắc cuống quít hơn là ngạc nhiên – Thưa ông, thật ra tôi không biết ông muốn nói gì, tôi cũng không biết ông định ám chỉ vào một tình huống nào.

Viên sĩ quan nghiêng mình tiếp tục: -Thưa phu nhân, tôi nghĩ rằng người hầu khi dẫn tôi vào đã thông báo tên tôi. Tôi là nam tước De Canolles.

-Hừm! Thế thì can hệ chi đến tôi, thưa ông? – Bà quận chúa nói với một giọng khá cương – Tôi nghĩ rằng tôi đã từng có hân hạnh làm đẹp lòng phu nhân…

-Đẹp lòng tôi! Thế nghĩa là sao, thưa ông?

Giọng nói đã gợi Canolles nhớ lại những âm sắc vừa giận dữ, vừa hoảng sợ và hãy còn lưu lại trong trí nhớ của chàng.

Canolles nghĩ mình đi hơi quá xa, và chàng tiếp lời với một sự tôn kính sâu đậm nhất: -Bằng cách không thi hành đúng đắn những chỉ thị của tôi.

Bà quận chúa tỏ vẻ an tâm.

-Thưa ông – Nàng nói – Tôi không muốn phiền lụy cho ông, lệnh trên ra sao, ông cứ việc thi hành cho đúng.

-Thưa phu nhân, cũng may là tôi chưa biết người ta hành hạ một phụ nữ như thế nào, cũng như không biết người ta làm phật ý một quận chúa ra sao. Vậy tôi chỉ xin có hân hạnh nhắc lại với phu nhân điều tôi đã nói với công chúa phu nhân rằng tôi là kẻ tôi tớ rất hèn mọn của người… Xin người vui lòng ban cho tôi lời hứa, là sẽ không rời khỏi lâu đài nếu không có tôi, và về phía mình.

tôi giải phóng phu nhân khỏi sự hiện diện của tôi, sẽ làm chướng mắt người, tôi hiểu rõ điều ấy – Nhưng trong trường hợp ấy, thưa ông, ông sẽ không thi hành mệnh lệnh của mình sao?

-Tôi làm theo lương tâm.

-Thưa ông Canolles, tôi xin cam đoan sẽ không rời khỏi Chantilly mà không báo trước cho ông biên.

Canolles nghiêng mình sát đất nói: -Thưa phu nhân, xin hãy tha thứ cho tôi vì đã làm phiền phu nhân trong chốc lát. Phu nhân sẽ chỉ gặp lại tôi khi nào phu nhân cho đòi tới.

-Cám ơn nam tước, ông có thể đi. Tôi thành thật cảm tạ, ngày mai tôi sẽ vui mừng được gặp lại ông.

Lần này, chàng nam tước đã nhận ra, không còn hồ nghi gì nữa, ánh mắt và nụ cười quyên rũ của con người mà chàng đã để tuột khỏi tầm tay vào cái đêm người kỵ sĩ vô danh mang tới cho chàng lệnh của công tước d'Épernon. Mùi hương từ thân hình nàng tỏa ra và không nắm bắt được ấy chỉ có chàng mới có thể nhận biết và biết đích xác nàng là ai.

Chàng ném một cái nhìn sau chót lên bức chân dung. Mắt chàng đã quen thuộc với thứ ánh sáng chập chờn, người đàn bà dắt con trong tranh và người phụ nữ trên giường, không chỉ khác xa nhau về tuổi tác mà còn, tất nhiên, về nhan sắc nữa.

Tài diễn xuất của nàng cũng khéo đấy, nhưng đâu có thể qua mắt nam tước De Canolles.

Và thế là Canolles đã biết tất cả những gì mình muốn. Chàng lại lấy điệu bộ hết sức tôn kính như thể chào một vị quận chúa chính hiệu, rồi lùi gót trở về phòng.

§2

Canolles chưa có một quyết định gì cả, cho nên, khi trở về phòng, chàng đi tới đi lui, như thói quen của những người trong lúc tâm thần bất ổn, chẳng thèm lưu ý tới Castorin đang nóng lòng chờ đợi chàng. Hắn đứng dậy khi nhìn thấy chàng rồi cứ thế cắm cổ rảo bước theo sau, hai tay giơ ra cái áo choàng ngủ dài lượt thượt.

Castorin đụng vào một cái ghế. Canolles quay lại.

-Hừm! – Chàng nói – Mi làm gì với cái áo choàng đó?

-Tôi đợi cậu thay quần áo.

-Ta không biết sẽ thay vào lúc nào. Thôi thì hãy để áo trên ghế bành và đợi đấy.

-Cậu không thay đồ là nghĩa làm sao? Bộ cậu không đi ngủ à?

-Không.

-Thế chừng nào cậu mới đi ngủ?

-Ăn thua gì đến mi mà nói?

-Ăn thua lắm chứ, vì tôi mệt quá rồi.

-À! Thật ư? – Canolles dừng lại và nhìn thẳng vào mặt Castorin – Mi mệt lắm à?

-Rất mệt.

Canolles nhún vai: -Ra ngoài đi và đứng đợi ở tiền phòng, khi nào cần gì ta sẽ lắc chuông.

-Tôi báo trước để cậu biết nếu chờ lâu là tôi biến đi đấy. Tôi sẽ không còn ở đó nữa đâu.

-Thế mi ở đâu?

-Ở trên giường của tôi. Hình như sau khi vượt hai trăm dặm đường, người ta ai cũng cần đi ngủ.

-Thưa ông Castorin, ông là một tên xỏ lá.

-Nếu cậu thấy rằng, một tên xỏ lá không xứng đáng là người hầu của cậu, thì cậu chỉ cần nói một tiếng là tôi cuốn gói đi ngay.

Canolles không ở trong trạng thái bình tĩnh, và nếu Castorin thông minh hơn một chút, hắn sẽ nhận ra giông bão đang lớn dần trong trí não ông chủ, và chắc chắn hắn sẽ không vội vàng đưa ra những ý kiến như thế.

Canolles tiến thẳng về phía tên hầu và xách lấy khuy áo của hắn bằng hai ngón tay.

-Nhắc lại coi!

-Tôi xin nhắc lại, nếu cậu không bằng lòng, tôi xin thôi việc vậy.

Canolles buông Castorin ra và đi lấy cây can của mình. Castorin hiểu chuyện gì sẽ xảy ra. Hắn kêu lên: -Thưa cậu, cậu hãy nên thận trọng trong cái việc cậu sắp làm. Tôi không còn là một kẻ gia nhân tầm thường nữa, tôi phục vụ bà quận chúa.

-Ái chà! – Canolles hạ cây gậy xuống và nói – Mi làm việc cho bà quận chúa?

-Vâng, thưa cậu, mới mười lăm phút thôi.

-Ai mướn mi vô công việc đó?

-Ông Pompéc, viên quản lý của phu nhân.

-Pompéc!

-Vâng.

-Ồ! Sao mi không nói ngay? – Canolles kêu lên – Phải, phải, mi có lý do để thôi việc, và đây là hai Pistoles để bồi thường những cú đánh mới chỉ là ý định trong trí ta.

Castorin không dám cầm tiền: -Ôi trời, thế là nghĩa lý gì? Cậu định trêu tôi sao?

-Không đâu. Trái lại, anh bạn hãy nên đi theo hầu bà quận chúa. Nhưng khi nào thì anh bắt đầu công việc?

-Tính từ lúc cậu trả lại tự do cho tôi.

-Vậy thì trả lại tự do cho mi bắt đầu từ sáng mai.

-Và từ bây giờ cho đến sáng mai?

-Từ đây đến sáng mai, mi vẫn là người hầu của ta và mi phải vâng lời ta.

-Sẵn sàng! Cậu ra lệnh gì? – Castorin nói, rồi quyết định cầm lấy hai Pistoles.

-Bởi lẽ mi muốn đi ngủ, nên ta ra lệnh cho mi thay quần áo đi ngủ.

-Cậu nói sao, tôi không hiểu?

-Mi không cần hiểu, mà chỉ biết tuân lệnh, có vậy thôi. Thay đồ đi, ta sẽ giúp mi.

-Thế là thế nào, cậu sẽ giúp tôi?

-Dĩ nhiên, bởi vì mi sẽ thủ vai hiệp sĩ Canolles cho nên ta phải giữ vai của Castorin.

Và không đợi sự đồng tình của gã gia nhân, nam tước lột hết áo của hắn ra mặc vào mình, rồi trước khi hắn kịp ngạc nhiên, chàng đã quay gót, khóa cửa lại và nhanh nhẹn bước xuống cầu thang.

Canolles bắt đầu nhận ra tất cả những bí mật ấy, dẫu một phần của những biến cố nãy còn bị bao trùm trong một đám mây. Từ hai giờ qua, hình như bất cứ điều gì chàng nhìn thấy, nghe được đều không hoàn toàn tự nhiên. Thái độ của mỗi nhân vật ở Chantilly có vẻ như đóng kịch, hầu hết những người chàng gặp đều thủ vai một vai trò, và những chi tiết đã được kết hợp một cách ăn khớp tuyệt

diệu, nó chỉ rõ cho vị sứ giả của hoàng hậu rằng, nếu không muốn bị lừa thì phải gia tăng việc giám sát.

Sự tái hiện của cặp bài trùng Pompéc và tử tước Cambes đã giải tỏa mọi sự hồ nghi.

Khi Canolles vừa ra tới sân và mặc dù bóng tối mịt mù chàng cũng nhìn thấy bốn người đàn ông đang dàn bước sắp sửa tiến vào khung cửa nơi chàng mới đi ra, bốn người ấy được hướng dẫn bởi chính gã hầu phòng đã đưa chàng vô hội kiến với bà quận chúa. Một gã đàn ông khác, khoác áo choàng đi theo phía sau.

Nhóm người dừng lại ở ngưỡng cửa, đợi lệnh của gã vận áo choàng.

Với giọng hách dịch, gã này nói với người hầu phòng: -Mi biết rõ hắn ở đâu. Sở dĩ mi biết rõ là vì chính mi đã dẫn dắt hắn vô đó. Hãy canh chừng để hắn không thể thoát ra được, đặt người của mi ở cầu thang, trong hành lang, ở bất cứ đâu mi muốn, miễn là đừng để hắn nghi ngờ rằng hắn đã bị giám sát tại chính nơi hắn đang giám sát các vị quận chúa.

Canolles nấp trong một góc tối. Với bóng đêm dày đặc, chàng không sợ bị người ta trông thấy. Từ chỗ đó, chàng có thể quan sát năm gã bảo vệ được cử đến canh giữ chàng. Họ đã khuất sau vòm cửa. Gã đàn ông vận áo choàng, sau khi thấy lệnh của mình đã được thi hành, bèn quay gót.

Canolles đưa mắt theo dõi hắn. Chàng tự nhủ "Có thể do tức giận nên họ đã xử sự với ta như vậy. Bây giờ miễn là cái thằng quỷ Castorin đừng có la lối om sòm, hoặc làm điều gì bậy bạ… Ta thật ngu ngốc đã không buộc mồm nó lại. Khổ nỗi lúc này muộn mất rồi. Thôi đành vậy, cứ bắt đầu cuộc tuần phòng của ta."

Sau khi đảo mắt dò xét chung quanh, Canolles bước qua sân để tới khu nhà mà phía sau là những chuồng ngựa.

Tất cả cuộc sống trong lâu đài hình như đều dồn về khoảng không gian này. Người ta nghe thấy tiếng ngựa dậm chân thình thịch và những bước chạy rộn ràng của nhiều người vội vã. Âm thanh lích kích của những cái hàm thiếc và bàn đạp vang lên trong lúc ngựa được thắng yên cương. Những cỗ xe được đưa ra khỏi nhà kho. Chú ý lắng tai nghe, còn có thể nhận ra những giọng nói nghẹn đi bởi sợ hãi đang gọi và trả lời nhau.

Canolles nghe ngóng trong giây lát. Không còn nghi ngờ chi nữa, người ta chuẩn bị một cuộc khởi hành.

Chàng đi từ dãy nhà này sang dãy nhà khác, tiến vào một cái vòm và tới mặt tiền của tòa lâu đài.

Tới đây chàng dừng lại.

Thật vậy, những cửa sổ ở tầng dưới tràn ngập ánh sáng khiến người ta có thể đoán ra bên trong thắp rất nhiều đuốc. Và khi những bó đuốc ấy di chuyển vạch

những vệt sáng trên thảm cỏ ngoài vườn thì Canolles cho rằng đây là trung tâm hoạt động và cũng là đại bản doanh của vụ âm mưu.

Nắm được bí mật ấy, thoạt đầu Canolles hơi ngần ngừ, nhưng rồi chàng nghĩ đến sứ mạng được hoàng hậu giao phó và trách nhiệm phải thực hiện.

Canolles tìm cách leo lên bờ tường để có thể từ đây, qua khung cửa kính, nhìn được cảnh tượng bên trong.

Kế bên một người đàn bà đang đứng sửa soạn mũ áo cho chuyến đi, một vài thế nữ đã mặc xong cho cậu bé bộ đồ đi săn, đứa nhỏ quay lưng về phía Canolles. Chàng chỉ nhìn thấy bộ tóc vàng của nó. Nhưng người đàn bà, nhờ những ánh bạch lạp soi rõ khuôn mặt nên chàng đã nhận ra bà ta giống hệt như bức chân dung treo trong phòng quận chúa: Đó là một khuôn mặt thon dài, cái miệng nghiêm nghị, sống mũi với những đường nét ngạo nghễ của người trong tranh. Từ người bà ta toát ra đầy vẻ quyền uy. Qua cử chỉ, những cái nhìn nẩy lửa, những cái hất đầu, mọi người đều tuân theo răm rắp.

Nhiều người giúp việc ở trong nhà, trong số đó Canolles nhận ra gã hầu phòng, đang chất vào những va li, những rương hòm, những thùng nào đồ vàng bạc, châu báu, và đồ dùng của phụ nữ. Ông hoàng nhỏ tuổi trong lúc ấy nô giỡn với các gia nhân đang bận bịu tíu tít. Điều đáng tiếc là Canolles không nhìn thấy mặt cậu bé.

Chàng lẩm bẩm: "Đúng như ta nghi ngờ. Họ đã chơi ta một vố. Họ đang sửa soạn một chuyến đi. Phải, nhưng ta có thể thay đổi khung cảnh có vẻ bí mật này bằng một cảnh tang tóc, ta chỉ cần chạy ra tiền sảnh với cái còi bằng bạc này và thổi lên ba tiếng, trong vòng năm phút sau khi nghe thấy hiệu lệnh, hai trăm con người sẽ đột nhập tòa lâu đài này, bắt giữ các quận chúa, trói cổ tất cả các sĩ quan ấy lại. Phải, có điều lần này chàng nói bằng con tim chứ không phải bằng miệng. Phải, nhưng còn nàng, nàng ngủ ở đằng kia, hoặc giả vờ như đang ngủ, ta sẽ vĩnh viễn mất nàng, nàng sẽ căm thù ta, và lần này thì sự căm thù của nàng rất phải lẽ. Nàng sẽ khinh rẻ ta, bảo rằng ta đã tận tình trong cái nghề mật thám. Tuy nhiên, vì lẽ nàng vâng theo quận chúa, thì tại sao, ta lại trái lời hoàng hậu?"

Trong lúc ấy, như thể sự tình cờ muốn hủy bỏ quyết định đó, cánh cửa căn phòng nơi bà quận chúa đang trang điểm chợt mở ra, và hai nhân vật: Một người đàn ông trạc năm mươi và một người đàn bà tuổi đôi mươi bước vào, vui vẻ và hấp tấp. Tim của Canolles hoàn toàn nằm trong mắt chàng. Chàng vừa nhận ra mái tóc đẹp, đôi môi tươi, ánh mắt thông minh của tử tước De Cambes, lúc ấy hãy còn cười mỉm, đến hôn tay Clémence De Maillé, quận chúa De Condé. Nhưng lần này tử tước đã phục sức theo đúng đẳng cấp của mình cho nên đã trở thành một vị nữ tử tước đẹp nhất trần gian.

Canolles dám vứt đi mười tuổi thọ để nghe cuộc hội đàm của họ, nhưng dù có ghé sát đầu vào khung kính, cũng chỉ có những tiếng vo ve lọt vào tai thôi.

Chàng nhìn thấy bà quận chúa phác một vài điều gì nữa khiến cử tọa cười vang. Thiếu phụ lui gót cùng với một vài sĩ quan cấp dưới, nhưng họ lại bận đồng phục của các sĩ quan cao cấp. Chàng lại cũng nhìn thấy lão Pompéc, mặt mày vênh váo trong bộ y phục màu cam viền chỉ bạc ưỡn thẳng mình, tay đặt lên chuôi của một thanh kiếm to tướng và đi theo. Nữ chủ lúc ấy đang vén vạt áo dài bằng sa tanh cho khỏi quét đất, tiến đến, ở bên trái, từ một khung cửa đối diện, đoàn tùy tùng của bà quận chúa lặng lẽ tiến ra. Bà này không còn dáng đi của một kẻ chạy trốn, mà là của một nữ hoàng, rồi đến anh mã phu Vialas, quận công nhỏ tuổi D'Enghien được bồng trên tay, Lenet cầm một cái hộp trạm và một bó giấy tờ, và sau hết là ông chưởng quan tòa lâu đài kết thúc dòng người do hai sĩ quan gươm tuốt trần dẫn đầu.

Tất cả đám người ấy đi ra bằng một hành lang bí mật! Từ nơi quan sát, Canolles vội xuống đất và chạy tới mái vòm lúc này từ tứ bề đều tối om. Thế rồi chàng nhìn thấy đoàn người lặng lẽ đi về phía chuồng ngựa, họ sắp khởi hành.

Trong lúc ấy, ý nghĩ về bổn phận, về sứ mạng của hoàng hậu giao cho, lại hiện ra trong tâm trí Canolles. Người đàn bà này ra đi, có nghĩa là cuộc nội chiến sẽ bùng nổ và các con dân của nước Pháp lại sẽ bắn giết lẫn nhau. Dĩ nhiên, chàng cảm thấy hổ thẹn, chàng – một đấng tu mi nam tử, lại đi làm mật thám và làm tên canh giữ một phụ nữ nhưng đó là một phụ nữ cũng tựa như bà phu nhân De Longueville kia đã từng gieo rắc máu lửa bốn phương trời Paris.

Canolles chạy lại mé tiền sảnh và đưa cái còi bằng bạc lên môi. Chỉ sau mấy tiếng còi của chàng, đoàn người kia sẽ bị cầm tù. Địa vị của chàng vững vàng hơn và chắc chắn chàng sẽ giàu có.

Nhưng Canolles ngước nhìn về phía căn phòng, nơi nàng quận chúa giả hiệu đang ngủ. Qua ánh sáng mờ dịu của ngọn đèn đêm, chàng tưởng như nhìn thấy bóng hình thân yêu in trên những tấm rèm trắng trong.

Thế là tất cả những toan tính, những quyết định của chàng đều tan biến dưới ánh sáng mờ dịu ấy, không khác gì những tia sáng lúc bình minh đã làm tan vỡ tất cả mộng đẹp, đã xua đuổi hết lũ ma quỷ của đêm tối.

"Cái lão Mazarin cũng đã đủ giàu để mất đi các ông hoàng bà chúa này, còn ta ta đâu giàu có chi để mấtmột kho vàng đã thuộc về ta, và ta sẽ gìn giữ nó với một sự ghen tuông như một con mãnh hổ. Lúc này nàng chỉ có một mình, tùy thuộc vào ta, trong sự bao che của ta, bất kể giờ giấc ngày đêm, ta có thể vào phòng nàng, nàng sẽ không chạy trốn nếu không nói cho ta biết, vì ta đã nhận lời hứa thiêng liêngcủa nàng. Hoàng hậu dù bị lừa, cái lão Mazarin dù nổi giận, ta cũng cóc cần!"

Và Canolles đút còi vào túi, lắng nghe tiếng ầm ầm như sấm động khi những cỗ xe đi qua trên cầu. Thế rồi im lặng lại được trở về với bóng đêm. Chàng bước vào khoảng sân thứ hai vắng lặng và thận trọng leo lên cầu thang. Tuyệt nhiên

chàng chẳng hề nghĩ rằng mình vừa đem đặt cọc cuộc đời mình cho mối tình của một người đàn bà, nghĩa là với cái bóng của hạnh phúc.

Mặc dầu đã cẩn thận mò mẫm, nhưng khi tới hành lang, Canolles vẫn đụng với một kẻ hình như đang đứng nghe ngóng chi đó. Quá hoảng hốt, gã thốt kêu lên: -Ông là ai? Ông là ai?

-Hừm! Trời đất! – Canolles nói – Thì ông là ai đã? Tại sao lại mò mẫm như một tên do thám ở phía cầu thang này?

-Tôi là Pompéc!

-Quản gia của bà quận chúa?

-Dạ, chính thế! Quản gia của bà quận chúa!

-A! Vậy thì không hẹn mà nên – Canolles nói – còn tôi, tôi là Castorin.

-Castorin, quân hầu của nam tước De Canolles?

-Đích thị.

-A! Castorin thân mến của tôi! – Pompéc nói – Chắc tôi đã làm cho anh sợ.

-Tôi sợ?

-Phải! Chớ sao! Một khi người ta không phải là lính tráng. Bạn thân mến, tôi có thể giúp gì được bạn? – Pompéc nói tiếp với một vẻ quan trọng.

-Dạ!

-Có gì thì nói đi.

-Anh có thể loan báo ngay tức khắc với bà quận chúa rằng, ông chủ của bà ấy muốn nói chuyện với bà ấy.

-Vào giờ này?

-Dĩ nhiên.

-Không thể được!

-Bộ anh tưởng vậy?

-Tôi tin chắc.

-Vậy là bà ấy sẽ không tiếp ông chủ của bà ấy?

-Không!

-Lệnh của đức vua! Thưa ông Pompéc, hãy nói với bà ấy như thế.

-Lệnh của đức vua! … Pompéc kêu lên – Tôi đi ngay.

Và Pompéc lập cập đi xuống, vừa sợ hãi vừa kinh hoàng.

Canolles trở về phòng mình, thấy Castorin ngả người trên ghế bành ngáy ầm ĩ. Chàng mặc quần áo sĩ quan và ngồi chờ đợi kết quả của công việc vừa rồi.

-Nếu ta không làm tốt nhiệm vụ lão Mazarin giao – Chàng thầm nhủ – thì hình như ta sẽ không làm quá xấu những việc của ta.

Mười phút trôi qua, Pompéc vẫn không trở lại. Và cũng chả có ma dạo nào tới cả. Thấy rằng chờ đợi mãi cũng vô ích, Canolles quyết định tự mình đi tới.

Chàng đánh thức Castorin dậy, truyền lệnh cho hắn phải sẵn sàng ứng phó với mọi biến cố, rồi sau đó đi lại phòng quận chúa.

Tới cửa, nam tước gặp một tên người hầu. Mặt mày hắn nhăn nhó vì đã làm xong bổn phận mà chưa có người thay thế. Cũng như Castorin, sau một ngày làm việc mệt nhọc, hắn cần được nghỉ ngơi.

-Thưa ngài, ngài muốn gì? – Hắn hỏi Canolles.

-Tôi xin được gửi quận chúa De Condé lời chào tôn kính của tôi.

-Vào giờ này, thưa ngài?

-Vào giờ này thì sao?

-Dạ, nhưng đã khuya quá rồi.

-Làm sao anh dám nói vậy?

-Tuy nhiên, thưa ngài… – Hắn lắp bắp.

-Tôi không xin nữa, mà tôi muốn. – Canolles nói với giọng oai vệ.

-Ngài muốn… Nhưng ngài nên biết chỉ có bà quận chúa chỉ huy ở đây.

-Đức vua chỉ huy tất cả… Lệnh của đức vua!

Người hầu run rẩy và cúi đầu: -Xin lỗi ngài, tôi chỉ là một tên gia nhân hèn mọn, tôi không thể gánh lấy cái trách nhiệm mở cửa phòng quận chúa, xin ngài cho phép tôi đi đánh thức quan thị vệ.

-Tại lâu đài Chantilly, các quan thị vệ có thói quen đi ngủ vào lúc mười giờ à?

-Người ta đi săn suốt cả ngày, thưa ngài.

Canolles thầm nghĩ: "Đúng vậy. Họ chỉ cần phải có thì giờ mặc quần áo thị vệ cho một anh nào đó."

Rồi chàng lớn tiếng: -Được. Đi đi. Tôi đợi.

Người hầu cắm cổ chạy. Hắn đi báo động khắp lâu đài, thêm cái mồm của Pompéc nữa, khiến cho mọi người lại càng hốt hoảng.

Canolles còn lại một mình, tai lắng nghe và mắt mở căng.

Tiếng người chạy rậm rịch trong những phòng khách và dãy hành lang. Nhờ những vệt sáng lờ mờ, chàng nhìn thấy những bóng người được trang bị súng dài nấp ở các nơi. Khắp chốn, chàng cảm thấy có những thì thầm đe dọa, thay thế cho cái im lặng hoàn toàn trong giây phút trước đây.

Canolles cầm cái còi trong tay và tiến lại một khung cửa sổ. Từ đó, chàng có thể nhận ra chỗ ẩn nấp của hai trăm người lính chàng mang theo.

-Không – Chàng tự nhủ – việc ấy sẽ dẫn thẳng tới chiến trận, nó sẽ đem lại tang tóc; tốt hơn hết là chờ đợi, điều tồi tệ nhất có thể đến với chúng ta trong khi chờ đợi là bị giết, còn nếu hấp tấp, ta sẽ mất nàng…

Canolles vừa mới suy nghĩ xong, thì thấy một cánh cửa mở ra, và một nhân vật mới xuất hiện. Ông ta vội vã nói đến nỗi không kịp chào nhà quý tộc: -Quận chúa khó ở và ra lệnh không cho bất cứ một ai vào.

Canolles chằm chằm nhìn người lạ và nói: -Ông là ai? Khi nói với một nhà quý tộc, tại sao ông vẫn đội mũ trên đầu?

Và Canolles dùng đầu gậy hất cái mũ của người đối thoại. Người này lùi lại một bước và kêu lên: -Thưa ngài!

-Tôi hỏi ông, ông là ai?

-Tôi là…, tôi là…, như ngài có thể nhìn thấy qua bộ quân phục của tôi, đội trưởng cận vệ của quận chúa.

Canolles mỉm cười.

Thật thế, chỉ cần liếc mắt, chàng đã nhận ra mình đang tiếp xúc với loại người vô tích sự, cái áo chẽn sĩ quan của hắn bó chặt lấy cái bụng bự khiến cho mấy khuy áo như sắp đứt bung ra.

-Tốt lắm, thưa đội trưởng. – Canolles nói – Hãy nhặt cái mũ của ông lên và trả lời.

Viên đội trưởng thi hành khẩu lệnh của Canolles với tính cách của một người đã nghiên cứu kỹ lưỡng kỷ luật nhà binh, để biết chỉ huy giỏi, phải biết vâng lời.

-Đội trưởng đội cận vệ! Chà! Một chỗ ngon lành hả?

-Vâng, thưa ngài, cũng tạm được. – Ông ta đứng thẳng người.

-Đừng có phưỡn ngực ra như thế, thưa ông đội trưởng, kẻo rồi cái quần của ông sẽ rớt xuống gót chân và hình như thế, sẽ chả đẹp chút nào.

-Nhưng rút cuộc, thưa ngài, ngài là ai?

-Thưa ông, tôi sẽ noi gương lễ độ của ông, và sẽ trả lời câu hỏi của ông như ông đã trả lời câu hỏi của tôi. Tôi là đại úy của binh đoàn Navailles và tôi tới đây nhân danh nhà vua với tư cách một sứ giả mang thái độ ôn hòa hoặc thô bạo tùy từng tình huống tuân phục hay chống lại lệnh của hoàng đế.

Anh chàng đội trưởng kêu lên: -Thô bạo! Thưa ngài, một tính chất thô bạo…

-Rất thô bạo, tôi báo trước để ông biết. – Và chàng nói tiếp luôn – Phải ngay cả với quận chúa.

-Thưa ông, chớ nên sử dụng sức mạnh, tôi có dưới trướng năm mươi người được võ trang sẵn sàng bảo vệ danh dự của quận chúa.

Canolles không muốn nói với hắn rằng năm mươi người của hắn đều chỉ là những kẻ hầu người hạ, những bồi bếp rất xứng đáng để phục vụ dưới quyền một ông xếp như thế, và còn về phần danh dự của quận chúa, thiết tưởng nó đã chạy theo bà ta vào cái thời điểm bà ta ở trên đường tiến về Bordeaux.

Và chàng chỉ đáp với vẻ bình thản để đối phương sợ hơn là đe dọa, thái độ quen thuộc của những con người dũng cảm, thường đương đầu với các hiểm nguy.

-Nếu ông có năm mươi người được võ trang, thưa đội trưởng, tôi có hai trăm binh sĩ thuộc đạo quân tiền vệ của hoàng gia. Bộ ông tính chuyện làm phản, chống lại hoàng đế hay sao?

-Không! Thưa ngài không! Nhưng xin ngài làm chứng cho, tôi chỉ nhượng bộ trước sức mạnh.

-Có vậy mới là tình đồng nghiệp chứ.

-Vâng, tôi sẽ dẫn ngài tới công chúa phu nhân, hiện đang còn thức.

Canolles chẳng thèm suy nghĩ để nhận ra sự nguy hiểm ghê gớm trong cái bẫy người giăng ra, vì chàng tin tưởng vào khả năng của mình.

-Tôi không có lệnh hội kiến với bà công chúa. Tôi muốn gặp vị quận chúa trẻ.

Viên đội trưởng đội cận vệ cúi đầu một lần nữa, đoạn quay gót, kéo lê thanh gươm dài trên sàn. Hắn lại đi qua ngưỡng cửa một cách oai vệ giữa hai người lính gác vừa rồi suýt bỏ trốn khi hay tin có hai trăm binh sĩ của nhà vua đang bao vây bên ngoài, họ không muốn trở thành những kẻ tuẫn tiết ở trong lâu đài Chantilly.

Mười phút sau, viên đại úy, theo sau có hai người lính cận vệ, trở lại với đầy đủ những nghi lễ để dẫn Canolles tới ngay phòng quận chúa không một chút chậm trễ.

Canolles nhận ra đúng căn phòng, đồ đạc, cái giường, và cả mùi thơm của căn phòng nữa. Nhưng có hai thứ phải tìm cho ra, mà chưa thấy, bức chân dung của quận chúa chính hiệu, nó đã khiến chàng phải lưu ý ngay trong cuộc viếng thăm lần đầu và khuôn mặt của nàng quận chúa giả, đã khiến chàng phải chấp nhận một hy sinh to lớn. Bức chân dung đã được cất đi, và do một sự thận trọng muộn màng, khuôn mặt của người nằm trên giường đã quay về phía trong với một điệu bộ rất vua chúa.

Hai phụ nữ đứng gần nàng, bên giường.

Nhà quý tộc sẵn sàng bỏ qua thái độ thiếu lịch sự ấy, nhưng lại sợ thêm một lần tráo người, nó cho phép De Cambes phu nhân bỏ trốn như nàng quận chúa thực. Vì thế, chàng cảm thấy lo âu và muốn kiểm soát xem nhân vật đang nằm trên giường có đích thực là con người chàng đã đắm say để sẵn sàng bỏ hết công danh sự nghiệp không.

-Thưa phu nhân! – Chàng nghiêng mình rất thấp và nói – Tôi xin lỗi phu nhân đã tự đến trình diện như vậy, trong khi tôi đã đoan quyết là sẽ chờ lệnh phu nhân. Nhưng vì tôi vừa nhận thấy có những sự chuyển dịch rầm rộ trong tòa lâu đài và…

Người nằm trên giường thoáng giật mình nhưng không đáp. Canolles cố tìm kiếm một vài dấu hiệu ngõ hầu xác quyết có đúng con người mình đang mong gặp thực sự hiện diện trước mắt không, nhưng giữa những đám đăng ten, những mùng mền chăn gối, chàng không thể nhận ra điều gì khác ngoài hình thù một người đang nằm.

Canolles nói tiếp: -Thưa phu nhân, tôi phải tự mình kiểm tra xem có phải người nằm trên giường này vẫn là người tôi đã hân hạnh được hầu chuyện cách đây nửa giờ hay không.

Lần này không còn phải là một sự giật mình đơn giản, mà là một cử chỉ sợ hãi. Cử động ấy không lọt qua được mắt Canolles.

-Nếu nàng lừa dối ta – Chàng thầm nghĩ – Nếu nàng bỏ trốn mặc dù đã hứa một cách long trọng, ta sẽ rời lâu đài, nhảy lên ngựa, dẫn đầu hai trăm binh sĩ, và bắt cho kỳ được những kẻ chạy trốn, dẫu phải nổi lửa hỏa thiêu mấy chục ngôi làng để soi sáng con đường đi của ta.

Canolles chờ đợi thêm giây lát, nhưng người nằm trên giường, không trả lời cũng chẳng hề quay lại. Chắc vì muốn tranh thủ thời gian.

Không đủ can đảm che giấu sự sốt ruột của mình, Canolles nhắc nhở: -Thưa phu nhân, xin phu nhân nhớ cho rằng tôi là sứ giả của đức vua, và nhân danh đức vua, tôi xin được xem mặt phu nhân.

-Ồ! Đây là một sự tra xét không thể chịu đựng nổi! – Một giọng nói run run thốt ra khiến chàng sĩ quan mừng rỡ run rẩy cả người, bởi vì chàng đã nhận ra âm sắc ấy, không thể lẫn lộn với bất cứ một giọng nào khác – Thưa ông, nếu quả như lời ông nói, nhà vua đã buộc ông phải xử sự như vậy, chính vì nhà vua chỉ là một cậu bé, chưa biết đến bổn phận của một người quý tộc, bức bách một phụ nữ phải để lộ mặt ra, có khác gì một sự nhục mạ bằng cách lột mạng che mặt.

-Thưa phu nhân, có một câu nói khi nó thốt ra từ cửa miệng của nhà vua, các vị phu nhân đều phải nghiêng mình, cần phải tuân lệnh.

-Nếu là "lệnh", tôi thiết nghĩ, tôi đơn chiếc và vô phương chống lại lệnh của nhà vua cũng như đòi hỏi của vị sứ giả của ngài, tôi xin tuân lệnh. Thưa ông, hãy nhìn tôi đi.

Có một sự chuyển động đột ngột, những mùng mền, chăn gối, đăng ten được gạt ra để lộ một khoảng trống. Một mái tóc vàng óng như tơ nõn hiện ra, và một khuôn mặt đẹp tuyệt vời. Canolles liếc nhìn quanh. Vốn quen thuộc với những tình cảnh tương tự như thế, Canolles tin chắc rằng, bàn tay nõn nà đặt trên cổ trắng ngần ấy, cặp mắt với riềm mi rủ thấp ấy, không phải biểu lộ sự tức giận.

Nàng quận chúa giả vẫn giữ nguyên tư thế đó trong lúc Canolles lặng ngắm nàng, thở hít cái mùi hương kỳ diệu và nén chặt hai bàn tay, con tim đang đập mạnh.

-Thế nào! Thưa ông, ông đã thỏa nguyện rồi chứ? Vâng, thắng lợi của ông đã hoàn toàn, có phải vậy không? Thế thì hãy tỏ ra là người chiến thắng có lòng quảng đại, xin mời ông lui gót.

-Thưa phu nhân, tôi muốn lắm, nhưng tôi phải hoàn thành những công việc của tôi cho đến cùng. Cho tới bây giờ, tôi chỉ hoàn thành một phần sứ mạng có liên quan tới phu nhân, nhưng chỉ nhìn thấy phu nhân không thôi, chưa phải là đầy đủ, tôi còn phải gặp quận công D'Enghien.

Một sự im lặng nặng nề rơi xuống căn phòng.

Nàng quận chúa giả chợt chống tay lên và nhìn thẳng vào Canolles. Một cái nhìn với bao nhiêu ý nghĩa, có vẻ như muốn nói rằng: Ông đã nhận ra tôi chưa? Ông có biết thật sự tôi là ai không? Nếu đã biết, hãy buông tha tôi, hãy tha thứ cho tôi, ông là người mạnh nhất, hãy thương xót tôi!

Canolles hiểu tất cả những gì chứa đựng trong cái nhìn ấy, nhưng chàng vẫn cương quyết đáp lại ánh mắt ấy bằng một giọng nói: -Không thể được, thưa phu nhân. Lệnh đã ghi rõ.

-Đành phải làm theo tất cả như ông muốn thôi, bởi vì ông không có một sự chiếu cố nào đối với địa vị cũng như chức tước, thôi thì để các bà ấy sẽ dẫn ông tới hoàng thân, con trai tôi.

-Các bà ấy, thay vì đưa tôi lại chỗ quận công, thì dẫn quận công tới đây có được không thưa phu nhân? Như vậy tôi thấy có vẻ tiện hơn.

-Và tại sao, thưa ông?

-Bởi vì trong thời gian ấy, tôi sẽ nói cho phu nhân biết một phần sứ mạng của tôi, và chỉ có một mình phu nhân được nghe mà thôi?

-Cho một mình tôi?

-Vâng, một mình phu nhân thôi.

Lần này, tia mắt nàng chuyển từ van nài sang lo âu. Canolles cảm nhận ngay được điều ấy. Chàng hỏi: -Trong cuộc tiếp xúc, có điều gì khiến phu nhân phải sợ hãi? Phu nhân có phải là một quận chúa, và tôi có phải là một nhà quý tộc hay không?

-Vâng, thưa ông, ông có lý và tôi đã lo sợ không đâu. Vâng, rất hân hạnh được gặp ông lần đầu, nhưng tôi đã nghe đồn đại về sự lịch thiệp và lòng trung thành của ông từ lâu. Nào, các bà hãy đưa quận công D'Enghien đến đây.

Hai người đàn bà rời khỏi thành giường, tiến ra cửa, quay lại một lần nữa để xem rằng lệnh ban ra có chính xác không và bằng một dấu hiệu để xác định những lời nói của nữ chủ nhân, họ bước ra ngoài.

Canolles nhìn theo cho tới khi họ đóng cửa lại. Rồi chàng quay về phía nàng, mắt ánh lên một niềm vui.

Người đàn bà khoanh tay lại và nói: -Thưa ông De Canolles, tại sao ông lại hành hạ tôi như vậy?

Vừa nói nàng vừa nhìn chàng. Không phải cái nhìn ngạo nghễ của một vị quận chúa như nàng đã cố gắng nhập vai nhưng không thành công. Lần này rất xúc động, rất có ý nghĩa, cái nhìn ấy gợi ra trong trí nhớ của chàng tất cả những chi tiết thú vị trong cuộc hội kiến đầu tiên của họ, tất cả những giây phút đáng ghi nhớ trên lộ trình, tất cả những kỷ niệm dễ thương của cuộc tình mới chớm nở. Và nó khiến cho lòng chàng không khỏi ngây ngất.

Chàng tiến lại một bước về phía giường rồi nói: -Thưa phu nhân, nhân danh nhà vua, tôi giám sát bà De Condé chứ không phải giám sát phu nhân. Phu nhân

không phải là quận chúa.

Nàng khẽ thốt lên một tiếng kêu, và đặt một tay lên ngực, mặt tái hẳn đi.

-Ông muốn nói gì, thưa ông? Và ông cho rằng tôi là ai?

-Ồ! Về chuyện đó, tôi rất băn khoăn khi giải thích với phu nhân, vì tôi hầu như biết rõ phu nhân là vị tử tước duyên dáng nhất, nếu không phải là vị nữ tử tước đáng tôn thờ.

-Thưa ông, qua tất cả những gì ông vừa nói, tôi chỉ nhận thấy một điều này: Ông thiếu lễ độ với tôi, ông nhục mạ tôi.

-Thưa phu nhân, người ta không thể thiếu sự tôn kính đối với Chúa bởi lẽ người ta tôn thờ ngài, người ta không thể nhục mạ các thiên thần bởi lẽ người ta quỳ gối trước họ.

Và Canolles nghiêng mình như thể muốn quỳ xuống. Nữ tử tước vối nói để ngăn chàng lại: -Thưa ông, quận chúa De Condé không thể chịu…

-Quận chúa De Condé, thưa phu nhân, lúc này đang ngồi trên mình ngựa song song với Vialas, mã phu của bà, với Lenet vị cố vấn của bà, với những nhà quý tộc, những đại úy, sau hết là với toàn bộ gia đình, trên đường đi Bordeaux, và chẳng có dính líu chi tới những gì đang diễn ra vào thời điểm này giữa nam tước Canolles và tử tước hay nữ tử tước De Cambes.

-Nhưng ông nói gì vậy, thưa ông? Ông điên sao?

-Không, thưa phu nhân, tôi chỉ thuật lại điều đã trông thấy, chỉ kể lại điều đã nghe.

-Vậy thì, nếu ông đã nhìn thấy, nếu ông đã nghe thấy như ông nói, sứ mạng của ông hẳn đã hoàn tất.

-Phu nhân tưởng vậy sao? Vậy là tôi phải trở về Paris và thú nhận với hoàng hậu rằng, để khỏi phật ý một phụ nữ tôi yêu – Tôi không nêu danh một ai, thưa phu nhân, xin đừng nhìn tôi với một con mắt giận dữ như vậy – tôi đã bất tuân thượng lệnh, tôi đã để cho kẻ thù của ngài chạy trốn, bỏ qua những gì tôi nhìn thấy, phản bội, vâng, phản lại mục đích của đức vua…

Nữ tử tước tỏ vẻ xúc động và nhìn chàng với ánh mắt dịu dàng: -Tôi thiết nghĩ ông có thể nại ra những cớ chính đáng để bào chữa cho mình chứ? Chẳng hạn như, một mình ông đơn thương độc mã, đâu có thể ngăn được cả một đoàn hộ tống của quận chúa? Không lẽ người ta ra lệnh cho ông, một mình chống với năm mươi nhà quý tộc hay sao?

Canolles lắc đầu nói: -Thưa phu nhân, tôi không đơn thương độc mã, trong cánh rừng, cách chúng ta nằm trăm bước, đã cho phục sẵn hai trăm quận sĩ, và họ hiện còn đó, tôi có thể tập họp và gọi họ tới bằng một tiếng còi. Việc bắt giữ bà quận chúa đối với tôi thật dễ dàng, bà ấy không thể chống lại được. Và cho dù thực lực của chúng tôi yếu hơn bà ấy, thức tế mạnh hơn gấp bốn lần, tôi vẫn có thể chiến đấu, cái chết ở nơi chiến trường tôi coi nhẹ như lông hồng… – Chàng

trai càng lúc càng nghiêng mình xuống -… nó cũng nhẹ như khi tôi chạm vào bàn tay nuột nà này.

Thật thế, bàn tay trắng nõn nà như ngọc, lúc này đã buông thõng ra ngoài giường và hình như cũng biết xúc động qua mỗi câu nói của chàng trai. Tình yêu như có từ lực. Nó đã cuốn hút nàng về với những phút giây ở trong quán trọ nhỏ ở Jaulnay, đến nỗi nàng sững sờ và khi nhìn thấy chàng quý tộc hôn lên tay mình, nàng mới vội vàng rụt tay về.

-Thưa ông De Canolles, xin cảm ơn ông, xin thành thật cảm ơn ông về những gì ông đã làm cho tôi. Xin hãy tin rằng tôi không bao giờ quên điều này. Nhưng giúp đỡ của ông sẽ giá trị gấp bội nếu bây giờ ông có thể lùi gót. Phải chăng chúng ta cũng nên từ biệt nhau, một khi ông đã hoàn thành công tác?

Hai tiếng "chúng ta" được thốt lên với một âm sắc dịu ngọt, bàng bạc vẻ tiếc nuối đã khiến cho quả tim Canolles phải nức nở.

-Thưa phu nhân, tôi xin tuân theo. Có điều tôi xin lưu ý phu nhân, không phải là để không vâng theo, nhưng để tránh cho phu nhân một ân hận có thể xảy đến: Chính vì tuân lời phu nhân nên tôi có thể lâm nguy. Nếu thú nhận tội lỗi bằng cách nói tất cả sự thật, tôi sẽ trở thành nạn nhân của chính mình… Người ta sẽ chụp cái mũ phản bội lên đầu tôi, người ta sẽ tống giam tôi…, và rất có thể bị xử bắn. Rất đơn giản, bởi vì tôi đã phản bội.

Claire thốt lên và nắm lấy tay Canolles, nhưng rồi nàng lại vội buông ra với vẻ thẹn thùng đáng yêu.

-Chúng ta phải làm thế nào bây giờ?

Trái tim chàng trai đập rộn ràng, hai tiếng "chúng ta" dễ thương ấy chắc chắn đã trở thành một dụng ngữ ưa thích

của De Cambes phu nhân.

-Ông bị lâm nguy! Ông rất tốt, rất hào hiệp. Ông bị lâm nguy! Tôi ồ, không bao giờ. Làm thế nào tôi có thể giúp được ông? Nói đi, nói đi!

-Thưa phu nhân, phu nhân cần phải cho phép tôi diễn vai trò của tôi cho tới phút chót. Cần phải, như tôi đã từng nói với phu nhân, để tôi tả ra là bị phu nhân đánh lừa, để tôi báo cáo với ngài De Mazarin những lời tôi biết.

-Vâng, nhưng nếu người ta biết chính vì tôi, ông đã làm tất cả những việc ấy, nếu người ta lại cũng biết chúng ta đã gặp nhau, đã hội kiến với nhau từ trước, thì chính tôi, đến lượt tôi sẽ lâm nguy. Hãy nghĩ đến điều đó.

Canolles giả vờ rầu rĩ: -Thưa phu nhân, tôi không tin rằng, phu nhân lại có thể để lộ bí mật mà chỉ có phu nhân và tôi biết thôi.

Claire im lặng, nhưng với cái nhìn bối rối, một nụ cười thoáng hiện, đủ để cho Canolles cảm thông được. Cho nên chàng cũng mỉm cười và hỏi: -Vậy tôi sẽ ở lại?

-Nếu cần phải như thế. – Nữ tử tước đáp lại.

-Trong trường hợp ấy, tôi sẽ viết thư cho ngài De Mazarin.

-Vâng, ông cứ viết đi.

-Thế là làm sao?

-Tôi nói rằng ông nên đi viết thư cho ông ta đi.

-Không được, tôi phải ngồi đây viết cho lão ta, chính tại phòng của phu nhân, tôi phải ghi rõ nơi viết là bên cạnh giường phu nhân.

-Nhưng sao lại có chuyện như vậy?

-Xin phu nhân hãy đọc. Đây là những chỉ thị tôi đã nhận được…

Và Canolles trao tờ giấy để cho nữ ữđọc:

"Nam tước De Canolles có nhiệm vụ luôn theo sát bà quận chúa và quận công D'Enghien con trai bà."

-Theo sát. – Canolles nói.

-Vâng theo sát, được lắm.

Thế là Claire hiểu ra tất cả lợi lộc mà một chàng trai si tình có thể rút từ những lời dặn dò đó; và nàng cũng hiểu mình có thể giúp ích cho quận chúa rất nhiều khi kéo dài tình trạng này.

-Ông hãy viết đi. – Nàng nói.

Canolles đưa mắt nhìn. Cũng bằng một cái nhìn, Claire ra dấu cho chàng nơi để văn phòng phẩm. Chàng mở một tủ con lấy ra các thứ giấy, bút và mực. Chàng kéo một cái bàn lại sát giường, và như thể Claire vẫn là một quận chúa, chàng xin phép được ngồi xuống, rồi viết cho ngài De Mazarin một bức công văn sau:

Thưa đức ông.

Tôi đã tới lâu đài Chantilly vào 9 giờ tối. Ngài cũng thấy rồi tôi phải vội vàng như thế nào khi tôi chỉ có thể từ giã ngài vào lúc 6 giờ 30.

Tôi đã tới hội kiến với hai vị quận chúa ở ngay trong phòng của họ: Bà công chúa phu nhân bị đau nặng, còn quận chúa sau một ngày săn bắn, đã hết sức mệt mỏi.

Theo chỉ thị của đức ông, tôi đã tới trình diện các vị phu nhân, lúc đó các tân khách đã ra về. Hiện giờ tôi đang giám thị chặt chẽ bà quận chúa và con trai bà ấy.

-Và con trai bà ấy! – Canolles quay về nữ tử tước và lập lại. Thật buồn cười, hình như tôi đã nói dối, trong khi tôi không hề muốn dối trá.

Claire cười đáp: -Ông hãy an tâm. Nếu tôi chưa thấy mặt con trai tôi, thì rồi ông sẽ thấy.

-Và con trai bà ấy! – Canolles lại cười lớn.

Sau đó, chàng ghi thêm vào bức thư một đoạn cuối:

Chính ngay tại khuê phòng của quận chúa, và ngồi bên cạnh giường của bà, tôi đã có hân hạnh viết văn thư này để đệ trình lên đức ông.

Ký tên xong, chàng xin phép Claire rung chuông gọi người hầu phòng. Chàng nói với hắn.

-Anh đi kêu người hầu của tôi tới đây.

Năm phút sau, Castorin được dẫn tới. Chàng bảo hắn: -Mang văn thư này đưa cho ông sĩ quan chỉ huy binh lính của tôi, nói với ông ấy phải gởi đi Paris bằng đường hỏa tốc.

Bị sai bảo vào lúc đêm hôm như thế, Castorin tỏ vẻ khó chịu. Hắn đáp: -Thưa nam tước, hình như tôi đã báo với nam tước rằng ông Pompéc đã mướn tôi làm việc cho bà quận chúa.

-Nhân danh quận chúa tôi truyền đạt lệnh ấy tới anh. – Quay về phía Claire, chàng tiếp – Xin phu nhân xác nhận cho những lời nói của tôi. Đây là công việc hết sức khẩn cấp. Công văn này phải được gởi đi ngay lập tức.

Nàng quận chúa giả ra lệnh bằng một giọng uy quyền: -Đi ngay!

Castorin khom lưng sát đất rồi quay gót.

Claire chìa tay ra, nhìn Canolles nói với một giọng van nài: -Bây giờ thì ông có thể ra về được rồi chứ?

-Xin lỗi, còn cậu con trai, thưa phu nhân.

-À đúng! – Claire mỉm cười đáp – Ông sẽ thấy nó.

Đúng lúc De Cambes phu nhân nói xong, có tiếng cào vào cửa, theo như tục lệ của thời ấy. Hồng y giáo chủ Richelieu là người đã khai sinh ra kiểu gõ cửa ấy. Nó đã được truyền qua các triều đại: Từ Richelieu đếN Chavigny rồi tới Mazarin. Dĩ nhiên, với bà quận chúa người ta cũng làm như thế.

-Họ tới đó. – De Cambes phu nhân nói.

-Được rồi… Tôi sẽ theo đúng nghi thức công vụ.

Canolles rời khỏi bàn, kéo ghế ra, đội mũ rồi nghiêm chỉnh ngồi cách giường quận chúa bốn bước.

-Cho các người vào! – Nữ tử tước nói.

Thế là một phái đoàn trịnh trọng tiến vào.

Đó là các bà, các sĩ quan, các thị vệ thuộc bộ phận nội dịch của quận chúa.

-Thưa phu nhân! – Người thứ nhất nói – Người ta đã đánh thức quận công dậy. Bây giờ quận công có thể đón tiếp sứ giả của đức vua.

Sau khi trao đổi với Canolles một cái nhìn thông cảm rất nhanh, Claire nói: -Dẫn quận công D'Enghien lại đây. Ngài nam tước sẽ thấy con trai tôi trước mặt tôi.

Mọi người vội vàng tuân lệnh. Giây phút sau, ông hoàng nhỏ tuổi được đưa vào.

Như chúng tôi đã nói ở đoạn trên Canolles đã mục kích cuộc trốn chạy của bà quận chúa, và cũng đã nhìn thấy cậu con trai bà ta – nhưng không rõ mặt – lúc ấy mặc bộ đồ rất đơn giản. Cho nên chàng thừa biết cậu bé đứng trước mặt chàng

chỉ là một ông hoàng giả. Chàng cố nín cười và vẫn phải tiếp tục diễn nốt tấn tuồng.

-Tôi rất sung sướng – Chàng nghiêng mình nói – được hân hạnh gởi tới quận công D'Enghien lời chào mừng của tôi.

De Cambes phu nhân đưa mắt ra hiệu cho cậu bé chào lại. Canolles dõi theo tất cả những chi tiết của cuộc diễn xuất ấy với một vẻ tinh quái.

-Con ạ! – Nữ tử tước nói với một giọng cay độc có tính toán – Vị sĩ quan trước mặt con là ngài Canolles, sứ giả của đức vua. Con hãy đưa tay ra để cho ngài Canolles hôn.

Cậu bé Pierrot đã được cố vấn Lenet dạy bảo từ trước nên thực hiện vai trò mình cũng rất khớp. Điều đáng tiếc là bàn tay ấy lại không thể biến đổi thành bàn tay của người quý tộc. Cậu đưa tay ra. Và Canolles lại phải nghiêng mình hôn lên bàn tay ấy, giữa những tiếng cười cố nén của những kẻ chứng kiến, nhưng trong bụng thầm nghĩ: "Chà, De Cambes phu nhân sẽ phải trả nợ ta về cái hôn này."

Rồi, hiểu rằng chương trình đã chấm dứt, không thể kéo dài sự có mặt của mình trong phòng một phụ nữ, Canolles nói: -Thưa phu nhân, công việc của tối nay đã xong. Xin phu nhân cho phép tôi được lui.

-Vâng, mời ông lui gót. Và như ông đã thấy, cuộc sống ở đây rất thầm lặng. Ông có thể âm thầm mà ngủ.

-Nhưng trước khi ra về, xin phu nhân ban cho tôi một ân huệ.

-Ân huệ gì? – De Cambes phu nhân lo sợ hỏi, bởi vì qua giọng nói của nam tước, nàng biết chàng này lại sắp giở trò ma mãnh nào đây.

-Chấp thuận cho tôi cái vinh dự như tôi vừa nhận của quận công.

Lần này nữ tử tước bị một vố… Một sĩ quan của nhà vua cầu xin một ân huệ long trọng như thế trước mặt mọi người, thì không có cách gì để từ chối cả. Nàng đưa bàn tay run rẩy về phía Canolles.

Chàng bước lại gần giường như tiến về phía ngai vàng của một nữ hoàng, rồi quỳ xuống, nhẹ nâng những ngón tay lên, đặt một nụ hôn lên làn da mịn màng và trắng muốt ấy. Đoạn chàng đứng dậy hạ giọng nói: -Phu nhân đã hứa với tôi, không bao giờ rời tòa lâu đài mà không báo trước cho tôi biết. Tôi tin vào lời hứa ấy.

-Ông cứ tin tôi.

Dứt lời, nàng ngả mình xuống gối, gần như ngất xỉu.

Thấy giọng nói của nàng như có ẩn chứa một điều gì đó, Canolles cố tìm trong đôi mắt đẹp của nàng một sự giải thích nhưng nàng đã nhắm lại.

Sáng hôm sau, Canolles dậy sớm. Chàng hấp tấp mặc quần áo và đi xuống vườn. Cuộc viếng thăm đầu tiên của chàng là dãy nhà nơi quận chúa ở. Cái nhìn đầu tiên của chàng đậu trên cửa sổ phòng nàng. Ánh sáng ngọn đèn phản chiếu

màu đỏ lên những bức rèm hãy còn khép kín. Mặt Canolles dừng lại ở khung cửa. Chàng không muốn đi xa hơn nữa, và ngồi xuống dưới một bức tượng.

Bất chợt chàng thấy cánh cửa sổ ở một hành lang mở ra rồi khuôn mặt chất phác của ông lão Pompéc ngơ ngác nhìn. Tất cả những gì liên quan đến nữ tử tước đối với chàng đều quan trọng. Chàng hướng ánh mắt về phía lão. Có vẻ như lão đã trông thấy chàng và có ý muốn bày tỏ một dấu hiệu gì đó. Tưởng ông nam tước chưa nhận ra mình, lão bèn chúm miệng huýt một tiếng lớn. Cử chỉ của một mã phu đối với vị sứ giả của nhà vua như vậy là vô lễ. Nhưng Canolles chưa kịp nổi nóng, chàng đã thoáng nhìn thấy vật gì trăng trắng trong tay Pompéc. Chỉ có tia mắt của người đang yêu, và đang nóng lòng chờ đợi những tin tức về tình yêu, mới có thể nhận ra được đó là một tờ giấy cuộn tròn.

"Một bức thư!" – Canolles thầm nghĩ "Nàng viết cho ta, như vậy nghĩa là sao"?

Canolles mừng rỡ run rẩy cả người và tiến lại.

Pompéc nhoài người qua khung cửa với tờ giấy, và Canolles giơ mũ ra đón lấy. Chàng đút thư vào túi áo, còn Pompéc khép cửa lại.

Canolles vừa đi vừa ngẫm nghĩ về sự thỏa thuận hôm qua giữa hai người. Đã có sự gì thay đổi sao? Và nếu quả như vậy thì lá thư này chỉ đem lại một tai ương, cho nên chàng đã không đưa lên môi như thói thường của những kẻ đang yêu nhận được thư người tình. Chàng rút thư ra, lật đi lật lại, tim đập rộn ràng. Tuy nhiên, đằng nào rồi cũng phải mở, hoặc bây giờ hay lát nữa. Chàng thu hết can đảm gỡ dấu niêm phong ra và tìm một chỗ thuận tiện ngồi đọc.

"Thưa ông, kéo dài tình trạng như chúng ta hiện tại, tôi ước mong ông cũng như tôi, là một điều hoàn toàn không thể được, ông phải chịu đựng cái nhìn ác cảm của tất cả những người ở trong nhà, vì họ coi ông là một kẻ giám thị khó chịu. Mặt khác, tôi e rằng nếu tôi tiếp đãi ông niềm nở hơn bà quận chúa ở vào địa vị tôi, người ta sẽ đoán ra được vai tuồng của chúng ta, và khi ấy danh giá của tôi sẽ không còn."

Canolles rút khăn tay ra lau trán, linh cảm đã không lừa dối chàng. Giấc mộng vàng tan biến giữa thanh niên bạch nhật. Chàng lắc đầu, thở dài và đọc tiếp:

"Ông hãy làm như đã phát giác ra sự thật, có một cách rất đơn giản và tôi sẽ cung cấp phương tiện để ông thực hiện nếu ông hứa chấp nhận lời cầu xin của tôi. Ông cũng đã biết và vì tôi cũng không cần giấu diếm để có thể nói rằng tôi đã lệ thuộc vào ông biết nhường nào. Nếu ông chấp thuận đề nghị ấy, tôi sẽ gởi tới ông một tấm hình của tôi, nó mang tên và gia huy tôi. Ông sẽ nói rằng tình cờ ông tìm ra nó, và nhờ đó ông nhận ra tôi không phải là quận chúa.

Chúng ta hãy xa nhau và ông cũng không nên đến gặp lại tôi làm gì. Ông sẽ mang theo tất cả lòng nhớ ơn của tôi, còn về phía tôi, sẽ ghi nhơ kỷ niệm của ông

như kỷ niệm của một nhà quý tộc đáng kính và trung tín tốt nhất được biết trong đời."

Canolles đọc lại bức thư và thừ người ra trong đau xót và hờn giận. Một bức thư đuổi khéo với những lời lẽ ngọt như mật rồi lại kèm theo một tấm hình để làm kỷ niệm. Nhưng đâu có gì giá trị bằng con người thật trước mắt, đang còn ở trong tầm tay, và như thế khó lòng ngoảnh mặt.

Vâng, nhưng anh chàng Canolles của chúng ta, một con người khí phách ngang tàng, không lùi bước trước cơn giận của hoàng hậu và hồng y Mazarin, nhưng lại run sợ trước cái cau mày của nữ tử tước De Cambes.

Chao ôi! Thế mới biết:

"Nửa đời sương gió ngang tàng

Con tim chết mệt vì nàng, nàng ơi!"

Với người đàn bà này, Canolles đã bị nhiều phen đau đớn. Lần đầu bỏ rơi chàng, lần thứ hai, thủ vai bà quận chúa đánh lừa chàng và lần thứ ba mới tặng cho chàng chút hy vọng, ngày hôm sau lại cướp đi. Nhưng chỉ có lần này là chua cay nhất. Trên đường đi, vì chưa biết rõ chàng là ai nên nàng đã bỏ rơi chàng như loại bỏ một đồng hành khó chịu, có vậy thôi. Thay thế bà quận chúa, nàng tuân theo một mệnh lệnh áp đặt để hoàn tất một vai trò đã chỉ định, nàng không thể làm khác hơn, còn bây giờ đã biết rõ chàng, sau khi đã tỏ ra tôn trọng sự tận tâm của chàng, khi đã hai lần thốt ra tiếng "chúng ta" khiến chàng xúc động đến tận tâm can, thế mà nỡ lòng viết cho chàng một bức thư như vậy. Dước mắt Canolles còn hơn cả sự cay độc. Đó là một sự nhạo báng.

Canolles thầm nghĩ: "Ta sẽ không chấp nhận cách xử sự ấy. Thà để nàng căm thù ta còn hơn là nàng ban phát cho ta những lời biết ơn và hứa hẹn. Ôi! Tin cậy vào những lời hứa của nàng khác chi như tin vào sự bất biến của gió mưa và cái phẳng lặng của biển cả. Chà, thưa phu nhân, Canolles quay về phía cửa sổ và nghĩ tiếp, đã hai lần phu nhân thoát khỏi tay tôi, nhưng tôi thề rằng, nếu tôi có cơ hội nào tương tự, phu nhân đừng mong thoát khỏi lần thứ ba.

Và Canolles trở về phòng với ý định ăn mặc chỉnh tề đến gặp nữ tử tước. Nhưng khi nhìn đồng hồ, chàng thấy mới có bảy giờ.

Trong lâu đài chưa ai thức dậy. Canolles ngả mình trên ghế bành nhắm mắt lại để làm tươi mát những ý nghĩ và xua đuổi những ám ảnh đen tối đang nhảy múa chung quanh. Và cứ năm phút, chàng lại mở mắt ra nhìn đồng hồ.

Chuông gõ tám tiếng thánh thót. Lâu đài bắt đầu bừng tỉnh với những hoạt động ồn ào nhộn nhịp.

Canolles cố chờ thêm nửa tiếng nữa. Sau cùng, không thể chịu đựng lâu hơn, chàng bước xuống sân. Pompéc đang hít thở không khí. Một số gia nhân vây quanh lão, nghe lão khoác lác kể lại chiến cuộc ở Picardie dưới thời tiên đế trị vì.

-Ông là người quản gia của quận chúa? – Canolles hỏi Pompéc như thể mới gặp lão lần đầu.

-Thưa ông vâng. – Pompéc ngạc nhiên đáp.

-Ông làm ơn trình với quận chúa tôi mong muốn được yết kiến.

-Nhưng, thưa ông, quận chúa…

-Đã thức giấc rồi?

-Tuy nhiên…

-Đi giùm đi!

-Tôi tưởng rằng cuộc khởi hành của ông…

-Cuộc khởi hành của tôi sẽ tùy thuộc vào cuộc hội kiến với quận chúa.

-Tôi nói thế vì không có lệnh của bà chủ tôi.

-Còn tôi, tôi nói thế vì có lệnh của đức vua.

Lúc mở đầu câu nói ấy, Canolles trịnh trọng vỗ mạnh vào cái túi áo nịt, một cử chỉ được chàng hài lòng nhất, hơn tất cả những cử chỉ mà chàng đã diễn ra tối hôm qua. Rồi chàng cảm thấy như đã lấy lại được sự can trường.

Thật thế, lúc này tính cách quan trọng của chàng đã giảm đi nhiều. Bà quận chúa đã ra đi được mười hai tiếng, chắc chắn bà ta đi suốt đêm và đã cách xa Chantilly từ hai mươi đến hai mươi lăm dặm. Cho dù Canolles có thúc bách binh sĩ của mình đuổi theo cũng vô phương bắt kịp. Vả lại, dẫu có đuổi kịp đi chăng nữa, thì việc đối phó với gần một trăm quý tộc cùng với số thân binh mỗi ngày một tăng lên trong quá trình chạy trốn của bà ta, hẳn sẽ không tránh khỏi một cuộc đổ máu. Như chàng đã từng nói hồi hôm: Chàng coi cái chết nhẹ như lông hồng, nhưng chàng không thể để cho các thuộc hạ chết theo chàng chỉ vì tính khí bất thường của chàng trong một cuộc gió trăng giây lát.

Pompéc trở lại trong lúc chàng quay cuồng với những ý nghĩ ấy. Lão nói nhỏ cho chàng biết quận chúa đang chờ đợi.

Lần này, các nghi thức đều bị bãi bỏ. Nữ tử tước tiếp chàng trong một phòng khách nhỏ nối liền với buồng ngủ. Những dấu vết của sự mất ngủ dù đã cố tình xóa đi nhưng vẫn còn trên khuôn mặt kiều diễm. Một quầng nâu hằn in trên mi mắt, chứng tỏ đôi mắt ấy đã không hề được khép lại suốt đêm qua.

-Ông thấy đó – Nàng nói, không thể để chàng kịp nói trước – tôi sẵn sàng chiều ý ông ngay, nhưng tôi ước mong cuộc hội kiến này sẽ là lần cuối, và đến lượt ông, xin hãy chứng tỏ thiện chí của ông.

-Xin phu nhân tha lỗi. Sau cuộc hội kiến đêm qua, tôi tin vào lời hứa của phu nhân cùng với những điều chúng ta đã thỏa thuận. Tôi chỉ tin vào phu nhân mà thôi, vì tôi đâu có biết bà De Condé.

-Vâng, thưa ông, tôi xin thú thật, trong những giây phút đầu tiên…, quả là bối rối khi thấy mình đứng giữa…, tấm lòng cao cả của ông…, cho nên để tranh thủ thời gian, tôi đã vội thốt lên một vài điều không trung thực với ý nghĩ của tôi.

Tuy nhiên, tôi đã suy nghĩ trong suốt một đêm dài, việc kéo dài sự có mặt của ông hoặc của tôi trong lâu đài này trở thành một điều khó chấp thuận.

-Không thể nào thưa phu nhân. – Canolles nói – Phu nhân quên rằng mọi sự đều có thể được một khi nhân danh đức vua.

-Thưa nam tước, tôi ước mong trước hết là một nhà quý tộc, xin ông đừng làm khó dễ tôi trong sự tận tụy của tôi đối với quận chúa.

-Thưa phu nhân, trước hết tôi là một kẻ điên khùng. Lạy chúa! Phu nhân đã nhìn thấy rõ. Bởi vì chỉ có kẻ điên mới làm những điều tôi vừa làm. Thế nào, hãy thương xót đến sự điên khùng của tôi, thưa phu nhân, đừng xua đuổi tôi, tôi khẩn thiết nài xin phu nhân.

-Xin ông hãy sáng suốt để nhận ra một sự thật: Sự có mặt của chúng ta trong lâu đài, sớm muộn cũng sẽ gây tai tiếng. Không, không thưa ông! – Nữ tử tước tiếp lời với thanh âm đã từng làm rung động tâm can Canolles lần đầu tiên – Hơn nữa rồi ông sẽ nghĩ đến việc ông không thể ở lại Chantilly mãi được, hẳn ông sẽ nhớ ra rằng có người đang mong mỏi đợi chờ ông ở một nơi nào đó.

Câu nói ấy, loáng lên một tia chớp, gợi chàng liên tưởng đến cảnh ở quán ăn của Biscarros: De Cambes phu nhân khám phá ra việc chàng giao du thân mật với Nanon. Và như thế, sự việc đã được giải thích.

Sự mất ngủ ấy, không phải lo những nỗi lo âu hiện tại, mà chính vì những kỷ niệm của dĩ vãng đã gây ra. Cái quyết định trong buổi sáng này, chẳng phải là kết quả của một sự suy tư, mà chính là một thái độ ghen tuông.

Giữa hai người đối diện, có một khoảng im lặng, trong cái yên lặng đó, mỗi người tự lắng nghe dòng tư tưởng đang nói trong lồng ngực cùng với tiếng đập của trái tim.

"Ghen" – Canolles nghĩ – "Ghen, ồ ta hiểu ra rồi. Phải nàng muốn kiểm tra xem ta có đủ yêu nàng để có thể hy sinh cuộc tình kia không. Đây là một sự thử thách."

Về phía mình, De Cambes phu nhân nghĩ thầm:

"Đối với Canolles, ta chỉ là một trò tiêu khiển trong chốc lát, chàng gặp ta trên lộ trình của chàng lúc buộc phải rời bỏ Guyenne, chàng đã theo ta như một người lữ khách đuổi theo một con đom đóm, trái tim chàng để lại trong ngôi nhà bé nhỏ um tùm cây cối ấy, nơi chàng định đến đó vào buổi tối ta gặp chàng. Ta không thể sống cạnh một người đàn ông đã yêu một kẻ khác, và nếu ta gần chàng một thời gian, có thể ta sẽ bị chàng cuốn hút vào cuộc yêu đương. Ồ! Như vậy không những phương hại đến danh dự của ta, mà còn bội phản công cuộc của quận chúa vì còn hèn mọn hơn là đi yêu một người do kẻ thù của quận chúa phái tới."

Cho nên bất chợt nàng kêu lên, như thể đáp lại dòng tư tưởng của mình: -Ồ, không không, thưa ông, ông phải đi, hoặc là ông đi hoặc tôi.

-Phu nhân đã hứa với tôi rằng sẽ không ra đi nếu không thông báo trước cho tôi biết.

-Thế thì tôi xin báo để ông rõ, tôi sẽ rời Chantilly ngay bây giờ.

-Và phu nhân tưởng rằng tôi sẽ cho phép hay sao?

-Thế nào? – Nữ tử tước kêu lên – Ông sẽ dùng áp lực giữ tôi lại?

-Thưa phu nhân, tôi không biết sẽ phải làm gì, nhưng điều chắc chắn chính là tôi không thể xa phu nhân.

-Vậy tôi là tù nhân của ông hay sao?

-Phu nhân là một phu nữ tôi đã để vuột mất hai lần, và tôi không muốn để bị mất một lần thứ ba.

-Ông sẽ dùng bạo lực?

-Vâng, thưa phu nhân, bạo lực, nếu đó là một cách duy nhất để giữ được phu nhân.

-Ồ, còn gì đáng khen hơn là giữ lại một người đàn bà đang rên siết, đang đòi được tự do, trong khi họ không yêu mình, họ ghét mình!

Canolles ngỡ ngàng và cố nhanh chóng tìm hiểu ẩn ý chứa đựng trong câu nói ấy, trong tư tưởng ấy. Chàng tự hiểu đã tới lúc phải tung ra một lá bài chót: -Thưa phu nhân, những lời phu nhân vừa nói ấy đã đầy đủ ý nghĩa khiến tôi không còn phân vân nữa. Phu nhân rên siết, phu nhân nô lệ! Tôi giam giữ một phụ nữ không yêu tôi, ghét bỏ tôi! Không, không, xin phu nhân hãy bình tĩnh. Không phải như vậy đâu. Tôi tưởng sau niềm hạnh phúc được gặp phu nhân, sự hiện diện của tôi sẽ được phu nhân chấp nhận. Tôi hy vọng sau khi mất hết địa vị, tương lai, có thể cả danh dự nữa, sẽ được phu nhân đền bù bằng một vài giờ hầu chuyện phu nhân. Điều đó thật không gì dễ hơn, nếu phu nhân yêu tôi… Và cho dù phu nhân có dửng dưng đối với tôi đi chăng nữa, bởi vì phu nhân là một người tốt nên đã xử sự theo tâm trạng xót thương, trong khi kẻ khác sẽ đáp lại bằng tình yêu. Nhưng không phải tôi đã đối diện với một sự lãnh đạm, mà là căm thù. Phu nhân đã có lý. Hãy tha lỗi cho tôi vì tôi đã dại khờ để không hiểu rằng người ta có thể bị ghét bỏ khi người ta yêu đến độ say đắm. Bây giờ phu nhân là nữ hoàng, nữ chủ nhân và hoàn toàn tự do trong tòa lâu đài cũng như ở khắp nơi. Còn tôi, tôi sẽ ra đi, tôi sẽ rút về một nơi sơn cùng thủy tận nào đó. Vĩnh biệt phu nhân, vĩnh biệt mãi mãi.

Và Canolles mới đầu chàng chỉ đóng kịch, không ngờ lại nhập vai đến nỗi chàng đau khổ và xúc động thật sự. Sau khi chàng De Cambes phu nhân, chàng quay gót và quờ quạng mãi mà không tìm thấy cánh cửa, đồng thời miệng vẫn lắp bắp: Vĩnh biệt, vĩnh biệt!

De Cambes phu nhân không ngờ chàng lại dễ dàng tuân theo mình như vậy. Nàng không khỏi thương cảm trước sự nhẫn nhục của chàng trai lúc này lòng hãy còn thổn thức và bước đi loạng choạng. Nàng bồi hồi bước xuống…

Bất chợt Canolles cảm thấy một bàn tay đặt trên vai mình, chàng quay lại.

Nàng vẫn đứng đó, trước mặt chàng. Tay nàng hãy còn đặt lên vai chàng, và thái độ trang nghiêm trước đây không còn nữa, mà được thay thế bằng một nụ cười.

-Thế nào? Thưa ông. – Nàng nói, ông đã tuân lệnh của nữ hoàng như vậy ư? Ông đã bỏ đi khi lệnh là phải ở lại đây, cái tội của ông là phản nghịch.

Canolles thốt kêu lên, quỳ xuống áp vầng trán nóng bỏng của mình lên hai bàn tay của nàng vừa đưa ra.

-Ôi! Có thể chết được vì sung sướng.

-Than ôi! Xin ông đừng vội vui mừng. Bởi vì nếu tôi ngăn ông lại, chính là để chúng ta không nên chia tay nhau như vậy, chính là để ông đừng mang ý nghĩ cho tôi là kẻ vô ơn bạc nghĩa, chính là để ông tự nguyện chấp thuận lời cầu xin của tôi, chính là để ít ra ông cũng coi tôi như một người bạn. Chúng ta không bao giờ có thể làm gì khác hơn trong khi chúng ta ở hai phía đối nghịch.

-Ôi! Lạy Chúa! – Canolles nói – Hóa ra tôi lại bị phu nhân đánh lừa một lần nữa, phu nhân đâu có yêu tôi.

-Thưa nam tước, không nên đề cập đến chuyện tình cảm khi nguy hiểm còn đang đeo đuổi nếu chúng ta cứ ở lại đây. Ông hãy đi đi, hoặc để cho tôi ra đi. Cần phải như vậy.

-Phu nhân nói sao?

-Thực tế hơn là để tôi ở lại đây, còn ông, quay về Paris nói với Mazarin, kể với hoàng hậu đầu đuôi sự việc…

-Nhưng có cần phải nhắc lại với phu nhân không? – Canolles kêu lên – Xa phu nhân có nghĩa là gần với cái chết.

-Không, không, ông sẽ không chết, vì vẫn còn hy vọng ngày chúng ta gặp lại nhau, và sẽ còn nhiều điều vui hơn.

-Thưa phu nhân, sự tình cờ đã đặt tôi lên đường đi của phu nhân, không chỉ tới hai lần. Người bạn tình cờ ấy sẽ phải mỏi mệt và nếu tôi xa phu nhân lần này, tôi sẽ không còn gặp lại được nữa.

-Thì chính tôi sẽ đi tìm ông.

-Ôi, thưa phu nhân, hãy bảo ta chết cho nàng đi, cái chết chỉ là một thoáng đau đớn thôi. Nhưng đừng bắt ta phải rời xa nàng nữa. Chỉ nghĩ đến đó thôi, tim ta cũng đủ tan nát. Xin nàng nghĩ lại, ta mới được gặp nàng và cũng chỉ vừa nói được đôi ba lời.

-Vậy nếu tôi đồng ý để ông ở lại ngày hôm nay và suốt ngày, ông có thể gặp tôi để trò chuyện, ông sẽ hài lòng chứ?

-Tôi không hứa gì cả.

-Tôi cũng vậy. Có điều tôi đã cam kết với ông là sẽ báo trước với ông khi nào tôi đi. Thế thì chỉ trong vòng một giờ nữa tôi sẽ đi.

Phải làm tất cả những gì nàng muốn ư? Phải nhắm mắt tuân theo tất cả ý muốn của nàng ư? Nếu buộc phải thế xin nàng hãy yên tâm, giờ đây nàng có trước mắt một tên nô lệ sẵn sàng tuân lệnh. Nàng hãy ra bệnh đi, hãy ban lệnh.

Claire đưa tay cho chàng nam tước, rồi nói với một giọng dịu dàng đầy âu yếm: -Vậy thì ta thỏa thuận một giao ước mới như thế này nhé: Nếu từ đây đến giờ tối tôi không rời ông một bước, ông sẽ ra đi vào thời điểm đó chứ?

-Tôi xin cam đoan.

-Thế thì hãy đến đây, bầu trời trong xanh hứa hẹn với chúng ta một ngày tươi đẹp, có những giọt sương đọng trên cỏ, hương thơm trong không khí, mùi nhựa ở trong rừng. Pompéc đâu?

Ông lão quản gia, hắn đã được lệnh đứng chầu ngoài cửa vội vàng chạy vào ngay.

-Thắng ngựa! – De Cambes phu nhân nói, với giọng của một vị quận chúa – Sáng nay tôi đi về phía mấy cái hồ và trở về nông trại dùng bữa trưa… Thưa nam tước, ông sẽ đi cùng chứ? – Nàng tiếp – Việc đó thuộc về trách nhiệm của ông, vì lẽ ông đã nhận được lệnh của hoàng hậu là phải thường xuyên giám sát tôi.

Niêm vui rộn lên làm chàng trai choáng ngợp. Chàng bềnh bồng như người đi trên mây, gần như mất cả ý chí. Chàng say sưa hào hển, chàng như muốn điên lên. Thế rồi, giữa cánh rừng hoang đẹp như trong thần thoại, bên những lối đi huyền ảo thỉnh thoảng những chiếc lá vàng dịu dàng rơi, chàng mở bừng mắt thấy mình đang đi bên nàng, tay trong tay, De Cambes phu nhân cũng sung sướng như Canolles.

Pompéc đi ở đằng sau, đủ gần để nhìn thấy tất cả, nhưng đủ xa để không nghe được gì.

§3

Cái ngày đáng ghi nhớ ấy đã trôi qua rất nhanh. CÓ bao nhiêu là kỷ niệm, hình như dù tích lũy đến ba cuộc đời cũng hiểu được đến thế. Từng khóe mắt, mỗi cử chỉ, một ngón tay đặt lên môi tất cả đều bao trùm trong một ý nghĩ… Lúc xuống thuyền, nàng đã vịn chặt vào chàng, khi lên bờ.

nàng tựa vào chàng ngồi xuống, ánh nắng khiến nàng lim dim đôi mắt. Chàng lặng ngắm nhìn nàng như thu lấy tất cả những hình ảnh yêu dấu, cả đến những chi tiêu nhỏ nhặt nhất.

Canolles đã được hưởng một ngày trọn vẹn bên cạnh người mình yêu, lúc ăn trưa, nàng mời chàng đến dùng bữa tối, khi ăn tối, nàng mời chàng cùng dùng bữa khuya.

Chàng đón nhận sự chiêu đãi ấy với tư cách một sứ giả triều đình. Chàng không còn để ý gì đến nghi thức, đến kẻ hầu người hạ và luôn cả thế giới chung quanh. Chàng quên cả lời hứa với nàng là sẽ ra đi va tưởng như cuộc đời cứ thế mãi, trong cảnh thiên đàng hạ giới mà chàng là Dam và nàng là Eve.

Nhưng khi màn đêm xuống, bữa ăn khuya cũng vừa xong và thức ăn tráng miệng được dọn lên, rồi Pierrot vẫn cải trang làm quận công D'Enghien được dẫn vào tham dự như ông hoàng chính hiệu, khi tiếng chuông đồng hồ bắt đầu điểm. De Cambes phu nhân ngước mắt nhìn, mười giờ đúng. Nàng thở dài: -Đã tới giờ rồi!

-Mấy giờ? – Canolles cống một nụ cười đau khổ và hỏi.

-Đúng thời điểm ông đã hứa.

-Hóa ra phu nhân không quên điều gì hết sao? – Canolles buồn bã thở dài.

-Lẽ ra tôi cũng quên như ông, nhưng cái này buộc tôi phải nhớ.

Và nàng rút trong túi ra một bức thư mới nhận được lúc ngồi vào bàn ăn.

-Thư này của ai? – Canolles hỏi.

-Của bà quận chúa cho gọi tôi tới chỗ của bà.

-ĐÓ chỉ là một cái cớ. Cám ơn phu nhân đã dành sự thu xếp ấy cho tôi.

-Thưa ông Canolles, xin ông đừng nặng lời. – Nữ tử tước đáp với một vẻ u sầu mà nàng không muốn che giấu – Cho dù không nhận được lá thư này đi nữa, tôi cửng buộc phải nhắc đến cuộc khởi hành của ông, ông tưởng những người quanh đây không biết quan sát chúng ta hay sao? Mối quan hệ của chúng ta như ông biết đấy, không phải là hình thức của một quận chúa bị ngược đãi, với kẻ thực hiện việc ấy. Nhưng bây giờ nếu sự chia tay cách này, theo ông là tàn nhẫn.

thưa nam tước, tôi xin được phép nói với ông rằng chia tay hay không điều ấy bây giờ tùy thuộc nơi quyên định của ông.

-Hãy nói đi! Nói đi phu nhân! – Canolles kêu lên.

-ông không đoán ra được sao?…

-Ồ thưa phu nhân, trái lại, tôi đã đoán ra và chắc chắn là đúng. Phu nhân muốn bảo tôi cùng đi theo đến chỗ bà quận chúa…

-Trong thư này cũng nói như vậy.

-Rất tiệc là ý nghĩ ấy lại không do nơi phu nhân. Lại cũng xin cám ơn về sự bối rối của phu nhân khi đề cập đến đề nghị đó. Chẳng phải lương tâm tôi đã vùng dậy trước việc phụng sự phe này hay phe khác. Không, tôi chẳng dính líu tới một phe nào hết. Khi gươm đã rút ra khỏi vỏ thì kẻ ấy dù Ở bên này, hay bên kia, tôi cũng bất chấp. Tôi không cần biết tự do theo ý của tôi, không tham vọng, nhóm này phe khác đều chẳng ăn thua, chẳng can dự gì đến tôi. Tôi chỉ là một sĩ quan vậy thôi.

-Sao, ông bằng lòng đi theo tôi chứ?

-Không.

-Nhưng tại sao vậy, nếu căn cứ vào những lời ông vừa nói?

-Bởi vì như vậy phu nhân sẽ đánh giá tôi thấp đi.

-ĐÓ là trở ngại duy nhất khiến ông không theo tôi?

-Chính vậy.

-Ồ thế thì xin ông đừng lo.

-Chính phu nhân cũng không thể tin vào điều mình vừa nói đâu. – Canolles đáp và giơ một ngón tay lên rồi mỉm cười – Một kẻ chạy từ phe này sang phe khác luôn luôn bị coi như một tên bội phản.

-ông có lý. Tôi sẽ không nài nỉ thêm nữa. Nếu ông Ở vào cương vị bình thường, chắc chắn tôi đã mời ông tham gia vào công cuộc của các hoàng thân. Nhưng sứ giả của nhà vua, đảm trách một sứ mạng quan trọng của hoàng hậu nhiếp chính, và của quan tể tướng, lại được sự nâng đỡ của công tước d'Épernon, cho nên ông, dù có bị nghi ngờ đi chăng nữa, người ta nói thế, thì vẫn được quận công bao che với tính cách hoàn toàn đặc biệt.

Canolles đỏ mặt.

-Tôi sẽ giữ kín chuyện đó, nhưng thưa nam tước hãy nghe tôi nói: Chúng ta không vĩnh biệt nhau đâu, hãy tin như vậy đi, tôi có linh cảm rằng chúng ta sẽ gặp lại nhau.

-Ở đâu? – Canolles hỏi.

-Tôi chưa biên, có điều chắc chắn chúng ta sẽ gặp lại nhau.

Canolles rầu rĩ lắc đầu: -Thưa phu nhân, tôi không tin như thế. Cuộc chiến giữa hai phe đã ngăn cách chúng ta, và tệ hơn nữa, khi chúng ta cũng không có một tình cảm nào.

-Thế còn hôm nay? đối với ông nó không có một chút giá trị nào hay sao?

-Chỉ có một ngày thôi, nhưng quả là đẹp nhất từ khi tôi sinh ra. Cho nên tôi xin phu nhân chấp thuận cho một ngày thứ hai cũng giống như vậy.

-Không thể được. Tôi phải ra đi trong đêm nay.

-Tôi không đòi hỏi phu nhân vào ngày mai, cũng không là ngày mốt, tôi chỉ xin một ngày trong tương lai. Phu nhân hãy chỉ định một thời điểm nào đó đồng thời chọn lựa địa điểm, nhưng hãy để cho tôi một niềm tin chắc chắn, nếu chỉ có được một chút hy vọng.

-ông sẽ đi đâu sau khi chúng ta chia tay?

-Về Paris, để báo cáo côn g việc.

-Và sau đó?

-CÓ thểlà Bastille. (Chú thích: Bastille: Một nhà ngục to nhất Ở Paris

-Nhưng nếu ông không vào đó?

-Tôi quay về Lobourne, nơi binh đoàn của tôi trú quân.

-Và tôi sẽ đi Bordeaux, nơi bà quận chúa, ông có biết một ngôi làng nào hẻo lánh nằm trên chặng đường Bordeaux – Libourne không?

-CÓ với những kỷ niệm gần như ngang với Chantilly.

-laulnay? – Nữ tử tước mỉm cười hỏi.

-laulnay. – Canolles nhắc lại.

-Thế nào? Phải mất bốn ngày để tới nơi này, hôm nay là thứ ba, suốt ngày chủ nhật tôi sẽ Ở đó

-Ồ cám ơn phu nhân. – Canolles kêu lên đồng thời áp tay của nữ tử tước lên môi mình. De Cambes phu nhân không nỡ rút tay lại.

Rồi, giây lát sau nàng nói: -Và bây giờ, chúng ta chỉ còn việc diễn nốt màn chót của tấn tuồng.

À phải, đúng thế phu nhân, màn kịch đã phủ lên người tôi tất cả những sự nhố nhăng. Nhưng tôi chẳng phàn nàn gì cả, bởi chính tôi đã muốn như vậy, chính tôi đã, không phải lựa chọn vai tuồng cho mình, mà là sắp đặt một hồi kết cục đáng để tôi hãi hùng.

De Cambes phu nhân đưa mắt nhìn xuống.

-Bây giờ, xin hãy cho tôi biết tôi còn phải làm gì? – Canolles bình thản nói – Tôi đang đợi lệnh và sẵn sàng làm tất cả.

Claire rất xúc động. Canolles có thể nhìn thấy dưới làn áo nhung nhịp đập gấp của tim nàng.

-Vì tôi ông đã chịu một sự hy sinh to lớn, tôi biên. Và tôi ghi ơn ông mãi mãi. Vâng, với triều đình, ông đã bị thất sủng, ông lại sẽ còn bị xét xử nghiêm khắc. Thưa ông, xin ông hãy coi thường tất cả những cái đó nếu ông có đôi chút hân hoan để nghĩ rằng ông đã đem lại cho tôi những giây phút sung sướng.

-Tôi sẽ thực hiện những điều ấy vì phu nhân.

-Xin nam tước hãy tin tôi, nỗi đau của ông cũng là nỗi xót xa của tôi. Vẫn có thể nghĩ đến sự đến bù, nhưng sự đến bù theo cách thức dễ dàng quá sẽ không xứng đáng với hy sinh của ông.

Nói xong. Claire khẽ cúi đầu và nhẹ thở dài.

-trát Cả những gì nàng có thể nói chỉ thế thôi sao?

-Đây! – Nữ tử tước lấy Ở trong ngực áo ra một tấm hình và trao cho Canolles – Đây, ông hãy giữ lấy, và mỗi khi cảm thấy đau đớn vì việc này, ông hãy nhìn nó để tự nhủ rằng ông đã đau khổ vì nó, và nỗi đau của ông đã được đến đáp bằng sự thương cảm.

-Chỉ có vậy thôi?

-Bằng sự kính trọng.

-Có thể thôi sao?

-Bằng tình cảm nồng hậu.

-Ồ thưa phu nhân, còn một tên gọi nữa nàng hãy nói đi để tâm hồn tôi tràn ngập sung sướng.

Claire quay nhanh về phía chàng, đưa một bàn tay ra và khẽ nói tiếp: -Bằng tình yêu.

Nhưng, đúng lúc đó, cánh cửa mở ra và người tự nhận là đội trưởng đội cận vệ xuất hiện với sự tháp tùng của Pompéc.

-Tại laulnay, tôi sẽ hoàn tất. – Nữ tử tước nói.

-Lời nói hay ý nghĩ của phu nhân?

-Cả hai.

-Thưa phu nhân. – Viên đại úy phòng vệ nói – trát Cả đã Sẵn sàng cho cuộc khởi hành.

Claire khẽ nói với Canolles: -ông hãy tỏ ra ngạc nhiên đi.

Nhà quý tộc nở một nụ cười thương hại cho chính mình.

-Phu nhân đi đâu? – Chàng hỏi.

-Tôi phải đi.

-Nhưng phu nhân quên rằng đức vua đã giao cho tôi trách nhiệm giám sát phu nhân.

-Thưa ông, sứ mạng của ông chấm dứt rồi.

-Thế là sao?

-Tôi không phải là quận chúa De Condé, mà chỉ là nữ tử tước De Cambes. Quận chúa đã ra đi tắt hôm qua, và tôi, tôi sẽ đi gặp quận chúa.

Canolles đứng lặng, chàng thấy ghê tởm khi phải tiếp tục vở tuồng trước mặt lũ quân hầu đầy Để khuyên khích Canolles. De Cambes phu nhân gởi cho chàng một cái nhìn dịu dàng, khiến chàng thêm phần can đảm.

-Thế ra người ta lừa cả vua. – Chàng nói – Còn quận công D'Enghien đâu?

-Ta đã ra lệnh cho Pierrot trở về những luống đất của nó. – Một giọng nói oai vệ vang lên từ cửa phòng.

ĐÓ là tiếng nói của công chúa phu nhân. Bà đứng Ở ngưỡng cửa có hai nữ hầu cận dìu hai bên.

-ông hãy trở về Paris, về Mantes, về Saint-germain là chấm dứt, ông sẽ nói với nhà vua rằng để chống bạo lực, những người bị ngược đãi chỉ có thể trông cậy vào sự lọc lừa. Tuy nhiên, ông có thể Ở lại Chantilly để giám thị tôi, bởi tôi sẽ không bao giờ rời bỏ lâu đài và cũng chẳng bao giờ có ý định ấy. Sau hết, thưa nam tước, tôi có lời giã từ ông.

Canolles đỏ mặt vì xấu hổ nhìn De Cambes phu nhân, rồi luống cuống nghiêng mình và khẽ nói bằng một giọng trách móc: -Ồ phu nhân! Phu nhân!

Nữ tử tước cảm thông được cái nhìn và những lời lẽ ấy. Nàng hướng về phía bà quả phụ nói: -Xin phép phu nhân cho con được sắm vai quận chúa phu nhân trong một vài phút nữa. Con muốn cám ơn nam tước De Canolles về cách xử sự tế nhị của ông ấy trong việc hoàn thành một nhiệm vụ khó khăn như thế, con chiến nghĩ người cũng có cùng một ý nghĩ ấy và sẵn sàng chia sẻ với con những lời cám ơn đó.

Công chúa phu nhân đứng trước nghĩa cử của Canolles, tuy cũng cảm động, nhưng bà cũng cốnén để nói bằng một giọng kẻ cả: -Thưa ông, với tất cả những gì ông đã làm để chống chùn tôi, chúng tôi quên hết, còn với tất cả những gì ông đã cống hiên cho gia đình chúng tôi, chúng tôi ghi ơn.

Canolles quỳ xuống trước mặt bà công chúa, bà đưa tay ra cho chàng hôn. Bàn tay ấy, xưa kia đã biết bao lần được Hen ri đệ tứ (Chú thích: Henn IV. Bố chông của hoàng hậu Anne D'Autnche) hôn. Đó là màn phụ của tấn kịch. Bây giờ Canolles chỉ còn việc ra sửa soạn ra đi theo đúng như lời đã hứa. Chàng lùi về phòng, thảo vội bản báo cáo cho Mazarin rồi bước ra sân lòng hồi hộp chỉ sợ lăng nhục, khi thấy một dãy các gia nhân đang đứng đó.

Và ngựa của chàng đã được sắp sẵn yên cương.

Trong lúc sắp đặt chân lên bàn đạp, chàng chợt nghe một giọng nói oai nghiêm: -Các ngươi hãy long trọng tiễn chào vị sứ giả của đức vua, chủ nhân của chúng ta.

Nghe thế, mọi người đều cúi đầu chào trước Canolles, chàng hướng về phía cửa sổ, nơi công chúa phu nhân đang đứng nghiêng mình đáp lễ, rồi thúc ngựa chạy, đầu ngẩng cao.

Còn anh chàng Castorin, chán đời vì bị lão Pompéc cho "ăn bánh vẽ" đành lại đi theo ông chủ cũ đầu cúi thấp.

§4

Bây giờ đã đến lúc chúng ta trở lại với một trong những nhân vật quan trọng nhất của cuốn truyện này.

Người đó đang rong ruổi trên lưng ngựa trên con đường lộ từ Paris đi Bordeaux với năm người bạn đồng hành. Mắt họ láo liên mỗi khi cái túi đựng đầy tiền vàng kêu lọc cọc. Bàn hòa âm ấy làm cho nhóm người vui hẳn lên như tiếng trống thúc giục bước quân hành của những người lính.

-Không sao! Không sao! Mười ngàn livers núi của ấy, một người trong bọn nói.

-Nhưng cái núi của ấy không phải bỗng dưng mà có. Phải cung phụng cho bà quận chúa một đại đội đấy anh bạn Barrabas ạ! – Ferguzon nói.

-Muốn là một người làm ăn chăm chỉ cũng khó thật! – Cauvignac nói – trát Cả Số tiến thu được của thằng cha thu thuế cho hoàng gia đã biết thành giáp trụ, áo nịt và đồ thêu. Chúng ta ăn vận hách như những lãnh chúa và có thể sang trọng đến nỗi có cả túi tiền riêng nữa, dù rằng trong đó chẳng có gì, ôi, bề ngoài!

-Hãy nói về chúng tôi chứ không phải ông, thưa đại úy, ông đã có túi tiền vàng với mười ngàn livres rồi. – Barrabas lại nói.

-Anh bạn à! – Cauvignac đáp – BỘ anh không nghe thấy hay đã hiểu lầm cái điều Ferguzon vừa mới nói hay sao: Chúng ta có trách nhiệm đối với quận chúa. Tôi không phải là một kẻ đang làm việc này lại quăng sang việc khác. Lão Lenet đã giao cho tôi mười ngàn livres để tuyển một đội quân. Tôi sẽ mộ được đủ lính tráng hoặc là quỷ ma bắt tôi đi. Chừng nào xong việc, lão còn phải trả thêm tôi bốn chục ngàn nữa.

-Nếu lão không trả thì sao?

-Với mười ngàn livres để tuyển mộ một đội quân. – Bốn giọng nói diễu cợt nhất tề vang lên.

Bởi vì trong năm người kia, chỉ có một mình Ferguzon là tin tưởng vào tài tháo vát của Cauvignac.

-Cho nên mới cần phải thêm vào đó… – Cauvignac nói.

-Những ai sẽ thêm?

-Thôi tạm bỏ qua đi! Kia! Một khách hàng đầu tiến đã tới. Tôi thấy một người đàn ông đang đi trên đường. Các bạn nhìn coi…

-Thấy rồi! – Ferguzon đáp.

Một trong những kỵ sĩ lại gần Cauvignac nói: -Tôi hiểu rõ là đại úy muốn giữ lời cam kết, tuy nhiên chùn g ta sẽ có thể bị thiệt thòi nếu quá thật thà. Bữa nay họ cần chúng ta, nhưng nếu ngày mai, khi đội quân đã được tuyển mộ xong, họ

sẽ nhét những sĩ quan tin cậy của họ vô, và chúng ta sẽ bị tống cổ đi, trong khi chúng ta chịu biết bao cực nhọc để thành lập nó.

-Anh còn khù khờ lắm anh bạn Carrotel ạ và không phải lần đầu tôi nói với anh như thế. – Cauvignac đáp – Cái lý luận hạng bét của anh buộc tôi phải giáng anh xuống một cấp, vì lẽ đương nhiên chúng ta sẽ làm sáu sĩ quan nòng cốt của đơn vị ấy. Carrotel! Lẽ ra tôi phong cho anh chức thiếu úy, nhưng bây giờ anh chỉ là trung sĩ. Còn Barrabas anh sẽ nhận chức ấy cho tới khi nào Ferguzon bị treo cổ, anh sẽ được thăng chức trung úy bởi quyền hạn thâm niên. Nhưng xin các bạn hãy chú ý theo dõi người lính đầu tiến của tôi Ở đằng kia.

-Đại úy có biết gì về tên đó không? – Ferguzon hỏi.

-Không.

-CÓ lẽ là một gã tư sản, hắn mặc một cái áo choàng đen.

-Chắc không?

-Kia nhìn xem! Gió vừa hất tung cái áo lên, đại úy thấy không?

-Nếu gã vận áo choàng đen thì đúng là một anh tư sản giàu có, càng tốt, chúng ta sẽ tuyển gã vô phục vụ các vị hoàng thân, vì đội quân của chúng ta cần phải ăn vận chỉnh tề. Này Ferguzon, tôi hy vọng đội quân của tôi sẽ làm rạng danh tôi.

Cả bọn thúc ngựa để bắt kịp anh chàng tư sản lúc ấy đang bình thản đi Ở giữa lộ. Khi nghe thấy tiếng vó ngựa lộp cộp tới, gã lẽ phép nép vào một bên đường và chào Cauvignac.

-Hắn có lễ độ, đó là một điều tốt, nhưng hắn không biết chào theo kiểu nhà binh, rồi ta sẽ dạy Nói đoạn Cauvignac chào lại hắn và đi song song bên hắn.

-Thưa ông – Cauvignac nói – Xin ông nói cho chúng tôi biết ông có yêu nhà vua không?

-Yêu lắm chớ!

-Rất đáng khen! -Cauvignac tròn xoe mắt nói – Và hoàng hậu?

-Hoàng hậu? Tôi tôn kính nhất trên đời.

-Tốt quá! Thế còn Mazarin?

-Thưa ông, ông Mazarin là một đại nhân, và tôi ngưỡng mộ ông ấy.

-Rất tốt. Thế là chúng tôi đã có diễm phúc được gặp một gia nhân trung thành của hoàng đê.

phải vậy không?

-Dạ, ông quá khen.

-May quá! Chỉ có trên những con đường lớn mới có được những cuộc gặp gỡ như thế này.

Anh chàng tư sản bắt đầu nhìn Cauvignac với một vẻ lo ngại rõ rệt. Hắn hỏi: -ông muốn gì?

-Thưa ông, tôi muốn nói rằng ông phải theo tôi.

Tuy ngồi trên yên, hắn vẫn nảy người lên vì ngạc nhiên và sợ hãi: -Theo các ông? Và đi đâu, thưa ông?

-Tôi cũng chưa biết là sẽ đi đâu.

-Thưa ông, tôi chỉ đi với những người tôi quen biên.

-Chính thế và điều đó là khôn ngoan, vậy tôi sẽ nói cho ông biết chúng tôi là ai.

Anh chàng tư sản biểu lộ một cử chỉ chứng tỏ đã đoán ra sự thể, nhưng Cauvignac giả bộ không biết, nói tiếp: -Tôi là Roland De Cauvignac, đại úy chỉ huy một đội quân vắng mặt, đúng thế, nhưng nó có được những vị đại diện xứng đáng: Trung úy Louis-gabriel Ferguzon, thiếu úy Georges-guillaume Barrabas, trung sĩ Zephirin Carrotel, và hai ông đấy, một là hạ sĩ lo việc hỏa thực còn ông kia lo việc trú quân. Bây giờ ông đã biết chúng tôi, thưa ông! – Cauvignac tươi cười tiếp – Tôi ước mong ông không đến nỗi ghét bỏ chúng tôi.

-Nhưng thưa ông, tôi đã phục vụ trong đội dân quân của hoàng để và tôi đóng đều đặn các sắc thuê, các món thuế phụ, các thứ ủng hộ linh tinh khác.

-Cho nên, thưa ông! – Cauvignac tiếp – Tôi không tuyển mộ ông để phục vụ hoàng để mà là cho các vị hoàng thân. Và ông đang đứng trước cái người đại diện bất xứng của các vị ấy.

-Phục vụ các ông hoàng, kẻ thù của nhà vua! – Chàng tư sản ngày càng ngạc nhiên kêu lên – Nhưng tại sao hồi nãy ông lại hỏi tôi có yêu hoàng thượng không?

-Bởi vì, thưa ông, nếu ông không thích nhà vua, nếu ông buộc tội hoàng hậu, nếu ông lăng mạ cái lão Mazarin, thì tôi đâu có làm phiền ông, ông sẽ là người anh em thân thương của chúng tôi.

-Nhưng tóm lại, thưa ông, tôi không phải là nô lệ, tôi không phải là nông nô.

-Không, thưa ông, ông là người lính, nghĩa là hoàn toàn tự do để trở thành đại úy như tôi hoặc thống chế của Pháp quốc như ông De Turenne.

-Thưa ông, trong đời tôi đã kiện cáo nhiều lần.

-à? Không sao, kiện cáo đó là một thói xấu. Tôi chả bao giờ kiện cáo, có thể chính vì tôi đã được học để trở thành luật gia.

-Nhưng trong khi đi kiện, tôi đã học được nhiều luật lệ của vương quốc.

-Dài dòng văn tự. Thưa ông, ông có biên, có tới 18.772 điều luật không kể những phán quyên của nghị viện, những phán quyên… Thế biết những luật ấy, ông rút ra được những ích lợi gì?

-CÓ chứ, tôi biết rằng không ai được phép bắt người ta đi lính ngay giữa đường cái mà không có giấy phép.

-Tôi có. Đây!

-Của công chúa phu nhân?

-Đúng, của chính công chúa phu nhân.

Và Cauvignac kính cẩn giở mũ.

-Hóa ra là Ở nước Pháp có hai vua! – Anh tư sản kêu lên.

-Vâng thưa ông, chính vì lẽ đó tôi đã yêu cầu ông tham gia về phía tôi, và tôi có bổn phận phải tuyển mộ ông vào đơn vị của tôi.

-Tôi sẽ đưa vụ này lên nghị viện.

-Lại một ông vua thứ ba nữa, và có thể ông sẽ có cơ hội phục vụ nó. Nền chính trị của chúng ta rất bao la. Lên đường, thưa ông!

-Nhưng thưa ông không thể được, người ta đang đợi tôi để bàn công việc.

-Ở đâu? Và ai?

-Tại Orleans. Tôi phải gặp ông biện lý về chuyện tiền bạc.

-Bao nhiêu?

-Bốn ngàn livres.

-ông sẽ đi lĩnh?

-Không, tôi phải đi nộp cho ông ta.

-Vì đã thắng một vụ kiện?

-Không, tôi đã thua kiện.

-Vừa vặn đúng với số tiền ông sẽ nộp cho các hoàng thân, nếu các vị ấy bằng lòng thay vào Chỗ ông một tên lính đánh thuê.

-Trời ơi! Tôi có thể đưa một người thay thế mà chỉ phải trả với cái giá 100 écus (Chú thích: écus tiền Pháp thời ấy, trị giá khoảng ba quan, có thời là sáu quan) thôi.

-Một người thay thế như cái mã của ông, một người thay thế cưỡi la, chân thò ra ngoài như ông, một người thay thế biết tới 18.772 đạo luật. Ha, hà! Thưa ông, với một con người tầm thường thì đâu có cần tranh chấp với nhà vua làm chi. Chúng tôi cần những hạng người sáng giá như ông.

như địa vị của ông, như kích thước của ông. Xin ông đừng đánh giá mình quá thấp, ông thừa sức đáng giá bốn ngàn livres.

-Bây giờ thì tôi đã hiểu người ta muốn gì! – Anh chàng tư sản kêu lên – Đây là một vụ trấn lột!

-Thưa ông, ông chửi bới chúng tôi đấy nhé! – Cauvignac nói – Và nếu chúng tôi không giữ gìn tiếng tốt cho quân đội của hoàng thân, thì chúng tôi đã lột da ông để đến bù vào sự lăng mạ ấy.

Không, thưa ông, hãy trao cho tôi bốn ngàn livres và đừng nghĩ rằng đó là một cưỡng đoạt. Đây là một sự cần thiên.

-Nhưng ai sẽ trả tiền cho ông biện lý?

-Chúng tôi.

-Các ông sẽ giao giấy biết nhận cho tôi chứ?

-Rất đàng hoàng, đủ cả chữ ký, con dấu.

-Thế thì lại là chuyện khác.

-Vậy là ông chấp thuận?

-Cũng đành thôi, bởi tôi không thể làm khác được.

-Bây giờ hãy cho chúng tôi địa chỉ của ông biện lý và một vài thông tin cần thiên.

-Tôi đã nói với ông rằng đây là một vụ xử phạt do bị thua kiện.

-Kiện cáo với ai?

-Với Biscarros, nguyên cáo ăn thừa kế di sản của người vợ là dân xứ Orleans.

-Coi chừng! – Ferguzon nói.

Cauvignac liếc mắt ra dấu như có ý muốn nói: Không ngán gì hết, tôi đang thời cơ.

-Biscarros – Cauvignac lặp lại, hắn có phải là chủ một quán ăn Ở vùng Libourne không?

-Đúng vậy. NÓ nằm giữa thành phố này và Saint-martin De Cubzac.

-Quán Con Bê Vàng?

-Té ra ông cũng biên.

-Chút ít.

-Tên khốn kiếp! NÓ đã làm tôi phải bồi thường một số tiền.

-Tôi hiểu. Xét ra cũng đau đớn lắm.

-Cho nên, nói thật với ông, thà rằng tôi đưa số tiền này cho các ông còn hơn là giao cho chúng – Vậy là ông đã thỏa mãn.

-Nhưng còn giấy biết nhận của tôi?

-Đi theo chúng tôi, ông sẽ có đủ hết.

HỌ tiếp tục đi về phía Orleans, và hai giờ sau, họ tới nơi. Sau khi đã kiêm được nhà trọ, anh Chàng tư sán nói: -Làm sao bây giờ đây? Tôi không muốn để mất bốn ngàn livres của mình khi chưa có giấy biết nhận.

-Yên chí đi, ông có biết tự dạng của ông biện lý không?

-Biết chứ.

-Khi chúng tôi mang giấy biết nhận lại, ông đừng làm khó dễ. Và phải giao tiền ngay đó.

-Đồng ý. CÓ điều nếu không có tiền, ông ấy sẽ không giao biên lai đâu.

-Tôi sẽ ứng trước. – Cauvignac nói.

Nói đoạn. Cauvignac rút Ở trong túi xách ra bốn ngàn livres gồm hai ngàn tiền bằng đồng Loại (Chú thích: Louis loại đông tiền vàng trị giá bằng hai mươi quan) và còn lại là Pistole xếp thành từng chồng một trước sự ngạc nhiên của nhà tư sản.

-ông có biết tên ông biện lý?

-Luật sư Rabodin.

-Vậy lấy giấy bút ra viết đi.

Gã tư sản tuân theo và ngồi viết.

“ Thưa ngài Rabodin, tôi xin gửi đến ngài bốn ngàn livres tiền bồi thường tôi đã bị xử phạt trong vụ Bacarros một kẻ mà tôi nghi ngờ thường dính líu vào những vụ lem nhem. Xin ngài vui lòng giao cho người cầm giấy này một tờ biên nhận hợp lệ …” Sau khi gã này ghi ngày tháng và ký tên. Cauvignac cầm lấy và đưa cho Ferguzon rồi căn dặn: -Đưa tiền cho ông biện lý rồi lấy biên lai về.

Ferguzon đó tỏ ra là người mau lẹ. Hắn đã làm tốt công việc được giao phó. Gã tư sản xem xét biên lai và công nhận hợp lệ. Gã đếm đủ bốn ngàn livres trao cho Cauvignac rồi nói: -Bây giờ tôi hết nợ rồi chứ?

-Ô lạy Chúa! Cũng đúng thôi! – Cauvignac nói – Trừ phi là ông không muốn phục vụ chính nghĩa.

-Không phải là cá nhân tôi, nhưng mà…

-Nhưng mà sao? Tôi linh cảm chúng ta sẽ không xa nhau khi chưa có một dịch vụ thứ hai.

Sau khi đã yên tâm vì nắm chắc tờ giấy biết nhận trong tay, gã tư sản bình tĩnh nói: -CÓ thể được lắm, nhưng tôi có một đứa cháu…

-A ha!

-NÓ cứng cổ và rất ồn ào.

-Thành thử ông muốn loại bỏ nó.

-Không hẳn vậy, nhưng tôi thiên tưởng nó sẽ trở thành một người lính tốt.

-Gửi nó đến cho tôi và tôi sẽ đào tạo nó thành một anh hùng.

-ông nhận nó chứ?

-Rất vui lòng.

-Tôi còn có một đứa con đỡ đầu, thằng bé ngoan ngoãn ghê lắm, đến nỗi tôi buộc phải gửi nó vô ký túc xá.

-Vì vậy ông muốn cho nó cầm súng, phải không? Hãy cho đứa con đỡ đầu và đứa cháu của ông đến chỗ tôi. Hai đứa, ông chỉ phải trả có năm trăm livres thôi.

-Năm trăm livres? Tôi chả hiểu sao cả!

-Đương nhiên khi nhập ngũ người ta phải trả tiền.

-Vậy tại sao ông bắt tôi phải trả tiền để khỏi nhập ngũ?

-Lý do đặc biệt: ông trả cho mỗi đứa Z50 livres rồi sau đó ông sẽ không bao giờ nghe nói về chúng nó nữa.

-Trời đất quỷ thần! Nghe ông nói trơn tuột. Nhưng rồi chúng nó sẽ ra sao?

-Nghĩa là một khi chúng nó phục vụ dưới quyền tôi, bọn chúng sẽ không đổi địa vị của mình cho ngay cả hoàng đế trung Hoa. Còn về vấn đề bồi dưỡng, ông hỏi mấy người đây khắc biên. Trả lời đi Barrabas, trả lời đi Carrotel.

-Đúng thế, chúng tôi sống như các vị lãnh chúa. – Barrabas nói.

-Còn về y phục, ông nhìn coi! – Carrotel quay một vòng để phô trương bộ y phục của mình.

Cauvignac hỏi: -Thế nào? ông sẽ đưa hai cậu ấy đến tôi chứ?

-Tôi muốn lắm, ông dừng lại Ở đây có lâu không?

-Không. Chúng tôi sẽ ra đi vào sáng mai. Nhưng để chờ đợi họ, chúng tôi sẽ đi thật chậm. Hãy đưa cho chúng tôi 500 Livres vậy là coi như xong.

-Tôi chỉ có 250.

-ông giao nốt 250 kia cho hai đứa ấy, để làm một cớ gởi chúng nó đến tôi, nếu không, chúng nó sẽ nghi ngờ…

Sau khi đếm đủ 250 livres cho Cauvignac, gã hoan hỉ ra về, sung sướng vì chỉ mất có 500 livres mà loại bỏ được một thằng con nuôi mất dạy và một đứa cháu ăn hại.

§5

-Bây giờ. Barrabas – Cauvignac nói – Hãy mở vai ra lấy một bộ quần áo xoàng xĩnh một chút để có vẻ như một nhân viên của sở thuế rồi mặc vô.

-Tôi đã có sẵn bộ đồ của thằng cha thu thuế rồi.

-Tốt, tốt lắm! Còn giấy ủy nhiệm, chắc anh cũng đã có rồi chứ?

-Trung úy Ferguzon bảo tôi không được để thất lạc, và tôi đã giữ nó như mả tổ.

-Vậy thì đi thay đồ và lấy giấy ủy nhiệm.

Barrabas lui gót và mười phút sau trở lại trong bộ quần áo của gã nhân viên thu thuê. Hắn thấy Cauvignac vận toàn đồ đen, trông giống như một ông tòa.

Cả hai đi về nhà của ông biện lý, ông ta Ở mãi tận lầu ba, trong dãy nhà cuối cùng gồm có nhiều phòng. Cauvignac bảo Barrabas đứng chờ sẵn Ở bên ngoài, còn y tiến vào căn phòng. Luật sư Rabodin ngồi trước bàn giấy, chung quanh bề bộn những hồ sơ, ông ta mặc một cái áo đen dán chặt vào người giống như da của con lươn dính sát thân hình nó. Nghe tiếng bước chân của Cauvignac, ông ta rướn cái cổ cò lên để nhìn qua những chồng giấy tờ cao chất ngất.

Cauvignac trong giây phút tưởng như mình đang đối diện với một con rắn, khi đôi mắt của lão biện lý ánh lên những nét tham lam và bần tiện.

-Thưa ông. – Cauvignac nói – Tôi xin lỗi đã tự tiện vào mà không báo trước. – Y mỉm cười rồi tiếp – Nhưng đây là một đặc quyền trong trọng trách của tôi.

-Đặc quyền? – Luật sư Rabodin nói – Nhưng xin ông cho biết ông có trọng trách gì?

-Thưa ông, tôi là sĩ quan cảnh sát của đức vua.

-Sĩ quan cảnh sát của nhà vua?

-Vâng, tôi có cái vinh dự đó.

-Thưa ông, tôi không hiểu.

-ông sẽ hiểu, ông quen ông Bicarros phải không?

-Dĩ nhiên tôi biên, đó là khách hàng của tôi.

-ông nghĩ về ông ta như thế nào?

-Tôi nghĩ về ông ta?

-Phải.

-Nhưng tôi nghĩ…, tôi nghĩ… Tôi nghĩ đó là một người tốt.

-Hừm! Thưa ông, ông lầm rồi.

-Sao? Tôi lầm?

-Con người ông cho là tốt đó chính là một tên phản nghịch.

-Sao? Một tên phản nghịch?

-Vâng, thưa ông, một tên phản nghịch đã lợi dụng cái vị trí biệt lập của quán ăn của hắn để biết nơi đó thành trụ sở của một vụ âm mưu.

-Vậy ư?

-NÓ toan tính đầu độc nhà vua, hoàng hậu và quan tể tướng Mazari, nếu ngẫu nhiên các ngài dừng chân Ở nhà nó.

-Thật ư?

-và tôi mới bắt giữ nó, đưa nó vào khám lớn Ở Libourne, để ngăn ngừa một tội đại nghịch.

-Thưa ông, ông làm tôi ngợp thở. – Rabodin nói, ngả người ra trong cái ghế bành.

-Còn nữa… – Viên cảnh sát giả hiệu tiếp – ông còn là đồng lõa trong vụ này.

-Tôi mà đồng lõa? Thế là thế nào?

-ông giữ một khoản tiền của tên dơ dáy Biscarros dùng để mua vũ khí cho tụi phản nghịch.

-Thưa ông, quả là tôi có nhận của hắn…

-Một số tiền bốn ngàn livres, người ta phải ộc cho nó mấy trận, cuối cùng nó mới khai là nó để tiền Ở nhà ông.

-Thưa ông, tiền có Ở đây thật, nhưng chỉ vừa mới đây thôi.

-Hà! Nếu ông không nhận số tiền đó thì lại là một chuyện khác, nhưng ông đã giữ nó, vậy là một bằng chứng buộc tội, ông hiểu chứ?

-Thưa ông, nếu tôi bằng lòng trả lại, nếu tôi đưa nó ngay tức khắc, nếu khai rằng tôi không có một chút liên hệ nào với tên Biscarros, nếu tôi chối cãi…

-Thì sự nghi ngờ về ông sẽ giảm bớt đi. Tuy nhiên tôi phải nói với ông rằng việc giao ngay số – Thưa ông, ngay lập tức! – Rabodin kêu lên – Tiền hãy còn đó. Ở trong cái túi, tôi đã đêm kỹ – CÓ đủ không?

-Thưa ông, xin ông kiểm lại.

-Khỏi cần, bởi vì tôi không có quyền lĩnh tiền của đức vua, nhưng tôi có viên giám thu Ở Libourne đi theo để phụ tá, ông ta có nhiệm vụ thu góp những khoản tiền khác nhau của tên Biscarros để mỗk nơi một ít, để tới khi cần hắn sẽ gom lại.

-Thảo nào hắn căn dặn tôi chừng nào lĩnh bốn ngàn livres ấy, phải gửi cho hắn ngay không được chậm trễ.

-ông thấy đó, chắc hắn đã biết bà quận chúa đã trốn từ Chantilly và đang trên đường về Bordeaux, hắn muốn tập trung tất cả nhân lực, tài lực để trở thành thủ lãnh một nhóm.

-Tên khốn kiếp!

-Thế ra ông không nghi ngờ gì hết?

-Thưa ông, không.

-Cũng chả có một ai báo cho ông biên?

-Chẳng có ai.

-Thế cái gì đây? – Cauvignac giơ một ngón tay chỉ vào bức thư của gã tư sản hãy còn nằm chênh ềnh trên bàn làm việc giữa một đống giấy tờ, ông nghĩ sao về cái đó, trong khi chính ông lại cung cấp chứng cớ ngược lại?

-Sao? Chứng cớ?

-Đọc đi khắc biên.

Rabodin đọc với giọng run run:

“ Thưa ngài Rabodin, tôi gửi đến ngài bốn ngàn livres tiền bồi thường tôi đã bị xử phạt trong vụ Bacarros một kẻ mà tôi nghi ngờ thường dính líu vào những vụ lem nhem… „

-ông thấy chưa? – Cauvignac nói – Người khách hàng tốt của ông như vậy đó. Tôi cũng chả cần giấu để nói với ông rằng lệnh của tôi rất nghiêm.

-Thưa ông, tôi xin thề với ông tôi vô tội.

-Biscarros cũng nói như ông, chỉ tới khi người ta cho hắn một trận ra trò, hắn mới đổi giọng.

-Thưa ông, tôi xin sẵn sàng giao lại tiền cho ông. Đây, xin ông cầm lấy.

-Làm việc phải có nguyên tắc. – Cauvignac nói – Tôi vừa nói với ông, tôi không có trách nhiệm lãnh những khoản tiền thuộc ngân sách của nhà vua.

Nói đoạn. Cauvignac đi ra phía cửa lớn tiếng gọi: -Thưa ông giám thu, mời ông lại đây. Người nào việc đó.

Barrabas tiến lại.

-ông này đã thú nhận hết. – Cauvignac nói.

-Sao? Tôi thú nhận hết? – Rabodin kêu lên.

-Phải, ông thú nhận đã từng liên lạc với Biscarros.

-Thưa ông, tôi chỉ nhận có hai bức thư của hắn, và tôi chưa bao giờ viết cho hắn một bức thư – ông thú nhận ông là người giữ ngân quỹ của bị cáo.

-Thưa ông nó đây, tôi chỉ nhận của hắn bốn ngàn livres này, và tôi sẵn sàng giao lại cho ông.

-- Thưa ông giám thu – Cauvignac nói – ông hãy xuất trình chứng thư của ông, rồi thu lấy khoản tiền này, và nhân danh đức vua cho ông ấy một cái biết nhận.

Barrabas chìa chứng thư ra nhưng Rabodin vội xua tay và bảo không cần nó, trong khi Barrabas sợ lầm lẫn nên kiếm tiền lại.

-Bây giờ mời ông theo tôi.

-Theo ông?

-Chắc chắn. Tôi đã không nói với ông rằng ông bị tình nghi sao?

-Nhưng thưa ông, tôi xin thề, đức vua không có một kẻ tôi tớ nào trung thành hơn tôi.

-Nói vậy đâu có chi làm bằng, cần phải có chứng cớ.

-Thưa ông, tôi sẽ có đầy đủ bằng cớ.

-Đâu?

-trát Cả quãng đời quá khứ của tôi.

-Không đâu, cần phải có một sự đảm bảo cho tương lai.

-Hãy chỉ cho tôi phải làm gì, tôi sẽ làm theo.

-CÓ một cách để chứng tỏ lòng tận tụy của ông. Ngay lúc này đây, tại Orleans, một đại úy bạn tôi đang lập một đại đội để phục vụ nhà vua…

-Thế thì sao?

-Thì ông sẽ ra nhận đơn vị ấy.

-Tôi thưa ông, một biện lý?

-Đứa vua rất cần những chàng biện lý, bởi vì công việc của ngài phức tạp lắm.

-Thưa ông, tôi xin sẵn sàng, nhưng còn văn phòng của tôi?

-ông để cho các thư ký của ông quản lý.

-Không theo được! Còn những chữ ký?

-Xin lỗi các vị, cho tôi xin góp ý. – Barrabas nói.

-Thế nào? – Rabodin nói – Thưa ông, xin ông nói đi.

-Thưa ông, hình như ông chẳng vui vẻ gì nếu phải đăng lính.

-Vâng, ông nói đúng, quả là rầu thúi ruột!

-Nếu ông dâng hiên cho nhà vua…

-Cái gì? Tôi có thể dâng hiên lên đức vua cái gì, thưa ông?

-Hai người thơ ký.

-ô! Cái đó dễ quá! – Rabodin reo lên – Tôi rất vui lòng làm được điều này, bạn ông sẽ thâu nạp cả hai, tôi dâng hết. ĐÓ là hai chàng trai rất tốt.

-Một người tôi trông có vẻ hãy còn nhóc tì.

-Mười lăm tuổi, thưa ông, mười lăm tuổi đó! Và là một tay trống giỏi nhất hạng. Lại đây.

Fricotin.

Cauvignac ra dấu bằng tay để cho Fricotin cứ ngồi yên.

-Còn người kia?

-Mười tám tuổi, thưa ông, cao một mét năm tám, có ước nguyện làm lính gác Ở Tòa thánh, và hiện giờ đang biết sử dụng giáo mác. Lại đây Chalumenau.

-Nhưng tôi thấy hình như mắt nó lé kinh khủng. – Cauvignac nói và cũng ra dấu bảo hắn cứ ngồi Ở đó.

-Cũng tốt thôi, thưa ông, ông xếp đặt nó vào cái chân lính gác. Lúc đứng canh, mắt nó sẽ láo liên ngó phải rồi ngó trái, trong khi những người khác chỉ nhìn Ở phía trước.

-ĐÓ cũng là một cái lợi, tôi biên, nhưng xin ông hiểu cho, nhà vua rất túng thiếu, kiện nhau bằng súng đạn bao giờ cũng đắt hơn bằng lời, nhà vua không thể

chi những khoản tiền trang bị cho hai anh ấy, đã quá đủ rồi đối với ngài khi trả lương cho họ và dạy dỗ họ.

-Thưa ông – Rabodin nói – Nếu cần phải có cái gì đó để chứng tỏ sự tận tâm của tôi đối với nhà vua… E hèm! Tôi sẽ có một sự cống hiên nữa vậy!

Cauvignac và Barrabas nhìn nhau.

-Tôi nghĩ ông ấy đã tỏ ra có thiện chí. – Barrabas đáp sau khi thấy Cauvignac hỏi ý kiên mình.

-Nếu ông Rabodin đã có lòng như vậy, không lẽ mình lại từ chối. Barrabas hãy biết nhận cho ông ấy 500 Livres.

-Năm trăm livres?

-Một cái giấy biết nhận có ghi rõ: Trang bị cho ba tân binh, sự nhiệt tâm của luật sư Rabodin đối với nhà vua.

-Nhưng ít ra, thưa ông, sau những sự cống hiên như vậy, tôi sẽ được an tâm chứ?

-Tôi tin vậy.

-Khỏi lo ngại gì?

-Tôi hy vọng.

-Nhưng nếu bất chấp công lý, người ta cứ theo dõi tôi?

-Khỏi lo. Tôi sẽ làm chứng cho ông à, nhưng liệu hai viên thư ký của ông có bằng lòng không?

-HỌ hân hạnh là đằng khác.

-ông có chắc không?

-Chắc. Tuy nhiên chớ có nói cho họ…

-Vậy phải làm thế nào?

-Đơn giản thôi. Tôi sẽ gửi họ tới cho người bạn ông. Tên bạn ông là gì?

-Đại úy Cauvignac.

-Tôi sẽ gửi họ tới đại úy Cauvignac với một cái cớ nào đó. Và địa điểm sẽ là một vùng ngoại Ô thì tốt nhất.

-Đồng ý. Trên đại lộ từ Orleans đi Tours.

-Và Ở trong một quán ăn đầu tiến.

-Nhất trí. HỌ sẽ thấy đại úy Cauvignac ngồi Ở bàn, sẽ róc cho họ một ly rượu vang. HỌ nhậu và thế là họ sẽ trở thành người lính.

Sau đó Rabodin giao số tiền 500 livres cho Barrabas để lấy một tờ biết nhận với những chữ nhận của luật sư Rabodin, một công dân rất trung thành vời đức vua, vời tính cách tự nguyện, một số tiền là 500 livres để ủng hộ nhà vua trong cuộc chiến chống lại các vị hoàng thân.

-Nếu cần – Barrabas nói – Tôi sẽ ghi thêm hai viên thư ký vào giấy biết nhận.

-Không, không. Thế là đầy đủ.

-Nhân tiện – Cauvignac nói với Rabodin – ông bảo Fricotin mang theo cái trống và Chalumunau ngọn giáo như thế sẽ khỏi phải mua.

-Nhưng nại ra cái cớ gì được?

-Chúa ôi! Thì ông bảo là để giải trí dọc đường.

Sau đó, viên sĩ quan cảnh sát và tay giám thu giả mạo rút lui có trật tự để lại cho Rabodin một cảm giác sững sờ vị sự nguy hiểm qua đi mà chỉ phải trả một giá quá rẻ.

§6

Hôm nay, sự việc diễn ra như Cauvignac đã tiến liệu, đứa cháu và đứa con nuôi của gã tư sản cưỡi chung một con ngựa tới trình diện, rồi đến Fricotin và Chalumenau, kẻ vác trống, người mang giáo. Sau khi biết mình gia nhập hàng ngũ quân đội của các hoàng thân, họ cũng muốn kiêm chuyện đấy, nhưng rốt cuộc, trước sự hăm dọa của Cauvignac, những lời hứa hẹn của Ferguzon và những lập luận của Barrabas, họ đành câm lặng.

Mọi người lên đường. Nhóm của Cauvignac trông cũng ra vẻ oai phong.

ĐÓ là cái thời kỳ bốn phương loạn lạc. Phe này cho rằng nhà vua lúc nào cũng có thừa chính nghĩa nên đã ủng hộ mạnh mẽ. Phe kia lại cúc cung tận tụy phục vụ các ông hoàng bà chúa. CÓ những kẻ lại tin vào sự có mặt của các nghị viên.

Cauvignac đã có Ở dưới trướng hai mươi lăm người, dẫu sao cũng là một toán quân. Y tìm được một địa điểm thích hợp nằm giữa Chatellerault và Poitiers: Làng laulnay. Y nhận ra mình đã có lần tới đó vào một buổi tối, khi mang lệnh đến cho Canolles. Y nhiên lập tổng hành dinh trong một quán ăn và cũng nhớ ra tớt hôm ấy đã ngồi ăn Ở đây. Thật ra cũng không có cách lựa chọn nào khác, chỉ có một quán trọ này mà thôi.

Trú quân như vậy, trên con lộ chính từ Paris đi Bordeaux. Cauvignac đã có Ở phía sau mình toán quân của hoàng thân De La Rochefoucauld đang bao vây Saumur và trước mặt quân đội hoàng gia tập trung Ở Guyenne. Trong tình trạng chờ đợi cơ hội để ngả về phe này hoặc bên kia, y cần phải góp nhặt một cánh quân nòng cốt trăm người.

Một hôm, sau khi đã dành cả một buổi sáng cho việc săn tìm người. Cauvignac đứng trò chuyện với viên trung úy và tay thiếu úy Ở trước cửa quán. Y chợt nhìn thấy Ở đầu phố một thiếu phụ cưỡi ngựa, một người hầu cưỡi theo sau, rồi đến hai con la chở hành lý.

Thái độ thong dong của người kỵ sĩ khả ái, bên cạnh vẻ vênh váo của gã theo hầu, khiến Cauvignac nghĩ tới một kỷ niệm. Y đặt tay lên vai Ferguzon vì khó Ở nên đang rầu rĩ, và chỉ về phía giai nhân nói: -Đây là người lính thứ năm mươi của trung đoàn Cauvignac nếu không thì thà rằng ta chêm đi!

-Ai? Người phụ nữ ấy?

-Chứ còn ai vào đây nữa.

-Hà! Chúng ta đã có một đứa cháu để làm thày kiện, một đứa con nuôi lẽ ra là tu sĩ, hai viên thư ký của lão biện lý, hai thằng lang băm, một anh thầy thuốc, ba tay thợ làm bánh mì, và hai tên chăn gà tây, lính tráng xét ra như thế cũng hơi tệ rồi đó, nay lại thêm một người đàn bà nữa, nếu cần phải đánh đấm thì sẽ ra sao?

-Đúng, nhưng ngân quỹ của chúng ta mới chỉ có chưa đầy hai mươi lăm ngàn livres và nếu người ta có thể biết nó thành một số tròn trịa, ba chục ngàn chẳng hạn, thì cũng tốt đấy chứ?

-à! Nếu ông trù tính dưới cái dạng ấy, tôi xin ký cả mười tay, còn phải nói gì nữa.

-Im đi, rồi cậu sẽ thấy.

Cauvignac tiến lại gần thiếu phụ. Nàng đứng trước khung cửa sổ của quán ăn và hỏi bà chủ lúc ấy đang đứng Ở cửa phòng. Cauvignac đưa tay lên mũ và nói với giọng trịnh trọng:

r tử của tôi.

-Công tử? Tôi? – Thiếu phụ mỉm cười.

-Chính ngài, thưa vị tử tước đẹp trai.

Người đàn bà đỏ mặt: -Tôi không hiểu ông muốn nói gì thưa ông.

-Ồ sao lại không, bằng chứng là một chút sắc hồng đã thoáng hiện trên má ngài.

-Thưa ông, chắc có một sự nhầm lẫn.

-Không đâu, không đâu, trái lại tôi biết rõ điều tôi vừa nói.

-Xin ông bỏ lỡ khôi hài ấy đi.

-Thưa ngài, tôi không giễu cợt, và nếu ngài muốn chứng minh, tôi sẽ đưa ra bằng cớ. Tôi đã có hân hạnh gặp ngài, chừng ba tuần trước đây, cũng trong bộ trang phục như hiện nay, vào một buổi chiều, trên bờ sông Dordogne, với sự tháp tùng của người hầu trung tín của ngài là lão Pompéc thân mến ấy. Liệu ông có nói là tôi không biết ông không hở ông Pompéc?

Người hầu và cô chủ nhìn nhau kinh ngạc.

-Phải, phải. – Cauvignac tiếp – Thưa tử tước xinh đẹp của tôi, ngài ngạc nhiên cũng đúng thôi.

nhưng ngài có dám bảo rằng không phải tôi đã gặp ngài trên đường Saint Martin De – Cubzac.

cách quán ăn của Biscarros độ một phần tư dặm không?

-Thưa ông, tôi không chối cãi được cuộc gặp gỡ ấy.

-À ngài nhớ ra rồi đó.

-CÓ điều hôm ấy tôi đã cải trang.

-Không phải thế đâu, chính hôm nay ngài mới cải trang. Vả lại tôi biết tướng mạo tử tước De Cambes đã được công bố khắp Guyenne, ngài tưởng mình khôn ngoan hơn trong việc đánh lạc hướng những sự nghi ngờ bằng cách khoác bộ đồ này, nhưng rồi công lý sẽ phân xử, thưa cậu công tử của tôi.

Nữ tử tước không thể che giấu được sự bối rối, nàng nói: -Thưa ông, nếu ông cứ xen vào câu chuyện của ông những lời nói lảm nhảm, có lẽ tôi phải nghĩ rằng ông điên.

-Tôi sẽ không ngợi khen ngài qua những lời lẽ ngài vừa nói, nhưng tôi thấy việc cải trang là rất hợp lý khi người ta đang có một âm mưu.

Thiếu phụ càng lúc càng lộ vẻ lo âu, nhìn Cauvignac.

-Thưa ông, quả thật hình như tôi đã gặp ông Ở đâu đó, nhưng tôi không nhớ ra.

-Lần thứ nhất, tôi đã nói với ngài rồi. Ở trên bờ sông Dordogne.

-Và lần thứ hai?

-Lần thứ hai tại Chantilly.

-Trong lúc đi săn?

-Chính thêm – vậy thưa ông, tôi không có sợ gì nữa, ông là người của chúng tôi.

-Tại sao?

-Vì ông đã Ở tại nhà bà quận chúa.

-Xin phép cho tôi được nói, đó không phải là một lý do.

Bởi vì người đó mang mặt nạ bằng sa tanh đen rất đúng mốt lúc ấy, che lấp nửa khuôn mặt nên trước sự kiện này, người ta cũng không thể hiểu rõ phản ứng của người ấy ra sao, chỉ nhìn thấy vầng trán cao, nửa dưới khuôn mặt biểu hiện nét trẻ trung, vẻ đẹp và thông tuệ, hàm răng trắng đều, và qua tấm mặt nạ, đôi mắt sáng ngời.

Hai gã người hầu to lớn, mặt mũi tái xanh và run lẩy bẩy, dù họ vẫn kẹp Ở đùi một khẩu súng dài. HỌ ngồi mỗi người một phía, thò đầu ra cửa nhìn chằm chằm vào những con ngựa. Giống như cảnh những tên cướp bắt giữ hành khách dù giữa thanh thiên bạch nhật và Ở ngay giữa quán ăn.

cũng như vẻ mặt tươi cười của Cauvignac và dáng điệu chững chạc của những người bị coi là phường cướp bóc.

Thoạt trông thấy Cauvignac xuất hiện Ở cửa, chàng trai bị bắt ứ thốt lên kêu một tiếng kinh ngạc, rồi vội vàng sờ tay lên mặt như để biết chắc mặt nạ có còn đấy không, sau đó chàng tỏ ra bình tĩnh.

Cử chỉ ấy diễn ra nhanh, nhưng cũng không thể lọt qua cặp mắt Cauvignac. Y nhìn người khách với kiểu của một người đã quá quen với việc nhìn nhận diện mạo cho dù có bị che lấp, rồi y cũng không giấu được vẻ ngạc nhiên y như chàng kỵ mã mặc đồ nhung xanh kia vậy. Đoạn y tiến lại mũ cầm tay, nghiêng mình trịnh trọng.

-Xin quý phu nhân nhận lời chào mừng của chúng tôi.

Qua tấm mặt nạ, đôi mắt người khách ánh lên một sự sửng sốt.

-Bà đi đâu vậy?

-Tôi đi đâu? – Người khách quên trả lời chào của Cauvignac và chỉ đáp lại câu hỏi – Tôi đi đâu?

Chính ông phải biết hơn là tôi, vì tôi không còn tự do để tiếp tục cuộc hành trình. Tôi đi đến nơi nào ông dẫn tôi tới.

-Tôi xin lưu ý để bà biết rằng, đây chỉ là một vụ tạm giữ trong chốc lát. Sau khi chúng ta thảo luận trong cởi mở và không mang mặt nạ, bà sẽ tiếp tục lên đường, không một ai ngăn cản.

-Xin lỗi, nhưng khi đi xa hơn, chúng ta hãy sửa lại một sự nhầm lẫn, ông tỏ ra coi tôi như một người đàn bà, trong khi trái lại ông thấy rõ bộ quần áo tôi đang mặc là của đàn ông.

-Chắc bà biết thành ngữ La tinh: Ne Nimium credeeori – Người khôn chớ xét bề ngoài – Vậy tôi là một kẻ khôn ngoan, thành thử dưới bộ y phục man trá ấy, tôi vẫn nhận ra…

-Nhận ra gì? – Người hành khách sốt ruột hỏi.

-Hà hà! Thì như tôi đã nói, một phụ nữ!

-Nhưng nếu tôi là một phụ nữ, sao lại còn bắt giữ tôi?

-Chà! Bây giờ cái thời chúng ta đang sống, đàn bà còn nguy hiểm hơn đàn ông, cho nên chiến cuộc đang diễn ra đó được gọi là cuộc chiến tranh của các bà. Hoàng hậu và bà De Condé là hai phe đối địch mạnh nhất. HỌ đã dùng những tướng lãnh nữ nhi, tiểu thư De Chevreuse, bà De Montbaxon tướng của ngài Beaufort, bà De Longueville tướng của ngài De La Rochofoucauld, và bà thì có vẻ là tướng của công tước d'Épernon.

-Thưa ông, ông điên rồi. – Người khách chùn vai nói.

-Tôi không tin bà nữa đâu, mới đây cũng có một chàng trai xinh đẹp khen ngợi tôi với những lời như thế. Chàng mặc xiêm y, tóc để thành từng lọn, giọng nói thánh thót như tiếng sáo, nhưng tôi vân nói với chàng rằng: Anh bạn trẻ của tôi, bạn muốn mang cái tên nào cũng được, muốn ăn mặc ra sao cũng được, muốn nói với giọng nào cũng được, nhưng đích xác bạn là tử tước De Cambes.

-Tử tước De Cambes! – Người khách trẻ kêu lên.

-A! CÓ vẻ như cái tên ấy khiến bà ngỡ ngàng, bà có biết chàng ta không?

-Một chàng trai rất trẻ, gần như một cậu thiếu niên.

-Mười bảy hay mười tám tuổi không hơn. Tóc rất vàng, mắt rất to và rất xanh?

-Đúng.

-Chàng ta Ở đâu?

-Ở đằng đó.

-Và ông nói là…

-Cải trang thành đàn bà, như bà thành đàn ông. Thật quái gỡ.

-Thế chàng đến đây làm chi?

Người khách biểu lộ sự giận dữ và bối rối một cách rõ rệt, trong khi Cauvignac, trái lại bắt đầu dè dặt cả cử chỉ lẫn lời nói. Y đáp: -Hình như chàng có

hẹn với một người bạn Ở đây.

-Một người bạn?

-Phải.

-Một nhà quý tộc?

-CÓ lẽ thê?

-Nam tước?

-CÓ thể.

-Và tên của…

vầng trán của Cauvignac nhăn lại. Không phải để cố nhớ ra cái tên ấy mà còn vì nhiều lý do khác nữa. Chàng khẽ thầm thì: "ô! ô! Sẽ có một mẻ lưới tốt."

-Và cái tên của… – Người khách trẻ tuổi nhắc lại.

-Xem nào. Đợi một chút. Hình như cái tên ấy tận cùng bằng vần olles.

Đôi môi người khách nhợt hẳn đi và kêu lên: -Canolles!

-Đúng vậy, ông De Canolles. Bà cũng biết ông De Canolles? ái chà! Hóa ra là bà biết hết tất cả mọi người cơ đấy!

Người hành khách run hết cả chân tay và có vẻ như sắp ngất đi, lắp bắp nói: -Đừng có đùa cợt nữa, người ấy đâu?

-Ở trong phòng kia, cửa sổ thứ ba, tính từ chỗ khung cửa có riềm vàng.

-Tôi muốn gặp cô ta! – Người khách kêu lên.

-Ồ! ồ! Tôi nhầm chăng? – Cauvignac nói – Vậy bà là ông De Canolles có phải là chàng kỵ sĩ đẹp trai đang đủng đỉnh trên lưng ngựa trên đường tới đây, theo sau là đến người hầu đó không?

Người hành khách trẻ chồm về phía tấm kiêng trước xe, và trong lúc hấp tấp đã để cho trán mình đập vào đó.

-Chính chàng! Chính chàng? – Chàng ta kêu lên và cũng chẳng để ý gì đến máu rỉ ra từ vết thương nhẹ – ôi! Đau đớn cho ta, chàng đến đây để gặp người đàn bà ấy! …

-Hà, bây giờ thì biết rõ chính là phụ nữ đấy nhá!

Người khách vặn những ngón tay rồi nói: -HỌ hò hẹn Ở đây! …, ôi! Ta sẽ trả mối thù này.

Cauvignac muốn bỡn cợt thêm, nhưng người khách nghiêm mặt lại và ra dấu bằng một bàn tay, còn tay kia tháo mặt nạ ra, để lộ khuôn mặt xanh xám, đầy vẻ đe dọa của Nanon, trước cái nhìn thản nhiên của Cauvignac.

§7

Thản nhiên, không một chút xúc động. Cauvignac nhìn người thiếu phụ: -Chào cô em gái.

-Chào anh. Như vậy là anh đã nhận ra em phải không?

-Thoạt trông thấy em, anh đã nhận ra ngay, chỉ che mặt thôi không đủ, em còn phải bịt kín cả nốt ruồi duyên dáng và hàm răng ngà ngọc của em nữa. Muốn cải trang, em phải che kín toàn bộ con người em, cô bé hay làm dáng ạ!

-Đủ rồi! – Nanon nghiêm giọng – Chúng ta hãy nói chuyện đứng đắn.

-Anh không mong gì hơn, chỉ khi nói chuyện đứng đắn người ta mới có được những vụ làm ăn ngon lành.

-Anh nói là nữ tử tước De Cambes hiện đang Ở đây?

-Chính thế – và Canolles lúc này cũng Ở trong quán trọ?

-Chưa, hắn xuống ngựa, ném dây cương cho người hầu, à. Ở phía đó, cũng nhìn thấy hắn.

Kia kìa, cửa sổ có riềm vàng đã được mở ra và nữ tử tước thò đầu ra ngoài kìa. Ô nàng mừng rỡ reo lên. Canolles đang chạy vào trong nhà, nấp đi cô em gái kẻo thì hỏng bét.

Nanon vật ra phía sau, nắm chặt lấy tay Cauvignac lúc ấy đang nhìn em gái với vẻ thương hại.

-Thế mà em lại đi Paris kiêm anh ta. Thế mà em lại liều mình tất cả vì người đó. – Nanon rên – ôi hy sinh làm gì cho cái tên vô ơn bạc nghĩa đó hở cô em bé bỏng. Lòng tốt của cô đặt không đúng chỗ.

-Bây giờ họ sẽ nói gì khi gặp nhau? Và họ sẽ làm gì?

-Nanon thân mến, cô làm anh bối rối vô cùng khi đặt cho anh câu hỏi như thế. HỌ sẽ…, thiên địa, quỷ thần ơi, họ sẽ yêu nhau một cách ghê gớm chứ còn gì nữa.

-Ồ! Sẽ không như thế đâu! – Nanon kêu lên và liên tiếp cắn những móng tay bóng như ngà.

-Trái lại, anh nghĩ sẽ phải như thế. – Cauvignac đáp – Ferguzon đã nhận lệnh không cho một ai ra khỏi, nhưng lại không nhận được lệnh ngăn cản mọi người vào. Chính trong giây phút này, rất có khả năng nữ tử tước De Cambes và nam tước Canolles đang trao đổi với nhau những câu nói ngọt ngào nhất… Thật chán mớ đời cho cô em Nanon của anh. Em là kẻ đến muộn.

-Anh tưởng thê? – Thiếu phụ đáp với một vẻ vừa châm biếm và căm hờn – Anh chỉ tưởng thế.

Nào, lên đây với em hỡi ngài ngoại giao khốn khổ.

Cauvignac tuân theo.

-Bertrand! – Nanon nói với gã mang súng – Bảo người đánh xe đậu Ở chỗ lùm cây um tùm ấy.

Rồi quay về phía Cauvignac: -Chúng ta tới chỗ đó để nói chuyện được không?

-Tốt quá, chờ anh một chút, cần phải đề phòng cẩn thận.

Nói xong. Cauvignac ra dấu cho bốn tên thuộc hạ đang luận quấn Ở quán ăn đi theo.

-Cẩn thận hơn nữa, anh mang theo sáu người thì tốt.

CỖ xe quay đầu trở lại, đưa Nanon và Cauvignac đi về hướng đã chỉ. Nanon, tron r sục sôi lửa giận, còn Cauvignac bề ngoài lạnh lùng và bình thản, nhưng thực ra cũng đang ráo riêu tính toán về những đề nghị của cô em sẽ đưa ra trong cuộc nói chuyện này.

Trong lúc đó. Canolles sau khi nghe thấy tiếng reo vui mừng của De Cambes phu nhân, đã chạy vội vào quán ăn và đi thẳng đến phòng của nữ tử tước. Chàng không hề để ý tới Ferguzon đang đứng ngoài hành lang, về phần Ferguzon vì không nhận được lệnh nào khác liên quan đến Canolles nên cũng chẳng làm khó dễ gì chàng cả.

-A, nam tước đấy ư! Tôi chờ đợi ông lâu lắm rồi.

-Thưa phu nhân, đó là những lời nói làm cho tôi trở thành một người sung sướng nhất trần gian, nếu vẻ sợ hãi và bối rối của phu nhân không chứng tỏ rằng phu nhân không chỉ chờ đợi tôi.

-Vâng, thưa ông, ông nói đúng. – Claire đã lấy lại nụ cười duyên dáng – Và tôi buộc phải chịu ơn ông một lần nữa.

-Làm sao?

-Tôi đang bị một nguy hiểm đe dọa.

-Một nguy hiểm?

-Vâng. Xin ông chờ cho một chút. – Claire đi ra phía cửa và cài then lại.

-Tôi bị người ta nhận ra được. – Nàng nói lúc quay trở lại.

-Và bởi ai?

-Bởi một người tôi không biết tên, nhưng khuôn mặt và giọng nói của hắn không xa lạ với tôi Hình như tôi đã nghe thấy tiếng của hắn vào một buổi tối, cũng trong căn phòng này, lúc ông nhận được lệnh đi ngay tới Mantes, hình như tôi đã nhận ra hắn trong cuộc đi săn Ở Chantilly vào hôm tôi đóng vai De Condé phu nhân.

-Theo phu nhân, con người ấy là ai?

-Một tay chân của công tước d'Épernon, tóm lại là một kẻ thù của tôi.

-Và nàng bảo rằng hắn đã nhận ra được nàng?

-Nhất định thế. Hắn gọi đích danh tôi và chỉ nhớ tôi đã mặc y phục đàn ông. Chung quanh vùng này, khắp nơi, có những sĩ quan của nhà vua, người này biết

tôi thuộc phe các hoàng thân.

cho nên tính chuyện đe dọa, nhưng ông đã có Ở đây, tôi chẳng còn sợ gì nữa, ông cũng là sĩ quan.

lại cùng phe với họ, ông sẽ cứu tôi.

-Nhưng than ôi! – Canolles nói – Tôi sợ không có cách nào khác để bảo vệ nàng ngoài thanh gươm này.

-Sao vậy?

-Từ giờ phút này, thưa phu nhân, tôi không còn phục vụ cho nhà vua nữa.

Claire hết sức vui mừng reo lên: -CÓ thật không?

-Tôi đã tự hứa với mình sẽ gởi đơn từ chức tại nơi sẽ gặp phu nhân. Bây giờ gặp rồi, vậy thì đơn sẽ ghi rằng được viết tại laulnay.

-Ồ! Tự do! Tự do! ông được tự do, ông có thể tham gia vào nhóm đấu tranh cho công lý, cho sự trung tín ông có thể phục vụ cho chính nghĩa của các hoàng thân. ồ! Tôi biết rõ ông rất xứng là một quý tộc cùng đứng trong hàng ngũ của các vị ế.

và Claire đưa tay ra cho Canolles hòn.

-Nhưng sự thể đầu đuôi ra sao? Hãy kể cho tôi nghe tất cả các chi tiêu.

-Ồ! Sẽ không dài lắm đâu. Trước hết tôi gởi cho lão Mazarin, tôi nhận được lệnh đến chỗ lão ấy tôi bị lão liệt vào hạng ngu ngốc để đến nỗi bị lừa, tôi bèn trả lời đùa rồi trở về khách sạn, chờ đợi cái ngày lão tống mình vô ngục Bastille. Nhưng rồi tôi nghĩ cách thoát khỏi Mantes. Phải nói là chính nhờ nàng tôi mới nấy ra ý nghĩ đó. Tôi nhớ tới cuộc gặp gỡ mà nàng đã hứa hôm chia tay nhau. Thế là, thở không khí trong lành, giải tỏa hết mọi trách nhiệm, mọi bổn phận, không một sự ràng buộc và gần như không ngả về một phe nào cả, tôi chỉ còn biết đến điều duy nhất: Tôi yêu nàng, và bây giờ, tôi có thể hãnh diện nói với nàng điều ấy.

-Như vậy, vì tôi ông đã bị thất sủng, đã bị mất hết. Thưa ông De Canolles thân mến, biết đến bao giờ tôi mới đến đáp lại ơn trời biển ấy, làm thế nào để tôi có thể chứng tỏ với ông lòng biết ơn sâu xa của tôi?

Và De Cambes phu nhân, miệng cười nụ, mắt ứa lệ, khiến Canolles cảm thấy chỉ cần như thế thôi cũng đáng giá gấp trăm lần tất cả những gì chàng đã mất. Thế là chàng quỳ xuống dưới chân – Thưa phu nhân, trái lại, lúc này đây tôi giàu có và sung sướng, bởi vì tôi sung sướng được nhìn thấy nàng và giàu có vì mối tình của nàng.

-Không có gì cản trở ông nữa?

-Không.

-ông thuộc về mình hoàn toàn và theo tiếng gọi của con tim, ông có thể giúp một tay cho bà quận chúa?

-CÓ thể.

-Còn việc từ chức của ông?

-Tôi sẽ viết ngay tại đây. Tôi dành cho tôi cái hạnh phúc được vâng lời nàng.

-Vậy hãy viết đi. Việc trước tiên là phải viết lá đơn, nếu không ông sẽ bị coi như một kẻ đảo ngũ, và trong khi chờ đợi, cần phải có một sự vận động khéo léo để người ta chấp nhận đơn xin.

-Thưa ngài ngoại giao thân mến, không phải lo, họ sẽ chấp nhận ngay thôi, còn hân hoan là đằng khác. Sự vụng về của tôi Ở Chantilly khiến cho họ chẳng hề tiệc nuối tôi. – Canolles cười rồi tiếp – HỌ chẳng từng bảo tôi là đồ ngu ngốc đó sao?

-Vâng, nhưng xin ông hãy an tâm, rồi chúng tôi sẽ có cách đến đáp lại sự thiệt hại của ông.

Hành động của ông tại Chantilly sẽ có những kết quả Ở Bordeaux nhiều hơn là Ở Paris, hãy tin tôi đi Nhưng thưa nam tước, viết đi, viết nhanh lên để chúng ta còn lên đường. Vì thú thật với ông. Ở lại quán ăn này giây phút nào tôi cứ phập phồng lo sợ.

Canolles ném những cái nhìn tình tứ vào những đồ vật chung quanh mình, nhất là về phía cái giường kê Ở phòng trong rồi nói: -Nàng đang nói về chuyện cũ hay còn sợ những kỷ niệm hôm ấy hay sao?

-Không, tôi nói tới hiện tại. Những nỗi lo sợ của tôi không dính líu gì tới ông hết. Hôm nay tôi không còn sợ ông nữa.

-ôi! Lạy Chúa, ai mà biết được.

Đúng vào lúc đó, như để chứng minh nỗi sợ hãi của nữ tử tước, ba tiếng gõ cửa vang lên, có vẻ trịnh trọng khác thường.

Canolles và Claire lo ngại nhìn nhau và tự hỏi.

-Nhân danh đức vua, mở cửa!

Và bất thình rinh cánh cửa mong manh bật tung ra. Canolles định nhảy ra chỗ để thanh gươm, nhưng đã bị một người đàn ông án ngữ.

-Thế nghĩa là sao? – Nam tước hỏi.

-ông là nam tước Canolles phải không?

-Dĩ nhiên.

-Đại úy thuộc trung đoàn Navailles?

-Đúng thế.

-Được công tước d'Épernon cử đi công cán?

Canolles gật đầu.

-Trong trường hợp ấy, nhân danh đức vua và hoàng hậu nhiếp chính, tôi bắt ông.

-Lệnh của ông đâu?

-NÓ đây.

Sau khi nhìn lướt qua. Canolles trả lại tờ lệnh và nói: -Thưa ông, hình như tôi biết ông.

-Ghê thật đấy! Nếu ông biết tôi, phải chăng lại ngôi làng này, tôi đã mang tới cho ông lệnh ủy thác của công tước d'Épernon để ông đi công cán cho triều đình? Vận may của ông nằm trong sự ủy thác ấy, thưa ông, ông đã để lỡ mất rồi, đành chịu thôi.

Claire mặt mày xanh xám và gục xuống ghế thổn thức. Chính nàng cũng nhận ra cái con người đang tra hỏi ấy.

-Lão Mazarin trả thù. – Canolles thầm thì.

-Đi thôi, thưa ông. – Cauvignac nói.

Claire bất động. Canolles tâm thần bất định, gần như phát điên lên. Tai ương lớn quá, nặng nề và bất ngờ quá đã úp chụp xuống người chàng. Canolles cúi đầu, chịu đựng.

Vả chăng. Ở thời đại ấy, câu nhân danh nhà vua vẫn còn mang một sức mạnh diệu kỳ, và không một ai dám chống lại.

-Thưa ông, ông đưa tôi đi đâu? – Chàng hỏi – Hay là ông cũng ngăn cấm tôi không cho tôi biết là tôi đi đâu nữa?

-Không, thưa ông, tôi sẽ nói cho ông rõ chứ: Chúng tôi sẽ đưa ông tới pháo đài của đảo Saint Georges.

-Vĩnh biệt nàng. – Canolles trịnh trọng nghiêng mình trước De Cambes phu nhân và nói – Vĩnh biệt!

Còn Cauvignac thì nhủ thầm: "Không ngờ sự việc lại diễn ra một cách ổn thỏa. Ta sẽ kể lại với Nanon và cô ta hẳn sẽ hài lòng."

Rồi Cauvignac đi ra phía ngưỡng cửa: -Bốn người để áp dân đại úy.

Và bốn thuộc hạ của y tiến lại.

De Cambes phu nhân giơ tay về phía người bị bắt kêu lên: -Và tôi người ta sẽ dẫn tôi đi đâu. Bởi vì nếu nam tước có tội. ồ, tôi còn tội nhiều hơn ông ấy.

-Còn bà – Cauvignac đáp – bà có thể ra về, bà được tự do.

Nói đoạn, y dẫn nam tước đi.

De Cambes phu nhân đứng dậy, lòng rộn ràng bởi một tia hy vọng. Nàng sửa soạn cuộc khởi hành, nhanh phút nào hay phút đó, sợ nhỡ ra người ta sẽ đổi ý.

-Tự do! – Nàng nói – Ta có thể lo lắng cho chàng.

Và nhoài người ra cửa sổ, nàng nhìn thấy đoàn người dẫn Canolles đi, nàng trao đổi với chàng bằng tay lời từ giã cuối cùng, rồi gọi Pompéc bảo chuẩn bị ra đi.

§8

Canolles bị nhét vào trong một cỗ xe ngựa. Đôi chân chàng như bị bó lại bên cạnh một người đàn ông có cái mũi diều hâu và tay thường xuyên đặt lên khấu súng lục như để giương vây hơn là do sự thận trọng. Đôi khi ban đêm vì ban ngày chàng ngủ – chàng hy vọng sự sơ sểnh trong canh gác của cái gã Argus (Chú thích: Một vị thần trong thần thoại Hy Lạp có cặp mắt rất tinh, nhìn được cả trong đêm tối) mũi diều hâu ấy, nhưng chàng luôn bị đôi mắt cú vọ của hắn theo dõi đến nỗi quay về phía nào chàng cũng bắt gặp cái nhìn đó.

Trong lúc hắn ngủ, một trong hai con mắt cũng ngủ, nhưng chỉ có một thôi, đó là một biệt tài tạo hóa đã ban cho hắn: chỉ cần ngủ một mắt.

Hai ngày và hai đêm đã trôi qua. Canolles vô cùng rầu rĩ. Đầu óc chàng rối bời với những ám ảnh đen tối. Cái pháo đài đảo Saint – Georges, dưới mắt một người tù như chàng đã chứa đựng bao sự khủng khiếp. Không những thế, lúc này đây, chàng còn cảm thấy một sự hối hận vò xé tâm can.

Hối hận, bởi vì chàng biết phải thật tin cậy người ta mới giao cho chàng công việc giám sát bà quận chúa, vậy mà chàng đã coi rẻ để đổi lấy một cuộc tình. Hơn thế nữa, hậu quả của lỗi lầm do chàng gây ra không phải là nhỏ. Tại Chantilly. De Condé chỉ là một người đàn bà bị quản chế nhưng Ở Bordeaux, bà De Condé đã trở thành một quận chúa nổi loạn.

Sợ hãi, bởi vì chàng biết rõ truyền thống về sự trả thù kinh khủng của một Anne D'Autriche khi nổi giận.

Một sự hối hận khác nữa, nặng nề hơn và có lẽ đau đớn hơn! Trước hết là đối với Nanon, một phụ nữ trẻ, đẹp, thông minh, một người đàn bà đã sử dụng ảnh hưởng của mình để chàng leo lên bậc thang danh vọng, đã dám vung tiền bạc ra để bao che, đã hàng chục lần hy sinh địa vị, tương lai, tài sản cũng chỉ vì chàng! ấy thế mà chàng đã bỏ rơi nàng một cách phũ phàng, không một lời để lại không một lý do, đúng vào lúc nàng nghĩ đến chàng, và thay vì trả thù về cái tội Ở Chantilly.

nàng đã xin cho chàng được ân xá. Thật ra ân huệ đến không đúng lúc, vì nó đến trong lúc chàng chỉ mong muốn một sự thất sủng. Nhưng đâu phải lỗi tại Nanon! Nàng chỉ thấy được phục vụ nhà vua, là một vận may to lớn, xứng đáng cho người yêu.

Rồi nhiều câu hỏi khác lại đến với Canolles theo vòng quay của bánh xe lăn trên con đường gập ghềnh khúc khuỷu.

Nanon đã có tội tình gì để khiến chàng bỏ rơi nàng?

De Cambes phu nhân đã có gì hơn được Nanon để khiến chàng phải mê mẩn tâm thần? Phải chăng mái tóc vàng được đánh giá hơn bộ tóc đen đến nỗi người

ta quên cả lời ước thề và bội bạc với người tình, phản bội và bất trung với nhà vua?

Canolles cứ quanh quẩn với những lập luận đầy ý nghĩa ấy, nhưng rồi cũng không biết quên. Con tim thường chứa đầy những bí ấn như thế, nó tạo hạnh phúc cho những tình nhân và sự thất vọng cho các triết gia.

Canolles lại cũng nghĩ đến cái lão Mazarin, dám bảo mình là đồ ngu ngốc và cái bộ mặt nghển hệt của công tước d'Épernon bị cắm sừng ngay trước mắt mà cũng không biết. Rồi chàng khẽ nhún vai như để kết thúc những ý nghĩ miên man đó.

Người đàn ông mắt cú vọ không hiểu tại sao Canolles tự dưng lại có điệu bộ ấy nên hắn nhìn chàng một cách ngạc nhiên.

Canolles ngồi một lát lại nghĩ tiếp đến chuyện tù tội của mình: Nếu họ hỏi ta, ta sẽ không nói chi tiêu, vì không lẽ ta trả lời rằng ta không tuân phục lão Mazarin trong khi mọi người phải phục vụ lão ấy? Ta có yêu De Cambes phu nhân không, hay là bị nàng đánh lừa? Ta cũng sẽ lặng thinh để bảo vệ danh dự cho nàng. Nhưng các quan tòa vốn lại là những con người rất mẫn cảm, khi hỏi, họ muốn người ta phải trả lời. Trong các nhà tù Ở tỉnh đã có những trò tra tấn tàn bạo, chúng nó sẽ đánh vỡ đầu gối ta rồi giam ta vào hầm tối để sốn g với lũ chuột chù và cóc nhái, và suốt đời ta sẽ phải đi chân vòng kiềng như hoàng thân De Conti và như thế thì xấu quá.

Ngoài những cái đó ra, lại phải kể đến những đoạn đầu đài nơi chặt đầu những kẻ làm loạn.

một vài cột xử giảo để treo cổ những tên phản bội, những khu đất trống để xử bắn những người đảo ngũ. Tuy nhiên, với một kẻ đẹp trai như Canolles ta đây, tất cả những chuyện đó ta coi là thường một khi đem so sánh chúng với đôi chân vòng kiềng.

Sau đó Canolles cũng định gạ chuyện với người bạn đồng hành, nhưng chàng thấy nản trước bộ mặt khó đăm đăm, cái mũi diều hâu, đôi mắt cú vọ của hắn. Một cái nhăn nhó giống như một nụ cười thoáng hiện trên mặt hắn. Chàng liền nói: -Thưa ông…

-Thưa ông. – Hắn đáp.

-Xin lỗi, nếu tôi đã làm gián đoạn những dòng suy nghĩ của ông.

-Khỏi phải xin lỗi, thưa ông, tôi không bao giờ suy nghĩ.

-Đời ông như thế quả là sung sướng nhất.

-Cho nên tôi có phàn nàn bao giờ đâu.

-Còn tôi, tôi lại muốn phàn nàn quá đỗi.

-Về chuyện gì, thưa ôn g?

-Về vụ người ta bắt cóc tôi rồi dẫn tôi đi đâu tôi cũng không biết rõ.

-Sao lại không rõ, thưa ông, người ta đã chẳng nói cho ông biết rồi là gì?

-Đúng vậy. Chúng ta đi tới đảo Saint – Georges, có phải không, thưa ông?
-Chính thế.
-Liệu tôi Ở đấy có lâu không?
-Thưa ông, tôi không biết, nhưng cứ theo như cái cách người ta xử sự với ông, tôi nghĩ rằng sẽ Ở lâu đấy – À đảo Saint – Georges có đến nỗi tồi tệ lắm không?
-ông chưa nhìn thấy cái thành lũy à?
-Bên trong thì không, tôi chưa vô bao giờ.
-Thưa ông, chẳng đẹp đẽ gì đâu, ngoại trừ dãy nhà của ông tổng đốc vừa mới được sửa sang lại được coi như lịch sự nhất, sốnhà cửa còn lại trông chẳng ra làm sao cả.
-Người ta sẽ hỏi tôi chứ?
-ĐÓ là thủ tục bắt buộc.
-và nếu tôi không trả lời?
-Nếu không trả lời?
-Phải.
-Trời đất! Trong trường hợp ấy, ông có biết không, người ta sẽ có cách để làm cho ông nói.
-Cách bình thường?
-Bình thường hay đặc biệt tùy theo tội trạng, thưa ông, ông bị kết tội gì?
-Tôi sợ rằng tôi sẽ bị liệt vào hàng quốc phạm.
-à! Thế thì người ta sẽ đối xử với ông một cách đặc biệt rồi…, mười bình…
-Thế nào? Mười bình?
-Phải.
-ông nói gì?
-Tôi nói, ông sẽ phải được thưởng thức mười cái ấm đất có quai.
-Chẳng lẽ đảo Saint – George thiếu nước đến như vậy sao?
-Thưa ông, ông hiểu cho, đảo này nằm trên sông Garonne…
-Đúng vậy. Nhưng mười ấm đất thì độ chừng bao nhiêu "sô"?
-Từ ba "sô" đến ba "sô" rưỡi…
-Bụng tôi hẳn là sẽ phình ra?
-Chút chút thôi. CÓ điều nếu ông biết móc ngoặc với đám cai tù…
-Thì sao?
-HỌ sẽ pha chế tốt cho ông.
-ông làm ơn nói rõ hơn một tí, họ có thể giúp tôi được cái gì?
-HỌ có thể cho ông uống dầu.
-Dầu là một chuyên dược hay sao?
-Thần dược đó ông ơi!
-ông tưởng vậy?

-Do kinh nghiệm đấy chứ, tôi đã uống…

-ông đã uống?

-Xin lỗi, tôi muốn nói là tôi đã trông thấy. Dân Gascogne có tật phát âm những chữ B thành chữ V và ngược lại (Chú thích: Boire thành Voi (uống thành thấy) và ngược lại).

Mặc dù tính cách nặng nề của câu chuyện. Canolles cũng không ngăn được một nụ cười.

Chàng nói: -ông bảo rằng ông đã trông thấy?

-Vâng, thưa ông, tôi trông thấy một người đàn ông uống mười ấm một cách "ngon lành" nhờ có chất dầu làm cho nó trôi đi tuồn tuột, trát nhiên bụng sẽ phình ra như thường lệ, có lửa thì nó sẽ nhanh chóng xẹp đi. Đấy là điều cốt yếu của phần hai cuộc thử thách. Hãy nhớ kỹ mấy tiếng này: Hâm nóng chứ không đốt cháy.

-Tôi hiểu. Thưa ông, có lẽ trước đây ông đã từng là đao phủ?

-Thưa ông, không. – Hắn đáp với vẻ nhã nhặn và lễ độ.

-Vậy chắc là phụ tá?

-à! Thưa ông, quý danh của ông…

-Barrabas.

-Một cái tên đẹp, một cái tên rất xưa, được người ta biết nhiều qua kinh thánh (Chú thích: Sự tích trong Kinh Thánh: Barrabas là một tên Do Thái can trọng tội, khi đưa ra xét xử lại được trả tự do, trong khi Chúa Jésus lại bị đóng đinh trên thập tự giá).

-Thưa ông. Ở trong tiên Khổ Nạn.

-ĐÓ là điều tôi định nói, nhưng bởi thói quen trong việc sử dụng từ ngữ.

-ông thích Kinh Thánh, chắc ông là người anh Giáo?

-Vâng, nhưng là một người anh Giáo dốt nát, ông có tin rằng tôi chỉ biết chưa đầy ba ngàn câu thơ trong Thánh thi không?

-Quả vậy, kể ra cũng hơi ít.

-Trong gia đình tôi đã có nhiều người bị treo cổ và bị hỏa thiêu.

-Tôi hy vọng ông sẽ không đến nỗi có một số phận như thế.

-Vâng, ngày nay cũng đỡ đi nhiều. Quá lắm thì người ta cũng chỉ dìm tôi xuống sông xuống biển thôi.

Barrabas cười ngất.

Canolles cũng cảm thấy mừng, ít ra chàng đã gây được cảm tình với hắn. Thật thế, nếu gã cai tù tạm thời ấy trở thành người cai ngục thường trực của chàng, chắc chắn chàng sẽ được sự giúp đỡ của hắn. Và chàng quyết định nối lại cuộc đối thoại đã bị bỏ dở.

-Thưa ông Barrabas, rồi đây mỗi người mỗi ngả, hay là tôi vẫn có hân hạnh được tiếp tục làm bạn với ông?

-Thưa ông, tới đảo Saint – Georges, tôi rất tiếc sẽ phải xa ông. Tôi phải trở về đại đội tôi.

-ông thuộc đơn vị bắn cung?

-Thưa ông không, một đơn vị bộ binh.

-Do ông tể tướng tuyển mộ?

-Không, do đại úy Cauvignac, người đã có hân hạnh bắt giữ ông đó.

-Vậy ra ông phục vụ nhà vua?

-Thưa ông, có lẽ đúng.

-Trời đất! ông nói nghe sao lạ vậy? Sao lại không chắc?

-Trên cõi đời này chả có gì chắc hết.

-Nếu ông Ở trong một hoàn cảnh không có gì vững chắc thiết tưởng ông nên nhằm vào một cái đích nào đó, rồi làm…

-Cái gì?

-Để cho tôi đi.

-Thưa ông, không thể được.

-Tôi sẽ đến bù một cách hậu hĩ cho ông.

-Đền bù bằng gì?

-Khổ quá! Bằng tiền chứ sao nữa?

-ông đào đâu ra tiền?

-Thế nào? Tôi không có?

-Không.

Canolles lục lọi hành lý của mình.

-Đúng thế – Chàng rầu rĩ nói – Túi tiền của tôi bị mất rồi. Ai lấy đi của tôi vậy?

Barrabas nghiêng mình chào rất tôn kính rồi đáp: -Thưa ông, tôi.

-Tại sao lại lấy của tôi?

-Để ông khỏi tìm cách hối lộ tôi.

Canolles ngỡ ngàng, nhìn kẻ thừa hành luật pháp bằng một vẻ thán phục.

Thế rồi các hành khách lại đắm chìm trong yên lặng.

§9

Trời hửng sáng khi chiếc xe đến một ngôi làng gần đảo nhất, Canolles thò đầu ra ô cửa nhỏ giống như một cái gi-lê. Một ngôi làng xinh đẹp gồm chừng trăm nóc nhà quây quần chung quanh một giáo đường. Một tòa lâu đài ngự trị trên một ngọn đồi, lừng lững và đồ sộ như một thành trì đứng trấn.

Trong lúc ấy, cỗ xe đang leo đồi, người đánh xe bước xuống và đi bên cạnh thùng xe. Chàng bèn hỏi: -Ông bạn, ông cũng ở vùng này đấy chứ?

-Thưa ông vâng, tôi ở Libourne.

-Vậy là ông biết ngôi làng này. Căn trắng kia là thế nào, và những ngôi nhà tranh xinh xắn ấy nữa?

-Thưa ông, tòa lâu đài ấy thuộc tài sản của dòng họ De Cambes, và làng này cũng nằm trong đất đai của họ.

Canolles khẽ rùng mình và mặt chàng từ đỏ sẫm chợt tái đi.

Đôi mắt cú vọ của Barrabas không bỏ qua thái độ ấy. Hắn hỏi Canolles: -Cái gi-lê có làm ông bực mình lắm không?

-Không đâu…, cảm ơn.

Rồi chàng tiếp tục hỏi người nông dân: -Cái dinh cơ ấy của ai vậy?

-Của nữ tử tước De Cambes.

-Một quả phụ hãy còn trẻ?

-Rất trẻ và rất đẹp.

-Và hơn nữa rất được mọi người ngưỡng mộ.

-Dĩ nhiên, vừa có của lại vừa xinh đẹp thì thiếu gì kẻ say mê, nhất là mấy ông hoàng.

-Đúng, tôi có nghe thấy người ta nói vậy.

-Một con quỷ, thưa ông, đúng là một con quỷ!

-Một thiên thần! – Canolles nói thầm. Mỗi lần nghĩ tới Claire, chàng đều dành cho nàng rất nhiều thiện cảm – Một thiên thần!

Rồi chàng cao giọng tiếp: -Thỉnh thoảng bà ấy có về đây không?

-Thưa ông, ít khi lắm, nhưng bà ấy đã từng ở đây trong một thời gian khá lâu, và dân trong vùng đã chịu ơn bà ấy rất nhiều. Bây giờ, bà ấy sống bên cạnh các ông hoàng, người ta nói thế.

Chiếc xe chuẩn bị xuống dốc. Người đánh xe ra hiệu cho Canolles trở lại vị trí cũ. Chàng cũng sợ Barrabas sẽ nghi ngờ mình về những sự hỏi han ấy, bèn thụt đầu vào.

Và xe bắt đầu đi theo nước kiệu của ngựa.

Trong vòng một khắc đồng hồ, Canolles đắm chìm trong suy tư, còn Barrabas vẫn không rời mắt canh chừng chàng.

Nhưng rồi xe dừng lại.

-Chúng ta ngừng ở đây để ăn trưa? – Canolles hỏi.

-Thưa ông, chúng ta đã đến nơi rồi. Đây là đảo Saint – Georges, chỉ còn phải qua sông nữa thôi.

Canolles thầm nghĩ: "Thật thế, rất gần mà lại cũng rất xa."

-Thưa ông, họ đã tới đón chúng ta. – Barrabas nói – Xin ông sửa soạn đi là vừa.

Gã cai tù thứ hai của Canolles, ngồi bên người đánh xe nhảy xuống đất, lấy chìa khóa ra để mở cửa xe. Vì là xe chở tù nên phải khóa rất kỹ.

Canolles hướng về phía tòa lâu đài lúc ấy không còn trông thấy nữa, rồi lại nhìn pháo đài, nơi chàng sẽ bị giam hãm không biết là trong bao lâu. Chàng cũng nhận thấy có bờ sông bên kia một con đò, và cạnh chiếc đò ấy, một cái đò với tám người lính và một thầy đội.

Canolles cất tiếng hỏi Barrabas: -Đó là những ông cai tù mới của tôi có phải không?

-Thưa ông, tôi muốn trả lời ông ghê lắm, nhưng quả thật tôi chả biết gì hết.

Trong lúc ấy, sau khi ra hiệu cho người lính đứng gác ở cửa pháo đài, viên đội và tám binh sĩ xuống đò để qua sông. Họ đặt chân lên bờ đúng vào lúc Canolles bước xuống xe.

Viên đội tiến lại gần chàng và chào theo kiểu nhà binh.

-Thưa có phải tôi được hân hạnh nói với nam tước Canolles, đại úy thuộc trung đoàn Navailles không? – Viên đội hỏi.

Canolles ngạc nhiên vì sự lễ độ của người ấy. Chàng đáp: -Thưa phải.

Người lính mời chàng bước xuống thuyền.

Canolles lại được xếp ngồi giữa hai người cai tù. Tám người lính và viên đội bước xuống sau chàng. Con thuyền rời bến. Canolles ném một cái nhìn cuối cùng về nơi De Cambes phu nhân đã từng để lại dấu vết của mình, và lòng không khỏi cảm thấy ngậm ngùi.

Đám người lại lên bờ rồi tiến vào một cửa vòng cung, có lính gác đi lại ở phía trước.

Toán binh sĩ dừng lại. Viên đội tách ra khỏi hàng rồi đi tới chỗ người lính gác nói với hắn một đôi câu.

-Tập họp! – Người lính gác lớn tiếng hô.

Ngay sau hiệu lệnh, nhóm người còn lại trong đồn cùng với toán binh sĩ đi theo viên đội vội vàng xếp thành đội ngũ đứng ở trước cửa.

Viên đội nói với Canolles: -Thưa ông, xin mời ông lại đây.

Tiếng trống nổi lên như trống trận.

"Thế nghĩa là sao đây?" – Chàng trai trẻ thầm hỏi.

Rồi chàng tiếng lại, lòng bâng khuâng không hiểu chuyện gì đang diễn ra, bởi vì tất cả những sự chuẩn bị nghênh đón long trọng ấy là để dành cho một thượng cấp chứ không phải cho người tù.

Cũng chưa hết: Canolles đã không để ý, vào lúc chàng xuống xe, tại nơi cửa sổ nơi dãy phòng của tổng đốc, đã có một sĩ quan đứng chăm chú theo dõi mọi diễn tiến.

"Ái chà!" – Canolles nói – "Đây là vị chỉ huy pháo đài tới để nhận "khách trọ" đây!"

Trong khi người sĩ quan tiến lại, Canolles đã kịp thời chỉnh đốn lại tư thế để giữ đúng tư cách của mình.

Cách Canolles vài bước, viên sĩ quan ngả mũ ra, cầm ở tay và hỏi: -Thưa có phải tôi được hân hạnh tiếp chuyện với nam tước Canolles không?

-Thưa ông, quả thật tôi bối rối về sự trọng vọng của ông. Vâng, tôi là nam tước De Canolles. Bây giờ xin ông hãy đối xử với tôi theo cung cách của một sĩ quan đối với một sĩ quan khác, và cho tôi ở một chỗ nào tương đối thôi, tùy theo khả năng của ông.

-Thưa ông, chỗ ở của ông rất đặc biệt, nhưng cũng xin báo trước để ông rõ: Người ta mới chỉ sửa sang lại để thêm chút tiện nghi thôi.

Canolles mỉm cười: -Tôi phải biết cám ơn ai về những sự chu đáo lạ lùng ấy?

-Nhà vua, thưa ông, chỉ có nhà vua mới làm tốt được tất cả những gì ngài muốn.

-Đương nhiên, thưa ông, nhân tiện ông có thể cho tôi hỏi thăm một vài điều.

-Nếu ông ra lệnh, thưa ông thì tôi xin tuân theo vì toàn bộ đơn vị đang chờ đợi ông để trình diện.

"Trời đất!" – Canolles nghĩ thầm "Cả một đơn vị trình diện một anh tù, hay là luật lệ ở đây như vậy?" – Rồi chàng lớn tiếng: -Thưa ông, chính tôi mới là người theo lệnh ông, và sẵn sàng đi theo ông tới bất cứ đâu ông muốn.

-Xin phép ông – Viên sĩ quan nói – cho tôi được đi trước để thêm phần long trọng.

Canolles đi theo hắn, bụng bảo dạ không ngờ số hên lại vớ được một anh chàng dễ thương và lịch thiệp đến thế.

Barrabas tiến lại gần Canolles và nói nhỏ: -May cho ông rồi đó. Với ông sẽ chỉ có một cuộc thẩm vấn bình thường thôi: Có bốn ấm thôi.

-Càng hay, bụng tôi sẽ bớt phình đi được một nửa.

Tới sân tòa thành, Canolles thấy một toán binh sĩ trong đơn vị súng ống nườm nượp, đội ngũ tề chỉnh. Và người sĩ quan dẫn đường tuốt gươm ra, nghiêng mình trước mặt chàng.

Canolles nghĩ thầm: "Lạy Chúa! Cái gì mà ghê gớm thế này!"

Cùng lúc ấy tiếng trống rền vang dưới mái vòm phía bên kia, Canolles quay lại, và một toán thứ hai từ trong mái vòm ấy, tiến ra đứng xếp hàng đằng sau toán thứ nhất.

Viên sĩ quan trình lên Canolles hai cái chìa khóa.

-Thế là sao? – Nam tước hỏi – Ông làm cái gì đây?

-Chúng tôi đã hoàn tất việc tiếp đón theo nghi thức.

-Nhưng ông định cho tôi là ai mới được chứ? – Canolles ngạc nhiên đến tột độ hỏi.

-Tất cả những nghi thức ấy là dành cho nam tước De Canolles.

-Và sau đó?

-Tổng đốc chỉ huy đảo Saint – Georges.

Canolles hoa cả mắt suýt té ngửa.

Viên sĩ quan nói tiếp: -Lát nữa đây, tôi sẽ có hân hạnh đệ lên ông tổng đốc những giấy tờ về việc bổ nhiệm tôi mới nhận được sáng nay, kèm theo lá thư báo cho tôi biết rằng ông tổng đốc sẽ đến vào hôm nay.

Canolles nhìn Barrabas. Đôi mắt cú vọ của hắn tròn xoe nhìn Canolles với một vẻ kinh ngạc tột độ. Rồi Canolles lắp bắp: -Vậy tôi là tổng đốc đảo Saint – Georges?

-Vâng, thưa ngài. – Viên sĩ quan đáp – Và chúng tôi rất sunh sướng được đức vua chọn cho một vị chỉ huy như thế.

-Ông chắc là không có sự nhầm lẫn chứ? – Canolles hỏi.

-Thưa ngài, xin mời ngài theo tôi về phòng riêng và ngài sẽ nhìn thấy tước vị của ngài.

Canolles như người sống trong mơ. Thực tại này quả rất xa với những điều chàng đang chờ đợi. Chàng đi theo sự chỉ dẫn của viên sĩ quan, giữa những tiếng trống lại bắt đầu nổi lên, trước hàng quân đang nghiêm chỉnh bồng súng chào. Rồi thì dân chúng trong pháo đài cũng ào ra để hoan nghinh và nhất là để xem mặt vị tổng đốc mới của mình. Chàng hết chào bên phải lại bên trái, mặt hơi tái đi vì xúc động và tim đập rộn ràng.

Sau đó, Canolles bước vào một phòng khách sang trọng. Từ những cửa sổ, trước hết chàng nhận ra rằng, người ta có thể nhìn thấy lâu đài De Cambes ở phía xa xa. Chàng đọc các giấy tờ về việc bổ nhiệm mình vào chức vụ tổng đốc đảo Saint – Georges do hoàng hậu ký và phó thự bởi công tước d'Épernon.

Không còn sự sửng sốt nào hơn nữa, Canolles ngả người trên ghế bành.

Sau tất cả những đón tiếp linh đình, sau khi đã đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, Canolles thèm muốn được biết một cách chính xác nguyên nhân vì đâu hoàng hậu lại giao phó cho chàng cái chức vụ này. Từ nãy đến giờ chàng chỉ đăm đăm nhìn xuống dưới sàn để suy nghĩ, lúc này chàng mới ngước mắt nhìn lên.

Và chàng thấy trước mắt mình anh chàng giải tù Barrabas. Hắn cũng nhạc nhiên không kém gì chàng, từ địa vị một cai tù, bây giờ hắn trở thành gia nhân của chàng.

-À! Hóa ra là ông, thưa sư phụ Barrabas. – Canolles nói.

-Thưa ngài tổng đốc, chính tôi.

-Hãy giải thích cho tôi tất cả những cái gì đã xảy ra, khiến tôi tưởng như sống trong mơ.

-Tôi xin kể đầu đuôi với ngài, lúc tôi nói về vụ thẩm vấn đặc biệt nghĩa là tám cái ấm, sự thật có thiên hạ chứng giám tôi chỉ muốn làm sao cho ngài đỡ sợ, vì nếu ngài bị liệt vào loại đặc biệt thì còn ghê gớm hơn nhiều.

-Vậy ra ông cũng nghĩ rằng…

-Rằng tôi dẫn ngài đến đây để người ta tẩn cho ngài một trận nhừ tử.

Canolles bất giác rùng mình sởn ráy. Chàng nói: -Cám ơn. Bây giờ ông nghĩ sao về vụ của tôi?

-Dạ, thưa ngài…

-Hãy làm ơn trình bày rõ hơn một chút.

-Thưa ngài, theo tôi thì nó như thế này: Hoàng hậu đã thông cảm được những nỗi khó khăn trong cái sứ mạng đã giao phó cho ngài. Bởi thế, sau khi cơn giận qua đi, hoàng hậu ân hận, bà đã nghĩ lại và ban thưởng cho ngài để đền bù cho ngài một sự khiển trách quá đáng.

-Nghe không lọt tai. – Canolles đáp.

-Không lọt tai, ngài nghĩ vậy sao?

-Lại hơi vô lý.

-Vô lý?

-Phải.

-Nhưng dẫu sao đó vẫn là sự thật, một sự thật có thể sờ mó được. Và xin ngài nhận lấy lời chào mừng kính cẩn của tôi. Tại Saint – Georges này, ngài có thể sung sướng như một ông vua, rượu vang đệ nhất hạng, chim muông được cung cấp từ đồng bằng, và các thứ hải sản, thủy sản thì vô thiên lủng, rồi lại còn những phụ nữ trên đảo nữa. Thưa ngài, chà, quả là một phép lạ!

-Được lắm. Tôi sẽ gắng theo lời khuyên của ông, cầm lấy cái "bông" này, rồi đưa qua thủ quỹ, họ sẽ giao cho ông mười Pistoles. Lẽ ra tôi có thể lấy túi tiền cho ông, nhưng bao nhiêu tiền của tôi ông đã lột hết mất rồi…

-Thưa ngài, đó là tôi đã làm lợi cho ngài. – Barrabas kêu lên – Bởi vì nếu ngài đút lót cho tôi, hẳn ngài đã trốn đi, và một khi ngài trốn thoát, ngài đâu có được cái địa vị cao quý như hiện tại.

-Lý luận rất sắc bén, thưa "sư phụ" Barrabas. Về phương diện logic, tôi có thể xếp ông vào hạng nhất. Trong khi chờ đợi, hãy cầm lấy cái "bông" này coi như một bằng chứng về tài hùng biện của ông.

-Thưa ngài, tôi thiết tưởng chả cần phải qua viên thủ quỹ làm chi?

-Thế nào, ông từ chối? – Canolles ngạc nhiên thốt lên.

-Không phải vậy. Nhờ trời, tôi không có kiểu sĩ diện giả dối như vậy, có điều tôi nhìn thấy trên lò sưởi của ngài một cái hộp con rất đẹp chuyên để đựng tiền.

-Ông biết là hộp đựng tiền à, hở "sư phụ" Barrabas? – Canolles hết sức ngạc nhiên, bởi vì trên lò sưởi quả có một cái hộp con bằng sứ khảm bạc phủ lớp men của thời phục hưng.

Chàng nói: -Chúng ta thử xem những dự đoán của ông có đúng không?

Canolles nhấc nắp hộp ra và thấy túi tiền, bên trong có một ngàn Pistoles với một mảnh giấy ghi:

"Quỹ đặc biệt của ngài tổn đốc Saint Georges."

-Hoàng hậu quả là chu đáo! – Canolles đỏ mặt nói.

Bởi vì những kỷ niệm về Burkingham đã thoáng hiện ra trong tâm trí chàng: Có lẽ hoàng hậu hiểu rõ tâm cơ anh chàng đại úy điển trai, có lẽ hoàng hậu đã nâng đỡ chàng vì một lý do nào đấy, có thể, người ta nhớ ra Canolles là một chàng trai xứ Gascon. [425]

Có điều buồn thay, cái thời của Burkingham đã xưa lắm rồi. Lúc đó hoàng hậu chỉ có mười chín đôi mươi. Hai chục năm qua rồi còn gì?

Sau đó, Canolles lấy ở trong túi ra mười Pistoles và đưa cho Barrabas.

Barrabas đi ra rồi, Canolles gọi viên sĩ quan vào và yêu cầu dẫn chàng đi xem xét các nơi, tiếp xúc với một số nhân vật quan trọng trong chính quyền địa phương.

Rồi chàng đi kiểm tra các hệ thống phòng thủ trên đảo, những lô cốt, chiến hào, thành lũy, hầm ngầm, kho đạn. Tới mười một giờ trưa, mọi người ra về hết, chỉ còn lại mình chàng với viên sĩ quan.

-Bây giờ – Người sĩ quan lại gần chàng, nói một cách lấp lửng như bí hiểm – hiện có một căn phòng duy nhất tổng đốc chưa tới nơi và một người duy nhất ngài chưa gặp.

-Ông nói sao? – Canolles hỏi.

-Căn phòng của người ấy ở phía kia! – Viên sĩ quan chỉ tay về một khung cửa.

Canolles thấy cửa đóng im im. Chàng hỏi: -Ở đó à?

-Vâng.

-Và cả người ấy nữa?

-Vâng.

-Rất tốt. Nhưng xin lỗi, ông thấy đó, tôi phải đi suốt mấy ngày đêm, mệt mỏi quá sức, lúc này đầu óc tôi rối mù, không thể tiếp ai được nữa, ông làm ơn giải thích cho.

-Viên sĩ quan tủm tỉm cười và nói: -Sao, thưa tổng đốc, còn căn phòng…

-Của người ấy… – Canolles nói.

-Người ấy đang đợi ngài trong đó. Bây giờ ngài hiểu ra rồi chứ?

Canolles ngẩn người ra.

-Vâng, vâng, được rồi. – Chàng nói – Tôi vào được chứ?

-Dĩ nhiên, vì người ta đang đợi mà.

-Nào thì đi! – Canolles nói.

Chàng không muốn hỏi thẳng viên sĩ quan xem người đó là ai. Chàng linh cảm thấy nội vụ có chứa đựng một điều bí ẩn gì đó mà nhất thời chàng chưa đoán ra được.

Canolles đẩy cửa bước vào.

Sau bức rèm thưa, một dáng dấp quen thuộc ngồi.

Nanon!

Phải, người phụ nữ ấy chính là Nanon.

Nàng reo lên gần như tiếng nạt, toan là cho chàng sợ hãi, rồi dang rộng hai tay bá lấy cổ chàng.

Canolles đứng sau sững sờ, tay buông thõng, mắt trố ra.

-Nanon! – Chàng ríu cả lưỡi lại, không nói thêm được lời nào nữa.

Nanon càng cười và hôn chàng khắp mặt.

-Em, Nanon!

Canolles không tránh khỏi ngượng ngùng khi nghĩ về những lỗi lầm của mình đối với chung thủy của Nanon. Nhìn thấy nàng, chàng hiểu ra ngay: Mọi sự đều do tay nàng thu xếp, biến nguy thành an, để lôi chàng từ đáy vực thẳm lên chỗ ánh sáng chói lòa.

-À! – Chàng nói – Chính em đã cứu anh lúc anh rầu rĩ, lo sợ tưởng đến điên người lên được, em đã che chở cho anh, em là vị thần bảo hộ của anh.

-Đừng có gọi em là vị thần của anh, bởi vì em chỉ là một con quỷ. – Nanon nói – Chỉ có điều em đã xuất hiện đúng lúc, có phải thế không, hãy nhận đi.

-Em có lý, em yêu quý. Thật thế, anh tưởng như sắp phải chui đầu vào thòng lọng thì em tới cứu.

-Em cũng nghĩ thế. À này, một con người sáng suốt như anh, tinh khôn như anh, làm thế nào để đến nỗi bị mấy con quận chúa điêu hạnh nó lừa cho một vố như vậy?

-Đúng thế! – Chàng nói – Anh không biết, chính anh cũng chẳng hiểu nổi. (Trong lúc nói, Canolles ngượng đỏ mặt, nhưng Nanon vờ như không thấy).

-Ồ! Họ xảo quyệt lắm! Vả lại đàn ông các anh gây chiến với phụ nữ sao nổi. Người ta đã kể cho em nghe như thế nào nhỉ? Người ta bảo, tay vì bà quận chúa trẻ, người ta đưa cho anh một cô hầu gái hay một bà bồi phòng nào đó.

Canolles cảm thấy trong người như đang lên cơn sốt, làm run cả chân tay và đầu óc muốn nổ bung.

-Anh tưởng đã gặp bà quận chúa. – Chàng nói – Anh có biết mặt bà ấy đâu.

-Vậy thì là ai?

-Có lẽ cô hầu phòng.

-Ái chà, tội nghiệp thân anh, chung quy tại cái lão Mazarin khốn kiếp. Quỷ tha ma bắt lão đi. Khi giao cho người ta một sứ mạng khó khăn như thế, ít ra cũng phải đưa cho người ta một tấm ảnh để nhận diện chứ. Nếu anh có hình bà quận chúa, anh đâu đến nỗi bị nhầm người nọ với người kia. Nhưng thôi bỏ qua đi. Anh có biết cái lão Mazarin ghê tởm ấy, nại cớ anh đã phản bội nhà vua, nên định tống anh vào hầm tối không?

-Anh cũng nghĩ như thế.

-Nhưng em nói: Hãy tống anh ấy và tay Nanon! Em nói như vậy nghe có được không, anh yêu?

Dẫu hình ảnh của nữ tử tước vẫn còn thổn thức một bên tim, và những kỷ niệm với Claire hãy còn vương vấn, nhưng trước tình yêu nồng nhiệt của Nanon, chàng mềm lòng ngã quỵ.

Nanon đưa tay ra, và chàng úp mặt vào đó.

-Em đã đợi anh ở đây ư?

-Em đi tìm anh khắp Paris để đưa anh về cái chỗ ngon lành này. Em mang theo cả sắc chỉ bổ nhiệm anh, cũng bởi em biết anh đang bị nguy khốn nên đã chạy đôn chạy đáo khắp nơi để cứu anh. À mà này, chút xíu quên mất không nhắc để anh nhớ: Anh là anh của em đó, anh biết không?

-"Em đi tìm anh khắp Paris". Anh đoán ra lúc đọc lá thư của em.

-Chắc chắn người ta đã phản bội chúng ta. Lá thư em viết cho anh bị rơi vào một tên gian ác nào đó, rồi tới tay công tước. Ông ta nổi giận. Em đã nói tên anh, bảo rằng anh là anh của em, và bây giờ chúng ta có quyền công khai gặp gỡ nhau, anh gần như là có vợ rồi đó, hỡi người yêu khốn khổ của em!

Canolles bị cuốn hút bởi sự nồng nhiệt của người đàn bà ấy. Sau khi đã hôn đôi tay trắng muốt của nàng, chàng hôn lên mắt… Hình bóng của De Cambes phu nhân đã lùi xa rất xa như một kỷ niệm mờ dần.

Nanon nói tiếp: -Em đã tiên liệu tất cả. Em vận động để cho ông d'Épernon trở thành người đỡ đầu cho anh hay hơn nữa, một người bạn anh, em đã làm dịu cơn giận của Mazarin, sau hết em chọn Saint – Georges làm chốn nương thân, bởi vì chắc anh cũng biết, trong thiên hạ đã có những đứa muốn ném đá vào người em. Trong đời, em chỉ còn có anh là yêu em một chút, anh Canolles yêu quý. Nào, hãy nói với em rằng anh yêu em.

Thế rồi nàng quàng hai tay lên cổ Canolles, đánh chìm đôi mắt đắm đuối của mình vào cặp mắt chàng trai như để thăm dò tư tưởng chàng từ phía sâu thẳm nhất của trái tim chàng.

Canolles không phải là không linh cảm được điều ấy. Chàng cũng biết Nanon không phải là một phụ nữ kém thông minh. Và chàng cũng dư hiểu, Nanon đối với chàng có một cái gì hơn cả tình yêu, hơn cả sự độ lượng: Nàng không chỉ yêu chàng mà còn bao dung với chàng nữa.

-Em đã chọn – Nanon tiếp – đảo Saint – Georges làm nơi cất giữ tiền bạc và những đồ châu báu của em, đồng thời cũng là chốn nương thân của em nữa. Em tự nhủ, ai là người yêu em có thể bảo vệ cuộc đời em? Ai là người co thể gìn giữ tài sản cho em? Ngoài anh ra, còn ai nữa? Tất cả đều trong tay anh, cuộc sống và sự giàu sang. Anh hãy canh chừng cẩn thận những cái đó cho em nhé. Hỡi người bạn trung tín và người bảo vệ trung thành của em.

Trong lúc ấy tiếng kèn rộn rã trong sân, nó cũng khiến trái tim Canolles rung lên một nhịp điệu, trước mắt chàng là cuộc tình đối với Nanon và cách chàng hơn một trăm bước, lại có một cuộc chiến ái tình thầm lặng đang đe dọa.

-Ồ phải Nanon, con người em, tài sản của em, nhất định là phải được an toàn bên anh, xin thề với em, anh sẽ chết để bảo vệ em tới phút cuối cùng.

-Cám ơn. – Nàng nói – Chàng hiệp sĩ quý phái của em, em cũng tin vào lòng can đảm và sự rộng lượng của anh. (Nàng mỉm cười tiếp) Nhưng than ôi, em lại cũng muốn tin vào tấm lòng của anh.

-Ồ! – Canolles khẽ nói – Em hãy tin chắc đi…

-Tình yêu không thể chứng tỏ bằng lời thề thốt – Nanon nói – mà chẳng hành động, thưa ông hãy chứng tỏ đi và chúng ta sẽ thề trên tấm lòng của ông.

Với đôi tay đẹp nhất trần đời, nàng quàng lấy cổ Canolles rồi áp đầu vào ngực như để nghe tiếng đập của con tim chàng.

"Bây giờ cần phải cho chàng quên đi" – Nàng nhủ thầm – "và chàng sẽ quên."

§10

Sau khi thấy Canolles bị áp dẫn đi, De Cambes phu nhân cùng với Pompéc trở về chỗ công chúa phu nhân.

Ông lão tùy tùng quen thói khoác lác này đã cố chứng tỏ cho cô chủ biết rằng sở dĩ bọn Cauvignac không dám bắt nàng, cũng không yêu sách tiền chuộc, chính là vì lão đã từng đi lính, có nhiều kinh nghiệm trong trận mạc. Nhưng De Cambes phu nhân đã báo thẳng cho lão biết rằng, lúc mình lâm nguy thì lão biến mất, tuyệt nhiên không còn thấy hồn vong bóng vía lão đâu nữa. Lão vẫn gân cổ cãi rằng lúc đó đang ở phía hành lang và đã tìm được một cái thang để chuẩn bị cho cuộc chạy trốn của nữ tử tước, ác một nỗi ở đó lại có hai tên lính, và chúng nó cũng tranh nhau cái cầu thang ấy, đôi bên cãi cọ, thành thử mới lằng nhằng lâu vậy.

Nhưng thực tế lại khác hẳn.

Pompéc chắc đã không ngờ mình thoát khỏi một hiểm nguy ghê gớm. Cauvignac vốn không ưa gì Pompéc, nhất là khi thấy lão vênh váo, ngực phưỡn ra như để ra vẻ ta đây là dân lính chiến. Với Cauvignac, chỉ riêng cái tội đó thôi Pompéc cũng đáng lột hết quần áo quẳng xuống sông, rồi muốn tới đâu thì tới.

Nhưng nhờ có Nanon mới dúi cho hai trăm Pistoles, coi như tiền thuê để canh chừng nam tước Canolles, cho nên Cauvignac không thèm để ý tới lão lính quèn ấy nữa, đồng thời cũng buông tha luôn cả nữ tử tước De Cambes cho trở về Bordeaux. Có điều dưới mắt Nanon, Bordeaux hãy còn quá gần đối với Canolles. Nàng muốn nữ tử tước đi sang tận Perou, Ấn Độ hay ở ngaòi cái đảo Georges gì đó.

Dù sao mặc lòng, Nanon cũng coi như mình đã ở thế thượng phong. Nàng đã dựng lên được một bức tường để ngăn cách Canolles với nữ tử tước, tình địch đáng sợ của mình. Canolles bị cầm chân ở trên đảo để phục vụ quyền lợi của nhà vua, còn Claire thì bị giam cầm vì sự nổi loạn của mình khi đứng về phe các bà quận chúa. Và Nanon vui mừng một cách hồn nhiên như những đứa trẻ, như những người tình chỉ biết có mình trên trái đất.

Tất cả sự việc đó nó đã giải thích cuộc gặp gỡ giữa Canolles và Nanon trên đảo Saint Georges.

Này xin nhắc lại sự về Bordeaux của De Cambes phu nhân.

Mặc dầu Pompéc luôn luôn khoác lác những chiến công này chiến công nọ những kinh nghiệm của một người lính già, nhưng nàng vẫn chẳng thấy an tâm chút nào, nhất là vào một chiều kia khi nàng nhìn thấy trên một con lộ xiên ngang một toán kỵ sĩ đang đi tới.

Cũng vẫn chính là những nhà quý tộc ấy: Họ trở về sau khi dự tang lễ công tước De La Rochefoucauld. Có điều De Cambes phu nhân và nhất là Pompéc không khỏi ngạc nhiên: Trong số các kỵ sĩ ấy, đã có những người bị băng bó ở chân, tay, hoặc trên trán, cần phải để cho họ tiến gần thêm chút nữa mới có thể nhận ra rằng trong số những nhà quý tộc ấy, đã có những người từng tham dự cuộc đi săn ở Chantilly.

-Đám ma hẳn đã có chuyện gì trục trặc rồi. – Pompéc nói – Phu nhân nhìn coi: Một là họ ngã ngựa, hai là bị người ta đánh.

-Tôi cũng nghĩ như vậy.

Pompéc nói một cách hãnh diện: -Cái đó làm cho tôi nhớ lại lúc trở về sau chiến trận tại Corbie, chỉ có điểm khác là tôi không ở trong số người dũng cảm trở về mà thuộc số người dũng cảm được người ta mang về.

Claire cảm thấy lo âu trước sự việc mang những triệu chứng không mấy tốt lành ấy. Nàng hỏi Pompéc: -Nhưng họ không có một ai chỉ huy ư? Phải có một người cầm đầu chứ? Hay là người chỉ huy đã tử trận? Pompéc thử nhìn kỹ coi!

-Thưa phu nhân, không có gì dễ hơn để nhận ra người chỉ huy trong số họ. Thông thường, trong một binh đoàn, sĩ quan cầm đầu đi ở giữa cùng với các hạ sĩ quan, lúc lâm trận, ông ta đi ở đằng sau hay ở phía sườn đạo quân. Phu nhân hãy nhìn về những phía tôi chỉ và phu nhân sẽ đoán ra được.

-Tôi không trông thấy gì hết, nhưng hình như họ đang đi theo chúng ta, thử quay lại mà coi…

-Hừm! Hừm! Không, không, thưa phu nhân. – Pompéc ho lên sù sụ và không dám quay cổ lại – Không có ai hết, nhưng kìa, cái đường de thành gươm mạ vàng…, người dắt trên mũ một cái lông chim màu đỏ…, mà còn ai trông giống như ngài De Turenne?… Không, kỳ cục thiệt. Lúc này có chi nguy hiểm nữa đâu mà không thấy ông xếp ló đầu ra, thật khác xa với cái lần ở Corbie…

-Ngài nhầm rồi, thưa ngài Pompéc! – Một giọng nói đầy vẻ giễu cợt vang lên từ phía sau khiến Pompéc tá hỏa tinh, suýt tí nữa thì té xuống ngựa – Ngài nhầm mất rồi, còn tệ hại hơn trận Corbie nhiều.

Claire quay phắt người lại và nhận thấy cách mình mấy bước, một kỵ sĩ dáng dấp tiều tụy đang nhìn mình đăm đăm bằng đôi mắt ti hí và sáng long lanh giống như mắt của loài cáo.

-Hoàng thân De Marsillac! – Claire xúc động kêu lên – Ngài vẫn được mạnh giỏi.

-Thưa phu nhân, hãy gọi tôi là quận công De La Rochefoucauld, bởi vì bây giờ phụ thân tôi mất rồi, cho nên tôi được thừa kế danh hiệu của ngài, dù tốt hay xấu tôi cũng phải mang nó suốt đời.

Claire ngập ngừng nói: -Ngài trở về…

-Chúng tôi trở về từ trận địa và đã bị đánh bại, thưa phu nhân.

-Thua trận? Ngài?

-Thưa phu nhân, tôi vốn không hay khoe khoang và tôi đã nói thật về tôi cũng như về những người khác, tôi có thể nói rằng chúng tôi trở về trong vinh quang, nhưng thực tế chúng tôi đã thất trận, bởi vì kế hoạch của chúng tôi ở Saumur đã không thực hiện được. Tôi tới chậm quá do sự đầu hàng cuả Jarzé, chúng tôi dã bi mất cứ điểm quan trọng ấy. Từ nay, giả thử như công chúa phu nhân giữ được Bordeaux như đã tiên liệu, chiến cuộc sẽ tập trung vào Guyenne.

-Nhưng thưa ngài, theo sự hiểu biết của tôi, nếu Saumur đã đầu hàng thì tại sao tất cả những nhà quý tộc ấy lại bị thương như vậy?

Marsillac ngẩng câu đầu, hãnh diện nói: -Bởi vì chúng tôi đã đụng độ với một vài toán quân của hoàng gia.

-Và ngài bị đánh bại?

-Ồ! Lạy Chúa! Vâng, thưa phu nhân.

Nữ tử tước hạ giọng: -Như vậy, máu người Pháp đã đổ do chính bởi những người Pháp. Và thưa quận công, ngài là một ví dụ.

-Tôi, thưa phu nhân.

-Ngài rất trầm tĩnh, lạnh lùng và sáng suốt. Nhưng ngài không bị thương đấy chứ?

-Lần này tôi có may mắn hơn lần ở Lignes và Paris. Tôi đã ngỡ mình chán ngán cuộc nội chiến này rồi, và chẳng muốn dấn thân vô đó nữa, nhưng tôi đã sai lầm. Mình tính một đường nhưng cuộc đời lại lôi cuốn đi một lối khác, và nó làm đảo lộn tất cả.

De Cambes phu nhân mỉm cười, nàng nhớ tới một câu nói của De La Rochefoucauld: Vì đôi mắt đẹp của De Longuevilles phu nhân, ta có thể gây chiến với các vị vua chúa, và cả với các thánh thần nữa.

Nụ cười ấy không lọt qua đôi mắt cáo của quận công Marsillac. Ông ta không để cho nữ tử tước có thì giờ suy nghĩ thêm, bèn nói: -Nhưng thưa phu nhân, trên thực tế, chính phu nhân mới là kiểu mẫu của sự anh dũng. Xin phu nhân nhận lấy lời khen ngợi của tôi.

-Tại sao vậy?

-Phu nhân đi một mình với một người hầu duy nhất, riêng điều đó cũng đủ để nói lên rồi. Ồ! Tôi lại còn được nghe người ta nói về thái độ cao đẹp của phu nhân ở Chantilly. Phu nhân, người ta đoán chắc với tôi đã hạ được cái anh chàng sĩ quan khốn khổ trong quân đội hoàng gia… Chiến thắng dễ dàng, có phải không thưa phu nhân? – Marsillac thêm vào câu nói ấy một nụ cười, một cái nhìn, nó chứa đựng biết bao nhiêu điều không tiện nói ra.

-Thế là sao?

-Tôi nói dễ dàng, bởi vì để đương đầu với ông ta, phu nhân đã sử dụng một thứ vũ khí đặc biệt của mình. Tuy nhiên, điều tôi phục nhất, theo như câu chuyện

người ta kể lại…

Cặp mắt ti hí của Marsillac lại như xoáy vào người nữ tử tước.

Đối với De Cambes phu nhân, nàng không thể để cho mình lâm vào thế rút lui trong danh dự. Và nàng chuẩn bị một cuộc phản kháng: -Nói đi, thưa quận công, hãy nói điều ông phục nhất.

-Thưa phu nhân, đó là cái khôn khéo cực kỳ của phu nhân trong việc diễn xuất một vai trò trào lộng. Vâng, nếu tôi tin vào những lời người ta nói thì viên sĩ quan ấy hình như đã gặp người hầu của phu nhân và cả phu nhân nữa.

Nhưng câu nói ấy cũng chẳng gây được một tác động gì đối với De Cambes phu nhân. Nàng thản nhiên hỏi lại: -Ngài bảo rằng ông ta đã từng gặp tôi?

-Xin phu nhân hãy lưu ý cho một điểm như thế này: Đó không phải là tôi nói mà do một nhân vật mơ hồ nào đấy thường được gọi là "người ta", và một khi đã sử dụng đến từ ngữ ấy thì ngay đến nhà văn cũng đành chịu thôi.

-Thế ông ta đã gặp tôi ở đâu?

-Người ta nói trên đường đi Libourne đến Chantilly, trong một ngôi làng tên là Jaulnay. Có điều cuộc hội kiến không lâu: Nhà quý tộc ấy đã nhận được lệnh của d'Épernon phải đi ngay về Mantes.

-Thưa quận công, nếu nhà quý tộc ấy đã từng gặp tôi, tại sao ông ta lại không nhận ra tôi?

-A! Cũng chính lại là cái người ta như tôi vừa nói với phu nhân đã trả lời hết mọi sự, người ta bảo rằng cuộc hội kiến đã diễn ra trong bóng tối nên hai người không rõ mặt nhau.

-Thưa quận công, lần này chính tôi cũng không hiểu, thực ra ngài muốn nói gì?

Marsillac giả bộ thực thà đáp: -Có lẽ là những tin đồn sai lạc. Vả lại, cuộc gặp gỡ lần đầu chỉ diễn ra trong chốc lát không nhẽ lại ảnh hưởng tới lần thứ hai?

-Sao lại có thể thế được, một khi chính ngài đã nói ra, đó là một cuộc hội kiến trong bóng tối.

-Thưa phu nhân đúng vậy. Tôi đã lầm, trừ phi trước khi có cuộc hội kiến ấy, viên sĩ quan nọ đã để ý tới phu nhân, và chuyến đi Jaulnay của phu nhân sẽ không còn là một cuộc…

-Và sẽ là cái gì? Thưa quận công, xin ngài hãy thận trọng trong lời nói của ngài.

-Cho nên, phu nhân thấy đó, tôi đã ngừng lại ngay, tiếng Pháp của chúng ta nghèo nàn quá, đến nỗi tôi tìm mãi cũng không ra một từ ngữ nào thích hợp với ý nghĩ của tôi. Nó sẽ là…, một "oppuntamento" như người Ý nói, hoặc một "assignation" như người anh nói.

-Nhưng thưa quận công, nếu tôi không lầm, hai từ ngữ ấy dịch ra tiếng Pháp đều có nghĩa là "hò hẹn."

-Hóa ra tôi đã rơi đúng vào người giỏi cả hai sinh ngữ. Thưa phu nhân, xin tha lỗi cho tôi, hình như tiếng Ý và tiếng Anh cũng nghèo như tiếng Pháp vậy.

Claire thấy tưng tức ở phía trái tim. Nàng phải vuốt mạnh vào ngực một cái để cho dễ thở. Nàng vừa chợt nhớ ra một điều nàng vẫn thường nghi ngờ: Marsillac nêu lên chuyện đó chẳng qua chỉ vì ghen tuông, đã có một thời gain, mặc dù vẫn còn đeo đẳng bà De Longuevilles, ông ta cũng cứ bám theo nàng để tán tỉnh. Tuy nhiên, đối với một người có nhiều thế lực như ông ta, nàng không muốn công kích một cách quá đáng.

-Thưa ngài, trong những tình huống như chúng ta hiện tại, nếu ông Mazarin ở vào địa vị ngài, hẳn là ông ấy sẽ không đứng vững.

-Thưa phu nhân, hình như giữa ông tể tướng thân mến ấy và tôi có một vài điểm tương đồng, thành thử tôi cũng chẳng thấy có một lý do nào để gây chiến với ông ta. Cho nên tôi chỉ cố sao không tỏ ngọn ngành được đủ mọi chuyện.

-Ngay cả những bí mật của các đồng minh của ngài, nếu họ có?

-Phu nhân vừa phát biểu một câu để suy diễn một cách sai lạc đi nếu người ta hiểu đó là một bí mật của phụ nữ, chuyến đi ấy và cuộc gặp gỡ ấy không lẽ là một bí mật sao?

-Thưa quận công, những lời phát biểu của ngài mới chỉ đúng có một nửa. Cuộc gặp gỡ là một tình cờ, nhưng chuyến đi là một bí mật và hơn nữa, sự bí mật của chuyến đi lại chỉ có tôi và công chúa phu nhân biết được mà thôi.

Quận công cười tủm tỉm trước sự nhanh trí của nữ tử tước.

-Ngoài phu nhân và công chúa phu nhân, còn cả một số người khác cũng biết nữa chứ: Ông Lenet và ông Richon, bà Tourville và còn ông bá tước De Canolles nào nữa mà như ông ấy là anh của phu nhân, chắc phu nhân sẽ nói rằng bí mật sẽ không từ trong gia đình lọt ra ngoài.

Thấy ông ta hơi cau mày, Claire cười để ông ta khỏi nổi giận.

-Thưa quận công, có một điều thú vị ngài biết không?

-Không, hãy cho tôi biết đi, thưa phu nhân, nếu đó là một bí mật, tôi xin hứa sẽ giữ kín và chỉ nói cho ban tham mưu của tôi biết thôi.

-Trong chuyến đi công cán ấy, ngài có biết công chúa phu nhân đã chỉ định ai cùng đi với tôi không?

-Không.

-Chính ngài đó.

-Phải. Tôi nhớ ra rồi. Công chúa phu nhân có hỏi tôi nếu tôi có thể tháp tùng một nhân vật đi Paris.

-Và ngài đã từ chối.

-Tôi phải ở lại Poitou vì những công việc cần thiết.

-Vâng, ngài đã nhận ở đó.

Ông ta lại gần nàng và hỏi: -Thưa phu nhân, đó là một sự trách cứ?

-Không phải, thưa công tước, trái tim ngài đã đặt đúng chỗ, và thay vì trách móc, đó là những lời khen ngợi đối với ngài.

-Hừ! Giá tôi được đi cùng với phu nhân trong chuyến đi ấy!

-Thì sao?

-Thì tôi đã không đi Saumur. Dù sao tôi cũng chẳng phàn nàn gì về sự không may của mình một khi nó đem lại cho một cái may chung.

-Ngài muốn nói gì, thưa công tước, tôi không hiểu.

-Tôi muốn nói nếu tôi đi cùng với phu nhân thì phu nhân đâu có gặp viên sĩ quan ấy, và rõ ràng là trời đã phù hộ cho chính nghĩa của chúng ta khiến cho Mazarin lại cử chính anh chàng ấy tới Chantilly.

Claire nói với một giọng nghẹn ngào bởi một niềm đau và những kỷ niệm mới đây: -Xin ngài đừng đùa cợt trên nỗi đau khổ của người sĩ quan ấy.

-Tại sao? Phải chăng đó là một nhân vật khả kính?

-Vâng, bởi vì những nỗi đau thương lớn thường chỉ đổ xuống đầu những người có tâm hồn cao quý. Có thể trong giờ phút này người sĩ quan ấy đã chết và ông ta đã trả giá cho sự sai lầm hay sự tận tụy của đời mình.

-Chết vì tình? – Marsillac hỏi.

-Chúng ta nên nói một cách nghiêm túc, thưa công tước ngài hẳn biết nếu tôi trao trái tim cho người nào, sẽ không phải là những hạng người gặp gỡ ở giữa đường giữa chợ. Tôi xin nói để ngài biết con người đau khổ ấy đã bị bắt giữ ngay hôm nay do lệnh của Mazarin.

-Bị bắt! Sao phu nhân biết? Lại do một cuộc gặp gỡ…

-Ô! Lạy Chúa! Vâng. Tôi đi qua Jaulnay…, ngài biết Jaulnay chứ?

-Biết rõ, tôi đã bị một mũi gươm vào vai tại đó… Jaulnay có phải chính là ngôi làng mà câu chuyện đã nêu ra không?

-Hãy bỏ qua cái gọi là "câu chuyện" thưa công tước. – Claire đỏ bừng mặt đáp – Tôi đi qua Jaulnay và tôi nhìn thấy một toán người vũ trang bắt giữ tôi rồi dẫn đi một người đàn ông, người đàn ông ấy chính là viên sĩ quan đó. Ông ta là một người đáng thương xót.

-Thương xót! Tôi, ô thưa phu nhân, tôi đâu có thì giờ để xót thương, nhất là đối với những người tôi không quen biết.

Claire liếc mắt nhìn bộ mặt xanh xao của De La Rochefoucauld và cặp môi mỏng dính mỗi khi cười lại nhăn nhúm của ông ta, nàng khẽ rùng mình.

-Thưa phu nhân tôi muốn có hân hạnh được tiếp phu nhân xa hơn một chút, nhưng tôi phải đưa một đội binh đến Montrond, hai mươi nhà quý tộc có diễm phúc hơn tôi sẽ bảo vệ phu nhân đến tận chỗ quận chúa phu nhân. Xin phu nhân cho tôi gởi lời chào tôn kính của tôi tới quận chúa phu nhân.

-Thế ra ngài không đi Bordeaux? – Claire hỏi.

-Không, tôi đi Turenne để tiếp xúc với Bouillon.

Nói đoạn, ông ta nghiêng mình từ giã nữ tử tước.

Claire nhìn theo ông ta thầm nói: “Tình thương của ông ta? Và ông ta đã thốt ra một câu tôi đâu có thì giờ để thương xót.”

Nàng nhìn thấy một toán kỵ sĩ tách khỏi để tiến về phía nàng, số còn lại tiến sâu vào khu rừng bên cạnh.

Hai ngày sau, De Cambes phu nhân mới về đến chỗ bà quận chúa phu nhân.

§11

De Cambes phu nhân thỉnh thoảng nhớ tới thái độ của La Rochefoucauld và không khỏi thấp thỏm. Nàng nghĩ đến ông ta có thể căm hận mình. Nhưng rồi, tự thấy mình trẻ, đẹp, giàu có, lại có nhiều ân sủng, nàng cho rằng sự căm hận ấy có còn tồn tại đi chăng nữa, cũng chẳng thể ảnh hưởng gì đến đời nàng.

Tuy nhiên, có phòng ngừa cũng vẫn hơn. Cho nên nàng áp dụng phương thức đi bước trước. Nhân lúc quận chúa phu nhân ngợi khen về những công việc nàng đã hoàn tất, nàng bèn nói: -Thưa phu nhân, do sự mến thương em nên người quá khen, thật ra em chưa xứng đáng, vì một vài kẻ đã cho rằng viên sĩ quan, người bị chúng ta đánh lừa, đã biết rõ ai là quận chúa phu nhân thật, ai là giả.

Tất nhiên quận chúa phu nhân không bao giờ chấp nhận cái giả thuyết ấy, trong khi bà ta đinh ninh rằng việc tráo người của mình rõ ràng là một thắng lợi hoàn toàn.

-Phải, Claire thân mến, ta biết, đó chỉ là những tin đồn. Có thể sau khi biết mình bị lừa, chính nhà quý tộc của chúng ta đã tung ra những tin ấy để cho khỏi bẽ mặt đấy thôi. À mà này, hình như em có nói với ta là đã gặp ông De La Rochefoucauld trên đường đi phải không?

-Vâng, thưa phu nhân.

-Ông ấy kể chuyện gì mới không?

-Ông ta đi Turenne để thương lượng với ông Bouillon hay người ấy ai sẽ nắm quyền tư lệnh của quân đội chúng ta? Nhưng ta đã có cách để hòa giải họ: Một phương án của bà De Tourville.

Claire mỉm cười khi nghe thấy cái tên ấy: -Ồ, phu nhân đã nối lại tình thân với bà cố vấn của mình.

-Cần phải thế, bà ấy gặp chúng ta – Lenet và ta – ở Montrond, mang theo một chồng giấy dầy cộm làm chúng ta cười muốn chết. Bà ấy bảo đó là thành quả của nhiều đêm làm việc chăm chỉ, và mang tới để cống hiến vào công việc chung.

-Chắc là một bài diễn văn tràng giang… Thế phu nhân trả lời sao?

-Ta nhường lời cho ông Lenet. Ông ta nói "Thưa bà, chúng tôi không bao giờ nghi ngờ thiện chí cũng như nhiệt tâm của bà, việc làm của bà hết sức quý giá, nhưng quận chúa phu nhân và tôi mỗi ngày …" Tóm lại, ông ấy nói cũng dài không kém gì một bài diễn văn, khiến bà bùi tai để rồi cuối cùng giao cho ông ấy cái phương án.

-Nội dung?

-Không phong chức tư lệnh cho ông Bouillon và ông De La Rochefoucauld, mà phong cho ông Turenne.

-Thế nào? – Claire nói – Có vẻ như lần này bà cố vấn đã cố vấn hơi nhiều, ông nghĩ sao, thưa ông Lenet?

-Tôi nghĩ bà tử tước đã có lý và bà đã cho chúng tôi thêm một phiếu trong cuộc bàn cãi. (Lenet vừa đi vào, tay cầm một xấp giấy cũng nặng chẳng kém gì của bà De Tourville) Có điều ông Turenne không thể xa rời đạo quân miền Bắc và phương án của chúng ta lại đòi hỏi ông tiến về Paris khi nào Mazarin và hoàng hậu uy hiếp Bordeaux.

-Cô bạn thân mến thấy không, ông Lenet là một con người hoàn chỉnh. Cho nên chẳng phải ông Bouillon, cũng chẳng phải ông De La Rochefoucauld và ông Turenne là tổng tư lệnh. Vì tổng tư lệnh của chúng ta chính là Lenet.

-Nhưng ông cầm cái gì ở trong tay đó, phải chăng là một bản tuyên cáo?

-Vâng, thưa phu nhân.

-Của bà De Tourville phải không?

-Đúng vậy, thưa phu nhân, trừ một vài điểm về từ vựng, về văn phong, chắc phu nhân cũng rõ…

-Tốt, cũng tốt thôi. – Quận chúa phu nhân cười – Không nên câu nệ từng chữ, cốt nhất là ở tinh thần.

-Thưa phu nhân đã xong xuôi tất cả.

-Thế ông Bouillon ký ở đâu?

-Trên cùng một hàng với ông De La Rochefoucauld.

-Nhưng ông De La Rochefoucauld sẽ ký ở bên dưới chữ ký của quận công D'Enghien.

-Quận công D'Enghien không nên ký vào một văn bản như vậy. Một đứa bé? Hãy nghĩ đến chuyện đó, Lenet.

-Tôi đã nghĩ rồi, thưa phu nhân. Khi nhà vua băng hà, thái tử lên kế vị, và nếu một ngày nào đó… Tại sao lại sẽ không phải là gia đình De Condé lên trị vì?

-Nhưng ông De La Rochefoucauld sẽ nói sao? Ông Bouillon sẽ nói sao?

-Thưa phu nhân, người thứ hai sẽ theo gương người thứ nhất để làm cái gì người thứ nhất đã làm. Vả chăng họ muốn nói gì thì nói, với chúng ta điều đó không cần thiết.

-Cũng không nên làm họ mếch lòng quá, Lenet. – Quận chúa phu nhân nói – Chúng ta chỉ còn có họ.

-Nhưng họ đã đưa vào cái tên của phu nhân, họ hãy cứ thử đơn phương chiến đấu đi, và phu nhân sẽ thấy họ cầm cự được bao lâu?

Bà De Tourville mới về chưa đầy một phút. Bộ mặt đang rạng rỡ tươi như hoa của bà phút chốc đổi ra âu lo khi thoảng nghe thấy những lời nói sau cùng của viên cố vấn, kẻ đối đầu của bà.

Bà ta tiến lên một bước: -Phương án tôi trình lên ngài có vẻ như không được sự hoan nghênh của ông Lenet?

-Trái lại, thưa bà! – Lenet nghiêng mình nói – Và tôi đã được thận trọng giữ lại phần lớn những nét quan trọng của văn bản, duy chỉ có, tay vì bản tuyên cáo được ký bởi quận công Bouillon hay công tước Rochefoucauld, tên của các vị ấy đứng sau tên hoàng thân.

-Ông đưa cả ông hoàng trẻ tuổi vô, thưa ông?

-Thưa phu nhân, có vậy mới hợp lý, bởi chính vì hoàng thân mà người ta chiến đấu.

-Nhưng dân chúng Bordeaux yêu cầu quận công Bouillon, tôn thờ quận công De La Rochefoucauld và không biết gì về quận công D'Enghien.

Lenet rút trong túi ra một tờ giấy và đáp: -Phu nhân sai rồi. Đây là bức thư của ông chủ tịch hội đồng Bordeaux, ông ta yêu cầu tôi: Tất cả những tuyên cáo đều phải có chữ ký của hoàng thân D'Enghien.

-Ồ! Bỏ cái vụ hội đồng đi, Lenet. – Công chúa phu nhân la lên – Chúng ta đã khó nhọc bao nhiêu mới thoát khỏi tay hoàng hậu và Mazarin, chẳng lẽ bây giờ lại rơi vào các tay hội đồng?

-Phu nhân có muốn vào Bordeaux không? – Lenet hỏi.

-Đương nhiên.

-Thế thì đó là điều kiện "sine qua non" (Tiếng La tinh: Không thể thiếu, điều kiện bắt buộc), họ sẽ không nghênh tiếp một ai khác ngoài quận công D'Enghien.

Bà De Tourville cắn môi.

-Ông đã khuyên chúng tôi chạy trốn khỏi Chantilly, ông đã khiến cho chúng tôi phải vượt hơn một trăm năm mươi dặm để tới đây nhận lãnh một sự mạo phạm của dân Bordeaux? – Bà quận chúa nói.

-Điều phu nhân cho là mạo phạm, thưa phu nhân, lại là một vinh dự. Thật thế, còn gì vẻ vang hơn đối với quận chúa phu nhân De Condé khi họ chỉ nhận nghênh đón phu nhân thôi mà không phải là những người khác! …

-Như vậy ngay cả hai ngài công tước dân Bordeaux cũng không tiếp?

-Họ chỉ tiếp có phu nhân.

-Một mình tôi làm sao qua đây?

-Ồ! Lạy Chúa, xin phu nhân cứ vô, rồi vô xong, hãy mở rộng cửa và những người khác sẽ đi theo phu nhân.

-Chúng ta đâu có thể qua mặt họ được?

-Xin thưa: Sẽ có sự can thiệp của hội đồng thành phố. Quân đội của phu nhân rồi cũng sẽ vào để bảo vệ Bordeaux.

-Vậy là Bordeaux đã bị đe dọa? – Bà De Tourville hỏi.

-Rất bị đe dọa! – Lenet đáp – Đó là lý do tại sao cần phải tiến hành gấp rút để nắm lấy tình hình. Khi chúng ta chưa có ở đó, Bordeaux có thể, vì danh dự, không mở cửa cho chúng ta, nhưng một khi chúng ta vào bên trong rồi, Bordeaux sẽ vô phương xua chúng ta ra khỏi thành lũy của họ.

-Xin ông cho biết ai đe dọa Bordeaux?

-Nhà vua, hoàng hậu, Mazarin… Quân đội hoàng gia được tuyển mộ, các kẻ thù của chúng ta đang làm chủ tình hình, đảo Saint-Georges cách thành phố có ba trăm dặm vừa mới nhận một tổng đốc mới. Dân Bordeaux sẽ cố chiếm lại đảo, và dĩ nhiên họ sẽ chiến đấu. Nhưng họ làm sao đối địch lại với những toán quân thiện chiến của nhà vua. Họ sẽ bị đánh tơi bời, họ sẽ lên tiếng kêu cứu công tước Bouillon, và De La Rochefoucauld. Thế là phu nhân đã nắm trong tay hai vị công tước ấy rồi nên có thể ra điều kiện với hội đồng thành phố…

-Nhưng sao không tìm cách mua chuộc ông tân tổng đốc còn hơn là để dân Bordeaux chịu sự thảm hại, nó có thể ảnh hưởng đến tinh thần của họ sau này.

-Nếu phu nhân đã vào Bordeaux lúc cuộc thất bại ấy diễn ra, phu nhân sẽ chẳng sợ gì hết… Còn việc mua chuộc viên tổng đốc ấy quả không thể được.

-Không thể được! Tại sao?

-Bởi vì viên tổng đốc ấy là kẻ thù của phu nhân.

-Một kẻ thù của cá nhân tôi?

-Vâng…

-Nhưng từ đâu lại có mối oán thù ấy?

-Ông ta sẽ không bao giờ buông tha phu nhân về cái chuyện bí mật ở Chantilly mà ông ta là nạn nhân… Ồ! Mazarin không phải là một lão khùng như các vị phu nhân tưởng đâu, tôi dám chịu mất đầu để không ngừng nói lên một điều trái ngược. Và chứng cớ là ông ta đã đặt ở đảo Saint-Georges, một cứ điểm quan trọng, một người phu nhân đoán thử coi?

-Tôi đã nói với ông rằng tôi hoàn toàn không thể biết người ấy là ai.

-Đó là viên sĩ quan đã làm cho phu nhân cười rất nhiều về sự vụng về của ông ta để phu nhân trốn khỏi Chantilly…

-Ông De Canolles! – Claire kêu lên.

-Vâng.

-Ông De Canolles, tổng trấn Georges!

-Chính ông ấy.

-Sao lại có thể thế! Tôi đã thấy ông ấy bị bắt giữ trước mắt tôi, dưới mắt tôi.

-Đúng thế. Nhưng ông ta có quan thầy bao che mạnh lắm, và sự thất sủng biến thành ân sủng.

Quận chúa phu nhân cười và nói: -Khốn khổ cô em Claire! Thế mà cô lại ngỡ ông ta chết rồi.

-Ông có chắc không, thưa ông! – Claire hỏi.

Lenet, theo thói quen lại rút ở trong túi ra một tờ giấy: -Đây là thư của Richon. Ông ta nói cho tôi biết tất cả các chi tiết về việc nhận chức của viên tân tổng đốc, ông ta cũng tỏ ra tiếc nuối vì không được công chúa phu nhân cử tới đảo Saint-Georges.

Bà Tourville nghe xong bèn cười ngất: -Phu nhân cử ông Richon tới đảo Saint-Georges! Hóa ra chúng ta thay quyền đức vua để bổ nhiệm tổng trấn à?

-Chúng ta có sẵn một chỗ, thưa bà – Lenet đáp – và thế là đủ.

-Chỗ nào?

Bà Tourville rùng mình khi thấy Lenet thò tay vào túi áo.

-Tờ khống chỉ của công tước d'Épernon! – Quận chúa phu nhân reo lên – Đúng thế, tôi đã quên mất nó.

-Hùm! Cái đó là cái gì? – Bà Tourville bĩu môi – Một mảnh giấy vô giá và không có gì khác.

-Thưa bà – Lenet nói – tờ giấy ấy, chúng ta rất cần nó để có được một sự bổ nhiệm người của ta. Nó sẽ làm thăng bằng cán cân lực lượng họ có đảo Saint – Georges nằm trên sông Garonness. Nó chính là điểm tựa của chúng ta.

Từ năm phút qua, sau khi thấy Lenet đề cập tới Canolles, Claire như người mất hồn, chẳng còn nghe thấy gì nữa. Lúc này, bình tĩnh trở lại, nàng mới hỏi Lenet: -Ông có chắc chính ông Canolles, người bị bắt ở Jaulnay, hiện giờ làm tổng đốc đảo Saint – Georges không?

-Chắc lắm, thưa bà.

Quận chúa phu nhân nói: -Chắc hẳn nội vụ phải có một cái gì đó.

-Dĩ nhiên. – Lenet nói – Có tiểu thư Nanon De Lartigues.

-Nanon De Lartigues! – Nữ tử tước De Cambes kêu lên như một kỷ niệm ghê sợ vừa nhói vào tim.

-Hừm! Đứa con gái ấy! – Quận chúa phu nhân nói một cách khinh rẻ.

-Vâng, thưa phu nhân. – Lenet nói – Cô gái ấy đã bị ngài từ chối không tiếp, và hoàng hậu không câu nệ nghi thức nên tiếp cô ấy, cho nên sau đó cô ta mới bảo rằng quận chúa phu nhân rất có thể làm như to hơn Anne D'Autriche, nhưng có điều chắc chắn Anne D'Autriche khôn ngoan hơn phu nhân. Bởi vì, xin phu nhân hiểu cho: Đó là một người đàn bà sẽ gây chiến với phu nhân ác liệt nhất. Hoàng hậu chỉ phái quân lính tới đánh phu nhân còn Nanon lại đưa những kẻ thù đến, điều đó mới đáng sợ.

Bà De Tourville nhìn Lenet nói mỉa: -Đặt địa vị ông vào phu nhân, hẳn ông đã nghênh tiếp cô ả một cách kính cẩn.

-Không, thưa bà, tôi sẽ vui vẻ đón tiếp và tôi sẽ mua chuộc cô ấy.

-Sao! Nếu chỉ là vấn đề mua chuộc, bây giờ thực hiện đâu có muộn.

-Đương nhiên, hãy còn đủ thì giờ, duy chỉ có điều, vào thời điểm này, hình như sẽ quá đắt đối với ngân quỹ của chúng ta.

-Cái giá của cô ta lên tới bao nhiêu? – Quận chúa phu nhân hỏi.

-Năm trăm ngàn Livres trước chiến tranh.

-Nhưng bây giờ?

-Một triệu.

-Nhưng với cái giá đó tôi có thể mua ông Mazarin!

-Rất có thể – Lenet nói – nhưng thứ mua được thì ban lại thường bị giảm giá.

Bà De Tourville vốn hay chủ trương những phương thức bạo động bèn hỏi: -Nhưng nếu ta không thể mua được thì tại sao ta không giành lấy?

-Ý kiến của bà rất hay nhưng khó thực hiện. Lý do người ta hoàn toàn không biết cô ấy ở đâu, tuy nhiên, chúng ta chả cần bận tâm về chuyện đó, trước hết chúng ta sẽ vô Bordeaux, và sau đó sẽ tiến chiếm đảo Saint-Georges.

-Không, không! – Claire kêu lên – Chúng ta hãy vô đảo Saint-Georges trước đã.

Tiếng reo ấy, thốt ra từ trái tim nữ tử tước, khiến hai vị phu nhân quay đầu về phía nàng, còn Lenet thì nhìn nàng một cách chăm chú.

-Bộ em khùng rồi ư? – Quận chúa phu nhân hỏi – Em không thấy ông Lenet bảo rằng đó là một địa điểm rất khó chiếm?

-Rất có thể – Claire nói – nhưng tôi thiết nghĩ chúng ta sẽ chiếm được.

-Em có một kế hoạch? – Bà De Tourville hỏi.

-Có lẽ! – Claire nói.

Quận chúa phu nhân cười.

-Nếu đảo Saint-Georges phải mua một cái giá đắt như ông Lenet nói, có lẽ chúng ta không đủ sức mua đâu.

-Chúng ta sẽ không mua nó, nhưng chúng ta vẫn sẽ có nó.

-Vậy là phải dùng sức mạnh. – Bà De Tourville nói – Cô bạn thân thương, cái đó cũng nằm trong kế hoạch của tôi.

-Chính thế! – Quận chúa phu nhân nói – Chúng ta sẽ cử Richon bao vây Saint-Georges, ông ấy là người trong vùng, biết rõ địa hình địa vật, để chiếm lãnh các pháo đài các vị cho là quan trọng ấy, chỉ có ông ấy mới đảm trách nổi.

-Trước khi áp dụng phương thức đó – Claire nói – thưa phu nhân, xin cho phép em dấn thân vào một cuộc phiêu lưu và nếu tôi thất bại, lúc ấy các vị sẽ tùy nghi.

-Thế nào? – Quận chúa phu nhân hỏi – Em sẽ đi tới đảo Saint-Georges ư?

-Vâng, em sẽ đi.

-Một mình?

-Em đem theo Pompéc.

-Và em không sợ gì cả?

-Em sẽ đi với tư cách của một sứ giả đi thương thuyết, và phu nhân sẽ cho em những chỉ thị cần thiết.

-À! Một ý kiến mới mẻ! – Bà De Tourville nói lớn – Nhưng theo tôi, hình như các nhà ngoại giao không tiến hành công việc một cách hấp tấp như vậy, cần phải có một sự nghiên cứu kỹ lưỡng như phương thức làm việc của ông De Tourville nhà tôi, một nhà ngoại giao có tiếng của thời đại.

-Thưa bà – Claire đáp – dẫu em có tài hèn trí mọn, nhưng em vẫn làm thế, nếu quận chúa phu nhân cho phép.

Lenet nhìn De Condé phu nhân rồi nói: -Chắc chắn phu nhân sẽ đồng ý và tôi cũng tin rằng nếu tên đời có một người để có thể thành công trong một cuộc thương thuyết như thế, người đó chính là bà tử tước…

-Bộ không ai làm nổi sao?

-Bà tử tước sẽ thương lượng một cách đơn giản với ông De Canolles, nếu để một người đàn ông đi thay, chắc chắn ông ấy sẽ bị Canolles ném ra ngoài cửa sổ.

-Một người đàn ông thì được – Bà De Tourville nói – nhưng một người đàn bà…

-Tôi thấy để bà tử tước đi là hợp lý nhất – Lenet nói – vì bà ấy là người đầu tiên đưa ra ý kiến đó.

Trong lúc ấy có một liên lạc viên tới. Anh ta cầm bức thư của hội đồng Bordeaux.

Quận chúa phu nhân hớn hở reo lên: -Ô! Chắc họ phúc đáp! Xích lại gần nhau để cùng xem tờ công văn.

Còn Lenet, ngồi im lặng, mặt phớt tỉnh như thường lệ, vì ông ta đã thừa biết nội dung của bức thư.

Đọc xong, quận chúa phu nhân reo lên: -Họ yêu cầu tôi, họ kêu gọi tôi, họ chờ đợi tôi!

Bà De Tourville cũng reo mừng rối rít.

-Thưa phu nhân – Lenet nói – nhưng còn các vị công tước, còn quân đội?

-Họ không nói tới vụ đó.

-Vậy chúng ta mất hết rồi sao? – Bà De Tourville hỏi.

-Không – Quận chúa nói – bởi vì, nhờ tờ khống chỉ của quận công d'Épernon ta sẽ có Vayres để chỉ huy Dordogne.

-Và tôi – Claire nói – Tôi sẽ có Saint-Georges, nó là cái chìa khóa của Garonne.

-Còn tôi – Lenet nói – tôi sẽ có hai ngài công tước và quân đội, dĩ nhiên, nếu các phu nhân để cho tôi có thời gian thuyết phục họ.

Phần III. PHU NHÂN TỬ TƯỚC DE CAMBES

§1

Ngày hôm sau nữa, đoàn người đã đến gần Bordeaux, bây giờ đến vấn đề là sẽ vào thành phố bằng cách nào. Các ngài công tước cũng chỉ còn cách khoảng hai mươi dặm cùng với quân đội của họ, bởi vậy, có thể có hai cách để vào thành, hoặc hòa hưỡn hoặc là phải dùng đến vũ lực. Quan trọng nhất là phải biết chính mục tiêu nào là có lợi hơn cả: Cai trị Bordeaux hoặc tuân theo điều kiện của hội đồng thành phố. Phu nhân quận chúa tập hợp ban tham mưu của mình lại, gồm các bà De Tourville, Claire, các bà tùy tùng, và Lenet. Bà De Tourville, biết rõ kẻ đối lập với mình nên đã nhấn mạnh để ông ta không tham dự vào, viện lẽ đây là trận chiến trận mạc. Nhưng phu nhân quận chúa bảo rằng Lenet là do hoàng thân chồng bà chỉ định, nên không thể gạt ông ta ra khỏi cuộc biểu quyết, vả lại ở đây, sự có mặt của ông ta là không quan trọng lắm, vì như đã thỏa thuận trước rằng sẽ để mặc cho ông ta muốn nói gì thì nói, nhưng ý kiến của ông ta sẽ không được kể đến.

Tánh cẩn trọng của bà Tourville không phải là vô ích, bà ta đã sử dụng hai ngày đi đường vừa qua để hướng tâm trí quận chúa phu nhân về những tư tưởng hiếu chiến mà bà này vốn có chiều hướng nghiêng theo, và bà ta sợ rằng Lenet sẽ lại phá hỏng cả công việc của bà ta đã cố công xây dựng.

Thật vậy, khi mọi người đều đã họp lại, bà De Tourville trình bày kế hoạch của mình, sẽ kín đáo mời các ngài công tước cùng với quân đội của họ đến, sẽ trưng dụng, hoặc bằng vũ lực, hoặc với tính cách thỏa thuận một số tàu thuyền và vào Bordeaux theo đường sông với những tiếng hô hào – Hỡi dân chúng Bordeaux hãy về với chúng ta! Nhà Condé muôn năm! Đả đảo Mazarin!

Như vậy cuộc nhập thành của phu nhân quận chúa hoàn toàn vinh quang và bà De Tourville, bằng cách đó cũng đã trở lại với dự định của mình là chiếm Bordeaux bằng vũ lực và như vậy sẽ làm cho hoàng hậu phải sợ hãi trước một đội quân lần ra trận đầu tiên đã là một chiến thắng huy hoàng.

Lenet đều gật đầu đồng ý trước mọi vấn đề, cắt lời bà De Tourville bởi những tiếng kêu thán phục và sau khi bà ta trình bày xong kế hoạch của mình.

-Thật là tuyệt, thưa bà! – Ông ta nói – Bây giờ xin bà rút gọn lại giùm cho.

-Dễ thôi, tôi chỉ nói hai câu là đủ. – Bà phu nhân đắc thắng trả lời, bị kích động bởi chính những gì mình vừa nói ra – Giữa những làn đạn, những tiếng chuông, giữa những tiếng hò reo giận dữ hoặc ưu ái của dân chúng, mọi người sẽ được thấy những người phụ nữ yếu đuối, dũng cảm đeo đuổi sứ mệnh thiêng liêng của họ, mọi người sẽ được một đứa bé trong tay mẹ van nài hội đồng thành

phố che chở cho mình. Cảnh tượng cảm động ấy sẽ không khỏi làm mềm lòng những con người điên cuồng nhất. Như vậy, chúng ta sẽ chiến thắng nửa bằng vũ lực, nửa bởi lẽ phải của sứ mạng chúng ta, mà theo tôi, đó là mục đích của phu nhân đáng kính.

Câu tóm lược mang đến hiệu quả còn lớn hơn cả bài diễn văn, phu nhân quận chúa vỗ tay, Claire mà ý muốn được cử làm người đến đảo Saint-Georges điều đình mỗi lúc mỗi thêm thôi thúc, cũng vỗ tay, viên đội trưởng đội cận vệ với ý muốn tìm kiếm những cuộc đụng độ lớn, vỗ tay, cuối cùng Lenet không chỉ vỗ tay mà còn đến bắt tay bà De Tourville đầy kính cẩn.

-Thưa bà – Ông ta kêu lên – Trước kia tôi chưa hiểu được hết đức tánh cẩn trọng của bà lớn đến dường nào, rằng bà am hiểu cặn kẽ, theo bản năng hoặc là do hiểu biết, điều này thì tôi không biết mà cũng chẳng cần quan tâm đến làm gì, vấn đề trọng đại là nội chiến và tình hình quân sự đang làm cho chúng ta phải bận tâm, giờ đây thì tôi đã hiểu rõ và xin nghiêng mình trước nữ cố vấn giỏi giang nhất mà phu nhân quận chúa có thể có được.

-Có đúng không, ông Lenet? – Bà quận chúa nói – Có đúng đây là một điều rất hay không? Tôi cũng đã có ý định như vậy. Nào chúng ta hãy nhanh lên, Vialas, hãy mang đến cho quận công D'Enghien thanh gươm nhỏ của ta đã đặt làm riêng cho cậu, cả bộ giáp của cậu nữa.

-Phải đấy, nhanh lên Vialas, nhưng xin hãy để cho tôi nói thêm một câu nữa, thưa phu nhân. – Lenet nói, trong khi bà De Tourville đương ưỡn ngực lên vì kiêu hãnh, bắt đầu sầm mặt xuống vì biết rất rõ những thâm ý của ông ta đối với mình.

-Sao? – Bà quận chúa nói – Lại còn gì nữa?

-Chẳng còn gì, thưa phu nhân, chắc chắn là như vậy, bởi vì chưa bao giờ có ai trình bày một vấn đề thật phù hợp với tánh cách của một vị quận chúa như phu nhân, và những ý kiến như vậy chỉ có thể do gia đình phu nhân mà ra.

Những lời đó khiến bà De Tourville phồng mũi thêm một lần nữa, và nụ cười trở lại đôi môi của bà. Quận chúa đang bắt đầu cau mày.

-Nhưng, thưa phu nhân – Lenet tiếp tục nói, ánh mắt theo dõi phản ứng của tiếng "nhưng" đó trên gương mặt của kẻ thù không đội trời chung của mình – dù rất đồng ý, tôi xin nói thêm là một cách hết sức phấn khởi, kế hoạch đó, tôi xin đề nghị thêm một chút sửa đổi.

Bà De Tourville quay mặt đi, khô khan, cứng cỏi, sẵn sàng phản công. Quận chúa phu nhân lại nhíu mày.

Lenet cúi chào và đưa tay ra dấu xin phép được tiếp tục trình bày: -Tiếng chuông đổ, tiếng hò reo ưu ái của đám đông – Ông ta nói – từ bây giờ đã mang đến cho tôi một niềm vui khó tả. Nhưng tôi không an tâm lắm, mặc dù rất muốn, về những làn mưa đạn như bà vừa nói.

Bà De Tourville ưỡn thẳng người lên, vẻ mặt đằng đằng sát khí. Lenet lại cúi chào thấp hơn và hơi hạ giọng xuống một chút.

-Dĩ nhiên là không có gì đẹp hơn cảnh một người phụ nữ và một đứa trẻ, bình thản giữa những làn đạn thường tình để có thể làm cho ngay cả những người đàn ông cũng phải sợ hãi. Nhưng, tôi e rằng một trong những viên đạn vô tình đó sẽ sạt đến đích, như thường vẫn xảy ra với những vấn đề tàn bạo và ngu ngốc, sẽ làm cho ngài De Mazarin vô cùng hài lòng và làm hỏng kế hoạch của chúng ta vốn rất là tuyệt. Theo ý tôi, cũng như bà De Tourville đã trình bày một cách hết sức là uyên bác, là ta nên để hoàng thân nhỏ tuổi cùng với người mẹ cao cả của cậu mở một đường đến hội đồng thành phố, nhưng với van xin chứ không phải với vũ khí. Cuối cùng, tôi cho rằng tuyệt hơn cả là nên bằng cách đó, làm xiêu lòng những tâm hồn tàn bạo nhất hơn là chiến thắng những con tim cứng rắn nhất bằng một cách nào khác. Cuối cùng, tôi nghĩ rằng một trong hai phương cách đó, có nhiều may mắn thành công hơn cách kia, và vì mục đích của phu nhân, hơn tất cả mọi thứ khác, là vào thành phố Bordeaux. Thế nhưng, tôi cần phải nói thêm cuộc nhập thành này sẽ không có nhiều cơ may thành công lắm nếu chúng ta gây chiến…

-Rồi phu nhân sẽ thấy – Bà De Tourville chua chát nói – là ông đây sẽ theo thói quen, phá vỡ từng bước kế hoạch của tôi và lẳng lặng thay vào đó kế hoạch của ông ta.

-Tôi! – Lenet kêu lên trong khi vị phu nhân xoa dịu bà De Tourville bằng một nụ cười cùng với ánh mắt – Tôi, kẻ ngưỡng mộ bà nhiệt tình! Không, trăm ngàn lần không. Nhưng tôi biết rằng, từ Blaye, có một vị sĩ quan của đức hoàng thượng đã đến thành phố này, người đó tên là Dalvimat và có nhiệm vụ xúi giục các quan lại nội thành và dân chúng chống phu nhân. Và tôi xin nói thêm rằng, nếu ngài De Mazarin có cách nào đó để chấm dứt chiến tranh một cách nhanh chóng, ông ta sẽ thực hiện ngay, đó là lý do vì sao tôi e ngại những làn mưa đạn mà ban nãy bà De Tourville vừa nói đến, và trong đó có thể có nhiều đường đạn có mắt hơn là những đường đạn vô tình.

Bài diễn văn ngắn ngủi lần này của Lenet dường như làm cho phu nhân quận chúa nghĩ lại.

-Thưa ông Lenet, ông thì lúc nào cũng biết mọi chuyện. – Bà De Tourville nói với một giọng run lên vì giận dữ.

-Thế nhưng có một cuộc đụng độ nho nhỏ thì cũng hay đấy – Viên đội trưởng đội cận vệ nói, vốn tin tưởng nhiều vào ý nghĩ sử dụng vũ lực và có thể là được thăng cấp nếu có.

Lenet đá vào chân ông ta vừa nhìn ông ta với một nụ cười thân thiết.

-Vâng thưa đại úy – Ông nói – nhưng có lẽ ông cũng nghĩ rằng ngài quận công D'Enghien là rất cần thiết cho chúng ta và nếu ngài tử thương hoặc bị bắt,

thì có khác nào vị nguyên soái đích thực của quân đội các hoàng thân bị bắt hoặc bị tử trận, có phải vậy không?

Viên đại úy đội cận vệ biết rằng cách danh xưng nguyên soái nghe thật kêu của một ông hoàng bảy tuổi đó làm cho ông ta thực sự trở thành một vị tướng hàng đầu của quân đội nên hiểu ra điều sai sót của mình vừa phạm phải, và từ bỏ đề nghị của mình, ông ta nồng nhiệt hoan nghênh ý kiến của Lenet.

Trong khi đó, bà De Tourville đã đến gần quận chúa phu nhân và nói nhỏ vào tai bà này. Lenet thấy rằng mình lại phải cầm cự thêm một lần nữa. Thật vậy, quay về phía ông, phu nhân nói một cách bực bội: -Thật là kỳ lạ khi lại cố sức phá hỏng những gì đã được xây dựng đẹp đẽ đến như vậy.

-Thưa phu nhân, phu nhân lầm rồi. – Lenet nói – Chưa bao giờ tôi hoàn toàn quả quyết trong những lời khuyên mà tôi được hân hạnh trình bày lên phu nhân, và nếu tôi có phá hỏng, cũng là để xây dựng lại. Nếu mặc cho những lý lẽ mà tôi có được vinh dự trình bày phu nhân vẫn cứ khăng khăng muốn được biết chết cùng hoàng thân con trai người, thì phu nhân có toàn quyền, và chúng tôi cũng sẽ ngã xuống bên cạnh người. Điều này dễ thực hiện thôi, và bất cứ một tên người hầu nào trong đám tùy tùng của phu nhân hoặc bất cứ một tên vô lại nào cũng có thể làm được. Nhưng nếu chúng ta muốn thành công ngoài ý muốn của ngài De Mazarin, ngoài ý muốn của cô De Lartigues và cuối cùng, ngoài ý muốn của các rủi ro vẫn gắn liền với tình trạng yếu kém mà chúng ta lâm vào, thì đây, tôi tin rằng chúng ta chỉ còn mỗi một công việc phải làm.

-Thưa ông – Bà De Tourville hùng hổ kêu lên, vớ ngay lấy câu cuối cùng của Lenet – Thưa ông, nơi đâu vang danh nhà Condé thì ở đó không thể nào có tình trạng yếu kém được, ngoài ra còn có hai ngàn binh sĩ của những trận Rocroy, Nordlingen và Len kia mà, cho dù như vậy chúng ta vẫn còn yếu thế thì chúng ta chắc chắn phải thua rồi và không phải chính kế hoạch của ông, dù cho có hay ho đến đâu đi nữa, sẽ cứu được chúng ta.

-Thưa bà – Lenet bình tĩnh trả lời, vừa quan tâm theo dõi hiệu quả của những gì mình sẽ nói trên gương mặt của quận chúa đang lắng nghe ông – Tôi được đọc biết rằng người vợ góa của một công dân nổi danh thành Rome dưới thời Tibere, bà Agrippine tốt lành mà sự sát hại đã cướp mất Germanieus chồng bà, một bà công chúa có thể xúi giục cả một quân đội vẫn luôn tưởng nhớ đến vị chủ tướng của mình nổi dậy, lại muốn mình vào thành Brindes, băng qua cả hai vùng Pouille và Campanie với hay tay hai đứa con, mình mặc đại tang, mắt đỏ vì khóc, cúi đầu thấy trong khi lũ con thì khóc lóc và đưa mắt van xin… Thế là tất cả những người nhìn thấy cảnh đó, có đến hai triệu dân từ Brindes cho đến Rome đều phải nhỏ lệ thương cảm, vùng lên giận dữ, và lẽ phải của người đàn bà đó đã chiến thắng, không chỉ ở thành Rome mà còn cả trong toàn nước Ý, không chỉ trước mắt những người đương thời với bà mà còn với cả hậu thế nữa, bởi vì bà

không gặp bất cứ một sức kháng cự nào trước những tiếng khóc của mình, trong khi với ngọn giáo thì sẽ có ngọn thương để chống trả, và gươm sẽ đọ với gươm. Tôi tin rằng không có sự khác biệt nào giữa phu nhân và Agrippine, giữa hoàng thân và Germanieus và sau hết, giữa Pison, kẻ sát hại với ngài De Mazarin. Vậy, hoàn toàn không có sự khác biệt nào, cả hai tình thế cũng vậy và tôi yêu cầu bằng cách xử sự cũng nên như vậy, bởi vì theo ý tôi, không thể nào điều đã thành công ở thời xưa, lại không thành công vào thời khác…

Một nụ cười tán thưởng nở rộng trên mặt vị phu nhân giúp cho Lenet hiểu rằng ông đã thành công. Bà De Tourville thụt lui vào trong một góc phòng, đóng một bộ mặt lạnh như tượng đá. Phu nhân De Cambes từ lâu đã tìm thấy nơi Lenet một người bạn, gật đầu đồng tình với ông, viên đội trưởng phát khóc vì cảm động và cậu quận công D'Enghien nhỏ tuổi kêu lên: -Mẹ ơi, mẹ sẽ cho con mặc áo tang và mẹ sẽ nắm tay con hả mẹ?

-Phải con ạ! – Vị phu nhân trả lời – Lenet à, ông cũng biết là tôi vẫn có ý định ra mắt dân chúng thành Bordeaux trong bộ y phục đen…

-Vả lại – Phu nhân De Cambes nói – màu đen rất hợp với quận chúa.

-Suỵt, cô em à – Quận chúa nói – bà De Tourville sẽ la to lên điều này chứ không như em nói nhỏ nhỏ đâu.

Như vậy, chương trình nhập thành Bordeaux đã được quyết định theo đề nghị của Lenet. Các bà theo hầu được lệnh chuẩn bị. Cậu hoàng thân trẻ tuổi được mặc một chiếc áo trắng, có những đường thêu trắng và đen với một chiếc mũ cắm lông chim trắng, đen.

Còn về phần quận chúa, để cho hoàn toàn giống với hình tượng Agrippine, bà sẽ ăn vận thật giản dị, toàn đen, và không một món trang sức nào cả.

Lenet người tổ chức cuộc lễ, đã làm hết sức mình để nó được hoàn toàn rực rỡ. Ngôi nhà nơi ông ta ở, cách Bordeaux khoảng hai dặm, luôn luôn đầy nghẹt những người trung thành với phu nhân quận chúa, rất muốn biết là hài lòng với cách nhập thành nào. Lenet, chẳng khác gì một ông giám đốc nhà hát tân thời, khuyên họ nên có hoa, với những tiếng reo hò: "Quận chúa phu nhân muôn năm! Quận công D'Enghien muôn năm!" và đã dùng rìu phá vỡ cả cổng thành, như vậy, gần như không có gì cản trở cuộc nhập thành hoàn toàn mang tính cách của một cuộc chiến thắng. Vả lại, những kẻ ngoại cuộc sẽ có dịp nhận xét qua những sự kiện đó lệnh chỉ huy của hai thủ lãnh hai phe nhóm đang ngự trị thành phố, bởi vì Lavie nhận lệnh thẳng từ ngài công tước d'Épernon, còn dân chúng thì được Lenet xúi giục.

Vì quận chúa vừa qua khỏi cổng thì vở diễn được chuẩn bị từ trước diễn ra với những kích thước đồ sộ. Những đợt súng chào mừng được phát ra từ những chiếc thuyền đậu ở cảng, và các khẩu thần công trong thành phố đáp lại. Hoa được thả tung từ các cửa sổ, hoặc được giăng trên các đường phố, tràn ngập cả

các lề đường và bầu không khí ngào ngạt hương thơm, những tiếng hò reo vang lên từ cửa miệng của ba mươi ngàn người thuộc đủ thành phần và lứa tuổi đối với vị quận chúa cùng con trai bà, và từ lòng thù hận đối với Mazarin.

Hơn nữa, cậu quận công D'Enghien nhỏ tuổi đã là diễn viên khéo léo nhất trong suốt màn kịch này. Phu nhân quận chúa đã từ bỏ ý định nắm tay cậu vì sợ cậu mệt và có thể sẽ bị chôn vùi dưới các lớp hoa, nên cậu được tên hầu của mình mang trên vai và với hai bàn tay rảnh rang, cậu gửi những cái hôn qua bên phải, bên trái và duyên dáng giơ nói vẫy chào.

Dân chúng thành Bordeaux rất dễ say men kích động. Những phụ nữ đã đi đến mức tôn thờ một cách điên cuồng trước cậu bé xinh xắn đang khóc lóc đầy thương cảm như vậy, những vị thẩm phán giả cảm động trước những lời nói của nhà hùng biện nhỏ tuổi: "Thưa các ngài, xin hãy thay thế người cha mà lão Mazarin đã tước mất của tôi."

Những kẻ bày tôi của ngài hồng y đã hoài công tổ chức một cuộc chống trả; những cú đấm, những hòn đá và cả những ngọn giáo khuyến cáo họ nên cẩn thận, và họ đành chấp nhận để mặc những kẻ chiến thắng tung hoành.

Trong khi đó, phu nhân De Cambes mặt nhợt nhạt và nghiêm trang, đang theo sau bà quận chúa, cũng lôi cuốn những ánh mắt về phía mình. Nàng không khỏi buồn rầu khi nghĩ rằng bao nhiêu danh vọng của hôm nay có thể sẽ làm quên đi quyết định của hôm qua. Nàng bước chầm chậm trên con đường, người phủ đầy hoa và những câu ve vuốt, chạm mặt với những kẻ ái mộ nàng, đang e ngại sẽ bị dân chúng công kênh lên như vài tiếng reo hò đe dọa sẽ hành động như vậy với quận chúa, quận công D'Enghien cùng đám tùy tùng của họ thì Lenet, đã nhận thấy thái độ bối rối của nàng nên đến bên cạnh và giúp nàng bước lên một cỗ xe. Nàng nói tiếp với ông ta: -Ôi! Ông Lenet, ông thật sự là may mắn, ông luôn áp đặt được ý kiến của ông trong mọi vấn đề, và mọi người luôn luôn theo những ý kiến ấy. Phải nói là chúng đều rất tốt, và mọi người…

-Thưa bà – Lenet trả lời – hình như bà cũng chẳng có gì phải phàn nàn bởi ý kiến duy nhất mà bà đưa ra đã được chấp thuận.

-Tại sao có chuyện đó chứ?

-Chẳng phải là bà đã muốn chiếm đảo Saint – Georges cho mình đó hay sao?

-Phải, nhưng chừng nào thì tôi được phép lên đường?

-Ngay ngày mai, nếu bà hứa với tôi là sẽ thất bại.

-Ông hãy an tâm, tôi chỉ sợ không làm tròn trách nhiệm.

-Càng tốt.

-Tôi không rõ ý ông.

-Chúng ta đang cần sự chống trả của Saint – Georges để đòi hỏi dân chúng Bordeaux cung cấp cho chúng ta hai vị công tước và đội quân của họ, mà điều

này tôi phải nói rằng, mặc dù ý kiến của tôi về mặt đó có khả năng tương tự với ý kiến của bà De Tourville, họ rất cần cho chúng ta trong tình thế hiện tại.

-Có lẽ vậy. – Claire trả lời – Nhưng mặc dù tôi không thể hiểu gì nhiều về chiến trận như bà De Tourville, hình như người ta chỉ không tấn công một nơi nào đó sau khi đã kêu gọi họ đầu hàng.

-Điều bà vừa nói là rất đúng.

-Như vậy, người ta sẽ gửi đến đảo Saint – Georges một vị sứ giả.

-Bà nói rất phải.

-Nếu vậy thì tôi xin được làm vị sứ giả đó.

Hai con mắt của Lenet tròn lên vì kinh ngạc.

-Bà! – Ông ta nói – Bà ư? Chẳng lẽ tất cả các vị phu nhân của chúng ta đều trở thành nữ tướng cả rồi hay sao?

-Ông Lenet thân mến, xin hãy chiều tôi lần này.

-Bà có lý. Thật vậy, điều tệ hại nhất là có thể đến với bà là chiếm đảo Saint – Georges.

-Như vậy là đồng ý nhé?

-Vâng.

-Nhưng ông hãy hứa với tôi một điều.

-Điều gì?

-Là mọi người sẽ chỉ biết được tên tuổi và chức tước của người sứ giả mà ông sẽ gởi đi đó sau khi người đó thành công.

-Đồng ý. – Lenet nói.

-Vậy chừng nào tôi sẽ lên đường?

-Tùy ý bà.

-Ngày mai.

-Ngày mai, được.

-Hay lắm. Kìa quận chúa phu nhân sẽ cùng cậu con trai lên sân thượng của nhà ông chủ tịch De Lalasne. Tôi xin để lại phần vinh quang của tôi cho bà De Tourville. Ông hãy cáo lỗi với quận chúa giùm tôi nhé, hãy báo rằng tôi bị mệt. Ông hãy bảo phu xe đưa tôi về nơi trú ngụ dành cho tôi. Tôi sẽ chuẩn bị và suy nghĩ thêm về sứ mạng của tôi, tôi rất lo âu vì đây là lần đầu tiên tôi nhận lãnh một nhiệm vụ như vậy, mà tất cả như mọi người nói, đều ăn thua nơi lúc khởi sự.

-Chà! – Lenet nói – Tôi không ngạc nhiên lắm khi ngài De La Rochefoucauld đã toàn vì bà mà thiếu chung thủy với bà Longuevilles, bà đáng giá hơn bà ấy về nhiều mặt và vượt hẳn về những mặt khác.

-Có thể lắm. – Claire nói – Và tôi không khước từ câu khen ngợi đó đâu, nhưng nếu ông có chút quyền hạn gì trên ngài De La Rochefoucauld, thì xin ông hãy củng cố ông ta với mối tình đầu kia bởi vì mối tình sau làm cho tôi rất sợ hãi.

-Thì chúng ta sẽ cố gắng vậy. – Lenet mỉm cười nói – Chiều nay tôi sẽ chỉ dẫn thêm cho bà.

-Thế là ông đồng ý để tôi chiếm đảo Saint – Georges à?

-Phải vậy thôi bởi vì bà đã muốn mà.

-Còn hai vị công tước và quân đội của họ thì sao?

-Tôi đang có sẵn trong túi một cách khác để làm cho họ phải đến đây.

Và Lenet, sau khi nói địa chỉ nơi trú ngụ của Claire cho người phu xe, mỉm cười chào nàng và quay về với quận chúa phu nhân.

§2

Hôm sau ngày nhập thành Bordeaux của quận chúa phu nhân, một bữa tiệc linh đình được tổ chức ở đảo Saint-Georges, Canolles đã cho mời các vị sĩ quan cao cấp của quân đội trú phòng và các vị tổng đốc khác trong vùng.

Đến hai giờ trưa, giờ được chỉ định để khởi sự bữa tiệc chung quanh Canolles có đến một tá anh quý tộc mà phần lớn chàng mới gặp lần đầu tiên, đang kể lại sự kiện lớn của ngày hôm qua, cợt nhả khi nói đến các bà đi cùng với vị quận chúa phu nhân, và trông họ chẳng giống chút gì với những kẻ đang chuẩn bị giáp chiến, những kẻ đang nắm trong tay vận mệnh của cả một đất nước.

Canolles rạng rỡ, Canolles huy hoàng trong bộ y phục vàng chói còn làm tăng thêm cuộc vui đó bởi chính câu chuyện của mình. Tiệc sắp được dọn lên.

-Thưa các ngài! – Chàng nói – Xin các ngài thứ lỗi cho, chúng ta còn thiếu một thực khách.

-Ai vậy? – Vài người lên tiếng hỏi, đưa mắt nhìn nhau.

-Tổng đốc thành Vayres, mà tôi có viết thư mời, dù tôi chưa được quen biết, mà cũng không quen biết nên có quyền được chúng ta lưu tâm đến. Bởi vậy tôi xin các bạn cho tôi được hoãn lại nửa giờ.

-Tổng đốc thành Vayres! – Một vị sĩ quan già lên tiếng, vốn đã quen với tính chính xác trong quân đội nên việc trễ nãi này đã khiến ông phải thở dài – Tổng đốc thành Vayres à! Khoan đã, nếu tôi không lầm thì đó là hầu tước De Barray, nhưng ông ta không trực tiếp cai quản, ông ta có một người trung úy.

-Nếu vậy – Canolles nói – ông ta sẽ không đến, hoặc là viên trung úy sẽ đến. Còn ông ta có lẽ đang có mặt tại triều đình để xin đặc ân.

-Nhưng, nam tước à! – Một người trong đám nói – Hình như đâu cần phải triều đình để tiến thân, tôi biết có một vị chỉ huy thuộc chỗ quen biết với ông không có gì gì phải phàn nàn. Trong vòng ba tháng, đại úy lên trung tá, tổng đốc đảoSaint-Georges! Một con đường rất nhẹ nhàng, phải công nhận như vậy.

-Tôi cũng công nhận điều đó. – Canolles đỏ mặt nói – Và vì không phải gán cho những đặc ân đó những nguyên do nào nên tôi cho rằng gia đình tôi đã được một vị thần hộ mệnh nào đó phù trợ.

-Chúng tôi đều biết vị thần hộ mệnh của ngài tổng đốc. – Viên trung úy đã đưa Canolles vào thành lên tiếng – Đó là công trạng của ngài.

-Tôi không phản đối công trạng, trái lại là đằng khác – Một viên sĩ quan khác đáp lời – là người đầu tiên công nhận nó. Nhưng tôi sẽ thêm vào công trạng này sự gởi gấm của một vị phu nhân, người thông minh nhất, tốt bụng nhất, đáng yêu nhất nước Pháp, dĩ nhiên là sau hoàng hậu.

-Bá tước thân mến, xin đừng nghĩ lầm như vậy. – Canolles mỉm cười và nói với người vừa lên tiếng – Nếu bạn có bí mật của riêng mình, thì giữ lấy cho riêng mình, còn nếu là bí mật của bè bạn, thì xin giữ kín giùm họ.

-Tôi xin thú nhận rằng – Một viên sĩ quan khác nói – khi nghe nói đến trễ hẹn, tôi đã tưởng chúng ta được yêu cầu lượng thứ cho một bóng hồng nào đó. Bây giờ thì tôi thấy rõ là mình đã lầm.

-Thế sẽ không có người đẹp nào dự tiệc cùng với chúng ta sao? – Một người khác hỏi.

-Chà! Ngoại trừ tôi cho mời phu nhân quận chúa cùng đoàn tùy tùng của bà ta thì tôi không hiểu chúng ta sẽ kiếm đâu ra những người đẹp đây, vả lại xin các ngài đừng quên cho, đây là bữa tiệc quan trọng, nếu chúng ta muốn bàn đến công việc, thì ít ra chúng ta cũng chỉ làm phiền chúng ta thôi.

-Phải lắm, thưa chỉ huy, dù rằng, nói cho đúng, nếu chúng ta không cẩn thận, thì các bà hiện tại đang tiến hành một cuộc viễn chinh thật sự chống lại chúng ta, y như lời ngài hồng y đã nói với Don Louis De Haro ngay trước mặt tôi.

-Ông ấy đã nói sao? – Canolles hỏi.

-"Các ngài thật là sung sướng. Các phụ nữ Tây Ban Nha chỉ lo nghĩ đến tiền bạc, làm dáng, và các người tình trong khi đó phụ nữ ở nước Pháp vào giờ này sẽ không bắt bồ với một người nếu chưa thử tài hắn về vấn đề chính trị, đến nỗi …" ngài nói tiếp với vẻ tuyệt vọng "các cuộc hẹn hò bây giờ là chỉ để bàn bạc một cách nghiêm túc về các vấn đề chính trị."

-Bởi vậy – Canolles nói – cuộc chiến hiện tại của chúng ta được gọi là cuộc chiến giữa các vị phu nhân, thật khá thú vị!

Ngay khi ấy, vì nửa giờ hoãn lại của Canolles đã trôi qua, cửa mở ra và một tên người hầu bước vào báo rằng bàn ăn đã được dọn.

Canolles mời các thực khách cùng đi theo mình, họ vừa sắp sửa bước đi thì một câu thông báo khác lại vang lên ngoài tiền sảnh: -Ngài tổng đốc thành Vayres!

-À! À! – Canolles nói – Ông ta thật là đáng mến.

Và chàng bước tới để đón tiếp vị đồng nghiệp chưa quen biết. Nhưng lùi ngay lại vì ngạc nhiên.

-Richon! – Chàng kêu lên – Richon, tổng đốc thành Vayres!

-Chính tôi đây, nam tước thân mến. – Richon đáp lời, vẫn giữ vẻ nghiêm nghị cố hữu của ông ta mặc dù rất nhã nhặn.

-Thế thì rất tốt, một ngàn lần rất tốt! – Canolles nói, vừa thân mật xiết tay Richon – Thưa ngài – Chàng nói tiếp – các ngài không biết ông đây, nhưng tôi có quen biết, và tôi tiếp xin nói thẳng rằng không thể nào giao một chức vụ quan trọng cho một người đứng đắn hơn.

Richon nhìn quanh với ánh mắt kiêu hãnh của một con diều hâu đang lắng nghe, và chỉ thấy quanh mình những ánh nhìn kinh ngạc nhẹ nhàng xen lẫn thán phục.

-Nam tước thân mến – Ông ta nói – anh đã thẳng thắn đảm bảo cho tôi rồi, vậy thì bây giờ xin anh hãy giới thiệu các ngài đây mà tôi chưa được hân hạnh quen biết.

Và Richon đưa mắt chỉ ba bốn nhà quý tộc mà ông hoàn toàn chưa biết mặt.

Thế là có một cuộc trao đổi xã giao mang tính cách vô cùng tao nhã và thân mật của những mối giao tế vào thời bấy giờ. Mười lăm phút sau, Richon đã là bạn của tất cả các chàng sĩ quan trẻ ấy, và có thể hỏi mượn ở mỗi người trong bọn họ thanh gươm hoặc túi tiền. Vật bảo chứng cho ông là lòng dũng cảm mà mọi người đều biết, danh tiếng không một vết nhơ cũng như phong cách tao nhã hiện rõ trong ánh mắt.

-Chà! Thưa các ngài – Viên chỉ huy thành Braunes nói – phải công nhận rằng, mặc dù là người của giáo hội, ngài De Mazarin khá hiểu biết về các vị võ tướng và đã chọn khá đúng người. Ông ta đánh hơi thấy chiến tranh nên đã chọn các vị tổng đốc: Ở đây là Canolles, ở Vayres là Richon.

-Sẽ có chiến tranh ư? – Richon hờ hững hỏi.

-Sẽ có chiến tranh. – Một chàng trai trẻ từ triều đình đến thẳng đây đáp lời – Ông Richon, ông hỏi là sẽ có chiến tranh hay không à?

-Vâng.

-Còn tôi, tôi sẽ hỏi ông tình trạng của các pháo đài nơi ông như thế nào rồi?

-Cũng khá mới, anh bạn à, bởi vì từ ba ngày nay, khi vừa đến đây tôi đã cho sửa chữa nhiều hơn là người ta làm trong ba năm qua.

-Rồi chúng ta sẽ được dùng đến thôi, thưa ông. – Chàng trai trẻ nói.

-Càng tốt. – Richon nói – Những võ tướng như chúng ta thì còn đòi hỏi gì hơn chứ, chiến tranh?

-Tốt lắm! – Canolles nói – Bây giờ thì đức vua có thể an tâm mà ngủ yên rồi, bởi vì ngài kiềm chế được dân thành Bordeaux với hai con sông.

-Vấn đề là – Richon nói – kẻ đã đặt tôi ở đấy có thể tin tưởng nơi tôi.

-Mà thưa ông, hồi nãy ông vừa nói là đến Vayres được bao lâu rồi?

-Từ ba ngày nay, còn anh Canolles, anh đến Saint Georges bao giờ vậy?

-Được tám ngày rồi. Người ta có đón anh vào thành giống như tôi không, Richon? Ngày nhận thành của tôi vô cùng rực rỡ và nói cho đúng tôi cũng chưa cảm tạ đầy đủ các ngài đây, tôi đã có được những tiếng chuông này, những tiếng trống, những tiếng hoan nghênh, chỉ thiếu có tiếng súng thần công thôi, nhưng tôi được hứa là vài ngày nữa sẽ được nghe, như vậy cũng an ủi tôi ít nhiều.

-À! – Richon nói – Nếu vậy thì đây là sự khác biệt giữa hai chúng ta Canolles à, ngày nhận thành của anh rực rỡ bao nhiêu thì của tôi giản dị bấy nhiêu. Tôi

được lệnh mang một trăm người vào thành, một trăm người của trung đoàn Turenne và tôi đang không biết sẽ mang họ vào cách nào thì giấy bổ nhiệm của tôi được gởi đến từ Saint Georges, có chữ ký của ngài d'Épernon. Thế là tôi lên đường ngay, tôi trao tờ bổ nhiệm thư cho viên trung úy, và chẳng trống chẳng kèn gì cả, tôi làm chủ thành. Bây giờ thì tôi đang ở đấy.

Canolles thoạt đầu đã cười, cảm thấy qua giọng nói của những tiếng cuối cùng, tim mình se thắt lại bởi một linh cảm u tối.

-Thế anh cảm thấy thoải mái chứ? – Chàng hỏi Richon.

-Tôi sẽ thu xếp được như vậy. – Richon bình thản trả lời.

-Anh có bao nhiêu người tất cả?

-Trước hết là một trăm người của trung đoàn Turenne, những chiến sĩ lão thành của trận Rocroy, có thể tin tưởng hoàn toàn vào họ, thêm một đội quân mà tôi thành lập từ khi vào thành, mà tôi cũng đang huấn luyện dần dần, những người thường dân, những người trẻ tuổi, thợ thuyền, khoảng hai trăm người, và tôi cũng đang đợi một đoàn viện binh khoảng năm trăm người do một viên đại úy trong vùng chiêu mộ.

-Đại úy, Rambay à? – Một thực khách hỏi.

-Không, đại úy Cauvignac. – Richon trả lời.

-Tôi có biết. – Canolles nói.

-Một người trung thành với đức vua chứ?

-Tôi không dám quả quyết điều này. Thế nhưng tôi hoàn toàn có đủ cơ sở để tin rằng đây là một người thân cận với ngài d'Épernon, và khá trung thành với ngài công tước.

-Như vậy thì vấn đề đã rõ: Ai trung thành với ngài công tước tức là trung thành với đức vua.

-Đây là một tên liên lạc nào đó trong đội tiền quân của đức vua? – Viên sĩ quan già hỏi, ông này đang bù lại ở bàn ăn thời gian đã mất khi chờ đợi – Tôi có nghe nói như vậy.

-Đức hoàng thượng đã lên đường chưa nhỉ? – Richon hỏi với thái độ bình thản cố hữu của mình.

-Vào giờ này – Chàng trai trẻ đến từ triều đình trả lời – có lẽ ngài đã đến Paris.

-Anh bạn chắc chứ?

-Rất chắc. Đội quân sẽ được chỉ huy bởi thống chế De La Meilleraye, có lẽ sẽ hợp cùng với đội quân của ngài công tước d'Épernon ở các vùng lân cận gần đây.

-Có lẽ ở Saint – Georges? – Canolles hỏi.

-Hoặc đúng hơn là ở Vayres. – Richon nói – Ngài De La Meilleraye từ vùng Bretagne đến, mà Vayres thì ở trên đường đi của ông ấy.

-Người nào chịu đựng sự đột kích của hai đội quân sẽ phải lo cho các pháo đài của mình. – Tổng đốc thành Braunes nói – Ngài De La Meilleraye có ba mươi khẩu thần công và ngài d'Épernon có hai mươi lăm khẩu.

-Cảnh pháp bạo động sẽ đẹp đấy! – Canolles nói – Tiếc là chúng ta sẽ không được xem.

-À! Nếu như – Richon nói – một ai trong chúng ta theo về với các vị hoàng thân.

-Phải, nhưng với Canolles thì anh ta luôn luôn lấy làm chắc là sẽ được xem một cuộc đụng độ nào đó. Nếu anh ta theo về với các hoàng thân, thì anh ta sẽ được thấy ngài De La Meilleraye cùng ngài d'Épernon khai hỏa, còn nếu anh ta vẫn trung thành với đức hoàng thượng thì anh ta sẽ được nghe tiếng súng của dân chúng thành Bordeaux.

-Chà! Về phần các đám này – Canolles nói – tôi không cho là dữ dằn đâu, và phải thú nhận là tôi khá hổ thẹn khi chỉ phải đụng độ với họ. Tiếc thay cả hồn xác tôi đều thuộc về đức vua, nên tôi đành phải tạm hài lòng với một trận chiến tầm thường như vậy.

-Họ sẽ khai hỏa với anh mà, cứ yên chí. – Richon nói.

-Anh cho rằng như vậy à? – Canolles hỏi.

-Còn hơn thế nữa, tôi đã biết chắc. – Richon trả lời.

Câu chuyện vừa đến đó và bữa ăn đã đến phần tráng miệng thì bỗng dưng ngoài cổng thành vang lên những tiếng trống.

-Có chuyện gì vậy? – Canolles hỏi.

-Ôi! Quỷ thật! – Chàng sĩ quan trẻ vừa cho biết tin tức về triều đình kêu lên – Canolles thân mến, nếu anh bị tấn công vào lúc này thì cũng kỳ lạ thật, một cuộc vây hãm và cổng thành sẽ là một món tráng miệng khá thú vị.

-Quỷ tha ta đi! Có vẻ đúng như vậy. – Viên chỉ huy già nói – Những tên dân giả khốn kiếp đó chẳng làm gì khác hơn là quấy rầy chúng ta vào những bữa ăn. Hồi tôi còn đóng ở ngoài đồn Charrenton vào thời chiến trận ở Paris, chúng tôi không bao giờ có thể ăn một bữa trưa hay một bữa tối cho ra hồn cả.

Canolles rung chuông, tên lính hầu nơi tiền phòng bước vào.

-Có chuyện gì vậy? – Chàng hỏi.

-Thưa ngài tổng đốc, tôi cũng chưa biết nữa. Hình như đó là một tên liên lạc viên của triều đình hay của thành phố gì đó.

-Hãy đi hỏi và cho ta biết câu trả lời.

Tên lính chạy ra.

-Thưa các ngài, chúng ta hãy ngồi lại vào bàn thôi. – Canolles nói, vì các thực khách phần đông đã đứng lên – Chúng ta hãy còn kịp thời giờ để rời bàn ăn khi nghe tiếng súng thần công đầu tiên.

Tất cả các thực khách đều cười và ngồi xuống. Chỉ có Richon, trên gương mặt như có đám mây thoáng qua, vẫn tỏ ra lo âu, mắt nhìn đăm đăm về phía cửa, chờ đợi tên lính quay lại. Nhưng thay vì tên lính, lại một viên sĩ quan đến trình diện trước cửa, gươm tuốt trần, miệng nói: -Thưa ngài tổng đốc, có một vị sứ giả.

-Một vị sứ giả! – Canolles nói – Nhưng do ai gửi đến?

-Do các vị hoàng thân…

-Từ đâu đến đây?

-Từ Bordeaux.

-Từ Bordeaux! – Tất cả thực khách đều kêu lên, ngoại trừ Richon.

-Ái chà! Thế là chiến tranh đã thực sự khai mào – Viên sĩ quan già nói – nên sứ giả mới được gởi đi!

Canolles suy nghĩ một hồi, và trong khi đó gương mặt chàng mười phút trước đây còn tươi cười, giờ đã mang một vẻ nghiêm nghị như tình thế đòi hỏi.

-Thưa các ngài – Chàng nói – nghĩa vụ là trên hết… Rất có thể là tôi sẽ cùng với vị sứ giả của thần dân Bordeaux một vấn đề nan giải. Tôi cũng chưa biết được chừng nào tôi mới được gặp lại các ngài…

-Không sao! Không sao! – Tất cả các thực khách đều kêu lên – Xin cứ để chúng tôi ra về, thưa ngài chỉ huy, điều gì đang đến với anh đã giúp chúng tôi hiểu là nên trở về vị trí của mình. Bởi vậy, việc chúng ta sẽ chia tay ngay bây giờ là rất quan trọng.

-Thưa các ngài, tôi không dám đề nghị với các ngài điều đó, nhưng bởi vì các ngài đã bày tỏ, tôi buộc phải công nhận rằng tốt hơn là cả hai là nên như vậy, và tôi chấp nhận… Hãy lo ngựa và xe cho các ngài đây! – Canolles bảo.

Gần như ngay lập tức, nhanh nhẹn trong mọi cử chỉ của mình cứ như họ đang ở ngoài chiến trận, các thực khách đã nhảy lên ngựa hoặc ngồi vào xe để lên đường về nơi trú ngụ của từng người cùng với đám tùy tùng.

Richon là người cuối cùng còn lại.

-Nam tước à – Ông ta nói với Canolles – tôi không muốn rời anh như những người kia đã làm, vì tôi quen biết với anh lâu hơn là anh quen biết với những người ấy. Bây giờ thì…, chúng ta hãy chia tay nhau nhé. Chúc anh may mắn!

Canolles bắt tay Richon.

-Anh Richon – Chàng nói và nhìn ông ta đăm đăm – tôi biết tính anh, anh đang nghĩ tới một chuyện gì đó, anh không muốn nói với tôi bởi vì có thể đây là bí mật của người khác… Nhưng mà anh đang xúc động… Một người như anh mà lại xúc động thì có lẽ đây không phải là chuyện nhỏ nhặt…

-Chẳng phải là chúng ta sắp chia tay nhau đấy hay sao? – Richon nói.

-Hôm trước, khi chúng ta cũng chia tay nhau ở lữ quán Biscarros, anh vẫn bình thản kia mà.

Richon buồn bã mỉm cười.

-Nam tước – Ông ta nói – tôi có linh cảm là chúng ta sẽ không gặp nhau nữa! …

Canolles rùng mình, giọng nói của viên võ tướng bình thường quả quyết kia thế sao hôm nay lại buồn bã sâu sắc đến như vậy.

-Nếu chúng ta sẽ không gặp lại nhau nữa – Chàng nói – thì đó là do một trong hai chúng ta ngã xuống… Cái chết của kẻ anh dũng, và nếu vậy, ít ra kẻ nằm xuống cũng còn được biết chắc mình sẽ sống mãi trong tâm tưởng của một người bạn! Chúng ta hãy ôm hôn nhau. Richon, anh đã chúc tôi may mắn, còn tôi sẽ chúc lại anh can đảm! …

Hai người ôm choàng lấy nhau và hai con tim cao thượng của họ tựa vào nhau trong giây lát.

Khi họ rời nhau, Richon đưa tay chùi một giọt lệ, có lẽ là giọt lệ duy nhất đã làm mờ ánh mắt kiêu hãnh của ông rồi như sợ rằng Canolles sẽ thấy giọt lệ đó, ông ta chạy vội ra khỏi phòng, có lẽ là xấu hổ vì đã biểu lộ một dấu hiệu yếu đuối đến như vậy trước một người mà ông biết rõ lòng dũng cảm.

§3

Phòng ăn trở nên vắng lặng, ngoại trừ Canolles và viên sĩ quan đã đến báo sự có mặt của vị sứ giả, đang đứng nơi góc phòng.

-Xin ngài tổng đốc cho lệnh! – Anh ta nói sau một hồi im lặng.

Canolles đang đắm mình trong những ý nghĩ riêng, giật mình khi nghe giọng nói, ngẩng đầu lên và ra khỏi dòng suy tư.

-Sứ giả đang ở đâu? – Chàng hỏi.

-Thưa ngài, trong phòng vũ khí.

-Có ai đi theo không?

-Bởi hai người thuộc đội dân quân ở Bordeaux.

-Người đó trông như thế nào?

-Một chàng trai trẻ…, có thể nói, bởi vì người đó đội một chiếc mũ rộng vành và trùm kín người trong một chiếc áo choàng rộng.

-Người đó thông báo như thế nào?

-Như là người đưa thư của quận chúa phu nhân và của hội đồng thành phố Bordeaux.

-Hãy yêu cầu người ấy đợi một lát, tôi sẽ ra ngay.

Viên sĩ quan đi ra để thi hành mệnh lệnh, và Canolles cũng đang chuẩn bị theo ra, thì một cánh cửa chợt mở và Nanon mặt tái nhợt, người run rẩy xuất hiện, nắm lấy tay chàng.

-Một sứ giả à? – Nàng nói – Như vậy nghĩa là sao?

-Nanon thân yêu, như vậy có nghĩa là các ngài ở Bordeaux muốn dọa hoặc là muốn quyến rũ anh.

-Thế anh đi quyết định như thế nào?

-Anh sẽ tiếp họ.

-Không thể đừng được sao?

-Không thể được. Có những thông lệ mà ta không thể nào tránh được.

-Ôi, trời ơi!

-Nanon, em làm sao vậy?

-Em sợ…

-Sợ gì?

-Anh đã chẳng nói rằng vị sứ giả đó đến để làm cho anh sợ hoặc là quyến dụ anh đó hay sao…

-Đúng vậy, một vị sứ giả chỉ có thể làm một trong hai điều đó… Em lo rằng hắn sẽ làm cho anh sợ à?

-Ồ, không, nhưng người đó có thể sẽ quyến rũ anh…

-Nanon, em coi thường anh quá…

-Hỡi ôi! Em chỉ nói điều em lo sợ…

-Em nghi ngờ tôi đến mức đó sao… Em cho tôi là một người như thế nào?

-Là một người mà từ trước đến giờ em vẫn biết, nghĩa là một người tâm hồn rộng rãi nhưng đa cảm.

-Chà! – Canolles cười nói – Nhưng mà vị sứ kia là một người như thế nào nhỉ? Có phải là Cupidon tái sinh chăng?

-Có thể lắm.

-Em đã thấy người đó rồi à?

-Em chưa thấy, nhưng đã nghe giọng nói. Một giọng nói quá dịu dàng đối với một viên sứ giả…

-Nanon, em điên rồi! Hãy để anh hoàn thành nhiệm vụ của mình. Chính em đã đặt anh lên làm tổng đốc…

-Là để bảo vệ em…

-Thế em nghĩ rằng anh hèn hạ đến mức phản bội em sao?… Nanon, em đã quá coi thường anh với tánh nghi ngờ của em…

-Thế anh đã quyết định gặp người đó chưa?

-Phải như vậy, và anh sẽ phiền giận nếu em cứ ngăn cản không cho anh hoàn thành bổn phận đó.

-Bạn thân mến, anh hoàn toàn tự do. – Nanon buồn bã nói – Em chỉ xin nói thêm một lời nữa thôi.

-Em cứ nói.

-Anh sẽ tiếp người đó ở đâu?

-Trong phòng làm việc…

-Canolles, hãy cho em một ân huệ…

-Em nói đi.

-Thay vì tiếp người đó trong phòng làm việc, thì anh sẽ tiếp trong phòng ngủ.

-Em nghĩ sao mà lại nói như vậy?

-Anh không hiểu sao?

-Không.

-Phòng em có cửa ăn thông qua…

-Và em sẽ nghe?

-Đằng sau mấy bức màn, nếu anh cho phép…

-Kìa, Nanon!

-Hãy để em được gần bên anh. Em tin vào ngôi sao định mệnh của em, em sẽ mang lại hạnh phúc cho anh.

-Nhưng mà Nanon, nếu vị sứ giả đó…

-Thì sao?

-Đến trao cho tôi một bí mật quốc gia nào đó?…

-Thế anh không thể trao một bí mật quốc gia cho một người đã trao cho anh cả cuộc đời và gia sản này hay sao?

-Thôi thì tùy ý em vậy, nhưng đừng giữ anh lại lâu hơn, sứ giả đang đợi.

-Cứ đi đi, Canolles, và xin cảm tạ về điều anh vừa ban cho em.

Và người thiếu phụ tỏ ý muốn hôn tay tình nhân của mình.

-Em điên rồi! – Canolles nói, vừa ôm hôn lên trán nàng – Như vậy em sẽ…

-Đứng sau những tấm rèm nơi giường của anh… Từ đó, em có thể nghe và thấy…

-Ít ra cũng đừng cười ra nhé Nanon, bởi vì đây là những việc quan trọng.

-Hãy cứ an tâm! – Người thiếu phụ nói – Em sẽ không cười đâu.

Canolles cho lệnh đưa sứ giả vào và bước qua phòng mình, một gian rộng rãi, với các món đồ gỗ cũ kỹ từ thời Charles IX mang một vẻ khắc khổ. Hai chân đèn được đốt sáng bên trên lò sưởi, nhưng chỉ tỏa một ánh sáng yếu ớt trong gian phòng quá rộng, giường được đặt trong một góc sâu nhất của phòng, hoàn toàn chìm trong bóng tối.

-Em có đấy không, Nanon? – Canolles hỏi.

Một tiếng "có" nho nhỏ vọng đến tai chàng.

Ngay khi đó, những bước chân vang lên, người lính gác bồng súng chào. Viên sứ giả bước vào, đưa mắt nhìn theo kẻ vừa mới đưa mình vào cho đến khi biết, hoặc nói đúng hơn là tưởng chỉ còn mình với Canolles, thế là người đó bỏ mũ và ném vào áo choàng ra sau, những lọn tóc vàng óng rơi xuống trên đôi vai tuyệt đẹp, dáng người mảnh mai của một phụ nữ hiện ra và Canolles nhận ra phu nhân tử tước De Cambes.

-Tôi đã nói là tôi sẽ gặp lại ông, và tôi đã giữ lời. – Nàng nói.

Canolles đấm hai bàn tay vào nhau vì kinh hoàng và sợ hãi, và ngồi phịch xuống một cái ghế.

-Bà! Bà! – Canolles lẩm bẩm – Ôi! Trời ơi! Bà đến đây làm gì, bà cần gì?

-Tôi đến để hỏi ông xem ông còn nhớ đến tôi không?

Canolles buông ra một tiếng thở dài và đưa hai tay lên trước mắt để van xin hình ảnh vừa cay nghiệt vừa tuyệt vời đó.

Thế là mọi chuyện đều đã rõ: Sự sợ hãi, vẻ mặt nhợt nhạt, thái độ run rẩy của Nanon, và nhất là ý muốn được tham dự vào cuộc gặp gỡ, Nanon, với đôi mắt của lòng ghen tuông đã nhận ra người phụ nữ trong lớp áo sứ giả.

-Tôi đến để hỏi xem ông còn sẵn sàng thực hiện lời hứa mà ông đã cam kết với tôi nơi gian phòng nhỏ ở Jaulnay, rằng ông sẽ xin từ chức với hoàng hậu và sẽ về phục vụ cho nhà Condé.

-Ôi, im đi! Im đi! – Canolles kêu lên.

Claire giật mình trước giọng nói kinh hoàng run rẩy của chàng trai, và lo âu nhìn chung quanh mình.

-Không phải chỉ có mình chúng ta đây sao? – Nàng hỏi.

-Có chứ, thưa bà. – Canolles nói – Nhưng có thể sẽ có kẻ nghe thấy chúng ta qua những bức tường này.

-Tôi nghĩ rằng những bức tường của thành lũy Saint Georges phải vững chắc hơn kia chứ. – Claire mỉm cười nói.

Canolles không trả lời…

-Bởi vậy tôi đến đây để hỏi ông là vì sao từ tám hay mười ngày ông đến nơi đây, tôi lại không được biết tin gì về ông, đến nỗi tôi vẫn chưa biết ai đang chỉ huy ở đảo Saint Georges nếu như không có sự tình cờ, hoặc nói đúng hơn là tiếng đồn dã cho tôi biết rằng người đàn ông, đã từng thề nguyền với tôi, mới cách đây mười hai ngày thôi, rằng sự bất hạnh đã mang đến cho người ấy một hạnh phúc lớn, bởi vì nó cho phép người ấy được cống hiến lòng dũng cảm và cuộc đời của người ấy cho phe nhóm mà tôi đang theo…

Nanon không thể kềm hãm được một cử chỉ khiến cho Canolles phải giật mình và De Cambes quay người lại.

-Cái gì vậy? – Nàng hỏi.

-Chẳng có gì cả. – Canolles trả lời – Một trong những tiếng động thường tình trong căn phòng cũ kỹ này, lúc nào cũng có những tiếng cọt kẹt ma quái.

-Nếu là một cái gì khác – Claire nói và đặt bàn tay lên cánh tay Canolles – xin nam tước đừng dấu tôi, bởi vì chắc ông cũng hiểu tầm mức quan trọng của cuộc hội đàm của chúng ta đấy một khi tôi đã quyết định tự mình đến đây tìm ông.

Canolles đưa tay chùi mồ hôi đang chảy trên trán và cố gắng mỉm cười: -Bà nói đi.

-Thì đây tôi nhắc lại lời hứa ấy và hỏi ông có sẵn sàng giữ lời hay không?

-Than ôi! Thưa bà, vấn đề đã trở nên không thể được.

-Tại sao vậy?

-Bởi vì từ hôm ấy đến nay, đã có bao nhiêu sự kiện bất ngờ xảy đến, đã có bao nhiêu mối liên hệ mà tôi tưởng đã bị cắt đứt rồi, lại được nối lại. Thay cho hình phạt tương xứng, hoàng hậu lại ban cho tôi một phần thưởng mà tôi không đáng thưởng. Giờ đây tôi bị ràng buộc với đức vua bởi…, lòng biết ơn.

Một tiếng thở dài tan loãng và không khí, nàng Nanon đáng thương có lẽ mong đợi một tiếng nào khác hơn câu Canolles vừa thốt ra.

-Hãy nói là bởi tham vọng, thưa ông Canolles, và tôi sẽ hiểu. Ông tài giỏi và thuộc gia đình quyền quý, hai mươi tám tuổi, ông đã là trung tá, tổng đốc một thành lũy. Rất tuyệt, tôi biết chứ. Nhưng đó chỉ là một phần thưởng đương nhiên do các công trạng của ông, và công trạng ấy, không phải chỉ có Mazarin là người duy nhất tán thưởng nó…

-Thưa bà, xin đừng nói nữa, tôi van bà.

-Xin lỗi ông. – Cambes nói – Lần này không phải là nữ tử tước De Cambes đang nói với ông, mà là sứ giả của quận chúa phu nhân đến đấy với một sứ mạng, sứ mạng này người ấy phải hoàn thành.

-Xin bà hãy nói đi! – Canolles nói với một tiếng thở dài chẳng khác nào tiếng rên rỉ.

-Quận chúa phu nhân vốn biết rõ những tình cảm của ông đối với tôi từ khi còn ở Chantilly và sau đó là Jaulnay và lo lắng muốn biết ông dứt khoát theo về bên nào, nên đã quyết định gửi đến ông một vị sứ giả để mưu định một cuộc hòa giải. Cuộc hòa giải này có thể một vị sứ giả khác sẽ hoàn thành nó một cách khéo léo, nhưng tôi đã xin nhận lãnh vì không xa lạ gì với những ý nghĩ của ông về vấn đề này, nên tôi nghĩ mình có thể hoàn thành nó tốt hơn ai hết.

-Tôi xin cảm ơn bà. – Canolles nói, đưa tay lên đấm ngực, vì giữa những khoảng nghĩ ngắn ngủi của cuộc trò chuyện, chàng nghe rõ tiếng thở nặng nề của Nanon.

-Đây là những gì tôi muốn đề nghị với ông, thưa ông. Với danh nghĩa của phu nhân quận chúa tôi xin nói rõ như vậy. Bởi vì nếu là của tôi – Claire nói tiếp với nụ cười duyên dáng – có lẽ tôi đã đảo lộn thứ tự các đề nghị rồi.

-Tôi xin nghe đây! – Canolles nói với một giọng trầm trầm.

-Ông sẽ giao lại đảo Saint – Georges với một trong ba điều kiện sau đây mà ông có quyền lựa chọn. Điều thứ nhất là như thế này, đây không phải là tôi nói, xin ông hãy nhớ một món tiền hai trăm ngàn Livres…

-Ôi thưa bà xin đừng nói thêm nữa. – Canolles nói, cố tìm cách cắt ngang câu chuyện – Tôi đã được hoàng hậu giao nhận một nhiệm vụ quan trọng, nhiệm vụ ấy là đảo Saint – Georges và tôi sẽ bảo vệ nó cho đến chết.

-Xin hãy nhớ lại những ngày vừa qua, thưa ông. – Cambes buồn bã kêu lên – Ông đã không nói như thế trong lần gặp vừa qua giữa chúng ta, khi ông hứa hẹn sẽ rời bỏ tất cả để theo tôi, khi ông đã sẵn sàng cầm bút để viết lá đơn xin từ chức gởi đến những kẻ mà hôm nay ông sẵn sàng hy sinh mạng sống cho họ.

-Tôi đã có thể dâng lên bà tất cả những điều đó, thưa bà, vì khi đó tôi hoàn toàn tự do trong việc lựa chọn con đường của mình, hôm nay tôi không có cái tự do đó nữa…

-Ông không còn tự do nữa! – Claire tái mặt kêu lên – Như vậy nghĩa là sao, thưa ông? Ông muốn nói gì chứ?

-Tôi muốn nói rằng tôi đã được ràng buộc bởi danh dự.

-Nếu vậy thì hãy nghe điều kiện thứ hai đây…

-Để mà làm gì kia chứ? – Canolles nói – Thưa bà, tôi đã không nhiều lần nhắc lại với bà rằng tôi không bao giờ thay đổi trong quyết định của mình hay sao, xin đừng mua chuộc tôi nữa, vô ích.

-Xin lỗi ông, nhưng cả tôi nữa, tôi cũng đang nhận lãnh một sứ mạng mà tôi phải thực hiện đến cùng.

-Được! – Canolles nói nhỏ – Nhưng, phải nói rằng bà quả thật là tàn nhẫn.

-Hãy từ chức đi, và như vậy chúng tôi sẽ đàm phán một cách có hiệu quả hơn với người thay thế ông hơn là với ông. Một năm, hoặc hai năm sau, ông sẽ phục vụ cho hoàng thân, với cấp bậc thống tướng.

Canolles buồn bã gục gặc đầu.

-Kìa, thưa bà! – Chàng nói – Tại sao lại đòi hỏi tôi những điều không thể nào thực hiện được như vậy?

-Có thể nào ông lại trả lời với tôi như vậy sao? – Claire nói – Thưa ông, thực tình là tôi không hiểu ông nữa. Trước kia, ông đã không sẵn sàng ký vào chiếc đơn từ chức đó hay sao, ông đã không nói với những người khi đó đang ở gần bên ông và lắng nghe ông với bao nỗi vui mừng rằng ông hành động như vậy là hoàn toàn tự do, và với tất cả lòng mong muốn của ông hay sao? Tại sao ở đây ông lại không thể hành động được, khi chính ông lại yêu cầu ông, van xin ông điều mà ông đề nghị thực hiện khi còn ở Jaulnay?…

Tất cả những lời nói đó xuyên qua tim nàng Nanon như những mũi dao nhọn và Canolles rất hiểu.

-Những gì với thời ấy là một hành động không mấy quan trọng thì ngày nay là một sự phản bội, một hành động phản bội đê hèn. – Canolles nói – Tôi sẽ không bao giờ giao lại đảo Saint Georges! Tôi sẽ không bao giờ từ chức.

-Hãy khoan, hãy khoan. – Claire nói với một giọng dịu dàng nhất, nhưng lại lo lắng đưa mắt nhìn chung quanh nàng, bởi vì thái độ phản kháng của Canolles và nhất là vẻ thiếu tự nhiên của chàng quả là khác thường – Vậy bây giờ hãy nghe đề nghị cuối cùng mà tôi đã muốn đưa ra trước tiên bởi vì tôi biết rằng ông sẽ khước từ hai đề nghị kia: Những lợi lộc về vật chất, tôi rất sung sướng đã đoán ra được điều này, không phải là những thứ có thể mua chuộc được một tâm hồn như ông, một người như ông thì cần đến những hoài vọng khác hơn là quyền bính và của cải. Với những bản năng cao thượng sẽ có những phần thưởng cao quý. Xin ông hãy nghe…

-Lạy trời, thưa bà! – Canolles nói – Xin hãy thương xót tôi!

Và chàng làm một cử chỉ như muốn bỏ đi.

Claire cho rằng chàng đã bắt đầu bị lung lạc và tin tưởng rằng điều nàng sắp nói ra sẽ mang đến thắng lợi cho mình nên giữ chàng lại và nói tiếp: -Nếu thay cho một lợi nhuận thấp hèn, người ta sẽ dâng lên một phần thưởng tinh khiết và cao quý. Nếu người ta trả giá cho sự từ chức của ông, một sự từ chức mà không ai có thể chê trách ông được, bởi vì cuộc chiến chưa khởi sự nên hành động từ chức đó sẽ không là bội phản hoặc dối trá nhưng đơn thuần là một sự lựa chọn. Nếu tôi nhắc lại sự từ chức đó được trả giá bằng một cuộc hôn nhân, nếu có một

người phụ nữ, người mà ông đã từng bảo rằng ông yêu, từng thề nguyền sẽ yêu người ấy suốt đời, và mặc dù đã có những lời hứa này nọ và người ấy vẫn chưa dứt khoát trả lời ông, nếu người phụ nữ đó đến nói với ông: Ông De Canolles, tôi hoàn toàn tự do, tôi giàu có, tôi yêu ông, hãy cưới tôi, và chúng ta sẽ ra đi… Hãy đến nơi nào mà ông muốn xa hẳn mọi tranh chấp nổi loạn. Xa hẳn nước Pháp này… Nếu vậy! Thưa ông, ông có nhận lời không?

Mặc cho cử chỉ ngượng ngập duyên dáng và khuôn mặt đỏ bừng của Claire, mặc cho hình ảnh về tòa lâu đài De Cambes xinh xắn mà chàng có thể nhìn thấy từ cửa sổ phòng mình nếu như suốt thời gian qua màn đêm đã không từ trời buông xuống, Canolles vẫn bất động và cương quyết trong quyết định của mình. Bởi vì từ xa chàng đã nhìn thấy bộ mặt thẫn thờ, nhợt nhạt, đầy lo âu của Nanon ló ra từ sau những bức màn.

-Kìa, kìa, hãy trả lời tôi đi chứ! – Nàng tử tước tiếp tục – Tôi không sao hiểu thái độ im lặng của ông cả. Tôi đã lầm lẫn hay sao? Ông không phải là ngài nam tước De Canolles à? Ông còn là người đã từng nói với tôi khi ở lâu đài Chantilly rằng ông yêu tôi, và đã lặp lại điều đó khi đến Jaulnay hay sao? Kẻ đã từng thề nguyền rằng chỉ yêu có một mình tôi trên đời này, và sẵn sàng vì tôi mà hy sinh mọi mối tình khác hay sao? Ông hãy nói đi! Hãy nói đi! Tôi van ông hãy trả lời tôi đi! Trả lời đi!

Một tiếng rên rỉ nổi lên, lần này thì thật rõ rệt, đến nỗi phu nhân De Cambes không nghi ngờ về sự có mặt của một người thứ ba. Hai con mắt kinh hoảng nhìn theo ánh mắt của Canolles và vì chàng không thể nào quay nhanh nhìn đi nơi khác nên nàng tử tước không thể không nhận ra khuôn mặt tái nhợt và bất động kia, một bóng người chẳng khác nào một bóng ma và đang run rẩy theo dõi mọi diễn biến của câu chuyện.

Qua bóng tối mờ nhạt, hai người đàn bà trao đổi ánh mắt nẩy lửa và cả hai cùng kêu lên một tiếng.

Nanon biến mất.

Về phần mình, De Cambes chụp lấy mũ cùng áo choàng và quay về phía Canolles.

-Thưa ông! – Nàng nói – Bây giờ thì tôi đã hiểu cái mà ông gọi là bổn phận và lòng biết ơn. Bây giờ thì tôi đã hiểu cái bổn phận nào mà ông không muốn từ bỏ hoặc phản bội và cuối cùng, tôi cũng đã hiểu ra rằng có những mối luyến ái vượt qua khỏi mọi cám dỗ, vậy tôi xin trả ông về những luyến ái đó, với lòng biết ơn đó. Vĩnh biệt ông, vĩnh biệt!

Nàng đã toan bỏ đi mặc dù Canolles muốn ngăn lại, nhưng một kỷ niệm đau đớn khiến nàng dừng lại.

-Một lần nữa, thưa ông – Nàng nói – nhân danh tình bằng hữu của tôi đối với ông vì đã một lần ông giúp tôi qua cảnh khó khăn, nhân danh tình bằng hữu của

tôi đối với ông cũng vì một lần ông đã giúp tôi, nhân danh tất cả những người đã quý mến ông mà ông cũng quý mến, không loại trừ một ai cả, tôi xin ông đừng giao chiến làm gì. Ngày mai, cũng có thể là ngày kia, Saint Georges sẽ bị tấn công, hãy tránh cho tôi những nỗi đau khổ phải thấy ông bại trận hoặc chết.

Trước những lời nói đó, chàng trai giật mình và hồi chí lại.

-Thưa bà! – Chàng nói – Tôi hết lòng cảm ơn bà vì tình bằng hữu mà bà vừa cam kết đó vô cùng quý giá đó với tôi, mà tôi không thể nào nói hết ra được. Ô! Người ta cứ việc đến đây tấn công! Trời ơi! Họ cứ đến đi, tôi cần phải chiến đấu, tôi cần có hiểm nguy để phục hồi danh dự trước chính những con mắt tôi. Chiến trận cứ đến, hiểm nguy cứ đến, cả cái chết nữa, cái chết sẽ được đón tiếp nồng hậu vì tôi biết mình sẽ chết mang theo tinh thần của bà.

-Vĩnh biệt ông! – Claire nói và tiến về phía cửa.

Canolles bước theo. Ra đến giữa hành lang tối om, chàng nắm lấy bàn tay của nàng, và với một giọng thật nhỏ chỉ vừa đủ nghe: -Claire! – Chàng nói – Tôi yêu em hơn bao giờ hết, nhưng tai họa muốn rằng chỉ khi nào tôi chết xa em thì tôi mới chứng tỏ được tình yêu đó đối với em.

Một tiếng cười mai mỉa là câu trả lời duy nhất của phu nhân De Cambes. Nhưng vừa ra khỏi tòa lâu đài, thì tiếng nấc đau khổ bật ra từ cổ họng nàng, nàng vặn hai tay vào nhau và kêu lên: -Ôi! Chàng không yêu ta trời ơi! Chàng không yêu ta, thế mà ta khốn nạn thay, ta lại yêu chàng mất rồi! …

§4

Sau khi chia tay với phu nhân De Cambes, Canolles trở về phòng mình. Nanon đang đứng bất động giữa phòng, mặt tái nhợt, Canolles bước về phía nàng với một nụ cười buồn bã. Đến gần nàng, chàng đưa bàn tay ra, và nàng đã khụy xuống dưới chân chàng.

-Hãy tha lỗi cho em! – Nàng nói – Canolles, chính em đã dẫn anh đến hiểm nguy khó khăn này, nếu anh có chết thì chính em là nguyên nhân của cái chết đó. Em là một kẻ ích kỷ, chỉ biết nghĩ đến hạnh phúc của mình. Hãy để em ở lại đây và đi đi.

Canolles nhẹ nhàng đỡ nàng dậy: -Bỏ em ư? Tôi, không bao giờ đâu. Nanon, không bao giờ, em là những gì quý giá của đời tôi. Tôi đã thề sẽ bảo vệ em và tôi sẽ cứu thoát em, nếu không thì thà rằng tôi chết đi.

-Có phải thật lòng anh nói đấy không Canolles? Không nuối tiếc, không do dự?

-Phải. – Canolles mỉm cười nói.

-Cám ơn bạn yêu quý của em, cám ơn anh nhiều lắm. Anh thấy không, cuộc sống mà em đang gìn giữ đây hôm nay em sẽ hy sinh nó mà không một lời than vãn. Bởi vì đến hôm nay em mới biết anh như thế nào. Người ta mang đến cho anh tiền bạc, vậy của cải của em không thuộc về anh hay sao? Người ta mang đến cho anh tình yêu, nhưng trên đời này có ai yêu anh hơn em? Người ta mang đến cho anh chức vụ à? Hãy nghe em, họ sắp tấn công, nếu vậy chúng ta hãy chiêu mộ thêm lính, hãy mua thêm súng ống và đạn dược. Hãy tăng cường lực lượng và chúng ta sẽ chống cự lại. Em sẽ chiến đấu cho tình yêu của em, và cho danh dự của anh. Canolles dũng cảm sẽ đánh bại họ, anh sẽ khiến cho hoàng hậu phải nói rằng chẳng có viên chỉ huy nào dũng cảm hơn anh. Còn cấp bực ư? Em sẽ lo, và khi nào anh giàu có, đầy danh vọng và vinh quang rồi, cứ bỏ rơi em nếu anh muốn, em chỉ giữ lại kỷ niệm để tự an ủi mình.

Mắt Nanon không rời Canolles khi nói và chờ đợi câu trả lời mà mọi người đàn bà đều mong đợi sau những lời quá nồng nhiệt, nghĩa là cũng điên cuồng và bồng bột như những câu đó. Nhưng Canolles buồn bã cúi đầu.

-Nanon! – Chàng nói – Sẽ chẳng bao giờ em phải chịu một thiệt hại, sẽ chẳng bao giờ em phải chịu một sự nhục nhã nào một khi tôi còn ở Saint Georges này. Em cứ an tâm bởi vì em không có gì phải sợ cả.

-Xin cảm ơn anh – Nàng nói – dù rằng đấy chưa phải là tất cả những gì em mong ước.

Và nói với riêng mình: “Than ôi! Ta thua cuộc rồi, chàng không yêu ta nữa.”

Canolles bắt gặp ánh mắt nẩy lửa vừa phát ra như tia chớp ấy, sắc mặt nhợt nhạt trong một giây biểu lộ bao nhiêu là đau khổ.

"Hãy rộng rãi cho đến cùng" – Chàng tự nhủ "nếu không thì ta thật là đê hèn."

-Nào, Nanon, chúng ta hãy ra đây, em hãy khoác áo choàng vào và đội mũ lên, không khí ban đêm sẽ giúp em tỉnh táo hơn. Chúng ta sẽ bị tấn công bất cứ lúc nào, tôi phải đi tuần tra đây.

Lòng khấp khởi mừng, Nanon ăn mặc như người tình đã bảo và đi theo chàng.

Canolles là một vị chỉ huy đúng nghĩa. Vào quân đội khi hãy còn nhỏ tuổi nên chàng đã được học tập kỹ lưỡng về nghề nghiệp của mình. Vì thế chàng kiểm tra không chỉ với tư cách một vị chỉ huy, nhưng còn như một nhà chuyên môn. Những viên sĩ quan từng đón tiếp chàng như một kẻ được ưu đãi, và đã tưởng rằng đây chỉ là một ngài tổng đốc để làm biếng, đều bị người chỉ huy ấy lần lượt tra hỏi về những phương cách tấn công và chống trả. Và họ buộc phải công nhận trong chàng thanh niên bảnh bao ấy một vị chỉ huy đầy kinh nghiệm. Những người lớn tuổi hơn cả liền nói với chàng đều kính cẩn. Điều duy nhất mà họ có thể chê nơi chàng, đó là giọng nói quá dịu dàng khi ra lệnh và kiểu cách lịch sự thái quá khi tra hỏi họ. Họ sợ rằng kiểu cách lịch thiệp đó chứa đựng một cá tính yếu mềm. Thế nhưng vì mỗi người đều cảm thấy nguy hiểm đang đến gần, nên mọi mệnh lệnh của viên tổng đốc đều được thi hành một cách nhanh nhẹn chính xác khiến cho viên chỉ huy cũng có những ý nghĩ tốt đẹp tương tự về binh sĩ của mình.

Một đội công binh vừa đến trong ngày hôm ấy, Canolles cho lệnh làm ngay những công việc cần kíp. Nanon muốn đưa chàng về để tránh cho chàng một đêm mệt mỏi như vậy, nhưng hoài công, Canolles vẫn tiếp tục cuộc tuần tra, và chính chàng lại cố ép nàng trở về nơi trú ngụ. Và sau đó, chàng đến nằm trên một tảng đá để có thể trông chừng công việc.

Nhưng, trong khi cặp mắt chàng theo dõi một cách máy móc công việc của những cuốc với xẻng, thì đầu óc của Canolles bị thu hút hoàn toàn không chỉ những sự kiện trong ngày hôm đó, mà còn vào tất cả những chuyến phiêu lưu kỳ lạ mà chàng đã là nhân vật chính. Kể từ ngày chàng gặp gỡ phu nhân tử tước De Cambes, nhưng kỳ lạ thay tâm trí chàng không vượt qua khoảng thời gian đó. Hình như, mãi đến khi ấy chàng mới bắt đầu sống, và cho đến ngày ấy, chàng chỉ sống trong một thế giới khác, với những bản năng thấp hèn và những xúc cảm trọn vẹn. Bắt đầu từ giờ phút ấy trong cuộc đời chàng như có một luồng ánh sáng mang đến cho mọi vật dáng dấp khác hẳn, và trong cái ngày mới kia, Nanon, nàng Nanon đáng thương đã phải nhường chỗ cho một tình yêu khác vừa mới

nhen nhúm nhưng mãnh liệt, như những mối tình đã từng chiếm lĩnh cả một cuộc đời ngay khi chúng mới len vào.

Vì vậy, sau những phút trầm tư buồn phiền, pha lẫn với niềm hoan hỉ thanh cao khi biết rằng phu nhân De Cambes yêu mình, Canolles đành phải tự thú nhận rằng chỉ có bổn phận mới buộc chàng phải giữ gìn danh dự, chứ tình thân của chàng đối với Nanon không còn là một yếu tố quyết định nữa.

Đáng thương cho Nanon! Canolles đã gọi thứ tình cảm mà chàng dành cho nàng là tình thân ái. Thế nhưng, trong tình yêu, điều đó khá gần với sự thờ ơ.

Cả Nanon cũng còn thức, bởi vì nàng chưa muốn bị nằm. Đứng bên cửa sổ, khoác mình trong chiếc áo choàng rộng màu đen để không ai trông thấy được nàng dõi theo. Không phải là mặt trăng mờ nhạt và u hoài đang nấp mình sau những đám mây, không phải những thân liễu đang duyên dáng đong đưa trước làn gió đêm, mà là sự xa cách đang hình thành, chầm chậm và nặng nề. Trong tâm tưởng người tình, trong bóng người đang co mình trên tảng đá, bên ánh lửa leo lét kia, nàng như thấy bóng ma của hạnh phúc đã qua.

Ngày đến, tận khi đó Canolles mới trở về phòng mình. Nanon cũng đã trở về phòng nàng, bởi vậy chàng không biết là nàng đã thức suốt đêm. Chàng thay y phục chỉnh tề, tập hợp quân đội lại. Đi tuần tra những nơi đặt thần công nhất là những nơi nnìn ra bờ bên trái của con sông Georges, ra lệnh đóng cửa cảng nhỏ lại cho xiềng lại bằng xích sắt, chế ra những loại xà lan chở những loại súng pháo loại nhẹ, duyệt qua binh sĩ của mình, khuyến khích với họ với lời nói bóng bảy và hùng hồn và chỉ có thể trở về vào lúc mười giờ.

Nanon chờ chàng với nụ cười trên môi. Đó không còn là nàng Nanon kiêu hãnh và kiêu ngạo mà tính khí thất thường đã từng làm cho chính ngài d'Épernon phải điên đầu. Đây là một người tình rụt rè, một kẻ nô lệ sợ sệt, chẳng dám đòi hỏi người khác yêu mình, nhưng chỉ xin phép được yêu.

Ngày trôi qua, không một biến cố nào khác ngoài đợt chuyển biến trong tấn thảm kịch nội tâm đang diễn ra trong tâm hồn hai người trẻ tuổi ấy. Những người liên lạc do Canolles gửi đi lần lượt trở về. Không ai mang về một tin tức rõ rệt, chỉ biết rằng Bordeaux đang có một cảnh náo loạn, rõ ràng là ở đó người ta đang chuẩn bị một điều gì quan trọng.

Thật vậy, De Cambes trở về thành phố, cố gắng cất giấu những chi tiết của cuộc gặp gỡ trong tận đáy lòng mình, đã báo kết quả cho Lenet. Dân chúng Bordeaux lớn tiếng đòi hỏi đảo Saint Georges phải thuộc về họ. Nhiều đám đông tự nguyện xin theo cuộc chinh phạt, những người chỉ huy chỉ ngăn họ lại với lý do là thiếu người chỉ huy cuộc chinh phạt ấy, và cũng không có đủ binh sĩ đã được huấn luyện đầy đủ. Lenet lợi dụng lúc ấy để đưa ra tên của hai vị công tước đề nghị sử dụng quân đội ấy. Dân chúng nhiệt liệt reo hò và yêu cầu mở cửa

thành, ngay cả những kẻ mới hôm qua đây còn đóng kín, không muốn tiếp đón ai.

Lenet vội mang tin mừng đó đến và quận chúa cho họp ngay ban tham mưu.

Claire cáo bệnh để khỏi tham dự vào bất cứ quyết định nào chống lại Canolles và rút về phòng mình để khóc cho thỏa.

Từ phòng riêng, nàng nghe những tiếng reo hò đe dọa của dân chúng. Tất cả đều chống lại Canolles.

Chẳng bao lâu tiếng trống vang lên, những đội quân tập hợp lại, các quan chức phát cho dân chúng súng, hỏa mai và các ngọn thương, súng thần công được kéo ra, thuốc súng được phân phát, và hai trăm chiến thuyền sẵn sàng ngược dòng Garonne vào ban đêm nhờ thủy triều lên cao, trong khi ba ngàn người đóng ở bên trái của con sông, sẽ tấn công trên đất liền.

Đội quân đường biển sẽ được chỉ huy bởi D'Espanet, cố vấn của hội đồng, một người dũng cảm và thông minh, và đội quân trên bộ được chỉ huy bởi ngài De La Rochefoucauld. Ông này cũng vừa vào đến thành phố với khoảng hai ngàn người. Ngài công tước De Bouillon sau ngày mai mới đến cùng với một vài người khác. Bởi vậy, ngài De La Rochefoucauld rất nôn nóng muốn tấn công nhanh để vượt trước đồng nghiệp mình.

§5

Hai hôm sau ngày phu nhân tử tước De Cambes, đến Saint Georges dưới lớp áo sứ giả, vào khoảng hai giờ trưa, khi Canolles đang đi tuần tra trên tường thành thì được báo rằng có một người liên lạc mang đến một phong thư cho chàng.

Người liên lạc được cho vào ngay và giao bức công văn cho Canolles.

Bức công văn ấy rõ ràng là không mang tính cách công vụ, đó là một bức thư ngắn, viết bởi một nét chữ mảnh mai, hơi run, trên một tờ giấy xanh nhạt, bóng láng và thơm phức.

Mới chỉ nhìn thấy tờ giấy, Canolles đã cảm thấy tim đập mạnh, ngoài ý muốn.

-Ai đưa cho ngươi lá thư này? – Chàng hỏi.

-Một người đàn ông độ năm mươi lăm, sáu mươi tuổi.

-Râu tóc hoa râm?

-Vâng.

-Dáng người thật thẳng?

-Vâng.

-Điệu bộ của một người lính?

-Đúng vậy.

Canolles cho người này một đồng Louis và ra hiệu lui.

Và tim đập mạnh, chàng đến ẩn mình vào góc pháo đài để có thể đọc thỏa thích lá thư vừa nhận được.

Thư chỉ vỏn vẹn có hai hàng:

"Ông sẽ bị tấn công. Nếu ông không còn xứng đáng với tôi nữa, thì ít ra cũng hãy tỏ ra xứng đáng với chính mình."

Lá thư không có chữ, nhưng Canolles nhận ra phu nhân De Cambes cũng như đã nhận ra Pompéc, chàng nhìn quanh xem có ai nhìn thấy mình không đỏ mặt lên như một cậu bé trước mối tình đầu, chàng đưa lá thư lên môi hôn một cách say sưa và cất nó vào bên trong ngực.

Rồi chàng leo lên trên chóp pháo đài, nơi có thể nhìn thấy dòng Garonne xa đến hơn một dặm cùng với khoảng đồng bằng bát ngàn chung quanh đó

Chẳng thấy gì trên mặt sông cũng như trên đồng bằng, không tấn công vào giữa ban ngày, chúng sẽ nghỉ ngơi dọc đường và tấn công vào ban đêm.

Canolles nghe một tiếng động nhẹ phía sau và quay lại, đó là viên trung úy của chàng.

-Thế nào, anh De Vibrac? – Canolles hỏi – Mọi người bảo sao?

-Thưa chỉ huy, mọi người bảo rằng mai đây lá cờ của các vị hoàng thân sẽ phất phới trên đảo Saint Georges.

-Mà ai bảo vậy?

-Hai liên lạc viên của chúng ta vừa mới về và đã thấy dân chúng thành Bordeaux chuẩn bị tấn công ta.

-Thế anh đã trả lời như thế nào với những kẻ bảo rằng ngày mai lá cờ của các vị hoàng thân sẽ bay trên pháo đài Saint Georges?

-Thưa chỉ huy, tôi đã bảo rằng tôi chẳng quan tâm gì đến chuyện đó vì tôi sẽ không nhìn thấy lá cờ ấy.

-Nếu vậy, anh đã cướp mất câu trả lời của ta rồi đó.

-Hoan hô chỉ huy, binh sĩ sẽ chiến đấu như những con mãnh sư.

-Tôi chỉ đòi hỏi họ một điều là nên chiến đấu như những con người… Mà họ nói gì về cách tấn công?

-Thưa chỉ huy, người ta đang chuẩn bị cho mình một sự bất ngờ. – Vibrac cười nói.

-Chà! Bất ngờ nhỉ! Đây là lần thứ hai mà tôi được cho ý kiến như vậy. Mà ai chỉ huy đội tấn công?

-Ngài De La Rochefoucauld chỉ huy đội quân trên đất liền, ngài D'Espanet cố vấn hội đồng, đội quân trên biển.

-Nếu vậy – Canolles nói – thì ta sẽ cho lão một lời khuyên.

-Cho ai ạ?

-Cho ngài cố vấn hội đồng.

-Lời khuyên như thế nào?

-Là bổ sung cho đám dân quân thành phố một đội quân tinh nhuệ nào đó, có kỷ luật chặt chẽ, để dạy cho đám dân giả kia biết thế nào là một cuộc đọ súng đúng nghĩa.

-Lão không cần đến những lời khuyên của ngài đâu, thưa chỉ huy, bởi vì vốn là một luật gia, hình như lão cũng có biết ít nhiều về chiến trận nên trong cuộc chinh phạt này lão đã kết hợp với trung đoàn Navailles.

-Sao! Trung đoàn Navailles à?

-Vâng.

-Trung đoàn cũ của ta?

-Chính vậy. Hình như họ đã chuyển qua phe của các hoàng thân cùng với vũ khí quân trang.

-Mà ai chỉ huy?

-Nam tước Ravailly.

-Thật ư?

-Ngài có quen biết à?

-Phải. Một tên rất dễ thương, dũng cảm y như thanh gươm của hắn vậy! … Nếu thế thì sẽ gay hơn là ta tưởng.

-Ngài có lệnh gì bây giờ, thưa chỉ huy?

-Tối nay, các đơn vị canh phòng phải được tăng cường, các binh sĩ sẽ phải mặc yên y phục mà ngủ, súng ống đạn lạc sẵn sàng để trong tầm tay… Một nửa sẽ thức canh chừng, còn một nửa kia nghỉ ngơi… Nhưng canh thức sẽ nấp sau những ụ đất… Khoan đã!

-Tôi xin đợi lệnh.

-Anh đã nói với ai về những báo cáo của người liên lạc chưa?

-Không một ai.

-Được lắm, hãy giữ kín chuyện trong khoảng một thời gian nữa. Hãy chọn lấy độ mươi tên trong đám lính tệ nhất của anh, anh chắc có những tên săn trộm hay đánh cá chứ?

-Thưa chỉ huy, mấy tên đó chẳng thiếu đâu.

-Vậy thì hãy chọn lấy mười tên, như ta đã nói cho bọn chúng nghỉ đến sáng mai. Bọn chúng sẽ đi thả lưới trên sông Garonne và sẽ đặt bẫy trong rừng… Đêm nay, D'Espanet với lão De La Rochefoucauld sẽ bắt bọn chúng và tra hỏi.

-Tôi chưa hiểu…

-Anh không hiểu rằng cần cho những kẻ tấn công tưởng chừng chúng ta chẳng hay biết gì hay sao? Đấy! Bọn này sẽ chẳng biết gì cả, sẽ thề với một vẻ ngay thật trước mặt bọn kia rằng chúng ta đang ngủ kỹ.

-À hay lắm.

-Hãy để quân thù đến gần, hãy để bọn chúng đổ bộ lên bờ, và cứ để bọn chúng bắc thang trèo lên thành.

-Rồi chừng nào mới khai hỏa?

-Chừng nào ta ra lệnh. Nếu có một phát súng nào được bắn đi trước khi ta ra lệnh, thì thề trên chức tổng trấn này, ta sẽ bắn bỏ kẻ đó.

-Ôi, trời!

-Nội chiến phức tạp bằng hai cuộc chiến thường. Điều không quan trọng là không được để cho nó diễn ra như một chuyến đi săn… Hãy để cho các ngài dân Bordeaux cười cho thỏa thích, cả các anh cũng cứ cười đi nếu thấy muốn cười. Nhưng chỉ khi nào tôi bảo cười.

Viên trung úy bỏ đi để truyền lại mệnh lệnh của Canolles cho các viên sĩ quan khác, họ nhìn nhau ngạc nhiên. Có hai người trong ngài tổng đốc: Nhà quý tộc phong nhã, viên chỉ huy kiên quyết.

Canolles trở về dùng bữa tối với Nanon, bữa ăn tối được chuẩn bị sớm hơn thường lệ hai tiếng đồng hồ. Nanon quyết định sẽ không rời tường thành từ chập tối cho đến sáng hôm sau. Chàng thấy Nanon đang ngồi giở một chồng thư.

-Canolles yêu quý, anh có thể bình tĩnh mà chiến đấu, bởi vì chẳng bao lâu sẽ có quân đến cứu viện: Đức vua đang đến, ngài De La Meilleraye đem theo một đội quân và ngài d'Épernon cũng đến cùng với mười lăm ngàn người.

-Nhưng, họ sẽ chỉ đến sau tám hoặc mười ngày. Nanon này! – Canolles mỉm cười nói tiếp – Đảo Saint Georges không phải là không thể chiếm được.

-Ồ, chừng nào anh còn chỉ huy, thì em bảo đảm tất cả.

-Phải, nhưng vì anh đang chỉ huy, nên anh có thể bị tử thương… Nanon, trong trường hợp dó em sẽ hành động như thế nào, em có dự tính điều đó không?

-Có chứ! – Nanon trả lời và cũng mỉm cười.

-Nếu vậy thì hãy chuẩn bị hòm xiểng đi. Một người lái thuyền đã trực sẵn ở một nơi đã định. Nếu có phải theo đường sông, em sẽ có bốn người của anh được nhận lệnh không bao giờ rời em và sẽ mang em qua bờ bên kia.

-Tất cả những lo toan đó đều vô ích thôi. Canolles, nếu anh chết, em sẽ không còn cần đến gì nữa.

Người hầu đến báo bữa ăn tối đã được dọn lên. Đang ăn, có đến mười lần Canolles đứng dậy và đến bên khung cửa sổ nhìn xuống con sông. Bữa ăn chưa xong, Canolles đã rời bàn… Đêm đã bắt đầu buông xuống. Nanon muốn cùng theo.

-Nanon! – Canolles bảo – Hãy về phòng em và thề với tôi là sẽ không ra khỏi đó. Nếu tôi biết em ra ngoài, có thể gặp phải hiểm nguy nào đó thì tôi sẽ không thể nào tự chủ được. Nanon điều này có liên quan đến danh dự của tôi, và em đừng đùa giỡn với danh dự của tôi.

Nanon chìa cho Canolles đôi môi đỏ hồng, còn đỏ hơn nữa do màu trắng nhợt trên đôi má nàng, rồi nàng trở về phòng mình sau khi nói: -Em xin nghe anh, Canolles. Em muốn rằng cả bạn lẫn thù đều nhận biết rằng người mà em yêu, anh cứ đi đi.

Canolles bỏ đi, chàng không thể không khâm phục tính cách thuần phục kia sẵn sàng tuân theo mọi ý muốn của chàng. Chàng vừa ra đến vị trí của chàng thì đêm ụp xuống, dữ dội đầy những mối đe dọa như những khi nó muốn dấu trong những nếp áo đen ngòm một bí mật đẫm máu nào đó.

Canolles đứng ngay khoảng đất trống phía trước thành lũy. Chàng nhìn thấy suốt cả con sông cùng với hai bên bờ. Không có trăng, một đám mây sẫm màu trôi nặng nề trên bầu trời. Không ai có thể trông thấy chàng được, nhưng cũng khó mà nhìn thấy chung quanh.

Thế nhưng, đến nửa đêm chàng như nhận ra những mảng đen đang di động nơi bờ bên trái, và những hình dáng khổng lồ lướt trên mặt sông. Ngoài ra không một tiếng động nào ngoài tiếng gió đêm đang than thở qua các ngọn cây.

Những mảng đen và những hình dáng đó dừng lại ở một khoảng xa xa. Canolles đã cho rằng mình nhìn lầm, nhưng chàng để tâm chú ý kỹ hơn, đôi mắt chăm chú nhìn xuyên qua màn đêm, hai tai luôn vểnh lên rình rập mọi tiếng động. Đồng hồ trong thành điểm ba tiếng, tiếng chuông ngân dài rồi tắt ngấm trong đêm tối. Canolles bắt đầu đã nhận được một tin báo sau và toan tính rút lui,

thì bỗng nhiên viên trung úy De Vibrac, vẫn còn đứng sau lưng chàng, đặt một bàn tay lên vai chàng còn tay kia chỉ về con sông.

-Phải, phải, phải! – Canolles nói – Bọn chúng đấy, chúng ta chẳng thiệt hại gì khi chờ đợi như vậy. Cho gọi các binh sĩ đang ngủ dậy và điều tất cả về vị trí sau tường thành. Anh đã nói với họ rằng ta sẽ bắn ngay kẻ nào bắn phát súng đầu tiên rồi chứ?

-Thưa có.

-Nếu vậy thì hãy nhắc lại với họ thêm một lần nữa.

Thật vậy qua những tia sáng đầu tiên của bình minh, mọi người thấy những chiếc thuyền dài đang đến gần, bên trên chở đầy người cười nói nho nhỏ, trong khi đó có thể nhận thấy trên vùng đồng bằng một cái gì giống như ụ đất mà ngày hôm qua chưa có. Đấy là sáu khẩu thần công của ngài De La Rochefoucauld vừa được đặt đấy trong đêm qua. Những người trên thuyền đã hoãn lại cuộc tấn công bởi vì mấy khẩu thần công chưa sẵn sàng nhả đạn.

Canolles hỏi xem súng ống đã được nạp đạn chưa, và được trả lời sẵn sàng, chàng ra hiệu lệnh chờ đợi.

Mấy chiếc thuyền mỗi lúc mỗi gần hơn, và qua những tia sáng lờ mờ đầu tiên của ban ngày, chẳng bao lâu Canolles có thể nhận ra các thứ quân trang cùng với các chiếc mũ đặc biệt của trung đoàn Navailles, đã từng, như chúng ta đã biết, là trung đoàn của chàng. Nơi mũi của một trong mấy chiếc thuyền đầu tiên là nam tước De Ravailly đã thay thế chàng trong cương vị chỉ huy trung đoàn, phía sau là viên trung úy vốn là anh em cùng vú nuôi với viên chỉ huy, một người rất được bạn bè yêu mến vì tính khí vui vẻ mà những câu bông đùa không bao giờ cạn.

-Rồi các bạn sẽ thấy – Anh chàng này nói – bọn họ sẽ chẳng động đậy gì đâu, và phải đợi cho ngài De La Rochefoucauld đánh thức với mẩy khẩu thần công. Chà! Ở Saint Georges, người ta ngủ kỹ dữ, khi nào già yếu, tôi sẽ về đó sống.

-Cái tên Canolles tốt bụng ấy – Ravailly nói – hắn chỉ thi hành nhiệm vụ tổng đốc như một ông bố thương con, hắn sợ lính tráng sẽ bị cảm lạnh trong khi gác đêm chắc.

-Mà đúng vậy – Một người khác nói – chẳng thấy lấy một tên lính gác.

-Này! – Viên trung úy kêu lên khi đặt chân lên đất liền – Này tên kia, dậy đi và kéo chúng ta lên nào.

Sau câu đùa đó, những tiếng cười rộ lên suốt hàng ngũ đội quân tấn công. Và trong khi hai, ba chiếc thuyền tiến về cảng, tất cả bắt đầu đổ bộ lên bờ.

-Thôi, thôi, ta hiểu rồi – Ravailly nói – Canolles muốn làm ra vẻ bị đánh úp bất thần để tránh gây bất hòa với triều đình. Chà, thưa các ngài, chúng ta hãy đáp lễ lại và không nên giết một ai hết. Một khi vào thành rồi, ân xá cho tất cả, ngoại trừ các phụ nữ, mà chắc họ cũng chẳng đòi được ân xá đó! Nào các bạn, xin đừng

quên đây là một cuộc chiến giữa các bằng hữu, bởi vậy kẻ nào mà rút súng ra trước tiên, thì ta cho hắn một nhát gươm.

Sau câu dặn dò vui nhộn mang đầy tính cách dân tộc ấy, tiếng cười lại rộ lên, cả binh sĩ cũng chia sẻ câu đùa cợt với các sĩ quan.

-Ái chà! Này các bạn – Viên trung úy nói – cười thì vui đấy, nhưng cũng đừng quên công việc nhé. Nào lấy thang ra!

Liền đó, các binh sĩ kéo từ thuyền ra những chiếc thang dài và tiến về tường thành.

Đã khá sáng sủa để mọi người nhận ra chàng.

-Kìa, chào các bạn Navailles! – Chàng nói với tất cả trung đoàn – Chào Ravailly, chào Ramoneng.

-Ủa, Canolles đây mà! – Các chàng trai kêu lên – Cậu dậy rồi đấy hả nam tước?

-Ừ, rồi sao? Ở đây thật dễ chịu, tối ngủ sớm, sáng dậy trễ, nhưng còn các cậu, các cậu đi đâu mà sớm vậy?

-Hình như cậu cũng nhận thấy rồi mà. – Ravailly nói – Chúng mình đến đây hãm thành của cậu, có vậy thôi.

-Hãm thành để làm gì?

-Để lấy nó.

Canolles mỉm cười.

-Sao? – Ravailly nói – Cậu đầu hàng chứ?

-Nhưng, trước hết mình phải rõ là đầu hàng ai đã. Tại sao lại có chuyện dân Navailles chống lại đức vua nhỉ?

-Cậu à, đó là bởi vì chúng mình đã trở thành những kẻ phản loạn. Sau khi nghĩ kỹ lại, chúng mình nhận ra rằng Mazarin đúng là một tên đểu cáng, không xứng đáng được những con người quý phái theo phò, bởi vậy chúng mình đã theo về các ngài hoàng thân. Còn cậu?

-Mình tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa "D Epernonese."

-Thật, khó tin, này, đằng kia, hãy để yên mấy sợi xích sắt của cây cầu, các bạn chắc biết rõ những thứ đó chỉ được nhìn từ xa, chứ đụng vào thì có tai họa đấy. Ravailly, cậu hãy bảo họ đừng đụng vào mấy sợi xích sắt. – Canolles tiếp tục nói vừa cau mày – Nếu không mình sẽ cho nổ súng đấy… Và mình cũng cần cho cậu biết, Ravailly, rằng mình có nhiều tay súng rất cừ.

-Chà! Cậu đùa đấy à! – Viên sĩ quan nói – Cứ để cho người của mình lấy đi, cậu không chống lại nổi đâu.

-Mình không đùa… Dẹp mấy cây thang đi Ravailly, mình xin cậu, cậu đang tấn công vào nhà của đức vua đấy, hãy cẩn thận!

-Saint Georges mà là nhà của đức vua à?

-Mẹ kiếp! Cậu hãy nhìn xem kia là lá cờ cắm trên pháo đài… Này hãy cho truyền xuống sông và dẹp thang đi, nếu không thì mình sẽ khai hỏa. Nếu cậu có chuyện muốn nói, thì hãy cùng Ramoneng vào đây, và chúng ta vừa ăn vừa trò chuyện. Ở đây mình có một người đầu bếp thật trứ danh.

Ravailly cười và đưa mắt đốc thúc binh sĩ. Trong lúc đó, một đội quân khác chuẩn bị đổ bộ.

Canolles liền nhận ra rằng giờ phút quyết định đã đến, và chàng lấy lại thái độ kiên quyết, vẻ nghiêm nghị phù hợp với một người đang nhận lãnh một trách nhiệm quan trọng.

-Dừng lại Ravailly, đùa như vậy là đủ rồi. Ramoneng! – Chàng kêu to – Không thêm một lời, một bước hoặc một cử chỉ nữa, nếu không mình sẽ cho khai hỏa.

Và để đi kèm với câu đe dọa, chàng đưa cánh tay mạnh mẽ hất ngã một cây thang vừa mới ló lên trên tường thành.

Năm sáu người lính vội vã hơn mấy người khác đang leo lên, cú đẩy đó làm cho họ rơi xuống và làm nổi lên một trận cười giữa những người bên trong cũng như người bên ngoài thành, chẳng khác gì trò chơi giữa đám học sinh.

Ngay khi đó, một hiệu lệnh biết rằng những kẻ tấn công đã vượt qua mớ xích sắt giữ cảng.

Thế là cả Ravailly lẫn Ramoneng liền chụp lấy một cây thang và cũng toan lên, vừa la to: -Trung đoàn Navailles tiến lên! Tiến lên!

-Này Ravailly! – Canolles kêu lên – Mình xin cậu, dừng lại đi…

Nhưng cũng ngay khi ấy, súng thần công nơi đồng bằng khai hỏa, một viên đạn bay đến gần tung mặt đất chung quanh Canolles.

Và dù không nhìn thấy một người nào hết, nhưng một hàng súng dài ló ra, hướng về phía bên ngoài tường thành. Một hành ánh sáng chớp lóe lên bao bọc chung quanh phần trên của tường thành, và tiếng nổ của hai khẩu thần công đáp lại tiếng súng của ngài Rochefoucauld.

Khoảng một chục người ngã xuống, nhưng thay vì sợ hãi, những người kia như được tăng thêm tinh thần. Về phần mình, đội thần công dưới đất cũng đáp lại đội thần công trên thành, một viên đạn làm đổ cây cờ của đức vua, viên thứ hai trúng phải một viên trung úy của Canolles, tên D'Elboin.

Canolles lại đưa mắt nhìn chung quanh mình và thấy rằng lính của chàng đã nạp đạn xong.

-Bắn khắp nơi.

Lệnh đó được thi hành chính xác cũng như lần đầu.

Mười phút sau, không còn một khung kính nào nguyên vẹn trên đảo Saint Georges nữa. Các tảng đá rung lên và vỡ nát thành mảnh vụn. Đạn súng thần

công xuyên thủng các bức tường, một làm khói dày đặc làm đen cả bầu không khí, mọi nơi dậy lên những tiếng kêu than, tiếng dọa nạt và rên rỉ.

Canolles nhận ra rằng chính đội thần công của ngài De La Rochefoucauld làm thiệt hại thành lũy chàng hơn cả.

-Này Vibrac! – Chàng nói – Hãy lo phần Ravailly, và trong khi tôi vắng mặt không thể để cậu ta lấn thêm một tấc đất nào đấy. Tôi đến đội thần công đây.

Rồi Canolles chạy đến với hai khẩu thần công đang đáp lại tiếng súng của ngài De La Rochefoucauld, chàng điều khiển mọi công việc, nạp đạn, nhắm mục tiêu và chỉ huy, tron gmột thời gian ngắn đã làm hỏng ba trong số sáu khẩu bên địch và tiêu diệt khoảng năm mười người. Mấy người kia bắt đầu rã nhóm và bỏ chạy.

Ngài De La Rochefoucauld bận rộn với việc tập hợp họ lại, bị một mảnh sỏi văng trúng làm ông phải buông rơi thanh gươm.

Thấy được kết quả đó, Canolles để phần việc còn lại cho viên đội trưởng đội thần công và chạy lại với những kẻ đang tiến công vào thành.

Vibrac vẫn cầm cự nhưng anh ta vừa lãnh một viên đạn vào vai.

Sự có mặt của của Canolles làm tăng thêm lòng can đảm của quân đội bênchàng, những tiếng kêu vui mừng đón tiếp chàng.

-Xin lỗi! – Chàng kêu lên với Ravailly, mình buộc phải rời cậu một lát để…, nhưng cậu cũng đã thấy rồi đó, phá hỏng vài khẩu thần công của ngài De La Rochefoucauld, nhưng an tâm đi, mình đây!

Và vì khi đó đội trưởng đội quân Navailles quá bận rộn để trả lời chàng, mà cũng có thể là không nghe vì đang bận thúc quân tấn công đợt thứ ba, Canolles rút cây súng ngắn ra chĩa về phía người bạn cũ nay đã thành kẻ thù, chàng nã một phát.

Viên đạn được bắn ra bởi một bàn tay kiên quyết điều khiển bởi con mắt kinh nghiệm, bay đến chui vào cánh tay Ravailly.

-Cám ơn Canolles! – Anh chàng này kêu lên, vì đã nhìn thấy từ đâu viên đạn bay đến – Cám ơn cậu, sau này mình sẽ trả lễ.

Nhưng mặc dù cố gắng hết sức lực, viên đại úy trẻ tuổi cũng buộc phải dừng lại, thanh gươm tuột khỏi tay. Ramoneng chạy đến và đỡ chàng trong tay mình.

-Cậu có muốn đến băng bó nơi nhà mình không Ravailly? – Canolles la to – Mình có một viên y sĩ tài ba không thua gì tay đầu bếp.

-Thôi, mình quay về Bordeaux đây. Nhưng cứ chờ đó, bởi vì mình sẽ trở lại, mình hứa với cậu như vậy. Có điều lần sau mình sẽ chọn đúng lúc.

-Rút lui! Rút lui! – Ramoneng kêu lên – Thôi chào nhé, Canolles, cậu đã thắng ván đầu rồi đấy…

Ramoneng nói đúng: Đội thần công đã làm thiệt hại ghê gớm cho đội quân dưới đất, họ mất ít nhất cũng một trăm người. Còn về phần quân đội trên sông,

cũng thiệt hại khoảng chừng đó. Thế nhưng, trung đoàn Navailles đã phải gánh chịu nhiều đau đớn về thiệt hại hơn cả, vì để giữ danh dự cho bộ quân phục, họ cứ muốn đi trước nhóm dân quân của D'Espanet.

Canolles đưa cao cây súng lên.

-Ngừng bắn! – Chàng hô – Chúng ta hãy để họ bình yên mà bỏ chạy, chúng ta nên tiết kiệm đạn dược.

Thật vậy, bây giờ có bắn nữa cũng chẳng ăn thua gì. Những kẻ tấn công đang vội vã rút lui, mang theo những người bị thương và bỏ lại các xác chết. Canolles đếm lại người của mình: Mười sáu người bị thương và bốn tử thương. Về phần mình, chàng không bị trầy xước lấy một chỗ nào.

-Quỷ thật! – Mười phút sau chàng nói với Nanon – Mấy tên đó, chẳng để anh phải chờ lâu mới có dịp tỏ ra xứng đáng với chức vị tổng đốc này… Cuộc chém giết thật là ngu ngốc! Anh đã hạ ít ra là một trăm năm mươi người của họ và bắn gãy tay một trong những người bạn thân nhất để tránh cho anh ta khỏi cái chết thực sự.

-Vậy à? – Nanon nói – Còn anh chẳng bị gì cả sao?

-Tạ ơn trời! Mà có lẽ bởi vì em mang đến may mắn cho anh đấy… Nhưng phải cẩn thận với ván thứ hai! Dân chúng Bordeaux rất cứng đầu! … Vả lại Ravailly và Ramoneng cũng đã hứa với anh là sẽ trở lại.

-Thì sao! Cũng vẫn chỉ huy Saint Georges đó, cũng vẫn những người lính giữ thành đó… Bọn họ đến, lần sau sẽ được tiếp đón niềm nở hơn lần trước, bởi vì, từ đây đến đó chúng ta còn đủ thời giờ để tăng cường lực lương chống trả, phải không anh?

-Em à! – Canolles thổ lộ với Nanon – Ở mãi một nơi nào đó thì sẽ biết rõ nó. Thành lũy của anh đây không phải là không chiếm được, anh vừa khám phá ra điều này… Và nếu anh là ngài De La Rochefoucauld, anh sẽ chiếm được Saint Georges vào sáng hôm sau! …

-Tại sao vậy?

-Tại vì cậu ta đã bị một viên đạn thần công cắt làm hai.

§6

Những kẻ chiến bại trở về Bordeaux trong một quang cảnh bi đát. Họ hớn hở ra đi, tin tưởng vào số đông và tài trí của vị chỉ huy, hoàn toàn an tâm vào kết cục của biến cố, theo như thói quen.

Bởi vậy, đối với những người dân quân ấy, thất bại này nặng nề bằng hai, họ nhục nhã trước mắt những kẻ ở lại cũng như trước kẻ thù. Mọi người thấy họ trở về, đầu cúi thấp, lặng lẽ trước tiếng khóc than của những người phụ nữ khi nhận ra sự vắng mặt của những kẻ không bao giờ trở về nữa.

Thế là những tiếng than trách nổi lên khắp thành phố tant tóc và buồn phiền. Các chiến sĩ trở về nhà của mình để kể lại sự thất bại, mỗi người theo cách riêng của họ. Những vị chỉ huy đến trình diện với bà quận chúa phu nhân đang trú ngụ tại nhà viên chủ tịch.

Phu nhân De Condé đang đứng nơi cửa sổ chờ đợi đoàn quân trở về. Vốn sanh trưởng trong một gia đình chiến sĩ và là vợ của một vị võ tướng nổi tiếng khắp thế giới, được nuôi dưỡng với lòng khinh miệt trước thanh gươm rỉ sét và đệm lông của dân thường, bà không thể nào thoát được sự lo âu khi nghĩ rằng đội quân chỉ gồm toàn dân giả của bà phải đối phó với một lực lượng gồm toàn lính chiến. Thế nhưng có ba điều làm cho bà an tâm: Thứ nhất, chính ngài De La Rochefoucauld chỉ huy cuộc chinh phạt; thứ nhì, trung đoàn Navailles đi đầu, thứ ba là huy hiệu nhà Condé thêu trên lá cờ.

Nhưng, có một điều đối nghịch rất dễ hiểu, tất cả những gì bà hy vọng đối với quận chúa thì lại là đau khổ đối với De Cambes, cũng như chua cay sắp đến với vị phu nhân danh tiếng thì lại là sự đắc thắng của bà tử tước.

Ngài De La Rochefoucauld đến trình diện với bà, người đầy thuốc súng và máu me, tay áo rách toạc.

-Có phải đúng như mọi người vừa nói với ta không? – Quận chúa kêu lên.

-Mọi người nói như thế nào, thưa phu nhân? – Ngài công tước lạnh lùng hỏi.

-Rằng ông đã bị đẩy lùi?

-Như vậy chưa đầy đủ, thưa phu nhân, nói cho đúng chúng tôi đã bị đánh bại.

-Bị đánh bại! – Bà quận chúa tái mặt kêu lên – Đánh bại? Không thể nào như vậy được!

-Nhưng làm sao lại như vậy được chứ? – Phu nhân nhà Condé hỏi với một giọng cao ngạo để lộ sự bất mãn tột cùng.

-Chuyện đó đã đến như bất cứ những điều sai lầm nào khác trong ván bài, trong tình yêu, trong chiến tranh, chúng ta đã tấn công vào những kẻ khôn ngoan và mạnh hơn chúng ta.

-Vậy thì tên De Canolles đó là một kẻ anh dũng à? – Phu nhân quận chúa hỏi.

Lồng ngực của phu nhân tử tước đập rộn lên vì vui mừng.

-Hừ! – La Rochefoucauld nhún vai trả lời, anh dũng cũng như tất cả mọi người! … Chỉ có điều là vì y có lính tráng được nghỉ ngơi đầy đủ, một thành lũy kiên cố và vì y sẵn sàng phòng bị rất có thể là được mật báo từ trước nên y thắng chúng ta một cách dễ dàng. Ôi thưa phu nhân, cần phải nói thêm, bọn lính thật đáng chê! Bọn chúng đã bỏ chạy ngay từ đợt bắn thứ nhì.

-Còn Navailles thì sao? – Claire kêu lên, mà không nhận ra rằng mình đã thiếu thận trọng.

-Thưa bà – La Rochefoucauld nói – điều khác biệt giữa Navailles và đám dân quân là bỏ chạy, còn Navailles đã rút lui.

-Bây giờ chúng ta chỉ còn thiếu một điều nữa là mất luôn cả Vayres?

-Tôi sẽ không phủ nhận điều đó. – La Rochefoucauld lạnh lùng trả lời.

-Bị đánh bại! – Phu nhân dậm chân lặp lại – Bị đánh bại bởi những tên chẳng ra gì, chỉ huy bởi gã De Canolles! Cái tên nghe kỳ cục.

Claire đỏ bừng mặt.

-Phu nhân cho cái tên đó là kỳ cục – Vị công tước đáp – nhưng ngài Mazarin cho là vĩ đại. Và, tôi cũng mạn phép được nói thêm – Ông ta vừa nói vừa liếc nhanh một ánh mắt sắc bén về phía Claire – rằng ông ta không phải là người duy nhất có ý kiến đó?

-Vậy ông cho rằng Richon là người chịu bại trận à?

-Tại sao không? Tôi cũng phải chịu bại trận vậy! Chúng ta phải đợi cho qua cái xui xẻo thôi, chiến tranh cũng là một ván bài, một ngày nào đó chúng ta sẽ trả thù lại.

-Sẽ không xảy ra một chuyện như vậy – Bà De Tourville nói – nếu mọi người đã theo kế hoạch của tôi.

-Đúng vậy! – Quận chúa nói – Mọi người chẳng bao giờ làm theo những gì chúng ta đề nghị, với lý do rằng chúng ta là đàn bà và chẳng hiểu biết gì về chiến tranh… Các ông chỉ muốn làm theo ý mình và để bị thất bại.

-Hừ, phải đấy, thưa phu nhân, nhưng điều hay lại đến với những viên tướng lẫy lừng nhất. Paul-Emillex đã bị bại trận ở Cannes, Pompéc ở Pharsale và Attila ở Chalons, chỉ có Alexandre và bà, thưa bà De Tourville, là chưa bao giờ bại trận. Hãy nói kế hoạch của bà xem nào!

-Kế hoạch của tôi thưa ngài công tước – Bà De Tourville nói với một giọng khô khan nhất – là tổ chức một cuộc hãm thành theo đúng luật. Người ta đã chẳng thèm nghe tôi và muốn làm một cú chớp nhoáng, ông thấy kết quả rồi đó.

-Hãy trả lời với bà đây giùm tôi, thưa ông Lenet. – Ông công tước nói – Còn tôi, tôi cảm thấy mình không đủ tài ba về chiến thuật để có thể tranh cãi.

-Thưa bà – Lenet nói, từ nãy giờ ông chỉ hé môi là để mỉm cười – Có một vấn đề chống lại cuộc hãm thành mà bà vừa đề nghị, đó là dân chúng Bordeaux

không phải là những chiến sĩ mà chỉ là thường dân, họ cần được ăn tối ở nhà và ngủ với vợ. Thế nhưng một cuộc hãm thành theo đúng luật đòi hỏi phải chịu thiếu thốn một số những tiện nghi mà các ngài thường dân của chúng ta không thể nào chịu được. Bởi đó, họ đã vây hãm đảo Saint-Georges theo kiểu tài tử xin đừng chê trách họ ngày hôm nay đã thất bại, họ sẽ quay trở lại quãng đường dài bốn dặm ấy và sẽ lại tấn công bao nhiêu lần tùy theo sự cần thiết.

-Ông tin rằng họ sẽ tiếp tục lần nữa à? – Quận chúa hỏi.

-Ồ, về điều này thưa phu nhân, thì tôi lấy làm chắn chắn, họ quá yêu mến cái đảo của mình để không muốn thấy nó mất vào tay đức vua.

-Họ sẽ thắng chứ?

-Có thể lắm, ngày này, hoặc ngày kia…

-Ngày nào mà họ chiếm được thành – Bà quận chúa kêu lên – ta sẽ cho xử bắn tên khốn kiếp De Canolles đó, nếu hắn không chịu đầu hàng.

Claire rùng mình.

-Xử bắn! – Công tước De La Rochefoucauld nói – Chà! Nếu phu nhân hiểu về chiến tranh như vậy, thì tôi rất thành thật vui mừng khi thấy mình cùng phe với phu nhân.

-Vậy thì hắn hãy đầu hàng đi.

-Tôi rất muốn biết phu nhân sẽ nghĩ sao nếu Richon đầu hàng.

-Richon không ở trong cuộc, thưa ngài công tước, đây không nói về Richon. Nào, hãy dẫn vào đây một gã thường dân, một viên quan lại, một ông cố vấn, ai cũng được, để cho ta có thể hỏi han và dám đoán chắc với ta kẻ đã cho ta nếm tủi nhục hôm nay một ngày kia cũng sẽ phải chịu nếm lại đắng cay này.

-Vừa kịp lúc, thưa phu nhân. – Lenet nói – Đây là ngài D'Espagnet đang mong mỏi được vào thưa chuyện với phu nhân.

-Đưa ông ta vào. – Vị quận chúa nói.

Trong suốt cuộc chất vấn vừa qua, tim của nàng Claire khi thì đập mạnh như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực, khi thì thắt lại như bị kẹt chặt, thật vậy, nàng đang tự nhủ rằng dân chúng Bordeaux sẽ buộc Canolles trả giá cao cho chiến thắng đầu tiên của chàng.

Tình hình lại càng tệ hơn khi D'Espagnet đến củng cố thêm cho những câu nói của Lenet.

-Thưa phu nhân. – Ông ta bảo – Xin phu nhân cứ an tâm, thay vì bốn ngàn, chúng ta sẽ gởi đến tám ngàn, thay vì sáu chúng ta sẽ có mười hai khẩu thần công, thay vì một trăm chúng ta có thể sẽ mất hai trăm, ba trăm, bốn trăm, nếu phải như vậy, nhưng chúng ta sẽ chiến thắng lại Saint – Georges.

-Rất hay, thưa ông. – Ông công tước kêu lên – Ông cũng biết là tôi sẵn sàng theo ông, cho dù là với cương vị chỉ huy hay tình nguyện chừng nào ông vẫn còn

giữ ý định chinh phạt đó. Có điều cần phải nhận ra rằng, cứ mỗi lần như vừa qua, quân đội của chúng ta coi như đứt một phần năm.

-Thưa ngài công tước – D'Espagnet lại nói – chúng ta có ba mươi ngàn người, trong tình trạng có thể cầm súng, tại Bordeaux đây, nếu cần chúng ta sẽ lôi tất cả súng thần công trong công xưởng đến trước pháo đài, chúng ta sẽ làm cho một núi đá hoa cương cũng phải tàn thành tro bụi, tự tôi sẽ qua sông cùng với đội tiền quân và chúng ta sẽ chiếm lại Saint-Georges, hồi nãy chúng tôi đã long trọng thề rồi.

-Tôi không tin là ông sẽ chiếm được Saint-Georges chừng nào ông De Canolles còn sống. – Claire nói với một giọng thật nhỏ.

-Nếu vậy, chúng ta sẽ giết y hoặc là sẽ cho người ám sát y, rồi chúng ta sẽ chiếm Saint-Georges sau.

De Cambes cố nén một tiếng kêu vừa chực thoát ra khỏi lồng ngực: -Người ta muốn có Saint-Georges cho bằng được sao?

-Sao? Muốn có à? – Bà quận chúa phu nhân kêu lên – Ta cũng tin như vậy, ở đây mọi người chỉ nghĩ đến chuyện đó.

-Nếu vậy – De Cambes nói – xin cứ để em, em sẽ giao thành lại cho phu nhân.

-Kìa, em đã một lần hứa với ta như vậy và đã thất bại.

-Em đã hứa với phu nhân rằng em sẽ đến điều đình với ông De Canolles, nhưng cuộc điều đình ấy đã thất bại. Ông De Canolles thật khó mà lay chuyển.

-Em cho rằng hắn sẽ dễ dãi hơn trong chiến thắng vừa qua hay sao?

-Không ạ. Bởi vậy lần nay em không nói là sẽ giao viên tổng đốc lại cho phu nhân, em chỉ nói là em sẽ giao thành.

-Làm sao mà có chuyện đó được?

-Bằng cách đưa quân lính của chúng ta vào tận trong sân thành.

-Thưa bà, bà có phép tiên hay sao mà lại nhận lãnh một việc như vậy? – La Rochefoucauld hỏi.

-Không, thưa ông, nhưng tôi là "chủ nhân."

-Bà đùa thật. – Ông công tước lại nói.

-Không đâu, không đâu. – Lenet nói – Tôi đoán biết rất nhiều qua hai tiếng bà De Cambes vừa nói.

-Đối với tôi như vậy là đủ rồi. – Claire nói – Ý kiến của ông Lenet đối với tôi là tất cả. Tôi xin nhắc lại rằng Saint – Georges sẽ thuộc về chúng ta nếu người ta để cho tôi nói vài ba câu riêng với ông Lenet.

-Thưa phu nhân – Bà De Tourville cắt ngang – tôi cũng có thể lấy được Saint – Georges nếu người ta để tôi hành động.

-Chúng ta hãy để cho bà De Tourville trình bày kế hoạch của bà ấy cho tất cả chúng ta trước đã. – Lenet nói và ngăn De Cambes lại khi nàng muốn kéo ông

vào một góc – Rồi sau đó bà nói riêng với tôi.

-Bà hãy nói đi.

-Đêm nay tôi sẽ lên đường cùng với hai mươi chiếc thuyền với hai trăm tay súng, một nhóm khác, cũng từng đó người, sẽ đi bên bờ bên phải, bốn hoặc năm trăm người khác sẽ đi ngược bên bờ bên trái, trong khi đó khoảng một ngàn hoặc một ngàn hai trăm dân thành Bordeaux sẽ…

-Hãy cẩn thận, thưa bà! – La Rochefoucauld nói – Nội từng đó thôi cũng đã là hơn một ngàn người rồi.

-Còn tôi – Claire nói – với chỉ hơn một đội quân thôi, tôi sẽ lấy Saint – Georges, cứ giao cho tôi trung đoàn Navailles, và tôi sẽ đảm bảo tất cả.

-Vấn đề này cần phải cân nhắc kỹ lưỡng. – Bà phu nhân lại nói, trong khi ngài công tước DeLa Rochefoucauld với nụ cười khinh miệt, thương hại ngồi nhìn các bà bàn cãi về những chuyện chiến tranh và thường làm điên đầu những người đàn ông gan dạ nhất.

-Tôi xin nghe. – Lenet nói – Xin bà hãy lại đây.

Và Lenet dẫn nữ tử tước đến bên cửa sổ. Claire nói nhỏ điều bí mật của mình vào tai ông ta và Lenet thốt ra một tiếng kêu vui mừng.

-Đúng vậy – Ông ta trở lại nói với bà phu nhân – lần này nếu phu nhân trao toàn quyền cho bà De Cambes, Saint – Georges sẽ thuộc về chúng ta.

-Chừng nào? – Bà phu nhân hỏi.

-Tùy ý phu nhân.

-Bà đây là một viên chỉ huy đại tài. – La Rochefoucauld nói mỉa mai.

-Thưa công tước – Lenet trả lời – rồi ông sẽ được quyền phán đoán một khi ông tiến vào Saint – Georges mà không cần phải nổ một tiếng súng.

-Khi đó tôi sẽ thừa nhận.

-Nếu vấn đề tỏ ra chắc chắn như ông vừa nói – Quận chúa nói – Vậy hãy ra lệnh chuẩn bị cho ngày mai.

-Xin tùy thuộc vào ngày giờ mà phu nhân ấn định. – De Cambes nói – Em sẽ trở về nơi ở của mình và đợi lệnh.

Nói xong, nàng cúi chào và rút lui. Bà quận chúa, sau khi từ giận dữ bước qua hy vọng, cũng lui về cùng với bà De Tourville. D'Espagnet sau khi lặp lại mấy câu phản đối của mình, cũng đi ra và chỉ còn lại Lenet cùng ông La Rochefoucauld.

§7

-Ông Lenet thân mến – Ngài công tước nói – bởi vì các bà đã giành lấy chiến tranh về họ, tôi nghĩ bọn đàn ông chúng ta nên âm mưu những chuyện khác. Tôi có nghe nói đến một tên Cauvignac nào đó được ông giao nhiệm vụ tuyển một đạo quân và tôi được biết y là một tên rất khéo léo. Tôi sẽ cho mời y đến, có cách nào gặp y được không?

-Thưa đức ông, người đó đang chờ. – Lenet nói.

-Cho y vào.

Lenet kéo dây chuông, một người hầu bước vào.

-Cho mời đại úy Cauvignac vào đây.

Một lát sau, chỗ quen biết cũ của chúng ta hiện ra nơi ngưỡng cửa. Nhưng vốn tánh cẩn thận, y dừng lại đó.

-Xin đại úy hãy đến gần đây, tôi là công tước De La Rochefoucauld.

-Thưa đức ông – Cauvignac trả lời – tôi biết đức ông rất rõ.

-A, nếu vậy thì càng tốt. Có phải anh đã được lệnh tuyển mộ một đội quân không?

-Việc đó đã làm xong.

-Dưới tay anh có tất cả bao nhiêu người?

-Một trăm năm mươi người.

-Quân trang chỉnh tề, vũ khí đầy đủ chứ?

-Vũ khí đầy đủ nhưng quân trang không được chỉnh tề cho lắm. Tôi lo trước hết là vũ khí, vì đó là vấn đề quan trọng hơn cả. Còn về chuyện quân trang, vì tôi vốn là một thằng vô vụ lợi và vì tôi hành động chỉ là cảm tình của tôi đối với các hoàng thân hơn cả, bởi mới nhận được từ ông Lenet có mười ngàn livres, tôi rất thiếu tiền.

-Như vậy, mười ngàn livres mà anh đã tuyển mộ được một trăm năm mươi quân?

-Vâng thưa đức ông.

-Khá lắm.

-Thưa đức ông, tôi có những phương cách mà chỉ có mình tôi biết, nhờ đó mà tôi tiến hành.

-Vậy họ đâu rồi?

-Ở dưới kia. Ngài sẽ thấy một đội quân rất xứng đáng. Thưa đức ông, nhất là về mặt tinh thần, toàn là những người có danh giá, không có lấy một tên vô lại.

Công tước De La Rochefoucauld đến bên cửa sổ, và quả thật thấy ngoài đường một nhóm một trăm năm mươi người thuộc đủ mọi lứa tuổi, mọi kích thước, mọi giai cấp, được xếp thành hai hàng bởi Ferguzon, Barrabas và Carrotel

và hai người bạn kia của họ ăn mặc rất sang trọng. Cái đám đó hoàn toàn có vẻ giống như một băng cướp hơn là một đội lính. Như Cauvignac vừa nói, họ ăn mặc khá rách rưới nhưng vũ trang đầy đủ.

-Anh đã nhận được lệnh gì cho đội quân của anh chưa? – Vị công tước hỏi – Còn anh, anh có thể ở lại Vayres với họ không?

-Tôi, thưa đức ông, tôi có một nguyên tắc là không bao giờ ngu ngốc mà đi giam mình giữa bốn bức tường trong khi có thể muốn đi đâu tùy ý. Tôi vốn sinh ra là để sống một cuộc sống điều độ, đức hạnh.

-Nếu vậy, cứ ở đâu tùy ý anh, nhưng trước hết hãy đưa người của anh đến Vayres.

-Vậy họ sẽ thuộc đội quân canh phòng ở đây sao?

-Phải.

-Dưới quyền của ông Richon?

-Phải.

-Nhưng, thưa đức ông, người của tôi đến đây làm gì khi trong thành đã có gần ba trăm người rồi? Ồ, không phải vì tò mò, thưa đức ông, mà là vì sợ.

-Anh sợ gì?

-Tôi sợ là họ sẽ bị cho ở không, đó là điều rất đáng tiếc, thật sai lầm khi để một cây súng tôi phải gỉ sét.

-Cứ an tâm đi, anh đại úy, họ sẽ không bị gỉ sét đâu, tám ngày nữa họ sẽ chiến đấu.

-Nếu vậy thì người của tôi sẽ bị giết mất?

-Có thể lắm, nếu như ngoài khả năng chiêu mộ họ, anh có một tài đặc biệt giúp họ không bao giờ bị trúng đạn.

-Ồ, không phải như vậy, chỉ có điều trước khi họ bị giết mất, tôi muốn rằng họ được trả công.

-Anh đã không vừa nói với ta rằng anh đã được trả công mười ngàn livres đó hay sao?

-Vâng, mới từng đó thôi. Xin ngài hãy hỏi ông Lenet đây vốn là một người rất cẩn thận, ông ấy chắc chắn là vẫn nhớ đến những thỏa ước giữa chúng ta.

Vị công tước quay về phía Lenet.

-Đó là sự thật, thưa công tước, chúng ta đã giao cho ông Cauvignac mười ngàn livres để tính vào những chi phí đầu tiên, nhưng chúng ta đã hứa với ông ấy một trăm écus cho mỗi người, ngoài số tiền mười ngàn livres kia.

-Như vậy là chúng ta thiếu anh đại úy đây ba mươi lăm ngàn quan?

-Đúng vậy, thưa đức ông.

-Rồi anh sẽ có món tiền đó.

-Có thể nào chúng ta nói đến ngay bây giờ thưa đức ông?

-Không thể được.

-Tại sao vậy?

-Bởi vì anh là bạn với chúng ta, mà những người xa lạ thì cần được biệt đãi trước tiên. Anh cũng hiểu là chỉ khi nào người ta sợ ai đó người ta mới cần vỗ về, mơn trớn người đó.

-Câu châm ngôn mới tuyệt chứ! – Cauvignac nói – Thế nhưng trong tất cả mọi cuộc thương lượng đều có định kỳ hạn.

-Cứ cho là tám ngày vậy. – Công tước nói.

-Tám ngày. – Cauvignac lặp lại.

-Nhưng nếu sau tám ngày chúng ta không thanh toán được thì sao? – Lenet nói.

-Khi đó, Cauvignac tôi sẽ lại là chủ nhân của đội quân.

-Đúng quá rồi! – Vị công tước nói.

-Và tôi tùy ý sử dụng họ?

-Họ thuộc về anh ki amà.

-Thế nhưng… – Lenet xen vào.

-Không sao – Vị công tước nói – họ đã bị nhốt vào thành rồi còn gì.

-Tôi không thích những kiểu mua bán như vậy. – Lenet lắc đầu trả lời.

-Những chuyện đó rất thường ở vùng Normandie – Cauvignac nói – thường gọi là cho chuộc lại.

-Như vậy là đồng ý rồi hả? – Vị công tước hỏi.

-Hoàn toàn đồng ý. – Cauvignac trả lời.

-Khi nào người của anh lên đường?

-Ngay bây giờ nếu ngài ra lệnh.

-Vậy thì ta ra lệnh.

-Họ sẽ đi ngay, thưa đức ông.

Viên đại úy trở xuống, nói hai câu vào tai Ferguzon và cả đội quân. Cauvignac được hộ tống bởi đám người tò mò tụ tập lại do hình thù kỳ lạ của họ, tiến về phía bến cảng nơi có ba chiếc thuyền đang đợi và sẽ chở họ ngược dòng Dordogne cho đến Vayres, trong khi viên chỉ huy, trung thành với nguyên tắc tự do mà chàng ta vừa mới phát biểu trước mặt ngài De La Rochefoucauld, âu yếm nhìn họ xa dần.

Trong thời gian đó, bà tử tước trở về nhà mình, khóc lóc và cầu nguyện.

“Than ôi! Ta không thể nào cứu vãn được hoàn toàn danh dự của chàng nhưng ít ra ta cũng vớt vát được sĩ diện. Không thể để chàng bại trận bởi vũ lực được, bởi vì ta biết tánh chàng, trước sự tấn công, chàng sẽ chống trả cho đến chết, phải làm sao cho chàng có vẻ như bị thua vì có sự phản trắc. Đến chừng đó, một khi chàng biết được những gì ta đã làm cho chàng, dù có bị thua, chàng cũng sẽ biết ơn ta.”

Và, an tâm bởi niềm hy vọng đó, nàng đứng dậy, viết vài chữ mà nàng giấu vào ngực áo rồi đến gặp phu nhân quận chúa vì bà vừa cho mời nàng đến để cùng theo bà đi giúp đỡ những kẻ bị thương rồi mang sự an ủi và tiền bạc đến cho những bà vợ góa và những đứa con côi.

Bà quận chúa cho mời tất cả những người đã dự phần vào cuộc chinh phạt đến, bà nhân danh mình và cậu quận công D'Enghien để khen ngợi những kẻ có chiến công, nói chuyện rất lâu với Ravailly, chàng này, dù tay đang quấn băng, cũng thề hứa sẽ sẵn sàng làm một cuộc chinh phạt khác ngay ngày mai. Bà đặt tay lên vai D'Espagnet bảo với ông rằng bà xem ông cùng với những người dân Bordeaux dũng cảm như những cột trụ vững chắc nhất của gia đình bà, và bà kích động mạnh đầu óc họ, đến nỗi những kẻ thất vọng nhất cũng thề rằng sẽ trả thù và muốn trở lại Saint-Georges ngay lập tức.

-Không, ngay bây giờ thì không được. – Bà quận chúa nói – Hãy nghỉ ngơi ngày và đêm nay, và vào ngày kia, các bạn sẽ vào đó ở luôn.

Câu nói quả quyết, thốt lên với một giọng cương quyết được đón tiếp bởi những tiếng hò reo hiếu chiến. Mỗi một tiếng kêu đào sâu vào tim của nữ tử tước, vì chúng chẳng khác gì những nhát dao đang đe dọa cuộc sống của người tình.

-Em đã thấy ta hứa với họ như thế nào rồi đó, Claire. – Bà nói – Việc của em là sẽ giúp ta giữ trọn lời hứa đó.

-Xin phu nhân cứ an tâm. – Nữ tử tước trả lời – Em sẽ làm những gì em đã hứa.

Ngay đêm hôm đó, một người liên lạc vội vã lên đường thẳng đến Saint-Georges.

§8

Ngày hôm sau, trong khi Canolles đang đi tuần tra vào buổi sáng, Vibrac đến gần và giao lại cho chàng một mảnh giấy cùng một chiếc chìa khóa do một người đàn ông lạ mặt mang đến vào đêm qua và đã đưa lại cho viên trung úy đội gác bảo rằng không cần phải trả lời.

Canolles giật mình khi nhận ra nét chữ của De Cambes và chàng run rẩy mở ra.

"Trong lá thư vừa qua, tôi đã báo với ông rằng thành lũy Saint-Georges sẽ bị tấn công ngay trong đêm. Trong thư n ày, tôi xin báo rằng thành lũy Saint-Georges sẽ bị chiếm. Là một người lính của đức vua, ông sẽ không bị mối nguy hiểm nào ngoài việc bị bắt giữ làm tù binh, nhưng tiểu thư De Lartigues lại ở trong một tình thế khác và thù hận của mọi người đối với bà ấy rất lớn đến nỗi tôi không đảm bảo mạng sống cho bà ấy nếu như bà ấy bị rơi vào tay những người dân Bordeaux. Hãy khuyên bà ấy trốn đi, tôi sẽ chỉ cách cho ông.

Nơi kế bên giường của ông, sau một tấm thảm có thêu hiệu của các vị lãnh chúa dòng De Cambes, trước kia đã từng là chủ nhân của đảo Saint-Georges mà người chồng quá cố của tôi, ngài tử tước De Cambes, đã tặng lại cho đức vua, ông sẽ thấy một cánh cửa mà đây là chìa khóa. Đó là một trong những cánh cửa mở xuống một đường hầm rộng lớn chạy qua dưới lòng sông và ăn thông đến lâu đài De Cambes. Hãy đưa tiểu thư Nanon De Lartigues trốn theo con đường đó và…, nếu ông yêu bà ấy…, thì hãy cùng trốn với bà ấy.

Tôi lấy danh dự của tôi mà đảm bảo cho mạng sống của bà ấy.

Vĩnh biệt, chúng ta không còn nợ nần gì nhau nữa.

Nữ tử tước De Cambes"

Canolles đọc đi đọc lại lá thư, mặt tái dần đi, chàng cảm thấy, mặc dù không thể nào tìm hiểu điều bí ẩn đó, rằng có một quyền lực phi thưỜng bao trùm lấy chàng và định đoạt cả con người chàng. Con đường hầm được sử dụng để cứu Nanon kia, phải chăng cũng để đưa kẻ thù vào thành?

Vibrac đọc thấy trên gương mặt của chủ tướng nỗi xúc động đó.

-Thưa chỉ huy, tin xấu hay sao? – Chàng ta hỏi.

-Phải, hình như chúng ta sẽ bị tấn công vào đêm mai.

-Mấy tên cứng đầu! – Vibrac nói – Tôi tưởng rằng bọn chúng đã bị đối xử khác đích đáng và chẳng dám chường mặt ra trước tám ngày nữa.

-Ta không cần phải nhắc anh – Canolles nói – là phải canh phòng cẩn mật.

-Xin chỉ huy cứ an tâm. Có lẽ bọn chúng muốn ập đến bất chợt như đêm qua?

-Ta không biết, nhưng chúng ta phải sẵn sàng trước mọi chuyện, và cũng cứ chuẩn bị cẩn thận như lần vừa qua. Anh hãy thay ta đi tuần tra cho xong, ta có vài

mệnh lệnh cần ban phát nên phải trở về nhà đây.

De Vibrac ra dấu đồng ý và bỏ đi với điệu bộ vô tư của những kẻ đã quá quen với hiểm nguy.

Còn Canolles thì trở về phòng riêng, cố gắng để không bị Nanon nhìn thấy, và sau khi biết chắc chỉ còn riêng mình, chàng khóa cửa phòng lại.

Bên cạnh giường chàng ngủ có một tấm thảm thêu những huy hiệu của dòng họ De Cambes, được viền bởi một dải ruban vàng.

Chàng giở dải ruban lên thì thấy khe hở của một cánh cửa.

Cánh cửa ấy mở ra được nhờ chiếc chìa khóa của De Cambes gởi đến cùng với lá thư và một đường hầm rộng hiện ra trước mắt Canolles, rõ ràng là thẳng hướng đến lâu đài De Cambes.

Canolles đứng bất động trong giây lát, đổ mồ hôi. Con đường bí ẩn ấy chắc chắn không phải là duy nhất, làm cho chàng sợ hãi.

Chàng đốt một cây nến và chuẩn bị bước xuống.

Mới đầu chàng bước xuống hai mươi bậc thật dốc, rồi theo một con đường dốc dài hơn, tiếp tục đi sâu vào lòng đất.

Chẳng bao lâu chàng nghe những tiếng động trầm trầm, thoạt đầu khiến cho chàng phải kinh hãi vì không biết nguyên do, nhưng bước tới sâu hơn, chàng nhận ra phía bên trên đầu mình là tiếng rì rầm vô tận của con sông.

Có nhiều đường nứt trên mái hầm, có lẽ nước sông đã thấm vào qua nhiều thời kỳ khác nhau, nhưng đều đã được phát hiện kịp thời nên chúng được trát kín bởi một thứ xi măng về lâu về dài còn chắc hơn cả đá.

Canolles nghe tiếng nước sông chảy bên trên đầu mình trong khoảng mười phút, rồi tiếng ấy giảm dần và chỉ còn là một tiếng róc rách khe khẽ. Cuối cùng cả tiếng róc rách ấy cũng biến mất, thay vào đó là im lặng hoàn toàn, và sau khi đi được năm mươi bước trong cảnh im lặng đó, Canolles đến chân một cầu thang tương tự như cầu thang chàng vừa đi xuống, bên trên là một cánh cửa dày mà mười người đàn ông lực lưỡng chưa chắc đã lay chuyển nổi.

-Bây giờ ta hiểu rồi – Canolles nói – họ sẽ chờ Nanon nơi cánh cửa n ày và sẽ cứu nàng.

Canolles quay về, trở qua dưới con sông, leo lên mấy bậc thang về phòng mình, đóng lại dải ruban và đến gặp Nanon.

§9

Như mọi khi, Nanon đang ngồi trước những tấm bản đồ, thư từ và sách vở. Cô nàng đáng thương cũng đang chiến đấu cho đức vua theo cách riêng của mình. Vừa thấy Canolles, nàng vui mừng đưa tay ra cho chàng.

-Đức vua sắp đến! – Nàng nói – Tám ngày nữa là chúng ta sẽ thoát nạn.

-Hoàng thượng cứ đến. – Canolles mỉm cười buồn bã nói – Nhưng tiếc thay ngài sẽ không vào được đây đâu.

-Ồ, nhưng lần này thì em tin báo chắc chắn mà, chỉ còn tám ngày nữa thôi là ngài sẽ đến đây.

-Nanon à, dù có vội vã đến đâu đi nữa, thì vẫn là muộn đối với chúng ta.

-Anh nói vậy nghĩa là sao?

-Tôi muốn nói là thay vì cứ bận bịu với mớ giấy tờ đó, tốt hơn hết là em nên nghĩ đến cách chạy trốn.

-Trốn? Mà tại sao?

-Bởi vì tôi có nhiều tin xấu, Nanon à. Họ đang chuẩn bị một lần tấn công khác, lần này thì tôi có thể thua.

-Kìa, phải chăng chúng ta đã không thỏa thuận rằng số phận của anh là của em và vinh quang của anh cũng sẽ là của em hay sao?

-Không, không thể như vậy được đâu. Khi còn ở Agen, người ta đã không toàn sát hại em bằng thần hỏa đó hay sao? Họ đã chẳng dìm em xuống sông đó hay sao? Thôi, Nanon, xin hãy thương xót tôi, không nên nghĩ đến việc ở lại, sự có mặt của em có thể sẽ buộc tôi có những hành động hèn nhát.

-Trời ơi, Canolles, anh làm em sợ quá!

-Nanon, anh van em, em hãy thề với anh rằng khi nào thành lũy bị tấn công, em sẽ làm theo như lời anh dặn.

-Ôi, tại sao lại phải thề hứa như vậy chứ?

-Để cho anh còn sức mà sống. Nanon, nếu em không hứa với anh rằng sẽ nghe theo anh hoàn toàn, thì anh thề là anh sẽ tự sát ngay khi có dịp.

-Ôi, Canolles, em sẽ làm theo như anh muốn, em xin thề trên mối tình của chúng ta.

-Hay lắm, Nanon, bây giờ thì anh đã an tâm hơn. Hãy gom góp những món nữ trang quý giá nhất của em, còn vàng em cất ở đâu?

-Trong một cái thùng có đóng quai sắt.

-Hãy chuẩn bị mọi thứ. Sẽ có người mang theo cho em.

-Ôi, Canolles, anh cũng biết rằng gia tài quý giá nhất của em không phải là vàng bạc châu báu. Canolles, tất cả những việc đó phải chăng là để em rời xa anh?

-Nanon, em biết anh là người trọng danh dự chứ, phải không? Đấy anh xin lấy danh dự mà thề với em rằng những gì anh làm đó chỉ là do anh lo sợ nguy hiểm có thể đến với em.

-Và anh tin chắc vào hiểm nguy đó à?

-Anh tin rằng ngày mai Saint – Georges sẽ bị thất thủ.

-Bằng cách nào?

-Anh không biết, nhưng anh tin như vậy.

-Và nếu em bằng lòng trốn?

-Anh sẽ làm tất cả để sống sót, Nanon, anh xin hứa như vậy.

-Anh cứ ra lệnh đi anh yêu, và em sẽ nghe theo anh. – Nanon nói và đưa tay ra nắm lấy Canolles, hai giọt nước mắt lăn dài xuống má.

Canolles siết tay Nanon và bước ra ngoài. Nếu còn nấn ná ở lại, có lẽ chàng đã hứng hai viên ngọc ấy với đôi môi của mình nhưng chàng đặt tay lên lá thư của nàng tử tước và lá bùa ấy giúp chàng có đủ can đảm để rời xa.

Ngày hôm ấy thật cay nghiệt. Lời đe dọa kia có vẻ quả quyết, ngày mai Saint-Georges sẽ bị chiếm, những tiếng ấy cứ vang lên bên tai chàng. Làm sao? Bằng cách nào? Làm sao nàng tử tước lại dám đoán chắc với chàng như vậy? Chàng sẽ bị tấn công theo đường sông? Hay theo đường bộ? Tai họa vô hình nhưng chắc chắn kia sẽ khởi từ đâu? Thật là điên đầu.

Suốt cả ngày, Canolles đưa mắt khắp nơi tìm kiếm quân thù. Tối đến, chàng mở to mắt thăm dò rừng sâu, khắp cánh đồng, suốt con sông, chỉ hoài công, chàng chẳng nhìn thấy gì cả.

Khi đêm đã xuống hẳn, từ lâu đài De Cambes có một ánh đèn sáng lên, đây là lần đầu tiên từ khi đến đảo Saint Georges, Canolles thấy ở đấy có ánh đèn.

-À, họ đã sẵn sàng để cứu Nanon. – Chàng nói, và thở dài.

Trái tim con người mới chứa đựng những bí ẩn kỳ lạ và huyền diệu làm sao! Canolles không còn yêu Nanon nữa, Canolles tôn thờ tử tước phu nhân, thế nhưng khi đến lúc phải chia tay với người mà mình không còn yêu nữa, Canolles cảm thấy tâm hồn se thắt, chỉ đến khi sắp xa nàng, Canolles mới cảm nhận tất cả sức mạnh của tình cảm mà chàng dành cho nữ tử tước yêu kiều kia.

Tất cả đội quân trú phòng đều tỉnh thức và canh chừng trên mặt thành. Canolles đang thăm dò cảnh thinh lặng của đêm tối. Chưa bao giờ bóng đêm lại câm lặng và cô tịch đến như vậy. Không một tiếng động nào khuấy động cảnh hiu quạnh ấy.

Canolles chợt có ý nghĩ rằng quân thù sẽ đến bằng chính đường hầm mà chàng vừa mới khám phá. Điều này không chắc lắm, bởi vì nếu như vậy thì người ta sẽ không cho chàng biết đường hầm đó, nhưng rồi chàng cũng quyết định canh giữ. Chàng cho chuẩn bị một thùng súng với ngòi, chọn một viên đội

khá nhất, lăn cái thùng xuống đến bậc thang cuối cùng của đường hầm, đốt một cây đuốc và đặt tay viên đội. Có hai người nữa đứng gần đó.

-Nếu anh thấy có hơn sáu người xuất hiện nơi đường hầm này – Chàng nói với viên đội – thì hãy bảo họ rút lui, và nếu họ không rút thì anh hãy châm ngòi và cho lăn thùng thuốc súng này, nó sẽ chạy theo con đường dốc và nổ tung giữa bọn chúng.

Viên đội cầm cây đuốc, hai người lính đứng bất động sau y, dưới chân họ là thùng thuốc súng.

Canolles trở lên, an tâm phần nào về mặt này, nhưng về đến phòng, chàng thấy Nanon đang đứng đợi chàng để hỏi tin tức, và đang kinh hoảng trước miệng hầm đen ngòm.

-Trời ơi! – Nàng kêu lên – Tại sao lại có cái cửa này?

-Đây là con đường mà em thoát ra đấy Nanon.

-Anh đã hứa với em rằng anh chỉ buộc em phải trốn đi chừng nào có cuộc tấn công.

-Anh vẫn giữ lời hứa đó.

-Nhưng bên ngoài đảo có vẻ yên tĩnh hoàn toàn.

-Cả bên trong cũng vậy, có phải không? Thế nhưng cách chúng ta hai mươi bước có một thùng thuốc súng với một người cầm ngọn đuốc. Người đó châm đuốc vào thùng thuốc súng thì trong một giây, cả tòa lâu đài này chẳng còn viên gạch nào nguyên vẹn. Yên tĩnh là như vậy đó, Nanon à.

Người thiếu phụ xanh mặt.

-Ôi, anh làm cho em sợ quá! – Nàng kêu lên.

-Nanon, em hãy gọi các cô hầu của em đến và mang vàng bạc theo, có thể là anh lầm và đêm nay chẳng có chuyện gì xảy ra cả, nhưng chúng ta cũng cứ sẵn sàng.

-Ai? – Tiếng của viên đội vang lên dưới đường hầm. Một tiếng khác trả lời, nhưng không có vẻ gì là thù địch.

-Kìa! – Canolles nói – Người ta đến kiếm anh đấy.

-Họ chưa tấn công, anh à, tất cả đều yên tĩnh, hãy để em ở lại với anh, họ sẽ không đến đâu.

Nhưng, Nanon vừa nói xong thì tiếng kêu: Ai? Vang lên ba lần nơi sân trong, và sau tiếng kêu thứ ba là một tiếng nổ súng.

Canolles chạy đến bên cửa sổ và mở ra.

-Báo động! – Lính gác kêu lên – Báo động!

Trong một góc, Canolles thấy một đám đen đen di động, kẻ thù đang ùa vào từ một cánh cửa thấy từ dưới hầm để củi, đúng là dưới căn hầm đó, cũng như nơi phòng của Canolles, có một lối đi chưa ai biết đến.

-Bọn chúng kìa! – Canolles kêu lên – Nhanh lên đi Nanon, chúng đến rồi!

Ngay khi đó, khoảng hai mươi tiếng súng đáp lại tiếng súng của lính gác.

Hai ba viên đạn làm vỡ khung kính cửa sổ mà Canolles vừa mới đóng lại.

Chàng quay lại, Nanon đang quỳ dưới đất.

Nơi cánh cửa trong nhà, những cô hầu của nàng chạy đến.

-Không được chậm trễ một giây nào đâu, Nanon! – Canolles kêu lên – Nhanh lên! Nhanh lên!

Và chàng bế xốc người thiếu phụ lên, cứ như đó là một cọng lông, và bước xuống đường hầm, vừa bảo mấy cô hầu theo chàng.

Viên đội vẫn đứng vào vị trí, tay cầm đuốc, hai người lính đang cầm súng, sẵn sàng nhả đạn vào một nhóm người trong đó hiện ra người quen biết cũ với chúng ta, bác Pompéc mặt tái nhợt, đang cố sức biểu lộ sự thân thiện.

-Ôi, ngài De Canolles! – Bác ta kêu lên – Xin ngài hãy bảo họ rằng chúng tôi là những người mà ngài đang đợi. Quỷ thật, không nên đùa với bạn bè như thế đâu.

-Pompéc! – Canolles nói – Tôi giao cho lão phu nhân đây, một người quen biết của lão đã lấy danh dự mà đảm bảo cho bà ấy, còn lão phải lấy đầu của lão mà bảo đảm với tôi đấy.

-Vâng, vâng, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm. – Pompéc nói.

-Anh Canolles, em không đi đâu! – Nanon kêu lên và níu lấy cổ chàng – Canolles, anh đã hứa là sẽ đi cùng với em.

-Anh đã hứa là sẽ bảo vệ thành lũy Saint Georges cho đến cùng và anh sẽ giữ lời hứa ấy.

Và mặc cho những tiếng kêu khóc, van nài của Nanon, Canolles giao nàng lại cho Pompéc, ông này cùng với mấy tên người hầu của De Cambes và những người hầu của nàng lôi nàng vào con đường hầm sau hút.

Canolles đưa mắt nhìn theo các bóng trắng ấy một hồi lâu. Nhưng sực nhớ rằng các nơi mọi người đang chờ đợi mình nên chàng leo vội lên thang, hét bảo viên đội và hai người lính cùng theo.

De Vibrac đứng trong phòng chàng, đầu không mũi nón, mặt tái nhợt, gươm cầm tay.

-Thưa chỉ huy! – Chàng kêu lên khi nhìn thấy Canolles – Quân thù…, quân thù đến rồi…

-Ta đã biết.

-Phải làm gì bây giờ?

-Hỏi hay nhỉ! Chiến đấu chứ sao nữa.

Canolles chạy ra sân. Trên đường chàng nhìn thấy một cây rìu và vớ lấy nó.

Trong sân đầy kẻ thù, sáu mươi chiến sĩ của đội quân canh phòng đang cố chiến đấu bảo vệ nơi ở của Canolles. Từ trên tường thành đầy rẫy những tiếng kêu la và tiếng súng, chứng tỏ trận chiến đang diễn ra khắp nơi.

-Chỉ huy kìa! Chỉ huy kìa! – Các chiến sĩ kêu lên khi thấy Canolles.

-Can đảm lên các bạn, can đảm lên. – Chàng la to – Chúng ta đã bị đánh úp rồi.

-Chiến tranh là như thế đấy! – Vang lên giọng nói chế giễu của Ravailly, anh chàng này, tay quấn băng, đang thôi thúc binh lính mình bắt cho được Canolles – Hàng đi, Canolles, hàng đi!

-À, cậu đấy hả, Ravailly? – Canolles la to – Mình đã tưởng trả xong món nợ tình cảm rồi chứ. Cậu chưa hài lòng à, thì đây…

Và Canolles, nhảy lên ba bốn bước, ném mạnh cây búa vào Ravailly đến nỗi nó bay sát qua bên viên đại úy của binh đoàn Navailles và chém bể đùi một viên sĩ quan bên địch.

-Kìa, cậu đáp lại câu chào hỏi của mình như vậy đấy hả? Này các bạn, hắn ta điên rồi, hãy nhắm cho kỹ, bắn!

Sau mệnh lệnh đó, tiếng súng nổ ran bên hàng ngũ địch, bên cạch Canolles, năm sáu người ngã xuống.

-Bắn! – Chàng cũng la to – Bắn!

Nhưng chỉ có ba bốn tiếng súng đáp lại. Bị đánh bất chợt vào lúc bất ngờ nhất, vả lại đêm tối làm cho họ hoang mang nên chiến sĩ của Canolles mất hết can đảm.

Canolles thấy rằng chẳng còn cách gì nữa.

-Hãy quay trở vào – Chàng nói với Vibrac – và bảo quân lính cùng vào, chúng ta sẽ chặn lại và chỉ đầu hàng khi bọn chúng tấn công vào.

-Bắn! – Tiếng hô của ngài D'Espagnet và La Rochefoucauld cùng vang lên – Hãy nhớ đến các chiến hữu của chúng ta đã tử trận, hãy trả thù cho họ. Bắn!

Và làn mưa đạn lại rít lên bên tai Canolles, không trúng vào chàng nhưng cũng làm cho hao hụt đi cái nhóm ít ỏi đấy.

-Rút lui! – Vibrac kêu lên – Rút lui!

-Tiến lên! – Ravailly cũng la to – Tiến lên!

Bên địch nhào tới, Canolles cùng với một nhóm không quá mười người cố chống đỡ, chàng nhặt được cây súng của một người lính đã chết và sử dụng nó như một cây gậy.

Các người của chàng quay vào, chàng cùng Vibrac là hai người sau cùng.

Cả hai đóng sập được cánh cửa lại, và lấy thanh sắt chặn ngang, chống đỡ sức tấn công của nhóm người bên ngoài.

Các cửa sổ đều có song sắt.

-Đem rìu, đem đòn bẩy, nếu cần hãy sử dụng cả súng thần công! – Tiếng của công tước De La Rochefoucauld vang lên, phải bắt cho được bọn chúng dù sống hay chết.

Một đợt đạn khủng khiếp tiếp theo tiếng la đó, hai ba viên xuyên qua cánh cửa, một viên cắm vào đùi De Vibrac.

-Chỉ huy ơi! – Chàng ta nói – Tôi bị trúng đạn rồi, hãy lo lấy phần ngài thôi, chẳng liên quan gì đến tôi nữa.

Và chàng ta nằm dài theo vách tường, không thể nào đứng nổi nữa.

Canolles nhìn chung quanh chàng, còn khoảng hơn mười người cầm cự nổi, viên đội mà chàng đã đặt gác nơi đường hầm cũng có mặt.

-Cây đuốc đâu rồi? – Chàng hỏi.

-Thưa chỉ huy, tôi đã vất nó gần bên thùng thuốc súng.

-Nó còn cháy chứ?

-Có lẽ còn.

-Được rồi. Hãy đưa tất cả những cái này ra ngoài cửa sau. Hãy lo cho họ và cho cả anh một cách điều đình nào tốt nhất, phần còn lại để mặc ta…

-Nhưng, thưa chỉ huy…

-Hãy tuân lệnh.

Viên đội cúi đầu ra hiệu cho các người lính đi theo mình. Chẳng bao lâu tất cả đều biến mất sau những dãy phòng, họ đã hiểu ý định của Canolles và không muốn cùng bị nổ banh xác với chàng.

Canolles lắng tai nghe: Có tiếng rìu bổ vào cửa, và tiếng súng vẫn nổ ran.

Đột nhiên, một tiếng ồn ào cho biết là cửa đã bị phá, Canolles nghe tiếng những kẻ tấn công đang ùa vào lâu đài vừa la hét ầm ĩ.

"Được lắm!" Chàng lẩm bẩm "Chỉ năm phút nữa thôi, những tiếng reo hò vui mừng đó sẽ biến thành những tiếng kêu tuyệt vọng."

Và chàng nhảy bổ vào đường hầm.

Nhưng, bên thùng thuốc súng, một chàng trai trẻ đang ngồi đấy, cây đuốc để dưới chân, hai tay ôm lấy mặt.

Nghe tiếng chân, chàng trai ngẩng đầu lên và Canolles nhận ra De Cambes phu nhân.

-Ôi! – Nàng kêu lên – Chàng đây rồi!

-Claire! – Canolles lẩm bẩm – Em đến đây làm gì?

-Để cùng chết với ông, nếu ông muốn chết.

-Tôi đã bại trận, để mất danh dự, tôi phải chết thôi.

-Ông đã được cứu thoát một cách vẻ vang, cứu thoát bởi tôi.

-Bại trận vì em! Em có nghe họ không? Họ đang đến đây, hãy đi đi Claire, hãy đi theo con đường hầm này, em còn năm phút nữa, kịp cho em thoát ra.

-Tôi không đi, tôi ở lại đây.

-Nhưng em có biết tôi xuống đây để làm gì không?

De Cambes nhặt cây đuốc lên đến gần thuốc súng.

-Tôi đã biết rồi.

-Claire! – Canolles hốt hoảng kêu lên – Claire!

-Hãy nhắc lại một lần nữa rằng ông muốn chết, và chúng ta sẽ cùng chết với nhau.

Khuôn mặt nhợt nhạt của tử tước phu nhân mang một vẻ cương quyết vô cùng khiến cho Canolles hiểu rằng nàng sẽ hành động như vừa nói. Chàng dừng lại: -Nhưng mà em muốn gì?

-Tôi muốn ông hãy hàng đi!

-Không bao giờ!

-Thời gian rất quý giá. – Tử tước phu nhân nói tiếp – Ông hãy hàng đi. Tôi mang đến cho ông mạng sống, tôi mang đến cho ông danh dự.

-Vậy hãy để cho tôi thoát khỏi đây, tôi sẽ đặt thanh gươm dưới chân đức vua và xin ngài cho một cơ hội để phục thù.

-Ông sẽ không đi.

-Tại sao vậy?

-Bởi vì tôi không thể nào sống như vậy được, bởi vì tôi không thể sống xa ông, bởi vì tôi yêu ông.

-Tôi xin hàng, tôi xin hàng! – Canolles kêu lên và quỳ xuống bên chân Claire, ném ra xa cây đuốc trong tay chàng.

"Ồ!" Nữ tử tước thầm thì "Lần này thì ta nắm được chàng rồi, sẽ không ai cướp chàng ra khỏi tay ta được nữa."

§10

Chuyến trở về Bordeaux lần này của đội quân của hoàng thân thật khác hẳn với lần trước. Lần này vòng nguyệt quế dành cho tất cả mọi người, kể cả kẻ bại trận.

Sự tế nhị của phu nhân De Cambes đã dành một phần lớn chiến thắng cho Canolles, nên khi vừa bước qua cổng thành cùng với Ravailly, người bạn mà hai lần chàng đã suýt giết chết và chàng hoan nghinh như vị chỉ huy đại tài và được khen ngợi như một người lính dũng cảm.

Những kẻ chiến bại của ngày hôm trước, và nhất là những ai đã bị trúng một cú nào đó vào người trong trận chiến vừa qua dĩ nhiên là mang ít nhiều thù hận đối với những kẻ thắng trận. Nhưng, Canolles thật là bảnh trai, dễ thương và giản dị, chàng được tình thế mới của mình một cách vui vẻ và bình thản quá, bao vây chung quanh chàng là một nhóm bạn bè quá ư vồn vã, các sĩ quan và binh lính của trung đoàn Navailles cứ mãi luôn khen ngợi chàng đến nỗi các ngài dân Bordeaux rất chóng quên. Vả lại họ cũng còn nhiều chuyện khác phải nghĩ đến. Ngài De Bouillon đến vào hôm sau hoặc hôm sau nữa, và những tin tức chính xác nhất thông báo rằng trễ lắm là sau tám ngày, đức vua sẽ đến Libourne.

Phu nhân De Condé rất muốn gặp Canolles, bà nấp sau rèm cửa nhìn chàng đi ngang qua và thấy chàng có phong thái của kẻ hoàn toàn chiến thắng rất tương xứng với những lời đồn đại về chàng.

Trái với ý kiến của phu nhân quận chúa, bà De Tourville cho rằng chàng không được lịch thiệp cho lắm. Lenet công nhận rằng chàng là một người mã thượng, còn ngài De La Rochefoucauld thì chỉ nói: -À, à! Vị anh hùng của chúng ta đấy.

Người ta chỉ định cho chàng một nơi ăn ở, tại pháo đài lớn của thành phố, lâu đài Trompette. Ban ngày chàng hoàn toàn tự do đi dạo trong thành phố, giải quyết công việc của mình hoặc giải trí tùy thích. Đến tối thì chàng quay về tất nhiên với lời hứa danh dự rằng sẽ không trốn đi hoặc liên lạc với bên ngoài.

Trước khi thực hiện câu cam kết đó, Canolles đã xin phép được viết một lá thư ngắn, và sau khi được phép, chàng đã tìm cách gửi đến cho Nanon lá thư sau:

"Nanon thân yêu, bị bắt làm tù binh, nhưng hoàn toàn tự do với lời cam kết sẽ không liên lạc với bên ngoài, nên anh viết vài hàng gởi đến em cùng với tình thân ái của anh và xin em đừng nghi ngờ gì về sự bặt tin của anh. Anh trông cậy vào em để bảo vệ danh dự của anh trước mặt đức vua và hoàng hậu.

Nam tước De Canolles."

Qua những điều kiện mà chúng ta nhận thấy rõ ràng là quả dễ chịu đó, có thể nhận ra ảnh hưởng của phu nhân De Cambes.

Phải mất đến năm sáu ngày Canolles mới thoát khỏi những bữa tiệc và lễ hội mà bạn bè khoản đãi, luôn luôn mọi người trông thấy chàng cùng với Ravailly khoác tay nhau vui vẻ đi ngoài đường.

Hơn nữa, từ khi về đây, chàng rất ít được gặp nữ tử tước De Cambes, và chỉ nói được vài câu hiếm hoi. Hình như nữ tử tước đã cảm thấy hài lòng vì Canolles không còn ở gần Nanon nữa và sung sướng vì có chàng gần bên mình. Thế là Canolles viết cho nàng vài câu trách móc nhẹ nhàng, nàng liền giới thiệu với gia đình để lo tiếp đón chàng. Còn hơn thế nữa, nhờ Lenet, Canolles được phép đến diện kiến bà phu nhân quận chúa, và anh chàng tù binh đẹp trai thỉnh thoảng lại đến lượn lờ chung quanh các bà tùy tùng của vị phu nhân.

Ngoài ra, không có người đàn ông nào lại thờ ơ trước những vấn đề chính trị hơn Canolles. Được nhìn thấy phu nhân De Cambes, trao đổi vài câu với nàng, còn nếu không thể trò chuyện được thì nhìn thấy một cử chỉ âu yếm, được siết tay nàng khi nàng bước lên xe, hoặc mang nước thánh đến cho nàng ở nhà thờ mặc dù chàng thuộc giáo phái tin lành. Đấy là những bận rộn quan trọng hơn cả trong ngày tháng của chàng tù binh.

Ban đêm, chàng nghĩ đến công việc bận rộn quan trọng ban ngày.

Thế nhưng, sau một thời gian ngắn, người tù binh ấy không còn hài lòng với những thú tiêu khiển đó nữa. Nhưng chàng hiểu rằng phu nhân De Cambes, với sự tế nhị tinh tế của mình, e ngại cho danh dự của chàng hơn chính là danh dự của nàng, nên chàng đành tìm cách kiếm thêm những trò tiêu khiển khác. Một lần, chàng đấu gươm với một viên sĩ quan của quân đội trú phòng rồi cùng với hai người dân khác, và bằng cách đó, giải khuây được vài giờ. Nhưng vì chàng đánh rơi gươm của một đối thủ và làm bị thương hai người kia, nên chẳng bao lâu trò tiêu khiển đó cũng trở nên hiếm hoi, chẳng còn ai để giải khuây cho chàng.

Rồi có một hai lần chàng gặp được may mắn. Không có gì là lạ cả, như chúng ta đã nói, ngoài việc chàng khá đẹp trai từ khi chàng trở thành tù binh thì có khá nhiều người quan tâm đến chàng. Suốt ba ngày liền và cả buổi sáng của ngày thứ tư, mọi người đều nói đến việc chàng bị bắt làm tù binh, chẳng khác gì với cảnh tù đầy của người hoàng thân.

Một hôm, với hy vọng sẽ được gặp phu nhân De Cambes tại nhà thờ, nhưng phu nhân De Cambes, có lẽ vì ngại sẽ gặp chàng nên đã không đến đấy, chàng trai đã mang nước thánh đến cho một phụ nữ kiều diễm mà chàng chưa quen biết. Đấy không là lỗi của Canolles, nhưng do lỗi của phu nhân De Cambes, nếu nữ tử tước đến, chàng đã chỉ nghĩ đến nàng, chỉ nhìn thấy nàng và sẽ chỉ mang nước thánh đến cho nàng.

Ngay ngày hôm ấy, đang khi Canolles thắc mắc không biết người đẹp kia là ai thì chàng nhận được một lá thư mời đến chơi buổi tối tại nhà viên chưởng lý

Lavie, chính người đã ngăn cản việc nhập thành của phu nhân quận chúa, và với tư cách là người bề tôi của đức vua, cũng bị căm ghét không kém gì ngài d'Épernon. Canolles, với nhu cầu giải khuây, hân hoan nhận lời mời, và lúc sáu giờ chiều, chàng đến nhà viên chưởng lý.

Đến vào giờ đó, có lẽ là khá kỳ lạ đối với thời đại chúng ta nhưng có hai lý do để Canolles đến nơi hẹn sớm như vậy. Thứ nhất, là vì vào thời đó người ta thường dùng bữa ăn sớm, lý do thứ hai là vì chàng thường trở về tòa lâu đài Trompette vào lúc chín giờ rưỡi tối, nên nếu không muốn chỉ có mặt trong chốc lát, thì chàng phải là một trong những người đến sớm.

Vào đến phòng khách, Canolles thốt ra một tiếng kêu vui mừng: Phu nhân Lavie chẳng ai khác hơn là người phu nhân kiều diễm mà chàng đã mang mời nước thánh tại nhà thờ.

Canolles được đón tiếp nồng hậu tại nhà viên chưởng lý thuộc phái bảo hoàng. Chàng vừa giới thiệu xong thì những câu ca ngợi tràn đến, đủ để làm xiêu lòng một trong bảy nhà hiền triết của nước Hy Lạp. Người ta ví sự chống trả của chàng trong đợt tấn công đầu tiên như chiến công của Horaties, Cocles và sự thất bại của chàng như thất bại của thành Troie, hoang tàn bởi trò xảo thuật của Ulyse.

-Thưa ông Canolles thân mến! – Viên chưởng lý nói với chàng – Tôi biết rằng tại triều đình có nói nhiều đến ông, công cuộc phòng thủ của ông đã mang vinh quang đến cho ông, và hoàng hậu cũng đã thề sẽ chuộc lại ông khi có dịp và chừng nào ông trở về phục vụ cho người thì sẽ là với chức vụ tư lệnh quân đội hoặc là thống tướng. Sao, ông có muốn được chuộc lại không?

-Thưa ngài – Canolles trả lời vừa ném một ánh mắt sắc lẻm về phía phu nhân Lavie – tôi xin cam đoan với ngài rằng ý muốn thành thật hiện tại của tôi là hoàng hậu không nên vội vã làm gì, bà sẽ chuộc lại tôi bằng tiền hoặc sẽ trao đổi với một sĩ quan cao cấp nào đó. Tôi không xứng đáng với món tiền đó cũng như với danh dự kia. Ở trong thành Bordeaux này thật dễ chịu đối với tôi và tôi sẽ đợi cho đến khi nào ngài chiếm được thành, như vậy hoàng hậu sẽ có được tôi mà không tốn kém gì cả.

Phu nhân Lavie mỉm cười duyên dáng: -Quỷ thật! – Ông chồng của bà nói – Ông chẳng vẻ gì nôn nóng muốn được tự do nhỉ?

-Kìa, tại sao tôi lại phải nôn nóng chứ? Thế ngài tưởng rằng tôi cảm thấy dễ chịu khi lại phải nhận chức vụ và cứ buộc phải giết ai đó trong đám bạn của mình hay sao?

-Nhưng cuộc sống của ông ở đây như thế nào? Một cuộc sống không xứng đáng với một người như ông, phải đứng ngoài mọi cuộc họp, mọi toan tính, buộc phải nhìn mọi người phục vụ cho lý lẽ của họ còn ông thì phải khoanh tay ngồi đó, vô ích, bất lực, tình cảnh này chắc phải làm cho ông khó thở.

Canolles nhìn phu nhân Lavie, bà cũng đang nhìn về hướng chàng.

-Không đâu. – Chàng nói – Ngài lầm rồi, tôi hoàn toàn không buồn chán gì cả. Ngài quan tâm đến chính trị, mà chính trị thì chán ngắt, còn tôi quan tâm đến tình yêu, điều này lại khá thú vị. Các ngài, kẻ này phục vụ cho hoàng hậu, người kia phục vụ cho quận chúa, còn tôi, tôi không theo phò riêng một vị phu nhân.

Câu trả lời được tán thưởng và nữ chủ nhà phát biểu ý kiến của mình bằng một nụ cười.

Chẳng bao lâu, người ta tổ chức chơi bài, và Canolles cũng chơi. Phu nhân Lavie theo về cánh với chàng chống lại ông chồng, khiến cho ông này bị thua mất năm trăm pistoles.

Ngày hôm sau, không biết vì lý do vì sao mà đám đông mưu toan một cuộc bạo động. Một người theo phe các hoàng thân, cuồng tín hơn tất cả, đề nghị ném đá vào các ô cửa kính nhà ông Lavie. Khi các cửa kính đều vỡ cả, một người khác đề nghị đốt nhà. Họ vừa bắt đầu đốt đuốc lên thì Canolles đến cùng với một nhóm của trung đoàn Navailles, đưa phu nhân Lavie đến một nơi an toàn và cứu chồng bà khỏi tay nhóm bạo động đang toan treo cổ ông lên vì đã không thể đốt nhà ông được.

-Sao, thưa nhà hoạt động. – Canolles nói với ngài chưởng lý đang run lẩy bẩy vì sợ – Bây giờ thì ngài nghĩ sao về cảnh nhàn nhã của tôi? Không làm gì cả như tôi là đúng nhất có phải không?

Sau đó, chàng trở về lâu đài Trompette, vì đã đến giờ. Về đến nơi, chàng thấy trên bàn có một lá thư mà hình dáng bên ngoài khiến tim chàng đập mạnh và nét chữ làm chàng phải giật mình.

Đó là nét chữ của phu nhân De Cambes.

Canolles mở vội lá thư và đọc.

"Ngày mai, ông hãy đến nhà thờ dòng Cames một mình vào khoảng sáu giờ chiều, và hãy ngồi vào trong tòa giải tội đầu tiên bên trái. Ông sẽ thấy cửa không đóng."

-Chà! – Canolles nghĩ bụng – Ý nghĩ thật độc đáo. Còn có phần tái bút nữa.

"Chớ nên khoe khoang về nơi mà ông đã đến hôm qua và hôm nay Bordeaux không phải là một thành phố theo phái bảo hoàng, ông nên nhớ điều đó, và ông cũng nên suy nghĩ đến số phận mà ngài Lavie lẽ ra đã phải gánh chịu nếu không có ông."

-Được lắm! – Canolles tự nhủ – Nàng đang ghen. Như vậy là ta đã hành động đúng, khi đến nhà ngài Lavie ngày hôm qua và hôm nay, dù cho nàng có nói sao đi nữa.

§11

Cần phải nói rằng từ khi về Bordeaux đến giờ, Canolles đã trải qua mọi giai đoạn của một mối tình đau khổ. Chàng đã thấy tử tước phu nhân được yêu chiều và săn đón, còn chàng thì không được quyền như vậy mà chỉ thỉnh thoảng được ném cho vài cái nhìn an ủi vì nàng muốn tránh những lời đàm tiếu. Sau màn kịch xảy ra dưới đường hầm, sau những câu trao đổi nóng bỏng giữa hai người trong khoảnh khắc tột cùng thì thái độ hiện tại của nàng thật là lạnh như đá. Thế nhưng vì biết rằng mình vẫn được yêu thực sự mặc dù bên ngoài lạnh lùng đó, nên Canolles đã tự xem như một người tình bất hạnh giữa những kẻ may mắn nhất. Dầu sao thì vấn đề cũng dễ thôi. Vì đã thề hứa sẽ không liên lạc gì với bên ngoài nữa, nên chàng đã đẩy lùi hình ảnh Nanon vào một góc nhỏ của lương tâm, nơi dành cho những dằn vặt nho nhỏ về tình yêu.

Thế nhưng, có đôi lúc khi nụ cười tươi vui nhất sắp nở trên môi chàng, khi chàng sắp thốt ra những câu nói bóng bẩy nhất, thì bỗng nhiên, một đám mây làm tối sẫm ánh mắt chàng, một tiếng thở dài thoát ra. Tiếng thở dài ấy là dành cho Nanon, đám mây ấy, là kỷ niệm của quá khứ, đang bắt đầu làm u ám những ngày hiện tại.

Phu nhân De Cambes đã nhận ra những khoảnh khắc buồn phiền đó, con mắt thông minh của nàng đã nhìn thấu đáy sâu tâm hồn của Canolles, và nàng nghĩ rằng không thể để Canolles một mình với nỗi buồn như vậy được. Và nàng đã gởi đi lá thư kia.

Không cần phải nói thêm rằng tất cả mọi ý nghĩ đều biến mất ngay sau khi chàng vừa nhận được lá thư. Vừa đọc xong, chàng tự nhủ làm sao mình có thể yêu một người khác được ngoài phu nhân De Cambes, và đọc lại một lần nữa thì chàng đã tin rằng từ trước đến giờ chỉ mới yêu phu nhân De Cambes.

Canolles trải qua một đêm bồn chồn, hạnh phúc đền bù cho sự mất ngủ. Dù rằng cả đêm chỉ chợp mắt được một lúc, nhưng sáng sớm chàng đã dậy ngay.

Mọi người đều biết những người đang yêu trải qua những giây phút trước giờ hẹn như thế nào. Họ cứ nhìn đồng hồ, chạy tới chạy lui mà không nhận ra ngay cả những người bạn thân nhất. Canolles có tất cả mọi hành động điên cuồng của một người ở trong trạng thái đó.

Đúng sáu giờ, chàng đến thẳng tòa giải tội, cửa không đóng. Qua những cửa kính mờ tối, nắng đã bắt đầu tắt, toàn thể bên trong ngôi thánh đường chìm đắm trong mọi thứ ánh sáng dìu dịu dành cho kẻ đang cầu nguyện và những kẻ đang yêu. Canolles sẵn sàng trả một năm của đời mình để không bị mất đi niềm hy vọng ngay lúc đó.

Chàng nhìn chung quanh để biết rằng ngôi nhà thờ hoàn toàn vắng người, và lẳng lặng bước vào tòa giải tội, đóng cửa lại.

Một lát sau, Claire hiện ra nơi ngưỡng cửa, người trùm kín trong một chiếc áo choàng dày, có Pompéc đứng gác bên ngoài, rồi đến lượt mình, sau khi đã biết chắc sẽ không có ai nhìn thấy, nàng đến quỳ bên tòa giải tội.

-À! Bà đấy phải không? – Canolles nói – Bây giờ bà mới rủ lòng thương đến tôi!

-Cân phải vậy thôi, bởi vì ông đang gặp nguy khốn. – Claire nói.

-Như vậy, thưa bà – Canolles nói – chỉ là do lòng thương hại mà tôi được hân hạnh giáp mặt với bà đây. Ồ! Xin bà phải công nhận rằng tôi có quyền đòi hỏi nhiều hơn thế nơi bà.

-Chúng ta hãy nói chuyện nghiêm túc. – Claire nói, cố gắng kềm hãm giọng nói xúc động của mình – Vì đây là một nơi thánh, ông đã tự hại mình khi đến nhà ông Lavie, kẻ thù số một của phu nhân quận chúa. Hôm qua phu nhân đã nói lại với ông De La Rochefoucauld mà ông này thì đã biết tất cả, và bà đã nói mấy câu khiến tôi phải kinh hoàng: "Nếu chúng ta cần phải đề phòng những cuộc mưu loạn trong đám tù binh, thì chúng ta sẽ phải tỏ ra nghiêm khắc thay cho thái độ dễ dãi trước đây, với những tình t(ế khẩn cấp thì phải có những biện pháp cứng rắn, chúng ta không chỉ sẵn sàng quyết định mà còn phải cương quyết thi hành."

Tử tước phu nhân nói ra những lời đó với một giọng quả quyết.

-Thưa bà, tôi không phải là bề tôi của quận chúa phu nhân nhưng là của bà, có thế thôi, tôi chỉ đầu hàng bà, với một mình bà, bà cũng biết lý do nào và với điều kiện nào.

-Tôi không tin – Claire nói – rằng chúng ta đã nói đến điều kiện.

-Không phải ngoài miệng, nhưng trong trái tim. Ôi, thưa bà, bà đã nói với tôi như thế nào, bà đã hứa hẹn với tôi một hạnh phúc như thế nào, bà đã cho tôi những hy vọng như thế nào?… Ôi, thưa bà, bà hãy nhìn nhận rằng bà đã quá tàn nhẫn.

-Kìa, tại sao ông lại đi trách móc bởi vì tôi chỉ chăm lo đến hạnh phúc của ông ngang bằng với của tôi? Có lẽ nào ông không hiểu mà cũng không đoán được rằng tôi đau khổ không kém gì ông, mà có khi lại còn hơn ông bởi vì tôi không có đủ sức lực để chịu đựng nỗi đau khổ đó? Xin hãy nghe tôi đây, bạn thân mến, tôi đã đau khổ nhiều hơn ông bởi vì tôi có một lo âu là ông, ông không thể nào có được, chính vì, ông cũng biết rồi đấy, tôi chỉ yêu có mình ông. Còn ông, ông còn nuối tiếc gì về người vắng mặt, và những hoài vọng nào không hướng về tôi không?

-Thưa bà, bà đã đòi hỏi tôi phải thành thật, vậy tôi xin đáp lại thành thật. Vâng, khi bà để tôi lại với những ý nghĩ đau đớn của riêng tôi, khi bà để tôi phải đối mặt với quá khứ của tôi, và cả những khi bà tránh ánh mắt của tôi, vâng,

những khi đó, tôi tự giận mình tại sao đã không tìm đến cái chết trong chiến đấu, tôi trách mình đã đầu hàng, tôi hối hận, tôi nuối tiếc.

-Nuối tiếc?

-Vâng, thưa bà, nuối tiếc, bởi vì hoàn toàn là sự thật như đấng Tối cao đang ngự trên bàn thờ trước mặt tôi với bà, vào giờ này có một người phụ nữ khác đang khóc lóc, buồn phiền, sẵn sàng hy sinh mạng sống vì tôi và cũng đang tự nhủ rằng tôi là một thằng hèn và là một kẻ phản bội.

-Ồ! Thưa ông.

-Đúng vậy, thưa bà, người ấy đã không tạo ra tôi như ngày nay đó sao? Người ấy đã không có được lời hứa của tôi sẽ được cứu thoát đó hay sao?

-Nhưng, hình như ông cũng đã cứu bà ấy rồi kia mà.

-Phải, khỏi những kẻ thù sẵn sàng hành hạ nàng, nhưng không khỏi niềm tuyệt vọng đang xé nát con tim một khi nàng biết được rằng chính với bà mà tôi đã đầu hàng.

Claire cúi đầu thấp và thở dài.

-Như vậy là ông không yêu tôi! – Nàng nói.

Đến lượt Canolles thở dài.

-Thưa ông, tôi không muốn dụ dỗ ông. – Nàng nói tiếp – Tôi không muốn để cho ông mất mát đi một người bạn gái đáng giá hơn tôi, thế nhưng ông cũng biết rồi đấy, cả tôi nữa, tôi cũng yêu ông, tôi đến đây hỏi xin tình yêu của ông, một tình yêu trọn vẹn, tôi đến đây để nói với ông rằng tôi tự do hoàn toàn đây, bàn tay tôi đây, tôi mang nó đến cho ông bởi vì tôi chẳng có ai để chống lại ông, tôi chẳng biết hơn được ông.

-Ôi, thưa bà! – Canolles kêu lên – Bà đã làm cho tôi trở nên kẻ hạnh phúc nhất trên thế gian này!

-Nhưng còn ông – Nàng buồn rầu nói – ông không yêu tôi.

-Tôi yêu bà vô cùng, không thể nào nói ra hết được những đau khổ mà tôi đã chịu đựng trước sự im lặng và thái độ dè dặt của bà.

-Trời ơi! Tại sao đàn ông các ông không chịu hiểu gì cả vậy? Tại sao ông lại không hiểu rằng tôi không muốn để ông phải đóng một vai trò kỳ cục, rằng tôi không muốn để cho bất cứ ai có thể nghĩ rằng sự thất thủ của Saint Georges là một vấn đề đã được dàn xếp giữa ông và tôi. Không, tôi muốn rằng dù có được chuộc lại bởi hoàng hậu hay bởi tôi đi nữa thì ông cũng thuộc về tôi trọn vẹn. Thế nhưng, ông đã không muốn chờ đợi.

-Ồ! Thưa bà, bây giờ tôi sẽ đợi. Một giờ như hiện tại, một lời hứa từ giọng nói dịu dàng của bà vừa nói rằng bà yêu tôi và tôi sẽ chờ đợi đến bao lâu cũng được.

-Ông vẫn còn yêu De Lartigues! – Phu nhân lắc đầu nói.

-Thưa bà, nếu tôi nói rằng giữa tôi với người ấy chỉ còn là một thứ tình bạn, như vậy là tôi nói dối, nhưng xin hãy tin tình cảm đó giữa tôi với người ấy. Còn tất cả tình yêu của tôi đều dành cho bà.

-Ôi! Tôi không biết có nên nhận điều đó hay không, tấm lòng ông rộng rãi quá.

-Xin bà hãy nghe tôi. – Canolles lại nói – Tôi sẵn sàng chết để tránh cho bà phải đổ một giọt lệ, thế mà tôi đang làm cho người ấy phải đau khổ. Đáng thương thay, nàng có nhiều kẻ thù và những ai không quen biết nàng đều căm ghét nàng. Còn bà, còn những người quen biết thì yêu mến bà. Vậy hãy nghĩ đến sự khác biệt giữa hai tình cảm đó, tình cảm thứ nhất là do bởi lương tâm, cái sau do bởi trái tim tôi.

-Cám ơn bạn thân yêu. Nhưng có thể là ông chỉ xiêu lòng trong khoảnh khắc trước sự có mặt của tôi, và sau này ông sẽ hối hận. Hãy cân nhắc kỹ lưỡng những câu nói của tôi. Ngày mai ông hãy trả lời tôi. Nếu ông có muốn nói gì với bà De Lartigues hoặc nếu ông muốn về lại với bà ấy, thì ông hoàn toàn tự do, ông Canolles, tôi sẽ cầm tay ông và đưa ông ra đến tận cổng thành Bordeaux.

-Thưa bà, chờ đến ngày mai mà làm gì, tôi nói đây với một con tim cháy bỏng và một tinh thần sáng suốt. Tôi yêu bà, tôi chỉ có bà và sẽ chỉ một mình bà thôi.

-Ôi! Xin cám ơn! Xin cám ơn! – Claire kêu lên, gạt tấm lưới sang một bên, và đưa bàn tay qua ô cửa. Bàn tay tôi đây, trái tim tôi đây.

Canolles nắm lấy bàn tay ấy và tới tấp hôn lên.

-Lão Pompéc vừa ra hiệu là đã đến lúc trở ra. – Claire nói – Có lẽ người ta sắp đến đóng cửa nhà thờ. Xin chào bạn thân yêu, ngày mai ông sẽ được biết ý định của tôi về ông, nói đúng hơn là về chúng ta. Ngày mai ông sẽ hạnh phúc, bởi vì tôi sẽ hạnh phúc.

Và, không thể kềm chế được nỗi xúc động, nàng kéo bàn tay chàng về phía mình, hôn lên mấy đầu ngón tay, rồi nhẹ nhàng bỏ đi, để Canolles lại một mình nhưng hạnh phúc như chưa bao giờ.

§12

Trong thời gian đó, như Nanon đã nói, nhà vua, hoàng hậu cùng ngài hồng y và ông De La Mazarin đã lên đường để đến trừng trị thành phố phiến loạn đã dám công nhiên theo về phe các hoàng thân. Họ đang đến gần.

Đến Libourne, đức vua tiếp một phái đoàn dân chúng Bordeaux, đến cam kết với ngài về sự tôn kính và lòng tận tụy của họ, nhưng xét tình thế hiện tại, điều đó khá kỳ lạ.

Bởi vậy, hoàng hậu tiếp phái đoàn với tất cả vẻ uy nghi của bà.

-Thưa các ông, chúng tôi sẽ tiếp tục đi đến Vayres. Đến đó, chúng tôi sẽ có dịp nhận xét về sự tôn kính và lòng tận tụy của các ông.

Nghe nói đến Vayres, những người của sứ bộ, có lẽ đã biết được một điều gì đó, mà hoàng hậu chưa biết, nên đưa mắt nhìn nhau, đầy lo âu. Hoàng hậu Anne D'Autriche, một người không bao giờ để sót điều gì, không thể không nhận ra ánh mắt đó.

-Chúng ta hãy đi ngay đến Vayres. – Bà nói – Ở đấy rất dễ chịu theo như ông d'Épernon đã nói, chúng ta sẽ để đức vua trú ngụ ở đấy.

Rồi quay về phía viên đại úy và đám tùy tùng của mình.

-Ai chỉ huy ở Vayres? – Bà hỏi.

-Thưa hoàng hậu – Guitaut trả lời – người ta nói rằng là một vị tổng đốc mới.

-Một người tín cẩn chứ? – Hoàng hậu nhíu mày.

-Một người mà ngài công tước d'Épernon…

Trán của hoàng hậu dãn ra.

-Nếu như vậy, chúng ta hãy đi nhanh lên. – Bà nói.

-Tâu hoàng hậu – Công tước De La Meilleraye nói – xin cứ làm theo như ý hoàng hậu, nhưng tôi nghĩ rằng không đi nhanh hơn đội quân. Nếu có một cuộc biểu dương thanh thế trước thành lũy Vayres, hãy để cho các thần dân của đức vua biết được sức mạnh của ngài, như vậy sẽ làm cho những thần dân trung thành của người thêm hăng hái và làm nhụt chí những kẻ gian trá.

-Tôi nghĩ rằng ông De La Meilleraye đã nói đúng. – Hồng y De Mazarin nói.

-Còn tôi thì cho rằng ông ta nói như vậy là sai. – Hoàng hậu trả lời – Chúng ta không việc gì phải sợ Bordeaux, đức vua mạnh bởi uy danh của chính mình chứ không phải do quân đội.

Ông De La Meilleraye cúi ra chiều tuân phục.

Hoàng hậu gọi Guitaut, ra lệnh bảo nhóm tất cả đội cậnvệ, đội ngự lâm cùng đội khinh kỵ binh lại. Đức vua lên ngựa và dẫn đầu. Người cháu gái của ngài Mazarin cùng các bà tùy tùng lên một cỗ xe ngựa.

Mọi người lên đường đến Vayres. Quân đội theo sau, và vì đoạn đường chỉ dài khoảng năm mươi dặm, nên đội quân có lẽ sẽ đến sau đức vua khoảng ba bốn giờ và sẽ đóng trại bên bờ trái của con sông Dordogne.

Đức vua vừa được mười hai tuổi, thế nhưng đã là một chàng kỵ sĩ tài ba, biết khéo léo điều khiển con ngựa của mình, và cả con người ngài toát lên cái vẻ kiêu hãnh của dòng họ mình, nó khiến sau này ngài trở thành vị vua coi trọng nghi thức bề ngoài nhất Châu Âu. Được nuôi dưỡng với sự chăm sóc của hoàng hậu, nhưng luôn bị đè nặng bởi tính keo kiệt bủn xỉn của Mazarin, ngài luôn phải chịu thiếu thốn những thứ nhu cầu nhỏ nhặt nhất, và vô cùng sốt ruột chờ đợi ngày trưởng thành của mình, sẽ là ngày 5 tháng 9 sắp tới đây và chưa đi qua tính khí thất thường trẻ con ngài đã để lộ tính cách của mình sau này. Cuộc chinh phạt này rất hợp với ngài, coi như ngài đã bước qua tuổi trưởng thành, bắt đầu tập sự làm chỉ huy, tập sự cai trị. Bởi vậy ngài kiêu hãnh ngồi trên lưng ngựa, khi thì đến bên cửa xe chào hoàng hậu, và cười nụ với phu nhân De Frontenac, mọi người đồn rằng ngài đang mê bà này, khi thì bước lên phía trước, trò chuyện với ông De La Meilleraye và lão Guitaut về những cuộc chinh phạt của đức vua Louis XIII và những chiến công của ngài hồng y quá cố (hồng y Riechelieu).

Trong khi vừa đi vừa trò chuyện như vậy, quãng đường đã được rút ngắn bớt và những tháp cao và chòi canh của thành lũy Vayres đã bắt đầu hiện ra từ đằng xa. Thời tiết ấm áp, cảnh sắc tuyệt đẹp, mặt trời chiếu những tia nắng xiên xiên xuống dòng sông, thật chẳng khác gì một cuộc đi dạo. Đức vua đi giữa ông De La Meilleraye và Guitaut, mắt lăm le nhìn về thành lũy, ở đấy hoàn toàn lặng lẽ mặc dù đám lính canh trên cao chắc chắn là đã nhìn thấy tiền quân rực rỡ của đội quân đức vua.

Cỗ xe của hoàng hậu vượt lên hàng đầu.

Mazarin nói: -Kìa, ngài thống chế, có một điều khiến tôi rất ngạc nhiên.

-Điều gì, thưa đức ông?

-Tôi thấy rằng hình như, bình thường những viên tổng đốc giỏi đều biết những gì xảy ra chung quanh pháo đài của mình và khi một vị vua cất công đến pháo đài đó thì ít ra họ cũng phải gởi đến một đoàn sứ bộ đón ngài.

-Chà! – Hoàng hậu nói và phá ra cười một cách giả tạo – Toàn là nghi thức! Thôi, điều đó chỉ vô ích, ta thích sự trung thành hơn.

Ông De La Meilleraye đưa khăn lên che mặt để giấu đi nếu không phải là một cái nhăn mặt, thì ít ra là ý muốn là cử chỉ đó.

-Đúng là chẳng có ai ló mặt ra cả. – Vị vua trẻ tuổi nói, khá bất bình vì những thiếu sót về nghi thức như vậy.

-Này con! – Hoàng hậu nói – Có ông De La Meilleraye và Guitaut đây sẽ nói với con rằng bổn phận đầu tiên của một viên tổng đốc, nhất là giữa vùng đất địch, là phải sợ bị đánh bất ngờ và phải án binh bất động và nấp kín sau tường

thành. Con không thấy lá cờ của con, lá cờ của các đức tiên quân Henri VI và Francois I đang phất phới trên tường thành đó hay sao?

Đoàn người tiếp tục con đường, và chẳng bao lâu, khám phá ra một công trình xây đã gần xong, có vẻ như mới được dựng lên mấy ngày gần đây.

-À! À! – Thống chế nói – Viên tổng đốc này có vẻ biết rành nghề nghiệp của mình nhỉ. Cái đồn này kiến trúc thật khá.

Hoàng hậu thò đầu ra khỏi cửa xe, còn đức vua rướn người trên lưng ngựa.

Chỉ có một tên lính gác đang đi tới đi lui trên thành cao ngaòi ra tất cả đều lặng lẽ.

-Mặc dù ta không phải là một người lính và mặc dù ta chẳng hiểu gì nhiều về bổn phận quân sự của một viên tổng đốc – Mazarin nói – ta thấy cách xử sự trước mặt đức vua như vậy thật là khác thường.

-Chúng ta hãy cứ tiến đến – Viên thống chế nói – rồi sẽ thấy.

Khi nhóm người chỉ còn cách chiến hào một trăm bước chân, tên lính gác trên thành, mãi đến khi đó vẫn đi tới đi lui, dừng lại. Và sau một hồi nhìn ngó.

-Ai đó? – Hắn ta la to.

-Đức vua đây! – Ông De La Meilleraye đáp lại.

Sau tiếng đó, hoàng hậu Anne D'Autriche tưởng sẽ thấy binh sĩ ùa đến, các sĩ quan vồn vã, hạ cầu mở cổng, bồng súng chào.

Chẳng có ai cả.

Viên lính gác đứng thẳng lại, đưa mũi súng hướng về những người mới đến và chỉ la to với một giọng quả quyết: -Dừng lại!

Đức vua tái mặt vì giận dữ, hoàng hậu cắn môi đến bật máu, Mazarin thốt ra một câu chửi bằng tiếng Ý không thông dụng cho lắm bên nước Pháp nhưng ông ta vẫn không thể chừa bỏ được, ngài thống chế chỉ liếc mắt về phía vua và hoàng hậu, một cái nhìn đầy ý nghĩa.

-Ta thích những kẻ dưới quyền ta luôn luôn thận trọng. – Hoàng hậu nói, cố gắng dối lòng, bởi vì mặc cho bề ngoài đầy tự tin giả tạo, trong thâm tâm, bà đã bắt đầu lo lắng.

-Ta muốn mọi người phải nể vì ta. – Đức vua trẻ tuổi nói nhỏ, ánh mắt bực bội nhìn đăm đăm vào tên lính gác vẫn thản nhiên.

§13

Trong khi đó, tiếng kêu, đức vua! Do tên lính gác thốt ra, nghe như một ý kiến hơn là một biểu hiện kính trọng vọng đến sân trong. Sau đó, một người hiện ra trên tường thành, và cả đội lính canh phòng đang xếp hàng chung quanh người đó.

Người này giơ cao gậy chỉ huy, liền khi ấy tiếng trống đổ dồn, các binh sĩ trong thành bồng súng chào, và một tiếng thần công nổ rền.

-Các người thấy chưa – Hoàng hậu nói – họ đã trở về với bổn phận, có hơi trễ nhưng không sao. Ta đi thôi.

-Xin lỗi, thưa hoàng hậu! – Viên thống chế nói – Nhưng tôi chẳng thấy họ mở cổng thành gì cả, và chúng ta làm sao đi qua được nếu cổng thành không mở?

-Có lẽ là kinh ngạc quá mà họ quên chăng, và có lẽ vì quá phấn khởi trước sự viếng thăm này mà họ không thể nào ngờ được, nên họ đã quên mất. – Một người cận thần nói.

-Những việc đó không thể quên được, thưa ông. – Viên thống chế trả lời.

Và quay về phía đức vua và hoàng hậu.

-Xin phép đức vua và hoàng hậu cho phép tôi được có ý kiến. – Ông ta nói tiếp.

-Ông muốn nói gì?

-Rằng xin hai vị nên lùi lại cách đây năm trăm bước cùng với đội cận vệ, còn tôi sẽ cùng đội ngự lâm quân và đoàn khinh kỵ binh đến trước thành xem sao.

Hoàng hậu chỉ trả lời bằng một tiếng: -Tiến tới! Để xem bọn đó có dám cản đường chúng ta không.

Nhà vua trẻ thích thú thúc ngựa, và tiến lên hai mươi bước. Viên thống chế và Guitaut cùng vội theo ngài.

-Không qua được! – Tên lính canh từ nãy giờ vẫn không rời thái độ thù nghịch của mình, lên tiếng.

-Đức vua đây! – Mấy tên hầu la to.

-Lùi lại đằng sau! – Tên lính gác cũng la, kèm theo một cử chỉ đe dọa.

Đúng khi đó, ngay trên tường thành hiện ra nón và mũi súng của đám binh sĩ có nhiệm vụ canh giữ chiến hào.

Những tiếng thì thầm nổi lên sau mấy câu vừa rồi và sự xuất hiện của mấy tay súng. Ngài De La Meilleraye nắm lấy hàm ngựa của đức vua buộc phải quay lại, rồi bảo tên phu xe của hoàng hậu thụt lùi về phía sau. Thế là cả hai ngài rút lui cách đó một ngàn bước, còn đám tùy tùng thì chạy lộn xộn như đám chim sau tiếng súng đầu tiên.

Và thống chế De La Meilleraye, người chủ của tình thế, để lại năm mươi người để bảo vệ đức vua với hoàng hậu rồi ông cùng những người còn lại kéo đến trước chiến hào.

Khi còn cách khoảng năm mươi bước, người lính gác từ nãy giờ đã đi tới đi lui với dáng điệu tự tin, lại dừng lại.

-Guitaut, ông hãy lấy một cây kèn, cột một chiếc khăn tay trắng nơi đầu mũi gươm và đến bảo tên tổng đốc khốn kiếp kia ra hàng đi.

Guitaut vâng lời, trương ra những dấu hiệu hòa bình và tiến về phía chiến hào.

-Ai? – Lính gác la to.

-Sứ giả. – Guitaut trả lời, vừa ve vẩy thanh gươm với mảnh giẻ cột ở đầu.

-Cứ để cho y đến. – Người đàn ông đứng trên thành, có vẻ người chỉ huy nói.

Cổng mở, một cây cầu hạ xuống.

-Muốn gì? – Một người sĩ quan đứng nơi cổng hỏi.

-Nói chuyện với ngài tổng trấn.

-Ta đây! – Người đàn ông ban nãy nói.

Guitaut nhận thấy rằng người này trông xanh xao nhưng bình tĩnh và lịch sự.

-Ngài là tổng đốc thành Vayres? – Guitaut hỏi.

-Phải.

-Và ngài từ chối mở cổng thành đón tiếp đức vua cùng hoàng hậu nhiếp chính?

-Ta đành phải như vậy.

-Ngài đòi hỏi những điều kiện gì?

-Tự do cho các ngài hoàng thân, vì cảnh giam cầm của các ngài khiến cho đất nước này phải thiệt thòi và buồn khổ.

-Đức hoàng thượng không điều đình với thần dân của mình.

-Phải, chúng ta rất hiểu điều này, bởi vậy chúng ta sẵn sàng chết, biết rằng cái chết đó sẽ là để phục vụ đức hoàng thượng, mặc dầu bề ngoài chúng ta tỏ ra chống đối ngài.

-Được lắm. Guitaut nói – Đấy là tất cả những gì chúng tôi muốn biết.

Và sau khi chào viên tổng đốc một cái khá kiểu cách, ông trở lui.

Trên pháo đài không ai động đậy.

Guitaut đến bên viên thống chế báo cáo lại nhiệm vụ của mình.

-Năm mươi người – Viên thống chế nói vừa chỉ về ngôi làng Ison – hãy phi nhanh đến cái làng đằng kia và mang về đây tất cả các thang có thể tìm được.

Năm mươi người tuân lệnh, và vì ngôi làng không xa lắm nên chỉ một lát sau các thang đã đến nơi.

-Bây giờ, tất cả hãy xuống ngựa, phân nửa sẽ dùng súng dài để yểm trợ cuộc tấn công, nửa kia sẽ leo lên thành.

Những tiếng hò reo vui mừng đốn tiếp câu ra lệnh này. Những người lính cận vệ, ngự lâm và khinh kỵ binh vội xuống ngựa và nạp đạn vào súng.

Trong thời gian đó, năm mươi người kia đã trở về cùng với độ hai mươi cái thang.

Trong pháo đài tất cả vẫn yên tĩnh, lính gác vẫn đi ngang đi dọc, và ở hành lang trên vẫn thấy ló ra mũ lính cùng mũi súng.

Đội quân đức vua lên đường, do chính ngài thống chế chỉ huy, tất cả gồm độ bốn trăm người, phân nửa chuẩn bị leo lên thành, nửa kia sẽ yểm trở cho cuộc tấn công.

Đức vua, hoànghậu, cùng đám triều thần lo âu theo dõi từ đằng xa sự chuẩn bị. Ngay cả hoàng hậu dường như cũng mất đi sự tự tin của mình, để nhìn cho rõ, bà đã cho xe quay ngang, và như vậy, cả một bên xe đối diện với mặt thành.

Những kẻ tấn công vừa tiến được độ hai mươi bước thì người lính gác tiến đến gần tường thành và la to: -Ai?

-Đừng trả lời – Ngài De La Meilleraye nói – chúng ta cứ tiến đến.

-Ai? – Lính gác lại la to lần thứ hai, vừa giơ súng lên.

-Ai? – Lính gác lập lại lần thứ ba, và đưa súng lên nhắm bắn.

-Bắn tên khốn đó! – Ngài De La Meilleraye hô.

Liền đó, một loạt tiếng súng nổi lên từ bên quân lính của nhà vua, người lính gác bị trúng đạn, buông rơi cây súng và ngã xuống, vừa la to: -Báo động!

Một tiếng thần công đáp lại sự mở đầu tranh chấp kia. Viên đạn rít lên trên không, bay qua hàng đầu, rải xuống hàng thứ hai và thứ ba, làm chết bốn người rồi lăn long lóc để làm banh thây một trong mấy con ngựa trắng vào xe của hoàng hậu.

Một tiếng kêu kinh hoàng nổi lên tư đám người có nhiệm vụ bảo vệ đức vua cùng hoàng hậu, đức vua lùi lại. Anne D'Autriche thiếu chút nữa thì ngất xỉu vì giận dữ, còn Mazarin thì vì sợ. Mọi người cắt đứt dây cột ngựa của cỗ xe vì mấy con ngựa còn sống quá hoảng sợ, lồng lên và có nguy cơ làm đổ xe. Khoảng mười người lính cận vệ đeo dây vào và đưa cỗ xe ra khỏi tầm đạn.

Trong khoảng thời gian đó, trên thành hiện ra nòng của khẩu thần công.

Khi ngài De La Meilleraye nhìn thấy mấy khẩu thần công, ông nghĩ rằng cuộc công thành sẽ chỉ vô ích thôi, nên ra lệnh tháo lui.

Ngay khi đội quân của đức vua làm một bước về phía sau, mọi biểu hiện thù địch trong thành đều biến mất.

Viên thống chế đến gần bên hoàng hậu, mời bà nên chọn một nơi nào đó trong vùng lân cận để đóng quân. Hoàng hậu liền nhận thấy bên kia con sông Dordogne một ngôi nhà nằm khuất giữa những lùm cây giống như một tòa lâu đài nho nhỏ.

-Hãy đến hỏi xem – Bà nói với Guitaut – ngôi nhà đó của ai và hãy yêu cầu cho ta đến trú chân.

Guitaut lên đường ngay lập tức, băng qua sông trên thuyền của ông lái bến Ison, rồi trở về tâu rằng ngôi nhà ấy không có ai cả ngoại trừ một người như quản gia, người này đã trả lời rằng nhà ấy thuộc ngài công tước d'Épernon, như vậy là hoàng hậu có thể sử dụng được.

-Vậy ta đi thôi – Hoàng hậu nói – Nhưng mà đức vua đâu rồi?

Mọi người liền gọi cậu Louis XIV, từ nãy giờ đã rút về một góc. Cậu quay lại và mặc dù cố giấu, mọi người đều nhận thấy là cậu vừa khóc.

-Con làm sao vậy? – Hoàng hậu hỏi.

-Ồ, không có gì cả, thưa mẹ! – Cậu trả lời – Nhưng mà khi chừng nào con đã là vua, thì…, kẻ nào xúc phạm đến con sẽ phải coi chừng!

-Tên tổng đốc kia là ai vậy? – Hoàng hậu nói.

Không ai biết để trả lời. Người ta liền hỏi ông lái bến Ison và được biết rằng đó là Richon.

-Được rồi. – Hoàng hậu nói – Ta sẽ nhớ cái tên đó.

-Con cũng vậy. – Nhà vua trẻ nói.

§14

Khoảng một trăm người theo hoàng hậu và đức vua qua bên kia sông, số còn lại cùng với ngài De La Meilleraye quyết định hạ trại chờ đợi quân đến.

Hoàng hậu vừa dọn đến ngôi nhà của Nanon thì Guitaut vào báo rằng có một viên đại úy muốn xin được yết kiến hoàng hậu để trình một vấn đề quan trọng.

-Viên đại úy đó tên gì? – Hoàng hậu hỏi.

-Tâu hoàng hậu, đại úy Cauvignac ạ.

-Người đó có thuộc quân đội của ta không?

-Hình như không.

-Ngươi hãy hỏi lại xem, và nếu người đó không thuộc quân đội của ta thì hãy nói rằng ta không thể tiếp đón được.

-Xin hoàng hậu cho phép tôi không cùng ý kiến với người điểm này. – Mazarin nói – Nhưng hình như chính vì không thuộc quân đội của mình mà hoàng hậu nên tiếp y. Bởi vì nếu y thuộc quân đội của chúng ta mà xin vào yến kiến, thì đó là một thần dân trung thành, còn trái lại nếu y thuộc vào hàng ngũ địch, thì có thể đây là một tên phản bội. Nhưng mà thưa hoàng hậu, vào thời buổi này không nên coi rẻ những kẻ phản bội, bởi vì có thể chúng khá cần thiết cho chúng ta.

-Vậy hãy cho y vào, cứ theo như ý của ngài Mazarin. – Hoàng hậu nói.

Chẳng bao lâu, viên đại úy được dẫn vào, và đến trình diện trước hoàng hậu với một thái độ tự tin và thoải mái khiến cho bà phải ngạc nhiên. Bà nhìn đăm đăm Cauvignac từ đầu đến chân, nhưng gã này vẫn thản nhiên trước cái nhìn đó.

-Ông là ai? – Hoàng hậu hỏi.

-Đại úy Cauvignac. – Người mới đến trả lời.

-Ông phục vụ cho ai?

-Xin được phục vụ cho hoàng hậu, nếu người cho phép.

-Nếu ta cho phép à? Có thể lắm. Vả lại, trong vương quốc này còn ai để phục vụ nữa? Ở nước Pháp đây có hai hoàng hậu chăng?

-Dĩ nhiên là không, thưa hoàng hậu. Nước Pháp chỉ có một hoàng hậu duy nhất, kẻ mà tôi đang được hân hạnh bày tỏ lòng tôn kính, nhưng dường như, theo tôi hiện thời có hai ý kiến khác nhau.

-Ông nói như vậy nghĩa là sao? – Hoàng hậu nhíu mày hỏi.

-Tâu hoàng hậu, tôi muốn nói rằng tôi đang đi dạo trong vùng và cũng vừa đến một mô đất cao có thể nhìn bao quát khắp nơi thì thấy hình như ông Richon không tiếp đón người với đầy đủ lễ nghi cần thiết, điều này đã xác nhận với tôi một ý nghĩ mà tôi đã từng nghi ngờ bấy lâu nay, rằng ở nước Pháp có hai luồng

tư tưởng khác nhau: Một bên là tư tưởng tôn kính đức vua, còn ông Richon thì theo tư tưởng khác.

Gương mặt của Anne D'Autriche mỗi lúc mỗi sầm xuống.

-À, ông cho rằng đã khám phá ra điều đó à?

-Tâu hoàng hậu, đúng như vậy. – Cauvignac trả lời với một giọng chất phác, thật thà – Hình như tôi còn thấy một quả đạn thần công được bắn từ trong thành ra và xúc phạm đến cỗ xe của hoàng hậu.

-Thôi, đủ rồi. Ông đã đến xin yết kiến với ta hay là để trình bày những nhận xét ngu ngốc đó hay sao chứ?

"À, mụ thật bất lịch sự". Cauvignac thầm nhủ "Nếu vậy mụ sẽ phải trả giá đắt hơn."

-Không, thưa hoàng hậu, tôi đến đây xin hội kiến với người là để tâu rằng hoàng hậu thật vĩ đại và lòng ngưỡng mộ của tôi đối với người thật vô bờ bến.

-À, thế à! – Hoàng hậu nói cộc lốc.

-Do tính cách vĩ đại và lòng ngưỡng mộ đương nhiên đó, nên tôi đã quyết định đến hiến thân hoàn toàn để phục vụ người.

-Xin cám ơn.

-Hoàng hậu thứ lỗi. – Cauvignac nói – Tôi sẽ đi mà chẳng cần ai đuổi, nhưng nếu tôi bỏ đi, người sẽ không có được Vayres.

Và Cauvignac, sau khi cúi chào hết sức duyên dáng, quay gót.

-Tâu hoàng hậu – Mazarin nói nhỏ – tôi cho rằng đuổi y như vậy là không nên.

-Này tên kia, hãy quay lại và nói cho ta nghe, dẫu sao thì ngươi cũng khác thường và khá vui nhộn đấy.

-Hoàng hậu thật tốt bụng. – Cauvignac nghiêng mình trả lời.

-Ngươi nói đến việc chiếm Vayres à?

-Tâu hoàng hậu, tôi nói rằng, nếu người vẫn giữ ý định muốn vào thành Vayres như tôi đã nhận thấy sáng nay, thì tôi cho rằng bổn phận của mình là phải giúp người.

-Bằng cách nào?

-Tôi có một trăm năm mươi người của tôi ở Vayres.

-Của ông?

-Vâng, của tôi.

-Thì sao?

-Tôi xin nhượng một trăm năm mươi người đó cho hoàng hậu.

-Sau đó thì sao?

-Sau đó à?

-Phải.

-Sau đó, thì tôi cho rằng sẽ thật là quỷ quái nếu với một trăm năm mươi người giữ cửa đó mà hoàng hậu không thể mở được một cánh cửa.

Hoàng hậu mỉm cười.

-Tên khốn này lém thật. – Bà lẩm bẩm.

Cauvignac có lẽ đoán được đây là một lời khen, nên lại nghiêng mình lần nữa.

-Ông đòi bao nhiêu?

-Ôi, lạy Chúa, thưa hoàng hậu, năm trăm livres cho mỗi người gác cổng đó thôi, đây là tiền công mà tôi trả cho họ.

-Ông sẽ có số tiền đó.

-Còn cho tôi?

-À! Ông cũng đòi hỏi cho ông nữa à?

-Tôi sẽ rất hãnh diện nếu nhận được một chức vụ từ lòng độ lượng của hoàng hậu.

-Ông muốn được chức vụ gì?

-Tôi rất thích được làm tổng đốc thành lũy Braune. Từ trước đến giờ tôi vẫn muốn được làm tổng đốc.

-Ta chấp nhận.

-Nếu vậy, chỉ thiếu một chút thủ tục nữa thôi là coi như vấn đề đã được giải quyết.

-Thủ tục ấy là như thế nào?

-Xin hoàng hậu vui lòng ký nhận vào dưới mảnh giấy này, tôi đã soạn sẵn nó với hy vọng công sức của tôi sẽ được hoàng hậu rộng lòng đón tiếp.

-Tờ giấy ấy đâu?

-Xin hoàng hậu cứ đọc.

Cauvignac rất cung kính, quỳ một chân xuống và duyên dáng cung tay trình lên một mảnh giấy.

Hoàng hậu đọc:

"Ngày ta vào thành lũy Vayres mà không cần phải nổ súng, ta sẽ trả cho đại úy Cauvignac món tiền là bảy mươi lăm ngàn livres và sẽ cho người đó chức tổng đốc ở Braune."

-Thì ra – Hoàng hậu nói, cố kềm cơn giận dữ – đại úy Cauvignac không tin tưởng vào lời nói, mà cần có khế ước.

-Thưa hoàng hậu, tôi cho một tờ khế ước là hay hơn cả trong những vấn đề quan trọng! Verba vonlant, một câu châm ngôn xưa đã nói như vậy: lời nói thì bay mất, và xin hoàng hậu thứ lỗi cho tôi vừa mới bị mất cắp.

-Đồ vô lễ! – Hoàng hậu kêu lên – Lần này thì cút đi!

-Tôi sẽ đi ra đây, thưa hoàng hậu. – Cauvignac trả lời – Nhưng người sẽ không có được Vayres.

Một lần nữa viên đại úy lập lại cử chỉ ban nãy, anh chàng quay gót và tiến về phía cửa. Nhưng lần này bực tức hơn lần trước nên hoàng hậu không gọi y lại.

Cauvignac ra ngoài.

-Hãy bắt nhốt y lại. – Hoàng hậu nói.

Guitaut chuẩn bị làm theo lệnh.

-Xin hoàng hậu thứ lỗi. – Mazarin nói – Tôi cho rằng hoàng hậu đã sai lầm, khi để lộ thái độ giận dữ như vậy.

-Tại sao chứ? – Hoàng hậu hỏi.

-Bởi vì tôi e rằng sau này có thể người sẽ cần đến y, và nếu người ngược đãi y như vậy, biết đâu người sẽ buộc phải trả giá gấp đôi.

-Thôi được. – Hoàng hậu nói – Chúng ta sẽ trả cái giá mà y đòi, nhưng tạm thời không được rời mắt khỏi y.

-A, về điều này, thì lại khác, tôi sẽ là người đầu tiên hoan nghênh ý kiến ấy.

-Này Guitaut, hãy xem thử hắn đang làm gì? – Hoàng hậu nói.

Guitaut đi ra và trở lại nửa giờ sau.

-Sao? Hắn đang làm gì? – Hoàng hậu hỏi.

-Tâu hoàng hậu, người có thể hoàn toàn yên tâm. – Guitaut trả lời – Y không muốn tìm cách bỏ đi đâu cả, tôi có hỏi thăm rồi: Y trú ngụ cách đây khoảng ba trăm bước tại lữ quán của một ông tên Biscarros.

-Hắn ta đã về đấy rồi à?

-Thưa ông, y đang đứng trên một mô đất cao và nhìn ngài De La Meilleraye chuẩn bị cuộc hãm thành, y có vẻ rất quan tâm đến công việc đó.

-Còn quân đội thì sao?

-Đã đến rồi, tâu hoàng hậu, và đang chuẩn bị chiến đấu.

-Như vậy ngài thống chế sẽ tấn công ngay bây giờ à?

-Tâu hoàng hậu, tôi nghĩ rằng, trước khi mở một cuộc tấn công, có lẽ để cho binh sĩ nghỉ ngơi một đêm.

-Nghỉ ngơi một đêm! – Anne D'Autriche kêu lên – Quân đội hoàng gia lại phải dừng lại một ngày một đêm trước mặt cái chòi như vậy hay sao? Không thể được. Guitaut hãy đến nói với ngài thống chế rằng phải tấn công ngay bây giờ. Đức vua muốn đêm nay được nghỉ tại Vayres.

-Nhưng, thưa hoàng hậu – Mazarin hỏi nhỏ – hình như sự cẩn trọng của ngài thống chế…

-Còn đối với tôi hình như một khi oai quyền của hoàng gia đã bị nhục mạ, thì cần phải trả thù ngay. Này Guitaut, hãy đến nói với ngài De La Meilleraye rằng ta đang chờ xem ngài hành động đấy.

Sau khi đuổi Guitaut ra ngoài với một cử chỉ oai nghi, hoàng hậu nắm tay con trai dẫn ra khỏi phòng và không thèm chú ý xem có ai ủng hộ mình hay không, bà theo một cầu thang dẫn lên sân thượng.

Từ sân thượng ấy có thể nhìn thấy bao quát cả một vùng rộng lớn. Hoàng hậu nhìn ra chung quanh. Cách hai trăm bước phía sau bà là con đường đi Libourne, nơi nổi lên ngôi lữ trắng xóa của anh bạn chúng ta, mét Biscarros. Dưới chân bà là con sông Dordogne với dòng nước chảy xiết, hùng dũng và êm đềm. Phía bên phải có sừng sững thành lũy Vayres im lìm như một phế tích, vòng chung quanh là những bức tường thành mới được dựng lên. Vài người lính gác đi dọc trên tường cao và từ lỗ hổng thò ra năm khẩu súng thần công, với nòng súng đen ngòm, phía bên trái là ngài De La Meilleraye đang sắp xếp cho quân đóng trại. Tất cả quân đội đều đến nơi và tụ lại chung quanh ông.

Trên một mô đất cao, một người đàn ông đang đứng chăm chú theo dõi hoạt động của những người bên trong cũng như bên ngoài thành, người đó là Cauvignac.

Guitaut đang qua sông trên thuyền của ông lái bến Ison.

Hoàng hậu đứng bất động trên sân thượng, mày cau lại nắm tay cậu bé Louis XIV, cậu cũng đang tò mò nhìn cảnh tượng đó, và thỉnh thoảng lại nói với mẹ: - Thưa mẹ, cho phép con leo lên con ngựa chiến của con và xin hãy để cho con đi cùng với ông De La Meilleraye trừng trị bọn khốn kiếp đó.

Bên cạnh hoàng hậu là Mazarin, với bộ mặt diễu cợt tạm thời mang một vẻ suy tư quan trọng chỉ có trong những dịp trọng đại, và phía sau hoàng hậu, là các bà tùy tùng, noi theo sự im lặng của Anne D'Autriche, chỉ dám trao đổi vài câu nho nhỏ.

Thoạt nhìn thì cảnh tượng đó mang một vẻ yên tĩnh vào hòa bình. Nhưng mọi người đều hiểu rằng chỉ cần một tia lửa, để tất cả bùng nổ lên và tàn phá tất cả.

Mọi ánh mắt theo dõi Guitaut nhiều hơn cả, bởi vì chính từ ông sẽ phát ra tia lửa mà mọi người đang chờ đợi với mọi tâm trạng khác nhau.

Ngay cả đội quân cũng chờ đợi. Và khi người liên lạc vừa mới bước chân lên bờ, mọi ánh mắt đều hướng về phía ông, ngài De La Meilleraye vội rời đám sĩ quan của mình và tiến lại gặp ông.

Guitaut và viên thống chế lộ vẻ kinh ngạc. Rõ ràng là ông ta nhận thấy mệnh lệnh quả là không hợp lý. Bởi vậy ông ta đưa ánh mắt nghi ngờ hướng về phía nhóm người trong đó hoàng hậu nổi bận hẳn. Nhưng Anne D'Autriche rất hiểu ý nghĩ của viên thống chế nên gật đầu đưa tay phác một cử chỉ uy nghi, đến nỗi viên thống chế, vốn biết rõ cá tính chuyên chế nên chỉ còn biết cúi đầu tuân lệnh.

Liền đó, sau một mệnh lệnh của viên thống chế, ba bốn viên sĩ quan nhảy lên lưng ngựa và chạy về mấy hướng khác nhau.

Bất cứ nơi nào họ đi ngang qua, công việc dựng trại liền bị đình chỉ và cùng với tiếng trống, tiếng kèn, tất cả chạy đến nơi đặt vũ khí của mình. Một cảnh tượng hoảng loạn xảy ra với người lính chạy qua chạy lại, rồi dần dần trật tự được thiết lập, mọi người đứng vào hàng ngũ, kèn và trống liền im tiếng.

Một tiếng trống đáp lại từ sau những dãy tường thành rồi cùng ngưng bặt và một cảnh im lặng nặng nề trải dài trên đồng bằng.

Thế là một mệnh lệnh chính xác, rõ ràng và rắn rỏi vang lên. Từ nơi bà đứng, hoàng hậu không thể nghe những lời này, nhưng ngay khi đó bà thấy các đội quân xếp thành từng hàng, bà đưa khăn tay lên vẫy con, vị vua trẻ nôn nóng la lên, vừa dậm chân: Tiến lên! Tiến lên!

Quân đội đáp lại bằng một tiếng hô duy nhất: Đức vua muôn năm! Rồi một đoàn tiến lên trước đến dừng lại nơi một mô đất nhỏ, và sau những tiếng súng, hàng ngũ dãn ra.

Có lẽ Richon đã tự đặt cái luật là không nổ súng trước lúc lên, lần này cũng vậy, ông chờ cho quân đội hoàng gia khiêu khích trước, và cũng như lần đầu tiên, một hàng những mũi súng từ trên mặt thành chĩa xuống bên dưới.

Ngay khi đó, sáu khẩu thần công nổ cùng một loạt và người ta thấy đất đá cùng gỗ của pháo đài kia bắn lên mù trời.

Không phải chờ đợi lâu câu trả lời, đội thần công trên thành cũng nổ vang, đào những khoảng trống trong hàng ngũ đội quân hoàng gia, nhưng sau mệnh lệnh của viên chỉ huy, những khoảng trống đó mau biến đi mất và hàng người tiếp tục tiến lên.

Đến lượt những cây súng dài nã đạn trong khi chờ đợi nạp đạn mới vào các khẩu thần công.

Năm phút sau hai bên lại nã đạn vào nhau gần như cùng một lúc, chẳng khác gì hai cơn dông cùng chống lại nhau như hai tiếng sấm phát ra cùng một lúc.

Và vì thời tiết yên tĩnh, trên không trung không có một ngọn gió nào nên khói súng bao phủ toàn cảnh chiến trường, binh sĩ của cả hai bên cùng biến mất và một đám mây mù chỉ thỉnh thoảng xé tan bởi những ánh chớp lửa của các khẩu thần công.

Thỉnh thoảng từ những đám mây người ta thấy phía sau của đội quân hoàng gia sót lại vài người lính lảo đảo cố lê bước rồi ngã xuống với những vệt máu khá dài.

Chẳng bao lâu, số người bị thương tăng nhanh, tiếng thần công và tiếng súng vẫn tiếp tục. Thế nhưng các nòng súng bên quân đội hoàng gia chỉ bắn hú họa và ngập ngừng, bởi vì giữa những đám khói dày đặc ấy chẳng còn có thể phân biệt đích xác nơi bắn. Còn phía trong thành, bởi vì họ có ngay trước mặt mình là kẻ thù nên những phát súng lại gấp rút và dữ dội hơn bao giờ hết.

Cuối cùng, bên quân đội đức vua dứt hẳn tiếng súng, rõ ràng là họ đang leo vào thành và đang chiến đấu xáp lá cà.

Khói súng tan dần và những người chứng kiến trải qua một khoảnh khắc lo âu. Mọi người đều thấy đội hoàng gia đẩy lùi một cách lộn xộn, để lại dưới chân thành đầy những xác chết. Có những mảnh tường thành bị phá hủy để lộ vài lỗ

hổng, những lỗ hổng ấy dầy đặc những mũi súng và mũi giáo, và những người đó là Richon, thân hình đầy máu me nhưng bình tĩnh và lạnh lùng như đang chứng kiến một tấn bi kịch nào đó, tay cầm một cây rìu đầy máu.

Dường như người đó, luôn luôn đứng giữa làn đạn, được che chở bởi một thứ yêu thuật, ông không trúng một mảnh đạn nào, không trúng một nhát thương nào, thản nhiên và không thể nào chiếm lại.

Đã ba lần thống chế De La Meilleraye hô quân xung phong, ba lần đội quân hoàng gia đều bị đẩy lùi ngay trước mắt đức vua và hoàng hậu.

Những giọt lệ lặng lẽ chảy dài trên đôi má của vị vua trẻ. Anne D'Autriche vặn hai bàn tay vào nhau vừa lẩm bẩm:

"Ôi, tên kia! Tên kia! Nếu mi rơi vào tay ta thì ta sẽ cho biết tay."

May sao, màn đêm buông xuống thật nhanh, thống chế De La Meilleraye ra lệnh rút.

Cauvignac rời vị trí quan sát của mình bước xuống khỏi mô đất cao, băng qua cánh đồng tiến về phía ngôi lữ quán của Biscarros.

-Thưa hoàng hậu. – Mazarin vừa nói vừa đưa tay chỉ Cauvignac – Đó là người có thể tránh cho ta khỏi phải đổ biết bao nhiêu máu chỉ với một ít vàng thôi.

-Kìa! – Hoàng hậu nói – Ngài hồng y, đây có phải là lời khuyên của một người vốn tiết kiệm như ngài không?

-Thưa hoàng hậu, đúng vậy, tôi biết giá trị của vàng, nhưng tôi cũng biết giá trị của máu nữa, nhưng hiện tại thì máu đắt hơn vàng.

-Ông cứ yên tâm. – Hoàng hậu trả lời – Máu đổ ra sẽ rửa được hận. Này, Cominges. – Bà nói tiếp vừa quay về phía viên đội phó đội cận vệ – Hãy đi gọi ngài De La Meilleraye về đây cho ta.

-Còn ngươi, Berdouin – Ngài hồng y nói với người hầu của mình, vừa đưa tay chỉ về phía Cauvignac đang chỉ cách quán Con Bê Vàng vài bước – ngươi thấy người đàn ông đó chứ?

-Vâng, thưa đức ông.

-Đấy, hãy đến bảo rằng ta cần gặp hắn, và đêm nay hãy kín đáo đưa hắn vào phòng ta.

Hôm sau buổi gặp gỡ với người yêu tại nhà thờ De Cambes, phu nhân De Cambes đến trình diện bà quận chúa với ý định thức hiện lời nàng đã hứa với Canolles.

Khắp thành phố đều đang nhốn nháo: Người ta vừa nhận được tin báo rằng đức vua đã đến gần Vayres và cùng với tin đó là hành động chống trả dũng cảm của Richon, chỉ với năm trăm người thôi đã hai lần đẩy lùi được đội quân mười hai ngàn của đức vua. Phu nhân quận chúa là một trong những người đầu tiên

nhân được tin báo, và trong lúc vui mừng, bà đã vỗ tay kêu lên: -Ôi! Phải chi ta có một trăm người chỉ huy như Richon!

Nữ tử tước De Cambes cũng góp vào với những lời khen ngợi đó, vui mừng vì có thể khen ngợi trước mặt mọi người, tư cách của một người mà nàng rất quý mến, và hơn nữa đây sẽ là một dịp rất tốt để nàng trình bày nguyện vọng của mình.

Nhưng đang khi ấy phu nhân quận chúa có quá nhiều mối lo âu để Claire dám nghĩ đến chuyện trình bày tâm tư. Vấn đề khi đó phải làm sao gởi quân cứu viện đến cho Richon, vì sắp tới đây, đội quân của ngài d'Épernon sẽ đến hợp lực với quân đội hoàng gia. Ban tham mưu đang bàn đến việc cứu viện và nhận thấy rằng tình hình chính trị lấn át mọi chuyện riêng tư nên Claire trở về với cương vị một nữ cố vấn và cả ngày hôm đó, chẳng có một lời nào nhắc đến Canolles.

Một lá thư ngắn nhưng âu yếm báo cho người tù binh biết về sự chậm trễ, nhưng lần hứa hẹn này không còn làm cho chàng đau khổ nữa. Chàng đã được lời hứa: Claire xin chàng kiên nhẫn chờ đợi và chàng chờ đợi trong hạnh phúc.

Ngày hôm sau, sự chi viện được chuẩn bị xong xuôi, vào lúc mười một giờ trưa, đoàn người xuống thuyền để ngược dòng sông, nhưng vì có giờ và nước chảy xiết nên mọi người tính toán rằng dù có nhanh cách mấy đi nữa thì chỉ có thể đến vào ngày hôm sau. Đại úy Ravailly, người chỉ huy đoàn quân cũng nhận được lệnh thăm dò thành lũy Bordeaux thuộc về đức vua mà mọi người biết rằng chưa có tổng đốc.

Phu nhân quận chúa dùng hết buổi sáng vào việc chuẩn bị để lên đường của đám cứu viện. Buổi chiều bà phải tham dự một cuộc họp tham mưu, mục đích là chống trả với sự kết hợp của hai đội quân hoàng gia và d'Épernon.

Bởi vậy, Claire buộc phải chờ đợi đến ngày hôm sau nữa và đến khoảng bốn giờ chiều nàng có dịp ra một dấu hiệu nhỏ cho Canolles vừa đi ngang qua bên dưới cửa sổ nhà nàng, cử chỉ ấy biểu hiện bao nhiêu là luyến tiếc và yêu thương khiến cho Canolles cảm thấy gần như sung sướng vì cảnh chờ đợi.

Thế nhưng tối đến, để được biết chắc rằng sự chậm trễ này không thể kéo dài lâu hơn, Claire hỏi xin quận chúa ngày mai cho mình được hội kiến riêng, và chắc chúng ta cũng hiểu, nàng không bị từ chối.

Đến giờ đã định, Claire vào trình diện bà quận chúa và được tiếp đón với nụ cười thân thiết nhất. Chỉ có một mình bà, như Claire đã yêu cầu như vậy.

-Sao, em thân yêu! – Phu nhân quận chúa nói với nàng – Có việc gì quan trọng mà em lại muốn được nói chuyện riêng với ta, trong khi em cũng biết rằng ta luôn luôn sẵn sàng với mọi người bạn hữu?

-Thưa phu nhân. – Nàng tử tước nói – Em đến xin phu nhân ném cho em một ánh mắt thương tưởng đến kẻ bầy tôi trung thành đang cần có một chút hạnh phúc riêng tư.

-Rất vui lòng, Claire yêu quý của ta, và chẳng có hạnh phúc nào trên đời này có thể sánh với hạnh phúc mà ta cầu mong cho em. Vậy em hãy nói đi… Em yêu cầu điều gì? Và nếu việc đó thuộc khả năng của ta, thì hãy tin chắc rằng em sẽ được như ý.

-Là một người vợ góa tự do, sự tự do ấy đè nặng lên em hơn là bất cứ cảnh nô lệ nào, nên em muốn đánh đổi sự cô đơn lấy một cuộc sống dễ chịu hơn.

-Như vậy có nghĩa là em muốn lấy chồng, có phải vậy không? – Phu nhân De Condé hỏi.

-Vâng. – Claire đỏ mặt trả lời.

-Việc này đáng được ta quan tâm đến.

Claire phác một cử chỉ.

-Em yên tâm chúng ta sẽ tôn trọng sự kiêu hãnh của em, tử tước à, chồng em phải là một vị công khanh. Ta sẽ kiếm cho em một vị giữa đám cận thần của ta.

-Phu nhân quan tâm quá! – Nữ tử tước trả lời – Và em không muốn làm phiền đến phu nhân.

-Nhưng ta thì lại muốn như vậy, bởi vì ta có bổn phận mang đến cho em hạnh phúc đó để đền bù cho sự trung thành của em, thế nhưng em sẽ chờ đến khi hết chiến tranh chứ?

-Em không muốn chờ đợi lâu nữa, thưa phu nhân. – Claire mỉm cười trả lời.

-Em nói cứ như là em đã chọn lựa rồi, như là em đã có sẵn người chồng mà em muốn hỏi ta.

-Vâng, quả thật là như phu nhân vừa nói.

-Thế à, nhưng kẻ diễm phúc đó là ai vậy? Hãy nói đi, đừng e sợ gì cả.

-Ôi, thưa phu nhân! – Claire nói – Nhưng không hiểu sao em run quá.

Bà quận chúa mỉm cười, nắm bàn tay Claire và dẫn đến gần bên bà.

-Em trẻ con thật! – Bà nói với nàng. Rồi nhìn nàng với một ánh mắt khiến làm tăng thêm sự bối rối của nàng, bà hỏi – Ta có biết người đó không?

-Em tin rằng phu nhân đã nhìn thấy người đó nhiều lần.

-Có lẽ người đó còn trẻ lắm nhỉ?

-Hai mươi tám tuổi.

-Gia đình danh giá?

-Chàng là một nhà quý tộc.

-Một con người anh dũng?

-Danh tiếng chàng được mọi người biết đến.

-Người ấy giàu có?

-Em cũng đã giàu rồi.

-Phải, em à, chúng ta không quên điều đó đâu. Em là một trong những lãnh chúa giàu nhất của chúng ta và chúng ta luôn nhớ rằng những đồng tiền của ngài

De Cambes và những tá điền thuộc nhà em đã hơn một lần cứu chúng ta khỏi cảnh khó khăn.

-Lời phu nhân nói khiến cho em cảm thấy vinh dự vì đã được phục vụ người.

-Được rồi. Nếu người đó chỉ là đại úy thì chúng ta sẽ đưa lên làm đại tá, và sẽ đưa lên chức tướng nếu anh ta là đại tá, bởi vì anh ta là một người trung thành chứ?

-Chàng hiện thời đang ở Lens, thưa phu nhân. – Claire trả lời, tránh trả lời câu hỏi.

-Hay lắm! Bây giờ chỉ có một điều ta cần biết.

-Điều gì, thưa phu nhân?

-Tên của con người may mắn đã chiếm đoạt được trái tim và chẳng bao lâu sẽ làm chủ người chiến sĩ đẹp nhất của quân đội ta.

Claire bị đẩy lùi đến mức phòng thủ cuối cùng, gom hết can đảm để chuẩn bị nói lên cái tên nam tước De Canolles, thì bỗng nhiên tiếng vó ngựa vang lên dưới sân, theo sau là tiếng xôn xao bàn tán về những tin tức quan trọng.

Nghe những tiếng ồn ào đó, quận chúa phu nhân chạy đến bên cửa sổ. Người đầy mồ hôi và bụi bặm, người liên lạc nhảy xuống ngựa kể lể chi tiết về một vấn đề gì đó với những người tò mò đang vây quanh. Quận chúa không thể kềm hãm lâu hơn tánh tò mò, bà mở cửa sổ.

-Để cho y lên! – Bà nói lớn.

Người liên lạc ngẩng đầu lên, nhận ra quận chúa và chạy vội lên thang. Năm phút sau, y bước vào phòng, người đầy bụi đất, đầu tóc rối bù, giọng nghẹn lại: -Thưa phu nhân, xin thứ lỗi cho tôi vì đã trình diện người trong trạng thái này, nhưng tôi mang đến đây một tin trọng đại: Vayres đã đầu hàng rồi!

Quận chúa nhảy lùi một bước, Claire thất vọng buông tay xuống. Lenet vừa theo vào sau người liên lạc, cũng tái mặt.

Năm sáu người khác quên mất, trong chốc lát, sự kính trọng dành cho vị quận chúa, cũng đã ùa vào phòng và câm lặng vì sững sờ.

-Ông Ravailly! – Lenet nói, bởi vì người liên lạc đó không ai khác hơn là viên đại úy đội trưởng đoàn Navailles – Xin ông hãy nhắc lại điều ông vừa nói, vì tôi không thể nào tin được.

-Thưa ông, tôi xin nhắc lại: Vayres đã đầu hàng rồi!

-Đầu hàng! – Phu nhân quận chúa kêu lên, còn đoàn quân cứu viện của ông thì sao?

-Đến muộn quá, thưa phu nhân! Richon đã đầu hàng ngay khi chúng ta vừa đi đến.

-Richon đầu hàng! – Quận chúa kêu lên – Tên hèn nhát! – Tiếng hét của bà quận chúa khiến cho mọi người có mặt ở đó phải rùng mình, thế nhưng tất cả đều im lặng, ngoại trừ Lenet.

-Thưa phu nhân. – Ông nói một cách nghiêm khắc và chẳng nể nang vì lòng kiêu hãnh của bà quận chúa – Xin phu nhân đừng quên rằng danh dự của người bề tôi là tùy thuộc vào lời nói của các quân vương, cũng như mạng sống của họ tùy thuộc vào Thượng đế. Xin đừng gọi người bề tôi dũng cảm nhất của phu nhân là hèn nhát, nếu không, mai đây những kẻ trung thành nhất cũng sẽ bỏ đi khi thấy phu nhân đối xử như vậy với người bạn của họ và phu nhân sẽ cô độc, sẽ bị chê bai và sẽ phải nhận lấy thiệt thòi.

-Kìa ông Lenet! – Quận chúa nói.

-Thưa phu nhân. – Lenet lại nói – Tôi xin nhắc lại với phu nhân rằng Richon không phải là một người hèn nhát, rằng tôi xin lấy danh dự của tôi ra mà bảo đảm cho anh ta, và nếu anh ta đầu hàng, thì chắc chắn là anh ta không thể nào làm khác hơn.

Bà quận chúa tái đi vì giận dữ, đã toan ném vào mặt Lenet một trong những câu nói điên cuồng quá đáng của kẻ bề trên, tin rằng có thể thắng lý lẽ bằng thái độ cao ngạo của mình, nhưng trước con người đang quay lưng lại với bà, trước những ánh mắt né tránh ánh mắt của bà, trước Lenet, đang ngẩng cao đầu và Ravailly đầu cúi thấp, bà hiểu rằng đúng là bà sẽ thua cuộc nếu cứ đeo đuổi phương pháp cay nghiệt này. Thế là bà lại dùng đến lý lẽ thường tình của mình.

-Ôi, đau đớn thay cho ta! – Bà than thở – Tất cả đều bỏ rơi ta rồi, số phận cũng như bạn bè! Ôi, con ơi, đứa con đáng thương của ta ơi, số phận của con rồi cũng như cha con.

Tiếng kêu yếu đuối của người phụ nữ, nỗi đau khổ của một người mẹ luôn luôn đánh động đến mọi tâm can. Bà quận chúa đã nhiều lần thành công với vai đó và lần này cũng vậy.

Trong khi ấy, Lenet đang nghe Ravailly tả lại chi tiết về sự đầu hàng của Vayres.

-Phải rồi. Đúng như ta đã nghĩ! – Một lát sau ông ta kêu lên.

-Ông đã nghĩ như thế nào đây? – Bà quận chúa hỏi.

-Thưa phu nhân, tôi đã nghĩ rằng Richon không phải là một tên hèn nhát.

-Làm sao mà ông biết được?

-Bởi vì anh ta cầm cự hai ngày hai đêm, anh ta sẵn sàng để mình chôn mình vùi dưới đất đống gạch vụn, nếu không có một nhóm người phản phúc đã nổi loạn và buộc anh ta phải đầu hàng.

-Thưa ông, y nên chết chứ không nên đầu hàng. – Bà quận chúa nói.

-Thưa phu nhân, có phải ta có thể chết lúc nào ta muốn đâu? – Lenet nói – Nhưng ít ra… – Ông ta quay về phía Ravailly và nói tiếp – Anh ta là tù binh được bảo đảm với những điều kiện của mình chứ?

-Tôi e là không. – Ravailly đáp lại – Tôi được nghe nói rằng có một viên phó tổng đốc đứng ra thương lượng, như vậy có nghĩa là hình như có kẻ phản bội, và

thay vì có quyền đưa ra điều kiện của mình, Richon đã bị giao nạp.

-Phải, phải lắm! – Lenet kêu lên – Bị phản bội, bị giao nạp, chính vậy. Tôi rất biết Richon, và tôi biết anh ta không bao giờ, tôi không nói tiếng hèn nhát, mà là tiếng yếu đuối. Đấy thưa phu nhân, phu nhân có nghe không, bị phản bội, bị giao nạp, nào chúng ta hãy mau mau lo cho anh ta. Một viên phó tổng đốc đứng ra thương lượng, phải không ông Ravailly? Một tai họa đang treo trên đầu Richon. Thưa phu nhân, hãy viết nhanh lên, tôi van phu nhân hãy viết.

-Ta! – Bà quận chúa chua chát nói – Ta phải viết à, mà viết để làm gì?

-Để cứu Richon, thưa phu nhân.

-Sao? Khi đã đầu hàng thì phải lo liệu trước đến những biện pháp an toàn chứ!

-Nhưng chẳng lẽ phu nhân lại không nghe thấy rằng Richon không đầu hàng hay sao? Phu nhân không nghe những gì ông đại úy đây vừa nói: Bị phản bội, bị giao nạp hay sao? Rằng chính một viên phó đứng ra thương lượng chứ không phải anh ta hay sao?

-Thế ông nghĩ người ta sẽ làm gì với Richon của ông chứ? – Quận chúa hỏi.

-Làm gì à? Chẳng lẽ phu nhân lại quên rằng chúng ta đã sử dụng mưu mẹo nào để đưa anh ta vào Vayres hay sao? Chẳng lẽ phu nhân lại quên rằng chúng ta đã dùng một tờ khống chỉ của ngài d'Épernon cho chức vụ của anh ta hay sao? Rằng chính anh ta đã chống lại quân đội hoàng gia do chính đức vua và hoàng hậu chỉ huy hay sao? Rằng chính Richon là người đầu tiên đã giương cao ngọn cờ chống đối hay sao? Và phu nhân, xin phu nhân hãy viết ngay cho ngài De La Meilleraye, xin hãy gởi đi một người liên lạc, một viên sứ giả.

-Vậy, chúng ta sẽ giao cho người liên lạc, viên sứ giả đó nhiệm vụ gì?

-Ngăn cản với bất cứ giá nào cái chết của một viên chỉ huy tài ba, bởi vì nếu phu nhân không hành động nhanh. Ôi! Tôi biết rõ hoàng hậu thưa phu nhân, có lẽ người liên lạc của chúng ta sẽ đến quá muộn!

-Quá muộn! – Bà quận chúa nói – Chúng ta không có con tin hay sao? Chúng ta đã không giam giữ ở Montrond và cả ở đây những viên sĩ quan của nhà vua hay sao?

Claire hoảng hốt đứng bật dậy: -Ô, thưa phu nhân! Thưa phu nhân! – Nàng kêu lên – Xin phu nhân hãy làm như ông Lenet vừa nói: Hành động trả thù sẽ không mang lại tự do cho ông Richon đâu.

-Đây không phải là vấn đề tự do. – Lenet nói – Đây là vấn đề mạng sống.

-Thì sao? – Bà quận chúa nói – Họ làm gì thì chúng ta sẽ làm y như vậy: Nhà tù đổi nhà tù, thòng lọng đổi thòng lọng.

Claire kêu lên một tiếng và quỳ xuống: -Ôi, thưa phu nhân! Ông Richon là một người thân thiết của em. Khi nãy em đến đây đển xin phu nhân một ân huệ

và phu nhân đã hứa chấp thuận. Bây giờ thì em xin phu nhân hãy sử dụng quyền hạn của mình để cứu Richon.

Claire đang quỳ dưới đất. Bà quận chúa nắm lấy cơ hội này để chấp thuận những lời thỉnh cầu của Claire thay vì phải nghe theo những lời khuyên khô khan của Lenet. Bà đến bên bàn, lấy bút và viết cho ông De La Meilleraye một lá thư, xin đổi Richon lấy một trong những viên sĩ quan của đứa vua mà bà đang cầm tù, theo sự lựa chọn của hoàng hậu. Viết xong, bà đưa mắt tim một kẻ sẽ mang thư đi. Thế là, mặc dù hãy còn đau đớn vì vết thương cũ và vô cùng mệt mỏi, Ravailly xin nhận lãnh sứ mạng với đòi hỏi duy nhất là xin được một con ngựa khỏe mạnh. Bà quận chúa cho phép chàng đến chuồng ngựa của bà chọn một con vừa ý, và viên đại úy lên đường.

Một lát sau, đám đông dân chúng, được biết sứ mạng của Ravailly, xúm đến chung quanh ngôi nhà và vui mừng hô vang: -Phu nhân quận chúa! Ngài quận công D'Enghien!

Bực bội vì phải ra mặt hàng ngày trước đám đông và vì những lần xuất hiện ấy giống như những mệnh lệnh truyền hơn là những lời tung hô, bà quận chúa đã toan từ chối ý muốn của dân chúng, nhưng đám đông vẫn ngoan cố, và chẳng bao lâu những tiếng reo biến thành những tiếng gào thét.

-Nào! – Phu nhân nói và nắm tay con trai – Chúng ta ra mặt thôi! Chúng ta chẳng còn những tên nô lệ phải tuân lời!

Và tạo cho khuôn mặt một nụ cười duyên dáng nhất, bà hiện ra trên bao lơn và chào đám đông mà bà vừa là nữ hoàng, vừa là nô lệ.

§15

Khi quận chúa phu nhân hiện ra trên bao lơn cùng con trai giữa những tiếng reo hò phấn khởi của đám đông, thì từ đăng xa bỗng vang lại những tiếu tiêu và tiếng trống cùng với một số cảnh ồn ào.

Liền đó, đám đông vừa mới đến tụ tập trước nhà ông chủ tịch Lalane để được nhìn thấy quận chúa phu nhân, bắt đầu quay về hướng ồn ào kia và chẳng còn đếm xỉa gì đến nghi thức, đổ xô về phía đó. Thật là đơn giản. Họ đã được nhìn thấy bà quận chúa mười lần, hai mươi lần, và có thể là một trăm lần rồi, còn cảnh ầm ĩ kia thì hứa hẹn điều mới lạ.

-Dù sao họ cũng là những kẻ thật thà. – Lenet mỉm cười lẩm bẩm phía sau lưng bà quận chúa đang bất mãn – Nhưng mà không biết tiếng nhạc bởi cảnh ồn ào kia là do đâu nhỉ? Xin thú thật với phu nhân là tôi cũng rất tò mò muốn biết chẳng khác gì họ.

-Nếu vậy thì ông cũng bỏ ta mà chạy theo họ đi. – Bà quận chúa nói.

-Thưa phu nhân. – Lenet trả lời – Tôi rất muốn làm ngay như vậy nếu biết chắc rằng sẽ mang về cho phu nhân một tin lành.

-Hừ, tin lành! – Bà quận chúa nói với một ánh mắt mỉa mai hướng về phía bầu trời tuyệt đẹp rực rỡ trên cao, ta chẳng còn bao giờ trông chờ tin lành nữa. Chúng ta xui xẻo quá.

-Thưa phu nhân. – Lenet nói – phu nhân cũng biết rằng tôi không thể dễ dàng bị mắc lừa, thế nhưng tôi tin rằng cảnh ồn ào đó báo cho chúng ta một điềm tốt.

Quả vậy, tiếng ồn ào mỗi lúc một đến gần, một đám đông túm lại ở đầu đường, tay đưa lên cao vẫy những mảnh khăn đã thuyết phục được với phu nhân rằng đó là tin lành. Bà cũng để ý lắng tai nghe được mấy tiếng sau: -Braune! Tổng đốc thành Braune! Tù binh tổng đốc!

-À! À! – Lenet nói – Tổng đốc thành Braune đã bị bắt giữ! Hay lắm, đây sẽ là một con tin để trao đổi với Richon.

-Thế chúng ta chẳng có trong tay hai tổng đốc đảo Saint-Georges đó hay sao? – Quận chúa nói.

-Tôi lấy làm vui sướng khi thấy kế hoạch của tôi để chiếm Braune lại thành công như vậy. – Bà De Tourville nói.

-Thưa bà. – Lenet nói – Xin đừng vội mừng vì một chiến công chưa hoàn toàn, sự may rủi luôn chơi xỏ kế hoạch của các ông, và có khi cả các bà nữa.

-Nhưng, thưa ông. – Bà De Tourville nói giọng chua chát thường lệ của mình – Nếu viên tổng đốc bị bắt thì có nghĩa là thành đã bị thất thủ!

-Thưa bà, điều bà vừa nói đó không phải là một điều hợp lý tuyệt đối, nhưng xin bà cứ an tâm, nếu thành công này là do công lao của bà, thì tôi vẫn sẽ là

người đầu tiên khen ngợi bà.

-Điều khiến tôi ngạc nhiên hơn cả trong mọi chuyện này – Bà quận chúa nói, cố tìm trong sự kiện may mắn này một khía cạnh đáng chê trách hầu thỏa mãn tánh cao ngạo của giới thượng lưu vốn là bản chất của bà – điều khiến tôi ngạc nhiên hơn cả là người ta không đến báo cho tôi biết trước những gì đã xảy ra, đây là một điều vô lễ không thể nào tha thứ được.

-Kìa thưa phu nhân – Lenet nói – chúng ta thiếu binh sĩ, để chiến đấu mà phu nhân lại còn muốn chuyển họ qua làm liên lạc viên cả hay sao? Chúng ta không nên đòi hỏi quá như vậy, và khi có một tin lành đến với chúng ta thì chúng ta nên đón nhận nó mà không cần thắc mắc nhiều.

Đám đông mỗi lúc mỗi đến gần, ở giữa là một nhóm binh sĩ, khoảng ba mươi người, và chính giữa họ là người tù binh mà các binh sĩ đang bảo vệ khỏi cảnh điên cuồng của đám đông.

-Giết nó đi! Giết đi! – Đám đông thét lên – GIết tên tổng đốc thành Braune!

-À! À! Đúng là có một tù binh! – Bà quận chúa nói – Và y đúng là tổng đốc thành Braune…

-Vâng! – Lenet nói – Nhưng phu nhân có thấy không, hình như tên tù binh ấy đang gặp nguy hiểm đến tính mạng. Phu nhân có nghe thấy những câu đe dọa kia và có thấy những cử chỉ điên cuồng đó không? Thể nào họ cũng phá được hàng rào của binh sĩ và sẽ xé tan xác hắn. Ôi! Bọn điên cuồng! Chúng đã ngửi thấy mùi máu.

-Cứ để mặc họ! – Bà quận chúa nói với vẻ nham hiểm – Cứ để mặc họ! Hắn là kẻ thù của chúng ta kia mà.

-Thưa phu nhân, kẻ thù đó đang bị canh giữ trong danh dự của nhà Condé. Xin phu nhân hãy nghĩ lại, vả lại biết đâu Richon của chúng ta cũng đang gặp một nguy hiểm tương tự? Kìa! Họ sẽ phá được hàng rào lính bảo vệ, nếu họ đụng đến hắn thì hắn sẽ mất mạng thôi. Nầy, ta cầm thêm hai mươi người tình nguyện để đẩy lùi đám khốn nạn kia. Nhanh lên!

Nghe vậy, hai mươi người lính ngự lâm của đội dân quân, thuộc vào hàng những gia đình danh giá trong thành phố, xông vào đám đông, dùng báng súng xô dạt họ ra và tăng cường cho nhóm áp tải, thật vừa đúng lúc vì vài móng vuốt sắc bén hơn cả đã xé những mảnh vải trên bộ y phục xanh lơ của người tù.

-Xin cám ơn các ông. – Người tù binh vừa nói – Các ông vừa cứu tôi thoát khỏi nanh vuốt của bọn khát máu, xin đội ơn các ông. Chà! Nếu họ khát máu như vậy, thì khi nào đoàn quân đức vua vào thành thì chắc họ nuốt chửng cả đoàn quá.

Và y cười, vừa nhún vai.

-À! Hắn ta can đảm thật! – Đám đông la to khi thấy vẻ bình tĩnh có lẽ hơi giả tạo của tên tù binh, và lặp lại câu nói đùa đã làm thỏa mãn tự ái của họ – Hắn ta

can đảm thật, hắn ta không sợ, hoan hô tổng đốc thành Braune!

-Phải đấy! – Gã tù binh kêu lên – Hoan hô tổng đốc thành Braune!

Thế là sự giận dữ của đám đông biến thành ngưỡng mộ, và sự ngưỡng mộ ấy được bày tỏ thành lời. Bây giờ thì là một cảnh hoan nghinh thật sự thay cho cái chết đang gần kề đối với tổng đốc thành Braune, nghĩa là với anh bạn Cauvignac của chúng ta.

Bởi vì Cauvignac, dưới cái danh xưng huy hoàng tổng đốc thành Braune, đang vào thành Bordeaux dưới một quang cảnh đáng buồn như vậy.

Trong khi đó, được bảo vệ bởi toán quân và cũng bởi thái độ bình tĩnh của mình, tên tù binh đã tiến đến gần lâu đài của chủ tịch Lalane và trong khi nhóm lính canh giữ cổng rào, y được đưa thẳng đến trước mặt quận chúa.

Cauvignac bình thản và kiêu hãnh bước vào gian phòng, nơi có mặt bà quận chúa, nhưng cần phải nói thêm rằng, dưới vỏ ngoài can đảm đó, tim y đang đập khá mạnh.

-Ông Cauvignac! – Lenet kêu lên.

-Ông Cauvignac tổng đốc thành Braune. – Bà quận chúa nói – À thưa ông, đây đúng là một hành động phản bội.

-Phu nhân nói gì kia ạ? – Cauvignac hỏi lại, y hiểu rằng đây là lúc hơn bao giờ hết cần huy động tất cả sự bình tĩnh cũng như trí thông minh của mình – Hình như phu nhân vừa nói đến tiếng phản bội?

-Phải thưa ông, phản bội chứ ông đến trình diện ta với danh nghĩa nào vậy?

-Với danh nghĩa tổng đốc thành Braune, thưa phu nhân.

-Ông cũng thấy rõ đó là một sự phản bội. Ai ký giấy ủy nhiệm của ông.

-Ngài De Mazarin.

-Phản bội! Ta nói vậy đấy. Ông là tổng đốc thành Braune, chính đội quân của ông đã giao nạp thành Vayres, chức tước kia là phần thưởng cho hành động ấy.

Nghe vậy, bộ mặt của Cauvignac tỏ ra vô cùng ngạc nhiên. Y nhìn chung quanh như để muốn biết là câu nói kia là dành cho ai, và khi buộc phải nhìn nhận rằng những câu buộc tội đó là nhằm vào mình, y buông thõng hai cánh tay dọc theo người và một cử chỉ đầy thất vọng.

-Đội quân của tôi giao nạp thành Vayres? – Y nói – Chính phu nhân lại trách móc tôi điều đó hay sao?

-Phải, thưa ông, chính ông giả tảng không biết, ông giả tảng kinh ngạc, phải, đúng là một kẻ đóng kịch đại tài, nhưng ta không để cho vẻ mặt cũng như lời nói của ông đánh lừa đâu, dù cho chúng có rất ăn khớp với nhau.

-Tôi không giả tảng giả tảng gì cả, thưa phu nhân. – Cauvignac trả lời – Làm sao phu nhân có thể đòi hỏi tôi biết chuyện gì xảy ra ở Vayres trong khi tôi chưa bao giờ đến đấy!

-Bằng mưu kế, thưa ông, với mưu kế của ông.

-Tôi không biết phải trả lời làm sao với những lời như vậy, thưa phu nhân, chỉ biết rằng phu nhân có vẻ không hài lòng với tôi… Xin phu nhân tha thứ cho thái độ thành thực của tôi, cho câu chống chế của tôi, bởi vì chính tôi mới là người phải phiền trách người.

-Ông phiền trách ta! – Bà quận chúa kêu lên trước một sự vô lễ đến như vậy.

-Đúng vậy, thưa phu nhân. – Cauvignac trả lời, chẳng tỏ vẻ gì là hoang mang – Theo lời hứa của phu nhân và của ông Lenet đây, tôi đã chiêu mộ một đội quân gồm toàn những con người anh dũng, tôi đã thương lượng với họ những thỏa ước như trong tất cả mọi cuộc thương lượng khác lấy danh dự làm chính. Và khi tôi đến nhận món tiền mà phu nhân đã hứa…, chẳng bao nhiêu…, ba mươi hay bốn mươi ngàn livres gì đó, không phải là dành cho tôi, xin nhớ rõ điều này, nhưng là dành cho các binh sĩ mà tôi đã tuyển giùm cho các hoàng thân, thì phu nhân lại từ chối, phải, từ chối! Xin cứ hỏi ông Lenet xem có đúng không?

-Đúng vậy! – Lenet nói – Khi ông đây đến hỏi, chúng ta không có tiền.

-Thế ông không thể đợi vài ngày được hay sao? Lòng trung thành của ông và của những người thuộc quyền ông chỉ là nhất thời thôi sao?

-Tôi đã chờ đợi hết thời hạn mà chính ngài De La Rochefoucauld đề ra, thưa phu nhân, nghĩa là tám ngày. Sau tám ngày đó, tôi lại đến trình diện, lần này thì từ chối thẳng, lần này nữa xin cứ hỏi lại ông Lenet.

Bà quận chúa quay về phía ông cố vấn, đôi môi mím chặt, mắt tóe lửa dưới hai hàng lông mày cau lại.

-Tiếc thay! – Lenet nói – Tôi buộc phải công nhận điều ông đây vừa nói là hoàn toàn đúng sự thật.

Cauvignac chiến thắng ưỡn người lên.

-Đấy, thưa phu nhân – Y nói tiếp – một tên xảo quyệt sẽ hành động như thế nào trong hoàn cảnh đó? Hắn sẽ đến bán mình cùng với cả đội quân cho hoàng hậu. Còn tôi, tôi rất ghét tính cách xảo quyệt, tôi đã trả tự do cho đội quân của tôi, và khi chỉ còn lại một mình trong cảnh trung lập hoàn toàn, tôi hành động như một nhà hiền triết đã căn dặn khi đứng trước sự hoài nghi, tôi không theo về một phe nào cả.

-Nhưng còn người của ông, người của ông thì sao?

Bà quận chúa giận dữ kêu lên.

-Thưa phu nhân – Cauvignac trả lời – bởi vì tôi chẳng phải là vua, cũng chẳng hoàng thân mà chỉ là một viên đội trưởng, vì tôi không có thần dân, cũng chẳng có cận thần, tôi chỉ có thể gọi lính của tôi, những người mà tôi trả công, thế nhưng vì lính của tôi, như ông Lenet đây vừa xác nhận, không được trả công, nên họ hoàn toàn tự do. Chính vì vậy mà có lẽ họ đã nổi dậy chống lại người chỉ huy mới. Biết làm sao được? Tôi xin thú thật là tôi không biết làm sao hơn.

-Còn ông, ông trả lời làm sao về việc ông theo về với nhà vua? Ông đã chán tỏ ra trung lập rồi hay sao?

-Không, thưa phu nhân, nhưng sự trung lập của tôi, dù có vô tội đến đâu đi nữa, cũng đã trở nên đáng ngờ trước mắt những kẻ cận thần của đức vua. Một buổi sáng đẹp trời, tôi đã bị bắt giữ lại tại quán Con Bê Vàng và bị dẫn đến trước mặt hoàng hậu.

-Và thế là ông đã thương lượng với bà ấy à?

-Thưa phu nhân – Cauvignac trả lời – một con người trọng nghĩa có những khe hở khá nhạy cảm và sự tế nhị khi ấy rất đau khổ, phe nhóm mà tôi muốn phục vụ với tất cả lòng nhiệt huyết và niềm tin của tuổi trẻ đã xua đuổi tôi. Tôi đến trước mặt hoàng hậu giữa hai tên lính sẵn sàng giết tôi, tôi chờ đợi nghe những câu trách móc, mắng chửi, một bản án tử hình. Bởi vì, dù sao tôi cũng đã có ý định phục vụ các hoàng thân, thế nhưng, trái với điều tôi e sợ, thay vì trừng phạt tôi bằng cách giam giữ, bắt nhốt hay đưa tôi lên máy chém, bà hoàng hậu vĩ đại đó đã nói với tôi:

"Hỡi con người phong nhã lạc loài kia, ta chỉ cần một tiếng để làm rơi đầu ngươi, nhưng ngươi thấy đó, ở đâh họ đã tỏ ra bạc bẽo với ngươi, còn ở đây người ta sẽ trọng đãi ngươi. Nhân danh thánh Anne, vị quan thầy của ta, từ đây về sau ngươi sẽ là kẻ cận thần của ta. Này các ông, bà ấy lại nói với mấy người lính đang canh giữ tôi, hãy tôn trọng vị sĩ quan này bởi vì ta rất ngưỡng mộ công trạng của y và ta sẽ đặt y làm chỉ huy của các ông. Còn ông, bà lại nói thêm với tôi, ta sẽ đặt ông làm tổng đốc thành Braune, đấy là cách trả thù của một bà hoàng hậu nước Pháp."

-Vậy tôi phải trả lời làm sao đây? – Cauvignac trở lại với giọng nói và cử chỉ bình thường của mình, sau khi đã nhại lại một cách hài hước, nửa đa cảm lời nói và cử chỉ của Anne D'Autriche… Chẳng có gì cả. Những hoài vọng thân thiết nhất của tôi bị tổn thương, lòng tận tụy vô tư mà tôi đã đem đến đặt dưới chân phu nhân bị tổn thương.

Những câu nói ấy được thốt ra với một giọng bi thảm và một cử chỉ oai hùng đã có tác dụng đến những người có mặt ở đấy. Cauvignac nhận ra chiến thắng của mình khi thấy bà quận chúa mặt tái đi vì giận dữ.

-Nhưng, thưa ông, bây giờ thì ông trung thành với ai chứ? – Bà hỏi.

-Với những ai biết nhận thức tánh cách tế nhị trong hành vi của tôi.

-Được lắm, bây giờ ông là tù binh của tôi.

-Thưa phu nhân, tôi rất lấy làm hân hạnh, nhưng tôi hy vọng rằng phu nhân sẽ đối xử với tôi như một người quý tộc. Tôi là tù binh của phu nhân, thật vậy, nhưng chưa bao giờ chiến đấu chống lại phu nhân. Tôi đang đi tới nhiệm sở cùng với hành trang của mình thì bị rơi vào tay những binh sĩ của phu nhân. Tôi chưa hề có một giây phút nào nghĩ đến việc che giấu hành tung cũng như ý nghĩ của

mình. Vậy tôi xin nhắc lại là tôi đòi hỏi được đối xử không chỉ như một nhà quý tộc mà còn như là một sĩ quan cao cấp.

-Ông sẽ được thỏa nguyện, thưa ông. – Quận chúa nói – Thành phố này sẽ là nhà tù của ông, có điều ông sẽ phải lấy danh dự mà thề rằng ông không tìm cách trốn ra khỏi đây.

-Thưa phu nhân, tôi xin thề như phu nhân đã đòi hỏi. – Cauvignac đưa tay lên và long trọng thề sẽ không bao giờ rời khỏi thành phố một khi quận chúa phu nhân chưa xóa bỏ lời thề đó.

-Bây giờ thì ông hãy lui ra. – Bà nói – Chúng ta chỉ tin vào lòng trung thực của một nhà quý tộc và danh dự của người lính.

Cauvignac không để nói đến lần thứ hai, y cúi chào và lui ra, nhưng cũng vừa kịp để nhìn thấy một cử chỉ của viên cố vấn có ý nói.

-Thưa phu nhân, y có lý và chúng ta đã nghĩ sai, dod là cái giá phải trả khi tỏ ra keo kiệt trong chính trị như vậy!

Vấn đề là Lenet, kẻ tán thưởng vô tư mọi công trạng, đã nhận ra con người khôn khéo toàn diện trong Cauvignac và chính bởi vì ông không hề tin lấy một chút vào những lý lẽ xảo trá của y nên ông phải khâm phục phương pháp mà y xử dụng để thoát ra khỏi một trong những tình thế hiểm nghèo nhất.

Còn Cauvignac vừa đi xuống cầu thang, vừa nghĩ ngợi mông lung, và tự nhủ: -Chà, vấn đề bây giờ là phải làm cách nào bán lại cho họ một trăm năm mươi người của ta lấy độ một trăm ngàn livres, điều này có thể lắm bởi vì anh chàng Ferguzon thông minh và ngay thẳng đã đòi hỏi được tự do cho mình cùng đám quân. Thế nào hôm nay hoặc ngày mai ta cũng tìm được dịp. Thôi bây giờ thì ta mới thấy là bị bắt như vậy dẫu sao cũng không đến nỗi là một điều tệ hại như thoạt đầu ta đã tưởng.

§16

Bây giờ chúng ta hãy lùi lại phía sau một bước và chuyển sự chú ý của độc giả đến những biến cố xảy ra ở Vayres mà họ chưa được biết đầy đủ.

Sau những đợt tấn công mỗi lúc một thêm khủng khiếp và đã làm cho đội quân hoàng gia mất khá nhiều quân, những vòng tường thành bên ngoài đã bị chiếm, nhưng những kẻ cố thủ anh dũng, sau khi đã chống trả quyết liệt từng tấc đất một và để lại trên mặt đất đầy những xác chết, đã rút vào thành và cố thủ ở đấy. Thế nhưng ông De La Meilleraye không giấu giếm rằng nếu ông đã để mất sáu trăm người chỉ để chiếm được có một bức tường bên ngoài bằng đất nện, thì ông sẵn sàng hy sinh sáu lần số quân nhiều hơn để chiếm cho bằng được một thành lũy với những pháo đài kiên cố và được canh giữ bởi người mà ông đã được dịp tán thưởng tài chiến thuật và lòng dũng cảm.

Mọi người đã quyết định sẽ tổ chức một cuộc hãm thành đúng theo luật thì nhìn thấy đội tiền quân của công tước d'Épernon, ông này đang dẫn quân đội của mình đến hợp lực cùng với đội quân của ông De La Meilleraye và như vậy sẽ tăng lực lượng của quân đội hoàng gia lên gấp đôi. Điều này thay đổi hẳn cục diện vấn đề. Với hai mươi bốn ngàn quân không làm nổi. Cuộc công thành đã được quyết định vào sáng hôm sau.

Khi nhìn thấy đoàn quân mới đến và những cảnh sắp đặt của họ, Richon hiểu rằng ý định của kẻ thù là sẽ thôi thúc ông không ngừng nghỉ, và đoán được rằng ngày mai sẽ có cuộc công thành, ông cho nhóm người của mình lại để hỏi ý kiến của họ, mặc dù rằng ông chẳng có lý do gì để nghi ngờ lòng trung thành của họ, sau khi được chứng kiến họ đã phụ với ông vào việc giữ thành như thế nào.

Bởi vậy, ông không khỏi kinh ngạc khi thấy thái độ mới của đội quân trú phòng. Họ ném một ánh mắt lo âu và u tối về phía quân đội hoàng gia, và những tiếng thì thầm nho nhỏ nổi lên khắp nơi.

Richon không muốn trong hàng ngũ của mình có những chuyện thiếu nghiêm túc nhất là những dịp như vậy.

-Kẻ nào đang nói gì đó? – Ông nói và quay về phía có tiếng thì thầm nổi lên rõ ràng nhất.

-Tôi! – Một tên quân bạo gan hơn cả lên tiếng.

-Mi?

-Phải, tôi!

-Vậy hãy đến đây, và trả lời ta xem.

Tên quân ra khỏi hàng và đến gần vị chỉ huy.

-Ngươi thiếu thốn gì mà lại than vãn như vậy? – Richon khoanh hai tay lại trước ngực nói và nhìn thẳng vào mắt hắn.

-Tôi thiếu thốn thứ gì ư?

-Phải, mi còn cần gì nữa? Mi đã lãnh phần bánh chưa?

-Rồi, thưa chỉ huy.

-Đã lãnh phần thịt chưa?

-Rồi, thưa chỉ huy.

-Phần rượu?

-Rồi, thưa chỉ huy.

-Mi không có chỗ nghỉ ngơi hay sao?

-Không.

-Vậy thì nói đi: Mi còn đòi hỏi điều gì nữa? Mi có muốn gì? Mi lẩm bẩm như vậy là vì sao?

-Là vì chúng tôi chiến đấu chống lại đức vua của chúng tôi, đối với một chiến sĩ Pháp, điều đó không thể chấp nhận được.

-Như vậy mi muốn phục vụ đức vua?

-Đúng vậy.

-Mi muốn về với vua của mi chứ?

-Phải! – Tên quân nói, tưởng rằng qua vẻ bình thản của Richon, vấn đề sẽ kết thúc một cách giản dị là loại y ra khỏi hàng ngũ quân đội của hoàng thân.

-Được lắm. – Richon nói và nắm lấy cổ áo của tên quân – Nhưng vì đã đóng cửa thành rồi nên mi chỉ còn có một con đường này thôi.

-Đường nào? – Tên quân hoảng sợ hỏi.

-Đây! – Richon nói và đưa cánh tay hộ pháp của mình lên, nhấc bổng hắn và ném qua tường thành.

Tên quân hét lên một tiếng, may mà hắn rơi vào hào đầy nước.

Sau hành động quyết liệt đó là một cảnh thinh lặng hoàn toàn. Richon tưởng rằng đã dẹp được ý tưởng phản kháng và giống như một con bạc chơi nước liều, ông quay về phía người của mình.

-Bây giờ, ai muốn theo nhà vua thì cứ nói, ta sẽ cho những kẻ đó ra khỏi đây như ý hắn muốn.

Khoảng một trăm tên la lên: -Phải, phải, chúng tôi thề là những người trung thành với đức vua và chúng tôi muốn ra khỏi đây! …

-À! À! – Richon nói, hiểu rằng đây không phải là những ý kiến riêng lẻ mà là một cuộc nổi dậy toàn diện đang bắt đầu hình thành – À! Đây lại là một chuyện khác, ta tưởng rằng chỉ phải đối phó với tên ương ngạnh, bây giờ thì ta mới rõ là phải đối đầu với năm trăm tên hèn nhát.

Richon đã sai khi lên án chung như vậy, chỉ có khoảng một trăm tên nói thôi, những người còn lại đều im lặng nhưng vì họ bị vơ đũa trong câu kết tội của Richon nên đến phiên họ cũng lẩm bẩm.

-Nào! – Richon bảo – Không nên nói cùng một lúc như vậy, nếu ở đây có một viên sĩ quan muốn phản bội lời thề thì hãy ra thay mặt tất cả mà lên tiếng, người đó có thể tự do nói.

Thế là Ferguzon bước một bước ra khỏi hàng ngũ và chào viên chỉ huy một cách hết sức là lịch sự.

-Thưa chỉ huy! – Y nói – Ông đã được biết ý nguyện của đội quân, ông chống lại hoàng thượng, đức vua của chúng tôi, thế nhưng phần lớn trong chúng tôi không được biết khi chiêu mộ, rằng chúng tôi chiến đấu chống một kẻ thù như vậy. Một trong những kẻ thù dũng cảm có mặt ở đây, bị ép uổng trong chính kiến của mình, rất có thể đang giữa trận chiến, lầm lẫn hướng súng của mình và cho ông một viên đạn vào đầu. Nhưng chúng tôi là những chiến sĩ thực sự chứ không phải là một tên hèn nhát như ông vừa nhầm lẫn mà nói ra. Vậy đây là ý kiến của tôi cùng các bạn hữu của tôi mà tôi xin được trình bày hết sức là lễ độ: Hãy cho chúng tôi về với vua của chúng tôi.

Bài diễn văn được đón tiếp với những tiếng hò reo nổi lên khắp nơi, chứng tỏ rằng ý kiến của viên trung úy nếu không phải là của tất cả đội quân phòng thủ thì cũng là của một số đông. Richon hiểu rằng mình đã thua.

-Ta không thể nào chống cự một mình ta. – Ông nói – Và ta cũng không muốn đầu hàng, vì chiến sĩ của ta đã rời bỏ ta, vậy ai đó hãy đứng ra mà điều đình tùy theo ý mình, nhưng kẻ đó không phải là ta. Miễn là người còn trung thành với ta được khỏi tội, đó là tất cả những gì mà ta mong muốn. Vậy ai sẽ là người đứng ra điều đình?

-Tôi xin lãnh trách nhiệm, thưa chỉ huy, nếu ông bằng lòng và nếu bạn hữu của tôi tin tưởng vào tôi.

-Phải, phải lắm, trung úy Ferguzon! Trung úy Ferguzon! – Năm trăm cổ họng cùng la to, trong đó có thể nhận ra tiếng của Barrabas và Carrotel.

-Vậy ông sẽ nhận lãnh việc đó! – Richon nói – Ông hoàn toàn tự do ra vào Vayres tùy ý ông.

-Chỉ huy có cần dặn dò gì thêm không? – Ferguzon hỏi.

-Tự do cho quân lính của ta.

-Còn với ông?

-Không gì cả.

Một thái độ quên mình như vậy lẽ ra đã làm cho những kẻ lầm lạc phải hồi tâm, nhưng họ không chỉ lầm lạc, họ đã bị mua chuộc.

-Phải, phải, tự do cho chúng tôi. – Họ kêu lên.

-Xin chỉ huy yên tâm. – Ferguzon nói – Tôi sẽ không quên ông trong bản điều đình.

Richon buồn bã mỉm cười, nhún vai, trở về chỗ ở của mình và đóng cửa phòng lại.

Ferguzon liền qua quân đội bên kia. Thế nhưng ông De La Meilleraye không muốn làm gì khi chưa có lệnh của hoàng hậu, nhưng hoàng hậu đã rời ngôi nhà nhỏ của Nanon để, như chính miệng bà nói, khỏi phải chứng kiến cảnh nhục nhã của quân đội, và rời đến tòa thị sảnh của thành phố Libourne.

Bởi vậy, ông giao cho hai tên lính canh giữ Ferguzon, còn mình lên ngựa và chạy đến Libourne. Ông trông thấy ngài De Mazarin và thông báo tin mừng với ông này, nhưng ngay lời nói đầu tiên của vị thống chế, vị hồng y đã chặn ông lại với nụ cười quen thuộc của mình.

-Chúng ta đã biết điều đó rồi, thưa ngài thống chế, và vấn đề đã được thu xếp từ tối hôm qua. Ông hãy điều đình với viên trung úy Ferguzon, nhưng với Richon thì ông chỉ hứa miệng thôi.

-Sao? Tại sao lại chỉ hứa miệng? – Viên thống chế hỏi – Nhưng khi tôi đã nói ra rồi thì nó cũng đánh giá bằng một bản văn tự chứ?

-Cứ làm như tôi nói đi, ngài thống chế, tôi đã nhận được từ đức thánh cha những sự khoan dung đặc biệt cho tôi được phép giải lời hứa của bất kỳ ai.

-Có thể lắm, nhưng những sự khoan dung đó đâu có ăn nhập gì đến các vị thống chế của nước Pháp.

Mazarin mỉm cười và ra hiệu cho vị thống chế rằng ông có thể trở về trại quân.

Viên thống chế làu bàu quay trở về, giao cho Ferguzon một bản ân xá cho y và quân lính, còn với Richon, ông chỉ hứa miệng.

Ferguzon trở về thành thông báo với Richon những gì đã xảy ra và cả lời hứa suông của ngài thống chế. Hai giờ sau, khi Richon vừa trông thấy qua cửa sổ phòng mình đoàn viện binh do Ravailly chỉ huy, thì người ta vào phòng ông và bắt ông theo lệnh của hoàng hậu.

Gương mặt của người chỉ huy dũng cảm lộ vẻ hài lòng. Nếu ông tự do, phu nhân De Condé có thể nghi ngờ ông đã phản bội, còn bị bắt thì cảnh giam giữ sẽ minh chứng cho ông.

Chính với niềm hy vọng đó, mà ông đã không bỏ đi.

Thế nhưng người ta không chỉ lấy kiếm của ông, như ông thoạt nghĩ, mà sau đó bốn người, đang đứng đợi sẵn ngoài cửa sổ, đổ xô đến và trói giật tay ông ra sau lưng.

Đối lại cách xử sự tàn bạo đó, Richon chỉ có một thái độ bình thản và nhẫn nhục. Richon được dẫn đến Libourne và đưa đến trình diện trước hoàng hậu, bà nhìn ông với con mắt thật cao ngạo, còn đức vua thì nhìn ông đầy hung dữ, và ngài Mazarin thì bảo ông.

-Ông chơi canh bạc lớn đấy, ông Richon.

-Và tôi đã thua, phải không thưa đức ông? Bây giờ vấn đề là biết chúng ta đã đặt cược cái gì?

-Tôi e rằng ông đã ném đầu mình ra mà đặt cược đấy. – Mazarin nói.

-Hãy nói với ông d'Épernon là đức vua muốn gặp ông ấy. – Hoàng hậu nói – Còn người này sẽ ở đây và chờ bản án dành cho hắn.

Và bà nắm tay vị vua trẻ bước ra ngoài, với một điệu bộ khinh miệt kiêu kỳ, theo sau là ngài Mazarin cùng đám cận thần.

Đúng là ngài d'Épernon đến đã được một giờ rồi, nhưng sự thăm viếng đầu tiên của ông là dành cho Nanon. Ông đã được biết Canolles phòng thủ Saint – Georges kiên cường, và là một người luôn tin tưởng vào người tình của mình, nên ông đã khen ngợi nàng về hành động dũng cảm của ông anh yêu quý một người mà theo như ông thú nhận một cách thật thà, có một bề ngoài chẳng lấy gì làm tài ba và cao thượng đến như vậy.

Nanon đang bận tâm đến một điều khác để còn nghĩ đến chuyện cười thầm về điều hiểu lầm kia. Vấn đề bây giờ không chỉ liên quan đến hạnh phúc của nàng mà còn là tự do cho người yêu. Nanon đang yêu Canolles đến mức mù quáng để tin vào một hành động dối trá của chàng, dù rằng đôi khi ý nghĩ ấy cũng thoáng qua đầu óc nàng. Khi chàng quan tâm lo lắng đến việc đưa nàng ra khỏi thành, nàng chỉ cho đó là một sự săn sóc đầy thương yêu, nàng tin chàng đã bị bắt giam giữ, nàng chỉ còn biết khóc và mong chờ đến lúc nàng có thể, nhờ ông d'Épernon, giải thoát cho chàng.

Bởi vậy, sau mười lá thư gởi cho ngài công tước yêu dấu, nàng đã dùng hết quyền lực của mình hối thúc ông quay về.

Cuối cùng, ông đã trở về, và Nanon trình lên ông lời khẩn nguyện của mình, xin ông cứu thoát người anh yêu quý càng sớm càng tốt khỏi tay kẻ thù, hoặc nói đúng hơn là khỏi tay phu nhân De Cambes, bởi vì nàng tin rằng thực sự Canolles không bị nguy hiểm nào hơn là ngày càng trở nên say đắm nữ tử tước. Hiểm nguy đó, đối với Nanon là hiểm nguy hàng đầu. Và nàng chắp hai taylại cầu xin ngài d'Épernon.

-Vừa đúng lúc. – Ngài công tước trả lời – Ta mới được tin rằng tổng đốc thành Vayres đã bị bắt giữ. Được lắm! Chúng ta sẽ đổi y với anh Canolles của nàng.

-Ôi! Đây là một ân huệ bởi trời! – Nanon kêu lên.

-Em yêu quý anh trai đến thế nào Nanon?

-Hơn cả cuộc đời của em nữa.

-Thật chẳng hiểu tại sao trước kia em không nói cho ta biết, cho đến ngày mà ta đã ngu ngốc đi…

-Như vậy, rồi sao, thưa đức ông?… – Nanon cắt ngang.

-Như vậy, ta sẽ trao trả tổng đốc thành Vayres cho phu nhân De Condé, họ sẽ trả Canolles lại cho chúng ta, trong chiến tranh chuyện này vẫn thường xảy ra, chỉ giản dị là một sự trao đổi.

-Này, nhưng mà có khi phu nhân De Condé đánh giá Canolles cao hơn một sĩ quan thường thì sao?

-Nếu vậy, thì thay vì một tên sĩ quan, chúng ta sẽ trả lại cho bà ấy hai, hoặc ba, người ta sẽ thu xếp sao cho nàng được hài lòng, hiểu không người đẹp của ta? Và khi anh chàng chỉ huy Saint-Georges trở về Libourne, chúng ta sẽ ăn mừng anh ta.

Nanon không cảm thấy vui vẻ gì. Chiếm lại được Canolles đấy là giấc mơ nóng bỏng nhất của cuộc sống hiện tại. Nhưng ngài d'Épernon sẽ nói gì đây khi ngài thấy rằng không phải là một Canolles mà ngài đã biết mặt, điều này thì nàng rất lo. Một khi Canolles trở về, nàng sẽ bảo đây là tình nhân của nàng, nàng sẽ nói trước mặt mọi người, và sẽ nói thật lớn!

Mọi việc mới đến đây thì người liên lạc của hoàng hậu bước vào.

-Đấy, Nanon yêu quý, thật vừa đúng lúc, ta sẽ đến gặp hoàng hậu và sẽ mang về cho em văn bản trao đổi.

-Như vậy anh trai của em sẽ có mặt ở đây?…

-Có lẽ ngày mai. – Ngài công tước nói.

-Thế à! – Nanon kêu lên – Xin ngài đừng chậm trễ một giây nào cả. Ôi! Ngày mai, ngày mai, cầu cho được như vậy.

-Một con người tốt bụng. – Ngài công tước lẩm bẩm khi bước ra ngoài.

Ngài d'Épernon bước vào phòng hoàng hậu khi bà đang giận dữ vô cùng và vì vậy, vốn là người hào hoa đã quen với nụ cười của bà, ông lại được đón tiếp như một tên dân giả thành Bordeaux nổi loạn.

Ngài d'Épernon kinh ngạc nhì hoàng hậu, bà không đáp lại lời chào của ông, và mày cau lại, bà nhìn ông với tất cả uy quyền vương giả của mình.

-À! À! Ông đó ư, ông công tước? – Cuối cùng bà nói sau một hồi lâu im lặng – Hãy đến gần đây để tôi có lời khen ông về cách ông bổ nhiệm người của ông.

-Tâu hoàng hậu, tôi đã làm gì kia? – Ngài công tước hỏi, hoàn toàn ngạc nhiên – Có chuyện gì xảy ra vậy?

-Vấn đề là ông đã bổ nhiệm lầm tổng đốc thành Vayres, một kẻ đã nổ súng thần công vào đức vua, có vậy thôi.

-Tôi ư, thưa hoàng hậu! – Ngài công tước kêu lên – Chắc chắn là người đã lầm lẫn rồi, không phải tôi đã bổ nhiệm tổng đốc thành Vayres. Dẫu sao thì, tôi cũng không được biết điều này.

Ngài d'Épernon lấy lại bình tĩnh, bởi vì lương tâm đang trách móc ông đã không tự mình bổ nhiệm.

-À! Lại như vậy nữa sao! – Hoàng hậu nói – Có lẽ ông Richon đã không do ông bổ nhiệm à?

Ngài công tước, vốn biết tài năng của Nanon trong việc chọn lựa người nào vào chức vụ, nên liền lấy lại bình tĩnh.

-Tôi không nhớ là đã bổ nhiệm ông Richon. – Ông nói – Nhưng nếu có chuyện đó thì Richon phải là một người trung thành với đức vua.

-Hừ! Ông nói Richon là một người trung thành của đức vua, trung thành mà chưa được ba ngày, đã giết của ta mất năm trăm người.

-Tâu hoàng hậu. – Ngài công tước lo lắng nói – Nếu có chuyện đó, tôi xin thú nhận rằng tôi đã có lỗi. Nhưng trước khi xét xử tôi, xin hãy để tôi xác minh được điều này.

Hoàng hậu làm một cử chỉ để giữ công tước lại, nhưng sau đó bà nghĩ lại và để ông đi.

-Được, cứ đi đi! – Bà nói – Và khi ông mang lại chứng cớ của ông thì ta sẽ đưa ra chứng cớ của ta.

Ngài d'Épernon bước ra ngoài và chạy không nghỉ đến nhà Nanon.

-Sao? – Nàng nói – Ngài đã đem về cho em văn bản trao đổi đấy ư?

-À, phải lắm! Đúng là chuyện đó. – Ngài công tước trả lời – Hoàng hậu đang giận dữ đấy.

-Tại sao ngài lại giận dữ?

-Bởi vì em hoặc là ta đã bổ nhiệm ông Richo làm tổng đốc thành Vayres và viên tổng đốc này hình như đã giết mất của chúng ta năm trăm binh lính.

-Richon! – Nanon lặp lại – Em không biết người đó.

-Cả tôi cũng vậy.

-Nếu vậy, ngài cứ nói thẳng với hoàng hậu rằng ngài lầm rồi.

-Nhưng biết đâu chính nàng lại là kẻ lầm lẫn?

-Hãy khoan đã, em không muốn làm một điều gì đáng phải chê trách, để em coi lại.

Và Nanon trở vào phòng làm việc của mình, xem lại sổ sách, không có tên Richon.

-Ngài có thể về thông báo lại với hoàng hậu rằng ngài đã lầm lẫn. – Nanon bảo với ngài công tước.

Ngài công tước lại chạy vội đến tòa thị sảnh.

-Tâu hoàng hậu! – Ông kiêu hãnh thưa với bà – Tôi hoàn toàn vô tội trước điều mà người ta gán cho tôi. Lệnh bổ nhiệm Richon là do các cận thần của người ta đưa ra.

-Thế cận thần của ta ký tên d'Épernon hay sao?

-Có chuyện như vậy à?

-Có thể lắm bởi vì chữ ký đó nằm dưới lệnh bổ nhiệm của ông Richon.

-Không thể được, thưa hoàng hậu. – Ông công tước trả lời, với một giọng yếu đi của một người đã bắt đầu thiếu tự tin.

Hoàng hậu nhún vai.

-Không thể được? – Bà nói – Đây, đọc đi!

Và bà lấy trên bàn một tờ bổ nhiệm thư trao cho ông.

Ngài công tước đỡ lấy, đọc vội vã, xem xét từng nếp gấp của tờ giấy, từng chữ, và tỏ ra sửng sốt, một kỷ niệm khủng khiếp trở lại tâm trí ông.

-Tôi có thể gặp ông Richon đó được không ạ? – Ông hỏi.

-Được thôi. – Hoàng hậu nói – Ta đã bảo ở lại nơi phòng bên để sẵn sàng hầu ông.

Rồi quay lại những người lính gác đang chờ lệnh nơi cửa.

-Hãy dẫn tên khốn kiếp ấy vào đây. – Bà nói.

Lính gác trở ra và một lát sau, Richon, tay trói quặt sau lưng, được dẫn vào. Ngài công tước bước đến và nhìn đăm đăm vào người tù binh, Richon chống đỡ cái nhìn đó với vẻ nghiêm nghị thường lệ của mình. Và vì trên đầu ông đang đội nón, một tên lính gác đưa tay hất cái nón rớt xuống đất.

Viên tổng đốc thành Vayres không tỏ thái độ gì trước hành động láo xước đó cả.

-Hãy khoác lên vai y một chiếc áo choàng, và cho y đeo mặt nạ vào. – Ngài công tước nói – Và hãy lấy cho tôi một cây nến.

Lính gác tuân theo hai lệnh đầu. Hoàng hậu kinh ngạc trước những sự chuẩn bị đó. Ngài công tước đi vòng quanh Richon, nhìn ông hết sức chăm chú, cố gắng nhớ lại mọi kỷ niệm cũ và hình như vẫn còn nghi ngờ.

-Hãy đưa cho tôi một cây nến. – Ông nói.

Cây nến được đem đến. Ngài công tước đưa tờ bổ nhiệm thư đến gần ánh sáng, và do sức nóng của ngọn lửa, một hình thập tự hiện lên bên dưới chữ ký nhờ một thứ mực hóa học.

Nhìn thấy dấu hiệu đó, trán của vị công tước dãn ra, và ông kêu lên: -Tâu hoàng hậu, đúng là tờ bổ nhiệm này đã do tôi ký, nhưng không phải là cho ông Richon hoặc bất cứ ai khác, trên này đã dùng một cái bẫy để cướp nó của tôi. Tuy nhiên, trước khi trao tờ khống chỉ này, tôi đã làm một dấu hiệu riêng như người có thể nhìn thấy đây, đây là một bằng chứng tố cáo tên tội phạm. Xin hãy nhìn đây.

Hoàng hậu giật lấy tờ giấy và nhìn vào đó trong khi ngài d'Épernon đưa ngón tay chỉ dấu thập tự.

-Tôi không hiểu gì về lời ngài tố cáo tôi. – Richon chỉ nói vậy.

-Sao? – Ngài công tước kêu lên – Ngươi không phải là tên mang mặt nạ mà đã giao tờ giấy trên sông Dordogne đó sao?

-Chưa bao giờ tôi được dịp tiếp xúc với ông trước ngày hôm nay, chưa bao giờ mang mặt nạ tại dòng sông Dordogne. – Richon lạnh lùng nói.

-Nếu không phải là ngươi, thì là một kẻ đã được ngươi cử đến.

-Tôi không được lợi lộc gì đâu khi giấu sự thật cả. – Richon vẫn nói với một giọng bình tĩnh – Tờ bổ nhiệm mà ông đang cầm, thưa công tước, là do phu nhân

Condé trao cho tôi, chính từ tay của ngài De La Rochefoucauld, tên tôi đã được điền vào đó do tay ông Lenet, mà có lẽ ngày cũng biết nét chữ. Còn việc bằng cách nào mà tờ giấy lọt vào tay phu nhân De Condé. Làm sao mà ngài De La Rochefoucauld có được nó thì tôi hoàn toàn không được biết, mà tôi cũng không quan tâm đến.

-À, ông cho là như vậy à? – Ông công tước nói với một giọng diễu cợt.

Và đến bên hoàng hậu, ông kể nhỏ vào tai bà câu chuyện dài dòng, mà bà chăm chú lắng nghe: sự tố giác của Cauvignac và cuộc gặp gỡ trên sông Dordogne, và vì hoàng hậu là phụ nữ nên hoàn toàn thông cảm với lòng ghen tuông của ông.

Và khi ông đã kể xong.

-Đây là một hành động bỉ ổi ti tiện cộng với tội phản nghịch. – Bà nói – Có vậy thôi, kẻ nào đã không do dự khi chống lại đức vua của mình thì có ngần ngại gì khi bán rẻ bí mật của một người phụ nữ.

"Bọn họ nói cái quái gì vậy!" Richon lẩm bẩm, vừa cau mày, bởi vì không thể nghe toàn bộ để hiểu được câu chuyện, ông cũng nghe khá đủ để đoán được rằng danh dự của mình đã bị xúc phạm, hơn nữa hai cặp mắt nảy lửa của hoàng hậu và của ngài d'Épernon chẳng hứa hẹn điều gì tốt lành, và dù có dũng cảm đến đâu, hai vẻ mặt đầy đe dọa không phải là không làm cho ông lo lắng mặc dù khó đoán được qua bề ngoài bình tĩnh kia, trong bụng ông đang nghĩ gì.

-Phải đem y ra xử. – Hoàng hậu nói – Hãy cho nhóm họp tòa án quân sự, ông d'Épernon, ông sẽ chủ trì cuộc xử án, vậy hãy mau chọn những người phụ tá đi.

-Tâu hoàng hậu! – Richon nói – Không cần phải họp tòa án quân sự, không cần phải xử án. Tôi là tù binh danh dự của ngài De La Meilleraye, tôi là tù binh tự nguyện, và bằng chứng là tôi có thể bỏ chạy khỏi Vayres cùng với binh sĩ của tôi thế nhưng tôi đã không làm như vậy.

-Ta không hiểu gì về những chuyện đó. – Hoàng hậu nói và đứng dậy ra khỏi phòng – Nếu ngươi có những lý lẽ tốt, thì hãy đưa ra trước các vị quan tòa đi. Này công tước, cho xử trong phòng này được chứ?

-Vâng, thưa hoàng hậu. – Ông này trả lời, và liền đó ông ta chọn mười hai viên sĩ quan để thành lập một tòa án.

Richon trả lời đầy đủ.

-Ông bị buộc tội phản nghịch vì đã bắn thần công vào binh sĩ của đức vua. – Viên thơ lại nói – Ông có thú nhận mình đã phạm tội đó không?

-Chối từ là chối điều hiển nhiên, vâng, thưa ông tôi đã bắn vào binh sĩ của nhà vua.

-Ông lấy quyền gì chứ?

-Đó là quyền chiến tranh thôi, trong một trường hợp tương tự ngài De Contim, ngài De Beaufort, ngài D'Elboeuf và tất cả mọi người đều sử dụng đến

quyền đó.

-Quyền đó không có thưa ông, bởi vì đó chẳng qua là một hành động nổi loạn.

-Thế nhưng viên trung úy của tôi đã sử dụng quyền hạn đó để ra đầu hàng. Tôi xin nêu lên hành động đầu hàng này.

-Đầu hàng! – Ngài d'Épernon mỉa mai nói – Đầu hàng! Một người như ông lại dám thương lượng với một thống chế nước Pháp hay sao?

-Tại sao không? – Richon nói – Bởi vì chính viên thống chế ấy đã điều đình với tôi.

-Vậy hãy đưa văn bản đầu hàng ra đây cho mọi người có thể chứng thực giá trị của nó.

-Chúng tôi chỉ thương lượng bằng lời thôi.

-Hãy đưa người chứng ra.

-Tôi chỉ có một người chứng.

-Ai?

-Chính ngài thống chế.

-Hãy cho gọi thống chế đến. – Ngài công tước nói.

-Vô ích. – Hoàng hậu mở cánh cửa nơi mình đang ngồi và nói – Ông thống chế lên đường đã được hai tiếng đồng hồ rồi, ông ấy đang tiến về Bordeaux với đội quân của chúng ta.

Rồi bà đóng cửa lại.

Sự xuất hiện đó làm cho mọi người lạnh gáy, bởi vì nó buộc các ngài quan tòa phải kết án Richon. Người tù binh mỉm cười chua chát: -À! – Ông nói – Đây là danh dự mà ngài De La Meilleraye đặt vào lời nói của mình! Ông nói đúng lắm, thưa ông. – Richon quay về phía ngài d'Épernon nói tiếp – Tôi đã dại dột mà đi thương lượng với một viên thống chế của nước Pháp.

Kể từ khi đó, Richon giam mình trong một thái độ im lặng hoàn toàn, và dù có hỏi ông câu gì đi nữa, ông cũng không trả lời.

Điều này khiến cho cuộc xử án trở nên đơn giản hơn, và những thủ tục còn lại kéo dài không đến một giờ đồng hồ. Người ta chẳng viết gì bao nhiêu và nói còn ít hơn. Viên thư lại đề nghị kết án tử hình, và sau một dấu hiệu của ngài d'Épernon, tất cả hội đồng xử án cùng đồng ý với án tử hình.

Richon nghe bản luận án đó tưởng chừng ông chỉ là một khán giả và vẫn thản nhiên và câm lặng, ông bị giao ngay cho viên pháp quan của quân đội.

Còn về phần ngài công tước d'Épernon, ông qua gặp hoàng hậu, bà đang hết sức vui vẻ và mời ông dùng bữa tối với bà. Ngài d'Épernon vội vã nhận lời, ông đã tưởng rằng mình bị thất sủng, và quay về báo với Nanon rằng ông vẫn được hoàng hậu tin tưởng và trọng dụng.

Ông thấy nàng đang ngồi trên một chiếc ghế dài, bên cửa sổ nhìn xuống quảng trường của Libourne.

-Sao! – Nàng nói – Ngài đã khám phá ra được điều gì chưa?

-Ta đã khám phá ra tất cả. – Ngài công tước nói.

-Thế à! – Nanon lo lắng nói.

-Phải, trời ạ! Em có nhớ lá thư tố giác em mà ta đã ngu ngốc mà tin vào không?

-Thì sao?

-Em còn nhớ tờ khống chỉ mà tên khốn kiếp đã đòi ta không?

-Có, rồi sao nữa?

-Tên khốn kiếp đó đang ở trong tay chúng ta, em à!

-Thế à! – Nanon hoảng sợ kêu lên, bởi vì nàng biết rằng kẻ đó là Cauvignac, và dù nàng không yêu thương gì ông anh cho lắm, nàng cũng không muốn thấy anh gặp tai họa, vả lại người anh đó có thể thoát khỏi cảnh khó khăn, phun ra một lô chuyện mà nàng muốn giữ trong vòng bí mật.

-Chính hắn, em à! – Ngài d'Épernon tiếp tục nói, em có biết không, tên khốn đã dùng tờ khống chỉ đó phong mình làm tổng đốc thành Vayres, nhưng Vayres thất thủ và y đang ở trong tay ta.

Tất cả những chi tiết đó rất hợp với những mưu mô khôn khéo của Cauvignac khiến cho Nanon càng thêm lo âu.

-Còn tên đó… – Nàng nói với một giọng run run – Ngài làm gì với y?

-À, rồi nàng sẽ được chính mắt chứng kiến chúng ta sẽ làm gì hắn. Phải, vừa đúng lúc, em hãy vén màn lên, hoặc là cứ mở hẳn cửa sổ ra đi, hắn là kẻ thù của đức vua và chúng ta có thể nhìn cảnh hắn bị treo cổ.

-Treo cổ? – Nanon kêu lên – Đức ông nói gì kia chứ? Treo cổ tên đó à?

-Phải, kìa em, có thấy cái giá kia không, sợi dây và đám lính đang áp tải hắn đến đó không? À, kia là đức vua cũng ra cửa sổ để xem.

Trái tim của Nanon như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực, nàng đã nhìn thấy rằng người được dẫn đến kia không phải là Cauvignac.

-Nhưng mà – Nanon kêu lên vừa nắm lấy tay của ngài công tước – kẻ khốn khổ này không phải là thủ phạm. Đây có thể là một chiến sĩ dũng cảm, một con người lương thiện, biết đâu ngài đang sắp sửa giết hại một người vô tội!

-Không đâu! Không đâu! Em lầm to rồi, hắn là một kẻ chuyên giả mạo và vu cáo. Vả lại, dù cho hắn chỉ là tổng đốc thành Vayres đi chăng nữa thì hắn cũng là một tên phản quốc, điều đó khá đủ rồi.

-Nhưng y lại không được lời hứa của ông De La Meilleraye hay sao?

-Hắn nói nhưng ta không tin.

-Vậy tại sao ngài thống chế lại không làm chứng trước tòa án về điều quan trọng đó?

-Ông ấy lên đường hai tiếng đồng hồ trước khi hắn được đưa ra trước tòa án.

-Ôi, lạy Chúa! Ôi, lạy Chúa! Ngài ơi, em có linh cảm rằng đây là một người vô tội. – Nanon kêu lên – Và cái chết của người đó sẽ mang tai họa đến cho chúng ta. Ôi, thưa ngài, ngài đã từng ban cho em ân huệ là đừng giết người đó.

-Không thể nào được em à, chính hoàng hậu đã kết án y và không ai có thể nói lại được gì cả.

Nanon thốt ra một tiếng thở dài chẳng khác gì tiếng rên rỉ.

Ngay khi đó Richon đã đến bên dưới nhà lồng chợ, vẫn bình thản và câm lặng, ông được dẫn đến cái giá có cột sợi dây, một cây thang đã được dựng sẵn. Richon bước lên cây thang với bước chân vững vàng, con mắt lạnh lùng thản nhiên của ông nhìn thẳng vào đám đông. Viên pháp quan quàng dây vào cổ ông, và một người đọc lớn tiếng bản án, rằng đức vua xử tử ông Richon về tội man trá, phản bội và lỗ mãng.

-Vào thời đại chúng ta – Richon nói – có lẽ nên là một tên lỗ mãng như ta còn là một thống chế nước Pháp.

Vừa nói xong mấy tiếng đó, chân ông hụt đi và thân thể ông lơ lửng trong khoảng không.

Cả đám đông vội vàng tản mát trong một mỗi kinh hoàng bất chợt và chẳng có một tiếng tung hô: "Vạn tuế đức vua!" nào vang lên, mặc dù mọi người đều thấy có đức vua và hoàng hậu đều đang ngự nơi cửa sổ. Nanon giấu mặt vào hai bàn tay, nép mình vào trong một góc phòng.

-Đấy! – Ngài d'Épernon nói – Dù em có nghĩ sao đi nữa Nanon à, ta vẫn tin rằng cuộc hành hình này sẽ là cái gương cho mọi người, không biết đám dân Bordeaux sẽ hành động như thế nào khi thấy ta treo cổ một tên tổng đốc của chúng như vậy.

Khi nghĩ đến hành động trả thù có thể có của họ, Nanon há miệng ra để nói, nhưng nàng chỉ có thể kêu lên một tiếng khủng khiếp và đưa hai tay lên cao như để khẩn cầu cái chết của Richon sẽ không bị trả thù, và tưởng chừng như mọi sức lực đều mất cả, nàng ngã lăn ra sàn nhà.

-Kìa, kìa! – Ngài công tước kêu lên – Em làm sao vậy Nanon? Kìa hãy tỉnh dậy đi, ôi trời ơi, nàng bất tỉnh rồi thế mà mấy tên dân Agen ấy lại bảo là nàng lạnh lùng không biết cảm xúc là gì. Người hầu đâu, nhanh lên!

Và không thấy ai chạy đến sau tiếng gọi của mình, ngài công tước đành phải tự mình chạy tìm những thứ cần thiết. Đám người hầu có lẽ đang bận xem cảnh tượng đặc biệt không mất tiền mà đức vua đã rộng rãi ban cho họ.

§17

Khi tấn bi kịch ở Libourne mà chúng ta đã được biết vừa hoàn tất, thì phu nhân De Cambes đang ngồi viết cho Canolles lá thư sau đây:

"Người yêu quý, thêm một lần chậm trễ nữa. Khi em toan nói ra tên ông với phu nhân quận chúa và xin bà chấp thuận mối lương duyên của chúng ta thì tin Vayres đầu hàng vừa đến và khiến em không thể nào nói thêm được nữa, nhưng em biết rằng ông đang đau khổ và em không đủ sức để chịu đựng cả nỗi đau của em cũng như của ông. Chiến thắng hoặc là những mặt trái của cuộc chiến cay nghiệt này có thể sẽ đưa chúng ta đi quá xa nếu như chúng ta không tìm cách vượt qua tình thế này… Ngày mai, hỡi người yêu quý, ngày mai, đến bảy giờ chiều, em sẽ là vợ của ông.

Đây là kế hoạch hành động mà xin ông hãy tuân theo, ông cần phải tuân theo mọi điểm.

Sau bữa trưa, ông sẽ đến chơi nhà phu nhân De Lalasne. Từ khi em giới thiệu ông với bà, bà rất quý ông. Mọi người sẽ chơi bài, ông hãy cùng chơi với họ, thế nhưng đừng theo về một phe nào lâu dài, chiều đến, hãy tách ra khỏi đám bạn của ông. Khi nào ông chỉ còn lại một mình, ông sẽ thấy có người liên lạc đến gần, sẽ gọi ông như có một công việc khẩn cấp nào đó. Dù cho đó là ai đi nữa, ông cũng cứ tin tưởng đi theo bởi vì đó là người của em, và nhiệm vụ của người đó là dẫn ông đến nơi em đang chờ.

Em muốn nói rằng nghi lễ sẽ được cử hành tại nhà thờ dòng Carmen, nơi em đã có bao nhiêu là kỷ niệm êm đềm, nhưng em chưa dám hy vọng, thế nhưng điều đó có thể được nếu người ta bằng lòng đóng cửa nhà thờ lại cho chúng ta.

Trong khi chờ đợi giây phút đó, hãy xử sự lá thư này như đã xử sự với bàn tay của em khi em quên rút về. Hôm nay em hẹn ngày mai, và ngày mai, lời hẹn ấy sẽ là mãi mãi!"

Canolles đang ở trong một tâm trạng âu sầu khi nhận được lá thư ấy, suốt cả ngày hôm qua và vả buổi sáng hôm ấy chàng không được nhìn thấy phu nhân De Cambes mặc dù chàng đi ngang qua dưới cửa sổ nhà nàng có đến mười lần. Thế là trong tâm hồn của chàng trai si tình này sinh phản ứng thường tình, chàng lên án tử tước phu nhân là đỏng đảnh, chàng nghi ngờ tình yêu của mình, không cố tình, nhưng chàng lại nhớ đến Nanon, tốt bụng, tận tụy, đầy nhiệt tình, luôn luôn đề cao cái tình yêu mà Claire hình như đã cho là một điều xấu hổ. Và chàng thở dài, trái tim đau khổ do dự giữa một mối tình thỏa mãn không thể nào tắt hẳn và một mối tình khao khát không thể nào thỏa mãn được. Lá thư của nàng tử tước đến quyết định phần thắng về nàng.

Canolles đọc đi đọc lại lá thư, như Claire đã tiên đoán, chàng hôn nó có đến hai mươi lần. Và càng suy nghĩ thật lâu, Canolles không thể nào tự giấu mình rằng mối tình chàng dành cho nàng tử tước đã trở nên vấn đề quan trọng nhất trong cuộc đời chàng. Với những người phụ nữ khác, tình cảm đó luôn luôn mang một dáng dấp khác và nhất là một kết cục khác. Canolles đã luôn đóng vai trò một kẻ may mắn, một kẻ thắng thế, và gần như vẫn dành cho mình cái quyền thiếu chung thủy. Trái lại, với phu nhân De Cambes, chính chàng lại cảm thấy mình lệ thuộc vào một quyền lực mạnh hơn mà chàng cũng không tìm cách chống lại, bởi vì chàng cảm thấy cảnh nô lệ của hôm nay đối với chàng nhẹ nhàng hơn cả quyền lực của mình trước kia. Và trong những khoảnh khắc nản chí khi chàng có những nghi ngờ về sự hiện diện của tình cảm nơi Claire, vào những giờ phút trái tim đau đớn như co lại với chính mình và cùng với ý nghĩ làm tăng thêm những đau khổ, chàng buộc phải thú nhận, rằng một năm trước đây chàng hoàn toàn không xứng đáng với tình yêu ấy và giờ đây mất tử tước phu nhân, đối với chàng sẽ là một tai họa không thể nào chịu đựng nổi.

Nhưng yêu nàng và được nàng yêu lại, chiếm được trái tim, tâm hồn, thân xác nàng, chiếm được nàng với tất cả tính độc lập của tương lai, bởi vì phu nhân tử tước cũng chẳng đòi hỏi chàng phải tuân theo chính kiến của nàng về chính trị, một tương lai hạnh phúc nhất, một sĩ quan giàu có nhất của quân đội đức vua, bởi vì tại sao lại bỏ qua vấn đề tiền bạc nhỉ? Của cải không làm hỏng gì cả, ở lại phục vụ đức vua nếu ngài ban thưởng xứng đáng cho lòng trung thành rời bỏ quân đội nếu theo như thường tình của các vị quân vương, ngài tỏ ra bạc bẽo, đấy phải chăng là một hạnh phúc vĩ đại nhất, đẹp đẽ nhất, một điều mà ngay cả trong những giấc mơ đẹp nhất chàng cũng không dám tưởng đến.

Nhưng còn Nanon?

A! Nanon! Nanon, đấy là một ân hận âm thầm nhưng ray rứt vẫn luôn ẩn náu trong tận cùng những tâm hồn cao thượng… Chỉ có những trái tim tầm thường mới gây nên những đau khổ mà chính mình lại không cảm thấy đau khổ đó. Nanon, nàng Nanon đáng thương! Nàng sẽ làm gì, sẽ nói gì, sẽ ra như thế nào một khi biết được tin khủng khiếp rằng người tình của nàng trở thành chồng của một kẻ khác?…

Than ôi, nàng sẽ không trả thù đâu, mặc dù nàng có trong tay mọi phương diện và đầy ý nghĩ làm cho Canolles đau đớn nhất… Ôi! Phải chi Nanon sẽ tìm cách trả thù, dù cho bằng một cách nào đó, thì kẻ bạc tình cũng chỉ nhìn thấy nơi nàng một kẻ thù và ít ra cũng sẽ dứt khỏi những mối ân hận.

Thế nhưng Nanon đã không trả lời lá thư mà chàng gửi nàng trong đó bảo nàng đừng viết cho chàng nữa, tại sao nàng lại nghe theo hoàn toàn mọi lời dặn dò của chàng như vậy nhỉ? Quả thật là, nếu muốn nàng đã tìm ra cách gửi cho

chàng cả chục lá thư! Vậy mà Nanon không liên lạc với chàng! Ôi, phải chi Nanon đừng yêu chàng nữa.

Và trán của Canolles sầm xuống khi nghĩ rằng có thể nào Nanon không yêu chàng nữa, một điều mới cay nghiệt làm sao! Ngay cả tâm hồn cao thượng nhất vẫn không thoát khỏi tánh kiêu ngạo ích kỷ.

May sao Canolles có một cách để quên tất cả, đó là đọc đi đọc lại lá thư của phu nhân De Cambes. Chàng đọc đi đọc lại, thế là mầu nhiệm xảy ra. Anh chàng si tình của chúng ta nhờ đó có thể quên đi tất cả những gì không liên quan đến hạnh phúc của riêng mình. Để tuân theo mệnh lệnh của người yêu bảo đến nhà bà De Lalasne, chàng ăn mặc thật đẹp, điều này không khó khăn gì với tuổi và vẻ lịch thiệp của chàng, rồi chàng tiến về ngôi nhà của chủ tịch phu nhân vào lúc hai giờ chiều.

Canolles chìm đắm trong hạnh phúc của mình đến nỗi khi đi ngang qua bến cảng, chàng không nhận thấy Ravailly trên một con thuyền chạy hết tốc lực, đang vẫy tay ra hiệu cho chàng. Những con người si tình trong những giây phút hạnh phúc của họ bước với những bước chân nhẹ nhõm tưởng chừng như không chạm mặt đất. Bởi vậy, khi Ravailly cặp bờ thì Canolles đã đi xa rồi.

Vừa đặt chân lên bến, anh chàng ra vài mệnh lệnh ngắn gọn cho những người chèo thuyền, còn mình thì vội bước nhanh đến nhà của phu nhân De Condé.

Bà phu nhân đang dùng bữa khi nghe có tiếng ồn ào ngoài tiền phòng. Bà cho hỏi lý do và được biết đó là nam tước Ravailly mà bà đã gởi đến điều đình với ông De La Meilleraye vừa về tức thời.

-Thưa phu nhân! – Lenet nói – Tôi nghĩ là có lẽ phu nhân nên tiếp người đó ngay bây giờ, dù đó là tin gì đi nữa thì nó cũng rất quan trọng.

Bà quận chúa ra hiệu và Ravailly bước vào, nhưng bộ mặt của chàng ta nhợt nhạt và kinh hoàng đến nỗi khi vừa nhìn thấy, phu nhân đã liên tưởng ngay đến những tin dữ.

-Kìa, đại úy, có chuyện gì vậy? – Bà hỏi.

-Xin phu nhân thứ lỗi cho tôi đã trình diện trong tư thế này, nhưng tôi tin rằng tin tức mà tôi đem về đây không thể nào chịu đựng sự chậm trễ.

-Nói đi, ông đã gặp ông thống chế chưa?

-Thống chế đã từ chối tiếp tôi, thưa phu nhân.

-Thống chế đã từ chối tiếp sứ giả của ta! – Bà quận chúa kêu lên.

-Ôi, thưa phu nhân, đấy chưa phải là hết.

-Có chuyện gì nữa sao? Hãy nói đi, nói đi, ta nghe đây.

-Richon đáng thương…

-Thì sao, ta đã biết rồi, bị bắt làm tù binh…, thì chính vì vậy mà ta gởi ông đến để điều đình chuộc lại.

-Mặc dù tôi đã cố phi ngựa nhanh hết sức, tôi cũng đến quá muộn.

-Sao, quá muộn? – Lenet kêu lên – Richon đã gặp tai nạn gì hay sao?

-Ông ấy chết rồi!

-Chết rồi! – Quận chúa kêu lên.

-Người ta đã kết tội ông ấy là phản quốc, ông ấy đã bị kết án và tử hình rồi.

-Kết án! Xử tử! Ôi! Phu nhân có nghe không? – Lenet sững sờ nói – Tôi đã bảo với phu nhân rồi mà!

-Mà ai đã kết án ông ấy? Kẻ nào dám cả gan làm chuyện đó?

-Một tòa án do công tước d'Épernon làm chánh án, hoặc nói đúng hơn là do chính hoàng hậu, bởi vậy người ta không chỉ muốn cho Richon chết mà còn làm cho cái chết đó trở nên nhơ nhuốc.

-Sao! Richon ấy à?

-Bị treo cổ, thưa phu nhân! Bị treo cổ như một tên khốn kiếp, như một tên trộm cắp, như một tên sát nhân! Tôi đã thấy xác của ông ấy treo lơ lửng nơi quảng trường của Libourne.

Bà quận chúa đứng bật dậy khỏi ghế. Lenet thốt ra một tiếng đau khổ. Phu nhân De Cambes đứng dậy tự nãy giờ ngã ngồi xuống ghế, đưa tay ôm nơi tim như khi người ta bị một vết thương chí mạng, nàng ngất đi.

-Hãy đưa bà tử tước đi! – Ngài công tước De La Rochefoucauld nói – Hiện giờ chúng ta không rảnh để mà quan tâm đến cảnh các bà xỉu đâu.

Hai phụ nữ đưa bà tử tước ra.

-Đây là một cách tuyên chiến khá gay gắt đấy! – Ngài De La Rochefoucauld lạnh lùng nói.

-Thật là tàn nhẫn! – Lenet nói.

-Thật là phi chính trị! – Công tước nói.

-Ôi! Ta mong rằng chúng ta sẽ trả thù! – Bà quận chúa kêu lên – Bằng một cách thật tàn nhẫn.

-Tôi đã có sẵn kế hoạch! – Phu nhân De Tourville kêu lên, từ nãy giờ bà vẫn chưa nói điều gì – Trả thù, thưa phu nhân, chúng ta hãy trả thù.

-Hãy khoan đã, thưa bà! – Lenet nói – Kìa, sao bà vội vậy, vấn đề này khá nghiêm trọng để chúng ta phải bàn đến một cách kỹ lưỡng.

-Không, thưa ông, trái lại phải ngay bây giờ. – Bà De Tourville nói – Đức vua đã hành động nhanh thì chúng ta cũng phải đáp lại bằng cách hành động cũng nhanh như vậy.

-Kìa, thưa bà! – Lenet kêu lên – Bà nói đến việc đổ máu cứ như là chính hoàng hậu nước Pháp. Ít ra thì cung hãy đợi phu nhân hỏi đến ý kiến bà đã chứ.

-Bà đây có lý. – Viên đội trưởng đội cận vệ nói – Phục thù, đấy là luật của chiến tranh.

-Nào! – Công tước De La Rochefoucauld nói, vẫn bình thản và lạnh lùng – Chúng ta không nên nói nhiều mà mất thì giờ nữa. Tin tức này sẽ lan ra khắp

thành phố và trong vòng một giờ nữa thôi, chúng ta sẽ không còn làm chủ cả tình thế, cả tâm tư, cả thần dân. Điều phu nhân phải lo đến vào lúc này là một thái độ quả quyết để mọi người biết rằng phu nhân không thể nào lay chuyển nổi.

-Vậy thì – Phu nhân nói – Tôi để cho ông lo điều đó, và tôi đặt hoàn toàn tin tưởng vào ông để rửa cái nhục này, bởi vì trước khi phục vụ ta, Richon đã thuộc về ông và ông đã giới thiệu người đó đến với ta với tư cách là một người bạn hơn là một kẻ hầu.

-Xin phu nhân cứ an tâm. – Ngài công tước nghiêng mình nói.

Sau đó ông ta đến gần viên đội trưởng đội cận vệ, nói nhỏ vào tai ông này thật lâu, trong khi đó bà phu nhân ra ngoài theo sau là bà De Tourville và Lenet, ông này đau khổ đưa tay vỗ lên trán.

Tử tước phu nhân đang đứng nơi cửa. Khi tỉnh lại, ý nghĩ đầu tiên của nàng là trở về bên phu nhân quận chúa. Nàng gặp bà trên đương đi nhưng với một bộ mặt nghiêm khắc đến nỗi nàng không dám hỏi riêng bà.

-Trời hỡi! Hỡi ơi! Chúng ta sẽ làm gì đây? – Nàng tử tước kêu lên, hai tay chặp lại khẩn cầu.

-Chúng ta sẽ trả thù! – Bà De Tourville oai nghi trả lời.

-Trả thù? Mà bằng cách nào?

-Thưa bà! – Lenet trả lời – Nếu bà nghĩ rằng phu nhân sẽ nghe theo lời bà thì hãy nói với phu nhân đừng dùng đến những tiếng phục thù để phạm thêm một tội ác nào đó.

Rôi ông cũng bỏ đi, để Claire lại trong tâm trạng sợ hãi.

Thật vậy, với linh cảm của mình, hình ảnh của Canolles đột ngột hiện ra trong tâm tư của người thiếu phụ trẻ. Nàng nghe trong tim mình như có một giọng nói nhắc đến người yêu quý ấy, và như thúc giục nàng, nàng bắt đầu nghĩ đến việc thay y phục để đi đến chỗ hẹn thì nhận ra rằng còn ba bốn giờ đồng hồ nữa mới đến giờ hẹn.

Trong thời gian đó Canolles đã đến nhà bà De Lalasne theo lời dặn trong thư. Hôm đó là ngày sinh nhật của ông chủ tịch, và một buổi lễ được tổ chức. Đó là một trong những ngày đẹp nhất trong năm nên mọi người đều ở ngoài vườn và một trò chơi ném vòng được tổ chức trên bãi cỏ rộng. Canolles nhờ tài khéo léo đã mang nhiều lần chiến thắng về cho phe của Canolles. Các bà cười rộ trước sự vụng về của các đối thủ của Canolles và khen ngợi tài khéo léo của chàng. Sau mỗi cú ném, lại vang lên những tiếng vỗ tay kéo dài, những chiếc khăn tay ve vẩy và có khi những bó hoa rời khỏi các bàn tay để lăn trước chân chàng.

Thành công đó không đủ để cuốn hút tâm trí chàng trai khỏi vấn đề đang bận rộn tâm trí chàng, nhưng giúp chàng kiên nhẫn hơn. Và càng đến gần giờ hẹn, mắt của Canolles lại cứ hướng về phía cổng ra vào, nơi chắc chắn là người liên lạc sẽ đến tìm chàng.

Bỗng nhiên, trong khi Canolles đang mừng thầm rằng sẽ không phải chờ đợi lâu nữa thì một tiếng ồn ào khác thường nổi lên giữa đám đông vui vẻ. Canolles nhận thấy rằng đây đó từng đám người nhóm lại với nhau, chuyện trò nho nhỏ và nhìn chàng với một vẻ quan tâm khác lạ và dường như có một điều gì đó đáng ngại. Khi chàng tiến đến gần một nhóm thì những người trong nhóm cố gắng mỉm cười với chàng, nhưng rõ ràng là họ tỏ ra bối rối, nhưng ai không trò chuyện với chàng thì vội lảng ra xa.

Canolles quay lại, chàng nhận thấy rằng dần dần mọi người đều lảng ra hết. Hình như có một tin tức ác nghiệt nào đó vừa loan ra đã mang kinh hoảng đến cho mọi người. Sau lưng chàng, ông chủ tịch De Lalasne đi qua đi lại, một tay chống dưới cằm, một tay đặt lên ngực, vẻ mặt u ám. Bà chủ tịch phu nhân khoác tay người em gái, lựa một lúc không ai nhìn thấy, tiến một bước về phía Canolles, cất giọng nhưng không nói với ai cả, và những câu nói của bà gieo hoang mang vào tâm tư chàng trẻ tuổi.

-Nếu tôi là tù binh chiến tranh dù cho là người tù danh dự đi nữa, vì sợ rằng người ta sẽ không giữ lời hứa với tôi, tôi sẽ nhảy lên một con ngựa tốt, tôi sẽ đến bờ sông, tôi sẽ cho lái thuyền mười đồng vàng, hai mươi đồng, một trăm đồng nếu cần thiết, nhưng tôi sẽ đi khỏi…

Canolles ngạc nhiên nhìn hai người phụ nữ, và cả hai cùng ra một dấu hiệu kinh hoàng mà chàng không tài nào hiểu nổi. Chàng bước tới, toan hỏi hai bà về ý nghĩa của những câu nói vừa rồi, nhưng cả hai cùng bỏ chạy như những bóng ma, một người thì để tay lên miệng ra dấu im lặng, một người đưa cánh tay lên ra hiệu bảo chàng chạy đi.

Ngay khi đó, tên của Canolles vang lên ngoài cổng sắt.

Chàng giật nảy mình, có lẽ người đó gọi là kẻ mà phu nhân De Cambes phái tới. Chàng tiến về phía cổng.

-Ngài nam tước De Canolles có ở đây không? – Một giọng lớn tiếng hỏi.

-Có! – Canolles kêu lên, quên hết tất cả để chỉ còn nhớ tới lời hứa của Claire – Có tôi đây.

-Người đúng là nam tước De Canolles đấy chứ? – Một người có vẻ như là viên đội lên tiếng hỏi, vừa bước qua khỏi cổng.

-Phải, thưa ông.

-Tổng đốc đảo Saint-Georges có phải không.

-Phải.

-Cựu chỉ huy của binh đoàn Navailles?

-Phải.

Viên đội quay lại, ra hiệu và bốn người lính nấp sau một cỗ xe liền bước đến, cả cỗ xe cùng đến sát bên cổng sắt, viên đội mời Canolles bước lên.

Chàng trai nhìn vào trong xe, chỉ có một mình chàng. Thế nhưng chàng thấy từ đằng xa, giữa những lùm cây, hai chị em bà De Lalasne đang đứng bên nhau và nhìn chàng với vẻ thương hại.

-Hừm! – Chàng tự nhủ – Chẳng hiểu gì về tất cả chuyện này, phu nhân De Cambes chọn một đội quân hộ tống kỳ lạ thật. Mà thôi – Chàng vừa mỉm cười vừa nghĩ tiếp – ta không nên khó khăn trong cách lựa chọn giải pháp này.

-Chúng tôi đang đợi ngài, thưa ông chỉ huy. – Viên đội nói.

-Xin lỗi các ông, tôi lên đây.

Và chàng bước lên xe. Viên đội và hai người lính cùng bước lên với chàng, hai người kia một người thì lên phía trước ngồi với phu xe, một người đứng phía sau, và cỗ xe nặng nề lăn bánh.

Tất cả đều khác thường và khiến cho Canolles phải bắt đầu suy nghĩ, bởi vậy chàng quay về phía viên đội hỏi: -Thưa ông, bây giờ chỉ còn lại chúng ta đây, ông có thể nói cho tôi biết ông đưa tôi đi đâu đây, có được không?

-Nhưng thưa ông chỉ huy, trước hết là đến nhà tù.

Ông này trả lời. Canolles kinh hoảng nhìn ông ta.

-Sao! Đến nhà tù! – Chàng nói – Không phải là một người đàn bà gởi ông đến đây sao?

-Phải chứ!

-Người đó có phải là tử tước phu nhân De Cambes không?

-Không, thưa ông, người này là quận chúa phu nhân De Condé.

-Quận chúa De Condé! – Canolles kêu lên.

-Tội nghiệp chàng trai trẻ! – Một người phụ nữ đi ngang qua lẩm bẩm và bà ta làm dấu thánh giá.

Canolles cảm thấy như có luồng điện chạy qua các mạch máu của mình.

Từ đằng xa, một người cầm giáo chạy liền ngừng lại khi thấy cỗ xe và những người lính. Canolles thò đầu ra ngoài, người ấy có lẽ nhận ra chàng nên đưa nắm tay lên với một vẻ mặt đầy giận dữ, đầy đe dọa.

-Chà! Dân chúng trong thành phố này đều điên cả rồi hay sao vậy? – Canolles nói và cố gắng mỉm cười – Mới trong vòng một giờ mà ta trở nên một vật đáng thương hay đáng ghét hay sao mà kẻ thì thương hại ta, kẻ thì thù ghét ta vậy?

-Ấy, thưa ông! – Viên đội trả lời – Những ai thương hại ông là không sai đâu, còn những ai thù ghét ông không phải là không có lý.

-Phải chi ta hiểu được điều gì. – Canolles nói.

-Rồi ông sẽ được hiểu thôi, thưa ông.

Xe ngừng lại trước cửa một nhà tù, và người ta bảo Canolles bước xuống giữa một đám đông đang bắt đầu xúm lại.

Thế nhưng, thay vì đưa chàng về phòng cũ thì họ lại dẫn chàng xuống một xà lim đầy lính gác.

"Nào! Dẫu sao thì chúng ta phải tìm hiểu lý do chứ"? – Canolles tự nhủ.

Và rút ra hai đồng, chàng tiến đến gần một người lính và đặt vào tay người đó. Người lính gác do dự không dám nhận.

-Hãy cầm lấy đi, anh bạn. – Canolles nói – Bởi vì câu ta sắp hỏi anh đây không làm thiệt hại gì cho anh cả.

-Vậy ông hãy nói đi. – Người lính trả lời sau khi đã bỏ hai đồng vàng vào túi áo.

-Này, ta chỉ muốn biết lý do của việc bắt giam ta đây?

-Hình như… – Người lính trả lời – Ông không biết gì về cái chết của ông Richon?

-Richon chết rồi! – Canolles kêu lên, đau khổ tột cùng (bởi vì chúng ta chắc còn nhớ đến tình bạn giữa họ). Anh ta đã bị tử thương hay sao chứ?

-Không, thưa ông chỉ huy, ông ấy bị treo cổ.

-Treo cổ! – Canolles lẩm bẩm, mặt tái đi, hai tay chắp lại, vừa nhìn toán lính vây quanh chàng với vẻ mặt hầm hầm – Treo cổ! Quỷ thật, vấn đề này có lẽ sẽ hoãn lại cuộc hôn nhân của ta không biết đến bao giờ đây!

§18

Phu nhân De Cambes đã thay xong trang phục, bộ trang phục giản dị và duyên dáng, sau đó nàng khoác một chiếc áo choàng lên và ra hiệu cho Pompéc đi trước dẫn đường, b ên ngoài gần như tối hẳn, và nghĩ rằng nếu đi bộ sẽ ít bị chú ý hơn là ngồi xe nên nàng đã ra lệnh cho phu xe chờ nàng gần bên nhà thờ dòng Cambes, nàng đã xin được tổ chức lễ cưới ở đấy. Pompéc bước xuống thang, và nàng tử tước theo sau.

Đến cuối cầu thang, trong khi nàng đi dọc theo phòng khác, trong đó có một đám đông đang tụ tập, nàng chạm mặt với bà De Tourville đang vừa đi vừa bàn cãi với ngài De La Rochefoucauld về phía phòng làm việc của quận chúa phu nhân.

-Ôi, khoan đã, thưa chị! – Nàng nói – Mọi người đã quyết định như thế nào rồi?

-Kế hoạch của tôi đã được chấp thuận! – Bà De Tourville đắc thắng kêu lên.

-Nhưng kế hoạch của chị là như thế nào? Em không được biết.

-Phục thù! Cô em à, phục thù.

-Xin lỗi chị, nhưng rủi thay em không quen thuộc với những danh từ về chiến tranh như chị, như vậy có nghĩa là sao?

-Rất giản dị, cô em à.

-Nhưng hãy giải nghĩa cho em nghe đi.

-Họ đã treo cổ một viên sĩ quan của các quân đội các hoàng thân, có đúng không.

-Vâng, rồi sao?

-Thì chúng ta hãy tìm trong Bordeaux này một gã sĩ quan của quân đội đức vua và treo cổ y lên.

-Trời ơi! – Claire kinh hoảng kêu lên – Chị ơi, chị nói cái gì vậy?

-Ông công tước à! – Bà phu nhân nói tiếp, chẳng có vẻ gì để ý đến sự kinh hoàng của Claire – Chúng ta đã cho bắt giữ viên tổng đốc đảo Saint Georges rồi chứ?

-Rồi, thưa bà! – Ông công tước trả lời.

-Bắt giam ông De Canolles! – Claire kêu lên.

-Phải, thưa bà! – Ông công tước lạnh lùng nói – Ông nam tước đã bị bắt giam hoặc là sẽ bị lệnh đã được ban ra trước mặt tôi, và tôi đã thấy những người lính thi hành lên đường.

-Thế họ biết ông ấy ở đâu à? – Claire hỏi với một tia hy vọng cuối cùng.

-Ông ấy đang ở nơi khuôn viên của ông bà Lalasne và hình như ông ấy đang chơi ném vòng khá thành công.

Claire thốt lên một tiếng kêu, bà De Tourville ngạc nhiên quay lại, ngài công tước nhìn người thiếu phụ với một nụ cười khó hiểu.

-Ông De Canolles đã bị bắt giam! – Claire lại kêu lên – Nhưng ông ấy đã làm gì kia chứ? Mà có điều gì giống như giữa ông ấy với biến cố đáng buồn kia?

-Có điều gì giống nhau à? Tất cả cô em à. Ông ta không phải là một viên tổng đốc như Richon hay sao?

Claire muốn nói nhưng tim nàng thắt lại đến nỗi lời nói ngưng lại trên môi nàng. Thế nhưng, nắm lấy cánh tay ông công tước và nhìn ông đầy kinh hoàng, nàng cố thốt ra được những lời sau đây: -Ôi! Đây chỉ là một hành động tạm thời thôi, phải không thưa ông? Một cảnh biểu dương, có thế thôi. Hình như người ta không thể làm gì được với người tù binh danh dự kia mà…

-Richon cũng vậy, thưa bà, ông ấy đã là tù binh danh dự…

-Thưa công tước, tôi van ông…

-Xin miễn cho những lời năn nỉ, thưa bà, vô ích thôi. Tôi không có quyền hạn gì trong vấn đề này cả, hội đồng quyết định tất cả.

Claire rời cánh tay của ngài De La Rochefoucauld và tiến thẳng vào phòng làm việc của quận chúa phu nhân. Lenet mặt nhợt nhạt và lo âu, đang đi qua đi lại, phu nhân De Condé đang trò chuyện với ông De Bouillon.

Phu nhân nhẹ nhàng đến bên bà quận chúa.

-Ôi, thưa phu nhân! – Nàng nói – Em van phu nhân hãy cho em nói vài lời.

-Nhưng sau khi họp hội đồng xong, ta sẽ nói chuyện với em.

-Thưa phu nhân, thưa phu nhân, em muốn nói với phu nhân chính trước khi hội đồng họp.

Bà phu nhân đã toan nhượng bộ, thì một cánh cửa đối diện mà tử tước phu nhân vừa bước vào, chợt mở ra và ông De La Rochefoucauld bước vào.

-Thưa phu nhân, hội đồng đã nhóm và đang chờ phu nhân.

-Đấy, em thấy không? – Bà quận chúa nói – Hiện tại ta không thể nào nghe em được, nhưng ta hãy vào họp đi, xong chúng ta sẽ cùng trở ra và cùng chuyện trò với nhau.

Không còn cách nào khác để nài nỉ nữa. Sững sờ, bị mê hoặc trước sự chuyển biến mau lẹ của các biến cố, người thiếu phụ đáng thương bắt đầu sắp điên lên. Nàng dò hỏi mọi ánh mắt, tìm hiểu mọi cử chỉ mà chẳng thể nào hiểu được điều gì đang xảy ra. Bà quận chúa tiến về phía phòng khách. Claire đi theo bà một cách máy móc mà chẳng nhận ra rằng Lenet đã cầm lên bàn tay lạnh giá như một xác chết mà nàng đang buông thõng.

Mọi người bước vào phòng họp đã gần tám giờ tối. Đây là một gian phòng rộng rãi, tự nó đã tăm tối, lại càng tăm tối thêm bởi những tấm màn nặng nề. Giữa hai khung cửa, một cái bục cao được đặt sẵn, đối diện với hai ô cửa sổ nơi hắt vào những ánh sáng cuối cùng của một ngày gần tàn. Hai chiếc ghế được đặt

trên cái bục đó, dành cho phu nhân De Condé và quận công D'Enghien. Hai bên hai chiếc ghế ấy là hai dãy ghế đẩu dành cho các bà trong ban tham mưu riêng của bà quận chúa. Mọi viên quan tòa khác đều ngồi những dãy ghế đối diện. Bên cạnh ghế của quận chúa phu nhân là ông De Bouillon, bên cạnh ghế của quận công D'Enghien là công tước De La Rochefoucauld.

Sáu viên sĩ quan của quân đội hoàng gia bước vào, sáu viên sĩ quan của địa phương và sáu viên sĩ quan của thành phố. Họ đều ngồi vào nơi dãy ghế.

Cuộc họp bất thường ấy được chiếu sáng bởi hai chân đèn, mỗi chân có ba ngọn nến, chúng được đặt trên những cái bàn phía trước mặt bà quận chúa, soi sáng cho nhóm người quan trọng, còn những người kia mờ dần trong bóng tối tùy theo họ ngồi càng xa vòng tròn ánh sáng càng yếu ớt đó.

Các chiến sĩ của quân đội bà quận chúa đang canh giữ cửa, tay cầm kích.

Bên ngoài có tiếng đám đông đang reo hò giận dữ. Viên lục sự lên tiếng gọi tên, mỗi người đến lượt mình đứng dậy và đáp lại.

Rồi viên thư ký tòa án trình bày vấn đề, ông kể lại việc chiếm thành Vayres, lời hứa của ông De La Meilleraye bị bội ước, và cái chết nhục nhã của Richon.

Ngay khi đó, một viên sĩ quan, đã được chỉ định trước mở một cánh cửa sổ ra, và những tiếng reo hò ùa vào, những giọng nói đó la to: "Trả thù cho Richon! Giết chết bọn Mazarin đi!"

Người ta đã dùng tên đó để gọi cho quân đội hoàng gia.

-Quý vị đang nghe điều mà toàn dân đòi hỏi. – Ngài De La Rochefoucauld nói – Đấy trong hai giờ đồng hồ nữa, hoặc là dân chúng sẽ xem thường thế lực của chúng ta, và sẽ tự do thi hành sự trả thù, và như vậy việc phục thù sẽ không còn đúng nghĩa nữa. Đấy, thưa quý vị hãy quyết định đi, và không nên chậm trễ nữa.

Bà quận chúa đứng dậy.

-Mà tại sao lại quyết định? – Bà kêu lên – Cần gì phải có câu kết án chứ? Lời kết án đó, các bạn vừa được nghe qua tiếng nói của dân chúng thành Bordeaux.

-Thật vậy – Bà De Tourville nói – tình thế hiện tại thật là giản dị. Đây là luật báo thù chứ có gì đâu.

Lenet không thể nào nghe thêm nữa, từ chỗ ngồi của mình ông bước ra đứng giữa phòng.

-Không nên nói thêm một lời nào nữa, tôi van bà! – Ông kêu lên – Bởi vì một ý kiến như vậy quả là cay nghiệt. Bà quên rằng ngay cả quyền lực của đức vua khi trừng phạt theo cách của họ, nghĩa là một cách thô bỉ, ít ra cũng đã tôn trọng trình tự của pháp luật và đã giao cho các quan toàn quyền luận án. Bà cho rằng mình có quyền làm điều mà ngay cả đức vua cũng không dám làm hay sao?

-Ôi! – Bà De Tourville nói – Tôi đã quá chán khi mở miệng ra có ý kiến là bị ông Lenet phản đối. Tiếc thay, lần này thì ý kiến của tôi trùng hợp với ý kiến của

quận chúa phu nhân.

-Phải, đáng tiếc. – Lenet nói.

-Kìa ông! – Quận chúa nói.

-Thưa phu nhân, dẫu sao cũng nên giữ đúng nghi thức, quyền tự do kết án vẫn là ở nơi phu nhân kia mà.

-Ông Lenet nói đúng. – Công tước De La Rochefoucauld nói vừa sửa lại điệu bộ của mình – Và cái chết của một người quả là một vấn đề quan trọng để chúng ta trút trách nhiệm lên một người duy nhất, dù cho đó là một vị quận chúa.

Rồi cúi xuống bên bà quận chúa sao cho chỉ có những người thân cận nhất mới có thể nghe được.

-Thưa phu nhân! – Ông nói – Phu nhân hãy theo ý kiến của mọi người và chỉ nên giao cho những người mà phu nhân tin tưởng đọc bản luận án. Như vậy chúng ta sẽ không sợ mất đi cuộc trả thù của chúng ta.

-Khoan đã, khoan đã! – Ông Bouillon cắt ngang, vừa chống cây gậy xuống và vừa nhấc cái chân đau lên – Ông đã nói đến việc tránh trách nhiệm cho phu nhân, tôi không phản đối điều này nhưng tôi muốn mọi người cùng đồng tình với tôi. Tôi không mong mỏi gì hơn là tiếp tục công cuộc chống đối này, nhưng với một bên là phu nhân và một bên là toàn dân. Quỷ thật! Tôi không muốn tách riêng ra một mình. Tôi đã mất quyền cai trị Sedan vì một trò đùa kiểu này. Khi đó tôi đã có trong đầu ý định chiếm một thành phố. Hồng y De Riechelieu đã tước mất thành phố của tôi. Bây giờ tôi chỉ còn có một cái đầu, và tôi không muốn bị hồng y De Mazarin lấyu mất nốt. Bởi vậy tôi yêu cầu nên dể các vị quan lại trong thành phố làm bồi thẩm cho chúng ta.

-Những tên như vậy lại ký bên cạnh chữ của chúng ta à? – Bà quận chúa lẩm bẩm.

-Thưa phu nhân, cột thì chống kèo. – Ông De Bouillon đáp lại, ông ta vốn là một người rất thận trọng.

-Đây có phải là ý kiến của các ông không?

-Vâng. – Công tước De La Rochefoucauld nói.

-Còn ông Lenet?

-Thưa bà – Lenet trả lời – May sao, tôi chẳng phải là hoàng thân hay công tước, hay sĩ quan, hay quan chức gì cả. Do vậy, tôi được quyền trung lập, và tôi xin được đứng ở giữa.

Thế là bà quận chúa đứng dậy kêu gọi hội đồng mà bà đã mời đến hãy đáp lại thái độ thách thức của đức vua bằng một biện pháp mạnh. Bà vừa nói xong thì cửa sổ lại mở ra và người ta nghe vọng đến phòng xử án tiếng của cả ngàn người dân cùng chung một câu reo hò.

-Hoan hô phu nhân quận chúa! Trả thù cho Richon, giết chết bọn d'Épernon và bọn Mazarin đi.

Phu nhân De Cambes nắm lấy cánh tay Lenet.

-Ông Lenet ơi, tôi chết mất.

-Tử tước phu nhân De Cambes. – Lenet nói – Xin quận chúa cho phép được rút lui…

-Ồ, không, không! – Claire nói – Tôi muốn…

-Chỗ của bà không phải là ở đây, thưa bà. – Lenet cắt ngang – Bà không thể làm được gì cho ông ấy đâu, tôi sẽ cho bà biết mọi diễn tiến và chúng ta sẽ xem có cách nào cứu được ông ấy không.

-Bà tử tước có thể rút lui. – Bà quận chúa nói – Những bà nào ở đây không muốn tham dự cuộc họp có thể rút lui theo bà tử tước, ở đây chúng ta chỉ cần có các ông.

Không một bà nào động đậy. Một trong những tham vọng muôn đời của nửa nhân loại có nhiệm vụ quyến rũ lại là ham muốn thi hành những quyền hạn của một nửa nhân loại có nhiệm vụ chỉ huy. Các bà thấy đấy là một dịp, như phu nhân vừa nói, để trở thành các ông trong tạm thời, đây quả là một dịp may mắn để các bà không lợi dụng đến.

Phu nhân De Cambes bước ra ngoài, có Lenet theo đỡ. Đến chân cầu thang, nàng thấy lão Pompéc mà nàng đã dặn đi hỏi thăm tin tức.

-Sao? – Nàng hỏi.

-Ông ấy đã bị bắt giam rồi.

-Ông Lenet! – Claire nói – Tôi chỉ còn tin tưởng ở ông và hy vọng ở Chúa! – Và nàng buồn bã trở về phòng mình.

-Ta sẽ đặt những câu hỏi gì với kẻ sắp ra trước tòa án? – Bà quận chúa lên tiếng hỏi khi Lenet trở về chỗ ngồi của mình – Số phận sẽ rơi vào ai đây?

-Chẳng có gì giản dị hơn, thưa phu nhân. – Ông công tước trả lời – Chúng ta có khoảng ba trăm tù binh, trong đó tên họ của những người đó và cấp bậc của họ trong quân đội hoàng gia, kẻ đầu tiên có một cấp bậc tương tự như Richon đáng thương của chúng ta, thì chính kẻ đó sẽ được chỉ định.

-Chúng ta mất thì giờ mà đi hỏi mười hay mười hai viên sĩ quan đó… – Bà nói – Ông lục sự, ông còn giữ sổ bộ, hãy tìm và cho biết tên của những tù binh có cùng cấp bậc như Richon.

-Chỉ có hai thôi, thưa phu nhân. – Viên lục sự nói – Tổng đốc Saint Georges và tổng đốc thành Braune.

-Có hai viên tổng đốc, đúng rồi! – Bà quận chúa kêu lên – Họ đều đã bị bắt giữ rồi chứ, Labussiere?

-Rồi thưa phu nhân. Viên đội trưởng đội cận vệ đáp – Và cả hai đều đợi lệnh.

-Hãy đưa họ ra đây. – Bà quận chúa nói.

-Hãy đưa cả hai đến, nhưng chúng ta hãy bắt đầu bằng với một người bị trước, ông tổng đốc Saint Georges.

§19

Một cảnh im lặng đầy kinh hoàng tiếp theo sau mệnh lệnh đó, chỉ bị phá ngang bởi tiếng chân của viên đội trưởng đội cận vệ đang xa dần và với tiếng reo hò không ngớt của đám đông bên ngoài. Trong phòng không có một tiếng thở mạnh, mọi ánh mắt đều hướng về phía khung cửa nơi tù nhân sẽ được dẫn vào. Để chơi đúng vai trò chủ trì của mình, bà phu nhân giả tảng như đang lật và xem xét sổ bộ, công tước De La Rochefoucauld thì lấy một dáng điệu mơ màng, ông De Bouillon thì nói với bà De Tourville về căn bệnh thống phong đang làm ông khổ sở vô cùng.

Lenet đến gần bà quận chúa để thử một hy vọng cuối cùng.

-Xin phu nhân hãy nghĩ lại… – Ông nói – Phu nhân đang chơi trò may rủi trên tương lai của dòng họ mình.

-Ông chẳng cần phải nói thêm. – Bà quận chúa lạnh lùng nói – Ta chắc chắn sẽ thắng.

-Thưa ngài công tước! – Lenet nói và quay về phía ông De La Rochefoucauld – Ngài vượt xa những trí thông minh tầm thường về những tham vọng nhỏ nhặt của con người, ngài sẽ thiên về thái độ ôn hòa chứ, thưa ngài?

-Thưa ông! – Vị công tước trả lời một cách châm biếm – Hiện tại tôi đang phân vân lựa chọn vấn đề ấy và lý trí của tôi…

-Hãy lựa chọn với lương tâm của mình, thưa ông! – Lenet nói – Như vậy thì đúng hơn.

Ngay khi đó, một tiếng động nặng nề vang lên. Đấy là cánh cổng được đóng lại. Chẳng bao lâu, những tiếng chân vang lên nơi cầu thang, cửa mở ra và Canolles bước vào.

Chưa bao giờ trông chàng phong nhã và hào hoa như vậy, khuôn mặt trầm tĩnh vẫn giữ được niềm vui và vẻ thành thật. Bước chân của chàng nhẹ nhàng và không điệu bộ, tưởng chừng như chàng vẫn đang ở tại nhà các ông Lavie hay De Lalasne, và chàng kính cẩn cúi chào bà quận chúa cùng với ông công tước.

Ngay cả bà quận chúa cũng kinh ngạc trước dáng điệu thoải mái ấy, bà ngồi nhìn chàng trai trẻ một hồi lâu.

Cuối cùng bà phá tan cảnh thinh lặng.

-Mời ông đến gần đây. – Bà nói.

Canolles vâng lời và cúi chào thêm một lần nữa.

-Ông là ai?

-Tôi là nam tước De Canolles, thưa phu nhân.

-Ông giữ cấp bậc gì trong quân đội hoàng gia?

-Tôi là trung tá.

-Ông có phải là tổng đốc đảo Saint Georges không?

-Tôi có vinh dự đó.

-Ông nói sự thật chứ?

-Trong mọi điều, thưa phu nhân.

-Ông lục sự, ông có chép lại những câu hỏi và những câu trả lời không?

Viên lục sự gật đầu xác nhận là có.

-Đây, ông hãy ký vào đi. – Bà quận chúa nói.

Canolles cầm lấy cây bút với vẻ của một người không hay gì về lệnh lạc của người ta ra cho mình, nhưng cũng vâng lời kính trọng địa vị của người ra lệnh đó, và chàng mỉm cười ký vào.

-Được rồi! – Bà quận chúa nói – Bây giờ ông có thể ra.

Canolles lại chào những vị quan tòa cao quý của mình bước ra ngoài cũng vẫn dáng điệu thoải mái đó, chẳng vẻ gì là ngạc nhiên hay tò mò.

Chàng vừa qua khỏi cửa và cánh cửa vừa đóng sau lưng chàng thì bà quận chúa đứng dậy.

-Thế nào, thưa quý ông? – Bà hỏi.

-Thưa phu nhân, chúng ta hãy biểu quyết thôi. – Công tước De La Rochefoucauld nói.

Và quay về phía những viên quan chức.

-Các ông có ý kiến gì không? – Ông hỏi.

-Chúng tôi xin nói sau ngài, thưa đức ông. – Một người trả lời.

-Không, không thể nào trước ngài được. – Một giọng nói to vang lên. Giọng nói ấy tỏ ra cứng cỏi đến nỗi mọi người phải ngạc nhiên.

-Như vậy có nghĩa là sao? – Bà quận chúa hỏi và cố tìm cách nhận ra gương mặt của người vừa nói.

-Như vậy có nghĩa là… – Một người đàn ông vừa đứng dậy vừa nói lớn – Tôi André Lavie, chưởng lý của đức vua, cố vấn của hội đồng cố vấn, nhân danh đức vua và nhân danh nhân loại tôi đòi hỏi quyền ưu tiên và an toàn cho những tù binh danh dự bị giữ tại Bordeaux.

-Ồ, thưa ông chưởng lý, xin đừng dùng những từ ngữ trong tố tụng với tôi, bởi vì tôi chẳng hiểu gì cả. Chúng ta hãy giải quyết vấn đề theo mặt tình cảm chứ không phải là một trình tự nhỏ mọn và đê tiện, tôi nghĩ rằng tất cả thành viên của tòa án đây đều hiểu quy ước này.

-Vâng, vâng! – Các viên quan chức và sĩ quan cùng kêu lên – Chúng ta hãy biểu quyết đi.

-Tôi đã nói và tôi xin nhắc lại! – Lavie nói không tỏ vẻ gì hoang mang trước câu nhận xét của bà quận chúa – Tôi đòi hỏi quyền ưu tiên và an toàn cho các tù binh danh dự. Đây không phải là từ ngữ trong tố tụng, nhưng đây là quyền hạn của con người.

-Còn tôi xin nói thêm. – Lenet kêu lên – Người ta đã để cho Richon trình bày trước khi chết một cách tàn nhẫn, và chúng ta cũng phải tỏ ra công bằng mà để cho các bị cáo trình bày.

-Còn tôi, D'Espagnet viên chỉ huy đội quân đã cùng ông De La Rochefoucauld tấn công vào Saint – Georges, tôi tuyên bố rằng nếu chúng ta tỏ ra dễ dãi, cả thành phố sẽ nổi loạn.

Những tiếng ồn ào ở bên ngoài dường như đáp lại câu tuyên bố đó.

-Chúng ta hãy nhanh lên! – Bà quận chúa nói – Chúng ta sẽ dùng hình phạt gì với bị cáo đây?

-Các bị cáo, thưa phu nhân! – Vài người lên tiếng – Bởi vì có hai bị cáo.

-Một không đủ cho các người hay sao? – Lenet nói và mỉm cười khinh bỉ trước thái độ quỵ lụy khát máu đó.

-Vậy thì tên nào? Tên nào chứ? – Những giọng kia lại ồ lên.

-Hãy lấy tên béo nhất, lũ ăn thịt người ạ! – Lavie kêu lên – Kìa! Các ông không hài lòng về một hành động bất công, các ông kêu gào trước cảnh chết chóc và các ông muốn đáp lại vụ xử tử bằng hai mạng người! Đúng là một cuộc họp giữa các nhà triết gia và các chiến hữu, chẳng khác gì những tên đồ tể.

Những ánh mắt nảy lửa của phần lớn các quan tòa dường như sẵn sàng giết viên chưởng lý can đảm của nhà vua. Phu nhân De Condé hơi nhổm người dậy, bà như đưa ánh mắt dò hỏi những người có mặt phải chăng là những câu bà vừa nghe kia là có thật, là làm sao trên đời này lại có một kẻ bạo gan dám nói những điều như vậy trước mặt bà.

Lavie hiểu rằng sự có mặt của ông sẽ như dầu đổ thêm vao lửa, và thay vì cứu thoát cho các bị cáo, chính ông sẽ làm cho số phận của họ thêm xấu đi. Vì thế ông quyết định rút lui, nhưng với tư cách của một quan tòa bất bình chứ không phải như một người lính đảo ngũ.

-Nhân danh Thượng Đế, tôi chống lại điều mà các vị đang toan tính, nhân danh đức vua, tôi phản đối điều đó. – Lavie gầm lên.

Và sau khi xô ngã chiếc ghế của mình với một cử chỉ giận dữ oai hùng, ông bước ra khỏi phòng, đầu ngẩng cao, bước chân quả quyết như một người đã hoàn tất bổn phận của mình và không quan tâm gì đến những hậu quả tai hại có thể đến với mình.

-Tên xấc láo! – Bà quận chúa lẩm bẩm.

-Được! Được lắm! Cứ để mặc y! – Vài người lên tiếng – Rồi sẽ đến lượt y.

-Chúng ta hãy biểu quyết thôi! – Phần đông các quan tòa nói.

-Nhưng mà… – Lenet lại nói – Tại sao lại biểu quyết trong khi các bị cáo chưa lên tiếng? Có thể một trong hai người là có tội hơn cả. Có thể các ngài sẽ chỉ cần báo thù với một sinh mạng thay vì cần đến cả hai.

Ngay khi đó, lại vang lên tiếng mở cửa cổng sắt.

-Thôi được! – Bà quận chúa nói – Chúng ta sẽ biểu quyết sau khi đã nghe họ phân trần.

Các quan tòa vừa đứng dậy trong cảnh ồn ào, lại ngồi xuống. Lại nghe những tiếng bước chân, tiếng mở cửa và đến lượt Cauvignac xuất hiện.

Người mới đến mang một hình ảnh hoàn toàn khác hẳn với Canolles, y phục của y vẫn còn xộc xệch sau cảnh giằng xé của đám đông, mặc dù y đã cố công sửa sang. Đôi mắt liếc nhanh về phía các vị quan chức, các sĩ quan, các công tước và bà quận chúa, nhìn bao quát khắp lượt cả tòa án, rồi với dáng điệu của một con cáo già đang chuẩn bị trổ mưu mô, y tiến đến, có thể nói như là y thăm dò tình hình qua từng bước chân chậm chạp, tai vểnh lên, nghe ngóng, mặt tái nhợt lộ rõ vẻ lo âu.

-Phu nhân đã cho tôi được vinh dự đến diện kiến người? – Y nói mà không đợi ai hỏi.

-Phải, thưa ông. – Bà quận chúa trả lời – Tôi muốn được nghe ông trình bày về vài điểm có liên quan đến ông đang làm cho chúng tôi đây phải hoang mang.

-Nếu vậy tôi đây, thưa phu nhân. – Cauvignac trả lời và cúi chào – Tôi xin sẵn sàng đáp ứng lại ân huệ mà phu nhân đã dành cho tôi.

Rồi y lại vái chào cố hết sức để tỏ ra lịch thiệp, nhưng rõ ràng là thái độ đó không được thoải mái và tự nhiên cho lắm.

-Sẽ nhanh thôi. Bà quận chúa trả lời – Nếu ông trả lời cũng rõ ràng như chúng tôi sắp hỏi ông.

-Tôi xin mạn phép lưu ý phu nhân rằng các câu hỏi đều phải chuẩn bị từ trước, còn câu trả lời thì không được như vậy, nên tôi cho rằng trả lời luôn luôn dễ hơn là hỏi.

-Ồ, các câu hỏi của chúng tôi rất rõ ràng và chính xác. – Bà quận chúa nói – Và tránh cho ông phải nhọc công suy nghĩ. Tên ông là gì?

-Ấy thưa phu nhân, đây lại chính là một câu hỏi khá phức tạp.

-Tại sao vậy chứ?

-Vâng, vì đôi khi người ta lại có đến hai tên, tên do gia đình đặt cho mình và tên do chính mình tự đặt ra. Ví dụ như tôi đây, tôi cho rằng mình có lý do riêng để không dùng đến cái tên đầu tiên để sử dụng một tên khác ít ai biết đến. Vậy phu nhân muốn tôi phải thú nhận tên nào?

-Tên mà ông đã sử dụng khi đến trình diện ta ở Chantilly, tên mà ông đã sử dụng khi đứng ra chiêu mộ cho ta một đội quân, và tên mà ông đã dùng khi đến bán mình cho lão Mazarin.

-Xin phu nhân thứ lỗi. – Cauvignac nói – Nhưng hình như tôi đã được vinh dự trả lời tất cả các câu hỏi đó trong lần yết kiến mà phu nhân đã rộng lòng ban cho tôi vào sáng nay.

-Bởi vậy, giờ ta chỉ muốn hỏi ông một câu thôi. – Bà phu nhân đã bắt đầu mất kiên nhẫn – Ta chỉ hỏi tên ông.

-Đây! Chính là câu khiến tôi khó nói hơn cả.

-Hãy ghi tên nam tước Cauvignac. – Bà quận chúa nói.

Bị cáo không phản đối gì cả và viên lục sự ghi vào.

-Bây giờ đến chức vụ của ông. – Bà quận chúa nói – Tôi hy vọng ông không khó khăn gì với câu hỏi này.

-Trái lại, thưa phu nhân, chính câu hỏi này đối với tôi lại khó trả lời hơn cả, nếu phu nhân hỏi về chức vụ của một người thông thái như tôi, thì tôi là tú tài về văn chương, cử nhân về luật, tiến sĩ về thần học, và như phu nhân vừa thấy đó tôi trả lời mà không phải ngập ngừng gì.

-Không thưa ông, chúng ta nói đến chức vụ trong quân đội của ông.

-Ấy, về điểm này tôi hoàn toàn không thể nào trả lời với phu nhân được.

-Tại sao vậy chứ?

-Bởi vì chính tôi cũng chưa bao giờ rõ mình là gì nữa.

-Hãy cố gắng nói rõ điểm này thưa ông, bởi vì tôi, tôi rất muốn biết.

-Nếu vậy, tôi xin nói là thoạt đầu tôi tự mình phong cho cấp bậc trung úy. Nhưng vì 4ôi không có nhiệm vụ là tự ký cho mình một văn bằng, vả lại suốt cả khoảng thời gian mà tôi giữ cấp bậc đó tôi chỉ có dưới tay sáu người thôi nên tôi cho rằng mình không có quyền giữ cấp bậc đó.

-Nhưng tôi – Bà quận chúa nói – tôi đã phong cho ông chức đại úy, vậy thì ông là đại úy.

-À chính vì thế mà tôi lại càng thêm bối rối và lương tâm tôi cắn rứt. Từ bấy lâu nay, tôi đã có quan niệm rằng mọi cấp bậc trong quốc gia phải là phát xuất từ ý muốn của đấng quân vương thì mới có giá trị. Thế nhưng phu nhân đã có ý định phong tôi làm đại úy, nhưng tôi tin rằng người không có quyền đó. Bởi vậy, tôi cũng chưa từng là đại úy cũng như chưa từng là đại úy.

-Thôi vậy cũng được, cứ cho như là ông chưa hề tự phong cấp bậc đại úy, cũng như chưa hề được ta phong cho cấp bậc đại úy, vì ta cũng như ông chẳng có quyền hạn gì để ký một văn bằng thì ít ra ông cũng là tổng đốc thành Braune. Thế nhưng vì lần này chính đức vua đã ký giấy bổ nhiệm ông, vậy ông không chối bỏ giá trị của văn bản đó chứ?

-Thưa phu nhân – Cauvignac trả lời – Trong ba vấn đề, đây lại là điều xa nhất.

-Tại sao kia chứ? – Bà quận chúa hỏi.

-Tôi đã được bổ nhiệm, đúng vậy, nhưng lại chưa nhận nhiệm vụ tước hiệu có giá trị là như thế nào? Chính không phải là chỉ mang tước hiệu không thôi, mà phải hoàn thành những nhiệm vụ gắn liền với tước hiệu đó. Thế nhưng tôi chưa hoàn thành một nhiệm vụ nhỏ nào của tước hiệu mà tôi được phong cho, tôi chưa

đặt chân đến lãnh địa của tôi, tôi chưa bắt tay vào một công việc nào, bởi vậy tôi chưa từng là tổng đốc thành Braune, cũng như chưa từng là đại úy, trước khi lên chức tổng đốc và cũng chưa từng là trung úy trước khi lên đại úy.

-Thế nhưng, thưa ông, ông đã bị bắt trên đường đến Braune.

-Có thể lắm, nhưng cách nơi tôi bị bắt giữ hơn một trăm bước, con đường chia làm hai ngả. Một đi đến Braune và một đến Issor. Ai có thể bảo rằng tôi đi đếN Braune chứ không phải đến Issor?

-Thôi được. – Bà quận chúa nói – Các quan tòa đây sẽ nhận định lời bào chữa của ông, lục sự hãy ghi vào, tổng đốc thành Braune.

-Tôi không dám chống đối – Cauvignac nói – về việc phu nhân cho ghi theo ý thích của người.

-Xong rồi, thưa phu nhân! – Nhân viên lục sự nói.

-Tốt. Và bây giờ mời ông ký vào bản hỏi cung này giùm cho.

-Tôi rất lấy làm sung sướng mà làm việc đó, thưa phu nhân. – Cauvignac nói – Và tôi rất lấy làm thích thú được làm một điều gì khiến cho phu nhân vui lòng. Nhưng trong cuộc chống trả với đám đông vào sáng nay, mà phu nhân đã có lòng tốt can thiệp giúp đỡ, rủi thay cổ tay phải của tôi đã bị chặt và tay trái tôi chưa hề viết được một chữ nào bao giờ.

-Hãy ghi vào lời từ chối của bị cáo. – Quận chúa nói với viên lục sự.

-Mất khả năng, thưa ông, hãy viết mà mất khả năng. – Cauvignac nói – Tôi có thể làm sao từ chối một điều gì với một vị phu nhân cao cả như người, nếu như điều đó nằm trong khả năng của tôi?

Và Cauvignac lại cúi chào với một vẻ kính cẩn vô cùng rồi bước ra ngoài với hai người lính kèm hai bên.

-Tôi cho là ông đã có lý, ông Lenet à! – Ngài công tước De La Rochefoucauld nói – Và chính ta đã sai lầm mà không biết.

Lenet đang quá bận rộn với những ý nghĩ riêng tư để trả lời. Lần này tính kiên trì thường nhật của ông đã phản lại ông, ông đã hy vọng là Cauvignac sẽ lôi kéo về phía hắn sự giận dữ của các vị quan tòa. Nhưng với những mưu mẹo muôn thủa của y, Cauvignac đã khiến cho các vị quan tòa phải buồn cười hơn là bực tức. Có điều là cuộc hỏi cung đó đã xua tan hình ảnh đẹp đẽ, nếu như có, của cuộc hỏi cung Canolles, và những gì là thanh cao, là thành thật, là thẳng thắn đã biến mất sau những mưu mẹo của người sau. Cauvignac đã xua mất hình ảnh của Canolles.

Vì thế, khi đến phần biểu quyết, phần đông đều yêu cầu án tử hình.

Bà quận chúa đứng dậy, trịnh trọng đọc câu tuyên án. Rồi từng người một đến ký vào sổ bộ của tòa án. Trước hết là cậu quận công D'Enghien, một đứa bé đáng thương không hiểu gì về chữ ký của mình, chữ ký đầu tiên đáng giá một mạng người, sau đó đến quận chúa phu nhân, các ông công tước, rồi đến các bà

trong hội đồng tư vấn, các viên sĩ quan rồi đến các quan chức. Như vậy mọi người đều có nhúng tay vào cuộc báo thù này. Quý tộc cũng như dân giả, quân đội cũng như hội đồng, cần phải trừng phạt tất cả. Thế nhưng mọi người đều biết rằng khi cần phải trừng phạt tất cả mọi người nói chung thì sẽ chẳng trừng phạt ai cả.

Và, sau khi tất cả mọi người đều đã ký, bà quận chúa đã nắm được sự trả thù trong tay, mà hành động trả thù đó thỏa mãn lòng kiêu hãnh của bà, đến tự tay mở cánh cửa sổ ra, khao khát muốn làm đẹp lòng dân, bà nói to: -Hỡi dân chúng thành Bordeaux, cái chết của ông Richon sẽ được trả thù một cách thích đáng, hãy tin tưởng nơi ta.

Một tiếng hoan hô, chẳng khác gì tiếng sấm vang dậy sau câu tuyên bố, và dân chúng tỏa ra khắp các đường phố thích thú khi nghĩ đến cảnh tượng mà phu nhân quận chúa vừa hứa. Nhưng khi phu nhân vừa về đến phòng mình với Lenet buồn bã theo sau, vì ông vẫn còn hy vọng làm cho bà đổi ý, thì cửa bật mở ra và nữ tử tước De Cambes, mặt tái nhợt, đau khổ, đến quỳ sụp xuống chân bà.

-Ôi, thưa phu nhân, xin hãy nghe em! Xin đừng xua đuổi em!

-Có chuyện gì vậy, em thân yêu của ta? – Bà quận chúa hỏi – Mà tại sao em lại khóc chứ?

-Thưa phu nhân, em khóc bởi vì em được mọi người đều đã biểu quyết án tử hình và phu nhân đã chấp nhận. Nhưng thưa phu nhân, phu nhân không thể nào giết ông De Canolles được.

-Tại sao chứ? Họ cũng đã giết ông Richon đấy.

-Nhưng thưa phu nhân, chính ông De Canolles đã cứu phu nhân khi còn ở Chantilly.

-Ta phải biết ơn hắn vì hắn đã bị lừa trước mưu kế của chúng ta hay sao?

-Thưa phu nhân, người đã lầm rồi, ông Canolles đã không bị lừa vì sự đánh tráo đấy. Ngay từ cái nhìn đầu tiên ông ấy đã nhận ra em.

-Nhận ra em!

-Vâng, thưa phu nhân. Ông ấy với em đã cùng đi với nhau một đoạn đường. Ông De Canolles biết em, ông Canolles phải nói là khi ấy yêu em, và trong tình thế đó, thưa phu nhân…, có lẽ ông ấy đã sai lầm, nhưng ông ấy không đáng để phu nhân chê trách…, trong tình huống ấy, ông ấy đã vì tình yêu mà hy sinh bổn phận.

-Nếu vậy, người mà em yêu?…

-Vâng ạ! – Nàng tử tước trả lời.

-Người mà em đến xin phép ta để cưới…

-Vâng.

-Người đó là…

-Là chính ông De Canolles! – Nữ tử tước kêu lên – Ông De Canolles đã đầu hàng với em ở Saint – Georges, và nếu không có em, ông ấy đã cho nổ mình chết cùng với binh sĩ của phu nhân… Vâng, ông De Canolles đã có thể bỏ trốn, nhưng ông ấy đã buông gươm để khỏi phải xa em. Bây giờ thì chắc phu nhân đã hiểu nếu ông ấy chết thì em cũng sẽ cùng chết với ông ấy, bởi vì chính em đã giết ông ấy!

-Ôi, cô em yêu quý! – Bà quận chúa nói với một vẻ xúc động – Hãy biết rằng điều em đòi hỏi ấy là không thể được. Richon đã chết, và Richon cần phải được trả thù. Hội đồng đã biểu quyết, và bản án phải được thi hành, ngay cả như chồng ta có hỏi xin điều em vừa nói thì ta cũng sẽ từ chối.

-Ôi! Khổ cho ta, khổ cho ta! – Tử tước phu nhân kêu lên, nàng bật khóc nức nở và ngã ra sau – Chính ta đã hại người yêu của ta rồi.

Khi đó Lenet từ nãy giờ vẫn im lặng, tiến đến gần bà quận chúa.

-Thưa phu nhân! – Ông nói – Một nạn nhân cũng đủ rồi, phu nhân lại cần đến hai xác chết để trả giá cho Richon hay sao?

-À! À! – Quận chúa nói – Hỡi con người nghiêm khắc, như vậy có nghĩa là ông muốn ta giết một người và tha một người, có đúng không?

-Thưa phu nhân, khi cần phải lựa chọn thì nên để lại người lương thiện, và thí kẻ xảo quyệt, đó là điều công bằng chỉ có những tên Do Thái mới đóng đinh chúa Giêsu và tha Brabas.

-Ôi, ông Lenet, ông Lenet! – Claire kêu lên – Xin ông hãy nói hộ giùm tôi! Bởi vì ông là đàn ông và mọi người có lẽ sẽ nghe theo ông. Và xin phu nhân nhớ lại giùm em! – Nàg nói tiếp quay về phía bà phu nhân – Xin hãy nhớ rằng em đã phục vụ phu nhân tất cả đời em.

-Và cả tôi nữa! – Lenet nói – Và sau ba mươi năm phục vụ trung thành, tôi chưa hỏi xin một điều gì cả, nhưng nếu trong trường hợp này phu nhân không thương xót thì tôi sẽ đổi ba mươi năm trung thành để chỉ xin một lần ân huệ.

-Hãy nói đi!

-Là xin phu nhân cho tôi được thôi việc về đến phủ phục dưới chân đức vua và xin phục vụ ngài cho đến cuối đời tôi.

-Kìa! – Bà quận chúa kêu lên – Đừng đe dọa ta nữa, Lenet thân mến. Đừng khóc nữa, Claire yêu quý của ta. Các người hãy an tâm, sẽ chỉ có một người chết thôi, như ý các người muốn. Nhưng đừng có ai đến cầu xin ta ân huệ cho kẻ phải chết nữa.

Claire nắm tay bà phu nhân và hôn tới tấp lên đó.

-Ôi, xin cám ơn, cám ơn phu nhân! – Nàng nói – Kể từ bây giờ mạng sống em và của người ấy là thuộc về của phu nhân.

-Thưa phu nhân, hành động như vậy là phu nhân đã tỏ ra vừa rộng lượng vừa công bằng. Đặc quyền đó từ trước đến này chỉ thuộc về Thượng Đế.

-Bây giờ, em có thể gặp ông ấy chưa? Em có thể xin thả ông ấy ra được chưa?

-Một hành động tương tự vào lúc này là không được. – Bà quận chúa nói – Nó sẽ mang tai họa đến cho chúng ta. Hãy để tù binh ở lại nhà tù. Họ sẽ được đưa ra cùng một khi người đến với tự do, kẻ đến với cái chết.

-Nhưng ít ra, em có thể đến gặp để trấn an ông ấy được chứ?

-Trấn an à! Cô em thân yêu, ta nghĩ là em không được quyền làm như vậy. Mọi người sẽ biết quyết định, mọi người sẽ bàn tán, không, không được đâu, em biết điều đó là đủ rồi. Ta sẽ báo với các ông công tước với quyết định của ta.

-Em đành phải chờ đợi vậy. Xin cảm ơn, xin cảm ơn phu nhân! – Claire kêu lên.

Và nàng chạy biến đi để có thể được khóc thỏa thích và để tạ ơn Thượng Đế với tất cả tấm lòng tràn ngập hạnh phúc cùng sự biết ơn.

§20

Hai người tù binh chiến tranh bị nhốt trong hai phòng của pháo đài. Hai phòng thông liền với nhau, cùng ở tầng trệt. Trước cánh cửa của nhà tù là một tiểu đội lính chọn trong số cận vệ của quận chúa phu nhân, những đám đông ùa đến khi được biết Canolles và Cauvignac cùng bị giam giữ ở đây đã bắt đầu giải tán, sau khi đã thỏa mãn lòng căm thù trước những chuẩn bị ấy. Thế là đám cận vệ đã rời bỏ dần vị trí canh gác của mình và chỉ để lại vài người.

Quả vậy ở đấy không còn gì để coi nữa nên hiển nhiên là đám đông ùa đến nơi sẽ tổ chức cuộc hành hình. Những câu nói của quận chúa phu nhân vọng xuống từ trên phòng họp đã lan đi khắp thành phố, mọi người bàn tán theo ý riêng của mình, và vì trời đã tối, nhiều người mang theo những ngọn đuốc. Tất cả các cửa sổ đều mở toang, phía trước các ngôi nhà được treo những ngọn đèn lồng như vào ngày lễ. Thế nhưng qua những cảnh ồn ào của đám đông qua ánh mắt hớt hãi của những kẻ tò mò qua những toán lính tuần tra nối tiếp, người ta hiểu rằng đây không phải là một lễ hội bình thường với những sự chuẩn bị ghê rợn như vậy.

Thỉnh thoảng những tiếng la giận dữ nổi lên giữa những đám đông tụ lại giải tán rất nhanh. Vẫn những tiếng la đã lọt vào tận phòng xử án: Giết chết bọn tù binh! Trả thù cho Richon! Những tiếng reo hò, tiếng ngựa chạy, những ánh đuốc đã kéo phu nhân De Cambes khỏi lời cầu kinh của mình, nàng đến bên cửa sổ và kinh hãi nhìn những người đàn ông, đàn bà, với ánh mắt hung dữ, chẳng khác gì những con thú khát máu được thả ra trong đấu trường. Nàng tự hỏi tại sao những con người kia lại có thể kêu đòi cái chết của đồng loại mình như vậy, trong khi họ chẳng làm gì ai.

Từ nơi cửa sổ mình đứng, phu nhân De Cambes nhìn thấy bên trái cái mái nhà là những ngọn tháp cao của pháo đài, nơi giam giữ tù binh. Ánh mắt của nàng gắn chặt với nơi ấy, vì nơi ấy có sự hiện diện của Canolles. Thế nhưng nàng không thể nào tránh nhìn xuống được và thế là nàng nhìn thấy những bộ mặt đầy đe dọa, nàng nghe những tiếng kêu gọi trả thù và nàng rùng mình vì ghê sợ.

-Ôi! – Nàng tự nhủ – Họ đã cấm ta đến gặp chàng, nhưng ta sẽ làm hết cách để vào được đấy! Chàng có thể nghe thấy những tiếng hò la đó, chàng sẽ nghĩ là ta bỏ rơi chàng, chàng sẽ lên án ta, chàng sẽ buồn khổ. Ôi, những giây phút trôi qua khi ta chưa trấn an được chàng chẳng khác gì ta phản bội chàng, ta không thể nào ngồi yên như vậy được khi chàng cần đến ta. Ôi! Ta phải đến gặp chàng… Nhưng, trời ơi, bằng cách nào đây, ai sẽ dẫn ta đến nhà tù, quyền lực nào sẽ hộ ta mở những cánh cử nặng nề? Phu nhân đã từ chối cho phép ta đến đó. Ở đấy có lính canh, chung quanh lại có nhiều kẻ thù, đám đông kia sẽ ngửi thấy mùi máu

và sẽ không buông tha cho con mồi, họ sẽ nghĩ rằng ta muốn cứu thoát chàng! Ồ, phải ta sẽ cứu thoát chàng, phu nhân đã hứa với ta rồi, bảo với họ rằng ta muốn gặp chàng, họ sẽ từ chối thôi. Nếu đòi hỏi với phu nhân thêm một lần nữa, có lẽ sẽ làm hỏng ân huệ ta vừa xin được. Thế nhưng lại để mặc chàng trong cảnh hoang mang như vậy sao? Ôi, không thể được!

Thế là phu nhân De Cambes lại đến quỳ trước cây thánh giá và cầu nguyện với tất cả lòng nhiệt tâm của mình, những lời cầu nguyện có lẽ đã làm mềm được lòng của quận chúa phu nhân nếu bà có thể nghe được.

Thế nhưng những tiếng reo hò của đám đông và ánh đuốc chập chờn chiếu sáng cả một góc phòng của nàng khiến nàng vô cùng kinh hoảng, nàng nhắm mắt lại và đưa tay lên bịt lỗ tai! Khi đó, nàng không nghe tiếng cửa mở ra và một người đàn ông bước vào, người ấy đứng dừng lại một lát nơi ngưỡng cửa nhìn nàng với một ánh mắt cảm thông và khi thấy cả thân mình của người thiếu phụ rung lên trong những tiếng nức nở, người ấy tiến đến gần và đặt tay lên vai nàng.

Claire kinh hãi ngẩng đầu lên.

-Ôi! Ông Lenet! – Nàng nói – Ông Lenet ơi, ông không bỏ rơi tôi chứ?

-Không đâu, tôi nghĩ rằng bà chưa được hoàn toàn an tâm lắm nên tôi mạn phép đến đây để hỏi xem tôi có thể giúp bà được điều gì không?

-Ôi ông Lenet thân mến, ông tốt quá, tôi cám ơn ông nhiều lắm!

-Như vậy là tôi đã không lầm. Ôi người ta ít khi lầm khi nghĩ rằng còn có những người đang đau khổ. – Ông ta nói tiếp với một nụ cười buồn bã.

-Vâng, thưa ông! – Claire kêu lên – Vâng, ông nói đúng lắm, tôi đang đau khổ vô cùng.

-Kìa, bà đã không xin được điều mong ước đó hay sao? Và tôi phải thú nhận ngoài sự mong đợi của tôi…

-Vâng, có lẽ vậy, nhưng…

-Tôi hiểu rồi, phải chăng bà đang sợ hãi trước sự vui mừng của đám đông khát máu và bà thương hại cho số phận của kẻ kia, kẻ sẽ chết thay cho người yêu của bà?

Claire ngẩng đầu lên và mặt tái đi, nàng nhìn sững Lenet trong giây lát, rồi nàng đưa bàn tay lạnh ngắt áp lên vầng trán đẫm mồ hôi.

-Trời, xin hãy tha lỗi cho tôi, hãy nguyền rủa tôi đi! – Nàng nói – Tôi ích kỷ quá, tôi cũng chẳng nghĩ đến điều đó nữa, không đâu, ông Lenet ạ, tôi rất xấu hổ mà thú thật rằng những sợ hãi, những giọt lệ, những lời cầu kinh đều dành cho kẻ sống sót, bởi vì quá bận tâm đến tình yêu của mình, tôi đã quên khuấy mất kẻ phải chết.

Lenet mỉm cười buồn bã: -Phải! – Ông nói – Sự thật là như vậy bởi vì nó nằm trong bản tính của loài người. Có lẽ chính tính ích kỷ của cá nhân là sự cứu rỗi của quần chúng. Mỗi người đều dùng gươm vạch quanh mình và những kẻ thân

thuộc một vòng tròn. Thôi nào thôi nào, phu nhân của tôi hãy thú nhận cho hết đi. Bà hãy thành thật thú nhận rằng bà mong muốn cho kẻ kia mau chịu cuộc hành hình, vì cái chết của kẻ đó bảo đảm mạng sống cho người yêu của bà.

-Ôi, tôi chưa nghĩ đến điều đó ông Lenet à, tôi xin thề như vậy. Nhưng xin ông đừng Buộc tâm trí tôi dừng lại ở hình ảnh đó, bởi vì tôi yêu ông ấy quá và tôi không thể biết rằng trong tình yêu mù quáng của mình tôi còn dám đòi hỏi đến đâu nữa.

-Tội nghiệp. – Lenet nói với một giọng thương hại sâu sắc – Tại sao không nói với tôi điều này sớm hơn?

-Ôi! Lạy Chúa! Ông làm tôi sợ quá. Phải chăng bây giờ đã đi quá muộn và mạng sống ông ấy chưa hoàn toàn được cứu thoát?

-Chính phu nhân quận chúa đã hứa rồi kia mà, thế nhưng…

-Thế nhưng sao?

-Thế nhưng trên đời này chẳng có điều gì là chắc cả, và bà cũng như tôi đều đã tin tưởng là ông ấy thoát nạn, vậy tại sao bà lại khóc thay vì mừng vui?

-Tôi khóc là vì không được đến thăm ông ấy. – Claire trả lời – Ông hãy nghĩ xem, ông ấy phải nghe những tiếng reo hò khủng khiếp kia và sợ hãi cho nguy hiểm đang gần kề. Ông ấy sẽ lên án tôi là lạnh nhạt, là phản bội. Ôi, ông Lenet ơi, tôi khổ quá!

-Nếu vậy thì bà tử tước à, phải đến gặp người ấy đi thôi.

-Đến gặp làm sao được? Ông cũng biết là tôi xin phép, phu nhân đã từ chối.

-Tôi cũng biết như vậy và tôi cũng tán thành ý kiến đó, thế nhưng…

-Thế nhưng ông muốn tôi chống lại lệnh à? – Claire kêu lên, mở to mắt nhìn Lenet.

-Tôi già rồi, bà tử tước ạ! – Ông nói – Và tôi đã được thấy nhiều sẽ chỉ một tù binh chết thôi, phu nhân đã nói như vậy. Thế nhưng suốt cuộc đời đằng đẵng của tôi, tôi đã từng thấy may mắn quay mặt đi với những kẻ tưởng rằng mình được ưu đãi hơn cả, nên tôi có một nguyên tắc chộp ngay lấy cơ hội khi có dịp. Hãy đến thăm người yêu củA bà, bà cứ đi đi.

-Ôi, ông Lenet, ông làm tôi sợ quá.

-Đây không phải là ý định của tôi, hay bà muốn tôi khuyên đừng đến đó? Chắc là không đâu.

-Ông vừa nói chuyện đến gặp ông ấy. Đây là lời tôi cầu khẩn với Thượng Đế khi ông đến gặp tôi. Vậy là có cách nào để đến đó hở ông Lenet?

-Có việc gì mà người phụ nữ đã chiếm được Saint Georges lại không làm được kia chứ?

-Cách nào? Cách nào?

-Đây. Tôi đã hỏi xin một tờ giấy phép để đến gặp tù binh, bởi vì nếu có thể nào cứu được đại úy Cauvignac thì tôi mong khuyên dụ y về phe với chúng ta,

nhưng bây giờ thì tờ giấy phép ấy đã trở nên vô dụng bởi vì bà đã kết án tử hình y với lời cầu xin dành cho ông De Canolles. Vậy hãy cầm lấy tờ giấy đó, bên trong không ghi tên ai cả.

Claire cầm lấy mảnh giấy và đọc.

"Giám ngục, hãy để cho người mang giấy này được vào tiếp xúc với một trong hai tù binh tùy theo sự lựa chọn của người ấy, trong vòng nửa tiếng đồng hồ!

Claire – Clémence De Condé"

-Đã có một y phục của nam giới, hãy mặc vào! Bà có tờ giấy phép này, hãy sử dụng nó.

-Tội nghiệp cho kẻ kia! – Claire lẩm bẩm, không thể nào xua đuổi tâm trí hình ảnh của Cauvignac sẽ bị xử tử thay cho Canolles.

-Y phải tuân theo định luật của muôn đời! – Lenet nói – Yếu ớt, y sẽ bị kẻ mạnh hiếp đáp, cô thế, y phải trả giá cho kẻ được che chở. Tôi rất tiếc cho y, y là một tên mưu trí.

-Ông có biết rằng ông đã làm tôi xiêu lòng vô cùng với mảnh giấy này không? Ông có biết rằng một khi tôi đã ôm được người yêu dấu trong tay, tôi sẽ dám đưa người ấy đi biệt tích không?

-Bà thân mến, nếu điều đó là dễ dàng, thì tôi sẽ khuyên bà hành động như vậy. Nhưng tờ giấy phép này không cho chúng ta toàn quyền hành động như ý. Nào, thôi, thưa bà, đừng để mất thì giờ nữa, hãy mặc vào bộ y phục cải trang và đi nhanh đi. Tờ giấy phép này cho phép bà ở lại sau nửa giờ. Tôi biết là nửa giờ thì chẳng thấm gì, nhưng sau nửa giờ đó là một cuộc sống lâu dài. Bà còn trẻ, cuộc đời sẽ còn dài, cầu Chúa cho bà được hạnh phúc.

Claire nắm bàn tay Lenet kéo lại gần mình và hôn lên trán ông như với một người cha thân yêu.

-Thôi đi đi! – Lenet nói và nhẹ nhàng đẩy nàng ra – Đừng để mất thì giờ nữa, kẻ nào yêu thật sự sẽ không bao giờ khuất phục cả.

Rồi nhìn nàng bước qua phòng bên, nơi lão Pompéc được nàng cho gọi đến đang chờ đợi để giúp nàng thay y phục, ông lẩm bẩm: -Than ôi! Nào ai biết được ngày mai?

§21

Quả thật là những tiếng hò hét, đe dọa, cảnh ồn ào của đám đông đã không thoát khỏi lỗ tai của Canolles. Qua các chấn ssong cửa sổ, chàng cũng đã được chứng kiến cảnh tượng hhỗn độn đang diễn ra trong khắp thành phố.

-Mẹ kiếp! – Chàng nói – Thật đúng là một chuyện trắc trở, cái chết của Richon… Tội nghiệp Richon! Một con người dũng cảm. Cái chết của Richon sẽ làm cảnh giam cầm của ta thêm khe khắt, họ sẽ không để cho ta bay nhảy khắp thành phố như trước đây, sẽ không còn hẹn hò và có lẽ cũng chẳng có hôn lễ nữa, nếu như Claire không chấp nhận một lễ cưới trong nhà nguyện của nhà tù. Nàng sẽ chấp nhận. Hôn lễ ở nhà nguyện nào mà chẳng được chứ? Thế nhưng như vậy là điềm xui. Quỷ thật! Tại sao lại không nhận được tin vào ngày mai thay vì hôm nay nhỉ?

Rồi đến sát bên cửa sổ và nhìn ra ngoài: -Canh gác kỹ thế? Hai tên lính canh! Cứ nghĩ đến chuyện phải bị giam giữ ở đây tám ngày mà cũng có thể là mười lăm ngày, cho đến khi có một biến cố nào đó khiến cho họ quên đi chuyện hôm nay. May sao, thời buổi này các sự kiện cứ dồn dập, mà dân Bordeaux lại rất mau quên. Ồ, phải, chắc là nàng biết sẽ không trách móc là lỗi tại ta. Ái cha! Mà cái đám người đó đi đâu vậy nhỉ? Hình như về phía pháp trường! Nhưng mà, vào giờ này làm gì có xử tội hoặc là một cuộc thao diễn nào, họ đều đổ xô về đấy cả.

Canolles đi qua đi lại trong phòng mình, tay chắp sau lưng, những bức tường của một cảnh giam cầm thực sự đã khiến chàng trở thành một triết gia trong chốc lát điều mà chàng chẳng bận tâm đến!

-Chiến tranh đúng là một chuyện điên rồ! – Chàng lẩm bẩm – Anh chàng Richon đáng thương cách đây ít lâu còn dùng bữa với ta, thế mà bây giờ đã không còn nữa. Anh ta đã chết với chính những khẩu thần công của mình, kẻ gan lì, và có lẽ ta cũng hành động như vậy nếu như không phải chính nàng tử tước đã hãm thành ta. Cuộc chiến tranh giữa các phu nhân này quả thật là cuộc chiến tranh nguy hiểm hơn cả mọi cuộc chiến khác. Ít ra ta cũng đã không nhúng tay vào cái chết của một người đẹp. Tạ ơn trời, ta đã không phải rút gươm ra vì một người anh em, điều này khiến ta được an ủi ít nhiều. Mà thôi, lần này nữa, ta phải biết ơn trí thông minh của một người thiếu nữ, xét cho cùng ta phải mang ơn nàng rất nhiều.

Ngay khi đó, một viên sĩ quan bước vào và cắt ngang dòng tư tưởng của Canolles.

-Ông có cần dùng bữa không, thưa ông? – Viên sĩ quan hỏi chàng – Nếu không xin ông cứ ra lệnh, người giám ngục đã nhận được chỉ thị là sẽ dọn các món ăn tùy theo ý ông.

-Chà, chà! – Canolles nói – Hình như họ có ý định đối xử thật lễ độ suốt thời gian ta phải ở đây. Hồi nãy ta đã e sợ điều ngược lại khi thấy bộ mặt khó đăm đăm của quận chúa và bọn man rợ, của đám quan tòa…

-Tôi xin đợi lịnh! – Viên sĩ quan nghiêng mình nhắc lại.

-À, xin lỗi! Câu hỏi quá lễ độ của ông đã khiến cho tôi phải suy nghĩ… Hãy trở lại vấn đề thôi, vâng, thưa ông, tôi sẽ dùng bữa thôi bởi vì tôi đang rất đói, nhưng bình thường tôi ăn uống rất đạm bạc. Vậy bữa ăn của một người lính là đủ cho tôi rồi.

Bây giờ viên sĩ quân bước lại gần chàng, với vẻ quan tâm: -Ông có cần dặn dò gì…, ai ở thành phố không?… Ông có chờ đợi điều gì không? Ông đã nói rằng ông là chiến sĩ. Tôi cũng vậy, ông cứ tin tưởng vào tôi như một người bạn.

Canolles ngạc nhiên nhìn viên sĩ quan.

-Không, thưa ông! – Chàng nói – Tôi không có gì để dặn dò cả. Không, tôi không chờ đợi điều gì, nếu không muốn nói đến một người mà tôi không thể không nêu tên ra. Còn về chuyện trông cậy ông như một người bạn, tôi xin cám ơn lòng tốt của ông. Nào chúng ta hãy bắt tay nhau, và sau này nếu tôi có cần gì, tôi sẽ nhớ đến lời ông hứa.

Lần này thì đến lượt viên sĩ quan kinh ngạc nhìn Canolles.

-Được rồi, thưa ông. – Người đó nói – Bữa ăn tối của ông sẽ được dọn lên ngay bây giờ!

Và người đó rút lui. Một lát sau, hai người lính bước vào mang theo một bữa ăn tối thịnh soạn, quá thịnh soạn so với yêu cầu của Canolles. Chàng ngồi vào bàn và ăn ngon lành.

Đến lượt hai người lính kinh ngạc nhìn chàng. Canolles cho thái độ kinh ngạc đó là do thèm thuồng, và vì rượu là một loại hảo hạng của vùng Braune nên chàng bảo với họ: -Là các bạn hãy tìm thêm hai chiếc ly đi.

Một trong hai người lính quay ra và trở vào với hai chiếc ly.

Canolles rót đầy hai ly và đổ vài giọt vào ly của mình.

-Chúc mừng sức khỏe của hai ông bạn! – Chàng nói.

Hai người lính nâng ly lên và chạm một cách máy móc vào ly của chàng và uống cạn mà không chúc mừng lại chàng.

-Họ chẳng lịch sự gì cả. – Canolles nghĩ bụng – Mà thôi ta đòi hỏi làm gì.

Và chàng tiếp tục dùng cho đến cuối bữa, ăn xong, chàng đứng dậy, hai người lính đến dọn chén bát mang ra.

Viên sĩ quan trở ra.

-Chà, thưa ông. – Chàng nói với người đó – Đáng lẽ ông phải ở lại dùng bữa với tôi, bữa ăn thật ngon.

-Tôi không thể hưởng vinh dự đó được thưa ông, bởi vì tôi cũng mới vừa rời khỏi bàn ăn, mới đây…, và tôi trở lại.

-Để bầu bạn với tôi chứ gì? – Canolles nói – Nếu vậy tôi vô cùng cảm ơn ông, ông thật tử tế.

-Không đâu, thưa ông, nhiệm vụ của tôi không dễ chịu như vậy đâu. Tôi đến báo với ông rằng vị linh mục ở đây thuộc giáo hội công giáo, nhưng tôi biết là ông theo đạo tin lành, nhưng khác biệt này có thể làm cho ông khó chịu…

-Tôi đấy à, thưa ông? Để làm gì chứ? – Canolles ngây thơ hỏi.

-Thì… – Viên sĩ quan bối rối nói – Để cùng ông cầu kinh.

-Cầu kinh! … Chà! – Canolles cười nói – Ngày mai tôi sẽ nghĩ đến điều này… Tôi chỉ cầu kinh vào ban sáng thôi.

Viên sĩ quan nhìn Canolles với một vẻ sửng sốt chuyển dần sang nét cảm thương sâu sắc. Người đó chào rồi bước ra.

-Ái chà! – Canolles nói – Tất cả đều điên rồi cả hay sao nhỉ? Từ khi nghe tin cái chết của anh chàng Richon đáng thương, mọi kẻ mà ta gặp đều tỏ vẻ hoặc điên khùng, hoặc là điên loạn… Chà! Lẽ nào ta không thể gặp một bộ mặt biết điều hay sao đây?

Vừa nói dứt mấy tiếng đó thì cánh cửa nhà giam lại mở ra, và trước khi Canolles kịp nhận ra là ai thì một người chạy ùa vào tay chàng, hai cánh tay quàng lên cổ chàng và những giọt lệ ướt đẫm bên hai má chàng.

-Thôi nào! – Người tù binh vừa nói vừa tìm cách thoát ra khỏi vòng tay – Lại thêm một kẻ điên nữa. Ta đang ở đâu thế này nhỉ?

Nhưng khi lùi lại, tay chàng đã hất rơi chiếc nón của người xa lạ kia và những tóc vàng óng của phu nhân De Cambes xõa xuống vai chàng.

-Bà đấy ư? – Canolles thốt lên và ôm choàng lấy nàng -Ồ! Xin tha thứ cho tôi không nhận ra em, hoặc nói đúng hơn là đã không đoán ra được.

-Suỵt! – Nàng nói, vội vàng nhặt nón và đội lên đầu – Khẽ chứ! Bởi vì nếu người ta biết được là em, họ sẽ cướp mất hạnh phúc này… Vậy là em đã được phép gặp lại anh… Ôi, lạy Chúa! Lạy Chúa! Tôi sung sướng quá.

Và Claire òa lên khóc nức nở.

-Gặp lại! – Canolles nói – Em được phép gặp lại tôi, tại sao vậy? Và tại sao lại có những giọt nước mắt kia? Kìa, em sẽ không được quyền gặp lại tôi nữa hay sao? – Chàng cười và nói tiếp.

-Ôi, xin đừng cười nữa! – Claire nói – Cái vui của anh làm cho em đau lòng quá. Đừng cười nữa, em van anh! Em đã phải khó khăn biết bao nhiêu mới đến được đây…, anh chẳng biết được đâu…, và thiếu chút nữa thôi là em không thể đến được! Nếu không có Lenet, con người tốt bụng ấy… Nhưng chúng ta hãy trở lại chuyện của anh đi, người yêu quý đáng thương của em. Lạy Chúa! Vậy là em đã được gặp lại anh! Vậy là em đã được ôm anh vào tay em!

-Phải rồi, chính tôi đây, chính tôi đây! – Canolles mỉm cười nói.

-Ôi! Vô ích thôi, giả vờ vui vẻ mà làm gì?… Em biết cả rồi… Người ta đâu có biết là em yêu người ta đến mức nào, người ta không trốn tránh em…

-Nhưng em biết điều gì kia nhỉ?

-Có phải là anh đang đợi em không? Có phải là anh đang buồn giận vì thái độ im lặng của em không? Có phải là anh đang kết tội em đấy không?

-Tôi? Buồn phiền và không hài lòng, có thể như vậy! Nhưng tôi không kết tội em… Tôi cũng nghi ngờ rằng có một tình thế nào đó mạnh hơn ý chí của em đã buộc em phải xa tôi, và nỗi đau khổ lớn nhất của tôi trong mọi chuyện này là hôn lễ của chúng ta bị hoãn lại, có lẽ là tám ngày hoặc mười lăm ngày gì đó…

Đến lượt Claire nhìn Canolles với cùng một vẻ kinh hãi như viên sĩ quan đã nhìn chàng ban nãy.

-Kìa! Ông nói nghiêm túc đấy chứ? Hay là ông không biết sợ hãi là gì?

-Tôi sợ hãi à? – Canolles nói – Sợ hãi điều gì?… Hay là… – Chàng cười và nói tiếp – Tôi đang gặp một hiểm nguy gì mà chính tôi cũng không biết chăng?

-Ôi, kẻ khốn khổ! – Nàng kêu lên – Anh ấy không biết gì cả.

Và, có lẽ sợ phải nói ra một sự thật mà chẳng chuẩn bị gì với kẻ đang bị sự thật đó đe dọa một cách tàn nhẫn, nàng cố gắng kềm hãm những câu nói đang muốn thoát ra khỏi lồng ngực.

-Không, tôi không biết gì cả. – Canolles nghiêm trang nói – Nhưng em hãy nói đi Claire, tôi là một người đàn ông, em cứ nói đi…

-Anh có biết là Richon đã chết rồi không?

-Có. Tôi biết.

-Nhưng anh có biết là Richon đã chết như thế nào không?

-Không, nhưng tôi có thắc mắc… Anh ấy đã chết trên tường lũy thành Vayres, có đúng vậy không?

Claire im lặng giây lát, rồi nghiêm trang như tiếng chuông cầu hồn.

-Ông ấy đã bị treo cổ trước quảng trường ở Libourne. – Nàng nói.

Canolles giật lùi ra phía sau một bước…

-Treo cổ! – Chàng kêu lên – Richon, một chiến sĩ!

Rồi chàng bỗng tái đi và bàn tay run rẩy đưa lên trán.

-A! Bây giờ thì tôi hiểu rồi! – Chàng nói – Bây giờ thì tôi hiểu lý do của sự giam giữ này, bây giờ thì tôi hiểu lý do của việc hỏi cung, bây giờ thì tôi hiểu sự cải trang của em, những giọt nước mắt khi thấy tôi vui vẻ như vậy, bây giờ thì tôi hiểu tại sao có đám đông kia, những tiếng hò reo khiêu khích… Richon đã bị giết chết! Và người ta sẽ dùng tôi để báo thù cho Richon!

-Không, không đâu, người yêu quý của em! – Claire vui vẻ kêu lên – Anh sẽ không phải là người họ sẽ đem ra làm vật hy sinh đâu. Anh đã không lầm, họ đã chỉ định anh, vâng anh đã bị kết án, vâng, đáng lẽ ra anh sẽ phải chết, vâng, cái chết đã gần kề bên anh, người yêu quý của em, nhưng anh hãy an tâm, có thể nơi

đến tương lai và hạnh phúc với người sẽ dâng hiến cả cuộc đời cho anh! … Hãy vui lên, nhưng khe khẽ thôi, bởi vì anh có thể đánh gục người bạn khốn khổ cùng số phận với anh, dông tố sẽ ụp xuống đầu kẻ ấy, kẻ sẽ phải chết thay cho anh.

-Ôi, em đừng nói nữa, đừng nói nữa! Em làm cho tôi lạnh cả người. Tôi vẫn bình thản, vẫn tin tưởng, vẫn vui vẻ, thế mà tôi đây vừa gần cái chết! Và chừng nào? Khi nào?… Trời ơi! Tôi sẽ được làm chồng của em?… Ôi! Khác nào giết tôi hai lần!

-Họ gọi như vậy là…

-Phải, phải đúng rồi…, họ có lý. Ồ! – Canolles kêu lên – Tôi không sợ chết, nhưng cái chết chia lìa tôi với em…

-Nếu anh chết, anh yêu quý, thì em cũng sẽ chết cùng với anh… Nhưng thay vì buồn phiền như vậy, hãy cùng vui lên với em… Coi nào, đêm nay, có lẽ một trong vai giờ nữa…, anh sẽ ra khỏi đây. Đấy! Hoặc là em sẽ đến đây tìm anh, hoặc là em sẽ đợi anh ngoài cổng… Và khi đó, không chậm trễ thêm một giây phút nào nữa, chúng ta sẽ ra đi… Ô, ngay lập tức. Em không muốn chờ đợi thêm nữa, em đã quá sợ cái thành phố này rồi… Ngày hôm nay em còn có thể cứu anh được, nhưng ngày mai, biết đâu sẽ có một tai họa nào khác đang chờ đón chúng ta!

-Phải, phải…, em nói đúng lắm… Ôi, tại sao không đưa tôi ra khỏi đây ngay bây giờ nhỉ?… Nào thiên thần của tôi ơi, hãy mở đôi cánh tay của em và hãy mang tôi ra khỏi đây đi!

-Hãy kiên nhẫn, hãy kiên nhẫn, hỡi anh yêu! Ngày mai, em sẽ đem anh đi…, đi đâu? Em cũng không biết nữa…, đến thiên đường tình yêu của chúng ta… Còn tạm thời thì em đi.

Và Canolles ôm choàng lấy nàng.

Ngay khi đó, cửa mở ra và viên sĩ quan bước vào báo rằng nửa giờ trong tờ giấy phép đã hết.

-Vĩnh biệt! – Canolles thì thầm – Hay em giấu tôi trong chiếc áo choàng của em và hãy mang tôi ra khỏi đây!

-Đáng thương cho anh! – Claire cũng trả lời với một giọng thật nhỏ, xin anh đừng nói nữa, những gì anh nói làm tan nát tim em! Chẳng lẽ anh lại không thấy rằng em rất mong muốn điều đó hay sao? Hãy kiên nhẫn vì anh, và nhất là vì em! Chỉ còn vài giờ nữa thôi, chúng ta sẽ gặp lại nhau để không bao giờ phải xa rời nhau nữa!

-Tôi sẽ chờ đợi! – Canolles vui vẻ nói, hoàn toàn yên tâm vì lời hứa ấy – Chúng ta phải xa nhau thôi. Nào, hãy can đảm lên. Chúng ta hãy nói với nhau lời từ biệt thôi, xin hãy từ biệt em, Claire.

-Xin từ biệt anh! – Nàng nói và cố gắng mỉm cười – Hẹn…

Nhưng nàng không thể nói hết được. Những tiếng nấc chặn câu nói của nàng lại.

-Xin từ biệt em! Từ biệt em! – Canolles kêu lên và lại ôm choàng lấy phu nhân De Cambes, vừa hôn lên trán nàng – Từ biệt em!

-Quỷ thật! – Viên sĩ quan lẩm bẩm – Cũng may là ta biết anh chàng này chẳng còn gì phải sợ hãi nữa, nếu không thì đây là một cảnh tượng làm cho ta phải tan nát tâm can.

Viên sĩ quan đưa Claire đến cửa rồi quay trở lại.

-Thưa ông! – Người đó nói với Canolles, chàng đã ngồi phịch xuống ghế, hãy còn xúc động mạnh, bây giờ vấn đề không phải chỉ là vui mừng mà còn nên tỏ ra thông cảm – Người láng giềng của ông, người bạn đồng cảnh ngộ khốn khổ của ông, kẻ sắp phải chết đang cô độc, kẻ ấy chẳng có ai để che chở, chẳng có ai để an ủi. Người đó muốn được gặp ông. Tôi đã nhận trách nhiệm thỏa mãn yêu cầu đó, nhưng không biết ông có đồng ý không?

-Tôi bằng lòng không à? – Canolles kêu lên – Ôi, tại sao lại không được? Kẻ đáng thương! Tôi đang đợi người ấy, tôi không quen biết anh ta nhưng tôi xin sẵn sàng mở rộng vòng tay chờ đón anh ta.

-Thế mà, hình như người đó biết ông.

-Người đó có biết số phận dành cho mình không?

-Chắc là không đâu. Ông cũng hiểu là không nên để cho ông ấy biết điều đó.

-Ông hãy an tâm.

-Xin ông hãy nghe tôi đây: Đã sắp mười một giờ đêm rồi, tôi sẽ trở về vị trí của tôi. Kể từ mười một giờ, các vị giám ngục là chủ nhân ở chốn này. Người giám ngục của ông đã được cho biết rồi, người đó biết là vị láng giềng sẽ qua đây cùng với ông, và sẽ đưa bạn ông trở về buồng riêng khi cần thiết. Nếu người tù kia không biết gì thì ông cũng không nên nói cho ông ấy biết, nếu ông ấy có biết chút ít, thì xin ông hãy thay mặt chúng tôi mà nói rằng các chiến sĩ chúng tôi thành thật thương cảm cho số phận của ông ấy. Bởi vì, nói cho cùng, chết, thì không có gì cả, nhưng mà mẹ kiếp, bị treo cổ, đúng là chết hai lần.

-Như vậy là ông quyết định người đó phải chết hay sao?

-Cùng một cái chết như Richon. Hoàn toàn là sự thật. Nhưng chúng ta thì đang trò chuyện còn ông ấy có lẽ đang trông chờ câu trả lời của ông.

-Vậy ông hãy đi mời người đó đi, và xin hãy tin là tôi rất biết ơn ông, vì người đó cũng như vì tôi.

Viên sĩ quan bước ra ngoài, đến ở cửa xà lim bên cạnh và Cauvignac mặt hơi tái, nhưng bước chân ung dung, đầu ngẩng cao, bước vào xà lim của Canolles.

Thế là viên sĩ quan đưa tay ra hiệu chào Canolles một lần cuối cùng, nhìn Cauvignac đầy thương hại, và trở ra ngoài cùng với đám lính, tiếng giày của họ còn vang vọng mãi dưới những vòm cửa nhà tù.

Chẳng bao lâu, viên giám ngục bắt đầu bước chân tuần tra của mình. Tiếng xâu chìa khóa loảng xoảng vọng lại từ hành lang.

Cauvignac không tỏ ra buồn khổ bở vì trong con người ấy mang một lòng tự tin vô hạn, một hy vọng không bao giờ cạn vào tương lai. Thế nhưng đằng sau một bề ngoài thản nhiên và một bộ mặt nạ gần như vui vẻ, một nỗi đau khổ rứt tâm can y. Tâm hồn đa nghi ấy, luôn luôn nghi ngờ và tất cả, đã bắt đầu nghi ngờ chính mình.

Từ khi biết được cái chết của Richon, Cauvignac không ăn, không ngủ nữa.

Vốn đã quen chế giễu cảnh khổ của kẻ khác và sẵn sàng chịu đựng nỗi khổ của mình một cách vui vẻ, thế nhưng nhà triết gia của chúng ta cũng không dám nghĩ đến chuyện cười cợt trước một biến cố dẫn đến hậu quả khủng khiếp đó và ngoài ý muốn của y, qua những sự liên hệ huyền bí đã khiến y phải trở thành kẻ phải chịu trách nhiệm trước cái chết của Richon, y đã bắt đầu nhận thấy bàn tay của Đấng Bề Trên và bắt đầu tin, nếu không phải vào sự tưởng tượng của các hành động tốt, thì ít ra cũng là vào sự trừng phạt của các hành vi xấu.

Thế là y đành cam chịu và hồi tưởng lại, và trong sự cam chịu đó, y không ăn, không ngủ nữa.

Và, điều bí ẩn kỳ lạ của tâm hồn khác thường, mặc dù không hề ích kỷ, là điều khiến y xúc động hơn cả chính cái chết của mình là cái chết của người bạn tù mà y biết chỉ cách y có hai bước chân, người đang chờ đợi, hoặc bản án cay nghiệt, hoặc là cuộc hành hình mà không cần xử án. Điều đo lại càng khiến y nhớ đến bóng ma ám ảnh của Richon và hai lần tai họa, hậu quả của điều mà thoạt đầu y chỉ cho là một trò đùa.

Ý nghĩ đầu tiên của y là trốn thoát, bởi vì mặc dù là tù binh danh dự, người ta đã không giữ lời hứa với y và đã giam y vào ngục tối, nên đến lượt mình, y nghĩ rằng có quyền để qua một bên lời hứa của mình. Thế nhưng, mặc dù có đầu óc nhanh nhạy và tay chân khéo léo, y đành phải nhìn nhận rằng điều đó là không thể thực hiện được. Đến khi đó y mới chấp nhận rằng mình đang ở trong móng vuốt của số phận nghiệt ngã. Từ đây y chỉ còn hỏi xin có một điều, là được trò chuyện ít lâu với người bạn đồng cảnh ngộ, dường như tên người đó đã khơi dậy trong y một nỗi kinh ngạc đầy buồn phiền và hòa hoãn tâm hồn y với toàn thể nhân loại mà y đã xúc phạm một cách tàn nhẫn.

Chúng ta sẽ không thừa nhận rằng những ý nghĩ ấy là lòng ân hận. Không, Cauvignac là một kẻ quá tự do tư tưởng để có thể biết hối hận là gì, nhưng ít ra thì thấy mình là tương tự, nghĩa là một sự giận dữ vô cùng khi nhìn thấy mình làm điều ác một cách vô ích. Cùng với thời gian là một thời thế khả dĩ giữ Cauvignac trong những suy nghĩ đó, thì những ý nghĩ ấy có thể có cùng một kết quả như hối hận, nhưng không còn thời gian nữa.

Khi bước vào phòng giam của Canolles, Cauvignac chờ đợi, theo tính cẩn thận thường nhật của mình, viên sĩ quan đã rút lui, và khi thấy cửa đã được đóng kín, y bước về phía Canolles, chàng cũng tiến về phía y và hai người thân mật siết tay nhau.

Mặc cho tính cách nghiêm trọng của tình thế, Cauvignac không thể nào không mỉm cười khi nhận ra chàng trai trẻ bảnh bao, lịch sự, với đầu óc phóng khoáng, tính tình vui vẻ mà y đã hai lần gặp gỡ bất thần trong những tình thế hoàn toàn khác hẳn hiện tại, một lần gởi chàng đến Nantes mang theo một sứ mạng, một lần để đưa chàng đến Saint Georges. Ngoài ra y còn nhớ rằng mình đã có lần mượn tên chàng để phỉnh gạt ngài công tước. Và mặc dù ngục tối âm u, những hình ảnh cũ hiện ra thích thú đến nỗi quá khứ, trong một phút giây, làm quên đi hiện tại.

Về phần mình ngay từ cái nhìn đầu tiên Canolles đã nhận ra ngay người đã đến gặp chàng trong hai dịp như chúng ta vừa nói, và vì trong hai lần đó Cauvignac chỉ mang đến tin vui cho chàng, nên lòng thương hại của chàng đối với con người khốn khổ kia lại càng tăng thêm, càng sâu sắc hơn nữa khi nghĩ rằng sự giải thoát của mình sẽ là nguyên nhân gây nên cái chết không thể nào cứu vãn được của Cauvignac. Và trong một tâm hồn tế nhị nơi chàng, những ý nghĩ tương tự gây nên ân hận nhiều hơn là tội ác thật sự đối với anh chàng kia.

Bởi vậy, chàng đón tiếp người đó với một sự trìu mến thật lòng.

-Kìa, nam tước! – Cauvignac nói – Bạn nghĩ sao về tình thế của chúng ta đây nhỉ, hình như nó cũng khá bất ổn đấy.

-Đúng vậy, chúng ta bây giờ trở thành là tù binh rồi và có trời mới biết được chừng nào chúng ta mới có thể ra khỏi đây. – Canolles trả lời, cố tỏ ra bình tĩnh để dùng hy vọng làm nhẹ bớt cảnh khổ của người bạn tù.

-Chừng nào chúng ta ra khỏi đây à? – Cauvignac lập lại – Cầu mong cho ông trời mà bạn vừa nhắc đến đoái thương quyết định cho chúng ta ra khỏi đây càng trễ càng tốt! Nhưng tôi không tin là ông ấy sẵn sàng để cho chúng ta được nghỉ ngơi dài hạn đâu. Từ cửa sổ xà lim của mình tôi đã thấy thì cũng như bạn thấy từ bên cửa sổ bên này vậy thôi, một đám đông điên cuồng chạy về một nơi có lẽ là pháp trường, nếu không thì chắc là tôi lầm. Anh bạn cũng biết pháp trường là gì và dùng để làm gì chứ?

-Ôi chà, ông bạn bi thảm hóa vấn đề đấy thôi. Phải, dân chúng đang tuôi về pháp trường, nhưng có lẽ để xem trừng phạt vài tên lính nào đó thôi. Bắt chúng ta trả giá cho cái chết của Richon thì khủng khiếp thật! Bởi cả hai chúng ta đâu ai có lỗi về cái chết đó.

Cauvignac rùng mình và nhìn sững Canolles với một ánh mắt từ u tối chuyển dần qua thương hại.

"Nào" – Y tự nhủ – "Lại một tên tự dối mình về chính tình trạng của mình, dẫu sao thì ta cũng cần cho anh chàng rõ vấn đề, bởi vì lừa dối để mà làm gì để sau này phút quyết định sẽ vô cùng nặng nề, trong khi đó nếu có thời gian chuẩn bị thì dẫu sao con đường cũng bớt dốc hơn."

Và sau một khoảng im lặng và thăm dò.

-Anh bạn à! – Y nói với Canolles và nắm lấy bàn tay chàng, vừa tiếp tục nhìn chàng với một ánh mắt khiến cho chàng khá hoang mang – Ông bạn thân mến, có lẽ chúng ta nên hỏi xin một hai chai rượu thành Braune mà chắc ông cũng có dịp thưởng thức. Than ôi! Nếu tôi được làm tổng đốc lâu hơn, thì có lẽ tôi đã được uống thỏa thích và tôi cũng thú nhận với ông bạn rằng chính sở thích đặc biệt của tôi đối với loại rượu hảo hạng đó đã khiến tôi đòi xin được chức tổng đốc ở đấy! Trời đã phạt thói háu ăn của tôi.

-Được lắm! – Canolles nói.

-Vâng, và tôi sẽ kể lại cùng với ông mọi chuyện trong khi uống, và nếu câu chuyện cũng dở như là rượu ngon thì hai thứ sẽ bù đắp cho nhau vậy.

Thế là Canolles đến gõ cửa, nhưng chẳng có ai trả lời cả, chàng lại gõ mạnh hơn, và một lát sau, một thằng bé đang chơi ngoài hành lang tiến đến gần người tù.

-Ông muốn gì? – Thằng bé hỏi.

-Rượu! – Chàng trả lời – Hãy đi nói với bố cháu mang đến đây hai chai rượu.

Thằng bé bỏ đi và một lát sau quay trở lại.

-Bố đang bận trò chuyện với một ông. – Nó nói – Lát nữa bố sẽ lại.

-Xin lỗi! – Cauvignac nói – Xin phép để tôi hỏi một câu.

-Ông bạn cứ hỏi đi.

-Cậu nhỏ à! – Y nói với giọng ngọt ngào nhất – Bố đang trò chuyện với ông nào vậy?

-Với một ông lớn.

-Thằng bé dễ thương thật! – Cauvignac nói – Khoan đã, rồi chúng ta sẽ được biết ít nhiều là ông đó ăn mặc như thế nào hả cháu?

-Mặc toàn đen.

-Ái chà, quỷ thật! Bạn có nghe không, toàn đen! Mà ông mặc toàn đen kia gọi là gì, anh bạn nhỏ có biết không?

-Họ gọi ông ấy là ngài Lavie.

-À! À! Viên chưởng lý của nhà vua, có lẽ ông ấy không mang đến điều gì xấu đâu. Hãy lợi dụng lúc họ đang trò chuyện để trò chuyện về phần chúng ta thôi.

Rồi nhét một đồng tiền dưới cánh cửa.

-Hãy cầm lấy, anh bạn nhỏ. – Cauvignac nói – Để mà mua bi chơi. Cần phải kết càng nhiều bạn càng tốt. – Y nói tiếp và đứng dậy.

Thằng bé mừng, đã cầm đồng tiền và cám ơn hai tù nhân.

-Sao! – Canolle nói – Hồi nãy ông bạn vừa nói?…

-À, phải rồi! – Cauvignac trả lời – Tôi nói là ông bạn có vẻ như đang sai lầm lớn về số phận đang chờ đợi chúng ta khi ra khỏi nhà tù này, ông bạn nói đến pháp trường, đến chuyện hình phạt của mấy tên lính, còn tôi thì cứ nghĩ đến chuyện chúng ta, đến một cảnh tượng nào đó ngoạn mục hơn.

-Thôi đi! – Canolles nói.

-Hừm! Ông bạn nhìn vấn đề dưới một khía cạnh ít u tối hơn là đối với con mắt của tôi, có lẽ bởi vì ông bạn không có đầy đủ những lý do để lo sợ như tôi. Dẫu sao ông bạn cũng không khoan khoái sớm về chuyện của mình, nó cũng chẳng đẹp đẽ gì hơn đâu. Nhưng câu chuyện của anh bạn không ăn nhập gì đến câu chuyện của tôi, và chuyện của tôi, tôi phải nói là khá phức tạp. Ông bạn có biết tôi là ai không?

-Đấy là câu hỏi khác thường đấy. Hình như ông bạn là đại úy Cauvignac, tổng đốc thành Braune thì phải.

-Vâng, hiện thời là như vậy, nhưng không phải tôi vẫn luôn mang tên đó cũng như không phải luôn luôn giữ chức vụ đó. Tôi thường xuyên thay đổi tên, tôi đã kinh qua nhiều chức vụ, ví dụ một hôm, tôi cũng mang tên nam tước De Canolles y như ông vậy.

Canolles nhìn thẳng vào mặt Cauvignac.

-Phải! – Y nói tiếp – Ông bạn đang tự hỏi phải chăng tôi điên rồi, có đúng vậy không? Ấy, ông bạn cứ an tâm, tôi hoàn toàn làm chủ đầu óc của mình và chưa bao giờ tỉnh táo hơn lúc này.

-Vậy ông bạn hãy kể rõ hơn đi.

-Chẳng có gì dễ hơn. Ngài công tước d'Épernon… Ông bạn biết rõ công tước d'Épernon chứ?

-Chỉ biết tên thôi, bởi vì tôi chưa bao giờ giáp mặt ông ấy.

-Thật là may mắn cho tôi. Ngài d'Épernon như tôi vừa nói, có một lần gặp tôi nơi nhà của một phụ nữ, mà ở đấy tôi biết là ông bạn được đón tiếp khá nồng hậu, thế là tôi đã tự cho phép mình mượn tên ông bạn.

-Kìa, ông muốn nói gì vậy?

-Từ từ, làm gì mà dữ vậy, chẳng lẽ ông bạn lại ích kỷ đến nỗi ghen với một người đàn bà này trong khi chuẩn bị rước một người đàn bà khác hay sao? Mặc dù có như vậy đi nữa, điều này đúng là nằm trong bản tánh con người mà, thì rồi ông bạn cũng sẽ tha thứ cho tôi. Tôi là người khá thân thuộc với ông bạn để chúng ta lại đi cãi cọ với nhau.

-Tôi không hiểu một chữ nào của những gì ông vừa nói cả.

-Tôi nói là tôi có quyền được ông bạn xem như một người anh, hay nói đúng hơn là anh vợ.

-Ông nói đi, mà bí ẩn quá, tôi chẳng hiểu được gì thêm.

-Chỉ cần một tiếng thôi là ông bạn sẽ hiểu. Tên thật của tôi là Roland De Lartigues và Nanon là em gái tôi.

Canolles chuyển từ sự nghi ngờ qua niềm vui vô hạn.

-Anh là anh của Nanon! – Chàng kêu lên – Ôi, ông anh đáng thương!

-Ồ, phải đấy, đáng thương! – Cauvignac lập lại – Ông bạn đã dùng đúng từ, ông bạn đã đặt ngón tay lên đúng vết thương, bởi vì ngoài một lô những điều bực mình do vụ án của tôi ở đây gây nên, tôi lại còn mang thêm cái tội nữa là có tên gọi Roland De Lartigues và là anh của Nanon. Mà ông bạn cũng biết rõ ràng cô em yêu quý của tôi chẳng được các ngài dân chúng Bordeaux quý chuộng gì cho lắm. Nếu người ta mà biết được tôi là anh của Nanon, thì tai họa đến với tôi bằng gấp ba, thế nhưng ở đây có một ông De La Rochefoucauld và một ông Lenet biết tất cả.

-À! – Canolles nói, đối chiếu những gì Cauvignac vừa nói với những kỷ niệm cũ – Bây giờ thì tôi hiểu tại sao trong một lá thư gửi cho tôi, nàng Nanon đã gọi tôi là anh trai. Cô ấy tốt thật! …

-À phải! – Cauvignac nói – Con bé khá lắm và tôi rất hối hận vì đã không luôn luôn nghe theo lời dặn của nó, nhưng biết làm sao được, nếu ai cũng có thể đoán được tương lai, thì còn ai cần đến Chúa làm gì.

-Bây giờ nàng ra sao rồi? – Canolle hỏi.

-Làm sao biết được? Tội nghiệp, có lẽ giờ đây cô em tôi đang tuyệt vọng, không phải tôi bởi vì cô ấy đâu có biết tôi đã bị bắt giam, mà vì số phận của ông mà cô ấy biết rất rõ.

-Anh cứ an tâm. – Canolles nói – Lenet sẽ không nói với ai anh là anh của Nanon đâu. Về phần mình, ngài De La Rochefoucauld chẳng có lý do gì thù ghét anh cả. Sẽ không có ai biết chuyện này đâu.

-Nếu không ai biết gì về chuyện ấy thì, anh bạn cứ tin tôi, người ta cũng biết được những chuyện khác ví dụ như người ta cũng sẽ biết được tôi là người đã tặng một tờ khống chỉ, và tờ khống chỉ đó…, nhưng mà thôi, chúng ta hãy ráng mà quên đi. Chỉ buồn là không có rượu! – Y vừa nói vừa đứng dậy tiến về phía cửa – Chỉ có rượu mới giúp chúng ta quên được.

-Nào, nào! – Canolles nói – Hãy can đảm lên chứ!

-Mẹ kiếp! Anh bạn cho rằng tôi thiếu can đảm hay sao? Anh bạn sẽ được thấy tôi vào giây phút quyết định đó, khi chúng ta làm một vòng ở pháp trường. Nhưng có một điều khiến tôi khá tò mò, không biết chúng ta sẽ bị chặt đầu hay treo cổ nhỉ?

-Treo cổ! – Canolles kêu lên – Trời ơi! Chúng ta thuộc vào hàng quý tộc, mà họ lại lăng nhục chúng ta như vậy sao?

-Đấy! Rồi ông bạn sẽ được thấy bọn họ còn có thể kiếm chuyện với tôi về vấn đề gia tộc của tôi…, vả lại…

-Sao?

-Không biết là ông bạn hay là tôi sẽ đi trước nhỉ?

-Kìa, ông anh thân mến, xin đừng nghĩ mãi đến những chuyện đó làm gì! Cái chết ông anh đang bận tâm đó không có gì chắc chắn đâu, họ không thể xử án, không thể kết tội và hành hình tất cả trong một đêm như vậy.

-Hãy nghe đây! – Cauvignac trả lời – Tôi có mặt ở đấy khi họ xử án anh chàng Richon đáng thương. Cầu Chúa rước linh hồn ông ấy về trời! Đấy, hỏi cung, nghị án, treo cổ, tất cả kéo dài không quá ba bốn giờ đồng hồ. Cứ cho là vấn đề của chúng ta có chậm hơn một chút, bởi vì Anne D'Autriche là hoàng hậu nước Pháp, còn phu nhân De Condé chỉ là một bà quận chúa, vậy cứ cho là chúng ta có được bốn, năm giờ đồng hồ. Thế nhưng, chúng ta cũng còn được thêm khoảng hai giờ nữa, mau quá nhỉ!

-Dẫu sao thì cũng đợi trời sáng để hành hình chứ?

-Ồ, điều đó không chắc lắm đâu, cuộc hành hình dưới ánh đuốc là một quang cảnh khá đẹp đấy, chuyện này thì tốn kha khá thật đấy. Nhưng vì phu nhân quận chúa hiện thời đang rất cần các ngài dân chúng thành Bordeaux, nên rất có thể bà ấy sẵn sàng bỏ ra món chi phí này.

-Suỵt! – Canolles nói – Tôi nghe có tiếng chân.

-Quỷ thật! – Cauvignac nói, mặt hơi tái đi.

-Có lẽ người ta đem rượu đến cho chúng ta. – Canolles nói.

-À phải! – Cauvignac nói, mắt dán về phía cửa, lại còn chuyện đó nữa – Nếu giám ngục lên cùng với rượu thì được, nhưng nếu ngược lại…

Cửa mở ra, giám ngục bước vào, không mang theo chai nào cả.

Canolles và Cauvignac trao đổi nhau một ánh mắt đầy ý nghĩa, nhưng viên giám ngục chẳng để ý gì… Ông ta có vẻ vội vàng, thời gian còn quá ít, trong xà lim lại tối quá…

Ông ta bước vào và đóng cửa lại.

Rồi rút trong túi ra một mảnh giấy và tiến đến gần hai tù nhân.

-Ai trong hai ông là nam tước De Canolles?

-A! Quỷ thật! – Cả hai cùng kêu lên và trao đổi nhau một ánh mắt.

Thế nhưng Canolles do dự trước khi trả lời, và Cauvignac cũng vậy, người thứ nhất đã mang cái tên đó quá lâu để còn nghi ngờ là lời gọi ấy dành cho mình, nhưng người sau cũng đã mang cái tên đó đủ để e sợ là người ta gọi mình.

Thế nhưng, Canolles hiểu là cần phải trả lời.

Người giám ngục tiến đến gần chàng: -Ông đã từng là tổng đốc?

-Phải.

-Nhưng cả tôi cũng đã từng là tổng đốc, cả tôi cũng được gọi là Canolles. – Cauvignac nói – Nào, hãy giải thích rõ với tôi là quá đủ rồi, tôi không muốn nguyên nhân của cái chết nơi một người khác nữa.

-Vậy ông hiện tại có tên là Canolles? – Người giám ngục trả lời.

-Phải. – Canolles trả lời.

-Vậy, ông trước kia được gọi là Canolles? – Viên giám ngục lại hỏi Cauvignac.

-Phải. – Y trả lời – Phải, chỉ một ngày thôi, và tôi bắt đầu tin rằng hôm ấy tôi đã có một ý nghĩ thật ngu ngốc.

-Cả hai ông đều là tổng đốc?

-Phải! – Cả Cauvignac và Canolles cùng trả lời.

-Bây giờ, một câu hỏi cuối cùng sẽ làm sáng tỏ tất cả.

Cả hai tù nhân cùng im lặng.

-Ai trong hai người… – Người giám ngục nói – là anh của phu nhân De Lartigues?

Đến đây Cauvignac nhăn mặt, vào một thời điểm ít long trọng hơn hiện tại thì có lẽ trông khá buồn cười.

-Tôi đã chẳng nói với anh bạn. – Y nói với Canolles – Tôi đã nói với anh bạn mà, người ta tấn công tôi chính vào điểm này.

Rồi quay về viên giám ngục.

-Và nếu tôi là anh của bà Nanon De Lartigues thì ông sẽ nói gì với tôi đây, ông bạn?

-Tôi sẽ nói với ông là đi theo tôi ngay bây giờ.

-Nhưng cô ấy cũng đã từng gọi tôi là anh. – Canolles nói, cố gắng xua bớt cơn giông, rõ ràng là đang ụp xuống đầu của người bạn tù khốn khổ.

-Khoan đã, khoan đã! – Cauvignac nói, đi qua trước mặt viên giám ngục và kéo Canolles ra riêng một góc – Khoan đã ông bạn, ông bạn làm anh của Nanon vào lúc này là không đúng lúc. Từ trước đến giờ tôi đã bắt những kẻ khác trả giá cho tôi nhiều rồi, bây giờ phải đến lượt tôi.

-Anh muốn nói gì vậy? – Canolles hỏi.

-Ồ, nói ra thì dài lắm, vả lại, ông bạn cũng thấy là viên giám ngục của chúng ta đang sốt ruột và dậm chân… Được rồi, được rồi, tôi sẽ đi theo ông liền đây. Thôi vĩnh biệt nhé, bạn thân mến. – Cauvignac nói tiếp – Ít ra những thắc mắc của tôi cũng được ấn định rõ ràng ở một điểm, là tôi đi trước ông bạn. Cầu mong cho ông bạn đừng vội đi theo tôi. Bây giờ chỉ còn cần biết là sẽ chết cách nào thôi. Quỷ thật! Cầu mong cho không phải treo cổ. Mẹ kiếp, tôi đi đây! Làm gì mà hối hả dữ vậy! … Lời vĩnh biệt cuối cùng nhé!

Và Cauvignac tiến một bước về phía Canolles, đưa bàn tay ra. Canolles nắm lấy bàn tay ấy trong hai bàn tay mình và trìu mến siết chặt. Cauvignac nhìn chàng với một ánh mắt khác lạ.

-Anh muốn gì? – Canolles nói – Anh muốn nhờ tôi điều gì chăng?

-Phải! – Cauvignac nói.

-Vậy anh cứ nói đi.

-Có bao giờ cầu nguyện không? Cauvignac hỏi.

-Có! – Canolles trả lời.

-Vậy thì, khi bạn cầu nguyện…, hãy nói giùm tôi một câu nhé.

Rồi quay về phía viên giám ngục đang mỗi lúc mỗi tỏ ra sốt ruột hơn: -Chính tôi là anh của bà Nanon De Lartigues. – Y nói với người giám ngục – Nào, ta đi thôi.

Người giám ngục không chờ nói đến tiếng thứ hai, ông vội vàng đưa Cauvignac đi, từ ngưỡng cửa, y vẫy tay lần cuối cùng chào Canolles.

Rồi đóng cửa lại, tiếng chân họ vang lên ngoài hành lang rồi tất cả rơi vào cảnh im lặng, một cảnh im lặng chết chóc.

Canolles rơi vào một trạng thái buồn phiền gần như kinh hoảng. Cách thức đưa người đi như vậy, giữa ban đêm, không một tiếng động, không nghi thức, không lính canh, thật là đáng sợ hơn cả những chuẩn bị cho một cuộc hành hình vào ban ngày. Dẫu sao, tất cả những lo sợ của Canolles đều dành cho người bạn tù, bởi vì chàng quá tin tưởng vào phu nhân De Cambes từ khi chàng được gặp nàng và không lo sợ gì cho riêng mình nữa.

Bởi vậy điều duy nhất khiến cho chàng thực sự bận tâm vào lúc này là số phận dành cho người bạn tù vừa bị đưa đi. Thế là lời yêu cầu cuối cùng của Cauvignac trở lại tâm trí chàng, chàng liền quỳ xuống và cầu nguyện.

Một lát sau, chàng đứng dậy, cảm thấy được an ủi và bình tĩnh hơn, chỉ còn chờ đợi một điều, là sự giúp đỡ của Claire, hoặc là chính sự có mặt của nàng.

Trong thời gian đó, Cauvignac đi theo viên giám ngục trong hành lang âm u, không nói một lời nào, cố gắng suy nghĩ một cách nghiêm túc.

Đến đầu hành lang, viên giám ngục đóng cánh cửa cẩn thận như đã đóng cánh cửa xà lim của Canolles và sau khi để tai nghe ngóng những tiếng động vọng lên từ tầng dưới.

-Nào đi thôi! – Ông ta nói – Đột ngột quay về phía Cauvignac.

-Tôi đã sẵn sàng. – Cauvignac nói một cách chững chạc.

-Đừng nói to như vậy! – Viên giám ngục nói – Và nhanh chân lên thôi.

Rồi ông ta theo cầu thang dẫn xuống những xà lim ở tầng ngầm.

"Ồ! Ồ!" – Cauvignac nghĩ bụng – "Hay là người ta định cắt cổ ta giữa hai bức vách hoặc là bỏ ta vào một ngục tối nào đây? Ta có nghe nói là thỉnh thoảng người ta chỉ cần trưng bày tứ chi ra cho thiên hạ xem thôi, như trước kia Cesar Bongie đã làm với Ramiso D'Oréo vậy. Nào, chỉ có một mình tên giám ngục, y mang xâu chìa khóa nơi thắt lưng. Xâu chìa khóa đó chắc phải mở được một cánh cửa nào. Y nhỏ con, ta to con, y yếu ớt, ta mạnh mẽ, y đi trước, ta đi sau, nếu ta muốn, ta siết cổ y một cách dễ dàng. Ta có nên không nhỉ"?

Và Cauvignac sau khi tự trả lời rằng nên làm như vậy, đã toan giơ hai bàn tay xương xẩu ra để thực hiện dự định vừa nảy ra trong đầu, thì bỗng viên giám ngục quay lại với vẻ kinh hoàng.

-Suỵt! – Ông ta nói – Ông có nghe gì không?

"Đúng rồi" – Cauvignac lại nghĩ bụng – "Trong tất cả chuyện này có điều gì ám muội đây và những cử chỉ thận trọng nhân vậy, nếu không làm cho ta yên lòng thì phải khiến cho ta thêm lo lắng."

Và dừng lại đột ngột.

-Này! – Y nói – Ông đưa tôi đi đâu vậy?

-Ông không thấy sao? – Viên giám ngục nói khi vào đến hầm.

-Chà! – Cauvignac kêu lên – Ông muốn chôn sống tôi à?

Viên giám ngục nhún vai, tiến vào những con đường hành lang chằng chịt, và đến gần một cánh cửa thấp, khóa chắc bên trong có những tiếng động mơ hồ, ông ta mở ra.

-Con sông! – Cauvignac kêu lên, sợ hãi trước dòng sông chảy xiết, đen ngòm chẳng khác gì Acheron con sông dưới âm phủ.

-Ừ, phải, sông đấy, ông có biết bơi không?

-Có… Không…, có chứ…, nghĩ là… Tại sao ông lại hỏi tôi như vậy chứ?

-Nghĩa là nếu ông không biết bơi, chúng ta buộc phải đợi một chiếc thuyền đang neo ở đằng kia, và như vậy là mất đi một khắc đồng hồ, đó là chưa nói đến việc người ta có thể nghe được tiếng súng hiệu mà tôi sắp sửa bắn, và như vậy sẽ bắt lại chúng ta.

-Bắt lại chúng ta! – Cauvignac kêu lên – Ông bạn, như vậy là chúng ta bỏ trốn đấy ư?

-Mẹ kiếp! Đích thị là chúng ta đang bỏ trốn.

-Đi đâu vậy?

-Tùy ý chúng ta.

-Vậy là tôi tự do ư?

-Tự do như không khí vậy.

-Ôi! Trời ơi! – Cauvignac kêu lên.

Và không thêm một lời nào vào tiếng kêu hàm chứa đầy ý nghĩa đó, chẳng cần nhìn chung quanh mình, chẳng quan tâm xem người kia có cùng theo không, y phóng xuống dòng sông. Viên giám ngục cũng nhảy xuống và sau một khắc đồng hồ lặng lẽ cố sức để cắt ngang dòng nước, cả hai tiến đến gần thuyền. Thế là viên giám ngục vừa bơi, vừa thổi ba tiếng còi, những người chèo thuyền, nhận ra hiệu lệnh, chèo đến đón họ, lẹ làng kéo họ lên thuyền và không một lời nào, chèo hết sức lực để không đến năm phút sau đặt họ lên bờ bên kia.

-Thế là thoát! – Cauvignac thốt lên những tiếng đầu tiên từ khi y bắt đầu nhảy xuống sông – Thế là thoát! Giám ngục yêu quý của tôi, trời sẽ ban thưởng cho

ông.

-Trong khi chờ đợi trời ban thưởng – Viên giám ngục nói – Tôi đã nhận được một món tiền là bốn mươi ngàn livres có thể giúp tôi kiên nhẫn chờ đợi cho đến khi đó.

-Bốn mươi ngàn livres! Cauvignac kinh ngạc kêu lên – Kẻ nào lại có thể vì ta mà bỏ ra bốn mươi ngàn livres vậy nhỉ?

Vài lời giải thích, và sau đó chúng ta trở lại diễn biến với câu chuyện.

Vả lại, cũng nên trở lại với Nanon De Lartigues, khi nhìn thấy Richon trút hơi thở cuối cùng dưới nhà lồng chợ ở Libourne, nàng kêu lên một tiếng và ngã ra bất tỉnh.

Thế nhưng, như chúng ta đã từng biết, Nanon không phải là một người mang tính chất yếu đuối, mặc dầu có thân hình thấp nhỏ và mảnh mai, nàng đã chịu đựng những chuỗi đau khổ dài, những mệt mỏi và những nguy hiểm nặng nề, và tâm hồn vừa đa tình, vừa cứng cỏi kia, với một khí phách khác thường, biết thu mình lại theo hoàn cảnh để rồi lại nhảy vọt lên khi định mệnh buông rơi.

Ngài công tước d'Épernon vốn biết rõ nàng, hoặc nói đúng hơn là tưởng biết rõ nàng, nên có thể kinh ngạc khi thấy nàng xúc động đến như vậy trước một cái chết xa lạ, một con người như nàng, khi lâu đài của mình ở Agen bị đốt cháy, thiếu chút nữa thôi đã bị thiêu sống mà không thốt lên một tiếng, vì không muốn cho kẻ thù được vui mừng. Nàng Nanon giữa cảnh hỗn loạn đó, đã nhìn thấy hai người hầu của mình chết thay cho nàng mà không một cái cau mày…

Nanon ngất xỉu gần hai giờ đồng hồ, và sau đó nàng lên cơn động kinh dữ dội, không nói gì được mà chỉ thốt ra những tiếng kêu không rõ ràng. Đến nỗi đích thân hoàng hậu sau nhiều lần gởi lời hỏi thăm, đã thân chính đến thăm nàng, và cả ngài Mazarin cũng muốn đến bên giường nàng để kê thuốc.

Nhưng Nanon chỉ tỉnh lại khi đêm đã rất khuya. Sau đó, nàng còn mất một thời gian để ôn lại trí nhớ, và sau đó, nàng ôm lấy mặt trong hai bàn tay, kêu lên một tiếng xé lòng.

-Thôi rồi, họ giết mất anh ấy rồi!

May mắn thay, những tiếng ấy khá kỳ lạ đối với những người chung quanh, họ cho rằng đấy chỉ là câu mê sảng. Sáng hôm sau, khi ngài d'Épernon trở về sau một cuộc tuần tra khiến cho ông phải xa Libourne từ ngày hôm qua, ông được người nhà tường thuật lại câu nói đó và ông hiểu hết tâm hồn đang sôi sục kia. Ông hiểu rằng có chuyện gì quan trọng hơn cả cơn mê sảng, và thừa dịp vắng người, ông đến bên Nanon.

-Kìa em! – Ông nói – Ta được biết em đã buồn khổ rất nhiều sau cái chết của Richon, người ta thật khinh suất khi để cảnh đó diễn ra dưới cửa sổ phòng em.

-Vâng, vâng! – Nanon kêu lên – Thật là khủng khiếp. Thật là ghê tởm.

-Em hãy yên tâm. – Ông nói – Lần khác, ta sẽ bảo cho treo cổ bọn phiến loạn ở một nơi khác, chứ không tại nhà lồng chợ nữa. Nhưng em muốn nói đến ai khi em nói là họ đã giết mất anh ấy? Không phải là Richon, có đúng không? Bởi vì Richon có phải là gì của em đâu, dù chỉ là một chỗ quen biết.

-Em muốn nói đến anh ấy, thưa ngài, anh ấy! Chính ngài đã giết anh ấy! Ôi, khốn khổ cho anh ấy!

-Kìa, em làm cho ta sợ quá! Em nói gì vậy chứ?

-Em nói là ngài đã giết anh ấy. Ngài không hiểu sao?

-Không, ta không hiểu gì cả! – Ngài công tước lại nói, cố gắng tìm hiểu ý nghĩa của nàng trong cơn mê sảng – Làm sao ta có thể giết người đó được trong khi ta không quen biết gì với y?

-Thế ngài quên rằng anh ấy đã bị bắt giữ làm tù binh hay sao? Ngài quên rằng anh ấy là đại úy, là tổng đốc, có cùng một cấp bậc, và những chức vụ như Richon hay sao? Và dân chúng thành Bordeaux sẽ đưa anh ấy ra để trả thù cho cái chết của Richon, bởi vì dù cho ngài có khoác lên cái chết đó một bề ngoài hợp pháp đi nữa, nhưng thật ra đấy giản dị chỉ là một trò giết người, ngài công tước ạ!

Bị bất ngờ trước câu trách móc và trước đôi mắt nẩy lửa kia, ngài công tước tái mặt lui lại.

-Trời! Đúng rồi! Đúng rồi! – Ông ta kêu lên, tay ôm lấy trán – Ông anh Canolles đáng thương, ta đã quên mất.

-Anh tôi! Ông anh yêu quý của tôi.

-Nàng đã nói đúng. Ngài công tước nói – Ta thật là ngu ngốc. Làm sao ta lại có thể quên như vậy được nhỉ? Nhưng không sao, vẫn còn kịp thời gian. Ở Bordeaux hiện giờ có lẽ họ chỉ mới biết tin thôi, còn phải có thời gian để nhóm họp, xử án… Vả lại, có khi họ sẽ do dự.

-Thế hoàng hậu có do dự hay không?

-Nhưng hoàng hậu là hoàng hậu, bà có quyền sống và quyền chết. Bọn kia chỉ là những tên phiến loạn.

-Hỡi ơi! – Nanon nói – Thêm lý do để bọn chúng không từ một điều gì cả.

-Nhưng, nào hãy nói xem, nàng định sẽ làm gì?

-Ôi! – Nanon vừa nói vừa cố gắng đứng dậy – Dù cho em có phải đích thân đến Bordeaux thay chỗ cho anh ấy, em cũng không từ đâu.

-Em hãy an tâm, em yêu quý, việc này cứ để ta lo. Ta đã làm điều tai hại, ta sẽ sửa sai, lời danh dự của nhà quý tộc. Hoàng hậu hãy còn vài người trung thành ở bên ấy, em đừng lo lắng nữa.

Ngài công tước đã thành thật hứa vậy.

-Ôi! Thưa đức ông! – Nanon kêu lên khi nhìn thấy sự thành thật và quả quyết trong ánh mắt của ngài và nàng hôn lên bàn tay ngài công tước – Nếu ngài thành công thì em yêu ngài nhiều lắm.

Ngài công tước cảm động đến muốn chảy nước mắt, đây là lần đầu tiên Nanon nhiệt tình và hứa hẹn với ngài như vậy.

Ông vội ra khỏi phòng sau khi đã trấn an Nanon thêm một lần nữa, rồi cho gọi đến một tên đầy tớ mà ông biết rõ tài khéo léo cũng như lòng trung thành, ông dặn hắn phải vào Bordeaux bằng bất cứ giá nào, dù cho có phải qua tường thành đi nữa, và giao lại cho Lavie mảnh giấy do chính tay ông viết:

"Hãy ngăn cản không để nguy hiểm đến với ông De Canolles, đại úy chỉ huy trong quân đội hoàng gia.

Nếu người ấy bị bắt giữ như tin đã báo, hãy tìm cách giải thoát bằng bất cứ giá nào, hãy mua chuộc bọn giám ngục bằng số vàng mà bọn chúng đòi hỏi, một triệu cũng được.

Nếu dùng vàng không được, hãy dùng đến vũ lực, không từ bất cứ hành động nào, vũ lực, pháo hỏa, giết người, đều không bị bắt tội.

Nhận dạng.

Vóc người cao, mắt sâu, mũi khoằm. Nếu nghi ngờ, hãy hỏi:

"Ông có phải là anh của Nanon không?"

Khẩn cấp! không được để một giây phút nào cả."

Người liên lạc lên đường. Ba giờ sau, hắn đã đến Bordeaux. Hắn vào một trang trại, thay đổi y phục nông dân và vào thành với một chiếc xe bò chở đầy bột.

Lavie nhận được lá thư quyết định của tòa án quân sự mười lăm phút. Ông ta đến nhà tù, nói chuyện với viên giám ngục, đề nghị hai mươi ngàn livres, người này từ chối, ba mươi ngàn, lại từ chối và sau cùng được chấp thuận với giá bốn mươi ngàn.

Có thể hiểu rằng, theo d'Épernon danh xưng "Ông có phải là anh của Nanon không?" sẽ tránh được mọi lầm lẫn. Cauvignac trong một ý nghĩ từ tâm có lẽ là duy nhất trong suốt cuộc đời mình, đã trả lời: "Phải" và như vậy, đã chiếm chỗ của Canolles để thoát ra ngoài, trong bụng vô cùng ngạc nhiên.

Cauvignac được một con ngựa chạy hết tốc lực đưa đến ngôi làng Saint-Loubes, thuộc những người theo phe ngài d'Épernon. Ở đấy một liên lạc của ngài công tước đã đợi sẵn.

-Người ấy đã thoát chưa? – Y hỏi viên trưởng nhóm hộ tống Cauvignac về đây.

-Rồi! – Người này trả lời – Chúng tôi đã đưa được ông ấy về đây.

Người liên lạc chỉ biết có từng đó, y quay ngựa lại và chạy nhanh về hướng Libourne. Một tiếng rưỡi đồng hồ sau, con ngựa mệt mỏi ngã xuống ngay cổng thành làm cho người liên lạc rơi xuống ngay chân ngài d'Épernon đang sốt ruột chờ đợi một tiếng. Thoát rồi! Và ngài chạy vội về ngôi nhà nơi Nanon đang trú ngụ, nàng vẫn nằm trên giường, con mắt đờ đẫn hướng về phía cửa phòng.

-Thoát rồi! – Ngài công tước kêu lên – Anh ấy thoát rồi, em sắp được gặp anh trai rồi!

Nanon nhỏm dậy vì quá vui sướng, những tiếng ngắn ngủi kia cất đi cái gánh đè nặng lên tim nàng, nàng đưa hai tay lên trời và kêu lên: -Ôi, tạ ơn Chúa! Tạ ơn Chúa!

Sau đó, hạ thấp ánh mắt xuống, nàng nhìn thấy bên cạnh mình ngài công tước đang vui vì hạnh phúc của nàng, đến khi đó một ý nghĩ lo âu mới hiện ra trong đầu nàng:

"Ngài công tước sẽ tưởng thưởng về lòng tốt của mình như thế nào khi thấy một kẻ xa lạ thay cho người anh, sự tráo trở, thay vì tình anh em là một tình yêu điên cuồng."

Ngay khi đó, đám đông người giúp việc túm tụm nơi cửa dãn ra, và một người bổ nhào vào phòng, vừa kêu lên: -Ôi! Nanon em gái ta.

Nanon nhỏm dậy, mở to đôi mắt kinh hoàng, trở nên trắng bệch hơn mặt gối thêu trên giường, và một lần nữa, ngã vật ra, miệng lẩm bẩm: -Cauvignac, trời ơi, Cauvignac!

-Cauvignac! – Ngài công tước lập lại, ngạc nhiên đưa mắt nhìn chung quanh mình, muốn biết xem ai là người mang cái tên Cauvignac đó! – Ông nói – Ở đây ai là Cauvignac vậy?

Cauvignac giữ ý tứ không trả lời, y thấy mình chưa hoàn toàn thoát khỏi hiểm nguy để cho phép một câu thành thật, y hiểu rằng nếu trả lời thật y sẽ mang lại tai họa cho em gái mình, và chính y cũng sẽ không thoát, thông minh là như vậy, nhưng y cũng đành cứng miệng, đành để cho Nanon lãnh trách nhiệm tự sửa sai lầm lẫn.

-Còn ông De Canolles đâu? – Nàng kêu lên bằng một giọng trách móc giận dữ và nhìn y với đôi mắt tóe lửa.

Ngài công tước cau mày. Tất cả những người có mặt, ngoại trừ Francinette mặt tái nhợt và Cauvignac đang cố hết sức để giữ cho khỏi tái đi, đều không hiểu cơn giận dữ bất chợt kia và nhìn nhau ngạc nhiên.

-Tội nghiệp cho em tôi! – Cauvignac nói nho nhỏ vào tai ngài công tước – Cô ấy lo lắng cho tôi quá nên đã mê sảng và không hiểu mình đang nói gì nữa.

-Hãy trả lời với tôi đây này! – Nanon la lớn – Tên khốn nạn! Hãy trả lời cho tôi rõ! Ông De Canolles đâu? Số phận ông ấy ra sao rồi? Hãy trả lời, trả lời đi chứ?

Cauvignac chọn một giải pháp tuyệt vọng, cần phải chơi cho trót mưu mô của mình thôi, bởi vì thú nhận sự thật với ngài d'Épernon có nghĩa là muốn đi theo Richon nơi giá treo cổ dưới vòm chợ. Bởi vậy y đến gần ngài d'Épernon, nước mắt chảy dài.

-Ôi, ngài ơi! – Y nói – Đây không phải là mê sảng nữa, mà là điên loạn rồi, và đau khổ, như ngài thấy đó, đã khiến cho em tôi không nhận ra ngay cả người thân nữa. Ngài cũng hiểu là chỉ có tôi mới có thể giúp cô ấy tỉnh trí lại, vậy xin ngài hãy cho mấy người kia lui ra, ngoại trừ Francinette để giúp tôi đỡ em tôi những chuyện cần thiết.

Có thể ngài công tước không dễ dàng tin vào Cauvignac như vậy, ông đã bắt đầu nghi ngờ, thì ngay khi đó một người liên lạc đến báo với ông rằng hoàng hậu cho mời ông đến vì ngài Mazarin đang cho nhóm một hội đồng bất thường.

Trong khi người liên lạc đang nói, Cauvignac cúi xuống bên Nanon và nói nhanh: -Em hãy bình tĩnh để chúng ta trao đổi với nhau vài lời, mọi chuyện rồi sẽ ổn cả thôi.

Nanon nằm xuống giường, chưa bình tĩnh nhưng ít ra nàng cũng làm chủ được mình, bởi vì hy vọng dù ít ỏi đến đâu, cũng là thứ thuốc xoa dịu mọi đau khổ. Ngài công tước quay về phía nàng và nói.

-Thôi, cơn khủng hoảng đã qua rồi, em hãy bình tĩnh lại và trò chuyện với người anh yêu quý của em nhé. Hoàng hậu vừa cho gọi ta. Em hãy tin rằng vào giờ phút này thì chỉ có mệnh lệnh của hoàng hậu mới khiến ta rời khỏi em được.

Nanon cảm thấy tim mình như muốn ngừng đập. Nàng không còn hơi sức để trả lời ngài công tước nữa, và chỉ có thể siết chặt bàn tay của Cauvignac như muốn nói: -Anh không lừa dối em đấy chứ? Em thực sự có thể mong đợi được à?

Cauvignac cũng siết tay nàng để đáp lại, và nói với ngài d'Épernon.

-Vâng, thưa đức ông! – Y nói – Cơn khủng hoảng nặng qua rồi, em tôi đã hiểu rằng mình có một người bạn tận tụy và trung thành sẵn sàng làm tất cả để mang lại cho cô ấy tự do và hạnh phúc.

Nanon không thể gượng được hơn nữa, nàng bật lên những tiếng khóc nức nở, với con mắt lạnh lùng và đầu óc minh mẫn, nhưng bao nhiêu biến cố dồn dập, và nàng trở lại là một phụ nữ bình thường, nghĩa là yếu đuối và cần được khóc. Ngài d'Épernon bước ra ngaòi, vừa lắc đầu vừa nhìn Cauvignac chiều gửi gấm. Ông vừa ra khỏi cửa thì.

-Ôi! Sao mà ông ta làm cho tôi khổ thế! – Nàng kêu lên – Ông ta còn ở thêm một phút nữa thì chắc tôi đã chết mất.

Cauvignac đưa tay ra hiệu bảo nàng im lặng, rồi y đến dán tai vào cửa như để biết chắc là ngài d'Épernon đã đi xa rồi.

-Ôi! Ông ta có nghe hay không thì ăn nhằm gì. Anh đã nói nhỏ với em hai tiếng để an tâm, nào, nói đi, anh nghĩ rằng sẽ làm gì được bây giờ chứ?

-Em à! – Cauvignac trả lời, bộ mặt nghiêm nghị, thật khác hẳn với tánh nết của y – Anh không dám hứa là chắc chắn thành công, nhưng anh xin nhắc lại, điều anh vừa nói, anh sẽ làm tất cả để được điều đó.

-Làm được điều gì? – Nanon hỏi – Lần này thì chúng ta hiểu rõ nhau quá để còn có chuyện hiểu lầm nữa phải không?

-Cứu anh De Canolles khốn khổ.

Nanon nhìn y đăm đăm một cách dễ sợ.

-Anh ấy đang ở trong một tình trạng nguy kịch có đúng vậy không?

-Than ôi! – Cauvignac trả lời – Nếu em muốn biết ý nghĩ thành thật của anh, thì anh xin thú thật rằng tình trạng khá là xấu.

-Chà, hãy nghe anh ta nói kìa! – Nanon kêu lên – Nhưng anh có biết người ấy đối với tôi là như thế nào không?

-Anh có biết là người mà em yêu quý hơn anh trai của em bởi vì em muốn cứu người đó hơn là anh, và khi nhìn thấy anh, em đã đón tiếp anh với những câu chửi rủa.

Nanon phác một cử chỉ nóng nảy.

-Chà! Mẹ kiếp! Em có lý lắm! – Cauvignac lại nói – Mà anh nói như vậy không phải để trách móc em đâu, chỉ là một câu nhận xét vậy thôi, bởi vì anh dám đem lương tâm ra mà thề với em, nếu cả hai chúng tôi còn ở trong ngục tối của xà lim nhà tù, mà biết được điều anh vừa biết, thì anh đã nói với ngài De Canolles: Thưa ông, ông đã được Nanon gọi bằng anh, chính ông là người được người ta đến giải đi thoát chứ không phải là tôi, và như vậy người đó sẽ đến đây, còn anh thì sẽ chết thay cho người đó.

-Như vậy là anh ấy sẽ chết! Nanon kêu lên – Vậy là anh ấy sẽ phải chết!

-Em à! Cauvignac trả lời – Đây là tất cả những gì anh được biết và chúng ta sẽ căn cứ vào đó mà mưu định hành động, anh rời khỏi nơi đó đã được hai giờ đồng hồ, nhiều chuyện có thể xảy ra trong khoảng thời gian đó. Kìa, đừng âu sầu nữa, bởi vì cũng có thể không có chuyện gì xảy ra cả. Anh vừa nghĩ ra một kế.

-Nói nhanh đi!

-Cách Bordeaux một dặm, anh có một nhóm quân một trăm người với một chàng trung úy.

-Một người tin cẩn chứ?

-Ferguzon.

-Thì sao?

-Thì anh nghĩ rằng, nếu hy sinh một nửa số quân đó, anh có thể cứu được ông Canolles.

-Ôi! Anh lầm rồi, anh sẽ không làm được đâu! … Không được đâu! …

-Anh sẽ làm được! Nếu không thì thà rằng anh chết.

-Hỡi ôi! Cái chết của anh sẽ chứng tỏ với em thiện chí của anh, nhưng cái chết của anh sẽ không cứu được anh ấy! Anh ấy sẽ phải chết thôi!

-Còn anh, anh nói với em là anh ta sẽ không chết, dù cho anh có phải nộp mình thay cho anh ta! – Cauvignac kêu lên, bị thúc đẩy bất ngờ bởi một ý nghĩ

cao thượng khiến cho chính y phải ngạc nhiên.

-Anh! Anh tự nộp mình?

-Phải, có thể lắm, bởi vì dẫu sao không ai có một lý do gì để thù ghét ông De Canolles cả, mọi người đều yêu mến anh ta, trái lại anh thì mọi người đều ghét.

-Anh! Mà tại sao người ta lại ghét anh?

-Giản dị thôi, bởi vì anh được vinh dự là một người ruột thịt của em.

-Khoan đã! – Nanon chầm chậm nói – Như vậy anh vừa muốn nói là em bị dân chúng ở Bordeaux rất thù ghét, có đúng không?

-Phải.

-À, hay lắm! – Nanon kêu lên với một nụ cười nửa suy tư, nửa sung sướng.

-Anh không nghĩ là mình vừa nói một điều gì dễ chịu với em.

-Có chứ, có chứ! Nếu không dễ chịu thì cũng là đúng. Phải, anh có lý! – Nàng tiếp tục nói như với chính mình hơn là với ông anh – Người ta không thù ghét ông De Canolles, cũng không thù ghét anh. Khoan đã, khoan đã!

Nàng đứng dậy và đến bên bàn viết, nàng viết vội vã vài hàng mà qua vẻ mặt của nàng, Cauvignac đoán là khá quan trọng.

-Anh hãy cầm lá thư này! – Nàng dán thư lại và nói – Hãy lên đường một mình, không mang theo lính cũng như hộ tống, trong chuồng có một con ngựa nòi có thể chạy từ đây đến Bordeaux trong vòng một giờ. Anh hãy trình lên phu nhân quận chúa lá thư n ày và ông De Canolles sẽ được cứu thoát.

Cauvignac ngạc nhiên nhìn người em gái, nhưng vì y vốn biết rõ tài phán đoán của đầu óc minh mẫn ấy nên y không thể mất thì giờ tìm hiểu những câu nói của cô em. Y vào chuồng ngựa và nửa giờ sau y đã chạy được nửa đường. Nàng quỳ gối xuống. Nàng một kẻ vô thần, đọc một câu kinh ngắn, rồi nàng gom tất cả vàng bạc nữ trang vào một hộp nhỏ, cho lệnh chuẩn bị xe bảo Francinette giúp mình thay một bộ y phục lộng lẫy nhất.

Phần IV

§1

Đêm đã xuống thành phố Bordeaux, và ngoài khu vực pháp trường, nơi đám đông đang ào ào đổ xô đến, cả thành phố hầu như vắng vẻ. Không có tiếng động nào khác trên các đường phố hẻo lánh ngoài tiếng chân của các đội tuần tra ban đêm. Không giọng nói nào khác ngoài giọng nói của một bà già nào đó trên đường về nhà rồi sợ hãi đóng sập cửa lại.

Nhưng về hướng pháp trường, tiếng ồn ào trầm trầm kéo dài như tiếng thủy triều đang rút xuống. Phu nhân quận chúa vừa chấm dứt lá thư cuối cùng và cho gọi ngài công tước De La Rochefoucauld vào. Ngồi bên chân bà quận chúa là nàng Claire De Cambes chờ đợi đến lúc mình có thể được phép tâu trình.

-Bảy mươi bảy chữ ký! – Bà quận chúa kêu lên – Đấy Claire, em thấy không? Đóng vai một bà hoàng không phải là một điều sung sướng.

-Có chứ, thưa phu nhân. – Nàng tử tước trả lời – Bởi vì ở cương vị một nữ hoàng, phu nhân có được một quyền cao quý nhất, quyền ban ơn.

-Và cả quyền trừng phạt nữa, Claire à! – Bà quận chúa kiêu hãnh nói tiếp – Bởi vì bảy mươi bảy chữ ký kia được ký bên dưới một bản án tử hình.

-Và chữ ký thứ bảy mươi tám là bên dưới một bản ân xá, phải không thưa phu nhân? – Claire lại nói với một giọng van nài.

-Em nói gì vậy?

-Thưa phu nhân, em muốn nói rằng đã đến lúc em phải đi giải thoát cho người tù binh của em, chẳng lẽ phu nhân lại không muốn tránh cho người ấy cảnh tượng kinh khủng khi thấy người bạn tù bị dẫn ra pháp trường hay sao? Ôi! Thưa phu nhân, vì phu nhân đã ban ơn, thì xin hãy làm cho trót!

-Ờ, phải đấy! Em nói đúng. – Phu nhân quận chúa nói – Quả là ta đã quên mất lời hứa giữa những chuyện bận bịu quan trọng này, và em nhắc cho là phải lắm.

-Như vậy là…? – Claire sung sướng kêu lên.

-Như vậy có nghĩa là em hãy làm như ý của em.

-Thêm một chữ ký nữa thôi, thưa phu nhân.

Claire nói với một nụ cười có thể làm dịu một tâm hồn sắt đá nhất. Và nàng đặt một tờ giấy lên bàn của phu nhân De Condé. Bà viết:

"Lệnh cho ông trưởng ngục ở lâu đài Trompette hãy để cho phu nhân tử tước De Cambes đến đón ông nam tước De Canolles, người được ta tha bổng hoàn toàn."

-Có phải như vậy không? – Bà quận chúa hỏi.

-Ồ! Phải rồi, thưa phu nhân! – Claire kêu lên.

-Ta ký nhé?

-Vâng, dĩ nhiên rồi.

-Đấy, cô em của ta à. – Phu nhân De Condé nói với một nụ cười khả ái nhất – Đành phải làm tất cả theo ý em thôi. Và bà ký vào.

Claire chụp lấy tờ giấy như một con diều hâu vồ mồi. Nói vội một tiếng cám ơn với vị phu nhân rồi nàng áp tờ giấy vào ngực và bay ra ngoài.

Dưới cầu thang, nàng đụng phải ông De La Rochefoucauld cùng với một đám đông các sĩ quan và binh lính vẫn thường tháp tùng ông mỗi khi ông tuần tra trong thành phố.

Claire vui vẻ chào ông, ngạc nhiên, ông dừng lại nhìn theo nàng một lát trước khi bước vào văn phòng của phu nhân quận chúa.

-Thưa phu nhân – Ông nói – Tất cả đều đã sẵn sàng.

-Ở đâu?

-Ở đằng ấy.

Phu nhân lục tìm trí nhớ.

-Ở pháp trường. – Viên công tước lại nói.

-À, được lắm. – Bà quận chúa trả lời và cố tỏ ra bình thản bởi vì bà cảm thấy người ta đang quan sát bà, và mặc dầu bản tánh nữ giới khiến cho bà run rẩy, bà vẫn nghe theo tước vị cao trọng của một vị chỉ huy đang ra lệnh cho bà không được sợ hãi – Nếu tất cả đều đã sẵn sàng, thì ông cứ đến đấy đi.

Ngài công tước do dự.

-Ông nghĩ rằng ta cần phải đến đó hay sao? – Bà quận chúa hỏi với một giọng run run mà bà không thể nào kìm hãm được.

-Xin tùy theo ý phu nhân thôi. – Ngài công tước trả lời.

-Được rồi, công tước à, được rồi, ông cũng biết là ta vẫn thường ân xá cho phạm nhân chứ?

-Có, thưa phu nhân.

-Thế ông nghĩ sao về chuyện này?

-Tôi xin nói rằng tất cả mọi hành động của phu nhân đều đúng cả.

-Phải, ta thích như vậy hơn. Đúng là ta nên tỏ rõ cho bọn ấy biết rằng ta không ngần ngại gì mà không sử dụng đến. Và cư xử ngang hàng với đức vua, nhưng tự tin vào thực lực của chúng ta, chúng ta trả oán nhưng không làm quá mức.

-Như vậy là rất khôn ngoan.

-Có đúng vậy không, công tước? – Bà quận chúa hỏi, cố tìm hiểu qua giọng nói của ông De La Rochefoucauld ý định thực sự của ông này.

Nhưng vị công tước lại nói: -Ý kiến của phu nhân vẫn là một trong hai người phải trả giá cho cái chết của Richon, bởi vì cái chết ấy nếu không được trả hận, sẽ

khiến cho mọi người tin rằng phu nhân không tôn trọng gì mấy những bề tôi anh dũng đã phục vụ cho phu nhân.

-Ồ! Dĩ nhiên rồi, một trong hai người sẽ phải chết, thề trên danh dự của một quận chúa, ông hãy yên tâm.

-Tôi có thể được biết ai trong hai người là kẻ được phu nhân ân xá không?

-Ông De Canolles.

-Thế à?

Tiếng thế à được thốt ra với một giọng khác lạ.

-Ông có lý do gì để thù ghét đặc biệt người đó không, ông công tước?

-Tôi, thưa phu nhân? Có bao giờ tôi có lý do gì để yêu hoặc ghét ai? Tôi xếp loại vào hai hạng, những kẻ cản trở và những kẻ nâng đỡ. Cần phải gạt những kẻ này đi và nâng đỡ những kẻ kia…, khi mà bọn đó còn nâng đỡ ta, đấy là chính kiến của tôi, thưa phu nhân.

"Hắn đang kiếm chuyện gì đây nhỉ, hắn ta muốn gì chứ?" – Lenet nghĩ thầm trong bụng – "Hình như hắn có vẻ ghét anh chàng Canolles đáng thương."

-Vậy… – Vị công tước lại nói – Nếu phu nhân không còn lệnh nào khác nữa?…

-Không, thưa ông.

-Tôi xin phép phu nhân được rút lui.

-Vậy là ngay tối nay? – Phu nhân De Condé hỏi.

-Mười lăm phút nữa.

Lenet chuẩn bị đi theo ngài công tước.

-Ông cũng đi xem nữa à, Lenet? – Bà phu nhân hỏi.

-Ô! Không, thưa phu nhân. – Lenet nói – Tôi không phải là một kẻ ưa những cảm giác mạnh, chắc phu nhân cũng rõ điều này, tôi chỉ đi nửa đường thôi, nghĩa là từ đây đến nhà tù và được xem cảnh tượng cảm động với nàng Claire giải thoát cho người yêu.

Ngài công tước nhăn mặt, Lenet nhún vai và đoàn người đi đến nhà tù.

Nàng tử tước De Cambes không mất quá năm phút để vượt hết quãng đường đó. Nàng đến nơi, đưa tờ lệnh cho lính gác coi rồi xin được gặp viên tổng đốc của nhà tù.

Viên tổng đốc của nhà tù xem xét tờ lệnh với con mắt thản nhiên của một kẻ không bao giờ kinh ngạc trước những bản án tử hình hoặc là bản ân xá, nhận ra con dấu va chữ ký của phu nhân De Condé, cúi chào kẻ cầm lá thư và quay về phía cửa.

-Hãy cho gọi viên trung úy. – Ông nói.

Rồi ông ta ra hiệu cho phu nhân De Cambes ngồi xuống, nhưng nàng quá kích động để có thể ngồi yên nên nàng vẫn đứng.

Viên tổng đốc nghĩ rằng nên cần bắt chuyện.

-Bà biết ông De Canolles? – Ông ta hỏi với cùng một giọng như hỏi xem thời tiết như thế nào.

-Thưa ông, có.

-Ông ấy là anh của bà?

-Không ạ.

-Bạn?

-Đó là…, chồng sắp cưới của tôi. – Phu nhân De Cambes nói, hy vọng với lời thú nhận này, ông kia sẽ nhanh nhẹn hơn trong việc phóng thích người tù.

-À, thế à. – Viên tổng đốc vẫn trả lời với một giọng như cũ – Xin có lời khen ngợi bà.

Và không còn gì để hỏi nữa nên ông ta trở lại trạng thái bất động và im lặng. Viên trung úy bước vào.

-Này ông D'Orgenont. – Viên tổng đốc nói – Hãy cho gọi giám ngục trưởng và bảo tha cho ông De Canolles ra, đây là tờ lệnh.

Viên trung úy cúi chào và cầm lấy tờ giấy.

-Bà đợi ở đây nhé! – Viên tổng đốc nói.

-Tôi không được đi theo ông đó hay sao?

-Được chứ, thưa bà.

-Nếu vậy thì tôi sẽ cùng đi với ông trung úy. Chắc ông cũng hiểu, tôi muốn người đầu tiên báo tin mừng cho anh ấy.

-Được rồi, thưa bà.

Phu nhân De Cambes vội chào ông tổng đốc và đi theo viên trung úy.

Người này lại chính là người đã trò chuyện với Canolles và Cauvignac, và anh ta hành động lẹ làng với tất cả lòng quả cảm. Chỉ một lát sau, anh ta và phu nhân De Cambes đã đến sân trong.

-Giám ngục trưởng đâu? – Viên trung úy la to.

Rồi quay về phía phu nhân De Cambes, anh ta nói: -Xin bà hãy an tâm, chỉ một chút xíu nữa thôi là ông ấy sẽ ra đây.

Người giám ngục phó bước ra.

-Thưa trung úy. – Người này nói – Giám ngục trưởng đi đâu mất rồi, gọi mãi mà không thấy trả lời.

-Ôi! Ông ơi! – Phu nhân De Cambes kêu lên – Như vậy chúng ta sẽ bị chậm trễ hay sao?

-Không đâu, thưa bà, lệnh là lệnh, bởi vậy xin bà cứ an tâm.

-Anh cũng có giữ chìa khóa khác của mọi xà lìm chứ? – Viên trung úy hỏi.

-Có, thưa trung úy.

-Vậy hãy mở cửa phòng của ông De Canolles.

-Ông De Canolles, người số hai?

-Phải, số hai, hãy mở nhanh đi.

-Nhưng mà… – Giám ngục nói – Hình như họ đang cùng ở trong một phòng, chúng ta sẽ chọn tên bảnh trai nhất vậy.

Các ông giám ngục vẫn thích bông đùa.

Cuối cùng, cửa mở ra, Canolles đã nghe những tiếng bước chân ngoài hành lang, đã nhận ra giọng nói của Claire, chàng ôm choàng lấy người yêu, và nàng, quên mất rằng người đó chẳng phải là chồng, cũng chẳng phải là tình nhân, bỏ qua một bên tánh cả thẹn và ôm chặt lấy chàng.

-Đấy, anh yêu quý! – Nàng nói – Anh thấy rõ là em giữ lời hứa, em đã xin ân xá được cho anh, em đến đón anh đây, chúng ta sẽ ra đi thôi.

Vừa nói, nàng vừa kéo Canolles ra hành lang.

-Kìa, đừng vội vã như vậy. – Viên trung úy nói với một nụ cười duyên dáng – Mọi chuyện đều thật sự đã xong rồi, ông đã được tự do, không còn việc gì phải sợ hãi nữa.

Nhưng chàng De Canolles không để tai gì đến những câu nói khích lệ, vẫn kéo Claire vội vã chạy qua các hành lang. Đến cầu thang, rồi đến khoảng sân, thêm một cánh cửa nữa thôi, không khí nhà tù sẽ không còn đè nặng lên đôi tình nhân nữa.

Cánh cửa cuối cùng ấy rồi cũng mở ra.

Nhưng bên ngoài cánh cửa là một nhóm người vừa quý tộc, vừa cận vệ, vừa xạ thủ, đấy là ngài công tước De La Rochefoucauld cùng đám cận vệ của ông ta.

Không biết tại sao nhưng Claire rùng mình. Mỗi lần nàng gặp người đó là mỗi lần tai họa đến với nàng.

Ngài công tước chào phu nhân De Cambes cùng Canolles, còn dừng lại để nói vài lời với họ. Rồi ông ta ra hiệu cho đám đông đi theo sao mình, đám đông giãn ra nhường chỗ cho họ.

Bỗng nhiên một giọng nói vang lên từ cuối sảnh, vọng qua các dãy hành lang đến tận tai tất cả: -Trời! Xà lim số một trống không, tù nhân không thấy đâu cả, tôi tìm y từ năm phút rồi, không tìm thấy ở đâu hết.

Những lời nói đó khiến cho mọi người nghe thấy đều rùng mình, công tước De La Rochefoucauld giật mình, và không kềm hãm được động tác của mình, ông ta đưa tay ra như ngăn giữ Canolles lại.

Claire thấy cử chỉ đó và tái mặt.

-Nào! – Nàng nói với người yêu – Ta đi thôi.

-Xin bà thứ lỗi! – Công tước nói – Tôi xin bà thêm một phút kiên nhẫn nữa, hãy để cho sự lầm lẫn này sáng tỏ đã, tôi hứa là chỉ một phút thôi.

Và sau một cử chỉ ra hiệu khác của ông ta, hàng rào người khép lại.

Canolles nhìn Claire, ngài công tước, nhìn câu thang nơi giọng nói kia vừa vang lên, và đến lượt mình cũng tái mặt.

-Nhưng mà, thưa ông… – Claire nói – Tại sao tôi lại phải đợi nữa chứ? Phu nhân đã ký giấy tha cho ông Canolles, đây là tờ lệnh chính thức, đây, ông hãy đọc đi.

-Vâng, đúng như bà nói! – Ngài công tước nói – Và ý định của tôi không phải là chối bỏ tất cả giá trị của tờ lệnh này, và chờ đợi một lát thì có sao đâu, xin hãy kiên nhẫn, tôi vừa cho gửi một người đi và người đó sẽ trở lại ngay thôi.

-Nhưng điều đó ăn nhập gì đến chúng tôi? – Claire hỏi – Mà ông De Canolles thì có liên hệ gì với người tù số một kia?

-Thưa công tước! – Viên đội trưởng đội cận vệ mà ông vừa gởi đi quay trở về nói – Chúng tôi đã cho tìm kiếm khắp nơi nhưng không có, người tù kia đã biến mất, cả giám ngục trưởng cũng vậy, và thằng bé con của ông này khi được hỏi bảo rằng ba nó cùng với người tù đã ra ngoài bằng cửa bí mật dưới hầm thông ra sông.

-Ồ! Ồ! – Ngài công tước kêu lên – Ông có biết gì về chuyện này không, ông De Canolles? Một cuộc vượt ngục!

Nghe vậy Canolles liền hiểu hết, đoán biết hết. Chàng hiểu rằng chính Nanon đã quan tâm đến chàng. Chàng hiểu rằng chính mình mà người ta đến tìm, chính chàng là kẻ được biết đến dưới danh nghĩa anh của Nanon, và không biết được điều này nên Cauvignac đã thế vào chỗ chàng mà cứ tưởng rằng mình đi vào cõi chết. Tất cả những ý nghĩ đó lần lượt hiện ra trong đầu chàng, chàng đưa hai tay lên trán, mặt tái đi và cũng lảo đảo, và chỉ bình tĩnh lại khi thấy Claire đang run rẩy bên tay chàng, không một dấu hiệu kinh hoàng nào thoát khỏi cặp mặt của ngài công tước.

-Đóng tất cả các cửa lại! – Ngài công tước kêu lên – Ông De Canolles, yêu cầu ông hãy ở lại, ông hiểu giùm cho, vấn đề cần được làm sáng tỏ.

-Kìa, ông công tước! – Claire kêu lên – Chẳng lẽ ông có ý định cưỡng lại lệnh của phu nhân hay sao?

-Không đâu, thưa bà. – Công tước nói – Nhưng tôi tin rằng phu nhân cần được biết chuyện này. Tôi sẽ không nói với bà đích thân tôi đi, bà sẽ nghĩ rằng tôi cố tình tác động đến vị phu nhân của chúng ta, nhưng tôi sẽ nói, bà hãy cứ đi đi, bởi vì hơn ai tất cả, bà biết cách cầu xin lòng khoan dung của phu nhân.

Lenet kín đáo ra hiệu cho Claire.

-Ồ! Tôi không rời khỏi anh đâu! – Nàng kêu lên và níu chặt tay của chàng trai trẻ.

-Vậy để tôi đi! – Lenet nói – Ông đội trưởng à, hãy đi với tôi, hoặc là chính ngài, thưa công tước?

-Vậy cũng được, ta sẽ cùng đi với ông. Ông đội trưởng sẽ ở lại đây và tiếp tục cuộc tìm kiếm, biết đâu sẽ tìm ra được tên tù kia.

Và như để nhấn mạnh cho câu nói cuối cùng của mình, ngài công tước nói nhỏ vào tai viên đội trưởng đội cận vệ rồi cùng Lenet đi ra ngoài.

Ngay khi đó, cả hai người trẻ tuổi bị đẩy lùi vào sân trong bởi nhóm cận vệ của ngài công tước, và sau đó cửa đóng lại.

Mười phút qua, quang cảnh mang một tính cách thật nghiêm trọng và u tối, tất cả mọi người có mặt nhợt nhạt và câm lặng, nhìn nhau rồi nhìn vào mắt của Claire và Canolles xem lại là người đau khổ hơn cả. Canolles hiểu rằng mình cần tập trung tất cả mọi sức lực, chàng tỏ ra nghiêm trang và dịu dàng với người yêu, mặt tái nhợt, mắt đỏ lên, hai chân run rẩy đang níu chặt lấy chàng, mỉm cười với chàng, một nụ cười âu yếm buồn thảm, cố đưa mắt tìm trong đám người lặng lẽ một ánh mắt thông cảm…

Viên đội trưởng, người vừa mới nhận lệnh từ ngài công tước, cũng nói nhỏ với các sĩ quan của mình, Canolles với ánh mắt sắc và tai luôn nghe ngóng mọi câu nói có thể biến nghi vấn của mình thành điều chắc chắn, đang nghe được câu nói sau, mặc dù ông ta đã nói rất nhỏ.

-Dù sao cũng phải tìm cách tách người đàn bà khốn khổ này ra.

Thế là chàng nhẹ nhàng gỡ khỏi cánh tay dịu dàng đang giữ chặt chàng. Claire nhận ra ý định đó lại càng giữ chặt thêm.

-Nhưng mà… – Nàng nói – Phải tìm kiếm nữa chứ, có thể là người ta chưa tìm khắp nơi. Chúng ta hãy cùng đi tìm đi, người đó không thể nào trốn ra khỏi đây được. Tại sao ông De Canolles lại không cùng trốn ra chứ? Kìa, ông đại úy, tôi van ông, xin ông hãy cho người đi tìm kiếm nữa đi.

-Thưa bà, người ta đã tìm, và ngay cả bây giờ cũng đang tìm. Giám ngục biết mình sẽ bị tội chết nếu không tìm ra được tù binh của mình, bởi vậy bà cũng thấy đó, ông ta rất chú tâm vào việc tìm kiếm.

-Trời ơi! – Claire kêu lên – Sao mà ông Lenet chưa trở lại nhỉ!

-Hãy kiên nhẫn, em yêu. – Canolles nói với một giọng nhỏ nhẹ mà người ta thường dùng khi nói với trẻ con – Ông Lenet vừa mới đi và bây giờ có lẽ chỉ mới gặp thôi, hãy để cho ông ấy có thời gian trình bày vấn đề và mang câu trả lời về cho chúng ta.

Vừa nói, chàng vừa siết nhẹ bàn tay của Claire. Và nhìn thấy ánh mắt đăm đăm và sốt ruột của viên đội trưởng đang nắm quyền thay cho ngài La Rochefoucauld, chàng nói: -Đại úy, ông có gì muốn nói với tôi?

-Vâng, có đấy thưa ông. – Viên đội trưởng nói, ông ta đang khổ sở vì sự bất cẩn.

-Thưa ông! – Claire kêu lên – Xin hãy đưa chúng tôi đến gặp phu nhân, tôi van ông. Ông có thiệt hại gì đâu? Chẳng thà dẫn chúng tôi đến đấy còn hơn là phải ở lại đây trong tình trạng mập mờ này.

-Phải đấy! – Viên sĩ quan nói, lợi dụng ý kiến của Claire để tìm cách tách nàng ra – Ý kiến của bà thật là tuyệt. Xin bà cứ đi đi, bà có nhiều cơ may để thành công.

-Nam tước à, ông nghĩ sao? – Nàng hỏi – Ông có cho rằng nên như vậy không? Tôi phải làm sao bây giờ?

-Bà cứ đi đi. – Canolles nói, vừa cố gắng hết sức để nói.

Claire rời tay chàng, đi được vài bước lại quay trở lại với người yêu.

-Ồ! Không, không! Tôi không rời anh ấy đâu.

Và nghe tiếng mở cửa.

Quả vậy, phía sau ngài công tước với bộ mặt lạnh lẽo là Lenet, gương mặt xúc động dữ dội, hai tay run rẩy. Qua ánh mắt của ông này hướng về chàng, Canolles hiểu rằng chẳng còn hy vọng gì nữa, số phận của chàng đã được định đoạt.

-Thế nào? – Người thiếu phụ hỏi, bước về phía Lenet và kéo Canolles theo mình.

-Phu nhân… – Lenet ngập ngừng nói – Phu nhân rất bối rối…

-Bối rối! – Claire kêu lên – Như vậy nghĩa là sao?

-Như vậy có nghĩ là phu nhân cho gọi bà đến. – Ngài công tước nói – Phu nhân muốn nói chuyện với bà.

-Có đúng vậy không, ông Lenet? – Claire hỏi.

-Phải đấy, thưa bà. – Lenet trả lời.

-Còn ông ấy thì sao?

-Ai chứ?

-Ông De Canolles!

-Thì ông De Canolles sẽ trở vào xà lim và bà sẽ mang câu trả lời về cho ông ấy. – Ngài công tước nói.

-Ông ở lại với ông ấy nhé, ông Lenet! – Nàng nói.

-Thưa bà…

-Ông ở lại chứ?

-Tôi sẽ không rời ông De Canolles.

-Trời ơi! – Lenet lẩm bẩm và nhìn chàng thanh niên đang chờ đợi câu tuyên án của mình, và người thiếu phụ kia mà chỉ một lời của ông có thể giết chết nàng – Trời ơi! Một người đã bị kết án rồi, ít ra ta cũng phải có đủ sức để cứu người kia.

-Ông không thể sao, ông Lenet?

-Tôi xin thề. – Ông cố vấn nói và cố gắng đưa bàn tay đặt lên ngực mình.

-Xin cám ơn! – Canolles nói nhỏ – Tôi hiểu ý ông.

Rồi quay về phía nàng tử tước.

-Em cứ an tâm mà đi. – Chàng nói – Em cũng thấy rõ là tôi không gặp nguy hiểm gì với ông Lenet và ngài công tước đây.

-Hãy hôn bà ấy trước khi rời khỏi đây. – Lenet nói.

Những giọt mồ hôi lạnh ngắt đọng lại trên trán Canolles, chàng cảm thấy như có một màn sương mù bao phủ trước mắt chàng. Chàng giữ Claire lại khi nàng đang toan quay đi và, ra vẻ như muốn nói nhỏ với nàng, chàng kéo nàng xuống sát ngực mình và cúi xuống bên tai nàng.

-Hãy khẩn cầu nhưng không quỵ lụy. – Chàng nói – Anh muốn sống vì em nhưng em phải hiểu rằng anh phải được sống trong danh dự.

-Em sẽ van xin bằng mọi cách để cứu thoát anh. – Nàng trả lời – Anh chẳng phải là chồng em trước mặt Thượng Đế hay sao?

Và Canolles đã tìm được cách để hôn lướt lên cổ nàng nhưng nhẹ nhàng đến nỗi nàng chẳng cảm thấy gì cả và người thiếu phụ vô tình khốn khổ kia vội vã ra đi mà không đáp trả lại cái hôn cuối cùng ấy. Thế nhưng, khi ra gần đến cổng, nàng quay lại, tức thì một hàng rào người ngăn cách nàng với người tù.

-Ôi, anh đâu rồi? Em không thể nào thấy anh được nữa. Thêm một lời, một lời nữa thôi, để em được an tâm ra đi!

-Đi đi, Claire! – Canolles nói – Anh đợi em đây!

-Xin bà cứ đi đi! – Một sĩ quan tốt bụng nói – Bà có đi thì mới trở lại sớm được.

-Ông Lenet, ông Lenet thân mến ơi! – Giọng Claire từ xa vẳng lại – Tôi tin tưởng ở ông, ông hãy giữ lời hứa đấy.

Và cổng đóng lại phía sau nàng.

-May quá! – Ngài công tước lạnh lùng nói – Cũng khá vất vả đấy, bây giờ chúng ta được rảnh tay rồi.

§2

Ngay khi Claire vừa đi khỏi, khi giọng nói nàng đã tắt hẳn thì hàng rào các sĩ quan siết lại chung quanh Canolles, và mọi người thấy không biết từ đâu hiện ra hai người đàn ông, mặt mũi ghê rợn, bước đến gần ngài công tước và đợi lệnh.

Ngài công tước không trả lời mà chỉ vào Canolles. Rồi bước đến gần chàng.

-Thưa ông. – Ông ta nói với chàng và cúi chàng với một cử chỉ lịch sự lạnh lùng quen thuộc nơi ông ta – Có lẽ ông cũng hiểu rằng cuộc vượt ngục của người tù kia đã khiến cho số phận dành cho y lại rơi vào ông.

-Tôi hiểu, thưa ngài. – Canolles trả lời – Tôi cũng đã ngờ tới điều này, nhưng có một điều tôi biết chắc là quận chúa phu nhân đã ân xá cho đích danh tôi. Tôi đã được thấy và có lẽ chính mắt cũng đã thấy tờ lệnh thả tôi từ tay phu nhân De Cambes.

-Điều đó đúng, thưa ông. – Ngài công tước nói – Nhưng quận chúa phu nhân đã không lường trước được tình huống này.

-Như vậy là phu nhân bội ước hay sao?

-Phải.

-Một quận chúa mà lại thất hứa à?

Ngài công tước mắt nhìn chung quanh.

-Đã đến giờ rồi ư? – Chàng hỏi.

-Phải, thưa ông.

-Tôi tưởng là còn chờ phu nhân De Cambes trở về chứ? Bà ấy đã được người ta hứa là sẽ không làm gì trong khi bà ấy vắng mặt kia mà. Thời buổi này mọi người đều bội ước cả hay sao nhỉ?

Và người tù đưa ánh mắt trách móc, không phải là hướng về ngài công tước, mà là Lenet.

-Hỡi ôi! Thưa ông! – Ông này kêu lên, mắt lấp lánh vài giọt lệ, xin đừng giận chúng tôi. Quận chúa phu nhân đã dứt khoát từ chối ân xá cho ông rồi, mặc dù tôi đã cố công van nài. Có ngài công tước đây làm chứng và cả Thượng Đế nữa. Nhưng cái chết của Richon cần được báo thù, và phu nhân đã cương quyết. Đấy, thưa nam tước, xin ông hãy suy nghĩ lại giùm tôi, thay vì để cho tình thế nặng nề này đè nặng một nửa lên ông, một nửa lên bà tử tước, tôi đành phải, xin hãy tha thứ cho tôi, tôi đành phải để gánh nặng ấy cho riêng mình ông, bởi vì ông là một người lính, ông là một nhà quý tộc.

-Như vậy… – Canolles lẩm bẩm, xúc động khiến cho giọng chàng nghẹn lại – Như vậy có nghĩa là tôi không được gặp lại cô ấy nữa sao? Khi ông bảo tôi hôn nàng, thì đó là lần cuối cùng sao?

Một tiếng nấc mạnh hơn cả tính cương nghị, hơn cả lý trí và lòng kiêu hãnh thoát ra từ lồng ngực của Lenet, ông thụt lùi về đằng sau và nức nở khóc. Thế là Canolles đưa ánh mắt nhìn khắp những người đang bao vây chung quanh chàng, đâu đâu chàng cũng chỉ thấy những người sắt đá do cái chết của Richon và đang dò xét thái độ chàng, hoặc là cũng có những người đang gồng các bắp thịt lên để che giấu sự xúc động của họ và cố nén những giọt lệ cùng những tiếng thở dài.

-Ôi! Thật kinh khủng làm sao! – Chàng trai trẻ lẩm bẩm trong một giây phút sáng suốt phi thường mở rộng tâm hồn trước những chân trời vô hạn định của tất cả những gì được gọi là cuộc sống, nghĩa là trước những giây phút hạnh phút ngắn ngủi như những hòn đảo nhỏ giữa biển khơi bao quanh là đau khổ và nước mắt… – Ôi! Kinh khủng quá! Kìa là người phụ nữ yêu dấu lần cuối cùng nói rằng nàng yêu ta! Một hình ảnh êm đềm mãi mãi! Giấc mơ tuyệt vời của cuộc đời ta… Thế mà chỉ giây lát nữa thôi, cái chết sẽ xua đuổi tất cả…

Tim chàng thắt lại, mắt cay cay như muốn sắp khóc và thế là chàng nhớ lại, như Lenet vừa nói, mình là một người đàn ông, một người lính.

"Kiêu hãnh đâu?" – Chàng nghĩ thầm – "Lòng dũng cảm duy nhất thực sự hiện hữu hãy đến cứu ta! Ta mà lại khóc vì như thế hời hợt như cuộc sống ư?… Mọi người sẽ cười chê như thế nào khi có thể nói với nhau rằng: hắn ta đã khóc khi biết mình sắp chết, Canolles đã khóc! Ta đã hành động như thế nào vào cái ngày mà bọn chúng đến hãm thành Saint – Georges và đã muốn giết ta như hôm nay? Ta đã chiến đấu, ta đã bông đùa, ta đã cười… Đấy! Có ông trời đang nghe ta, và có lẽ cũng đã xử sự y như ngày hôm ấy, và nếu như ta không còn chiến đấu nữa, thì ít ra ta cũng bông đùa, ta cũng còn cười mãi."

Thế là gương mặt chàng trở nên bình thản, dường như mọi cảm xúc đều đã rời khỏi tim chàng, chàng đưa bàn tay vuốt lên mái tóc đen nhánh của mình và bước một bước đến gần ngài công tước De La Rochefoucauld và Lenet.

-Thưa các ông. – Chàng nói – Chắc các ông cũng hiểu, trong cái thế giới đầy dẫy những chuyện bất ngờ này, người ta cần phải có thời gian để thích nghi với hoàn cảnh, tôi đã mất một phút, mà tôi thấy mình có lỗi là đã không xin phép các ông, để làm quen với cái chết, nếu có hơi lâu thì tôi xin các ông tha lỗi vì tôi đã bắt các ông phải đợi.

Một vẻ kinh ngạc sâu sắc lan ra trong đám người, chính người tù cũng nhận thấy hình như sự kinh ngạc đó chuyển qua thán phục, và ý nghĩa vẻ vang đối với chàng đó khiến chàng thêm kiêu hãnh và tăng cường sức mạnh cho chàng.

-Thưa các ông, xin các ông cứ tùy nghi. – Chàng nói – Tôi đang đợi các ông đây.

Ngài công tước, sau một thoáng kinh hoàng, đã lấy lại dáng điệu lạnh lùng và ra dấu hiệu.

Thế là các cánh cửa mở ra, và đoàn người chuẩn bị lên đường.

-Khoan đã! – Lenet kêu lên để tìm cách kéo dài thời gian – Khoan đã, thưa công tước! Có đúng là chúng ta đang tiễn ông Canolles đây đến với cái chết có phải không?

-Chứ còn gì nữa. – Ngài công tước trả lời.

-Nếu vậy… – Lenet lại nói – Thì ông đáng kính đây cần có một linh mục để giải tội lần cuối cùng.

-Xin lỗi ông Lenet. – Canolles nói – Tôi hoàn toàn không cần đến.

-Tại sao vậy? – Lenet hỏi, vừa ra những dấu hiệu cho người tù mà chàng lại không đếm xỉa đến.

-Bởi vì tôi thuộc giáo hội Tin Lành. – Canolles lại nói – Nếu ông muốn mang đến cho tôi một điều hài lòng cuối cùng, thì xin hãy để tôi chết trong tình trạng tôi hiện nay.

Và trong khi nói, một cử chỉ biết ơn khiến ông Lenet hiểu rằng chàng hoàn toàn hiểu ý ông.

-Nếu không còn gì cản trở chúng ta nữa thì đi thôi. – Ngài công tước nói.

-Hãy để cho ông ấy xưng tội! Hãy để cho ông ấy xưng tội đã! – Vài người giận dữ kêu lên.

Canolles kiễng chân lên, nhìn ra chung quanh với một ánh mắt tự tin và bình thản, rồi hướng về ngài công tước.

-Lẽ nào chúng ta lại chơi trò hèn nhát hay sao, thưa ngài công tước. – Chàng nghiêm nghị nói, tôi cho rằng, nếu ở đây có ai có quyền bày tỏ ý muốn của mình, thì người đó sẽ là tôi, bởi vì tôi là người hùng của ngày hội này, vậy tôi từ chối vị linh mục và tôi muốn được đến pháp trường càng sớm càng tốt, đến lượt tôi, tôi đã mệt vì phải chờ đợi rồi.

-Tất cả hãy im đi! – Ngài công tước la to với đám người của mình.

Và sau khi im lặng đã được vãn hồi sau mệnh lệnh của ông.

-Thưa ông. – Ông ta nói với Canolles – Xin tùy theo ý ông vậy.

-Cảm ơn ngài. Nào chúng ta hãy lên đường, và nhanh đi thôi. – Lenet nắm lấy cánh tay Canolles.

-Trái lại, hãy chầm chậm thôi. – Ông nói với chàng – Biết đâu, một lệnh hoãn, một ý nghĩ hồi tâm, một sự kiện mới, mọi chuyện đều có thể. Nào, hãy chậm lại thôi, tôi xin lấy danh nghĩa người phụ nữ yêu ông vô cùng mà yêu cầu ông như vậy, người đó sẽ khóc biết bao nhiêu nếu chúng ta đi quá nhanh.

-Ôi! Tôi van ông, xin ông đừng nói nữa, tất cả mọi can đảm của tôi đều tan biến khi nghĩ rằng tôi phải xa nàng mà tôi đang nói gì nhỉ?… Trái lại, ông Lenet à, xin hãy nói nữa đi, xin ông hãy nhắc lại rằng nàng yêu tôi, nàng sẽ yêu tôi mãi mãi, và nhất là nàng sẽ buồn khổ vô cùng.

-Kìa! Chàng trai đáng thương của tôi! – Lenet nói – Không nên buồn phiền như thế, nên biết rằng mọi người đang nhìn chúng ta, không thể để họ biết chúng

ta nói gì với nhau.

Canolles kiêu hãnh ngẩng đầu lên, và mái tóc trau chuốt rơi xõa xuống cổ chàng. Đoàn người đã ra đến đường quốc lộ, nhiều ánh đuốc soi sáng đường đi và như vậy mọi người đều nhìn thấy khuôn mặt bình thản và tươi cười của chàng.

Vài người phụ nữ khóc lóc, vài người khác thì nói: -Ông nam tước đáng thương, còn trẻ và đẹp như thế kia!

Mọi người lại lặng lẽ đi, bỗng nhiên: -Ôi! Ông Lenet ơi! Tôi rất muốn nhìn lại nàng lần cuối.

-Tôi đi tìm bà ấy nhé? Tôi đưa bà ấy lại đây với anh nhé? – Lenet nói – Ông không còn nghị lực nữa?

-Vâng, vâng. – Canolles lẩm bẩm.

-Được rồi, để tôi đi, nhưng mà ông giết mất bà ấy thôi.

-Càng tốt! – Lòng ích kỷ trong trái tim chàng trai trẻ thốt ra – Nếu ta giết nàng, sẽ không ai chiếm được nàng nữa cả.

Và rồi, vượt qua được tánh yếu đuối cuối cùng đó.

-Không, không. – Canolles nói và giữ bàn tay Lenet lại – Ông đã hứa với nàng là sẽ ở lại với tôi kia mà, ông hãy ở lại đi.

-Y nói gì vậy? – Ngài công tước hỏi viên đội trưởng đội cận vệ.

Canolles nghe được câu hỏi.

-Thưa ngài công tước. – Chàng trả lời – Tôi vừa nói là tôi không nghĩ rằng khoảng cách từ nhà tù đến pháp trường lại xa như vậy.

-Ôi! – Lenet lại nói – Anh đừng than vãn nữa, chúng ta đến nơi rồi.

Quả vậy, những ánh đuốc vẫn còn soi sáng cho đoàn người vừa biến mất ở khúc quanh của con đường.

Lenet siết chặt bàn tay chàng trai và muốn thử một dịp may cuối cùng trước khi đến nơi hành hình, ông đến gần ngài công tước.

-Thưa ngài! – Ông nói nhỏ – Một lần cuối cùng, tôi van nài ông, ông sẽ để mất chính nghĩa của mình khi ra lệnh xử tử ông De Canolles như vậy.

-Trái lại là đằng khác. – Ông này đáp – Chúng ta sẽ chứng tỏ rằng chính nghĩa của chúng ta là hợp với lẽ phải bởi vì chúng ta không e ngại khi sử dụng luật báo thù.

-Luật đó chỉ thi hành giữa những quyền lực ngang hàng thôi, thưa ngài, và dù cho ngài có nói gì đi nữa thì hoàng hậu sẽ vẫn là hoàng hậu và chúng ta chỉ là thần dân thôi.

-Chúng ta không nên tranh cãi về những vấn đề đó trước mặt ông De Canolles. – Ngài công tước lớn tiếng đáp – Ông cũng thấy điều đó là không nên.

-Ông không nên nói chuyện ân xá với ngài công tước. – Canolles lại nói – Chắc ông không thấy là ngài ấy đang tạo một cuộc đảo chính đó hay sao? Chúng ta không nên quấy rầy ông ấy vì một chuyện nhỏ nhặt như vậy…

Ngài công tước không đáp lại, nhưng nhìn cặp môi mím chặt và ánh mắt mỉa mai của ông ta, mọi người đều hiểu rằng mũi tên đã trúng đích. Trong khi đó, mọi người vẫn tiếp tục hiện ra ngay trước mặt đằng xa, nghĩa là ở đầu kia của khoảng đất, thấp thoáng những mũi súng, ngay chính giữa sừng sững một cái gì đen đen không rõ hình dạng, mà thoạt đầu Canolles không chú tâm để ý nhìn trong bóng tối, chàng tưởng tượng đấy là một cái máy chém bình thường, nhưng bỗng chốc, ánh đuốc soi rõ tất cả và cái vật đen đen không rõ hình dạng ấy, hiện ra nguyên hình là một cái giá treo cổ.

-Giá treo cổ! – Canolles kêu lên, và đứng sững lại, tay chỉ về phía đó – Ngài công tước, có phải tôi vừa nhìn thấy một cái giá treo cổ không?

-Đúng vậy, ông không nhìn lầm đâu. – Ông này lạnh lùng trả lời.

Trán của chàng trai ửng đỏ lên vì bất mãn, chàng xô hai người lính gác đi hai bên chàng và quay lại đối diện với ngài công tước.

-Thưa ngài. – Chàng nói – Lẽ nào ngài lại quên rằng tôi thuộc dòng quý tộc hay sao! Tất cả mọi người đều biết, và cả đao phủ cũng không phải là không biết rằng một nhà quý tộc có quyền được chết dưới máy chém.

-Thưa ông, có những trường hợp…

-Thưa ngài… – Canolles cắt ngang – Tôi không lấy tên tôi ra mà nói, nhưng tôi nói vì danh nghĩa giới quý tộc mà ông là một người đứng đầu, ông đã từng là một ông hoàng, ông đã từng là một công tước, đây là một điều sỉ nhục, không chỉ riêng với tôi, bởi vì tôi là một kẻ vô tội, mà cho tất cả các ông, vì một người trong các ông đã chết dưới giá treo cổ.

-Thưa ông, đức vua đã treo cổ Richon.

-Thưa ngài, Richon là một người lính dũng cảm, với một tâm hồn cao quý như tất cả mọi tâm hồn cao quý trên thế gian này, nhưng không thuộc dòng quý tộc, còn tôi, tôi là một nhà quý tộc.

-Ông quên rằng – Ngài công tước nói – đây là vấn đề dù ông có là hoàng thân chính gốc đi nữa, ông cũng sẽ bị treo cổ.

Canolles với những cử chỉ không suy nghĩ, toan rút gươm ra, nhưng không thấy gươm, thế là ý nghĩ về tình thế của mình lại đè nặng lên chàng, tức giận tan biến, chàng hiểu rằng sức mạnh của mình đang nằm trong chính cảnh cô thế.

-Thưa ngài triết nhân. – Chàng nói – Vô phúc cho những kẻ dùng đến luật báo thù và hai lần vô phúc cho những kẻ sử dụng đến nó mà không nghĩ đến lòng nhân đạo! Tôi không yêu cầu ân xá, tôi chỉ đòi hỏi cho được công bằng. Có những người quý mến tôi thưa ngài, tôi nhấn mạnh tiếng này, bởi vì tôi biết là ngài không hiểu người ta lại có thể quý mến nhau. Và ngài sẽ in dấu mãi mãi trong tâm hồn những kẻ có kỷ niệm về cái chết của tôi, hình ảnh nhục nhã của cái giá treo cổ. Một nhát gươm, tôi van ngài, một viên đạn, hay đưa tôi cái dao của ngài để tôi tự xử lấy, và sau đó hãy sử dụng cái xác của tôi tùy theo ý ngài.

-Richon đã bị treo cổ chết, thưa ông. – Ngài công tước lạnh lùng trả lời.

-Được rồi. Bây giờ hãy nghe tôi đây, một ngày kia ông sẽ bị một tai họa khủng khiếp, khi đo, ông sẽ nhớ lại rằng đây chính là hình phạt bởi trời, còn tôi, tôi sẽ chết và tin chắc rằng cái chết của tôi chính là do tay ông.

Người run rẩy, nhợt nhạt nhưng phấn khích và dũng cảm, Canolles tiến về phía giá treo cổ. Chân đặt lên bậc thứ nhất chàng quay mặt về phía đám đông, đầy miệt thị.

-Nào, xin các ngài đao phủ. – Chàng nói – Xin các ngài vào việc cho.

-Chỉ có một tên thôi sao? – Đám đông ngạc nhiên kêu lên – Tên kia đâu? Chúng ta đã được hứa là có hai tên kia mà.

-À! Điều này an ủi ta ít nhiều. – Canolles mỉm cười nói – Đám dân chúng cũng không hài lòng về những gì ngài làm cho họ, ông có nghe họ la ó không, ngài công tước?

-Giết nó đi! Giết nó đi! Trả thù cho Richon. – Cả trăm ngàn giọng nói cùng gào lên.

"Nếu ta chọc giận họ" – Canolles nghĩ thầm – "Họ dám xé xác ta ra làm hàng ngàn mảnh lắm, như vậy ta sẽ khỏi bị treo cổ, còn ngài công tước đây sẽ tha hồ mà giận điên lên."

-Các người là những tên hèn nhát. – Canolles kêu to – Ta đã nhận ra giữa các người những tên đã từng bỏ chạy trước Saint – Georges. Hôm nay các người muốn trả thù là tại vì ta đã đánh bại các người.

Hàng loạt tiếng gào thét đáp lại.

-Các người là những kẻ hèn nhát. – Chàng lại la lên – Những tên phiến loạn, những kẻ khốn nạn.

Cả ngàn lưỡi dao ánh lên, vài hòn đá bay lên đến rớt dưới chân giá treo cổ.

-Hay lắm! – Canolles lẩm bẩm, và chàng nói to – Đức vua đã cho treo cổ Richon, ngài làm như thế là đúng, khi nào ngài chiếm được Bordeaux, ngài sẽ cho treo cổ nhiều tên khác nữa.

Nghe vậy, đám đông nhào đến như một dòng thác, xô ngã lính gác, đập gãy hàng rào và giận dữ ùa về phía người tử tội.

Ngay khi đó, sau một cử chỉ ra hiệu cho ngài công tước, một người đao phủ nhấc bổng Canolles lên, trong khi người kia tròng thòng lọng vào cổ chàng.

Canolles cảm thấy sức ép của sợi dây và lại chửi thêm nữa, chàng không được để mất thời giờ nếu muốn được chết ngay khi đó.

Trong khoảnh khắc tột độ đó, chàng đưa mắt nhìn chung quanh, khắp nơi cũng chỉ thấy những ánh mắt căm thù và những món vũ khí đang đe dọa.

Chỉ có một người, một người lính trên lưng ngựa, và đang hướng mũi súng về phía chàng.

-Cauvignac! Cauvignac! – Canolles kêu lên, hai tay bíu chặt lấy cầu thang.

Cauvignac đưa mũi súng ra hiệu cho người mà y đã không cứu kịp và đưa lên kề má nhắm.

Canolles hiểu ý y.

-Vâng, vâng! – Chàng kêu lên, gật đầu đồng ý.

Bây giờ, chúng ta hãy nhắc lại vì sao mà Cauvignac có mặt ở đấy.

§3

Chúng ta đã thấy Cauvignac ra khỏi Libourne và chúng ta cũng biết lý do tại sao.

Đến bên đám quân của mình do Ferguzon chỉ huy, y dừng lại một lát, không phải để lấy hơi, nhưng để thực hiện một kế hoạch mà đầu óc khôn lanh của y vừa nghĩ ra trong vòng nửa giờ vừa qua.

Thoạt đầu, y đã tự chủ và điều y nghĩ là rất hợp lý rằng y đến trình diện trước mặt phu nhân quận chúa sau những chuyện vừa qua, thì phu nhân, người sẵn sàng treo cổ Canolles mặc dầu không có gì để phiền trách chàng, cũng sẽ sẵn sàng treo cổ y, vì với y thì bà có nhiều chuyện để trách móc, và như vậy, nhiệm vụ này, sẽ thành công nếu như cứu Canolles khỏi giá treo cổ, thì lại sẽ thất bại nếu chính y phải thay vào chỗ đó… Bởi vậy, y vội vàng đổi y phục với một tên quân, bảo Barrabas, người mà quận chúa không biết rõ bằng y, mặc vào bộ y phục đẹp đẽ nhất, và cùng với tên này, hai người phi nhanh trên con đường đến Bordeaux. Thế nhưng có một điều khiến cho y phải lo lắng, đó là nội dung bức thư mà Nanon đã viết với một niềm tin tưởng rất lớn rằng, theo nàng, y chỉ cần trao cho quận chúa phu nhân là Canolles được cứu thoát, và nỗi lo lắng này mỗi lúc một lớn, đến nỗi y quyết định một cách giản dị là mở ra đọc, tự ra cho mình một câu nhận xét là một người đi thương thuyết sẽ không thương thuyết nổi nếu không biết rõ nhiệm vụ của mình, và hơn nữa, cần phải nói thêm rằng Cauvignac không tin tưởng gì cho lắm vào tha nhân của mình, và Nanon cho dù là em gái y đi nữa, mà cũng chính là vì nàng là em gái y rất có thể thù hận ông anh mình, trước hết là sau câu chuyện ở Jaulnay, và sau đó là chuyện vượt ngục bất ngờ ở lâu đài Trompette, đã đóng vai trò may rủi và sắp đặt mọi chuyện đâu vào đấy.

Do đó Cauvignac bóc lá thư một cách dễ dàng, và y mang một cảm giác kỳ lạ, đau đớn khi biết được nội dung của nó.

Đây là những gì Nanon viết:

"Kính thưa quận chúa phu nhân, cần phải có một nạn nhân để trả thù cho cái chết của Richon, xin phu nhân đừng giết một người vô tội mà hãy trừng trị đúng kẻ có tội, tôi không muốn cho ông Canolles phải chết, bởi vì giết ông ấy là phạm một tội ác chứ không phải để rửa thù. Khi bà đọc lá thư này thì tôi chỉ còn cách Bordeaux một dặm đường, cùng với tất cả những gì mà tôi có, hãy giao tôi cho đám đông dân chúng vốn thù ghét tôi, bở vì họ đã hai lần toan giết chết tôi, và bà hãy giữ lại cho mình gia sản của tôi, khoảng hai triệu. Ôi! Thưa phu nhân, tôi quỳ xuống để cầu xin ân huệ này, tôi có phần nào là nguyên nhân của cuộc chiến hiện tại, tôi chết rồi, toàn vùng này sẽ quy phục và phu nhân sẽ chiến thắng. Thưa phu

nhân, hãy hoãn lại một khắc thôi! Canolles chỉ được tha một khi tôi đã ở trong tay phu nhân, nhưng khi đó, bà hãy thả ông ấy ra nhé?

Còn tôi, tôi luôn luôn là kẻ vô cùng mang ơn phu nhân.

Nanon De Lartigues”

Đọc xong lá thư, Cauvignac vô cùng kinh ngạc khi thấy lòng mình nặng nề và mắt ươn ướt.

Và y đứng bất động, câm lặng, tưởng chừng như không thể tin vào những gì y vừa đọc. Rồi bỗng nhiên, y kêu lên: -Phải chăng trên thế gian này có những trái tim cao thượng chỉ vì thích như vậy thôi sao! Mẹ kiếp! Tất cả rồi sẽ được thấy rằng ta cũng có thể cao thượng mà không kém gì bất cứ ai, khi cần thiết.

Và vì đã đến gần cổng thành, y trao lá thư lại cho Barrabas và dặn một câu: -Bất cứ ai hỏi gì, thì mi chỉ cần trả lời: “Thư của đức vua!” và chỉ trao tận tay quận chúa phu nhân.

Và trong khi Barrabas phi ngựa về phía tòa dinh thự nơi quận chúa phu nhân cư ngụ, về phần mình, Cauvignac tiến về phía pháo đài Trompette.

Barrabas không gặp một chướng ngại nào cả, đường phố vắng tanh, toàn thành phố dường như trống rỗng, tất cả mọi cư dân đều đổ dồn về phía pháp trường.

Đến cổng dinh thự, lính gác muốn ngăn cản hắn đi qua, nhưng theo lời dặn của Cauvignac, hắn vung vẩy lá thư và la lớn: -Thư của đức vua! Thư của đức vua! …

Lính gác tưởng hắn là liên lạc viên của triều đình nên để hắn đi qua.

Nhờ vậy Barrabas vào lâu đài cũng dễ dàng như vào thành phố.

Thế nhưng theo như chúng ta còn nhớ, đây không phải là lần đầu tiên, anh chàng trung úy đáng kính Barrabas này được vinh hạnh tiếp cận phu nhân quận chúa. Bởi vậy, hắn nhảy xuống ngựa, lao về phía cầu thang vì hắn vốn biết rõ đường đi, chen qua giữa đám người hầu đang ngơ ngác và tiến vào dãy phòng trong. Vào đến đây, hắn dừng lại vì thấy trước mặt mình một phụ nữ mà y nhận ra đó là phu nhân quận chúa và bên chân bà có một người phụ nữ khác.

-Ôi! Xin phu nhân hãy thương tình! – Người này nói.

-Claire! – Quận chúa trả lời – Em hãy đi ra đi, nên biết điều một chút, hãy nhớ lại rằng chúng ta đã bỏ qua một bên tư cách phụ nữ của chúng ta cũng như chúng ta đã từ bỏ qua lốt y phục vậy, chúng ta đã trở thành những viên phó tướng của ngài hoàng thân, và hiện tại quốc sự chỉ huy tất cả.

-Phu nhân ơi! Không còn quốc sự gì đối với em nữa cả. – Claire kêu lên – Chẳng còn chính sự mà cũng chẳng còn chính kiến, chỉ còn lại anh ấy trên cõi đời này thôi và nếu anh ấy phải rời bỏ nó thì đối với em chỉ còn là cái chết! …

-Claire, em yêu quý của ta, ta đã nói với em rằng điều đó là không thể được, bọn họ đã giết Richon, và nếu chúng ta cũng không làm như vậy thì chúng ta sẽ

bị mất thể diện.

-Ôi! Thưa phu nhân, có ai lại mất thể diện khi ra ân xá bao giờ, người ta không thể nào mất thể diện khi sử dụng đến một đặc quyền chỉ dành riêng cho vua của nước trời và vua của thế gian, một lời thôi, thưa phu nhân, một lời thôi con người khốn khổ ấy đang chờ đợi!

-Kìa, Claire em điên rồi, ta đã nói với em là không được kia mà!

-Nhưng em đã nói với ông ấy là sẽ thoát nạn, chính em đã nói như vậy, em đã đưa cho ông ấy em bản ân xá do chính tay phu nhân ký, em đã nói với ông ấy rằng em sẽ trở lại với sự xác nhận bản ân xá đó.

-Ta đã ký với điều kiện là tên kia sẽ trả giá thay cho người yêu của em, vả lại, có thể là tên kia không trốn đi được, biết đâu người ta đã tìm ra được hắn…

-À! Phải lắm! Phải cẩn thận đấy. – Barrabas nói nhỏ vì hắn vừa mới đến nơi.

-Thưa phu nhân, họ sắp dẫn ông ấy đi rồi, phu nhân ơi, đã mất nhiều thời gian rồi, họ sẽ không chờ đợi nữa đâu.

-Em nói đúng đó Claire. – Bà phu nhân nói – Bởi vì ta đã ra lệnh cho mọi việc phải hoàn tất vào lúc mười một giờ, và kìa, đồng hồ vừa điểm mười một giờ, có lẽ tất cả đều đã xong rồi.

Nàng tử tước kêu lên một tiếng và đứng dậy, quay lại, nàng thấy mình đối diện với Barrabas.

-Ông là ai? Ông muốn gì? – Nàng kêu lên – Ông đến báo tin cái chết của chàng đấy ư?

-Thưa bà, không đâu. – Barrabas trả lời vừa lấy dáng điệu duyên dáng nhất – Trái lại tôi đến đây để cứu ông ấy.

-Tại sao lại có chuyện đó chứ? Hãy nói nhanh lên.

-Bằng cách trao lá thư này cho phu nhân.

Claire đưa tay ra, giật lấy lá thư và trình lên phu nhân quận chúa.

-Em không biết trong thư này viết gì. – nàng nói – Nhưng xin phu nhân hãy đọc nhanh lên.

Bà quận chúa mở lá thư ra và lớn tiếng đọc, trong khi đó Claire mắt tái dần sau những dòng thư, như nuốt chửng lấy từng chữ do phu nhân đọc ra.

-Của Nanon! – Bà quận chúa kêu lên sau khi đọc xong – Nanon đến đây! Nanon nạp mình! Ông Lenet đâu rồi? Ông công tước đâu rồi? Có ai không? Có ai không?

-Có tôi đây! – Barrabs nói – Tôi xin sẵn sàng tuân theo mọi sự sai bảo của phu nhân.

-Hãy chạy ra pháp trường, hãy báo rằng, không hành hình mà hoãn lại, mà không được, họ sẽ không tin đâu!

Và quận chúa chụp lấy một cây viết, ghi vào dưới lá thư "Hoãn lại!"

Và bà giao cả lá thư bỏ ngỏ cho Barrabas, hắn chạy biến ra khỏi phòng.

-Ôi! – Nàng tử tước lẩm bẩm – Bà ta yêu chàng hơn ta, đau đớn thay cho ta, chính nhờ bà ta mà chàng được cứu thoát.

Trong khi đó, Barrabas đã không để mất một giây nào, hắn bay xuống cầu thang, nhảy lên lưng ngựa và phi nhanh về hướng pháp trường.

Trong khi hắn đến dinh của quận chúa, Cauvignac đã chạy thẳng đến pháo đài Trompette. Đến đấy, nhờ bóng đêm che chở, đầu đội một chiếc mũ rộng vành sụp đến tận mắt khiến cho không ai nhận ra, y đã dò hỏi và được biết mọi chi tiết trong chuyến vượt ngục của mình, và bằng cách nào Canolles phải trả giá cho mình. Thế là, y phóng ngựa về phía pháp trường, thúc ngựa một cách điên cuồng, xô gạt đám đông, dẫm lên bất cứ cái gì cản trở đường đi của y. Đến gần pháp trường, y nhìn thấy cái giá treo cổ và hét lên một tiếng, nhưng chìm lỉm giữa những tiếng gào thét của dân chúng.

Chính ngay khi đó, Canolles nhìn thấy y, chàng đoán biết được ý định của Cauvignac và ra hiệu đồng ý.

Cauvignac thẳng người trên lưng ngựa, đưa mắt nhìn chung quanh để xem có Barrabas hoặc một người liên lạc nào đó của quận chúa, cố để ý xem có nghe tiếng "ân xá" hay không, nhưng y chẳng thấy và chẳng nghe gì cả. Người Canolles mà tên đao phủ sắp sửa kéo ra khỏi cây thang và xô vào khoảng không, chàng đưa bàn tay chỉ lên ngực mình.

Thế là Cauvignac hạ mũi súng của y hướng về phía chàng trai, đưa lên má, nhắm kỹ và chuẩn bị bắn.

-Cám ơn anh! – Canolles nói và dang rộng hai cánh tay – Ít ra ta cũng được chết như một người lính.

Viên đạn dã xuyên qua tim chàng.

Tên đao phủ xô cái xác ra, nó treo lơ lửng nơi đầu sợi dây oan nghiệt, nhưng đấy chỉ là một cái xác.

Tiếng súng nổ đã như là một hiệu lệnh, cả ngàn tiếng nổ phát ra gần như cùng lúc. Một giọng la to: -Ngừng lại! Ngừng lại! Cắt dây đi!

Những tiếng hô đó chìm lỉm trong những tiếng gào thét của đám đông, vả lại dây đã bị một viên đạn cắt ngang đám lính gác cố sức chống cự nhưng cũng bị đám đông xô gạt đi, giá treo cổ bị gãy thành mảnh vụn, các đao phủ bỏ chạy tán loạn, đám đông xúm đến như một màu đen, chiếm lấy cái thây, xé nát nó ra, và kéo lê qua các đường phố.

Trong cảnh hỗn loạn đó, Barrabas đã đến bên ngài công tước, và mặc dù thấy rằng đã quá muộn, hắn cũng giao lại tờ công văn cho ngài.

Giữa những tiếng súng, ngài công tước cũng chỉ đứng qua một bên, bởi vì ông ta lạnh lùng và thản nhiên trong tất cả mọi hành động của mình. Ông ta cầm lấy lá thư và đọc.

-Tiếc thật! – Ông ta quay về phía các sĩ quan của mình và nói – Điều cô nàng Nanon này đề nghị có lẽ đáng giá hơn đấy, nhưng mà sự việc cũng đã xong rồi.

Và sau một hồi suy nghĩ.

-Mà này – Ông tanói – bởi vì cô nàng đang chờ đợi câu trả lời của chúng ta bên kia sông, có thể có cách nối lại vấn đề này.

Và chẳng bận tâm gì hơn đến người liên lạc, ông ta thúc ngựa về gặp bà quận chúa cùng với đoàn hộ tống của mình.

Ngay khi đó, cơn dông tự nãy giờ vẫn lơ lửng trong khí quyển, ập xuống thành phố Bordeaux, mưa như trút nước xuống pháp trường như để rửa sạch máu của kẻ vô tội.

§4

Trong khi câu chuyện xảy ra ở Bordeaux, trong khi đám đông dân chúng lôi kéo qua các đường phố cái xác đẫm máu của Canolles và ngài công tước đang vuốt ve lòng kiêu hãnh của quận chúa phu nhân khi nói rằng bà quyền thế không kém gì một bà hoàng hậu, trong khi Cauvignac quay trở ra cổng thành cùng với Barrabas, thì một cỗ xe do bốn con ngựa chạy hụt hết hơi, mình đẫm mồ hôi, vừa dừng lại bên bờ sông Kironde, đối diện với Bordeaux, giữa hai làng Beleroix và Bastide.

Đồng hồ vừa điểm mười một giờ.

Một người hộ tống cỡi ngựa đi sau, vội vàng nhảy xuống đất khi thấy cỗ xe dừng lại và đến mở cửa.

Một người phụ nữ liền bước xuống, đưa mắt nhìn lên bầu trời nhuốm đỏ vì những ánh đuốc phản chiếu, lắng nghe những tiếng động và tiếng ồn ào từ xa vọng tới.

-Em có chắc – Người này nói với chị hầu phòng vừa xuống theo – rằng không có ai theo chúng ta chứ?

-Không ạ! – Chị hầu phòng trả lời, hai người hộ tống theo sau xe cũng vừa đến và xác nhận là không nghe và không thấy gì cả.

-Ngươi có nghe gì về phía thành phố không?

-Hình như có nghe những tiếng la ó từ xa.

-Ngươi có thấy gì không?

-Có những ánh đuốc ạ.

-Vâng, thưa bà, vâng, đúng rồi bọn họ náo loạn, bọn họ chạy lung tung như những ánh ma trơi, kìa, bà có nghe những tiếng ồn ào mỗi lúc mỗi rõ hơn không?

-Lạy Chúa! – Người thiếu phụ lẩm bẩm và quỳ xuống nền đất ẩm ướt – Lạy Chúa! Lạy Chúa!

Đây là lời cầu nguyện duy nhất của nàng. Một lời duy nhất hiện ra trong tâm trí nàng, miệng nàng chỉ có thể thốt lên một tiếng duy nhất, tên của đấng cao cả có thể mang đến một phép lạ cho nàng.

Chị hầu phòng đã không lầm. Quả vậy, những ánh đuốc di động, những tiếng hò reo dường như đến gần hơn, mọi người nghe một tiếng súng nổ vang, tiếp theo là hàng trăm tiếng khác, rồi một cảnh náo loạn, rồi những ánh đuốc lụi tàn, những tiếng hò reo xa dần, mưa bắt đầu rơi xuống, sấm nổ rền trên bầu trời. Nhưng điều đó không làm cho người thiếu phụ quan tâm, nàng không sợ sấm sét…

Nàng vẫn nhìn sững vào nơi vừa xảy ra cảnh náo loạn. Nàng không thấy gì nữa, không nghe gì nữa, qua ánh sáng của các lằn chớp dường như nơi ấy đã

vắng người.

-Ôi! Ta không còn đủ sức để chờ đợi lâu hơn nữa. Đến Bordeaux thôi! Chúng ta hãy mau đến Bordeaux.

Bỗng nhiên, vang lên tiếng vó ngựa đang đến gần.

-A! Họ đến kia rồi! – Nàng kêu lên – Họ đến rồi! Thôi vĩnh biệt Finette nhé, em lui ra, ta sẽ đến đó một mình. Lombard, hãy đưa cô ấy về và hãy để lại trong xe tất cả những gì đang mang theo.

-Kìa, bà làm gì vậy? – Finette kinh hoàng kêu lên.

-Vĩnh biệt Finette, vĩnh biệt em.

-Tại sao lại vĩnh biệt hở bà? Thế bà đi đâu?

-Ta đến Bordeaux.

-Ôi! Xin bà đừng làm như vậy! Bọn họ sẽ giết bà mất thôi.

-Kìa! Vậy em nghĩ ta muốn đến đấy vì lý do gì?…

-Trời! Bà ơi! Lombard mau lên! Hãy giúp tôi, phải cản bà ấy…

-Suỵt! Thôi em đi đi, Finette. Ta đã không quên em đâu, hãy an tâm nhé, hãy về đi, ta không muốn em gặp tai họa. Hãy nghe lời ta…, đang đến gần, họ kia rồi.

Thật vậy, một kỵ sĩ đang phi đến, theo sau là một kỵ sĩ khác.

-Em ơi! Em ơi! – Người đó kêu lên – A! Ta không đến kịp lúc.

-Anh Cauvignac! – Nanon kêu lên – Họ đã chấp thuận rồi sao? Chúng ta sẽ đi chứ?

Nhưng thay vì trả lời, Cauvignac nhảy xuống ngựa, y bế xốc Nanon lên, đóng cửa lại và nhảy lên ngựa của mình. Nanon tỉnh trí lại, vùng vẫy và la hét nhưng hoài công.

-Đừng bỏ bà ấy ra! – Cauvignac nói – Tuyệt đối không được rời bà ấy. Barrabas hãy canh cửa bên bà, còn mi, phu xe nếu mi lỏng dây cương một giây thôi, ta sẽ bắn mi nát óc.

Những lệnh đó phát ra thật nhanh, đến nỗi có một giây phút ngập ngừng, xe chậm chuyển động, mấy tên người hầu run rẩy, ngựa ngập ngừng.

-Đồ quỷ! Nhanh lên! – Cauvignac gào lên – Bọn chúng đến kìa!Bọn chúng đến kìa!

Thật vậy, từ đằng xa bắt đầu nghe có những tiếng vó ngựa vang dội như những tiếng sấm, đang mỗi lúc một gần hơn.

Cái sợ vốn dễ lây. Qua giọng nói của Cauvignac, tên phu xe hiểu rằng có một hiểm nguy lớn đang đe dọa, y nắm lấy cương ngựa.

-Chúng ta đi đâu? – Y ấp úng hỏi.

-Đến Bordeaux! Đến Bordeaux! – Nanon từ bên trong xe nói vọng ra.

-Mẹ kiếp! Đến Libourne! – Cauvignac hét lên.

-Ông ơi! Đi được bao dậm thôi là ngựa sẽ quỵ mất thôi.

-Ta không đòi hỏi phải đi xa như vậy! – Cauvignac hét lên và vung gươm quấy mấy con ngựa. Đi đến nơi đóng quân của Ferguzon là đủ rồi.

Thế là cỗ xe nặng nề rung chuyển và lên đường với một tốc độ kinh hồn. Người và ngựa toát mồ hôi, thở hổn hển, thôi thúc nhau, tiếng hét và tiếng ngựa hí hòa lẫn với nhau.

Nanon cố tìm cách chống cự và toan nhảy xuống xe nhưng nàng đã kiệt sức, nàng đã kiệt quệ ngã ra nệm xe, nàng không còn nghe, không còn thấy gì nữa. Cố gắng đưa mắt tìm kiếm Cauvignac giữa những bóng đen hỗn loạn đó, lần hồi nàng cảm thấy chóng cả mặt, nàng nhắm mắt lại, kêu lên một tiếng và ngã vào tay chị hầu phòng, khắp người lạnh toát.

Cauvignac vượt qua cửa xe. Y dẫn đầu đoàn người, ngựa. Vó ngựa y để lại một vệt dài tóe lửa suốt con đường.

-Ferguzon mau cứu viện! – Y la to.

Và từ đằng xa vọng lại tiếng reo hò.

-Hỡi quỷ dữ! – Cauvignac kêu lên – Nếu hôm nay ngươi muốn chơi ta, thì ta cho rằng lần này ngươi cũng thua thôi. Ferguzon! Mau cứu viện.

Hai ba tiếng súng đến từ phía sau, nhưng ở phía trước cả một loạt súng nổ đáp lại.

Xe dừng lại, hai trong số bốn con ngựa ngã quỵ xuống vì quá mệt, con thứ ba bị trúng đạn.

Ferguzon cùng với quân của mình xông đến đám quân của ngài De La Rochefoucauld và vì họ đông gấp ba lần nên đám dân quân Bordeaux không thể cầm cự nổi, quay ngựa chạy, thế là những kẻ thắng, cũng như những kẻ thua, quân đuổi theo cũng như quân bị đuổi theo giống như một đám mây bị gió thổi tạt, biến mất vào bóng đêm.

Chỉ còn lại Cauvignac cùng mấy tên người hầu và Finette ở bên cạnh nàng Nanon bất tỉnh trong xe.

May sao, họ chỉ còn cách ngôi làng Carbon – Blane khoảng một trăm bước, Cauvignac bế Nanon đến ngôi nhà đầu tiên mà họ nhìn thấy. Đến đấy, y đặt em gái lên giường, rút từ trong ngực một vật gì đó mà Finette không kịp nhận ra, rồi nhét vào bàn tay co quắp của người thiếu phụ.

Sáng hôm sau, khi tỉnh dậy khỏi giấc mơ khủng khiếp, Nanon đưa bàn tay lên mặt và một vật mềm dịu thơm thơm vuốt ve đôi môi nhợt nhạt của nàng.

Đấy là một lọn tóc của Canolles mà Cauvignac đã liều mạng đoạt được giữa rừng vuốt sắc của đám cọp dữ ở Bordeaux.

§5

Ròng rã tám ngày đêm liền, tử tước phu nhân De Cambes vẫn mê sảng và lạnh ngắt trên giường bệnh, kể từ lúc nàng được đưa vào đấy sau khi nàng biết được cái tin dữ kia và ngã ra bất tỉnh.

Các chị người hầu chăm sóc nàng, nhưng chính lão Pompéc là người canh giữ cửa, chỉ có lão bộc già ấy, đến quỳ bên giường, mới có thể đánh thức một chút trí khôn nơi nàng.

Những người thăm viếng rất đông, nhưng người lão bộc trung thành, nghiêm túc trong công vụ, như một người lính già, không để cho bất cứ ai vào, trước hết là bởi vì lão tin tưởng tuyệt đối rằng mọi cuộc thăm viếng đều có hại cho chủ mình, và cũng do lệnh của viên y sĩ, ông này e ngại mọi xúc động quá mạnh đối với nàng tử tước.

Mỗi buổi sáng, Lenet đến trước cửa phòng của người thiếu phụ đáng thương để thăm hỏi, nhưng ông cũng không được đón tiếp khá hơn mấy người khác. Đích thân quận chúa phu nhân cũng đến cùng với đoàn tùy tùng của mình nhân một hôm khi bà đến thăm bà mẹ của anh chàng Richon đáng thương. Mục đích của bà là, ngoài sự quan tâm đặc biệt đối với Claire, bà muốn tỏ ra mình là một người hoàn toàn vô tư không thiên vị.

Và như vậy, bà đến để đóng vai trò một bậc quân vương cao trọng, nhưng lão Pompéc kính cẩn đưa ra những câu quả quyết rằng lão đã được lệnh trấn giữ và không thể để cho bất cứ ai qua, dù cho các ngài công tước hoặc là tướng đi nữa, cho dù đó là các quận chúa cũng thế, đều phải tuân theo lệnh này, và phu nhân De Condé cũng như bất cứ ai khác thôi, nhất là sau những chuyện vừa qua thì sự có mặt của bà lại rất có thể đưa đến cuộc khủng hoảng trầm trọng nơi người thiếu phụ.

Bà quận chúa, với ý nghĩ là mình đã chu toàn một bổn phận, nên chẳng đợi nói đến lần thứ hai, liền bỏ đi cùng với đoàn tùy tùng.

Đến ngày thứ chín, Claire hồi tỉnh lại, khi đó mọi người mới nhận thấy rằng suốt thời gian mê sảng dài tám ngày qua, nàng đã không ngừng khóc, mặc dù theo lệ thường, cơn sốt làm cạn nước mắt, còn nước mắt của nàng có thể nói là đã đào một đường rãnh bên dưới mi mắt mỏng đỏ và tím nhạt như hình Đức Mẹ đau khổ của Runens.

Đến ngày thứ chín, như chúng ta vừa nói, khi mọi người đã bắt đầu tuyệt vọng thì nàng đột ngột tỉnh lại như có phép tiên, nước mắt ngưng chảy, nàng đưa mắt nhìn chung quanh và dừng lại với một nụ cười các chị hầu đã chăm sóc cho nàng và nơi Pompéc, người luôn canh giữ nàng, thế là mấy giờ liền, nàng giam

mình trong cảnh thinh lặng, tay chống cằm, mắt đờ đẫn, dõi theo một ý nghĩ duy nhất đang mỗi lúc mỗi trở nên rõ rệt hơn trong trí nhớ dần dần hồi tỉnh của nàng.

Và bỗng nhiên, chẳng cần biết xem sức lực có đáp ứng được quyết định của mình hay không.

-Hãy thay y phục cho ta! – Nàng nói.

Mấy chị người hầu ngạc nhiên bước đến và muốn cho nàng biết ý kiến, Pompéc bước tới ba bước và chắp hai tay lại như muốn khẩn cầu một điều gì.

Thế nhưng Claire vẫn dịu dàng, nhưng cương quyết, lặp lại: -Ta đã nói là hãy thay y phục cho ta.

Người hầu vội vã tuân theo, Pompéc cúi đầu và bước thụt lùi ra ngoài.

Hỡi ôi! Đôi má hồng tròn trĩnh đã nhường chỗ cho vẻ nhợt nhạt gầy gò của những kẻ sắp chết, bàn tay đẹp và xinh xắn này trong suốt và trắng bệch hơn cả lớp vải phin trắng trên người nàng, dưới làn da là những mạch máu tím nhạt, biểu hiện sự suy sụp sau nỗi buồn khổ kéo dài. Những bộ áo mà mới đây nàng vẫn còn mặc, vẫn ôm lấy vóc dáng duyên dáng của nàng, nay rũ xuống chung quanh nàng thành những nếp dài và rộng, mọi người thay y phục theo ý nàng nhưng công việc này kéo dài rất lâu, bởi vì nàng yếu đến nỗi ba lần, nàng muốn quỵ xuống và sau khi y phục chỉnh tề, nàng đến bên cửa sổ. Nhưng đột nhiên thụt lùi lại tưởng chừng như cảnh bầu trời thành phố làm cho nàng sợ hãi, nàng đến ngồi vào bàn, bảo mang đến bút và giấy, rồi thảo một lá thư gửi phu nhân quận chúa xin phép cho mình đến hội kiến.

Mười phút sau khi lá thư được Pompéc mang đến cho phu nhân quận chúa, mọi người nghe có tiếng xe đậu trước cửa, và ngay sau đó người ta bảo rằng có bà De Tourville đến thăm.

-Có phải – Bà ta hỏi Claire – chính em vừa gởi thư cho phu nhân xin được hội kiến đó không?

Ồ! Trái lại là đằng khác, em à, bởi vậy nên tôi mới vội vàng đến đây truyền đạt lời phu nhân nhắn với em rằng chẳng việc gì phải xin hội kiến, em có thể vào gặp phu nhân bất kể lúc nào.

-Xin cám ơn bà, em sẽ đến bây giờ.

-Sao! – Bà De Tourville kêu lên – Sức khỏe của em như vậy mà em đòi ra ngoài sao chứ?

-Xin bà cứ an tâm. – Nàng tử tước trả lời – Em cảm thấy bình thường.

-Em sẽ đến ngay bây giờ à?

-Vâng ạ.

-Để chị về báo lại với phu nhân nhé.

Rồi bà De Tourville bỏ đi, cũng đột ngột như khi bà đến, sau khi đã cúi chào nàng tử tước một cách hết sức là lịch sự. Tin về cuộc hội kiến bất ngờ loan nhanh trong chốn triều đình thu hẹp đó, mọi người đều rất quan tâm đến tình trạng của

nàng, bởi vì không có mấy người đồng tình với cách xử sự của phu nhân quận chúa trong những tình huống cuối cùng. Tò mò lên đến cực điểm, các sĩ quan, các bà tùy tùng, các ngài cận thần chen chúc nhau trong phòng làm việc của phu nhân De Condé, họ không thể tin rằng sẽ có cuộc hội kiến này, bởi vì mới hôm qua đây thôi, tình trạng của Claire được xem là tuyệt vọng.

Đột nhiên người ta báo cho phu nhân De Cambes hiện ra.

Trước khuôn mặt nhợt nhạt như sáp, lạnh lẽo và bất động như đá hoa cương, với đôi mắt sâu hoắm còn sót lại một tia sáng duy nhất, ánh phản chiếu cuối cùng của những giọt lệ mà nàng đã tuôn ra, khắp nơi nổi lên tiếng thì thầm thương cảm.

Claire dường như không nhận ra điều đó.

Ông Lenet xúc động bước đến đón nàng, rụt rè đưa bàn tay ra.

Nhưng Claire không tỏ vẻ gì là trông thấy bàn tay đó, nàng trịnh trọng cúi chào phu nhân De Condé rồi tiến về phía bà, băng qua cả chiều dài của gian phòng với bước chân quả quyết mặc dù trông nàng rất nhợt nhạt, đến nỗi mọi người đều tưởng chừng như nàng sẽ ngã sau mỗi bước chân.

Bà quận chúa phu nhân mặt cũng tái đi và khá xúc động, nhìn Claire bước đến gần với một tâm trạng gần giống như sợ hãi, và chẳng còn đủ sức để giấu giếm tâm trạng ấy đang hiện rõ trên gương mặt của bà.

-Phu nhân kính mến! – Nàng tử tước nói với một giọng nghiêm trang – Mục đích của cuộc hội kiến mà phu nhân đã rộng lòng ban cho em là em muốn được hỏi phu nhân trước mặt mọi người rằng trong suốt thời gian em được vinh dự phục vụ người, phu nhân có được hài lòng về lòng trung thành và tận tụy của em hay không?

Bà phu nhân đưa chiếc khăn tay lên môi và ấp úng trả lời: -Nữ tử tước thân yêu của ta, đúng là trong mọi trường hợp ta đều phải ca ngợi em và cũng đã hơn một lần, ta bày tỏ lòng biết ơn của ta đối với em.

-Câu minh chứng ấy thật quý giá đối với em thưa phu nhân. – Claire trả lời – Bởi vì nó cho phép em được cầu xin người cho phép em được rút khỏi chốn này.

-Sao! – Bà quận chúa kêu lên – Em bỏ ta sao Claire?

Claire kính cẩn cúi đầu và không nói gì cả.

Trên mọi gương mặt đều có thể nhìn thấy sự xấu hổ, hối hận hoặc là đau khổ. Cảnh im lặng nặng nề bao trùm tất cả.

-Nhưng tại sao em lại muốn rời bỏ ta chứ? – Bà lại hỏi.

-Thưa phu nhân, em không còn sống được bao nhiêu ngày nữa. – Claire đáp lại – Và những ngày cuối cùng ấy em muốn dùng vào việc cứu rỗi linh hồn em.

-Claire, Claire yêu quý của ta! – Bà quận chúa kêu lên – Em hãy suy nghĩ lại đi…

-Thưa phu nhân! – Claire cắt ngang – Em cầu xin phu nhân hai ân huệ, em có thể hy vọng rằng phu nhân sẽ ban cho em không?

-Ồ! Em cứ nói! – Phu nhân De Condé kêu lên – Bởi vì ta rất vui sướng nếu có thể giúp cho em được một điều gì.

-Điều này thì phu nhân có thể.

-Nào, em hãy nói đi.

-Điều thứ nhất là quyền sở hữu tu viện Sainte Radegonde hãy còn trống từ khi bà De Montiny chết đi.

-Một tu viện cho em sao? Tại sao em lại nghĩ như vậy?

-Điều thứ hai, thưa phu nhân. – Claire vẫn tiếp với một giọng hơi run rẩy – Là xin cho em được phép chôn cất thi hài của vị hôn phu của em, ngài nam tước De Canolles, bị dân chúng thành Bordeaux giết chết, nơi gia trang của dòng họ De Cambes.

Bà phu nhân quay mặt đi, bàn tay lạnh ngắt đưa lên áp chặt nơi chỗ trái tim mình. Ngài công tước De La Rochefoucauld tái mặt với hơi mất bình tĩnh. Lenet mở cửa phòng và bỏ đi.

-Phu nhân không trả lời sao? – Claire nói – Người từ chối ư? Có lẽ em đòi hỏi hơi nhiều.

Phu nhân De Condé chỉ còn đủ sức gật đầu ra hiệu đồng ý, rồi ngã xuống ghế bất tỉnh.

Claire quay lưng lại, cử chỉ như một pho tượng và nàng đi qua giữa hai hàng người đang cúi thấp đầu, dáng người thẳng và thản nhiên, và mãi đến khi nàng rời khỏi phòng rồi mọi người mới nghĩ đến chuyện cấp cứu bà phu nhân.

Năm phút sau, một cỗ xe chầm chậm lăn bánh trong sân, đó là tử tước phu nhân De Cambes đang rời thành Bordeaux.

-Thưa phu nhân quyết định như thế nào? – Bà De Tourville hỏi phu nhân De Condé khi bà tỉnh lại.

-Mọi người hãy tuân lệnh tử tước phu nhân De Cambes trong việc thi hành hai yêu cầu của cô ấy và hãy van xin cô ấy tha lỗi cho chúng ta.

Phần V. MẸ BỀ TRÊN CỦA TU VIỆN SAINTE RADEGONDE Ở PEYSSAC

§1

Một tháng đã trôi qua từ sau những biến cố ấy.

Một chiều chủ nhật, sau giờ kinh tối, mẹ bề trên của tu viện Sainte – Radegonde ở Peyssac là người cuối cùng ra khỏi nhà nguyện nằm ở cuối khu vườn của tu viện. Thỉnh thoảng bà đưa mắt đỏ vì khó nhiều nhìn về phía một bụi điền ma và thông, ánh mắt nặng trĩu nuối tiếc tưởng chừng như trái tim của bà bị cầm giữ ở nơi ấy và bà không thể nào rời đi được.

Phía trước, một hàng dài các nữ tu mặt che khuất sau tuần khăn voan và câm lặng, trông như một đám rước của các bóng ma trở về với nấm mồ, và còn một bóng ma đang quay mặt đi, nuối tiếc cõi trần.

Dần dần, kẻ trước người sau, các nữ tu biến mất dưới những vòm cửa của tu viện, bà mẹ bề trên đưa mắt nhìn theo cho đến người cuối cùng, rồi bà ngồi xuống một đầu cột thấp với một vẻ tuyệt vọng không thể nào tả hết được.

-Ôi! Lạy Chúa! Lạy Chúa! – Ba nói, đưa một bàn tay lên áp nơi trái tim – Xin người chứng giám cho rằng con không thể nào chịu đựng nổi cuộc sống này nữa, con muốn tìm đến với những bóng tối và cô quạnh trong dòng tu kín này chứ không phải những ánh sáng cứ chăm chăm vào con như thế kia.

Rồi bà đứng dậy và bước một bước về phía lùm thông đằng kia.

-Nói cho cùng – Bà nói – thế gian này đối với ta còn gì là quan trọng nữa khi mà ta đã từ bỏ nó? Thế gian này chỉ làm hại ta thôi, xã hội này thật tàn nhẫn đối với ta, vậy tại sao ta lại bận tâm đến những câu xét đoán của người đời một khi ta đã đến nương nhờ nơi Chúa và chỉ sống vì người? Nhưng có lẽ Chúa lên án mối tình vẫn sống và cắn rứt trong tim ta. Nếu vậy thì ta xin Người hãy lấy nó đi khỏi tim ta, hoặc là hãy lấy hồn ta ra khỏi thân xác này đi.

Nhưng miệng vừa thốt ra những lời ấy thì con người tuyệt vọng đáng thương kia đưa mắt nhìn xuống tấm áo dòn gmình đang mặc, bà kinh hoàng vì câu nói xúc phạm chẳng xứng đáng với tấm áo tinh khiết, bà đưa bàn tay gầy gò lên gạt những giọt nước mắt đang lấp lánh nơi mi, và hướng ánh mắt lên trời, bà dâng lên Thượng Đế lễ vật là những nỗi đau khổ triền miên của mình.

Ngay khi đó, một giọng nói vang lên bên cạnh bà. Mẹ bề trên quay lại, đó là chị nữ tu lo việc tiếp khách.

-Thưa mẹ bề trên – Người nữ tu nói – ngoài phòng khách có một người phụ nữ muốn xin được tiếp chuyện với mẹ.

-Người đó tên gì?

-Bà ấy chỉ muốn nói với mẹ.

-Trông người đó thuộc vào giai cấp nào?

-Có lẽ là giai cấp sang trọng.

-Lại thế gian. – Mẹ bề trên lẩm bẩm.

-Tôi sẽ trả lời như thế nào ạ? – Người nữ tu hỏi.

-Hãy nói rằng tôi đang chờ.

-Ở đâu, thưa mẹ?

-Hãy đưa bà ta vào đây, tôi sẽ tiếp khách ngoài vườn. Tôi đang cần không khí, vào nhà tôi không chịu nổi.

Người nữ tu trở ra và một lát sau quay vào, theo sau là một phụ nữ, chỉ nhìn vào bộ y phục sang trọng mặc dù rất giản dị cũng đủ biết là một người thuộc giai cấp thượng lưu.

Người ấy hơi thấp, dáng đi hơi nhanh có lẽ không được thanh lịch lắm nhưng toát ra một vẻ duyên dáng khó tả. Bà ta mang theo một chiếc hộp bằng ngà, màu trắng nhạt tương phản với màu vải đen của bộ y phục.

-Thưa bà – Người nữ tu nói – đây là mẹ bề trên.

Bà mẹ bề trên hạ tấm khăn voan xuống và quay về phía bà khách lạ.

Người này đưa mắt nhìn xuống, thấy bà nhợt nhạt và run rẩy vì xúc động, bà mẹ bề trên dịu dàng, nhìn bà và nói: -Chị muốn nói chuyện với tôi à, tôi xin sẵn sàng nghe đây.

-Thưa mẹ bề trên. – Bà khách lạ nói – Tôi đã từng sung sướng đến mức lòng kiêu ngạo của tôi đã tin rằng có lẽ ngay cả Thượng Đế cũng không thể phá hủy được hạnh phúc của tôi. Hôm nay người đấy đã trừng phạt tôi, tôi cần được ăn năn, cần được khóc lóc. Tôi đến xin nương nhờ nơi mẹ để những tiếng khóc than của tôi được chôn vùi giữa những bức tường của tu viện, để những giọt nước mắt của tôi không là trò cười cho người đời, để Thượng Đế có lẽ đang tìm kiếm tôi giữa những cuộc vui, sẽ tìm thấy tôi đang khóc than trong một nơi thánh thiện và đang cầu nguyện nơi chân bàn thờ của Người.

-Tôi thấy rõ là tâm hồn chị đang vô cùng đau khổ bởi vì cả tôi, tôi cũng đã từng biết đau khổ là gì. Nếu chị cần sự yên tĩnh, nếu chị cần sự khổ hạnh, nếu chị cần sự hành tội thì hãy đến đây và cùng chịu khổ hạnh với chúng tôi, nhưng nếu chị tìm một nơi để có thể giải thoát khỏi đau khổ nhờ những tiếng khóc, nếu chị muốn tìm một nơi để thốt ra những tiếng kêu tuyệt vọng, một nơi mà không có ánh mắt nào có thể nhìn thấy chị thì thưa chị… – Mẹ bề trên nói tiếp và lắc đầu – thì chị nên rời khỏi đây, chị hãy giam cầm mình nơi phòng riêng thế gian sẽ tò mò nhìn chị ít hơn là ở đây, và những tấm màn dày của khuê phòng dập tắt những tiếng khóc có hiệu quả hơn là mấy tấm ván của các phòng kín ở đây. Còn Thượng Đế, chỉ trừ khi nào những tội ác nặng nề lắm mới khiến người ngoảnh mặt đi với chị, còn không thì người sẽ nhìn thấy chị ở khắp nơi.

-Thưa mẹ – Bà ta nói – như vậy phải chăng những kẻ đau khổ không nên tìm đến với Thượng Đế, còn nơi đây không phải là nơi nghỉ chân trên con đường về nước trời hay sao?

-Thưa chị, chỉ có một cách để đến với Chúa. – Bà mẹ bề trên trả lời – Chìm đắm vào sự tuyệt vọng của mình, chị nuối tiếc điều gì? Chị than khóc điều gì? Chị hỏi xin điều gì? Thế gian đã làm phật ý chị, tình bằng hữu đã phản lại chị, chị thiếu vàng bạc, một nỗi buồn tạm thời khiến cho chị tin rằng đó là điều đau khổ tột cùng, phải chăng hiện tại chị đang đau khổ và nghĩ rằng sẽ mãi mãi đau khổ như vậy? Như khi trước một vết thương mở rộng, người ta tưởng tượng rằng nó sẽ không bao giờ liền miệng, hãy than khóc đi và để cho đau khổ tuôn tràn, sau đó vết thương sẽ khỏi, và nếu chị đã bị ràng buộc vào với chúng tôi thì sẽ lại bắt đầu một nỗi khổ đau khác, những nỗi khổ này mới thực sự là muôn đời, không bao giờ nguôi và thật là khác thường, chị sẽ được nhìn thấy qua một hàng rào thép thế gian trước kia mà chị không thể nào quay trở lại được nữa, khi đó chị sẽ nguyền rủa cái ngày mà sau lưng chị đóng lại cánh cổng sắt của nơi thánh này, nơi mà chị cho là chốn nghỉ chân trên đường về nước trời. Điều mà tôi nói đây có lẽ không hợp với nội quy của chúng tôi. Tôi làm mẹ bề trên, chưa bao lâu để hiểu rõ vẫn thường xuyên, không phải là trong thâm tâm tôi, nhưng là chung quanh tôi.

-Ôi, không, không! – Người phụ nữ lạ mặt kêu lên – Đối với tôi, thế gian đã chấm dứt rồi, tôi đã mất tất cả những gì đã khiến tôi yêu chuộng thế gian, không, thưa mẹ bề trên hãy an tâm, tôi không bao giờ hối tiếc nó nữa. Ồ, chắc chắn là như vậy…, không bao giờ.

-Nếu vậy, điều khiến chị than khóc đó là nặng nề lắm sao? Thay vì một ảo tưởng, chị đã để mất một báu vật hay sao? Chị phải xa cách mãi mãi một người chồng, một người con, một người yêu? Ồ, nếu vậy thì tôi xin chia buồn với chị, bởi vì như vậy trái tim chị đã tổn thương nặng nề và sẽ không bao giờ chữa khỏi! Thôi được, chị hãy đến với chúng tôi, Thượng Đế sẽ an ủi chị, chúng tôi sẽ thay thế, những người thân thích của chị… – Và người mẹ bề trên nhỏ giọng – Nếu điều đó vẫn không an ủi được chị thì sẽ còn một niềm an ủi cuối cùng là hãy đến đây để cùng khóc với tôi bởi vì, cũng như chị, tôi đã đến đây để tìm nguồn an ủi đó, và cũng không tìm được.

-Kìa! – Người khách lạ kêu lên – Cớ sao tôi lại phải nghe những lời tương tự như vậy? Phải chăng đấy là cách nâng đỡ của những kẻ khốn khổ?

-Thưa chị – Bà mẹ bề trên nói vừa đưa bàn tay về phía người thiếu phụ như để tránh câu chê trách – Xin đừng nói đến điều buồn khổ trước mặt tôi, tôi không biết chị là ai, tôi không biết điều gì đã xảy ra với chị, nhưng chị không biết đau khổ là gì đâu.

-Ồ! – Bà khách kêu lên với một âm sắc đau buồn đến nỗi bà mẹ bề trên phải giật mình – Thưa mẹ, mẹ không biết tôi là ai, nếu biết mẹ đã không nói với tôi như vậy, vả lại mẹ không thể phán xét về chiều sâu của nỗi đau nơi tôi, bởi vì muốn vậy thì mẹ cần phải khổ đau như tôi đã từng đau khổ, tạm thời xin hãy tiếp nhận tôi, hãy mở cho tôi cánh cửa của nhà Chúa và qua những tiếng than thở, những giọt lệ của tôi sau này, mẹ sẽ hiểu được là tôi khốn khổ biết chừng nào.

-Phải qua giọng nói của chị, tôi có thể hiểu rằng chị đã mất người chị yêu, có đúng thế không?

-Ồ, vâng, vâng! – Người khách khóc nấc lên, vặn hai tay vào nhau.

-Thôi được, bởi vì chị đã muốn, thì hãy vào đây vậy nhưng tôi xin báo trước với chị những gì mà chị sẽ tìm thấy trong chốn khổ hạnh này, bốn bức tường muôn thuở cay nghiệt sẽ luôn đưa những ý tưởng của chị trở về thế gian này, nơi chị đã muốn rời bỏ, thay vì phải hướng chúng về nước Trời, bởi vì không điều gì có thể bị dập tắt khi máu còn chảy, mạch còn đập, tim còn yêu, bởi vì dù có sống tách biệt và xa lánh như chúng ta vẫn tưởng, những kẻ đã khuất vẫn kêu gọi chúng ta từ đáy mồ của họ, tại sao chị muốn rời nơi yên nghỉ của những người thân của chị?

-Bởi vì tất cả những gì tôi yêu quý đang ở đây. – Người thiếu phụ nói với một giọng nghẹn ngào và quỳ sụp xuống dưới chân bà mẹ bề trên đang hết sức kinh ngạc – Người ấy đã được chôn cất dưới nhà nguyện Peyssac, xin hãy cho tôi ở lại đây để khóc nơi nấm mồ của người ấy.

-Ai ở đây? Nấm mồ nào? Chị muốn nói đến ai? Bà mẹ bề trên kêu lên.

-Khi tôi còn hạnh phúc, sung sướng – Người thiếu phụ nói tiếp, với một giọng rất nhỏ như bị tiếng gió ạt đi – mọi người gọi tôi là Nanon de Lartigues. Bề trên thì tôi là ai và đã hiểu tôi cầu xin điều gì.

-Ôi, thưa bà! – Bà mẹ bề trên lặng đi giây lát rồi nói với một giọng bề ngoài tỏ ra khá bình thản nhưng vẫn còn nhật ra một chút xúc động – Ôi, vậy ra bà cũng không biết tôi là ai để mà lại đến đây muốn được khóc lóc trên nấm mồ đó, vậy ra bà đã không biết rằng tôi đã phải trả giá bằng sự tự do của mình, bằng hạnh phúc trên cõi đời này, bằng tất cả nước mắt của trái tim tôi để có được niềm vui đau buồn mà bà vừa đến đòi chia sẻ cho bà hay sao? Bà là Nanon De Lartigues, còn tôi, khi tôi còn có tên, mọi người gọi tôi là nữ tử tước De Cambes.

Nanon thốt ra một tiếng kêu, đến gần bà mẹ bề trên, nàng giở tấm khăn voan lên và nhận ra kẻ tình định của mình.

-Cô ta! – Nanon lẩm bẩm – Một người đẹp thế kia! Ôi, đáng thương thay.

Nàng bước lùi phía sau một bước, mắt vẫn ngó sững vào nàng tử tước, như không thể nào tin được.

-Ôi! – Đến lượt nàng tử tước kêu lên – Bà vừa thốt ra một tiếng khiến tôi được ít nhiều an ủi. Ôi! Như vậy là tôi đã vô cùng đau khổ, cho nên mới đổi thay

đến như vậy, tôi đã khóc rất nhiều, tôi đau khổ rất nhiều, bởi vì bà, bà hãy còn đẹp.

Nanon hãy còn quỳ gối, giấu mặt trong hai tay và bật khóc.

-Hỡi ôi, thưa bà, tôi đã không biết bà là ai bởi vì từ một tháng nay tôi hoàn toàn không biết những gì xảy ra chung quanh nữa, và điều gì đã khiến tôi hãy còn đẹp, bởi vì có lẽ tôi đã gần như điên loạn. Đây, tôi đây, tôi không muốn bà giữ lòng ghen với tôi, tôi xin được vào đây với tư cách là kẻ bề tôi hèn mọn nhất của bà, bà hãy sử dụng tôi theo như ý bà, hãy sử dụng giáo luật và ngục tối nếu được đôi lần đến tuân theo lời bà. Nhưng ít ra, xin hãy cho tôi được đôi lần đến trước nơi yên nghỉ của người mà hai chúng ta cùng yêu.

Bà mẹ bề trên không trả lời, tựa vào thân cây liễu, bà dường như không còn hơi sức nào nữa.

-Ôi, bà ơi! Bà ơi! – Nanon kêu lên – Bà không trả lời tôi sao, bà từ chối tôi? Thôi, thì đây, tôi còn một báu vật cuối cùng, hãy chấp nhận điều tôi cầu xin và nó sẽ thuộc về bà.

Rồi, tháo từ ngực ra một tấm mề đay nhỏ, nàng trao cho bà mẹ bề trên. Claire thốt lên một tiếng kêu và cầm lấy di vật đó, hơn lên những sợi tóc lạnh lẽo khô héo.

-Đấy! – Nanon lại nói – Bây giờ thì bà có tin rằng bà đau khổ hơn là hiện tại tôi đang đau khổ chăng?

-Kìa, chị ơi! – Nàng tử tước nói và kéo Nanon lại gần bên mình – Này, hãy đến đây, giờ đây chị là người tôi yêu quý nhất trên thế gian này, bởi vì chị đã chia sẻ với tôi báu vật đó. Phải! Chị sẽ là người bạn và là người chị em của tôi. Chúng ta sẽ cùng sống và sẽ cùng chết trong những kỷ niệm và những lời cầu nguyện cho người ấy. Chị đã nói đúng, nào, chàng đang yên nghỉ nơi nhà nguyện của chúng tôi.

Nói xong, Claire nắm lấy tay Nanon và cả hai người nhẹ bước trên cỏ đến bên một lùm thông, phía sau là một nhà nguyện nhỏ. Tại một cánh cửa nhà nguyện có một phiến đá cao độ bốn bộ, trên phiến đá ấy có khắc hình một cây thập giá. Bà mẹ bề trên tay chỉ về phía tấm đá ấy.

Nanon quỳ xuống và hôn lên mặt đá hoa cương. Phu nhân De Cambes đưa vào bàn thờ và hôn lên lọn tóc. Một người thì đang cố gắng làm quen với cảnh chết chóc, người kia lại đang muốn mơ tưởng một lần chót về thế gian.

Một lát sau, cả hai cùng trở ra. Họ vẫn chưa nói với nhau một lời nào.

-Chị à! – Phu nhân De Cambes nói – Giờ thì chị đã có phòng của mình trong tu viện này, chị có muốn ở bên cạnh phòng tôi để chúng ta cùng được gần bên nhau không?

-Thưa mẹ bề trên. – Nanon De Lartigues nói – Tôi vô cùng cảm tạ mẹ về ân huệ đó và tôi xin chấp nhận với lòng biết ơn sâu xa. Nhưng trước khi mãi mãi rời

cõi thế gian, xin cho tôi được phép chào từ biệt người anh đang đợi tôi ngoài cửa, người ấy cũng đã vô cùng đau khổ.

-Than ôi! – Phu nhân De Cambes thốt lên, sực nhớ lại ngoài ý muốn của mình, sự trốn thoát của Cauvignac đã từng gây nên cái chết của người bạn tù – Chị cứ đi đi!

Nanon trở ra.

§2

Nanon nói đúng, Cauvignac đang ngồi đợi nàng trên một tảng đá, mặt buồn bã nhìn con ngựa cột cách đó hai bước. Trước mặt anh chàng lãng tử là con đường bụi bặm dường như khởi đầu từ tu viện này để kéo dài đến vô tận.

Có thể nói rằng mặc dù không thiên mấy về những tư tưởng triết lý, anh chàng cũng đang nghĩ rằng, kia là thế gian với những ồn ào nhộn nhịp đang tắt dần nơi ngưỡng cửa thánh thiện. Thật vậy, Cauvignac đang đạt đến một độ nhạy cảm để có thể tin rằng y đang suy tư về những vấn đề ấy.

Nhưng, với cá tính con người như y, y không lạc lõng trong những giấc mơ lãng mạn ấy. Y sực nhớ đến tính cách của người đàn ông và hối hận vì đã tỏ ra yếu đuối như vậy.

"Sao! Ta một người vượt xa những kẻ mềm yếu vì đầu óc, ta không thể nào sánh ngang với họ được, ta không có tim! Quỷ thật! Richon chết rồi, điều đó là đúng, Canolles chết rồi, lại thêm một điều đúng nữa, còn ta thì đang sống mà đối với ta, hình như đấy là điều chính.

"Phải, nhưng chính bởi vì ta đang sống mà ta nghĩ ngợi và khi nghĩ ngợi thì ta nhớ lại, rồi khi ta nhớ lại ta cảm thấy buồn. Tội nghiệp Richon! Một viên chỉ huy tài ba như vậy! Tội nghiệp Canolles! Một anh chàng bảnh trai như vậy! Cả hai đều bị treo cổ mà quỷ thật, đều là do lỗi của ta, lỗi của Roland De Cauvignac. Ôi, buồn quá.

"Đó là chưa kể đến em gái ta, vốn chẳng có gì để khen ngợi cả, nay lại càng không có lý do gì để quý mến ta, bởi vì Canolles chết rồi và con bé lại ngu ngốc mà đi cắt đứt mọi liên hệ với ngài d'Épernon, đó là chưa kể em ta nó chắc phải giận ta vô cùng, và tỉnh trí lại một chút, thế nào nó cũng sẽ truất quyền thừa hưởng của ta.

"Đấy mới chính là điều xui xẻo quan trọng nhất, chứ không phải là những kỷ niệm quỷ quái đang đeo đuổi ta kia. Canolles, Richon, Richon, Canolles. Hừm! Nhưng mà chẳng phải ta đã từng chứng kiến hàng trăm người chết, mà họ, họ là những thứ gì khác chứ không phải là người hay sao? Ồ! Nói có trời làm chứng, dẫu sao cũng có đôi lúc ta hối tiếc vì đã không được treo cổ cùng với hắn, ít ra ta cũng được chết có bạn có bè, chứ ai mà biết được mai sau ta sẽ chết cùng với ai đây?"

Ngay khi đó, chuông của tu viện gõ bảy tiếng, tiếng động ấy khiến Cauvignac tỉnh trí lại. Y nhớ lại rằng em gái y đã dặn y đợi cho đến bảy giờ, và tiếng chuông ấy báo cho y biết rằng Nanon trở lại và y cần phải đóng cho trọn vai của kẻ an ủi.

Thật vậy, cửa mở ra và Nanon hiện ra. Nàng băng qua khoảng sân nhỏ nơi lẽ ra Cauvignac có thể đến đó chờ nàng nếu y muốn bởi vì khách lạ được quyền vào

bên trong khoảng sân ấy, vốn là một nơi không phải là hoàn toàn trần tục mà cũng chưa phải là một nơi thánh.

Nhưng anh chàng lãng tử không muốn vào đó, bảo rằng các tu viện và nhất là tu viện của các bà luôn luôn mang đến cho y những ý nghĩ đen tối, cho nên như chúng ta đã nói, y đứng ngoài cổng chờ.

Nghe tiếng bước chân, Cauvignac quay đầu lại và thấy Nanon bên cánh cổng sắt.

-À! Em đấy à. Mỗi khi anh thấy một trong những cánh cổng sắt dễ sợ như cánh cổng kia đóng sập lại sau lưng một người phụ nữ đáng thương, anh cứ tưởng chừng như tấm bia mộ sập xuống chôn lấp một xác chết.

Nanon buồn bã mỉm cười.

-Tốt! – Cauvignac nói – Em không khóc nữa, vậy là đỡ rồi.

-Đúng đấy! – Nanon nói – Em không còn có thể khóc được nữa.

-Nhưng em hãy còn mỉm cười được, càng tốt. Thôi chúng ta trở về nhé? Anh không hiểu vì sao mà cái chốn này khiến cho anh suy nghĩ lung tung quá.

-Những ý nghĩ có ích?

-Có ích? Em cho là như vậy à? Thôi được, chúng ta không nên bàn cãi thêm về những điều đó nữa và anh lấy làm vui mừng là em cho những ý nghĩ đó là như vậy, anh hy vọng là em đã trở nên bình tĩnh hơn và không cần phải trở lại đây nữa.

Nanon không trả lời, nàng đang suy nghĩ.

-Trong những ý nghĩ có ích đó – Cauvignac bạo dạn hỏi – hy vọng là em đã quên những thiệt hại vừa qua.

-Nhờ vậy mà em đã có thể quên được, nếu không muốn nói là sự tha thứ.

-Anh thì thích em quên đi hơn, nhưng không sao, khi mình là kẻ có lỗi thì không nên tỏ ra khó tính quá; vậy là em đã tha thứ cho anh rồi đấy à, Nanon?

-Vâng.

-Em làm cho anh rất hài lòng, như vậy từ rày về sau em sẽ không chán ghét khi nhìn thấy anh nữa chứ?

-Trái lại, em sẽ vui mừng khi được nhìn thấy anh.

-Như vậy, em sẽ để cho anh được sống gần bên em chứ?

-Ồ! Em không nói như vậy, anh à! – Nanon trả lời – Anh Roland, có những vấn đề mà cả hai chúng ta cần phải tôn trọng.

-Anh hiểu. – Cauvignac nói với một tiếng thở dài – Em muốn để anh đi xa, có đúng thế không? Anh sẽ không bao giờ gặp lại em nữa. Thôi được, mặc dù anh rất buồn vì điều này nhưng anh hiểu là anh đáng bị như vậy và anh cũng đã tự kết án mình. Hơn nữa, anh sẽ làm gì ở nước Pháp này một khi hòa bình đã được vãn hồi, một khi vùng Guyenne đã được ổn định, khi mà hoàng hậu và phu nhân De Condé đã trở thành những người bạn thân thiết nhất? Thế nhưng, anh không dám

tự lừa dối mình đến mức tin rằng anh được người nầy hoặc người kia đặc biệt chiếu cố đến. Bây giờ chỉ còn một cách tốt nhất là bỏ đi xa như em vừa nói, như vậy, em gái à, em hãy từ biệt kẻ muôn đời phiêu bạt này. Bên Châu Phi đang có chiến tranh, ngài De Beaufort sẽ chiến đấu chống bọn đạo, anh sẽ cùng đi với ông ta. Nói thật với em, như vậy không nghĩa là bọn ngoại đạo đáng chết hơn những kẻ có đạo, chẳng hề gì, đó là vấn đề giữa các nhà vua chứ không phải là chúng ta. Ở bên đó có thể bị tử trận, đấy là điều anh đang cần. Anh sẽ đi, một khi anh chết rồi thì em sẽ bớt thù ghét anh hơn.

-Có thật vậy không? – Nanon tự nãy giờ vẫn cúi đầu lắng nghe, lên tiếng hỏi.

-Sao?

-Những ý tưởng vừa rồi của anh đó!

Cauvignac bị lôi cuốn vào bài diễn văn của chính mình như một người đã quen nổi hăng lên sau những câu nói hùng hồn, câu hỏi của Nanon nhắc y trở về thực tế, y tự hỏi xem có nên đặt qua một bên những câu khoa trương để trở về với những mưu tính tầm thường hơn.

-Hừm! Thật đấy, em gái à, anh xìn thề, trên cái gì? Anh cũng không biết nữa. Nhưng thực sự là anh rất buồn và đau khổ từ khi cái chết của Richon và nhất là của… Đây, mới lúc nãy, trên phiến đá này, anh đã suy nghĩ rất nhiều để giúp cho mình dày dạn chai đá, trái tim của anh mà từ trước đến giờ anh chưa hề nghe nói tới, đang bắt đầu không chỉ biết đập, mà còn biết nói, biết kêu la, biết khóc. Này Nanon, có phải người ta gọi đó là hối hận không?

-Vâng, đấy chính là hối hận, và anh là một người tốt hơn là em đã tưởng.

-Đấy! – Cauvignac nói – Bởi vì đây là sự hối hận nên anh sẽ đi Giyery, em sẽ cho anh một món nho nhỏ để chi phí cho cuộc đi đường và cho trang phục mới chứ Nanon? Phải chi anh có thể mang theo tất cả nỗi buồn của em cùng với anh.

-Anh sẽ không đi đâu, Cauvignac à! – Nanon nói – Và từ nay về sau, anh sẽ sống trong một cảnh sung túc mà một định mệnh thuận lợi hơn có thể dành cho anh. Mười năm qua anh đã phải chống chọi với khó khăn, em không nói đến những hiểm nguy mà anh đã từng trải qua, đấy là cuộc sống trong khi kẻ khác phải mất đi, đấy là ý muốn của Chúa, là anh sẽ sống và ý định của em là anh sẽ được sống sung sướng.

-Kìa em gái, tại sao em lại nói đến những điều đó? – Cauvignac nói – Em nói vậy nghĩa là sao?

-Em muốn nói là anh hãy đến nhà em tại Libourne, ở đấy trong ngăn tủ ngầm đằng sau tấm kính lớn, anh sẽ tìm thấy…

-Trong ngăn tủ ngầm?

-Phải, anh biết nó mà, có đúng không? – Nanon nói với một nụ cười yếu ớt – Có phải hồi tháng vừa qua anh đã lấy ở đấy hai trăm Pistoles?

-Đúng vậy. Nếu điều đó giúp anh tự cho mình là không có lỗi gì cả, thì em cũng công nhận như vậy. – Cauvignac đỏ mặt, đưa mắt nhìn xuống.

-Thôi, chúng ta đừng nghĩ đến chuyện đó nữa, anh cũng biết là em đã tha thứ cho anh.

-Bằng chứng?

-Bằng chứng là đây: Anh sẽ đến Libourne, anh sẽ mở cái tủ đó, anh sẽ tìm thấy tất cả gia tài mà em đã giữ lại được hai mươi ngàn đồng vàng.

-Anh sẽ làm gì với món tiền đó?

-Anh sẽ giữ nó.

-Nhưng nó sẽ thuộc về ai?

-Thuộc về anh, đấy là tất cả những gì em có bởi vì chắc anh cũng biết rằng khi rời ngài d'Épernon, tất cả đất đai và nhà cửa của em đều bị lấy lại.

-Kìa em gái, em đang nói gì đấy? – Cauvignac hoảng hốt kêu lên – Em đang nghĩ gì trong đầu vậy?

-Em muốn nói là anh sẽ giữ lại cho anh món tiền hai mươi ngàn đồng vàng đó.

-Của anh? Thế còn em?

-Em không cần đến món tiền đó.

-À phải! Anh đã hiểu rồi, em còn một món khác nữa, có đúng vậy không? Những món tiền này lớn quá em gái à, em hãy suy nghĩ lại đi, đối với anh có một lúc như vậy thật là quá nhiều.

-Em không còn tiền nào khác nữa, em chỉ còn lại những viên đá quý. Em cũng muốn cho anh cả, nhưng đấy là của hồi môn của em để vào tu viện này.

Cauvignac nhảy dựng lên vì kinh ngạc.

-Tu viện này! – Y kêu lên – Em muốn vào tu viện này?

-Vâng.

-Ôi! Trời ạ, em không nên hành động như vậy. Tu viện! Em không biết là ở đấy buồn chán như thế nào đâu. Anh có thể nói với em như vậy bởi vì anh đã sống trong chủng viện một thời gian rồi. Đi tu! Nanon à, đừng làm như vậy, em sẽ chết mất thôi.

-Em cũng hy vọng được như vậy.

-Em ơi, anh không muốn lấy tiền của em với giá đó đâu. Nó đốt cháy anh mất thôi.

-Anh Roland. – Nanon nói – Em vào đây không phải để cho anh được giàu có, mà để cho em được sung sướng.

-Thật là điên khùng. – Cauvignac nói – Anh là anh của em Nanon, anh không chịu được cảnh đó.

-Trái tim em đã được chôn ở đây, Roland à, vậy thân xác em ở một nơi khác mà làm gì?

-Nghĩ đến điều này thật kinh khủng quá! – Cauvignac nói – Ôi! Em gái của anh ơi, em không nên làm như vậy.

-Anh không nên nói nữa. Anh đã hiểu rõ rồi chứ? Tiền là của anh, hãy sử dụng nó vào điều cần thiết, bởi vì con bé Nanon sẽ không còn ở đấy nữa để cho anh những đồng tiền khác, dù tự ý hay bị bắt buộc đi nữa.

-Em đã tốt với anh quá đỗi, em gái à, thế mà em đã nhận được từ anh cái gì đâu?

-Điều duy nhất mà em có thể mong đợi, mà em cầu vọng, điều quan trọng hơn tất cả là vật mà anh đã mang từ Bordeaux về cho em, chiều hôm người ấy chết…

-À! Phải, anh đã nhớ, lọn tóc…

Y cúi đầu xuống và cảm thấy trong khóe mắt mình một cảm giác khác lạ. Y đưa tay lên đó.

-Một kẻ khác sẽ khóc – Y nói – còn anh, anh không biết khóc, nhưng nói cho đúng, anh cũng đau khổ không kém, có khi còn hơn.

-Vĩnh biệt anh. – Nanon nói tiếp và đưa bàn tay ra.

-Không, không, không! – Cauvignac nói – Anh không bao giờ muốn nói lời từ biệt với em cả. Có phải sợ hãi đã khiến em vào tu viện này? Nếu vậy, chúng ta sẽ cùng rời đất Guyenne, chúng ta sẽ cùng ngao du khắp trái đất này. Cả anh nữa, anh đang mang trong tim một mũi tên, sẽ mang nó theo khắp nơi, và nỗi đau khổ của anh sẽ giúp anh hiểu thấu nỗi đau của em.

Em sẽ kể với anh về người đó, còn anh sẽ nói với em về Richon, em sẽ khóc, và có lẽ anh rồi cũng sẽ khóc được và như vậy sẽ dễ chịu cho anh hơn. Em có muốn chúng ta cùng đến sống nơi một vùng hoang mạc không? Anh sẽ chu đáo lo lắng tất cả cho em, bởi vì em là một kẻ thánh thiện. Em có muốn anh là thầy dòng không? Không, không thể được, anh phải thú nhận như vậy. Nhưng mà em không được vào tu viện, em không được nói câu vĩnh biệt với anh.

-Vĩnh biệt anh.

-Em có muốn ở lại vùng Guyenne mặc cho đám dân Bordeaux, mặc cho đám dân Gascon, mặc cho tất cả? Anh không còn đội quân cũ nữa, nhưng vẫn còn Ferguzon, Barrabas và Carrotel. Với bốn người, bọn anh có thể làm biết bao nhiêu là chuyện. Bọn anh sẽ gìn giữ em và hoàng hậu cũng sẽ không được bảo vệ kỹ như em. Nếu có ai chạm được một sợi tóc của em thì em có thể bảo rằng: Họ đều đã chết cả rồi Requiescant in pace.

-Vĩnh biệt anh.

Cauvignac toan đáp lại bằng một câu van nài nào khác thì nghe có tiếng một cỗ xe đang lăn bánh trên đường.

Phía trước cỗ xe ấy là một tên tùy tùng vận đồng phục của hoàng gia.

-Có chuyện gì vậy nhỉ? – Cauvignac hỏi và quay lại nhìn.

Cỗ xe ấy rất lớn, được kéo bởi sáu con ngựa, chở được tám người cùng với một đoàn phu với người hầu. Phía sau cỗ xe là đám lính đi theo hộ tống và đám cận thần cưỡi ngựa.

-Dang ra! Dang ra! – Tên lính đi đầu ét lên và vung roi quất vào con ngựa của Cauvignac khi đó đang đứng nép vào một bên vệ đường.

Con ngựa hoảng hốt nhảy dựng lên.

-Ê! Này, anh bạn. – Cauvignac kêu lên và buông tay em gái ra – Làm ơn cẩn thận giùm một chút.

-Tránh đường cho hoàng hậu! – Tên lính lại la lớn và tiếp tục con đường.

-Hoàng hậu à! Quỷ thật! – Cauvignac nói – Lại gặp rắc rối gì về mặt đó nữa đây?

Và y nép mình sát vào bên đường, tay nắm lấy dây cương ngựa.

Ngay khi đó, một cái càng xe bị gãy và tên phu xe kéo mạnh dây, buộc sáu con ngựa phải quỵ xuống.

-Có chuyện gì vậy? – Một giọng nói đặc biệt bởi mang âm hưởng tiếng Ý – Tại sao lại ngừng xe?

-Thưa đức ông, một càng xe bị gãy ạ! – Tên phu xe trả lời.

-Mở cửa ra, mở cửa ra! – Giọng nói đó lại vang lên.

Hai tên người hầu chạy vội đến mở cửa xe, nhưng trước khi bậc để chân được hạ xuống, người nói giọng Ý đó đã nhảy xuống đấy.

Sau ông ta là hoàng hậu.

Sau hoàng hậu là ngài De La Rochefoucauld.

Cauvignac dụi mắt.

Sau ngài De La Rochefoucauld là ngài d'Épernon.

-Ái chà! Tại sao ông em rể này không bị treo cổ thay cho ông kia nhỉ?

Sau ngài d'Épernon là ngài De La Meilleraye.

Sau ngài De La Meilleraye là công tước De Bouillon.

-Ta cũng biết là bọn họ không còn choảng nhau nữa nhưng không ngờ họ lại làm lành với nhau nhanh đến mức như vậy. – Cauvignac lẩm bẩm.

-Thưa các ngài. – Hoàng hậu nói – Thay vì đứng đợi ở đây cho đến khi xe được sửa xong, không khí buổi chiều thật mát, chúng ta hãy đi dạo một lát đi.

-Xin tuân lệnh hoàng hậu! – Ngài De La Rochefoucauld nghiêng mình nói.

-Hãy đi bên cạnh tôi đây, ông công tước. – Mazarin nói với ông công tước De Bouillon – Ông công tước à, và hãy đọc cho tôi nghe vài câu châm ngôn tuyệt đẹp của ông, hình như từ khi chúng ta gặp lại nhau, ông đã viết được khá nhiều rồi thì phải.

-Hãy khoác tay tôi đây, tôi biết là ông bị bệnh phong thấp.

Ngài d'Épernon và ngài De La Meilleraye đi sau cùng, vừa đi vừa trò chuyện với hai bà tùy tùng.

Tất cả đám người đó cùng cười nói như một đám bạn hữu họp mặt trong một ngày hội.

-Từ đây đến Phourcy còn xa không nhỉ? – Hoàng hậu hỏi – Ông có biết gì về vấn đề này không, ông De La Rochefoucauld? Ông am hiểu vùng này mà.

-Khoảng ba dặm thưa hoàng hậu, chắc chắn là chúng ta sẽ đến đó trước chín giờ.

-Được lắm, và ngày mai, ông hãy lên đường từ sáng sớm để nói với người chị em họ của ta là phu nhân De Condé rằng chúng ta vui mừng được gặp lại bà ấy.

-Hoàng hậu có thấy chàng kỵ sĩ đẹp trai vừa quay mặt về bức tường rào và người phụ nữ xinh đẹp vừa biến mất khi chúng ta mới bước chân xuống xe không ạ? – Ngài d'Épernon hỏi.

-Có! – Hoàng hậu nói – Ta đã thấy tất cả, hình như ở tu viện Sainte – Radegonde De Peyssac người ta khá tự do nhỉ.

Khi đó chiếc xe đã được sửa xong và chạy đến đón vị khách.

-Chúng ta đi thôi, các ông ạ, các ông cũng biết là tối nay đức vua mời chúng ta đến nghe nhạc.

Và tất cả lại trở lên xe với những tiếng cười ròn rã chẳng mấy chốc biến mất trong tiếng bánh xe lăn.

Cauvignac đứng sững nhìn họ hồi lâu rồi lẩm bẩm, khi họ đã khuất hẳn.

-Mặc, ta hài lòng vì biết được một điều rằng dù ta có xấu xa đến đâu, cũng có những kẻ chẳng đáng bằng ta! Mẹ kiếp! Ta phải làm sao cho chẳng còn ai có thể sánh ngang với ta được. Bây giờ thì giàu rồi, thì chuyện đó cũng dễ thôi.

Và y quay lại để từ giả em nhưng Nanon đã biến mất.

Thế là y thở dài leo lên ngựa, ném một cái nhìn cuối cùng về phía tu viện, phóng nhanh trên con đường đến Libourne rồi biến mất nơi khúc quanh đối diện với con đường mà ban nãy cỗ xe ngựa đã đi qua, cỗ xe chở những nhân vật lừng lẫy đã từng đóng một vai trò quan trọng trong câu chuyện này.

Có thể một ngày kia, chúng ta sẽ gặp lại họ, bởi vì nền hòa bình giả tạo đó được hàn gắn một cách vội vã bởi máu của Richon và Canolles vẫn chỉ là một thời gian tạm nghỉ, và chiến tranh giữa các bà phu nhân vẫn chưa chấm dứt.

HẾT.

NHỮNG TỘI ÁC TRỨ DANH

Truyện ngắn
Người dịch: Mai Thế Sang
Nguyên bản tiếng Pháp
“Les Crimes Célèbres”

Gia đình họ Xăngxy (1598)

Khi nào các bạn có điều kiện đến tham quan La Mã, mời các bạn đến thăm tu viện Bramăng. Giữa tu viện, tại một chỗ lõm vài piê có xây một đền thờ nhỏ, cấu trúc pha tạp kiểu Hy Lạp cổ đại với kiểu gôtích phong kiến, rồi các bạn đi lên qua một cửa ngang và chính giữa nhà thờ. Ở đấy người dẫn đường sẽ hướng dẫn các bạn xem trong miếu đường thứ nhất, bên phải bức họa "Chúa Jêsu bị đánh đòn" của Xêbáttiêngđen Piômbô và trong miếu đường thứ ba bên trái "Jêsu trong mộ" của Fiamingô. Sau khi đã chiêm ngưỡng thỏa mãn những tác phẩm đó, các bạn tìm dưới chân bàn thờ, một tấm bia đá mà các bạn sẽ nhận ra được do một dấu chữ thập và một chữ đơn giản Orat. Chính dưới tấm bia đó đã chôn Bêatrich Xăngxy mà câu chuyện bi thảm về cô gái ấy sẽ để lại cho các bạn một ấn tượng sâu sắc.

Cô là con ông Frăngchetcô Xăngxy.

Frăngchetcô sinh dưới thời Giáo hoàng Clêmăng VII lên ngôi ngày 18 tháng 11 năm 1523. Frăngchetcô là con trai ông Nicôla Xăngxy, thủ quĩ của Giáo hoàng dưới thời Pie V.

Sinh ra với những bản tính không tốt và làm chủ một gia tài kếch xù, Frăngchetcô lao mình vào những cuộc ăn chơi trụy lạc. Ba lần bị bắt giam vì những cuộc tình ái bất chính và ông đã phải mất gần năm triệu Frăng để thoát khỏi tù tội.

Nhất là dưới thời Grêgoa XIII, người ta mới bắt đầu quan tâm đến Frăngchetcô một cách đúng mức. Dưới thời Bôlône buôncompani, ở La Mã tất cả mọi hành động đều được hợp thức hóa đối với những ai có tiền trả, kể cả kẻ giết người và người quan tòa. Cưỡng hiếp và giết người là những vấn đề rất thường mà công lý rất ít khi để ý đến những trò vụn vặt ấy nếu không có ai ở đây để truy đuổi thủ phạm.

Vào thời kỳ này, Frăngchetcô trong khoảng bốn bốn, bốn lăm tuổi, cao năm piê, bốn pút, dáng cân đối và rất khỏe mặc dù có vẻ hơi gầy. Tóc ông màu xám, cặp mắt to và đầy ý nghĩa mặc dù mi trên hơi xụp xuống và trở nên rất dữ tợn khi gặp kẻ thù. Ông chơi các môn thể thao rất khá, nhất là môn bơi thuyền. Đôi khi ông bơi thuyền một mình một mạch từ La Mã đến Naptlơ, một quãng đường bốn mươi dặm. Không tôn giáo, không tín ngưỡng, ông không vào nhà thờ bao giờ, nếu có vào cũng là chỉ để xúc phạm Chúa. Nhiều người nói rằng ông rất thích những sự kiện kỳ quặc và không có một tội ác nào mà ông phạm không ngoài mục đích để có một cảm giác mới lạ.

Năm bốn mươi nhăm tuổi ông lấy vợ. Vợ ông rất giàu nhưng không có một tài liệu nào nói tên bà là gì. Bà chết để lại cho ông bảy người con, năm trai hai

gái. Ông lấy người vợ thứ hai, Lucrêgia Pêtrony, ngoài nước da trắng ngần, bà còn là một điển hình hoàn hảo về sắc đẹp La Mã. Lần lấy vợ thứ hai này ông không có con.

Cũng vì Frăngchetcô không có được những tình cảm tự nhiên của con người nên ông rất ghét các con mình và ông cũng chẳng cần giấu giếm mối căm ghét đó. Một hôm, ông cho xây dựng trong sân của mình một tòa lâu đài tráng lệ bên cạnh con sông Tibrơ, một đền thờ để tặng thánh Tômát. Ông nói với kiến trúc sư thiết kế cho ông một hầm mộ: "Tôi mong sẽ nhốt hết bọn con tôi vào đây."

Do đó khi các con ông vừa mới tự lập được, ông đã gửi ba người con lớn đến trường đại học Xalamăng ở Tây Ban Nha. Chắc hẳn ông nghĩ rằng xa chúng là bỏ rơi chúng vĩnh viễn, vì khi các con ông vừa đi khỏi nhà là ông không hề nghĩ đến chúng nữa, ngay cả đến việc gửi lương ăn cho chúng.

Chính là vào những năm đầu của triều đại Clêmăng VIII, một triều đại được nổi tiếng về công bằng, cho nên ba chàng trẻ tuổi ấy mới quyết cùng nhau lên kêu với Người. Ba chàng lên tìm Giáo hoàng Fratcatti và trình bày mục đích. Giáo hoàng công nhận quyền lợi của ba chàng và người bố là Frăngchetcô phải trợ cấp cho mỗi người con hai nghìn êcu. Frăngchetcô tìm mọi cách để hủy bỏ quyết định ấy, nhưng nhận được mệnh lệnh cụ thể nên buộc phải chấp hành.

Chính trong thời kỳ đó ông bị bắt giam lần thứ ba cũng vì tội tình ái xấu xa. Thế là ba người con trai của ông lại lên kêu với Giáo hoàng là cha họ làm nhục thanh danh của gia đình, và yêu cầu luật pháp trừng trị thích đáng. Giáo hoàng thấy hành động của con thế là không tốt nên đuổi họ về. Còn Frăngchetcô thì lần ấy cũng như hai lần trước được thoát thân bằng tiền bạc.

Người ta hiểu rằng hành động ấy của ba người con trai không thể thay đổi lòng căm ghét thành tình thương yêu của Frăngchetcô đối với các con được. Nhưng con trai còn có thể thoát khỏi sự giận dữ của cha, còn những cô con gái thì bị giông tố đổ xuống đầu. Chẳng bao lâu tình hình đó trở nên không thể chịu đựng được nữa, đến nỗi cô gái lớn, mặc dù bị giám sát chặt chẽ, cũng gửi được một lá đơn lên Giáo hoàng. Trong đơn cô kể hết những cách đối xử tàn tệ mà cô phải chịu đựng và xin với Giáo hoàng gả chồng cho mình hoặc cho mình vào một nhà tu kín. Clêmăng VIII mủi lòng thương hại, buộc Frăngchetcô phải trợ cấp cho cô một món tiền hồi môn là sáu chục nghìn êcu và gả cô cho Caclô Gabrieli, một gia đình quý tộc ở Gupbiô. Frăngchetcô nổi giận tưởng phát điên vì thấy cô gái ấy thoát được tay mình.

Cũng vào thời gian đó thần chết lại đến giải thoát cho ông hai đứa con nữa: Rốc và Crittốp Xăngxy bị giết chết cách nhau một năm, đó là một niềm an ủi cho Frăngchetcô. Tính keo kiệt của ông theo đuổi các con ông đến cả sau cái chết của chúng vì ông tuyên bố sẽ không chi một đồng xu cho phí tổn nhà thờ. Xác chúng

phải mang vào hầm mộ mà ông đã xây sẵn cho chúng, trong những áo quan của những kẻ ăn mày.

Khi trông thấy hai xác con nằm ở đấy, ông tuyên bố rất sung sướng đã thoát khỏi hai đứa xấu xa ấy, nhưng sẽ được sung sướng hoàn toàn khi nào thấy năm đứa kia nằm bên cạnh hai đứa này để có đủ cả bầy, ông sẽ nổi lửa đốt tòa lâu đài để tỏ dấu hiệu vui sướng của mình.

Tuy nhiên Frăngchetcô cũng tìm đủ mọi biện pháp để cô gái thứ hai, Bêatrich Xăngxy không theo gương cô chị. Lúc đó Bêatrich là một cô bé mười ba tuổi xinh đẹp và thơ ngây như nàng tiên. Mái tóc cô dài màu hung, một vẻ đẹp hiếm có ở nước Ý mà chúng ta đã thấy trong tất cả các bức họa của Rafaen(Họa sĩ trứ danh người Ý). Mái tóc đó rủ xuống thành búi hai bên bờ vai để lộ ra một cái trán tuyệt mỹ, cặp mắt màu xanh da trời có một vẻ mê hồn nhất, thân hình cô tầm thước nhưng rất cân đối.

Để giữ được cô, Frăngchetcô nhốt con gái vào một căn phòng kín của lâu đài mà chỉ mình ông có chìa khóa. Ông trở thành tên cai ngục của con gái mình. Hàng ngày ông vào thăm và mang thức ăn cho cô. Ông đối xử với cô rất khắt khe cho mãi đến năm cô mười bảy tuổi. Chẳng bao lâu cô bé tội nghiệp ngạc nhiên thấy bỗng nhiên ông đã dịu đi. Đó chỉ là vì cô bé Bêatrich đã trở thành một cô thiếu nữ, sắc đẹp của cô đã nở ra như một bông hoa. Và Frăngchetcô, một tên tội phạm không từ một tội ác nào, đã nhìn cô với cặp mắt loạn luân.

Một thời gian sau, đêm đêm cô thường bị thức giấc bởi một thứ âm nhạc du dương như từ cõi thiên đường phát ra. Khi cô nói điều đó với cha, cha cô dỗ dành để cô yên trí và còn nói thêm nếu cô ngoan ngoãn dễ bảo thì chẳng bao lâu nữa Chúa sẽ ban cho cô một phần thưởng đặc biệt, không những cô chỉ được nghe mà còn được trông thấy nữa.

Quả nhiên một đêm, trong khi cô đang tỳ khuỷu tay xuống giường để thưởng thức thứ âm nhạc du dương ấy, bỗng nhiên cửa buồng cô mở ra và từ trong buồng tối cô nhìn ra các buồng xung quanh thấy ánh đèn rực rỡ và đầy hương thơm, như hương thơm, mà người ta ngửi thấy trong giấc mơ, những con trai và con gái xinh đẹp gần như trần truồng như cô đã nhìn thấy trong những bức tranh của Ghit và của Rafaen. Họ đi dạo chơi trong phòng, tỏ vẻ đầy sung sướng và hạnh phúc. Chúng là một bọn vô lại mà Frăngchetcô đã thuê tiền vì hắn giàu có như một ông vua. Mỗi một đêm hắn lại cho thay đổi những cảnh say sưa phóng dục của "Alêchxăng trong bữa tiệc cưới Lucret" và những cảnh trác táng của "Tibe ở Capri". Sau một giờ, cánh cửa đóng lại và cảnh quyến rũ biến mất, làm cho Bêatrich bối rối và ngạc nhiên.

Đêm hôm sau cảnh tượng như vậy lại hiện lên. Nhưng lần này Frăngchetcô bước vào buồng con gái, rủ rê con gái ra tham gia cùng hắn trần truồng. Không hiểu tại sao Bêatrich lại biết rằng làm theo lời nằn nì của cha là không tốt. Cô trả

lời không thấy mẹ ghẻ Lucrêgia có mặt trong đám phụ nữ, nên cô không dám đứng lên ra ngoài với những người lạ mặt. Frăngchetcô dọa và van nài cô, nhưng đều vô ích.

Hôm sau cô mặc cả quần áo đi nằm. Đúng giờ thường lệ, cửa buồng cô lại mở ra và cảnh tượng ban đêm lại tái diễn. Lần này mẹ ghẻ cô, Lucrêgia cũng có mặt trong đám đàn bà đi diễu qua trước cửa buồng cô, bạo lực đã buộc bà phải làm điều nhục nhã ấy. Bêatrich ở khá xa nên không nhìn thấy bà đỏ mặt và nước mắt tràn trề. Frăngchetcô liền chỉ cho con gái mình bà mẹ ghẻ mà hôm qua cô không thấy. Thấy cô không nói gì hắn liền đưa cô bé vào cơn cuồng si ấy mặc dù cô bối rối và đỏ nhừ cả người.

Ở đây Bêatrich nhìn thấy những cảnh đốn mạt chưa từng có và cô nhìn thấy những điều cô chưa từng biết.

Tuy nhiên cô cũng chống cự lại khá lâu, Frăngchetcô cho rằng những cảnh tượng ấy kích thích cảm giác của con gái, hắn lại còn thêm vào đấy những tà thuyết hòng đánh lạc lý trí của cô. Hắn nói với cô rằng những Thánh lớn nhất của nhà thờ đều sinh ra từ mối quan hệ tình dục giữa người cha và con gái.

Thế là hắn không từ một thủ đoạn dã man nào. Hắn buộc Lucrêgia và Bêatrich phải cùng chung một chồng, đe dọa sẽ giết vợ nếu bà để lộ một câu cho con gái hắn biết sự chung chạ ấy là một điều ô nhục. Sự việc như vậy cứ diễn ra trong vòng gần ba năm.

Đến thời kỳ này Frăngchetcô có việc phải đi xa trong một thời gian, buộc hắn phải để hai người đàn bà ở nhà với nhau và được tự do.

Điều thứ nhất mà bà Lucrêgia thực hiện ngay là nói cho Bêatrich thấy tất cả sự bỉ ổi của cuộc sống của họ, thế là hai người cùng nhau viết một tờ đơn tố cáo với Giáo hoàng tất cả những gì mà họ đã phải đau khổ chịu đựng. Chẳng may, trước khi đi, Frăngchetcô đã đề phòng tất cả, những người xung quanh Giáo hoàng đều bị hắn mua chuộc hoặc sắp được mua chuộc cho nên đơn tố cáo của hai người đàn bà tội nghiệp không tới được tay Giáo hoàng.

Ngay lúc bấy giờ, Jắccơ lợi dụng lúc cha đi vắng, liền đến thăm em gái cùng với một người bạn thân làm cha cố tên là Ghera. Đó là một thanh niên hai mươi nhăm tuổi, xuất thân từ một gia đình quý tộc ở La Mã. Tính anh sôi nổi, cương nghị và can đảm. Giới phụ nữ đều ca ngợi vẻ đẹp của anh.

Mới gặp Bêatrich, Ghera đã yêu ngay. Về phần Bêatrich, chẳng bao lâu cũng có cảm tình với người cha cố đẹp trai ấy. Lúc bấy giờ đại hội Tôn giáo Trăngtơ chưa có, nên các giáo đồ có thể lấy vợ được. Mọi người thỏa thuận với nhau đợi đến khi Frăngchetcô về, Ghera sẽ hỏi xin Bêatrich làm vợ. Cả hai người đàn bà thấy được sung sướng trong khi chủ vắng nhà và tiếp tục sống mơ ước đến một tương lai tốt đẹp hơn.

Sau ba bốn tháng, trong khi mọi người hoàn toàn không biết tin tức Frăngchetcô ra sao thì đùng một cái, hắn trở về. Ngay đêm đầu tiên hắn đã muốn nối lại mối quan hệ bất chính với con gái hắn, nhưng Bêatrich không phải như trước nữa, từ một cô gái rụt rè, đã trở thành một thiếu nữ cứng cỏi, cô chống lại mọi sự van xin, mọi sự đe dọa và mọi sự đánh đập của bố cô.

Cơn tức giận của Frăngchetcô liền đổ xuống đầu vợ mà hắn kết tội là đã phản hắn. Hắn đánh vợ dữ dội bằng gậy gộc. Lucrêgia quả là một người đàn bà lạ lùng của La Mã, mãnh liệt trong tình yêu, cũng mãnh liệt trong căm thù, bà chịu đựng tất cả nhưng không tha thứ một tí gì.

Ghera là một chàng trai trẻ, đẹp, giầu có, anh có đầy đủ điều kiện để được chấp thuận, nhưng anh đã bị Frăngchetcô tàn nhẫn từ chối. Thất bại lần đầu không làm anh nản lòng, anh trở lại lần thứ hai, rồi lần thứ ba. Cuối cùng Frăngchetcô nổi giận, hắn liền trả lời cho con người gan lì ấy là hắn có lý do để Bêatrich không thể là vợ của anh cũng như của bất kỳ ai. Ghera gạn hỏi lí do ấy là gì, hắn trơ trẽn đáp: "Nó là nhân tình của tôi rồi."

Ghera tái người vì câu trả lời ấy. Mặc dù lúc đầu anh còn chưa tin, nhưng khi thấy nụ cười đểu giả của hắn kèm theo câu nói đó làm anh phải tin là hắn nói lên sự thật dù rất tàn nhẫn.

Trong ba ngày liền, Ghera không thể nào tới được Bêatrich. Nhưng cuối cùng anh cũng gặp được cô. Hy vọng cuối cùng của anh là người yêu sẽ phủ nhận điều khủng khiếp ấy, nhưng Bêatrich thú nhận hết. Từ đó không còn một chút hy vọng nhân đạo nào nữa cho đôi tình nhân ấy, họ đã xa nhau trong nước mắt và hứa hẹn yêu nhau mãi mãi.

Tuy vậy cho đến lúc này hai người đàn bà chưa có ý định gì về tội ác và như vậy mọi việc sẽ qua đi trong bóng tối nếu như không có một đêm Frăngchetcô lại mò vào buồng con gái dùng vũ lực giở trò bỉ ổi. Từ đó không còn gì để nói về Frăngchetcô nữa.

Như chúng tôi đã nói, Bêatrich là một trong những tâm hồn có khả năng có những tình cảm tốt nhất cũng như xấu nhất. Cô có thể lên đến chỗ tuyệt vời cũng như có thể rơi xuống đến bùn đen. Cô đi tìm mẹ ghẻ, kể hết điều ô nhục mà cô vừa mới là nạn nhân. Câu chuyện ấy làm trỗi dậy trong lòng bà mẹ ghẻ những trận vùi dập mà bà đã phải chịu. Hai người đàn bà động viên nhau, cùng nhau quyết định sẽ giết chết Frăngchetcô.

Ghera được mời đến tham gia vào âm mưu này. Đầy lòng căm thù, anh không đòi hỏi gì hơn là được trả thù. Anh đảm nhiệm việc đi tìm Jắccơ Xăngxy. Jắccơ vui lòng tham gia âm mưu ấy. Người ta còn nhớ trước kia anh đã bị cha mình làm cho khốn khổ. Từ khi anh lấy vợ, cha anh đã để mặc cho vợ con anh trong cảnh nghèo đói.

Người ta chọn nhà Ghera làm nơi bàn bạc. Jắccơ tìm được một cựu cảnh binh thứ nhất tên là Macziô, Ghera tìm được tên thứ hai tên là Olanhpiô.

Sau mấy lần bàn bạc, đã quyết định như sau:

Thời gian gia đình Frăngchetcô có thói quen đi đến Rôcca Pêtrela đã gần tới, mọi người thỏa thuận với nhau là sẽ tập hợp hơn một chục tên cướp do Olanhpiô thu thập vì hắn đã hoạt động quen trong vùng. Bọn chúng nấp trong rừng bên lề đường đi. Lúc Frăngchetcô đi tới, chúng sẽ bắt cóc hắn cùng với gia đình. Thế rồi sẽ đòi một món tiền chuộc lớn, mấy người con trai sẽ được cử về La Mã lấy tiền, nhưng giả vờ không tìm thấy để thời hạn nộp tiền do bọn cướp quy định trôi qua, thế là sẽ giết chết Frăngchetcô. Làm như vậy sẽ không để lại một nghi ngờ nào hết và thủ phạm sẽ thoát khỏi vòng pháp luật.

Nhưng dù được bàn bạc kỹ đến đâu, âm mưu đó cũng không thành công. Khi Frăngchetcô từ La Mã ra đi, người được cử đi báo lại không tìm được bọn cướp. Chính không được báo trước nên xuống đến đường cái thì đã chậm quá, Frăngchetcô đã đi qua và đến Rôcca Pêtrela bình an vô sự.

Rồi hắn vào ở trong một pháo đài. Để dễ bề hành hạ Bêatrich và Lucrêgia, Jắccơ và hai người con trai khác còn lại của hắn, hắn phải trở về La Mã. Thế là những trò bỉ ổi đối với Bêatrich lại tái diễn, tới một mức độ tệ hại làm cô không thể chịu đựng được nữa, cô phải quyết định tự tay mình làm lấy công việc mà nhờ những bàn tay khác đã không xong.

Olanhpiô và Macziô không có điều gì phải sợ pháp luật nên vẫn tiếp tục lảng vảng xung quanh. Một hôm Bêatrich nhìn qua cửa sổ thấy chúng, liền ra hiệu muốn trao đổi với chúng một chuyện.

Ngay đêm hôm đó, Olanhpiô là tên đã từng ở trong pháo đài đó, quen hết đường ngang ngõ tắt, đã lén được vào trong pháo đài cùng với bạn nó. Bêatrich đã đợi sẵn ở một cửa sổ trông xuống sân, cô liền giao cho chúng những bức thư mà cô đã viết sẵn gửi cho Ghera và Jắccơ.

Bêatrich làm việc gì cũng muốn có sự thỏa thuận của Jắccơ, nên lần này cũng như lần trước, cô muốn anh cô chấp thuận việc giết cha. Còn viết cho Ghera để anh chi cho một số tiền một nghìn đồng trả trước cho Olanhpiô, còn Macziô thì không cần vì hắn mê say Bêatrich.

Chúng đi rồi, hai tù nhân phụ nữ nóng lòng chờ. Tới ngày hẹn họ thấy chúng trở về, Ghera đưa cho một nghìn đồng và Jắccơ chấp thuận âm mưu. Vậy không còn gì cản trở việc thực hiện trò ghê gớm ấy, và nó được ấn định vào ngày tám tháng chín là ngày sinh nhật của Thánh nữ Đồng trinh. Nhưng Lucrêgia là người rất ngoan đạo, bà nhận ra trường hợp ấy, bà không muốn gây nên tội ác, vậy là phải hoãn đến ngày hôm sau.

Ngày 9 tháng 9 năm 1598, hai người phụ nữ ngồi ăn bữa tối với lão Frăngchetcô, họ đổ thuốc phiện vào cốc rượu của lão một cách rất khéo léo làm

lão vốn đa nghi cũng không hề hay biết. Một lúc sau khi đã uống cạn cốc rượu, lão ngủ một giấc say mê.

Từ buổi chiều hôm đó, hai tên Macziô và Olanhpiô đã lẻn được vào trong pháo đài, nấp ở một chỗ kín. Vào nửa đêm, Bêatrich đến tìm chúng, dẫn chúng vào buồng Frăngchetcô mà cô đích thân mở cửa. Hai tên vào buồng đóng cửa lại, còn hai phụ nữ ngồi trong buồng bên chứng kiện sự việc hãi hùng này.

Một lát sau chúng ra, mặt mũi tái mét và thẫn thờ. Chúng lắc đầu không nói gì, hai phụ nữ hiểu ngay việc chưa hoàn thành.

-Có gì vậy? – Bêatrich kêu lên. – Ai cản trở các anh?

-Chúng tôi thấy giết một ông già đang nằm ngủ là hèn nhát. Nghĩ đến tuổi tác của lão, chúng tôi không muốn hành động.

Tức thì Bêatrich ngẩng đầu lên một cách khinh miệt. Bằng một giọng nặng nề và sâu sắc, cô lăng nhục chúng: -Bọn đàn ông các anh bề ngoài trông dũng cảm và mạnh mẽ, vậy mà không đủ can đảm để giết một lão già đang ngủ. Nếu lão thức thì sẽ ra sao? Và các anh ăn cắp tiền của chúng tôi như vậy à? Thôi được, sự hèn nhát của các anh buộc tôi phải tự tay giết cha tôi. Nhưng còn các anh, các anh cũng không thể làm cho lão sống được lâu thêm đâu.

Nghe thấy nói thế, hai tên côn đồ xấu hổ về sự yếu đuối của mình, chúng lại trở vào buồng cùng với hai người phụ nữ.

Ánh trăng luồn vào trong buồng qua cửa sổ để ngỏ, soi sáng bộ mặt bình tĩnh của lão già. Lần này thì chúng chẳng còn thương hại gì nữa. Một đứa cầm hai cái đinh thật to như thứ đã dùng đóng đinh chúa Jêsu vào cây thánh giá. Còn đứa kia cầm cái búa. Chiếc đinh đặt thẳng đứng trên mặt lão già, đứa cầm búa giáng một nhát vào đầu đinh làm nó cắm sâu vào đầu. Chúng cũng đóng một chiếc như vậy vào cổ họng làm cho linh hồn khốn khổ đầy tội ác trong suốt cuộc đời của nó phải chạy vọt ra khỏi thể xác đang giẫy giụa dưới đất.

Bọn côn đồ đi rồi, hai phụ nữ nhổ đinh ra rồi bọc xác chết vào trong một cái chăn dạ. Họ kéo lê nó qua các buồng ra một sân thượng để ném nó xuống một khu vườn hoang. Họ tính làm như vậy để mọi người cho là lão già đã ngã xuống ban đêm lúc đi đến buồng ở đầu hành lang.

Đến ngưỡng cửa buồng cuối cùng, mệt quá họ dừng lại. Trong lúc nghỉ, Lucrêgia trông thấy hai tên côn đồ chưa đi khỏi, còn đang đứng chia nhau tiền, bà liền gọi chúng đến giúp sức. Chúng đồng ý khiêng xác chết lên sân thượng và tới nơi mà hai phụ nữ đã chỉ cho chúng quẳng xuống một cây hương mộc, không ngờ cành cây giữ xác lại.

Tất cả đều trôi chảy như dự kiến của hai phụ nữ. Buổi sáng, khi người ta nhìn thấy xác chết nằm trên cành cây, ai cũng nghĩ rằng Frăngchetcô đã bị hụt bước trên sân thượng không có lan can hồi đêm vừa qua. Xác chết bị hàng nghìn vết rách do các cành cây nên không ai để ý đến vết đâm của hai cái đinh.

Về phía hai mẹ con Lucrêgia, khi họ được tin, họ đi ra kêu khóc thảm thiết, làm cho ai có chút nghi hoặc nào thấy cảnh đau khổ thành thực và sâu sắc như vậy cũng phải dẹp đi hết. Do đó không ai thấy gì trừ chị thợ giặt của lâu đài Bêatrich đã đưa cho chị ta giặt chiếc chăn dạ mà cô đã dùng để bọc xác cha, nói dối chị ta là vết máu giây ra chăn là do cô bị xuất huyết lúc ban đêm.

Tang lễ xong, hai mẹ con Lucrêgia trở về La Mã không gặp một trở ngại nào. Họ đã hy vọng một tương lai yên ổn. Trong khi họ sống không vướng mắc gì thì công lý của Chúa trời đã bắt đầu hoạt động.

Triều đình ở Naplơ đã biết tin cái chết đột ngột của Frăngchetcô và nhận thấy cái chết đó không bình thường. Triều đình bèn cử một đặc phái viên đến Pêtrela điều tra và khai quật xác chết lên để tìm dấu vết ám sát nếu quả là một vụ ám sát. Ngay sau khi phái viên tới, tất cả những người ở trong lâu đài đều bị bắt giữ và trói giải về Naplơ.

Nhưng không một vết tích nào được phát hiện ngoài lời khai của chị thợ giặt. Chị khai rằng Bêatrich đã đưa cho chị giặt một chiếc chăn có vấy máu. Tuy vậy vết tích đó lại là ghê gớm, vì bị truy hỏi theo lương tâm, chị có tin là máu đó đúng do nguyên nhân như cô Bêatrich đã nói không, chị ta nói thấy máu đỏ tươi và thẫm hơn.

Trong khi đó, cha cố Ghera biết tin cảnh sát Napeơ đã ra lệnh bắt giữ hai tên côn đồ Olanhpiô và Macziô vì mấy ngày trước khi Frăngchetcô chết, người ta nhận thấy chúng lảng vảng quanh lâu đài.

Ghera là một người cẩn thận. Khi anh đã được kịp thời báo trước, anh tránh được hết. Anh liền thuê hai tên côn đồ khác thủ tiêu Macziô và Olanhpiô. Tên côn đồ được thuê để giết Olanhpiô theo hắn đến Tecni và đâm chết hắn. Nhưng tên theo dõi Macziô không may, hắn đến Naplơ quá chậm. Từ hôm trước, Macziô đã bị bắt, bị tra tấn hắn đã khai ra hết.

Lời khai của hắn được gửi ngay về La Mã để đối chiếu. Trong thời gian đó, Jắccơ, Becna, Lucrêgia và Bêatrich đều có lệnh bị bắt giam. Đầu tiên họ còn bị giữ trong lâu đài của cha họ, về sau chứng cớ càng nhiều và nghiêm trọng, họ bị giải về lâu đài Cooctêvala. Ở đây họ bị đối chứng với Macziô. Nhưng họ cả quyết chối, không những không tham gia vào tội ác mà còn không biết cả hung thử nữa. Nhất là Bêatrich càng cương quyết, cô đòi được trực diện với Macziô. Đứng trước mặt hắn, cô xác nhận một cách chững chạc và bình tĩnh là hung thủ nói láo, đến nỗi thấy cô đẹp hơn bao giờ hết, hắn quyết định nếu không sống được vì cô thì sẽ chết để cứu cô.

Quả nhiên hắn phản cung, nói rằng những lời hắn khai trước đây đều là dối trá và hắn xin lỗi Chúa và xin lỗi Bêatrich. Đe dọa tra tấn không thể nào làm hắn nói khác được. Hắn chết, miệng ngậm kín giữa những cơn đau đớn. Những người Xăngxy tưởng là đã được là cứu thoát.

Tên côn đồ đã được thuê giết Olanhpiô bị bắt vì phạm phải một tội ác khác. Hắn thấy rằng không có lý gì phải che giấu tội này hơn tội khác, hắn liền khai Ghera vì muốn thoát khỏi về một vụ án mạng nào đó, đã thuê hắn thủ tiêu thủ phạm tên là Olanhpiô…

May thay Ghera biết việc đó kịp thời, vì anh là người khéo léo, không chịu để bị hạ như bất cứ ai ở vào địa vị hoàn cảnh mình. Vào lúc tin đó đến tai anh, cũng đúng là lúc người bán than mang than đến nhà anh, anh liền gọi người đó vào trong buồng cho người đó một số tiền lớn để giữ im lặng, rồi sẵn sàng mua bộ quần áo bẩn thỉu của người bán than đang mặc. Sau đó Ghera cắt bộ tóc rất đẹp của mình mà anh rất tự hào, nhuộm bộ râu, bôi mặt lem luốc, mua hai con lừa, chất lên chúng đầy than rồi đi rong trên đường phố, vừa đi vừa rao: "Ai mua than nào!" Trong khi cảnh binh đang đi lùng bắt anh khắp nơi, anh chuồn được ra khỏi thành phố, đến được Naplơ và xuống tầu biển. Từ đó người ta không hiểu anh ra sao nữa.

Những lời thú nhận của tên côn đồ và sự biến mất của Ghera làm cho không còn nghi ngờ gì nữa về tội trạng của gia đình Xăngxy. Họ lập tức bị giải từ lâu đài đến nhà tù. Hai người anh bị tra tấn không chịu đựng được, đều phải thú nhận hết. Nhất là Lucrêgia, bà béo quá không chịu đựng được tra tấn bằng thừng. Vừa bị treo lên khỏi mặt đất, bà đã xin cho xuống và xin thú hết những điều bà biết.

Còn Bêatrich thì vẫn cứ trơ như đá, hứa hẹn, đe dọa, truy hỏi không lay chuyển được cô, cô chịu đựng được hết với một lòng can đảm vô cùng. Vị quan tòa Uylitmôtcatti, nổi tiếng về nghề đó, không làm sao cậy được miệng cô một điều gì. Ông phải báo cáo tất cả lên Clêmăng VIII, không dám nhận trách nhiệm về một việc ghê gớm như vậy. Giáo hoàng sợ ông bị mê hoặc bởi sắc đẹp của phạm nhân nên không dám mạnh tay, bèn cử một người khác khét tiếng về nghiêm khắc.

Vị quan tòa mới lại bắt đầu mọi thủ tục với Bêatrich, hỏi lại từng câu hỏi. Ông nhận thấy cô chỉ mới bị tra tấn thông thường liền bắt cô phải chịu tra tấn đặc biệt nữa. Vấn đề ấy như chúng tôi đã nói, tra tấn bằng thừng, một trong những kiểu tra tấn ghê gớm nhất mà con người đã phát minh ra.

Nhưng vì bốn chữ: "Tra tấn bằng thừng" không làm cho các bạn đọc thấy rõ được loại khổ hình ấy, chúng tôi xin trình bày cụ thể như sau. Ở La Mã có rất nhiều loại tra tấn thường dùng, loại còi, loại lửa, loại đánh thức và loại thừng.

Loại còi là loại nhẹ nhất dùng cho người già và trẻ con, nó bao gồm việc châm vào giữa móng tay và thịt những chiếc que vót theo hình cái còi.

Loại lửa dùng nhiều trước khi người ta tìm ra loại thức, nó bao gồm việc di chân phạm nhân vào gần lửa.

Loại thức là bắt phạm nhân ngồi trên một cái giá cao năm piê và đẽo thành góc. Phạm nhân bị lột trần truồng, tay bị trói quặt ra phía sau vào cái giá, có hai

người ngồi hai bên, cứ năm giờ lại thay phiên nhau, hễ thấy phạm nhân nhắm mắt là ngăn không cho ngủ.

Loại thừng là kiểu thường dùng nhất, ở bên Pháp người ta còn gọi là kiểu "treo lên, rút xuống". Loại này được chia làm ba mức, nhẹ, vừa và nặng.

Mức nhẹ gồm việc đe dọa tra tấn, đưa vào buồng tra tấn, lột quần áo, buộc dây vào người như sắp sửa tra tấn. Ngoài việc sợ bị tra tấn, phạm nhân cũng đã bắt đầu thấy đau đớn lúc bị dây thừng trói vào cổ tay. Ở mức độ này đôi khi cũng đã đủ làm cho phụ nữ và đàn ông yếu bóng vía phải thú nhận.

Mức thứ hai hay mức vừa là khi phạm nhân đã bị lột hết quần áo và bị trói hai cổ tay quặt ra sau lưng, người ta luồn một sợi thừng vào một cái vòng treo trên trần nhà, một đầu thừng buộc vào một tay quay, đầu kia buộc vào cổ tay phạm nhân. Người ta có thể kéo tội nhân lên hoặc hạ xuống tùy theo lệnh của quan tòa, và nhẹ nhàng hoặc giật cục. Nạn nhân bị treo lên cao trong một thời gian của một Ave Maria, của một Pate Note hoặc của một Mizerêrô. Nếu vẫn còn ngoan cố thì gấp đôi thời gian. Mức vừa này được dùng khi nào phạm nhân đã chắc chắn nhưng chưa chịu khai.

Mức thứ ba hay mức nặng là bắt đầu tra tấn đặc biệt được tiến hành sau khi đã bị treo mười lăm phút hay nửa giờ, bốn mươi lăm phút và ngay cả một giờ nữa. Nạn nhân sẽ bị tên đao phủ đu đưa theo kiểu đánh chuông hoặc bỏ rơi xuống nửa chừng rồi đột nhiên ngừng lại cách mặt đất một quãng. Nếu phạm nhân vẫn chưa chịu thú nhận, việc này rất khó xảy ra vì cổ tay đã bị tiện đến tận xương, hoặc tứ chi sai trẹo hết các khớp xương. Người ta buộc thêm trọng lượng vào chân như vậy là trọng lượng tăng gấp đôi và mức độ tra tấn tăng gấp đôi. Kiểu tra tấn này được dùng khi nào tội ác chẳng những đã được chứng tỏ mà lại còn tàn khốc nữa, tội giết những nhân vật cao quí như cha mẹ, Giáo chủ, Hoàng thân hay một nhà thông thái.

Người ta đã thấy Bêatrich bị đưa vào tra tấn thông thường và đặc biệt. Người ta đã biết kiểu tra tấn ấy thế nào rồi. Bây giờ chúng ta hãy nghe viên lạc sự tòa án Vaticăng kể chuyện.

-Vì trong suốt thời gian lấy khẩu cung, cô ta không chịu khai gì hết. Chúng tôi phải cho hai cảnh binh dẫn cô từ nhà tù sang phòng tra tấn, người tra hỏi đang đợi cô ở đây. Sau khi đã cạo trọc đầu, người tra hỏi để cô ngồi xuống một cái yên nhỏ, lột quần áo cô ra, trói hai tay quặt ra sau lưng rồi cột vào một sợi dây luồn qua một cái ròng rọc treo trên trần nhà, đầu dây dưới buộc vào một bánh xe do hai người lực lưỡng quay.

"Trước khi kéo cô ta lên, người ta hỏi cô một lần nữa về tội giết cha. Mặc dù mẹ kế và các anh cô đã thú nhận hết và đưa cho cô xem bản khai và chữ ký của họ, cô vẫn một mực chối cãi. Cô nói: "Cứ cho kéo tôi lên và các ông muốn làm

gì tôi thì làm, tôi đã nói hết sự thật rồi, không còn gì để khai nữa, dù chân tay tôi có bị tháo rời ra."

"Do đó chúng tôi phải cho kéo cô lên cao hơn mặt đất chừng hai piê, rồi cứ để cô ở độ cao ấy trong suốt thời gian chúng tôi đọc kinh Pate Note. Chúng tôi lại hỏi cô lần nữa, nhưng cô không nói gì khác hơn ngoài câu: "Các ông giết tôi đi. Các ông giết tôi đi."

"Chúng tôi cho kéo cô lên cao hơn, đến độ cao bốn piê, và chúng tôi lại bắt đầu đọc kinh Ave Maria. Nhưng đến nửa chừng bài kinh hình như cô ngất đi. Chúng tôi cho dội một xô nước vào mặt cô, nước lạnh làm cô tỉnh lại. Cô kêu lên: "Trời ôi! Tôi chết mất. Các ông giết tôi. Trời ôi!" Nhưng cô không chịu trả lời gì khác.

"Chúng tôi lại kéo cô lên cao hơn nữa và đọc bài kinh Mize rêro. Cô cựa quậy và kêu lên nhiều lần "Trời ôi! Trời ôi!"

"Chúng tôi lại hỏi cô về tội giết cha, cô không nói gì khác hơn là cô vô tội và ngay lúc đó cô lại ngất đi.

"Chúng tôi lại cho dội nước vào mặt. Cô tỉnh lại, mở mắt ra và kêu lên: "Ôi, quân đao phủ khốn kiếp! Các người giết ta! Các người giết ta". Nhưng vẫn chẳng chịu nói gì khác.

"Thấy cô vẫn ngoan cố, chúng tôi ra lệnh cho giật cục. Cô bị kéo lên mười piê, đến đây chúng tôi lại kêu gọi cô nói lên sự thật. Nhưng có lẽ vì cô không nói được nữa hoặc cô không muốn nói, cô chỉ lắc đầu.

"Thấy vậy chúng tôi ra lệnh cho đao phủ buông dây thừng ra. Cô bị rớt từ trên cao mười piê xuống, còn cách mặt đất hai piê thì bị giật lại, hai tay bị lật trái, cô thét lên một tiếng rồi chết ngất.

"Chúng tôi lại cho dội nước vào mặt, cô tỉnh lại và kêu lên một lần nữa: "Bè lũ sát nhân khốn kiếp! Chúng mi giết tao. Nhưng dù chúng mi có dứt đứt tay tao ra, tao cũng không nói gì khác."

"Chúng tôi bèn ra lệnh buộc thêm vào cô một trọng lực năm mươi livrơ nữa. Nhưng ngay lúc đó cánh cửa mở ra và nhiều tiếng cùng kêu lên: "Thôi, thôi! Đừng làm cho cô ấy phải đau đớn hơn nữa."

"Những tiếng nói ấy là của Jắccơ, của Becna Xăngxy và của Lucrêgia. Thấy sự ngoan cố của Bêatrich, các pháp quan ra lệnh đối chứng các tội nhân, họ chưa được gặp nhau đã từ năm tháng nay. Họ đi cả vào buồng tra tấn, thấy Bêatrich bị treo, thấy cánh tay bị trật khớp và máu chảy đầy hai cổ tay, Jắccơ kêu lên:

"- Tội lỗi đã phạm rồi, bây giờ phải sám hối để cứu vớt linh hồn, vui vẻ mà chịu cái chết. Em không nên để bị hành hạ như thế này nữa!"

"Thế là Bêatrich lúc lắc cái đầu như muốn đỡ khỏi đau đớn rồi thều thào nói:

"Vậy là anh muốn chết! Nếu anh muốn như vậy thì sẽ được như vậy!" Rồi quay về phía cảnh binh cô nói tiếp: "Cởi trói cho tôi, đọc cho tôi nghe tờ khẩu

cung, chỗ nào cần xác nhận tôi sẽ xác nhận, cần chối cãi tôi sẽ chối cãi."

"Thế là Bêatrich được hạ xuống và cởi trói. Một người nắn lại hai cánh tay cho cô theo kiểu thông thường. Người ta đọc cho cô nghe tờ khai theo lời yêu cầu của cô đã hứa, cô thú nhận hết."

Sau khi đọc xong những lời thú nhận tất cả các chi tiết của tội ác, Giáo hoàng kinh tởm, ông ra lệnh các tội phạm phải bị buộc vào sau các con ngựa cho kéo lê khắp các phố xá La Mã.

Nhưng một phán quyết như vậy ghê gớm quá làm mọi người căm phẫn. Nhiều nhân vật cao cấp như Giáo chủ và Hoàng thân, đến khúm núm quỳ gối trước Giáo hoàng van xin Người hủy bỏ lệnh đó và cho phép các bị cáo được có biện hộ. Giáo hoàng đáp: -Thế bọn chúng có để cho cha chúng có thì giờ làm việc đó trước khi bị bọn chúng giết ông một cách nhục nhã và tàn bạo không?

Sau cùng thấy nhiều người van xin quá, Người đồng ý cho ba ngày.

Lập tức nắm lấy sự việc xúc động ấy, những trạng sư giỏi nhất và trứ danh nhất La Mã bắt tay vào viết những bản trần tình, và tới ngày ấn định họ đến ra mắt Giáo hoàng.

Người thứ nhất phát biểu là trạng sư Nicôlat, đoạn mở đầu của ông được trình bày bằng những lời lẽ hùng biện làm rung động hội nghị, người ta hiểu là rất có lợi cho các tội phạm. Giáo hoàng sợ hậu quả đó vội vàng bắt dừng lại và bực bội nói: -Vậy là trong giới quí tộc sẽ có những người giết cha và sẽ tìm được trong số những trạng sư có người bảo vệ cho mình. Điều đó chúng ta sẽ không bao giờ dám tin và cũng không bao giờ tưởng tượng được.

Trước những lời khiển trách khiếp đảm ấy của Giáo hoàng, mọi người đều im lặng, chỉ trừ có Farinaxi. Vì nhiệm vụ thiêng liêng được ủy nhiệm, ông mạnh dạn nói một cách cung kính và đầy cương nghị.

-Kính thưa đức Cha Đại Thánh, chúng tôi đến đây không phải để bênh vực cho những kẻ tội phạm, mà để cứu những kẻ vô tội. Vì rằng chúng tôi có thể chứng minh một vài kẻ bị cáo đã hành động trong trường hợp để tự vệ. Vậy chúng tôi xin phép được trình bầy nếu như được đức Cha Thánh thần cho phép.

Thế là Clêmăng VIII cũng tỏ ra muốn nghe như lúc nẫy ông đã nổi nóng. Và Người nghe những lời biện hộ của ông Farinaxi, chủ yếu dựa trên cơ sở là Frăngchetcô không còn là cha nữa khi y cưỡng hiếp con gái y. Ông lấy dẫn chứng về sự cưỡng hiếp đó trong bản tố cáo của Bêatrich đã gửi lên Giáo hoàng, trong đó cô đã cầu xin Giáo hoàng, cũng như chị cô đã làm là rút cô ra khỏi nhà cha cô và cho cô vào một tu viện.

Giáo hoàng cho thu tất cả các bản trần tình, cho các luật sư ra về. Chỉ còn lại có Antieri đi sau cùng, ông đến quì dưới chân Giáo hoàng, tâu:

"Tâu đức Cha Đại Thánh, là một trạng sư của những kẻ nghèo khó, tôi không thể làm gì khác hơn là được trình diện trước đức Ngài trong vấn đề này, tôi kính

cẩn xin lỗi đức Ngài.

Giáo hoàng nâng ông ta lên và nói: -Thôi, chúng tôi không lấy làm lạ về ông mà là về những người khác. Họ bênh vực chúng và dung túng chúng.

Vì Giáo hoàng quan tâm đến vấn đề này, cả đêm ông không ngủ và nghiên cứu nó cùng với Giáo chủ Xanmác Xenlô. Rồi sau khi bản tóm tắt của ông đã làm xong, ông gửi cho các trạng sư, ai nấy đều hài lòng và bắt đầu hy vọng về một sự ân xá cho tính mạng của các tội phạm.

Dân chúng La Mã thở phào, hi vọng như gia đình khốn khổ ấy và vui vẻ như vấn đề ân xá riêng ấy là chung cho cả quần chúng. Bỗng nhiên một tội ác mới xẩy ra làm cho ý định tốt đẹp của Giáo hoàng tan thành mây khói.

Nữ hầu tước Xăngta Crôxê vừa mới bị giết chết, bà sáu mươi tuổi, thủ phạm là Pôn Xăngta Crôxê con trai bà bằng một cách rất tàn nhẫn: hai mươi nhát dao găm chỉ vì bà không chịu hứa công nhận hắn là kẻ thừa kế duy nhất của bà. Thủ phạm đã tẩu thoát.

Ngày hôm sau, thứ sáu mùng 10 tháng 9 năm 1599 hồi 8 giờ sáng, Giáo hoàng cho gọi ông Tavecna thống đốc thành La Mã vào và nói: -Ông thống đốc, tôi trao trả ông vấn đề Xăngxy, mong ông sẽ chiều theo pháp luật mà thi hành càng sớm càng tốt.

Tavecna ra về, triệu tập một cuộc hội nghị toàn thể các pháp quan hình sự của thành phố, hội nghị quyết định xử tử hình gia đình Xăngxy.

Suốt đêm hôm ấy người ta chuẩn bị những công việc để kết thúc tấn bi kịch thê thảm và lớn lao ấy trên cầu Xanh Anggiơ. Hồi năm giờ sáng, viên lục sự đến nhà Lucrêgia và Bêatrich để tuyên bố bản án.

Cả hai người đàn bà đều đang ngủ, họ không hay biết gì về những sự việc xảy ra trong ba ngày qua. Viên lục sự đánh thức hai người dậy để tuyên bố với họ rằng họ bị loài người xét xử, họ phải chuẩn bị để lên chầu trời.

Lúc đầu, Bêatrich bị đòn giáng mạnh, cô không tìm được lời nói để kêu ca, quần áo để mặc. Cô từ trên giường bước xuống trần truồng và lảo đảo như bị say rượu. Lucrêgia nghe bản án với nhiều nghị lực hơn, bà mặc quần áo để đi lên miếu đường. Bà động viên Bêatrich phải chịu đựng, nhưng cô gái vẫn cứ như người mất hồn, vừa đi vừa vặn tay và đập đầu vào tường, chỉ nói câu: “Chết! Chết! Chết một cách bất ngờ như vậy trên đoạn đầu đài! Trên giá treo cổ! Trời ôi! Trời ôi!”

Sau đó cô yêu cầu được có một người chưởng khế đến để làm di chúc. Yêu cầu đó được chấp thuận ngay. Khi ông chưởng khế đến, cô rất bình tĩnh đọc cho ông một mạch những điều kiện. Cô kết thúc bản di chúc bằng lời yêu cầu xác cô được để vào nhà thờ Xanh Pie ở Môngtôriô. Cô để lại năm trăm êcu cho các nữ tu sĩ ở Xtichtrat và yêu cầu món tiền hồi môn của cô gồm mười lăm nghìn sẽ được dùng để làm lễ cưới cho năm mươi cô gái nghèo. Còn nơi chôn cất mình,

cô chọn dưới chân bàn thờ, trên bàn thờ có bức họa "Biến hình" rất đẹp của họa sĩ Rafaen mà cô đã chiêm ngưỡng nhiều lần trong đời cô.

Bà Lucrêgia cũng bắt chước, bà dối giăng lại như sau: yêu cầu xác mình được mang vào nhà thờ Xanh Giooc ở Valabrơ với ba mươi hai đồng êcu và bố thí nhiều vật di tặng thành kính. Những điều lo lắng đó đã xong, hai người phụ nữ quì xuống cầu kinh sám hối.

Hai người cứ thế cho đến giờ thứ tám của buổi tối rồi yêu cầu được làm lễ xưng tội và nghe đọc kinh Misu, trong khi đó họ chịu lễ ban thánh thể. Sau đó Bêatrich có nhận xét với mẹ kế là hai mẹ con lên đoạn đầu đài mà mặc quần áo ngày lễ như vậy thì không hợp, cho nên yêu cầu được mặc quần áo nữ tu sĩ cao lên đến tận cổ và có những nếp gấp, tay dài và rộng.

Thời gian qui định đã đến, hai người được báo trước sắp đến giờ cuối cùng. Lúc bấy giờ Bêatrich còn đang quì, cô liền đứng lên, mặt rất bình tĩnh và gần như vui vẻ nữa, cô nói với mẹ kế: "Thưa mẹ, đây là lúc mà nỗi đau khổ của chúng ta sắp bắt đầu. Chúng ta hãy giúp nhau mặc quần áo như chúng ta vẫn thường làm". Trong khi đó người ta cũng đã tuyên bố bản án với Jắccơ và Becna, hai người cũng đang đợi giờ chết.

Mười giờ sáng Giáo hội khoan dung đến nhà giam và đứng lại ở ngưỡng cửa với cây thánh giá đợi hai anh em. Vừa lúc đó cửa phòng giam mở ra, Jắccơ xuất hiện trước tiên. Anh quì xuống hôn cây thánh giá. Anh mặc một chiếc áo tang rộng trùm kín người. Trong áo anh để ngực trần vì trên suốt dọc đường đi người đao phủ phải kìm kẹp anh với những chiếc kìm nung đỏ đang để ở một lò buộc ngoài xe bò. Anh lên xe, trên đó người đao phủ đã sắp xếp theo cách của mình để công việc được dễ dàng.

Vào lúc đó Becna cũng ra, viên chưởng khế trông thấy anh liền nói to: - Becna Xăngxy, đức Giáo hoàng Thánh Cha của chúng ta đã ân xá cho anh tội chết. Anh chỉ còn phải đi theo người nhà đến đoạn đầu đài mà không được quên cầu nguyện cho những người mà lẽ ra anh phải chết cùng.

Tin bất ngờ ấy làm đám đông xì xào niềm vui. Lập tức người ta tháo bỏ mảnh gỗ buộc trước mắt Becna vì tuổi anh còn nhỏ, không nên để anh trông thấy đoạn đầu đài.

Tiếng hát bắt đầu, đoàn người lên đường tiến về phía nhà Cooctê Xavenla. Đến trước cửa, người ta dừng cây thánh giá lại để đợi hai người phụ nữ, họ tới ngay và quì xuống ngưỡng cửa, rồi đoàn người lại tiếp tục đi.

Hai phạm nhân nữ đi gần cuối đoàn, họ đi chân đất bên cạnh nhau, khăn trùm đầu phủ xuống đến tận thắt lưng, hai tay được để tự do, chỉ bị buộc lỏng bằng sợi dây nhỏ để mỗi người có thể cầm được cây thánh giá một tay, tay kia cầm khăn mùi soa.

Trong đêm thứ bẩy, đoạn đầu đài đã được dựng lên trên quảng trường cầu Xanh Anggiơ. Trên đoạn đầu đài người ta đã trông thấy tấm ván và cái thớt chém. Bên trên thớt chém, đã treo giữa hai thanh xà ngang một miếng sắt rộng trượt trơn giữa hai khe. Lúc người ta vận hành một chiếc lò xo, nó sẽ rơi xuống thớt gỗ với tất cả sức nặng của nó.

Đoàn người tiến về phía cầu Xanh Anggiơ ấy. Lucrêgia yếu đuối nhất trong hai người, vừa đi vừa khóc thổn thức.

Còn Bêatrich thì bộ mặt bình tĩnh và cương nghị. Tới quảng trường cầu Xanh Anggiơ, hai phụ nữ liền được đưa vào một miếu thờ. Một lúc sau người ta cũng dẫn Jắccơ và Becna vào đây, bốn người được đoàn tụ với nhau một lát. Sau đó người ta đến tìm Jắccơ và Becna để đưa lên đoạn đầu đài, mặc dù Jắccơ bị hành quyết sau cùng còn Becna được ân xá.

Lúc lên tới bục, Becna lại là người bị ngất đi khi người đao phủ đến giúp anh. Mọi người tưởng là để hành quyết anh, liền kêu lên: "Anh ấy được ân xá rồi đấy!" Người đao phủ liền làm yên lòng họ bằng cách cho Becna ngồi xuống một cái ghế đặt bên cạnh thớt chém. Còn Jắccơ quì ở phía bên kia.

Sau đó người đao phủ đi xuống, đến miếu thờ và đưa Lucrêgia ra trước, bà là người bị hành quyết đầu tiên. Đi tới chân đoạn đầu đài, bà bị trói hai tay quặt ra sau lưng, áo bà bị xé phía trên để lộ hai vai. Xong đâu đó, đao phủ dẫn bà lên cầu thang, bà trèo lên rất khó khăn vì béo quá. Lúc lên tới bục, người đao phủ lại lột khăn quàng đầu của bà. Thật là xấu hổ cho bà Lucrêgia vì cặp vú bà để trần. Bà nhìn cái thớt chém và hai vai bà rung lên làm mọi người rùng mình theo. Rồi với cặp mắt ướt đầm, bà cất cao giọng nói: "Lạy Chúa, hãy thương lấy con! Còn các bạn, hãy cầu nguyện cho tôi!"

Nói xong bà không biết còn phải làm gì nữa, bà quay lại hỏi người đao phủ thứ nhất, được trả lời: "Trèo lên tấm ván và nằm sấp xuống đấy!" Bà thực hiện việc đó rất khó nhọc và rất xấu hổ. Nhưng làm như thế xong, bà vẫn chưa kề được cổ vào cái thớt vì cặp vú bà to quá, phải lấy một mẩu gỗ nữa để kê thớt lên. Cuối cùng người đao phủ giật cái lò xo và cái đầu lập tức rời khỏi cái thân, rơi xuống sàn, nhẩy vài ba bước nữa làm rung động cả đám đông. Người đao phủ nhặt cái đầu giơ lên cho công chúng xem rồi gói nó vào một tấm vải đen và bỏ vào quan tài cùng với cái thây.

Trong khi người ta sắp xếp lại mọi thứ để chờ lượt Bêatrich, mấy cái bậc gỗ chất đầy khán giả bỗng nhiên đổ sập xuống làm nhiều người chết và bị thương.

Máy chém đã sắp xếp xong, máu trên đoạn đầu đài đã được rửa sạch, người đao phủ quay lại miếu để bắt Bêatrich. Thấy người đao phủ trở lại tay cầm sợi dây thừng, cô kêu lên:

"Chúa muốn rằng ông trói cái thân này vì nó đã bị ô uế rồi, còn cái linh hồn này, ông hãy giải phóng cho nó vì nó bất diệt!"

Rồi sau khi đã hôn vào những vết thương của chúa Jêsu trên cây thánh giá, cô đứng lên tự đi đến đoạn đầu đài. Cô tụt giầy vải bỏ lại dưới chân thang. Cô nhanh nhẹn trèo lên, bước nhanh vào nằm trên tấm ván. Động tác của cô rất nhẹ nhàng, nhanh nhẹn để cho người ta khỏi nhìn thấy bộ vai trần của cô. Nhưng dù cô có muốn việc đó được thực hiện nhanh chóng, cũng cứ vẫn phải chờ. Vì Giáo hoàng biết tính hiếu động của cô, sợ cô lại phạm một tội lỗi gì nữa giữa kinh xá miễn và cái chết, cho nên ông đã ra lệnh khi nào Bêatrich ở trên đoạn đầu đài thì lâu đài Xanh Anggiơ sẽ bắn một phát súng đại bác báo hiệu. Tiếng nổ làm mọi người sửng sốt vì không ai chờ đợi nó. Bêatrich cũng vậy, cô gần như đứng lên. Ngay khi đó Giáo hoàng đang chờ và cầu nguyện ở Mông Cavalô, ông ban cho Bêatrich bản kinh xá miễn "In Acticulô Moctit". Vậy là phải mất gần năm phút. Trong lúc đó Bêatrich chờ đợi, cổ kề lên thớt gỗ. Rồi khi người đao phủ tin rằng kinh xá miễn đã xong, liền giật cái lò xo và lưỡi chém rơi xuống.

Người ta liền thấy một hiện tượng lạ lùng: lúc cái đầu bắn ra một bên, cái thây lùi lại như đi giật lùi. Người đao phủ nhặt đầu lên và giơ cho công chúng xem rồi sắp đặt như của tội phạm trước, và muốn để cho xác Bêatrich được ở bên cạnh xác mẹ kế. Nhưng người đao phủ phó đã giơ tay đỡ lấy và định đặt nó vào trong áo quan thì bị tuột tay, nó rơi từ trên đoạn đầu đài xuống đất. Trong khi đó toàn thân bị tuột ra khỏi quần áo làm cho nó đầy bụi và máu, phải mất thời gian để rửa. Thấy vậy, Becna tội nghiệp lại bị ngất lần thứ ba.

Sau cùng đến lượt Jắccơ, anh đã được mục kích cái chết của hai người thân, quần áo của anh đầy máu hai người. Người đao phủ lại gần lột áo anh, mọi người nhìn thấy trên ngực anh đầy những vết kìm cháy sém. Anh đứng lên, mình trần và quay lại nói với em trai: -Em Becna, trong lúc cung khai anh đã làm em mắc tội, là anh đã khai man. Mặc dù anh đã phản cung, anh vẫn cần phải nhắc lại lúc anh lên chầu Trời là em vô tội. Và thật là tàn nhẫn thứ công lý nào đã bắt em phải chứng kiến cảnh tàn khốc này.

Thế rồi người đao phủ bắt anh quỳ xuống, trói hai chân anh vào một xà ngang trên đoạn đầu đài, bịt mắt anh lại và dùng một cái chùy bổ vỡ đầu anh, đồng thời trước mặt mọi người, hắn chặt xác anh ra làm bốn mảnh.

Sau khi cuộc hành hình ấy kết thúc, người ta ra về mang theo Becna đang lên cơn sốt nặng.

Xác hai phụ nữ được xếp vào trong hai quan tài dưới bức tượng thánh Paolô ở chân cầu với bốn bó đuốc bằng sáp trắng cháy cho mãi đến bốn giờ chiều.

Sau cùng, lúc chín giờ tối, xác Bêatrich phủ đầy hoa, mặc lại quần áo lúc hành quyết, được mang đến Xanh Pie Inmôntôriô với năm mươi cây nến thắp sáng, đi theo có những nam nữ tu sĩ ở La Mã. Tại đây cô sẽ được chôn cất dưới chân bàn thờ theo nguyện vọng của cô.

Nữ Hầu tước Đờ Găng (1667)

Vào khoảng cuối năm 1657 một cỗ xe ngựa trông rất tồi tàn, không phù hiệu, đến đỗ trước cửa một ngôi nhà phố Hốttơphơi, ở đây cũng đã có hai cỗ xe đỗ trước, lúc đó vào khoảng tám giờ tối. Một người hầu lập tức nhảy xuống xe để mở cửa thì một giọng êm dịu, tuy hơi run run, ngăn lại và nói: -Đợi một lát để tôi còn xem có phải đây không đã.

Rồi một cái đầu trùm kín trong khăn xa tanh đen, người ta không thể thấy được bộ mặt thò ra ngoài cửa kính và nhìn lên trên như muốn tìm một dấu hiệu gì trên bề mặt ngôi nhà, nói tiếp:

"Đúng đây rồi, cái bảng kia kìa."

Cửa xe liền mở ra, hai người đàn bà bước xuống. Sau khi đưa mắt lên kiểm tra lại một lần nữa ở cái bảng dài sáu piê rộng hai piê đóng đinh vào tường phía dưới cửa sổ tầng hai, trên biển có đề mấy chữ: "BÀ VOAZANH – TIÊN TRI TƯỚNG SỐ" hai người liền đi nhanh vào một lối đi, cửa không khóa.

Hai người đàn bà lạ mặt ấy, mà một có vẻ ở tầng lớp cao hơn người kia nhiều, không dừng lại sau khi đã bước qua cửa, vẫn cứ tiếp tục tiến lên thang gác của một tầng nữa.

Trên đầu cầu thang có một người lùn mặc quần áo dị thường theo kiểu những tên hề ở thế kỷ XIV. Thấy hai người đàn bà đi lên, anh lùn liền giơ một cái que lên chắn ngang lối đi và hỏi hai người đi đâu.

-Đến xin ý kiến thần linh – Người đàn bà có giọng êm dịu và run run đáp.

-Vậy mời vào và xin chờ.

Nói xong anh lùn vén một chiếc thảm lên rồi mở một cánh cửa đưa hai người vào một phòng đợi. Theo lời anh lùn, hai người chờ đến nửa giờ, chẳng nghe thấy gì, chẳng trông thấy gì. Rồi bỗng nhiên một cái cửa lấp sau một tấm thảm mở ra. Một giọng nói cất lên: -Mời vào!

Hai người đàn bà đi vào phòng thứ hai căng toàn đèn, chỉ có một chiếc đèn ba bấc treo trên trần chiếu sáng. Cánh cửa lại đóng lại sau lưng họ và họ thấy mình đứng trước một mụ tướng số.

Mụ ta trạc 25, 26 tuổi. Trái với những người đàn bà khác, mụ muốn làm cho mình già đi, mụ mặc toàn đồ đen, bím tóc, cổ, cánh tay và bàn chân để trần, ở thắt lưng thắt xung quanh người có gài một hòn ngọc thạch to phát ra những tia lửa ảm đạm. Mụ cầm ở tay một chiếc que và ngồi trên một thứ trông như cái bục gỗ ba chân, ở đây toát lên một thứ hương thơm mùi hắc và lâu tàn.

Lúc hai người khách bước vào, họ thấy mụ tướng số đang tỳ trán vào hai bàn tay như mê mải suy nghĩ điều gì. Mười phút sau mụ mới ngẩng đầu lên, như chỉ đến lúc ấy mụ mới biết là có hai người đứng trước mặt mụ.

-Người ta còn muốn gì tôi thế này? – Mụ hỏi – Chỉ khi nào xuống mồ tôi mới được nghỉ sao?

-Xin lỗi bà, – Bà có giọng êm dịu nói: – Nhưng tôi muốn biết…

-Bà hãy im đi! – Mụ tướng số nói với một vẻ trang nghiêm. Tôi không cần biết sự việc của bà. Bà phải hỏi Thần linh ấy. Thần có tính cả ghen và cấm không cho ai biết bí mật của Thần. Tôi chỉ có thể giúp bà đề nghị và tuân theo Thần mà thôi.

Nói xong mụ bước xuống, đi sang buồng bên cạnh và trở lại ngay, mặt tái mét hơn lúc trước, một tay cầm cái hỏa lò đang cháy và tay kia một tờ giấy đỏ. Ngay lúc ấy ba ngọn lửa của đèn trên trần tối lại và căn phòng chỉ còn được chiếu sáng bởi cái hỏa lò. Mọi vật trong phòng đều được nhuộm một màu kỳ lạ làm cho hai bà khách không thể không sợ hãi nhưng rút lui thì chậm quá rồi.

Mụ tướng số đặt hỏa lò ở giữa nhà rồi chìa tờ giấy đỏ cho người đàn bà có giọng êm dịu và nói: -Bà viết vào đây điều bà muốn biết! Khách cầm lấy tờ giấy và viết: "Tôi có trẻ không, đẹp không? Tôi là thiếu nữ, phụ nữ hay bà góa? Đó là quá khứ – Tôi phải lấy chồng hay lại lấy chồng lần nữa? Tôi sẽ còn sống lâu hay chết trẻ? Đó là tương lai."

Rồi đưa tờ giấy cho mụ tướng số và hỏi: – Bây giờ tôi còn phải làm gì nữa cho cái này? – Tôi không đọc, bà hãy bọc nó xung quanh cục sáp này! Mụ bói số đáp và đưa cho khách một cục sáp. Cả hai thứ này đều sẽ cháy hết ngay trước mắt bà. Thế là Thần linh biết được những bí mật của bà. Trong ba ngày nữa bà sẽ nhận được thư trả lời.

Bà khách làm theo lệnh của mụ tướng số, rồi mụ ta cầm lấy cục sáp có tờ giấy bọc quanh, ném nó vào trong hỏa lò. Mụ tướng số nói: -Bây giờ mọi việc đã làm theo thể thức rồi. Cômut đâu (anh lùn bước vào). Dẫn hai bà ra xe.

Ba ngày sau, theo như lời mụ tướng số đã hứa, bà khách xinh đẹp lúc ngủ dậy thấy trên mặt bàn ngủ có một bức thư chữ viết lạ, nội dung thư như sau:

"Bà trẻ, bà đẹp, bà góa bụa, đó là hiện tại.

"Bà sẽ đi bước nữa, bà sẽ chết trẻ và chết một cách thê thảm. Đó là tương lai."

"Thần Linh"

Câu trả lời viết trên một tờ giấy giống như tờ giấy bà đã viết câu hỏi. Bà hầu tước tái mặt và khẽ kêu lên một tiếng hãi hùng. Câu trả lời về quá khứ hoàn toàn đúng làm bà càng lo sợ, nó cũng sẽ đúng cho tương lai.

Bà khách đã đến thăm mụ tướng số ấy chẳng phải ai khác bà Nary đờrôxan mà thời con gái có tên là Satô Blăng, là tên một trong những mảnh đất của tổ tiên: ông Jôanit đờnôxe có một gia tài khoảng năm sáu trăm nghìn livrơ.

Năm bà mười ba tuổi, nghĩa là vào năm 1649, bà lấy ông hầu tước Cattôlan, một lãnh chúa đại quí tộc, con trai ông Jănglơcruen và bà Janđơcattrơ, tình nhân

của ông. Hãnh diện về sắc đẹp của người vợ trẻ, hầu tước Cattêlan, sĩ quan trong đội chiến thuyền của Nhà vua, vội vã mang vợ đến trình diện trước Triều đình. Vua Luy XIV, lúc đó vào khoảng hai mươi tuổi, bị choáng mặt vì sắc đẹp kiều diễm ấy, đã khiêu vũ hai lần với người đẹp trong buổi tối hôm ấy, làm thất vọng biết bao sắc đẹp nổi danh thời bấy giờ. Và để tăng thêm tiếng tăm cho nàng, bà Crittin trứ danh của Thụy Điển, đã nói rằng trong tất cả các vương quốc mà bà đã đi qua, bà chưa thấy một phụ nữ nào đẹp như thế.

Người ta biết rằng một người phụ nữ được ca ngợi như vậy ở giữa một triều đình lịch sự nhất thế giới không thể nào thoát khỏi được những lời vu khống của đối thủ.

Khi người ta biết tin vụ đắm các chiến thuyền ở bể Xyxin và cái chết của vị chỉ huy là hầu tước Cattêlan, bà hầu tước tỏ lòng trung thành đầy thích đáng. Mặc dù đã ăn ở với chồng đầu tiên trong bẩy năm sau khi cưới, bà chưa có được một say mê mãnh liệt nào với chồng, bà cũng rút lui về ở với mẹ chồng và từ bỏ hoàn toàn mọi quan hệ với xã hội.

Sáu tháng sau khi chồng chết, bà hầu tước nhận được thư của ông ngoại, ông Jôanit đờnôxe, giục bà đến ở Avinhông để kết thúc thời kỳ góa bụa. Chính là lúc mà mụ Voazanh tướng số còn trẻ mà đã được người ta nói đến. Nhiều bạn gái của bà hầu tước Cattêlan đã đến xem và đều nhận được những lời tiên đoán lạ lùng mà một số do người tướng số có tài hoặc do một sự trùng hợp kỳ lạ, được thực hiện đúng như lời tiên tri. Nghe các bạn gái kể chuyện lại, tất nhiên là có thêm thắt tâng bốc, bà hầu tước trẻ không cưỡng nổi lòng tò mò. Cho nên trước khi đi Avinhông, bà đã đến xem tướng như chúng tôi đã kể ở đoạn trên, và chúng ta cũng biết bà đã nhận được những câu trả lời ra sao.

Bà hầu tước không phải là người mê tín, nhưng những lời tiên tri ác liệt ấy cứ in sâu vào trí óc bà và để lại một vết sâu không gì xóa nổi, kể cả thú vui về thăm quê hương, cả tình cảm của ông ngoại, cả những thắng lợi mà chẳng bao lâu nữa bà sẽ thu được. Nhưng chính những thắng lợi ấy lại làm cho bà mệt mỏi, bà phải xin phép ông ngoại được rút lui vào một tu viện để để nốt tang chồng ba tháng nữa.

Ở đây bà được nghe lần thứ nhất nói đến một người đàn ông nổi tiếng về đẹp trai cũng như bà nổi tiếng về đẹp gái. Con người được Chúa Trời ưu đãi ấy là hầu tước Đờgăng, nam tước ở Lănggôđốc và thống đốc ở Xanh Angirê trong giáo khu Uxét. Bà hầu tước nghe nói đến tên ông luôn. Người ta nhắc đi nhắc lại nhiều lần rằng tạo hóa sinh ra hai người như thế là để tặng cho nhau, làm cho bà cảm thấy cũng muốn gặp ông xem ra sao. Tất nhiên về phía ông, ông cũng bị các bạn bè xúi bẩy nên cũng rất muốn được gặp bà hầu tước. Mặt khác, người ông ngoại thấy cháu gái cứ phải cấm cung sống ẩn dật mãi cũng đem lòng thương, nên nhờ ông Đờgăng giúp hộ. Nhận nhiệm vụ đó, hầu tước Đờgăng tới phòng khách xin

được gặp nữ ẩn sĩ xinh đẹp. Mặc dù mới gặp lần đầu, thoạt nhìn bà cũng biết ông là ai.

Điều phải xẩy ra đã xẩy ra, bà hầu tước Cattêlăng và ông hầu tước Đờgăng không thể gặp nhau mà không yêu nhau. Cả hai cùng đều trẻ, đẹp. Ông hầu tước thuộc gia đình quí tộc có địa vị, bà hầu tước thì giầu có. Tất cả đều cân xứng trong cuộc xum họp ấy, vì vậy nó chỉ chậm lại trong thời gian cần thiết cho việc hết tang. Đám cưới ấy được cử hành vào đầu năm 1658. Ông hầu tước hai mươi tuổi, bà hầu tước hai mươi hai.

Những buổi đầu của cuộc xum họp ấy hoàn toàn hạnh phúc, ông hầu tước yêu lần đầu tiên, bà hầu tước không còn nhớ là mình đã yêu bao giờ chưa? Một trai và một gái ra đời để tô điểm thêm cho niềm hạnh phúc đó. Bà hầu tước đã hoàn toàn quên những lời tiên đoán tàn nhẫn, hoặc đôi lần có nghĩ đến trong hoàn cảnh này cũng là chỉ để ngạc nhiên tại sao mình lại có thể tin được.

Hầu tước Đờgăng là người chán cuộc hạnh phúc ấy trước. Dần dần những thú vui của tuổi thanh niên cám dỗ ông và ông bắt đầu xa bà để gần gũi các bạn cũ. Về phần bà hầu tước, bà đã hi sinh thói quen giao thiệp cho hạnh phúc gia đình, cũng lại lao ra ngoài xã hội, bà lại thu được những thắng lợi mới. Những thắng lợi mới ấy kích thích lòng ghen tuông của ông hầu tước. Chẳng bao lâu sau, hai ông bà chỉ gặp nhau vào những giờ mà họ không thể làm gì khác là gặp nhau. Về sau, ông hầu tước lấy cớ là phải đi xa có việc cần, rồi cũng chẳng cần tìm lý do nữa, ông không ở nhà ba phần tư thời gian trong năm và để cho bà hầu tước gần như bị góa bụa.

Vào thời kỳ đó, ông hầu tước vì không thể chịu đựng được những lúc mặt đối mặt với vợ, nên ông đã mời hai người anh của ông là Hiệp sĩ và Mục sư Đờgăng, đến nhà ở với ông cho vui.

Mục sư Đờgăng tuy mang danh hiệu ấy nhưng không phải là người của nhà Thờ mà chỉ là để hưởng đặc ân. Y có bộ mặt khá đẹp trai mặc dù trong những lúc sốt ruột nó có vẻ đanh ác. Nói tóm lại y là một tên phóng đãng, ngang tàng và trơ trẽn, thực sự y thuộc vào giới tăng lữ thời bấy giờ.

Hiệp sĩ Đờgăng cũng được hưởng phần sắc đẹp của gia đình. Y là con người tầm thường, không đủ khả năng phân biệt cái xấu cái tốt. Y là một cái máy làm theo ý muốn và cả dục vọng của kẻ khác, một cái máy dữ tợn mà không một lý lẽ nào có thể ngăn chặn được một khi nó đã bị kích động.

Thêm nữa, ảnh hưởng của mục sư đối với hiệp sĩ cũng có phần nào đối với cả hầu tước. Không gia sản, không lương bổng vì mặc áo thầy tu mà không làm việc cho nhà thờ, mục sư đã thuyết phục được hầu tước, một người giàu có, không những của riêng mà còn của vợ nữa là cần phải có một người quản lý gia đình và gia tài của hầu tước mà y sẵn sàng làm việc đó.

Như chúng ta đã biết, nữ hầu tước đã chán cảnh gia đình nên vui lòng nhận ngay. Thế là mục sư đem theo ngay anh mình là tên hiệp sĩ, tên này vẫn cứ bám theo em như một cái bóng mà thực sự cũng chẳng ai thèm chú ý đến cái bóng ấy.

Còn tên mục sư thì trái lại, mới nhìn thấy bà hầu tước, tức em dâu mình, y đã có ngay lòng ham muốn được thỏa mãn dục vọng. Y thấy bà là một phụ nữ đẹp nhất mà y gặp, nhưng y tự chủ được cảm giác của mình. Ngoài một số câu nói có tính chất lịch thiệp, y không để lộ một điều gì làm người nghe phải khó chịu. Tuy nhiên, trong thâm tâm y đã quyết định người đàn bà này phải thuộc về y.

Chẳng bao lâu sau khi hai người mới tới, không khí trong gia đình đã sinh động và vui vẻ hẳn lên. Thêm nữa, bà hầu tước lại rất lấy làm ngạc nhiên là chồng bà đã từ lâu lạnh nhạt với sắc đẹp của bà, nay lại có vẻ như nhận ra bà kiều diễm quá không thể thờ ơ được. Vì vậy, những lời nói của ông dần dần đượm chút tình cảm đã mất từ lâu. Bà hầu tước bao giờ cũng hết lòng yêu chồng, đã phải đau khổ vì bị ông xa lánh. Bà vui vẻ đón nhận sự quay trở lại ấy và ba tháng trôi qua đối với người đàn bà tội nghiệp ấy chỉ là một kỷ niệm xa xăm và hầu như đã bị xóa nhòa.

Với lòng vị tha của tuổi trẻ khát khao hạnh phúc, bà lại thấy sung sướng. Bỗng một hôm bà nhận được thư của một người bạn gái láng giềng mời sang chơi bên lâu đài vài ngày. Chồng và hai anh chồng bà cũng được mời sang cùng với bà. Một cuộc đi săn lớn được chuẩn bị từ trước. Khi mọi người vừa tới nơi, người ta bắt tay ngay vào tổ chức.

Tên mục sư tuyên bố sẽ là kỵ sĩ của bà hầu tước, em dâu y. Vốn là người có lòng tốt, bà nhận lời ngay. Nói theo kiểu ấy, mỗi người đi săn đều chọn lấy một phụ nữ để quan tâm giúp đỡ trong suốt cả cuộc đi săn. Sau khi đã chọn xong, mọi người đi ra nơi hẹn.

Sự việc diễn biến theo như thường lệ. Những con chó săn đuổi theo thú săn, chỉ vài ba người thợ săn đuổi theo chó, còn mọi người đều lạc đường theo ý riêng.

Tên mục sư, với danh nghĩa phục vụ bà hầu tước đã không rời bà một phút nào. Đó là cơ hội mà y đã tìm kiếm từ một tháng nay với biết bao thận trọng mà bà hầu tước đã tìm cách lẩn tránh bấy lâu. Do đó, ngay sau khi nhận thấy vụ lạc đường này là do sự cố tình của tên mục sư, bà liền thúc ngựa quay lại, phóng ngược chiều với chiều vừa mới đi. Nhưng bị mục sư ngăn lại. Bà hầu tước không thể cưỡng lại được, đành phải chờ xem anh chồng mình sẽ giở trò gì với bộ mặt kiêu hãnh và khinh khỉnh mà phụ nữ thường dùng để tỏ cho người đàn ông biết chớ có hy vọng gì. Im lặng một lát, tên mục sư nói: -Tôi muốn hỏi bà xem bà có biết chồng bà đã thay đổi thái độ đối với bà không?

-Có chứ, và tôi đã cảm ơn Chúa đã đem lại cho tôi hạnh phúc đó.

-Thưa bà, thế là bà nhầm đấy! – Mục sư nói tiếp với nụ cười mà chỉ y có. – Chúa chẳng liên quan gì đến đây cả. Bà nên cảm ơn Chúa đã ban cho bà sắc đẹp và sự duyên dáng nhất trần gian. Chúa sẽ có nhiều hành động mỹ miều chờ đợi ở bà mà đáng lẽ là của tôi.

-Thưa ông anh chồng tôi, – Bà hầu tước lạnh lùng, -Tôi không hiểu ông anh định nói gì?

-Thưa bà em dâu thân mến! Tôi xin nói rõ để bà hiểu. Chính tôi là tác giả của phép mầu nhiệm mà bà đã cám ơn Chúa, vậy bà phải biết ơn tôi mới đúng. Chúa khá là giàu để không lấy cắp của người nghèo.

-Thưa ông anh, ông nói đúng! Nếu vì ông mà tôi có được sự quay trả lại ấy của chồng tôi mà trước đây tôi không biết, vậy bây giờ tôi xin cảm ơn ông trước, sau đó tôi cảm ơn Chúa đã gợi cho ông ý nghĩ tốt đẹp ấy.

-Vâng! Nhưng Chúa đã gợi cho tôi ý nghĩ tốt đẹp ấy mà nó chẳng mang lại cho tôi điều tôi mong đợi, thì Chúa cũng rất có thể gợi cho tôi một ý nghĩ xấu.

-Ông muốn nói thế là thế nào?

-Tôi muốn nói rằng tất cả mọi người trong gia đình chỉ có một ý chí. Ý chí đó là của tôi, rằng tinh thần của các anh em tôi đều xoay xung quanh ý chí đó như chong chóng trước gió, và ý chí đó đã thổi đến niềm ấm áp thì cũng có thể thổi đến sự giá lạnh.

-Thưa ông anh, tôi vẫn chờ sự giải thích của ông.

-Vậy thì, thưa cô em dâu thân mến của tôi! Nếu cô cứ cố tình không hiểu tôi, tôi sẽ giải thích rõ ràng hơn. Em tôi đã xa lánh cô vì ghen tuông. Tôi thấy cần phải cho cô có một ý niệm về quyền lực của tôi đối với em trai tôi và mức độ của sự thờ ơ. Tôi đã báo cho nó biết nghi ngờ cô là sai lầm và đã đem lại cho nó sự mãnh liệt của tình yêu. Vậy thì tôi chỉ việc nói lại với nó là chính tôi đã lầm và có nghi ngờ một người đàn ông nào đó. Vậy là tôi sẽ làm cho nó xa lánh cô như đã làm cho nó nhích lại gần. Tôi không cần phải đưa ra dẫn chứng về điều tôi vừa nói, cô biết rõ là tôi đã nói hoàn toàn đúng.

-Ông diễn cái tấn hài kịch đó để làm gì?

-Để tỏ cho cô thấy rằng tùy ý tôi, tôi có thể làm cho cô buồn hay vui, được vui hay bị ruồng bỏ, được quí mến hay bị thù ghét. Bây giờ cô hãy nghe tôi nói đây này, tôi yêu cô!

-Ông chửi tôi đấy à! – Bà hầu tước kêu lên và giật dây cương ra khỏi bàn tay tên mục sư.

-Xin cô em chớ có to tiếng, vì đối với tôi, tôi xin báo trước là chẳng có tác dụng gì đâu. Không bao giờ người ta nói người ta yêu lại là chửi người đàn bà. Chỉ có điều là người ta có hàng ngàn cách khác nhau để buộc người đàn bà ấy phải đáp ứng tình yêu đó. Lỗi là ở chỗ người ta dùng cách nào đó thôi.

-Tôi có thể biết ông đã dùng cách nào đó không? – Bà hầu tước nói với nụ cười đầy khinh bỉ.

-Cách độc nhất có thể thành công đối với một người phụ nữ bình tĩnh, lạnh lùng và mạnh mẽ như bà là gây lòng tin tưởng vào lợi ích của bà một khi bà đáp ứng tình yêu của tôi. Bà có toàn quyền muốn nói với chồng thế nào thì tùy ý. Bà cứ việc nhắc lại từng câu từng lời của cuộc nói chuyện này của chúng ta. Bà có thể thêm thắt vào đó tất cả những gì bà muốn, dù đúng dù sai để buộc tội tôi. Rồi sau khi đã thuyết phục được chồng rồi, sau khi bà đã tin tưởng vào chồng bà, tôi chỉ cần nói hai câu là hắn sẽ trở mặt như trở bàn tay ngay. Đó là tất cả những gì tôi muốn nói với bà, tôi không giữ bà nữa. Bà có thể tìm thấy ở tôi một người bạn tốt hay một kẻ tử thù. Bà hãy suy nghĩ kỹ.

Nói xong tên mục sư buông dây cương ngựa của bà hầu tước. Bà cho ngựa đi nước kiệu để tỏ ra chẳng sợ hãi cũng chẳng vội vã gì. Tên mục sư đi theo bà và cả hai người lại tham gia vào cuộc săn.

Tên mục sư đã nói đúng. Mặc dù bị dọa dẫm, bà hầu tước cũng phải suy nghĩ đến ảnh hưởng của con người đó đối với chồng bà mà nhiều phen bà đã thấy bằng chứng, vì vậy bà giữ im lặng, hy vọng vì thế mà làm cho y phải sợ hãi, y cũng chẳng đến nỗi nào. Về điểm này bà đã lầm to.

Tuy vậy tên mục sư cũng muốn đánh giá xem sự từ chối của bà hầu tước là do tiết hạnh thực sự của bà hay do ác cảm với cá nhân y.

Còn tên hiệp sĩ thì đẹp trai, hắn muốn tìm cách tỏ cho bà em dâu biết là hắn yêu bà. Vấn đề đó không có gì khó khăn. Chúng ta đã biết khi mới nhìn thấy bà hầu tước, tên hiệp sĩ đã có cảm tưởng gì. Nhưng hắn biết trước em dâu hắn đã nổi tiếng là sắt đá nên hắn không dám có ý định tán tỉnh bà. Tuy nhiên hắn cũng bị ảnh hưởng bởi sự khuất phục của bà đối với những ai đến gần bà, hắn nguyên là tên đầy tớ trung thành của bà.

Về phần bà hầu tước, bà chẳng có lý do gì mà hắt hủi sự vồn vã ân cần của hắn mà bà cho là tình bạn. Bà coi hắn là người anh chồng, nên trong quan hệ với hắn, bà cũng dễ hơn với những người khác.

Tên mục sư đến tìm tên hiệp sĩ. Sau khi đã chắc chắn chỉ có mình hai đứa với nhau, tên mục sư nói: -Hiệp sĩ này, hai anh em ta cùng yêu một người đàn bà, người đàn bà đó lại là vợ em trai chúng ta. Tôi có thể làm chủ được mối dục vọng của tôi cho nên tôi có thể hi sinh nó mà nhường cho anh vì tôi thấy hình như anh có ưu thế hơn tôi. Vậy anh cố gắng xác minh mối tình đó mà tôi tin là người đàn bà ấy có với anh. Đến ngày anh đạt tới mục tiêu ấy, tôi xin rút lui hoàn toàn. Nếu không, tức anh thất bại, anh hãy vui lòng rút lui nhường chỗ đó cho tôi. Đến lượt tôi sẽ thử xem có thật trái tim ấy là không thể chiếm được như người ta nói không?

Tên hiệp sĩ không bao giờ dám nghĩ là hắn có khả năng chiếm được người phụ nữ ấy, nhưng khi thấy em trai mình không vì lợi ích cá nhân, đã làm trỗi dậy ý nghĩ là mình có thể được yêu. Thế là tất cả những gì có tính chất máy móc về tình yêu và về tính tự ái trong con người hắn nhẩy chồm lên ôm lấy ý kiến đó, hắn bắt đầu tăng gấp đôi sự chăm sóc và ve vãn em dâu. Về phần bà hầu tước, bà chẳng hề bao giờ có ý nghĩ xấu, cho nên lúc đầu bà còn vui vẻ tiếp đón tên hiệp sĩ và càng khinh bỉ tên mục sư. Nhưng chẳng bao lâu, tên hiệp sĩ bày tỏ rõ ràng hơn. Bà hầu tước kinh ngạc, lúc đầu còn nghi ngờ, để cho hắn bày tỏ cụ thể ý định của hắn. Thế là bà liền ngăn hắn lại bằng vài lời nói nặng nề như đã làm với tên mục sư.

Trận thất bại ấy làm cho tên hiệp sĩ hết hy vọng vì hắn làm gì có ý chí quyết tâm như em trai, hắn liền đi thú thật hết với tên mục sư. Tên này chỉ đợi có thế, trước hết là thỏa mãn được lòng tự ái của y, sau nữa là y bắt tay vào thực hiện ý đồ của mình. Y nhào nặn sự xấu hổ của tên hiệp sĩ thành một mối hận thù. Và sau khi tin chắc là có được sự hỗ trợ của tên hiệp sĩ và cả là đồng lõa nữa, y bắt đầu chiến dịch chống bà hầu tước.

Mỗi một ngày bà hầu tước lại thấy chồng bà lạnh nhạt với mình hơn. Mặc dù sự dò xét là vô hình, bà cũng cảm thấy mình bị bao vây cả đến sinh hoạt thầm kín. Còn về hai tên mục sư và hiệp sĩ, chúng vẫn cứ thế. Tên mục sư che giấu mối hận thù của y dưới một nụ cười quen thuộc. Còn tên hiệp sĩ giấu mối giận hờn dưới một vẻ lạnh nhạt và cứng nhắc mà những con người tầm thường hay dùng mỗi khi tính kiêu căng bị thương tổn.

Cùng ngay thời gian ấy, ông ngoại của bà hầu tước mất. Thêm vào tài sản của bà vốn đã khá giả, một tài sản mới trị giá sáu bảy trăm nghìn livrơ.

Theo luật La Mã còn thịnh hành thời bấy giờ, món tài sản tăng thêm vào tay bà hầu tước ấy là tài sản ngoài của hồi môn, nghĩa là nó đến sau khi cưới nên không thuộc vào của hồi môn, người đàn bà có toàn quyền sử dụng và hưởng lợi tức. Người chồng chỉ được quyền ấy khi vợ nhượng cho hoặc bằng di chúc.

Vài ngày sau khi bà hầu tước được hưởng gia tài to lớn của ông ngoại, chồng bà và các anh chồng thấy bà mời một chưởng khế tới để xác lập quyền lợi của bà, hành động đó chứng tỏ gia đình nhà chồng chẳng được hưởng gì vào đấy.

Vào thời kỳ đó, một sự kiện lạ lùng xảy ra. Trong một bữa ăn của nhà hầu tước, người ta phục vụ món kem để tráng miệng, tất cả những người ăn món kem đó đều bị đau bụng. Ông hầu tước và hai người anh không ăn nên không việc gì. Món kem bị nghi ngờ là nguyên nhân gây ra bệnh, nhất là bà hầu tước đã ăn hai lần, chỗ còn thừa được mang ra phân tích và được xác nhận là trong có chất độc ácxênich (thạch tín). Nhưng do pha lẫn với sữa là chất khử độc, nên tác dụng của chất độc không còn mấy. Vì tai họa không trầm trọng nên người ta đổ lỗi cho nhà

bếp đã nhầm lẫn ácxênich với đường, nên mọi người bỏ qua hoặc hình như bỏ qua.

Nhưng rồi dần dần ông hầu tước có vẻ nhích lại gần với vợ. Tuy nhiên, lần này bà hầu tước không để mình bị mắc bịp nữa. Bà đã nhìn thấy bàn tay ích kỷ của tên mục sư, nó đã xúi em trai là bảy trăm nghìn livrơ thêm vào gia đình cũng bõ công bỏ qua một số vụn vặt.

Vào mùa thu cả nhà đến ở Găng, một thành phố nhỏ ở phía Lănggôđốc. Mặc dù là vấn đề thông thường vì ông hầu tước là lãnh chúa ở thành phố đó và có một lâu đài ở đấy, thế mà lúc nghe thấy chồng báo tin đó, bà hầu tước thấy rùng mình một cách đặc biệt. Bỗng nhiên bà nhớ tới lời tiên tri. Lại mới đây vụ âm mưu bỏ thuốc độc càng làm bà lo sợ thêm. Nhưng không dám khẳng định và nghi ngờ hai người anh chồng, nhưng bà cảm thấy họ là những kẻ thù khốc liệt.

Cuộc hành trình sang một thành phố nhỏ để tạm trú trong một lâu đài biệt lập ấy, chẳng có dấu hiệu gì là tốt lành cả. Nhưng có phải vì những lý do đó mà từ chối được sao? Bà hầu tước không dám thú thật mối lo sợ của mình vì như vậy là buộc tội chồng và các anh chồng. Vả lại lấy chứng cớ nào mà buộc tội họ? Vụ kem có thuốc độc không phải là một bằng chứng được xác minh.

Tuy vậy bà cũng thấy trước khi từ giã Avinhông, cần thiết phải làm một tờ di chúc mà từ ngày ông ngoại mất, bà đã có ý định làm. Một vị chưởng khế được mời đến để tiến hành làm việc đó. Mẹ bà hầu tước được là người thừa kế bao quát và quản lý di sản cho đến khi hai đứa con của bà hầu tước đến tuổi trưởng thành sẽ trao lại cho chúng. Hai đứa con ấy, một đứa là trai sáu tuổi và một gái năm tuổi.

Nhưng như thế bà hầu tước vẫn còn cảm thấy chưa yên tâm vì bà bị một ấn tượng sâu sắc là không thể còn sống sau cuộc hành trình này. Đêm hôm đó bà bí mật triệu tập các vị thẩm phán ở Avinhông và nhiều người thuộc những gia đình cao cấp của thành phố. Trước mặt họ, bà tuyên bố một cách rõ ràng là trong trường hợp bà bị chết, bà đề nghị các vị làm chứng có mặt tại đây chỉ công nhận là thực, là tự nguyện, là tự chủ. Ngoài tờ di chúc mà bà ký hôm nay, tất cả những di chúc ký sau chỉ được coi là giả tạo do cưỡng bức hoặc do mưu kế. Tuyên bố xong, bà viết lại tờ di chúc và ký tên trước mặt mọi người làm chứng ấy mà bà coi là những người bảo vệ nó.

Hôm sau, trước ngày khởi hành đi Găng, bà đến thăm tất cả những nhà từ thiện, những tổ chức tôn giáo, tới đâu bà cũng tặng những món tiền lớn để cầu phúc cho bà. Buổi tối bà đi chào vĩnh biệt tất cả những bạn bè thân thiết với tình cảm và nước mắt như gặp gỡ nhau lần cuối cùng. Suốt đêm đó bà cầu nguyện và khi chị hầu phòng vào đánh thức, chị thấy bà vẫn quỳ nguyên tại chỗ mà bà đã quỳ hồi đêm.

Mọi người khởi hành đi Găng. Trên đường đi không xẩy ra sự cố gì. Đến lâu đài, bà hầu tước gặp bà mẹ chồng, một người đàn bà hoàn toàn cao quí và ngoan đạo. Sự gặp mặt ấy, dù chỉ trong chốc lát, cũng làm bà yên tâm đôi chút. Người ta để dành cho bà một căn phòng thuận tiện và lịch sự nhất trong lâu đài, các tiện nghi đã được xếp đặt từ trước. Phòng ở gác một và trông xuống một cái sân, bốn bề đều là những chuồng ngựa.

Ngay tối hôm đầu, bà phải ngủ ở đấy, bà đã thăm dò căn buồng rất kỹ. Bà kiểm tra bốn bức tường, khám xét những tấm thảm, không thấy chỗ nào đáng phải lo ngại.

Thế rồi sau một thời gian, bà mẹ của hầu tước dời khỏi Găng để quay về Môngpeliê. Hai hôm sau nữa ông hầu tước nói có việc bận gấp buộc phải đi Avinhông, và ông từ biệt lâu đài.

Vậy là bà hầu tước ở lại một mình với tên mục sư, tên hiệp sĩ và một giáo sĩ tư tế tên là Peret đã phục vụ gia đình đó từ hai mươi nhăm năm nay, số gia nhân còn vài người.

Khi mời đến lâu đài, bà hầu tước đã quan tâm đến việc xã giao trong thành phố. Sự thận trọng đó không phải là vô ích.

Đáng lẽ chỉ phải qua mùa thu ở Găng, nhưng bà hầu tước lại nhận được thư chồng buộc bà phải ở lại đây cả mùa đông nữa. Trong thời gian đó hai tên mục sư và hiệp sĩ có vẻ như đã hoàn toàn quên hết những ý đồ đầu tiên của chúng đối với bà và đã trở thành những người anh kính trọng và biết quan tâm đến em dâu.

Một hôm, tên mục sư bước vào phòng bà khá đột ngột để gặp bà, không cho bà có đủ thời gian lau nước mắt. Bắt được quả tang như vậy để dễ có điều kiện tâm sự. Bà hầu tước thú thật bà không có chút hạnh phúc nào trên đời chừng nào chồng bà còn đối xử với bà xa lánh và thù địch. Tên mục sư cố gắng an ủi bà. Trong những câu an ủi, hắn nói rằng tất cả nỗi buồn sầu ấy đều do nguyên nhân tại bà, rằng chồng bà đã có thể bị tổn thương vì không được bà tin cậy, dẫn chứng là việc làm di chúc vừa rồi, càng bị mất thể diện vì nó làm công khai và chừng nào tờ di chúc còn tồn tại, bà sẽ không hy vọng gì được chồng bà quay trở lại.

Lần này câu chuyện dừng lại ở đây.

Vài ngày sau, tên mục sư lại vào buồng bà hầu tước, tay cầm một bức thư mà hắn nói là vừa nhận được của em trai hắn. Bức thư đề ngoài là thư riêng, nội dung đầy những lời lẽ than phiền dịu dàng về thái độ của vợ đối với mình, mỗi một câu lại chứa đựng một tình cảm sâu sắc.

Đầu tiên bà hầu tước rất xúc động về bức thư đó, nhưng sau khi đã suy nghĩ kỹ về thời gian từ cuộc giải thích của tên mục sư đến bức thư, bà thấy có đủ thì giờ để chồng bà biết tin. Bà chờ đợi những tin tức mới để được bảo đảm hơn.

Trong khi đó, lấy cớ là để giảng hòa giữa hai vợ chồng, tên mục sư hàng ngày đến thúc giục bà về tờ di chúc. Trong những lần thúc giục ấy, bà hầu tước cảm

thấy có vấn đề đáng lo ngại. Bà bắt đầu lại thấy những nỗi kinh hoàng trước đây tràn ngập trong lòng. Sau cùng bị tên mục sư thúc đẩy gay gắt quá, bà nghĩ rằng sau khi đã làm sự việc thận trọng ở Avinhông rồi, một tờ viết lại cũng sẽ chẳng có tác dụng gì nữa, vậy nên nhượng bộ hơn là giữ căng thẳng với con người đã làm bà bao phen phải kinh hoàng.

Tới khi hắn trở lại vấn đề đó, bà liền trả lời bà sẵn sàng tặng chồng thứ bằng chứng ấy về tình yêu của bà. Bà cho đi mời một chưởng khế ở Găng. Trước mặt tên mục sư và tên hiệp sĩ, bà viết một tờ di chúc mới giao quyền thừa kế bao quát cho chồng. Tờ di chúc thứ hai này đề ngày 5 tháng 5 năm 1667.

Hai anh em tên mục sư tỏ vẻ rất vui mừng với bà hầu tước vì thấy nguyên nhân của sự bất hòa giữa hai vợ chồng thế là được xóa bỏ. Vài ngày trôi qua trong niềm hy vọng ấy thì một bức thư của ông hầu tước đến báo tin ông sắp trở về Găng.

Ngày 16 tháng 5, bà hầu tước quyết định uống thuốc vì bà thấy hơi bị đau từ hai tháng nay. Bà báo tin cho người dược sĩ biết và yêu cầu ông pha chế cho một liều thuốc tùy theo ý ông, hôm sau gửi cho bà. Sáng hôm sau, theo giờ đã hẹn, liều thuốc uống được gửi đến. Nhưng bà thấy nó đen và đặc quá nên không dám uống. Bà liền mở tủ lấy ra mấy viên thuốc, tuy là không công hiệu bằng, nhưng vốn thường dùng nên không có gì phải lo ngại.

Sau giờ bà hầu tước dùng thuốc, hai anh em tên mục sư cho người đến hỏi thăm sức khỏe, bà trả lời là bà khỏe và mời chúng đến dự một bữa ăn phụ vào bốn giờ chiều do bà tổ chức để chiêu đãi một số các bà bạn ở ngoài phố.

Một giờ sau hai anh em tên mục sư lại cho người đến hỏi thăm sức khỏe bà một lần nữa, bà chẳng cần chú ý đến phép lịch thiệp quá mức ấy, bà trả lời chúng như lần trước.

Bà hầu tước phải nằm trên giường để tiếp các bạn đến dự bữa ăn, bà vui vẻ hơn bao giờ hết. Đến giờ hẹn, các khách ăn tới, hai anh em tên mục sư cũng có mặt. Mọi người được mời vào bàn ăn. Tên mục sư ngồi vào bàn, còn tên hiệp sĩ ngồi tỳ người vào chân giường. Tên mục sư có vẻ đăm chiêu, còn tên hiệp sĩ nhìn trừng trừng vào em dâu, hắn thấy em dâu xinh đẹp hơn bao giờ hết.

Khi bữa ăn kết thúc, mọi người ra về. Tên mục sư tiễn đưa các bà, còn tên hiệp sĩ ở lại với em dâu. Khi tên mục sư vừa ra khỏi, bà hầu tước thấy tên hiệp sĩ mặt tái mét và đang đứng hắn phải ngồi phịch xuống chân giường. Bà thắc mắc hỏi hắn vì sao, nhưng trước khi hắn trả lời, bà đã phải chú ý sang phía khác.

Tên mục sư cũng tái mét và cũng rã rời như tên hiệp sĩ, bước vào buồng, một tay cầm cốc, tay kia cầm khẩu súng ngắn, hắn đóng cửa buồng lại và vặn hai vòng khóa. Thấy thế bà hầu tước hốt hoảng nhổm nửa người trên giường, nhìn mà không nói được một câu, không thốt ra được một lời.

Tên mục sư lại gần bà, cặp môi hắn run run, tóc hắn dựng ngược, hai mắt nảy lửa, hắn giơ cho bà cái cốc và khẩu súng ngắn, và nói sau một lúc im lặng rợn người: -Bà hãy chọn lấy một thứ, thuốc độc, gươm (hắn ra hiệu cho tên hiệp sĩ rút gươm ra) hoặc súng.

Bà hầu tước đã có hy vọng lúc thấy tên hiệp sĩ rút gươm ra tưởng hắn lại cứu mình, nhưng rồi biết ngay là mình lầm. Bà đã thấy mình ở giữa hai người đàn ông đang đe dọa. Bà trườn xuống giường và ngã quì xuống.

-Thôi đủ rồi, – Tên mục sư nói tiếp – Bà tự quyết định nhanh lên, nếu không chúng tôi sẽ quyết định hộ.

Bà hầu tước quay lại một lần nữa về phía tên mục sư, trán bà chạm phải nòng súng, bà hiểu ngay là mình phải chết và chọn loại chết nào đỡ ghê nhất, bà nói: -Vậy cho tôi uống thuốc độc và cầu Chúa tha tội cho các ông về cái chết oan uổng của tôi.

Nói xong bà cầm lấy cái cốc, nhưng khi nhìn thấy trong cốc nước đen xì và đặc quá bà khiếp sợ và muốn thử lại lần nữa, nhưng một câu chửi dữ tợn của tên mục sư và một cử chỉ đe dọa của tên hiệp sĩ làm cho tia hy vọng cuối cùng của bà tắt ngấm. Bà đưa cốc lên môi và lẩm bẩm một lần cuối cùng.

-Lạy Chúa, xin Chúa hãy thương lấy con!

Và bà đưa cốc lên môi uống cạn. Một vài giọt nước đen rơi vãi xuống ngực và đốt cháy da bà ngay tức khắc như chạm vào hòn than hồng. Tưởng không còn bị ép buộc nữa, bà buông cốc rơi xuống đất.

Bà lầm, tên mục sư nhặt cốc lên và nhận thấy ở đáy cốc còn có thuốc lắng xuống, hắn liền lấy một cái thìa con vét hết chỗ lắng đọng, được độ bằng hạt dẻ, hắn đưa cho bà hầu tước và nói: -Này bà, hãy nuốt hết chỗ cặn này đi!

Bà hầu tước đành phải chịu, bà há miệng ra, nhưng đáng lẽ nuốt nó, bà giữ lại trong miệng, bà kêu lên một tiếng và ném mình vào trong đống chăn. Lợi dụng cơ hội đó bà nhè chỗ cặn thuốc ra chăn không để cho hai tên sát nhân biết, rồi quay lại phía chúng bà nói: -Nhân danh Chúa! Các ông đã giết chết phần xác tôi, còn phần hồn mong các ông để cho nó yên. Vậy các ông gọi đến cho tôi một giáo sĩ rửa tội.

Dù chúng có độc ác đến đâu, một cảnh tượng như vậy hẳn cũng đã bắt đầu làm chúng mệt mỏi. Vả lại sau khi đã uống như vậy cũng đủ chết rồi, bà chỉ còn có thể sống được ít phút nữa thôi, cho nên chúng chấp thuận yêu cầu đó và đi ra đóng cửa lại sau lưng chúng. Nhưng khi vừa thấy chỉ còn một mình, điều kiện chạy trốn đã có thể được, bà liền chạy ra cửa sổ, nó chỉ cao hơn mặt đất hai mươi hai piê, trông ra một mảnh đất đầy đá tảng.

Lúc bấy giờ bà hầu tước chỉ mặc có độc một chiếc áo lót mình, bà vội mặc thêm một chiếc váy. Trong lúc bà đang cài khuy đã nghe thấy tiếng bước chân đang tiến lại gần buồng mình. Bà cho đó là hai tên sát nhân đã quay lại để kết

liễu đời mình, bà liền chạy như điên cuồng ra phía cửa sổ. Lúc bà vừa đặt chân lên thành cửa sổ, cửa buồng mở ra. Bà hầu tước chẳng còn tính toán gì nữa, bà lao ra ngoài, đầu đi trước. May thay người mới đến chỉ là tên giáo sĩ tư tế, hắn kịp thời giơ tay ra nắm được cái váy. Cái váy mỏng manh nên không đủ sức giữ được trọng lượng của người, nó rách toạc ra, tuy nhiên nó cũng đủ sức thay đổi chiều hướng rơi của thân thể. Đáng lẽ bà rơi xuống vỡ đầu, lại rơi chân xuống trước nên chỉ bị đau chân. Mặc dù bị ngã choáng váng, bà cũng trông thấy có vật gì đang lao xuống sau mình, bà liền nhẩy một bước sang bên cạnh. Đó là cái bình đầy nước mà tên giáo sĩ đã ném theo bà sau khi thấy bà đã thoát được tay hắn. Bình vỡ tan cạnh chân không làm bà bị thương. Và tên giáo sĩ thấy mình ném trượt liền chạy về phía sau để báo tin cho hai anh em tên mục sư biết nạn nhân đã chạy trốn.

Còn về bà hầu tước, lúc vừa đứng lên được, bà đã có được một sự nhanh trí đáng phục: bà cho nắm đuôi tóc của mình vào trong cổ họng và ngoáy liền mấy cái để cố làm cho nôn ra. Cũng may mà trong bữa ăn thết khách ban chiều bà đã ăn khá nhiều, lượng thức ăn đó đã làm bà dễ nôn, nhất là ngăn chặn một phần tác dụng của thuốc độc. Những thứ bà vừa tống ra có một con lợn thả rông ăn phải liền chết ngay tại chỗ.

Như chúng tôi đã nói, căn phòng trông ra một cái sân. Cái sân đó bị bao quanh bởi những chuồng ngựa, cho nên khi bà hầu tước lao ra được tới sân, bà tưởng như lại bị rơi vào một nhà tù mới. Nhưng lập tức bà trông thấy có ánh lửa le lói trong một chuồng ngựa, bà vội chạy lại đấy và trông thấy một người chăn ngựa đang chuẩn bị đi ngủ. Bà khẽ kêu lên: -Anh bạn ơi! Nhân danh Chúa, cứu tôi với! Tôi bị bỏ thuốc độc: Người ta muốn giết tôi! Mong anh rủ lòng thương tôi, hãy mở cửa ra để tôi chạy trốn.

Người chăn ngựa không hiểu hết lời nói của bà, nhưng thấy một người đàn bà đầu tóc rối bù, gần như trần truồng đang cầu cứu mình, anh liền bế bà lên đưa qua chuồng ngựa ra ngoài phố. Lúc ấy có hai người phụ nữ đi qua, anh liền giao bà cho hai người đó mà chẳng giải thích được gì. Còn bà chỉ nói được mấy câu: "Hãy cứu tôi với! Người ta muốn giết tôi! Nhân danh Chúa, hãy cứu tôi với!"

Bỗng nhiên bà giật ra khỏi tay hai người phụ nữ đó và cắm đầu chạy như điên cuồng: bà vừa thoáng thấy cách bà hai chục bước, trên bậc cửa mà bà vừa đi ra, hai tên sát nhân của bà đang đuổi theo. Thế là chúng lao theo bà. Bà kêu bà bị đầu độc, chúng kêu bà là con điên. Dân chúng đi hai bên đường chẳng hiểu phải trái ra sao, chỉ biết giãn ra cho nạn nhân chạy và cho lũ sát nhân đuổi theo. Sự khiếp đảm làm cho bà có một sức mạnh phi thường. Người đàn bà ấy xưa nay chỉ quen đi trong những đôi giày bằng lụa, trên những tấm thảm nhung, bây giờ chạy chân không đẫm máu trên đường rải đá sỏi, vừa chạy vừa kêu cứu mà chẳng có ai đáp ứng cả.

Cuối cùng tên hiệp sĩ đuổi kịp, nó cản bà lại và lôi bà vào một ngôi nhà gần nhất, mặc bà la hét. Hắn đóng cửa lại, tên mục sư đứng chặn cửa, tay cầm súng ngắn dọa bắn vỡ sọ kẻ nào cả gan đến gần.

Căn nhà mà tên hiệp sĩ lôi bà hầu tước vào là của ông Đêpra. Lúc này ông đang đi vắng, bà vợ ông đang tiếp một số bạn gái. Bà hầu tước và tên hiệp sĩ vẫn giằng co nhau bước vào buồng khách. Nhiều bà khách đã từng tham gia phòng khách của bà hầu tước nên biết bà. Thấy bà trong tình trạng như thế, nhiều bà đứng lên chạy lại giúp bà. Nhưng tên hiệp sĩ đẩy các bà đó ra và nhắc lại là bà ấy đang lên cơn điên. Để trả lời câu vu khống đó mà trạng thái bề ngoài của mình rất giống với người điên, bà hầu tước liền chìa cổ mình bị bỏng và cặp môi đen xì, và xoắn hai tay vào nhau đau đớn, bà kêu lên là bà bị đầu độc và sắp chết, bà van nài xin một cốc sữa hoặc ít nhất cũng một cốc nước. Bà Brunen đứng gần đấy liền luồn vào tay bà một hộp kẹo viên, nhân lúc tên hiệp sĩ quay đi, bà nuốt vội được vài viên; đồng thời một bà khác đưa cho bà cốc nước, nhưng vừa lúc bà đưa cốc lên miệng, tên hiệp sĩ liền giơ tay đập vỡ cốc trước hai hàm răng bà, một mảnh làm toạc môi. Tức thì các bà khách liền phẫn nộ muốn lao vào tên hiệp sĩ để tước vũ khí của nó, nhưng bà hầu tước lại sợ làm như vậy nó sẽ nổi nóng nên bà đề nghị để cho bà được nói chuyện một mình với nó. Tên hiệp sĩ chỉ mong có thế. Tất cả mọi người rút sang buồng bên cạnh.

Khi chỉ còn lại hai người, bà hầu tước chắp hai tay lại quì xuống trước mặt nó rồi dùng một giọng dịu dàng và tha thiết nhất để nói với nó: -Anh thân mến, nếu anh rủ lòng thương em, để cho em được sống, em xin thề có Chúa chứng giám em sẽ không hề bao giờ nghĩ đến sự việc vừa xẩy ra và sẽ mãi mãi coi anh là cứu tinh của em, là một người bạn tốt của em.

Bỗng nhiên bà hầu tước thét lên một tiếng và đưa hai tay lên ôm lấy ngực bên phải, trong lúc bà đang nói, tên hiệp sĩ đã rút gươm ra mà bà không biết, gươm của nó rất ngắn và đã sử dụng như dao găm, nó đâm vào ngực bà, tiếp theo là nhát thứ hai trúng vào xương bả vai nên không sâu lắm. Bị hai nhát đâm ấy, bà hầu tước vùng chạy trốn vào phía cửa buồng khách là nơi có các bà khách, vừa chạy bà vừa kêu: -Cứu tôi với, nó giết tôi!

Nhưng trong thời gian bà chạy tới cửa buồng, tên hiệp sĩ đã đâm cho bà thêm năm nhát nữa vào lưng. Có thế là nó còn muốn đâm thêm nữa nếu nhát cuối cùng không bị gẫy, và nhát đó nó đâm quá mạnh đến nỗi mẩu gươm gẫy còn cắm sâu trong vai. Bà hầu tước ngã úp xuống mặt đất, bơi trong vũng máu lênh láng.

Tên hiệp sĩ tưởng đã giết chết bà rồi. Nghe thấy tiếng các bà khách chạy lại, nó liền lao ra khỏi buồng. Tên mục sư vẫn còn đứng trên bậc cửa, tay cầm khẩu súng ngắn, nó kéo tay đi và nói: -Mục sư à, việc đã xong rồi.

Hai tên sát nhân vừa chạy được vài bước trong phố thì một cửa sổ mở toang ra, các bà khách đã trông thấy bà hầu tước sắp chết, liền kêu cứu. Nghe tiếng kêu,

tên mục sư liền dừng lại và nắm tên hiệp sĩ kéo lại hỏi: -Này hiệp sĩ, lúc nãy anh nói thế nào? Nếu người ta kêu cứu tức là nó chưa chết.

-Theo tao thì tao đã làm xong phận sự của tao rồi. Bây giờ đến lượt mày trở lại mà xem.

-Đúng là tôi định như vậy.

Nói xong nó lại lao vào trong nhà, bước nhanh vào buồng đúng lúc các bà khách đang nâng bà hầu tước lên một cách khó khăn, vì bà yếu quá không còn sức với bản thân nữa. Tên mục sư gạt các bà ra, sán đến gần bà hầu tước, nó tỳ nòng súng vào ngực bà, nhưng lúc nó sắp bóp cò thì bà Brunen, người đã cho hộp kẹo, liền nâng nòng súng lên. Viên đạn đáng lẽ xuyên qua ngực bà hầu tước thì lại cắm lên trần. Tên mục sư liền cầm ngược nòng súng và giáng một đòn thật mạnh lên đầu bà Brunen làm bà lảo đảo suýt ngã. Nó định giáng tiếp một đòn nữa, nhưng các bà đã xúm cả vào, vừa nguyền rủa, vừa đẩy nó ra ngoài và đóng cửa lại. Lập tức hai tên sát nhân lợi dụng ban đêm trốn thoát ra khỏi thành phố Găng và chúng đến Obơnca cách đấy một dặm lúc mười giờ đêm.

Trong khi đó các bà khách chăm sóc bà hầu tước. Trước hết họ định đặt bà lên giường, nhưng vì mẩu gươm gẫy còn ở lưng không thể làm thế được. Người ta thử rút nó ra nhưng không được vì nó cắm sâu vào trong xương. Lập tức bà hầu tước hướng dẫn cho bà Brunen cách làm: ngồi lên giường, hai tay nắm chặt lấy mẩu gươm, hai đầu gối tì lên lưng giật mạnh một cái. Phương pháp đó thành công và bà hầu tước nằm được lên giường. Lúc ấy vào khoảng chín giờ tối. Như vậy là tấn thảm kịch đó đã diễn ra trong ba giờ.

Viên lãnh sự ở Găng được tin báo cáo về sự việc xảy ra, bắt đầu tin thực sự là một vụ ám sát, ông thân chinh đi tới cùng với một người lính.

Vừa trông thấy hai người đi vào, bà hầu tước hoảng sợ, tưởng hai tên sát nhân lại đến, bà dùng hết sức nhổm người trên giường chắp hai tay vào nhau cầu xin được che chở. Ông lãnh sự liền nói mấy câu để bà yên lòng, ông cho lính gác đứng canh khắp các cửa ra vào trong khi cho người hỏa tốc đi mời bác sĩ ở Môngpeliê. Ông báo cho ông Tritträng, quân cảnh trưởng ở Lănggờđốc biết về vụ ám sát và tên tuổi diện mạo hai tên sát nhân. Lập tức ông quân cảnh trưởng cho người đi truy lùng, nhưng chậm quá rồi. Ông biết tin hai tên giết người đã ngủ đêm ở đấy hôm đó. Chúng đã mắng chửi nhau về sự vụng về và suýt nữa thì bóp cổ nhau. Sau đó chúng ra đi trước lúc trời sáng và đã xuống tầu ở gần Atđe.

Ông hầu tước Găng đang ở Avinhông để theo đuổi một cuộc kiện cáo. Ông kiện người đầy tớ của ông đã lấp cắp một số tiền là hai trăm êcu, ông nhận được tin về tấn thảm kịch trong gia đình. Lúc nghe người liên lạc kể chuyện lại, ông tái người đi một cách ghê gớm, nguyền rủa hai người anh và thề rằng chúng sẽ không có đao phủ nào khác ngoài ông.

Tuy rất thắc mắc về tình trạng của vợ, ông hầu tước để đến mãi trưa hôm sau mới về. Tới Găng đã bốn ngày sau vụ ám sát, ông tới nhà ông Đêpra xin được vào thăm vợ. Được tin chồng về, bà hầu tước đồng ý tiếp ngay. Ông đi vào buồng, nước mắt nước mũi đầm đìa, bứt tóc bứt tai, tỏ vẻ hết sức thất vọng. Nhưng lúc còn lại một mình với vợ, ông liền nói với bà là ông về để đề nghị bà thủ tiêu lời tuyên bố của bà ở Avinhông trước mặt các vị thẩm phán và các bạn bè quí tộc, nếu không tờ di chúc của bà mới viết ở Găng mà tên mục sư đã chuyển cho ông sẽ không có giá trị. Nhưng về điểm này bà hầu tước rất là cương quyết, bà tuyên bố rằng gia tài của bà là để dành cho các con. Đối với bà điều đó là thiêng liêng, bà không thể thay đổi được việc đã làm ở Avinhông. Đó là tình cảm chân chính và cuối cùng của bà.

Mặc dù bị vợ từ chối, ông hầu tước vẫn tiếp tục ở lại gần vợ và phục vụ bà với tất cả chăm sóc của người chồng tận tâm.

Thầy thuốc tuyên bố bà rất yếu không đủ sức chịu đựng một cuộc di chuyển về nhà bà, điều đó rất nguy hiểm. Vậy là bà hầu tước chỉ còn nghĩ đến cái chết, tâm trí bà đều tập trung vào những điều thiêng liêng. Bà yêu cầu được làm lễ thánh thể. Trong khi chờ đợi, bà lại một lần nữa xin lỗi chồng và tha thứ cho các anh chồng. Thái độ lúc đó của bà rất hiền dịu, cộng với sắc đẹp làm cho bà có vẻ thần tiên. Tuy vậy, lúc cha cố bước vào để làm lễ, thái độ của bà lại đột nhiên thay đổi, bộ mặt của bà lộ ra vẻ hãi hùng hoảng sợ. Bà vừa nhận ra cha cố ấy là tên Peret khốn kiếp đồng lõa với tên mục sư, nó đã ném cái bình nước toan hại bà, nó đã chạy đi báo cho hai tên sát nhân đuổi theo bà.

Nhưng rồi bà lấy lại được bình tĩnh ngay. Thấy tên cha cố chẳng chút hối hận bước lại gần giường, bà không muốn tố cáo hắn gây chuyện ầm ỹ mà làm gì trong một khu như thế này. Tuy nhiên bà cũng ghé vào tai hắn nói: -Thưa cha, tôi mong rằng để nhớ tới điều đã xẩy ra và để xóa bỏ những nỗi lo sợ mà tôi có quyền có, cha không nên khó khăn mà không chia xẻ với tôi tấm bánh thánh, vì tôi thường nghe nói rằng trong bàn tay những kẻ tàn bạo, xác của đức chúa Jêsu của chúng ta đã trở thành tượng trưng cho cái chết.

Tên cha cố cúi đầu tỏ vẻ đồng ý. Bà hầu tước chịu lễ ban thánh thể như vậy. Bà cầm chiếc bánh thánh chia nhau với một trong những kẻ đã giết bà để làm chứng bà đã tha tội cho nó cũng như cho những tên kia. Bà cầu xin Chúa và loài người tha tội cho chúng như bà đã làm.

Những ngày sau trôi đi và bệnh tình bà không thấy trầm trọng thêm. Như vậy là mọi người đã hy vọng, chỉ trừ có bà, bà hiểu tình trạng của mình hơn ai hết, bà không một lúc nào có ảo tưởng ấy. Bà giữ con trai bà, lúc bấy giờ lên bẩy tuổi, luôn luôn ở bên giường bà, lúc nào cũng nói với nó phải nhìn mẹ nó thật kỹ vào để nó nhớ đến bà suốt đời và không bao giờ quên cầu nguyện cho bà.

Ngày 3 tháng 5, ông Catalăng nghị sĩ ở Tuluzơ đến Găng với tất cả nhân viên cần thiết để làm việc. Nhưng tối hôm ấy ông không gặp bà hầu tước được vì bà đang ngủ một giấc như trong cơn ngất, như vậy bà sẽ không được sáng suốt để khai báo. Ông đành phải chờ đến sáng hôm sau.

Hôm sau ông nghị sĩ Catalăng đến nhà ông Đêpra. Mặc dù có hơi bị cản trở bởi những người chăm sóc bà, ông cũng vào gặp được bà. Bà tiếp ông với tinh thần tỉnh táo đáng ngạc nhiên làm ông nghị Catalăng tưởng hôm qua người ta có ý định cản trở ông tiếp xúc với nạn nhân. Lúc đầu bà hầu tước không muốn nói gì về sự việc đã xẩy ra vì bà không muốn vừa tha thứ vừa kết tội. Nhưng vì ông Catalăng bảo bà cần phải nói lên sự thật với luật pháp, nếu thiếu những tài liệu cụ thể, luật pháp sẽ lầm đường, có thể sẽ trừng trị oan những người vô tội, trong khi đó những kẻ có tội lại được thoát thân. Lý lẽ này làm cho bà hầu tước quyết định trong một giờ rưỡi sẽ kể hết những chi tiết của tấn thảm kịch.

Hôm sau ông Catalăng còn cần phải đến nữa, nhưng bệnh tình bà hầu tước xấu đi nhiều. Ông nhìn thấy tận mắt, không dám nài thêm sợ làm bà mệt, vả lại ông đã được biết hết những điều cần biết rồi.

Bắt đầu từ hôm đó bà bị đau đớn dữ dội. Mặc dù bà đã cố gắng chịu đựng đến cùng, bà cũng không thể kìm được những tiếng kêu la lẫn tiếng cầu nguyện. Cứ như thế qua ngày mùng bốn, sang một phần ngày mùng năm là ngày chủ nhật, vào quãng bốn giờ chiều bà thở hơi cuối cùng.

Ngay sau đó người ta cho mổ xác và các thầy thuốc xác nhận rằng nạn nhân chỉ chết vì thuốc độc. Trong bẩy vết đâm, không vết nào có thể gây chết người được. Người ta thấy dạ dầy và các ruột gan đều bị đốt cháy và bộ óc bị đen. Tuy vậy tờ biên bản viết, mặc dù thuốc độc đó có thể giết chết một con sư tử trong vài giờ, thế mà bà hầu tước đã chống đỡ được trong mười chín ngày.

Cũng ngay sau khi được tin cái chết của bà hầu tước, ông Catalăng cho lính đến lâu đài Găng bắt ông hầu tước, tên giáo sĩ và tất cả các người đầy tớ, chỉ trừ có người chăn ngựa đã giúp bà hầu tước chạy trốn. Viên chỉ huy đội lính đến bắt, thấy hầu tước đang đi dạo rất buồn rầu và xúc động trong một phòng lớn của lâu đài. Lúc biết tin mình bị bắt, ông không kháng cự chút nào. Như đã đợi sự việc đó từ trước, ông trả lời ông sẵn sàng tuân lệnh và mục đích của ông là theo đuổi những kẻ đã giết vợ ông đến cùng. Người ta hỏi chìa khóa buồng làm việc, ông giao ngay, và có lệnh lập tức giải ông và những tội phạm khác đến nhà tù Môngpeliê.

Ông Catalăng lập tức bắt đầu cuộc lấy khẩu cung. Ông hầu tước là người đầu tiên và phải tốn mười giờ. Rồi những tội phạm lại bị chuyển đến nhà tù Tuluzơ. Một đơn của bà Rốtxăng, mẹ đẻ bà hầu tước, tố cáo gay gắt các tội phạm. Bà phân tích một cách sáng suốt sự tham gia của ông hầu tước vào tội ác cùng với

hai người anh, nếu không bằng hành động thì cũng bằng tinh thần, bằng ý muốn và bằng ý chí.

Sự bảo vệ của ông rất đơn giản, ông đã bị thống khổ vì có hai người anh là hung thủ, chúng phạm trước hết vào danh dự, sau đến vào tính mạng của một người đàn bà mà ông yêu tha thiết. Chúng đã bắt bà phải chết một cách khủng khiếp, và để cho nỗi thống khổ được toàn vẹn, ông lại bị buộc vào tội tòng phạm mặc dù ông vô tội.

Qua các vụ thẩm xét, người ta chỉ có thể buộc cho ông hầu tước những tội về tinh thần. Những tội đó không đủ để kết tội tử hình.

Ngày 21 tháng 8 năm 1667 tòa án đã xét xử và kết tội đập chết hai tên mục sư và hiệp sĩ. Còn đối với ông hầu tước thì bị trục xuất vĩnh viễn khỏi vương quốc, tài sản bị tịch thu, chức quí tộc bị tước bỏ và không có khả năng kế thừa của cải của các con. Còn tên cha cố Peret bị kết án khổ sai chung thân sau khi đã bị tước hết các chức vụ về đạo giáo.

Vụ xét xử ấy đã gây một dư luận lớn không kém gì hồi xảy ra vụ án mạng, nó trở thành đề tài cho những cuộc thảo luận sôi nổi và gay gắt, ông hầu tước có phạm tội, đồng lõa hay không. Nếu không thì kết tội ông như vậy là quá nặng, nếu có thì xét xử như vậy là quá nhẹ.

Nữ Bá tước Đờ Xanhgierăng (1659)

Vào một buổi trưa cuối năm 1632 một tốp kỵ binh đi đến một làng nhỏ ở đầu Ovécnhơ về phía Pari. Nghe tiếng ồn ào, mọi người trong làng đổ xô ra xem và nhận ra ông quân cảnh trưởng đội Hiến binh cùng với các hiến binh. Trời nắng gay gắt, những con ngựa phủ đầy bụi, hình như mới từ một cuộc chinh phạt quan trọng trở về. Một người tách ra khỏi đội ngũ đi đến hỏi một bà già đứng trước cửa. Ở đây chỗ nào có quán trọ. Bà già và mấy đứa trẻ liền chỉ cho người đó một cái hình nút chai treo lơ lửng trước cửa một căn nhà độc nhất ở đầu phố của làng. Sau đó tốp người lại tiếp tục đi.

Bấy giờ người ta mới nhận thấy trong đám kỵ binh có một thanh niên trẻ, quần áo lịch sự và hình như là bị bắt. Phát hiện được như vậy, sự tò mò lại càng tăng, mọi người đi theo tốp kỵ binh đến tận quán trọ.

Các kỵ binh xúm lại quanh người thanh niên, một người giữ ngựa cho anh, và ông quân cảnh trưởng cũng kính nể nhường bước cho anh vào trong quán. Như vậy người ta cho rằng chắc hẳn là một tù nhân quan trọng và mọi người xì xào bàn tán.

Trong quán, tất cả mọi người đều nhộn nhịp. Bọn hầu bàn chạy từ hầm ra kho, ông chủ quán đang thúc các bọn hầu gái chạy sang các nhà láng giềng, bà chủ quán đang mắng cô con gái mình cứ dán mũi vào cửa kính để ngắm nhìn anh thanh niên đẹp trai.

Trong phòng chính của quán trọ có hai cái bàn, ông quân cảnh trưởng tiến lại bàn thứ nhất và để bàn thứ hai cho quân lính, lúc ấy họ còn đang cho ngựa vào chuồng, lần lượt từng người một. Rồi ông chỉ một chiếc ghế đẩu cho tù nhân ngồi xuống đối diện ông, ông kêu lên một tiếng mệt mỏi: -Úi chà! Tôi xin lỗi ông hầu tước về cái món rượu tồi mà tôi thết ông.

Anh thanh niên mỉm cười vui vẻ đáp: -Nói đến rượu làm gì, ông quân cảnh trưởng, nhưng tôi xin thú thật với ông là phải ở lại dọc đường thế này là tôi chán lắm mặc dù được đánh bạn với ông cũng thú vị đây. Tôi muốn kết thúc nhanh cái tình trạng lố bịch của tôi như thế này. Tôi mong được tới nơi để kết thúc ngay cái công việc ngu đần này.

Cô gái con ông chủ quán lúc ấy đã mang một cái bình rượu đến, nghe lỏm được mấy câu ấy, cô liền ngước cặp mắt tin tưởng lên nhìn tù nhân như muốn nói: “Em biết ngay là chàng vô tội mà!”

Tù nhân đưa cốc rượu lên môi rồi nói: -Rượu này cũng không đến nỗi tồi đâu, thưa ông quân cảnh – Rồi quay lại phía cô gái đang nhìn đôi găng tay của mình, nói tiếp – Chúc sức khỏe cô gái xinh đẹp.

Ông quân cảnh ngạc nhiên về thái độ ung dung ấy: -Vậy thì tôi xin lỗi ông về nơi trú chân này.

-Sao?– Hầu tước nói – Chúng ta ngủ lại ở đây à?

-Ông ạ! Chúng ta còn những mười sáu dặm đường phải đi nữa, người của chúng ta lại mệt lử rồi. Còn tôi, tôi xin tuyên bố là cũng không hơn gì con ngựa của tôi.

Hầu tước đập mạnh tay xuống bàn tỏ vẻ hết sức giận dỗi. Ông quân cảnh khó khăn nói tiếp: -Thưa hầu tước, xin ông hiểu cho rằng tôi cũng không mong gì hơn sự việc này được kết thúc sớm để ông được chóng thoát khỏi bàn tay pháp luật. Nhưng tôi đề nghị ông hãy suy xét đến hiện trạng của chúng ta. Về phần tôi hôm nay, tôi không thể ngồi thêm một giờ trên yên ngựa được nữa, và ngay cả ông, ông không thấy khốn khổ phải đi dưới ánh nắng gắt gao này sao?

-Quả có thế. – Hầu tước nói và làm bộ buông thõng hai tay xuống.

-Vậy thì chúng ta nghỉ thôi. Chúng ta cùng nhau chè chén ở đây và ngày mai tinh thần sảng khoái lại ra đi dưới bầu trời buổi sáng mát dịu.

-Thôi được. Nhưng chúng ta phải giết thì giờ thế nào cho xứng đáng chứ? Tôi còn hai đồng pittôn đây, xin đem thết mọi người. Như vậy cũng đúng thôi, vì tôi mà các bạn phải vất vả thế này.

Nói xong hầu tước ném hai đồng sang phía bàn bọn lính ngồi, họ liền vỗ tay và đồng thanh hô: "Hầu tước muôn năm!" Ông quân cảnh đứng lên đi ra ngoài cắt gác rồi xuống bếp đặt một bữa ăn sang nhất có thể có được.

Các cảnh binh vừa chơi thò lò vừa uống rượu. Hầu tước ngâm nga một bài hát ở giữa phòng, thỉnh thoảng đưa mắt nhìn ngang nhìn ngửa. Anh nhẹ nhàng rút một túi tiền nhét dưới giày ra và thấy cô gái con chủ quán đi đi lại lại, anh liền quàng tay lên cổ cô như để hôn cô và vừa nhét vào tay cô mười đồng Lu y, anh nói nhỏ vào tai cô: -Chìa khóa cửa buồng chính trong buồng anh và hai hũ rượu cho bọn lính gác, thế là em cứu được anh.

Cô gái đi giật lùi đến tận cửa và quay lại với cái nhìn có ý nghĩa và gật đầu như hiểu ý. Ông quân cảnh trở về và hai giờ sau bữa ăn được dọn lên. Ông ngồi ăn và uống như người ngồi ở bàn ăn vững hơn ngồi trên yên ngựa. Ông thấy hầu tước chẳng tiếc gì mình những cốc rượu tràn đầy, lim dim cặp mắt, thỉnh thoảng lại nhắc: -Mẹ kiếp, ông hầu tước ạ, tôi không thể tin được ông là một kẻ nham hiểm như người ta nói, mà là một con quỉ có tấm lòng tốt thì đúng hơn.

Hầu tước cho là ông đã say đến chết được rồi, hắn ngồi ve vãn cô con gái chủ quán. Nhưng hắn thất vọng biết bao lúc đến giờ đi ngủ thấy ông quân cảnh gọi người đội lên khẽ dặn dò mấy câu rồi lớn tiếng tuyên bố là ông có hân hạnh được đưa hầu tước đi ngủ và ông sẽ không đi nằm khi chưa làm nhiệm vụ đó. Quả nhiên cùng với ba người lính cầm đuốc, ông không nề hà đi xem xét căn buồng dành cho tù nhân rồi từ giã hầu tước với những lời chào kính mến.

Hầu tước để cả quần áo lên giường nằm, nghe thấy đồng hồ đánh chín tiếng, cả tiếng bước chân lính gác đi đi lại lại ngoài sân và trong chuồng ngựa.

Tuy nhiên, một giờ sau, mọi người mệt mỏi nằm ngủ yên ắng cả. Thế là tù nhân nhẹ nhàng trở dậy và lần tìm trên mặt lò sưởi, trên mặt bàn, đến cả trong chăn của hắn nữa, để có chiếc chìa khóa mà hắn hy vọng. Hắn không thể tin được là cô gái dịu dàng ấy lại bịp mình. Buồng hầu tước nằm có một cửa sổ trông xuống đường và một cửa ra vào mở ra một hành lang, tai ác bằng gỗ, nó có cầu thang đi xuống các phòng có đông người ở nhất. Hành lang này trông xuống sân, cũng có độ cao bằng cửa sổ. Hầu tước chỉ việc nhẩy xuống bên này hoặc bên kia, hắn đã nghĩ đến đấy từ lâu. Hắn định liều nhẩy xuống đường, gẫy cổ thì gẫy. Bỗng nhiên có hai tiếng khẽ gõ cửa. Hắn giật mình nghĩ thầm: "Ta thoát rồi", và mở cửa. Một bóng người lẻn vào trong buồng: cô gái run hết cả chân lẫn tay và không nói được một câu. Hắn liền an ủi cô bằng đủ các từ. Một lúc sau cô mới nói: -Ôi, thưa chàng, nếu chúng ta bị bắt quả tang, em sẽ chết mất.

-Phải, em sẽ giàu sang nếu em giúp anh thoát khỏi nơi đây.

-Chúa chứng giám cho em là em muốn thế lắm, nhưng em có một tin rất buồn…

Cô gái ngừng lại, nghẹn ngào cảm động giây lát. Hầu tước sốt ruột hỏi: -Cái gì vậy? – Trước khi đi ngủ, ông quân cảnh đã yêu cầu cha em phải nộp hết chìa khóa của tất cả các buồng và bắt phải thề độc là không còn giữ lại cái nào khác nữa. Hơn nữa, mỗi một cửa lại có một lính gác. Nhưng được cái họ mỏi mệt lắm rồi, em thấy họ thì thào với nhau như vậy và em đã cho họ uống rượu nhiều hơn chàng đã bảo em.

-Vậy họ sẽ ngủ. – Xung quanh vườn, phía ngoài ruộng có một chỗ hàng rào đã long, chỉ cần…

-Ngựa của anh ở đâu? – Trong chuồng cùng với những con khác.

-Anh sẽ nhẩy xuống sân.

-Thế thì ngã chết mất.

-Càng hay.

-Ôi, thưa chàng – Cô gái đau đớn hỏi – Chàng đã làm gì mà bị như thế này?

-Những việc điên rồ, không có gì cả, thế mà lại chạm đến tính mệnh của anh đấy. Chúng ta không nên để phí thời gian, anh đã quyết định rồi.

Hắn tiến một bước ra cửa, cô gái tìm cách giữ lại chẳng hiểu để làm gì, nhưng hắn cứ dứt ra và mở cửa. Ánh trăng chiếu sáng toàn bộ sân, không có một tiếng động nào. Hắn tiến ra tận đầu dầm gỗ và phân biệt được phía dưới có một đống phân khá cao. Cô gái làm dấu chữ thập. Hầu tước lại một lần nữa lắng tai nghe, hắn trèo lên chiếc dầm gỗ chuẩn bị nhẩy xuống thì bỗng nhiên, do điều kỳ diệu, có tiếng nói vọng lên, đó là hai tên kỵ binh tiếp tục câu chuyện và trao đổi

với nhau hũ rượu. Hầu tước nín hơi lần về cửa buồng mình. Cô gái còn đứng trên ngưỡng cửa, cô thều thào nói: -Em đã bảo mà, chưa đến lúc đâu.

-Em có con dao nhọn nào không? Anh muốn cho chúng mỗi đứa một nhát vào cổ họng.

-Em van chàng, hãy đợi một giờ nữa, chỉ một giờ nữa thôi là chúng sẽ ngủ say như chết hết.

Giọng nói của cô gái thật là êm ấm, cánh tay trần cô giơ ra như mời mọc làm hầu tước phải ở lại và một giờ sau chính cô gái lại bảo anh chàng đi.

Một lần cuối cùng, hầu tước áp miệng mình vào cặp môi kia mà chỉ mới tối qua thôi hãy còn thơ ngây trong trắng, rồi hắn ra mở cửa. Lần này chỉ còn nghe thấy có tiếng chó sủa xa xa giữa một vùng im lặng bao la. Hắn cúi xuống và trông thấy rất rõ một người lính nằm ngủ úp sấp mặt xuống đống rơm.

-Nếu họ thức dậy? – Cô gái lo lắng thì thào.

-Em không lo, chúng không bắt sống được anh đâu.

-Vậy xin vĩnh biệt chàng. – Cô gái thổn thức – Cầu Chúa phù hộ cho anh.

Hắn trèo lên lan can và nhảy xuống đống phân. Cô gái trông thấy anh chàng chạy đến chuồng ngựa, tháo rất nhanh một con, nhảy lên, đi qua sau bức tường chuồng ngựa, thúc ngựa xéo bừa lên vườn rau, húc làm đổ hàng rào, vượt ra đường cái rồi biến vào trong cánh đồng.

Cô gái tội nghiệp nhìn trừng trừng vào người lính gác, cô sẵn sàng thấy động là biến ngay. Tiếng vó ngựa nện trên mặt đất và tiếng ngựa xô vào hàng rào làm anh lính gác nửa tỉnh nửa ngủ. Anh cũng đứng được lên, thấy có điều đáng ngờ, anh chạy lại chuồng ngựa, con ngựa của anh không còn đây nữa. Tên hầu tước lúc vội vàng đã vơ lấy con ngựa đầu tiên, con ngựa của anh lính. Lập tức anh lính kêu ầm lên: “Báo động”. Thế là tất cả các bạn anh đều thức dậy. Người ta chạy đến buồng tù nhân, buồng trống không. Ông quân cảnh trở dậy bàng hoàng. Tù nhân đã tẩu thoát rồi.

Cô gái thấy động chạy ra, cô giả vờ giúp đỡ mọi người, nhưng thực tình là cô cố ý làm chậm trễ sự lên đường của mọi người bằng cách làm nhầm lẫn yên cương. Mãi mười lăm phút sau tốp kỵ binh mới phóng được trên đường. Ông quân cảnh chửi rủa như một kẻ thô tục.

Những con ngựa tốt phóng trước, anh lính gác cưỡi con ngựa của hầu tước là con ngựa hay nên chỉ một lát sau đã bỏ xa được đồng đội. Theo sau anh là viên đội. Do nhìn thấy hàng rào đổ, người ta đã biết tù nhân chạy nẻo nào nên chỉ ít phút sau đã trông thấy bóng tù nhân nhưng còn rất xa. Tuy nhiên tên hầu tước bị lấn dần khoảng cách vì con ngựa hắn cướp được là con ngựa xấu nhất trong bọn, hắn đã thúc nó điên cuồng. Quay lại đằng sau hắn nhìn thấy bọn cảnh binh còn cách hắn nửa tầm súng hỏa mai, hắn càng thúc ngựa dữ dội, cắt nát cả sườn nó. Nhưng rồi chẳng bao lâu con ngựa kiệt sức quì xuống. Tên hầu tước cùng lăn với

con vật trong đất bụi. Trong khi lăn hắn nắm chặt lấy túi yên và sờ thấy có khẩu súng ngắn. Hắn nằm lăn cạnh con ngựa như bị ngất đi, tay cầm khẩu súng ngắn đã nạp đạn sẵn. Người lính gác cưỡi con ngựa của chính hầu tước đến trước tiên, vượt xa biên đội chừng hai trăm bước. Ngay lúc đó hầu tước vùng dậy, người lính không kịp chống đỡ, đã bị một báng súng giáng vào đầu ngã lăn xuống đất. Hầu tước liền nhẩy phốc lên yên không cần đặt chân lên bàn đạp, lao ngựa phóng lên như gió để lại đằng sau cách năm mươi bước, viên đội ngơ ngác vì sự kiện vừa xẩy ra.

Cả đoàn phóng đến nơi, ông quân cảnh gào to từ xa.

-Chớ có giết hắn.

Nhưng người ta chỉ thấy viên đội đang lay anh lính gác bị toạc đầu nằm chết ngất dưới đất. Còn tù nhân thì mất hút.

Khi chắc chắn đã làm lạc lối đi của đội quân cảnh và những con ngựa tồi của họ không đuổi kịp được mình, hầu tước quyết định dừng lại để cho ngựa được nghỉ. Hắn đang dắt nó đi bộ trong con đường trống, bỗng nhiên hắn trông thấy một người nông dân từ xa đi tới. Hắn bèn hỏi thăm đường về Buốc Bông và ném cho người đó một đồng êcu. Người nông dân cầm tiền và chỉ đường rồi cứ nhìn trừng trừng vào hầu tước. Hầu tước bảo tránh ra, nhưng người đó cứ đứng trơ trơ bên lề đường và nhìn hầu tước một cách đặc biệt. Hầu tước tiến lên hỏi vì sao có cái nhìn hỗn xược ấy. Người nông dân đáp và trỏ lên vai hầu tước: -Vì rằng…, ông có…

Hầu tước nhìn vào người mình thấy áo ngoài có giây nhiều máu, cái đó cộng với quần áo xộc xệch và đầy bụi làm cho hắn có bề ngoài đáng sợ. Hắn bịa chuyện: -Tôi biết rồi. Tôi và người hầu của tôi vừa bị lạc nhau trong một trận đánh nhau với mấy thằng Đức say rượu. Có thể là chúng đã cào được tôi, hoặc là tôi đã làm cho chúng phải đổ máu. Nhưng tôi chẳng thấy đau gì cả – hắn giả vờ nắn thân mình – Tuy nhiên nếu tôi được rửa ráy một chút thì cũng tốt. Tôi thấy nóng và khát lắm. Con ngựa của tôi cũng chẳng hơn gì. Anh có biết ở đâu có thể nghỉ ngơi được không?

Người nông dân nhận đưa về nhà mình ở cách đấy có mấy bước. Một người đàn bà và mấy đứa trẻ con kính cẩn tránh ra nhường lối và đi kiếm rượu, nước, thức ăn. Hầu tước gột rửa áo quần, mặt mũi và tay chân, ăn uống một chút rồi gọi chủ nhà đến hỏi một cách thản nhiên.

Người nông dân nói là anh ta rất ngạc nhiên thấy có những vụ lộn xộn xẩy ra trên dọc đường cái mà trong lúc này đang có một đoàn kỵ binh vừa mới bắt bớ được một vụ quan trọng.

-Ai bị bắt đấy? Hầu tước hỏi.

-Ồ, một tráng sĩ đã gây ra nhiều tội trong tỉnh.

-Sao, một tráng sĩ mà lại bị bắt à? – Úi chà! Mất đầu nữa là khác.

-Anh có biết người đó đã làm gì không?

-Khiếp lắm. Toàn chuyện kinh khủng, toàn tỉnh đều phẫn nộ.

-Anh có biết người đó không?

-Không, nhưng chúng tôi có được biết dung mạo.

Thấy tình hình có chiều hướng không ổn định, tên hầu tước tìm cách lảng ra rồi lên đường chuồn thẳng theo hướng đã được chỉ.

Ông quân cảnh trưởng cho quân tiến lên nửa dặm nữa, nhưng rồi xét thấy đuổi theo thêm nữa cũng chỉ vô ích, ông cử một kỵ binh về quận để ra mệnh lệnh cho tất cả các điểm trong tỉnh thành, rồi ông rút quân về nơi đã xuất phát lúc buổi sáng. Tên hầu tước có nhiều họ hàng trong các vùng xung quanh và người ta có thể nghĩ là hắn sẽ về nơi đó để ẩn náu. Người ta bàn tán rất ồn ào và linh tinh về vấn đề này.

Ông quân cảnh trở về quán trọ, ông nắm tay đấm vào các đồ vật và cáu kỉnh với tất cả mọi người về biến cố vừa xảy ra. Cô con gái ông chủ quán lúc đầu còn có vẻ lo lắng đau khổ, về sau khó khăn lắm mới giấu được nỗi vui mừng.

Ông quân cảnh trưởng trải lên bàn những giấy tờ của ông và kêu lên: -Cái thằng xỏ lá nhất trần đời, tôi đã ngờ rồi mà.

-Anh chàng ấy trông hiền lành thế. – Bà chủ quán nói.

-Một thằng nham hiểm hoàn toàn. Bà có biết tên hắn là gì không? Hầu tước Xanh Maixen đấy.

-Hầu tước Xanh Maixen. – Một người kinh hoàng kêu lên.

-Phải, đúng thế. – Ông quân cảnh nói: – Hầu tước Xanh Maixen bị kết án về tội giấy bạc giả và những trò ma quái.

-Ối! – Hắn đã tự thú tội loạn luân. – Trời ơi.

-Tự thú đã bóp chết vợ để lấy một người đàn bà khác mà hắn đã có kế hoạch đâm chết người chồng.

-Lạy Chúa cứu chúng con.

Tất cả mọi người làm dấu thánh. – Vâng. – Ông quân cảnh tức giận nói tiếp – Thế mà cái thằng khốn kiếp ấy vừa thoát khỏi bàn tay pháp luật.

Cô con gái chủ quán vội rời khỏi buồng vì cô cảm thấy mình sắp ngất.

Kẻ vừa trốn thoát ấy không phải ai khác mà chính là Hầu tước Xanh Maixen, kẻ bị lên án những tội ác tầy trời mà ông quân cảnh vừa tả.

Vào khoảng mười lăm ngày sau những sự kiện nói trên, một kỵ sĩ kéo chuông ở lâu đài Xanhgiêrăng. Lúc đó trời đã khuya nên mọi người chưa muốn mở cửa vội. Người khách lạ kéo chuông một cách chững chạc như chủ nhân ông, cuối cùng nhìn thấy một người hầu chạy ra. Anh ta nhìn qua hàng rào khó phân biệt được khách là ai vì trời tối mà khách thì ăn mặc khá lôi thôi, mũ cụp xuống, quần áo đầy bụi và không có gươm. Người hầu lên tiếng hỏi khách muốn gì, khách đáp

muốn gặp bá tước Xanhgiêrăng, có việc rất vội. Người hầu trả lời việc đó không thể được. Khách nổi giận. Người hầu liền hỏi: -Ông là ai?

-Kỳ lạ thực, sao lắm lễ nghi thế. Vào nói với ông Xanhgiêrăng là có hầu tước Xanh Maixen đến gặp.

Người hầu vội xin lỗi và mở cửa. Sau đó anh ta đi lên trước hầu tước, báo cho người hầu khác chạy đến dắt ngựa, còn anh thì chạy vào trong các phòng để báo tin.

Bữa ăn tối đang được dọn ra. Bá tước hay tin vội chạy ra đón hầu tước, ôm hôn thắm thiết. Ông muốn kéo ngay hầu tước vào phòng ăn để giới thiệu với cả gia đình, nhưng hầu tước lưu ý bá tước đến quần áo của mình rất lôi thôi, đồng thời đề nghị được nói chuyện riêng ít phút. Bá tước đưa hầu tước vào phòng của ông, lấy quần áo của ông cho hầu tước thay, đồng thời hai người nói chuyện với nhau. Hầu tước kể cho bá tước nghe, người ta không biết chuyện gì, có liên quan đến bản án đang đè nặng lên đầu hầu tước. Nhưng có điều chắc chắn là bá tước tỏ ra rất nhiệt tình với người họ hàng và kể từ giờ phút này, hầu tước có thể coi lâu dài Xanhgiêrăng là nơi trú chân chắc chắn. Sau đó bá tước dẫn hầu tước ra giới thiệu với nữ bá tước và với cả gia đình.

Bây giờ chúng ta hãy hiểu qua về những người trong lâu đài, nhắc lại một số chi tiết trước đây để giải thích cho những sự việc sắp xẩy ra.

Thống chế Xanhgiêrăng thuộc dòng họ trứ danh La Ghitsơ và là thống đốc Buôcbông, đã lấy người vợ thứ nhất Ana đờ Tuốcnông, sinh được một con trai là Clốt đờ Laghit và một người con gái lấy hầu tước Đờ Buiê. Vợ ông mất, ông lấy người vợ kế là Xuyzan Ôzêpôn đã có một đời chồng là bá tước Lônggơnay và một con gái riêng là Xuyzan Lônggơnay.

Ông thống chế và bà Xuyzan Ozêpôn muốn cho những đứa con riêng được thừa hưởng di sản đặc biệt của hai ông bà cho nên hai người quyết định chúng sẽ trở nên vợ chồng. Clốt đờ Laghit lấy Xuyzan đờ Lônggơnay.

Vấn đề này không thể không mang lại một mối giận hờn cho nữ hầu tước Đờ Buiê, người con gái của ông thống chế; bà đang ở với mẹ chồng và theo bà nói chồng bà cũng chẳng ra gì, có rất nhiều đáng điều chê trách, đáng chê nhất là tuổi tác đã bảy mươi.

Bản giá thú giữa Clốt đờ Laghit và Xuyzan đờ Lônggơnay đã được thành lập tại Ruon ngày 17 tháng 5 năm 1619, nhưng vì đức anh chồng còn trẻ quá, mới có mười tám tuổi nên người ta phải cho anh sang chơi bên nước Ý. Hai năm sau anh trở về và cuộc hôn nhân đó phải là rất hạnh phúc nếu như có được một đứa con. Bà bá tước không thể chịu được tình trạng không sinh nở ấy, nó đe dọa làm tuyệt tự một dòng họ đại quý tộc, làm mất đi một danh hiệu tiếng tăm. Bà đi cầu cúng, bà đi khám bác sĩ, bà đi hỏi những người có kinh nghiệm cũng không đem lại kết quả gì.

Thống chế Xanhgiêrăng mất ngày 30 tháng 12 năm 1632 với một nỗi khổ tâm là không có cháu đích tôn. Người con của ông trở thành bá tước Xanhgiêrăng nối nghiệp cha trong chính phủ Buôc Bông và được tặng danh hiệu hiệp sĩ huân chương hoàng đế.

Trong tình hình đó, bà hầu tước Đờ Buiê cách ly với ông chồng già, về ở lâu đài Xanhgiêrăng, rất vững tâm về cuộc hôn nhân của ông anh ruột, gia tài của ông anh nhất định sẽ về tay mình vì ông anh không có người thừa tự nào khác ngoài bà em ruột.

Cũng trong tình hình này, hầu tước Xanh Maixen đến lâu đài. Hắn còn trẻ, đẹp trai, lắm mưu nhiều kế, hắn đã làm cho nhiều phụ nữ phải say mê, cả đến bà lão thống chế cũng phải có cảm tình với hắn. Chẳng bao lâu hắn thấy có thể có mối quan hệ thầm kín với bà hầu tước Đờ Buiê.

Gia tài của hầu tước Xanh Maixen hầu như không còn gì do những cuộc phung phí bừa bãi của hắn và do những vụ tố tụng của pháp luật. Bà hầu tước Đờ Buiê là người thừa tự chỉ định theo thân tộc. XanhMaixen mong chồng bà chết sớm, vả lại cuộc sống của một lão già bẩy mươi tuổi chẳng có gì đáng lo ngại cho một con người như hắn, sau đó hắn sẽ làm cho bà phải lấy hắn, thế là hắn sẽ làm chủ một gia tài lớn nhất tỉnh.

Hắn quan tâm đến bà và cố ý làm sao cho người ta không nghi ngờ gì. Tuy nhiên cũng rất khó làm được vừa lòng bà hầu tước mà tránh được cặp mắt của những người xung quanh. Nhưng bà hầu tước đã có thiện cảm với vẻ ngoài của hắn, và bà lại bị đau khổ trong hôn nhân nên bà không đủ sức chống lại những ý đồ của hắn.

Hai người rất ít có dịp gặp riêng nhau. Bà bá tước tham gia một cách vô tư vào những buổi nói chuyện của hai người. Ông bá tước thường kéo hắn đi săn. Còn gia đình hàng ngày tụ họp đông đủ, Xanh Maixen chưa thể nói được rằng bà hầu tước làm cao với hắn.

Từ hai mươi năm nay, bà bá tước Xanhgiêrăng chưa bao giờ hết hy vọng, những lời cầu nguyện thành kính của bà sẽ mang lại phúc lành cho bà có đứa con trai. Ông bá tước không ngừng bày tỏ với vợ lòng âu yếm nồng nàn, nhưng không mong có một người nối dõi tông đường, ông đã làm chúc thư theo hướng đó. Những hy vọng của bà hầu tước Đờ Buiê chuyển thành chắc chắn. Còn Xanh Maixen thì yên tâm về mặt đó, hắn chỉ còn nghĩ đến theo đuổi một cách đặc biệt bà hầu tước Đờ Buiê.

Rồi một hôm vào cuối tháng mười một năm 1640, bá tước Đờgiêrăng có một số nhiệm vụ cần thiết phải đi Pari ngay. Bà bá tước không chịu được cảnh phải xa chồng, đặt vấn đề có nên đi theo chồng không. Xanh Maixen rất thú vị muốn một mình ở lâu đài với bà Đờ Buiê, liền tả cuộc hành trình đi Pari với tất cả các màu sắc đẹp đẽ nhất, hấp thụ nhất làm mọi người quyết định để bà đi. Bà Đờ Buiê nữa

cũng khéo léo vận động. Cuối cùng bà bá tước quyết định theo chồng. Sau vài ngày chuẩn bị, bà lên đường.

Xanh Maixen không còn cần phải giấu giếm dục vọng của hắn, hắn cũng chả cần phải khêu gợi bà Đờ Buiê nữa. Hắn tiến hành một cuộc tình ái mãnh liệt, bà đáp ứng lại cũng không kém. Hành vi như vậy không thể không gây một dư luận trong đám gia nhân đông đúc như một đạo quân.

Vậy là chẳng bao lâu bà Đờ Buiê thấy buộc phải lấy lòng mấy chị em Kinô, những nữ hầu phòng của bà. Việc đó cũng không khó khăn lắm vì các chị ấy rất trung thành với bà. Đó là một sự xấu hổ lần thứ nhất cho bà Buiê và mức độ hủ hóa thứ nhất cho những nhân vật ấy luôn luôn bị lôi cuốn vào một âm mưu đen tối hơn.

Trong lâu đài Xanhgiêrăng có một ông già cao lớn, khô khan, mặt vàng, tính hẹp hòi nhưng cũng đủ thông minh để tiến hành, nếu không để nhận thức được một hành động xấu xa và có quyền thế với bọn gia nhân. Lão chỉ là một nông dân bình thường mà thống chế đã nhặt về và dần dần bá tước đã đưa lên chức quản gia vì lão là thâm niên trong nhà và bá tước đã biết lão từ hồi còn thơ ấu. Bá tước không muốn đem lão đi, sợ lão không quen với sinh hoạt ở Pari, nên đã để lão ở nhà trông nom mọi việc. Xanh Maixen gọi lão ra riêng một nơi, khéo léo thăm dò lão, uốn nắn tinh thần lão, cho lão ít tiền, thế là hắn nắm được tinh thần và thể xác lão.

Một buổi tối, Xanh Maixen đang ngồi ăn với bà Buiê bỗng nhiên ở ngoài cổng có người kéo chuông ầm ĩ và có tiếng ồn ào nổi lên. Hai người chẳng cần để ý. Trong lúc đó một người đưa thư từ Pari hoả tốc về, mang theo một bức thư của bá tước Xanhgiêrăng gửi hầu tước Xanh Maixen. Người ta đưa anh ta vào, theo sau là hầu hết các gia nhân. Xanh Maixen hỏi thế là thế nào và ra hiệu cho mọi người rút lui. Nhưng liên lạc viên lại nói rằng ông bá tước muốn bức thư được đọc trước mặt tất cả mọi người. Xanh Maixen liền bóc thư liếc mắt nhìn qua một lượt rồi lên tiếng đọc to, mặt không hề biến sắc. Ông bá tước báo tin cho tất cả họ hàng và mọi người trong nhà là bà bá tước đã có những triệu chứng của sự thai nghén, cho nên vừa đến Pari là bà đã thấy mệt mỏi, buồn nôn, bà chịu đựng tất cả những triệu chứng đó một cách sung sướng, các thầy thuốc cũng không nghi ngờ về sự bắt đầu của thời kỳ có mang. Ông bá tước rất sung sướng về sự kiện này. Vậy là ước mong bao năm của ông nay đang được thực hiện.

Xanh Maixen và bà Buiê chỉ nhìn nhau một lát, nhưng cái nhìn đó biểu lộ tất cả những lo lắng của hai người nhưng chúng vẫn phải cố nén và làm ra vẻ rất sung sướng. Chúng giữ im lặng trong một vài thời gian. Ý nghĩ đầu tiên của chúng là ông bà bá tước đã bị lầm lẫn về những triệu chứng thông thường cũng như vô nghĩa lý, là người ta muốn phỉnh nịnh ước mong của hai ông bà, là tinh

khí con người sao có thể thay đổi sau hai mươi năm không có gì, vậy sự thai nghén ấy chỉ là một điều tưởng tượng.

Hôm sau hai đứa đi bên nhau trên một con đường hoang vắng ở ngoài công viên. Xanh Maixen nói cứ cho cái tin thai nghén ấy là đúng, nhưng rồi cũng còn có rất nhiều hiểm nghèo phải trải qua. Bà bá tước phải không được gặp một tai họa gì. Rồi còn sự sinh nở phải được tốt lành nữa, sau cùng hắn nói tiếp: -Nếu đẻ ra được, rồi đứa bé cũng có thể chết… Và hắn còn thốt ra mấy câu chó má nữa về cái chết của một tạo vật mỏng manh không lý trí, không lợi ích, không quan trọng gì, hắn nói, chỉ là một mẩu vật chất thiếu tổ chức và sinh ra chỉ để làm hại một người quí giá như bà hầu tước Buiê.

-Nhưng việc gì phải hốt hoảng, – Hắn sốt ruột nói tiếp, – Bà bá tước làm gì có mang, không phải thế. Không thể thế được.

Một người làm vườn đang làm việc nghe được mẩu ấy của câu chuyện, nhưng vì hai đứa cứ đi xa dần nên không nghe được đoạn sau.

Vài ngày sau đó, có một số người được bá tước cho về trước báo tin ông chủ sắp về tới nơi. Quả nhiên một lát sau, mấy cỗ xe ngựa xuất hiện trên đường vào lâu đài. Mọi người thấy cỗ xe của nữ bá tước có ông bá tước cưỡi ngựa đi kèm. Trong suốt cuộc hành trình, ông không rời xa cỗ xe của vợ. Thật là một cuộc đón tiếp vẻ vang. Tất cả những nông dân đều rời công việc và hoan hô vang dội, các gia nhân chạy đến trước cỗ xe bà chủ.

Bà quả phụ thống chế Giêrăng hôm đó cũng đến lâu đài, bà không thể tin được vào điều may mắn ấy. Bà sung sướng biết bao khi đặt tay lên bụng con dâu và thấy đứa bé đụng đậy.

Ông bà bá tước Xanhgiêrăng được trong họ Buốc Bông rất yêu mến, điều đó làm cho mọi người đều sung sướng. Ngay từ những ngày đầu tiên, trên hai mươi bà lớn đã đến thăm để bày tỏ sự quan tâm của các bà đến sự thai nghén ấy. Tất cả các bà đều hoàn toàn sờ thấy đứa bé ngọ nguậy trong bụng bà bá tước, và nhiều người trong số các bà đã tán hươu tán vượn, đoán già đoán non em bé là một thằng con trai. Vả lại đường phồng của vú và hai bên sườn cùng với tất cả các triệu chứng thông thường đều xác định điểm đó. Các vị thầy thuốc danh tiếng trong nước đều đồng ý như vậy.

Ông bá tước lưu lại trong nhà một trong các vị thầy thuốc ấy và bảo Xanh Maixen tìm cho một bà đỡ có tín nhiệm nhất. Sau cùng bà quả phụ thống chế, vì sau này sẽ đặt tên cho cháu, nên đã đặt may một bộ tã lót vào loại đắt tiền nhất để tặng cháu đích tôn.

Mụ hầu tước Buiê phải nuốt hận. Trong số những người sung sướng ấy, không một ai nhận thấy nỗi đau khổ đang giày vò tâm hồn mụ. Hàng ngày nhìn thấy tình nhân Xanh Maixen càng làm tăng thêm nỗi đau khổ và luyến tiếc của mụ. Mụ nhắc lại với hắn rằng ông bà bá tước đã đắc thắng trong tai biến của hai

đứa, đứa con ấy sẽ truất quyền thừa kế của mụ. Theo thói thông thường của nghệ thuật chính trị, hắn bắt đầu bằng việc hủ hóa tinh thần mụ, lái mụ đi trệch con đường đạo giáo để đi dần vào con đường tội lỗi.

Xanh Maixen có một tên tay chân xảo quyệt, láo xược và khéo léo mà hắn đã đưa từ quê hương của hắn tới. Tớ thật xứng đáng với chủ. Maixen đã phái tên đầy tớ ấy đi có việc một thời gian trong vùng lân cận Xanhgiêrăng.

Một buổi tối, Xanh Maixen đang chuẩn bị đi ngủ thì tên đầy tớ ấy về, vào buồng chủ báo cáo đã tìm được theo lệnh chủ và đưa cho chủ một mẩu giấy trên đó có ghi tên người và địa chỉ.

Sáng sớm hôm sau Xanh Maixen trở dậy, sai đóng yên cương hai con ngựa, nói dối là ở nhà mời hắn về có việc cần, hắn có thể đi vắng vài ba ngày, đề nghị xin lỗi với bá tước, rồi phóng ngựa ra đi cùng với tên đầy tớ tâm đắc.

Hai ngày sau chúng tới một thị trấn lớn, trong đó có một mụ đỡ. Nhưng theo như người ta nói, đối với những ai trả tốt tiền, mụ có thể làm những điều xấu xa thầm kín. Mụ biết khéo léo lợi dụng nghề nghiệp làm cho những người nhẹ dạ phải tin mụ. Theo thực hành của mụ, mụ chữa cả những bệnh tràng nhạc, pha chế những thuốc rửa, những thuốc chữa các bệnh tình, cứu giúp những cô con gái nhà danh giá, tham gia vào các vụ âm mưu, thực hiện những trò yêu quái. Mụ kiếm được rất nhiều tiền và sống một mình trong ngôi nhà riêng. Mụ đỡ có tên là Luyzơ Gôia.

Một buổi tối mụ đang ngồi một mình, bỗng có tiếng chuông rung và tiếng gõ cửa rất mạnh. Quen tiếp khách ban đêm vào bất cứ giờ giấc nào, mụ cầm ngọn đèn và ra mở cửa không chút sợ hãi. Một người có vũ khí lao vào trong buồng với vẻ rất hung hăng. Mụ Gôia hốt hoảng ngã ngồi xuống một chiếc ghế. Người đó chính là Xanh Maixen. Hắn lên tiếng: -Bà cứ yên trí, vì không phải là bà mà chính tôi phải hoảng hốt. Tôi không phải là một kẻ gian, tôi đến để xin bà cứu giúp cho.

Nói xong Xanh Maixen ném áo khoác vào một xó, cởi thắt lưng và gươm bỏ xuống đất rồi ngồi phịch xuống một chiếc ghế. Hắn nói tiếp: -Trước hết xin phép bà cho tôi nghỉ một chút đã.

Mụ Gôia thoáng nhìn thấy ngay là mình nhầm, và trái lại mụ đánh hơi thấy mình sắp vớ được một món bở đây. Xanh Maixen lại nói tiếp: -Tôi từ rất xa đến vì một công việc quan trọng bậc nhất, và xin bà tin tưởng tôi là một con người rất biết ơn sự giúp đỡ của bà. Hắn lục trong túi lấy ra một túi tiền, vân vê trong tay rồi nói tiếp – Trước hết tôi đề nghị với bà thề với tôi là sẽ giữ tuyệt đối bí mật.

-Với chúng tôi thì không cần, – mụ Gôia đáp. – Đó là điều kiện thứ nhất của nghề nghiệp chúng tôi.

-Tôi cần phải có sự đảm bảo rõ ràng hơn, và phải có lời thề của bà là không tiết lộ với bất kỳ ai điều mà tôi sẽ gửi gắm vào bà.

-Vậy tôi xin thề với ông theo yêu cầu của ông, nhưng tôi xin nhắc lại một lần nữa là nếu có cần thiết chỉ là vì ông chưa biết tôi.

-Đây là những sự kiện nghiêm trọng nhất, như tôi đã đặt tính mệnh tôi vào trong tay bà, và tôi sẽ hy sinh một nghìn lần đời tôi hơn là để lộ một bí mật như vậy.

-Ông nên nghĩ rằng chúng tôi cũng phải quan tâm trước tiên đến những điều bí mật mà người ta đã giao phó cho chúng tôi, lộ ra một tý là mất hết tín nhiệm, và đã có những trường hợp… Thôi, ông hãy nói đi.

Sau khi đã được yên tâm vì những lời quanh co đó, Xanh Maixen nói: -Tôi được biết bà là một phụ nữ rất khéo.

-Tôi mong rằng tôi sẽ được như vậy để có thể thiết thực giúp ông.

-Bà đã nghiên cứu rất sâu xa trong nghệ thuật của bà, và công việc của bà đã giúp bà phát hiện được những biện pháp để hiểu đời.

-Về vấn đề ấy chẳng có gì đâu ạ!

-Người ta đã nói với tôi đúng là như thế.

-Vậy là người ta đã đánh lừa ông đấy thôi.

-Không nên chối cãi làm gì, thưa bà. Bà không muốn giúp tôi sao? Xin bà hãy nghe tôi nói đây: Không nên đóng kịch với tôi, tôi biết hết cả rồi. Bà cứ yên tâm, chúng ta sẽ chơi một canh bạc mà bà có một ăn một nghìn. Vả lại, đây là để đền bù vì tôi đã làm phiền bà.

Xanh Maixen đặt một cọc đồng tiền vàng trên mặt bàn, mụ Gôia yếu ớt đáp lại rằng đôi khi mụ cũng có tham gia vào một số mánh lới có tính chất thiên văn học, nhưng không phải là bao giờ cũng thành công, với động cơ duy nhất là đi sâu vào khoa học của mụ.

-Nếu như vậy, bà đã biết được tôi đang ở trong tình trạng nào rồi. Bà cần phải biết rằng tôi bị lôi cuốn bởi một dục vọng xấu xa và mù quáng, tôi đã phụ lòng tin cậy của một ông trưởng giả đã già, tôi đã xúc phạm luật lệ tiếp đón khách, tôi đã cám dỗ con gái ông ngay tại nhà ông. Mọi vấn đề đều đi đến kết quả, cô gái quí tộc mà tôi yêu say đắm ấy đã có mang. Tội lỗi do tôi là thủ phạm ấy mà vỡ lở ra thì cô ấy sẽ chết mất và gia đình mất hết danh dự.

Mụ đỡ đáp: -Người ta không thể biết gì về một người được nếu không có những câu hỏi đặc biệt.

Và để làm choáng mắt Xanh Maixen, mụ lấy ra một loại hộp ghi toàn những chữ số và ký hiệu lạ lùng. Mụ mở nó ra và sau khi sắp xếp một số hình trong đó mụ thú nhận là hoàn cảnh của Xanh Maixen rất khốn khổ. Để làm cho hắn phải sợ hãi, mụ nói thêm: khốn khổ hơn cả những hoàn cảnh khốn khổ nhất đã đến với mụ nhưng cũng có thể dễ biết và phòng ngừa bằng những cách bói toán mới.

-Thưa bà, Xanh Maixen nói – trên đời này tôi chỉ sợ có một điều, đó là sự mất danh dự của người phụ nữ mà tôi yêu. Có cách gì cứu vãn được khỏi những

phiền phức thông thường về sinh đẻ không?

-Tôi cũng không biết có hay không?

-Cô gái đã tìm cách che giấu được cái bụng to và cũng sẽ dễ dàng đối với cô để không bị tai tiếng.

-Cô ta đã liều thân mình và tôi không thỏa thuận nhúng tay vào việc đó, sợ tai tiếng.

-Người ta có thể, ví dụ như đẻ mà không đau không?

-Cái đó thì tôi không được biết và chỉ biết có một số phương pháp mà tôi không dám đem ra dùng vì nó trái với quy luật của thiên nhiên.

-Bà nói dối tôi, bà biết phương pháp đó. Bà đã sử dụng nó với ai tôi có thể nêu tên cho bà hay.

-Ai dám vu khống cho tôi như vậy? Tôi chỉ thực hiện theo những quyết định đã ban hành mà thôi. Người ta muốn các thầy thuốc ném đá vào tôi và đuổi tôi ra khỏi nước Pháp sao?

-Vậy là bà muốn tôi phải chết vì thất vọng sao? Nhân danh Chúa, xin bà đừng giấu giếm mà làm gì, và bảo cho tôi biết làm thế nào để tránh được đau đẻ. Bà còn muốn vàng nữa phải không? Đây, – Hắn đặt thêm mấy đồng Luy vàng lên mặt bàn.

-Hãy khoan đã. Có lẽ có một biện pháp mà có thể do tôi phát minh mà chưa bao giờ dùng đến, nhưng tôi tin là khá hiệu nghiệm.

-Nhưng nếu bà chưa bao giờ dùng đến thì có thể là nguy hiểm và làm hại đến tính mạng của người phụ nữ mà tôi yêu.

-Khi tôi nói rằng không bao giờ, là tôi đã thí nghiệm một lần rồi và rất thành công, ông cứ yên trí.

-À! Vậy thì tôi đội ơn bà quá. Nhưng nếu người ta có thể ngăn ngừa được sự sinh nở và ngay từ bây giờ làm mất những triệu chứng của sự thai nghén thì tốt biết chừng nào.

-Ôi, thưa ông, ông nói như vậy là một tội ác đấy.

Xanh Maixen ôm hai tay vào mặt và thốt lên những tiếng nấc có vẻ như khóc lóc dữ dội lắm.

-Sự thất vọng của ông làm mủi lòng tôi lắm. Nhưng ông nên nghĩ đến một người đàn bà như tôi. Đó là một hình phạt cuối cùng đấy.

-Bà nói đến hình phạt nào? Thế còn bí mật của chúng ta, sự an ninh, lòng tín nhiệm của chúng ta thì sao? Người ta sẽ chỉ đến với bà sau cái chết, sau sự mất danh dự của tất cả những gì mà tôi thân thiết nhất trên đời.

-Vậy thì tôi có thể…, nhưng trong trường hợp đó, cần phải đề phòng cho tôi trước tiên là sự quấy nhiễu của pháp luật, sự tịch thu, và phải đảm bảo cho tôi đi ra nước ngoài được dễ dàng.

-Ôi, những cái đó thì bà khỏi lo. Xin gửi bà cả gia sản và tính mạng của tôi.

Và hắn ném cả túi tiền lên bàn.

-Trong trường hợp đó, và chỉ để cứu vớt ông ra khỏi cơn tai biến, tôi đồng ý trao cho ông một thứ thuốc và một số lời chỉ dẫn sẽ làm cho người phụ nữ thoát được gánh nặng. Nhưng cô ta cần phải sử dụng một cách thận trọng và phải thực hiện đúng như lời tôi sẽ dặn ông.

Mụ đi lấy một chiếc lọ con để ở dưới đáy tủ ra rồi nói tiếp: -"Đây là một thứ nước không bao giờ trượt mục tiêu đã định."

-Ôi, thưa bà, bà đã cứu danh dự cho chúng tôi, nó còn quí hơn cả tính mạng của chúng tôi. Xin bà cho biết cách dùng và liều lượng.

-Người bệnh phải dùng ngày thứ nhất một thìa, ngày thứ hai hai thìa, ngày thứ ba…

-Tôi không bao giờ nhớ được những thứ ấy đâu, đề nghị viết cho tôi lên cái ví này.

Mụ đỡ do dự một lát, nhưng cái ví ấy lúc mở ra để rơi một tờ ngân phiếu năm trăm Frăng. Xanh Maixen nhặt nó lên đưa cho mụ đỡ rồi nói: -Nó đã rơi ra rồi, chẳng cho nó vào làm gì nữa, xin bà hãy cầm lấy cho.

Món quà này tuyệt vời quá, mụ đỡ Gôia không còn chút ngại ngùng nào nữa, mụ liền cầm bút viết luôn toàn bộ đơn thuốc lên ví của Xanh Maixen. Hắn bỏ cái lọ vào túi, cầm lấy cái ví, xem lại chắc chắn đơn thuốc có ở trong đó, rồi quay lại phía mụ đỡ nói với nụ cười quỉ quái: -Thôi này bà bạn ơi! Từ giờ trở đi bà phụ thuộc vào ta rồi nhé.

-Ông muốn nói gì vậy? – Mụ Gôia ngạc nhiên hỏi.

-Tôi muốn nói rằng mụ là một con phù thủy bỉ ổi, một con mụ đầu độc khốn kiếp. Ta muốn nói rằng ta có đủ tang chứng về những tội ác của mụ, rằng mụ muốn làm theo lệnh ta hay muốn bị thiêu sống?

-Xin ông tha thứ cho! Tha thứ cho – Mụ đỡ quì xuống chân Xanh Maixen kêu van.

-Muốn được tha thứ hay không là tùy ở mụ. – Xanh Maixen lạnh lùng đáp.

-Vậy thì tôi phải làm gì? Xin sẵn sàng làm tất cả.

-Bây giờ đến lượt ta, ta nói cho mụ biết những bí mật của ta, chỉ có khác là ta không viết ra giấy.

-Thưa chúa công, xin chúa công cứ nói, ngài sẽ được hài lòng về sự trung thành của tôi.

-Vậy thì bà hãy ngồi xuống và nghe tôi nói đây.

Mụ Gôia đứng lên rồi ngồi phịch xuống một cái ghế. Xanh Maixen nhìn sâu vào cặp mắt mụ đàn bà khốn khổ và nói tiếp: -Tôi thấy bà đã biết điều rồi đấy. Tù đầy, lửa thiêu, cực hình, hoặc ba lần số vàng mà bà có kia, nghĩa là phong lưu cho cuộc đời còn lại của bà. Cách đây ba mươi dặm có một tòa lâu đài, trong đó có một bà quyền quí đã có mang được mấy tháng rồi. Sự ra đời của đứa bé ấy

làm cho ta rất bực mình. Bà sẽ được giao trách nhiệm đỡ đẻ. Tôi sẽ bảo bà phải làm thế nào bà sẽ phải làm như thế. Bây giờ cần thiết phải đi ngay đêm nay. Bà sẽ đi theo tôi. Tôi có hai con ngựa đang chờ cách đây mấy bước. Tôi sẽ đưa bà đến một nơi, bà sẽ ở đó để chờ lệnh tôi. Khi nào cần, sẽ có người đến báo trước cho bà biết. Bà sẽ không thiếu thốn gì, tiền nong tha hồ tiêu.

-Tôi sẵn sàng rồi. – Gôia đáp cụt lủn.

-Bà sẽ tuân theo mọi mệnh lệnh của tôi chứ?

-Tôi xin thề.

-Vậy thì ta đi.

Mười lăm phút sau hai đứa phóng ngựa giữa ban đêm. Mụ Gôia không hiểu người ta dẫn mình đi đâu.

Ba ngày sau Xanh Maixen lại xuất hiện ở lâu đài và thấy gia đình bá tước vẫn như trước, nghĩa là say sưa trong hy vọng và đếm từng ngày từng giờ, chờ đợi ngày bà bá tước Xanhgiêrăng mãn nguyệt khai hoa. Hắn xin lỗi đã ra đi quá vội vã vì có việc cần, người ta gọi. Trong bữa ăn hắn nói chuyện về cuộc hành trình của hắn. Hắn kể lại một sự kiện lạ lùng đồn khắp trong xứ mà chính bản thân hắn được mục kích. Có một bà quí tộc trở dạ đẻ bị đau đớn rất khủng khiếp. Tất cả những thầy thuốc được mời đến đều chịu bó tay, bà đẻ sắp nguy đến nơi. Cuối cùng, trong tuyệt vọng người ta cho gọi đến một bà đỡ đẻ nông dân rất nổi tiếng ở nông thôn, còn các bà cao sang thì chẳng ai vời đến. Bà đỡ ấy đến, rất khiêm tốn và cũng không tự tin ở mình nữa. Nhưng ngay từ những chăm sóc đầu tiên, cơn đau đã chấm dứt như có phép tiên, bệnh nhân thấy dễ chịu một cách kỳ lạ. Cuối cùng cách mấy giờ sau, một em bé đẹp nhất trần gian chào đời. Nhưng sau đó bà đẻ lại lên một cơn sốt kịch liệt như là có Thần chết đang chờ đón ngoài cửa. Thế là người ta lại quyết định đi mời thầy thuốc, mặc dù ông chủ nhà tin tưởng ở bà đỡ hơn. Thầy thuốc đến chỉ làm tình trạng nguy kịch thêm. Cuối cùng người ta lại phải nhờ đến bà đỡ.

Ba tuần sau bệnh nhân trở lại bình thường một cách kỳ lạ. Tiếng tăm của bà đỡ lại nổi lên như sóng cồn. Ở địa phương ấy, Xanh Maixen nói tiếp, hắn đi đến đâu cũng thấy người ta bàn tán đến chuyện đó.

Nghe xong câu chuyện của Xanh Maixen, bá tước bèn kêu lên ông đang cần có một bà đỡ như thế. Sau đó người ta nói sang chuyện khác và chính Xanh Maixen là người đầu tiên lái câu chuyện. Hắn chỉ cần gieo những hạt giống ý đồ của hắn mà không bị ai để ý.

Sau bữa ăn, mọi người đi dạo chơi trong vườn. Bà thống chế không đi được vì tuổi tác. Bà bá tước Xanhgiêrăng và hầu tước Buiê bắc ghế ngồi bên cạnh. Ông bá tước đi đi lại lại cùng với hầu tước Xanh Maixen. Một cách tự nhiên, Xanh Maixen hỏi về tình hình gia đình trong thời gian hắn đi vắng và sức khỏe của bà bá tước, vì sự thai nghén của bà là vấn đề hệ trọng nhất trong nhà. Vậy là

câu chuyện lại rơi vào vấn đề ấy. Ông bá tước nói: -Vừa lúc nãy anh nói chuyện về một bà đỡ có biệt tài, tôi có thể cho người đi mời bà ấy được không?

-Tôi cho rằng không chọn được nơi nào hơn đâu.

-Tôi muốn rằng lát nữa cho đi mời bà ấy đến ngay từ bây giờ phục vụ nhà tôi để bà ta hiểu biết trước được tâm trạng như vậy sẽ tốt hơn. Anh có biết địa chỉ của bà ta không?

-Theo tôi biết thì bà ta ở trong một làng nhưng tôi không biết làng nào.

-Ít ra anh cũng biết tên bà ta chứ?

-Tôi chỉ nhớ mang máng: Luyzơ Boayat hay Poayat gì đó.

-Thế mà anh cũng chẳng nhớ được tên nữa sao?

-Tôi chỉ được trực tiếp nghe người ta kể chuyện thôi.

-Làm sao tìm được bà ta bây giờ?

-Nếu chỉ để làm việc ấy, tôi có một tên đầy tớ quê ở địa phương ấy, hẳn là hắn phải biết. Ông có cần hắn không?

-Có chứ! Và ngay bây giờ.

Ngay tối hôm đó, tên đầy tớ của Xanh Maixen nhận được lệnh của bá tước, nhất là những lời dặn dò của chủ hắn. Hắn phóng ngựa ra đi. Chúng ta cũng biết được là hắn chẳng phải đi xa gì, nhưng cũng ở ngoài chơi ba ngày rồi mới dẫn Luyzơ Gôia đến lâu đài.

Đó là một mụ đàn bà có bề ngoài giản dị và nghiêm khắc làm mọi người tin tưởng. Âm mưu của Xanh Maixen và hầu tước Buiê tiến triển được thuận lợi, nhưng lại xẩy ra một tai nạn suýt làm hỏng bét mọi mưu đồ ám muội, nó tạo ra một nỗi lo sợ nhưng lại có thể dập tắt được một tội ác.

Bà bá tước lúc trở về buồng bị vướng chân vào một mép thảm bị ngã lăn xuống sàn. Tiếng kêu của một người hầu làm náo động cả nhà. Người ta khiêng bà bá tước lên giường, báo động khẩn cấp nhất được ban hành. Nhưng rồi tai nạn đó không có hậu quả gì đáng kể.

Cuối cùng ngày sinh nở đã tới gần. Tất cả đều đã được chuẩn bị từ lâu. Xanh Maixen đã dùng thời gian đó để cổ vũ bà Buiê tránh khỏi mọi lo âu. Hắn cũng lên gặp mụ Gôia luôn để truyền lệnh, nhưng hắn cũng hiểu rằng điều cần thiết phải mua chuộc cho bằng được tên quản gia Bôlia. Tên này cũng đã ăn phải bả của hắn từ năm ngoái rồi với một số tiền lớn và rất nhiều hứa hẹn. Tên bất lương ấy chẳng hề thấy xấu hổ đi vào âm mưu hại chủ nó mà nó đã chịu biết bao ân huệ. Về phía bà Buiê luôn luôn bị Xanh Maixen xúc xiểm, tiếp tục cải hóa mấy cô hầu buồng Kinô đi theo con đường ghê tởm của mình. Như vậy là xung quanh gia đình tuyệt vời ấy, chỉ toàn là phản bội và mưu mô giữa những người mà thường ngày được coi là thân tín. Chúng được bố trí sẵn như vậy và chờ cơ hội.

Ngày 6 tháng 8 năm 1641, bà bá tước Xanhgiêrăng đột nhiên đau đẻ dữ dội trong miếu đường mà bà đang cầu nguyện. Người ta phải đưa bà về buồng riêng

trước khi buổi kinh lễ kết thúc.

Những cơn đau kế tiếp nhau mỗi lúc một tăng. Ông bá tước nghe tiếng vợ kêu la mà rớt nước mắt. Rất nhiều người có mặt. Hai cô con gái của bà thống chế với ông thống chế đó, một cô lúc đó mười sáu tuổi lấy quận công Văngtađua, cũng muốn được chứng kiến sự ra đời của em bé là kẻ nối dõi gia tài danh tiếng ấy. Còn có cả bà Xalinh, em gái cố thống chế Xanhgiêrăng.

Thấy cơn đau cứ tăng mãi, người ta cho là vụ sinh nở này khó khăn lắm và bà bá tước đang ở trong một tình trạng tột bực. Người ta vội cho đi sang các giáo khu lân cận để làm lễ cầu an cho mẹ và con.

Mụ đỡ Gôia chăm sóc mọi việc một mình, lấy cớ là như vậy mụ mới được dễ dàng làm mọi người răm rắp tuân theo lệnh mụ. Bà bá tước không nói một câu nào nữa mà chỉ thốt ra những tiếng kêu rên làm nát lòng mọi người.

Bà Buiê làm ra vẻ rất bận rộn, bỗng nhiên bà tuyên bố là mọi người ở đây đông quá chỉ làm trở ngại mọi công việc chăm sóc và làm bà bá tước chỉ khó chịu thêm cho nên mọi người nên giải tán, chỉ ở lại cạnh bệnh nhân những người thật cần thiết, và đề nghị bà cụ thống chế nên làm gương để mọi người noi theo. Người ta nắm lấy cơ hội đó để lôi ông bá tước ra khỏi nơi đau lòng ấy. Mọi người theo cụ bà thống chế ra ngoài. Chỉ còn lại bên giường đẻ: bà Buiê, mụ đỡ Gôia, hai chị em người hầu gái Kinô. Vậy là bà bá tước bị giao phó vào tay những kẻ thù độc ác nhất.

Lúc bấy giờ đã bẩy giờ tối, những cơn đau vẫn tiếp tục. Kinô chỉ giữ tay bà bá tước. Ông bá tước và cụ bà thống chế từng phút một lại cho người vào hỏi thăm đều được trả lời là mọi việc đều tốt lành cả và chẳng bao lâu nữa mong ước của mọi người sẽ được toại nguyện. Rồi người ta cũng cấm không một người đầy tớ nào được vào nữa.

Ba giờ sau mụ đỡ tuyên bố là bà bá tước sẽ không thể chịu đựng được nếu người ta không để bà nghỉ ngơi. Mụ cho bà uống một thứ thuốc nước mà phải dùng thìa đổ vào mồm. Bà bá tước liền lâm vào tình trạng ngủ li bì như chết. Người hầu gái Kinô em có lúc tưởng người ta đã giết chết bà nên ra ngồi khóc ở một xó nhà. Bà Buiê phải ra giải thích.

Trong suốt đêm kinh khủng ấy, có một bóng đen lảng vảng trong các hành lang, lặng lẽ đi qua các phòng, đến tận cửa buồng đẻ, nói nhỏ với mụ đỡ và bà Buiê cố gắng thực hiện. Chính là Xanh Maixen, hắn động viên đồng bọn và trực tiếp tham gia vào mọi sự chuẩn bị cho một tội ác lớn. Mọi việc trong âm mưu của hắn.

Bà bá tước trong cơn hôn mê triền miên đã sinh hạ được một đứa con trai mà không hay biết gì hết. Và như vậy em bé mới ra đời đã rơi vào tay những kẻ thù mà không được mẹ em bảo vệ dù chỉ bằng lời kêu tiếng khóc. Người ta hé mở cửa và đưa vào một người đang chờ đợi: đó là tên quản gia Bôliơ.

Mụ Gôia lấy cớ chăm sóc đầu tiên cho đứa bé và đã đưa nó ra một góc buồng. Bôliơ trông thấy hành động đó vội lao đến giữ tay mụ lại. Con mụ khốn nạn đã bấm sâu ngón tay vào trán đứa bé. Hắn giằng nó ra và từ đó đứa bé mang vết ngón tay của mụ đàn bà độc ác.

Có thể là bà Buiê không tự giải quyết việc để cho tiến hành một tội ác ghê gớm như vậy, nhưng người ta nghĩ ngay rằng tên Bôliơ đã hành động theo lệnh của Xanh Maixen – Người ta phỏng đoán rằng Xanh Maixen không tin hẳn vào lời hứa của bà Buiê sẽ lấy hắn sau cái chết của chồng bà, hắn muốn giữ em bé để buộc bà phải giữ lời hứa, nếu không sẽ đưa em bé ra.

Bôliơ cho quấn tã em bé lại, đặt em vào trong một cái giỏ, giấu nó trong cái áo khoác rộng của hắn, rồi ra tìm Xanh Maixen. Chúng thảo luận với nhau một lúc, sau đó tên quản gia đi qua một cái cửa thấp ra hầm của lâu đài, từ đó đi lên một mô đất cao rồi đi qua một cái cầu, vào một công viên. Công viên này có mười hai cửa, hắn đều có đủ chìa khóa. Hắn lên một con ngựa mà hắn đã chuẩn bị từ trước, giấu sau bức tường và phóng đi.

Cùng ngày hắn đi qua làng Etkêron cách Xanhgiêrăng một dặm. Ở đây hắn dừng lại tại nhà một người vú em vợ người bán găng tay. Người đàn bà này cho em bé bú. Vì Bôliơ không dám ở lại một làng rất gần Xanhgiêrăng, hắn xuống bến đò Lase vượt sông Aliê, vào nhà một người tên là Bucô, bà vợ lại cho em bé bú, sau đó hắn lại tiếp tục đi về phía Ovecnhơ.

Trời rất nóng, trên mình ngựa em bé có vẻ rất khó chịu. Gặp một chiếc xe bò đi về phía Riôm, người đánh xe tên là Pôn Bôitôin, đi xe thường xuyên trên con đường này. Bôliơ liền mặc cả với chủ xe, đặt em bé vào trong xe, hắn cũng ngồi vào trong xe bế em bé trên tay, con ngựa buộc sau xe.

Trong câu chuyện với người đánh xe, Bôliơ nói hắn không chăm sóc đến đứa bé như thế nếu nó không phải là dòng dõi Buốc Bông. Buổi trưa đi tới làng Che, bà chủ ngôi nhà hắn dừng lại đồng ý cho đứa bé bú sữa bà.

Người đánh xe bò đưa tên quản gia đến tận gần Riôm, lúc đó Bôliơ xuống xe và giả vờ hẹn ngày quay về, rồi đi về phía tu viện Lavoan, vào làng Đềcutu ở trong núi, giữa Lavoan và Thie. Bà hầu tước Buiê có một lâu đài ở đó, đôi khi có về qua.

Ở Đềcutu, đứa bé được bà già Gabrien nuôi, bà được trả công trước một tháng, nhưng bà chỉ nuôi có một tuần vì người ta từ chối không nói cho bà biết tên cha mẹ đẻ của đứa bé và địa chỉ để bà gửi tin tức. Người đàn bà ấy loan báo tình hình đó nên không một người vú nuôi nào dám nuôi đứa bé đó. Người ta phải đem nó rời khỏi Đềcutu. Những kẻ mang đứa bé theo con đường cái lớn của Buốcgônhơ, đi qua một địa phương lớn của rừng rú và đến đây người ta mất vết tích chúng.

Bà bá tước mê man đến tận sáng. Bà tỉnh dậy, bại hoại, người đầy máu, nhưng lại thấy dễ chịu vì đã trút được vác nặng. Câu đầu tiên của bà hỏi về đứa con. Bà muốn thấy con, hôn con và hỏi con ở đâu. Mụ đỡ thản nhiên trả lời là bà chưa đẻ, còn các cô hầu thì hổ thẹn quay mặt đi vì câu trả lời vô liêm sỉ ấy. Bà bá tước phải chịu cái ngược đời ấy, nhưng thấy bà không chịu yên một lúc nào, mụ đỡ cố gắng an ủi và bảo đảm với bà là bà sắp sinh đến nơi.

Theo những triệu chứng suốt đêm qua, bà sẽ đẻ con trai. Lời hứa hẹn đó làm yên lòng ông bá tước và cụ bà thống chế, nhưng còn đối với bà bá tước thì không có hiệu nghiệm, bà luôn mồm nói rằng dứt khoát bà đã đẻ rồi.

Buổi sáng hôm đó một cô gái chăn gia súc gặp một người đàn bà đi xuống một hố nước ở lâu đài, tay cắp một cái gói. Cô gái nhận ra là mụ đỡ, cô liền hỏi mụ mang gói gì và đi đâu mà sớm thế. Mụ trả lời chẳng có gì, nhưng cô gái rất tò mò và nửa đùa nửa thật kéo một đầu gói, mụ đã không kịp kháng cự, cô phát hiện thấy một mớ quần áo đầy máu. Cô vội hỏi: -Vậy là bà chủ đẻ rồi à?

-Chưa! – Mụ đỡ vội vàng đáp – Bà chưa ở cữ đâu.

Cô gái không chịu, cô hỏi tiếp: -Làm sao lại chưa được? Vì bà hầu tước cũng có mặt ở đây đã nói rằng bà chủ đẻ rồi kia mà.

Mụ đỡ lúng túng đáp: -Bà ấy chỉ bẻm mép thế thôi.

Sau này lời khai của cô gái ấy là một trong những lời khai quan trọng nhất.

Sự phẫn nộ của bà bá tước làm cho tình hình ngày hôm sau xấu đi. Bà kêu gào, khóc lóc và đòi ít nhất cũng phải cho bà biết con bà ra sao. Bà khẳng định là bà không lầm, bà đã đẻ rồi. Mụ đỡ lạnh lùng nói rằng tuần trăng mới này không hợp với sự sinh nở cho nên phải đợi đến hết tuần mới được dễ dàng, vì các kế hoạch đã được chuẩn bị như vậy.

Mụ Gôila không còn biết làm thế nào để tranh thủ được thời gian nữa, mụ thấy thất bại trước sự khẳng định của bà bá tước Xanhgiêrăng, vì lo sợ quá mụ đi đến quyết định làm hại bà. Mụ báo với bà rằng con bà đã gắng những sức lực đầu tiên để ra chào đời, có thể là em bé đã bị giữ lại trong bụng bởi những hiện tượng mà mụ bịa ra, muốn lôi em bé ra được thì bà phải chịu khó chịu đựng những cử động mạnh. Bà bá tước vẫn khẳng định với cảm giác của bà, bà từ chối lời khuyên ấy. Nhưng ông bá tước và cụ bà thống chế cùng với cả nhà đều khuyên nhủ và van nài. Cuối cùng bà đành chịu.

Người ta đưa bà lên một cỗ xe ngựa đóng kín và chở bà đi suốt một ngày trên những cánh đồng cây và những con đường gồ ghề xấu xí nhất. Bà bị lay động dữ dội đến không thở được nữa. Bà phải có một thể lực cường tráng lắm mới chịu đựng được thứ cực hình ấy đối với một người phụ nữ vừa mới đẻ. Sau cuộc đi chơi khủng khiếp ấy, người ta mang bà vào giường. Thấy không ai tin vào ý kiến của mình, bà phó mặc cho Thượng Đế và tự an ủi bằng những biện pháp của tôn giáo. Để ngăn chặn dòng sữa chảy ra, mụ đỡ đã cho bà uống những liều thuốc

mạnh nhất. Bà chịu đựng được tất cả những âm mưu ám hại và rồi cũng dần dần hồi phục.

Thời gian là liều thuốc cho những nỗi đau khổ, thời gian cũng đã dần dần làm dịu bà bá tước, nỗi đau khổ của bà thỉnh thoảng gặp dịp là bùng lên, nhưng rồi cuối cùng cũng tắt ngấm cho đến ngày xẩy ra những sự kiện mà chúng tôi sẽ kể sau đây.

Ở Pari có một ông thầy dạy võ khoe khoang rằng nhờ có người anh em giúp đỡ, ông được vào làm việc trong một gia đình quyền quí, ông đã lấy vợ tên là Mary Pigorô, con gái một kịch sĩ. Cách đây không lâu ông thầy ấy đã mất trong cảnh nghèo nàn để lại hai đứa con cho vợ góa. Trong khu phố ít người biết đến người đàn bà góa Pigorô và không hiểu chị ta sống bằng cách gì. Bỗng nhiên sau vài lần vắng mặt ngắn ngày và sau vài cuộc đến thăm của một người lạ mặt vào buổi tối, người ta thấy chị sống trong cảnh phong lưu hơn, trong nhà có những quần áo quí giá, những tã lót đắt tiền và sau cùng người ta biết chị nuôi một em bé con người khác.

Cũng trong thời gian đó, người ta còn được biết là chị ta có gửi hai nghìn livrơ ở nhà ông chủ cửa hàng thực phẩm trong khu tên là Ragơnê. Cách đây mấy ngày chị Pigorô làm lễ đặt tên thánh cho em bé, chị phải đem đến nhà thờ Xanhgiăng Angghee để khỏi lộ tung tích của em và tìm biện pháp để nêu tên cha mẹ em. Chị tìm được người đào mồ trong giáo khu để làm cha đỡ đầu cho em bé, tên người đó là Pôn Nacmiông, và đặt tên em là Becna.

Mẹ đỡ đầu của em là Jan Sơvaliê, một người đàn bà nghèo trong giáo khu.

Ít lâu sau chị Pigorô đến làng Toocxiănbri thuê một người vú để nuôi em bé. Chị nói với người chồng của vú em tên là Paya rằng em bé là con một nhà quyền quí đã giao cho chị nuôi và nếu có phải đổi tính mạng con của chị, chị cũng không ngần ngại. Người vú ấy không nuôi em bé được lâu vì bị ốm. Chị Pigorô lại đến đưa em bé sang thuê một người đàn bà góa tên là Pêgoanh. Tiền tháng nuôi em đều được trả rất sòng phẳng và em bé được nuôi một cách rất chu đáo. Chị Pigorô lại nói với người đàn bà đó rằng em bé là con một ông lãnh chúa lớn, ai nuôi em bé sau này sẽ được một món tiền lớn. Một người đàn ông đã đứng tuổi thường đến thăm em. Người ta đoán đó là cha em, còn chị Pigorô nói là anh chồng.

Khi em bé được mười tám tháng, chị Pigorô mang em bé về nuôi. Hai đứa con trai của chị, đứa đầu tên là Angtoan, đứa thứ hai tên là Hăngri. Em Hăngri sinh ngày 9 tháng 8 năm 1639, sau khi cha chết được mấy tháng thì em cũng mất. Chị Pigorô liền dùng giấy khai sinh của con thứ hai cho em bé nuôi, thế là chị chôn vùi luôn nguồn gốc của em bé này. Sau đó chị dọn nhà sang ở một giáo khu khác để lẩn tránh mọi tông tích cũ.

Em bé sống dưới tên và danh nghĩa của Hăngri, con thứ hai của Pigorô cho đến năm hai tuổi rưỡi. Đến thời kỳ đó, có thể là chị đã hết hợp đồng nuôi em, hoặc có thể là món tiền hai nghìn livrơ gửi ở nhà ông Pagơnê chủ cửa hàng thực phẩm đã tiêu hết và không nhận được thêm, chị quyết định thôi không nuôi em nữa.

Người ta nói với chị rằng đứa con thứ nhất của chị đã có gia sản của đứa thứ hai bảo đảm, và nếu chỉ giữ được một đứa thì nên giữ đứa thứ hai. Chị trả lời rằng vấn đề không thuộc phạm vi chị quyết định được vì đứa thứ hai có một ông bác, ông chỉ muốn nuôi em. Chị thường nói đến ông bác ấy, anh chồng chị, ông làm quản gia ở một gia đình quyền quí.

Một buổi sáng, một người hầu vào báo với Bôliơ ở lâu đài Xanhgiêrăng là có một phụ nữ bế một em nhỏ đến tìm hắn. Bôliơ quả là anh chồng chị Pigorô. Bây giờ ta cũng đoán được hắn là người lạ mặt đến gửi và thường đến thăm em bé.

Chị Pigorô nói chuyện với hắn rất lâu về tình hình. Bôliơ cảm động bế em bé lên và bảo chị chờ trả lời ở một nơi cách lâu đài mấy bước do hắn chỉ định.

Vợ Bôliơ kêu ầm lên khi chồng đề nghị tăng nhân số trong gia đình, nhưng rồi cuối cùng cũng phải đồng ý khi thấy chồng trình bày những khó khăn của em dâu. Rồi hắn đi tìm các chủ hắn để xin phép được nuôi em bé ấy trong lâu đài, làm như vậy hắn cũng cảm thấy phần nào được nhẹ nhõm gánh nặng đang đè nặng lên lương tâm hắn.

Lúc đầu ông bà bá tước không đồng ý vì thấy hắn đã phải nuôi năm đứa con rồi, nhưng thấy hắn nằn nì tha thiết nên cuối cùng ông bà cũng phải đồng ý. Bà bá tước muốn được thấy em và bà đang định đi đến Mulanh, bà bảo cho em bé ngồi vào xe của các người hầu. Lúc người ta đưa em bé tới, bà reo lên: -Em bé xinh quá nhỉ!

Tóc em hung, cặp mắt em to và xanh, nét mặt đều đặn. Bà quay lại nói tiếp với Bôliơ:

"Tôi không muốn để em bé lên xe kia nữa mà muốn em ở bên này với tôi."

Trở về lâu đài Xanhgiêrăng, bà đem lòng yêu mến em bé Hăngri – em vẫn giữ tên đó – Nhiều khi bà buồn rầu nhìn em bé rồi lại hôn em tới tấp và ghì em rất lâu trên ngực bà. Ông bá tước cũng có nhiều cảm tình với em bé cháu của Bôliơ.

Xanh Maixen và bà Buiê vẫn chưa lấy nhau mặc dù ông già hầu tước Buiê chết đã lâu. Hình như hai người bỏ kế hoạch ấy. Bà Buiê thì vì ngại mà chưa dám, còn Xanh Maixen do ưa tự do phóng túng. Người ta cho rằng có những cam kết mới và nhất là có những món tiền lớn bù vào chỗ không giữ lời.

Trong thời gian này Xanh Maixen lại giao du chơi bời, hắn tán tỉnh cô Jăccơlin Đờ Lagác, hắn cũng đạt tới kết quả làm cô gái phải yêu hắn, và hắn dẫn cô tới mức chỉ tự vệ khi cái thai trong bụng cô đã lớn và mọi sự quá khích có thể

làm hại nó. Hắn giới thiệu tới cô một mụ đỡ có thể đỡ đẻ không đau và đã có kinh nghiệm thực tế. Cũng cô gái Jăccơlin ấy kể lại rằng Xanh Maixen thường khoe khoang như một âm mưu tài tình là đã bắt đứa con trai một ông tỉnh trưởng và là cháu một thống chế Pháp. Về bà hầu tước Buiê, hắn nói nhờ có hắn mà bà ấy được giầu có. Sau cùng khi đưa cô về chơi một vùng thôn quê đẹp đẽ mà hắn bảo là của hắn, cô khen là một nơi tuyệt đẹp, hắn mỉm cười và trả lời là câu nói đó của cô làm hắn liên tưởng đến tên một người Bôliơ (tiếng Pháp Bôliơ có nghĩa là nơi đẹp. ND) mà hắn đã giúp cho cách kiếm được món tiền lớn: năm trăm nghìn êcu.

Trên xe ngựa chạm trổ về Pari, hắn cũng nói chuyện với một ông tên là Bacbơxăng rằng bá tước Xanhgiêrăng đã sinh được một đứa con trai và đứa con trai đó đang ở trong tay hắn.

Đã từ lâu Xanh Maixen chưa gặp bà Buiê, mối nguy chung làm chúng xích lại gần nhau. Chúng hoảng hốt khi hay tin Hăngri đang có mặt trong lâu đài Xanhgiêrăng. Chúng bàn với nhau về vấn đề đó và Xanh Maixen nhận sẽ làm chấm dứt tình hình ấy. Nhưng hắn chưa dám làm gì tai hại cho em bé, điều đó lúc này cũng rất khó khăn vì hắn đã mất hết lòng tin của ông bà bá tước.

Còn Bôliơ hàng ngày được chứng kiến tình thương của ông bà bá tước đối với Hăngri, hắn đã hàng trăm lần định thú hết sự thực. Hắn bị lương tâm cào xé. Lúc thì hắn nói là hắn nắm trong tay tính mạng và danh dự của bà hầu tước Buiê. Lúc thì hắn nói là ông bà bá tước có đầy đủ lý do để yêu mến Hăngri. Một hôm hắn hỏi một người của nhà thờ về một trường hợp thuộc lương tâm như sau: Một người đã tham gia vào một vụ bắt cóc một đứa con trai nhưng đã đưa lại đứa con đó cho bố mẹ nó mà không cho biết là con đẻ của họ, thế mà lương tâm của người đó vẫn chưa được thỏa mãn là tại sao? Người ta không được biết người nhà thờ đã trả lời như thế nào, nhưng có vẻ tên quản gia ấy không hài lòng. Hắn lại còn trả lời cho một người láng giềng khi người này khen hắn có một đứa cháu được ông bà bá tước rất quí báu, là ông bà còn có thể yêu mến nó vì nó rất gần gũi ông bà.

Những ý kiến ấy đều do những người không có lợi ích gì vào đấy thú nhận được. Một hôm, một người đại lý rượu nước ngoài cho Bôliơ một lọ mẫu để nếm thử, tối hôm đó hắn lên cơn đau bụng dữ dội. Người ta đặt hắn lên giường, hắn quằn quại khiếp đảm. Ý nghĩ độc nhất bao trùm đầu óc hắn mà hắn nhắc đi nhắc lại trong cơn hấp hối là hắn muốn xin lỗi ông bà bá tước về một tổn thất lớn lao mà hắn gây cho ông bà. Những người ở xung quanh hắn trả lời rằng điều đó không có gì là quan trọng, nhưng thấy hắn yêu cầu một cách thảm thiết quá, người ta mới đi báo với ông bà.

Ông bá tước cũng cho chỉ là vài biến thủ lặt vặt, và ông sợ rằng sẽ phải làm cho hắn chết sớm vì xấu hổ lúc thú tội. Ông cho người báo với hắn là ông tha thứ

cho hắn rồi, hắn có thể an tâm, và ông không đến thăm hắn. Thế là Bôliơ chết mang theo điều bí mật. Đó là vào năm 1648.

Lúc bấy giờ em bé đã lên bẩy, em càng dễ thương hơn, ông bà bá tước càng dành cho em nhiều tình thương hơn. Ông bà cho em học khiêu vũ và đấu kiếm và may mặc cho em rất tử tế.

Xanh Maixen lại quay các quỷ kế của hắn về phía ấy. Có lẽ hắn cũng đang mưu mô một tội ác không kém gì các tội ác trước, nhưng công lý đã ngăn chặn hắn lại. Một hôm người ta bắt được hắn lúc hắn đang nói chuyện ở ngoài phố với một người hầu ở lâu đài Xanhgiêrăng, người ta dẫn hắn đến ban bảo vệ nhà tu.

Vào thời gian ấy ông bá tước đang đi nghỉ ở vùng nước suối Vysy, bà bá tước và bà hầu tước Buiê cùng đi theo ông. Tình cờ run rủi họ gặp mụ đỡ Gôia trong thành phố đó. Mụ đỡ lại nối quan hệ với gia đình ấy và thường đến thăm Buiê. Một hôm bất thình lình bà bá tước vào buồng bà Buiê, thấy hai người đang nói chuyện nhỏ với nhau, họ lập tức dừng lại và có vẻ lúng túng.

Bà bá tước nhận thấy thế liền hỏi họ nói chuyện về vấn đề gì?

-Không có gì đâu ạ! – Bà Buiê đáp.

-Vậy thì là vấn đề gì? Bà bá tước thấy bà Buiê đỏ mặt liền gặng hỏi.

Bà Buiê thấy không trả lời không được và cảm thấy lúng túng hơn, buộc phải nói: -Bà Gôia đây ngợi khen anh em vì thấy anh không có vẻ khó chịu đối với bà ấy.

-Tại sao vậy? Bà bá tước hỏi mụ đỡ. Điều gì làm bà sợ nhà tôi khó chịu với bà?

-Tôi e ngại, mụ đỡ vụng về đáp, ông nhà có ấn tượng không tốt đối với tôi khi chúng tôi cho là bà sắp ở cữ.

Thấy câu trả lời tối tăm và thái độ lúng túng của hai người, bà bá tước đâm ra suy nghĩ, nhưng bà cũng cố nén không hỏi gì thêm. Sự xúc động ấy không thoát khỏi bà Buiê. Hôm sau bà sai đóng xe và lên đường về quê nhà riêng ở La Voan. Sự vụng về ấy lại càng làm tăng thêm nghi ngờ.

Quyết định thứ nhất của bà bá tước là cho bắt giữ mụ Gôia. Nhưng bà hiểu rằng một việc nghiêm trọng như vậy cần phải thận trọng. Bà xin ý kiến ông bá tước và cụ bà thống chế. Người ta cho gọi mụ Gôia đến để hỏi một cách đột ngột. Mụ chối cãi và nhiều lần nói ngược lại. Nhưng vẻ hoảng hốt của mụ đủ xác minh tội lỗi của mụ. Người ta giao mụ cho pháp luật. Bá tước Xanhgiêrăng làm đơn kiện lên vị pháp quan ở Mulanh.

Mụ đỡ bị hỏi cung lần thứ nhất, mụ thú nhận là bà bá tước có đẻ thực sự, nhưng đẻ ra một em bé gái và chết ngay, mụ đã chôn dưới một hòn đá bên cạnh nhà kho và sân nuôi gia cầm.

Vị pháp quan cùng đi với một ông thầy thuốc đến tận hiện trường nhưng không tìm thấy hòn đá, không thấy xác hài nhi và cũng không thấy một dấu vết

gì. Người ta đào bới cả vùng xung quanh cũng không thấy gì.

Người ta gửi bản báo cáo ấy cho cụ bà thống chế, cụ cho ý kiến cần phải truy tố ngay con mụ đỡ ghê gớm ấy. Viên trung úy đặc biệt thay chân viên trung úy hình sự vắng mặt bắt đầu tiến hành.

Trong cuộc lấy cung lần thứ hai, mụ Gôia khai là bà bá tước không đẻ.

Trong lần thứ ba, mụ khai bà đẻ ra quái thai.

Trong lần thứ tư, mụ khai bà đã đẻ ra một đứa con trai và đã bị Bôliơ bỏ vào trong một cái giỏ mang đi.

Trong lần thứ năm, mụ khai trước vành móng ngựa là đã bị người ta dùng vũ lực buộc mụ phải khai là bà bá tước có đẻ. Mụ không động chạm gì đến bà hầu tước Buiê và Xanh Maixen.

Nhưng mặt khác trong lúc bị giam, mụ cho con trai mụ là Ghilơmanh đến bà Buiê và chỉ bảo là mụ bị bắt. Bà Buiê hiểu sự bắt bớ ấy nên hoảng hốt rụng rời, bà vội vã cử người đến xin ý kiến ông trung tướng cố vấn của bà và là kẻ tử thù của ông bá tước. Ý kiến của ông là phải làm sao chấm dứt được cuộc truy tố và ngừng mọi cuộc thẩm vấn. Bà Buiê rắc vàng ra và làm ngừng được cuộc truy tố.

Bà Buiê lại còn cho người dũng sĩ tùy tùng của mình tên là Foret Tiê đến tận Riôm là nơi ở của hai chị em hầu Kintô, cho hai cô một số tiền lớn để hai cô phải giữ thật kín. Hai cô yêu cầu, muốn được như vậy bà Buiê phải nhận hai cô vào làm việc vì bà hầu tước cũng đã có ý định gọi hai cô về làm ở lâu đài Xanhgiêrăng. Bà Buiê buộc phải nhận hai cô, bà giữ cô em, còn cô chị bà gả cho Đờlit, quản gia của bà.

Còn người dũng sĩ tùy tùng Foret Tiê, sau nhiều lần bị sai đi làm những công việc mờ ám, thấy không muốn phục vụ một người chủ như thế nữa, bèn bỏ đi. Lúc anh ta ra đi, bà Buiê bảo anh: "Nếu anh để tiết lộ một câu gì mà anh biết được ở hai chị em Kinô thì tôi sẽ cho tên quản gia Đờlit kết liễu đời anh! Hàng trăm nhát dao găm sẽ không trượt đâu."

Vậy là bà Buiê đã củng cố tuyến phòng thủ của mình và cho như thế là đảm bảo không gì có thể tấn công bà được nữa. Nhưng bỗng nhiên xuất hiện một người tên là Becgiê, tráng sĩ và hầu cận của hầu tước Xanh Maixen, được chủ tín nhiệm và đã đến nhà tù thăm chủ. Anh ta loan báo nhiều chi tiết để làm sáng tỏ vấn đề ấy. Chủ anh kể anh nghe đầu đuôi về cuộc sinh đẻ của bá tước Xanhgiêrăng và việc bắt đứa con bà đi.

-Thưa ông. – Becgiê nói với chủ: – Tôi lấy làm lạ rằng ông đã mắc phải biết bao chuyện tối tăm, thế mà ông không an ủi lương tâm ông bằng việc này sao?

-Tôi dự định đem trả đứa con cho bố mẹ nó. Tôi đã thú tội với một ông cha cố và cha đã khuyên tôi nên làm như vậy.

Xanh Maixen thỉnh thoảng được phép ra ngoài, một lần hắn dẫn Becgiê đến xem một em bé bảy tuổi tóc hung mặt trông rất xinh. Hắn nói với anh: -Anh hãy

nhìn kỹ đứa bé này và nhớ lấy nó để thỉnh thoảng tôi cho anh ra lấy tin tức về nó.

Sau đó hắn thú thực với Becgiê đấy là con bá tước Xanhgiêrăng mà hắn đã nói chuyện.

Luật pháp nắm được những tin tức ấy cho là sẽ có những chứng cớ có tính chất quyết định. Nhưng cũng cùng lúc ấy có nhiều đơn tố cáo những tội lỗi khác của Xanh Maixen, đồng thời gửi đến Tòa án tới tấp. Người ta vội cử nhiều viên thanh tra đến ngục, nhưng người cai ngục ngăn họ lại nói rằng Xanh Maixen bị ốm và đang làm lễ rửa tội với một giáo sĩ. Vì họ cứ nằn nì mãi nên những người phụ trách ngục phải đi xuống buồng giam. Vị giáo sĩ đi ra và nói to lên rằng phải đi tìm đến ngay những người mà bệnh nhân yêu cầu gặp để cho họ biết điều bí mật, bệnh nhân đang ở trong tình trạng tuyệt vọng và thú thật là đã tự đầu độc. Tất cả mọi người xuống buồng giam.

Xanh Maixen quằn quại trên giường đáng làm cho người ta thương tâm. Lúc thì hắn gào lên như con thú dữ, lúc thì lảm nhảm những câu miên man.

Các nhà chức trách nghe thấy những câu nói như sau: -Thưa ông bá tước…, gọi cho tôi…, bà bá tước Xanhgiêrăng…, họ đến đây ngay…

Các nhà chức trách vội lại gần hắn, gặng hỏi hắn nói cho rõ hơn, nhưng hắn lại mê man đi. Lúc mở mắt ra hắn nói: -Cho tôi gặp bà bá tước…, bà ấy tha lỗi cho tôi… Tôi muốn nói hết với ông bà…

Các nhà chức trách giải thích cho hắn biết hắn có thể nói được. Một người lại còn nói rằng ông bá tước đang có ở đây. Hắn quay lại thều thào: -Tôi xin nói…

Nói đến đây hắn nấc lên một tiếng và tắt thở. Hình như số phận bắt phải câm đi những cái mồm có thể từ đó thốt lên sự thật. Tuy nhiên sự thú nhận của hắn muốn tiết lộ bí mật với bá tước lúc hắn hấp hối và những lời khai của giáo sĩ rửa tội cho hắn lúc hắn sắp chết, cũng là những lời khai quan trọng.

Phiên tòa thứ nhất tập hợp tất cả các sự kiện mà chúng tôi đã báo cáo ở trên và lập nên một bản cốt yếu được tất cả mọi người công nhận sự thật từ lúc em bé ra đời đến khi em vào làng Đècutu.

Đi ngược lên nguồn gốc của tội ác, luật pháp không thể không lên án bà hầu tước Buiê. Nhưng vì bà bá tước Xanhgiêrăng không muốn để em chồng phạm tội, vì như vậy chính ông bị mang tiếng nên ông bỏ qua đi. Bà Buiê bị lương tâm cắn rứt trong cảnh cô độc và không xuất hiện nữa. Ít lâu sau bà mất, mang theo gánh nặng trong lương tâm cho đến hơi thở cuối cùng.

Tòa án Mulanh kết tội mũ đỡ Gôia đã bắt mất đứa con mới đẻ của bá tước và lên án treo cổ mụ…

Bản án tiến hành đến đây với đầy đủ bằng chứng cùng với tình thương theo thiên tính đối với em bé Hăngri, làm cho ông bà bá tước Xanh Giêrăng không còn nghi ngờ gì nữa, em bé chính là con đẻ của mình. Lập tức người ta trao trả cho em tước vị và mọi đặc quyền. Người ta gọi em là bá tước Đờ Lapalit…

… Sau khi cha mất, Lapalit trở thành bá tước Đờ Xanh Giêrăng. Năm 1667, chàng thanh niên bá tước Xanh Giêrăng lấy cô Madơlen Đờ Varinhi. Chàng chỉ sinh được một cô gái năm 1668 và sau này cô đi tu. Bá tước Đờ Xanh Giêrăng mất năm năm mươi nhăm tuổi.

Gia đình tiếng tăm ấy tàn lụi đi như vậy.

Murat[426] (1815)

Ngày 18 tháng 6 năm 1815, vào đúng giờ mà số phận châu Âu đang được quyết định ở trận Waterloo, một người đàn ông ăn mặc như kẻ ăn mày, lặng lẽ đi theo con đường từ Tulông đến Macxây. Đi đến khe núi Oilivules, người đó dừng lại trên một mô đất nhỏ, tại đây ông phát hiện thấy tất cả phong cảnh xung quanh. Do đó trước khi tiến vào con đường hẻm tối tăm và gồ ghề mà người ta gọi là "Cửa nóng" của tỉnh Provence, ông còn muốn được ngắm cảnh tuyệt diệu đang diễn ra ở chân trời phía Nam, ông đến ngồi lên một thảm cỏ bên vệ đường cái. Phía bên kia cánh đồng vàng rực lên bởi những tia nắng cuối cùng là biển cả và trên mặt nước lướt nhẹ một chiếc thuyền nhỏ độc nhất, nó lợi dụng cơn gió mát mở hết hai cánh buồm tiến nhanh về phía biển Ý. Người ăn mày háo hức nhìn theo chiếc thuyền đó cho đến khi nó mất hút giữa mũi Gien và hòn đảo đầu tiên của quần đảo nhỏ Hyères. Rồi, sau khi cái bóng trắng đã biến mất, người đó thốt lên một tiếng thở dài sâu xa, gục trán xuống hai lòng bàn tay và lặng im suy nghĩ cho đến khi bị giật mình vì có tiếng động của một nhóm kỵ mã. Người đó vội ngẩng đầu lên, lắc bộ tóc dài đen và trừng mắt nhìn về lối vào khe núi, phía phát ra tiếng động. Một lát sau thấy có hai kỵ mã đi ra. Hẳn là có quen biết nhau nên vội vàng người đó đứng thẳng người lên, bỏ rơi chiếc gậy cầm tay, khoanh hai tay trước ngực và quay mặt về phía hai người kỵ mã. Hai kỵ mã vừa trông thấy đã dừng ngay lại và người đi trước xuống ngựa, ném dây cương cho bạn, bỏ mũ ra cầm tay và mặc dù còn cách người ăn mày đến năm mươi bước, kính cẩn tiến đến trước mặt người đó. Người ăn mày để yên cho người đó lại gần, vẻ đường hoàng và ủ rũ, rồi lúc chỉ còn cách mấy bước mới lên tiếng: -Thế nào ông thống chế, đã có tin tức gì chưa?

-Tâu bệ hạ rồi ạ! – Người kỵ mã buồn rầu trả lời.

-Như thế nào?…

-Đúng như tôi muốn không ai khác ngoài tôi được bệ kiến với bệ hạ…

-Vậy là hoàng đế đã từ chối đề nghị của tôi. Người đã quên mất những chiến thắng Aboukir, Eylau và Matxcơva?

-Tâu bệ hạ không đâu ạ! Nhưng người lại nhớ đến hiệp ước Naples, đến cuộc chiếm đóng Reggio và đến việc tuyên chiến với phó vương Ý.

Người ăn mày vỗ tay vào trán đáp: -Phải, phải. Đối với ông ấy có thể là tôi đáng trách. Nhưng ông ấy cũng cần phải nhớ là ở tôi có hai người, một là người lính mà ông ấy đã biến thành anh em, và hai là người em mà ông ấy đã biến thành ông vua. Phải, là anh em tôi có những khuyết điểm vì sai lầm lớn đối với ông ấy. Nhưng là một ông vua, tôi nói thực, tôi không làm khác được… Tôi cần phải lựa chọn giữa thanh gươm và ngôi báu của tôi, giữa một đạo quân và một

dân tộc… Brune này, ông chưa biết vấn đề đã diễn biến như thế nào. Có một hạm đội Anh nổ đại bác trong bến cảng, có một dân tộc Naples hò hét trong các phố. Nếu chỉ có một mình tôi, tôi sẽ đi với một chiếc tàu vào giữa hạm đội, với thanh gươm vào giữa dân chúng. Nhưng tôi còn có một vợ và mấy đứa con. Cuối cùng là ông ấy không cần đến tôi phải không? Ông từ chối tôi – một vị tướng, một sĩ quan, một người lính thường? Vậy còn gì mà tôi cần phải làm?

-Tâu bệ hạ, ngay bây giờ bệ hạ nên rời khỏi nước Pháp.

-Nếu tôi không nghe?

-Lệnh cho tôi là phải bắt giữ ngài và đưa ra một Hội đồng quân sự.

-Điều đó anh sẽ không thi hành, phải không anh bạn già của tôi?

-Tôi sẽ phải vừa thi hành, vừa cầu Chúa đập chết tôi lúc tôi giơ tay ra bắt bệ hạ.

-Brune, tôi nhận ra anh ở điều đó, anh có thể can đảm và trung thực. Người ta không tặng anh một vương quốc, người ta không đặt lên trán anh một vòng lửa mà người ta gọi là mũ miện và làm phát điên lên được. Người ta không đặt anh vào giữa lương tâm và gia đình. Vậy là tôi phải rời bỏ nước Pháp, bắt đầu một cuộc sống lang thang, vĩnh biệt Toulon, là nơi tôi có biết bao kỷ niệm. Không còn cách gì để được ở lại trong xứ sở nước Pháp nữa hả anh Brune?…

-Tâu bệ hạ, bệ hạ làm tôi khổ tâm lắm rồi!

-Đúng thế, ta sẽ không nói đến đây nữa. Tin tức như thế nào nào?

-Hoàng đế đã rời khỏi Pari để tham gia vào quân đội. Giờ này phải là đang chiến đấu…

-Người ta chiến đấu, thế mà tôi lại ở đây. Ôi! Tuy nhiên tôi vẫn cảm thấy còn có ích cho Hoàng đế vào một ngày có chiến trận. Brune, hãy cấp cho tôi một tờ hộ chiếu, tôi sẽ phóng thẳng đến đấy, tôi sẽ tới nơi có quân đội, tôi sẽ làm cho một viên tá nào đó nhận ra tôi, tôi sẽ nói: Hãy giao cho tôi quân đội của anh, tôi sẽ cùng với nó xung phong, và đến buổi tối nếu hoàng đế không chìa tay ra cho tôi, tôi sẽ tự tay bắn vỡ óc mình, xin nói danh dự như vậy… Anh Brune, hãy giúp đề nghị của tôi, và mặc dù kết quả ra sao, tôi sẽ cám ơn anh suốt đời.

-Tâu bệ hạ, tôi không thể…

-Thôi được, ta không nói đến đấy nữa.

-Và bệ hạ sẽ rời khỏi nước Pháp chứ?

-Tôi không biết, anh cứ việc hoàn thành nhiệm vụ của anh. Nếu anh đã gặp tôi, cứ bắt tôi đi. Đó còn là biện pháp làm được vấn đề gì cho tôi…

Và người ăn mày đưa tay ra cho viên thống chế. Thống chế muốn hôn bàn tay ấy, nhưng Murat giang hai tay ra và hai người bạn già ôm chặt lấy nhau, ngực phồng lên những thớ dài, mắt đẫm lệ, sau đó hai người từ biệt nhau. Brune lại lên ngựa. Murat nhặt chiếc gậy và hai người từ biệt nhau, mỗi người đi về một phía, người thì đến Avignon để bị ám sát, người kia đi về Pizzo để bị xử bắn.

Trong thời gian đó, như Richard III, ở Waterloo Napoléon đổi ngai vàng của mình lấy một con ngựa.

Sau cuộc hội kiến mà chúng tôi vừa kể, cựu vương Naples rút về nhà người cháu tên là Bonafoux, trung úy hải quân. Nhưng về đây chỉ là tạm thời, người cháu phải tránh những mối nghi ngờ của nhà chức trách. Vả lại Bonafoux cũng muốn tìm cho chú mình nơi ẩn náu bí mật hơn. Anh ta để ý đến một trạng sư bạn anh mà anh biết rõ lòng trung thành. Tối hôm đó anh đến nhà bạn.

-Marouin này, tôi có vấn đề quan trọng muốn nói với anh.

-Anh cứ nói, anh cũng biết ngoài cha nhận xưng tội, không ai kín đáo hơn chưởng khế, và sau chưởng khế là trạng sư.

-Anh cũng biết là tôi đến đây không phải để rủ anh đi chơi. Có một vấn đề khá quan trọng, một trách nhiệm trọng đại đang đè nặng lên tôi, và trong các bạn thân thiết, tôi đã chọn anh, nghĩ rằng anh đủ tận tình giúp tôi một việc lớn.

-Anh làm vậy rất đúng.

-Tôi xin trình bày cụ thể và nhanh chóng. Ông chú tôi, Joachim – ông vua bị trục xuất đang trốn trong nhà tôi. Nhưng không thể ở đấy được vì tôi là người đầu tiên người ta sẽ tìm đến. Nơi ở của anh cách biệt, do đó rất thuận lợi làm nơi trú ẩn cho chú tôi. Mong anh chấp thuận đề nghị của tôi để cho ông ấy ở cho đến khi nào có những sự kiện cho phép một ông vua có được một quyết định nào đó.

-Anh có thể tin ở tôi.

-Tốt lắm. Ông chú tôi sẽ tới đây ngủ ngay đêm nay.

-Nhưng nên để cho tôi có thời gian dọn dẹp nhà cửa cho xứng là nơi ở của một vị đế vương.

-Anh bạn thân mến ạ! Làm như vậy phí công vô ích. Bắt chúng tôi phải có một cuộc chờ đợi không lành một chút nào. Vua Joachim đã mất thói quen lâu dài và cẩn thận, ngày nay Người rất sung sướng được ở một túp lều tranh và có một người bạn tốt. Vả lại tôi cũng báo cho Người rồi vì đã biết trước câu trả lời của anh. Người đã dự tính sẽ ngủ đêm nay ở nhà anh. Nếu bây giờ tôi thay đổi một chút gì trong dự kiến của Người, Người sẽ cho là một sự từ chối và sẽ mất hết giá trị hành động tốt đẹp của anh. Vậy vấn đề xong xuôi rồi nhé. Mười giờ tối nay ở "Công trường tháng ba."

Mười giờ tối như đã thỏa thuận, Marouin tới "Công trường tháng ba" ngổn ngang những cỗ pháo trận của thống chế Brune. Lúc ấy chưa có ai đến. Anh đi dạo giữa những chiếc hòm. Một người lính gác tới hỏi anh làm gì ở đây. Câu trả lời khá khó khăn. Không ai đi dạo lúc mười giờ đêm giữa công trường pháo binh. Do đó anh phải đề nghị được gặp vị chỉ huy. Viên sĩ quan đến, Marouin tự giới thiệu là một trạng sư, phụ tá cho ông tỉnh trưởng thành phố Toulon và nói là anh có cuộc hẹn đến đây mà không biết là vấn đề đó bị cấm. Kết quả của sự giải thích đó là viên sĩ quan cho phép anh ở lại và trở về đồn. Còn người lính gác, một cấp

dưới trung thành với việc quan sát, cứ tiếp tục đi dạo đều không thắc mắc về sự có mặt của một người lạ.

Mấy phút sau, một tốp nhiều người xuất hiện ở phía Lices. Trời rất tuyệt, trăng sáng vằng vặc. Marouin nhận ra Bonafoux liền tiến đến. Bonafoux nắm lấy tay anh dẫn đến vua và lần lượt nói với mỗi người.

-Tâu bệ hạ, đây là người bạn mà tôi đã nói. Còn anh Marouin, đây là vua Naples, người đã bị trục xuất và phải trốn tránh mà tôi muốn giao cho anh. Tôi không nói đến khả năng một ngày kia Người sẽ trở lại ngôi báu, nó sẽ làm mất giá trị hành động tốt đẹp của anh. Bây giờ đề nghị anh dẫn đường cho Người. Chúng tôi sẽ đi theo phía xa. Ta đi nào.

Vua và trạng sư lập tức bước đi. Murat lúc đó mặc một áo rơđanhgốt màu xanh, nửa dân nửa binh và cài khuy đến tận cổ. Ông mặc một quần trắng và chân đi bốt có đinh thúc ngựa. Ông có bộ tóc dài, ria mép rộng và bộ râu rậm quấn vòng xung quanh cổ. Trên suốt dọc đường đi, ông hỏi chủ nhà về tình hình nơi ông sắp đến ở và khả năng có thể thoát ra trường hợp có báo động.

Nửa đêm, vua và Marouin về đến Bônette. Mười phút sau đoàn tùy tùng tới.

Sau khi đã dùng giải khát xong, nhóm người nhỏ bé ấy, triều thần của ông vua thất bại, rút lui để phân tán vào thành phố và các vùng lân cận. Marouin ở lại một mình cùng với nhóm phụ nữ, chỉ giữ lại có một người hầu phòng tên là Le Blanc.

Murat ở lại gần một tháng trời trong cảnh cô đơn ấy, suốt ngày bận vào việc trả lời những bài báo đã kết tội ông là phản bội hoàng đế. Lời kết tội ấy làm bận tâm ông, là con ma, con quỉ ám ảnh ông. Ngày và đêm ông cố gắng đẩy xa nó ra và tìm mọi lý lẽ trong tình cảnh khó khăn này để giải thích hành động của mình.

Trong khi đó những tin tức thảm hại về cuộc bại trận đã lan rộng. Hoàng đế vừa mới ký lệnh trục xuất, cũng tự trục xuất mình, và đến đợi ở Rochơfort, như Murat ở Toulon, lệnh của kẻ thù sẽ quyết định số phận mình.

Vua Luy XVIII lại lên ngôi, vậy là Murat mất hết hy vọng ở lại nước Pháp, cần phải ra đi. Cháu ông là Bonafoux thuê một con tầu sang châu Mỹ với danh nghĩa là Hoàng thân Rôca Romana. Tất cả tùy tùng đều ra bến và người ta bắt đầu chuyển ra đó những đồ vật quý giá mà người bị trục xuất đã cứu vớt được trong cuộc đắm vương quyền của mình. Trước tiên là túi đựng vàng cân nặng khoảng một trăm livrơ, một cái đốc gươm có khắc hình ảnh vua và hoàng hậu, những giấy tờ hành chính về gia đình. Còn bản thân Murat, ông chỉ giữ trên người chiếc thắt lưng, trong đó giữa những giấy tờ quí, có đính hai mươi kim cương đáng giá tới bốn triệu.

Tất cả chuẩn bị đó đã được quyết định, thỏa thuận với nhau là hôm sau 1 tháng 8 vào lúc năm giờ sáng, tàu sẽ đến tìm vua trong một vịnh nhỏ, cách xa nơi ở mười phút.

Mười phút sau, Murat và ông chủ nhà chờ đợi trên bãi biển làng Bonette, chiếc canô sẽ đến đón để lên tầu. Hai người chờ đợi như vậy mãi đến trưa cũng chẳng thấy canô đâu. Tuy nhiên họ trông thấy ở đường chân trời, con tàu cứu tinh, nó không bỏ được neo vì biển sâu, cứ phải loanh quanh. Tình hình đó dễ gây nghi ngờ cho lính gác trên bờ biển.

Buổi trưa, vua mệt quá và còn bị nắng thiêu, đang nằm xuống cát để nghỉ, có một người hầu mang giải khát đến, bà Marouin lo ngại cứ gửi tiền ra cho chồng. Vua uống một cốc nước đó, ăn một quả cam rồi đứng lên một lát để nhìn trong cảnh bao la của biển cả, có chiếc canô nào đang mong đợi không. Mặt biển hoang vắng, chỉ có mình con tầu cúi mình ở đường chân trời sốt ruột muốn ra đi như một con ngựa đợi chủ.

Vua thốt lên một tiếng thở dài rồi lại nằm xuống cát. Người hầu quay trở về Bonette với lệnh gọi em trai ông chủ ra bãi biển. Mười lăm phút sau người em ra rồi lập tức phi ngựa về Toulon để tìm hiểu xem tại sao Bonafoux lại không cho thuyền đến đón vua. Tới nơi, anh ta thấy nhà Bonafoux tràn đầy những sen đầm. Người ta đang mở một cuộc khám xét nhà mà Murat là mục tiêu. Liên lạc viên lần được tới gần Bonafoux giữa cảnh ồn ào đó và được biết là canô đã được cử đi đúng giờ qui định, có lẽ nó đã bị lạc trong vũng nào đó. Quả đúng thế, lúc năm giờ chiều, liên lạc viên báo cáo tình hình đó với anh và với vua.

Thật là lúng túng. Vua không còn có can đảm để bảo vệ tính mạng mình nữa, ngay cả chạy trốn. Đây là một trong những lúc nản lòng, nó làm cho ngay cả những người mạnh nhất đôi khi cũng không còn ý kiến để tự vệ nữa, đành phó mặc cho ông Marouin muốn làm gì thì làm.

Vừa lúc đó có một người đánh cá đi vào bến, vừa đi vừa hát. Marouin ra hiệu cho anh ta đến, anh tuân theo. Bước đầu Marouin mua hết số cá mà anh ta đã đánh được. Rồi sau khi đã trả tiền xong, Marouin giơ những đồng tiền vàng óng ánh trước mắt người đánh cá rồi điều đình trả anh ta ba đồng Luy nếu anh bằng lòng chở một người ra đến con tầu đang bập bềnh ở ngoài khơi, đường chân trời. Người đánh cá đồng ý. Sự may mắn cứu tinh bất ngờ ấy lập tức đem lại sức lực cho ngài Murat. Ngài vội vàng đứng ngay lên ôm hôn Marouin rồi lao vào trong thuyền, nó rời bờ ngay lập tức.

Thuyền đã ra xa được một quãng, bỗng nhiên thấy vua bảo người chèo thuyền dừng lại và ra hiệu cho Marouin biết mình bỏ quên thứ gì. Quả nhiên trên bờ biển còn có một cái túi đựng hai khẩu súng ngắn tuyệt đẹp do hoàng hậu tặng và Murat rất quí. Tới tầm có thể nghe tiếng nói, ngài cho Marouin biết ngay nguyên nhân phải quay trở lại. Marouin lập tức xách túi lên, và không đợi cho thuyền chạm vào bờ, đã vội ném nó xuống thuyền. Lúc rơi xuống, miệng túi mở ra và một khẩu súng thòi ra ngoài. Đưa mắt nhìn qua, người đánh cá cũng nhận ra

khẩu súng đế vương và hắn bắt đầu nghi ngờ, tuy nhiên hắn vẫn tiếp tục chèo về phía tầu.

Trạng sư Marouin thấy thuyền đã ra xa, chào vua lần cuối cùng, để em trai ở lại bờ biển rồi quay trở về nhà để an lòng vợ và cũng để nghỉ ngơi mà trạng sư đang rất cần.

Hai giờ sau trạng sư bị đánh thức dậy bởi một cuộc khám nhà. Nhà trạng sư lại tràn ngập những lính sen đầm. Người ta lùng sục khắp nơi mà không thấy dấu vết của Murat. Vào lúc cuộc lùng tìm đang mãnh liệt nhất, em trai Marouin trở về. Marouin nhìn em mủm mỉm cười vì cho là vua đã được cứu thoát. Nhưng nhìn vẻ mặt em, anh thấy ngay đã có tai biến gì xảy ra. Do đó, ngay lúc đầu tiên được rảnh tay trạng sư lại gần em hỏi: -Thế nào, vua đã lên tàu rồi chứ?

-Vua đang ở cách đây năm chục bước, trốn trong một túp lều.

-Tại sao Người quay lại?

-Tên đánh cá lấy cớ là trời xấu, đã từ chối không chịu chở đến tầu.

-Thằng khốn nạn.

Những người sen đầm đi vào. Suốt đêm diễn ra cuộc lùng sục không kết quả trong ngôi nhà chính và các nhà phụ. Nhiều lúc sen đầm chỉ đi cách vua có mấy bước và vua có thể nghe thấy những lời đe dọa và nguyền rủa của chúng. Sau cùng, nửa giờ trước lúc trời rạng sáng, bọn chúng rút lui.

Marouin để cho họ đi xa và ngay sau khi chúng đi khuất, trạng sư vội chạy đến nơi vua ẩn nấp. Ông thấy Người nấp trong một cái hốc, mỗi tay lăm lăm một khẩu súng. Người không chống lại được mệt mỏi và đang ngủ gật.

Trạng sư đánh thức Người dậy. Lập tức hai người lại đi ra bãi biển. Sương mù buổi sáng đã bao phủ khắp mặt bể, cách hai trăm bước không trông thấy gì. Họ buộc phải chờ đợi. Con mắt háo hức của vua nhìn sâu vào mỗi thung lũng ẩm ướt trước mặt nhưng chẳng nhìn thấy gì. Tuy nhiên Người vẫn hy vọng nhìn thấy đằng sau bức mành di động kia con tầu cứu tinh. Dần dần chân trời sáng lên. Những làn hơi nước nhẹ trông như khói, còn chạy trên mặt biển, và trong mỗi làn hơi nước, vua lại tưởng như trông thấy cánh buồm trắng của con tầu. Cuối cùng màn sương tan dần và biển xuất hiện với tất cả cảnh mênh mông và hoang vắng của nó. Con tầu không dám đợi chờ lâu, đã đi trong đêm tối.

Vua quay lại phía chủ nhà nói: -Thôi, số mệnh đã định rồi, tôi sẽ sang Corse vậy.

Cùng ngày hôm đó thống chế Brune bị ám sát ở Avignon. Murat ẩn nấp trong nhà Marouin cho đến 22 tháng 8. Không phải là Napoléon đe dọa Murat nữa mà là Lui XVIII trục xuất Người. Người đã biết vụ tàn sát những người Mamelouk ở Marseille, vụ ám sát Brune ở Avignon. Người đã được trưởng đồn cảnh sát ở Tulon báo cho biết hôm trước đã có lệnh chính thức bắt Người. Vậy là không còn biện pháp nào để ở lại Pháp lâu hơn nữa.

Đảo Corse với những phố mến khách, những ngọn núi hữu tình và những khu rừng rậm không thể vào được ở cách đây năm mươi dặm. Cần phải đến đảo Corse và trong các thành phố, trong đồi núi hoặc trong các khu rừng chờ đợi điều mà các ông vua sẽ quyết định về số phận kẻ mà họ đã gọi là anh em trong bảy năm trời.

Mười giờ tối vua đi ra bãi biển. Con tàu được giao nhiệm vụ mang Người đi chưa đến chỗ hẹn. Nhưng lần này không sợ lỗi hẹn. Ban ngày đã có ba người trung thành đi thăm dò vịnh. Đó là các ngài Blancard, Langlade và Donadieu, cả ba đều là sĩ quan hải quân, những người có đầu óc và trái tim, họ đã ký gửi thân mình để đưa Murat ra đảo Corse và đang thực hiện lời hứa đó.

Vậy là Murat đi ra bãi biển hoang vắng, lòng thảnh thơi. Trong lúc đang suy nghĩ, Người bỗng giật mình và thốt lên một tiếng thở phào. Người vừa nhận thấy trong đêm tối trong trẻo của phương Nam, một cánh buồm trắng đang lướt trên sóng như một con ma. Một lát sau, một giọng hát thủy thủ nổi lên. Murat nhận ra dấu hiệu đã hẹn. Người trả lời bằng việc đốt một kíp đạn, lập tức con thuyền tiến vào bờ, nhưng chỉ dừng lại cách đất chừng chục bước. Hai người đàn ông nhẩy xuống biển và đi vào bờ. Người thứ ba khoác áo măng tô ở lại thuyền và nằm gần bánh lái.

Vua tiến đến đón Blancard và Langlade, cho đến khi thấy chân mình giẫm vào nước mới dừng lại và lên tiếng: -Chào các bạn dũng cảm của tôi. Thời cơ đến rồi phải không? Gió tốt, biển lặng, ta ra đi luôn chứ?

-Vâng, Langlade đáp, – Tâu bệ hạ vâng? Ta phải ra đi. Tuy nhiên có thể khôn ngoan hơn, ta nên hoãn đến ngày mai.

-Tại sao? – Vua hỏi.

Langlade không trả lời ngay, nhưng quay về phía Tây, ông giơ tay lên và theo tục lệ thủy thủ, ông huýt sáo gọi gió, Vua nói: -Càng hay, càng có gió chúng ta càng đi nhanh. – Phải, – Langlade đáp: – Chỉ có điều là Chúa mới biết nơi sẽ dẫn ta đến, nếu Người cứ xoay như thế này.

-Tâu bệ hạ, không nên đi hôm nay: – Blancard nói và thống nhất ý kiến với hai bạn.

-Nhưng tại sao? – Tại vì, bệ hạ có nhìn thấy đường đen kia không? Lúc mặt trời lặn, nó còn hơi trông thấy, bây giờ đã phủ một phần chân trời. Chỉ một giờ nữa sẽ không còn một ngôi sao nào trên bầu trời.

-Ông sợ à? Murat hỏi. – Sợ? Langlade đáp: – Và sợ gì? Sợ giông tố? – Ông nhún vai. – Cũng gần như tôi hỏi bệ hạ, bệ hạ có sợ một viên đạn trái phá không?… Nhưng chính tôi đã nói, đó là dành cho bệ hạ. Nhưng đối với những con sói biển như chính tôi, giông tố làm gì được?

-Vậy chúng ta cứ đi: – Murat kêu lên và thốt ra một tiếng thở dài. – Vĩnh biệt Marouin, chỉ có Chúa mới bồi thường được cho bạn những gì bạn đã cung cấp

cho tôi. Thưa các ông, tôi xin chấp hành lệnh các ông.

Nghe thấy mấy câu đó, hai người thủy thủ liền nắm lấy hai đùi vua nâng lên vai và đi ra biển. Một lát sau họ đã lên thuyền. Langlade và Blancarde lên sau. Donadieu nắm tay lái, còn hai sĩ quan kia phụ trách buồm. Lập tức như con ngựa thấy đinh thúc vào sườn, con thuyền nhỏ chồm lên.

Một buổi tối, khi Marouin kể lại tôi nghe ở ngay nơi sự kiện đã xảy ra mặc dù đã hai mươi năm, ông còn nhớ được từng chi tiết nhỏ buổi xuống thuyền ban đêm ấy. Từ lúc đó ông bảo đảm với tôi là ông có một linh cảm về một tai họa sẽ xảy ra, nên ông không thể rời bờ biển ngay lúc đó được và đã nhiều lần ông có ý định gọi vua hãy trở lại. Nhưng giống như một người đang mơ ngủ, miệng ông mở ra mà chẳng thốt nên lời.

Còn về những người mạo hiểm ra biển, họ lao vào con đường biển rộng từ Tulon đến Bastin, và đầu tiên vua thấy yên tĩnh chứ không như tiên kiến của các bạn. Gió lẽ ra phải tăng lên thì lại giảm đi dần dần và sau hai giờ khởi hành, con thuyền lắc lư không tiến mà cũng chẳng lùi trên những làn sóng mỗi lúc một thấp xuống.

Murat buồn rầu nhìn tan rã vệt đường phát quang mà con thuyền kéo theo và cũng không hỏi các bạn cùng đi thắc mắc của mình. Người nằm xuống sàn thuyền, trùm áo khoác lên người và nhắm mắt như ngủ. Vua lao vào làn sóng suy nghĩ còn ồn ào và sôi động hơn của biển cả.

Sau đó hai sĩ quan thủy thủ tưởng vua đã ngủ, đến ngồi với nhau cạnh bánh lái và bàn bạc. Dônadieu nói: -Langlade, ông nhầm đấy! Ông hãy dùng một con thuyền hoặc quá lớn hoặc quá nhỏ không có boong không chống cự được với giông tố, không có chèo không tiến được lúc lặng gió.

-Có Trời chứng giám, tôi có được chọn đâu! Tôi đã buộc phải dùng con thuyền mà tôi gặp và nếu không phải là mùa câu cá thu, đừng hòng có được con thuyền dù là bần tiện này, và dù tôi có vào được bến để tìm kiếm, cũng chẳng thể nào ra được vì kiểm soát gắt gao lắm.

-Ít ra nó cũng được chắc chắn chứ? – Blancard hỏi. – Mẹ kiếp! Ông cũng thừa hiểu ván gỗ và đinh ngâm nước mặn mười năm rồi là thế nào. Trường hợp bình thường, người ta cũng chẳng buồn dùng nó để đi từ Macxây đến lâu đài If. Trong trường hợp này của chúng ta, người ta có thể làm được một vòng thế giới trên một chiếc vỏ hạt dẻ.

-Suỵt – Donadieu nói và hai người lắng tai nghe, có tiếng ì ầm từ phía xa, nhưng rất nhỏ, phải thính tai lắm mới nhận thấy.

-Chúng ta có cách xa các đảo không? – Donadieu vội hỏi.

-Khoảng một dặm.

-Cho quay mũi thuyền vào đấy. – Để làm gì? – Murat nhổm lên hỏi. – Tâu bệ hạ, để nghỉ, nếu chúng ta có thể… – Không, không. – Murat kêu lên: – Tôi sẽ chỉ

đặt chân lên Corse mà thôi. Tôi không muốn lại phải rời nước Pháp một lần nữa. Vả lại biển rất lặng. Gió đang trở lại đây này…

-Hạ tất cả buồm xuống. – Donadieu kêu lên. Lập tức Langlade và Blancard lao đi thực hiện. Cánh buồm tuột xuống dọc theo cột và nằm dạt dưới sàn thuyền.

-Các người làm gì thế? – Murat hét lên. – Các người quên mất tôi là vua và tôi ra lệnh…?

-Tâu bệ hạ: – Donadieu nói: – Ở đây còn có một ông Vua mạnh hơn bệ hạ nhiều, đó là Chúa trời. Có một tiếng nói bao trùm lên tiếng nói của bệ hạ, đó là Giông tố… Hãy để chúng tôi cứu bệ hạ, nếu vấn đề có thể được, và xin đừng đòi hỏi gì hơn…

Lúc đó một tia chớp sáng lóe đường chân trời, một tiếng sét gần hơn tiếng trước gầm lên, một làn bọt nhẹ nổi lên trên mặt nước, con thuyền chồm lên như một con thú bị thương.

Murat bắt đầu hiểu nguy cơ đang đến. Thế là Người mỉm cười đứng lên, hất mũ ra đằng sau, lúc lắc bộ tóc dài, hít thở giông tố như hít thở khói.

-Tâu bệ hạ: – Donadieu nói. – Bệ hạ đã từng nhìn thấy nhiều cảnh chiến đấu, nhưng có thể là chưa thấy trận bão nào. Nếu người tò mò muốn biết cảnh tượng đó, xin cứ bám vào cột buồm và quan sát, bởi vì trận này sẽ ra trò đấy.

-Tôi phải làm gì nào? Tôi không giúp gì được các ông sao?

-Không, lúc này thì chưa. Lát nữa bệ hạ sẽ tham gia vào việc tát nước.

Trong lúc vua đang nói chuyện, cơn bão đã tiến triển, nó lao đến thuyền như một con ngựa đua, phì gió và sóng ra đằng mũi, hí ra tiếng sét và làm bắn bọt xuống chân. Donadieu áp người vào bánh lái. Con thuyền chịu nhún như nó hiểu cần thiết phải tức khắc tuân lệnh và hướng đuôi ra hứng gió. Thế là trận gió qua đi, để lại đằng sau nó mặt biển run rẩy và tất cả như lại nghỉ ngơi. Cơn bão lại lấy hơi.

-Thế là chúng ta thanh toán xong trận này phải không? Murat hỏi.

-Chưa đâu ạ! Donadieu đáp. Đó mới chỉ là trận mở màn. Lát nữa chủ lực quân mới tới.

-Thế chúng ta thanh toán xong trận này phải không? Murat hỏi.

-Chưa đâu ạ! Donadieu đáp. Đó mới chỉ là trận mở màn. Lát nữa chủ lực quân mới tới.

-Thế chúng ta không chuẩn bị gì để đón tiếp nó à? Vua vui vẻ hỏi.

-Chuẩn bị gì ạ? – Donadieu hỏi lại. – Chúng ta không còn một tấc vải để gió có thể ngoạm vào, và chừng nào thuyền chưa đầy nước, chúng ta cứ nổi trên mặt nước như một cái nút bấc. Xin bệ hạ hãy thận trọng.

Quả nhiên trận gió thứ hai ập tới nhanh hơn trận đầu, kèm theo mưa và chớp. Donadieu cố gắng vận hành bánh lái như lần trước, nhưng không thể nhanh kịp

với trận gió đã ập xuống thuyền. Cột buồm cong xuống như một cây lan, con thuyền hứng phải một đợt sóng…

-Tát nước. Donadieu kêu lên. – Tâu bệ hạ, đây là lúc giúp chúng tôi.

Blancard, Langlade và Murat cầm lấy mũ và bắt đầu tát nước. Tình thế của bốn người này thật là khủng khiếp, phải cực nhọc suốt ba tiếng đồng hồ. Lúc trời hửng sáng gió mới yếu đi. Tuy nhiên biển vẫn động. Vấn đề ăn uống đã bắt đầu thấy cần. Tất cả lương thực đều bị ngấm nước mặn, trừ có rượu còn nguyên vẹn. Vua cầm lấy một chai, tu vài ngụm đầu tiên, rồi đưa sang cho các bạn. Vấn đề cần thiết không cần đến lễ nghi. May sao trong túi Langlade lại còn vài thanh sôcôla, bèn dâng lên vua. Người bèn chia làm bốn phần đều nhau rồi buộc mọi người phải nhận. Øn xong họ hướng về phía đảo Corse tiến tới, nhưng con thuyền bị trận bão vừa rồi tàn phá nặng nề, khó có thể tới được Bastia.

Suốt ngày hôm đó bốn người không tiến được mười dặm. Họ chỉ đi bằng một cánh buồm tam giác nhỏ đằng mũi, không dám giương cánh buồm lớn vì gió thay đổi luôn.

Buổi chiều đáy thuyền bị nước rỉ vào chỗ giữa hai tấm ván ghép. Những khăn mùi xoa tập trung lại đủ để nhét vào lỗ hổng.

Đêm buồn bã và tối tăm lại bao phủ họ một lần nữa. Murat mệt mỏi nằm ngủ. Blancard và Langlade thay chỗ cho Donadieu, và ba người đó như không còn cảm giác với giấc ngủ và mỏi mệt, họ thức canh cho giấc ngủ của vua được yên lành.

Ban đêm, bề ngoài có vẻ yên lặng, tuy nhiên vẫn có tiếng răng rắc thỉnh thoảng nổi lên. Thế là ba người nhìn nhau với vẻ kỳ lạ, rồi họ đưa mắt nhìn vua đang ngủ dưới đáy thuyền, trong chiếc áo khoác thấm nước biển, cũng được say sưa như ngủ trên bãi cát Ai Cập hoặc trong đống tuyết ở nước Nga. Thế là một trong bọn họ đứng lên đi lại mũi thuyền miệng huýt sáo qua kẽ răng một bài ca của tỉnh lẻ… Rồi sau khi đã quan sát bầu trời, biển cả và thuyền, ông quay lại chỗ bạn ngồi xuống và lẩm bẩm: -Không thể được, trừ khi có phép lạ, chúng ta sẽ không tới nơi được.

Đêm trôi qua trong cảnh tuần hoàn như vậy.

Vào lúc hửng sáng, mọi người trông thấy một cánh buồm. Donadieu reo lên: -Một con tầu. Một con tầu.

Nghe tiếng kêu, vua thức giấc. Quả nhiên có một chiếc thuyền buồm nhỏ xuất hiện, nó đi từ Corse tới Toulon.

Donadieu lái thuyền vào nó. Blancard giương buồm lên và Langlade chạy về đuôi thuyền, lấy một thứ gọi là con sào, treo chiếc áo khoác của vua lên một đầu và giương cao nó lên. Chẳng bao lâu sau họ thấy thuyền kia cũng lái về phía mình. Mười phút sau, hai thuyền chỉ còn cách nhau dăm chục bước. Thuyền trưởng xuất hiện đằng mũi. Vua gọi ông ta và hứa sẽ tặng một món tiền lớn nếu

ông ta bằng lòng đưa bốn người này đến đảo Corse. Viên thuyền trưởng nghe xong lời đề nghị rồi quay lại đoàn tùy tùng khẽ nói câu gì, Donadieu không nghe được nhưng hiểu được qua cử chỉ, cho nên ông lập tức ra lệnh cho Langlade và Blancard phải tránh xa con thuyền buồm ngay. Hai ông này tuân lệnh và vận hành nhanh nhẹn của thủy thủ. Nhưng vua giậm chân hét lên: -Ông làm gì thế, Donadieu? Ông không thấy là người ta đang tiến đến chúng mình à?

-Vâng, xin thề, tôi có thấy… Tuân lệnh ngay Laglade. Báo động ngay Blancard. Vâng, họ đến chúng ta và có thể là tôi đã nhận thấy thế quá chậm rồi. Thôi được, bây giờ để tôi.

Nói xong ông liền nắm lên cần lái và thực hành một động tác thật nhanh và thật mạnh, làm con thuyền đột ngột thay đổi hướng đi. Một làn sóng khổng lồ do thuyền lớn gây nên mang nó đi như mang một chiếc lá. Thuyền lớn lướt qua đuôi nó chỉ cách vài ba bước chân.

Lúc này vua mới thấy được ý định của thuyền trưởng bèn kêu lên: -A, đồ phản bội! Đồng thời Người rút khẩu súng ngắn ở thắt lưng ra và nhằm vào thuyền buôn bóp cò. Nhưng thuốc súng bị thấm nước nên không nổ. Vua nổi giận và liên tục kêu: -Húc thuyền. Nó định húc thuyền. – Vâng, vâng, tên khốn kiếp. – Donadieu nói. – Đồ chó má thì đúng hơn. Nó tưởng chúng ta là cướp biển và muốn đánh đắm chúng ta như thể chúng ta cần đến nó làm việc đó.

Quả thật lúc nhìn vào thuyền mình, mọi người nhận thấy nó đang bắt đầu thấm nước. Lúc Donadieu mạo hiểm cứu thuyền, ông đã làm nó bị tổn thương nặng và nước đang chảy vào qua nhiều kẽ nứt. Lại phải dùng mũ tát nước ra. Việc làm này ròng rã mười giờ liền.

Cuối cùng Donadieu lại nghe thấy lần nữa hai tiếng kêu cứu tinh.

-Có thuyền. Có thuyền.

Vua và hai người bạn lập tức ngừng công việc. Người ta lại giương buồm lên, lại hướng mũi thuyền vào con tầu đang đi tới. Và người ta thôi không quan tâm đến nước nữa, không người chống đỡ, nó tràn vào thuyền rất nhanh.

Bây giờ chỉ còn vấn đề thời gian, phút, giây, có thể thôi. Cần phải đến được tầu kia trước khi thuyền chìm. Về phía con tầu, hình như hiểu được tình trạng tuyệt vọng của những người đang cầu cứu, nó lướt tới với tốc độ tối đa.

Đầu tiên Langlade nhận ra nó. Đó là chiếc tầu lớn của chính phủ làm nhiệm vụ chuyển thư giữa Toulon và Bastia. Viên thuyền trưởng là bạn của Langlade, ông lên tiếng gọi bằng tên với giọng nói mạnh mẽ của kẻ đang hấp hối, và người ta nghe được. Vừa kịp thời gian. Nước vẫn cứ tuôn vào. Vua và ba người đã có nước đến đầu gối. Chiếc thuyền run lên như kẻ sắp chết thở hắt ra. Nó không tiến lên được nữa và bắt đầu xoay quanh. Vào lúc đó, hai hoặc ba chiếc dây từ trên tầu ném xuống rơi vào trong thuyền. Vua nắm lấy một sợi leo lên và nắm được dây thang. Người được cứu thoát, Blancard và Langlade cũng làm được như vậy.

Donadieu ở lại cuối cùng như thể đó là nhiệm vụ của mình, và vào lúc ông đặt được một chân lên dây thang, chân kia ông cảm thấy con thuyền chìm xuống. Ông quay lại với vẻ bình tĩnh của người thủy thủ và trông thấy vực thẳm há hốc cái mồm rộng phía dưới ông, lập tức con thuyền bị nuốt chửng, xoay quanh rồi biến mất. Chỉ năm giây thôi. Bốn người lúc này đã được cứu sống, nếu không sẽ vĩnh viễn biến mất[427].

Murat vừa lên đến boong tàu, đã có một người đến phủ phục dưới chân, đó là một người Mamelouk mà trước đây ông đã đưa từ Ai Cập về, và từ khi lấy vợ ở Castellamare đã ở lại Marseille để kinh doanh. Tại đó, do phép thần kỳ, anh đã thoát được cảnh tàn sát các người anh em. Mặc dù Murat đã cải trang và đang còn mệt mỏi, anh cũng nhận ra chủ cũ. Những tiếng hò reo vui vẻ của anh. Vua không còn giữ được bí mật nữa, thế là nghị sĩ Casabianca, thuyền trưởng Oletta, một người cháu của Hoàng thân Bacioochi, một người tên là Boerto, bản thân họ cũng chạy trốn khỏi cảnh tàn sát ở miền Nam, cũng có mặt trên tàu, họ chào Murat với danh hiệu hoàng thượng và tổ chức thành một triều đình nhỏ trên tàu. Sự chuyển hóa rất đột ngột, người ta tiến hành một cuộc thay đổi rất nhanh, không còn là Murat kẻ bị trục xuất nữa, mà là Jaochim Đệ nhất, vua Naples. Tuy nhiên vua vẫn còn chưa biết người ta sẽ đón chào mình ở Corse như thế nào, nên lấy tên là bá tước Campb Melle, và dưới tên đó, ngày 25 tháng 8 ông đổ bộ lên Bastia. Nhưng sự thận trọng đó không cần thiết. Ba ngày sau khi ông tới, không ai không biết sự hiện diện của ông ở tỉnh đó. Lập tức có những cuộc tụ tập, những tiếng hô "Joachim muôn năm!" vang dậy và vua sợ là rối loạn sự yên tĩnh công cộng, ngay buổi tối hôm đó ông ra khỏi thành phố cùng với ba người bạn và người Mamelouk. Hai giờ sau ông đi vào Viscovato qua cửa của tướng Franchescetti là người đã phục vụ ông suốt thời gian ông trị vì, và cũng đã rời Naples cùng thời với ông và tới Corse ở với vợ tại nhà bố vợ Colona Cicaldi.

Tướng Franchescetti đang ăn bữa tối, bỗng có người vào báo có khách lạ muốn gặp. Ông đi ra và thấy Murat choàng kín trong chiếc áo choàng lính, đầu đội chiếc mũ thủy thủ, chân đi ghệt và giầy lính. Viên tướng dừng lại ngạc nhiên. Murat nhìn trừng trừng vào ông và khoanh hai tay lại nói: -Franchescetti, bàn ăn có còn thừa chỗ cho vị tướng của ông đang bị đói đây không? Dưới mái nhà ông có còn chỗ trú chân cho vua của ông đã bị trục xuất không?

Franchescetti reo lên một tiếng ngạc nhiên, chỉ biết trả lời bằng phủ phục xuống chân và hôn tay vị khách quí. Từ đó ngôi nhà của viên tướng dành cho Murat.

Tiếng đồn vua đến vừa mới lan ra trong các vùng xung quanh, người ta đã thấy kéo đến Viscovato, những sĩ quan các cấp, những cựu chiến binh đã chiến đấu thời Murat, những dân săn bắn Corse mà tính chất mạo hiểm của Người

quyến rũ họ. Ít ngày sau nhà của viên tướng biến thành cung điện, làng biến thành hoàng cung và đảo thành vương quốc.

Nhiều tiếng đồn kỳ lạ về ý định của Murat: Một đạo quân chín trăm người góp phần làm ông vững vàng. Chính lúc đó Blancard, Langlade và Donadieu từ giã ông. Murat muốn giữ họ lại, nhưng họ tận tâm cứu tính mạng ông vua bị trục xuất, chứ không để gây dựng cơ đồ cho ông.

Chúng tôi đã nói, Murat gặp trên tầu bưu chính của Bastin một trong những người Mamelouk cũ tên là Othello và đã theo ông đến Viscovato. Cựu vua Naples nghĩ đến việc dùng người đó làm viên chức cho mình. Nhưng mối quan hệ gia đình thường gọi anh ta về Castellamare. Murat lệnh cho anh trở về đây và giao nhiệm vụ mang thư tín về cho những người mà ông tin ở lòng tận tâm với mình. Othello ra đi, sung sướng tới được nhà bố vợ, tưởng có thể nói với ông được hết. Nhưng ông bố vợ hốt hoảng vội đi báo cho cảnh sát. Một cuộc khám xét nhà Othello ban đêm và giữ hết thư tín.

Hôm sau tất cả những người có tên trên địa chỉ gửi thư đều bị bắt và nhận được lệnh phải trả lời cho Murat như thể họ vẫn được tự do và ấn định với Murat: lấy Salerne làm nơi đổ bộ thích hợp nhất.

Năm người trên bẩy hèn nhát tuân lệnh, còn hai người kia là những anh em Tây Ban Nha kiên quyết từ chối, họ liền bị ném vào ngục tối.

Ngày 17 tháng 9, Murat từ giã Viscovato, cùng với tướng Franchescetti và nhiều sĩ quan tùy tùng người Corse, ông lên đường đi Ajaccio qua Cotone, qua những ngọn núi của Serra, Bosco, Venaco Vivaro, những đường hẻm của khu rừng Vezzanovo và Bogognone. Tới đâu ông cũng được đón tiếp linh đình như một ông vua thực sự. Tới cửa các thành phố, ông tiếp nhiều đại biểu, các vị tung hô ông, cổ vũ ông với nghi thức đế vương. Cuối cùng, ngày 23 tháng 9, ông đến Ajaccio. Toàn thể dân chúng đón chờ ông bên ngoài những bức tường. Cuộc nhập thành của ông là một đại thắng. Ông được đưa đến tận quán trọ đã được các đội chỉ định trước. Murat kiêu hãnh tiến vào quán trọ, ông đưa tay ra cho Franchescetti và nói: -Hãy nhìn vào cách mà những người Corse đón tiếp tôi, những người Naples chắc cũng sẽ như vậy.

Đó là câu đầu tiên Murat để lộ ra kế hoạch sắp tới của mình. Và từ ngày đó ông ra lệnh chuẩn bị tốt và chu đáo cho chuyến ra đi của mình.

Người ta tập trung mười tầu buồm nhỏ, một người ở Malte tên là Barbara, cựu sĩ quan hải quân Naples được chỉ định làm chỉ huy trưởng phái đoàn. Hai trăm năm mươi người đăng ký và được mời sẵn sàng ra đi khi nào có dấu hiệu đầu tiên.

Murat chỉ còn đợi trả lời cho những bức thư mà Othello đã mang đi. Chúng đến vào ngày 28, Murat mời tất cả các sĩ quan tới dự một buổi tiễn lớn, trả tiền gấp đôi và khẩu phần gấp đôi cho khách ăn.

Murat đang ngồi ăn tráng miệng, bỗng người nhà vào báo có ông Maceroni tới. Đó là một phái viên của những cường quốc nước ngoài mang đến cho Murat câu trả lời mà ông đã chờ đợi từ lâu ở Toulon. Murat đứng lên, vào buồng bên cạnh. Maceroni tự giới thiệu có nhiệm vụ chính thức trao cho vua tờ tối hậu thư của vua Áo, nội dung như sau:

"Ông Maceroni được phép của những người hiện diện, báo trước cho Joachim biết là Hoàng đế Áo đồng ý cho ông được cư trú trong quốc gia Áo với những điều kiện sau đây:

"1) Vua phải có một biệt hiệu riêng. Hoàng hậu đã chọn tên là Lipano. Người ta đề nghị vua cũng lấy tên đó.

"2) Vua sẽ được phép chọn một thành phố ở Bohême, ở Moravie hoặc ở Thượng Áo để quyết định nơi ở. Ông cũng có thể không gặp trở ngại khi đến ở một nông thôn cũng trong tỉnh ấy.

"3) Vua phải hứa danh dự với hoàng đế là sẽ không bao giờ rời bỏ nước Áo mà không có sự thỏa thuận của hoàng đế và sẽ sống cách biệt một cách đặc biệt nhưng phải tuân theo những luật pháp hiện hành ở vương quốc Áo.

"Với lòng tin tưởng và được sử dụng thích đáng, người ký tên sau đây đã nhận được lệnh của hoàng đế ký vào bản này.

"Ký tên: Hoàng thân Metternich."

Đọc xong Murat mỉm cười và ra hiệu cho Maceroni đi theo mình lên sân thượng, ở đây có tầm nhìn bao quát khắp thành phố, và có một lá cờ bay phấp phới như một hoàng cung. Từ trên đó người ta có thể nhìn được khắp Ajaccio tưng bừng đầy ánh sáng, nhìn thấy bến tàu trong đó đang đung đưa một hạm đội nhỏ, và những phố phường đông đúc như một ngày hội. Vừa nhìn thấy Murat, công chúng đã hô to: "Joachim muôn năm!", "Người anh em của Napoléon muôn năm!" Murat chào lại và những tiếng hô lại tăng lên gấp đôi và ban quân nhạc dâng lên những bài quốc ca.

Maceroni không biết có nên tin vào tai và mắt mình không? Tới khi vua đã hể hả về vẻ ngạc nhiên của viên sứ thần, mới mời ông ta xuống phòng khách. Bộ tham mưu mặc binh phục đã tập trung. Người ta tưởng như là ở Caserte hoặc ở Capôdiminie, những thành phố của nước Áo.

Cuối cùng, sau một hồi lưỡng lự, Maceroni lại gần Murat nói: -Tâu bệ hạ, tôi phải trả lời hoàng đế của tôi như thế nào ạ?

-Thưa ông, ông sẽ kể với người anh Francois của tôi những gì ông đã trông thấy và nghe thấy. Thế rồi ông cũng sẽ nói thêm rằng tôi đi ngay đêm nay để thu hồi vương quốc Naples của tôi.

Những bức thư quyết định Murat rời Corse được mang tới bởi một người ở tỉnh Calabre tên là Luidgi, đến trình diện với Murat dưới danh nghĩa là một phái viên của người Ả Rập Othello. Thật ra ông này đã bị tống vào ngục như chúng

tôi đã nói. Những bức thư trả lời này, do ông bộ trưởng cảnh sát ở Naples viết, ấn định cho Joachim bến cảng thành phố Salerne là nơi đổ bộ thích hợp nhất. Tại đấy, vua Ferdinand[428] đã tập trung ba nghìn quân đội Áo, vì không dám tin tưởng vào quân đội Naples là những người còn giữ được những kỷ niệm tốt đẹp về Murat.

Vậy là hạm đội nhỏ của Murat hướng về vịnh Salerne tiến quân. Nhưng khi vừa nhìn thấy đảo Captée, một cơn bão mạnh đã đẩy quân đội đến tận Paola, một bến cảng nhỏ cách Cosenca mười dặm.

Vậy là đêm mùng 5 rạng ngày mùng 6 tháng mười những con thuyền đi vào một vũng nhỏ không xứng đáng gọi là cảng, Murat để tránh mọi nghi ngờ cho những quân lính gác bờ biển, đã ra lệnh tắt hết lửa và đi vắt gió cho đến sáng. Nhưng vào khoảng một giờ đêm, một cơn gió mạnh từ đất liền nổi lên đẩy lùi hạm đội ra khơi, đến nỗi tảng sáng ngày 6, con thuyền vua ngự chỉ còn có một mình.

Sáng hôm đó Murat liên lạc được với thuyền của thuyền trưởng Cicconi, và hai thuyền bỏ neo vào khoảng bốn giờ chiều tại nơi trông thấy Santo-Lucido. Buổi tối, vua ra lệnh cho tiểu đoàn trưởng Ottaviani lên bờ để thám thính tình hình. Luidgi tình nguyện đi theo, Murat đồng ý.

Ottaviani cùng với người hướng dẫn lên bờ, còn thuyền trưởng Cicconi cùng với thuyền của ông lại ra khơi với nhiệm vụ tìm các thuyền kia.

Vào khoảng mười một giờ đêm, viên sĩ quan trực ban của tầu Murat trông thấy ở giữa các làn sóng có người đang bơi tiến về thuyền mình. Lúc đến tầm nghe, viên sĩ quan hô lên và được người bơi trả lời; đó là Luidgi. Lập tức người ta thả canô xuống. Hắn kể là tiểu đoàn trưởng Otraviani đã bị bắt và hắn đã phải nhẩy xuống biển mới thoát thân. Hành động đầu tiên của Murat là đi cứu Otraviani, nhưng Luidgi ngăn lại và cho biết như thế là nguy hiểm và vô ích. Murat bồn chồn và bất định đến hai giờ sáng. Cuối cùng ông ra lệnh lại ra khơi. Trong lúc đang vận hành để chấp hành mệnh lệnh đó, một thủy thủ rơi xuống biển và biến mất trước khi có đủ thì giờ để cứu anh ta. Tất nhiên đó là triệu chứng xấu.

Trong lúc còn đang bàn bạc cách tiến hành, một chiếc canô tới áp vào thuyền của Murat. Trên canô có thuyền trưởng Pernice và một sĩ quan tùy tùng. Họ đến xin phép vua được lên thuyền của vua, họ không muốn ở lại thuyền của Courrand, vì theo họ là phản bội. Murat liền phái Pernice đi tìm thuyền đó. Và mặc dù những cam kết trung thành, vua cũng bắt anh ta cùng với năm mươi người khác xuống một chiếc xà lúp và ra lệnh buộc thuyền vào xà lúp dắt về. Lệnh được thực hành ngay, xà lúp đi dọc theo bờ biển Calabre. Nhưng lúc mười giờ đêm, tới vịnh Xanh Euphémie, thuyền trưởng Courrand cắt dây buộc thuyền ông ta kéo theo xà lúp và dùng bơi chèo rời khỏi hạm đội.

Lúc được tin đó, vẫn mặc nguyên quần áo nằm trên giường, Murat lập tức nhẩy xuống và lao lên boong và đến kịp để còn trông thấy chiếc xà lúp chạy trốn về phía đảo Corse rồi biến vào trong đêm tối. Ông đứng lặng im, không giận không kêu, chỉ thở dài và gục đầu xuống.

Tướng Franchescetti lợi dụng lúc nản lòng đó để khuyên vua không nên đổ bộ ở Calabres và nên đi thẳng đến Trieste yêu cầu được cư trú theo như hoàng đế Áo đã thỏa thuận. Vua đang ở một trong những tình trạng cực kỳ chán nản, lúc đầu ông còn phản kháng nhưng rồi cũng phải chấp thuận. Lúc đó viên tướng trông thấy có một thủy thủ nằm trong những cuộn dây có thể nghe thấy được, liền ngừng lại và chỉ tay cho Murat biết. Vua liền chạy đến xem và nhận ra là Luidgi, hắn mệt quá nên nằm ngủ trên boong. Vua yên tâm vì cho là hắn ngủ thật, vả lại cũng tin tưởng vào hắn. Thế là cuộc nói chuyện đã bị đứt quãng lại được tiếp tục. Kết cục thỏa thuận với nhau là sẽ vượt qua eo Essine và mũi Spartiveno, đi vào vịnh Adriatique. Sau đó vua và viên tướng đi xuống khoang dưới.

Hôm sau ngày 8 tháng 10, Barbara hỏi Joachim cần phải làm gì, Joachim ra lệnh tiến đến Messine. Barbara trả lời sẵn sàng tuân lệnh, nhưng cần phải có nước và lương thực, vì thế ông đề nghị được sang thuyền của Cicconi để vào bờ mua lương thực. Vua đồng ý, Barbara liền hỏi những tờ hộ chiếu do các cường quốc đồng minh cấp, mục đích là để làm cho những nhà chức trách địa phương khỏi nghi ngờ. Những giấy tờ đó rất quan trọng, khó mà Murat rời chúng được. Cũng có thể là vua có chút nghi ngờ nào chăng, vì thế ông từ chối. Barbara cố nài. Murat ra lệnh cho ông ta lên bờ không cần giấy tờ. Barbara dứt khoát từ chối. Vua quen được mọi người tuân lệnh, liền giơ roi lên định đánh người Malte đó. Nhưng rồi ông lại thay đổi ngay, ông ra lệnh cho binh sĩ chuẩn bị vũ khí, cho sĩ quan mặc quân phục đại lễ, bản thân vua cũng làm gương. Cuộc đổ bộ được quyết định và Pizzo phải là vịnh Juan của Napoléon mới. Các chiếc thuyền tiến vào đất liền. Vua xuống một xà lúp với hai mươi tám lính và ba đầy tớ, trong số đó có Luidgi. Đến gần bờ, tướng Franchescetti định đổ bộ nhưng Murat ngăn ông lại và nói: -Phải là tôi xuống đầu tiên.

Và vua tiến lên bờ. Ông mặc một bộ đồ cấp tướng, quần trắng với đôi giầy ống đi ngựa, một thắt lưng trong đó có giắt hai khẩu súng ngắn, một mũ thêu vàng với phù hiệu đính mười bốn viên kim cương. Cuối cùng ông đeo dưới cánh tay lá cờ hiệu. Đồng hồ ở Pizzo điểm mười tiếng.

Murat lập tức cùng đoàn tùy tùng đi về phía thành phố cách xa đấy chừng một trăm bước trên con đường lát đá tảng như những bậc thang. Hôm đó là ngày chủ nhật. Người ta sắp bắt đầu buổi lễ nhà thờ, tất cả dân chúng đều tập trung trong công viên lúc ông đi tới. Không ai biết ông cả và ai nấy đều kinh ngạc nhìn ông tướng bóng lộn ấy. Lúc ông trông thấy trong đám dân chúng một viên đội cũ trước kia đã phục vụ dưới quyền ông ở Naples, ông đi thẳng đến người đó, đặt

tay lên vai rồi nói: -Tavella, anh không nhận ra tôi à? – Thấy anh ngơ ngác không trả lời, ông nói tiếp – Tôi là Joachim Murat vua của anh. Tôi muốn anh có vinh dự được là người đầu tiên hô: "Joachim muôn năm!"

Đoàn tùy tùng đi theo Murat lập tức hô vang. Nhưng Tavella im lặng, các bạn anh cũng vậy, chẳng một ai nhắc lại câu mà chính bản thân vua đã ra hiệu. Trái lại tiếng ồn ào nổi lên trong đám đông. Murat hiểu là sự rung động của cơn giông tố, bèn quay lại bảo Tavella.

-Này Tavella, nếu anh không muốn hô "Joachim muôn năm", ít ra cũng đi kiếm cho tôi con ngựa, và từ đội như anh hiện nay, tôi sẽ đưa anh lên quan ba đại úy.

Tavella đi không trả lời, nhưng đáng lẽ chấp hành lệnh mà anh ta đã nhận được, anh lại về nhà mà không xuất hiện nữa. Trong khi đó, công chúng cứ tập trung đông mãi lên và không có một dấu hiệu hữu nghị nào tỏ ra với Murat như ông mong đợi. Ông cảm thấy ông sẽ thất bại nếu không có một giải pháp thật nhanh, ông liền kêu lên: "Đến Montelone!" và ông là người đầu tiên lao lên con đường dẫn đến thành phố ấy. Những tùy tùng và binh lính của ông cũng làm theo ông "Đến Montelone!" Đám đông lặng lẽ giãn ra để họ đi.

Nhưng ông vừa rời khỏi công viên thì bùng lên một sự náo động. Một người tên là Georges Pellegrino trong nhà ra mang theo một khẩu súng, chạy qua công viên, vừa chạy vừa kêu: "Báo động, báo động!" Anh ta biết là đại uý Tranta Capelli, chỉ huy quân sen đầm ở Cozenca, lúc này đang có ở Pizzo, anh đi báo cho ông ấy biết.

Tiếng kêu "Báo động" có nhiều tiếng vang trong công chúng hơn tiếng "Hoan hô Joachim!" Tất cả mỗi người dân ở Calabre đều có một khẩu súng, mỗi người đều chạy đi kiếm cho mình, và lúc Tranta Capelli và Pellegrino quay trở lại công viên, họ thấy đã có tới gần hai trăm người vũ trang. Họ liền cầm đầu bọn đó và lao lên đuổi theo vua. Mười phút sau họ đuổi kịp, ở nơi mà ngày nay là cái cầu. Murat trông thấy bọn họ tới liền dừng lại đợi.

Tranta Capelli, tay cầm gươm, tiến đến trước mặt vua. Vua nói: – Thưa ông, ông có muốn đổi cầu vai đại úy của ông lấy cầu vai tướng không? Ông chỉ việc hô "Joachim muôn năm!" và cùng với những người dũng cảm kia theo tôi đến Montelone.

-Thưa ngài – Tranta Capelli trả lời, – chúng tôi là những bầy tôi trung thành của vua Ferdinand và chúng tôi đến để chiến đấu chống ngài chứ không phải để cùng đi với ngài. Vậy xin ngài hàng đi nếu không muốn phải đổ nhiều máu.

Murat nhìn viên đại úy sen đầm với một vẻ không thể hàng được, rồi chẳng thèm trả lời, giơ tay ra hiệu cho ông ta bước đi, còn tay kia sờ vào báng một khẩu súng của mình. Georges Pellegrino nhìn thấy thế liền hô.

-Đại uý, nằm xuống. Nằm xuống!

Tranta Capelli nghe lời, lập tức một viên đạn bay qua đầu anh ta và sượt qua bộ tóc của Murat.

-Bắn. – Franchescetti ra lệnh.

-Vứt súng đi. – Murat hô và tay phải phất chiếc khăn mùi xoa và bước lên một bước để tiến về phía những người đối địch. Nhưng cùng lúc đó một loạt súng nổ vang, một sĩ quan và hai ba người lính ngã xuống. Trong trường hợp như vậy, máu đã đổ không thể ngừng được nữa. Murat biết được sự thật tàn nhẫn ấy. Do đó ông phải có một quyết định nhanh và dứt khoát. Ông có trước mặt ông năm trăm người vũ trang, và sau lưng ông là một vực sâu cao ba mươi piê (khoảng ngót mười mét); ông liền lao từ trên tảng đá thẳng đứng và rơi xuống mặt cát, ông dậy được ngay và không bị thương. Tướng Franchescetti và người phục vụ cũng nhẩy được như vua, và cả ba đều tiến nhanh ra bể, đi qua một cánh rừng nhỏ, nó trải ra đến cách bờ biển một trăm bước và che lấp được một lát mắt kẻ thù. Ra khỏi cánh rừng, một loạt đạn nữa đón tiếp họ, những viên đạt rít xung quanh nhưng không ai bị trúng, và ba người tiếp tục chạy ra bãi biển.

Chỉ đến lúc đó vua mới nhận thấy chiếc canô đã đưa họ vào bờ không còn đây nữa. Ba chiếc thuyền trong hạm đội của họ, không ở lại để bảo vệ vua lên thuyền, đã căng buồm chạy ra khơi. Barbara đã không những mang đi tài sản của vua mà còn cả tính mạng và hy vọng. Không ngờ có sự phản bội như vậy. Do đó vua coi việc bỏ rơi đó chỉ là một sự thao diễn bình thường. Trông thấy một thuyền đánh cá kéo để trên bờ, vua kêu gọi hai người bạn: "Cho thuyền xuống biển."

Cả ba người bắt tay vào đẩy nó xuống mặt nước. Bọn kẻ thù của họ không ai dám nhảy từ trên tảng đá xuống để đuổi theo họ nên buộc phải chạy một đường vòng và mất một số thời gian để họ tự do. Nhưng chẳng bao lâu sau những tiếng kêu lại nổi lên, cả một đám đông lính, đi đầu là Georges Pellegrino và Tranta Capelli xuất hiện.

Cách 150 bước chỗ Murat, Franchescetti và Campana đang dùng hết sức đểđẩy thuyền ra bể. Những tiếng kêu đó lập tức được kèm theo một loạt tiếng súng nổ. Campana ngã xuống, nhưng lúc đó thuyền đã xuống nước.

Tướng Franchescetti nhảy được vào trong thuyền. Murat cũng muốn như thế, nhưng những chiếc đinh thúc ngựa đã mắc vào những chiếc lưới đánh cá phơi ở thành thuyền. Mất đà, vua ngã xuống, mặt úp xuống biển, chân để trên bờ. Trước khi ông có thì giờ đứng lên, dân chúng đã xô vào ông. Chỉ một thoáng người ta đã giật hết những cầu vai, lá cờ và quần áo của ông và có thể là xé cả xác ông ra nếu như Pellegrino và Capelli không can họ lại.

Thế là Murat là tù binh đi qua công viên mà trước đây một giờ ông là ông vua. Những người dẫn ông đưa ông đến pháo đài và đẩy ông vào nhà tù công cộng. Tại đây ông thấy mình ở giữa những tên ăn trộm và giết người. Chúng

không biết ông là ai, tưởng cũng là đồng bọn tội lỗi, đón tiếp ông bằng những tiếng la ó và chửi rủa.

Mười lăm phút sau, cánh cửa buồng giam mở ra, thiếu tá Mattei bước vào thấy Murat đứng, hai tay khoanh trước ngực, đầu nghểnh cao kiêu ngạo. Có một vẻ gì vĩ đại khó hiểu toát lên từ con người cởi trần, mặt mũi nhem nhuốc bùn và máu. Thiếu tá cúi mình trước Murat.

-Thiếu tá! – Murat nói và nhận ra cấp bậc ở cầu vai. – Ông hãy nhìn xung quanh ông xem đây có phải là nhà tù để giam một ông vua không?

Thế là một điều kỳ cục xẩy ra. Những tù nhân tội lỗi đã tưởng Murat cũng như mình, đã đón tiếp ông với những tiếng la ó và chửi rủa, bỗng nhiên cúi rạp người trước vị đế vương ấy mà Pellegrino và Capelli chẳng chút kính trọng, họ lặng lẽ rút lui vào trong các xó xỉnh của hầm ngục. Nỗi bất hạnh lại vừa mới tặng cho Joachim một lễ đăng quang mới.

Thiếu tá Mattei lẩm bẩm lời xin lỗi và mời Murat đi theo vào trong một buồng vừa mới chuẩn bị cho ông. Nhưng trước khi đi ra, Murat móc trong túi ra một nắm vàng và để rơi như mưa xuống sàn ngục, ông quay lại nói với các tù nhân: -Đây, để người ta khỏi nói là các anh đã đón tiếp một ông vua, mặc dù bị bắt và bị truất ngôi, mà không được hưởng ân lộc gì?

-Joachim muôn năm! – Các tù nhân hô.

Murat mỉm cười chua chát. Những lời tung hô đó, cùng với số lượng như thế này, nếu đã được vang lên trước đây một giờ ở công viên đã đủ để tôn ông lên làm vua Naples.

Murat đi theo thiếu tá Mattei vào một căn phòng nhỏ trước đây là của người gác cổng đã nhượng lại cho vua. Mattei sắp sửa rút lui thì Murat gọi lại: -Ông thiếu tá, tôi muốn được tắm nước thơm.

-Thưa bệ hạ, vấn đề ấy rất khó khăn.

-Đây là năm mươi đồng ducat, bảo người ta mua cho tôi tất cả số nước hoa Côlônhơ mà người ta gặp. À, mà còn bảo những người thợ may đến đây nữa.

-Ở đây không thể tìm được những người có khả năng làm được gì khác ngoài quần áo dân thường.

-Vậy bảo người ta đến Montelone, dẫn tất cả những ai người ta có thể tập trung được.

Thiếu tá cúi đầu và đi ra.

Murat đang tắm thì người ta báo có hiệp sĩ Alcala – tướng quân của hoàng thân Infantado, thống đốc thành phố đến thăm. Ngài cho mang những tấm chăn gấm, những chăn trải giường và những ghế bành đến. Murat cũng hơi thấy xúc động về sự quan tâm đó.

Ngày hôm đó, vào quãng hai giờ trưa, tướng Nunziante từ Sainttropen đến với ba nghìn người. Murat thấy vui sướng được gặp lại bạn cũ, nhưng với câu nói

đầu tiên ông cũng nhận thấy mình đứng trước một quan tòa. Sự có mặt của ông ta có mục đích không phải là cuộc đến thăm bình thường mà là để chính thức lấy khẩu cung. Murat trả lời là ông từ đảo Corse đến Trieste theo như tờ hộ chiếu của hoàng đế Áo cấp thì bị bão và thiếu lương thực nên buộc phải vào Pizzo. Với tất cả những câu hỏi khác, Murat đều ngoan cố không trả lời. Cuối cùng, mệt vì bị hỏi quá nhiều, Murat nói: -Ông đại tướng, yêu cầu ông đưa quần áo cho tôi để tôi thôi không tắm nữa.

Viên tướng hiểu là không còn được trả lời gì thêm nữa liền chào vua ra về. Mười phút sau Murat nhận được toàn bộ đồng phục, ông liền mặc vào và yêu cầu giấy bút, viết cho tướng chỉ huy quân đội Áo ở Naples, cho sứ thần Anh và cho vợ ông để báo cho họ biết cuộc giam giữ ông ở Pizzo. Viết xong ông đứng lên, đi dạo trong buồng một cách kích động. Sau đó thấy cần không khí, ông mở cửa sổ. Quang cảnh diễn ra là bãi biển ngay nơi ông bị bắt.

Có hai người đàn ông đang đào một cái lỗ trong cát, Murat nhìn họ một cách vô tình. Khi hai người đó xong việc, họ đi vào trong căn nhà và sau đó khiêng ra một xác chết. Vua cố nhớ lại và ông thấy hình như giữa cảnh ghê gớm ấy có một người ngã xuống bên cạnh ông, nhưng ông không biết là ai. Xác chết hoàn toàn trần truồng, nhưng bộ tóc dài đen, hình dáng trẻ trung làm vua nhớ lại là Campana. Đó là một sĩ quan tùy tùng mà ông ưa nhất. Cảnh tượng đó, nhìn vào lúc hoàng hôn, nhìn từ một cửa sổ nhà tù, cuộc chôn cất đó trong cô tịch, trên bãi biển kia, trong cát, làm Murat cảm động sâu sắc mà tình cảnh không may của ông cũng không bằng. Những giọt nước mắt trào ra và lặng lẽ chảy xuống gò má sư tử của ông. Vào lúc đó, tướng Nunziante bước vào buồng giam, ngạc nhiên thấy bộ mặt Murat đẫm nước mắt, hai tay giơ ra. Murat nghe thấy tiếng động quay lại, thấy vẻ ngạc nhiên của người lính già, ông nói: -Thưa tướng quân, vâng, vâng, tôi khóc. Tôi khóc trên xác người thanh niên hai mươi bốn tuổi kia mà gia đình anh ta đã phó thác cho tôi, và tôi đã gây ra cái chết cho nó. Tôi khóc cho cái tương lai bất hạnh, phong phú và sáng lạn vừa mới tắt đi trong một cái hố không ai biết đến, trên một mảnh đất thù và trên một bãi biển hung ác. Ôi, Campana? Campana! Nếu như tôi trở lại ngôi báu, tôi sẽ xây cho anh một nấm mồ đế vương.

Viên tướng đã cho chuẩn bị một bữa ăn tối trong buồng bên cạnh, Murat đi theo ông ta, ngồi vào bàn nhưng không thể nào ăn được. Cảnh tượng mà ông vừa chứng kiến làm tan nát lòng ông, thế mà con người đó đã từng đi qua mà không chau mày những trận địa Aboukir, Eylau và Matxcơva.

Sau bữa ăn, Murat về buồng trao cho tướng Nunziante những bức thư mà ông đã viết và đề nghị để ông được ở một mình. Viên tướng đi ra.

Buổi sáng ngày mùng 9, những người thợ may mà Murat yêu cầu đã đến. Ông đặt cho họ nhiều bộ quần áo và chịu khó giải thích cho họ những chi tiết về

những thói ngông xa hoa của mình. Ông đang bận làm việc đó thì tướng Nunziante bước vào. Ông buồn rầu lắng nghe những chỉ thị của vua, ông vừa nhận được những công văn điện tín lệnh cho ông xét xử vua Naples như một kẻ thù của quần chúng qua một hội đồng quân sự. Nhưng tướng Nunziante thấy vua đang rất tin tưởng, rất bình tĩnh và hầu như vui vẻ thế kia làm sao ông có can đảm báo cho ông ta biết tin phải mang ra xét xử. Ông tự nhủ phải hoãn việc mở hội đồng quân sự cho đến khi nào nhận được mệnh lệnh viết tay. Nó đến vào buổi tối ngày 13, cụ thể như sau:

"Naples 9 tháng mười 1815 "Ferdinand, nhờ ơn sáng của Chúa, …, hạ lệnh như sau:

"Điều 1. Tướng Murat sẽ bị đưa ra trước một Hội đồng quân sự mà các thành viên sẽ được Bộ Chiến tranh chỉ định.

"Điều 2. Sẽ chỉ chấp nhận cho tội phạm nửa giờ để nhận sự cứu giúp của tôn giáo.

"Ký tên: Ferdinand."

Hội đồng họp trong đêm ngày 13 tháng mười vào sáu giờ sáng. Đại uý Stratti đành đi ra. Nhưng lúc ra đến cửa thì vấp phải chiếc ghế làm vua tỉnh dậy.

-Đại úy cần gì tôi thế? – Murat hỏi.

Stratti muốn nói, nhưng nói không nên lời. Murat hỏi tiếp: -Chắc là ông vừa nhận được tin tức từ Naples phải không?

-Vâng, tâu bệ hạ – Stratti thều thào.

-Tin gì thế?

-Đưa bệ hạ ra xét xử.

-Đề nghị cho biết ai sẽ xét xử? Tìm đâu ra những vị Đại thần để xét xử tôi? Nếu người ta coi tôi như một ông vua, phải tập hợp một tòa án các vị vua. Nếu người ta coi tôi như một thống chế Pháp, cần phải có một tòa án các vị Thống chế. Nếu người ta coi tôi như một viên tướng, đó là điều tối thiểu người ta có thể tiến hành và phải có một bồi thẩm đoàn các tướng lĩnh.

-Tâu bệ hạ, bệ hạ bị tuyên bố là kẻ thù của dân tộc. Và như vậy, bệ hạ có thể bị đưa ra một hội đồng quân sự. Đó là luật mà chính bệ hạ đã đề ra để chống lại những kẻ phản nghịch.

-Luật đó đề ra để cho những bọn kẻ cướp chứ không phải để cho những cái đầu có vương miện, thưa ông – Murat nói một cách khinh miệt – Thôi được, tôi sẵn sàng để cho người ta ám sát. Tôi không thể ngờ vua Ferdinand lại có thể có một hành động như vậy. Để tôi có thể thừa nhận được những vị tòa mà người ta đã chỉ định cho tôi, tôi phải xé không biết bao nhiêu trang lịch sử. Một tòa án như vậy không có thẩm quyền và tôi lấy làm xấu hổ phải ra trước tòa án đó. Tôi biết là tôi không thể cứu vãn được tính mạng tôi, nhưng ít ra cũng để tôi cứu được phẩm cách đế vương.

Lúc đó thiếu úy Francesco Freio bước vào để hỏi tên tuổi và quốc tịch tù nhân. Nghe thấy những câu hỏi đó, Murat đứng lên với một sự khiếp đảm: -Tôi là Joachim Napoléon, vua của Hai-Siciles[429]. Tôi lệnh cho anh bước khỏi nơi đây.

Thế rồi Murat mặc quần và hỏi Stratte có thể viết những lời vĩnh biệt cho vợ và con không. Stratte không nói được nữa mà chỉ biết gật đầu. Lập tức Joachim ngồi vào bàn và viết thư sau đây[430]:

"Caroline thân yêu của anh.

"Giờ định mệnh đã đến. Anh sắp chết, hình phạt cuối cùng. Trong một giờ nữa em sẽ mất chồng, các con mất cha. Hãy nhớ đến anh và đừng bao giờ quên kỷ niệm về anh.

"Anh vô tội, và cuộc đời anh đã mất do một tòa án bất công.

"Vĩnh biệt Achille của cha, Lactitia của cha, vĩnh biệt Lucien của cha, vĩnh biệt Louise của cha!

"Hãy tỏ ra xứng đáng với cha. Cha để cho mẹ và các con ở lại trên một mảnh đất và một vương quốc thù địch. Hãy tỏ ra hơn hẳn kẻ thù và đừng có tưởng mình đang là gì mà phải nhớ mình đã là gì.

"Vĩnh biệt em và các con. Hãy nhớ rằng nỗi đau khổ lớn nhất mà cha phải chịu đựng trong hình phạt là phải chết xa vợ, xa các con và không có người bạn thân nào bên cạnh để vuốt mắt cho mình.

"Vĩnh biệt Caroline của anh. Vĩnh biệt các con. Hãy nhận lời chúc lành của cha, những giọt nước mắt yêu thương và những cái hôn cuối cùng.

"Vĩnh biệt. Vĩnh biệt. Đừng quên người cha tội nghiệp.

"Pizzo 15 tháng 10 năm 1815.

"Joachim Murat"

Thế rồi ông cắt một nắm tóc của mình bỏ vào phong bì. Lúc đó tướng Nunziante bước vào. Murat ra đón và giơ tay cho ông: -Thưa tướng quân, ông là cha, ông là chồng. Một ngày nào đó ông sẽ biết thế nào là vĩnh biệt vợ và các con. Xin ông hãy thề với tôi là bức thư này sẽ được giao đến nơi.

-Xin thề danh dự. Viên tướng nói và chùi mắt.

-Thôi nào, hãy can đảm lên tướng quân. Chúng ta là những người lính, chúng ta biết thế nào là cái chết. Chỉ xin ông một đặc ân riêng: hãy để cho tôi chỉ huy cuộc hành hình tôi. Được chứ?

Viên tướng gật đầu ra hiệu đề nghị cuối cùng này của Murat sẽ được chấp thuận. Lúc đó một liên lạc viên bước vào với bản phán quyết trong tay. Murat đoán biết nội dung, liền bảo liên lạc viên: -Đề nghị anh đọc to lên, tôi xin nghe.

Liên lạc viên tuân lệnh. Murat đã không lầm: chỉ trừ có một phiếu, toàn thể đồng thanh tội tử hình.

Nghe đọc bản phán quyết xong, vua quay lại Nunziante nói: -Tướng quân, hãy tin tưởng rằng tôi tách bỏ trong tư tưởng tôi công cụ giáng vào tôi do bàn tay của kẻ đã điều khiển nó. Tôi không ngờ rằng Ferdinand lại đem bắn tôi như bắn một con chó, hắn không lùi bước trước sự ô nhục ấy. Ta không nói đến đấy nữa. Tôi đã không thừa nhận các quan tòa, chỉ thừa nhận các đao phủ của tôi. Ông định mấy giờ hành quyết tôi?

-Xin bệ hạ định lấy.

Murat rút trong túi ra chiếc đồng hồ trong đó có chân dung vợ ông. Tình cờ bức chân dung đó quay về phía ông chứ không phải mặt đồng hồ. Ông nhìn nó một cách âu yếm rồi giơ nó ra cho tướng Nunziante xem và nói: -Đây là chân dung hoàng hậu, ông cũng đã biết. Giống lắm có phải không?

Tướng Nunziante quay đầu đi. Murat thốt lên một tiếng thở dài và bỏ đồng hồ vào túi. Liên lạc viên lên tiếng nhắc: -Tâu bệ hạ, xin bệ hạ cho biết Người định lúc mấy giờ.

-Ừ nhỉ – Murat mỉm cười nói. – Nhìn thấy chân dung vợ tôi, tôi đã quên mất tôi lấy đồng hồ ra để làm gì. Vậy thì – ông nhìn lại đồng hồ một lần nữa, lần này vào mặt đồng hồ – Vậy thì, sẽ vào lúc bốn giờ nếu ông đồng ý. Bây giờ hơn ba giờ rồi. Tôi chỉ yêu cầu ông có năm mươi phút nữa, có nhiều quá không?

Liên lạc viên nghiêng mình và lui ra. Tướng Nunziante cũng muốn ra theo.

-Nunziante, – Murat nói. – Tôi có còn gặp tướng quân nữa không?

-Lệnh cho tôi là phải chứng kiến cuộc hành quyết bệ hạ, nhưng tôi không đủ lực.

-Thôi được, thôi được, tướng quân ạ! Tôi miễn cho ông khỏi phải ở đây vào lúc cuối cùng, nhưng tôi muốn được vĩnh biệt ông một lần nữa và ôm hôn ông.

-Tôi sẽ gặp bệ hạ trên đường đi.

-Cám ơn. Bây giờ xin để tôi một mình.

-Tâu bệ hạ, ngoài kia có hai giáo sĩ, bệ hạ có tiếp không ạ?

-Có, đưa họ vào đây.

Viên tướng đi ra. Một lát sau hai giáo sĩ xuất hiện ở ngưỡng cửa, một người tên là Francescô Pellegrino và một tên là Antonio Masdes.

-Các ông muốn làm gì ở đây? Murat hỏi.

-Muốn hỏi bệ hạ, bệ hạ có muốn chết như người đạo giáo không?

-Tôi sẽ chết theo như người lính. Hãy để tôi yên.

Francescô Pallegrino rút lui, còn Antonio Masdes ở lại trên ngưỡng cửa.

-Ông không nghe thấy tôi nói à?

-Có chứ ạ! Ông già đáp. Nhưng xin phép bệ hạ cho tôi được cho rằng đấy không phải là câu nói cuối cùng của bệ hạ. Đây không phải là lần đầu tiên tôi gặp bệ hạ và cầu xin bệ hạ, tôi đã có dịp được gặp Người và cầu xin Người một ân huệ.

-Gì thế?

-Khi Người đến Pizzo vào năm 1810, tôi đã xin Người hai mươi nhăm ngàn Frăng để xây dựng nhà thờ của chúng tôi. Bệ hạ đã gửi cho tôi bốn mươi nghìn.

-Bởi vì tôi thấy trước là tôi sẽ được chôn ở đấy, – Murat mỉm cười nói.

-Vậy thì, tâu bệ hạ, tôi tin rằng Người sẽ không từ chối lời thỉnh cầu thứ hai của tôi cũng như trước kia Người không từ chối lời thỉnh cầu thứ nhất. Tâu bệ hạ, tôi xin quì xuống đất để thỉnh cầu bệ hạ.

Ông già quì xuống chân Murat và nói tiếp:

"Hãy chết như một giáo dân."

-Điều đó sẽ làm ông sung sướng sao?

-Tâu bệ hạ, tôi xin dâng số ít ngày còn lại của đời tôi để cầu xin đức Chúa trời sẽ tới thăm bệ hạ vào giờ phút cuối cùng của bệ hạ.

-Nếu vậy, – Murat nói. – hãy nghe lời thú tội của tôi. Tôi kết tội tôi hồi còn bé đã không vâng lời cha mẹ. Từ đó, từ khi tôi trở thành người, tôi chẳng có gì khác để mà tự trách mình.

-Tâu bệ hạ, bệ hạ có ban cho tôi tờ chứng chỉ là bệ hạ sẽ chết theo đạo Cơ đốc không?

-Tất nhiên.

Murat nói và cầm bút viết: "Tôi, Joachim Murat, tôi chết theo đạo Cơ đốc, tin tưởng nhà thờ Tôn giáo và Giáo hội La Mã", và ông ký tên rồi nói tiếp: -Thưa cha, bây giờ nếu cha còn muốn có một yêu cầu thứ ba nữa, xin nói nhanh lên, vì trong nửa giờ nữa sẽ không kịp. Lúc này đồng hồ của lâu đài đã điểm ba rưỡi.

Giáo sĩ ra hiệu không còn gì nữa. Murat nói tiếp:

"Vậy hãy để tôi một mình". Ông già đi ra. Murat dạo những bước dài trong buồng, rồi ông ngồi xuống giường, hai tay ôm lấy đầu. Có lẽ trong mười lăm phút còn lại của đời mình, ông mải mê suy nghĩ, ông nhìn thấy lướt qua trước mặt ông toàn bộ cuộc đời mình, từ quán trọ mà ông đã đi ra đến lâu đài mà ông đã vào; hẳn là cuộc đời phiêu lưu của ông đang diễn ra, giống như một giấc mộng vàng, như một câu chuyện trong "Nghìn lẻ một đêm", như một chiếc cầu vồng mà hai đầu chìm trong đám mây lúc ông sinh và lúc ông chết. Sau cùng ông tỉnh lại và ngẩng trán lên, mặt tái xanh nhưng bình tĩnh. Thế rồi ông lại gần cái gương, chải lại mớ tóc. Là vị hôn phu của cái chết, ông làm đẹp vì nó.

Bốn giờ điểm.

Murat tự mình ra mở cửa. Tướng Nunziante đang đứng đợi ông. Ông nói: -Cảm ơn tướng quân, ông đã giữ lời hứa với tôi. Hãy hôn tôi, nếu ông muốn, sau đó ông rút lui.

Viên tướng lao mình vào hai cánh tay vua rồi khóc và không nói nên lời.

-Hãy can đảm lên, – Murat nói. – Ông thấy tôi đang rất bình tĩnh.

Chính sự bình tĩnh đó đã bẻ gẫy lòng can đảm của viên tướng. Ông ta lao ra khỏi hành lang, ra khỏi lâu đài và chạy như một người mất trí.

Thế rồi vua bước ra sân, tất cả đã sẵn sàng cho cuộc hành quyết. Chín lính và một viên đội đã xếp thành hàng gần cửa ra vào của Hội đồng. Trước mặt họ là một bức tường cao mười hai piê. Ba bước trước bức tường đó là một chiếc bục chỉ có một bậc. Murat lên đứng trên bục đó, nó làm ông cao hơn những người lính một piê. Ông giở đồng hồ ra, hôn chân dung vợ, và cặp mắt vẫn nhìn vào vợ, ông chỉ huy cuộc hành trình. Đến tiếng ông hô: "Bắn!" năm trong chín người bắn, Murat vẫn đứng nguyên tại chỗ. Những người lính đã xấu hổ phải bắn vào vua của mình, họ đã nhằm lên trời qua đầu ông.

Có lẽ đó là lúc biểu hiện một cách tuyệt diệu lòng can đảm của một con sư tử, đó là đức tính đặc biệt của Murat. Không một nét mặt thay đổi, không một bắp thịt nào trong người ông yếu đi, ông chỉ nhìn những người lính với một vẻ biết ơn chua chát. Ông nói: -Cám ơn các bạn. Nhưng vì sớm hay muộn các bạn cũng sẽ buộc phải nhằm trúng đích. Vậy xin đừng kéo dài cảnh hấp hối của tôi. Tất cả những gì tôi yêu cầu các bạn là nhằm trúng tim và tha cho bộ mặt. Chúng ta bắt đầu lại.

Và cũng với giọng ấy, cũng bình tĩnh như vậy, với cùng bộ mặt, ông nhắc lại từng câu trước sau, không chậm chạp, không vội vã, như thể ông chỉ huy một chiến dịch đơn giản. Nhưng lần này, may mắn hơn lần trước, đến câu "bắn" ông ngã xuống vì trúng tám viên đạn, không một cử động, không một tiếng thở, không rời bỏ chiếc đồng hồ cầm trong lòng bàn tay trái[431].

Những người lính nhặt xác ông lên, đặt nằm trên giường mà mười phút trước đây ông còn ngồi và một đại úy gác ở cửa.

Buổi tối có một người đàn ông đến xin vào buồng người chết, lính gác từ chối. Nhưng người đó yêu cầu được gặp chỉ huy lâu đài. Đến trước mặt vị chỉ huy, người đó đưa ra một mệnh lệnh. Vị chỉ huy đọc, vừa ngạc nhiên vừa ghê tởm. Rồi sau khi đã đọc xong, ông dẫn người đó đến bốt gác lúc nãy đã từ chối.

-Hãy để cho chúa công Luidgi đây vào.

Lính gác bồng súng chào vị chỉ huy và Luidgi vào. Mười phút trôi qua, lúc Luidgi đi ra, tay cầm một gói bao tải đẫm máu. Trong chiếc gói đó người lính gác không biết là vật gì.

Một giờ sau người ta mang áo quan đến để liệm xác vua. Người thợ mộc vào buồng, nhưng ngay lập tức người đó kêu gọi lính gác với một vẻ sợ hãi khiếp đảm. Lính gác hé mở cửa buồng để nhìn xem điều gì đã làm người thợ mộc sợ hãi đến thế. Người thợ lấy tay chỉ một xác chết không đầu.

Lúc Ferdinand chết, người ta tìm thấy trong một tủ bí mật trong buồng ngủ của ông, chiếc đầu ấy ngâm trong rượu[432].

Tám ngày sau cuộc hành quyết ở Pizzo, mỗi người đều nhận được phần thưởng của mình: Tranta Capelli được đề bạt thiếu tá, tướng Nunziante được phong hầu tước, còn Luidgi bị đầu độc chết.

Vaninka (1800-1801)

Vào năm cuối cùng của triều Hoàng đế Pôn đệ nhất, nghĩa là vào khoảng năm thứ nhất của thế kỷ thứ XIX, đồng hồ nhà thờ Xanh Pie vừa điểm bốn giờ chiều thì một đám khá đông công chúng của mọi tầng lớp bắt đầu tập trung tại trước mặt nhà viên đại tướng bá tước Checmaylốp, cựu tư lệnh một thành phố khá lớn trong chính phủ Puntava. Nguyên nhân lôi cuốn sự tò mò của khán giả, đầu tiên là sự chuẩn bị ở giữa sân cho một cuộc trừng phạt bằng roi một người nô lệ giữ chức vụ thợ cạo cho viên đại tướng.

Khán giả không phải chờ đợi lâu, vì đến bốn giờ rưỡi, người ta thấy một thanh niên khoảng 25, 26 tuổi mặc binh phục hộ vệ quan, ngực đầy huân chương xuất hiện trên bục gỗ cao trước cửa nhà đại tướng.

Tức thì cửa mở ra và khán giả trông thấy phạm nhân đi giữa đám nô lệ, họ bị bắt buộc phải ra xem để lấy đó làm gương. Kẻ thi hành thay đao phủ là tên đánh xe, có lẽ tại hắn quen múa roi ngựa tên là Ivăng.

Phạm nhân là người khoảng ba mươi sáu tuổi, râu tóc đỏ, thân hình trên mức tầm thước. Nhìn cặp mắt, người ta cũng biết hắn nguồn gốc Hy Lạp. Sau vẻ mặt tỏ ra sợ hãi, hắn còn giấu vẻ tinh quái. Lúc đi gần đến nơi xử tội, phạm nhân đứng lại. Ivăng lại gần hắn để lột áo sơ mi kẻ sọc đang phủ trên vai hắn. Lợi dụng cơ hội đó, Ivăng khẽ nói với hắn: -Grêgoa này, phải can đảm lên chứ. – Mày biết mày đã hứa với tao thế nào rồi chứ? Phạm nhân van nài.

-Không phải là ở những cú đầu đâu đấy nhé. Mày đừng có hy vọng vào đấy vì tên võ quan sẽ giám sát những cú đầu, còn những cú sau chúng ta sẽ tìm cách bịp hắn.

-Mày phải cẩn thận, nhất là đầu nhọn cái roi đấy nhé. – Grêgoa ạ, tao sẽ cố gắng. Mày không hiểu tao sao?

-Than ôi! Có chứ.

-Thế nào? – Hộ vệ quan lên tiếng hỏi.

-Bẩm quan, xong rồi đây ạ!

-Bẩm quan – Grêgoa nói một cách tội nghiệp – xin hãy khoan đã ạ! Tôi thấy hình như cửa sổ phòng tiểu thư Vaninka đã mở thì phải.

Viên sĩ quan trẻ tuổi ngước mắt nhìn lên nơi vừa nói, nhưng không thấy một nếp ri đô động đậy, anh không nhìn vào nơi đó nhưng anh cũng mong nó sẽ mở ra, anh nói: -Đồ quỉ ạ, mày nhầm rồi đó. Vả lại cô chủ quí tộc của mày có liên can gì đến việc này?

-Thưa xin lỗi ông – Grêgoa lại nói. – Nhưng chính vì tiểu thư mà tôi bị mắc tội này… Có thể là tiểu thư sẽ rủ lòng thương đến kẻ tôi tớ khốn khổ này…, và…

-Thôi. – Võ quan nói với một giọng đặc biệt như thể lấy làm tiếc là Vaninka không thấy tỏ lòng độ lượng. – Thôi, thế đủ rồi. Ta tiến hành nhanh lên.

-Ngay lập tức đây ạ! – Ivăng đáp rồi quay lại bảo Grêgoa. – Này anh bạn, đã đến lúc rồi đấy.

Grêgoa thở dài đánh thượt một cái, liếc nhìn lần cuối cùng lên cửa sổ. Sau khi thấy tất cả vẫn y nguyên như cũ, hắn mới chịu nằm sấp xuống sàn. Cùng lúc ấy, hai người nô lệ khác mà Ivăng đã chọn giúp việc hắn nắm lấy hai tay phạm nhân kéo thẳng ra rồi trói hai cổ tay vào hai cái cọc đặt cách xa nhau, thành ra trông hắn như hình chữ thập, rồi người ta buộc một cái xiềng vào cổ hắn. Mọi việc đã xong xuôi. Trên phía cửa sổ không thấy có một dấu hiệu gì có lợi cho phạm nhân, cánh cửa vẫn đóng im ỉm, viên võ quan giơ tay ra hiệu và hô: -Tiến hành đi.

Ivăng dướn người đứng lên trên các đầu ngón chân, quay tròn cái roi trên đầu rồi bất thình lình hạ nó xuống, hắn giáng vào người Grêgoa khéo đến nỗi sợi roi quấn vào người phạm nhân những ba vòng như một con rắn và quật cái mũi nhọn của cán roi xuống sàn. Mặc dầu đã lường trước như vậy, Grêgoa cũng phải thét lên một tiếng và Ivăng đếm một.

Nghe tiếng thét đó, viên sĩ quan liếc mắt nhìn lên cửa sổ, nhưng cánh cửa vẫn đóng, anh quay lại phạm nhân và đếm như một cái máy: -Một cái roi đã để lại ba vết lằn trên vai Grêgoa. Ivăng lại lấy đà, cũng khéo léo như lần đầu, sợi roi lại quấn ba vòng vào người phạm nhân, cái đầu roi cũng không phạm vào người. Grêgoa thét lên một tiếng thứ hai và Ivăng lại đếm: hai. Lần này máu chưa tóe ra nhưng đã thấy xuất hiện trên mặt da.

Đến đòn thứ ba, vài ba giọt máu đã bật ra. Đến đòn thứ tư, máu mới thật sự tóe ra. Đòn thứ năm, một vài giọt đã bắn vào người viên sĩ quan, anh phải lấy khăn mùi xoa ra lau mặt. Ivăng liền lợi dụng cơ hội đó để đếm bẩy, đáng lẽ mới là sáu, võ quan không có nhận xét gì.

Đến đòn thứ chín Ivăng dừng lại để thay sợi roi với hy vọng sẽ gian trá trót lọt như lần đầu, hắn đếm mười một đáng lẽ là mười. Lúc đó một cửa sổ đối diện với cửa sổ tiểu thư Vaninka mở ra, xuất hiện một người trạc 45-48 tuổi mặc binh phục đại tướng. Ông hô: -Thôi đủ rồi.

Và cánh cửa sổ lại đóng lại. Vừa thấy có bóng người xuất hiện trên cửa sổ, viên võ quan liền quay về phía đại tướng của mình, tay trái để thẳng theo đường may của ống quần, tay phải lên mũ và đứng im lặng như thế trong lúc đại tướng xuất hiện. Sau khi cửa sổ đã lại đóng, anh nhắc lại nguyên văn câu của đại tướng. Cái roi đã giơ lên liền bị rơi xuống sàn bên cạnh phạm nhân. Ivăng quấn sợi roi vào cán và nói: -Grêgoa, hãy cám ơn quan lớn đi. Quan lớn đã tha cho mày hai roi – hắn cúi xuống để cởi trói tay cho phạm nhân rồi nói thêm – cộng với hai roi

tao đã ăn gian cho mày, như thế là mày chỉ bị có tám, đáng lẽ là mười hai. Này chúng mày, cởi nốt cho nó tay kia.

Nhưng Grêgoa khốn khổ không còn đủ sức để cảm ơn ai nữa, hắn gần bị ngất vì quá đau đớn. Hai người nô lệ phải xốc nách hắn lên dìu về, Ivăng vẫn đi theo sau. Tuy vậy lúc về đến cổng, Grêgoa quay lại thấy viên võ quan vẫn nhìn theo mình với vẻ thương hại, hắn nói: -Thưa ông Fêođo, đề nghị ông cảm ơn quan lớn hộ tôi. Còn về tiểu thư Vaninka – hắn khẽ nói thêm – Cứ để tôi tự cảm ơn.

-Mày lẩm bẩm cái gì trong mồm đấy? – Viên võ quan giận dữ kêu lên vì lầm tưởng Grêgoa đe dọa mình.

-Không ạ, không có gì đâu ạ. – Ivăng nói: – Thưa ông Fêôđo, nó cảm ơn ông vì ông đã quá bộ tới dự buổi trừng phạt nó. Nó nói rằng đó là một vinh dự cho nó. Chỉ có thế thôi ạ!

Đại tướng bá tước Checmaylốp, sau khi đã cai quản một trong những thành phố quan trọng nhất của Puntava, được Hoàng đế Pôn đệ nhất triệu về Xanh Pêtecbua. Ông chịu ở góa với một cô con gái. Con gái ông được thừa hưởng di sản của mẹ về gia tài, sắc đẹp và về tính khí kiêu ngạo nữa. Bà là dòng dõi của một trong những đại úy người Tacta là một dân tộc dưới sự chỉ huy của Jenjit ở thế kỷ thứ XIII đã xâm chiếm nước Nga. Do sự ngẫu nhiên của định mệnh, những địa vị cao sang của tiểu thư Vaninka lại còn được tăng thêm do sự giáo dục của cô nữa. Trong các môn học, Vaninka đặc biệt say sưa một môn. Đó là, nếu người ta có thể nói, là môn khoa học về địa vị của cô, do đó cô hiểu rất rõ về tình hình quí tộc và thế lực của tất cả các gia đình quý tộc, gia đình nào hơn, gia đình nào kém gia đình cô, cô có thể đọc lên mà không bao giờ nhầm tước vị của từng dòng họ một. Do đó cô rất khinh miệt những gia đình thấp kém. Những người nô lệ họ hiểu tính nết tiểu thư Vaninka như thế nên họ chẳng nghĩa lý gì đối với cô, họ chỉ là những con vật có râu, còn kém cả con chó, con ngựa của cô nữa.

Năm 17 tuổi, chương trình học tập của cô kết thúc. Bà giáo dạy cô không chịu được thời tiết khắc nghiệt ở Pêtecbua nên xin nghỉ việc. Còn một mình Vaninka, cô không còn sự giáo dục nào khác ngoài tình yêu mù quáng của người cha. Như chúng ta đã biết, ông chỉ có mình cô, nên trong tình yêu quí báu man rợ và khắc nghiệt, ông coi cô như một tập hợp của tất cả các đức tính hoàn hảo nhất của con người.

Tình hình nhà ông như vậy, bỗng nhiên ông nhận được một bức thư của một người bạn hồi thơ ấu viết trên giường bệnh lúc sắp chết.

Sau khi bất hòa với Potenkin, bá tước Rômaylốp thấy sự nghiệp của mình đến đấy phải bỏ dở và không thể lấy lại được những đặc ân đã mất, ông rút về hưu ở cách Pêtecbua bốn trăm dặm. Nỗi đau khổ lớn nhất của ông là ảnh hưởng xấu đến tương lai sự nghiệp của đứa con trai độc nhất là Fêôđo. Bá tước thấy

mình sắp phải để lại con một mình trên đời không nơi nương tựa, ông trông vào tình bạn cũ với đại tướng, ủy thác cho bạn người con trai của mình, mong rằng bạn là người được Pôn đệ nhất tín nhiệm, sẽ xin cho con trai mình một chức sĩ quan trong quân đội. Viên đại tướng liền viết thư trả lời ngay là ông sẵn sàng coi con trai bá tước như chính con đẻ của mình. Lúc bức thư đó đến, bá tước đã mất. Fêôđo nhận thư và mang nó đến với đại tướng để cầu mong được che chở. Đại tướng đã xin được với Pôn đệ nhất cho một chức hạ sĩ quan trong đạo quân của Xêmônôpki, cho nên chỉ một ngày sau khi đến nhà Đại tướng, Fêôđo đã ra đi nhận nhiệm vụ.

Mặc dù chỉ ở nhà đại tướng có một ngày, Fêôđo cũng có đủ thì giờ để nhìn thấy tiểu thư Vaninka và mang theo trong lòng một kỷ niệm sâu sắc.

Còn Vaninka, cô chẳng thèm để ý đến Fêôđo, một hạ sĩ quan không gia sản, không tương lai, có nghĩa gì đối với cô? Cô mơ mộng đến một hoàng tử để mình có thể trở thành một trong những bà lớn có thế lực lớn nhất nước Nga, hoặc ít ra để thực hiện được giấc mơ "nghìn lẻ một đêm" của cô. Chàng thanh niên Fêôđo chẳng có thể hứa hẹn được gì.

Vài ngày sau buổi gặp gỡ đầu tiên ấy, Fêôđo trở lại chào từ biệt đại tướng để đi theo đơn vị sang chinh chiến bên Ý dưới sự chỉ huy của phó Thống chế Xuvarốp.

Lần này, có thể là do bộ quân phục lịch sự cộng với vẻ đẹp trai tự nhiên của chàng Fêôđo, có thể là do trước lúc ra đi, sự hào hứng và phấn khởi trong hy vọng đã trang điểm thêm cho Fêôđo một ánh hào quang thơ mộng nên đã lọt được vào mắt xanh của tiểu thư. Vaninka ngạc nhiên trước sự thay đổi kỳ lạ của chàng thanh niên. Trước lời đề nghị của cha, cô chịu hạ cố đưa bàn tay cho kẻ sắp ra đi. Fêôđo không còn dám mong gì hơn cho nên anh đặt một đầu gối xuống đất như trước mặt một bà hoàng, đưa hai bàn tay run run của mình đỡ lấy bàn tay trắng ngần của Vaninka và dám thoáng lướt môi trên làn da ngọt ngào. Nhưng mặc dù nụ hôn đó hết sức nhẹ nhàng, tiểu thư Vaninka cũng rùng mình vì cô cảm thấy rợn người và mặt đỏ bừng lên. Do đó khi cô vừa rút nhanh tay ra làm cho Fêôđo tưởng rằng dù đã hết sức kính cẩn, mình cũng đã làm cô thương tổn. Anh quì thế mãi, hai bàn tay chắp lại, cặp mắt đầy lo âu ngước lên nhìn cô làm cho Vaninka quên mất cả tự kiêu, bèn an ủi anh bằng một nụ cười.

Đạo quân có Fêôđo tham gia đi qua nước Đức, vượt qua dẫy núi Tyrôn và vào Vêrôn, nước Ý ngày 14 tháng 4 năm 1799. Lập tức Xuvarốp bắt liên lạc với tướng Mêlat và nắm quyền chỉ huy cả hai đạo quân.

Ngày hôm sau tướng Chattelơ đề nghị mở một cuộc trinh sát, nhưng Xuvarốp ngạc nhiên nhìn ông và đáp: -Để hiểu quân thù, tôi không biết cách nào khác là tiến lên và chiến đấu.

Trước đây Xuvarốp đã có tiếng tăm lẫy lừng, uy nghi, mãnh liệt, không biết mỏi, thản nhiên, một cuộc sống giản dị của người Tartare, chiến đấu với lòng mãnh liệt của người Côdắc. Đúng là một con người để tiếp tục chiến công của tướng Mêlat đối với quân lính của nền Cộng hòa đã nản lòng vì sự bất lực do dự của Shêrê. Vả lại đạo quân Áo – Nga, gồm trăm ngàn người, chỉ có trước mặt nó hai mươi chín đến ba chục ngàn quân Pháp.

Xuvarốp bắt đầu, như thường lệ, bằng một đòn sấm sét. Ngày 20 tháng 4, ông đến trước Cresia đang chống cự một cách tuyệt vọng. Sau một trận pháo kích lâu chừng nửa giờ, cổng Peschéria bị búa rìu phá vỡ, và sư đoàn Kocxacốp, trong đó có trung đội của Fêôđo làm nhiệm vụ tiền tiêu đã vào được trong thành phố xung phong đuổi theo quân lính đồn trú gồm một nghìn hai trăm người đang náu trong thành.

Đại bộ phận quân đội tiến lên phía trước, chia làm hai đạo quân vượt qua Oglie, một đạo dưới sự chỉ huy của tướng Rosemberg về phía Bergame, và đạo kia dưới sự chỉ huy của tướng Mêlat tiến đến tận Série. Trong khi đó các đạo quân khác gồm bảy tám ngàn người chỉ huy do các tướng Kaim và Hohenzolen, tiến về Plaisance và Cromhne, bao vây tất cả mạn trái sông Po. Vậy mà quân đội Áo Nga tám mươi nghìn người trấn trên một mặt trận mười tám dặm.

Trông thấy quân địch đông gấp ba quân mình, Scherer vừa đánh vừa lùi trên khắp trận tuyến. Phá ủy các cầu trên sông Adda vì không hy vọng bảo vệ được chúng và di chuyển bộ chỉ huy về Milan, chờ đợi trả lời bức thư mà ông đã gửi cho Hội đồng chấp chính, trong đó ông thú nhận bất lực và xin từ chức.

Nhưng vì người kế tiếp ông đến chậm, và quân Xuvarốp cứ tiến mãi, tướng Scherer lo sợ cho trách nhiệm của mình, bèn trao chức chỉ huy vào tay một trong những sĩ quan tài giỏi nhất của mình, đó là tướng Moreau. Lại một lần nữa tướng Moreau chiến đấu chống lại cũng những người Nga ấy mà ông sẽ phải tử trận vì họ.

Sự bổ nhiệm bất ngờ đó được tuyên bố giữa những tiếng hò reo của các binh sĩ, người mà chiến dịch tuyệt diệu trên sông Rhin đã làm nổi danh là Fabius người Pháp, mọi người đều lớn tiếng hô: "Moreau muôn năm! Muôn năm vị cứu tinh của quân đội Ý."

Nhưng sự nhiệt liệt đó không làm cho Moreau quáng mắt trên vị trí khiếp đảm của mình.

Ông vào trung tâm để đích thân bảo vệ chiếc cầu đã được củng cố thêm ở Caseano mà đầu của nó được con sông đào Ritorto che chở với rất nhiều cỗ pháo, những vị trí tiền tiêu xây thành đắp lũy.

Thế rồi rất thận trọng cũng như dũng cảm, Moreau tìm mọi biện pháp để nếu bị thất bại sẽ có đường rút lui về Anpennine và về bờ biển Gênes.

Mặt trận bố trí của Moreau vừa xong thì Xuvarốp, con người không biết mệt, đã vào Triveglio. Đồng thời với sự tiến quân của quân đội Nga đánh vào thành phố cuối cùng này, Moreau được tin sự đầu hàng của Bergame và lâu đài của ông. Ngày 25 tháng 4 ông trông thấy tiền đạo của quân đội đồng minh.

Buổi tối hôm đó, Fêôđo thuộc sư đoàn của tướng Chastellơ, viết thư cho đại tướng Checmaylốp:

"Cuối cùng chúng tôi cũng đã ở trước mặt quân đội Pháp. Ngày mai sẽ mở một trận lớn. Tối mai cháu sẽ là trung úy hoặc chết."

Hôm sau, ngày 26 tháng 4, từ sáng sớm, đại bác đã gầm lên ở các đầu trận tuyến. Các pháo thủ của hoàng thân Bagration tấn công ở mặt trái. Tướng Seckendorif, tách rời khỏi mặt trận Triveglic, tiến về Créma.

Hai mặt tiến công đó đều thu được những thắng lợi khác hẳn nhau. Các pháo thủ của Bagration bị đẩy lùi và tổn thất nặng nề. Còn Seckendori, trái lại, đuổi được quân Pháp ra khỏi Créma, và đội trinh sát tiến đến tận cầu Lodi.

Thế là diễn ra một trận chiến đấu ác liệt giữa quân Pháp và quân Áo. Chính là vì các cựu chiến binh của Bonaparte, trong những trận chiến đấu đầu tiên ở nước Ý, đã có thói quen không thể bỏ được là đánh các thần dân của Hoàng đế khắp nơi mà họ gặp.

Cuộc chiến đấu còn tiếp diễn gần ba giờ, trong thời gian đó hậu quân làm được những chuyện phi thường. Cuối cùng, Mêlat thấy là quân địch đã thoát khỏi tay mình và quân đội của mình đã mệt mỏi sau một trận dai dẳng như vậy cần phải được nghỉ ngơi, ông liền ra lệnh cho ngừng chiến đấu và dừng lại trên bờ trái của Adda, rải quân từng chặng trên các làng mạc Imago, Gorgonloza và của Cassano. Như vậy là làm chủ được chiến trường, trên đó quân Pháp mất hai ngàn năm trăm chết, một trăm cỗ đại bác và hai mươi súng phóng lựu đạn.

Buổi tối, Xuvarốp mời đại tướng Beker, chỉ huy hậu quân Pháp tới dự bữa ăn tối và hỏi ông ta ai là người đã bắt ông ta làm tù binh. Beker trả lời đó là một sĩ quan trẻ tuổi đầu tiên vào Pozzo. Lập tức Xuvarốp tìm hiểu sĩ quan trẻ tuổi đó là ai? Một lát sau ông nhận được báo cáo, đó là chuẩn úy Fêôđo Rômaylop. Fêôđo mang đến cho Xuvarốp thanh gươm của tướng Beker. Xuvarốp giữ chàng thanh niên ở lại cùng ăn với tù binh của chàng.

Ngày hôm sau Fêôđo viết thư cho đại tướng:

"Cháu đã giữ được lời hứa, cháu đã là trung úy và ngài phó thống chế Xuvarốp đã đề nghị với Hoàng thượng Pôn đệ nhất thưởng cho cháu Huân chương Xanh Vladimir."

Đến khi đó, tất cả đều tốt đẹp. Chừng nào còn ở lại trên những cánh đồng phì nhiêu của nước Ý, Xuvarốp chỉ có việc tuyên dương lòng dũng cảm và tận tâm của các binh sĩ của mình. Nhưng tiếp sau đó là những con đường khắc nghiệt của Lévantine, thấy dựng lên trước mặt những ngọn núi quanh năm phủ tuyết của

Xanh Gôthard. Thế là lòng nhiệt tình và dũng cảm nguội dần và những linh cảm ảm đạm tràn đầy trong lòng những đứa con miền Bắc ấy. Những tiếng thầm thì bất ngờ lan khắp trận tuyến, rồi bỗng nhiên phía tiền vệ dừng lại và tuyên bố không muốn đi xa hơn nữa. Fêôđo chỉ huy một trung đội tha hồ mà van nài quân lính của anh tiến lên hàng đầu, đừng bắt chước các bạn. Quân lính của Fêôđo quẳng vũ khí xuống đất và nằm xuống bên cạnh. Vào lúc họ tỏ thái độ không phục tùng ấy, lại có những tiếng thì thầm mới nổi lên ở đằng đuôi đạo quân, chúng tiến dần đến như một cơn bão. Đó là Xuvarốp đã đi từ đuôi lên đầu, đi đến đâu cơn phản nghịch nổi theo đến đấy. Lúc ông đi tới đầu hàng quân, những tiếng thì thầm trở thành những lời nguyền rủa.

Thế là Xuvarốp mắng cho binh sĩ một trận nên thân nhưng những tiếng kêu "Rút lui! Rút lui"! vang lên át cả tiếng nói của ông. Ông liền cho bắt những đứa phản động nhất, đánh cho một trận bằng roi cho đến khi phải quì xuống. Nhưng những đòn trừng trị không hiệu nghiệm hơn những lời khuyến khích, những tiếng kêu lại tiếp tục. Xuvarốp nhận thấy hỏng hết cả nếu không dùng vài biện pháp mạnh mẽ và bất ngờ. Ông tiến đến Fêôđo và nói: -Trung úy, hãy để bọn quái quỷ ấy đấy. Tập trung cho tôi tám hạ sĩ lại đây và đào cho tôi một cái hố.

Fêôđo ngạc nhiên, trừng mắt nhìn ông tướng của mình như muốn một lời giải thích về mệnh lệnh kỳ quái ấy. Viên tướng nói tiếp:

"Hãy thi hành lệnh của tôi."

Fêôđo tuân lệnh, tám hạ sĩ bắt tay vào làm việc. Mười phút sau cái hố đã đào xong. Toàn quân đội tập trung thành vòng tròn trên sườn hai trái núi bên vệ đường, như trên các bậc của một hí trường. Họ hết sức ngạc nhiên.

Thế rồi Xuvarốp xuống ngựa, bẻ gẫy thanh gươm của mình vứt vào trong hố, rồi lần lượt rứt các cầu vai, các huân huy chương trên ngực và ném hết xuống hố. Cuối cùng ông trần truồng bước xuống hố nằm rồi hô to: -Hãy phủ đất lên người tôi và bỏ vị tướng của các anh ở lại đây. Các anh không còn là con tôi nữa và tôi không còn là cha các anh nữa. Tôi chỉ còn có việc chết!

Những câu kỳ lạ ấy được thốt lên bằng một giọng mãnh liệt làm cho đạo quân đều nghe thấy. Lập tức những lính pháo thủ Nga lao xuống hố, vừa khóc vừa nâng ông tướng của họ lên, vừa xin lỗi và van nài ông dắt dẫn họ tới quân thù. Xuvarốp kêu lên: -Bây giờ ta mới nhận ra các con của ta. Nào tiến lên xông vào quân thù.

Không phải là những tiếng kêu, mà là những tiếng thét đáp lại lời nói của chủ tướng. Trong lúc Xuvarốp mặc lại quần áo, những tên phản nghịch nhất lết trên mặt đất tới hôn chân ông. Thế rồi những cầu vai lại được gài lên vai và các huân chương lại lấp lánh trên ngực. Ông lên ngựa, theo sau là cả đoàn quân đều đồng thanh nói lên một tiếng chết chứ không chịu bỏ cha.

Từ đó cuộc chiến đấu lại bắt đầu. Trong ba ngày, một ngàn năm trăm quân Pháp chặn đứng ba mươi ngàn quân Nga. Xuvarốp gầm lên như con sư tử mắc lưới vì ông không hiểu gì về vận mệnh của mình. Sau cùng sang ngày thứ tư, ông được tin tướng Korsakiff là người đã đi trước ông và ông phải đuổi kịp, đã bị Molitor đánh thua, và Messana đã lấy lại được Zurich và đang chiếm đóng địa phận Glaris. Thế là ông quyết định không đi theo thung lũng Reuss nữa và viết thư cho Korsakoff và Jallachieh: "Tôi sẽ đến để sửa lại khuyết điểm do các ông gây ra. Hãy giữ vững như những bức tường thành. Cứ mỗi bước các ông lùi là phải trả lời tôi bằng đầu các ông."

Xuvarốp tin chắc là kế hoạch của mình sẽ thành công, do đó khi tới bờ hồ Klon Thal, ông cử một nhóm đại biểu đến thương thuyết buộc Molitor phải đầu hàng vì đã bị bao vây tứ phía.

Molitor trả lời là chỗ hẹn của Xuvarốp với các tướng đã không thực hiện được vì các tướng đó lần lượt đã bị thua trận và bị đẩy lùi đến tận Grisons. Ngược lại, vì Masséna đã tiến đến Muotra. Vậy chính Xuvarốp bị mắc vào giữa hai gọng kìm. Molitor yêu cầu Xuvarốp phải hạ vũ khí.

Nghe thấy câu trả lời kỳ dị ấy, Xuvarốp tưởng như mình đang nằm mơ. Nhưng lúc tỉnh lại, ông hiểu mối nguy nếu cứ ở lại trong những con đường hẻm này, ông liền lao vào Molitor và được đón tiếp bằng lưỡi lê. Molitor liền đóng đường hẻm lại và cùng với một ngàn năm trăm quân, ông chịu đựng được trong tám giờ chống với mười tám ngàn quân Nga. Đêm đến, Molitor rút khỏi Klon Thal và tới Linth để bảo vệ các cầu Noefels và Mollis. Thế là Xuvarốp tràn quân như thác đổ xuống Glaris và Mitlodi. Tới đây ông mới biết là Molitor đã nói đúng: Jallachieh và Linsken đã bị đánh tan, Massana đang tiến về Schwitz và tướng Rosemberg là người được giao nhiệm vụ bảo vệ cầu Muotra đã bị đẩy lùi, đến nỗi bây giờ ông quả ở trong tình trạng như Molitor đã nói.

Không được để lỡ thời gian rút lui, Xuvarốp lao vào các đường hẻm Engi, Schwauden và Elm, vội vã đến nỗi phải bỏ lại thương binh và một phần cỗ pháo.

Do đó, tức giận vì đã bị bại trận bởi chính những quân Cộng hòa mà ông đã tuyên bố trước ông sẽ làm cỏ. Ông đổ lỗi thua trận cho quân Áo và tuyên bố ông sẽ không tiến hành vấn đề liên minh trước khi nhận được chỉ thị của Hoàng đế mà ông vừa báo cáo về sự phản bội của đồng minh:

Trả lời của Pôn đệ nhất là cho quân Nga rút về nước và bản thân Xuvarốp phải thật nhanh trở về Pêtecbua, nơi đang chờ đón cuộc trở về chiến thắng của ông. Cũng sắc lệnh đó nói rằng Xuvarốp sẽ ở lại hoàng cung những ngày còn lại của đời mình và sẽ xây dựng cho ông một lâu đài trên một quảng trường ở Pêtecbua.

Vậy là Fêôđo lại sắp được gặp Vaninka.

Thống chế đã kết thân với anh. Không ai biết được tình bạn của Xuvarốp sẽ dẫn đến đâu. Ông đã được Pôn đệ nhất ban cho vinh dự được ngang hàng với một chiến sĩ ngày xưa.

Nhưng không ai tin được Pôn đệ nhất, tính nết người là một tổng hợp những hành động cực đoan. Do đó không làm gì mất lòng chủ mà lại có sự thất sủng ấy. Lúc về tới Riga, Xuvarốp nhận được một bức thư của một cố vấn riêng, có nghĩa là nhân danh hoàng đế đã dung túng cho quân lính vi phạm luật pháp. Hoàng đế tước bỏ của ông tất cả những vinh dự mà ông đã được hưởng và cấm không được trình diện trước mặt Người.

Một tin như vậy là một tiếng sét đối với người cựu chiến binh đã bị ê chề về những thất bại mới đây giống như những cơn giông buổi tối làm xám xịt một ngày huy hoàng. Vì thế ông tập trung tất cả các sĩ quan của ông trên quảng trường Riga, khóc và từ biệt họ như một người cha xa rời gia đình. Rồi sau khi đã ôm hôn các tướng tá, bắt tay những người khác, ông nói vĩnh biệt họ một lần nữa. Ông để họ tự do đi theo con đường của họ mà không có ông và nhảy lên một chiếc xe trượt. Ông đi suốt đêm ngày, bí mật đến thủ đô mà lẽ ra ông được đắc thắng tiến vào. Ông đi tới một khu cách biệt đến nhà một cháu gái. Mười lăm ngày sau ông chết ở đấy với trái tim tan nát.

Về phía Fêôđo cũng vậy, cùng về một chuyến với thống chế của mình, cũng như ông đi vào Petecbua không thư báo trước. Fêôđo không có người thân ở thủ đô, vả lại cuộc đời anh đã hoàn toàn phụ thuộc vào một người. Anh tiến thẳng về bờ sông Nepki, ở góc phố là nhà của đại tướng. Anh xuống xe, lao vào trong sân, nhẩy chồm lên các bậc thềm, mở cửa phòng ngoài và bất ngờ rơi vào giữa đám gia nhân. Anh hỏi đại tướng đâu, người ta chỉ vào buồng ăn, ông đang ở trong đó ăn cùng với tiểu thư.

Thế là do một phản ứng kỳ lạ, Fêôđo cảm thấy đôi chân như muốn quỵ xuống, anh phải vịn vào tường để khỏi ngã vào lúc sắp được nhìn thấy Vaninka. Nhưng cũng vào lúc đó cánh cửa buồng mở ra, Vaninka xuất hiện. Trông thấy chàng thanh niên, cô khẽ kêu lên một tiếng rồi quay lại phía cha gọi: -Cha ơi cha, anh Fêôđo đã về kìa.

-Fêôđo à. Đâu?

Đại tướng cũng kêu lên như vậy rồi chạy ra, dang rộng hai cánh tay. Fêôđo đang được chờ đón, hoặc ở dưới chân Vaninka hoặc ở trên ngực đại tướng. Anh hiểu được là phút đầu tiên phải dành cho lòng kính trọng và biết ơn, anh liền lao vào cánh tay ông già. Làm khác đi nghĩa là thú nhận tình yêu của mình. Anh đã có quyền thú nhận chưa trước khi biết nó có được chấp thuận hay không?

Fêôđo quay lại, và cũng như lần trước, anh quì một đầu gối xuống trước mặt người đẹp. Nhưng chỉ một lát thôi cũng đủ thì giờ cho cô tiểu thư kiêu kỳ ấy chôn sâu trong đáy lòng mối xúc động mà cô vừa cảm thấy. Màu hồng trên má cô

đã biến mất, cô trở lại giá lạnh như một bức tượng đá, sản phẩm lúc đầu do bẩm sinh và kết thúc do giáo dục. Fêôđo hôn bàn tay cô, bàn tay run run nhưng giá lạnh. Fêôđo cảm thấy như tim mình ngừng đập và mình sắp chết.

Đại tướng mời chàng thanh niên ngồi vào bàn ăn.

Bữa ăn, như người ta cũng biết, tiến hành trong câu chuyện về chiến dịch ở nước ngoài, bắt đầu từ dưới mặt trời nóng bỏng tại nước Ý và kết thúc trên những băng tuyết tại Thụy Sĩ. Vì ở Pêtecbua chưa có báo hàng ngày để nói lên những sự việc khác với những điều mà Hoàng đế cho phép nói, người ta biết rất rõ những thắng lợi của tướng Xuvarốp, nhưng không biết được mặt trái của nó. Fêôđo kể lại những mẩu chuyện một cách vừa khiêm tốn vừa thành thật.

Đại tướng rất chú ý đến những câu chuyện của Fêôđo. Hai cầu vai đại uý của anh, ngực anh đầy huân chương, chứng tỏ những chiến tích của anh trong những câu chuyện anh kể. Khi anh kể xong, đến lượt đại tướng biểu dương những thành tích của Fêôđo trong một chiến dịch chưa đầy một năm. Sau đó ông lại nói thêm rằng hôm sau ông sẽ đến tâu với Hoàng đế cho bố trí anh làm võ quan hầu cận của ông.

Quả nhiên, hôm sau đại tướng về báo tin mừng, đề nghị của ông đã được chấp thuận.

Một hôm, vào lúc hai người chỉ có một mình, Vaninka nhận thấy những cố gắng vô ích của anh thanh niên để che giấu nỗi lòng mình, cô đi thẳng đến anh, nhìn thẳng vào anh rồi hỏi: -Anh yêu tôi lắm có phải không?

-Xin lỗi, xin lỗi. – Fêôđo kêu lên và chắp tay lại.

-Tại sao anh lại xin lỗi tôi, Fêôđo? Tình yêu của anh không trong sạch sao?

-Vâng, vâng, vâng! Tình yêu của tôi trong sạch lắm. Nó càng trong sạch bao nhiêu thì lại không hy vọng bấy nhiêu.

-Tại sao lại không hy vọng? Cha tôi không yêu anh như con sao?

-Ôi, tiểu thư nói gì vậy? Nếu đại tướng bằng lòng tôi thì tiểu thư cũng bằng lòng chứ?

-Trái tim anh và dòng dõi anh không quí tộc sao, anh Fêôđo? Anh không giầu, đúng như vậy, nhưng tôi có đủ tiền cho cả hai chúng ta.

-Vaninka! – Fêôđo reo lên mừng vui khôn tả.

Cô tiểu thư chỉ tỏ một cử chỉ kiêu kỳ, Fêôđo nói tiếp.

-Xin lỗi, tôi phải làm gì bây giờ? Xin tiểu thư cứ ra lệnh. Trước mặt tiểu thư tôi không còn đủ lý trí nữa. Tôi chỉ sợ mỗi hành động của tôi lại làm phật lòng người tôi yêu. Tiểu thư cứ ra lệnh, tôi xin chấp hành.

-Vấn đề mà anh cần làm trước tiên là phải cầu xin sự thỏa thuận của cha tôi.

-Vậy là tiểu thư cho phép tôi làm việc đó chứ?

-Vâng, nhưng với một điều kiện.

-Điều kiện gì? Ôi, xin tiểu thư cứ cho biết.

-Đó là mặc dù cha tôi trả lời thế nào, anh cũng không được nói cho cha tôi biết là tôi đã bảo anh đến gặp cha tôi, là không một ai được biết điều đó, là tất cả mọi người đều không biết được sự thú nhận của tôi đối với anh. Cuối cùng là mặc dù xảy ra việc gì, anh cũng không được yêu cầu tôi giúp gì khác ngoài những lời thề nguyền của tôi.

Nói xong Vaninka đi ra, để chàng sĩ quan ở lại run rẩy xúc động gấp trăm lần cô, mặc dù cô là phụ nữ.

Cùng ngày hôm đó, Fêôđo xin phép được gặp đại tướng. Đại tướng tiếp anh vui vẻ cởi mở như mọi khi, nhưng khi mới nghe những câu nói đầu tiên của anh, sắc mặt ông đã sa sầm xuống. Tuy nhiên, trước mối tình chân thành, say đắm và bền vững của chàng thanh niên đối với con gái mình, khi chàng nói chính mối tình đó đã là động lực thúc đẩy những hành động dũng cảm của chàng mà những hành động đó ông đã phải nhiều lần khen ngợi, ông giơ tay ra cho chàng và cũng xúc động như chàng. Ông nói trong khi chàng đi vắng, ông không biết đã có mối tình đó và cũng không nhận thấy một dấu hiệu gì ở con gái ông. Ông đã nhận lời làm mối cho Hoàng đế gả Vainka cho con trai một ông cố vấn đặc biệt. Điều độc nhất mà ông yêu cầu là không làm ông phải xa con gái mình trước khi cô mười tám tuổi. Vậy là Vaninka chỉ còn ở lại với cha có năm tháng nữa.

Vấn đề đó không còn đối đáp làm sao được nữa. Ở nước Nga, ý muốn của Hoàng đế là một mệnh lệnh; một khi nó đã nói ra, không gì có thể cưỡng lại được. Vậy là sự khước từ ấy làm cho bộ mặt chàng thanh niên lộ rõ vẻ thất vọng làm đại tướng phải xúc động về nỗi đau khổ thầm lặng và nhẫn nhục ấy. Ông dang rộng hai cánh tay cho chàng, chàng lao mình vào đấy và khóc nức nở. Rồi đại tướng hỏi về tình hình con gái mình. Như đã hứa, Fêôđo trả lời là Vaninka chưa biết gì, anh tiến hành việc là do một mình anh. Thấy vậy ông cũng yên tâm đôi chút vì ông lo ngại là đã làm cho hai người phải đau khổ.

Buổi tối hôm đó, Vaninka đang định xuống buồng ăn uống trà, đã thấy người hầu mang lên, báo với cô là đại tướng khó ở đã lui về buồng riêng. Vaninka hỏi thăm mấy câu về tình hình sức khỏe của cha mình. Sau khi được biết là không có triệu chứng gì đáng lo ngại, cô bảo người hầu đến báo cáo với ông là nếu ông cần gì xin cứ nói, cô sẵn sàng chấp hành mọi mệnh lệnh của ông. Đại tướng cho người trả lời con gái là lúc này ông chỉ cần được yên tĩnh nghỉ ngơi. Lúc người hầu đã rút lui rồi, Vaninka bảo với Anutka, người chị em cùng họ với cô, lúc này là hầu buồng riêng của cô, theo dõi xem lúc nào chàng Fêôđo về thì báo cô biết.

Mười một giờ đêm cánh cửa lâu đài mở ra, Fêôđo bước xuống xe trượt tuyết và đi ngay về buồng riêng. Nửa đêm anh nghe có tiếng gõ cửa, anh ngạc nhiên dậy mở cửa, đó là Anutka đến báo tin là cô chủ đang đợi chàng ở buồng riêng. Thật là một việc anh không dám ngờ tới, anh vội vàng đến ngay.

Anh thấy Vaninka đang ngồi và mặc một áo cánh dài trắng, cô xanh xao hơn ngày thường. Fêôđo dừng lại ở cửa buồng vì tưởng trông thấy một bức tượng vệ nữ.

-Anh vào đây! – Vaninka nói với một giọng không thể phân biệt được là có chút xúc động nào hay không.

Fêôđo tiến lại gần như có một sức hút cực mạnh.

Anutka đóng cửa lại sau lưng anh.

-Thế nào? – Vaninka hỏi. – Bố tôi trả lời ra sao?

Fêôđo liền kể lại sự việc đã xẩy ra, cô thiếu nữ ngồi nghe với vẻ thản nhiên.

-Bây giờ ý định của anh thế nào? – Vaninka hỏi tiếp cũng vẫn với giọng giá lạnh như ở những câu hỏi khác.

-Cô hỏi ý định của tôi à, Vaninka? Cô còn muốn tôi làm gì, và tôi còn có gì để mà làm nữa? Nếu không phải là, để khỏi phụ lòng tốt của người đã bảo trợ tôi, bằng một hành động hèn nhát và bỉ ổi nào đó, là cút khỏi Pêtecbua này và đi bỏ xác ở một nơi xó xỉnh nào đó của nước Nga?

-Anh điên đấy à?

-Vậy thì tiểu thư chỉ bảo cho tôi đi, tôi không phải là nô lệ của tiểu thư hay sao?

-Anh phải ở lại.

-Ở lại?

-Phải. Chỉ có đàn bà hay trẻ con mới chịu thua ngay ở hiệp đầu. Một người đàn ông, nếu xứng đáng với danh nghĩa đó thì phải tuốt gươm ra.

-Tuốt gươm ra để chống ai? Chống lại cha tiểu thư à? Không đời nào.

-Ai bảo anh chống lại cha tôi? Chính vì phải chống lại những biến cố của cuộc đời mà chúng ta phải cả quyết. Những con người tầm thường không chỉ huy được những biến cố đó, ngược lại còn bị chúng cuốn theo. Trước mắt cha tôi, anh phải làm ra vẻ chống lại tình yêu của anh và làm chủ được nó. Còn tôi xem như không biết gì về chuyện đó, người ta sẽ không nghi ngờ gì tôi. Tôi sẽ yêu cầu kéo dài thêm hai năm nữa và tôi sẽ được chấp thuận. Biết bao biến cố sẽ xẩy ra trong hai năm ấy, ai là người biết được những điều gì? Hoàng đế có thể băng hà, người con trai gán ghép cho tôi có thể chết, cha tôi có thể… Cầu Thượng đế bảo hộ cho cha tôi, cha tôi có thể mất…

-Nhưng nếu người ta cứ ép tiểu thư?

-Nếu người ta cứ ép tôi à? – Vaninka ngắt lời và má cô bỗng ửng đỏ để rồi trở lại bình thường, ai là người ép tôi được điều gì? Cha tôi quá yêu tôi không bao giờ nỡ làm thế. Hoàng đế thì bận trăm công nghìn việc ở Hoàng cung, còn thì giờ đâu mà gieo rắc đau thương cho kẻ khác. Vả lại bao giờ tôi cũng còn có một nguồn cuối cùng nữa, khi nào các nguồn khác đều cạn cả, nước sông Nêva chảy cách đây ba trăm bước, nước sông ấy sâu lắm.

Chính vài ngày, sau cuộc hội đàm ban đêm ấy trong buồng riêng tiểu thư Vaninka mà xẩy ra cuộc xử phạt bằng roi chúng tôi đã nói ở đầu câu chuyện. Phạm nhân là Grêgoa, chỉ vì phạm một lỗi nhẹ với tiểu thư, tiểu thư đã mách với cha cô.

Fêôđo với chức vụ võ quan hầu cận đã chỉ huy cuộc trừng phạt đó. Anh đã không chú ý đến những lời đe dọa của phạm nhân lúc tan cuộc. Tên xà ích Ivăng sau khi đã đóng vai đao phủ, bây giờ lại đóng vai thầy thuốc. Hắn đắp lên hai vai

rách thịt của nạn nhân những mẩu vải tẩm nước muối để nó chóng lên sẹo. Grêgoa phải nằm bệnh xá mất ba ngày. Trong ba ngày đó hắn quay trong đầu óc những mưu kế để báo thù. Rồi ba ngày sau vết thương khỏi, hắn lại tiếp tục đi làm việc. Mọi người đã quên sự việc vừa xẩy ra, trừ hắn. Nếu hắn là một người Nga chính cống, hắn cũng có thể quên vụ hình phạt đó. Nhưng như chúng tôi đã nói, hắn có dòng máu Hy Lạp trong tim nên giữ mối thù lâu trong óc.

Mặc dù Grêgoa chỉ là nô lệ, nhưng nhiệm vụ của hắn lại rất gần gũi với đại tướng nên dần dần hắn trở nên thân thiết với đại tướng hơn những nô lệ khác. Vả lại, trên khắp các nước trên thế giới, người thợ cạo bao giờ cũng được sự ưu đãi của khách. Vì vậy Grêgoa do nghề nghiệp, được hưởng những đặc quyền của đại tướng qua các buổi được nói chuyện gần gũi hàng ngày với ông.

Một hôm, vì phải đi dự một cuộc duyệt binh, đại tướng cho gọi Grêgoa đến cạo râu trước lúc trời sáng. Trong khi lưỡi dao đang lướt nhẹ lên má đại tướng, câu chuyện nổ ra rơi vào anh chàng thanh niên Fêôđo. Grêgoa rất khen ngợi anh. Đại tướng trong bụng thầm nghĩ đến cuộc hình phạt hôm nào do võ sĩ quan trẻ tuổi chỉ huy, bèn hỏi hắn ngoài những đức tính đạt đến mức hoàn hảo của Fêôđo mà hắn hết lòng ca ngợi, hắn có thấy anh có khuyết điểm gì không, dù là rất nhẹ.

Grêgoa đáp, ngoài tính kiêu ngạo ra, hắn cho Fêôđo là một thanh niên hoàn hảo.

-Tính kiêu ngạo? – Đại tướng ngạc nhiên – đó là một tính xấu mà tôi cho là anh ấy không thể có được.

-Bẩm quan lớn, con phải nói là lòng tham vọng thì đúng hơn.

-Thế nào, tham vọng à? Nhưng từ khi anh ấy vào nhận nhiệm vụ ở đây, tao không nhận thấy có gì là tham vọng cả. Vì sau khi lập được nhiều chiến công trong chiến dịch vừa qua, anh ấy có khả năng vào Hoàng cung ấy chứ!

-Ôi, bẩm quan lớn: – Grêgoa mỉm cười một cách ý nhị, có nhiều loại tham vọng chứ ạ! Người này tham vọng một vị trí cao sang, người kia một mối quan hệ lừng danh. Người này muốn tự lực cánh sinh, người kia lại thích dùng vợ làm bậc thang danh vọng. Và thế là họ ngước mắt nhìn lên cao mà đáng lý ra không được phép.

-Mày định nói gì thế? – Đại tướng kêu lên, ông đã bắt đầu hiểu hắn muốn đi đến đâu.

-Bẩm quan lớn, con muốn nói là có nhiều người được đối xử rất tốt đâm ra quên mất vị trí của mình lại đi ước vọng một vị trí cao sang hơn mặc dù họ đã được ở một địa vị trên đầu của họ rồi.

-Này Grêgoa, mày lại sắp húc đầu vào một việc xằng bậy rồi đấy! Mày mà muốn lên án người ta và để cho tao tin thì mày phải có bằng chứng đầy đủ đấy.

-Lạy thánh Bazin. Nếu không phải là sự thực con đâu dám nói láo ạ!

-Được! Mày cứ khăng khăng là cậu Fêôđo mê con gái tao chứ gì!

-Ôi, bẩm quan lớn! Con đâu dám nêu tên tiểu thư Vaninka. Mà chính quan lớn nói lên đấy ạ!

-Nhưng ý định của mày là như thế chứ gì? Cứ nói thật

-Bẩm, quả có thế ạ.

-Và theo mày thì con gái tao cũng đồng ý chứ gì?

-Bẩm, con lo cho tiểu thư và cho quan lớn lắm.

-Cái gì đã làm cho mày tin là như thế? Cứ nói thật đi.

-Trước hết là ông Fêôđo không để lỡ một cơ hội nào mà không nói chuyện với tiểu thư.

-Ở cùng trong một nhà, mày lại muốn ông ấy phải tránh đi sao?

-Lúc tiểu thư về muộn và tình cờ ông Fêôđo không phải đi hầu quan lớn thì mặc dù vào giờ nào ông ấy cũng có ở đây để đưa tay cho tiểu thư, giúp tiểu thư xuống xe.

-Fêôđo đợi tao, đó là nhiệm vụ của ông ấy. – Đại tướng nói và bắt đầu cho rằng Grêgoa chỉ dựa trên những bề ngoài hời hợt mà nghi ngờ – Ông ấy đợi tao vì bất cứ giờ nào trong ngày hay đêm, tao về lúc nào là cũng có thể có việc giao cho.

-Bẩm quan lớn, không có ngày nào là Fêôđo không vào buồng tiểu thư Vaninka, mặc dù đó không phải là một thói quen, một ân huệ được ban cho một thanh niên ở trong ngôi nhà như nhà quan lớn.

-Thường thường thì chính tao đã sai ông ấy vào.

-Bẩm vâng, vào ban ngày ạ! Nhưng còn…, ban đêm thì sao?

-Ban đêm! Đại tướng kêu lên và đứng phắt dậy, mặt tái mét đến nỗi ông phải dựa vào một cái bàn mới đứng vững.

-Bẩm quan lớn vâng, ban đêm ạ! – Grêgoa bình tĩnh đáp. Và vì con đã bắt đầu nói lên một việc xấu, như quan lớn đã nói, con phải nói cho đầy đủ. Vả lại dù con có phải chịu một hình phạt mới ghê gớm hơn lần trước, con cũng không thể để cho người ta lừa dối được mãi một ông chủ nhân đức như quan lớn.

-Này, thằng nô lệ kia. Mày phải liệu hồn về lời nói của mày đấy. Tao hiểu cái dòng giống của mày lắm. Nếu chỉ vì muốn báo thù mà mày kết tội người ta, không có bằng chứng cụ thể chính xác và tích cực nữa thì mày sẽ bị trừng trị như một kẻ phản bội đấy.

-Con xin vui lòng.

-Mày đã trông thấy Fêôđo vào buồng con gái tao lúc ban đêm có phải không?

-Con không nói rằng con đã trông thấy ông ấy vào, mà là con đã trông thấy ông ấy đi ra.

-Bao giờ?

-Cách đây mười lăm phút ạ! Lúc con đi lên chỗ quan lớn.

-Mày nói láo. – Đại tướng hét và giơ quả đấm lên gí vào mặt Grêgoa.

-Bẩm quan lớn. – Grêgoa đáp lại – Như thế này thì không phải là giao ước của chúng ta ạ! Con sẽ chỉ bị trừng phạt khi nào con không có đầy đủ chứng cớ.

-Thế chứng cớ của mày đâu?

-Con đã thưa với quan lớn rồi đấy ạ!

-Mày hy vọng rằng tao tin vào lời nói của mày sao?

-Không đâu ạ! Nhưng con hy vọng rằng quan lớn sẽ tin vào cặp mắt của quan lớn.

-Như thế nào?

-Khi nào ông Fêôđo có trong buồng tiểu thư lúc ban đêm, con sẽ đến tìm quan lớn, và thế là quan lớn có thể tự suy xét con có nói láo không? Nhưng cho đến lúc này mọi điều kiện của sự việc con đã trình quan lớn, mọi thua thiệt đều về phía con cả.

-Thế là thế nào?

-Vâng ạ! Nghĩa là nếu con không có chứng cớ cụ thể, con sẽ bị xử tội như một tên phản bội, con vui lòng như vậy. Nhưng nếu con có đủ thì con được lợi gì?

-Một nghìn rúp và tự do của mi.

-Bẩm quan lớn, thế là thỏa thuận đôi bên. Con mong rằng trước tám ngày con sẽ được quan lớn minh xử cho con hơn buổi hôm nay.

Nói xong Grêgoa thu xếp dao kéo và đi ra, để lại vị đại tướng lo lắng một tai họa lớn sắp đè lên đầu.

Bắt đầu từ lúc ấy, đại tướng nghe ngóng từng câu, nghiên cứu từng cử chỉ trao đổi giữa Vaninka và Fêôđo trước mặt ông, nhưng không thấy gì có thể xác minh được nỗi lo âu của ông. Trái lại Vaninka có vẻ dè dặt và lạnh nhạt hơn bao giờ hết.

Tám ngày trôi qua như vậy. Trong đêm thứ tám rạng ngày thứ chín, vào quãng hai giờ sáng, có người gõ cửa buồng đại tướng, đó là Grêgoa. Hắn nói: -Nếu ngay bây giờ quan lớn vào buồng tiểu thư sẽ bắt gặp Fêôđo trong đó.

Đại tướng tái người, mặc quần áo vào, không nói một câu, lặng lẽ đi theo Grêgoa đến tận cửa buồng con gái. Đến đó, ông khoát tay ra hiệu cho tên theo dõi đã tố cáo rút lui. Nhưng đáng lẽ phải đi khỏi nơi đó, hắn lại nấp vào một góc nhà.

Lúc đại tướng tưởng chỉ còn một mình, ông gõ cửa lần thứ nhất, thấy tất cả đều im ắng, sự im ắng đó chưa thể nói lên điều gì vì Vaninka có thể đang ngủ. Ông gõ lần thứ hai và thấy một giọng con gái hỏi rất bình tĩnh.

-Ai đó?

-Cha đây. – Đại tướng lên tiếng giọng cảm động.

-Anutka! – Cô gái gọi người chị em ngủ ở gian bên. – Dậy mở cửa cho cha tôi. Xin cha tha lỗi cho. Anutka còn phải mặc quần áo, chỉ một lát thôi ạ!

Đại tướng bình tĩnh chờ đợi vì ông nhận thấy không có gì là bối rối trong giọng nói của con gái mình và ông hy vọng là Grêgoa lầm.

Một lát sau cửa mở ra và đại tướng bước vào và nhìn rất lâu xung quanh ông. Trong gian thứ nhất chẳng có ai khác ngoài Vaninka vẫn đang nằm, có thể là cô xanh hơn thường ngày nhưng hoàn toàn bình tĩnh. Cô cất tiếng hỏi.

-Làm sao mà con có diễm phúc được cha tới thăm vào giờ này thế?

-Cha muốn nói với con về một vấn đề hệ trọng, mặc dù vào giờ này cha nghĩ rằng con cũng không oán cha đã làm con mất ngủ.

-Con gái cha lúc nào cũng vui sướng được đón tiếp cha vào bất cứ giờ nào!

Đại tướng lại nhìn xung quanh một lần nữa, ông thấy rằng không thể có một người đàn ông nấp kín được trong gian buồng thứ nhất này. Nhưng còn gian thứ hai.

-Con xin nghe cha đây: – Vaninka nói sau một phút im lặng.

-Được, nhưng chỉ có một mình hai cha con ta thôi chứ? Người ngoài không thể được nghe câu chuyện quan trọng này.

-Chỉ có Anutka thôi mà cha cũng biết là chị em với con.

-Cũng không được.

Đại tướng vừa nói vừa cầm lấy một cây nến đang cháy tiến sang gian buồng bên cạnh, gian này nhỏ hơn gian của con gái. Ông nói: -Anutka, ra ngoài hành lang canh không để cho ai đến cửa phòng.

Nói xong ông đưa cặp mắt soi mói nhìn xung quanh, nhưng ngoài Anutka không còn ai khác.

Anutka ra ngoài rồi, đại tướng lại nhìn xung quanh một lần nữa rồi mới trở lại gian của con gái và ngồi xuống chân giường. Ông đưa tay cho con, Vaninka nắm lấy không chút lưỡng lự.

-Cha có một việc quan trọng muốn nói với con.

-Việc gì thế, thưa cha?

-Con sắp mười tám tuổi rồi, đó là tuổi mà những cô gái Nga quí tộc thường lấy chồng.

Đại tướng ngừng lại một lát để thăm dò xem câu nói đó tác động như thế nào đến Vaninka. Nhưng bàn tay cô vẫn như thường trong bàn tay ông, ông nói tiếp: -Cha đã hứa hôn cho con từ một năm nay rồi.

-Con có thể biết được là với ai không? – Vaninka lạnh lùng hỏi.

-Với con trai ông cố vấn hiện nay, con thấy thế nào.

-Con thấy người ta nói anh ấy là một chàng trai cao thượng và có tư cách, nhưng con không thể có ý kiến nào khác ngoài ý kiến của mọi người.

-Vậy là con không chống lại ý cha chứ?

-Thưa không ạ! Nhưng con chỉ xin cha ban ơn cho con một điều.

-Điều gì vậy?

-Con không muốn lấy chồng trước tuổi hai mươi.

-Vì sao?

-Con đã có lời nguyền.

-Nhưng nếu có những biến cố cần thiết phải dứt bỏ lời nguyền để tiến hành lễ thành hôn đó thì con nghĩ sao?

-Biến cố nào ạ?

-Fêôđo yêu con. – Đại tướng nói và nhìn chằm chặp vào con gái.

-Con biết rồi. Cô gái trả lời thản nhiên như không liên can gì đến mình.

-Con biết rồi à? – Đại tướng kêu lên.

-Vâng, anh ấy đã nói với con.

-Bao giờ?

-Hôm qua ạ!

-Con trả lời thế nào?

-Anh ấy phải bỏ đi ra khỏi nơi đây.

-Nó có bằng lòng không?

-Thưa cha có ạ!

-Bao giờ nó đi?

-Anh ấy đi rồi ạ!

-Nhưng nó vừa gặp cha lúc mười giờ tối kia mà?

-Còn con, anh ấy vĩnh biệt con lúc nửa đêm.

-A! – Đại tướng nói và lúc này ông mới thở được đầy lồng ngực. – Con là một đứa con xứng đáng. Vaninka, cha chấp thuận đề nghị của con, nghĩa là hai năm nữa. Nhưng con nên nhớ rằng chính Hoàng đế là người quyết định cuộc hôn nhân này.

-Thưa cha, xin cha hiểu cho con, con là đứa con gái biết vâng lời thì không thể là một người dân phản động được.

-Tốt lắm, con gái yêu của cha ạ! Vậy là tên Fêôđo tội nghiệp nó đã thú hết với con rồi.

-Vâng ạ! – Con đã biết, trước tiên là nó nói với cha? – Vâng ạ!

-Vậy là qua nó mà con biết được con đã hứa hôn rồi? – Vâng ạ!

-Và nó đã đồng ý bỏ đi! Nó là một thanh niên tốt và cao thượng. Nó đi đến đâu cha cũng sẽ bảo trợ cho nó. Ôi! Giá mà cha chưa nhận lời, cha yêu nó quá! Và nếu con không chê nó, có thể cha sẽ gả con cho nó.

-Thế cha không thể lấy lại được lời hứa à? – Không thể được.

-Vậy thì điều gì cần đến, cứ để mặc nó, cha ạ! – Con phải nói như thế mới được. – Đại tướng vừa nói vừa cúi xuống hôn con. – Tạm biệt con, cha không hỏi con có yêu nó không. Cả hai các con đều đã làm tròn bổn phận, cha không đòi hỏi gì hơn.

Nói xong ông đứng dậy và đi ra. Anutka vẫn đứng ở ngoài hành lang, ông ra hiệu cho vào buồng rồi tiếp tục bước đi. Về đến buồng riêng, ông thấy Grêgoa đứng ở cửa buồng. Hắn hỏi: -Bẩm quan lớn, thế nào ạ?

-Mày vừa đúng và vừa sai. Fêôđô yêu con gái tao thực, nhưng tiểu thư không yêu hắn. Hắn vào buồng tiểu thư lúc mười một giờ đêm, nhưng đã ra đi lúc mười hai giờ, và ra đi vĩnh viễn. Thôi, dù sao tao cũng cho mày được cuộc, ngày mai đến mà lĩnh thưởng.

Grêgoa ra về lòng đầy kinh ngạc.

Trong lúc đó Anutka vào buồng đóng chặt cửa lại. Lập tức Vaninka chồm dậy lao khỏi giường ngủ và đến gần cửa buồng ghé tai lắng nghe tiếng những bước chân của cha mình đi xa dần. Khi không còn nghe thấy gì nữa, cô liền chạy vào gian buồng Anutka và lập tức hai người phụ nữ cùng nhau bới đống quần áo đã bị ném vào trong khung cửa sổ, dưới đống quần áo là một cái hòm lớn có lò xo, Anutka ấn vào một cái khuy, Vaninka nâng nắp hòm lên. Cả hai cô đồng thanh rú lên một tiếng, hòm quần áo đã trở thành quan tài, chàng sĩ quan trẻ tuổi đã bị chết ngạt trong đó.

Hai cô hy vọng chàng chỉ mới bị ngất. Anutka lấy nước lã té vào mặt. Vaninka cho ngửi thuốc muối, tất cả đều không tác dụng. Trong thời gian nói chuyện quá lâu giữa hai cha con, Fêôđo không thể thoát ra được vì nắp hòm bị lò xo khóa lại, chàng đã bị thiếu không khí và chết ngạt.

Trong trường hợp này thật là khủng khiếp, hai cô gái ở trong buồng với một xác người con trai. Anutka đã viễn tưởng đến xứ sở Xibêri. Còn Vaninka thực tình mà nói, chỉ nhìn vào mặt Fêôđo. Cả hai cô đều tuyệt vọng.

Tuy nhiên nỗi tuyệt vọng của cô hầu ích kỷ hơn của cô chủ, Anutka liền tìm ra được một lối thoát cho cả hai, cô reo lên: -Thưa cô chủ, chúng ta có lối thoát rồi! Vaninka ngẩng đầu lên và nhìn cô hầu với cặp mắt đẫm lệ: -Thoát. Chúng ta có thể, nhưng còn chàng? – Xin tiểu thư hãy nghe em, tình cảnh của tiểu thư lúc này thật là khủng khiếp. Vâng, đúng là như thế. Tai họa thật là to lớn và em xin thú thật là nó còn có thể to lớn hơn nhiều nữa. Tình cảnh của tiểu thư còn có thể khủng khiếp hơn nữa nếu đại tướng biết được tất cả.

-Tao cần gì nào? Lúc này tao phải khóc chàng cho thấu đất trời!

-Vâng, nhưng để thấu được đất trời thì danh dự của tiểu thư còn đâu nữa. Ngày mai bọn nô lệ, ngày kia cả Pêtecbua sẽ biết là có một chàng trai chết ở trong buồng tiểu thư. Xin tiểu thư hãy nghĩ lại, danh dự của tiểu thư tức danh dự của ông nhà, của gia đình tiểu thư.

-Mày nói cũng có lý! Vậy phải làm sao bây giờ?

-Tiểu thư có biết Ivăng là anh ruột của em không?

-Có.

-Ta cần phải nói cho anh ấy biết.

-Mày nghĩ thế à? – Vaninka kêu lên. – Tiết lộ với một người đàn ông à? Một người gì, một tên nô lệ à?

-Tên nô lệ càng thấp hèn bao nhiêu, càng giữ được bí mật bấy nhiêu, vì hắn sẽ được hưởng nhiều nếu hắn biết giữ.

-Anh mày chỉ là một thằng say rượu: – Vaninka nói vừa sợ sệt lẫn khinh bỉ.

-Vâng, đúng thế! Nhưng chúng ta tìm đâu ra người tử tế để giao cho làm việc này? Anh em có nghiện rượu, nhưng chưa bằng nhiều tên khác, vậy không đáng sợ bằng những tên khác và bằng bất cứ tên nào khác! Vả lại, trong tình cảnh của chúng ta hiện nay cũng phải biết liều một chút chứ!

-Mày nói nghe được. – Vaninka đáp và dần dần lấy lại được lòng cả quyết vốn có và tăng lên đến mức nguy hiểm. – Vậy đi gọi anh mày đến đây.

-Sáng nay chúng ta chẳng làm gì được đâu. – Anutka vừa nói vừa vén màn cửa sổ lên. – Trời đã hửng sáng rồi.

-Nhưng còn xác chàng, ta làm thế nào được?

-Nó đã nấp kín được ở đâu, cứ nên để nguyên nó ở đấy cả ngày hôm nay. Buổi tối, lúc cô đi dự dạ hội trong triều, anh em sẽ đến mang nó đi.

-Phải đấy, phải đấy. – Vaninka lẩm bẩm với một giọng lạ lùng. – Tối nay ta sẽ đến dạ hội, người ta sẽ không nghi ngờ gì cả. Ôi, lạy Chúa.

-Xin tiểu thư giúp em với, mình em không đủ sức đâu.

Vaninka tái xanh đi một cách khiếp đảm. Nhưng do nguy hiểm thúc giục, cô cương quyết lại gần xác người yêu xốc hai bên vai lên, còn Anutka khiêng hai chân, đặt nó vào trong hòm. Lập tức Anutka đậy nắp và khóa lại, chìa

khóa đeo vào ngực. Rồi cả hai cô lại ném đống quần áo lên trên nắp hòm.

Mặt trời đã lên cao mà Vaninka vẫn không sao nhắm mắt được. Nhưng đến bữa ăn trưa cô vẫn cứ phải xuống buồng ăn để cha cô khỏi nghi ngờ. Sắc mặt cô chỉ tái xanh như người vừa ở nấm mồ chui lên. Đại tướng cho vì nguyên nhân mình đã làm con mất ngủ.

Một điều may mắn kỳ lạ đã xúi cô nói Fêôđo đã bỏ đi, vì đại tướng không những không ngạc nhiên về sự vắng mặt của viên võ quan hầu cận, mà sự vắng mặt của anh lại còn xác minh lời nói của con gái ông là đúng. Để có lý do cho sự vắng mặt ấy, ông tuyên bố đã phái anh đi làm nhiệm vụ xa. Còn Vaninka ở lại ngoài cho mãi đến lúc sắp đi mới vào buồng mình để trang điểm. Tám ngày trước đây cô đã cùng Fêôđo dự dạ hội trong triều.

Sau khi trang điểm xong, cô bảo Anutka khóa cửa buồng lại, vì cô muốn nhìn thấy lần cuối cùng người tình của mình. Anutka tuân lệnh và Vaninka trán đầy hoa, ngực đầy kim cương ngọc quý, nhưng dưới tất cả các cái đó, cô chỉ là một pho tượng giá lạnh. Cô tiến lên với những bước đi của con ma tới gian buồng cạnh. Anutka lại mở nắp hòm lên. Không một giọt nước mắt, không một tiếng thở dài, nhưng với một niềm lặng thinh sâu xa và vô tri của tuyệt vọng, Vaninka

cúi xuống mặt người yêu, tháo lấy chiếc nhẫn thường của chàng đeo vào ngón tay mình giữa hai chiếc nhẫn tuyệt diệu, rồi hôn lên trán chàng và lẩm bẩm: - Vĩnh biệt chồng chưa cưới của em!

Một lát sau Anutka nhìn thấy cỗ xe chở đại tướng và con gái ra khỏi cổng lâu đài. Cô đợi nửa giờ nữa rồi mới dám đi xuống tìm Ivăng. Cô gặp anh cô đang ngồi uống rượu cùng với Grêgoa. Grêgoa đã được đại tướng thưởng cho một ngàn rúp và trả lại tự do. May thay hai người chỉ mới bắt đầu bữa chén, đầu óc Ivăng còn tỉnh táo lắm nên Anutka không cần lo ngại gì.

Ivăng đi theo em gái lên phòng cô chủ. Đến đây cô mới nói hết với anh mình về sự rộng lượng của cô chủ với những ai trung thành với cô chủ. Một vài ngụm rượu mà Ivăng đã uống trước làm cho hắn sẵn sàng tỏ lòng biết ơn. Lời nói của Ivăng tỏ ra hoàn toàn và đầy đủ làm cho Anutka không còn lưỡng lự gì nữa, cô mở nắp hòm ra cho Ivăng thấy xác chết của Fêôđo.

Trước sự xuất hiện bất ngờ và khủng khiếp ấy, Ivăng lặng người đi một lúc, nhưng rồi hắn tính toán mình sẽ nhận được bao nhiêu tiền, bao nhiêu thú vui từ điều bí mật này. Hắn liền thề với những lời thề thiêng liêng nhất là không bao giờ phản lại cô chủ, hắn nguyện làm mất tích xác chết như Anutka mong muốn.

Vấn đề thật là dễ dàng. Đáng lẽ quay lại uống rượu với Grêgoa cùng mấy đứa bạn, Ivăng đi chuẩn bị một xe trượt tuyết, chất lên trên đầy rơm, giấu dưới đáy một cái thuổng sắt, dắt xe lên cửa nhà và sau khi đã kiểm soát không bị ai theo dõi, hắn vào vác xác chết ra giấu vào trong đống rơm; trèo lên trên, ra mở cửa lâu đài, cho xe đi dọc phố Nepki rồi đẩy xe đến bờ sông Nêva, dừng xe trên mặt sông đóng băng, rút thuổng ra khoét một lỗ trên mặt băng. Sau khi đã lục túi áo xác chết lấy ra được một ít tiền, hắn đẩy nó xuống hố, đầu xuống trước, cho dòng sông Nêva cuốn đi ra vịnh Phần Lan. Công việc hắn làm được bóng đêm che phủ, chỉ một giờ nữa băng tuyết sẽ lấp đầy hố và không còn dấu vết gì nữa. Xong đâu đấy Ivăng ung dung trở về lâu đài.

Nửa đêm hai cha con Vaninka về nhà. Cô gặp Anutka trong phòng ngoài. Anutka đợi cô để cởi áo khoác. Vừa để cho cởi áo, Vaninka vừa đưa mắt dò hỏi. Cô hầu gật đầu tỏ dấu hiệu mọi việc đã xong xuôi.

Vaninka thở như mới được người ta nhấc cho một trái núi đang đè lên ngực mình. Cô về buồng, sau khi cửa buồng đã đóng lại, cô giựt hoa trên trán và các vòng ngọc trên cổ, cô lấy kéo cắt chiếc coócxê đã làm cô nghẹt thở, rồi cô nằm lăn ra giường và khóc nức nở.

Cơn thứ nhất qua đi, Vaninka cầu kinh. Cô quỳ một giờ. Rồi vì cô hầu nằn nì quá, cô đi nằm.

Anutka được giao nhiệm vụ thưởng cho anh. Nếu đưa một lúc một món tiền khá lớn cho kẻ nô lệ sẽ làm cho người ta phải để ý, do đó Anutka bảo với Ivăng khi nào cần đến tiền cứ đến hỏi.

Sau khi được tự do, Grêgoa mang số tiền nghìn rúp ra kinh doanh kiếm lời. Hắn tậu một quán ăn nhỏ ở phía bên kia sông. Nhờ tài khéo léo và quen biết nhiều ở Pêtecbua, hắn bắt đầu khá giả và ít lâu sau quán trọ nhỏ trở thành "Tiệm ăn Đỏ" được nhiều người biết đến. Một người khác đến thay thế Fêôđo hầu cận đại tướng và tất cả lại trở lại bình thường trong lâu đài bá tước đại tướng Chécmaylốp.

Hai tháng như vậy trôi qua, không một ai nghi ngờ về sự việc đã xảy ra. Bỗng một buổi sáng, đại tướng cho đòi con gái đến buồng ông. Vaninka giật mình sợ hãi, vì từ cái đêm khủng khiếp ấy, cái gì cũng có thể làm cô sợ hãi được.

Đại tướng chỉ có một mình, nhưng thoáng nhìn qua cô cũng biết là không có gì đáng lo ngại. Với vẻ bình tĩnh thường ngày, Vaninka lại gần cha, cúi đầu đưa trán cho cha hôn.

Đại tướng ra hiệu cho con gái ngồi xuống và đưa cho xem một bức thư đã mở rộng. Ngạc nhiên cô nhìn cha một lúc rồi mới quay xuống nhìn bức thư, nó nói về cái chết của một người đàn ông mà cô đã hứa hôn, bị chết trong một trận đấu kiếm.

Đại tướng theo dõi ảnh hưởng của bức thư trên nét mặt con gái. Mặc dù mạnh mẽ đối với bản thân, nhưng biết bao ý nghĩ mung lung, biết bao nỗi luyến tiếc đau thương, biết bao hối hận đắng cay đến xâm chiếm lòng cô khi biết rằng mình đã được tự do, làm cho cô không thể nào che giấu được mối xúc động. Thấy vậy đại tướng lại cho là do tình yêu của con gái đối với thanh niên Fêôđo, ông mỉm cười nói: -Thôi, thế là cha thấy mọi việc đều tốt lành cả!

-Cha nói thế là thế nào ạ?

-Tất nhiên là thế. Phải chăng Fêôđo phải xa con vì yêu con?

-Vâng, – Vaninka khẽ thì thào.

-Nếu vậy bây giờ nó có thể trở lại được chứ sao.

Vaninka câm bặt, mắt mở trừng trừng, cặp môi run run, một lúc sau mới nói được: -Trở lại…

-Phải, trở lại! – Đại tướng mỉm cười nói tiếp. – Hoặc là chúng ta gặp sự chẳng lành, hoặc là chúng ta tìm được trong nhà này kẻ nào biết Fêôđo hiện đang ở đâu. Con tìm hiểu xem, Vaninka. Nói cho cha biết nó hiện ở đâu, cha sẽ đảm nhiệm phần còn lại.

-Chẳng ai có thể biết được hiện chàng ở đâu. – Vaninka nói giọng âm u – Không ai có thể biết được, trừ… Thượng đế. Vâng chỉ có Thượng đế.

-Thế nào! – Đại tướng kêu lên. – Từ ngày nó bỏ đi, không có thư từ tin tức gì về à?

Vaninka lắc đầu, cô cảm thấy tim mình thắt lại nên không nói được nên lời.

Cùng ngày hôm đó, đại tướng tâu lên với Hoàng đế, kể cho Người nghe mối tình Fêôđo với con gái mình, nay vì người hứa hôn thứ nhất đã chết rồi, xin được

phép cho con gái tùy ý lựa chọn. Hoàng đế chấp thuận. Thấy Hoàng đế đang trong lúc dễ dãi, ông lại tâu xin thêm một việc nữa. Ông tâu rằng từ hai tháng nay Fêôđo mất tích, tất cả mọi người, kể cả con gái ông cũng không biết chàng hiện đang ở đâu, ông đề nghị cho người đi tìm kiếm. Lập tức Hoàng đế cho vời ông thanh tra mật thám đến và ban những chỉ thị cần thiết.

Sáu tuần lễ trôi qua không đem lại kết quả gì.

Từ ngày được đọc bức thư về cái chết của người đã hứa hôn, Vaninka buồn bã âu sầu hơn bao giờ hết. Đôi khi đại tướng muốn đem lại cho con gái một vài hy vọng, cô chỉ lắc đầu và rút lui. Đại tướng thôi không nói đến Fêôđo nữa.

Nhưng ở trong nhà thì không thể như thế được, Fêôđo được bọn gia nhân yêu mến, chỉ trừ có Grêgoa, không một ai muốn chàng gặp phải điều chẳng lành. Do đó từ khi người ta biết chàng không được đại tướng phái đi làm nhiệm vụ mà lại mất tích là nguồn đề tài vô tận của những cuộc bàn tán ngoài phòng, trong bếp và trong chuồng ngựa.

Còn một nơi nữa người ta rất quan tâm đến vấn đề ấy, đó là "Tiệm ăn Đỏ". Từ ngày biết cuộc ra đi bí mật ấy, Grêgoa lại bắt đầu thắc mắc. Hắn chắc chắn là đã có trông thấy Fêôđo vào buồng tiểu thư Vaninka và nếu chàng không đi ra lúc hắn đến buồng đại tướng tại sao đại tướng lại không gặp chàng trong buồng tiểu thư? Một vấn đề nữa cũng làm hắn phải suy nghĩ, có thể là một sự trùng hợp nào đó với sự kiện ấy, là sự chi tiêu của Ivăng từ thời đó, một sự chi tiêu kỳ lạ đối với một tên nô lệ, mà tên nô lệ đó lại là anh ruột của người chị em thân mến đồng thời lại là hầu phòng của tiểu thư, làm cho Grêgoa không thể không nghi ngờ về nguồn gốc số tiền của Ivăng. Một điểm làm hắn phải tăng thêm lòng nghi ngờ, đó là mặc dù Ivăng là bạn rất thân của hắn, đồng thời còn là kẻ học nghề chăm chỉ nhất của hắn, thế mà hắn chẳng bao giờ nghe Ivăng nói đến Fêôđo cả. Ivăng im lặng khi người ta nói đến ngay trước mặt hắn, và nếu có bị người ta hỏi dồn cũng chỉ thấy trả lời cộc lốc: "Thôi ta nói sang vấn đề khác."

Ngày hội Vua Chúa, Ivăng lợi dụng cơ hội đó đến "Tiệm ăn Đỏ."

Tiệm ăn của Grêgoa rất đông khách và Ivăng được đón tiếp rất nhiệt tình vì người ta biết trong túi hắn lúc nào cũng đầy. Lần này cũng vậy, vừa mới đến hắn đã vỗ túi kêu xủng xẻng làm mọi người thèm thuồng. Nghe thấy tiếng ấy, Grêgoa đã chạy ra mỗi tay một chai rượu. Hắn sốt sắng nhất vì hắn biết nếu khách hàng là Ivăng, hắn có hai đều lợi: vừa là chủ bán hàng, vừa là khách được mời. Ivăng không hẹp hòi gì mời luôn cả chủ tiệm cùng ngồi đánh chén.

Câu chuyện lao vào vấn đề nô lệ. Ivăng đã ngà ngà say liền bốc đồng.

-Mẹ kiếp. Tớ thấy có nô lệ còn tự do hơn cả chủ!

-Cậu nói thế là thế nào? – Grêgoa vừa hỏi vừa rót đầy rượu vào cốc của Ivăng.

-Tớ muốn nói sung sướng hơn – Ivăng vội vàng đáp.

-Vấn đề ấy khó chứng minh lắm – Grêgoa ra vẻ nghi ngờ.

-Tại sao? Các ông chủ của chúng ta…, khi mới lọt lòng đã bị treo vào tay ba thầy đồ: Pháp, Đức, Anh. Các ông bé có yêu họ hay không cũng phải ở với họ đến năm mười bảy tuổi, và dù thích hay không thích cũng phải học ba thứ tiếng man rợ so với thứ tiếng Nga đẹp đẽ của chúng ta, để rồi học tiếng này quên tiếng kia. Thế rồi cậu chủ của chúng ta có muốn làm này làm nọ thì phải đi lính cái đã. Nếu là chuẩn úy phải là nô lệ cho trung úy. Nếu là trung úy phải là nô lệ cho đại úy, vân vân…, cứ thế tiến đến Hoàng đế mới chẳng phải làm nô lệ cho ai nữa. Nhưng một ngày nào đó bị người ta bắt gặp trên bàn ăn, trên đường dạo chơi, hay trên giường ngủ, người ta bỏ thuốc độc, người ta đâm chém, người ta bóp cổ. Như thế mà gọi là sống à? Còn nô lệ chúng ta thì sao? Lọt lòng mẹ ra, đó là nỗi đau đớn độc nhất chúng ta gây cho mẹ chúng ta, còn thì phó mặc cho chủ hết. Chính chủ ta nuôi ta. Nếu chúng ta ốm đau? Thầy thuốc của chủ chữa cho chúng ta không lấy tiền, vì nếu chúng ta mà chết thì chủ thiệt. Chúng ta được hưởng bốn bữa cơm mỗi ngày. Đêm đêm lại trèo lên bếp lò ngủ cho ấm. Nếu chúng ta mê gái, chẳng cần ai ngăn cấm chúng ta cả trừ phi là cô nàng. Nếu cô nàng bằng lòng thì chủ chúng ta vội vã cho cưới thật nhanh vì mong cho chúng ta đẻ được thật nhiều con. Nếu chúng ta có con thì con chúng ta lại đi theo con đường của chúng ta. Các cậu thử tìm hộ tớ có vị lãnh chúa nào lại sướng hơn nô lệ của mình nào!!!

-Phải, phải! – Grêgoa nói và rót thêm cho hắn một cốc rượu. – Nhưng với tất cả các điều đó, cậu lại không được tự do.

-Tự do gì nào? – Ivăng hỏi.

-Tự do muốn đi đâu thì đi, muốn đi lúc nào cũng được.

-Tớ ấy à? Tớ tự do như không khí! – Ivăng đáp.

-Được thôi! – Grêgoa nói. – Cứ cho là người ta ban cho cậu những cái đó thì cậu lại không có tiền.

-Không đời nào! – Ivăng nói và nốc thêm một cốc rượu.

-Không bao giờ Ivăng này thiếu tiền chừng nào mà trong túi tiểu thư còn một đồng Kôpếch.

-Tớ không biết tiểu thư lại rộng rãi đến thế kia đấy!

Grêgoa nhận xét và chua chát.

-Ô, trí nhớ của cậu tồi quá! Cậu cũng biết rằng tiểu thư chẳng thiết gì đến bạn bè, chứng cớ vụ phạt roi…

-Tớ không muốn nhắc đến đấy! – Grêgoa nói tiếp. – Đòn roi thì tớ biết tiểu thư rộng rãi lắm, nhưng còn tiền thì lại khác, tớ chưa hề trông thấy màu sắc đồng tiền của tiểu thư nó thế nào đâu!

-Vậy thì cậu có muốn xem màu sắc đồng tiền của tớ không? Ivăng nói mỗi lúc một say thêm. – Đây là những đồng Kôpếch, đây là những tờ xanh trị giá năm

rúp, đây là những tờ hồng trị giá hai mươi nhăm rúp. Và ngày mai nếu cậu muốn, tớ sẽ mang cho cậu xem tờ trắng trị giá năm mươi. Nào ta uống chúc sức khỏe tiểu thư.

-Sự việc đó nói lên Ivăng có duyên thầm đây! – Hai người nô lệ ở nhà đại tướng nói: – Vì người ta coi hắn cứ như ông chúa ấy!

-Vì cậu ta là anh của Anutka đấy mà! – Grêgoa nói. – và Anutka lại là chị em với tiểu thư.

-Có thể là như vậy. – Hai người nô lệ kia đáp. – Vì lẽ đó hay vì lẽ khác, Ivăng nhấn mạnh, cuối cùng cũng vẫn là như thế, không thể khác được.

-Phải! – Grêgoa nói. Nhưng nếu em gái cậu chết! – Nếu em gái tớ mà chết thì quả là đáng tiếc, vì em tớ là một cô gái tốt. Chúc sức khỏe em gái tớ nào. Nhưng em gái tớ mà chết, sự việc cũng sẽ chẳng thay đổi gì cả. Chính là vì người ta trọng tớ. Mà người ta trọng tớ là vì người ta sợ tớ, có thế thôi!

-Người ta sợ ông chúa Ivăng, a ha! – Grêgoa phá lên cười. – Kết quả là nếu chúa Ivăng chán không muốn lệnh nữa và đến lượt mình ra lệnh, thế là người ta lại chấp hành lệnh của chúa Ivăng đây!

-Có thể! – Ivăng đáp. – Hắn nói: có thể! – Grêgoa nhắc lại và cười to hơn. – Hắn nói: có thể! Các cậu đã nghe rõ chưa?

-Nghe rõ rồi! – Hai người nô lệ kia chỉ trả lời được cộc lốc như thế là vì họ nốc nhiều rượu say quá.

-Này, tớ không nói: có thể nữa, mà bây giờ tớ nói chắc chắn.

-A, tớ muốn biết rõ như thế lắm! – Grêgoa chỉ cần có vậy. Tớ vui lòng mất thứ gì để có thể biết được thế lắm.

-Nếu vậy thì cậu đuổi hết bọn kia đi, chúng chỉ biết uống và say như những con lợn! Rồi cậu sẽ được biết mà chẳng cần mất gì hết.

-Chẳng mất gì! – Grêgoa nói. – Cậu đùa đấy à? Dễ thường cậu cho là tớ mời họ uống không đấy hẳn?

-Vậy thì cậu cứ uống đi. Từ giờ đến nửa đêm bọn chúng có thể uống được bao nhiêu cái thứ rượu nhạt như nước ốc này của cậu?

-Cũng vào khoảng hai mươi rúp. – Đây, cầm lấy ba mươi! Tống cổ bọn chúng ra đi, chỉ còn lại chúng mình với nhau thôi.

-Này các bạn ơi! – Grêgoa vừa nói vừa rút đồng hồ ra như để xem giờ- Sắp nửa đêm rồi, các bạn đã biết lệnh của quan tổng trưởng rồi đấy, vậy các bạn về đi thôi!

Mọi người khách hàng rút lui ngay mà chẳng hề phàn nàn. Còn lại một mình Grêgoa và Ivăng cùng hai người nô lệ nữa của nhà đại tướng.

-Thế nào? – Grêgoa giục. – Bây giờ chỉ còn mình hai ta, cậu định làm gì nào?

-Cậu sẽ thấy thế nào nếu như, mặc đêm khuya, mặc trời rét và mặc dù chúng ta chỉ là nô lệ, tiểu thư cũng sẽ rời khỏi lâu đài lặn lội đến đây để uống một cốc

rượu với chúng ta?

-Tớ thấy là cậu nên lợi dụng cơ hội đó để nói với tiểu thư là mang theo đến đây một chai rượu, hẳn là trong hầm rượu nhà đại tướng có loại hảo hạng hơn của tớ.

-Có loại ngon hơn nhiều đấy! – Ivăng nói ra vẻ chắc chắn lắm. – Và tiểu thư sẽ mang một chai đến đây.

-Cậu điên rồi đấy!

-Hắn điên rồi thật. – Hai người nô lệ kia cũng nhắc lại như cái máy.

-Tớ mà điên à! – Ivăng cự lại. – Cậu có dám đánh cuộc không?

-Cuộc gì nào?

-Tớ mất cho cậu hai trăm rúp. Ngược lại cậu mất cho tớ một năm thả cửa uống rượu không mất tiền.

-Được! – Grêgoa trả lời.

-Chúng tớ có được tham dự không? – Hai người nô lệ kia hỏi.

-Có chứ. – Ivăng gật đầu. – Vậy thì giảm thời hạn xuống sáu tháng, được chứ?

-Được lắm! – Grêgoa đáp.

Hai người đánh cuộc đập bàn tay vào nhau, thế là thỏa thuận cả. Sau đó Ivăng khoác áo ra đi. Nửa giờ sau hắn lại xuất hiện. Grêgoa và hai người nô lệ kia cùng cất tiếng hỏi: -Thế nào?

-Tiểu thư đi sau tớ!

Ba tên nhìn nhau hốt hoảng. Còn Ivăng bình tĩnh vào ngồi giữa bọn chúng, rót một cốc rượu khác rồi nâng cốc lên nói: -Chúc sức khỏe tiểu thư! Thật là điều vinh dự cho chúng ta được tiểu thư tới thăm trong một đêm giá rét tuyết phủ đầy trời như thế này.

Một giọng trong trẻo phía ngoài cửa nói: -Anutka, gõ vào cửa này và hỏi xem có tên đầy tớ nào của ta còn ở đây không?

Grêgoa và hai tên đầy tớ kia rụng rời nhìn nhau, chúng vừa nhận ra tiếng nói của tiểu thư Vaninka.

Anutka mở cửa ra rồi nói: -Thưa tiểu thư, có anh của em và cả Đanien và Alếchzit nữa.

Vaninka bước vào nói với một nụ cười kỳ lạ: -Chào các bạn! Thấy nói các bạn uống rượu để chúc sức khỏe tôi, tôi đến để góp thêm phần vui vẻ với các bạn. Đây là một chai rượu cổ của Pháp mà tôi đã chọn được trong hầm rượu của cha tôi. Đưa cốc đây nào!

Grêgoa và hai tên nô lệ kia chấp hành một cách chậm chạp vì do dự và kinh ngạc. Còn Ivăng đưa mạnh cốc của hắn ra với một vẻ ngạo mạn. Vaninka đích thân rót đầy rượu vào từng cốc một. Thấy chúng còn do dự, cô liền nói: -Nào các bạn, uống mừng tôi đi. – Hoan hô!

Giọng nói dịu dàng và thân mật của một tiểu thư dòng dõi quý tộc làm chúng reo lên và uống một hơi cạn cốc. Tức thì Vaninka lại rót cho chúng một cốc nữa rồi để chai xuống bàn và nói: -Các bạn cứ uống hết chai rượu này đi, không phải lo đến tôi. Tôi và Anutka đến cạnh bếp lò đợi cho cơn bão này qua đi.

Grêgoa muốn đứng lên để đẩy mấy chiếc ghế tới bếp lò, nhưng hoặc là do hắn quá say, hoặc là do tác dụng của chất thuốc mê hòa lẫn vào rượu, hắn lại ngồi phịch xuống, muốn thì thào vài câu xin lỗi cũng không nói nổi nên lời.

-Thôi thôi – Vaninka nói – Không phải phiền đến các anh. Cứ uống đi, uống nữa đi các bạn!

Lợi dụng sự mời mọc ân cần đó, bọn chúng cạn hết chai rượu trước mặt. Grêgoa vừa cạn xong cốc của hắn liền gục xuống bàn.

-Tốt rồi. – Vaninka nói. – Thuốc phiện đã tác dụng rồi! – Nhưng ý định của tiểu thư là thế nào? – Anutka hỏi. – Lát nữa mi sẽ biết.

Một lát sau hai tên nô lệ kia cũng gục theo Grêgoa. Ivăng còn lại cuối cùng, hắn cố gắng hát để chống lại cơn buồn ngủ. Nhưng chẳng mấy chốc lưỡi hắn đã ríu lại, cặp mắt hắn nhắm tít lại không thể nào cưỡng được nữa. Cuối cùng hắn cũng ngã ra mê man bất tỉnh bên cạnh đồng bọn.

Lập tức Vaninka đứng lên nhìn bọn chúng với cặp mắt nẩy lửa rồi gọi tên từng đứa một, chẳng đứa nào trả lời. Thế là cô vỗ tay một cách vui vẻ.

-Đã đến lúc rồi đó!

Nói xong cô đi sâu vao trong nhà ôm ra một bó rơm để vào một góc buồng. Cô lại làm như thế cho cả bốn góc, rồi tới bếp lò rút ra một cành thông đang cháy rừng rực, cô châm lửa đốt cả bốn bó rơm chất ở bốn góc nhà. Anutka kêu lên: -Trời ơi, tiểu thư làm gì vậy?

-Ta chôn vùi bí mật của chúng ta dưới đống tro.

-Nhưng còn anh của em, người anh tội nghiệp của em?

-Anh mày là một thằng phản bội. Nó đã phản lại chúng ta. Để nó sống thì chúng ta sẽ phải chết.

-Ôi anh ơi! …

-Mày có muốn chết với nó thì cứ việc! – Vaninka lạnh lùng nói.

-Kìa cháy kìa, tiểu thư ơi!

-Ta ra khỏi nơi đây thôi!

Vaninka nói và kéo theo cô hầu đang khóc sướt mướt và ném chiếc chìa khóa cửa ra xa vào đống tuyết.

-Trời ơi! – Anutka kêu lên. – Chúng ta về nhà nhanh lên. Em không thể nhìn được cái cảnh khủng khiếp này.

-Trái lại. – Vaninka nói và nắm chặt cổ tay cô hầu giữ lại với sức lực như của đàn ông. Chúng ta phải ở lại cho đến khi nào cái nhà này sập xuống, cho đến khi nào chúng ta chắc chắn là không có một tên nào thoát chết.

-Lạy Chúa! – Anutka quì xuống và kêu lên. – Xin Chúa rủ lòng thương anh con vì Thần chết đã bắt anh ấy đi trước khi được chuẩn bị để lên chầu Chúa.

-Phải. Phải, mày cứ cầu nguyện đi, vì tao muốn tiêu diệt cái phần xác của chúng chứ không phải cái phần hồn. Cứ cầu nguyện đi, ta cho phép đấy.

Và Vaninka đứng thẳng người, hai tay khoanh trước ngực, toàn thân rực sáng trước ánh lửa của đám cháy, còn Anutka quì và cầu nguyện.

Đám cháy không lâu vì nhà toàn bằng gỗ và ván ghép như những nhà nông dân Nga, cho nên ngọn lửa xuất hiện từ bốn góc được cơn gió kích thích, chẳng mấy chốc đã trở nên một lò lửa cháy đùng đùng. Vaninka theo dõi đám cháy đang ngày càng lan to ra, luôn luôn run sợ phải nhìn thấy một bóng ma cháy hừng hực lao ra khỏi đống lửa. Sau cùng mái nhà sập xuống và Vaninka hết mọi lo lắng, ung dung lên đường về lâu đài đại tướng.

Hôm sau cả Pêtecbua đồn ầm lên về vụ cháy "Tiệm ăn Đỏ". Người ta lôi ra dưới đống tro bốn xác chết cháy đen thui. Vì ở nhà đại tướng có ba nô lệ không thấy về nhà, người ta tin là ba xác chết thui không còn nhận diện được đúng là Ivăng, Đanien và Alếchzit, còn xác thứ tư chắc chắn là Grêgoa.

Nguyên nhân vụ cháy còn là điều bí mật đối với mọi người. Căn nhà cháy ở biệt lập, đêm hôm bão tuyết không người đi lại trên đường nên không một ai gặp được hai phụ nữ. Vaninka tin tưởng vào cô hầu, vậy là điều bí mật của cô chết theo với Ivăng.

Nhưng rồi nỗi ăn năn chiếm chỗ của lòng sợ hãi, cô thiếu nữ ấy cứng rắn là thế trước biến cố lại không đủ sức để chống lại ký ức của mình. Cô cảm thấy nếu đem đặt bí mật về tội ác của mình vào trong lòng một cha cố, cô sẽ trút được một gánh nặng kinh khủng. Do đó cô đi tìm một giáo trưởng nổi tiếng về lòng từ thiện và cô thú hết mọi sự việc đã qua.

Giáo trưởng sửng sốt trước câu chuyện đó. Lòng độ lượng của Chúa trời là không bờ bến, nhưng của loài người thì lại có hạn định. Giáo trưởng từ chối không ban cho Vaninka lễ rửa tội mà cô yêu cầu.

Lời từ chối đó thật là khủng khiếp, nó sẽ làm cho Vaninka phải xa lánh giáo đường. Sự xa lánh đó sẽ làm người ta để ý và qui nguyên nhân do một tội ác nào đó ghê gớm lắm.

Vaninka quỳ xuống chân giáo trưởng và nhân danh cha cố mà tội ác của cô sẽ làm mất danh dự, cô cầu xin giáo trưởng làm sao cho giảm nhẹ sự khắc nghiệt của những lời phán đoán ấy.

Giáo trưởng suy nghĩ rất lâu rồi tìm ra một biện pháp để dung hòa. Vaninka sẽ đến Thánh đường cùng với nhiều cô gái khác. Giáo trưởng sẽ dừng lại trước mặt cô như trước mặt những cô gái khác, nhưng chỉ để nói với cô: "Hãy cầu nguyện và khóc đi". Những người có mặt tại đây sẽ tưởng nhầm là cô đã nhận được Thánh thể của Chúa Jêsu. Chỉ có thể như thế được đối với Vaninka.

Buổi xưng tội đó tiến hành vào lúc bảy giờ tối. Sự tĩnh mịch của nhà thờ cộng với bóng tối của ban đêm, đã tạo cho giáo trưởng một vẻ dữ tợn. Ông về đến nhà mặt mũi tái mét và toàn thân run rẩy. Vợ ông là Elizabet vừa mới đặt lưng nằm vào buồng bên cạnh đứa con gái lên tám tuổi tên là Arina.

Nhìn thấy ông chồng, bà kêu lên một tiếng vì thấy ông tiều tụy và thay đổi nhiều quá. Giáo trưởng tìm cách làm yên lòng vợ, nhưng giọng ông run run càng làm cho bà vợ thêm hãi hùng. Hôm qua bà nhận được tin mẹ bà ốm, bà tưởng chồng đã nhận được tin gì xấu. Hôm nay là ngày thứ hai, một ngày đen đủi đối với người Nga. Sáng hôm nay, lúc đi ra ngoài bà lại gặp một người để tang, toàn là những điềm gở báo tin chẳng lành.

Bà Elizabet khóc nức nở và kêu lên: "Mẹ tôi chết rồi phải không?". Giáo trưởng cố gắng làm yên lòng vợ, ông nói xúc động không phải vì nguyên nhân ấy. Nhưng bà vợ chỉ tập trung vào một ý nghĩ, bà chỉ đáp lại bằng một câu muôn thuở: "Vậy là mẹ tôi chết rồi!"

Thế là để xua đi nỗi đau đầu ấy, giáo trưởng thú nhận là ông bị xúc động vì mới được nghe câu chuyện về một tội ác trong buổi xưng tội vừa qua, nhưng vợ ông cứ lắc đầu lia lịa nói rằng ông bịa chuyện để che giấu điều bất hạnh của bà.

Thế là cơn của bà lại nổi lên dữ dội hơn. Nước mắt đã ngừng chảy, nhưng sự co giật lại bắt đầu. Ông đành lòng phải bảo bà thề giữ bí mật nhưng bí mật thiêng liêng của lời xưng tội đã bị tiết lộ.

Nghe thấy tiếng kêu khóc của mẹ, bé Arina đã thức dậy. Em vừa lo lắng vừa tò mò về sự việc xẩy ra giữa cha mẹ liền trở ra nghe ở cửa buồng và em đã nghe được hết.

Thế là sự bí mật về thái độ đã được dập tắt, nhưng về một tội ác thì lại được lan truyền.

Ngày lễ ban thánh thể đã tới, nhà thờ Xanh Ximông đầy những con chiên. Vaninka đến quì ở trước bao lơn ban đồng ca, đằng sau là cha cố và các võ quan hầu, sau nữa là các gia nhân.

Em Arina cũng vào trong nhà thờ cùng với mẹ. Em tò mò muốn xem mặt Vaninka mà em đã được nghe tên trong câu chuyện ghê gớm nghe lỏm được đêm hôm nào. Trong lúc mẹ em đang cầu kinh, em rời chỗ ngồi, lách mình trong các con chiên và tới được tận bao lơn. Tới đây, em bị gia nhân của đại tướng ngăn lại. Nhưng chẳng khi nào em chịu dừng lại dọc đường, em cố vượt qua tay bọn họ, họ quyết cản lại, thế là xảy ra xô xát. Một gia nhân nổi nóng đẩy em ra một cái thật mạnh làm em vướng ngã đập đầu vào một thành ghế. Đau quá, bươu cả đầu, em đứng dậy và kêu lên: -Hãnh diện nhỉ! Có phải tại anh ở nhà cái bà đã đốt cháy "Tiệm ăn Đỏ" phải không?

Những câu nói đó được phát biểu rất to giữa chốn im lặng trong buổi lễ thánh làm cho tất cả mọi người đều nghe thấy một tiếng kêu đáp lại: Vaninka vừa bị

ngất xỉu.

Hôm sau đại tướng quì dưới chân Pôn đệ nhất, kể cho Hoàng đế cũng là quan tòa nghe tất cả câu chuyện dài và ghê gớm ấy mà Vaninka bị đè bẹp dưới cuộc giằng xé nội tâm lâu dài, đã thổ lộ với cha trong đêm xẩy ra sự kiện trong nhà thờ buổi lễ Thánh.

Sau sự thú nhận kỳ dị ấy, Hoàng đế suy nghĩ một lát rồi đứng lên đi lại bàn giấy viết một quyết định như sau:

"Giáo sĩ đã vi phạm điều không được vi phạm, nghĩa là sự bí mật của xưng tội, bị đi đầy sang Xibêri và bị tước bỏ mọi giáo chức. Bà vợ cũng phải đi theo vì bà phạm tội đã không tôn trọng đặc tính của một giáo sĩ. Em bé gái không phải xa bố mẹ.

"Anutka, người hầu phòng gái, cũng phải đi sang Xibêri vì đã không báo cho ông chủ biết về hành vi của cô chủ.

"Tôi dành cho đại tướng tất cả sự tín nhiệm của tôi. Tôi phàn nàn và buồn phiền cho ông vì ông đã gặp phải một đòn khốc liệt.

"Còn về Vaninka, tôi không biết bắt phạt cô về hình tội gì. Tôi chỉ thấy ở cô người con gái của một quân nhân dũng cảm suốt đời hy sinh cho sự nghiệp của Tổ quốc. Vả lại trong sự phát hiện tội ác, có điều gì kỳ lạ, nó đặt phạm nhân ra ngoài vòng nghiêm trị của tôi. Tôi muốn tự phạm nhân sẽ dành cho mình một hình phạt thích đáng. Nếu tôi hiểu rõ đặc tính ấy, nếu phạm nhân còn có chút tư cách nào, thì tâm hồn và lòng hối hận sẽ vạch cho mình con đường phải theo."

Pôn Đệ nhất trao quyết định để ngỏ ấy cho đại tướng và truyền cho ông mang đến cho bá tước Palen, thống đốc Pêtecbua.

Hôm sau lệnh của Hoàng đế được thi hành. Vaninka tự giam mình trong một nhà tu kín. Cuối năm đó cô chết vì tủi nhục và đau khổ. Còn đại tướng thì hy sinh ở trận Auteclit.

Chú thích của tác giả

Những chi tiết trong câu chuyện bi thảm này cũng như những lời phán xét của Pôn Đệ nhất, chúng tôi đều mượn trong tác phẩm nổi tiếng xuất bản cách đây mấy chục năm dưới đầu đề "Người ẩn dật ở nước Nga" của ông Đuyprê đờ Xanhmô.

Nữ Hầu tước Branhviliê (1676)

Vào khoảng cuối năm 1665, trong một buổi chiều thu đẹp, có một đám người khá đông tập trung ở phía cầu Mới đi xuống phố Đôphin. Giữa đám đông mọi người đang xem, là một cỗ xe ngựa cửa đóng kín và một sĩ quan đang cố gắng mở, trong khi đó bốn người lính đi theo sĩ quan thì hai người nắm lấy cương ngựa bắt dừng lại và hai người nữa đang ghìm người đánh xe, hắn cứ giả điếc mặc những lời hò hét, cứ cho ngựa phóng lên. Cuộc giằng co ấy tiến hành được một lúc, bỗng nhiên cánh cửa xe mở tung ra và một người thanh niên mặc quân phục đại úy kỵ binh từ trong xe nhẩy xuống đường và đóng nhanh cánh cửa xe lại, nhưng cũng không thể nhanh bằng cặp mắt của những người đứng gần đấy. Họ đã nhìn thấy trong xe có một phụ nữ khoác chiếc áo măng tô, mặt phủ một chiếc khăn voan như muốn giấu kín không ai nhìn thấy mặt mình.

Người trẻ tuổi vừa nhẩy trong xe ra đứng giữa đường nói với viên sĩ quan, giọng ngạo mạn: -Thưa ông, tôi chắc ông chỉ có việc với mình tôi. Tôi yêu cầu ông cho biết, nhân danh gì mà ông giữ cỗ xe này lại? Và bây giờ tôi không ở trong xe nữa, vậy yêu cầu ông ra lệnh cho quân của ông để cho xe tiếp tục cuộc hành trình của nó chứ.

Viên sĩ quan chẳng hề nao núng trước những lời lẽ trịch thượng ấy, ra lệnh cho quân của mình cứ tiến hành như đang làm rồi nói: -Trước hết yêu cầu ông trả lời những câu hỏi của tôi đã.

-Tôi nghe đây! – Người thanh niên nói và lộ rõ vẻ cố gắng giữ thái độ bình tĩnh.

-Ông có phải là hiệp sĩ Gôđanh đờ Xanhcroa? – Vâng.

-Vậy thì nhân danh Đức Vua, tôi bắt giữ ông. – Ông căn cứ vào chiếu chỉ nào?

-Tôi căn cứ vào chiếu chỉ tróc nã đây!

Hiệp sĩ đưa mắt liếc nhanh lên tờ giấy và nhận ngay thấy chữ ký của ông chánh mật thám. Anh chỉ còn nghĩ tới người phụ nữ ngồi trong xe nữa thôi nên nhắc lại đề nghị của anh lúc nãy: -Vâng, được thôi! Nhưng chiếu chỉ này chỉ ghi có một mình tên tôi, vậy xin nhắc lại là ông không có quyền để cho người phụ nữ ngồi trong xe với tôi phải phơi mặt ra trước những cặp mắt tò mò của công chúng như ông đang làm đây. Vậy tôi yêu cầu ông ra lệnh cho quân của ông để cho xe này được tiếp tục lên đường. Còn tôi thì tùy ông muốn dẫn tôi đến đâu tùy ý.

Yêu cầu đó có vẻ hợp lý, viên sĩ quan ra lệnh cho quân để cho cỗ xe được tự do. Nó lập tức rẽ đám đông lao lên mang theo người phụ nữ mà hiệp sĩ có vẻ rất quan tâm đến.

Về phía mình, như đã hứa, Xanhcroa không phản kháng gì cả, anh đi theo tốp lính giữa đám đông. Mọi tò mò đều chú ý vào anh. Rồi tới một góc phố, người đội dẫn anh tới một cỗ xe, anh trèo lên. Viên sĩ quan cũng trèo lên xe ngồi xuống bên cạnh. Hai người lính ngồi đằng sau xe, còn hai người lính kia, sau khi bảo người đánh xe: "Về ngục Basty" liền rút lui.

Hiệp sĩ Gôđanh đờ Xanhcroa, người ta không biết tông tích như thế nào. Người thì nói hắn là con đẻ hoang của một lãnh chúa, trái lại, một số người lại nói hắn là con một gia đình nghèo. Nhưng không chịu đựng được một nguồn gốc tối tăm như vậy, hắn thích một điều sỉ nhục tô son hơn, hắn đã đội một lốt khác. Tất cả những gì người ta biết được rõ ràng về hắn là hắn sinh trưởng ở Môngtôbăng, hiện là đại uý trong quân đoàn Traxy.

Xanhcroa vào thời kỳ bắt đầu câu chuyện này, tức là vào cuối năm 1665, trạc 28, 30 tuổi. Hắn đẹp trai, vẻ mặt sáng sủa. Hắn là một người bạn ăn chơi thoải mái và là một đại úy dũng cảm. Hắn vui cái vui của người khác, dễ dàng yêu đương, ghen tuông đến điên cuồng dù chỉ là một ả giang hồ miễn là hắn thích. Hắn tiêu phá phung phí như một đế vương mặc dù chẳng biết dựa vào đâu. Sau cùng, hắn rất nhạy cảm với những lời thỏa mãn như tất cả những ai ở trong tình trạng đặc biệt luôn luôn nghĩ là mọi người biết nguồn gốc của mình nên chửi xỏ.

Năm năm về trước, tức năm 1660, trong quân đội, hắn làm quen với một hầu tước tên là Branhviliê, sĩ quan trong quân đoàn Noócmăngđi. Hai người gần bằng tuổi nhau, cùng ngành nghề, ưu khuyết điểm cũng giống nhau. Từ chỗ quen biết thường, họ trở thành thắm thiết đến độ sau khi hết nghĩa vụ quân sự, Branhviliê giới thiệu Xanhcroa với vợ và thu xếp cho bạn ở trong nhà mình.

Mối thân mật ấy chẳng bao lâu đã đem lại những kết quả tất yếu.

Bà hầu tước Branhviliê hồi đó cũng trạc hai mươi tám tuổi. Chín năm về trước, bà lấy hầu tước Branhviliê, một người hàng năm hưởng thụ lợi tức ba mươi nghìn livrơ. Bà cũng mang thêm vào hai trăm nghìn livrơ của hồi môn, chưa kể hi vọng còn được chia phần gia tài. Bà tên là Mary Nađơien, bà có hai anh và một em gái. Cha bà, ông Đơđôbray là hàm sĩ quan trong pháo đài ở Pari.

Sắc đẹp của bà hầu tước Branhviliê đến độ rực rỡ nhất vào năm bà hai mươi tám tuổi, thân hình bà nhỏ nhắn nhưng hoàn toàn cân đối, đường nét của bà đều đặn như một pho tượng sống.

Mới gặp nhau lần đầu, Xanhcroa và bà hầu tước đã mê nhau ngay và chẳng bao lâu đã trở thành nhân tình, nhân ngãi của nhau. Còn về phần ông hầu tước, hoặc vì ông là đồ đệ của môn triết học vợ chồng thời bấy giờ, hoặc vì ông mải vui chơi mà chẳng rỗi thì giờ để nhận thấy sự việc đang xảy ra ngay trước mắt ông. Ông chẳng hề ngăn cản mối quan hệ quá suồng sã ấy và ông cứ tiếp tục ăn chơi thoải mái, mặc dù ông đã làm cho gia tài mình vì thế mà ngày càng khánh kiệt. Chẳng bao lâu công việc của ông bận bịu quá đến nỗi bà hầu tước chán ngấy

ông và say sưa trong mối tình mới. Bà hầu tước muốn được tự do hơn nữa nên yêu cầu ly thân và được chấp thuận. Từ đó bà lìa bỏ gia đình chồng và không còn dè dặt gì nữa, đi đâu cũng cặp kè với Xanhcroa.

Mối quan hệ đó, dù sao cũng đã được phép do những tấm gương của các vị đại chúa công, không gây một tác động nào đối với ông hầu tước Branhviliê. Ông vẫn tiếp tục tự phá sản một cách vui vẻ, chẳng hề thắc mắc về hành vi của vợ mình.

Nhưng không thể như thế được đối với ông Đơđôbray, ông vẫn giữ được nền nếp gia giáo, ông sợ những câu chuyện lộn xộn của con gái sẽ ảnh hưởng đến thanh danh mình. Ông xin được một chiếu chỉ cho phép bắt giữ Xanhcroa bất kỳ ở đâu. Sự việc tiến triển ra sao chúng ta đã được biết, ngay khi Xanhcroa đang ngồi trong xe với bà hầu tước Branhviliê mà hẳn các bạn độc giả đã nhận ra ở người phụ nữ cố tình giấu mặt ở phần trên.

Người ta đã hiểu rằng với đặc tính của Xanhcroa, hắn đã phải cố gắng biết bao để khỏi làm liều vì bị bắt ở giữa phố. Tuy nhiên, hắn cũng giữ được bình tĩnh khi bước qua cánh cửa buồng giam và trả lời những câu hỏi thông thường của viên giám đốc ngục. Giọng nói của hắn vẫn thản nhiên, và khi người ta đưa cho quyển sổ ngục, hắn không khỏi không run tay lúc ký vào đấy. Lập tức tên cai tù, theo lệnh của giám ngục, ra hiệu bảo hắn đi theo. Và sau một vài chỗ quanh co của hành lang lạnh lẽo và ẩm ướt, nơi mà ánh sáng đôi khi có dội vào, còn không khí thì không bao giờ, tên đó mở một cửa buồng, Xanhcroa vừa bước vào đã nghe tiếng cánh cửa đóng sập sau lưng.

Thấy tiếng khóa cửa, Xanhcroa quay lại: tên cai ngục chỉ để lại cho mình không gì khác ngoài chút ánh trăng luồn qua chiếc cửa sổ có chấn song sắt cao mười piê và chiếu xuống một mảnh giường nằm tồi tàn, còn tất cả trong buồng đều tối như bưng. Tù nhân đứng dừng lại một lúc nghe ngóng, rồi nghe thấy tiếng bước chân xa dần và mất hẳn. Hắn nguyền rủa trời đất và gọi kêu đủ mọi thế lực, dù là thế lực nào, miễn là mang lại được cho hắn tự do và báo thù.

Ngay lúc ấy, và như thể được những lời nói đó lôi từ lòng đất lên, một người gày gò xanh xao, tóc dài, mặc áo chẽn đen, từ từ bước vào vòng ánh sáng xanh từ trên cửa sổ chiếu xuống và đi lại chân giường Xanhcroa đang nằm. Hắn vội ngồi nhổm ngay dậy và theo thói quen đưa tay vào chỗ chuôi gươm mà cách đây hai giờ nó có ở đấy. Cứ mỗi bước mà nhân vật kỳ dị và bí hiểm ấy tiến lại phía hắn, hắn lại cảm thấy tóc mình dựng ngược lên và một giọt mồ hôi lạnh ngắt chảy xuống mắt. Cuối cùng bóng ma ấy dừng lại, nó và tù nhân nhìn nhau trừng trừng một lát, rồi nhân vật bí hiểm ấy lên tiếng nói trước: -Này anh bạn trẻ, anh đã kêu xin địa ngục cho anh một biện pháp để báo thù những kẻ đã giam cầm anh và để chống lại Chúa Trời đã bỏ rơi anh. Biện pháp đó tôi có và tôi mang lại cho anh đây. Anh có can đảm tiếp thu không?

-Nhưng ông là ai đã?

-Anh cần gì biết tên tôi khi anh kêu gọi tôi đến và mang lại cho anh cái mà anh yêu cầu?

-Mặc dù thế – Xanhcroa đáp vì vẫn nghĩ rằng mình đang gặp phải một con người phi thường. – Khi người ta muốn hiệp ước với nhau người ta vẫn muốn biết người ta làm việc với ai.

-Thôi được, nếu anh muốn biết: Tôi là người Ý, tên là Exili.

Xanhcroa cảm thấy rùng cả mình, vì hắn vừa chuyển từ một ảo ảnh ma quỉ sang một thực tế khốc liệt. Quả thật là cái tên mà hắn vừa được nghe là một cái tên nổi tiếng một cách kinh khủng, không những khắp nước Pháp mà còn khắp nước Ý nữa. Bị trục xuất khỏi La Mã vì bị mang tiếng là đã tham gia nhiều vụ đầu độc mà người ta không thể tìm ra được bằng chứng, Exili đến Pari và chẳng bao lâu đã bị các nhà chức trách để ý đến. Một sắc lệnh truy nã hắn ban ra và thế là hắn bị bắt đưa về ngục Basty trước Xanhcroa sáu tháng. Thời kỳ đó tù nhân rất đông nên người ta phải giam người mới vào với người cũ, thế là người ta đã tập trung Xanhcroa vào với Exili mà không nghĩ rằng như vậy là liên kết hai con quỉ vào với nhau.

Exili không phải là một tên đầu độc tầm thường, hắn là một nhà nghệ thuật về thuốc độc như những Mêđixit và Boocgia. Đối với hắn, giết người là một nghệ thuật, hắn khống chế nó bằng những công thức nhất định và chắc chắn, do đó hắn đi tới điểm không phải vì lợi ích mà là vì say mê thí nghiệm không thể cưỡng được.

Xanhcroa lưỡng lự một lúc, nhưng rồi cuối cùng hắn cũng phải khuất phục trước những lời chế giễu của tù nhân cùng buồng. Exili lên án người Pháp còn có cả thiện ý trong những tội ác của họ, trong những cuộc trả thù họ lại cùng nhau chịu chết với kẻ thù mà đáng lẽ họ có thể sống sót được để mà cười vào mũi cái chết. Hắn nêu lên cho Xanhcroa nghe tên những thứ thuốc bột, thuốc nước, thứ thì âm ỉ và phát huy hiệu quả rất chậm làm cho bệnh nhân phải rên xiết rất lâu; thứ thì mạnh và nhanh, nó giết người như tiếng sét, nạn nhân không kịp kêu một tiếng.

Dần dần Xanhcroa thích thú thứ trò chơi ấy, nó đặt cuộc sống của nhiều người vào tay một người. Hắn bắt đầu học hỏi những kinh nghiệm của Exili, về sau hắn cũng đủ khéo léo để tự động làm lấy một mình. Và một năm sau, hết hạn tù, hắn ra khỏi ngục Basty, học trò đã ngang tài với thầy giáo.

Xanhcroa lại bước vào xã hội đã có lúc đầy đọa hắn, với một sức mạnh khủng khiếp. Nhờ có nó hắn có thể trả thù xã hội mọi nỗi bất hạnh mà hắn đã phải nhận. Ít lâu sau Exili cũng được ra khỏi tù, không rõ vì lý do gì và đến tìm ngay Xanhcroa. Xanhcroa thuê cho hắn một căn phòng đăng ký tên người quản gia của hắn là Mactanh Đờbrơi.

Người ta không rõ trong thời gian hắn ở ngục Basty, bà hầu tước Branhviliê có tới thăm hay không, chỉ biết là ngay sau khi hắn ra khỏi ngục, cặp tình nhân ấy lại tìm gặp nhau và đắm đuối với nhau hơn bao giờ hết. Tuy nhiên họ cũng đã có kinh nghiệm cần phải biết đề phòng. Do đó họ quyết định phải thí nghiệm ngay thứ khoa học mà Xanhcroa đã thu lượm được và ông Đôbray được chính con gái mình chọn làm nạn nhân thứ nhất vì ông là một chướng ngại cho những cuộc truy hoan của chúng, đồng thời mụ hầu tước lại còn được thừa hưởng gia tài của cha để bù lại gia tài của mình đã bị chồng phá gần hết.

Nhưng một đòn như vậy phải là một đòn quyết định, cho nên mụ hầu tước muốn thí nghiệm thứ thuốc độc của Xanhcroa vào ai khác trước khi vào cha mình. Do đó một hôm người hầu phòng của mụ tên là Frăngxoa Rútxen vào buồng mụ sau bữa ăn trưa, mụ liền đưa cho chị một khúc Jămbông cùng với một ít mứt mận để cùng ăn tráng miệng với mụ nhân thể. Chị hầu phòng không nghi ngờ gì cả liền ăn ngay mấy thứ của bà chủ đưa cho. Những ngày sau đó chị bị đau bụng và cảm thấy như có người cầm kim châm vào tim mình, nhưng chị không bị chết. Mụ hầu tước thấy là món thuốc độc đó cần phải tăng thêm liều lượng. Xanhcroa liền pha chế thứ thuốc khác, mấy hôm sau đưa lại cho mụ.

Thời cơ sử dụng thứ thuốc đó đã đến. Ông Đôbray sau một thời gian làm việc căng thẳng, cần phải về nghỉ hè tại lâu đài Ofêmông của ông. Mụ hầu tước tình nguyện đi theo phục vụ cha. Ông Đôbray tưởng con gái mình đã cắt đứt mối quan hệ xấu với Xanhcroa, ông sung sướng nhận lời.

Ông Đôbray ra đi cùng với con gái và một người đầy tớ. Chưa bao giờ mụ hầu tước lại chăm sóc cha đến như vậy, mụ có những quan tâm đặc biệt trong suốt cuộc hành trình ấy. Mụ luôn luôn ở bên cạnh cha, ngủ buồng bên cạnh buồng cha, ăn cùng với cha như không muốn ai khác phục vụ cha mình. Với cái vỏ bề ngoài đó, một buổi tối mụ bưng cho cha một bát xúp nóng có bỏ thuốc độc. Ông Đôbray cầm lấy từ tay con gái, cặp mắt mụ theo dõi cho vào đến tận trong lồng ngực ông. Mặt vẫn lạnh như tiền, lòng mụ không một chút xao xuyến. Rồi sau khi ông Đôbray đã uống hết, mụ đỡ lấy cái bát cha đưa cho, tay mụ không hề run. Mụ rút lui về buồng riêng, chờ đợi và nghe ngóng.

Hiệu quả của thuốc thật là nhanh, mụ hầu tước nghe thấy cha rên lên vài tiếng, rồi rên la liên tục. Sau đó, vì không chịu đựng được những cơn đau bụng, ông phải lên tiếng gọi con gái. Mụ hầu tước vào.

Lần này thì nét mặt mụ lộ rõ vẻ rất lo lắng, chính ông Đôbray lại phải an ủi con gái. Ông bị nôn thốc nôn tháo kèm theo là những cơn đau bụng dữ dội không thể chịu được, ông phải nhượng bộ con gái cho người đi tìm cứu viện. Tám giờ sáng hôm sau một vị thầy thuốc tới. Tất cả những dấu vết về thuốc độc đều đã biến hết. Thầy thuốc chỉ thấy lời khai của ông Đôbray những triệu chứng về một bệnh khó tiêu, ông liền kê đơn thuốc rồi trở về Cômpi.

Cả ngày hôm đó mụ hầu tước không rời bệnh nhân. Đêm đến mụ sai kê giường sang cùng buồng cha và tuyên bố chỉ mình mụ chăm sóc.

Hôm sau thầy thuốc lại tới, bệnh tình ông Đôbray nặng hơn, ông không nôn nữa nhưng lại rất đau bụng. Ông thấy như có lửa đốt trong lòng. Thầy thuốc phải lệnh đưa ông về Pari điều trị.

Trên đường đi, ông Đôbray phải nằm trong xe, đầu tựa lên vai con gái. Cuối cùng ông cũng tới được Pari. Tất cả đều tiến hành theo đúng ý nguyện của mụ hầu tước. Sân khấu của tấm kịch đã thay đổi, người thầy thuốc đã được chứng kiến những triệu chứng sẽ không nhìn thấy cơn hấp hối, nghiên cứu sự phát triển của bệnh tình, không một con mắt nhà y lành nghề nào phát hiện được nguyên nhân, sợi dây dò xét đã bị đứt ở quãng giữa, bây giờ thì hai phần xa nhau quá, khó mà có thể nối lại với nhau.

Mặc dù được chăm sóc rất khẩn trương và chu đáo, bệnh tình của ông Đôbray tiếp tục xấu đi. Mụ hầu tước rất trung thành với nhiệm vụ không rời cha ra một giờ nào. Cuối cùng, sau bốn ngày hấp hối, ông Đôbray trút hơi thở cuối cùng trong tay con gái, miệng ông lẩm bẩm cầu phúc cho kẻ đã ám sát mình.

Thế là nỗi đau đớn của mụ hầu tước nổ ra thành những tiếng khóc than nức nở trời sầu đất thảm làm cho tình cảm của những anh em mụ phải trở thành giá lạnh bên cạnh mụ. Cuối cùng không có ai nghi ngờ là một tội ác nên không cần mổ xẻ, và nấm mồ đóng kín lại không để một vấn vương một chút nghi ngờ nào.

Tuy vậy, mụ hầu tước cũng chỉ mới đạt được một nửa nguyện vọng, mụ được tự do hơn trong yêu đương, còn việc thừa hưởng gia tài của cha không được nhiều như mụ tưởng. Phần lớn di sản cùng với trách nhiệm đều thuộc về người anh cả và anh thứ, hai người anh này đều là cố vấn của Quốc hội. Vậy là tình trạng gia tài của mụ chẳng thay đổi được mấy tí.

Còn Xanhcroa, hắn sống rất phong lưu sung sướng, mặc dù người ta thấy hắn chẳng có gia tài gì, thế mà hắn thuê một quản gia tên là Mactanh, ba đầy tớ tên Jooc, Lapie và Lasôtxtê. Thêm nữa, lại còn có một cỗ xe ngựa trang bị đầy đủ và những người phu khiêng vác để phục vụ cho những cuộc đi chơi đêm của hắn.

Trong những cuộc giao du, hắn đánh bạn với nhiều người, hoặc trong giới quí tộc, hoặc trong những người giàu sang. Trong số những người giàu, có một người tên là Rêchpơnôtê làm giám thu phái giáo sĩ và thủ quĩ ở Lănggơnốc, một nhà triệu phú.

Hắn chung nhau kinh doanh với một người tên là Alibe, viên tham tá đầu tiên của hắn, ông này bỗng nhiên trúng phong chết. Cái chết ấy được Pênôtê biết trước khi gia đình biết. Những giấy tờ của công ty ấy bị mất hết, người ta không hiểu vì sao. Thế là vợ con người chết bị phá sản.

Anh vợ của người chết tên là Matđơlen tỏ vẻ nghi ngờ về cái chết ấy và muốn đi sâu tìm hiểu. Nhưng trong khi đang tìm tòi, bỗng nhiên cũng lăn ra chết nốt.

Trong khi đó, mối quan hệ giữa Xanhcroa và mụ hầu tước Branhviliê sau thời kỳ để tang lại nối lại mãnh liệt như xưa. Hai ông anh của mụ khuyên bảo em gái về mối quan hệ ấy. Mụ phát hiện ra là trước khi chết, cha mụ đã dặn các anh mụ là phải trông nom đến hành vi của em gái.

Như vậy tội ác giết cha của mụ coi như không tác dụng mấy. Mụ muốn thoát khỏi những cuộc cản trở và được thừa hưởng toàn vẹn gia tài. Nhưng cái gia tài ấy, trừ phần của các ông anh, đến tay mụ không đủ để mụ trả nợ. Những sự phản đối lại được tái sinh từ cửa miệng các ông anh, một ông là hàm thiếu úy, ông có đủ quyền lực để chia rẽ mụ với nhân tình một lần nữa.

Cần phải đề phòng trước vấn đề. Tên đầy tớ Lasôtxê đang làm việc với Xanhcroa bỗng dưng thôi việc và ba tháng sau thấy hắn vào làm việc trong nhà ông cố vấn Quốc hội do môi giới của mụ hầu tước. Ông cố vấn ở cùng một nhà với em trai là hàm thiếu úy.

Lần này không phải là thứ thuốc độc chết nhanh như đã dùng cho ông Đôbray, vì trong cùng một gia đình mà xẩy ra hai vụ chết giống nhau có thể làm người ta nghi ngờ. Người ta làm lại thí nghiệm, không phải là trên súc vật vì tầm vóc khác nhau có thể cho những kết quả khác nhau mà là trên con người thực sự.

Mụ hầu tước vốn được tiếng là một phụ nữ đức hạnh và có lòng từ thiện. Đôi khi mụ thường giúp đỡ các bà phước trong việc chăm sóc người ốm trong những bệnh viện mà mụ vẫn gửi rượu và thuốc men đến tặng. Như vậy, người ta không lấy làm lạ về sự có mặt của mụ ở bệnh viện. Lần này mụ mang đến bánh bích qui và kẹo mứt cho những người đang dưỡng sức. Dĩ nhiên là quà của mụ được tiếp nhận với lòng nhiệt liệt biết ơn.

Một tháng sau, mụ hầu tước Branhviliê quay lại bệnh viện và hỏi thăm sức khỏe của một số bệnh nhân mà mụ quan tâm đến. Mụ được biết sức khỏe của họ bị giảm sút và bệnh tình của họ thay đổi có tính chất nặng hơn. Đó là một sự chết dần chết mòn một cách kỳ dị. Mụ hỏi các thầy thuốc, các thầy thuốc chẳng biết thế nào mà trả lời. Thứ bệnh đó họ chưa thấy, khoa học đành bó tay.

Mười lăm ngày sau mụ lại đến, một vài bệnh nhân đã chết, số còn lại vẫn sống, nhưng trong cơn hấp hối tuyệt vọng, những bộ xương biết cử động chỉ còn tiếng nói qua cái nhìn và hơi thở.

Hai tháng sau tất cả đều chết. Y học mù tịt, trong khoa mổ xẻ cũng như trong khoa điều trị.

Thí nghiệm như vậy là đủ yên tâm rồi. Do đó Lasôtxê đi nhận nhiệm vụ mới.

Một hôm ông hàm thiếu úy rung chuông, Lasôtxê bước vào chờ lệnh. Hắn thấy ông đang làm việc với người thư ký riêng tên là Cuttê, ông Đôbray cần một cốc nước và rượu. Một lát sau Lasôtxê mang vào.

Ông Đôbray nâng cốc lên, nhưng vừa mới uống hụm đầu ông đã bỏ xuống và mắng: -Thằng khốn kiếp kia, mi đưa cho tao nước gì vậy? Mi muốn đầu độc tao

hay sao đấy? Này anh Cuttê, anh thử xem trong này có cái gì vậy?

Nói xong ông đưa cốc nước cho viên thư ký, anh này lấy một thìa cà phê múc lên vài giọt rồi đưa lên mũi ngửi và nếm, nó có mùi và vị đắng của chất lưu toan. Cùng lúc đó Lasôtxê tiến lại viên thư ký, vừa đi vừa nói hắn biết là chất gì rồi. Một người hầu hôm nay bị ốm nên đã uống thuốc lúc buổi sáng, có lẽ vô tình hắn đã lấy phải cốc của người ốm. Nói xong hắn cầm lấy cốc đưa lên môi giả vờ nếm một ít rồi nói rằng đúng như vậy, hắn cũng nhận ra mùi, rồi hắt cốc nước vào lò sưởi.

Vì ông Đôbray uống chưa nhiều nên không việc gì và rồi ông quên ngay vụ đó. Còn Xanhcroa và mụ hầu tước coi đó là đòn đánh hụt. Chúng quyết tâm chờ cơ hội khác.

Ba tháng đã trôi qua mà cơ hội đó chưa đến.

Nhưng rồi vào những ngày đầu tháng tư năm 1670, ông hàm thiếu úy đưa ông cố vấn về dự lễ phục sinh trên đất của ông ở Vinlơquay. Lasôtxê đi theo chủ, và lúc đi hắn lại nhận được những chỉ thị mới.

Hôm sau về đến quê nhà, trong bữa ăn, người ta phục vụ món chim câu quay. Bẩy người ăn món đó đã bị khó chịu trong người, còn ba người không ăn không việc gì.

Trong những người bị chất độc có ông hàm thiếu úy, ông cố vấn và ông hiệp sĩ tuần phòng. Có thể là ông hàm thiếu úy ăn nhiều hơn nên ông là người đầu tiên bị nôn mửa. Hai giờ sau ông cố vấn cũng bị như vậy. Còn ông hiệp sĩ và mấy người kia vài ngày sau mới thấy đau bụng dữ dội, nhưng bệnh tình của họ không nặng như của hai anh em Đôbray.

Lần này cũng như các lần trước, y học chịu bó tay. Ngày 12 tháng 4 tức là năm ngày sau vụ đầu độc, hai anh em Đôbray trở về Pari. Hai ông hoàn toàn thay đổi, nghĩa là người ta tưởng hai ông vừa mới bị một trận ốm dài và ác liệt. Mụ hầu tước lúc đó ở quê nhà và không trở về suốt thời gian hai ông anh bị bệnh.

Cuộc chẩn đoán bệnh ông hàm thiếu úy đầu tiên, các thầy thuốc không đạt được kết quả gì, cũng là những triệu chứng của ông Đôbray bố trước kia. Người ta cho là chứng bệnh di truyền nhưng không hiểu là bệnh gì.

Tình trạng các bệnh nhân ngày càng xấu đi, hai ông rất sợ thịt và các cơn nôn mửa không chấm dứt. Ba ngày cuối cùng trong đời ông hàm thiếu úy, ông kêu như có một lò lửa bên trong đang hun đúc ông, như phụt ra từ cặp mắt ông là cơ quan độc nhất trong người còn sống sót, các bộ phận khác đều đã là của thây ma. Sau cùng, ngày 17 tháng 6 năm 1670, ông thở hơi cuối cùng. Thuốc độc đã phát huy tác dụng trong người ông bảy mươi hai ngày liền.

Những mối hoài nghi bắt đầu nảy nở, thi thể ông hàm thiếu úy được đem ra mổ xẻ và biên bản được thành lập. Cuộc mổ xẻ được tiến hành với sự tham gia của các ông Đuyprê và Duyrăng, thầy thuốc ngoại khoa và do ông Basô thực

hiện. Người ta thấy dạ dày và hoành tá tràng bị đen và rơi ra từng mảng, gan bị hư và cháy.

Mọi người đều công nhận rằng đó là do thuốc độc gây nên. Nhưng vì sự có mặt của một số dịch thể cũng có thể gây nên những hiện tượng như vậy, cho nên chẳng ai dám kết luận cái chết đó không được tự nhiên, và thế là thi thể được chôn cất bình thường. Sau đó không còn một cuộc xét nghiệm nào nữa.

Còn Lasôtxê thì không những không bị nghi ngờ mà lại còn được ông cố vấn di chúc lại cho một trăm đồng êcu để trả ơn hắn đã săn sóc ông trong những ngày ông ốm đau. Hắn lại còn nhận được thêm một nghìn frăng tiền tưởng của Xanhcroa và của mụ hầu tước.

Trong thời gian đó Xanhcroa làm quen với ông Xanh Lôrăng, chính là người mà Pênôtê đề nghị được thay chân mà không được. Pênôtê là bạn của Xanhcroa, đã được thừa hưởng rất nhiều của cải của ông bố vợ mới bị chết một cách đột ngột vào lúc không ai ngờ đến nhất. Nhưng Pênôtê vẫn thèm muốn địa vị của ông Xanh Lôrăng, một nhân viên thu nhập của giáo phái.

Cũng trong trường hợp này, sự tình cờ lại giúp cho Xanhcroa. Vài ngày sau khi ông Xanh Lôrăng nhận một người đầy tớ mới cũng do Xanhcroa giới thiệu, tên hắn là Jooc, ông cũng bị bệnh. Bệnh tình của ông chẳng bao lâu cũng thể hiện những đặc tính trầm trọng như của ba cha con ông Đôbray, chỉ khác là nó phát triển nhanh hơn, chỉ trong hai mươi bốn giờ.

Cuối cùng, cũng như các ông kia, ông Xanh Lôrăng chết sau những cơn đau dữ dội. Cùng ngày hôm đó một sĩ quan trong triều tới thăm ông, bảo người nhà kể lại những chi tiết về cái chết của bạn ông. Nghe xong ông yêu cầu ông chưởng lý Xanh Frây cho mổ tử thi xét nghiệm. Một giờ sau tên đầy tớ Jooc biến mất, không nói với ai và cũng chẳng đòi tiền công. Những hoài nghi lại tăng lên, nhưng cũng chỉ mơ hồ. Cuộc mổ xẻ chỉ nêu lên được những hiện tượng thông thường, không có gì cụ thể về một vụ đầu độc, chỉ có bộ ruột mà chất độc chưa đủ thì giờ phá hủy như trường hợp ba cha con ông Đôbray bị những nốt đỏ như rận cắn.

Tháng sáu năm 1669, Pênôtê nhận nhiệm vụ của ông Xanh Lôrăng quá cố.

Tuy nhiên, tin đồn về những vụ chết đột ngột lạ lùng lan tràn khắp Pari làm dân chúng khiếp sợ. Xanhcroa vẫn cứ hào hoa phong nhã. Hắn nghe được những lời đồn đại ấy trong các phòng khách mà hắn tham gia và có phần lo lắng. Tuy chưa có một mối hoài nghi nào đối với hắn, nhưng đề phòng vẫn là hơn. Hắn nghĩ đến một địa vị cần phải có để tránh nỗi lo âu ấy. Có một vị trí bên cạnh đức vua sắp sửa bị khuyết, nó phải tốn đến trăm nghìn êcu. Như chúng tôi đã nói, Xanhcroa chẳng có một nguồn tài chính nào, nhưng người ta lại đồn hắn sẽ mua vị trí ấy.

Hắn bèn cầu cạnh đến Pênôtê, nhưng vấn đề gặp phải một số khó khăn về phía Pênôtê. Món tiền lớn quá, vả lại Pênôtê cũng chẳng cần gì đến Xanhcroa nữa, hắn liền thẳng tay từ chối.

Xanhcroa liền về nhà nghiên cứu một thứ thuốc độc rất nhậy, chỉ cần ngửi phải hơi của nó cũng đủ chết người. Hắn đã nghe nói đến chiếc khăn tay tẩm thuốc độc mà người anh cả của Saclơ VII đã dùng lau tay trong một ván chơi cầu và đã bị chết. Những câu chuyện kể về những chiếc găng tay của Jan Đanbret, những bí mật đó đã mất đi rồi nhưng Xanhcroa vẫn hy vọng sẽ tìm được.

Chính do đó mà đã xẩy ra những hiện tượng lạ lùng, không phải là một tai nạn tình cờ, mà hình như là một sự trừng phạt của Thượng đế. Lúc Xanhcroa cúi đầu vào trong lò để nhìn liều thuốc đang đi đến độ đậm đặc nhất thì chiếc mặt nạ bằng thủy tinh mà hắn dùng để bịt mặt phòng tránh hơi thuốc xông lên bỗng rơi ra làm Xanhcroa ngã bổ nhào như bị sét đánh.

Tới giờ ăn, vợ hắn không thấy chồng ra, bèn tới phòng làm việc của hắn gõ cửa, chẳng thấy trả lời. Bà gọi các gia nhân tới phá cửa, mọi người nhìn thấy Xanhcroa nằm chết thẳng cẳng bên cạnh lò, chiếc mặt nạ thủy tinh vỡ tan nằm bên cạnh hắn.

Không thể nào che mắt được mọi người trường hợp cái chết lạ lùng và bất ngờ này. Những gia nhân đã trông thấy xác chết có thể sẽ tố cáo. Ông chánh cẩm Pica cho niêm phong phòng làm việc và người vợ góa của Xanhcroa chỉ có thể thủ tiêu được cái lò và chiếc mặt nạ thuỷ tinh vỡ.

Chẳng bao lâu sự kiện đó lan ra khắp thủ đô Pari. Xanhcroa rất được mọi người biết đến, và tin hắn sắp mua một chức vụ trong triều lại càng làm hắn nổi danh. Lasôtxê là người đầu tiên biết về số phận của chủ hắn và biết rằng người ta đã niêm phong phòng làm việc, hắn liền viết một tờ kháng cáo.

Ngay khi được tin về vụ này, mụ hầu tước Branhviliê là người biết rất rõ những điều bí mật trong căn buồng làm việc ấy, mụ vội chạy ngay đến nhà ông chánh cẩm. Mặc dù lúc bấy giờ đã mười giờ đêm, mụ cũng cứ yêu cầu được gặp ông. Nhưng khi được người hầu của ông là Pie trả lời ông chủ đã ngủ, mụ khẩn khoản đề nghị đánh thức ông dậy để mụ xin một chiếc hòm con riêng mụ gửi trong phòng làm việc của Xanhcroa mà mụ không muốn nó phải mở ra trước mặt mọi người. Một lát sau người hầu lại đi xuống trả lời điều đó không thể được vì ông chủ đã ngủ rồi. Mụ Branhviliê thấy có nài cũng vô ích đành rút lui và hẹn hôm sau sẽ cho người đến lấy. Quả nhiên sáng hôm sau người đó đến và nhân danh mụ hầu tước xin biếu ông chánh cẩm năm mươi đồng Luy nếu ông trả cho cái hòm. Nhưng ông chánh đáp lại hòm đó đã niêm phong rồi và nó sẽ được công khai mở ra. Nếu đồ vật bên trong quả là của mụ hầu tước, nó sẽ được trả cho mụ một cách nguyên vẹn.

Câu trả lời đó là một đòn sét đánh đối với mụ hầu tước. Không thể chậm trễ nữa, ngay buổi tối hôm đó mụ bỏ đi, lên xe đi Liejơ. Hai hôm sau tới nơi, mụ vào một nhà tu kín.

Người ta niêm phong phòng làm việc của Xanhcroa ngày 31 tháng 7 năm 1672 và bóc niêm phong ngày 8 tháng 8 năm 1672. Ông chánh Pica trực tiếp mở cửa. Một cuộn giấy nhỏ rơi xuống, bên ngoài có đề mấy chữ "Bản sám hối của tôi". Tất cả những người có mặt ở đấy đều chưa có một lý do gì để coi Xanhcroa là kẻ có tội. Mọi người đều quyết định không đọc tập giấy đó. Người thay mặt ông chưởng lý được hỏi ý kiến cũng tán thành. Thế là bản sám hối của Xanhcroa được đem đốt đi ngay.

Sự việc thuộc về lương tâm đó thực hiện xong, người ta bắt đầu kiểm kê. Một trong những vật đầu tiên làm các nhà chức trách phải chú ý là chiếc hòm nhỏ mà mụ Branhviliê yêu cầu rất khẩn khoản, do đó người ta mở nó trước để xem bên trong có những gì. Chúng tôi xin để cho tờ biên bản nói lên vì không có gì mạnh mẽ và ghê gớm bằng những giấy tờ chính thức.

"Trong buồng làm việc của Xanhcroa có một chiếc hòm nhỏ hình vuông một piê, mở nắp ra thấy một tờ giấy, phía góc trên đề chữ "Di chúc của tôi" với những dòng chữ sau:

"Tôi trân trọng đề nghị tất cả những ông bà nào thấy cái hòm này, tự tay đem trao trả nó tận tay bà hầu tước Branhviliê ở phố Xanhpôn mới, vì tất cả các thứ đựng bên trong đều là của bà ấy cả. Vả lại chúng cũng không có tác dụng gì đối với bất cứ ai. Trong trường hợp bà ấy chết trước tôi, đề nghị đem thiêu hủy nó cùng với tất cả các thứ bên trong và không mở ra.

"Làm tại Pari ngày 25 tháng 5 năm 1672.

"Ký tên: Xanhcroa."

"Và phía dưới có viết hàng chữ sau:

"Chỉ có một cái gói đề tên ông Pênôtê là gửi cho ông ấy …"

Người ta cũng hiểu rằng một sự mở đầu như vậy chỉ làm tăng thêm lòng hiếu kỳ của mọi người. Những lời bàn tán nổi lên, rồi yên lặng trở lại. Tờ biên bản tiếp tục như sau:

"Có một cái gói đóng tám dấu ấn khác nhau, trên đó viết:

"Trường hợp tôi chết, những giấy tờ này cần phải đốt đi, nó không có tác dụng gì đối với ai cả. Tôi khẩn khoản đề nghị những ai mà nó rơi vào tay, phải đốt nó đi ngay và nhất thiết không mở nó ra. Trong đó có chứa hai liều thuốc bột."

"Một gói nữa niêm phong chín dấu ấn khác nhau, trên đó cũng ghi dòng chữ như gói trên, trong gói có chứa một liều thuốc bột khác nặng nửa livrơ.

"Một gói nữa niêm phong sáu dấu ấn khác nhau, trên đó cũng viết dòng chữ như vậy. Trong đó chứa ba gói nhỏ: một gói đựng nửa ôngxơ thuốc bột, gói khác

đựng hai ôngxơ chất lưu toan la mã, và gói thứ ba chất lưu toan nung khô.

"Trong hòm có một cái chai to hình vuông đầy nước trong mà theo nhận xét của thầy thuốc Morô thì cần phải đem xét nghiệm mới biết được là chất gì.

"Một cái chai nữa chừng nửa lít nước trong, dưới đáy có lắng cặn trắng. Ông Morô cũng nói như với chai trên.

"Một cái lọ bằng sứ trong đựng hai ba viên thuốc phiện.

"Một tờ giấy gấp lại, trong đựng một thứ thuốc ăn mòn bằng bột.

"Thêm nữa, một chiếc hộp nhỏ, đựng một hòn đá có tên là đá địa ngục.

"Thêm nữa, một tờ giấy gói một ít thuốc phiện."Thêm nữa, một cục ăngtimoan.

"Thêm nữa, một gói bột trên viết mấy chữ "Để cầm máu cho phụ nữ". Ông Morô nói là hoa và nụ cây mộc qua phơi khô.

"Ngoài các vật nói trên, người ta còn thấy có hai tờ phiếu trả tiền cho người mang nó, một phiếu của bà hầu tước Branhviliê, cái kia của Pênôtê. Cái thứ nhất với số tiền là ba mươi nghìn frăng, cái thứ hai mười nghìn. Cái thì trùng với thời gian ông Đôbray chết, cái thì với cái chết của ông Xanh Lôrăng. Sự chênh lệch giữa hai món tiền cho thấy Xanhcroa có một bảng giá: giá một vụ giết cha đắt hơn giá một vụ ám sát người thường."

Như vậy là khi chết, Xanhcroa di tặng lại những món thuốc độc của mình cho nhân tình và cho bạn. Trong quá khứ nó thấy chưa gây đủ tội ác, nó còn muốn đồng lõa với những kẻ gây tội ác trong tương lai.

Công việc đầu tiên của các nhà chức trách là đưa cho phân tích các chất đó và thí nghiệm lên trên các loài vật. Kết quả cho thấy Xanhcroa là một nhà hóa học sâu sắc, đồng thời cũng làm cho người ta nghĩ rằng hắn lao vào những công cuộc nghiên cứu đó không vụ lợi sao? Người ta liền nhớ đến những vụ chết bí hiểm và đột ngột, đến những tờ ngân phiếu của mụ hầu tước Branhviliê và của Pênôtê như những món tiền trả cho máu. Nhưng vì mụ kia vắng mặt, gã này giầu, có thần thế, không thể bắt mà không có chứng cứ cụ thể. Người ta liền nhớ đến tờ kháng cáo của Lasôtxê.

Trong tờ kháng cáo đó nói rằng Lasôtxê đã làm việc với Xanhcroa trong bảy năm liền, vậy thì thời kỳ Lasôtxê chuyển sang làm việc với ông Đôbray không thể coi là gián đoạn được. Cái túi đựng một nghìn đồng pittôn và ba tờ ngân phiếu mỗi tờ một trăm livrơ được tìm thấy ở nơi tờ kháng cáo đã ghi, vậy là Lasôtxê biết rất rõ mọi chỗ trong phòng. Nếu hắn biết phòng đó hắn phải biết cái hòm, hắn không thể vô tội được.

Những chứng cứ đó đủ để bà góa Đôbray phát đơn kiện hắn. Lasôtxê bị bắt và người ta khám thấy trong người hắn có chứa thuốc độc. Hắn chối cãi kịch liệt. Người ta phải đem hắn ra tra tấn kiểu "đi ủng", nghĩa là mỗi chân bị kẹp vào hai

tấm ván rồi ghép vào với nhau bởi một vòng sắt, rồi đóng những cái nêm vào giữa hai tấm ván ở giữa, thông thường thì bốn cái nêm, còn đặc biệt là tám cái.

Đến cái thứ ba, Lasôtxê xin được nói. Người ta tháo kẹp ra, khiêng hắn để lên một cái nệm ở gần phòng. Vì hắn quá yếu, hắn xin phép được nghỉ nửa giờ trước khi khai. Sau đây là trích trong biên bản lời khai của hắn:

"… Hắn khai hắn có tội, Xanhcroa đã bảo hắn bà Branhviliê sẽ đưa cho hắn thuốc độc để đầu độc các anh bà. Hắn đã bỏ thuốc độc đó vào cốc nước và bát xúp của hai anh em ông Đôbray…"

Trong khi đó, mụ hầu tước Branhviliê vẫn ở Liezơ. Mặc dù mụ đã vào tu viện, mụ vẫn không dứt bỏ được thói giao du của mụ được. Xanhcroa mà mụ đã yêu say đắm như thế tưởng có thể chết được vì hắn, thế mà hắn chết chưa ráo mồ, mụ đã tìm được kẻ kế tục hắn tên là Tiêra mà chúng tôi không có một chút tài liệu nào ngoài cái tên được nhắc nhiều lần trong bản án.

Như người ta đã thấy, mọi tội lỗi đều lần lượt rơi xuống đầu mụ, do đó người ta quyết định truy đuổi mụ cho đến tận nơi trú ẩn mà mụ coi là an toàn.

Nhiệm vụ đó khá là khó khăn và nhất là tế nhị nữa. Một sĩ quan cảnh sát đứng ra nhận nhiệm vụ đó. Tên anh ta là Đờgrê, một thanh niên đẹp trai trạc ba mươi nhăm tuổi. Đờgrê đi đến Liezơ cùng với một tốp lính, kèm theo một bức thư của vua Luy XIV gửi Hội đồng thành phố yêu cầu giao tội nhân đem về trừng trị. Sau khi đã xem xét thủ tục tố tụng mà Đờgrê đã cẩn thận mang theo, Hội đồng chuẩn y giao trả mụ hầu tước.

Đờgrê mặc một bộ quần áo giáo sĩ để tránh mọi cặp mắt tò mò nghi kỵ. Anh đến cửa tu viện với danh nghĩa một đồng bào từ La Mã đến, không muốn đi qua thành phố Lie mà không đến chào một phụ nữ lừng danh về sắc đẹp và về những nỗi đau khổ như bà hầu tước Branhviliê. Đờgrê có tất cả những điệu bộ của một chàng công tử con nhà khá giả, hấp dẫn như một anh lính ngự lâm. Trong buổi gặp gỡ đầu tiên, Đờgrê tỏ ra có duyên và vừa thông minh vừa bướng bỉnh, đến nỗi anh được chấp nhận ngay một cách dễ dàng cuộc gặp gỡ thứ hai.

Cuộc gặp gỡ này không phải chờ lâu, ngay ngày hôm sau Đờgrê lại đến. Một kiểu vội vã như vậy chỉ đem lại khoái trá cho mụ hầu tước, do đó Đờgrê được đón tiếp nồng nhiệt hơn hôm trước. Là một phụ nữ có tài trí và có tư cách, bị thiếu thốn mọi quan hệ với nhiều người trong một số giới, mụ hầu tước thấy lại ở Đờgrê những tập quán của con người Pari. Buồn thay viên giáo sĩ đáng yêu ấy lại sắp từ biệt Lie trong vài ngày nữa, cần phải tranh thủ. Và cuộc đến thăm ngày hôm sau mang đủ hình thức một cuộc hẹn hò.

Đờgrê đến đúng hẹn, mụ hầu tước đang nóng lòng đợi anh. Nhưng một cuộc gặp gỡ vì tình như vậy, đôi ba khi bị có người đến quấy phá thì bực mình biết bao. Do đó Đờgrê cố tình phàn nàn về sự phiền phức ấy. Vả lại nó cũng tổn hại đến danh dự của hai người. Chàng cần phải giữ gìn cho bộ áo chàng mặc. Thế là

anh liền đề nghị mụ hầu tước chấp nhận cho anh một cuộc hẹn hò ở ngoài thành phố, trong một công viên vắng vẻ để không bị ai nhận ra và theo dõi. Mụ hầu tước cũng tự vệ đủ mức để tăng giá trị cho sự nhận lời của mình và cuộc hẹn hò được ấn định vào ngay buổi tối hôm đó.

Buổi tối đến, cả hai đều sốt ruột chờ đợi nó, nhưng mỗi người một hy vọng khác nhau. Mụ hầu tước gặp Đờgrê tại nơi qui định, Đờgrê dang rộng hai cánh tay ra đón mụ. Rồi khi mụ đã ở gọn trong tay anh, anh làm một dấu hiệu, một nhóm lính xuất hiện. Người tình liền tự lột mặt nạ và Đờgrê tự giới thiệu. Thế là mụ hầu tước Branhviliê bị tóm gọn.

Đờgrê để bọn lính giữ mụ hầu tước, còn anh đi vội đến tu viện. Lúc đó anh mới đưa lệnh của Hội đồng ra và anh bảo mở cửa buồng mụ hầu tước. Anh tìm thấy dưới gầm giường một chiếc hòm con, anh giữ lấy và đóng dấu niêm phong. Rồi anh lại đến chỗ mụ bị giữ và ra lệnh lên đường.

Mụ hầu tước trong thấy chiếc hòm con của mình trong tay Đờgrê, lúc đầu mụ tỏ ra rất hoảng sợ, sau đó mụ đề nghị cho xin lại một tờ giấy trong đó mụ đã viết những lời sám hối của mụ. Đờgrê từ chối. Nhân lúc anh quay đi để ra lệnh cho xe tiến lên, mụ định tự tử bằng cách nuốt một chiếc đanh ghim. Nhưng một người lính trông thấy nên giằng được từ tay mụ ra. Đờgrê lập tức lệnh tăng cường cảnh giác đối với mụ.

Có một lúc làm ra vẻ uống nước, mụ Branhviliê đưa chiếc cốc lên môi, mụ liền cắn vỡ nó ra miệng và toan nuốt một mảnh, một người lính kịp thời trông thấy buộc mụ phải lè nó ra đĩa. Thế rồi mụ dỗ người lính đó nếu cứu thoát mụ, mụ sẽ cho nhiều tiền. Người lính đó hỏi mụ muốn thế phải làm thế nào, mụ bảo cắt cổ Đờgrê. Nhưng anh ta từ chối và nói rằng dẫu sao mình cũng là cấp dưới. Thấy thế mụ liền đề nghị cho mượn một cái bút chì và cho xin một mẩu giấy. Mụ viết mấy dòng như sau: "Anh Tiêra thân mến, em bị Đờgrê bắt và giải từ Lie về Pari. Xin anh mau mau đến cứu em ngay!"

Mẩu thư và hứa sẽ gửi tới địa chỉ, nhưng anh đem nộp cho Đờgrê.

Ngày hôm sau, chắc hẳn nghĩ rằng mẩu thư đó chưa được tác dụng lắm, mụ viết một bức thư thứ hai trong đó nói rằng đoàn hộ tống mụ gồm có tám người, ba bốn dũng sĩ cũng đủ đánh bại. Mụ rất trong cậy vào hắn.

Cuối cùng không thấy có trả lời và hiệu quả của hai bức thư, mụ gửi một bức thứ ba cho Tiêra. Lần này mụ gửi hồn mụ cho hắn. Nếu hắn không có đủ sức mạnh để tấn công đoàn hộ tống giải thoát cho mụ, thì ít ra hắn cũng giết được ba bốn con ngựa và nhân lúc hỗn loạn phải cướp cho được chiếc hòm con của mụ và ném nó vào lửa. Nếu không được như thế thì mụ đến chết mất.

Mặc dù Tiêra không nhận được bức thư nào của mụ cả vì chúng lần lượt rơi vào tay Đờgrê, hắn cũng tự động đến đợi ở Macttrich là nơi đoàn hộ tống đi qua.

Hắn tìm cách mua chuộc những người lính, hứa cho chúng chục ngàn livrơ, nhưng chẳng ăn thua gì.

Tới Rôcroay, đoàn áp giải gặp ông cố vấn Palco, ông được Quốc hội phái tới để bất thần hỏi cung tù nhân. Như vậy mụ không kịp thì giờ để tính toán cách trả lời. Đờgrê liền báo cáo tất cả sự việc đã xẩy ra và nộp cho ông chiếc hòm con trứ danh ấy. Ông cố vấn mở hòm ra, giữa các vật khác ông thấy một tờ giấy đề chữ "Bản sám hối của tôi."

Như người ta đã thấy, Xanhcroa đã viết một bản sám hối và đã bị thiêu hủy. Nay đến lượt mụ hầu tước Branhviliê cũng mắc phải lỗi khinh suất ấy. Bản sám hối của mụ gồm bảy mục và bắt đầu bằng dòng chữ như sau:

"Tôi thú tội với Chúa và với cha tôi". Đó là một bản thú nhận đầy đủ những tội ác mụ đã phạm phải.

Mục thứ nhất: đã gây ra một tội đốt nhà.

Mục thứ hai: đã mất trinh hồi mới bảy tuổi.

Mục thứ ba: đã đầu độc giết cha.

Mục thứ tư: đã đầu độc giết hai anh ruột.

Mục thứ năm: đã có ý định giết em gái là tu sĩ ở viện Cacmêlit.

Các mục khác dành cho những chuyện trụy lạc lạ lùng và kinh tởm. Trong con người người phụ nữ xinh đẹp đó, đồng thời có cả Lôquyt và Metxalin[433]. Từ xưa tới nay chưa có người đàn bà nào như mụ.

Lập tức ông Paluô mở ngay cuộc xét hỏi. Cũng vẫn may mắn cho chúng tôi khi có được những tờ biên bản thay cho câu chuyện.

-Hỏi: Tại sao chạy trốn đến Lie?

-Trả lời: Rút ra khỏi nước Pháp vì có việc với người chị em chồng.

-Hỏi: Mụ có biết những giấy tờ để trong hòm nhỏ không?

-Đáp: Trong hòm có nhiều giấy tờ của gia đình mụ. Trong những giấy tờ ấy có một bản sám hối do mụ viết, nhưng đến khi viết thì tâm trí bị rối loạn không biết đã viết gì, đã làm gì, đầu óc bị điên rồ, thấy mình ở trong những xứ sở xa lạ, không có viện trợ của gia đình, phải đi vay từng đồng êcu một.

-Hỏi: Về mục thứ nhất trong bản sám hối, mụ đã đốt nhà nào.

-Đáp: Không làm việc ấy, lúc viết tâm trí bị rối loạn.

-Hỏi: Sáu mục khác trong bản sám hối.

-Đáp: Không biết gì cả và cũng không nhớ gì cả.

-Hỏi: Mụ có đầu độc giết cha và anh không?

-Đáp: Không biết gì về vấn đề đó.

-Hỏi: Có phải Lasôtxê đã đầu độc hai anh mụ.

-Đáp: Không biết gì về vấn đề đó.

-Hỏi: Mụ không biết rằng em gái mụ không còn sống được lâu nữa vì đã bị đầu độc.

-Đáp: Mụ đề phòng em gái mụ cũng sẽ là chướng ngại vật như hai người anh, mụ đã mất cả trí nhớ lúc viết bản sám hối, thú nhận đã ra khỏi đất Pháp theo những lời khuyên của họ hàng.

-Hỏi: Tại sao những lời khuyên đó lại là của những người họ hàng.

Đáp: Do nguyên nhân những vấn đề của các ông anh. Thú nhận có gặp Xanhcroa lúc hắn được ra khỏi ngục Basti.

-Hỏi: Xanhcroa có dụ dỗ mụ giết cha không?

-Đáp: Không nhớ nữa, không nhớ cả việc có đưa cho mụ thuốc bột và thuốc khác, cũng không nhớ cả việc Xanhcroa đã nói hắn biết cách làm cho mụ trở nên giầu có.

-Hỏi: Tại sao mụ lại phải cầu cứu Tiêra để cướp cái hòm của mụ.

-Đáp: Mụ không hiểu đó là vấn đề gì.

-Hỏi: Tại sao viết cho Tiêra lại nói là mụ sẽ chết mất nếu không cướp chiếc hòm của mụ.

-Đáp: Không nhớ gì cả.

-Hỏi: Trong chuyến đi về Opfêmông mụ có nhận thấy những triệu chứng đầu tiên về bệnh tật của cha mẹ không?

-Đáp: Không nhận thấy cha mình bị bệnh năm 1666 trong chuyến du hành đi Opfêmông cả chuyến đi lẫn chuyến về.

-Hỏi: Có quan hệ buôn bán gì với Pênôtê không?

-Đáp: Chỉ quan hệ với hắn về món tiền ba chục ngàn livrơ thôi.

-Hỏi: Tại sao Pênôtê lại nợ món tiền ba chục ngàn livrơ.

-Đáp: Hai vợ chồng đã cho hắn vay mười ngàn êcu và hắn đã trả món tiền đó. Sau khi trả xong không còn quan hệ với Pênôtê nữa.

Mụ hầu tước Branhviliê thu mình vào trong một sự hoàn toàn phủ nhận. Tới Pari bị nhốt trong nhà giam, mụ vẫn tiếp tục như thế. Nhưng chẳng bao lâu, để thêm vào những chứng cớ ghê gớm ấy, lại có những bằng chứng mới.

-Cô gái Etmê Huyê khai: Ngày nào cũng thấy Xanhcroa đến nhà Branhviliê. Trong một hòm nhỏ của bà ấy, cô trong thấy hai cái hộp con chứa thuốc bột và thuốc nhão. Điều đó cô biết rõ vì cô là con nhà bào chế. Cô còn khai thêm: bà Branhviliê ăn bữa trưa ở nhà cô. Bà rất vui vẻ, bà đưa cô xem một chiếc hộp con và nói với cô: "Đây là thứ để báo thù, nó tuy nhỏ nhưng lại đầy những thừa tự". Bà mân mê chiếc hộp trong tay, nhưng rồi bỗng nhiên như bừng tỉnh, bà kêu lên: "Trời ơi! Ta vừa nói gì với em vậy? Em đừng nhắc lại với bất cứ ai nhé!"

Lôrăng làm việc tại nhà báo chế khai: Anh thường gặp một bà do Xanhcroa dẫn đến nhà chủ anh, một người đầy tớ bảo anh đó là hầu tước Branhviliê và hắn còn đánh cuộc với anh là họ đến để bào chế thuốc độc. Khi đến, họ để xe ngựa tại hội chợ Xanh Giec Manh.

Mary, người hầu phòng của mụ Branhviliê khai: Từ sau cái chết của ông cố vấn Đôbray, Lasôtxê thường lui tới nhà Branhviliê và hai người thì thầm riêng với nhau. Branhviliê có nói với chị rằng bà ấy đã làm chết nhiều người lương thiện và hằng ngày hắn vẫn phải dùng một ít thuốc linh tinh vì sợ bị lây chất độc, và có lẽ vì cẩn thận như vậy nên đến bây giờ vẫn còn sống được, nhưng lại sợ bị đâm chết vì bà chủ đã nói cho hắn bí mật của mình về đầu độc.

Đờgrê sĩ quan cảnh sát khai: chấp hành chỉ thị của vua, anh đã bắt giữ mụ Branhviliê ở tỉnh Lie. Anh đã tìm thấy dưới gầm giường của mụ một chiếc hòm nhỏ, anh đã niêm phong lại. Mụ khẩn khoản đòi lại anh một tờ giấy ở trong đó là bản sám hối của mụ. Nhưng anh đã từ chối. Trên dọc đường về Pari, mụ đã nói với anh là mụ cho rằng chính Clase đã cung cấp thuốc độc cho Xanhcroa, rằng một hôm Xanhcroa đã nói với mụ đến Xanh Onôrê, hắn sẽ cho mụ xem bốn cái chai và nói: "Clase đã gửi cho tôi những thứ này đây". Mụ hỏi xin một chai, hắn đáp thà chết còn hơn cho mụ. Còn khai thêm người lính Angtoan đã nộp cho anh ba bức thư của mụ Branhviliê viết gửi cho Tiera.

Sau cùng Frăngxoa Rutxen khai: chị là người hầu của mụ Branhviliê. Một hôm mụ đã cho chị ăn mứt mận. Sau khi ăn xong thấy khó chịu ngay. Mụ lại còn cho chị ăn thêm một lát Jămbông, từ đó chị bị đau dạ dày nặng. Chị cảm thấy như bị người ta châm vào tim mình. Đã ba năm nay như vậy, chị nghĩ rằng mình cũng bị đầu độc.

Thật là khó mà cứ tiếp tục phủ nhận như thế mãi trước những bằng chứng cụ thể như vậy, thế mà mụ Branhviliê vẫn cứ ngoan cố mãi là mụ không có tội. Một vị trạng sư nổi danh thời bấy giờ, tên là Niven nhận cãi cho mụ.

Trạng sư Niven đã phá lần lượt từng bằng chứng một. Ông công nhận những vụ tình ái đồi trụy giữa Xanhcroa và Branhviliê nhưng ông phủ nhận sự tham gia của mụ vào những vụ giết người đầu độc mấy cha con ông Đơbray, và ông qui những tội đó vào Xanhcroa vì hắn muốn trả thù. Còn về bản sám hối là bằng chứng mạnh nhất và theo ông độc nhất mà người ta có thể kết tội mụ hầu tước, ông tấn công vào sự hữu hiệu của một bằng chứng như vậy bằng những sự việc thực tế trong những trường hợp tương tự, trong đó bằng chứng tố cáo không được công nhận căn cứ vào pháp chế của câu thành ngữ "Non audutur perire volema". Ông kể ra hai ví dụ mà chúng tôi xin chép nguyên văn như sau: -Ví dụ thứ nhất: Đôminicut Xôtô là một nhà thông thạo kinh điển và rất giỏi về thần học. Ông là một giáo sĩ nghe xưng tội của Saclơ Canh và là người đã dự những buổi đầu tiên của Hội nghị Tôn giáo Trăngtơ dưới thời Pôn III, ông trình bày vấn đề về việc một người đánh mất một tờ giấy trong đó viết bản sám hối của mình. Có một vị quan tòa của Giáo hội tìm thấy tờ giấy đó, ông muốn dựa vào đấy để điều tra về người đã viết ra nó. Vị quan tòa ấy bị cấp trên trừng phạt, lý do vì bản

sám hối là thiêng liêng mà ngay cả người viết ra nó cũng phải chôn nó vào trong im lặng vĩnh cửu.

-Ví dụ thứ hai: Vào năm 1579, có một người chủ quán một mình giết chết một người lạ mặt. Cả nhà không ai hay biết gì. Hắn đem chôn xác nạn nhân xuống dưới hầm nhà. Tên sát nhân bị lương tâm giày vò, hắn phải xưng tội về vụ ám sát, vạch rõ cảnh ngộ và nói rõ nơi chôn giấu xác với giáo sĩ nghe xưng tội. Gia đình người bị chết, sau khi lùng kiếm khắp nơi mà không được tin tức gì bèn thông báo ở ngoài tỉnh sẽ thưởng một món tiền lớn cho người nào phát hiện được tung tích.

Bị món tiền thưởng quá lớn quyến rũ, vị giáo sĩ đã nghe xưng tội báo tin cho gia đình biết điều bí mật. Theo lời chỉ dẫn, gia đình tìm thấy xác. Tên chủ quán bị tống giam, bị tra tấn và phải thú nhận tội lỗi. Nhưng trong lời thú hắn khẳng định là chỉ có giáo sĩ nghe xưng tội mới biết được việc này và đã phản hắn.

Thế là Nghị viện nổi giận về con đường đã đi để tìm thấy sự thật, tuyên bố tên chủ quán vô tội cho đến khi nào người ta tìm được những bằng chứng khác ngoài sự tố cáo của giáo sĩ nghe xưng tội. Còn vị giáo sĩ này bị kết án treo cổ và xác bị ném vào lửa.

Mặc dù ảnh hưởng mà trạng sư chờ đợi ở hai câu chuyện ví dụ ấy, hoặc là các vị quan tòa phủ nhận chúng, hoặc là ngoài bản sám hối còn có đủ những bằng chứng khác, mọi người đều thấy rõ mụ hầu tước Branhviliê sẽ bị xử tội.

Đúng như vậy, ít lâu sau mụ bị gọi đến lấy khẩu cung. Bắt đầu người ta đặt những câu hỏi lâu đến năm giờ, mụ hầu tước chối không có ai là đồng bọn và xác nhận mụ không biết gì về pha chế thuốc độc. Rồi cuộc lấy khẩu cung chấm dứt, các vị tòa thấy không moi thêm được gì khác ở mụ, bèn ký trát tống giam.

Mụ nghe đọc trát không chút sợ hãi và mềm yếu. Nghe đọc xong, mụ nói: -Thưa ông lục sự, xin ông làm ơn đọc lại cho. Sự việc nó đến đột ngột quá làm cho tôi không còn nghe được đoạn sau nữa.

Ông lục sự đọc lại tờ lệnh và mụ biết rằng từ giờ phút này mụ thuộc về người thừa hành. Mụ nhận ngay ra người đó vì thấy tay cầm sợi dây thừng. Lập tức mụ chìa tay ra và lạnh lùng nhìn người đó từ đầu đến chân không nói một lời. Rồi các vị tòa rút lui dần từng người một, và lúc đi ra để lộ dần những dụng cụ tra tấn. Mụ hầu tước đưa cặp mắt rắn đanh nhìn những cái giá, cái vòng khiếp đảm kia đã từng làm giãn căng biết bao cánh tay, thốt ra biết bao tiếng thét. Rồi khi nhìn thấy ba xô nước dành cho mình, mụ quay lại phía viên lục sự, chứ không muốn nói với người đao phủ, mỉm cười nói.

-Thưa ông, muốn cho tôi chết đuối hay sao mà các ông tập trung lắm nước thế kia! Vì với thân hình của tôi như thế này nuốt làm sao hết chỗ nước đó?

Người đao phủ không trả lời, bắt đầu lột áo khoác của mụ rồi lần lượt tất cả các áo khác cho đến khi mụ hoàn toàn trần truồng rồi đưa mụ đến sát tường, cho

mụ ngồi lên một cái giá, dụng cụ tra tấn bình thường, chỉ cao chừng hai piê.

Đến đây người ta hỏi mụ tên những đồng bọn và thuốc độc là những loại gì. Mụ trả lời có gì mụ đã nói hết rồi và chỉ nói thêm: -Nếu các ông không tin ở những lời tôi nói thì thân thể tôi ở trong tay các ông, tha hồ các ông hành hạ.

Thấy trả lời như vậy, viên lục sự ra hiệu cho người đao phủ làm việc. Hắn bắt đầu buộc hai chân mụ vào hai vòng sắt đóng sát nhau dưới sàn trước mặt mụ rồi bắt mụ ngửa người về đằng sau và buộc hai tay mụ vào hai cái vòng sắt đóng ở tường, cái nọ cách cái kia gần ba piê. Như vậy chân và đầu ở độ cao bằng nhau, còn thân mình bị cái giá gỗ tạo thành một hình cong như nằm ngửa trên cái vành bánh xe. Để làm cho tứ chi căng thêm ra nữa, người đao phủ chỉ việc quay cái tay quay hai vòng làm cho hai chân xích lại cái vòng gần thêm.

Tới đây chúng tôi lại chép nguyên văn tờ biên bản. Trên giá gỗ, trong khi bị kéo căng, mụ kêu lên nhiều lần: -Trời ơi! Tôi đã nói hết sự thật rồi, vậy mà người ta còn giết tôi!

Dòng nước vào mồm, mụ quằn quại và nói những câu sau: -Các ông giết tôi mất thôi!

Thét bảo mụ khai tên đồng bọn, mụ trả lời không có ai khác ngoài một người mà mười năm về trước đã xin mụ thuốc độc để giết vợ, nhưng người đó đã chết.

Lại tọng nước, hơi cựa quậy và quằn quại nhưng không muốn nói.

Lại tọng nước, hơi cựa quậy và quằn quại nhưng rõ ràng là không muốn nói.

Lại tọng nước nữa, quằn quại mạnh, nhưng chỉ nói về vấn đề đó đã nói hết rồi, nếu nói thêm nữa chỉ làm lương tâm cắn rứt.

Kiểu tra tấn thông thường đã hết cách, mụ hầu tước đã phải nuốt một nửa số nước mà mụ đã cho là đủ để làm mụ chết đuối. Người đao phủ ngừng lại để chuyển sang kiểu đặc biệt. Hắn thay cái giá con bằng cái cao hơn một piê nữa làm cho thân hình phải cong thêm, tay chân căng thêm đến mức dây thừng siết vào cổ tay và cổ chân làm bật máu. Cuộc tra tấn lại tiếp tục ngay, nó chỉ ngừng khi viên lục sự hỏi và phạm nhân trả lời. Còn những tiếng rên la thì hầu như không nghe thấy.

Trên cái giá cao và trong lúc kéo căng, mụ nhiều lần nói: -Lạy Chúa tôi! Các ông rứt đứt chân tay tôi ra mất rồi! Lạy Chúa! Xin Chúa hãy thương lấy con!

Nhiều lần thét hỏi, nhiều lần tọng nước thêm, cũng không moi được câu nào thêm.

Cuối cùng hết cách phải cởi trói mụ ra và đặt mụ ngồi vào gần lửa theo thường lệ.

…

Và sau đây là đoạn chót của câu chuyện lúc hành hình mụ hầu tước Branhviliê:

… Người đao phủ rút tấm ván ra và kéo mụ hầu tước ra khỏi xe bò. Hai người cùng đi về phía đoạn đầu đài. Mụ theo người đao phủ bước lên thang, lúc lên tới mặt bục mụ phải quì xuống. Người đao phủ lột mũ mụ ra, cắt tóc phía sau gáy và ở hai bên thái dương, bắt mụ phải quay đầu đi quay đầu lại, đôi khi hơi tàn nhẫn. Và mặc dù cuộc trang điểm ấy lâu chừng nửa giờ, mụ không hề thốt ra một lời kêu ca và chỉ biểu lộ nỗi đau đớn của mình bằng những giọt nước mắt âm thầm.

Cắt tóc xong hắn xé cổ áo mụ để lộ ra hai vai. Sau cùng hắn bịt mắt mụ và lấy tay nâng cằm mụ lên dặn phải giữ cho thẳng đầu. Mụ tuân theo tất cả không một chút phản đối, mụ vẫn cứ nghe những lời cầu nguyện của vị giáo sĩ và thỉnh thoảng cũng đọc theo. Trong lúc đó tên đao phủ nhìn xuống tấm áo khoác của hắn, nơi lộ ra chuôi một thanh kiếm dài mà hắn đã cẩn thẩn che kín không để cho phạm nhân trông thấy lúc theo hắn bước lên thang.

Rồi vị giáo sĩ nghe thấy một tiếng âm thầm và nặng nề như một tiếng chặt vào da thịt và tiếng cầu kinh ngưng bặt. Lưỡi dao đã đi quá nhanh đến nỗi giáo sĩ cũng không nhìn thấy ánh chớp của nó nữa. Ông cũng dừng lại, tóc dựng ngược lên, trán đẫm mồ hôi, ông tưởng tên đao phủ đã chém trượt vì ông không nhìn thấy đầu rơi và sẽ phải chém lại. Nhưng nỗi lo ấy chỉ rất ngắn, vì ngay lúc ấy cái đầu đã nghiêng về phía trái, trượt xuống vai rồi từ vai tuột xuống đằng sau, trong khi đó thân mình ngã về đằng trước.

Khi vị giáo sĩ đọc xong bài kinh, ông ngẩng đầu lên và nhìn thấy đằng trước mình là tên đao phủ đang chùi mặt, hắn nói với giáo sĩ: -Thưa cha, cha có thấy nhát chém ấy tuyệt không? Trong những trường hợp như thế này, con phải cầu cứu đến Chúa Trời và Chúa đã chứng giám cho con. Từ mấy ngày nay mụ đàn bà này cứ ám ảnh con mãi, nhưng con đã cầu kinh Misa sáu buổi và con đã cảm thấy tâm hồn và đôi cánh tay của con được vững vàng.

Nói xong hắn lục trong túi áo lấy ra một chai rượu, tu một hơi, rồi một tay cắp cái thây cụt còn mặc nguyên quần áo, tay kia xách cái đầu còn bịt mắt, hắn ném cả hai thứ ấy lên đống củi và châm lửa đốt.

Hôm sau, bà Xêvinhê nói, có nhiều người đi kiếm những chiếc xương của hầu tước Branhviliê, vì dân chúng đồn rằng mụ là Thánh.

TÌNH YÊU ĐỊNH MỆNH

§1. Lễ hội Lăngđi

Một buổi sáng rực rỡ giữa tháng sáu năm một nghìn năm trăm năm mươi chín, một đám đông ước từ ba đến bốn mươi nghìn người chen chúc đầy quảng trường Xanhtơ Giơnơvievơ.

Một người đàn ông vừa chân ướt chân ráo từ tỉnh lẻ tới, đột nhiên lọt vào giữa thành phố Xanh Giắc, vô cùng bối rối nghĩ rằng cái đám người thật đông đảo tụ tập trên địa điểm này của thủ đô nhằm mục đích gì.

Trời thật quang đãng: vậy không phải là buổi lễ rước thánh tích Giơnơvievơ như năm 1951 để cầu chấm dứt mưa.

Đêm trước, trời đã đổ mưa: vậy cũng không phải là lễ rước thánh tích Giơnơvievơ để cầu đảo như năm 1556.

Người ta cũng không hoảng loạn về chiến trận khốc liệt như thảm hoạ Xanh Căngtanh[434], vậy cũng không phải người ta diễu hành lễ rước thánh tích Giơnơvievơ để cầu Chúa phù hộ.

Rõ ràng là đông đảo dân chúng kéo nhau tập trung trên quảng trường tu viện cổ này để dự một lễ trọng.

Nhưng lễ trọng gì đây?

Không phải ngày lễ hội tôn giáo vì, dẫu ta có nhận thấy đây đó trong đám đông vài tấm áo tu sĩ nhưng những bộ áo đáng tôn kính này không đủ số lượng để đem cho lễ hội tính chất tôn giáo.

Cũng không phải ngày lễ hội của quân đội vì số quân nhân rất ít ỏi, vả lại họ không mang theo cả thương kiếm lẫn súng hoả mai.

Đây cũng không phải ngày lễ hội của giới quý tộc vì ta không thấy nhô khỏi đầu người những lá cờ nhỏ có đính huy hiệu của các quý tộc bay phơ phất hoặc những chiếc mũ có gắn những chòm lông của các lánh chúa.

Trong đám người đông nghẹt hàng ngàn màu sắc ấy, trà trộn quý tộc, thầy tu, kẻ cắp, thị dân, gái làng chơi, người già cả, những người làm trò ảo thuật, phù thuỷ, dân Bôhêmiêng, thợ thủ công, những ngừơi mang những vật vô giá trị, kẻ bán rượu bia; những người này cưỡi ngựa, những kẻ khác cưỡi lừa, cưỡi la, người ngồi xe ngựa (trong năm này người ta vừa sáng chế ra xe ngựa) thì số người đông đảo nhất đi đi lại lại, xô đẩy chen lấn nhau để đến được trung tâm quảng trường, theo chúng tôi là đám học sinh thuộc bốn quốc tịch: Êcôtxơ, Anh, Pháp, Ý.

Thật ra là thế này: đây là ngày thứ hai đầu tiên sau ngày lễ thánh Bacnabê (11-6) và chính là để đi tới lễ hội Lăngđi mà cả đám dân chúng đông đúc này đã tụ họp lại.

Có lẽ từ này thuộc ngôn ngữ thế kỉ thứ mười sáu không nói lên được điều gì với độc giả cả. Vậy chúng tôi xin giải thích về lễ hội Lăngđi là thế nào.

Xin độc giả thân mến hãy lưu ý! Chúng tôi xin nói về ngôn ngữ học, không hơn không kém một viện sỹ hàn lâm về tu từ và mĩ học.

Từ La tinh "indictum" có nghĩa là một ngày và một địa điểm được ấn định cho một cuộc hội họp nào đó của dân chúng. Chữ i trước hết được đổi thành ơ rồi thành a. Sau đó đáng lẽ người ta nói "anhddictum" thì lần lần người ta nói là "anhđich" rồi gọi lại là Lăngđi.

Tóm lại từ này có nghĩa là ngày giờ và địa điểm được ấn định cho một cuộc họp.

Vào thời Xaclơmanhơ, cứ mỗi năm một lần, ông vua người Đức này định đô ở Achxơ-La-Sapen lại cho những kẻ hành hương được nhìn thánh tích trong giáo đường.

Xaclơ nói những thánh tích này từ Achxơ về Pari và cứ mỗi năm một lần cho dân chúng được ngắm nhìn những thánh tích ấy trong một lễ hội được tổ chức tại đại lộ Xanh Đơnit.

Giới tăng lữ ở Pari rước những thánh tích tới đây và giám mục đến làm lễ ban phước cho dân chúng, nhưng đó là những phước như của cải tương lai hoặc hoa trái gần gặn: ông không có quyền ban phát chúng như ông muốn; còn giới tăng lữ ở Xanh Đơnit lại đòi hỏi chỉ họ mới có quyền ban phước trên đất đai của họ và lưu ý nghị viện Pari coi giám mục là kẻ tiếm quyền.

Sự vụ được tranh chấp quyết liệt và phe này kiện tụng phe kia thật hùng hổ đến nỗi nghị viện không còn biết phe nào trong hai phe có lý và trước vụ lộn xộn do họ gây ra đã có quyết định lầm lẫn là cho cả giám mục phe này lẫn tu sĩ phe kia đều được đặt chân đến lễ hội Lăngđi.

Riêng viện trưởng Viện đại học được hưởng những đặc ân đã công bố hằng năm, ông có quyền đến lễ hội Lăngđi vào ngày thứ hai trong tuần sau ngày lễ thánh Bacnabê để chọn giấy viết tại đây cho tất cả học trò của mình. Lệnh còn cấm các thương nhân đến lễ hội không được mua một tờ giấy nào trước khi ông viện trưởng đã mua đủ hàng cho ông.

Cuộc đi dạo này của Viện trưởng kéo dài trong nhiều ngày khơi gợi cho đám học sinh có ý nghĩ là đi theo ông: họ xin phép ông việc này. Họ được phép và kể từ lúc ấy, cuộc du ngoạn diễn ra hằng năm với tất cả vẻ trọng thể và hoa mĩ không tả xiết.

Các viên quản lí và học sinh cưỡi ngựa tập trung tại các quảng trường Giơnơvievơ để từ đây đi đến bãi cỏ lễ hội một cách trật tự. Đạo quân này đến địa điểm của họ khá yên tĩnh; nhưng một khi đến đây thì đoàn diễu hành nhận thấy, đến tiếp xúc với họ là tất cả mọi dân Bôhêmiêng, mọi kẻ phù thuỷ (vào thời này người ta tính ở Pari có tới ba mười nghìn), tất cả đám con gái và đàn bà mờ ám

(về bọn này chưa bao giờ có con số thống kê) ăn mặc quần áo con trai, mọi tiểu thư ở thung lũng tình yêu ở Xô-gaya, ở phố Fria-Măngten: một đạo quân thực sự có vẻ gì đó giống như một cuộc di dân lơn vào thế kỉ thứ tư, do sự khác biệt này mà các mụ này đáng lẽ là những kẻ man rợ lại là rất văn minh.

Đến bãi cỏ Xanh Đơnit, từng người dừng lại, xuống ngựa, lừa, là của mình; rũ bụi bám vào ủng, giày nếu là đi bộ, hoà mình vào đoàn người đáng kính mà họ tìm cách tạo ra những âm thanh ồn ã. Họ ngồi ăn dồi lợn hoặc dăm bông, ba tê; họ uống để kéo dài đôi má ửng hồng của các bà với số lượng kinh khủng, bình rượu vang trắng của mọi vùng dân lân cận như Xanh Đơnit, La Britxơ, Epinay-Lê-Xanh Đơnit, Acgiăngtơi. Những cái đầu bốc lên về chuyện tình ái và đồ uống: thế là lọ bay đi, giăm bông lăn lông lốc."Cậu gào đấy à! Đưa rượu Rutxơ không pha nước lại đây cho tớ! Rượu trắng nào! Dốc cạn đi, vì quỷ hãy dốc cạn đi! Trăm bàn tay hãy trao cho tửu bảo như Biariuyt để rót rượu không hề mệt đi! Lưỡi xúc tớ mất rồi, bạn ơi! Hãy can đảm lên!" Người ta đã đưa vào chương năm cuốn Gacgantua vào hành động.

Trời đẹp, đúng hơn là không khí vui vẻ thích hợp như thời tiết mà Rabơle, linh mục Mơđông khi viết tác phẩm "Gacgantua và Brăngtom", tu sĩ Buốcđây viết cuốn "Những bà lẳng lơ."

Khi đã ngà ngà say, họ hát hò, ôm hôm nhau, cãi nhau, thốt lên những lời điên rồ, chửi rủa những người qua lại. Họ cần được nô đùa thoả thích, thật quái quỷ.

Vậy là đối với những người đầu tiên rơi vào tay họ, họ mở đầu bằng những lời lẽ tuỳ tính cách từng người, nhưng cuối cùng đều dẫn tới những chuỗi cười giễu cợt, những lời thoá mạ hoặc những quả đấm.

Phải tới hai mươi nghị định của nghị viện để chấn chỉnh những vụ lộn xộn này, thêm nữa như để thử nghiệm, cuối cùng người ta buộc phải chuyển đổi lễ hội từ cánh bãi vào trong thành phố nhưng vẫn ở Đơnit.

Vào năm 1550, người ta đã ra quyết định rằng, tại lễ hội Lăngđi, mỗi người trong bốn trường trung học của bốn quốc tịch như người ta gọi vào thời ấy chỉ được cử mười hai đại diện tham dự kể cả các viên quản lý. Thế là lại xảy ra chuyện này:

Những học sinh không được phép đi dự lễ hội liền cởi bỏ đồng phục học sinh để mặc những bộ quần áo ngắn, đội mũ có màu sắc, đi giày bó, thêm vào đó, dựa vào các loại y phục phóng đãng ấy, thay cho thanh kiếm bị cấm đối với họ, họ được quyền đeo đoản kiếm và họ đến Xanh Đơnit bằng mọi ngả đường, theo câu phương ngôn: "mọi con đường đều dẫn tới La Mã", và dưới những sự cải trang của họ, họ thoát khỏi sự kiểm soát ngặt nghèo của các thày giáo. Thế là tình trạng càng hỗn loạn hơn nhiều so với trước khi ban hành luật lệ chỉnh đốn trật tự ở đây.

Lúc này vào năm 1559, nghe được lệnh cho đoàn người bắt đầu giễu hành thì cách một trăm dặm, người ta đã nghĩ ngay đến những điều quái gở mà họ sẽ lao vào một khi tới địa điểm.

Lần này, như thường lệ, đoàn giễu hành kì cục chuyển động khá êm ả tiến vào thành phố Xanh Giắc không gây náo động lớn; nhưng vừa đến trước pháo đài Satơlê thì bật lên những tiếng hò la nguyền rủa hệt như chỉ những đám dân chúng ở Pari biết thốt lên những lời ấy (vì một nửa số thanh niên của đám dân này chắc chắn chỉ nghe phong thanh biết ở pháo đài này có những nhà giam ngầm dưới đất) và sau cuộc biểu dương như vậy luôn luôn là một sự khuây khoả nhẹ nhàng, đoàn diễu hành đi vào trong phố Xanh Đơnit.

Độc giả thân mến, chúng tôi đã đi trước đoán diễu hành, chiếm chỗ trong cái thành phố tu viện Xanh Đơnit và tham dự vào một hồi của lễ hội có liên quan tới câu chuyện mà chúng tôi muốn kể cho các bạn.

Lễ hội chính thức đúng là trong thành phố, đặc biệt là phố lớn mà các bác thợ cạo, những người bán rượu vang, bán thảm, bán hàng tạp hoá, bán quần áo, bán đồ thắng ngựa, yên cương, dây đai, đinh thúc ngựa, những thợ thuộc da, là giày dép, những người bán thùng, những kẻ đổi tiền, những thợ kim hoàn, những người bán hàng xén và nhất là những chủ quán, đã ở kín trong các căn nhà mà họ đã xây dựng cách đó hai tháng.

Những ai đã từng dự lễ hộ Bôke nổi tiếng cách đây hai mươi năm hoặc đơn giản là lễ hội Lôdơ thì có thể phóng đại cảnh tượng hai ngày lễ này gấp bội sẽ có được ý niệm thế nào là lễ hội Lăngđi.

Còn những ai tham dự đều đặn lễ hội Lăngđi hằng năm mà cho đến ngày nay người ta vẫn còn tổ chức ở quận Sen thì trước cảnh lễ hội ngày nay không sao hình dung nổi lễ hội Lăngđi khi xưa như thế nào.

Thật thế, thay cho những áo chùng thâm u tối ấy giữa mọi lễ hội đã làm cho những người ít u uẩn nhất cũng phải rầu lòng coi như một kỉ niệm tang tóc, như một loại chống lại sự phiền muộn, bà chúa của cái xã hội khốn khổ ấy, chống lại niềm vui hầu như một sự tiếm quyền ở đây; là tất cả cái đám đông mặc y phục bằng dạ màu sắc rực rỡ, bằng vải dát vàng bạc, những áo lông thú có đường viền, có cài lông vũ, có dây đeo bằng nhung, bằng hàng cứng có viền vàng, bằng sa tanh dát bạc; tất cả cái đám dân chúng ấy lấp lánh dưới ánh mặt trời hầu như hất trả lại cho mặt trời những ánh sáng của những tia sáng chói lọi nhất của chúng. Chưa bao giờ có sự xa hoa đến thế, thực sự phô bày từ giới thượng lưu đến tầng lớp thấp hèn của xã hội, và mặc dầu từ năm 1543, đầu tiên là hoàng đế Frăngxoa đệ nhất, tiếp đến là vua Hăngri đệ tứ đã ban hành những đạo luật nghiêm ngặt nhưng những luật lệ này không bao giờ được thi hành cả.

Giải thích về sự xa hoa chưa từng thấy này thật hết sức đơn giản. Việc khám phá ra Tân thế giới của Côlông và Amêric Vetspuytxo[435], những chuyến thám

hiểm của Fecnăng, Cootedơ[436] và Pigiarơ[437] trong vương quốc Cathay nổi tiếng do Maccô Pôlô chỉ dẫn; đã ném một lượng lớn tiền bạc của toàn châu Âu khiến một văn sĩ thời ấy đã than phiền về sự xa hoa quá mức, về giá cả thực phẩm tăng lên, theo ông đã gấp hơn bốn lần trong tám mươi năm.

Vẻ đặc sắc của lễ hội trong thành phố khác hẳn ngoài bờ sông. Đúng là lệnh của nghị viện chuyển địa điểm lễ hội vào trong thành phố, nhưng lệnh của dân chúng còn mạnh mẽ hơn, lại chuyển địa điểm lễ hội đến bờ sông. Như vậy trong thành phố Xanh Đơnit chỉ là chợ phiên còn bên mép nước con sông mới thực sự là lễ hội. Không có gì để mua bán cả, chúng ta hãy tới bờ sông nằm dưới đảo Xanh Đơnit và khi đến đây rồi, chúng ta sẽ được thấy và nghe những gì sẽ xảy ra.

Cuộc diễu hành mà chúng ta đã thấy xuất phát từ quảng trường Xanh Giơnơvievơ đi theo phố Xanh Giắc, hò reo chào pháo đài Satơlê rồi đi dọc phố Xanh Đơnit vào trong nghĩa trang hoàng gia quãng giữa mười một giờ và mười một giờ rưỡi; thế là như đàn cừu đến đồng cỏ được thả rông, đám học sinh tách khỏi quản lí và toả ra, một số đi vào các cánh bãi, số khác vào thành phố, số còn lại đến bờ sông Sen.

Đối với những trái tim không âu sầu (những trái tim hiếm hoi nhưng vẫn có đấy) phải thừa nhận đây là một khung cảnh thú vị khi trông thấy đó đây dưới ánh mặt trời, trong chu vi một dặm các học sinh tươi trẻ độ tuổi đôi mươi nằm ngả nghiêng dưới chân các thiếu nữ xinh đẹp mặc áo ngắn bằng sa tanh đỏ có đôi má ửng hồng và chiếc cổ trắng mịn màng.

Đôi mắt Bôcatxơ (Bôcatxơ là thi sĩ và văn sĩ Ý, tác giả tác phẩm Đêcamêrông đã làm giàu ngôn ngữ Ý.) hẳn phải xuyên qua tấm thảm xanh rờn của bầu trời để âu yếm ngắm cảnh Đêcamêrông phi thường này.

Phần đầu lễ hội diễn ra khá tốt đẹp: ai khát thì uống, ai đói thì ăn; người ta ngồi, người ta nghỉ ngơi. Rồi những câu chuyện trở nên ồn ào, những cái đầu bốc hoả. Có trời mới biết được số bình rượu đầy, vơi, lại đầy, lại cạn rồi lại đầy và cuối cùng là vỡ tan để người nọ ném mảnh vỡ vào người kia.

Vào quãng ba giờ, bờ sông đầy những bình, lọ và đĩa, cái còn nguyên vẹn, cái thì vỡ, những tách rượu đầy và những chai rỗng; những đôi lứa ôm nhau lăn lộn trên thảm cỏ, những ông chồng lấy những người xa lạ làm vợ, những người vợ lấy nhân tình làm chồng. Bên mép nước, như chúng tôi tả, xanh tươi, mát mẻ vừa trước đó chói lọi như một làng ở các ven sông Acnô[438] thì giờ đây giống như quanh cảnh Tơniê[439] dùng làm khung cho một chợ phiên xứ Flăngđrơ lầy lội.

Đột nhiên nổi lên một tiếng thét khủng khiếp: -Quăng xuống nước đi! Quăng xuống nước đi!-Người ta la hét.

Mọi người đứng bật dậy; những tiếng la ó rộ lên gấp bội.

-Quẳng tên tà giáo xuống nước đi! Hãy quẳng tên tín đồ Tin lành xuống nước đi! Ném tên tà giáo Canvanh (Tin lành), con bò cái Côlat xuống nước đi! Quẳng

xuống sông đi! Quẳng xuống nước đi! Ném xuống sông đi!

-Có chuyện gì thế?-Hai mươi tiếng, trăm tiếng, nghìn tiếng thét hỏi.

-Chuyện nó báng bổ phạm thánh! Chuyện nó nghi ngờ Thượng đế, nó đã nói bậy là trời sắp mưa đấy! …

Có thể lời buộc tội ấy lúc đầu là vô hại nhất thì nay tạo nên hậu quả lơn lao cùng cực trong đám dân chúng. Đám đông đang vui chơi bỗng nổi cơn thịnh nộ thấy những trò vui của họ bị xáo động bởi một cơn giông bão; đám đông đang mặc những bộ áo cánh diện ngày lễ hội của họ sẽ bị mưa làm hư mất.

Qua lời giải thích ấy, những tiếng gào thét la ó lại rộ lên hung hãn hơn. Người ta sán lại gần nới phát ra những tiếng la hét ấy và dần dân đám đông tại địa điểm này chật ních người đến ngay cả gió cũng khó lọt qua.

Đứng giữa nhóm này hầu như tự mình làm nghẹn thở một chàng trai độ tuổi hai mươi mà ta dễ dàng nhận ra là một học sinh cải trang hầu như chết ngạt bởi đám đông đang vùng vẫy, má tái xanh, môi nhợt nhạt nhưng bàn tay nắm chặt như chờ đón những kẻ tấn công gan dạ hơn những kẻ khác. Đáng lẽ chàng kêu la thì lại thủ thế như để chống lại tất cả những điều sẽ gặp phải trong hai khối người vũ trang bằng những nắm đấm khép chặt.

Đây là chàng trai cao lớn tóc hung hơi gầy và mảnh dẻ có vẻ như một thiếu nữ thanh lịch ăn mặc giả trai mà lát nữa chúng tôi sẽ nói tới. Đôi mắt chàng khi cụp xuống biểu lộ sự trong sáng đến kì lạ, nếu muốn dành cho một bộ mặt người sự khiêm nhường thì hẳn không thể chọn bộ mặt nào khác bộ mặt chàng trai này.

Vậy chàng đã phạm tội gì đến nỗi tất cả đám đông này đeo bám chàng, để cả đám người hung hãn này rủa sả sau lưng chàng, để mọi cánh tay của họ vươn ra với ý định quăng chàng xuống sông.

§2. Giải thích sao đây khi trời mưa vào ngày thánh Mêđa thì mưa bốn mươi ngày liền

Như chúng tôi đã kể ở chương trên, chàng trai ấy là tín đồ đạo Tin lành và chàng báo trước là trời sắp mưa.

Sự việc ban đầu thật rất bình thường, các độc giả sẽ thấy:

Chàng trai tóc hung dạo bước dọc bờ sông có vẻ đang chờ đợi một bạn trai hoặc một bạn gái. Từng lúc chàng dừng lại nhìn mặt nước rồi sau khi chán nhìn nước, chàng nhìn thảm cỏ; cuối cùng chán nhìn thảm cỏ, chàng ngước nhìn bầu trời.

Ta có thể thấy rõ đó là cử chỉ đơn điệu nhưng phải thừa nhận là vô hại. Nhưng một vài kẻ mừng lễ hội theo cách của họ lại cảm thấy khó chịu trước cách mừng lễ hội Lăngđi của chàng trai này. Rất nhiều gã thị dân lẫn một số học sinh và thợ thủ công lại lộ hẳn vẻ bực dọc trước việc chàng trai không hề chú ý tới họ.

-A! -Một giọng thiếu nữ thốt lên – Em không tò mò nhưng em muốn biết vì sao người đàn ông trẻ tuổi kia lại say sưa nhìn nước, nhìn đất, nhìn trời liên tục như thế.

-Em muốn biết chuyện này à, Pêret của trái tim anh? -Một gã thì dân trẻ vừa lẳng lơ uống rượu vang trong cốc của thiếu nữ nọ vừa uống tình yêu trong sóng mắt ả.

-Đúng thế, Lăngđri, em sẽ tặng cho ai nói cho em biết điều này một chiếc hôn mãnh liệt.

-A! Pêret, đối với một phần thưởng thật ngọt ngào như vậy, anh muốn em đòi hỏi một việc gì khó hơn kia.

-Em lại thích thế cơ.

-Em hãy cho anh bằng chứng của em?

-Bàn tay em đây.

Gã thị dân trẻ tuổi hôn bàn tay thiếu nữ rồi gã đứng lên.

-Em sẽ được biết chuyện này –Gã nói.

Kẻ được thiếu nữ gọi tên là Lăngđri liền đứng lên và đi gặp người ngắm cảnh đơn độc và câm lặng.

-Chà chà! Thưa ngài trẻ tuổi –Gã nói với chàng – Tôi không dám ra lệnh cho ngài nhưng muốn hỏi vì sao ngài lại nhìn bãi cỏ như vậy? Ngài đã mất vật gì chăng?

Chàng trai nhận ra người này nói chuyện với mình liền quay lại, lễ phép ngả mũ chào và đáp lại người hỏi hết sức lịch thiệp: -Ngài nhầm đấy, thưa ngài, tôi có nhìn bãi cỏ đâu mà nhìn sông đấy.

Sau khi thốt ra vài lời này, chàng xoay qua hướng khác.

Lăngđri hơi chưng hửng: gã không chợ đợi câu trả lời lễ phép như vậy. Sụ lễ độ ấy làm gã xúc động. Gã quay lại nhóm của gã, gãi tai: -Thế nào?-Pêret hỏi gã.

-Này, chúng mình lầm rồi – Lăngđri trả lời, vẻ khá thiểu não -Hắn không nhìn bãi cỏ đâu.

-Vậy hắn nhìn gì?

-Hắn nhìn sông nước.

Họ phá lên cười vào mũi viên sứ giả làm gã đỏ mặt vì xấu hổ.

-Và anh đã không hỏi vì sao hắn lại nhìn sông chứ?-Pêret nói.

-Không – Lăngđri trả lời – hắn ta xử xự thật lễ độ đối với anh làm anh nghĩ rằng sẽ thật sơ suất để hỏi hắn câu thứ hai.

-Hai cái hôn cho ai sẽ đi hỏi hắn vì sao hắn nhìn con sông – Pêret nói.

Ba hoặc bốn gã ham thích liền đứng lên. Nhưng Lăngđri nói rắng chính gã đã làm việc này thì để chính gã sẽ kết thúc.

Người ta công nhận lời tuyên bố của gã là chính đáng.

Vậy là gã quay trở lại với chàng trai tóc hung và hỏi lần thứ hai.

-Chà chà! Thưa ngài trẻ tuổi, tại sao ngài lại nhìn sông như vậy?

Cảnh cũ lại tái diễn. Chàng trai ngả mũ quay lại và đáp, vẫn lễ độ với kẻ hỏi mình: -Xin ngài thứ lỗi, thưa ngài, tôi có nhín sông đâu, tôi nhìn trời đấy chứ!

Nói xong chàng trai chào gã và quay sang hướng khác.

Nhưng Lăngđri lúc đầu bị lúng túng bởi câu trả lời lần thứ hai giống như đã bị bối rối trước câu trả lời lần thứ nhất, tin rằng danh dự của gã bị xúc phạm và nghe thấy những tràng cười rộ của các bạn gã, gã lại thấy can đảm nắm lấy vạt áo chàng học sinh: -Thế thì, thưa ngài trai trẻ – Gã khẩn khoản – xin ngài làm ơn nói cho tôi biết vì sao ngài nhìn trời?

-Thưa ngài- Chàng trai đáp- Xin ngài vui lòng cho tôi biết vì sao ngài hỏi chuyện này?

-Thế thì tôi sẽ xin giải thích thẳng thắn với ngài, thưa ngài trẻ tuổi.

-Ngài hẳn làm tôi vui lòng thưa ngài.

-Tôi hỏi ngài chuyện này vì những người của nhóm tôi cảm thấy bị châm chọc thấy ngài từ một giờ nay đứng bất động như một cái cọc và vẫn chỉ một hành động ấy.

-Thưa ngài – chàng học sinh trả lời- tôi đứng bất động vì tôi đợi một bạn thân của tôi, tôi đứng vì có đứng như vậy tôi mới nhìn thấy anh ấy từ khá xa. Vì anh ấy chưa đến, tôi lo lắng chờ đợi anh ấy và sự e ngại mà tôi cảm thấy đã đẩy tôi bước đi, tôi nhìn xuống đất để tránh giày của tôi không bị những mảnh bình rải rác trên bãi cỏ làm rách; rồi tôi nhìn sông để thư giãn sau khi đã nhìn đất, cuối cùng tôi nhìn trời để thư giãn sau khi đã nhìn sông.

Đáng lẽ gã thì dân coi sự giải thích rõ ràng như thế, có nghĩa là đúng sự thật trong sáng và giản dị thì gã lại cho rằng mình bị giễu cợt nên mặt đỏ bừng như

những cây mào gà mà ta trông thấy đỏ rực trong những cánh đồng cỏ và đồng lúa mì từ xa.

-Và ngài có tính rằng, thưa ngài trẻ tuổi – Gã thị dân vừa thúc ép vừa chống tay lên hông trái vẻ khiêu khích và ngả người ra sau – ngài có tính đến việc ngài dành khá nhiều thì giờ vào cái trò chướng tai gai mắt này không?

-Tôi tính sẽ dành thì giờ vào việc này cho tới khi nào bạn tôi tới gặp tôi, thưa ngài nhưng…

Chàng trai ngước nhìn trời.

-Tôi không tin rằng tôi có thể chờ đợi sự hài lòng của anh ấy…

-Tại sao ngài không chờ đợi nữa?

-Bởi vì có một cơn mưa dữ dội sắp đổ xuống, thưa ngài, mà cả ngài, cả tôi, cả bất cứ ai đều không thể ở lại giữa trời trong mười lăm phút nữa.

-Ông nói rằng trời sắp mưa ư? – Gã tư sản nói với vẻ một người tin rằng người ta giễu cợt mình.

-Mưa rào, thưa ngài! – Chàng trai bình thản đáp.

-Hẳn là ông muốn đùa cợt đấy hẳn, hỡi người trẻ tuổi.

-Tôi xin thề với ngài tôi không hề muốn thế chút nào thưa ngài.

-Vậy thì ông muốn nhạo tôi phải không?– Gã thị dân giận dữ hỏi.

-Thưa ngài, tôi xin nói với ngài rằng tôi không hề có ý nào muốn đùa cợt với ngài cả.

-Vậy tại sao ông lại nói với tôi rằng trời sắp mưa trong lúc trời đang quang đãng như thế này? – Lăngđri gầm lên, ngày càng nổi giận.

-Tôi nói trời sắp mưa vì ba lý do.

-Ông có thể cho tôi biết ba lý do ây chứ?

-Xin sẵn sàng nếu điều đó làm ngài vui long.

-Điều đó làm tôi hài lòng.

Chàng trai lễ phép cúi mình vẻ ngụ ý "ông thật dễ thương thưa ông, nên tôi không có điều gì phải khước từ ông cả."

-Tôi chờ nghe ba lý do của ông đây – Lăngđri nói, bàn tay nắm chặt lại và nghiến chặt răng.

-Lý do thứ nhất thưa ngài – Chàng nói – đó là hôm qua trời không mưa nên là lý do để hôm nay trời mưa.

-Ông nhạo báng tôi đấy hử, thưa ông.

-Không chút nào cả.

-Vậy thì chúng ta hãy xem lí do thứ hai.

-Lý do thứ hai là trời bị mây che phủ suốt đêm qua, suốt cả sớm mai và còn bị che phủ trong lúc này.

-Đây không phải là một lý do vì để trời mưa thì trời phải đầy mây, ông nghe rõ chứ?

-Ít ra đó là một khả năng.

-Nào, hãy xem lý do thứ ba của ông: chỉ có có điều tôi báo trước cho ông biết là không khá hơn hai lý do trên thì tôi nổi giận đấy.

-Nếu ngài nổi giận, thưa ngài, thì đó là vì ngài có tính cách đáng ghét đấy.

-A! Ông nói là tôi có tính cách đáng ghét phải không?

-Tôi nói là còn tùy theo điều kiện chứ không phải ngay lúc này.

-Lý do thứ ba, thưa ông, lý do thứ ba?

Chàng trai xoè bàn tay ra.

-Lý do thứ ba để trời mưa, thưa ngài, đó là trời mưa.

-Ông đoán rằng, trời mưa ư?

-Tôi không đoán, mà là khẳng định.

-Thật không thể tha thứ được- Gã tư sản không nén nổi thốt lên.

-Chỉ lát nữa chắc chắn sẽ xảy ra như vậy- chàng trai nói.

-Ông tin rằng tôi sẽ chịu đựng được điều này hử? – Gã thì dân tức điên người thét lên.

-Tôi tin rằng ngài sẽ không chịu đựng được điều đó hơn tôi – Chàng học sinh nói- và nếu tôi có một lời khuyên cho ngài thì đó là ngài hãy làm như tôi sắp làm là đi kiếm một chỗ trú ẩn.

-A! Thật quá quắt, – Gã tư sản gào lên và quay lại nhóm tư sản của gã.

Gã nói với tất cả những ai nghe được tiếng gã: -Mọi người hãy lại đây! Hãy lại đây, cả những người khác nữa!

Gã thị dân tỏ ra cực kì hung hăng làm cho ai nấy nghe tiếng gọi của gã đều chạy lại.

-Có chuyện gì thế?– Những mụ đàn bà giọng chua như dấm hỏi.

-Chuyên gì xảy ra à?– Lăngđri cảm thấy được ủng hộ nói – Có những chuyện không tưởng tượng nổi xảy ra.

-Những chuyện gì thế?

-Chuyện là có một người hoàn toàn muốn tôi nhìn thấy sao giữa trưa.

-Tôi xin lỗi ngài, thưa ngài – Chàng trai nói hết sức nhã nhặn – trái lại, tôi đã nói với ngài rằng bầu trời đã bị mây che khủng khiếp.

-Đúng là một bộ mặt, thưa ông học sinh, ông có nghe thấy không? Đúng là một bộ mặt.

-Trong trường hợp này, đó là một bộ mặt xấu xa.

-Ông nói rằng tôi có bộ mặt xấu xa hả? – Gã thị dân rống lên chói tai do máu gã bốc lên tai nên đã nghe nhầm hoặc cố ý nghe nhầm – A! Thật quá quắt! Thưa quý vị, các vị có thấy là cái gã kì cục này đang giễu cợt chúng ta ư.

-Giễu cợt ư – Một tiếng nói cất lên – Chà, có thể đấy.

-Với tôi cũng như với ông, với tất cả chúng ta đây, đó là một tên đùa giỡn xấu xa muốn tiêu khiển đã nghĩ đến điều tồi tệ là mong muốn trời mưa để gây trò tinh

quái đối với tất cả chúng ta.

-Thưa ngài, tôi xin thề với ngài rằng tôi không hề mong muốn trời mưa, xét rằng nếu trời mưa, tôi sẽ bị ướt đẫm như ngài và ở mức độ lớn hơn nhiều vì tôi cao hơn ngài tới tám đến mười phân

-Có nghĩa rằng ta là một giống chó nhỏ hả?

-Tôi không nói một lời nào như thế, thưa ngài.

-Một tên lùn hả?

-Đây là một lời nguyền rủa vô cớ. Ngài cao trên một mét sáu mươi, thưa ngài.

-Ta không hiểu cái gì giữ ta lại để không ném mi xuống nước! Lăngđri gào lên.

-A! Đúng đấy, ném xuống nước đi! Quẳng xuống sông đi! – Nhiều tiếng nói cất lên.

-Khi ngài ném tôi xuống nước, thưa ngài – Chàng trai nói với vẻ lễ độ bình thường – thì ngài cũng không kém bị ướt đẫm hơn.

Qua câu trả lời này chàng trai đã tỏ ra chỉ riêng chàng có trí tuệ hơn mọi người đã làm cho mọi người quay lại chống chàng. Một gã cao lớn sáp lại nửa giễu cợt, nửa đe doạ: -Này, tên ác nhân – Gã nói với chàng – tại sao mày dám nói trời mưa trong lúc này hả?

-Bởi tôi cảm thấy có những giọt mưa.

-Mưa nhỏ giọt – Lăngđri thét lên – không có mưa thế mà nó nói là sắp có mưa lớn.

-Vậy là mày a tòng với một kẻ chiêm tinh hả? – Tên cao lớn hỏi.

-Tôi không a tòng với một ai cả, thưa ông – Chàng trai trả lời, bắt đầu nổi giận – cũng không cả với ông là người đã xưng mày tao với tôi.

-Quẳng xuống nước đi! Quẳng xuống nước đi! – Nhiều tiếng nói gào lên.

Thế là chàng học sinh cảm thấy giông tố nổi lên dữ dội liền nắm hai bàn tay lại chuẩn bị chiến đấu. Vòng người bắt đầu dày đặc vây lấy chàng.

-Này! – Một người mới tới nói – Mêđa[440] đấy!

-Mêđa là cái thá gì? – Nhiều tiếng hỏi cất lên.

-Đó là vị thánh mà hôm nay đúng là ngày giỗ đấy – Một gã vui nhộn nói.

-Được! – Một gã nhận ra chàng trai liền nói – tên này không phải một vị thánh vì nó là một tên tà giáo.

-Một tên tà giáo! – Đám đông thét lên – Hãy ném tên tà giáo xuống nước đi! Hãy quẳng tên tín đồ Tin lành xuống sông đi! Ném tên vô đạo xuống nước đi!

Mọi tiếng nói đồng thanh nhắc lại: -Quẳng xuống nước đi! Quẳng xuống nước đi! Quẳng xuống nước đi!

Chính những tiếng la ó này làm gián đoạn lễ hội mà chúng tôi đang miêu tả.

Đúng lúc ấy, Thượng đế như thật sự muốn đem đến cho chàng trai sự cứu giúp mà chàng rất cần tức là người mà chàng chờ đợi, một hiệp sĩ đẹp trai trạc

hai mươi hai tuổi có bộ mặt cao sang như một quý tộc và qua dáng điệu rõ là một người ngoại quốc. Con người mà chàng trai chờ đợi như chúng tôi đã kể đang hối hả chạy đến, xuyên qua đám đông đã ở cách bạn chừng hai mươi bước chân đúng lúc chàng trai bị túm cả trước sau, cả chân lẫn đầu, giãy giụa hết sức mình.

-Cậu hãy giữ mình, Mêđa! – Người mới đến kêu to – Cậu hãy bảo vệ mình!

-Các người hãy coi đó chính là Mêđa! – Người vừa nói với chàng trai đó là to.

Coi việc mang cái tên ấy là một tội lỗi, cả đám đông gào lên: -Ừ, Mêđa đấy! Ừ, Mêđa đấy! Hãy ném Mêđa xuống nước đi! Quẳng tên tà giáo xuống nước đi! Quẳng tên tín đồ Tin lành xuống nước đi!

-Làm sao một tên tà giáo lại dám cả gan mang danh một vị thánh vĩ đại như thế! – Pêret thốt lên.

-Quẳng tên phạm tội bất chính xuống nước đi!

-Và những kẻ đã tóm bắt Mêđa khốn khổ liền lôi chàng tới mép sông.

-Cứu mình với, Rôbơc! – Chàng trai kêu lên cảm thấy không thể chống đỡ nổi đám đông này và thây cái chết đã tới tột đỉnh của trò đùa.

-Ném tên kẻ cướp xuống sông đi! – Những mụ đàn bà gào thét, nổi cơn tam bành trong sự thù hằn cũng như trong tình yêu.

-Cậu hãy giữ mình, Mêđa! – Người lạ mặt vừa rút kiếm ra vừa hét lên – Cậu hãy giữ mình, mình đây!

Dùng bản kiếm quật bên phải, bên trái đám đông, chàng lăn mình trên thảm cỏ như một tảng băng. Nhưng chàng đến vào lúc đông nghẹt người và những cố gắng của chàng muốn đám đông này phải giãn ra đã trở nên vô ích: họ nhận đòn, rống lên vì đau đớn nhưng không giãn ra. Sau khi rống lên vì đau đớn thì họ rống lên vì điên dại.

Người mới đến với âm giọng lạ làm ta có thể nhận ra đó là người Êcôtxơ, quật đập túi bụi nhưng không thể tiến lên nổi hoặc nhúc nhích được chút ít và ban chàng sẽ nằm dưới nước trước khi chàng đến gần bạn. Hai mươi nông dân và năm, sáu gã lái đò trà trộn trong đám đông. Chàng Mêđa khốn khổ cố sức cấu những bàn tay, dùng chân đá hậu, nghiến răng nhưng mỗi giây chàng lại bị lôi đến gần mép sông.

Chàng trai xứ Êcôtxơ chỉ còn nghe thấy những tiếng kêu la của bạn chàng mỗi lúc một sát mép nước. Chàng không kêu nữa mà gầm lên và cứ mỗi tiếng gầm thét thì bản kiếm hoặc đốc kiếm của chàng lại giáng vào một cái đầu. Đột nhiên những tiếng la thét rộ lên gấp bội rồi là một sự im lặng, ta nghe thấy tiếng một thân hình nặng nề rơi tùm xuống nước.

-A! Lũ kẻ cướp! A! Lũ sát nhân! A! Lũ giết người – Chàng trai thét lên tìm cách đến sát con sông để cứu bạn hoặc chết cùng bạn.

Nhưng vô ích. Muốn xô đổ một bức tường đá hoa cương thì cũng y hệt như đối với bức tường thành sống này. Chàng lùi lại mệt lử, răng nghiến chặt, mép sùi đầy bọt, trán đẫm mồ hôi. Chàng lui đến đỉnh dốc để nhìn qua đầu đám đông nhưng chàng không thấy đâu Mêđa nhô lên mặt nước. Đứng trên đỉnh dốc, tay đặt trên đốc kiếm, khi không còn thấy gì xuất hiện nữa, chàng đưa mắt nhìn xuống đám đông hung hãn; ghê tởm nhìn bọn người ác độc này.

Đứng một mình, mặt tái xanh trong y phục màu đen, chàng giống như một thiên thần hủy diệt gập cánh lại để nghĩ ngơi chốc lát. Nhưng chỉ một lát sau, cơn điên lại sục sôi trong lồng ngực chàng như dung nham trong núi lửa đã dâng lên nóng bỏng tận đôi môi chàng.

-Tất cả lũ ngươi là đồ kẻ cướp – Chàng nói – tất cả lũ ngươi đều là sát nhân, tất cả bọn ngươi là đồ ô nhục! Các ngươi lấy bốn mươi người để sát hại, để dìm xuống nước một chàng trai khốn khổ không hề làm điều gì xấu cho các ngươi. Ta thách đấu với tất cả bọn ngươi. Bọn ngươi có bốn mươi người hãy lại đây, ta sẽ lần lượt giết cả bốn mươi, kẻ trước kẻ sau như lũ chó là bọn ngươi!

Bọn nông dân, tư sản và học sinh nhận được lời mời chết chóc ấy không ngăn nổi nỗi lo ngại sẽ có được sự may mắn trong một cuộc chiến đấu bằng gươm dáo với một con người tỏ ra sẵn sàng sử dụng kiếm một cách quyết liệt như thế. Thấy thế, người Êcôtxơ khinh miệt tra kiếm vào vỏ.

-Hỡi lũ đốn mạt! các ngươi là những kẻ vừa hèn nhát vừa đê tiện- chàng xoè bàn tay lên đầu đám đông nói tiếp – Nhưng ta sẽ trả thù cho cái chết ấy bằng cách ít khốn nạn như các ngươi bởi vì các người không xứng đáng với lưỡi gươm của nhà quý tộc. Vậy hãy lùi lại, bọn thô bỉ xấu xa! Và mưa, và mưa đã có thể tàn phá ruộng nho của các ngươi, làm đổ rạp mùa màng của các ngươi bằng cách mưa trút xuống cánh đồng của các ngươi số ngày bằng số người của bọn ngươi đã giết hại chỉ một người.

Thật không chính đáng nếu để vụ giết người này không bị trừng phạt, chàng rút ở thắt lưng ra một khẩu súng ngắn cỡ lớn bắn vào giữa đám người không cần ngắm. Chàng nói: – Phó mặc cho Trời!

Trong tiếng súng nổ, tiếng đạn rít lên và một tên trong số người vừa xô đẩy chàng trai xuống nước thốt lên một tiếng kêu rên, đặt bàn tay lên ngực, lảo đảo và đổ sập xuống chết tươi.

-Còn nay, chào tạm biệt! – Chàng nói – Các ngươi sẽ còn nghe đến tên ta hơn một lần nữa. Tên ta là Rôbơc Stuya.

Vừa nói dứt lời này thì những đám mây chồng chất trên bầu trời từ sáng sớm đột nhiên vỡ ra và như chàng Mêđa tội nghiệp đã từng báo trước, một trận mưa như thác đổ chưa từng xảy ra trong các mùa mưa.

Những nông dân tất nhiên chạy đuổi theo chàng khi thấy những lời nguyền rủa của chàng trong chốc lát thực sự có hiệu qủa; nhưng tiếng sấm rền, nước tuôn

xối xả thành thác, ánh chớp loá mắt như báo cho họ biết ngày tận thế buộc họ phải bận tâm hơn sự trả thù, tức là lúc này, tất cả mọi người đều mạnh ai nấy chạy.

Mưa trút ròng rã bốn mươi ngày không rớt.

Chính vì lẽ đó, thưa độc giả thân mến, chí ít chúng tôi tin rằng khi trời mưa vào ngày lễ thánh Mêđa thì mưa tầm tã bốn mươi ngày liền.

§3. Quán "ngựa Tía"

Chúng tôi không bỏ công để kể với độc giả về số năm, sáu chục nghìn người dự lễ hội Lăngđi chạy chốn những nơi nào do bất chợt gặp cơn hồng thuỷ mới phải tìm chỗ trú ẩn trong các căn lều, dưới các mái nhà, trong các tửu quán, thậm chí vào cả đại giáo đường hoàng gia.

Vào thời nay, thành phố Xanh Đơnit chỉ vỏn vẹn có năm hoặc sáu quán trọ, trong chốc lát đã chật ních người đến nỗi có vài người đã phải hối hả chạy ra ngoài nhanh hơn lúc vào, nghĩ rằng thà chết vì ngập mưa còn hơn chết ngạt vì hơi người nồng nặc.

Quán trọ duy nhất hầu như trống vắng hẳn do may mắn tách biệt là quán "ngựa tía" nằm trên đường cái cách thành phố Xanh Đơnit hai hoặc ba tầm đạn súng hoả mai.

Ba con người tạm thời ở trong căn phòng rộng ám khói mà người ta gọi khoa trương là phòng khách; trừ gian bếp và vựa thóc ngự trị trên nền nhà dùng làm buồng ngủ cho những người coi lừa ngựa và lái buôn súc vật, thì riêng căn phòng khách là cả quán trọ.

Quán có vẻ như một cái lán to được chiếu sáng qua chiếc cưa ra vào cao tới tận mái, trần làm theo kiểu vòm với những dầm xà lộ rõ ngả xiên theo mái.

Y hệt trong chuồng, một số súc vật: chó, mèo, gà, vịt lúc nhúc trên ván sàn và thay cho chú quạ mỏ rỗng trở về và chim bồ câu càm nhánh ô liu, ta thấy quanh các dần xà ám khói đen sì, bay lượn ban ngày là lũ én và ban đêm là đàn dơi. Đồ gỗ của căn phòng này là các thứ cần thiết cho một quán trọ gồm những chiếc bàn tròn, những chiếc ghế tựa và ghế đẩu khập khiễng.

Ba con người ở trong phòng này là chủ quán, vợ gã và một người khách trạc ba mươi, ba mươi lăm tuổi.

Chúng ta hãy nghĩ xem vì lẽ gì mà ba nhân vật này lại tập hộp ở đây và họ bận tâm đến điều gì.

Chú quán với tư cách là chủ nhà nên chúng tôi nói tới trước trong cảnh này đang bận tâm để không làm gì cả; gã ngồi như cưỡi ngựa trên một chiếc ghế tựa nhồi rơm ở trước cửa, tựa cằm lên đỉnh lưng tựa, làu bàu nguyền rủa thời tiết xấu.

Vợ chủ quán ngồi hơi lùi sau chồng để có được ánh sáng quay guồng, đưa sợi xoắn bằng tay lên miệng đẻ kéo sợi gai ở con cúi.

Người khách đáng lẽ tìm chỗ sáng sủa thì trái lại, ngồi lọt sâu trong góc tận cùng của căn phòng, quay lưng ra cửa có vẻ đang uống rượu căn cứ qua chiếc bình và chiếc cốc vại đặt trước mặt người này.

Tuy nhiên chàng hầu như không nghĩ tới uống; tì khuỷu tay lên bàn, đầu úp vào lòng bàn tay, chàng đắm chìm trong cơn mơ màng.

-Thời tiết thật tồi tệ! -Chủ quán làu bàu.

-Ông than vãn cái gì? – Người vợ nói – Chính ông đã mong thế cơ mà.

-Đúng thế, nhưng tôi đã sai lầm.

-Vậy thì ông đừng than vãn nữa.

Trước lời trách móc ít an ủi mà đầy lí lẽ ấy, chủ quán bèn cúi đầu thở dài nín lặng. Nhưng sự nín lặng ấy chỉ kéo dài chừng mười phút rồi chủ quán lại ngẩng đầu nhắc lại: -Thời tiết thật tồi tệ!

-Ông đã nói thế rồi – Người vợ nói.

-Thế thì tôi còn nhắc lại nữa.

-Ông có nói thế đến đêm cũng chẳng ích gì, phải không nào?

-Đúng thế, nhưng điều đó cho tôi được phỉ nhổ sấm sét, mưa và mưa đá.

-Tại sao ông không phỉ báng ngay Chúa có được không?

-Nếu tôi tin rằng chính Chúa đã gây nên thời tiết như thế này.

Chủ quán dừng lời.

-Ông phỉ báng chống Chúa. Nào, hãy thú nhận ngay điều này đi.

-Không, bởi vì…

-Vì sao nào?

-Vì tôi là con chiên ngoan đạo chứ không phải là một con chó tà giáo.

Nghe thấy những lời "Tôi không phải là con chó tà giáo", người khách trong quán "ngựa tía" như một con mèo trong cạm bẫy, thoát khỏi dòng suy tư, ngẩng đầu lên đập mạnh chiếc cốc bằng thép trắng xuống bàn làm chiếc bình rượu nhảy bật lên còn chiếc cốc bị bẹp dí.

-Này này! – Chàng chồm lên ghế như chiếc bình đã nhảy trên bàn; chủ quán tưởng khách gọi liền trả lời: "Tôi đây, thưa tôi ông trẻ tuổi."

Chàng trai xoay chiếc ghế của mình băng chân ghế sau và quay người cùng chiếc ghế, mặt đối mặt với chủ quán đã đứng trước mặt chàng rồi chàng nhìn gã từ chân lên đầu không cất cao giọng nhưng nhíu lông mày: -Hẳn không phải ông vừa thốt lên những lời "chó tà giáo" chứ?

-Đúng là tôi, thưa ông trẻ tuổi- chủ quán đỏ mặt ấp úng.

-Thế thì, nếu đúng là ông, chủ quán gàn dở ạ – Khách nhậu nói tiếp – thì ông chỉ là một con lừa mất dạy và ông xứng đáng bị người ta xẻo tai.

-Tha lỗi cho tôi, thưa quý ngài, nhưng thật tình tôi không biết ngài theo đạo Tin lành, – chủ quán run cả tứ chi nói.

-Điều đó chứng tỏ rằng ông đúng là một tên ăn mày – Người theo giáo phái Canvanh tiếp tục nói không hề cất cao giọng- còn một chủ quán, kẻ phục dịch mọi người thì cần phải giữ mồm giữ miệng bởi vì y có thể nghĩ rằng đáng lẽ phục

dịch một con chó Cơ đốc giáo thì lại phải phục dịch một tín đồ đáng kính của Luyte và Canvanh[441].

Chàng quý tộc nhấc chiếc mũ mềm ra khi nói tới tên hai người trên. Chủ quán cũng làm theo. Chàng quý tộc nhún vai nói: -Nào, một bình rượu vang khác và mong rằng tôi không còn được nghe ông thốt lên tiếng tà giáo hoặc là tôi sẽ đâm thủng bụng ông như chọc thủng thùng rượu cũ, ông nghe rõ chứ, ông bạn?

Chủ quán đi giật lùi vào bếp lấy một bình rượu vang mới theo khách đòi hỏi.

Trong lúc đó chàng quý tộc đã xoay nửa vòng ghế đẩu sang phải và đã lẩn vào bóng tối, lưng lại quay ra cửa thì chủ quán đã trở lại đặt bình rượu vang nhỏ trước mặt chàng.

Chàng quý tộc lặng lẽ giơ chiếc cốc bị bẹp để cho gã đổi cho chàng chiếc khác.

Chủ quán không hé nửa lời, đưa mắt và lắc đâu ngụ ý "Quỷ tha ma bắt! Tay này mà nện hẳn hắn nện ra trò đây". Rồi gã lại đưa cho người môn đồ Canvanh chiếc cốc nguyên vẹn.

-Tốt lắm – Người này nói- Như vậy thì ta yêu các chủ quán biết bao.

Chủ quán cố mỉm cười một cách dễ thương nhất với chàng quý tộc và trở về chỗ ngồi của gã ở trước cửa.

-Này! -Vợ gã hỏi vì mụ đã nghe giọng chói tai của người tín đồ Canvanh nhưng không hề nghe được một lời nào trong các câu trao đổi giữa chồng mụ và người khách –Ngài trẻ tuổi kia nói gì với mình thế?

-Điều ông ấy nói với tôi ư?

-Phải, tôi hỏi mình chuyện ấy.

-Những lời tâng bốc nhất – Gã trả lời- rằng rượu vang của tôi là hảo hạng, rằng quán của tôi thật tuyệt và ông ấy ngạc nhiên thấy một cái quán như thế này mà sao không đắt khách.

-Còn mình trả lời ông ấy ra sao?

-Rằng cái thời tiết chết tiệt này là nguyên nhân của sự lụn bại của chúng ta.

Vào lúc con người này của chúng ta chuyển hưởng phỉ báng thời tiết lần thứ ba thì Chúa trời như cho gã một sự đính chính làm xuất hiện cùng lúc hai người khách mới dẫu họ đến từ hai hướng ngược nhau, một người đi bộ, người kia cưỡi ngựa. Người đi bộ có vẻ là một võ quan giang hồ đến qua ngả đường bên trái là đường đi Pari; người cưỡi ngựa mặc y phục thị đồng đến qua đường bên phải là đường đi Flăngđrơ.

Nhưng lúc sắp bước qua ngưỡng cửa quán thì đôi chân người đi bộ nằm ngay dưới chân ngựa.

Người đi bộ thốt một câu chửi thề và tái mặt. Chỉ riêng câu chửi thề này đã nói rõ nguồn gốc xứ sở của người chửi.

-A! Đồ trời đánh thánh vật! – gã kêu lên.

Người cưỡi ngựa, một kị sĩ tài ba, xoay ngựa nửa vòng sang trái, nâng bổng hai chân trước của ngựa; chàng nhảy xuống trước khi chân con vật chạm đất rồi vội chạy đến chân con người bị thương nói giọng hết sức ân cần: -Ôi! Thưa đại uý, tôi hết lòng xin lỗi ông.

-Ông có biết rằng, thưa ông thị đồng – người Gatscông nói – suýt nữa ông làm tôi vỡ sọ không?

-Xin ông hãy tin rằng, thưa đại uý, tôi cảm thấy việc này làm tôi buồn ghê ghớm.

-Thế thì xin ông hãy yên tâm, thưa chủ nhân trẻ tuổi của tôi –Viên đại uý nhăn mặt đáp lộ vẻ chưa hoàn toàn chế ngự được cơn đau của mình – xin ông hãy yên tâm, ông vừa hiến cho tôi một sự viên trợ to lớn mà thực lòng tôi không biết phải cảm ơn việc này bằng cách nào; tôi nói thế không muốn làm ông nghi ngờ việc này.

-Một sự viện trợ ư?

-To lớn! – Người Gatscông nói.

-Vậy là sao, lạy Chúa tôi? – Chàng thị đồng hỏi khi thấy nét xúc động giày vò bộ mặt người đối thoại đã phải gắng sức để không hề chửi thề thay vì mỉm cười.

-Thật hết sức đơn giản – Viên đại uý nói tiếp- trên cõi đời này chỉ có hai điều làm tôi đau đầu ghê ghớm: đó là những gái già và những đôi ủng mới; thế mà từ sáng nay tôi bị vướng víu vì đôi ủng mới mà tôi cần phải đi từ Pari đến đây. Tôi đã tìm cách để nhanh chóng làm hỏng chúng vậy mà chỉ trở tay, ông vừa hoàn thành cái việc tuyệt diệu ấy vì niềm vinh quang bất diệt của ông. Vậy xin ông hãy quan tâm tới tôi và trong mọi trường hợp, hãy sử dụng tôi là kẻ tự nhận là ngừơi chịu ơn ông.

Chàng thị đồng nghiêng mình nói: – Thưa ông, ông là con người thông tuệ, điều đó không làm tôi ngạc nhiên khi nghe câu chửi thề của ông chào đón tôi, ông là con người lịch thiệp, điều này không làm tôi ngạc nhiên khi đoán rằng ông là một nhà quý tộc: tôi chấp nhận tất cả những gì ông hiến cho tôi và về phần tôi, tôi sẵn sàng phục vụ ông.

-Tôi đoán rằng ông tính dừng lại ở quán này phải không?

-Vâng, thưa ông, trong chốc lát – Chàng trẻ tuổi trả lời trong lúc cột ngựa vào một cái vòng gắn trên tường khiến mặt chủ quán sáng lên vì mừng khi thấy chàng trai buộc xong ngựa.

-Tôi cũng vậy – Viên đại uý nói – Này chủ quán quỷ ám, hãy mang rượu vang lại đây, mà là loại hảo hạng đấy nhé!

-Có ngay ạ, thưa các tôn ông! Chủ quán đi vội vào bếp và nói – Có ngay đây ạ.

Năm giây sau, gã quay lại với hai bình rượu và hai chiếc cốc đặt lên bàn bên cạnh bàn của chàng quý tộc đầu tiên đang ngồi.

-Này ông chủ quán – Chàng thị đồng trẻ tuổi hỏi giọng dịu dàng như giọng thiếu nữ- trong quán của ông có căn phòng nào để một thiếu nữ có thể nghỉ ngơi trong một hai giờ không?

-Chúng tôi chỉ có độc một gian phòng này – Chủ quán đáp.

-Quỷ quái! Thật đáng tức giận.

-Ông chờ một người đàn bà ư? Ông bạn quả cảm của tôi – Viên đại uý bí mật nói vừa đưa lưỡi kiếm lên môi giữ lấy đầu ria mép nhấm nhấm.

-Không hề là một người đàn bà cho tôi, thưa đại uý – Chàng trai nghiêm nghị trả lời- đó là con gái của chủ nhân cao quý của chúng tôi, ngài thống chế Xanh Ăngđrê.

-Ủa! Lạy Chúa vĩ đại! – Vậy là ông phụng sự ngài thống chế danh tiếng Xanh Ăngđrê ư?

-Tôi có được vinh dự đó, thưa ông

-Ông tin rằng ngài thống chế sẽ đến cái quán tồi tàn này chăng? Ông tưởng ra chuyện này hả? Thưa ông thị đồng trẻ tuổi… Đúng thế à! – Viên đại uý nói

-Cần phải như vây, từ mười lăm ngày nay, ngài thống chế bị mệt tại lâu đài Vile-Côtơrết và vì ngài không thể trở về Pari bằng ngựa để dự cuộc kỵ đấu vào ngày hai mươi chín nhân dịp hôn lễ của hoàng đế Philip đệ nhị với quận chúa Êlidabet và của quận chúa Macơrit với quận công Êmanuyen Philibe-đờ-Savoa, ông Đờ Ghidơ mà lâu đài ở gần lâu đài Vile-Côtơrê.

-Ông Đờ Ghidơ có một toà lâu đài ở gần Vile-Côtơrê à?– Viên đại uý ngắt lời, ý tỏ ra mình cũng biết chuyện triều chính- Vậy mà lâu đài ấy ở đâu? Thưa ông trẻ tuổi.

-Ở Năngtơi-lơ-Hôđuin, thưa đại úy, đó là sự chiếm đoạt mới đây của ông ấy để lâu đài này nằm trên đường nhà vua khi đi Vile-Côtơrê và khi trở về phải qua đấy.

-A! A! Tôi thấy việc này chơi thật đẹp đấy.

-Ồ! – Chàng thị đồng trẻ cười và nói- Người ấy chơi không thiếu sự khéo léo.

-Kể cả không thiếu cách chơi chứ gì – Viên đại uý nói.

-Vậy tôi xin nói rằng – Chàng thị đồng nói tiếp – ông Đờ Ghidơ đã đưa cỗ xe ngựa của ông ấy cho ngài thống chế và ông đã cho nó đi chầm chậm nhưng dù cỗ xe có êm ái đến đâu và người điều khiển ngựa đến Guetxơ có nhẹ nhàng đến mấy thì ngài thống chế vẫn cảm thấy mệt mỏi nên tiểu thư Xaclôt-đờ- Xanh Ăngđrê đã cử tôi đi trước tìm một quán trọ để thân phụ nàng nghỉ ngơi một chút.

Nghe những lời nói trên thốt ra từ bàn bên cạnh, chàng quý tộc đầu tiên đã đỏ mặt giận dữ khi chủ quán nói xấu về các tín đồ Canvanh liền lắng tai nghe và thấy câu chuyên trao đổi ấy có thể rút ra điều hay ho thú vị trực tiếp hơn cả.

-Trước mình Thánh! – Người Gatscông nói – Tôi xin thề với ông, chàng trai ạ, nếu tôi biết quanh đây hai dặm có một căn phòng xứng đáng nhận hai vị thủ lĩnh ấy thì tôi sẽ không nhường cho bất kì ai, dù là cha tôi- có được vinh dự dẫn được hai vị đó vào đấy nhưng khốn thay –gã nói thêm – tôi không biết có căn phòng nào cả.

Chàng quý tộc theo giáo phái Canvanh phác một cử chỉ tỏ vẻ khinh miệt. Cử chỉ ấy thu hút sự chú ý của viên đại uý đối với chàng.

-A! A! – gã thốt lên.

Gã đứng lên và cúi chào người tín đồ Canvanh với lễ độ kiểu cách rồi quay lại phía chàng thị đồng. Chàng tín đồ Canvanh đứng lên và như người Gatscông, lễ phép chàng đáp lại nhưng vẻ lạnh lung rồi quay đầu về phía tường. Viên đại uý rót rượu cho chàng thị đồng, người này nâng cao cốc trước khi rượu đầy một phần ba cốc, rồi viên đại uý nói tiếp: -Theo ông nói, chàng trai trẻ ạ, ông phục vụ ngài thống chế Xanh Ăngđrê danh tiếng, người anh hùng ở Xêridôn và Răngty… Tôi đã dự cuộc hành quân tấn công Bulônhơ, chàng trai ạ, và tôi đã thấy những nỗ lực của ngài tìm cách xông vào vị trí ấy. A! Tôi tin chắc đấy là một con người không để mất danh hiệu thống chế của mình.

Đột nhiên, gã ngừng lời tỏ vẻ suy nghĩ rồi gã nói: -Trời ơi! Nhưng tôi nghĩ tới điều này, tôi từ Gatscônhơ tới, tôi đã từ bỏ lâu đài của cha mẹ tôi để nhằm phục vụ một vị hoàng thân nổi tiếng hoặc một thủ lĩnh trứ danh nào đó. Chàng trai trẻ ạ, liệu trong nhà thống chế Xanh Ăngđrê có còn một chỗ nào để dung nạp một sĩ quan gan dạ như tôi không? Tôi sẽ không khó tính về lương bổng miễn là người ta không cho tôi những mụ già để giải trí, những đôi ủng mới dễ gãy thì tôi sẽ cố hết sức mình để làm tròn nhiệm vụ mà người ta giao phó cho tôi nhằm làm hài lòng vị chủ nhân của tôi.

-Chà! Thưa đại uý – Chàng thị đồng trẻ nói – ông thấy rõ là tôi hoàn toàn lấy làm tiếc, thực sự là như vậy, khốn thay, nhà ngài thống chế đã đủ người rồi, tuy thế tôi không chắc là ngài có thể chấp nhận sự cống hiến dễ thương của ông dù có muốn.

-Chán thật! Mặc ông ấy vì tôi có thể kiêu hãnh là một con người quý giá cho những ai dung nạp tôi. Giờ đây hãy coi như tôi đã không nói gì hết và chúng ta hãy uống đi.

Chàng thị đồng đã nâng cốc của mình tỏ sự đồng tình với viên đại uý bỗng bật dậy lắng tai nghe rồi đặt cốc lên bàn.

-Xin lỗi đai uý – chàng nói – tôi nghe có tiếng xe ngựa, mà xe ngựa thì hiện rất hiếm nên tôi tin rằng, không phải đoán mò mà là có thể khẳng định đó là cỗ xe của quận công Đờ Ghidơ, vậy xin ông cho phép tôi vắng mặt một lát.

-Xin cứ tự nhiên, ông bạn trẻ của tôi, xin cứ việc –viên đại uý nói với vẻ khoa trương- bổn phận trên hết.

Chàng thị đồng nói xin lỗi chẳng qua hoàn toàn vì phép lịch sự bởi vì ngay trước khi viên đại uý trả lời, chàng đã vội vàng chạy khỏi quán và biến mất ở góc đường.

§4. Những lữ khách

Viên đại uý lợi dụng sự vắng mặt của chàng thị đồng để suy nghĩ và vừa suy nghĩ vừa uống bình rượu vang đặt trước mặt. Uống hết bình thứ nhất, gã gọi bình thứ hai. Rồi như thể thiếu dong suy nghĩ hoặc do cách vận dụng tinh thần của gã không đầy đủ, thiếu sự khổ công, do thiếu thói quen làm việc này, viên đại uý liền quay sang chào người tín đồ giáo phái Canvanh với một vẻ lễ độ đáng mến và nói: -Tôi tin chắc rằng, thưa ông, hình như tôi được chào một người đồng hương.

-Ông lầm rồi, thưa đại uý –Chàng trả lời người hỏi mình- Vì nếu tôi không nhầm thì ông là dân Gatscônhơ, còn tôi là dân Ănggumoa.

-A! Ông là người Ănggumoa à! – Viên thiếu uý reo lên ngạc nhiên và thán phục- Ở Ănggumoa! Thế đấy! Thế đấy! Thế đấy!

-Vâng, thưa đại uý, điều này làm ông hài lòng ư? Chàng tín đồ Canvanh hỏi.

-Tôi tin chắc như vậy! Tôi mong ông cho phép tôi có lời chúc mừng, ngợi ca: một xứ sở tuyệt đẹp, phong phú được chia cắt bởi những dòng sông kỳ thú; đàn ông ở đấy sáng chói lòng dũng cảm chứng minh là cố hoàng đế Frăngxoa đệ nhất; đàn bà ở đấy chói rực về tinh thần; cuối cùng tôi xin nói thật với ông rằng, thưa ông, nếu tôi không phải là dân Gatscônhơ thì tôi muốn được là người Ănggumoa.

Chàng quý tộc Ănggumoa nói: -Thật quá vinh dự cho cái tỉnh khốn khổ của tôi, thưa ông và tôi không biết cảm ơn ông thế nào cho phải.

-Ồ! Không có gì dễ dàng hơn, thưa ông, để chứng tỏ cho tôi chút ít sự chấp thuận mà ông muốn dành cho sự chân thành thô lỗ của tôi, xin ông vui lòng chàm cốc với tôi vì niềm vinh quang và sự thịnh vương của các đồng bào của ông.

-Rất vui lòng, thưa đại uý –chàng tín đồ Canvanh nói, vừa chuyển bình và cốc của chàng đặt lên góc bàn mà người Gatscônhơ ngồi đối diện và lí do vắng mặt của chàng thị đồng chỉ để lại vừa đủ một chỗ.

Sau khi nâng cốc chúc cho sự vẻ vang của những người con của Ănggumoa. Chàng quý tộc thuộc giáo phái Canvanh không thể tỏ ra thiếu lịch sự cũng nâng cốc chúc sự thịnh vượng và sự vẻ vang của những đứa con của Gatscônhơ. Rồi coi như đã đáp lễ xong người đã chúc mình, chàng quý tộc Ănggumoa cầm lại bình rượu và cốc của chàng chuẩn bị trở lại bàn mình.

-Ồ! Thưa ông – người Gatscônhơ nói – sự quen biết nhau ngưng quá sớm thế này sao, xin ông hãy vui lòng cho tôi được cạn bình rượu vang của ông tại bàn này.

-Tôi e làm ông khó chịu, thưa ông – Chàng tín đồ Canvanh nói lịch sự nhưng thờ ơ.

-Làm tôi khó chịu ư? Không bao giờ. Vả lại theo tôi thì sự làm quen tuyệt vời và hoàn hảo là tại bàn rượu. Thật hiếm khi không đủ ba cốc trong một bình rượu vang, có phải không ạ?

-Đúng thế, thưa ông, quả là hiếm – Chàng tín đồ Canvanh trả lời trong lúc cố đoán xem kẻ đối thoại với mình muốn đạt tới điều gì.

-Nào, chúng ta hãy chúc sức khoẻ mỗi người bằng một cốc rượu vang nhé. Ông đồng ý với tôi là chúc mỗi lần bằng một cốc chứ?

-Tôi đồng ý với ông, thưa ông.

-Khi ta đã cùng lúc đồng tình và tự đáy lòng mình chúc sức khoẻ cho ba người thì đấy là ta cho trí tuệ, chính kiến và các nguyên tắc tương tự chứ?

-Có sự đúng đắn trong những điều ông vừa nói thưa ông.

-Đúng đắn! Đúng đắn! Ông nói là có sự đúng đắn chứ, ôi máu Chúa! Đó là sự thật trong sáng đấy.

Rồi gã mỉm cười duyên dáng nhất: -Để mở đầu sự quen biết nhau, thưa ông, và để làm sáng tỏ sự tương đồng chính kiến của chúng ta, ông hãy cho phép tôi được đề nghị với ông chúc sức khoẻ vị đại thần Môngmôrăngxi.

Chàng quý tộc do tin cậy đã nâng cốc lên, mặt mày rạng rỡ nhưng sầm ngay mặt, đặt cốc lên bàn.

-Xin ông thứ lỗi cho tôi, thưa ông – Chàng nói – nhưng với con người này thì tôi không thể làm ông vừa lòng được. Ông Môngmôrăngxi là kẻ thù của cá nhân tôi.

-Kẻ thù của riêng ông à?

-Làm sao một con người ở địa vị của ông ta lại có thể trở thành một con người ở vào vị trí của tôi được, cũng vì vậy, kẻ lớn có thể là kẻ thù của kẻ bé.

-Kẻ thù của cá nhân ông ư? Trong trường hợp này, vào giờ này, ông ta cũng trở thành kẻ thù của tôi. Vả lại tôi thú thật với ông rằng tôi không hề quen biết ông ta chút nào, vì đối với ông ta, tôi không có mối thiện cảm sâu sắc. Tai tiếng xấu xa, bủn xỉn, cau có, dâm ô, vùng vẫy như một kẻ ngốc, hãy coi là một kẻ dại khờ. Ma đưa quỷ dắt thế nào mà tôi lại có ý định mời ông một lời chúc như vậy nhỉ? Vậy cho phép tôi được chuộc lại bằng một đề nghĩ khác với ông. Về thống chế Xanh Ăngđrê nhé!

-Chắc chắn lời đề nghị của ông đưa ra không đúng lúc rồi, ông đại uý ạ- chàng quý tộc tín đồ Canvanh trả lời về vấn đề thống chế Xanh Ăngđrê cũng vẫn nội dung đã nói đầy đủ về viên đại thần – Tôi không nâng cốc chúc sức khoẻ một người mà tôi không ưa thích, một con người sẵn sàng làm tất cả vì danh vọng hoặc tiền bạc, một con người sẽ bán cả vợ và con gái lão như đã bán lương tâm lão nếu người ta trả cho lão về việc này cũng bằng cái giá ấy.

-Ôi! Trời ơi! Ông nói gì với tôi thế? – người Gatscông kêu lên – Thế nào! Sao tôi lại muốn nâng cốc chúc sức khoẻ một người như vậy nhỉ?… Quái quỷ ở đâu

mà mi lại có ý nghĩ như vậy hỡi tên đại uý này? – Người Gatscông nói tiếp, tự xỉ vả mình –A! Ông bạn, nếu bạn muốn giữ danh tiếng của những con người trung thực thì ta không nên chúc rượu như thế này nữa.

Rồi đổi giọng, gã nói với chàng tín đồ Canvanh: -Thưa ông, kể từ lúc này tôi nhìn nhận thống chế Xanh Ăngđrê cũng cùng một sự khinh miệt như bản thân ông đối với ông ấy. Và không để ông có ý nghĩ sai lầm mà tôi đã mắc phải, tôi xin đề nghị với ông lần chúc sức khoẻ thứ ba với người mà tôi mong rằng ông không có chuyện gì để phản đối cả.

-Về ai? Thưa đại uý.

-Nâng cốc chúc sức khoẻ Frăngxoa-đờ-Lore danh tiếng, quận công Đờ Ghidơ! Người bảo vệ thành Medơ, người chiến thắng ở Cale! Người phục thù ở Xanh Căngtanh và Gravơlin! Người sửa chữa những sự ngộ nhận về viên đại thần Môngmôrăngxi và về thống chế Xanh Ăngđrê chứ? Ái chà!

Chàng trai tái mặt nói: -Đại uý ạ, ông chơi xấu tôi đấy vì tôi đã có lời nguyền.

-Lời nguyền nào, thưa ông? Và xin ông hãy tin rằng nếu tôi có thể góp sức vào việc thực hiện lời nguyền ấy…

-Tôi đã thề rằng: con người mà ông đề nghị tôi nâng cốc chúc sức khoẻ sẽ chết bằng chính tay tôi.

-Thật tội nghiệp! Người Gatscông kêu lên – Ông làm gì vậy? Thưa ông.

Chàng tín đồ Canvanh nói: -Thưa ông, cuộc thử nghiệm đã xong, ba sức khoẻ đã được chúc và chúng ta tỏ ra không cùng ý kiến về những con người ấy; sẽ đáng ngại nếu chúng ta muốn đạt được việc này theo các nguyên tắc thì sẽ càng tồi tệ hơn đấy.

-Ủa! Lạy Chúa vĩ đại! Thật không minh bạch thưa ông, với những người muốn làm để cùng chúng ý tưởng với nhau lại đã bị lầm lạc về những con người mà họ không hề quen biết, bởi vì chính tôi không hề quen biết quận công Đờ Ghidơ, cả thống chế Xanh Ăngđrê, cả lão đại thần Môngmôrăngxi; xin hãy côi tôi bất cẩn vì đã định nâng cốc chúc ba con quỷ: Satăng, Luyxife và Atstarôt; ông đã làm cho tôi nhận ra rằng đến lần chúc thứ ba, tôi đã mất trí: tôi xin nhanh chóng rút lui. Vậy là tôi nay đã ở điểm xuất phát và cốc rượu của chúng ta hãy còn đầy thì nào, nếu ông vui lòng thì chúng ta hãy nâng cốc chúng mừng sức khoẻ của mình chúng ta thôi: Cầu Chúa hãy phù hộ cho ông sống lâu và vinh quang thưa ông! Đây là lời tôi cầu xin Người tự đáy lòng mình.

-lời nói thật quá lịch thiệp, lẽ nào tôi lại có thể khước từ ông được, thưa đại uý.

Lần này, người Ănggumoa uống cạn cốc của mình theo gương viên đại uý cũng đã cạn chén của gã.

-Vậy là việc đã hoàn tất – Người Gatscông chéo miệng nói – và chúng ta đã đồng lòng một cách tuyệt vời, vậy thì kể từ hôm nay, thưa ông, ông có thể trông

cậy ở tôi như một người bạn trung thành nhất.

-Tôi cũng sẵn sàng tuân theo ý ông, thưa đại uý – Người theo phái Canvanh trả lời một cách lịch thiệp thông thường.

-Còn về phần tôi – Người Gatscông nói tiếp – tôi xin nói thêm là tôi chờ dịp để phục vụ ông.

-Tôi cũng vậy – Người Ăng-gumoa trả lời.

-Rất chân tình chứ, thưa ông quý tộc.

-Rất chân tình, thưa đại uý.

-Thế thì cơ hội mà ông tìm kiếm ban ân cho tôi, tôi tin rằng ông đã tìm ra rồi.

-Lẽ nào tôi lại có được diễm phúc ấy.

-Xin thề trước Chúa! Có đấy, hoặc tôi quá lầm hoặc ông đã có nó trong tay rồi.

-Vậy ông hãy nói đi.

-Sự việc là thế này: tôi từ Gatscông tới, tôi đã từ bỏ lâu đài của cha mẹ tôi là nơi tôi được vỗ béo trông thấy một cách đáng thương. Ông thợ cạo của tôi khuyên tôi nên làm việc và tôi đến Pari với ý định làm một việc hữu ích. Tất nhiên tôi đã chọn cuộc đời binh nghiệp. Liệu ông có biết ở Ăng-gumoa có vị trí nào tốt đẹp mà một chàng trai Gatscông có thể đảm đương miễn là người ta không đem cho hắn những mụ gái già để giải khuây và những đôi ủng mới dễ gãy không? Tôi dám tự hào trong trường hợp này tôi sẽ làm tròn xuất sắc mọi nhiệm vụ mà người ta giao cho tôi.

-Tôi mong muốn như thế – Người Ăng-gumoa trả lời- nhưng cũng rủi thay, tôi đã rời bỏ xứ sở tôi khi tôi còn quá non trẻ, và không quen biết được một ai ở đấy cả.

-Ý Thánh Cha cả thôi! Thưa ông, ông thấy tôi đây là kẻ hoàn toàn khốn khổ, nhưng tôi nghĩ rằng, thưa ông quý tộc, có lẽ ông quen biết một ai đó ở tỉnh khác, tôi không yêu cầu phải là Ăng-gumoa là nơi mà người ta quả quyết đó là một xứ cuồng nhiệt; hoặc giả có một lãnh chúa đức độ dòng dõi cao quý để ông có thể tiến cử tôi với ngài đó được chăng? Cũng chẳng cần ông ấy hoàn toàn đức độ vì tôi sẽ làm vừa lòng ông ấy miền là Chúa ban phát cho ông ấy lòng dũng cảm vù việc Người khước từ ông ấy về đức hạnh.

-Tôi rất tiếc, thưa đại uý, Tôi không thể giúp được chút gì cho một con người dễ dãi như ông; còn tôi là một người quý tộc cũng khốn khổ như ông mà thôi, tôi còn có một người em mà tôi đã không biết làm thế nào cho nó sống được bằng tiền lương dư bổng của tôi hoặc tiền dư ngân khoản của tôi.

-Thật mắc dịch! Người Gatscông kêu lên, rõ ràng là gã rất tức giận – Nhưng đúng theo dự định, thưa ông quý tộc tộc của tôi – Viên đại uý đứng lên nói tiếp, vừa thắt lại đoản kiếm của gã – Xin thề danh dự, tôi vẫn biết ơn ông.

Rồi gã chào người tín đồ Canvanh. Chàng chào đáp lại rồi lấy bình rượu và cốc của mình trở lại chỗ ngồi ban đầu của chàng.

Vả lại, cỗ xe ngựa tới tác động tới mỗi nhân vật một thái độ khác nhau trong khung cảnh này.

Chúng ta thấy chàng quý tộc Ăng-gumoa trở lại chỗ ngồi ban đầu cho phép chàng quay lưng ra cửa.

Viên đại uý Gatscông đứng thật thích hợp với vị trí con thứ của gia đình trước những nhân vật cao quý đã được chàng thị đồng báo trước; cuối cùng chủ quán và vợ gã vội nhào ra cửa để sẵn sàng phục vụ theo đòi hỏi của những người khách đã đem tới cho họ vận may.

Chàng thị đồng tránh để quần áo vấy bùn do tiếp xúc với con đường lầy lội, đứng ở bậc thứ ba của cỗ xe ngựa, nhảy xuống đất và mở cửa xe. Một người có bộ mặt quyền thế mang vết sẹo rộng ở má bước xuống đầu tiên.

Đó là Frăngxoa đờ Loren tức quận công Đờ Ghidơ được mệnh danh là Balafrê kể từ khi ông nhận được vết thương khủng khiếp ở Cale. Ông đeo một dải băng trắng có tua viền thêu hoa huệ vàng là huy hiệu cấp bậc thiếu tướng trong quân đội hoàng gia.

Tóc ông cắt ngắn và trải chuốt, đầu đội mũ nhung đen có cài lông vũ trắng là mốt của thời này, mình mặc áo chẽn màu ngọc xám và bạc là những màu được ưa chuộng, đoạn vải kết trên vai áo và áo choàng mau nhung đỏ tía, chân đi ủng cao có thể kéo lên đùi cao hoặc bẻ gập xuống dưới đầu gối.

Ông nói khi đặt chân vào giữa những vũng nước loang loáng trước cửa quán: -Thựa sự là một cơn hồng thuỷ.

Rồi ông trở lại cỗ xe nghiêng người vào trong; nói tiếp: -Này Xaclôttơ thân mến, tiểu thư không thể đặt đôi bàn chân xinh đẹp của mình vào đám bùn ghê tởm này đâu.

-Thưa ngài thống chế thân mến – Quận công nói tiếp – ngài vui lòng cho phép tôi bé con gái ngài trong vòng tay của tôi chứ? Điều này làm tôi trẻ lại được mười bốn tuổi đấy, bởi vì cách đây cũng mười bốn năm, cô gái xinh đẹp của tôi ạ, tôi đã bế cô từ nôi ra như thế này đây. Nào, con bồ câu xinh xắn – Ông nói tiếp – hãy ra khỏi ổ của cô nào.

Bế thiếu nữ trong vòng tay, chỉ ba bước chân ông đã đặt cô gái trong phòng.

Danh hiệu bồ câu mà ngài quận công tao nhã Đờ Ghidơ tặng cô gái nhỏ mà ông muốn trở thành con dâu ông không chút nào lạm ngôn: thật vậy, ta không thể thấy mọt con chim nào trắng hơn, ẻo lả và xinh xắn hơn thiếu nữ mà ngài quận công bế trên tay và đặt trên nền nhà ẩm ướt của quán trọ.

Người thứ ba bước xuống, nói đúng hơn là đang tìm cách bước xuống khỏi cỗ xe ngựa là thống chế Xanh Ăngđrê. Ông gọi chàng thị đồng của ông nhưng dù

anh chàng chỉ đứng cách ông vừa đúng ba bước chân vẫn không nghe thấy tiếng ông gọi.

-Giắc! Giắc! – Ngài thống chế nhắc lại – Chà chà! Người lại đây cơ mà, cái thằng nhỏ kì cục này!

-Có tôi đây! – Chàng thị đồng trẻ vội vàng quay ngoắt lại – Tôi đây, thưa ngài thống chế.

-Bực thật! – Ông nói – Ta đã thấy rõ ngươi ở đấy rồi, nhưng không phải chỗ ngươi đứng đấy, đồ thô bỉ! Ở đây cơ, dưới bậc xe này chứ, thằng nhỏ kì cục! Ái chà, Chậc, sấm với sét!

Chàng thị đồng bàng hoàng nói, vừa giơ vai cho chủ: -Xin ngài thống chế tha lỗi.

-Hãy vịn vào tôi thưa ngài thống chế- Quận công nói đồng thời chìa cánh tay cho kẻ bị phong thấp.

Ngài thống chế được hưởng phép này và được hai người đến dìu đỡ, đến lượt ngài bước vào quán.

Vào thời điểm này, đây là một người đàn ông trạc năm mươi mốt tuổi, má hồng hào hơi tái đi trong lúc ông bực bội, bộ râu hung nâu, tóc hoe vàng, mắt xanh, thoạt nhìn nếu chúng ta hình dung đến nơi nào gặp ông trước đây mươi, mười hai năm thì thống chế Xanh Ăngđrê hẳn là một kỵ sĩ đẹp trai vào bậc nhất thời đó.

Ông có vẻ hơi mệt mỏi đến ngồi vào chiếc ghế bành nhồi rơm hầu như đợi sẵn ông ở góc lò sưởi, tức là góc đối diện với góc mà viên đại uý Gatscông và chàng quý tộc Ăng-gumoa đang ngồi. Ông quận công chỉ cho tiểu thư Xaclôttơ Đờ Xanh Ăngđrê chiếc ghế tựa nhồi rơm mà chúng ta đã thấy chủ quán ngồi chạng háng ở phần đầu chương trước, còn ông hài lòng với chiếc ghế đẩu; ông ra hiệu cho chủ quán đốt to lò sưởi vì dẫu đang giữ mùa hè thì lửa vẫn cần thiết để chống lại sự ẩm ướt.

Lúc này, mưa lại mạnh lên và đổ xuống thật dữ dội làm nước bắt đầu tràn vào quán qua chiếc cửa mở như tràn qua một đoạn đê vỡ hoặc qua một cửa đập mà người ta quên không đóng lại.

-Này chủ quán – Ngài thống chế quát – Hãy đóng cửa lại! Ông muốn chúng ta chết chìm ngay hả?

Chủ quán trao bó củi gã đang ôm cho vợ gã chăm lo việc đốt lửa liên tục còn gã chạy đến cửa để thi hành lệnh của ngài thống chế. Đúng lúc gã dùng hết sức để khép cánh cửa xoay trên bản lề thì nghe thấy tiếng vó ngựa phi nhanh trên đường.

Con người đáng trọng này vì thế dừng lại, sợ rằng lữ khách thấy cửa quán đóng sẽ không biết là quán đã đầy người hay còn vắng vẻ và giả thiết nào thì

khách cũng bỏ đi nơi khác mất. Gã ghé đầu qua cửa mở hé nói: -Xin thứ lỗi, thưa tôn ông, tôi tin rằng ngài là một vị khách đến nhà tôi.

Thật vậy, một kị sỹ dừng lại trước quán, nhảy khỏi lưng ngựa xuống đất và ném dây cương cho chủ quán và nói: -Ông hãy dắt con ngựa này vào chuồng và đừng hà tiện với nó về cám và lúc mạch đấy nhé.

Bức nhanh vào trong quán lúc này chưa có ánh sáng lửa, ông lắc mạnh chiếc mũ đẫm nước mưa, không chú ý tới việc ông đã vung nước vào tất cả mọi người trong phòng. Nạn nhân đầu tiên của trận mưa rào này là quận công Đờ Ghidơ khiến ông này vụt đứng dậy, nhảy một bước đến bên khách lạ, kêu lên: -Chà, cái ông kì quặc này, ông không thể chú ý tới việc ông làm hử?

Nghe thấy tiếng rầy la ấy, người mới đến quay lại và trong lúc xoay mình đã nhanh như cắt cầm kiếm trong tay.

Chắc chắn ông Đờ Ghidơ đã phải trả giá đắt về cái từ mà ông đã dùng chào người khách lạ, mặc dầu trước lưỡi kiếm, ông không lùi bước trước người này.

-Thế nào, hoàng thân, chính là ông đấy à? – Ông nói.

Người mà quận công Đờ Ghidơ vừa chào với tước vị hoàng thân chỉ cần liếc mắt nhìn người chỉ huy nổi tiếng vùng Loren đến lượt mình nhân ra người ấy.

-Vâng, đúng là tôi thưa ông quận công – Ông trả lời và tỏ vẻ ngạc nhiên thấy ông này ở trong cái quán tối tăm và ông này thì cũng ngạc nhiên thấy ông vào đây.

Rồi ông nghiêng mình.

-Tôi thành thật xin lỗi Điện hạ.

-Không hề gì, quận công ạ – Người đến sau vui vẻ nói dễ dãi và cao thượng theo thói quen – Sao ngẫu nhiên ông lại ở đây, tôi ngỡ là ông đang ở mảnh đất Năngtơi của ông cơ đấy?

-Đúng là tôi đến đấy, thưa hoàng thân.

-Qua đường Xanh Đơnit phải không?

-Chúng tôi rẽ vào Giơnetxơ để tiện thể xem lễ hội Lăngđi.

-Ông ư? Thưa quận công. Với tôi mà sự phù phiếm đã trở thành nổi tiếng, tôi cũng qua đó nhờ các bạn tôi. Nhưng ngài quận công nghiêm khắc và khắt khe Đờ Ghidơ sao lại chuyển hướng đường đi của mình để xem một lễ hội của học sinh…

-Tôi không hề có chút ý nghĩ nào như thế, thưa hoàng thân. Tôi quay lại với ngài thống chế Xanh Ăngđrê và con gái ông là con đỡ đầu của tôi, Xaclôttơ là một cô bé đỏng đảnh muốn xem lễ hội Lăngđi ra sao nhưng bất chợt gặp mưa nên chúng tôi vào đây.

-Vậy là ngài thống chế cũng ở đây ư?

-Ngài đây, quận công vừa nói vừa chỉ vào một người trong hai người mà hoàng thân nhìn thấy lờ mờ hình dáng trong nhóm nhưng không phân biệt nổi nét

mặt.

Thống chế tỳ tay vào ghế bành cố đứng lên.

-Thưa ngài thống chế – Hoàng thân lại gần ông nói – xin ngài thưa lỗi cho tôi đã không nhận ra ngài, nhưng ngoài cái phòng này tối như căn hầm, nói đúng hơn là căn hầm này tối hơn nhà ngục, tôi thực sự bị mờ mắt vì mưa làm cho tôi cũng như ông quận công đây lầm lẫn một nhà quý tộc với một người tiện dân. May thay, thưa tiểu thư – Hoàng thân quay sang thiếu nữ nhìn ngưỡng mộ, nói tiếp – may mắn thay, tôi đã dần dần nhìn rõ và tôi thất sự rầu lòng tiếc cho những kẻ mù vì họ không thể chiêm ngưỡng một bộ mặt kiều diễm như dung nhan tiểu thư.

Lời ca tụng đột ngột này làm thiếu nữ đỏ mặt. Nàng ngước mắt nhìn người vừa nói với nàng những lời tán dương đầu tiên mà nàng có thể tiếp nhận nhưng nàng lập tức cụp mắt xuống, loá mắt bởi ánh mắt sáng rực của hoàng thân nhìn nàng.

Chúng ta không rõ cảm nghĩ của nàng ra sao nhưng chắc chắn tràn đầy dịu dàng và duyên dáng bởi vì rất khó cho một thiếu nữ mười bốn tuổi ngưng nhìn vào bộ mặt nào rạng rỡ hơn bộ mặt người kị sĩ hai mươi chín tuổi này mà người ta gọi là hoàng thân và chào với tước vị Điện hạ.

Thật thế, đây là một kỵ sĩ hoàn hảo như Lui Buôcbông đệ nhất, hoàng thân Côngđê.

Sinh ngày 7-5-1530, như chúng tôi đã nói về ông, ông vừa tròn ba mươi tuổi vào thời điểm bắt đầu câu chuyện này.

Ông đúng là nhỏ người hơn và cao lớn nhưng hoàng thân cân đối ưa nhìn. Tóc ông màu hạt dẻ, cắt ngắn, phủ bóng hai thái dương láng bóng mà một nhà não tướng học ở thời đại chúng ta tìm thấy ở đấy những u thông minh và siêu phàm. Mắt ông xanh màu ngọc lưu ly mang vẻ dịu dàng và âu yếm khôn tả nếu đôi lông mày rậm làm bộ mặt hơi rắn rỏi và bộ râu hung cũng dịu hơn thì ta đã coi hoàng thân là một học sinh đẹp trai, mới ra khỏi thánh hội mẫu giáo; tuy nhiên đôi khi đôi mắt dễ thương trong veo như nhìn bầu trời xanh ấy đã in dấu một vẻ cương nghị dữ dội thì qua ý tưởng của thời đại ấy ta có thể so sánh con mắt ấy như một dòng sông hiền hoà khi ánh mặt trời chiếu sáng và đáng lo ngại khi bão tố làm xáo động. Tóm lại là trên bộ mặt ông mang tính cách vượt trội có nghĩa là lòng dũng cảm và khao khát yêu đương được đẩy lên ở mức độ cao.

Trong lúc ấy, do cửa đóng và lửa cháy trong lò sưởi, gian phòng của quán sáng lên những ánh ma quái, soi tỏ hai nhóm người, một ở góc phải, một ở góc trái một cách khác nhau và thường biến đổi, hơn nữa, những tia sáng lọt qua những khe hở bên trên thỉnh thoảng lại lướt qua các bộ mặt những ánh xanh làm cho những người trẻ nhất và có sinh khí nhất mang những sắc thái của những sinh vật ở một thế giới khác.

Cảm nghĩ ấy đến mức lan cả sang chủ quán, gã cho rằng đêm đến từ lâu mặc dầu mới bảy giờ tối, gã bèn thắp một ngọn đèn đặt lên nóc lò sưởi, bên trên nhóm hoàng thân Côngđê, quận công Đờ Ghidơ, thống chế Xanh Ăngđrê và cô con gái ông.

Mưa không ngớt lại còn mạnh hơn vì thế không ai nghĩ tới rời quán; kèm theo mưa còn là cơn gió khủng khiếp từ sông thổi vào làm cho các cánh cửa chớp va đập vào tường và ngay cả quán cũng rung bần bật từ mái đến chân.

Muốn cho xe ngựa đi trên đường thì nó cũng không cưỡng nổi mà sẽ bị giông bão cướp đi cả thùng xe lẫn ngựa. Vậy là các vị khách đi đường quyết định nghỉ lại quán chừng nào giông tố còn kéo dài.

Đột nhiên, giữa tiếng náo động của các yếu tố; cơn mưa xối xả trên đầu, các viên ngói bị bóc khỏi mái và rơi xuống đất vỡ ra, người ta nghe thấy có tiếng gõ cửa và một giọng rền rĩ mà âm sắc mỗi lần nhắc lại yếu dần đi.

-Xin hãy mở cửa! Nhân danh Chúa, làm ơn mở cửa!

Nghe tiếng đập cửa, chủ quán ngỡ có thêm một vị khách mới liền lao ra mở cửa nhưng nhận ra giọng nói, gã liền dừng lại ngay giữa phòng và lắc đầu: -Mụ nhầm cửa rồi, mụ phù thủy già ạ. Đây không phải là nơi cần gõ cửa nếu mụ muốn người ta mở cửa cho mụ.

-Làm ơn mở cửa, ông chủ quán ơi – Vẫn tiếng than vãn ấy nhắc lại – thật có tội để một người già khốn khổ đứng ở ngoài trời thế này.

-Hãy quay cán chổi của mụ đi hướng khác, hỡi vợ chưa cưới quỷ! – Chủ quán trả lời vọng qua cửa sổ – Ở đây đã có cả một đại hội quá nổi tiếng đối với mụ rồi.

Hoàng thân Đờ Côngđê tức giận trước thái độ tàn nhẫn của chủ quán liền hỏi: -Tại sao ngươi không mở cửa cho người đàn bà khốn khổ kia?

-Vì đây là một mụ phù thủy thưa Điện hạ, mụ phù thuỷ Ăngđili, một mụ già khốn kiếp mà ta cần thiêu sống ở giữa cánh bãi Xanh Đơnit để răn đe vì mụ chỉ mơ tới những vết thương và những khối u bướu, chỉ tiên đoán rặt mưa, mưa đá và sấm sét. Tôi tin chắc là mụ đã trả thù vài nông dân nào đó và chính mụ là nguyên nhân của cái thời tiết chó má này.

-Phù thuỷ hay không – Hoàng thân nói – này, hãy mở cửa cho người ấy. Không được phép để một con người ngoài cửa trong cơn giông tố như thế này.

-Vì Điện hạ muốn như vậy – Chủ quán nói – tôi sẽ đi mở cửa cho mụ già tà đạo này nhưng tôi mong rằng Điện hạ sẽ không ân hận về việc này vì mụ qua đâu là bất hạnh tới đó.

Chủ quán dù kinh tởm vẫn buộc phải tuân theo lời hoàng thân ra mở cửa và ta thấy lọt vào, nói đúng hơn là ngã vào một mụ già tóc xám lưa thưa và rối bù, mặc chiếc áo dài len đỏ hoàn toàn xác xơ và một tấm áo choàng lớn cùng tình trạng như chiếc áo dài, trùng xuống tận gót.

Hoàng thân Côngđê tiến lên, dáng vẻ một ông hoàng, nâng mụ phù thuỷ dậy vì ông có một tấm lòng tốt nhất trên đời. Nhưng chủ quán xen vào, ấn mụ phù thuỷ gập người vào đùi mụ.

-Hãy cảm ơn ngài hoàng thân Đờ Côngđê đi, mụ phù thuỷ, bởi vì không có ngài thì… vì điều tốt lành của thành phố và các vùng lân cận, mụ hãy tin chắc rằng ta sẽ để mụ vỡ sọ ngoài cửa.

Hoàng thân nhìn kẻ khốn khổ, lòng đầy trắc ẩn, ông nói: -Chủ quán, một bình rượu vang mà là loại ngon nhất của ông cho người đàn bà khốn khó này. Hãy uống một chút, bà lão, cái đó làm bà ấm người lên đấy.

Mụ già đến ngồi trước một bàn kê ở cuối phòng, như vậy mụ ngồi đối diên với cửa ra vào, bên phải là nhóm các hoàng thân, thống chế Xanh Ăngđrê và con gái ông, bên trái là viên đại uý Gatscông, chàng quý tộc Ăng-gumoa và chàng thị đồng trẻ tuổi.

Chàng quý tộc Ăng-gumoa lại chìm đắm trong cơn mơ màng. Chàng thị đồng trẻ thì bị choáng ngợp trong việc chiêm ngưỡng những nét duyên dáng của tiểu thư Xanh Ăngđrê. Chỉ viên đại uý Gatscông hoàn toàn tự do suy tưởng, gã nghĩ rằng mụ già chỉ hoàn toàn phù thuỷ ở phần thứ mười những điều mà gã chủ quán gán cho mụ, nhưng đó luôn luôn là ánh sáng dẫn bước gã tìm kiếm cái điều kiện mà gã đã thông báo cho chàng quý tộc Ăng-gumoa và chàng thị đồng trẻ nhưng những người này lại không thể cho gã một tín hiệu nào.

Vậy là gã bước qua chiếc ghế dài đến đứng trước mặt mụ phù thuỷ vừa uống xong cốc rượu vang đầu với vẻ thoả mãn rõ rệt. Hai chân doãng ra, bàn tay đặt trên đốc kiếm, đầu cúi xuống ngực, vừa mềm mỏng, vừa lì lợm, gã nhìn người đàn bà: -Này mụ phù thuỷ! – Liệu mụ có thật sự đoán định trước được tương lai không?

-Với sự phù hộ của Thượng đế, thưa ông đôi khi được ạ.

-Liệu mụ có lấy được cho ta một quẻ bói không?

-Tôi sẽ thử xem nếu điều đó là ý muốn của ông?

-Đó là ý muốn của tôi.

-Vậy tôi xin tuân lệnh ông.

-Này, bàn tay tôi đây; hẳn mụ đoán đọc trong lòng bàn tay như cả bọn du thủ du thực của mụ phải không?

-Vâng, đúng thế.

Mụ phù thuỷ bằng đôi tay xương xẩu và đen xì nắm lấy bàn tay viên đại uý hầu như cũng khô và đen như bàn tay mụ.

-Ông muốn tôi nói gì trước với ông đây? – Mụ hỏi.

-Tôi muốn trước hết mụ nói cho tôi biết liệu tôi có làm nên sự nghiệp được không?

Mụ phù thuỷ xem xét hồi lâu bàn tay người Gatscông.

Người này sốt ruột không thấy mụ phù thuỷ cho biết những lời đoán định bèn ngẩng đầu, vẻ nghi ngờ: -Ma quỷ thế nào mà mụ lại có thể đọc được trong bàn tay một người đàn ông để biết người ấy có làm nên sự nghiệp được chứ?– Gã hỏi.

-Ồ! Rất dễ thưa ông, chỉ có điều đó là bí mật cả tôi.

-Nào, hãy xem sự bí mật của mụ?

-Nếu tôi nói với ông điều đó, ông đại uý ạ – Mụ phù thuỷ trả lời – thì điều đó không còn là bí mật của tôi nữa mà là của ông rồi.

-Mụ có lý, mụ hãy giữ lấy nó nhưng hãy nhanh lên! Mụ cù bàn tay ta, mụ du thực ạ, ta không thích những gái già gãi gãi bàn tay ta.

-Ông sẽ làm nên sự nghiệp, ông đại uý ạ.

-Đúng thế chứ mụ phù thuỷ.

-Xin thề trước Thánh giá.

-Ôi, trời ơi! Tin tốt lành làm sao! Và mụ tin rằng điều này sẽ đến sớm chứ?

-Trong vài năm nữa thôi.

-Quỷ tha ma bắt! Ta muốn nhanh hơn nữa kia, ví dụ trong vài ngày thôi.

-Tôi có thể nói kết quả là các sự kiện nhưng không thể thúc chúng đi nhanh hơn được.

-Điều đó có đem lại cho ta nhiều nỗi cực nhọc không?

-Không, nhưng điều đó có thể gây ra nhiều khổ cực cho những người khác.

-Mụ muốn nói gì?

-Tôi muốn nói rằng ông có tham vọng, ông đại uý ạ.

-A! Xin thề trước thánh giá của Chúa! Đó là sự thật, mụ du thực ạ.

-Thế thì, để tiến tới những mục đích của ông, mọi con đướng sẽ tốt đẹp đối với ông.

-Phải, hãy chỉ cho ta một con đường thôi mà ta phải theo rồi mụ sẽ thấy.

-Ồ! Tự bản thân ông sẽ giành lấy nhưng thật khùng khiếp đấy!

-Còn ta sẽ trở nên thế nào khi theo con đường khủng khiếp ấy?

-Ông sẽ thành kẻ sát nhân, ông đại uý ạ.

-Ôi máu Chúa! – người Gatscông kêu lên- Mụ chỉ là đồ thối thây và mụ chỉ có thể lấy số tử vi của mụ cho những kẻ khá ngu ngốc để đi tin vào những chuyện ấy.

Rồi ném cho mụ giá cái nhìn phẫn nộ, gã trở lại bàn ngồi và làu bàu: -Sát nhân! Ta ư?… Hãy nhớ lấy, mụ phù thuỷ ạ, mong rằng điều đó sẽ chỉ là một giấc ngủ dài.

Tiểu thư Xaclôttơ đã theo dõi thủ đoạn của viên đại uý và tai nàng căng ra vì sự tò mò của tuổi mười bốn, đã không bỏ sót một lời nào trong cuộc đối thoại giữa người Gatscông và mụ phù thuỷ liền hỏi với chàng thị đồng trẻ: -Giắc, nay đến lượt ông lấy số tử vi của ông đi, việc này làm tôi thích thú đấy Giắc!

Người trẻ tuổi được gọi lần thứ hai với cái tên Giắc không phải ai khác mà là chàng thị đồng liền đứng lên không hề có ý kiến với thái độ nhanh nhảu của sự tuân thủ tuyệt đối, chàng đến gần mụ phù thuỷ: -Tay tôi đây bà già tốt bụng ạ – Chàng nói – bà có vui lòng đoán cho tôi một quẻ như bà vừa đoán cho ông đại uý không.

-Rất sẵn sàng, chú nhỏ tốt bụng của tôi – Mụ nói.

Và nắm lấy bàn tay trắng như tay phụ nữ mà chàng trai giơ ra, mụ lắc đầu: -Này bà lão –Chàng thị đồng hỏi – bà không thấy điều gì trong bàn tay này phải không?

-Chàng sẽ khổ sở, chàng ạ.

-A! Giắc tội nghiệp – thiếu nữ là kẻ đã gợi ra chuyện bói toán nửa giễu cợt, nửa âu lo.

Chàng trai mỉm cười u uất, miệng lẩm bẩm: -Ta sẽ không khổ mà đang khổ.

-Chính tình yêu sẽ gây cho chàng mọi nỗi bất hạnh – Mụ già nói tiếp.

-Chí ít là tôi sẽ chết non hử?– Chàng thị đồng tiếp lời.

-Than ôi! Vâng, chú nhỏ tội nghiệp của tôi, vào hai mươi bốn tuổi.

-Càng hay!

-Thế nào, Giắc, càng hay sao?… Ông nói gì thế?

-Vì tôi phải khổ sở thì sống để làm gì? Chàng trai đáp – Ít ra thì tôi sẽ chết trên chiến trường chứ?

-Không.

-Trong giường tôi ư?

-Không.

-Do tai nạn phải không?

-Không.

-Vậy tôi sẽ chết như thế nào? bà lão.

-Tôi không thể nói chính xác với chàng rằng chàng sẽ chết như thế nào nhưng tôi có thể nói cho chàng biết nguyên nhân về cái chết của chàng.

-Vậy nguyên nhân ấy là gì?

Mụ già hạ thấp giọng: -Chàng sẽ là kẻ sát nhân.

Chàng trai tái mặt như thể sự kiện được tiên đoán đã xảy ra rồi. Trở lại chỗ ngồi của mình, chàng cúi đầu: -Cảm ơn bà lão – Chàng nói – mong rằng điều đã định đoạt đượt hoàn tất.

-Này – Viên đại uý hỏi chàng thị đồng: “con mụ giá bị đày đoạ ấy nói gì với ông thế, chàng trai công tử bột của tôi.”

-Tôi không thể nhắc lại điều gì, thưa ngài – chàng trả lời.

Viên đại uý liền quay sang người Ăng-gumoa: -Này ông quý tộc trung thực của tôi – Gã nói – ông không tò mò ư? Cả ông nữa, hãy thử xem số phận ra sao?

Hãy xem đi, dù đúng sai, tốt xấu thì một lời tiên đoán luôn làm thời gian trôi đi chốc lát.

-Xin ông thứ lỗi cho tôi – Chàng quý tộc hầu như đột nhiên thoát khỏi cơn mơ màng trả lời – trái lại tôi có vài điều quan trọng muốn hỏi người đàn bà này.

Rồi đứng dậy, chàng đi thẳng tới chỗ mụ phù thuỷ với cử chỉ dứt khoát tỏ rõ ở chàng có sức mạnh và sự kiên trì của ý chí.

-Bà lão phù thuỷ – Chàng trầm giọng nói vừa chìa một bàn tay gân guốc ra – liệu tôi có thành công trong công việc tôi muốn thực hiện không?

Mụ phù thuỷ nắm lấy bàn tay của người giơ ra cho mụ, sau khi nhìn một giây, mụ buông bàn tay người ấy ra vẻ kinh sợ: -Ôi! Vâng – Mụ nói – ông sẽ thành công vì nỗi bất hạnh của ông.

-Thật tôi sẽ thành công chứ?

-Với cái giá nào đó, Giêsuma lạy chúa tôi!

-Với giá cái chết của kẻ thù của tôi phải không?

-Đúng.

-Thế thì tôi còn cần gì nữa?

Chàng quý tộc trở lại chỗ ngồi của mình vừa ném cho quận công Đờ Ghidơ một cái nhìn hận thù khôn tả.

-Kì lạ thật! Lạ thật! Lạ thật – mụ già lẩm bẩm – cả ba đều là sát nhân. Và mụ nhìn nhóm người gần viên đại uý Gatscông, chàng quý tộc Ăng-gumoa và chàng thị đồng trẻ với vẻ khủng khiếp. Cảnh bói toán này được các vị khách danh vọng ở phía đối diện của gian phòng đưa mắt chăm chú theo dõi. Chúng tôi nói dõi mắt vì dù không nghe được rõ hết thì ít ra cũng nhìn rõ.

Dẫu người ta it tin vào những chuyện bói toán, người ta vẫn luôn tò mò đi hỏi cái môn khoa học u tối này mà người ta gọi là quỷ thuật, hoặc để nó báo trước cho bạn nghìn lời tán dương mà người ta cho rằng có lý, hoặc nó báo trước cho các bạn nghìn nỗi bất hạnh mà ta kết tội nó là dối trá. Chắc hẳn vì lí do đó đã đẩy vị thống chế Xanh Ăngđrê đi hỏi mụ già.

-Ta chỉ thêm vào niềm tin tầm thường vào mọi trò bá láp này nhưng ta thú nhận rằng tuổi thơ ấu của ta, một mụ khất thực lang thang đã đoán cho ta những việc sẽ xảy ra với ta đến năm mươi tuổi, vậy ta không hề tức giận một mụ khác giờ đây tiên đoán cho ta những chuyện sẽ đến với ta cho tới khi ta chết… vậy hãy lại gần đây, mụ con gái của Bendêbuyt(1).

Mụ phù thuỷ đứng lên lại gần nhóm người này.

-Bàn tay ta đây – Thống chế nói – nào

(1)Bendêbuyt là con quỷ được coi là kẻ đứng đầu những tinh thần ranh ma trong thánh kinh.

hãy nói đi và nói to lên, liệu mụ có báo trước cho ta điều gì tốt lành không?

-Không có gì cả, thưa ngài thống chế.

-Không có gì cả à? Quỷ quái thật! Không hề chi, còn điều xấu?

-Xin đừng hỏi tôi, thưa ngài thống chế.

-Có chứ, nhất định! Ta hỏi mụ đấy. Này, nói đi, mụ đọc thấy gì trong bàn tay ta?

-Sự đứt quãng khốc liệt của đường mệnh, thưa ngài thống chế.

-Có nghĩa là ta không sống lâu được hử?

-Cha ơi! – Thiếu nữ lắp bắp đưa mắt cầu khẩn cha nàng đừng đi xa hơn nữa.

-Hãy để đó, Xaclôtơ – Thống chế nói.

-Xin hãy nghe theo lời cô bé xinh đẹp này – Mụ nói.

-Nào, nói hết đi, mụ khất thực, vậy ta chết sớm ư?

-Vâng, thưa ngài thống chế.

-Ta sẽ chết dữ dội hay sẽ chết bình thường.

-Chết dữ dội. Ngài sẽ đón nhận cái chết trên chiến trường nhưng không phải từ tay kẻ thù chính đáng.

-Vậy là từ tay một kẻ phản bội phải không?

-Từ tay một kẻ phản bội.

-Có nghĩa là…

-Nghĩa là ngài sẽ bị giết.

-Cha ôi! – Thiếu nữ rền rĩ, run rẩy nép sát vào người thống chế.

-Liệu con có thêm niềm tin vào tất cả những chuyện quỷ quái này không?– Ông nói và hôn lên trán con.

-Không thưa cha, nhưng tim con đập trong lồng ngực như thể nỗi bất hạnh ấy mà người ta tiên đoán cho cha sắp xảy đến với cha.

-Con ơi!– Ngài thống chế nhún vai nói- Nào, đến lượt con chìa bàn tay ra cho mụ để những lời tiên đoán của mụ thêm vào cuộc sống của con tất cả những ngày mà cuộc đời cha bị đứt đoạn.

Nhưng thiếu nữ khăng khăng từ chối.

-Vậy thì tôi sẽ làm gương cho tiểu thư, thưa tiểu thư – Quận công Đờ Ghidơ chìa bàn tay cho mụ phủ thuỷ và nói kèm nụ cười mỉm.

-Ta báo trước cho mụ, mụ khất thực, rằng người ta đã ba lần lấy số tử vi cho ta và cả ba lần đều có kết quả tang tóc, hãy vì danh dự của pháp thuật, mụ chớ có nói dối.

-Thưa đức ông – Mụ già nói sau khi quan sát bàn tay quận công- tôi không cho biết người ta đã đoán gì cho ngài tới lúc này, nhưng đây là điều tôi tiên đoán cho ngài, chính tôi đây.

-Nào!

-Ngài sẽ chết như ngài thống chế Xanh Ăngđrê, bị giết.

-Đúng thế chứ? – Quận công nói – Và không có cách gì thoát được ư? Đây, cầm lấy và cút đi với quỷ.

Và ông ném cho mụ phù thuỷ một đồng tiền vàng.

-Ái chà! Đây là một cuộc sát hại những nhà quý tộc mà mụ phù thủy này đã tiên đoán cho chúng ta hẳn? Tôi bắt đầu tiếc đã để cho mụ vào, quận công ạ, và để tỏ ra không để riêng mình thoát khỏi số phận, thật đấy! Nào, đến lượt ta, bà già – Hoàng thân Côngđê nói.

-Vậy ra ông cũng tin vào các mụ phù thuỷ ư? Thưa hoàng thân- quận công Đờ Ghidơ hỏi.

-Đúng thế! quận công ạ, tôi đã thấy biết bao lời tiên đoán thiếu sót, biết bao lá số tử vi được thực hiện trọn vẹn, rằng tôi sẽ nói với ông như Mixen Môngtenhơ(1) "Ta biết gì?". Này bà lão, bàn tay ta đây: bà thấy gì trong đó? Tốt hay xấu hãy nói hết đi!

(1)nhà luân lí học Pháp cho rằng chỉ riêng bản thân lí lẽ không đủ đạt tới những thực tế siêu hình.

-Đây là điều tôi thấy trong bàn tay ngài, thưa đức ông: một cuộc đời đầy tình ái và chiến đấu, lạc thú và hiểm hoạ, kết thúc bằng một cái chết đẫm máu.

-Vậy là ta sẽ bị giết hử?

-Vâng, thưa Đức ông.

-Như ông thống chế Xanh Ăngđrê, như ông Đờ Ghidơ.

-Như các ngài ấy.

-Dù bà nói đúng hay sai, bà lão ạ, như bà vừa báo trước cho ta là ta sẽ chết cùng hội với những người cao cả có văn hoá; đây, trả công cho bà.

Và ông cho mụ già không phải chỉ một đồng vàng như quận công Đờ Ghidơ đã cho mà là cả túi tiền của ông.

-Đội ơn trời, thưa đức ông – Mụ già hôn lên bàn tay hoàng thân nói- cầu mong rằng mụ phù thuỷ khốn khổ này đã lầm lẫn và mong rằng lời tiên đoán không thành.

-Và nếu nó thành, bà lão ạ, mặc dầu bà muốn thấy nó không thành thì tuy nhiên ta hưa với bà là ta vẫn tin ở các nhà phù thuỷ. Đã đành – Ông hơi mỉm cười nói thêm – là việc này sẽ xảy ra hơi muộn.

Một sự im lặng ảm đạm kéo dài một lúc, trong khi đó, người ta nghe tiếng mưa rói dịu đi.

-Mà nay, – hoàng thân nói – dông tố ngớt rồi. Tôi xin chào các ngài, thưa ngài thống chế. Tôi xin chào ngài, thưa ngài quận công. Người ta đợi tôi ở lâu đài Côlinhi vào hồi chín giờ, vậy tôi phải lên đường thôi.

-Thế nào, thưa hoàng thân, trong cơn giông tố này ư? – Xaclôttơ hỏi.

-Thưa tiểu thư – Hoàng thân nói- tôi chân thành cảm ơn sự ân cần của tiểu thư, thế nhưng tôi không hề sợ sấm sét vì tôi phải bị giết.

Sau khi chào hai người bạn của ông, ông dừng lại trước tiểu thư Xanh Ăngđrê với ánh nhìn buộc thiếu nữ phải hạ mắt xuống; ông hoàng ra khỏi quán

và một lát sau, người ta nghe thấy tiếng vó ngựa phi nhanh trên con đường đi Pari

-Hãy đưa cỗ xe ngựa lại gần đây, nhỏ Giắc – Thông chế nói – Nếu ngườ ta chờ đợi ở lâu đài Côlinhi thì người ta cũng đợi chúng ta ở lâu đài Tuôcnen vào hồi mười giờ đấy.

Cỗ xe ngựa áp gần. Thống chế Xanh Ăngđrê, con gái ông và quận công Đờ Ghidơ ngồi vào chỗ của họ trong xe.

Chúng ta hãy để họ theo gót ông hoàng Côngđê trên con đường đi Pari, sau này chúng ta sẽ còn gặp họ ở đó.

Chúng ta chỉ ghép những cái tên của ba nhân vật mà mụ phù thuỷ đã tiên đoán cho họ là sẽ bị giết; những cái tên của ba nhân vật mà mụ già tiên đoán cho họ sẽ trở thành những kẻ sát nhân: quận công Đờ Ghidơ, thống chế Xanh Ăngđrê, hoàng thân Côngđê; Pontrô-đờ-Mêrê, Bôbinhi-đờ-Bêdie, Môngtetskiu.

Chắc hẳn để cho những người này và những kẻ kia một lời báo trước với những người này cũng như với kẻ kia mà Thượng đế đã tập hợp sáu con người này trong quán "Ngựa tía."

§5. Cuộc diễu hành long trọng của ngài chánh án Mina

Thứ ba, ngày mười tám tháng Chạp năm 1559 tức là sáu tháng sau lễ hội Lăngđi, vào hồi ba giờ chiều trong một buổi hoàng hôn tuyệt đẹp hằng mong ước có được ở kì gần cuối năm này, ngài Ăngtoan Mina, một trong số cố vấn của Pháp viện cưỡi trên lưng con la thật gầy guộc yếu ớt đã tố giác tính keo kiệt đáng phỉ nhổ của chủ nó.

Ngài Ăngtoan Mina – chúng tôi lưu ý độc giả để mắt đến ông một chút – là một người sáu mươi tuổi, béo tốt và má phị, làm dáng bằng cách để những lọn tóc giả bay phất phơ trước gió.

Bộ mặt ngài lúc bình thường biểu lộ sự toàn phúc nhất: chắc chắn không một nỗi buồn nào làm u tối được vầng trán bóng láng không một nếp nhăn; không một giọt lệ nào khơi được dòng dưới đôi mắt to hầu như quá mức; cuối cùng là sự vô tư lự ích kỉ và niềm vui tầm thường đã phết một lớp sơn trên bộ mặt đỏ au được chống đỡ một cách oai vệ bằng chiếc cằm có ba lớp.

Nhưng ngày này, bộ mặt ngài chánh án Mina còn xa mới rạng rỡ ánh hào quang thường nhật của ngài; bởi vì chỉ cách nhà ngài không quá bốn trăm bước và ta thấy rõ khoảng cách này không lớn nhưng ngài không tin chắc có về tới nhà được không; vì thế mà bộ mặt ngài, tấm gương của những cảm xúc lay động bên trong đang biểu lộ nỗi lo âu sâu sắc nhất.

Quả nhiên, dân chúng hợp thành đoàn hộ tống vị chánh án đáng trọng còn xa mới đem đến cho ngài niềm vui: ngay từ lúc ngài ra đi, ngài đã bị một đám dân chúng rất đông đi theo, hầu như thật sự thích hộ tống ngài; hầu như tất cả những kẻ ưa hò reo, la ó, gào thét ở cái thủ đô của cái vương quốc thuần công giáo này đều hẹn nhau trên quảng trường pháp viện để hộ tống ngài đến tận nhà ngài.

Vậy những lý do nào đã kích động số đông đồng hương của ngài chống lại ngài Mina đáng trọng?

Chúng tôi cố gắng kể vắn tắt chuyện này.

Ngài Mina vừa kết án tử hình một người trung thực mà nói:- được mến mộ nhất ở Pari, người đồng sự với ngài chánh án ở pháp viện, người anh em trong Chúa của ngài, ông pháp quan đức độ Anơ Đuybuôc. Vậy Đuybuôc đã mắc tội gì? Cùng một tội như Atêniêng Aritit. Người ta gọi ông là Công lý.

Đây là những nguyên nhân của vụ án kéo dài từ sáu tháng nay và vừa kết thúc thật rủi ro cho viên pháp quan khốn khổ.

Tháng sáu, năm 1559, Hăngri đệ nhị bị hồng y giáo chủ Loren và anh ông ta là Frăngxoa Đờ Ghidơ kích động rằng giới tăng lữ ở Pháp được mệnh danh là những thiên sứ của Chúa để bảo vệ và gìn giữ thiên Chúa giáo, toà thánh và La

Mã; Hăngri đệ nhị liền ban bố một đạo luật buộc pháp viện kết án tử hình không loại trừ, không miễn thứ đối với mọi người theo giáo phái cách tân Luyte.

Vậy mà, bất kẻ đạo luật ấy, vài pháp quan đã phóng thích khỏi nhà tù một tín đồ Canvanh. Quận công Đờ Ghidơ và hồng y giáo chủ Loren không sờn lòng đối với việc loại trừ toàn bộ những tín đồ Tin lành, đã thuyết phục nhà vua, ngày mùng mười tháng sáu đến chủ toạ phiên họp trọng thể tại đại nghị viện tổ chức tại tu viện Ôguytstanh là nơi Tối cao Pháp viện tập hợp lúc này vì trụ sở pháp viện đã dành cho việc cưới giữa vua Philip đệ nhị với bà Êlidabet và giữa tiểu thư Macgơrit với hoàng thận Êmanuyen Filibe.

Ba hoặc bốn lần mỗi năm trong đó một lần là phiên họp của Tối cao pháp viện mà người ta gọi là đại nghị hội và cuộc họp này được gọi là định kì thứ tư vì nhất thiết phải họp vào thứ tư.

Vậy là nhà vua đến chủ toạ pháp hội định kì thứ tư và khai mạc phiên họp bằng việc hỏi vì sao người ta tự cho phép tha bổng những tín đồ Tin lành và do đâu mà người ta không phê chuẩn đạo luật xử tội họ.

Năm pháp quan cùng lúc đứng bật dậy với cùng một tình cảm rồi, nhân danh cá nhân và thay mặt các đồng sự của mình, Anơ Đuybuôc nói giọng cương nghị: -Bởi vì người đó vô tội và giải thoát một người vô tội dù người đó có là tín đồ Tin lành thì chính là hành động theo lương tri con người.

Năm pháp quan đó là Đuyfô, La Fuymê, Đờ Poa, Đờ la Pooc và Anơ hoặc Ăngtoan Đuybuôc.

Chính Đuybuôc, như chúng tôi đã nói tới, là người được uỷ nhiệm trả lời.

Vậy là ông nói thêm: -Đối với đạo luật, thưa bệ hạ, thần không khuyên bệ hạ cho phê chuẩn nó, trái lại, thần yêu cầu người ta đình những vụ kết án ghi trong đạo luật cho đến khi nào mà những ý kiến về những kẻ mà người ta dễ dàng dẫn tới nhục hình được cân nhắc chín chắn và tranh luận lâu dài trước một hội đồng.

Vào lúc ây, chánh án Mina can thiệp đề nghị được đặc biệt nói với nhà vua.

"Theo những hồi kí của Côngđê, thì đây là một con người xảo trá, quỷ quyệt, phóng đãng và ngu dốt nhưng là một kẻ nhiều mưu mô và phản loạn. Muốn làm hài lòng nhà vua và những nhân vật chính của nhà thờ La Mã, e sợ những ý kiến của những người thuộc nhóm Đuybuôc hẳn mạnh mẽ hơn và cần phải kết luận theo văn bản vì thế ông ta làm cho nhà vua lọt tai rằng những pháp quan của tối cao pháp viện hầu như tất cả đều là những tà đạo theo giáo phái Luyte; rằng thật ghê tởm đi nghe một số người trong bọn nói về lễ nguyện; rằng họ muốn phế truất quyền lực và vương miện của nhà vua; rằng họ hết sức huênh hoang, dè bỉu những đạo luật và lệnh chỉ ấy; rằng họ ăn mặc như người Morơ(1); rằng

(1)một vùng ở Bắc phi mặc quần rất rộng bằng vải nhẹ

số lớn trong bọn họ thường lui tới những cuộc họp nhưng không bao giờ đi lễ nguyện và rằng, nếu không cắt bỏ những cái xấu xa tận gốc rễ thì từ cuộc họp

định kì thứ tư này, nhà thờ vĩnh viễn bị huỷ diệt."

Tóm lại, với sự giúp sức của hồng y giáo chủ Loren, ông ta kích động, chọc giận, mê hoặc nhà vua, thật sự làm nhà vua hoàn toàn mất lý trí, nhà vua liền cho gọi đức ông Đờ Looc tức bá tước Mônggômêry, chỉ huy đội cận vệ người Êcôtxơ và ông Đờ Savinhli, chỉ huy các đội vệ binh và ra lệnh cho họ bắt giữ năm pháp quan và tống giam vào nhà ngục Batsiơ.

Lệnh giam giữ ấy vừa được thi hành thì mọi người đã dự đoán được những hậu quả của nó: những người thuộc nhóm Ghidơ muốn khủng bố những tín đồ Tin lành qua vài vụ hành quyết khủng khiếp và người ta phán xét rằng, nếu không phải là năm pháp quan thì chí ít người quan trọng nhất trong số họ là Anơ Đuybuôc phải chết.

Như vây, hai câu thơ sau đây bao gôm tên năm người bị cầm tù và theo cách sắp xếp những tên ấy cho ta ý nghĩ về số phận dành cho người đứng đầu nhóm chống đối Tin lành, đã lan truyền trong thành phố Pari ngay ngày hôm sau:

Qua Poa, Đờ la Pooc, Đuyfô

Ta nhận ra Đuybuôc, là Fuymê

Dù sao chăng nữa, việc bắt giữ năm người đã gợi cảm hứng cho khổ thơ mang ý nghĩ đầy đủ với tinh thần tốt đẹp thời đó đã gây nên một nỗi kinh hoàng trong toàn thành phố và sau đó trong tất cả các thành phố của nước Pháp, đặc biệt trong các tỉnh miền bắc. Người ta cũng coi việc giam giữ con người trung thực Anơ Đuybuôc như một nguyên nhân chính của vụ âm mưu của Ămboadơ và của mọi sự rối loạn và cuộc chiến đấu đã tưới máu lên mảnh đất nước Pháp trong bốn mươi năm nữa.

Mười lăm ngày sau vụ bắt giam ấy, ngày thứ sáu, 25-6, ngày thứ ba của cuộc kỵ đấu mà nhà vua cho tổ chức tại lâu đài Tuôcnen gần ngay ngục Batstiơ, các pháp quan tù nhân nghe thấy vang lên những tiếng kèn, kèn đồng, kén sáo của ngày lễ hội. Nhà vua cho vời viên chỉ huy của đội cận vệ người Êcôtxơ tới, vẫn là bá tước Mônggômêry là người được sự trợ giúp của ông Đờ Savinhi đã áp giải năm pháp quan vào trại giam và nhà vua trao nhiệm vụ cho ông ta phải đi ngay để chống lại những tín đồ Tân giáo ở xứ Côlê Tuôcnoa.

Với nhiệm vụ này, bá tước Mônggômêry được lệnh đâm kiếm xuyên qua những người bị bắt giữ tin chắc là tà giáo, đặt ra cho họ câu hỏi kì lạ, cắt lưỡi họ, sau đó thiêu sống họ trên ngọn lửa cháy nhỏ; còn đối với những người bị nghi vấn thì đơn giản là khoét mắt họ.

Thế mà chỉ năm ngày sau khi vua Hăngri đệ nhị trao nhiệm vụ này cho viên chỉ huy đội cận vệ người Êcôtxơ của ông thì Gabrien đờ Loocdơ, bá tước Mônggômêry đã đâm vua Hăngri bằng chính lưỡi giáo của ông và giết nhà vua.

Hiệu quả cái chết này thật lớn, chắc chắn nó đã cứu thoát cả bốn trong số năm pháp quan bị cầm tù và đình hoãn việc hành quyết người thứ năm. Một

trong năm người được miễn tố, bà người bị xử tội tiền phạt vạ. Chỉ riêng Anơ Đuybuôc phải trả giá cho những người khác. Liệu có phải do ông là người phát ngôn chăng?

Nếu những người thuộc phái Ghidơ là những kẻ khởi xướng cuồng nhiệt cái đạo luật ấy thì một trong những kẻ thi hành cuồng nhiệt đạo luật ấy là viên chánh án đạo đức giả Ăngtoan Mina mà chúng tôi đã tả ông cưỡi trên lưng con la phản loạn trong phố cổ Tămplơ giữa những tiếng la ó nguyền rủa cùng những sự uy hiếp của hai hàng người đồng hương phẫn nộ.

Và khi chúng tôi nói rằng, mặc dầu chỉ cách có một trăm bước chân để trở về nhà mà ngài không thật tin chắc có lọt được vào nơi ở của ngài, chúng tôi không tạo dựng tình cảnh tồi tệ mà đúng như vậy, xét răng hôm trước, ngay giữa ban ngày ban mặt mà người ta đã áp sát, bắn một viên đạn súng ngắn giết chết viên lúc sự của pháp viện tên Duyliêng Fretsnơ mà người ta nói là y đến lâu đài mang bức thư của quận công Đờ Ghidơ, qua bức thư này, quận công hối thúc anh ông ta là hồng y giáo chủ Loren phải xử thật nhanh Anơ Đuybuôc.

Do vụ sát hại này mà người ta chưa tìm ra thủ phạm tất nhiên là hiện ra trong tâm trí viên chánh án bóng ma viên lục sự khốn khổ bị giết hôm trước như cùng cưỡi lên mông con là với ông.

Chính cái đám đông hộ tống trên đường đi ấy đã làm cho ngài chánh án mặt mũi thật tái nhợt, làm tăng gấp đôi cử động run rẩy của ngài dùng gót chân thúc con la ương ngạnh là vật cưỡi của ngài và dù nó có bị thúc thì cũng không nhích nổi hơn một bước.

Tuy nhiên ngài vẫn lành mạnh về tới trước cửa nhà ngài; tôi, xin thề với các bạn như vậy và nếu ngài còn sống thì bản thân ngài cũng thề với các bạn là qủa đúng lúc.

Quả nhiên, đám đông dân chúng bị kích động bởi sự im lặng của ngài nhưng thực ra chỉ là kết quả của nỗi lo sợ của ngài, còn dân chúng lại ngờ rằng đó là biểu hiện của tính thâm hiểm ác độc của ngài nên đám đông dân chúng dần dần tiến sát bên ngài uy hiếp rõ ràng làm ngài chết ngạt.

Vậy là những đợt sóng của cái biển bão tố ấy dù đã đe doạ ngài đến thế thì ngài chánh án Mina cũng ghé được tới bờ trước sự hân hoan của gia đình ngài và họ đã hấp tấp dìu ngài vào nhà, chốt khoá đóng kín cửa lại sau lưng ngài.

Con người đáng trọng ấy thực sự bối rối trước hiểm hoạ vừa qua nên đã bỏ quên con la của ngài trước cổng, điều mà từ trước đến nay chưa bao giờ ngài lãng quên, mặc dầu được giá và dù có trả giá cao hơn giá trị thực của nó thì con la này cũng không đáng hai mươi xu vào thời ấy.

Thật là hạnh phúc lớn lao cho ngài đã bỏ quên con la của ngài vì đám dân chúng Pari này thật dễ tính, dễ dàng chuyển từ uy hiếp sang cười cợt và từ khủng

khiếp sang hài hước, thấy rằng người ta đã để lại cho họ vật gì đó liền bằng lòng với cái mà người ta để lại là dắt con la đi thay cho ngài chánh án.

Con la ấy trong tay dân chúng trở thành thế nào, lịch sử không hề nói tới: vậy chúng ta hãy mặc xác con la mà hãy theo chủ nó vào trong gia đình ông.

§6. Ngày lễ của ngài chánh án Mina

Không lẽ chúng ta lại để tâm một cách tầm thường tới những sự náo động do sự trở về chậm trễ của ngài chánh án đáng trọng Mina gây ra cho gia đình ngài; có đúng thế chăng, các độc giả thân mến. Như vậy, chúng ta chẳng thu được gì hơn trong chuyện này, do đó chúng ta hãy theo gia đình ngài như gia đình ngài theo chủ nhân của họ có nghĩa là cùng họ vào phòng ăn đã dọn sẵn bữa tiệc. Chúng ta hãy lướt nhìn đám thực khách và lắng nghe câu chuyện trao đổi giữa họ với nhau.

Không một ai trong đám người ngồi vây quanh bàn gây được nhiều thiện cảm với một người quan sát thông minh dù mới thoạt nhìn. Đây là bộ sưu tập mọi bộ mặt vô nghĩa hoặc khờ khạo mà ta gặp trong mọi tầng lớp xã hội.

Mỗi thành viên trong gia đình chánh án Mina mang bộ mặt phản ánh giữa những tư tưởng đang khuấy động nó. Mọi tư tưởng ấy lúc nhúc trong đám sương mù của sự ngu muội hoặc trong những tận cùng của sự tầm thường. Ở trong những người này là quyền lợi, ở trong những người khác là lòng vị kỷ; ở những người này là sự keo kiệt, ở những người kia là sự nô lệ.

Vì vậy, trái ngược với đám dân chúng giống như bầy nô lệ sau cỗ xe của kẻ chiến thắng La Mã, vừa thét lên với ngài chánh án Mina: "mi hãy nhớ lấy, Mina! Mi phải chết" thì những thành viên của gia đình ngài, tụ họp nhân dịp lễ sinh nhật của ngài chánh án, đồng thời là ngày lễ của ngài; mọi con người ấy chỉ chờ đợi ở ngài pháp quan một lời để chúc tụng ngài về cái phần chói lọi mà ngài vừa giành được trong vụ án xét xử người đồng nghiệp của ngài và để uống mừng kết quả may mắn của vụ án đó, tức là xử tử hình Anơ Đuybuôc, và khi Mina buông mình xuống chiếc ghế bành của ngài, vừa nói vừa đưa chiếc khăn tay lên trán: "A! Ta tin chắc, các bạn, hôm nay chúng tôi đã có một phiên họp náo động" thì mỗi kẻ, như chỉ chờ đợi hiệu lệnh ấy, ùa nhàu hò reo.

-Xin hãy ngừng lơi, vĩ nhân! – Một người cháu thay mặt mọi người lên tiếng nói với ngài – Xin khoan nói, xin bác hãy nghỉ ngơi, vì những nỗi bực dọc của bác, cho phép chúng chau lau mồ hôi đang chảy trên vầng trán cao quý của bác. Hôm nay là ngày sinh nhật bác, cái ngày sinh nhật trọng đại vinh quang đối với gia đình bác và pháp viện mà bác là một trong các ngọn đuốc rực sáng; toàn gia đã tụ họp để chúc mừng ngày vẻ vang này, nhưng xin bác hãy chờ một lát; xin bác hãy lấy lại hơi thở đã; xin bác hãy uống một cốc vang cổ này để lát nữa tất cả chúng cháu sẽ cùng nâng cốc chúc bảo tồn những ngày quý báu của bác; nhưng, nhân danh Chúa trời, xin đừng dừng lại dòng thời gian của những chuỗi ngày đó vì một sự bất cẩn! Gia đình bác khẩn cầu bác hãy để gia đình được bảo vệ bác; để

giữ gìn cho nhà thờ một sự ủng hộ kiên quyết nhất, giữ gìn cho nước Pháp một trong những người danh tiếng nhất."

Về bài diễn từ nhỏ này, ngay thời cổ xưa ấy, thể thức cũng đã lỗi thời; ngài chánh án Mina rơm rớm nước mắt muốn đáp lại nhưng những bàn tay kho khốc của bà chánh án và những bàn tay mũm mĩm của các tiểu thư con gái ngài đã bịt miệng ngài ngăn không cho ngài nói. Cuối cùng, sau vài phút nghỉ ngơi, lời nói đã được trả lại cho ngài Mina và một tiếng "suỵt" kéo dài lan khắp người dự, đến nỗi ngay cả nhưng tôi tớ đứng gác ở cửa đã không bỏ sót một lời những điều mà ngài pháp quan hùng biện nói.

-A! Các bạn thân mến của ta – Ngài bắt đầu nói- Các anh em của ta, thân nhân của ta, gia đình yêu quý và đức hạnh của ta, ta xin cảm ơn các bạn về tình thân ái và những lời chúc tụng của các bạn mà đúng là ta thật xứng đáng như vậy, ôi! Gia đình âu yếm của ta! Bởi vì ta có thể nói không hề kiêu căng, hoặc giả nếu các bạn muốn thế thì, với niềm kiêu hãnh cao cả, ta có thể lớn tiếng nói rằng, không có ta, không có lòng kiên định và nhiệt huyết của ta thì vào giờ đã định, tên tà giáo Anơ Đuybuôc sẽ được tha bổng như bọn tòng phạm của y là Poa, la Fuymê, Đuyfô và Đờ la Pooc; nhưng nhờ ý chí kiên quyết của ta, vụ án đã thắng lợi và ta vừa… – Ngài nói tiếp, mắt ngước lên trời tỏ dấu hiệu cảm ơn – ta vừa tạ ơn Chúa, cho tuyên án tên tà giáo khốn nạn ấy.

-Ô! Hoan hô! -Cả gia đình đồng loạt giơ tay lên trời đông thanh reo hò – Người cha danh tiếng của chúng ta muôn năm! Người không bao giờ sờn lòng muôn năm… Người mà bất kể trường hợp nào cũng đánh bại những kẻ thù của đức tin muôn năm… Chánh án Mina vĩ đại sống mãi! …

Những kẻ đầy tớ đứng sau cửa, mụ nấu ăn trong bếp, tên mã phu trong chuồng ngựa đều nhắc lại: -Ngài chánh án Mina vĩ đại muôn năm!

-Cảm ơn các bạn, cảm ơn! Chánh án Mina nói giọng thấm thía – Cảm ơn! Nhưng hai con người, hai con người vĩ đại, hai ông hoàng, họ có quyền hưởng phần trong những lời chúc tụng mà các bạn không tiếc lời với ta, không có những sự ủng hộ của họ, không có ảnh hưởng của họ thì không bao giờ ta có thể đưa cái vụ vẻ vang này tới đích được. Hai con người ấy, các bạn ạ, là đức ông quận công Frăngxoa Đờ Ghidơ và đức ngài hồng y giáo chủ Đờ Loren. Sau khi uống chúc sức khỏe các ngài ấy và cầu Chúa giữ gìn những ngày sống của hai vĩ nhân này của Đế chế!

Mọi người nâng cốc chúc sức khoẻ quận công đờ Ghidơ và hồng y giáo chủ Đờ Loren, nhưng phu nhân Mina nhận thấy đức ông chồng đáng yêu của bà chỉ lướt nhẹ môi lên cốc rồi lại đặt xuống bàn, trong khi một kỉ niệm nào đó lướt qua trên đầu ngài chánh án như một đám mây và do bóng râm của nó đã làm tối sầm trán ngài.

-Có chuyện gì thế, bạn thân thiết của tôi – bà hỏi- và cơn buồn đột ngột này do đâu tới vậy!

-Than ôi! – ngài chánh án nói – Không có thắng lợi nào chọn vẹn cả, chẳng có niềm vui nào mà không có sự xáo trộn cả! Đây là một nỗi buồn u uẩn vừa mới tới trong tâm trí tôi.

-Những kỉ niệm u buồn nào có thể tới trong tâm trí mình, ông chông thân yêu của tôi, vào cái lúc tốt đẹp nhất của thắng lợi của mình chứ?– bà chánh an hỏi.

-Vào lúc tôi nâng cốc chúc thọ ngài Đờ Ghidơ và anh ông ta, tôi có nghĩ tới chuyện ngày hôm qua có một người bị ám sát chết khi các ngài ấy cho tôi vinh dự là cử người ấy đến gặp tôi.

-Một người ư?– Toàn thể gia đình ngài kêu lên.

-Một viên lục sự- Mina nói tiếp.

-Thế nào! một người trong số lục sự của các vị bị giết hôm qua à?

-Ôi! Lạy Chúa tôi, phải.

-Đúng thế sao?

-Các người có biết rõ Duyliêng Fretsnơ không?– chánh án Mina hỏi.

-Duyliêng Fretsnơ? – Một thân nhân kêu lên – Chắc chắn chúng tôi biết ông ta.

-Một con chiên sùng tín- Người thứ hai nói.

-Một người trung thực – người thứ ba nói.

-Tôi đã gặp ông ta hôm qua ở Phố Barrow-đuy-Bêch từ lâu đài Đờ Ghidơ tới và theo ông ta nói là đến pháp viện.

-Thế thì đúng rồi: đúng lúc ông ta tới cầu đức bà để mang cho ngài hồng y giáo chủ một công hàm của em ông là quận công Đờ Ghidơ mà công hàm này sẽ phải chuyển cho ta thì ông ta bị giết.

Bà chánh án kêu lên:

-Ôi! Khủng khiếp quá.

-Bị giết! – cả gia đình nhắc lại – bị giết ư: lại một người tử vì đạo.

-ít ra người ta đã bắt giữ kẻ giết người rồi chứ?– bà chánh án hỏi Mina.

-Người ta không biết nó là ai – người này trả lời.

-Người ta có những nghi vấn chứ? – bà chánh án lại hỏi.

-Còn hơn thế, những sự khẳng định hẳn hoi.

-Những sự khẳng định ư?

-Phải; vậy bà muốn nó là ai, nếu không phải là một bạn thân của Đuybuôc?

-Chắc chắn đó là một bạn thân của Đuybuôc – cả gia đình nhắc lại – vậy bà bác muốn nó là ai nào, quỷ thật! Nếu không phải là một bạn thân của Đuybuôc.

-Người ta đã bắt giữ một ai rồi chứ? – Bà chánh án hỏi.

-Một trăm người, gần như thế. Về phần tôi, tôi chỉ định ba mươi người trong số đó.

-Người ta sẽ rất rủi ro – Một tiếng nói cất lên- nếu kẻ giết người không có trong số đó.

-Nếu nó không có trong số đó – viên chánh án nói – người ta sẽ bắt giữ một trăm, hai trăm, thậm chí ba trăm người khác.

-Bọn ác nhân!– Một tiểu thư trẻ độ tuổi mười tám nói- người ta hẳn sẽ thiêu tất cả bọn chúng.

-Người ta đã nghĩ đến chuyện này- Ngài chánh án trả lời – và cái ngày mà người ta quyết tội chết hàng loạt những kẻ tín đồ đạo giáo Tin lành thì đó là ngày tốt đẹp đối với ta.

-Ôi! Mình thật là con người chính trực xiết bao! Bạn thân thiết của tôi! – Bà chánh án nói, nước mắt lưng tròng.

Hai con gái ngài Mina đến ôm bố.

-Người ta có biết nội dung bức thư của quận công không? – Bà chánh án hỏi.

-Không – Mina trả lời – Và chính điều đó đã làm cho Tối cao pháp viện quan tâm sâu sắc ngày hôm nay, nhưng ngày mai người ta sẽ biết vì chiều nay ngài hồng y giáo chủ Loren sẽ phải tới thăm ông em nổi tiếng của ngài.

-Vậy là bức thư bị đánh cắp ư?

-Chắc thế; cũng có thể gã Duyliêng Fretsnơ khốn khổ bị ám sát chỉ vì gã là kẻ mang bức thư ấy. Kẻ sát nhân đã đoạt bức thư và bỏ trốn, người ta cử các xạ thủ săn đuổi nó; mọi đơn vị cảnh bị và mọi người của ông Đờ Muxi(1) đã tiến hành chiến dịch khủng khiếp lùng bắt từ sáng nay, nhưng đến năm giờ chiều nay, người ta vẫn chưa có tin tức.

-Đúng lúc ấy, một người đầy tớ gái vào báo cho ngài Mina có một người lạ mặt mang lá thư đã bị kẻ sát nhân lấy cắp của Duyliêng Fretsnơ hôm trước khẩn khoản muốn nói với ngài chánh án ngay lúc này.

-Ồ! Cho vào nhanh lên! Ngài chánh án reo lên rạng rỡ niềm vui. Chính Chúa thưởng cho tôi về sự sùng kính của tôi bằng cách cho rơi vào tay tôi bức thư công hàm quý giá ấy do sự thiếng liêng của Người.

Năm phút sau, cô hầu gái đưa người lạ vào và ngài Mina thấy bước vào một người trạc hai mươi bốn hoặc hai mươi

(1) Đờ Muxi: thống chế nước Pháp, tước vị quận công, sinh tại Pari.

Lăm, tóc hung nâu, ria hung, mắt nhìn tinh anh sắc sảo nhưng bộ mặt tái xanh. Theo lời mời của chánh án, chàng đến ngồi ở cạnh bàn phía đối diện ngài.

Đây vẫn là người đàn ông trẻ đã nói với những kẻ giết người bạn thân Mêđa của chàng khi rút khỏi bờ sông trong ngày lễ hội Lăngđi rằng, có thể một ngày nào đó người ta được nghe nói tới chàng.

Đó là Rôbơc Stuya.

Chàng trai mỉm cười lịch thiệp, chào tất cả mọi người rồi chàng ngồi vào chiếc ghế, trước mặt là ngài chánh án, sau lưng là cửa ra vào.

-Thưa ngài – Rôbơc Stuya nói với ngài chánh án – có phải tôi được hân hạnh nói với chính ngài chánh án Mina không?

-Vâng, thưa ông – ngài chánh án trả lời hết sức ngạc nhiên thấy làm sao qua nhận diện, người ta có thể ngu ngốc đến mức không đọc được trên bộ mặt ngài là chỉ riêng ngài mới có thể và đang là ngài Mina nổi danh –Vâng, thưa ông, chính tôi là ngài chánh án Mina.

-Rất tốt, thưa ngài – Người lạ nói tiếp – nếu tôi hỏi ngài như vậy ngay từ đầu, có lẽ đối với ngài hầu như bất cẩn, nhưng ngài sẽ thấy đó là do tôi rất mong muốn tránh mọi sự không minh bạch.

-Điều đó quan hệ gì thưa ông?– viên quan toà hỏi- người ta nói với tôi rằng ông muốn trao tôi bức công hàm mà kẻ khốn khổ Duyliêng Fretsnơ mang đi khi gã bị giết chết.

-Có thể người ta đã đi hơi xa, thưa ngài- chàng trai nói với vẻ lễ độ vô biên- khi báo cho ngài rằng tôi sẽ trao cho ngài bức công hàm ấy. Tôi chưa có một lời hứa nào thuộc loại này, còn tôi có trao cho ngài bức công hàm hoặc giữ nó lại tuỳ thuộc vào câu trả lời của ngài về câu hỏi mà tôi có hân hạnh đưa ra cho ngài; ngài có hiểu rằng, thưa ngài, để trở thành kẻ có được một tờ giấy thật quan trọng ấy, tôi đã phải liều mạng. Một người sẽ không liều mạng, ngài hẳn biết điều này, thưa ngài, ngài đã quen đọc lòng người; nếu không có một quyền lợi lớn để buộc phải liều mạng. Vậy tôi hân hạnh nhắc lại với ngài, cũng để tránh có sự không rạch ròi như trên, tức là tôi chỉ trao cho ngài bức công hàm ấy nếu tôi hài lòng về câu trả lời của ngài đối với câu hỏi của tôi.

-Vậy câu hỏi đó thế nào, thưa ông?

-Thưa ngài chánh án, ngài hẳn biết hơn ai hết rằng, trong một cuộc thẩm vấn có trình tự, mỗi việc có lượt của nó.

-Tuy nhiên, ông có trong tay bức công hàm đó chứ?

-Nó đây, thưa ngài.

Chàng trai rút trong túi ra một tờ giấy có dấu ấn, giơ ra cho ngài chánh án Mina.

Ý nghĩ đầu tiên của người này, cần phải thừa nhận là ý nghĩ bất lương: ngài nghĩ rằng sẽ ra hiệu anh em họ và các cháu của ngài đang nghe câu chuyện trao đổi một cách ngạc nhiên, là lao vào người lạ chiếm lấy bức thư công hàm và tống người này vào ngục Xatơlê với trăm người đã bị bắt giữ về tội mưu sát viên lục sự Duyliêng Fretsnơ.

Nhưng nét cương nghị in dấu ấn trên gương mặt chàng trai mang đầy đủ tính cách của ý chí đẩy tới cứng rắn làm ngài chánh án nhụt chí, không đủ sức mạnh vật chất để chiếm lấy tờ giấy, ngài nghĩ rằng với sự khéo léo và sự tinh tế kì lạ của ngài, tốt nhất là dẫn dắt chàng trai bằng mưu kế hơn là bằng bạo lực; vậy là, trước dáng vẻ thanh lịch của chàng trai, cách ăn mặc chải chuốt của chàng, dẫu

rằng nghiêm khắc, ngài buộc phải sửa chữa trước, ngài liền mời chàng trai dùng bữa tối với họ để có dư thời gian cần thiết kéo dài cuộc nói chuyện rồi tính nhau.

Chàng trai lễ phép cảm ơn nhưng từ chối lời mời của ngài.

Chánh án liền mời chàng ít ra là dùng nước giải khát nhưng chàng trai lại cảm ơn và khước từ.

-Vậy ông hãy nói đi thưa ông – Mina nói- Vì ông không muốn nhận bất cứ thứ gì thì tôi xin phép ông cho tôi tiếp tục dùng bữa tối của tôi bởi vì, tôi thành thật thú nhận với ông là tôi đói chết đi được.

-Xin ngài cứ tự nhiên thưa ngài- chàng trai đáp – và ăn ngon miệng! Câu hỏi mà tôi đặt ra cho ngài thật hết sức quan trọng mà để hiểu rõ cần có những câu hỏi trước đó. Ngài cư ăn đi, thưa ngài chánh án, tôi sẽ hỏi.

-Xin ông cứ hỏi, thưa ông – tôi ăn đây.

Và thiết thực ra hiệu cho số người của gia đình theo dõi ngài, ngài ăn vẻ ngon lành không hề mâu thuẫn với chương trình dự kiến của ngài.

-Thưa ngài – Người lạ nói chậm dãi giữa tiếng lách cách của dao nĩa, nhưng mọi người dều từ tốn không hề bỏ sót một lời của câu chuyện kể mà họ sắp được nghe.

-Thưa ngài, hẳn với ngữ âm của tôi hẳn phải nhận ra tôi là một người ngoại quốc.

-Đúng thế thưa ông – chánh án nói, miệng phồng lên –trong giọng nói của ông tôi hiểu có cái gì đó của người Anh.

-Đúng thế thưa ngài và sự sáng suốt thường nhật của ngài đã không làm ngài nhầm về quê hương tôi. Tôi sinh ra ở Êcôtxơ, tôi sẽ còn ở đó nếu không có một sự kiện, kể ra với ngài thật vô ích, đã buộc tôi đến nước Pháp. Một đồng hương của tôi, môn đệ nhiệt thành của Knox… (Knox: nhà cách tân người Anh, một trong số người sáng lập ra chủ nghĩa trường lão)

-Một kẻ tà giáo Anh phải không? Thưa ông –chánh án Mina hỏi, vừa tự rót cho mình một cốc vang đầy.

-một người thầy yêu kính của tôi – Người lạ cúi mình trả lời.

Ngài Mina nhìn khắp lượt gia đình ngài với ngụ ý rõ ràng: “Hãy lắng nghe, các bạn thân mến của ta, các bạn sắp được nghe những điều hay ho trong câu chuyện này!”

Rôbơc Stuya nói tiếp: -Một đồng hương của tôi, môn đệ nhiệt thành của Knox cách đây vài ngày đã ở trong một ngôi nhà mà bản thân tôi thỉnh thoảng có tới đấy: ở đấy người ta nói tới vụ xử pháp quan Anơ Đuybuôc.

Giọng nói của chàng trai run lên khi thốt ra hai tiếng cuối và mặt chàng vốn tái xanh còn nhợt nhạt hơn.

Tuy nhiên chàng tiếp tục nói nhưng giọng không khớp với dáng mặt chàng và chàng nhận ra mọi con mắt đều quay hướng nhìn chàng.

-Người đồng hương của tôi- chàng nói- chỉ nghe nói đến tên Anơ Đuybuôc đã tái nhợt trông thấy, hệt như tôi lúc này, và anh hỏi mọi người nói tới vụ kết án này rằng pháp viện sao lại có thể mắc một điều bất công đến thế.

-Thưa ông – ngài chánh án kêu lên, nghĩ rằng ngài đã nuốt trệu trạo khi nghe những lời lẽ khác thường này. – ông quên rằng ông đang nói với một uỷ viên pháp viện, có phải thế không?

-Xin lỗi ngài – chàng Êcôtxơ trả lời – đó là người đồng hương của tôi nói như vậy, anh ấy đã nói không phải trước một uỷ viên pháp viện mà là trước mặt một viên lục sụ bình thường của pháp viện tên là Duyliêng Fretsnơ là người bị giết hôm qua. Duyliêng Fretsnơ lúc ấy đã bất cẩn nói với người đồng hương tôi như sau:

"Tôi có trong túi mình một bức thư của Đức ông quận công Đờ Ghidơ, trong đó quận công truyền đạt cho pháp viện của nhà vua là cần phải kết thúc việc xử tử người có tên Anơ Đuybuôc và phải thi hành sớm nhất.

"Nghe những lời ấy, người đồng hương của tôi run lên và nét mặt bạn tôi vốn đã tái xanh trở nên xanh trong nhợt nhạt và anh ấy đến gần Duyliêng Fretsnơ, bằng lời lẽ thật cần thiết, đề nghĩ gã đừng đưa thư ấy, chỉ cho gã thấy rằng, nếu Anơ Đuybuôc bị kết án thì một phần cái chết của ông pháp quan ấy sẽ rơi vào tay gã, nhưng Duyliêng Fretsnơ vẫn khăng khăng không chịu trao bức thư.

"Người đồng hương của tôi chào gã và đến chờ viên lục sự ở cửa ra vào nhà gã; tại đây, sau khi để gã đi vài bước, anh ấy tiến sát lại gã nói:

"Duyliêng Fretsnơ – anh ấy nói rất nhỏ với vẻ thanh lịch dịu dàng nhất đồng thời cũng hết sức kiên quyết – anh đã có cả một đêm để suy nghĩ, nếu ngày mai cũng vào giờ hôm nay, anh thực hiện đầy đủ ý định của anh hoặc không thay đổi quyết định đó thì anh sẽ chết!"

-Ô! Ô! –ngài chánh án kêu lên.

-Và như vậy – người Êcôtxơ nói tiếp -mọi kẻ gần hoặc xa dính líu tới cái chết của Anơ Đuybuôc cũng sẽ chết.

Ngài Mina run bắn bởi vì ngài không thể đoán được rằng, theo cấu trúc của câu này, có thật những lời cuối ấy của người đồng hương Êcôtxơ của người này được nói với Duyliêng Fretsnơ hay nói với chính ngài Mina.

-Người đồng hương của ông quả là một tên cướp thưa ông! –ngài nói với Rôbơc Stuya trong lúc nhìn thấy gia đình ngài chỉ chờ đợi ở ngài một lời để hoà vào sự phẫn nộ của ngài.

-Một tên cướp thực sự! một tên cướp khốn nạn! – cả gia đình ngài chánh án đồng thanh la lên.

-Thưa ngài –chàng trai không hề đồng lòng nói- tôi là người Êcôtxơ và không hiểu nội dung của cái từ ngài vừa nói và các thân nhân cao quý của ngài vừa nhắc lại. Tôi xin nói tiếp.

Sau khi cúi chào gia đình ngài chánh án và được chào đáp lại nhưng rõ ràng là miễn cưỡng, chàng nói: -Người đồng hương của tôi trở về nhà anh mà không hề nhắm mắt, anh liền dậy đi dạo trước nhà Duyliêng Fretsnơ.

“ Anh ấy đi dạo quanh đó suốt đêm, cả sáng hôm sau. Anh ấy ở đấy đến tận ba giờ chiều không uống cũng không ăn do trong người anh chất chứa ý muốn được giữ lời anh đã nói với Duyliêng Fretsnơ bởi vì – người Êcôtxơ nói tiếp –các đồng hương của tôi có thể là những kẻ cướp nhưng họ có hành động xứng đáng được ca ngợi, những lời nói củ họ một khi đưa ra thì không bao giờ không làm tròn.

“Cuối cũng, vào ba giờ, Duyliêng Fretsnơ ra khỏi nhà, người đồng hương của tôi theo và thấy gã đi về hướng lâu đài, anh ấy vượt lên trước gã và ngăn gã lại ở góc cầu Đức Bà:

“-Duyliêng Fretsnơ! – anh ấy nói với gã -Vậy là anh đã không chịu suy nghĩ?”

Duyliêng Fretsnơ trở nên tái mặt, người Êcôtxơ hầu như từ đất chui lên và có vẻ không thể uy hiếp hơn thế, nhưng cần trả lại sự công minh cho viên lục sự xứng đáng, gã đáp rõ ràng: -Có chứ, tôi đã suy nghĩ; nhưng kết quả sự suy nghĩ của tôi là tôi phải làm tròn mệnh lệnh của ngài quận công Đờ Ghidơ đã trao cho tôi.

-Ông Đờ Ghidơ không hề là chủ nhân của anh để ra lệnh cho anh -người Êcôtxơ nói tiếp.

-Ngài Đờ Ghidơ không những là chủ nhân của tôi- viên lục sự trả lời –mà còn là chủ nhân của nước Pháp.

-Thế là sao?

-Ông không biết rằng, thưa ông, quận công Đờ Ghidơ mới là vua thực sự của nước Pháp sao?

-Thưa ông -người đồng hương của tôi nói -một sự tranh luận về vấn đề này sẽ đưa chúng ta đi quá Xanh Ăngđrê; tôi không chút nào chia sẻ với những ý kiến của ông và tôi trở lại câu hỏi mà tôi đã đưa ra cho ông chiều hôm qua: hẳn ông luôn giữ ý định đem bức thư tới pháp viện chứ?

-Tôi tới đây vì việc này.

-Đến mức ông đem theo cả bức thư trong người ư?

-Tôi có nó trong người –viên lục sự trả lời.

-Nhân danh Chúa vĩnh hằng -người đồng hương của tôi kêu lên –hãy khước từ mang bức thư này cho những tên đao phủ giết Anơ Đuybuôc!

-Trong năm phút nữa nó sẽ nằm trong tay họ.

Nói xong, Duyliêng Fretsnơ khoát tay để tách khỏi người đồng hương của tôi

-Sự việc đã như thế này- người đồng hương của tôi kêu lên- thì cả mi và bức thư của mi sẽ không tới được pháp đình, Duyliêng Fretsnơ.

-Anh ấy liền rút trong áo choàng ra khẩu súng ngắn ngắm thẳng Duyliêng Fretsnơ bắn và gã lục sự đổ xuống chết thẳng cẳng trên vỉa hè; rồi sau khi đoạt lấy bức thư, nguyên nhân của vụ sát hại này, người đồng hương của tôi an toàn đi tiếp con đường của anh ấy, lương tâm thanh thản vì anh ấy vừa giết chết một kẻ khốn khổ để tìm cách cứu một người vôi tội.

Đến mặt ngài chánh án tái xanh và vàng nhợt thay thế bộ mặt đỏ au trước đó. Hàng ngàn giọt mồ hôi lấp lánh trên trán ngài.

Sự im lặng sâu sắc bao trùm toàn thể những người có mặt.

-Ở đây ngột ngạt quá – ngài Mina nói lần lượt quay nhìn hai phía bàn ăn –các bạn không thấy thế sao, các bạn của tôi.

Người ta đứng lên để mở cửa sổ nhưng người Êcôtxơ xoè hai bàn tay ra hiệu cho mọi người ngồi xuống và nói.

-Xin các vị đừng bận tâm, thưa các vị, tôi là người không ăn, tôi đi mở cửa sổ để ngài chánh án có được không khí, nhưng hai luồng gió lùa có thể làm ngài bị cảm- chàng nói thêm sau khi thực sự mở cửa sổ- tôi đóng cửa ra vào lại.

Sau khi quay một vòng khoá cửa ra vào, chàng trai trở lại chỗ ngồi của mình đối diện với ngài chánh án Mina.

Chỉ có điều, trong các hành động mà chàng buộc phải làm, chiếc áo choàng của người Êcôtxơ xoè ra và ta có thể nhìn thấy chàng mang theo dưới lớp áo choàng ấy, thứ vũ khí tự vệ, một áo chẽn lưỡi thép và thứ vũ khí tấn công là hai khẩu súng ngắn ở thắt lưng và một thanh kiếm ngắn bên sườn. Chàng không hề tỏ ra e ngại về những gì người ta có thể trông thấy hoặc không trông thấy rồi trở lại chỗ ngồi của mình trước mặt viên chánh án giữa hai người chỉ là chiều rộng của chiếc bàn. Chàng hỏi ông ta: -Vây thì, thưa ngài Mina thân mến, ngài cảm thấy thế nào?

-Khá hơn một chút – ngài chánh án trả lời hoàn toàn trái với ý mình.

Chàng trai nói tiếp: -Ngài hãy tin rằng tôi cũng dễ chịu về việc này.

Chàng trai tiếp tục câu chuyên kể giữa sự im lặng nặng nề trong đó ta nghe được một cánh ruồi bay nếu như ở đây vào tháng chạp có những con ruồi khác những con ruồi của ngài Muxi.

§7. Món quà ngày lễ của ngài chánh án Mina

Chàng trai, như chúng tôi đã nói về chàng trong chương trên, tiếp tục câu chuyên bỏ dở.

-Người đồng hương của tôi mang bức thư đi và e sợ bị theo đuổi và bỏ trốn qua phố lớn Môngmactrơ và đến các khu phố hoang vắng ở Grăngdơ Batơlie, tại đây anh ấy có thể thoải mái đọc lá thư của ông Đờ Ghidơ. Chỉ có anh ấy mới nhận ra cũng như bản thân tôi nhận thấy khi đọc bức thư này của quận công Đờ Ghidơ chỉ là vỏ bọc theo lệnh của nhà vua Frăngxoa đệ nhị, như chính các ngài sắp thấy khi tôi chuẩn bị cho các ngài biết về lá thư này; bởi vì, bức thư đã được khui ra, bạn tôi tin là có quyền tìm kiếm, đích xác nó từ đâu tới và gửi cho ai để chính bản thân anh sẽ mang nó, nếu có dịp, tới địa điểm của nó với mọi sự lưu tâm dành cho người nhận nó.

Thế rồi lần thứ hai, người Êcôtxơ rút mảnh giấy từ ngực chàng, mở ra và đọc nội dung như sau:

Gửi các bạn hữu trung thành của chủ toạ tại Tối cao pháp viện Pari, các luật sư và công tố viên nói riêng.

Nhân danh nhà vua.

Các thân hữu và những người trung thành, chúng tôi hết sức bất bình thấy kéo dài quá lâu việc xét xử vụ án trong Tối cao pháp viện đối với những pháp quan bị bắt giữ vì sự kiện tôn giáo và riêng việc viên pháp quan Đuybuôc mà chúng tôi mong muốn phải kết thúc nhanh chóng; vì lí do này, chúng tôi yêu cầu ra lệnh rất khẩn cấp rằng mọi vụ án khác phải ngưng lại, các bạn hãy khởi tố, chuyên tâm và quyết định xét xử vụ án riêng hành động với số lượng pháp quan đã có và sẽ nhận được qua Tối cao pháp viện của chúng ta, không khoan nhượng cũng không cho phép kéo quá dài, làm cách nào mà qua vụ án này chúng tôi có được cơ hội hài lòng lớn lao nhất khác hơn cơ hội mà chúng tôi đã có đến lúc này

Ký tên: Frăngxoa

(và thấp hơn nhiều)

Đờ Lôbetpin.

-Thế nào, thưa ông –chánh án Mina kêu lên và trở lại mạnh mẽ với việc nghe đọc một lá thư đem lại lý lẽ thật lớn lao về việc xét xử mà ngài vừa tiến hành – ông có được bức thư này từ sáng nay à?

-Từ bốn giờ chiều hôm qua, thưa ngài; xin ngài cho phép, vì vinh quang của sự thật, tôi dựng lại những việc.

-Ông đã có bức thư này từ bốn giờ chiều hôm qua – ngài chánh án nói tiếp vẫn cái giọng ấy – và ông đã để chậm tới bây giờ mới trao nó hử?

-Tôi xin nhắc lại với ngài, thưa ngài –chàng trai đáp vừa nhét lại là thư vào trong áo chẽn của chàng- rằng ngài còn quên là với cái giá nào thì mà tôi đã có được bức thư này và với giá nào tôi muốn có nó chứ.

-Vậy thì ông hãy nói đi –chánh án nói –và hãy trình bày mong muốn của ông đối với phần thưởng mà ông đòi hỏi đối với một hành động, tóm lại, chỉ là một bổn phận tầm thường.

-Đó không phải là một bổn phận thật tầm thường, thưa ngài-chàng trai nói tiếp- vẫn là lý lẽ làm cho người đồng hương của tôi mong muốn là bức thư đã không được trao cho pháp đình, Anơ Đuybuôc có quan hệ thật gần gũi với người đồng hương của tôi; cái chết của ông thực sự là nỗi đau khổ lớn của cá nhân anh ấy và sự bất công của pháp viện đối với ông là một tội lỗi xấu xa. Lúc này anh kiên quyết giữ lại bức thư chỉ xuất phát từ lòng mong muốn của mọi con người trung thực là ngăn không để mắc phải một hành động ô nhục hoặc chí ít là đưa tới chậm nếu anh ấy hoàn toàn không ngăn nổi việc này, anh ấy đã thề chỉ trao bức thư khi anh tin chắc rằng Anơ Đuybuôc được phóng thích hoặc giết hết mọi kẻ chống lại việc giải thoát vị pháp quan này…

Cũng vì vậy, anh ấy đã giết Duyliêng Fretsnơ, không phải anh quyết phạm tội giết một con người tầm thường là viên lục sự với tính cách cá nhân mà, qua cái chết ấy, anh muốn chứng tỏ cho những người có địa vị cao hơn Duyliêng Fretsnơ rằng anh đã không ngần ngại trước cuộc sống của những kẻ nhỏ bé thì anh cũng không ngần ngại hơn với cuộc sống của những kẻ lớn.

Đến đây ngài chánh án Mina nóng lòng tìm cách cho mở chiếc cửa sổ thứ hai; mỗi sợi tóc của bộ tóc giả màu hung nhỏ từng giọt mồ hôi như mỗi cành liễu nhỏ giọt mưa sau cơn bão; ngài thực sự nghĩ rằng đây không phải là phương cứu chữa đầy đủ sự xúc động của ngài, ngài đành đưa cặp mắt kinh hoàng nhìn quanh bàn ngụ ý hỏi những người này và những người kia rằng liệu ngài phải xử sự sao đây đối với người Êcôtxơ này là kẻ có người bạn dữ tợn đến thế; nhưng những thực khách không hiểu nổi màn kịch câm của ngài chánh ân Mina; hoặc từ chối hiểu sợ phải thấy cả một binh đoàn người Êcôtxơ nhảy bổ vào họ; những người ăn tiệc liền cúi gằm mặt giữ thái độ im lặng sâu Xanh Ăngđrê.

Nhưng một chánh án của pháp viện, con người mà người ta vừa tuyên dương là kẻ ủng hộ cương quyết nhất niềm tin là người công dân vĩ đại nhất của nước Pháp, con người này không thể hèn nhát bỏ qua những sự đe doạ nhường này mà không đáp lại; chỉ có những điều ngài phải đáp lại việc này bằng biện pháp nào? Nếu ngài đứng lên đi vòng quanh bàn và trái với những thói quen ưa hoà bình của ngài, đến tóm lấy người Êcôtxơ đang uy hiếp này, ngài e sợ sự tính này có nguy cơ là con người này sẽ rút kiếm ra khỏi vỏ hoặc tháo một khẩu súng ngắn khỏi thắt lưng và xét qua biểu hiện cương quyết ở bộ mặt người Êcôtxơ thì điều này khó có thể đạt được; vả lại, nếu ý nghĩ tấn công người khách này, người

khách khó chịu như ta thấy, lướt qua tâm trí chánh án Mina trong chốc lát thì nó cũng qua nhanh như một đám mây bị gió xua đi, và một ý nghĩ sáng suốt nếu như có thật, ngài thấy trước hết trong việc thực hiện quyết định như vậy thì mọi việc sẽ hỏng hết và rất ít thắng lợi.

Vả nữa trong số những việc sẽ mất đi có cuộc sống đã rất êm dịu của ngài chánh án Mina xuất chúng này mà ngài đã quyết giữ thật dài lâu. Vậy là ngài tìm một lối rẽ để ra khỏi cái bước khó khăn này nhưng bản năng của ngài nói với ngài rằng ngài rất sợ dù rằng ngài thật keo kiệt, ngài sẵn sàng cho năm mươi đồng vàng để có được cái tên người Êcôtxơ đáng nguyền rủa này ở bên ngoài cửa thay vì gã ở bên kia bàn. Cái mưu chước này xử sự với người khách không bình thường này như một số người hành động với con chó dữ, có nghĩa là phỉnh phờ và vuốt ve gã. Đã quyết như vậy, ngài nói với chàng trái bằng một giọng vui vẻ.

-Này thưa ông, với cách diễn đạt của ông, với bộ mặt đầy thông minh của ông, với dáng vẻ xuất chúng của ông, tôi có thể khẳng định mà không lầm lẫn rằng ông không phải là một người bình thường và tôi cũng không nói quá đó là ở ông biểu lộ một người quý tộc thuộc một gia đình danh giá.

-Vậy thì! – ngài chánh án nói tiếp –tôi đang nói với một người rất có giáo dục chứ không phải một công dân cuồng tín (ngài rất muốn nói rằng: chứ không phải với một kẻ sát nhân như người đồng hương của ông, nhưng tính thận trọng ở những người quyền thế đã ngăn ngài lại), chứ không phải một công dân cuồng tín như người đồng hương của ông, xin cho phép tôi được nói với ông rằng chỉ riêng một người không thể có quyền, theo sự đánh giá của riêng mình: số lớn những sự nể vì có thể làm người ấy lầm lạc và cũng chính là không để cho mỗi ai được tự mình xét xử theo lợi ích riêng của mình mà các toà án được thiết lập, nhưng hẳn ông sẽ thừa nhận với tôi rằng, nếu mỗi người đều có quyền về công lý thì sẽ không có chân lý, ví dụ giả thiết, vì là một giả thiết, ông chia sẻ những ý kiến của người đồng hương của ông thì cũng không có lý để ông, một con người có giáo dục và can đảm, ông không thể đi đến tước đoạt cuộc sống của tôi ngay trong gia đình tôi, viện cớ rằng ông không chấp nhận việc kết án pháp quan Anơ Đuybuôc.

Qua bài diễn văn rườm rà này, người Êcôtxơ thấy rõ sự hèn nhát của ngài Mina bèn nói: -Thưa ngài chánh án, cho phép tôi, như người ta nói tại pháp đình, được nhắc lại với ngài câu hỏi, không hơn không kém rằng đáng lẽ ngài là một chánh án thì ngài thật sự chỉ là một luật sư tầm thường.

-Vấn đề này chúng ta đang đề cập, theo tôi, trái lại chúng ta đang nói rõ vấn đề này- Mina trả lời, tìm lại được sự cân bằng vào lúc cuộc đối thoại đi vào thể thức quen thuộc của ngài.

-Xin ngài thứ lỗi, thưa ngài -người Êcôtxơ nhanh chóng nói lại –vì ngài trực tiếp chất vấn tôi, cho đến bây giờ, không hề còn là câu hỏi của tôi nữa, đó là câu

hỏi của bạn tôi, nên tôi hỏi ngài về câu hỏi này: Thưa ngài chánh án Mina, ngài có nghĩ rằng ông pháp quan Đuybuôc buộc phải xử tử không?

Câu trả lời thật đơn giản vì pháp quan Anơ Đuybuôc đã bị kết án tử hình một giờ trước đó và ngài chánh án Mina đã nhận được những lời ca ngợi của gia đình ngài về việc này.

Nhưng ngài Mina nghĩ, nếu thành thực thú nhận là có vụ kết án này vả chăng chỉ có thể biết được vào ngày hôm sau, hẳn ngái sẽ nhận được ở người Êcôtxơ này điều gì khác hơn là lời ngợi khen, do đó ngài tiếp tục theo cái cách ngài đã tin là thận trọng chọn lựa. Ngài nói.

-Ông muốn tôi trả lời thế nào, thưa ông?Tôi không thể cho biết ngay ý kiến của các đồng sự của tôi được; nhiều nhất tôi có thể cho ông biết ý kiến của tôi thôi.

-Thưa ngài chánh án – người Êcôtxơ nói – tôi rất muốn biết ý kiến của riêng ngài mà không hề là ý kiến của những đồng sự của ngài mà tôi hỏi, mà tôi hỏi chính ngài.

-Ông muốn ý kiến của tôi để làm gì? – ngài chánh án hỏi, tiếp tục mưu chước của ngài.

-Nó cho tôi biết về quyết định hành động đối với ngài Mina, việc của con chó săn đối với con thỏ rừng, có nghĩa là theo đuổi nó trong mọi ngõ ngách cho tới khi nó bị bức bách.

-Thưa Chúa tôi! Thưa ông – ngài chánh án buộc phải bày tỏ- ý kiến của tôi về kết cục của thư tố tụng này đã được quyết định từ lâu.

Chàng trai nhìn thẳng vào mặt ngài Mina làm ngài miễn cưỡng cụp mắt xuống nói tiếp chậm rãi như thể ngài đã hiểu sự cần thiết phải cân nhắc giá trị của mỗi lời ngày nói.

-Chắc chắn – ngài nói -thật đáng tiếc phải xử tử hình một người mà, với các danh hiệu khác, đáng có thể xứng đáng với lòng ái mộ của quần chúng, một đồng sự, tôi nói hầu như một người bạn, nhưng bản thân ông biết đấy, qua bức thư đặc hứa ấy của nhà vua, Tối cao pháp viện chỉ còn chờ đợi vụ án khổ sở ấy kết thúc để thở phào và chuyển qua các vụ khác: vậy là vụ án ấy phải kết thúc và tôi không phải nghi ngờ rằng, nếu pháp viện đã nhận được thư của hoàng thượng ngày hôm qua thì ngài pháp quan khốn khổ ấy mà tôi buộc phải kết tội là tà giáo nhưng tôi thành thực luyến tiếc con người nếu không chịu cực hình ngày hôm nay thì cũng chịu cực hình vào một ngày gần đây.

-A! Vậy là điều ấy đã được phục vụ cho việc đó nên người bạn tôi giết Duyliêng Fretsnơ ngày hôm qua phải không? – người Êcôtxơ nói.

-Chẳng có giá trị gì hết – ngài chánh án nói- sẽ chỉ là một sự chậm lại mà thôi.

-Nhưng việc chậm lại một ngày vẫn là hai mươi bốn giờ đình hoãn dành cho một người vô tội và, trong hai mươi bốn giờ ấy, có khá nhiều sự việc có thể đổi thay.

-Thưa ông –chánh án Mina nói, dần dần với tính cách một cựu quân sự, đã lấy lại được sức lực trong cuộc tranh luận –ông luôn nói pháp quan Đuybuôc là người vô tội hả?

-Tôi nói như vậy theo quan điểm của Chúa – người Êcôtxơ nghiêm trang giơ một ngón tay lên trời nói.

-Vâng- chánh án nói –còn quan điểm của những con người thì sao?

-Ngài có tin rằng, thưa ngài Mina – người Êcôtxơ nói – ngay cả quan điểm của những con người thì thủ tục tố tụng đã thật thẳng thắn chứ?

-Ba giám mục đã kết tội ông ta, thưa ông, ba giám mục đều cùng phán xét, ba lời phán xét trùng hợp.

-Các giám mục liệu không phải vừa là quan toà vừa là kẻ tố tụng trong vụ này chứ?

-Có thể như vậy, thưa ông, mà cũng thế thôi, thế nào mà một tín đồ Tin lành lại nói chuyện được với các giám mục Thiên Chúa giáo?

-Vậy ngài muốn người đó nói chuyện với ai thưa ngài?

-Đó là một vấn đề hết sức quan trọng –ngài Mina nói- và đầy rẫy khó khăn.

-Cũng như thế, vấn đề này Pháp viện đã quyết định giải quyết đột ngột.

-Như ông nói đó, thưa ông –chánh án trả lời.

-Thế thì, thưa ngài, người đồng hương của tôi đã nghĩ rằng chính vụ án đã đem lại vinh quang cho ngài?

Về vấn đề này, trong tâm trí ngài chánh án dâng lên nỗi hổ nhục là lùi bước trước một con người khi chính ngài vưa hênh hoang trước mười người khác là đã làm tròn một việc mà người ta hỏi ngài; và sau khi thăm dò những con mắt của thân nhân của ngài và sau khi được nhận lại, hầu như có một sức mạnh nào đó trong những ánh mắt của họ.

-thưa ông – ngài nói – sự thực buộc tôi phải nói rằng trong hoàn cảnh đó, thực tế tôi đã phải hi sinh tình bạn thắm thiết và rất thành thực của tôi đối với người đồng sự Đuybuôc của tôi cho bổn phận của tôi.

-A! người Êcôtxơ kêu lên.

-Này! Thưa ông – ngài Mina bắt đầu mất kiên nhẫn hỏi –chuyện này dẫn chúng ta tới đâu nhỉ?

-Đến đích, và chúng ta đã áp sát nó rồi.

-Này, có gì liên quan đến người đồng sự của ông về việc tôi đã tác động hay không về vụ phán quyết của pháp viện?

-Có quan hệ rất nhiều tới anh ấy.

-Quan hệ gì?

-Về điều mà người đồng hương của tôi đòi hỏi rằng, vì chính ngài là người thắt nút vụ việc thì cũng chính ngài phải tháo gỡ nó ra.

-Tôi không hiểu –Ngài chánh án ấp úng.

-Thật hết sức đơn giản: thay cho việc sử dụng ảnh hưởng của ngài để kết án, ngài hãy sử dụng ảnh hưởng ấy để tha bổng.

-Nhưng – một người cháu gái ngài chánh án, đến lượt gã mất bình tĩnh nói- vì ông ta đã bị xử rồi, pháp quan Anơ Đuybuôc của ông ấy, vậy làm thế nào mà ông còn buộc bác tôi sẽ tha bổng ông ấy lúc này chứ?

-Bị xử rồi! -người Êcôtxơ kêu lên – Có phải ông vừa nói rằng, ông ngồi kia kìa, pháp quan Đuybuôc đã bị xử rồi hử?

Ngài chánh án ném cho đứa cháu thiếu thận trọng một cái nhìn lo sợ.

Nhưng, hoặc là người cháu không hề nhìn thấy cái nhìn ấy, hoặc gã không hề để ý đến cái nhìn ấy.

-Ừ! Phải, bị kết án rồi – gã nói- xử ngày hôm nay vào hai giờ chiều… Này, thưa bác, bác đã không nói như vậy sao, hoặc là cháu nghe nhầm chăng?

-Ông nghe rõ đây, thưa ông -người Êcôtxơ nói với người trẻ tuổi. Chàng đã hiểu sự im lặng của ngài chánh án như ngài phải giải thích.

Rồi chàng quay lại phía ngài Mina: -Như vậy vào hồi hai giờ ngày hôm nay, pháp quan Anơ Đuybuôc đã bị xử rồi, phải không? –chàng hỏi.

-Vâng, thưa ông –Mina ấp úng.

-Nhưng xử thế nào, phạt vạ ư?

Mina không trả lời.

-Xử tù ư?

Vẫn là sự im lặng về phía Mina.

Cứ mỗi câu hỏi của người Êcôtxơ, bộ mặt ngài lại tái nhợt hơn và đến câu hỏi cuối cùng, môi ngài trong suốt, nhợt nhạt.

-Xử tử ư?– cuối cùng chàng hỏi ông ta.

Chánh án gật đầu.

Mặc dầu đầy e ngại, dấu hiệu gật đầu ấy đã khẳng định.

-Thế thì được! – người Êcôtxơ nói – Kết cục, chừng nào mà một người không chết thì chẳng có gì để tuyệt vọng và như bạn tôi đã nói, vì ngài thắt buộc tất cả thì ngài có thể tháo gỡ được tất cả.

-Thế là thế nào?

-Bằng cách đề nghị nhà vua huỷ bỏ bản án đi.

-Nhưng thưa ông – Ngài Mina nói mà cử mỗi bước của cảnh này diễn ra, ngài như nhảy qua một vực thẳm để lại thấy một vực thẳm khác, đúng như vậy, nhưng cứ mỗi vực thẳm vượt qua được, ngài vững tâm trong chốc lát – nhưng thưa ông, khi tôi có ý định ân xá cho Anơ Đuybuôc thì không bao giờ nhà vua đồng ý như thế.

-Tại sao thế?

-Bởi vì bức thư mà ông vừa đọc đã tỏ rõ đầy đủ ý chí của ngài.

-Vâng, vẻ ngoài thôi.

-Thế nào, vẻ ngoài thôi sao?

-Đúng thế: bức thư của nhà vua được niêm kín như tôi có hân hạnh được nói với ngài trong một bức thư của quận công Đờ Ghidơ. Thế này đây! Bức thư của ngài quận công Đờ Ghidơ tôi sẽ đọc cho ngài rõ.

Và chàng trai một lần nữa rút từ ngực ra mảnh giấy, nhưng lần này, thay vì đọc công hàm của nhà vua, chàng đọc thư của Frăngxoa đờ Loren.

Lá thư được trình bày bằng lời lẽ sau:

Thưa ông anh của tôi,

Cuối cùng, đây là lá thư của Hoàng thượng; tôi phải rất khổ công mới rút được nó ra từ bàn tay Ngài, và hầu như tôi đã ép Ngài đưa bút để làm Ngài viết tám lá thư khổ sở ấy mang danh nghĩa Ngài. Chúng ta cần có gần Hoàng thượng một người bạn vô danh của tên là giáo đáng nguyền rủa ấy: vậy ông anh phải tiến hành gấp e rằng nhà vua thay đổi quyết định của Ngài, hoặc tên pháp quan bị kết án được gia ân.

Người em kính cẩn của ông anh

Frăngxoa Đờ Ghidơ.

17-12-1559

Người Êcôtxơ ngẩng đâu lên.

-Ngài đã nghe rõ rồi chứ, thưa ngài?– chàng hỏi ông chánh án.

-Thật rõ.

-Ngài có muốn tôi đọc lại lá thư, e rằng ngài bỏ qua vài điểm nào chăng?

-Vô ích.

-Ngài có tin chắc đây đúng là chữ viết và dấu ấn ở lá thư là của ông hoàng Loren không?

-Tôi hoàn toàn để ông tuỳ ý định đoạt việc này.

-Này! Theo ngài thì bức thư này lộ ý gì?

-Rằng nhà vua đã ngần ngại viết, thưa ông, nhưng rốt cuộc, nhà vua vẫn viết.

-Nhưng miễn cưỡng viết và, nếu như người như ngài chẳng hạn, thưa ngài chánh án, đi nói với đứa trẻ đội vương miện ấy mà ta gọi là vua rằng: "Tâu bệ hạ, chúng thần đã xử án viên pháp quan Đuybuôc để làm gương nhưng bệ hạ cần gia ân cho ông ấy vì công lý thì nhà vua là người mà ông Đờ Ghidơ đã phải dắt tay ép buộc viết tám lá thư mang danh nhà vua thì hẳn nhà vua cũng sẽ gia ân thôi.

-Còn nếu lương tâm tôi chống lại việc tôi sẽ làm theo ý ông đòi hỏi thì sao thưa ông?– Chánh án Mina hỏi rõ ràng có ý định thăm dò đối phương.

-Tôi sẽ yêu cầu ngài, thưa ngài, là nhắc lại với ngài lời thề mà bạn tôi đã thốt lên khi giết Duyliêng Fretsnơ là giết, như gã, mọi kẻ thù gần hoặc xa đã tham gia

vào việc xét xử pháp quan Đuybuôc.

Trong lúc ấy, thật rõ ràng, bóng hình viên lục sự giống như bóng đèn ảo đang lướt qua trên tường phòng ăn, nhưng hẳn ngài chánh án có quay mặt đi để không nhìn thấy nó.

-A! Thật mất trí, điều mà ông nói đó!– ngài trả lời chàng trai.

-Mất trí! Sao thế thưa ngài chánh án?

-Bởi vì ông vừa đưa ra một sụ đe doạ tôi, một quan toà ở ngay nhà tôi, giữa gia đình tôi.

-thưa ngài, chính là để ngài rút ra được những suy xét cân nhắc ngay tại nhà và gia đình mình một tình cảm thương xót đối với chính bản thân ngài chứ trong trái tim ngài, Chúa không hề đặt tình thương đối với những người khác.

-Thưa ông, hầu như thay vì hối hận và xin lỗi tôi thì ông lại tiếp tục uy hiếp tôi phải không?

-Tôi đã nói với ngài, thưa ngài, rằng người giết Duyliêng Fretsnơ đã thề giết mọi kẻ chống đối lại những gì mà người ta muốn trả lại tự do và cứu mạng sống của Anơ Đuybuôc và rằng, e người ta nghi ngờ lời nói của người ấy, người ấy bắt đầu bằng việc giết viên lục sự, không phải người ấy muốn qua cái chết của gã, cho những kẻ thù khác có địa vị thật cao của người ấy một lời cảnh cáo bổ ích. Ngài có cầu xin nhà vua gia ân cho Anơ Đuybuôc không? Tôi buộc phải trả lời nhân danh bạn tôi.

-A! Ông buộc tôi trả lời ông nhân danh kẻ giết người, nhân danh kẻ sát nhân, nhân danh một kẻ cắp hả? – ngài chánh án phát khùng hét lên.

-Xin ngài hãy lưu ý, thưa ngài – chàng trai nói – rằng ngài được tự do trả lời có hay không?

-A! Tôi được tự do trả lời ông có hay không sao?

-Đúng thế.

-Thế thì, hãy nói với tên người Êcôtxơ của ông – chánh án gầm lên, bị kích động mạnh mẽ, ngài đã có được lòng dũng cảm như người vừa hỏi ngài- hãy nói với tên người Êcôtxơ của ông rằng có một người mà người ta gọi là Ăngtoan Mina, một trong số chánh án tối cao của pháp viện, chính người ấy đã xét xử phán quyết cái chết của Anơ Đuybuôc, rằng người chánh án ấy chỉ có một lời mà người ấy sẽ chứng tỏ cho ông biết vào ngày mai.

-Thế thì, thưa ngài – Rôbơc Stuya trả lời, không tạo một cử chỉ và không cho thấy dấu hiệu xúc động bằng cách nhắc lại hầu như vẫn những lời đã nói ra – Ngài phải biết rằng có một người Êcôtxơ đã thề phán quyết cái chết của ngài Ăngtoan Mina, một chánh án của tối cao pháp viện; rằng người Êcôtxơ chỉ có một lời và chứng tỏ lời người ấy cho ngài biết ngay ngày hôm nay.

Trong lúc nói những lời nay, Rôbơc Stuya đã luồn bàn tay của chàng vào dưới áo choàng, tháo một khẩu súng ngắn lên đạn không gây tiếng động và, trước

khi người ta nghĩ đến việc ngăn cản chàng thì chàng đã hành động mau lẹ nhằm thẳng vào ngài Mina ở bên kia bàn, có nghĩa là rất sát, nhả một viên đạn.

Ngài Mina ngã bật ngửa ra đằng sau lôi theo cả chiếc ghé. Ngài đã chết.

Một gia đình nào khác gia đình chánh án hẳn đã tìm cách tóm bắt kẻ giết người rồi, nhưng ở đây còn xa mới diễn ra việc nay; mọi người thực khách của ngài chánh án quá cố chỉ nghĩ tới an toàn cho bản thân họ: những người này chạy trốn vào trong bếp vừa thốt kêu lên những tiếng kêu tuyệt vọng; những người khác chui nấp dưới gầm ban, im thin thít.

Đúng là một thảm bại hoàn toàn và có thể nói rằng chỉ còn một mình Rôbơc Stuya trong căn phòng ấy là nơi hầu như mỗi kẻ đều từ từ rút lui theo cách của những con sư tử như Đăngtơ nói, mà không một ai nghĩ tới ít ra là quấy rầy chàng.

§8. Tại nhà những dân miền núi người Êcôtxơ

Lúc ấy vào quãng tám giờ tối khi Rôbơc Stuya ra khỏi nhà Mina và chỉ có mình chàng trong phố cổ Tămplơ, vào thời đó khi đêm tối, còn vắng vẻ không như ngày nay; chàng thốt lên mấy tiếng có ý nghĩa ám chỉ hai con người mà chàng đã sát hại: -Thế là hai rồi!

-Chàng không tính đến kẻ ở bờ sông Sen: kẻ ấy là sự trả giá ngay cho bạn chàng là Mêđa.

Đến trước toà thì chính tức là quảng trường Grevơ là nơi hành hình những kẻ bị kết án, chàng máy móc đưa mắt nhìn chỗ mà người ta quen dựng giá treo cổ, rồi chàng lại gần nơi đó. Chàng nói: -Chính nơi nay, Anơ Đuybuôc sẽ phải chiu khổ hình nếu nhà vua không gia ân cho ông- Chàng nói thêm – Làm thế nào buộc nhà vua phải gia ân cho ông đây.

Sau những lời này, chàng rời xa.

Chàng vào trong phố Tanơri và dừng trước một cái cổng trên đó gắn tấm biển có những chữ sau:

"Vì thanh kiếm của vua Frăngxoa đệ nhất"

Một lát sau người ta tưởng chàng vào đấy nhưng đột nhiên chàng nói:

Thật là một sự điên rồ nếu bước vào quán này, trong mười phút nữa bọn lính xạ thủ sẽ tới đây… Không, hãy đến nhà Patric.

Chàng đi nhanh qua phố Tanơri và cầu Đức Bà, khi đi qua chàng nhìn vào nơi mà hôm trước chàng đã giết Duyliêng Fretsnơ; rồi sau khi rảo bước qua khu phố Xitê và cầu Xanh Mixen, chàng vào trong phố Batoa – Xanh – Ăngđrê.

Thế là chàng đã ở trong phố Tanơri, chàng dừng lại trước ngôi nhà treo biển như ngôi nhà thứ nhất, duy câu trên đó lại là:

"Vì cỏ gai xứ Êcôtxơ."

Đây đúng là nơi ở của Patric Mafecsơn- chàng nói vừa ngẩng đầu nhận diện ô cửa sổ- Trên cao ấy, dưới mái nhà một căn buồng nhỏ là nơi anh lui tới những ngày bạn anh không có phiên gác ở điện Luvrơ.

Chàng cố sức để nhận ra ô cửa sổ nhỏ nhưng cái mái nhà nhô ra đã cản tầm mắt chàng. Lẽ tất nhiên, chàng sẽ đẩy cánh cửa hoặc trong trường hợp bị đóng chặt, chàng sẽ lấy đốc kiếm hoặc báng súng gõ cửa thì đột nhiên cánh cửa ấy hẻ mở để lọt qua một người mặc quân phục lính xạ thủ của đội cận vệ người Êcôtxơ.

-Ai đó! – người lính xạ thủ hầu như hỏi chàng trai.

-Một đồng hương – người anh hùng của chúng ta trả lời bằng tiếng Êcôtxơ.

-Ồ! ồ! Rôbơc Stuya hả? – người lính xạ thủ kêu lên.

-Chính mình đây, Patric thân mến.

-Nhưng sự ngẫu nhiên nào mà cậu lại ở trong phố và trước cửa phòng mình vào giờ này? – người lính xạ thủ vừa hỏi vừa chìa bàn tay cho bạn mình.

-Mình đến xin cậu giúp một việc, Patric thân mến ạ.

-Nói đi, chỉ có điều nói nhanh lên

-Cậu vội ư?

-Thật miễn cưỡng nhưng cậu hiểu cho, người ta ra lệnh triệu tập tại điện Luvrơ vào chín giờ rưỡi thế mà ở giáo phái Xanh Ăngđrê, chuông vừa đổ chín giờ, vậy mình nghe đây

-Việc là thế này, bạn thân mến ạ. Đạo luật mới đây đã đuổi mình khỏi quán trọ của mình.

-A! Ừ, mình hiểu rồi: cậu thuộc tôi giáo khác và cậu cần hai người Thiên Chúa giáo bảo lãnh chứ gì.

-Còn mình thì không có thì giờ tìm kiếm và có lẽ mình sẽ không tìm được những người như thế; vả lại, mình sẽ bị bắt giữ đêm nay nếu mình muốn lang thang trong các phố ở Pari. Cậu có muốn chia sẻ căn phòng của cậu với mình trong hai, ba ngày không?

-Trong hai, ba đêm nếu cậu muốn và ngay cả mọi đêm trong năm nếu điều đó làm cậu vui lòng; còn về ban ngày thì lại là chuyện khác.

-Tại sao thế Patric? – Rôbớc hỏi.

-Bởi vì – người lính xạ thủ trả lời với vẻ hết sức giấu niềm kiêu hãnh – từ khi mình không có niềm vui được gặp cậu, Rôbớc thân mến ạ, mình đã có may mắn làm một cuộc chinh phục.

-Cậu ư, Patric?

-Điều này làm cậu ngạc nhiên hử?– người lính xạ thủ nhún nhẫy hỏi.

-Chắc chắn là không, nhưng điều này không đúng lúc, thế thôi.

Rôbơc tỏ vẻ không sẵn sàng hỏi nhiều hơn chuyện này nhưng lòng tự trọng của người đồng hương của chàng không thấy được sự tính toán của chàng về điều thận trọng này.

-Có đấy, ông bạn thân mến ạ – anh nói tiếp – vợ một viên pháp quan ở pháp đình rất đơn giản là ban cho mình vinh dự là say mê mình và mình chờ đợi ngày này qua ngày khác, bạn thân mến ạ, mình có vinh dự được gặp lại nàng.

-quỷ tha ma bắt! – Rôbơc nói – thế thì cho rằng mình không nói gì hết, Patric ạ.

-Nhưng vì sao kia chứ! cậu coi sự tin cậy của mình là một sự từ chối hả? Mình giả thiết trung thực ấy, như ông Brăngtôm nói, bằng lòng trèo tới tận trần nhà của mình, nhưng lưu ý rằng đây là một giả thiết khi cậu đi khỏi thôi; trường hợp trái lại, cậu cứ ở nhà mình cho đến khi nào cậu thấy chán không muốn ở nữa: người ta không thể thu xếp tốt hơn đâu, cậu đồng ý chứ?

-Thật thế, Patric thân mến – Rôbớc nói, tỏ ra hết sức luyến tiếc phải từ bỏ kế hoạch của chàng; mình chấp nhận món quà của cậu với lòng biết ơn và chỉ chờ dịp đền đáp lại cậu món quà tương tự bằng bất cứ cách nào.

-Được! – Patric nói, – liệu giữa những người bạn, giữa những người đồng hương, giữa những người Êcôtxơ với nhau người ta lại nói chuyện ơn huệ được chăng? Đúng như thế. Này! Hãy khoan đã!

-Sao? – Rôbơc hỏi.

-Ồ! Một ý kiến! – Patric reo lên như chợt loé lên một ý tưởng.

-Có việc gì thế? Nào.

-Bạn ơi – Patric nói – cậu có thể giúp mình một việc lớn đấy.

-Một việc lớn gì?

-Một việc hết sức lớn lao.

-Nói đi, mình sắn sàng làm theo ý cậu.

-Cảm ơn! Chỉ có điều…

-Nói rõ hết đi.

-Cậu có tin rằng chúng ta cùng tầm vóc chứ?

-Gần như thế.

-Khổ người như nhau chứ?

-Mình tin vậy.

-Hãy ra chỗ ánh sáng kia để mình ngắm cậu.

Rôbớc làm theo lời bạn.

-Cậu có biết rằng cậu có chiếc áo chẽn thật tuyệt vời không? – Patric mở banh áo choàng của bạn ra nói tiếp.

-Tuyệt đẹp không phải từ mô tả.

-Hoàn toàn mới đấy.

-Mình mới mua cách đây ba ngày.

-Hơi xẫm màu một chút, đúng thế – Patric nói tiếp – nhưng lại che được mắt mọi người.

-Cậu muốn nói gì thế?

-Mình muốn nói điều này, Rôbơc thân mến ạ, người đàn bà trong tâm tưởng của mình nhìn mình với con mắt thiện cảm bao nhiêu thì chồng nàng lại nhìn mình bằng con mắt khác bấy nhiêu. Cứ mỗi lần hắn nhìn thấy một lính xạ thủ cận vệ đi qua, hắn lại nhìn người ấy bằng con mắt đầy chua cay và, cậu có hiểu hắn sẽ nhìn mình bằng cặp mắt nào nếu hắn nhìn thấy bộ y phục này trên những bậc thang nhà hắn.

-Quả nhiên, mình hiểu rõ rồi.

-Hơn nữa, người đàn bà ấy đã cho mình lời khuyên – Patric nói tiếp – là đừng mặc bộ quần áo dân tộc mình đặt chân lên nhà nàng. Do đó mà vừa chập tối mình đã mơ màng một cách lương thiện là làm sao chiếm đoạt được một bộ quần áo

nào có thể thay thế bộ quân phục của mình một cách tốt hơn: bộ y phục của cậu mặc dầu xẫm màu, nhưng với mình hầu như đạt được cái đích mà mình dự kiến. Vậy cậu hãy vì tình bạn cho mình mượn nó vào ngày mai; mình sẽ thu xếp cách nào để không cần đến nó vào những ngày tiếp theo.

Những lời nói cuối cùng của người Êcôtxơ biểu lộ sự tin cậy cao cả giữ họ với nhau như những đồng bào của họ đã và còn có sự tin cậy ấy là Rôbơc Stuya bật cười.

-Quần áo, tiền bạc và trái tim mình là của cậu, bạn thân mến ạ – chàng nói – tuy nhiên cần lưu ý rằng, có thể ngày mai mình đi ra ngài nên trong trường hợp mình đi ra ngoài thì bộ y phục này đối với mình là hơi cần thiết đấy.

-Quỷ thật! Đúng như nhà triết học cổ xưa đã nói, ta mang trên mình tất cả những gì mình có mà thôi.

-Lạy thánh Đuntan, điều đó thật đáng căm giận.

-Và làm mình thất vọng.

-thực tế, càng nhìn cái áo chẽn của cậu, mình càng cảm thấy là nó được may cho mình- Patric reo lên.

-Có nghĩa là một điều kì diệu – Rôbơc Stuya nói hầu như muốn đẩy bạn tới một lối thoát nào đó.

-Vậy không có cách nào khác để khắc phục trở ngại này sao?

-Mình không thấy cách nào cả, nhưng cậu là người giàu trí tượng, cậu hãy tự mình tìm xem.

-Có một cách – Patric reo lên.

-Cách gì?

-Ít ra là chồng nhân tình của cậu không cùng nỗi kính sợ các ông lính xạ thủ đội cận vệ người Êcôtxơ như chồng tình nhân của mình.

-Mình không có nhân tình, Patric ạ – chàng nói, vẻ u buồn.

-Vậy thì – người lính xạ thủ nói, chỉ theo đuổi việc thực hiện ý nghĩ của anh ta nên không quan tâm tới việc gì khác – trong trường hợp này, mọi y phục đối với cậu hẳn chẳng khác gì nhau cả.

-Hoàn toàn không khác nhau.

-Nếu vậy mình sẽ mặc y phục của cậu và cậu hãy mặc bộ y phục của mình.

Lần này, Rôbơc Stuya không mỉm cười nữa. Chàng hỏi như thể hoàn toàn không hiểu gì cả.

-Thế là thế nào?

-Cậu không kinh tởm khi khoác lên người bộ quân phục Êcôtxơ chứ?

-Không chút nào

-Thế thì, nếu cậu có việc cần thiết hệ trọng buộc cậu phải ra ngoài, cậu sẽ đi trong bộ quân phục của mình.

-Cậu có lý, đúng thế, không có gì đơn giản hơn.

-Hơn nữa nó sẽ cho cậu vào điện Luvrơ rất thoải mái.

Rôbơc run người vì vui thú; chàng mỉm cười nói: -Đó là tham vọng của mình.

-Tốt lắm, hẹn ngày mai nhé!

-Hẹn ngày mai! – Rôbơc nắm bàn tay bạn nói.

-Patric ngăn chàng lại nói: -Cậu còn quên một việc.

-Việc gì?

-Đúng là nó không thật có ích: đó là chìa khoá buồng mình.

-Thật thế, đưa đây – Rôbơc nói.

-Đây, chúc ngủ ngon, Rôbơc.

-Chúc ngủ ngon, Patric.

Và hai chàng trai sau khi siết chặt tay nhau lần thứ hai, mỗi người đi về một ngả, Patric đi về hướng cổng điện Luvrrow, Rôbớc về hướng cửa của Patric.

Chúng ta hãy để người này vào điện Luvrơ đúng lúc đáp lệnh tập hợp buổi tối và hãy theo Rôbơc Stuya, sau khi lần mò qua hai, ba cửa, cuối cùng tìm được ổ khoá của Patric.

Mẩu nến còn lại cháy soi sáng toàn bộ căn phòng của người lính cận vệ trẻ tuổi. Đây là căn gác xép sạch sẽ, khá giống với những căn buồng nhỏ của sinh viên thời nay.

Đồ đạc trong phòng gồm một chiếc giường ngủ khá gọn gàng, một tủ chè nhỏ, hai ghế tựa nhồi rơm và một cái bàn trên đó, trong một bình gốm cao cổ, bấc của ngọn nến còn khói.

Rôbơc lấy một thanh củi cháy dở, thổi mạnh, cuối cùng có được ngọn lửa và chàng châm vào cây nến.

Sau đó chàng ngồi trước chiếc bàn nhỏ, áp trán vào hai tay, trầm ngâm suy nghĩ.

-Đúng rồi – chàng lùa bàn tay vào mái tóc như để gạt khỏi trán một vật nặng khủng khiếp rồi nói – đúng rồi, ta sẽ viết cho nhà vua.

Và chàng đứng lên.

Trên lò sưởi chàng thấy một lọ mực đầy và một cái bút nhưng chàng hết sức tìm kiếm, lục lọi ngăn kéo bàn và ba ngăn kéo tủ chè mà không thấy được bóng dáng một tờ giấy hoặc mảnh da thuộc để viết.

Chàng lại tìm nhưng hoài công: chắc hẳn bạn chàng đã dùng tờ giấy cuối cùng để viết thư cho bà pháp quan của anh ta rồi.

Chàng lại ngồi xuống, tuyệt vọng và nói: -Ôi! chỉ thiếu một mảnh giấy mà ta không thể thử cách cuối cùng này rồi.

Thật vậy, chuông đã điểm mười giờ, những cửa hàng buôn bán thời ấy không mở cửa đến nửa đêm như thời nay: vậy sự bối rối của chàng là đích thực.

Lúc ấy, đột nhiên chàng nhớ tới bức thư của nhà vua mà chàng hiện giữ trong người, chàng lấy thư từ ngực ra và quyết định viết cho nhà vua vào mặt trái bức thư này.

Chàng lấy lọ mực và bút, viết bức thư sau:

Tâu bệ hạ.

Việc kết án pháp quan Đuybuôc là bất công và vô đạo.

Người ta làm mờ mắt hoàng thượng và buộc bệ hạ làm đổ máu trong sạch nhất cả vương triều của bệ hạ.

Tâu bệ hạ, một người kêu gọi bệ hạ giữa đám đông: bệ hạ hãy mở mắt nhìn các giàn hoả mà những kẻ có tham vọng đốt lên quanh bệ hạ, trên mọi điểm của nước Pháp.

Tâu bệ hạ, xin bệ hạ hãy lắng nghe những tiếng rền rĩ và than vãn đang dâng lên tại quảng trường Grevơ và dâng lên tới tận điện Luvrơ.

Xin bệ hạ hãy lắng nghe và nhìn. Khi bệ hạ đã nghe và nhìn hẳn bệ hạ sẽ tha thứ.

Chàng trai Êcôtxơ đọc lại lá thư và gấp theo hướng ngược lại, có nghĩa là trang mặt của lá thư nhà vua đã viết trở thành mặt trái lá thư của chàng gửi nhà vua và mặt trên trang mặt của lá thư của chàng trở thành tranh mặt của lá thư nhà vua.

-Giờ đây, – chàng lẩm bẩm – làm cách nào để đưa bức thư này vào điện Luvrơ được?

Chờ Patric đến ngày mai ư? Như vậy sẽ quá muộn. Vả lại Patric tội nghiệp sẽ bị bắt giữ như tòng phạm của ta mất. Ta phơi bày vấn đề khá nhiều khi chấp nhận việc anh cho ta cư trư. Làm gì đây?

Chàng đến cửa sổ tìm một ý nghĩ. Trong những trương hợp tuyệt vọng, người ta thường dễ dàng hỏi ý kiến những vật thể bên ngoài.

Chúng tôi đã nói là trời thật quang đãng đối với một ngày tháng chạp.

Rôbơc hỏi gió mát, trời cao và đêm yên tĩnh ý kiến về việc chàng cần làm.

Từ căn gác xép của Patric ở mỏm đá cao nhất của ngôi nhà, chàng nhận ra tháp canh ở lâu đài nhà vua.

Ngọn tháp gỗ ở lâu đài ấy gần như đối diện với tháp Netslơ và nhô lên giữa sân và sân trong điện Luvrơ, đột nhiên xuất hiện tuyệt đẹp trước chàng ánh sáng huyền ảo.

Nhìn cái tháp ấy, Rôbơc hầu như tìm được cách để chàng chuyển lá thư của chàng cho nhà vua; bởi vì sau khi nhét lại lá thư vào ngực, chàng tắt nến, lấy chiếc mũ dạ, khoác áo choàng và nhanh chóng xuống cầu thang.

Vài ngày trước đó, người ta vừa ra lệnh cấm mọi người đi đường và lái thuyền qua sông Sen kể từ năm giờ chiều.

Lúc này đã là mười giờ đêm, vậy không thể nghĩ đến việc đi đò.

Con đường duy nhất có thể đối với Rôbơc là trở lại bước chân cũ của chàng và đi ngược con đường mà chàng đã từ Grevơ tới.

Vậy là chàng đi lên hướng cầu Xanh Mixen, bỏ qua phố Bariơri ở bên trái để không liều mạng với lính tuần cảnh của hoàng cung và qua cầu Đức Bà vào trong mạng lưới các phố có thể đưa chàng đến điện Luvrơ.

Điện Luvrơ lổn nhổn những đá, sỏi và cột kèo từ triều Frăngxoa đệ nhất.

Người ta nói rằng đây là bên trong của một hầm đá hoặc một trong những lâu đài bỏ dở đang suy sụp trước khi xây dựng lại hơn là nơi ở của nhà vua Pháp.

Vậy thật dễ dàng trườn mình qua những khối đá mà điện Luvrơ bi vướng ngẽn cả bên ngoài lẫn bên trong.

Từ hòn đá này qua hòn đá khác, từ hố này qua hố khác, Rôbơc Stuya trườn dọc sông Sen đến cánh cổng lớn điện Luvrơ đối diện với con sông, theo chiều sâu chiếm toàn bộ khu đất mà hiện nay là bến tàu; rồi chàng đi dọc toà nhà tới Tháp Mới và thấy hai cửa sổ sáng đèn, chàng nhặt một hòn đá trong một cái hố, lấy miếng da thuộc bọc lại, tháo dải băng mũ buộc mảnh buộc mảnh da quanh hòn đá và lùi lại hai ba bước để lấy đà, ước lượng khoảng cách, ngắm như thể chàng nhằm nhả đạn rồi chàng ném hòn đá kèm mảnh da thuộc vào một ô cửa sổ sáng đèn ở tầng gác thứ nhất.

Tiếng kính cửa sổ vỡ và tiếng động xuất hiện trong buồng tiếp theo tiếng kính vỡ cho chàng biết lá thư của chàng đã tới và nếu lá thư không hề tới tay nhà vua thì đó không phải lỗi ở người viết.

-Tuyệt – chàng nói- Còn giờ đây hãy đợi; ngày mai ta sẽ biết, nếu bức thư của ta tạo được hiệu quả của nó.

Trong lúc rút lui chàng nhìn quanh để tin chắc là không hề bị chú ý; chàng chỉ nhìn thấy xa những lính tuần cảnh đi dạo với bước chân chậm dãi và mực thước của những lính canh.

Rõ ràng những lính tuần canh không hề chú ý gì.

Rôbơc Stuya lại qua chính con đường chàng đã chọn, trở lại thành phố Battoa – Xanh Ăngđrê, tin chắc rằng mình không bị một ai nghe và nhìn thấy chàng.

Chàng đã lầm; chàng đã bị hai người trông và nghe thấy chàng cách chàng năm mươi bước, trong góc tháp Mới, ẩn mình trong bóng tối do tháp che khuất, đang sôi nổi trò chuyện không phải để không nghe, không nhìn mà ít ra để không tỏ dấu hiệu là họ đã nghe và nhìn thấy.

Hai nhân vật này là hoàng thân Côngđê và đô đốc Côlinhi.

Chúng ta hãy xem đề tài gì trong câu chuyện có thể làm hai nhân vật nổi tiếng này quan tâm đến nỗi không tỏ ra e ngại những hòn đá mà người lạ ném vào cửa sổ điện Luvrơ vào cái giờ khuya khoắt trong đêm này.

V

DƯỚI CHÂN THÁP MỚI

Giờ đây – như Brăngtôm nói trong cuốn "Những thủ lĩnh quân sự" nổi tiếng của ông – chúng ta cần phải nói tới một thủ lĩnh quân sự rất vĩ đại, nếu không thì chẳng bao giờ nữa.

Chúng ta hãy làm như Brăngtôm; chỉ có điều chúng ta hãy công bằng đối với Gatspa đờ Côlinhi, lãnh chúa Satiông hơn là viên nịnh thần Ghidơ.

Trong hai cuốn sách khác của chúng tôi, chúng tôi nói nhiều về người bảo vệ Xanh Căngtanh nổi tiếng; nhưng các độc giả hẳn đã quên cuốn "Hoàng hậu Macgô" và còn chưa biết cuốn "Chàng thị đồng của quận công đờ Savoa": vậy chúng tôi thấy cần nói vài lời về ngày sinh, gia đình và tổ phụ của đô đốc như ta nói ngày nay.

Chúng tôi nhấn mạnh từ đô đốc vì đó là tước vị được biết của con người mà chúng tôi nói tới và thật hiếm khi người ta gọi ông bằng cái tên Gatspa đờ Côlinhi hoặc dưới cái tên gọi lãnh chúa hay đức ông Satiông vì tước vị đô đốc hãy hơn.

Gatspa đờ Côlinhi, sinh ngày 17-2-1517 ở Satiông – suya – Looinh, lãnh địa của gia đình ông.

Cha ông là quý tộc ở Brets, đã ở Pháp sau sự hợp nhất tỉnh ông vào vương quốc; ông giữ một cấp bậc cao trong quân đội của nhà vua và lấy tên là Satiông, trở thành chủ nhân của lãnh địa này.

Ông cưới Luidơ đờ Môngmôrăngxi, em gái vị đại thần mà chúng tôi có dịp nói nhiều tới ông này, đặc biệt trong cuốn truyện của tôi là "Atscaniô", "Hai chị em Đianơ" và "chàng thị đồng của quận công đờ Savoa."

Bốn con trai của lãnh chúa Satiông: Pie, ÔđÊcôtxơ, Gatspa, và Đăngđơlô tức là các cháu của vị đại thần. Người con cả Pie, chết lúc năm tuổi. Người con thứ Ôđê vậy là được thừa kế giữ vinh dư của tước vị này.

Hai mươi năm sau cái chết ấy, vị đại thần có quyền sắp đặt chiếc mũ hồng y giáo chủ. Không một người con trai nào của ông muốn tước vị này, thế là ông tặng nó cho các con trai của em gái ông: Gatspar và Đăngđilô, cả hai sinh ra có khí chất chiến trận đã khước từ; Ôđê khí chất điềm tĩnh và trầm tư đã nhận.

Vậy là Gatspa trở thành chủ gia đình bởi lẽ cha ông chết vào năm 1512.

Vả lại chúng tôi đã nói tới những sự "rèn luyện" của ông được thực hiện thế nào với danh nghĩa là bạn của Frăngxoa đờ Ghidơ và tình bạn nào đã gắn bó hai con người trẻ tuổi này tới lúc, về cuộc chiến đấu ở Răngđi, mỗi người đều đã làm được những chuyện phi thường có giá trị thì một luồng gió lạnh đã ẩn vào giữa họ. Quận công Clôđơ-đờ-Loren chết, quận công Frăngxoa và anh ông ta là hồng y giáo chủ đứng đầu phe Thiên Chúa giáo và họ cạn dự vào các công việc quốc gia thì sự lạnh nhạt ấy trở thành mối hận thù sâu sắc.

Trong thời gian ấy, dẫu bọn Đờ Ghidơ hận thù thì chàng trai Gatspa đờ Satiông đã trở thành một trong số người xuất chúng ở thời đại ông, đã tăng thêm

tiếng tăm và được ca ngợi là Hiệp sĩ vũ trang, cũng như em ông là Đăngđơlô, được phong quận công Đăngghiêng và điều này xảy ra ngay trên chiến trường ở Xêridon là nơi mỗi người đạt được một lá cờ; ông được phong cấp đại tá vào năm 1544 rồi ba năm sau là thiếu tướng lục quân rồi cuối cùng là đô đốc.

Chính vào lúc ấy, để giúp cho em ông là Đăngđơlô mà ông đã yêu thắm thiết, ông đã từ bỏ chức vụ thiếu tướng lục quân.

Vào năm 1545, hai anh em cưới hai cô gái của gia đình quý tộc Lavan ở Brets.

Trong cuốn "chàng thị đồng của quận công đờ Savoa" người ta gặp lại đô đốc trong cuộc vây hãm Xanh Căngtanh và ta thấy ông với ý chí kiên cường đáng kính đã bảo vệ từng viên đá của thành phố và bị bắt với vũ khí trong tay ở đợt giáp trận cuối cùng.

Chính trong thời gian bị cầm giữ ở Ăngve, một cuốn thánh kinh đã rơi vào tay ông và ông liền thay đổi tôn giáo.

Từ sáu năm qua, em ông là Đăngđơlô đã là tín đồ Canvanh.

Chức vụ đô đốc quan trọng tất nhiên đặt ông vào thủ lĩnh quân sự của giáo phái cách tân.

Tuy nhiên đúng là chưa có sự rạn nứt giữ hai phe phái, còn chưa có những sự ngược đãi, Đăngđơlô và anh ông, mỗi người vẫn giữ một vị trí ở triều đình do địa vị của họ đem lại.

" Nhưng, như một sử gia đương thời nói, triều đình không có kẻ thù đáng lo ngại nhất."

Được tạo hoá phú cho tính bình tĩnh, lòng quả cảm và sự không ngoan lạ lùng, hầu như ông được sinh ra để trở thành con người mà ông thực tế đã trở thành, tức là thủ lĩnh kiên nghị, ý chí bất khuất; mặc dầu thất bại nhưng ông luôn trở thành đáng ngại sau những thất bại của ông hơn kẻ thù của ông sau những thắng lợi của họ. Không đếm xỉa gì đến đẳng cấp của mình, cuộc đời ông coi chẳng ra gì, lúc nào cũng sẵn sàng hi sinh cho việc bảo vệ vương quốc hoặc thắng lợi của niềm tin của ông, ông gắn định mệnh chiến tranh những đức tính vững chắc của những công dân vĩ đại.

Giữa những thời kì bão tố ấy, tầm nhìn của cái đầu trong sáng này làm cho cặp mắt thật tươi tắn dịu dàng, ông như cây sồi lớn đứng thẳng giữa những cơn giông bão như những ngọn núi cao mà đỉnh vẫn yên lặng giữa bão tố, bởi vì cái đỉnh ấy chế ngự sấm sét.

Với cây sồi, mưa không thể làm trầy vỏ sần sùi của nó, gió không làm cong ngọn nó; muốn nhổ bật rễ nó lên, cần có một trận cuồng phong lật đổ hết mọi thứ.

Là núi, nó sẽ trở thành núi lửa và mỗi lần phun lửa, ngai vàng sẽ run rẩy, lung lay tận gốc và để lấp đầy miệng núi lửa ấy, dập tắt dung nham ấy, cần có một trận

hông thuỷ thay đổi bộ mặt của đế quốc.

Cũng như vậy, hoàng thân Côngđê, với tinh thần năng động mạo hiểm, tham vọng, ông đã đưa chính bản thân mình để tham gia quân đội của nhà vua trong mười năm, dự hết chiến trận này đến chiến trận khác.

Hoàng thân Côngđê như chúng tôi đã nói là người nói chuyện với đô đốc. Chính Côlinhi nói chuyện với người đàn ông trẻ tuổi nổi tiếng này trong đêm 18 rạng ngày 19 tháng Chạp này, khuất mình trong bóng tối đổ nghiêng bởi Tháp Mới.

Ít ra chúng ta đã biết được vóc dáng hoàng thân Côngđê, chúng ta đã thấy ông vào quán "Ngựa tía" và chúng ta đã có thể, qua vài lời ông thốt ra, cho chúng ta một ý niệm về tính cách của ông.

Mong rằng giờ đây người ta cho phép chúng tôi dựa trên tính cách ấy và vị trí hoàng thân ở triều đình, đưa ra vài chi tiết cần thiết đối với chúng ta.

Ông Côngđê còn chưa tỏ rõ mình, nhưng ta linh cảm điều ông có thể làm, và điều dự đoán này đem lại một tầm quan trọng lớn lao cho ông hoàng trẻ tuổi đẹp trai này mới chỉ được biết qua những mối tình bay bướm và đại diện của ông là người, như người đương thời Đông Gioăng của ông, đã ghi vào các danh sách khổng lồ những mệnh phụ nổi tiếng của triều đình. Chúng tôi tin rằng đã nói về ông, một chàng trai hai mươi chín tuổi vào thời ấy. Đây là con trai thứ năm cũng là con út của Xaclơ buôcbông, bá tước Văngđôm, thuỷ tổ cận đại của mọi chi dòng họ Buốcbông.

Những người anh hùng của ông là Ăngtoannơ -đờ- Buôcbông, vua Navarơ và là cha đẻ Hăngri đệ tứ; Frăngxoa, bá tước Đăngghiêng; hồng y giáo chủ Saclơ đờ Buôcbông, tổng giám mục xứ Ruăng; và Giăng, bá tước Đăng ghiêng là người mà trước đó vừa bị giết tại trận chiến Xanh Căngtanh.

Vậy, Lui – đờ – Côngđê là con út của gia đình, cả tài sản chỉ là tấm áo choàng thanh kiếm và lưỡi kiếm còn giá trị hơn tấm áo choàng.

Thanh kiếm này hoàng thân đã rút ra một cách vẻ vang trong những cuộc chiến tranh của vua Hăngri đệ nhị và trong vài cuộc cãi lộn đặc biệt làm ông nổi tiếng về lòng dũng cảm sánh ngang với sự nổi tiếng mà ông đã làm như một người có nhiều vận may nhất là về mối tình bất định.

Câu châm ngôn sau hầu như được viết dành trước hết cho hoàng thân Côngđê: "Sự chiếm hữu giết chết tình yêu."

Đúng là khi hoàng thân chiếm đoạt được rồi thì ông không còn yêu nữa.

Đó là điều rất quen biết trong số mệnh phụ xinh đẹp mà Brăngtôm đã viết cho chúng ta câu chuyện hoa tình, song le đó là điều lạ thường! So với các bà thì điều này tỏ ra không tạo nên một sự nhầm lẫn nào đối với những hứng thú của ông hoàng thật đa tình và thật tươi tắn mà người ta nói về ông theo thể thơ bốn câu sau:

Con người nhỏ bé này thật bảnh trai,
Luôn luôn ca hát miệng luôn cười,
Luôn luôn say đắm người yêu quý,
Điều xấu Trời thương giữ hộ rồi!

Như ta thấy với nhà thơ đã làm bốn câu thơ này, ý thơ xuất sắc hơn nhịp điệu, nhưng cuối cùng chúng đã cho một ý thật chính xác là Lui- đờ- Côngđê gợi được mối thiện cảm ở triều đình; chúng tôi vội kể ngay.

Vả lại quyển truyện của chúng tôi được ký là Alêchxăngđrơ Đuyma chứ không phải Rixơlê.

Mối thiện cảm này thật lớn lao giữa đô đốc và ông hoàng trẻ; đô đốc còn trẻ mới bốn mươi tuổi, yêu Lui-đờ-Côngđê như yêu một người em trai và về phần mình, hoàng thân Côngđê với tính cách hào hiệp và phiêu lưu, do bản chất chăm chú nghiên cứu sự bí mật của tình yêu hơn là lo lắng về những thắng lợi hoặc thất bại của tôn giáo, không bận tâm về Thiên chúa giáo mà vào thời ấy ông còn là một con chiên; hoàng thân Côngđê như một học sinh đối với người thày yêu mến, như một tai nghe ông đô đốc nghiêm khắc trong khi từ Xanh Ăngđrê, ông dõi mắt nhìn theo bước ngựa phi của một nữ kỵ sĩ yêu kiều trở về sau buổi đi săn, hoặc lắng nghe tiếng ca của một thiếu nữ từ đồng ruộng trở về.

Đây là việc xảy ra trước đó một giờ.

Đô đốc trong lúc ra khỏi điện Luvrơ là nơi ông đã tới chầu nhà vua trẻ, đã nhận thấy, với con mắt của nhà chỉ huy quen nhìn bóng tối, ở chân Tháp Mới có một người đàn ông khoác áo choàng, ngẩng đâu về phía bao lơn có hai cửa sổ sáng đèn, hầu như chờ đợi dấu hiệu hoặc đứng đó ra hiệu cho người ở trên gác. Đô đốc bản chất ít tò mò định đi về hướng phố Bêtixi là nơi có lâu đài của ông thì chợt có ý nghĩ tại sao vào cái giờ mà người ta tuỳ ý bắt giữ mọi người qua lại nhất là đến gần điện Luvrơ; thế mà có một người dám cả gan đi dạo trước cung điện nhà vua, cách bọn lính tuần tra có trăm bước, con người này hẳn là hoàng thân Côngđê.

Ông lại gần người này còn người này, cứ mỗi bước đô đốc tiến tới lại cố lùi vào bóng tối; đến cách hai mươi bước, đô đốc kêu lên với người này: -Này! Hoàng thân!

-Ai đi đó?– hoàng thân Côngđê hỏi vì đúng là ông.

-Một người bạn – Đô đốc trả lời, tiếp tục tiến bước và mỉm cười với ý nghĩ về sự sáng suốt của mình là một lần nữa ông đoán đúng.

-A! A! Nếu tôi không nhầm thì đây là tiếng nói của ông đô đốc – hoàng thân nói đồng thời tiến lên vài bước để đến trước mặt người vừa gọi ông.

Hai người đàn ông này gặp nhau ở giới hạn của bóng tối, hoàng thân kéo đô đốc về phía mình đến nỗi cả hai lẫn vào bóng đêm.

-Thế nào, quỷ thật – hoàng thân nói sau khi thân mật và kính nể xiết chặt bàn tay đô đốc – làm sao mà ông biết tôi ở đây?

-Tôi đoán thế.

-A! Thật là giỏi! Thế nào mà ông lại có ý nghĩ này?

-Ồ! Thật đơn giản.

-Nào, hãy nói đi.

-Khi nhìn thấy một người nằm trong tầm nhìn của đội tuần tra, tôi thầm nghĩ chỉ có một kỵ sĩ ở nước Pháp mới có khả năng liều mạng để nhìn ngọn gió lay động rèm cửa của một người đàn bà đẹp và con người này chính là Điện hạ đấy!

-Đô đốc thân mến của tôi ơi, cho phép tôi được cảm ơn ông, trước hết vì ý nghĩ tuyệt hay của ông đối với tôi và sau đó xin chân thành khen ngợi ông: không thể có sự sáng suốt nào tuyệt vời hơn sự sáng suốt của ông.

-A! Đô đốc thốt lên.

-Tôi ở đây, đúng thế, để nhìn ô cửa sổ một căn buồng mà tại đây, không phải là một phụ nữ chỉ đẹp không thôi mà con người cầm giữ chân tôi ở đây, cách đây sáu tháng còn là đứa trẻ thì này là một thiếu nữ, nhưng là một thiếu nữ kiều diễm, một sắc đẹp hoàn hảo.

-Ông muốn nói tới tiểu thư Xanh Ăngđrê phải không?

-Đúng thế. Càng ngày càng đẹp, đô đốc thân mến ạ – Hoàng thân đáp – Và điều đó giải thích cho tôi sự hứng thú nào đã đẩy tôi kết bạn với ông.

-Vậy chính sự hứng thú đã đẩy ông đến việc đó hả? – Côlinhi hỏi.

-Vâng, rất lớn là đằng khác.

-Hứng thú nào? Hãy cho tôi biết tâm tư của ông, hoàng thân?

-Đó là, nếu tôi không coi ông là bạn, ông đô đốc ạ, thì có lẽ tôi đã coi ông là kẻ thù và lúc ấy tôi coi ông là kẻ thù không nguôi.

Đô đốc lắc đầu vì câu nói phỉnh nịnh của con người mà ông sắp đưa ra những lời trách cứ nên ông trả lời: -Chắc hẳn ông không biết rằng tiểu thư Xanh Ăngđrê là vị hôn thê của ông Đờ Gioanhvin, con trai quận công Đờ Ghidơ chứ gì.

-Không những tôi không phải không biết chuyện này, ông đô đốc ạ, mà chính vì được tin về cuộc hôn nhân này làm tôi càng yêu tiểu thư Xanh Ăngđrê điên cuồng hơn, đến mức tôi có thể mạnh dạn nói rằng tình yêu của tôi đối với tiểu thư Xanh Ăngđrê chủ yếu đến từ lòng hận thù của tôi với bọn Đờ Ghidơ.

-Ái chà! Nhưng đây là lần đầu tiên, hoàng thân ạ, tôi nghe nói tới mối tình này, vì thông thường những mối tình của ông đối với ông coi như chim hoạ mi hót khi bay lượn. Vậy mối tình mới nảy sinh và chưa gây tai tiếng chứ?

-Không thật mới đâu, đô đốc thân mến ạ, trái lại nó đã được sáu tháng tuổi rồi.

-Chà, đúng thế sao?– đô đốc hỏi kèm theo là cái nhìn ngạc nhiên.

-Sáu tháng, vâng, hầu như ngày tiếp ngày, đúng thế! Ông có nhớ tới lá số tử vi mà mụ phù thuỷ già đã đoán cho ông Đờ Ghidơ, thống chế Xanh Ăngđrê và gã hầu của ông ấy ở lễ hội Lăngđi không? Theo tôi thì hầu như tôi đã nói rõ câu chuyện này với ông rồi.

-Vâng, tôi hoàn toàn nhớ rõ. Sự việc xảy ra trong cái quán trên đường từ Gônet đến Xanh Đơnits.

-Đúng thế, đô đốc thân mến ạ. Này! Chính từ cái ngày ấy đã đánh dấu mối tình của tôi bộc lộ với Xaclôttơ duyên dáng và, vì cái chết mà người ta tiên đoán cho tôi, đã đem lại cho tôi một sở thích khác thường đối với cuộc đời, kể từ ngày ấy tôi chỉ sống trong hi vọng được con gái thống chế yêu và tôi đã dồn hết tâm hồn để đạt cái đích ấy.

-Và không bất cẩn chứ, hoàng thân – đô đốc hỏi – ông được đáp trả chứ?

-Không, ông anh họ của tôi ạ, không; vì thế ông mới thấy tôi đứng chôn chân ở đây mãi.

-Và hỡi chàng hiệp sĩ đa tình là ông, ông chờ đợi người ta ném cho ông một bông hoa, một chiếc găng tay, một lời nói phải không?

-Xin thề, thật tình chẳng chờ đợi gì ở điều đó.

-Vậy thì ông chờ đợi gì?

-Chờ cho ánh sáng tắt đi và vị hôn thê của ông hoàng đờ Gioanhvin ngủ để đến lượt mình, tôi tắt ánh sáng của tôi và nếu cỏ thể tôi cũng ngủ luôn.

-Chắc hẳn đây không phải là lần đầu ông có mặt như thế này với giấc ngủ nhỏ của cô gái phải không, ông hoàng thân thân mến của tôi.

-Không hề là lần đầu, ông anh họ của tôi ạ, và sẽ không phải là lần cuối đâu. Đến nay, gần bốn tháng rồi, tôi giải trí vô tư như thế này đây.

-Tiểu thư Xanh Ăngđrê không biết gì cả chứ? – đô đốc hỏi, vẻ nghi ngờ.

-Nàng không biết, tôi bắt đầu tin như vậy.

-Như thế đâu còn là tình yêu nữa, hoàng thân thân mến; đó thực tế là tôn thờ sùng bái theo cách một số thủy thủ đã kể cho chúng ta nghe về sự tôn thờ thần tượng này.

-Cái từ ấy rất đúng, đô đốc thân mến ạ, đó thực sự là một sự tôn sung và tôi cũng cần phải là con chiên ngoan đạo để tôi hiến mình cho sự tôn thờ thần tượng này.

-Tôn thờ thần tượng là tôn thờ những hình ảnh, hoàng thân thân mến ạ, còn ông cũng không có ngay cả hình ảnh nữ thần của ông, có lẽ đúng chăng?

-Thật thế, không, không cả hình ảnh của nàng – hoàng thân trả lời; nhưng ông mỉm cười đặt bàn tay lên ngực nói tiếp – hình ảnh của nàng ở đây và khắc thật sâu, xin thề tôi không cần một hình ảnh nào khác hình ảnh đang sống trong kí ức tôi.

-Vậy ông cứ hành động đơn điệu như thế đến giới hạn nào?

-Không giới hạn nào hết. Tôi đến đây như thế này chừng nào tôi còn yêu tiểu thư Xanh Ăngđrê. Tôi yêu nàng theo thói quen của tôi, chừng nào mà nàng chưa ưng thuận cho tôi chút gì và theo mọi khả năng có thể, nàng không thuận cho tôi thật sớm, điều mà nàng cần dành cho tôi để mối tình của tôi lâm vào thời kì giảm sút thì có thể tôi sẽ yêu nàng dài lâu.

-Con người ông đặc biệt làm sao, hoàng thân thân mến!

-Vậy ông muốn gì! Tôi như vậy đấy; đó là điều mà ngay bản thân tôi cũng không hiểu nổi mình; chừng nào mà một người đàn bà chẳng dành cho tôi cái gì thì tôi điên cuồng vì yêu, có thể đi đến giết chồng nàng, giết cả người yêu của nàng, giết nàng, giết cả bản thân mình, gây chiến vì nàng như Pêriclet đối với Atspaxi(Pêriclet: là diễn giả và chính khách nổi tiếng, người Aten; Atspaxi: nổi tiếng về sắc đẹp và trí tuệ, tình nhân và cố vấn của Pêriclet), Xêda đối với Ơnônê, Ăngtoan đối với Clêôpatrơ (Xêda: là nhà độc tài La Mã; Clêôpatrơ: hoàng hậu Ai Cập, nổi tiếng về sắc đẹp đã chinh phục Xêda rồi Ăngtoan, bạn của Xêda) rồi thì, nếu nàng nhượng bộ…

-Nếu nàng nhượng bộ thì sao?

-Thế thì đô đốc thân mến ơi, bất hạnh cho nàng, bất hạnh cả cho tôi! Vòi nước của sự chán chường sẽ đổ lên sự điên dại của tôi và dập tắt nó.

-Vậy niềm lạc thú nào mà ông lại đứng canh trước ánh trăng này?

-Dưới những ô cửa sổ của một thiếu nữ xinh đẹp. Một niềm lạc thú lớn lao, người anh họ thân mến của tôi ạ. Ôi! Ông không hiểu được điều đó đâu, ông, con người nghiêm trang và qủa cảm đặt mọi niềm hạnh phúc của ông trong thắng lợi một cuộc chiến hoặc chiến thắng của lòng tin của ông. Còn tôi, thưa ông đô đốc, đó là chuyện khác: chiến tranh đối với tôi chỉ là sự yên bình giữa hai mối tình, mối tình cũ và mối tình mới. Thực tình tôi tin rằng Chúa đã sinh ra tôi ở đời chỉ để yêu và tôi không tốt về điều gì khác. Vả lại đó là luật của Chúa. Chúa đã phán bảo chúng ta yêu tương lai của chúng ta như bản thân chúng ta. Này! Con chiên xuất sắc là tôi đây, tôi yêu tương lai của tôi hơn bản thân mình, chỉ có điều tôi yêu tương lai trong nửa đẹp nhất của nó, dưới hình thức dễ chịu nhất của nó.

-Vậy sau lễ hội Lăngđi, ông đã gặp lại tiểu thư Xanh Ăngđrê ở đâu và khi nào không?

-A! đô đốc thân mến, đó là cả một câu chuyện dài và, ít ra ông hãy quyết định, dù câu chuyện của tôi có tầm phào, ở lại cùng tôi chí ít là nửa giờ với tư cách là người bà con mà ông đối với tôi, thì tôi khuyên ông đừng vật nài để mặc tôi với những cơn mơ màng của tôi và cuộc đối thoại của tôi với mặt trăng và những ngôi sao, mà đối với tôi còn kém rực rỡ hơn ánh sáng ấy mà ông thấy lấp lánh qua những ô cửa sổ vị thần của tôi.

-Người em họ thân mến của tôi ơi – đô đốc cười và nói – Đối với tương lai, tôi có những dự định về ông mà ông cũng không hề e ngại; đó là tôi thích thú

nghiên cứu ông dưới mọi bộ mặt; bộ mặt ông tỏ cho tôi hôm nay không chỉ là bộ mặt mà là mặt ngoài. Nào, ông hãy mở ra cho tôi mọi cánh cửa của ông. Nào, khi tôi muốn có chuyên với đích thực. Côngđê, với vị chỉ huy vĩ đại, ta thấy qua cái cửa đó tôi có thể vào được và khi ấy đáng lẽ là người anh hùng mà tôi tìm kiếm thì tôi chỉ thấy một Hecquyn quanh quẩn theo bước chân của Ophan(Hecquyn: vị thần Hi lap, theo thần thoại Latinh là con của Giuypite và Alơmen, có sức mạnh phi thường, cưới Omphan, hoàng hậu xứ Lyđi sau khi buộc Hecquyn đi quanh quẩn bên chân nàng.), một Samsông ngủ trên đùi Đalila (Sambông: quan toà nổi tiếng về sức khỏe nhờ bộ tóc, yêu và cưới Đalila- một danh kĩ và bị Đalila phản bội, cắt tóc trao cho Philitstanh), chúng ta thấy cánh cửa qua đó tôi phải ra đi.

-Có nghĩa là tôi phải nói tất cả sự thật với ông hả?

-Tất cả.

-Như một kẻ xưng tội?

-Hơn thế.

-Tôi xin báo trước với ông rằng đây thực sự là một bài thơ.

-Những câu thơ đẹp nhất của Viêcgiliuyts Marô hẳn không phải cái gì khác những bài thơ sao.

-Vậy tôi xin bắt đầu.

-Tôi nghe ông đây.

-Ông hãy ngăn tôi lại khi ông chán nghe nhé.

-Tôi xin hứa với ông như vậy, nhưng tôi tin là tôi sẽ không ngắt lời ông.

-A! Ông đúng là một nhà chính trị vĩ đại và cao cả.

-Ông có biết rằng, ông hoàng của tôi, ông đã có vẻ giễu cợt tôi rồi phải không?

-Tôi ư? A! Ông có biết rằng khi ông nói với tôi những điều này, người ta làm tôi nhảy qua một vực thẳm chứ?

-Vậy nói đi.

-Đó là vào tháng chín vừa qua, sau buổi đi săn mà các ông Đờ Ghidơ hiến cho toàn thể triều đình trong khu rừng Mơđông.

-Tôi nhớ là đã được nghe mặc dầu tôi không ở đấy.

-Vậy ông hãy nhớ rằng, sau buổi đi săn ấy, bà Catơrin cùng với mọi thị nữ của bà, một phi đội bay của bà như người ta gọi thế, liền đến lâu đài của ông Gôngđi ở Xanh Clu, hẳn ông nhớ chứ vì ông đã ở đây phải không?

-Hoàn toàn đúng.

-Này! Ở đấy, nếu sự chú ý của ông không bị chuyển hướng bởi những đề tài nghiêm trọng, hẳn ông còn nhớ tới bữa ăn nhẹ, một thiếu nữ với vẻ đẹp của nàng đã thu hút sự chú ý của triều thần, đặc biệt là tôi: đó là tiểu thư Xanh Ăngđrê. Sau bữa ăn nhẹ, trong một chuyến đi chơi trên sông đào, một thiếu nữ, bằng tinh thần của nàng đã khêu gợi sự chiêm ngưỡng của mọi quan khách được mời dự và

đặc biệt vẫn là tôi: đó là tiểu thư Xanh Ăngđrê. Cuối cùng tại buổi khiêu vũ, mọi cặp mắt đặc biệt là mắt tôi, quay nhìn một thiếu nữ nhảy mà vẻ duyên dáng không ai sánh kịp đã làm cho mọi cặp môi nở nụ cười, mọi tiếng trầm trồ cất lên ca ngợi, mọi cặp mắt nhìn chiêm ngưỡng, vẫn là tiểu thư Xanh Ăngđrê. Ông nhớ chuyện đó không?

-Không.

-Càng hay!Bởi vì nếu ông nhớ chuyện ấy, sẽ thật vô ích để tôi kể cho ông nghe chuyện đó. Ông hẳn hiểu rõ ngọn lửa nhen nhóm trong trái tim tôi ở quán "Ngựa tía" thì ở Xanh Căngtanh đã trở thành một ngọn lửa dày vò! Do đó mà kết thúc buổi khiêu vũ, trở về căn phòng dành cho tôi là dãy phòng đầu, thay cho việc tôi đi nằm nhắm mắt và ngủ thì tôi lại ra đứng ở cửa sổ, nghĩ tới nàng và chìm đắm trong cơn mộng mơ êm dịu. Tôi hoàn toàn đắm chìm ở đó bao thời gian tôi không nhớ gì hết thì, qua tấm rèm mà những ý tưởng yêu đương trải qua trước mắt tôi, tôi tin có một sinh vật động đậy gần như siêu hình, như cơn gió bấc lùa qua lay động tóc tôi; thật như cái gì đó như làn hơi cô đọng, một bóng trắng hồng lướt qua những lối đi của khu vườn và đúng thế, đứng dừng lại trước cửa buồng tôi và dựa vào thân cây mà tán lá đến quét lòng ghen tuông thầm kín của tôi. Tôi nhận ra, đúng hơn là tôi đoán rằng nàng tiên tuyệt đẹp trong đêm nay không ai khác tiểu thư Xanh Ăngđrê và rất đúng lúc sắp nhảy qua cửa sổ để nhanh chóng đến với nàng và mau lẹ ngã vào chân nàng thì một bóng thứ hai, kém hồng và kém trắng hơn bóng đầu, nhưng hầu như cũng nhẹ nhàng vượt qua khoảng trống chia cắt lối đi bên này với bên kia. Cái bóng này rõ ràng là nam giới.

-A!A! – đô đốc lẩm bẩm.

-Cũng đúng như tiêng kêu của tôi lúc ấy – Côngđê nói- nhưng những mối nghi ngờ bất công ấy vừa nảy sinh trong tâm trí tôi về đức hạnh tiểu thư Xanh Ăngđrê không lâu; bởi vì cả hai bóng người này bắt đầu ríu rít và tiếng nói của họ vọng tới tận chỗ tôi qua những cành cây và những khoảng thời gian ngắn của ghen tuông, cũng như tôi đã nhận ra những diễn viên ở dưới chân tôi hai mươi bước chân, tôi đã nghe rõ những lời họ nói.

-Những diễn viên đó là ai?

-Những diễn viên đó là tiểu thư Xanh Ăngđrê và gã thị đồng của cha nàng.

-Vậy có vấn đề gì?

-Thật đơn giản là vấn đề một buổi đi câu vào sáng ngày hôm sau thôi.

-Một buổi câu à?

-Đúng, ông anh họ của tôi ạ, tiểu thư Xanh Ăngđrê mê câu cá đến cuồng nhiệt.

-Để sửa soạn chỉ cho một buổi đi câu mà, vào nửa đêm hoặc một giờ sáng; một thiếu nữ mười lăm tuổi và một chàng thị đồng trẻ mười chín tuổi đã hẹn hò

gặp gỡ nhau qua khuôn viên ấy hử?

-Tôi cũng đã nghi ngờ chuyện ấy, thưa ông đô đốc thân mến ạ, và tôi nói rằng chàng thị đồng trẻ ấy tỏ ra rất ngán ngẩm khi, chắc chắn có một hi vọng khác chợt đến thật sôi sục tràn đầy thì gã nhận được từ chính tiểu thư Xanh Ăngđrê là nàng chỉ hẹn gặp gã với yêu cầu gã kiếm hai chiếc cần câu, một cho nàng, một cho gã, với những chiếc cần câu ấy, nàng mời gã có mặt trên sông đào vào hồi năm giờ sáng. Lời yêu cầu này khó hiểu đối ngay cả với gã thị đồng trẻ nên gã nói: -Nhưng thưa tiểu thư, nếu chỉ riêng ý định đòi hỏi tôi một chiếc cần câu mà tiểu thư bảo tôi đến đây với một việc thật đơn giản đến thế thì thật vô ích để làm một việc bí mật thật lớn thế này.

-Chính anh đã lầm, Giắc ạ – thiếu nữ trả lời – từ khi lễ hội bắt đầu tôi thực sự được phỉnh nịnh, bị săn đón, bị vây quanh bởi biết bao kẻ nịnh hót và thật bất hạnh nếu tôi đề nghị anh tìm một cần câu và ý định này bị lộ thì sáng này vào lúc năm giờ, ba phần tư các đức ông ở triều đình gồm cả ông đờ Côngđê sẽ chờ tôi ở bờ sông đào, điều mà, hẳn anh nghĩ rõ rằng sẽ làm cho lũ cá sợ hãi hoảng loạn đến nỗi tôi sẽ không câu được con bống mú nào chứ. Đó là điều tôi không muốn, tôi muốn ngày mai chỉ có riêng anh kết bạn với tôi thôi, anh thật đoảng vị, ta sẽ thực hiện một buổi câu tuyệt vời.

-Ô! Vâng, thưa tiểu thư – chàng thị đồng trẻ nói – Ô! Vâng, tôi là một kẻ đoảng vị.

-Thế là thoả thuận rồi nhé. Giắc, đúng năm giờ đấy.

-Tôi sẽ ở đấy lúc bốn giờ, thưa tiểu thư, với hai cần câu.

-Nhưng anh sẽ không được câu trước tôi mà không có tôi. Giắc hiểu chứ?

-Ô!Tôi xin hứa với tiểu thư là đợi tiểu thư.

-Tốt. Vì sự khó nhọc của anh, hãy nắm lấy bàn tay tôi đây.

-A! thưa tiểu thư – chàng thị đồng reo lên, lao vào bàn tay xinh xắn ấy và phủ lên đó những nụ hôn.

-Thật đẹp!– Lúc này thiếu nữ rút bàn tay ra nói – Tôi cho phép anh hôn nó mà không lắc mạnh nó. Nào, Tốt lắm! Chúc ngủ ngon, Giăc! Vào năm giờ ở bên bờ sông đào nhé.

-A! Tiểu thư đến đấy khi nào tiểu thư muốn, thưa tiểu thư, tôi sẽ có mặt ở đó, tôi xin hứa với tiểu thư.

-Anh hãy đi đi, đi đi!– tiểu thư Xanh Ăngđrê giơ bàn tay ra hiệu và nói.

Chàng thị đồng tuân lời ngay không một lời đáp lại như một thần hộ mệnh vâng lệnh pháp sư mà y lệ thuộc.

Gã biến mất sau đó một giây.

Tiểu thư Xanh Ăngđrê ở lại sau gã một lúc, rồi tin chắc không có gì làm xáo động sự yên tĩnh của màn đêm kể cả sự cô đơn của mảnh vườn, đến lượt nàng biến mất, tin rằng không bị ai nghe và nhìn thấy.

-Ông có tin chắc, hoàng thân thân mến, con người lắm mưu chước ấy không đoán ra ông có mặt ở cửa sổ của ông chứ?

-A! Người anh họ tốt bụng của tôi ơi, đó là việc ông sắp tước đi của tôi những ảo mộng đấy.

Lúc này, ông hoàng lại gần đô đốc: -Này, ông thật là một nhà chính trị sâu sắc, có những lúc tôi không xét tới chuyện này.

-Chuyện gi?

-Rằng nàng đã trông thấy tôi và rằng chiếc cần câu ấy, buổi đi câu ấy, cuộc hẹn vào năm giờ sáng ấy đã chỉ là một màn hài kịch.

-Nói tiếp đi!

-Ồ! Tôi không bao giờ phủ nhận khi có một trò lừa dối của đàn bà – hoàng thân nói – và non trẻ nhất, ngây thơ nhất là đàn bà thì tôi thú nhận ít hơn; nhưng ông hãy thừa nhận rằng, đô đốc thân mến ạ, nếu thật như thế thì đây là một con người cực kì khôn ngoan.

-Tôi không nói với ông điều trái lại.

-Ông nên hiểu rõ rằng, ngày hôm sau, vào hồi năm giờ, tôi đã nấp ở vùng quanh sông đào lớn. Gã thị đồng đã giữ lời hứa. Gã ở đấy trước lúc mặt trời mọc. Còn Xaclôttơ xinh đẹp xuất hiện như một vầng dương trước khi mặt trời mọc một lúc và những ngón tay hồng hào của nàng đã lấy từ tay Giắc một chiếc cần câu đã mắc mồi sẵn. Một lát sau tôi tự hỏi vì lẽ gì nàng cần một người bạn câu, nhưng tôi sớm hiểu rằng những ngón tay thật xinh xắn không thể sờ vào những con vật kinh tởm mà nàng buộc phải gỡ khỏi lưỡi câu và nếu gã thị đồng không ở đó thì tránh sao cho nàng cái công việc nặng nhọc ghê tởm ấy là phải gỡ cá khỏi lưỡi câu; thế rồi buổi đi câu ấy kéo dài đến bảy giờ, thiếu nữ xinh đẹp và thanh lịch chỉ còn niềm vui và niềm vui này hẳn thật lớn, bởi vì, sự thật là hai con người trẻ trung ấy đã có một bữa cá rán thật ngon.

-Còn ông, ông được cái gì ông hoàng thân mến của tôi.

-Một cơn xổ mũi dữ dội bởi vì tôi đã ngâm chân dưới nước và một tình yêu mãnh liệt mà ông sẽ thấy ở những bước tiếp sau.

-Và ông tin rằng cô bé lắm mồm miệng ấy không biết có ông ở đấy chứ?

-Này! Lạy Chúa! Ông anh họ của tôi! Có thể nàng biết tôi ở đấy; nhưng thật sự khi giật con cá của nàng về phía mình, nàng vòng cánh tay thật duyên dáng và khi lại gần bờ sông, nàng vén tà váy mới đỏm dáng làm sao, cánh tay và cái đùi ấy làm cho tôi tha thứ hết thảy vì nếu nàng biết tôi ở đấy thì lúc ấy, chính vì tôi mà nàng tỏ mọi vẻ duyên dáng đáng yêu ấy chứ không phải với gã thị đồng bởi vì tôi ở bên phải nàng và chính nàng vòng cánh tay phải để lộ đùi phải ra. Tóm lại, đô đốc thân mến ạ, tôi yêu nàng, nếu nàng ngây thơ; nhưng nếu nàng làm dáng thì còn tồi tệ hơn: tôi tôn thờ nàng! Ông phải thấy rằng dù cách này hay cách khác thì tôi vẫn khổ tâm.

-Từ thời gian này ư?

-từ thời gian này, ông anh họ của tôi ạ, tôi đã nhìn thấy cánh tay đẹp đẽ ấy, được nhìn lại cái đùi ấy từ xa mà không bao giờ có thể gặp lại nữ chủ nhân của những kho báu tuyệt đẹp ấy mà, khi nàng nhân ra tôi ở phía nàng này, tôi phải công nhận quyền này của nàng, thì nàng lại lẩn trốn sang phía khác.

-Vậy việc tháo gỡ mối tình si câm lặng này sẽ là thế nào?

-Này! Lạy Chúa tôi! Hãy hỏi kẻ nào thông thái hơn tôi, ông anh họ thân mến ạ, bởi vì nếu mối tình si này là câm lặng như ông vừa nói đó thì nó đồng thời vừa điếc vừa mù, có nghĩa là nó không nghe được lời khuyên nào và nó không nhìn, nhất là không muốn nhìn ngoài cái giờ hiện tại.

-Tất nhiên, hoàng thân thân mến ạ, trong một tương lại nào đó, ông phải hi vọng một phần thưởng cho sự nô dịch gương mẫu này chứ?

-Tất nhiên, nhưng trong một tương lai thật xa mà tôi không dám nhìn vào nó nữa.

-Thế thì hãy tin vào tôi, đừng nhìn vào đó nữa.

-Tại sao thế ông đô đốc?

-Bởi vì ông sẽ không thấy gì hết ở đó cả và điều đó sẽ làm ông nản chí.

-Tôi thật sự không hiểu ông.

-Này! Lạy Chúa! Tuy nhiên thật dễ hiểu, nhưng về điều này, cần phải nghe tôi.

-Ông hãy nói đi, ông đô đốc.

-Ông chờ đợi một điều gì, hoàng thân thân mến.

-Khi có quan hệ với tiểu thư Xanh Ăngđrê thì tôi chờ đợi mọi chuyện.

-Tôi sắp nói với ông sự thật không quanh co, ông hoàng thân mến của tôi ạ.

-Thưa ông đô đốc, từ lâu đối với ông tôi vẫn có lòng yêu kính mà người ta coi như đối với người anh cả và lòng chân thành mà người ta có đối với một người bạn. Ông là người duy nhất trên đời mà tôi thừa nhận có quyền khuyên nhủ tôi. Chính ông nói rằng còn khá xa mới thâu tóm được sự thật từ miệng ông, vậy tôi khiêm nhường khẩn cầu sự thật ấy. Ông hãy nói đi.

-Cám ơn hoàng thân! – đô đốc trả lời với tư cách là người hiểu rõ những ảnh hưởng mạnh mẽ mà những chuyện tình ái có thể có và vì thế, con người này gắn một tầm quan trọng nghiêm khắc với những việc mà, ở người khác hơn người em của vua Nava, ông đã coi là những chuyện tầm phào – Cảm ơn, vì ông đã cho tôi quyền lợi thật đẹp thì đây là sự thật trần trụi: tiểu thư Xanh Ăngđrê không yêu ông, ông hoàng thân thân mến của tôi ạ; tiểu thư Xanh Ăngđrê sẽ không bao giờ yêu ông cả.

-Ông sẽ không hề ít nhiều là một nhà chiêm tinh chư? Thư ông đô đốc. Và vấn đề cho tôi một lơi tiên đoán ác độc ấy, liệu ông đã mạo hiểm hỏi vì sao về sự toan tính của tôi không?

-Không, nhưng ông có biết vì sao cô ta sẽ không yêu ông chút nào không? – đô đốc nói thêm.

-Thế nào mà ông lại muốn tôi biết điều đó vì tôi sẽ làm tất cả để được nàng yêu cơ mà.

-Cô ta sẽ không yêu ông bởi vì cô ta sẽ không bao giờ yêu ai cả, cả chàng thị đồng trẻ ấy cũng chẳng hơn gì ông: đó là một trái tim khô cằn, một tâm hồn nhiều tham vọng. Tôi biết cô ta từ lúc còn rất nhỏ và không có khoa học chiêm tinh mà ông gán cho tôi vừa rồi thì tự bản thân cũng đoán trước là một ngày nào đó cô bé sẽ đóng một vai trò trong cái toà nhà lớn đồi bại này đang ở trước mắt chúng ta.

Rồi bằng một cử chỉ hết mực khinh miệt, đô đốc trỏ vào điện Luvrơ.

-A! A! – ông Côngđê kêu lên – Đây là phương diện khác, với nó tôi chưa hề nhìn thấy.

-Chưa đến tám tuổi mà cô ta đã chơi trò tài nữ với vai Anhet Soren (Anhet Soren: sinh ra ở Ruaren được mệnh danh là mệnh phụ Sắc đẹp, ái phi của Xaclơ đệ nhất) hoặc phu nhân Đetstăngpơ, những bạn nhỏ của cô bé đội lên đầu cô một chiếc vương miện bằng bìa và reo lên: "tiểu hoàng hậu muôn năm". Này! Cô ta đã giữ trong những cuộc đời thiếu nữ của cô ta cái kỉ niệm về vương quyền thời thơ ấu. Cô ta cho rằng cô ta yêu ông Đờ Gioanhvin, vị hôn phu của cô ta ư: cô ta nói dối đấy! Cô ta làm ra vẻ thế thôi, ông có biết tại sao không? Bởi cha ông đờ Gioanhvin là ông Đờ Ghidơ, người bạn cũ của tôi nay là kẻ thù mãnh liệt của tôi, sẽ là vua nước Pháp nếu người ta không ngăn ông ta lại.

-A! quỷ tha ma bắt! ông tin chắc như vậy chứ, ông anh họ của tôi.

-Thật sự, hoàng thân thân mến ạ: vì lẽ gì mà tôi kết luận mối tình của ông đối với nàng thị nữ xinh đẹp của hoàng hậu là mối tình khổ sở mà tôi khẩn cầu ông sớm giải thoát đi.

-Đó là ý kiến của ông phải không?

-Tự đáy lòng mình tôi đưa ra cho ông đấy.

-Còn tôi, ông anh họ của tôi ạ, tôi bắt đầu để nói với ông rằng tôi chấp nhận ý kiến đó như nó đã được đưa ra.

-Chỉ có điều là ông sẽ không làm theo nó phải không?

-Ông muốn sao, đô đốc thân mến của tôi, người ta không phải làm chủ được những sự việc ấy.

-Tuy nhiên, hoàng thân thân mến, qua quá khứ ông hãy xét tương lai.

-Thế thì, vâng, tôi xin thú nhận rằng cho đến nay nàng không biểu lộ một mối cảm tình thật mãnh liệt đối với kẻ đầy tớ của ông.

-Và ông nghĩ rằng điều đó không thể kéo dài à. A! Tôi biết rằng ông có ý kiến tốt đẹp của chính bản thân ông thôi, ông hoàng thân mến ạ.

-Này, đúng thế, đó sẽ là cho những kẻ khác một mảnh đất quá rộng để miệt thị chúng ta hơn là tự miệt thị mình. Nhưng không thể như vậy. Sự âu yếm mà nàng không có đối với tôi, khốn thay, ông chỉ có thể ngăn tôi không có sự âu yếm đối với nàng. Điều đó làm ông nhún vai đấy. Ông muốn làm gì ở đây! Liệu tôi có được tự do yêu hay không yêu không? Nếu tôi nói với ông rằng: "ông đã giữ hai nghìn người chống lại năm hoặc sáu mươi nghìn tên Flamăng và Tây Ban Nha của hoàng thân Êmanuye – Filibe và của vua Philip đệ nhị: thì này! Đến lượt ông phải làm cuộc bao vây ấy; có ba mươi nghìn người trong vị trí mà ông chỉ huy có mười nghìn quân"; liệu ông có từ chối công hãm Xanh Căngtanh không? Không phải không?… vì sao? Bởi vì do thiên tài của ông đã biểu lộ trong chiến tranh, ông có niềm tin chắc là không có vị trí nào mà không thể chiếm được đối với những con người quả cảm. Thế thì tôi, ông anh họ thân mến ạ, có lẽ tôi tự khoe khoang chăng, nhưng tôi tin có khoa học được thử thách của tình yêu, như ông có thiên tài được thử thách trong chiến tranh và tôi nói với ông rằng: "Không có vị trí nào không chiếm được cả", ông đã cho tôi ví dụ về chiến tranh, đô đốc thân mến của tôi ạ, hãy cho phép tôi được cho ông ví dụ trong tình yêu.

-A! hoàng thân! hoàng thân! Ông đã là một thủ lĩnh quân sự vĩ đại biết bao, nếu trong những ham muốn xác thịt đã đặt tình yêu trong trái tim ông thì những niềm say mê cao cả cũng đặt được thanh kiếm vào tay ông.

-Ông muốn nói tới tôn giáo phải không?

-Vâng, hoàng thân ạ, đội ơn trời là Người muốn làm cho ông thành người của chúng tôi, do đó là một trong số người của Người!

-Ông anh họ thân mến của tôi -Côngđê nói với sự vui vẻ thường nhật của ông, nhưng thực ra trong lúc để lộ niềm vui này, ý chí của một người đàn ông mà không có vẻ như vậy luôn suy nghĩ về vấn đề đó – có lẽ ông sẽ không tin điều này nhưng về tôn giáo, tôi có những ý kiến ít ra cũng quyết định ngang với tình yêu.

-Ông muốn nói gì? – đô đốc ngạc nhiên hỏi.

Nụ cười của hoàng thân biến mất khỏi đôi môi ông và ông nghiêm chỉnh nói tiếp: -Tôi muốn nói rằng, ông đô đốc, tôi có tôn giáo của tôi cho tôi, niềm tin của tôi cho tôi, lòng từ thiện của tôi cho tôi, rằng tôi không cần sự can thiệp của ai cả và chừng nào ông không thể chứng tỏ cho tôi, người anh họ thân mến của tôi ạ, rằng giáo lí mới của ông tốt hơn giáo lí cũ, ông hãy đau khổ tin rằng tôi bảo tồn tôn giáo của cha mẹ tôi, chí ít là nó không làm tôi ngẫy hứng thay đổi để chơi cho ông Đờ Ghidơ một vố.

-Ôi! hoàng thân! hoàng thân! Liệu có phải như vậy mà ông sắp tiêu phí những kho báu sức lực, tuổi thanh xuân và trí thông minh mà Chúa vĩnh hằng đã ban cho ông, và ông sẽ không biết sử dụng những thứ đó vào lợi ích lớn lao chăng? Cái mối hận thù bản năng của ông đối với các ông Đờ Ghidơ ấy liệu

không phải là lời báo trước của Chúa chứ? Ông hãy xác định, hoàng thân, nếu ông không chiến đấu chống lại những kẻ thù của Chúa thì ít ra ông hãy chiến đấu chống những kẻ thù của nhà vua chứ?

-Được – Côngđê nói – đó là ông quên mất, ông anh họ của tôi ạ, rằng tôi có một ông vua của tôi như tôi có một Chúa trời của tôi; Đúng là Chúa của tôi càng lớn lao bao nhiêu thì ông vua của tôi càng nhỏ bé bấy nhiêu. Vua của tôi, đô đốc thân mến ạ, chính là vua Nava, ông anh tôi. Đó là ông vua thực sự của tôi. Vua nước Pháp đối với tôi chỉ là ông vua nuôi, một lãnh chúa không có thực quyền.

-Đó, ông lại tránh né vấn đề rồi, hoàng thân, nhà vua ấy, tuy nhiên ông đã phải chiến đấu vì ông ấy.

-Nhưng tôi chiến đấu cho mọi nhà vua theo tính cách thất thường của tôi như tôi yêu mọi người đàn bà theo ngẫu hứng của tôi.

-Vậy thì, hoàng thân thân mến, không thể nói chuyện nghiêm chỉnh với ông về bất cứ chuyện gì về đề tài này phải không – đô đốc nói.

-Có chứ – hoàng thân trang trọng trả lời – vào một thời điểm khác chúng ta sẽ nói tới những vấn đề ấy, ông anh họ thân mến của tôi ạ, và tôi sẽ trả lời những vấn đề này. Tôi coi tôi là một kẻ cực kì khổ sở và như một công dân bình thường; hãy tin ở tôi, nếu tôi chỉ dâng hiến toàn bộ cuộc đời tôi cho độc một việc là phục vụ các bà mệnh phụ. Tôi biết rằng tôi có những bổn phận phải làm tròn, ông đô đốc ạ, và trí thông minh, lòng dũng cảm và sự không ngoan, những tặng vật quý báu này mà tôi hưởng lộc của Chúa trời không chỉ để cho tôi hát những bản tình ca dưới những bao lơn. Nhưng xin ông hãy kiên nhẫn, ông anh họ tốt bụng và người bạn tuyệt vời của tôi ạ, hãy để cho những ngọn lửa đầu tiên của tuổi thanh xuân này bốc đi đã, ông hãy nghĩ rằng tôi còn chưa ba mươi tuổi. Quỷ quái thật, thưa ông đô đốc, thiếu vắng một cuộc chiến tranh, tôi cần sử dụng năng lực của tôi vào việc gì đó chứ. Vậy hãy tha thứ cho tôi cuộc phiêu lưu này và tôi chưa chấp nhận lời khuyên của ông đối với tôi. Hãy cho tôi niềm vui về việc mà tôi sẽ đề nghị với ông.

-Hãy nói đi, hỡi tâm hồn điên dại- đô đốc thân tình nói – và Chúa muốn rằng lời khuyên của tôi đối với ông mang lại cho ông điều ích lợi nào đó

-Thưa ông đô đốc- Hoàng thân Côngđê nắm lấy bàn tay người anh họ nói – Ông là một vĩ tướng vĩ đại, một nhà chiến lược lớn lao, nói không ngoa là con người đứng đầu về chiến tranh ở thời đại chúng ta: ông hãy nói cho tôi biết là ông coi vấn đề này như thế nào, ở vào địa vị tôi chẳng hạn, để xâm nhập vào nhà tiểu thư Xanh Ăngđrê vào giờ này, tức là nửa đêm để nói với nàng rằng ông yêu nàng.

-Tôi thấy rõ, hoàng thân thân mến- đô đốc nói – ông thực sự được lành mạnh khi ông biết con người mà ông có chuyện với người ấy. Đó là giúp ông về sự

điên rồ của ông cho tới khi sự điên rồ ấy chuyển thành lí trí chứ gì. Thế thì ở vào địa vị của ông…

-Suỵt! – Côngđê vừa nói vừa lui vào bóng tối.

-Sao thế?

-Bởi vì tôi thấy hình như có gì đó như kẻ si tình thứ hai đang lại gần cửa sổ.

-Đúng thế- đô đốc nói.

Và theo gương Côngđê, ông biến vào trong bóng tối do bóng tháp đổ xuống. Thế là cả hai bất động, kìm nén hơi thở. Họ trông thấy Rôbơc Stuya lại gần, nhìn thấy chàng nhặt hòn đá, lấy mảnh giấy bọc lại và cả hòn đá và mảnh giấy được ném qua cửa sổ sáng đèn.

Rồi họ nghe thấy tiếng kính vỡ.

Rồi họ nhìn thấy người lạ mà họ coi là kẻ si tình và kẻ này không hề kém hơn thế và họ nhận ra người ấy bỏ trốn và biến mất sau khi tin chắc quả "tạc đạn" do mình ném đã đi đến đúng địa chỉ của nó.

-A! thực tình! – hoàng thân Côngđê nói – ông anh thân mến ơi, tôi xin khất ông về lời khuyên cho một dịp khác, còn hôm nay tôi xin cảm ơn ông về lời khuyên ấy.

-Thế là thế nào?

-Bởi vì tôi đã hoàn toàn tìm được cách của tôi.

-Cách gì?

-Này! Chính thế! Thật đơn giản, cánh cửa bị vỡ ấy là cánh cửa nhà thống chế Xanh Ăngđrê và chắc chắn nó bị vỡ không phải do thiện ý.

-Thì sao?

-Thì tôi ra khỏi điện Luvrơ, tôi nghe thấy tiếng động do cái cửa sổ ấy gây ra khi vang lên tiếng kính vỡ, tôi sợ đó là kết quả của bọn âm mưu nào chống thống chế và quả thật, dù đêm đã khuya, tôi không thể cưỡng nổi và tôi trèo lên để hỏi ông ấy thực sự có điều bất hạnh nào đã xảy ra đến với ông, đó không phải là lợi ích lớn lao mà tôi đem đến cho ông ấy sao?

-Điên! Điên! Điên! Ba lần điên – Đô đốc nói.

-Tôi xin ông lời khuyên, ông bạn, ông cho tôi một lời tốt đẹp chứ?

-Vâng.

-Lời khuyên nào?

-Là không hề đến đấy.

-Nhưng ông biết đấy, kẻ đó, chính là người đầu tiên, và tôi muốn nói với ông rằng tôi không muốn theo đuổi nó.

-Thế thì được, chúng ta hãy đến nhà thống chế Xanh Ăngđrê.

-Ông đến cùng tôi chứ?

-Hoàng thân thân mến ạ, khi người ta không thể ngăn một kẻ điên làm những chuyện rồ dại của y và người ta yêu kẻ điên ấy như tôi yêu ông thì cần phải góp

nửa phần trong sự điên rồ ấy để thử rút ra trong đó một lời tiên đoán tốt nhất cỏ thể được.

-Đô đốc thân mến của tôi, ông hãy nói với tôi chúng ta cần trèo qua lỗ hổng nào, qua phát súng hoả mai nào để ông và cơ hội đầu tiên, tôi sẽ không đi theo ông đâu mà đi trước ông đấy.

-Chúng ta hãy đến nhà thống chế.

Và cả hai người đi về phía cổng vào điện Luvrơ, tại đây, sau khi nói khẩu lệnh, đô đốc bước vào, theo sau là hoàng thân Côngđê.

§9. Thiếu nữ khuynh thành hay nữ thuỷ thần

Đến trước cửa căn hộ dành cho ông thống chế Xanh Ăngđrê tại viện Luvrơ với tư cách là quan đại thần thị vệ nhà vua, đô đốc gõ cửa, nhưng chỉ khẽ đẩy, cánh cửa đã phải nhượng bộ ngón tay ông và mở ra trước cửa tiền sảnh.

Một gã hầu đứng trong tiền sảnh, vẻ rất kinh hoàng.

-Anh bạn – đô đốc nói với gã đầy tớ – dù đã khuya, liệu ngài thống chế có sẵn sàng tiếp khách không?

-Chắc chắn ngài thống chế luôn sẵn sàng tiếp ngài- Gã hầu đáp – nhưng một sự kiện bất chợt vừa buộc ngài phải qua chỗ nhà vua.

-Một sự kiện vừa bất chợt ư? – Côngđê hỏi.

-Đó là một sự kiện bất ngờ với cả chúng tôi nữa, đã đưa chúng tôi đến nhà ngài – Đô đốc Côlinhi nói – có lẽ vẫn cùng sự kiện ấy. Liệu có phải là vấn đề một hòn đá làm vỡ một ô cửa sổ không?

-Vâng thưa ngài, và đã rơi vào chân ngài thống chế đúng lúc ngài từ phòng làm việc qua phòng ngủ của ngài ạ.

-Anh thấy là tôi đã biết sự kiện này rồi đấy anh bạn ạ và tôi thực sự có thể cho ngài thống chế biết những dấu vết của thủ phạm nên tôi muốn thảo luận với ngài về vấn đề này.

-Nếu ngài đô đốc muốn đợi ngài- gã hầu phòng trả lời – thì trong lúc chờ đợi, xin ngài qua chỗ tiểu thư Xanh Ăngđrê, ngài sẽ sớm trở về thôi.

-Nhưng có lẽ tiểu thư không còn thức trong lúc này?– hoàng thân Côngđê hỏi – Không đời nào chúng tôi muốn thiếu thận trọng.

-Ồ! Thưa dức ông – gã hầu phòng đã nhận ra hoàng thân bèn nói – Xin Điện hạ có thể an tâm. Tôi vừa gặp bà hầu phòng của tiểu thư nói rằng tiểu thư nhất quyết không đi nằm chừng nào thân phụ của tiểu thư chưa về và tiểu thư chưa được biết lá thư ấy có nghĩa gì.

-Lá thư nào?– đô đốc hỏi.

Hoàng thân đụng vào cánh tay ông.

-Thật đơn giản – Ông nói- có thể là bức thư gắn vào hòn đá

Rồi ông nói thầm với đô đốc: -Đó là cách thông tin tôi đã sử dụng hơn một lần có kết quả, ông anh họ ạ.

-Thế thì – đô đốc nói – chúng tôi chấp nhận lời mời của anh, anh bạn, hãy hỏi tiểu thư Xanh Ăngđrê đang đợi họ.

Thế rồi, theo gã hầu đi trước, họ đi vào trong hành làng dẫn tới phòng tiểu thư Xanh Ăngđrê.

-Hãy thú nhận, ông hoàng thân mến của tôi, – Đô đốc nói nhỏ -rằng ông buộc tôi làm cái nghề đặc biệt đấy nhé.

-Ông anh họ đáng mến của tôi ơi – Côngđê nói- hẳn ông biết câu phương ngôn "Không có nghề nào dại dột cả" nhất là trong số những người mà ta làm do lòng trung thành tận tuỵ.

Gã hầu báo có điện hạ đức ông hoàng thân Côngđê và ngài đô đốc Côlinhi.

Rồi người ta nghe thấy tiếng nói rất duyên dáng của tiểu thư Xanh Ăngđrê.

-Mời các ông ấy vào!

Gã hầu phòng lùi ra và hai lãnh chúa trẻ vào phòng mà tiểu thư Xanh Ăngđrê đang đứng, giữa phòng cháy sáng một ngọn đèn có năm cánh mà từ ba tháng nay hoàng thân đã nhận ra ánh sáng qua những ô kính và những tấm rèm của thiếu nữ.

Đây là khuê phòng nhỏ căng màn Satanh xanh nhạt trong đó tiểu thư Xanh Ăngđrê hồng, trắng và hung giống như một nữ thuỷ thần trong một hang động màu thiên thanh

-Này! Lạy Chúa tôi! Thưa tiểu thư- Hoàng thân Côngđê hỏi như thể ông quá xúc động sợ phải dừng lại ở những lời chúc tụng tầm thường – Vậy có chuyện gì vừa xảy đến với tiểu thư hoặc với ngài thống chế?

-A! – Tiểu thư Xanh Ăngđrê nói- ông đã biết sự việc ư thưa ông?

-Vâng, thưa tiểu thư- Hoàng thân nói tiếp – chúng tôi vừa từ điện Luvrơ ra, ông đô đốc và tôi, chúng tôi ở đúng dưới cửa sổ tiểu thư thì một hòn đá bay rít qua đầu chúng tôi, đồng thời chúng tôi nghe thấy tiếng cửa kính vỡ rất to làm cả hai chúng tôi lo sợ; đến nỗi chúng tôi ở lại điện Luvrơ ngay tức thì và chúng tôi giành quyền tự do đến đây để biết tin, qua gia nhân của tiểu thư biết là thật sự không có chuyện gì xảy ra đến với ngài thống chế. Con người trung thực mà chúng tôi hỏi khá thận trọng nói với chúng tôi là chúng tôi có thể biết tin ngay ở chính tiểu thư; rằng dẫu đêm đã khuya, có thể tiểu thư rất muốn… vì cái cớ đã dẫn chúng tôi tới, mở cửa của tiểu thư cho chúng tôi. Ông đô đốc ngần ngại. Lợi ích mà chúng tôi đem tới cho ngài thống chế và những người khác ở gia đình ngài đã làm tôi nằn nì và sự thực… thưa tiểu thư, bất cẩn hay không thì chúng tôi đã ở đây rồi.

-Hoàng thân thật quá tốt, thưa hoàng thân, nghĩ rằng chỉ có chúng tôi bị đe doạ đã làm hoàng thân vì chúng tôi đã lo lắng như vậy. Nhưng mối hiểm nguy ấy, nếu có là gửi cho những cái đầu cao hơn cái đầu của chúng tôi.

-Tiểu thư muốn nói gì? Thưa tiểu thư- đô đốc hỏi.

-Hòn đá ấy được bọc trong một lá thư đã làm vỡ cái ô kính hầu như đe doạ là gửi cho nhà vua. Cha tôi đã lượm bức thư và đã mang nó tới địa chỉ của nó.

-Nhưng người ta đã báo cho viên chỉ huy đội cận vệ chưa? – Hoàng thân hỏi qua một ý chợt nghĩ.

-Tôi không rõ thưa đức ông – Tiểu thư Xanh Ăngđrê trả lời – Nhưng trong mọi trường hợp, nếu việc này chưa được làm thì hẳn người ta sẽ phải làm.

-Tất nhiên không thể chậm một phút – hoàng thân nói tiếp và quay về phía Côlinhi.

-Không phải là em ông, ông Đăngđơlô chỉ huy tuần này ở Luvrơ chứ? – Côngđê hỏi.

-Chính ông ấy, hoàng thân thân mến – đô đốc trả lời, nắm được ngay tư tưởng của Côngđê- để đề phòng mọi sự bất trắc, chính tôi sẽ đi nói với ông ấy tăng cường tuần tra gấp đôi và thay đổi khẩu lện, cuối cùng là có mặt ở đội cận vệ của ông ấy.

-Nào, thưa ông đô đốc, – Hoàng thân reo lên rất vui vì được thực sự hiểu ý- đúng là Chúa xúc tiến ông đến đúng lúc.

Đô đốc mỉm cười và rút lui để lại một mình hoàng thân Côngđê với tiểu thư Xanh Ăngđrê.

Thiếu nữ nhìn đô đốc nghiêm trang đi ra bằng con mắt giễu cợt, rồi quay lại hoàng thân: -Giờ đây, người ta cho rằng – Nàng nói- Điện hạ không hề quan tâm tới nhà vua như em ruột ngài.

-Nhưng đã bao giờ có ai nghi ngờ về sự quan tâm ấy? Thưa tiểu thư- Hoàng thân hỏi.

-Toàn thể triều đình, thưa đức ông, đặc biệt là tôi đây.

-Triều đình có nghi ngờ điều ấy thì không có gì đơn giản hơn vì triều đình thuộc về ông Đờ Ghidơ, trong khi tiểu thư…

-Tôi ư, tôi còn chưa thuộc về ông ấy nhưng tôi sắp lệ thuộc vào ông ấy, không gì hơn.

-Như vậy cuộc hôn nhân không thể tưởng tượng này luôn được giữ chứ?

-Hơn bao giờ hết, thưa đức ông.

-Tôi không biết vì sao -Hoàng thân nói- nhưng trong đầu tôi, phải nói là trong lòng tôi, tôi có ý nghĩ thầm kín là sẽ không bao giờ thành cả.

-Thật sự tôi rất sợ, hoàng thân ạ, có thật hoàng thân là một nhà tiên tri tồi không?

-Lạy Chúa lòng lành! Vậy ai đã làm mất tiếng tăm về khoa học chiêm tinh của tôi đối với tiểu thư.

-Chính là hoàng thân, thưa hoàng thân.

-Thế là thế nào?

-Bằng cách tiên đoán cho tôi rằng tôi sẽ yêu hoàng thân.

-Tôi tiên đoán điều đó, đúng thế chứ?

-Ồ! Tôi thấy hoàng thân quên cái ngày đi câu tuyệt diệu rồi.

-Để quên nó, thưa tiểu thư, tôi cần phải phá đứt những mắt lưới mà tiểu thư đã bắt giữ tôi ngày đó.

-Ôi! Hoàng thân, hoàng thân có thể nói rõ rằng cái lưới do chính hoàng thân tự giam giữ mình. Tôi đã không bao giờ, đội ơn trời, giương ra một cái lưới nào

cho ý định của hoàng thân cả.

-Không, nhưng tiểu thư thu hút tôi về mình như những nữ thuỷ thần ấy mà Horatxơ nói tới.

-Ồ! – Tiểu thư Xanh Ăngđrê nói quen thuộc bằng tiếng la tinh như mọi phụ nữ thời đại ấy hầu như mô phạm ngang bằng lẳng lơ "Kết thúc thành đuôi cá" như Hôratxơ đã nói. Ông hãy nhìn tôi xem liệu tôi có kết thúc thành cá không?

-Không, mà tiểu thư còn nguy hiểm hơn vì tiểu thư có giọng nói và đôi mắt quyến rũ của những nữ pháp sư xưa. Tiểu thư đã hấp dẫn tôi tới tiểu thư mà không biết điều đó, có thể là vô tình; nhưng giờ này tôi đang ở đây, tôi xin thề với tiểu thư là tôi bị thu hút không thể rời được.

-Nếu tôi thêm chút ít niềm tin ở những lời kể của hoàng thân, tôi sẽ thành thật làm hoàng thân phiền lòng, thưa hoàng thân; bởi vì yêu mà không được đáp lại hầu như với tôi là nỗi đau đớn độc ác mà một trái tim nhạy cảm có thể biểu lộ.

-Vậy tiểu thư hãy làm phiền lòng tôi bằng tất cả tâm hồn tiểu thư, thưa tiểu thư; bởi vì một người đang yêu nhiều mà chỉ được ít yêu là tôi đây.

-Ít ra hoàng thân sẽ công nhận, thưa hoàng thân- tiểu thư Xanh Ăngđrê mỉm cười nói – rằng tôi đã báo trước cho hoàng thân kịp thời rồi.

-Tôi xin tiểu thư thứ lỗi, thưa tiểu thư: đã quá muộn rồi.

-Và từ kỉ nguyên nào đánh dấu ngày sinh của mối tình của hoàng thân? Từ kỉ nguyên Thiên Chúa hay từ kỉ nguyên Mahômet (đạo hồi, N.D).

-Từ lễ hội Lăngđi, thưa tiểu thư, từ cái ngày khổ sở hay rất sung sướng may mắn đó, tại nơi mà tất cả bị chìm trong chiếc áo choàng của tiểu thư, tiểu thư đã xuất hiện trước tôi với mái tóc bị giông tố rũ ra và rủ thành những vòng xoắn xung quanh chiếc cổ thiên nga của tiểu thư.

-Nhưng ngày ấy, hầu như hoàng thân đã không nói với tôi, thưa hoàng thân.

-Có thể tôi đã quá nhìn tiểu thư và cái nhìn đã giết chết lời nói. Người ta cũng không nói với các ngôi sao; người ta ngắm chúng, người ta mơ mộng và hi vọng.

-Nhưng hoàng thân có biết không, thưa hoàng thân, rằng đó là một sự so sánh làm cho ông Rôngxa sẽ ghen chứ?

-Nó làm tiểu thư ngạc nhiên ư?

-Vâng, tôi không biết tinh thần thật mạnh mẽ của hoàng thân đã chuyển sang hồn thơ.

-Những thi sĩ nhắc lại những bài ca đó.

-Càng ngày càng hay, thưa hoàng thân, và người ta đã vu khống hoàng thân khi nói rằng hoàng thân chỉ có tinh thần thôi; vả lại theo tôi hoàng thân có một trí tưởng tượng phong phú.

-Tôi có trong tim hình ảnh của tiểu thư và hình ảnh rực rỡ ấy chiếu sáng tới những lời nói ít ỏi của tôi: vậy chỉ riêng tiểu thư mới làm thoả lòng tôi được.

-Thế thì, thưa hoàng thân, hãy tin ở tôi, hoàng thân hãy nhắm mắt lại, đừng nhìn chút nào hình ảnh tôi nữa, đó là điều tôi có thể chúc hoàng thân may mắn hơn.

Tiểu thư Xanh Ăngđrê rạng rỡ hớn hở về chiến thắng trước ông Côngđê bị lăng nhục vì thất bại, liền bước một bước từ chỗ nàng về phía hoàng thân, chìa bàn tay cho ông.

-Hãy nắm lấy, thưa hoàng thân, – Nàng nói – Tôi cư xử với người bại trận của tôi như thế này đây.

Hoàng thân nắm lấy bàn tay trắng muốt nhưng lạnh giá của thiếu nữ, nồng nhiệt áp đôi môi vào.

Trong cử chỉ tính toán sai lầm ấy, một giọt nước mắt run rẩy ở góc mi hoàng thân và cơn sốt của lòng kiêu hãnh cố làm khô một cách vô ích đã rơi trên bàn tay đá này, tại đây, giọt nước mắt rung rinh và sáng như một hạt kim cương.

Tiểu thư Xanh Ăngđrê cảm nhận thấy nó đồng thời nhìn nó.

-A! quả thật tôi tin rằng hoàng thân khóc thức sự, thưa hoàng thân – Nàng cười phá lên reo to.

-Đó là một giọt nước mưa sau cơn bão tố – hoàng thân thở dài nói – Có gì kì lạ trong chuyện này?

Tiểu thư Xanh Ăngđrê nhìn cắm vào hoàng thân một cái nhìn bốc lửa, hầu như ngập ngừng giữa sự làm duyên và lòng trắc ẩn, cuối cùng, ta không thể nói rằng người có tình cảm nào trong hai thứ tình cảm ấy, nàng rút trong túi ra chiếc khăn tay vải mịn và không vũ khí, không mới tinh nhưng đầy hương thơm mà nàng mang theo mà ném nó cho hoàng thân.

-Hãy cầm lấy, thưa đức ông – Nàng nói- nếu ngẫu nhiên đức ông vì căn bệnh này mà khóc thì đây là chiếc khăn tay để đức ông lau những giọt lệ của đức ông.

Rồi với hai cái nhìn chắc chắc thuộc về sự làm duyên: -Hoàng thân hãy giữ lấy nó để tưởng nhớ tới một con người bạc bẽo- Nàng nói.

Và nhẹ nhàng như một tiên nữ, nàng biến mất.

Hoàng thân, nửa điên dại vì tình si, đón nhận chiếc khăn trong lòng bàn tay, và như thể sợ người ta lấy lại món quà tặng quý báu này, ông lao người qua các bậc thang, không còn nhớ tới cuộc sống của nhà vua bị đe doạ nữa, quên cả ông anh họ của ông phải đến đón ông ở chỗ tiểu thư Xanh Ăngđrê mà chỉ còn nghĩ tới một điều, tức là âu yếm hôn chiếc khăn tay quý báu này.

VII

ĐỨC HẠNH CỦA TIỂU THƯ XANH ĂNG ĐRÊ

Côngđê chỉ dừng lại ở bờ sông như thể ông nghĩ rằng không cần phải mất tới dưới năm trăm bước chân từ nơi ông vừa đứng cùng tiểu thư Xanh Ăngđrê để ông tin chắc mình là chủ nhân lặng lẽ của chiếc khăn tay quý báu…

Rồi cũng chỉ lúc này ông mới nhớ tới ông đô đốc với lời hứa đợi ông ấy: vậy là ông chờ khoảng mười lăm phút, áp chặt chiếc khăn tay vào đôi môi, xiết nó vào ngực ông, như một học sinh mười sáu tuổi có thể làm như vậy với mối tình đầu của mình.

Lúc này có thật là ông đợi ông đô đốc hay chỉ đơn thuần là để nhìn lâu hơn cái ánh sáng đã có ảnh hưởng tai hại hấp dẫn ông, con bướm đêm hào nhoáng, cho đến khi ông tự thiêu ở đây chăng?

Vả chăng ông đã thực sự bị thiêu đốt, ông hoàng khốn khổ, và chiếc khăn tay sực nức hương thơm tham gia vào việc đốt cháy ông khủng khiếp.

Còn lâu ông mới tin mình thất bại, kẻ vô địch kiêu hãnh về tình ái và nếu, ẩn mình sau những bức rèm cửa sổ của nàng, thiếu nữ hẳn đã nhìn thấy dưới ánh trăng một giọt lệ thứ hai, giọt nước mắt hạnh phúc, giọt nước mắt lóng lánh ở bờ mi của hoàng thân; chắc chắn nàng hiểu rằng chiếc khăn tay ấy, thay cho lau khô những giọt nước mắt lại có đặc quyền làm chúng nảy sinh và những giọt nước mắt luyến tiếc đã bị xoá đi thay bằng những giọt nước mắt hạnh phúc.

Sau vài phút chuyển tải tình yêu và những nụ hôn cuồng nhiệt ấy, một trong số giác quan của hoàng thân không hề bận bịu, chắc chắn để trả thù cho sự bơ vơ này mà chủ nó bỏ rơi nó đã được khơi dậy đột ngột bởi một tiếng động bất chợt. Giác quan này là thính giác.

Tiếng động này rõ ràng là ở những nếp gấp của chiếc khăn tay.

Người ta đã nói tới vũ điệu của những chiếc lá khô trước làn gió thu thổi; hoặc giả một đám côn trùng nhỏ trở về từng đám trong những hốc cây của chúng sau những lễ hội ban ngày, hoặc nữa là những âm thanh u buồn của những giọt nước suối rơi xuống đáy vực làm ta nghe được.

Cuối cùng, một tiếng sột soạt nhỏ giống như tiếng động của tấm áo lụa dưới bàn tay gây nên…

Tiếng động ấy từ đâu tới?

Rõ ràng chiếc khăn tay mỏng mịn màng đáng yêu ấy cử động và ý chí riêng của nó không thể gây ra tiếng động mạnh mẽ đối với ông.

Hoàng thân Côngđê ngạc nhiên trước tiếng động này; tỉ mẩn mở chiếc khăn tay ra và nó hồn nhiên hiến cho ông một điều bí mật của nó.

Tiếng động chính từ một mảnh giấy vo tròn chắc hẳn do bất cẩn đã nằm ở trong những nếp gấp của chiếc khăn tay.

Mảnh giấy này hâu như không thấm hương thơm vẫn là của chiếc khăn tay mà có thể hương thơm đáng yêu này không phải toả ra từ chiếc khăn tay mà chính mảnh giấy.

Ông đờ Côngđê sắp cầm lấy mảnh giấy nhỏ giữa ngón tay trỏ và ngón tay cái với biết bao thận trọng như một đứa trẻ rình bắt một con bướm đậu trên một

bông hoa; nhưng như con bướm thoát khỏi tay đứa trẻ, mảnh giấy đã bị một làn gió cuốn đi và thoát khỏi bàn tay ông đờ Côngđê.

Ông đờ Côngđê nhìn nó bay lượn trong đêm như một bông tuyết nhỏ, ông liền cuồng nhiệt chạy theo nó như một đứa trẻ chạy theo con bướm.

Khốn thay mảnh giấy lại rơi lọt vào giữa những viên đá được đẽo gọt để xây dựng lâu đài và nó gần giông màu đá nên rất khó phân biệt giữa những viên đá nhỏ xây tường.

Hoàng thân liền say sưa tìm kiếm.

Ông dần dần nhận ra trong tâm trí những kẻ yêu đương hẳn là những con người lạ lung – hẳn là tiểu thư Xanh Ăngđrê đã nhìn thấy ông ở dưới cửa sổ nên đã viết sẵn bức thư nhỏ này để trao cho ông khi có dịp và dịp ấy đã đến, nàng đã trao cho ông.

Mảnh giấy nhỏ này có thể đem lại cho ông lời giải thích về cách xử sự của nàng: món quà khăn tay chỉ là một cách để đặt bức thư vào hòm thư mà thôi.

Thật là vận rủi mới để mất mảnh giấy như thế này, ta sẽ thấy nội dung trong đó.

Không thể để mất mảnh giấy được, ông đờ Côngđê thề trước Chúa là ông là ông phải đợi đến sáng hôm sau. Trong khi chờ đợi, ông tìm kiếm nhưng vô ích.

Trong chốc lát, ông đã có ý định chạy đến đội cận vệ ở điện Luvrơ mượn đèn để tìm mảnh giấy của ông.

Phải, nhưng nếu trong thời gian ấy, rủi lại có một cơn gió xấu xa nói với ông hoàng là liệu ông có tìm lại được mảnh giấy mà ông đã để rơi không? Ông hoàng đứng đó với những mối băn khoăn ác hại thì ông thấy một toán tuần tra đêm đi về phía ông, đi đầu là viên đội cầm trong tay một chiếc đèn đi đường.

Đây là tất cả những gì tốt nhất mà ông mong muốn.

Ông gọi viên đội, tự để nhận diện và mượn y cái đèn trong chốc lát.

Sau mười phút tìm kiếm, ông thốt lên một tiếng reo vui: ông vừa nhận ra mảnh giấy hạnh phúc.

Lần này mảnh giấy không tìm cách trốn mất và với niềm vui khôn tả, hoàng thân đặt bàn tay lên trên.

Nhưng cùng lúc ông đặt bàn tay lên mảnh giấy, ông cảm thấy một bàn tay khác đặt lên vai ông và một giọng nói thật quen thuộc hỏi ông với âm sắc ngạc nhiên: -Ông làm cái trò quỷ quái gì thế? Ông hoàng thân mến của tôi. Ngẫu nhiên ông tìm kiếm một người hả?

Ông hoàng thân nhận ra tiêng nói của ông đô đốc.

Ông nhanh chóng trả lại chiếc đèn cho viên đội và cho những người lính hai hoặc ba đồng vàng mà ông có trong người, có thể ở thời điểm này là cả gia tài của người con út khốn khổ của gia đình.

-A! Ông nói – Tôi tìm thấy một vật vô cùng quan trọng đối với một kẻ si tình khác với một con người là đối tượng của nhà triết học: tôi tìm một lá thư của đàn bà.

-Vậy ông đã tìm thấy nó rồi chứ?

-Hạnh phúc thay! Bởi vì nếu tôi không kiên trì thì ngày mai, một mệnh phụ triều đình có thể bị mất phẩm giá khủng khiếp.

-A! quỷ quái thật Quả là một kị sĩ thận trọng. Còn lá thư ấy?

-Chỉ quan trọng đối với tôi thôi, đô đốc thân mến ạ – Ông hoàng trẻ vừa nói vừa lấy bàn tay giữ chặt lá thư trong túi chiếc áo chẽn của ông. – Vậy ông hãy nói với tôi trong khi tôi đưa ông trở lại phố Bêtisi, đã có chuyện gì xảy ra giữa thống chế Xanh Ăngđrê và nhà vua.

-Quả có chuyện thật kì lạ: một bức thư quở trách có liên quan đến khổ hình của pháp quan Đuybuôc đã được tuyên án ngày hai mươi hai.

-Ái chà! Đô đốc thân mến ạ – Hoàng thân Côngđê cười, nói – điều đó đối với tôi hoàn toàn có vẻ là một kẻ điên rồ nào đó sẽ làm điều ngớ ngẩn thôi.

-Tôi thật sự e sợ việc này – Côlinhi nói- tôi ngờ là chuyện giàn xếp những vụ việc của pháp quan tội nghiệp. Thế nào mà lại cầu xin đức vua gia ân vào lúc này chứ? Nhà vua sẽ luôn trả lời: "Không, bởi vì nếu viên pháp quan không chết thì người ta sẽ tin rằng ta sợ."

-Thế thì – Côngđê nói- ông hãy suy nghĩ về vấn đề nghiêm trọng ấy, đô đốc thân mến ạ, còn tôi không nghi ngờ rằng, nhờ vào sự khôn ngoan của ông, ông sẽ tìm ra cách nào đó để giàn xếp vụ này.

Hai người đã đi đến nhà thờ Xanh Giecmanh Lôxeroa và để trở về lâu đài của mình, hoàng thân buộc phải đi qua sông Sen bằng chiếc cầu Mơniê thì cách ông mười bước, những người tuần đêm đã hô háo một giờ sáng, tất cả đối với ông là cái cớ, chỗ ở, khoảng cách phải vượt qua vào cái giờ đêm hôm khuya khoắt này để chia tay đô đốc trở về lâu đài của ông.

Về phía đô đốc thì quá bận tâm nên không giữ hoàng thân ở lại. Do đó không có gì chống lại việc ông Côngđê khi đã thoát khỏi tầm nhìn của lãnh chúa Satiông liền vắt chân lên cổ, luôn giữ chặt lá thư quý báu trong túi áo chẽn của mình sợ rằng lại bị mất nó. Nhưng lần này không có điều gì nguy hiểm xảy ra.

Trở về nhà, trèo mười lăm hoặc sáu bậc thang dẫn tới nơi ở của ông, ông bảo gã hầu phòng thắp sáng những cây nến, đuổi gã ra bằng cách nói với gã là không còn việc gì cần làm nữa, ông đóng cửa, lại gần những cây nến, rút tờ giấy khỏi túi, tất cả những việc này mất vừa tròn mười phút.

Chỉ có điều lúc mở ra và đọc bức thư thông điệp của tình yêu dễ thương này, một tờ giấy sực nức hương thơm không thể là cái gì khác thì một đám mây trôi qua mắt ông và tim ông đập rộn, buộc ông phải dựa người vào lò sưởi.

Cuối cùng, hoàng thân bình tĩnh lại. Đôi mắt ông rực sáng và có thể dừng lại trên bức thư, đọc được những dòng chữ sau theo đó, trong một cảm giác êm dịu mà ông tạo ra, còn xa ông mới chờ đón nó.

Còn các độc giả thân mến, các bạn có chờ đợi nội dung bức thư này được gói ghém đo bất cẩn trong một chiếc khăn tay của tiểu thư Xanh Ăngđrê đã ném cho người tôn thờ tuyệt vọng của nàng chăng?

Các bạn là những người hiểu biết lòng dạ con người, liệu các bạn có thiện ý về cô thiếu nữ này không có tình yêu cả với ông hoàng đẹp trai này mà cô ta đã cuộc hẹn hò với người này để yêu cầu một cần câu và ném chiếc khăn tay cho người kia để giúp người ấy lau khô những giọt nước mắt do cô làm nó chảy ra; tất cả những chuyện đó lại vào lúc cô sắp cưới một người thứ ba?

Bản chất thực sự tạo ra từ những trái tim bằng đá ấy liệu lưỡi dao đã được tôi luyện kĩ có biết làm tổn thương không? Các bạn nghi ngờ ư?

Đây là nội dung bức thư mà các bạn sẽ không còn nghi ngờ nữa.

"Đừng quên, người tình thân yêu của anh, ngày mai nàng hãy đến vào một giờ sau nửa đêm trong phòng Biến hình căn phòng đã gắn bó chúng ta đêm qua và rất gần nơi ở của hai bà hoàng; người tâm phúc của chúng ta sẽ cẩn thận để ngỏ cửa!"

Không có chữ ký, nét chữ xa lạ.

-Ôi! Kẻ đồi bại! – Hoàng thân kêu lên, vừa đấm bàn tay lên bàn làm lá thư rơi xuống đất.

Sau sự bùng nổ đầu tiên thoát ra từ đáy lòng ông, hoàng thân chán ngán dừng lại một lúc.

Nhưng lời nói và cử chỉ sớm trở lại với ông, ông sải bước đi đi lại lại trong phòng, vừa bước ông vừa kêu lên: -Như vậy, đô đốc đã có lý!

Lúc này ông đã nhận thấy lá thư ông đã để rơi trên ghế bành.

-Như vậy – Ông nói tiếp càng lúc càng khích động, – ta đã là đồ chơi của một con bé lẳng lơ đáng kể đã chới ta lại là đứa trẻ mười lăm tuổi. Ta, ông hoàng Côngđê là người trải qua cung đình để hiểu rõ hơn trái tim những người đàn bà mà ta, ta dễ bị lừa về những trò xảo quyệt của một con bé con ư! Ôi! Dòng máu của Chúa! Ta tự thấy hổ thẹn. Ta đã bị nhạo báng như một đứa học trò và đã để qua ba tháng của cuộc đời ta, ba tháng của một con người thông minh; những sự hi sinh bị tiêu ma, bị ném theo gió không có đích, chẳng lý do, chẳng ích lợi, chẳng vẻ vang gì, ta đã bỏ qua ba tháng để yêu một con bé kì quặc! ta! Ta!

-A! Phải. Nhưng giờ đây ta đã biết trò kì quặc ấy – ông nói tiếp – cho cả hai ta. Chúng ta sẽ chơi cho đến tận cùng. Cô biết ngón chơi của ta, cô bé xinh đẹp ạ; giờ đây đến lượt ta, ta biết ngón chơi của cô. A! Ta sẽ biết cái tên, ta sẽ trả lời cô về cái tên, ta đây, cái tên của gã đàn ông ấy không thể nếm trải một lạc thú bình lặng được.

Hoàng thân vò nhàu bức thư nhét nó vào giữa lòng bàn tay và chiếc găng tay của ông, cầm lấy kiếm, đội lại mũ chuẩn bị ra đi thì một ý nghĩ đột ngột loé lên làm ông đứng lại.

Ông chống cùi tay vào tường, áp trán vào lòng bàn tay và suy nghĩ sâu xa rồi sau một lúc suy tư, ông lây mũ trên đầu ném qua phòng, trở lại ngồi vào bàn và lần thứ hai đọc lại lá thư vừa gợi trong tâm trí ông một thay đổi thật khủng khiếp.

-Cái giống quỷ quái! – ông nói sau khi đọc xong bức thư – Hỡi con đàn bà đạo đức giả và dối trá! Mi lấy một tay đẩy ta còn tay kia mi kéo ta lại; mi lợi dụng chống ta, con người trung thực đến mức dại khờ, ta đã không thấy gì hết, đã không hiểu gì về mọi nguồn của xảo quyệt hiểm ác của mi; ta dai dột tin vào lòng trung thực lại phải hạ mình, ta đức hạnh trước tiết hạnh giả; phải, ta sẽ khóc vì phẫn ý; phải, ta sẽ khóc vì hạnh phúc, những giọt nước mắt tủi hổ và điên dại!Hãy chảy đi, giờ đây hãy chảy đi, những giọt nước mắt của ta! Hãy chảy đi và xoá đi dấu vết của tình yêu dơ dáy này trùm phủ lên ta! Hãy chảy và, như dòng thác cuốn đi những chiếc lá khô rụng, những ảo tưởng cuối cùng của tuổi thanh xuân của ta, những niềm tin cuối cùng của tâm hồn ta.

Quả nhiên, tinh thần mạnh mẽ ấy, trái tim sư tử ấy bật ra những tiếng nức nở như một đứa trẻ.

Rồi những tiếng nức nở của ông cạn kiệt, ông đọc lại lá thư lần thứ ba nhưng lần này không còn cay đắng nữa.

Những giọt nước mắt đã không hề cuốn đi những ảo tưởng của tuổi thanh xuân, những niêm tin của tâm hồn mà chỉ mất đi những gì chưa bao giờ có mà hoàn toàn trái lại, là sự tức giận và chua chat. Rõ ràng chúng chỉ để lại đó sự căm ghét và khinh bỉ.

-Tuy nhiên- sau một lúc ông nói- ta đã thề với chính mình là ta sẽ biết gã đàn ông đó, ta sẽ biết gã; sẽ phải là kẻ mà vì kẻ ấy cô ta sẽ cười về nỗi si mê kì cục của ta, sẽ chế giễu ta và sẽ sống… nhưng người đàn ông ấy – Hoàng thân nói tiếp – là kẻ nào nhỉ?

Ông đọc lại lá thư.

-Ta biết hầu hết những chữ viết của những nhà quý tộc trong triều đình, từ chữ viết của nhà vua đến chữ viết của ông đờ Musi thế mà ta không nhận ra chữ viết này, khi nghiên cứu nó, ta tin là nhận ra chữ viết của phụ nữ: chữ viết giả tạo "vào một giờ sau nửa đêm, ngày mai, phòng Biến hình". Chúng ta hãy đợi đến ngày mai, chính là phiên gác của Đăngđơlô ở Luvrơ tuần này. Đăngđơlô sẽ giúp ta một tay, nếu cần thì ông đô đốc. Quyết định như vậy rồi hoàng thân còn đi ba bốn bước trong phòng và cuối cùng, vẫn mặc cả quần áo buông mình xuống giường.

Chưa bao giờ ông trải qua một đêm trước cuộc chiến đấu như thế này, thật chết chóc đến thế.

May thay, đêm đã khuya, những lính tuần tra đêm kêu báo đã ba giờ sáng thì hoàng thân gieo mình xuống giường.

Tảng sáng, hoàng thân dậy và ra đi, ông đến nhà đô đốc.

Ông Côlinhi có thói quen dậy sớm và ông thấy ông ta đang đứng.

Khi thấy ông Côngđê, đô đốc kinh sợ về vẻ xanh xao và sự kích động của ông hoàng trẻ.

-Ôi! Lạy Chúa tôi! – Ông kêu lên – Có chuyện gì thế? Hoàng thân thân mến? Có chuyện gì xảy đến với ông thế?

-Có đấy – Hoàng thân nói – Hôm qua ông đã thấy tôi tìm kiếm một lá thư phải không? Giữa những hòn dá ở điện Luvrơ ấy.

-Vâng, và ông có hạnh phúc tìm thấy nó.

-Hạnh phúc! Thật sự tôi tin rằng đó là lời tôi đã nói.

-Bức thư ấy không phải của một người đàn bà chứ?

-Phải.

-Và người đàn bà ấy?

-Như ông đã nói về người ấy, ông anh họ của tôi ạ, đó là một con quỷ cái đạo đức giả.

-A! A! tiểu thư Xanh Ăngđrê, hình như cô ta có vấn đề.

-Ông hãy cầm lấy và đọc đi, đây là lá thư tôi đã đánh mất do gió cuốn đi từ chiếc khăn tay mà cô ta đã đưa cho tôi.

Đô đốc đọc thư.

Ông vừa đọc xong lá thư thì Đăngđơlô từ điện Luvrơ tới, bước vào, ông đã qua đêm ở điện Luvrơ. Đăngđơlô cùng tuổi với hoàng thân Côngđê và hết sức gắn bó với ông.

-A! Đăngđơlô tốt bụng của tôi – Côngđê reo lên – tôi đến nhà ông đô đốc, trước hết hi vọng được gặp ông ở đây.

-Thế thì tôi đây! Hoàng thân.

-Tôi có việc cần nhờ cậy ông.

-Tuân theo lệnh ông.

-Việc là thế này: Vì một lí do không cho phép tôi thổ lộ với ông, tôi nay, vào nửa đêm tôi cần vào phòng Biến hình, liệu ông có cớ nào để tôi vào đó được không?

-Vâng, thưa đức ông, tôi rất lấy làm tiếc.

-Tại sao thế?

-Bởi vì đêm vừa rồi hoàng thượng nhận được một lá thư hăm doạ, qua lá thư ấy, một người tuyên bố sẽ có biện pháp thâm nhập đến tận nhà vua nên nhà vua đã ra những lệnh hết sức nghiêm ngặt cấm mọi quý tộc không có việc không được vào điện Luvrơ kể từ mười giờ đêm.

-Nhưng Đăngđơlô thân mến của tôi – Hoàng thân nói – Biện pháp ấy không thể lien quan tới tôi được, cho đến nay, tôi có quyền vào điện Luvrơ vào mọi giờ và nếu không thể là chống lại cá nhân tôi mà biện pháp ấy được quyết định…

-Không cần phải nói, thưa Đức ông, rằng biện pháp ấy không phải nhằm chống lại riêng cá nhân ông mà nó được quyết định chống mọi người, ông phải đặt mình vào hoàn cảnh chung.

-Này, Đăngđơlô, cần có một ngoại lệ với tôi chứ, vì những nguyên cớ mà ông đô đốc đã biết, nguyên cớ xa lạ với những gì đang diễn ra vì một lý do hoàn toàn mang tính các cá nhân, tối nay tôi cần phải vào phòng Biến hình và rất cần, ngoài ra cuộc viếng thăm của tôi phải bí mật đối với mọi người, ngay cả với hoàng thượng.

Đăngđơlô ngần ngại, đầy tủi hổ nếu phải từ chối hoàng thân điều gì.

Ông liền quay lại ông đô đốc đưa mắt ngầm hỏi ông này về điều ông cần làm.

Đô đốc gật đầu hàm ý mấy lời sau: "Tôi bảo lãnh cho ông ấy."

Đăngđơlô liền nhượng bộ khá lịch sự.

-Nào, thưa Đức ông – Ông nói – hãy thú nhận với tôi tình yêu can dự vào việc nào đó trong cuộc mạo hiểm của ông nhằm nếu tôi có bị trách cứ, tôi cam chịu, ít ra vì một nguyện nhân mà một nhà quý tộc có thể thú nhận.

-Ồ! Trong mối quan hệ ấy, tôi không muốn giấy ông một điều gì cả, Đăngđơlô: xin thề danh dự, tình yêu là lý do duy nhất làm cho tôi cầu xin ông việc ấy.

-Thế thì, thưa ngài – Đăngđơlô nói – việc đã thoả thuận xong và vào nửa đêm, tôi sẽ dẫn ông vào phòng Biến hình.

-Cảm ơn Đăngđơlô! – Hoàng thân chìa bàn tay cho ông này và nói – Nếu bao giờ ông cần có một công việc gì thuộc loại này hoặc mọi loại khác, tôi xin ông đừng tìm kiếm người thứ hai nào khác tôi nhé.

Sau khi xiết chặt tay hai anh em ông đô đốc, hết người này tới người kia, Hăngri đờ Côngđê nhanh chóng bước xuống cầu thang lâu đài Côlinhi.

§10. Phòng biến hình

Độc giả thân mến, bạn hãy đếm lại những giờ phút sôi sục mà các bạn chậm dãi đếm giờ này sau giờ kia, trong khi chờ đợi giây phút của cuộc hẹn hò đầu tiên của bạn, hoặc hơn nữa, bạn hãy tìm trong kí ức những nỗi lo âu nhức nhối trong khi chờ đợi giây phút khốc liệt đem lại cho bạn chứng cứ về sự phản bội của người đàn bà mà bạn yêu quý thì bạn sẽ có một ý niệm về cái ngày đó trôi qua chậm chạp và đau đớn đến thế nào, riêng đối với ông hoàng thân khốn khổ Côngđê thì cái ngày này là vô tận. Thế là ông thử thực hiện các phương thuốc và những nhà triết học của mọi thời đại là: chống lại những mối bận tâm của tinh thần bằng cách làm cho cơ thể mệt mỏi. Ông nhanh chóng dắt con ngựa của mình, trèo lên, thả lỏng dây cương hoặc tưởng đã thả lỏng nó và sau đúng mười lăm phút, ngựa và kỵ sĩ đã ở Xanh Clu là nơi mà khi rời khỏi lâu đài, ông không hề có ý định tới đó.

Ông liền cho ngựa lao về hướng đối diện. Một giờ sau ông lại thấy mình vẫn ở chỗ cũ; lâu đài Xanh Clu đối với ông là trái tim kim cương của những thuỷ thủ trong Nghìn lẻ một đêm, tại đây lại trở lại không ngừng những con tàu lớn đã hết sức cố gắng để rời xa trái núi nhưng vô ích.

Phương pháp của những nhà triết học và thầy thuốc không thể lầm lẫn với những người khác lại hầu như vô hiệu đối với ông hoàng Côngđê. Buổi chiều, ông thấy cơ thể như vỡ vụn, đúng thế nhưng cũng vẫn hoàn toàn bận tâm như buổi sáng.

Vào lúc màn đêm buông xuống, ông trở về nhà, kiệt sức, mệt nhoài, chết lặng.

Gã hầu phòng trao cho ông ba lá thư mà ông nhận ra đó là những lá thư của các bà mệnh phụ hàng đầu ở cùng đình; ông cũng không thèm mở chúng ra. Cũng vẫn là gã hầu này báo cho ông biết có một người đàn ông trẻ tuổi đã sáu lần có mặt ở lâu đài trong cùng ngày, nói rằng ông ta có những tin tức quan trọng bậc nhất muốn nói với hoàng thân và mặc dầu bao lần nài nỉ, ông ta vẫn cứ từ chối không cho biết tên; còn hoàng thân không quan tâm tới cái tin này hơn là người ta nói với ông "Thưa Đức ông, hôm nay trời đẹp" hoặc "Thưa Đức ông, trời đang mưa."

Ông trèo lên buồng ngủ và máy móc mở một cuốn sách. Nhưng quyển sách nào có thể làm tê liệt những vết cắn của con rắn độc đang gặm nhấm trái tim ông được.

Ông gieo mình xuống giường, nhưng dẫu đêm trước ông đã mất ngủ và nay thật rã rời vì mệt mỏi bởi những cuộc đua ngựa trong ngày, ông vẫn kêu gọi một cách vô ích những người bạn mà người ta gọi là giấc ngủ ấy, giống hệt như

những người bạn khác, luôn có mặt bên cạnh bạn vào những ngày hạnh phúc thì nó lại rời xa khi ta cần đến nó, có nghĩa là vào những lúc bất hạnh nhất.

Cuối cùng cái giờ biết bao chờ đợi cũng đã tới; chuông đồng hồ điểm mười hai tiếng; người lính tuần cảnh đi qua kêu lên: -Nửa đêm rồi!

Hoàng thân khoác áo choàng, thắt thanh kiếm, giắt dao găm và đi khỏi nhà.

Thật vô ích khi nói ông đi về hướng nào.

Mười hai giờ mười phút đêm, ông đã ở cổng điện Luvrơ.

Lính gác hộ khẩu hiệu, hoàng thân chỉ cần xưng danh và ông bước vào.

Một người đàn ông đang bước dạo trong hành lang trên đó mở ra chiếc cửa phòng Biến hình.

Ông Côngđê ngập ngừng giây lát. Người đàn ông này quay lưng lại, nhưng do tiếng động bởi hoàng thân gây ra, người này quay ngược lại và kẻ si tình của chúng ta nhận ra Đăngđơlô đang đợi ông.

-Xin cảm ơn! – Ông nói – Nhưng tôi không có gì e ngại cả mà tôi nhớ: không phải tôi là người được yêu đâu.

-Vậy thì – Đăngđơlô nói với hoàng thân – mà quỷ đưa dắt nào mà ông lại đến đây?

-Để xem ai là người mà người ta yêu, nhưng, suỵt! Có kẻ nào đấy.

-Đâu? Tôi không thấy ai cả.

-Còn tôi, tôi nghe thấy tiếng bước chân.

-Chán thật! – Đăngđơlô nói- Những kẻ ghen tuông mới thính tai làm sao! Côngđê kéo bạn vào chỗ khuất và từ đấy, họ thấy một bóng người đi tới; đến trước cửa phòng Biến hình, cái bóng ấy dừng lại một lát nghe ngóng, nhìn quanh và không nghe thấy gì, không nhìn thấy gì cả mới khẽ đẩy cửa bước vào.

-Không phải là tiểu thư Xanh Ăngđrê! – Hoàng thân lẩm bẩm – Người đàn bà này có cái đầu to hơn đầu cô ta.

-Vậy là ông đợi tiểu thư Xanh Ăngđrê à? – Đăngđơlô hỏi.

-Tôi đợi ư, không, mà tôi rình.

-Nhưng thế nào mà tiểu thư Xanh Ăngđrê?

-Suỵt!

-Nhưng mà…

-Hãy cầm lấy, Đăngđơlô thân mến, để lương tâm thanh thản, ông hãy giữ lại lá thư này, hãy giữ nó như con người của mắt ông, ông hãy thoả chí đọc nó và nếu ngẫu nhiên tối nay tôi không khám phá được điều gì mà tôi tìm kiếm thì ông hãy cố xem trong mọi nét chữ mà ông biết, tìm ra chủ nhân của nét chữ này.

-Tôi có thể chuyển lá thư này cho ông anh tôi được không?

-Ông ấy đã đọc rồi, tôi có chuyện gì bí mật với ông ấy được chứ?… A! Tôi sẽ cho rất hậu để biết ai viết thư này.

-Ngày mai tôi sẽ trả nó lại cho ông nhé.

-Không, tôi sẽ đến nhà ông lấy lại. Hãy để bức thư chỗ ông anh ông; có thể bản thân tôi có chuyện gì đó kể cho các ông… Này, đó, vẫn con người ấy đi ra.

Bóng người đã vào phòng đúng là lại trở ra và lần này đi bên cạnh hai người bạn; may thay cái hành lang này cố tình để thiếu ánh sáng và hai người bạn ẩn sâu trong ấy đã ở ngoài tầm đường đi và đứng trong bóng tối.

Nhưng với bước chân nhanh nhẹn và vững vàng mà cái bóng ấy đi dù là tối mà, thật dễ dàng nhận thấy người ấy đã quá quen thuộc với con đường này.

Thật vậy, vào lúc con người này đi ngang qua hai người bạn thì ông Côngđê nắm chặt bàn tay Đăngđơlô.

-La Lanu! – Ông lẩm bẩm.

La Lanu là một trong số thì nữ của Catơrin đờ Mêđixit[442]; theo người t a nói thì trong tất cả các thị nữ thì mụ được hoàng thái hậu yêu mến hơn cả và được tin cẩn nhất.

Mụ đến đây làm gì nếu không phải là được gọi tới bởi cuộc hẹn hò trong lá thư?

Vả nữa, mụ không đóng cửa mà chỉ khép hờ, vậy mụ phải trở lại.

Không thể để mất một giây vì sau khi mụ ta, lần này có thể cửa bị đóng lại.

Tất cả những suy tư ấy qua đầu hoàng thân nhanh như ánh chớp; ông xiết chặt bàn tay Đăngđơlô một lần nữa và lao về phòng Biến hình.

Đăngđơlô khoát một cử chỉ định giữ hoàng thân lại thì Côngđê đã rời xa.

Như ông đã nghĩ, chỉ khẽ đẩy, cánh cửa đã phải nhượng bộ và ông đã ở trong phòng.

Căn phòng này là một trong những căn phòng đẹp nhất ở điện Luvrơ trước khi gian phòng nhỏ trưng bày đồ mĩ nghệ được bắt đầu khởi công bởi Xaclơ IX, mượn một cái tên thần thoại ở những tấm thảm phủ buồng.

Quả thật, đó là những chuyện hoang đường về Pecxê và Ăngđrômet, về Mêđuydơ, về thần Păng, Apôlông và Đapnê, hình thành những đề tài chính của những bức tranh này, ở đây chiếc kim thêu đã hơn một lần tranh chấp một cách vinh quang chống lại chiếc bút vẽ.

Nhưng đặc biệt hấp dẫn là thần thoại Giuypite và Đanaê theo lời các sử gia.

Bức Đananê được tạo bởi một bàn tay tinh tế thật khéo léo mà ta thấy bộ mặt nàng rạng rỡ như đang cảm nhận, đang nhìn và nghe cơn mưa vàng rơi.

Tấm thảm này được coi như hoàng hậu của những tấm thảm khác, được chiếu sáng bởi ngọn đèn bằng bạc, chạm trổ chứ không phải đúc, theo người ta khẳng định thì đây là tác phẩm của chính bàn tay Benvennutô Xelini sáng tạo. Thật thế, nào ai khác hơn người thợ chạm khắc và tạc tượng người Florăngxơ (Ý) là người mới có thể tự hào tạo một khối bạc thành một bình hoa từ đây thoát ra một ngọn lửa chói sáng chính từ bông hoa.

Tẩm thảm Đanaê này tạo bởi những bức vách của khuê phòng, đồng thời được ngọn đèn chiếu sáng Đanaê bất tử cũng được dành để chiếu sáng mọi Đanaê đang sống và sẽ chết, chờ đợi trên giường này, trên đó được treo cơn mưa vàng, của những thần Giuypite ở trái núi Ôlempơ trên mảnh đất này mà ta gọi là Luvrơ.

Hoàng thân nhìn khắp quanh mình, nâng các tấm rèm và rèm cửa để tin chắc chỉ có mình ông và sau khi khám xét tỉ mỉ, ông nhảy qua những trụ lan can, nằm xuống tấm thảm rồi trườn vào gầm giường.

Đối với độc giả không quen trang trí nội thất của thế kỉ thứ mười sáu, chúng tôi xin nói rằng đó là cái lan can.

Người ta gọi lan can là hàng rào làm bằng các trụ nhỏ hình thành các phòng nhỏ đặt quanh các giường để đóng kín các phòng the như ta hiên còn thấy trong các nơi đồng ca ở nhà thờ hoặc tiểu giáo đường và trong phòng ngủ của vua Lui thứ mười bốn ở Vecxay.

Chúng ta hãy tin rằng ông Côngđê nhảy qua lan can, xin độc giả hãy miễn cho chúng tôi tả những quan sát của ông, nhưng thay cho việc giải thích, chúng ta hãy dũng cảm tiến lên phía trước.

Như chúng tôi đã nói, sau khi nằm trên tấm thảm, hoàng thân trườn vào gậm giường.

Này! Vâng, chắc chắn đây là một tư thế kì cục, một tư thế không xứng đáng với một ông hoàng, nhất là ông hoàng ấy lại là hoàng thân đờ Côngđê. Nhưng các bạn muốn gì! Đó không hề là lỗi của tôi vì đúng là ông hoàng Côngđê trẻ, đẹp trai, si tình, thật ghen tuông đã kì cục đến thế, và đúng như tôi thấy sự việc được ghi trong lịch sử của hoàng thân thì người ta sẽ cho phép tôi không hề tỉ mỉ hơn nhà sử học.

Thưa độc giả thân mến, nếu nhận xét của bạn thật đúng và hợp lý thì hoàng thân vừa nằm dưới gậm giường cũng có cùng những suy nghĩ như bạn là tự khiển trách mình một cách nghiêm khắc nhất. Ông tự hỏi bộ mặt ông sẽ khó coi thế nào dưới gậm giường nếu ông bị phát hiện tại đây dù chỉ bởi một tên hầu; ông sẽ cung cấp cho những kẻ thù của ông một loạt những lời châm biếm chế giễu đến mức nào! Ông có cơ tự chuốc lấy sự mất uy tín đến mức nào dưới mắt bạn bè! Cuối cùng ông đi tới chỗ tin rằng ông thấy tách ra từ đáy tấm thảm bộ mặt giận dữ của ông đô đốc; bởi vì dù là trẻ con hãy người lớn khi chúng ta ở trong một hoàn cảnh mập mờ thì con người mà chúng ta nghĩ tới và chúng ta sợ nhất là thấy xuất hiện để trách cứ chúng ta về sự điên rồ của chúng ta, luôn luôn là người chúng ta yêu mến và kính trọng nhất, bởi vì chính lúc ấy và cũng lúc ấy đó là con người mà ta sợ nhất.

Vây là hoàng thân- Chúng tôi xin độc giả khắt khe tin chắc điều này – tự sỉ vả hết lời mà một người với tính cách và điều kiện của mình phải làm trong hoàn

cảnh như vậy nhưng kết quả của mọi lập luận của ông là ông tiến sâu vào gậm giường hơn hai mươi xăngtimet như ta nói ngày nay, và ông chọn một tư thế thuận lợi nhất có thể ở lại đó.

Vả lại còn có việc khác phải nghĩ tới.

Ông đã quyết định khi hai kẻ tình nhân có mặt.

Đối với ông, điều hầu như đơn giản nhất là đột ngột bước ra và không cần lời giải thích mào đầu, đọ kiếm luôn với tình đích của ông.

Hành động này vẻ hoàn toàn đơn giản nhưng suy nghĩ lại, đối với ông tỏ ra không phải là không nguy hiểm. Không phải vì con người ông mà vì danh dự của ông. Người bạn ấy dù là ai, đúng là đồng loã với tính lẳng lơ của tiểu thư Xanh Ăngđrê, nhưng là đồng loã vô tư.

Vậy ông trở lại quyết định ban đầu của ông là quyết nhìn và nghe một cách lạnh lùng những gì sắp diễn ra dưới cặp mắt và đôi tai của một tình địch.

Ông vừa làm tròn cái hành động từ nhượng nhẫn nhục lớn lao này thì nghe tiếng kêu của chiếc đồng hồ của ông vang to đột nhiên nhắc cho ông một hiểm hoạ mà ông không nghĩ tới nó. Vào thời ấy, những đồng hồ đeo tay và đồng hồ treo tường không chỉ là những vật xa xỉ mà còn là sở thích riêng, đã chạy rất kém tuỳ theo ước vọng của người thợ cơ khí hơn là tuỳ theo tính chất thất thường của chúng. Do đó mà chiếc đồng hồ của ông Côngđê đã chạy chậm nửa giờ so với giờ Luvrơ nên đổ chuông báo nửa đêm.

Ông đờ Côngđê như ta đã thấy, đang bị giày vò về sự nôn nóng hơi thất thường của nó, và tiếng chuông kêu của kẻ tố giác này không thể để tố giác ông, ông liền để cái vật trang sức bất cẩn ấy trong lòng bàn tay trái và ép nó lên đầu chuôi dao găm của ông, ấn mạnh đầu chuôi dao lên mặt kính đồng hồ và dưới sức ép ấy làm vỡ cái vỏ kép; chiếc đồng hồ đeo tay vô tội đã thở hơi cuối cùng.

Sự bất công của con người đã được thoả mãn.

Hành động này vừa hoàn thành thì cửa buồng một lần nữa mở ra; qua tiếng động mà nó gây ra đã thu hút đôi mắt hoàng thân quay về bên cạnh mình và ông đờ Côngđê thấy tiểu thư Xanh Ăngđrê bước vào, mắt rình mò, tai hóng gió, và theo sau, đi nhón đầu ngón chân là cái mụ xấu xa ghê tởm có tên Lanu.

§11. Thần Vệ Nữ trang điểm

Khi chúng tôi nói: theo sau, đi nhón trên đầu ngón chân là cái mụ xấu xa ghê tởm có cái tên Lanu thì chúng tôi đã nhầm, không phải Lanu mà là bước chân của tiểu thư Xanh Ăngđrê.

Khi đã vào trong phòng Biến hình, tiểu thư Xanh Ăngđrê không đi theo Lanu nữa mà đi trước mụ.

Lanu ở lại sau để đóng cửa.

Thiếu nữ dừng lại trước bàn trang điểm trên đó đặt hai cây đèn chum đang chờ ngọn lửa châm đem lại sức sống cho chúng để toả hết mọi ánh sáng chói loà của chúng.

-Bà tin chắc là chúng ta không bị ai trông thấy chứ, Lanu thân yêu của thưa ông? – nàng nói bằng một giọng dịu dàng mà, sau khi làm rung động tình yêu lại làm rung lên niềm căm giận trong trái tim hoàng thân.

-Ồ! Đừng e sợ gì hết, thưa tiểu thư – Mụ mối manh trả lời – do lá thư đe doạ gửi cho nhà vua tối qua, những mệnh lệnh nghiêm khắc nhất đã được ban ra và kể từ mười giờ tối, các cổng ra vào Luvrơ đều bị đóng lại.

-Với mọi người ư?

-Với mọi người.

-Không loại trừ một ai chứ?

-Không loại trừ.

-Ngay cả với hoàng thân Côngđê?

Lanu mỉm cười: -Nhất là với hoàng thân Côngđê thưa tiểu thư.

-Bà tin chắc điều này chứ Lanu.

-Chắc chắn, thưa tiểu thư.

-A! chính là…

Thiếu nữ ngừng lời.

-Vậy tiểu thư có gì để sợ Đức ông hả?

-Khá nhiều chuyện, Lanu ạ.

-Khá nhiều chuyện, thế là thế nào?

-Đúng, điều này giữa những điều kia.

-Điều gì?

-Đó là điều ông ấy không đeo đuổi tôi tới tận đây.

-Tới tận đây sao?

-Phải.

-Tận trong phòng Biến hình này ư?

-Đúng.

-Nhưng làm thế nào mà ông ấy lại biết được tiểu thư ở đây chứ?

-Chính là tại tôi.

-Tại tiểu thư?

-Tôi, tôi ngu ngốc biết bao!

-Ôi, lạy Chúa tôi.

-Bà hãy tưởng tượng vào hôm qua, vào lúc mà ông ây chia tay tôi, tôi đã bất cẩn tiếp sau một chuyện đùa cợt, tôi đã ném cho ông ấy chiếc khăn tay của tôi trong ấy có lá thư nhỏ mà bà vừa trao cho tôi.

-Nhưng bức thư ấy không kí tên người viết kia mà.

-Không, may mắn thay!

-Thật hết sức may mắn, thật thế, Giêxuma lạy Chúa tôi.

Mụ mối manh làm dấu thánh và nói tiếp: -Tiểu thư không đòi lại ông ấy chiếc khăn tay của tiểu thư à?

-Có chứ, Mêdie đã qua nhà ông ấy sáu lần trong ngày nhưng ông hoàng đã đi từ sáng và đế chín giờ tối vẫn chưa về nhà.

-A! A! -Hoàng thân lẩm bẩm – Chính là gã thị đồng đi câu đã đến để nói với ta và đã hết sức khẩn khoản gặp ta.

-Tiểu thư ký thác cho chàng trai ư? Thưa tiểu thư.

-

-Hắn điên vì tôi.

-Những chàng thị đồng thật rất thiếu thận trọng; có một câu châm ngôn nói về họ trong chuyện này.

-Mêdie không phải là thị đồng của tôi, đó là kẻ nô lệ của tôi – Thiếu nữ nói với giọng một bà hoàng – A! Lanu, cái ông Côngđê thật đáng nguyền rủa! Tôi cầu mong cho điều tồi tệ xấu xa mãi mãi xảy đến với ông ta.

-Cảm ơn! Hỡi người đẹp trong số người đẹp ơi! – Hoàng thân lẩm bẩm- Tôi sẽ nhớ những tình cảm của cô đối với tôi.

-Này! Thưa tiểu thư- Lanu nói – còn đêm này, tiểu thư có thể an tâm. Tôi quen biết viên chỉ huy cận vệ người Êcôtxơ và tôi sẽ nhờ ông ta nói lại với đức ông.

-Về phần ai?

-Phần tôi! Thưa tiểu thư, tiểu thư hãy an tâm, điều ấy là đủ.

-A! Lanu.

-Tiểu thư muốn gì, thưa tiểu thư! Trong khi làm tất cả những công việc của người khác, không có gì xấu đề làm một chút cho công việc của mình.

-Cảm ơn Lanu; vì chỉ riêng ý nghĩ ấy đã làm xáo động niềm lạc thú mà tôi đã tự nhủ sẽ nếm hưởng đêm nay.

Lanu chuẩn bị đi ra.

-Này! Lanu! – Tiểu thư Xanh Ăngđrê gọi -Trước khi ra đi, hãy thắp sáng đèn lên, tôi van bà, tôi không muốn ở lại một mình trong bóng tối; tất cả những hình

ảnh bán khoả thân lớn làm tôi sợ, hình như chúng sắp tách khỏi tấm thảm để đến với tôi.

-A! Nếu chúng có đến – Lanu nói trong lúc đi lấy tờ giấy châm lửa ở lò sưởi – hãy bình tĩnh, điều đó đối với tiểu thư sẽ là tôn sung tiểu thư như thần Vệ nữ thôi.

Mụ thắp sáng năm nhánh đèn chùm để thiếu nữ lồ lộ dưới mắt hoàng thân trong vòng hào quang của những ngọn lửa.

Nàng thật rực rỡ, phản chiếu qua tấm gương ở bàn trang điểm; nàng mặc chiếc áo lụa mỏng trong suốt qua đó nhìn thấy da thịt lồ lộ.

Tay nàng cầm một nhánh đào kim nhưỡng có hoa; nàng quấn quanh mái tóc như một vòng vương miện.

Nữ tu nguyện của thần Vệ nữ, nàng vừa trang điểm bằng cánh hoa thiêng liêng.

Lúc ấy có một mình hoặc ít ra tin rằng chỉ có một mình trong phòng, thiếu nữ làm duyên và tình tứ tự ngắm trong gương, lấy đầu các ngón tay hồng uốn cong hai hàng lông mi mịn như nhung và lấy lòng bàn tay ép mái tóc vàng.

Trang điểm như vậy và trong một dáng bộ làm tăng giá trị tấm thân mềm mại, thanh tú của nàng, thiếu nữ ưỡn người trước gương, tươi mát như dòng suối, ửng hồng như mấy buổi sớm, trong sáng như sự trinh bạch, sống động và tươi trẻ như những cây đầu xuân trong cuộc sống hối hả của chúng, xuyên qua những lớp tuyết cuối cùng, như Lanu nói về nàng, giống như thần vệ nữ Xitêrê, nhưng là Vệ nữ ở tuổi mười bốn vào buổi sáng đứng trên bờ sông, chuẩn bị đi vào thiên cung, nàng ngắm mình một lần cuối trong tấm gương biển, hãy còn ấm ở cuộc tiếp xúc cuối cùng.

Sau khi uốn cong làn mi, ép cho tóc óng mượt, qua một lúc nghỉ ngơi, lấy lại màu sắc hồng hào của da thịt bộ mặt mà trước đó do bước vội và lo lắng đã làm mặt quá đỏ, thiếu nữ từ bỏ sự tái hiện của bộ mặt nàng mà chiếc gương đã hiến cho nàng, đôi mắt nàng cụp xuống nhìn từ cổ đến vai hầu như tìm bộ ngực nàng khuất sau những lớp đăng- ten nhẹ xốp như những đám mây cơn gió bấc xua khỏi bầu trời.

Nàng thật đẹp, đôi mắt ướt, đôi má ửng hồng, miệng hé mở, hàm răng óng ánh như hai hàng ngọc trong một hộp đựng nữ trang bằng san hô, nàng thực sự là hình ảnh của sự khoái cảm vào đúng lúc hoàng thân quên bẵng sự làm dáng của nàng, lòng hận thù của ông, những sự đe doạ, đến mức ông định ra khỏi chỗ nấp và quỳ xuống chân nàng kêu lên: -Vì tình yêu của Chúa! Hỡi thiếu nữ, hãy yêu tôi trong một giờ và lấy đi cuộc đời tôi bằng cách đổi một giờ yêu thương này…

May thay hoặc khốn thay cho ông, bởi vì chúng ta đã không cân nhắc những cái lợi hoặc những trở ngại mà ông sẽ có thể theo đuổi tư tưởng bất chợt ấy thì thiếu nữ quay mình về phía cửa nói hoặc đúng hơn là ấp úng.

-Ôi! Người tình yêu quý thân thiết của lòng em, liệu chàng không đến sao?

Lời than và cái nhìn ấy đem tới cho hoàng thân tất cả sự căm giận sục sôi và với ông, tiểu thư Xanh Ăngđrê lại xuất hiện là con người đáng căm ghét nhất trên đời.

Nàng đi tới chiếc cửa sổ gần nhất, kéo những tấm rèm che dầy, tìm cách mở chiếc cánh nặng nề nhưng những bàn tay thon dài xinh xắn thiếu sức mạnh đối với một công việc nặng nhọc như vậy nàng đành áp đầu lên tấm kính.

Cảm giác mát rượi lan truyền vào trán làm mở to đôi mắt chứa chất mệt mỏi, lờ đờ, đôi mắt ấy bắt đầu phân biệt được những sự vật, và cuối cùng dừng lại ở một người đứng bất động, khoác tấm áo choàng cách tầm ném một hòn đá vào điện Luvrơ.

Cái nhìn của con người ấy làm tiểu thư Xanh Ăngđrê mỉm cười và nếu hoàng thân nhìn được nụ cười ấy hẳn ông đoán được ý nghĩ độc ác đã làm này sinh nụ cười ấy.

Hơn nữa nếu ông ở thật gần để trông thấy nụ cười ấy mà ông cũng ở thật gần để nghe những tiếng sau lướt giữa đôi môi của thiếu nữ với giọng đắc thắng: -Đúng là ông ấy!

Rồi bằng một giọng nhạo báng không dứt: -Ông cứ đi dạo đi, ông Côngđê thân mến ạ – Nàng nói thêm – tôi thật hết lòng cầu mong ông có được niềm vui trong cuộc dạo chơi của ông.

Rõ ràng tiểu thư Xanh Ăngđrê coi người đàn ông khoác áo choàng là hoàng thân Côngđê.

Sự nhầm lẫn này thật hoàn toàn tự nhiên.

Tiểu thư Xanh Ăngđrê hoàn toàn biết rõ những chuyến đến thăm của hoàng thân đi dạo mọi buổi tối dưới những ô cửa sổ của nàng từ ba tháng nay, nhưng tiểu thư Xanh Ăngđrê đã biết giữ kín không nói chuyện này với hoàng thân; bởi vì nói rằng mình đã biết việc này tức là thú nhận rằng từ ba tháng nay nàng đã bận lòng với tư tưởng trái với việc cao giọng phủ nhận.

Vậy đây là hoàng thân mà tiểu thư Xanh Ăngđrê tin là đã nhìn thấy ở bờ sông.

Thế mà việc nhìn thấy hoàng thân đi dạo ở bờ sông khi nàng run rẩy bắt gặp ông trong điện Luvrơ là cái nhìn bảo đảm nhất mà ánh trăng, người bạn nhợt nhạt và u buồn của những kẻ yêu đương có thể phát hiện đó là ông.

Giờ đây, những độc giả của chúng tôi hoàn toàn biết rõ rằng hoàng thân đã không thiếu tài để có mặt ở khắp mọi nơi, nay không thể cùng một lúc vừa ở trong lại vừa ở ngoài, nên chúng tôi phải vội nói ngay rằng người đàn ông khoác áo choàng này là ai mà tiểu thư Xanh Ăngđrê lầm tưởng đó là hoàng thân và cho rằng ông đang run cầm cập ở dưới bờ sông.

Người đàn ông này chính là người tín đồ giáo phái tin lành của chúng ta hôm trước, thư của chàng mà chàng mong đợi thì chàng được tin những ngài ở pháp viện đã suốt ngày hoàn toàn hành động bằng mọi cách để việc hành hình Anơ Đuybuôc diễn ra vào ngày hôm sau hoặc hôm sau nữa; người này chính là Rôbơc Stuya đã quyết định liều một toan tính thứ hai.

Đúng lúc xác nhận sự ngộ nhận ấy với nụ cười độc ác nở trên môi thiếu nữ thì nàng thấy người đàn ông ở bờ sông rút cánh tay ra khỏi áo choàng, phác một cử chỉ đe doạ rồi sải bước ra xa.

Cùng lúc nàng nghe thấy một tiếng động giống như tiếng kính vỡ rơi loảng xoảng.

-A! – nàng kêu lên – không phải ông ấy.

Rồi những sắc hồng của nụ cười của nàng biến mất ngay dưới làn da tím tái của nàng.

Lần này nàng run bắn thật sự, không còn niềm vui nữa mà là hoảng sợ và buông rơi tấm rèm cửa sổ, nàng quay trở lại, chao đảo và tái nhợt, tựa người vào chiếc tràng kỉ mà trước đó vài phút nàng đã nằm dài trên, thật uể oải.

Như đêm trước, người ta làm vỡ kính một cửa sổ ở căn hộ của thống chế Xanh Ăngđrê.

Nhưng lần này là một cửa sổ ở phía sau sông Sen; và cửa sổ này vẫn thuộc căn hộ của cha nàng…

Nếu như đêm trước thống chế còn đứng hay đã đi nằm nhưng bật dậy đến gõ cửa buồng con gái ông mà không nhận được câu trả lời thì chuyện gì sẽ xảy ra.

Nàng ở đây, lo sơ, run rẩy, gần như ngất xỉu, với sự ngạc nhiên lớn của hoàng thân đã nhìn thấy mà không sao đoán được nguyên nhân của sự thay đổi đột ngột biểu lộ trên nét mặt thiếu nữ, trong trạng thái yếu lả ấy thì mọi chuyện có thể xảy ra đúng như trạng thái hiển hiện lúc này thì cửa mở và Lanu hấp tấp bước vào.

Mụ có bộ mặt hầu như cũng biến đổi như bộ mặt thiếu nữ.

-Ôi! Lanu – nàng nói – bà có biết chuyện gì vừa xảy ra không?

-

-Không, thưa tiểu thư- mụ trung gian trả lời – Nhưng phải có chuyện gì đó kinh khủng lắm vì tiểu thư nhợt nhạt như một kẻ chết rồi.

-Thật kinh khủng, đúng thế, bà cần đưa tôi trở lại ngay chỗ cha tôi.

-Tại sao lại thế? Thưa tiểu thư.

-Bà có biết chuyện gì xảy ra vào nửa đêm hôm qua không?

-Tiểu thư muốn nói tới hòn đá được gắn với mảnh giấy đe doạ nhà vua phải không?

-Phải… này! Vẫn là việc ấy vừa xảy đến, Lanu ạ, một người đàn ông, chắc chắn vẫn là người ấy mà tôi lầm tưởng là hoàng thân Côngđê, như hôm qua, đến ném một hòn đá làm vỡ kính một cửa sổ của buồng thống chế.

-Và tiểu thư đã sợ hãi?

-Tôi sợ, bà hiểu không, Lanu, tôi sợ cha tôi đến gõ cửa buồng tôi do hoặc nghi ngờ vực, hoặc lo lắng khi thấy tôi không hề trả lời, ông bèn mở cửa buồng tôi và thấy buồng trống trơn.

-Ồ! nếu tiểu thư chỉ sợ có điều đó thì thưa tiểu thư, xin tiểu thư an tâm.

-Vì sao?

-Cha tiểu thư đang ở chỗ hoàng thái hậu Catơrin.

-Ở chỗ hoàng thái hậu vào một giờ sáng ư?

-A!Thưa tiểu thư, vừa xảy ra một tai nạn nghiêm trọng.

-Tai nạn gì?

-Các Đức ngài đi săn ngày hôm nay…

-Thì sao?

-Chà! Thưa tiểu thư, con ngựa của tiểu hoàng hậu (người ta gọi Mari Stuya như vậy), con ngựa của tiểu hoàng hậu đã vấp ngã, nữ hoàng đã ngã và người lại đang có mang ba tháng, người ta e sợ nữ hoàng đã bị thương.

-A! Lạy Chúa lòng lành!

-Đến nỗi cả Triều đình phải theo chân người.

-Tôi tin chắc vậy.

-Mọi thị nữ đều ở trong tiền sảnh hoặc tại chỗ hoàng thái hậu.

-Thế mà bà không đến báo tin cho tôi hả Lanu?

-Tôi cũng vừa mới biết tin, thưa tiểu thư, và tôi chỉ đủ thời gian chạy đi để xác minh sự thật.

-Vậy bà đã gặp chàng chứ?

-Ai?

-Chàng.

-Tất nhiên là gặp.

-Thì sao?

-Chà, thưa tiểu thư, việc được hoãn lại: tiểu thư nên hiểu rõ rằng trong lúc như thế này thì ngài không thể vắng mặt được.

-Nhưng hoãn đến bao giờ?

-Ngài mai.

-Ở đâu?

-tại đây.

-Cũng vẫn giờ cũ?

-Vẫn giờ ấy.

-Vậy thì hãy lại đây nhanh lên, Lanu.

-Tôi đây, thưa tiểu thư, đúng là phải tin rằng có một vị thần bất trị cuồng loạn chống lại chúng ta.

-Tốt! – Lanu nói trong lúc thổi tắt ngọn nến cuối cùng.

-thế nào! Trái lại ư? – Tiểu thư ngoài hành lang hỏi vọng vào.

-Đúng thế; đó là một tai nạn sẽ đem lại cho tiểu thư tự do.

Và mụ đi ra theo gót tiểu thư Xanh Ăngđrê; những tiếng bước chân lập tức biến mất cũng như những tiếng bước chân của bạn mụ trong chiều sâu hành lang.

-Vậy là đến ngày mai! – Đến lượt hoàng thân nói khi ra khỏi nơi ẩn nấp và vượt qua hàng lan can, vẫn không hãy biết tên tình địch của ông đã có mặt tối hôm trước – Ngày mai, ngày kia và mọi ngày nếu cần, nhưng thề trước linh hồn cha ta! Ta sẽ đi đến cùng.

Và ông cũng đi ra khỏi phòng Biến hình theo phía hành lang đối diện với hướng đi của tiểu thư Xanh Ăngđrê và Lanu; ông qua sân và đến cổng ra phố mà không một ai, giữa sự rối rắm của hai tình huống mà chúng tôi đã kể trên, nghĩ đến hỏi ông đi đâu và từ đâu tới.

§12. Hai người Êcôtxơ

Rôbơc Stuya mà tiểu thư Xanh Ăngđrê đã nhận ra qua chấn song của phòng Biến hình đã rất nhanh nhẹn và lạ lung chui vào trong bóng tối; Rôbơc Stuya mà lúc đầu thiếu nữ đã có ý nghĩ độc ác tưởng là hoàng thân Côngđê, sau khi ném hòn đá thứ hai và bằng cách này gửi đến nhà vua bức thư thứ hai như chúng tôi đã nói, chàng liền bỏ trốn và biến mất.

Chàng rảo bước đến điện Satơlê, nhưng khi tới đây, chàng cảm thấy thoát khỏi sự theo dõi và ngoài việc chàng đã hành động với hai hoặc ba tên kẻ cắp gặp trên cầu nhưng chúng ngán khi nhìn thấy thanh kiếm của chàng đập vào gót chàng và khẩu súng ngắn đeo ở thắt lưng được giữ ở khoảng cách thích hợp, chàng lặng lẽ trở về nhà bạn và là người đồng hương của chàng là Patric.

Vừa về tới nhà bạn, chàng bình thản đi nằm. Cố vận dụng sức mạnh của bản thân nhưng sức mạnh ấy dẫu thật lớn cũng không thể điều khiển được giấc ngủ; đến nỗi trong ba hoặc bốn giờ, chàng trằn chọc xoay người qua lại trên giường, đúng hơn là trên giường bạn đồng hương của chàng mà vẫn không tìm được sự nghỉ ngơi đã trốn chạy chàng từ ba đêm nay.

Chỉ đến tảng sáng vào lúc thần chịu khuất phục trước sự mệt nhọc hầu như lìa bỏ cơ thể và cho phép giấc ngủ đến thay chỗ nó trong chốc lát. Nhưng lúc ấy cái cơ thể đó hoàn toàn lệ thuộc vào giấc ngủ, người an hem của Thần chết ấy, do sự mê mệt quá sâu của chàng, dưới mắt mọi người hầu như một cái xác từ bỏ hoàn toàn cuộc sống.

Đến chập tối, trung thành với lời hứa của mình, chàng đợi Patric, bạn chàng, nhưng người lính xạ thủ bị cấm trại ở Luvrơ do lệnh của chỉ huy mà anh đã nhận được lệnh trên nên không một ai ta khỏi điện Luvrơ (ta đã biết nguyên nhân của lệnh này), lính xạ thủ không thể lợi dụng được bộ y phục của Rôbơc Stuya.

Vào hồi bảy giờ tối, không nhận được tin tức của bạn, Rôbơc Stuya liền đi về hướng điện Luvrơ và tại đây, chàng biết được những mệnh lệnh nghiêm khắc được ban ra và nguyên nhân đưa ra những mệnh lệnh ấy.

Sau đó chàng đi lang thang trong các phố ở Paris, tại đây chàng đã nghe kể hàng trăm chuyện khác nhau, trừ sự thật về vụ ám hại chánh án Mina mà cái chết làm chói sáng như thể chưa thể có một hành động nào trong đời chàng đã có thể làm được việc này.

Rôbơc Stuya thương hại những sự ngốc nghếch của những người này cũng như sự tò mò của những kẻ khác, đến lượt chàng căn cứ vào những lời người ta đồn đại, chàng cam đoan là cái chết ấy với tất cả những chi tiết xác thực và những hoàn cảnh thực tế đã đưa chàng đến đấy nhưng không cần phải là những người nghe không muốn tin một lời nào về câu chuyện của chàng.

Chúng tôi không đưa ra một lý do nào khác về sự không dễ tin này, nếu không phải câu chuyện này là sự thật duy nhất.

Ngoài ra, chàng biết pháp viện đã rất kiên quyết thực hiện bản án chống pháp quan Đuybuôc một cách mau lẹ và nghiêm khắc mà người ta tin chắc là việc hành hình sẽ diễn ra tại Grevơ (quảng trường trước toà thị chính ở Pari thời này là nơi hành hình các tử tù.) trong bốn mươi tám giờ nữa.

Vậy là Rôbơc Stuya không còn phương sách nào khác trước sự ương ngạnh của những pháp quan hơn là lặp lại một cách chính xác hơn bức thư của chàng gửi nhà vua.

Sau phiên gác, bạn chàng, Patric cuối cùng ra khỏi điện Luvrơ, trở về nhà với những sải bước chân dài và nhanh nhất, trèo lên thang, lọt vào buồng mình kêu to: -Bắn!

Anh tưởng rằng đó là cách duy nhất để đánh thức Rôbơc Stuya khi thấy tiếng động cửa mà anh đóng sập lại, cũng như tiếng động mà anh kéo ghế và chuyển chỗ cái bàn đã không đủ để kéo bạn anh ra khỏi giấc ngủ say mê mệt.

Tiếng Patric kêu, đúng hơn là nghĩa của tiếng hô ấy cuối cùng đánh thức Rôbơc; tiếng động đã tới tai chàng nhưng không phải là những ý nghĩ. Ý nghĩ đầu tiên của chàng là người ta đến bắt chàng nên chàng vươn tay với thanh kiếm đặt trong mép giường và rút ra khỏi vỏ.

-Này! Thế đó! Thế đó! – Patric cười kêu lên – Hình như cậu nghe tiếng kêu gọi chiến đấu hả? Stuya thân mến; chúng ta hãy bình tĩnh nào! Và nhất là đến lúc chúng ta dậy rồi đấy.

-A! cậu đấy à – Stuya nói.

-Đúng thế, mình đây. Mình cho cậu mượn phòng mình để cậu muốn giết mình khi mình trở về đấy à!

-Cậu muốn thế à! Mình ngủ mà.

-Mình thấy đúng như vậy và điều đó làm mình ngạc nhiên; cậu ngủ à?

Patric đến bên cửa sổ, kéo rèm lên: -Này! – anh nói – hãy nhìn xem.

Ánh sáng ban ngày ùa vào phòng. Người lính xạ thủ nói: -Chuông mười giờ đã điểm và chuông các nhà thờ ở Pari đã đỏ rền.

-Mình đã đợi cậu cả ngày hôm qua và cũng có thể nói là cả đêm nữa.

Người lính xạ thủ nhún vai: -Cậu muốn gì nào! Một người lính chỉ là một người lính dù đó là xạ thủ người Êcôtxơ; chúng mình đã bị cấm trại ở Luvrơ suốt ngày và suốt đêm, nhưng hôm nay, như cậu thấy đấy, mình được tự do.

-Điều đó muốn nói rằng cậu đến để đòi lại căn phòng của cậu chứ gì?

-Không, mà yêu cầu bộ quần áo của cậu.

-A! Đúng thế, mình đã quên và pháp quan rồi.

-May thay nàng không quên mình, nàng có thể chứng tỏ cho cậu điều này bằng món ba tê thú săn để trên bàn và đang đợi niềm vui ngon miệng của chúng

ta đây. Người của cậu đã tới chưa? Còn phần mình, đã hai giờ hắn ở vị trí: có mặt!

-Và để trở về đây vì bộ quần áo của mình…

-Đúng thế: này, cậu hiểu rằng bà pháp quan của mình không thích hợp với đồ mặc trắng như thế leo lên bốn tầng gác của mình. Không, món ba tê này chỉ là một sứ giả, nó là kẻ mang bức thư, thư này nói với chúng mình rằng người ta đợi mình vào giữa trưa, cái giờ mà pháp quan của chúng mình đang bơi tại pháp viện đến tận bốn giờ chiều là lúc ông ta trở về cái bến của tình vợ chồng. Vậy là vào hồi mười hai giờ năm phút mình sẽ ở nhà nàng và mình sẽ thưởng cho lòng trung thành của nàng bằng cách trình diện với bộ y phục không thể gây phương hại tới nàng, tuy nhiên nếu cậu vẫn sẵn sàng giữ ý kiến của cậu đối với bạn cậu chứ.

-Quần áo của mình thuộc quyền sở hữu của cậu, Patric thân mến ạ, như cậu thấy đấy và chỉ chờ đợi người chủ. Hãy trao cho mình quần áo của cậu để đổi và tuỳ cậu sử dụng bộ quần áo này.

-Lát nữa, còn trước hết, chúng ta hãy nói chuyện với món ba tê này, cậu không cần dậy để hoà mình vào cuộc trò chuyện này, mình sẽ đưa bàn lại gần giường cậu. Thế! Như thế này nhé!

-tuyệt vời, Patric thân mến.

-Bây giờ (Patric rút chiếc dao găm và đưa phía cán cho bạn) trong khi mình đi kiếm chút gì để tưới vào miệng, cậu hãy mổ bụng cái gã vui vẻ này và cậu sẽ nói xem bà pháp quan của mình có thật là người đàn bà đảm đang khéo tay hay không?

Rôbơc tuân theo sự chỉ đạo một cách đúng mực như người lính xạ thủ thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy anh ta, và khi Patric trở lại bàn, hai tay ve vuốt cái bụng phình của chiếc bình đầy rượu vang, anh thấy cái vòm của công trình nghệ thuật ăn uống hoàn bị bật lên.

-A! Lạy thánh Đunstan!– anh nói – Một con thỏ rừng trong hàng giữa sáu con chim đa đa. Còn xứ sở nào đẹp như xư sở mà kẻ sang người hèn sống thật đồng tình dịu dàng đến thế này! Ông Rabơle chẳng đã nói đây là xứ Lạc Thú sao? Rôbơc bạn hỡi, hãy theo gương mình: hãy yêu một người đàn bà quyền quý, bạn thân mến, thay cho đi yêu một người đàn bà cung kiếm và mình sẽ không cần phải vua Ai Cập nhìn bẩy con bò mộng trong mộng để đoán trước cho cậu thứ của cải phong phú gấp đôi của Trời và Đất. Hãy tận dụng chúng, Stuya thân mến ạ, hoặc là chúng ta sẽ không đáng đoạt được chúng.

Và thêm ví dụ cho sự chỉ đạo, người lính xạ thủ liền ngồi vào bàn và lấy miếng ba tê cho vào đĩa của mình, khẩu phần đầu tiên làm vinh dự cho điều mà anh gọi là tiền phong của sự ngon miệng của anh.

Rôbơc cùng ăn. Vào tuổi hai mươi, dù tinh thần có bận trí đến mấy thì người ta vẫn phải ăn.

Vậy là chàng ăn một cách lặng lẽ và băn khoăn hơn bạn chàng; chàng chỉ ăn.

Vả chăng, ý nghĩ đến thăm bà pháp quan của anh làm cho Patric ba hoa và vui vẻ cho cả hai người.

Chuông điểm mười một giờ rưỡi.

Patric vội vã rời bàn đứng lên, nghiến dưới hai hàm răng trắng như răng sói rừng miếng vỏ ba tê vàng cuối cùng, và bắt đầu khoác lên người bộ quần áo của người đồng hương của anh.

Ăn mặc như vậy anh có vẻ cứng đơ và khác thường y hệt như những người lính của tình yêu ngày nay rời bỏ bộ quân phục của họ để mặc thường phục.

Bộ mặt và dáng bộ người lính, thật vậy, dù ăn mặc thế nào vẫn tố cáo anh ta phần nào còn mang dáng dấp quân nhân.

Người lính xạ thủ không kém như vậy, sau khi mặc anh trở thành một kị sĩ đẹp trai có đôi mắt xanh và mái tóc hung, vẻ nhanh nhẹn linh lợi.

Anh tự ngắm mình trong một mảnh gương hầu như anh tự nói với mình: -Nếu bà pháp quan của ta mà không hài lòng thì quả là nàng rất khó tính.

Tuy nhiên, hoặc bản thân tự ti, hoặc muốn thấy Rôbơc cùng ý kiến với mình, anh quay về phía bạn: -Cậu thấy mình thế nào, anh bạn? – Anh hỏi.

-Bộ mặt và dáng điệu thật hoàn hảo và mình không nghi ngờ là cậu sẽ gây một cảm xúc sâu sắc cho bà pháp quan của cậu.

Đúng là điều Patric mong muốn và đáp ứng được mong muốn ấy.

Anh mỉm cười, sửa lại cổ áo và chìa tay cho Rôbơc.

-Này – anh nói – tạm biệt! Mình chạy đến để làm nàng vững tâm vì nàng hẳn gần kề cái chết, người đàn bà tội nghiệp! Đã hai ngày nàng không được gặp mình và chẳng được một tin tức nào về mình cả.

Anh vừa nhấc chân định đi về phía cửa lại dừng lại nói thêm: -Mình không cần nói với cậu rằng bộ quân phục của mình không kết án cậu phải ở lại đây. Cậu không bị cấm trại đến phiên thứ tư của mình như bản thân mình bị cấm trại ở Luvrơ hôm qua; cậu có thể tự do đi khắp thành phố giữa ban ngày nếu có mặt trời hoặc dưới bóng râm nếu không có mặt trời, miễn là cậu đừng dính vào một chuyện gây gổ nào dưới cái lốt của mình (mình đưa ra với cậu lời khuyến cáo này vì hai lí do: thứ nhất là cậu sẽ bị bắt giữ, bị điệu đến nhà tù Satơlê và được nhận ra cậu đội lốt, thứ hai là mình sẽ bị phạt, người bạn vô tội của cậu, vì đã rời bỏ bộ quân phục của mình); miễn là, mình nhắc lại với cậu dưới bộ cánh của mình, cậu đừng nhận một cuộc cãi cọ xấu xa nào thì cậu tự do như một con chim sẻ lương thiện.

-Về mặt này, cậu không có gì phải lo sọ hết, Patric ạ – Người Êcôtxơ nói – bản chất của mình không có tính gây gổ.

-Hừ! Hừ! – người lính xạ thủ lắc đầu nói – mình không mong đợi chuyện ấy: cậu là người Êcôtxơ hoặc gần như thế và như mọi người có giáo dục ở bên kia

sông Tuyt (con sông nhỏ chia cắt nước Anh với Êcôtxơ – N.D), cậu phải có những giờ phút tồi tệ là người ta giận giữ nhìn cậu. Vả lại, cậu hiểu đấy, mình cho cậu một lời khuyên, thế thôi. Mình nói với cậu đừng tìm kiếm sự gây gổ cãi nhau; nhưng nếu người ta gây gổ với cậu thì, thề trước Thánh Chúa của mình, cậu đừng tránh né! Ôn dịch! Quan hệ là bảo trọng danh dự và bộ quân phục và, nếu cậu không giết chúng kịp thời thì hãy hết sức chú ý, cậu đã có bên mình một thanh gươm dài và một đoản kiếm và tự chúng sẽ ra khỏi vỏ.

-Hãy bình tâm, Patric, cậu sẽ lại thấy mình ở đây như cậu đã chia tay mình.

-Nhưng không, mà không, mình không muốn cậu lo lắng – con người miền núi cứng đầu khẩn khoản – cậu sẽ chết vì héo hon trong căn phòng này là nơi mà buổi tối nhìn không thú vị gì, bởi vì không muốn nhìn thấy gì ở đây cả mà ở đây ban ngày ta chỉ thấy mái ngói và tháp chuông, khi có khói và sương mù còn ngăn cản không cho nhìn thấy chúng nữa.

-Điều này luôn như ở đất nước chúng ta là nơi có mưa – Rôbơc nói.

-Chà – Patric nói – vậy khi nào có tuyết rơi?

Và hài lòng đã khôi phục danh dự cho xứ Êcôtxơ dưới quan hệ thời tiết, cuối cùng Patric quyết định ra đi nhưng ở trên đầu cầu thang, anh dừng lại mở cửa.

-Tất cả những chuyện này chỉ là cách đùa vui mà thôi – anh nói- đi, đến, chạy, tranh luận, cãi cọ, đánh nhau, cậu cứ việc miễn là cậu trở về không có lỗ thủng trên da thịt và bởi vậy, với chiếc áo chẽn của mình, mọi việc sẽ tốt đẹp; nhưng bạn thân mến ạ, mình sẽ có một lời khuyến cáo nghiêm chỉnh với cậu mà cậu cần suy nghĩ sâu sắc.

-Gì thế?

-Bạn ạ, xét tầm quan trọng của hoàn cảnh chúng ta đang sống và những sự đe doa mà những kẻ giáo đồ Canvanh ô nhục tự cho phép làm đối với nhà vua; vì vậy mình buộc phải trở lại điện Luvrơ vào đúng chín giờ; tối nay người ta đã ra lệnh triệu tập về trại sớm hơn bình thường một giờ.

-Cậu sẽ gặp mình ở đây khi cậu trở về.

-Vậy cầu Chúa phù hộ cho cậu!

-Và mong rằng niềm vui thú đưa các cậu đi!

-Vô ích – người lính xạ thủ phác một cử chỉ của kẻ yêu đương đắc thắng – nó đang đợi mình.

Lần này anh đi ra, nhẹ nhõm và đắc thắng như một đức ông đẹp trai trong triều khẽ hát một bài ca của xứ sở anh hẳn là vẳng tới tận Rôbơc Brutxơ (vua xứ Êcôtxơ, người đã giành lại tổ quốc khỏi sự đô hộ của Anh quốc năm 1314- N.D).

Người lính Êcôtxơ tội nghiệp vào giờ này sung sướng hơn người em họ của vua Nava, hơn ông hoàng trẻ và đẹp trai Lui- đờ- Côngđê.

Vả lại trong chốc lát nữa, chúng ta sẽ biết hoàng thân nói và làm gì trong lúc ấy, nhưng chúng tôi buộc phải nán lại làm bạn với ngài Rôbơc Stuya.

Người này, như chàng đã nói với bạn, có hai vấn đề suy nghĩ nghiêm trọng để không e ngại cho tới bốn giờ chiều; vậy là chàng giữ lời trong khi chờ đợi bạn chàng.

Từ bốn giờ đến năm giờ, chàng còn đợi bạn nhưng hết sức sốt ruột.

Đó là giờ mà chàng tính đợi ở cổng pháp viện để có những tin tức sốt dẻo, không phải là việc kết án pháp quan Anơ Đuybuôc nữa mà là quyết định nơi hành hình ông.

Vào năm giờ rưỡi, chàng không thể kìm mình và đến lượt chàng ra đi, tuy nhiên chàng để lại cho người đồng hương của chàng một mảnh giấy trong đó nói anh hãy bình tĩnh và rằng, đúng bảy giờ tối, chàng sẽ mang trả lại anh bộ quân phục.

Màn đêm bắt đầu buông xuống, Rôbơc đi như chạy tới cổng pháp viện.

Có một đám rất đông tụ tập tại quảng trường, phiên họp của Tối cao pháp viện vẫn kéo dài.

Điều này giải thích cho chàng sự vắng mặt của bạn chàng là Patric, nhưng việc này không nói được điều gì với chàng về cuộc tranh luận trong pháp viện.

Mãi tới sáu giờ, các pháp quan mới ra về.

Kết quả của phiên họp đến tai Rôbớc thật thê thảm.

Cách thức hành hình đã được quyết định: pháp quan phải chịu hoả thiêu sống.

Chỉ có điều người ta không biết đích xác sẽ là vào ngày mai, ngày kia hoặc ngày tiếp sau tức là hai mươi hai, hai mươi ba, hoặc hai mươi bốn sẽ diễn ra cuộc hành quyết.

Có thể người ta sẽ hoãn việc hành quyết chậm lại vài ngày để hoàng hậu Mari Stuya khốn khổ là người bị thương hôm trước có thể tham dự cuộc hành hình.

Nhưng trong trường hợp vết thương quá nặng thì cuộc hành hình có hoãn cũng không quá một tuần lễ.

Rôbơc Stuya rời quảng trường pháp viện với ý định trở lại phố Battoa- Xanh-Ăngđrê.

Nhưng từ xa chàng nhìn thấy một người lính xạ thủ người Êcôtxơ đến trước giờ tập hợp cấm trại đi vào điện Luvrơ.

Lúc ấy, chàng nảy ý nghĩ: đó là thâm nhập Luvrơ dưới bộ quân phục của bạn chàng để có được nguồn tin xác thực về nữ hoàng trẻ mà sức khoẻ hẳn có ảnh hưởng khủng khiếp tới mạng sống của người tử tội.

Chàng còn gần hai giờ và chàng đi về hướng Luvrơ.

Chàng không gặp một khó khăn nào kể cả cổng thứ nhất lẫn cổng thứ hai. Vậy là chàng đã ở trong sân.

Vào lúc đó người ta báo có một phái viên của pháp viện. Người phái viên này muốn nói với nhà vua nhân danh đơn vị lừng danh mà ông là sứ giả.

Người ta đưa Đăngđơlô đến.

Đăngđơlô tới nhận lệnh của nhà vua.

Mười phút sau, ông trở lại, tự mình chịu trách nhiệm đưa viên pháp quan vào

Rôbơc Stuya hiểu rằng với một chút kiên nhẫn và khôn khéo, chàng sẽ biết những gì chàng muốn biết khi viên pháp quan đi khỏi. Vậy là chàng đợi.

Viên pháp quan ở lại với nhà vua gần một giờ.

Rôbơc Stuya đã chờ đợi khá lâu và chàng quyết định chờ đến phút chót.

Cuối cùng viên pháp quan đi ra.

Đăngđơlô dẫn ông đi có vẻ rất buồn, còn hơn buồn, mặt tối sầm lại.

Ông nói rất nhỏ vào tai viên chỉ huy đội cảnh binh Êcôtxơ và rút lui.

Những lời ấy rõ ràng có quan hệ tới sứ mệnh của viên pháp quan.

-Thưa các ông- viên chỉ huy đội cận vệ Êcôtxơ nói với những người của ông – các ông sẽ được báo trước rằng ngày kia sẽ có một công vụ đặc biệt là hành quyết pháp quan Đuybuôc ở quảng trường Grevơ.

Rôbơc Stuya đã biết điều chàng muốn biết và chàng cũng nhanh chóng bước vài bước về phía cổng, nhưng chắc hẳn chàng suy nghĩ điều gì vì chàng đột ngột dừng lại và sau vài phút suy nghĩ sâu sắc, chàng quay lại lẩn vào giữa những người bạn "lính" của chàng, một việc thật dễ dàng vì đông người và đêm quá tối.

§13. Chuyện gì có thể xảy ra dưới gầm giường

Khi vào trong phòng Biến hình, hoàng thân Côngđê đã hẹn gặp Đăngđơlô ở nhà đô đốc anh ông vào trưa hôm sau.

Hoàng thân sốt ruột để kể những sự kiện hôm trước vơi Côlinhi, nhất là với Đăngđơlô trẻ hơn và ít nghiêm khắc hơn ông anh ở phố Bêtexi trước giờ ấn định.

Về phía Đăngđơlô, ông đã đến trước hoàng thân. Ông đã ở cùng Côlinhi đã một giờ và mối tình phóng đãng của tiểu thư Xanh Ăngđrê đã được phán xét một cách nghiêm trọng nhất giữa hai tinh thần khắc nghiệt này không như giữa hoàng thân và Đăngđơlô.

Liên minh giữa thống chế Xanh Ăngđrê với nhóm Ghidơ không chỉ là liên minh giữa gia đình với gia đình mà còn là liên minh tôi giáo và chính được tạo nên để chống lại phe đảng Canvanh; và cái cách mà người ta đã khởi sự với pháp quan Anơ Đuybuôc chỉ ra rằng người ta không hề dè dặt trong việc đối xử khôn khéo đối với những người tân giáo.

Hai anh em đã tái mặt về bức thư của tiểu thư Xanh Ăngđrê; họ đã cố lục lọi trong kí ức, nhưng cả người này lẫn người kia đều không nhận dạng được chữ viết của lá thư và họ đã chuyển cho bà đô đốc đang giam kín mình trong buồng phòng bà làm những chuyện mộ đạo của bà, để biết những kỉ niện của bà có phục vụ cho việc truy tìm chữ viết của lá thư ấy hơn chồng và em chồng bà hay không.

Trong hoàn cảnh khác, Đăngđơlô và nhất là Côlinhi đã chống lại những việc người anh em kết nghĩa của họ là hoàng thân Côngđê tiếp tục cuộc phiêu lưu điên rồ ấy; nhưng những tấm lòng trung thực nhất đã có những sự nhượng bộ nào đó về lương tâm mà họ tin là buộc phải nhượng bộ trong những hoàn cảnh lớn lao đặc biệt.

Vả lại, thật quan trọng đối với phe đảng Canvanh, là ông đờ Gioanhvin không hề cưới tiểu thư Xanh Ăngđrê và, ít ra cuộc hẹn hò của tiểu thư Xanh Ăngđrê không phải với ông hoàng đờ Gioanhvin, điều này không thể có được mà chắc chắn hơn cả là ông đờ Côngđê, giả thử là ông này đã thấy vài điều gì đó sẽ gây ra dư luận ầm ĩ về những gì ông đã nhìn thấy, dư luận này sẽ tới tai những ông Đờ Ghidơ và vài sự đổ vỡ sẽ tiếp theo đó.

Còn hơn thế; từ sự thiếu thận trọng của hoàng thân Côngđê sẽ nổi lên điều đắng cay cho ông theo mọi khả năng có thể; thế mà hoàng thân đang lửng lơ giữa Thiên Chúa giáo và giáo phái Canvanh, bị Côlinhi và Đăngđơlô lôi kéo, có thể trở thành tín đồ Tin lành.

Đối với một phe đảng thì một người có giá trị hơn một chiến thắng.

Mà đó không chỉ là một con người mà là một nhân vật quang vinh, là ông hoàng đẹp trai, trẻ trung, trung thực và dũng cảm.

Vậy là người ta đợi ông ở lâu đài Côlinhi với sự sốt ruột mà ông không ngờ tới.

Như chúng tôi đã nói, ông tới trước giờ hẹn và theo lời mời của hai anh em là làm một cuộc xưng tội toàn bộ, ông bắt đầu câu chuyện kể theo đó, chúng tôi nói là vì vinh dự của tính xác thực của nó, ông hoàng không giấu những người nghe một điều gì về những việc đã xảy ra với ông.

Ông kể lại những gì ông đã nhìn và nghe thấy, không bỏ sót một chi tiết nào, nói cả trong tư thế nào mà ông đã nghe về những điều ông đã kể.

Hoàng thân là một người có trí tuệ nên bắt đầu câu chuyện bằng cách tụ chế giễu mình nhằm đi trước những người kia làm cho những người này thấy rằng việc đã được nêu rồi không còn ý nghĩa giễu cợt nữa.

-Bây giờ – đô đốc hỏi sau khi hoàng thân chấm dứt câu chuyện kể- ông tính làm gì đây?

-Quả thật –Côngđê nói- một việc thật đơn giản là hơn bao giờ hết tôi trông cậy việc này ở ông, Đăngđơlô thân mến, lặp lại cuộc phiêu lưu của tôi.

Hại anh em nhìn nhau.

Hoàng thân cố bám lấy những ý nghĩ của mình nhưng Côlinhi vì danh dự của mình tin rằng phải có vài lời phản bác.

Nhưng vừa cất lời vội nói để can ngăn hoàng thân thì ông này đã đặt bàn tay lên cánh tay ông: -đô đốc thân mến, nếu ông không đồng ý với tôi về điểm này, chúng ta nói tới chuyện khác xét rằng tôi đã quyết định việc này và tôi sẽ phải trả giá lớn để đấu tranh với lý lẽ và ý chí của con người mà tôi yêu và kính trọng hơn hết trên đời, có nghĩa là ông đấy.

Đô đốc cúi mình trước con người kiên quyết giữ chủ ý của mình và ông cảm thấy bất lực để đâú tranh, nhưng tự đáy lòng, ông rất vui trước sự kiên tâm của người em kết nghĩa này.

Coi như việc đã thoả thuận là tối ấy như đêm trước, Đăngđơlô tạo điều kiện dễ dàng cho hoàng thân xâm nhập vào phòng Biến hình.

Cuộc hẹn ấn định vào mười lăm phút trước nửa đêm cũng hành lang như đêm trước.

Khẩu lệnh đã được trao cho hoàng thân nhằm để ông có thể vào không khó khăn gì. Rồi ông xin lại bức thư.

Lúc ấy, đô đốc thú nhận với ông hoàng là cả ông lẫn em ông đã không thể nhận ra nét chữ trên nên ông đã đưa bức thư cho bà đô đốc mà vào giờ này không ai dám đến buồng bà vì bà đang cầu kinh mộ đạo.

Đăngđơlô nhận trách nhiệm hỏi xin lại bức thư ở bà chị dâu ngay tối hôm ấy tại câu lạc bộ của hoàng thái hậu Catơrin và đô đốc cam chắc là nhắc nhở vợ ông phải mang bức thư ấy vào Luvrơ.

Những điểm này đã được quyết định, Đăngđơlô và hoàng thân cáo từ đô đốc, Đăngđơlô trở lại đơn vị của ông và hoàng thân trở về nhà mình.

Thời gian còn lại trong ngày trôi chậm chạp và sôi sục đối với ông hoàng như thời gian ngày hôm trước cũng trôi như vậy.

Cuối cùng thì giờ này qua giờ khác và nửa giờ trước nửa đêm cũng đã tới. Ta biết rằng qua những điều đã xảy ra với Rôbơc Stuya ba giờ trước khi hoàng thân vào lâu đài thì đó cũng là những mối bận tâm như thế của chàng vào buổi tối.

Ở Luvrơ, người ta chỉ nói tới việc hành hình pháp quan Đuybuôc được chính nhà vua ấn định vào hai ngày sau.

Hoàng thân nhận thấy Đăngđơlô buồn rầu rất sâu sắc, nhưng cuộc hành quyết này thực sự đã quyết định không thể chối cãi được là sự tín nhiệm mà ông Đờ Ghidơ, kẻ ngược đãi hành hạ pháp quan Đuybuôc được hưởng ân huệ của nhà vua, vì vậy Đăngđơlô chỉ có một ước muốn nóng bỏng là được thấy ông đờ Gioanhvin có cơ bị mắc lừa gạt và chỉ ít được cười sư kì quặc giữa thắng lợi đẫm máu của những kẻ thù của ông.

Như đêm trước, hành làng chìm đắm trong bóng tối; như đêm trước, gian phòng Biến hình chỉ được chiếu sáng bởi ngọn đèn bằng bạc; như đêm trước, những ngọn đèn chùm chỉ đợi lệnh để lại được chói sáng những vẻ đẹp duyên dáng mà chúng đã toả sáng đêm trước.

Duy lần này, chiếc lan can của khuê phòng được mở ra.

Đó là một chỉ dẫn nữa khẳng định cuộc hẹn hò không hề được bãi lệnh.

Và, ông tin là nghe thấy những bước chân ở hành lang, hoàng thân trườn nhanh xuống gầm giường, không chút khó nhọc vào đêm nay, vẫn những suy tư như đêm trước, chứng tỏ người ta đã quen được mọi thứ, ngay cả ẩn náu dưới gầm giường.

Hoàng thân đã không nhầm; đúng là tiếng những bước chân mà ông nghe được trong hành lang, và những tiếng bước chân ấy rõ ràng là đàng tìm đến gian phòng Biến hình và chúng dừng lại trước cửa vào và hoàng thân nghe thấy tiếng cánh cửa xoay trên chiếc bản lề.

-Tốt! – Ông nói – Cặp tình nhân của chúng ta hôm nay vội vàng hơn hôm qua; điều này thật hết sức đơn giản là đã qua hai mươi bốn giờ họ không gặp nhau.

Những tiếng bước chân lại gần nhẹ nhàng như những tiếng bước chân của những kẻ lén lút đi vào.

Hoàng thân trườn cổ và nhìn thấy đôi chân trần của một lính xạ thủ đội cận vệ Êcôtxơ.

-Ô! Ô! – Hoàng thân khẽ thốt lên – Thế này là thế nào?

Và ông vươn dài cổ một chút nữa, đến mức sau đôi chân, ông nhìn thấy cơ thể người này.

Ông đã không lầm vì đúng là một lính xạ thủ đôi cận vệ người Êcôtxơ vừa mới đi vào.

Chỉ có điều người mới đến hầu như cũng lạc lõng bỡ ngỡ như bản thân ông đêm trước; như hoàng thân đã làm, người này vén những tấm rèm và những tấm thảm ở các bàn, nhưng không có những chỗ nào trong tất cả những thứ này cho người đó tìm được một chỗ trú ẩn tốt, người này trườn vào gầm giường đối diện với hoàng thân vừa trườn vào.

Duy trước khi người Êcôtxơ có thời cơ để nằm thuận tiện thì người này cảm thấy mũi dao nhọn tì vào tim mình trong lúc một giọng nói vào tai chàng: -Tôi không biết ông là ai kể cả ý định nào đưa ông tới đây nhưng không được nói một lời, không một hành động hoặc là ông chết.

-Tôi cũng không biết ông là ai kể cả ý định nào đưa ông tới đây- người mới đến trả lời cùng bằng giọng ấy- nhưng tôi không chấp nhận điều kiện của ai cả: vậy ông hãy nhấn sâu con dao găm của ông nếu điều này thích hợp với ông;vị trí tốt đấy, tôi không sợ chết đâu.

-A!A! – Hoàng thân nói- Ông có vẻ là một con người dũng cảm và những người dũng cảm luôn luôn được tôi hoan nghênh. Tôi là hoàng thân đờ Côngđê, thưa ông, và tôi tra lại con dao găm của tôi vào vỏ đây. Tôi mong rằng ông cũng có niềm tin cậy đối với tôi và nói cho tôi biết ông là ai.

-Tôi là người Êcôtxơ, thưa ngài, tên là Rôbơc Stuya.

-Cái tên này thật xa đối với tôi, thưa ông.

Người Êcôtxơ im lặng.

-Xin ông vui long- Hoàng thân nói tiếp- hãy nói cho tôi biết ông đến căn phòng này nhằm việc gì và ý nghĩ nào mà ông lại ẩn mình dưới gầm giường này.

-Ngài cứ cho tôi ví dụ về lòng tin cậy, tôi sẽ rất vinh dự được ngài nói tiếp cho tôi biết với ý định nào mà chính ngài cũng ở đây?

-Quả thật, thưa ông, việc đơn giản thôi – Hoàng thân nằm lại cho dễ chịu hơn lúc ban đầu – tôi say mê tiểu thư Xanh Ăngđrê.

-Con gái thống chế à?

-Đúng thê, thưa ông, chính là nàng. Vả lại qua con đường gián tiếp, được biết tin là nàng có cuộc hẹn hò với người tình của nàng tối nay ở đây, tôi mắc tội tò mò muốn biết kẻ sung sướng chết người ấy được hưởng ân huệ của cô gái đức hạnh và tôi chui xuống gầm giường này là chỗ bị khá gò bó, tôi xin thú nhận với ông điều này. Đến lượt ông, thưa ông.

-Thưa ngài, sẽ không cần nói rằng một kẻ lạ mặt có ít sự tin cậy ở một ông hoàng hơn nữa ông hoàng ấy đã có sự tin cậy ở kẻ đó trong chốc lát: chính tôi đây hôm kia và hôm qua đã viết thư cho nhà vua.

-A! Chán thật! Còn ai đã chuyển những lá thư ấy của ông đến địa chỉ ấy qua những cửa sổ của thống chế Xanh Ăngđrê.

-Vẫn là tôi.

-Xin lỗi- Hoàng thân nói- Nhưng thế…

-Sao? thưa ngài.

-Nếu tôi nhớ rõ thì trong bức thư ấy, ít ra trong bức thư đầu, ông đã đe doạ nhà vua.

-Vâng, thưa ngài, nếu nhà vua không hề trả lại tự do cho pháp quan Anơ Đuybuôc.

-Và để nhằm cho việc đe doạ của ông nghiêm trọng hơn, ông nói rằng chính ông đã giết hại chánh án Mina chứ? – Hoàng thân hỏi, khá sửng sốt thấy mình ở sát sườn một con người đã viết những bức thư như vậy.

-Đúng thế, chính tôi đây, thưa ngài; là người đã giết chánh án Mina – Người Êcôtxơ trả lời mà ta không thể chút nào nhận ra sự biến đổi trong giọng nói của chàng.

-Có lẽ ông sẽ dùng bạo lực với nhà vua phải không?

-Tôi ở đây với ý định đó.

-Với ý định đó ư? -Hoàng thân kêu to quên rằng nơi ông đang nằm và mối hiểm hoạ sẽ đến với ông nếu bị nghe thấy.

-Vâng, thưa đức ông, nhưng tôi xin lưu ý Điện hạ là ngài nói hơi to và tư thế mập mờ của chúng ta buộc chúng ta phải nói nhỏ đấy.

-Ông có lý- Hoàng thân nói- Vâng, bực thật! Thưa ông, chúng ta nói chậm vậy, bởi vì chúng ta đang nơi những chuyện gây tiếng vang xấu trong một cung điện Luvrơ đây.

Và ông hạ thấp giọng: -Ôn dịch! Thật rất may mắn cho hoàng thượng là ta ở đây đúng lúc, trong khi đến đây hoàn toàn vì chuyện khác.

-Vậy ngài tính chống đối dự định của tôi.

-Tôi tin chắc điều này! Như ông tiến tới đó! Ông quyết định làm việc này đối với ông vua để ngăn cản việc hoả thiêu một pháp quan ư?

-Ông pháp quan ấy, thưa ngài, là con người trung thực nhất trên đời.

-Bất kể.

-Ông pháp quan ấy, thưa ngài, là cha tôi.

-A! Đó lại là chuyện khác. Này! Vậy thì thật hết sức may mắn, không riêng đối với nhà vua mà cả đối với ông mà tôi được gặp ông ở đây.

-Tại sao thế?

-Ông sẽ thấy… xin lỗi, mà tôi đã không nghe thấy chằng?… Không, tôi lầm … Ông hỏi tôi vì sao thật vì sao may mắn là tôi đã gặp ông ư?

-Vâng.

-Tôi sẽ nói với ông điều này: trước hết, ông hãy thề danh dự với tôi là không làm một điều xấu nào đối với nhà vua.

-Không bao giờ.

-Nhưng nếu tôi cam đoan thề với ông với lòng chân thành của một ông hoàng là có được sự gia ân cho pháp quan thì sao? Tôi đây.

-Nếu ngài cam đoan với lòng chân thành của ngài, thưa ngài.

-Vâng.

-Thế thì, hứa chân thành của Rôbơc Stuya! Thưa ngài. Nếu nhà vua ban cho ngài sự gia ân ấy, nhà vua sẽ là thiêng liêng đối với tôi.

-Hai con người có danh dự chỉ cần trao đổi với nhau một lời, lời thề của chúng ta đã được trao đổi, vậy chúng ta nói tới chuyện khác nhé.

-Thưa ngài, tôi tin rằng tốt hơn cả là hai chúng ta không nên nói gì hết.

-Ông nghe thấy tiếng động à?

-Không, nhưng lúc này tới lúc kia…

-Chà! Chúng để cho ông có thời gian để nói với tôi ông làm thế nào mà ở đây được.

-Thật rất đơn giản, thưa ngài: tôi xâm nhập vào Luvrơ nhờ sự cải tranh này.

-Vậy ông không phải là lính xạ thủ à?

-Không, tôi mặc bộ quân phục này của bạn tôi.

-Ông đã gây khó khăn cho bạn ông đấy.

-Tôi tuyên bố là đã đánh cắp của anh ấy bộ quân phục này.

-Nếu ông bị giết mà không có thời gian nói lời tuyên bố ấy?

-Người ta sẽ tìm trong túi áo tôi mảnh giấy nói rằng anh ấy vô tội.

-Nào, tôi thấy ông là con người khá chu đáo, nhưng tất cả mọi chuyện đó không nói với tôi làm thế nào mà ông lọt được vào tận đây, cả việc làm thế nào mà ông lại chui vào tận gầm giường căn phòng này, trong đó hoàng thượng có lẽ chỉ đặt chân tới đây mỗi năm có bốn lần thôi.

-Bởi vì hoàng đế hôm này tới đây, thưa đức ông.

-Ông tin chắc như thế ư?

-Vâng, thưa đức ông.

-Thế nào mà ông lại tin chắc điều này? Nào, ông hãy nói đi.

-Chỉ mất một lát khi tôi đang ở trong hành lang.

-Hành lang nào?

-Tôi không biết vì lần đầu tiên tôi vào Luvrơ.

-Này! Mới lần đầu mà ông không bước nhầm! Vậy ông đã ở trong hành làng ư?

-Nấp sau cửa một căn phòng không có ánh sáng thì tôi nghe thấy tiếng thì thầm cách tôi hai bước chân. Tôi lắng tai nghe và nghe được những lời nói sau của hai người phụ nữ như sau: -Vẫn là tối nay phải không?

-Vâng.

-Trong phòng Biến hình?

-Vâng.

-"Đúng một giờ, nhà vua sẽ tới đấy. Tôi đi đặt chìa khoá đây.

-Ông đã nghe như thế hả? – Hoàng thân kêu lên, quên bẵng là ông đang ở nơi nào và tiếng ông vang lên ghê gớm.

-Vâng, thưa ngài- Người Êcôtxơ trả lời – nếu khác đi thì tôi đến gian phòng này làm gì chứ?

-Đúng thế – Hoàng thân nói

Và ông trầm giọng lẩm bẩm nói riêng với mình: "Đó là nhà vua."

-Ngài nói gì? Thưa đức ông – Người lính xạ thủ nói tiếp, tưởng rằng những lời ấy nói với chàng.

-Tôi hỏi ông, thưa ông, ông làm thế nào tìm được căn phòng này vì ông thú nhận là ông không biết Luvrơ.

-Ồ! Thật là đơn giản, thưa đức ông. Tôi hé mở cánh cửa và đưa mắt theo người đàn bà vừa đến tra chìa khoa vào ổ. Tra chía khoá xong, người ấy tiếp tục đi con đường của bà ta và biến mất ở đầu hành lang. Lúc ấy đến lượt tôi hành động gấp khi tôi nghe thấy những bước chân tiến lại gần: tôi náu mình sau một tấm thảm treo, một người đàn ông đi qua rồi đến lượt tôi dõi mắt theo ông ta và tôi thấy ông ta dừng lại ở cửa phòng này, đẩy cửa rồi bước vào. Lúc ấy tôi tự nhủ: "Người đàn ông này đúng là vua!"Tôi chỉ đủ thời gian cầu nguyện phó thác linh hồn mình cho Chúa. Tôi đi theo con đường vừa chỉ dẫn cho tôi, hết người đàn bà đến người đàn ông ấy. Không những tôi chỉ nhìn thấy chiếc chìa khoá ở cửa, hơn thế, cửa vẫn hé mở: tôi đẩy cửa bước vào, không thấy ai cả, tôi đã tưởng mịnh bị lầm cho rằng người đàn ông mà tôi nghĩ là quen thuộc với Luvrơ đã vào một gian bên. Tôi liền tìm một chỗ ẩn mình. Tôi thấy cái giường… Phần còn lại, ngài đã biết thưa đức ông.

-Ừ, chán thật, tôi biết rồi nhưng…

-Hãy im lặng thưa đức ông.

-Sao?

-Lần này, họ tới đấy.

-Tôi giữ lời hứa của ông, thưa ông.

-Còn tôi, lời hứa của đức ông, thưa đức ông.

Hai bàn tay của hai người đàn ông chạm vào nhau.

Một bước chân nhẹ nhàng, bước chân đàn bà rón rén đặt lên tấm thảm.

-Tiểu thư Xanh Ăngđrê – Hoàng thân nói rất khẽ – kia, ở bên trái tôi ấy. Trong lúc ấy, cửa mở ra ở đầu khác căn phòng và một người đàn ông trẻ tuổi hầu như một đứa trẻ bước vào.

-Nhà vua! – Người Êcôtxơ nói rất nhỏ – Đó, ở bên phải tôi ấy.

-Bực thật, – Hoàng thân lẩm bẩm – Đây là một người mà ta thú nhận rằng còn lâu ta mới ngờ tới.

§14. Những nhà thơ của hoàng thái hậu

Căn hộ của Catơrin Mêđixit ở Luvrơ được căng vải nâu, quanh tường là những tấm ván ghép bằng gỗ sồi màu sẫm. Goá bụa mới được vài tháng, trong lúc này bà mặc tang phục mà có lẽ mặc trong cả cuộc đời còn lại của bà, thoạt nhìn cho cảm giác thật tang tóc nhưng đủ để ngẩng đầu lên long đỉnh mà bà ngồi dưới đó để tin chắc người ta không hề ở trong mộ địa.

Thực tế, trên chiếc long đỉnh có một vòng cầu vồng được viền quanh một câu châm ngôn Hilạp của nhà vua cho con dâu, được dịch ra những từ sau: "Ta đem lại ánh sáng và sự thanh bình."

Ngoài chiếc cầu vồng này như một chiếc cầu nối quá khứ và tương lai, giữa tang tóc và lễ hội đã không đủ làm bình tâm người lạ đột nhiên vào trong căn hộ này, người ấy chỉ có đưa mắt nhìn từ trên xuống dưới chiếc long đỉnh và nhìn con người thực sự đẹp đẽ ngồi trong chiếc ghế bành có tên là Catơrin-đờ-Mêđixit, vây quanh là bảy người đàn bà trẻ mà người ta gọi là hội tao đàn hoàng gia.

Sinh năm 1519, con gái của Lôrăng đã bước sang tuổi tứ tuần và nếu màu sắc y phục của bà gợi nên vẻ chết chóc trong tất cả sự cứng rắn lạnh lùng của bà thì đôi mắt tinh anh sắc sảo toả ánh sáng siêu tự nhiên biểu lộ cuộc sống trong toàn bộ sức mạnh và sắc đẹp của bà. Ngoài ta, sắc trắng ngà của vầng trán, nước da sáng, sự trong sáng, vẻ cao quý, tính nghiêm khắc của những đường nét trên bộ mặt bà, cái nhìn kiêu hãnh, sự bất động của vẻ mặt, không ngừng đối lập với đôi mắt luôn đưa đẩy của bà, tất cả tạo nên từ cái đầu ấy một bộ mặt của nữ hoàng La Mã và nhìn nghiêng, với con mắt chiếu thẳng, đôi môi bất động, ta tưởng đó là một tượng đá cổ.

Tuy nhiên, vầng trán lúc bình thường u tối còn lúc này vừa sáng lên, đôi môi lúc thường vẫn mím chặt vừa hé mở mấp máy và khi bà đô đốc bước vào, bà gắng lắm mới kìm nổi tiếng kêu ngạc nhiên khi nhìn thấy nụ cười của bà này chỉ hơi mỉm miệng.

Nhưng bà sớm đoán ra ngay dưới sức mạnh bí mật nào mà nụ cười ấy hé mở.

Ngồi gần hoàng thái hậu là ngài hồng y giáo chủ Loren, tổng giám mục Rem và Nacbon, giám mục ở Metj, Tun và Vecđoong, Têruan, Luyxông, Valăngxơ, linh mục ở Xanh Đơnit, Fêcăm, Cluyny và Macmuchiê vân vân…

Hồng y giáo chỉ Loren mà hầu như chúng tôi quan tâm nhiều hơn bà hoàng Catơrin, xét tới địa vị quan trọng mà ông đảm nhiệm trong lịch sử cuối thế kỉ mười sáu; hồng y giáo chủ Loren là con trai thứ của quận công Đờ Ghidơ đệ nhaant, anh của Balafrê; hồng y giáo chủ Loren này mà mọi ân sủng của giáo hội, được biết và không được biết ở Pháp cùng lúc được truyền tụng; cuối cùng con người này được cử tới La Mã năm 1548, đã tạo được một cảm nghĩ thật lớn

lao trong cái thành phố của giáo hội bởi sự trẻ trung, vẻ đẹp trai, sự duyên dáng, vóc người oai vệ, phong cách tuyệt vời, những cách ứng xử lịch thiệp, tình yêu khoa học của ông; mọi sự thiên tư nhận được của tạo hoá hoàn thiện và đóng khung bới nền giáo dục đã chứng minh ở món quà tặng là chức hồng y giáo chủ La Mã mà giáo hoàng Pôn đệ tam đã phong cho ông từ một năm nay.

Sinh năm 1525, vào thời này, ông ba mươi tư tuổi. Đây là một kị sĩ phi thường, đẹp trai, kiêu căng và phóng khoáng, nhắc lại với mẹ nuôi Catơrin của ông khi người ta trách cứ họ về nền tài chính kiệt quệ.

-Ta phải ca ngợi Chúa Trời về tất thảy; nhưng ta phải sống.

Mẹ nuôi Catơrin của ông, vì chúng ta đã gán cho ông cái từ gia đình thân thuộc ấy, thực sự là mẹ đỡ đầu của ông theo mọi nhận thức của từ này, vào thời ấy, bà không làm việc gì mà không hỏi ý kiến ngài hồng y giáo chủ Loren. Sự thâm giao này cắt nghĩa bởi sự chế ngự mà hồng y giáo chủ tác động tới tinh thần của hoàng thái hậu và cho ta hiểu thế lực vô biên và quyền uy tuyệt đối của dòng họ Loren tại cùng đình nước Pháp.

Khi nhìn thấy hồng y giáo chủ Loren tựa người vào chiếc ghế bành của Catơrin, bà đô đốc tự giải thích nụ cười của hoàng thái hậu: chắc chắn hồng y giáo chủ vừa kể một câu chuyện nào đó với tinh thần châm biếm cao độ của ông.

Những nhân vật khác vây quanh hoàng thái hậu là Frăngxoa-đờ-Ghidơ và ông hoàng Gioanhvin, con trai của ông và là vị hôn phu của tiểu thư Xanh Ăngđrê; thống chế Xanh Ăngđrê; ông hoàng Môngpăngxiê và vợ ông là Giăccơlin Hôngri thật nổi tiếng bởi được tín nhiệm gần gũi Catơrin-đờ-Mêđixit, ông hoàng LaRôtxơ-suya-yông.

Sau họ là: ngài Buôcđây (Brăngtôm); Rônga; Baip; " cũng hiền lành như là thi sĩ tồi", nói như hồng y giáo chủ Đuyperông Đôra là " tinh thần đẹp đẽ, thi sĩ xấu xa và là Panhđa (Pindare: ông trùm các nhà thơ trữ tình Hy Lạp (521-441 trước Thiên chúa giáng sinh). Tư tưởng mạnh bạo và ẩn dụ, văn phong rạng rỡ, uy nghiêm, hình ảnh dồi dào, phong phú, chuyện thuật nồng nhiệt và hoa mỹ là những nét nổi bật của những bài thơ của ông, tuy nhiên hơi khó hiểu và kiêu kì. (N.D)) của nước Pháp" như những người đương thời của ông nói.

Rồi đến Rơmi Belô, ít được biết bởi bản dịch tồi Anacrêông và bài thơ của ông về sự khác nhau của những viên đá quý, nhưng nổi tiếng bởi bài ca tươi mát về tháng tư; Pôngtuyt-đờ-Tia, nhà toán học, triết học, thần học và thi sĩ, " Con người này, theo Rôngxa, là người đưa khổ thơ mười bốn câu và nước Pháp"; Giôđen, tác giả kịch bản Clêôpattrơ, vở kịch đầu tiên của nước Pháp, Chúa tha thứ cho ông ở trên trời như chúng ta tha thứ cho ông ở thế gian! Tác giả vở Điđông, vở kịch thứ hai: vở Ơgien, hài kịch và một loạt những bài thơ về bốn câu, những bài Catơrin, thơ trữ tình và bi ca phổ biến vào thời kì ấy nhưng lại không được biết tới ở thời hiện đại chúng ta, cuối cùng là toàn bộ nhóm bảy nhân

vật nổi danh trừ Clêmăng Marô chết năm 1544 và Giôaxim-đuy-Belay được Macgơrit-đờ-Nava mệnh danh là Ôviđơ nước Pháp.

Tối nay, mọi nhà thơ ấy đều tụ họp tại nhà hoàng thái hậu mà lúc bình thường đã ít cố gắng để có mặt với sự hiện diện của những người này với những người khác vì đây là do tai nạn xảy ra đêm hôm trước với nữ hoàng trẻ Mari Stuya.

Ít ra đó là cái cớ cho mỗi người vịn vào, bởi vì nói đúng ra, sắc đẹp, sự trẻ trung, vẻ duyên dáng, tinh thần của người đàn bà trẻ đối với họ đã nhạt nhoà trước vẻ oai vệ và đầy quyền lực của hoàng thái hậu. Vì vậy, sau vài lời chia buồn sáo rỗng về một sự kiện hẳn có những hậu quả khủng khiếp trong tương lai, việc mất một kẻ thừa kế vương miện, người ta chóng quên lý do cuộc viếng thăm để chỉ còn nghĩ tới những ân huệ, những sự ưu ái hoặc lợi lộc mà người ta xin xỏ cho những người của họ hoặc cho chính bản thân họ.

Người ta cúng nói tới hai lá thư đe doạ lần lượt gửi tới nhà vua nước Pháp qua các cửa sổ của thống chế Xanh Ăngđrê, nhưng câu chuyện không hề tỏ ra có đầy đủ hứng thú nên tự nó bị rơi tõm mất.

Khi bà đô đốc tới, mọi bộ mặt tươi tỉnh ấy liền cau có và cuộc nói chuyện đang vui vẻ trở nên lạnh nhạt và nghiêm trang.

Người ta nói rằng đó là việc một kẻ thù đến trong một phe liên minh.

Thật thế, do lòng mộ đạo khắt khe, bà đô đốc Côlinhi là một cái bóng che mờ bảy ngôi sao vây quanh Catơrin.

Như bảy cô gái của Atlat, những vì sao sáng chói ấy cảm thấy khó chịu trước đức hạnh không gì lay chuyển nổi ấy và biết bao lần người ta tìm cách làm tổn thương và họ đã buộc phải vu khống do không thể gièm pha.

Giữa sự im lặng thật có ý nghĩa ấy, bà đô đốc tỏ ra không hề để tâm, bước đến hôn bàn tay bà hoàng thái hậu Catơrin và trở lại ngồi trên một chiếc ghế đẩu, bên phải là ông hoàng Gioanhvin, bên trái là ông hoàng La Rôtxơ-suya-yoong.

-Này! Các ông ở Thi đàn- Catơrin nói sau khi bà đô đốc đã ngồi xuống – Không ai trong các ông không thể kể cho chúng tôi nghe bài ca mới nào, bài thơ bát cú nào hoặc bài thơ hay ho nào chứ? Nào, nhạc trưởng Rôngxa, ông Giôđen, ông Rơmi Benlô, chính các ông hãy khơi mào câu chuyện đấy; có đáng tự hào có ở nhà mình những con chim, nếu những con chim này lại không biết hót! Ông Piê đờ Buôcđây vừa làm chúng ta vui vì câu chuyện hay, các ông hãy làm chúng ta vui bằng những bài thơ đẹp nào.

Bà hoàng nói những lời này bằng âm tiết nửa Pháp, nửa Ý, đem lại một sự duyên dáng thật màu mè cho câu chuyện của bà khi bà vui vẻ tự nhiên, nhưng miệng lưỡi của Đăngtơ, bà biết lấy giọng chì chiết khủng khiếp khi vẫn là câu chuyện ấy trở thành u tối.

Vì Catơrin nhìn cắm vào ông Rôngxa làm ông này phải đi đầu đáp lại lời kêu gọi ấy: -Tâu nữ hoàng kiều diễm- ông nói- Tất cả những gì tôi nói thì lệnh bà đã

biết cả còn đối với những gì lệnh bà chưa biết thì thần không quá lời để lệnh bà biết.

-Tại sao thế? Nhạc trưởng- Catơrin hỏi.

-Bởi vì đó là những loại thơ tình được làm cho những kẻ ở trong buồng buồng ngủ mà mẫu hoàng khá oai nghiêm thì sao người ta lại dám hát trước mặt người những bản tình ca của những mục đồng ở Nhiđơ được.

-Chà – Catơrin nói- ta chẳng phải là người ở xứ sở của Pêtraccơ và Bôcaxơ ư? (Pêtraccơ(Péttrarque), thi sĩ Ý nổi tiếng về những bài thơ có ngôn ngữ nôm na – Bôcaxơ(Boccace), thì sĩ và văn sĩ Ý đã nâng cao cao và làm phong phú ngôn ngữ Ý) Hãy nói đi, nói đi, thày Piê, tất nhiên nếu bà đô đốc cho phép.

-Nữ hoàng là nữ hoàng ở đây cũng như mọi nơi khác, lệnh bà đã ra lệnh thì những lệnh đó phải được vâng lời!– Bà đô đốc nghiêng mình đáp.

-Ông thấy đấy, nhạc trưởng – Catơrin nói – ông có tất cả đặc quyền. Nào! Chúng ta nghe đây.

Rôngxa tiến lên một bước, lùa bàn tay vào trong bộ râu hung, ngước cặp mắt đầy vẻ dịu dàng trang trọng lên trời như lục tìm trong kí ức nguồn thi hứng và với giọng duyên dáng, ông đọc một bản tình ca mà không một ai trong những nhà thơ đương thời của chúng ta thèm muốn cả.

Sau ông này, đến lượt Rơmi Benlô đọc, theo yêu cầu của nữ hoàng Catơrin, một bản mục ca nói về những luyến tiếc của một con chim gáy đực đối với con chim gáy cái, bạn tình của nó. Đó là một ác ý ám chỉ bà đô đốc Côlinhi, bị những miệng lưỡi xấu xa ở trong Cung đình kết tội là bà có lòng thương cảm âu yếm thống chế Strôdi bị sát hại bởi một phát súng hoả mai năm trước ở giáo hội Tiôngvin.

Cử toạ vỗ tay trước sự ngỡ ngàng của bà đô đốc dẫu bà có sức mạnh tự chủ, bà vẫn không thể ngăn nổi máu dồn lên mặt.

Sự yên tĩnh gần được lặp lại thì Piê đờ Buôcđây, lãnh chúa Brăngtôm được mời kể về một vài giai thoại đàng điếm được kết thúc bởi một trận cười điên dại của cả cử toạ: người này cười ngất, người kia oằn người hoặc tựa người ngồi cạnh để khỏi ngã. Mọi cửa miệng thốt ra những tiếng kêu, những giọt nước mắt tuôn chảy từ những khoé mắt và ai nấy đều rút khăn tay nói: -Ôi! Thôi đi ông Đờ Brăngtôm, xin ông hãy thôi đi cho! Thôi đi!

Cũng như những người khác, bà đô đốc bị co thắt thần kinh không cưỡng nổi mà người ta gọi là cười, và cũng như mọi người bà rút mạnh khăn tay trong túi ra.

Thế là trong lúc rút chiếc khăn tay, bà đã cùng lúc lôi theo lá thư định mệnh định đem đưa cho bà Đăngđơlô.

Chỉ có điều bà đưa khăn tay lên lau nước mắt, thì lá thư rơi xuống đất.

Như chúng tôi nói, ông hoàng Đờ Gioanhvin ngồi cạnh bà đô đốc. Cười ngất nghiêng ngả, cố giữ lấy mạng sườn, ông hoàng trẻ đã nhìn thấy lá thư rơi, một lá thư thơm phức, được gấp cẩn thận, một lá thư thực sự êm dịu từ túi bà đô đốc rơi xuống. Ông hoàng Đờ Gioanhvin cũng rút khăn tay như mọi người. Ông cố để rớt chiếc khăn trùm lên lá thư và cúi xuống nhặt cả lá thư và chiếc khăn tay.

Rồi, tin chắc là cái này đã bọc cái kia, ông nhét cả hai thứ đó vào túi dành để đọc lá thư vào lúc thích hợp.

Thời gian thích hợp ấy chính là lúc bà đô đốc đi khỏi.

Như ở mọi cực điểm của sự vui vẻ, đau đớn hay cười cợt, tiếp sau những tiếng ồn ào của xã hội hoàng gia là một vài giây yên lặng trong đó chuông đồng hồ đã báo nửa đêm.

Tiếng chuông đồng hồ và cái giờ ấy nhắc bà đô đốc đã đến lúc bà trả lại lá thư cho Đăngđơlô và trở về lâu đài Côlinhi.

Bà lục trong túi tìm lá thư. Bức thư không còn trong túi nữa.

Bà tiếp tục lục soát trong tất cả các túi tiền đeo ở thắt lưng, trong ngực, nhưng hoàn toàn vô ích. Bức thư đã biến mất, bị đánh cắp hay đánh mất.

Bà đô đốc còn cầm chiếc khăn tay. Ý nghĩ chợt loé lên trong đầu bà là khi rút chiếc khăn tay ra khỏi túi, bà đã kéo theo cả lá thư.

Bà nhìn xuống đất: lá thư không có ở đấy. Bà dịch chiếc ghế: không có lá thư!

Bà đô đốc cảm thấy thất sắc.

Ông Đờ Gioanhvin theo dõi mọi hành động ấy của bà đô đốc không nén được hỏi: -Có chuyện gì vậy? Thưa bà đô đốc. Hình như bà tìm cái gì đó thì phải?

-Tôi ư? Không… Có… Không có gì… không có gì… tôi không mất gì cả – Bà đô đốc đứng lên, ấp úng.

-Ồ! Lạy Chúa tôi, bà bạn thân mến – Catơrin hỏi- Có chuyện gì xảy đến với bà vậy? Mặt bà chuyển từ trắng sang đỏ tía…

-Tôi cảm thấy khó chịu trong người, – Bà đô đốc bàng hoàng nói – Xin lệnh bà cho phép tôi cáo lui…

Catơrin bắt gặp cái nhìn của ông Đờ Gioanhvin và hiểu ý cái nhìn ấy, thấy cần để bà đô đốc hoàn toàn tự do.

-Ồ! Bạn thân mến – Bà hoàng nói với bà đô đốc- có Chúa mới che chở tôi đi giữ bà trong tình trạng bà đau khổ như thế này! Hãy trở lại nhà bà và hãy giữ gìn sức khoẻ vì sức khỏe của bà thật thân thiết đối với tất cả chúng tôi.

Bà đô đốc gần như nghẹn ngào tức tối, cúi mình không trả lời và đi ra.

Cùng với bà ra về còn có các ông Rôngxa, Ba-ip, Đôra, Giôđen, Ti-a, và Belô đưa tiễn bà; bà luôn lục tìm trong túi cho tới tận kiệu của bà; rồi sau khi thấy những người khiêng kiệu đi về hướng lâu đài Côlinhi, sáu thi sĩ đến bến cảng vừa chuyện trò về tài hùng biện và triết lý rồi đi về phố Fôtxe-Xanh-Victo, tại đây có

ngôi nhà của Ba-ip, một kiểu viện hàn lâm cũ mà mọi thi sĩ tụ tập hàng ngày, đúng hơn là một số đêm để sáng tác, bình thơ hoặc tất cả những vấn đề văn học hoặc triết học.

Chúng ta hãy để họ đi bởi họ tách khỏi con đường dẫn dắt chúng ta vào trong mê hồn trận của những âm mưu chính trị và tình ái mà chúng ta được tham dự, vậy chúng ta hãy trở lại chỗ ở của Catơrin.

§15. Macx và Vênuyts

Bà đô đốc vừa đi khỏi thì ai đó nghi ngờ có chuyện lạ lùng vừa xảy ra, kêu lên: -Bà đô đốc có chuyện gì vậy?

-Hãy hỏi ông Đờ Gioanhvin – Mẫu hoàng trả lời.

-Thế nào, hỏi ông ư?– Hồng y giáo chủ Loren hỏi.

-Hãy nói đi! Hoàng thân! Hãy nói đi – Tất cả các bà reo lên.

-Sự thật! Thưa các bà – ông hoàng trả lời – Tôi không biết nói gì với các bà cả- Nhưng ông rút từ túi ra một lá thư và nói thêm – đây là kẻ sẽ nói thay tôi.

-Một lá thư! – Người ta reo lên từ mọi phía.

-Một lá thư ấm áp, sực nức hương thơm, mịn màng rơi ra từ lúc nào vậy?

-Ôi! Hoàng thân…

-Các vị hãy đoán xem?

-Không, ông hãy nói đi.

-Trong túi kẻ thù nghiêm trọng của chúng ta, bà đô đốc!

-A! –Catơrin nói – Chính vì thế mà ông ra hiệu cho ta để bà ấy đi phải không?

-Vâng, thần xin thú nhận sự bất cẩn của mình, thần nóng lòng muốn biết có chuyện gì trong lá thư này.

-Và có chứ?– Catơrin hỏi.

-Thần nghĩ rằng sẽ thiếu kính trọng lệnh bà nếu đọc lá thư quý giá này trước lệnh bà.

-Vậy thì hãy đưa đây, hoàng thân.

Ông đờ Gioanhvin cúi mình kính cẩn đưa lá thư cho hoàng thái hậu.

Người ta vội vây quanh Catơrin, sự tò mò át sự tôn trọng.

-Thưa các bà – Catơrin nói – có thế lá thư này chứa đựng vài điều bí mật nào đó của cái gia đình ấy. Hãy để tôi đọc trước lá thư này và tôi hứa với các bà rằng, nếu có thể đọc to nó lên thì đấy là một niềm vui mà tôi không hề giấu giếm các bà.

Mọi người lui ra xa Catơrin: với sự giãn ra này, một ngọn đèn chùm không bị che lấp ánh sáng và bà hoàng có thể đọc lá thư.

Ông Đờ Gioanhvin lo lắng theo dõi diễn biến trên nét mặt Catơrin và nói khi bà ta đọc xong: -Thưa các bà, hoàng thái hậu sắp đọc.

-Thực tình, hoàng thân ạ, tôi thấy là ông quá hấp tấp đấy. Tôi không biết là tôi có thể phó thác những tình yêu bí mật của người bạn tốt bụng như vậy được à.

-Vậy đó thực sự là một bức thư tình ư? – Quận công Đờ Ghidơ hỏi.

-Đúng thế! – Bà hoàng nói- Các ông các bà tự phán xét lấy, bởi vì theo tôi, tôi tin rằng đã đọc lầm.

-Và chính vì điều đó mà lệnh bà sẽ đọc lại, có phải không, thưa lệnh bà?– ông hoàng Đờ Gioanhvin sốt ruột nói.

-Các ngài hãy nghe đây –Catơrin nói.

Một sự im lặng tuyệt vời trong đó người ta không nghe thấy một hơi thở nào, mặc dầu ở đây có tới mười lăm con người.

Bà hoàng đọc:

"Nàng đừng quên có mặt vào một giờ sau nửa đêm trong phòng Biến hình. Căn phòng mà chúng ta đã gặp nhau đêm qua ở rất gần nơi của hai bà hoàng. Người tâm phúc của chúng ta mà nàng đã biết lòng trung thành của bà ấy sẽ cẩn thận để ngỏ cửa."

Chỉ có một tiếng kêu ngạc nhiên.

Đây là một cuộc hẹn hò, một cuộc hẹn hò thật rõ ràng, một cuộc hẹn hò do bà đô đốc đưa ra vì bức thư này từ túi bà rơi ra. – Như vậy chuyện đến thăm bà hoàng Catơrin của bà đô đốc chỉ là cái cớ để vào điện Luvrơ và Đăngđơlô đang phiên gác, bà đô đốc chắc chắn có thể trông cậy ông em chồng để ra vào đây khi nào bà muốn.

Chỉ có điều, người đàn ông có thể là ai nhỉ?

Người ta xem xét mọi bạn trai của ba đô đốc hết những người này đến những người khác, nhưng bà Côlinhi sống một cuộc đời thật nghiêm chỉnh làm cho họ không biết dừng lại ở người nào.

Người ta đi đến nghi ngờ ngày chính Đăngđơlô, sự nghi ngờ thật dễ dãi biết bao trong cái triều đình đồi bại này.

-Nhưng- Quận công Đờ Ghidơ nói – Có một cách thật đơn giản để biết kẻ đàng điếm ấy.

-Cách nào? – Những người từ mọi phía hỏi dồn.

-Cuộc hẹn hò là vào đêm nay phái không?

-Phải-Catơrin nói.

-Trong phòng Biến hình à?

-Đúng.

-Thế thì, đó là cách làm đối với đôi tình nhân như các thần núi Ôlempơ đã làm đối với Macx và Vênuyts.

-Đến thăm họ trong giấc ngủ say sưa của họ ư?

Những mệnh phụ nhìn nhau.

Họ thèm muốn đến chết đón nhận lời đề nghị bằng những loạt vỗ tay nhất trí tán thưởng nhưng họ không dám thú nhận lòng thèm muốn ấy.

Lúc này đã mười hai giờ rưỡi đêm.

Còn phải đợi nửa giờ nữa và sự rèm pha đàm tiếu của những người này thì nửa giờ trôi qua rất nhanh.

Người ta rèm pha bà đô đốc, người ta vẽ ra trước sự bối rối của bà và nửa giờ trôi qua.

Nhưng không ai say sưa vui mừng như Catơrin về ý nghĩ tuyệt vời là bắt quả tang bà đô đốc thân thiết tại trận.

Chuông điểm một giờ.

Mọi người vỗ tay, cái giờ chờ đợi ấy dài biết bao.

-Nào! – Hoàng thân Đờ Gioanhvin nói – Tiến lên!

Nhưng thống chế Xanh Ăngđrê ngăn ông ta lại.

-Ôi! tuổi trẻ bất cẩn làm sao! – ông nói.

-Ông có vài ý kiến gì để làm hả? – ông Đờ-la-Rôtxơ-suya-yông hỏi.

-Vâng- Thống chế nói.

-Trong trường hợp này, hãy nghe ý kiến của ông ấy, và một cách chính xác- Catơrin nói tiếp – thưa các ông. Ông bạn thống chế của chúng ta có kinh nghiệm lớn về mọi việc, đặc biệt về những loại tính chất như thế này.

-Đây! – Thống chế nói- Đây là điều tôi muốn nói để chế ngự sự sốt ruột của con rể tương lai của tôi, ông Đờ Gioanhvin: đó là đôi khi người ta không có mặt ở một cuộc hẹn hò đúng giờ đã định và nếu chúng ta đến quá sớm, ý định của chúng ta có cơ hội bị truội mất.

Người ta hàng phục trước lời khuyên thận trọng của thống chế Xanh Ăngđrê và người nào cũng đồng tình với bà Catơrin là ông thống chế đã trở thành ông thày của nhưng loại chuyện như thế này.

Vậy là người ta đồng ý chờ thêm nửa giờ nữa.

Nửa giờ trôi qua.

Nhưng lúc này sự sốt ruột đã tới mức mà dù có lời nhận xét của ngài thống chế lẽ ra phải làm thì những ý kiến này đã không được nghe theo. Ông cũng nghĩ không có nguy cơ gì trong việc này, hoặc giả ông hiểu những ý kiến này là hoàn toàn vô ích, hoặc giả ông nghỉ rằng cái giờ xuất phát thực sự đã đến rồi.

Tuy nhiên ông hứa với cái nhóm vui vẻ này là đưa ông đến tận cửa và khi đến đấy sẽ chờ đợi kết quả ở đấy.

Ông đã làm hoàng thái hậu đồng ý lui về phòng ngủ của bà và hoàng thân Đờ Gioanhvin sẽ trở lại đấy để thông báo với bà tất cả mọi chuyện sẽ diễn ra.

Mọi thủ tục đã được quyết định như vậy rồi, mỗi người cầm trong tay một ngọn nến.

Đến cửa phòng, mọi người đều dừng lại và ai nấy đều dán tai vào ổ khoá.

Không có một tiếng động nhỏ nào được nghe thấy.

Người ta nhớ rằng ở bên cạnh đó, họ còn bị tách khỏi phòng Biến hình bởi một tiền phòng.

Thống chế Xanh Ăngđrê nhẹ nhàng đẩy chiếc cửa căn tiền phòng nhưng cánh cửa cưỡng lại.

-Quỷ thật! – Ông nói- Chúng ta đã không nghĩ tới điều này: cửa bị đóng ở bên trong.

-Chúng ta đạp đổ nó đi!– Những ông hoảng trẻ tuổi nói- Hãy bình tĩnh, thưa các ông!– Ông Đờ Ghidơ nói – chúng ta đang ở Luvrơ.

-Được!– Ông hoàng Đờ-la-Rôtxơ-suy-yông trả lời- Nhưng chúng ta là những người của Luvrơ.

-Này các ông! Các ông! – Quận công nhấn mạnh – Chúng ta vừa xác nhận một vụ bê bối, chúng ta đừng chứng minh nó bằng một vụ bê bối khác.

-Đúng thế!– Brăngtôm nói- Lời khuyên thật hay. Tôi đã biết một mệnh phụ đẹp và trung thực…

-Ông Brăngtôm! – Hoàng thân Đờ Gioanhvin cười nói – Trong lúc này chúng ta có việc để làm và chúng ta không nói tới chuyện ấy. Ông hãy tìm cho chúng tôi cách nào để vào và đó sẽ thêm một chương nữa vào cuốn "Những bà lẳng lơ" của ông đấy.

-Thế thì – ông Brăngtôm nói- hãy làm như ta làm tại nơi ở của nhà vua: cào cửa nhẹ nhàng và có thể người ta sẽ mở cửa cho ông.

-Ông Brăngtôm có lí- Hoàng thân Đờ Gioanhvin nói –Hãy cào đi, thưa nhạc phụ, cào đi!

Thống chế Xanh Ăngđrê cào cửa.

Một tên hầu đang thức, đúng hơn là đang ngủ trong tiền phòng và không nghe thấy một chút nào cuộc đối thoại mà chúng tôi vừa kể, cuộc đối thoại này nói giọng khẽ khàng làm gã tỉnh dậy và nghĩ rằng đó là Lanu đến đón tiểu thư Xanh Ăngđrê như thường lệ liền mở hé cửa và dụi mắt hỏi: -Có chuyện gì thế?

Thống chế Xanh Ăngđrê giấu mình ở một bên cửa và gã hầu phòng ở ngay trước mặt ông Đờ Ghidơ.

Gã hầu phòng khi nhìn thấy tất cả những cây nến ấy, mọi lãnh chúa ấy, mọi mệnh phụ ấy, mọi ánh mắt cười cợt ấy, mọi cái miệng nhạo báng ấy, bắt đầu hiểu và tin ở chuyện bắt chộp và tìm cách đóng cửa lại.

Nhưng quận công Đờ Ghidơ đã đặt một chân vào tiền phòng, thực đúng là người chiếm các thành phố mà ông đã làm trước đây, và cánh cửa trong khi đóng lại đã đập vào chiếc ủng da của ông.

Gã hầu phòng ráng hết sức tiếp tục đẩy cửa để đóng lại.

-Ô kìa! Tên kì cục này- Quận công nói – hãy mở cái cửa này cho chúng ta.

-Nhưng thưa đức ông – Tên quỷ quái khốn khổ, toàn thân run bắn khi nhận ra quận công, nói – con có những mệnh lệnh nghiêm ngặt…

-Ta biết những mệnh lệnh của ngươi rồi, nhưng ta cũng biết điều bí mật của việc đang diễn ra ở trong kia, và chính vì việc của nhà vua và với sự thuận tình của Ngài mà chúng ta muốn vào đây, những ông này và ta.

Ông hẳn có thể nói thêm các mệnh phụ này vì năm hoặc sáu bà tò mò và cười thầm đi theo nhóm.

Như mọi người, gã hầu phòng biết uy quyền của ông Đờ Ghidơ hành động ở Triều đình, đã nghĩ đúng là có sự thoả thuận giữa nhà vua và quận công. Gã mở cửa tiền phòng trước rồi đến cửa phòng Biến hình, đứng nhón đầu ngón chân để chộp được việc gì đó của cái cảnh sắp xảy ra.

Đây không phải là việc vào căn phòng bình thường mà là cuộc đột nhập. Làn sóng người hối hả tràn vào căn phòng như nước triều dâng và…

§16. Ông Đờ Gioanhvin buộc phải kể nỗi rủi ro của mình

-Tôi tin, thưa đức ông – Rôbơc Stuya là người đầu tiên ra khỏi nơi ẩn nấp nói – ngài không có những lí lẽ lớn lao để ca ngợi đức vua nếu hoàng thượng không ban ngay cho ngài việc gia ân cho Anơ Đuybuôc, ngài sẽ không có gì nữa để chống lại dự định của tôi bằng những luận cứ chặt chẽ.

-Ông lầm rồi, thưa ông – Hoàng thân Côngđê nói khi ra khỏi bên đối diện và đứng lên – dẫu nhà vua còn quở mắng tôi nặng nề hơn thì nhà vua luôn luôn là nhà vua và tôi sẽ không biết trả thù người đứng đầu quốc gia về một lời nhục mạ cá nhân.

-Vậy thì những gì vừa xảy ra không hề thay đổi chút nào lời cam kết của ngài đối với tôi chứ; thưa đức ông?

-Tôi đã hứa với ông, thưa ông, sẽ xin gia ân cho pháp quan Anơ Đuybuôc khi nhà vua tỉnh dậy. Vào tám giờ sáng hôm nay, tôi sẽ ở điện Luvrơ và tôi sẽ xin việc ân xá ấy.

-Thành thật mà nói, thưa đức ông- Rôbơc Stuya nói- liệu ngài có tin rằng ngài được ban cho việc ân xá không?

-Thưa ông, – Hoàng thân Côngđê với phẩm cách cao cả của một ông hoàng trả lời – ông hãy tin chắc rằng tôi sẽ không nhọc công đi cầu xin sự ân xá nếu tôi ít tin chắc là có được.

-Được rồi! – Rôbơc Stuya nói với cử chỉ tỏ rõ chàng không có cùng niềm tin ấy – Trong vài giờ nữa trời sẽ sáng và chúng ta sẽ thấy rõ…

-Giờ đây, thưa ông – Hoàng thân nhìn quanh mình và nói- Chúng ta cần đi thoát nơi này thật mau lẹ và thông minh. Do hai lá thư và cái cách khác thường mà ông đã chuyển chúng đi, các cổng ra vào Luvrơ đã được canh phòng phòng như thể chúng bị vây hãm và tôi tin chắc rằng ông sẽ gặp khó khăn, nhất là với bộ quân phục mà ông đang mặc, để ra khỏi đây trước sáng sớm ngày mai. Vậy tôi lưu ý ông là để tôi đưa ông đi cùng với tôi, tôi sẽ kéo các ông, ông và bạn ông là người cho mượn bộ quân phục ra khỏi bước tồi tệ.

-Thưa đức ông, tôi sẽ không bao giờ quên cả điều tốt lẫn điều xấu.

-Ông hãy tin rằng việc này không hề đòi hỏi chút nào lòng biết ơn của ông mà chỉ để chứng tỏ lòng trung thực của những ý nghĩ của tôi mà qua đó cho ông một ví dụ, bởi vì ông hãy lưu ý rằng tôi chỉ cần rõ ràng và đơn giản bỏ rơi ông ở lại đây để thoát khỏi lời thề của tôi là xong; nhưng tôi không hề có ý định bỏ cuộc.

-Tôi hiểu lòng trung thực của ông hoàng Côngđê – chàng trai xúc động trả lời – và tôi tin rằng sẽ không có gì phải phàn nàn về lòng trung thực của tôi. Kể từ

hôm nay tôi trung thành với ngài cả về thể xác lẫn tâm hồn. Ngài mà đạt được sự ân xá cho cha tôi thì ngài sẽ không có ai là kẻ tôi tớ sẵn sàng chết vì ngài hơn tôi.

-Tôi tin ông, thưa ông – Hoàng thân Côngđê trả lời – Mặc dầu nguyên nhân cuộc gặp gỡ của chúng ta và cái cách mà chúng ta gặp được nhau thật hết sức đặc biệt, tôi sẽ không giấu ông rằng căn cứ vào cái cớ thúc đẩy ông hoàn thành nó, bản thân tôi cũng vì hành động của ông, thật đáng trách cứ dưới mắt của mọi con người trung thực, hầu như một lòng nhân hậu nào đó đi tới thiện cảm. Chỉ có điều tôi cần ông nói với tôi một điều là vì sao ông lại mang một cái tên Êcôtxơ và pháp quan Anơ Đuybuôc lại là cha ông.

-Thưa đức ông, thật đơn gián như mọi câu chuyện tình ái. Chuyện này đã qua hai mươi năm rồi, lúc ấy pháp quan Đuybuôc hai mươi tám tuổi; ông có một chuyến đi sang Êcôtxơ để thăm bạn ông là Giôn Nôc. Ở đấy ông quen biết một thiếu nữ của gia đình Lôtian, đó là mẹ tôi. Duy khi trở về Pari, ông biết rằng thiếu nữ ấy đã mang thai. Ông không bao giờ nghi ngờ đức hạnh của bà đến mức ông nhận đứa bé mà bà sinh ra là con ông và gửi gắm nó cho Giôn Nôc.

-Tốt lắm! Thưa ông – Hoàng thân Côngđê nói – tôi đã biết điều tôi muốn biết. Giờ đây chúng ta hãy quan tấm tới chuyện ra đi của chúng ta.

Hoàng thân ra trước và mở hé cửa phòng Biến hình. Hành lang đã trở lại tối tăm và cô đơn; vậy là họ đi khá an toàn trong đó. Đến cổng Luvrơ, hoàng thân ném chiếc áo choàng của ông lên vại người Êcôtxơ và gọi Đăngđơlô.

Đăngđơlô tới. Chỉ bằng vài lời hoàng thân cho ông này biết những chuyện đã xảy ra nhưng chỉ giữa nhà vua, tiểu thư Xanh Ăngđrê và những người khách đến kéo hai người này ra khỏi giấc ngủ của họ. Về Rôbơc Stuya, ông không nói gì khác hơn mấy lời sau: -Ông này đi với tôi!

Đăngđơlô hiểu sự cần thiết lúc này đối với Côngđê là ra khỏi Luvrơ thật nhanh. Ông cho mở một cửa đặc biệt và hoàng thân cùng bạn ông đã ở bên ngoài.

Người này cũng như người kia vội vã đi về phía cổng không nói với nhau một lời; điều đó chứng tỏ cả hai người đánh giá đúng mức mối hiểm hoạ mà họ vừa tránh khỏi.

Đến bờ sông, hoàng thân Côngđê hỏi người Êcôtxơ rằng chàng đi đâu.

-Bên phải thưa ngài – Người này nói.

-Còn tôi, bên trái- Hoàng thân nói – Tối nay ông hãy đến trước Xanh Giecmanh Lôxenroa. Tôi mong rằng sẽ có những tin tức tốt đẹp để kể cho ông.

-Xin cám ơn đức ông – chàng trai kính cẩn nghiêng mình – và cho phép tôi nhắc lại với ngài, kể từ giờ này, tôi là kẻ trung thành với ngài cả thể xác lẫn tâm hồn.

Rồi mỗi người đi về phía của mình.

Chuông điểm ba giờ sáng.

Đúng lúc này, ông hoàng Đờ Gioanhvin vào phòng ngủ của Catơrin đờ Mêđixit.

Thế nào mà ông hoàng bất đắc dĩ lại vào phòng hoàng thái hậu vào giờ này và quyền gì mà người cháu lại dám lấn những đặc quyền của ông chú?

Chúng tôi sẽ nói tới chuyện này.

Không phải do thiện chí và tấm lòng vui vẻ mà ông hoàng khốn khổ này tới đây.

Đây là những chuyện thật sự đã xảy ra.

Ta nhớ rằng hoàng thái hậu đã ở lại căn hộ của bà, báo rằng bà sẽ đi nằm và tại đây bà chờ đợi ông hoàng Đờ Gioanhvin là kẻ đầu tiên khởi xướng biết bao chuyện bê bối, sẽ tới báo cho bà biết điều gì sẽ xảy ra.

Điều xảy ra, chúng ta đã biết.

Vả lại, ông hoàng Đờ Gioanhvin hoàn toàn sượng sung về những gì ông nhìn thấy đã ít sẵn sàng hơn ai để làm nhà sử học về một thảm hoạ mà danh dự vợ chồng của ông lại đóng vai trò buồn bã đến thế ngay trước ngày cưới.

Không quên lời hứa đã đưa ra, ông hoàng Đờ Gioanhvin vậy là không chút vội vã gì để thực hiện. Nhưng Catơrin lại không có cùng mối lo thờ ơ với điều bí mật chưa được biết. Bà được những bà tì nữ giúp cởi váy áo, đi nằm, đuổi hết mọi người ra trừ bà hầu phòng tin cẩn và bà chờ đợi.

Chuông đã điểm hai giờ sáng. Còn chưa hết thời gian. Rồi hai giờ mười lăm, hai giờ rưỡi, rồi hai giờ bốn mươi lăm phút.

Lúc này, không thấy cả chú lẫn cháu lộ diện, bà hoàng đã mất kiên nhẫn, thổi còi gọi bà hầu phòng (sáng kiến lắc chuông chỉ có ở bà Manhtơnông) và ra lệnh cho người đi tìm hoàng thân Đờ Gioanhvin và dẫn ông ta đến dù sống hay chết.

Người ta tìm thấy ông hoàng đang bàn luận sôi nổi với quận công Frăngxoa-Đờ Ghidơ và hồng y giáo chủ Loren.

Không cần phải nói rằng lời khuyên của gia đình đã quyết định cuộc hôn nhân giữa ông hoàng Đờ Gioanhvin và tiểu thư Xanh Ăngđrê đã trở nên hoàn toàn không thể có được.

Đối mặt với lệnh của hoàng thái hậu buộc phải qua chỗ bà, ông không thể lùi bước.

Ông Đờ Gioanhvin đi ra, đầu cúi xuống và khi đến nơi, đầu ông càng cúi thấp hơn.

Còn đối với quận công Môngpăngxiê và ông hoàng Đờ-la-Rôtxơ-suya-yông thì họ đã lẩn trên đường đi.

Sau đây chúng ta sẽ thấy vì ý nghĩ nào mà họ lẩn mặt.

Mỗi phút trôi qua làm tăng thêm sự sốt ruột của Catơrin. Nếu giờ đã quá khuya đòi hỏi giấc ngủ của bà thì ý nghĩ bà sắp được chuyện tiên đoán về sự lầm lỡ của bà đô đốc không ngoan của bà đã giữ bà phải thức.

"Cuối cùng, hắn đấy ư?"- Bà tự nhủ.

-Vậy ông đã đến, ông Đờ Gioanhvin – Bà kêu lên với ông hoàng bằng một giọng khá gay gắt – Tôi đợi ông từ một giờ này rồi!

Ông hoàng lại gần giường ấp úng xin lỗi, giữa những tiếng đó thì tất cả những gì mà Catơrin có thể hiểu được chỉ là những lời: -Mong lệnh bà tha lỗi cho thần.

-Ta sẽ không tha thứ cho ông, ông Đờ Gioanhvin – Hoàng thái hậu nói với giọng Florăngxơ – nếu câu chuyện kể của ông không làm ta vui vì sự vắng mặt của ông đã làm ta e ngại. Hãy lấy một cái ghế đẩu và hãy ngồi trong góc tiếp khách của ta. Ta thấy dáng vẻ của ông có những chuyện kì lạ đã xảy ra ở đó.

-Thưa vâng- Ông hoàng lẩm bẩm- đúng là rất kì lạ, trong đó chúng thần còn khá xa mới chờ đợi!

-Càng hay! Càng hay!– Hoàng thái hậu xoa tay reo lên- Hãy kể cho ta những chuyện ấy và đừng kể sót một chi tiết nào đấy. Đã từ lâu ta không có được một câu chuyện vui vẻ như thế này. A! ông Đờ Gioanhvin a, người ta không cười nữa ở triều đình.

-Điều đó là đúng, thưa lệnh bà- Ông Đờ Gioanhvin đáp, vẻ thảm hại.

-Này! Khi cơ hội hiển hiện để giải trí một chút- Catơrin tiếp- ta phải chạy trước nó thay cho để nó thoát mất. Vậy ông hãy bắt đầu câu chuyện của ông đi, ông Đờ Gioanhvin: ta nghe đây và hứa không bỏ sót một lời nào.

Và Catơrin trước hết lấy tư thế nằm thật thoải mái trên giường để không bị rầy rà trong sự thỏa mãn mà bà sắp được thưởng thức.

Rồi bà chờ đợi.

Nhưng câu chuyện thật khó bắt đầu với ông Đờ Gioanhvin, nhưng Catơrin nói: -Ông Đờ Gioanhvin hẳn bị câm!

Lúc bắt đầu hoàng thái hậu nghĩ con người trẻ tuổi đang thu thập những ý nghĩ nhưng thấy sự im lặng kéo dài, bà vươn dài cổ nhưng không nhúc nhích phần cơ thể còn lại rồi thêm cho ông ta một cái nhìn dò hỏi khó tả: -Sao? – Bà hỏi.

-Sao! Thưa lệnh bà- ông hoàng đáp – thần xin thú nhận với lệnh và rằng cơn bối rối của thần quá lớn.

-Sự bối rối của ông ư? Tại sao?

-Vì phải kể cho lệnh và những việc thần đã nhìn thấy.

-Vậy ông đã trông thấy những gì, ông Đờ Gioanhvin. Ta thú thực với ông rằng ông đã làm ta điên người vì tò mò đấy. Ta chờ đợi, đúng thế – Catơrin xoa xoa hai bàn tay đẹp nói tiếp – nhưng hầu như ta không chết vì chờ đợi. Nào! … A! Vậy đúng là tối nay, ông Đờ Gioanhvin thân mến, ông hẳn nhớ rằng bức thư mà ông trao cho ta nói rõ: tối nay nhưng không nêu rõ ngày tháng phải không?

-Thật đúng tối nay, phải, tâu lệnh bà.

-Đến mức họ đã ở trong phòng Biến hình phải không?

-Họ đã ở đấy ạ.

-Cả hai?

-Cả hai.

-Vậy là Macx và Vênuyts hả? Ái chà! Hãy nói với ta, ta biết ai là Vênuyts rồi, nhưng Macx?…

-Macx ư? Tâu lệnh bà.

-Phải, Macx… Ta không biết ai là Macx.

-Thật sự, tâu lệnh bà, thần tự hỏi có thật thần phải bẩm với lệnh bà …

-thế nào, nếu ông phải bẩm với ta ư? Ta tin chắc ông phải nói và nếu ông có sự ngại ngùng thì ta sẽ gạt bỏ chúng. Nào, gã Macx! … Trẻ hay già?

-Trẻ ạ.

-Con người đàng hoàng chứ?

-Tất nhiên rất đàng hoàng ạ.

-Phẩm chất nữa, tất nhiên!

-Phẩm chất cao quý nhất ạ.

-Ồ! Ồ! Ông nói chuyện gì với ta đây, ông Đờ Gioanhvin – Bà hoàng ngồi nhổm dậy nói.

-Sự thật, tâu lệnh bà.

-Thế nào, không phải là gã thị đồng nào mù quáng và ngu dốt chứ?

-Thưa, không hề là một thị đồng.

-Gã trai dũng cảm ấy – Catơrin hỏi, không thể cưỡng nổi ham muốn nhạo báng chua cay – Gã trai dũng cảm ấy chiếm một địa vị trong triều chứ?

-Vâng, tâu lệnh bà… Một địa vị rất cao là đằng khác.

-Một địa vị rất cao ư? Nhưng, lạy Chúa, hãy nói ngay đi, ông Đờ Gioanhvin! Ông cứ nói nhát gừng như thuộc về một bí mật quốc gia không bằng.

-Đúng là thuộc một bí mật quốc gia, thật vậy, tâu lệnh bà – Ông hoàng nói.

-Ồ! Vậy thì, ông Đờ Gioanhvin, đây không còn là lời cầu xin của ta đối với ông nữa mà là ta ra lệnh cho ông. Hãy nói với ta tên con người ấy.

-Lệnh bà muốn thế sao?

-Ta muốn thế.

-Thế thì, tâu lệnh bà – Ông hoàng ngẩng đầu nói – người ấy, như lệnh bà gọi người ấy, không phải ai khác chính là Đức vua Frăngxoa đệ nhị.

-Con ta ư? – Catơrin chồm lên trên giường kêu lên.

-Vâng, con trai lệnh bà, thưa lệnh bà.

Một phát súng hoả mai bất chợt nổ giữa căn phòng cũng không tạo nên bộ mặt hoàng thái hậu một sự xúc động thật mãnh liệt, một sự biến động nhanh đến thế.

Bà đưa bàn tay lên che mắt như thể căn phòng này chỉ được soi sáng bằng có một ngọn đèn đã ngăn bà phân biệt những đồ vật, rồi nhìn xoáy vào ông Đờ Gioanhvin và xích lại gần tới mức chạm vào người ông ta, bà nói nhỏ với ông bằng âm sắc từ chế giễu đã trở nên khủng khiếp.

-Ta thật tỉnh đấy chứ, phải không? Ông Đờ Gioanhvin. Ta đã nghe rõ; ông đến đây để nói với ta rằng anh hùng của sự kiện bất ngờ này là con trai hử?

-Vâng, thưa lệnh bà.

-Ông hãy nhắc lại xem?

-Thần xin nhắc lại là đúng như vậy.

-Ông khẳng định thế?

-Thần xin thề là đúng như vậy.

Và ông hoàng trẻ xoè bàn tay.

-Được! ông Đờ Gioanhvin! – Catơrin nói tiếp vẻ u tối – Bây giờ ta hiểu được sự ngập ngừng của ông, ta cũng hiểu sự im lặng của ông. Ôi! Máu bốc lên mặt ta rồi! Liệu có thể thế chăng! Con trai có một người vợ trẻ và duyên dáng lại bắt nhân tình với một người gấp đôi tuổi nó ư? Con trai ta chuyển qua hàng ngũ những kẻ thù của ta; con trait a, lạy Chúa! Không thể! Con trai của ta, tình nhân của bà đô đốc sao?

-Thưa lệnh bà- ông hoàng Đờ Gioanhvin nói- lá thư đúng là ở trong túi bà đô đốc, không lẽ thần quên sao. Nhưng điều mà thần biết, khốn khổ thay lại không phải bà đô đốc ở trong phòng.

-Thế nào – Catơrin kêu lên – ông nói gì vậy, không phải bà đô đốc ư?

-Không, tâu lệnh bà, không phải bà ấy.

-Nếu không phải bà ấy thì là ai?

-Tâu lệnh bà…

-

-Ông Đờ Gioanhvin, tên người ấy, nói ngay tên người ấy.

-Mong lệnh bà đoái thương thứ lỗi cho thần…

-Thứ lỗi cho ông! Tại sao thế?…

-Bởi vì thần là kẻ duy nhất mà thực sự người ta không có quyền đòi hỏi một sự gợi lại như vậy.

-Ngay cả với ta ư? Ông Đờ Gioanhvin.

-Ngay cả lệnh bà, tâu lệnh bà. Vả lại sự tò mò của lệnh bà thật dễ dàng được thoả mãn, đó là người đứng đầu triều đình mà lệnh bà sẽ hỏi thay thần…

-Nhưng để hỏi người đứng đầu ấy, ta cần đợi đến ngày mai, ông Đờ Gioanhvin. Ta muốn biết tên người ấy ngay lúc này. Ai nói với ông rằng ta không hề có biện pháp nào không gây đau khổ cho sự chậm trễ hả?

Và đôi mắt rực lửa của Catơrin nhìn xoáy vào con người trẻ tuổi.

-Tâu lệnh bà, lệnh bà hãy tìm trong toàn bộ Cung đình con người duy nhất mà thần không thể nêu tên với lệnh bà. Lệnh bà hãy nêu tên người ấy… Còn thần, ôi! Thật thật sự không thể!

Và ông hoàng trẻ đưa hai tay lên úp mặt để che giấu một nửa là sự tủi hổ đến đỏ mặt, một nửa là những giọt nước mắt căm giận.

Một ý nghĩ lướt qua tâm trí Catơrin giống như ánh chớp loé sáng.

Bà kêu lên một tiếng, nắm lấy hai bàn tay người trẻ tuổi rồi gạt luôn ta: -A! Tiểu thư Xanh Ăngđrê hả – bà hỏi.

Ông hoàng không trả lời mà không trả lời có nghĩa là thú nhận. Hơn nữa ông ta còn để rơi người xuống chiếc ghế đẩu đặt gần giường.

Catơrin nhìn ông hoàng một lát với vẻ thương hại xen lẫn khinh miệt. Rồi bằng một giọng cố sức làm ra vẻ âu yếm nhất: -Con trai tội nghiệp!– Bà nói – Tự đáy lòng, ta hết sức ái ngại cho con, bởi vì hầu như con yêu con bé thối tha ấy. Con hãy lại gần đây đưa bàn tay cho ta và hãy trút bớt những nỗi sầu muộn của con trong trái tim người mẹ Catơrin tốt bụng của con. Giờ đây ta hiểu vì sao con không nói, và ta hối hận đã ép nài con quá nhiều. Vậy hãy tha thứ cho ta, con trai của ta; và lúc này ta biết điều tệ hại, chúng ta hãy tìm phương cứu chữa… Còn có bao thiếu nữ xinh đẹp khác như tiểu thư Xanh Ăngđrê trong triều đình chúng ta, và nếu không có ai cao quý và khá đẹp đối với con trong triều đình chúng ta ở Pari thì chúng ta sẽ đi hỏi việc này ở triều đình Tây Ban Nha hoặc Ý. Vậy con hãy bình tâm, hoàng thân thân yêu của ta; và chúng ta hãy nói chuyện nghiêm chỉnh nếu có thể.

Nhưng ông hoàng Đờ Gioanhvin thay cho đáp từ bài diễn băn ấy rõ ràng có dụng ý nhằm một đích thấy được và một đích ẩn giấu, một là an ủi ông ta, một là thăm dò lòng can đảm của ông ta; ông hoàng Đờ Gioanhvin liền quỳ gối trước giường hoàng thái hậu giấu mặt vào khăn trải giường thổn thức: -Tạ ân lệnh bà! – Ông nức nở kêu lên – xin tạ ân và cảm ơn sự ân cần dịu dàng của lệnh bà… nhưng vào giờ này thần chỉ còn đủ sức để cân đong sự hổ nhục và cảm nhận nỗi đau khổ của mình. Vậy cầu xin lệnh bà cho phép thần được cáo lui.

Hoàng thái hậu dừng lại ở người đàn ông gập người trong nỗi đau xót của ông ta một cái nhìn khinh miệt sâu sắc.

Rồi bà cất giọng không phản lại tình cảm in trong mắt bà: -Hãy đi đi, con của ta!– Bà nói trong lúc chìa bàn tay đẹp cho ông hoàng trẻ, ông này cúi hôn – Và sáng mai hãy đến nói chuyện với ta. Lại đây. Chúc ngủ ngon và cầu Chúa phù hộ cho con!

Ông Đờ Gioanhvin nhanh chòng chấp nhận sự nghỉ ngơi đã ban cho ông và lao người ra khỏi phòng.

Catơrin lặng lẽ đưa mắt nhìn theo cho tới khi ông hoàng khuất sau tấm thảm treo rồi và nhìn cắm vào chiếc thảm thêu ấy cho tới khi chiếc thảm không còn lay

động do ông hoàng bước qua.

Lúc này, bà hoàng tì khuỷu tay vào chiếc gối và với một giọng trầm kèm cái nhìn sáng ánh một ngọn lửa tối sầm: -Kể từ hôm nay – Bà nói- Ta có một nữ địch thủ, còn ngày mai trở đi, ta mất mọi quyền lực về tinh thần với con ta nếu ta không khép nó vào kỷ cương.

Rồi sau một lát im lặng suy tư, một nụ cười đắc thắng lướt trên môi bà: -Ta sẽ khép nói vào kỉ cương!– Bà nói.

§17. Công khai chế giễu

Giờ đây, trong lúc ngài hồng y giáo chủ Loren được gã hầu phòng đưa vào giường nằm; trong lúc Rôbơc Stuya trở lại nhà Patric, bạn chàng; trong lúc hoàng thân Côngđê trở về lâu đài cùng lúc điên dại và cười cợt; trong lúc bà đô đốc không mệt mỏi lục hết các tủ áo của bà để tìm bức thư rủi ro đã gây nên tất cả sự bê bối này; trong lúc nhà vua hỏi mụ Lanu để thông qua mụ cố tìm hiểu làm thế nào mà cuộc hẹn hò của ông có thể lan truyền dư luận được; trong lúc ngài thống chế Xanh Ăngđrê tự hỏi có nên cảm ơn Chúa hoặc kết án sự ngẫu nhiên của sự việc đã xảy đến với ông; trong lúc tiểu thư Xanh Ăngđrê mơ màng có được quanh cổ và đôi cánh tay những đồ trang sức của bà Etămpơ và nữ công tước Valăngtinoa và trên đầu là vương miện của Mari Stuya, thì chúng ta hãy xem hai ông hoàng trẻ Môngpăngxiê và La Rôtxơ-suya-yông làm gì; về hai ông này chúng tôi hứa sẽ nói tới.

Hai ông hoàng đẹp trai và vui vẻ này, nhân chứng của cái cảnh ngoạn mục mà họ cho là hay ho thú vị đã cố hết sức kìm mình cho là hay ho thú vị đã hết sức kìm mình trước ba bộ mặt nghiêm khắc hơn bình thường vào lúc đó: ông Đờ Ghidơ, ông Xanh Ăngđrê và hồng y giáo chủ Loren. Còn hơn thế: cố giữ bộ mặt cho hợp với hoàn cảnh, họ đã có những lời lẽ an ủi rất thích hợp với hồng y giáo chỉ Loren, với ông thống chế Xanh Ăngđrê và ông Đờ Ghidơ. Rồi lợi dụng cái góc đầu tiên của hành lang cho phép họ giấu mặt, họ nín lặng dừng lại trong bóng tối đợi từng người một đi ra và khuất trong hướng đi thích hợp của họ. Khi chỉ còn hai người với nhau thì tiếng cười cố nén trong lồng ngực họ thoát ra ầm vang làm cho những cánh cửa kính của điện Luvrơ rung lên như có một chiếc xe chở nặng đi qua.

Mỗi người tựa lưng vào một bên tường, đối mặt với nhau, hai tay chống nạnh, đầu ngửa ra sau, oằn người cười sặc sụa trong những cơn co thắt làm người ta lầm tưởng là hai kẻ bị động kinh hoặc như người ta nói lúc ấy là hai kẻ bị ma ám.

-A! công tước thân mến! – Hoàng thân đờ La Rôtxơ-suya-yông lấy lại hơi thở nói.

-A! Hoàng thân thân mến!– Người này gắng đáp lại.

-Khi ta nghĩ rằng… khi ta nghĩ rằng có những người… những người đòi hỏi ta đừng cười nữa… ta đừng cười nữa trong cái thành phố Pari khốn khổ này!

-Đó là những người… những người có ý đồ xấu.

-A! Lạy Chúa tôi! … Việc này dẫu cùng lúc tạo ra cả điều tốt lẫn điều xấu thì cũng dễ cười cả thôi.

-Ông có nhìn thấy bộ mặt ông Đờ Gioanhvin không?

-Và bộ mặt thống chế đờ Xanh… Đờ Xanh Ăngđrê…

-Tôi chỉ tiếc một điều, công tước ạ – Hoàng thân Đờ La Rôtxơ-suya-yông bình tĩnh lại một chút nói.

-Còn tôi, tôi lại tiếc hai điều, hoàng thân ạ – Người này trả lời.

-Đó là không hề được ở vào vị trí nhà vua, tôi hẳn được cả Pari chú ý đến!

-Còn tôi, đó là không hề được cả Pari chú ý khi ở vào địa vị nhà vua.

-Ồ! Đừng tiếc làm gì, công tước ạ: ngày mai, trước buổi trưa, cả Pari sẽ biết chuyện.

-Nếu ông có cùng tính hài hước như tôi, công tước ạ, cả Pari sẽ biết chuyện này đêm này thôi.

-Bằng cách nào?

-Thật đơn giản.

-Nhưng còn…

-Tất nhiên! Bằng cách hô lên trên những nóc nhà.

-Nhưng lúc này cả Pari ngủ hết rồi.

-Pari không thể ngủ trong khi nhà vua của nó thức.

-Ông có lí! Tôi cam đoan là nhà vua còn chưa nhắm mắt.

-Vậy chúng ta hãy đánh thức Pari dậy đi.

-Ôi! Sự điên rồ mới tốt đẹp biết bao!

-Ông từ chối ư?

-Không, vì tôi nói với ông rằng đó là sự điên rồ có nghĩa là tất nhiên tôi đồng ý rồi.

-Thế thì lên đường.

-Này! Tôi e rằng cả thành phố sẽ biết một phần câu chuyện.

Hai người trẻ tuổi bước vội qua các bậc, xuống thềm điện Luvrơ như Hippômen và Atalăngtơ (Atalăngto(atalante):con gái vua Xirôs(Syros) nổi tiếng về chạy giỏi trong cuộc chạy đua. Hipppmen(Hippomène), nhờ ở ba quả táo vàng liên tiếp bở lại trên đường đua để cám dỗ và làm chậm bước chạy của Atalăngtơ nên đã giành phần thưởng(N.D)) đang gianh đua giải chạy thi.

Đến trong sân, họ gặp Đăngđơlô; với ông này họ giữ kín miệng cảnh giác vì lý do vai trò của bà chị dâu ông này đã đóng trong toàn bộ câu chuyện ấy và sợ ông này ngăn cản không cho họ ra.

Đăngđơlô xác định lí lích họ như ông đã làm với hoàng thân Côngđê và cho mở cửa để họ đi ra.

Hai con người trẻ tuổi khoác tay nhau tươi cười trong nhưng tấm áo choàng của họ, nhào qua khỏi điện Luvrơ, qua cầu treo và đến gần sông; tại đây một cơn gió bấc giá lạnh bắt đầu quất vào mặt họ. Lúc ấy, lấy cớ làm ấm người, họ lượm những hòn đá và ném vào những ô cửa những nhà lân cận.

Họ vừa ném vỡ hai hoặc ba ô kính cửa sổ và định tiếp tục cái trò giải trí dễ chịu này thì hai người đàn ông khoác áo choàng thấy hai người trẻ tuổi đang chạy liền ngăn đường, hô họ dừng lại. Hai người này bèn dừng lại. Họ chạy nhưng không trốn.

-Ông có quyền gì mà ra lệnh cho chúng tôi dứng lại? – công tước Môngpăngxiê bước lại chỗ một trong hai người la lên – Các ông hãy đi con đường của các ông và để cho hai nhà quý tộc cao thượng giải trí theo ý họ.

-A! Xin lỗi, thưa ngài, tôi không nhận ra ngài – Một người được công tước Môngpăngxiê hỏi liền nói – Tôi là Savinhi, chỉ huy trăm lính xạ thủ đội cận vệ và tôi trở về Luvrơ cùng ông Cacvoadanh, kị sỹ tuỳ viên thứ nhất của hoàng đế.

-Xin chào ông Savinhi! – Hoàng thân Đờ La Rôtxơ-suya-yông đi đến gặp viên chỉ huy trăm lính xạ thủ, chìa bàn tay cho ông ta, trong khi công tước Môngpăngxiê lịch sự trả lời những lời cung kính của kị sỹ tuỳ viên thứ nhất.

-Ông nói rằng ông trở vào điện Luvrơ à? Thưa ông Savinhi.

-Vâng, thưa hoàng thân.

-Thế này, chúng tôi vừa ở đấy ra, chúng tôi đây.

-Vào giờ này ư?

-Ông Savinhi, xin ông hãy lưu ý rằng nếu giờ vào là tốt thì giờ để đi ra hẳn cũng tốt đấy.

-Ngài hãy tin rằng, thưa hoàng thân, nếu biết đích xác là ngài thì tôi đã không bất cẩn hỏi ngài.

-Và ông đã lầm, ông bạn thân mến, bởi vì chúng tôi có những chuyện cực kì lí thú để nói với ông đấy.

-Về công việc của nhà vua phải không? – ông Cacvoadanh hỏi.

-Đúng thế, về việc của nhà vua. Ông đã phát hiện sự việc rồi sao, thưa ông kỵ sĩ tuỳ viên vĩ đại – Hoàng thân Đờ La Rôtxơ-suya-yông cười phá lên.

-Đúng thế sao? – Ông Savinhi hỏi.

-Xin lấy danh dự mà thề.

-Thuộc chuyện gì thưa các ngài.

-Nó thuộc về vinh dự lớn lao mà hoàng đế vừa làm thoả mãn chỉ trong chốc lát một trong số chỉ huy nổi tiếng nhất của ngài, – Hoàng thân Đờ La Rôtxơ-suya-yông nói.

-Và ông em của tôi, Đờ Gioanhvin, – Công tước Môngpăngxiê nói với tư cách là một học sinh thực thụ.

-Ngài nói về vinh dự nào? Thưa Hoàng thân.

-Vị chỉ huy ấy là ai, thưa công tước.

-Thưa các ông, đó là thống chế Xanh Ăngđrê.

-Còn những vinh dự nào mà hoàng đế còn có thể ban thêm vào những vinh dự mà ngài đã trao quá nhiều trọng trách cho ngài Xanh Ăngđrê: thống chế nước

Pháp này, quý tộc đứng đầu đại diện này, dây bắc đẩu Bội tinh Xanh Misen này, hiệp sĩ Giarơchie này? Thực tế có những con người thật may mắn!

-Còn tuỳ.

-Thế nào? Còn tuỳ gì?

-Tất nhiên đó là một hạnh phúc có thể sẽ không thích hợp với ông, với ông, ông Savinhi ạ – vì ông đã có một bà vợ trẻ đẹp; kể cả ông, ông Cacvoadanh là người có một Côngđêcon gái trẻ và xinh đẹp…

-Thật thế sao? – Ông Savinhi kêu lên, bắt đầu hiểu ra.

-Ông đã hiểu rồi đấy, ông bạn thân mến- Hoàng thân Đờ La Rôtxơ-suya-yông nói.

-Liệu ông có tin chắc những điều ông nói đấy chứ?– Ông Savinhi hỏi.

-Tất nhiên!

-điều ông nói đó thật nghiêm trọng đấy, thưa hoàng thân! – Ông Cacvoadanh nói tiếp.

-Ông thấy thế ư? Còn tôi, tôi thấy điều đó, trái lại, hài hước khủng khiếp.

-Nhưng ai đã nói với ông?

-Ai đã nói với chúng tôi ư? Không ai cả, chúng tôi đã nhìn thấy.

-Ở đâu?

-Tôi đã nhìn thấy và cùng nhìn thấy với tôi là các ông Đờ La Rôtxơ-suya-yông, Xanh Ăngđrê, ông em Đờ Gioanhvin của tôi, xin mở ngoặc chính ông này đã nhìn thấy rõ hơn người khác vì ông ấy cầm một cây đèn chum… Có bao nhiêu ngọn nhỉ, hoàng thân?

-Có năm ngọn!– Hoàng thân Đờ La Rôtxơ-suya-yông nói và lại cười ròn rã hơn.

-Sự liên minh giữa hoàng thượng và thống chế vậy là không còn nghi ngờ nữa – Công tước Mônpăngxiê nghiêm nghị nói tiếp- kể từ lúc này, những kẻ tà giáo chỉ có giữ mình cho kỹ. Chính vì lũ ấy chúng tôi sắp tiếp xúc với người Thiên Chúa giáo chính thống của Pari.

-Có thể thế được chăng?– Ông Savinhi và ông Cacvoadanh cùng kêu lên một lúc.

-Đúng như tôi có hân hạnh nói với các ông chuyện này, thưa các ông- Hoàng thân trả lời- tin tức còn tươi rói chưa quá một giờ đến nỗi chúng tôi tin rằng chúng tôi đã cho các ông một chứng minh sự thân ái bằng cách thông báo cho các ông tin này. Thật rõ ràng đó là điều kiện cho các ông lan truyền tin này và ông thông báo chuyện này cho tất cả những ai mà các ông gặp.

-Vào giờ này thật ít gặp được bạn bè, ít ra là một sự may mắn như may mắn đã cho phép chúng tôi gặp được các ông, chúng tôi mời các ông làm như chúng tôi là những cánh cửa đóng kín phải mở ra, làm cho các bạn ông đang ngủ phải bật dậy và nói với họ bằng cách thông báo cho họ điều bí mật như gã thợ cạo của

vua Miđat đã làm với những kẻ yếu: "Vua Frăngxoa đệ nhị là tình nhân của tiểu thư Xanh Ăngđrê."

-A! tất nhiên! Thưa các ngài- Nhà kị sỹ tuỳ viên vĩ đại nói- việc sẽ được làm như ông nói, tôi có thể làm thống chế Xanh Ăngđrê đau khổ và tôi biết gần đây có một bạn tôi và với tin này sẽ gây biết bao niêm vui nên tôi sẽ không ngần ngại khi chia tay ông, đi đánh thức ông ta dậy dù ông ta mới ngủ say.

-Còn ông, ông Savinhi thân mến- Hoàng thân Đờ La Rôtxơ-suya-yông nói- Tôi tin chắc rằng ông không có thiện cảm gì với ông Đờ Gioanhvin, tôi tin rằng ông sẽ theo gương ông Cacvoadanh.

-A! Tất nhiên! Vâng! – Ông Savinhi kêu lên- Thay cho việc trở vào Luvrơ, tôi sẽ về nhà và kể việc này cho vợ tôi. Ngày mai, trước chín giờ sáng, bốn bà trong số bạn bà ấy sẽ biết chuyện tôi hứa với ông rằng không khác gì ông đưa bốn cái kèn hoa hướng về bốn phía.

Thoả thuận xong, bốn lãnh chúa tạm biệt nhau, hai người trẻ tuổi đi qua bờ sông về phố Mone; còn ông Savinhi và ông Cacvoadanh, đáng lẽ trở vào Luvrơ thì mỗi người đi mỗi phía, cần mẫn loan cái tin của ngày này, đúng hơn là ban đêm.

Đến phố Mone, hoàng thân Đờ La Rôtxơ-suya-yông thấy một bảng hiệu kêu ken két trước gió, một cửa sổ còn sáng đèn.

-Này!– Công tước nói – Tuyệt! Kia là một cửa kính của gia đình sang trọng còn sáng vào ba giờ rưỡi sáng. Đây là một nhà tư sản cưới vợ hoặc một thi sĩ hẳn đang làm thơ.

-Có cái đúng trong những lời ông vừa nói, ông bạn thân yêu, tôi quên khuấy là tôi được mời dự một hôn lễ. Quả thật, tôi muốn có thể chỉ cho ông người vợ của ngài Bantada. Ông sẽ thấy cô gái dẫu không phải là con một thống chế nước Pháp nhưng không kém một cô gái đẹp; tuy vắng mặt người vợ, tôi sẽ chỉ cho ông thấy mặt người chồng.

-A! Hoàng thân thân mến, sẽ không nhân ái bắt người đàn ông khốn khổ phải ra cửa sổ lúc này.

-Được! – Hoàng thân nói -Về chuyện này, đây là con người duy nhất không sợ gì hết.

-Tại sao?

-Bởi vì người này luôn bị sổ mũi. Tôi quên biết ông ta đã mười năm nhưng tôi chưa thể kéo nổi lưỡi ông ta lấy một lời " chào hoàng thân" một cách thẳng thắn.

-Vậy chúng ta hãy xem con người ấy.

-Bởi lẽ ông ta vừa là chủ nhà tắm vừa là chủ khách sạn nên ông ta có những nồi hấp trên sông Sen và ngày mai khi kỳ cọ những người của ông ta, ông ta sẽ nói chuyện mà chúng ta kể cho ông ta.

-Hoan hô!

Hai người trẻ tuổi của chúng ta giống như hai học sinh đi đến bờ sông, nhét đầy sỏi vào túi để ném thia lia xuống nước; hai người trẻ tuổi buộc phải rời bờ sông đã nhét đầy túi những hòn đá nhỏ mà họ tính sẽ sử sụng như những máy phóng đá vào những ngôi nhà mà họ mong là công hãm được. Hoàng thân lấy một hòn sỏi trong túi, lùi lại hai bước để lấy đà như chúng ta đã thấy Rôbơc Stuya làm… nhưng với ý đồ thâm hiểm hơn, ông liệng hòn sỏi vào những ô cửa sổ sáng đèn.

Cửa sổ được mở ra rất mau lẹ làm ta tưởng như chính hòn sỏi mở nó ra.

Một người đàn ông đội mũ ngủ xuất hiện, tay cầm cây đèn nến la lên: -Cướp!

-Hắn nói gì thế?– Công tước hỏi.

-Ông thấy rõ ta cần làm quen với hắn để hiểu hắn nói gì. Hắn gọi chúng ta là kẻ cướp đấp.

Rồi quay lưng về phía cửa sổ: -Đừng nóng vội, Bantada; tôi đây! – Hoàng thân nói.

-Ngài… Điện hạ đấy ư?… Mong Điện hạ thứ lỗi cho tôi! … Điện hạ có đầy đủ quyền làm vỡ những "ô vuông" kính của tôi nếu điều đó làm điện hạ vui lòng.

-A! Lạy Chúa lòng lành!– Công tước cười khùng khục trong họng kêu lên – Con người hiền lành nói tiếng gì với ông lạ thế? Hoàng thân?

-Những người quen biết hắn nói rằng đó bí ngữ của tiếng Iarốc và Hôtăng. Trong cái giọng gầm gừ ấy, hắn nói với chúng ta một điều rất thật thà.

-Điều gì?

-Rằng chúng ta có quyền ném vỡ các ô cửa kính của hắn.

-

-A! Tất nhiên! Điều này xứng đáng một lời cảm ơn đấy.

Rồi nói với Bantada: -Ông bạn ơi – Ông nói với gã – Tiếng đồn lan tới tận cung đình là hôm nay ông cưới vợ và vợ ông thật đẹp. Thế là chúng tôi vội vàng ra khỏi Luvrơ để chúc mừng ông.

-Và để nói với ông rằng, ông Bantada thân mến, trời chuyển lạnh và đó là thời tiết tốt cho hạnh phúc trên trái đất.

-Trong lúc trái tim của hoàng thượng lại chuyển sang nóng, đó sẽ là điều hạnh phúc cho thông chế Xanh Ăngđrê đấy.

-Tôi không hiểu gì cả.

-Bất kể! Ông hãy nhắc lại đúng những lời chúng tôi vừa nói với ông là đủ, ông Bantada thân mến ạ. Những người khác sẽ hiểu điều đó và sẽ biết điều đó muốn nói gì rồi. Xin gửi lời chúc mừng của chúng tôi tới bà nhà nhé.

Và hai người trẻ tuổi lại quay về phía Mone vừa cười phá lên, vừa lắng tai nghe người chủ khách sạn "Bò cái đen" làu bàu và ho, ông ta có thể đã đóng chặt cửa nhưng không thể hàn gắn lại các ô cửa kính vỡ.

HẾT.

TRÀ HOA NỮ

Người dịch: Hải Nguyên

Lời giới thiệu

Alexandre Dumas (1824–1895) – Còn gọi là Dumas con, con của người bố cùng tên Alexandre Dumas lừng danh, tác giả "Ba người lính ngự lâm" – nhà tiểu thuyết và viết kịch nổi tiếng của Pháp, đã để lại cho kho tàng văn học Pháp và thế giới những tác phẩm được các thế hệ người xưa và nay yêu thích say mê: Trà hoa nữ (1848), Đianơ đơ lux (1850), Gái giang hồ (1855), Vấn đề tiền (1857), Đứa con hoang (1858), Người cha hoang phí (1859), Những ý tưởng của bà Obaray (1857)…

Trà hoa nữ (La Dameaux Camélias) được viết khi ông hai mươi tư tuổi, là tác phẩm đầu tiên khẳng định tài năng và đã đem lại vinh quang rực rỡ cho Alexandre Dumas con. Câu chuyện đau thương về cuộc đời nàng kỹ nữ yêu hoa trà Macgơrit Gôchiê đã được độc giả Pháp thời bấy giờ hoan nghênh một cách khác thường, nhất là sau khi tác phẩm được chính tác giả chuyển thành kịch. Gần một trăm năm mười năm nay, mặc dù không tránh khỏi những hạn chế tất yếu do đặc điểm thời đại Dumas quy định, tác phẩm giàu chất lãng mạn trữ tình đồng thời chứa đựng nhiều yếu tố hiện thực, thấm đượm tinh thần nhân đạo này đã chứng minh giá trị và sức sống lâu dài của nó. Không chỉ được dịch ra các thứ tiếng, Trà hoa nữ còn được dựng thành phim, kịch ở nhiều nước và bao giờ cũng được người xem ưu ái đón nhận.

Xin trân trọng giới thiệu Trà hoa nữ qua bản dịch tiếng Việt của Hải Nguyên với bạn đọc; Nhà xuất bản mong được sự góp ý chân thành của các bạn.

§1

Người ta chỉ tạo nên nhân vật sau khi đã nghiên cứu kỹ con người. Cũng như, người ta chỉ nói được tiếng nước ngoài sau khi đã học hỏi nghiêm túc tiếng nói đó.

Tôi chưa đến tuổi để đi vào sáng tạo. Tôi xin chỉ làm công việc của người kể chuyện.

Xin bạn đọc tin chắc với tôi: chuyện này là một chuyện có thật. Tất cả những nhân vật trong đó, trừ vai chính, đều còn sống.

Vả chăng, ở Paris vẫn còn có chứng cho hầu hết những sự việc tôi thu thập ở đây. Những nhân chứng đó có thể xác nhận hoặc bổ sung cho câu chuyện, nếu ghi nhận của tôi còn thiếu sót. Nhờ một trường hợp đặc biệt, chỉ riêng tôi mới có thể viết lại sự việc đó. Bởi vì tôi là người độc nhất nắm được những chi tiết cuối cùng của nó. Thiếu những chi tiết này, không thể nào kể lại câu chuyện một cách đầy đủ và thú vị được.

Tôi xin cho biết tất cả những chi tiết đến với tôi như thế nào.

Ngày 13 tháng 03 năm 1847, tôi đọc được ở đường Lapphit một yết thị lớn màu vàng, thông báo một cuộc bán đấu giá những động sản và những đồ vật hiếm đắt tiền. Cuộc đấu giá này được thực hiện sau khi người chủ đã chết. Trên yết thị không ghi tên người chủ là ai. Nhưng cuộc bán đấu giá sẽ bắt đầu vào ngày 16, từ trưa đến năm giờ chiều, tại đường Anti, nhà số 9.

Yết thị còn cho biết trong hai ngày 13 và 14, mọi người có thể đến thăm căn nhà và xem trước đồ đạc.

Vốn là người yêu thích những đồ vật quý hiếm, tôi tự nhủ sẽ không bỏ qua dịp này, nếu không mua gì thì cũng đến để xem.

Ngày hôm sau, tôi đến ngôi nhà số 9 đường Anti. Còn sớm lắm, thế nhưng nhiều người đã có mặt trong phòng. Họ ăn mặc nhung lụa đẹp đẽ, có xe song mã sang trọng dừng đợi trước cửa, nhưng vẫn ngắm nhìn sự xa hoa tráng lệ đang trải ra trước mắt một cách ngạc nhiên, có thể nói có ý thán phục nữa là khác.

Lát sau, tôi hiểu sự thán phục và ngạc nhiên ấy. Bởi vì khi đã xem xét kỹ, tôi nhận biết một cách rõ ràng: đây là căn phòng của một người đàn bà chuyên sống với tình nhân. Nay, nếu có một điều mà các bà phong nhã muốn xem – và ở đây có những bà phong nhã – thì đó chính là tư thất của người đàn bà phóng đãng, mà cách phục sức hàng ngày dám cạnh tranh với các bà. Những người đàn bà này, cũng như các bà, thuê những lô riêng ngay bên cạnh các bà trong các nhà hát; và ở Paris, họ cũng phô bày một cách xấc xược cái nhan sắc hào nhoáng, đồ nữ trang và những vụ tại tiếng.

Người đàn bà trước kia là chủ căn phòng này đã chết rồi. Những người đàn bà khác, những con người đạo đức nhất, có thể đi sâu vào bên trong căn phòng của người đã khuất. Cái chết đã thuần khiết hoá không khí cái hang ổ uế tạp lộng lẫy này. Hơn nữa, nếu cần, các bà vẫn có lý do để tự biện hộ: các bà đến đây để mua đồ đạc và không cần biết đây là nhà của ai. Các bà đã đọc yết thị, để có thể lựa chọn trước. Thật là đơn giản. Điều này không thể ngăn cản các bà tìm kiếm, giữa tất cả những cái đẹp đẽ đó, những dấu vết đời tư của cô gái giang hồ sang trọng mà những kẻ khác, chắc chắc, đã từng truyền tụng cho nhau nhiều mẩu chuyện lạ lùng, đặc sắc.

Khốn thay! Những bí mật đã chết cả rồi cũng với nữ thần của nó. Vì vậy, dù với tất cả thiện chí, các bà cũng chỉ có thể bắt gặp được nhưng thứ được bày bán sau khi người chủ đã chết và không bắt gặp một cái gì được bán lúc người chủ còn sống. Vả lại, lắm thứ có thể mua được: bàn ghế rất đẹp, những đồ đạc bằng gỗ quý, những chậu sành sứ Xevơ, Trung Quốc, những tượng nhỏ ở Xâcxơ, xatanh, nhung, đăng ten, không thiếu thứ gì.

Tôi đi dạo trong căn phòng, theo chân những bà quý tộc tò mò đã đến đó trước tôi. Các bà đi vào một gian phòng căng đầy rèm vải Ba Tư. Tôi sắp bước vào thì bắt gặp các bà đang bước vội ra, miệng tủm tỉm cười. Hình như các bà hơi thẹn vì sự tò mò mới mẻ của mình.

Tôi như bị kích thích, lòng ham muốn được vào xem càng mạnh hơn. Đó chính là phòng trang sức đầy những chi tiết tỉ mỉ, mà tất cả đã biểu lộ đến cao độ sự hoang phí của người chủ đã chết.

Trên một cái bàn lớn kê sát vách, rộng ba thước, dài sáu thước (thước Anh) tất cả những bảo vật Ocôc và Ôđiôt sáng rực lên. Đó là một bộ sưu tập cực kỳ phong phú. Không một vật nào trong số hàng ngàn vật đó – những thứ rất cần cho sự trang sức của một người đàn bà như người chủ căn nhà này – được làm bằng một kim loại nào khác hơn vàng và bạc. Bộ sưu tập này chỉ có thể được hình thành dần dần, và chắc chắn không phải chỉ do riêng một tình nhân nào tạo lập được.

Không chút ngại ngùng, tôi đứng nhìn phòng trang sức của một kỹ nữ. Tôi thích thú quan sát từng chi tiết dù nó thế nào chăng nữa. Tất cả những vật này được chạm khắc rất đẹp và đều mang chữ đầu của những tên họ khác nhau.

Tôi nhìn tất cả những vật đó, mỗi vật biểu trưng cho một sự "bán mình" của cô gái đáng thương. Tôi tự nhủ, Thượng Đế đã khoan hồng đối với nàng; vì đã cho nàng được chết trong xa hoa và sắc đẹp, không để nàng phải chịu sự trừng phạt thông thường; nhìn thấy tuổi già của mình – tức cái chết đầu tiên đối với những cô gái giang hồ.

Thực vậy, còn gì buồn hơn là phải nhìn thấy sự già nua của tội lỗi, nhất là nơi người đàn bà? Nó không giữ được phẩm giá và cũng không gây được sự hấp dẫn.

Sự hối hận cứ triền miên, không phải họ hối hận vì đã đi theo con đường xấu, mà vì những tính toán sai lầm đã có và vì những đồng tiền đã không dùng đúng chỗ. Đó là điều đáng buồn nhất mà người ta thường được nghe nói. Tôi được biết một người đàn bà, ngày trước lẳng lơ đã sinh được một cô bé. Theo lời những người cùng thời cô bé này đẹp không kém gì người mẹ xưa. Với đứa con khốn nạn này, chẳng bao giờ người mẹ đó bảo: "Con là con gái của mẹ", trừ phi để ra lệnh cho cô phải nuôi bà lúc già yếu, như ngày trước bà phải nuôi cô, lúc cô còn thơ ấu. Cô bé khốn khổ tên là Luidơ, vâng lời mẹ làm việc hiến thân lấy tiền, không dục vọng, không đam mê, không thích thú; như cô đã chọn một cái nghề, nếu người ta nghĩ đến việc dạy cho cô một nghề.

Bắt buộc hàng ngày phải chứng kiến cảnh ăn chơi sa đoạ ngày từ lúc còn qúa trẻ, cộng thêm vào đó là tình trạng bện hoạn triền miên, cô gái đã đánh mất ý thức về thiện và ác mà Thượng Đế đã phân phát cho cô, nhưng chẳng một ai để ý giữ gìn và phát triển cái ý thức ấy cả.

Tôi còn nhớ cô gái ấy, ngày nào cũng lang thang trên những đại lộ phố phường đúng vào một thời khắc nhất định. Bà mẹ luôn đi kèm bên cạnh, cũng rất đều đặn, như một người mẹ đích thực đi theo bên cạnh đứa con gái đích thực của mình. Thuở ấy, tôi còn trẻ lắm, nên dễ chấp nhận cái luân lý dễ dàng của thời đại. Tuy nhiên, tôi vẫn nhớ, cảnh canh giữ tội lỗi này gây cho tôi tâm trạng khinh bỉ và ghê tởm. Thêm vào đó, chưa bao giờ ta bắt gặp được một khuôn mặt đồng trinh nào lại có thứ tình cảm ngây thơ, vô tội đến như thế, một vóc dáng đau thương nào ảo não đến thế.

Người ta có thể nói, đây là hiện thân của Tủi Nhục.

Một ngày kia, khuôn mặt cô bừng sáng hẳn lên, giữa cảnh ăn chơi sa đoạ mà mẹ cô đã vạch chương trình. Hình như Thượng Đế đã cho phép cô gái tội lỗi đó được tiếp nhận một hạnh phúc. Xét cho cùng, lẽ nào Thượng Đế đã tạo ra một người con gái không nghị lực lại nỡ để nàng cứ phải sống không một niềm an ủi dưới gánh nặng đau thương của cuộc đời? Một ngày kia, cô nhận thấy mình đã có thai, và sự trinh trắng còn sót lại nơi cô như run lên sung sướng. Linh hồn có những nơi trú ẩn kỳ lạ. Luidơ chạy đi báo tin cho mẹ. Nói ra thật xấu hổ. Tuy nhiên, ở đây chúng ta không bàn đến sự vô luân của khoái lạc mà chỉ kể lại một sự kiện có thật. Có thể tốt hơn, chúng ta nên im đi, nếu chúng ta không cho rằng thỉnh thoảng nên nói đến sự đau khổ cực độ của những con người đã bị người đời buộc tội, khinh bỉ không cần đến một lời thanh minh, xét đoán. Thật đáng hổ thẹn! Nhưng quả thật người mẹ đã trả lời cho con gái của mình: "Chỉ với hai người, chúng ta đã chật vật lắm rồi. Thêm một người nữa thì lấy gì mà sống?" và "Những đứa con như thế là vô ích, thời gian thai nghén sẽ là thời gian bỏ đi."

Ngày hôm sau, một cô đỡ, bạn thân của người mẹ, đến thăm Luidơ! Luidơ phải nằm liệt giường mấy ngày liền. Khi cô đi lại được, người cô trông xanh xao,

gầy yếu hơn trước rất nhiều.

Ba tháng sau, một người đàn ông thương hại hoàn cảnh cô, đến chăm sóc, chữa trị tinh thần và thể xác cho cô. Nhưng sự xúc động trước đó đã qúa mạnh; và Luidơ đã chết, vì những biến chứng sau khi phải đẻ non.

Người mẹ còn sống: sống như thế nào? Chỉ có Thượng Đế biết!

Câu chuyện trở lại trong tâm trí tôi, lúc tôi đang đứng ngắm nghía những đồ vật bằng vàng bạc. Cứ như thế, thời gian lặng lẽ trôi qua, khi sực nhìn lại, thì trong căn phòng chỉ còn tôi và người đứng gác ở cửa. Ông chăm chú theo dõi tôi, hình như để xem tôi có lấy cắp gì không?

Tôi tiến đến gần ông ta. Quả thật, tôi đã làm cho người gác phải lo lắng đề phòng.

-Ông có thể cho tôi biết tên người chủ trước kia đã ở đây? – Tôi hỏi.

-Cô Macgơrit Gôchiê.

Tôi đã biết cô gái đó, qua tên gọi và những lần gặp mặt.

-Thế nào tôi nói với người gác – Macgơrit Gôchiê đã chết rồi.

-Thưa ông, phải.

-Từ bao giờ?

-Cách đây khoảng ba tuần.

-Tại sao người ta cho mọi người đến xem ngôi nhà này?

-Những người chủ nợ cho rằng điều đó có thể làm tăng được giá bán đồ đạc. Vải vóc và đồ đạc ở đây sẽ gây được ấn tượng mạnh đối với khách hàng khi họ xem trước chúng. Điều đó sẽ thúc đẩy tốt việc mua bán.

-Nghĩa là cô ta có nợ à?

-Ồ! Thưa ông, nhiều lắm.

-Với tiền bán đấu giá này, có thể trả đủ chứ?

-Thưa ông, thừa đủ.

-Vậy số tiền thừa sẽ thuộc về ai?

-Về gia đình cô ta.

-Cô ta có gia đình?

-Có lẽ thế.

-Cám ơn ông.

Yên tâm trước những ý tưởng của tôi, người gác cổng cúi chào tôi, và tôi bước ra.

"Cô gái khốn khổ" – Tôi tự nhủ lúc ra về. Cô ta chắc đã chết với một tâm trạng rất buồn thảm. Trong giới của cô, người ta chỉ có bạn khi khoẻ mạnh. Tôi tự nhiên cảm thấy thương xót cho số phận của Macgơrit Gôchiê…

Điều này có thể buồn cười đối với nhiều người. Nhưng tôi vốn có một thái độ khoan dung không bờ bến đối với những cô gái giang hồ phóng đãng; và tôi cũng chẳng chút bận tâm để lý giải vì sao mình có sự khoan dung đó.

Một hôm, đi lấy giấy xuất cảnh ở văn phòng tỉnh, tôi nhìn thấy trên đường phố bên cạnh một cô gái đang bị hai sen đầm áp giải. Tôi không biết cô gái đó đã làm gì. Tất cả điều tôi có thể nói là cô ta khóc sướt mướt và ôm hôn một đứa trẻ chừng ba tháng mà hoàn cảnh mới này buộc cô phải lìa xa nó. Kể từ ngày đó, tôi không bao giờ dám khỉnh bỉ một người đàn bà mà mình mới gặp lần đầu.

§2

Cuộc bán đấu giá được ấn định vào ngày 16.

Trước đó một ngày, người ta ngưng hẳn việc cho đến xem đồ đạc trong nhà, để những người thợ chuyên môn có đủ thời gian tháo gỡ rèm, màn xuống.

Những ngày ấy, tôi đi xa mới về. Theo lẽ thường người ta không cho tôi biết về cái chết của Macgơrit như một trong những tin quan trọng mà bạn bè thường báo lại cho bất cứ người nào từ xa trở về thủ đô được biết. Macgơrit thật xinh đẹp. Nhưng nếu cuộc sống cầu kỳ của người đàn bà như thế gây tai tiếng nhiều chừng nào, thì cái chết của họ ít gây xáo động chừng ấy. Đó là những lúc mặt trời lặn, lúc lặn xuống cũng như lúc mọc lên không hề rực rỡ. Cái chết của họ, nếu họ chết trẻ, thì tất cả những tình nhân họ được biét cùng một lúc. Bởi vì ở Paris, hầu hết những tình nhân của một cô gái tên tuổi đều rất quen biết nhau. Một vài kỷ niệm chung được nhắc lại. Rồi sau đó, cuộc đời những người này và những người khác vẫn cứ tiếp tục trôi đi, không hề để sự bất hạnh kia có thể khuấy động hay làm rơi một giọt nước mắt nào ở họ.

Ngày nay, khi người ta hai lăm tuổi, những giọt lệ trở nên quá khan hiếm. Nhiều lắm, chỉ những người thân thuộc đã bỏ tiền ra thuê những người khóc mướn mới phải nhỏ lệ vì số tiền đã bỏ ra mà thôi.

Còn tôi, tuy không hề có một kỷ niệm nào sâu nặng với Macgơrit, nhưng thật lòng khoan dung do bản năng, tình thương xót tự nhiên mà tôi vừa thú nhận, đã làm cho tôi suy nghĩ đến cái chết của cô có lẽ lâu hơn là cô xứng đáng được như vậy.

Nhớ lại, trước kia tôi thường gặp Macgơrit ở quảng trường Xăng Êlidê. Nàng thường đến nơi này, ngày nào cũng thế, trong một chiếc xe hai chỗ ngồi màu xanh da trời, thắng hai con ngựa màu be đẹp đẽ. Và như thế, trông nàng có một vẻ gì đó khác biệt hẳn với bạn bè của nàng. Sự khác biệt này càng nổi bật nhờ một nhan sắc thật sự ngoại hạng của nàng.

Những con người đáng thương này, mỗi khi ra đường, luôn luôn có kẻ cắp đi kèm.

Không một người đàn ông nào chịu để công chúng biết được những cuộc tình tự ban đêm với các cô gái giang hồ. Và những cô gái này sợ sự cô đơn. Các cô phải đem theo những người đàn bà khác, kém sung sướng hơn, không có xe riêng, hoặc một vài người đàn bà sang trọng đã về già, nơi họ sự hào nhoáng không còn lý do để tồn tại. Với những người đàn bà này, người ta có thể đến làm quen nói chuyện một cách tự nhiên, khi người ta muốn biết một vài chi tiết nào đó về cô gái mà các bà đi kèm.

Macgơrit thì khác hẳn. Cô đến quảng trường Xăng Êlidê bao giờ cũng đi một mình, đi riêng và lánh mặt đến mức tối đa: mùa đông, trong một tấm áo choàng lớn; mùa hè, với những chiếc áo dài rất đơn giản. Nếu cô mỉm cười với những người quen biết tình cờ gặp trên đường thì nụ cười riêng tư đó cũng rất kín đáo. Một bà hoàng cũng có thể cười như thế.

Cô không đi dạo từ ngã tư đến cổng vào Xăng Êlidê, như những người bạn cô vẫn đi từ xưa đến nay. Hai con ngựa nhanh chóng đưa cô đến khu rừng. Ở đó cô bước xuống xe, chậm rãi đi bách bộ trong khoảng một giờ, rồi lại lên xe, trở về nhà, với đôi ngựa phi nước đại.

Những cảnh ấy, mà đôi khi tôi được chứng kiến, giờ lại hiện ra trước mắt tôi. Tôi thương xót cái chết của người con gái đó, không khác nào người ta thương tiếc sự tàn phá hoàn toàn một công trình tuyệt đẹp.

Thực vậy, không dễ gì có thể tìm thấy được một sắc đẹp mê hồn như sắc đẹp của Macgơrit, người cô cao và mảnh dẻ, gần như hơi thái quá. Nhưng cô đã nắm được cái nghệ thuật tuyệt vời để làm tan biến những sơ sót của tạo hoá bằng sự sắp xếp giản dị tuyệt vời những thứ được dùng làm trang sức cho một người đàn bà. Tấm áo choàng Casơmia rộng buông gần chấm đất, để lộ mỗi bên một cái vạt rộng của chiếc áo đầm dài bằng lụa. Đôi găng tay che kín hai bàn tay áp sát vào ngực, để lộ những nếp nhăn rất khéo sắp xếp đến mức những con mắt khó tính đến mấy cũng không thể chỉ trích những đường nét chìm nổi.

Cái đầu tuyệt vời của nàng thật sự là một kỳ quan. Đầu nàng bé nhỏ, và nói như Mútxê, mẹ nàng đã tạo ra nó như thế để nắn nót nó chu đáo hơn.

Trên khuôn mặt trái xoan duyên dáng không thể tả, bạn hãy đặt lên đó một cặp mắt đen long lanh dưới đôi lông mày vòng cung, nét sắc như vẽ. Hãy giảm nhẹ sóng mắt bằng những hàng mi dài; và những hàng mi này, mỗi khi hạ xuống, toả râm phơn phớt trên sắc hồng của đôi má. Hãy vẽ một cái mũi thon nhỏ, thẳng nét, thông minh, với lỗ mũi hơi nở nang như để thu hút sức nồng cháy của cuộc sống nhục dục. Hãy hình dung một cái miệng đều đặn, với đôi môi duyên dáng nở trên những chiếc răng trắng như sữa. Hãy tô màu da với những sợi tơ nhung, thứ tơ nhung trông thấy trên một trái đào mà chưa một bàn tay nào động đến. Và như thế, bạn sẽ ý thức được toàn thể cái đầu duyên dáng sang trọng đó.

Tóc nàng đen huyền, gợn sóng tự nhiên, toả ra trên trán thành hai dải nhỏ rồi vòng ra phủ kín phía sau, trọn vẹn, chỉ đủ hé cho thấy hai viên kim cương lấp lánh nơi tai. Mỗi viên trị giá từ bốn đến năm ngàn frăng. Vì sao cuộc sống dữ dội của Macgơrit lại để lại trên khuôn mặt nàng cái ánh sáng trinh trắng, thơ ngây đến như thế? Đó chính là điều chúng ta bắt buộc phải nhìn nhận mà không thể giải thích được.

Macgơrit có một chân dung tuyệt đẹp của chính mình, do Vidal vẽ. Đó là một người độc nhất có thể tạo lại nàng giống như nàng. Tôi có giữ được bức chân

dung này trong vài ngày, sau khi nàng chết. Bức chân dung quả giống nàng đến lạ lùng, đủ để gợi lại cho tôi những chi tiết mà trí nhớ tôi không còn giữ được.

Trong số những chi tiết mà tôi mô tả ở trong chương này, một vài chi tiết mãi sau này mới đến với tôi. Nhưng tôi cần viết ngay, để khỏi phải trở lại khi bắt đầu câu chuyện kể về người đàn bà này.

Macgơrit dự tất cả các buổi trình diễn đầu tiên của các vở. Tối nào nàng cũng có mặt ở rạp hát hay ở vũ trường. Mỗi khi người ta cho trình bày một vở diễn mới, chắc chắn nàng sẽ có mặt, với ba vật bất ly thân luôn luôn đặt ở phía trước lô riêng của nàng tại tầng trệt; một ống nhòm, một túi kẹo và một bó hoa trà. Đều đặn mỗi tháng hai mươi lăm ngày hoa trà trắng, và năm ngày hoa trà đỏ. Người ta không biết lý do của sự đổi thay màu sắc này. Tôi nhận thấy điều đó, nhưng cũng không giải thích được. Những người thường đi xem ở các rạp nàng thường đến và các bạn nàng cũng nhận thấy điều đó như tôi.

Người ta không bao giờ thấy ở Macgơrit loại hoa nào khác ngoài hoa trà. Bởi thế, ở cửa hàng hoa bà Bacdông, nơi nàng thường đến mua hoa người ta gọi nàng bằng biệt danh "Trà hoa nữ". Biệt danh này đã tồn tại. Tôi biết, cũng như tất cả những người sống trong một thế giới nào đó ở Paris, Macgơrit xưa kia đã là tình nhân của những chàng trai sang trọng hào nhoáng bậc nhất. Điều này nàng công nhiên nhìn nhận và những chàng trai kia cũng hãnh diện khoe khoang. Sự việc trên chứng tỏ họ rất ăn ý với nhau.

Tuy nhiên, người ta bảo rằng khoảng ba năm nay, từ sau chuyến đi Banhêe về, nàng chỉ sống với một ông quận công già nước ngoài, giàu kếch xù. Ông này đang cố gắng đưa nàng ra khỏi cuộc đời quá khứ. Điều này hình như được nàng chấp nhận khá dễ dàng.

Sau đây là những gì tôi được nghe người khác kể lại.

Mùa xuân, năm 1842, Macgơrit rất suy nhược. Các thầy thuốc buộc nàng phải đi chữa trị bằng nước suối và vì thế, nàng đến Banhêe.

Ở đó, trong số những người bệnh, có cô con gái ông quận công. Cô này không những có cùng bệnh trạng như nàng, mà còn có khuôn mặt giống Macgơrit đến nỗi nhiều người khác phải nhầm là hai chị em. Chỉ có điều, cô tiểu thư quận công trẻ tuổi này đã bị chứng lao phổi ở thời kỳ thứ ba, và đã từ trần sau khi Macgơrit đến được vài ngày.

Một buổi sáng, ông quận công – lúc đó còn lưu lại Banhêe như một người phải ở lại trên mảnh đất đã chôn vùi một phần trái tim mình – chợt bắt gặp Macgơrit trên đường đi tại một khúc quanh.

Như bắt gặp hình bóng cô gái mình đang đi qua, ông vội tiến đến gần Macgơrit, nắm tay nàng, rồi ôm choàng lấy nàng mà khóc. Và không cần hỏi nàng là ai, ông đã van nài xin được phép thường xuyên gặp nàng, được thương yêu nàng như thương yêu hình ảnh sống động của đứa con đã chết.

Macgơrit đang một mình ở Banhêe với một bà hầu phòng, lại không phải lo bị thiệt thòi chút nào trong việc ấy nên đã nhận lời.

Ở Banhêe có những người biết rõ nàng và đã công khai đến gặp ông quận công, cho ông biết hoàn cảnh thực của Gôchiê. Thật là một đòn khá mạnh đối với ông già, vì ông không còn thấy rằng người con gái này là hình ảnh của cô con gái mình nữa. Nhưng việc đã quá muộn! Người đàn bà trẻ đã trở thành một nhu cầu của tâm hồn ông và đó là cái cớ độc nhất, lý do duy nhất để ông có thể tiếp tục sống.

Ông không hề có một lời nào nặng nề với Macgơrit Gochiê. Ông không có quyền. Ông chỉ yêu cầu nàng, nếu có thể, hãy thay đổi cách sống. Để đền bù lại sự hy sinh đó, ông sẽ tạo cho nàng tất cả những gì nàng muốn. Và nàng đã nhận lời.

Phải nói vào thời kỳ đó, Macgơrit, bản chất vốn nồng nhiệt, nhưng đang trong bệnh hoạn. Quá khứ đối với nàng như một trong những nguyên nhân chính của bệnh trạng và một thứ mê tín nào đó đã làm nàng hy vọng rằng Thượng Đế sẽ cho phép nàng giữ lại sắc đẹp và sức khoẻ, nếu nàng biết hối lỗi và trở về với chúa.

Thật vậy, nước suối, những cuộc du ngoạn, sự mệt mỏi tự nhiên và sự nghỉ ngơi đã làm cho nàng gần như khoẻ hẳn vào cuối mùa hạ.

Ông quận công đưa Macgơrit trở về Paris. Ở đó, ông tiếp tục đến thăm nàng thường xuyên, như ở Banhêe.

Sự giao hảo đó – mà người khác không biết rõ cội nguồn sâu xa, cũng không biết rõ được lý do thật sự – đã gây ra nhiều tai tiếng. Bởi vì, ông quận công, vốn nổi tiếng về gia tài kếch sù của mình, giờ đây lại nổi tiếng thêm về sự ăn tiêu hoang phí.

Người ta cho đó chẳng qua là sự phóng đãng rất thường gặp ở những ông già giàu có. Chính sự phóng đãng này đã làm cho ông quận công già và người đàn bà trẻ kia gần gũi nhau. Người ta đặt ra đủ mọi giả thuyết, trừ sự thật diễn ra trước mắt.

Thực tế, tình cảm của người cha đó đối với Macgơrit rất trong sáng. Bất cứ một liên hệ nào ngoài những liên hệ thuần túy tâm hồn cô gái này, ông đều cho là tội lỗi. Không bao giờ ông nói một lời nào để Macgơrit – con gái ông – cảm thấy khó nghe.

Hãy miễn cho chúng tôi cái việc tạo cho vai chính của câu chuyện một điều gì khác hơn là sự thật. Chúng tôi xin nói thẳng ngày nào nàng còn ở Banhêe, lời hứa của nàng đối với ông quận công còn được thực hiện không gì khó khăn; và nàng đã giữ đúng. Nhưng một khi trở về Paris, người con gái vốn trước đây đã quen với cuộc sống phóng đãng ở những vũ trường, những chốn chè chén truỵ lạc, giờ lại phải sống cô đơn trừ những buổi viếng thăm thường lệ của ông quận

công, cảm thấy có thể chết được vì buồn tẻ. Những sinh khí nóng bỏng của cuộc đời sóng gió ngày trước lại ùn ùn trỗi dậy trong đầu óc nàng, trong trái tim nàng.

Cũng nói thêm, Macgơrit trở về sau chuyến đi đó, lại xinh đẹp hơn trước rất nhiều. Nàng đã hai mươi tuổi. Căn bệnh chỉ được ru ngủ, chứ không phải bị đánh bại, lại tiếp tục gây cho nàng những dục vọng sôi động. Đó là hậu quả gần như thường xuyên của bệnh lao phổi. Những bạn thân của ông quận công không ngừng rình mò để bắt quả tang tội lỗi của người đàn bà mà họ cho là ông đã lầm để hại đến thanh danh của mình. Ông quận công đã đau khổ nhiều khi họ báo thẳng và chứng minh cho ông biết rằng người đàn bà trẻ nàyđã dùng những giờ mà chắc chắn ông không đến để tiếp khách; và những cuộc tiếp khách này kéo dài cho tới mãi sáng hôm sau.

Được chất vấn, Macgơrit thú nhận tất cả với ông quận công. Rồi không hề quanh co, nàng nói rằng ông đừng chăm sóc đến nàng nữa. Bởi nàng tự thấy không đủ sức để giữ trọn những lời hứa trước đây và không muốn tiếp tục nhận những ân huệ nơi một người mà nàng đã lừa dối.

Ông quận công, tám ngày liền không xuất hiện. Đó là tất cả những gì ông có thể làm được. Và sau ngày thứ tám, ông đến năn nỉ Macgơrit hãy cứ nhìn nhận ông. Ông sẵn sàng chấp nhận lối sống của nàng như nàng muốn, miễn là ông vẫn được đến thăm nàng như trước. Ông thề rằng dù phải chết đi nữa, ông cũng sẽ chẳng bao giờ đưa ra một lời phiền trách nàng.

Đó là tất cả những việc đã xảy ra trong ba tháng sau khi Macgơrit trở về Paris, nghĩa là vào khoảng tháng Mười Một hay tháng Mười Hai năm 1842.

§3

Ngày 16, lúc một giờ, tôi đến phố Anti.

Từ trên xe, người ta đã nghe những tiếng hô vang của những người bán đấu giá.

Căn phòng đầy những khách hiếu kỳ, Người ta trông thấy ở đây, tất cả những danh vọng của những tội lỗi sang trọng được theo dõi xem xét một cách thâm hiểm bởi vài ba bà lớn. Một lần nữa, những bà này lại lấy cớ đến nơi bán đấu giá để có quyền được nhìn thấy tận mắt cuộc sống của người đàn bà mà họ không bao giờ có dịp thân thiện. Và có lẽ họ cũng đã thèm muốn thầm kín những thú vui dễ dàng cuả người đàn bà ấy.

Bà quận công F, đi sát bên cô A… – một trong những cô gái giang hồ tân tiến. Bà huân tước T… đang lưỡng lự suy tính mua một dộng sản mà bà Đ… – người đàn bà ngoại tình sang trọng nhất và nổi danh nhất của thời đại – đang bám theo với giá cao. Ông quận công Y… vẫn thường qua Macgơrit để phá một mớ gia sản ở Paris và qua Paris để phá một mớ gia sản ở Mađơrit mà vẫn không tiêu hết được lợi tức hàng năm của mình – vừa tiếp chuyện với bà M… – một trong những con người kể chuyện láu lỉnh nhất, thỉnh thoảng viết lại những điều bà đã nói và ký tên ở những điều bà đã viết – vừa trao đổi những cái nhìn riêng tư với bà N… – người đàn bà đẹp, thường đi dạo ở quảng trường Xăng Êlidê với chiếc áo màu hồng hoặc xanh da trời, có xe riêng với hai con ngựa kéo to lớn, đẹp đẽ mà Tôny đã bán cho với gía mười ngàn frăng và bà đã trả đủ tiền rồi. Cuối cùng, cô R… – chỉ nhờ tài riêng của mình, đã làm cho vốn riêng tăng lên gấp hai lần so với những người đàn bà sang trọng có sẵn của hồi môn, và gấp ba lần so với những người đàn bà khác đã tạo nên cơ nghiệp nhờ nhân tình nhân ngãi – đã có mặt ở đây dù hôm nay trời lạnh, và hẳn không phải cô là người ít được những kẻ khác chú ý đến.

Chúng tôi còn có thể kể ra những chữ đầu tên của nhiều nhân vật khác nữa có mặt trong phòng khách này. Chính họ cũng rất ngạc nhiên khi lại được gặp gỡ nhau tại đây. Nhưng như thế tôi sợ sẽ làm mệt bạn đọc.

Chỉ cần nói, tất cả mọi người đều điên loạn. Trong số những người đàn bà có mặt tại đây, nhiều người đã từng quen biết với người đã chết, nhưng hình như họ không còn nhớ đến nàng nữa.

Người ta cười nói ồn ào. Những kẻ hô bán la chói óc. Trước những bàn đấu gía, những người khách luôn cố gắng một cách vô ích để áp đặt sự yên lặng, điều kiện cần thiết để họ có thể làm việc một cách bình tĩnh. Chưa bao giờ có một cuộc tụ họp phức tạp đến thế, sôi nổi ồn ào đến thế!

Tôi lặng lẽ nhẹ nhàng đi giữa sự náo nhiệt đáng buồn ấy, thầm nghĩ: sự ồn ào này đang diễn ra ngay bên cạnh căn phòng mà người xấu số đã trút hơi thở cuối cùng, và người ta đang bán đồ đạc trong nhà để trả những món nợ của nàng. Tôi đến đây để xem hơn là để mua. Nhìn khuôn mặt những người thầu đứng bán, tôi cảm thấy nét mặt họ rạng rỡ hẳn lên, mỗi khi có món hàng nào đó đạt đến một giá cao mà không ngờ tới.

Những con người lương thiện đã đầu tư trên sự bán mình của người đàn bà trẻ ấy và giờ đây đã thu lợi cả trăm phần. Họ đưa đơn kiện cáo nàng vào những giờ phút nàng hấp hối. Và bây giờ, sau cái chết của nàng, họ lại đến đây để nhận lãnh thành quả từ những tính toán đáng kính của họ, đồng thời nhận những món lãi sinh ra do những món tiền cho vay một cách bỉ ổi của họ.

Người xưa thật chí lý, khi họ đã chọn chung cho những kẻ lái buôn và những tên trộm cướp một vị thần để thờ.

Áo dài, hàng casơmia, đồ nữ trang… bán chạy nhanh chóng không tưởng được. Trong số đó, không có cái gì hợp với tôi cả và tôi đành chờ đợi.

Bỗng nhiên, tôi nghe tiếng hô to: "Một quyển sách, đóng công phu, bìa da, mạ vàng, nhan đề "Manông Lexcô". Có vài dòng chữ ở trang đầu. Mười frăng."

-Mười hai! – Một giọng thốt lên, sau một lúc yên lặng khá lâu.

-Mười lăm! – Tôi hô lên.

Tại sao? Tôi không biết, chắc hẳn vì những dòng chữ viết trên cuốn sách đó.

-Mười lăm – Người hô gía lặp lại.

-Ba mươi! Người trả giá đầu tiên nhấn mạnh, vẻ thách thức, tin chắc rằng không ai có thể vượt lên được nữa.

Sự việc trở thành một cuộc đối chọi.

-Ba lăm! – Tôi la lớn.

-Bốn mươi!

-Năm mươi!

-Sáu mươi!

-Một trăm!

Tôi thú thật, nếu muốn gây ấn tượng, tôi đã thành công hoàn toàn. Bởi vì, sau cái giá đó, một sự yên lặng hoàn toàn bao phủ khắp căn phòng. Người ta chăm chú nhìn tôi, để biết cái người đã khăng khăng mua cho kỳ được cuốn sách kia.

Hình như cái giọng tôi hô tiếng cuối cùng đã làm cho đối thủ của tôi không còn nghi ngờ gì nữa: anh ta bỏ cuộc. Thế là tôi phải trả cuốn sách với giá mười lần đắt hơn. Còn anh ta chỉ khẽ nghiêng mình, nói với tôi một cách rất lịch sự, tuy hơi muộn một chút.

-Tôi xin nhường ông.

Không còn ai nói thêm gì nữa. Quyển sách được bán cho tôi. Nhưng tôi ngại một cuộc đương đầu mới mà tôi bắt buộc sẽ phải giữ lòng kiêu hãnh bằng cách

làm đau đớn túi tiền của mình. Tôi xin ghi tên rồi đi ra. Chắc chắn những người chứng kiến cảnh tượng đó đã phải tự hỏi rằng tôi bỏ ra một trăm đồng để mua cuốn sách với mục đích gì, trong lúc có thể mua nó ở bất cứ nơi nào khác, với giá cao nhất cũng chỉ đến mười hay mười lăm frăng là cùng.

Một giờ sau, tôi nhờ người đến nhận sách cho mình.

Trên trang đầu của cuốn sách có ghi lời đề tặng cho người tặng sách, nét chữ viết tay rất đẹp. Lời đề tặng chỉ vẻn vẹn mấy chữ sau đây:

Manông gửi Macgơrit – Khiêm tặng.

Dưới ký tên: Acmân Đuyvan.

Người viết muốn nói gì ở các từ "Khiêm tặng"?

Phải chăng Manông đã nhận thấy nơi Macgơrit – Theo như ông Acmân Đuyvan nghĩ – một con người vượt hẳn mình về sự truỵ lạc hoặc về tâm tình?

Giải thích theo ý sau có thể dễ chấp nhận hơn. Bởi vì ý đầu là một sự thẳng thắn khiếm nhã mà Macgơrit không thể đồng ý, mặc dù nàng vẫn tự hiểu mình là người như thế nào.

Tôi lại phải đi, và tôi chỉ bận tâm vào cuốn sách vào buổi tối, khi đi nằm.

Manông Lexcô là một câu chuyện cảm động. Không một chi tiết nào của nó xa lạ đối với tôi. Tuy thế, khi có cuốn sách trong tay, tôi vẫn bị nó lôi cuốn. Tôi mở sách ra và đây là lần thứ một trăm, tôi sống lại với vai chính của tu sĩ Prêvốt. Vai chính này qúa thực, đến nỗi tôi có cảm tưởng như đã quen biết từ lâu. Trong hoàn cảnh mới này, một sự so sánh giữa người trong truyện với Macgơrit đã gây cho tôi những thích thú bất ngờ. Lòng khoan dung của tôi như lớn lên cùng nỗi đau thương của nàng, trở thành như một tình yêu đối với người con gái xấu số mà gia tài để lại đã cho tôi cơ hội có cuốn sách này. Manông trước kia đã chết trong một sa mạc, đúng vậy, nhưng chết trong cánh tay của người đàn ông đã yêu quý nàng với tất cả sự nồng cháy trong tâm hồn. Người này đã đào huyệt cho nàng, tưới lên đó những giọt nước mắt, và chôn vùi luôn ở đó trái tim của mình. Còn Macgơrit, một người con gái tội lỗi như Manông và cũng có thể được trở về với Chúa như Manông, đã chết giữa một sự xa hoa cực độ – nếu như tin vào những gì tôi đã thấy – nhưng lại giữa cái sa mạc của trái tim. Nó khô cằn hơn nhiều, đáng thương xót hơn nhiều so với cái sa mạc trong đó Manông được an nghỉ.

Macgơrit, quả vậy, như tôi được biết qua một số bạn hữu đã chứng kiến những giờ phút cuối cùng của đời nàng, nàng không hề tìm được một sự an ủi thực sự nào ở bên giường bệnh. Trong hai tháng cuối cùng nàng phải chống chọi một sự hấp hối kéo dài, đầy khổ ải, đau thương.

Rồi từ Manông và Macgơrit, tôi lại nghĩ đến những người đàn bà quen biết mà tôi vẫn thường gặp họ vừa đi vừa hát. Họ đang dần dần tiến đến một cái chết đau thương tất yếu, gần như không bao giờ thay đổi.

Những con người khốn khổ! Nếu thương yêu họ là một sai lầm, thì ít ra chúng ta có thể thương xót họ. Các bạn thương xót người mù không bao giờ thấy được ánh sáng của ban ngày, người điếc không bao giờ nghe được âm thanh của tạo vật, người câm không bao giờ cất lên được những tiếng nói của tâm hồn. Nhưng vin vào một cớ e ngại giả tạo, bạn không chịu thương xót sự đui mù của trái tim, sự điếc lác của tâm hồn, sự câm lặng của lương tâm. Và đã làm cho người phụ nữ bị đày đoạ không thể thấy được con đường lương thiện, không thể nghe được tiếng gọi của Chúa và nói lên được ngôn ngữ thuần khiết của tình yêu và đức tin.

Huygô đã tạo nên Mariông Đơloocmơ, Mútxê đã tạo nên Becnơrết, Alecxanđơrơ Đuyma đã tạo nên Phécnăngđơ. Những nhà tư tưởng và thi sĩ, từ ngàn xưa, đã hiến dâng lòng khoan dung cho những người kỹ nữ. Và đôi khi vĩ nhân, bằng tình yêu và ngay cả tên tuổi của mình, đã phục hồi danh dự cho họ. Tôi nhấn mạnh như thế, là bởi vì trong số những bạn đọc của tôi, có nhiều người như đã sẵn sàng vứt cuốn sách này sợ sách này chỉ để ca ngợi tội lỗi và nghề mại dâm, và tuổi đời tác giả, chắc chắn đã góp phần tạo nên nỗi lo sợ này. Nếu ai đó nghĩ vậy, xin hãy vứt bỏ ý nghĩ sai lầm, và hãy tiếp tục đọc cuốn sách nếu chỉ vì ý nghĩa lầm lạc kia cản trở.

Tôi tin chắc một cách đơn giản vào nguyên lý này: Đối với đàn bà không được giáo dục về đạo đức, Thượng Đế hình như luôn luôn mở ra hai con đường mòn để dẫn họ đến đó. Hai con đường mòn này chính là sự đau khổ và tình yêu. Đó là những con đường đầy chông gai. Những người đàn bà nào đi vào sẽ phải trầy da, đổ máu. Nhưng đồng thời họ cũng sẽ để lại trên những gai góc của con đường ấy tất cả các thứ phục sức lộng lẫy nhơ nhuốc. Và họ đi đến đích với sự khoả thân cần thiết, không làm cho người ta phải đỏ mặt trước Chúa.

Những ai được gặp những người đàn bà dũng cảm này, phải nói lại cho tất cả mọi người biết mình đã gặp họ. Bởi vì nói lên sự việc này, tức là chúng ta đã chỉ được con đường nên đi.

Đâu đơn giản là chỉ việc đặt sẵn ngay trước ngưỡng cửa cuộc đời hai tấm bảng, một tấm mang lời chỉ dẫn: "con đường lương thiện" và tấm kia là lời răn đe: "con đường tội ác" rồi nói với những người đến đó: "Hãy lựa chọn đi!" Phải như đấng Kitô, chỉ những con đường dẫn từ con đường thứ hai đến con đường thứ nhất cho những kẻ nào đã bị cám dỗ và nhất là cho thấy: chặng đầu những con đường này không đến nỗi quá chằng chịt gai góc đến nỗi người ta e sợ không dám bước chân vào.

Đạo thiên chúa có một chuyện ngụ ngôn kỳ thú "Thằng con trai hoang phí" để khuyên chúng ta cần khoan hồng và tha thứ. Chúa Giêsu đầy tình thương đối với những tâm hồn đầy thương tích do dục vọng của con người gây ra và Chúa cũng thích băng bó những vết thương, chữa trị nó bằng chính những hương thơm.

Người đã rút ra từ nó, để tự nó lành hẳn đi. Đúng như thế. Người ta bảo Mađơlen: "Người sẽ được tha tội nhiều, bởi vì người đã thương yêu". Sự khoan hồng cao cả sẽ khơi dậy một đức tin cao cả.

Tại sao chúng ta lại cứng rắn hơn Đấng Kitô? Tại sao chúng ta cứ cứng đầu bám chặt những luận điệu của thế giới này, cái thế giới tỏ ra cứng rắn để người ta tưởng nó giàu nghị lực? Tại sao chúng lại đồng ý với nó để xua đuổi những tâm hồn đang bị rỉ máu vì những vết thương do tội lỗi của quá khứ gây nên, những tâm hồn chỉ chờ đợi được một bàn tay thân ái đến băng bó, giúp họ lấy lại được sự an lành của trái tim?

Tôi đang nói chuyện với những người cùng thế hệ với tôi – thế hệ mà những lý thuyết của ông Vônte, may mắn thay không còn nữa! – Với những người, cũng hiểu như tôi rằng nhân loại từ mười lăm năm nay đang lấy đà tiến lên, lao tới một cách can cường. Ý thức về thiện và ác đã được phân minh. Đức tin được xây dựng lại, sự tôn kính những gì thiêng liêng được trả lại. Và thế giới này, nếu không phải là hoàn toàn tốt đẹp, thì ít ra nó cũng đang dần dần trở nên tốt đẹp hơn. Những nỗ lực của tất cả con người thông minh đều hướng về một mục đích và tất cả những ý chí vĩ đại đều phục tùng một nguyên tắc: "phải tốt, phải trẻ, phải thực!" Tôi ác chỉ là một điều hư ảo. Hãy giữ lòng tự trọng về điều thiện. Và nhất là không được thất vọng. Đừng khinh bỉ những người đàn bà không được làm mẹ, làm thiếu nữ, làm vợ. Không nên thu hẹp tình thương hạn chế chỉ trong gia đình, đừng biến lòng khoan dung thành tính ích kỷ. Bởi vì, thiên đường sẽ vui sướng trước sự hối cải của một người tội lỗi còn hơn cả khi tiếp nhận một trăm người lương thiện không hề phạm tội bao giờ. Chúng ta hãy nỗ lực làm cho thiên đường vui hơn và chắc chắn chúng ta sẽ được đền bù xứng đáng. Hãy để lại trên những con đường chúng ta đi lòng khoan dung cho tất cả những kẻ mà dục vọng trên cõi đời đã làm hư hỏng. Và có thể họ sẽ may mắn được cứu thoát bở một hy vọng thiêng liêng. Những bà già tốt bụng thường bảo, khi khuyên dùng một thứ thuốc nào đó do các bà tìm ra: "Nếu nó không làm lành bệnh, thì nó cũng không làm cho bệnh nặng thêm". Lòng khoan dung của chúng ta cũng vậy, nếu nó không đem lại được điều tốt lành cho ai, thì cũng chẳng hại ai.

Thực vậy, tôi có vẻ táo bạo khi muốn đưa ra những kết luận to lớn từ một đề tài nhỏ bé. Nhưng tôi là một trong những người tin rằng: "Cái tất cả nằm trong cái nhỏ bé". Đứa bé, tuy nhỏ tuổi nhưng đã hàm chứa trong nó một người lớn rồi. Bộ não tuy hẹp, nhưng đã che chở được tư tưởng. Con mắt tuy chỉ như một điểm nhỏ, nhưng đã ôm trùm vạn dặm.

§4

Hai ngày sau, người ta đã bán sạch tất cả. Tổng số tiền thu được lên đến một trăm năm mươi ngàn frăng.

Những chủ nợ cùng chia nhau hai phần ba. Số còn lại được giao cho gia đình, gồm một em trai và một cháu trai.

Cô em này mở tròn đôi mắt, khi người có trách nhiệm đến báo tin cho biết: cô được một gia tài là năm mươi ngàn frăng.

Cách sáu bảy năm rồi, cô gái nhỏ này không gặp lại chị. Người chị này, một ngày nọ, đã biến mất, không biết đi nơi nào. Không ai nhận được tin tức gì về người chị, từ sau ngày người chị ra đi.

Nhận được tin, cô em vội vã đến Paris. Những người quen biết Macgơrit rất đỗi ngạc nhiên khi được biết rằng người độc nhất thừa hưởng gia sản kia là một cô gái mập chắc xinh đẹp, sinh sống ở nông thôn, chưa bao giờ đi xa khỏi làng.

Tài sản không hề mong ước bỗng dưng đến. Cô không hiểu ngọn ngành vào đâu cả.

Người ta cho hay cô em đã lại trở về nông thôn, đem theo một nỗi buồn sâu sắc về cái chết của người chị, nhưng ít nhất cũng được bù đắp phần nào, tiền lãi của số vốn thừa hưởng.

Tất cả những trường hợp đó lặp đi lặp lại ở Pariss, thành phố mẹ của tội lỗi và ô nhục, bắt đầu bị lãng quên dần. Và tôi cũng quên dần đi việc tôi đã tham dự vào biến cố đó như thế nào, cho đến khi một điều bất ngờ mới làm cho tôi biết được cuộc đời của Macgơrit với tất cả những chi tiết hết sức cảm động. Và sự xúc động đã thúc giục tôi phải viết lại câu chuyện này.

Đồ đạc đã bán sạch từ bốn năm ngày rồi. Gian phòng trống rỗng được dùng để cho thuê.

Bỗng nhiên một sáng, có kẻ đến gõ cửa nhà tôi.

Người giúp việc, đúng hơn là người gác kiêm cả ngươi giúp việc trong nhà, ra mở cửa rồi đem vào cho tôi một tấm danh thiếp, nói người đưa danh thiếp muốn nói chuyện với tôi.

Tôi nhìn tấm danh thiếp thấy dòng chữ; Acmân đuyvan.

Hình như tôi đã thấy cái tên này ở đâu rồi. Và tôi đã nhớ ra: trong trang đầu của cuốn sách Manông lexcô.

Con người tặng sách cho Macgơrit muốn nói gì với tôi? Tôi cho mời người khách lạ ấy vào tức khắc.

Đó là một người đàn ông trẻ, tóc hung hung, dáng to lớn, da hơi xanh, mặc một bộ đồ đi đường đầy bụi bặm, hình như đã vài ba ngày rồi chưa thay và cũng không buồn cho chải lại sau khi đã đến Paris.

Đuyvan rất xúc động, và cũng không cố che giấu sự xúc động của mình. Với đôi mắt đẫm lệ, giọng run run, anh ta nói với tôi: -Thưa ông, xin ông thứ lỗi cho về việc tôi đến thăm ông hôm nay, với cách ăn mặc như thế này. Nhưng tôi cũng tin rằng giữa những người trẻ tuổi, chúng ta có thể thông cảm cho nhau dễ dàng. Hôm nay, tôi rất mong muốn được gặp ông, đến nỗi tôi không có thì giờ để đến khách sạn, dù tôi đã gửi hành lý đến đó rồi. Tôi chạy gấp đến đây, tuy còn sớm nhưng vẫn cứ lo không gặp được ông.

Tôi yêu cầu Đuyvan ngồi lại bên lò sưởi. Anh làm theo và rút khăn tay ra đưa lên cho khuất mặt trong chốc lát.

-Chắc ông không hiểu được – anh ta vừa nói vừa thở ra buồn bã – một người khách lạ như tôi, đến đây giờ này, với cách ăn mặc như thế này, và lại khóc như thế này, để mong nhờ ông một việc gì. Thưa ông, tôi đến đây, tình thực chỉ để nhờ ông giúp cho một việc quan trọng.

-Ông cứ nói, tôi sẵn sàng tiếp nhận ý kiến của ông.

-Ông có đến tham dự cuộc bán đấu giá tài sản của Macgơrit Gôchiê?

Nói tới đó, sự xúc động mà người đàn ông trẻ đã dằn được trong giây lát vụt mạnh hơn anh ta, và anh buộc phải đưa hai bàn tay lên để che mắt.

-Tôi có vẻ đáng buồn cười quá!– Anh ta nói – Xin lỗi ông, và xin ông tin cho là chẳng bao giờ tôi có thể quên sự nhẫn nại mà ông đã có khi chịu khó nghe tôi.

-Thưa ông, – tôi đáp – Nếu tôi có thể giúp được điều gì đó để giảm đi một ít sự đau khổ của ông, ông cứ nói cho tôi biết. Tôi sẽ rất sung sướng khi giúp đỡ ông.

Nỗi đau khổ của Đuyvan thật đáng thương cảm, và mặc dù chưa biết mọi chuyện thế nào, tôi vẫn muốn được giúp anh.

Anh ta nói tiếp: -Ông có mua gì tại cuộc bán đấu giá tài sản của Macgơrit?

-Thưa ông, có: một cuốn sách.

-Manông Lexcô?

-Đúng vậy.

-Ông còn giữ cuốn sách đó?

-Tôi để trong phòng ngủ của mình.

Nghe thấy thế. Acmân Đuyvan như nhẹ hẳn một gánh nặng, và cảm ơn tôi. Chừng như tôi đã giúp ích cho anh nhiều vì đã giữ lại cuốn sách.

Tôi liền đứng dậy, vào phòng lấy sách đem ra và đưa cho anh ta.

-Chính nó đây rồi! – Anh vừa nói, vừa nhìn lời đề tặng ở trang đầu, giở từng trang và nói tiếp. – Chính đây rồi!

Hai giọt nước mắt lớn nhỏ lên những trang giấy.

-Ôi! Thưa ông. – Anh ta ngẩng đầu lên nhìn tôi, không hề có ý giấu những giọt lệ và như còn muốn khóc thêm nữa là khác – ông có cần cuốn sách này lắm không?

-Thưa ông, thế nào?

-Vì tôi đến đây để xin ông nhượng lại cho tôi.

-Xin ông tha cho sự tò mò của tôi – tôi nói – Chính ông là người đã tặng cuốn sách này cho cô Macgơrit Gôchiê?

-Vâng, chính tôi.

-Thưa ông, cuốn sách này là của ông. Ông hãy nhận lại. Tôi sung sướng được trả nó lại cho ông.

Nhưng – Đuyvan hơi bối rối – vậy ít nhất, ông vui lòng cho tôi hoàn lại số tiền ông đã mua.

-Ông cho phép tôi tặng lại. Giá bán một cuốn sách trong một cuộc đấu giá như thế chẳng là bao. Và tôi cũng không nhớ rõ tôi đã trả bao nhiêu.

-Ông đã trả một trăm frăng.

-Đúng đấy – đến lượt mình, tôi cảm thấy hơi lúng túng – mà làm thế nào mà ông biết được?

-Cũng đơn giản thôi, thưa ông. Tôi hy vọng đến Paris kịp ngày bán đấu giá tài sản của Macgơrit. Nhưng mãi sáng nay tôi mới đến được. Tôi rất muốn có một vật do nàng để lại. Tôi đã chạy đến người phụ trách cuộc bán đấu giá để xin phép xem danh sách những vật đã bán và tên những người mua. Tôi thấy cuốn sách này ông mua và quyết định đến xin ông vui lòng nhượng lại cho, mặc dầu cái giá ông mua đã làm tôi e ngại rằng có thể ông cũng có một kỷ niệm nào đó trong việc mua cuốn sách.

Nói những lời như thế, Acmân tất nhiên e ngại rằng tôi cũng có thể quen biết Macgơrit như anh quen biết nàng.

Tôi vội trấn an anh ta: -Tôi được biết cô Macgơrit chỉ vì đã từng gặp mặt thôi. Cái chết của cô gây xúc cảm nơi tôi cũng giống như xúc cảm của một người trai trẻ bao giờ cũng có khi hay tin về cái chết của một người đàn bà đẹp mà mình đã từng gặp mặt. Tôi muốn mua một cái gì đó của Macgơrit trong ngày bán đấu giá, và đã nhất quyết mua cho kỳ được cuốn sách này. Tôi không biết tại sao, chắc tại muốn trêu tức một anh chàng cứ cố leo giá như thách thức tôi tranh giành cuốn sách. Bởi thế, thưa ông, tôi xin nhắc lại rằng cuốn sách này là của ông. Xin ông hãy nhận lấy nó từ tay tôi không phải như tôi đã nhận nó từ tay người bán đấu giá. Mà hãy xem nó như vật cam kết cho một sự quen biết lâu dài hơn, sự liên hệ thân thiết hơn giữa chúng ta.

Thưa ông, ông tốt quá! – Đuyvan nắm chặt tay tôi – Tôi xin nhận và tôi sẽ biết ơn ông suốt đời.

Tôi muốn hỏi thêm Acmân về Macgơrit. Bởi vì lời đề tặng trong cuốn sách, chuyến đi của người con trai đó, nhiệt tình tìm lại cho được cuốn sách ở anh đã kích thích tính tò mò nơi tôi. Nhưng tôi sợ hỏi như thế làm cho Đuyvan hiểu

nhầm là tôi đã từ chối không nhận tiền để có quyền xen vào việc riêng tư của anh.

Hình như đoán được ý của tôi, Đuyvan hỏi: -Ông đã đọc cuốn sách này?

-Đọc hết cả.

-Ông nghĩ gì về hai dòng chữ tôi đã viết?

-Tôi hiểu ngay rằng người con gái đáng thương mà ông đã tặng cuốn sách không thuộc hạng tầm thường. Tôi không thể nào xem những dòng chữ đó chỉ là những lời khen sáo nhạt.

-Thưa ông, ông có lý. Người con gái đó đúng là một thiên thần. Đây, xin ông đọc bức thư này.

Và anh ta đưa cho tôi một tờ giấy, hình như nó đã được đọc đi đọc lại nhiều lần.

Tôi mở ra. Nội dung tờ giấy như sau:

"Anh Acmân thân mến, em đã nhận được thư anh. Anh vẫn đối tốt với em và em xin cảm ơn thượng đế vì điều này. Vâng, anh yêu quý, em đang lâm bệnh, một căn bệnh ngặt nghèo. Nhưng sự quan tâm của anh đã làm giảm đi nhiều nỗi đau đớn của em. Chắc em sẽ không còn sống được bao lâu nữa để mà được cái hạnh phúc nắm chặt lấy bàn tay đã viết lá thư rất cảm động em vừa nhận được. Những lời lẽ trong thư có thể làm cho em lành bệnh, nếu bệnh của em là căn bệnh có thể chữa lành. Em sẽ không được gặp lại anh, bởi vì, em đã đứng bên cái chết rồi, mà giờ đây em và anh lại đứng cách xa nhau đến trăm ngàn dặm. Anh Đuyvan ơi! Em Macgơrit của anh ngày xưa đã thay đổi nhiều rồi. Thà rằng anh đừng gặp em nữa còn hơn là phải gặp em trong lúc này. Anh hỏi em có tha lỗi cho anh không? Ôi! Tâm hồn cao thượng! Người bạn chí thân! Nỗi đau khổ mà anh để em phải chịu đựng chỉ là bằng chứng của tình yêu anh dành cho em mà thôi. Em nằm bệnh đã từ một tháng nay và em yêu quý thiết tha tình yêu của anh, đến nỗi ngày nào em cũng viết nhật ký đời em, bắt đầu từ lúc chún ta xa nhau cho mãi đến lúc nào em không còn đủ sức lực để viết.

Anh Đuyvan ơi! Nếu anh vẫn còn thực sự giữ lòng yêu thương em thì ngày trở về, anh hãy đến nhà Juyli Đupơra, Juyli sẽ trao cho anh cuốn nhật ký ấy. Anh sẽ tìm được trong đó cái lý do của câu chuyện đã xảy ra giữa chúng ta và hiểu mà tha thứ cho em. Juyli đối với em rất tốt. Chúng em thường ngồi nói về anh. Khi thư anh đến, Juyli cũng có mặt tại đó, và chúng em đã vừa khóc vừa đọc thư anh.

Trong trường hợp anh không cho em biết tin tức về anh, Juyli sẽ trao những tờ giấy này lại cho anh, khi anh trở về Pháp. Anh đừng cảm ơn em về tập nhật ký ấy. Sự nhớ lại hàng ngày những giây phút sung sướng độc nhất của đời em đã đem lại cho em một niềm vui rất lớn. Nếu anh tìm thấy lại được trong tập nhật ký sự tha thứ đối với quá khứ thì em lại tìm thấy ở đó một nguồn an ủi vĩnh cửu.

Em muốn để lại cho anh một cái gì đó có thể nhắc mãi hình ảnh em trong tâm trí anh. Nhưng tất cả tài sản của em đã bị tịch thu rồi và không còn một cái gì còn thuộc về em nữa.

Anh có hiểu cho không, người anh yêu quý, em sắp chết, và từ phòng ngủ của em, em đã nghe tiếng chân của người gác trong phòng khách. Những chủ nợ đã thuê người canh giữ ở đó, để không ai có thể vào lấy gì mang đi. Và nếu như em không chết, em cũng sẽ không còn gì cả. Các chủ nợ đang chờ đợi những giây phút cuối cùng của đời em để họ có thể bán đi đồ đạc.

Ôi người đời thật tàn nhẫn! Hay đúng hơn, em đã lầm, chính thượng đế rất công bằng và không thể nào lay chuyển được.

Thôi đành vậy, anh yêu quý, anh hãy đến lúc người ta bán đấu giá, và anh sẽ mua một cái gì đó. Bởi vì, nếu em để dành bất cứ một thứ gì cho anh mà người ta biết được, thì người ta sẽ cho là anh biển thủ đồ đạc bị tịch thu.

Cuộc đời mà em sẽ từ giã thật là bi đát!

Ước gì Thượng Đế sẽ rủ lòng thương! Ước gì Người sẽ cho em gặp lại anh trước khi chết. Nhưng chắc chắn hơn, em xin vĩnh biệt anh, anh yêu quý. Xin anh tha lỗi cho em nếu em không thể viết tiếp được nữa. Những người bảo sẽ chữa em lành bệnh, chỉ làm cho em ngày càng thêm hao mòn vì mất máu thôi, và bàn tay em giờ đây không đủ sức để viết thêm được nữa…

Macgơrit Gôchiê”

Thật vậy, những chữ cuối cùng rất khó đọc. Tôi trả bức thư cho Acmân. Có lẽ anh đã vừa đọc lại trong tâm trí những gì tôi đọc trên tờ giấy. Bởi vì, anh vừa cầm lấy bức thư vừa nói: -Ai có thể nghĩ rằng một kỹ nữ lại có thể viết được một bức thư như thế.

Xúc động về những kỷ niệm ngày xưa, anh nhìn lại giây lát nét chữ trong thư, và cuối cùng đưa bức thư lên môi, rồi nói tiếp: -Khi tôi nghĩ Macgơrit chết mà không gặp được tôi và tôi chẳng bao giờ gặp lại nàng, khi tôi nghĩ nàng đã làm cho tôi những gì mà một người chị cũng không làm được, tôi không thể nào tha thứ cho tôi, vì đã bỏ mặc nàng chết như thế.

Cho đến chết! Cho đến chết! Vẫn còn nghĩ đến tôi, vẫn viết cho tôi, và vẫn gọi tên tôi, Macgơrit thân yêu và khốn khổ!

Và Acmân, để cho tư tưởng lẫn nước mắt tự do tuôn trào, đưa tay cho tôi, nói tiếp: -Người ta cho tôi quá trẻ con, nếu thấy tôi than khóc thế này bởi một người đàn bà đã chết. Vì người ta không thể biết được, tôi đã làm cho người đàn bà đó đau khổ như thế nào, tôi đã tàn ác như thế nào, và nàng đã tốt bụng, chịu đựng, nhẫn nhục như thế nào. Trước đây tôi cứ nghĩ tôi là người tha thứ cho nàng. Thế mà bây giờ đây, tôi cảm thấy tôi không xứng đáng với sự tha thứ mà nàng đã dành cho tôi. Ôi! Tôi sẵn sàng đổi mười năm cuộc sống của tôi để được khóc một giờ dưới chân nàng.

Thật khó an ủi một niềm đau thương mà người ta không biết rõ. Tuy nhiên, vì quá thương cảm một người trai trẻ đã thành thực tâm sự với mình về những nỗi đau khổ riêng tư, tôi nghĩ những lời nói của tôi có lẽ sẽ không đến nỗi lạc lõng, vô ích đối với anh ta và tôi nói: -Chắc anh cũng có bà con và bạn hữu? Hãy hy vọng lên. Hãy đến thăm họ. Và họ sẽ an ủi anh. Bởi vì tôi, tôi chỉ có thể thương hại cho anh thôi!

-Đúng vậy – anh vừa nói vừa đứng dậy, và đi từng bước dài trong phòng. Tôi làm phiền ông. Xin lỗi ông… Tôi quên rằng sự đau khổ của tôi đã quấy rầy đến ông, và tôi đã làm phiền ông một việc chẳng liên quan và chẳng lợi ích gì cho ông cả.

-Xin ông đừng hiểu lầm lời tôi nói. Tôi sẵn sàng giúp ông tất cả. Chỉ tiếc rằng tôi không biết làm như thế nào để làm dụi nỗi đau khổ của ông. Nếu tôi và những người bạn của tôi có thể giúp ông giải khuây, nếu cuối cùng ông cần đến tôi về bất cứ việc gì, xin ông tin là chúng tôi rất sung sướng được làm vui lòng ông.

-Xin lỗi, xin lỗi ông, sự đau khổ đã làm cho những xúc cảm con người bùng lên một cách quá mức. Ông cho phép tôi ở nán lại vài phút, đủ thời gian để tôi lau khô những giọt nước mắt, để cho những đứa nhỏ ngoài đường phố sẽ không tò mò theo nhìn một thằng con trai lớn tuổi như thế này mà lại còn khóc. Ông vừa làm cho tôi sung sướng khi trao cuốn sách này lại cho tôi. Tôi không biết phải đền đáp ông bằng cách nào.

-Bằng cách chấp nhận cho tôi được làm thân với anh ít nhiều – tôi nói với Acmân – và bằng cách cho phép tôi được biết nguyên nhân sự đau khổ của anh. Người ta sẽ được an ủi khi kể lại cho người khác nghe những đau khổ của mình.

-Ông có lý. Nhưng hôm nay tôi quá cần được khóc. Nếu phải kể, tôi chỉ có thể nói ra những lời lẽ rời rạc, chẳng liên hệ gì với nhau. Một ngày khác tôi sẽ kể lại câu chuyện đó. Ông sẽ thấy tôi có lý hay không khi thương tiếc người con gái ấy. Và giờ đây – anh nói tiếp, vừa lấy tay dụi mắt vừa nhìn mình trong tấm kính lớn – có lẽ ông thấy tôi không đến nỗi ngốc lắm! Xin ông cho phép tôi được trở lại thăm ông.

Cái nhìn của người con trai ấy hiền dụi và trong sáng. Tôi chỉ muốn ôm lấy anh ta mà hôn

Còn anh ta, đôi mắt lại bắt đầu mờ lệ. Biết tôi nhận thấy, anh ta vội nhìn đi chỗ khác.

-Anh ạ – tôi nói – hãy can đảm lên!

-Xin chào ông.

Phải cố gắng đến cực độ để khỏi khóc, anh bước ra, đúng hơn là anh chạy vội vã ra khỏi nhà tôi.

Tôi vén màn cửa sổ và nhìn thấy anh bước lên chiếc xe nhỏ đang chờ trước cửa. Nhưng vừa ngồi vào xe anh đã lấy chiếc khăn tay ra che mặt và oà khóc.

§5

Một thời gian khá lâu trôi qua. Tôi không nghe nói đến Acmân. Nhưng trái lại tôi thường nghe bàn tán về Macgơrit. Tôi không biết bạn có để ý không: chỉ cần cái tên của một người đúng ra xa lạ với bạn hoặc ít ra không liên can gì đến bạn, được nhắc một lần trước mặt bạn, là những chi tiết liên hệ khác sẽ dần dần đến vây quanh cái tên ấy. Và bạn sẽ nghe tất cả những người quen biết nói về những điều mà trước đây họ không bao giờ nói với mình. Và lúc đó bạn sẽ nhận ra rằng con người đó gần như có mối liên hệ với mình, đã nhiều lần đi qua trong đời mình mà mình không lưu ý. Bạn sẽ tìm thấy những biến cố mà bạn được nghe kể lại một sự trùng hợp, một mối quan hệ mật thiết thực sự với một số biến cố chính của đời bạn.

Trường hợp tôi không hoàn toàn đúng như thế, bởi vì tôi đã thấy nàng, đã biết nàng, đã gặp nàng rất nhiều lần. Tuy nhiên, từ ngày bán đấu gía, tôi thường được nghe nhắc đến tên nàng. Và trong trường hợp tôi vừa nói ở chương vừa qua, cái tên này hoà lẫn trong một niềm đau buồn sâu đậm, làm cho sự ngạc nhiên của tôi cứ lớn dần lên và sự tò mò của tôi cũng tăng lên theo.

Hậu quả là tôi không bao giờ tiếp xúc với một người bạn nào mà không nhắc đến Macgơrit: -Bạn có biết một người tên Macgơrit Gôchiê không?

-Trà hoa nữ?

-Biết rõ!

Những tiếng "biết rõ" ấy đôi khi đi kèm theo những nụ cười mà người ta không thể không đoán được ý nghĩa của nó.

-Vậy à! Cô gái ấy như thế nào? – Tôi hỏi tiếp.

-Một cô gái tốt bụng.

-Chỉ có thế?

-Chúa ơi! Vâng, đúng thế. Có trí tuệ hơn và có thể có tâm hồn hơn những cô gái khác.

-Anh không biết gì đặc biệt về cô ta sao?

-Cô ta làm phá sản bá tước R…

-Chỉ có thế?

-Cô ta là tình nhân của ông quận công già tên…

-Có đúng cô ta là tình nhân của ông ta không?

-Người ta nói thế. Nhưng dù sao thì ông ta cũng đã chi cho cô ta rất nhiều tiền.

Luôn luôn vẫn những chi tiết đại để như thế.

Tuy nhiên, tôi vẫn tò mò muốn biết chút ít về câu chuyện tình giữa Macgơrit và Acmân.

Một ngày kia, tôi gặp được một trong những người đã sống nhiều trong mối thân tình với những kỹ nữ tên tuổi. Tôi hỏi: -Anh có biết Macgơrit Gôchiê không?

Cũng vẫn tiếng "biết rõ" được lặp lại.

-Cô gái ấy thế nào?

-Đẹp và hiền lành. Cái chết của cô đã làm tôi đau đớn nhiều.

-Có phải cô ta có một tình nhân tên là Acmân Đuyvan?

-Một anh chàng cao lớn tóc hung?

-Phải.

-Đúng vậy.

-Và Acmân là người thế nào?

-Một anh chàng đã cùng tiêu hết với nàng số tiền ít ỏi của mình, tôi nghĩ vậy. Và sau đó bị bắt buộc phải xa nàng. Người ta bảo anh chàng mê nàng như điếu đổ!

-Còn nàng?

-Người ta cũng bảo nàng yêu hắn lắm. Nhưng anh bạn cũng biết thế nào là tình yêu của những cô gái đó. Không thể đòi hỏi nơi họ đến cái mức mà họ không thể cho được.

-Acmân sau đó thế nào?

-Tôi không biết. Chúng tôi biết rất ít về anh ta. Anh ta sống năm hay sáu tháng với Macgơrit, nhưng ở đồng quê. Khi nàng trở về thì anh ta đã đi rồi

-Và từ đó đến nay anh không gặp lại anh ta?

-Không hề gặp lại.

Tôi cũng vậy. Tôi không gặp lại Acmân. Đến nỗi có lúc tôi tự hỏi rằng phải chăng khi anh ta đi tìm tôi, cái tin mới nhận về cái chết của Macgơrit đã khuyếch đại cả tình yêu ngày trước lẫn sự đau khổ của anh ta? Tôi tự nhủ, có lẽ anh ta đã quên người chết rồi, đồng thời cũng đã quên lời hứa trở lại gặp tôi.

Cái giả thiết ấy có vẻ khá đúng đối với một kẻ khác. Nhưng ở đây, nỗi thất vọng của Acmân rất chân thành. Và đi từ thái cực này đến thái cực khác, tôi lại hình dung sự đau khổ của anh ta đã biến thành căn bệnh và nếu tôi không được tin tức gì của anh ta, chắc hẳn do anh ta bị bệnh, hay cũng có thể anh ta đã chết rồi.

Ngoài ý muốn của mình, tôi vẫn cứ để tâm nghĩ đến người con trai ấy. Có thể có cái gì giống như ích kỷ trong sự lưu tâm đó. Có thể tôi thoáng thấy được trong nỗi đau khổ đó một câu chuyện tâm tình cảm động. Cuối cùng, có thể vì câu chuyện tâm tình đó đã dự phần khá lớn trong niềm lo âu của tôi về sự im lặng của Acmân Đuyvan.

Bởi vì Đuyvan không đến, tôi quyết định đi tìm gặp anh. Tìm ra một duyên cớ, không khó gì. Khốn nỗi, tôi không có địa chỉ. Và trong số tất cả những người

tôi gặp hỏi, không một ai biết cả.

Tôi đi đến đường Anti. Người gác cổng của Macgơrit có thể biết Acmân ở đâu. Nhưng đây lại là người gác cổng mới. Anh ta cũng chẳng biết gì hơn tôi. Thế là tôi tìm tới nghĩa trang nơi cô Giôchiê an nghỉ. Đó là nghĩa trang Môngmat.

Thời tiết tháng tư thật đẹp. Những ngôi mộ không còn vẻ đau thương và hiu quạnh như trong mùa đông. Trời đã bắt đầu trở nên ấm áp để những người còn sống nhớ lại và đi thăm viếng những người đã chết. Tôi vừa đi đến nghĩa trang vừa tự nhủ: chỉ cần thăm mộ của Macgơrit, tôi sẽ biết được nỗi đau khổ của Acmân nay có còn không, và tôi có thể sẽ biết được Đuyvan hiện giờ ra sao.

Tôi đi vào căn nhà của người giữ nghĩa trang và hỏi anh ta phải chăng ngày 22 tháng hai có một người đàn bà tên Macgơrit Gôchiê đã được an táng tại nghĩa trang Môngmat.

Người ta lật tìm trong một quyển sổ lớn có ghi tên và đánh số tất cả những người đã đưa vào nơi an nghỉ cuối cùng này và trả lời cho tôi biết, đúng vào buổi trưa ngày 22 tháng hai, một người đàn bà tên là Macgơrit Gôchiê đã được an táng tại đây.

Tôi yêu cầu người giữ nghĩa trang dẫn tôi đến ngôi mộ. Bởi vì đi vào đây mà không có người hướng dẫn thì chắc chắn không khỏi bị lạc giữa cái thành phố những người chết. Ở đây cũng có rất nhiều đường đi lối lại như thành phố của người sống. Người giữ nghĩa trang gọi bác làm vườn, chỉ bảo những điều cần thiết. Nhưng người này đã ngắt lời và nói: -Tôi biết… Tôi biết… – bác ta quay sang phía tôi và nói tiếp – Nấm mộ ấy dễ tìm lắm.

-Tại sao vậy? – Tôi hỏi.

-Bởi vì nó có những bông hoa khác hẳn những mộ khác.

-Chính ông đã chăm sóc ngôi mộ ấy?

-Thưa ông, vâng. Và tôi ước rằng tất cả những người thân thuộc đều chăm sóc những người đã chết như người con trai đó, người đã gửi gắm ngôi mộ cho tôi.

Sau vài phút đi quanh co, người làm vườn dừng lại và nói với tôi: -Đây, chúng tôi đã đến nơi.

Quả vậy, dưới mắt tôi là một khoảng đất vuông vức đầy hoa, khiến người ta không thể nghĩ đây là một ngôi mộ, nếu không để ý đến một tấm bia cẩm thạch trắng khắc tên một người.

Tấm bia này dựng thẳng đứng. Một khung lưới sắt bao bọc mảnh đất đã mua làm nấm mộ, mảnh đất phủ đầy hoa trà màu trắng.

-Ông nghĩ gì về ngôi mộ đó? – Người làm vườn hỏi.

-Trông thật đẹp.

-Mỗi khi một cây hoa trà héo đi, tôi được lệnh phải thay ngay cây khác.

-Thế ai ra lệnh đó?

-Một người trai trẻ. Người này đã khóc rất nhiều khi đến đây lần đầu. Hẳn đó là tình nhân của người đã chết. Hình như người chết là một người đàn bà phóng đãng. Người ta bảo cô ta rất đẹp, chắc ông có biết chứ?

-Vâng.

-Cũng như cậu kia? – Người làm vườn nói với một cụ cười láu lỉnh.

-Không, tôi không hề nói chuyện với cô ta lần nào.

-Và giờ đây, ông lại đến thăm cô ấy ở đây. Việc làm của ông thật đáng quý! Bởi vì những kẻ đến đây để thăm người con gái khốn khổ ấy thật quá thưa thớt.

-Vậy không có người nào đến nữa sao?

-Không có người nào cả, trừ chàng trai trẻ đã đến đây một lần.

-Chỉ một lần thôi à?

-Vâng, thưa ông.

-Và từ đó đến nay, anh ta không trở lại nữa?

-Vâng, nhưng anh ta sẽ lại đến khi anh ta trở về.

-Vậy anh ta đã đi xa?

-Vâng.

-Ông có biết anh ta hiện nay ở đâu không?

-Tôi tin chắc anh ta đang ở nhà em gái của cô Giôchiê.

-Làm gì ở đó?

-Anh ta đến đó để xin phép mang người chết dời đi nơi khác.

-Tại sao anh ta không để cô ây nằm ở đây?

-Ông biết, thưa ông, người sống luôn có những ưu tư đối với người chết. Chúng tôi ở đây, ngày nào cũng chứng kiến được điều đó. Mảnh đất này chỉ mua trong thời hạn năm năm. Người con trai đó muốn có một sự nhượng bán vĩnh viễn, và một mảnh đất mới hơn trong khu đất mới. Như thế sẽ tốt hơn.

-Khu đất mới là gì?

-Đó là những mảnh đất mới nằm ở bên trái khu đất này, hiện giờ người ta đang bán. Nếu nghĩa trang này từ xưa luôn luôn được giữ gìn như hiện nay, trên thế giới sẽ không có một nghĩa trang nào có thể so sánh với nó. Nhưng còn lắm việc phải làm, trước khi mọi việc được hoàn toàn như mong muốn. Hơn nữa nhiều người còn ngơ ngác lắm.

-Ông muốn nói gì?

-Tôi muốn nói, có những con người rất tự phụ, ngay cả khi đã đến nơi đây. Ấy vậy, cô Giôchiê này, hình như cô đã sống khá phóng túng, xin ông thứ lỗi cho. Giờ đây, cô gái đáng thương ấy đã chết rồi. Còn bao nhiêu cô gái khác mà người ta không nhắc nhở gì đến và chúng tôi ngày nào cũng đem nước đến tưới mộ cho họ. Thế nhưng khi bà con của những người đã an nghỉ bên cạnh cô được biết cô là ai, họ muốn nêu lên ý kiến rằng họ chống đối việc để cô ta nằm ở đây;

rằng phải có những mảnh đất dành riêng cho hạng đàn bà như cô ấy, cũng như mảnh đất dành cho những người nghèo khó. Người ta đã bao giờ thấy điều đó ở đâu chưa? Tôi đã nhắc nhẹ cái sai trái của họ, một cách lễ độ, tôi đây… Những người giàu có, một năm không đến đây quá bốn lần để thăm những người chết, và chỉ đem theo những bông hoa đã mua, mà những bông hoa ấy nào có ra gì! Ngay đến việc trả tiền chăm sóc mộ cho những người mà họ giao, họ cũng rất dè dặt. Họ viết lên trên những ngôi mộ ấy những lời than khóc mà họ chưa hề nhỏ ra một giọt nước mắt nào. Rồi chính họ lại đến để làm khó dễ với người láng giềng của người đã chết. Ông hãy tin những điều tôi nói. Tôi không biết cô gái này, tôi không biết cô đã từng làm gì, nhưng tôi thương cô gái bất hạnh ấy. Tôi chăm sóc mộ cô, tôi bán những hoa trà với giá rất phải chăng. Đó là một người chết mà tôi quý mến. Chúng tôi thì, thưa ông, chúng tôi bắt buộc phải thương yêu những người chết. Bởi vì công việc rất bận rộn, chúng tôi gần như không có thì giờ để thương yêu một cái gì khác nữa.

Tôi nhìn bác làm vườn và có lẽ bạn đọc cũng hiểu được sự xúc động của tôi khi nghe những lời người làm vườn nói.

Chắc hẳn người làm vườn thấy được điều đó, nên bác hỏi tiếp: -Người ta bảo rằng nhiều người phá sản vì cô gái đó. Và cô ta có những tình nhân rất yêu quý cô ta. Thế nhưng khi tôi nghĩ, không một người nào đến đây mua cho cô ta được một cành hoa, thì thật quá lạnh lùng! Tuy thế, cô gái này cũng chưa phải là đáng thương lắm. Bởi vì cô còn có một ngôi mộ và có một người còn nhớ đến cô. Người này đã làm những bổn phận chung cho cả những người khác. Nhưng ở đây, chúng tôi còn có những người con gái khốn khổ cũng cùng hạng và cùng lứa tuổi như cô Giôchiê mà người ta đã ném xuống cái hố công cộng. Tôi đứt ruột mỗi khi nghe tiếng những thi thể đó rớt xuống lòng đất. Và không có một ai đến chăm sóc những người con gái đó, một khi họ đã nằm xuống đây. Nghề của chúng tôi làm thật không có gì để vui, nhất là khi chúng tôi còn một ít lương tâm. Ông nghĩ thế nào? Điều này mạnh hơn tôi quá nhiều. Tôi có một đứa con gái hai mươi tuổi. Mỗi khi người ta đưa đến đây một người chết trạc tuổi con tôi, tôi lại nghĩ đến nó, và mặc cho người đó là một bà lớn hay một cô gái lang thang, tôi cũng không thể nào ngăn được nỗi xúc động.

-Chắc tôi đã làm phiền ông với những mẩu chuyện của tôi. Ông đến đây hẳn không phải để nghe những chuyện như thế. Người ta bảo tôi đưa ông đến mộ cô Giôchiê, tôi đã đưa ông đến nơi. Giờ đây, tôi còn có thể làm gì nữa để giúp ông?

-Ông có biết địa chỉ của Acmân Đuyvan không?

-Có, anh ta ở đường … Chính ở đó. Ít ra, tôi đã đến đó để nhận tiền trả cho tất cả những cây hoa ông thấy đấy.

-Cảm ơn ông.

Tôi nhìn lại lần cuối ngôi mộ đầy hoa. Tôi những muốn nhìn thấu đến chiều sâu ngôi mộ để được trông thấy đất đã làm gì với một con người xinh đẹp mà người ta đã giao phó cho nó. Rồi tôi buồn bã ra về.

-Có phải ông muốn đến gặp Đuyvan không? – Người giữ vườn đi bên cạnh tôi hỏi.

-Vâng.

-Tôi tin chắc anh ta chưa trở về. Bởi vì nếu đã về, thì anh ta đã đến đây rồi.

-Như thế ông đoán chắc anh ta không quên cô Macgơrit?

-Không những tôi tin chắc, mà tôi còn cam đoan rằng Đuyvan muốn dời ngôi mộ chỉ cốt để được nhìn thấy lại cô gái đó.

-Như thế nghĩa là sao?

-Câu đầu tiên anh ta nói với tôi khi đến nghĩa trang là: "Làm thế nào để nhìn thấy mặt nàng?" Chỉ có một cách là dời ngôi mộ đi. Tôi đã hướng dẫn cho anh ta tất cả những thủ tục cần thiết để có thể dời được. Bởi vì ông biết, để chuyển những người chết từ mộ này sang mộ khác, phải được sự cho phép của gia đình và có một cảnh sát trưởng chứng giám. Chính vì để có được giấy phép Đuyvan đã đi tìm đến nhà cô em gái cô Giôchiê. Khi trở về, dĩ nhiên việc đầu tiên của anh ta là đến đây thăm chúng tôi.

Chúng tôi đi đến cổng nghĩa trang. Một lần nữa, tôi cảm ơn người làm vườn và đặt vào tay bác vài đồng bạc. Sau đó, tôi tìm đến địa chỉ của Acmân Đuyvan mà người làm vườn vừa cho tôi biết.

Acmân vẫn chưa về.

Tôi viết giấy để lại, yêu cầu anh ta khi trở về đến gặp tôi, hoặc cho tôi biết có thể tìm gặp anh ta ở đâu.

Hôm sau, vào buổi sáng, tôi nhận được thư của Đuyvan cho biết anh đã về và mời tôi đến nhà gặp anh. Anh cũng cho biết thêm vì bị mệt đến kiệt sức nên không thể đến tôi được.

§6

Tôi gặp Acmân đang nằm trên giường.

Thấy tôi, anh ta đưa bàn tay nóng hổi bắt tay tôi.

-Anh bị sốt – tôi nói.

-Sẽ không sao cả. Đây chỉ là sự mệt mỏi do một chuyến đi đường quá gấp.

-Anh đến nhà cô em gái của Macgơrit?

-Phải. Ai nói cho anh biết thế?

-Tôi biết. Anh có được thoả mãn điều anh yêu cầu không?

-Vâng, nhưng ai đã cho anh biết về chuyến đi và mục đích của tôi trong chuyến đi đó?

-Người làm vườn ở nghĩa trang.

-Anh đã thấy ngôi mộ?

Tôi lo ngại không dám trả lời. Bởi vì giọng nói chứng tỏ người nói ra câu đó đang sẵn sàng bị cuốn vào nỗi xúc động mà trước đây tôi đã có lần chứng kiến. Và một thời gian dài, cứ mỗi lần nghĩ đến hoặc nghe người khác gợi lại niềm đau thương cũ, sự xúc động ấy lại nổi lên giằng xé đau đớn trong anh.

Vì thế, tôi chỉ gật đầu.

-Ông ấy chăm sóc ngôi mộ tốt chứ? – Acmân hỏi tiếp.

Hai dòng lệ lớn lăn dài trên mà người bệnh. Anh ta cố ý quay đầu để giấu đi. Tôi làm vẻ như không để ý đến và cố gắng đổi hướng câu chuyện.

-Như thế anh đi cách đây đã ba tuần rồi? – Tôi nói.

Acmân đưa tay lên mắt và trả lời: -Ba tuần đúng.

-Chuyến đi của anh khá lâu.

-Ồ! Tôi không đi liên tục được. Tôi đã đau hết mười lăm ngày. Nếu không tôi đã trở về lâu rồi. Vừa đến nơi, tôi đã bị sốt, và bắt buộc phải nằm mãi trong phòng.

-Và anh đã trở về đây, khi chưa lành hẳn.

-Nếu tôi ở lại thêm tám ngày nữa, có lẽ tôi đã chết rồi.

-Nhưng giờ đây, anh đã về, anh phải lo chữa trị đi. Bạn bè anh sẽ đến thăm. Tôi là người đầu tiên nếu được anh cho phép.

-Trong hai giờ nữa tôi sẽ dậy được.

-Đừng có liều thế.

-Không, được mà.

-Anh có việc gì đến nỗi phải vội thế?

-Tôi phải đi gặp ông cảnh sát trưởng.

-Tại sao anh không nhờ một người nào đó làm việc này. Nếu không anh có thể đau nặng thêm đấy.

-Chính đó là điều độc nhất có thể làm cho tôi khỏi bệnh. Tôi phải thấy được mặt nàng. Từ lúc tôi nhận được tin nàng chết, và nhất là khi tôi nhìn thấy mộ nàng, tôi không thể ngủ được nữa. Tôi không thể tưởng tượng được người đàn bà khi tôi xa, rất trẻ và rất đẹp như thế, lại chết đi. Tôi phải làm sao để có thể xác định chắc chắn điều đó. Tôi cần phải biết Thượng Đế đã đối xử như thế nào với con người mà tôi đã yêu quý đến thế. Và có thể sự ghê rợn trước cảnh tượng đó sẽ thay thế sự thất vọng của kỷ niệm. Anh sẽ đi với tôi đấy chứ… nếu điều đó không làm anh phiền lắm!

-Em gái cô ấy đã nói gì với anh?

-Không có gì cả. Cô ta có vẻ ngạc nhiên khi thấy một người khách lạ muốn mua một mảnh đất để làm phần mộ cho Macgơrit, và cô ta đã ký tên ngay vào giấy phép mà tôi yêu cầu.

-Anh hãy nghe tôi, hãy đợi lành bệnh hẳn rồi tính đến chuyện dời mộ.

-Ồ! Tôi sẽ khoẻ hẳn. Anh yên tâm, vả chăng tôi sẽ điên mất, nếu tôi không kết thúc nhanh cái quyết định đó, sự thực hiện nó đã trở thành một nhu cầu cho nỗi đau của tôi. Tôi thề với anh, tôi chỉ yên tâm khi nào tôi thấy lại được Macgơrit. Đây có thể là một sự khát khao so cơn sốt đã đốt nóng tôi, một mơ ước của những đêm không ngủ, một hậu quả của sự loạn trí. Tôi sẽ xem, tôi có nên đi tu dòng kín như ông Rânxê không, sau khi đã thấy nàng.

-Tôi hiểu điều đó – tôi nói với Acmân – tôi sẵn sàng giúp anh mọi việc. Anh đã gặp Juyli Đupơra chưa?

-Vâng, tôi đã gặp cô ấy ngay ngày đầu tiên trở về.

-Cô ta có đưa cho anh những giấy tờ mà Macgơrit để lại chứ?

-Có đây – Acmân rút một cuộn giấy dưới gối đưa ra rồi để ngay lại chỗ cũ.

-Tôi thuộc lòng tất cả những gì ghi trong những tờ giấy này – anh ta nói với tôi – Từ ba tuần nay, mỗi ngày tôi đọc đi đọc lại đến mười lần. Anh cũng sẽ được đọc, nhưng sau này đã, khi tôi được bình tĩnh hơn. Và tôi có thể cho anh hiểu tất cả những gì là tâm tư, là tình cảm được bộc lộ trong những lời thú tội này. Còn bây giờ, tôi có một việc cần nhờ anh.

-Việc gì vậy?

-Anh có một chiếc xe dưới đó chứ?

-Có.

-Vậy được. Anh có thể cầm thẻ thông hành của tôi đi đến bưu điện hỏi xem có thư từ gì cho tôi không. Cha tôi và em gái tôi chắc đã viết thư đến Paris cho tôi. Tôi ra đi hết sức vội vã, đến nỗi không kịp báo tin về nhà. Khi anh trở về, chúng ta sẽ đi báo trước cho ông cảnh sát trưởng về việc dời mộ ngày mai.

Acmân trao cho tôi tờ thông hành và tôi đi đến đường Jăng Jắc Rútxô.

Có hai lá thư cho Đuyvan. Tôi nhận và đem về. Khi tôi trở về, Acmân đã ăn mặc chỉnh tề và sẵn sàng ra đi.

-Cám ơn – anh vừa nói vừa nhận những lá thư. – Vâng, – anh nói tiếp sau khi nhìn địa chỉ – đây là thư của cha tôi và em gái tôi. Hẳn họ không hiểu về sự im lặng của tôi.

Anh ta mở thư ra và đoán đúng hơn là đọc. Bởi vì mỗi lá thư dài những bốn trang, nhưng chỉ giây phút sau anh đã xếp lại.

-Thôi chúng ta đi! – Anh nói với tôi. – Tôi sẽ trả lời thư vào ngày mai.

Chúng tôi đến gặp ông cảnh sát trưởng.

Acmân trình giấy cho phép của em gái Macgơrit. Ông cảnh sát trưởng trao cho anh ta một giấy báo tin để đưa lại cho người giữ nghĩa trang. Việc dời mộ sẽ tiến hành trong ngày mai, vào 10 giờ sáng. Một giờ trước đó tôi sẽ đến gặp anh, để cùng đi với anh đến nghĩa trang.

Tôi cũng thế, tôi cũng hiếu kỳ muốn được xem cảnh tượng đó. Và tôi thú thật, đêm đó tôi không ngủ.

Chỉ với tôi cũng đã có biết bao ý tưởng đến khuấy động tâm trí rồi. Tôi nghĩ, đêm đó hẳn là một đêm dài đối với Acmân.

Ngày hôm sau, lúc chín giờ, tôi đến nhà anh. Anh trông xanh xao dễ sợ, nhưng có vẻ bình tĩnh hơn. Anh mỉm cười và đưa tay nắm tay tôi.

Những ngon nến đã cháy sạch. Trước khi ra đi Acmân lấy ra một bức thư rất dày để gửi cho cha anh. Trong đó chắc là tâm sự và những cảm giác của anh suốt một đêm.

Nửa giờ sau, chúng tôi đến Môngmat.

Ông cảnh sát trưởng đã chờ sẵn ở đó. Chúng tôi đi chầm chậm về phía phần mộ của Macgơrit. Ông cảnh sát trưởng đi đầu. Acmân và tôi tiếp theo sau cách vài bước.

Thỉnh thoảng tôi thấy cánh tay của bạn tôi run lên. Tôi nhìn anh. Anh hiểu cái nhìn và mỉm cười với tôi. Từ khi chúng tôi bước ra khỏi nhà anh đến giờ, chúng tôi không hề nói với nhau một lời.

Lúc gần tới phần mộ, Acmân dừng lại để lau những giọt mồ hôi đọng trên mặt.

Nhân lúc đó, tôi cũng dừng lại để thở. Bởi vì, chính tôi cũng nghe như quả tim mình bị siết chặt giữa hai gọng kìm.

Từ đâu mà người ta có cái cảm giác thoải mái đau đớn để dự vào những cảnh tượng như thế? Khi chúng tôi đến ngôi mộ, người làm vườn đã chuyển những chậu hoa đi nơi khác. Cái lưới sắt cũng đã lấy đi rồi và hai người đàn ông đang cong lưng đào đất.

Acmân đứng dựa vào một thân cây và nhìn.

Toàn bộ cuộc đời anh như hiện ra trong đôi mắt.

Thình lình, một nhát cuốc chạm mạnh vào một tảng đá.

Nghe tiếng động ấy, Acmân lui lại như bị điện giật. Anh siết chặt tay tôi với một sức mạnh làm đau cả bàn tay.

Một người đào huyệt lấy một cái xẻng lớn xúc đất dưới hố đem để dần lên trên. Rồi khi chỉ còn những phiến đá mà người ta chặn trên quan tài, anh ta nhặt từng phiến một, vứt ra bên ngoài.

Tôi chú ý nhìn Acmân. Tôi sợ những cảm xúc của anh, mỗi phút càng tập trung rõ rệt, có thể đánh quỵ anh. Nhưng anh vẫn cứ nhìn. Những con mắt như đóng đinh vào một chỗ và mở to như người bị điên. Má anh, môi anh nhè nhẹ run lên, chứng tỏ anh đang lâm vào một cơn xúc động rất dữ dội.

Còn tôi, tôi chỉ có thể nói một điều: Tôi hơi hối hận vì đã trót đến đây.

Khi nắp quan tài hoàn toàn hiện ra, viên cảnh sát trưởng nói với những người đào huyệt: -Các anh mở ra.

Những người này vâng lời, bình tĩnh, như đang làm một việc giản dị nhất đời.

Quan tài bằng gỗ sồi. Những người đào huyệt bắt đầu mở những đinh vít nắp quan tài. Đất ẩm ướt đã làm cho những cái đinh sét gỉ, vì thế mở ra cũng không dễ lắm. Một mùi hôi khó chịu xông lên, mặc dù thi hài người chết đã được liệm giữa những loại cây cỏ có hương thơm.

-Thượng đế ơi! Thượng đế! – Acmân thì thầm. Và anh trở nên xanh xao một cách đáng sợ.

Những người đào huyệt bước lui ra.

Tấm vải liệm màu trắng rộng lớn bao bọc thi thể vẽ nên những nếp uốn khúc nhăn nhíu. Tấm vải này, một đầu đã bị rã hỏng gần như hoàn toàn, để lộ ra một bàn chân của người chết.

Tôi có cảm giác nặng nề và giờ đây, khi tôi viết những dòng này, kỷ niệm về cảnh tượng đó còn hiện ra rõ ràng trong trí tưởng tượng của tôi, với tất cả sự nặng nề của nó trong thực tại.

-Nhanh lên! – Viên cảnh sát giục.

Thế là một trong hai người đàn ông kia bắt đầu mở tấm vải liệm và nắm chặt một đầu tấm vải kéo mạnh để lộ ra khuôn mặt của Macgơrit.

Thật khủng khiếp và rùng rợn.

Hai con mắt chỉ còn hai lô sâu hoắm, đôi môi đã biến mất để lộ hàm răng nghiến chặt. Những sợi tóc đen dài và khô, dán chặt vào hai bên thái dương, che khuất phần nào những lỗ hõm màu xanh hai bên má. Thế nhưng tôi vẫn tìm thấy lại được trong khuôn mặt đó, cái khuôn mặt trắng hồng hào, vui tươi ngày xưa tôi thường hay gặp.

Acmân không rời mắt khỏi khuôm mặt đó và đưa chiếc khăn tay lên miệng cắn chặt.

Tôi cảm thấy như có một vòng sắt đang siết mạnh vào đầu, một cái khăn trùm lên đôi mắt, những tiếng vù vù trong trong hai tai. Tất cả những điều tôi có thể

làm là mở nút lọ dầu đã tình cờ đem theo và hít mạnh hơi dầu.

Giữa sự choáng váng ấy, tôi nghe viên cảnh sát trưởng nói với Đuyvan: -Ông nhận ra chứ?

-Vâng! – Đuyvan trả lời.

-Thế thì đóng lại và mang đi – Viên cảnh sát trưởng nói tiếp.

Những người phu đào huyệt phủ miếng vải liệm lên mặt người chết, đóng quan tài lại, và mỗi người một đầu khiêng quan tài về chỗ người ta đã định trước cho họ.

Acmân không nhúc nhích. Cặp mắt như bị đóng đinh vào cái hố trống không. Anh ta xanh như thây ma chúng tôi vừa thấy… Có thể nói anh ta đã hoá thành đá rồi.

Tôi hiểu được cái gì đã đến, khi sự đau đớn đã giảm đi trước một cảnh tượng không còn nữa, và như thế là không có gì nâng đỡ anh nữa.

Tôi tiến đến gần viên cảnh sát trưởng: -Sự có mặt của ông Đuyvan – tôi vừa nói vừa chỉ Acmân – có cần thiết nữa không!

-Không – ông ta đáp – tôi khuyên ông nên dẫn ông ấy về ông ấy có vẻ ốm đấy.

-Lại đây! Tôi nói với Acmân và nắm tay anh ta kéo đi.

-Cái gì? – Anh ta vừa nói vừa nhìn tôi, hình như không còn biết tôi là ai.

-Xong rồi – tôi tiếp – giờ đây anh phải về, anh bạn ạ. Anh quá xanh, lại bị lạnh. Anh sẽ tự giết anh với những cảm xúc như vậy.

-Anh có lý, chúng ta đi đi – anh trả lời như cái máy những vẫn không nhúc nhích.

Thế là tôi nắm tay anh và kéo anh đi.

Anh để tôi dẫn đi như một đứa trẻ, thỉnh thoảng chỉ thì thầm: “Anh có thấy những con mắt?”

Và anh ta quay lại nhìn, hình như cảnh tượng vừa rồi đã lên tiếng gọi anh.

Những bước chân của anh đi như đứt đoạn. Anh tiến tới bằng những bước giật. Răng của anh đánh vào nhau, tay anh lạnh ngắt. Một sự xúc động thầm kín dữ dội xâm chiếm toàn thể con người anh.

Tôi nói với anh. Anh không trả lời tôi.

Tất cả những điều anh có thể làm là để cho tôi dắt đi.

Ra khỏi cổng, chúng tôi tìm được một chiếc xe. Thật đúng lúc.

Đuyvan vừa ngồi vào chỗ thì sự run rẩy của anh tăng dần. Cơn xúc động thần kịch liệt và dữ dội này là cho tôi hoảng sợ. Nhưng anh đã nắm lấy tay tôi và thì thầm: “Không sao cả, không có chuyện gì cả, tôi chỉ muốn khóc thôi.”

Tôi thấy ngực anh phồng lên. Và máu lên đỏ ngầu đôi mắt.

Tôi đưa cho anh hít lọ dầu tôi đã dùng lúc nãy. Và khi chúng tôi về đến nhà anh, thì anh chỉ còn run rẩy thôi.

Người giúp việc giúp một tay, tôi đặt anh nằm lên giường rồi đốt một lò sưởi lớn trong phòng. Sau đó, tôi chạy đi tìm thầy thuốc của tôi, kể lại những gì vừa xảy ra cho ông ta nghe.

Người thầy thuốc chạy đến.

Acmân đỏ ửng cả người. Anh như loạn trí, và ú ớ những tiếng không ăn khớp gì với nhau. Giữa những tiếng đó, chỉ có cái tên Macgơrit là nghe được rõ ràng.

-Thế nào? – tôi hỏi bác sĩ, khi ông đã khám người bệnh xong.

-Anh ta bị một cơn sốt cao, không hơn không kém. Và cũng may đấy, tôi tin thế, lạy Chúa, anh ta đã có thể phát điên. May mắn thay cơn bệnh thể xác sẽ giết cơn bệnh tinh thần. Trong một tháng nữa anh ta sẽ qua khỏi cơn bệnh này, và có thể khỏi cả cơn bệnh tinh thần kia nữa.

§7

Những loại bệnh như bệnh của Acmân, có được điều may mắn là sẽ giết chết người bệnh ngay tức khắc hoặc sẽ được chữa lành rất nhanh chóng.

Mười lăm ngày sau những biến cố tôi vừa kể trên, Acmân đã bình phục hẳn. Chúng tôi trở thành hai người bạn rất thân. Trong thời gian anh ốm, tôi thường xuyên có mặt ở cạnh anh, ngày tại phòng anh.

Mùa xuân đến đem lại sự tràn ngập của cỏ cây, hoa lá, chim muông và những khúc hát tình tứ. Cửa sổ phòng bạn tôi mở rộng, nhìn ra khu vườn tươi thắm mà những mùi hương dịu dàng bay vào tận phòng anh.

Thầy thuốc cho phép anh được ngồi dậy. Chúng tôi thường ngồi bên cửa sổ được mở rộng nói chuyện với nhau vào những giờ nắng gay gắt nhất, từ trưa đến hai giờ chiều.

Tôi giữ gìn không nhắc đến Macgơrit. Tôi luôn sợ cái tên đó sẽ đánh thức một kỷ niệm buồn bã đã được ru ngủ dưới cái bề ngoài yên lành của bạn tôi. Nhưng Acmân trái lại, hình như sung sướng được nhắc nhở đến nàng, không phải với một giọt lệ trong mắt như ngày xưa, mà với một nụ cười hiền lành, làm tôi yên tâm về trạng thái tâm hồn anh.

Tôi để ý, từ khi đến thăm nghĩa trang lần cuối, từ khi cảnh tượng bốc mộ gây cho anh một cơn xúc động dữ dội, sự đau đớn tinh thần nơi anh hình như đã được thay thế dần dần bởi cơn bệnh thể xác. Cái chết của Macgơrit không còn hiện ra trước mắt anh trong khung cảnh ngày trước nữa. Một thứ an ủi đã hình thành, sau khi anh đã biết chắc chắn cái sự thật phũ phàng rồi. Và để đẩy lui hình ảnh đen tối thường xuất hiện nơi anh, anh đã đi sâu vào những kỷ niệm sung sướng của những ngày thân ái với Macgơrit, và hình như chỉ còn muốn giữ lại những kỷ niệm đó mà thôi.

Thân thể anh bị suy kiệt quá nhiều vì bệnh sốt, ngay cả lúc đã lành bệnh rồi vẫn không thể cho phép trí óc anh được xúc động mạnh. Và niềm vui mùa xuân của vũ trụ chung quanh Acmân đã đưa tư tưởng anh trở về với những hình ảnh xinh tươi.

Anh luôn luôn cưỡng lại, không chịu tin cho gia đình biết chuyện tai biến đã xảy ra cho anh. Khi anh đã được cứu sống rồi, cha anh vẫn không hề biết gì về bệnh tình của anh cả.

Một buổi chiều, chúng tôi ngồi bên cửa sổ lâu hơn thường lệ. Thời tiết thật đẹp. Mặt trời lặn trong một hoàng hôn xanh tươi và vàng rực. Tuy chúng tôi ở Paris, nhưng màu xanh bao quanh như đã tách rời chúng tôi khỏi thế giới bên ngoài, và thỉnh thoảng mới nghe âm vang một chiếc xe nào xa xa vọng đến xen lẫn vào giữa câu chuyện của chúng tôi.

-Cũng vào khoảng thời gian này trong năm, vào một buổi chiều như chiều hôm nay tôi gặp Macgơrit – Acmân nói, anh như đang lắng nghe những ý nghĩ của chính mình chứ không phải nghe những điều tôi nói với anh

Tôi không trả lời.

Anh quay sang phía tôi, nói tiếp: -Thế nào tôi cũng phải kể cho anh nghe câu chuyện này. Anh sẽ viết thành một quyển sách. Có thể người ta không tin quyển sách đó, nhưng viết nó ra có thể thú vị đấy.

-Anh sẽ kể cho tôi nghe chuyện đó vào lúc khác, anh bạn ạ, anh chưa được khoẻ lắm đâu.

-Buổi chiều nay trời ấm áp tôi ăn hết một con gà gìo – anh nói với tôi và mỉm cười – Tôi hết sốt rồi. Chúng ta không có việc gì để làm, tôi sẽ kể cho anh nghe tất cả.

-Vì anh nhất định muốn thế, tôi xin nghe.

-Đó là một câu chuyện rất đơn giản. Tôi sẽ kể cho anh theo thứ tự những sự việc đã xảy ra. Nếu sau này anh có làm một cái gì đó, thì tuỳ ý anh, kể khác đi cũng được.

Dưới đây là những điều anh đã kể cho tôi nghe. Và nếu tôi có sửa đổi chăng, thì chỉ vài ba từ nào đó thôi trong câu chuyện cảm động này.

-Vâng – Acmân nói và ngả đầu dựa vào lưng ghế bành – Vâng, đó là một buổi chiều như chiều hôm nay. Tôi đã sống suốt ngày ở đồng quê với một người bạn của tôi, Gatông R… Chiều đến, chúng tôi trở về Paris, và không biết làm gì nữa, chúng tôi vào nhà hát Variêtê.

Trong lúc nghỉ giải lao, chúng tôi ra ngoài. Ra đến hành lang, chúng tôi gặp một người đàn bà đi qua và bạn tôi nghiêng mình chào.

-Anh chào người nào đó? – tôi hỏi.

-Macgơrit Gôchiê – bạn tôi đáp.

-Hình như cô ta thay đổi nhiều, bởi vì tôi không nhận ra được. – Tôi nói với một cảm xúc mà chốc nữa bạn sẽ hiểu.

-Cô ta bị bệnh. Cô gái đáng thương ấy sẽ không còn sống lâu lắm đâu.

Tôi vẫn còn nhớ rõ những lời nói đó, như vừa mới được nói ngày hôm qua đây.

Anh nên biết, anh bạn thân mến, từ hai năm nay rồi, hình ảnh người con gái ấy, dù chỉ một lần gặp gỡ, đã để lại nơi tôi một ấn tượng lạ lùng.

Không hiểu tại sao tôi bỗng tái mặt và tim tôi đập dữ dội. Tôi có nói với một người bạn thân chuyên về khoa học huyền bí. Anh ta gọi cảm xúc đó của tôi là "ái lực của những truyền cảm". Tôi thì nghĩ một cách đơn giản: định mệnh đã buộc tôi trở thành người phải lòng Macgơrit, và tôi đã tiên cảm được điều đó.

Bao giờ nàng cũng là người gây cho tôi một ấn tượng đặc biệt. Nhiều bạn thân của tôi chứng kiến điều đó và cũng đã cười tôi rất nhiều khi biết ấn tượng ấy

từ ai đưa đến.

Lần đầu tiên tôi thấy nàng là ở quảng trường Buôcx, tại cổng Xuyt. Một cỗ xe dở mui dừng lại. Một người đàn bà ăn bận toàn màu trắng trên xe bước xuống. Những tiếng thì thầm khen ngợi nổi lên đón nàng, khi nàng bước vào nhà hàng. Còn tôi như bị đóng đinh tại chỗ, từ khi nàng đi vào đến khi nàng đi ra. Xuyên qua của kính, tôi nhìn nàng lựa chọn những thứ nàng đến mua. Tôi có thể bước vào lắm. Nhưng tôi không dám. Tôi biết người đàn bà ấy là ai, và tôi sợ nàng có thể đoán biết lý do đã đưa tôi vào nhà hàng và sẽ cảm thấy khó chịu. Tuy nhiên, tôi không nghĩ rằng tôi sẽ được gặp lại nàng.

Nàng ăn mặc sang trọng. Một cái áo dài mutxơlin có tuy, một khăn choàng Ấn Độ hình vuông, bốn góc có thêu hoa và kim tuyến, một nón rơm Italia và một cái khuyên độc nhất làm bằng một sợi dây chuyền vàng lớn, thời trang của xã hội này.

Nàng lại lên xe và đi. Một cậu con trai nhà hàng đứng ở cổng dõi mắt nhìn theo cô khách quan trọng ấy. Tôi tiến lại gần cậu ta và yêu cầu cho biết tên người đàn bà ấy.

-Đó là cô Macgơrit Gôchiê – cậu ta trả lời.

Tôi không dám hỏi địa chỉ và bỏ đi.

Kỷ niệm về cuộc gặp gỡ ấy – bởi vì nó thật sự là một kỷ niệm – không ra khỏi đầu óc tôi như nhiều cuộc gặp gỡ khác trước đây. Tôi tìm khắp nơi người đàn bà áo trắng đẹp không khác gì một nữ hoàng đó.

Vài ngày sau có một cuộc trình diễn lớn tại Ôpêra Cômic. Tôi đến dự. Người đầu tiên tôi nhìn thấy trong lô trước sân khấu là Macgơrit Gôchiê.

Người đàn ông trẻ đi với tôi cũng nhận ra nàng bởi vì anh ta vừa chỉ nàng, vừa nói với tôi: -Xem kìa, một người con gái đẹp.

Vào lúc đó Macgơrit nhìn về phía chúng tôi. Cô ta thấy bạn tôi và ra hiệu cho anh ta đến gặp cô.

-Tôi phải đến chào nàng – anh ta nói – Tôi sẽ trở lại trong chốc lát.

Tôi không thể không nói với anh ta: “Anh sung sướng thật.”

-Vì sao?

-Được đến gặp người đàn bà đó.

-Anh mê nàng rồi phải không?

-Không – Tôi nói và đỏ mặt, bởi vì thật sự tôi không biết vì sao mình đã nói thế – Nhưng tôi rất muốn được quen biết cô ta.

-Anh đến với tôi, tôi sẽ giới thiệu.

-Anh hãy xin phép cô ta đã.

-Ồ! Có gì đâu. Không cần phải mệt trí với nàng, anh cứ đến với tôi.

Điều anh ta vừa nói làm tôi khó chịu. Tôi run người khi nghĩ đến quả thật Macgơrit không xứng đáng như tôi nghĩ về nàng.

Có một câu chuyện ở quyển sách của Anphông Kar, nhan đề "Am Rauschen": Một chiều một người đàn ông đi theo một người đàn bà rất sang trọng. Mới gặp lần đầu, anh ta đã trở thành kẻ si tình. Bởi nàng quá đẹp. Để được hôn bàn tay người đàn bà ấy, anh cảm thấy có đủ sức mạnh quyết đoán được tất cả, đủ ý chí để chinh phục được tất cả, đủ can đảm để làm được tất cả. Anh chỉ hơi dám nhìn chiếc bít tất xinh xắn nơi chân mà nàng vén vạt áo để lộ ra vì sợ vạt áo dài buông chấm đất. Trong khi anh mơ mộng về tất cả những gì anh phải làm để có được người đàn bà đó, thì người đàn bà đó chặn anh dừng lại ở một góc đường, và hỏi anh muốn đến nhà nàng không.

Anh vội quay mặt đi và băng ngang qua đường buồn bã trở về nhà.

Tôi nhớ lại câu chuyện đó, và tôi sẵn sàng để được đau khổ vì người đàn bà đó. Tôi sợ nàng chấp nhận tôi quá nhanh, và trao cho tôi quá nhanh một tình yêu mà tôi muốn đạt được bằng sự chờ đợi lâu dài hay phải chịu hy sinh một to lớn. Chúng ta như thế đấy. Chúng ta – những con người! Và sung sướng thật, óc tưởng tượng đã trao cái thi vị ấy lại cho các giác quan, và những dục vọng của xác thịt đã chấp nhận sự nhân nhượng đó trước những ước mơ của tâm hồn.

Cuối cùng, nếu người ta bảo tôi: "Anh sẽ có được người đàn bà ấy chiều nay và ngay mai anh sẽ bị giết chết", tôi sẽ chấp nhận. Nếu người ta bảo: "Anh hãy đưa ra mười ngàn đồng vàng và anh sẽ là tình nhân của người đàn bà ấy", tôi sẽ từ chối và khóc. Không khác nào đứa bé khi tỉnh dậy bỗng thấy toà lâu đài ở giấc mơ trong đêm tối đã tan biến mất rồi.

Tuy nhiên, tôi muốn được quen biết nàng. Đó là một phương tiện, và đó cũng là phương tiện độc nhất để tôi hiểu nàng như thế nào.

Tôi nói với bạn tôi rằng cần được nàng đồng ý việc anh giới thiệu tôi với nàng. Và tôi đi lại tha thẩn trong hành lang, tưởng tượng lúc nàng sẽ gặp tôi, và tôi không biết giữ thái độ như thế nào trước cái nhìn của nàng.

Tôi gắng sắp đặt trước những lời mà tôi sẽ nói với nàng…

Tình yêu thật là một trò trẻ con tuyệt vời và cao cả.

Một lát sau, bạn tôi lại trở xuống.

"Nàng đang đợi chúng ta" – anh ta nói với tôi.

-Chỉ có mình nàng? – tôi hỏi.

-Có một người đàn bà khác nữa.

-Không có đàn ông?

-Không.

-Đi vậy!

Bạn tôi đi về phía cửa lớn nhà hát.

-Ồ, không phải ngã đó! – Tôi nói với anh.

-Chúng ta đi mua một ít quà. Nàng nhờ tôi.

Chúng tôi đến hàng bán bánh kẹo trong hành lang Ôpêra.

Tôi như muốn mua hết tất cả cửa hàng này và tôi nhìn xem có thể mua những gì để đặt vào xách, thì bạn tôi bảo: -Nửa cân nho ướp lạnh.

-Nàng có thích loại nho đó không?

-Nàng không bao giờ ăn thứ gì khác. Điều này, tôi biết rất rõ.

Chúng tôi bước ra khỏi cửa hàng. Anh nói tiếp: -À, anh biết tôi giới thiệu anh với một người đàn bà như thế nào không? Anh chớ tưởng đây là một bà quận công. Nàng chỉ là một kỹ nữ với tất cả những gì thật là phóng đãng, anh bạn thân mến ạ. Anh chẳng phải băn khoăn gì cả. Anh cứ tự do nói toạc tất cả những ý nghĩ trong đầu anh ra.

-Được, được! – Tôi ấp úng như thế và đi theo anh ta, tự nhủ thầm: Thế là sự say mê của tôi sắp chấm dứt.

Khi tôi bước vào trong lô, Macgơrit đang cười vang. Tôi muốn nàng buồn thì tốt hơn. Bạn tôi giới thiệu tôi. Macgơrit nghiêng đầu chào tôi và nói: -Quà của tôi đâu?

-Có đây.

Vừa nhận quà, nàng vừa nhìn tôi. Tôi đưa mắt nhìn xuống, đỏ mặt.

Nàng nghiêng đầu về phía người bạn gái ngồi gần bên, nói nhỏ vào tai người đó, và cả hai phá lên cười lớn.

Chắc chắn tôi là nguyên nhân của chuỗi cười đó. Sự bối rối nơi tôi nhân lên gấp bội. Vào thời gian ấy, tôi có một người tình nhân, hạng tiểu tư sản, rất dịu dàng và rất tình cảm. Tâm hồn đa cảm và những bức thư đượm buồn của nàng đã làm cho tôi phải cười. Giờ đây tôi hiểu sự khó chịu mà tôi đã gây cho nàng, qua sự khó chịu tôi đang cảm thấy, và trong khoảng năm phút, tôi bỗng yêu nàng hơn bất cứ một ai có thể yêu một người đàn bà.

Macgơrit ăn nho, không hề chú ý gì đến tôi cả.

Người giới thiệu tôi không muốn để tôi trong vị trí đáng buồn cười ấy.

-Macgơrit – anh nói – cô không nên ngạc nhiên khi thấy ông Đuyvan không nói gì với cô cả. Cô đã làm cho anh ta điên đầu, đến nỗi anh ta không tìm ra được lời nào để nói.

-Tôi lại cứ tưởng ông ấy đã đưa anh đến đây, bởi vì nếu để anh đến đây một mình thì có lẽ hơi buồn.

-Nếu điều đó đúng, – tôi tiếp lời – tôi đã không yêu cầu ông Ecnec xin phép cô để được giới thiệu tôi.

Đó có thể chỉ là một phương cách để trì hoãn giây phút của định mệnh.

Chỉ cần sống ít lâu với những cô gái như hạng Macgơrit, người ta sẽ hiểu được cái thích thú các cô ưa dùng để đánh lệch hướng phán đoán và để trêu ghẹo, những người các cô mới gặp lần đầu. Đương nhiên, đây là một sự trả thù những sự nhục mạ mà các cô bắt buộc phải tiếp nhận từ phía những người các cô thường gặp hàng ngày.

Vì thế, để trả lời cho các cô, phải có một tập quán nào đó của thế giới các cô. Cái tập quán đó, tôi không có. Thêm nữa, ý tưởng mà tôi tự tạo ra về Macgơrit làm cho tôi thêm khó chịu về sự đùa cợt của nàng. Không một cái gì thuộc về người đàn bà này có thể làm tôi thờ ơ cả. Vì thế, tôi đứng dậy, nói với cô ta bằng một giọng không bình thường mà tôi không thể che giấu được: -Nếu đó là điều mà cô nghĩ về tôi, thưa cô, tôi chỉ còn việc xin cô tha lỗi cho sự bất nhã của tôi, và xin cô tin chắc điều đó sẽ không lặp lại lần thứ hai.

Thế là tôi chào và đi ra.

Tôi vừa đóng cửa lại thì lại nghe một lần thứ ba nữa những tiếng cười phá lên. Lúc ấy tôi rất muốn được kẻ nào đó thúc mạnh cùi tay vào người.

Tôi trở về chỗ cũ.

Người ta rung chuông báo hiệu sắp trình diễn.

Ecnec trở lại ngồi gần bên tôi.

-Anh làm sao thế? – anh ta vừa nói vừa ngồi xuống – các ả tưởng anh điên rồi.

-Macgơrit nói gì khi tôi đã đi?

-Cô ta cười và nói với tôi, cô ta chưa bao giờ gặp một người lẩn thẩn đến như anh. Nhưng anh đừng nghĩ là mình đã bị đánh bại. Chỉ nên nhớ rằng đối với những cô gái đó, anh không nên nghĩ đến danh dự và nề nếp. Các cô ả không hiểu gì về cái gọi là thanh nhã và lịch sự cả. Đó cũng giống như những con chó mà người ta tưới nước hoa cho, thế thôi. Chúng nghe mùi nước hoa khó chịu và sẽ lăn tòm xuống nước để hết hôi.

-Tóm lại, tôi cũng không cần – tôi gượng đáp với một giọng bình thản – Tôi sẽ không bao giờ gặp lại người đàn bà đó. Nếu trước kia cô ta đã lôi cuốn tôi khi tôi chưa biết cô ta, thì giờ đây, sau khi đã gặp cô ta, điều đó khác hẳn rồi.

-Ồ! Tôi sẽ không ngạc nhiên khi nhìn thấy anh một ngày nào đó sẽ ngồi tận chỗ trong cùng ở lô của cô ta. Và được nghe tin anh đã phá sản vì cô ta. Đồng ý anh nói có lý, cô ta là một người mất dạy. Nhưng lại là một tình nhân xinh đẹp!

May mắn là màn đã kéo lên và bạn tôi không nói nữa.

Kể lại hôm đó người ta đã trình diễn những gì thì tôi xin chịu. Tất cả những gì tôi nhớ, đó là thỉnh thoảng tôi lại đưa mắt nhìn lại nơi lô mà tôi vừa đột ngột từ giã; ở đó các khuôn mặt những người khách mới cứ lần lượt kế tiếp nhau xuất hiện.

Tuy nhiên, tôi không thể nào không nghĩ đến Macgơrit. Một thứ tình cảm khác xâm chiếm lấy tôi. Tôi phải làm điều đó để quên đi sự nhục mạ của nàng và cái đáng buồn cười của tôi. Tôi tự nhủ, tôi sẵn sàng, bỏ hết của cải để có được người con gái ấy và cái quyền giữ lại chỗ ngồi mà tôi vừa vội vàng từ bỏ.

Trước khi buổi trình diễn chấm dứt, Macgơrit và người bạn gái của cô đã rời lô đi ra.

Ngoài ý muốn, tôi cũng rời bỏ chỗ ngồi của tôi.

-Anh về à? – Enec hỏi tôi.

-Vâng.

-Tại sao?

Ngay lúc đó anh ta nhận thấy không còn ai ở trong lô của Macgơrit nữa, liền bảo: -Đi đi, chúc may mắn, hay đúng hơn là chúc anh may mắn hơn.

Tôi bước ra.

Tôi nghe ở cầu thang tiếng áo xào xạc và tiếng người nói cười. Tôi đứng sang một bên và nhìn thấy hai người đàn bà bước ra cùng hai thanh niên. Họ không nhìn thấy tôi.

Tại tầng dưới nhà hát, một thằng bé giúp việc tiến đến bên các ả.

-Chú hãy bảo người đánh xe chờ ở hiệu cà phê Ănglê

-Macgơrit nói – Chúng tôi sẽ đi bộ đến đó.

Vài phút sau, đang đi như rình mò trên đường phố, tôi nhìn thấy qua cửa sổ một phòng lớn khách sạn, Macgơrit dựa vào bao lơn, tỉa từng cánh một bông hoa trà ở bó hoa của nàng.

Một trong hai chàng thanh niên đi cùng nàng đang cúi xuống bên nàng và nói chuyện thì thầm với nàng.

Tôi vào nhà hàng, ngồi trong một phòng khách tầng thứ nhất, mắt không rời khung cửa sổ nói trên.

Vào một giờ sáng, Macgơrit lên xe với ba người bạn của mình.

Tôi cũng lên một chiếc xe nhỏ và cho đi theo nàng.

Chiếc xe dừng ở số 9 đường Antin.

Macgơrit bước xuống xe và một mình đi vào nhà.

Dĩ nhiên đó là một sự tình cờ. Nhưng sự tình cờ này làm cho tôi rất sung sướng.

Kể từ ngày hôm đó tôi thường gặp mặt Macgơrit tại các nhà hát và quảng trường Xăng Êlidê. Luôn luôn vẫn niềm vui tươi đó ở nàng và luôn luôn vẫn sự xúc động đó đối với tôi.

Mười lăm ngày trôi qua, tôi không gặp nàng ở đâu cả. Tôi tìm gặp Gatông hỏi thăm tin tức về nàng.

-Cô gái đáng thương đó đang bị bệnh – anh ta trả lời.

-Cô ta bị bệnh gì?

-Cô ta bị đau ngực. Cuộc sống của cô ta không cho phép cô ta lành bệnh được. Hiện cô ta nằm liệt giường, nói đúng ra, cô đang chết dần.

Trái tim thật lạ lùng.

Tôi gần như cảm thấy thoả mãn trước căn bệnh của nàng.

Ngày nào, tôi cũng đến hỏi thăm tin tức và bệnh tình của nàng, nhưng không bao giờ ghi tên hoặc để danh thiếp lại. Vì thế, tôi được biết nàng đã bình phục và

sắp đi Banhêe dưỡng bệnh.

Thế rồi, một thời gian trôi qua. Ấn tượng – nếu không phải là kỷ niệm – có vẻ như phai mờ dần trong tâm trí tôi. Tôi đi du lịch. Những tập quán, những công việc thế chỗ cho cái ý nghĩ kia. Nghĩ đến cuộc gặp gỡ đầu tiên đó, tôi chỉ thấy đây là một trong những đam mê thường có khi người ta còn trẻ và sau này nghĩ lại người ta sẽ mỉm cười.

Vả chăng, thắng được kỷ niệm đó cũng chẳng có vinh dự gì. Bởi vì tôi đã đánh mất hình ảnh Macgơrit từ khi nàng ra đi; và như tôi đã nói với bạn điều đó, khi nàng đi qua bên tôi trong hành lang ở Variêtê, tôi không nhận ra nàng nữa.

Nàng mang một tấm voan, đúng vậy.

Nhưng trước đây, hai năm trước đây, nếu nàng có che giấu mặt nàng bằng cách nào, tôi cũng vẫn nhận ra nàng.

Điều này không thể ngăn tim tôi đập mạnh, khi tôi biết đó là nàng. Hai năm trôi qua không gặp nàng và những điều mà sự xa cách đó đã đem lại vụt chốc tan biến ngay như sướng khói khi tay tôi chạm khẽ vạt áo nàng.

§8

Tuy nhiên – sau một phút, Acmân nói tiếp – tôi vẫn hiểu, tôi còn yêu nàng và mạnh hơn cả ngày trước. Và trong ý muốn được gặp lại Macgơrit còn có cả cái ý chí muốn cho nàng biết, tôi đã cao giá hơn nàng một bậc.

Để đạt được mục đích, con tim đã không ngoan việc dẫn bao nhiêu lý lẽ, lựa chọn bao nhiêu con đường.

Vì thế, tôi không thể đứng lâu hơn trong hành lang. Tôi trở về ngồi bên dàn nhạc và nhìn nhanh khắp nhà hát để xem nàng ngồi ở lô nào.

Nàng ngồi trước sân khấu, ở tầng dưới, và chỉ một mình thôi. Nàng thay đổi nhiều như tôi đã nói với bạn. Tôi không còn tìm thấy trên môi nàng nụ cười hờ hững nữa. Nàng đã ốm đau và nàng sẽ còn ốm đau nhiều.

Mặc dầu đã tháng tư rồi, nàng vẫn ăn mặc như giữa mùa đông, toàn người đều nhung len.

Tôi nhìn nàng một cách rất chai lỳ, đến nỗi cái nhìn tôi đã thu hút cái nhìn của nàng.

Nàng nhìn tôi một lúc, rồi lấy ống nhòm đưa lên để nhìn cho rõ hơn và chắc chắn đã ngờ ngợ nhận biết tôi, tuy không thể quyết chắc tôi là ai. Bởi vì khi nàng để kính xuống, một nụ cười – cách chào duyên dáng của những người đàn bà – nở trên đôi môi nàng và như chờ đợi một cái chào trả lời nơi tôi. Nhưng tôi không đáp lại, như để cản lối nàng và tỏ ra tôi đã quên rồi khi nàng còn nhớ lại.

Nàng tưởng đã lầm và quay đi nơi khác.

Màn kéo lên.

Tôi đã gặp Macgơrit nhiều lần ở rạp hát. Tôi không hề thấy nàng để ý một chút nào về những gì người ta trình diễn.

Còn đối với tôi, những điều trình diễn cũng không hấp dẫn tôi lắm. Tôi chỉ chú ý đến nàng, nhưng lại cố gắng làm sao để nàng không thấy được điều đó.

Tôi thấy nàng trao đổi cái nhìn với người ở lô trước mặt nàng. Tôi đưa mắt nhìn theo và nhận ra một người đàn bà khá quen biết trong lô đó.

Người đàn bà này xưa kia sống bằng nghề kỹ nữ, đã từng cố gắng qua nhiều sân khấu nhưng không thành công. Và sau đó, do có nhiều mối quen biết với những người đàn bà sang trọng ở Paris, bà ta chuyển sang nghề buôn bán và đã lập ra được một nhà hàng thời trang.

Tôi thấy nơi người đàn bà này một phương tiện tốt để giúp tôi gặp Macgơrit. Và nhân một lúc người này nhìn về phía tôi, tôi đưa mắt và đưa tay chào.

Điều tôi tiên đoán đã đến: bà ta gọi tôi đến lô của mình.

Người đàn bà buôn thời trang này tên là Prudăng Đuvecnoa, trạc bốn mười tuổi, mập mạp. Với những người đàn bà như người này, chúng ta không cần gì

nhiều đến tài ngoại giao để được biết điều muốn biết, nhất là khi điều muốn biết đó lại đơn giản như những điều tôi vừa nghĩ. Tôi, nhân lúc bà ta bắt đầu nhìn lại Macgơrit, liền hỏi: -Bà nhìn ai thế?

-Macgơrit Gôchiê.

-Bà biết người đó?

-Vâng, tôi là người chăm sóc thời trang cho cô, và cô là người láng giềng của tôi.

-Thế ra bà ở đường Antin?

-Số 7. Cửa sổ phòng trang sức của cô ta đối diện với cửa sổ phòng tôi.

-Người ta bảo cô ta là một cô gái rất duyên dáng.

-Anh không biết cô ấy sao?

-Không. Nhưng tôi muốn được quen biết cô.

-Anh có muốn tôi bảo nàng đến lô chúng ta không?

-Không. Nhưng tôi muốn bà giới thiệu tôi với cô ta.

-Ở nhà cô?

-Vâng.

-Điều đó hơi khó.

-Tại sao?

-Bởi vì cô ta đang được một ông quận công già rất hay ghen che chở. – Được che chở là một điều tốt.

-Vâng, được che chở – Pruđăng đáp – ông già thật đáng thương, ông ta sẽ rất lúng túng nếu phải làm tình nhân của cô ấy.

Pruđăng kể cho tôi nghe Macgơrit đã quen biết ông quận công già ở Banhêe như thế nào.

-Chính vì thế mà cô ta đến đây chỉ một mình?

-Vâng, đúng.

-Nhưng ai sẽ đưa cô ấy về?

-Ông ta.

-Vậy ông ta sắp đến?

-Trong vài phút nữa.

-Và ai đưa bà về?

-Không ai cả.

-Tôi xin được phép làm người đó.

-Nhưng anh đang đi với một người bạn, tôi tin thế

-Thế thì chúng tôi cùng đưa bà về.

-Bạn anh là ai thế?

-Đó là một chàng trai dễ thương, rất láu lỉnh, hắn sẽ lấy làm vui sướng khi được làm quen với bà.

-Thế thì đồng ý nhé. Sau màn này, tôi biết đây là màn cuối, bốn chúng ta sẽ cùng về.

-Sẵn sàng, tôi sẽ đi báo trước cho bạn tôi biết.

-Được, đi đi.

-A! – Pruđăng nói, khi tôi sắp sửa bước ra – Kìa xem, ông quận công đã vào lô của Macgơrit rồi.

Tôi nhìn theo.

Quả thật, một người đàn ông chừng bảy mười tuổi vừa đến ngồi sau người đàn bà trẻ đó và đưa cho nàng một túi quà. Nàng đang lấy quà ra và mỉm cười, rồi nàng đưa túi quà ra phía trước lô, ra hiệu cho Pruđăng như hỏi: -Chị có dùng không?

-Không – Pruđăng nói.

Macgơrit thu túi quà về và quay lại, bắt đầu nói chuyện với ông quận công.

Kể lại tất cả những chi tiết này, thật là trẻ con. Nhưng tất cả những gì liên quan đến người con gái ấy đều hiện ra rõ ràng trong trí nhớ tôi, và hôm nay tôi không thể nào không nhớ lại.

Tôi bước xuống, báo cho Gatông biết trước việc tôi vừa sắp đặt cho anh ta và cho tôi.

Anh ta nhận lời

Chúng tôi rời chỗ ngồi để lên lô trên với bà Pruđăng Đuvecnoa.

Chúng tôi vừa mở cửa phòng nhạc thì bắt buộc phải dừng lại để nhường lối cho Macgơrit và ông quận công đi ra.

Tôi sẵn sàng đổi mười năm đời tôi để được cái vị trí của ông già này.

Ra đến lộ, ông ta đưa Macgơrit lên ngồi trên một cỗ xe bốn bánh do ông điều khiển. Và cả hai khuất dạng theo nhịp tế nhanh của hai con ngựa cao đẹp.

Chúng tôi bước vào lô của Pruđăng.

Khi vở tuồng chấm dứt, chúng tôi xuống tìm một chiếc xe nhỏ để đưa chúng tôi đến số 7 đường Antin.

Đến trước cửa, Pruđăng mời chúng tôi vào nhà, để cho xem những hàng hoá mà chúng tôi không biết gì về giá trị của nó cả. Nhưng bà ta thì rất tự đắc. Hẳn bạn cũng hiểu tôi đã nhận lời một cách vỗn vã như thế nào.

Hình như dần dần tôi đã tiến đến gần Macgơrit hơn. Tôi nhanh chóng đưa nàng vào đầu đề câu chuyện.

-Ông quận công già ở tại nhà người láng giềng của chị? – tôi hỏi Pruđăng.

-Không! Không phải. Cô ta ở một mình thôi.

-Như vậy cô ta sẽ buồn ghê gớm lắm – Gatông nói.

-Gần như chiều nào chúng tôi cũng họp mặt với nhau. Hoặc khi đi đâu về, cô ấy lại gọi tôi, Macgơrit không bao giờ ngủ trước hai giờ sáng, cô ta không thể ngủ sớm hơn được.

-Tại sao?

-Bởi vì cô ta bị bệnh đau ngực và gần như lúc nào cũng bị sốt.

-Cô ta không có tình nhân? – tôi hỏi.

-Tôi không hề thấy ai ở lại, khi tôi ra về. Nhưng tôi không nói rằng không có người nào đến, khi tôi đã đi rồi. Thường thường tôi gặp tai nhà cô một ông bá tước N… nào đó. Ông này tin rằng công việc của mình có thể tiến triển tốt đẹp bằng những cuộc viếng thăm Macgơrit vào lúc mười một giờ, và bằng cách gửi tặng những nữ trang nàng thích. Nhưng nàng lại không muốn gặp mặt ông ta bất cứ ở đâu. Nàng đã sai lầm; vì đó là một người đàn ông rất giàu. Thỉnh thoảng, tôi lại bảo nàng: "Cô em ạ, đó là người đàn ông cần cho cô em!" Nhưng vô hiệu. Nàng quay lưng lại với tôi và trả lời rằng người đó đần độn lắm. Người đó đần, tôi đồng ý. Nhưng cô ta sẽ có một địa vị. Chứ ông quận công già thì có thể chết nay mai. Những người già đều ích kỷ. Gia đình ông luôn chỉ trích ông về tình thương đối với Macgơrit. Đó là hai lý do để ông sẽ không cho nàng được thừa hưởng gì cả. Tôi giảng giải cho cô ta. Cô ta trả lời: khi ông quận công chết, sẽ nhận lời bá tước cũng không muộn gì.

sống như nàng thật lạ lùng – Pruđăng nói tiếp – Tôi, nếu tôi biết rõ ông ta không hợp với tôi, tôi sẽ không ngần ngại gì cho ông ấy cút nhanh đi cho rảng. Ông già kia thì rõ nhạt nhẽo. Ông gọi cô ta là con gái ông. Chăm sóc cho cô ta như một đứa trẻ nhỏ. Ông luôn luôn bám bên lưng cô ta. Tôi tin chắc, vào giờ này, một trong những người nhà của ông đang rình ngoài đường để xem có ai đi ra và nhất là có ai đi vào nhà Macgơrit không.

-A! Cô Macgơrit đáng thương – Gatông vừa nói, vừa ngồi lại bàn pianô và đáng một điệu vanxơ – Tôi không biết điều đó. Tuy nhiên gần đây tôi thấy cô ta ít được vui vẻ.

-Xuỵt! – Pruđăng vừa nói vừa lắng tai nghe. Gatông dừng lại – Hình như cô ta gọi tôi.

Chúng tôi lắng nghe.

Quả nhiên có tiếng gọi Pruđăng.

-Thôi các ông đi đi cho! – Bà Đuvecnoa bảo chúng tôi.

-A! Bà cho thế là tinh thần hiếu khách đấy à? – Gatông vừa cười vừa nói – Chúng tôi chỉ đi khi nào chúng tôi muốn đi.

-Tại sao chúng tôi phải đi?

-Tôi sang Macgơrit.

-Chúng tôi đợi ở đây.

-Điều đó thì không thể được.

-Thế thì chúng tôi đi cùng với bà.

-Càng không được.

-Tôi biết Macgơrit – Gatông nói – Tôi có thể đến thăm cô ta lắm chứ.

-Nhưng Acmân không biết cô ta.

Tôi sẽ giới thiệu anh ta.

-Không thể được.

Chúng tôi lại lắng nghe lần nữa tiếng Macgơrit gọi Prưđăng.

Prưđăng chạy đến phòng trang sức. Tôi và Gatông đi theo. Bà ta mở cửa sổ ra.

Chúng tôi đứng núp lại để bên ngoài đừng trông thấy.

-Tôi đã gọi chị hơn mười phút rồi – Macgơrit nói từ cửa sổ nhà mình, với một giọng hơi khó chịu.

-Cô muốn tôi giúp gì?

-Tôi muốn chị đến ngay lập tức.

-Tại sao?

-Bởi ông bá tước N… vẫn còn đó. Ông làm tôi chán chết được.

-Tôi không thể đi ngay bây giờ được.

-Ai ngăn cản chị?

-Trong nhà tôi hiện có hai thanh niên, họ không chịu ra về.

-Chị hãy bảo họ là chị cần đi.

-Tôi đã nói với họ rồi.

-Cũng được, hãy để họ ở đó. Khi họ thấy chị đi rồi, họ sẽ đi.

-Sau khi đã xáo trộn tất cả mọi thứ ở đây?

-Nhưng họ muốn gì?

-Họ muốn gặp cô.

-Thế họ tên gì?

-Cô biết một người, ông Gatông R…

-À, vâng. Tôi biết ông ấy. Và ông kia?

-Acmân Đuyvan, cô không biết phải không?

-Không. Nhưng cứ đưa họ đến. Tôi nghĩ ai cũng vẫn hơn ông bá tước. Tôi đang đợi. Chị sang nhanh cho.

Macgơrit đóng cửa sổ lại. Prưđăng cũng đóng cửa sổ lại.

Macgơrit, đã có lần nhớ lại mặt tôi, nay lại không nhớ tên tôi. Tôi thích một kỷ niệm không tốt đẹp đối với tôi hơn là sự lãng quên ấy.

-Tôi biết chắc – Gatông nói – cô ta sẽ sung sướng khi được gặp chúng ta.

-Rất sung sướng thì chưa hẳn đâu – Prưđăng vừa đáp vừa quàng lại khăn choàng và để mũ lên đầu – Cô ta tiếp các anh để đuổi ông bá tước. Các anh phải cố gắng tỏ ra lịch sự hơn ông bá tước. Nếu không, tôi hiểu Macgơrit lắm, cô ta sẽ lại gây chuyện với tôi đấy.

Chúng tôi đi theo Prưđăng, cùng đi xuống.

Tôi run sợ. Tôi nghĩ cuộc viếng thăm này sẽ có một ảnh hưởng lớn đối với đời tôi.

Tôi còn cảm động hơn cả buổi chiều tôi được giới thiệu với nàng tại nhà hát Ôpêra Cômic.

Đến cửa, tim tôi đập rất mạnh, đến nỗi các ý nghĩ trong đầu óc tôi biến đi đâu cả.

Tiếng đàn pianô thoảng đến tai chúng tôi.

Pruđăng gọi chuông.

Tiếng đàn dừng lại.

Một người đàn bà, có vẻ như một người bạn hơn là hầu phòng, ra mở cửa cho chúng tôi.

Chúng tôi vào phòng khách, rồi từ phòng khách đến phòng trang nhã (phòng khách đặc biệt ở nhà các bà sang trọng).

Một người thanh niên đứng dựa bên lò sưởi.

Macgơrit ngồi trước đàn pianô, để những ngón tay chạy trên các phím và bắt đầu những bản nhạc.

Cảnh tượng ấy thật buồn tẻ. Người đàn ông thì bối rối trước sự bất lực của chính mình, và người đàn bà thì chán ngán do sự viếng thăm của một con người mà mình không ưa thích.

Nghe tiếng Pruđăng, Macgơrit đứng dậy và tiến đến phía chúng tôi. Sau khi đã nhìn Đuvecnoa một cách biết ơn, cô ta nói với chúng tôi: – Xin mời các ông vào, và hãy là những khách quý.

§9

Chào ông Gatông thân mến – Macgơrit nói với bạn tôi – Tôi rất vui sướng được tiếp đón ông. Tại sao ông không vào lô của tôi ở Variêtê?

-Tôi sợ bị xem là thiếu tế nhị.

-Nhưng bạn thân cả mà – Macgơrit nhấn mạnh, như muốn nói cho những người có mặt ở đó hiểu dù nàng có tiếp Gatông một cách thân mật, anh ta cũng chỉ là bạn thân và luôn luôn chỉ là bạn – Những người bạn thân thiết nhau không bao giờ ngại thiếu tế nhị đối với nhau!

-Xin cô vui lòng cho tôi giới thiệu ông Acmân Đuyvan.

-Tôi đã cho phép Prưđăng được làm điều đó.

-Vả lại, thưa cô – tôi vừa nghiêng mình vừa nói những lời không được rõ ràng lắm – Tôi từng vinh dự được giới thiệu với cô một lần rồi.

Con mắt xinh đẹp của Macgơrit hình như đang cố tìm lại trong ký ức. Nhưng cô ta không nhớ, hay có vẻ như không nhớ tý nào.

-Thưa cô – tôi nói – tôi cảm ơn cô đã quên buổi giới thiệu đầu tiên đó. Bởi vì hôm đó, tôi đã rất buồn cười và có lẽ đã làm phiền cô. Ngày ấy cách đây đã hai năm, ở rạp Ôpêra Cômic, tôi cùng đi với Enec.

-À! Tôi nhớ ra rồi! – Macgơrit nói tiếp và mỉm cười – không phải ông đáng buồn cười, nhưng chính tôi là người ưa trêu chọc. Giờ đây tôi vẫn còn thói quen đó, nhưng ít thôi. Thưa ông, chắc ông đã tha lỗi cho tôi? – Và cô đưa tay ra. Tôi cúi xuống hôn.

-Đúng vậy – cô ta nói – ông hãy tưởng tượng, tôi có cái tật xấu là muốn làm những người tôi gặp lần đầu đều lúng túng. Cái đó thật ngốc. Thầy thuốc bảo tôi, nguyên nhân là vì tôi hay nóng nảy và luôn luôn bệnh hoạn. Ông hãy tin như thế.

-Nhưng trông cô có khoẻ mạnh.

-Ôi! Tôi vừa bị ốm rất nặng.

-Tôi có được biết. Tôi thường đến đây để hỏi thăm tin tức về cô và tôi sung sướng được biết cô đang trong thời kỳ dưỡng bệnh.

-Người ta chưa bao giờ đưa cho tôi một danh thiếp của ông.

-Tôi không bao giờ để danh thiếp lại cả.

-Phải chăng ông là người thanh niên ngày nào cũng đến hỏi thăm sức khỏe của tôi trong lúc tôi bệnh và không bao giờ cho biết tên họ?

-Vâng, chính tôi.

-Thế thì, không phải ông đã tha thứ, mà ông còn rất khoan dung nữa. – Chắc ông bá tước không thể làm được như thế! – Nàng vừa nói vừa quay sang phía ông bá tước N… sau khi đã nhìn tôi, với một cái nhìn mà qua đó những người đàn bà bổ túc thêm cho ý niệm của mình đối với một người đàn ông.

-Tôi chỉ mới biết cô có hai tháng thôi – Ông bá tước trả lời.

-Và ông này chỉ biết tôi mới năm phút thôi. Ông luôn trả lời ngớ ngẩn lắm!

Đàn bà thật tàn nhẫn đối với những kẻ họ không yêu.

Ông bá tước đỏ mặt và cắn chặt đôi môi.

Tôi thương hại ông ta, bởi vì ông ta cũng si tình như tôi. Và sự thẳng thắn cứng rắn của Macgơrit chắc làm cho ông khốn khổ lắm, nhất là trước mặt hai người khách lạ.

-Cô đang đánh đàn khi chúng tôi đi vào – tôi nói tiếp để thay đổi câu chuyện – Nếu được cô xem như chỗ quen biết cũ, cô cứ tự nhiên tiếp tục. Tôi rất vui sướng.

-Ồ! – Cô ta vừa nói vừa ném mình lên ghế trường kỷ và ra hiệu cho chúng tôi ngồi xuống – Gatông biết rõ tôi chơi thứ nhạc nào. Thật là tốt, khi chỉ có một mình tôi và ông bá tước. Nhưng tôi không muốn các anh phải chịu một thứ cực hình như thế.

-Cô dành riêng cái ân huệ đó cho tôi? – Ông bá tước N… nói với một nụ cười mà ông ta cố gắng làm cho nó có vẻ tế nhị và mỉa mai.

-Ông thật sai lầm khi trách móc tôi. Đó chỉ là cái ân huệ độc nhất.

Nàng đã cố tình ngăn không cho người đàn ông đáng thương này được nói một lời nào nữa cả. Ông ta nhìn người đàn bà trẻ với cái nhìn thật sự van lơn.

-Nói đi, Prudăng – cô ta tiếp- chị đã làm điều tôi yêu cầu chưa?

-Rồi.

-Tốt lắm. Chị sẽ cho tôi biết sau. Chúng ta phải nói chuyện. Chị sẽ không được bỏ đi khi chưa có ý kiến của tôi.

-Chắc hẳn chúng tôi là những người không tế nhị, – tôi nói – Và giờ đây, chúng tôi xin phép rút lui, Gatông và tôi.

-Không nên chút nào cả. Điều đó không phải để nói với các anh. Trái lại, tôi muốn các anh ở lại đây.

Ông bá tước rút một cái đồng hồ đẹp ra và nhìn giờ: "Đã đến giờ tôi phải đến câu lạc bộ rồi", ông nói. Macgơrit không nói gì cả.

Ông bá tước rời lò sưởi và đến bên nàng;

-Xin chào tạm biệt.

Macgơrit đứng dậy: -Xin chào bá tước thân mến, ông đã vội đi?

-Vâng, tôi sợ làm phiền cô.

-Hôm nay, ông cũng không làm phiền tôi hơn mấy hôm trước đâu. Bao giờ gặp lại ông?

-Khi nào cô cho phép.

-Thế thì vĩnh biệt.

Thật là tàn nhẫn. May mắn thay, ông bá tước đã nhận được một nền giáo dục tốt và có một tư cách rất tốt. Ông cúi hôn bàn tay Macgơrit đưa ra một cách uể

oải và bước ra sau khi đã chào chúng tôi.

Lúc bước ra ngưỡng cửa, ông quay lại nhìn Prưđăng.

Chị này nhún vai với ý nghĩ: "Ông còn muốn gì? Tôi đã làm tất cả những gì có thể."

-Nanin! – Macgơrit kêu to – Hãy soi đèn cho bá tước.

Chúng tôi nghe tiếng mở cửa và đóng cửa.

Cuối cùng, Macgơrit xuất hiện và nói lớn: "Thế là ông ta đã đi rồi! Ông ta làm tôi nhức cả óc."

-Cô nàng ơi! Prưđăng nói – Cô quá độc ác với ông ta. Ông ta là người rất tốt, và rất hoà nhã đối với cô. Xem kìa, một cái đồng hồ để lại trên lò sưởi cho cô đó. Cái đồng hồ này ít nhất cũng đánh giá một ngàn đồng vàng, tôi tin chắc thế.

Và bà Đuvecnoa đến bên lò sưởi, mân mê cái đồng hồ vừa nói vừa nhìn một cách thèm muốn.

-Chị bạn thân mến – Macgơrit nói và ngồi lại bên chiếc đàn pianô – khi tôi đem cân một bên là những gì ông đã cho tôi và một bên là những gì ông đã nói với tôi, tôi nghĩ rằng tôi đã bán những buổi tiếp chuyện của mình rất hạ giá.

-Chàng trai đáng thương đó đã say mê cô.

-Nếu tôi phải lắng nghe tất cả những người yêu tôi, tôi sẽ chẳng còn thì giờ để ăn nói nữa.

Nàng cho những ngón tay lướt trên phím đàn pianô và sau đó lại quay sang nói với chúng tôi: -Các anh có dùng gì không? Tôi muốn một ít rượu dầm trái cây.

-Và tôi, tôi sẽ ăn chút thịt gà giò – Prưđăng tiếp – nếu chúng tôi ăn tối.

-Được lắm, chúng ta hãy đi ăn tối – Gatông nói.

-Không chúng ta hãy ăn tại đây.

Cô ta gọi chuông. Ninna chạy ra.

-Hãy dọn bữa tối!

-Thưa, cần những gì ạ?

-Tuỳ ý chị. Nhưng nhanh lên, nhanh lên!

Ninna bước ra.

-Chính thế đấy. – Macgơrit vừa nói vừa nhảy như một đứa bé – Chúng ta sẽ ăn tối. Nhớ lại cái ông bá tước ngốc ấy, phiền quá!

Càng nhìn người đàn bà ấy, tôi càng cảm thấy say mê ngây ngất. Cô ta xinh đẹp đến mê hồn. Ngay cả sự gầy yếu nơi cô cũng là một nét duyên dáng.

Tôi đăm chiêu ngắm nàng.

Cái gì đã xảy ra trong tôi vào lúc ấy? Thật khó mà giải thích. Tôi tràn ngập lòng tha thứ đối với cuộc đời nàng, sự thán phục đối với nhan sắc nàng. Cái bằng chứng không vụ lợi mà nàng đã bộc lộ qua sự từ chối một chàng trai sang trọng,

giàu có, sẵn sàng phá sản vì nàng diễn ra trước mắt tôi, đã xoá hết những lỗi lầm của nàng trong quá khứ.

Trong người đàn bà đó, có một cái gì như sự trong trắng ngây thơ.

Người ta thấy nàng vẫn còn trinh trắng giữa cuộc sống tội lỗi. Dáng đi vững chãi, thân hình mềm mại, lỗ mũi màu hồng nở nang, đôi mắt lớn với quầng thâm xanh, biểu lộ một trong những bản chất nồng cháy, đang toả rộng một mùi hương đầy khoái cảm không khác nào những lọ hương phương Đông, dù đậy kín thế nào cũng cho thoát ra ít nhiều hương thơm của chất nước bên trong.

Cuối cùng, hoặc do bản chất, hoặc do hậu quả của tình trạng đau yếu, thỉnh thoảng trong đôi mắt người đàn bà ấy, những tia chớp của dục vọng loé lên, có thể xem như ân huệ của Chúa đối với kẻ vào được nàng yêu thương. Nhưng, những kẻ đã yêu thương Macgơrit thì không thể đếm hết được, và những kẻ được nàng yêu thương thì chưa được bắt đầu tính.

Tóm lại, người ta nhận thấy nơi người con gái ấy một nữ đồng trinh mà sự tình cờ không đâu đã làm nên cô ả giang hồ; và cô ả giang hồ mà một tình cờ không đâu có thể làm nên người nữ đồng trinh rất tình tứ và rất thanh khiết. Macgơrit vẫn còn sự kiêu hãnh và tính độc lập. Hai tình cảm này, nếu bị thương tổn, có thể tạo nên những gì mà chỉ sự tinh khiết mới có thể làm được. Tôi không nói gì cả. Nhưng tâm hồn tôi như dồn cả vào trong tim tôi và tim tôi hiện lên trong đôi mắt tôi.

-Thế ra – nàng đột ngột nói tiếp – chính ông đến để biết tin tức về tôi, khi tôi bị bệnh?

-Vâng.

-Ông có biết điều đó rất đáng quý không? Tôi có thể làm gì để cảm ơn ông?

-Cho phép tôi thỉnh thoảng được đến thăm cô.

-Xin tuỳ ý. Từ năm giờ đến sáu giờ, từ mười một giờ đến nửa đêm. Này, anh Gatông, anh hãy đánh cho nghe bản "Khuyên mời vũ điệu."

-Tại sao?

-Trước hết là để làm tôi vui lòng, và sau đó, là bởi tôi không thể nào đánh hết bản đó một mình được.

-Vậy cái gì đã làm cô lúng túng?

-Phần thứ ba, khúc chuyển sang "điie."

Gatông đứng dậy, tới ngồi trước pianô, và bắt đầu hoà khúc kỳ diệu của Uêbơ mà bản nhạc đã mở sẵn trên giá.

Macgơrit, một tay tựa vào pianô, đứng nhìn bản nhạc, đôi mắt theo dõi từng âm và nàng hát theo với một giọng rất thấp. Khi Gatông đã đàn đến đoạn nàng chỉ cho anh biết, nàng hát nho nhỏ, đưa những ngón tay nhè nhẹ chạy dài ở mặt chiếc pianô;

-Rê, mi, rê, đô, fa, mi, rê… đó chính là đoạn tôi không thể đàn được. Anh hãy lặp lại.

Gatông đàn lại, sau đó Macgơrit nói: -Bây giờ anh để tôi cố gắng thử xem – nàng ngồi vào chỗ và bắt đầu đánh đàn. Nhưng những ngón tay nàng luôn luôn ngoan cố lầm lẫn trên những âm vừa nói trên.

-Lạ lùng thật! – nàng nói với một giọng thật trẻ con – Tôi chẳng làm thế nào đánh đoạn đó được! Các anh có tin rằng, có lúc tôi ngồi mãi đến hai giờ sáng chỉ vì bấy nhiêu. Và khi tôi nghĩ, cái ông bá tước ngốc ấy lại đánh đoạn đó thành công mà không cần nhìn bản nhạc, thì tôi càng tức ông ta hơn. Có lẽ thế.

Rồi nàng tập lại, nhưng vẫn không thể nào đàn được.

-Quỷ tha ma bắt ông Uêbơ này, và âm nhạc, và cả những chiếc đàn pianô nữa! – Nàng vừa nói vừa ném cuốn sách nhạc đến cuối phòng – Có ai hiểu dùm cho rằng chẳng bao giờ tôi có thể đánh tám "đie" liên tục nhau được?

Nàng vòng tay lại nhìn chúng tôi và dậm chân.

Máu lên đỏ cả đôi má và một tiếng ho nhẹ làm đôi môi hé mở.

-Coi chừng, coi chừng! – Pruđăng nói sau khi đã lấy mũ ra và đang chuốt lại mái tóc rẽ trước một tấm gương lớn – Cô sẽ nổi tức lên và sẽ làm hại cô. Chúng ta ăn thôi.

-Thế thì tốt hơn. Tôi đói đến lả người rồi!

Macgơrit gọi chuông rồi lại ngồi vào pianô, và bắt đầu hát nửa giọng một điệu hát phóng đãng, vừa hát vừa đệm đàn không bối rối chút nào.

Gatông biết bài hát đó và cả hai cùng hát như một tốp song ca.

-Ôi! Đừng hát những thứ quái tởm ấy! – Tôi thân mật nói với Macgơrit bằng một giọng van lơn.

-Ồ! Anh rất trinh trắng! – Nàng nói với tôi, rồi mỉm cười và đưa bàn tay ra cho tôi.

-Tôi không nói cho tôi, mà cho chính cô.

Macgơrit làm một điệu bộ, như để nói"

"Ôi! Đã từ lâu lắm rồi! Tôi đã từ giã sự trinh trắng lâu lắm rồi!"

Vừa lúc đó Nanin bước vào.

-Bữa ăn tối đã sẵn sàng chưa? – Macgơrit hỏi.

-Vâng, thưa bà, khoảng khắc nữa!

-Nhân đây – Pruđăng nói với tôi – anh chưa từng thấy căn nhà này, đến đây tôi sẽ chỉ cho anh xem. Anh phải biết phòng khách đẹp tuyệt. Macgơrit đi với chúng tôi ít bước, rồi nàng gọi Gatông và cùng đi với anh ta vào phòng ăn, để xem bữa ăn tối đã sẵn sàng chưa.

-À – Pruđăng vừa nói lớn vừa nhìn lên một cái bệ, và cầm đưa ra một cái tượng nhỏ – tôi không biết cậu nhỏ này ở đâu ra!

-Cậu nhỏ nào?

-Một chú chăn chiên nhỏ, cầm một cái lồng với một con chim.

-Hãy lấy đi, nếu chị thích.

-À, nhưng tôi sợ làm mất sự thích thú của cô.

-Tôi muốn cho chị hầu phòng của tôi. Tôi thấy không đẹp chút nào cả. Nhưng nếu chị thích chị cứ lấy đi.

Pruđăng nghĩ đến món quà, chứ không phải cách người ta tặng. Chị lấy bức tượng để riêng một bên và dẫn tôi đến phòng trang sức, nơi đó chị chỉ cho tôi hai bức tiểu hoạ và nói

-Đó là bá tước G… rất say mê Macgơrit. Chính ông đã đem lại danh vọng cho cô ta. Anh có biết ông ta không?

-Không, và ông này? – tôi vừa hỏi vừa nhìn bức tiểu hoạ thứ hai.

-Đó là công tước L… Ông ta buộc phải ra đi.

-Tại sao?

-Bởi vì ông ta đã gần như phá sản. Đó là một người rất yêu Macgơrit.

-Và chắc hẳn nàng cũng yêu ông ra lắm?

-Thật là một cô gái lạ đời. Người ta không bao giờ biết rõ cô ta muốn gì. Buổi chiều khi ông ta đi cô ta vẫn ở rạp hát như thường lệ, tuy nhiên cô đã khóc nhiều, lúc đưa tiễn

Ngay lúc đó, Nanin xuất hiện báo cho biết bữa ăn tối đã dọn rồi.

Khi chúng tôi vào phòng ăn, Macgơrit đang đứng tựa vào vách và Gatông cầm tay nàng thì thầm nói chuyện.

-Anh điên rồi – Macgơrit trả lời- Anh biết rõ tôi không thích anh. Không phải sau hai năm người ta biết một người đàn bà như tôi, rồi người ta đòi hỏi được làm tình nhân. Chúng tôi thì, hoặc nhận lời tức khắc, hoặc chẳng bao giờ. Thôi mời các ông ngồi lại bàn.

Rời tay Gatông, Macgơrit mời anh ta ngồi bên phải và tôi ngồi bên trái, rồi nàng bảo Nanin: -Trước khi ngồi chị hãy bảo nhà bếp, có ai gọi chuông cũng đừng mở cửa đấy.

Lời căn dặn này đã đưa ra lúc một giờ sáng.

Chúng tôi cười, chúng tôi uống, chúng tôi ăn rất nhiều trong bữa tối nay. Trong chốc lát sự vui nhộn đã xuống đến mức giới hạn thấp nhất của nó. Và những lời nói, vốn được một giới hạn nào đó cho là thích thú nhưng làm hoen ố những cái miệng đã phát ra, thỉnh thoảng lại bị bật ra, trước sự tán thưởng của Nanin, Pruđăng và Macgơrit. Gatông đã vui đùa thẳng thắn. Đó là một thanh niên có tâm hồn, nhưng trí óc đã bị sai lạc ở mức nào đó, do những tập quán buổi đầu.

Có một lúc tôi muốn giải buồn, làm cho tâm hồn tôi và tư tưởng tôi dửng dưng trước cảnh tượng đang diễn ra trước mắt và nhận phần trong niềm vui đùa ấy, giống như nhận một món ăn. Nhưng lần lần, tôi tách khỏi sự ồn ào đó. Ly tôi vẫn cứ đầy, và tôi gần như sầu não nhìn thấy người con gái hai mười tuổi xinh

tươi ấy ăn uống nói năng không khác một phu khuân vác, và cười rộ lên càng lớn trước những lời nói càng xằng bậy tục tĩu.

Tuy nhiên, cách nói năng, ăn uống ấy, đối với những người khác là hậu quả của sự sa đoạ, của tập quán, hay của sức mạnh; còn ở Macgơrit, hình như lại là một nhu cầu để quên lãng một cơn sốt, một cơn căng thẳng thần kinh. Mỗi ly rượu sâm banh làm má nàng đỏ lên như sốt và một cơn ho, nhè nhẹ lúc bắt đầu bữa ăn, đã trở thành nặng nề, kéo dài, và khá dữ dội để bắt nàng phải ngả đầu trên ghế và lấy tay ôm ngực mỗi khi phải ho lên.

Tôi đau cái đau đớn đã gây nên cho cơ thể mảnh mai đó, bởi những sự bừa bãi, quá độ hàng ngày.

Cuối cùng một sự việc mà tôi đã tiên đoán và lo lắng đã xảy ra. Vào cuối bữa ăn. Macgơrit bị một cơn ho dữ dội hơn tất cả những cơn từ khi tôi bước vào căn nhà này. Hình như ngực nàng bị xé ở bên trong. Cô gái đáng thương hại đó, mặt đỏ rần, nhắm mắt lại vì đau đớn và đưa khăn lên môi thấm một vết máu hoen đỏ. Thế rồi, nàng đứng dậy và chạy sang phòng trang sức.

-Cái gì thế, Macgơrit? – Gatông hỏi.

-Cô ta cười nhiều quá, và khạc ra máu – Pruđăng nói – Ồ! Không sao cả, điều đó thường xảy ra hàng ngày. Cô ta sẽ trở lại. Hãy để cho cô ta một mình thôi. Cô ta thích như thế đấy.

Còn tôi, tôi không thể ngồi đó. Trước sự ngạc nhiên của Pruđăng và Nanin đang gọi tôi, tôi chạy theo Macgơrit.

§10

Phòng nàng chỉ được chiếu sáng bởi một ngọn nến độc nhất trên bàn. Ngả người trên chiếc ghế dài lớn, áo nhăn nhúm, nàng để một tay trên tim và tay kia buông thõng xuống. Trên bàn, đặt một cái thau nhỏ bằng bạc, đựng nửa thau nước, trong nước loáng thoáng những sợi máu nhỏ.

Macgơrit mặt xanh xao, miệng nửa mở, cố gắng lấy lại hơi sức. Thỉnh thoảng, ngực nàng căng lên, thở một hơi dài, hình như nhờ thế nàng đỡ hơn được chút xíu và trong giây phút có được cảm giác dễ chịu.

Tôi đến gần nàng, nàng không một cử động. Tôi ngồi xuống và cầm lấy bàn tay nàng đang để trên ghế dài: -À! Anh đó à? – nàng nói với tôi và mỉm cười.

Hình như tôi có vẻ hơi lo lắng, bởi vì nàng nói: -Anh cũng thấy đau hay sao?

-Không, nhưng cô còn đau lắm không?

-Rất ít – và nàng lấy chiếc khăn nhỏ lau những giọt nước mắt, mà cơn ho đã lùa lên đôi mắt- Giờ đây, tôi đã quen lắm rồi.

-Nhưng cô tự giết cô – tôi nói với một giọng xúc động – Tôi muốn làm bạn thân của cô, để ngăn cản không để cho cô phải tự làm khổ thân mình như thế.

-À! Điều đó, thật ra anh không phải bận tâm lo lắng – nàng đáp lại với giọng hơi chua chát – Anh hiểu, nếu những kẻ khác chăm sóc cho tôi, chính là vì họ biết rõ, không còn cách gì để chữa bệnh này được cả.

Một lát sau, cô đứng dậy, cầm ngọn nến đặt lên lò sưởi và đến soi mình trong tấm gương lớn.

-Tôi xanh xao quá – nàng vừa nói vừa sửa áo lại và đưa tay vuốt những sợi tóc rối – À thôi! Chúng ta hãy trở lại bàn ăn. Anh đi chứ?

Nhưng tôi vẫn ngồi, không cử động

Cô ta hiểu nỗi xúc động mà cảnh tượng vừa qua đã gây cho tôi, bởi vì cô tiến đến gần tôi, đưa bàn tay cho tôi và nói: -Xem kìa, anh đi đi chứ?

Tôi cầm lấy tay cô, đưa bàn tay lên môi hôn. Ngoài ý muốn, hai giọt lệ ngưng đọng trong mắt tôi đã rơi xuống.

-Ô kìa! Anh trẻ con thế! – Cô vừa nói, vừa ngồi xuống bên tôi – Anh lại khóc, vì sao thế?

-Tôi có vẻ ngờ nghệch, nhưng điều tôi vừa trông thấy đã làm tôi đau đớn quá.

-Anh thật tốt bụng! Anh muốn gì? Tôi không thể ngủ được. Tôi phải tìm cách giải khuây một ít. Vả chăng, những người con gái như tôi, thêm hay bớt một người, có hế gì? Các thầy thuốc bảo tôi, máu tôi khạc ra từ khí quản. Tôi có vẻ hơi tin. Đó là tất cả nhưng gì tôi có thể giúp các ông ấy.

-Hãy nghe đây, Macgơrit – tôi nói với một nhiệt tình không thể giấu được – Tôi không biết ảnh hưởng của cô đối với đời tôi sẽ như thế nào. Nhưng tôi biết

rằng, không có một người nào, ngay cả em gái tôi, được tôi chăm sóc như cô. Điều đó hẳn được bắt đầu khi tôi gặp cô. Vậy, nhân danh thượng đế, cô hãy chăm sóc cô, và không nên sống như cô đã sống.

-Nếu tôi tự chăm sóc tôi, tôi sẽ chết mất. Điều giúp tôi đứng vững, chính là cuộc đời náo động tôi đang sống. Thênm nữa, tự chăm sóc mình, điều đó rất cần cho những người đàn bà sang trọng, có gia đình và bạn hữu. Còn như chúng tôi, khi chúng tôi không còn ích gì cho sự hào nhoáng hay vui thú của những tình nhân chúng tôi, thì họ bỏ chúng tôi. Và những đêm dài nối tiếp những ngày dài. Tôi biết rõ như thế, tôi có lúc nằm trên giường bệnh hai tháng, và sau tuần thứ ba không còn người nào đến thăm tôi nữa.

-Quả thật tôi không là gì cả đối với cô – tôi nói – Nhưng nếu cô bằng lòng, tôi sẽ chăm sóc cô như một người anh. Tôi sẽ không rời bỏ cô, và tôi sẽ giúp cô lành bệnh. Thế rồi, khi lấy lại sức khoẻ, cô sẽ trở lại cuộc đời cô đã sống, nếu cô muốn. Nhưng tôi chắc chắn cô sẽ thích một cuộc đời êm đềm, nó sẽ giúp cô sung sướng hơn và giữ cô xinh đẹp lâu dài.

-Bây giờ anh nghĩ như thế, bởi vì anh vừa uống rượu đấy. Nhưng anh sẽ không có sự kiên nhẫn như anh vừa nói đó đâu.

-Cho phép tôi được nói với cô, Macgơrit, cô đã ốm suốt hai tháng, và trong hai tháng đó, tôi đã đến ngày một, để được biết tin tức về cô.

-Đúng vậy, nhưng tại sao anh không lên nhà?

-Bởi vì tôi chưa được biết cô.

-Người ta cần giữ ý như thế với một người con gái như tôi không?

-Người ta luôn giữ ý đối với mỗi người đàn bà. Ít ra, đó là ý kiến của tôi.

-Thế thì anh sẽ chăm sóc tôi?

-Vâng.

-Anh sẽ ở bên tôi suốt ngày?

-Bất kỳ lúc nào, nếu điều đó không làm phiền lòng cô.

-Anh gọi tên thái độ ấy là gì?

-Sự tận tuỵ.

-Và sự tận tuỵ đó từ đâu đến?

-Từ một sự thông cảm không thể cưỡng lại của tôi đối với cô.

-Thế nghĩa là anh yêu tôi? Nói ngày đi, có phải đơn giản hơn không?

-Có thể là thế? Nhưng nếu như có một ngày tôi phải nói điều đó, thì ngày đó không phải là ngày hôm nay.

-Tốt hơn, đừng bao giờ anh nói điều đó với tôi cả.

-Tại sao vậy?

-Bởi vì điều đó chỉ có thể đưa đến hai hậu quả.

-Như thế nào?

-Hoặc tôi không chấp nhận, thế là anh sẽ giận tôi: hoặc tôi chấp nhận, thế là anh sẽ có một tình nhân đáng buồn. Một người đàn bà cau có, bệnh hoạn, buồn tẻ, hay vui một nỗi vui còn đáng buồn hơn cả sự ưu phiền. Một người đàn bà ho ra máu, và tiêu phí một trăm nghìn frăng mỗi năm. Người đó rất tốt đối với một ông già rất giàu như ông quận công. Nhưng rất phiền chán đối với một chàng trai trẻ như anh. Và bằng chứng là tất cả những tình nhân trẻ của tôi ngày xưa đều đã rời bỏ tôi rất nhanh chóng.

Tôi không trả lời gì cả, chỉ lắng nghe. Sự thành thật đó gần như là một lời thú tội. Cuộc đời đau đớn ấy, tôi hé thấy dưới màn sáng đang chói rạng đang che phủ, và người con gái khốn khổ đó đã chạy trốn thực tại trong sự sa đoạ, say sưa và mất ngủ. Tất cả những điều đó xúc động tôi đặc biệt, đến nỗi tôi không tìm ra được lời nào để nói.

-À thôi – Macgơrit nói tiếp – chúng ta đã nói những chuyện trẻ con qúa. Đưa tay cho tôi, và chúng ta trở vào phòng ăn. Người ta không nên biết sự vắng mặt của chúng ta mang ý nghĩa gì.

-Vào đi, nếu cô muốn. Nhưng xin lỗi cô, cho phép tôi được ngồi lại đây.

-Tại sao?

-Bởi vì sự vui đùa của cô làm tôi đau xót quá.

-Thế tôi sẽ buồn bã.

-Nghe đây, Macgơrit, hãy cho tôi nói với cô một điều mà hẳn nhiều người đã thường nói với cô rồi. Và do đó, thói quen để nghe nó có thể cản trở niềm tin nơi cô. Nhưng không vì thế mà kém thiết thực. Và tôi xin sẽ không bao giờ lặp lại với cô nữa.

-Đó là… – nàng nói với một nụ cười không khác gì những bà mẹ đang lắng nghe một sự rồ dại của con cái mình.

-Đó là, từ khi tôi trông thấy cô, tôi không thể hiểu thế nào và tại sao, nhưng cô đã chiếm một chỗ trong cuộc đời tôi. Tôi đã xua đuổi một cách vô ích hình ảnh cô trong tư tưởng tôi. Hình ảnh đó cứ trở lại mãi. Chính hôm nay, khi tôi gặp lại cô sau hai năm xa cách, cô đã đi một bước càng sâu hơn vào tâm trí tôi. Cuối cùng giờ đây cô tiếp tôi, tôi được biết cô. Tôi biết tất cả những gì khác thường nơi cô. Cô trở nên cần thiết đối với tôi; và tôi sẽ điên mất, không phải chỉ vì cô không yêu thương tôi, mà ngày cả khi nếu cô không để cho tôi được phép yêu thương cô.

-Nhưng đáng buồn cho anh, tôi sẽ nói cho anh biết điều mà bà Đ… đã nói. Vậy chắc anh giàu lắm. Anh phải biết, tôi tiêu sáu, bảy ngàn frăn mỗi tháng. Sự tiêu phí đó đã trở thành cần thiết đối với đời tôi. Anh không hiểu nổi, anh bạn đáng thương của tôi. Tôi sẽ làm phá sản anh không mấy chốc; và gia đình anh sẽ cấm không cho anh sống bên cạnh một con người như tôi. Anh hãy yêu thương tôi như một người bạn và không thể khác hơn. Anh hãy đến thăm tôi. Chúng ta sẽ

cười đuà, chúng ta sẽ nói chuyện với nhau. Nhưng anh không nên phóng đại giá trị của tôi. Bởi vì thật ra, tôi không đáng giá là bao. Anh có một tấm lòng vàng. Anh cần được thương yêu. Anh còn trẻ lắm, và quá đa cảm để sống trong thế giới của chúng tôi. Anh hãy cưới một người vợ. Anh thấy chứ. Tôi là người con gái lương thiện, và tôi nói với anh rất thành thật.

-Ối chào! Các bạn nói gì đó? – Prudăng la to. Chúng tôi không nghe tiếng bước chân chị đến và chị hiện ra ở cửa phòng với mái tóc búng rối và áo hở rộng cổ. Tôi biết sự lôi thôi đó là do bàn tay của Gatông.

-Chúng tôi nói lý lẽ với nhau, – Macgơrit nói – chị hãy để chúng tôi ở đây một lát. Chúng tôi sẽ đến gặp chị chốc nữa.

-Được, được. Cô cậu cứ nói chuyện đi! – Prudăng vừa nói vừa bước ra và đóng mạnh cửa phong như để nhấn mạnh những lời nói sau cùng của mình.

-Thế nhé – Macgơrit nói tiếp, khi chúng tôi còn lại một mình – Anh đừng yêu tôi nữa.

-Tôi sẽ đi.

-Đến nước đó sao?

Tôi đã tiến quá sâu để có thể lui lại. Vả chăng, người con gái ấy đã làm tôi nhức đầu. Sự lẫn lộn vui buồn, trinh trắng, sa đoạ; ngay cả cái bệnh đang phát triển nơi nàng, tính mẫn cảm cũng như tính dễ kích động nơi nàng, tất cả làm cho tôi hiểu, nếu ngay từ đầu, tôi không chinh phục được bản chất hay quên và nhẹ dạ của nàng, nàng sẽ vụt khỏi tay tôi mãi mãi.

-Xem nào! Anh nói nghiêm chỉnh đấy chứ!

-Rất nghiêm túc.

-Nhưng tại sao anh không nói điều đó với tôi sớm hơn?

-Tôi có thể nói vào lúc nào được?

-Ngày ngày hôm sau, khi anh đã được giới thiệu với tôi tại nhà hát Ôpêra Cômic.

-Tôi nghĩ rằng cô sẽ tiếp tôi một cách khó chịu nếu tôi đến thăm cô.

-Tại sao?

-Bởi vì tối hôm ấy tôi có vẻ ngờ nghệch quá.

-Điều đó đúng đấy. Nhưng tuy thế, anh đã yêu tôi ngay từ ngày ấy?

-Vâng.

-Điều đó chắc không ngăn cấm anh đi nghỉ và ngủ ngon, yên ổn sau một đêm hát. Chúng tôi hiểu những tình yêu lớn lao đó la như thế nào rồi.

-Thế đấy. Chính là điều cô lầm. Cô có biết chiều hôm ấy, từ rạp Ôpêra Cômic ra, tôi làm gì không?

-Không.

-Tôi đã đợi cô ở hiệu cà phê Ănglê. Tôi theo dõi chiếc xe đưa cô và ba người bạn của cô về. Khi thấy cô một mình xuống xe và đi vào nhà, tôi rất sung sướng.

Macgơrit bỗng cười lên.

-Cô cười gì thế?

-Không gì cả.

-Cô cho tôi biết đi, tôi van cô. Nếu không, tôi nghĩ cô đã chế nhạo tôi.

-Anh không giận chứ?

-Tôi có quyền gì để nóng giận.

-Thế nghĩa là có lý do để tôi trở về nhà một mình.

-Lý do gì?

-Người ta đợi tôi ở nhà.

Cô cho tôi một nhát dao cũng không làm tôi đau đớn đến thế. Tôi đứng dậy, đưa tay chào: -Xin từ biệt – tôi nói.

-Tôi biết rõ anh giận tôi rồi – cô nói – Nhưng người đàn ông vẫn thường điên rồ để muốn biết những cái làm cho họ thêm mệt trí.

-Nhưng tôi đoán chắc – tôi nói tiếp với một giọng lạnh lùng, để chứng tỏ tôi thoát hẳn khỏi sự đam mê của mình – tôi quả quyết với cô, tôi không nổi giận vì có người đợi cô. Đó là việc rất tự nhiên. Cũng như rất tự nhiên tôi bỏ đi lúc ba giờ sáng.

-Vậy cũng có người đang đợi anh ở nhà?

-Không, nhưng tôi phải đi.

-Thế thì xin từ biệt.

-Cô đuổi tôi?

-Không phải thế!

-Tại sao cô làm cho tôi khổ?

-Tôi làm cho anh khổ ở chỗ nào?

-Cô bảo có người đợi cô.

-Tôi không thể nhịn được cười, khi nghĩ anh đã rất sung sướng khi thấy tôi về một mình. Vì người ta có nhiều lý do lắm.

-Người ta thường tạo nên niềm vui từ một trò trẻ con. Phá huỷ niềm vui đó, thật là tàn ác. Vì để nó tồn tại, người ta có thể làm cho kẻ tìm ra niềm vui đó được sung sướng hơn.

-Nhưng anh nghĩ anh đang nói chuyện với ai? Tôi không phải là một cô gái đồng trinh, cũng không phải là bà quận chúa. Tôi chỉ biết anh hôm nay và không nợ nần gì anh về những hành động của tôi. Cho rằng một ngày kia, tôi sẽ trở thành tình nhân của anh, thì anh cũng cần biết, tôi còn có những tình nhân khác nữa. Nếu anh đã làm phiền tôi vì những chuyện ghen tị của anh giờ đây, thì sau này, trò ghen tị đó sẽ ra sao nữa! Tôi chưa hề thấy một người đàn ông nào như anh.

-Bởi vì chưa một người đàn ông nào yêu cô như tôi yêu cô.

-Xem này, nói thẳng đi, anh có thật sự yêu tôi nhiều đến thế không?

-Với tất cả khả năng người ta có thể yêu được. Tôi tin thế.

-Và điều đó có từ bao giờ rồi.

-Từ ngày tôi trông thấy cô bước xuống xe, đi vào Xuyt, cách đây ba năm.

-Anh có biết rằng đó là một điều rất cao quý không? Vậy tôi phải làm gì để đến đáp tình yêu lớn lao ấy?

-Cô phải yêu tôi một ít – Tôi nói với nhịp tim đập mạnh, như muốn ngăn chặn lời tôi. Bởi vì mặc dầu có những nụ cười như có ý nhạo báng mà nàng giữ trong suốt buổi nói chuyện, hình như Macgơrit đã bắt đầu chia xẻ sự xúc động của tôi. Và tôi dần dần đi đến cái phút mà tôi chờ đợi từ lâu.

-Nhưng còn ông quận công?

-Ông quận công nào?

-Ông già ghen tuông của tôi.

-Ông ấy sẽ không biết gì cả!

-Nhưng nếu ông ta biết?

-Ông sẽ tha thứ cho cô.

-Ồ không! Ông sẽ bỏ rơi tôi và tôi sẽ như thế nào?

-Cô có thể hy sinh sự từ bỏ ấy cho một người khác.

-Tại sao anh biết được?

-Bởi vì cô đã dặn đừng để ai vào nhà đêm nay.

-Đúng vậy, nhưng người đó là một người bạn đàng hoàng.

-Nhưng cô chẳng để ý gì lắm đâu. Bởi vì cô đã cấm ông đến nhà giờ này.

-Anh không thể là người chỉ trích tôi điều đó. Bởi vì chính để tiếp các anh, anh, và bạn của anh, mà tôi làm như vậy.

Dần dần, tôi tiến gần Macgơrit, đưa tay choàng lấy người nàng, và tôi cảm thấy thân hình mềm mại của nàng dựa nặng vào tôi.

-Nếu cô biết tôi yêu cô chừng nào! – Tôi nói nho nhỏ bên tai nàng.

-Đúng thật vậy?

-Tôi xin thề.

-Anh có thể hứa với tôi rằng anh sẽ làm tất cả theo ý muốn của tôi mà không cần nói một lời, không cần cho tôi những chỉ dẫn, không cần chất vấn tôi gì cả? Như thế có thể tôi sẽ yêu anh.

-Tôi sẽ làm tất cả những gì cô muốn.

-Nhưng tôi nói cho anh biết trước, tôi muốn sống tự do và làm tất cả những gì tôi thích; không phải cho anh biết bất cứ một chi tiết nhỏ nào của cuộc đời tôi. Đã lâu rồi, tôi đi tìm một nhân tình trẻ, không nghị lực, yêu mà không nghi kỵ, được yêu nhưng không có quyền gì. Tôi chưa bao giờ tìm được người như thế. Những người đàn ông đáng lẽ phải thoả mãn khi được người ta cho họ nhiều điều mà có lẽ họ chỉ dám ao ước có được một lần, đã đòi hỏi những tình nhân họ phải cho họ biết về hiện tại, về quá khứ và ngày cả về tương lai nữa. Những người đàn

ông đó, càng trở nên quen thuộc, lại càng muốn ngự trị và trở thành khó tính, muốn người ta cho họ tất cả những gì họ muốn. Nếu giờ đây tôi quyết định có một tình nhân mới, tôi muốn người đó phải có ba đặc tính hiếm có này; anh ta phải tin tưởng, phải biết chiều chuộng, phải kín đáo.

-Được lắm, tôi sẽ làm tất cả những gì cô muốn.

-Chúng ta sẽ xem.

-Và khi nào chúng ta sẽ xem?

-Sau này.

-Tại sao.

-Bởi vì – Macgơrit vừa nói vừa gỡ cánh tay tôi ra, cầm một bó hoa trà đỏ lớn cô đã đem về từ sáng, lấy một bông hoa trà cắm lên nút áo tôi, và nói – bởi vì người ta không bao giờ có thể thực hiện những giao ước ngay ngày người ta ký.

Điều này thì dễ hiểu thôi.

-Khi nào tôi sẽ gặp lại cô? – Vừa nói tôi vừa ôm chặt nàng trong hai cánh tay.

-Khi nào cánh hoa trà này đổi sắc.

-Lúc nào nó sẽ đổi sắc?

-Ngày mai, từ 11 giờ đến nửa đêm. Anh bằng lòng chứ?

-Cô còn hỏi tôi điều đó ư?

-Không một lời nào về chuyện này với bạn của anh, hay với Pruđăng hoặc bất cứ người nào khác.

-Tôi xin hứa với cô.

-Giờ đây, hãy hôn tôi đi và chúng ta sẽ trở vào phòng ăn.

-Cô ta đưa môi cho tôi hôn, vuốt lại mái tóc. Và chúng tôi bước ra khỏi phòng, cô vừa đi vừa hát. Tôi như điên dại nửa người.

Vào phòng khách, nàng dừng lại nói nhỏ với tôi: -Vừa rồi chắc anh ngạc nhiên khi thấy tôi sẵn sàng nhận lời anh ngay tức khắc. Anh có biết như thế là vì sao không?

Nàng cầm lấy tay tôi và đặt lên tim nàng, nơi tôi nghe những tiếng đập liên hồi, rồi nói tiếp: -Là vì cuộc sống của tôi ngắn ngủi hơn những kẻ khác, nên tôi tự hứa sẽ sống vội vàng hơn.

-Đừng nói với tôi như thế, tôi năn nỉ cô.

-Ồ! Anh hãy tự an ủi – nàng vừa tiếp vừa cười – nếu tôi còn sống một thời gian nữa, tôi sẽ sống lâu hơn là yêu tôi.

Và bước vào phòng ăn, nàng vừa đi vừa hát.

-Nanin đâu rồi? – Nàng nói khi chỉ nhìn thấy có Gatông và Pruđăng.

-Nanin ngủ trong phòng cô, đang đợi cô vào ngủ đó – Pruđăng trả lời.

-Con bé tội nghiệp! Tôi giết chết nó mất! Thôi, giờ đây xin mời các ông về, đã đến giờ rồi.

Mười phút sau Gatông và tôi ra về. Macgơrit siết chặt tay tôi, chào tạm biệt. Chỉ còn lại một mình Prưđăng

-À này – Gatông hỏi khi chúng tôi đã ra ngoài – anh nghĩ gì về Macgơrit?

-Đúng là một thiên thần. Tôi điên lên vì nàng.

-Tôi nghi ngờ điều đó. Anh có nói điều đó cho nàng nghe chứ?

-Có.

-Và nàng có hứa là tin lời anh không?

-Không.

-Không giống như Prưđăng.

-Cô ả có hứa với anh?

-Nàng còn đi xa hơn, anh bạn ạ! Người ta sẽ không thể tin được, nhưng quả thật nàng vẫn còn đáng giá lắm, Nàng Đuvecnoa to lớn ấy!

§11

Đến chặng này của câu chuyện Acmân dừng lại.

-Anh có thể đóng dùm cửa sổ? – Anh nói với tôi, – Tôi bắt đầu thấy lạnh. Trong thời gian ấy tôi sẽ đi nằm.

Tôi đóng cửa sổ lại. Acmân còn rất yếu. Anh cởi chiếc áo ngủ ra, nằm lên giường, dựa đầu lên gối trong chốc lát, như một người mệt mỏi vì chuyến đi dài ngày, hoặc bị xúc động bởi những kỷ niệm nặng nề.

-Có lẽ anh nói nhiều quá – tôi bảo anh ta – anh có muốn tôi đi về để cho anh ngủ không? Anh sẽ kể tiếp đoạn cuối câu chuyện vào ngày khác.

-Câu chuyện ấy có làm cho anh chán không?

-Không, trái lại.

-Thế thì tôi kể tiếp. Nếu anh để tôi ở lại một mình, tôi sẽ không ngủ được.

"Khi tôi trở về nhà – anh kể tiếp – không cần phải nghĩ ngợi, tất cả những chi tiết đó vẫn hiện ra trong tư tưởng tôi. Tôi không đi nằm được. Tôi bắt đầu suy nghĩ về những gì đã xảy ra trong suốt ngày hôm nay. Sự gặp gỡ, sự giới thiệu, sự cam kết của Macgơrit đối với tôi. Tất cả đều diễn ra rất nhanh, rất bất ngờ, nên có những giây phút, tôi tưởng như tôi đang nằm mộng. Tuy nhiên, đó không phải là lần đầu tiên một người con gái như Macgơrit hứa hẹn với một người đàn ông như thế: đồng ý chấp nhận ngay ngày hôm sau, điều mà ngày hôm trước người ta yêu cầu.

Tôi đã suy nghĩ điều đó một cách vô ích. Ấn tượng đầu tiên mà người tình tương lai gây ra cho tôi thật quá mạnh, đến nỗi nó tồn tại mãi. Tôi vẫn cứng đầu không chịu nhìn thấy nơi nàng một người con gái giống như những người con gái khác. Với tính kheo khoang rất phổ biến ở những người đàn ông, tôi sẵn sàng tin nàng không thể nào cưỡng lại để không chia sẻ với tôi sẽ hấp dẫn mà tôi đã có với nàng.

Tuy nhiên, tôi có ngay trước mắt những ví dụ rất trái ngược. Tôi thường nghe người ta bảo tình yêu của Macgơrit trở thành như một món hàng mà giá cả lên xuống tuỳ theo mùa.

Nhưng mặt khác, làm thế nào mà hoà hợp cái dư luận đó với sự từ chối liên tục của nàng đối với ông bá tước trẻ mà chúng tôi đã gặp tại nhà nàng? Bạn sẽ bảo tôi, ông này làm cho nàng chán ngấy và nàng được ông quận công chu cấp một cách đầy đủ rồi? Nếu cần đến một tình nhân, nàng phải chọn cho được một người đàn ông nàng thích. Thế tại sao nàng không chấp nhận Gatông, một người đẹp trai, thông minh giàu có mà lại chấp nhận tôi, người mà nàng thấy là rất ngờ nghệch ngay từ ban đầu tiếp xúc với tôi?

Vẫn biết tình cờ có trong một phút đáng giá hơn sự chạy theo suốt một năm dài.

Đối với tất cả những người dự bữa tối hôm đó, tôi là người độc nhất cảm thấy lo lắng, khi nàng rời bàn ăn. Tôi đã đi theo nàng. Tôi đã xúc động đến nỗi không che giấu được. Tôi đã khóc khi hôn tay nàng. Trường hợp đó, cộng với sự thăm viếng của tôi hàng ngày trong suốt hai tháng trời nàng đau ốm, có thể cho nàng thấy nơi tôi một người đàn ông khác hẳn những người đàn ông trước đây nàng đã gặp. Và có thể nàng đã tự nhủ rằng nàng nên làm điều đó với một tình yêu được biểu lộ như thế, như nàng đã làm điều đó biết bao nhiêu lần rồi, và nó chẳng có tác dụng gì với nàng nữa cả.

Tất cả những giả thiết đó, như bạn đã thấy, rất gần sự thật. Nhưng dù lý do sự bằng lòng của nàng là thế nào đi nữa, vẫn có một điều chắc chắn, đó là nàng đã bằng lòng.

Ôi, tôi đã say mê Macgơrit. Tôi sắp được nàng. Tôi không thể đòi hỏi nơi nàng gì hơn nữa. Tuy nhiên, tôi lặp lại, dù nàng chỉ là kỹ nữ, tôi đã thi vị hoá nàng quá nhiều, đã xây dựng tình yêu đó thành một thứ tình yêu tuyệt vọng, cho nên đến gần giây phút mà tôi không cần phải hy vọng nữa, tôi lại đâm ra nghi ngờ.

Suốt đêm tôi không ngủ được.

Tôi không nhận ra tôi. Tôi như điên dại nửa người. Khi thì, tôi thấy tôi không phải đẹp lắm, không phải giàu lắm, cũng không đủ sang trọng để có được người đàn bà như thế. Khi thì, tôi thấy tôi đầy kiêu ngạo về ý tưởng của sự chiếm hữu đó. Rồi tôi bắt đầu sợ thái độ của Macgơrit đối với tôi chỉ là một bất thường trong vài ba ngày và cảm nhận trước nỗi thống khổ có thể gây ra trong sự đổ vỡ bỗng chốc. Tôi tự nhủ, tốt hơn là tối đó, tôi không nên đến nhà nàng và nên đi đâu đó, rồi để thư lại cho nàng biết những lo sợ của tôi. Từ đó, tôi lại đi đến những hy vọng không cùng, đến một sự tin tưởng không bờ bến. Tôi tạo ra những giấc mơ tương lai không tưởng tượng được. Tôi tự nhủ, người con gái nhờ tôi sẽ lành bệnh về thể xác cũng như về tinh thần. Tôi sẽ suốt đời sống với nàng và tình yêu của nàng sẽ làm tôi sung sướng hơn cả tình yêu của những nữ đồng trinh.

Cuối cùng, tôi không thể lặp lại cho bạn biết hàng nghìn ý nghĩ, từ tim tôi đã dâng lên đầu tôi, và dần dần đã tắt theo giấc ngủ đến xâm chiếm tôi lúc trời bắt đầu sáng.

Khi tôi thức dậy, đã hai giờ rồi. Thời tiết thật huy hoàng. Tôi không còn nhớ, cuộc đời đối với tôi đã có bao giờ tươi đẹp đến thế, đầy đủ đến như thế. Những kỷ niệm đêm trước hiện ra trong tâm trí tôi, không bóng mờ, không chướng ngại, và được tưng bừng chào đón bởi những hy vọng về buổi tối đến. Tôi sửa soạn một cách vội vàng. Tôi thoả mãn và sẵn sàng làm những hành động tốt. Thỉnh

thoảng tim tôi lại nhảy lên vì vui mừng và tình yêu căng lên trong lồng ngực tôi. Một cơn sốt dịu dàng xâm chiếm lấy tôi. Tôi không bâng khuâng gì nữa vì những lý do làm tôi bận rộn trước khi ngủ. Tôi chỉ thấy kết quả. Tôi chỉ nghĩ đến giờ phút mà tôi gặp lại Macgơrit.

Tôi không thể nào ở nhà được. Căn phòng hình như quá hẹp để chứa đựng hạnh phúc của tôi. Tôi cần cả thiên nhiên trọn vẹn để có thể tâm tư tình tự.

Tôi ra đi.

Tôi đi qua đường Antin. Chiếc xe ngựa của Macgơrit đang đợi trước cửa nhà nàng. Tôi đi về phía Xăng Êlidê. Tôi yêu thương tất cả, ngay đến những người không quen biết mà tôi gặp trên đường.

Tình yêu thật là thánh thiện!

Sau một giờ, tôi đi từ Macli đến ngã tư, rồi từ ngã tư đến Macli, tôi thấy chiếc xe của Macgơrit từ xa. Tôi không nhận ra được như tôi đoán.

Lúc đi vòng qua quảng trường Xăng Êlidê, cô dừng lại. Một thanh niên to lớn tách ra từ một nhóm đông anh đang trò chuyện, tới nói chuyện với nàng.

Họ nói chuyện trong giây lát. Người thanh niên trở lại với nhóm bạn của mình. Mấy con ngựa lại đi. Và tôi lại gần nhóm người đó. Tôi nhận ra, người vừa nói chuyện với Macgơrit là bá tước G… mà tôi đã thấy chân dung và Pruđăng đã cho tôi biết. Đó là người đã giúp đỡ Macgơrit có được địa vị như ngày nay.

Chính ông là người đêm qua nàng đã cấm không cho vào nhà. Tôi giả thiết là nàng đã dừng xe lại, để cho ông ta biết lý do về sự ngăn cấm ấy. Và đồng thời, tôi cũng hy vọng rằng nàng đã tìm một duyên cớ nào đó để khỏi tiếp chuyện với ông ta đêm sau.

Phần còn lại ngày hôm ấy đã trôi qua như thế nào tôi không nhớ. Tôi đi từng bước, tôi hút thuốc, tôi nói chuyện. Nhưng đã nói gì, tôi đã gặp ai, tính cho đến mãi mười giờ đêm, tôi không còn giữ một kỷ niệm nào cả.

Tất cả điều tôi nhớ lại là tôi về nhà, đã tiêu phí ba giờ để sửa soạn phục sức. Tôi đã nhìn một trăm lần cái đồng hồ treo và cái đồng hồ đeo tay. Nhưng khốn nạn, cả hai luôn luôn chạy đều chạy như nhau, đều chỉ giờ phút như nhau, để chỉ cùng một giờ như nhau. Khi nghe tiếng chuông đổ mười giờ rưỡi, tôi tự nhủ đã đến giờ ra đi.

Vào thời gian đó, tôi ở đường Prôvân. Tôi đi theo đường Mông Blân, xuyên qua đại lộ, đến đường Luy Grân, đến đường Po, Mahông, rồi đến đường Antin.

Tôi nhìn lên cửa sổ nhà Macgơrit.

Thấy có ánh đèn, tôi gọi chuông.

Tôi hỏi người gác: "Có cô Giôchiê ở nhà không?"

Anh ta trả lời: "Cô ấy không bao giờ về nhà trước mười một giờ hay mười một giờ mười lăm."

Tôi nhìn đồng hồ đeo tay.

Tôi nghĩ tôi đã đi rất chậm rãi. Nhưng thật ra tôi chỉ mất năm phút để từ đường Prôvân đến nhà Macgơrit.

Thế là, tôi đi dạo trên một đường phố không quán xá và quạnh hiu trong giờ này.

Độ nửa giờ sau Macgơrit trở về. Nàng bước xuống xe và nhìn quanh. Hình như nàng có ý tìm ai.

Chiếc xe chậm rãi quay đi. Chuồng ngựa và nơi để xe đặt ở nơi khác. Trong lúc Macgơrit sắp gọi chuông tôi đến gần nàng và nói: -Xin chào!

-A! Chào anh? – Nàng nói một giọng hơi ngờ ngợ về nỗi vui mừng đã gặp tôi ở đó.

-Cô chẳng đã cho phép tôi gặp cô hôm nay sao?

-Đúng vậy, tôi đã quên điều đó.

Lời nói đó làm đảo lộn tất cả những ý nghĩ của tôi buổi sáng, tất cả những hy vọng của tôi suốt ngày. Tuy nhiên, tôi bắt đầu tập làm quen với những cách đối xử đó. Và tôi không bỏ đi, điều mà ngày xưa, nhất định tôi đã làm.

Chúng tôi đi vào.

Nanin đã mở cửa từ trước.

-Pruđăng vẫn chưa về? – Macgơrit hỏi.

-Thưa bà, chưa.

-Khi bà ta về, hãy nói bà sang ngay cho. Trước tiên chị hãy tắt đèn phòng khách đi. Và nếu có người đến hãy bảo rằng tôi chưa về.

Đó thực là một người đàn bà bận rộn một công việc gì đó và có lẽ đang bị làm phiền bởi môt kẻ không ổn nào. Tôi không biết sẽ phải có thái độ như thế nào và phải nói gì. Macgơrit đi về phía phòng ngủ của cô ta. Tôi đứng yên tai chỗ.

"Đến đây" – Cô ta nói với tôi.

Cô lấy mũ ra, lấy áo choàng bằng nỉ ra và ném cả lên giường rồi ngả người trên một ghế bành lớn, gần lò sưởi mà cô ta đã cho đốt ấm mãi đến đầu mùa hạ. Và cô ta nói với tôi, vừa mân mê cái dây đồng hồ đeo tay.

-À, anh có chuyện gì mới để kể cho tôi nghe?

-Không có gì cả, nếu không phải là chuyện tôi đã lầm lỗi khi đến đây tối nay.

-Tại sao?

-Bởi vì cô có vẻ không vừa ý, và chắc chắn, tôi đã làm phiền cô.

-Anh không làm phiền tôi đâu. Chỉ tại tôi bị bệnh. Tôi đã đau suốt ngày. Tôi không ngủ được. Và tôi bị nhức đầu ghê gớm.

-Cô cho phép tôi về để cô có thể đi nghỉ.

-Ồ! Anh có thể ở lại. Nếu tôi muốn đi nằm, tôi có thể nằm trước mặt anh.

Vào lúc đó có người gọi chuông.

"Còn ai đến nữa!" – Nàng nói với một vẻ khó chịu.

Giây lát sau lại có tiếng gọi chuông.

-Thế ra không có người nào mở cửa sao? Tôi phải đi mở vậy!

Thực vậy, nàng đứng dậy và nói với tôi: -Anh đợi đây.

Nàng đi ngang qua căn phòng. Tôi nghe tiếng mở cửa… Tôi lắng nghe.

Người đàn ông mà nàng đã ra mở cửa cho, dừng lại ở phòng ăn. Nghe những tiếng đầu tiên, tôi biết ngay là giọng của ông bá tước N…

-Chiều này sức khoẻ cô ra sao? – Ông ta nói.

-Ốm – Macgơrit trả lời, giọng khô khan.

-Có lẽ tôi làm phiền cô?

-Có thể.

-Cô tiếp tôi như thế sao? Tôi đã làm gì cô, cô Macgơrit thân mến?

-Anh bạn ơi, anh không làm gì tôi cả. Tôi bị bệnh. Tôi phải đi nằm. Như thế, anh về đi để tôi vui lòng. Thật là phiền quá. Không chiều nào tôi về mà không thấy anh xuất hiện trong năm phút. Anh muốn gì? Tôi sẽ là tình nhân của anh? Hãy nghe tôi, tôi đã nói với anh trăm lần rồi, không là không. Anh làm tôi khó chịu ghê gớm. Anh có thể đi đến một nơi khác. Tôi gặp lại anh lần này là lần cuối. Tôi không chấp nhận anh. Điều ấy đã rõ ràng rồi. Vĩnh biệt. À, Nanin đã về. Nó sẽ đem đèn cho anh đi ra. Xin chào!

Và không thêm một lời nào, không nghe người thanh niên kia đang lẩm nhẩm điều gì, Macgơrit trở về phòng nàng và đóng cửa lại một cách dữ dội. Và cũng qua cửa đó, Nanin, đến lượt chị ta, cũng trở vào gần như tức khắc.

-Chị nge tôi – Macgơrit nói – chị hãy bảo thẳng với tên ngốc đó, là tôi chán rồi, tôi không muốn tiếp hắn nữa. Cuối cùng, tôi đã quá mệt mỏi để phải luôn luôn nhìn thấy những con người ấy đến đây để đòi hỏi tôi chỉ một việc. Chúng nó trả tiền cho tôi, chúng tưởng như thế là sạch nợ với tôi rồi! Nếu những người đàn bà bắt đầu cái nghề tủi nhục của chúng tôi biết rõ là sẽ như thế nào, thì chắc họ thích làm hầu phòng hơn. Nhưng không, thói khoe khoang, sự ham muốn những cái áo dài, những cỗ xe, những viên kim cương đã lôi cuốn chúng tôi. Người ta tin vào cái gì mà người ta muốn tin. Bởi vì sự bán thân cũng có cái đức tin của nó. Người ta làm hao mòn dần dần trái tim người ta, thân xác người ta, sắc đẹp người ta. Người ta ghê sợ như một con thú dữ, khinh bỉ như một tên cùng khốn. Người ta bị bao vây bởi những kẻ luôn luôn đến để đòi hỏi nhiều hơn là để ban phát. Và một ngày nào đó, người ta chết như một con chó chết, sau khi đã làm hư hỏng những người khác và làm hư hỏng ngay cả mình nữa.

-Xem kìa, bà hãy bình tĩnh – Nanin nói – chiều nay bà bị xúc động qúa đấy.

-Cái áo dài này làm tôi bực bội – Macgơrit vừa nói vừa giật tung những móc áo – Đưa cho tôi cái áo khoác. À, còn Prudăng?

-Bà ta chưa về. Khi nào bà ta về, bà ta sẽ đến gặp bà.

-À, lại một con người nữa – Macgơrit vừa nói vừa cởi áo dài ra và choàng áo khoác vào – A, lại một người nữa đó, biết tìm gặp tôi khi cần đến tôi, và không thể giúp tôi một việc gì mà không tính công. Bà ấy biết rằng chiều nay tôi đang chờ tin trả lời. Và tôi tin chắc bà ta đang lo chạy những công việc riêng tư của mình mà không để ý gì đến việc giúp đỡ tôi cả.

-Có thể bà ấy bị người ta giữ lại.

-Hãy cho chúng tôi rượu dầm trái cây!

-Bà sẽ làm cho bà đau thêm – Nanin nói.

-Thây kệ, hãy đem trái cây, patê, hay cánh gà giò hoặc một cái gì đó cũng được, ngay tức khắc. Tôi đang đói.

Nói lại cho bạn biết cái ấn tượng mà cảnh tượng đó đã gây nên trong tôi chỉ là vô ích. Bạn có thể đoán lấy, phải không?

-Anh sẽ ăn tối với tôi – cô ta nói. – Trong lúc chờ đợi, anh hãy đọc sách. Tôi phải đi vào phòng trang sức trong chốc lát.

Cô ta đốt ngọn nến trên một giá đèn, mở cách cửa nơi chân giường và biến mất.

Còn lại một mình, tôi bắt đầu suy nghĩ về cuộc đời của người con gái đó. Tình yêu nơi tôi lớn thêm lên vì thương xót.

Tôi sải những bước dài trong căn phòng nàng, vừa đi vừa nghĩ ngợi thì Pruđăng bước vào.

-À, anh đó à? – Bà ta nói – Macgơrit đâu rồi?

-Trong phòng trang sức.

-Tôi sẽ chờ, mà này cô ta bảo anh có duyên đấy. Anh biết điều đấy chứ?

-Không.

-Cô ta không nói cho anh biết tí nào sao?

-Không một chút nào.

-Anh đến đây có việc gì?

-Tôi đến thăm cô ta.

-Vào nửa đêm?

-Sao lại không?

-Hay nhỉ!

-Cô ta tiếp tôi rất tệ.

-Cô ta sẽ tiếp anh tử tế hơn.

-Bà tin thế?

-Tôi đem về cho cô ta một tin vui.

-Cũng chẳng can chi. Thế cô ta có nói với bà về tôi không.

-Chiều ngày qua hay đúng hơn là trong đêm qua, khi anh ra đi với bạn thân của anh… Nhân đây, xin hỏi thêm, bạn anh là người như thế nào? Gatông R… ấy, tôi xin thề, người ta gọi thế phải không?

-Vâng – tôi nói và không nhịn được cười, khi nhớ đến tâm sự mà Gatông đã thổ lộ với tôi trong lúc Pruđăng thú nhận mới biết sơ sơ về anh chàng.

-Cậu ấy dễ thương, cậu ấy làm nghề gì?

-Cậu ta có hai mươi ngàn frăng lợi tức.

-Thật thế à? Thôi được, bây giờ trở lại chuyện anh. Macgơrit đã hỏi tin tức anh nơi tôi. Cô ta hỏi: Anh là ai? Anh làm nghề gì? Cuối cùng là tất cả những gì người ta có thể hỏi về một người đàn ông độ tuổi các anh. Tôi cho cô ấy biết tất cả những gì tôi biết và nói thêm rằng anh là một anh chàng rất có duyên. Thế đó.

-Tôi cám ơn bà. Giờ đây, bà hãy nói cho tôi biết ngày qua cô ta đã nhờ bà giúp việc gì?

-Không việc gì cả. Chỉ để đuổi ông bá tước như cô ta muốn. Nhưng hôm nay cô ta có nhờ tôi một việc. Và chiều nay, tôi đến đây để trả lời.

Vừa lúc đó, Macgơrit từ phòng tranh bước ra. Trên đầu là một mũ ngủ được trang trí bằng một chòm tua màu vàng, mà người ta thường gọi là những dải su.

Trông cô ta thật mê người.

Cô ta đi chân trần, trong một đôi giày bằng sa tanh, và vừa làm song công việc trải chuốt móng tay.

-À chị – cô ta nói khi trông thấy Pruđăng – chị có gặp ông quận công?

-Đã gặp.

-Ông ta nói gì với chị?

-Ông ta đã đưa cho tôi.

-Bao nhiêu?

-Sáu ngàn.

-Chị có đem theo đó không?

-Có.

-Ông ta có vẻ khó chịu không?

-Không.

-Con người đáng thương!

Câu "Con người đáng thương" được nói bằng một giọng không thể diễn tả được.

Macgơrit nhận sáu tờ bạc một ngàn frăng.

-Thật đúng lúc – nàng nói – Pruđăng thân mến, chị có cần tiền không?

-Cô biết chứ, cô em ạ, trong hai ngày nữa, ngày 15, nếu có thể cô cho tôi mược ba hay bốn trăm frăng, cô sẽ giúp tôi nhiều đó.

-Sáng mai sẽ có, bây giờ đã quá khuya để có thể đổi tiền lẻ được.

-Đừng quên nhé.

-Chị yên tâm. Chị ở lại dùng bữa tối với chúng tôi.

-Không! Saclơ đang chờ tôi ở nhà.

-Thế ra chị vẫn luôn luôn bị điên đầu với cậu ấy sao.

-Ngốc quá em ạ. Thôi ngày mai. Chào Acmân.

Bà Đuvecnoa ra về.

Macgơrit mở ngăn tủ ra, vứt những tờ giấy bạc vào bên trong.

-Anh cho phép em đi nằm! – Nàng vừa nói vừa mỉm cười và đi về phía giường nàng.

-Không chỉ cho phép mà tôi còn yêu cầu nữa là khác.

Cô ném cái khăn choàng ngoài xuống phía dưới chân giường và nằm xuống.

-Giờ đây – cô nói – anh hãy đến ngồi gần em rồi chúng ta nói chuyện.

Pruđăng nói đúng, câu trả lời chị ta đem về làm cho Macgơrit vui hẳn lên.

-Anh tha thứ cho em thái độ cau có chiều này chứ?

-Tôi sẵn sàng tha thứ cho cô tất cả những gì khác nữa.

-Và anh yêu em chứ?

-Trở thành điên được.

-Mặc cho các tính xấu của em nữa?

-Mặc cho tất cả.

-Anh thề đi.

-Vâng – tôi nói nho nhỏ.

Nanin bưng thức ăn vào. Một con gà giò ướp lạnh, một chai rượu Boócđô, những trái dâu tây và hai phần ăn.

-Tôi không làm rượu dầm trái cây – Nanin nói – rượu Boóđô sẽ tốt hơn đối với bà. Thưa ông, có phải thế không?

-Chắc chắn thế – tôi trả lời, vẫn còn xúc động bởi những lời nói cuối cùng của Macgơrit và đăm đăm nhìn nàng với đôi mắt cuồng nhiệt.

-Được – cô ta nói – hãy đặt tất cả những món ăn trên bàn nhỏ và đẩy bàn đến gần giường. Chúng tôi sẽ tự phục vụ lấy. Thế là chị đã thức ba đêm rồi, chắc chị cần ngủ lắm, chị đi ngủ đi. Tôi không cần gì nữa.

-Có cần đóng cửa lớn, khoá hai lần không?

-Tôi tin là cần. Và nhất là dặn người ta, từ giờ đến trưa mai đừng để ai vào cả.

§12

Vào năm giờ sáng, khi ánh sáng ban ngày bắt đầu xuất hiện xuyên qua những tấm màn, Macgơrit nói với tôi: -Anh hãy tha lỗi, vì em phải mời anh ra về, nhưng không thể khác được. Sáng nào, ông quận công cũng đến. Người ta sẽ cho ông biết là em đang ngủ khi ông đến, và có lẽ ông sẽ đợi cho đến lúc em dậy.

Tôi ôm đầu Macgơrit vào trong hai bàn tay. Những sợi tóc nàng rối tung, xoã xuống quanh người, tôi hôn nàng một lần cuối cùng và nói: -Bao giờ anh được gặp lại em?

-Thế này nhé – nàng nói – Anh hãy cầm chiếc chìa khoá mạ vàng để trên lò sưởi, đến mở cửa kia, rồi đem chìa khoá lại đây và đi đi. Nội trong ngày, anh sẽ nhận được một lá thư và những mệnh lệnh của em. Bởi vì, anh biết đó, anh phải vâng lời em một cách mù quáng.

-Vâng. Nhưng nếu anh muốn đòi hỏi em một điều gì đó?

-Điều gì vậy?

-Em hãy để anh giữ chìa khoá này.

-Em chưa làm điều đó với bất cứ một ai.

-Thế thì hãy làm điều đó cho anh. Và anh thề với em, anh không yêu em như những kẻ khác yêu em.

-Thôi được, anh hãy giữ lấy. Nhưng em cho anh biết trước, tất cả đều tuỳ em, chiếc chìa khoá sẽ không ích gì với anh cả.

-Có những chốt phía bên trong cửa.

-Độc ác!

-Em sẽ cho lấy những chốt ra.

-Vậy thì, em yêu anh một ít chứ?

-Em không biết nói thế nào. Nhưng hình như là thế. Giờ đây anh đi đi. Em buồn ngủ quá.

Chúng tôi ngồi lại thêm vài giây nữa trong vòng tay nhau, rồi tôi ra đi.

Đường phố vắng vẻ. Cả thành phố còn chìm trong giấc ngủ. Một bầu không khí mát dịu lan tràn khắp phố phường và tiếng động của con người, trong vài giờ nữa sẽ toả ra khắp nẻo.

Hình như cái thành phố đang ngủ thuộc về tôi. Tôi tìm kiếm trong trí nhớ những người trước đây tôi thèm muốn hạnh phúc của họ và tôi không tìm ra một người nào để đem so sánh được rằng tôi lại không hạnh phúc hơn họ.

Được yêu bởi một người con gái trinh trắng, đem lại cho người ấy lần đầu tiên những bí mật của tình yêu, đúng là một hạnh phúc lớn. Nhưng đó chỉ là một điều giản dị nhất đời. Chiếm được một trái tim không quen với những sự tấn công, đó là đi vào một thành phố bỏ ngỏ và không quân đội canh giữ. Giáo dục, ý

thức về bổn phận và gia đình là những canh phòng dũng mãnh, nhưng không có người canh phòng hăng hái đến mấy mà một cô gái mười sáu tuổi không thể lừa phỉnh được. Cô gái này, qua tiếng nói của người yêu, đã cảm nhận được những lời khuyên đầu tiên của tạo hoá về tình yêu, những lời khuyên này càng có vẻ thuần khiết bao nhiêu thì càng mãnh liệt bấy nhiêu.

Người con gái càng lớn lên trong đạo đức chừng nào, càng tự buông mình dễ dàng chừng ấy, nếu không cho người tình, thì ít nhất cũng cho ái tình. Bởi vì, cô ta không có cả sự nghi ngờ lẫn nghị lực, và được cô yêu thương là một thắng lợi mà người đàn ông nào hai mươi lăm tuổi cũng có thể làm được, khi họ muốn.

Và điều này quá đúng, nên bạn thấy người ta đã bao vây, những thiếu nữ bằng biết bao nhiêu sự cạnh giữ và những thành luỹ! Nhưng những tu viện không có những bức tường qua cao, những bà mẹ không có những chiếc chìa khoá đủ chắc, tôn giáo không có những nghĩa vụ khá liên tục để giam giữ nhưng con chim xinh đẹp đó trong lồng: Thêm nữa, người ta cũng chẳng thèm nhọc sức vứt lên lồng chim một ít bông hoa. Bởi thế, các cô gái đó thèm muốn cái thế giới mà người ta che giấu. Các cô tin chắc rằng thế giới này rất là cám dỗ. Và các cô phải tìm kiếm lắng nghe tiếng nói đầu tiên, qua những chấn song, đến cả những bí mật của thế giới đó, và ban phép lành cho bàn tay đầu tiên đã vén lên một góc bức màn bí ẩn của nó.

Nhưng để được yêu thương thực sự của một kỹ nữ, đó là một chiến thắng khó khăn hơn nhiều. Ở những con người này, thể xác đã giũa mòn tâm hồn, giác quan và đốt cháy trái tim, sự truỵ lạc bọc kín tình cảm trong một lớp áo giáp bằng sắt. Những lời nói với họ, họ đã biết từ lâu rồi. Những phương tiện người ta dùng đến, họ đã hiểu cả rồi. Cả tình yêu mà họ gây nên, họ cũng đã bán nó rồi. Họ thương yêu vì nghề nghiệp, chứ không phải vì tình cảm. Họ được giữ gìn kỹ lưỡng bởi những tính toán hơn hẳn sự tính toán một nữ đồng trinh có được bởi người mẹ hay bởi tu viện. Vì thế, họ đã phát minh ra tiếng "bất thường" cho những tình yêu không buôn bán mà thỉnh thoảng họ tạo nên như một sự yên nghỉ, một sự tha thứ hay một niềm an ủi. Không khác nào những người cho vay nặng lãi đã bòn rút tiền của hàng ngàn người và tin rằng mình đã chuộc hết tội lỗi, vì một ngày nào đó, đã đem cho một kẻ khốn nạn đang chết đói nào đó hai mươi lăm frăng không đòi hỏi tiền lời, cũng không đòi hỏi biên lai. Vả lại, khi Thượng Đế cho phép một kỹ nữ được biết đến tình yêu, cái tình yêu đó ban đầu giống như một sự tha thứ, gần như luôn luôn trở thành một điều trừng phạt đối với cô ả. Không có sự tha thứ nào lại không kèm theo hình phạt. Khi một người mà quá khứ đáng chê trách, bỗng dưng cảm thấy bị xâm chiếm bởi một tình yêu sâu đậm chân thực, không cưỡng lại được, một tình yêu mà người đó chẳng bao giờ tin rằng mình có thể có; khi người đó đã thú nhận cái tình yêu đó rồi thì người đàn ông được yêu như thế đã chế ngự người đàn bà ấy đến mức độ nào rồi! Người

đàn ông đó cảm thấy mạnh hơn bao giờ hết, và với quyền lực tàn nhẫn, được phép nói với người đàn bà: "Cô không đối xử với tình yêu khác hơn là cô đã đối xử với tiền bạc."

Thế là những người đàn bà này không còn biết vin vào những bằng chứng nào nữa. Một đứa trẻ trong một chuyện ngụ ngôn, sau khi nô đùa thật lâu trong cánh đồng, vùng la lớn: "Cứu tôi với!" để phá rối những người đang làm việc; một ngày kia đã bị một con gấu vồ và không làm sao cho những kẻ trước đây thường bị lừa có thể tin rằng lần này những tiếng kêu cứu của mình thật. Đối với những cô gái khốn khổ kia cũng như thế, khi họ yêu thương một cách nghiêm chỉnh. Các cô đã nói dối qúa nhiều lần rồi, người ta không còn có thể tin ở các cô nữa.

Và các cô bị nhai ngấu nghiến bởi tình yêu, giữa sự hối hận của chính các cô.

Do đó, chúng ta thấy được những sự hy sinh cao cả và những chốn tu hành khắc khổ, mà một vài người trong số họ đã nêu được những gương sáng.

Nhưng khi người đàn ông đã gây được cái tình yêu cứu rỗi có một tâm hồn khá cao thượng để chấp nhận nó, không cần nhớ đến quá khứ khi người đó lăn xả vào; và cuối cùng, khi người đó yêu như người đó đã được yêu, người đàn ông ấy sẽ chỉ trong một lần, làm cạn tất cả những cảm xúc trần tục của mình. Và sau cái tình yêu đó, quả tim anh ta sẽ đóng kín trước bất cứ mối tình nào khác.

Những suy tư đó không đến trong tâm trí tôi vào buổi sáng khi tôi trở về nhà. Chúng có lẽ chỉ là sự tiên cảm của những điều sẽ đến với tôi. Và mặc cho tình yêu của tôi đối với Macgơrit, tôi đã không thấy được, dù chỉ thoáng qua, những hậu quả tương tự. Những suy nghĩ đó, hôm nay mới đến với tôi. Tất cả đều đã được kết thúc, không thể nào trở lại. Nhưng suy nghĩ đó là hậu quả tự nhiên của những cái gì đã xảy ra.

Nhưng giờ đây, chúng ta hãy trở về, tôi sung sướng đến điên người, khi nghĩ rằng những ngăn cách đặt ra giữa tôi và Macgơrit do trí tưởng tượng của tôi vẽ ra đều tan biến cả, rằng tôi sẽ có nàng, tôi đã chiếm được một chỗ nào đó trong tư tưởng nàng, tôi đã có trong túi tôi chiếc chìa khoá đó… Tôi thoả mãn trước cuộc đời, tôi đã tự phụ về tôi, và tôi biết ơn Thượng Đế đã ban cho tôi tất cả những thứ đó.

Một ngày nào đó, một người trai trẻ đi trên đường phố, bỗng chạm nhầm một người đàn bà. Anh ta nhìn, anh ta quay đầu lại, rồi bỏ đi.

Người đàn bà ấy, anh ta không quen biết. Người đàn bà ấy có những thú vui, những đau buồn, những mối tình mà anh không dự vào một chút nào cả. Anh không sống vì người đàn bà đó, và có lẽ, nếu anh nói với người đàn bà đó, người đàn bà đó sẽ chế giễu anh, cũng như Macgơrit đã chế giễu tôi. Những tuần lễ, những tháng, những năm trôi qua. Và bỗng nhiên khi hai người đi theo đệnh mênh của mình trong một trật tự khác biệt, sự ngẫu nhiên dẫn họ về đối diện với

nhau. Nhưng người đàn bà trở thành người tình của chàng trai đó, yêu thương anh. Thế nào? Tại sao? Hai người đó như nhập làm một. Thân hình vừa mới nhen nhúm đã hình như thường xuyên hiện hữu với họ tự những bao giờ. Và tất cả những gì từng xảy ra trước đó, đã mờ xoá trong trí nhớ của hai người. Thật là lạ lùng. Nhưng chúng ta phải thú nhận điều đó.

Cũng như tôi, tôi không còn nhớ tôi đã sống cái đêm đó như thế nào. Toàn thân tôi toả rạng niềm vui, khi nhớ lại những lời trao đổi trong cái đêm ban đầu đó. Hoặc là Macgơrit đã khôn khéo lừa phỉnh, hoặc là nàng đã có những say đắm đột ngột đối với tôi. Những say đắm này đã bộc lộ trong cái hôn đầu tiên. Rồi đôi khi nó cũng chết đi, như nó đã được sinh ra.

Càng nghĩ những điều đó, tôi càng tự nhủ rằng Macgơrit không có một lý do nào để biểu lộ giả tạo một tình yêu mà nàng không cảm thấy. Tôi tự nhủ, những người đàn bà có hai cách thương yêu, và cách này có thể từ cách kia mà ra. Họ thương yêu hoặc với trái tim, hoặc vì nhục dục. Nhiều khi một người đàn bà chấp nhận một tình nhân chỉ vì để vâng theo mệnh lệnh của các giác quan, bỗng biết được, không hề mong đợi, những bí mật của tình yêu không vật chất, và rồi chỉ sống với trái tim. Và nhiều khi một thiếu nữ chỉ tìm trong hôn nhân sự hoà hợp của hai tình thương thuần tuý, bỗng tiếp nhận được sự hiện hữu của tình yêu vật chất – cái kết cục mãnh liệt từ những ấn tượng trong trắng nhất của tâm hồn.

Tôi ngủ thiếp đi giữa những ý nghĩ đó. Tôi bị đánh thức bởi một lá thư của Macgơrit với những dòng chữ sau đây: "Đây, những mệnh lệnh của em. Chiều nay, ở Vôđơvin. Anh hãy đến vào lúc nghỉ giải lao hồi thứ ba."

M. G Tôi cất tờ giấy đó trong ngăn kéo, để được luôn luôn nhìn thấy cái thực tại ấy dưới bàn tay trong trường hợp tôi nghi ngờ, và điều này thỉnh thoảng đã xảy ra.

Cô không bảo tôi đến gặp ban ngày, nên tôi e ngại không đến nhà cô. Nhưng tôi có một ước muốn rất lớn là được gặp cô trước buổi tối. Tôi đến Xăng Êlidê. Nơi đó, như đêm qua, tôi lại thấy cô đi qua rồi lại đi về.

Lúc bảy giờ, tôi đã có mặt ở Vôđơvin. Không bao giờ tôi đến rạp hát sớm đến thế.

Tất cả các lô lần lượt đầy người. Chỉ một lô vẫn còn trống; lô trước sân khấu, ở tầng trệt.

Bắt đầu hồi thứ ba, tôi nghe cánh cửa lô ấy mở ra và Macgơrit xuất hiện.

Nàng đi ngay phía trước, nhìn xuống dàn nhạc tìm kiếm. Thấy tôi ở đó, nàng đưa mắt nhìn tôi cảm ơn.

Tối hôm đó, nàng đẹp lạ lùng.

Phải chăng tôi là nguyên nhân của sự trang điểm đó? Nàng đã yêu tôi đến mức nào để tin rằng nàng càng đẹp, tôi càng sung sướng? Tôi vẫn chưa biết được, nhưng nếu ý nghĩ nàng như thế, thì nàng đã thành công. Bởi vì khi nàng

xuất hiện, những cái đầu người như dựa vào nhau gợn sóng, và các diễn viên đang trên sân khấu, cũng đã đưa mắt nhìn con người mà sự diễn xuất hiện làm xôn xao bao nhiêu khán giả.

Và tôi đã có cái chìa khoá căn phòng người đàn bà ấy. Trong ba hay bốn giờ nữa nàng sẽ là của tôi.

Người ta chê bai những kẻ đã phá sản vì những nữ diễn viên và những gái giang hồ. Điều làm tôi ngạc nhiên, là những người đàn ông đó đã không vì những người đàn bà ấy mà hành động hai mươi lần điên rồ hơn. Phải sống như tôi cuộc sống đó, để biết những khoe khoang nhỏ nhặt hàng ngày mà những người đàn bà dành cho họ đã gắn chặt đến thế nào trong trái tim họ, bởi vì chúng ta không có lời nào khác, để nói đến tình yêu của người đàn ông đó đối với người đàn bà họ yêu.

Prưđăng ngồi vào trong lô. Và một người đàn ông mà tôi biết, đó là bá tước G… ngồi ở cuối lô.

Thấy người này, một luồng giá lạnh đi qua tim tôi.

Dĩ nhiên, Macgơrit nhận thấy ấn tượng gây nên nơi tôi, bởi sự hiện diện của người đàn ông trong lô nàng. Bởi vì nàng lại mỉm cười với tôi lần nữa, và quay lưng lại bá tước, nàng có vẻ như chăm chú nhìn vở kịch đang diễn. Đến lần nghỉ giải lao hồi thứ ba, nàng quay lại nói vài tiếng. Ông bá tước đứng dậy, rời lô. Và Macgơrit ra hiệu cho tôi đến gặp nàng.

-Xin chào! – Nàng nói với tôi khi tôi bước vào và đưa tay cho tôi.

-Xin chào! – Tôi đáp, vừa cho Macgơrit, vừa cho Prưđăng.

-Mời anh ngồi.

-Nhưng tôi chiếm chỗ của một người. Bá tước G… sẽ trở lại chứ?

-Vâng, tôi đã nhờ ông đi lấy một ít quà, để chúng ta có thể nói chuyện với nhau trong chốc lát. Bà Đuvecnoa là chỗ thân tình.

Macgơrit vừa nói vừa đứng dậy, đi trở vào phía bóng tối của lô, ôm hôn lên trán tôi và hỏi: -Tối nay anh có chuyện gì vậy?

-Tôi hơi mệt một tí.

-Vậy anh phải đi nằm đi – nàng đáp lại, với một vẻ hơi mỉa mai rất hợp với cái đầu thon nhỏ và tinh ranh của nàng.

-Ở đâu?

-Ở nhà anh ấy.

-Cô biết rõ, tôi sẽ không ngủ được ở đó.

-Thế thì không nên làm nũng với chúng tôi ở đây chỉ vì anh thấy một người đàn ông ở trong lô tôi.

-Không phải vì lẽ ấy đâu.

-Không, em biết lắm, và anh có lỗi. Thôi chúng ta đừng nói đến điều ấy nữa. Sau buổi hát, anh hãy đến nhà Prưđăng. Anh hãy đợi ở đó, cho đến khi nào em

gọi anh. Anh hiểu chứ?

-Vâng.

Tôi có thể không vâng lời nàng được chăng?

-Anh vẫn yêu em luôn luôn chứ? – Cô nói tiếp.

-Cô còn hỏi tôi điều đó?

-Anh có nghĩ đến em không?

-Suốt cả ngày.

-Anh có biết, em lo sợ sẽ yêu anh mất không? Anh hãy hỏi lại Pruđăng thì rõ.

-A! Thật là mệt quá – cô gái lớn mập này trả lời.

-Bây giờ, anh hãy trở về chỗ cũ của anh. Ông bá tước sắp vào. Và ông ta gặp anh ở đây không lợi ích gì.

-Tại sao?

-Bởi vì nhìn thấy ông ta, anh sẽ khó chịu.

-Không. Nếu cô bảo tôi rằng cô muốn đến Vôđơvin chiều nay, tôi cũng có thể thuê cái lô này cho cô như ông ta.

-Khốn nỗi ông ta đã thuê cái lô này cho em mà em không hề đòi hỏi. Và ông ta xin được cùng đi với em. Anh biết rõ chứ, em không thể từ chối. Tất cả điều em có thể làm, là viết thư cho anh, để anh biết em ở đâu, để anh có thể thấy em. Và bởi vì chính em, em cũng có cái mong muốn được nhìn lại anh sớm hơn.

-Anh có lỗi, xin thứ lỗi cho anh.

-Tốt quá! Hãy vui vẻ trở về chỗ anh đi. Và nhất là đừng có ghen nữa.

Cô ôm hôn tôi lần nữa. Và tôi đi ra.

Trong hành lang, tôi gặp ông bá tước đang đi trở vào.

Tôi trở lại chỗ ngồi của tôi.

Nói cho cùng sự hiện diện của ông G… trong lô của Macgơrit là một chuyện dễ hiểu thôi. Ông đã là người tình của nàng, ông thuê cho hàng một cái lô, ông cùng đi với nàng đến rạp hát. Tất cả những cái đó là đương nhiên. Và khi tôi có người tình là một cô gái như Macgơrit, tôi phải chấp nhận những thói quen của nàng. Phần còn lại của đêm đó, xem ra, tôi vẫn chịu không ít khốn khổ. Tôi rất buồn lúc đi ra, sau khi đã thấy Pruđăng, bá tước G… và Macgơrit lên chiếc xe chờ họ ở trước cửa.

Tuy thế, mười lăm phút sau, tôi có mặt tại nhà Pruđăng, chị ta vừa mới về.

§13

Anh đến cũng nhanh, gần như chúng tôi – Pruđăng nói.

-Vâng – tôi trả lời như máy – Macgơrit ở đâu?

-Ở nhà cô.

-Một mình thôi?

-Với ông G…

Tôi sải từng bước dài trong phòng khách.

-Thế anh cần gì?

-Chị nghĩ tôi chờ ở đây, mãi đến khi ông G… ra khỏi nhà Macgơrit thì có ngố lắm không?

-Anh cũng thế, anh không có lý chút nào. Anh hiểu chứ. Macgơrit không thể đuổi ông bá tước ra khỏi nhà. Ông G… đã quen cô từ rất lâu. Ông đã chi cho cô rất nhiều tiền. Và ông sẽ còn chi nữa cho cô. Macgơrit chi tiêu hơn một trăm ngàn frăng mỗi năm. Cô ta có nhiều nợ. Ông quận công gửi cho cô ta tất cả những gì mà cô đòi hỏi. Nhưng cô không bao giờ dám đòi hỏi tất cả những gì cô cần. Cô không thể gây rối với ông bá tước đã chi cho cô ít nhất khoảng chục ngàn frăng mỗi năm. Macgơrit yêu anh lắm, anh bạn thân mến. Nhưng sự dan díu giữa anh và cô, trong phạm vi lợi ích của cô và lợi ích của anh, không thể nghiêm túc được. Không thể với bảy hay tám ngàn frăng trợ giúp, anh có thể bảo đảm được sự xa xỉ của cô gái đó. Số tiền đó không đủ để bảo quản chiếc xe ngựa của cô ta. Anh hãy chấp nhận Macgơrit, như cô ta trong hiện tại, một cô gái thông minh xinh đẹp. Anh hãy là người tình của cô trong một tháng, hai tháng. Anh hãy đem đến cho cô ta những bó hoa, những quà tặng và những lô hát. Nhưng anh không nên đặt thêm vào đầu anh cái gì khác nữa, và không nên cho cô ta thấy những cảnh ghen tuông lố bịch. Anh có biết anh giao thiệp với một người như thế nào không? Macgơrit không phải là một mẫu mực đạo đức. Anh được lòng cô, anh yêu cô, anh không nên băn khoăn gì hơn nữa. Tôi thấy anh hay hay với tính hay hờn dỗi ấy! Anh đã có được một tình nhân duyên dáng nhất ở Paris. Cô đã tiếp anh trong một căn phòng lộng lẫy. Cô mang đầy kim cương. Cô không làm tốn của anh một đồng xu. Anh nghĩ xem. Thế mà anh không bằng lòng! Thật quá lắm! Anh đòi hỏi nhiều qúa.

-Chị có lý. Nhưng có cái gì đó mạnh hơn tôi. Ý nghĩ người đàn ông đó là tình nhân của cô ta làm cho tôi đau đớn vô cùng.

-Trước hết – Pruđăng tiếp – người đó có còn là tình nhân của cô ấy nữa không? Đó là một người đàn ông cô ta cần, chỉ thế thôi. Đã hai ngày rồi cô ta đóng cửa, không tiếp ông ta. Sáng nay, ông ra lại đến, cô ta không còn cách nào khác là chấp nhận cái lô đã thuê và để ông ta được đi cùng. Ông ta đã dẫn cô trở

về, đã lên nhà cô chốc lát. Ông sẽ không ở lại, bởi vì anh đang chờ đây. Tất cả những cái đó đều rất tự nhiên đối với tôi. Vả lại, anh đã chấp nhận ông quận công kia mà.

-Vâng, nhưng đó là một ông già. Và tôi tin chắc Macgơrit không phải là tình nhân của ông ấy. Hơn nữa, người ta có thể chấp nhận một sự dan díu mà không chấp nhận đến hai. Sự dễ dãi đó quả đúng như một điều tính toán và nó đưa con người đã đồng ý sự chấp nhận đó, ngay cả khi vì tình yêu, tới gần những kẻ ở hạng thấp hơn, xem sự chấp nhận là một nghề nghiệp và rút ra lợi lộc từ cái nghề đó.

-Ồ, anh bạn, anh lạc hậu quá! Tôi đã từng thấy biết bao nhiều người quý phái nhất, sang trọng nhất, giàu có nhất, đã làm điều tôi khuyên anh không một chút khó nhọc, không hổ thẹn, không hối hận! Và điều đó, ngày nào cũng xảy ra. Nhưng anh nghĩ, làm thế nào để những cô gái giang hồ ở Paris có thể giữ vững nếp sống sang trọng của các cô, nếu các cô không chấp nhận ba hay bốn tình nhân cùng một lúc? Không có tài sản nào dù cho lớn đến mấy đi nữa có thể, chỉ một mình nó, cung cấp đủ những chi phí của một người đàn bà như Macgơrit. Một tài sản chừng năm trăm ngàn frăng lợi tức là một tài sản lớn ở nước Pháp. Nghe đây ông bạn, năm trăm ngàn frăng lợi tức sẽ là không đủ để chi tiêu. Và đây là lý do tại sao: một người có một lợi tức như thế, dĩ nhiên, có một ngôi nhà sắp đặt, những con ngựa, những người giúp việc, những chiếc xe, những cuộc đi săn, những bạn hữu. Thường thì, những người đó đều có vợ, có con, phải đi đây đi đó, phải bàn bạc, du lịch và gì gì nữa… tôi nào có biết! Tất cả những thói quen đó, đã có rồi. Và như thế, người đó không thể vứt bỏ đi được mà khỏi bị xem như đã phá sản và không gây tai tiếng. Tính toán tất cả với năm trăm ngàn frăng mỗi năm, và thế cũng là đã quá nhiều. Thế thì phải có những mối tình khác để bổ túc cho chi phí hàng năm của người đàn bà. Với Macgơrit, điều này có nhiều thuận lợi hơn. Cô ta nhờ một phép lạ của trời, đã rơi vào một ông nhà giàu có đến cả chục triệu, mà vợ và con gái đều chết cả. Ông ta lại cũng toàn có những đứa cháu cũng giàu có. Ông đã cho cô ta tất cả những gì cô muốn, và chẳng cần đòi hỏi ở cô điều gì cả. Nhưng cô ta không thể xin quá bảy mươi ngàn frăng mỗi năm, và tôi chắc chắn, nếu cô ta đòi hỏi nhiều hơn nữa, thì mặc cho sự giàu có và tình thương đối với cô ta, ông cũng sẽ từ chối.

Tất cả những thanh niên có từ hai mươi đến ba mươi ngàn frăng lợi tức ở Paris, nghĩa là có vừa đủ để có thể sống trong thế giới họ lui tới, hiểu rất rõ, khi họ là tình nhân của một người đàn bà như Macgơrit, số tiền họ cho người ấy không đủ để trả tiền thuê nhà và thuê người giúp việc. Những người này không nói với cô ta rằng họ biết điều đó. Họ có vẻ như không biết gì cả. Và khi họ đã cạn rồi, thì họ bỏ đi. Nếu họ huênh hoang muốn trang trải mọi sự, họ sẽ phá sản nhưn những đứa ngu ngốc và sẽ chết ở Phi Châu, sau khi để lại trăm ngàn frăng

nợ ở Paris. Anh tin là người đàn bà kia biết ơn họ? Không một tí ơn nghĩa nào cả. Trái lại, cô ta bảo, cô ta đã hy sinh địa vị của mình cho họ, và trong khi đi với họ, cô ta đã thiệt thòi về tiền bạc. Than ôi! Anh cho những chi tiết đó là nhục nhã phải không? Đúng vậy. Anh là một thằng đàn ông có duyên mà tôi thương với tất cả tấm lòng. Tôi đã sống từ hai mươi năm nay giữa những cô gái giang hồ, tôi biết các cô là thế nào và các cô đáng giá như thế nào. Tôi không muốn thấy anh đặt thành quan trọng cái bất thường nhất thời của một người con gái đẹp đối với anh.

Pruđăng nói tiếp: -Hơn nữa, ngoài điều đó ra, chúng ta hãy cứ chấp nhận rằng Macgơrit yêu anh đến nỗi có thể từ chối ông bá tước và ông quận công, trong trường hợp ông này biết được sự dan díu của cô và bảo cô phải lựa chọn giữa anh và ông ta. Sự hy sinh của cô đối với anh sẽ rất to lớn, không chối cãi được. Vậy về phía anh, anh sẽ đền bù lại sự hy sinh tương đương nào? Rồi khi sự chán chường đã đến, khi cuối cùng, anh thấy anh không còn sự ham muốn nữa, anh sẽ làm gì để đền bù lại việc anh đã làm cho cô ta thiệt thòi? Không có gì cả. Anh đã tách rời cô ta khỏi cái thế giới mà trong đó là cả tài sản và tương lai của cô ta. Cô ta sẽ cho anh những năm đẹp đẽ nhất của cuộc đời và cô ta sẽ bị lãng quên. Hoặc anh sẽ là một người đàn ông tầm thường, thế là anh vứt cả quá khứ vào mặt cô ta. Anh sẽ bảo cô ta khi từ giã rằng anh chỉ làm như tất cả những tình nhân khác, và anh sẽ bỏ mặc cô ta trong sự đói nghèo khổ đương nhiên. Hoặc anh sẽ là một người đàn lương thiện, anh bắt buộc phải giữ nàng bên anh, và anh sẽ tự chuốc hoạ cho chính anh. Bởi vì sự dan díu đó có thể tha thứ được ở một thanh niên, nhưng không thể chấp nhận được nơi người đứng tuổi. Cô ta trở thành một chướng ngại cho tất cả. Cô ta không cho phép tạo nên một gia đình, hay tạo nên một tham vọng, những mối tình thứ hai và cuối cùng của người đàn ông. Vậy hãy tin tôi, anh bạn ạ, hãy chấp nhận sự vật đúng với giá trị của nó, những người đàn bà như những người đàn bà, và không cho phép một cô gái giang hồ được tự nhận là chủ nợ của anh, bất cứ ở phương diện nào!

Lời lẽ được nói ra thực sự không ngoan, với một lý luận mà tôi không ngờ Pruđăng có thể có. Tôi không tìm ra lý lẽ nào để trả lời, ngoài việc thừa nhận chị ta có lý. Tôi đưa tay bắt tay chị ta và cảm ơn những lời khuyên bảo.

-Vững vàng nhé! – Chị ta nói với tôi – Anh hãy đuổi xa những lý thuyết sai trái đó đi và hãy tươi cười. Cuộc đời là đẹp, anh bạn thân mến, tuỳ theo mặt kính xuyên qua đó người ta nhìn cuộc đời. Anh hãy đến hỏi ý kiến Gatông. Bạn anh là một người nổi bật đối với tôi, hiểu được tình yêu như tôi đã hiểu. Có một điều anh phải tin chắc, nếu không anh sẽ trở thành một thằng con trai vô vị: Ngay lúc này, gần đây, một cô gái đẹp đang trông đợi người đàn ông ở nhà nàng cút đi, đang nghĩ đến anh và sẽ giữ anh ở lại suốt đêm, yêu quý anh. Tôi tin chắc như

thế. Và bây giờ, anh hãy ra đứng cạnh cửa sổ với tôi, hãy nhìn ông bá tước sắp đi ra và nhường chỗ lại cho chúng ta.

Prưđăng mở một cánh cửa ra. Chúng tôi dựa tay trên bao lơn, cùng đứng bên cạnh nhau.

Chị ta nhìn những người đi đường, lúc này đã rất thưa thớt. Còn tôi, tôi đang mơ mộng.

Tất cả những gì chị ta nói quay vù vù trong đầu tôi. Và tôi không thể chấp nhận Prưđăng có lý. Nhưng tình yêu chân thực nơi tôi đối với Macgơrit khó hoà hợp với lập luận đó. Thỉnh thoảng tôi lại thở ra, làm cho Prưđăng quay lại nhìn và nhún vai, như một người thầy thuốc thất vọng trước một bệnh nhân.

"Người nhận thấy cuộc đời thật ngắn ngủi – tôi tự nhủ, – xuyên qua sự nhanh chóng của những cảm giác". Tôi chỉ biết Macgơrit từ hai ngày nay, cô ta chỉ là tình nhân của tôi từ ngày hôm qua. Nhưng cô ta đã xâm nhập vào tư tưởng tôi, vào trái tim tôi, vào cuộc đời tôi, quá sâu đậm đến nỗi cuộc viếng thăm của ông bá tước G… đối với tôi đã thành tai hại.

Cuối cùng, ông bá tước đi ra, lên xe và biến mất. Prưđăng đóng cửa sổ lại.

Vừa lúc đó, Macgơrit gọi chúng tôi: -Các bạn đến nhanh lên. Đã đặt bàn ăn rồi. Chúng ta sẽ ăn tối.

Khi tôi vào nhà, Macgơrit chạy đến, nhảy chồm lên ôm cổ tôi, hôn tôi say đắm.

-Chúng ta cau có luôn luôn phải không? – nàng nói với tôi.

-Không đã chấm dứt rồi – Prưđăng đáp – Tôi đã cho anh ta một bài luân lý và anh ta hứa sẽ ngoan hơn.

-Quý hoá lắm!

Ngoài ý muốn, tôi đưa mắt nhìn lên giường nàng. Không có gì xáo động cả. Còn Macgơrit, nàng đã choàng vào người cái áo khoác màu trắng rồi.

Chúng tôi ngồi vào bàn.

Duyên dáng, dịu dàng, cởi mở, Macgơrit có tất cả.

Thỉnh thoảng tôi tự thấy mình bắt buộc phải hiểu rằng tôi không có quyền đòi hỏi nơi nàng cái gì khác, rằng nhiều người sẽ cảm thấy sung sướng nếu được ở địa vị tôi. Và như người chăn chiên của Vyyếtgin, tôi chỉ việc vui hưởng những giờ nhàn rỗi mà một người thần linh, hay đúng hơn, một nữ thần, đã đem lại cho tôi.

Tôi cố gắng đem thực hành những lý thuyết của Prưđăng và cũng vui vẻ như hai người bạn gái của tôi. Nhưng những điều mà ở hai người bạn gái này là tự nhiên, thì nơi tôi, lại là sự cố gắng, và cái cười gượng ép của tôi, mà các cô hiểu lầm là thành thực, đang đi sát bên những giọt lệ.

Cuối cùng bữa ăn tối chấm dứt. Tôi ở lại một mình với Macgơrit. Theo thói quen, nàng đến ngồi trên tấm thảm trước lò sưởi và nhìn ngọn lửa trong lò với

một vẻ buồn bã.

Nàng suy tư. Về điều gì? Tôi không hiểu. Tôi nhìn nàng thương cảm và gần như sợi hãi ngĩ đến điều tôi sẵn sàng đau đớn thay cho nàng.

-Anh biết em đang nghĩ gì không?

-Không.

-Về một sự sắp đặt mà em đã tìm thấy.

-Sắp đặt về cái gì?

-Em không thể nói cho anh biết được. Nhưng em có thể cho anh biết kết quả. Kết quả là từ đây đến một tháng nữa, em sẽ được tự do. Em không còn nợ nần gì cả. Và chúng ta sẽ được cùng đi nghỉ mùa hè ở thôn quê.

-Em không thể cho anh biết em đã làm như thế nào à?

-Không. Chỉ cần anh thương em như em đã thương anh, và mọi sự sẽ tốt đẹp hơn.

-Chỉ mình em tìm được sự sắp đặt đó?

-Vâng.

-Và sẽ thực hiện một mình?

-Chỉ một mình em, sẽ có những phiền phức – Macgơrit nói với một nụ cười không bao giờ tôi quên được – Nhưng chúng ta sẽ cùng chia cái lợi.

Tôi không thể không đỏ mặt, khi nghe đến chữ lợi. Tôi nhớ đến chuyện Manông Lexcô cùng ăn với Đêgriơ tiền của ông B…

Tôi trả lời với giọng hơi cứng rắn và đứng dậy: -Em cho phép anh, Macgơrit thân mến, chỉ nhận những cái lợi do những cuộc kinh doanh anh nghĩ ra, và tự anh khai thác lấy.

-Điều đó nghĩa là thế nào?

-Điều đó nghĩa là, anh rất nghi ngờ ông bá tước G… là người chung công việc với em trong cuộc làm ăn đó, mà anh sẽ không chấp nhận dự vào, hay thu nhận những món lợi.

-Anh là một đứa con nít. Em tin anh yêu em. Em đã lầm. Thôi được.

Ngay lúc đó, cô đứng dậy, đến mở pianô ra và bắt đầu đánh bài "Khuyên mời vũ điệu" cho đến đoạn luôn luôn làm cho cô phải dừng lại chỗ những điệu lên cao.

Phải chăng đó là thói quen, hay vì muốn nhắc cho tôi nhớ lại ngày chúng tôi đã gặp nhau? Tất cả những gì tôi biết là chính cái nhạc điệu đó đã đưa những kỷ niệm ngày trước trở về với tôi. Tôi tiến lại gần nàng, đưa hai tay ôm lấy đầu nàng, và tôi hôn nàng.

-Em tha lỗi cho anh chứ? – tôi nói.

-Anh đã thấy rồi đó – nàng đáp lại – nhưng anh hãy để ý, chúng ta mới chỉ yêu nhau đến ngày thứ hai và em đã có cái để tha lỗi cho anh. Anh không giữ đúng những điều đã hứa: "Vâng lời mù quáng."

-Em muốn gì, Macgơrit? Anh yêu em nhiều. Anh ghen tị từng tý đối với những ý nghĩ của em. Điều em đề nghị với anh lúc nãy làm anh vui mừng đến điên đầu. Nhưng cái bí ẩn liên quan tới sự thực hiện ý định đó như siết chặt trái tim anh.

-Xem nào. Chúng ta lý luận một chút – nàng vừa nói, vừa nắm lấy hai bàn tay tôi và nhìn tôi, cười với một nụ cười duyên dáng mà tôi không thể nào cưỡng lại được – Anh yêu em có phải không? Anh sẽ sung sướng được sống ba hay bốn tháng ở thôn quê chỉ với mình em. Em cũng thế, em sẽ sung sướng với sự sống cô đơn chung cho hai người. Không phải chỉ sung sướng với sự sống cô đơn chung cho hai người. Không phải chỉ sung sướng mà thôi, em lại còn cần điều đó cho sức khoẻ của em nữa. Em không thể rời Paris trong một thời gian lâu thế mà không sắp xếp lại công việc của em. Và những công việc của một người đàn bà như em bao giờ cũng rất bề bộn, phức tạp. Tuy nhiên, em đã tìm được phương cách để làm ổn thoả tất cả những công việc của em, và tình của em đối với anh. Vâng, anh đừng cười em đã yêu anh như điên dại. Ấy thế mà anh lại làm ra vẻ bề trên và nói với em bằng những lời nặng nề. Con nít, ba lần con nít. Anh chỉ cần nhớ: em yêu anh. Và anh không phải lo lắng e ngại gì cả. Đồng ý chứ? Được không?

-Tất cả những gì em muốn đều được anh đồng ý, em đã biết rõ rồi mà.

-Thế là không đến một tháng nữa, chúng ta sẽ về một làng quê nào đó. Chúng ta sẽ đi dạo chơi ở bờ sông và uống sữa tươi. Điều đó đối với anh, có vẻ lạnh lùng lắm. Em, Macgơrit Gôchiê, lại nói như thế đó. Anh ạ, cái đời sống ở Paris này hình như đã làm cho em rất sung sướng những vẫn không đốt cháy em được. Em đã chán ngán và em đã có những ước muốn đột ngột hướng về một cuộc sống yên lặng hơn, có thể nhắc lại cho em thời thơ ấu. Người ta luôn luôn có một thơ ấu, mặc dù sau này sẽ là như thế nào. Ôi! Anh hãy yên tâm. Em sẽ không bao giờ bảo anh, em là con gái của một ông đại tá về hưu, em đã từng được nuôi dưỡng ở Xanh Đơni. Em là một đứa con gái khốn khổ ở thôn quê, và cách đây sáu năm em chưa biết được ngay chính cái tên của em. Anh đã yên tâm chưa? Chính thế đấy. Tại sao anh lại là người đầu tiên mà em đề nghị cùng chia sẻ niềm vui của ước vọng đã đến với em? Không nghi ngờ gì cả, bởi vì em đã nhận thấy được anh yêu em vì em, chứ không vì anh. Còn những kẻ khác, chỉ yêu em vì sự ích kỷ của họ.

Em thường về thôn quê. Nhưng chẳng bao giờ về theo như ý muốn. Chính em tin ở anh, để tạo nên cái hạnh phúc đơn sơ kia. Vậy anh không nên độc ác mà hãy ban cho em cái hạnh phúc đó.

Anh hãy tự nhủ: "Nàng không thể sống lâu hơn được. Một ngày kia, tôi sẽ hối hận, nếu không làm cho nàng cái việc đầu tiên mà nàng yêu cầu, mà việc đó lại rất dễ làm."

Trả lời thế nào cho những lời nói như vậy? Nhất là khi kỷ niệm sau đêm ân ái đầu tiên vẫn còn nồng nàn và người ta đang trong sự chờ đợi đêm thứ hai.

Một giờ sau, tôi ôm Macgơrit vào giữa vòng tay và nếu nàng yêu cầu tôi phạm một tội ác, hẳn tôi đã vâng lời nàng.

Sáu giờ sáng, tôi ra đi. Trước khi ra đi, tôi nói với nàng: -Đêm nay gặp lại.

Nàng ôm tôi rất chặt. Nhưng nàng không trả lời.

Ngày hôm đó, tôi nhận được một lá thư với những dòng sau đây:

"Anh thân yêu! Em hơi đau và thầy thuốc bảo em cần nghỉ ngơi. Đêm nay, em sẽ nghỉ sớm và không tiếp anh được. Nhưng để bù lại, trưa mai em sẽ chờ đón anh. Em yêu anh."

Câu nói đầu tiên của tôi "Nàng lừa dối tôi."

Mồ hôi lạnh toát lên trán tôi. Tôi đã yêu người đàn bà đó thái quá, đến nỗi chỉ một điều nghi ngờ thôi đủ làm cho tôi phải rối loạn.

Tuy nhiên, tôi phải biết, biến cố ấy có thể xảy ra gần như ngày một, đối với Macgơrit. Và điều đó cũng thường xảy ra đối với những người tình khác của tôi, nhưng không làm tôi phải bận tâm đến thế. Vậy thì do đâu mà cái uy lực của người đàn bà này đối với tôi lại đặc biệt như vậy?

Thế là tôi nghĩ, tôi đã có cái chìa khoá của nhà nàng. Tôi có thể đến thăm nàng như thường lệ. Bằng cách ấy, tôi có thể nhanh chóng biết được sự thật. Và nếu tôi bắt gặp một người nào đó ở nhà nàng, tôi sẽ cho hắn một cái tát.

Trong lúc chờ đợi, tôi đến Xăng Êlidê. Tôi ở đó bốn giờ liền. Nàng không xuất hiện. Chiều đến, tôi đi tìm khắp các rạp hát nàng thường đến. Không có bóng nàng ở rạp nào cả.

Mười một giờ, tôi đến đường phố Antin.

Không thấy ánh đèn qua cửa sổ nhà Macgơrit. Tuy thế, tôi vẫn gọi chuông.

Người gác cổng hỏi tôi đi đâu.

-Đến nhà cô Giôchiê – tôi trả lời.

-Cô ấy chưa về.

-Tôi sẽ lên nhà để đợi.

-Không có ai trong nhà cả.

Dĩ nhiên đó là một sự từ chối mà tôi có thể không chấp nhận, bởi vì tôi có chìa khoá. Nhưng sợ một sự ồn ào tai tiếng nên tôi đi ra.

Tôi không thể trở về nhà. Tôi không thể rời con đường này. Tôi không thể đi khuất, không nhìn vào nhà Macgơrit. Hình như tôi còn có cái gì đó cần phải biết, hay ít ra, những nghi ngờ của tôi đang chờ đợi được xác nhận.

Vào nửa đêm, một xe ngựa hai chỗ ngồi mà tôi từng biết rõ, dừng lại trước ngôi nhà số 9.

Bá tước G… bước xuống xe đi vào trong nhà, sau khi đã cho phép xe được trở về.

Trong giây phút nào đó, tôi đã hy vọng rằng, cũng như đối với tôi, người ta sẽ bảo ông ta là Macgơrit không có ở nhà, và tôi sẽ thấy ông ta trở ra. Nhưng mãi cho đến bốn giờ sáng, tôi vẫn chờ đợi và không thấy điều gì như vậy.

Tôi đã đau đớn nhiều từ ba tuần nay, nhưng điều đó chẳng có nghĩa lý gì, nếu đem so sánh với sự đau đớn của tôi trong đêm đó.

§14

Trở về nhà, tôi bắt đầu khóc như một đứa trẻ. Không có người nào mà ít nhất đã không bị lừa gạt một lần trong đời và không biết nỗi đau khổ khi bị lừa dối là đến như thế nào.

Tôi tự nhủ – với sức nặng của những quyết định hình thành trong cơn sốt, mà người ta luôn luôn tin có đủ sức mạnh để giữ được – phải cắt đứt dứt khoát với mối tình ấy. Và trong tâm trạng bực bội, tôi chờ đợi ngày hôm sau, để đi kiếm một chuyến xe trở về nhà với cha tôi và em tôi, hai tình yêu mà tôi tin chắc không bao giờ lừa dối tôi.

Tuy nhiên, tôi không muốn ra đi mà không cho Macgơrit biết rõ tôi đã ra đi. Chỉ có người đàn ông nào dứt khoát không yêu tình nhân nữa mới có thể từ giã mà không cần viết thư từ gửi lại.

Tôi viết đi viết lại 20 lá thư trong đầu tôi.

Tôi đã dan díu với một cô gái giang hồ giống như tất cả những cô gái giang hồ khác. Tôi đã thi vị hoá cô gái này thái quá. Cô đã đối xử với tôi như một đứa học trò. Và để lừa gạt tôi, cô đã dùng một mưu mẹo đơn giản và hỗn láo. Điều này đã rõ ràng. Lòng tự ái của tôi sôi lên. Phải từ bỏ người đàn bà này và không cho nàng hưởng sự thoả mãn được biết cuộc đổ vỡ này đã làm cho tôi đau khổ. Và đây, những gì tôi đã viết, với những nét chữ rất hào hoa và những giọt lệ điên cuồng khổ đau trong đôi mắt.

"Em Macgơrit thân mến!

Anh hy vọng sự mệt mỏi của em ngày qua cũng chẳng là bao nhiêu. Anh đã đợi đến mười một giờ đêm, để được biết những tin tức về em. Và người ta đã trả lời anh rằng không thể vào nhà. Và người ta trả lời anh rằng em không về nhà. Ông G… sung sướng hơn anh bởi vì ông ta đến sau anh chốc lát. Và mãi đến bốn giờ sáng, ông ta hãy còn tại nhà em.

Hãy tha lỗi cho anh về những giờ buồn tẻ mà anh đã đem lại cho em. Và em hãy tin chắc, anh sẽ không bao giờ quên những giây phút sung sướng mà anh đã nợ em.

Hôm nay, anh rất muốn đến để biết những tin tức về em. Nhưng anh phải chuẩn bị trở về với cha anh.

Xin vĩnh biệt em, Macgơrit thân yêu của anh. Anh không đủ giàu sang để yêu em, nhưng anh mơ ước cũng không phải nghèo khổ để yêu em như em muốn. Vậy chúng ta hãy quên đi: Em, cái tên một người đối với em gần như xa lạ và anh, một hạnh phúc đã trở thành không thể có được.

Anh gửi lại em cái chìa khoá: nó chưa hề được anh dùng lần nào. Và nó sẽ có ích cho em, nếu em thường bị ốm, như em đã ốm đau ngày hôm qua."

Anh thấy chưa, tôi không đủ nghị lực để chấm dứt cái thư đó mà không có chút mỉa mai cay cú. Điều này chứng tỏ tôi vẫn còn yêu nàng.

Tôi đọc đi đọc lại mười lần lá thư đó, và ý nghĩ lá thư này sẽ làm khổ Macgơrit đem lại cho tôi một chút êm dịu. Tôi cố gắng tỏ ra đã dạn dày trong những tình cảm được bộc lộ. Vào lúc tám giờ, khi người giúp việc đến, tôi trao cho anh ta lá thư để anh ta đem đi tức khắc.

-Có phải chờ thư trả lời không? – Jôdép hỏi (Người giúp việc tôi tên là Jôdép, cũng như tất cả những người giúp việc khác).

-Nếu người ta hỏi anh có cần trả lời không, anh hãy bảo: anh không biết gì cả, và anh cứ chờ đợi.

Tôi hy vọng nàng sẽ trả lời.

Thật chúng ta đều khốn nạn và hèn yếu cả.

Trong suốt thời gian người giúp việc tôi đi, tôi cảm thấy rất bối rối. Khi thì nhớ lại Macgơrit đã đến với tôi như thế nào; tôi tự hỏi, tôi lấy quyền gì để viết cho nàng một lá thư bất nhã như thế, trong lúc nàng có thể trả lời cho tôi biết không phải ông G… đã lừa tôi mà chính tôi đã lừa ông G… Chính cái lập luận này đã cho phép những người đàn bà có nhiều tình nhân. Khi thì nhớ lại những lời thề thốt của cô gái ấy, tôi nghĩ lá thư của tôi vẫn còn hiền lành quá, và tôi không tìm ra những lời lẽ cứng rắn hơn để tạt vào mặt người đàn bà có đã phỉ báng một tình yêu rất chân thành như tình yêu của tôi. Rồi tôi tự nhủ, có lẽ tốt hơn tôi đừng nên viết lá thư đó, mà nên đến ngay nhà nàng, trong ngày hôm nay, và bằng cách đó, tôi sẽ sung sướng đón nhận những giọt lệ mà tôi phải làm cho nàng đổ ra.

Cuối cùng, tôi tự hỏi nàng sẽ trả lời tôi như thế nào, và sẵn sàng tin nàng sẽ xin lỗi tôi.

Jôdép trở về.

-Thế nào? – tôi hỏi.

-Thưa ông, bà ta đang ngủ và vẫn còn ngủ. Nhưng nếu khi nào bà dậy, người nhà sẽ trao thư lại và nếu có trả lời, người nhà sẽ đem đến.

Nàng ngủ.

Hai mươi lần tôi suýt cho người đi lấy lại bức thư. Nhưng tôi luôn luôn tự nhủ: "Có lẽ người ta đã đưa cho nàng rồi", và tôi bắt đầu cảm thấy hối hận.

Càng gần đến giờ để đón nhận thư trả lời của nàng, tôi lại càng hối hận vì đã lỡ viết thư.

Mười giờ, mười một giờ, mười hai giờ. Chuông reo vang.

Mười hai giờ, tôi suýt đến nơi hẹn, như không có việc gì xảy ra cả. Rốt cuộc, tôi chẳng biết làm thế nào để thoát ra khỏi cái vòng sắt nó đang siết chặt người tôi.

Thế là tôi với sự mê tín của những người đang chờ đợi: nếu tôi ra đi chốc lát, đến lúc trở về tôi sẽ tìm được câu trả lời. Những câu trả lời, được chờ một cách bực bội, luôn luôn đến khi người ta không có ở nhà mình.

Tôi đi ra, với cái cớ đi ăn trưa.

Đáng lẽ ăn trưa tại tiệm cà phê Foa ở góc đại lộ theo thói quen, tôi lại đến ăn trưa tại Pale Roazal, và đi qua đường phố Antin. Mỗi lần, từ xa trông thấy một người đàn bà, tôi lại tưởng chính Nanin đem thư trả lời tôi. Tôi qua đường phố Antin. Không hề gặp một người chạy việc nào cả. Tôi đên Pale Roazal, vào phòng ăn. Một người bồi đem thức ăn lại, hay đúng hơn, anh ta dọn thứ gì tuỳ ý, bởi vì tôi không ăn.

Ngoài ý muốn, cặp mắt tôi cứ luôn luôn nhìn vào đồng hồ.

Tôi trở về, tin chắc rằng tôi sẽ nhận được thư của Macgơrit.

Người gác cổng không nhận được gì cả. Tôi lại hy vọng nơi người giúp việc. Người này trả lời không hề thấy người nào đến từ lúc tôi ra đi đến giờ.

Nếu Macgơrit trả lời tôi, nàng đã trả lời từ lâu rồi.

Thế là tôi bắt đầu hối tiếc về những lời lẽ trong thư của tôi. Đáng lẽ tôi phải im lặng hoàn toàn. Điều này, dĩ nhiên, có thể đem lại một sự lo lắng nào đó cho nàng. Bởi vì không thấy tôi đến nơi hẹn tối hôm trước, chắc nàng sẽ hỏi tôi lý do vắng mặt ấy, và chỉ đến lúc đó, tôi mới nên nói cho nàng biết những lý do. Bằng cách ấy, nàng không thể làm thế nào khác hơn là tự minh oan cho nàng. Và điều tôi muốn là chính nàng phải tự minh oan cho nàng. Tôi đã nhận thấy trước dù những lý lẽ mà nàng đưa ra để phân trần như thế nào đi nữa, tôi cũng sẽ tin vào chúng. Và thà rằng tôi sẽ chấp nhận tất cả, còn hơn không được gặp lại nàng nữa.

Tôi đi đến chỗ tin rằng chính nàng sẽ đến nhà tôi. Nhưng giờ khắc cứ trôi qua, và nàng không đến.

Dĩ nhiên, Macgơrit không giống như tất cả những người đàn bà khác. Bởi vì rất ít người nhận được một lá thư như tôi viết mà lại không trả lời một điểm nào cả.

Vào lúc năm giờ, tôi chạy đến Xăng Êlidê. Nếu tôi gặp nàng, tôi nghĩ, tôi sẽ tỏ ra lãnh đạm, và nàng sẽ tin chắc tôi không còn nghĩ đến nàng nữa.

Đến khúc quanh đường phố Roazal, tôi thấy nàng đi qua trên một cỗ xe, sự gặp gỡ quá đột ngột làm tôi tái người. Tôi không biết nàng thấy được nỗi xúc động của tôi không. Tôi quá bối rối, đến nỗi chỉ thấy cái xe nàng thôi.

Tôi tiếp tục đi dạo trong Xăng Êlidê. Tôi nhìn những quảng cáo của các rạp hát. Bởi vì tôi còn hy vọng gặp nàng.

Ở Pale Roazal có một cuộc trình diễn lần đầu tiên. Tất nhiên Macgơrit sẽ đến xem.

Tôi có mặt ở rạp hát lúc bảy giờ.

Tất cả các lô đều đông người. Nhưng Macgơrit không có mặt.

Thế là tôi rời khỏi Pale Roazal và đi đến tất cả các rạp hát mà nàng thường đến xem ở Vôđơvin, ở Variêtê, ở Ôpêra Cômic.

Không thấy nàng ở đâu cả.

Hoặc lá thư tôi đã làm cho nàng khổ tâm, đến nỗi nàng không đi xem hát nữa. Hoặc là nàng sợ phải gặp lại tôi và tránh một sự giải thích.

Đó là điều mà lòng kiêu hãnh của tôi đã gợi ra trong trí tôi, khi tôi đang đi trên đại lộ thì gặp Gatông. Anh ta hỏi tôi từ đâu đi đến.

-Từ Pale Roazal – tôi trả lời.

-Còn tôi từ rạp Ôpêra – anh ta nói – Tôi tưởng anh cũng ở đó chứ.

-Tại sao? Bởi vì Macgơrit ở đó.

-Nàng có ở đó?

-Vâng.

-Chỉ một mình?

-Không, với một bạn gái.

-Không còn ai nữa?

-Bá tước G… có vào lô nàng trong chốc lát. Nhưng nàng đã đi ra với ông quận công. Trong giây phút tôi chờ thấy anh xuất hiện ở đó. Bên cạnh tôi có một chỗ ngồi mà trong suốt buổi tối được bỏ trống. Tôi tin chắc là anh đã thuê.

-Nhưng tại sao Macgơrit đến đâu tôi phải đến đó?

-Bởi vì anh là tình nhân của nàng, trời ơi!

-Ai đã bảo anh điều đó?

-Pruđăng, tôi đã gặp cô ta ngày hôm qua. Tôi khen anh bạn đấy, anh bạn ạ. Đó là một tình nhân trẻ đẹp mà không phải ai muốn cũng được cả đâu. Hãy bám lấy. Cô ta sẽ là vinh dự cho anh đấy!

Cái suy nghĩ đơn giản của Gatông đã cho tôi thấy những ngờ vực của tôi thật là lố bịch.

Nếu tôi gặp anh ta đêm qua và nếu anh ta nói với tôi như thế, chắc chắn sáng nay tôi đã không viết lá thư ngu ngốc đó rồi.

Tôi muốn đến nhà Pruđăng và nhờ chị đến nói với Macgơrit là tôi muốn gặp nàng. Nhưng tôi sợ để trả thù lại nàng sẽ trả lời là không tiếp tôi. Thế là, tôi trở về nhà, sau khi đi qua đường phố Antin.

Một lần nữa, tôi phải hỏi người gác cổng có thư cho tôi không.

Không có gì cả.

Lúc đi nằm, tôi tự nhủ rằng có lẽ nàng muốn xem tôi sẽ làm gì thêm nữa, hay tôi sẽ rút lại lá thư hôm nay. Nhưng không thấy tôi viết gì thêm cho nàng, ngày mai nàng sẽ viết thư cho tôi.

Đêm hôm ấy, tôi vô cùng hối hận về việc tôi đã làm. Tôi ở nhà một mình, không ngủ được, dằn vặt vì những lo lắng và hờn ghen. Nếu để sự việc tiến triển theo con đường bình thường, tự nhiên của nó, tôi đã có thể đến bên Macgơrit,

nghe những lời êm ái mà tôi chỉ được nghe có hai lần, và giờ đây, trong cô đơn, chúng như làm cháy thân xác tôi.

Điều đáng sợ là trong lúc đó, tôi nhận ra tôi là kẻ có lỗi. Quả vậy, tất cả đều nói lên rằng Macgơrit yêu tôi. Trước tiên, cái dự định sẽ sống mùa hè chỉ với tôi tại thôn quê. Rồi đến một điều chắc chắn là không có gì phải bắt buộc nàng phải là tình nhân của tôi. Bởi vì tài sản của tôi không đủ cho những nhu cầu và ngay cả cho những chi phí bất thường của nàng. Vậy thì nàng chỉ có hy vọng tìm thấy nơi tôi một tình thương chân thành, có thể làm cho nàng được an ủi trong lúc nàng phải sống giữa tình yêu và tiền bạc. Thế mà chỉ đến ngày thứ hai, tôi đã phá vỡ hy vọng đó, tôi đã đền đáp lại bằng sự mỉa mai cay đắng cái tình yêu được chấp nhận trong hai đêm. Điều tôi làm không chỉ lố bịch mà còn bất nhã. Tôi trả tiền cho người đàn bà đó chưa, để được quyền chê trách cuộc sống của nàng? Rút lui từ sau ngày thứ hai, tôi có vẻ như một gã ăn bám tình yêu sợ người ta bắt trả tiền bữa ăn tối. Thế đấy! Tôi quen biết Macgơrit mới ba mươi sau giờ. Tôi là tình nhân của nàng mới hai mươi bốn giờ. Và tôi bắt đầu hờn dỗi ghen tuông. Đáng lẽ tôi phải cảm thấy qúa sung sướng khi được nàng san sẻ tình yêu cho tôi thì tôi lại muốn tất cả, và bắt nàng phải cắt đứt ngày tất cả những liên hệ trong quá khứ đồng thời cũng là nguồn lợi cho tương lai của nàng. Tôi có gì để trách cứ nàng? Không có gì cả. Nàng đã viết cho tôi là nàng bị ốm trong khi nàng có thể nói một cách trắng trợn, và sự thẳng thắn hì hợm của một số đàn bà, rằng nàng bận tiếp một tình nhân khác. Đáng lẽ phải tin ở thư nàng, đáng lẽ phải đi dạo trên tất cả đường phố Paris, trừ đường Antin, đáng lẽ phải đi dự dạ hội với những bạn hữu, và ngày mai đúng giờ đã hẹn, có mặt tại nhà nàng thì tôi lại bắt chước Ôtenlô. Tôi đi rình rập dò xét nàng. Tôi tin sẽ trừng phạt được nàng bằng cách không gặp nàng nữa. Nhưng nàng có thể sung sướng trước sự dứt khoát đó và có thể thấy tôi là đứa rất ngu ngốc. Sự im lặng của nàng, không phải là sự trả đũa, mà chính là sự khinh bỉ.

Đáng lẽ tôi phải đem lại cho Macgơrit một món qùa, để nàng không nghi ngờ gì về lòng độ lượng của tôi. Món quà này cho phép tôi xem nàng nhưng một cô gái giang hồ và có thể từ giã không nợ nần gì với nàng nữa. Nhưng tôi nghĩ, làm như thế tôi sẽ nhục mạ tình yêu, nếu không phải là tình yêu của nàng đối với tôi, thì ít ra nó cũng là tình yêu của tôi đối với nàng. Bởi vì, tình yêu đó rất trong sạch và không chấp nhận sự chia sẻ. Không thể trả giá bằng một món quà tặng dù quà tặng này có đáng giá gấp mấy đi nữa cái hạnh phúc mà người ta đã cho, dù cái hạnh phúc này ngắn ngủi mấy đi nữa.

Đó là những điêu tôi đã nghĩ suốt đêm. Mỗi giây mỗi phút trôi qua, tôi lại càng sẵn sàng để đến nói với Macgơrit điều ấy.

Trời đã sáng rồi. Tôi vẫn chưa ngủ. Tôi sốt. Tôi không thể nghĩ điều gì khác ngoài Macgơrit ra.

Như anh hiểu, phải đứng hẳn về một phía dứt khoát. Phải chấm dứt hoặc với người đàn bà này, hoặc với những băn khoăn của tôi, nếu nàng vẫn còn đồng ý tiếp tôi.

Nhưng người ta luôn luôn trì hoãn để chọn một thái độ dứt khoát. Không thể ở nhà được, cũng không dám đến Macgơrit. Tôi gắng tìm một phương cách để gặp nàng, phương cách mà lòng tự ái của tôi có thể cho rằng đó là sự ngẫu nhiên trong trường hợp thành công được.

Đã chín giờ, tôi chạy đến nhà Prudăng. Bà ta hỏi tôi lý do về cuộc viếng thăm vào sáng sớm đó.

Tôi không dám trả lời một cách thẳng thắn lý do tôi đến. Tôi trả lời rằng tôi đã đi ra phố sớm để giữ một chỗ ngồi trên chuyến xe về C… nơi cha tôi hiện ở.

-Anh sung sướng thật – bà ta nói – khi rời xa Paris, trong một buổi đẹp trời như hôm nay.

Tôi nhìn Prudăng, tự nhủ phải chăng bà ta đã chế nhạo tôi.

Nhưng vẻ mặt của Prudăng rất nghiêm trang.

-Anh sẽ đến chào Macgơrit chứ? – Bà ta nói tiếp với giọng nghiêm trang.

-Không.

-Anh làm thế là đúng.

-Chị cho là đúng?

-Dĩ nhiên. Bởi vì anh đã đoạn giao với nàng thì gặp lại ích gì?

-Vậy chị đã biết sự đổ vỡ giữa chúng tôi?

-Cô ta đã cho tôi xem lá thư của anh.

-Cô ấy nói gì với chị?

-Cô ta nói với tôi: "Chị Prudăng thân mến, người chị đỡ đầu không lịch sự. Người ta nghĩ những bức thư kiểu đó, nhưng không bao giờ người ta viết ra."

-Cô ta nói với giọng thế nào?

-Vừa cười, cô ta vừa nói thêm: "Anh ta ăn tối hai lần tại nhà tôi, và anh ta không hề nghĩ đến việc thăm tôi để đáp lễ."

Thế đó, hậu quả mà lá thư và sự ghen tuông của tôi đã mang lại. Tôi bị hạ nhục một cách tàn nhẫn, bởi sự kiêu ngạo trong tình yêu của mình.

-Chiều ngày qua, cô ta đã làm gì?

-Cô ta đi xem hát ở Ôpêra.

-Tôi biết điều đó. Và sau đó?

-Cô ta ăn tối ở nhà.

-Chỉ một mình?

-Với bá tước G… tôi nghĩ vậy.

Như vậy sự đoạn giao của tôi không thay đổi gì cả trong nếp sống của Macgơrit.

Chính trong những trường hợp ấy, một số người có thể bảo bạn: "Không nên nghĩ đến người đàn bà đó nữa. Người ta không yêu anh đâu."

Tôi gượng cười và nói với Prưđăng.

-Tôi rất bằng lòng khi được biết Macgơrit không buồn bã gì cả về chuyện tôi.

-Và nàng rất có lý. Anh đã làm điều anh phải làm. Anh đã có lý hơn cô ta. Bởi vì người con gái đó yêu anh. Cô ta chỉ nói chuyện về anh, và rất có thể sẽ phạm một điều điên rồ nào đó.

-Cô ta yêu tôi? Vậy thì sao cô ta không trả lời thư tôi?

-Bởi vì cô ta hiểu rằng cô ta sai lầm vì đã yêu anh. Hơn nữa, những người đàn bà, đôi khi cho phép người ta gạt gẫm tình yêu, nhưng không bao giờ cho phép người ta làm thương tổn lòng tự ái của họ. Và người ta sẽ làm tổn thương lòng tự ái của một người đàn bà, nếu sau hai ngày được làm tình nhân lại giã từ, dù với lý do nào được đưa ra để biện hộ cho sự đoạn giao đó. Tôi hiểu Macgơrit, cô ta có thể chết, còn hơn phải trả lời thư anh.

-Thế thì bây giờ tôi phải làm gì?

-Không cần làm gì cả. Cô ta sẽ quên anh. Anh sẽ quên cô ta. Các bạn sẽ không có gì để oán trách nhau cả.

-Nhưng nếu tôi viết thư để xin nàng tha lỗi cho?

-Anh hãy xem lại kỹ. Có thể cô ta sẽ tha lỗi cho anh.

Tôi gần như muốn nhảy lên ôm hôn Prưđăng.

Mười lăm phút sau, tôi đã về đến nhà và tôi viết thư cho Macgơrit.

"Có người hối hận vì một lá thư đã viết ngày qua. Ngày mai, người ấy sẽ bỏ đi, nếu cô không tha lỗi cho hắn. Và giờ đây, người ấy muốn được biết bao giờ người ấy có thể đến đặt sự hối lỗi dưới chân cô.

Khi nào người ấy có thể gặp cô, chỉ một mình cô thôi? Bởi vì cô biết, những lời thú tội cần được đưa ra không người chứng kiến."

Tôi xếp bài văn xuôi ấy lại và bảo Jôdép mang đến trao cho Macgơrit. Macgơrit cho biết nàng sẽ trả lời thư ấy sau.

Tôi chỉ ra đi khỏi nhà một chút để ăn chiều. Mãi đến khoảng mười một giờ đêm, tôi vẫn chưa nhận được thư trả lời.

Thế là tôi quyết định không kéo dài sự đau khổ nữa và ngày hôm sau sẽ lên đường.

Biết chăng nếu đi nằm cũng không ngủ được, tôi bắt đầu sửa soạn hành lý.

§15

Đã gần một giờ rồi, Jôdép và tôi đang sửa soạn cho mọi việc cho chuyến đi thì có người gọi chuông dữ dội trước cửa.

-Có mở cửa không? – Jôdép hỏi tôi.

-Cứ mở cửa đi – tôi bảo, và tự hỏi không biết ai giờ này còn đến nhà tôi. Tôi không dám tin đó là Macgơrit.

-Thưa ông – Jôdép vừa vào vừa nói – có hai người đàn bà.

-Chúng tôi đây, Acmân – một giọng nói vang lên và tôi hiểu ngay đó là tiếng Pruđăng.

Tôi bước ra khỏi phòng.

Pruđăng đang đứng nhìn những đồ vật trong phòng khách. Macgơrit ngồi trên ghế dài trầm tư.

Tôi bước vào, đi đến bên nàng. Tôi quỳ xuống. Tôi cầm lấy hai bàn tay nàng và rất xúc động: "Tha lỗi cho anh!"

Nàng ôm hôn lên trán tôi, nói: -Thế là đã ba lần em tha lỗi cho anh.

-Anh đang chuẩn bị sáng mai đi.

-Thế thì cuộc viếng thăm của em có thể thay đổi quyết định của anh chăng? Em đến đây không phải để ngăn cản không cho anh rời Paris. Em đến đây, bởi vì suốt ngày em không có thì giờ trả lời anh. Và em không muốn để anh nghĩ rằng em đã giận anh. Chị Pruđăng không muốn em đến. Có thể em sẽ phá rối anh.

-Em phá rối anh ư, Macgơrit? Bằng cách nào?

-Ôi trời! Anh có thể có một người đàn bà trong nhà – Pruđăng đáp- nếu hai người khác đến nữa thì chắc làm phiền.

Trong lúc Pruđăng nhận xét như thế, Macgơrit nhìn tôi một cách chăm chú.

-Chị Pruđăng thân mến – tôi đáp – chị không hiểu chị vừa nói gì sao?

-Căn phòng này trông xinh lắm – Pruđăng nói – Thế người ta có thể xem phòng ngủ được không?

-Được chứ!

Pruđăng đi vào phòng ngủ của tôi. Không phải để thăm phòng, nhưng để xoá bỏ cái dại dột chị vừa nói ra. Và để chúng tôi lại một mình, tôi và Macgơrit.

-Tại sao em lại đem Pruđăng đến đây? – tôi hỏi.

-Bởi vì chị ta cùng đi xem hát với em, và để lúc ra về có người đi với em.

-Chẳng phải đã có anh rồi đó sao?

-Vâng, nhưng em không muốn quấy rầy anh, hơn nữa em tin chắc khi đưa đến cửa nhà em, anh sẽ xin lên nhà. Và vì em không thể chấp nhận điều đó được, em không muốn anh sẽ bỏ đi với cái quyền được bắt lỗi em vì đã từ chối.

-Nhưng tại sao em không thể tiếp anh được?

-Bởi vì em được canh giữ rất kỹ, và chỉ một chút nghi ngờ nào đó cũng đủ làm hại cho em rất lớn.

-Đó có phải là lý do độc nhất không?

-Nếu còn lý do nào khác, em sẽ cho anh biết. Chúng ta sẽ không còn những bí mật riêng tư của anh hay của em nữa.

-Thế thì Macgơrit ạ, anh không muốn quanh co nhiều, anh muốn nói thẳng với em. Em có yêu anh chút nào không?

-Rất nhiều.

-Thế thì, tại sao em lừa dối anh?

-Anh bạn thân mến ơi! Nếu em là bà quận công này hay bà quận công nọ, nếu em có hai trăm ngàn frăng lợi tức, em là tình nhân của anh mà còn có một tình nhân khác, lúc bấy giờ anh có quyền hỏi em tại sao em lừa dối anh. Nhưng em là Macgơrit Gôchiê, em có bốn mươi ngàn frăng tiền nợ, không có một đồng xu tài sản nào cả. Và em phải chi tiêu mỗi năm một trăm ngàn frăng. Câu hỏi của anh trở nên thừa và câu trả lời của em trở nên vô ích.

-Đúng thế – tôi vừa đáp vừa ngả đầu lên gối Macgơrit – nhưng anh yêu em như một thằng điên.

-Thế thì anh bạn thân mến ơi! Anh cần yêu em ít hơn một tí, hiểu em nhiều hơn phần nào. Lá thư của anh làm em khổ tâm rất nhiều. Nếu em có tự do, trước tiên là ngày hôm đó, em không tiếp ông bá tước hay sau khi đã tiếp ông ta, em sẽ đến xin lỗi anh, như anh lúc nãy. Và sau này, em sẽ không có một tình nhân nào khác ngoài anh. Có lúc em tin, em có thể tự cho em cái hạnh phúc đó trong sáu tháng. Anh lại không muốn điều đó. Anh muốn biết cho được những phương tiện. Ôi! Chúa ơi! Những phương tiện, điều đó đoán ra rất dễ. Đó là một sự lớn hơn anh có thể tượng mà em phải chịu đựng để sử dụng những phương tiện này. Em có thể nói với anh: "Em cần hai mươi ngàn frăng" không? Anh đã si mê em. Anh có thể tìm ra được, bất chấp sau này anh có trách cứ em. Nhưng em không muốn phải nợ anh cái gì cả. Anh không hiểu sự tế nhị đó. Mà đó là một sự tế nhị. Chúng em đây, khi chúng em còn chút ít tâm hồn, chúng em sẽ đặt cho những lời nói và sự vật một ý nghĩa, mà những người đàn bà khác không biết được. Như vậy, em lặp lại với anh rằng về phần Macgơrit Gôchiê, cái phương tiện mà nàng tìm ra để trả những món nợ, không phải đòi hỏi đến tiền bạc của anh, là một sự tế nhị mà anh phải chấp nhận, không được nói năng gì cả. Nếu anh chỉ mới biết em ngày hôm nay, anh phải sung sướng vì điều em đã hứa hẹn với anh, và anh không nên hỏi gì về công việc mà em đã làm ngày hôm kia. Thỉnh thoảng chúng ta phải mua cho kỳ được sự thoả mãn của tâm hồn, dựa vào những hy sinh của thể xác chúng ta; và chúng ta càng đau khổ hơn sau đó, khi sự thoả mãn vượt khỏi tầm tay mình.

Tôi lắng nghe, và tôi nhìn Macgơrit với sự thán phục. Con người kỳ diệu ấy, trước đây tôi ao ước được hôn chân nàng, nay lại bằng lòng để tôi đi vào tâm tưởng và dành cho tôi một vai trò trong đời sống của nàng. Vậy mà tôi vẫn chưa bằng lòng những điều nàng đã cho. Tôi tự hỏi, lòng ham muốn ở đàn ông có giới hạn chăng, khi cứ được thoả mãn nhanh chóng như tôi đã được thoả mãn, thì nói lại đòi hỏi những điều khác.

Nàng nói tiếp: -Đúng vậy, chúng em đây, những sinh vật của ngẫu nhiên, chúng em có những dục vọng quái dị và những tình yêu không tưởng nổi. Chúng em tự cho chúng em, khi là sinh vật này, khi là vật khác. Có những kẻ đã bị phá sản và sẽ không nhận được gì hơn ở chúng em cả. Có những kẻ khác đã chinh phục được chúng em chỉ bằng một bó hoa. Quả tim chúng em có nhiều cái bất thường: đó là sự giải trí độc nhất và cũng là sự tha thứ độc nhất. Em đã hiến dâng cho anh mau hơn đối với bất cứ một ai. Em xin thề với anh. Tại sao? Bởi vì khi thấy em khạc ra máu, anh đã cầm tay em. Bởi vì anh đã khóc. Bởi vì anh là con người duy nhất thật sự lo lắng cho em. Em sẽ kể cho anh nghe một câu chuyện điên rồ. Ngày xưa, em có một con chó nhỏ. Nó nhìn em với một vẻ buồn bã mỗi khi em ho. Đó là một con vật độc nhất mà em yêu qúy.

Khi nó chết, em khóc nó có lẽ nhiều hơn cái chết của mẹ em. Quả thật, mẹ em đã đánh đập em suốt hai năm trong cuộc đời của em. Như thế, em đã yêu anh tức khắc, cũng như em đã yêu con chó của em vậy. Nếu người ta biết, họ có hể có được gì với giá một giọt lệ, họ sẽ được yêu quý hơn, và chúng em sẽ ít bị phá hoại hơn.

Lá thư của anh đã phản anh. Nó bộc lộ cho em biết, anh không có tất cả sự thông minh, tế nhị của con tim. Lá thư này đã làm hại anh nhiều trong tình yêu của em đối với anh hơn bất cứ điều gì anh có thể làm. Đó chính là sự ghen tuông, đúng thế, nhưng là sự ghen tuông mỉa mai xấc xược. Khi nhận được thư anh, em đã buồn. Em tình gặp anh vào buổi trưa, ăn trưa với anh. Cuối cùng, nhờ sự gặp gỡ đó mà xoá sạch một tư tưởng đang luôn luôn ám ảnh em.

Macgơrit nói tiếp: -Lại còn điều này nữa, anh là con người duy nhất mà em hiểu ngay là em có thể suy nghĩ, nói năng một cách tự do trước mặt anh. Tất cả những người vây chung quanh những cô gái như em đều có cái thích thú dò xét từng lời nói nhỏ nhặt, rút ra những kết luận từ những cử chỉ không ý nghĩa gì. Đương nhiên, chúng em không có bạn hữu. Chúng em có những tình nhân ích kỷ. Họ vung phí tài sản của họ, không phải do chúng em như họ nói mà do tính hênh hoang của chính họ.

Đối với những con người như thế, chúng em phải vui lên, khi họ vui, ăn khoẻ lên khi họ muốn ăn với chúng em. Chúng em không được phép có một trái tim, nếu cưỡng lại, chúng em sẽ bị chế giễu và bị suy sụp lòng tin cậy.

Chúng em không còn là chúng em nữa. Chúng em không phải con người mà là những đồ vật. Chúng em là những con người đứng đầu tiên trong lòng tự ái của họ, là những người đứng sau cùng trong sự qúy mến của họ. Chúng em có những bạn gái như Pruđăng vậy. Những người đàn bà trước chuyên nghiệp kỹ nữ, ngày này vẫn thích được xài phí, nhưng tuổi tác của họ không cho phép nữa. Thế là họ trở thành những người bạn của chúng em, hay đúng hơn, những người cùng bàn ăn với chúng em. Tình bạn của họ đi đến chỗ nô dịch và chẳng bao giờ không vụ lợi. Chúng em có thêm mười tình nhân nữa cũng chẳng quan trọng gì đối với những người đàn bà ấy; miễn sao họ có thêm những chiếc áo dài hay một vòng đeo tay, và thỉnh thoảng họ có thể đi dạo trong những chiếc xe của chúng em, có thể đến ngồi trong lô của chúng em ở rạp hát. Họ nhận lại những bó hoa ngày hôm qua của chúng em và họ mượn chúng em những chiếc áo casomia. Không bao giờ giúp chúng em một công việc nào, dù nhỏ đến mấy mà họ không đòi hỏi được trả công gấp hai. Chính mắt anh đã thấy buổi chiều Pruđăng đem về cho em sáu ngàn frăng mà em đã yêu cầu chị ta đến hỏi nơi ông quận công. Chị ta mượn lại năm trăm frăng để chẳng bao giờ trả lại hay sẽ trả bằng những cái mũ chẳng bao giờ em dùng đến, thế thôi.

Như vậy, chúng em không thể, hay đúng hơn em – một người hay buồn và luôn bệnh hoạn – chỉ có thể có một hạnh phúc, đó là tìm một người đàn ông khá cao thượng để đừng tra hỏi em về trách nhiệm đối với cuộc đời em, và trở thành người tình của tâm hồn hơn là của thân thể em. Con người đó, em đã tìm thấy nơi quận công. Nhưng ông quận công đã già, và tuổi già không che chở được ai, không an ủi được ai. Em muốn tin rằng mình có thể chấp nhận cuộc đời mà ông ta tạo nên cho em. Nhưng anh nghĩ thế nào? Em chết dần vì buồn chán để tự thiêu rụi đi sao? Thế thì thà nhảy vào đám lửa đang bùng cháy còn hơn là phải chết ngạt dần mòn trong than hồng.

Thế là em gặp ông. Anh trẻ trung, hăng hái, sung sướng. Em cố gắng tạo anh thành con người mà em đã gọi tên giữa nỗi cô đơn náo nhiệt của đời em. Em yêu anh, không phải yêu con người anh như hiện nay, mà là con người như người ta ước muốn. Anh không chấp nhận vai trò ấy. Anh đã vứt vai trò ấy, xem như không xứng đáng với anh. Anh là một người tình nhân tầm thường. Hãy làm như những người khác vậy: Hãy trả tiền công cho em; và chúng ta đừng nói gì nữa.

Sau những lời thú nhận dài đó, Macgơrit mệt mỏi ngả người vào chiếc ghế dài và đưa chiếc khăn lên môi để làm giảm một cơn ho nhẹ.

-Xin Lỗi – tôi nói nho nhỏ – Anh đã hiểu tất cả điều đó. Nhưng anh muốn được nghe em nói, Macgơrit yêu quí. Chúng ta hãy quên những gì còn lại và chúng ta chỉ cần nhớ một điều: Chúng ta còn trẻ và chúng ta yêu nhau. Macgơrit, em hãy xử dụng anh tùy theo ý em muốn. Anh là nô lệ của em, là con chó nhỏ

của em. Nhưng nhân danh Thượng đế, em hãy xé lá thư của anh và đừng để anh ra đi vào ngày mai, anh sẽ chết mất.

Macgơrit rút lá thư của tôi từ phía trên áo ra đưa lại cho tôi và nói vơi nụ cười hiền lành không bao giờ tôi quên được: -Anh cầm lấy đi, em đem lại cho anh đây.

Tôi xé lá thư đó và ứa nước mắt cúi hôn bàn tay đã trả lại lá thư cho tôi.

Vừa lúc đó, prưđăng lại xuất hiện.

-Chị prưđăng, chị biết anh ấy yêu cầu gì không?

-Macgớit nói

-Anh ta yêu cầu cô thứ lỗi.

-Đúng thế.

-Và cô đã tha lỗi cho anh ta?

-Phải thứ chứ sao. Nhưng anh ấy còn muốn cái khác nữa?

-Cái gì vậy?

-Anh ấy muốn đến ăn tối với chúng ta.

-Và cô bằng lòng chứ?

-Chị nghĩ thê nào?

-Tôi nghĩ đây là hai đứa trẻ thơ, đứa nào cũng như đứa kia, đều không có đầu óc cả. Nhưng tôi cũng nghĩ, tôi đang rất đói bụng. Và cô chấp nhận càng sớm, chúng ta càng có thể ăn sớm hơn.

-Thôi, chung ta đi!– Macgơrit nói – Ba chúng ta hãy lên xe. À, – Cô nói tiếp và quay sang phía tôi- Nanin chắc ngủ rồi. Anh sẽ mở cửa. Hãy cầm chìa khoá của em và cố gắng đừng làm mất nữa nhé.

Tôi ôm hôn Macgơrit đến ngạt thở.

Jôdép bước vào: -Thưa ông – anh ta nói với vẻ đầy thoả mãn – hành lý đã sắp xếp xong rồi.

-Hoàn toàn xong?

-Vâng, thưa ông.

-Thế thì được. Hãy mở ra lại. Tôi không đi nữa.

§16

Tôi có thể – Acmân nói – kể lại cho anh nghe chỉ trong vài dòng câu buổi đầu dan díu đó. Nhưng tôi muốn anh thấy được rõ ràng, do những biến cố nào, và từng nấc bậc ra sao, chúng tôi đã đi đến đó. Tôi chấp nhận tất cả những gì Macgơrit muốn, và Macgơrit chỉ có thể sống với tôi mà thôi.

Chính ngày hôm sau, tiếp theo buổi chiều đến thăm, tôi gửi nàng cuốn Manông Lexcô.

Kể từ giây phút ấy, bởi vì tôi không thể thay đổi nếp sống của tình nhân tôi nên tôi phải thay đổi nếp sống của mình. Tôi muốn trước hết đừng để trí óc có thì giờ suy nghĩ về vai trò mình chấp nhận. Bởi vì, ngoài ý muốn, tôi cảm thấy rất buồn. Cuộc đời tôi, thường ngày rất bình thản, đột nhiên mang vẻ ồn ào và lộn xộn. Anh hiểu, dù không vụ lợi đến đâu, tình yêu của một cô gái giang hồ không phải không làm ta hao tổn gì cả. Không có gì đắt tiền: những chi phí bất thường về hoa, về những lô hát, những bữa ăn tối, những buổi đi chơi ở đồng quê mà người ta không bao giờ có thể nào từ chối đối với một tình nhân.

Như tôi đã nói với bạn, tôi không có tài sản. Cha tôi làm tổng đốc thuế vụ ở C… Ông nổi tiếng là trung trực. Nhờ thế, ông đã tìm ra số tiền ký gửi cần thiết để được đảm nhận chức vụ. Mỗi năm, ông nhận được bốn mươi ngàn frăng và như thế sau mười năm. Ông đã hoàn lại được tiền vay mượn để ký gửi. Và đã lo dành dụm món của hồi môn cho em gái tôi. Cha tôi là con người đáng kính nhất mà chúng tôi có thể tìm thấy. Mẹ tôi lúc chết, để lại sáu ngàn frăng lợi tức. Cha tôi đã đem chia cho tôi và em gái tôi, ngày ông nhận được chức vụ. Rồi khi tôi được hai mươi mốt tuổi, ông đem nhập vào số tiền lời nhỏ ấy một trợ cấp hàng năm là năm ngàn frăng và tin chắc với tám ngàn frăng đó, tôi có thể sống sung sướng ở Paris, nếu bên cạnh tiền lời ấy, tôi biết tạo cho mình một địa vị trong toà án hay trong nghành y. Như thế, tôi đến Paris học luật và đã thành luật sư. Rồi cũng như đa số thanh niên khác, tôi cất bằng vào túi và theo đòi nếp sống nhàn rỗi ở Paris. Những chi tiêu của tôi rất khiêm tốn. Tôi tiêu trong tám tháng hết sạch tiền lời của tôi trong suốt một năm. Bốn tháng mùa hè còn lại, tôi trở về ở với cha tôi. Nói tóm lại, tôi đã tiêu khoảng mười hai ngàn frăng tiền lời. Và tôi được tiếng là một đứa con tốt. Vả chăng, tôi không mắc nợ một xu nào.

Đó là hoàn cảnh của tôi, ngày tôi bắt đầu quen với Macgơrit.

Bạn hiểu cho, ngoài ý muốn, chi tiêu hàng ngày của tôi cứ lên dần. Macgơrit, bản tính rất bất thương và thuộc vào hạng những người đàn bà không bao giờ chịu nhìn nhận rằng hàng ngàn cuộc giải trí kết hợp thành cuộc đời họ, đã tạo nên một chi phí lớn lao đáng kể. Hậu quả, vì muốn được gần tôi, trong một thời gian dài, buổi sáng cô viết thư cho tôi rằng sẽ ăn chiều với tôi, không phải tại nhà cô,

mà tại một khách sạn, hoặc ở Paris, hoặc ở thôn quê. Tôi đến đưa nàng đi. Chúng tôi đi ăn chiều, đi xem hát. Chúng tôi cũng thường ăn tối. Tính ra, tôi đã tiêu mỗi buổi chiều hết bốn hay năm đồng vàng. Nghĩa là khoảng hai ngàn rưỡi hay ba ngàn frăng mỗi tháng. Thế có nghĩa là số tiền để sống một năm, tôi chỉ tiêu trong ba tháng rưỡi. Và điều này bắt buộc tôi, hoặc phải đi vay nợ, hoặc phải giã từ Macgơrit.

Thế nhưng, tôi đã chấp nhận tất cả, trừ giải pháp cuối cùng.

Bạn tha lỗi cho, nếu tôi đưa ra đây tất cả những chi tiết đó. Nhưng bạn sẽ thấy, những chi tiết đó là do nguyên nhân của những biến cố sẽ đến sau này. Điều tôi kể với bạn là một chuyện có thật, đơn giản, và tôi cũng để nguyên tính ngây thơ của những chi tiết, tính giản dị ở những diễn biến của nó.

Như vậy tôi hiểu, không một cái gì có thể làm tôi quên được tình nhân của tôi, và tôi phải tìm cho kỳ được một phương tiện để cung cấp những chi tiêu mà nàng đã tạo cho tôi. Thế là mối tình đó đã đảo lộn tôi, đên nỗi những giây phút tôi sống xa Macgơrit đã thành những năm tháng dài, và tôi cảm thấy cần phải đốt cháy những giây phút đó, một cách hết sức gấp rút, để không nhận ra rằng, tôi đã sống những giây phút đó.

Tôi bắt đầu vay mượn, năm hay sáu ngàn frăng trong số vốn nhỏ của tôi. Tôi bắt đầu cờ bạc. Bởi vì từ ngày người ta giải tán những sòng bạc cố định, thì thiên hạ đánh bạc khắp nơi. Ngày trước, khi người ta vào Fratcati, người ta hy vọng làm giàu ở đó: người ta cờ bạc để kiếm tiền, và nếu thua thì tự an ủi có rằng lúc có thể ăn được. Nhưng bây giờ, trừ những sòng thực thụ còn có một sự nghiêm khắc nào đó để sòng phẳng, người ta gần như chắc chắn rằng khi ăn được một số tiền lớn, sẽ không thể nhận được số tiền đó. Thiên hạ hiểu dễ dàng tại sao.

Cờ bạc chỉ diễn ra giữa những thanh niên rất cần tiền bạc và không đủ tài sản cần thiết để sống cuộc đời họ đang sống. Vì thế họ đánh bạc và hậu quả đương nhiên là: hoặc họ ăn, thế là những người thua đã giúp họ trả tiền thuê ngựa, tiền chu cấp cho những tình nhân của họ, điều này quả thật là rất khó coi; hoặc họ thua, thế là nợ nần dồn dập. Những sự giao thiệp bắt đầu quanh tấm thảm xanh kết thúc bằng những cuộc cãi cọ, trong đó danh dự và mạng sống luôn bị xâu xé ít nhiều. Và khi người ta là một con người lương thiện, không có tội lỗi nào khác ngoài cái tội không có hai trăm ngàn frăng lợi tức.

Tôi không nói đên những kẻ trộm cắp trong các sòng bạc. Một ngày nào đó, người ta sẽ được tin chúng phải ra đi, hay phải nhận một sự trừng phạt.

Như thế là tôi lăn xả vào cái cuộc sống quay cuồng, náo nhiệt, nảy lửa như hoả diệm sơn mà trước kia tôi sợ hãi mỗi khi nghĩ đến. Ngày nay, đối với tôi, nó đã thành sự bổ túc không thể thiếu được cho tình yêu của tôi đối với Macgơrit. Bạn nghĩ, tôi phải làm gì bây giờ?

Những đêm không ngủ ở đường Antin, nếu phải ngủ ở nhà, tôi sẽ không bao giờ ngủ được. Lòng ghen tuông bắt tôi phải thức suốt đêm, đốt cháy tư tưởng tôi, máu tôi. Khi đi đánh bạc, cờ bạc làm tôi quên được trong giây phút cuồng nhiệt xâm chiếm tim tôi và dẫn nó đến một sự say đắm mà lợi ích đã bám chặt lấy tôi ngoài ý muốn, mãi cho đến lúc chuông đồng hồ đổ, lúc mà tôi phải trở về bên cạnh tình nhân của tôi. Chính như thế đó, tôi hiểu được cái dữ dội trong tình yêu của tôi. Ăn hay thua, tôi cũng từ giã không thương tiếc sòng bạc, đồng thời lại thương hại những người còn ngồi lại đó. Vì họ sẽ không được cái hạnh phúc như tôi khi ra khỏi sòng bạc.

Đối với nhiều người, bài bạc là một nhu cầu. Đối với tôi, đó là một phương thuốc.

Khi nào không yêu Macgơrit nữa, khi ấy tôi cũng sẽ không còn mê cờ bạc nữa.

Vì thế, giữa tất cả những sự kiện đó, tôi vẫn giữ được một sự tỉnh táo khá hơn. Tôi chỉ thua cái gì tôi có thể trả được và tôi chỉ ăn cái gì tôi có thể thua được.

Vả chăng, sự may mắn ưu đãi tôi. Tôi không thiếu nợ, và tôi chỉ tiêu gấp ba lần số tiền khi tôi chưa đánh bạc. Không dễ gì cưỡng lại được một cuộc sống đã cho phép tôi được thoả mãn hàng ngàn bất thường của Macgơrit mà không làm tôi lận đận túng thiếu. Còn nàng, vẫn luôn luôn yêu tôi, có thể yêu nhiều hơn nữa.

Như tôi đã nói với bạn, lúc đầu tôi chỉ được tiếp từ khuya cho đến sáu giờ sáng. Rồi thỉnh thoảng, tôi được chấp nhận vào trong những lô xem hát. Thỉnh thoảng nàng lại đến ăn chiều với tôi. Có hôm, tôi rời nhà nàng ra đi lúc tám giờ sáng, có hôm tôi ở lại mãi cho đến trưa.

Trong lúc chờ đợi một biến dạng về tinh thần, một đổi dạng về thể chất đã bắt đầu thấy nơi Macgơrit. Tôi đã bắt đầu chăm sóc, giúp nàng lành bệnh. Và cô gái đáng thương đó, đoán được mục đích của tôi, đã vâng chiều theo ý tôi để tỏ lòng biết ơn. Tôi đã nhẹ nhàng, không va chạm, không khó khăn, đưa nàng thoát khỏi gần hết những thói quen cũ. Tôi đưa nàng đến gặp người thầy thuốc của tôi. Ông ta cho biết, chỉ có sự nghỉ ngơi yên tĩnh mới có thể bảo vệ được sức khoẻ cho nàng. Macgơrit, ngoài ý muốn, đã quen dần với nếp sống mới mà nàng đã cảm thấy có hiệu quả tốt đẹp. Nàng bắt đầu một vài đêm chịu sống ở nhà. Hoặc khi nào trời tối, Macgơrit choàng mình trong chiếc casơmia, phủ một tấm voan mỏng, và chúng tôi cùng đi bộ như hai đứa trẻ suốt cả buổi chiều trên những con đường nhỏ có bóng râm ở Xăng Êlidê. Nàng trở về nhà hơi mệt mỏi, dùng bữa tối nhẹ rồi đi nằm, sau khi đã chơi một vài bản nhạc hay đọc ít trang sách, điều mà trước đây nàng chưa bao giờ làm. Những tiếng ho mỗi khi nghe như xé lồng ngực tôi dần dần biến đi hết.

Được sáu tuần, vấn đề ông bá tước xem như đã dứt khoát: ông ta đã bị hy sinh hoàn toàn. Chỉ có ông quận công còn buộc tôi phải giấu những liên hệ với Macgơrit. Nên nói thêm, thường thường ông quận công cũng bị từ chối, lúc tôi có mặt tại nhà nàng. Người nhà lấy cớ nàng đang ngủ cấm không cho người ta đánh thức.

Rốt cuộc, do thói quen và ngày cả nhu cầu của Macgơrit muốn gặp tôi luôn, đã đưa tôi đến chỗ từ giã sòng bạc đúng lúc mà một người chơi rành nghề phải từ giã. Tính toán lại với những số tiền ăn được, tôi đã có được khoảng mười ngàn frăng. Số tiền này, đối với tôi, như một cái vốn để chi tiêu mãi.

Đến thời điểm tôi vẫn thường về thăm cha và em gái tôi, tôi không về. Vì thế, tôi đã nhận được những bức thư của cha và em tôi nhắc nhở và yêu cầu tôi nên về thăm nhà.

Để đáp lại những yêu cầu đó, tôi cố gắng trả lời cho êm chuyện, luôn luôn lặp đi lặp lại rằng tôi khoẻ mạnh, tôi không cần tiền. Hai điều mà tôi tin sẽ an ủi được cha tôi về sự chậm trễ viếng thăm hàng năm của tôi.

Một ngày kia, trời vừa sáng, Macgơrit thức dậy dưới ánh mặt trời rực rỡ, nhảy xuống giường và hỏi tôi có đồng ý đưa nàng về thôn quê suốt ngày không.

Nàng cho tìm Pruđăng. Ba chúng tôi cùng đi, sau khi Macgơrit đã căn dặn Nanin nói với ông quận công biết rằng nàng cần đi chơi ngày hôm nay và đã về nông thôn với và Đuvecnoa.

Ngoài việc sự có mặt của Đuvecnoa là cần thiết để làm yên tâm ông quận công già, Pruđăng còn là một người đàn bà gần như để dành cho những cuộc đi du ngoạn ở nông thôn. Với tính luôn luôn vui vẻ và ăn uống bao giờ cũng ngon lành, chị này đã đem lại niềm vui cho những người cùng đi. Hơn nữa, chị ta rất rành trong việc lựa chọn trứng, sữa, trái xơri, thịt thỏ nấu xốt, nói chung tất cả những gì cần cho một bữa ăn trưa ở vùng phụ cận Paris.

Bây giờ, chỉ cần biết chúng tôi phải đi đâu.

Lại cũng chính Pruđăng giải quyết những bối rối của chúng tôi.

-Có phải các bạn muốn đi đến đồng quê thực sự không? – Chị ta hỏi.

-Đúng thế.

-Thế thì chúng ta đến Bugival ở Poan đuy Rua, nơi có quán goá phụ Acnul. Acmân, anh hãy đi thuê một chiếc xe.

Một giờ rưỡi sau, chúng tôi đã tới nhà goá phụ Acnul. Các ngày trong tuần và là nơi ăn nhậu của ngày chủ nhật. Từ một khu vườn cao ngang tầng lầu thứ nhất một ngôi nhà bình thường, người ta khám phá được một cảnh trí thật sự huy hoàng. Phía trái, cái cổng Macti dừng lại ở cuối chân trời; phía mặt, cái nhìn trải rộng trên những ngọn đồi trùng điệp. Và con sông nhỏ – gần như không chuyển động trong vùng này – giống hình một dải lụa trắng dài, rộng chập chờn gợn

sóng giữa cánh đồng Gabillông và đảo Croaxi, được ru ngủ vĩnh viễn trong tiếng run rẩy của những cây bạch dương cao lớn và lời thì thầm của những cây liễu.

Xa xa trong ánh sáng mặt trời, nổi lên những ngôi nhà nhỏ màu trắng, ngói đỏ và những công xưởng – vì ở xa nên đã mất đi cái tính chất cứng rắn và thương mại – đã hoàn thành bức tranh phong cảnh ấy một cách tuyệt vời.

Nơi tận cùng là Paris chìm trong sương mù.

Như Prưđăng đã nói với chúng tôi, đây là một vùng nông thôn thực sự. Và tôi cũng phải nói, bữa ăn trưa hôm đó là một bữa ăn trưa thực sự.

Không phải vì lòng biết ơn đối với hạnh phúc tôi đã hưởng được mà tôi đã nói tất cả những điều đó. Nhưng Bugival, mặc cho cái tên khó nghe, thật sự là một vùng xinh đẹp trong những vùng xinh đẹp nhất mà con người có thể tưởng tượng. Tôi đã đi du lịch nhiều nơi, tôi đã thấy những vùng danh tiếng, nhưng không có vùng nào duyên dáng hơn cái làng bé nhỏ vui tươi trải rộng dưới chân ngọn đồi đang che chở nơi này.

Bà Acnul mời chúng tôi đi chơi thuyền. Macgơrit và Prưđăng vui vẻ nhận lời.

Người ta luôn luôn gắn liền nông thông với tình yêu, và người ta đã có lý. Không có gì làm nổi bật người đàn bà ta yêu bằng khung cảnh bầu trời xanh, hương thơm, những bông hoa, những làn gió nhẹ, sự cô quạnh rực rỡ của những cánh đồng và những khu rừng. Dù người ta yêu người đàn bà mãnh liệt đến mức nào, dù người ta đã đặt niềm tin người đàn bà đến chừng nào, dù với sự vững chắc nào mà quá khứ người đàn bà đã cho phép đặt ra cho tương lai, người ta vẫn luôn luôn có chút nhiều ghen tuông. Nếu bạn đã có lần yêu, yêu một cách nghiêm chỉnh, chắc bạn phải cảm thấy cái nhu cầu tách rời người mình yêu ra khỏi thế giới chung quanh và chỉ muốn có một mình bạn trọn vẹn trong cuộc sống của nàng. Hình như, dù người đàn bà có hờ hững thế nào đối với môi trường chung quanh thì cũng vẫn mất đi phần nào hương thơm và sự thuần khiết khi va chạm với những con người và những đồ đạc.

Tôi cảm thấy điều đó rõ ràng hơn bất cứ người nào. Tình yêu của tôi không phải là một tình yêu bình thường. Tôi yêu với tất cả sự cuồng nhiệt của một con người bình thường, nhưng người tôi yêu lại là Macgơrit. Nghĩa là ở Paris, mỗi bước tôi có thể chạm trán một người đàn ông trước kia từng là tình nhân hoặc mai đây sẽ là tình nhân của người đàn bà đó. Còn như ở nông thôn, giữa những con người chúng tôi không bao giờ gặp, và họ cũng chẳng để ý đến chúng tôi, giữa tạo vật huy hoàng trong mùa xuân và cái mênh mông của trời đất, cách xa cái náo nhiệt của phố phường, tôi có thể giấu kín được tình yêu của tôi và yêu thương không hổ thẹn, không lo sợ.

Ở đó, người kỹ nữ trong nàng hầu như đã biến đi. Tôi có bên tôi một người đàn bà trẻ đẹp mà tôi yêu thương và tôi được yêu thương. Đó là Macgơrit. Quá khứ không còn nữa. Tương lai không còn những mây mù. Mặt trời đã chiếu sáng

người tình của tôi như chiếu sáng một hôn thê trinh trắng nhất. Chúng tôi đi dạo ở những chỗ xinh đẹp đó, hình như đã được tạo nên để gợi nhớ những câu thơ của Lamactin hay để hát những khúc du dương của Xcuđô, Macgơrit mặc chiếc áo trắng dài, nàng nghiêng người trong cánh tay tôi và dưới bầu trời đầy sao đêm, nàng nhắc lại cho tôi nghe những lời nàng nói với tôi tối hôm qua. Thế giới ở nơi xa kia vẫn tiếp tục sinh hoạt mà không làm mờ ám được cảnh trí vui tươi của tuổi trẻ chúng tôi, tình yêu chúng tôi.

Đó là giấc mơ mà ánh mặt trời gay gắt ngày hôm đó, xuyên qua kẽ lá, đã đem đến cho tôi. Nằm dài trên cỏ, nơi hòn đảo chúng tôi vừa ghé đến, thoát khỏi những ràng buộc của xã hội trước đây đã ngăn giữ tâm trí tôi, tôi để cho tư tưởng tôi bay bổng và hái lượm tất cả những hy vọng được bắt gặp.

Thêm vào điều đó, từ chỗ chúng tôi, tôi thấy trên bờ sông có một căn nhà nhỏ xinh xắn hai tầng, với một khung lưới sắt hình bán nguyệt. Qua khung lưới đó, tôi nhìn thấy trước ngôi nhà một tấm thảm cỏ xanh đều đặn như một tấm nỉ. Và sau ngôi nhà là một khu rừng nhỏ, đầy những nơi trú ẩn bí mật.

Những dây hoa leo che kín mặt thềm trước ngôi nhà mà không có người ở đó, và vươn lên cho đến tầng lầu thứ nhất.

Càng nhìn kỹ ngôi nhà đó, tôi càng nghĩ có đã là của tôi rồi. Bởi vì nó là hình ảnh của giấc mơ tôi có từ trước. Tôi thấy Macgơrit và tôi sống ở đó, ban ngày tha thẩn trong khu rừng bao bọc mảnh đồi, buổi chiều ngồi trên thảm cỏ. Và tôi tự nhủ, có sinh vật nào trên mặt quả đất này được sung sướng như chúng tôi không.

-Ngôi nhà xinh quá! – Macgơrit nói với tôi, trong lúc nàng nhìn về hướng tôi nhìn và có thể nàng đã nhìn thấy được những ý nghĩ của tôi.

-Ở đâu? – Pruđăng hỏi.

-Nơi xa kia – Macgơrit đưa tay chỉ căn nhà phía trước.

-À! Xinh quá! – Pruđăng nói tiếp – Các bạn thích đấy chứ?

-Thích lắm.

-Thế thì hãy nói với ông quận công thuê cho cô. Ông ấy sẽ thuê ngôi nhà đó, tôi chắc chắn đấy. Tôi sẽ đi điều đình cho nếu cô muốn.

Macgơrit nhìn tôi như muốn hỏi tôi nghĩ gì về ý kiến đó.

Giấc mơ của tôi vụt tan biến khi tôi nghe những lời nói cuối cùng của Pruđăng. Chúng vứt tôi trở về thực tế một cách quá tàn nhẫn, làm cho tôi rối loạn tâm trí.

-Quả thật đó là một ý nghĩ rất hay! – Tôi lẩm bẩm mà không hiểu mình đã nói gì.

-Thế thì em sẽ sắp xếp việc đó – Macgơrit vừa nói vừa nắm chặt tay tôi. Nàng đã hiểu lời nói của tôi qua ý nghĩ của nàng – Chúng ta hãy đi hỏi xem ngôi nhà ấy có cho thuê không.

-Ngôi nhà không có người ở và người ta cho thuê với giá hai ngàn frăng.

-Anh sẽ sung sướng khi được ở đây – Macgơrit nói.

-Chắc chắn anh sẽ đến ở đây.

-Vậy vì ai mà em đến chôn xác ở đó, nếu không phải vì anh?

-Như thế thì, Macgơrit ạ, em hãy để anh bỏ tiền ra tự tay thuê lấy ngôi nhà đó.

-Anh điên rồi sao? Đó không chỉ là một điều vô ích, mà còn có hại nữa là khác. Anh biết rõ em không có quyền nhận tiền của ai cả, trừ một người. Cứ để mặc em. Anh trẻ con qúa. Thôi đừng nói gì nữa!

-Thế nghĩa là khi tôi có hai ngày rảnh rỗi, tôi sẽ đến ở với các bạn – Pruđăng nói.

Chúng tôi rời khỏi ngôi nhà. Trên đường trở về Paris, chúng tôi bàn bạc với nhau về cái quyết định đó. Tôi ôm Macgơrit trong vòng tay và đến khi bước xuống xe, tôi bắt đầu nghĩ về cái phương thức của cô tình nhân tôi với một quan điểm ít rắc rối hơn.

§17

Ngày hôm sau, Macgơrit từ giã tôi từ sáng sớm, bảo ông quận công chắc sẽ đến sớm lắm. Nàng hứa viết thư cho tôi khi ông quận công ra về để cho tôi sẽ biết về việc hẹn gặp mỗi tối như thường lệ.

Quả vậy, trong ngày hôm đó, tôi nhận được những dòng chữ này:

"Tối em đi Bugival với ông quận công. Anh hãy đến nhà Pruđăng chiều nay, vào lúc tám giờ."

Đúng giờ đã dặn, Macgơrit trở về và đến gặp tôi tại nhà Đuvecnoa.

-Được lắm, mọi việc đã ổn thoả – nàng vừa nói vừa đi vào.

-Đã thuê được ngôi nhà ấy rồi à – Pruđăng hỏi.

-Vâng. Ông quận công bằng lòng ngay tức khắc.

Tôi không biết ông quận công. Nhưng tôi hổ thẹn vì tôi đã đánh lừa ông ta như vậy.

-Nhưng chưa hết đâu! – Macgơrit nói tiếp.

-Còn điều gì nữa?

-Tôi đang lo lắng về chỗ ở của anh Acmân.

-Cũng trong ngôi nhà ấy? – Pruđăng vừa nói vừa cười.

-Không. Nhưng cũng ở Poa đuy Rua. Lúc ông quận công và tôi ăn trưa, trong khi ông ta ngắm nhìn ngôi nhà, tôi đã hỏi bà Acnul xem bà có một căn nhà thích hợp không. Thật may, bà ta có một căn phòng đàng hoàng với một phòng khách, một tiền sảnh và một phòng ngủ. Tôi nghĩ, thế là đủ những gì cần thiết. Sáu mươi frăng mỗi tháng. Ngôi nhà được trang hoàng đủ để giải toả cho một người bị u uất. Tôi xin giữ lại căn nhà ấy. Tôi làm thế có đúng không?

Tôi nhảy lên ôm choàng lấy cổ Macgơrit.

-Được lắm – nàng nói tiếp – anh có một chìa khoá của cái cửa nhỏ. Em hứa cho ông quận công một cái chìa khoá cửa lưới. Nhưng ông không nhận. Bởi vì, khi ông đến, ông chỉ đến vào ban ngày. Em tin ông rất sung sướng về cái ý đổi thay đã đưa em xa rời Paris trong một thời gian, điều đó sẽ làm cho gia đình ông giảm bớt dư luận. Tuy nhiên, ông đã hỏi tại sao em yêu thích Paris đến thế, lại tự quyết định giam mình trong vùng nông thôn này. Em trả lời: em đang bị bệnh và muốn được tĩnh dưỡng. Ông có vẻ tin em, nhưng luôn lo ngại. Như vậy, chúng ta cần phải đề phòng rất nhiều, anh Acmân yêu quý ạ. Bởi vì ông ta sẽ cho người theo dõi ở đó. Ông ta không phải chỉ thuê một căn nhà, mà ông ta còn phải trả nợ cho anh nữa và khốn nạn thay, em cũng có những món nợ. Anh thông cảm tất cả chứ?

-Vâng – tôi trả lời, cố đè nén tất cả những thắc mắc mà lối sống của nàng thỉnh thoảng lại đánh thức dậy nơi tôi.

-Em đi thăm kỹ khắp ngôi nhà. Chúng ta sẽ rất sung sướng được ở đó. Ông quận công lo liệu mọi mặt. Anh yêu quý- nàng vừa nói vừa ôm choàng lấy tôi như điên – Anh không khốn khổ đâu. Một nhà triệu phú đã lót giường cho anh.

-Bao giờ cô sẽ đến ở?– Prưđăng hỏi.

-Càng sớm càng tốt.

-Cô sẽ đem theo xe và ngựa chứ?

-Tôi sẽ đem theo tất cả. Chị sẽ trông coi nhà cửa trong lúc tôi đi vắng.

Tám ngày sau, Macgơrit đã là chủ ngôi nhà ở đồng quê và tôi đã đến sống ở Poa đuy Rua.

Thế là bắt đầu một cuộc sống mà tôi phải khó nhọc mới có thể diễn tả cho bạn hiểu được.

Trong những ngày đầu ở Bugival, Macgơrit chưa thể từ bỏ hoàn toàn những thói quen của nàng. Trong nhà luôn luôn có những cuộc họp mặt, vui chơi. Tất cả những bạn gái của nàng đều đến thăm. Suốt một tháng dài, không ngày nào Macgơrit không tiếp ở bàn ăn từ tám đến mười người khách. Prưđăng, về phần mình, cũng dẫn dắt những người chị ta quen biết và cũng đãi đằng đúng cách, xem như ngôi nhà này thuộc quyền chị ta.

Tiền bạc của ông quận công được dùng để trả mọi thứ chi tiêu. Tuy thế, thỉnh thoảng Prưđăng cũng đòi tôi một tờ giấy bạc một ngàn frăng, bảo là lấy cho Macgơrit. Bạn đã biết tôi ăn được ít nhiều trong bài bạc. Do vậy, tôi vội vã đưa cho Prưđăng cái gì Prưđăng bảo là lấy cho Macgơrit nhờ chị ta hỏi dùm. Và sợ nàng cần hơn những gì tôi có, tôi đã về Paris mượn một số tiền bằng số tiền trước kia tôi đã mượn, và đã trả rất sòng phẳng.

Như thế, tôi sẵn sàng có trong tay khoảng mười ngàn frăng, không kể tiền trợ cấp của tôi.

Tuy nhiên, niềm vui mà Macgơrit có được khi tiếp các bạn gái của mình cũng giảm dần, trước những chi phí và niềm vui ấy kéo theo và nhất là trước sự cần thiết đôi khi bắt buộc nàng phải xin thêm nơi tôi. Ông quận công, người đã thuê nhà cho Macgơrit đến ở, không thấy tới lui nữa. Vì ông luôn sợ phải gặp cái đám đông người vui nhộn ấy. Ông không muốn người ta trông thấy ông. Bởi vì, một hôm đến ăn chiều với Macgơrit, ông ta gặp phải một đám khách, khoảng mười lăm người, chưa ăn xong bữa trưa vào đúng cái giờ ông dự tính sẽ ngồi lại cái bàn để ăn chiều. Không nghi ngờ gì cả, ông mở cửa phòng ăn. Những tiếng cười dậy lên đón tiếp sự có mặt của ông. Ông bắt buộc phải rút lui một cách đột ngột, trước sự vui đùa một cách hỗn láo của những người con gái có mặt tại đó.

Macgơrit đứng dậy rời bàn ăn, gặp lại ông quận công trong phòng bên cạnh và cố gắng hết sức để làm cho ông quên sự việc vừa xảy ra. Nhưng ông già, lòng tự ái bị tổn thương, vẫn không hết hằn học. Ông đã nói khá độc ác với cô gái đáng thương đó rằng ông đã mệt mỏi để trả tiền cho những điên cuồng của một

người đàn bà không biết đem lại sự tôn kính đối với ông ngay ở tại nhà mình, và ông bỏ đi trong giận dữ.

Từ ngày đó, người ta không còn nghe nói đến ông quận công nữa. Macgơrit thôi không tiếp khách đến ăn, đã thay đổi những thói quen của mình. Nhưng vô ích, ông quận công không còn cho biết tin tức gì về ông. Tôi thì được hưởng cái lợi là người tình nhân của tôi từ nay thuộc về tôi hoàn toàn. Và như thế, giấc mơ của tôi được thực hiện. Macgơrit không thể xa rời tôi được nữa. Không cần biết những hậu quả sẽ ra sao, nàng công khai cho mọi người biết sự dan díu của chúng tôi. Và dần dần, tôi rất ít bước ra khỏi ngôi nhà này. Những người giúp việc gọi tôi là ông và công khai nhìn nhận tôi là chủ nhà.

Pruđăng, trước cuộc sống mới này, đã nhiều lần giảng luân lý cho Macgơrit. Nhưng nàng trả lời rằng nàng yêu tôi, nàng không thể sống thiếu tôi được, và mặc cho mai kia sẽ như thế nào, nàng không thể từ bỏ cái hạnh phúc được có tôi luôn luôn bên cạnh. Nàng còn nói thêm, tất cả những kẻ nào không ưa sự việc trên thì có quyền tự do không tới lui nữa.

Đó là những gì tôi nghe được trong một hôm Pruđăng nói với Macgơrit rằng chị ta có một tin rất quan trọng cần báo cho nàng biết. Và tôi đứng nghe trộm ở trước cửa phòng đóng kín.

Một thời gian sau, Pruđăng quay trở lại.

Tôi đang ở sau vườn khi chị ta đi vào. Tôi hơi nghi ngờ trước thái độ của Macgơrit đi ra đón Pruđăng, nghĩ rằng một cuộc nói chuyện giống như lần trước chắc sẽ tái diễn, và tôi cũng muốn được nghe như lần trước.

Hai người đàn bà đi vào phòng riêng, rồi đóng cửa lại. Tôi rình nghe.

-Chị có chuyện gì thế? – Macgơrit hỏi.

-À, tôi đã gặp ông.

-Ông đã nói gì với chị?

-Ông sẵn sàng tha thứ cái cảnh đáng bực mình ngày trước. Nhưng ông đã biết cô đang sống công khai với ông Acmân Đuyvan. Điều này ông không thể tha thứ được. Ông nói với tôi: "Macgơrit phải từ bỏ anh chàng đó đi, và mọi việc sẽ như xưa. Tôi sẽ đưa cho cô ta tất cả những gì cô ta muốn. Nếu trái lại, cô ta phải thôi hẳn, đừng yêu cầu tôi bất cứ việc gì."

-Chị trả lời thế nào?

-Rằng tôi sẽ tin cho cô biết quyết định của ông ta. Tôi đã hứa với ông là sẽ làm cho cô thấy được lẽ phải. Hãy suy nghĩ kỹ, cô em yêu dấu, địa vị cô em sẽ mất đi, và Acmân sẽ chẳng bao giờ tìm lại được cho cô em. Anh chàng này đã yêu cô em với tất cả tâm hồn mình, nhưng không đủ tài sản để chu cấp, thoả mãn tất cả những nhu cầu của cô em. Và một ngày nào đó, cô em cũng phải từ giã thôi. Ngày đó sẽ quá muộn. Ông quận công sẽ không muốn làm bất cứ cái gì cho cô em nữa. Cô em có đồng ý để chị báo lại cho Acmân biết không?

Macgơrit có vẻ suy nghĩ, bởi vì nàng không trả lời.

Tim tôi đập mạnh trong lúc tôi lắng tai chờ đợi.

Macgơrit nói: -Không. Tôi không rời bỏ Acmân, và tôi không giấu việc tôi sống chung với anh ấy. Đó có thể là một việc điên rồ. Nhưng tôi yêu anh ấy! Chị bảo tôi phải làm gì? Giờ đây, Acmân đã quen yêu thương tôi mà không bị trở ngại. Anh ấy sẽ đau khổ nhiều, nếu bị ép buộc phải rời xa tôi, dù chỉ một giờ trong ngày. Vả chăng, tôi có sống được bao lâu nữa đâu mà tự làm mình khốn khổ và thừa hành cái ý muốn của ông già mà chỉ nhìn mặt tôi đã phải già đi rồi. Ông ta giữ lấy tiền bạc của mình, tôi không cần đến nữa.

-Nhưng cô em sẽ làm thế nào?

-Tôi không biết.

Pruđăng sắp nói gì đó. Nhưng tôi đột ngột bước vào và chạy đến quỳ dưới chân Macgơrit, nhỏ lên hai bàn tay nàng những giọt lệ sung sướng vì được nàng yêu đến thế.

-Đời anh là của em. Macgơrit. Em không cần đến người đàn ông kia nữa. Đã có anh đây rồi, không đời nào anh có thể bỏ em. Và anh chẳng bao giờ đền đáp được cái hạnh phúc mà em đã ban cho anh. Không còn những trở ngại ràng buộc nữa, Macgơrit ạ, chúng ta yêu nhau trọn vẹn! Ngoài ra, chúng ta không cần biết đến điều gì thêm nữa.

-Ồ! Vâng, em yêu anh, Acmân ạ – nàng vừa thì thầm vừa đưa hai cánh tay ôm choàng lấy cổ tôi – Em yêu anh, nhưng chẳng bao giờ em tin em có thể yêu đến mức này được. Chúng ta sẽ sung sướng, chúng ta sẽ sống yên lành. Em sẽ vĩnh biệt cuộc sống trước đây, giờ đây em cảm thấy hổ thẹn vì nó. Anh sẽ không bao giờ chỉ trích cái quá khứ của em, có phải thế không?

Những giọt nước mắt làm cho tiếng nói của tôi phải nghẹn lại. Tôi chỉ có thể trả lời bằng cách ôm chặt Macgơrit vào lòng, ghì sát nàng vào tim tôi.

-Thế đấy! – Nàng vừa nói, vừa quay nhìn Pruđăng với một giọng xúc động – Chị hãy tả lại cảnh này cho ông quận công biết. Và chị nói thêm, chúng tôi không cần đến sự giúp đỡ của ông ấy nữa.

Kể từ hôm đó, ông quận công không còn là vấn đề nữa. Macgơrit không còn là cô gái trước đây tôi quen biết. Nàng cố tránh tất cả những gì có thể nhắc đến cuộc sống trước đây. Không một người đàn bà nào, một người con gái nào có thể đem lại cho chồng mình hay cho anh em mình một tình thương và sự chăm sóc như nàng đối với tôi. Cái bản chất đau ốm của nàng luôn nhạy bén với những ý nghĩ và sẵn sàng đáp ứng mọi tình cảm. Nàng chấm dứt quan hệ với những bạn gái cũ, cũng như những thói quen, ngôn ngữ cũ và phung phí ngày xưa. Khi người ta thấy chúng tôi đi ra khỏi nhà làm một cuộc du ngoạn trong chiếc thuyền nhỏ mà tôi đã mua, người ta không bao giờ có thể nghĩ rằng người đàn bà mặc chiếc áo dài trắng, đội chiếc mũ rơm rộng vành, mang trên cánh tay cái khăn lụa

đơn giản để khỏi cảm lạnh kia lại chính là Macgơrit Gôchiê, con người bốn tháng trước đây đã nổi danh vì xa hoa và tai tiếng.

Ôi! Chúng tôi hối hả lặn ngụp trong hạnh phúc, nhưng chúng tôi đã đoán biết rằng chúng tôi không thể hạnh phúc như thế này lâu dài lắm đâu.

Đã hai tháng rồi, chúng tôi không về Paris. Không một người nào đến thăm chúng tôi, trừ Pruđăng và Juyli Đupơra, người mà sau này sẽ trao lại tập nhật ký cảm động mà tôi đang giữ.

Suốt ngày tôi luôn luôn ở bên cạnh Macgơrit. Chúng tôi mở những cửa sổ ngó ra vườn, nhìn mùa hạ tưng bừng trong những bông hoa nở rộ. Và dưới bóng cây, chúng tôi luôn luôn bên nhau, sống một cuộc sống thực sự mà từ trước đến nay tôi và Macgơrit chưa hề biết đến.

Nàng luôn có những ngạc nhiên rất ngây thơ trước những sự việc nho nhỏ. Có những ngày, nàng chạy nhảy trong vườn như một cô gái lên mười, đuổi bắt một cánh bướm hay một con chuồn chuồn. Người kỹ nữ đã từng phí tiền mua hoa hơn cả số tiền cần cho một gia đình sống đầy đủ, yên vui, giờ đây ngồi trên thảm cỏ hàng giờ để quan sát một cánh hoa đơn giản đã cho nàng cái biệt danh.

Chính trong khoảng thời gian đó, nàng thường đọc cuốn Manôn Lexcô. Tôi đã nhiều lần bắt gặp nàng đang ghi chú trên cuốn sách và nàng luôn luôn bảo tôi rằng khi một người đàn bà yêu, người ấy không thể làm điều Manông đã làm.

Ông quận công đã hai ba lần viết thư cho nàng. Nàng nhìn nét chữ, trao lại cho tôi những là thư và không đọc.

Thỉnh thoảng những lời ông viết trong các bức thư ấy đã làm cho tôi rơi lệ.

Ông đã tin rằng không chi tiền cho Macgơrit nữa, nàng sẽ trở lại với ông. Nhưng khi ông thấy được sự vô ích của phương cách ấy, ông không còn giữ được quyết định của mình nữa. Ông đã viết thư và yêu cầu nàng, hãy như trước kia, cho phép ông được trở lại, dù với bất cứ điều kiện nào cũng được.

Như thế, tôi đã đọc những bức thư hối thúc, nhắc đi nhắc lại đó, và tôi đã xé bỏ, không nói cho Macgơrit biết nội dung. Tôi không khuyên nàng gặp lại ông quận công, mặc dù tôi cảm thấy động lòng trước những đau khổ của ông già đáng thương đó. Tôi sợ, nàng sẽ hiểu lầm lời khuyên cho phép ông quận công trở lại thăm viếng như xưa là có ý để được ông đài thọ những chi tiêu trong gia đình. Tôi sợ nhất là nàng nghĩ tôi có thể từ chối trách nhiệm đối với nàng, với những hậu qủa mà tình yêu của nàng đối với tôi đã lôi cuốn nàng đi đến.

Đương nhiên, ông quận công, không nhận được thư trả lời, không còn viết thư nữa. Và Macgơrit với tôi tiếp tục sống chung với nhau, không phải lo lắng gì về tương lai.

§18

Nói cho bạn biết những chi tiết cuộc sống mới của chúng tôi rất khó. Nó được tạo thành bởi một chuỗi dài những trò chơi thơ trẻ, rất thân thiết với chúng tôi, nhưng thật vô nghĩa đối với kẻ khác nếu tôi kể lại. Anh đã hiểu thế nào là yêu thương một người đàn bà. Anh hiểu là lúc ấy ngày tháng qua mau như thế nào và với sự lười biếng say sưa nào, người ta chờ ngày mai đến. Anh cũng biết thế nào là sự quên hẳn tất cả mọi việc nẩy sinh từ một mối tình nồng nhiệt tin tưởng và được chia sẻ. Một người đàn bà không được yêu sẽ trở thành một vật vô ích trong vũ trụ. Người ta hối tiếc đã ném những mảnh tim của mình cho những người đàn bà khác và người ta thấy, hình như không thể nắm bàn tay nào khác êm ấm hơn bàn tay người ta đang nắm trong tay mình.

Trí óc không chấp nhận một công việc nào, một kỷ niệm nào, hay bất cứ cái gì đó có thể làm nó quên lãng cái tư tưởng độc nhất là người ta luôn luôn hiến dâng. Mỗi ngày, người ta khám phá ra tình cảm của mình một nét duyên dáng mới, một niềm khát khao mới.

Cuộc sống chỉ còn là sự thực hiện không ngừng nghỉ một ước vọng liên tục, linh hồn chỉ còn là một nữ thần có nhiệm vụ canh giữ ngọn lửa thiếng liêng của tình yêu.

Thường thường khi đêm đến, chúng tôi ra ngồi dưới khu rừng nhỏ, nhìn xuống ngôi nhà. Ở đó, chúng tôi lắng nghe những âm điệu vui vẻ của buổi chiều. Và cả hai cùng nghĩ đến những giờ sắp tới, chúng tôi sẽ nằm trong vòng tay nhau cho đến sáng ngày hôm sau. Đôi khi chúng tôi nằm suốt ngày không để cho ánh mặt trời lọt vào phòng mình. Những tấm màn buông kín và thế giới bên ngoài dừng lại trong giây lát đối với chúng tôi. Chỉ một Nanin có quyền mở cửa đi vào, nhưng chỉ những lúc cần đem bữa ăn đến. Chúng tôi cứ nằm và nhận lấy thức ăn, và chỉ ngắt quãng để cười hay để vui đùa với nhau. Rồi tiếp đó là một giấc ngủ trong chốc lát. Bởi vì, chìm đắm trong tình yêu, chúng tôi giống như hai người thợ lặn cứng đầu chỉ trở lên mặt nước để lấy lại hơi thở.

Tuy nhiên, có lúc tôi vẫn chợt bắt gặp được những giây phút buồn bã và những giọt lệ của Macgơrit. Tôi hỏi nàng tại sao có những lúc buồn ấy và nàng trả lời: -Tình yêu của chúng ta không phải là một thứ tình yêu bình thường, anh Acmân thân yêu. Anh yêu em. Như từ trước đến nay, em chưa thuộc quyền sở hữu của người nào cả. Và em run lên, khi nghĩ mai sau anh sẽ hối hận về tình yêu của anh và xem quá khứ của em như một tội ác, anh lại buộc em trở về cuộc sống ngày xưa, nơi anh đã gặp em. Giờ đây em đã hưởng được niềm vui của cuộc sống mới, em sẽ chết đi, nếu phải trở về cuộc sống cũ. Anh Đuyvan, anh hãy nói với em là anh sẽ không bao giờ rời bỏ em.

-Anh xin thề với em điều đó!

Trước câu trả lời đó, nàng nhìn thẳng vào mắt tôi như tìm hiểu xem lời thề kia có chân thành không. Thế rồi, nàng ngã vào vòng tay tôi, úp mặt vào ngực tôi nói tiếp: -Thế là em biết, anh yêu em đến mức độ nào!

Một buổi tối, chúng tôi đứng tựa ở bao lơn bên cửa sổ, ngắm nhìn mặt trăng đang vất vả lắm để ra khỏi những đám mây. Chúng tôi lắng nghe tiếng gió lay động mạnh cành lá. Chúng tôi nắm chặt tay nhau. Mười phút dài, chúng tôi im lặng rồi Macgơrit nói với tôi: -Mùa đông đã đến, anh có muốn chúng ta cùng đi không?

-Đi đâu, em?

-Sang Italia.

-Thế em buồn phải không?

-Em sợ mùa đông, nhất là em sợ trở về Paris.

-Tại sao?

-Vì nhiều lý do.

Và bỗng nhiên, nàng nhắc lại, không cho tôi biết lý lo nỗi e sợ của nàng: -Anh có muốn đi không? Em sẽ bán tất cả những gì em có. Em sẽ không giữ lại bất cứ dấu vết gì của con người em ngày trước, không còn kẻ nào biết em là ai. Anh có muốn không?

-Chúng ta sẽ đi, nếu điều đó làm em vui lòng, Macgơrit ạ. Chúng ta sẽ làm một cuộc du lịch. Nhưng anh không thấy cần thiết phải bán những đồ đạc mà sau này em sẽ sung sướng khi tìm thấy lại. Anh không có tài sản khá lớn để thế chấp nhận một sự hy sinh như thế. Nhưng anh đủ điều kiện để chúng ta cùng đi du lịch rộng rãi trong năm hay sáu tháng, nếu điều đó làm em vui thích.

-Nghĩ cho cùng thì không nên đi – nàng vừa nói vừa rời cửa sổ, đến ngồi trên chiếc ghế dài trong bóng tối – Đi phung phí tiền bạc ở nơi xa đó ích gì? Ở đây, em đây em đã tiêu phá khá nhiều rồi.

-Em trách anh sao? Em không có lòng độ lượng rồi! – Cái thời tiết giông tố này đã làm cho em đau đầu. Em không nói được điều em muốn nói.

Và sau khi ôm choàng lấy tôi để hôn, nàng rơi vào một tâm trạng mơ mộng khá lâu.

Rất nhiều lần, những cảnh như thế xảy ra, và nếu tôi không biết được nguyên nhân, tôi cũng có thể đoán nơi Macgơrit một tâm trạng đang lo sợ cho tương lai.

Nàng không thể nghi ngờ về tình yêu của tôi. Bởi vì mỗi ngày, tình yêu đó càng tăng lên. Tuy nhiên, tôi thấy nàng buồn và nàng không bao giờ giải thích những nỗi buồn đó, chỉ nói rằng do nguyên nhân sức khoẻ của nàng mà thôi.

Sợ nàng mệt mỏi bởi một cuộc sống quá đều đặn, tôi đề nghị nàng trở về Paris. Nhưng nàng luôn luôn từ chối đề nghị đó, và quả quyết với tôi không ở đâu làm cho nàng sung sướng hơn ở thôn quê.

Prưđăng chỉ thỉnh thoảng rất lâu mới đến. Nhưng chị ta thường viết thư, và tôi không bao giờ hỏi đến nội dung những bức thư đó, tuy mỗi lần thư đến lại thấy Macgơrit băn khoăn suy nghĩ. Tôi chỉ còn biết tưởng tượng ra mọi chuyện thế thôi.

Một hôm, Macgơrit đang ở trong phòng nàng, tôi bước vào. Nàng đang viết.

-Em viết cho ai đấy? – Tôi hỏi.

-Cho Prưđăng. Anh có muốn em đọc những gì em viết đây không?

Tôi ghê tởm tất cả cái gì giống như nghi kỵ. Tôi trả lời Macgơrit là tôi không cần biết. Mặc dù tôi biết chắc là những lá thư đó sẽ cho tôi biết nguyên nhân những nỗi buồn cuả nàng.

Ngày hôm sau, thời tiết là rất tốt. Macgơrit đề nghị tôi cùng đi chơi thuyền và đến thăm đảo Croaxi. Nàng có vẻ vui lắm. Lúc chúng tôi trở về thì đã năm giờ rồi.

-Bà Đuvecnoa có đến – Nanin báo thế khi chúng tôi đi vào.

-Chị ta đi rồi? – Macgơrit hỏi.

-Vâng, bằng xe của bà. Bà ta bảo nói chuyện với bà rồi

-Được, tốt – Macgơrit đáp lại – Hãy chuẩn bị dọn ăn đi.

Hai ngày sau, một bức thư của Prưđăng lại được gửi đến, và trong mười lăm ngày, Macgơrit có vẻ như phá bỏ được nỗi buồn bí ẩn. Nàng không ngớt xin lỗi tôi, từ khi những nỗi buồn ấy không còn nữa.

Tuy nhiên, chiếc xe không trở về.

-Vì lý do nào mà Prưđăng không gửi xe trả lại cho em?

-Một trong hai con ngựa bị ốm, và chiếc xe phải đi sửa lại. Những việc đó nên làm khi chúng ta còn ở đây. Vì chúng ta không cần xe hơn khi chúng ta trở về Paris.

Vài ngày sau, Prưđăng đến và xác nhận điều đó.

Hai người đàn bà dẫn nhau đi dạo trong vườn. Khi tôi đến gần thì họ đã thay đổi câu chuyện đang nói.

Buổi chiều, khi ra về, Prưđăng than phiền rằng cảm thấy lạnh và yêu cầu Macgơrit cho mượn một chiếc áo casơmia.

Một tháng dài trôi qua, Macgơrit vui vẻ hơn và dễ thương hơn những ngày trước rất nhiều.

Tuy nhiên, chiếc xe không trở về, và áo casơmia không thấy trả lại. Tất cả những điều đó làm tôi khó chịu. Tôi biết rõ Macgơrit để thư từ của Prưđăng trong ngăn kéo nào. Nhân một lúc Macgơrit đi ra sau vườn, tôi chạy đến bên ngăn kéo thử gắng mở ra. Nhưng chỉ vô ích. Ngăn kéo được khoá kỹ đến hai lần.

Thế là tôi sang lục soát những ngăn kéo trước đây nàng thường để nữ trang và kim cương. Nhưng kéo này mở ra dễ dàng và những hộp nữ trang đã biến mất, dĩ nhiên với tất cả nữ trang trong đó.

Một sự kinh sợ đau đớn siết chặt tim tôi.

Tôi muốn đi gọi Macgơrit để nàng cho tôi biết sự thật về việc này. Nhưng chắc chắn nàng sẽ không nói thật.

-Em, Macgơrit thân mến – tôi nói – anh xin em cho phép anh đi Paris. Người ta không biết anh hiện nay ở đâu, và chắc chắn người ta đã nhận được thư những lá thư của cha anh. Ông chắc sẽ hoang mang đấy. Anh phải về để trả lời.

-Anh cứ đi – nàng bảo tôi nhưng hãy trở về sớm đấy.

Tôi ra đi.

Tôi chạy thẳng đến nhà Pruđăng.

Không xã giao, vào đề dài dòng, tôi hỏi ngay: -Chị cho tôi biết, thành thật đi, những con ngựa của Macgơrit hiện giờ ở đâu?

-Đã bán rồi.

-Những viên kim cương?

-Đã cầm rồi.

-Ai đã bán ai và cầm?

-Tôi.

-Tại sao chị không cho tôi biết những việc đó?

-Bởi vì Macgơrit cấm đoán tôi.

-Vậy tại sao chị không hỏi tiền nơi tôi.

-Bởi vì cô ta không muốn.

-Tiền đó để làm gì?

-Để trả nợ.

-Thế nàng thiếu nợ nhiều lắm?

-Ba mươi ngàn frăng hay gần số đó. Ôi, anh bạn thân mến. Tôi đã nói với anh rồi đấy chứ. Anh không muốn tin tôi, thế là giờ đây anh đã thấy sự thật.

Người buôn thảm đến nhà ông quận công, được mời ra khỏi cửa. Ngày hôm sau, ông viết cho anh ta biết ông không còn lo cho cô Giôchiê nữa. Con người đó muốn có tiền, nhưng người ta chỉ trả góp cho anh ta vài ngàn frăng mà tôi đã hỏi nơi cậu. Rồi những người lương thiện báo cho anh ta biết con nợ của anh ta đã bị ông quận công bỏ rơi rồi và hiện giờ đang sống với một thanh niên không có tài sản. Những chủ nợ khác cũng được biết như thế. Họ đã đến đòi tiền và tịch thu đồ đạc. Macgơrit muốn bán tất cả, nhưng đã không kịp rồi, phải trả nợ. Và để khỏi quấy rầy anh về tiền bạc, cô ta đã bán ngựa, bán những chiếc áo casơmia, cầm những nữ trang. Anh muốn lấy những biên lai bán và cầm đồ không?

Pruđăng mở ngăn kéo ra, cho tôi xem những tờ giấy đó.

-À! Anh thấy đó – chị ta nói tiếp với sự quả quyết của một người đàn bà có quyền nói: "Tôi đã có lý" – Ôi! Anh tưởng chỉ cần yêu nhau là có thể đi về đồng quê để sống một cuộc đời thơ mộng và nhàn rỗi? Không anh bạn thân mến ạ, không! Bên cuộc sống lý tưởng, có cuộc sống vật chất. Nhưng quyết định trong

sạch nhất cũng bị cột chặt lại ở mặt đất bởi những sợi dây nhố nhăng, nhưng bằng sắt. Người ta không bứt đứt dễ dàng đâu! Nếu Macgơrit đã không lừa dối anh những hai mươi lần rồi, đó là chỉ vì nàng có một bản chất ngoại lệ. Tôi khuyên can nàng nhiều. Điều này không có gì sai, vì tôi rất khổ tâm khi thấy cô gái đáng thương đó đã hết sạch của cải. Cô ta không muốn! Cô ta bảo tôi, cô ta yêu anh, và cũng không muốn lừa dối anh dù bất cứ giá nào. Tất cả những điều đó rất tốt đẹp, rất nên thơ. Nhưng đó không phải là thứ người ta dùng để trả cho các chủ nợ. Và giờ đây, nàng không có thể làm gì hơn, trừ phi có ba mươi ngàn frăng, tôi lặp lại cho anh biết.

-Được tôi sẽ đưa số tiền đó.

-Anh sẽ đi vay?

-Trời ơi! Dĩ nhiên rồi.

-Anh sẽ làm một việc tốt. Nhưng anh sẽ gây chuyện rắc rối với cha anh, thêm trở ngại cho tài sản của anh. Người ta không thể tìm ngay ba mươi ngàn frăng trong hôm nay hoặc ngày mai. Anh hãy tin tôi, anh Acmân thân mến. Tôi biết rõ những người đàn bà hơn anh. Anh không nên điên cuồng thế. Ngày mai anh sẽ hối hận. Hãy sáng suốt hơn. Tôi không bảo anh từ biệt Macgơrit. Nhưng hãy sống với nàng như anh đã sống trước đây, vào đầu mùa hè. Hãy để cho nàng tìm những phương tiện để ra khỏi bế tắc. Ông quận công sẽ lại làm lành với nàng. Ông bá tước N… nữa, nếu nàng đồng ý. Ngày hôm qua, ông ta còn nói với tôi thế, sẽ trả tất cả những món nợ của nàng, và sẽ cho nàng bốn hay năm ngàn frằng mỗi tháng. Ông ta có hai trăm ngàn frăng lợi tức. Đó sẽ là một điều kiện tốt đối với nàng. Còn anh, anh cần phải xa nàng. Chớ nên đợi đến lúc phá sản. Hơn nữa, ông bá tước N… là một tên ngu ngốc. Không gì có thể ngăn cấm anh vẫn là tình nhân của Macgơrit. Nàng sẽ khóc một ít, lúc ban đầu rồi sẽ quen đi. Rồi một ngày kia. Nàng sẽ cảm ơn anh về việc anh đã làm. Hãy giả thiết như Macgơrit đã có chồng và đã lừa dối chồng, có thế thôi.

Tôi đã nói cho anh biết điều đó một lần rồi. Nhưng lúc đó, lời nói của tôi chỉ như một lời khuyên nhủ. Và ngày nay, nó đã gần như một sự bắt buộc.

Pruđăng có lý, một cách tàn nhẫn.

-Như thế đó – Pruđăng nói tiếp và cất giấy tờ vào trong ngăn kéo – Những người kỹ nữ luôn luôn thấy trước rằng người ta sẽ yêu họ nhưng không bao giờ biết rằng họ có thể yêu. Nếu không, họ đã dành dụm được tiền riêng và đến ba mươi tuổi, họ có thể chấp nhận một tình nhân mà không cần nói đến tiền bạc. Nếu trước đây, tôi biết được cái điều mà bây giờ tôi mới biết! Cuối cùng, anh đừng nói với Macgơrit gì cả. Hãy đưa nàng về Paris. Anh đã sống bốn hay năm tháng một mình với nàng, thế là tốt rồi. Hãy nhắm mắt lại. Đó là tất cả những gì người ta yêu cầu anh. Trong vòng mười lăm ngày nữa, nàng sẽ chấp nhận ông bá

tước N… Mùa đông đến, nàng sẽ có tiền để dành dụm. Rồi mùa hè sau, anh sẽ trở lại với nàng. Người ta phải làm thế đó, anh bạn thân mến ạ.

Pruđăng hình như sung sướng khi đưa những lời khuyên ấy. Còn tôi, tôi bác bỏ những lời khuyên ấy với sự bất bình.

Không những tình yêu mà cả tư cách của tôi cũng không cho phép tôi hành động như vậy. Và tôi còn biết chắc điều này nữa: Macgơrit thà chết còn hơn chấp nhận phương thức ấy.

-Đùa thế vừa rồi – tôi nói với Pruđăng – Dứt khoát Macgơrit cần bao nhiêu?

-Tôi đã nói rồi: ba mươi ngàn frăng.

-Và khi nào phải có số tiền đó?

-Nội trong hai tháng.

-Nàng sẽ có.

Pruđăng nhún vai.

-Tôi sẽ đưa đủ cho chị – tôi nói tiếp – Nhưng chị phải thề với tôi là sẽ không cho Macgơrit biết.

-Anh cứ yên tâm.

-Và nếu nàng gửi cái gì khác cho chị để cầm hay bán, chị phải cho tôi biết.

-Anh khỏi lo, nàng không còn gì để bán cả.

Sau đó, tôi về nhà để xem có thư từ gì của cha tôi không.

Tôi đã nhận được tất cả bốn bức thư.

§19

Trong ba lá thư đầu, cha tôi tỏ vẻ lo lắng về sự yên lặng của tôi, và yêu cầu cho biết lý do. Trong lá thư cuối, ông cho biết người ta đã cho ông biết về sự thay đổi cách sống của tôi và tin cho tôi, ông sẽ đến thăm nay mai…

Tôi luôn luôn có một lòng tôn kính đặc biệt và một lòng thương yêu chân thành đối với cha tôi. Tôi trả lời với ông rằng vì một chuyến đi chơi xa ít lâu nên không viết thư về được, và xin ông cho biết ngày nào đến để tôi có thể đi đón ông.

Tôi đưa cho người giúp việc địa chỉ của tôi ở thôn quê, dặn hắn đem đến cho tôi ngay lá thư đầu tiên từ thành phố C… gửi đến, rồi tôi vội vã trở về Bugival.

Macgơrit đứng đợi tôi ở cổng.

Cái nhìn của nàng biểu lộ sự lo lắng. Nàng nhảy lên ôm choàng lấy cổ tôi, và không thể không hỏi tôi: -Anh có gặp Pruđăng?

-Không.

-Anh ở Paris lâu thế?

-Anh đã tiếp thư của cha anh và anh phải trả lời.

Giây phút sau, Nanin bước vào, thở dốc. Macgơrit đứng dậy đến nói thầm với chị ta.

Khi Nanin đi ra rồi, Macgơrit đến ngồi gần bên tôi, nắm lấy tay tôi và nói: -Tại sao anh lại đánh lừa em? Anh đã đến chị Pruđăng.

-Ai nói với em điều đó?

-Nanin.

-Nanin làm sao biết được.

-Chị ấy đã đi theo anh.

-Em bảo Nanin theo anh?

-Vâng, em nghĩ chắc phải có một lý do quan trọng nào đó để anh trở về Paris. Từ bốn tháng nay, anh không hề xa em. Em lo sợ anh sẽ gặp một tai hoạ nào đó, hay cũng có thể anh đi thăm một người đàn bà nào khác.

-Ồ! trẻ con.

-Giờ đây em biết chắc anh đã làm gì. Nhưng em không biết người ta đã nói gì với anh.

Tôi đưa Macgơrit xem những lá thư của cha tôi.

-Em không hỏi anh điều đó. Điều em muốn biết là tại sao anh đến nhà Pruđăng?

-Để thăm chị ta.

-Anh nói dối, anh yêu dấu ạ.

-Anh đã đến, để hỏi xem con ngựa đã lành bệnh chưa và để biết chị ta có cầm áo casơmia hay nữ trang của em không.

Macgơrit đỏ bừng mặt nhưng nàng không trả lời.

Và tôi nói tiếp: -Anh đã biết em dùng những con ngựa, áo casơmia và kim cương vào việc

gì.

-Và anh đã ghét em?

-Anh đã ghét em, vì em không nghĩ đến việc yêu cầu anh những gì mà em cần.

-Trong sự dan díu của chúng mình, nếu người đàn bà còn một chút tư cách, thì nên nhận tất cả những hy sinh có thể chịu được, hơn là đòi hỏi tiền bạc nơi tình nhân của mình, làm cho tình yêu của mình có tình chất buôn bán. Anh yêu em, em tin chắc thế. Nhưng anh không biết rõ sợi dây giữ lại tình yêu trong trái tim nhưng cô gái như em là mong manh đến mức nào. Ai biết được? Có thể, trong một ngày nào đó, vì khó khăn hay buồn chán, anh sẽ nhìn thấy được trong sự dan díu của mình một bài tính được sắp đặt một cách khéo léo. Pruđăng là một người đàn bà lắm lời. Em có cần gì những thứ đó. Bán đi, em dành dụm được một số vốn. Em không cần phải có ngựa và em chẳng phải tiêu phí gì hơn nữa, miễn rằng anh yêu em. Đó là tất cả điều em mong muốn, và anh sẽ vẫn yêu em không cần đến ngựa, không cần đến áo casơmia, không cần đến những viên kim cương.

Những lời lẽ nàng nói bằng một chất giọng rất tự nhiên, đến nỗi tôi không thể nào nghe mà không rơi lệ.

-Nhưng em Macgơrit yêu dấu – tôi vừa nói vừa nắm chặt tay nàng một cách âu yếm – Em biết rõ một ngày nào đó, anh sẽ biết được sự hy sinh đó và anh sẽ không thể nào chấp nhận được?

-Tại sao thế?

-Bởi vì, em yêu dấu, anh không thể chấp nhận được tình yêu của em đối với anh lại làm em phải mất đi, dù chỉ là một món nữ trang. Anh không muốn, chính anh không muốn, trong một phút túng bấn hay buồn chán, em có thể nghĩ, nếu sống với một người đàn ông khác, nhưng giây phút khó khăn đó sẽ không có và em sẽ hối hận, dù chỉ một phút thôi, đã phải sống với anh. Trong vài ngày nữa, những con ngựa, những cái áo casơmia, những viên kim cương sẽ được trả lại cho em. Những thứ đó cần cho em, như không khí đối với cuộc sống và có thể là hơi buồn cười, nhưng anh yêu em, khi em lộng lẫy hơn là đơn giản.

-Thế nghĩa là anh không yêu em nữ?

-Sao em lại nói thế.

-Nếu anh yêu em, anh hãy để cho em yêu anh theo cách của em. Trái lại, anh cứ tiếp tục xem em là một cô gái xa hoa và anh luôn luôn tự bắt buộc phải đài thọ

những chi tiêu đó. Anh hổ thẹn khi chấp nhận những chứng cớ tình yêu nơi em. Dù anh không muốn, anh đã có ý nghĩ từ bỏ em một ngày kia và anh đã có ý muốn đặt sự tế nhị của anh ra ngoài tất cả những nghĩ kỵ. Anh có lý, anh yêu dấu ạ. Nhưng em hy vọng nhiều hơn thế nữa.

Và Macgơrit đứng dậy. Tôi giữ nàng lại và nói: -Anh muốn cho em sung sướng, và em đừng có gì để phiền trách anh cả, chỉ thế thôi.

-Và chúng ta chuẩn bị để xa nhau!

-Tại sao, Macgơrit? Ai có thể chia rẽ chúng ta? – Tôi la lên.

-Anh, người không muốn cho phép em hiểu hoàn cảnh của anh, người có kiêu hãnh giữ hoàn cảnh em cho em. Anh, người muốn giữ cái xa hoa em đã sống, nghĩa là muốn giữ một khoảng cách tinh thần giữa chúng ta. Anh, cuối cùng là người không tin tình yêu của em là không vụ lợi, để rồi chia sẻ cùng em cái gia tài của anh. Với tài sản đó, chúng ta có thể sống sung sướng với nhau! Anh lại muốn tự phá sản, bởi vì nô lệ cho một thành kiến nhố nhăng. Lẽ nào anh nghĩ em sẽ đem so sánh tình yêu của anh với một chiếc xe hay những đồ nữ trang? Lẽ nào anh nghĩ rằng hạnh phúc đối với em nằm trong những điều xa hoa hào nhoáng? Những cái mà người ta tự thoả mãn khi người ta chưa yêu, nhưng trở nên tồi tệ khi người ta biết thế nào là yêu đương. Anh sẽ trả những món nợ của em, anh sẽ làm hao mòn tài sản của anh. Cuối cùng, là để chu cấp cho em! Điều đó sẽ kéo dài được bao lâu? Hai hay ba tháng. Thế là quá muộn để chấp nhận cuộc sống mà em đã đề nghị với anh. Bởi vì lúc ấy anh sẽ chấp nhận tất cả tình yêu từ phía em, và đó là điều mà một người đàn ông trọng danh dự không thể làm. Còn như giờ đây, anh có tám hay mười ngàn frăng lợi tức, với lợi tức đó, chúng ta có thể sống được. Em sẽ bán cái gì dư thừa mà em có, và chỉ cần bán đi như thế, em có thể có hai ngàn frăng mỗi năm. Chúng ta sẽ thuê một căn nhà nhỏ xinh xắn, nơi đó chúng ta cùng sống với nhau. Mùa hè, chúng ta sẽ về thôn quê, không phải trong cái nhà như nhà này, mà trong cái nhà nhỏ vừa đủ cho hai người ở. Anh tự lập được, em không lệ thuộc ai. Chúng ta còn trẻ, nhân danh thượng đế, anh Acmân ơi, anh đừng để em trở lại cuộc sống mà em phải bắt buộc kéo lê ngày tháng như trước nữa.

Tôi không thể trả lời. Nhưng giọt nước mắt biết ơn và âu yếm tự nhiên tuôn ra. Tôi ngã người vào trong vòng tay của Macgơrit.

-Em muốn sắp đặt tất cả và không nói cho anh biết. Trả hết những món nợ, và chuẩn bị một căn nhà mới của em. Tháng mười đến, chúng ta sẽ trở về Paris.

Nhưng bởi vì Prudăng đã kể cho anh nghe tất cả, vậy thì tốt hơn là anh hãy đồng ý với em trước, hơn là sẽ đồng ý sau. Anh có yêu em để sẵn sàng chấp nhận không?

Không thể nào cưỡng lại tấm lòng lo lắng tận tuỵ ấy, tôi cứ hôn mãi những bàn tay của Macgơrit với tất cả nhiệt tình.

-Anh sẽ làm tất cả những gì em muốn.

Như thế, tôi đã chấp nhận điều nàng quyết định.

Nàng vui sướng như điên. Nàng nhảy múa, ca hát, nàng sung sướng về sự giản dị của căn nhà mới, hỏi trước ý kiến của tôi về cách trang trí căn nhà ấy.

Tôi thấy sung sương và kiêu hãnh về quyết định này, vì hình như nó sẽ giúp chúng tôi, một cách vĩnh viễn, được mãi mãi sống bên nhau.

Vì vậy, tôi không muốn bàn tính gì thêm với nàng nữa. Nhưng trong giây phút, tôi cũng đã quyết định đời tôi. Tôi sắp đặt vị trí cho tài sản tôi. Tôi sẽ giao cho Macgơrit phần lợi tức của mẹ tôi để lại. Lợi tức này vẫn là quá ít để đền bù những hy sinh của nàng mà tôi đã chấp nhận.

Tôi còn năm ngàn frăng trợ cấp của cha tôi. Và dù thế nào, tôi vẫn luôn luôn có tiền trợ câp hàng năm đủ để sinh sống.

Tôi không nói cho Macgơrit điều tôi quyết định vì tin chắc nàng sẽ từ chối không nhận số tiền tôi tặng nàng.

Cái lợi tức ấy sinh ra từ sau mươi ngàn frăng tiền cầm cố một cái nhà mà tôi chưa bao giờ trông thấy. Tất cả những gì tôi biết, là cứ ba tháng một lần, người chưởng khế và cũng là người bạn già của cha tôi đem đưa cho tôi bảy trăm năm mươi frăng để nhận một cái biên lai đơn giản của tôi.

Ngày mà Macgơrit và tôi quay về Paris tìm thuê nhà, tôi đã tìm đến gặp ông chưởng khế và hỏi ông, tôi phải làm gì để chuyển lợi tức đó về cho người khác.

Viên chưởng khế tưởng tôi đã phá sản và chất vấn tôi về nguyên nhân của quyết định đó. Biết sớm muộn gì cũng phải cho ông ta biết tôi chuyển lợi tức đó về cho người nào, tôi liền kể cho ông nghe tất cả sự thật.

Ông không đưa ra một người ngăn cản nào cả, mặc dù vị trí chưởng khế và bạn của gia đình tôi cho phép ông được làm điều đó. Ông chỉ bảo đảm với tôi rằng ông sẽ lo sắp xếp mọi chuyện được tốt đẹp.

Đương nhiên, tôi nhờ ông giữ kín chuyện này với cha tôi. Và tôi tìm gặp lại Macgơrit đang đợi tôi tại nhà của Juyli Đupơra. Nàng muốn ở đó hơn là về nhà để nghe Pruđăng giảng luân lý.

Chúng tôi bắt đầu đi tìm thuê nhà. Tất cả những nơi chúng tôi đến, Macgơrit đều cho rằng giá qúa đắt, còn tôi thì cho rằng khiêm tốn quá. Tuy nhiên, cuối cùng chúng tôi cũng đồng ý chọn một căn nhà nhỏ tách rời hẳn ngôi nhà chính, nằm trong một khu phố loại yên tĩnh nhất ở Paris.

Phía sau căn nhà có một khu vườn dễ thương – khu vườn thuộc căn nhà này – bao bọc bởi những bức tường cao vừa đủ để ngăn cách chúng tôi với những người láng giềng và không hạn chế tầm nhìn của chúng tôi.

Thế là sự việc vượt quá hy vọng.

Trong lúc tôi trở về để trả căn nhà đang thuê, Macgơrit đi đến một người đàn ông chuyên chạy việc. Người này, theo nàng bảo, đã từng giúp bạn gái nàng một

công việc giống như việc nàng sắp nhờ ông ta.

Nàng đến gặp tôi ở đường Prôvân, vẻ mặt rất vui tươi. Người đàn ông đó hứa với nàng là sẽ trả tất cả những món nợ, sẽ đưa biên lai đến cho nàng và sẽ trao cho nàng hai mươi ngàn frăng, với điều kiện đổi lấy tất cả đồ đạc trong nhà nàng.

Bạn đã thấy rõ, khi đem bán đấu giá những đồ đạc này, người đàn ông lương thiện kia đã lời hơn ba mươi ngàn frăng.

-Chúng tôi sung sướng trở về Bugival, và tiếp tục cùng nhau trao đổi những dự kiến tương lai. Nhờ tính vô tư của chúng tôi, và nhất là do tình yêu của chúng tôi, chúng tôi thấy mọi việc đều tươi sáng và đẹp đẽ.

Tám ngày sau, khi chúng tôi đang ăn trưa, Nanin bước vào và cho biết người giúp việc của tôi tìm đến tôi.

Tôi cho gọi vào.

-Thưa ông – anh ta nói – ông cụ đã đến Paris, và mời ông về nhà ngay tức khắc. Cụ đang trông đợi.

Cái tin đó là một tin đơn giản nhất đời, tuy nhiên, nghe vậy Macgơrit và tôi nhìn nhau.

Chúng tôi linh cảm có một tai hoạ gì trong chuyện này.

Vì thế, tuy nàng không cho tôi biết cái ấn tượng mà tôi cùng chia sẻ ấy, tôi đã cầm lấy tay nàng và nói: -Em đừng lo ngại gì cả.

-Anh hãy trở về càng sớm càng tốt – Macgơrit thì thầm ôm choàng lấy tôi – Em sẽ đợi anh bên cửa sổ.

Tôi cho Jôdép về báo cho cha tôi biết là tôi sẽ về ngay.

Đúng thế, hai giờ sau, tôi đã có mặt ở đường Prôvân.

§20

Cha tôi mặc áo ngủ, ngồi trong phòng khách và đang viết.

Tôi hiểu ngay tức khắc cái cách ông ngẩng mặt nhìn tôi, khi tôi bước vào. Chắc sẽ có vấn đề quan trọng.

Tuy nhiên, tôi tiến đến gần và ôm choàng lấy ông, như không đoán biết được gì cả trong nét mặt của ông.

-Thưa cha, cha đến lúc nào?

-Chiều ngày qua.

-Cha có đến nhà con như thường lệ?

-Có.

-Con rất tiếc, con không có mặt ở đó để tiếp cha.

Ngay sau lời nói đó, tôi chờ đợi để nghe bài giảng luân lý mà gương mặt lạnh lùng của cha tôi như hứa hẹn. Nhưng cha tôi không nói gì cả, ông niêm phong là thư vừa viết và đưa cho Jôdép đem ra bưu điện.

Khi chỉ còn hai cha con thôi, cha tôi đứng lên, tựa người vào lò sưởi và nói: -Này con, Acmân, cha có việc nghiêm chỉnh cần nói chuyện với con.

-Thưa cha, con đang lắng nghe.

-Con hứa với cha con sẽ nói thẳng thắn.

-Đó chính là thói quen của con.

-Có đúng là con đang sống với một người đàn bà tên là Macgơrit Gôchiê phải không?

-Thưa vâng.

-Con có biết người đàn bà đó là ai?

-Một kỹ nữ.

-Chính vì cô ấy mà con đã quên về thăm cha và em gai con năm nay có phải không?

-Thưa cha, con xin thú nhận điều đó.

-Thế thì con đã yêu cô gái đó nhiều lắm phải không?

-Thưa cha, cha đã thấy rồi. Bởi vì nàng đã làm con quên đi bổn phận thiêng liêng, điều mà hôm nay con xin cha tha lỗi cho.

Cha tôi, tất nhiên không nghĩ đến những câu trả lời gãy gọn của tôi như thế. Ông có vẻ suy nghĩ trong giây lát, và nói: -Hẳn con hiểu rằng đương nhiên là con không thể sống mãi như thế được chứ?

-Con sợ điều đó, thưa cha. Nhưng con không hiểu điều đó được.

-Nhưng con phải hiểu mới được – cha tôi nói tiếp, với một giọng cứng rắn hơn mà tôi không thể chịu nổi.

-Con tự nhủ, lúc nào con không làm điều gì trái với lòng tôn kính đối với cha và truyền thống ngay thẳng của gia đình, con còn có thể sống như con đang sống. Điều này có thể làm cho con yên tâm ít nhiều về nỗi lo sợ mà con đã có.

Sự đam mê làm cho người ta gan dạ hơn để chống lại những tình cảm khác. Tôi sẵn sàng chấp nhận mọi cuộc chiến đấu, ngay cả chống lại cha tôi, để bảo vệ Macgơrit.

-Thế thì cái giây phút để sống khác đi đã đến rồi.

-Thưa cha, tại sao?

-Bởi vì, con đã đến lúc làm những điều tổn thương đến lòng tôn kính mà con tin tưởng mình phải có đối với gia đình.

-Con không hiểu được những lời nói đó.

-Cha sẽ giải thích cho con. Con có một tình nhân, được lắm. Con trả tiền cho người đó, như một gã đàn ông chơi bời phải trả tiền cho cô gái giang hồ, vẫn được lắm. Nhưng con đã quên những điều rất thánh thiện đối với người con gái đó. Con đã để cho dư luận về cuộc sống của con tai tiếng của con vang động đến quê nhà. Và đã bôi một vết nhơ lên dòng họ đáng kính mà cha đã truyền lại cho con. Điều đó không thể được! Điều đó không thể tiếp tục diễn ra được!

-Thưa cha, cha cho phép con được nói. Tất cả những người đã nói với cha những điều đó đều không hiểu gì cả. Con là người tình của cô Giôchiê. Con sống với cô ta, đó là việc giản dị nhất đời. Con không trao cho cô Giôchiê cái họ mà con nhận được nơi cha. Con chi tiêu cho cô ta những gì mà hoàn cảnh con cho phép. Con không thiếu nợ ai. Cuối cùng, con không ở trong một hoàn cảnh nào cho phép người cha nói với con mình những điều như cha vừa nói.

-Một người cha luôn luôn có quyền đem cho con mình ra khỏi con đường xấu xa, khi con mình đã đi vào đó. Con chưa làm điều gì xấu, nhưng rồi con sẽ làm.

-Thưa cha!

-Con ạ! Cha hiểu cuộc sống nhiều hơn con. Chỉ có những tình cảm hoàn toàn trong sáng nơi những người đàn bà hoàn toàn trinh trắng. Nàng Manông nào cũng có thể tạo ra một ông Đêgriơ; nhưng thời gian và phong tục đã thay đổi. Thế giới sẽ già đi một cách vô ích, nếu nó không thể tự cải thiện được. Con sẽ từ bỏ cô tình nhân của con.

-Con rất tiếc là con không thể vâng lời cha được, thưa cha! Vì điều đó không thể được.

-Cha sẽ buộc con phải vâng lời.

-Thưa cha! Khốn nỗi, giờ đây không còn những hòn đảo Xanh Macgơrit để người ta đưa những kỹ nữ đến đó. Và nếu còn, con cũng sẽ đi đến với cô Giôchiê, nếu cha buộc được người ta đưa cô đến đó. Cha nghĩ sao? Có thể con có lỗi. Nhưng con chỉ có thể sung sướng với điều kiện được làm tình nhân của người đàn bà đó.

-Này Acmân, con hãy mở mắt ra. Con hiểu cha luôn luôn thương con và chỉ muốn cho con được hạnh phúc. Danh dự gì khi con sống như vợ chồng với một người đàn bà của chung mọi người.

-Thưa cha, con không cần biết, giờ đây có còn kẻ nào đến với nàng không nữa. Con không cần, Con chỉ biết, giờ đây người đàn bà đó yêu con, người đàn bà đó đã thay đổi vì đã yêu con, vì tình yêu của con đối với nàng. Cuối cùng, con không cần biết gì hơn nữa, nếu như người đàn bà ấy đã sửa đổi được cuộc sống của nàng.

-Như vậy, con tin rằng sứ mạng của một người đàn ông danh gía là đi cải hoá những kỹ nữ hay sao? Như vậy, con tin Chúa đã đặt mục đích lạ lùng ấy cho cuộc đời và trái tim lại không có được nỗi say mê nào khác hơn là nỗi say mê đó hay sao? Kết quả của sự chữa trị mầu nhiệm đó như thế nào? Và con sẽ nghĩ như thế nào về điều con nói hôm nay, khi con đến tuổi bốn mươi? Con sẽ cười về tình yêu của con, nếu lúc bấy giờ con còn có thể cười, và nếu nó không để lại dấu vết sâu đậm trong quá khứ của con. Con sẽ thế nào vào giờ phút hiện tại này, nếu cha trước kia có những ý nghĩ như con, đã từ bỏ cuộc đời chạy theo làn sóng tình ái đó, hơn là để xây dựng cuộc đời một cách cương quyết trên ý niệm danh dự và trung thực?

Con hãy suy nghĩ đi, Acmân, và đừng nói những điều dại dột như thế nữa. nghe cha đi con, hãy từ bỏ người đàn bà đó. Cha van con, hãy làm điều đó!

Tôi không trả lời gì cả.

-Acmân – cha tôi nói tiếp – nhân danh người mẹ thánh thiện của con, con hãy tin cha, hãy từ bỏ cuộc sống đó, và rồi con sẽ quên đi nhanh chóng hơn cả con tưởng. Con tự buộc mình vào một lý thuyết không đứng vững được. Con đã hai mươi bốn tuổi, con hãy nghĩ đến tương lai. Con không thể yêu thương mãi mãi người đàn bà, người đàn bà đó cũng không thể yêu con mãi mãi được. Cả hai đều khuyếch đại quá lớn tình yêu của mình. Con đã đóng chặt cửa tất cả các lối đi. Thêm một bước nữa, con sẽ không từ bỏ được con đường con đang đi; và suốt đời con sẽ hối hận về việc đã làm trong tuổi thanh niên. Hãy về, hãy về sống một hay hai tháng với cha và em gái con. Sự nghỉ ngơi và tình yêu trong gia đình sẽ mau chóng chữa cho con khỏi cơn sốt đó, vì thật ra, đó chỉ là một cơn sốt.

Trong thời gian này tình nhân của con sẽ tìm được cách tự an ủi. Cô ta sẽ tìm được tình nhân khác. Khi ấy con sẽ thấy vì ai mà suýt nữa con đã gây rối với cha, làm mất tình thương của cha. Con sẽ tự nhủ, cha đến đây tìm con là rất đúng, và con sẽ cầu Chúa ban ơn lành cho cha. Con sẽ đi, phải không Acmân?

Tôi cảm thấy với người đàn bà khác thì cha tôi có lý. Nhưng tôi tin chắc, cha tôi không có lý với Macgơrit. Tuy nhiên, giọng ông nói những lời cuối cùng rất êm ái, rất van lơn, làm cho tôi không dám trả lời.

-Con nghĩ sao? – ông nói với giọng xúc động.

-Con nghĩ, thưa cha, con không thể hứa hẹn gì với cha bây giờ cả. Điều cha đòi hỏi vượt quá sức lực của con. Cha hãy tin con – tôi tiếp, khi thấy ông tỏ vẻ bất bình – Cha đã khuyếch đại những hậu quả của sự dan díu đó, Macgơrit không phải là người con gái như cha quan niệm. Tình yêu đó không hề đưa con vào một con đường xấu xa. Trái lại có thể làm phát triển nơi con những tình cảm rất cao quý. Tình yêu chân chính luôn luôn đem lại sự tốt đẹp, dù người đàn bà của mối tình đó là thế nào đi nữa. Nếu cha biết Macgơrit, chắc cha sẽ hiểu rằng con không mạo hiểm chút nào cả. Nàng rất cao quý, như bất cứ người đàn bà cao quý nào khác. Ở những người đàn bà khác, sự tham lam càng nhiều bao nhiêu, thì ở nàng, sự vô tư càng lớn bấy nhiêu.

-Điều này không ngăn cản cô ta nhận tất cả tài sản của con. Bởi vì sáu mươi ngàn frăng mẹ con để lại, con đã đưa cả cho nàng. Con hãy nhớ rõ, cha lặp lại, đây là tài sản độc nhất của con.

Rõ ràng, cha tôi đã có ý đi đến cái kết thúc và sự hăm doạ đó, để tấn công tôi một lần cuối cùng.

Tôi cương quyết trước những doạ dẫm của cha tôi hơn là trước những lời van lơn.

-Người nào đó cho cha biết rằng con đã giao hẳn tài sản đó cho cô ta?

-Ông chưởng khế. Một con người trung thực không thể hành động như thế mà không báo cho cha mình biết trước. Con hiểu, chính để ngăn cản sự phá sản chỉ vì một cô gái của con, mà cha đã đến Paris. Mẹ con, lúc chết đã để lại một số tiền khá đủ để con có thể sống trong danh dự, chứ không phải để con làm những việc hào hoa phung phí cho những tình nhân của con.

-Con xin thề với cha, Macgơrit không biết gì về việc nhượng cho này cả.

-Thế tại sao con làm điều đó?

-Bởi vì Macgơrit, người đàn bà mà cha vu khống và muốn cho con từ bỏ đó, đã hy sinh tất cả những gì cô ta có để được chấp nhận sống với con.

-Và con chấp nhận sự hy sinh đó? Con là người thế nào, để bằng lòng cho cô Macgơrit nào đó hy sinh những cái gì đó cho con? Thôi đi con! Đủ lắm rồi!

Con sẽ từ bỏ người đàn bà đó. Lúc nãy, cha yêu cầu con. Giờ đây, cha ra lệnh cho con. Cha không muốn những điều dơ bẩn như thế rơi vào trong gia đình ta. Con hãy sửa soạn hành lý và sẵn sàng đi về với cha.

-Xin cha tha lỗi cho, nhưng con xin không đi.

-Tại sao?

-Bởi vì con đã đến cái tuổi mà người ta không nhất thiết phải tuân lệnh không suy nghĩ.

Cha tôi tái mặt trước câu trả lời đó.

-Được – ông nói – cha biết cha có quyền làm những gì.

Cha tôi gọi chuông, Jôdép chạy ra.

-Anh cho chuyển vali của tôi đến khách sạn – ông ra lệnh cho Jôdép, rồi vào phòng chỉnh trang lại cách ăn mặc.

Khi cha tôi trở ra, tôi đến trước mặt ông: -Cha hãy hứa với con: Cha sẽ không làm gì để gây phiền hà cho Macgơrit.

Cha tôi dừng lại, nhìn tôi, vẻ khinh bỉ: -Cha tin rằng con điên rồi.

Sau đó, ông bước ra, đóng mạnh cánh cửa.

Tôi đi xuống, thuê một chiếc xe và trở về Bugival.

Macgơrit đợi tôi bên cửa sổ.

§21

Đã về – Nàng la lớn và nhảy đến ôm lấy cổ tôi – Anh đã về rồi! Sao anh xanh thế!

Tôi kể cho nàng nghe những sự việc vừa xảy ra với cha tôi.

Ôi! Chúa ơi! Em đã lo sợ từ trước – nàng nói – Khi Jôdép đến đây báo tin cha anh đến, em run lên như nghe một tin không lành. Anh yêu dấu ơi! Chính em là nguyên nhân của tất cả những sự việc đáng buồn đó! Có lẽ, anh từ bỏ em đi, tốt hơn là gây gổ với cha anh. Nhưng em đã làm phiền gì đến ông đâu? Chúng ta đã sống rất yên lành. Chúng ta sẽ sống yên lành hơn nữa. Cha anh phải biết rằng anh cần có một tình nhân và đáng lẽ ông phải sung sướng khi người tình nhân đó chính là em. Bởi vì em yêu anh và không đòi hỏi gì cao xa hơn hoàn cảnh anh có thể cho phép. Anh có nói cho cha anh biết chúng ta sắp đặt tương lai như thế nào không?

-Có, và chính điều đó làm cho cha anh bực tức hơn. Bởi vì ông nhìn thấy trong quyết định đó bằng chứng của mối tình giữa chúng ta.

-Vậy thì làm thế nào?

-Chúng ta cứ sống chung em Macgơrit ạ; và hãy để cho cơn giông tố đó đi qua.

-Liệu nó có qua đi được không?

-Nhất định phải qua.

-Nhưng cha anh sẽ không dừng lại ở đó đâu.

-Em nghĩ cha anh sẽ làm gì?

-Em biết thế nào được! Ông sẽ làm tất cả những gì có thể làm để buộc anh phải vâng lời. Cha anh sẽ nhắc lại cho anh cuộc đời quá khứ của em, và có thể sẽ sáng tạo nên một câu chuyện mới nào đó, để cho anh phải bỏ em.

-Em biết rõ rằng anh yêu em!

-Vâng, nhưng em cũng biết, sớm hay muộn gì anh cũng phải vâng lời cha anh. Và cuối cùng, cha anh sẽ thuyết phục được anh.

-Không Macgơrit. Chính anh, anh sẽ thuyết phục cha anh. Chẳng qua những lời dèm pha của một vài ông bạn nào đó đã làm cho cha anh nổi giận như thế. Nhưng cha anh là người tốt bụng. Ông vốn công bằng. Ông sẽ nghĩ lại về ý kiến đầu tiên của ông. Nhưng dù thế nào, anh cũng không nao núng!

-Anh đừng nói thế, Acmân. Em vui lòng nhận tất cả, hơn là để cho người ta tin em đã làm anh phải lủng củng với gia đình. Anh hãy để cho ngày hôm nay đi qua; và ngày mai anh hãy trở lại Paris. Về phía cha anh, ông sẽ nghĩ lại, cũng như anh đã nghĩ lại. Có lẽ cha con anh sẽ hiểu nhau hơn. Anh không nên đụng chạm đến những nguyên tắc của ông. Anh hãy làm ra vẻ chịu một vài nhân nhượng

trước những ý muốn của ông. Anh hãy tỏ vẻ không quá vì em. Ông sẽ để cho những sự việc được ở trong tình trạng hiện tại. Hãy hy vọng lên, anh yêu dấu! Và hãy chắc chắn một điều: dù bất cứ điều gì xảy ra, Macgơrit vẫn ở bên anh.

-Em thề với anh điều đó?

-Em có cần phải thề với anh điều đó không?

Được thuyết phục bởi giọng của người yêu thật là êm ái! Macgơrit và tôi suốt ngày nhắc đi nhắc lại mãi những dự định đó. Chúng tôi từng phút chờ đợi mãi những dự định đó. Chúng tôi từng phút chờ đợi một biến cố đó. Nhưng sung sướng thay, ngày hôm ấy qua đi êm ả, không một điều gì khác lạ xảy ra.

Ngày hôm qua, tôi ra đi lúc mười giờ, và trưa hôm đó đến khách sạn.

Cha tôi đã đi rồi. Tôi trở về nhà tôi, hy vọng có thể gặp cha tôi ở đó. Nhưng không ai đến. Tôi đến nhà ông chưởng khế, vẫn không gặp ai cả!

Tôi trở về khách sạn và đợi mãi đến sáu giờ. Cha tôi không trở lại.

Tôi lên đường, trở về Bugival.

Tôi thấy Macgơrit không chờ đợi tôi như chiều hôm trước, mà ngồi bên góc lò sưởi, vì mùa lạnh đã bắt đầu.

Nàng đang mãi suy nghĩ. Tôi đến bên gần nàng, nhưng nàng không hay biết gì cả. Khi tôi đặt môi hôn lên trán nàng, nàng bỗng giật mình, hình như cái hôn đó đã làm nàng thức tỉnh.

-Anh làm em sợ – nàng nói với tôi – cha anh thế nào?

-Anh không gặp ông. Anh không biết tại sao lại như vậy. Anh không gặp cha anh ở khách sạn, cũng như ở bất cứ nơi nào mà anh tin ông ta có thể đến.

-Thế thì ngày mai anh đi tìm lại.

-Anh muốn chờ, cho đến khi ông gọi sẽ đến. Anh sẽ làm tất cả những gì anh phải làm, anh tin thế.

-Không, anh yêu dấu. Như thế vẫn chưa đủ. Phải đi gặp lại cha anh, nhất là vào ngày mai.

-Tại sao là ngày mai mà không phải là một ngày nào khác?

-Bởi vì – Macgơrit mặt hơi đỏ lên trước câu hỏi đó – bởi vì như vậy sự van nài về phía anh có vẻ thiết tha hơn; và sự tha lỗi, do đó, có thể nhanh chóng hơn.

Suốt ngày còn lại, Macgơrit bận rộn, lơ đãng, buồn bã. Tôi bắt buộc phải lặp lại hai lần điều tôi muốn nói để được nàng trả lời. Nàng cho biết, nàng bối rối vì những sợ hãi về tương lai mà những biến cố ngày hôm nay đã gợi ra trong tâm trí nàng.

Tôi thức suốt đêm để trấn an nàng. Ngày hôm sau, nàng giục tôi đi với một nỗi lo âu rõ ràng mà tôi không thể giải thích được.

Giống như hôm trước, cha tôi đi vắng. Nhưng lúc ra đi ông có để lại thư này:

"Nếu con trở lại để gặp cha trong ngày hôm nay, con hãy đợi cha đến bốn giờ. Nếu đến bốn giờ cha không về thì ngày mai, con hãy trở lại dùng bữa cơm

chiều với cha. Cha có chuyện cần nói với con”.

Tôi chờ đợi đến đúng giờ ông đã hẹn. Cha tôi không về. Tôi lại ra đi.

Ngày hôm trước, tôi thấy Macgơrit buồn. Ngày hôm nay, tôi thấy nàng bị sốt và mất bình tĩnh. Khi thấy tôi về, nàng nhảy lên ôm chặt lấy cổ tôi và khóc rất lâu giữa vòng tay của tôi.

Tôi hỏi nàng về sự đau khổ đột ngột đó mà sự tiến triển làm tôi lo sợ. Nàng không cho tôi biết một lý do rõ ràng nào cả, chỉ viện đến tất cả những lý do mà một người đàn bà có thể đưa ra khi không muốn trả lời đúng sự thật.

Khi nàng hơi bình tĩnh lại, tôi kể cho nàng nghe kết quả chuyến đi của tôi. Tôi đưa nàng xem lá thư của cha tôi, lưu ý nàng rằng chúng tôi có thể hy vọng ở nó là một điềm lành.

Nhìn thấy lá thư đó và nghe những ý nghĩ của tôi đưa ra, nàng càng khóc nhiều hơn, đến nỗi tôi phải gọi Nanin vì sợ nàng bị ngất. Chúng tôi đặt nàng nằm nghỉ. Nàng không nói năng gì cả, nhưng nắm chặt tay tôi, thỉnh thoảng lại hôn mạnh vào bàn tay tôi

Tôi hỏi Nanin xem trong lúc tôi đi vắng nhà, nàng có nhận được một lá thư nào hay có một cuộc viếng thăm nào đến nỗi phải làm nàng xúc động như thế. Nhưng Nanin trả lờ không có ai đến cả, và cũng không có thư từ gì.

Nhưng chắc chắn, từ ngày hôm qua đến nay, có việc gì đó xảy ra, đã gây nhiều lo âu mà Macgơrit giấu tôi.

Chiều đến, nàng có vẻ hơi bình tĩnh hơn một chút. Nàng bảo tôi ngồi xuống bên giường, nhắc lại cho tôi nhiều lần sự sắt đá trong tình yêu của nàng. Rồi nàng mỉm cười với tôi, nhưng cố gắng và gượng gạo. Bởi vì, ngoài ý muốn, mắt nàng mờ lệ.

Tôi dùng mọi cách để buộc nàng nói cho biết nguyên nhân chính, đích thực của sự buồn rầu đó. Nhưng nàng cứng đầu, luôn luôn chỉ cho tôi biết những lý do mơ hồ, như tôi vừa nói trên.

Cuối cùng, nàng ngủ thiếp trong vòng tay tôi, nhưng với một giấc ngủ là cho thân thể mệt mỏi hơn là nghỉ ngơi. Thỉnh thoảng, nàng thở ra một tiếng và giật mình tỉnh giấc, sau khi biết chắc tôi đang ở bên cạnh, nàng đòi tôi phải thề yêu nàng mãi mãi.

Tôi không hiểu gì cả về nỗi đau khổ đó. Nó cứ kéo dài từng cơn. Mãi cho đến sáng, Macgơrit mới mỏi mệt ngủ thiếp đi. Hai đêm rồi, nàng không ngủ

Giấc ngủ này không kéo dài được lâu. Khoảng mười một giờ, Macgơrit thức dậy. Thấy tôi đã dậy rồi, nàng nhìn quanh và nói lớn: -Anh đã đi rồi?

-Không – Tôi đáp và nắm chặt hai bàn tay nàng – Nhưng anh muốn để em ngủ. Trời còn sớm lắm.

-Mấy giờ anh đi Paris?

-Bốn giờ.

-Sớm thế? Từ giờ cho đến bốn giờ, anh vẫn ở nhà với em chứ?

-Dĩ nhiên. Anh vẫn luôn như vậy mà!

-Hạnh phúc qúa!

-Chúng mình sẽ ăn sáng? – Nàng nói với một vẻ lơ đãng.

-Nếu em muốn.

-Và anh sẽ hôn em thật nhiều, mãi cho đến lúc nào anh đi.

-Vâng, và anh sẽ trở lại sớm, rất sớm.

-Anh sẽ trở về? – nàng nói và nhìn tôi với đôi mắt ngơ ngác.

-Đương nhiên.

-Đúng rồi, vậy chiều nay, anh sẽ về. Em sẽ đợi anh như thường lệ. Và em sẽ yêu anh, chúng ta sẽ sung sướng, như chúng ta đã sung sướng từ ngày chúng ta biết nhau.

Những lời nói đó với một giọng không bình thườn, hình như là để che dấu một trạng thái tâm tư quá đau đớn liên tục, làm tôi run sợ, từng phút từng giây. Macgơrit sẽ rơi vào tình trạng mê sảng?

-Em hãy nghe anh nói – tôi nói – em bị ốm. Anh không thể để em như thế này. Anh sẽ viết thư cho cha anh, bảo ông đừng đợi nữa.

-Không! Không! – Nàng đột ngột nói lớn – Đừng làm điều đó. Cha anh sẽ lại lên án em cấm anh đi gặp ông, khi ông muốn gặp anh. Không! Không! Anh phải đi. Anh cần đi. Vả chăng em không ốm đâu. Em khoẻ mạnh lắm. Chẳng qua em đã phải trải qua một giấc mộng không lành, vì em không thức dậy một cách bình thường.

Từ giây phút đó, Macgơrit có vẻ vui tươi hơn. Nàng không khóc nữa.

Khi đến giờ tôi phải đi, tôi ôm nàng vào lòng hôn và hỏi nàng có thích đưa tôi đến tận đường xe lửa không. Tôi hy vọng, đi như thế nàng sẽ được khuây khoả hơn, không khí ngoài trời sẽ làm cho nàng khỏe hơn.

Tôi thực sự muốn kéo dài thêm thời gian được gần gũi nàng.

Nàng nhận lời, lấy áo choàng và cùng đi với tôi và Nanin để khỏi phải trở về nhà một mình.

Hai mươi lần, tôi gần như không muốn ra đi. Nhưng niềm hy vọng sẽ trở về sớm và nỗi lo sợ làm mếch lòng cha tôi lần nữa đã làm tôi phải giữ quyết định của mình. Tàu chạy.

“ Chiều sẽ gặp lại ” – tôi nói với Macgơrit lúc từ giã.

Nàng không trả lời.

Một lần rồi, nàng không trả lời tôi, cũng với những từ như thế. Và ông bá tước G… bạn còn nhớ, đã ở lại với nàng suốt đêm. Nhưng ngày ấy đã xa lắm rồi; và hình như đã bị xoá nhoà trong trí nhớ tôi. Nay, nếu tôi có nỗi lo sợ điều gì đó, thì chắc chắn không phải là lo sợ Macgơrit lừa dối tôi.

Tôi chạy đến nhà Prưđăng ở Paris, yêu cầu chị đi thăm Macgơrit, hy vọng tài nói năng và tính vui vẻ của chị sẽ giải buồn cho nàng.

Tôi vào nhà, không báo trước. Và tôi gặp Prưđăng ở phòng trang sức.

-A! – Chị ta nói với tôi vẻ lo lắng – Macgơrit có đi với anh không?

-Không.

-Cô ấy có khoẻ không?

-Nàng đang ốm.

-Vậy nàng sẽ không đến?

-Nàng có cần phải đến không?

Bà Đuvecnoa đỏ mặt và trả lời tôi bối rối.

-Tôi muốn nói: anh đến Paris, nhưng cô ấy không đến cùng anh sao?

-Không.

Tôi nhìn Prưđăng. Chị ta cúi mặt xuống và trên khuôn mặt chị, tôi tưởng như đọc được sự lo sợ cuộc viếng thăm của tôi kéo dài.

-Tôi đến đây để yêu cầu chị, chị Prưđăng thân mến, nếu chị không có việc gì làm, chiều nay, chị hãy về thăm Macgơrit. Chị hãy trò chuyện cho vui và có thể ở lại đêm ở đó. Tôi chưa bao giờ thấy nàng như hôm nay, tôi sợ nàng ốm.

-Tôi phải đi ăn tối ở ngoài phố – Prưđăng đáp – nên chiều nay, tôi không thể đến thăm được, nhưng ngày mai tôi sẽ đến.

Tôi từ giã Đuvecnoa. Chị ta cũng có vẻ bận rộn không khác Macgơrit. Tôi đến gặp cha tôi. Cái nhìn đầu tiên của ông chăm chú như muốn tìm hiểu ở tôi một điều gì đó.

Cha tôi đưa tay bắt tay tôi.

-Hai lần con đến thăm làm cha vui lòng, Acmân ạ. Hai lần đó làm cha hy vọng về phía con, con đã suy nghĩ lại: cũng như về phía mình, cha đã suy nghĩ.

-Thưa cha, cha cho phép con hỏi về kết quả những điều cha suy nghĩ.

-Con ạ, cha đã khuyếch đại tầm quan trọng trong những lời dị nghị của những kẻ khác, và cha tự hứa sẽ ít nghiêm khắc hơn đối với con.

-Thưa cha, cha nói gì? – tôi nói lớn, giọng mừng rỡ.

-Cha nói, con thân mến ạ, người con trai nào cũng phải có một tình nhân. Và theo những tin tức mới đây, cha bằng lòng được biết rằng tình nhân của con là Giôchiê hơn là một người nào khác.

-Cha tốt quá! Cha đã làm con sung sướng.

Chúng tôi nói chuyện trong giây lát, rồi cùng ngồi lại bàn ăn. Cha tôi vui vẻ suốt thời gian chúng tôi ăn chiều.

Lòng tôi nôn nóng trở về Bugival để kể lại cho Macgơrit sự thay đổi qúy báu của cha tôi. Mỗi phút, tôi lại tự nhiên nhìn lên đồng hồ.

-Con xem giờ – cha tôi nói – con nôn nóng để từ giã cha! Ồ! Thanh niên các bạn luôn luôn hy sinh những tình thương chân thật để đổi lại những tình thương

không vững chắc.

-Thưa cha, cha đừng nói như thế, Macgơrit yêu con, con tin chắc điều đó.

Cha tôi không trả lời. Ông không biểu lộ vẻ nghi ngờ hay tin tưởng.

Ông thiết tha mong tôi ở lại với ông suốt buổi chiều ấy và sẽ về vào ngày hôm sau. Nhưng Macgơrit đang ốm. Tôi cho ông biết như thế và xin phép được trở về nhà sớm, hứa sáng hôm sau sẽ trở lại. Thời tiết tốt. Cha tôi đưa tôi đến tận sân ga. Không bao giờ tôi sung sướng đến như thế. Tương lai hiện ra với tôi đẹp đẽ như tôi đã đi tìm bấy lâu nay.

Tôi càng yêu quý cha tôi hơn những ngày trước gấp bội.

Khi tôi sắp đi, ông còn nài nỉ tôi, một lần chót, ở lại với ông. Tôi từ chối.

-Con thương cô ta quá! – Ông nói.

-Như một con người điên.

-Thôi, con đi! – Và ông đưa bàn tay lên trán như muốn xua đuổi một ý tưởng, rồi mở miệng như muốn nói với tôi điều gì.

Nhưng ông chỉ siết chặt bàn tay tôi rồi đột ngột bước đi, và nói lớn: -Ngày mai, con nhớ nhé!

§22

Đoàn tàu hình như không chuyển động.

Tôi có mặt ở Bugival lúc mười một giờ.

Không thấy ánh đèn trong nhà. Tôi gọi chuông. Không nghe trả lời.

Đó là lần đầu tiên, một sự việc như thế xảy ra với tôi. Cuối cùng, người giữ vườn hiện ra, tôi đi vào.

Nanin cầm một ngọn đèn đến gặp tôi. Tôi đến phòng của Macgơrit.

-Bà đi đâu?

-Bà đi Paris – Nanin trả lời.

-Đi Paris!

-Thưa ông, vâng.

-Khi nào?

-Một giờ sau lúc ông đi.

-Bà không để gì lại cho tôi cả sao?

-Không.

Nanin bỏ mặc tôi ở đó.

"Có thể nàng lo sợ, và đi Paris để được biết chắc chắn cuộc viếng thăm cha tôi, mà tôi đã nói với nàng, là có thật hay chỉ là một cái cớ để tôi có được một ngày tự do. Có thể Prudăng đã tin cho nàng biết về một chuyện quan trọng nào đó". – tôi tự nhủ khi còn lại một mình. Nhưng tôi đã gặp Prudăng, khi tôi đến nhà. Chị ta không hề nói gì để tôi có thể nghĩ rằng chị đã viết thư cho Macgơrit.

Bỗng nhiên, tôi nhớ lại câu Đuvecnoa đã hỏi tôi: "Vậy hôm nay, cô sẽ không đến?" khi tôi cho chị ta biết Macgơrit đang ốm. Đồng thời, tôi cũng nhớ lại vẻ bối rối của Prudăng khi tôi nhìn chị, sau lời nói đó, như tố giác một cuộc hẹn hò. Và tôi nhớ lại những giọt nước mắt của Macgơrit suốt cả ngày hôm qua, những giọt nước mắt và sự đón tiếp vui vẻ của cha tôi đã làm cho tôi quên được phần nào.

Kể từ giây phút đó, tất cả những cái bất thường suốt ngày hôm ấy, đã đến tụ tập quanh sự nghi ngờ đầu tiên của tôi, và củng cố sự nghi ngờ trong trí não tôi. Tất cả đã xác định mối nghi ngờ đó, cho đến cả sự khoan hồng của cha tôi nữa.

Macgơrit gần như đã ép buộc tôi phải đi Paris. Nàng đã tỏ ra bình tĩnh, khi tôi đề nghị sẽ ở lại bên nàng. Tôi đã bị sa bẫy? Phải chăng Macgơrit đã lừa dối tôi? Nàng nghĩ rằng sẽ trở về kịp thời, để tôi không biết nàng đã đi vắng? Cái bất ngờ nào đã giữ nàng lại? Tại sao nàng không nói với Nanin, hay tại sao nàng không viết thư để lại cho tôi? Những giọt nước mắt đó, sự vắng mặt này, cái bí ẩn này có ý nghĩa gì?

Đó là điều tôi lo sợ tự hỏi, giữa căn phòng trống rỗng và tôi mở mắt nhìn chằm chằm vào cái đồng hồ vừa điểm mười hai giờ khuya, có vẻ như nói với tôi: Đã quá muộn, để có thể hy vọng gặp lại tình nhân của tôi.

Tuy nhiên, sau những dự định mà chúng tôi vừa bàn với nhau, đầy lòng hy sinh hiến dâng và chấp nhận, có đúng chăng nàng đã lừa dối tôi? Không. Tôi cố gắng vứt bỏ những giả thiết đầu tiên.

Người con gái đáng thương đó, có thể đã tìm được người mua đồ đạc của mình và đã đến Paris để giải quyết công việc. Nàng không muốn cho tôi biết trước bởi nàng biết, tuy tôi đã chấp nhận việc bán đồ, một việc cần thiết cho hạnh phúc tương lai của chúng tôi, song điều đó vẫn thật sự nặng nề đối với tôi. Có thể nàng sợ làm tổn thương lòng tự ái và sự tế nhị của tôi, khi phải nói đến điều đó. Nàng chỉ muốn trở về khi mọi chuyện đã xong xuôi. Pruđăng chờ nàng chắc chắn vì điều đó và đã tự tố giác trước mặt tôi. Macgơrit không thể kết thúc việc mua bán trong ngày hôm nay. Nàng đã ngủ lại nhà chị ấy. Hãy cũng có thể, chốc nữa, nàng sẽ về. Bởi vì nàng phải nghĩ tôi đang lo lắng và chắc chắn không muốn để tôi phải lo lắng như thế.

Nhưng tại sao có những giọt nước mắt kia? Chắc chắn, mặc cho tình yêu đối với tôi, người con gái đáng thương này không thể nào từ bỏ sự xa hoa hào nhoáng mà nàng đã sống cho đến tận ngày nay, đã làm cho nang sung sướng, cũng như gợi sự thèm muốn nơi kẻ khác, mà không khóc được.

Tôi sẵn sàng tha thứ những hối tiếc đó nơi Macgơrit. Tôi chờ đợi nàng đến sốt ruột, để nói cho nàng biết, bằng những cái hôn, rằng tôi đoán được nguyên nhân sự vắng mặt bí ẩn của nàng. Tuy nhiên, đêm cứ sâu dần, và Macgơrit không về.

sự lo lắng như dần dần thu nhỏ chiếc vòng của nó lại, siết chặt đầu tôi và tim tôi. Có thể, có việc gì đó đã xảy ra với nàng. Có thể, nàng đã bị thương, bị ốm, bị chết. Có thể tôi sắp nhận được một tin báo một tai nạn nào đây! Có thể, ngày hôm sau, tôi vẫn còn trong tình trạng bất ổn này, và cũng trong những lo sợ như thế này!

Ý tưởng Macgơrit lừa dối tôi, giờ đây, lúc tôi đang chờ nàng, giữa nỗi hoảng hốt do sự vắng mặt cuả nàng gây nên, không còn trở lại trong trí tôi nữa. Phải có một nguyên nhân độc lập, ngoài ý muốn của nàng, để giữ nàng phải xa tôi. Tôi cần nghĩ đến điều đó. Tôi cần tin chắc, nguyên nhân này chỉ là một sự bất hạnh nào đó. Ôi hư ảo của con người! Nó đã tự hiện lên dưới bất kỳ hình thức nào.

Chuông đồng hồ điểm một giờ.

Tôi tự nhủ, tôi sẽ đợi một giờ nữa. Nhưng đến hai giờ, nếu Macgơrit không về, tôi sẽ đi Paris.

Trong lúc chờ đợi, tôi đi tìm quyển sách, vì tôi không dám suy nghĩ.

Cuốn Manông Lexcô mở ra trên bàn. Hình như thỉnh thoảng ở một số trang có dấu vết của những giọt lệ. Sau khi lật từng tờ sách, tôi xếp sách lại. Những dòng chữ hiện ra trống rỗng ý nghĩa, lờ mờ giữa những nghi ngờ của tôi.

Thời gian chậm chạp đi qua. Trời hơi mù. Mưa thu quất mạnh vào cửa kính. Cái giường trống không, đôi lúc tôi cảm thấy như một ngôi mộ. Tôi lo sợ.

Tôi mở cửa lớn. Tôi lắng nghe và chỉ nghe được gió đập vào cành lá. Không một chiếc xe nào đi qua ngang đường. Chuông nhà thờ buồn bã điểm thêm nửa giờ.

Tôi bỗng như sợ có ai đó sắp đi vào. Hình như sự bất hạnh là có thể đến tìm tôi vào giờ này, qua thời tiết u ám này.

Hai giờ lại điểm. Tôi còn chờ đợi thêm một tý nữa. Chỉ có cái đồng hồ xáo động sự yên tĩnh này, bằng tiếng động đều đặn và nhịp nhàng của nó.

Cuối cùng, tôi rời căn phòng. Bất cứ một vật nhỏ bé nào ở đây cũng đượm vẻ buồn thảm và sự cô đơn lo sợ của tâm hồn đã lan rộng chung quanh.

Ở phòng bên cạnh, tôi thấy Nanin đang nằm ngủ. Nghe tiếng mở cửa, chị ta thức dậy và hỏi tôi bà chủ đã về chưa.

-Chưa. Nhưng nếu bà trở về, chị bảo bà biết, tôi không thể chịu đựng được sự lo lắng và đã đi Paris.

-Vào giờ này?

-Vâng.

-Như thế nào? Ông không tìm ra xe đâu!

-Tôi sẽ đi bộ.

-Nhưng trời đang mưa!

-Mặc kệ.

-Bà sẽ về, hay nếu bà không về, thì ngày mai vẫn đủ thì giờ để biết bà bận việc gì. Ông sẽ tự giết ông trên đường đi.

-Không có gì nguy hiểm đâu chị Nanin ạ. Chào chị, ngày mai sẽ gặp lại.

Người con gái thật thà ấy đi tìm chiếc áo choàng cho tôi, khoác lên vai tôi và đề nghị tôi đi đánh thức bà mẹ Acnul để hỏi xem có chiếc xe nào không. Nhưng tôi không đồng ý vì tin chắc rằng chỉ tốn công vô ích và thêm trễ thì giờ.

Vả chăng, tôi cần không khí. Và sự mệt mỏi thể xác sẽ làm cho tôi ít bực bội, vì giờ đây, tôi đang rất bực bội.

Tôi lấy chìa khoá của căn nhà đường Antin và sau khi chào tạm biệt Nanin – chị đã đưa tôi đến cổng – tôi ra đi.

Tôi bắt đầy chạy, nhưng đất còn ướt và tôi cảm thấy mệt gấp đôi. Sau nửa giờ chạy như thế, tôi bắt buộc phải dừng lại. Tôi đang đi trong bãi lầy. Đêm rất tốt. Mỗi phút tôi run lên, sợ va chạm vào những thân cây bên đường. Những thân cây này đột ngột hiện ra trước mắt tôi, giống như ma quái đang đuổi theo tôi.

Tôi gặp một vài chiếc xe trở hàng chậm rãi lăn bánh và đã vượt qua chúng rất nhanh.

Một xe ngựa lướt nhanh, hướng về phía Bugival. Lúc chiếc xe đi qua, hy vọng Macgơrit có trong xe – tôi dừng lại và gọi to: "Macgơrit!"

Nhưng không ai trả lời. Chiếc xe cứ tiếp tục chạy trên con đường dài mà ngày trước tôi đã từng qua lại nhiều lần.

Đêm ấy, không có một người nào trên đường cả.

Tưởng tôi đang đi trong một thành phố chết.

Trời bắt đầu sáng.

Khi tôi đến đường Antin, thành phố bắt đầu chuyển mình một tý, trước khi thức dức hẳn. Chuông nhà thờ Xanh Rốc điểm năm tiếng, khi tôi bước vào nhà Macgơrit.

Tôi cho người gác cổng biết tên. Người này từng nhận của tôi nhiều lần những đồng tiền hai mươi frăng, nên biết tôi có quyền đến nhà cô Giôchiê lúc năm giờ sáng.

Như thế, tôi đi vào không gặp trở ngại gì.

Tôi có thể hỏi ngay anh ta Macgơrit có nhà không. Nhưng anh ta có thể trả lời " không ". Và tôi thích được sống trong ngờ vực hai phút nữa. Bởi vì còn ngờ vực nghĩa là còn hy vọng.

Tôi để tai vào cửa lớn, lắng nghe, hy vọng tìm thấy một tiếng động hay một cử động nào đó.

Không có gì cả. Sự im lặng ở nông thôn kéo dài cho đến nơi này.

Tôi mở cửa bước vào.

Tất cả các màn đều buông kín.

Tôi kéo những cái màn ở phòng ăn. Tôi đi về phía phòng ngủ, và tôi đẩy cánh cửa.

Nhảy chồm lên giây kéo màn, tôi giật mạnh.

Những tấm màn mở rộng ra. Một thứ ánh sáng yếu ớt lan vào. Tôi chạy thẳng đến giường.

Giường trống không.

Tôi mở những cánh cửa này, rồi những cánh cửa khác. Tôi xem khắp phòng.

Không có ai cả.

Thật điên người lên được!

Tôi đi vào phòng trang sức, mở cửa sổ ra và lớn tiếng gọi Pruđăng.

Cửa sổ nhà bà Đuvecnoa đóng kín.

Thế là tôi xuống tìm người gác cổng và hỏi anh ta: -Cô Giôchiê hôm nay có về đây không?

-Thưa có – anh ta trả lời – với bà Đuvecnoa.

-Cô ấy không nhắn gì cho tôi cả sao?

-Không.
-Anh có biết sau đó họ đi đâu không?
-Hai bà cùng lên xe.
-Loại xe nào?
-Một xe hai chỗ ngồi sang trọng.
Tất cả những điều đó có ý nghĩa gì?
Tôi gọi chuông nhà bên cạnh.
-Thưa ông, ông hỏi ai? – Người gác cổng hỏi tôi, sau khi mở cửa.
-Tôi tìm bà Đuvecnoa.
-Bà chưa về.
-Anh có chắc thế không?
-Thưa ông, đúng thế. Đây là bức thư người ta gửi đến bà chiều qua, tôi chưa trao lại được.
Và người gác cổng đưa tôi xem. Tôi nhìn qua, như một cái máy.
Tôi nhận ra nét chữ của Macgơrit.
Tôi cầm bức thư.
Địa chỉ đề như sau:
"Gửi bà Đuvecnoa để đưa lại cho ông Đuyvan"
-Cái thư này là của tôi, – tôi nói với người gác cổng và cho ông ta xem địa chỉ.
-Chính ông là Đuyvan?
-Vâng.
-À! Tôi biết ông. Ông thường đến nhà bà Đuvecnoa.
Khi ra đến đường phố tôi xé phong bì.
Tiếng sét nổ dưới chân cũng không khủng khiếp bằng nội dung bức thư:
" Lúc anh đọc bức thư này, anh Acmân, em đã là tình nhân của một người đàn ông khác rồi. Như vậy, tất cả đều đã chấm dứt giữa chúng ta.
Anh hãy trở về bên cha anh, người bạn thân mến. Anh hãy trở về thăm em anh, người thiếu nữ trinh trắng, không hay biết gì cả về nỗi khổ của chúng tôi. Và bền người con gái đó, anh sẽ quên nhanh chóng tất cả những gì mà đứa con gái hư hỏng này, Macgơrit Gôchiê, được anh rủ lòng yêu thương trong chốc lát, đã làm anh đau khổ.
Người con gái đó đã nợ anh những giây phút sung sướng nhất cho cuộc đời mình, cuộc đời mà giờ đây hẳn không còn kéo dài được bao lâu nữa."
Khi tôi đọc đến chữ cuối cùng, tôi tưởng tôi sắp điên rồi…
Trong khoảng khắc, tôi thật sự lo lắng mình sẽ ngã quỵ xuống mặt đường. Một đám mây mờ hiện ra trước mắt. Máu tôi đập mạnh hai bên màng tang.
Cuối cùng, tôi lấy lại được một chút bình tĩnh. Tôi nhìn chung quanh. Tôi ngạc nhiên thấy cuộc sống của kẻ khác vẫn tiếp tục, không dừng lại trước sự

khốn khổ của tôi.

Tôi không đủ sức mạnh để một mình có thể chịu đựng được quả đấm quá nặng mà Macgơrit đã giáng cho tôi.

Thế là, tôi nhớ lại cha tôi, đang cùng ở trong một thành phố với tôi. Trong mười phút nữa, tôi có thể đến bên cạnh ông; và dù nguyên nhân của sự đau khổ của tôi là thế nào đi nữa, ông cũng chia sẻ được.

Tôi chạy, như một đứa điên, như một tên trộm, cho đến khách sạn Paris. Tôi tìm được cái khóa trên cửa phòng cha tôi. Tôi đi vào. Cha tôi đang đọc.

Trông thấy tôi, ông không có vẻ gì ngạc nhiên cho lắm. Tôi đưa cho ông xem bức thư của Macgơrit và ngã lăn trên giường ông, khóc sướt mướt.

§23

Khi tất cả mọi sự việc trên đời đã trở lại sự diến tiến bình thường, tôi không thể tin được cái ngày hôm nay lại không giống những ngày đã qua trước đây đối với tôi. Có những giây phút, tôi tưởng như mình đã sống suốt đêm xa ngôi nhà Macgơrit đang ở; và nếu tôi trở lại Bugival, tôi sẽ gặp nàng đang lo lắng, như tôi đã từng thấy trước đây. Và nàng sẽ hỏi: ai đã giữ tôi ở xa nàng như thế. Khi cuộc sống đã đem lại thói quen của mối tình đó, thì cái thói quen ấy không thể bị phá huỷ được nếu đồng thời không phá huỷ những cơ cấu khác của cuộc sống. Thỉnh thoảng, tôi tự buộc phải đọc lại lá thư của Macgơrit, để có thể tin chắc rằng đó không phải là chiêm bao.

Thân thể tôi quỵ xuống, dưới sự sụp đổ tinh thần, bất lực không còn cử động được. Sự lo lắng, chuyến đi bộ trong đêm tối, cái tin buổi sáng đã làm tôi kiệt sức. Cha tôi, nhận sự suy sụp hoàn toàn sức khỏe của tôi, yêu cầu tôi phải hứa cùng đi với ông.

Tôi hứa tất cả những gì ông muốn. Tôi bất lực để bước vào một cuộc tranh cãi và tôi cần một tình thương thật sự, để giúp tôi có thể sống được, sau sự việc vừa xảy ra.

Tôi sung sướng khi được cha tôi an ủi trong nỗi đau buồn này.

Tất cả điều tôi nhớ lại là, chính ngày hôm đó, vào khoảng năm giờ, cha tôi đưa tôi lên xe cùng đi với ông. Không nói gì với tôi cả, ông đã sửa soạn hành lý của tôi, đã cột hành lý của tôi và của ông phía sau xe, và ông đã đem tôi đi.

Tôi chỉ cảm thấy điều tôi làm, khi đã đi khuất thành phố. Và cái cô đơn của con đường nhắc tôi nhớ đến sự hiu quạnh của trái tim. Thế là nước mắt tôi lại trào ra.

Cha tôi hiểu rằng những lời nói, ngay những lời nói của ông, cũng không thể an ủi được tôi. Ông để tôi khóc, không nói với tôi lời nào. Thỉnh thoảng chỉ nắm chặt những bàn tay tôi, hình như để nhắc tôi, tôi vẫn có một người bạn thân bên cạnh.

Ban đêm, tôi ngủ rất ít. Tôi nằm mơ thấy Macgơrit.

Tôi tỉnh giấc, giật mình, không hiểu tại sao mình đang ở trong một cái xe.

Thế rồi, thực tại đã trở về trong trí não tôi và tôi gục đầu trên ngực.

Tôi không dám nói chuyện với cha tôi. Tôi luôn luôn sợ ông sẽ nói với tôi: "Hẳn con đã thấy cha có lý, khi cha không tin tình yêu của người đàn bà đó."

Nhưng cha không lạm dụng thế mạnh của mình.

Chúng tôi đi đến C… Ông không đả động gì đến biến cố làm tôi phải ra đi.

Khi ôm hôn cô em gái tôi, tôi nhớ lại những lời trong thư của Macgơrit có liên hệ đến. Nhưng tôi hiểu ngay, dù em gái tôi có tốt đến mức nào, cũng không

thể làm tôi quên được tình nhân của tôi.

Người ta mở cuộc đi săn. Cha tôi nghĩ, đó là một dịp tôi giải trí. Ông tổ chức những buổi săn với những người láng giềng và bạn hữu. Tôi tham dự không gượng ép, nhưng không hào hứng, với thái độ hững hờ như tất cả những hành động khác, từ khi tôi ra đi.

Chúng tôi phân công, săn bắt, dồn đuổi thú rừng. Người ta để tôi ở vị trí đã định. Tôi đặt khẩu súng không đạn bên cạnh tôi, và tôi mơ mộng.

Tôi nhìn những đám mây trôi qua. Tôi để tư tưởng lang thang trên những cánh đồng hoang vắng và thỉnh thoảng, tôi nghe tiếng gọi của một người thợ săn nào đó, chỉ cho tôi một con thỏ rừng, cách tôi chừng mười bước.

Không một chi tiết nào thoát khỏi cặp mắt cha tôi. Ông không thể bị đánh lừa bởi bề ngoài yên tĩnh của tôi. Ông hiểu rõ, dù suy sụp đến đâu, trái tim tôi, một ngày nào đó, sẽ có một phản ứng dữ dội, nguy hiểm là khác. Và có vẻ như tránh không an ủi tôi, ông vẫn cố gắng hết sức mình để làm cho tôi khuây khoả.

Em gái tôi, đương nhiên không hiểu được tất cả những biến cố đó. Em tôi không thể giải thích được, vì sao tôi, ngày trước rất vui vẻ, giờ đây đột nhiên trở nên mơ mộng và buồn bã đến thế.

Thỉnh thoảng, tôi bắt gặp giữa lúc đau buồn cái nhìn lo lắng của cha tôi, tôi đưa tay cho cha tôi, nắm chặt như để lặng lẽ xin lỗi về sự đau khổ ngoài ý muốn mà tôi gây ra cho ông.

Một tháng dài trôi qua như thế. Nhưng đó là tất cả những gì tôi có thể chịu đựng nổi.

Kỷ niệm về Macgơrit đeo đuổi tôi không ngừng. Tôi đã yêu thương quá nhiều, yêu thương quá nhiều để người đàn bà đó có thê bỗng nhiên trở thành xa lạ. Tôi phải, hoặc yêu thương nàng, hoặc thù ghét nàng. Nhất là, dù nghĩ về nàng thế nào đi nữa, tôi phải gặp lại nàng, gặp lại ngay tức khắc.

Ý muốn đó đi sâu vào tâm trí tôi, bám chặt lại đó, với tất cả sự dữ dội của nghị lực cuối cùng trong một thân thể tê dại từ lâu ngày.

Không phải trong tương lai, trong một tháng, trong tám ngày nữa, tôi mới gặp lại Macgơrit, phải là ngày hôm sau, liền theo cái ngày mà ý nghĩ đó đến với tôi. Tôi nói với cha tôi, tôi phải từ giã ông vì có những công việc cần tôi ở Paris, nhưng tôi sẽ trở về rất sớm.

Chắc chắn ông đoán ra lý do tôi ra đi. Bởi vì ông nằn nì để tôi ở lại. Nhưng nghĩ rằng không thực hiện được ý muốn đó trong trạng thái đang bực tức của tôi, có thể đưa đến những hậu quả tai hại, nên ông ôm hôn tôi và gần như muốn khóc, yêu cầu tôi phải trở về sớm bên ông.

Tôi không ngủ được trước khi đến Paris.

Một khi đến rồi, tôi phải làm gì? Tôi không biết. Nhưng trước hết tôi phải tìm gặp Macgơrit.

Tôi về nhà để thay y phục. Và vì trời tối, lại còn thì giờ, tôi đến Xăng Êlidê.

Nửa giờ sau, từ ngã tư quảng trường Côngcooc, tôi nhìn thấy xe Macgơrit từ xa đến.

Nàng đã mua lại ngựa. Cái xe vẫn như cũ, chỉ có điều không có nàng trong xe.

Vừa nhận thấy sự vắng mặt đó, tôi đưa mắt nhìn quanh, và bắt gặp Macgơrit đi cùng một người đàn bà từ trước tôi chưa hề gặp.

Khi đến gần tôi, nàng tái mặt, một nụ cười khó khăn hiện ra trên môi nàng. Còn tôi, tim tôi đập mạnh như muốn bể lồng ngực. Nhưng tôi cố giữ bộ mặt lạnh lùng. Tôi chào một cách lạnh lùng với người tình nhân cũ. Nàng vội vã trở lại xe, cùng lên xe với người bạn đồng hành.

Tôi hiểu Macgơrit. Sự gặp mặt đột ngột đó làm cho nàng bị đảo lộn. Chắc nàng đã biết sự ra đi của tôi. Sự ra đi này làm cho nàng yên tâm về hậu quả của sự sụp đổ giữa chúng tôi. Nhưn gặp tôi trở lại, thấy tôi xanh xao như thế này, nàng đã hiểu sự trở về của tôi có mục đích và nàng tự hỏi rồi đây cái gì sẽ xảy ra.

Nếu tôi gặp lại Macgơrit khốn khổ, thay vì để trả thù nàng, tôi có thể đến giúp đỡ nàng, tôi có thể sẽ tha thứ cho nàng và chắc chắn tôi không thể nghĩ đến chuyện làm hại nàng. Nhưng tôi đã gặp lại nàng sung sướng, ít ra là bên ngoài. Một kẻ nào khác đã đem lại cho nàng cái xa hoa hào nhoáng mà tôi đã không thể tiếp tục giữ gìn được cho nàng. Sự đoạn tuyệt mà nguyên nhân từ phía nàng, vì thế, đã mang tính chất của một sự vụ lợi hèn hạ. Tôi cảm thấy lòng tự ái và tình yêu của tôi cũng bị tổn thương và nàng nhất thiết phải đền tội, vì đã làm cho tôi đau khổ.

Tôi không thể hờ hững trước hành động của người đàn bà đó. Như thế, điều làm cho nàng phải khổ tâm nhất, chính là sự hờ hững của tôi. Chính tôi phải tạo ra cái tình cảm đó, không những trước mắt nàng mà trước mắt những kẻ khác nữa.

Tôi cố gắng có một vẻ mặt tươi tỉnh và đến thăm Pruđăng.

Cô hầu phòng mời tôi ngồi lại trong phòng khách chốc lát và đi báo tin với bà chủ nhà.

Bà Đuvecnoa xuất hiện và mời tôi vào phòng trang nhã. Trong lúc ngồi lại, tôi nghe tiếng mở cửa phòng khách, tiếng bước chân nhẹ khua động sàn nhà, rồi cánh cửa phòng vội đóng mạnh lại.

-Tôi làm phiền chị? – tôi hỏi Pruđăng.

-Không sao cả. Macgơrit vừa ở đó. Nghe tin anh đến cô vội lẩn tránh. Chính cô vừa mới đi ra đó.

-Nghĩa là giờ đây tôi đã làm cho cô ta sợ?

-Không. Nhưng cô ta sợ gặp lại, anh sẽ khó chịu.

-Tại sao thế? – vừa nói tôi vừa cố gắng để thở một cách tự do. Bởi vì xúc động đã làm tôi ngộp thở. – Người con gái đáng thương đó đã từ giã tôi để có lại chiếc xe, đồ đạc trong nhà, kim cương. Cô ta hành động đúng. Tôi không oán ghét gì cô ta cả. Hôm nay, tôi vừa được gặp cô ta – tôi nói tiếp một cách lơ đãng.

-Ở đâu? – Pruđăng nói và nhìn tôi có vẻ như tự hỏi: Phải chăng đây là người đàn ông yêu say đắm mà ngày trước chị ta từng biết?

-Ở Xăng Êlidê. Cô ta đi với một người đàn bà khác, rất đẹp. Không biết người đó là ai?

-Người đàn bà đó như thế nào?

-Một người mảnh dẻ, tóc hung, mắt xanh, rất trang nhã.

-A, đó là Ôlêem. Một cô gái rất xinh, đúng vậy.

-Cô gái đó sống với ai?

-Không với ai cả: tất cả mọi người!

-Ở đâu?

-Đường phố Trôôngxê, số… À! Anh muốn tán tỉnh cô ấy?

-Người ta không thể đoán trước mọi việc được.

-Còn Macgơrit?

-Nếu nói với chị rằng tôi hoàn toàn không nghĩ đến cô ta, thì đó là nói dối. Nhưng tôi là người một trong những người đàn ông rất chú trọng cái cách cắt đứt một mối tình. Nay Macgơrit đã giã từ tôi một cách rất nhẹ nhàng, khiến tôi phải thấy, trước đây tôi đã quá ngốc vì si mê nàng. Phải nói, tôi đã quá si mê người con gái đó.

Bạn có thể đoán được tôi đã nói ra những lời đó bằng cái giọng như thế nào. Mồ hôi toát ra đầy trán tôi.

-Cô ta yêu anh nhiều lắm, và cô ta còn yêu anh mãi mãi. Chứng cớ là hôm nay, sau khi gặp anh, cô ta đã đến đây tức khắc, để cho tôi biết cuộc gặp gỡ đó. Khi đến đây, cô ta vẫn còn run, gần như muốn ngất đi.

-Thế thì cô ta đã nói gì với chị?

-Cô ta bảo tôi. Chắc chắn anh sẽ đến thăm. Và cô ta yêu cầu tôi xin anh tha thứ cho.

-Tôi tha thứ cho cô ta, chị có thể nói lại điều đó. Đó là một cô gái tốt, nhưng vẫn chỉ là một cô gái, và điều cô ta đã làm, tôi đã sẵn sàng chờ đợi từ trước. Tôi cảm ơn về quyết định của cô ta. Hôm nay, tôi đã tự hỏi, cái ý định hoàn toàn sống với cô ta ngày trước sẽ dẫn đến đâu? Đúng là điên rồ!

-Cô ta sẽ rất hài lòng được biết anh đã chấp nhận điều cần thiết mà cô ta phải chọn. Cô ấy đã rời bỏ anh kịp thời, anh bạn thân mến. Con người đê tiện chuyên chạy việc mà cô nhờ bán đồ đạc trong nhà đã tìm đến các chủ nợ để hỏi biết cô ta thiếu bao nhiêu. Những chủ nợ này cảm thấy lo ngại, và người ta bán đồ đạc chỉ trong hai ngày.

-Bây giờ đã trả xong rồi chứ?

-Gần như xong.

-Ai đã bỏ tiền ra?

-Ông bá tước N… Ồ! Anh bạn thân mến, có những con người dành cho công việc đó. Nói tóm lại ông ta đã bỏ ra hai mươi ngàn frăng, và ông ta đã đi đến đích. Ông ta biết rõ Macgơrit không yêu ông ta. Nhưngđiều này không cấm ông ta đối xử với cô ấy rất tử tế. Anh thấy đấy chứ. Ông ta mua lại những con ngựa, chuộc lại đồ nữ trang. Và ông ta đưa cho cô nhiều tiền, cũng bằng ông quận công ngày xưa. Nếu cô ấy muốn sống yên ổn, người đàn ông đó sẽ ở lâu dài với cô được.

-Bây giờ cô ấy làm gì? Cô ấy sẽ luôn luôn sống ở Paris?

-Cô ta không muốn trở về Bugival từ khi anh đã ra đi. Chính tôi đã đến đó để mang đồ đạc của cô về và cả những đồ đạc của anh nữa, tôi đã buộc thành một gói lớn. Anh sẽ cho người đến đây nhận. Đủ tất cả, trừ cái ví nhỏ của anh, Macgơrit đã lấy cái ví này và giữ lại ở nhà cô. Nếu anh thấy cần, tôi sẽ hỏi lại cô ta.

-Cô ấy cứ giữ – tôi nói nho nhỏ. Tôi cảm thấy những giọt lệ từ trái tim tôi đã chuyển lên đến mắt, khi nhớ lại cảnh đồng quê – nơi đó tôi đã sung sướng biết bao và nghĩ đến những việc Macgơrit thiết tha giữ một vật dụng của tôi, để tưởng nhớ tôi.

Nếu lúc đó, nàng bước vào, những quyết định báo thù của tôi sẽ tan biến mất; và tôi sẽ quỳ gối dưới chân nàng.

-Vả chăng – Prưđăng lại nói – tôi chưa bao giờ thấy cô ta như hiện nay. Cô ta gần như không ngủ. Cô mải mê đến các vũ trường. Cô ăn uống, cô say sưa như điên dại. Vừa rồi đây, sau bữa ăn tối, cô phải nằm viện suốt tám ngày. Và các bác sĩ cho phép cô được đi lại, cô đã trở về cuộc sống trước đó, bất chấp cái chết. Anh sẽ đến thăm cô ta chứ?

-Có ích gì? Tôi đến thăm chị, bởi chị luôn tử tế, vui vẻ với tôi. Và tôi quen biết chị trước khi quen biết Macgơrit. Chính nhờ chị, tôi đã trở thành tình nhân của cô ta, và cũng chính nhờ chị, tôi không còn là tình nhân của cô ta nữa. Có phải thế không?

-A! Trời! Tôi đã làm tất cả những gì tôi có thể làm được để cô ta rời bỏ anh. Tôi tin sau này anh sẽ không oán hận tôi.

-Tôi mang ơn chị những hai lần – Tôi vừa nói vừa đứng dậy, bởi vì tôi ghê chán người đàn bà ấy. Chị ta cứ tỏ vẻ chấp nhận những gì tôi nói một cách nghiêm chỉnh.

-Anh đi à?

-Vâng.

Tôi biết như thế là khá đủ rồi.

-Bao giờ sẽ gặp lại anh?

-Một ngày gần đây thôi. Xin chào chị.

-Chào anh.

Pruđăng đưa tôi ra đến cửa. Tôi trở về nhà, với những giọt lệ điên khùng trong mắt và ý muốn báo thù trong tim.

Như thế, rõ ràng Macgơrit cũng chỉ là một người con gái, giống như những người con gái khác. Thế là cái tình yêu sâu xa của nàng đối với tôi, không chống lại được ý muốn trở lại cuộc đời quá khứ, ý muốn có được chiếc xe và sự thoả thích ăn chơi ở nàng.

Đó là những điều tôi tự nhủ, giữa những lúc mất ngủ. Nếu tôi có thể suy nghĩ một cách lạnh lùng, như tôi đã tỏ ra, tôi sẽ nhìn thấy trong cuộc sống mới ồn ào của Macgơrit cái hy vọng xoá bỏ một ý nghĩa ám ảnh liên tục, một kỷ niệm theo mãi không thôi.

Khốn nạn thay, sự si mê xấu xa ngự trị nơi tôi. Tôi chỉ tìm cách để làm cho người con gái đáng thương hại đó phải đau khổ.

Ôi! Con người thật nhỏ nhen và quái ác, khi một si mê hẹp hòi nào đó bị tổn thương.

Cô Ôlêem nào đó, mà tôi đã thấy cùng đi với Macgơrit, nếu không phải là bạn thân của nàng, thì ít ra cũng là người mà Macgơrit thường tới lui, từ khi trở về Paris. Cô này sắp mở cuộc khiêu vũ. Tôi nghĩ, Macgơrit sẽ có mặt ở đó. Tôi tìm cách để có được giấy mời, và tôi đã có giấy mời. Khi ê chề với những xúc động đau thương của mình, tôi đến cuộc khiêu vũ, ngay giữa lúc sôi động náo nhiệt. Người ta nhảy múa, người ta la ó… Trong đám người đó, tôi thấy Macgơrit đang khiêu vũ với ông bá tước N… Ông ta có vẻ tự đắc lắm, hình như muốn nói với tất cả: "Người đàn bà này là của tôi."

Tôi đến tựa lưng bên lò sưởi, đứng ngay trước mặt Macgơrit và nhìn nàng khiêu vũ. Nàng vừa nhận thấy tôi, bỗng nhiên trở nên bối rối. Tôi nhìn nàng và chào nàng một cách lơ đãng bằng tay và bằng mắt.

Khi tôi nghĩ, sau cuộc khiêu vũ đó, nàng sẽ ra về, không phải với tôi nữa, mà với tên giàu sang ngu ngốc đó, khi tôi tưởng tượng cái gì sẽ tiếp diễn sau khi nàng đã về nhà, máu tôi như bốc lên mặt… Và tôi cảm thấy, cần phải quấy phá tình yêu của chúng.

Sau khúc đối vũ, tôi đến chào bà chủ nhà. Bà này không ngại ngùng gì, chường cho ông khách thấy đôi bờ vai tuyệt đẹp và một nửa phần trên bộ ngực chói loà.

Người con gái đó đẹp thật. Về phương diện thân hình, còn đẹp hơn Macgơrit. Tôi hiểu điều đó thêm rõ hơn, khi bắt gặp một vài cái nhìn Macgơrit đưa về phía Ôlêem, trong lúc tôi đang nói chuyện. Người đàn ông nào sẽ trở thành người tình của người đàn bà này có thể sẽ tự hoà ngang với ông N… Và người đàn bà này

đủ đẹp để tạo ra một sự say mê ngang sự say mê trước đây Macgơrit đã tạo được nơi tôi.

Thời gian đó Ôlêem không có tình nhân. Việc trở thành tình nhân của cô ta không có gì khó. Điều quan trọng là phải tỏ ra khá giàu để gây sự chú ý.

Tôi đã quyết định. Người đàn bà đó sẽ là tình nhân của tôi.

Tôi bắt đầu vai trò của một người đi gạ gẫm bằng cách khiêu vũ với Ôlêem.

Nửa giờ sau, Macgơrit xanh xao như một xác chết, choàng áo ấm, rời khỏi cuộc khiêu vũ ra về.

§24

Như thế là có cơ hội rồi. Nhưng hẳn vẫn chưa đủ. Tôi hiểu được ảnh hưởng của tôi đối với người đàn bà ấy và đã lạm dụng nó một cách hèn nhát.

Giờ đây, khi nàng đã chết rồi, tôi tự hỏi: liệu thượng đế có thể tha thứ được cái tội ác mà tôi đã cố ý gây ra ngày trước không.

Sau bữa ăn tối rất náo nhiệt, người ta bắt đầu bài bạc.

Tôi ngồi bên cạnh Ôlêem và vung tiền một cách bạo tay đến nỗi nàng không thể nào không thể nào không chú ý đến tôi được. Trong giây lát, tôi đã ăn được một trăm rưỡi hay hai trăm đồng vàng. Tôi bày ra trước mặt và nàng nhìn những đồng tiền vàng với ánh mắt thích thú.

Tôi là người duy nhất mà cuộc đỏ đen không hoàn toàn thu hút hết tâm trí, và cũng là người duy nhất đang rất chú ý đến nàng.

Suốt đêm còn lại, tôi giữ vững phần thắng. Chính tôi đã đưa tiền cho nàng tham gia tiếp cuộc chơi. Bởi vì nàng đã thua tất cả những gì nàng có trước mặt; và có lẽ, có trong nhà.

Năm giờ sàng người ta bỏ sòng ra về.

Tôi ăn được ba trăm đồng vàng.

Tất cả những người đánh bài đều xuống tầng dưới. Chỉ tôi còn lại một mình, và không ai để ý đến cả. Bởi vì tôi không là bạn của một người nào trong số những con bạc đó cả.

Ôlêem tự tay soi đèn, đưa khách xuống cầu thang. Đang chuẩn bị đi xuống như những kẻ khác, bỗng tôi quay lại về phía nàng và nói: -Tôi muốn được nói chuyện với cô.

-Ngày mai – nàng đáp.

-Không, bây giờ.

-Ông muốn nói gì với tôi?

-Cô sẽ biết.

Tôi trở vào phòng

-Cô đã thua nhiều phải không? – tôi nói.

-Vâng.

-Tất cả số tiền của cô có?

Nàng do dự.

-Hãy thành thật.

-Thế thì… đúng vậy.

-Tôi đã ăn ba trăm đồng vàng. Đây, là tất cả của cô. Nếu cô cho phép tôi ở lại nơi này.

Và đồng thời tôi vứt số tiền đó lên bàn.

-Tại sao ông đưa ra đề nghị đó?

-Bởi vì tôi yêu cô, có thể thôi.

-Không, bởi vì ông yêu Macgơrit. Ông muốn trả thù nàng, bằng cách trở thành tình nhân của tôi. Người ta không đánh lừa một người đàn bà như tôi. Ông bạn ạ. Khốn nỗi, tôi còn trẻ và đẹp quá, để chấp nhận vai trò ông đề nghị.

-Nghĩa là cô từ chối?

-Vâng.

-Cô thích yêu tôi mà không nhận được gì cả hay sao? Thế thì chính tôi là người không chấp nhận. Hãy suy nghĩ đi, cô Ôlêem thân mến. Tôi có thể nhờ một người nào đó, đem ba trăm đồng vàng này đến, với những điều kiện của tôi, hẳn cô đã chấp nhận. Tôi thích được trực tiếp thương thuyết với cô hơn. Hãy chấp nhận, không cần biết những nguyên nhân đã xô đẩy tôi hành động. Cô hãy tự nhủ, cô đẹp, và không có gì ngạc nhiên nếu tôi si mê cô.

Macgơrit cũng là một kỹ nữ như Ôlêem. Tuy thế, lần đầu tiên gặp nàng, tôi không hề dám nói với nàng những điều tôi vừa nói với người đàn bà này. Bởi vì, tôi yêu Macgơrit. Vì thế đã đoán thấy ở nàng những bản chất không có ở người đàn bà này. Và ngay lúc tôi đưa ra đề nghi trên, mặc cho sắc đẹp hết sức lộng lẫy, người đàn bà này vẫn làm cho tôi nhàm chán.

Cuối cùng, dĩ nhiên Ôlêem chấp nhận. Và trưa hôm sau, tôi bước ra khỏi nhà nàng, với tư cách là tình nhân của nàng. Nhưng tôi rời bỏ cái giường của nàng mà không mang theo kỷ niệm nào của sự âu yếm, những lời nói tình tự mà nàng thấy có bổn phận phải ban phát rộng rãi cho tôi để cân xứng với sáu ngàn frăng tôi đã trao cho nàng.

Tuy nhiên, người ta vẫn phải phá sản vì người đàn bà đó.

Kể từ hôm đó không lúc nào tôi ngừng công việc chỉ trích, giày vò Macgơrit. Ôlêem là nàng chấm dứt đi lại với nhau. Bạn dễ dàng hiểu được điều đó. Tôi sắm cho tình nhân mới của tôi chiếc xe và những đồ nữ trang. Tôi đánh bạc. Cuối cùng, tôi làm tất cả những trò điên rồ của một người đàn ông si mê một người đàn bà như Ôlêem. Tiếng đồn về sự si mê mới mẻ của tôi chẳng bao lâu vang khắp.

Chính Prudăng cũng mắc mưu, và cuối cùng cũng tin rằng tôi hoàn toàn lãng quên Macgơrit. Còn Macgơrit, hoặc nàng đã đoán được duyên cớ xô đẩy tôi hành động, hoặc nàng cũng lầm nốt như những kẻ khác, vẫn giữ vững phẩm cách trước những thương tích mà hàng ngày tôi đã gây cho nàng. Chỉ có điều, nàng có vẻ rất đau khổ. Vì bất cứ ở đâu, gặp nàng, tôi cũng luôn luôn nhận thấy nàng ngày mỗi xanh xao hơn, buồn bã hơn. Tình yêu của tôi với nàng vút cao lên thành hận thù, và tôi vui sướng nhận thấy nỗi đau khổ hàng ngày của nàng. Nhiều lần, trong những trường hợp tôi tỏ ra tàn ác khốn nạn, Macgơrit ngẩng mặt

nhìn tôi với những cái nhìn van lơn, khiến tôi đỏ mặt vì những gì tôi đã làm, và tôi những muốn đến bên nàng để xin tha thứ.

Nhưng những lúc hối hận đó chỉ thoáng qua như một tia chớp. Ôlêem, cuối cùng đã gạt qua tất cả tự ái, hiểu rằng, càng làm cho Macgơrit đau khổ, nàng sẽ nhận được nơi tôi tất cả những gì nàng mong muốn. Và Ôlêem luôn luôn kích động tôi chống lại Macgơrit, nguyền rủa Macgơrit mỗi khi có dịp, với sự hèn nhát chai lỳ của một người đàn bà được bảo trợ bởi một người đàn ông.

Rốt cuộc, Macgơrit không đi đến những nơi khiêu vũ và những rạp hát nữa, sợ phải chạm trán chúng tôi – Ôlêem và tôi. Thế là những lá thư nặc danh nối tiếp theo những hỗn láo trực tiếp. Không một điều sỉ nhục nào mà tôi không khuyến khích tình nhân mới của tôi kể lại, và chính tôi cũng kể lại về Macgơrit.

Phải thật sự điên rồ mới đi đến mức độ đó. Tôi không khác nào một người quá say do uống nhiều rượu xấu, thần kinh rối loạn đến nỗi bàn tay có thể cứ phạm tội ác mà trí tuệ không còn sức lực gì để ngăn cản nữa. Giữa tất cả những sự việc đó, tôi khổ đau như một thánh tử đạo. Sự bình tĩnh không khinh mạn, thái độ đầy phẩm cách nhưng không miệt thị mà Macgơrit dùng để đáp lại tất cả sự tấn công của tôi, làm cho tôi cảm thấy nàng đã cao thượng hơn tôi, càng làm cho tôi chống đối nàng nhiều hơn nữa.

Một chiều không biết Ôlêem đi đâu, và đã gặp Macgơrit. Lần này, Macgơrit không nhịn nhục được trước sự hỗn láo của cô gái ngu ngốc đó, đã chống trả dữ dội. Cuối cùng, Ôlêem phải nhượng bộ và giận dữ, tức tối trở về nhà. Còn Macgơrit thì ngất xỉu và được người ta mang đi.

Ôlêem kể lại cho tôi nghe những gì đã xảy ra và bảo rằng Macgơrit thấy nàng một mình, muốn trả thù vì nàng là nhân tình của tôi. Nàng yêu cầu tôi phải viết thư cho Macgơrit biết, dù có mặt tôi hay không, cũng phải kính trọng người đàn bà tôi yêu.

Không cần nói, bạn cũng biết rằng tôi đã chấp nhận. Và tất cả những gì chua cay, sỉ nhục, tàn nhẫn tôi có thể viết được, tôi đã cho tất cả vào trong lá thư để gửi đến Macgơrit, ngay ngày hôm ấy.

Lần này trận đòn giáng xuống quá mạnh. Con người khốn khổ đó chắc không thể còn câm lặng chịu đựng được nữa.

Tôi nghĩ thế nào cũng sẽ có thư trả lời. Vì thế tôi quyết định ở nhà cả ngày.

Vào khoảng hai giờ, có người gọi chuông, và tôi thấy Pruđăng đi vào.

Tôi cố gắng lấy vẻ hờ hững, hỏi chị ta đến tôi có việc gì. Nhưng ngày hôm đó, bà Đuvecnoa không cười đùa. Với một giọng xúc động thực sự, chị ta cho tôi biết, từ khi tôi trở về, nghĩa là từ ba tuần nay, tôi đã không từ bỏ một cơ hội nào để làm khổ Macgơrit. Vì thế, nàng đã lâm bệnh. Cảnh tượng ngày hôm qua và cái thư của tôi sáng nay đã làm cho nàng nằm liệt giường không dậy nổi.

Nói tóm lại, không chấp trách tôi, Macgơrit đưa người đi đến xin ân xá và nói cho tôi biết, nàng không còn đủ sức mạnh tinh thần hay sức mạnh vật chất để chịu đựng những điều tôi gây ra cho nàng.

-Cô Giôchiê – Tôi nói với Prưđăng, – có quyền mời tôi ra khỏi nhà cô. Nhưng cô xử tệ với người đàn bà tôi yêu, lấy cớ người đàn bà ấy là tình nhân của tôi, đó là điều không bao giờ tôi cho phép.

-Anh bạn ạ – Prưđăng nói – anh chịu ảnh hưởng của một người con gái không tâm hồn, không lý trí. Anh si mê, đúng thế. Nhưng đó không phải là lý do để hành hạ một người đàn bà không đủ sức tự vệ.

-Cô Giôchiê hãy gửi ông bá tước N… lại cho tôi. Và như thế sẽ cân bằng.

-Anh thừa biết cô ấy sẽ không làm điều đó. Như vậy, anh Acmân thân mến, hãy để cho cô ta được yên. Nếu anh giận cô ta, anh sẽ hổ thẹn vì thái độ của anh đối với cô ta. Macgơrit xanh xao, ho nhiều, cô ấy sẽ không còn sống được bao lâu nữa.

Và Prưđăng đưa tay bắt tay tôi, nói tiếp: -Anh hãy đến thăm, cuộc viếng thăm của anh sẽ làm cho cô ấy sung sướng.

-Tôi không muốn gặp ông N…

-Ông N… không bao giờ có mặt ở nhà cô. Cô không thể chấp nhận ông ta được.

-Nếu Macgơrit cần gặp tôi, cô ta đã biết tôi ở đâu. Cô ta cứ đến. Nhưng tôi, tôi không đặt chân đến đường phố Antin nữa.

-Và anh sẽ tiếp cô ta tử tế chứ?

-Rất tử tế.

-Thôi được! Tôi tin chắc cô ấy sẽ đến.

-Cô ta cứ đến.

-Hôm nay, anh có đi đây không?

-Tôi sẽ ở nhà suốt cả buổi tối.

-Tôi sẽ nói lại với nàng.

Prưđăng ra về.

Tôi không buồn viết cho Ôlêem rằng tối nay tôi không đến gặp nàng. Tôi không bận tâm về cô gái đó. Mỗi tuần nhiều lắm tôi ở lại đêm nhà nàng một lần. Nàng không cảm phiền gì, tôi tin thế, vì nàng đã có một diễn viên thuộc gánh hát nào đó trên đại lộ.

Tôi đi ăn tôi và trở về gần như tức khắc. Tôi đốt hết các lò sưởi trong nhà lên. Tôi cho phép Jôdép về nghỉ.

Tôi không nói lại cho bạn biết tất cả những tình cảm phức tạp đã xáo động tôi trong một giờ chờ đợi. Nhưng vào chín giờ, khi nghe gọi chuông, tất cả những xáo động hợp thành một xúc cảm mãnh liệt, đến nỗi khi bước ra mở cửa, tôi bắt buộc phải dựa vào vách, để khỏi ngã

Macgơrit bước vào.

Nàng mặc toàn đồ đen và phủ kín mặt. Tôi nhận thấy lờ mờ gương mặt của nàng, dưới đám đăng ten.

Nàng bước vào phòng khách, và kéo tấm voan lên.

Nàng xanh xao, tái nhợt như phiến cẩm thạch.

-Anh Acmân, em đã đến. Anh muốn gặp em. Em đã đến rồi.

Rồi nàng ngã vào hai bàn tay khóc nức nở.

Tôi tiến đến gàn nàng.

-Em sao thế? – Tôi nói với một giọng không bình thường. Nàng nắm chặt bàn tay tôi, không trả lời. Những dòng lệ vẫn làm cho nàng nghẹn ngào. Nhưng giây lát sau, lấy lại được ít bình tĩnh, nàng nói: -Anh ác quá, Acmân! Em đã đau khổ quá nhiều! Em có làm gì xúc phạm đến anh đâu?

-Không làm điều gì cả, trừ những gì hoàn cảnh bắt chua cay.

-Không làm điều gì cả, trừ những hoàn cảnh bắt buộc em phải làm.

Tôi không biết trong đời bạn, bạn đã cảm thấy, hay có bao giờ sẽ cảm thấy điều mà chính tôi đã cảm thấy khi gặp lại Macgơrit không.

Lần cuối cùng đến nhà tôi, nàng đã ngồi ngay tại chỗ hôm nay vừa nàng đến ngồi. Chỉ khác một điều là, kể từ nay, nàng đã là tình nhân của một người khác. Những chiếc hôn khác thay thế những chiếc hôn của tôi đã chạm lên môi nàng. Dẫu vậy, tôi cảm thấy, tôi vẫn yêu người đàn bà đó như ngày xưa. Và có thể tôi còn yêu hơn ngày xưa rất nhiều.

Tuy nhiên, tôi thấy khó đi vào câu chuyện liên hệ đến vẫn đề đã dẫn nàng đến đây. Như hiểu được điều đó, Macgơrit nói tiếp

-Em làm phiền anh, anh Acmân. Em có hai điều để thỉnh cầu anh: anh tha lỗi cho những gì ngày qua em nói với cô Ôlêem; và xin anh rộng lượng thương tình, đừng làm nữa những gì anh vẫn sẵn sàng làm để công kích em. Có ý thức hay không, từ ngày anh trở về, anh đã làm cho em đau khổ nhiều. Giờ đây em không thể chịu đựng được nữa, dù chỉ một phần những xúc cảm mà em đã chịu đến sáng hôm sau. Anh sẽ thương hại em có phải không? Và anh hiểu, một người đàn ông có tâm hồn có rất nhiều điều cao quí để làm hơn là trả thù một người đàn bà ốm đau và buồn bã như em. Đây, anh hãy cầm bàn tay em. Em bị sốt. Em đã rời giường bệnh đến đây, không phải để xin anh tình thân thiện của một người bạn; mà để xin được hờ hững của anh.

Tôi cầm bàn tay Macgơrit, bàn tay nóng như lửa. Và người đàn bà đáng thương đó đang run lên trong cái áo choàng bằng nhung.

Tôi đẩy cái ghế bành, trên đó nàng đang ngồi, đến gần lò sưởi.

-Vậy em tin rằng anh không đau khổ sao, cái đêm anh chờ đợi em ở thôn quê, rồi sau đó anh đến Paris để tìm em, để rồi tại đây anh nhận được một lá thư suýt

nữa làm anh điên mất. Làm thế nào em có thể lừa dối anh, Macgơrit? Anh, người đã yêu em nhiều đến thế?

-Chúng ta đừng nhắc đến điều đó nữa, Acmân. Em không đến đây để nói với anh chuyện đó. Em muốn nhìn anh, không phải như nhìn một kẻ thù, có thế thôi. Em muốn siết tay anh một lần nữa. Anh có một cô nhân tình trẻ, đẹp mà anh yêu quý, người ta bảo thế. Mong anh hạnh phúc với cô ta, và hãy quên em đi.

-Và em, chắc hẳn em sẽ sung sướng.

-Anh nhìn xem đây có phải gương mặt của một người đàn bà sung sướng không? Anh Acmân, anh đừng mỉa mai sự đau khổ của em. Anh là người biết rõ hơn ai cả, nguyên nhân cũng như mức độ nỗi đau đó là thế nào rồi.

-Đau khổ hay không đều hoàn toàn tuỳ thuộc vào em.

-Không, anh Acmân, hoàn cảnh mạnh hơn ý chí của em. Em đã tuân theo, không phải do bản năng của người con gái – hình như anh nghĩ vậy – mà là cần thiết phải thế và có những nguyên nhân mà một ngày nào đó, anh sẽ hiểu và tha thứ cho em.

-Tại sao em không chịu nói những nguyên nhân đó ngày hôm nay?

-Bởi vì, những nguyên nhân đó, không xây dựng lại được sự đoàn tụ đã trở thành vô vọng giữa chúng ta. Và có thể tách anh xa lìa những người mà anh không được phép xa lìa.

-Những người đó là những người nào?

-Em không thể nói được.

-Thế thì em nói dối.

Macgơrit đứng dậy và đi ra hướng cửa lớn.

Tôi không thể nhìn sự đau khổ câm lặng và hiển hiện ấy mà không cảm động, khi tôi đem so sánh trong trí tôi, người đàn bà xanh xao mắt mờ lệ đó với cô gái nghịch ngợm ngày trước đã chế nhạo tôi ở Ôpêra Cômic.

-Em không thể bỏ đi được! – Tôi vừa nói vừa ra đứng chặn trước cửa.

-Tại sao?

-Bởi vì, mặc cho tất cả những gì em đã làm, anh vẫn luôn luôn yêu em và muốn giữ em lại đây.

-Để rồi ngày mai, sẽ lại đuổi em đi, có phải không? Không, không thể được! Định mệnh hai chúng ta khác biệt. Chúng ta không cố gắng ràng buộc chúng ta khác biệt. Chúng ta không nên cố gắng ràng buộc chúng lại. Có thể anh sẽ khinh bỉ em, còn giờ đây, thì anh chỉ có thể oán ghét em thôi.

-Không, Macgơrit – tôi nói to, cảm thấy tất cả tình yêu và sự khát khao của mình nổi dậy trước người đàn bà ấy, – Không. Anh sẽ quên tất cả. Chúng ta sẽ sung sướng, như chúng ta đã hứa với nhau.

Macgơrit lắc đầu nghi ngờ.

-Em chẳng phải là nô lệ của anh, là con chó của anh sao? Anh muốn làm gì em thì tuỳ anh. Anh hãy ôm em, em hoàn toàn là của anh.

Nàng lấy áo choàng, bỏ mũ ra, ném tất cả lên ghế bành. Và nàng đột ngột mở thân áo trên ra, bởi vì do một phản ứng thường gặp trong bệnh tình của nàng, máu từ tim ùa lên đầu và làm cho nàng ngột ngạt.

Một cơn ho khô khan nối tiếp theo.

-Anh hãy bảo người đánh xe đem xe em về.

Tôi xuống tầng dưới, cho người đánh xe ra về.

Khi tôi trở vào, Macgơrit nằm trước lò sưởi, hai hàm răng đập lập cập vì lạnh.

Tôi ôm lấy nàng, thay đồ cho nàng. Nàng không cử động. Tôi bồng nàng, lạnh như giá, đặt vào trong giường của tôi.

Sau đó, tôi ngồi lại bên nàng, gắng sưởi ấm nàng với sự vuốt ve âu yếm của tôi. Nàng không nói một lời, nhưng mỉm cười với tôi.

Ôi! Đó là một đêm kỳ lạ. Tất cả cuộc đời Macgơrit hình như đã dồn vào những chiếc hôn mà nàng trao cho tôi. Tôi yêu nàng vô kể, đến nỗi giữa sự xúc động yêu đương cuồng nhiệt, tôi cảm thấy như muốn giết nàng đi, để chẳng bao giờ nàng còn thuộc về bất cứ một kẻ nào khác nữa.

Một tháng yêu thương thể xác và tâm hồn như thế, người ta sẽ chỉ còn là một cái xác không hồn.

Sáng ra, cả hai chung tôi cùng tỉnh dậy.

Macgơrit đờ đẫn. Nàng không nói một lời.

Những giọt nước mắt thỉnh thoảng ứa ra chảy xuống ướt cả hai má, ngời sáng như những viên kim cương. Đôi tay mệt mỏi, thỉnh thoảng đưa ra để ôm lấy tôi và sau đó lại yếu ớt buông rơi xuống giường.

Có lúc tôi tưởng có thể quên đi những gì đã xảy ra từ khi tôi rời khỏi Bugival, và tôi nói với Macgơrit: -Em có muốn chúng ta ra đi, chúng ta xa lánh Paris không?

-Không, không – nàng nói gần như sợ hãi – Chúng ta sẽ khốn khổ. Em không thể xây dựng hạnh phúc cho em được nữa. Nhưng ngày nào em còn một hơi thở, em sẽ là nô lệ cho tất cả những bất thường của anh. Bất kể giờ nào, ngày hay đêm, khi anh muốn, anh cứ đến, em hoàn toàn là của anh. Nhưng anh đừng cột chặt tương lai của anh và của em lại nữa. Anh sẽ đau khổ nhiều, và sẽ làm em đau khổ. Em vẫn còn một thời gian nữa để làm cô gái xinh đẹp. Anh hãy tận hưởng. Nhưng anh đừng đòi hỏi em điều gì khác nữa.

Khi nàng ra về, tôi bỗng cảm thấy kinh sợ giữa cái trạng thái cô đơn mà nàng để lại cho tôi. Hai giờ sau khi nàng đi, tôi vẫn ngồi trên chiếc giường mà nàng vừa rời khỏi, nhìn cái gối còn giữ lại những đường nếp của thân hình nàng. Tôi tự hỏi, tôi sẽ thế nào giữa tình yêu và sự ghen hờn của mình.

Năm giờ, không biết đến để làm gì, tôi vẫn tìm đến đường phố Antin.

Nanin ra mở cửa cho tôi.

-Bà không thể tiếp ông được – chị ta nói với vẻ bối rối.

-Tại sao?

-Bởi vì ông bá tước N… có ở đó và ông dặn đừng cho ai vào.

-Ừ nhỉ, thế mà tôi quên mất.

Tôi trở về nhà, như một người say rượu. Bạn có biết tôi đã làm gì trong giây phút sửng sốt ghen tuông xô đẩy tôi đến một hành vi đáng hổ thẹn không? Bạn biết tôi đã làm gì không? Tôi tự nhủ rằng, người đàn bà đó chế nhạo tôi. Tôi hình dung sự gần gũi của nàng với ông bá tước. Hẳn nàng cũng đã lặp lại những lời đã nói với tôi đêm qua. Tôi lấy một tờ giấy bạc năm trăm frăng gửi cho nàng với mấy dòng chữ sau:

"Sáng nay, cô đi quá vội, tôi quên trả tiền cho cô. Đây là tiền công của cô đêm qua."

Rồi lá thư đó được đưa đi. Tôi cũng ra đi, để khỏi hối hận về việc làm hèn hạ đó.

Tôi đến nhà Ôlêem. Tôi thấy nàng đang thử những chiếc váy dài. Khi chỉ còn lại chúng tôi, nàng hát những bài ca tục tĩu để giải trí cho tôi.

Người con gái đó đúng là thuộc loại kỹ nữ vô liêm sỉ, không tâm hồn, không trí tuệ, ít ra là đối với tôi. Bởi vì, cũng có thể có người đàn ông nào đó đã xây dựng với nàng một giấc mộng, giống như tôi đã từng xây dựng với Macgơrit.

Nàng hỏi xin tiền. Tôi đưa tiền cho nàng. Thế là tôi được tự do. Tôi liền trở về nhà tôi.

Macgơrit không trả lời thư tôi. Không nói thì bạn cũng hiểu tôi đã bực bội như thế nào trong suốt cả ngày hôm sau.

Lúc sáu giờ rưỡi có người đem lại cho tôi một phong bì, trong đó có lá thư của tôi và tờ giấy bạc năm trăm frăng, không thêm một chữ nào nữa cả.

-Ai đã đưa cho anh cái này? – Tôi hỏi.

-Một bà cùng đi với một chị hầu phòng trên một chuyến đi Bulônhơ. Bà dặn tôi, chỉ đem thư đến khi xe đã đi xa rồi.

Tôi chạy đến nhà Macgơrit.

-Bà đã đi sang Anh, hôm nay, lúc sáu giờ – người gác cổng trả lời.

Thế là không còn gì giữ tôi ở lại Paris nữa. Không hận thù. Không tình yêu. Tôi bị kiệt sức bởi tất cả những cơn xúc động đó. Một người bạn của tôi sắp đi sang Phương Đông. Tôi nói với cha tôi về ý định sẽ cùng đi với người đó. Cha tôi cho tôi những lời khuyên, những dặn dò, và tám hay mười ngày sau, tôi xuống tàu ở Macxây.

Chính tại Alâcxăngđri, nhờ một tuỳ viên sứ quán, trước đây đã có lần gặp nhau tại nhà Macgơrit, tôi biết được bệnh tình của người con gái tôi thương đó.

Tôi viết thư cho nàng. Nàng đã có thư trả lời, như bạn đã biết. Toi nhận thư này tại Tulông.

Tôi ra đi liền sau đó. Bạn đã biết những gì xảy ra.

Giờ đây, bạn hãy đọc những tờ giấy Juyli Đupơra đã trao lại cho tôi, những tờ giấy đó là phần bổ túc cần thiết cho câu chuyện tôi vừa kể bạn nghe.

§25

Acmân, mệt mỏi với câu chuyện dài bị ngắt đoạn bởi những giọt lệ, đặt hai bàn tay lên trán và nhắm mắt lại. Có thể là để suy nghĩ, có thể là cố gắng để ngủ, sau khi đã đưa tôi những trang nhật ký do chính tay Macgơrit viết.

Vài giây phút sau, nhịp thở trở nên hơi nhanh hơn chứng tỏ Acmân đã ngủ. Nhưng là một giấc ngủ mơ màng, bất cứ một tiếng động nhỏ nào cũng có thể đánh thức được.

Đây, những gì tôi đọc, và tôi chép lại, không thêm không bớt chữ nào.

"Hôm nay, 15 tháng mười Hai. Em ốm từ ba bốn ngày rồi. Sáng nay, em vẫn nằm tại giường. Thời tiết u ám, em buồn bã. Không có một người nào bên cạnh em cả. Em tưởng nhớ đến anh, anh Acmân ơi. Anh ở đâu, lúc em viết những dòng này? Cách xa Paris, rất xa, người ta bảo thế, và có thể anh đã quên em Macgơrit rồi. Mong anh được sung sướng. Anh, con người đã cho em những giây phút sung sướng nhất trong đời em.

Em không thể cưỡng lại ý muốn giải thích cho anh biết về thái độ của em, và em đã viết cho anh một lá thư. Nhưng một bức thư như thế, viết bởi một người con gái như em, có thể bị xem là giả dối, trừ phi cái chết sẽ biến nó trở thành thiêng liêng, và đáng lẽ chỉ là một lá thư, thì nó lại là một lời xưng tội.

Hôm nay, em bị bệnh. Em có thể chết do căn bệnh này. Bởi vì em luôn luôn linh cảm rằng mình sẽ chết trẻ. Mẹ em đã chết vì bệnh phổi. Và cái lối mà em đã sống cho đến ngày nay, chỉ có thể làm bệnh tình của em – tài sản duy nhất mẹ em để lại – ngày thêm nặng hơn. Nhưng em không muốn chết mà không cho anh biết rõ những gì anh còn muốn biết, để khi anh trở về, anh giảm được sự băn khoăn, nếu anh thực sự băn khoăn về người con gái khốn khổ mà anh đã được yêu thương trước khi ra đi.

Đây, nội dung bức thư đó, mà em sung sướng chép lại, để tự cho em một bằng chứng mới về sự biện giải của em.

"Anh còn nhớ không, anh Acmân, cái tin cha anh đến đã làm chúng ta lo lắng ở Bugival. Hẳn anh còn nhớ, nỗi khiếp sự ngoài ý muốn mà cái tin đó đã gây nên nơi em, cái cảnh tượng đã xảy ra giữa anh và cha anh, anh đã kể cho em nghe chiều ngày đó. Ngày hôm sau, trong khi anh đến Paris và đợi cha anh về, một người đến nhà em, và đưa cho em một lá thư của ông Đuyvan.

Cái thư đó, em kèm với thư này, bằng những lời lẽ khẩn thiết, yêu cầu em ngày hôm sau lấy một cớ nào đó để xa anh và tiếp cha anh. Ông muốn nói chuyện với em và nhất là dặn dò em đừng cho anh biết gì cả về việc làm này của ông.

Anh còn nhớ lúc anh về, em đã tha thiết khuyên anh phải trở lại Paris ngày hôm sau như thế nào.

Anh phải đi được một giờ thì cha anh đến. Em không kể lại ở đây những ấn tượng mà gương mặt nghiêm khắc của ông đã để lại trong tâm trí em. Cha anh nhiễm đầy những lý thuyết cổ hủ, đã cho rằng bất cứ người kỹ nữ nào cũng là một con vật, không tâm hồn, không lý trí, một thứ cạm bẫy để hốt vàng, một cái máy bằng sắt luôn luôn sẵn sàng chiến nghiền nát cái bàn tay đưa đến cho nó một vật gì, xâu xé không thương hại, không cần biết đến người cho nó sống và hành động.

Cha anh đã viết cho em một lá thứ đứng đắn, để em có thể đồng ý tiếp ông. Ông đã đến và hành động hoàn toàn không giống như ông viết. Ông có thái độ bề trên, không cần lịch sự, và cả thái độ doạ nạt nữa, trong những câu nói đầu tiên. Em buộc lòng phải cho ông hiểu là ông đang ở nhà em, và nếu phải tiếp chuyện, trả lời ông về cuộc đời em, thì đó chỉ là vì tình yêu chân thành của em đối với con ông.

Ông Đuyvan dịu lại một chút. Tuy nhiên, ông bắt đầu cho em biết, ông không thể nào chịu đựng lâu hơn nữa để nhìn thấy con ông phải phá sản vì em, rằng em đẹp, đúng vậy, nhưng em có đẹp đến thế nào đi nữa, em cũng không nên dùng sắc đẹp để làm hỏng mất tương lai của một thanh niên do lối sống hoang phí vô độ của em.

"Đối với sự việc như thế, chỉ có một cách để trả lời, có phải không anh? Đó là đưa những bằng chứng, từ khi trở thành tình nhân của anh, em không hề đòi hỏi điều gì vượt trên khả năng của anh, cũng không đòi hỏi một sự hy sinh nào ở anh. Em đưa ra những biên nhận cầm đồ; những biên lai bán các thứ không đem cầm được. Em cho cha anh biết, em đã quyết định bán hết đồ đạc trong nhà để trả các món nợ của em, và để sống với anh mà không trở thành một gánh nặng cho anh. Em kể cho cha nghe về hạnh phúc của chúng ta, về niềm hy vọng mà anh đã nói cho em ở một cuộc đời yên ổn và sung sướng hơn. Cuối cùng, cha anh đã thấy được sự thật, đưa tay bắt tay em, xin lỗi về thái độ của ông lúc mới đến.

Rồi cha anh nói với em: -Thế thì, thưa bà, không phải bằng những lời chỉ trích và doạ dẫm, mà bằng những lời van xin, tôi yêu cầu bà chấp nhận cho một sự hy sinh lớn hơn tất cả những hy sinh mà bà đã chịu với con tôi.

Em run lên trước đoạn vào đề đó.

Cha anh tiến lại gần em, cầm lấy hai bàn tay em và nói tiếp với một giọng êm dịu: -Con ạ, không nên nghĩ xấu về những gì cha sẽ nói. Chỉ nên hiểu rằng cuộc sống, đôi khi có những đòi hỏi rất tàn nhẫn đối với trái tim, nhưng ta phải bằng lòng chấp nhận. Con là một con người tốt, tâm hồn cao quý hơn hẳn những người đàn bà khác. Những người đàn bà khác có thể khinh bỉ con, nhưng họ không thể bằng con. Nhưng con nên nhớ rằng, bên cạnh người tình, còn có gia đình. Ngoài

tình yêu còn có những bổn phận. Tiếp theo cái tuổi của những đam mê là cái tuổi mà con người, để được kính trọng, cần được củng cố trong một địa vị nghiêm chỉnh. Con trai của cha không có tài sản, thế mà nó sẵn sàng nhượng lại cho con toàn bộ gia tài của mẹ nó để lại. Nếu nó chấp nhận sự hy sinh mà con sẵn sàng làm cho nó, thì vì danh dự và nhân cách, nó phải đổi lại bằng sự nhân nhượng kia, để con khỏi phải lo sợ về một sự bất trắc nào sau này. Nhưng sự hy sinh đó, nó không thể chấp nhận được. Bởi vì, thiên hạ không hiểu con, sẽ có sự chấp nhận kia bắt nguồn từ một nguyên nhân không chính đáng và như thế sẽ xúc phạm đến danh dự dòng họ chúng tôi. Người ta không cần biết Acmân đã yêu con, hay con đã yêu Acmân, không cần biết cái tình yêu hai chiều đó là một hạnh phúc cho Acmân hay một sự hoàn lương cho con. Người ta chỉ thấy một điều là, Acmân đã chấp nhận để cho một cô gái giang hồ – cha xin lỗi con vì những lời cha buộc lòng phải nói – bán những gì nàng có thể nuôi anh ta. Rồi cái ngày các con nuối tiếc và hối hận sẽ đến, hãy tin chắc thế, và các con, cả hai sẽ bị cột bởi một cái xích mà các con sẽ không thể bẻ gãy được. Các con sẽ làm gì? Tuổi trẻ của các con đã mất đi. Tương lai của con trai cha bị phá huỷ. Và cha, cha của nó, sẽ chỉ nhận được sự báo đáp của một đứa con, trong lúc cha hy vọng và chờ đợi ở cả hai đứa.

Con còn trẻ, con xinh đẹp, cuộc đời sẽ an ủi con. Con cao quý và kỷ niệm của một hành động tốt đẹp sẽ chuộc lại cho con rất nhiều lỗi lầm trong quá khứ. Sáu tháng nay, từ khi Acmân quen biết con, nó đã quên mất cha. Cha viết thư cho nó bốn lần. Nhưng nó không nghĩ đến chuyện trả lời cho cha lấy một lần. Nếu cha có chết đi, hẳn nó cũng không biết đến.

Dù con quyết định con sẽ sống khác cuộc đời ngày trước thế nào đi nữa, Acmân nó yêu thương con, nó sẽ không chấp nhận được một hoàn cảnh mà trong đó vị trí khiêm tốn của nó sẽ làm cho con đau khổ và không xứng đáng với nhan sắc của con. Ai mà biết được nó sẽ làm gì? Nó đã đánh bạc, cha biết điều đó. Nó không nói lại với con, cha cũng biết điều đó. Nhưng trong một giây phút say sưa, nó có thể làm hao hụt đi một phần tiền của mà cha đã phải nhiều năm dành dụm để làm của hồi môn cho con gái cha, cho chính nó và cho sự đảm bảo những ngày già yếu của cha. Cái điều đã xảy ra trước đây, sau này có thể xảy ra nữa.

Con tin chắc rằng cuộc sống mà con rời bỏ vì con trai cha sẽ không lôi cuốn con trở lại lần nữa không? Con có chắc rằng, yêu con trai cha, con sẽ không còn yêu thương một kẻ nào khác nữa không? Cuối cùng con có đau lòng không, nếu mối tình của con gây ra những trở ngại trên đường tiến thân của người con yêu mà con không thể an ủi được, nếu một mai cùng với tuổi tác, lòng ham mê danh vọng sẽ đến nối tiếp cho những mộng mơ của tình yêu? Con hãy nghĩ cho kỹ, con ạ. Yêu thương Acmân, con hãy chứng tỏ cho nó thấy là với cái phương tiện độc nhất mà con còn có được để chứng tỏ: hy sinh mối tình của con vì tương lai

của nó. Chưa một tai hoạ nào xảy ra cả, nhưng nó sẽ đến, và có thể còn trầm trọng hơn những tai hoạ mà cha tiên đoán. Acmân có thể sẽ ghen với người đàn ông nào đó yêu con. Nó có thể khiêu khích đánh nhau với người kia. Cuối cùng, nó có thể bị giết. Con hãy nghĩ, con sẽ đau khổ đến thế nào, khi lúc ấy, người cha này đến hỏi con về trách nhiệm của con đối với cuộc đời con trai ông ta.

Cuối cùng, con ơi, phải hiểu tất cả, bởi vì cha không nói hết được. Phải hiểu cái gì đã đưa cha đến Paris. Cha có một đứa con gái, như cha vừa nói với con, trẻ, đẹp, trong sáng như một thiên thần. Con gái cha đang yêu và nó cũng xem tình yêu là một giấc mơ lớn của cuộc đời nó. Cha đã viết tất cả cho Acmân biết. Nhưng vì quá bận rộn với con, nó đã không trả lời cha. Con nghe đây, con gái cha sẽ lấy chồng. Nó kết hôn với người đàn ông nó yêu. Nó sắp bước vào một gia đình danh giá. Gia đình này mong muốn gia đình cha cũng phải danh giá như thế. Nhưng họ đã biết Acmân sống ở Paris như thế nào và tuyên bố sẽ rút lui lời cam kết, nếu Acmân tiếp tục cuộc sống đó. Tương lai của một người con gái không làm gì đụng chạm đên con và có quyền tin tưởng ở tương lai, hiện đang nằm trong bàn tay con.

Con thấy con có đủ quền lực và bẻ mạnh được cái tương lai đó không? Macgơrit ơi! Nhân danh tình yêu và sự hối hận của con, cha xin con ban cho cha cái hạnh phúc của con gái cha.

Anh Đuyvan ơi, trước kia em đã bao lần khóc khi nghĩ đến những điều ấy. Và giờ đây, từ miệng của cha anh, chúng trở thành một sự thật nghiêm khắc. Em không cho anh biết những gì mà cha anh không dám nói với em, những điều này đã hai mươi lần đến trên môi cha anh: rằng dù thế nào, em cũng chỉ là một cô gái giang hồ, và em có đưa ra sự biện hộ nào cho sự dan díu của chúng ta, thì lý do luôn luôn có vẻ như một sự tính toán. Quá khứ của em không có quyền cho em mơ ước một tương lai như thế. Em đã nhận lấy những trách nhiệm mà những thói quen và danh dự của em không đảm bảo được. Cuối cùng, em yêu anh, anh Acmân ơi! Cách đối xử như một người cha mà ông Đuyvan đã tỏ ra lúc nói chuyện với em, những tình cảm trong trắng mà ông đã gợi nên cho em, sự quý mến mà em đã thu phục được của ông già trung thực đó và cả sự quý mến của anh mà em tin chắc sau này, tất cả những điều đó đánh thức trong tâm hồn em những tư tưởng cao quý, như nâng em lên trước chính mắt em và khiến em nghĩ đến những điều thánh thiện em chưa từng biết bao giờ. Khi em nghĩ, một ngày kia ông già đó, người đã van nài em vì tương lai của con trai ông ta, sẽ nói với con gái ông ta đưa tên em vào những lời cầu nguyện của nàng như tên một người bạn gái bí ẩn, em như biến đổi hình và em vô cùng tự hào về em.

Sự hào hứng trong giây lát có thể đã phóng đại những ấn tượng đó. Nhưng anh yêu dấu, đó là những gì em đã cảm thấy và những tình cảm mới mẻ này đã làm câm lặng bao lời quyến rũ của kỷ niệm những ngày hạnh phúc bên anh.

-Thưa ông, đúng thế – em vừa nói với cha anh vừa lau nước mắt – ông có tin rằng tôi yêu con trai ông?

-Vâng – Ông Đuyvan trả lời.

-Với một tình yêu không vụ lợi?

-Vâng.

-Ông có tin rằng tôi xem tình yêu ấy như nỗi hy vọng, niềm mơ ước và sự khoan hồng đối với cuộc đời cũ của tôi?

-Chắc chắn là thế.

-Thế thì, thưa ông, ông hãy hôn tôi một lần, như hôn người con gái của ông. Tôi xin thề với ông rằng cái hôn duy nhất trong sạch mà tôi nhận đượ này sẽ giúp thêm sức mạnh để tôi chống lại tình yêu của tôi. Trong vòng tám ngày nữa, con trai ông sẽ trở về ông, có lẽ anh ấy sẽ đau khổ một thời gian, nhưng sẽ yên lành mãi mãi.

-Con là người con gái cao quý – cha anh nói và hôn em nơi trán – Con đã làm một điều mà Thượng đế sẽ ghi nhớ. Nhưng cha sợ con sẽ không được con trai cha chấp nhận.

-Ồ, thưa ông, xin ông an tâm. Anh ấy sẽ thù ghét tôi. Giữa chúng tôi sẽ có một bức tường ngăn cách, mà anh ấy cũng như tôi không thể vượt qua được.

Em viết thư cho Pruđăng rằng em chấp nhận những đề nghị của ông bá tước N… và nhờ chị ta đến báo với ông bá tước, em sẽ cùng đi ăn tối với chị và với ông ta.

Em dán thư lại, không cho ông biết nội dung. Em yêu cầu cha anh, lúc trở về Paris, đem dùm lá thư đến địa chỉ đã ghi.

Cha anh hỏi em viết gì trong ấy.

“ Đó là hạnh phúc của con trai ông ”, em trả lời.

Cha anh hôn em một lần cuối. Em cảm thấy trên trán em hai giọt lệ biết ơn, như những giọt nước thánh rửa tội cho những lỗi lầm của em ngày trước và giây phút mà em bằng lòng chấp nhận một người đàn ông khác, em đã sung sướng kiêu hãnh nghĩ đến điều mà em sẽ chuộc tội được, với cái lỗi lầm mới này.

Cũng tự nhiên thôi, Acmân. Anh đã từng nói cho em biết, cha anh là người đàn ông trung thực nhất mà người ta có thể gặp.

Ông Đuyvan lên xe và ra đi.

Dù sao em vẫn là đàn bà. Khi thấy anh trở về, em không thể không khóc được, nhưng em không hề mềm yếu đi.

Em làm như thế, có đúng không? Đó là điều mà ngày hôm nay em tự hỏi, khi em nằm trên giường bệnh và có lẽ em chỉ dời cái giường này khi em đã chết rồi.

Anh đã chứng kiến nỗi xúc động của em, khi giờ chia cách không thể tránh được giữa chúng ta cứ đến dần. Cha anh không có ở đó, để có thể nâng đỡ em, và

có lúc em gần như muốn thú nhận tất cả với anh, bởi vì em quá hãi hùng khi nghĩ rằng anh sẽ thù ghét và khinh bỉ em.

Có một điều có thể anh không tin được, anh Acmân: em đã cầu xin Chúa ban cho em có đủ sức lực. Nếu Chúa ban cho em sức lực như em cầu xin, thì điều đó chứng tỏ Chúa chấp nhận sự hy sinh của em. Vào bữa ăn cuối cùng, em vẫn còn cần sự giúp đỡ, bởi vì em không biết em sẽ làm gì, em sợ không đủ can đảm. Ai có thể ngờ rằng em Macgơrit Gôchiê, đã đau khổ đến như thế chỉ riêng với ý nghĩ sẽ có một tình nhân mới.

Em đã uống rượu để quên, và ngày hôm sau, khi tỉnh giấc, em đã nằm trong giường gã bá tước.

Đó là tất cả sự thật, anh yêu quý. Hãy phán xét và hãy tha thứ cho em; như em đã tha thứ cho anh tất cả những đau khổ anh đã gây ra cho em kể từ ngày đó.

§26

Những gì xảy ra sau cái đêm định mệnh đó, anh đã biết rõ như em. Nhưng điều anh không thể ngờ được, đó là sự đau khổ của em kể từ ngày xa cách.

Em không biết được cha anh đã dẫn anh đi. Nhưng em không tin rằng anh có thể sống lâu ngày xa em. Và ngày gặp lại anh, tại Xăng Êlidê, em đã xúc động, nhưng không ngạc nhiên.

Thế là bắt đầu chuỗi ngày mà mỗi ngày em nhận được sự nguyền rủa của anh. Em đã tiếp nhận gần như với sự vui vẻ. Bởi vì ngoài cái bằng chứng anh luôn luôn yêu em, hình như anh càng công kích em thì em càng được tăng giá trị trước mắt anh trong cái ngày mà anh sẽ biết được sự thật.

Anh không nên ngạc nhiên trước kẻ tử vì đạo sung sướng đó. Anh Acmân, tình yêu mà anh đem lại cho em đã làm cho trái tim em mở ra để đón nhận những tình cảm cao cả.

Tuy nhiên, không phải em đã tạo ra được sức mạnh liền sau đó.

Từ khi em thực hiện sự hy sinh vì anh đến ngày anh trở về, một thời gian khá dài đã trôi qua. Trong thời gian đó, em phải tìm đến những phương tiện cụ thể để khỏi trở nên điên và để khuây khoả trước nỗi sầu muộn trước cuộc sống phù phiếm mà em lại rơi vào lần nữa. Hắn Pruđăng đã nói với anh, em đã dự tất cả những cuộc vui, những buổi khiêu vũ, những cuộc ăn chơi sa đoạ.

Em hy vọng sẽ tự giết mình nhanh chóng vì cuộc sống thác loạn và tin rằng điều đó sẽ sớm trở thành sự thật. Sức khoẻ của em ngày càng hao mòn, và cái ngày nhờ chị Pruđăng đến cầu xin anh buông tha, em đã kiệt sức, cả thể xác lẫn tâm hồn.

Em sẽ không nhắc lại cho anh, anh Acmân, anh đã đền đáp cái bằng chứng cuối cùng của tình yêu mà em đã đem lại cho anh như thế nào, và bằng sự nhục mạ nào, anh đã đuổi ra khỏi Paris người đàn bà dở sống dở chết đã không thể cưỡng lại lời anh, khi anh yêu cầu một đêm ân ái. Như một con mất trí, trong giây phút đó, người ta đã tin có thể hàn gắn lại quá khứ với hiện tại! Anh có quyền làm điều anh đã làm, anh Acmân. Người ta không phải lúc nào cũng trả những đêm tình ái của em đắt đến thế!

Em đã để lại tất cả! Ôlêem đã thay thế em bên ông N… và người ta nói, nàng đảm nhận việc cho ông ta biết nguyên nhân sự ra đi của em. Ông bá tước G… lúc ấy có mặt ở Luân Đôn. Đó là một trong những người đàn ông chỉ xem tình yêu đối với những người con gái như em vừa đúng mức quan trọng như một trò chơi dễ chịu, vẫn luôn là bạn của những người đàn bà mà họ đã biết, và không bao giờ oán thù, vì chẳng bao giờ ghen tuông. Cuối cùng, đó là một trong những lãnh chúa sang cả, chỉ mở cho chúng em một nửa trái tim, nhưng sẵn sàng trao cho

chúng em hai mặt của túi tiền. Em nghĩ đến ông ta ngay tức khắc và đã đi gặp ông ta. Ông ta tiếp em rất vui vẻ. Nhưng ở đó ông ta có một người đàn bà. Và sợ sẽ thiệt hại cho ông, nếu tỏ ra qúa quen biết với em, ông giới thiệu em với những người bạn hữu. Những người này mời em dự bữa ăn tôi, và sau đó em cùng đi với một người trong bọn họ. Em còn biết làm thế nào nữa hở anh?

Tự vẫn? Điều đó sẽ làm nặng nề cho cuộc đời anh. Đời anh phải sung sướng, chứ không phải để bị ám ảnh bởi một sự hối hận vô bổ. Hơn nữa, tự vẫn có ích gì, khi người ta đã đến gần cái chết.

Em đã là trạng thái của cái xác không hồn, của sự vật không tư tưởng. Một thời gian em đã sống như một cái máy. Rồi em trở về Paris. Em hỏi thăm anh, mới biết anh đã tìm một chuyến đi dài ngày. Không còn gì có thể nâng đỡ em nữa. Cuộc sống của em trở lại như hai năm trước khi quen biết anh. Em cố gắng để bám víu lại ông quận công. Nhưng em đã làm mất lòng người đàn ông đó quá nhiều, và những người già cả thì không kiên nhẫn. Chắc chắn, bởi vì họ thấy họ không thể sống mãi.

Bệnh tình mỗi ngày một trầm trọng hơn. Em xanh xao, buồn bã, ngày càng gầy yếu. Những người đàn ông bỏ tiền ra tìm tình yêu, phải quan sát kỹ món hàng trước khi mua. Ở Paris, có những người đàn bà khoẻ, trẻ, gọn chắc hơn em. Người ta dần dần quên em. Dĩ vãng của em cho đến ngày hôm qua là như thế.

Giờ đây, em hoàn toàn bênh hoạn. Em đã viết thư cho ông quận công để hỏi xin tiền. Vì em không có tiền, và những chủ nợ đã trở lại, đưa giấy đòi nợ một cách gay gắt không thương hại. Ông quận công sẽ trả lời cho em chăng? Ước gì anh ở Paris, anh Acmân. Anh sẽ đến thăm em và em sẽ được an ủi rất nhiều.

20 tháng mười Hai.

Thời tiết thật đáng sợ. Ngoài trời tuyết rơi. Em chỉ có một mình ở nhà. Từ ba ngày nay, em bị một cơn sốt dữ dội đến nỗi em không thể viết được một chữ nào cả. Không có gì mới, anh yêu dấu. Mỗi ngày, em thầm hy vọng nhận được thư anh. Nhưng thư anh không đến, và chắc chắn chẳng bao giờ đến. Chỉ những người đàn ông mới có đủ sức mạnh để không tha thứ. Ông quận công không trả lời thư em. Prudăng lại bắt đầu những chuyến đi đến tiệm cầm đồ.

Em không ngừng khạc ra máu. Ôi! Em sẽ làm phiền anh, nếu anh gặp em. Anh sung sướng biết bao dưới một bầu trời ấm áp, không phải như em một mùa đông giá lạnh đang đè nặng lên ngực. Hôm nay, em đi lại một ít, và sau những bức màn cửa sổ, em nhìn vào cuộc sống ở Paris – cuộc sống mà em tin rằng em đã dứt khoát cắt đứt. Một vài khuôn mặt quen biết đi trên đường phố, nhanh nhẹn, vui vẻ, vô tư. Không một người nào đưa mắt nhìn lên cửa sổ nhà em. Tuy nhiên, vài ba thanh niên đã đến nhà ghi tên. Đã một lần em bị bệnh, và anh, lúc ấy chưa biết em, chưa nhận được gì trừ sự hỗn láo nơi em thế nhưng lần đầu tiên gặp em, anh đã đến mỗi sáng để biết tin tức về em. Thế rồi, em lại ốm. Chúng ta

đã sống sáu tháng với nhau. Em đã yêu anh bằng tất cả tình yêu mà trái tim người đàn bà có thể chứa đựng và ban phát. Nay anh ở xa, anh nguyền rủa em. Và em không nhận được một lời an ủi nào từ anh cả. Định mệnh đã tạo nên sự chia lìa giữa chúng ta. Em tin chắc thế. Bởi vì, nếu anh có ở Paris, anh sẽ không rời khỏi giường em và căn phòng của em.

25 tháng mười Hai.

Thầy thuốc cấm em không được ngày nào cũng viết. Quả vậy, những kỷ niệm chỉ làm tăng cơn sốt. Nhưng ngày hôm qua, em có nhận một lá thư. Lá thư đã làm cho em khỏe lên, vì tình cảm nó biểu lộ hơn là vì sự giúp đỡ vật chất nó đem lại. Hôm nay, như vậy em có thể viết cho anh. Thư đó là của cha anh, dưới đây là nội dung:

"Thưa bà.

Tôi vừa được biết bà đang ốm. Nếu tôi ở Paris, tôi đã đích thân đến thăm bà rồi. Nếu con trai tôi có ở đây, tôi sẽ bảo nó đến, nhưng tôi không thể rời khỏi C… và Acmân hiện ở cách đây sau bảy trăm dặm. Vậy cho phép tôi được viết thư cho bà. Tôi đau buồn về bệnh tình của bà và thành thật mong muốn bà được mau chóng bình phục.

Một trong những người bạn tốt của tôi, ông H… sẽ đến thăm bà. Xin bà vui lòng đón tiếp ông. Tôi có nhờ ông một việc và tôi nóng lòng chờ kết quả.

Xin bà chấp nhận nơi đây những tình cảm đặc biệt nhất của tôi."

Đó là bức thư em đã nhận được. Cha anh là một người cao thượng. Anh hãy yêu quý cha. Trên đời này, rất ít người đáng được yêu quý như thế. Bưc thư này, ký tên ông, đã đem lại cho em nhiều sức khoẻ hơn tất cả những đơn thuốc của người thầy thuốc danh tiếng.

Sáng hôm nay, ông H… đã đến. Ông có vẻ rất lúng túng vì cái việc tế nhị mà cha anh đã uỷ thác cho ông. Ông đến để đem cho em một ngàn đồng bạc cha anh gửi cho. Lúc đầu, em muốn từ chối. Nhưng ông H… bảo em, sự từ chối đó sẽ làm xúc phạm ông Đuyvan. Chính ông Đuyvan đã nhờ ông ta đưa đến cho em số tiền ấy trước, và hứa sẽ đưa cho em thêm nữa nếu em cần đến. Em chấp nhận món tiền của cha anh, có lẽ không nên xem nó như tiền được bố thí. Nếu em chết, khi anh trở về, anh hãy đưa cho cha anh xem trang giấy này, và nói cho ông biết, người con gái khốn khổ mà cha anh đã không ngần ngại viết thư an ủi đã nhỏ lệ biết ơn và đã cầu nguyện Chúa cho cha anh.

4 tháng Giêng.

Em vừa trải qua một chuỗi ngày rất đau đớn. Em không nghĩ thể xác lại có thể hành hạ con người đến mức đó. Ôi! Cuộc đời quá khứ của em! Hôm nay em phải trả giá đắt gấp đôi.

Đêm nào cũng phải có người thức để canh chừng em. Em không thể thở được nữa. Trạng thái hôm mê và những cơn ho đang chia xẻ phần còn lại của quãng

đời khốn đốn của em.

Trong phòng chất đầy quà đủ loại mà các bạn thân của em gửi biếu. Chắc hẳn, trong số những người đó, vẫn còn kẻ nghĩ rằng sau này em sẽ là tình nhân của họ. Nếu họ thấy được bệnh hoạn đã làm em suy sụp như thế nào, họ sẽ kinh hoàng bỏ chạy.

Pruđăng dùng những món quà em được nhận được tặng lại những người quen biết của chị ấy.

Trời giá lạnh. Bác sĩ bảo, trong vài ngày nữa, nếu thời tiết tốt, em có thể đi dạo được.

8 tháng Giêng.

Hôm qua, em đã lên xe đi dạo chơi. Thời tiết thật huy hoàng. Quảng trường Xăng Êlidê đông chật cả người. Tưởng như đó là nụ cười đầu xuân. Quanh em, mọi vật tưng bừng như ngày hội. Em không bao giờ có thể ngờ, tất cả những gì vui tươi, dịu dàng, an ủi đều hiện ra trong một tia sáng của mặt trời như em được nhìn thất ngày hôm qua. Em gặp lại hầu hết những người em quen biết. Họ luôn luôn vui vẻ, luôn luôn bận rộn, với những thú vui của họ. Biết bao kẻ đang sung sướng! Ôlêem lướt qua trên chiếc xe lộng lẫy mà bá tước N đã mua… cho cô ta, và đang cố tình đưa mắt nguyền rủa em. Cô ta không biết em đã xa những thói kiêu ngạo hào nhoáng ấy tới mức nào rồi. Một thanh niên chững chạc quen biết em từ lâu, đến hỏi em có đồng ý đi ăn tối với anh ta không, và cho biết một người bạn của anh ta rất muốn được làm quen với em.

Em chỉ mỉm cười buồn bã, đưa cho anh ta bàn tay nóng sốt của em.

Chưa bao giờ em nhìn thấy một khuôn mặt ngạc nhiên đến thế!

Em trở về nhà lúc bốn giờ và đã ăn chiều khá bình thường.

Cuộc đi dạo này làm cho em cảm thấy dễ chịu.

Nếu em lành bênh được!

Hình ảnh cuộc đời và hạnh phúc của những kẻ khác làm cho những con người hôm trước đây, giữa nỗi cô đơn của tâm hồn và trong bóng tối của phòng bệnh, trông mong được chết gấp đi, thì bây giờ lại muốn sống.

10 tháng Giêng.

Hy vọng lấy lại được sức khỏe chỉ là một giấc mơ. Giờ đây, em lại nằm trên giường bệnh, trên người đầy những thuốc cao, làm em nóng bức, bực bội. Hãy đem hiến dâng thể xác này, mà ngày trước người ta đã trả rất đắt giá, để xem hôm nay người ta sẽ cho em được cái gì? Chắc hẳn em đã phạm nhiều tội ác trước khi sinh hoặc em sẽ được hưởng một hạnh phúc lớn lao sau khi chết, nên Thượng Đế mới bắt cuộc đời này nhận tất cả những hình phạt để đền tội và tất cả những đau khổ để thử thách.

12 tháng Giêng.

Em luôn luôn đau đớn.

Ông bá tước N… ngày qua đã gửi tiền cho em. Em không nhận. Em không muốn nhận cái gì từ con người đó cả. Chính ông ta là nguyên nhân làm cho anh phải xa em.

Ôi! Những ngày vui của chúng ta ở Bugival! Những ngày ấy đâu rồi?

Nếu em ra khỏi phòng này mà còn sống, em sẽ làm một cuộc hành hương về lại ngôi nhà của chúng ta đã cùng ở với nhau. Nhưng em chỉ ra khỏi phòng khi em đã chết rồi!

Ai biết được ngày mai em sẽ còn viết cho anh được nữa không?

25 tháng Giêng.

Đã 11 giờ đêm. Em không ngủ được. Em ngột thở. Em tin bất cứ lúc nào em cũng có thể chết được. Thầy thuốc đã ra lệnh đừng để em cầm bút viết nữa. Juyli Đupơra chăm sóc em, còn cho phép em viết vài dòng này. Không biết anh có trở về kịp trước khi em chết không? Hay chúng ta đã vĩnh viễn cách biệt nhau rồi? Hình như nếu anh trở về em sẽ lành bệnh. Nhưng lành bệnh có ích gì nữa?

28 tháng Giêng.

Sáng nay, em bị đánh thức bởi một tiếng động lớn, Juyli ngủ trong phòng em, chạy vội vào phòng ăn. Em nghe những tiếng nói đàn ông và giọng Juyli đối chọi lại một cách vô ích. Cô ta trở vào và khóc.

Người ta đến tịch thu đồ đạc. Em bảo Juyli hãy để cho họ làm điều họ gọi là công lý. Người thừa phát lại đi vào phòng em, vẫn để cái mũ trên đầu. Ông ấy mở tất cả những ngăn kéo ra ghi lại những gì ông ta nhìn thấy, và có vẻ như không nhìn thấy một người đàn bà sắp chết nằm đó, trên một cái giường. Thật sung sướng, pháp luật nhân từ đã để cho em được nằm yên!

Khi ra về, ông ta nói với em, rằng em có thể khiếu nại trong vòng chín ngày. Nhưng ông ta để lại một người canh giữ. Chúa ơi! Em sẽ ra sao! Cảnh tượng ấy đã làm em đau thêm. Pruđăng muốn xin tiền nơi người bạn của cha anh. Nhưng em không đồng ý.

Em nhận được thư anh sáng nay. Em rất cần đến nó. Thư trả lời của em không biết đến có kịp không? Anh sẽ còn gặp em không? Hôm nay là một ngày sung sướng, nó làm em quên đi tất cả những ngày em đã trải qua suốt sáu tuần nay. Hình như em hơi khỏe hơn, mặc dù em đã trả lời anh với một linh cảm buồn bã.

Nói cho cùng không phải lúc nào người ta cũng luôn luôn khốn khổ. Khi em nghĩ, có thể em sẽ không chết, anh sẽ trở về, em lại được nhìn thấy mùa xuân, anh vẫn yêu em, và chúng ta lại bắt đầu cuộc sống của chúng ta như năm trước.

Em điên mất rồi! Em đang chỉ còn đủ sức để cầm bút viết cho anh cái giấc mơ không nghĩa lý đo của tâm hồn em.

Dù sao đi nữa, em vẫn yêu anh rất nhiều, anh Acmân ơi. Em đã chết từ lâu, nếu không được cứu vớt bởi kỷ niệm của tình yêu đó và bởi một kỷ niệm mơ hồ

được gặp lại anh bên cạnh em.

4 tháng Hai.

Ông bá tước G… đã trở về. Người tình của ông đã lừa gạt ông. Ông rất buồn bã, vì ông yêu người đó lắm. Ông ta đến kể cho em nghe tất cả. Người thanh niên đáng thương này bị thất bại trong những công việc làm ăn. Nhưng điều đó không cấm ông trả tiền công cho người thừa phát lại của em và cho người canh giữ ra về.

Em nói chuyện với ông ta. Ông ta hứa với em, sẽ nói lại với anh về em. Trong những lúc đó, em đã quên trước đây em đã là tình nhân của ông. Và ông ta cũng gắng làm cho em quên điều đó! Thật là một người tốt bụng.

Hôm qua, ông quận công đã cho người đến hỏi tin tức của em và sáng nay ông ta đến. Em không thể hiểu cái gì đã làm cho ông già ấy vẫn còn sống. Ông ngồi cạnh em suốt ba tiếng đồng hồ, và không nói với em được hai mươi tiếng. Hai giọt lệ lớn rơi từ mắt ông xuống, khi ông thấy em xanh xao đến thế. Chắc hẳn kỷ niệm về cái chết của đứa con gái làm cho ông phải khóc.

Ông như đã thấy con gái ông chết đến hai lần. Lưng ông đã còng, đầu ông nghiêng xuống đất, môi ông trễ ra, cái nhìn của ông đã mất ánh sáng. Tuổi tác và sự đau buồn giống như hai gánh nặng đè bẹp cái thân thể suy kiệt đó. Ông không trách móc em lời nào cả. Có thể nói, ông như ngấm ngầm cảm thấy thoả mãn về sự tàn phá mà bênh tật đã đem lại cho em. Ông có vẻ kiêu ngạo về vẫn còn đứng thẳng được trong khi em, còn trẻ, bị bệnh tật giày vò, đã phải nằm liệt giường.

Thời tiết trở nên xấu lạ. Không người nào đến thăm em cả, Juyli, người chăm sóc em nhiều nhất, vẫn ở bên cạnh em. Pruđăng, vì em không còn có thể, vẫn cấp tiền như trước, bắt đầu kiếm cớ bận công kia việc nọ để xa lánh dần.

Giờ đây, em đã chết rồi, mặc dù các thầy thuốc có nói gì đi nữa. Và em có rất nhiều thầy thuốc. Điều đó chứng tỏ bệnh em ngày càng thêm nặng. Em gần như tiếc nuối đã nghe lời cha anh. Nếu em biết em chỉ chiếm lấy một năm trong tương lai của anh, em đã không thể cưỡng lại cái ý muốn sống năm ấy với anh. Và ít ra, em sẽ chết trong lúc được cầm tay một người bạn. Đúng vậy, nếu chúng ta sống với nhau năm nay, em sẽ không chết gấp như thế này.

Cầu mong ý muốn của Chúa được thực hiện.

5 tháng Hai.

Ôi! Hãy về, hãy về với em, anh Acmân ơi! Em đau đớn dữ dội quá. Con sẽ chết, Chúa ơi! Ngày hôm qua, em rất buồn. Em muốn đi đâu đó, hơn là ở nhà suốt buổi tối, vì nó có thể kéo dài lê thê như tối hôm qua. Ông quận công sáng nay lại đến. Hình như cứ nhìn thấy ông già bị thần chết bỏ quên đó, em như muốn chết gấp hơn.

Mặc dầu cơn sốt dữ đã làm em nóng rực cả người, em vẫn nhờ người trang điểm cho và dẫn em đi đến rạp Vôđơvin, Juyli tô son cho em. Nếu không, em có

thể giống như một cái xác chết. Em đã ngồi vào cái lô, nơi em đã hẹn với anh buổi gặp gỡ đầu tiên. Suốt giờ, em cứ dán mắt vào cái ghế mà ngày xưa anh đã ngồi, và chiều hôm qua lại là một con người thô bỉ đang ngồi đó, hắn cười ồn ào trước những lời lẽ ngớ ngẩn của các diễn viên. Người ta đã đưa em về nhà, nửa sống nửa chết. Em đã ho và khạc ra máu suốt đêm. Hôm nay, em không nói được nưa. Em chỉ vừa đủ sức để cử động một cánh tay. Chúa ơi! Chúa ơi! Con sẽ chết. Em chờ đợi, nhưng em không thể nghĩ, em có thể đau đớn hơn là hiện nay em đang đau đớn và nếu …"

Kể từ những chữ đó, những nét chữ Macgơrit cố viết không thể đọc được nữa, và chính Juyli Đupơra đã viết tiếp theo.

18 tháng Hai.

Ông Acmân,

Từ ngày Macgơrit muốn đến rạp hát; bệnh tình của cô ấy càng trầm trọng hơn. Cô ấy đã hoàn toàn mất giọng nói. Rồi tiếp đến, sự cử động chân tay. Nỗi đau đớn của người bạn gái đáng thương của chúng ta không thể nào nói hết được. Tôi không quen với những xúc động như thế, và tôi hoảng sợ triền miên.

Tôi mong có ông bên cạnh chúng tôi xiết bao! Macgơrit gần như luôn luôn mê sảng, nhưng dù hôn mê hay tỉnh táo, cô ấy luôn luôn gọi tên ông mỗi khi cô ấy cố gắng thốt ra được một tiếng.

Thầy thuốc cho biết Macgơrit không còn sống được bao lâu nữa. Từ khi cô đau nặng như thế, ông quận công già không thấy trở lại.

Ông ta nói với bác sĩ, cảnh tượng này làm ông khó chịu quá.

Bà Đuvecnoa xử sự không tốt. Người đàn bà đó nhờ bòn rút tiền của Macgơrit mà sống đầy đủ, đã hứa hẹn rất nhiều nhưng không giữ lời. Và khi thấy người láng giềng không còn có ích gì cho mình, bà ta không đến nữa. Tất cả mọi người đều ruồng bỏ Macgơrit. Ông G… bị nợ nần bức bách, bắt buộc phải trở lại Luân Đôn. Lúc ra đi, ông có gửi cho chúng tôi một ít tiền. Ông đã làm những gì ông có thể làm được. Nhưng người ta đã trở lại để tịch thu tài sản. Những chủ nợ chỉ chờ cô ấy chết để bán đấu giá đồ đạc.

Tôi muốn dùng số của cải còn lại của tôi để ngăn sự tịch thu đó. Nhưng nhân viên thừa phát lại bảo tôi rằng vô ích. Ông ta còn có những phán quyết khác để thi hành. Bởi vì cô ta sắp chết, thà bỏ mặc tất cả đi còn hơn là giữ lại cho gia đình cô mà cô không muốn về thăm, và cũng chẳng bao giờ yêu thương cô. Ông không thể tưởng tượng người con gái đáng thươnh đó đang chết giữa một cảnh khốn khổ vàng son như thế nào. Ngày hôm qua, chúng tôi không còn một đồng tiền nào nữa cả. Chén dĩa, nữ trang, áo casơmia, tất cả đều đã đem đi cầm. Nhưng gì còn lại, đều được bán hay đã bị tịch thu. Macgơrit còn ý thức được về những gì xảy ra chung quanh mình. Những giọt lệ lớn chảy dài trên hai gò má gầy ốm, xanh xao. Ông không thể nhận ra được nữa khuôn mặt người đàn bà ông đã yêu

quý ngần ấy, nếu ông có thể trở về. Cô ấy bắt tôi hứa sẽ viết thư cho ông, khi cô không viết được nữa. Cô ấy đưa mắt nhìn về phía tôi. Nhưng cô không còn thấy gì nữa rồi. Cái nhìn của cô đã mờ hẳn bên cái chết gần kề. Tuy nhiên, cô mỉm cười. Tất cả tâm hồn cô đều hướng về ông, tôi tin chắc thế.

Mỗi khi người ta mở cửa, đôi mắt cô lại sáng lên. Cô ấy luôn luôn tin rằng ông sắp về. Rồi khi biết không phải ông, gương mặt cô lại đau đớn, thấm ướt mồ hôi lạnh, hai gò má đỏ lên.

19 tháng Hai, nửa đêm.

Hôm nay là một ngày buồn bã, ông Acmân đáng thương của tôi! Sáng nay, Macgơrit ngột thở Thầy thuốc đã trích máu cho nàng, nàng đã hơi nói được một chút ít. Thầy thuốc khuyên nàng hãy mời một linh mục. Nàng bảo nàng bằng lòng. Và ông đích thân tìm một linh mục ở Xanh Roôc.

Trong thời gian đó, Macgơrit gọi tôi đến bên cạnh giường, yêu cầu tôi mở tủ ra. Rồi nàng chỉ cho tôi một cái mũ trùm đầu, một chiếc áo dài đầy đăngten, và nói với tôi giọng yếu ớt.

-Tôi sẽ chết, sau khi xưng tội. Chị hãy mặc những đồ này vào cho tôi, đó là sự làm giáng của một người gần chết.

Nàng hôm tôi và khóc. Rồi nàng nói tiếp: -Tôi có thể nói, nhưng tôi mệt quá khi nói. Khó thở quá! Không khí!

Tôi khóc nấc lên và chạy đi mở cửa sổ. Sau đó ít phút, linh mục bước vào.

Tôi ra đón ông.

Khi biết mình đang ở nhà ai, ông có vẻ ngại sẽ bị bạc đãi.

-Xin cha cứ vào một cách mạnh dạn – tôi nói với ông.

Ông vào trong phòng một lát rồi trở ra và nói với tôi: -Cô ấy đã sống như một người tội lỗi. Nhưng cô ấy sẽ chết như một con chiên của Chúa.

Một lúc sau, ông trở lại với một lễ sính đem theo một cây thánh giá, và một người phụ lễ vừa đi vừa rung chuông, như để báo có Chúa đến nhà một người đàn bà sắp chết.

Cả ba đều đi vào căn phòng ngủ, nơi ngày trước đã vang dội biết bao những lời lẽ tội lỗi, và giờ đây lại là một nơi trang nghiêm thánh thiện.

Tôi quỳ xuống. Tôi không biết ấn tượng mà cảnh tượng đó đem lại cho tôi kéo dài bao lâu. Nhưng tôi tin rằng từ trước đến nay, chưa bao giờ có một sự việc nào trên đời làm cho tôi xúc động đến thế.

Vị linh mục lấy đầu thánh chấm vào hai bàn chân, hai bàn tay và trán của người hấp hối, đọc một bài kinh ngắn, và Macgơrit gần như sẵn sàng để đi về thiên đường, nơi chắc chắn nàng sẽ đến, nếu Chúa đã chứng kiến những thử thách đau thương trong cuộc đời nàng, và sự thánh thiện trong cái chết của nàng.

Từ lúc đó, nàng không nói tiếng nào nữa, không cử động nữa. Bao nhiêu lần tôi tưởng nàng đã chết rồi, nếu tôi không còn nghe thấy hơi thở nặng nhọc khó

khăn của nàng.

20 tháng Hai, năm giờ chiều.

Tất cả đều chấm dứt.

Macgơrit đêm nay đã hấp hối vào lúc hai giờ. Không có một kẻ tử đạo nào có thể đau đớn đến mức độ đó, qua những tiếng rên là của nàng. Hai hay ba lần, nàng đứng dựng lên trên giường. Hình như nàng muốn bắt giữ lại sự sống đang dần dần thoát khỏi tay nàng để trở về với Chúa.

Hai hay ba lần như thế, nàng gọi tên ông, rồi tất cả lại lặng lẽ. Nàng ngã xuống, kiết sức trên giường. Những giọt lệ lặng lẽ chảy dài từ khoé mắt, và nàng đã chết.

Thế rồi tôi đến bên nàng, gọi tên nàng. Nàng không trả lời. Tôi đưa tay vuốt mắt và hôn lên trán nàng.

Macgơrit đáng thương! Tôi muốn tôi là một người đàn bà thánh thiện để cái hôn đó có thể đưa nàng về với Chúa.

Rồi tôi thay y phục cho nàng, như nàng đã yêu cầu. Tôi đi tìm một vị linh mục ở Xanh Roôc. Tôi đốt hai cây đèn sáp lên cho nàng, và tôi cầu nguyện ở nhà thờ trong suốt một giờ.

Tôi phân phát cho những người nghèo số tiền nàng còn để lại.

Tôi không hiểu gì về tôn giáo, nhưng tôi nghĩ Chúa rất khoan hồng, sẽ thấy những giọt lệ của tôi là chân thành, lời cầu nguyện của tôi là tha thiết, của bố thí của tôi là thành thật. Chúa sẽ thương xót nàng đã chết trẻ trung, kiều diễm và chỉ có tôi là người độc nhất vuốt mắt cho nàng, đưa nàng đến nơi an nghỉ cuối cùng.

22 tháng Hai.

Hôm nay là ngày đưa đám. Nhiều bạn gái cũ của Macgơrit đã đến nhà thờ. Một vài người đã khóc rất thành thật. Khi xe tang đến đường Môngmat, chỉ cho hai người đàn ông đi theo sau là: ông bá tước G… từ Luân Đôn về, và ông quận công già có hai gia nhân đi dìu.

Tôi viết những chi tiết này cho ông tại nhà nàng, giữa những giọt lệ của tôi, trước cây đèn sáng lên buồn bã, và bên cạnh bữa ăn tối mà tôi không động đến. Ông có thể hiểu tại sao. Nhưng Nanin vẫn cứ dọn ra, vì hai mươi giờ rồi tôi không ăn gì cả.

Đời tôi không thể giữ lại lâu dài những ấn tượng buồn bã này: vì đời tôi không thuộc về tôi, cũng như đời Macgơrit không thuộc về Macgơrit. Chính vì vậy tôi cho ông biết nhưng chi tiết ngay tại chỗ đã xảy ra, sợ nếu thời gian từ đây tới ngày ông về quá xa, tôi không thể kể lại cho ông những chi tiết đó với tất cả sự đau buồn của nó!

§27

-Tôi hiểu anh đã phải đau khổ đến mức nào, anh bạn ạ, nếu những gì tôi đọc là đúng sự thật!

-Cha tôi đã xác nhận điều đó trong một lá thư.

Chúng tôi nói chuyện với nhau thêm một lát về cái định mệnh tàn ác của Macgơrit, rồi tôi trở về nhà nghỉ ngơi.

Acmân vẫn buồn bã, nhưng đã được an ủi phần nào sau khi kể lại câu chuyện này. Chẳng bao lâu, anh bình phục hẳn. Và chúng tôi cùng nhau đi thăm Pruđăng và Juyli Đupơra.

Pruđăng vừa bị phá sản. Chị ta bảo chúng tôi rằng nguyên nhân là do Macgơrit. Trong lúc nàng ốm đau, chị đã cho nàng mượn một số tiền lớn. Macgơrit đã chết, không trả được số tiền này cho chị ta, và cũng không để lại biên lai để chị ta có thể được xem như một chủ nợ.

Câu chuyện bịa đặt đó, bà Đuvecnoa đem đi kể khắp nơi để biện hộ cho những công việc làm ăn thua lỗ của mình, và bà ta đã rút được tờ giấy bạc một ngàn frăng nơi Acmân. Anh không tin, nhưng lại làm ra vẻ tin. Bởi vì anh kính trọng tất cả những người gần gũi với tình nhân cũ.

Sau đó chúng tôi đến nhà Juyli Đupơra. Cô kể lại cho chúng tôi nghe những biến cố buồn bã mà cô đã chứng kiến và khóc rất thành thật khi nghĩ đến người bạn gái của mình.

Cuối cùng chúng tôi đến thăm một Macgơrit ở đây, những tia nắng của ánh mặt trời tháng Tư đầu tiên đã làm nhú lên những búp lá non.

Acmân còn một bổn phận cuối cùng phải làm là trở về gặp lại cha anh. Anh muốn tôi cùng đi.

Chúng tôi đến C… Tôi gặp ông Đuyvan. Ông đúng như tôi đã tưởng tượng theo mô tả của con trai ông: độ lượng, đường hoàng, tốt bụng.

Ông đón tiếp Acmân với những giọt lệ sung sướng và siết chặt tay tôi một cách thân mật. Tôi nhận thấy ngay tình cảm người cha nơi ông ta đã thắng tất cả những tình cảm khác.

Con gái ông, tên là Blânxơ, với sự trong sáng trong đôi mắt và cái nhìn, với sự bình yên nơi miệng, đã chứng tỏ tâm hồn chỉ có những tư tưởng thánh thiện và đôi môi chỉ nói những lời hiền lành. Cô mỉm cười đón anh trở về, không hay biết gì cả. Người con gái trong trắng ấy không hề biết rằng ở nơi xa kia, một kỹ nữ đã hy sinh hạnh phúc của mình chỉ vì có kẻ đã nhắc đến hạnh phúc của cô.

Anh đã đọc xong rồi? – Acmân hỏi tôi khi tôi đã xem xong tập giấy viết.

Tôi ở lại ít lâu trong gia đình sung sướng đó. Họ luôn luôn bận rộn với con người đã trở về cùng họ với vết thương vừa được hàn gắn của tâm hồn.

Tôi trở về Paris. Ở đó, tôi đã viết lại câu chuyện này, đúng như đã được nghe kể lại. Câu chuyện này chỉ có được một giá trị (dù có thể bị phủ nhận): đó là sự thật.

Tôi không rút ra từ câu chuyện này, để kết luận tất cả những người con gái như Macgơrit đều có thể làm điều Macgơrit đã làm. Thật là quá xa vời. Nhưng tôi đã được biết, một người trong số đó, trong đời mình đã cảm thấy một tình yêu nghiêm túc, đã đau khổ vì mối tình đó, đã chết vì mối tình đó. Tôi đã kể cho bạn đọc những gì tôi được biết. Đó là bổn phận.

Tôi không phải là sứ giả của tà dâm phóng đãng. Nhưng tôi luôn luôn sẽ là tiếng vang cho sự đau khổ cao quý, bất cứ ở đâu, khi tôi nghe được tiếng hô nguyện cầu.

Câu chuyện của Macgơrit là một ngoại lệ. Tôi xin lặp lại. Nhưng nếu đây là một câu chuyện phổ biến, thì tưởng không ai phải bỏ công chép lại làm gì.

HẾT.

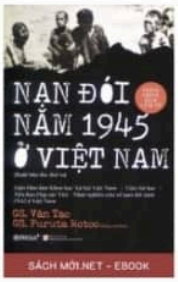

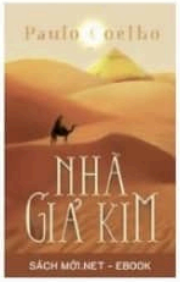

THƯ VIỆN EBOOK
SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY
HOÀN TOÀN MIỄN PHÍ

[1] Ba nhà chính trị lớn thời Louis XIII Louis XIV.

[2] Kịch tác giả cổ điển Pháp thế kỷ 17.

[3] Măng: Thị trấn thuộc lưu vực sông Loa nước Pháp. (Le Mans).

[4] Giáo phái Canvanh: Giáo phái do Han Canvanh làm Giáo chủ, một giáo phái Tin lành cải cách – phát triển mạnh ở Pháp và Thụy Sĩ, đã từng tổ chức một nước Cộng hòa Tin lành ở Giơnevơ (1509-1564).

[5] Pháo thành La Rochelle: Thủ phủ của quận Chafente. Maritime, bên bờ Đại dương cách Paris về phía Tây Nam 470 km.

[6] Màu cờ vàng và đỏ: Màu cờ Tây Ban Nha.

[7] Đông Kihôtê: Nhân vật chính đồng thời cũng là tên cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của Cervatès nhà văn người Tây Ban Nha.

[8] Cấm những cuộc quyết đấu: nhưng không có ý này trong nguyên bản cũng như bản tiếng Anh.

[9] Tarbe – Thị trấn thuộc tỉnh Gascogne, quê hương của dòng họ D'Artagnan – thuộc vùng Thượng Pyrenée.

[10] Ý nói Giáo chủ Richelieu.

[11] Quận công De Buckingham.

[12] Truyện ngụ ngôn của La Fontaine – con sếu muốn thò mỏ vào trong cái vỏ cứng của ốc sên để ăn thịt nó.

[13] Denier à Diedomné – tiền thu được ở trong chiếc đĩa của nhà thờ.

[14] Perigord: Nay là quận Dordogne nước Pháp.

[15] Berry: Nay là quận Cher và L'Indre nước Pháp.

[16] Liên minh thần thánh của giáo phái Gia Tô do Quận công De Guise lập năm 1576 với chủ định chống lại giáo phái Canvanh nhưng tbực tế là để lật đổ Vua Henri III, bị Henri IV dẹp tan.

[17] Besme: – Charle Daniowitz – người Bôhêmiêng: ăn lương của Quận công De Guise, ám sát Coligny đêm lễ Thánh Barthelemy, rồi bị người Tin lành giết năm 1576.
Poltrốt de Méré: quý tộc phái Tin lành ám sát Quân công De Guise.
Vitry: Đại úy đội cận vệ của Louis XIII giết Concini và được phong hàm thống chế Pháp (Đây thực sự là đại úy ngự lâm quân thời Louis XIII – Còn Treville chỉ là nhân vật tiểu thuyết – ND).

[18] Tên kéo dài của Giáo chủ Richelieu.

[19] Bassompirre. Thống chế và là nhà ngoại giao Pháp, giữ rất nhiều trách nhiệm khác nhau ở Thụy Sĩ, Italia và Anh quốc. Bị tống giam trong ngục Bastille 12 năm vì đã có âm mưu chống lại Giáo chủ Richelieu. Để lại những tập hồi ký rất thú vị.

[20] Con của Louis XIII.

[21] Chalais. Hầu tước Henri de Talleyrand – sủng thần của vua Louis XIII bị cáo buộc âm mưu chống lại Giáo chủ Richelieu – Bị bắt ở Nantes và bị chặt đầu.

[22] Monsicur: Không rõ là ai. Cả bản dịch ra tiếng Anh của Nhà xuất bản Wordsworth 1993 cũng vậy – Có thể là Hoàng đệ, em vua Louis XIII chăng?

[23] Công tước Buckingham – Sủng thần của các vua Jacques 1 và Charle 1 nước Anh, đang định cứu viện cho giáo phái Calvin ở thành La Rochelle thị bị Fetton ám sát.

[24] Narcisse. Trong thần thoại Hy Lạp nổi tiếng đẹp trai, say mê sắc đẹp của mình, khi soi mình xuống nước thấy bóng người dưới nước đẹp quá, nhảy xuống ôm rồi chết đuối hóa thành một bông hoa đẹp mang tên Narcisse, chính là hoa Thủy tiên ngày nay.

[25] Pompeé – Tướng La Mã, cùng với Caesar và Crassus họp thành tam hùng chống lại hạ viện, sau đối địch với Caesar, người được hạ viện và giới quý tộc nước Cộng hòa ủng hộ. Sau một cuộc chiến khủng khiếp bị bại ở Pharsale và khi đến Ai Cập tìm nơi trú thân thì bị ám sát.

[26] Pavi: Nơi François I, bị người Tây Ban Nha đánh bại và bị bắt làm tù binh ngày 24-2-1525 viết thư cho mẹ: "Tất cả bị mất hết trừ danh dự."

[27] Etriller (tiếng Pháp): Cọ lông ngựa bằng bàn chải sắt – nghĩa bóng: đánh đập.

[28] couventdeo Carmes déchaussés-Déchaussés: cởi, tháo giầy – Tu viện của những tu sĩ chân đất.

[29] Một thuyết lý thần học.

[30] Dân thuộc tỉnh Picardy ở Tây Bắc nước Pháp, nổi tiếng ương bướng.

[31] Crésus: vua của Lydia vùng Tiểu Á, thế kỷ thứ 6 trước Công nguyên, nổi tiếng giàu có.

[32] Bonlface: tên các giáo hoàng thế kỷ 8, không hiếu chiến.

[33] Mousqueton – khẩu súng trường.

[34] Damas: thuộc Syrie, nổi tiếng về nhưng kiếm lưỡi cong nhất là đoản kiếm.

[35] Achile: Akin; Aiax, Ajắc – Những nhân vật anh hùng nhất và nhì trong thần thoại Hy Lạp trong việc chiếm thành Troie.

[36] Joseph: Ý nói cha Jôdép mệnh danh Đức ông xám của Giáo chủ Richelieu – thích hợp với lòng sùng tín của Aramis và việc muốn trở lại nhà thờ của chàng.

[37] Thần học quan tâm đến việc giải quyết những trường hợp của ý thức.

[38] Sarabande – Một vũ điệu Tây Ban Nha. Ở đây Dumas cường điệu ý tưởng nghi ngờ nhưng biểu hiện mến thương của Giáo chủ Richelieu bị Hoàng hậu Anne d'Autriche khinh thị, nói đến việc Giáo chủ đã ăn mặc giả trang một thảng hề nhảy điệu đó trước mặt Hoàng hậu mà không có kết quả gì.

[39] Samuel – Phán quan Israel tìm Saul để tôn lên làm vua, sau gọi là David để lãnh đạo dân tộc Israel và đánh đuổi bọn Philitxtanh.

[40] Bois renard (tiếng Pháp) là rừng cáo – Tác giả cố ý gây cười ở đây.

[41] Phố nơi tổng nha cảnh sát Pháp đóng.

[42] Tours: Thủ đô cũ của xứ Touraine nước Pháp – thị xã của quận Indre et Loire ngày nay.

[43] Bruxelles: thủ đô nước Bỉ.

[44] Flandre – Tên cũ gọi một xứ chủ yếu là đầm lầy ở Bắc Hải.

[45] Milord từ tiếng Anh. My lord, có nghĩa Huân tước của tôi, hoặc thưa Huân tước.

[46] Charles I – vua nước Anh, sau bị Cromwell, nhà dân chủ Anh hạ lệnh chặt đầu vì tội liên kết với quân Pháp chống lại quốc hội Anh, việc đó có được nói đến trong tập "Hai mươi năm sau" tiếp nối truyện này.

[47] Anne Autriche: con gái vua Philippe III Tây Ban Nha, vợ Louis XIII. nhiếp chính khi con bà là Louis XIV lên ngôi còn nhỏ, cùng với thủ tướng Mazarine mà vai trò giống như Giáo chủ Richelieu thời vua cha Louis XIII.

[48] Tên núi ở Makedonia để tưởng nhớ đến các tu viện.

[49] Gens de robe et gens d'épée – Bản tiếng Anh dịch là: Civilians and soldiers: nghĩa là phái dân sự và phái quân nhân. Trong tiếng Pháp: Noblesse de robe: Quý tộc cung đình. Noblesse dépée: quý tộc kiếm cung – De robe có nghĩa làm nghề pháp lý, nên chúng tôi tạm dịch Gens de robe = pháp quan.

[50] Xăm xơn, thẩm phán của dân Hêbrơ, có thể dùng chùy đập chết một lúc hàng nghìn bọn Philistin, sức khỏe nằm ngay trong bộ tóc, yêu Đalila, bị cô gái điếm này phản bội cắt mất bộ tóc ấy và trao nộp Xăm Xơn cho bọn Philistin. Trong một cuộc lễ tôn giáo ở Đền thờ Đagông, tại chỗ người Philistin. Ông đã lật đổ những cột đền và tự chôn vùi mình.

[51] Bọn Công đê: thuộc dòng họ Bourbon, một số là thủ lĩnh và chiến đấu trong hàng ngũ giáo phái Canvanh.

[52] Florăng: thủ phủ cũ của vùng Tốtxcan, Italia.

[53] Marie de Médicis, vợ vua Henri IV, mẹ Louis XIII, khi chồng chết được nghị viện cử làm nhiếp chính, bà đã đuổi nhưng bộ trưởng thời Henri IV, tin dùng Côngcini, cưới Anne d'Autriche cho Louis XIII, chiếm hết quyền lực cho đến khi thống chế De Ăngcrơ bị ám sát. Tiến hành chiến tranh với con trai từ năm 1617 đến 1620, cuối cùng thỏa thuận với vua Louis XIII cho vị giáo sĩ tư tế của mình là Richelieu làm thủ tướng (1624). Bị đi đày và chết ở Côlônhơ năm 1642.

[54] Từ đây tác giả dùng từ Chancelier có nghĩa là chánh án tối cao cho nhân vật Xécghiê, chứ không dùng từ garde dessceaux người giữ các con dấu, gọi là chưởng ấn nữa, tuy Chancelier cũng có nghĩa là giữ các con dấu nhưng ở địa vị thấp hơn.

[55] Hầu tước de Salê, tức Henri De Talâyrăng – Sủng thần của Louis XIII, bị buộc tội chống lại Giáo chủ Richelieu – bị bắt ở Năngtơ và bị chặt đầu năm 1626.

[56] Con trai và là người kế vị vua David, vua Israel, sự thông thái của ông.

[57] Bạo chúa của Xyraquy (405-367 trước công nguyên) – rất đa nghi. luôn mặc áo giáp, không dùng thợ cắt tóc, không ngủ một nơi quá hai đêm. Đào một hầm lao dưới đất để giam tội phạm. Nấp trong một địa điểm bí mật được xây theo hình cái tai, có thể nghe thấy hết những tiếng kêu than, những ý nghĩ thầm kín của tù nhân.

[58] Merlaison – từ chữ Merle (con chim sáo đen) – Vũ khúc với chủ đề săn chim sáo đen do vua Louis XIII soạn năm 1635.

[59] Trích dẫn từ vở kịch của Virgile, nghĩa là ta sợ bọn Hy Lạp đến mang theo quà biếu. Điển tích con ngựa thành Tơron.

[60] Cô gái điếm bán Xămxơn cho bọn Philistin trong Kinh thánh đã chú thích.

[61] Đây có sự nhầm quên của tác giả, Ở phần trên D'Artagnan đã bắt bọn Aramis và cuối cùng Aramis cũng đã thú nhận là De Chevreuse là người tình của mình. Nhưng bà De Chevreuse đã trở về nhà Tours – ND.

[62] Ở đây, tác giả lại tự mâu thuẫn với mình, vì khi nghe cụ già kể, D'Artagnan đã kêu lên "lại đúng vẫn nó" tức kẻ ở Mãng, tức là Bá tước Rochefort, kẻ đã bắt cóc bà Bonacieux lần trước.

[63] Nguyên văn: Procureuse: bà biện lý. cũng có nghĩa trùm nhà thổ tú bà nữa. Tác giả có ý chơi chữ ở đây với anh chàng Porthos bạt tử chăng?

[64] Nguyên văn: bất chấp thói Rodomontades của ông ấy – Rút từ tính cách huênh hoang khoác lác của vua Rodomont nước Algérie, một nhân vật trong Orlando Furioso của Tasso.

[65] Rút từ "Jêrudalem giải phóng" anh hùng ca của nhà thơ Ý Torquato Tasso (1544-1595). Một nhân vật có sắc đẹp quyến rũ nhất của Jêrudalem đã giữ chân người anh hùng Rinaldo lại trong khu vườn được phù phép. Thường dùng vườn Aramis để chỉ việc dùng sắc đẹp quyến rũ và làm điên đảo các tu mi nam tử.

[66] Tiếng Latinh có nghĩa: hoàn toàn tuyệt vời.

[67] Bơi dễ dàng hơn.

[68] Nhập đề, vào đề.

[69] Đúng như sự bao la của thượng giới.

[70] Môixe, theo Cựu ước. một chiến binh một chính khách. người giải phóng, nhà đạo đức, nhà lập pháp của dân tộc Hêbrơ, vốn chỉ là một đứa bé do một người đàn bà ở bộ tộc Lévi bỏ rơi trên sông Nile.

[71] Tiếng Latinh có nghĩa: Lời tranh cãi được chuyển hoàn toàn thành lời hoa mỹ hoặc lời giải thích cặn kẽ.

[72] Giáo phái xuất xứ thời Brơtông, thế kỷ 5, phủ nhận tác dụng của sự cứu rỗi và tội truyền kiếp.

[73] Tiếng Latinh: Sự thèm muốn quỷ dữ.

[74] Olivier Patru – một luật sư nổi tiếng thế kỷ 17.

[75] Tiếng Latinh: Phù phiếm cả mà thôi!

[76] Marcus Junius Brutus (sinh năm 85 trước công nguyên) nổi giận vì những tham vọng của bạo chúa Xêda, bị kich động thêm vi những thư vắn bí mật gửi cho mình: "Brutus, mi đang ngủ và Rôma đang trong xiềng xích" cùng Catxiútx âm mưu giết Xêda – Sau bị Antoine và Octave truy đuổi. Theo Plưtác, sau khi cất lời than cay đắng: "Ôi đức hạnh! Mi chỉ là một ngôn từ!" Brutus lao mình vào gươm của bạn mình tự sát (năm 42 trước công nguyên).

[77] Pierre Paul Rubens: Họa sĩ người xứ Flandre (1577-1640).

[78] Một dòng họ ở Vơnidơ đã có tới bốn người làm thủ lĩnh của nền cộng hòa.

[79] Một dòng họ ở nước Pháp có nhiều nhân vật danh tiếng như nguyên soái, thống chế, quốc vương, từ triều đại Louis VII thế kỷ 12. Người cuối cùng là quốc vương Henri XI chết vì bị phóng một mũi thương vào mắt trong cuộc cưỡi ngựa đấu thương với Montgome.

[80] Nữ thần Minéc, còn gọi là nữ thần Palátx, nữ thần Atêna, con gái của thần Jótx, nữa thần của sự thông thái và nghệ thuật Trong Iliat, cơn giận khủng khiếp của Akin là do Atêna hay Minéc giật tóc.

[81] Bốn con trai nhà Âymông trong tiểu thuyết võ hiệp thế kỷ 12 gồm 14.489 cảu thơ, là Rơnô, Ghitxca, Ala và Rítsa, cả bốn cùng cưỡi trên một con ngựa thần kỳ Baya chống lại Hoàng đế Charlesma.

[82] Trong truyện cổ tích con yêu Râu xanh của Perault. Anne là chị của người vợ cuối cùng của con yêu Râu xanh. Con yêu báo giờ tận số của người vợ này vì phạm tội hở chuyện. Anne đứng trên đỉnh tháp. Cô em gọi "Chị Anne ơi, chị không thấy ai đến ư?" "Chị chẳng thấy ai mà chỉ thấy mặt trời đang rắc bụi sáng và cỏ mọc xanh rờn!"

[83] Tiếng Latinh có nghĩa: sẽ sinh ra, tồn tại, biến mất. Ở đây Dumas có lẽ định dùng từ Erit (sẽ tồn tại) chứ không phải Erat (đã từng tồn tại, tức biến mất rồi).

[84] Đại đế Môgôn (1483-1530) triều đại do Baberơ, chắt của Taméclan dòng dõi Thành Cát Tư Hãn sáng lập bao gồm cả Thổ Nhĩ Kỳ và xứ Hindu.

[85] Crésus: quốc vương cuối cùng của Lyđi vùng Tiểu Á, nổi tiếng về những tài nguyên là cát có lẫn hạt vàng ở Pắc tôn. Sau bị Xyarút đánh bại và bị bắt làm tù binh. kinh đô bị đốt (thế kỷ 6, trước công nguyên).

[86] Procureur – biện lý, cũng gọi là kiểm sát trưởng – nghĩa ở đây là kiểm sát nhưng ở đây còn có sự chơi chữ nữa là Procurcuse – bà biện lý, cũng có nghĩa là tú bà, trùm đĩ (trên đã chú thích).

[87] Ở đây tác giả có sự nhầm lẫn, vì ngay cuối chương trước, tác giả đã cho ông De Treville báo cho D'Artagnan biết đã được nhà Vua gia ân cho xung vào ngự lâm quân chứ không còn là cận vệ quân nữa.

[88] Hypôlít – Nữ chúa của các nữ chiến binh dân Amazôn vùng Tiểu Á rất thiện chiến (Thần thoại Hy Lạp).

[89] Meâ Culpâ: tôi có tội.

[90] procurcuse ngoài nghĩa bà biện lý còn có nghĩa trùm nhà thổ, mụ tú bà.

[91] Ở đây có sự chơi chữ sangsurer hút máu, đồng âm với censurer kiểm duyệt, khiển trách. Ý nói đến việc làm không trong sáng của ông biện lý, còn gọi là viện trưởng kiểm sát và của ngành tư pháp nói chung!

[92] Trong hàng ngũ quý tộc Vương quốc Anh chỉ có thể có Bá tước, Công tước vùng nào đó, còn Nam tước là tước hiệu gắn với tên người, tên chức vụ, không có Nam tước vùng.

[93] Lại một sự nhầm lẫn của tác giả, vì vừa dòng trên ông còn gọi là bá tước De Wardes, nay đã thành Hầu tước rồi.

[94] Chỗ này tác giả dùng từ Cadet (út, thứ), nhưng về sau gần cuối lại gọi là frère ainé (anh cả). Chúng tôi coi chồng thứ hai của Milady là anh cả của Huân tước De Winter.

[95] Tiếng Latinh có nghĩa: “Một bữa tiệc giữa các bữa tiệc “hoặc” một bữa tiệc chấm dứt mọi bữa tiệc, ý nói xa hoa quá.

[96] Tướng La Mã điều khiển cuộc chiến chống Mithiridate ở Pompeé. một hôm người quản lý dọn cho một mình ông ta ăn không được ưng ý. Ông ta kiêu hãnh nói: “Thế người không biết Luculútx tối nay ăn tối ở nhà Luculútx hay sao?”

[97] Circé: Một mụ phù thủy trong Ôđítxê của Hôme, đã cho những đồng đội của Uylítxơ uống một thứ nước phép biến họ thành những con lợn con khi chàng ghé thuyền vào đảo. Uylítxơ làm cho mụ yêu mình và bắt mụ phải giải phép để họ trở thành người.

[98] Đôn Japhét là nhân vật huênh hoang khoác lác trong hài kịch Đôn Japhét xứ Ácmênia của nhà văn, nhà viết hài kịch Pháp Scarron (1610-1660) sinh ở Paris, chuẩn bị cho sự xuất hiện Môlie.

[99] Ở đây tác giả lại nhầm vì trên kia Athos đã nói là của bà ngoại cho mẹ.

[100] Pôlycrát – Bạo chúa ở Xamốt (322- trước CN) cho rằng có thể tránh được cừu thù bằng một sự mất mát đáng kể, liền ném một nhẫn quý xuống biển. Chiếc nhẫn lại được tìm thấy trong bụng một con cá. Quả nhiên Oronte, phó tướng của Darius chiếm Xamốt, bắt Pôlycrát và đóng đinh chữ thập y.

[101] Địa danh này chưa thấy nói ở trên.

[102] Nữ anh hùng Pháp thế kỷ 15 chống lại quân Anh xâm lược và bị thiêu sống.

[103] Bassompirre. Thống chế và là nhà ngoại giao Pháp, giữ rất nhiều trách nhiệm khác nhau ở Thụy Sĩ, Italia và Anh quốc. Bị tống giam trong ngục Bastille 12 năm vì đã có âm mưu chống lại Giáo chủ Richelieu. Để lại những tập hồi ký rất thú vị.

[104] Huân chương do vua Henri III đặt ra năm 1578 trong cuộc chiến giữa liên minh tôn giáo với giáo phái Canvanh.

[105] Cuộc thảm sát người Tin lành ở miền Trung nước Pháp, nhất là ở vùng Cêven trước và sau sắc lệnh Nante.

[106] Hầu tước De Taleiran de Cale, sủng thần của Louis XIII bị buộc tội âm mưu chống lại Giáo chủ Richelieu, bị bắt ở Nante và bị chặt đầu năm 1626.

[107] Rượu vang Ăngju: Rượu D'Anjou.

[108] Đại đế Môgôn (1483-1530) triều đại do Baberơ, chắt của Taméclan dòng dõi Thành Cát Tư Hãn sáng lập bao gồm cả Thổ Nhĩ Kỳ và xứ Hindu.

[109] Vua Henri IV cha của vua Louis XIII, sắp đánh nước Áo từ hai phía như trên đã nói, thì bị một tên cuồng tín theo đạo Tin lành đâm chết ở phố Hàng Sắt.

[110] Thày tu dòng Dominique, ám sát vua Henri III năm 1529, sau bị quân cận vệ giết chết.

[111] Nữ Công tước, em gái De Ghidơ, bị buộc tội xúi bảy Clêmăng giết Henri III.

[112] Marie de Médicis, vợ vua Henri IV, mẹ Louis XIII, khi chồng chết được nghị viện cử làm nhiếp chính, bà đã đuổi nhưng bộ trưởng thời Henri IV, tin dùng Côngcini, cưới Anne d'Autriche cho Louis XIII, chiếm hết quyền lực cho đến khi thống chế De Ăngcrơ bị ám sát. Tiến hành chiến tranh với con trai từ năm 1617 đến 1620, cuối cùng thỏa thuận với vua Louis XIII cho vị giáo sĩ tư tế của mình là Richelieu làm thủ tướng (1624). Bị đi đày và chết ở Côlônhơ năm 1642.

[113] Tác giả quên: bốn người chứ không phải ba.

[114] Tiếng Latinh có nghĩa: ở nơi sa mạc càng dễ thấy.

[115] Tác giả áp đặt quá đáng tình tiết này: Người đã chết không thể giữ súng trong tay, và bao nhiêu việc như thế làm sao có thể thực hiện trong mười lăm phút.

[116] Hình phạt thời trung cổ cho bánh xe nghiến nát chân tay như ép mía.

[117] Tiếng Hy Lạp có nghĩa là linh ứng. Chương cuối cùng của Tân ước, có tính chất tượng trưng, huyền bí, rất tối nghĩa, nhưng lại đầy chất thơ.

[118] Đây là sự sơ xuất của tác giả vì bức thư không hề sai chính tả.

[119] Ngụ ngôn Êdốp: Dơi đến với chuột bị chuột đuổi vì cho dơi thuộc loài chim, đến với chim bị chim đánh vì cho dơi thuộc loài chuột.

[120] Đến đây tác giả gọi người chồng thứ hai của Milady là “anh cả tôi” (monfrèe âiné) qua lời nói của Huân tước De Winter.

[121] Tybum, quảng trường, nơi thi hành án tử hình, một pháp trường nổi tiếng thời đó ở London.

[122] Vụ thảm sát những giáo đồ Tin lành dưới triều vua Charles IX theo sự thúc ép của mẹ là Catherine de Medicis đêm 23 tháng 8 năm 1572 và hôm sau là lễ cưới của Henri de Navarre (sau này trở thành Hanri IV, bố của Louis XIII) với Marguerite, em gái Vua Charles IX. Vua Charles IX trước đòi hỏi của mẹ mình đã trả lời: "Mẹ muốn vậy à?… thì giết, nhưng giết tất!." "Tất" đây ý nói cả Henri de Navarre, nhưng vì tuyên thệ bỏ đạo nên được tha chết. Hậu quả vụ thảm sát là cuộc nội chiến thứ 5.

[123] Tristan L'Hermite: Hiến binh của các thống chế Pháp (như chánh cảnh sát) thời Henri VII và Louis XI – Tàn bạo, bất chấp các nguyên tắc công lý – Cha đỡ đầu của Tristan đây ý nói là Vua Louis XI.

[124] Marion Delorme- một phụ nữ nổi tiếng về sắc đẹp và những cuộc phiêu lưu tình ái (1611-1659) – Vị Hygo đã viết một vở kịch thơ cùng tên Nữ Công tước D'aguillon – tên đầy đủ: Marie Madeleine De Vignerot, cháu gái của Richelieu (1604-1675). Người ta đồn cả hai đều là người tình của Richelieu.

[125] Mêđuydơ – một trong ba nữ quái, đẹp hiếm có, có bộ tóc đẹp lộng lẫy, đã xúc phạm nữ thần Minécvơ. Nữ thần tức giận đã biến tóc mụ thành những đàn rắn, và mắt mụ nhìn ai người ấy hóa đá. Pécsê đã chém đầu mụ mang theo cuộc viễn chinh để dọa kẻ thù.

[126] Giáo phái của những tu sĩ khất thực ở Palestine, thế kỷ 12, du nhập vào Pháp dưới triều Louis IX.

[127] Vịnh Bôtany, ở gần Sidney (Australia) nơi lưu đày các tù nhân Anh.

[128] Tybum, quảng trường, nơi thi hành án tử hình, một pháp trường nổi tiếng thời đó ở London.

[129] Messaline – người vợ đầu của Hoàng đế La mã Clốt đệ nhất, nổi tiếng đồi trụy bị giết năm 48.
Mácbét: Vua xứ Ecốt – Kịch cùng tên của Sếchxpia: Mácbét ám sát vua Đăncan. Khi vua đang ngủ, phu nhân Mácbét đi vào, lấy ngón tay nhúng vào máu nạn nhân bôi lên mặt và bàn tay của hai thị vệ, đổ tội cho hai người này.

[130] De Profondis, tiếng Latinh có nghĩa là "những chiều sâu vực thẳm" trong bài kinh cầu nguyện cho người chết.

[131] Tức người Do Thái.

[132] Baal (hay Bél hay Bélus Belial), thần linh xứ Phênixi.

[133] Êlôa – Bài thơ cùng tên của nhà thơ A. Đờvinhy. Trong đó Êlôa là một nữ thần được sinh ra từ giọt nước mắt của Chúa trên thi thể của Larazus. Nàng bị giết vì tội cố ý dùng tiền chuộc lại Satan và Átxtáctê. Được dùng để chỉ những nữ thánh theo tà đạo.
Átxtáctê nữ thánh Do Thái được tôn vinh vì hiến tế.

[134] Theo dã sử, là một hoàng tử đồi trụy, hèn nhát và yếu ớt, ẻo lả.

[135] Judita – nữ anh hùng Do Thái đã quyến rũ tướng địch Hôlôphécnơ, rồi chặt đầu y và giải phóng thành phố Béthulie.

[136] Xếchtútx Táckiníut, con trai của Táckiníut Xúppécbútx. Ông vua thứ bẩy của La Mã, bắt cóc nàng Lucrét tiết hạnh, sự tự sát của nàng tiếp đó là nguyên nhân sự lật đổ cả ngôi vua và thay thế bằng chế độ cộng hòa La mã năm 509 trước CN.

[137] Ý nói anh cả của Huân tước De Winter, cũng tên là De Winter.

[138] Juda Maccabcus – Một chiến binh anh hùng Do thái đã lãnh đạo thành công cuộc nổi dậy chống ách thống trị của Xyri thế kỷ thứ 2 trước Cóng nguyên, gần thành phố Jeruxalem.

[139] Butler (tíếng Anh) – có nghĩa là quản gia, sẽ chăm lo mọi việc chu đáo.

[140] Tức Buckingham.

[141] Ở đây, con thuyền đưa Milady về Pháp, lúc đầu tác giả gọi là Sloop, tiếng Anh là thuyền một buồm. Cuối chương 58 lại gọi là Petit batiment, là con tàu nhỏ. Cuối chương 59 lại gọi là barque con thuyền, đến đây lại gọi là Navire: tàu lớn, hạm tàu (?).

[142] Thống tướng Albe Luyn (chức này sau bị Richelieu xóa bỏ) sủng thần của Louis XIII, người chồng trước của nữ Công tước De Chevreuse mà trong truyện là người tình của Aramis, thường được gọi là cô em họ.

[143] Chỗ này tác giả lại quên vì khi Milady rời khỏi Portsmouth đã thấy cờ tang trên tàu Đô đốc.

[144] Đây cũng là một sự sơ xuất của tác giả. Vì Milady sau khi đầu độc Constance lao ra khỏi phòng. Constance không đóng cửa lại. Milady cũng không khóa ngoài, thì làm sao lại phải đạp cửa tung ra?

[145] Không có ánh đèn lọt ra. lại giữa đêm làm sao nhận ra được nước da mai mái?

[146] Mỗi người hầu giữ một bên cánh tay thì không thể đi trước mấy bước, mà chỉ có thể đi ngang nhau.

[147] Tục lệ cổ của người Đức khi hành quyết đều hô lên tiếng đó. Nachrichter có nghĩa; "đây là kẻ đến sau quan tòa."

[148] Tiếng Anh có nghĩa: Ta thua rồi – ta phải chết thật rồi.

[149] Lazaristes: giáo đoàn của các giáo sĩ đi truyền đạo ở khắp nơi.

[150] Jean Armand Duplessis – giáo chủ de Richelieu (1585-1642) từ năm 1622 tham gia Hội đồng Hoàng gia và trở thành tể tướng nước Pháp, nổi tiếng là một người độc tài, tàn nhẫn và lấn át quyền của vua Louis XIII. Ông ta chủ trương khuất phục các giới quý tộc, tập trung quyền hành vào chính quyền quân chủ trung ương, đấu tranh chống đế tộc Áo và mở rộng chiến tranh chống Tây Ban Nha. Richelieu là một nhân vật chính trong tập chính của tập truyện "Ba người lính ngự lâm".

[151] Juylơ Mazarin (1602 – 1661) – người Ý lấy quốc tịch Pháp, năm 1643, khi vua Louis XIII chết, con là Louis XIV mới năm tuổi nối ngôi, hoàng hậu Anne d'Autriche lảm nhiếp chính và đưa giáo chủ Mazarin làm tể tướng. Là một kẻ bất tài, hèn nhát, lại rất tham nhũng, Mazarin đã gây công phẫn lớn trong nhân dân và giới quý tộc. Các quan đại thần và các hoàng thân đã dấy lên phong trào La Fronde chống lại Mazarin vả triều đình. Khi chết Mazarin đã chiếm hữu một gia tài khổng lồ và rất nhiều bộ sưu tập nghệ thuật quý giá đề trong các toà lâu đải của mình.
Trong nguyên bản thường dùng chữ "giáo chủ" để chỉ Mazarin nhưng trong bản dịch tuỳ chỗ chúng tôi dùng chữ "giáo chủ" hoặc "tề tướng" cho rõ nghĩa.

[152] Concini – người gốc Ý, làm thống chế Pháp, bất tài và tham lam, đã khiến các đại thần nổi loạn Năm 1967, vua Louis XIII phải ra lệnh bắt giam. Concini chống cự và đã bị giết chết.

[153] Ngày cưới. Người ta biết rằng Mazarin không bị một điều lệnh nào cấm kết hôn nên đã lấy Anne d'Autriche (xem các hồi ức của de Lanporter và của quận chúa Palatin).

[154] Quận công de Beaufort – cháu nội của vua Hăngri IV một thủ lĩnh trong phong trào La Fronde của các hoàng thân.

[155] Gaston Orléans (1608 – 1660) – quận công con vua Henri IV tham gia những cuộc âm mưu chống lại Richelieu, rồi Mazarin.

[156] Condé (1621-1686) – một trong những tướng tài thời vua Louis XIV, đã từng tham gia phong trào La Fronde. Thường gọi là ngài Hoàng thân.

[157] Geois thời ấy có nghĩ là các thị dân và cũng để chỉ tầng lớp tư sản thành thị.

[158] Quận công De Guise (1550 – 1588) – thủ lĩnh của Liên Minh trong chiến tranh tôn giáo, đánh thắng phe tân giáo. Sau bị ám sát.

[159] La Fronde – cái ná bắn đá, cái súng cao su.

[160] Quỷ quái.

[161] chỉ Richelieu.

[162] Josep (1577 – 1638) – thầy tu, cố vấn tin cậy cùa tể tướng de Richelieu nổi tiếng gian ác nhân dân gọi bằng cái tên khiếp sợ "Các hạ xám".

[163] Buckingham (1592-1628) – quận công, tể tướng nước Anh giúp phái Tân giáo ở Pháp. Bị một sĩ quan Thanh giáo ám sát. Trong "Ba người lĩnh ngự lâm", ông ta yêu hoàng hậu Pháp Anne d'Autriche và chuyện tình ấy là nguyên do của bao câu chuyện phiêu lưu.

[164] Anne d'Autriche (1601 – 1666) – Công chúa Tây Ban Nha kết hôn với vua Pháp Louis XIII, bị tể tướng Richelieu chèn ép. Từ 1634, làm nhiếp chính cho con mình là vua Louis XIV, và chọn Mazarin làm tể tướng.

[165] Mariede Medicis (1573-1642 Hoàng hậu của Henri IV. Sau khi Henri IV qua đời bà làm nhiếp chính cho con trai là vua Louis XIII đã giúp bà chống lại ông quận công de Richelieu, và còn thắng ông ta nữa.

[166] chỉ Condé.

[167] Kiên nhẫn (tiếng Ý).

[168] Tiền cũ của Pháp, một pistol bằng ba êquy và bằng mười livres.

[169] Constance de Bonacieux – vợ một người buôn hàng xén trong tập "Ba người lính ngự lâm", là thị tỳ trung thành của hoàng hậu Anne d'Autriche và là tìth nhân của d'Artagnan, sau bị Milady đầu độc chết.

[170] Đơn vị đo chiều dài cũ bằng khoản 32 centimètre.

[171] Asin – một danh tướng á thần trong thần thoại Hy Lạp, trong cuộc chiến tranh thành Troa dựng lều trú quân gần thành.

[172] chồng cũ đã chết của vợ Porthos.

[173] Một chức thầy tu hầu chủ giáo thường sống an nhàn, cho nên có những câu tục ngữ: “hớn hở như mặt Sanoan”, “béo quay như Sanoan”.

[174] Cút đi, quỷ Satan.

[175] Thứ rượu vang pha trộn với đường, quế, đinh hương và đun nóng lên.

[176] Vùng núi lửa ở Thổ Nhĩ Kỳ.

[177] Hai con sông ở vùng Tây Á.

[178] Thể thơ mười bốn câu mười hai vần chia làm bốn đoạn: bốn, bốn, ba, ba câu.

[179] Lúc sắp chết. (Tiếng La-tinh).

[180] Người Gascogne có tính huênh hoang, liều lĩnh.

[181] Crésus – vua xứ Liđi (Tiểu Á) thế kỳ thứ sáu trước Công nguyên, nổi tiếng giàu có, người ta đồn là do khlai thác cát có vàng ở sông Păcton.

[182] Ăngxơiat theo thần thoại Hy Lạp, một trong những người khổng lồ đã công kích núi Ôlempơ nơi trú ngụ của các vị thần.

[183] Thần khoái lạc. (Tiếng La-tinh).

[184] Tên những vai hề và múa rối của sân khấu.

[185] chỉ Hoàng thân de Condé.

[186] Thời gian qua không trở lại (Tiếng La-tinh).

[187] Ngược lại (Tiếng La-tinh).

[188] aune: Thước ngày xưa bằng 1,183 mét.

[189] 1 muy bằng 274 lít.

[190] Một tước hiệu phong kiến ban cho một số lãnh chúa.

[191] 1 d’arpent bằng từ 0,2 đến 0,5 ha.

[192] Thời tể tướng Richelieu, người ta ban hành những chiếu chỉ cấm đấu kiếm và cho các vệ sĩ, đi lùng bắt ai vi phạm sẽ bị chém đầu.

[193] Trong chuyện "Ba chàng lính ngự lâm", Jussac là đội trưởng vệ sĩ của tể tướng Richelieu toan bắt d'Artagnan đang đấu kiếm với mấy chàng ngự lâm quân, thì hắn cùng đồng đội bị d'Artagnan cùng các chàng ngự lâm quân đánh bại hoàn toàn.

[194] Mousqueton nghĩa là khẩu súng trường. Đó là tên mà Porthos đặt cho người hầu từ xưa, khi mới vào làm.

[195] La Rochelle-một thành phố cảng ở tây bắc nước Pháp trước do những người theo đạo Tin lành chiếm giữ chống lại chính quyền trung ương, họ được nước Anh chi viện.

[196] Lord de Winter là một nhà quý tộc Anh, anh chồng của Milady trong tập truyện trước. Sau một cuộc đấu kiếm thua, được d'Artagnan tha chết, ông trở thành bạn thân của anh.

[197] Những danh hoạ thời Phục hưng ở Ý và xứ Flamant.

[198] Milady, trong tập truyện trước đã từng là vợ của Arthos, sau trở thành gián điệp nguy hiểm của Richelieu, cuối cùng bị các chàng ngự lâm quân giết.

[199] Anh chồng của Milady.

[200] Charles I (1610-1649), vua các nước Anh, Scot và Ireland. Đi theo con đường độc tài chuyên chế nên vấp phải sự chống đối mạnh mẽ đưa đến nội chiến. Bị bại trận rồi bị nộp cho quân của Cromwell, sao đó bị xử chém.

[201] Theo truyền thuyết của đảo Syprơ, Pygmaliông là một nhà điêu khắc, ông tạo nên bức tượng nàng Galatê rồi si mê ngay bức tượng ấy. Sau nữ thần Aphrôdít ban phép cho bức tượng thành người sống và Pygmaliông lấy nàng Galatê.

[202] Đại uý chỉ huy ngự lâm quân của nhà vua từ trong tập truyện “Ba người lính ngự lâm”.

[203] Grimaud là người hầu của Arthos có thói quen sai bảo hắn việc gì toàn bằng dấu hiệu và cử chỉ. Grimaud làm theo hoặc đáp lại cũng bằng cử chỉ và dấu hiệu và thường câm lặng suốt ngày.

[204] Những danh tướng Pháp thế kỷ XVI.

[205] Những danh hoạ Ý thời phục hưng.

[206] Tiểu thuyết thôn dã của Ônorê d'Uyêcphê (1607-1628) về chuyện ái tình giữa Xeladông và nàng Axtre.

[207] Trong nguyên bản: chữ cuistre (đê tiện) vần với chữ ministre (tể tướng).

[208] Theo đạo Gia-tô, bảy đại tội là: ngạo mạn, ghen ghét, biển lận, dâm đãng, tham ăn, giận dữ, lười nhác.

[209] Một dụng cụ hình trái lê có lò-xo đem tọng vào trong mồm thì nó gang cả hai hàm ra khiến không thể kêu la được.

[210] chỉ một người đàn bà phong lưu đài các.

[211] Nếu thằng bé không dành cho Viếcgin một nơi ở tử tế, thì mọi người sẽ rơi từ cái bờm của con giao ong (tiếng La-tinh).

[212] Một học giả Pháp (thế kỷ XVII), soạn những sách về ngôn ngữ và làm thơ.

[213] Thày tu giúp việc trợ giáo.

[214] Từ giã thế gian. (Tiếng la-tinh).

[215] cha Vincent là linh mục nghe xưng tội của hoàng hậu.

[216] Hồi thế kỷ XVI, Christope Colone khám phá ra châu Mỹ tưởng là đã đi tới Ấn Độ, nên người ta quen gọi dân bản xứ là người Ấn Độ. Martinique là một hòn đào ở Trung Mỹ.

[217] chỉ tể tướng Richelieu và vua Louis XIII.

[218] chỉ vua nhỏ Louis XIV và Mazarin.

[219] Một chàng thanh niên Hy Lạp rất đẹp trai, trước là nô lệ sau là sủng thần của hoàng đế Hardiêng.

[220] Annibal (247-183 trước Công nguyên) – một danh tướng xứ Cactagiơ đã từng chinh phục Tây Ban Nha và Ý.

[221] Păngsa Xăngsô người hầu của Don Quichotte.

[222] Quảng trường Hoàng gia: Place Royale.

[223] Bước Con La: Pas-de-la-Mule.

[224] chỉ Milady.

[225] Thánh của Đạo.

[226] Theo thần thoại Hy Lạp, Ariane là người con gái đã cho Têdê một cuộn dây để đi khỏi lạc khi vào mê cung giết con quái vật Minôtô.

[227] Khách sạn Quả chuông và cái chai = ‘Hôtel de la Cloche et de la Bouteille’.

[228] Tiếng La-tinh: một việc không lặp lại hai lần.

[229] Tiếng Ý: Mày chẳng phải người Tây Ban Nha, chẳng phải người Đức, mày là người Ý.

[230] De Beaufort có tật nói hay lẫn những từ gần giống nhau: Gourmer là thụi, đánh; còn Gourmander là quở trách, la mắng.

[231] Olivier Cromwell (1599-1658) nghị sĩ Anh, sau trở thành thủ lĩnh của phong trào chống đối chế độ quân chủ chuyên chế. Lãnh đạo quân khởi nghĩa đánh bại đội hoàng gia ở Nadơby (1645) và xử tử vua Charles I. Cuộc khởi nghĩa của Cromwell có tính chất cách mạng dân chủ tư sản và tác động rộng rãi đến phong trào cách mạng ở nhiều nước châu Âu Đức.

[232] Vua xứ Liđi, thế kỷ VII trước Công nguyên.

[233] Tiếng Ý: Một sự lầm lẫn nhỏ.

[234] Concini: người gốc Ý, làm thống chế Pháp, bất tài và tham lam, đã khiến các đại thần nổi loạn Năm 1967, vua Louis XIII phải ra lệnh bắt giam. Concini chống cự và đã bị giết chết.

[235] Chữ Pháp "bien" có nghĩa là điều thiện, điều hay và cũng có nghĩa là của cải, tài sản. Đáng lẽ phải nói "Concini chỉ muốn điều hay cho nước Pháp", Mazarin lại nói "chỉ muốn điều hay của nước Pháp" thì chữ "bien" sẽ bị hiểu là "Conxini chi muốn của cải của nước Pháp".

[236] Nhà kiến trúc và điêu khắc người Pháp.

[237] Cain là con đầu của Adam và Eva, đã giết em trai thứ là Abel vì ghen tị với Abel được chúa Trời cưng hơn.

[238] Người giống hệt mình (nhân vật trong kịch của Plôtơ và Môlie).

[239] ông chủ giáo de Gondy.

[240] chủ giáo de Gondy.

[241] Mũ đỏ: mũ giáo chủ mà ông chủ giáo đang khao khát.

[242] Giensô là một thành phố ở Gioocđani. Theo Kinh Thánh thì Giôđuye đã làm đổ sụp các tường luỹ của Giêrisô bằng những hồi kèn trận (khoảng 1400-1260 trước Công nguyên).

[243] Nghĩa bóng: đánh, choảng.

[244] Trong bộ truyện trước, Séguier theo lệnh vua Louis XIII toan lục soát ngay trong mình hoàng hậu để tìm kiếm một bức thư khả nghi.

[245] chơi chữ: "bienvenu" – đến vừa hay, được hoan nghênh, và "bien revenu" – quay trở về thật; hoàng hậu có ý châm biếm ông thống chế bại trận phải trở về.

[246] Vitry (1581-1644) đại uý thị vệ (sau làm thống chế) năm 1617 theo lệnh vua Louis XIII bắt giữ thống chế Concini, ông này kháng cự và bị Vitry giết chết.

[247] Những Castruccio Castracani nổi tiếng ở Ý xưa kia, tức là những thủ lĩnh quân du kích hoặc lính đánh thuê, xưng hùng xưng bá một vừng. Trong số đó có những vua chúa thất thế.

[248] Tiếng la tinh: im lặng, giữ kín.

[249] Brutus (thế kỷ I trước Công nguyên): Chính khách La Mã cùng với Catxiuyx âm mưu chống lại Xêda và đã giết chết Xêda ngay trong cuộc họp Nghị viện. Về sau thua trận, Brutus tự sát.

[250] Revanche des Vêpres =Vụ thảm sát hàng loạt dân Pháp ở đảo Sicile năm 1282, do dân Sicile nổi loạn chống lại vua Pháp Charles I d'Andrew và xảy ra vào lúc các nhà thờ rung chuông gọi tín đồ.

[251] Babylone: thành phố cổ xưa, ở trên đất Irắc ngày nay, bị quân Hitxít phá trụi vào khoảng hơn một nghìn năm trước Công nguyên.

[252] Vua, người Norman, lánh sang xứ Scotch và liên minh với hoàng gia xứ này.

[253] Vua xứ Babylone từ 605 đến 562 trước C.N., đã mở nhiều cuộc hành quân chống Ai Cập, Liđi, xâm lấn Ả Rập, phá huỷ vương quốc của Juyđa cùng kinh đó là Jêrudalem.

[254] Tể tướng Anh, sủng thần của vua, bị nghị viện xử tử mà vua Charles I không dám can thiệp.

[255] Dừng lại, dừng lại! (tiếng Anh).

[256] Thébaïde hoặc “Những anh em thù địch” – bi kịch của Raxin.

[257] chỉ nước Anh, Scotland và Irlandais.

[258] tiếng Anh: vua.

[259] Một lối chơi bài nhập từ Đức.

[260] Đơn vị tiền tệ Anh.

[261] Tiếng Anh: Rất tốt!

[262] Tiếng Anh: người Pháp.

[263] Senior: tiếng Tây Ban Nha là Ông.

[264] vị thần cực kỳ khỏe trong thần thoại Hy Lạp, đã hoàn thành mười hai kỳ tích.

[265] Trong nguyên bản nói basilic là con rắn hoang đường chỉ bằng cái nhìn cũng đủ giết chết người ta.

[266] Biểu tượng của người Anh.

[267] Ngày 30-1-1649, ngày Charles I bị hành hình.

[268] Tiếng Anh: hãy nhớ lấy!

[269] Trong “Ba người lĩnh ngự lâm” đó là nơi các anh bắt và xử tội Milady, mẹ của Mordaunt.

[270] Tầm bằng 1 phần 10 hải lý, tức 185 mét.

[271] Come: lại đây!

[272] Goddam: tiếng rủa.

[273] Truyện "Nghìn lẻ một đêm" hồi ấy vừa mới được dịch ra lần đầu tiên và rất thịnh hành. Trong truyện "Nghìn lẻ một đêm" Ali Baba dùng các thùng rỗng để nhốt những tên cướp.

[274] Quái vật trong thần thoại Phênixi, tuyệt vời.

[275] Nơi hành quyết những tội phạm nặng.

[276] Thành phố xây dựng trên mặt nước, là một thắng cảnh ở nước Ý.

[277] Ý nói ông chủ giáo thương lượng nhằm giành được chiếc mũ giáo chủ màu đỏ.

[278] Thánh Paul, sứ đồ của những người dị giáo, trên đường đi Damas, bị quật ngã bởi một sức mạnh siêu nhiên.

[279] Những người khổng lồ và nhân vật trong thần thoại Hy Lạp.

[280] Người khổng lồ trong thần thoại Hy Lạp.

[281] Elizabeth (1533-1603) nữ hoàng Anh và Catherine II đại đế (1762-1796) nữ hoàng Nga là những nữ hoàng kiên nghị và có tài.

[282] Lực sĩ Hy Lạp (thế kỷ 16), đã lập nhiều thành tích và kỷ lục ở các hội thi đấu Olimpich. Tục truyền là về sau anh đẵn và bửa một cây to bì cây kẹp người lại, anh không thoát ra được và bị mãnh thú đến ăn.

[283] Trong thần thoại Hy Lạp.

[284] Theo truyền thuyết, thánh Cristoff đã kiệu cậu bé Giêsu lên vai để đi qua sông.

[285] vì ông ta bị gù lưng.

[286] Theo thần thoại Hy Lạp, Ơđíp là con vua Latiôx và Jôcaxtơ. Được nhà tiên tri cho biết là sau này Ơp sẽ giết cha và lấy mẹ. Laitiôx cho vứt con đi. Ơíp được những người chăn cừu cứu và đưa sang nuôi ở xứ khác. Ơđíp lớn lên, do tình cờ mà giết bố, rồi cưới mẹ. Sau này vỡ lẽ ra, Jôcaxtơ tự tử, còn Ơđíp tự móc mắt và cùng con gái bỏ ra đi.

[287] Trong “Ba chàng ngự lâm” Bonacieux là một gã lái buôn vì tham tiền nhận làm do thám cho tể tướng Richelieu, đã tham gia bắt cóc và hãm hại vợ mình. Vợ Bonacieux là người hầu phòng của hoàng hậu Anne d’Autriche, bảo vệ hoàng hậu và yêu d’Artagnan sau bị Milady đầu độc.

[288] một nhân vật trong Kinh thánh.

[289] Lâu đài Vaux do Louis XIV sai cất riêng cho Fouquet.

[290] Dòng tu có tác động đến cuộc cải cách Giáo hội La Mã thế kỷ XVIII.

[291] Mordount, con trai của Milady, nhân vật ở tập “Hai mươi năm sau”, bị nhóm ngự lâm quân giết.

[292] Hoàng thái tử nước Anh thường được phong là ông hoàng xứ Galles.

[293] Lời của thi sĩ Virgile gán cho thần Neptune tức giận nói ra khi bị gió thổi làm khó chịu, có ý nghĩa đe doạ của một số người có quyền lực.

[294] Nghị viện xương cụt.

[295] Tổng trấn La Mã ở vùng Judée năm 26-36 – người được Kinh thánh ghi là đã lên án tử hình Jesus.

[296] Salomon, vị vua trong Kinh thánh, nổi danh là công minh có quyền uy.

[297] Đô-bi-nhê, nhà thơ, nhà văn phúng thích, chiến hữu của Henri IV.

[298] Huy chương của Tây Ban Nha, lấy nguồn gốc ở chuyện thần thoại Hy Lạp "Bộ lông cừu bằng vàng" thuật lại sự nghiệp phiêu lưu mạo hiểm của một nhân vật xuất chúng.

[299] Con người đặc biệt.

[300] một nhân vật lịch sử La Mã.

[301] Goliath, người khổng lồ trong Kinh thánh.

[302] Nabu Chodonosor, vị vua chinh phục nhiều đất đai ở vùng Cận Đông xưa.

[303] Holopheme, tướng của Nabu Chodonosor.

[304] Fabius, danh tướng La Mã.

[305] Annibal, danh tướng của Cartllage, kẻ thù của La Mã.

[306] Cottage – nghĩa thường: nhà dân nghèo, ở đây: biệt thự, với nghĩa khiêm tốn.

[307] Nemrod, vua cổ Lưỡng Hà.

[308] Apollon, nhân vật thần thoại.

[309] Cobler – nhân vật thứ 2 sau Fouquet từ lúc Mazarin chết đi.

[310] Lời thánh Augustin ca ngợi Chúa: Ngài có lòng kiên nhẫn và ngài là vĩnh cửu.

[311] Prométhée ăn cắp lửa trời, bị cột nơi mỏm đá để cho ác điểu mổ ăn ruột gan.

[312] Morphée là thần của giấc ngủ.

[313] Pellisson, sử gia.

[314] La Fontaine, nhà thơ ngụ ngôn nổi tiếng.

[315] Molière nhà viết hài kịch nổi tiếng.

[316] Le Brun, hoạ sĩ.

[317] Le Notre, nhà thiết kế đồ hoạ.

[318] La Vau, kiến trúc sư.

[319] Cain giết Abel, hai người đều là con của Adams và Eva.

[320] Theo trong chuyện là đất phong cấp cho ông Fouquet, ở đó ông xây cất thật nhiều.

[321] Didon hay Elissa, bà hoàng sáng lập thành bang Carthge bị phụ tình, lên giàn hoả và tự đâm chết.

[322] Louis XIV tự xưng là Vua Mặt trời.

[323] Samson, nhân vật thần thoại có sức mạnh tuyệt luân.

[324] Corogne, một thành phố thuộc Tây Ban Nha.

[325] Tên các con ngựa đặt theo các hoàng đế, danh tướng, nhân vật thần thoại và các danh sĩ, giai nhân.

[326] Pignerol nay thuộc nước Ý, có lúc thuộc Pháp là nơi nhốt Fouquet và Người Mặt sắt (trong truyện là Philippe).

[327] Guiche, Bá tước, tướng Pháp (1638-1673) nổi danh vì khả năng quân sự cũng như về những chuyện lăng nhăng.

[328] Hoàng đế Napôlêông lúc đó đang bị đày ở đảo Enbơ.

[329] Vua Lu-i lúc đó đang thay thế Napôlêông (ND).

[330] Ám chỉ Bônapác.

[331] Người đại diện chính quyền của nước Pháp.

[332] Tức Napôlêông Bônapác (ND).

[333] Ngày Napôlêông bị đánh đổ.

[334] Liên minh các nước châu Âu chống Napôlêông.

[335] Sau Oatéctô, Napôlêông bị đổ và bị đày ra đảo Xanh Hêlen, Lu-i XVIII trở lại nắm quyền (BT).

[336] Nhà du lịch nổi tiếng nước Ý đã đi nhiều nơi trên thế giới.

[337] Tên các vị thần có sức mạnh vô địch trong thần thoại Hy Lạp.

[338] Phái cách mạng trong cuộc cách mạng tư sản Pháp 1789 (BT).

[339] Tên nhân vật trong vở kịch cùng tên nổi tiếng của Sếchxpia.

[340] Tên nhân vật trong vở kịch cùng tên nổi tiếng của Sếchxpia.

[341] Vua các nước Ai Cập cổ đại đã cho xây dựng những kim tự tháp nổi tiếng ở Ai Cập (BT).

[342] Tờ Gazette Nationale hay tờ Le Momteur Universel ngày 18 tháng Hai năm 1801 không nói như vậy. Cadoudal đến Paris ngày 4 tháng Ba năm 1800 và được Bonaparte tiếp vào cuối tháng. Tờ Le Moniteur số 163 ngày 4 tháng Ba năm 1800 chỉ viết "Chatillon. Boumlont. D'Autichamp: Bernier đã về Paris. Georges đang trên con đường đó".

[343] Dù Dumas không nói bí danh của Sol de Grisolles và P. Guillemot nhưng một trong hai người đó là Branche-d Or: tham mưu trưởng quân dội Bảo hoàng.

[344] Chính xác hơn là “Omandlun Tollendumqne” (phủ đầy hoa và bay lên trời).

[345] Có thể đây là một chi tiết hư cấu của A. Dumas.

[346] Dịu dàng (tiếng Ý).

[347] Con riêng của Joséphine.

[348] Phu nhân Leclerc tên thật là Marie Pauline Bonaparte em gái Napoléon Bonaparte.

[349] Kẻ không sợ lửa ấy là ai?

[350] Chức dùng cho các khu ở Malaixia, một sĩ quan chịu trách nhiệm theo dõi thương nhân, tuần tra cảng và thu thập các giấy thông quan.

[351] Một con quái vật trong thần thoại Hy Lạp.

[352] 1 bộ = 30cm.

[353] Nàng Eurydice trong thần thoại Hy Lap vợ của Orphée bị Arist truy đuổi và bị một con rắn độc cắn chết.

[354] Biệt hiệu các thủy thủ gọi loài cá mập.

[355] Triều đình cũ của nước Italie gồm Triều đình Sicile (đảo) và Triều đình Naples (bán đảo Sicile).

[356] Tức Sélim Đệ Tam.

[357] Charles-Emmanuel Đệ Tứ.

[358] Tàu Vengeur du Peuple do Renaudin chỉ huy đã chiến đấu đến phút cuối cùng chống lại hạm đội Anh của Lơrd Howe ngày 1- 6-1794.

[359] Đô đốc chỉ huy về hải quàn của một tỉnh có quyền hạn cả về bên dân sự.

[360] Némée, Python: Hai quái vật trong thần thoại Hy Lạp.

[361] Stuttgart là thủ đô của triều đình Wurtemberg mới (theo hiệp ước Presbourg tháng 12 năm 1805, Carlsrulle vốn là kinh thành của bá tước Bade, người trở thành đại công tước sau khi Charles-Fréderic đạt được Liên bang bên sông Rhin. Cháu nội thừa kế của người này. Charles-Louis đã lấy Stéphanie de Beauhamais con gái nuôi của Hoàng đế.

[362] Lâu đài Saint-Ange tại Rome. Lăng mộ Hadrien. hoàn thành năm 139.

[363] Tên thật là Michele Pezza trong cuốn “hồi ký” của mình tướng Hugo có nói nhiều về người này.

[364] “Đã thực hiện khi còn sống”; “Sinh thời (ông ấy) đã tự soạn cho mình”; “Cho xây từ khi còn sống”.

[365] Thơ của Virgine “Georgique” tập 1, trang 497.

[366] Trong thần thoại Hy Lạp gọi là thần Dớt (Zeus).

[367] Trong cuốn “Lịch sử đế chế sau cái chết của Marc Aurèle” – tập 1.

[368] Tức tướng Murat. em rể của hoàng đế Napoléon Bonaparte.

[369] Những anh chàng người Pháp này! Những anh chàng người Pháp này!

[370] giá treo cổ.

[371] những tên cướp thời ấy.

[372] Tên những bức hoạ tuyệt đẹp trong biệt thự của Diomède, sau này người ta khai quật được và đưa vào viện bảo tàng Naples.

[373] Lễ hội có thắp vô số nến.

[374] Thành phố nước cổ xưa, nơi giải trí của người La Mã.

[375] Tức hoàng hậu Jeanne de Navarre.

[376] Tức Tân giáo.

[377] Một phụ nữ Hy Lạp xinh đẹp, thế kỷ 1, được nhiều nhà thơ ca ngợi.

[378] Cythérée – nhân vật huyền thoại trong sử thi Ôđyxê của Hôme. Nàng tiên này có phép thuật biến các thuỷ thủ lạc vào cung của mình thành lợn.

[379] Ở một số nước, người phụ nữ khi lấy chồng thì mang họ chồng.

[380] Nhà thơ Pháp.

[381] Một lời rủa ý như “Tiên sư cha cái thằng”.

[382] Plustarque là nhà văn Hylạp.

[383] Lời nói gió bay (tiếng Latinh trong nguyên bản).

[384] Chỉ quận công d'Anjou.

[385] Các tên thần tình yêu trong thần thoại cổ.

[386] Một tướng trong sử thi Iliat của Hôme.

[387] Anh hùng trong thần thoại Hy lạp, Asin chỉ cô thể bị giết nếu bị đâm vào gót chân.

[388] Thần thoại Hy lạp: ai nhìn phải đầu quỷ Meduse sẽ hoá thành đá.

[389] Đi đi!

[390] Một nhà tiên tri thế kỷ 15.

[391] Hiệp sĩ Pháp cháu của Saclơmanhơ Đại đế (742-814) trở thành nhân vật anh hùng ca (Anh hùng ca Roland). Bị quân địch phục kích, Roland thổi kèn kêu gọi Saclơmanhơ cứu.

[392] Ý nói cả chào mừng lẫn phản đối.

[393] Nhân vật trong truyền thuyết Hy Lạp nổi tiếng về tình bạn trung thành.

[394] Giấy phép cho ra (tiếng Latinh trong nguyên bản).

[395] Nhân danh Cha, Con và Thánh thần…

[396] Nhân vật chính trong sử thi Ênêtt của Viêcgin.

[397] Cách gọi thân yêu âu yếm đối với Marguerite de Valois.

[398] Nàng hay mặc một chiếc váy lồng rộng có nhiều túi nhỏ khắp xung quanh. Trong và đôi khi em ban cho những di vật đáng buồn ấy một nỗi nhớ ưu sầu, một cái nhìn sùng tín. Hoàng hậu ơi, em thở dài, mắt em mờ lệ, thế thì đúng mỗi túi nàng để một chiếc hộp, trong đó có trái tim của một trong số những người tình đã chết của nàng, vì mỗi khi họ chết, nàng lại cẩn thận cho ướp trái tim của họ. Tối tối, chiếc váy lồng này được treo vào một chiếc móc có khoá ở phía sau thành giường của nàng. (Tallemant des Reaux, Lịch sử về Marguerite de Valois).

[399] Thần bảo trợ văn chương và nghệ thuật trong thần thoại Hy Lạp, rất đẹp trai.

[400] Gươm để tập.

[401] Tiếng kêu để báo hiệu con thú đã cùng đường.

[402] Ý nói Henri d'Anjou sẽ lên nối ngôi là Henri III.

[403] Charless IX lấy Elisabeth d'Autriche, con gái Macximiliêng.

[404] Có lễ trước khi đi nằm rồi đến lễ đi nằm.

[405] Dumas nhầm, ở phần dưới ông lại nói là bảy người.

[406] Đứa con hoang đó chẳng phải ai khác ngoài quận công Đ Angoulème nổi tiếng, chết năm 1650. Quả thực, nếu ông ta là con chính thức, ông ta sẽ loại được cả Henri III, Henri IV, Lui XIII, Louis XV. Thay vào đó ông ta sẽ để lại cho chúng ta những ai? Trí óc con người bị lẫn lộn đi trong một câu hỏi như vậy.

[407] Đảo vị trí của các chữ cái trong tên và tạo thành một câu có nghĩa.

[408] Tôi quyến rũ tất thảy.

[409] Theo huyền thoại người ta tìm thấy Rômuylux đang được chó sói cho bú.

[410] Con ngựa khổng lồ thành Troie. được làm bằng gỗ, trong có giấu binh lính vào chiếm thành.

[411] Trị vì Ba Lan từ 1386 đến 1572.

[412] Các vua mages đã được sao dẫn đường tới chỗ Chúa Giêsu ra đời.

[413] Prophète = Đấng tiên tri, chỉ giáo chủ Mohamet đạo Hồi.

[414] Hai nhân vật trong thần thoại Hy Lạp nổi tiếng về tình bạn.

[415] Theo thần thoại Hy Lạp đó là họ nhà vua Agamemtông, đã từng xảy ra nhiều vụ chém giết lẫn nhau.

[416] Ý nói “bên ban công”.

[417] Hầm có bẫy sập đè giết người trong các lâu đài ngày xưa.

[418] Tập truyện ngắn của Bôcaxơ (Thế kỷ 14) mô tả nếp sống của các lãnh chúa, giáo sĩ và thị dân đương thời.

[419] MORT = tiếng Pháp là Chết.

[420] chữ đầu của từ “Folie” nghĩa là điên.

[421] Theo tài liệu nguyên bản.

[422] Ý nói tài sản của chàng nằm trên đất Plêmông chứ không ở trên lãnh thổ cai trị của vua Pháp.

[423] Thémistocle, Miltiade: Các danh tướng của Hy Lạp khoảng 480 trước Công nguyên.

[424] Phu nhân De Longueville: Chị của hoàng thân Condé.

[425] Quận công Burkingham từng là tình nhân của hoàng hậu Anne D'Auctriche. Trong một thoáng, Canolles cho rằng hoàng hậu biệt đãi mình kiểu như với Burkingham!

[426] Murat: em rể Napoleon I, lấy Caroline Bonaparte, thống chế Pháp. Vua Naples, đã bị buộc phải rời khỏi vương quốc của mình, ông tìm cách chiếm lại, nhưng bị bắt ở Pizzo và bị xử bắn.

[427] Những chi tiết này rất được nhiều người ở Toulon biết và kể cho bản thân tôi nghe tới vài chục lần trong hai lần tôi đến đấy vào những năm 1834-1835. Một số những người nói với tôi, được nghe từ chính miệng Donadieu và Langlade (TG).

[428] Vua Ferdimend; vua Naples và Secile năm 1759 dưới danh hiệu Ferdinand IV, vua PlaiSicile 1815 bị truất ngôi vua Napoles năm 1806, khôi phục lại vương quyền năm 1815 (T. G).

[429] Sicile là môt hòn đảo lớn ở Địa Trung Hải, đầu tiên là thuộc địa của Phénicien rồi đến Hy Lạp. Nước Sicile là vật tranh giành giữa La Mã và Carthage, nó chuyển từ chế độ bảo hộ của Hoàng đế rồi sang của nhà Anjou rồi đến Tây Ban Nha. Thế kỷ 18 hợp nhất với Naples gọi là vương quốc Hai-Sicile.

[430] Chúng tôi có thể bảo đảm sự chính xác vì chúng tôi đã tự tay chép lại ở Pizzo trên đảo Sao do hiệp sĩ Aleala giữ được (T. G).

[431] Chiếc đồng hồ này bà Murat đã mua lại với giá tiền là 200 đồng Luy.

[432] Vì tôi không tin được tàn khốc lại không có mục đích tôi bèn hỏi tướng T… Ông ta trả lời, vì Murat bị xét xử và bị bắn tại một nơi hẻo lánh của Calabre, Ferdinand vẫn cứ sợ sẽ có một kẻ liều lĩnh nào đó, xuất hiện mạo nhận là Joachim, lúc đó người ta chỉ việc đưa cái đầu lâu ra để trả lời (T. G).

[433] Locusta: mụ chuyên đầu độc khét tiếng của La Mã, là công cụ của Agrippine chống lại Claude và của Neron.
Méssaline, nữ hoàng La Mã nổi tiếng vì trụy lạc (N. D).

[434] Xanh Căngtanh: là thị trấn của Pháp bị quân Đức chiếm ngày 28-8-1914, bị tàn phá một phần và được giải phóng ngày 2-10-1918.

[435] Amêric Vetspuytxơ, là nhà hàng hải sinh tại Florăngxơ (Ý) đã bốn lần đến Tân thế giới sau khi Côlông đã phát hiện ra.

[436] Fecnăng Cooctedơ: đại uý người Tây Ban Nha xâm chiếm Mêhicô năm 1519, nổi tiếng tàn bạo.

[437] Pigiarơ: nhà thám hiểm người Tây Ban Nha xâm chiếm Peru với sự giúp đỡ của anh em ông ta và bị địch thủ giết ở Lima.

[438] Acnô: con sông từ Tôtcan(Ý) chảy qua Florăngxơ và đổ ra Địa Trung Hải.

[439] Tơniê: bức hoạ dân chúng trong các tửu quán, chợ phiên do Tơniê vẽ.

[440] Mêđa: là giám mục, sinh ở Salăngxi năm 456. Ông mất ngày mồng 8-6-545.

[441] Luyte là nhà cải cách tôi giáo người Đức; Canvanh sinh ở Noayông (Pháp) là nhà truyền giáo cải cách ở Pháp và Thuỵ Sĩ.

[442] Con gái của Lôrăng đờ Mêđixit, sinh ở Florăngxơ, vợ Hăngri đệ nhị, mẹ của Frăngxoa II, Xaclơ IX và Hăngri đệ tam, nhiếp chính khi Xaclơ còn nhỏ. Chính trị khéo léo nhưng không tế nhị, không có tầm nhìn cao xa, bà trị vì bằng chia rẽ, giữ thế cân bằng giữ Tin lành và Thiên Chúa giáo trong chiến tranh tôn giáo. Trong chuyện này, bà là hoàng thái hậu (N. D).